Bấy giờ[1], Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Này các Tỳ-kheo! Nay Ta muốn, bằng Túc mạng trí, sẽ nói về sự tích của chư Phật quá khứ. Các thầy muốn nghe không?"

Các Tỳ-kheo trả lời:

"Nay thật đúng lúc. Chúng con muốn nghe."

Phật nói:

"Này các Tỳ-kheo, hãy nghe kỹ, hãy suy ngẫm kỹ. Ta sẽ phân biệt giải thuyết cho các thầy.

"Này các Tỳ-kheo, nên biết pháp thường của chư Phật.

"Đức Bồ-tát Tỳ-bà-thi từ cõi trời Đâu-suất giáng thần vào thai mẹ, do hông phải mà vào, chánh niệm không tán loạn. Ngay lúc ấy cõi đất rung chuyển; ánh sáng rực rỡ soi khắp thế gian; những chỗ mặt trời mặt trăng không soi tới cũng đều mong nhờ chiếu sáng. Chúng sanh chốn u minh nhờ đó được trông thấy lẫn nhau và tự biết mình hiện đang sinh ở chỗ nào. Ánh quang minh đó lại soi đến cung điện Ma vương. Phạm thiên, Đế Thích, Sa-môn, Bà-la-môn và các chúng sanh khác, cũng đều được mong nhờ ánh sáng. Ánh sáng của chư Thiên tự nhiên biến mất."

Rồi Phật nói bài tụng:

Mây dày kín hư không,
Ánh chớp chiếu thiên hạ;
Tỳ-bà-thi giáng thai,
Ánh sáng chiếu cũng vậy.
Chỗ nhật nguyệt không tới,
Thảy đều được chiếu sáng,
Thai thanh tịnh, vô nhiễm,
Pháp chư Phật đều vậy.

"Này các Tỳ-kheo, nên biết pháp thường của chư Phật[2]. Bồ-tát Tỳ-bà-thi, lúc ở thai mẹ, chuyên niệm không tán loạn, thường có bốn vị Thiên thần tay cầm qua mâu, hộ vệ cho mẹ ngài, dẫu loài người hay loài phi nhân đều không thể xâm phạm. Đó là pháp thường."

Rồi Phật nói bài tụng:

Bốn phương bốn Thiên thần,

---

1. D. 14 (Deva, Dig II. 1h): Phật giảng xong đoạn trên liền đi vào tịnh xá. Truyện kể được tiếp tục vào buổi chiều hôm đó.

2. Chư Phật thường pháp 諸佛常法; Pāli: dhammatā esā.

Có tiếng tăm, uy đức,
Thiên Đế Thích sai khiến,
Khéo thủ hộ Bồ-tát.
Tay thường cầm qua mâu,
Hộ vệ không chút rời.
Nhân, phi nhân không hại;
Ấy pháp thường chư Phật.
Được chư Thiên hộ vệ,
Như Thiên nữ hầu Trời,
Quyến thuộc đều hoan hỷ,
Ấy pháp thường chư Phật.

"Lại nữa, này các Tỳ-kheo, đây là pháp thường của chư Phật: Bồ-tát Tỳ-bà-thi từ trời Đâu-suất giáng thần vào thai mẹ, chuyên niệm không tán loạn, khiến thân mẹ được an ổn, không có các não loạn, trí tuệ ngày càng thêm. Mẹ tự xem thai mình thấy rõ thân Bồ-tát đủ các căn tốt đẹp như chất vàng tía không chút tỳ tích, khác nào kẻ có mắt sáng, xem vào đồ lưu ly trong sạch, thấy suốt cả trong ngoài không chút ngăn ngại. Này các Tỳ-kheo, đó là pháp thường của chư Phật."

Bấy giờ Thế Tôn nói bài kệ:

Như ngọc lưu ly sáng,
Ánh sáng như trời trăng,
Nhân Tôn trong thai mẹ,
Khiến mẹ không não hoạn.
Trí tuệ càng tăng thêm,
Xem thai như vàng ròng;
Mẹ mang thai an lạc,
Ấy pháp thường chư Phật.

"Này các Tỳ-kheo, Bồ-tát Tỳ-bà-thi từ trời Đâu-suất giáng thần vào thai mẹ, chuyên niệm không tán loạn, khiến tâm mẹ lúc nào cũng thanh tịnh, không có các dục tưởng, không bị lửa dục thiêu đốt. Ấy là pháp thường của chư Phật."

Thế Tôn lại nói bài kệ:

Bồ-tát trụ thai mẹ;
Phước trời trên cõi trời;
Tâm mẹ ngài thanh tịnh,
Không có các dục tưởng.

Dứt bỏ các dâm dục,
Không nhiễm, không gần gũi,
Không bị lửa dục thiêu,
Mẹ chư Phật thường tịnh.

"Này các Tỳ-kheo, pháp thường của chư Phật, Bồ-tát Tỳ-bà-thi từ trời Đâu-suất giáng thần vào thai mẹ, chuyên niệm không tán loạn, khiến mẹ ngài giữ trọn năm giới, phạm hạnh thanh tịnh, thuần tín và nhân từ, thành tựu mọi điều lành, an lạc không sợ hãi và khi thân hoại mệnh chung, được sanh cõi trời Đao-lợi. Ấy là pháp thường của chư Phật."

Bấy giờ Thế Tôn lại nói kệ:

Hoài thai Đấng Chí Tôn,
Tinh tấn, Giới đầy đủ,
Mạng chung lại sinh thiên;
Duyên ấy, nói mẹ Phật.

"Này các Tỳ-kheo, pháp thường của chư Phật, Bồ-tát Tỳ-bà-thi, khi sanh từ hông phải của mẹ mà ra, cõi đất rung động, ánh sáng chiếu khắp nơi. Khi mới vào thai, những chỗ tối tăm thảy đều được chiếu sáng. Ấy là pháp thường của chư Phật."

Thái tử sinh, đất động,
Ánh sáng rọi khắp nơi,
Cõi này và cõi khác,
Trên dưới và các phương.
Phóng quang, cho mắt sáng,
Trọn đủ nơi thân trời,
Bằng tịnh tâm hoan hỷ,
Chuyển xưng tên Bồ-tát.

"Này các Tỳ-kheo, pháp thường của chư Phật, Bồ-tát Tỳ-bà-thi, lúc sanh, do hông phải của mẹ mà ra, chuyên niệm không tán loạn. Khi ấy mẹ Bồ-tát tay vin cành cây, không ngồi không nằm, có bốn Thiên thần bưng nước hương đứng trước mẹ mà thưa rằng: "Tâu Thiên mẫu, nay ngài sanh Thánh tử, chớ có ưu lo. Đó là pháp thường của chư Phật."

Mẹ Phật không nằm, ngồi;
Trụ giới, tu phạm hạnh;
Không lười; sinh Chí Tôn,
Được trời người phụng thờ.

"Này các Tỳ-kheo, pháp thường chư Phật, Bồ-tát Tỳ-bà-thi lúc

sanh, do hông phải của mẹ mà ra, chuyên niệm không tán loạn, thân Ngài thanh tịnh không bị ô nhiễm bởi các thứ ô uế. Ví như kẻ có mắt sáng, liệng hạt minh châu sáng sạch lên lụa trắng, thấy rõ cả hai đều không làm bẩn nhau, vì cả hai đều sạch. Bồ-tát ra khỏi thai cũng như vậy. Đó là pháp thường của chư Phật."

Như minh châu sáng sạch,
Trên lụa, không vấy bẩn;
Bồ-tát khi xuất thai,
Thanh tịnh, không nhiễm ô.

"Này các Tỳ-kheo, pháp thường của chư Phật, Bồ-tát Tỳ-bà-thi, khi sanh, do hông phải của mẹ mà ra, chuyên niệm không tán loạn. Ngài từ hông phải ra, vừa đến đất, không cần người đỡ, liền đi bảy bước, ngó khắp bốn phương, rồi đưa tay lên nói rằng: 'Trên trời dưới đất, duy Ta là tôn quý', Ta sẽ cứu độ chúng sanh khỏi sinh, già, bệnh, chết[3]. Ấy là pháp thường của chư Phật."

Giống như sư tử bước,
Ngó khắp cả bốn phương;
Nhân Sư Tử[4] *khi sanh,*
Đi bảy bước cũng thế.
Lại như rồng lớn[5] *đi,*
Khắp ngó cả bốn phương,
Đấng Nhân Long khi sanh,
Đi bảy bước cũng thế.
Khi Đấng Lưỡng Túc sanh[6]*,*
Đi thong thả bảy bước,
Ngó bốn phương rồi nói.

---

3. Tham chiếu Pāli, D. 14 (Deva Dìgh II, tr. 14): Aggo 'ham asmi lokassa, jeṭṭho 'ham asmi lokassa seṭṭho 'ham asmi loakassa, ayam antimā jāti, n 'atthi 'dāni punabhavo ti, Ta là Đấng Tối Thượng của thế gian, là Tối Thắng của thế gian, là Tối Tôn của thế gian. Đây là sự sanh cuối cùng, không còn đời nào nữa.

4. Nhân Sư Tử 人師子: Sư tử của loài người; Pāli: Naramiuha.

5. Đại long 大龍: rồng lớn, cũng có nghĩa rắn thần, chúa tể các loài thủy tộc; Pāli: mahānāga.

6. Lưỡng Túc Tôn 兩足尊, tôn quý giữa loài hai chân, chỉ chư Thiên và nhân loại; thường cũng được giải thích là đầy đủ phước và trí, do chữ Hán 'túc' 足 vừa có nghĩa "cái chân" vừa có nghĩa là "đủ"; Pāli: Dvipada-seṭṭha; Skt.: Dvipadottama.

Sẽ dứt khổ sinh tử.
Ngay lúc mới sanh ra,
Đã không ai sánh bằng,
Tự xét gốc sinh tử,
Thân này thân tối hậu.

"Này các Tỳ-kheo, pháp thường của chư Phật, Bồ-tát Tỳ-bà-thi, khi sanh do hông phải của mẹ mà ra, chuyên niệm không tán loạn, tức thì có hai suối nước, một ấm, một mát, tự nhiên ở dưới đất tuôn ra, để cúng dường tắm rửa cho Bồ-tát. Đó là pháp thường của chư Phật."

Đấng Lưỡng Túc khi sinh,
Hai suối tự tuôn ra,
Để cúng Bồ-tát dùng;
Biến Nhãn[7] *tắm sạch sẽ.*
Hai suối tự tuôn ra,
Nước suối rất trong sạch;
Một ấm, một lạnh mát,
Tắm Đấng Nhất Thiết Trí.

"Lúc Thái tử mới sanh, phụ vương Bàn-đầu mời các tướng sư và đạo sĩ đến xem tướng Thái tử để biết sự tốt xấu. Bấy giờ, các tướng sư vâng lệnh đến xem và ngay trước khi chưa mặc áo, họ nhìn rõ các tướng đầy đủ. Bèn đoán rằng: "Người có tướng này sẽ có hai con đường, chắc chắn không nghi ngờ. Nếu tại gia thì sẽ làm Chuyển luân thánh vương, trị vì bốn châu thiên hạ, đủ bốn thứ quân binh, dùng chánh pháp trị dân, không thiên lệch; thi ân khắp thiên hạ, tự nhiên có bảy thứ báu qui tụ, có ngàn người con dũng kiện hay dẹp trừ ngoại địch, không cần dùng đao binh mà thiên hạ thái bình. Còn nếu xuất gia học đạo, thì sẽ thành Bậc Chánh Giác, đầy đủ mười hiệu."

Rồi các tướng sư tâu vua:

---

7. Xem cht. 26.

"Con trai của đức vua có ba mươi hai tướng, sẽ có hai con đường, chắc chắn không nghi ngờ. Nếu tại gia sẽ là vị Chuyển luân thánh vương. Nếu xuất gia sẽ thành Bậc Chánh Giác, đầy đủ mười hiệu."

Thái tử trăm phước sinh,
Được tướng sư ghi nhận,
Như chép trong điển sách,
Chắc chắn theo hai đường.
Nếu ngài vui tại gia,
Sẽ làm Chuyển luân vương
Được bảy báu hiếm có,
Báu tự hiện cho vua.
Bánh xe vàng ngàn căm,
Với lưới vàng bao quanh,
Bánh xe hay bay khắp,
Nên gọi bánh xe trời.
Khéo luyện voi bảy ngà,
Cao lớn trắng như tuyết,
Khéo bay qua hư không,
Voi báu là thứ hai.
Ngựa đi khắp thiên hạ,
Sớm đi chiều về ăn,
Lông đỏ, bờm khổng tước,
Là báu vật thứ ba.
Ngọc lưu ly trong sáng,
Chiếu rọi một do-tuần,
Đêm sáng như ban ngày,
Là báu vật thứ tư.
Sắc, thanh, hương, vị, xúc,
Không ai có thể sánh,
Bậc nhất hàng nữ nhân;
Đó là báu thứ năm.
Hiến vua ngọc lưu ly,
Châu ngọc các thứ quý,
Hoan hỷ mà phụng cống,
Đó là báu thứ sáu.
Theo ý niệm Luân vương,
Quân binh tiến thoái nhanh,

Nhậm lẹ theo ý vua,
Đó là báu thứ bảy.
Đó là bảy báu vật,
Bánh xe, voi, ngựa trắng,
Cư sĩ báu, nữ báu,
Quân binh báu thứ bảy;
Nhìn xem mà không chán,
Ngũ dục tự vui đùa,
Như voi bứt dây trói,
Xuất gia thành Chánh giác.
Vua có con như thế,
Đấng Lưỡng Túc loài người,
Ở đời Chuyển Pháp luân,
Đạo thành không biếng nhác.

"Lúc bấy giờ, Phụ vương ân cần hỏi lại tướng sư ba lần: 'Các ngươi hãy xem lại ba mươi hai tướng của Thái tử là những gì?' Các tướng sư bèn khoác áo lại cho Thái tử và kể rõ ba mươi hai tướng:

1. Bàn chân bằng phẳng đầy đặn, đi đứng vững vàng.
2. Dưới bàn chân có dấu chỉ như bánh xe có ngàn căm, ánh sáng xen nhau.
3. Có màng lưới mỏng giữa kẽ ngón tay, chân như chân ngỗng chúa.
4. Tay chân mềm mại như áo trời.
5. Ngón tay chân thon dài không ai bằng.
6. Gót chân đầy đặn trông không chán.
7. Ống chân thon dài như của nai.
8. Các khớp xương móc lấy nhau như xích chuyền.
9. Mã âm tàng.
10. Đứng thẳng tay duỗi dài quá gối.
11. Mỗi chân lông đều có một sợi lông. Sợi lông ấy xoáy hữu, màu lưu ly xanh biếc.
12. Lông mọc xoay phía hữu, màu xanh biếc thẳng lên.
13. Thân sắc huỳnh kim.
14. Da thịt mịn màng không dính bụi nhơ.
15. Hai vai ngang bằng đầy đặn tròn đẹp.
16. Giữa ngực có chữ vạn.
17. Thân cao gấp đôi người thường.

18. Bảy chỗ trong người đầy đặn.
19. Mình cao to lớn như cây Ni-câu-lô.
20. Hai má như sư tử.
21. Ngực vuông đầy như ngực sư tử.
22. Có bốn mươi cái răng.
23. Răng ngang bằng đầy đặn.
24. Răng khít nhau không hở.
25. Răng trắng, trong sáng.
26. Yết hầu thanh sạch, ăn thức gì cũng thích hợp.
27. Lưỡi rộng dài có thể liếm tới mép tai.
28. Tiếng nói trong rõ như tiếng Phạm thiên.
29. Con mắt màu xanh biếc.
30. Mắt như mắt trâu chúa, trên dưới có hai mí[8].
31. Có lông trắng giữa hai chân mày, mềm mại kéo ra dài một tầm, thả thì xoáy trôn ốc về phía hữu như trân châu.
32. Trên đỉnh có chỗ thịt nổi.

"Ấy là ba mươi hai tướng Đại nhân.

"Bèn nói bài tụng:

Đứng vững chân mềm mại,
Không dẫm đất, có dấu,
Tướng ngàn căm trang nghiêm,
Màu sắc rất tươi sáng.
Thân cao rộng ngay thẳng,
Như cây Ni-câu-loại.
Như Lai, chưa từng có,
Mã âm tàng ẩn kín.
Vàng báu trang nghiêm thân,
Các tướng chói lẫn nhau.
Tuy mồ hôi như thường,
Song bụi đất không dính.
Như sắc trời mịn màng
Lọng trời tự nhiên che,
Phạm âm, thân vàng tía,

8. Nguyên Hán: nhãn thượng hạ câu huyến 眼上下俱眴, nếu dịch sát: mắt trên dưới cùng nháy; không rõ nghĩa. So sánh Pāli: gopakhuma, có mí mắt như của bò cái; nghĩa là, mắt hai mí.

Như hoa vươn khỏi ao.
Vua bèn hỏi tướng sư
Tướng sư kính tâu vua
Ngợi khen tướng Bồ-tát,
Sáng chói khắp toàn thân,
Các gân khớp tay chân,
Trong ngoài đều hiện rõ.
Thực vị thảy vi diệu,
Thân ngay ngắn không vẹo,
Bánh xe hiện dưới chân,
Tiếng nói như chim oanh,
Tướng bắp đùi đầy đặn,
Ấy do túc nghiệp thành.
Cùi chỏ tròn đầy đẹp,
Mày mắt rất đoan nghiêm,
Đấng Sư Tử giữa người,
Có oai lực hơn hết.
Hai má đều đầy đặn,
Nằm nghiêng như sư tử,
Bốn mươi răng đều đặn,
Dày khít không kẽ hở
Tiếng Phạm âm ít có,
Xa gần tùy duyên nghe.
Đứng thẳng thân không nghiêng,
Hai tay sờ đến gối,
Ngón tay đều, mềm mại,
Đủ các tướng tôn quý,
Mỗi chân lông một sợi,
Màng lưới kẽ tay chân,
Nhục kế, mắt xanh biếc,
Mắt trên dưới hai mí,
Hai vai ngang, tròn, đầy.
Đủ ba mươi hai tướng.
Gót chân không cao thấp,
Đùi thon như đùi nai,
Đấng Chí Tôn xuất hiện,
Như voi bứt dây trói,

Độ chúng sanh thoát khổ,
Khỏi sanh già bệnh chết.
Ngài đem tâm đại bi,
Truyền dạy Bốn chân đế,
Diễn bày các pháp nghĩa,
Được mọi người tôn quý.”

Phật lại bảo các Tỳ-kheo:

“Này các Tỳ-kheo, lúc Phật Tỳ-bà-thi sinh ra, chư Thiên ở phía trên, giữa hư không, tay cầm lọng trắng, quạt báu, để ngăn che lạnh, nóng, gió, mưa, bụi bặm.”

Hiếm có trong loài người,
Đấng Lưỡng Túc ra đời,
Được chư Thiên cung kính,
Dâng lọng báu, quạt báu.

“Bấy giờ, Phụ vương cấp bốn người vú: một, cho bú; hai, tắm rửa; ba, bôi hương; bốn, vui đùa. Họ vui vẻ nuôi nấng không hề biếng nhác.”

Nhũ mẫu lòng từ ái,
Nuôi dưỡng con mới sinh,
Cho bú và tắm rửa,
Bôi hương và vui đùa.
Hương bậc nhất trong đời,
Bôi xoa Đấng Chí Tôn.

“Lúc còn là đồng tử, con trai con gái cả nước ngắm nhìn Ngài không chán.”

Được nhiều người thương kính,
Như tượng vàng mới thành,
Trai gái cùng nhìn ngắm,
Nhìn mãi không biết chán.

“Lúc còn là đồng tử, con trai và con gái cả nước đều ẵm bồng, như ngắm hoa báu”.

Phật nói bài kệ:

Khi Lưỡng Túc Tôn sanh,
Được nhiều người thương kính,
Chuyền tay nhau bồng ẵm,
Như ngắm hương hoa báu.

"Bồ-tát khi mới sanh mắt Ngài không nháy như chư Thiên trời Đao-lợi[9]. Do cặp mắt không nháy mà có hiệu là Tỳ-bà-thi."

Đấng Chí Tôn không nháy,
Như chư Thiên Đao-lợi,
Thấy sắc mà chánh quán,
Nên hiệu Tỳ-bà-thi.

"Bồ-tát khi sanh âm thanh của Ngài trong suốt êm dịu hòa nhã như tiếng chim Ca-la-tần-già[10]."

Như chim trên núi Tuyết,
Uống nước hoa mà hót,
Đấng Lưỡng Túc Tôn ấy,
Tiếng trong suốt cũng vậy.

"Bồ-tát khi mới sinh, mắt có thể nhìn thấy suốt một do-tuần."

Do nghiệp quả thanh tịnh,
Ánh sáng trời mầu nhiệm,
Mắt Bồ-tát nhìn thấy,
Khắp suốt một do-tuần.

"Bồ-tát khi sinh, tuổi lớn dần, ở tại Thiên chánh đường[11] để khai hóa. Ân đức ban đến thứ dân, đức lớn đồn xa[12]."

Thơ ấu, ở chánh đường,
Để khai hóa thiên hạ,
Quyết đoán các sự vụ,
Nên gọi Tỳ-bà-thi.
Trí thanh tịnh quảng bác,

---

9. Hán: kỳ mục bất huyến như Đao-lợi thiên 其目不眴如刀利天; Pāli: D.14 (Deva Digh II 1, tr.17): animisanto pekkhati seyyathāpi devā Tāvatimsā: nhìn thẳng sự vật bằng cặp mắt không nháy như chư Thiên Tāvatimsa.

10. Ca-la-tần-già 迦羅頻伽, hoặc âm là Ca-lăng-tần-già 迦陵頻伽, dịch: hảo thanh 好聲: tiếng hót tuyệt diệu; Pāli: Karavīka.

11. Thiên chánh đường 天正堂; TNM: Đại chánh đường 大正堂; Pāli: Atthakarana: công đường hay pháp đường, để xử kiện. Tham chiếu, D.14 (Deva Dīgh II 1, tr.17; Trường bộ kinh I tr.461): 'Khi vua Bandhumā ngồi xử kiện, vua đặt hoàng tử Vipaasī bên nách mình để xử kiện'.

12. Tham chiếu; Pāli D.14 (Deva Dīgh, sđd.: Trường bộ I, tr.461 "… do hoàng tử Vipassī có thể quan sát và xử kiện đúng luật pháp nên danh từ Vipassī, Vipassī càng được dùng để đặt tên cho Ngài".

Sâu thẳm như biển cả,
Hài lòng với mọi người,
Khiến trí tuệ tăng trưởng.

"Một hôm, Bồ-tát muốn ra khỏi thành để dạo chơi và quan sát, bèn ra lệnh sửa soạn xe báu để Ngài đi đến viên lâm[13] tuần hành và du ngoạn. Người đánh xe sau khi sửa soạn xa giá xong, tâu Thái tử: 'Giờ đã đến lúc.' Thái tử cưỡi xe báu đi đến khu vườn công cộng[14] kia. Giữa đường Ngài gặp một người già, đầu bạc răng rụng, lưng còm, mặt nhăn, rung rinh trên chiếc gậy, thở khò khè theo nhịp bước khó khăn. Thái tử liền xoay hỏi quân hầu: 'Đó là người gì?' Đáp rằng: 'Đó là người già.' Lại hỏi:

'Già là thế nào?' Đáp: 'Già là người mà tuổi thọ sắp hết, không còn sống bao lăm nữa. Thái tử lại hỏi: 'Ta đây cũng sẽ như thế, không tránh khỏi hoạn này chăng?' Đáp: 'Phàm đã có sinh tất có già, đâu kể chi sang hèn.' Nghe vậy Thái tử buồn bã không vui, liền bảo quân hầu đánh xe về. Ngài lặng lẽ suy nghĩ về nỗi già khổ mà chính Ngài cũng chưa tránh khỏi."

Bấy giờ Phật bèn nói bài kệ:

Nhìn mạng già sắp chết,
Chống gậy bước đi run,
Bồ-tát tự suy ngẫm,
Ta chưa khỏi nạn này.

"Bấy giờ Phụ vương hỏi quân hầu: 'Thái tử xuất du có vui không?' Đáp: 'Không vui.' Lại hỏi lý do: 'Tại sao vậy?' Đáp: 'Tại giữa đường Ngài gặp người già nên không vui.' Phụ vương mới âm thầm nhớ tới lời tướng sư ngày trước, đoán Thái tử sẽ xuất gia, nay Thái tử không vui, hẳn đúng như thế chăng? Ta hãy dùng mọi cách giữ Thái tử lại thâm cung, đem ngũ dục làm nguôi lòng Thái tử, để Thái tử đừng xuất gia. Nghĩ xong vua liền hạ lệnh trang sức cung quán, chọn hàng thế nữ để giúp vui Thái tử."

Phật lại nói bài tụng:

Phụ vương nghe lời ấy,
Sai trang hoàng cung quán,

---

13. Viên lâm 園 林; Pāli: uyyānabhumi: công viên; Skt.: udyāna: viên quán.

14. Hán: viên quán 園 觀, tức viên lâm. Xem cht. 73.

Tăng thêm bằng ngũ dục,
Muốn để không xuất gia.

"Lại một lúc khác, Thái tử bảo quân hầu đánh xe đi dạo và trên đường đi, Ngài gặp một người bệnh, thân gầy, bụng lớn, mày mặt sạm đen, nằm lăn trên nhơ bẩn, không ai ngó ngàng chăm sóc. Bệnh rất trầm trọng, miệng không thốt được một lời. Thái tử xoay lại hỏi quân hầu: 'Đó là người gì?' Đáp: 'Đó là người bệnh.' Hỏi: 'Bệnh là thế nào?' Đáp: 'Bệnh là sự đau đớn bứt rứt, chết sống không biết lúc nào.' Hỏi: 'Ta cũng sẽ như thế, chưa tránh khỏi cái hoạn này sao?' Đáp: 'Phải. Phàm có sanh thì có bệnh, không kể gì sang hèn.' Nghe vậy Thái tử trở nên buồn bã không vui, liền bảo quân hầu đánh xe trở về. Ngài lặng lẽ suy nghĩ tới cái khổ bệnh mà Ngài cũng không tránh khỏi."

Rồi Phật nói bài kệ:

Nhìn người bệnh lâu kia,
Nhan sắc bị suy tổn.
Im lặng tự suy ngẫm
Ta chưa khỏi hoạn này.

"Bấy giờ, Phụ vương lại hỏi quân hầu: 'Thái tử đi dạo có vui không?' 'Không vui.' Quân hầu đáp. 'Tại sao thế?' 'Tại giữa đường Ngài gặp người bệnh, nên không vui.' Phụ vương âm thầm suy nghĩ: 'Ngày trước tướng sư xem tướng Thái tử có đoán sẽ đi xuất gia. Ngày nay Thái tử không vui, hẳn đúng thế chăng? Ta sẽ tìm cách tăng thêm mọi thứ dục lạc làm nguôi lòng Thái tử khiến cho khỏi xuất gia'. Vua liền hạ lệnh nghiêm sức cung quán, chọn thêm thể nữ để giúp vui."

Phật lại nói kệ:

Sắc, thanh, hương, vị, xúc,
Vi diệu đáng ưa thích,
Bồ-tát phước tột cùng,
Nên sống trong hoan lạc.

"Lại một lúc khác, Thái tử bảo quân hầu đánh xe đi dạo và giữa đường

lần này, Ngài gặp một người chết, phan lụa nhiều màu dẫn đường trước sau; dòng họ thân quyến tiếc thương than khóc, đưa ra khỏi thành. Thái tử lại hỏi: 'Đó là người gì?' 'Đó là người chết', quân hầu đáp. Hỏi: 'Chết là thế nào?' Đáp: 'Chết tức là hết. Hết gió đến lửa cứ tiếp tục làm cho xác thân bại hoại. Kẻ còn kẻ mất đôi đường, gia đình ly biệt.' Thái tử lại hỏi người đánh xe: 'Ta đây cũng sẽ như thế, chưa khỏi cái hoạn này chăng?' Đáp: 'Phải. Phàm đã có sanh tất có chết, chẳng kể sang hèn.' Nghe vậy Thái tử lại càng buồn bã không vui, bảo đánh xe về. Ngài trầm ngâm suy nghĩ tới cái chết khổ mà Ngài cũng không tránh khỏi.

Phật liền dạy bài kệ:

Vừa trông thấy người chết,
Biết họ còn tái sanh;
Thầm lặng tự suy nghĩ:
Ta chưa khỏi hoạn này.

"Phụ vương lại hỏi quân hầu: 'Thái tử đi dạo lần này có vui không?'. 'Không vui', quân hầu đáp. 'Tại sao thế?'. 'Tại giữa đường Ngài gặp người chết, nên không vui.' Phụ vương âm thầm suy nghĩ: 'Ngày trước tướng sư xem Thái tử có đoán sẽ đi xuất gia, ngày nay Thái tử không vui, hẳn là đúng thế chăng? Ta hãy tìm cách tăng thêm các thứ kỹ nhạc để làm nguôi lòng Thái tử, khỏi xuất gia.' Liền hạ lệnh trang sức cung cấm, chọn thêm thể nữ để khiến cho giúp vui."

Tuổi thơ đã nổi tiếng,
Các thể nữ vây quanh,
Tự vui trong ngũ dục,
Như thú vui Thiên đế.

"Lại một lúc khác, Thái tử bảo quân hầu đánh xe đi dạo và lần này giữa đường Ngài gặp một vị Sa-môn, mang y cầm bát, mắt ngó xuống đất, chân bước khoan thai. Thái tử liền hỏi quân hầu: 'Đó là người gì?'. 'Đó là vị Sa-môn', quân hầu đáp. 'Sao gọi là Sa-môn?'. 'Sa-môn là người xa lìa ân ái, xuất gia học đạo, chế ngự các căn, không nhiễm mê ngoại dục, lòng xót thương hết thảy, không làm tổn hại vật gì, gặp khó cũng không phiền, gặp vui cũng không mong, hay nhẫn như đất, nên gọi là Sa-môn.' Thái tử bèn nói: 'Lành thay, đó là đạo chân chính, tuyệt hẳn mọi trần lụy, vi diệu thanh hư. Chỉ có thế là khoái thích thôi!' Thái tử liền bảo quân hầu đưa xe đến gần và hỏi Sa-môn rằng: 'Ông cắt tóc, cạo râu mang y cầm bát như vậy, chí ông muốn cầu chuyện gì?' Sa-môn đáp: 'Phàm người xuất gia là cốt điều phục

tâm ý, xa lìa trần cấu, thương cứu quần sanh, không làm điều nhiễu hại, trong lòng rỗng rang tịch mịch, chỉ có bề giữ đạo mà thôi". Thái tử khen: 'Hay lắm! Đạo này rất chân chính.' Liền bảo quân hầu: Mang áo trân bảo của Ta và xa giá về, tâu lại phụ vương biết rằng ngay tại đây, Ta sẽ cắt bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia tu đạo. Vì Ta muốn điều phục tâm ý, xa lìa trần cấu, giữ mình thanh tịnh để cầu Chánh đạo.' Quân hầu liền đem xa giá và y phục của Thái tử về tâu lại phụ vương, còn Thái tử thì cắt bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia tu đạo."

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Này các Tỳ-kheo! Thái tử nhân thấy người già, bệnh mà thấu rõ cõi đời là khổ não; nhân thấy người chết mà lòng tham luyến thế gian tiêu tan; nhân thấy vị Sa-môn mà tâm được hoát nhiên đại ngộ. Trong khi Thái tử xuống xe bước đi, cứ mỗi bước tiến tới là mỗi bước rời xa triền phược. Thế ấy là chân xuất gia, chân viễn ly.

"Bấy giờ, nhân dân trong nước nghe Thái tử đã cạo bỏ râu tóc, mang y cầm bát, xuất gia hành đạo, họ bảo nhau rằng: 'Đạo ấy chắc là đạo chân chính, mới khiến Thái tử từ bỏ vương vị vinh hoa cùng mọi sự quý trọng để đi theo.' Lúc ấy có tới tám vạn bốn ngàn người trong nước đến xin Thái tử cho làm đệ tử xuất gia tu đạo."

Lựa chọn pháp thâm diệu,
Nghe xong liền xuất gia,
Thoát khỏi ngục ân ái,
Không còn các trói buộc.

"Thái tử bèn thâu nhận, cho cùng đi theo giáo hóa khắp nơi, từ thôn này sang thôn khác, từ nước nọ đến nước kia. Họ đến chỗ nào cũng được cung kính, cúng dường tứ sự. Bồ-tát nghĩ rằng: 'Ta cùng đại chúng thường đi qua các nước, chỗ nhân gian ồn ào, việc này không thích hợp với ta lắm. Lúc nào ta mới xa được đám đông này ở chỗ nhàn tịnh mà suy tầm đạo lý?'

"Ngài liền theo ý nguyện đi đến chỗ nhàn tịnh, chuyên tinh tu đạo. Ngài lại suy nghĩ: 'Chúng sanh thật đáng thương, thường ở trong hôn ám, thọ thân nguy khốn, mong manh, nào sanh, nào già, nào bệnh, nào chết, đủ mọi thứ khổ não. Họ chết đây sanh kia, chết kia sanh đây, cứ duyên theo cái khổ ấm đó mà trôi nổi không biết bao giờ cùng. Ta lúc nào mới có thể thấu triệt khổ ấm, diệt hết sanh già chết?'

"Ngài lại suy nghĩ rằng: 'Sanh tử từ đâu, duyên đâu mà có ra? Liền dùng trí tuệ quán sát nguyên do, thấy rằng do sanh mà có già và chết; sanh là duyên của già chết. Sanh lại do hữu mà có; hữu là duyên của sanh. Hữu do thủ mà có; thủ là duyên của hữu. Thủ do ái mà có; ái là duyên của thủ. Ái do thọ mà có; thọ là duyên của ái. Thọ do xúc mà có; xúc là duyên của thọ. Xúc do lục nhập mà có; lục nhập là duyên của xúc. Lục nhập do danh sắc mà có; danh sắc là duyên của lục nhập. Danh sắc do thức mà có; thức là duyên của danh sắc. Thức do hành mà có, hành là duyên của thức. Hành do si mà có, si là duyên của hành. Thế tức là do duyên là si có hành, do duyên là hành có thức, do duyên là thức có danh sắc, do duyên là danh sắc có lục nhập, do duyên là lục nhập có xúc, do duyên là xúc có thọ, do duyên là thọ có ái, do duyên là ái có thủ, do duyên là thủ có hữu, do duyên là hữu có sanh, do duyên là sanh có già, bệnh, chết, sầu, buồn, khổ, não. Cái ấm thân đầy dẫy khổ não này do duyên là sanh mà có. Chính đó là sự tập khởi của khổ[15].'

15. Hán: khổ thạnh ấm; Pāli: kevala-dukkhakkhanda: toàn bộ khổ uẩn. Hán: chỗ khác, thuần đại khổ tụ 純大苦聚, hoặc cũng nói: ngũ ấm xí thạnh khổ 五陰熾盛苦.

"Khi Bồ-tát suy nghĩ tới cái khổ tập ấm[1] ấy, liền phát sinh trí, phát sinh nhãn[2], phát sinh giác, phát sinh minh, phát sinh thông, phát sinh tuệ, phát sinh chứng ngộ[3].

"Bồ-tát lại suy nghĩ: 'Do cái gì không có thì già chết không có? Do cái gì diệt thì già chết diệt?' Rồi bằng trí tuệ, Ngài quán sát nguyên do, biết rằng, do sanh không có nên già chết không có; do sanh diệt nên già chết diệt; do hữu không có nên sanh không có, hữu diệt nên sanh diệt; do thủ không có nên hữu không có, thủ diệt nên hữu diệt; do ái không có nên thủ không có, ái diệt nên thủ diệt; do thọ không có nên ái không có, thọ diệt nên ái diệt; do xúc không có nên thọ không có, xúc diệt nên thọ diệt; do lục nhập không có nên xúc không có, lục nhập diệt nên xúc diệt; do danh sắc không có nên lục nhập không có, danh sắc diệt nên lục nhập diệt; do thức không có nên danh sắc không có, thức diệt nên danh sắc diệt; do hành không có nên thức không có, hành diệt nên thức diệt; do si không có nên hành không có, si diệt nên hành diệt. Thế tức là vì si diệt nên hành diệt, hành diệt nên thức diệt, thức diệt nên danh sắc diệt, danh sắc diệt nên lục nhập diệt, lục nhập diệt nên xúc diệt, xúc diệt nên thọ diệt, thọ diệt nên ái diệt, ái diệt nên thủ diệt, thủ diệt nên hữu diệt, hữu diệt nên sanh diệt, sanh diệt nên già chết ưu bi khổ não diệt.

"Khi Bồ-tát suy nghĩ về khổ ấm diệt như thế liền phát sinh trí, phát sinh nhãn, phát sinh giác, phát sinh minh, phát sinh thông, phát sinh tuệ, phát sinh chứng.

"Sau khi Bồ-tát quán mười hai nhân duyên theo hai chiều thuận nghịch, biết như thật, thấy như thật, ngay tại chỗ, Ngài chứng được đạo quả A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề[4]."

Phật bèn nói bài tụng:

---

1. Hán: khổ tập ấm 苦集陰; Pāli: dukkha-kkhandhassa samudaya, xem cht. trên.

2. Hán: sinh nhãn 生眼; Pāli, sđd.: (Deva Dig II. 1, tr. 29): pubbe ananussutese dhammesu cakkhuṃ udapāti: phát sinh con mắt thấy được các pháp chưa từng được nghe từ trước.

3. Tham chiếu Pāli, sđd.: ñaṇaṃ udapādi paññā udapādi vijjā udapādi āloko udapādi: phát sinh trí, phát sinh tuệ, phát sinh minh, phát sinh ánh sáng.

4. Hán: A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề 阿耨多羅三藐三菩提, thường dịch là Vô thượng chánh đẳng chánh giác 無上正等正覺; Pāli: Anuttara-sammā-sambodhi, Skt.: Anuttara-samyak-sambodhi.

Lời này nói giữa chúng,
Các ngươi nên lắng nghe.
Bồ-tát quá khứ quán
Mà vốn chưa từng nghe:
Già chết từ duyên gì,
Nhân gì mà có ra?
Quán sát đúng như vậy,
Biết già chết do sanh;
Sanh lại từ duyên gì,
Nhân gì mà có ra?
Suy nghĩ đúng như vậy,
Liền biết sanh do hữu;
Chấp thủ, chấp thủ rồi,
Hữu lần lượt chồng chất.
Vậy nên Như Lai dạy:
Thủ là duyên của hữu.
Như đống chứa dơ bẩn[5].
Gió thổi, ác tuôn chảy[6],
Như vậy nhân của thủ,
Do ái mà rộng sâu.
Ái do từ thọ sanh,
Nảy sinh gốc lưới khổ,
Vì nhân duyên nhiễm trước,
Cùng tương ưng khổ lạc.
Thọ vốn do duyên gì,
Nhân gì mà có thọ?
Suy nghĩ như thế rồi,
Biết thọ do xúc sanh.
Xúc vốn do duyên gì,
Nhân gì mà có xúc?
Suy nghĩ như thế rồi,
Biết xúc từ lục nhập.
Lục nhập do duyên gì,

5. Hán: như chúng uế ác tụ 如眾穢惡聚; TNM: dĩ thâm uế ác tụ 以深穢惡聚.

6. Hán: phong xuy ác lưu diễn 風吹惡流演; TNM: phong xuy vô lưu diễn 風吹無流演. Có lẽ muốn nói, do gió nghiệp thổi, ác pháp hay uế pháp từ ngoài rò chảy vào tâm.

Nhân gì có lục nhập?
Suy nghĩ như vậy, biết,
Lục nhập do danh sắc.
Danh sắc do duyên gì,
Nhân gì có danh sắc?
Suy nghĩ như vậy biết
Danh sắc từ thức sanh.
Thức vốn do duyên gì,
Nhân gì mà có thức?
Suy nghĩ như vậy rồi,
Biết thức từ hành sanh;
Hành vốn do duyên gì,
Nhân gì mà có hành?
Suy nghĩ như vậy rồi
Biết hành từ si sanh.
Nhân duyên như vậy đó,
Mới thật nghĩa nhân duyên.
Dùng trí tuệ phương tiện,
Quán thấy gốc nhân duyên.
Khổ không do Thánh hiền,
Cũng không phải vô cớ.
Nên với khổ biến dịch,
Kẻ trí lo đoạn trừ.
Nếu vô minh dứt sạch,
Lúc đó không còn hành.
Nếu đã không có hành,
Thời cũng không có thức;
Nếu thức hết vĩnh viễn,
Thì danh sắc không còn.
Danh sắc đã dứt rồi,
Làm gì có lục nhập.
Nếu lục nhập trọn dứt,
Thời cũng không có xúc.
Nếu xúc đã dứt hẳn,
Thời cũng không có thọ.
Nếu thọ dứt hết rồi,
Thời cũng không có ái

Nếu ái dứt hết rồi
Thời cũng không có thủ.
Nếu thủ đã dứt rồi,
Thời cũng không có hữu.
Nếu hữu dứt hết rồi,
Thời cũng không có sanh.
Nếu sanh dứt hết rồi,
Thời không khổ già chết.
Hết thảy đều dứt sạch.
Đó lời người trí nói.
Mười hai duyên sâu xa,
Khó thấy khó hiểu biết
Duy Phật mới biết rõ,
Tại sao có, sao không.
Nếu hay tự quán sát,
Thời không còn các nhập.
Người thấu triệt nhân duyên
Không cần tìm thầy ngoài.
Đối với ấm, giới, nhập,
Lìa dục, không, nhiễm trước;
Xứng đáng nhận bố thí;
Thí chủ được báo lành.
Nếu đặng bốn biện tài,
Thành tựu quyết định chứng;
Giải trừ mọi ràng buộc,
Đoạn trừ, không buông lung.[7]
Sắc, thọ, tưởng, hành, thức,
Giống như xe cũ mục;
Quán rõ được như vậy,
Thời thành Bậc Chánh Giác.
Như chim bay giữa không,
Đông tây theo ngọn gió;
Bồ-tát đoạn kết sử,
Như gió thổi áo nhẹ.
Tỳ-bà-thi tịch tịnh,

7. TNM: Đoạn trừ vô phóng dật 斷除無放逸.

Quán sát rõ các pháp;
Già chết duyên đâu có,
Từ đâu già chết dứt,
Ngài quán như vậy rồi,
Phát sanh trí thanh tịnh,
Biết già chết do "sanh"
Sanh dứt, già chết dứt.

"Lúc Phật Tỳ-bà-thi vừa mới thành đạo, Ngài tu tập nhiều về hai phép quán là An ẩn quán và Xuất ly quán[8]."

Phật liền dạy bài tụng:

Như Lai, Bậc Tối Thượng,
Thường tu hai phép quán,
An ẩn và Xuất ly,
Đại Tiên sang bờ kia,
Tâm Ngài được tự tại,
Đoạn trừ mọi kết sử
Lên núi nhìn bốn phương,
Nên hiệu Tỳ-bà-thi.
Ánh đại trí trừ tối,
Như gương sáng soi mình.
Trừ ưu khổ cho đời.
Dứt khổ sanh già chết.

"Phật Tỳ-bà-thi, lại ở chỗ nhàn tịnh suy nghĩ như vầy: "Ta nay đã chứng được pháp vô thượng thậm thâm vi diệu là pháp khó thấy khó hiểu, tịch tĩnh[9], thanh tịnh[10], chỉ có người trí mới thấu biết chứ kẻ phàm phu không thể nào hiểu thấu được. Bởi vì chúng sanh có những nhẫn dị biệt, kiến dị biệt, chấp thủ dị biệt, sở kiến dị biệt. Dựa theo kiến thức dị biệt đó mỗi người chỉ thích điều mình mong cầu, làm theo tập quán của mình[11], cho nên đối với lý nhân duyên thâm diệu[12] này chúng còn không

---

8. An ẩn quán 安 隱 觀, Xuất ly quán 出 離 觀; Pāli:?

9. Nguyên Hán: tức diệt 息 滅; Pāli: santi.

10. Hán: thanh tịnh 清 淨; TNM: tĩnh huyên 靜 喧; Pāli: paṇīta, vi diệu.

11. Hán: dị kiến, dị nhẫn, dị thọ, dị học. Y bỉ sở kiến, các lạc sở cầu, các vụ sở tập (…) 異 見 異 忍 異 受 異 學. 依 彼 所 見 各 樂 所 求 各 務 所 習.

12. Pāli, sđd.: idappaccayatapaṭiccasamuppāda, y tánh duyên khởi (cái này có do cái kia có, …)

thể thấu hiểu, huống chi cảnh Niết-bàn dứt hết mọi tham ái, lại càng khó hiểu gấp bội phần. Ta dầu vì chúng mà nói ra thì chắc chúng không hiểu nổi còn trở lại gây phiền nhiễu". Suy nghĩ như thế rồi, Ngài im lặng không muốn thuyết pháp.

"Lúc ấy vị vua trời Phạm thiên, biết Đức Tỳ-bà-thi đã nghĩ gì, liền tự nhủ: 'Cõi thế gian này đang bị sụp đổ, rất đáng thương xót. Đức Phật Tỳ-bà-thi vừa chứng được pháp mầu như thế mà không muốn nói ra.' Tức thì, trong khoảnh khắc, như lực sĩ co duỗi tay, từ cung Phạm thiên bỗng nhiên hiện xuống, đến trước mặt Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật, đứng lui một bên, rồi đầu gối mặt quỳ sát đất, chắp tay bạch rằng: 'Ngưỡng mong Đức Thế Tôn kịp thời thuyết pháp. Các chúng sanh hiện nay, trần cấu mỏng nhẹ, các căn lanh lợi nhiều, có lòng cung kính, dễ bề khai hóa. Chúng đã biết sợ những tội lỗi không ai cứu trong tương lai, biết dứt trừ điều ác, phát sinh điều lành.'

"Phật bảo Phạm vương: 'Thật vậy, thật vậy, đúng như lời ngươi nói. Nhưng ta ở chỗ nhàn tịnh, thầm lặng suy nghĩ: Chánh pháp ta vừa chứng được vi diệu thậm thâm, nếu đem nói cho chúng sanh, chắc họ không hiểu nổi lại sanh tâm báng bổ, nên ta mặc nhiên không muốn thuyết pháp. Ta nhờ từ vô số a-tăng-kỳ kiếp cần khổ không biếng nhác tu tập những hạnh vô thượng, nay mới chứng ngộ được pháp khó chứng ngộ này, nếu vì hạng chúng sanh còn dâm, nộ, si mà nói ra, chắc chúng không làm theo, chỉ thêm luống uổng. Pháp vi diệu này trái nghịch với đời. Chúng sanh bị dục nhiễm ngu si che ngăn không tin hiểu nổi. Này Phạm vương, Ta thấy rõ như thế, nên mặc nhiên không muốn thuyết pháp.'

"Khi ấy, Phạm vương lại ân cần khẩn thiết thưa thỉnh một lần nữa, rồi một lần nữa, ân cần khẩn thiết thỉnh cầu đến ba lần rằng: 'Bạch Thế Tôn, nếu Thế Tôn không thuyết pháp, thì nay cõi thế gian này phải bị sụp đổ, rất đáng thương xót. Ngưỡng mong Thế Tôn, kịp thời giảng dạy, chớ để chúng sanh sa đọa đường mê.'

"Đức Thế Tôn nghe Phạm vương ba lần ân cần thưa thỉnh, liền dùng Phật nhãn soi khắp thế giới chúng sanh, thấy sự ô nhiễm của chúng sanh có dày có mỏng, căn tánh có lanh lợi, có chậm lụt; có kẻ dễ khai hóa, có người khó khai hóa. Hạng người dễ khai hóa, biết sợ tội lỗi đời sau, nên gắng lo dứt trừ điều ác, làm phát sanh đường lành. Chúng như hoa Ưu-bát-la, hoa Bát-đầu-ma, hoa Câu-vật-đầu, hoa

Phân-đà-lỵ[13], có cái vừa ra khỏi bùn nhưng chưa tới mặt nước, có cái đã ra khỏi bùn lại lên ngang mặt nước, có cái tuy lên khỏi mặt nước mà chưa nở, nhưng cái nào cũng không bị dính bẩn, mà dễ dàng nở ra. Chúng sanh trong thế gian này cũng như thế.

"Đức Thế Tôn bảo Phạm vương: 'Ta vì thương tưởng các ông sẽ khai diễn pháp môn cam lồ[14] là pháp thâm diệu khó hiểu, khó biết. Nay vì những người tín thọ, muốn nghe, mà nói chứ không phải vì hạng người bài báng vô ích'.

"Phạm vương biết Phật đã nhận lời thỉnh cầu, nên vui mừng hớn hở đi quanh Phật ba vòng, cúi đầu đảnh lễ rồi biến mất.

"Phạm vương đi chưa bao lâu, Đức Như Lai lại tĩnh mặc suy nghĩ: 'Nay ta nên nói pháp cho ai trước hết?' Rồi Ngài lại suy nghĩ: 'Ta hãy đi vào thành Bàn-đầu, trước hết mở cánh cửa cam lộ cho vương tử Đề-xá và con đại thần là Khiên-đồ.' Rồi thì, liền trong khoảnh khắc như lực sĩ co duỗi tay, Thế Tôn bỗng biến mất khỏi cây đại thọ, Ngài đã đến thành Bàn-đầu, vào vườn Lộc dã của vua Bàn-đầu, trải tọa rồi ngồi."

Bấy giờ, Phật nói bài tụng:

Như sư tử trong rừng,
Mặc tình mà đi dạo.
Phật kia cũng như vậy,
Du hành không trở ngại.

"Phật Tỳ-bà-thi bảo người giữ vườn: 'Ngươi hãy vào thành bảo với vương tử Đề-xá và Khiên-đồ con đại thần rằng: Các ngài có biết không, Đức Phật Tỳ-bà-thi hiện ở trong vườn Lộc dã, muốn gặp các ngài? Các ngài nên biết bây giờ là phải thời.' Người giữ vườn vâng mệnh tìm đến chỗ hai người trình đủ những điều Phật dạy. Hai người nghe xong, liền đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ, rồi đứng lại một bên. Phật lần lượt thuyết pháp cho họ nghe, chỉ bày, giáo huấn, khiến cho lợi ích, hoan hỷ. Ngài giảng về bố thí, trì giới, sanh thiên; dục là xấu ác, bất tịnh; phiền não là nguy hiểm[15]; tán dương sự xuất ly là pháp rất

---

13. Ưu-bát-la 優鉢羅; Pāli: Uppala: sen xanh (bông súng). Bát-đầu-ma 鉢頭摩; Pāli: Paduma: sen hồng. Câu-vật-đầu 拘勿頭; Pāli: Kumuda: sen vàng; Phân-đà-lỵ 分陀利; Pāli: Puṇḍarīka, sen trắng.

14. Hán: cam lộ pháp môn 甘露法門; Pāli: amatassa dvāra, cánh cửa bất tử.

15. Dục ác bất tịnh thượng lậu vi hoạn 欲惡不淨上漏為患. So sánh Pāli, D. 14, sđd.: kāmānam ādinavam okāram samkilesam: dục là nguy hiểm, hạ liệt,

vi diệu tối thượng, thanh tịnh bậc nhất. Khi Phật thấy hai người đã có một tâm ý mềm mại, hoan hỷ tin vui, đủ sức lãnh thọ chánh pháp, thì dạy tiếp về Khổ thánh đế; phân tích, giảng giải, mở bày rành rẽ về Khổ tập thánh đế, Khổ diệt thánh đế và Khổ xuất yếu thánh đế[16]. Bấy giờ vương tử Đề-xá và con trai đại thần là Khiên-đồ ngay tại chỗ, xa lìa trần cấu, được pháp nhãn thanh tịnh, như tấm vải trắng dễ nhuộm sắc màu.

"Lúc ấy, địa thần bèn xướng lên rằng: 'Đức Tỳ-bà-thi Như Lai ở vườn Lộc dã, thành Bàn-đầu, chuyển Pháp luân vô thượng mà các Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên, Ma, Phạm và các Người thế gian khác không thể chuyển được.' Tiếng nói ấy lần lượt vang đến cõi Tứ thiên vương, cho đến cõi trời Tha hóa tự tại, rồi trong khoảnh khắc vang đến cõi Phạm thiên."

Phật liền dạy bài kệ:

Tâm vui mừng hớn hở,
Xưng tán Đức Như Lai.
Tỳ-bà-thi thành Phật,
Chuyển Pháp luân vô thượng.
Bắt đầu từ đạo thọ,
Đi đến thành Bàn-đầu.
Vì Đề-xá, Khiên-đồ
Chuyển Pháp luân Tứ đế.
Đề-xá và Khiên-đồ
Nghe xong lời Phật dạy
Ở trong pháp thanh tịnh
Được phạm hạnh tối cao.
Thiên chúng trời Đao-lợi
Cho đến Thiên Đế Thích,
Vui mừng bảo lẫn nhau,
Nghe khắp cả chư Thiên:
Phật xuất hiện thế gian,

ô nhiễm.

16. Khổ thánh đế 苦聖諦, Pāli: Dukkha ariya-sacca; Khổ tập thánh đế 苦集聖諦, Pāli: Dukkha-samudaya ariya-sacca; Khổ diệt thánh đế 苦滅聖諦, Pāli: Dukkha-nirodha ariya-sacca; Khổ xuất yếu thánh đế 苦出要聖諦, Pāli: Dukkha-nirodha-gāminī-paṭipadā ariya-sacca.

Chuyển Pháp luân vô thượng;
Tăng thêm hàng chư Thiên;
Giảm bớt A-tu-la.
Đấng Thế Tôn danh vang
Thiện trí[17] *lìa thế biên.*
Tự tại đối các pháp,
Đại Trí chuyển Pháp luân.
Quán sát pháp bình đẳng,
Tâm dứt sạch cấu bẩn,
Để lìa ách sanh tử,
Đại Trí chuyển Pháp luân.
Diệt khổ lìa các ác,
Ly dục được tự tại,
Xa lìa ngục ái ân,
Đại Trí chuyển Pháp luân.
Đấng Chánh Giác Tối Tôn,
Đấng Điều Ngự Lưỡng Túc,
Giải thoát mọi ràng buộc,
Đại Trí chuyển Pháp luân.
Đạo Sư khéo giáo hóa,
Hay uốn dẹp oán ma,
Xa lìa mọi điều ác,
Đại Trí chuyển Pháp luân.
Sức vô lậu hàng ma,
Các căn định, không lười,
Lậu tận, lìa ma trói,
Đại Trí chuyển Pháp luân.
Nếu học pháp quyết định,
Biết các pháp vô ngã,
Đó là pháp cao tột,
Đại Trí chuyển Pháp luân.
Không vì cầu lợi dưỡng
Cũng chẳng vì danh dự,
Chỉ vì thương chúng sanh,
Đại Trí chuyển Pháp luân.

---

17. Thiện trí 善智, TNM: khổ trí 苦智.

Thấy chúng sanh khổ ách,
Già, bệnh, chết bức bách,
Vì ba đường ác đó,
Đại Trí chuyển Pháp luân.
Đoạn tham, sân nhuế, si;
Nhổ sạch gốc tham ái,
Được giải thoát bất động,
Đại Trí chuyển Pháp luân.
Ta thắng việc khó thắng
Thắng để tự hàng phục,
Đã thắng ma khó thắng,
Đại Trí chuyển Pháp luân.
Pháp luân vô thượng đó,
Chỉ Phật hay chuyển nói.
Hàng Thiên, Ma, Thích, Phạm,
Không ai chuyển nói được.
Thân cận chuyển Pháp luân,
Làm ích lợi Thiên, Nhân;
Bậc Thiên Nhân Sư đó,
Đã vượt đến bờ kia.

"Lúc ấy vương tử Đề-xá và công tử Khiên-đồ đã thấy pháp, đắc quả, chân thật không dối thành tựu vô úy, liền bạch Phật rằng: 'Chúng con muốn ở trong giáo pháp của Như Lai tịnh tu phạm hạnh.' Phật nói: 'Hãy đến đây, Tỳ-kheo[18]. Pháp ta thanh tịnh, tự tại; hãy tự mình tu hành để dứt trừ hết thống khổ.' Ngay lúc ấy hai người liền đắc Cụ túc giới. Họ đắc giới chưa bao lâu, Như Lai lại thị hiện ba việc: một là Thần túc, hai là Quán tha tâm, ba là Giáo giới[19], tức thì chứng đắc Tâm giải thoát vô lậu[20], phát sinh Vô nghi trí[21].

---

18. Thiện lai Tỳ-kheo 善來比丘: Đức Phật trực tiếp truyền giới Cụ túc, theo Luật tạng, bằng cách nói như thế.

19. Ba thị đạo; Phật thực hiện ba điều kỳ diệu: 1. Thần biến thị đạo; 2. Ký tâm thị đạo; 3. Giáo giới thị đạo.

20. Haùn: Vô lậu tâm giải thoaùt 無漏心解脫; Pāli: Anupādāya āsavehi cittāni vimucciṃsu, do không còn chấp thủ mà tâm được giải thoaùt một caùch không còn lậu hoặc.

21. Nguyên bản: sinh tử vô nghi trí 生死無疑智; Đây theo TNM: sinh vô nghi trí, không còn nghi ngờ về Bốn thánh đế.

"Bấy giờ số đông nhân dân ở thành Bàn-đầu nghe hai người xuất gia học đạo, mang y cầm bát, tịnh tu phạm hạnh, họ nói nhau rằng: 'Đạo ấy chắc là đạo chân thật, mới khiến các người kia bỏ vinh vị ở đời, bỏ các thứ quý trọng để tu theo.' Rồi thì, trong thành có tám vạn bốn ngàn người đi đến vườn Lộc dã, chỗ Phật Tỳ-bà-thi, cúi đầu đảnh lễ, ngồi lại một bên. Phật lần lượt thuyết pháp, chỉ bày, giáo huấn, khiến cho lợi ích, hoan hỷ[22]; nói về bố thí, về trì giới, về sinh thiên; chỉ rõ dục là xấu ác bất tịnh phiền não là nguy hiểm tán thán sự xuất ly là vi diệu tối thượng, thanh tịnh bậc nhất. Khi Đức Thế Tôn thấy đại chúng có một tâm ý mềm mại, hoan hỷ tín thọ, đủ sức lãnh thọ Chánh pháp, Ngài liền nói về Khổ thánh đế; phân tích, giảng giải, công bố Khổ tập thánh đế, Khổ diệt thánh đế, Khổ xuất yếu thánh đế. Ngay tại chỗ, cả bốn vạn tám ngàn người đều xa lìa trần cấu, được pháp nhãn thanh tịnh, như tấm vải trắng dễ nhuộm sắc màu. Họ được thấy pháp chứng quả, chân thật không dối, thành tựu vô úy, liền bạch Phật rằng: 'Chúng con muốn ở trong giáo pháp Như Lai mà tịnh tu phạm hạnh.' Phật dạy: 'Hãy đến đây, Tỳ-kheo! Pháp ta thanh tịnh, tự tại; hãy theo đó tu hành để dứt trừ thống khổ.' Khi đó tám vạn bốn ngàn người đều đắc Cụ túc giới. Đắc giới chưa bao lâu Như Lai lại thị hiện ba việc để giáo hóa: một là Thần túc, hai là Quán tha tâm, ba là Giáo giới. Họ tức thì chứng đắc Tâm giải thoát vô lậu, phát sinh Trí vô nghi.

"Hiện tiền có tám vạn bốn ngàn người khác, nghe Phật ở trong vườn Lộc dã chuyển Pháp luân vô thượng mà hàng Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên, Ma, Phạm và các người thế gian khác không thể chuyển được, liền đến thành Bàn-đầu chỗ Phật Tỳ-bà-thi, cúi đầu đảnh lễ, ngồi lại một bên."

Phật lại nói bài tụng:

Như người cứu đầu cháy,
Nhanh chóng tìm chỗ dập;
Người kia cũng như vậy,
Vội đến trước Như Lai.

"Phật cũng vì họ nói pháp như trước.

"Đến lúc này tại thành Bàn-đầu đã có mười sáu vạn[23] tám ngàn vị Đại Tỳ-kheo. Tỳ-kheo Đề-xá và Tỳ-kheo Khiên-đồ ở trong đại chúng

22. Thứ tự bốn giai đoạn thuyết pháp của Phật.

23. TNM: ba mươi bốn vạn.

bỗng bay lên không trung, thân phóng xuất nước lửa, hiện các thần thông biến hóa, nói pháp vi diệu cho đại chúng nghe. Bấy giờ Đức Như Lai thầm nghĩ: 'Nay tại trong thành này đã có mười sáu vạn tám ngàn Đại Tỳ-kheo, ta nên sai đi du hóa; chớ đi hai người một nhóm[24], đến khắp các nơi, đúng sáu năm lại trở về thành này để thuyết Cụ túc giới[25].'

"Bấy giờ, trời Thủ-đà-hội[26] biết được tâm tư của Như Lai, trong khoảnh khắc như lực sĩ co duỗi cánh tay, biến mất khỏi cõi trời kia mà hiện đến nơi này, đến trước Đức Thế Tôn, cúi đầu đảnh lễ, đứng lại một bên; giây lát, bạch Phật rằng: 'Bạch Thế Tôn, thật như vậy, trong thành Bàn-đầu này có nhiều Tỳ-kheo, Ngài nên phân bố đi khắp mọi nơi, đúng sáu năm sẽ trở lại thành này để thuyết giới, con sẽ ủng hộ, khiến không ai tìm cơ hội phá khuấy các vị được.' Như Lai sau khi nghe lời ấy, làm thinh nhận lời. Trời Thủ-đà-hội thấy Phật làm thinh nhận lời, đảnh lễ Phật xong, bỗng biến trở lại cõi trời. Không bao lâu sau, Phật bảo các Tỳ-kheo: Nay trong thành này Tỳ-kheo đã đông, nên mỗi người phân bố đi mỗi hướng du hành giáo hóa. Sau sáu năm hãy trở về tập họp thuyết giới. Các Tỳ-kheo vâng lời Phật dạy, mang y cầm bát, đảnh lễ Phật rồi đi."

Phật bèn nói bài tụng:

Phật sai[27] chúng không loạn,
Ly dục, không luyến ái,
Oai như chim kim sí;
Như hạc bỏ ao hoang.

"Sau đó một năm, trời Thủ-đà-hội nhắc lại các Tỳ-kheo: 'Các ngài đi du hóa đã qua một năm, còn năm năm nữa, các ngài nên nhớ trọn sáu năm rồi hãy nhóm về thành mà thuyết giới.' Cứ như thế, đến

---

24. Nguyên trong bản: các nhị nhân câu 各二人俱. Có thể nhầm lẫn tự dạng các 各 và vật 勿: chớ có. Tham chiếu Pāli: mā ekena dve agamittha: chớ đi hai người thành một nhóm.

25. Để đọc Giới bổn Tỳ-kheo.

26. Thủ-đà-hội thiên 首陀會天; Pāli: Suddhāvāsa), tức Tịnh cư thiên 淨居天, trú xứ của các Thánh giả Bất hoàn 不還 Anagāmin); D. 14 sđd: aññataro mahābrahmā: một vị Đại phạm thiên khác.

27. Nguyên Hán: Phật tất vô loạn chúng 佛悉無亂眾; TNM: Phật khiển vô loạn chúng 佛遣無亂眾.

năm thứ sáu, trời lại nhắc rằng: 'Sáu năm đã mãn, nên trở về thành mà thuyết giới.' Các Tỳ-kheo nghe lời nhắc xong, thu xếp y bát, trở lại thành Bàn-đầu, đến Lộc dã chỗ Phật Tỳ-bà-thi, cúi đầu đảnh lễ, ngồi lui một bên."

Phật nói bài tụng:

Như voi khéo huấn luyện,
Tùy ý sai khiến đi;
Đại chúng cũng như vậy,
Vâng lời mà trở về.

"Bấy giờ, ở trước mặt đại chúng, Như Lai bay lên không trung, ngồi kiết già, giảng nói giới kinh:

Nhẫn nhục là bậc nhất,
Niết-bàn là tối thượng,
Cạo tóc, não hại người,
Không phải là Sa-môn.[28]

"Trời Thủ-đà-hội lúc ấy ở cách Phật không xa, dùng bài kệ tán Phật rằng:

Như Lai đại trí,
Vi diệu độc tôn,
Chỉ, quán đầy đủ,
Thành Tối chánh giác.
Vì thương quần sanh,
Ở đời thành Đạo.
Đem Bốn chân đế
Dạy hàng Thanh-văn.
Khổ cùng khổ nhân,
Chân lý diệt khổ;
Tám đạo Thánh hiền;
Đưa đến an lạc.
Phật Tỳ-bà-thi
Xuất hiện thế gian;
Ở giữa đại chúng
Như ánh mặt trời.

"Nói xong bài kệ, bỗng nhiên biến mất."

---

[28]. Xem, luật Tứ Phần, Giới Bổn Tỳ-kheo.

Bấy giờ, Phật lại bảo các Tỳ-kheo:

"Ta nhớ lại, thuở xưa, khi ở tại núi Kỳ-xà-quật, thành La-duyệt, có một lần sinh tâm nghĩ rằng: 'Chỗ Ta sinh ra, đâu đâu cũng có, duy trừ cõi trời Thủ-đà-hội. Giả sử Ta sanh cõi trời kia, thời đã không trở lại đây.'

"Này các Tỳ-kheo, khi ấy Ta lại nghĩ rằng: khi Ta muốn đến cõi trời Vô tạo[29], tức thì trong khoảnh khắc như tráng sĩ co duỗi cánh tay, Ta biến mất ở đây mà hiện ở kia. Chư Thiên lúc đó thấy ta đến, liền đảnh lễ, đứng lại một bên, bạch với ta rằng: 'Chúng con đều là đệ tử Đức Phật Tỳ-bà-thi. Chúng con nhờ sự giáo hóa của Ngài mà được sanh đến cõi này.' Rồi họ kể đủ nhân duyên gốc ngọn của Đức Phật Tỳ-bà-thi. Họ lại nói: 'Các Đức Phật Thi-khí, Tỳ-xá-bà, Câu-lưu-tôn, Câu-na-hàm, Ca-diếp, Thích-ca Mâu-ni, thảy đều là Thầy của con. Con chịu sự giáo hóa ấy mà sinh ở đây.' Họ cũng nói nhân duyên bản mạt chư Phật. Cho đến chư Thiên ở cõi trời A-ca-nị-trá, cũng kể với ta như thế[30]."

Bấy giờ Phật nói bài tụng:

Ví như lực sĩ,
Co duỗi cánh tay
Ta, bằng thần thông,
Đến trời Vô tạo.
Đại Tiên thứ bảy[31]*,*
Hàng phục hai ma,
Vô nhiệt[32] *vô kiến*
Chắp tay kính lễ.
Như cây trú đạc[33]
Tiếng đồn Thích Sư,

---

29. Vô tạo 無造, hay Vô phiền 無煩; Pāli: Avīha, Skt.: Avriha: một trong năm Tịnh cư thiên.

30. A-ca-nị-trá 阿迦膩咤 hay A-ca-nị-sắc 阿迦膩色, cũng gọi là Hữu đảnh, chỉ đỉnh cao của saéc giôùi, tầng choùt trong năm Tònh cư thiên; Pāli: akaniṭṭha, Skt.: Akaniṭṭha.

31. Đệ thất Đại Tiên 第七大仙, chỉ Đức Thích Tôn; Skt.: Saptamarsi.

32. Vô nhiệt 無熱; Pāli; Atappa, phía trên Vô phiền thiên (Pāli. Avīha); một trong năm Tịnh cư thiên.

33. Trú đạc hoặc trú độ 晝度: cây thần thoại, tín hiệu cho ban ngày trên trời Đao lợi.

Tướng tốt đầy đủ,
Đến trời Thiện kiến.[34]
Ví như hoa sen,
Không bị dính nước.
Thế Tôn vô nhiễm,
Đến Đại thiện kiến[35].
Mặt trời mới mọc,
Không chút bụi che;
Sáng như trăng thu,
Đến Nhất cứu cánh.[36]
Năm Tịnh cư này,
Chúng sanh hành tịnh,
Tâm tịnh nên đến
Trời không phiền não.
Tịnh tâm mà đến,
Làm đệ tử Phật.
Xả ly nhiễm thủ,
Vui nơi vô thủ,
Thấy pháp quyết định,
Đệ tử Tỳ-bà-thi.
Tịnh tâm mà đến
Với Đại Tiên Nhân.
Đệ tử Thi-khí
Vô cấu, vô vi.
Tịnh tâm mà đến
Với Đấng Ly Hữu.
Đệ tử Tỳ-xá,
Các căn đầy đủ.
Tịnh tâm đến Ta,
Như mặt trời chiếu.
Con Câu-lưu-tôn,

---

34. Thiện kiến thiên 善 見 天; Pāli: Sudassa (Skt.: Sudriśa), một trong năm cõi Tịnh cư của Thánh giả A-na-hàm.

35. Đại thiện kiến thiên; Pāli: Sudassī (Skt.: Sudrarśana) tức chỗ khác gọi Thiện hiện, một trong năm cõi Tịnh cư của Thánh giả A-na-hàm.

36. Nhất cứu cánh 一 究 竟, hay Sắc cứu cánh, cũng gọi là Hữu đảnh; Pāli: Akaniṭṭha (Skt.: Akaniṣṭha: A-ca-nị-trá thiên), cao nhất trong năm Tịnh cư.

Xả ly các dục.
Tịnh tâm đến Ta,
Sáng mầu rực ánh.
Đệ tử Câu-na-hàm,
Vô cấu vô vi.
Tịnh tâm đến Ta,
Sáng như trăng đầy.
Đệ tử Ca-diếp,
Các căn đầy đủ.
Tịnh tâm đến Ta,
Như bắc thiên niệm[37]
Đại Tiên bất loạn.
Thần túc bậc nhất,
Bằng tâm kiên cố,
Làm đệ tử Phật.
Tịnh tâm mà đến,
Làm đệ tử Phật;
Kính lễ Như Lai,
Kể rõ Chí Tôn,
Chỗ sinh, thành đạo,
Danh tánh, chủng tộc,
Tri kiến thâm pháp,
Thành đạo Vô thượng.
Tỳ-kheo nơi vắng,
Xa lìa bụi dơ,
Siêng năng không lười.
Đoạn chư hữu kết
Ấy là nhân duyên,
Sự tích chư Phật,
Mà được diễn giải,
Bởi Đức Thích-ca.

Phật nói kinh "Đại nhân duyên" xong. Các Tỳ-kheo nghe những điều Phật nói hoan hỷ phụng hành.

❑

[37] Như bắc thiên niệm 如北天念, không rõ nghĩa. Bản Cao ly không có; TNM có.

2. KINH DU HÀNH[1]

I[2]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở trong núi Kỳ-xà-quật, thành La-duyệt[3] cùng với chúng Đại Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi người.

Bấy giờ, A-xà-thế[4], vua nước Ma-kiệt, muốn chinh phạt nước Bạt-kỳ[5], mới tự nghĩ: "Nước ấy tuy mạnh, dân chúng giàu mạnh, nhưng lấy sức ta để thắng họ không phải là khó".

Rồi vua A-xà-thế sai đại thần Bà-la-môn Vũ-xá[6]: "Khanh hãy đến núi Kỳ-xà-quật, chỗ Đức Thế Tôn, nhân danh ta đảnh lễ dưới chân Thế Tôn và thăm hỏi Đức Thế Tôn, Ngài đời sống thường nhật có thoải mái

---

1. Bản Hán, *Phật Thuyết Trường A-hàm kinh*, quyển 2. Tham chiếu, *Phật Bát-nê-hoàn kinh*, Tây Tấn, Bạch Pháp Tổ dịch (Đại I, tr.160); *Đại Bát-niết-bàn kinh*, Đông Tấn Pháp Hiển dịch (Đại I, tr.191); *Bát-nê-hoàn kinh*, vô danh dịch (Đại I tr.176); *Căn Bản Thuyết Nhất Thiết Hữu Bộ Tỳ-nại-da Tạp Sự,* Đường Nghĩa Tịnh dịch (Đại XXIV, tr. 382); *Trung A-hàm*, No.142 "Vũ Thế kinh" (Đại I, tr.648), No.3 "Thành Dụ kinh" (Đại I, tr.422, No.68 "Đại Thiện Kiến Vương kinh" (Đại I, tr.515), No.26 "Thị Giả kinh" (Đại I, tr.471). Tương đương Pāli, D. 16 (Deva Digh II. 3): Mahā-parinibbāna-suttanta; tham chiếu, D.17 (Deva Dig II. 4): Mahā-Sudassana-suttanta.

2. Bản Hán: "Đệ nhất phần sơ, Du Hành kinh Đệ nhị sơ". Phần I của kinh Du Hành.

3. La-duyệt hay La-duyệt-kỳ 羅閱祇; Pāli: Rājagaha, tức thành Vương xá 王舍, thủ phủ nước Ma-kiệt-đà (Pāli: Magadha). Kỳ-xà-quật (hay khốt) 耆闍崛 dịch là Thứu sơn 鷲山, Thứu lĩnh 鷲嶺, hay Linh thứu sơn 靈鷲山, tục gọi núi Kên kên; Pāli: Gijjhakūṭa.

4. Tên gọi đủ: A-xà-thế Vi-đề-hi Tử 阿闍世韋提希子; Pāli: Ajātasattu Vedehi-putta, Skt.: Ajātaśatru-vaidehiputra, A-xà-thế, con bà Vi-đề-hi, vua nước Ma-kiệt-đà (Pāli, Skt.: Magadha).

5. Bạt-kỳ 跋祇; Pāli: Vajji, tên một thị tộc, nhà nước thị tộc, thời Phật.

6. Vũ-xá 禹舍; Pāli: Vassakāra, nghĩa: Vũ Hành 雨行, Vũ Tác 雨作, Vũ Thế 雨勢.

không, đi đứng có khỏe mạnh không. Sau đó lại bạch Đức Thế Tôn, người nước Bạt-kỳ tự ỷ hùng cường, dân chúng giàu mạnh, không chịu thần phục ta. Ta muốn chinh phạt chúng. Không hiểu Đức Thế Tôn có dạy bảo gì không? Nếu Ngài có dạy thế nào, ngươi hãy nhớ cho kỹ, chớ để quên sót, hãy nói lại cho ta hay những gì khanh đã nghe. Những điều Như Lai nói không bao giờ hư dối."

Đại thần Vũ-xá lãnh mạng, cưỡi xe báu đi đến núi Kỳ-xà-quật. Đến chỗ phải dừng, ông xuống xe, đi bộ đến chỗ Thế Tôn, thăm hỏi xong, ngồi lại một bên, bạch Đức Thế Tôn rằng:

"Vua nước Ma-kiệt là A-xà-thế cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật và ân cần kính hỏi Ngài, đời sống thường nhật có thoải mái chăng, lui tới có được mạnh khỏe không?"

Ông lại thưa tiếp:

"Người nước Bạt-kỳ tự thị dũng mãnh, dân chúng giàu mạnh, không chịu thần phục nhà vua, nên nhà vua muốn chinh phạt. Chẳng hay Đức Thế Tôn có dạy bảo gì không?"

Lúc đó, A-nan đang cầm quạt đứng hầu sau Phật. Phật hỏi A-nan:

"Ngươi có nghe dân nước Bạt-kỳ thường nhóm họp bàn những sự việc chân chánh không?"

A-nan đáp:

"Con có nghe."

Phật nói với A-nan:

"Nếu được như thế, lớn nhỏ hòa thuận, nước đó lại càng thịnh vượng; nước ấy sẽ an ổn lâu dài, không thể xâm hại được.

"Này A-nan, ngươi có nghe người nước Bạt-ky vua tôi hòa thuận, trên dưới kính nhường nhau không?"

"Con có nghe."

"Nếu được như vậy, lớn nhỏ hòa thuận, nước đó càng thêm thịnh vượng và được yên ổn lâu dài, không thể xâm hại được.

"Này A-nan, ngươi có nghe dân nước Bạt-kỳ thường tôn trọng pháp luật, hiểu điều cấm kỵ, chẳng trái lễ độ không?"

"Con có nghe."

"Này A-nan, nếu được như vậy, lớn nhỏ hòa thuận, nước đó càng thêm thịnh vượng và yên ổn lâu dài, không thể xâm hại được.

"Này A-nan! Ngươi có nghe dân nước Bạt-kỳ hiếu dưỡng cha mẹ,

kính thuận sư trưởng không?"

"Con có nghe."

"Này A-nan, nếu vậy, lớn nhỏ hòa thuận, nước đó càng thêm thịnh vượng và yên ổn lâu dài, không thể xâm hại được.

"Này A-nan! Ngươi có nghe dân nước Bạt-kỳ thường tôn trọng tông miếu, kính nể quỷ thần không?"

"Con có nghe."

"Này A-nan, nếu được như vậy thì lớn nhỏ hòa thuận, nước đó càng thêm thịnh vượng và yên ổn lâu dài, không thể xâm hại được.

"Này A-nan, ngươi có nghe dân nước Bạt-ky giữ gìn khuê môn trinh chính, thanh khiết, không bậy bạ, cho đến sự vui đùa, nói năng cũng không tà vạy không?"

"Con có nghe."

"Này A-nan, nếu được như vậy thì lớn nhỏ hòa thuận, nước đó càng thêm thịnh vượng và yên ổn lâu dài, không thể xâm hại được.

"Này A-nan, ngươi có nghe dân nước Bạt-kỳ tôn thờ Sa-môn, kính người trì giới và thân cận ủng hộ chẳng biếng nhác không?"

"Con có nghe."

"Này A-nan, nếu được như vậy thì nước đó càng thêm thịnh vượng và yên ổn lâu dài, không thể xâm hại được.

Bấy giờ, đại thần Vũ-xá liền bạch Phật:

"Nhân dân nước kia nếu thi hành có một điều còn không mong gì thắng họ, huống nay họ đủ cả bảy điều. Vì việc nước quá bận, con xin từ tạ trở về."

Phật nói:

"Nên biết thời giờ."

Vũ-xá liền đứng dậy đi quanh Phật ba vòng rồi vái chào mà lui.

Vũ-xá đi chưa bao lâu, Phật bảo A-nan:

"Ngươi hãy truyền cho các Tỳ-kheo ở chung quanh thành La-duyệt-kỳ nhóm hết lại giảng đường."

A-nan vâng lệnh đi đến thành La-duyệt-kỳ tập họp hết các Tỳ-kheo lại giảng đường xong, bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, các Tỳ-kheo đã nhóm đủ, kính mong Đức Thánh biết thời."

Bấy giờ, Thế Tôn liền đứng dậy đi đến giảng đường, ngồi lên chỗ

ngồi dọn sẵn, bảo các Tỳ-kheo:

"Này các Tỳ-kheo, Ta sẽ giảng cho các thầy bảy pháp bất thối[7]. Các thầy hãy lắng nghe, lắng nghe, suy nghĩ kỹ."

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Kính vâng, bạch Thế Tôn. Chúng con muốn nghe."

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Này các Tỳ-kheo, bảy pháp bất thối là:

"1. Thường hội họp luận bàn nghĩa lý chân chính, thời lớn nhỏ hòa thuận mà Chánh pháp không bị suy thoái.[8]

"2. Trên dưới hòa đồng, kính thuận không trái, thời lớn nhỏ hòa thuận mà Chánh pháp không bị suy thoái.

"3. Trọng pháp, hiểu điều cấm kỵ, không trái qui chế, thời lớn nhỏ hòa thuận mà Chánh pháp không bị suy thoái.

"4. Nếu có Tỳ-kheo nào có năng lực hộ chúng, có nhiều tri thức, nên được kính thờ, thời lớn nhỏ hòa thuận mà Chánh pháp không bị suy thoái.

"5. Niệm hộ tâm ý[9], lấy sự hiếu kính làm đầu, thời lớn nhỏ hòa thuận mà Chánh pháp không bị suy thoái.

"6. Tịnh tu phạm hạnh, không chạy theo trạng thái dục[10], thời lớn nhỏ hòa thuận mà Chánh pháp không bị suy thoái.

"7. Trước người rồi sau mình, không tham lam danh lợi, thời già trẻ hòa thuận mà Chánh pháp không bị suy thoái.

"Này các Tỳ-kheo, lại có bảy pháp làm cho Chánh pháp tăng trưởng không tổn giảm.

"1. Ưa ít việc, không ưa nhiều việc[11], thời Chánh pháp tăng trưởng

---

7. Bất thối pháp 不退法; Pāli: aparihāniya-dhamma, không suy thoái. Trong kinh này, có hai loại bảy pháp bất thối: bảy bất thối của quốc vương (rājā-aparihāniya-damma) và bảy bất thối của Tỳ-kheo (bhikkhu-aparihāniya-dhamma).

8. Trường 15 (Tập I, tr. 547): "chúng Tỳ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm".

9. Hộ niệm tâm ý 護念心意; Pāli: paccataṃ yeva satiṃ upaṭṭhāpeti, mỗi người tự mình hộ trì chánh niệm.

10. Dục thái 欲態; Pāli: Bhikkhū (…) taṇhāya (…) na vasaṃ gacchassanti, các Tỳ-kheo không bị chi phối bởi khát ái.

11. D. 15 (Deva Dig II. 3, tr. 32): na kammārāmā bhavissanti: không ưa thích tác nghiệp. Kamma, nghiệp hay tác nghiệp ở đây được hiểu là thế sự.

không bị tổn giảm.

"2. Ưa yên lặng, không ưa nói nhiều.

"3. Bớt sự ngủ nghỉ, tâm không hôn muội.

"4. Không tụ họp nói việc vô ích.

"5. Không tự khen ngợi khi mình thiếu đức[12].

"6. Không kết bè bạn với người xấu ác.

"7. Ưa ở một mình nơi chỗ nhàn tịnh, núi rừng.

"Này Tỳ-kheo, được như vậy, thời Chánh pháp sẽ được tăng trưởng, không bị tổn giảm.

"Này các Tỳ-kheo! Lại có bảy pháp làm cho Chánh pháp tăng trưởng không bị tổn giảm.

"1. Có tín tâm; tin Đức Như Lai, Chí Chân, Chánh Giác, đủ mười đức hiệu.

"2. Có tàm, biết hổ với điều thiếu sót của mình.

"3. Có quý, biết thẹn với việc ác mình đã làm.

"4. Đa văn, những điều đã được thọ trì đều tốt ở đoạn đầu, đoạn giữa và đoạn cuối, nghĩa và vị thâm áo, thanh tịnh không bẩn, phạm hạnh đầy đủ.

"5. Siêng năng cần khổ, bỏ ác tu lành, chuyên tâm tập luyện mãi không ngừng.

"6. Điều đã học tập được, ghi nhớ mãi không quên.

"7. Tu tập trí tuệ, biết pháp sanh diệt, hướng đến Hiền thánh, dứt hết gốc khổ.

"Với bảy pháp như thế thời Chánh pháp tăng trưởng không bị hao tổn.

"Này các Tỳ-kheo! Lại có bảy pháp làm cho Chánh pháp tăng trưởng không bị hao tổn:

"1. Kính Phật.

"2. Kính Pháp.

"3. Kính Tăng.

"4. Kính giới luật.

"5. Kính thiền định.

"6. Kính thuận cha mẹ.

---

12. D. 15 sđd.: na pāpicchā bhavissanti: không có những ham muốn xấu (ác dục).

"7. Kính pháp không buông lung.

"Bảy pháp như vậy làm cho Chánh pháp tăng trưởng mãi không bị hao tổn.

"Này các Tỳ-kheo! Lại có bảy pháp làm cho Chánh pháp tăng trưởng không bị hao tổn:

"1. Quán thân bất tịnh.

"2. Quán đồ ăn bất tịnh.

"3. Chẳng mê đắm thế gian.

"4. Thường suy niệm về sự chết.

"5. Suy niệm về vô thường.

"6. Suy niệm về vô thường tức khổ.

"7. Suy niệm khổ tức vô ngã.

"Bảy pháp như vậy làm cho Chánh pháp tăng trưởng không bị hao tổn.

"Này các Tỳ-kheo! Lại có bảy pháp làm cho Chánh pháp tăng trưởng không bị hao tổn:

"1. Tu về niệm giác ý[13], nhàn tịnh, vô dục, xuất ly, vô vi[14].

"2. Tu về pháp giác ý.

"3. Tu về tinh tấn giác ý.

"4. Tu về hỷ giác ý.

"5. Tu về ỷ giác ý.

"6. Tu về định giác ý.

"7. Tu về hộ giác ý.[15]

"Bảy pháp như vậy làm cho Chánh pháp tăng trưởng không bị hao tổn.

"Này các Tỳ-kheo! Có sáu pháp bất thối làm cho Chánh pháp tăng trưởng không bị hao tổn.

"1. Thân thường hành xử từ ái, không hại chúng sanh.

"2. Miệng nói nhân từ, không diễn lời dữ.

---

13. Niệm giác ý 念覺意, hay niệm giác chi 念覺支, xem kinh số 10 "kinh Thập Thượng" ở sau.

14. Tham chiếu, *Trường A-hàm*, "10 kinh Thập Thượng": y vô dục, y tịch diệt, y viễn ly 依無欲依寂滅依遠離. 依無欲依寂滅依遠離.

15. Xem chú thích trên. So sánh các thuật ngữ.

"3. Ý niệm Từ tâm, không ôm lòng thêm bớt[16].

"4. Được vật lợi dưỡng hợp lẽ, chia cùng chúng hưởng, bình đẳng như nhau.

"5. Giữ giới Thánh hiền không để khuyết lậu, cũng không cấu uế, nhất định không dao động[17].

"6. Thấy đạo Thánh hiền để dứt hết thống khổ.[18]

"Sáu pháp như vậy làm cho Chánh pháp tăng trưởng không bị hao tổn.

"Này các Tỳ-kheo, lại có sáu pháp bất thối làm cho Chánh pháp tăng trưởng không bị hao tổn:

"1. Niệm Phật.

"2. Niệm Pháp.

"3. Niệm Tăng.

"4. Niệm giới.

"5. Niệm thí.

"6. Niệm thiên.

Sáu niệm ấy làm cho Chánh pháp tăng trưởng không bị hao tổn."

Bấy giờ, Thế Tôn sau khi tùy nghi trú ở La-duyệt-kỳ[19], Ngài bảo A-nan rằng:

"Các thầy hãy sẵn sàng, ta muốn đi đến Trúc viên[20]."

Đáp: "Thưa vâng."

Rồi Ngài sửa soạn y bát, cùng đại chúng thị tùng, Thế Tôn theo ngả đường từ Ma-kiệt đi đến Trúc viên. Sau khi lên giảng đường an

---

16. Nguyên: bất hoài hoại tổn 不懷壞損, không ôm lòng gây hại. TNM: bất hoài tăng tổn 不懷增損.

17. Hán: tất định bất động 必定不動. So sánh Pāli, D. 15 (Deva Dig II. 3, tr. 35): saparāmaṭṭhāni samādhisaṃvattanikāni… "những giới luật không bị ô nhiễm bởi mục đích sai lạc, những giới luật hướng đến định tâm" (Trường 15, I, tr. 554).

18. Đoạn trên thường được biết là sáu pháp hòa kính, tức pháp lục hòa.

19. Hán: tùy nghi trú dĩ 隨宜住已. So sánh, D.15: yathābhirantam viharitvā, Trường I, tr. 555: "ở... cho đến khi Ngài xem là vừa đủ".

20. Chỉ Ca-lan-đà trúc viên 迦蘭陀竹園; Pāli: Veḷuvana-kalandanivāpa, khu rừng trúc nổi tiếng ở Ma-kiệt-đà (Magadha). Trong bản Pāli, sđd.: Phật đến Ambalaṭṭhika, một tịnh thất bên ngoài Trúc lâm tinh xá.

tọa, Phật dạy các Tỳ-kheo về giới, định, tuệ; tu giới đắc định[21], được quả báo lớn; tu định đắc trí, được quả báo lớn; tu trí tâm tịnh, được giải thoát hoàn toàn[22], dứt hết ba thứ lậu hoặc là dục lậu, hữu lậu và vô minh lậu. Sau khi đã giải thoát liền phát sanh trí về sự giải thoát[23], sanh tử dứt hết, phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sinh nữa."

Bấy giờ, Thế Tôn sau khi tùy nghi trú ở Trúc viên, Ngài bảo A-nan:

"Các thầy hãy sửa soạn, hãy đi đến thành Ba-lăng-phất[24]."

Đáp: "Kính vâng."

Rồi Ngài sửa soạn y bát cùng với đại chúng theo hầu, Thế Tôn từ Ma-kiệt đi đến thành Ba-lăng-phất và ngồi ở gốc cây Ba-lăng[25]. Lúc ấy các Thanh tín sĩ[26] tại đó nghe Phật cùng đại chúng từ xa đến nghỉ dưới cây Ba-lăng, bèn cùng nhau ra khỏi thành, từ xa trông thấy Thế Tôn ngồi dưới gốc cây Ba-lăng dung mạo đoan chính, các căn vắng lặng, nhu thuận tột bực, như con rồng lớn, như nước đứng trong, không chút bợn nhơ, đủ ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp trang nghiêm tột bực. Thấy rồi, ai nấy hoan hỷ, lần đến chỗ Phật, đầu mặt lễ chân Phật, rồi ngồi lại một bên. Đức Thế Tôn theo thứ lớp nói pháp, khai tỏ, giáo huấn, khiến cho lợi ích, hoan hỷ[27]. Các Thanh tín sĩ được nghe Phật nói Pháp liền bạch Phật rằng:

"Chúng con xin quy y Phật, quy y Pháp, quy y Thánh chúng. Ngưỡng mong Đức Thế Tôn thương xót chấp nhận cho chúng con được

---

21. Hán: tu giới hoạch định 修戒獲定; Pāli, D. 15, sđd.: sīlaparibhāvito samādhi; Trường I, tr. 554: "định cùng tu với giới".

22. Hán: tu trí tâm tịnh đắc đẳng giải thoát 修智心淨得等解脫; Pāli, sđd.: paññāparibhā-vitaṃ cittaṃ sammadeva āsavehi vimuccati, tâm cùng tu với tuệ đưa đến giải thoát hoàn toàn các lậu.

23. Nghĩa là, sau khi giải thoát, biết rõ mình đã giải thoát.

24. Ba-lăng-phất 巴陵弗, bản Minh: Ba-liên-phất 巴連弗; Pāli: Pāṭaliputta, Skt.: Pāṭaliputra (Hoa thị thành 華氏城 hay Hoa tử thành 華子城). Trong thời Phật, địa phương này chỉ là một ngôi làng trong vương quốc Magadha, vì vậy D.15 (Deva Dig ii. 3) nói nó là Pāṭaligāma: làng Patali.

25. Ba-lăng-thọ 巴陵樹; Pāli: Pāṭalī, cây hoa kèn.

26. Thanh tín sĩ 清信士, hay Ưu-bà-tắc 優婆塞; Pāli: Upāsaka.

27. Thị, giáo, lợi, hỷ 示, 教, 利, 喜: bốn tuần tự thuyết pháp của Phật; Pāli: sandassesi samādapesi samuttejesi sampahaṃsesi: chỉ bày, khích lệ, làm cho phấn khởi, hoan hỷ.

làm Ưu-bà-tắc. Từ nay về sau, nguyện không giết, không trộm, không tà dâm[28], không nói dối, không uống rượu. Chúng con sẽ giữ giới không bao giờ quên[29]. Ngày mai chúng con xin cúng dường. Ngưỡng mong Thế Tôn cùng đại chúng rủ lòng hạ cố."

Đức Thế Tôn làm thinh nhận lời. Các Thanh tín sĩ thấy Phật làm thinh nhận lời, liền đứng dậy đi quanh Phật ba vòng làm lễ rồi lui ra. Vì Đức Như Lai, họ dựng ngôi nhà lớn, ban sửa đất đai, quét tước, rưới nước, xông hương, trang hoàng bảo tọa. Khi thiết cúng xong, họ đến bạch Phật: "Cỗ đã dọn xong, cúi mong Đức Thánh biết đã đến giờ."

Khi ấy, Thế Tôn liền đứng dậy mang y cầm bát cùng đại chúng đến giảng đường. Đến nơi, rửa tay chân xong, Phật ngồi giữa, các Tỳ-kheo ngồi bên tả, các Thanh tín sĩ ngồi bên hữu.

Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Thanh tín sĩ rằng:

"Phàm người phạm giới thời có năm điều suy hao. Những gì là năm?

"1. Cầu tài lợi không được toại nguyện.

"2. Dẫu có được tài lợi, ngày mỗi hao mòn.

"3. Bất cứ đến đâu cũng không được mọi người kính nể.

"4. Tiếng xấu đồn khắp thiên hạ.

"5. Thân hoại mệnh chung sa vào địa ngục.

"Trái lại, này các Thanh tín sĩ, phàm người giữ giới sẽ có năm công đức. Những gì là năm?

"1. Cầu gì đều được như nguyện.

"2. Tài sản đã có thì thêm mãi không hao sút.

"3. Ở đâu cũng được mọi người kính mến.

"4. Tiếng tốt đồn khắp thiên hạ.

"5. Thân hoại mệnh chung được sanh lên cõi trời."

Bấy giờ, đã nửa đêm, Phật bảo các Thanh tín sĩ hãy trở về. Các Thanh tín sĩ vâng lời, đi quanh Phật ba vòng, rồi đảnh lễ mà lui.

---

28. Dâm 淫 (bộ thủy 水): tham sắc quá độ; phân biệt với dâm 婬 bộ nữ 女: dâm dục. Do đó, bất dâm 不淫 ở đây được hiểu không tà dâm, tức Pāli: kāmesu micchācāro, hành vi tà vạy trong các dục lạc.

29. Bất vong 不忘; TNM: bất vọng 不妄: không dối.

Bấy giờ, khi đêm vừa qua, ánh sáng vừa ló, Thế Tôn đi tới chỗ thanh vắng, bằng thiên nhãn thanh tịnh, thấu suốt, thấy các vị thần lớn mỗi vị phong thủ đất đai nhà cửa[30] riêng, các thần trung, thần hạ cũng phong thủ đất đai nhà cửa. Thế Tôn liền trở lại giảng đường, lên chỗ ngồi. Tuy đã biết, nhưng Ngài vẫn hỏi:

"Này A-nan, ai tạo lập thành Ba-lăng-phất này?"

A-nan bạch Phật:

"Thành này do đại thần Vũ-xá tạo ra để phòng ngự nước Bạt-kỳ."

Phật nói với A-nan:

"Người tạo ra thành này rất hợp ý trời[31]. Lúc đêm đã tàn, trời vừa sáng, Ta đi tới chỗ thanh vắng, bằng thiên nhãn, xem thấy các Đại Thiên thần mỗi vị phong thủ đất đai nhà cửa riêng, các trung thần, hạ thần cũng phong thủ đất đai nhà cửa. A-nan! Nên biết chỗ đất đai nhà cửa nào được Đại Thiên thần phong thủ, ai ở đó tất được an lạc nhiều[32]; còn chỗ trung thần phong thủ thì hàng trung nhân ở; chỗ hạ thần phong thủ thì hạ nhân ở và công đức nhiều ít cũng tùy theo chỗ ở ấy.

"Này A-nan, chỗ này là chỗ hiền nhân ở, kẻ bán buôn qui tụ, phép nước đúng đắn không dối ngụy[33]. Thành này rất tốt, được mọi nơi suy tôn, không thể phá hoại. Lâu về sau nếu có bị phá chăng chỉ do ba việc; một là bị nước lớn, hai là bị lửa lớn và ba là bị người trong thông mưu với người ngoài phá hoại được thành này."

Trong lúc đó các Thanh tín sĩ Ba-lăng-phất suốt đêm cùng bày biện. Đúng giờ, họ đến bạch Phật:

---

30. Hán: phong trạch địa 封宅地; Pāli: vatthuṃ pariggaṇhāti, chiếm hữu (hoặc thủ hộ) đất đai.

31. Hán: chánh đắc thiên ý 正得天意; Pāli, sđd.: Deva Dig ii, tr.70: seyyathāpi devehi Tāvatiṃsehi saddhiṃ mantetvā, giống như sau khi đã hỏi ý các Thiên thần Tāvatiṃsa (Đao-lợi).

32. Tham chiếu Pāli, sđd.: yasmim padese mahesakkhā devatā vatthūni pariggan-hanti mahesakkhānam tattha rañňam rājamahāmattānam cittāni namanti nivesa-nāni māpetum; nơi ở nào có Thiên thần có đại oai lực thủ hộ (chiếm lĩnh) đất đai, nơi ấy tâm thức các vua chúa và các đại thần có thế lực được hướng đến việc xây dựng các trú xứ.

33. Pāli, sđd.: Deva Dig ii. tr.71-72: yāvatā, Ānanda, ariyaṃ āyatanaṃ, yāvatā vaṇippatho, idaṃ agganagaraṃ pāṭaliputtaṃ puṭabhedanaṃ, nơi nào là căn cứ địa của những người Ariyan, nơi nào là đô hội của các thương gia, nơi ấy một đô thị bậc nhất tên là Pāṭaliputta được thiết lập.

"Cỗ đã dọn xong, cúi mong Đức Thánh biết là đã đến giờ.[34]"

Bấy giờ, các Thanh tín sĩ bưng dọn, tự tay bưng sớt đồ ăn. Thọ thực xong dùng nước rửa. Rồi họ dọn một chỗ ngồi nhỏ trước Phật. Phật chỉ bày mà rằng:

"Chỗ này của các ngươi là chỗ bậc Hiền trí, phần nhiều người trì giới tịnh tu phạm hạnh cư trú; các Thiện thần vui mừng ủng hộ."

Rồi Ngài chú nguyện cho họ:

"Biết kính trọng thì được người kính trọng. Biết phụng sự thì được người phụng sự. Bố thí, kiêm ái, có lòng từ mẫn, được chư Thiên khen ngợi và thường cùng người lành sum họp, không cùng người ác ở chung."

Bấy giờ, sau khi thuyết pháp xong, Đức Thế Tôn liền rời khỏi chỗ, đại chúng hầu quanh mà đưa Ngài trở về. Đại thần Vũ-xá đi theo sau Phật, nghĩ rằng:

"Hôm nay, nhân Đức Sa-môn Cù-đàm đi qua cửa thành này, ta hãy gọi cửa này là cửa Cù-đàm[35]. "

Lại nhân bến sông mà Phật sang ngang, liền đặt tên chỗ đó là bến Cù-đàm[36].

Đức Thế Tôn ra khỏi thành Ba-lăng-phất, đi đến bờ sông. Lúc ấy, trên bờ sông có nhiều người, trong số đó có người thì dùng thuyền, có người dùng bè, có người dùng phà mà sang sông. Đức Thế Tôn cùng đại chúng chỉ trong khoảnh khắc, như lực sĩ co duỗi cánh tay, đã đến cả bên kia sông. Sau khi quán sát nghĩa này, Thế Tôn liền nói bài tụng:

Phật là Hải Thuyền Sư
Pháp là cầu sang sông,
Là chiếc xe Đại thừa,
Đưa hết thảy trời, người.
Là Đấng Tự Giải Thoát,

---

34. Pāli: Kālo bho Gotama niṭṭhitaṃ bhattaṃ, "Đã đến giờ, bạch Tôn giả Gotama, cơm đã dọn xong".

35. Hán: Cù-đàm môn 瞿曇門; Pāli: Gotama-dvāra.

36. Cù-đàm độ 瞿曇渡; Pāli: Gotama-titthaṃ.

Sang sông, thành Phật-đà[37].
Khiến tất cả đệ tử,
Giải thoát, đắc Niết-bàn.

Thế Tôn lại từ nước Bạt-kỳ đi đến thôn Câu-lỵ[38] nghỉ ở dưới một khóm rừng và bảo các Tỳ-kheo:

"Có bốn pháp thâm diệu: một là Thánh giới; hai là Thánh định; ba là Thánh tuệ và bốn là Thánh giải thoát. Đó là pháp vi diệu khó hiểu, khó biết, mà ta với các ông xưa kia vì không hiểu rõ nên mãi trôi lăn không cùng trong vòng sống chết."

Quán xét theo nghĩa đó, Phật liền dạy bài kệ:

Giới, định, tuệ, giải thoát,
Duy Phật phân biệt rõ.
Lìa khổ độ chúng sanh,
Khiến dứt mầm sanh tử.

Bấy giờ, Thế Tôn sau khi tùy nghi trú ở thôn Câu-lỵ lại bảo A-nan cùng đi đến thôn Na-đà[39]. A-nan vâng lời, khoác y ôm bát cùng với đại chúng đi theo Phật, theo con đường từ Bạt-kỳ đến Na-đà và dừng lại chỗ Kiền-chùy[40].

Bấy giờ, A-nan ở chỗ thanh vắng yên lặng suy nghĩ: "Thôn Na-đà này có mười hai cư sĩ là Già-già-la, Già-lăng-già, Tỳ-già-đà, Già-lê-thâu, Giá-lâu, Bà-da-lâu, Bà-đầu-lâu, Tẩu-bà-đầu-lâu, Đà-lê-xá-nậu, Tẩu-đạt-lê-xá-nậu, Da-thâu, Da-thâu-đa-lâu đã qua đời[41]. Hiện nay không biết họ sinh về đâu? Lại có năm mươi người khác mệnh chung, lại năm trăm người khác nữa mệnh chung, nay không biết họ sinh về chỗ nào?"

---

37. Hán: đắc thăng tiên 得昇仙.

38. Câu-lỵ 拘利; Pāli: Koṭigāma.

39. Na-đà thôn 那陀村; Pāli: Nādikā.

40. Kiền-chùy xứ 犍椎處; Pāli: Ginjakāvasatha, cũng nói là Kiền-chùy tinh xá 犍椎精舍 hay Luyện ngõa đường 煉瓦堂, ngôi nhà lợp ngói.

41. Danh sách mười hai cư sĩ ở Na-đà: Già-già-la 伽伽羅, Già-lăng-già 伽陵伽, Tỳ-già-đà 毗伽陀, Già-lỵ- (TNM: lê) thâu 伽利(梨)輸, Giá-lâu 遮樓, Bà-da-lâu 婆耶樓, Bà-đầu-lâu 婆頭樓, Tẩu-bà-đầu-lâu 藪婆頭樓, Đà-lê-xá-nậu 陀梨舍耨, Tẩu-đạt-lê-xá-nậu 藪達利舍耨, Da-thâu (du) 耶輸, Da-thâu (du)-đa-lâu 耶輸多樓.Danh sách những người chết được đề cập, D. 15 (Deva Dig ii, tr. 77): Tỳ-kheo Sālada, Tỳ-kheo-ni Nandā, cư sĩ Sudatta, nữ cư sĩ Sujātā và các cư sĩ Kakudha, Kālinga, Nikata, Katissabha, Tuttha, Santuttha, Bhadda.

A-nan suy nghĩ như thế xong, rời khỏi nơi nhàn tịnh, đến chỗ Thế Tôn, đầu mặt lễ chân Phật xong, ngồi xuống một bên, bạch Phật:

"Thế Tôn, vừa rồi con ở chỗ nhàn tịnh, lặng lẽ suy nghĩ: Thôn Na-đà này có mười hai cư sĩ: Già-già-la v.v..., mạng chung; lại có năm mươi người nữa mạng chung, lại có năm trăm người mạng chung; không biết họ sinh về đâu. Cúi mong Thế Tôn nói rõ cho con."

Phật bảo A-nan:

"Mười hai cư sĩ kia là Già-già-la v.v..., đã đoạn năm hạ phần kết[42] nên mệnh chung sinh thiên[43]; họ nhập Niết-bàn ở đó chứ không trở lại cõi này nữa. Còn năm mươi người kia mạng chung do đoạn trừ ba kết sử[44]; dâm, nộ, si mỏng, đắc quả Tư-đà-hàm[45], sẽ trở lại cõi này để dứt hết gốc khổ. Còn năm trăm người kia mạng chung do đoạn trừ ba kết sử, đắc quả Tu-đà-hoàn[46], không còn bị đọa vào ác thú, chắc chắn thành đạo, chỉ trở lại cõi này bảy lần để dứt hết gốc khổ rồi thôi.

"Này A-nan, phàm có sinh thì có chết, đó là lẽ thường của cuộc đời, có gì là quái lạ. Nếu thấy mỗi người chết, ngươi đều tới hỏi ta như vậy chẳng là quấy rầy ư?"

A-nan đáp:

"Đúng vậy, bạch Thế Tôn, quả là phiền nhiễu."

Phật bảo:

"A-nan, nay ta sẽ nói cho ngươi về Pháp kính[47] để các Thánh đệ tử biết chỗ thọ sanh; dứt hết ba đường dữ, chứng quả Tu-đà-hoàn, không quá bảy đời sẽ tận cùng biên tế của khổ; và cũng có thể nói việc ấy cho người khác nghe.

"Này A-nan! Pháp kính là, Thánh đệ tử đã đạt được bất hoại

---

42. Hạ phần kết, hay thuận hạ phần kết; Pāli: orambhāgiya-saṃyojanāni (năm) thứ phiền não hay ô nhiễm buộc chặt chúng sanh vào sự tái sanh hạ giới tức dục giới. Vị đoạn trừ năm kết sử này sẽ không tái sanh Dục giới nên được gọi là Bất hoàn (Pāli: Anagāmin).

43. Sinh lên Tịnh cư thiên (Pāli: Suddhāvasa).

44. Ba kết sử (Pāli: tīṇi saṃyojanāni): thân kiến hay hữu thân kiến (Pāli: sakkāya-diṭṭhi), nghi (Pāli: vicikicchā), giới cấm thủ (Pāli: sīlabbataparāmāso).

45. Tư-đà-hàm hay Nhất lai, vị tái sinh Dục giới một lần nữa; Pāli: Sakadāgāmin.

46. Tu-đà-hoàn, hay Dự lưu, vị đã dự vào dòng Thánh; Pāli: Sotapānna.

47. Pháp kính 法鏡; Pāli: dhammādāsa, tấm gương pháp, gương để soi rọi sự thật.

tín[48], hoan hỷ tin Phật là Đức Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, mười đức hiệu đầy đủ. Hoan hỷ tin Pháp là giáo pháp chân chính vi diệu, Phật tự ý nói ra[49], không cuộc hạn thời tiết, dạy bày con đường đi đến Niết-bàn; được thực hành bởi kẻ trí. Hoan hỷ tin Tăng là chúng khéo hòa đồng, sở hành chất trực không dối trá và chứng thành đạo quả, trên dưới thuận hòa, đầy đủ pháp thân, hoặc có người đang hướng tới Tu-đà-hoàn và được quả Tu-đà-hoàn, có người đang hướng tới Tư-đà-hàm và được quả Tư-đà-hàm, có người đang hướng tới A-na-hàm và được quả A-na-hàm, có người đang hướng tới A-la-hán và được quả A-la-hán[50]. Ấy là bốn đôi tám bậc, chúng Hiền thánh của Như Lai, xứng đáng được cung kính, làm ruộng phước cho đời. Tin giới của Hiền thánh là thanh tịnh, không nhơ, không bị sứt mẻ, không rò rỉ, được các bậc minh triết tu theo mà chứng đến tam-muội định vậy.

"A-nan, đó là Pháp kính, khiến Thánh đệ tử biết chỗ thọ sanh, dứt sạch ba đường dữ, chứng đắc Tu-đà-hoàn, không quá bảy đời hoàn tất tận cùng biên tế của khổ; và cũng có thể nói cho người khác sự việc ấy."

Bấy giờ, Thế Tôn sau khi tùy nghi trú ở đó, bèn bảo A-nan hãy cùng đi đến nước Tỳ-xá-ly[51]. A-nan vâng lời, mang y cầm bát, cùng với đại chúng theo hầu Thế Tôn, theo con đường từ Bạt-kỳ đến Tỳ-xá-ly và ngồi nghỉ ở một gốc cây.

Bấy giờ có một dâm nữ tên Am-bà-bà-lê[52] vừa nghe Phật cùng các đệ tử đến Tỳ-xá-ly, đang ngồi dưới một gốc cây, liền sửa soạn xe báu, muốn đi đến chỗ Phật để lễ bái cúng dường. Khi chưa đến nơi, từ xa nàng đã thấy Đức Thế Tôn diện mạo đoan chánh, các căn đặc biệt khác thường, tướng tốt đầy đủ, như mặt trăng ở giữa những vì sao. Nàng

---

48. Bốn bất hoại tín 不壞信, cũng nói là bốn bất động tín 不動信, bốn chứng tịnh 證淨 hay bốn Dự lưu chi 預流支; Pāli: Aveccappasāda; Skt.: Avetya-prasāda: tin Phật, tin Pháp, tin Tăng, tin Thánh giới.

49. Hán: tự tứ sở thuyết 自恣所說; Pāli: svākhāto (Skt.: svākhyāta), nơi khác thường được dịch là thiện thuyết: pháp được Thế Tôn giảng thuyết khéo léo. Bản Hán ở đây có lẽ hiểu svākhāto là sva(tự mình)-ākhāta, thay vì su(khéo léo)-ākhāta.

50. Nêu bốn hướng và bốn quả, hợp thành tứ song bát bối 四雙八輩.

51. Tỳ-xá-ly 毗舍離, hoặc phiên âm Tỳ-da-ly 毗耶離, dịch: Quảng nghiêm thành 廣嚴城.

52. Am-bà-bà-lê 菴婆婆梨, âm khác: Am-bà-ba-lỵ 菴婆波利, Am-bà-la-bà-lỵ 菴婆羅婆利, Am-bà-la 菴婆羅; Pāli: Ambapāli-ganikā.

rất hoan hỷ, xuống xe đi bộ lần tới chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ, ngồi lại một bên.

Rồi Thế Tôn, theo thứ lớp thuyết pháp, khai giải, giáo huấn, khiến cho lợi ích, hoan hỷ. Nghe Phật nói xong nàng phát tâm vui mừng quỳ bạch Phật rằng:

"Bắt đầu từ hôm nay con quy y ngôi Tam bảo. Mong Phật nhận lời cho con được làm Ưu-bà-di ở trong Chánh pháp, trọn đời con không giết, không trộm, không tà dâm[53], không nói dối, không uống rượu."

Lại bạch Phật:

"Cúi mong Thế Tôn cùng các đệ tử ngày mai nhận lời thỉnh cầu của con. Còn tối nay thì xin nghỉ tại vườn của con."

Khi ấy Phật im lặng nhận lời.

Nàng thấy Phật đã im lặng nhận lời, liền đứng dậy đi quanh Phật ba vòng rồi đảnh lễ mà trở về. Nàng đi chưa bao lâu, Phật bảo A-nan:

"Ta cùng các ngươi đi đến khu vườn kia."

Đáp:

"Thưa vâng."

Phật bèn rời chỗ ngồi, mang y cầm bát cùng chúng đệ tử một ngàn hai trăm năm mươi người đi đến khu vườn ấy.

53. Xem cht. 28.

Lúc bấy giờ, nhóm người Lệ-xa[1] ở Tỳ-xá-ly, nghe Phật đến nghỉ tại vườn của Am-bà-bà-lê thì liền thắng những cỗ xe báu năm sắc lộng lẫy; có người cưỡi xe xanh, ngựa xanh, phan dù áo mão đều xanh; ngựa xe năm sắc đều như vậy. Rồi thì, những người Lệ-xa với y phục đồng sắc, cả năm trăm người kéo đến Phật. Nàng Am-bà-bà-lê sau khi từ giã Phật trở về, giữa đường gặp xe họ. Lúc đó, xe nàng chạy rất nhanh, cùng với xe báu của họ móc kéo nhau, khiến phướn lọng gãy đổ cả, mà vẫn không chịu tránh đường. Các người Lệ-xa trách:

"Nàng ỷ thế gì mà không tránh đường cho chúng tôi đi, để đụng nhằm xe cộ chúng tôi khiến phướn lọng gãy cả?"

Am-bà đáp:

"Thưa quý ngài, tôi đã thỉnh Phật ngày mai đến nhà tôi thọ trai. Tôi phải về gấp sửa soạn đồ cúng dường, thành phải đi mau, không tránh kịp."

Nhóm Lệ-xa liền bảo nàng:

"Nàng khoan hãy thỉnh. Để chúng tôi thỉnh trước, chúng tôi sẽ cho nàng một trăm ngàn lượng vàng."

Nàng đáp:

"Tôi đã thỉnh trước rồi, không thể nhường được."

Nhóm Lệ-xa tiếp:

"Chúng tôi sẽ tặng nàng gấp mười sáu lần trăm ngàn lượng vàng. Hãy để chúng tôi thỉnh trước."

Nàng vẫn không chịu:

"Tôi đã thỉnh rồi. Nhất định không thể làm như thế được."

Các Lệ-xa lại nói:

"Chúng tôi sẽ tặng bằng số tài bảo nửa nước, nàng hãy để chúng tôi thỉnh trước."

Nàng trả lời:

"Giả sử đem tài bảo của cả nước cấp cho tôi, tôi cũng không nhận. Vì sao? Vì Phật hiện ở tại vườn tôi, Ngài đã nhận lời tôi thỉnh trước. Việc ấy đã xong, không thể nhường được."

Các Lệ-xa khoa tay than tiếc, rằng:

---

1. Lệ-xa 隸 車; Pāli: Licchavi, một bộ lạc hùng mạnh thời Phật, thuộc bộ tộc Vajji, đóng đô ở Vesāli.

"Nàng con gái này đã làm chúng ta thiếu mất cái phúc quả đầu tiên."

Họ liền tiến tới khu vườn Phật đang ở. Khi Đức Thế Tôn từ xa thấy năm trăm người Lệ-xa, với ngựa xe số vạn, chật đường tiến đến, Ngài bảo các Tỳ-kheo:

"Các ngươi nên biết chư Thiên Đao-lợi khi đi dạo công viên, thì uy nghi và sự trang sức cũng không khác đoàn người đó mấy. Này các Tỳ-kheo, hãy tự nhiếp tâm, gìn giữ oai nghi đầy đủ. Tỳ-kheo tự nhiếp tâm mình như thế nào? Tỳ-kheo quán thân trên nội thân, siêng năng không lười biếng, ghi nhớ không quên, trừ bỏ tham ưu ở đời. Quán thân trên ngoại thân..., quán nội ngoại thân..., trừ bỏ tham ưu ở đời. Quán thọ, quán ý, quán pháp cũng như thế[2].

Thế nào là Tỳ-kheo đầy đủ oai nghi? Ở đây, Tỳ-kheo, khi đi thì biết là đi, dừng thì biết là dừng, quay nhìn tả hữu, co duỗi, cúi ngước, mang y cầm bát cho đến việc ăn uống, thuốc thang, đều không để mất nghi tắc. Khôn khéo tìm cách trừ bỏ ấm cái[3], đi ở nằm ngồi, ngủ thức, nói năng hay im lặng đều nhiếp tâm đừng cho loạn động. Đấy gọi là Tỳ-kheo đầy đủ oai nghi."

Bấy giờ năm trăm người Lệ-xa đi đến vườn Am-bà-bà-lê. Gần đến chỗ Phật, xuống xe đi bộ đến, đầu mặt đảnh lễ chân Phật, rồi lui ngồi một bên. Như Lai ở trên chỗ ngồi, ánh sáng độc nhất tỏa sáng che mờ đại chúng, như trăng mùa thu; lại như trời đất trong sáng sạch sẽ không chút bụi dơ, mặt trời giữa hư không độc nhất tỏa sáng. Rồi thì, năm trăm người Lệ-xa hầu vây quanh chỗ ngồi của Phật. Lúc ấy, giữa hội chúng có một người Phạm chí tên là Tịnh Ký[4], từ chỗ ngồi đứng dậy, trật áo vai hữu, đầu gối hữu quỳ xuống đất, chắp tay hướng về Phật, tán thán bằng bài kệ rằng:

Vua Ma-kiệt, Ương-già,
Để được nhiều thiện lợi,
Khoác khôi giáp bảo châu.
Phật hiện ở nước ấy.
Uy đức động tam thiên,

---

2. Trên đây là bốn niệm xứ 念處 hay niệm trụ 念住 (Pāli: satipaṭṭhāna): quán thân, thọ, tâm và pháp.

3. Ấm cái 陰蓋, hay triền cái 纏蓋 (Pāli, Skt.: nivāraṇa), có năm.

4. Tịnh Ký 并暨 (?).

Tiếng vang như núi Tuyết.
Như hoa sen đã nở,
Mùi hương thật mầu nhiệm.
Nay thấy ánh sáng Phật,
Như mặt trời mới mọc;
Như trăng qua bầu trời,
Không bị mây che khuất.
Thế Tôn cũng như vậy,
Sáng chiếu cả thế gian.
Quán trí tuệ Như Lai
Như tối gặp đuốc sáng;
Đem mắt sáng cho đời,
Quyết trừ các nghi hoặc.

Năm trăm người Lệ-xa sau khi nghe bài kệ ấy lại bảo Tịnh Ký:

"Ngươi hãy lặp lại."

Rồi Tịnh Ký ở trước Phật lặp lại ba lần. Năm trăm Lệ-xa sau khi nghe lặp lại bài kệ, mỗi người cởi y báu mà cho Tịnh Ký. Tịnh Ký bèn đem y báu dâng Đức Như Lai. Phật vì lòng từ mẫn nên thọ nhận.

Bấy giờ, Thế Tôn nói với những người Lệ-xa ở Tỳ-xá-ly rằng:

"Ở đời có năm thứ báu rất khó có được. Những gì là năm? Một là Như Lai, Chí Chân xuất hiện ở đời rất khó có được. Hai là người có thể giảng thuyết Chánh pháp của Như Lai rất khó có được. Ba là người có thể tín giải pháp mà Như Lai diễn thuyết rất khó có được. Bốn là người có thể thành tựu pháp mà Như Lai diễn thuyết rất khó có được. Năm là hiểm nguy được cưu ách mà biết đáp trả, hạng người ấy cũng rất khó có. Ấy là năm thứ báu rất khó có được.[5]"

Năm trăm người Lệ-xa sau khi nghe Phật khai thị, giáo huấn khiến cho lợi ích, hoan hỷ, liền bạch Phật;

"Cúi mong Thế Tôn và chúng đệ tử ngày mai nhận lời thỉnh cầu của chúng con."

Phật nói với các người Lệ-xa:

"Các ông đã thỉnh Ta. Ta nay như thế là đã được cúng dường rồi.

---

5. So sánh *Tứ Phần 40*, năm thứ báu khó có trong đời: 1. Gặp Phật ra đời; 2. Nghe Phật nói pháp rồi nói lại cho người khác; 3. Tin hiểu pháp của Phật; 4. Như pháp tu hành; 5. Lần lượt giáo hóa lẫn nhau để cùng được lợi ích.

Kỹ nữ Am-bà-bà-lê đã thỉnh trước."

Năm trăm người Lệ-xa nghe Am-bà-bà-lê nữ đã thỉnh Phật trước, ai nấy đều vung tay mà nói rằng:

"Chúng ta muốn cúng dường Như Lai, mà nay người đàn bà kia đã phổng tay trên ta rồi."

Rồi họ rời chỗ ngồi, đầu mặt lễ Phật, đi quanh Phật ba vòng, sau đó ai về nhà nấy.

Bấy giờ, Am-bà-bà-lê nữ bèn bày dọn thực phẩm thượng diệu để cúng Phật và Tăng. Sau khi ăn xong, thâu bát, dẹp bàn ghế. Rồi kỹ nữ tay bưng bình bằng vàng dâng nước rửa xong, nàng đến trước Phật bạch rằng:

"Trong số những khu vườn trong thành Tỳ-xá-ly này vườn của con là hơn hết. Nay con đem vườn ấy dâng cúng Như Lai. Ngưỡng nguyện Như Lai vì thương tưởng con mà thọ nhận."

Phật nói với người kỹ nữ:

"Ngươi có thể đem khu vườn này cúng dường trước hết là Phật và Chiêu-đề tăng[6]. Vì sao vậy? Các thứ vườn tược, phòng xá, y bát, sáu vật mà Như Lai sở hữu, ngay dù những Ma, Thích, Phạm, chư Thiên có đại oai lực, không ai có khả năng kham thọ sự cúng dường ấy."

Kỹ nữ thọ lãnh lời dạy, bèn đem khu vườn mà cúng trước tiên là Phật và Chiêu-đề tăng. Phật vì lòng từ mẫn đối với nàng nên thọ nhận. Rồi Ngài nói bài kệ:

Dựng tháp, lập tinh xá,
Cúng vườn cây mát mẻ;
Cầu thuyền để đưa người;
Và cho cả nhà, gác;
Đồng trống cho nước cỏ,
Phước ấy ngày đêm tăng;
Người đủ giới thanh tịnh,
Ắt sẽ đến chỗ lành.

Sau đó, kỹ nữ Am-bà-bà-lê mang một cái giường nhỏ đến ngồi trước Phật. Phật theo thứ lớp nói pháp, mở bày, dạy dỗ, khiến cho lợi ích, hoan hỷ. Ngài giảng về thí, về giới, về sinh thiên, về dục

6. Chiêu-đề tăng 招提僧, hay Tứ phương tăng 四方僧; Pāli: Cātuddisa-sangha.

là đại hoạn, ô uế, bất tịnh, phiền não là chướng ngại, xuất ly là tối thượng.

Khi Thế Tôn biết tâm ý của nàng đã nhu nhuyến, hòa duyệt, các triền cái vơi mỏng, rất dễ hóa độ, như pháp của chư Phật, Ngài bèn giảng cho nàng về Khổ thánh đế, Khổ tập thánh đế, Khổ diệt thánh đế và Khổ xuất yếu thánh đế. Bấy giờ nàng Am-bà-bà-lê, tín tâm thanh tịnh, như tấm lụa trắng trong sạch dễ nhuộm màu, ngay trên chỗ ngồi mà xa lìa trần cấu, con mắt pháp của các pháp sanh, thấy pháp, đắc pháp, quyết định chánh trụ, không còn đọa ác đạo, thành tựu vô úy. Nàng bèn bạch Phật:

"Con nay quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng, nói ba lần như vậy. Cúi mong Như Lai nhận con làm một Ưu-bà-di trong Chánh pháp. Từ nay về sau, cho đến trọn đời không giết, không trộm, không tà dâm, không dối trá, không uống rượu."

Người nữ ấy sau khi thọ lãnh năm giới từ Phật, xả bỏ tập quán từ trước, tiêu trừ những cấu uế, rời khỏi chỗ ngồi, lễ Phật rồi lui.

Bấy giờ, Thế Tôn tùy nghi trú ở Tỳ-xá-ly, bảo A-nan:

"Các ngươi hãy sửa soạn. Ta muốn đi đến Trúc lâm[7]."

Đáp: "Kính vâng."

Rồi sửa soạn y bát, cùng đại chúng hầu quanh Thế Tôn, đi theo con đường từ Bạt-kỳ đến Trúc lâm kia.

Lúc ấy có người Bà-la-môn tên là Tỳ-sa-đà-da[8], nghe Phật cùng đại chúng đến Trúc lâm này, liền thầm nghĩ: "Sa-môn Cù-đàm này có tiếng tốt đồn khắp bốn phương, mười hiệu đầy đủ, ở giữa chư Thiên, Thích, Phạm, Ma hay Thiên ma, Sa-môn, Bà-la-môn, mà tự mình tác chứng, rồi thuyết pháp cho người khác, với những ngôn từ mà khoảng đầu, giữa và cuối thảy đều chân chánh, nghĩa vị thâm áo, phạm hạnh đầy đủ. Bậc Chân Nhân như thế, ta nên đến thăm viếng."

Rồi Bà-la-môn ra khỏi thành, đi đến Thế Tôn chỗ rừng Trúc[9]; chào hỏi xong, ngồi sang một bên. Thế Tôn theo thứ lớp thuyết pháp cho ông, mở bày, chỉ dạy, khiến cho ích lợi, hoan hỷ. Nghe xong, hoan

---

7. Trúc lâm 竹 林. Trong bản Pāli, Phật từ vườn Ambapālī đi đến làng Beluva (Bản Deva Dig ii, tr. 79: Veḷuvagāmaka).

8. Tỳ-sa-đà-da 毗 沙 沱 耶.

9. Hán: Trúc tòng 竹 叢.

hỷ, ông bèn thỉnh Thế Tôn cùng đại chúng ngày mai đến nhà thọ thực. Phật im lặng nhận lời. Bà-la-môn biết Ngài đã nhận lời, liền đứng dậy, nhiễu quanh Phật ba vòng rồi cáo về.

Vào ngay đêm đó dọn bày các thứ ẩm thực. Sáng mai, lúc đã đến giờ, bèn báo tin:

"Cúi mong Đức Thánh biết là đã đến giờ."

Bấy giờ Thế Tôn khoác y ôm bát, cùng đại chúng vây quanh, đi đến nhà kia, ngồi lên chỗ dọn sẵn. Rồi thì, Bà-la-môn dâng đủ các thực phẩm ngon cúng Phật và Tăng. Ăn xong, thâu bát, dùng nước rửa xong, ông mang một cái giường nhỏ đến ngồi trước Phật. Thế Tôn vì Bà-la-môn mà nói một bài tụng:

Nếu đem ẩm thực,
Y phục, ngọa cụ,
Cho người trì giới,
Tất được quả lớn.
Đó là bạn thật,
Chung thủy theo nhau;
Đến bất cứ đâu,
Như bóng theo hình.
Vậy nên gieo thiện,
Làm lương đời sau.
Phước là nền tảng,
Chúng sanh an trụ.
Phước là thiên hộ,
Đường đi không nguy.
Sống không gặp nạn;
Chết được sanh thiên.

Rồi Thế Tôn nói pháp vi diệu cho Bà-la-môn; mở bày, chỉ dẫn, khiến cho lợi ích, hoan hỷ. Sau đó, Ngài rời chỗ ngồi mà đi.

Lúc ấy, ở địa phương này thóc quý, đói kém, nên khất thực khó được. Phật bảo A-nan:

"Hãy gọi các Tỳ-kheo hiện ở địa phương này tập họp ở giảng đường. A-nan đáp vâng, rồi thừa lệnh Phật kêu gọi các Tỳ-kheo xa gần về tập họp hết ở giảng đường. Sau khi đại chúng trong nước này đều đã tập họp, A-nan bạch Phật:

"Đại chúng đã tập họp, cúi mong Đức Thánh biết thời."

Bấy giờ, Phật rời chỗ ngồi, đi đến giảng đường, ngồi lên chỗ dọn sẵn, bảo các Tỳ-kheo:

"Đất này đói kém, khất thực khó khăn, các ngươi nên chia thành từng nhóm, tùy theo chỗ quen biết, hãy đến Tỳ-xá-ly và nước Việt-kỳ[10] mà an cư ở đó để có thể không bị thiếu thốn. Ta một mình cùng với A-nan an cư ở đây."

Các Tỳ-kheo vâng lời dạy, ra đi. Riêng Phật với A-nan ở lại. Về sau, trong lúc an cư, thân Phật nhuốm bệnh, khắp cả mình đều đau. Phật tự nghĩ: "Ta nay cả người đều đau mà các đệ tử đều không ở đây. Nếu Ta nhập Niết-bàn thì không thích hợp. Vậy Ta hãy tinh cần tự lực lưu lại thọ mạng". Rồi Thế Tôn ra khỏi tịnh thất, đến ngồi chỗ mát mẻ. A-nan trông thấy liền vội đến, bạch Phật rằng:

"Nay con xem gương mặt Thế Tôn, bệnh hình như có bớt[11]."

A-nan lại nói:

"Thế Tôn bệnh, tâm con sợ hãi, lo buồn thắt chặt, hoang mang không biết phương hướng. Nhưng hơi thở chưa dứt, còn chút tỉnh táo, con thầm nghĩ rằng: 'Thế Tôn chưa diệt độ ngay, con mắt của đời chưa tắt, Đại pháp chưa suy tổn, sao nay Ngài không có điều gì dạy bảo các đệ tử?'[12]."

Phật bảo A-nan:

"Chúng Tăng còn có điều gì cần ở Ta nữa? Nếu có ai tự mình nói: 'Ta duy trì chúng Tăng, ta nhiếp hộ chúng Tăng', thì người ấy nên có lời di giáo cho chúng Tăng. Như Lai không nói: 'Ta duy trì chúng Tăng. Ta nhiếp hộ chúng Tăng.[13]' Vậy tại sao Ta lại phải có lời di giáo cho

---

10. Việt-kỳ 越祇, có lẽ âm khác của Bạt-kỳ; D. 15 sđd.: năm đó Phật an cư ở Veluvā còn chúng Tỳ-kheo an cư ở Vesāli. Không nhắc đến vụ đói, nhưng có nhắc đến Thế Tôn bệnh.

11. Nguyên văn: tật như hữu tổn 疾如有損: bịnh như có thuyên giảm. TNM: như hữu thiểu giảm 如有少減: có vẻ hơi gầy (?). Tham chiếu D.15, sđd.: lúc này Thế Tôn đã khỏi bịnh.

12. Trường I, tr.583: "Thế Tôn chưa diệt độ, nếu Ngài chưa có lời di giáo lại cho chúng Tỳ-kheo".

13. Tham chiếu Pāli, D.15 (Deva Digh ii tr.80): Tathāgatassa kho, Ananda, na evaṃ hoti: "Ahaṃ bhikkhusaṅghaṃ pariharissāmī ti vā mam uddesiko bhikkhusaṅgho" ti vā: Như Lai không nghĩ rằng: "Ta nhiếp hộ chúng Tỳ-kheo, hay chúng Tỳ-kheo được Ta giáo huấn".

chúng Tăng? Này A-nan, những pháp Ta đã giảng thuyết, trong cũng như ngoài đều đã hoàn tất[14]. Ta không bao giờ tự xưng sở kiến thông đạt[15]. Ta nay đã già rồi, tuổi đã đến tám mươi rồi. Cũng như cỗ xe cũ kỹ, nhờ phương tiện tu sửa mà có thể đi đến nơi. Thân ta cũng vậy, nhờ sức phương tiện còn hơi duy trì được tuổi thọ, tự lực tinh tấn mà nhẫn chịu sự đau nhức này. Không suy niệm tất cả tưởng, khi nhập vô tưởng định[16], thân an ổn, không có não hoạn. Vì vậy, A-nan, hãy tự mình thắp sáng; thắp sáng nơi pháp, chớ thắp sáng nơi khác. Hãy tự nương tựa mình, nương tựa nơi pháp, chớ nương tựa nơi khác[17]. Thế nào là 'Hãy tự mình thắp sáng, thắp sáng nơi pháp, chớ thắp sáng nơi khác; hãy tự nương tựa mình, nương tựa pháp, chớ nương tựa nơi khác'? Này A-nan, Tỳ-kheo quán nội thân, tinh cần không biếng nhác, ghi nhớ không quên, trừ bỏ tham ưu ở đời. Quán ngoại thân; quán nội ngoại thân, tinh cần không biếng nhác, ghi nhớ không quên, trừ bỏ tham ưu ở đời. Quán thọ, quán ý, quán pháp cũng vậy. Này A-nan, đó gọi là 'Hãy tự thắp sáng, thắp sáng nơi pháp, chớ thắp sáng nơi khác. Hãy tự nương tựa mình, nương tựa nơi pháp, chớ nương tựa nơi khác....'

---

14. Hán: nội ngoại dĩ ngật 內 外 已 迄. So sánh Pāli, D.15, sđd.: anantaram abāhiram karitvà: không phân biệt trong và ngoài, tức nội truyền hay ngoại truyền, bí mật giáo hay hiển thị giáo.

15. Hán: chung bất tự xưng sở kiến thông đạt 終 不 自 稱 所 見 通 達. Có thể bản Hán dịch sai. Tham chiếu Pāli; D.15, sđd.: na tatth' Ānanda tathagatassa dhammesu ācariyamuṭṭhi: "Này A-nan, trong giáo pháp, Như Lai không bao giờ là vị thầy có bàn tay nắm chặt". Nghĩa là, không bao giờ giấu giếm không chịu dạy hết. Hình như bản Hán đọc nhầm ācariyamuṭṭhi: vị thầy có bàn tay nắm chặt, với ācariyamuti: vị thầy có trí sáng suốt.

16. Vô tưởng định 無 想 定; (Pāli: asaññāsamapatti?). Nên hiểu chính xác là vô tướng định, hay vô tướng tâm định. Vô tưởng định là một loại thiền ngoại đạo mà kinh Phật thường chỉ trích là có xu hướng hư vô chủ nghĩa. Tham chiếu Pāli, D.15, sđd.: (Trường I, tr.584): animittam cetosamādhim upasampajja, chứng đạt vô tướng tâm định.

17. Hán: đương tự xí nhiên... 當 自 熾 然. Tham chiếu, *Tạp A-hàm* quyển 2, kinh số 36 (Đại 2, tr. 8a): Trú ư tự châu. Trú ư tự y. Trú ư pháp châu; trú ư pháp y 住 於 自 州 住 於 自 依 住 於 法 州 住 於 法 依. Tham chiếu Pāli sđd.: attadīpā viharatha atta-saraṇā anañña-saraṇā, dhammadīpā dhamma-saraṇā anañña-saraṇnā: hãy sống tự mình là ngọn đèn (hoặc hòn đảo) của chính mình; tự mình là chỗ tựa của chính mình, không nương tựa nơi nào khác. Pháp là ngọn đèn, pháp là chỗ tựa, không chỗ tựa nào khác. Dīpa, vừa có nghĩa là ngọn đèn, vừa có nghĩa là hòn đảo.

Này A-nan, sau khi Ta diệt độ, nếu có ai có thể tu hành pháp này, người đó là đệ tử chân thật của Ta, là bậc nhất hữu học."

Phật bảo A-nan, hãy cùng đi đến tháp Giá-bà-la[18]. A-nan vâng lời. Như Lai bèn đứng dậy, mang y cầm bát đến dưới một gốc cây, bảo A-nan:

"Hãy trải chỗ ngồi. Ta đau lưng, muốn nghỉ lại đây."

An-nan đáp: "Vâng".

Trải chỗ ngồi và sau khi Như Lai đã ngồi xuống, A-nan dọn một chỗ ngồi nhỏ ngồi trước Phật. Phật nói:

"Này A-nan, những ai tu Bốn thần túc, tu tập nhiều, thường ghi nhớ không quên, người ấy tùy theo ý muốn có thể kéo dài tuổi thọ hơn một kiếp. A-nan, Phật đã tu tập nhiều Bốn thần túc, chuyên niệm không quên, tùy theo ý muốn, Như Lai có thể sống hơn một kiếp, để trừ minh ám cho đời, đem lại nhiều lợi ích, trời và người đều được an ổn."

Lúc bấy giờ A-nan im lặng không trả lời. Phật nói như vậy ba lần, A-nan cũng im lặng không trả lời. Khi ấy A-nan bị ma ám, mê muội không tỏ rõ. Phật đã ba lần hiện tướng, nhưng A-nan không biết mà thỉnh cầu. Phật bảo A-nan: "Hãy biết thời". A-nan vâng ý chỉ của Phật, đứng dậy lễ Phật rồi lui. A-nan đi cách Phật không xa, ngồi dưới một gốc cây, tĩnh ý tư duy. Trong khoảng thời gian không lâu, ma Ba-tuần[19] đến bạch Phật:

"Ý Phật không muốn vào Niết-bàn sớm[20]. Nay chính là lúc, Phật nên mau chóng diệt độ."

Phật bảo ma Ba-tuần:

"Hãy thôi! Hãy thôi! Ta tự biết thời. Như Lai nay chưa nhập Niết-bàn, vì còn đợi chúng Tỳ-kheo của Ta hội đủ[21]. Có người có thể tự điều

---

18. Giá-bà-la tháp 遮婆羅塔; Pāli: Cāpāla-cetiya, linh miếu, hay miếu thờ thần.

19. Ma Ba-tuần 魔波旬; Pāli: Māra pāpimant, Ác ma, hay Tử thần kẻ gây tội ác, xúi người khác làm ác.

20. Nguyên văn: Phật ý vô dục khả Bát-niết-bàn 佛意無欲可般涅盤. TNM không có từ Phật. Bản Hán, câu này nghĩa không rõ ràng. Tham chiếu Pāli, D.15, sđd.: (Trường II, tr.588): parinibbātudāni bhante bhagava parinibbātu sugato parinibbānakālodāni: "Thế Tôn, nay hãy nhập Niết-bàn. Thiện Thệ, hãy nhập Niết-bàn; nay là thời gian Niết-bàn".

21. Nguyên văn: tu ngã chư Tỳ-kheo tập 須我諸比丘集. Đoạn văn tối nghĩa. Hoặc do phát âm tương cận của samuccita: tích tập, chứa nhóm và samucita: đã quen,

phục[22], dũng mãnh, không khiếp sợ, đã đến chỗ an ổn, đã đạt được mục đích của mình, là hướng đạo của loài người, thuyết giảng kinh giáo, hiển bày cú nghĩa, nếu có dị luận thì có thể hàng phục bằng Chánh pháp, lại có thể bằng thần biến mà tự mình tác chứng[23]. Các đệ tử như thế chưa hội đủ. Lại còn có các Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, tất cả cũng như thế, đều chưa tụ hội đủ. Nay điều cần thiết là triển khai phạm hạnh, phổ biến giác ý[24], khiến cho chư Thiên và loài người thảy đều thấy được sự thần diệu[25].”

Bấy giờ ma Ba-tuần lại bạch Phật:

“Thuở xưa, ở Uất-bệ-la bên dòng sông Ni-liên-thuyền, dưới gốc cây A-du-ba ni-câu-luật[26], Phật khi mới thành Chánh giác, tôi đã đến chỗ Như Lai mà khuyên mời Ngài hãy nhập Niết-bàn rằng: ‘Nay thật là đúng lúc, Ngài hãy nhanh chóng nhập Niết-bàn.’ Khi ấy Như Lai trả lời tôi rằng: ‘Hãy thôi đi, này Ba-tuần. Ta tự biết thời. Như Lai nay chưa nhập Niết-bàn, vì còn đợi đệ tử Ta tụ hội đông đủ v.v..., cho đến, chư Thiên và loài người thấy được sự thần thông biến hóa, khi ấy Ta mới nhập Niết-bàn.’ Nay chính là lúc ấy, sao Ngài không nhập Niết-bàn?”

Phật nói:

“Hãy thôi đi, này Ba-tuần. Phật tự biết thời. Ta không trụ thế bao lâu nữa. Sau ba tháng nữa, tại bản sanh địa Câu-thi-na-kiệt[27], vườn Sa-

---

thích hợp. Theo văn mạch đoạn này và đoạn dưới, có thể hiểu: khi nào chúng đệ tử chưa vững vàng trong Thánh đạo thì Phật chưa nhập Niết-bàn. Tham chiếu, No. 7 (Đại I tr.191b): do vị cụ túc 猶未具足, còn chưa đầy đủ.

22. Hán: hựu năng tự điều 又能自調; TNM: hữu năng tự điều 有能自調. Đoạn văn này thiếu mạch lạc.

23. Hán: hựu dĩ thần biến tự thân tác chứng 又以神變自身作証. Tham chiếu Pāli, D. 15, sđd.: tr. 83: (…) sappāṭihāriyam dhammam dessanti, thuyết pháp bằng sự thần diệu (bằng sự thần biến).

24. Giác ý, hay giác chi, bồ-đề phần (Pāli: bojjaṅga); Hán: quảng ư phạm hạnh, diễn bố giác ý 廣於梵行演布覺意, *nghĩa không rõ*.

25. Tham chiếu Pāli, D.15, sđd.: tr. 83: “yāva me idam brahmacariyam na iddham ceva bhaviassati phītanca vitthārikam bāhujañña puthubhūtam yāva devamanussehi suppakāsitan’ ti”, chừng nào phạm hạnh này chưa được thành tựu, phồn thịnh, quảng bá… được khéo giảng dạy cho chư Thiên và loài người. Xem Trường I, tr.591.

26. Uất-bệ-la 鬱鞞羅, Uruvelā; Ni-liên-thuyền 尼連船: Nerañjara; A-du-ba ni-câu-luật 阿遊波尼拒律: Ajapāla-nigrodha.

27. Bản sanh xứ 本生處; Pāli, sđd.: Upavattana-Mallānaṃ, tức Lực sĩ bản sanh xứ,

la, giữa đôi cây, Ta sẽ diệt độ."

Lúc ấy, ma Ba-tuần nghĩ rằng Phật tất không nói dối, nhất định sẽ diệt độ, bèn vui mừng phấn khởi, hốt nhiên biến mất. Ma đi chưa bao lâu, Phật ở nơi tháp Giá-bà-la, bằng định ý tam-muội, xả thọ hành. Ngay lúc đó, đại địa chấn động. Nhân dân cả nước[28] thảy đều kinh sợ, lông tóc dựng ngược. Phật phóng ánh sáng rọi suốt vô cùng, nơi chỗ tối tăm cũng được soi sáng, thảy đều trông thấy nhau. Bấy giờ Thế Tôn nói kệ tụng rằng:

Trong hai hành hữu vô,
Ta nay xả hữu vi.[29]
Nội chuyên Tam-muội định
Như chim ra khỏi trứng.

Lúc bấy giờ Hiền giả A-nan tâm kinh sợ, lông tóc dựng ngược, vội vàng đi đến chỗ Phật, đầu mặt lễ chân Phật rồi đứng sang một bên, bạch Phật:

"Lạ thay, Thế Tôn! Do nhân duyên gì mà đất rung động?"

Phật bảo A-nan:

"Ở đời, có tám nguyên nhân khiến đất rung động. Những gì là tám? Đất y trên nước. Nước y trên gió. Gió y trên hư không. Trong hư không có ngọn gió lớn có khi tự nổi lên, khi ấy khối lớn nước bị khuấy động. Khối nước lớn bị khấy động thì khắp cả đất rung động. Đó là nguyên nhân thứ nhất.

"Lại nữa, này A-nan, có khi có Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo-ni đắc đạo, hoặc Tôn thiên đại thần quán thể tánh nước nhiều, quán thể tánh đất ít, muốn tự thử năng lực của mình, khi ấy khắp cõi đất rung động. Đó là nguyên nhân thứ hai.

"Lại nữa, này A-nan, khi Bồ-tát từ trời Đâu-suất giáng thần vào thai mẹ, chuyên niệm không tán loạn, khi ấy khắp cõi đất rung động. Đó là nguyên nhân thứ ba.

"Lại nữa, A-nan, khi Bồ-tát ra khỏi thai mẹ, sanh từ hông phải,

---

sinh địa của chủng tộc Malla. Câu-thi-na-kiệt 拘尸那竭; Pāli: Kusinagara.

28. Đoạn sau có lặp lại, nhưng nói chư Thiên và loài người.

29. D. 15, sđd.: tulam atulañca sambhavam bhavasaṅkhāram avissaji muni, "Đức Muni đã xả bỏ nhân tố của tồn tại, vốn là sự sinh khởi hữu hạn và vô hạn". Liên hệ các từ hữu hành, vô hành, hữu vi trong bản Hán với các từ sambhava, bhavasankhāra trong bản Pāli.

chuyên niệm không tán loạn, khi ấy khắp cõi đất rung động. Đó là nguyên nhân thứ tư.

"Lại nữa, A-nan, khi Bồ-tát vừa thành Vô thượng chánh giác, ngay lúc ấy khắp cõi đất rung động. Đó là nguyên nhân thứ năm.

"Lại nữa, A-nan, khi Phật vừa thành đạo chuyển Vô thượng pháp luân mà Ma hoặc Thiên ma, Sa-môn, Bà-la-môn thảy đều không thể chuyển, khi ấy khắp cõi đất rung động. Đó là nguyên nhân thứ sáu.

"Lại nữa, A-nan, khi sự giáo giới của Phật gần hoàn tất, chuyên tâm không tán loạn, Phật xả bỏ thọ hành, khi đó khắp cõi đất rung động. Đó là nguyên nhân thứ bảy.

"Lại nữa, này A-nan, khi Như Lai ở nơi Vô dư Niết-bàn mà nhập Niết-bàn, khi ấy khắp cõi đất rung động. Đó là nguyên nhân thứ tám.

"Do tám nguyên nhân ấy mà đất rung động."

Rồi Thế Tôn nói bài kệ:

Đấng Lưỡng Túc Tối Tôn,
Đại Sa-môn soi sáng đời,
Được A-nan thưa hỏi:
Nguyên nhân gì đất rung?
Như Lai diễn từ âm,
Tiếng như chim Ca-lăng:
"Ta nói, hãy lắng nghe,
Nguyên do đất rung động.
Đất nhân y trên nước,
Nước nhân y trên gió.
Nếu gió trổi hư không,
Đất vì thế rung mạnh.
Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni
Muốn thử thần thông lực,
Núi, biển, trăm cây cỏ,
Cõi đất thảy rung động.
Thích, Phạm, các Tôn thiên,
Ý muốn đất rung động,
Núi biển các Quỷ thần,
Cõi đất thảy rung động.
Bồ-tát, Lưỡng Túc Tôn,
Trăm phước tướng đã đủ,

Khi mới nhập thai mẹ,
Khi ấy đất rung động.
Mười tháng trong thai mẹ,
Như rồng nằm thảm đệm;
Từ hông hữu xuất sanh,
Khi ấy đất rung động.
Phật khi còn trai trẻ
Tiêu diệt dây kết sử,
Thành đạo Thắng vô thượng;
Khi ấy đất rung động.
Thành Phật, chuyển Pháp luân,
Ở trong vườn Lộc dã;
Đạo lực hàng phục ma,
Khi ấy đất rung động.
Thiên ma nhiều phen thỉnh,
Khuyên Phật nhập Niết-bàn;
Khi Phật xả thọ mạng,
Khi ấy đất rung động.
Đại Đạo Sư, Chí Tôn,
Thần Tiên, không tái sanh,
Vào tịch diệt, bất động;
Khi ấy đất rung động.
Tịnh nhãn, nói các duyên,
Đất rung vì tám sự.
Do đây và khác nữa,
Khi ấy đất rung động".

❑

II[1]

Phật nói với A-nan:

"Này A-nan! Đời có tám chúng: một là chúng Sát-lỵ; hai là chúng Bà-la-môn; ba là chúng Cư sĩ; bốn là chúng Sa-môn; năm là chúng Tứ thiên vương; sáu là chúng Đao-lợi thiên; bảy là chúng Ma; tám là chúng Phạm thiên.

"Ta nhớ xưa kia, Ta từng qua lại trong chúng Sát-lỵ, cùng họ nói năng, ngồi đứng, chẳng biết đã bao nhiêu lần. Nhờ sức thiền định tinh tấn mà nơi nào Ta hiện đến, hễ họ có sắc đẹp thì sắc Ta đẹp hơn. Họ có tiếng hay thì tiếng Ta hay hơn. Họ từ giã Ta mà đi, nhưng Ta không từ giã họ. Điều họ nói được, Ta cũng nói được. Điều họ không thể nói được, Ta cũng nói được. Ta thường thuyết pháp cho họ, chỉ bày, giáo huấn, khiến cho lợi ích, hoan hỷ[2], rồi biến mất khỏi nơi đó, mà họ không biết Ta là trời hay là người. Như thế cho đến, Ta từng qua lại trong chúng Phạm thiên không biết là bao nhiêu lần để thuyết pháp cho họ, mà họ cũng đều chẳng biết Ta là ai."

"A-nan bạch Phật:

"Thế Tôn, thật là kỳ diệu, chưa từng có, mới có thể thành tựu được như thế."

Phật nói:

"Pháp vi diệu chưa từng có như vậy, này A-nan, thật là kỳ diệu, thật là hy hữu, duy chỉ Như Lai mới thành tựu được."

Phật lại bảo A-nan:

"Như Lai có thể biết rõ sự sanh khởi, tồn tại và biến mất của thọ;

---

1. Bản Hán, *Phật Thuyết Trường A-hàm kinh, đệ tam quyển,* "*Du Hành kinh Đệ nhị trung",* Đại I, tr.16b-23b.

2. Thị, giáo, lợi, hỷ 示 教 利 喜: thứ tự thuyết pháp của Phật; Pāli: sandasseti samādapeti samuttejeti sampahamsati, khai thị, khích lệ, cổ vũ, làm cho hoan hỷ.

biết rõ sự sanh khởi, tồn tại và biến mất của tưởng; sự sanh khởi, tồn tại và biến mất của quán[3]. Đó mới thật là pháp kỳ diệu chưa từng có của Như Lai, ngươi nên ghi nhớ."

Bấy giờ Đức Thế Tôn lại bảo A-nan cùng đi đến Hương tháp[4], rồi tới một gốc cây trải tọa ngồi và bảo A-nan nhóm hết các Tỳ-kheo hiện có mặt chung quanh Hương tháp lại giảng đường. A-nan vâng lời Phật dạy, tập họp tất cả, rồi bạch Phật:

"Đại chúng đã tụ tập. Cúi xin Đức Thánh biết thời."

Thế Tôn bèn đi đến giảng đường, ngồi trên chỗ dọn sẵn. Rồi Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Các ngươi nên biết, Ta do những pháp sau đây mà tự thân tác chứng, thành Tối chánh giác. Đó là Bốn niệm xứ, Bốn ý đoạn[5], Bốn thần túc, Bốn thiền định, Năm căn, Năm lực, Bảy giác ý[6] và Tám thánh đạo. Các ngươi hãy nên cùng nhau tu tập ở trong pháp đó, cùng nhau hòa đồng kính thuận, chớ sinh tranh tụng. Cùng đồng một thầy học hãy cùng đồng hòa hợp như nước với sữa. Ở trong pháp Ta, hãy tinh cần tu học, cùng soi sáng cho nhau, cùng nhau hoan hỷ.

"Này các Tỳ-kheo, các ngươi nên biết, Ta từ các pháp này mà tự mình chứng ngộ, rồi công bố ra nơi đây. Tức là, Khế kinh, Kỳ dạ kinh, Thọ ký kinh, Kệ kinh, Pháp cú kinh, Tương ưng kinh, Bản duyên kinh, Thiên bản kinh, Quảng kinh, Vị tằng hữu kinh, Chứng dụ kinh, Đại giáo kinh. Các ngươi hãy ghi nhớ kỹ, tùy khả năng mà phân tích, tùy sự mà tu hành. Vì sao vậy? Như Lai không bao lâu nữa, sau ba tháng nữa, sẽ vào Niết-bàn."

Các Tỳ-kheo sau khi nghe lời ấy, rất đỗi kinh ngạc, sửng sốt hoang mang, vật mình xuống đất, cất tiếng kêu than:

"Nhanh chóng làm sao, Thế Tôn diệt độ! Đau đớn làm sao, con mắt của thế gian sắp tắt! Chúng ta từ nay mãi mãi mất mát!" Hoặc có Tỳ-kheo

---

3. Hán: quán khởi trụ diệt 觀起住滅, không rõ nghĩa. D.15 và No.7 không có chi tiết này.

4. Hương tháp 香塔, không rõ địa danh. No.7 (Đại I, tr.192b): giảng đường Trùng các, trong rừng Đại lâm. D.15, sđd.: Kuṭagārasāla, Mahāvana.

5. Ý đoạn 意斷, cũng nói là chánh đoạn 正斷 hay chánh cần 正勤; Pāli: sammappadhāna, Skt.: samyak-prahānākhya.

6. Giác ý 覺意 hay giác chi 覺支, hay bồ-đề phần 菩提分; Pāli: bojjhaṅga; Skt.: bodhyaṅga.

vật vã buồn khóc, lăn lộn kêu ca, không tự kềm chế được, khác nào như rắn bị đứt làm hai khúc, lăn lộn ngắc ngoải, không biết đi về đâu.[7]

Phật bảo:

"Này các Tỳ-kheo, các ngươi chớ ôm lòng ưu bi như vậy. Từ trời đất đến người vật, không có cái gì sanh ra mà không kết thúc. Muốn các pháp hữu vi không bị biến dịch, thì không thể nào được. Trước đây Ta đã từng dạy ân ái là vô thường, có hội hợp tất có chia ly. Thân này không phải của mình, mạng này không ở lâu được."

Bấy giờ Thế Tôn nói bài kệ:

Ta nay tự tại
Đến chỗ an ổn;
Nói rõ nghĩa này
Cho chúng hòa hợp.
Ta nay già rồi,
Việc làm đã xong,
Nay nên xả thọ.
Niệm không buông lung,
Tỳ-kheo giới đủ;
Thâu nhiếp định ý,
Thủ hộ tâm mình.
Ở trong pháp Ta,
Ai không buông lung,
Sẽ dứt gốc khổ,
Khỏi sanh già chết.

Phật lại bảo các Tỳ-kheo:

"Ta nay sở dĩ khuyên dạy các ông như thế, vì thiên ma Ba-tuần, vừa rồi đến thỉnh cầu ta, nói: 'Ý Phật[8] chưa muốn vào Niết-bàn sớm. Nay đã phải thời rồi, xin Ngài mau diệt độ.' Ta bảo ma Ba-tuần: 'Hãy thôi! Hãy thôi! Ta tự biết thời. Ta còn đợi chúng Tỳ-kheo của Ta hội đủ... cho đến, khiến cho chư Thiên và loài người thảy đều thấy được sự thần diệu.' Bấy giờ ma Ba-tuần lại nói với Ta rằng: 'Thuở xưa, ở Uất-bệ-la, bên dòng sông Ni-liên-thuyền, dưới gốc cây A-du-ba ni-câu-luật, Phật khi mới thành Chánh giác, tôi đã thưa Ngài rằng: 'Ý Phật không muốn

7. Pāli và No. 7 đều không có chi tiết này.

8. Xem cht. 73.

Niết-bàn sớm. Nay thật là đúng lúc. Ngài hãy nhanh chóng nhập Niết-bàn.' Khi ấy Như Lai trả lời tôi rằng: 'Hãy thôi đi, này Ba-tuần. Ta tự biết thời. Như Lai nay chưa nhập Niết-bàn, vì còn đợi đệ tử Ta tụ hội đông đủ v.v..., cho đến, chư Thiên và loài người thấy được sự thần thông biến hóa, khi ấy Ta mới nhập Niết-bàn.' Nay đây, đệ tử của Như Lai đã hội đủ..., cho đến, chư Thiên và loài người đều thấy được sự thần thông biến hóa. Nay chính là lúc, sao Ngài không nhập Niết-bàn?' Ta nói: 'Hãy thôi đi, này Ba-tuần. Phật tự biết thời. Ta không trụ thế bao lâu nữa. Sau ba tháng nữa, Ta sẽ diệt độ.' Lúc ấy ma Ba-tuần nghĩ rằng Phật tất không nói dối, bèn vui mừng phấn khởi, hốt nhiên biến mất. Ma đi chưa bao lâu, ở nơi tháp Giá-bà-la, bằng định ý tam-muội, Ta xả thọ hành. Ngay lúc đó, đại địa chấn động. Trời người thảy đều kinh sợ, lông tóc dựng ngược. Phật phóng ánh sáng rọi suốt vô cùng, nơi chỗ tối tăm cũng được soi sáng, thảy đều trông thấy nhau. Bấy giờ Ta nói kệ tụng rằng:

Trong hai hành hữu vô,
Ta nay xả hữu vi.
Nội chuyên tam-muội định
Như chim ra khỏi trứng.

Bấy giờ, Hiền giả A-nan đứng dậy, trịch áo bày vai hữu, quỳ gối phải sát đất, chắp tay bạch Phật:

"Cúi mong Đức Thế Tôn, lưu trú một kiếp, chớ vội diệt độ, vì lòng thương tưởng chúng sanh, để làm ích lợi cho trời, người."

Đức Thế Tôn yên lặng không đáp. A-nan thưa thỉnh đến ba lần. Phật bảo:

"A-nan! Ngươi có tin đạo Chánh giác của Như Lai không?"

A-nan đáp:

"Thưa vâng, con tin chắc thật lời Phật nói."

Phật nói:

"Nếu ngươi có tin, sao ba lần quấy rầy Ta? Ngươi đã trực tiếp nghe từ Phật, trực tiếp lãnh thọ từ Phật rằng, những ai đã tu tập bốn thần túc, tu tập nhiều lần, chuyên niệm không quên, thì có thể tùy ý muốn mà kéo dài tuổi thọ trong một kiếp hoặc một kiếp hơn. Phật đã tu tập bốn thần túc, tu tập nhiều lần, chuyên niệm không quên, tùy theo ý muốn có thể sống hơn một kiếp, để trừ sự tối tăm cho đời, làm lợi ích

nhiều người, cho trời và người được an lạc. Tại sao lúc đó ngươi không thỉnh cầu Như Lai chớ diệt độ? Nghe lần thứ hai, còn khả thứ. Cho đến lần thứ ba, ngươi cũng không khuyến thỉnh Như Lai sống thêm một kiếp hoặc một kiếp hơn, để trừ tối tăm cho đời, đem lại lợi ích an lạc cho hàng thiên nhân. Nay ngươi mới nói, há chẳng muộn lắm ư? Ta ba lần hiện tướng, ngươi ba lần im lặng. Sao lúc ấy ngươi không nói với Ta rằng 'Như Lai hãy sống thêm một kiếp hoặc một kiếp hơn, để trừ sự tối tăm cho đời, vì lợi ích cho nhiều người, để cho trời người được an lạc'?

"Hãy thôi, A-nan, nay Ta đã xả tuổi thọ, đã bỏ, đã nhổ rồi. Muốn Như Lai trái với lời đã nói ra, thì không bao giờ có trường hợp đó. Ví như một người hào quý đã nhổ đồ ăn xuống đất, họ còn lấy ăn trở lại được không?"

A-nan đáp: "Không".

"Nay Như Lai cũng vậy, đã bỏ, đã nhổ rồi đâu còn tự mình ăn lại nữa."

Phật lại bảo A-nan cùng đi đến thôn Am-bà-la. A-nan xếp y ôm bát, cùng với đại chúng đi theo Thế Tôn, do theo đường từ Bạt-kỳ đến Am-bà-la. Khi đến thôn Am-bà-la, tới một đồi cây, Phật dạy các Tỳ-kheo về giới, định, tuệ; tu giới đắc định[9], được quả báo lớn; tu định đắc trí, được quả báo lớn; tu trí tâm tịnh, được giải thoát hoàn toàn[10], dứt hết ba thứ lậu hoặc là dục lậu, hữu lậu và vô minh lậu. Sau khi đã giải thoát liền phát sanh trí về sự giải thoát[11], sanh tử dứt hết, phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn phải tái sinh nữa."

Bấy giờ, sau khi tùy nghi an trú ở thôn Am-bà-la, Đức Thế Tôn lại bảo A-nan: "Hãy sửa soạn để đi thôn Chiêm-bà, thôn Kiền-đồ, thôn Bà-lê-bà và thành Phụ-di[12]. A-nan đáp: "Thưa vâng". Rồi xếp y ôm bát, cùng đại chúng theo hầu Thế Tôn, theo con đường từ Bạt-kỳ đi lần đến

---

9. Hán: tu giới hoạch định. Tham chiếu Pāli, D.15, sđd.: sīlaparibhāvito samādhi; Trường I, tr.554: "định cùng tu với giới". Xem cht.21.

10. Tham chiếu, Trường I, tr.555: "Tâm cùng tu với tuệ sẽ đưa đến giải thoát hoàn toàn…" Xem cht.22.

11. Nghĩa là, sau khi giải thoát, biết rõ mình đã giải thoát.

12. Am-bà-la 菴婆羅, Chiêm-bà 瞻婆, Kiền-đồ 犍荼, Bà-lê-bà 婆梨婆 (TNM: Bà-lê-sa 婆梨娑). Phụ-di 負彌.

các thành khác, đến phía Bắc thành Phụ-di[13], nghỉ lại trong rừng Thi-xá-bà[14].

Phật nói với các Tỳ-kheo:

"Ta sẽ nói cho các ngươi nghe Bốn đại giáo pháp[15]. Hãy lắng nghe, hãy suy ngẫm kỹ."

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Kính vâng, bạch Thế Tôn! Chúng con muốn nghe."

Phật nói:

"Bốn pháp ấy là gì? Nếu có vị Tỳ-kheo nào nói như vầy: 'Này chư Hiền, tôi từng ở tại thôn kia, thành kia, nước kia, đích thân theo Phật được nghe, được lãnh thọ giáo pháp này.' Nghe như vậy thì các ngươi cũng không nên vội tin, cũng không nên bài bác. Hãy nương theo Kinh mà xét chỗ hư thật. Nương theo Luật, nương theo Pháp mà xét rõ gốc ngọn. Nếu thấy lời nói ấy không đúng Kinh, không đúng Luật, không đúng Pháp, thì các ngươi hãy nói lại người kia rằng: 'Phật không nói như thế, ngươi đã nhớ lầm chăng? Bởi vì chúng tôi nương Kinh, nương Luật, nương Pháp. Mà lời ngươi vừa nói trái với Chánh pháp. Vậy này Hiền sĩ, ngươi chớ có thọ trì và chớ đem nói cho người khác. Hãy từ bỏ nó đi.' Trái lại nếu xét thấy lời kia đúng Kinh, đúng Luật, đúng Pháp thì hãy nói với người kia rằng: 'Lời ngươi vừa nói, đúng là lời Phật nói. Vì chúng tôi nương Kinh, nương Luật, nương Pháp. Mà lời ngươi vừa nói phù hợp với Chánh pháp. Vậy Hiền sĩ! Hãy cẩn thận thọ trì và rộng nói cho người nghe, chớ có từ bỏ.' Đó là đại pháp thứ nhất.

"Lại nữa, nếu có Tỳ-kheo nào nói như vầy: 'Này chư Hiền, tôi từng ở tại thôn kia, thành kia, nước kia, đích thân nghe từ chúng Tăng hòa hợp với các vị kỳ cựu đa văn, được lãnh thọ Pháp này, Luật này, Giáo này.' Nghe như vậy thì các ngươi cũng không nên vội tin, cũng không nên bài bác. Hãy nương theo Kinh mà xét chỗ hư thật. Nương theo Luật, nương theo Pháp mà xét rõ gốc ngọn. Nếu thấy lời nói ấy không đúng Kinh, không đúng Luật, không đúng Pháp, thì các

---

13. Lộ trình theo No.7 (Đại I tr.195b): đến Tượng thôn, Am-ba-la thôn, Diêm-phù thôn, cuối cùng là Thiện già thành, tức Phù-di. Lộ trình theo bản Pāli: Hatthigama, Ambagama, Jambugama, Bhoganagara.

14. Thi-xá-bà 尸舍婆, tên loại cây lớn; Pāli: Siṃsapa.

15. Tứu đại giaùo phaùp 四大教法; Pāli: cattāro mahāpadesā.

ngươi hãy nói lại người kia rằng: 'Phật không nói như thế, ngươi đã nghe, nhớ lầm chăng? Bởi vì chúng tôi nương Kinh, nương Luật, nương Pháp. Mà lời ngươi vừa nói trái với Chánh pháp. Vậy này Hiền sĩ, ngươi chớ có thọ trì và chớ đem nói cho người khác. Hãy từ bỏ nó đi.' Trái lại nếu xét thấy lời kia đúng Kinh, đúng Luật, đúng Pháp thì hãy nói với người kia rằng: 'Lời ngươi vừa nói, đúng là lời Phật nói. Vì chúng tôi nương Kinh, nương Luật, nương Pháp. Mà lời ngươi vừa nói phù hợp với Chánh pháp. Vậy Hiền sĩ! Hãy cẩn thận thọ trì và rộng nói cho người nghe, chớ có từ bỏ.' Đó là đại pháp thứ hai.

"Lại nữa, nếu có Tỳ-kheo nào đến nói như vầy: 'Này chư Hiền, tôi từng ở tại thôn kia, thành kia, nước kia, đích thân nghe từ nhiều vị Tỳ-kheo, là những người trì Pháp, trì Luật, trì Luật nghi, được lãnh thọ Pháp này, Luật này, Giáo này.'Nghe như vậy thì các ngươi cũng không nên tin, cũng không nên bài bác. Hãy nương theo Kinh mà xét chỗ hư thật. Nương theo Luật, nương theo Pháp mà xét rõ gốc ngọn. Nếu thấy lời nói ấy không đúng Kinh, không đúng Luật, không đúng Pháp, thì các ngươi hãy nói lại người kia rằng: 'Phật không nói như thế, ngươi đã nghe, nhớ lầm chăng? Bởi vì chúng tôi nương Kinh, nương Luật, nương Pháp. Mà lời ngươi vừa nói trái với Chánh pháp. Vậy này Hiền sĩ, ngươi chớ có thọ trì và chớ đem nói cho người khác. Hãy từ bỏ nó đi.' Trái lại nếu xét thấy lời kia đúng Kinh, đúng Luật, đúng Pháp thì hãy nói với người kia rằng: 'Lời ngươi vừa nói, đúng là lời Phật nói. Vì chúng tôi nương Kinh, nương Luật, nương Pháp. Mà lời ngươi vừa nói phù hợp với Chánh pháp. Vậy Hiền sĩ! Hãy cẩn thận thọ trì và rộng nói cho người nghe, chớ có từ bỏ.' Đó là đại pháp thứ ba.

"Lại nữa, nếu có Tỳ-kheo nào đến nói như vầy: 'Này chư Hiền, tôi từng ở tại thôn kia, thành kia, nước kia, đích thân từ một vị Tỳ-kheo kia, là người trì Pháp, trì Luật, trì Luật nghi, được lãnh thọ Giáo pháp này.' Nghe như vậy thì các ngươi cũng không tin, cũng không nên bài bác. Hãy nương theo Kinh mà xét chỗ hư thật. Nương theo Luật, nương theo Pháp mà xét rõ gốc ngọn. Nếu thấy lời nói ấy không đúng Kinh, không đúng Luật, không đúng Pháp, thì các ngươi hãy nói lại người kia rằng: 'Phật không nói như thế, ngươi đã nhớ lầm chăng? Bởi vì chúng tôi nương Kinh, nương Luật, nương Pháp. Mà lời ngươi vừa nói trái với Chánh pháp. Vậy này Hiền sĩ, ngươi chớ có thọ trì và chớ đem nói cho người khác. Hãy từ bỏ nó đi.' Trái lại nếu xét thấy lời kia đúng Kinh, đúng Luật, đúng Pháp thì hãy nói với người kia rằng: 'Lời ngươi vừa

nói, đúng là lời Phật nói. Vì chúng tôi nương Kinh, nương Luật, nương Pháp. Mà lời ngươi vừa nói phù hợp với Chánh pháp. Vậy Hiền sĩ! Hãy cẩn thận thọ trì và rộng nói cho người nghe, chớ có từ bỏ.' Đó là đại pháp thứ tư."

Bấy giờ, Đức Thế Tôn sau khi tùy nghi trú ở thành Phụ-di lại bảo A-nan cùng đi đến thành Ba-bà[16]. A-nan đáp: "Kính vâng", rồi xếp y ôm bát, với đại chúng đi theo Thế Tôn, theo con đường Mạt-la đi vườn Xà-đầu[17], thành Ba-bà. Nơi đây có con trai của một người thợ tên là Châu-na[18] nghe Phật từ Mạt-la kia đến thành này, liền y phục chỉnh tề tìm đến chỗ Phật, đầu mặt lễ chân Phật, rồi ngồi lại một bên. Phật theo thứ lớp thuyết pháp cho Châu-na, chỉ bày, giáo huấn, khiến cho lợi ích hoan hỷ. Châu-na sau khi nghe phát tín tâm hoan hỷ, bèn thỉnh Phật ngày mai đến nhà cúng dường. Phật làm thinh nhận lời. Châu-na biết Phật đã nhận lời, liền đứng dậy lễ Phật, rồi lui về. Ngay đêm đó ông sửa soạn thức ăn. Ngày mai, vào thời gian thích hợp, ông trở lại thỉnh Phật.

Bấy giờ, Thế Tôn khoác y cầm bát cùng với đại chúng tùy tùng đến nhà ông, ngồi lên chỗ ngồi dọn sẵn. Sau khi Phật và đại chúng đã an tọa, Châu-na đem món ăn dâng Phật và chúng Tăng. Ông lại nấu riêng một thứ nấm Chiên-đàn[19] là thức ăn trân quý kỳ lạ ít thấy, đem dâng riêng cho Phật. Phật bảo Châu-na chớ đem thứ nấm ấy cho chúng Tăng ăn. Châu-na vâng lời, không dám dọn cho chúng Tăng.

Lúc bấy giờ, trong đại chúng Tỳ-kheo có một Tỳ-kheo già, xuất gia lúc tuổi xế chiều, ngay trên mâm ăn, dùng đồ đựng dư để lấy[20].

Châu-na, sau khi thấy chúng Tăng thọ trai xong, cất bình bát và dùng nước rửa xong, liền đến trước Phật mà hỏi bằng bài kệ rằng:

---

16. Ba-bà 波婆; Pāli: Pāvā.

17. Xà đầu viên 闍頭園; Pāli: Pāvāyaṃ viharati Cundassa kammāraputtassa ambavane, trú ở Pāvā trong vườn xoài của con trai người thợ sắt tên là Cunda.

18. Hán: công sư tử danh viết Châu-na 工師子名曰周那. No.7: công xảo tử danh viết Thuần Đà 工巧子名曰純陀; Pāli: cundo kammāraputto, Cunda, người thợ (hoặc con trai người thợ) luyện kim.

19. Hán: Chiên-đàn thọ nhĩ旃檀樹耳; Pāli: Sūkara-maddava.

20. Hán: dư khí thủ 餘氣取. Bản Tống, dư thủ khí 餘取氣. Các bản Nguyên Minh: dư nhĩ khí 餘耳氣. Các bản không thống nhất, nghĩa không rõ ràng. Có lẽ muốn nói Tỳ-kheo này lấy chỗ nấm Phật đã ăn còn lại. D.15, sđd.: Trường I, tr.624: Phật bảo Cunda đem chôn kỹ chỗ nấm còn lại.

Xin hỏi Đại Thánh Trí,
Đấng Chánh Giác Chí Tôn:
Đời có mấy Sa-môn,
Khéo huấn luyện điều phục?

Phật đáp bằng bài kệ:

Theo như ngươi vừa hỏi,
Có bốn hạng Sa-môn,
Chí hướng không đồng nhau,
Ngươi hãy nhận thức rõ:
Một, hành đạo thù thắng;
Hai, khéo giảng đạo nghĩa;
Ba, y đạo sinh sống;
Bốn, làm ô uế đạo.
Sao gọi 'đạo thù thắng'?
Sao 'khéo nói đạo nghĩa'?
Sao 'y đạo sinh hoạt'?
Sao 'làm đạo ô uế'?
Bẻ gai nhọn ân ái,
Quyết chắc vào Niết-bàn;
Vượt khỏi đường Thiên nhân,
Là hành đạo thù thắng.
Khéo hiểu đệ nhất nghĩa
Giảng đạo không cấu uế,
Nhân từ giải nghi ngờ,
Là hạng khéo thuyết đạo.
Khéo trình bày pháp cú
Nương đạo mà nuôi sống,
Xa mong cõi vô cấu;
Là hạng sống y đạo.
Trong ôm lòng gian tà,
Ngoài như tuồng thanh bạch.
Hư dối không thành thật,
Là hạng làm nhơ đạo.
Sao gọi 'gồm thiện ác',
Tịnh, bất tịnh xen lẫn.
Mặt ngoài hiện tốt đẹp,
Như chất đồng mạ vàng,

Người tục thấy liền bảo:
"Đó là Thánh đệ tử,
Các vị khác không bằng,
Ta chớ bỏ lòng tin".
Người gìn giữ đại chúng,
Trong trược giả ngoài thanh.
Che giấu điều gian tà,
Kỳ thật lòng phóng đãng.
Chớ trông dáng bề ngoài,
Đã vội đến thân kính.
Che giấu điều gian tà,
Kỳ thật lòng phóng đãng.

Rồi Châu-na lấy một cái giường nhỏ đặt ngồi trước Phật. Phật lần lượt thuyết pháp, chỉ bày, khuyến khích, khiến cho lợi ích, hoan hỷ. Sau đó, với đại chúng theo hầu, Phật trở về. Vừa đến giữa đường, Phật dừng lại dưới một gốc cây và bảo A-nan:

"Ta đau lưng, ngươi hãy trải chỗ ngồi."

A-nan đáp vâng, rồi trải chỗ ngồi. Phật nghỉ ngơi. Bấy giờ, A-nan lại trải một chỗ ngồi thấp hơn và ngồi trước Phật. Phật hỏi A-nan:

"Vừa rồi ông thấy Châu-na có ý gì hối hận không? Nếu có hối hận là tự đâu?"

A-nan đáp: "Châu-na vừa cúng dường Phật như vậy không được phúc lợi gì cả. Vì sao? Tại vì sau khi Đức Như Lai thọ trai ở nhà ông thì Ngài vào Niết-bàn!"

Phật nói:

"A-nan chớ nói như vậy, chớ nói như vậy! Hiện nay Châu-na được nhiều lợi lớn, được sống lâu, được sắc đẹp, được sức lực, được tiếng tốt, được nhiều tài lợi, chết được lên trời, cầu điều gì đều được. Tại sao vậy? Vì người cúng dường cho Phật lúc mới thành đạo với người cúng dường cho Phật lúc sắp Niết-bàn, công đức hai bên ngang nhau không khác. Ngươi hãy đến nói với Châu-na rằng: 'Tôi trực tiếp nghe từ Phật, trực tiếp lãnh thọ từ Phật, rằng Châu-na nhờ công đức cúng dường Phật mà được lợi lớn, quả báo lớn'."

A-nan vâng lời, đi đến chỗ Châu-na, nói rằng:

"Tôi trực tiếp nghe từ Phật, trực tiếp lãnh thọ từ Phật, rằng ông Châu-na nhờ công đức cúng dường Phật mà được lợi lớn, quả báo lớn.

Tại sao vậy? Vì người cúng dường Phật lúc mới thành đạo với người cúng dường Phật lúc sắp Niết-bàn, công đức hai bên ngang nhau không khác.

Thọ trai nhà Châu-na,
Mới nghe lời nói này:
Bệnh Như Lai thêm nặng,
Thọ mạng đã sắp tàn,
Tuy ăn nấm Chiên-đàn,
Mà bệnh vẫn càng tăng.
Ôm bệnh mà lên đường,
Lần đến thành Câu-thi.

Bấy giờ, Thế Tôn đứng dậy, đi về phía trước được một quãng ngắn, đến dưới một gốc cây, lại bảo A-nan:

"Ta đau lưng quá, hãy sửa chỗ ngồi."

A-nan đáp: "Vâng". Rồi dọn một chỗ ngồi. Như Lai nghỉ ngơi. A-nan lễ chân Phật, rồi ngồi sang một bên. Lúc đó, có người đệ tử A-la-hán tên là Phúc-quý[21], đi từ thành Câu-thi-na-kiệt[22] nhắm đến thành Ba-bà, khi vừa đến giữa đường, trông thấy Phật tại bên gốc cây, dung mạo đoan chính, các căn tịch tịnh, tâm ý nhu thuận trong cảnh tịch diệt tuyệt đối, ví như con rồng lớn, như hồ nước đứng trong không chút cáu bợn. Sau khi thấy, ông phát sinh thiện tâm hoan hỷ, đi đến gần Phật, đảnh lễ rồi ngồi lại một bên và bạch Phật rằng:

"Bạch Đức Thế Tôn, người xuất gia, ở tại chỗ thanh tịnh, ưa thích sự nhàn cư, thật hy hữu thay, dẫu cả một đoàn xe có những năm trăm cỗ đi ngang qua một bên mà vẫn không hay biết! Thầy tôi có lần ngồi tĩnh tọa dưới một gốc cây bên đường thuộc địa phận giữa hai thành Câu-thi và Ba-bà. Lúc đó có đoàn xe năm trăm cỗ đi ngang qua một bên. Tiếng xe cộ rầm rầm. Tuy thức tỉnh nhưng không nghe thấy. Sau đó có người đến hỏi: 'Có thấy đoàn xe vừa đi qua đây không?' Đáp: 'Không thấy.'Lại hỏi: 'Có nghe không?' Đáp: 'Không nghe.' Lại hỏi: 'Nãy giờ ông ở đây hay ở chỗ khác?' Trả lời: 'Ở đây.' Lại hỏi: 'Nãy giờ ông tỉnh hay mê?' Trả lời:

---

21. Hán: A-la-hán đệ tử danh viết Phúc-quý 阿羅漢弟子名曰福貴. Có lẽ dư chữ hán. No.7: Mãn La tiên nhân chi tử danh Phất-ca-sa 滿羅仙人之子名弗迦沙. D.15, sđd.: Trường I tr.627: Pukkusa, đệ tử của Alāra Kālāma.

22. Câu-thi-na-kiệt 拘尸那傑, các phiên âm khác: Câu-thi-na-kiệt-la 拘尸那桀羅, Câu-thi-na-già-la 拘尸那伽羅, Câu-thi-na thành 拘尸那城; Pāli: Kusinagara.

'Tỉnh.' Lại hỏi: 'Nãy giờ ông thức hay ngủ?' Trả lời: 'Không ngủ.' Người kia thầm nghĩ: 'Đây thật là hy hữu. Người xuất gia chuyên tinh mới như thế. Cho dẫu tiếng xe rầm rộ, thức mà vẫn không hay.'Rồi nói với thầy tôi rằng: 'Vừa có năm trăm cỗ xe rầm rộ đi qua con đường này, tiếng xe chấn động mà còn không nghe thấy, có đâu lại nghe thấy chuyện khác!' Rồi người kia làm lễ, hoan hỷ từ tạ."

Phật nói:

"Này Phúc-quý! Nay Ta hỏi ngươi. Hãy tùy ý trả lời. Đoàn xe rầm rộ đi qua, tuy thức nhưng không nghe và sấm sét vang động đất trời, tuy thức nhưng không nghe. Trong hai điều đó, điều nào khó hơn?"

Phúc-quý thưa:

"Tiếng động của ngàn chiếc xe đâu sánh bằng tiếng sấm sét. Không nghe tiếng xe còn dễ chứ không nghe sấm sét ấy mới thật là rất khó."

Phật nói:

"Này Phúc-quý, Ta có một lần ở tại một thảo lư trong thôn A-việt[23], lúc đó có đám mây lạ vụt nổi lên, rồi tiếng sấm sét vang rền dữ dội làm chết hết bốn con trâu và hai anh em người đi cày, thiên hạ xúm tới chật ních. Lúc ấy Ta đang ra khỏi thảo lư, đi kinh hành thong thả. Một người từ đám đông kia đi lại chỗ Ta, đầu mặt lễ sát chân, rồi theo sau Ta kinh hành. Dẫu biết nhưng Ta vẫn hỏi: 'Đám đông kia đang tụ tập để làm gì vậy?' Người kia liền hỏi lại Ta rằng: 'Nãy giờ Ngài ở đâu, thức hay ngủ?' Ta trả lời: 'Ở đây, không ngủ.' Người kia tán thán cho là hy hữu, chưa thấy ai đắc định như Phật; sấm chớp vang rền cả trời đất thế mà riêng mình tịch tịnh, thức mà không hay. Rồi người ấy bạch Phật: 'Vừa rồi có đám mây lạ vụt nổi lên, rồi tiếng sấm sét vang rền dữ dội làm chết hết bốn con trâu và hai người đi cày. Đám đông tụ tập chính là vì chuyện ấy.' Người ấy trong lòng vui vẻ, liền được pháp hỷ, lễ Phật rồi lui.

Lúc đó Phúc-quý đang khoác hai tấm vải màu vàng[24], trị giá cả trăm ngàn, rời chỗ ngồi đứng dậy, rồi quỳ xuống, chắp tay bạch Phật:

"Nay con đem tấm vải này dâng Thế Tôn. Cúi mong Thế Tôn nạp thọ."

---

23. A-việt 阿越, hoặc A-đầu 阿頭; Pāli: Atuma.

24. Hán: hoàng điệp 黃疊; TNM: hoàng kim điệp 黃金疊 (bộ mao 毛).

Phật bảo Phúc-quý:

"Ngươi để một tấm cho Ta và một tấm cho A-nan."

Phúc-quý vâng lời. Một tấm dâng Phật, một tấm cho A-nan. Phật thương tưởng ông cho nên nhận. Phúc-quý đảnh lễ Phật và ngồi lại một bên. Phật lần lượt thuyết pháp cho ông, chỉ bày, giáo huấn, khiến cho được ích lợi, hoan hỷ. Ngài giảng về bố thí, trì giới, sinh thiên, dục là đại hoạn, bất tịnh, ô uế, phiền não ô nhiễm[25] là pháp chướng đạo, xuất yếu[26] là tối thắng. Khi Phật biết tâm ý Phúc-quý đã hoan hỷ, nhu nhuyến, không bị triền cái trùm lấp, rất dễ khai hóa; như thường pháp của chư Phật, Ngài giảng cho Phúc-quý về Khổ thánh đế, Khổ tập, Khổ diệt và Khổ xuất yếu thánh đế. Phúc-quý liền phát tín tâm thanh tịnh, ví như tấm vải sạch rất dễ nhuốm màu, ngay trên chỗ ngồi mà xa lìa trần cấu, phát sinh pháp nhãn, thấy pháp, chứng pháp, an trú quyết định chánh tánh, không còn bị sa đọa ác đạo, thành tựu vô úy, bèn bạch Phật:

"Con nay quy y Phật, Pháp, Tăng. Cúi mong Thế Tôn nhận con làm một Ưu-bà-tắc trong Chánh pháp. Từ nay cho đến trọn đời con nguyện không sát, không trộm, không tà dâm, không dối, không uống rượu. Cúi mong Thế Tôn nhận con là Ưu-bà-tắc ở trong Chánh pháp."

Lại bạch Phật:

"Lúc nào Phật đến giáo hóa tại thành Ba-bà xin Ngài hạ cố đến khóm nhà nghèo của con. Bởi vì con muốn đem hết những vật thực sàng tọa, y phục, thuốc thang sẵn có trong nhà để dâng cúng Thế Tôn. Thế Tôn lãnh thọ cho thì nội gia con được an lạc."

Phật nói:

"Ngươi nói rất phải."

Rồi Thế Tôn lại nói pháp cho Phúc-quý; chỉ bày, giáo huấn, khiến cho được lợi ích, hoan hỷ. Phúc-quý đảnh lễ Phật rồi đi.

Phúc-quý đi chưa bao lâu, A-nan liền đem tấm vải vàng của mình dâng Phật. Phật do tâm từ mẫn nhận lãnh và khoác lên trên mình. Bấy giờ, Đức Thế Tôn hiện ra một dung mạo thung dung, oai quang rực rỡ, các căn thanh tịnh, sắc diện tươi vui.

---

25. Hán: thượng lậu 上 漏; có lẽ Pāli: uppakileśa (Skt.: upakleśa): phiền não tạp nhiễm.

26. Hán: xuất yếu 出 要, hay xuất ly 出 離: thoát ly phiền não hay khổ; Pāli: nissaraṇa, Skt.: nihsaraṇa.

A-nan trông thấy, âm thầm suy nghĩ: "Ta được hầu gần Phật hai mươi lăm năm nay chưa khi nào thấy Phật có một sắc diện tươi sáng như ngày nay". Bèn đứng dậy, quỳ gối phải xuống đất, chắp tay hỏi Phật:

"Từ khi con được hầu Phật, đã hai mươi lăm năm nay, chưa từng thấy sắc diện Phật như hôm nay. Chẳng hiểu do duyên gì? Con mong nghe được ý Phật."

Phật bảo A-nan:

"Có hai duyên cớ mà sắc diện Như Lai tươi sáng khác lúc bình thường: một là lúc Phật mới thành ngôi Chánh giác, hai là lúc Phật xả bỏ thọ mạng sắp vào Niết-bàn. A-nan, do hai duyên ấy mà sắc diện khác thường."

Rồi Thế Tôn nói bài tụng:

Y màu vàng sáng vui,
Mịn, mềm, rất tươi sạch,
Phúc-quý dâng Thế Tôn,
Hào quang trắng như tuyết.

Phật bảo:

"A-nan, ta đang khát. Ta muốn uống nước. Ngươi hãy đi lấy nước đem đến đây."

A-nan thưa:

"Vừa rồi có năm trăm cỗ xe lội qua khúc trên sông làm nước đục cả. Chỉ có thể dùng rửa chân, không thể dùng uống được."

Phật nói đến ba lần như thế. A-nan thưa:

"Hiện chỉ có sông Câu-tôn[27] cách đây không xa, là có nước trong mát. Uống hay tắm rửa đều được."

Lúc đó có một vị thần ở tại núi Tuyết, vốn dốc lòng tin Phật đạo, lấy bát đựng nước quý tịnh đủ tám công đức đem đến dâng Phật. Phật thương xót lãnh thọ và đọc bài tụng:

Phật bằng tám thứ âm,
Bảo A-nan lấy nước:
Ta khát, nay muốn uống.
Uống xong đến Câu-thi.
Âm êm dịu, hòa nhã,

---

27. Câu-tôn 拘孫, các phiên âm khác: Câu-lưu-tôn 拘留孫, Ca-quật-đa 迦崛多, Ca-di 迦彌, Cước-cu-đa 腳俱多; Pāli: Kakutthā, Skt.: Kakuṭṭa.

Ai nghe cũng vui lòng.
Hầu hạ hai bên Phật,
Liền bạch Thế Tôn rằng:
Vừa có năm trăm xe,
Lội sông sang bờ kia,
Đã làm đục dòng nước,
Uống chắc không thể được.
Sông Câu-lưu không xa,
Nước tốt, rất trong mát;
Có thể lấy nước uống,
Cũng có thể tắm rửa.
Tuyết sơn có quỷ thần,
Đem nước dâng Như Lai.
Uống xong, uy dũng mãnh.
Đấng Sư Tử bước đi.
Nước ấy có rồng ở,
Trong sạch không đục dơ.
Thánh nhan như Tuyết sơn
Thong thả qua Câu-tôn.

Rồi Thế Tôn đi đến sông Câu-tôn, lấy nước uống và rửa xong rồi, cùng đại chúng lần đi nữa. Giữa đường, Phật dừng lại tại dưới một gốc cây và bảo Châu-na[28]:

"Ngươi lấy y Tăng-già-lê gấp làm tư rồi trải cho ta nằm. Ta đau lưng. Muốn tạm nghỉ tại đây."

Châu-na vâng lời, trải chỗ xong, Phật ngồi lên chỗ đó. Châu-na lễ Phật rồi ngồi lại một bên mà thưa rằng:

"Con muốn nhập Niết-bàn. Con muốn nhập Niết-bàn."

Phật dạy:

"Nên biết phải thời."

Châu-na liền nhập Niết-bàn ở ngay trước Phật.

[28]. Châu-na, một Tỳ-kheo, không phải người thợ sắt; Pāli: Cundaka.

Phật bèn nói bài tụng:

Phật đến sông Câu-tôn,
Trong mát, không đục dơ.
Đấng Chí Tôn xuống nước,
Tắm rửa, sang bờ kia.
Vị đứng đầu đại chúng,
Sai khiến bảo Châu-na:
Ta nay thân mỏi mệt,
Ngươi trải ngọa cụ nhanh.
Châu-na liền vâng lời,
Gấp tư y mà trải.
Như Lai đã nghỉ ngơi
Châu-na ngồi phía trước
Tức thì bạch Thế Tôn:
Con muốn nhập Niết-bàn,
Vào chốn không yêu, ghét.
Con nay đến chỗ đó;
Biển công đức vô lượng.
Đấng Tối Thắng trả lời:
Phận sự ngươi đã xong,
Nên biết thời thích hợp.
Được Phật hứa khả rồi,
Châu-na càng tinh tấn.
Diệt hành, vô hữu dư.
Như hết củi, lửa tắt.

Bấy giờ A-nan từ chỗ ngồi đứng dậy bạch Phật:

"Sau khi Phật diệt độ, phép tẩn táng nên làm thế nào?"

Phật bảo A-nan:

"Ông hãy im lặng. Hãy lo nghĩ đến công việc của mình. Việc ấy đã có các Thanh tín sĩ vui vẻ lo liệu."

A-nan hỏi đến ba lần:

"Sau khi Phật diệt độ, phép tẩn táng nên làm thế nào?

Phật dạy:

"Muốn biết phép tẩn táng thế nào thì nên làm theo cách tẩn táng Chuyển luân thánh vương."

A-nan lại hỏi:

"Phép tẩn táng Chuyển luân thánh vương như thế nào?

Phật nói:

"Về phép tẩn táng Chuyển luân thánh vương, trước hết lấy nước thơm tắm rửa thân thể; lấy vải bông mới quấn thân thể; dùng năm trăm tấm vải lần lượt quấn vào, rồi đặt thân vào kim quan. Sau khi đã tẩm dầu mè, lại đặt kim quan trong một cái quách thứ hai lớn, bằng sắt, bên ngoài là lớp quách bằng gỗ hương Chiên-đàn. Chất các thứ vải dày, hương thơm lên trên mà trà-tỳ. Trà-tỳ xong lượm lấy xá-lợi, dựng tháp treo phan thờ tại ngã tư đường để dân chúng đi ngang trông thấy tháp của Pháp vương mà tưởng nhớ lại chánh hóa của vua, đã làm lợi ích cho nhiều người.

"A-nan, ngươi muốn tẩn táng Ta, trước hết lấy nước thơm tắm rửa thân thể; lấy vải bông mới quấn thân thể; dùng năm trăm tấm vải lần lượt quấn vào, đặt thân vào kim quan. Sau khi đã tẩm dầu mè, lại đặt kim quan trong một cái quách thứ hai lớn bằng sắt, bên ngoài là lớp quách bằng gỗ hương Chiên-đàn. Chất các thứ vải dày, hương thơm lên trên mà trà-tỳ. Trà-tỳ xong lượm lấy xá-lợi, dựng tháp treo phan thờ tại ngã tư đường để dân chúng đi ngang trông thấy tháp của Phật mà tưởng nhớ lại đạo hóa của Pháp vương Như Lai, sống thì được phước lợi, chết thì sanh Thiên."

Rồi Thế Tôn muốn trùng tuyên lại ý nghĩa này, Ngài thuyết bằng bài kệ:

A-nan rời chỗ ngồi,
Quỳ chắp tay bạch Phật:
Như Lai diệt độ rồi,
Phép tẩn táng thế nào?
A-nan, hãy im lặng,
Hãy lo phận sự mình.
Các Thanh tín trong nước
Sẽ vui vẻ lo liệu.
A-nan ba lần hỏi.
Phật giảng táng Luân vương.
Muốn tẩn táng thân Phật,
Quấn thân, đặt vào quách.
Dựng tháp ngã tư đường,
Vì lợi ích chúng sanh.
Những ai đến kính lễ
Đều được phước vô lượng.

Phật bảo A-nan:

"Trong thiên hạ có bốn hạng người nên dựng tháp và cúng dường hương hoa, phướn lụa, âm nhạc. Đó là những ai? Là Như Lai, Bích-chi phật, Thanh văn và Chuyển luân vương. Này A-nan, bốn hạng người này nên được dựng tháp và dùng hương, hoa, phướn lụa, âm nhạc để cúng dường.

Bấy giờ Thế Tôn nói bài kệ:

Thứ nhất là tháp Phật,
Bích-chi phật, Thanh văn,
Và Chuyển luân thánh vương,
Chủ tể trị bốn phương:
Bốn nơi đáng cúng này,
Được Như Lai chỉ dạy:
Phật, Bích-chi, Thanh văn,
Và tháp Chuyển luân vương.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo A-nan hãy cùng đi đến thành Câu-thi, tới giữa đám cây song thọ của dòng họ Mạt-la. A-nan đáp vâng. Rồi cùng với đại chúng đi theo Thế Tôn mà lên đường. Có một người Phạm chí từ thành Câu-thi đi đến thành Ba-bà, giữa đường, từ xa trông thấy Thế Tôn dung mạo đoan chính, các căn tịch định. Thấy vậy, tự nhiên sanh tâm hoan hỷ, liền đi đến trước Phật, thăm hỏi rồi đứng sang một bên, bạch Phật rằng:

"Thôn tôi ở cách đây không xa. Kính mong Đức Cù-đàm đến đó nghỉ đêm. Sáng mai thọ thực xong hãy đi."

Phật nói:

"Thôi đủ rồi, Phạm chí. Ngươi nay đã cúng dường Ta rồi đó."

Phạm chí ân cần thưa thỉnh tới ba lần, Phật vẫn đáp như trước, lại bảo Phạm chí:

"A-nan đàng sau kia, người đến đó tỏ ý."

Phạm chí nghe Phật bảo liền đến gặp ngài A-nan, thăm hỏi xong, đứng sang một bên, thưa rằng:

"Thôn tôi ở cách đây không xa. Tôi muốn thỉnh Đức Cù-đàm đến đó nghỉ đêm. Sáng mai thọ thực xong hãy đi."

A-nan đáp:

"Thôi đủ rồi, Phạm chí. Ngươi nay đã cúng dường rồi đó.

Phạm chí ân cần thưa thỉnh tới ba lần.

A-nan đáp:

"Trời đã nóng bức, thôn kia lại xa, mà Đức Thế Tôn thì quá nhọc, không thể đến được đâu."

Bấy giờ, Thế Tôn sau khi quán sát ý nghĩa này, bèn nói bài kệ:

Đấng Tịnh Nhãn tiến bước,
Mệt nhọc, hướng song thọ.
Phạm chí xa thấy Phật,
Vội bước đến, cúi đầu:
Thôn tôi hiện gần đây,
Xin thương, lưu một đêm.
Sáng mai, cúng dường nhỏ,
Rồi hãy đến thành kia.
Phạm chí, thân Ta mệt,
Đường xa không thể qua.
Người hầu Ta đi sau.
Hãy đến mà hỏi ý.
Vâng lời Phật dạy thế,
Bèn đến chỗ A-nan:
Xin mời đến thôn tôi,
Sáng mai, ăn rồi đi.
A-nan ngăn: thôi, thôi.
Trời nóng, không đi được.
Ba lần mời không toại,
Vẻ buồn rầu không vui.
Quái thay, hữu vi này,
Đổi dời mãi không thôi,
Nay giữa cây song thọ,
Dứt Ta, thân vô lậu.
Phật, Bích-chi, Thanh văn
Hết thảy đều quy diệt,
Vô thường không chọn lựa,
Như lửa đốt núi rừng.

Bấy giờ, Thế Tôn vào thành Câu-thi, đi về phía Bản sanh xứ, giữa

khu rừng Song thọ của dòng họ Mạt-la[1] và bảo A-nan:

"Ngươi hãy sửa chỗ ở giữa cây Song thọ cho Ta nằm, đầu xây hướng Bắc, mặt xây hướng Tây. Sở dĩ như thế, vì giáo pháp của Ta sẽ lưu truyền lâu dài ở phương Bắc."

A-nan đáp: "Vâng". Rồi dọn chỗ, cho đầu xây về phương Bắc. Rồi Thế Tôn tự mình lấy y Tăng-già-lê gấp làm tư, đắp lên mình, nằm nghiêng hông tay mặt như sư tử chúa, hai chân chồng lên nhau. Lúc đó giữa đám cây Song thọ có các quỷ thần vốn dốc lòng tin Phật, lấy các thứ hoa sái mùa rải khắp mặt đất. Phật bảo A-nan rằng:

"Vị thần cây Song thọ ấy lấy hoa sái mùa cúng dường cho Ta như thế, chưa phải cúng dường Như Lai."

A-nan thưa:

"Sao mới là cúng dường Như Lai?"

Phật dạy:

"Người nào biết lãnh thọ và thực hành đúng Chánh pháp, mới là người cúng dường Như Lai."

Quán sát ý nghĩa này, Phật nói bài kệ:

Phật ở giữa Song thọ,
Nằm nghiêng, tâm không loạn.
Thần cây tâm thanh tịnh,
Rải hoa lên trên Phật.
A-nan hỏi Phật rằng:
Thế nào là cúng dường?
Nghe pháp và thực hành,
Cúng dường bằng hoa giác.
Hoa vàng như bánh xe,
Chưa phải cúng dường Phật.
Ấm, giới, nhập vô ngã,
Là cúng dường bậc nhất.

Lúc đó ông Phạm-ma-na[2] cầm quạt đứng hầu quạt trước Phật, Phật bảo:

---

1. Bản sanh xứ Mạt-la song thọ 本生處末羅雙樹; No.7 (Đại I tr.199a): Lực sĩ sanh địa sa-la lâm 力士生地娑羅林; Pāli: Kusinārā-Upavattana-Mallānaṃ antarena yamaka-sālānaṃ, Kusinārā, sinh địa của Malla, giữa những cây Song thọ.

2. Phạm-ma-na 梵摩那, No.7: Ưu-bà-ma-na 優婆摩那; Pāli: Upavāṇa.

"Ngươi hãy tránh ra, chớ đứng ở trước Ta."

A-nan nghe vậy thầm lặng suy nghĩ: "Phạm-ma-na thường hầu hạ Phật, cung cấp mọi sự cần thiết, tôn kính Như Lai không hề chán nản. Nay vào ngày cuối cùng, lẽ để cho ông chăm sóc, chứ sao Phật lại đuổi đi, là có ý gì?" Rồi A-nan sửa lại y phục, đến trước Phật, bạch rằng:

"Phạm-ma-na thường hầu hạ Phật, cung cấp mọi sự cần thiết, tôn kính Như Lai không hề chán nản. Nay vào ngày cuối cùng, lẽ để cho ông xem sóc, chứ sao Phật lại đuổi đi, là có ý gì?"

Phật nói:

"Phía ngoài thành Câu-thi này mười hai do-tuần, thảy đều là chỗ[3] các vị Đại Thiên thần, chật ních không có khoảng trống. Họ đều than phiền: 'Vị Tỳ-kheo này sao đứng choán trước Phật. Nay giờ phút cuối cùng Phật sắp vào Niết-bàn, chúng ta các thần muốn đến chiêm bái một lần, mà vị Tỳ-kheo đó với oai đức lớn lao, ánh sáng chói che không cho chúng ta được gần Phật để lễ bái cúng dường.' Này A-nan, vì thế mà Ta bảo tránh ra."

A-nan bạch Phật:

"Chẳng hay vị Tỳ-kheo đó xưa kia chứa phúc đức gì, tu hạnh nghiệp gì mà nay có oai đức như thế?"

Phật dạy: "Vào kiếp thứ chín mươi mốt trong đời quá khứ, có Đức Phật ra đời hiệu là Tỳ-bà-thi. Vị Tỳ-kheo đó, lúc ấy đem tâm hoan hỷ cầm cây đuốc cỏ soi sáng vào ngôi tháp của Phật, nhờ đó nay ông được có oai quang chiếu suốt cả hai mươi tám tầng trời, ánh sáng của chư Thiên thần không thể sánh kịp".

Rồi thì, A-nan rời khỏi chỗ ngồi, trịch áo bày vai hữu, quỳ xuống, chắp tay bạch Phật:

"Xin Phật chớ diệt độ tại chỗ đất hoang vu trong thành chật hẹp thô lậu này. Vì sao? Hiện có các nước lớn như Chiêm-bà, nước Tỳ-xá-ly, thành Vương xá, nước Bạt-kỳ, nước Xá-vệ, nước Ca-tỳ-la-vệ, nước Ba-la-nại. Ở đó nhân dân đông đúc, nhiều người tín mộ Phật pháp. Phật diệt độ tại các chỗ đó, ắt nhiều người cung kính, cúng dường xá-lợi."

Phật dạy: "Thôi, đủ rồi, chớ có nhận xét như thế. Chớ cho nơi

---

[3]. Nguyên văn: cư trạch 居宅, nghĩa đen là nhà ở, có lẽ không chính xác.

này là bỉ lậu. Vì sao thế? Khi xưa tại nước này, có vị vua tên Đại Thiện Kiến[4] và thành này lúc đó tên là Câu-xá-bà-đề[5]. Đô thành của vua dài bốn trăm tám mươi dặm, rộng hai trăm tám mươi dặm. Bấy giờ được mùa lúa rẻ, nhân dân phồn thịnh. Thành này có bảy lớp, bao quanh cũng có bảy lớp lan can, chạm trổ văn vẻ, linh báu treo xen. Móng thành bề sâu ba nhẫn, lên cao mười hai nhẫn. Lâu đài trên thành cao mười nhẫn. Vòng cột ba nhẫn. Thành vàng thì cửa bạc, thành bạc thì cửa vàng, thành lưu ly thì cửa thủy tinh, thành thủy tinh thì cửa lưu ly. Quanh thành trang nghiêm bằng tứ bảo, xen kẽ lan can bằng tứ bảo. Lầu vàng thì treo linh bạc, lầu bạc thì treo linh vàng. Có hào bảy lớp, mọc đầy hoa sen xanh, vàng, đỏ, trắng. Đáy hào toàn lát bằng cát vàng. Hai bên bờ hào có nhiều cây Đa-lân[6]. Cây vàng thì lá hoa trái bạc. Cây bạc thì lá hoa trái vàng. Cây thủy tinh thì hoa trái lưu ly. Cây lưu ly thì hoa trái thủy tinh. Giữa đám cây Đa-lân có ao tắm. Dòng nước sâu, trong, thanh khiết không dơ. Hai bên bờ ao lát bằng gạch tứ bảo. Thang bằng vàng thì bậc thang bằng bạc. Thang bạc thì bậc bằng vàng. Thềm cấp bằng lưu ly thì bậc thềm bằng thủy tinh. Thềm cấp bằng thủy tinh thì lưu ly làm bậc. Chung quanh, lan can vây bọc liên tiếp nhau. Trong thành ấy nơi nào cũng sanh cây Đa-lân. Cây vàng thì lá hoa trái bạc. Cây bạc thì lá hoa trái vàng. Cây thủy tinh thì hoa trái lưu ly. Cây lưu ly thì hoa trái thủy tinh. Khoảng giữa các cây có các ao bằng tứ bảo, sanh bốn loại hoa. Đường xá ngay ngắn, hàng ngũ tương đương. Gió thổi, hoa rơi lá bay hai bên đường. Gió nhẹ thổi qua các cây báu, phát ra âm thanh dịu dàng như thiên nhạc. Người trong nước, trai gái lớn nhỏ, dạo chơi vui vẻ giữa các cây. Nước ấy thường có mười loại âm thanh: Tiếng vỏ sò, tiếng trống, tiếng ba la, tiếng ca, tiếng múa, tiếng thổi, tiếng voi, tiếng ngựa, tiếng xe cộ, tiếng ẩm thực, tiếng cười đùa.

"Vua Đại Thiện Kiến có đủ bảy báu. Vua cũng có đủ bốn đức. Bảy báu là: bánh xe vàng báu, voi trắng báu, ngựa xanh báu, thần châu báu, ngọc nữ báu, cư sĩ báu và quân binh báu.

"Vua Đại Thiện Kiến thành tựu bánh xe vàng báu như thế nào?

---

4. Đại Thiện Kiến 大善見; Pāli: Mahāsudassana.

5. Câu-xá-bà-đề 拘舍婆提, hoặc phiên âm Cưu-thi-bà-đế 鳩尸婆帝, Cưu-di-việt 拘彌越, Câu-na-việt 拘那越; Pāli: Kusāvati.

6. Đa lân 多鄰; Pāli: Tāla, loại cây cao, laù dùng cheùp saùch.

"Thường vào ngày rằm trăng tròn, vua tắm gội nước hương, lên ngồi tại bảo điện, có thể nữ bao quanh, tự nhiên có bánh xe báu hiện ra trước mặt; vành xe có ngàn căm sáng chói, do thợ trời làm chớ không phải đời có được. Bánh xe toàn bằng chân kim, đường kính bằng một trượng tư. Khi ấy vua Đại Thiện Kiến thầm nghĩ: 'Ta từng nghe các bậc tiên túc kỳ cựu nói: nếu vua Quán đảnh dòng Sát-lỵ, đến ngày rằm trăng tròn, tắm gội nước hương, lên ngồi tại bảo điện, có thể nữ bao quanh, thời tự nhiên có bánh xe vàng hiện đến trước mặt, bánh xe có ngàn căm, ánh sáng rực rỡ, là tác phẩm của thợ nhà trời chứ không phải do con người làm, được làm thành bằng vàng thật, đường kính trượng tư, khi đó được gọi là Chuyển luân thánh vương. Nay có bánh xe báu ấy hiện đến há không là đây chăng? Ta hãy thử coi xe đó thế nào?'

"Vua Đại Thiện Kiến liền triệu bốn thứ binh, hướng về phía bánh xe vàng, trịch áo bày vai phải, đầu gối phải quỳ sát đất, rồi lấy tay phải vỗ lên bánh xe và nói: 'Ngươi hãy theo đúng phép mà vận chuyển về phương Đông, chớ trái lệ thường.' Bánh xe liền chuyển về phương Đông. Vua bèn dẫn bốn chủng quân binh đi theo bánh xe vàng, trước bánh xe vàng có bốn vị thần dẫn đường. Đến chỗ xe vàng ngừng thì vua cũng dừng xe. Bấy giờ, các tiểu quốc phương Đông thấy đại vương đến, họ đem bát vàng đựng lúa bạc, bát bạc đựng lúa vàng đến trước vua, cúi đầu tâu rằng: 'Đại vương đến, thật lành thay! Nay phương Đông này đất ruộng phì nhiêu, nhân dân sung túc, chí tánh nhân hòa, từ hiếu trung thuận. Cúi mong Thánh vương lấy chánh pháp trị hóa chốn này, chúng tôi xin cung cấp hầu hạ, vâng chịu mọi việc cần dùng.' Vua Đại Thiện Kiến nói với các tiểu vương: 'Thôi thôi chư hiền! Thế là các ngươi đã cúng dường ta rồi đó. Các ngươi nên lấy chánh pháp mà trị dân, chớ làm cho thiên lệch, không để cho quốc nội có hành vi phi pháp. Đó tức là ta trị hóa.' Các tiểu vương vâng lệnh. Họ liền theo vua đi tuần khắp nước, đến tận mé biển Đông mới trở về.

"Vua lần lượt đi về phương Nam, rồi phương Tây, phương Bắc. Hễ bánh xe vàng đến ở đâu thì các quốc vương đều đến cống hiến như các tiểu quốc phương Đông vậy.

"Bấy giờ, vua Đại Thiện Kiến sau khi đã theo bánh xe vàng đi khắp bốn biển, đem chánh đạo khai hóa, an ủi dân chúng xong trở về thành Câu-xá-bà-đề của bổn quốc, thì bánh xe vàng dừng lại trên không trung ngay cửa cung điện. Vua Đại Thiện Kiến vui mừng phấn

khởi nói: 'Bánh xe vàng báu này thật là điềm tốt của ta. Nay ta chính thật là Chuyển luân thánh vương.' Đó là sự thành tựu bánh xe vàng báu.

"Vua Đại Thiện Kiến thành tựu voi trắng báu như thế nào?

"Lúc bấy giờ, vào buổi sáng sớm, vua Đại Thiện Kiến đang ngồi trên chánh điện, tự nhiên voi báu hốt nhiên xuất hiện trước mặt. Lông nó thuần trắng. Bảy chỗ đầy đặn. Có thể bay được. Đầu nó tạp sắc. Sáu ngà thon nhọn, xen cẩn bằng vàng ròng. Sau khi nhìn thấy, vua tự nghĩ: 'Con voi này khôn. Nếu khéo huấn luyện, có thể cưỡi.' Bèn sai huấn luyện thử. Tập các khả năng đều đủ. Khi ấy vua Đại Thiện Kiến muốn tự mình thử voi, bèn cưỡi lên, rồi vào lúc sáng sớm, ra khỏi thành, chu du khắp bốn biển. Đến giờ cơm thì đã về tới. Thấy thế, vua Thiện Kiến phấn khởi nói: 'Con voi trắng báu này thật sự là điềm lành cho ta. Nay ta thật sự là Chuyển luân thánh vương'. Đó là sự thành tựu voi trắng báu.

"Vua Đại Thiện Kiến thành tựu ngựa báu như thế nào?

"Bấy giờ, vào lúc sáng sớm, vua Đại Thiện Kiến đang ngồi trên chánh điện, tự nhiên ngựa báu hốt nhiên xuất hiện trước mắt. Lông nó màu xanh, bờm đỏ. Đuôi, đầu và cổ, như voi. Nó có khả năng bay. Khi ấy vua Thiện Kiến tự nghĩ: 'Con ngựa này khôn. Nếu huấn luyện kỹ, có thể cưỡi.' Rồi vua sai huấn luyện thử, tập đủ các khả năng. Khi vua Thiện Kiến muốn tự mình thí nghiệm ngựa báu, bèn cưỡi lên, vào lúc sáng sớm, ra khỏi thành, chu du bốn biển. Đến giờ ăn thì đã về tới. Vua Thiện Kiến phấn khởi nói: 'Con ngựa báu màu xanh này thật sự là điềm lành cho ta. Ta nay thật sự là Chuyển luân thánh vương, đó là sự thành tựu ngựa trắng báu.

"Vua Đại Thiện Kiến thành tựu thần châu báu như thế nào?

"Bấy giờ, vào lúc sáng sớm, vua Đại Thiện Kiến đang ngồi trên chánh điện, tự nhiên thần châu báu hốt nhiên xuất hiện trước mắt. Màu sắc tinh chất, trong suốt, không có tỳ vết. Thấy rồi, vua nói: 'Hạt châu này đẹp quá. Ánh sáng của nó có thể rọi sáng cả nội cung.' Rồi vua muốn thử hạt châu ấy, bèn gọi bốn chủng quân binh vào, đặt bảo châu này ở trên tràng phan. Vào lúc nửa đêm trời tối, mang nó ra ngoài thành. Ánh sáng của hạt châu này rọi sáng tất cả quân binh, chẳng khác gì ban ngày. Ở vòng ngoài quân binh, nó lại chiếu sáng cả một do-tuần. Người trong thành đều thức dậy làm việc, vì cho là ban ngày. Vua Đại

Thiện Kiến phấn khởi nói: 'Nay hạt thần châu báu này thật sự là điềm lành cho ta. Ta nay thật sự là Chuyển luân thánh vương, đó là sự thành tựu thần châu báu.

"Vua Đại Thiện Kiến thành tựu ngọc nữ báu như thế nào?

"Khi ấy ngọc nữ báu hốt nhiên xuất hiện. Nhan sắc thung dung, diện mạo đoan chánh, không cao, không thấp, không thô, không tế, không đen, không trắng, không cương, không nhu; đông thì thân ấm; hè thì thân mát; các lỗ chân lông trên khắp thân thể toát ra mùi hương Chiên-đàn; miệng thở ra hương hoa Ưu-bát-la; nói năng dịu dàng; cử động khoan thai; đứng dậy trước, ngồi xuống sau, không hề mất nghi tắc. Vua Thiện Kiến lúc bấy giờ thanh tịnh không nhiễm trước. Tâm không hề có chút ý niệm gì, huống hồ gần gũi. Bấy giờ vua Thiện Kiến phấn khởi nói: 'Ngọc nữ này thật là điềm lành của ta. Ta nay thật sự là Chuyển luân thánh vương.' Đó là sự thành tựu về ngọc nữ báu.

"Vua Đại Thiện Kiến thành tựu cư sĩ báu như thế nào?

"Khi ấy cư sĩ trượng phu hốt nhiên tự xuất hiện. Kho báu tự nhiên có. Tài sản vô lượng. Cư sĩ có túc phước nên con mắt có thể nhìn suốt thấy mỏ báu dưới lòng đất. Vật hữu chủ hay vô chủ, đều nhìn mà biết hết. Nếu có chủ, ông có thể gìn giữ hộ. Nếu vô chủ, ông thu lấy đem hiến cho vua dùng. Cư sĩ báu đi đến tâu vua: 'Đại vương, có vật cống hiến, vua đừng lo buồn. Tôi có thể tự giải quyết.' Bấy giờ, vua Đại Thiện Kiến muốn thử cư sĩ báu, bèn ra lệnh chuẩn bị thuyền để du hí. Vua bảo cư sĩ: 'Ta cần vàng. Ngươi hãy kiếm nhanh cho ta.' Cư sĩ tâu: 'Đại vương, xin hãy chờ giây lát. Đợi lên bờ đã.' Vua tìm cách thúc hối: 'Ta dừng đây. Đang cần dùng. Ngươi đem đến ngay!' Khi ấy cư sĩ bị vua ra lệnh nghiêm, bèn quỳ ngay trên thuyền, dùng tay phải thọc vào trong nước. Bình báu từ trong nước cùng lên theo tay. Như con sâu leo cây, cũng như thế, với cư sĩ báu, bảo vật từ trong nước duyên theo tay mà xuất hiện đầy thuyền. Rồi ông tâu vua: 'Vừa rồi Đại vương nói cần báu. Nhưng cần bao nhiêu?' Vua Thiện Kiến nói với cư sĩ: 'Thôi, đủ rồi. Ta không cần dùng gì. Chỉ là để thử nhau mà thôi. Ngươi nay như thế là đã cống hiến cho ta rồi đó.' Cư sĩ kia nghe vua nói như vậy liền ném trả bảo vật xuống nước. Vua Thiện Kiến phấn khởi nói: 'Cư sĩ báu này thật sự là điềm lành cho ta. Ta nay thật sự là Chuyển luân thánh vương.' Đó là thành tựu cư sĩ báu.

"Vua Đại Thiện Kiến thành tựu chủ binh báu như thế nào?

"Khi ấy chủ binh báu hốt nhiên xuất hiện, trí mưu, hùng mãnh, thao lược, quyết đoán. Rồi chủ binh đi đến chỗ vua, tâu: 'Đại vương, nếu có chỗ cần chinh phạt, xin đừng lo lắng. Tôi có thể tự mình giải quyết.' Vua Thiện Kiến lúc ấy muốn thử chủ binh báu, liền cho tập họp bốn chủng binh và nói với chủ binh rằng: 'Ngươi nay dụng binh, chưa tập họp hãy tập họp; đã tập họp hãy giải tán; chưa nghiêm hãy nghiêm; đã nghiêm hãy cho buông lỏng; chưa đi hãy bảo đi; đã đi hãy bảo dừng.' Chủ binh báu nghe vua nói xong, liền điều khiển bốn chủng quân khiến cho chưa tập họp thì tập họp; đã tập họp thì giải tán; chưa nghiêm thì nghiêm chỉnh; đã nghiêm chỉnh thì cho buông lỏng; chưa đi, bảo đi; đã đi, bảo dừng. Vua Thiện Kiến lúc ấy phấn khởi nói: 'Chủ binh báu này thật sự là điềm lành cho ta. Ta nay thật sự là Chuyển luân thánh vương.' Đó là chủ binh báu.

"Này A-nan, đó là vua Đại Thiện Kiến thành tựu bảy báu.

"Thế nào là bốn thần đức? Một là sống lâu, không yểu, không ai sánh bằng. Hai là thân thể cường tráng, không bệnh hoạn, không ai sánh bằng. Ba là nhan mạo đoan chánh, không ai sánh bằng. Bốn là kho báu tràn đầy, không ai sánh bằng.

"Đó là Chuyển luân thánh vương thành tựu bảy báu và bốn thần đức.

"A-nan, một thời gian lâu vua Thiện Kiến mới bảo đánh xe xuất du hậu viên. Vua bảo người đánh xe: 'Ngươi đánh xe đi thong thả. Vì sao vậy? Ta muốn xem xét kỹ nhân dân có được an lạc, không hoạn nạn xảy ra chăng.' Lúc bấy giờ, nhân dân trong nước đi đường mà gặp, liền nói với kẻ đánh xe: 'Ngươi hãy cho đi chậm. Tôi muốn ngắm rõ uy nhan của Thánh vương.' Này A-nan, khi ấy vua Thiện Kiến vỗ về trìu mến nhân dân như cha yêu con. Quốc dân kính mộ vua như con kính cha. Có gì quý hiếm họ đem dâng vua: 'Cúi xin đức vua nạp thọ, tùy ý sử dụng.' Vua bảo: 'Thôi đủ rồi, các khanh. Ta có đủ tài bảo cần dùng rồi. Các khanh hãy cất lấy mà dùng."

"Vào lúc khác vua nghĩ: 'Ta muốn tạo tác cung quán.' Khi vừa có ý nghĩ đó thì người trong nước đến chỗ vua, tâu: 'Tôi xin xây dựng cung điện cho vua.' Vua bảo: 'Ta cho như vậy là đã được các ngươi cúng dường rồi. Ta sẵn có tài bảo để lo liệu.' Quốc dân lặp lại thỉnh cầu: 'Chúng tôi xin

xây dựng cung điện cho vua.' Vua bảo: 'Tùy ý các ngươi muốn'. Quốc dân được lệnh, liền đem tám mươi bốn ngàn chiếc xe chở vàng đến thành Câu-xá-bà để tạo lập Chánh pháp điện[7]. Khi ấy vị Thiên thần thợ khéo ở trời Đao-lợi tự nghĩ: 'Chỉ có ta mới có khả năng xây dựng Chánh pháp điện cho vua Đại Thiện Kiến.'

"Này A-nan, khi ấy Thiên thần khéo xây dựng Chánh pháp điện dài sáu mươi dặm, rộng ba mươi dặm, được trang sức bằng tứ bảo. Mặt nền bằng phẳng. Thềm được lát bảy lớp gạch báu. Pháp điện có tám muôn ngàn cây cột. Thân cột bằng vàng thì chóp cột bằng bạc. Thân cột bạc thì chóp cột vàng. Bằng lưu ly và thủy tinh cũng vậy. Bao quanh điện là bốn lớp lan can, đều được làm bằng tứ bảo. Lại có bốn thềm cấp cũng bằng tứ bảo. Trên pháp điện ấy có tám vạn bốn ngàn lầu báu. Lầu bằng vàng thì các cửa sổ bằng bạc. Lầu bằng bạc, cửa sổ bằng vàng. Bằng thủy tinh và lưu ly cũng vậy. Lầu vàng thì giường bạc. Lầu bạc, giường vàng. Chăn đệm mềm mại được dệt bằng kim lũ trải trên giường. Bằng thủy tinh và lưu ly cũng vậy. Ánh sáng của cung điện chói lọi làm hoa mắt mọi người, như mặt trời lúc cực sáng không ai có thể nhìn được.

"Bấy giờ, vua Thiện Kiến phát sanh ý nghĩ: 'Nay ở hai bên điện, ta hãy lập nhiều ao và vườn cây Đa-lân.' Vua bèn cho lập vườn. Ngang dọc một do-tuần. Vua lại nghĩ: 'Ở trước pháp điện ta hãy lập một ao pháp. Bèn cho xây ao pháp, ngang dọc một do-tuần. Nước ao trong lắng, tinh khiết, không bợn dơ. Đáy ao lát bằng gạch tứ bảo. Bao quanh ao là lan can, đều làm bằng bốn thứ báu: hoàng kim, bạch ngân, thủy tinh và lưu ly. Nước trong ao, mọc xen lẫn các thứ hoa như Ưu-bát-la, Ba-đầu-ma, Câu-vật-đầu, Phân-đà-ly. Hoa tỏa ra hương thơm sực nức khắp nơi. Khoảng đất ở bốn mặt ao mọc các thứ hoa như A-hê-vật-đa, Chiêm-bặc, Ba-la-la, Tu-mạn-đà, Bà-sư-ca, Đàn-cu-ma-lê. Vua sai người trông coi ao. Những ai đi ngang qua, dẫn xuống ao tắm, mát mẻ vui đùa tùy ý thích. Cần nước tương thì cho nước tương. Cần thức ăn thì cho thức ăn. Y phục, hương hoa, xe ngựa, tài bảo các thứ, đều không để nghịch ý người.

"A-nan, bấy giờ vua Thiện Kiến có tám vạn bốn ngàn voi, trang

---

[7]. Pháp điện, hay Chánh pháp điện 正法殿, Thiện pháp đường 善法堂; Pāli: Sudhamma-sabhā, hội trường Chánh pháp.

sức bằng vàng bạc, tua dải bằng bảo châu, tề tượng vương[8] là bậc nhất. Có tám vạn bốn ngàn ngựa, trang sức bằng vàng bạc, tua dải bằng bảo châu, lực mã vương là bậc nhất. Có tám vạn bốn ngàn cỗ xe, lót bằng da sư tử, trang nghiêm bằng tứ bảo, kim luân bảo là bậc nhất. Có tám muôn bốn ngàn hạt châu, thần châu bảo là bậc nhất. Tám vạn bốn ngàn ngọc nữ, ngọc nữ báu là bậc nhất. Tám vạn bốn ngàn cư sĩ, cư sĩ báu là bậc nhất. Tám vạn bốn ngàn Sát-lỵ, chủ binh báu là bậc nhất. Tám vạn bốn ngàn thành, Câu-thi-bà-đề là bậc nhất. Tám vạn bốn ngàn cung điện, Chánh pháp điện là bậc nhất. Tám vạn bốn ngàn lầu, Đại chánh lầu là bậc nhất. Tám vạn bốn ngàn giường, thảy đều bằng các thứ báu hoàng kim, bạch ngân; bên trên giường trải nệm lông, chăn lông các thứ[9]. Tám vạn bốn ngàn ức áo bằng các thứ vải như sơ-ma, ca-thi, kiếp-ba[10] là bậc nhất. Tám vạn bốn ngàn thức ăn, mỗi ngày dọn mỗi món khác nhau.

"A-nan, bấy giờ, vào buổi sáng sớm, vua Thiện Kiến cưỡi tề tượng vương, cùng với tám vạn bốn ngàn thớt voi, ra khỏi thành Câu-thi, xem xét thiên hạ, đi khắp bốn biển. Trong khoảng chốc lát, trở về thành ăn cơm. Rồi cưỡi lực mã bảo, cùng với tám vạn bốn ngàn ngựa, vào buổi sáng sớm, ra khỏi thành xuất du, xem xét thiên hạ, đi khắp bốn biển. Trong chốc lát, trở về thành ăn cơm. Cưỡi xe kim luân, lực mã bảo kéo, cùng với tám vạn bốn ngàn cỗ xe, vào buổi sáng sớm xuất du, xem xét thiên hạ, đi khắp bốn biển. Trong chốc lát trở về thành ăn cơm. Cùng với tám vạn bốn ngàn minh châu, dùng thần châu bảo soi sáng nội cung. Ngày đêm luôn luôn sáng. Với tám vạn bốn ngàn ngọc nữ, ngọc nữ bảo khôn ngoan, khéo léo, hầu hạ phục thị hai bên. Với tám vạn bốn ngàn cư sĩ, mọi thứ nhu yếu đều giao cho cư sĩ báu lo. Với tám vạn bốn ngàn Sát-lỵ, nếu có chinh phạt, giao cho chủ binh báu. Với tám vạn bốn ngàn thành, thủ đô trụ sở thường trực ở Câu-thi thành. Với tám vạn bốn ngàn cung điện, vua thường ngự ở Chánh pháp điện. Với tám vạn bốn ngàn lầu, chỗ vua thường nghỉ là Đại chánh lầu. Với tám vạn bốn ngàn chỗ ngồi, vua thường ngồi trên tòa pha lê, vì để an thiền. Với tám vạn bốn ngàn ức y, trang sức bằng

---

8. Tề 齊, TNM 齎.

9. Hán: cù lũ sáp đắng uyển diên 氍 氀 毾 [illegible] 綩 綖.

10. Sơ-ma 初 摩; Pāli: khoma; ca-thi 迦 尸; Pāli: kāsika; kiếp-ba 劫 波; Pāli: kappāsika.

thượng diệu bảo, tùy ý mà mặc để che người cho khỏi hổ thẹn. Với tám vạn bốn ngàn thức ăn, vua thường ăn thức ăn tự nhiên. Vì là tri túc.

"Khi tám vạn bốn ngàn thớt voi hiện đến, chúng dày xéo, dẫm đạp, làm hại chết chúng sanh không kể xiết. Vua bèn tự nghĩ: 'Đám voi này làm thương tổn chúng sanh quá nhiều. Từ nay về sau, cứ một trăm năm mới cho hiện một con voi. Lần lượt như vậy cho đến hết vòng thì quay trở lại'."

❑

III[1]

Bấy giờ, Thế Tôn nói với A-nan:

"Vua Đại Thiện Kiến thầm nghĩ: 'Ta sẵn chứa công đức gì, tu được điều lành gì mà nay được quả báo đẹp đẽ như thế?' Vua lại nhớ rằng nhờ ba nhân duyên mà gây được phúc báo đó. Ba nhân duyên ấy là gì? Một là Bố thí, hai là Trì giới, ba là Thiền tứ. Vua lại suy nghĩ: 'Nay ta đã được thọ hưởng phúc báo nhân gian, ta hãy tiến tu thêm về phúc nghiệp cõi trời. Ta hãy tự hạn chế và bớt đi; lánh chỗ ồn ào; ẩn ở chỗ yên tĩnh để tu luyện đạo thuật.' Rồi vua liền sai gọi ngọc nữ Hiền Thiện đến, bảo rằng: 'Nay ta đã được thọ hưởng phúc báo nhân gian, ta hãy tiến tu thêm về phúc nghiệp cõi trời. Ta hãy tự hạn chế và bớt đi; lánh chỗ ồn ào; ẩn ở chỗ yên tĩnh để tu luyện đạo thuật.' Ngọc nữ đáp: 'Kính vâng. Xin tuân lời Đại vương dạy.' Rồi sắc lệnh cho cả trong ngoài từ nay miễn sự chầu hầu. Vua liền lên pháp điện, vào tòa lầu bằng vàng, ngồi trên giường ngự bằng bạc, tư duy tham dục là ác bất thiện. Với giác và quán[2], có hỷ và lạc phát sanh từ sự viễn ly, chứng đắc thiền thứ nhất. Trừ giảm giác và quán, nội tín, hoan duyệt[3], nhiếp tâm chuyên nhất, không giác không quán, có hỷ và lạc do định sanh,

---

1. Bản Hán: *Phật Thuyết Trường A-hàm kinh*, quyển 4, "Du Hành kinh Đệ nhị hậu" (Đại I, tr.23c-30b). Tham chieáu *Trung A-hàm*, kinh số 68, "Đại Thiện Kiến Vương kinh"; Pāli: D.17 Mahāsudassana-suttanta (Deva Dīg ii. 4).

2. Giác 覺 và quán 觀, hay cũng nói là tầm 尋 và tứ 伺; Pāli: vitakka (Skt.: vitarka) và vicāra (Skt.: id.).

3. Nội tín hoan duyệt 內 信 歡 悅. Nghĩa không chính xác. Đối chiếu Pāli: ajjham sampasādana, Skt.: adhyātma-samprasādana. Chân Đế dịch: Nội trừng tịnh 內 澄 淨; Huyền Trang: Nội đẳng tịnh 內 等 淨. Do sampasādana (samprasādana) vừa có nghĩa sự tịch tĩnh, vừa có nghĩa sự hoan hỷ. Trong trạng thái thiền, đây nên hiểu là sự an tịnh nội tâm.

chứng thiền thứ hai. Xả hỷ thủ hộ[4] chuyên niệm không loạn, tự cảm biết thân lạc, điều mà Hiền thánh mong cầu, cùng hành với hộ, niệm và lạc[5], chứng đắc thiền thứ ba. Xả bỏ khổ và lạc, trừ diệt ưu và hỷ từ trước, không khổ, không lạc, hộ và niệm thanh tịnh[6], chứng đắc thiền thứ tư.

"Rồi vua Thiện Kiến rời khỏi giường ngự bằng bạc, ra khỏi lầu vàng, đi đến lầu Đại chánh, ngồi trên giường lưu ly tu tập về Từ tâm, rải lòng từ đầy khắp một phương này rồi đến một phương khác cũng vậy, trùm khắp, rộng lớn, không hai, không hạn lượng, trừ mọi sân hận, tâm không còn chút ganh ghét, mà vui điều tĩnh mặc từ nhu. Rồi tiếp tu về Bi tâm, Hỷ tâm, Xả tâm cũng như thế.

"Bấy giờ, ngọc nữ báu thầm tự suy nghĩ: 'Đã lâu không thấy tôn nhan, tưởng nên đến hầu thăm một phen. Nay nên diện kiến đức vua.' Rồi ngọc nữ báu Hiền Thiện nói với tám vạn bốn ngàn các thể nữ rằng: 'Các ngươi mỗi người hãy tắm gội nước thơm, trang điểm y phục. Sở dĩ như vậy vì đã lâu chúng ta không gặp tôn nhan, nên hãy hầu thăm một phen.' Thể nữ nghe thế, thảy đều trang điểm y phục, tắm gội sạch sẽ. Rồi ngọc nữ nói với chủ binh báu thần tập họp bốn chủng quân, rằng: 'Đã lâu chúng ta không gặp tôn nhan, nên hãy hầu thăm một phen.' Chủ binh báu thần liền tập họp bốn chủng quân, thưa với ngọc nữ báu: 'Bốn chủng quân đã tập. Nên biết thời.' Rồi ngọc nữ báu dẫn tám vạn bốn ngàn thể nữ, cùng với bốn thứ quân đi đến vườn Kim-đa-lân[7]. Âm thanh chấn động của đại chúng vang đến vua. Nghe thế, vua đi đến cửa sổ để xem. Ngọc nữ báu lúc ấy đứng một bên trước cửa. Thấy ngọc nữ báu, vua liền nói:

---

4. Xả hỷ thủ hộ 捨喜取護, nghĩa không chính xác. Đối chiếu Pāli: pītiyā ca virāgā upekkhako ca viharati, lìa bỏ hỷ, an trú xả. Upekkhaka (Skt.: upekṛaka), xả, trong bản Hán trên được hiểu là thủ hộ, có lẽ do động từ căn, Skt.: upa-īk, vừa có nghĩa trông mong, vừa có nghĩa không quan tâm.

5. Nguyên văn: tự tri thân lạc Hiền thánh sở cầu hộ niệm lạc hành 自知身樂賢聖所求護念樂行, đoạn văn tối nghĩa. Đối chiếu Pāli: sukhañca kāyena paṭisaṃvedeti yam tam āriyā ācikkhanti upekkhako satimā sukhavihārī: cảm nghiệm lạc bằng tự thân, điều các bậc Thánh nói là sự an trú lạc cùng với xả và niệm. Trong đây, ācikkhanti, vừa có nghĩa nói, vừa có nghĩa tìm tòi. Hán: lạc hành; Pāli: sukhaviharī: sống an lạc hay an trú trong cảm giác lạc.

6. Hộ niệm thanh tịnh 護念清淨; Pāli: upekkhāsāti parisuddhim, xả niệm thanh tịnh. Xem cht. 125.

7. Kim-đa-lân viên 金多鄰園, vườn cây Đa-la (Pāli: Tāla) bằng vàng.

'Ngươi khỏi bước tới. Ta sẽ ra xem.' Vua Thiện Kiến rời tòa pha lê, ra khỏi lầu Đại chánh, đi xuống Chánh pháp điện, cùng với ngọc nữ đi đến vườn Đa-lân, ngồi lên chỗ soạn sẵn. Lúc ấy dung sắc vua Thiện Kiến tươi sáng hơn hẳn bình thường. Ngọc nữ báu Hiền thiện tự nghĩ: 'Nay, sắc mặt Đại vương hơn hẳn bình thường. Có điềm lạ gì chăng?' Rồi ngọc nữ báu tâu vua: 'Đại vương, nay nhan sắc khác thường. Há không phải là điềm sắp xả thọ mạng chăng? Nay tám vạn bốn ngàn voi này, bạch tượng bảo là bậc nhất, được trang sức bằng vàng bạc, với bảo châu làm tua dải; tất cả là sở hữu của vua. Mong vua lưu ý một chút, cùng chung vui hưởng, chớ xả bỏ tuổi thọ mà bỏ rơi vạn dân. Lại tám vạn bốn ngàn ngựa, lực mã vương bậc nhất. Tám vạn bốn ngàn cỗ xe, kim luân bảo bậc nhất. Tám vạn bốn ngàn minh châu, thần châu bảo bậc nhất. Tám vạn bốn ngàn ngọc nữ, ngọc nữ báu bậc nhất. Tám vạn bốn ngàn cư sĩ, cư sĩ báu bậc nhất. Tám vạn bốn ngàn Sát-lỵ, chủ binh báu là bậc nhất. Tám vạn bốn ngàn thành, Câu-thi thành bậc nhất. Tám vạn bốn ngàn cung điện, chánh pháp điện bậc nhất. Tám vạn bốn ngàn tòa lầu, đại chánh lầu bậc nhất. Tám vạn bốn ngàn tòa ngồi, bảo sức tòa bậc nhất. Tám vạn bốn ngàn ức y, nhu nhuyến y bậc nhất. Tám vạn bốn ngàn thức ăn, mỗi vị đều quý hiếm. Hết thảy bảo vật ấy đều thuộc về vua. Mong vua lưu ý một chút, cùng chung vui thú, chớ xả thọ mạng, bỏ rơi vạn dân.'

"Vua Thiện Kiến nói với ngọc nữ báu: 'Từ trước đến nay, ngươi cung phụng ta một cách từ hòa kính thuận, chưa bao giờ nói lời thô lậu, sao nay ngươi lại có lời ấy?' Ngọc nữ tâu: 'Chẳng hay lời ấy có gì không thuận.' Vua nói: 'Những thứ mà ngươi vừa nói, voi, ngựa, xe cộ, đền đài, y phục, hào soạn quý báu kia đều vô thường, không giữ gìn lâu được, mà khuyên ta lưu lại hưởng thụ, như thế có thuận chăng?' Ngọc nữ tâu: 'Chẳng hay phải nói thế nào mới là thuận?' Vua bảo: 'Giá ngươi nói, các thứ voi, ngựa xe cộ, đền đài, y phục, hào soạn đều vô thường, không giữ gìn lâu được, mà khuyên ta đừng mê luyến đến làm gì cho lao thần tổn tứ. Vì mạng vua chẳng còn bao lâu sẽ qua đời khác. Hễ có sanh tất có chết, có hợp tất có ly, đâu phải sống đời ở đây được. Vậy hãy cắt đứt ân ái để chuyên tâm vào đạo lý. Nếu ngươi nói như thế mới là kính thuận.'

"Này A-nan, nghe lời vua dạy như thế, ngọc nữ buồn khóc than thở, gạt nước mắt mà nói: 'Các thứ voi, ngựa xe cộ, đền đài, y phục, hào soạn đều vô thường, không giữ gìn lâu được, đừng mê luyến đến

làm gì cho lao thần tổn tứ. Vì mạng vua chẳng còn bao lâu sẽ qua đời khác. Hễ có sanh tất có chết, có hợp tất có ly, đâu phải sống đời ở đây được. Vậy hãy cắt đứt ân ái để chuyên tâm vào đạo lý'.

"Này A-nan, ngọc nữ báu kia vừa nói xong giây lát, Thiện Kiến vương bỗng nhiên mệnh chung, không chút đau khổ, như kẻ tráng sĩ trong một bữa ăn ngon, hồn thần sanh lên cõi trời Phạm thiên thứ bảy.

"Sau khi vua băng hà bảy ngày, các thứ luân bảo, thần châu biến mất, voi báu, ngựa báu, ngọc nữ báu, cư sĩ báu, quân binh báu cũng một ngày chết hết; thành ao, pháp điện, đền đài, các thứ trang sức bằng báu, vườn Kim-đa-lân, đều biến thành gỗ, đất."

Phật bảo A-nan:

"Này A-nan, pháp hữu vi này là vô thường, biến dịch, chung qui hao mòn, hoại diệt. Tham dục không chán. Mạng người tiêu tán. Mê say ân ái không hề biết đủ. Chỉ người nào chứng đắc Thánh trí, thấy rõ đạo lý, mới biết đủ mà thôi.

"Này A-nan, Ta nhớ đã từng ở nơi này, Ta sáu lần tái sanh làm Chuyển luân thánh vương và cuối cùng bỏ xác tại chỗ này. Nay Ta thành Vô thượng chánh giác, lại cũng muốn xả bỏ tánh mạng, gởi thân tại đây. Từ nay về sau, Ta đã dứt tuyệt sanh tử, không còn có chỗ nào là nơi bỏ xác Ta nữa. Đây là kiếp cuối cùng. Ta không còn thọ sinh trở lại nữa.

Bấy giờ, Thế Tôn tại thành Câu-thi-na-kiệt, Bản sanh xứ, trong vườn Sa-la, giữa hai cây song thọ, vào lúc sắp gần diệt độ, nói với A-nan rằng:

"Này A-nan! Ngươi hãy vào thành Câu-thi-na-kiệt, báo tin cho những người Mạt-la rằng: 'Chư Hiền nên biết, Như Lai nửa đêm nay sẽ vào Niết-bàn tại giữa cây Song thọ trong vườn Sa-la. Các ngươi nên kịp thời đến thưa hỏi các điều nghi ngờ và trực tiếp nghe Phật chỉ dạy, để sau khỏi hối hận ăn năn."

A-nan vâng lời Phật dạy, rời chỗ ngồi đứng dậy, lễ Phật mà đi. Cùng với một Tỳ-kheo khác, nước mắt chảy ròng, mà vào thành Câu-thi-na. Khi vào thành gặp năm trăm người Mạt-la có chuyện đang họp cả một chỗ. Họ thấy A-nan đến, đều đứng dậy chào hỏi rồi đứng về một bên và bạch rằng:

"Không hiểu Tôn giả có việc gì mà phải vào thành lúc chiều tối thế này?"

A-nan rơi lệ vừa nói:

"Ta vì ích lợi các ngươi, đến tin các ngươi hay Đức Như Lai đến nửa đêm[8] nay sẽ vào Niết-bàn. Các ngươi nên kịp thời đến thưa hỏi những điều hoài nghi, trực tiếp nghe Phật chỉ dạy, để sau khỏi ăn năn."

Vừa nghe xong, những người Mạt-la cất tiếng kêu than, vật vã xuống đất, có người ngất đi tỉnh lại. Ví như cây lớn khi trốc gốc thì các nhánh cành đều đổ gãy. Họ đồng than:

"Phật diệt độ sao mà nhanh thế! Phật diệt độ làm sao nhanh thế! Con mắt của thế gian mà diệt mất, thì chúng sanh bị suy hại lâu dài."

A-nan an ủi họ:

"Thôi các người chớ buồn! Trời đất muôn vật hễ có sanh đều có chết. Muốn cho pháp hữu vi tồn tại mãi là điều không thể có được. Phật há chẳng dạy: Có hợp tất có ly, có sanh tất có diệt đó sao!"

Rồi thì, các người Mạt-la bảo nhau:

"Chúng ta hãy về nhà, đem cả gia thuộc và năm trăm khổ vải trắng, cùng đến Song thọ."

Những người Mạt-la ai về nhà nấy, rồi đem cả gia thuộc và mang cả năm trăm tấm lụa trắng ra khỏi thành Câu-thi, đến giữa rừng Song thọ và đi đến chỗ A-nan. A-nan vừa trông thấy từ xa, thầm nghĩ: 'Bọn họ rất đông. Nếu để cho từng người một vào yết kiến Phật, e rằng chưa khắp hết thì Như Lai đã diệt độ rồi! Ta nên bảo họ vào đầu hôm[9] đồng một lượt đến bái yết Phật'."

A-nan liền dắt năm trăm người Mạt-la và gia thuộc đến trước Phật, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi đứng sang một bên và bạch rằng:

"Nay có các Mạt-la tên như thế và gia thuộc, xin thăm hỏi Đức Thế Tôn sức khoẻ có bình thường không?"

Phật nói:

"Phiền các ngươi đến thăm. Ta chúc cho các ngươi sống lâu, vô bệnh."

A-nan bằng cách đó đã có thể dẫn hết các người Mạt-la và gia thuộc của họ vào thăm Phật. Khi ấy, các Mạt-la đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi sang một bên.

Thế Tôn thuyết giảng cho họ về vô thường, chỉ bày, giáo huấn

---

8. Hán: dạ bán 夜 半; Pāli, sđd.: rattiyā pacchima yāma, cuối đêm.

9. Hán: tiền dạ 前 夜; Pāli: pathama yamā, canh thứ nhất.

khiến cho được lợi ích, hoan hỷ.

Nghe pháp xong, các Mạt-la ai nấy vui mừng liền đem năm trăm khổ vải trắng dâng Phật. Phật thụ lãnh. Các Mạt-la rời khỏi chỗ ngồi, đảnh lễ Phật rồi lui ra.

Lúc đó, trong thành Câu-thi có một vị Phạm chí tên Tu-bạt[10] là bậc kỳ cựu đa trí, đã một trăm hai mươi tuổi, nhân nghe Đức Sa-môn Cù-đàm đêm nay sẽ diệt độ tại giữa cây song thọ, ông tự nghĩ: 'Ta có điều hoài nghi về giáo pháp. Chỉ có Đức Cù-đàm mới giải được ý ta. Ta nên kịp thời gắng đi đến Phật.' Ngay đêm ấy ông gắng ra khỏi thành đi đến Song thọ, đến chỗ A-nan. Sau khi chào hỏi xong, ông thưa:

"Tôi nghe Sa-môn Cù-đàm sắp vào Niết-bàn đêm nay, nên đến đây mong được bái yết một lần. Tôi có điều hoài nghi về giáo pháp, mong được gặp Cù-đàm để Ngài giải quyết cho. Vậy Ngài có được rỗi rảnh cho tôi vào bái yết không?"

A-nan bảo:

"Thôi đừng Tu-bạt! Phật đang có bệnh. Không nên quấy rầy Ngài."

Tu-bạt cố nài xin đến ba lần rằng:

"Tôi nghe Đức Như Lai ra đời như hoa Ưu-đàm[11], rất lâu mới xuất hiện[12], nên đến đây mong bái yết để được giải quyết nghi ngờ. Ngài có rỗi rảnh cho tôi gặp một lát được không?"

A-nan cũng vẫn trả lời như trước:

"Phật đang có bệnh. Không nên quấy rầy Ngài."

Khi ấy Phật bảo A-nan:

"A-nan, ngươi chớ ngăn cản. Hãy để cho ông ấy vào. Ông muốn giải quyết sự nghi ngờ, không có gì phiền nhiễu. Nếu nghe được pháp của ta, ắt được tỏ rõ."

A-nan liền bảo Tu-bạt:

"Nếu ông muốn vào thăm Phật, xin mời vào."

---

10. Tu-bạt-đa-la 須拔多羅; Pāli: Subhaddaparibbājaka, du sĩ Subhada. Các âm khác: Tu-bạt-đà 須拔陀, Tu-bạt-đà-la 須拔陀羅, Tô-bạt-đa-la 蘇拔多羅; No.7: ngoại đạo Tu-bạt-đa-la.

11. Ưu-đàm hay Ưu-đàm-bát 優曇鉢; Pāli: Udumbara.

12. Hán: thời thời nãi xuất 時時乃出, nên hiểu đúng là thời nhất xuất hiện 時一出現.

Tu-bạt được vào, chào hỏi Phật xong, ngồi một bên và bạch Phật:

"Tôi có điều hoài nghi về giáo pháp. Ngài có rỗi rảnh giải quyết cho chỗ vướng mắc không?"

Phật nói: "Ông cứ tùy ý hỏi".

Tu-bạt hỏi:

"Bạch Cù-đàm, có những giáo phái khác, họ tự xưng bậc thầy, như các ông Phất-lan Ca-diếp[13], Mạt-già-lê Kiều-xá-lợi[14], A-phù-đà Sí-xá-kim-bạt-la[15], Ba-phù Ca-chiên[16], Tát-nhã Tỳ-da-lê-phất[17], Ni-kiền Tử[18]. Những thầy đó đều có giáo pháp riêng, đức Sa-môn Cù-đàm có biết hết hay không?"

Phật đáp: "Thôi thôi khỏi nói, những giáo pháp ấy Ta đều rõ cả. Nay Ta sẽ vì ngươi nói đến pháp thâm diệu, ngươi hãy lắng nghe và khôn khéo suy nghiệm. Này Tu-bạt! Trong giáo pháp nào nếu không có tám Thánh đạo thời ở đó không có quả vị Sa-môn thứ nhất, thứ nhì, thứ ba, thứ tư. Trong giáo pháp nào có tám Thánh đạo thời ở đó có quả vị Sa-môn thứ nhất, thứ nhì, thứ ba, thứ tư. Nay trong giáo pháp này có tám Thánh đạo nên có quả vị Sa-môn thứ nhất, quả vị Sa-môn thứ hai, thứ ba, thứ tư. Trong các chúng ngoại đạo không có".

Rồi Thế Tôn đọc bài kệ:

Ta hai mươi chín tuổi,
Xuất gia tìm Chánh đạo.
Từ khi Ta thành Phật,
Đến nay năm mươi năm.
Các hạnh giới, định, tuệ,
Một mình Ta tư duy.
Nay Ta giảng pháp yếu:

---

13. Phất (bất)-lan Ca-diệp 弗 (不) 蘭 迦 葉; TNM: Phú-lan Ca-diệp 富 蘭 迦 葉; Pāli: Pūraṇa-Kassapa.

14. Mạt-già-lê Kiều-xá-lợi 末 伽 梨 憍 舍 利, TNM: Mạt-già-lê Kiều-xá-lê (…) 梨; Pāli: Makkhali-Gosala.

15. A-phù-đà Sí-xá-kim-bạt-la 阿 浮 陀 翅 舍 金 拔 羅, Tống, Nguyên: A-tỳ-đa Sí-xá-khâm-bà-la 阿 毗 陀 翅 舍 欽 婆 羅; Minh: A-kỳ-đa Sí-xá-khâm-bà-la 阿 耆 多 翅 舍 欽 婆 羅; Pāli: Ajita-Kesakambalā.

16. Ba-phù Ca-chiên 波 浮 迦 旃; Pāli: Pakudha-Kaccāyana.

17. Tát-nhã Tỳ-da-lê-phất 薩 若 毗 耶 梨 弗; Pāli: Sañjaya Belaṭṭhi-putta.

18. Ni-kiền Tử 尼 乾 子; Pāli: Nigaṇṭha-Nāṭa-putta.

Ngoại đạo không Sa-môn.

Phật bảo:

"Này Tu-bạt! Nếu các Tỳ-kheo thảy đều có thể tự nhiếp tâm thời cõi thế gian này không trống vắng A-la-hán.

Khi ấy Tu-bạt thưa với A-nan:

"Những ai theo đức Sa-môn Cù-đàm đã tu hành phạm hạnh, hiện đang tu hành và sẽ tu hành, thảy đều có lợi ích lớn. A-nan, ông theo Như Lai tu hành phạm hạnh cũng được lợi ích lớn. Tôi nay được gặp mặt Như Lai, hỏi những điều nghi ngờ, cũng được lợi ích lớn. Nay Như Lai cũng đã ký biệt cho tôi như là ký biệt cho đệ tử.[19]"

Rồi ông bạch Phật:

"Tôi nay có thể ở trong pháp của Như Lai mà xuất gia thọ giới Cụ túc được chăng?"

Phật nói:

"Này Tu-bạt, nếu có dị học Phạm chí muốn tu hành ở trong giáo pháp của ta, phải được thử qua bốn tháng để xét coi hành vi họ, chí nguyện, tánh nết họ. Nếu thấy đủ các oai nghi không điều gì thiếu sót, mới cho phép thọ Cụ túc giới ở trong giáo pháp Ta. Tuy vậy, này Tu-bạt, còn tùy thuộc hành vi của mỗi người."

Tu-bạt lại bạch Phật:

"Dị học Phạm chí muốn tu hành ở trong Phật pháp, phải được thử qua bốn tháng để xét coi hành vi, chí nguyện, tánh nết. Nếu thấy đủ các oai nghi không điều gì thiếu sót, mới cho phép thọ Cụ túc giới ở trong Phật pháp. Nay tôi có thể phục dịch bốn năm ở trong Phật pháp, khi đủ các oai nghi không còn gì thiếu sót mới xin thọ Cụ túc giới."

Phật dạy:

"Này Tu-bạt, Ta đã nói trước rồi. Còn tùy thuộc hành vi của mỗi người."

Ngay trong đêm đó, Tu-bạt được xuất gia thọ giới, thanh tịnh tu hành, ngay trong hiện tại, tự thân tác chứng: "Sanh tử đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, chứng đắc như thật trí, không còn tái sinh". Lúc gần nửa đêm, ông đã chứng quả A-la-hán, là đệ tử cuối cùng của Phật và diệt độ trước Phật.

---

[19] Nguyên văn: kim giả Như Lai tắc vi dĩ đệ tử biệt nhi biệt ngã dĩ 今者如來則為以弟子別而別我已. Bản Toáng: biệt 別, các bản khác: 莂 biệt với bộ thảo 艸.

Bấy giờ, A-nan đứng hầu sau Phật, không tự ngăn nổi bi cảm nên vỗ giường than khóc, rằng:

"Như Lai diệt độ sao mà vội thế! Thế Tôn diệt độ sao mà vội thế! Đại pháp chìm lặng làm sao nhanh quá! Con mắt thế gian diệt mất thì chúng sanh suy đọa lâu dài! Ta nhờ ơn Phật xuất gia nay chỉ mới được lên bậc học địa, tu nghiệp chưa thành mà Như Lai đã diệt độ!"

Khi ấy Đức Thế Tôn dù biết mà cố hỏi:

"Tỳ-kheo A-nan đâu rồi?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Tỳ-kheo A-nan đang ở sau Phật, không tự ngăn nổi bi cảm nên vỗ giường than khóc, rằng: 'Như Lai diệt độ sao mà vội thế! Đại pháp chìm lặng làm sao mau quá! Con mắt thế gian diệt mất thì chúng sanh suy đọa lâu dài! Ta nhờ ơn Phật xuất gia nay chỉ mới được lên bậc học địa, tu nghiệp chưa thành mà Như Lai đã diệt độ!' "

Phật bảo A-nan:

"Thôi thôi, A-nan, chớ có buồn phiền than khóc. Từ trước đến nay ngươi hầu hạ Ta với cử chỉ từ hòa, ngôn ngữ kính ái và tâm niệm hoan hỷ thủy chung như một, không sao xiết kể. Ấy là ngươi đã cúng dường Ta, công đức rất lớn. Nếu có sự cúng dường nào của chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn và Bà-la-môn cũng không sao sánh bằng được. Ngươi hãy siêng năng lên, ngày thành đạo của ngươi không lâu nữa!"

Rồi Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Này các Tỳ-kheo! Đệ tử hầu hạ chư Phật quá khứ cũng chỉ như A-nan. Đệ tử hầu hạ chư Phật vị lai cũng chỉ như A-nan. Nhưng đệ tử hầu hạ của chư Phật quá khứ, Phật có dạy mới biết. Còn A-nan nay, Ta vừa đưa mắt là đã biết Như Lai cần muốn gì. Đó là điều hy hữu của A-nan, các ông nhớ lấy.

"Chuyển luân thánh vương có bốn pháp đặc biệt, kỳ lạ ít có. Những gì là bốn? Khi Thánh vương đi, người dân khắp cả nước đều đến nghinh đón; thấy vua rồi thì hoan hỷ, nghe lời dạy cũng hoan hỷ, chiêm ngưỡng uy nhan không hề biết chán. Khi Thánh vương đứng, khi Thánh vương ngồi và khi Thánh vương nằm, quốc dân đều đến bái yết, được thấy vua họ vui mừng, được nghe vua họ vui mừng, họ trông ngắm dung nhan vua không biết chán. Đó là bốn pháp đặc biệt của Chuyển luân thánh vương. A-nan cũng có bốn pháp đặc biệt ấy. Khi A-nan lặng lẽ đi vào chúng Tỳ-kheo, chúng đều hoan hỷ; thuyết pháp cho chúng, ai

nghe cũng hoan hỷ; nhìn ngắm nghi dung, nghe lời thuyết pháp không hề biết chán. Khi A-nan vào chúng Tỳ-kheo-ni, khi A-nan vào chúng Ưu-bà-tắc, khi A-nan vào chúng Ưu-bà-di, nơi nào được trông thấy A-nan cũng vui mừng, được nghe A-nan thuyết pháp cũng vui mừng; họ trông nhìn nghi dung và lời A-nan thuyết pháp không biết chán. Đó là bốn pháp đặc biệt hy hữu của A-nan."

Bấy giờ, A-nan trịch áo bày vai phải, quỳ gối phải xuống đất, bạch Phật:

"Thế Tôn, hiện nay các Sa-môn khắp bốn phương, gồm những vị kỳ cựu đa văn, thấu hiểu kinh luật, đức hạnh thanh cao, thường đến bái yết Phật, nhân đó con được lễ kính và gần gũi hỏi han. Nhưng sau khi Phật diệt độ rồi, họ không đến nữa, con không còn biết hỏi ai nữa, làm sao?"

Phật bảo A-nan:

"Ngươi chớ lo. Các con nhà dòng dõi[20] thường có bốn chỗ tưởng nhớ:

"1. Tưởng tới chỗ Phật sanh, hoan hỷ muốn thấy, nhớ mãi không quên, sanh tâm luyến mộ;

"2. Tưởng tới chỗ Phật thành đạo, hoan hỷ muốn thấy, nhớ mãi không quên, sanh tâm luyến mộ;

"3. Tưởng tới chỗ Phật chuyển Pháp luân đầu tiên, hoan hỷ muốn thấy, nhớ mãi không quên, sanh tâm luyến mộ;

"4. Tưởng tới chỗ Phật vào Niết-bàn, hoan hỷ muốn thấy, nhớ mãi không quên, sanh tâm luyến mộ.

"Này A-nan, sau khi ta diệt độ, trai hay gái con nhà dòng dõi nhớ nghĩ khi Phật giáng sinh có những công đức như thế, khi Phật đắc đạo có những thần thông như thế, khi Phật chuyển Pháp luân có những sự hóa độ như thế, khi Phật diệt độ có những lời di huấn như thế. Rồi mỗi người đi đến bốn chỗ đó kính lễ, dựng chùa tháp cúng dường. Khi chết đều được sanh lên cõi trời, chỉ trừ người đắc đạo.

"Này A-nan, sau khi Ta diệt độ, có các người dòng họ Thích đến cầu đạo, hãy nhận cho họ xuất gia thọ giới Cụ túc chớ để lâu. Những người Phạm

---

20. Hán: tộc tánh tử 族姓子, người thuộc trong bốn giai cấp. Cũng dịch là thiện gia nam tử 善家男子, hay thiện nam tử 善男子.

chí dị học đến cầu đạo cũng nhận cho xuất gia thọ giới Cụ túc, chớ có để thử qua bốn tháng. Vì những người kia vốn có học sẵn các luận thuyết khác, nếu để lâu thì các kiến giải trước của họ sẽ phát sanh lại.

Bấy giờ A-nan quỳ xuống, chắp tay bạch Phật:

"Tỳ-kheo Xiển-nộ[21] thô lỗ, tự chuyên, sau khi Phật diệt độ, phải đối xử thế nào?"

Phật dạy:

"Sau khi Ta diệt độ, nếu Tỳ-kheo Xiển-nộ không tuân oai nghi, không chịu nghe giáo huấn, các ông hãy cùng xử trị theo phép phạm-đàn[22] là truyền hết các Tỳ-kheo không ai được cùng nói chuyện, cùng tới lui, chỉ bảo, giúp đỡ."

A-nan lại bạch Phật: "Sau khi Phật diệt độ, các hạng nữ nhân đến thọ giáo huấn[23] cần được đối xử như thế nào?"

Phật dạy:

"Đừng gặp họ."

"Giả sử phải gặp thì làm sao?"

"Chớ cùng nói chuyện."

"Giả sử phải cùng nói chuyện thì làm sao?"

"Hãy tự thu nhiếp tâm ý.

"Này A-nan, ngươi chớ nghĩ sau khi Ta diệt độ, các ngươi mất chỗ nương tựa, không ai che chở. Chớ có quan niệm như vậy. Nên biết những Kinh và Giới mà Ta đã dạy từ khi thành Đạo đến nay là chỗ nương tựa, che chở các ngươi đó!

"Này A-nan, từ nay trở đi, cho phép các Tỳ-kheo tùy nghi bỏ các giới cấm nhỏ nhặt. Kẻ trên, người dưới xưng hô nhau phải thuận lễ độ[24].

---

21. Xiển-nộ 闡怒, tức Xa-nặc 闡匿, nguyên quân hầu ngự mã của Thái tử. Cũng phiên là Xiển-đà 闡陀, Xiển-na 闡那; Pāli: Channa.

22. Phạm-đàn phạt 梵檀伐; Pāli: Brahma-daṇḍa, trọng phạt, một trong mười ba tội Tăng-già-bà-thi-sa 僧伽婆尸娑 (Pāli: Saṅghādiśeṣa) theo luật Tỳ-kheo.

23. Vị thọ hối 未受悔: chưa nhận được sự giáo huấn. TNM: lai thọ hối 來受悔: đến thọ giáo huấn. Pāli, sđd.: (Deva Dig il, tr.109): kathaṃ mayaṃ (…) mātugāme paṭipajjāmà, chúng con đối xử với những người nữ như thế nào? Hán: nữ nhân bối lai, có thể do mātugāma trong đó gāma thay vì hiểu là chủng loại, bản Hán hiểu là sự đi đến (do động từ gacchati: đi).

24. Bản Pāli, D.17 (Deva Dig ii, tr. 118), Trường I, tr. 663: Khi Phật còn tại thế, các Tỳ-kheo xưng hô với nhau là āvuso (huynh đệ, hiền giả, nhân giả). Sau khi Phật

Đó là pháp kính thuận của người xuất gia."

Rồi Phật nói với các Tỳ-kheo:

"Này các Tỳ-kheo, đối với Phật, Pháp và chúng Tăng, đối với Chánh đạo, các ông có điều gì hoài nghi nữa không, nên kịp thời hỏi han để sau khỏi hối hận ăn năn. Kịp lúc Ta còn, Ta sẽ giảng thuyết cho các ngươi.

Các Tỳ-kheo đều im lặng. Phật lại nói:

"Các ngươi, đối với Phật, Pháp và chúng Tăng, đối với Chánh đạo, các ông có điều gì hoài nghi nữa không, nên kịp thời hỏi han để sau khỏi hối hận ăn năn."

Các Tỳ-kheo cũng vẫn lặng thinh. Phật lại nói:

"Nếu các ngươi e ngại không dám hỏi, hãy mau nhờ các vị hiểu biết hỏi giúp cho; nên kịp thời để sau khỏi hối hận[25]."

Các Tỳ-kheo cũng vẫn lặng thinh. A-nan bạch Phật:

"Con tin rằng đại chúng ở đây ai nấy đều đã có lòng tin thanh tịnh, không một ai còn hoài nghi về Phật, Pháp, Tăng và Chánh đạo nữa.

Phật dạy:

"A-nan, Ta cũng biết trong chúng này dù một vị Tỳ-kheo nhỏ nhất cũng thấy được dấu đạo[26], không còn đọa vào đường ác, chỉ trải qua bảy lần sanh lại cõi Dục này để tu hành là dứt hết thống khổ."

Bấy giờ, Đức Thế Tôn liền thọ ký cho một ngàn hai trăm đệ tử đã được đạo quả.

Rồi Thế Tôn khoác lên uất-đa-la-tăng[27] để lộ cánh tay sắc màu vàng ròng, bảo với các Tỳ-kheo:

"Các ngươi hãy quán sát rằng, Như Lai mỗi khi xuất thế, như hoa

---

diệt độ, Tỳ-kheo-niên trưởng nên gọi Tỳ-kheo nhỏ tuổi hơn bằng tên hay họ (nāmena vā gottena và); Tỳ-kheo nhỏ tuổi gọi Tỳ-kheo lớn tuổi hơn là bhante (đại đức) hay āyasma (trưởng lão, cụ thọ).

25. Trường I, tr.664: "Nếu có vị nào vì lòng kính trọng Bậc Đạo Sư mà không hỏi, thời này các Tỳ-kheo, giữa bạn đồng tu, hãy hỏi nhau".

26. Trường I, tr.665: "Tỳ-kheo thấp nhất đã chứng quả Dự lưu".

27. Uất-đa-la-tăng 鬱多羅僧, tức thượng y 上衣: áo choàng; Pāli: uttarāsaṅga.

Ưu-đàm-bát[28] lâu lắm mới hiện một lần."

Quan sát ý nghĩa này, Thế Tôn đọc bài kệ:

Tay phải màu tử kim,
Phật hiện như Linh thụy.
Hành sinh diệt vô thường;
Hiện diệt, chớ buông lung.

"Thế nên các Tỳ-kheo chớ có buông lung. Ta chính nhờ không buông lung mà được thành Chánh giác. Vô lượng điều lành toàn nhờ không buông lung mà có được. Hết thảy vạn vật đều vô thường, đó là lời dạy cuối cùng của Như Lai."

Thế rồi, Thế Tôn nhập Sơ thiền; rồi từ Sơ thiền xuất, nhập Nhị thiền; từ Nhị thiền xuất, nhập Tam thiền; từ Tam thiền xuất, nhập Tứ thiền, từ Tứ thiền xuất, nhập Không xứ định; từ Không xứ định xuất, nhập Thức xứ; từ Thức xứ định xuất, nhập vào Vô sở hữu xứ; từ Vô sở hữu xứ định xuất, nhập Phi tưởng phi phi tưởng xứ định; từ Phi tưởng phi phi tưởng xứ định xuất, nhập Diệt thọ tưởng định.

Lúc ấy A-nan hỏi A-na-luật[29]:

"Thế Tôn đã vào Niết-bàn rồi chăng?"

A-na-luật nói:

"Chưa, A-nan. Thế Tôn hiện đang ở trong định Diệt thọ tưởng[30]. Tôi lúc trước được thân nghe từ Phật rằng, khi Phật từ Tứ thiền xuất mới vào Niết-bàn."

Rồi Thế Tôn từ Diệt thọ tưởng định xuất, nhập Phi tưởng phi phi tưởng, từ Phi tưởng phi phi tưởng xuất, nhập Vô sở hữu định; từ Vô sở hữu định xuất, nhập Thức xứ định; từ Thức xứ định xuất, nhập Không xứ định; từ Không xứ định xuất, nhập Tứ thiền; từ Tứ thiền xuất, nhập Tam thiền; từ Tam thiền xuất, nhập Nhị thiền; từ Nhị thiền xuất, nhập Sơ thiền; rồi lại từ Sơ thiền xuất lần lượt đến Tứ thiền, rồi từ Tứ thiền xuất, Phật vào Niết-bàn. Ngay lúc đó, cõi đất rung động, trời người kinh

---

28. Ưu-đàm-bát, hay Ưu-đàm-bát-la, hay Ô-tạm-bà-la, loại cây không hoa quả, loại cây họ sung (Ficus Glomerata). Cũng thường gọi là hoa Linh thụy.

29. A-na-luật, hay A-na-luật-đà 阿那律陀, hay A-nậu-lâu-đà 阿耨樓陀, có thiên nhãn đệ nhất; Pāli: Anurudha.

30. Diệt tưởng định 滅想定, hay diệt thọ tưởng định 滅受想定, đầy đủ là tưởng thọ diệt tận định 想受滅盡定; Pāli: saññāvedayita-nirodha-samādhi.

hoàng. Những chỗ tối tăm mà mặt trăng, mặt trời không rọi đến được đều được chói sáng. Chúng sanh ở đó trông thấy nhau và bảo nhau: 'Người kia sinh ra người này! Người kia sinh ra người này!' Ánh sáng ấy chiếu khắp, hơn cả ánh sáng của chư Thiên.

Bấy giờ, trời Đao-lợi, ở giữa hư không, dùng hoa Văn-đa-la, hoa Ưu-bát-la, hoa Ba-đầu-ma, hoa Câu-ma-đầu, hoa Phân-đà-lỵ[31], tán rải trên thân Phật và chúng hội. Rồi lại lấy bột hương Chiên-đàn tán rải trên thân Phật và chúng hội.

31. Văn-đà-la 文 沱 羅, TNM: Mạn-đà-la 曼 陀 羅, Pāli: Mandarāva (Thiên diệu hoa). Ba-đầu-ma 波 頭 摩, TNM: Bát-đầu-ma 鉢 頭 摩, Pāli: Paduma, Skt.: Padma. Câu-ma-đầu 拘 摩 頭, TNM: Câu-vật-đầu 拘 勿 頭; Pāli (Skt.: id.): Kumuda.

Phật diệt độ rồi, khi ấy Phạm thiên vương ở giữa hư không ngâm bài kệ rằng:

Hết thảy loài sinh linh[1],
Đều phải bỏ thân mạng.
Phật là Đấng Vô Thượng,
Thế gian không ai bằng;
Như Lai đại thánh hùng,
Có thần lực vô úy,
Đáng lẽ ở đời lâu,
Nhưng nay diệt độ rồi!

Trời Thích Đề-hoàn Nhân đọc bài kệ:

Ấm hành đều vô thường
Chỉ là pháp sinh diệt.
Có sanh đều có chết,
Phật tịch diệt là vui.

Tỳ-sa-môn Thiên vương đọc bài kệ:

Đại tòng lâm cây phúc,
Sa-la phước vô thượng.
Đấng Ứng Cúng Phước Điền,
Diệt độ giữa rừng cây.

Tỳ-kheo A-na-luật đọc bài kệ:

Phật an trú vô vi,
Không cần thở ra vào.
Vốn từ Tịch diệt đến,
Sao Thiêng lặn nơi đây.

Tỳ-kheo Phạm-ma-na đọc bài kệ:

Không sanh tâm giải mạn
Tự ước, tu thượng tuệ.
Không nhiễm, không bị nhiễm,
Đấng Chí Tôn lìa ái.

Tỳ-kheo A-nan đọc bài kệ:

Trời người lòng kinh sợ,

---

[1]. Hôn manh loại 昏盲類, có lẽ tương đương Pāli: bhūta.

Toàn thân lông dựng lên.
Việc giáo hóa thành tựu,
Thế Tôn vào Niết-bàn.

Thần Kim-tỳ-la dâng lời tán Phật:

Thế gian mất che chở,
Chúng sanh trọn mù lòa
Không còn thấy Chánh Giác,
Đấng Sư Tử giữa người.

Mật Tích lực sĩ đọc bài kệ:

Các Thiên, Nhân, Ma, Phạm,
Đời nay và đời sau,
Không còn thấy được Phật,
Bậc Sư Tử giữa người.

Phật mẫu Ma-da đọc bài kệ:

Phật sanh vườn Lâm-tỳ;
Đạo Ngài lưu bố rộng.
Trở lại chỗ bản sinh,
Ngài xả thân vô thường.

Thần Song thọ đọc bài kệ:

Bao giờ tôi lại lấy
Hoa sái mùa cúng dâng
Đấng trọn đủ mười lực,
Như Lai vào Niết-bàn.

Thần rừng cây Sa-la đọc bài kệ:

Chỗ này vui thượng diệu,
Phật sanh trưởng tại đây.
Ở đây chuyển xe Pháp,
Lại ở đây Niết-bàn.

Tứ thiên vương đọc bài kệ:

Như Lai vô thượng trí,
Thường diễn lẽ vô thường.
Cởi trói chúng sanh khổ,
Nay trọn vào Niết-bàn.

Đao-lợi Thiên vương đọc bài kệ:

Trải ức ngàn vạn kiếp,
Mong thành đạo Vô thượng.
Cởi trói chúng sanh khổ,
Nay trọn vào Niết-bàn.

Diệm Thiên vương đọc bài kệ:

Đây mảnh y tối hậu
Dùng quấn thân Như Lai.
Nay Phật diệt độ rồi,
Y này để cúng ai.

Đâu-suất-đà Thiên vương đọc bài kệ:

Đây là thân cuối cùng,
Ấm giới diệt ở đây.
Không tâm tưởng lo mừng,
Không tai hoạn già chết.

Hóa tự tại Thiên vương đọc bài kệ:

Đúng vào giữa đêm nay,
Phật nằm nghiêng bên hữu.
Ở tại rừng Sa-la,
Thích Sư Tử diệt độ.

Tha hóa tự tại Thiên vương đọc bài kệ:

Thế gian mãi tối tăm,
Trăng sao đều rơi rụng,
Mây vô thường che kín,
Mặt trời Đại trí mờ.

Các Tỳ-kheo đọc bài kệ:

Thân này như bèo bọt,
Mong manh có gì vui.
Phật được Kim cang thân,
Còn bị vô thường hoại.
Thể Kim cang chư Phật,
Cũng đều qui vô thường;
Tiêu tan như băng tuyết,
Huống những người thế gian.

Sau khi Phật diệt độ, các Tỳ-kheo buồn đau, vật vã, gieo mình xuống đất, lăn lộn kêu than không tự kềm chế nổi, nức nở mà nói rằng:

"Như Lai diệt độ sao chóng thay! Thế Tôn diệt độ sao sớm thay! Đại pháp sao chìm lặn sớm thay! Quần sanh mãi suy sụp; con mắt của thế gian đã tắt."

Như thân cây lớn, trốc rễ, gãy cành. Lại như con rắn bị đứt khúc, bò trườn, uốn lượn, không biết trườn đi lối nào. Các Tỳ-kheo cũng vậy, buồn đau, vật vã, gieo mình xuống đất, lăn lộn kêu than không tự kềm chế nổi, nức nở mà nói rằng: 'Như Lai diệt độ sao chóng thay! Thế Tôn diệt độ sao sớm thay! Đại pháp sao chìm lặn sớm thay! Quần sanh mãi suy sụp; con mắt của thế gian đã tắt.'

Bấy giờ, Trưởng lão A-na-luật khuyên:

"Thôi các Tỳ-kheo, các ngài chớ buồn khóc, kẻo có hàng chư Thiên nhìn xuống ngó thấy họ chê trách."

Các Tỳ-kheo hỏi A-na-luật:

"Trên ấy có bao nhiêu Thiên thần?"

A-na-luật nói:

"Đầy kín hư không. Kể sao hết. Thảy đều ở trong hư không, bồi hồi, bứt rứt, bước đi khập khiễng, gạt nước mắt mà than rằng: 'Như Lai diệt độ sao chóng thay! Thế Tôn diệt độ sao sớm thay! Đại pháp sao chìm lặn sớm thay! Quần sanh mãi suy sụp; con mắt của thế gian đã tắt.' Như thân cây lớn, trốc rễ, gãy cành. Lại như con rắn bị đứt khúc, bò trườn, uốn lượn, không biết trườn đi lối nào. Các chư Thiên cũng vậy, thảy đều ở trong hư không, bồi hồi, bứt rứt, bước đi khập khiễng, gạt nước mắt mà than rằng: 'Như Lai diệt độ sao chóng thay! Thế Tôn diệt độ sao sớm thay! Đại pháp sao chìm lặn sớm thay! Quần sanh mãi suy sụp; con mắt của thế gian đã tắt.'

Các Tỳ-kheo suốt đêm đến sáng cùng nhau giảng luận pháp ngữ.

Trưởng lão A-na-luật bảo A-nan đi vào thành báo tin cho dân chúng dòng Mạt-la biết Phật đã diệt độ, như họ có muốn cúng dường thế nào thì mau đến kịp thời. A-nan vâng lời, đứng dậy, lễ chân Phật, rồi dắt theo một Tỳ-kheo, vừa khóc vừa đi vào thành. Từ xa A-nan trông thấy năm trăm người Mạt-la do có chút duyên sự đang nhóm tại một chỗ. Trông thấy A-nan, họ đều đứng dậy nghinh tiếp, đảnh lễ và hỏi:

"Tôn giả có việc gì đến đây sớm vậy?"

A-nan đáp:

"Vì lợi ích các ngài, nên mới sáng sớm tôi đã đến đây. Các ngài nên biết, Như Lai đêm qua đã diệt độ rồi. Các ngài muốn cúng dường thế nào thì nên đến kịp thời."

Chúng Mạt-la vừa nghe tin, ai nấy bi cảm buồn rơi lệ than kể: "Phật vào Niết-bàn sao vội quá! Con mắt của thế gian diệt mất sao mau quá!"

A-nan khuyên:

"Thôi thôi các ngài! Chớ có buồn khóc! Muốn cho pháp hữu vi không bị biến hoại, không thể nào được. Đức Như Lai đã dạy hễ có sanh tức có chết, có hội hợp tức có chia ly, hết thảy ân ái đều vô thường cả."

Chúng Mạt-la mới bàn nhau rằng:

"Chúng ta hãy trở về nhà mang hương hoa, kỹ nhạc, đi mau đến rừng cây Song thọ để cúng dường kim thân suốt một ngày, rồi thỉnh kim thân Phật đặt lên một cái giường, khiến thanh niên Mạt-la nâng bốn góc giường khiêng đi; có tràng phan, lọng tàn, đốt hương, rải hoa, trỗi nhạc, cúng dường. Đưa vào thành cửa Đông khắp các nẻo cho dân chúng cúng dường, rồi đưa ra cửa thành Tây, đến một đồi cao rộng mà trà-tỳ[2]."

Bàn xong, ai về nhà nấy, sắm sửa các thứ hương hoa, kỹ nhạc, rồi đi đến rừng Song thọ, cúng dường xá-lợi. Suốt một ngày rồi, họ đặt xá-lợi Phật lên trên một cái giường. Chúng Mạt-la cùng đến khiêng. Nhưng dở không lên.

Trưởng lão A-na-luật mới bảo:

"Này các ngài chớ nhọc công khiêng! Hiện nay có các chư Thiên muốn đến khiêng giường."

Các người Mạt-la hỏi:

"Ý chư Thiên thế nào mà lại muốn khiêng giường?"

A-na-luật đáp:

"Các người muốn mang hương hoa, kỹ nhạc cúng dường kim thân suốt một ngày, rồi thỉnh kim thân Phật đặt lên một cái giường, khiến thanh niên Mạt-la nâng bốn góc giường khiêng đi; có tràng phan, lọng tàn, đốt hương, rải hoa, trỗi nhạc cúng dường. Đưa vào thành cửa Đông

2. Xà-duy 闍維, hay trà-tỳ 茶持: hỏa táng; Pāli: jhāpetī.

khắp các nẻo cho dân chúng cúng dường, rồi đưa ra thành cửa Tây, đến một đồi cao rộng mà trà-tỳ. Theo ý chư Thiên thì muốn lưu kim thân lại trong bảy ngày để kính lễ cúng dường bằng các thứ hoa hương, kỹ nhạc, sau mới thỉnh lên giường, cho các thanh niên Mạt-la nâng bốn góc rước vào thành cửa Đông, đi khắp các nẻo để cho dân chúng cúng dường, rồi đưa ra thành cửa Bắc, qua sông Hi-liên-thiền[3] đến chùa Thiên quan[4] mà trà-tỳ. Ý chư Thiên là như vậy nên khiến cho giường bất động."

Các Mạt-la nói:

"Hay lắm! Xin tùy ý chư Thiên!"

Chúng Mạt-la bảo nhau:

"Chúng ta hãy vào thành trước, đi đến các ngõ đường, dọn bằng phẳng các con đường, quét tước, đốt hương, rồi trở lại đây để cúng dường kim thân trong bảy ngày."

Rồi các Mạt-la cùng vào thành, đi đến các ngõ đường, dọn bằng phẳng các con đường, quét tước, đốt hương, xong rồi ra khỏi thành, trở lại rừng Song thọ, dùng hương hoa, kỹ nhạc để cúng dường kim thân. Sau bảy ngày, vào lúc trời chiều, họ thỉnh kim thân Phật đặt lên một cái giường, khiến các thanh niên Mạt-la nâng bốn góc khiêng đi thong thả giữa đám đông người hộ tống, có tràng phan, hương hoa, âm nhạc cúng dường. Từ không trung các vị trời Đao-lợi dùng hoa Văn-đà-la, hoa Ưu-đàm-bát-la, hoa Ba-đầu-ma, hoa Câu-vật-đầu, hoa Phân-đà-lỵ và bột hương Chiên-đàn nhà trời rải trên kim thân và tràn ngập các ngả đường, chư Thiên tấu nhạc, quỷ thần ca ngâm.

Khi ấy các người Mạt-la nói với nhau:

"Hãy gác qua nhạc loài người. Xin tấu nhạc trời để cúng dường xá-lợi."

Rồi các người Mạt-la khiêng giường tiến tới dần, vào cửa thành phía Đông, đến mỗi ngả đường thì dừng lại để cho dân chúng đốt hương, tán hoa, trỗi nhạc cúng dường. Lúc ấy có nàng Lộ-di dòng Mạt-la vốn dốc lòng tin Phật, cầm một đóa hoa vàng lớn như bánh xe cúng dường kim thân và một bà lão cất tiếng tán thán rằng: "Các Mạt-la này may được phúc lợi lớn. Như Lai cuối cùng diệt độ tại đây. Khắp nước

---

3. Hi-liên thiền 熙連禪, hay Hi-liên, dịch Kim hà 金河; Pāli: Hiraññavatī.

4. Thiên quan tự 天冠寺, hoặc Thiên quan miếu; Pāli: Makuṭa-(bandhana)-cetiya, đền thờ phía Đông ngoài thị trấn Kusinagara.

nhân dân hớn hở cúng dường".

Họ cúng dường xong, đưa kim thân ra thành cửa Bắc, qua sông Hi-liên-thiền đến chùa Thiên quan, đặt giường xuống đất rồi thưa với A-nan:

"Chúng tôi bây giờ nên cúng dường cách nào nữa?"

A-nan bảo:

"Tôi trực tiếp nghe từ Phật, lãnh thọ lời Phật dạy rằng: muốn tẩn táng xá-lợi hãy làm như pháp tẩn táng Chuyển luân thánh vương."

Hỏi: "Phép tẩn táng Chuyển luân thánh vương là thế nào?"

Đáp: "Về phép tẩn táng Chuyển luân thánh vương, trước hết lấy nước thơm tắm rửa thân thể, rồi lấy vải bông mới quấn thân thể, rồi lấy năm trăm tấm vải lần lượt quấn vào, đặt thân vào kim quan. Sau khi đã tẩm dầu mè, lại đặt kim quan trong một cái quách thứ hai lớn bằng sắt, bên ngoài là lớp quách bằng gỗ hương Chiên-đàn. Chất các thứ vải dày, hương thơm lên trên mà trà-tỳ. Trà-tỳ xong lượm lấy xá-lợi, dựng tháp treo phan thờ tại ngã tư đường để dân chúng đi ngang trông thấy tháp của pháp vương mà tưởng nhớ lại chánh hóa của vua đã làm lợi ích cho nhiều người. A-nan, ngươi muốn tẩn táng Ta, trước hết lấy nước thơm tắm rửa thân thể, rồi lấy vải bông mới quấn thân thể, rồi lấy năm trăm tấm vải lần lượt quấn vào, đặt thân vào kim quan. Sau khi đã tẩm dầu mè, lại đặt kim quan trong một cái quách thứ hai lớn bằng sắt, bên ngoài là lớp quách bằng gỗ hương Chiên-đàn. Chất các thứ vải dày, hương thơm lên trên mà trà-tỳ. Trà-tỳ xong lượm lấy xá-lợi, dựng tháp treo phan thờ tại ngã tư đường để dân chúng đi ngang trông thấy tháp của Phật mà tưởng nhớ lại đạo hóa của Pháp vương Như Lai, sống thì được phước lợi, chết thì sanh thiên. Trừ người đã đắc đạo".

Chúng Mạt-la bảo nhau:

"Chúng ta về thành sắm sửa các đồ tẩn táng, các thứ hương hoa, bông gòn, quan quách, dầu thơm và vải lụa trắng."

Những người Mạt-la vào thành sắm sửa các thứ xong, trở lại chùa Thiên quan, dùng nước hương tắm rửa thân Phật, rồi lấy vải bông mới bọc quanh, tiếp quấn năm trăm lớp vải trắng, rồi đặt vào trong kim quan đã tẩm dầu thơm, lại đặt kim quan vào một cái quách lớn bằng sắt, rồi một cái quách gỗ Chiên-đàn bọc ngoài. Xong, lấy củi thơm chất đầy lên trên.

Tiếp đó, vị đại thần dòng Mạt-la tên Lộ-di, cầm cây đuốc lớn châm lửa vào giàn hỏa, song lửa không cháy. Các người Mạt-la trưởng lão cũng cầm lửa châm theo, song lửa vẫn không cháy. Trưởng lão A-na-luật bảo chúng Mạt-la:

"Thôi các Ngài, chẳng phải sức các ngài đốt được đâu. Lửa không cháy là vì ý chư Thiên vậy."

Chúng Mạt-la hỏi:

"Tại sao chư Thiên lại khiến cho lửa không cháy?"

A-na-luật đáp:

"Chư Thiên nhân thấy Đại Ca-diếp đang dẫn năm trăm đệ tử từ nước Ba-bà đi về cho kịp được thấy Phật khi chưa trà-tỳ. Hiện Tôn giả đang ở nửa đường. Chư Thiên biết ý nên làm cho lửa không cháy."

Chúng Mạt-la nói: "Xin để toại ý ấy".

Lúc bấy giờ, Đại Ca-diếp dắt năm trăm đệ tử, từ nước Ba-bà đi về vừa ngang giữa đường, thì gặp một người Ni-kiền Tử trong tay cầm một đóa hoa Văn-đà-la. Đại Ca-diếp đến gần hỏi:

"Này bạn! Bạn từ đâu đến?"

Ni-kiền Tử đáp: "Tôi từ thành Câu-thi đến".

Ca-diếp lại hỏi: "Bạn có biết thầy ta không?"

"Có biết".

Lại hỏi: "Thầy ta hiện nay thế nào?"

Đáp: "Đã diệt độ cách đây bảy ngày. Tôi từ đó đến, nên lượm được đóa thiên hoa này".

Ca-diếp nghe xong lòng rất buồn bã. Năm trăm Tỳ-kheo nghe Phật diệt độ, đều buồn khóc, quay cuồng kêu than không tự kềm chế nổi: "Như Lai diệt độ làm sao vội quá! Thế Tôn diệt độ sao vội quá! Đại pháp chìm lặng làm sao mau quá! Con mắt của thế gian đã diệt, chúng sanh suy đọa lâu dài! Ví như cây lớn bị trốc gốc, cành nhánh gãy đổ. Lại như rắn bị chặt đuôi, quay cuồng lăn lóc, không biết trườn đi đâu". Nhưng trong chúng ấy có một Tỳ-kheo tên Bạt-nan-đà dòng họ Thích, ngăn các Tỳ-kheo rằng:

"Các ngươi chớ lo buồn. Thế Tôn diệt độ thì chúng ta được tự do. Ông già[5] ấy trước đây thường hay bảo chúng ta nên làm thế này, không nên làm thế này. Nhưng nay về sau thì tùy ý chúng ta làm."

---

5. Nguyên văn: bỉ giả, TNM: bỉ lão.

Ca-diếp nghe rồi, lòng càng buồn, mới bảo các Tỳ-kheo sửa soạn y bát đi mau đến Song thọ trước khi chưa trà-tỳ, có thể trông thấy Phật. Các Tỳ-kheo nghe Đại Ca-diếp nói xong đều đứng dậy tùy tùng Ca-diếp đến thành Câu-thi, qua sông Hi-liên-thiền đến chùa Thiên quan, rồi đến chỗ A-nan. Hỏi han xong, đứng sang một bên, nói với A-nan:

"Chúng tôi muốn được thấy Phật một lần chót khi chưa trà-tỳ, có thể được không?"

A-nan đáp:

"Tuy chưa trà-tỳ nhưng khó mà thấy được, vì thân Phật đã được tắm nước hương, quấn một lớp kiếp-ba ngoài bọc năm trăm lớp vải trắng, đặt trong một kim quan. Kim quan lại đặt trong một cái quách bằng sắt, ngoài hết có bọc một cái quách bằng gỗ Chiên-đàn, nên khó thấy được."

Ca-diếp năn nỉ xin tới ba lần, A-nan vẫn trả lời như cũ, là khó mà thấy Phật được nữa! Ngài Đại Ca-diếp mới hướng mặt về hỏa đàn để chiêm bái, thì ngay khi ấy bỗng nhiên từ trong ba lớp quan quách, Phật đưa hai bàn chân ra ngoài. Chân có màu sắc khác lạ. Ca-diếp thấy vậy, ngạc nhiên hỏi A-nan:

"Thân Phật kim sắc, sao chân ngài lại có sắc khác?"

A-nan đáp: "Trước đây có một bà già, tiếc thương Đức Như Lai, tiến tới lấy tay vỗ vào chân Phật, để rơi nước mắt trên chân Ngài cho nên có màu sắc khác như thế". Nghe xong, Ca-diếp lại không vui, liền hướng tới hỏa đàn đảnh lễ kim thân Phật. Bốn bộ chúng và chư Thiên trên không trung cũng đồng thời tác lễ. Chân Phật bỗng không hiện nữa. Ngài Đại Ca-diếp vừa đi quanh hỏa đàn ba vòng vừa tán dương rằng:

Con nay cúi đầu lễ
Đức Đạo Sư Vô Thượng,
Thánh trí không nghĩ lường,
Thánh trí cao tột bậc.
Đức Sa-môn tối cao,
Tuyệt đối không tỳ uế,
Thanh tịnh không nhiễm ái,
Tôn quý giữa nhân thiên.
Con nay cúi đầu lễ

Đấng Đại Hùng bậc nhất,
Khổ hạnh chẳng ai bằng,
Lìa bỏ để độ sanh.
Kính lễ Đấng Thế Tôn
Không nhiễm ô trần cấu;
Tham, sân, si dứt sạch;
Vui trong hạnh không tịch.
Kính lễ Đấng Thế Tôn,
Không hai, không thể sánh.
Khéo giải thoát thế gian,
Chí Tôn giữa trời người.
Kính lễ An Ổn Trí,
Ngộ Tứ đế, tịch tịnh,
Vô thượng giữa Sa-môn,
Khiến bỏ tà về chánh.
Kính lễ đạo trạm nhiên,
Thế Tôn nơi tịch diệt.
Không nhiệt não tì uế,
Thân tâm thường vắng lặng.
Kính lễ Đấng Vô Nhiễm
Bậc trừ hết trần cấu,
Tuệ nhãn không hạn lượng,
Cam lộ tiếng oai vang.
Kính lễ Đấng Vô Đẳng,
Hy hữu khó nghĩ nghì,
Tiếng nói như sư tử,
Ở rừng không khiếp sợ.
Hàng ma, vượt bốn tánh;
Cho nên con kính lễ.

Đại Ca-diếp oai đức lớn lao và đủ bốn biện tài, vừa đọc xong bài kệ trên, thì hỏa đàn không đốt mà tự nhiên bừng cháy. Chúng Mạt-la bảo nhau:

"Ngọn lửa cháy mạnh quá khó ngăn, e cháy tiêu hết xá-lợi! Hãy tìm đâu lấy nước dập tắt."

Lúc đó có vị thần cây Song thọ đang đứng bên giàn hỏa, vốn dốc lòng tin Phật, dùng thần lực làm tắt ngọn lửa. Chúng Mạt-la lại bảo nhau: "Mười hai do-tuần chung quanh thành Câu-thi này có bao nhiêu

hoa thơm hái hết, đem về dâng cúng xá-lợi".

Rồi họ đi ra hai bên thành tìm các thứ hoa thơm đem về cúng dường xá-lợi.

Lúc đó dân Mạt-la nước Ba-bà nghe Phật diệt độ tại Song thọ, tự nghĩ: "Ta nên đến đó cầu lấy phần xá-lợi về dựng tháp cúng dường tại trong nước". Các người Mạt-la nước Ba-bà liền hạ lệnh đem bốn thứ binh là tượng binh, mã binh, xa binh, bộ binh, đi đến thành Câu-thi và cử sứ giả nói:

"Chúng tôi nghe Đức Phật đã diệt độ tại đây. Phật cũng là thầy chúng tôi. Vì lòng kính mộ Ngài, chúng tôi đến xin phần xá-lợi về nước dựng tháp cúng dường."

Vua Câu-thi đáp:

"Thật vậy, đúng như ngài nói. Nhưng vì Đức Thế Tôn đã giáng lâm và diệt độ tại đây. Nhân dân trong nước tôi tự lo cúng dường. Phiền các ngài từ xa đến cầu xá-lợi. Nhưng điều đó hẳn là không được!"

Đồng thời dân Bạt-ly nước Giá-la-phả[6], dân Câu-lỵ nước La-ma-già[7], dân chúng dòng Bà-la-môn nước Tỳ-lưu-đề[8], dân chúng dòng họ Thích nước Ca-duy-la-vệ, dân chúng dòng Lệ-xa nước Tỳ-xá-ly và vua A-xà-thế nước Ma-kiệt, nghe Đức Như Lai diệt độ tại cây Song thọ ở thành Câu-thi, đều tự nghĩ: "Ta nay nên đến đó chia phần xá-lợi".

A-xà-thế và các vua kia mới hạ lệnh trong nước đem bốn thứ binh mã tiến qua sông Hằng. Vua A-xà-thế sai Bà-la-môn Hương Tánh[9]:

"Ngươi nhân danh ta vào thành Câu-thi hỏi thăm vua Mạt-la, đời sống thường nhật có thoải mái chăng, lui tới có khỏe mạnh chăng và nói ta với quý quốc xưa nay vốn tôn kính nhau, láng giềng hòa nghĩa, chưa có xảy ra điều chi tranh tụng. Nay ta nghe Như Lai diệt độ tại quý quốc. Đối với Đức Thế Tôn, lòng ta thật hết sức tôn kính, nên chẳng quản xa xôi, đến thỉnh phần di cốt, đem về nước dựng tháp cúng dường. Nếu nhận lời, ta sẽ chia bớt tài bảo trong nước ta cho."

---

6. Giá-la-phả 遮羅頗; Pāli: Allakappa. Bạt-ly 跋離; Pāli: Buli.

7. La-ma-gia 羅摩伽, hay La-ma (Pāli: Rāmagāma), ấp của bộ tộc Câu-lỵ 拘利, (Pāli: Koliya).

8. Tỳ-lưu-đề 毗留提; Pāli: Veṭhadīpa.

9. Hương Tánh 香姓, hay phiên âm là Đồ-lô-na 徒廬那; Pāli: Doṇa.

Bà-la-môn Hương Tánh vâng lệnh, đến thành Câu-thi nói với các người Mạt-la:

"Đại vương nước Ma-kiệt có lời thăm hỏi vô vàn. Các ngài đi đứng có nhẹ nhàng không? Bước đi có khoẻ mạnh không? Và nhắn rằng, 'Ta với quý quốc xưa nay vốn tôn kính nhau, láng giềng hòa nghĩa, chưa có xảy ra điều chi tranh tụng. Nay ta nghe Như Lai diệt độ tại quý quốc. Đối với Đức Thế Tôn, lòng ta thật hết sức tôn kính, nên chẳng quản xa xôi, đến thỉnh phần di cốt, đem về nước dựng tháp cúng dường. Nếu nhận lời, ta sẽ chia bớt tài bảo trong nước ta cho'."

Các người Mạt-la trả lời:

"Quả như vậy! Quả như lời ông nói. Nhưng vì Đức Thế Tôn đã giáng lâm và diệt độ tại đây, thì nhân dân trong nước tôi tự lo cúng dường. Phiền các ngài từ xa đến cầu xin xá-lợi. Nhưng điều đó hẳn không thể được."

Các quốc vương liền triệu tập quần thần lập nghị, tụng cáo rằng:

Chúng ta hòa nghị,
Xa đến cúi đầu,
Khiêm tốn yêu cầu.
Như không chấp nhận;
Tứ binh đã sẵn.
Không tiếc thân mạng.
Dùng nghĩa không được;
Tất phải dùng lực.

Vua Câu-thi cũng triệu tập quần thần lập nghị trả lời:

Các người xa nhọc,
Khuất nhục cầu xin
Như Lai di thể;
Nhưng không cho được.
Kia muốn dùng binh,
Ta đây cũng sẵn.
Chống trả đến cùng,
Chưa từng biết sợ.

Bấy giờ, Bà-la-môn Hương Tánh đứng ra hiểu dụ mọi người:

"Chư Hiền lãnh thụ giáo huấn của Phật đã lâu, miệng tụng pháp ngôn, tâm khoác nhân hóa, thường mong cho chúng sanh thảy được an lành, nay há lẽ vì giành xá-lợi của Phật mà trở nên tàn hại nhau sao?

Di thể Như Lai nếu muốn có lợi ích rộng rãi, thì xá-lợi hiện tại nên chia ra nhiều phần."

Chúng đều khen phải. Họ lại bàn nghị nên nhờ ai đủ sức chia giúp. Mọi người đều nói Bà-la-môn Hương Tánh là người nhân trí quân bình, có thể chia được. Các quốc vương bèn sai Hương Tánh:

"Ngươi hãy vì chúng ta mà chia xá-lợi làm tám phần bằng nhau."

Được lệnh của các quốc vương, Hương Tánh đến ngay chỗ xá-lợi, cúi đầu đảnh lễ, xong từ từ trước hết nhặt lấy răng trên của Phật để riêng một nơi. Rồi bảo sứ giả mang cái răng trên của Phật đến chỗ vua A-xà-thế rằng:

"Ngươi nhân danh ta tâu lên vua rằng: 'Đại vương, đời sống thường nhật có thoải mái chăng? Bước đi có khỏe không? Xá-lợi chưa đến chắc Đại vương trông lắm? Nay tôi giao sứ giả răng trên của Như Lai để kịp cúng dường cho thỏa lòng Đại vương trông ngóng. Sáng mai, lúc sao mai mọc, xá-lợi chia xong, tôi sẽ đích thân dâng đến'."

Khi ấy, sứ giả vâng lời, đi đến chỗ vua A-xà-thế, tâu rằng:

"Bà-la-môn Hương Tánh kính lời thăm hỏi vô vàn: 'Đại vương, đời sống thường nhật có thoải mái không? Bước đi có khỏe không. Xá-lợi chưa đến chắc Đại vương trông lắm? Nay tôi giao sứ giả răng trên của Như Lai để kịp cúng dường cho thỏa lòng Đại vương trông ngóng. Sáng mai, lúc sao mai mọc, xá-lợi chia xong, tôi sẽ đích thân dâng đến'."

Tiếp đó Hương Tánh lấy một bình dung lượng chừng một thạch, rồi chia đều xá-lợi ra làm tám phần, xong, ông nói với mọi người:

"Các ngài bàn bạc cho tôi xin cái bình đó để dựng tháp thờ tại nhà riêng."

Mọi người đều nói:

"Trí tuệ thay. Như thế là thích hợp."

Và họ đồng ý cho.

Lúc đó, có người thôn Tất-bát[10] cũng đến xin phần tro còn lại để dựng tháp cúng dường. Mọi người cũng bằng lòng.

Sau khi người nước Câu-thi được xá-lợi liền dựng tháp cúng dường. Các nước Ba-bà, Giá-la, La-ma-già, Tỳ-lưu-đề, Ca-duy-la-vệ,

---

[10]. Tất-bát, hay Tất-bát-la 畢鉢羅; Pāli: Pipphala, Skt.: Pippala (nguyên tên một loại cây).

Tỳ-xá-ly, Ma-kiệt sau khi được xá-lợi đều đem về nước dựng tháp cúng dường. Bà-la-môn Hương Tánh đem cái bình dùng chia xá-lợi về nhà dựng tháp cúng dường. Dân chúng thôn Tất-bát đem phần tro còn lại về dựng tháp cúng dường.

Như vậy, xá-lợi Phật được chia thờ ở tám tháp, tháp thứ chín là cái bình, tháp thứ mười là tháp tro và tháp thứ mười một là tháp tóc, thờ tóc Phật khi còn tại thế.

Phật sanh giờ nào? Thành đạo giờ nào? Diệt độ thời nào?

Sanh khi sao Phất mọc. Xuất gia khi sao Phất mọc. Thành đạo khi sao Phất mọc. Diệt độ khi sao Phất mọc.[11]

Lưỡng Túc Tôn sanh thế nào?
Xuất gia tu khổ thế nào?
Đắc Tối thượng đạo thế nào?
Nhập Niết-bàn thành thế nào?
Mồng tám Như Lai sanh.
Mồng tám Phật xuất gia.
Mồng tám thành Bồ-đề.
Mồng tám vào diệt độ.
Sao Phaát mọc, Theá Tôn sanh.
Sao Phất mọc, Phật xuất gia.
Sao Phất mọc, thành Chánh giác.
Sao Phất mọc, nhập Niết-bàn.
Mồng tám sanh Lưỡng Túc Tôn.
Mồng tám vào rừng tu khổ.
Mồng tám thành Tối thượng đạo.
Mồng tám vào thành Niết-bàn.
Tháng hai Như Lai sanh.
Tháng hai Phật xuất gia.
Tháng hai thành Bồ-đề.
Tháng hai vào diệt độ.
Tháng hai sanh Lưỡng Túc Tôn.
Tháng hai vào rừng tu khổ.
Tháng hai thành đạo Tối thượng.
Tháng hai vào thành Niết-bàn.

[11] Phụ chú trong nguyên bản: "Đơn bản chú rằng: trong các câu hỏi, đúng ra phải có câu: 'Xuất gia giờ nào?' Các bản thảy đều khuyết".

Sa-la hoa nở rộ,
Đủ màu ánh chói nhau,
Tại chỗ bản sanh ấy,
Như Lai nhập Niết-bàn,
Đức Đại Từ Niết-bàn
Nhiều người xưng tán lễ.
Vượt qua các sợ hãi
Quyết định nhập Niết-bàn.

❑

3. KINH ĐIỂN TÔN[1]

Tôi nghe như vầy.

Một thời, Phật ở núi Kỳ-xà-quật thành La-duyệt-kỳ cùng chúng Đại Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi người. Bấy giờ có nhạc thần là Ban-giá-dực[2], trong lúc đêm thanh vắng không người, phóng ánh sáng rọi sáng núi Kỳ-xà-quật, đi đến chỗ Phật, đầu mặt đảnh lễ chân Phật rồi đứng sang một bên, bạch Đức Thế Tôn rằng:

"Đêm qua[3] Phạm thiên vương đến cõi trời Đao-lợi bàn nghị với Đế Thích. Con ở đó chính mình được nghe, nay có thể thuật lại Đức Thế Tôn nghe chăng?"

Phật đáp:

"Ngươi muốn nói thì nói."

Ban-giá-dực nói:

"Một thời, chư Thiên Đao-lợi[4] nhóm ở Pháp đường[5] để luận nghị. Lúc đó bốn Thiên vương ngồi bốn phía theo phương hướng mình. Đề-đế-lại-tra[6] Thiên vương ngồi ở phía Đông, mặt day về hướng Tây. Đế

---

1. Bản Hán, *Phật thuyết Trường A-hàm kinh*, quyển 5, "Đệ nhất phần Điển Tôn kinh Đệ tam", Đại I, tr.30b-34b. Tham chiếu, *Phật Thuyết Đại Kiên Cố Bà-la-môn Duyên Khởi kinh*, Tống, Thi Hộ dịch (Đại I, tr. 207). Tương đương: D. 19 (Deva Digh ii. 6) Mahāgovinda-suttanta; Trường II, 19 "Đại Điển Tôn".

2. Chấp nhạc thiên Ban-giá-dực Tử 執樂天般遮翼子; Pāli: Pañcasikha Gandhabbaputta, Ngũ Kế (năm búi tóc), con trai của Nhạc thần; cũng gọi là Ngũ Kế Càn-đà-bà tử 五髻乾陀婆子.

3. Hán: tạc 昨 (đêm qua), TNM: cận 近 (gần đây).

4. Đao-lợi thiên 忉利天, hay Tam thập tam thiên 三十三天; Pāli: Tāvatiṃsa.

5. Pháp giảng đường 法講堂, hay Thiện pháp đường 善法堂; Pāli: Sudhamma-sabhā, hội trường của chư Thiên Đao-lợi.

6. Đề-đế-lại-tra 提帝賴吒; Pāli: Dhataraṭṭha; Tỳ-lâu-lặc 毗樓勒; Pāli: Virūḷhaka; Tỳ-lâu-

Thích ngồi trước mặt. Tỳ-lâu-lặc Thiên vương ngồi ở phía Nam, mặt day về hướng Bắc; Đế Thích ngồi trước mặt. Tỳ-lâu-bác-xoa Thiên vương ngồi ở phía Tây, mặt day về hướng Đông; Đế Thích ngồi trước mặt. Tỳ-sa-môn Thiên vương ngồi phía Bắc, mặt day về hướng Nam; Đế Thích ngồi trước mặt. Sau khi các Thiên vương ngồi xong, con mới ngồi. Lại còn có các Đại Thiên thần khác nữa, toàn là những người đã từng theo Phật tu hành phạm hạnh, khi mệnh chung ở đây, được sanh lên cõi trời Đao-lợi, khiến cho chư Thiên ở đó thêm được năm thứ phước: tuổi thọ cõi trời, sắc đẹp cõi trời, danh xưng cõi trời, âm nhạc cõi trời và oai đức trời. Bấy giờ chư Thiên Đao-lợi vui mừng phấn khởi nói rằng:

"Mong chúng chư Thiên tăng gia, chúng A-tu-la giảm thiểu."

"Lúc ấy, Thích Đề-hoàn Nhân[7] biết chư Thiên có điều vui mừng, bèn vì chư Thiên Đao-lợi mà làm bài tụng rằng:

Chúng chư Thiên Đao-lợi,
Cùng Đế Thích hoan lạc,
Cung kính lễ Như Lai,
Đấng Pháp Vương tối thượng.
Chư Thiên thọ phước báo,
Thọ, sắc, danh, nhạc, uy.
Theo Phật tu phạm hạnh,
Nên sanh vào nơi đây.
Lại có các thiên nhân,
Ánh màu sáng chói lọi.
Đệ tử trí tuệ Phật,
Sanh đây càng trỗi vượt.
Đao-lợi và Nhân-đề,
Nghĩ thế mà sung sướng.
Cung kính lễ Như Lai,
Đấng Pháp Vương tối thượng.

Chư Thiên Đao-lợi sau khi nghe bài kệ ấy, lại càng vui mừng không thể tự chế:

"Mong chúng chư Thiên gia tăng, chúng A-tu-la giảm thiểu."

Thích Đề-hoàn Nhân thấy chư Thiên Đao-lợi vui mừng hớn hở,

---

bác-xoa 毗 樓 博 叉; Pāli: Virūpaka; Tỳ-sa-môn 毗 沙 門; Pāli: Vessavaṇa.

7. Thích Đề-hoàn Nhân 釋 提 桓 因, cũng gọi là Thiên đế Thích 天 帝 釋; Pāli: Sakka devānaṃ Inda: Chủ tể chư Thiên có tên là Sakka.

bèn bảo họ rằng:

"Chư Hiền có muốn nghe Tám pháp vô đẳng về Như Lai[8] không?"

Chư Thiên đáp:

"Chúng tôi muốn nghe."

Đế Thích nói:

"Hãy lắng nghe, hãy khéo suy nghĩ. Này chư Hiền, Đức Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác, đầy đủ mười hiệu. Ta không thấy có ai trong quá khứ, vị lai, hiện tại có đủ mười đức hiệu Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác như Phật.

"Pháp Phật vi diệu, được khéo giảng thuyết, được người trí thật hành. Ta không thấy có ai trong quá khứ, vị lai, hiện tại có giáo pháp vi diệu như Phật.

"Phật do pháp ấy mà tự giác ngộ, thông đạt vô ngại, trú trong an lạc[9]. Ta không thấy có ai trong quá khứ, vị lai, hiện tại có thể ở nơi pháp ấy mà tự giác ngộ, thông đạt vô ngại, tự tại an vui như Phật.

"Chư Hiền! Phật do pháp ấy mà tự giác ngộ rồi còn có thể khai thị con đường dẫn đến Niết-bàn, thân cận[10], dần dần đến chỗ nhập vào nơi tịch diệt. Ví như nước sông Hằng và nước sông Diệm-ma[11], cả hai dòng sông đều chảy vào biển cả. Phật cũng vậy. Có thể khai thị con đường dẫn đến Niết-bàn, thân cận, dần dần đến chỗ nhập vào nơi tịch diệt. Ta không thấy có ai trong quá khứ, vị lai, hiện tại có thể khai thị con đường dẫn đến Niết-bàn được như Phật.

"Chư Hiền! Như Lai thành tựu quyến thuộc, gồm những người có trí tuệ, Sát-lỵ, Bà-la-môn, Cư sĩ, Sa-môn. Ta không thấy có ai trong quá khứ, vị lai, hiện tại có được quyến thuộc như Phật.

"Chư Hiền! Như Lai thành tựu đại chúng. Đó là Tỳ-kheo, Tỳ-

---

8. Như Lai bát vô đẳng pháp 如來八無等法; Pāli: attha yathābhuccavaṇṇnā: tám sự tán thán Như Lai một cách chân thật.

9. Hán: thông đạt vô ngại dĩ tự ngu lạc 通達無礙以自娛樂.

10. Thân cận 親近; Pāli: saṃsandati (?): giao lưu. So D.19 (Deva Dig ii. 4 tr. 169): supañňattā… nibbānagāminī paṭipadā, saṃsandati nibbāban ca patipadā ca, "con đường dẫn đến Niết-bàn được thiết lập khéo léo. Niết-bàn và con đường hợp nhất" (Trường II, tr.86). Paṭipadā, có nghĩa đạo lộ, cũng có nghĩa phương pháp.

11. Diệm-ma 炎摩; Pāli: Yamunā, chi lưu của sông Hằng.

kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di. Ta không thấy ai trong quá khứ, vị lai, hiện tại thành tựu đại chúng như Phật.

"Chư Hiền! Ngôn và hành của Như Lai tương ưng. Nói đúng như làm, làm đúng như nói, thành tựu pháp và tùy pháp. Ta không thấy có ai trong quá khứ, vị lai, hiện tại mà ngôn hành tương ưng, pháp pháp thành tựu như Phật.

"Chư Hiền! Như Lai vì lợi ích mọi người, vì an lạc mọi người; với lòng từ mẫn, Ngài làm lợi ích cho chư Thiên và nhân loại. Ta không thấy có ai trong quá khứ, vị lai, hiện tại vì lợi ích mọi người, vì an lạc mọi người như Phật.

"Chư Hiền, đó là Tám pháp vô đẳng về Như Lai."

Khi ấy có vị Đao-lợi nói:

"Giả sử thế gian được tám Đức Phật ra đời một lượt, thời sẽ làm tăng nhiều chư Thiên mà giảm bớt chúng A-tu-la."

Vị trời khác nói:

"Đừng nói chi tám Đức Phật, dẫu cho có bảy Phật, sáu Phật đến hai Đức Phật ra đời, cũng làm cho thêm nhiều chúng chư Thiên mà giảm bớt chúng A-tu-la."

Thích Đề-hoàn Nhân liền nói với trời Đao-lợi:

"Ta được nghe từ Phật, trực tiếp lãnh giáo từ Phật, thì không bao giờ có thể có hai Đức Phật ra đời một lần. Nhưng nếu một Đức Như Lai mà Ngài ở đời lâu dài, vì thương mọi người, vì ích lợi cho nhiều người, vì an lạc cho chư Thiên và nhân loại, thời cũng có thể tăng nhiều chúng chư Thiên mà giảm bớt chúng A-tu-la vậy."

Rồi Ban-giá-dực bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, chư Thiên Đao-lợi sở dĩ tập họp tại Pháp giảng đường, ấy là để bàn luận, tư duy, thương lượng, xem xét giáo lệnh được ban ra. Rồi trao cho Tứ thiên vương. Tứ thiên vương sau khi thọ lãnh, mỗi vị ngồi đúng theo chỗ của mình. Không bao lâu, có ánh sáng lớn kỳ lạ chiếu sáng bốn phương. Chư Thiên Đao-lợi nhìn thấy ánh sáng ấy thảy đều kinh sợ: 'Nay ánh sáng lạ này, sắp có điều gì quái lạ chăng?' Các Đại Thiên thần có oai đức cũng đều kinh sợ: 'Nay ánh sáng lạ này, sắp báo điều gì quái lạ chăng?'

"Khi ấy, Đại phạm vương tức thì hóa làm đồng tử đầu có năm

chỏm[12], đứng giữa hư không, bên trên đại chúng, gương mặt xinh đẹp vượt hẳn đám đông, thân màu vàng tía, che mờ ánh sáng chư Thiên. Chư Thiên Đao-lợi không đứng dậy nghinh đón, cũng không cung kính, không mời ngồi. Khi Phạm đồng tử ngồi vào chỗ ngồi của vị trời nào thì vị ấy rất hoan hỷ. Ví như vua Quán đảnh thuộc dòng Sát-lỵ, khi làm lễ đăng quang, khi ấy vua rất hoan hỷ phấn khởi.

"Ngồi chưa lâu, Đại phạm lại tự biến thành hình tượng đồng tử đầu có năm chỏm, ngồi giữa hư không, bên trên đại chúng, như một lực sĩ ngồi trên chỗ ngồi vững chắc, vòi vọi bất động và làm bài tụng:

Chúng chư Thiên Đao-lợi,
Cùng Đế Thích hoan lạc,
Cung kính lễ Như Lai,
Đấng Pháp Vương tối thượng.
Chư Thiên thọ phước báo:
Thọ, sắc, danh, nhạc, uy.
Theo Phật tu phạm hạnh,
Nên sanh vào nơi đây.
Lại có các thiên nhân,
Ánh màu sáng chói lọi.
Đệ tử trí tuệ Phật,
Sanh đây càng trỗi vượt.
Đao-lợi và Nhân-đề,
Nghĩ thế mà sung sướng.
Cung kính lễ Như Lai,
Đấng Pháp Vương tối thượng.

"Rồi thì, chư Thiên Đao-lợi nói với Đồng tử: 'Chúng tôi đã nghe Thiên Đế Thích tán thán Tám pháp vô đẳng về Như Lai, thảy đều hoan hỷ phấn khởi không thể tự chế.' Phạm đồng tử bèn nói với chư Thiên: 'Tám pháp vô đẳng về Như Lai là những gì? Ta cũng muốn nghe.' Thiên Đế Thích bèn nói cho Đồng tử nghe Tám pháp vô đẳng về Như Lai. Chư Thiên Đao-lợi nghe lần nữa, bội phần hoan hỷ phấn khởi không kể xiết: 'Mong chúng chư Thiên tăng thịnh, chúng A-tu-la giảm thiểu.'

"Khi ấy Đồng tử thấy chư Thiên hoan hỷ lại càng phấn khởi, bèn

---

12. Đồng tử đầu ngũ giác kế 童子頭五角髻; D.19, sđd.: Phạm thiên Sanaṅkumāra (Thường đồng hình) hóa làm đồng tử có tên Pañcasikha (Ngũ kế đồng tử). Bản Hán không coi Sanaṅkumāra và Pañcasikha là những tên người.

nói với chư Thiên Đao-lợi rằng: 'Các ngươi muốn nghe Một pháp vô đẳng không?' Đao-lợi thiên đáp: 'Hay lắm, chúng tôi muốn nghe.' Đồng tử nói: 'Hãy lắng nghe, ta sẽ nói cho'."

'Này chư Thiên Đao-lợi! Đức Như Lai xưa kia, lúc Ngài còn làm Bồ-tát, sanh bất cứ chỗ nào thảy đều thông minh túc trí.

'Này chư Hiền, vào thời quá khứ xa xưa, có vị vua tên Địa Chủ, vua có một thái tử tên Từ Bi. Đại thần của vua tên Điển Tôn và con đại thần tên Diệm Man. Thái tử Từ Bi có bạn và bạn này thường kết giao với sáu vị đại thần dòng Sát-lỵ khác[13].

'Đại vương Địa chủ mỗi khi muốn vào thâm cung du hý, đem quốc sự ủy thác lại đại thần Điển Tôn. Rồi sau đó mới vào cung hát xướng, hoan lạc với ngũ dục.

'Đại thần Điển Tôn khi muốn xử lý quốc sự thì trước đem việc đó hỏi con, sau mới quyết định. Hoặc có phân xử điều gì cũng nghe theo ý con. Sau bỗng nhiên đại thần Điển Tôn mệnh chung. Vua Địa Chủ nghe tin, buồn thương thảm thiết, đấm ngực mà than rằng: 'Quái thay! Sao vô phúc! Quốc gia mất người lương bật.' Thái tử Từ Bi thầm nghĩ: 'Vua vì mất Điển Tôn mà sinh ưu khổ. Ta hãy đến can vua, chớ nên vì cái tang ấy mà buồn khổ. Vì sao? Vì đại thần Điển Tôn hiện có con tên là Diệm Man còn thông minh túc trí hơn cha. Nay vua có thể triệu vào để giao xử lý quốc sự'.

'Rồi thái tử Từ Bi liền đến vua tâu bày ý kiến. Vua nghe lời, cho triệu Diệm Man đến bảo rằng: 'Nay ta bổ sung ngươi vào chức vị của cha ngươi, trao cho ngươi ấn tướng.' Diệm Man lãnh ấn tướng xong, khi vua muốn vào thâm cung thì đem quốc sự giao cho Diệm Man.

'Diệm Man vốn đã biết rõ việc trị lý. Chẳng những những điều trước kia cha làm Diệm Man biết rõ, mà điều trước kia cha không thể làm Diệm Man cũng biết rõ. Về sau danh Diệm Man truyền khắp quốc nội, nên thiên hạ đều tôn xưng là Đại Điển Tôn.

'Đại Điển Tôn nghĩ: 'Nay vua Địa Chủ, tuổi đã già yếu, sống chẳng bao lâu. Nếu bây giờ thái tử nối ngôi cũng chưa khó lắm. Có lẽ ta nên đến nói với sáu đại thần Sát-lỵ: 'Nay vua Địa Chủ, tuổi đã già yếu, sống chẳng bao lâu. Nếu bây giờ thái tử nối ngôi cũng chưa khó

---

13. Địa Chủ 地主: Disampati; Từ Bi 慈悲: Reṇu; Điển Tôn 典尊: Govinda; Diệm Man 焰鬘: Jotipāla.

lắm. Nhưng các ông cũng nên phong riêng vương thổ. Cái ngày ở ngôi cũng đừng quên nhau vậy.'

'Thế rồi Đại Điển Tôn đi đến sáu đại thần Sát-lỵ kia, nói rằng: 'Này các ông nên biết, nay vua Địa Chủ tuổi đã già yếu, chẳng còn sống bao lâu, nếu tôn thái tử lên ngôi cũng không khó lắm. Các ông nên đến tỏ ý này với thái tử rằng: 'Chúng tôi với ngài, biết nhau từ nhỏ. Ngài khổ chúng tôi khổ, ngài vui chúng tôi vui, nay vua đã già yếu, chẳng còn sống bao lâu, vậy thái tử muốn lên nối ngôi vua không khó. Giả sử ngài lên ngôi, xin ngài hãy phong đất cho chúng tôi.'

'Rồi sáu đại thần Sát-lỵ liền đến tỏ với thái tử. Thái tử trả lời: 'Giả sử ta lên ngôi, chia đất phong quốc, ta còn phong cho ai khác hơn?' Không bao lâu, vua băng hà. Đại thần trong nước đến bái yết thái tử, tôn lên kế vị. Lên ngôi xong, tân vương thầm nghĩ: 'Nay lập chức Tể tướng nên chuẩn theo Tiên vương. Nhưng người nào xứng đáng để cử chức đó? Hẳn phải là Đại Điển Tôn mới được.' Vua Từ Bi liền triệu Đại Điển Tôn đến bảo: 'Nay ta cử ngươi lên chức vị Tể tướng và trao ấn tín cho. Ngươi hãy chuyên cần tổng lý quốc sự.' Đại Điển Tôn vâng lệnh, lãnh ấn.

'Mỗi khi vua lui vào cung, thì bao nhiêu quốc sự đều phó thác cả cho Đại Điển Tôn. Đại Điển Tôn thầm nghĩ: 'Ta nay nên đến sáu vị Sát-lỵ để hỏi thử xem họ có nhớ lời trước kia không.' Bèn đi đến nói với sáu đại thần Sát-lỵ: 'Các ngài có nhớ lời đã nói khi trước không? Nay thái tử đã lên ngôi vua, ở kín trong thâm cung, vui thú ngũ dục. Các ngài nay nên đến tâu hỏi vua: 'Vua ở ngôi trời, vui thú ngũ dục, vậy còn có nhớ lời nói trước kia chăng?''

'Sáu vị Sát-lỵ nghe lời ấy xong liền đến chỗ vua, tâu: 'Vua ở ngôi trời, vui thú ngũ dục, vậy còn có nhớ lời nói trước kia chăng? Rằng: Cắt đất phong ấp, ai xứng đáng ở đó?' Vua đáp: 'Không quên! Xưa ta có nói, chia đất phong ấp, phi các khanh còn ai được.'

'Tiếp đó vua thầm nghĩ: 'Cõi đất Diêm-phù-đề này trong rộng ngoài hẹp[14]. Người nào có khả năng phân nó làm bảy phần?' Rồi lại nghĩ: 'Hẳn phải là Đại Điển Tôn mới làm được việc này.' Vua liền triệu Đại Điển Tôn đến nói rằng: 'Ngươi hãy chia cõi đất Diêm-phù-đề này ra làm bảy phần.' Khi được lệnh, Đại Điển Tôn liền phân bảy

[14]. D.19 sđd.: tr.175: phiá Bắc rộng, phía Nam như phần trước cỗ xe (imam mahāpathaviṃ uttarena āyataṃ dakkhiṇena sakaṭamukhaṃ).

phần. Thành, thôn ấp, quận quốc do vua cai trị thảy làm một phần. Sáu nước Sát-lỵ đại thần là được chia cho mỗi bộ phận. Vua lấy làm hài lòng nói: 'Nguyện vọng của ta đã thỏa. Sáu đại thần Sát-lỵ cũng sung sướng cho nguyện vọng mình đã thỏa. Công việc này thành được là nhờ Đại Điển Tôn vậy.'

'Sáu vua dòng Sát-lỵ lại tự nghĩ: 'Nước ta mới lập, phải cần có vị phụ tướng. Nhưng biết ai có thể đảm đương được? Nếu có ai như Đại Điển Tôn, ta sẽ khiến kiêm thông lãnh quốc sự.'

'Sáu vua Sát-lỵ đều mời Đại Điển Tôn đến bảo: 'Nước ta cần phụ tướng. Khanh hãy vì ta kiêm thông, lãnh quốc sự.' Cả sáu nước đều trao tướng ấn cho Đại Điển Tôn. Đại Điển Tôn nhận tướng ấn xong, sáu vua lui vào hậu cung hưởng thụ dục lạc. Đại Điển Tôn được giao luôn quốc sự và xử lý luôn công việc cả bảy nước; thảy đều thành tựu cả.'

'Đồng thời trong nước có bảy đại cư sĩ, Đại Điển Tôn cũng xử lý luôn việc nhà giúp họ. Ông lại có thể dạy bảo cho bảy người Phạm chí đọc tụng kinh điển.'

'Bảy quốc vương kính xem ông như thần minh. Bảy đại cư sĩ kính xem ông như Đại vương. Còn bảy Phạm chí kính xem ông như Phạm thiên. Họ đều thầm nghĩ rằng: 'Tể tướng Đại Điển Tôn thường gặp gỡ Phạm thiên, chuyện trò đi đứng thân thiện với Phạm thiên.' Đại Điển Tôn thầm biết ý tưởng bảy vua, cư sĩ và Phạm chí, rằng: 'Ta thường gặp gỡ Phạm thiên, chuyện trò đi đứng thân thiện với Phạm thiên. Nhưng ta thật chưa từng thấy Phạm thiên, chưa từng nói chuyện với Phạm thiên. Ta không thể làm thinh để vọng nhận tiếng khen đó. Ta cũng từng nghe các vị kỳ túc nói: Ai trong bốn tháng mùa hạ ở nơi nhàn tĩnh tu tập Bốn vô lượng tâm thời trời Phạm thiên sẽ xuống gặp. Nay ta nên tu Bốn vô lượng tâm để được Phạm thiên xuống gặp chăng?'

'Rồi thì, Đại Điển Tôn tìm đến bảy quốc vương nói rằng: 'Tâu Đại vương, mong Đại vương hãy trông nom quốc sự. Tôi muốn vào bốn tháng mùa hạ tu Bốn vô lượng tâm.' Bảy vua nói: 'Khanh tự biết thời.'

'Đại Điển Tôn lại đến nói với bảy cư sĩ: 'Các ông hãy tự lo công việc của mình. Ta muốn vào bốn tháng mùa hạ, tu Bốn vô lượng tâm.' Các cư sĩ đáp: 'Vâng. Ngài tự biết thời.'

'Lại nói với bảy trăm Phạm chí: 'Các khanh hãy siêng năng đọc tụng và chỉ bảo lẫn nhau. Ta muốn vào bốn tháng mùa hạ, tu Bốn vô lượng tâm.' Các Phạm chí đáp: 'Vâng. Đại sư tự biết thời.'

'Rồi Đại Điển Tôn ở phía Đông thành ấy dựng một am thất, vào bốn tháng mùa hạ, nghỉ ở đó mà tu Bốn vô lượng tâm. Nhưng Phạm thiên vẫn không hiện xuống. Đại Điển Tôn thầm nghĩ: 'Ta nghe các bậc túc cựu nói, tu Bốn vô lượng tâm trong bốn tháng hạ thì sẽ có Phạm thiên hiện xuống, nhưng nay sao lặng lẽ không thấy dấu tích gì.'

'Đến ngày rằm trăng tròn, Đại Điển Tôn ra khỏi tịnh thất, đến chỗ đất trống, ngồi, chưa bao lâu bỗng có ánh sáng lạ hiện tới. Đại Điển Tôn tự nghĩ: Nay ánh sáng lạ đó là điềm Phạm thiên hiện xuống chăng?

'Ngay khi ấy Phạm thiên hóa làm một đồng tử đầu có năm chỏm, ngồi giữa không, bên trên chỗ Đại Điển Tôn. Đại Điển Tôn sau khi thấy bèn nói bài tụng rằng:

Đây là thiên tượng gì,
Ở ngay giữa hư không,
Sáng chói cả bốn phương,
Như đống củi cháy hực?

Phạm đồng tử đáp lại bằng bài kệ:

Duy chư Thiên cõi Phạm
Biết ta Phạm đồng tử.
Những người khác bảo ta
Thờ tự bởi thần Lửa.

Đại Điển Tôn đáp bằng bài kệ:

Nay tôi sẽ thưa hỏi;
Vâng dạy, rất thành kính.
Dọn các thứ thượng vị,
Nguyện Trời biết lòng tôi.

Phạm đồng tử lại nói kệ:

Nay dọn cúng dường này,
Điển Tôn, ngươi tu gì?
Muốn gì, chí cầu gì?
Ta sẽ trao cho ngươi.

'Lại bảo Điển Tôn:

'Ngươi muốn hỏi gì tùy ý hỏi. Ta sẽ nói cho.'

'Đại Điển Tôn thầm nghĩ: Ta nên hỏi việc hiện tại chăng? Hay việc vị lai? Rồi lại tự nghĩ: Việc hiện tại đời này cần gì nữa hỏi. Ta hãy hỏi việc u minh chưa tỏ. Liền hướng đến Phạm đồng tử nói bài kệ:

Tôi xin hỏi Phạm đồng,
Nhờ giải quyết mối nghi;
Học và trụ pháp gì,
Được sanh lên Phạm thiên?

'Phạm đồng tử đáp:

Dứt ý tưởng ta, người;
Độc cư, tu Từ tâm;
Trừ dục, không xú uế,
Được sanh lên Phạm thiên.

'Đại Điển Tôn nghe xong bài kệ, liền suy nghĩ: 'Phạm đồng tử thuyết kệ là nên trừ xú uế. Ta không hiểu điều này. Vậy cần hỏi thêm nữa'. Bèn nói kệ:

Phạm kệ nói xú uế,
Xin giải rõ tôi hay,
Ai mở [15] *cửa thế gian,*
Đọa ác, không sanh thiên?

'Phạm đồng tử đáp bằng bài kệ:

Dối trá và tật đố,
Ngã mạn, tăng thượng mạn
Tham dục, sân nhuế, si
Mặc tình chứa đầy tâm,
Là thế gian xú uế;
Ta nói cho ngươi rõ.

---

15. Hán: khai thế gian môn 開世間門. TNM: bế thế gian môn. D.19 sđd.: tr.180: kena… nivutabrahmalokā' ti, cái gì đóng cửa Phạm thiên giới?

Nó mở cửa thế gian;
Đọa ác, không sanh thiên.

'Nghe xong, Đại Điển Tôn thầm nghĩ: 'Theo lời của Đồng tử, bây giờ ta đã hiểu nghĩa chữ xú uế. Nhưng tại gia thì không thể dứt trừ được. Tốt hơn ta có nên bỏ đời, xuất gia, cạo bỏ râu tóc, mặc pháp phục, tu đạo chăng?' Khi ấy Phạm đồng tử biết được ý nghĩ của ông, bèn nói bài kệ:

Nếu ngươi hay dũng mãnh,
Chí đó thật tuyệt vời;
Là hành vi bậc trí;
Chết tất sanh Phạm thiên.

'Thế rồi Phạm đồng tử bỗng nhiên biến mất.

'Bấy giờ, Đại Điển Tôn trở về, đi đến bảy vua, tâu rằng: 'Tâu Đại vương, mong ngài đem sức thần mà xử lý quốc sự. Nay tôi có ý xuất gia, bỏ đời, mặc pháp phục tu đạo. Vì sao vậy? Tôi thân nghe từ Phạm thiên nói đến sự xú uế mà lòng rất ghét. Nếu tại gia thì không sao loại trừ được nó.' Bảy quốc vương thầm nghĩ: 'Bọn Bà-la-môn thường hay tham tài bảo, có lẽ ta nên mở rộng kho tàng cho ông ta cần dùng gì tùy ý, để đừng xuất gia.' Rồi vời Đại Điển Tôn đến bảo: 'Ngươi muốn cần dùng gì ta đều cấp cả, không cần xuất gia.' Đại Điển Tôn tâu đáp: 'Tôi đã được vua ân tứ rồi. Tôi cũng có nhiều tài bảo. Nay xin để lại hết dâng Đại vương. Xin cho tôi được thỏa chí nguyện xuất gia thôi.'

'Bảy quốc vương lại thầm nghĩ: 'Những người Bà-la-môn thường ham mỹ sắc, có lẽ ta đem thể nữ trong cung cấp cho vừa ý, để khỏi xuất gia.' Rồi nói với Đại Điển Tôn: 'Nếu cần thể nữ ta cấp hết cho ngươi. Không cần xuất gia nữa.' Đại Điển Tôn đáp: 'Nay tôi đã được vua ân tứ rồi. Nhưng trong nhà tôi thể nữ có nhiều nay cho về hết. Tôi chỉ mong lìa ân ái để xuất gia hành đạo vì tôi thân nghe Phạm đồng tử nói điều xú uế mà lòng nhàm ghét. Nếu tại gia thì không sao trừ được.'

'Rồi Đại Điển Tôn nói bài kệ cho vua Từ Bi nghe:

Vua hãy nghe tôi nói
Vua là bậc nhân tôn,
Cho tài bảo, thể nữ
Thứ ấy phi sở thích.

'Vua Từ Bi đáp bằng bài kệ:

Thành Đàn-đặc, Già-lăng.
Thành A-bà, Bố-hòa.
Thành A-bàn, Đại-thiên.
Thành Ương-già, Chiêm-bà.
Số-di, Tát-la thành
Tây-đà, Lộ-lâu thành
Thành Bà-la, Già-thi.[16]
Thảy do Điển Tôn dựng.
Có bao nhiêu ngũ dục,
Ta sẽ cùng cho ngươi;
Hãy cùng trông việc nước
Chớ bỏ mà xuất gia.

'Điển Tôn trả lời bằng bài kệ:

Ngũ dục, tôi không thiếu.
Chỉ không ham thế gian.
Sau khi nghe trời nói,
Không còn muốn tại gia.

'Vua Từ Bi đáp lại bằng bài kệ:

Lời Đại Điển Tôn nói,
Được nghe từ Trời nào,
Mà dứt bỏ ngũ dục?
Nay hỏi, mong trả lời.

'Đại Điển Tôn nói kệ:

Xưa tôi ở chỗ vắng,
Một mình, tự suy tư.
Rồi Phạm thiên vương đến,
Tỏa hào quang rực sáng.
Tôi nghe được từ Ngài;
Không còn ham thế gian.

16. Đàn-đặc 檀特 (Dantapura) cho bộ tộc Già-lăng 伽陵 (Kaliṅga); Bố-hòa 布和 (Potana) cho A-bà 阿婆 (hay A-sa 阿娑; Pāli: Assaka); Đại thiên 大天 (Mahesa, hay Mahissatī) cho A-bàn 阿槃 (Avantī); Chiêm-bà 瞻婆 (Campā) cho Ương-già 鴦伽 (Aṅga); Bà-la 婆羅 (Bārāṇasī) cho Già-thi 伽尸 (Kāsī). Còn lại 2 thành, bản Hán khó dò. Có thể: Lộ-lâu thành 路樓城 (Roruka) cho dân Số-di 數彌 (Sovīra); Tát-la thành 薩羅城 (Mithila) cho dân Tây-đà 西陀 (Videha). Xem D. 19, Trường II tr.105-106.

‘Vua Từ Bi nói kệ:

Hãy chờ, Đại Điển Tôn!
Để cùng hoằng thiện pháp;
Rồi sau cùng xuất gia.
Khanh là thầy của ta.
Ví như trong hư không,
Thanh tịnh, đầy lưu ly;
Nay ta tín thanh tịnh,
Đầy khắp trong Phật pháp.

‘Rồi Đại Điển Tôn lại làm bài tụng:

Chư Thiên và người đời,
Đều nên xả ngũ dục;
Chùi sạch các ô uế,
Mà tịnh tu phạm hạnh.

‘Bấy giờ bảy vị quốc vương nói với Đại Điển Tôn:

‘Ngươi nên hoãn lại bảy năm để cùng nhau vui thú ngũ dục. Sau đó chúng ta cùng bỏ nước, giao lại cho con em, cùng xuất gia. Há không hay hơn sao? Những gì ngươi sở đắc, chúng ta cũng đồng.’

‘Đại Điển Tôn đáp: “Thế gian vô thường, mạng người mau chóng, chỉ trong hơi thở còn khó bảo toàn. Nay hoãn đến bảy năm chẳng quá lâu lắm sao?” Bảy vua nói: “Bảy năm lâu thì sáu, năm... hoặc một năm cũng được. Chúng ta lưu lại trong tĩnh cung để cùng chung vui hưởng ngũ dục tuyệt thế. Sau đó chúng ta cùng bỏ nước, giao lại cho con em, cùng xuất gia. Há không hay hơn sao? Những gì ngươi sở đắc, chúng ta cũng đồng.’

‘Đại Điển Tôn vẫn đáp: “Thế gian vô thường, mạng người mau chóng, chỉ trong hơi thở còn khó bảo toàn. Nên dầu cho một năm vẫn còn lâu; thậm chí bảy tháng, hay một tháng cũng không thể được”. Bảy vua nói tiếp: “Thôi hoãn bảy ngày”. Đại Điển Tôn đáp: “Bảy ngày không lâu, có thể hoãn được. Xin Đại vương chớ sai lời. Quá bảy ngày nếu vua không xuất gia thì tôi xuất gia một mình”.

‘Rồi Đại Điển Tôn lại đến bảy cư sĩ, bảo họ: ‘Mỗi người hãy tự lo lấy công việc của mình. Tôi muốn xuất gia, tu đạo vô vi. Vì sao vậy? Ta thân nghe từ Phạm thiên, nói đến sự xú uế mà lòng rất ghét. Nếu tại gia thì không sao dứt trừ được.”

‘Bảy cư sĩ đáp Đại Điển Tôn: “Lành thay, chí hướng ấy. Hãy làm

những gì thích hợp. Chúng tôi cũng muốn cùng xuất gia theo. Những gì ông sở đắc, chúng tôi cũng nên đồng."

'Đại Điển Tôn lại đến nói với bảy trăm Phạm chí:

'Các ngươi hãy siêng năng phúng tụng, tìm rộng đạo nghĩa, rồi dạy bảo lẫn nhau. Ta muốn xuất gia tu đạo vô vi. Vì sao? Ta thân nghe từ Phạm thiên nói đến xú uế mà lòng rất ghét. Nếu tại gia thì không thể dứt trừ được."

'Bấy giờ bảy trăm Phạm chí nói với Đại Điển Tôn:

'Đại sư, chớ xuất gia. Sống gia đình thì an vui, hưởng thụ ngũ dục, có nhiều người hầu hạ, tâm không ưu khổ. Người xuất gia sống một mình ở chỗ hoang vắng; muốn gì đều không có, chẳng ham lấy được gì."

'Đại Điển Tôn đáp: "Nếu ta cho tại gia là vui, xuất gia là khổ, hẳn ta không xuất gia. Nhưng ta đã cho tại gia là khổ, xuất gia là vui, nên ta xuất gia".

'Các Phạm chí nói: "Đại sư xuất gia, chúng tôi cũng xuất gia. Đại sư làm gì, chúng tôi làm theo cả".

'Đại Điển Tôn lại đến nói với các bà vợ: "Nay các ngươi được tùy nghi. Ai muốn ở thì ở. Ai muốn về thì về. Nay ta muốn xuất gia cầu đạo vô vi." Rồi kể hết sự việc như trên và nói rõ ý muốn xuất gia. Các phu nhân đáp: "Đại Điển Tôn nếu còn ở nhà, thì vừa là chồng cũng vừa như cha chúng tôi. Nay nếu xuất gia, chúng tôi sẽ xin đi theo. Việc gì Đại Điển Tôn làm, chúng tôi cũng sẽ làm".

'Sau bảy ngày, Đại Điển Tôn cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, bỏ nhà mà đi. Đồng thời, bảy quốc vương, bảy cư sĩ, bảy trăm Phạm chí, bốn mươi phu nhân, cũng lần lượt xuất gia. Lần hồi lên tới tám vạn bốn ngàn người, đồng thời theo Đại Điển Tôn xuất gia. Đại Điển Tôn thường cùng đại chúng dạo qua các nước, hóa độ rộng rãi, đem lại ích lợi cho nhiều người.

'Bấy giờ Phạm vương bảo với Thiên chúng: "Các ngươi chớ nghĩ đại thần Điển Tôn lúc đó là ai đâu khác. Chính là tiền thân của Đức Phật Thích-ca hiện nay vậy. Thế Tôn vào lúc ấy, sau bảy ngày, xuất gia tu đạo, dẫn các đại chúng du hành các nước, hóa độ rộng rãi, làm lợi ích cho nhiều người. Nếu có nghi lời ta nói, các ngươi hãy đến Đức Thế Tôn hiện ngự tại núi Kỳ-xà-quật để hỏi. Như những gì Phật dạy, hãy gắng nhớ lấy".'

Nhạc thần Ban-giá-dực bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn! Vì duyên cớ đó nên hôm nay con đến đây. Bạch Thế Tôn, Đại Điển Tôn kia chính là Thế Tôn đó phải không? Thế Tôn qua bảy ngày thì xuất gia tu đạo; cùng với bảy quốc vương, cho đến tám vạn bốn ngàn người đồng thời xuất gia, cùng chúng du hành các nước, giáo hóa rộng rãi, làm lợi ích cho nhiều người phải không?"

Phật đáp Ban-giá-dực:

"Đại Điển Tôn lúc đó là ai khác chăng? Chớ nghĩ như vậy. Chính là thân Ta đó. Lúc bấy giờ, gái trai cả nước mỗi khi đi lại, cử động, có điều gì nguy khốn, họ liền cất tiếng niệm: Nam mô Đại Điển Tôn, vị Tể tướng của bảy vua. Nam mô Đại Điển Tôn, vị Tể tướng của bảy vua. Niệm đến ba lần như vậy.

"Này Ban-giá-dực! Đại Điển Tôn lúc đó tuy có oai đức lớn, nhưng không thể vì đệ tử giảng nói đạo cứu cánh, không thể khiến đệ tử được cứu cánh phạm hạnh, không thể khiến đến được chỗ cứu cánh an lạc. Pháp của Đại Điển Tôn nói ra, nếu đệ tử nào thực hành thì khi thân hoại mệnh chung chỉ được sanh lên cõi Phạm thiên. Người nào thực hành cạn hơn thì sanh lên cõi trời Tha hóa tự tại. Thứ nữa sanh Hóa tự tại, Đâu-suất-đà, Diệm-ma, Đao-lợi, Tứ thiên vương, hoặc Sát-lỵ, Bà-la-môn, Cư sĩ tại gia. Muốn gì cũng được vừa ý.

"Này Ban-giá-dực! Đệ tử của Đại Điển Tôn đều là kẻ xuất gia không phải ngu si. Có quả báo, có giáo giới, nhưng chưa phải là đạo cứu cánh, chẳng khiến đệ tử chứng được cứu cánh phạm hạnh, chẳng đưa đệ tử đến chỗ an ổn hoàn toàn. Chỗ cao tột của đạo kia chỉ đến cõi Phạm thiên là cùng. Còn nay giáo pháp của ta dạy cho đệ tử có thể khiến họ chóng được đạo cứu cánh, được cứu cánh phạm hạnh, cứu cánh an ổn và cuối cùng thì vào Niết-bàn. Pháp của ta nói, nếu đệ tử nào thực hành thì xả bỏ hữu lậu mà thành vô lậu, ngay trong đời này mà tự mình chứng ngộ tâm giải thoát, tuệ giải thoát, sanh tử đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sinh nữa. Người nào thực hành cạn hơn thì đoạn được năm kết sử hạ giới và có thể nhập Niết-bàn tại thiên giới, chứ không trở lại cõi này. Thứ nữa thì đoạn ba kiết sử, dâm, nộ, si mỏng, chỉ phải một lần sanh vào cõi này nữa là sẽ nhập Niết-bàn. Và thứ nữa thì đoạn được ba kiết sử, chứng quả Tu-đà-hoàn, không còn bị đọa vào ác đạo, nhiều lắm là bảy lần sanh đến cõi này nữa là chắc chắn được Niết-bàn.

"Này Ban-giá-dực! Các đệ tử Ta xuất gia không phải ngu si, có quả báo, có giáo giới, được cứu cánh đạo pháp, cứu cánh phạm hạnh, cứu cánh an ổn và cuối cùng vào Niết-bàn."

Ban-giá-dực nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

❑

4. KINH XÀ-NI-SA[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật du hành Na-đề[2], trú xứ Kiền-chùy[3], cùng với chúng Đại Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi người.

Bấy giờ, Tôn giả A-nan ngồi ở tịnh thất, thầm nghĩ: "Kỳ diệu thay, hy hữu thay, Như Lai ký biệt[4] cho nhiều người, làm lợi ích cho nhiều người. Thứ nhất[5], đại thần Già-già-la mạng chung, Như Lai ghi nhận rằng, người này mạng chung, đoạn trừ năm hạ phần kết, được sanh lên trời mà diệt độ ở đó, không trở lại đời này."

"Thứ hai, Ca-lăng-gia; thứ ba, Tỳ-già-đà; thứ tư, Già-lỵ-du; thứ năm, Giá-lâu; thứ sáu, Bà-da-lâu; thứ bảy, Bà-đầu-lâu; thứ tám, Tẩu-bà-đầu; thứ chín, Tha-lê-xá-nậu; thứ mười, Tẩu-đạt-lê-xá-nậu; thứ mười một, Da-du; thứ mười hai, Da-du-đa-lâu. Các đại thần này mạng chung, họ cũng được ghi nhận, đoạn trừ năm hạ phần kết, liền sinh lên trời mà diệt độ ở đó, không phải sinh ở đây.

---

1. Bản Hán: *Trường A-hàm*, nt., quyển 5, "Đệ nhất phần Xà-ni-sa kinh Đệ tứ" (Đại I, tr.34b-36b). Tham chiếu, No.9 *Phật Thuyết Nhân Tiên kinh* (Đại I, tr.213). Tương đương Pāli: D.18 (Deva Dig ii, 55): Janavasabha-suttanta, Trường II, tr.53.

2. Na-đề, hay Na-đề-ca 那提迦, Na-địa-ca 那地迦. Xem kinh số 2, Du Hành I: Na-đà 那陀; Pāli: Nādikā, tên ấp.

3. Kiền-chùy trú xứ 揵椎住處; Pāli: Ginjakāvasatha, ngôi nhà ngói; nghĩa: Luyện ngõa đường 煉瓦堂, ngôi nhà ngói.

4. Ký biệt 記別; Pāli: vyākaroti, thuyết minh, dự đoán, tiên tri.

5. Danh sách mười hai cư sĩ được thọ ký: Già-già-la 伽伽羅, Ca-lăng-già 迦陵伽, Tỳ-già-đà 毗伽陀, Già-lỵ-du (thâu) 伽利輸, Giá-lâu 遮樓, Bà-da-lâu 婆耶樓, Bà-đầu-lâu 婆頭樓, Tẩu-bà-đầu 藪婆頭, Tha-lê-xá-nậu 他梨舍耨, Tẩu-đạt-lê-xá-nậu 藪達梨舍耨, Da-du (thâu) 耶輸, Da-du (thâu)-đa-lâu 耶輸多樓. Danh sách này không có trong bản Pāli tương đương. Xem trên, kinh số 2, "Du Hành", cht.41.

"Lại có năm mươi người khác nữa mạng chung, Phật cũng đều ký biệt cho, đoạn trừ ba kết, dâm, nộ, si mỏng, chứng đắc Tư-đà-hàm, một lần tái sinh đời này rồi tận diệt biên tế của khổ.

"Lại có năm trăm người nữa mạng chung, Phật cũng ghi nhận, ba kết đã diệt tận, chứng đắc Tu-đà-hoàn, không đọa ác thú, tối đa bảy lần tái sinh, chắc chắn sẽ diệt tận biên tế của khổ.

"Có đệ tử của Phật mệnh chung ở nơi này nơi kia, Phật đều ký biệt cho, người này sanh ở chỗ này, người kia sanh ở chỗ kia.

"Nước Ương-già, nước Ma-kiệt, nước Ca-thi, nước Cư-tát-la, nước Bạt-kỳ, nước Mạt-la, nước Chi-đề, nước Bạt-sa, nước Cư-lâu, nước Ban-xà-la, nước Phả-thấp-ba, nước A-bàn-đề, nước Bà-ta, nước Tô-la-bà, nước Càn-đa-la, nước Kiếm-phù-sa[6]. Ở mười sáu nước này có người mạng chung Phật đều ký biệt.

"Người nước Ma-kiệt[7] đều là người dòng họ vua, được vua thân yêu[8]. Có người mạng chung Phật không ký biệt."

Rồi thì A-nan rời tịnh thất đi đến chỗ Thế Tôn, đầu mặt lễ Thế Tôn, rồi ngồi sang một bên và bạch Phật rằng:

"Vừa rồi ở tịnh thất con thầm nghĩ rằng: 'Kỳ diệu thay, hy hữu thay, Phật ký biệt cho nhiều người, làm lợi ích cho nhiều người. Trong mười sáu nước lớn có người mạng chung Phật đều ký biệt cho. Duy người nước Ma-kiệt được vua thân yêu; có người mạng chung, độc nhất không được ký biệt.' Cúi mong Thế Tôn hãy ký biệt cho người đó! Cúi mong Thế Tôn hãy ký biệt cho người đó. Vì lợi ích cho tất cả; vì sự an lạc của chư Thiên và loài người.

"Lại nữa, Phật đắc đạo ở nước Ma-kiệt. Nhưng riêng người nước ấy khi mạng chung không được ký biệt. Cúi mong Thế Tôn hãy ký biệt

---

6. Danh sách mười sáu nước lớn thời Phật: Ương-già 鴦伽, Ma-kiệt 摩竭, Ca-thi 迦尸, Cư-tát-la 居薩羅, Bạt-kỳ 拔祇, Mạt-la 末羅, Chi-đề 支提, Bạt-sa 拔沙, Cư-lâu 居樓, Ban-xà-la 般闍羅, Phả-tháp (TNM: thấp)-ba 頗漯(溼)波, A-bàn-đề 阿槃提, Bà-ta 婆蹉, Tô-la-bà 蘇羅婆, Càn-đà-la 乾陀羅, Kiếm-bình (TNM: phù)-sa 劍浮沙. Đối chiếu Pāli: Aṅga, Magadha, Kasi, Kosala, Vajji, Malla, Ceti, Vaṃsa (Skt.: Vatsu), Kuru, Pañcala, Assaka (Skt.: Asavaka, hay Asmakā), Avanti, Maccha (Skt.: Matsya), Surasena, Gandhara, Kamboja.

7. Ma-kiệt nhân, trong bản Pāli: Māgadhakā paricārakā, tín đồ người Māgadha.

8. Vương sở thân nhiệm 王所親任. So sánh Pāli D.18 (Deva sđd.: tr.152): rājā… hito… janapadānañca, vua thương mến dân chúng.

cho người ấy! Cúi mong Thế Tôn hãy ký biệt cho người ấy."

"Lại nữa, vua Bình-sa[9], vua nước Ma-kiệt, là Ưu-bà-tắc thành tín đối với Phật, đã nhiều lần thiết lễ cúng dường, rồi sau đó mạng chung. Do vua ấy mà có nhiều người tin hiểu cúng dường Tam bảo. Nhưng nay Như Lai không thọ ký cho. Cúi mong Thế Tôn hãy thọ ký cho người ấy vì ích lợi cho chúng sanh khiến cho trời và người đều an lạc."

Bấy giờ, A-nan sau khi vì người Ma-kiệt thỉnh cầu Thế Tôn, bèn rời khỏi chỗ ngồi lễ Phật rồi lui ra.

Bấy giờ, Thế Tôn đắp y ôm bát vào thành Na-già[10]. Sau khi khất thực, Ngài đi đến rừng lớn[11], ngồi dưới một gốc cây, tư duy về chỗ mà người Ma-kiệt tái sinh sau khi mạng chung.

Lúc ấy cách Phật không xa có một quỷ thần[12] tự xưng tên mình, bạch Thế Tôn rằng:

"Con là Xà-ni-sa. Con là Xà-ni-sa[13]."

Phật nói:

"Ngươi do việc gì mà xưng tên mình là Xà-ni-sa? Ngươi nhân bởi pháp gì mà bằng những lời vi diệu, tự xưng là đã thấy đạo tích?[14]"

Xà-ni-sa nói:

"Không phải ở đâu khác mà con vốn là vua ở loài người[15], là Ưu-bà-tắc ở trong pháp của Như Lai nhất tâm niệm Phật và mệnh chung,

---

9. Bình-sa 餅 沙, hay Tần-bà-sa-la 蘋 婆 沙 羅, Tần-tì-sa-la 蘋 毗 沙 羅; Pāli: Bimbisara.

10. Na-già thành 那 伽 城; địa danh không xác định. D.18 (deva sđd.: tr.154): …nādikaṃ pindāya pāvisi: vào Nādika để khất thực.

11. Đại lâm 大 林, không phải khu Đại lâm (Pāli: Mahāvana) ở Tỳ-da-ly (Pāli: Vesāli) nơi có giảng đường Trùng các nổi tiếng.

12. Pāli: antarahito yakkho, một Dạ-xoa ẩn mình.

13. Phụ chú trong bản Hán: Xà-ni-sa 闍 尼 沙, tiếng nước Tần là Thắng kết sử 勝 結 使; Skt.: Jinesa (?) Pāli: Janavasabha, hay Janesabha, "trâu chúa giữa loài người". Trong bản Hán, đọc Jina-kẻ chiến thắng, thay vì Jana, con người.

14. Kiến đạo tích 見 道 跡 (Pāli: paṭipada-dassana, Skt.: pratipad-darśana), đã thấy lối đi, chỉ vị đã chứng quả Dự lưu. Trong đoạn này, D.18: ulāraṃ visesādhigamaṃ, thắng trí cao thượng.

15. D. 18, Deva sđd.: (Trường II, tr. 62), chính là vua Bimbisara (Tần-bà-sa-la).

do đó được sanh làm thái tử của Tỳ-sa-môn Thiên vương[16]. Từ đó đến nay con thường soi sáng các pháp, chứng đắc Tu-đà-hoàn không còn đọa ác đạo, ở trong bảy đời tái sinh, đều có tên là Xà-ni-sa."

Thế Tôn sau khi tùy nghi nghỉ ở đại lâm lại đi đến trú xứ Kiền-chùy ở Na-đà[17], ngồi lên chỗ dọn sẵn rồi nói với một Tỳ-kheo: "Ngươi theo lời ta đi kêu A-nan đến đây!". Tỳ-kheo đáp: "Kính vâng". Rồi vâng lời Phật dạy đi gọi A-nan. Lát sau A-nan đến chỗ Thế Tôn, đầu mặt lễ dưới chân rồi ngồi sang một bên và bạch Phật rằng:

"Nay con xem Như Lai, nhan sắc hơn hẳn bình thường, các căn tịch định. Thế Tôn đang an trú tư duy gì mà nhan sắc như vậy?"

Phật bảo A-nan:

"Ngươi vừa rồi vì người nước Ma-kiệt đến chỗ ta thỉnh cầu ký biệt, sau đó lui đi. Lát sau ta khoác y ôm bát vào thành Na-la[18] khất thực. Sau khi khất thực, ta đi đến đại lâm kia ngồi dưới một gốc cây, tư duy về chỗ mà người Ma-kiệt tái sinh. Lúc đó cách ta không xa có một quỷ thần tự xưng tên và bạch ta rằng: 'Con là Xà-ni-sa.' A-nan, ngươi đã từng nghe tên Xà-ni-sa kia chưa?"

A-nan bạch Phật:

"Con chưa từng nghe. Nay nghe tên ấy, con cảm thấy sợ hãi, lông tóc dựng ngược. Thế Tôn, vì quỷ thần ấy ắt có oai đức lớn nên mới có tên Xà-ni-sa[19]."

Phật nói:

"Ta hỏi vị ấy trước rằng: 'Ngươi nhân pháp gì mà bằng lời nói vi diệu tự xưng là đã thấy đạo tích?' Xà-ni-sa nói: 'Con không phải ở nơi khác; không phải tại pháp khác. Xưa con là vua của loài người, là đệ tử của Thế Tôn, với tín tâm chí thành con là một Ưu-bà-tắc nhất tâm niệm Phật, sau đó mạng chung làm con trai của Tỳ-sa-môn thiên vương, chứng đắc Tu-đà-hoàn, không còn đọa ác thú, tối đa bảy lần tái sanh rồi diệt biên tế của khổ, ở trong bảy đời tái sinh có tên thường là Xà-ni-

16. Tỳ-sa-môn 毗沙門 (dịch: Đa Văn), đứng đầu trong Tứ thiên vương; Pāli: Vessavaṇa.

17. Na-đà, ở trên là Na-đề.

18. Na-la 那羅, ở trên nói là Na-già. Xem cht. 10.

19. Xem cht. 13.

sa. Một thời Thế Tôn ở tại đại lâm ngồi dưới một gốc cây. Khi ấy con cưỡi cỗ xe báu có ngàn căm. Do có nhân duyên nhỏ, muốn đến Tỳ-lâu-lặc Thiên vương[20], từ xa con thấy Thế Tôn ngồi ở dưới một gốc cây, nhan mạo đoan chánh, các căn tịch định, ví như ao sâu trong veo, tĩnh lặng, trong sáng. Sau khi thấy, con tự nghĩ: Ta nên đến hỏi thăm Thế Tôn rằng người nước Ma-kiệt có người mạng chung sẽ tái sinh ở chỗ nào.'

"Lại nữa, một thời Tỳ-sa-môn Thiên vương tự mình ở trong đại chúng mà nói kệ rằng:

Chúng ta không tự nhớ,
Việc trải qua quá khứ
Nay may gặp Thế Tôn
Thọ mạng được tăng thêm.

"Lại nữa, một thời chư Thiên Đao-lợi do chút nhân duyên, tập họp tại một chỗ. Khi ấy Tứ thiên vương mỗi người ngồi đúng trên chỗ ngồi của mình. Đề-đầu-lại-tra[21] ngồi ở phương Đông xây mặt phía Tây; Đế Thích ở phía trước. Tỳ-lâu-lặc Thiên vương ngồi ở phía Nam xây mặt hướng Bắc, Đế Thích phía trước. Tỳ-lâu-bát-xoa[22] thiên vương ngồi phía Tây xây mặt hướng Đông; Đế Thích ở phía trước. Tỳ-sa-môn Thiên vương ngồi ở phía Bắc, xây mặt hướng Nam; Đế Thích ở phía trước.

"Sau khi Tứ thiên vương ngồi xong con mới ngồi. Lại còn có các Đại Thiên thần khác đã từng theo Phật tịnh tu phạm hạnh, chết ở đây mà sanh lên trời Đao-lợi, làm tăng thêm chư Thiên, hưởng thọ năm phước báo nhà trời:

"1. Tuổi thọ trời.

"2. Nhan sắc trời.

"3. Danh tiếng trời.

"4. Âm nhạc trời.

---

20. Tỳ-lâu-lặc (xoa) thiên vương 毗樓勒叉天王, một trong bốn Thiên vương hộ thế, dịch: Tăng Trưởng thiên vương 增長天王; Pāli: Virūḷhaka.

21. Đề-đầu-lại-tra thiên vương 提頭賴吒天王, dịch Trì Quốc thiên vương 持國天王; Pāli: Dhataraṭṭha.

22. Tỳ-lâu-bác-xoa 毗樓博叉, bản Thánh: Tỳ-lâu-ba-xoa 毗樓波叉; Hán dịch: Quảng Mục thiên vương 廣目天王; Pāli: Virūpakkha.

"5. Oai đức trời.

"Khi ấy chư Thiên Đao-lợi vui mừng phấn khởi nói: 'Tăng thêm chúng chư Thiên, giảm thiểu chúng A-tu-la.'

"Bấy giờ, Thích Đề-hoàn Nhân, biết chư Thiên Đao-lợi có tâm hoan hỷ, liền nói kệ rằng:

Chúng chư Thiên Đao-lợi,
Cùng Đế Thích hoan lạc,
Cung kính lễ Như Lai,
Đấng Pháp Vương tối thượng.
Chư Thiên thọ phước báo,
Thọ, sắc, danh, nhạc, uy.
Theo Phật tu phạm hạnh,
Nên sanh vào nơi đây.
Lại có các thiên nhân,
Ánh màu sáng chói lọi.
Đệ tử trí tuệ Phật,
Sanh đây càng trổi vượt.
Đao-lợi và Nhân-đề,
Nghĩ thế mà sung sướng.
Cung kính lễ Như Lai,
Đấng Pháp Vương tối thượng.

"Thần Xà-ni-sa lại nói: Sở dĩ chư Thiên Đao-lợi tập hợp ở Pháp đường ấy là để cùng thương nghị, tư duy, quan sát, thương lượng, giáo lệnh được ban hành, rồi sau đó trao cho Tứ thiên vương. Tứ thiên vương sau khi nhận giáo lệnh mỗi người tự ngồi vào vị trí của mình. Họ ngồi chưa bao lâu, có ánh sáng dị thường to lớn chiếu khắp cả bốn phương, khi chư Thiên Đao-lợi thấy ánh sáng dị thường này thảy đều hết sức kinh ngạc: 'Nay ánh sáng dị thường này chắc có sự quái lạ gì chăng?' Các Thiên thần lớn có oai đức khác cũng đều kinh ngạc: 'Nay ánh sáng dị thường này chắc có sự quái lạ gì chăng?' Rồi thì Đại phạm vương bèn hóa làm đồng tử, đầu có năm chỏm đứng trong hư không bên trên Thiên chúng, nhan sắc đoan chánh siêu tuyệt mọi người, thân màu vàng tía che mờ ánh sáng chư Thiên. Khi ấy, chư Thiên Đao-lợi không đứng dậy nghinh đón cũng không cung kính lại cũng không mời ngồi. Lúc bấy giờ, Phạm đồng tử ngồi qua chỗ ngồi

của vị trời nào thì vị ấy hoan hỷ. Ví như vua Quán đảnh dòng Sát-lỵ[23] khi làm lễ đăng quang thì hoan hỷ phấn khởi. Đồng tử ngồi chưa lâu, lại tự mình biến thân làm hình tượng Đồng tử đầu có năm chỏm ngồi trên hư không, bên trên đại chúng. Ví như lực sĩ ngồi trên chỗ ngồi vững vàng, vòi vọi bất động[24] và làm bài tụng rằng:

Đấng Chí Tôn, điều phục,
Dạy đời sinh chỗ sáng,
Sáng bừng, diễn pháp sáng,
Chứng phạm hạnh tuyệt luân,
Khiến chúng sanh thanh tịnh,
Sinh lên trời Tịnh diệu.

"Phạm đồng tử sau khi nói bài kệ này, bảo chư Thiên Đao-lợi rằng: Những âm thanh nào có năm thứ thanh tịnh thì được gọi là Phạm thanh. Những gì là năm? Một là, âm ấy chánh trực. Hai là âm ấy hòa nhã. Ba là, âm ấy trong suốt. Bốn là, âm ấy đầy sâu. Năm là, nghe xa khắp nơi. Đủ năm âm ấy mới được gọi là Phạm âm. Nay ta lại nói, vậy các ngươi hãy lắng nghe. Đệ tử của Như Lai, Ưu-bà-tắc Ma-kiệt, mạng chung có người chứng đắc A-na-hàm, có người chứng đắc Tư-đà-hàm, có người chứng đắc Tu-đà-hoàn, có người sinh lên trời Tha hóa tự tại, có người sinh lên trời Hóa tự tại, trời Đâu-suất, trời Diệm[25], trời Đao-lợi, Tứ thiên vương. Có người sinh vào gia đình lớn của Sát-ly, Bà-la-môn, Cư sĩ, ngũ dục tự nhiên.

"Rồi Phạm đồng tử đọc bài kệ:

Ưu-bà-tắc Ma-kiệt,
Có những ai mạng chung;
Tám vạn bốn ngàn người,
Ta nghe đều đắc đạo:
Thành tựu Tu-đà-hoàn,
Không còn đọa ác thú,
Đều đi đường bình chánh,

---

23. Hán: Sát-lỵ thủy nhiễu đầu chủng 剎利水澆頭種 Pāli: rājā khattiyo muddhāvasitto, vua Sát-lỵ được quán đảnh; vua được truyền ngôi, không phải tự lập. Thường gọi là Quán đảnh vương (Pāli: muddhā-vasitta-rājan).

24. Xem kinh số 3, "Đại Điển Tôn" ở trên.

25. Hán: Diệm thiên, tức thường nói là Diệm-ma thiên 焰摩, hay Dạ-ma thiên 夜摩; Pāli: Yāma-devā.

Đắc đạo, hay cứu tế
Những đám quần sanh này,
Phò trì bởi công đức,
Trí tuệ xả ân ái,
Tàm quý lìa dối trá.
Đại chúng chư Thiên kia,
Phạm đồng ghi nhận thế,
Rằng đắc Tu-đà-hoàn,
Chư Thiên đều hoan hỷ.

"Tỳ-sa-môn Thiên vương sau khi nghe bài kệ này thì hoan hỷ và nói: 'Thế Tôn ra đời nói pháp chân thật, kỳ diệu thay, hy hữu thay, chưa từng có vậy. Ta vốn không biết Như Lai ra đời nói pháp như vậy. Trong đời vị lai lại sẽ có Phật nói pháp như vậy có thể khiến chư Thiên Đao-lợi sanh tâm hoan hỷ.'

"Bấy giờ Phạm đồng tử nói với Tỳ-sa-môn Thiên vương: Vì sao ngươi nói lời này: 'Như Lai ra đời nói pháp như vậy, kỳ diệu thay, hy hữu thay, chưa từng có vậy?' Như Lai bằng năng lực phương tiện nói thiện và bất thiện, nói pháp một cách đầy đủ, nhưng là vô sở đắc. Nói pháp không tịch, nhưng là hữu sở đắc. Pháp ấy vi diệu như đề hồ.

"Rồi Phạm đồng tử nói với chư Thiên Đao-lợi rằng: 'Các ngươi hãy lắng nghe, hãy suy nghĩ kỹ ta sẽ nói cho các ngươi nghe. Như Lai, Chí Chân khéo léo phân biệt nói Bốn niệm xứ. Những gì là bốn?

'1. Quán nội thân trên thân[26], tinh cần không biếng nhác, chuyên niệm không quên, trừ tham ưu ở đời.

'2. Quán ngoại thân trên thân, tinh cần không biếng nhác chuyên niệm không quên, trừ tham ưu ở đời.

'3. Quán nội ngoại thân, tinh cần không biếng nhác, chuyên niệm không quên, trừ tham ưu ở đời.

'4. Quán thọ, quán ý, quán pháp cũng vậy. Tinh cần không biếng nhác, chuyên niệm không quên, trừ tham ưu ở đời.

'Sau khi quán nội thân, phát sinh trí về thân khác. Sau khi quán thọ bên trong, phát sinh trí về thọ khác. Sau khi quán ý ở bên trong phát sinh trí về ý khác. Sau khi quán pháp ở bên trong, phát sinh trí về pháp

[26]. Nội thân quán 內身觀, nguyên bản sót một chữ thân. Các nơi khác và TNM: nội thân thân quán 內身身觀.

khác. Ấy là Như Lai khéo léo phân biệt thuyết Bốn niệm xứ.'

"Lại nữa chư Thiên, các người hãy lắng nghe, ta sẽ nói thêm nữa. Như Lai khéo léo phân biệt nói Bảy định cụ[27]. Những gì là bảy? Chánh kiến, Chánh chí, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh phương tiện, Chánh niệm. Ấy là Như Lai khéo léo phân biệt nói Bảy định cụ.

"Lại nữa, chư Thiên, Như Lai khéo léo phân biệt nói Bốn thần túc. Những gì là bốn?

"1. Dục định diệt hành thành tựu tu tập thần túc.

"2. Tinh tấn định diệt hành thành tựu tu tập thần túc.

"3. Ý định diệt hành thành tựu tu tập thần túc.

"4. Tư duy định diệt hành thành tựu tu tập thần túc[28].

"Ấy là Như Lai khéo léo phân biệt giảng thuyết Bốn thần túc.

"Lại bảo chư Thiên: 'Quá khứ các Sa-môn, Bà-la-môn, bằng vô số phương tiện, hiện vô lượng thần túc, đều khởi lên từ Bốn thần túc này. Giả sử tương lai các Sa-môn, Bà-la-môn, bằng vô số phương tiện hiện vô lượng thần túc cũng từ do Bốn thần túc này mà khởi lên. Hiện tại các Sa-môn, Bà-la-môn, bằng vô số phương tiện hiện vô lượng thần túc cũng từ do Bốn thần túc này mà khởi lên.'

"Rồi Phạm đồng tử bèn tự biến hóa hình thành ba mươi ba thân cùng với ba mươi ba vị Thiên thần từng cặp cùng ngồi và bảo rằng: 'Ngươi nay có thấy năng lực thần biến của ta không?' Đáp: 'Thưa vâng đã thấy.' Phạm đồng tử nói: 'Ta cũng do tu bốn thần túc cho nên có thể biến hóa vô số như thế.' Rồi ba mươi ba vị thiên mỗi người riêng nghĩ: 'Nay Phạm đồng tử ngồi riêng với ta mà nói lời nói như vậy.' Nhưng khi một hóa thân của Phạm đồng tử kia nói thì các hóa thân khác cũng nói; một hóa thân im lặng các hóa thân khác cũng im lặng.

"Bấy giờ, Phạm đồng tử ấy thâu lại thần túc rồi ngồi trên chỗ ngồi của Đế Thích, nói với chư Thiên Đao-lợi rằng: 'Ta nay sẽ nói.

---

27. Định cụ 定具; Pāli: samādhi-parikkhara, bảy tư cụ, công cụ của định.

28. Bốn thần túc, tham chiếu *Tập Dị Môn luận 6,* Đại xxvi, tr.391c: 1. Dục tam-ma-địa đoạn hành thành tựu thần túc 欲三摩地斷行成就神足 (Pāli: chandasamādhippadhānasaṅkhāra-samannāgatam iddhipādam); 2. Cần tam-ma-địa 勤三摩地 (Pāli: viriya-samādhi); 3. Tâm tam-ma-địa 心三摩地 (cittasamādhi); 4. Quán tam-ma-địa 觀三摩地 (vimaṃsā-samādhi-padhāna-saṃkhāra-samannāgata iddhipāda).

Các ngươi hãy lắng nghe. Như Lai, Chí Chân tự mình bằng năng lực của mình đã mở ra ba lối đi[29] và tự mình đã đi đến Chánh giác. Những gì là ba?

'Hoặc có chúng sanh thân cận tham dục tập hành vi bất thiện. Người ấy về sau gặp thiện tri thức, được nghe nói pháp, thành tựu pháp và tùy pháp[30]. Rồi thì người ấy ly dục, dứt bỏ hành vi bất thiện được tâm hoan hỷ điềm nhiên khoái lạc. Lại ở trong lạc mà phát sanh đại hỷ, như người bỏ đồ ăn thô mà ăn thức ăn có trăm vị, sau khi đã no, lại còn muốn hơn nữa. Hành giả cũng vậy. Lìa pháp bất thiện được hoan hỷ lạc. Lại ở trong lạc mà phát sanh đại hỷ. Ấy là Như Lai tự mình bằng năng lực của mình đã mở ra lối đi thứ nhất mà thành Chánh giác.

'Lại có chúng sanh phần nhiều hay sân hận, không dứt bỏ ác nghiệp của thân, của khẩu và ý. Người ấy về sau gặp thiện tri thức được nghe nói pháp, thành tựu pháp và tùy pháp, xa lìa ác hạnh của thân, ác hạnh của khẩu và ý, sinh tâm hoan hỷ, điềm nhiên khoái lạc. Lại ở trong lạc mà sanh đại hỷ. Như người xả bỏ thức ăn thô mà ăn thức ăn trăm vị, sau khi đã no đủ rồi còn cầu cái ngon hơn nữa. Hành giả cũng vậy. Lìa pháp bất thiện, được hoan hỷ lạc. Lại ở trong lạc mà phát sinh đại hỷ. Ấy là Như Lai mở ra lối đi thứ hai.'

'Lại có chúng sanh ngu tối, vô trí, không biết thiện ác, không thể biết như thật về Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Người ấy về sau gặp thiện tri thức được nghe nói pháp, thành tựu pháp và tùy pháp, biết rõ thiện và bất thiện có thể biết như thật Khổ, Tập, Diệt, Đạo, dứt bỏ hành vi bất thiện, sinh tâm hoan hỷ điềm nhiên khoái lạc. Lại ở trong lạc mà sinh đại hỷ. Như người xả bỏ thức ăn thô mà ăn thức ăn trăm vị, sau khi đã no đủ rồi còn cầu cái ngon hơn nữa. Hành giả cũng vậy. Lìa pháp bất thiện, được hoan hỷ lạc. Lại ở trong lạc mà phát sinh đại hỷ. Ấy là Như Lai mở ra lối đi thứ ba.'

"Sau khi Phạm đồng tử giảng nói Chánh pháp này cho chư Thiên Đao-lợi, Tỳ-sa-môn Thiên vương, lại nói Chánh pháp ấy cho thuộc hạ của mình. Thần Xà-ni-sa lại ở trước Phật nói Chánh pháp ấy. Thế Tôn lại nói Chánh pháp ấy cho A-nan. A-nan lại nói Chánh pháp ấy cho Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di."

---

29. Kính lộ 徑路; Pāli: okāsadhigama, con đường tắt.

30. Pháp pháp thành tựu 法法成就; Pāli: dhammānudhammam paṭipajjati: thực hành pháp và tùy pháp.

Bấy giờ A-nan, sau khi nghe những điều Phật nói, hoan hỷ phụng hành.

❑

5. KINH TIỂU DUYÊN[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú tại Xá-vệ, trong vườn Thanh tín, giảng đường Lộc mẫu[2], cùng chúng Đại Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi người.

Lúc ấy, có hai người Bà-la-môn với lòng tin kiên cố tìm đến chỗ Phật xin xuất gia học đạo, một tên là Bà-tất-tra một tên là Bà-la-đọa[3].

Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn rời khỏi tịnh thất, đang kinh hành thong thả trên giảng đường. Bà-tất-tra vừa trông thấy Phật liền vội vàng đến bảo Bà-la-đọa:

"Anh biết không, Như Lai hiện đang rời khỏi tịnh thất kinh hành tại giảng đường. Chúng ta nên đến đó hoặc có nghe Ngài dạy bảo điều gì chăng?"

Bà-la-đọa nghe nói thế liền cùng đi đến chỗ Phật, đầu mặt đảnh lễ chân Phật, rồi đi theo sau Phật.

Phật nói với Bà-tất-tra:

"Hai người vốn sanh trong dòng Bà-la-môn, với lòng tin kiên cố,

---

1. Bản Hán, *Phật Thuyết Trường A-hàm kinh*, quyển 6, "Đệ nhị phần sơ Tiểu Duyên kinh Đệ nhất", Đại I, tr.36b-39a. Bản Nguyên: "Đệ nhị phần sơ Tứ Tánh kinh", bản Minh: "Đệ nhị phần Tứ Tánh kinh". Tham chiếu No.10 *Phật Thuyết Bạch Y Kim Tràng Nhị Bà-la-môn Duyên Khởi kinh* (Đại I, tr.216), No.26 *Trung A-hàm*, kinh số 154 "Bà-la-bà Đường kinh", (Đại I, tr.673); *Tăng Nhất A-hàm*, "Thất Nhật phẩm Đệ nhất kinh" (Đại II, tr.735). Tương đương: D. 27, Deva Dig iii, 5. Aggañña-Suttanta; Trường II, tr.387 "kinh Khởi Thế Nhân Bổn".

2. Thanh tín viên lâm Lộc mẫu giảng đường 清信園林鹿母講堂, tức Đông viên Lộc tử mẫu giảng đường 東園鹿子母講堂; Pāli: Pubbārama Migāramātupāsāda.

3. Bà-tất-tra 婆悉吒, No. 10: Bạch Y 白衣; Pāli: Vāseṭṭha. Bà-la-đọa 婆羅墮; Pāli: Bhāradvāja, No.10: Kim Tràng 金幢.

muốn xuất gia tu hành ở trong giáo pháp ta phải không?"

Hai người đáp:

"Thưa phải."

Phật nói:

"Này Bà-la-môn, nay các ngươi xuất gia tu hành ở trong giáo pháp Ta, các người Bà-la-môn khác há không hiềm trách các ngươi?"

Hai người đáp:

"Thưa có. Nhưng mong ơn lớn của Phật được xuất gia tu đạo, thật sự chúng con không khỏi bị các người Bà-la-môn hiềm trách."

Phật dạy:

"Họ lấy lẽ gì mà hiềm trách các ngươi?"

Hai người đáp:

"Họ nói rằng: 'Dòng Bà-la-môn ta tối cao bậc nhất, các dòng khác thấp hèn. Dòng ta trắng trẻo, các dòng khác đen điu. Dòng Bà-la-môn ta xuất xứ từ Phạm thiên, từ miệng Phạm thiên sanh ra, ở ngay trong hiện tại mà được thanh tịnh giải[4], về sau cũng thanh tịnh. Cớ gì các ngươi lại bỏ dòng thanh tịnh của mình mà vào trong dị pháp của Cù-đàm kia.' Bạch Thế Tôn, thấy chúng con ở trong Phật pháp mà xuất gia tu đạo nên họ lấy lời lẽ như thế chê trách chúng con."

Phật bảo Bà-tất-tra:

"Này Bà-tất-tra, ngươi xem các người đó khác nào kẻ ngu si vô thức như cầm thú, dối trá tự xưng rằng: 'Dòng Bà-la-môn là tối cao bậc nhất, còn ngoài ra là hèn hạ. Dòng ta trắng trẻo, các dòng khác đen điu. Dòng Bà-la-môn ta xuất xứ từ Phạm thiên, từ miệng Phạm thiên sanh, ở ngay trong hiện tại mà được thanh tịnh giải, về sau cũng thanh tịnh.' Này Bà-tất-tra, nay trong Chánh đạo vô thượng của Ta không cần kể dòng dõi, không ỷ vào tâm kiêu mạn ngô ngã. Pháp thế tục cần thứ đó. Pháp của Ta không phải vậy. Nếu có Sa-môn hay Bà-la-môn nào tự thị chủng tộc, ôm lòng kiêu mạn thì ở trong giáo pháp Ta trọn không chứng đắc Vô thượng. Nếu hay khước từ chủng tánh, trừ bỏ tâm kiêu mạn, thì mới có thể chứng được đạo quả Vô thượng trong giáo pháp Ta, mới kham lãnh thọ được Chánh pháp. Người đời gớm ghét kẻ hạ lưu, còn giáo pháp ta không thế."

"Này Bà-tất-tra! Có bốn chủng tánh gồm cả người lành người dữ;

4. Đắc thanh tịnh giải 得清淨解.

được người trí khen, cũng bị người trí chê. Bốn chủng tánh ấy là: Sát-lỵ, Bà-la-môn, Cư sĩ, Thủ-đà-la.

"Này Bà-tất-tra! Hẳn ngươi từng nghe trong dòng Sát-lỵ có kẻ sát sinh, có kẻ trộm cắp, có kẻ dâm loạn, kẻ dối trá, kẻ nói hai lưỡi, kẻ nói ác độc, có kẻ ỷ ngữ, có kẻ xan tham, có kẻ tật đố, có kẻ tà kiến, thì trong dòng Bà-la-môn, Cư sĩ, Thủ-đà-la cũng có lẫn lộn đủ hạng người làm mười ác hạnh đó. Này Bà-tất-tra! Phàm làm điều bất thiện thì có quả báo bất thiện, làm điều hắc ám thì có quả báo hắc ám. Nếu rằng quả báo đó chỉ có với dòng Sát-lỵ, Cư sĩ, Thủ-đà-la chứ không có với dòng Bà-la-môn, khi ấy người Bà-la-môn mới nên tự cho dòng Bà-la-môn ta là tối cao bậc nhất, còn các dòng khác thấp hèn, dòng ta trắng trẻo, các dòng khác đen điu; dòng Bà-la-môn ta xuất hiện từ Phạm thiên, từ miệng Phạm thiên sinh ra, hiện tại thanh tịnh, về sau cũng thanh tịnh. Trái lại nếu rằng làm điều bất thiện thì có quả báo bất thiện, làm điều hắc ám thì có quả báo hắc ám, quả báo đó bất cứ Bà-la-môn, Sát-lỵ, hay Thủ-đà-la đều có như nhau, thời người Bà-la-môn không thể tự xưng chỉ dòng ta là thanh tịnh tối cao bậc nhất.

"Này Bà-tất-tra! Nếu trong dòng Sát-lỵ, có kẻ không giết, không trộm, không tà dâm, không nói dối, không hai lưỡi, không ác khẩu, không ỷ ngữ, không xan tham, không tật đố, không tà kiến, thời trong dòng Bà-la-môn, Cư sĩ, Thủ-đà-la cũng đều có hạng người tu mười điều thiện như thế. Phàm làm điều lành, tất có quả báo lành, làm điều thanh bạch tất có quả báo thanh bạch. Nếu rằng quả báo đó chỉ có với dòng Bà-la-môn mà không có với dòng Sát-lỵ, Cư sĩ, Thủ-đà-la khi ấy người dòng Bà-la-môn mới nên tự xưng dòng mình thanh tịnh tối cao bậc nhất. Trái lại, nếu cả bốn chủng tánh đều có quả báo đó, thời người Bà-la-môn không thể tự xưng chỉ dòng ta là thanh tịnh tối cao bậc nhất.

"Này Bà-tất-tra! Nay hiện dòng Bà-la-môn có gả cưới, có sinh sản không khác người đời[5], thế mà lại dối xưng ta là dòng Phạm thiên, từ miệng Phạm thiên sinh ra, hiện tại được thanh tịnh, về sau cũng thanh tịnh.

"Này Bà-tất-tra! Ngươi nên biết hiện nay chúng đệ tử của Ta, dòng dõi không đồng, xuất xứ khác nhau, xuất gia tu hành ở trong giáo

---

5. Pāli, D. 27 (Deva Dig iii 4, tr.65): dissanti kho (…) brāhmaṇānaṃ brāhmaṇiyo utuniyo pi gabbhiniyo pi vijāyamānā pi pāyamānā pi, người ta thấy các bà vợ của những người Bà-la-môn cũng kinh nguyệt, cũng mang thai, cũng sanh con, cũng cho bú.

pháp Ta. Nếu có gặp ai hỏi: 'Người thuộc dòng nào?' thì nên trả lời họ: 'Tôi là Sa-môn, con dòng họ Thích[6].' Hoặc có thể tự xưng: 'Tôi dòng Bà-la-môn[7], tôi đích từ miệng Phật sanh ra, từ Pháp hóa sinh ra, hiện tại được thanh tịnh, về sau cũng thanh tịnh.' Tại sao thế? Vì các danh xưng Đại Phạm tức là đức hiệu Như Lai. Như Lai là con mắt của thế gian, là trí tuệ của thế gian, là pháp của thế gian, là Phạm của thế gian, là Pháp luân của thế gian, là Cam lồ của thế gian, là Pháp chủ của thế gian vậy.

"Này Bà-tất-tra, nếu trong dòng Sát-lỵ có người thành tín Phật, là Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác, mười hiệu đầy đủ.

"Thành tín Pháp, tin pháp của Như Lai, là thanh tịnh vi diệu, có thể tu hành ngay hiện tại, được nói ra không hạn cuộc thời tiết, là pháp đưa đến Niết-bàn, duy người trí mới thấu rõ, chẳng phải kẻ phàm phu ngu si thấu rõ được[8].

"Thành tín Tăng, tánh thiện chất trực, đạo quả thành tựu, quyến thuộc thành tựu, là đệ tử chân chính của Phật, thành tựu pháp và tùy pháp[9]. Nói là chúng, đó là nói chúng thành tựu giới, chúng thành tựu định, chúng thành tựu tuệ, chúng giải thoát, chúng giải thoát tri kiến. Đó là chúng Tu-đà-hoàn hướng, Tu-đà-hoàn quả; chúng Tư-đà-hàm hướng, Tư-đà-hàm quả; chúng A-na-hàm hướng, A-na-hàm quả; chúng A-la-hán hướng; chúng A-la-hán quả. Gồm bốn đôi tám bậc. Đó là chúng đệ tử của Như Lai, rất đáng kính, đáng tôn trọng, làm ruộng phước của thế gian; xứng đáng lãnh thọ sự cúng dường người[10].

---

6. Pāli, sđd.: samaṇā sakyaputtiyāmhā: Chúng tôi là Sa-môn, con trai nhà họ Sakya.

7. Ngã thị Bà-la-môn chủng 我是婆羅門種, TNM: … Sa-môn chủng 沙門種. D.27, sđd.: bhagavatomhi putto oraso mukhato jāto dhammajāto dhammanimitto dhammadāyādo' ti: "Tôi là con đích thực của Thế Tôn, sinh ra từ miệng, được sinh bởi pháp, hóa sinh bởi pháp, thừa tự của pháp".

8. Tham chiếu Pāli, về phẩm tính của Pháp (công thức): svākkhāto bhagavatā dhammo sandiṭṭhiko akāliko ehipassiko opanayiko paccattaṃ veditabbo viññūhī ti: Pháp được Thế Tôn khéo giảng thuyết, được thấy (kết quả thiết thực) trong hiện tại, vượt ngoài thời gian, đến để mà thấy, hướng thượng, được chứng nghiệm bằng nội tâm bởi kẻ trí.

9. Pháp pháp thành tựu 法法成就; Pāli: dhammānudhamma-paṭipanna, thực hành pháp và các liên hệ đến pháp.

10. Tham chiếu Pāli, về các phẩm tính của Taêng: suppaṭipanno bhagavato sāvaka-saigho ujuppaṭipanno bhagavato sāvakasaṅgho ñāyapaṭipanno bhagavato

"Thành tín Giới, là giới luật Thánh hiền đầy đủ, không khuyết lậu, không tì vết, cũng không dính nhơ, được người trí ngợi khen, đầy đủ đức tính tốt lành và vắng lặng thì này Bà-tất-tra, người dòng Bà-la-môn, Cư sĩ, Thủ-đà-la cũng có thể như thế. Thành tín Phật, tin Pháp, tin Tăng và tin Thánh giới thành tựu.

"Này Bà-tất-tra, trong dòng Sát-lỵ cũng có người cúng dường, cung kính, lễ bái A-la-hán. Dòng Bà-la-môn, Cư sĩ, Thủ-đà-la cũng đều có người cúng dường, cung kính, lễ bái A-la-hán như thế.

'Này Bà-tất-tra, nay thân tộc Ta, dòng họ Thích, cũng tôn phụng vua Ba-tư-nặc[11], tôn thờ lễ kính. Vua Ba-tư-nặc cũng lại đến cúng dường, kính lễ Ta. Vua không nghĩ rằng: 'Vì Sa-môn Cù-đàm sinh từ dòng hào quý còn ta sinh dòng hạ tiện. Sa-môn Cù-đàm sinh trong nhà đại tài phú, đại oai đức còn ta sinh nhà hạ cùng bỉ lậu ty tiện. Cho nên ta phải đến cúng dường Như Lai.' Nhưng Ba-tư-nặc căn cứ trên pháp, quán sát pháp, biết rõ chân ngụy, cho nên mới sanh lòng tịnh tín đến kính lễ cúng dường Như Lai.

"Này Bà-tất-tra, nay Ta sẽ vì ngươi nói rõ nhân duyên của bốn chủng tánh ấy.

"Trời đất thủy chung, khi kiếp tận băng hoại, chúng sanh mệnh chung đều sanh lên cõi trời Quang âm[12]. Tự nhiên hóa sanh, ăn bằng tư niệm lực, mình phát ánh sáng và có thần túc bay trong hư không[13].

"Về sau, cõi đất này thảy biến thành nước trùm ngập tất cả. Vào lúc ấy không có mặt trời, mặt trăng, các sao, cũng không có kể ngày

---

sāvakasaṅgho sāmīcippaṭipanno sāvakasaṅgho yadidaṃ cattāri purisayugāni aṭṭha purisapauggalā esa bhagavato sāvakasaṅgho āhuneyyo pāhuneyyo dakkhiṇeyyo añjalikaraṇīyo anuttaraṃ puññkkhettaṃ lokassā ti: Tăng là đệ tử của Thế Tôn là những người thực hành một cách trọn vẹn, chánh trực, đúng hướng, hòa kỉnh. Đó là bốn đôi gồm tám nhân cách. Là những vị đáng được cúng dường, đáng được cung phụng, kính lễ, tôn trọng; là ruộng phước trên hết của thế gian.

11. Ba-tư-nặc 波 斯 匿; Pāli: Pasenadi, vua nước Kosala (Câu-tát-la). Kapilavatthu là một nước chư hầu của Kosala.

12. Quang âm thiên 光 音 天; Pāli: Ābhassara, Skt.: Ābhāsvara, âm là A-ba-hội 阿 波 會, cũng thường dịch là Cực quang thiên 極 光 天.

13. Tham chiếu Pāli, D. 27 (Deva Dig. iii, tr.66): manomayā pītibhakkhā sayaṃpabhā antalikkhacarā, được sanh bởi ý, ăn bằng hỷ, tự mình phát ánh sáng, phi hành trong hư không.

đêm, năm, tháng, số tuổi. Duy có một vùng tối tăm bao la. Sau dần dần biển nước đó lại biến thành cõi đất. Các vị trời Quang âm đến lúc hết phước, mệnh chung, sinh xuống nơi này. Tuy sinh xuống đó, song vẫn ăn bằng tư niệm, còn có thần túc bay đi, thân còn tỏa sáng. Chúng sống như thế một thời gian lâu và ai cũng gọi nhau là 'chúng sanh, chúng sanh.'

"Về sau nữa, từ trong cõi đất này có suối ngọt chảy ra giống như đường mật[14]. Chúng khi mới đến, thiên tánh còn khinh tháo giản dị[15], thấy vậy nghĩ thầm: 'Đó là vật gì ta hãy nếm thử?' Liền nhúng ngón tay vào suối để nếm thử, nếm tới ba lần, cảm thấy ngon, chúng mới lấy tay bụm ăn không chút e ngại và cứ mê say ăn như thế chẳng biết nhàm. Các chúng sanh khác nhìn thấy bắt chước làm theo, nếm đến ba lần, cảm thấy ngon rồi cũng tiếp tục ăn mãi, do đó, thân họ trở nên thô kệch, da thịt cứng rắn, mất cả màu sắc đẹp đẽ nhà trời, thần túc không còn, phải đi trên đất, ánh sáng nơi thân cũng mất, cả trời đất tối tăm.

"Này Bà-tất-tra, nên biết pháp thường của trời đất, sau thời gian tối tăm thì có thiên tượng: mặt trời, trăng, sao, xuất hiện ở không trung, rồi từ đó bắt đầu có ngày đêm, tối sáng, năm tháng, số tuổi[16]. Chúng sanh lúc này chỉ sống nhờ ăn vị đất mà sống lâu trong thế gian. Người nào ham ăn nhiều thì nhan sắc thô xấu, người nào ăn ít thì nhan sắc còn tươi nhuận, do đó mới bắt đầu có sự tốt xấu, đoan chính. Người đoan chính thì sinh tâm kiêu mạn khinh người xấu xí. Người xấu xí thì sinh tâm tật đố ghét người đoan chính. Chúng sanh do đó thù nghịch với nhau.

"Bấy giờ suối ngọt tự nhiên cạn khô. Về sau, cõi đất tự nhiên lại sinh ra chất béo của đất[17] có đủ mùi vị thơm tho ăn được. Chúng sanh lại lấy đất ấy mà ăn, sống lâu trong thế gian. Người nào ham ăn nhiều

---

14. Hán: tô mật 酥蜜, váng sữa và mật ong. Bản Pāli sđd.: (Deva Dig iii, tr.67): …seyyathāpi nāma payaso takkassa nibbāyamānassa upari sanānakaṃ hoti… seyyathāpi nāma sampannaṃ vā sappi sampannaṃ vā navanītaṃ… seyyathāpi nāma khuddamadhuṃ aneḷakaṃ: như bọt nổi lên trên mặt cháo sữa nóng đang nguội dần… như đề hồ hay thuần túy như tô… như mật ong thuần tịnh (Trường II, tr.396).

15. Pāli: aññataro satto lolajātiko, một chúng sanh nọ có tính tham.

16. Hán: nhật nguyệt tuế số 日月歲數.

17. Hán: địa phì 地肥; No.10 (Đại I, tr.218c): địa bính 地餅, bánh bằng đất; Pāli: bhūmipappataka, loại thực phẩm làm từ sữa và cơm; Trường II, tr. 397: nấm đất.

thì nhan sắc mau xấu, người nào ăn ít thì nhan sắc còn tươi nhuận; người đẹp đẽ sinh tâm kiêu mạn khinh người xấu xí; người xấu xí sinh tâm tật đố ghét người đẹp đẽ. Chúng sanh vì thế cùng nhau tranh tụng mãi. Rồi thì, chất béo của đất không còn sinh như trước. Về sau, đất này lại sinh thứ chất béo của đất dày mà thô, tuy cũng thơm ngon ăn được nhưng không bằng trước. Chúng sanh bấy giờ lại lấy đất này ăn mà sống lâu ở thế gian. Người ham ăn nhiều thì nhan sắc mau xấu, người ăn ít thì nhan sắc còn tươi nhuận. Người đoan chính, kẻ xấu xí cứ thị phi nhau rồi sinh điều tranh tụng mãi. Từ đó chất đất tốt không sinh lại nữa. Về sau, đất này lại sinh ra thứ lúa tự nhiên không có trấu[18], sắc vị đầy đủ, thơm tho ăn được, chúng sanh lại lấy lúa gạo ăn, sống lâu ở thế gian; con trai con gái nhìn nhau, dần dần móng tâm tình dục, mới tìm gần gũi nhau. Nhưng chúng sanh khác thấy thế nói: 'Ngươi làm quấy, ngươi làm quấy' và kẻ làm quấy bị tẩn xuất khỏi nhóm người, sau ba tháng mới cho trở lại.

"Này Bà-tất-tra, những điều trước kia người ta cho là quấy, thì bây giờ người ta cho là phải. Rồi chúng sanh kia tập quen với phi pháp, mặc tình buông thả theo tình dục, không kể gì thời tiết. Rồi vì sự hổ thẹn mới tạo lập phòng xá và từ đó thế gian khởi đầu có phòng xá. Đùa quen với điều quấy, dâm dục ngày càng tăng lên, mới có bào thai sinh ra từ bất tịnh và thế gian mới bắt đầu có bào thai vậy.

"Chúng sanh lúc ấy ăn loại lúa gạo tự nhiên; lấy xong nó lại sinh ra, vô cùng vô tận. Sau trong chúng sanh đó có kẻ lười nhác thầm nghĩ rằng: 'Cứ sáng ăn sáng lấy, chiều ăn chiều lấy thì nhọc nhằn. Chi bằng lấy luôn cất đủ ăn một ngày.' Nó liền lấy cất để ăn đủ một ngày. Sau đó có bạn gọi nó đi lấy lúa, nó đáp: 'Tôi đã lấy đủ để ăn một ngày rồi. Bạn muốn lấy thì cứ tùy ý.' Người ấy bèn suy nghĩ: 'Anh này khôn ngoan, chứa lương thực trước. Ta nay cũng muốn tích trữ lương thực đủ cho ba ngày.' Nó bèn trữ lương thực dư cho ba ngày. Khi có chúng sanh khác đến rủ đi lấy gạo, nó đáp: 'Ta đã cất trước đủ ăn ba ngày rồi. Ngươi muốn lấy cứ tự ý đi mà lấy mấy tùy ý.' Người đó lại nghĩ rằng: 'Gã kia khôn ngoan, đã biết cất lương thực trước đủ ăn ba ngày. Vậy ta hãy bắt chước nó, cất đủ năm ngày.' Nó đi lấy cất ăn đủ năm ngày.

"Chúng sanh sau khi cạnh tranh nhau tích trữ, thóc lúa trở nên

---

[18]. Tự nhiên canh mễ, vô hữu khang khoái 自然粳米無有糠糝; No. 10 (Đại I, tr.218c): lâm đằng 林藤, dây leo rừng; Pāli: badālatā, một loại dây leo.

hoang dại, bắt đầu có vỏ trấu. Cắt rồi không tự nhiên sinh lại như trước nữa. Chúng sanh thấy thế trong lòng không vui, mới có sự ưu lo suy nghĩ: 'Ta lúc đầu mới sinh ra, chỉ sống bằng tư niệm, thân ta có ánh sáng và thần túc bay đi. Sau đó đất này tuôn ra suối ngọt, chảy ra giống như đường mật thơm ngon ăn được. Chúng ta cùng ăn, tiếp tục ăn mãi. Ai ăn nhiều thì nhan sắc thô xấu, người ăn ít thì sắc còn tươi nhuận. Do thức ăn này mà nhan sắc chúng ta trở nên khác nhau. Chúng ta do vậy ai nấy ôm lòng thị phi, ganh ghét lẫn nhau. Bấy giờ suối ngọt tự nhiên cạn khô. Về sau, cõi đất tự nhiên lại sinh ra chất béo của đất[19] có mùi vị thơm tho ăn được. Chúng ta lại lấy đất ấy mà ăn. Ai ăn nhiều thì nhan sắc thô xấu, người ăn ít thì sắc còn tươi nhuận. Chúng ta do vậy ai nấy ôm lòng thị phi, ganh ghét lẫn nhau. Rồi thì, chất béo của đất không còn sinh như trước mà lại sinh thứ chất thô kệch, tuy cũng thơm ngon ăn được. Chúng ta lại lấy mà ăn. Ai ăn nhiều thì nhan sắc thô xấu, người ăn ít thì sắc còn tươi vui. Chúng sanh do vậy ai nấy ôm lòng thị phi, ganh ghét lẫn nhau. Rồi thì, chất béo của đất không còn sinh như trước, mà lại sinh ra thứ lúa tự nhiên không có trấu. Chúng ta lại lấy mà ăn để sống lâu ở đời. Rồi những kẻ biếng nhác tranh nhau tích trữ, nên lúa gạo trở nên hoang dại, bắt đầu có vỏ trấu, cắt rồi không sinh lại. Bây giờ phải làm sao đây?'

"Rồi chúng bảo nhau: 'Chúng ta hãy phân chia đất và cắm mốc.' Chúng chia đất và cắm mốc.

"Này Bà-tất-tra, do nhân duyên ấy mới phát sinh danh từ ruộng đất.

"Bấy giờ chúng sanh đó chia cắt ruộng đất, ai lập bờ cõi nấy, nên dần dần sinh ra tâm lén lút trộm cắp thóc lúa của nhau. Những chúng sanh khác trông thấy bảo: 'Ngươi làm quấy, ngươi làm quấy. Ngươi đã có ruộng đất mà còn lấy trộm của người ta. Từ nay về sau không được làm thế nữa.' Nhưng chúng sanh kia vẫn lấy cắp mãi. Các chúng sanh khác lại đã quở trách, nhưng nó không thôi, bèn lấy tay đánh và tố cáo với mọi người rằng: 'Người này đã có ruộng lúa mà còn lấy trộm của người khác.' Gã này lại bảo: 'Người này đánh tôi.' Mọi người thấy hai bên cãi nhau mãi, thì ưu sầu không vui, nói nhau một cách áo não: 'Chúng sanh đi dần đến chỗ ác, nên thế gian mới có xảy ra sự bất thiện đó. Điều xấu ác, bất tịnh đó chính là nguyên nhân của sanh, già, đau, chết và phiền não khổ báo trong ba đường ác. Bởi có ruộng đất riêng

19. Hán: xem cht. 17.

nên mới sinh kiện cáo, vậy tốt hơn chúng ta nên lập lên một người làm chủ để xử trị. Hễ ai đáng bảo hộ thì bảo hộ, ai đáng khiển trách thì khiển trách. Mỗi người chúng ta đều giảm phần gạo để cung cấp cho người ấy để lo xét xử kiện cáo.' Họ mới lựa trong đám tôn lên một người có hình vóc to lớn, nhan mạo đoan chánh, có oai đức và bảo rằng: 'Ngươi nay hãy vì bọn ta mà lên làm ông chủ bình đẳng[20]. Hễ thấy ai đáng bảo hộ thì bảo hộ, ai đáng khiển trách thì khiển trách, ai đáng đuổi thì đuổi. Bọn ta sẽ góp gạo cung cấp cho.'

"Người kia nhận lời lên làm chủ, trông coi xử đoán kiện cáo. Mọi người cùng góp gạo cung cấp.

"Người kia thường lấy lời hay đẹp ủy lạo mọi người và mọi người đều hoan hỷ tôn xưng rằng: 'Lành thay Đại vương! Lành thay Đại vương!' Từ đó thế gian mới bắt đầu có danh từ vua[21]. Lấy chánh pháp trị dân, nên gọi là Sát-lỵ[22] và thế gian bắt đầu có tên "Sát-lỵ".

"Thời gian sau trong chúng độc nhất có một người suy nghĩ như vầy: 'Nhà là đại hoạn, nhà là gai độc, ta thà bỏ nhà đi ở riêng trên rừng núi để nhàn tịnh tu hành thì hơn.' Người ấy liền bỏ nhà vào rừng, trầm lặng tư duy, đến giờ ăn thì mang bình bát vào làng khất thực. Mọi người trông thấy đều vui vẻ cúng dường, tán thán: 'Lành thay, người này có thể bỏ nhà lên ở núi, trầm lặng tu đạo, xa lìa mọi điều xấu ác.' Từ đó trong thế gian mới bắt đầu có tên Bà-la-môn[23].

"Nhưng trong đám Bà-la-môn có kẻ không ưa ở chỗ nhàn tịnh tọa thiền tư duy, mà chỉ ưa vào nhân gian chuyên nghề tụng đọc và tự nói: "Ta là người không tọa thiền". Người đời nhân đó gọi là "Bất thiền Bà-la-

---

20. Hán: bình đẳng chủ 平等主; Pāli: mahāsammato, người được bầu lên từ đại chúng; do động từ sammannati, đồng ý. Có lẽ bản Hán coi phát xuất từ hình dung từ sama: đồng đẳng.

21. Hán: vương 王. Tham chiếu Pāli, D. 19 (Deva Dig iii, tr.73; Trường II, tr.407): dhammena pare rañjetīti rājā rājā, "bằng pháp, làm người khác hài lòng, đó gọi là vua – rāja. Có gốc động từ rajenti, làm hài lòng.

22. Hán: Sát-lỵ 剎利. Tham chiếu Pāli, sđd.: khettānaṃ adhipati … khattiyo khattiyo, ông chủ của các ruộng đất được người ta gọi: Khaatiyo! Khattiyo! (Sát-lỵ hay Sát-đế-lỵ).

23. Pāli: pāpake akusale dhamme vāhentī ti… brāhmaṇā brāhmaṇā: do loại bỏ các pháp ác, bất thiện mà được gọi Brāhmaṇā! Brāhmaṇā. Ở đây, từ brāhmana có gốc từ động từ vāhenti (Skt.: Bhh, vừa có nghĩa làm tăng trưởng, vừa có nghĩa loại trừ): loại bỏ.

môn"[24] và cũng vì hay đi vào nhân gian nên lại có tên là "Nhân gian Bà-la-môn". Bắt đầu từ đó trong thế gian có dòng Bà-la-môn hiện ra.

"Lại trong đám chúng sanh kia, có người ưa kinh doanh sự nghiệp, chất chứa tài bảo, nhân đó người ta kêu hạng này là hạng Cư sĩ. Trong đám chúng sanh kia có người có nhiều cơ xảo kiến tạo, nên thế gian mới có thêm một hạng nữa gọi là Thủ-đà-la công xảo.

"Này Bà-tất-tra! Nay thế gian có đủ tên bốn chủng tánh và thêm hạng thứ năm là chúng Sa-môn. Như thế là vì có khi trong chúng Sát-ly, có người tự thấy nhàm chán pháp của mình, bèn cắt bỏ râu tóc, mặc pháp y tu đạo. Do đó, tên Sa-môn bắt đầu có từ đó. Trong chúng Bà-la-môn, Cư sĩ, Thủ-đà-la, có khi có người tự thấy nhàm chán pháp của mình, bèn cắt bỏ râu tóc, mặc pháp y tu đạo. Do đó, tên Sa-môn bắt đầu có từ đó.

"Này Bà-tất-tra! Người dòng Sát-lỵ mà thân làm bất thiện, miệng nói bất thiện, ý nghĩ bất thiện, khi thân hoại mạng chung phải thọ ác báo. Dòng người Bà-la-môn, dòng Cư sĩ, dòng Thủ-đà-la mà thân làm bất thiện, miệng nói bất thiện, ý nghĩ bất thiện, khi thân hoại mệnh chung họ cũng phải thọ ác báo như thế.

"Này Bà-tất-tra! Nếu người dòng Sát-lỵ mà thân làm lành, miệng nói lành, ý nghĩ lành, khi thân hoại mệnh chung được hưởng thiện báo, thì người dòng Bà-la-môn, dòng Cư sĩ, dòng Thủ-đà-la mà thân làm lành, miệng nói lành, ý nghĩ lành, khi thân hoại mệnh chung cũng được hưởng thiện báo như thế.

"Này Bà-tất-tra! Nếu người dòng Sát-lỵ mà làm cả hai điều thiện ác về nơi thân, miệng, ý, khi thân hoại mệnh chung phải gặt lấy quả báo vừa khổ vừa vui, thì người dòng Bà-la-môn, dòng Cư sĩ, dòng Thủ-đà-la mà làm cả hai điều thiện ác về nơi thân, miệng, ý, đến khi thân hoại mệnh chung, cũng phải thọ lấy quả báo vừa khổ vừa vui như thế.

"Này Bà-tất-tra! Trong dòng Sát-lỵ có kẻ cắt tóc cạo râu, mặc y tu đạo, tu bảy pháp giác ý, không bao lâu là được thành đạo. Vì sao? Con nhà tộc tánh ấy mặc pháp y xuất gia, tu các phạm hạnh cao thượng, thì chính ngay trong hiện tại tự thân tác chứng, sanh tử đã dứt, phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh. Trong dòng Bà-la-môn, dòng Cư sĩ, dòng Thủ-đà-la mà có kẻ cắt bỏ râu tóc,

---

[24]. Bất thiền 不 禪; Pāli: ajjhāyaka, người tụng đọc, chỉ Bà-la-môn thông hiểu kinh văn Vệ-đà. Ở đây nó được coi có gốc động từ jhāyati: thiền tịnh hay tư duy.

mặc pháp y tu đạo, tu bảy pháp giác ý, không lâu cũng sẽ được thành đạo như thế. Vì sao? Con nhà tộc tánh ấy xuất gia, mặc pháp y, tu các phạm hạnh vô thượng, chính ngay trong hiện tại tự thân tác chứng, sanh tử đã dứt, phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh.

"Này Bà-tất-tra! Cả bốn chủng tánh đó, đều có thể xuất sinh bậc La-hán thành tựu viên mãn trí minh và đức hạnh, là bậc đứng nhất ở trong năm chủng tánh ấy.

"Này Bà-tất-tra! Phạm thiên có bài kệ rằng:

Trong đời[25]*, Sát-lỵ nhất.*
Bỏ chủng tánh xuất gia,
Thành bậc đủ Minh Hạnh,
Bậc nhất trong thế gian.

"Này Bà-tất-tra! Phạm thiên nói như thế là đúng chớ không phải không đúng, khéo thọ[26] chứ không phải không khéo thọ. Lúc đó Ta liền ấn khả lời nói ấy của Phạm thiên. Vì nay Ta, là Như Lai, Chí Chân, cũng nói nghĩa như thế đó:

Trong đời, Sát-lỵ nhất.
Bỏ chủng tánh xuất gia,
Thành Bậc Minh Hạnh đủ,
Bậc nhất trong thế gian.

Bấy giờ, sau khi nghe Đức Thế Tôn nói pháp, Bà-tất-tra, Bà-la-đọa liền được tâm giải thoát vô lậu. Nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

❑

---

25. Hán: sanh trung 生 中, chỉ nguồn gốc huyết thống; Pāli: khattiyo seṭṭho janetasmiṃ, về mặt huyết thống; khattiya: ưu việt.

26. Hán: thiện thọ 善 受; Pāli: sugīta (được hát rất hay), có lẽ trong bản Hán đọc là sugahitā (nắm giữ kỹ).

6. KINH CHUYỂN LUÂN THÁNH VƯƠNG TU HÀNH[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại Ma-la-hê-sưu[2], du hành nhân gian, cùng với một ngàn hai trăm năm mươi Tỳ-kheo, dần dần đi đến nước Ma-lâu[3].

Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Này các Tỳ-kheo, các ngươi hãy tự thắp sáng. Thắp sáng trong Chánh pháp, chớ đừng thắp sáng ở nơi khác. Hãy tự mình nương tựa nơi mình, nương tựa nơi Chánh pháp, chớ đừng nương tựa vào một nơi nào khác[4].

"Này các Tỳ-kheo, thế nào là hãy tự thắp sáng; thắp sáng trong Chánh pháp, chớ đừng thắp sáng ở nơi khác; hãy tự mình nương tựa nơi mình, nương tựa nơi Chánh pháp, chớ đừng nương tựa vào một nơi nào khác?

"Ở đây, Tỳ-kheo quán thân trên nội thân, tinh cần không biếng

---

1. Bản Hán, *Phật Thuyết Trường A-hàm* "Đệ nhị phần Chuyển Luân Thánh Vương Tu Hành kinh Đệ nhị", Đại I, tr.39a-42b. Tham chiếu, *Trung A-hàm*, No.26 (70), "Chuyển Luân Vương kinh" Đại I, tr.520b. Tương đương, D.26, (Deva Dig iii. 3), Cakkavatti-sīhanāda-suttanta, Trường I, tr.353 "Chuyển Luân Thánh Vương Sư Tử Hống".

2. Ma-la-hê-sưu 摩 羅 醯 搜, bản Tống: Ma-hê-lâu 摩 醯 樓, bản Nguyên, Minh: Ma-la-hê-lâu 摩 羅 醯 樓. Chưa rõ địa danh này. *Trung A-hàm*, No. 26(70): Ma-đâu-lệ 摩 兜 隸; D.26, (Deva Dig. iii): Mātula, một thị trấn của Magadha.

3. Ma-lâu 摩 樓; TNM: Ma-la-lâu 摩 羅 樓.

4. Pāli, sđd.: tr.46: attadīpā bhikkhave viharatha atta-saraṇā anañña saraṇā, dhamma-dīpā dhamma-saraṇā anañña-saraṇā "Các Tỳ-kheo, hãy sống tự mình là hòn đảo của mình, là chỗ nương tựa của mình chứ không nương tựa ai khác; pháp là hòn đảo, là nơi nương tựa chứ không nương tựa nơi nào khác". Dīpa: hòn đảo, hay cây đèn.

nhác, ức niệm không quên, trừ bỏ tham ưu ở đời. Quán thân trên ngoại thân, quán thân trên nội ngoại thân, tinh cần không biếng nhác, ức niệm không quên, trừ bỏ tham ưu ở đời. Quán thọ, quán ý, quán pháp cũng vậy. Đó là Tỳ-kheo hãy tự thắp sáng; thắp sáng trong Chánh pháp, chớ đừng thắp sáng ở nơi khác; hãy tự mình nương tựa nơi mình, nương tựa nơi Chánh pháp, chớ đừng nương tựa vào một nơi nào khác. Thực hành như thế sẽ không bị ma nhiễu hại, công đức ngày một thêm. Tại vì sao?

"Vào thời quá khứ xa xưa, có vị vua tên là Kiên Cố Niệm[5], là vua Quán đảnh dòng Sát-lỵ[6], làm Chuyển luân thánh vương, thống lãnh cả bốn châu thiên hạ. Bấy giờ nhà vua là vị Tự tại[7], cai trị bằng chánh pháp, là người tối thắng trong loài người. Vua có đủ bảy thứ báu: bánh xe vàng báu, voi trắng báu, ngựa xanh báu, thần châu báu, ngọc nữ báu, cư sĩ báu, chủ binh báu. Và có một ngàn người con hùng dũng, đủ sức dẹp địch. Vua không cần dùng binh mà thiên hạ tự thái bình.

"Vua Kiên Cố Niệm trị vì đã lâu ngày, một hôm bánh xe vàng báu ở không trung bỗng tự nhiên rời khỏi chỗ cũ. Người coi bánh xe gấp đến tâu vua: 'Tâu Đại vương, nên biết, bánh xe báu nay rời khỏi chỗ cũ.' Sau khi nghe thế, vua Kiên Cố Niệm nghĩ: 'Ta từng nghe các bậc tiền túc kỳ cựu nói: Nếu bánh xe báu rời khỏi chỗ cũ thì thọ mạng của Chuyển luân vương không còn được lâu. Ta nay đã thụ hưởng phước lạc ở cõi người, nên tìm phương tiện để thọ hưởng phước lạc thiên thượng. Ta hãy lập thái tử lên thống lãnh bốn châu thiên hạ và phong riêng một ấp cho người hớt tóc, để khiến cắt bỏ râu tóc, rồi ta mặc pháp y, xuất gia tu đạo.'

"Rồi vua Kiên Cố Niệm sai gọi thái tử và bảo: 'Khanh biết không? Ta từng nghe các bậc tiền túc kỳ cựu nói, nếu bánh xe báu rời khỏi chỗ cũ thì thọ mạng của Chuyển luân vương không còn được lâu. Ta nay đã thụ hưởng phước lạc ở cõi người, nên tìm phương tiện để thụ hưởng phước lạc trên Trời. Nay ta muốn cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia tu đạo. Ta đem bốn châu thiên hạ ủy thác cho ngươi. Ngươi hãy

---

5. Kiên Cố Niệm 堅固念; Trung A-hàm, No. 26 (70): Kiên Niệm; Pāli: Daḷhanemi.

6. Hán: Sát-lỵ thủy nhiễu đầu chủng 剎利水澆頭種, "thuộc dòng dõi rưới nước lên đầu", chỉ dòng vua được truyền ngôi bằng nghi lễ quán đảnh chứ không phải tự lập; Pāli: khattiyo muddhābhisitto.

7. Có lẽ Skt.: Isvara (Pāli: Issara): đấng Tự tại, vị Chúa tể.

gắng sức, thương yêu dân chúng.' Sau khi thái tử lãnh mạng. Vua Kiên Cố Niệm liền cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia tu đạo.

"Vua xuất gia được bảy ngày thì bánh xe vàng báu bỗng nhiên không hiện ra nữa. Người coi bánh xe đến tâu vua: 'Đại vương nên biết, nay bánh xe vàng báu bỗng nhiên biến mất. Vua không vui. Bèn tìm đến chỗ vua Kiên Cố Niệm. Sau khi đến, bạch rằng: 'Phụ vương nên biết, nay bánh xe vàng báu bỗng nhiên không hiện ra nữa.' Vua Kiên Cố Niệm trả lời con: 'Ngươi chớ lo lắng cho là điều không vui. Bánh xe vàng báu đó không phải là của cha ngươi sản xuất ra. Ngươi chỉ cần gắng thi hành chánh pháp Thánh vương, rồi đến ngày rằm trăng tròn, tắm gội nước hương, lên ngồi tại chánh pháp điện, có thể nữ bao quanh, tức thì có thần bảo bánh xe vàng báu tự nhiên hiện đến. Bánh xe có ngàn căm, màu sắc đầy đủ, là tác phẩm của thợ nhà trời chứ không phải của loài người.'

"Thái tử tâu phụ vương: 'Phụ vương, chánh pháp của Chuyển luân thánh vương là thế nào? Phải làm như thế nào?' Vua bảo con: 'Hãy nương trên pháp, an lập trên pháp, thành tựu nơi pháp; cung kính, tôn trọng, quán sát pháp; lấy pháp làm đầu, thủ hộ chánh pháp. Lại nữa, hãy răn dạy các thể nữ bằng pháp. Lại nữa, hãy chăm sóc dạy dỗ các vương tử, đại thần, các quan lại, trăm quan và thứ dân bằng pháp. Hãy hộ trì, chăm sóc các Sa-môn, Bà-la-môn, cho đến cầm thú.' Rồi vua lại bảo con: 'Lại nữa, trong cõi nước ngươi, nếu có các Sa-môn, Bà-la-môn, tu hành thanh chơn, công đức đầy đủ, chuyên cần tinh tấn, xa lìa kiêu mạn, nhẫn nhục nhân ái, một mình ở chỗ nhàn tịnh tu tập, một mình yên nghỉ, một mình đạt đến Niết-bàn; tự mình diệt trừ tham dục, dạy người khác diệt trừ tham dục; tự diệt trừ sân nhuế, dạy người khác diệt trừ sân nhuế; tự diệt trừ ngu si, dạy người khác diệt trừ ngu si; ở trong chỗ ô nhiễm họ không ô nhiễm, trong chỗ tội ác họ không tội ác, trong chỗ ngu si họ không ngu si, chỗ có thể đắm trước họ không đắm trước, chỗ đáng trụ họ không trụ, chỗ đáng ở họ không ở, thân hành chất trực, miệng nói lời chất trực, ý nghĩ chất trực; thân hành thanh tịnh, miệng nói thanh tịnh, ý nghĩ thanh tịnh, chánh niệm thanh tịnh, nhân huệ[8], không hề chán; biết đủ trong sự ăn mặc và cầm bát đi khất thực để gây phước lành cho chúng sanh. Nếu có những người như thế, ngươi hãy thường nên tìm đến, tùy lúc hỏi han: phàm những điều tu hành, sao

8. TNM: nhân huệ 仁惠; ấn bản: nhân tuệ 仁慧.

là thiện, sao là ác, sao gọi là phạm, sao gọi không phạm, cái nào đáng thân, cái nào không đáng thân, việc gì đáng làm, việc gì không đáng làm và thi hành pháp gì để được an lạc lâu dài? Ngươi hỏi xong rồi lấy ý mình quán xét thấy việc nên làm thì gắng làm, việc nên bỏ thì gắng bỏ. Trong nước nếu có kẻ mồ côi, già cả hãy nên chẩn cấp. Người nghèo cùng yếu kém đến xin, cẩn thận chớ trái nghịch. Trong nước có luật pháp cũ, ngươi chớ thay đổi. Đó là những pháp mà Chuyển luân thánh vương tu hành, ngươi hãy phụng hành."

Phật nói với các Tỳ-kheo:

"Này các Tỳ-kheo, khi Chuyển luân thánh vương nghe lời phụ vương dạy xong, thì như lời dạy mà tu hành. Đến ngày rằm trăng tròn, tắm gội nước hương, lên ngồi tại bảo điện, có thể nữ bao quanh, tự nhiên có bánh xe báu hiện ra trước mặt, vành xe có ngàn căm sáng chói, do thợ trời làm chớ không phải đời có được. Bánh xe toàn bằng chân kim, đường kính bánh xe một trượng tư. Khi ấy, Chuyển luân thánh vương thầm nghĩ: 'Ta từng nghe các bậc tiên túc kỳ cựu nói: Nếu vua Quán đảnh dòng Sát-lỵ, đến ngày rằm trăng tròn, tắm gội nước hương, lên ngồi tại bảo điện, có thể nữ bao quanh, thời tự nhiên có bánh xe vàng hiện đến trước mặt, bánh xe có ngàn căm, ánh sáng rực rỡ, là tác phẩm của thợ nhà trời chứ không phải do con người làm, được làm thành bằng vàng thật, đường kính trượng tư, khi đó được gọi là Chuyển luân thánh vương. Nay có bánh xe báu ấy hiện đến há không là đây chăng? Ta hãy thử coi bánh xe đó thế nào?'

"Khi ấy, vua Chuyển luân liền triệu bốn thứ binh, hướng về phía bánh xe vàng, trịch áo bày vai phải, đầu gối phải quỳ sát đất, rồi lấy tay mặt vỗ lên bánh xe và nói: 'Ngươi hãy theo đúng phép mà vận chuyển về phương Đông, chớ trái lệ thường.' Bánh xe liền chuyển về phương Đông. Vua bèn dẫn bốn thứ quân binh đi theo bánh xe vàng, trước bánh xe vàng có bốn vị thần dẫn đường. Đến chỗ bánh xe vàng ngừng thì vua cũng dừng xe. Bấy giờ, các tiểu quốc phương Đông thấy đại vương đến, họ đem bát vàng đựng lúa bạc, bát bạc đựng lúa vàng đến trước vua, cúi đầu tâu rằng: "Đại vương đến, thật lành thay! Nay phương Đông này đất ruộng phì nhiêu, nhân dân sung túc, tánh khí nhân hòa, từ hiếu trung thuận. Cúi mong Thánh vương lấy chánh pháp trị hóa chốn này, chúng tôi xin cung cấp hầu hạ, phục vụ mọi việc cần dùng.' Vua Chuyển luân nói với các tiểu vương: "Thôi thôi chư Hiền! Thế là các ngươi đã cúng dường ta rồi đó. Các ngươi hãy nên lấy chánh pháp mà trị dân, chớ làm cho thiên

lệch, không để cho quốc nội có hành vi phi pháp. Như vậy tức là ta trị hóa đó.' Các tiểu vương vâng lệnh. Họ liền theo vua đi tuần khắp nước, đến tận mé biển Đông mới trở về.

"Vua lần lượt đi về phương Nam, rồi phương Tây, phương Bắc. Hễ bánh xe vàng đến ở đâu thì các quốc vương đều đến cống hiến như các tiểu quốc phương Đông vậy.

"Bấy giờ, vua Chuyển luân, sau khi đã theo bánh xe vàng đi khắp bốn biển, đem chánh đạo khai hóa, an ủi dân chúng xong, trở về nước, thì bánh xe vàng dừng lại trên không trung ngay cửa cung điện. Vua Chuyển luân vui mừng phấn khởi nói: 'Bánh xe vàng báu này thật là điềm tốt của ta. Nay ta chính thật là Chuyển luân thánh vương.'

"Đó là sự thành tựu bánh xe vàng báu.

"Vua ấy trị đời một thời gian lâu, rồi bánh xe vàng báu giữa hư không lại bỗng nhiên rời chỗ cũ. Người coi bánh xe gấp đến tâu vua: 'Đại vương nên biết, nay bánh xe báu đã rời chỗ.' Vua nghe xong liền tự mình suy nghĩ: 'Ta từng nghe nơi các bậc tiên túc kỳ cựu rằng, nếu bánh xe báu dời chỗ, Chuyển luân thánh vương sống chẳng còn bao lâu nữa. Ta nay đã hưởng thọ phước lạc của loài người, cũng nên tìm phương tiện thọ phước lạc trên trời. Ta hãy lập thái tử thống lãnh bốn thiên hạ, phong riêng một ấp cho người hớt tóc và ra lệnh cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia tu đạo.'

"Rồi vua sai gọi thái tử và bảo: 'Khanh biết không? Ta từng nghe các bậc tiền túc kỳ cựu nói, nếu bánh xe báu rời khỏi chỗ cũ thì thọ mạng của Chuyển luân vương không còn được lâu. Ta nay đã thụ hưởng phước lạc ở cõi người, nên tìm phương tiện để thụ hưởng phước lạc thiên thượng. Nay ta muốn cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia tu đạo. Ta đem bốn châu thiên hạ ủy thác cho ngươi. Ngươi hãy gắng sức, thương yêu dân chúng.' Sau khi thái tử lãnh mạng, vua liền cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia tu đạo.

"Vua xuất gia được bảy ngày thì bánh xe vàng bỗng nhiên không hiện. Người coi bánh xe đến báo tin vua: 'Tâu Đại vương, bánh xe báu nay bỗng nhiên biến mất.' Vua nghe xong chẳng cho đó là điều đáng lo, cũng chẳng chịu đến hỏi ý phụ vương.

"Rồi vua cha bỗng nhiên thăng hà.

"Kể từ đây về trước có sáu vua Chuyển luân, cứ đắp đổi trao ngôi và lấy chánh pháp trị dân, duy một ông vua sau này tự chuyên trị nước,

không theo pháp cũ, chánh trị bất công khiến thiên hạ oán thán, quốc độ kém sút, nhân dân điêu linh. Thấy vậy có một đại thần dòng Bà-la-môn đến tâu vua: 'Nay quốc độ sút kém, nhân dân điêu linh, không được như trước. Hiện nay trong nước vua có nhiều vị trí thức, thông minh bác đạt, rõ thấu cổ kim, biết đủ pháp chánh trị của tiên vương, sao ngài không vời lại để hỏi những điều họ biết, hỏi chắc họ đáp.' Vua liền vời quần thần đến hỏi cái đạo trị chánh của Tiên vương, các vị trí thần đáp đủ mọi việc. Vua nghe xong bèn thi hành theo pháp cũ, lấy chánh pháp cứu hộ nhân dân, nhưng vẫn không thể chẩn tế những kẻ cô lão, cấp thí cho người hạ cùng, nhân dân trong nước vẫn bị đưa dần tới chỗ nghèo khổ, xâm đoạt lẫn nhau mà thành có nạn đạo tặc hoành hành. Mỗi khi có ai bị rình bắt được đem đến vua, tâu rằng: 'Người này làm giặc, xin vua trị nó.' Vua hỏi: 'Có thật ngươi là giặc không?' Người ấy đáp: 'Thật. Vì tôi nghèo cùng đói khát, không tự sống nổi nên phải làm giặc.' Vua liền xuất kho, lấy của cấp cho và dặn: 'Ngươi đem của này về cung cấp cha mẹ, giúp đỡ bà con, từ nay chớ làm giặc nữa nghe.'

"Các người khác thấy vậy đồn: 'Có kẻ làm giặc được vua cấp cho tài bảo', nên họ cũng bắt chước làm theo. Họ lại bị rình bắt được đem đến vua, tâu rằng: 'Người này làm giặc, xin vua trị nó.' Vua lại hỏi: Có thật ngươi là giặc không?' Người kia đáp: 'Dạ thật. Vì tôi nghèo cùng đói khát không tự sống nổi, nên phải làm giặc.' Vua lại xuất kho lấy của cấp cho và bảo: 'Ngươi đem của này về cung cấp cha mẹ, giúp đỡ bà con, từ nay chớ làm giặc nữa nghe.'

"Lại những người khác nghe nói có kẻ làm giặc được vua cấp cho tài bảo, nên họ bắt chước rủ nhau làm theo và lại bị rình bắt đem đến vua, tâu: 'Người này làm giặc, xin vua trị nó.' Vua lại hỏi: 'Có thật ngươi làm giặc không?' Người kia đáp: 'Dạ thật. Vì tôi nghèo cùng đói khát, không tự sống nổi nên phải làm giặc.' Lần này vua nghĩ: 'Trước có người làm giặc, ta thấy nghèo đói cấp cho tài vật, dặn thôi đừng làm. Người khác nghe thế lại bắt chước làm. Nạn đạo tặc nhân đó tràn lan mãi. Thôi bây giờ tốt hơn ta phải hạ lệnh bắt trói người này dắt đi các ngõ đường, sau đưa ra ngoài thành đến chỗ trống trải mà hành hình, để răn người sau.' Vua liền sắc tả hữu bắt trói lại rồi đánh trống xướng lệnh đưa đi khắp ngõ đường. Xong rồi đem tới một nơi trống trải ở ngoài thành mà hành hình. Mọi người khác thấy vậy truyền nhau: 'Nếu chúng ta làm giặc, cũng phải bị xử như thế

chẳng khác gì.' Từ đây quốc dân, để tự phòng hộ, mới tạo ra những binh trượng, gươm đao, cung tên, tàn hại nhau, tấn công, cướp giật lẫn nhau.

"Kể từ vua này mới bắt đầu có sự nghèo cùng. Nhân có nghèo cùng mới có đạo tặc. Nhân có đạo tặc mới có đao trượng. Nhân có đao trượng mới có sát hại. Nhân có sát hại nên nhan sắc con người mới tiều tụy, thọ mạng ngắn ngủi. Họ sống từ bốn vạn tuổi, sau lần xuống còn hai vạn tuổi. Trong số đó có người sống lâu; có người chết yểu; có người khổ; có người sướng. Những người khổ thì sinh tâm tà dâm, tham thủ, bày đủ phương tiện để mưu đoạt của nhau, nên tai nạn nghèo cùng, trộm cướp, đao trượng, sát hại càng ngày càng nhiều, làm cho mạng người lại giảm dần xuống chỉ sống một vạn tuổi.

"Trong thời gian người sống một vạn tuổi, vẫn lại trộm cướp lẫn nhau. Mỗi khi bị rình bắt đem đến vua, tâu rằng: 'Người này làm giặc, xin vua trị nó.' Vua hỏi: 'Có thật ngươi làm giặc không?' Người kia đáp: 'Tôi không làm.' Và ở giữa đám đông nó cố ý nói dối. Như vậy chúng sanh lúc đó vì nghèo cùng nên trộm cướp. Vì trộm cướp nên có đao binh. Vì đao binh nên có giết hại. Vì giết hại nên có tham thủ tà dâm. Vì tham thủ tà dâm nên có nói dối. Vì có nói dối, do đó tuổi thọ lại giảm lần, chỉ còn sống được một ngàn tuổi.

"Trong thời gian sống một ngàn tuổi, bắt đầu người ta tạo bốn ác hạnh về miệng trên đời là nói dối, nói hai lưỡi, nói độc ác và nói thêu dệt. Ba ác nghiệp đó tăng dần lên thì tuổi thọ con người giảm bớt xuống, chỉ còn sống được năm trăm tuổi.

"Trong thời gian sống năm trăm tuổi, người ta lại tạo thêm ba nết ác khác là dâm dục phi pháp, tham lam phi pháp và tà kiến. Ba ác nghiệp này tăng dần lên thì tuổi thọ con người giảm bớt xuống, chỉ còn sống đến ba trăm rồi hai trăm tuổi và nay, nhân loại trong thời ta, chỉ còn sống được một trăm tuổi. Số tuổi thọ được tăng thì ít mà giảm thì nhiều. Hễ cứ làm ác mãi thì tuổi thọ cứ như thế giảm xuống mãi cho đến khi nhân loại chỉ còn sống mười tuổi.

"Trong thời gian nhân loại sống mười tuổi này, con gái vừa sinh ra năm tháng đã gả chồng. Ở vào thời ấy, những vị ngon ngọt như dầu mỡ, đường mật không còn nghe tên. Đậu, mè, lúa, nếp biến thành cỏ rác. Những thứ danh phục, lụa là, gấm vóc, vải trắng, kiếp-ba, lụa tơ, lãnh nhiễu như bây giờ không thấy mặc, mà phải bện lông gai xô xảm lấy làm áo mặc thượng hạng. Bấy giờ, toàn cõi đất này mọc đầy gai góc,

sanh đầy mòng muỗi, ruồi lằng, chấy rận, rắn rết, ong, bò cạp, trùng độc. Vàng bạc, lưu ly, trân châu, danh bảo đều lặn hết xuống đất, chỉ còn ngói đá, sạn sỏi thì nổi cả lên trên. Nhân loại lúc đó tuyệt nhiên không còn nghe đến tên thập thiện mà chỉ có thập ác dẫy đầy thế gian. Nhằm lúc cái tên thiện pháp còn không nghe thấy, nhân loại không biết đâu để tu tập hạnh lành, do đó hễ người nào làm điều cực ác, bất hiếu với cha mẹ, bất kính với sư trưởng, bất trung bất nghĩa, phản nghịch vô đạo, thì được dân chúng tôn sùng như hiện nay người ta tôn sùng kẻ làm điều lành, hiếu dưỡng cha mẹ, kính thuận sư trưởng, trung tín tiết nghĩa, thuận đạo tu nhân vậy.

"Nhân loại thời ấy, phần nhiều tạo mười điều ác nên sa vào nẻo ác nhiều, hễ vừa trông thấy nhau là họ muốn bắn giết nhau như kẻ thợ săn trông thấy bầy nai.

"Cõi đất lúc ấy đầy dẫy hố hầm, khe suối, hang hóc; đất rộng người thưa, đi lại ghê sợ. Nhằm lúc ấy thì có nạn đao binh nổi lên. Cọng cỏ nhánh cây cầm trong tay cũng đều biến thành qua mâu, giết hại nhau trong vòng bảy ngày. Khi ấy, những kẻ có trí, tìm lánh vào rừng sâu, nương ở hang hố, trong bảy ngày lòng quá sợ hãi mà phát lời từ thiện rằng: 'Ngươi không hại ta, ta không hại ngươi.' Họ nhờ ăn cỏ cây mà sống còn. Qua khỏi bảy ngày họ từ núi đi ra, hễ gặp người sống sót, vừa thấy nhau đã mừng rỡ nói: 'Ngươi không chết ư? Ngươi không chết ư?' Giống như cha mẹ chỉ có con một, xa cách lâu ngày, nay gặp lại mừng không xiết kể. Họ đem lòng mừng rỡ chúc hỏi nhau như thế xong, sau mới thăm hỏi đến nhà, thì hay rằng thân thuộc nhà họ đã chết đi nhiều, nên họ lại buồn khóc, than van, kêu ca với nhau trong suốt bảy ngày tiếp.

"Hết bảy ngày buồn khóc, tiếp đến bảy ngày họ cùng nhau chúc mừng, hoan lạc và tự nghĩ: 'Vì chúng ta chứa ác quá nhiều nên gặp phải tai nạn, khiến thân tộc chết chóc, gia quyến mất tiêu. Vậy nay ta nên chung nhau tu tập điều lành, nhưng hãy tu điều lành gì? Ta nên đừng sát sinh.'

"Bấy giờ nhân loại lại phát từ tâm, không tàn hại nhau, nhờ đó nhân loại được tăng dần sắc lực và thọ mạng từ mười tuổi nay sống lên hai mươi tuổi. Trong lúc sống hai mươi tuổi lại suy nghĩ: 'Chúng ta nhờ tu chút ít hạnh lành không tàn hại nhau mà thọ mạng tăng lên hai mươi tuổi. Có lẽ ta nên tu thêm ít điều lành nữa. Nhưng nên tu điều lành gì? Trước đã không sát sinh rồi, giờ ta nên đừng trộm cắp.' Và do

tu điều không trộm cắp mà thọ mạng tăng lên bốn mươi tuổi. Trong lúc sống bốn mươi tuổi, lại suy nghĩ: 'Chúng ta nhờ tu chút ít lành mà thọ mạng tăng lên, nay có lẽ ta nên tu thêm ít điều lành nữa. Nhưng nên tu điều lành gì? Ta nên tu điều không tà dâm. 'Từ đó mọi người đều không tà dâm và thọ mạng tăng lên tám mươi tuổi. Trong lúc sống tám mươi tuổi, lại suy nghĩ: 'Chúng ta nhờ tu chút ít lành mà thọ mạng tăng lên, nay có lẽ ta nên tu thêm ít điều lành nữa. Nhưng nên tu điều lành gì? Ta nên không nói dối.' Từ đó mọi người thảy đều không nói dối và thọ mạng tăng lên đến một trăm sáu mươi tuổi. Trong lúc sống một trăm sáu mươi tuổi lại suy nghĩ: 'Chúng ta nhờ tu chút ít điều lành mà thọ mạng tăng lên. Nay có lẽ ta nên tu thêm ít điều lành nữa. Nhưng nên tu điều lành gì? Ta nên không nói hai lưỡi.' Từ đó mọi người đều không nói hai lưỡi và thọ mạng tăng lên ba trăm hai mươi tuổi. Trong lúc sống ba trăm hai mươi tuổi, lại suy nghĩ: 'Chúng ta nhờ tu chút ít điều lành mà thọ mạng tăng lên. Nay có lẽ ta nên tu thêm ít điều lành nữa. Nhưng nên tu điều lành gì? Ta nên không ác khẩu.' Từ đó mọi người không ác khẩu và thọ mạng tăng lên sáu trăm bốn mươi tuổi. Trong lúc sống sáu trăm bốn mươi tuổi, lại suy nghĩ: 'Chúng ta nhờ tu chút ít điều lành mà thọ mạng tăng lên. Nay có lẽ ta nên tu thêm ít điều lành nữa. Nhưng nên tu điều lành gì? Ta nên không nói thêu dệt.' Từ đó mọi người không nói thêu dệt và thọ mạng tăng lên đến hai ngàn tuổi. Trong lúc sống hai ngàn tuổi, lại suy nghĩ: 'Chúng ta nhờ tu chút ít điều lành mà thọ mạng tăng lên. Nay có lẽ ta nên tu thêm ít điều lành nữa. Nhưng nên tu điều lành gì? Ta nên không xan tham.' Từ đó mọi người không xan tham và thọ mạng tăng lên đến năm ngàn tuổi. Trong lúc sống năm ngàn tuổi, lại suy nghĩ: 'Chúng ta nhờ tu chút ít điều lành mà thọ mạng tăng lên. Nay có lẽ ta nên tu thêm ít điều lành nữa. Nhưng nên tu điều lành gì? Ta nên không tật đố, Từ tâm tu thiện.' Từ đó mọi người không tật đố, Từ tâm tu thiện và thọ mạng tăng lên đến một vạn tuổi. Trong lúc sống một vạn tuổi, lại suy nghĩ: 'Chúng ta nhờ tu chút ít điều lành mà thọ mạng tăng lên. Nay có lẽ ta nên tu thêm ít điều lành nữa. Nhưng nên tu điều lành gì? Ta nên tu chánh kiến, không sanh điên đảo.' Từ đó mọi người tu chánh kiến, không sanh điên đảo và thọ mạng tăng lên đến hai vạn tuổi. Trong lúc sống bốn vạn tuổi, lại suy nghĩ: 'Chúng ta nhờ tu chút ít điều lành mà thọ mạng tăng lên. Nay có lẽ ta nên tu thêm ít điều lành nữa. Nhưng nên tu điều lành gì? Ta nên hiếu dưỡng cha mẹ, kính thờ sư trưởng.'

Từ đó mọi người đều hiếu dưỡng cha mẹ, kính thờ sư trưởng và thọ mạng tăng lên đến tám vạn tuổi.

"Trong lúc nhân loại sống tám vạn tuổi, con gái đến năm trăm tuổi mới gả chồng và có chín thứ bệnh là lạnh, nóng, đói, khát, đại tiện, tiểu tiện, tham dục, ham ăn và già nua. Cõi đất lúc ấy bằng phẳng không có rạch hầm, gò nổng gai góc, cũng không mòng muỗi, rắn rết, trùng độc. Ngói, đá, cát, gạch thì biến thành lưu ly. Nhân dân sung túc, ngũ cốc rẻ thường, giàu vui không xiết tả. Có tám vạn thành lớn được dựng lên, thôn thành san sát gần nhau, gà gáy cùng nghe được.

"Vào thời kỳ ấy thì có Đức Phật ra đời hiệu là Di-lặc[9] Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác, mười hiệu đầy đủ như Đức Thích-ca Như Lai ngày nay không khác. Đức Di-lặc kia tự mình tu chứng ngay ở giữa hàng chư Thiên, Đế Thích, Ma, Thiên ma, Sa-môn, Bà-la-môn và Nhân gian, mà tự thân tác chứng, cũng như ta ngày nay ở ngay giữa hàng chư Thiên, Đế Thích, Ma hoặc Thiên ma, Sa-môn, Bà-la-môn và Nhân gian mà tự mình tác chứng vậy.

"Đức Di-lặc sẽ thuyết pháp, khoảng đầu, giữa và cuối đều trọn lành, đầy đủ nghĩa vị, tịnh tu phạm hạnh như ngày nay Ta thuyết pháp, khoảng đầu, giữa, cuối đều chân chánh, nghĩa vị đầy đủ, phạm hạnh thanh tịnh vậy.

"Đức Di-lặc có chúng đệ tử vô số ngàn vạn, như Ta ngày nay có đệ tử vài trăm[10]. Nhân dân lúc ấy gọi đệ tử Ngài là Từ tử như gọi đệ tử Ta nay là Thích tử.

"Lúc ấy, có vua tên là Tương-già[11], là vua Sát-lỵ Chuyển luân thánh vương quán đảnh[12], cai trị bốn châu thiên hạ. Vua lấy chánh pháp

---

9. Di-lặc 彌勒; Pāli: Metteyya, Skt.: Maitreya. Các tư liệu liên quan Phật Di-lặc trong Tứ A-hàm: *Tăng nhất*, Đại II, tr.600a, tr.645a, tr.746a, tr.754a, tr.756a-758a, tr.787c, tr.818b; *Trung A-hàm*, Đại I, tr.520b.

10. Chỉ con số Tỳ-kheo thường đi theo Phật. Xem Trường II, tr.282.

11. Tương-già 襄伽 các bản Nguyên Minh: Nhương-khư 禳佉; Pāli: Saṅkha.

12. Sát-lỵ thủy nhiễu đầu chủng Chuyển luân thánh vương, vị hoàng đế được truyền

trị dân, ai nấy đều mến phục. Vua có đủ bảy thứ báu là bánh xe vàng, voi trắng, ngựa xanh, thần châu, ngọc nữ, cư sĩ, chủ binh và ngàn người con dõng mãnh hùng nghị, đủ sức dẹp ngoại địch, được bốn phương kính thuận, không cần binh đao mà thiên hạ thái bình.

"Vua thiết lập một Đại bảo tràng[13] vòng vây mười tầm, cao một ngàn tầm, được trang nghiêm với ngàn sắc lẫn lộn. Bảo tràng có một trăm góc[14]; mỗi góc có trăm nhánh, dệt bằng chỉ báu, có các châu bảo xen lẫn. Sau khi lập bảo tràng để cúng thí hàng Sa-môn, Bà-la-môn và người nghèo trong nước xong, vua cắt bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia tu đạo, tập hạnh vô thượng, ngay trong pháp hiện tại mà tự thân tác chứng, sanh tử dứt hết, phạm hạnh thành tựu, việc làm hoàn mãn, không còn phải chịu thân sau nữa."

Phật dạy:

"Này các Tỳ-kheo! Các ngươi hãy siêng tu các thiện hạnh. Nhờ tu thiện hạnh mà thọ mạng lâu dài, nhan sắc thêm tươi, an ổn khoái lạc, tài bảo phong nhiêu, oai lực đầy đủ, giống như các vua thuận làm theo cựu pháp của Chuyển luân thánh vương thời thọ mạng lâu dài, nhan sắc thêm tươi, an ổn khoái lạc, tài bảo phong nhiêu, oai lực đầy đủ. Tỳ-kheo cũng vậy, nên tu thiện pháp, thọ mạng lâu dài, nhan sắc thêm tươi, an ổn khoái lạc, tài bảo phong phú, oai lực đầy đủ.

"Thế nào gọi là Tỳ-kheo được thọ mạng lâu dài? Tỳ-kheo tu tập dục định, tinh cần không giải đãi, do thành tựu diệt hành mà tu thần thông[15]. Tu tập tinh tấn định, ý định, tư duy định, tinh cần không giải đãi, do thành tựu diệt hành mà tu thần thông. Như thế là Tỳ-kheo thọ mạng lâu dài.

"Thế nào gọi là Tỳ-kheo được nhan sắc thêm tươi? Ở đây, Tỳ-

---

ngôi với nghi thức quán đảnh (rưới nước lên đầu). Không phải hoàng đế tự lập hay tự xưng đế. Xem kinh Xà-ni-sa, cht.23.

13. Đại bảo tràng 大寶幢, cây phướn lớn. Có lẽ liên hệ đến tên kinh đô bấy giờ mà Pāli (D.26, Trường II, tr.380) nói là Ketumati (Kê-đầu-ma thành). Ketu có nghĩa là cây phướn. Nhưng Pāli, D.26, sđd.: tam yūpam ussāpetvā, cho dựng một cột phướn. Yūpa: cột tế đàn (Trường II, tr.382 dịch là cung điện).

14. Bách cô 百觚; Không hình dung được. Trong bản viết cô với bộ giác. TNM với bộ mộc. Bản Thanh, với bộ tử.

15. Văn dịch Bốn thần túc trong bản Hán nay không nhất quán và không chuẩn. Trên đây và nhiều nơi khác của bản Hán, bản dịch Việt cố gắng sát văn Hán nhưng cũng cố không để thoát lạc ý nghĩa cơ bản. Xem Xà-ni-sa, cht. 28.

kheo có giới Cụ túc, thành tựu oai nghi, thấy có tội nhỏ đã sanh lòng sợ lớn, học tập đầy đủ trong các học giới[16], hoàn toàn không thiếu sót. Như thế là Tỳ-kheo nhan sắc thêm tươi.

"Thế nào gọi là Tỳ-kheo được an ổn khoái lạc? Ở đây, Tỳ-kheo đoạn trừ dâm dục, xả bỏ pháp bất thiện, có giác có quán, có hỷ lạc phát sanh do viễn ly, chứng đệ Nhất thiền. Trừ diệt giác và quán, nội đẳng tịnh[17], tâm chuyên nhất, không giác không quán, có hỷ lạc phát sanh do định, chứng đệ Nhị thiền. Lìa hỷ, an trú xả, chuyên tâm không tán loạn, tự mình biết rõ cảm giác lạc nơi thân, an trú nơi điều mà Hiền thánh nói là xả-niệm-lạc[18], chứng đệ Tam thiền. Dứt khổ dứt lạc, ưu và hỷ đã loại trừ từ trước, không khổ không lạc, xả và niệm thanh tịnh, chứng đệ Tứ thiền. Như thế là Tỳ-kheo an ổn, khoái lạc.

"Thế nào gọi là Tỳ-kheo được tài bảo phong nhiêu? Ở đây, Tỳ-kheo lo tu tập Từ tâm, khắp một phương, rồi đến các phương khác cũng vậy, bao trùm, rộng lớn, bình đẳng vô lượng, trừ mọi oán kết, tâm không tật đố, tịch mặc từ nhu. Bi tâm, Hỷ tâm, Xả tâm cũng như thế. Như thế là Tỳ-kheo được tài bảo phong nhiêu.

"Thế nào gọi là Tỳ-kheo được oai lực đầy đủ? Ở đây, Tỳ-kheo hiểu biết một cách như thật về Khổ đế, Tập đế, Diệt đế, Đạo đế. Như thế là Tỳ-kheo được oai lực đầy đủ. Này các Tỳ-kheo! Nay Ta xem khắp những người có sức lực không ai hơn ma lực, nhưng Tỳ-kheo đã đoạn trừ hết hoặc lậu, thì lại thắng được chúng ma đó.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

❑

---

16. Hán: đẳng học 等學; Pāli: samādāya sikkhati, sau khi thọ lãnh, vị ấy học tập.

17. Hán: nội tín hoan lạc 內信歡樂. Văn chuẩn về Tứ thiền, Skt.: adhyātma-samprasāda, nội đẳng tịnh 內等淨 hay nội trừng tịnh 內澄淨. Xem *Pháp Uẩn Túc luận*, quyển 6, Đại XXVI, tr.482a và tiếp.

18. Văn về Tứ thiền, Hán dịch không chuẩn. Xem kinh số 2 "Du Hành iii", cht. 36.

7. KINH TỆ-TÚ[1]

Lúc bấy giờ, Đồng nữ Ca-diếp[2] cùng năm Tỳ-kheo du hành từ nước Câu-tát-la lần đến thôn Bà-la-môn tên là Tư-bà-hê[3]. Rồi Đồng nữ Ca-diếp nghỉ tại phía Bắc rừng Thi-xá-bà[4]. Lúc đó có người Bà-la-môn tên Tệ-tú[5], xưa nay ở thôn Tư-bà-hê, một thôn giàu vui, nhân dân đông đúc, cây cối sầm uất do vua Ba-tư-nặc đã phong riêng cho Bà-la-môn Tệ-tú coi như là một ân điển[6]. Bà-la-môn Tệ-tú là người thường chấp giữ dị kiến và dạy mọi người rằng: "Không có thế giới khác, cũng không có hóa sinh[7], không quả báo thiện ác."

Lúc bấy giờ, người trong thôn Tư-bà-hê nghe có Đồng nữ Ca-diếp

---

1. Bản Hán, *Phật Thuyết Trường A-hàm kinh*, quyển 7, "Đệ nhị phần Tệ Tú kinh Đệ tam", Đại I, tr.42b-47a. Tham chiếu, No. 26 (71) *Trung A-hàm,* "Bệ-Tứ kinh", (Đại I, tr.525); *Đại Chánh Cú Vương kinh*, Tống Pháp Hiền dịch, Đại I, tr.831. Tương đương Pāli: D.23, Deva Dig. ii 10. Pāyāsi-suttanta.

2. Đồng nữ Ca-diếp 童女迦葉, Tỳ-kheo chứ không phải Tỳ-kheo-ni, mặc dù bản Hán gọi là Đồng nữ; No.26 (71): Cưu-ma-la Ca-diếp 鳩摩羅迦葉; *Đại Chánh Cú Vương kinh*: Đồng tử Ca-diếp 童子迦葉; Pāli: Kumāra-Kassapa (Đồng tử Kassapa).

3. Tư-bà-hê 斯婆醯, No.26(71): Tư-hòa-đề 斯和提; Pāli: Setāvyā.

4. Thi-xá-bà 尸舍婆, No.26(71): Thi-nhiếp-hòa 尸攝和; Pāli: Siṃsapā, tên một loại cây lớn.

5. Tệ-tú 弊宿, No.26(71): Bệ-tứ 蜱肆, một tiểu vương trị phong ấp Tư-hòa-đề do vua Ba-tư-nặc ân tứ; Pāli: Pāyāsi.

6. Hán: Phạm phần 梵分, cho thấy liên hệ Pāli: brahma-deyya, đặc ân của vua ban cho thuộc hạ của mình; No.26(71) dịch là phong thụ 封受.

7. Vô hữu tha thế, vô hữu cánh sanh 無有他世無有更生; No. 26(71): vô hữu tha thế, vô hữu chúng sanh sanh 無有他世無有眾生生. So sánh Pāli: natthi paro loko natthi sattā opapātikā. Tha thế, paro loko, thế giới khác, hay đời khác, vừa hiểu theo nghĩa không gian, vừa theo thời gian. Sattā opapātikā: cánh sanh, hay chúng sanh sanh, hay phổ thông hơn: hóa sanh hữu tình. Hán dịch trong kinh này, cánh sanh nên được hiểu là 'sinh ra do thay đổi' nghĩa là do biến hóa hay biến thái ngẫu nhiên, chứ không phải là tái sinh theo một quá trình sinh trưởng. Ở đây, chỉ các hàng chư Thiên.

cùng năm Tỳ-kheo từ nước Câu-tát-la đi lần đến nghỉ tại rừng Thi-xá-bà, bàn nhau rằng: "Vị Đồng nữ Ca-diếp này có tiếng tăm lớn, đã chứng A-la-hán, kỳ cựu trưởng túc, đa văn, quảng bác, thông minh duệ trí, biện tài ứng cơ, giỏi cách nghị luận, nếu chúng ta gặp được thì hay lắm". Rồi người trong thôn cứ ngày ngày thay nhau tìm đến Ca-diếp. Bấy giờ Tệ-tú đang đứng trên lầu cao trông thấy mọi người từng đoàn nối nhau kéo đi mà chẳng biết đi đâu, mới hỏi người cầm lọng hầu rằng:

"Những người kia vì sao họp thành đoàn nối nhau như thế?"

Người hầu đáp:

"Tôi nghe nói Đồng nữ Ca-diếp cùng năm trăm Tỳ-kheo từ nước Câu-tát-la đến nghỉ tại rừng Thi-xá-bà. Lại nghe đồn người ấy có tiếng tăm lớn, đã chứng La-hán, kỳ cựu trưởng túc, đa văn quảng bác, thông minh duệ trí, biện tài ứng cơ, giỏi cách nghị luận. Những người kia họp thành đoàn nối nhau là đoàn muốn đến gặp Ca-diếp đấy."

Tệ-tú liền sai người hầu:

"Ngươi hãy mau tới nói mấy người ấy, bảo hãy dừng lại, chờ ta cùng đi đến gặp với. Vì sao? Vì người kia ngu si, nhầm lẫn, lừa dối thế gian, nói có thế giới khác, có hóa sinh, có quả báo thiện ác. Song kỳ thật không có thế giới khác, không có hóa sinh, không có quả báo thiện ác."

Người hầu vâng lời đến nói với người thôn Tư-bà-hê kia rằng:

"Ông Bà-la-môn bảo các người hãy dừng lại chờ, để cùng đi gặp gỡ."

Người trong thôn đáp:

"Hay lắm, nếu muốn đi, chúng ta hãy cùng đi."

Người hầu về thưa lại:

"Những người kia đang dừng lại đợi. Đi được thì đi mau."

Tệ-tú liền xuống lầu, sai người hầu sắp sửa xe cộ, rồi với đoàn người trong thôn vây quanh nhau, ông đi đến rừng Thi-xá-bà. Khi đến nơi, ai nấy đều xuống xe đi bộ đến chỗ ngài Ca-diếp, hỏi han xong ngồi lại một bên. Người trong thôn ấy, Bà-la-môn có, cư sĩ có, có người lễ bái Ca-diếp rồi mới ngồi, có người hỏi han rồi ngồi, có người tự xưng tên mình rồi ngồi, có người chắp tay xá rồi ngồi, có người chỉ lặng lẽ ngồi xuống.

Bấy giờ Bà-la-môn Tệ-tú nói với Ca-diếp:

“Nay tôi có điều muốn hỏi. Ngài có rỗi rảnh cho phép được hỏi không?”

Ca-diếp đáp:

“Tùy theo chỗ ông hỏi, nghe rồi mới biết.”

Tệ-tú nói:

“Luận thuyết của tôi là không có thế giới khác, không có hóa sinh, không có quả báo tội phước. Luận thuyết của ngài thế nào?”

Ca-diếp đáp:

“Nay tôi hỏi ông. Ông hãy trả lời theo ý nghĩ của mình. Hiện mặt trời, mặt trăng ở trên kia thuộc về thế giới này hay thế giới khác? Thuộc về trời hay về người?”

Bà-la-môn đáp:

“Mặt trời, mặt trăng là thuộc về thế giới khác chớ không phải thế giới này; thuộc về trời chớ không phải người.”

Ca-diếp nói:

“Như vậy có thể biết tất phải có thế giới khác, phải có hóa sinh, phải có quả báo thiện ác.”

Bà-la-môn nói:

“Tuy ngài nói có thế giới khác, có hóa sinh, có quả báo thiện ác, nhưng theo ý tôi thì không tất cả.”

Ca-diếp hỏi:

“Có nhân duyên gì để biết không có thế giới khác, không có hóa sinh, không có quả báo thiện ác?”

“Có nhân duyên.”

“Nhân duyên gì để nói biết không có thế giới khác, không có hóa sinh, không có quả báo thiện ác?”

Bà-la-môn nói:

“Này Ca-diếp, nguyên tôi có người bà con quen biết, mắc phải bệnh ngặt, tôi đến nói hỏi rằng: ‘Các Sa-môn, Bà-la-môn thường chấp theo dị kiến, cho rằng những người sát sinh, trộm cắp, tà dâm, hai lưỡi, nói dối, nói thêu dệt, xan tham, tật đố, tà kiến, sau khi chết đều bị đọa địa ngục. Nhưng tôi không tin vì tôi chưa hề thấy người nào chết rồi trở lại nói cho biết chỗ họ đọa vào. Nếu có người trở lại nói cho biết chỗ họ đọa vào, thì tôi tin ngay. Nay anh là chỗ thân thuộc của tôi. Anh đã tạo đủ mười điều ác. Nếu quả như lời Sa-môn nói thì anh chết chắc phải

sa vào địa ngục. Nay tôi tin ở anh, tùy theo anh để quyết định. Nếu xét có cảnh địa ngục thật, anh hãy trở lại nói cho tôi biết. Sau đó tôi sẽ tin.' Nhưng, này Ca-diếp, từ khi người ấy chết đến nay biệt mất không hề trở lại. Người ấy là người thân của tôi, không lẽ dối tôi, hứa rồi không trở lại. Do đó tôi biết chắc không có thế giới khác."

Ca-diếp trả lời:

"Những kẻ có trí nhờ thí dụ mà mau rõ. Tôi sẽ dẫn ví dụ để giải bày. Ví như một tên đạo tặc, thường ôm lòng gian trá, vi phạm phép cấm nhà vua, bị rình bắt đem đến vua và tâu: 'Người này là giặc cướp, xin vua trị nó.' Vua liền hạ lệnh tả hữu bắt trói kẻ kia bêu rêu khắp các ngõ đường, rồi chở ra khỏi thành, giao cho đao phủ xử hình. Khi tả hữu mang tên cướp đó giao cho đao phủ, tên giặc cướp ấy dùng lời mềm mỏng xin với thị vệ rằng: 'Xin ông thả cho tôi về thăm bà con xóm làng để nói vài lời từ biệt, xong tôi trở lại.' Này Bà-la-môn, ông nghĩ sao, thị vệ kia có chịu thả không?"

Đáp: "Không".

Ca-diếp nói:

"Họ là người cùng loại, ở cùng một đời hiện tại, còn không chịu thả huống gì bà con ông tạo đủ mười điều ác, chết tất đọa địa ngục. Ngục quỷ không có từ tâm, lại không cùng một loại, thế giới chết sống khác nhau. Khi đó bà con ông nếu lấy lời ngon ngọt xin quỷ ngục rằng: 'Ngươi hãy tạm tha ta, để ta trở lại nhân gian thăm bà con, từ biệt vài lời xong ta sẽ trở lại.' Người ấy có được thả không?"

Đáp: "Không".

Ca-diếp nói:

"Cứ so sánh theo đó đủ biết. Tại sao ngươi còn giữ chặt chỗ mê lầm, sinh điều tà kiến như thế?"

Tệ-tú nói:

"Tuy ngài dẫn dụ bảo có thế giới khác, nhưng tôi vẫn cho là không có."

Ca-diếp hỏi:

"Ông còn duyên cớ gì khác để biết không có thế giới khác?"

"Có duyên cớ khác để biết không có thế giới khác."

"Duyên cớ gì?"

"Này Ca-diếp, nguyên tôi có người bà con mắc phải bệnh nặng, tôi đến nói với nó rằng: 'Các Sa-môn, Bà-la-môn, chấp theo dị kiến

bảo có thế giới khác. Rằng ai không giết, không trộm, không tà dâm, không dối, không hai lưỡi, không nói dữ, không vọng ngữ, không nói thêu dệt, không tham lam, không tật đố, không tà kiến, thì khi chết được sinh lên cõi trời. Tôi trước kia không tin điều đó, vì từ trước tôi chưa từng thấy người nào chết rồi trở lại nói cho biết chỗ họ đã sinh tới. Nếu có ai trở lại nói cho biết chỗ họ sinh đến thì tôi tin ngay. Nay anh là chỗ bà con tôi, anh đã tạo đủ mười điều lành. Nếu quả như lời Sa-môn, Bà-la-môn nói thì anh chết rồi sẽ được sanh lên cõi trời. Bây giờ tôi tin anh để quyết định. Vậy nếu xét thật có quả báo cõi trời, anh phải nhớ trở lại nói cho tôi biết để tôi tin.' Nhưng, này Ca-diếp, từ ngày anh ta chết đến nay không hề trở lại. Anh ta là người thân của tôi, không thể dối tôi, hứa rồi không trở lại. Nên chắc không có thế giới khác."

Ca-diếp nói:

"Những kẻ có trí nhờ thí dụ mà mau rõ. Ta sẽ dẫn ví dụ ngươi rõ. Ví như có người bị rớt xuống hầm xí, đầu mình chìm nghỉm. May được vua cho người vớt lên. Lấy tre làm lược, cạo trên thân người ấy ba lần, rồi lấy nước tháo đậu, tro sạch rửa lần. Sau lại lấy nước thơm tắm gội, lấy các thứ bột hương xoa khắp mình và bảo thợ cạo sạch râu tóc cho. Lại cho người tắm gội thêm ba lần như thế, lấy nước thơm rửa, lấy bột hương xoa mình và lấy áo tốt mặc cho, làm đẹp thân thể người ấy. Tiếp đến, người ta đem thức ngon vị ngọt cho ăn rồi đưa đến ở ngôi nhà cao đẹp cho hưởng thú ngũ dục. Này Tệ-tú, về sau người kia có muốn rớt xuống hầm xí nữa không?"

"Không. Chỗ dơ thối đó, còn trở lại làm gì."

"Chư Thiên cũng thế. Họ cho cõi Diêm-phù[8] này là nơi tanh hôi bất tịnh. Họ ở cách trên xa hàng trăm do-tuần còn nghe mùi hôi của nhân gian xông lên không khác hầm xí. Như vậy, này Bà-la-môn, bà con của ông đầy đủ thập thiện, tất nhiên sanh thiên, hưởng thú ngũ dục, khoái lạc vô cùng, phỏng có chịu trở lại cõi Diêm-phù hầm xí này không?"

Đáp: "Không".

"Cứ so sánh theo đó đủ biết, tại sao ông còn giữ chặt mê lầm, sinh điều tà kiến thế!"

Bà-la-môn nói:

---

8. Hán: Diêm-phù-ly-địa 閻浮利地, phiên âm thông dụng là Diêm-phù-đề 閻浮提; Pāli: Jambudīpa.

"Tuy ngài dẫn dụ nói có thế giới khác, song tôi vẫn cho là không có."

Ca-diếp hỏi:

"Ông còn duyên cớ gì khác để biết không có thế giới khác?"

"Có duyên cớ khác."

"Duyên cớ gì?"

"Này Ca-diếp, nguyên tôi có người bà con mắc bệnh trầm trọng, tôi đến nói rằng: 'Các Sa-môn, Bà-la-môn, chấp theo dị kiến, bảo có đời sau. Rằng người nào không sát, không trộm cắp, không tà dâm, không dối, không uống rượu thì khi chết được sinh lên cõi trời Đao-lợi. Nhưng tôi không tin vì tôi chưa từng thấy có ai chết rồi trở lại nói cho biết chỗ họ đã sanh tới. Nếu có ai trở lại cho biết thì tôi tin ngay. Nay anh là bà con tôi, anh tu đủ ngũ giới, chết rồi chắc được sinh lên cõi Đao-lợi. Giờ tôi chỉ còn tin anh để quyết định. Vậy nếu quả có cõi thiên phước, anh hãy trở lại nói cho tôi biết để tôi tin.' Nhưng này Ca-diếp, từ ngày anh ta chết đến nay không hề trở lại. Anh ta là bà con tôi, không lẽ dối tôi, hứa rồi không lại? Nên chắc không có đời sau."

Ca-diếp đáp:

"Ở cõi này một trăm năm chỉ bằng một ngày một đêm ở cõi trời Đao-lợi. Cõi Đao-lợi cũng lấy ba mươi ngày làm một tháng, mười hai tháng làm một năm, mà người ở cõi trời kia lại sống lâu một ngàn năm như thế. Bà-la-môn, ông nghĩ thế nào? Khi người bà con ông giữ gìn đủ ngũ giới, chết được sinh lên cõi trời Đao-lợi thì nghĩ rằng: 'Ta đã được sinh lên đây, ta hãy vui chơi trong hai, ba ngày, sau trở lại báo tin cho bà con ta hay.' Như thế, chừng có gặp được không?"

"Không. Khi ấy tôi đã chết mất lâu rồi, làm sao gặp được. Nhưng tôi không tin; ai đã nói với ngài cõi trời Đao-lợi có sự sống lâu như thế?"

"Những kẻ có trí nhờ thí dụ mà mau rõ. Ta sẽ dẫn ví dụ ngươi rõ. Ví như có người sinh ra đã bị đui, không hiểu năm màu xanh, vàng, đỏ, trắng, thô, tế, dài, vắn; cũng không thấy mặt trời, mặt trăng, sao, gò nổng, ngòi, rãnh gì gì cả. Nếu có ai hỏi nó xanh, vàng, đỏ, trắng như thế nào, thì nó trả lời ngay: 'Không có năm màu

sắc'. Cũng vậy, nếu hỏi đến thô, tế, dài, vắn, mặt trời, mặt trăng, sao, gò, nổng, ngòi, rãnh, thì nó cũng trả lời không có. Bà-la-môn, ông nghĩ thế nào, người mù trả lời như thế có đúng không?"

"Không đúng. Vì sao? Thế gian hiện có năm màu xanh, vàng, đỏ, trắng, thô, tế, dài, vắn, mà người mù bảo không."

"Này Bà-la-môn, ông cũng như thế. Sự sống lâu của trời Đao-lợi có thật, không hư dối; chỉ vì ngươi không thấy nên ngươi mới nói không có thôi."

Bà-la-môn nói:

"Tuy ngài nói có, nhưng tôi vẫn không tin."

Ca-diếp hỏi:

"Ông còn có duyên cớ gì mà cho là không có đời sau?"

"Này Ca-diếp, nguyên người trong phong ấp của tôi có kẻ ăn cướp bị rình bắt được đem đến tôi và nói: 'Người này là giặc cướp, xin ông trị nó.' Tôi liền bảo trói người ấy lại bỏ vào trong một cái vạc, đậy nắp trét kín với một lớp bùn dày, không để cho cái gì tiết ra được, rồi lấy lửa vây đốt. Lúc đó tôi cố tìm thử thần thức người ấy thoát ra chỗ nào, nên khiến kẻ thị tùng bao quanh cái vạc nhìn kỹ, song không ai thấy chỗ thần thức chui ra ở đâu. Sau tôi lại bổ cái vạc ra tìm, cũng chẳng thấy chỗ nào là chỗ thần thức qua lại. Vì duyên cớ đó nên tôi biết chắc không có thế giới khác."

Ca-diếp nói:

"Nay tôi hỏi ông, nếu trả lời được thì tùy ý mà trả lời.

"Này Bà-la-môn, khi ông nằm ngủ trên lầu cao, có lúc nào ông ngủ mộng thấy núi, rừng, sông, ngòi, vườn quán, ao hồ, quốc ấp, đường sá không?"

Đáp: "Có mộng thấy".

"Này Bà-la-môn, lúc ông đang nằm mộng, quyến thuộc trong nhà có hầu quanh ông không?"

Đáp: "Có hầu".

"Quyến thuộc của ông khi đó có thấy thần thức ông đi ra đi vào không?"

"Không thấy."

“Ông hiện còn sống mà thần thức ra vào còn không thấy được, huống nơi người chết. Ngươi không thể chỉ dựa vào việc trước mắt mà quán sát chúng sanh.

“Này Bà-la-môn, có những vị Tỳ-kheo, từ đầu đêm chí cuối đêm không ngủ, tinh cần chuyên niệm đạo phẩm, lấy sức tam-muội mà tịnh tu thiên nhãn. Rồi bằng năng lực thiên nhãn mà quán thấy chúng sanh chết chỗ này sinh chỗ kia, chết chỗ kia sinh chỗ này, sống lâu hay chết yểu, nhan sắc tốt hay xấu, tùy hành vi mà thọ báo ở cảnh giới tốt hay xấu, đều thấy biết hết. Ông không nên vì lẽ con mắt thịt uế trược không nhìn thấy suốt chỗ thú hướng của chúng sanh mà vội cho là không có. Này Bà-la-môn, do đó có thể biết chắc chắn có thế giới khác.”

Bà-la-môn nói:

“Tuy Ngài dẫn dụ nói có thế giới khác, nhưng theo chỗ tôi biết thì hẳn không có.”

Ca-diếp hỏi:

“Ông còn có duyên cớ gì cho là không có thế giới khác?”

Đáp: “Có”.

“Duyên cớ gì?”

Bà-la-môn nói:

“Nguyên người ở thôn tôi, có kẻ làm giặc cướp, bị rình bắt được đem đến tôi và nói: ‘Người này làm giặc cướp, xin ông trị nó.’ Tôi liền sai tả hữu bắt trói người ấy lại, để sống vậy mà lột da tìm thần thức. Nhưng không trông thấy gì cả. Lại sai tả hữu cắt thịt ra tìm thần thức, cũng chẳng thấy. Lại sai xẻ xương, gân, vạch ra tìm cũng chẳng thấy. Lại sai đập xương tìm trong tủy, cũng chẳng thấy. Này Ca-diếp, vì cớ đó, tôi biết chắc không có thế giới khác.”

Ca-diếp nói:

“Những kẻ có trí nhờ thí dụ mà được rõ. Để tôi dẫn chuyện này cho ông rõ. Vào thời quá khứ xa xưa, có một quốc độ bị điêu tàn hoang phế chưa hồi phục. Bấy giờ có đoàn lái buôn gồm năm trăm cỗ xe đi ngang qua quốc độ này, gặp một người Phạm chí thờ phụng thần Lửa thường nghỉ tại một khu rừng. Các người lái buôn mới đến xin ngủ trọ. Sáng ngày, sau khi bọn lái buôn đi, ông Phạm chí thầm nghĩ: ‘Ta hãy đến chỗ mấy người lái buôn ngủ khi đêm xem thử họ có bỏ sót gì

chăng?' Ông liền đến xem thì không thấy gì trừ một đứa con nít mới sanh độ một năm, đang ngồi một mình. Ông Phạm chí nghĩ: 'Ta đâu có thể nhẫn tâm thấy đứa nhỏ này chết trước mặt mình. Ta có nên mang đứa nhỏ này về chỗ mình để nuôi chăng?' Ông liền bồng về chỗ mình ở mà nuôi. Đứa trẻ mỗi ngày mỗi lớn, được mười tuổi hơn. Lúc đó ông Phạm chí có chút việc muốn đi vào nhân gian, mới dặn đứa nhỏ: 'Ta có chút việc, tạm đi khỏi ít hôm. Ngươi khéo giữ gìn ngọn lửa này chớ để tắt. Nếu lửa có tắt, thì hãy lấy hai thanh củi cọ lại với nhau mà lấy lửa đốt lên.' Dặn xong, Phạm chí ra đi. Sau khi ông đi, đứa nhỏ ham chơi, không chịu coi lửa cho thường, để lửa tắt. Đứa nhỏ hết chơi trở về thấy lửa đã tắt, áo não than thầm: 'Ta làm hỏng rồi! Cha ta khi đi có dặn bảo ta phải trông coi ngọn lửa này đừng để tắt. Nay ta ham chơi, để cho lửa tắt. Phải làm gì đây?' Nó liền thổi tro tìm lửa. Chẳng thấy lửa đâu. Lại lấy búa chẻ củi ra tìm, cũng chẳng thấy. Lại chặt củi thành khúc bỏ vào cối giã để tìm. Cũng chẳng thấy. Sau đó Phạm chí từ ngoài trở về, đến khu rừng mà ông trú ngụ, hỏi đứa nhỏ: 'Trước khi đi ta đã dặn ngươi coi lửa. Lửa có tắt không?' Đứa nhỏ đáp: 'Vừa rồi con chạy ra ngoài chơi, không coi lửa thường, nên lửa đã tắt.' Phạm chí lại hỏi: 'Người làm cách nào để lấy lửa lại?' Đứa nhỏ đáp: 'Lửa phát ra từ củi. Con lấy búa bửa củi ra tìm mà chẳng thấy. Lại chặt nhỏ bỏ trong cối giã để tìm, cùng chẳng thấy.' Ông Phạm chí liền lấy hai thanh củi cọ nhau, bỗng phát ra lửa. Ông chất củi lên đốt và bảo đứa nhỏ: 'Muốn tìm lửa phải làm đúng cách này. Không nên chẻ củi, giã nát củi ra mà tìm.'

"Này Bà-la-môn, ông cũng giống như thế. Chẳng có phương pháp nào đi lột da người chết ra mà tìm thần thức. Ông không thể dựa vào việc hiện trước mắt mà xem xét chúng sanh.

"Này Bà-la-môn, có những vị Tỳ-kheo, từ đầu đêm đến cuối đêm không ngủ, tinh cần chuyên niệm đạo phẩm, lấy sức tam-muội mà tịnh tu thiên nhãn. Rồi bằng năng lực thiên nhãn mà quán thấy chúng sanh chết chỗ này sinh chỗ kia, chết chỗ kia sinh chỗ này, sống lâu hay chết yểu, nhan sắc tốt hay xấu, tùy hành vi mà thọ báo ở cảnh giới tốt hay xấu, đều thấy biết hết. Ông không nên vì lẽ con mắt thịt uế trược không nhìn thấy suốt chỗ thú hướng của chúng sanh mà vội cho là không có.

"Này Bà-la-môn, do đó có thể biết, tất phải có thế giới khác vậy."

Tệ-tú nói:

"Tuy ngài dẫn dụ nói có thế giới khác, song theo chỗ tôi biết thì hẳn không có."

Ca-diếp hỏi:

"Ông còn có duyên cớ gì cho là không có thế giới khác?"

"Có."

"Duyên cớ gì?"

Bà-la-môn nói:

"Ở phong ấp của tôi, có kẻ làm giặc cướp, bị rình bắt được, đem đến tôi và nói: 'Người này làm giặc, xin ông trị nó.' Tôi liền sai tả hữu đem người ấy ra cân. Người hầu vâng mạng, đem nó đi cân. Tôi lại bảo người hầu: 'Ngươi mang người này đi giết từ từ, êm thấm, không làm hao tổn lấy một chút da thịt.' Người hầu vâng lệnh giết mà không để chút hao hụt. Tôi sai tả hữu đem xác người ấy cân lại. Nó lại nặng hơn trước.

"Này Ca-diếp, thân người ấy khi sống, thần thức đang còn, nhan sắc tốt tươi, còn nói năng được mà đem cân thì nhẹ. Đến khi chết, thần thức đã mất, nhan sắc không còn tươi tốt, không nói năng được mà đem cân thì lại thấy nặng. Vì cớ đó nên tôi biết không có đời sau."

Ca-diếp nói:

"Tôi nay hỏi ông. Tùy ý trả lời.

"Ví như người cân sắt. Khi sắt còn nguội đem cân thì nặng. Sau đốt đỏ đem cân lại nhẹ. Tại sao khi sắt nóng, mềm, có màu đỏ sáng mà nhẹ, khi sắt nguội, cứng, không màu đỏ sáng mà lại nặng?"

Bà-la-môn nói:

"Sắt nóng có màu đỏ và mềm, nên nhẹ; sắt nguội không màu đỏ mà cứng, nên nặng."

Ca-diếp nói:

"Con người cũng thế. Khi sống có nhan sắc, mềm mại mà nhẹ. Khi chết không nhan sắc, cứng đơ mà nặng. Do đây mà biết tất có thế giới khác."

Tệ-tú nói:

"Tuy ngài dẫn dụ nói có thế giới khác. Nhưng theo tôi biết thì không có thế giới khác."

Ca-diếp hỏi:

"Ông còn có duyên cớ gì mà cho là không có thế giới khác?"

"Có. Nguyên tôi có người bà con mắc bệnh nặng. Tôi đến thăm, bảo người đỡ nằm nghiêng tay mặt. Người ấy liếc ngó, co duỗi, nói năng như thường. Tôi lại bảo đỡ nằm nghiêng tay trái, người ấy cũng còn liếc ngó, co duỗi, nói năng như thường. Rồi nó chết. Tôi lại bảo đỡ xác người ấy nằm nghiêng tay mặt, tay trái, lật sấp, lật ngửa, xem kỹ thì không thấy người ấy co duỗi, liếc ngó, nói năng chi cả. Do đó tôi biết chắc không có thế giới khác."

Ca-diếp nói:

"Người trí nhờ thí dụ mà được rõ. Ta sẽ dẫn ví dụ cho ông rõ.

"Xưa có một quốc độ không ai từng nghe tiếng tù và. Hôm nọ có người thổi tù và giỏi, đến nước đó, đi vào trong một thôn nọ, cầm tù và thổi ba tiếng rồi bỏ xuống đất. Khi ấy, trai gái trong thôn nghe tiếng lạ kinh động, rủ nhau đến hỏi: 'Thứ tiếng gì mà trong trẻo hòa dịu như thế?' Người chủ chỉ vào tù và mà nói 'Tiếng của cái đó.' Người trong thôn liền lấy tay vỗ vào tù và, nói: 'Ngươi kêu lên, ngươi kêu lên.' Nhưng tù và bặt không kêu. Người chủ lại cầm tù và lên thổi thêm ba tiếng rồi bỏ xuống đất. Người trong thôn nói: 'Cái thứ tiếng hay ho ta nghe khi nãy chẳng phải do sức tù và làm, mà cần có tay, có miệng, có hơi thổi, nó mới kêu.' Con người cũng thế. Phải có thọ mạng, có thần thức và hơi thở mới co duỗi, liếc ngó, nói năng được. Không thọ, không thức, không hơi thở thời không thể co duỗi, liếc ngó, nói năng được."

Ca-diếp lại khuyên:

"Ông nên từ bỏ cái ác tà kiến đó. Chớ giữ nó suốt đời, chỉ có thêm khổ não."

Bà-la-môn nói:

"Tôi không thể bỏ được. Vì sao? Tôi từ sinh ra đến giờ đã tụng đọc, luyện tập kiên cố. Đâu có bỏ được."

Ca-diếp nói:

"Những kẻ có trí nhờ thí dụ mà mau rõ. Tôi nay sẽ dẫn ví dụ thêm cho ông rõ.

"Thuở xa xưa, có một quốc độ mà suốt biên cương nhân dân điêu tàn. Trong nước có hai người, một anh trí và một anh ngu, bảo nhau: 'Tôi là bạn anh. Chúng ta hãy cùng nhau ra ngoài thành bứt lúa mọc hoang[1] về làm của. Rồi họ cùng đi. Khi đến một xóm hoang, thấy có cây gai mọc đầy đất, người trí bảo người ngu chung nhau lấy đem về, mỗi người mỗi gánh. Sau đi ngang xóm trước, họ thấy có đám chỉ gai. Người trí nói: 'Chỉ gai này đã làm thành, nhỏ và mịn, đáng lấy hơn.' Người kia nói: 'Tôi đã lấy cây gai bó buộc chặt chẽ rồi, không thể bỏ được.' Người trí một mình lấy một gánh nặng chỉ gai đem về. Họ cùng

---

1. Để bản: lữ 侶, bạn hữu. Bản Tống: lư 梠, cái chốt cửa. Bản Nguyên, Minh: lữ, lúa mọc hoang.

nhau đi, bỗng lại gặp có đám vải gai. Người trí nói: 'Vải gai này đã làm thành, nhẹ và mịn đáng lấy hơn.' Người kia nói: 'Tôi đã lấy cây gai đó buộc chặt chẽ rồi, nay không bỏ được.' Người trí liền bỏ gánh chỉ gai mà lấy vải gai làm một gánh nặng. Họ lại cùng nhau đi tới. Bỗng lại gặp đống bông gòn[2]. Người trí nói: 'Bông gòn có giá, nhẹ và mịn, đáng lấy hơn.' Người kia nói: 'Tôi đã lấy cây gai, bó buộc chắc chắn, gánh đi đã xa đường rồi nay không bỏ được.' Người trí một mình bỏ vải gai mà lấy bông gòn gánh đi. Lần lữa họ gặp chỉ bông, gặp vải bông; rồi gặp đồng trắng, rồi gặp bạc, gặp vàng. Người trí nói: 'Nếu không vàng ta hãy lấy bạc, không bạc ta hãy lấy đồng, hay ta hãy lấy chỉ gai, nếu không chỉ gai ta mới lấy cây gai, nhưng nay tại thôn này có nhiều vàng, là thứ quý hơn các bảo vật khác, ngươi nên bỏ cây gai, ta sẽ bỏ bạc để chung nhau lấy vàng, mỗi người gánh lấy gánh nặng đem về.' Nhưng người kia nói: 'Tôi đã lấy cây gai bó buộc chắc chắn gánh đi đã xa, nay không thể bỏ được. Ngươi muốn lấy vàng thì lấy, tùy ý.' Người trí liền bỏ bạc mà lấy vàng, gánh một gánh nặng đem về. Đến nhà, bà con người trí vừa thấy bóng anh ta gánh nhiều vàng thì hoan hỷ nghinh đón. Người trí thấy được bà con nghinh đón lại càng vui mừng hơn. Người ngu gánh cây gai về, bà con trông thấy không chút vui mừng, không thèm nghinh đón. Người ngu gánh gai cũng càng thêm buồn và hổ thẹn.

"Này Bà-la-môn, ông nên rời bỏ cái xu hướng ác tà kiến ấy đi, chớ để suốt đời chuốc thêm khổ não. Như người gánh cây gai, cứ chấp chặt ý ngu, không chịu lấy vàng, lại cứ gánh gai đem về, luống chịu lao nhọc, bà con không vui, suốt đời nghèo cùng, tự mang thêm khổ sở."

Bà-la-môn đáp:

"Tôi không bao giờ bỏ kiến thức sẵn có của tôi được. Vì sao? Vì tôi nhờ thứ kiến thức đó mà dạy vẽ cho nhiều người, đem lại nhiều ích lợi, vua chúa tứ phương đều nghe danh tôi, đều biết rõ tôi là nhà học giả chủ trương đoạn diệt cả rồi."

Ca-diếp lại nói:

"Những kẻ có trí nhờ thí dụ mà mau rõ. Tôi nay sẽ dẫn ví dụ thêm cho ông rõ.

---

2. Hán: kiếp-bối 劫貝, phiên âm; Pāli: kappāsa, Skt.: karpāsa, bông gòn.

"Thuở xa xưa, có một quốc độ mà suốt biên cương nhân dân đều điêu tàn. Lúc đó có một đoàn buôn gồm một ngàn cỗ xe đi ngang qua nước đó. Vì không đủ nước, thóc, củi và cỏ, thương chủ bèn nghĩ: 'Bọn ta đông người, không thể tự lo đủ nước, thóc, củi và cỏ. Nay ta hãy chia đoàn thành hai bộ phận.' Một bộ phận lên đường trước. Người dẫn đạo của toán đi đầu gặp một người thân thể to lớn, mắt đỏ, mặt đen, mình mẩy dính đầy bùn. Trông thấy người ấy từ xa đi lại, người dẫn đầu toán bèn hỏi: 'Ông từ đâu lại?' Đáp: 'Tôi từ xóm phía trước lại.' Lại hỏi: 'Chỗ đó có nhiều nước, thóc, củi và cỏ không?' Đáp: 'Chỗ ấy có rất nhiều nước, thóc, củi và cỏ, không thiếu. Tôi giữa đường gặp mưa lớn. Chỗ ấy nước nhiều mà củi, cỏ cũng nhiều.' Lại bảo thương chủ: 'Trên xe các ông, nếu có thóc và cỏ, có thể bỏ hết đi. Đằng kia dư dã, không cần chở nặng xe.' Rồi thương chủ ấy nói với các thương nhân rằng: 'Tôi có gặp một người thân thể to lớn, mắt đỏ mặt đen, xoa bùn khắp mình, từ đàng xa đi lại, tôi hỏi: 'Ông từ đâu lại?' Thì người đó trả lời: 'Từ thôn đàng trước kia lại'. Tôi hỏi: 'Ở thôn đó có nước gạo củi cỏ nhiều không?' Người đó trả lời: 'Thôn ấy giàu có, nước gạo củi cỏ không thiếu.' Lại bảo tôi: 'Tôi vừa đi giữa đường thì gặp trời mưa lớn. Chỗ này có nhiều nước; và củi cỏ cũng nhiều.' Rồi ông ta lại bảo tôi: 'Nếu trên xe bọn người có chở thóc cỏ gì thì nên bỏ xuống hết. Thôn kia giàu có, không cần chở xe nặng làm chi.' Vậy các bạn nên bỏ thóc cỏ đi cho nhẹ xe.' Rồi như lời ấy, cả toán bỏ hết thóc cỏ xuống để cho xe nhẹ đi mau tới. Đi như thế một ngày, chẳng thấy cỏ nước đâu. Đi hai ngày, ba ngày cho đến bảy ngày cũng không thấy đâu. Bọn người buôn phải khốn cùng nơi đầm vắng và bị ác quỷ bắt ăn thịt hết.

"Toán thứ hai tiếp tục lên đường. Người chủ buôn đi đầu, lại gặp một người to lớn mắt đỏ, mặt đen, mình mẩy dính đầy bùn. Trông thấy người ấy từ xa đi lại, người dẫn đầu hỏi: 'Ông từ đâu lại?' Người kia đáp: 'Tôi từ xóm trước lại.' Lại hỏi: 'Chỗ đó có nhiều nước, thóc, củi và cỏ không?' Đáp: 'Chỗ ấy có rất nhiều.' Rồi lại bảo thương chủ: 'Tôi ở giữa đường gặp cơn mưa lớn. Chỗ ấy nước nhiều, cũng có nhiều củi, cỏ.' Lại bảo thương chủ: 'Trên xe các ông, nếu có thóc, cỏ thì có thể bỏ đi. Đằng kia dư dả; không cần chở nặng xe làm gì.' Khi ấy, thương chủ trở lại nói với mọi người: 'Ta vừa đến phía trước, gặp một người; y nói với ta rằng: 'Trên xe các ông, nếu có thóc cỏ thì có thể vứt bỏ hết đi. Đằng kia dư dã, không cần chở nặng xe.' Rồi thương chủ dặn: 'Thóc, cỏ; các ngươi hãy cẩn thận chớ vất bỏ đi. Bao giờ được có cái mới rồi

hãy bỏ. Vì sao? Cái mới, cái cũ nối tiếp luôn mới mong qua khỏi bãi hoang.' Cả đoàn buôn cứ chở xe nặng mà đi. Đi được một ngày, chẳng thấy cỏ nước đâu. Đi hai ngày, ba ngày đến bảy ngày cũng chẳng thấy đâu, chỉ thấy xương cốt ngổn ngang của toán người đi trước bị quỷ bắt ăn thịt để lại.

"Này Bà-la-môn, người mặt đỏ mặt đen kia chính là quỷ La-sát. Những người nghe theo lời nó, suốt đời chịu khổ, chẳng khác toán buôn đầu vì vô trí nghe theo người dẫn đường mà phải thiệt mạng. Những Sa-môn, Bà-la-môn tinh tấn, trí tuệ, họ có dạy gì, ai nghe theo thời suốt đời được an ổn như toán buôn sau, nhờ có trí nên khỏi bị tai nạn.

"Này Bà-la-môn, ông hãy bỏ thứ ác kiến đó đi, chớ để suốt đời chỉ chuốc thêm khổ não."

Bà-la-môn nói:

"Tôi không thể nào bỏ kiến thức đó được. Nếu có ai đến can tôi lắm, thì chỉ làm tôi phát giận chớ tôi quyết không bao giờ bỏ."

Ca-diếp tiếp:

"Những kẻ có trí nhờ thí dụ mà được rõ. Tôi sẽ dẫn ví dụ cho ông.

"Thuở xưa, có một quốc độ mà suốt biên cương nhân dân đều điêu tàn. Lúc đó có một người thích nuôi heo. Nhân anh ta đi đến một thôn vắng, thấy có nhiều phân khô, mới nghĩ thầm: 'Chỗ này nhiều phân, mà heo ta ở nhà đang đói. Ta nên lấy cỏ gói phân này đội trên đầu đem về.' Rồi anh ta liền lấy cỏ gói phân đội đi. Bất ngờ giữa đường gặp cơn mưa lớn, nước phân chảy xuống thấu gót chân. Mọi người thấy vậy chê anh ta điên cuồng: 'Đồ phân dơ ấy, giả sử trời tạnh còn không nên đội thay, huống giữa lúc trời mưa lại đội mà đi.' Anh ta nổi giận mắng lại: 'Các ngươi là đồ ngu, không biết heo ta ở nhà đang đói. Nếu các ngươi biết, chắc không nói ta ngu.'

"Này Tệ-tú! Ngươi nên bỏ thứ ác kiến đó đi, chớ giữ chặt sự ngu mê mà suốt đời chịu khổ. Như người ngu kia đã đội phân mà đi, bị kẻ khác chê trách, can ngăn, lại trở mắng người ta vô trí!

Bà-la-môn nói với Ca-diếp:

"Các ngài nếu bảo làm lành được lên trời, chết hơn sống, sao các ngài không lấy dao tự vẫn hoặc uống thuốc độc chết đi, hoặc trói tay chân rồi gieo mình từ trên bờ cao? Nhưng nay thảy đều tham sống, không ai tự sát cả. Như thể đủ biết chết không hơn sống!

Ca-diếp nói:

"Những kẻ có trí nhờ thí dụ mà mau rõ. Tôi nay sẽ dẫn ví dụ thêm cho ông rõ.

"Xưa ở thôn Tư-bà-hê này có một người Phạm chí, kỳ cựu trưởng lão, tuổi đã một trăm hai mươi, có hai người vợ, một người có con trước, còn một người mới có thai. Phạm chí ấy không bao lâu thì chết. Con người mẹ lớn nói với người mẹ nhỏ rằng: 'Bao nhiêu gia tài này đều về tôi cả, bà không có phần'. Người mẹ nhỏ nói: 'Hãy chờ ít lâu để tôi sinh. Nếu là con trai thì nó phải có một phần gia tài. Nếu là con gái, cậu cưới nó[3] thì sẽ có tiền". Nhưng con của người vợ lớn cứ nằn nì ba lần đòi chia gia tài cho được, người vợ nhỏ vẫn trả lời như trước. Con của người vợ lớn bức ép mãi. Người vợ nhỏ bèn lấy dao tự mổ bụng mình để coi cho biết con trai hay con gái.

"Này Bà-la-môn, người mẹ này tự sát, lại hại luôn đứa con trong bào thai. Bà-la-môn các ngươi cũng như thế, đã tự giết mình còn muốn giết kẻ khác. Nếu các Sa-môn, Bà-la-môn tinh cần tu thiện, đầy đủ giới đức mà sống lâu ở đời thì đem lại nhiều ích lợi, an lạc cho nhân thiên.

"Nay tôi sẽ dẫn một ví dụ cuối cùng để cho ngươi rõ tai hại của ác kiến.

"Xưa ở thôn Tư-bà-hê này có hai tay nghề[4] giỏi luyện trò chơi bi[5]. Một hôm họ đấu nghề với nhau, một người hơn cuộc. Người thua nói với người hơn rằng: 'Thôi ngày nay nghỉ để ngày mai đấu lại.' Người

---

3. Hán: nhữ tự giá thú 汝自嫁娶, *ý nghĩa hơi mơ hồ.* Tham chiếu Pāli, sđd.: Deva Dig ii. 10 tr.256: sace kumārako bhavissati tassa pi ekadeso bhavissati; sace kumārikā bhaviassati sā pi te opabhoggā bhavissati, Trường II, tr.235: "nếu sanh con gái, thời nó sẽ hầu hạ con". No.25 (71): "nếu là con gái, tất cả tài sản thuộc về ngươi".

4. Hán: kỹ nhân 伎 (NM: 技) 人. Có thể kỹ ở đây được hiểu là kỹ xảo, do đó, kỹ nhân: tay cờ bạc gian; D.23, sđd.: dve akkhadhuttā akkhehi dibbimsu; hay tay cờ bạc chơi xúc xắc.

5. Hán: lộng hoàn 弄丸. Xem cht.12; No.26 (71): đổ bính 睹餅: đánh bạc ăn bánh?

thua trở về nhà lấy mấy hòn bi để chơi đem tẩm thuốc độc, phơi khô, ngày mai đem tới chỗ người hơn đòi đấu nghề lại. Trước khi cùng chơi, người thua lấy một hòn bi đã tẩm thuốc độc trao cho người hơn, người hơn lấy nuốt. Người thua trao nữa, người hơn nuốt nữa, bị chất độc chạy, làm toàn thân run rẩy. Bấy giờ người thua bèn mắng bằng một bài kệ[6]:

Ta bôi thuốc vào bi,
Ngươi nuốt mà không hay.
Tiểu kỹ [7], hãy nuốt đi,
Về sau khắc tự biết.

"Này Bà-la-môn! Ngươi nên mau mau xả bỏ ác kiến đó đi, chớ để mê muội mãi càng thêm khổ sở, như anh chàng làm trò kia nuốt độc vào mình mà không biết!

Bấy giờ Bà-la-môn bạch Ca-diếp rằng:

"Tôn giả mới nói về dụ mặt trăng, tôi đã hiểu rồi. Tôi sở dĩ nhiều phen không chịu, vì tôi muốn thấy chỗ trí tuệ biện tài của ngài để thêm chắc lòng tin. Nay tôi xin tín thọ quy y Ca-diếp."

Ca-diếp đáp:

"Ông chớ quy y ta, mà nên quy y nơi Đấng Vô Thượng Tôn như ta đã quy y."

Tệ-tú hỏi:

"Không hiểu Đấng Vô Thượng Tôn mà ngài đã quy y nay ở đâu?"

Ca-diếp đáp:

"Đức Thế Tôn thầy tôi đã diệt độ chưa bao lâu[8]."

Tệ-tú nói:

"Nếu Thế Tôn còn, dù xa gần tôi cũng tìm đến để tự thân nhìn thấy, quy y lễ bái. Nay nghe Ca-diếp nói Như Lai đã diệt độ, vậy tôi xin quy y Đức Như Lai diệt độ, quy y Phật pháp và chúng Tăng. Xin Ca-diếp cho tôi được làm Ưu-bà-tắc ở trong Chánh pháp; từ nay về sau,

---

6. Đoạn kinh này ý không được rõ. No.26 (71): một người lén lấy bánh ăn. Người kia bèn tẩm thuốc độc vào bánh. D.23, sđd.: Deva Dig ii 10: một người thua, mỗi lần thua thì lén ngậm con xúc xắc. Người thắng bèn tẩm thuộc độc vào con xúc xắc (?).

7. Tiểu kỹ, xem cht. 12.

8. Các bản tương đương không có chi tiết này.

tôi thề trọn đời không giết, không trộm, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu. Nay tôi sẽ đại bố thí cho tất cả."

Ca-diếp nói:

"Nếu ông giết mổ chúng sanh, đánh đập tôi tớ để mở hội, đó không phải ngươi làm phước thanh tịnh. Ví như trên chỗ đất cạn, sạn sỏi, gai mọc nhiều, đem gieo giống vào tất không gặt được gì. Nếu ông giết mổ chúng sanh, đánh đập tôi tớ để mở hội bố thí cho chúng tà kiến, đó không phải là phước thanh tịnh. Nếu ông mở hội đại thí mà không sát hại chúng sanh, không dùng roi gậy đánh đập tôi tớ, đem lòng hoan hỷ mở hội để thí cho hạng người thanh tịnh thì ngươi sẽ thâu được phước lớn. Ví như chỗ ruộng tốt, đúng mùa đem gieo giống tất được gặt nhiều."

"Này Ca-diếp, từ nay về sau tôi sẽ luôn luôn tịnh thí cho chúng Tăng, không để gián đoạn.

Lúc đó có một Phạm chí trẻ tên là Ma-đầu, đứng sau lưng Tệ-tú. Tệ-tú quay lại bảo:

"Nay ta muốn mở hội đại thí tất cả, ngươi hãy thay ta sắp đặt và phân xử."

Phạm chí trẻ vâng lời Tệ-tú sắp đặt và phân xử. Khi sắp đặt xong, cất tiếng nói rằng:

"Nguyện cho ông Tệ-tú đời nay, đời sau chẳng được phúc báo gì cả."

Tệ-tú nghe được, kêu Phạm chí trẻ đến hỏi:

"Ngươi có nói như thế chăng?"

Phạm chí trẻ đáp:

"Đúng như vậy. Tôi thật có nói như vậy. Bởi vì các thức ăn thô kém như vầy nay ngài bày dọn để thí chúng Tăng, nếu thử đem cho ngài, ngài còn không thèm sờ tay tới huống là lấy ăn. Những thứ được dọn bày hiện tại không thể vui mắt đẹp lòng làm sao đời sau có được quả báo thanh tịnh. Ngài bố thí y phục cho chúng Tăng mà thí toàn vải gai, nếu thử đem nó cho ngài, ngài còn không lấy chân sờ tới huống hồ lấy mặc. Những thứ được dọn bày hiện tại không thể vui mắt đẹp lòng làm sao đời sau có được quả báo thanh tịnh."

Khi ấy Bà-la-môn lại bảo Phạm chí:

"Từ nay về sau ngươi hãy lấy thứ vật ta ăn, thứ áo ta mặc mà bố thí chúng Tăng. Phạm chí trẻ vâng lời làm theo lấy thứ vật mà vua ăn,

thứ áo vua mặc mà bố thí chúng Tăng.

Bà-la-môn khi thiết tịnh thí này, thân hoại mạng chung sinh lên một cõi trời hạ liệt. Phạm chí trẻ trông nom mở hội thì sau khi chết lại được sinh lên cõi trời Đao-lợi.

Bấy giờ, Bà-la-môn Tệ-tú, Phạm chí trẻ và chúng Bà-la-môn, Cư sĩ trong thôn Tư-bà-hê, sau khi nghe những điều Đồng nữ Ca-diếp thuyết, hoan hỷ phụng hành.

❐

8. KINH TÁN-ĐÀ-NA[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại động cây Thất diệp[2], núi Tỳ-ha-la, thành La-duyệt-kỳ cùng chúng Đại Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi người.

Lúc đó, ở thành Vương xá có một cư sĩ tên Tán-đà-na[3], tính ưa đi dạo, cứ ngày ngày ông ra khỏi thành, đến chỗ Đức Thế Tôn. Một hôm, ông xem bóng mặt trời rồi thầm nghĩ: "Giờ này chưa phải lúc đến bái yết Phật. Giờ này Phật còn nhập định tại tịnh thất và các Tỳ-kheo cũng đang thiền tịnh. Ta hãy đi đến rừng của nữ Phạm chí Ô-tạm-bà-lỵ[4], chờ đúng giờ sẽ đến Phật để lễ bái và gặp các Tỳ-kheo cung kính thăm viếng".

Trong rừng của nữ Phạm chí lúc đó có Phạm chí tên Ni-câu-đà[5] cùng năm trăm đệ tử đang tụ tập một chỗ, lớn tiếng bàn luận, suốt ngày

---

1. Bản Hán: *Phật Thuyết Trường A-hàm*, quyển 8, "Đệ nhị phần Tán-đà-na kinh Đệ tứ". Đại I, tr.47a-49b. Tham chiếu, *Phật Thuyết Ni-câu-đà Phạm Chí kinh*, Tống Thi Hộ dịch, No.11 Đại I, tr.222; *Trung A-hàm*, kinh số 104 "Ưu-đàm-bà-la kinh", No.26 (104) Đại I, tr.591. Tương đương Pāli, D.25, Deva Dig iii, 2 Udumbarika-sīhanāda-suttanta; Trường II, tr.319 "kinh Ưu-đàm-bà-la Sư Tử Hống".

2. La-duyệt-kỳ Tỳ-ha-la sơn Thất diệp thọ khốt 羅閱祇毗訶羅山七葉樹窟, hang cây bảy lá, trong núi Tỳ-ha-la (Pāli: Vebhāra), thành La-duyệt-kỳ (Rājagaha); nơi kết tập kinh điển lần thứ nhất. No. 11, Phật tại Ca-lan-đà, Trúc lâm tinh xá 迦蘭陀竹林精舍; No.26 (104) cũng vậy; Pāli: sđd.: Rājagahe viharati Gijjhakūṭe pabbate, trú ở Vương xá, trong núi Gijjhakūṭa.

3. Tán-đà-na 散陀那; No.11: trưởng giả tên Hòa Hợp 和合; No.26 (104): cư sĩ tên Thật Ý 實意; Pāli: Sandhāna.

4. Ô-tạm-bà-lỵ Phạm chí nữ lâm 烏暫婆利梵志女林; No.11 Ưu-đàm-bà-la lâm dị học viên 優曇婆羅林異學園; Pāli: Udumbarīkā-paribbājakārāmo; khu vườn của vương phi (devī) Udumbarika dành cho các du sĩ.

5. Phạm chí Ni-câu-đà 梵志尼俱陀; No.11: một người dị học tên Vô Nhuế 異學無恚; Pāli: Nigrodho pabbājako, du sĩ Nigrodha.

chỉ nói những điều phù phiếm, chướng đạo. Hoặc luận bàn quốc sự. Hoặc bàn việc đao binh chiến tranh. Hoặc bàn việc quốc gia hòa nghĩa. Hoặc bàn việc đại thần, việc thứ dân. Hoặc bàn chuyện xe ngựa, công viên, rừng. Hoặc bàn chuyện chiếu giường, y phục, ăn uống, phụ nữ. Hoặc bàn việc núi biển, rùa trạnh. Nghĩa là họ chỉ bàn những điều chướng ngại đạo như thế mà hết ngày.

Khi Phạm chí kia vừa xa thấy bóng cư sĩ Tán-đà-na đi lại liền ra lệnh:

"Chúng ngươi hãy tĩnh lặng. Vì sao vậy? Vì có đệ tử của Sa-môn Cù-đàm đang từ ngoài đến. Trong hàng đệ tử bạch y[6] của Sa-môn Cù-đàm, ông đó vào hạng trưởng thượng. Ông ấy chắc đi đến đây. Các ngươi hãy im lặng".

Các Phạm chí đều im lặng. Cư sĩ Tán-đà-na đi đến chỗ Phạm chí, chào hỏi xong ngồi một bên và nói với Phạm chí:

"Thầy tôi, Đức Thế Tôn, thường ưa nhàn tĩnh, chẳng ưa huyên náo. Không như các ông và đệ tử các ông ưa ở giữa đám đông cao tiếng luận đàm. Nhưng chỉ toàn những lời chướng đạo, vô ích."

Phạm chí nói lại:

"Sa-môn Cù-đàm có từng cùng mọi người đàm luận không? Mọi người làm sao biết được Sa-môn có đại trí tuệ? Thầy ngươi thường ưa ở chỗ biên địa. Cũng như con trâu đui ăn cỏ, chỉ hài lòng với chỗ mà nó thấy. Thầy ngươi là Cù-đàm cũng thế. Cứ ham điều độc kiến riêng nên mới ưa chỗ không người. Nếu thầy ngươi lại đây, chúng ta sẽ kêu là trâu đui. Sa-môn Cù-đàm thường xưng là bậc đại trí tuệ, nhưng ta chỉ cần một câu là đủ làm cho cùng bí mà phải im lặng. Ví như con rùa thu hết mình vào vỏ cho thế là yên ổn rồi. Nhưng ta chỉ cần một mũi tên là làm cho không chỗ tránh."

Lúc đó, Đức Thế Tôn đang ở tại tịnh thất, bằng thiên nhĩ, nghe câu chuyện giữa Phạm chí và cư sĩ như thế, liền ra khỏi động Thất diệp, đi đến rừng nữ Phạm chí Ô-tạm-bà-ly.

Khi Phạm chí vừa từ xa thấy Phật đi lại, bảo các đệ tử:

"Các ngươi im lặng. Sa-môn Cù-đàm đang muốn đến đây. Các ngươi chớ đứng dậy nghinh đón, cung kính lễ bái, cũng đừng mời ngồi.

---

6. Bạch y đệ tử 白衣弟子, đệ tử aùo traéng, chỉ người tại gia; Pāli: sāvaka gihi odāta-vasana.

Chỉ riêng một chỗ cho ông ta ngồi thôi. Khi y ngồi xong các ngươi hãy hỏi: 'Sa-môn Cù-đàm, từ trước đến nay ông dạy bảo đệ tử những pháp gì để họ được an ổn, tịch định, tịnh tu phạm hạnh.'"

Bấy giờ, Thế Tôn vừa đi đến khu vườn, Phạm chí bất giác đứng dậy, nghinh đón Thế Tôn và nói rằng:

"Xin mời đến đây, Cù-đàm. Xin mời đến đây, Sa-môn. Từ lâu không được gặp, nay có việc gì Ngài đến đây? Xin mời ngồi tạm ở đàng trước."

Khi ấy, Đức Thế Tôn ngồi xuống, vui vẻ mỉm cười và thầm nghĩ: 'Các người ngu này không tự chủ được. Trước đã đặt lệnh ước với nhau mà rốt cuộc không giữ toàn.' Sở dĩ vậy, là vì thần lực của Phật khiến ác tâm của chúng tự nhiên tiêu tan.

Cư sĩ Tán-đà-na đảnh lễ chân Phật rồi ngồi một bên.

Phạm chí Ni-câu-đà chào hỏi Phật xong cũng ngồi một bên và bạch Phật:

"Sa-môn Cù-đàm từ trước đến nay dạy bảo hàng đệ tử những pháp gì khiến họ được tịch định an vui, tịnh tu phạm hạnh?"

Phật nói:

"Hãy thôi Phạm chí. Pháp Ta sâu rộng. Những điều mà từ trước đến nay Ta dạy các đệ tử được an vui, tịnh tu phạm hạnh, không phải là những điều mà ông có thể theo kịp."

Rồi Phật lại nói với Phạm chí:

"Dẫu đến cả đạo pháp mà thầy của ông và các đệ tử của ông tu hành, tịnh hay bất tịnh[7], Ta cũng nói được cả."

Lúc đó năm trăm đệ tử Phạm chí này đều cất tiếng bảo nhau: "Sa-môn Cù-đàm có oai thế lớn, có thần lực lớn thật. Người ta hỏi nghĩa lý mình, mình lại giảng trở lại nghĩa lý của người ta!" Phạm chí bạch Phật:

"Lành thay Cù-đàm! Xin Ngài phân biệt cho."

Phật bảo Phạm chí:

"Này Phạm chí, hãy lắng nghe, hãy lắng nghe. Ta sẽ nói."

Phạm chí đáp:

"Rất vui lòng được nghe."

---

7. Tham chiếu Pāli D.25 (Deva Dig. iil, tr.32): kathaṃ… tapojigucchā paripuṇṇā hoti, kathaṃ aparipuṇṇā? Như thế nào là sự khổ hạnh gớm ghiếc hoàn hảo và không hoàn hảo?

Phật nói:

"Những điều sở hành của ông toàn là thấp hèn. Như việc, cởi bỏ y phục để trần truồng[8], hoặc lấy tay che[9], hoặc không nhận đồ ăn đựng trong cái ghè[10], không nhận đồ ăn đựng trong chậu, không nhận đồ ăn giữa hai bức vách[11], không nhận đồ ăn giữa hai người, không nhận đồ ăn giữa hai con dao[12], không nhận đồ ăn giữa hai cái chậu[13], không nhận đồ ăn từ gia đình đang ăn chung[14], không nhận đồ ăn từ nhà có thai, không nhận đồ ăn từ nhà được thấy có chó đứng trước cửa, không nhận đồ ăn từ nhà có nhiều ruồi, không nhận lời mời ăn, không nhận đồ ăn từ người nói đã có biết từ trước, không ăn cá, không ăn thịt, không uống rượu, không ăn với hai chén bát, một bữa ăn, một lần nuốt cho đến bảy lần nuốt thì thôi[15], nhận thức ăn được thêm[16], không quá bảy lần thêm, hoặc mỗi ngày ăn một bữa, hoặc hai ngày, ba ngày, bốn ngày, năm ngày, sáu ngày, bảy ngày ăn một bữa, hoặc chỉ ăn rau[17], hoặc chỉ ăn cỏ lúa[18], hoặc chỉ uống nước cơm, hoặc chỉ ăn mè, hoặc ăn gạo lứt, hoặc ăn phân bò, hoặc ăn phân nai, hoặc ăn rễ, nhánh lá, trái,

---

8. Ly phục lõa hình 離服裸形; Pāli: tapassī acelako hoti: người tu khổ hạnh trần truồng.

9. No. 26 (104): hoặc dĩ thủ vi y 或以手為衣, lấy tay làm y phục. Pāli, D. 25, sđd.: tr.32: hatthāpalekhano, người tu theo hạnh liếm tay. Có lẽ bản Hán đọc từ hatthapericchana.

10. Bất thọ giang thực 不受垹食; Pāli, sđd.: na kumbhi-mukhā paṭigaṇhāti, không nhận (thức ăn) từ miệng vò.

11. Hán: lưỡng bích trung gian 兩壁中間; Pāli, sđd.: eḷakam-antaraṃ, giữa khung cửa.

12. Haùn: lưỡng đao trung gian 兩刀中間; Pāli, sđd.: daòḍam-antaraṃ: giữa hai cây gậy.

13. Hán: lưỡng vu trung gian; Pāli: musalam-antaraṃ, giữa hai cái chày. (Trường II, sót chi tiết này).

14. Hán: cọng thực gia 共食家; Pāli, sđd.: dvinnaṃ bhuñjamānānaṃ: từ hai người đang ăn.

15. Nhất xan nhất yết nãi chí thất yết 一餐一咽乃至七咽. No. 26 (104): hoặc đạm nhất khẩu dĩ nhất khẩu vi túc… nãi chí thất khẩu dĩ thất khẩu vi túc 或噉一口以一口為足…乃至七口以七口為足, "hoặc nhai một miếng và một miếng là đủ… bảy miếng là đủ." Trường II, tr.326: "chỉ nhận ăn tại một nhà hay chỉ nhận ăn một miếng, chỉ nhận ăn tại bảy nhà hay chỉ nhận ăn bảy miếng".

16. Hán: thọ nhân ích thực 受人益食.

17. Trong bản: hoặc phục thực quả 或復食果 "chỉ ăn trái cây"; TNM: thực thái 食菜, "ăn rau"; No.26 (104): hoặc thực thái nhứ 或食菜茹.

18. Thực dữu 食莠; Khang hy: loại cỏ có thân như cây lúa; No.26 (104): thực bại tử 食稗子, 'ăn hạt lúa'.

hột cây, hoặc ăn trái cây tự rụng, hoặc choàng áo, hoặc mặc áo cỏ cú[19], hoặc mặc vỏ cây, hoặc lấy cỏ quấn mình, hoặc mặc da nai, hoặc để đầu tóc[20], hoặc mang tấm lông bện, hoặc mặc áo vất ở gò mả, hoặc thường đưa tay lên, hoặc không ngồi giường chiếu, hoặc thường ngồi chồm hổm, hoặc cạo tóc chừa râu, hoặc nằm trên chông gai, hoặc nằm trên dưa quả, hoặc lõa hình nằm trên phân bò, hoặc một ngày tắm ba lần, hoặc một đêm tắm ba lần. Tóm lại là lấy vô số chuyện khổ cực hành hạ xác thân. Ni-câu-đà, ý ngươi nghĩ sao? Tu những hạnh như thế, đáng gọi là thanh tịnh pháp chăng[21]?"

Ni-câu-đà đáp:

"Pháp đó là tịnh[22], chớ chẳng phải bất tịnh."

Phật nói:

"Ngươi bảo là tịnh, Ta sẽ từ trong cái tịnh của ông đó chỉ ra điều cấu uế[23] cho ông xem."

Ni-câu-đà nói: "Hay lắm, Cù-đàm! Ngài cứ nói, tôi xin nghe".

Phật nói:

"Những người kia trong khi tu khổ hạnh mà tâm thường tính nghĩ rằng: 'Ta làm như thế này sẽ được mọi người cúng dường, cung kính, lễ bái.' Thế là cấu uế. Người tu khổ hạnh kia khi được cúng dường rồi thì say đắm giữ chặt, ưa luyến không rời, không biết xa lìa, không biết cách thoát ra. Thế là cấu uế. Người tu khổ hạnh kia mà vừa trông thấy bóng ai đi đến, thì cùng nhau ngồi thiền. Khi không ai thì mặc ý nằm ngồi. Thế là cấu uế. Người tu khổ hạnh kia mà nếu nghe chánh nghĩa người khác, không chịu nhìn nhận. Thế là cấu uế. Người tu khổ hạnh kia nếu mà có ai hỏi ngay, tiếc lẫn không chịu đáp. Thế là cấu uế. Người tu khổ hạnh kia mà hễ thấy người nào cúng dường Sa-môn, Bà-la-môn thì la rầy, ngăn cản. Thế là cấu uế. Người tu khổ hạnh kia nếu

---

19. Bị (NM: phi) sa y 被 (披) 莎 衣; Khang hy: sa, một loại cỏ, tức hương phụ tử.

20. Lưu đầu phát 留 頭 髮: không hề hớt tóc; TNM: lộ đầu phát: để trần đầu tóc; Pāli, sđd.: kesamassu-locako: người theo hạnh nhổ râu toùc. Trường II, 327: … sống nhờ râu tóc (?).

21. Tham chiếu Pāli, sđd.: tr.33: evaṃ sante tapojigucchā paripuṇṇā vā aparipuṇṇnā vā: những sự khổ hạnh ghê tởm ấy là hoàn hảo hay không hoàn hảo?

22. Hán: tịnh 淨; Pāli, sđd.: paripuṇṇaṃ, hoàn hảo.

23. Hán: cấu uế 垢 穢; Pāli, sđd.: upakkilesa, ô trược, ô nhiễm, dơ dáy.

thấy Sa-môn, Bà-la-môn ăn vật có thể sinh sản nữa[24] liền đến chê trách. Thế là cấu uế. Người tu khổ hạnh kia có thức ăn bất tịnh, không chịu cho người khác mà tham ăn một mình, không thấy lỗi lầm của mình, không biết con đường xuất ly. Thế là cấu uế. Người tu khổ hạnh kia tự khen mình hay, chê bai người khác. Thế là cấu uế. Người tu khổ hạnh kia mà giết, trộm, tà dâm, hai lưỡi, ác khẩu, nói dối, nói thêu dệt, tham lam, tật đố, tà kiến điên đảo. Thế là cấu uế. Người tu khổ hạnh kia mà lười biếng, lãng quên[25], không tập thiền, không có trí tuệ, chẳng khác nào cầm thú. Thế là cấu uế. Người tu khổ hạnh kia mà cống cao, kiêu mạn, mạn, tăng thượng mạn[26]. Thế là cấu uế. Người tu khổ hạnh kia mà không có tín nghĩa, lại không báo đáp, không trì tịnh giới, không hay tinh cần chịu nghe người khuyên răn, thường kết bạn xấu làm điều xấu ác không thôi. Thế là cấu uế. Người tu khổ hạnh kia mà ôm nhiều sân hận, ưa làm xảo quyệt, cậy mình hiểu biết, tìm tòi hay dở của người, thường chấp tà kiến, biên kiến[27]. Thế là cấu uế. Ni-câu-đà, ý ngươi nghĩ thế nào? Tu khổ hạnh như trên, đáng gọi là thanh tịnh ư?

Ni-câu-đà đáp:

"Đó là bất tịnh chứ không phải tịnh."

Phật nói: "Nay Ta từ trong pháp cấu uế ấy của ông mà chỉ ra phần thanh tịnh, vô cấu cho ông hiểu".

Phạm chí nói: "Xin hãy nói".

Phật nói:

"Những người tu khổ hạnh kia, nếu không tính nghĩ rằng ta tu như thế này sẽ được sự cúng dường cung kính, lễ bái. Đó là pháp khổ hạnh không cấu uế. Người tu khổ hạnh nếu được cúng dường tâm không tham đắm, hiểu biết xa lìa, rõ biết con đường xuất ly. Đó là pháp khổ hạnh không cấu uế. Người tu khổ hạnh lo tọa thiền thường lệ, không vì có người không người mà thay đổi. Đó là pháp khổ hạnh

---

24. Cánh sanh vật. Trên đây dịch lấy ý theo No.26 (104): thực căn chủng tử…, ăn hạt giống từ rễ. Xem thêm kinh "Tệ tú", cht. 7, trong đó cánh sanh được hiểu là hóa sanh hữu tình.

25. Hán: hỷ vong 喜忘; bản Tống: hỷ vọng 喜妄: ưa thích điều dối trá.

26. Hán: cống cao 貢高: hợm mình; kiêu mạn 驕慢: khinh người; mạn 慢: tự đắc; tăng thượng mạn 增上慢: tự cao quá mức.

27. Hán: tà kiến, biên kiến 邪見邊見. Tham chiếu Pāli, sđd.: micchādiṭṭhiko, antaggāhikāya diṭṭhiyā samannāgato, tà kiến và bị chi phối bởi biên chấp kiến…

thanh tịnh. Người tu khổ hạnh, nếu nghe ai nói chánh nghĩa thì hoan hỷ tín nhận. Đó là pháp khổ hạnh thanh tịnh. Người tu khổ hạnh nếu gặp ai hỏi ngay thì hoan hỷ đáp. Đó là pháp khổ hạnh thanh tịnh. Người tu khổ hạnh hễ thấy ai cúng dường Sa-môn, Bà-la-môn thì hoan hỷ thay họ, chứ không la rầy ngăn cản. Đó là pháp khổ hạnh thanh tịnh. Người tu khổ hạnh nếu thấy Sa-môn, Bà-la-môn ăn vật có thể sanh lại, không tới chê bai. Đó là pháp khổ hạnh thanh tịnh. Người tu khổ hạnh mà gặp món ăn bất tịnh, tâm không lẫn tiếc, gặp món ăn tịnh tâm không say đắm, xét thấy lỗi mình, biết cách thoát ly. Đó là pháp khổ hạnh thanh tịnh. Người tu khổ hạnh không tự khen mình, không chê kẻ khác. Đó là pháp khổ hạnh thanh tịnh. Người tu khổ hạnh không sát, không đạo, không dâm, không hai lưỡi, không ác khẩu, không nói dối, không thêu dệt, không tham lam, không tật đố, không tà kiến. Đó là pháp khổ hạnh thanh tịnh. Người tu khổ hạnh mà tinh cần không quên, ưa tập thiền định, tu nhiều trí tuệ, chẳng ngu như thú. Đó là pháp khổ hạnh thanh tịnh. Người tu khổ hạnh mà không cống cao, kiêu mạn, tự đại. Đó là pháp khổ hạnh thanh tịnh. Người tu khổ hạnh mà có lòng tín nghĩa, tập hạnh báo bổ, giữ gìn tịnh giới, siêng năng học hỏi, thường kết bạn với người lành, chứa điều lành mãi. Đó là pháp khổ hạnh thanh tịnh. Người tu khổ hạnh mà không ôm lòng sân hận, không xảo ngụy, không cậy mình biết, không tìm cái dở của người, không chấp chặt tà kiến cũng không biên kiến. Đó là pháp khổ hạnh thanh tịnh. Phạm chí nghĩ thế nào? Pháp khổ hạnh như thế, đáng gọi là pháp thanh tịnh vô cấu không?"

Ni-câu-đà đáp:

"Quả như vậy, quả thật là pháp khổ hạnh thanh tịnh vô cấu."

Rồi Phạm chí hỏi Phật:

"Khổ hạnh đến chừng mực như vậy đã được gọi là bậc nhất kiên cố[28] chưa?"

Phật nói:

"Chưa! Đó mới là khổ hạnh vỏ ngoài[29]."

Ni-câu-đà thưa:

---

28. Hán: đệ nhất kiên cố 第一堅固; Pāli, sđd.: aggappattā ca sārappattā, đã đạt đến đỉnh cao, đạt đến cốt lõi.

29. Thủy thị bì nhĩ 始是皮耳, mới chỉ ngoài da. Nhưng theo dưới, thọ tiết 樹節, mắt cây, nên đây dịch là vỏ.

"Xin Phật cho biết cốt lõi[30]."

Phật nói:

"Ngươi hãy lắng nghe. Ta sẽ nói cho."

Phạm chí thưa:

"Vâng. Bạch Thế Tôn, tôi mong muốn được nghe."

Phật nói:

"Này Phạm chí! Người tu khổ hạnh mà tự mình không giết, không dạy người giết, tự mình không trộm cắp, không dạy người trộm cắp, tự mình không tà dâm, không dạy người tà dâm, tự mình không nói dối, không dạy người nói dối. Người ấy đem tâm Từ rải khắp một phương, rồi các phương khác cũng vậy, Từ tâm quảng đại, bình đẳng vô lượng, khắp cả thế gian, không chút oán kết. Bi tâm, Hỷ tâm, Xả tâm cũng như thế. Chính đó mới là pháp khổ hạnh thuộc cốt lõi."

Phạm chí bạch Phật:

"Xin Ngài dạy cho cái nghĩa khổ hạnh kiên cố."

Phật nói:

"Này Phạm chí, hãy lắng nghe, hãy lắng nghe, Ta sẽ nói cho."

Phạm chí đáp:

"Thưa vâng. Bạch Thế Tôn, tôi mong muốn được nghe."

Phật nói:

"Này Phạm chí, người tu khổ hạnh mà tự mình không giết còn dạy người không giết, tự mình không trộm cắp còn dạy người không trộm cắp, tự mình không tà dâm còn dạy người không tà dâm, tự mình không nói dối còn dạy người không nói dối. Người ấy đem Từ tâm rải khắp một phương, rồi các phương khác cũng vậy, Từ tâm quảng đại, bình đẳng vô lượng, khắp cả thế gian, không chút oán kiết. Bi tâm, Hỷ tâm, Xả tâm cũng như thế. Người khổ hạnh kia lại có thể biết được việc xảy ra vô số kiếp trước, hoặc một đời, hai đời cho đến vô số đời, quốc độ thành hoại hay kiếp số trước sau, đều thấy đều biết cả. Lại còn thấy biết mình từng sanh vào chủng tộc đó, tên tuổi như thế, ăn uống như thế, sống lâu như thế, chịu khổ chịu vui như thế, từ kia sanh đây, từ đây sanh kia như thế. Những việc từ vô số kiếp như thế đều nhớ cả. Ấy gọi là khổ hạnh kiên cố không hoại của Phạm chí."

Phạm chí bạch Phật:

---

30. Hán: thọ tiết 樹 節.

"Còn thế nào gọi là khổ hạnh bậc nhất?"

Phật nói:

"Này Phạm chí, hãy lắng nghe, hãy lắng nghe, Ta sẽ nói cho."

Phạm chí đáp:

"Thưa vâng. Bạch Thế Tôn, tôi mong muốn được nghe."

Phật nói:

"Này Phạm chí, những người tu khổ hạnh mà tự mình không giết còn dạy người không giết, tự mình không trộm cắp còn dạy người không trộm cắp, tự mình không tà dâm còn dạy người không tà dâm, tự mình không nói dối còn dạy người không nói dối. Người ấy đem Từ tâm rải khắp một phương, các phương khác cũng vậy, Từ tâm rộng lớn, trùm khắp, vô nhị vô lượng, không có kết hận, cùng khắp thế gian. Bi, Hỷ và Xả tâm cũng như vậy.

"Người khổ hạnh ấy tự biết sự việc vô số kiếp quá khứ về trước, một đời, hai đời, cho đến vô số đời, quốc độ, thành hoại, kiếp số chung thủy, thảy đều thấy hết biết hết. Lại tự mình thấy biết: Ta đã từng sanh vào chủng tánh kia, tên họ như vậy, ăn uống, thọ mạng như vậy, cảm nghiệm khổ lạc như vậy, từ đây sanh kia, từ kia sanh đây. Như thế, nhớ hết sự việc vô số kiếp. Vị ấy bằng thiên nhãn thanh tịnh xem xét các loài chúng sanh chết đây sanh kia, nhan sắc đẹp xấu, chỗ hướng đến tốt hay xấu, tùy theo hành vi mà bị đọa lạc; thảy đều thấy hết biết hết.

"Lại biết chúng sanh với thân hành bất thiện, khẩu hành bất thiện, ý hành bất thiện, phỉ báng Hiền thánh, tà tín điên đảo, sau khi thân hoại mạng chung sẽ đọa vào ba đường dữ. Hoặc có chúng sanh với thân hành thiện, khẩu hành thiện, ý hành thiện, không phỉ báng Hiền thánh, tu hạnh chánh tín, khi thân hoại mệnh chung được sinh vào cõi trời cõi người. Bằng thiên nhãn thanh tịnh xem thấy các chúng sanh có hành vi nào sinh tới chỗ nào, đều thấy biết hết. Đó gọi là khổ hạnh thù thắng bậc nhất."

Phật lại nói với Phạm chí:

"Này Phạm chí, ở trong pháp này lại có pháp thù thắng hơn nữa mà Ta thường đem dạy cho hàng Thanh văn. Họ nhờ pháp đó tu được phạm hạnh."

Bấy giờ năm trăm đệ tử Phạm chí lớn tiếng bảo nhau:

"Nay chúng ta mới thấy Đức Thế Tôn là Bậc Tối Thượng, thầy ta

không bằng.”

Rồi cư sĩ Tán-đà-na nói với Phạm chí:

“Lúc nãy ông nói ‘nếu gặp Cù-đàm đến thì chúng ta gọi là trâu đui.’ Nay Đức Thế Tôn đến sao ông không gọi. Lúc nãy ông nói ‘chỉ cần một câu là đủ làm cho Cù-đàm cùng bí phải làm thinh. Như con rùa thu cả vào vỏ cho thế là yên ổn, ta chỉ cần một mũi tên là không chỗ trốn’, sao nay ông không đem một câu làm cùng bí Như Lai?”

Phật hỏi Phạm chí:

“Thật ngươi có nói lời đó chăng?”

Đáp: “Thưa có”.

Phật nói với Phạm chí:

“Ngươi há không nghe các vị tiên túc Phạm chí nói: chư Phật Như Lai ưa ở chỗ núi rừng nhàn tịnh, như Ta ngày nay ưa chỗ nhàn tĩnh, chẳng phải như pháp của các ông chỉ ưa chỗ huyên náo, nói chuyện vô ích suốt ngày ư?”

Phạm chí nói:

“Tôi có nghe chư Phật quá khứ ưa chỗ nhàn tĩnh, một mình sống ở núi rừng, như Thế Tôn ngày nay. Không như pháp chúng tôi ưa chỗ huyên náo, nói những chuyện vô ích để cho hết ngày.”

Phật nói:

“Ngươi há không suy nghĩ rằng, Sa-môn Cù-đàm có thể thuyết Bồ-đề, có thể tự điều phục mình và cũng có thể điều phục người khác; có thể tự tịch tịnh và có thể khiến người khác tịch tịnh; có thể tự mình qua bờ bên kia và đưa người khác sang bờ bên kia; tự mình giải thoát và có thể khiến người khác giải thoát; có thể tự mình diệt độ và có thể khiến người khác được diệt độ?”

Lúc bấy giờ, Phạm chí bèn rời chỗ ngồi đứng dậy, đầu mặt làm lễ, hai tay sờ bàn chân Phật, tự xưng tên mình, nói rằng:

“Con là Phạm chí Ni-câu-đà. Con là Phạm chí Ni-câu-đà. Nay tự mình quy y, làm lễ dưới chân Thế Tôn.”

Phật nói với Phạm chí:

"Thôi đủ rồi, hãy dừng lại. Miễn sao tâm ngươi tỏ rõ, đó là kính lễ."

Phạm chí lại lễ dưới chân Phật một lần nữa, rồi ngồi xuống một bên. Phật bảo Phạm chí:

"Ngươi sẽ chẳng nói rằng Phật vì lợi dưỡng mà thuyết pháp chăng? Chớ móng tâm như thế. Nếu có sự lợi dưỡng nào, Ta cũng cho ngươi hết. Pháp được Ta nói, là vi diệu đệ nhất, để diệt trừ bất thiện, tăng trưởng thiện pháp."

Rồi Phật lại bảo Phạm chí:

"Ngươi sẽ chẳng nói rằng Phật vì tiếng tăm mà thuyết pháp chăng? Vì để được tôn trọng, vì để đứng đầu, vì để có những người tùy thuộc, ví để có chúng đông, mà thuyết pháp chăng? Chớ móng khởi tâm ấy. Nay những người tùy thuộc ngươi vẫn là tùy thuộc của ngươi. Pháp mà Ta nói là để diệt trừ bất thiện, tăng trưởng thiện pháp."

Rồi Phật lại bảo Phạm chí:

"Ngươi sẽ không nói rằng Phật đặt ngươi vào trong tụ bất thiện, tụ tối tăm chăng? Chớ nghĩ như vậy. Các tụ bất thiện và các tụ tối tăm, ngươi hãy loại bỏ đi. Ta vì ngươi mà nói pháp thiện tịnh."

Lại bảo Phạm chí:

"Ngươi sẽ không nghĩ rằng Phật truất ngươi ra khỏi tụ thiện pháp, tụ thanh bạch chăng? Chớ nghĩ như vậy. Ngươi cứ ở trong tụ thiện pháp, tụ thanh bạch mà tinh cần tu hành. Ta vì ngươi mà nói tụ thiện tịnh, tụ thanh bạch, diệt trừ hành vi bất thiện, tăng thêm thiện pháp."

Bấy giờ năm trăm đệ tử Phạm chí đều đoan tâm chánh ý nghe Phật thuyết pháp.

Thấy vậy, ma Ba-tuần nghĩ rằng: "Năm trăm đệ tử Phạm chí đang đem tâm ý đoan chính nghe theo Phật pháp có lẽ ta phải đến phá tâm ý đó đi". Rồi ác ma liền đem sức phá hoại thiện ý của năm trăm đệ tử ấy.

Phật bảo với cư sĩ Tán-đà-na:

"Năm trăm đệ tử Phạm chí này đoan tâm chánh ý nghe Ta nói pháp. Thiên ma Ba-tuần đã phá hoại ý ấy. Ta muốn trở về, ngươi hãy cùng đi với Ta."

Phật liền lấy tay mặt dẫn cư sĩ Tán-đà-na đặt trong bàn tay, rồi

nương hư không mà trở về.

Cư sĩ Tán-đà-na, Phạm chí Ni-câu-đà và năm trăm đệ tử, sau khi nghe những điều Phật nói, hoan hỷ phụng hành.

❑

9. KINH CHÚNG TẬP

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật du hành ở Mạt-la[2] cùng với một ngàn hai trăm năm mươi Tỳ-kheo, rồi đi dần đến thành Ba-bà, vườn Am-bà của Xà-đầu.[3]

Bấy giờ, vào ngày mười lăm lúc trăng tròn[4], Thế Tôn ngồi ở giữa khoảng đất trống với các Tỳ-kheo vây quanh trước sau. Thế Tôn, sau khi đã thuyết pháp nhiều qua đêm, nói với Xá-lợi-phất:

"Các Tỳ-kheo bốn phương tụ tập về, thảy đều siêng năng, dẹp bỏ ngủ nghỉ. Nhưng Ta đau lưng, muốn nghỉ một chút, ngươi nay hãy thuyết pháp cho các Tỳ-kheo."

Xá-lợi-phất đáp:

"Kính vâng. Con sẽ làm theo Thánh giáo."

---

1. Bản Hán, *Phật Thuyết Trường A-hàm* "Đệ nhị phần Chúng tập kinh Đệ ngũ", Đại I, tr.49b-52c. Tham chiếu, No. 12 Phật Thuyết Đại Tập Pháp Môn kinh, Tống Thi Hộ dịch, Đại I, tr.226; No. 1536 *Tập Dị Môn Túc luận*, Đại XXVI. Tr. 367. Tương đương Pāli, D. 33, Deva Dig iii, 10 Sangīti-suttanta, Trường II, tr.567, "kinh Phúng Tụng".

2. Mạt-la 末羅 (Pāli: Malla), dịch là Lực sĩ, bộ tộc làm chủ Câu-thi-na (Kusinārā) nơi Phật nhập diệt.

3. Ba-bà thành Xà-đầu Am-bà viên 波婆城闍頭菴婆園; No.1356: Lực sĩ sanh xứ 力士生處 Ba-bà ấp 波婆邑, rừng Chiết-lộ-ca 折路迦; D.33, sđd.: tr.167: Pāvāyaṃ viharati Cundassa kammāraputtassa ambavane, du hành Pāva, trong rừng xoài của thợ rèn Cunda.

4. No.1356, Phật được những người lực sĩ mời đến ở ngôi đền mới dựng là Ôn-bạt-nặc-ca; D.33, duyên khởi cũng vậy, hội trường tên là Ubbhaṭṭhaka. Tên gọi này liên hệ đến từ uposatha (Skt.: upavasatha, hay uposatha), chỉ ngày trai giới tức ngày rằm, có thể giải thích sự khác biệt trong bản Hán trên.

Thế Tôn gấp tư y Tăng-già-lê nằm nghiêng phía hữu như con sư tử, hai chân chồng lên nhau.

Khi ấy Xá-lợi-phất nói với các Tỳ-kheo:

"Nay trong thành Ba-bà này có Ni-kiền Tử[5] mạng chung chưa bao lâu, nhưng các đệ tử chia ra làm hai bộ, luôn luôn tranh chấp nhau, tìm sở trường và sở đoản của nhau, mắng nhiếc nhau, thị phi với nhau rằng: 'Ta biết pháp này. Ngươi không biết pháp này. Ngươi theo tà kiến. Ta theo chánh kiến. Ngươi nói năng hỗn loạn, chẳng có trước sau, tự cho điều mình nói là chân chính. Lập ngôn của ta thắng. Lập ngôn của ngươi bại. Nay ta làm chủ cuộc đàm luận, ngươi có điều muốn hỏi thì đến hỏi ta.'

"Này các Tỳ-kheo, lúc bấy giờ nhân dân trong nước những ai theo Ni-kiền Tử đều chán ghét những tiếng cãi vã của bọn này. Đó là vì pháp ấy không chân chính. Pháp không chân chính thì không có con đường xuất ly[6]. Ví như ngôi tháp đã đổ thì không còn đổ nữa. Đó không phải là điều mà Đấng Chánh Giác[7] đã dạy.

"Các Tỳ-kheo, duy chỉ Pháp vô thượng tôn của Đức Thích-ca Ta là chân chánh mới có thể có con đường xuất ly. Cũng như ngôi tháp mới có thể được dễ dàng trang hoàng. Vì đó là điều mà Đấng Chánh Giác giảng dạy.

"Các Tỳ-kheo, hôm nay chúng ta cần phải kiết tập pháp luật để ngăn ngừa sự tranh cãi, khiến cho phạm hạnh tồn tại lâu dài làm lợi ích cho số đông, cho chư Thiên và nhân loại được an lạc.

"Như Lai nói một chánh pháp: hết thảy chúng sanh đều do thức ăn mà tồn tại.

"Như Lai lại nói một chánh pháp: tất cả chúng sanh đều do các hành[8] mà tồn tại.

---

5. Ni-kiền Tử 尼乾子, hay Ni-kiền-đà Nhã-đề Tử 尼乾陀若提子, Ni-kiền Thân tử 尼乾親子, Ly hệ Thân tử 離繫親子; giáo tổ của Kỳ-na giáo (Jaina); Pāli: Nigaṇṭha-Nāṭa-putta (Skt.: Nirgrantha-Jñātiputra). No.1536: Ly hệ Thân tử.

6. Hán: vô do xuất yếu 無由出要; Pāli, sđd.: tr. 168: aniyyānike, không có khả năng hướng dẫn.

7. Trong bản Hán: Tam-da-tam-phật 三耶三佛; Pāli: sammā-sambuddha, Skt.: Samyak-sambuddha.

8. Haùn: hành trú 行住; Pāli: saṃkhāra-ṭṭhitika.

"Đó là một pháp đã được Như Lai giảng dạy. Chúng ta hãy cùng kiết tập để ngăn ngừa sự tranh cãi, khiến cho phạm hạnh tồn tại lâu dài làm lợi ích cho số đông, cho chư Thiên và nhân loại được an lạc.

"Các Tỳ-kheo, Như Lai nói hai chánh pháp: một là danh, hai là sắc.

"Lại có hai pháp: một là si, hai là ái[9].

"Lại có hai pháp: hữu kiến và vô kiến[10].

"Lại có hai pháp: không biết tàm và không biết quý.

"Lại có hai pháp: có tàm và có quý.

"Lại có hai pháp: tận trí và vô sanh trí.

"Lại có hai pháp, hai nhân hai duyên sanh ra ái dục: một, sắc tịnh diệu; hai, không tư duy.

"Lại có hai pháp, hai nhân, hai duyên sanh nơi sân nhuế: thù ghét và không tư duy.

"Lại có hai pháp, hai nhân, hai duyên sanh nơi tà kiến: nghe từ người khác và tà tư duy.

"Lại có hai pháp, hai nhân, hai duyên sanh nơi chánh kiến: nghe từ người khác và chánh tư duy.

"Lại có hai pháp, hai nhân, hai duyên: giải thoát hữu học và giải thoát vô học[11].

"Lại có hai pháp hai nhân, hai duyên: hữu vi giới và vô vi giới.

"Các Tỳ-kheo, đó là hai pháp đã được Như Lai giảng dạy. Chúng ta hãy cùng kiết tập để ngăn ngừa sự tranh cãi, khiến cho phạm hạnh tồn tại lâu dài làm lợi ích cho số đông, cho chư Thiên và nhân loại được an lạc.

"Các Tỳ-kheo, Như Lai nói ba pháp, tức là ba bất thiện căn: tham dục, sân nhuế và ngu si.

"Lại có ba pháp, tức là ba thiện căn: không tham, không nhuế và không si.

"Lại có ba pháp, tức là ba bất thiện hành: thân hành bất thiện, khẩu hành bất thiện và ý hành bất thiện.

---

9. Hàun: si 痴, aùi 愛; No.1536: vô minh 無明 và hữu ái 有愛; Pāli: avijjā ca bhavataṇhā ca.

10. Hữu kiến vô kiến 有見無見; Pāli: bhava-diṭṭhi, vibhavadiṭṭhi.

11. Hàun: học giải thoaùt 學解脫, chỉ các Thánh giả chưa chứng quả A-la-hán; vô học giải thoát 無學解脫, chỉ Thánh giả đã chứng quả A-la-hán.

"Lại có ba pháp, tức là ba bất thiện hành: bất thiện hành của thân, bất thiện hành của khẩu và bất thiện hành của ý.

"Lại nữa, có ba pháp, tức là ba ác hành[12] ác hành của thân, ác hành của khẩu và ác hành của ý.

"Lại có ba pháp, tức là ba thiện hành: thiện hành của thân, thiện hành của khẩu và thiện hành của ý.

"Lại có ba pháp, tức là ba tưởng bất thiện: dục tưởng, sân tưởng và hại tưởng.

"Lại có ba pháp tức là ba tưởng thiện: vô dục tưởng, vô sân tưởng và vô hại tưởng.

"Lại có ba pháp tức là ba tư bất thiện: dục tư, nhuế tư và hại tư

"Lại có ba pháp tức là ba tư thiện: vô dục tư, vô nhuế tư và vô hại tư.

"Lại có ba loại phước nghiệp: nghiệp bố thí, nghiệp bình đẳng và nghiệp tư duy.[13]

"Lại có ba pháp, tức là ba thọ: lạc thọ, khổ thọ và phi khổ phi lạc thọ.

"Lại có ba pháp tức là ba ái: dục ái, hữu ái, vô hữu ái.

"Lại có ba pháp tức là ba hữu lậu: dục lậu, hữu lậu và vô minh lậu.

"Lại có ba pháp, tức là ba thứ lửa: lửa dục, lửa sân và lửa si.

"Lại có ba pháp tức là ba cầu[14]: dục cầu, hữu cầu và phạm hạnh cầu.

"Lại có ba pháp tức là ba tăng thịnh: ngã tăng thịnh, thế tăng thịnh và pháp tăng thịnh[15].

"Lại có ba pháp tức là ba giới: dục giới, sân giới và hại giới[16].

"Lại có ba pháp tức là ba giới: xuất ly giới, vô sân giới và vô hại

---

12. Hán: ác hành 惡行; Pāli: duccarita.

13. No.1536, ba phước nghiệp sự 福業事, cơ sở của phước nghiệp: 1. Thí loại phước nghiệp sự; 2. Giới loại phước nghiệp sự; 3. Tu loại phước nghiệp sự; Pāli: puññakiriyavatthu: dānamaya, sīla, bhavanāmaya.

14. Ba cầu; Pāli: tisso esanā.

15. Ba tăng thượng, No.1536: thế tăng thượng 世增上, tự tăng thượng 自增上, pháp tăng thượng 法增上; Pāli: attādhipateyyem lokādhipateyyam dhammādhi pateyyam.

16. Pāli: tisso dhātuyo (ba bất thiện giới): kāma(dục), vyāpāda (sân nhuế), vihiṃsa (hại).

giới.

"Lại có ba pháp tức là ba giới: sắc giới, vô sắc giới, tận giới[17].

"Lại có ba pháp tức là ba tụ: giới tụ, định tụ và huệ tụ.

"Lại có ba pháp tức là ba giới: tăng thịnh giới (cấm), tăng thịnh ý, tăng thịnh tuệ[18].

"Lại có ba pháp tức là ba tam-muội: không tam-muội, vô nguyện tam-muội và vô tướng tam-muội[19].

"Lại có ba pháp tức là ba tướng: chỉ tức tướng, tinh cần tướng và xả tướng.

"Lại có ba pháp tức là ba minh: tự thức túc mạng trí minh, thiên nhãn trí minh và lậu tận trí minh[20].

"Lại có ba pháp tức là ba biến hóa: thần túc biến hóa, biết tâm người mà tùy ý thuyết pháp và giáo giới[21].

"Lại có ba pháp tức là ba căn bổn dục sinh[22]: do hiện dục hiện tiền[23] sinh trời người, do hóa dục[24] sinh trời Hóa tự tại[25], do tha hóa dục[26] sinh trời Tha hóa tự tại[27].

---

17. No.1536 ba giới: sắc, vô sắc và diệt; Pāli: tisso dhātuyo, rūpa, arūpa, nirodha.

18. Hán: tam giới 三 戒; bản Hán, tisso sīlā, ba giới cấm, thay vì Pāli tisso sikkhā, ba điều học: adhisīla (tăng thượng giới), adhicitta (tăng thượng tâm), adhipaññha (tăng thượng tuệ).

19. Tam tam-muội 三 三 昧; Pāli: tayo samādhī, suññato animitto appaṇihito.

20. Tam minh 三 明; Pāli: tisso vijjā, pubbenivāsānussatiñāṇa-vijjā, sattānam cutūpapātañāṇam vijjā, āsavānam kheyanānam vijjā.

21. Tam biến hóa 三 變 化; No. 1536, tam thị đạo 三 示 導: thần biến thị đạo 神 變, ký tâm thị đạo 記 心, giáo giới thị đạo 教 誡; Pāli: tīni pāṭihāriyāni: iddhi-pāṭihāriyam, ādesana-, anusāsanī-pātihāriyam.

22. Dục sanh bổn 欲 生 本; Pāli: kāmūpapatti: tái sanh do bởi ái dục.

23. Hiện dục 現 欲; No.1536 giải thích: hiện tiền chư diệu dục cảnh, do những đối tượng ham muốn đẹp đẽ trong hiện tại; Pāli: paccupaṭṭhitakāmā ái dục trong đời hiện tại, hiện tiền dục.

24. Hóa dục 化 欲; No.1536: do những đối tượng ham muốn vi diệu do tự mình biến hiện ra; Pāli: nimmitakāmā.

25. Hóa tự tại thiên 化 自 在 天; No.1536, Lạc biến hóa thiên 樂 變 化 天; Pāli: Nimmānaratī devā.

26. Tha hóa dục 他 化 欲; No.1536: do những đối tượng ham muốn vi diệu được người khác biến hiện ra; Pāli: paraṇimmitakāmā.

27. Tha hóa tự tại nhất khởi 他 化 自 在一起; Pāli: Paranimmitavasavattin.

"Lại có ba pháp tức là ba lạc sinh[28]:

"1. Chúng sanh tự nhiên thành biện sanh hoan hỷ tâm[29] như trời Phạm quang âm[30] vào lúc mới sinh.

"2. Có chúng sanh lấy niệm làm an vui[31] tự xướng 'lành thay' như trời Quang âm[32].

"3. Lạc do được chỉ tức[33] như trời Biến tịnh[34].

"Lại có ba pháp tức là ba khổ: dục khổ, hành khổ và biến dịch khổ[35].

"Lại có ba pháp tức là ba căn: vị tri dục tri căn, tri căn, tri dĩ căn[36].

"Lại có ba pháp tức là ba đường: Hiền thánh đường, thiên đường, phạm đường[37].

"Lại có ba pháp tức là ba sự phát hiện[38]: phát hiện do thấy, phát hiện do nghe và phát hiện do nghi.

"Lại có ba pháp tức là ba luận: Quá khứ có sự như thế, có luận

---

28. Lạc sanh 樂生; Pāli: sukhūpapatti: tái sanh do cảm thọ lạc (phát sanh từ các trạng thái thiền).

29. Pāli: uppādetvā uppādetvā sukham viharati, sau khi thường xuyên làm phát sanh lạc, nó sống an lạc.

30. No.1536: Phạm chúng thiên 梵眾天; Pāli: Brahma-kāyikā. Phạm quang âm: Brahma-ābhassara (?).

31. Dĩ niệm vi lạc 以念為樂, theo bản Hán: shukhena abhiñanā, có ý tưởng an lạc, thay vì bản Pāli (D. 33, sđd.): sukhena abhisannā, sung mãn với cảm giác lạc.

32. Quang âm thiên 光音天; No. 1536: Cực quang tịnh thiên 極光淨天; Pāli: Ābhassarā.

33. Chỉ tức lạc 止息樂; Santaṃyeva, được hiểu do santa: an tĩnh, thay vì do Pāli: sant, phân từ hiện tại: đang tồn tại, đang sống.

34. Biến tịnh thiên 遍淨天; Pāli: Subhakiṇṇā.

35. No.1536, ba khổ tánh: khổ khổ tánh, hoại khổ tánh, hành khổ tánh; Pāli: tisso dukkhatā, saṅkhāra-dukkhatā, vipariṇāma-dukkhatā.

36. Vị tri dục tri căn 未知欲知根, tri căn 知根, tri dĩ căn 知已根; No.1536: vị tri đương tri căn 未知當知根, dĩ tri căn 已知根 và cụ tri căn 具知根; Pāli: anaññātaññassāmītindriyaṃ, aññitindriyaṃ, aññatāvindriyaṃ.

37. Tam đường 三堂; No.1536, tam trú 三住: thiên trú 天住, phạm trú 梵住, thánh trú 聖住; Pāli: tayo vihārā: dibbo, brahmā, ariyo. Vihāra vừa có nghĩa tinh xá, tự viện, vừa có nghĩa đời sống, trạng thái hay điều kiện sống (tồn tại) và an trú.

38. Tam phát 三發, ba trường hợp phát hiện hay tố giác vi phạm luật; No.1536: tam cử tội 三舉罪; Pāli: tīni codanāvatthūni.

như thế. Vị lai có sự như thế, có luận như thế. Hiện tại có sự như thế có luận như thế.

"Lại có ba pháp tức là ba tụ[39]: chánh định tụ, tà định tụ và bất định tụ.

"Lại có ba pháp tức là ba ưu: thân ưu, khẩu ưu và ý ưu.

"Lại có ba pháp tức ba trưởng lão: trưởng lão do tuổi tác, trưởng lão do pháp và trưởng lão do tác thành[40].

"Lại có ba pháp tức là ba con mắt: con mắt thịt, con mắt trời và con mắt tuệ.

"Các Tỳ-kheo, đó là ba pháp đã được Như Lai giảng dạy. Chúng ta hãy cùng kiết tập để ngăn ngừa sự tranh cãi, khiến cho phạm hạnh tồn tại lâu dài làm lợi ích cho số đông, cho chư Thiên và nhân loại được an lạc.

"Các Tỳ-kheo, Như Lai nói bốn pháp, tức là bốn ác hành do miệng:

"1. Nói dối.

"2. Hai lưỡi.

"3. Ác khẩu.

"4. Ỷ ngữ[41].

"Lại có bốn pháp, tức là bốn thiện hành của miệng:

"1. Nói sự thật.

"2. Nói dịu dàng.

"3. Không ỷ ngữ.

"4. Không hai lưỡi.

"Lại có bốn pháp tức là bốn phi Thánh ngôn:

"1. Không thấy nói thấy.

"2. Không nghe nói nghe.

"3. Không cảm thấy nói cảm thấy.

"4. Không biết nói biết[42].

---

39. Tam tụ 三 聚; Pāli: tayo rāsī: ba nhóm, chánh định tụ (sammatta-niyata-rāsi): nhóm nhất định thành tựu Thánh trí trong hiện tại; tà định tụ (micchatta-niyata-rāsī), nhóm nhất định dẫn đến tà kiến, không thể thành tựu Thánh trí trong hiện tại; bất định tụ (aniyata), bẩm tính chưa xác định.

40. Tam trưởng lão 三 長 老; No.1536, tam thượng tọa 三 上 座: sanh niên thượng tọa 生 年 上 座, thế tục thượng tọa 世 俗 上 座, pháp tánh thượng tọa 法 性 上 座.

41. Ỷ ngữ 綺 語; No.1536: tạp uế ngữ 雜 穢 ; Pāli: samphappalāpa: nhảm nhí.

"Lại có bốn pháp tức là bốn Thánh ngôn:

"1. Thấy nói thấy.

"2. Nghe nói nghe.

"3. Hay nói hay.

"4. Biết nói biết.

"Lại có bốn pháp tức là bốn thức ăn:

"1. Thức ăn vo nắm[43].

"2. Thức ăn bởi xúc.

"3. Thức ăn bởi niệm.

"4. Thức ăn bởi thức.

"Lại có bốn pháp tức là bốn thọ[44]:

"1. Khổ hành trong hiện tại thọ khổ báo về sau.

"2. Khổ hành hiện tại thọ lạc báo về sau.

"3. Lạc hành hiện tại thọ khổ báo về sau.

"4. Lạc hành hiện tại thọ lạc báo về sau.

"Lại có bốn pháp tức là bốn thọ[45]:

"1. Dục thọ.

"2. Ngã thọ.

"3. Giới thọ.

"4. Kiến thọ.

"Lại có bốn pháp tức là bốn phược:

"1. Thân phược bởi dục tham.

"2. Thân phược bởi sân nhuế.

"3. Thân phược bởi giới đạo.

"4. Thân phược bởi ngã kiến.

"Lại có bốn pháp, tức bốn gai nhọn:

"1. Gai nhọn dục.

"2. Gai nhọn nhuế.

---

42. Kiến, văn, giác, tri 見 聞 覺 知; Pāli: diṭṭha, suta, muta, viññāṇata.

43. Đoàn (vo tròn) thực 團 食; No.1536: đoạn (mảnh rời) thực 段 食; Pāli: kabalīkāro: được vo tròn.

44. Tứ thọ 四 受; Pāli: cattāti dhamma-samādānāi, 4 thọ pháp lãnh thọ pháp.

45. Tứ thọ 四 受; No.1536: tứ thủ 四 取: dục thủ 欲 取, kiến thủ 見 取, giới cấm thủ 戒 禁 取, ngã ngữ thủ 我 語 取; Pāli: cattāti upādānāni.

"3. Gai nhọn kiến.

"4. Gai nhọn mạn.

"Lại có bốn pháp tức là bốn sanh:

"1. Sanh từ trứng.

"2. Sanh từ bào thai.

"3. Sanh do ẩm thấp.

"4. Sanh do biến hóa.

"Lại có bốn pháp tức Bốn niệm xứ:

"1. Ở đây, Tỳ-kheo quán thân trên nội thân tinh cần không biếng nhác, ức niệm không quên, trừ bỏ tham ưu ở đời; quán thân trên ngoại thân tinh cần không biếng nhác, ức niệm không quên, trừ bỏ tham ưu ở đời; quán thân trên nội ngoại thân tinh cần không biếng nhác, ức niệm không quên, trừ bỏ tham ưu ở đời.

"2. Quán thọ.

"3. Quán ý.

"4. Quán pháp, cũng vậy.

"Lại có bốn pháp tức là Bốn ý đoạn[46]:

"1. Ở đây Tỳ-kheo ác pháp chưa khởi, phương tiện khiến không khởi.

"2. Ác pháp đã khởi phương tiện khiến diệt.

"3. Thiện pháp chưa khởi pháp, phương tiện khiến khởi.

"4. Thiện pháp đã khởi phương tiện khiến tăng trưởng.

"Lại có bốn pháp tức là Bốn thần túc:

"1. Ở đây Tỳ-kheo tư duy dục định diệt hành thành tựu.

"2. Tinh tấn định.

"3. Ý định.

"4. Tư duy định cũng vậy.

"Lại có bốn pháp tức là Bốn thiền:

"1. Ở đây, Tỳ-kheo trừ dục, ác bất thiện pháp, có giác có quán, hỷ lạc phát sanh do viễn ly, nhập Sơ thiền.

"2. Diệt giác và quán, nội tịnh[47] nhất tâm, không giác không quán,

---

46. Tứ ý đoạn 四 意 斷; No.1536: tứ chánh đoạn 四 正 斷. Cũng thường nói là chánh cần 正 勤; Pāli: sammappadhāna.

47. Hán: nội tín 內 信; xem cht. 3, kinh số 2 "Du Hành iii".

có hỷ lạc do định sanh, nhập đệ Nhị thiền.

"3. Lìa hỷ tu xả, niệm tiến[48], tự giác thân lạc, có lạc và xả niệm, mà bậc Thánh tìm cầu[49], nhập đệ Tam thiền.

"4. Lìa các hạnh khổ và lạc, hỷ và ưu đã diệt từ trước không khổ không lạc xả niệm thanh tịnh, nhập đệ Tứ thiền.

"Lại có bốn pháp tức là Bốn phạm đường: Từ, Bi, Hỷ và Xả[50].

"Lại có bốn pháp tức là Bốn vô sắc định:

"1. Ở đây, Tỳ-kheo siêu việt hết thảy sắc tưởng, sân tưởng đã diệt từ trước, không niệm các tưởng khác, tư duy vô lượng không xứ.

"2. Sau khi xả không xứ, nhập thức xứ.

"3. Sau khi xả thức xứ nhập vô hữu xứ.

"4. Sau khi xả vô hữu xứ nhập phi tưởng phi phi tưởng xứ.

"Lại có bốn pháp tức là bốn pháp túc[51]: Pháp túc không tham, pháp túc không sân, pháp túc chánh niệm và pháp túc chánh định.

"Lại có bốn pháp tức là bốn dòng dõi Hiền thánh[52]:

"1. Ở đây, Tỳ-kheo tri túc về y thực, được thứ tốt không mừng, được cái xấu không buồn; không nhiễm không trước, biết điều cấm kỵ, biết con đường xuất yếu; ở trong pháp này tinh cần không biếng nhác; thành tựu sự ấy không khuyết không giảm và cũng dạy người thành tựu sự ấy. Đó là thứ nhất; tri túc, an trú trong sự truyền thừa của Hiền thánh, từ xưa đến nay chưa thường não loạn. Chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn, Trời và Người không ai có thể chê trách.

"2. Thức ăn.

"3. Vật dụng nằm ngồi.

"4. Thuốc thang trị bệnh, tất cả đều cũng tri túc như thế.

"Lại có bốn pháp tức là bốn nhiếp pháp: bố thí, ái ngữ, lợi hành

---

48. Hán: ly hỷ tu xả niệm tiến 離喜修捨念進; Pāli: pītiyā ca virāgā upekkhako ca viharati sato ca sampajāno. Xem cht. 4, kinh số 2 "Du Hành iii".

49. Hán: tự tri thân lạc, chư Thánh sở cầu 自知身樂諸聖所求; xem cht. 5, kinh số 2 "Du Hành iii".

50. Xem cht. 37.

51. Pháp túc 法足, "chân của pháp", hay pháp cú 法句; No.1536: pháp tích 法跡; Pāli: dhammapada.

52. Tứ Hiền thánh chủng 四賢聖種; No.1536: tứ Thánh chủng; Pāli: ariyavaṃsa, bốn sự truyền thừa của Thánh.

và đồng sự.

"Lại có bốn pháp, tức là bốn chi của Tu-đà-hoàn[53]: Tỳ-kheo thành tựu tín tâm bất hoại đối với Phật, đối với Pháp, đối với Tăng và đối với giới.

"Lại có bốn pháp tức là bốn thọ chứng[54]:

"1. Thọ chứng do thấy sắc.

"2. Thọ chứng do thân hoại diệt[55].

"3. Thọ chứng do nhớ về túc mạng.

"4. Thọ chứng do biết hữu lậu đã bị diệt tận.

"Lại có bốn pháp tức là bốn đạo: khổ đắc chậm, khổ đắc nhanh, lạc đắc chậm và lạc đắc nhanh[56].

"Lại có bốn pháp tức là Bốn thánh đế: Khổ thánh đế, Khổ tập thánh đế, Khổ diệt thánh đế, Khổ xuất yếu thánh đế.

"Lại có bốn pháp tức là bốn Sa-môn quả: Tu-đà-hoàn quả, Tư-đà-hàm quả, A-na-hàm quả, A-la-hán quả.

"Lại có bốn pháp tức là bốn xứ: thật xứ, thí xứ, trí xứ, chỉ tức xứ[57].

"Lại có bốn pháp tức là bốn trí: pháp trí, vị tri trí, đẳng trí và tha tâm trí[58].

"Lại có bốn pháp tức là bốn biện tài: pháp biện tài, nghĩa biện tài, từ biện tài, ứng thuyết biện tài.

"Lại có bốn pháp tức là bốn trú xứ của thức: sắc là trú xứ của thức, duyên sắc mà trú, sắc và ái cùng tăng trưởng. Thọ, tưởng, hành,

---

53. Tu-đà-hoàn chi 須陀洹支; No.1536: bốn Dự lưu chi 預流支, cũng gọi là bốn chứng tịnh 證淨: Phật chứng tịnh, Pháp chứng tịnh, Tăng chứng tịnh, Thánh sở ái giới; Pāli: aveccappasāda.

54. Tứ thọ chứng 四受證, có lẽ No.1536, tứ ứng chứng pháp 四應證法: thân ứng chứng bát giải thoát 身應證八解脫, niệm ứng chứng túc trú 念應證宿住, nhãn ứng chứng sanh tử sự 眼應證生死事, tuệ ứng chứng lậu tận 慧應證漏盡; Pāli: sacchikaraṇiyā dhamma.

55. Thân thọ diệt chứng 身受滅證 hay thân diệt thọ chứng?

56. Tứ đạo 四道, No.1536: tứ thông hành 四通行: khổ trì, khổ tốc, lạc trì, lạc tốc thông hành; Pāli: catasso paṭipadā.

57. No.1536: tuệ xứ, đế xứ, xả xứ, tịch tĩnh xứ; Pāli: cattāri adiṭṭhānāni: paññā, saccā, cagā, upasamā.

58. No.1536: pháp trí, loại trí, tha tâm trí, thế tục trí; Pāli: cattāri ñānāni: dhamme ñāṇaṃ, anvaye ñāṇaṃ, pariye ñāṇaṃ, sammutiyā ñāṇaṃ.

cũng đều như vậy.

"Lại có bốn pháp tức là bốn ách: dục là ách, hữu là ách, kiến là ách, vô minh là ách.

"Lại có bốn pháp tức là bốn vô ách: vô dục ách, vô hữu ách, vô kiến ách, vô minh ách[59].

"Lại có bốn pháp tức là bốn tịnh: giới tịnh, tâm tịnh, kiến tịnh và độ nghi tịnh.

"Lại nữa có bốn pháp tức là bốn sự biết: đáng thọ biết thọ, đáng hành biết hành, đáng lạc biết lạc, đáng xả biết xả.

"Lại có bốn pháp tức là bốn oai nghi: đáng đi biết đi, đáng đứng biết đứng, đáng ngồi biết ngồi, đáng nằm biết nằm.

"Lại có bốn pháp tức là bốn tư duy: tư duy ít, tư duy rộng, tư duy vô lượng, không tư duy gì cả.

"Lại có bốn pháp tức là bốn ký luận[60]: quyết định ký luận, phân biệt ký luận, cật vấn ký luận, chỉ trú ký luận.

"Lại có bốn tức là bốn pháp không cần phòng hộ của Phật:

"1. Như Lai thân hành thanh tịnh, không khiếm khuyết, không rò rỉ; có thể tự phòng hộ.

"2. Khẩu hành thanh tịnh.

"3. Ý hành thanh tịnh.

"4. Mạng hành thanh tịnh cũng đều như vậy.

"Các Tỳ-kheo, đó là bốn pháp đã được Như Lai giảng dạy. Chúng ta hãy cùng kiết tập để ngăn ngừa sự tranh cãi, khiến cho phạm hạnh tồn tại lâu dài làm lợi ích cho số đông cho chư Thiên và nhân loại được an lạc.

---

59. Tứ vô cấu 四無垢; No.1536: tứ ly hệ 四離繫 thoát khỏi gông cùm của dục, hữu, kiến và vô minh; Pāli: cattaro visaññogo (visaṃyogo).

60. Tứ ký luận 四記論; No.1536, tứ ký vấn 四記問, bốn trường hợp trả lời câu hỏi: nhất hướng 一向, trả lời thẳng, phân biệt 分別, phân tích trước khi trả lời, cật vấn 詰問, hỏi ngược trở lại, xả trí 捨置, bỏ qua không trả lời.

"Như Lai nói năm chánh pháp, tức là năm nhập[1]: mắt, sắc; tai, tiếng; mũi, hương; lưỡi, vị; thân, xúc.

"Lại có năm pháp tức là năm thọ ấm[2]: sắc thủ uẩn; thọ, tưởng, hành, thức thủ uẩn.

"Lại có năm pháp, tức là năm cái: tham dục cái, sân nhuế cái, thùy miên cái, trạo cử cái, nghi cái.

"Lại có năm pháp tức là năm hạ phần kết: thân kiến, giới đạo[3], nghi, tham dục và sân nhuế.

"Lại có năm pháp tức là năm thuận thượng phần kết: sắc ái, vô sắc ái, vô minh, mạn, trạo hối.

"Lại có năm pháp tức là năm căn: tín, tấn, niệm, định, tuệ.

"Lại có năm pháp tức là năm lực: tín, tấn, niệm, định, tuệ.

"Lại có năm pháp tức là năm diệt tận chi[4]:

"1. Tỳ-kheo tin Phật, Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác, mười hiệu thành tựu.

"2. Tỳ-kheo không bệnh, thân thường an ổn.

"3. Chất trực, không dua xiểm. Được như thế thì Như Lai chỉ bày con đường đi đến Niết-bàn[5].

"4. Tự chuyên tâm không để thác loạn. Những điều đã tụng đọc từ trước ghi nhớ không quên.

"5. Khéo quán sát sự sinh và diệt của các pháp bằng sự thực hiện của Hiền thánh[6] mà diệt tận gốc rễ của khổ.

"Lại có năm pháp tức là năm sự phát ngôn[7]: phát phi thời, phát hư

---

1. Năm nhập, hay năm xứ.
2. Thọ ấm 受陰; No.1536, thủ uẩn 取蘊; Pāli: upādānakkhanda.
3. Giới đạo 戒道; No.1536: giới cấm thủ 戒禁取; Pāli: sīlabbataparāmāso.
4. Diệt tận chi 滅盡支; No.1536: thắng chi 勝支; Pāli: padhāniyaṅgāni; *Trường II* tr.604: cần chi; bản Hán hiểu là pahāniyaṅgāni.
5. No.1536: "Tự hiển thị một cách như thật đối với Đại sư và đồng phạm hạnh có trí"; Pāli: yathābhūtam attānam avikattā satthari vā viññūsu vā brahmacārīsu.
6. Hiền thánh hành 賢聖行; Pāli: ariya nibbedhikāya: bằng sự quyết trạch (sự sắc bén) của Thánh.
7. Ngũ phát 五發; No.1536: ngũ ngữ lộ 五語路; Pāli: pañca codānā, năm trường hợp chỉ trích (kết tội).

dối, phát phi nghĩa, phát hư ngôn[8], phát không từ tâm.

"Lại có năm pháp tức là năm thiện phát: phát đúng thời, phát sự thật, phát có nghĩa, phát lời nói hòa, phát khởi Từ tâm.

"Lại có năm pháp tức là năm sự tật đố: tật đố về trú xứ, tật đố về thí chủ, tật đố về lợi dưỡng, tật đố về sắc, tật đố về pháp.

"Lại có năm pháp tức là năm thú hướng giải thoát: tưởng về thân bất tịnh, tưởng về thức ăn bất tịnh, tưởng hết thảy các hành vô thường, tưởng hết thảy thế gian không đáng vui, tưởng về sự chết.[9]

"Lại có năm pháp tức là năm xuất ly giới:

"1. Tỳ-kheo đối với dục không hoan hỷ, bất động, cũng không thân cận, mà chỉ niệm sự thoát ly, hoan hỷ nơi sự viễn ly, thân cận không giải đãi, tâm mềm mại, xuất ly, ly dục. Vị ấy đối với các lậu triền do nhân dục mà khởi, cũng dứt sạch, xả ly diệt trừ mà được giải thoát. Đó gọi là dục thoát ly.

"2. Sân nhuế xuất ly.

"3. Tật đố xuất ly.

"4. Sắc xuất ly.

"5. Thân kiến xuất ly cũng vậy.

"Lại có năm pháp tức năm hỷ giải thoát nhập[10]. Nếu Tỳ-kheo tinh cần không biếng nhác, ưa ở nơi nhàn tĩnh, chuyên niệm nhất tâm, chưa giải thoát thì được giải thoát, chưa an thì được an. Những gì là năm?

"1. Ở đây Tỳ-kheo nghe Như Lai thuyết pháp, hoặc nghe đồng phạm hạnh thuyết pháp, hoặc nghe sư trưởng thuyết pháp, tư duy, quán sát, phân biệt pháp nghĩa, tâm đắc hoan hỷ. Sau khi được hoan hỷ thì được pháp ái, sau khi được pháp ái thân tâm an ổn, sau khi thân tâm an ổn thì chứng đắc thiền định. Đắc thiền định rồi, đắc như thật kiến. Đó là giải thoát xứ thứ nhất.

"2. Ở đây, Tỳ-kheo sau khi nghe pháp hoan hỷ.

"3. Thọ trì đọc tụng cũng lại hoan hỷ.

"4. Thuyết cho người khác cũng lại hoan hỷ.

"5. Tư duy phân biệt cũng lại hoan hỷ, ở nơi pháp mà đắc định

---

8. No.1536, phát thô khoáng ngữ 發粗礦語, nói lời thô lỗ.

9. Pāli: pañca vimuttiparipācaniyā saññā, năm suy tưởng đưa đến sự thành thục của giải thoát (giải thoát thành thục tưởng).

10. Hỷ giải thoát nhập 喜解脫入; No.1536: ngũ giải thoát xứ 五解脫處.

cũng như vậy.

"Lại có năm pháp tức là năm hạng người[11]: Trung Bát-niết-bàn, Sanh Bát-niết-bàn, Vô hành Bát-niết-bàn, Hữu hành Bát-niết-bàn, Thượng lưu sắc cứu cánh.

"Các Tỳ-kheo, đó là năm chánh pháp đã được Như Lai giảng dạy. Chúng ta hãy cùng kiết tập để ngăn ngừa sự tranh cãi, khiến cho phạm hạnh tồn tại lâu dài làm lợi ích cho số đông cho chư Thiên và nhân loại được an lạc.

"Lại nữa, các Tỳ-kheo, Như Lai nói sáu chánh pháp tức là sáu nội nhập[12]: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý.

"Lại có sáu pháp tức là sáu ngoại nhập: sắc, tiếng, hương, vị, xúc, pháp.

"Lại có sáu pháp tức là sáu thức thân: nhãn thức thân, nhĩ thức thân, tỷ thức thân, thiệt thức thân, thân thức thân, ý thức thân.

"Lại nữa có sáu pháp tức là sáu xúc thân: nhãn xúc thân, nhĩ xúc thân, tỷ xúc thân, thiệt xúc thân, thân xúc thân, ý xúc thân.

"Lại có sáu pháp tức là sáu thọ thân: nhãn thọ thân, nhĩ thọ thân, tỷ thọ thân, thiệt thọ thân, thân thọ thân, ý thọ thân.

"Lại có sáu pháp tức là sáu tưởng thân: sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp tưởng thân.

"Lại có sáu pháp tức sáu tư thân: sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp tư thân.

"Lại có sáu pháp tức là sáu ái thân: sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp ái thân.

"Lại có sáu pháp tức là gốc rễ tranh cãi[13]:

"1. Nếu Tỳ-kheo ưa sân không bỏ, không kính Như Lai, cũng không kính Pháp, cũng không kính chúng Tăng, ở nơi giới có lọt có rỉ, nhiễm ô bất tịnh, ở trong chúng ưa gây tranh cãi mà ai cũng ghét, tranh chấp nhiễu loạn, trời và người bất an. Các Tỳ-kheo, các ngươi hãy tự mình quán sát bên trong, giả sử có sự sân hận như kẻ nhiễu

---

11. Hán: ngũ nhân 五 人; Pāli: pañca anāgāmino, ngũ Bất hoàn 五 不 還, năm trường hợp nhập Niết-bàn của Thánh giả Bất hoàn, hay A-na-hàm.

12. Nội nhập 內 入; No.1536 nội xứ 內 處; Pāli: ajjhattāyatana, hay ajjhattikāni āyatāni.

13. Tránh bổn 諍 本; No.1536: tránh căn 諍 根; Pāli: vivādamūlāni.

loạn kia, hãy tập hợp hòa hợp chúng, rộng đặt phương tiện, nhổ sạch gốc rễ tranh cãi ấy. Các ngươi lại hãy chuyên niệm, tự quán sát. Nếu kết hận đã diệt lại hãy thêm phương tiện ngăn cản tâm ấy không để sinh khởi trở lại.

"2. Các Tỳ-kheo ngoan cố không chịu nghe.

"3. Xan tham tật đố.

"4. Xảo ngụy hư vọng.

"5. Cố chấp kiến giải của mình không chịu bỏ.

"6. Nghe lầm nơi tà kiến cùng với biên kiến cũng như vậy.

"Lại có sáu pháp tức là sáu giới: địa giới, hỏa giới, thủy giới, phong giới, không giới, thức giới.

"Lại có sáu pháp tức là sáu sát hành[14]: con mắt sát hành sắc, tai đối với tiếng, mũi đối với hương, lưỡi đối với vị, thân đối với xúc, ý đối với pháp.

"Lại có sáu pháp tức là sáu xuất ly giới:

"1. Nếu Tỳ-kheo nói như vầy: 'Tôi tu Từ tâm nhưng lại tâm sanh sân nhuế.' Các Tỳ-kheo khác bảo: 'Ngươi chớ nói như vậy. Chớ báng bổ Như Lai. Như Lai không nói như vậy: muốn khiến tu từ giải thoát mà sanh sân nhuế tưởng, không có trường hợp ấy. Phật nói: trừ sân nhuế rồi sau mới đắc từ.'

"2. Nếu Tỳ-kheo nói: 'Tôi thực hành bi giải thoát nhưng tâm sanh tật đố'.

"3. 'Thực hành hỷ giải thoát nhưng sanh tâm ưu não'.

"4. 'Thực hành xả giải thoát nhưng sanh tâm yêu ghét'.

"5. 'Thực hành vô ngã nhưng sanh tâm hồ nghi'.

"6. 'Thực hành vô tưởng nhưng sanh tâm loạn tưởng;' cũng giống như vậy.

"Lại có sáu pháp tức là sáu vô thượng: kiến vô thượng, văn vô thượng, lợi dưỡng vô thượng, giới vô thượng, cung kính vô thượng, ức niệm vô thượng.

"Lại có sáu pháp tức là sáu tư niệm: niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm giới, niệm thí, niệm thiên.

"Các Tỳ-kheo, đó là sáu pháp đã được Như Lai giảng dạy. Chúng

---

14. Sát hành 察行; TNM: pháp sát 法察; bản Pāli không coù.

ta hãy cùng kiết tập để ngăn ngừa sự tranh cãi, khiến cho phạm hạnh tồn tại lâu dài làm lợi ích cho số đông, cho chư Thiên và nhân loại được an lạc.

"Các Tỳ-kheo, Như Lai nói bảy chánh pháp, tức là bảy phi pháp: không có tín, không có tàm, không có quý, ít học hỏi, biếng nhác, hay quên, vô trí.

"Lại có bảy pháp tức là bảy chánh pháp: có tín, có tàm, có quý, đa văn, tinh tấn, tổng trì, đa trí.

"Lại có bảy pháp tức là bảy thức trụ:

"1. Hoặc có chúng sanh với thân sai biệt, với tưởng sai biệt, tức là chư Thiên và loài người đó là trú xứ thứ nhất của thức.

"2. Hoặc có chúng sanh với nhiều thân khác nhau nhưng chỉ một tưởng, đó là trời Phạm quang âm, lúc đầu tiên mới thọ sinh. Đó là trú xứ thứ hai của thức.

"3. Hoặc có chúng sanh với một thân nhưng nhiều tưởng sai biệt tức là trời Quang âm. Đó là trú xứ thứ ba của thức.

"4. Hoặc có chúng sanh với một thân và một tưởng đó là trời Biến tịnh. Đó là trú xứ thứ tư của thức.

"5. Hoặc có chúng sanh trú ở không xứ.

"6. Trú ở thức xứ.

"7. Trú ở vô hữu xứ.

"Lại có bảy pháp tức là bảy tinh cần:

"1. Tỳ-kheo tinh cần nơi sự thực hành giới.

"2. Tinh cần diệt tham dục.

"3. Tinh cần phá tà kiến.

"4. Tinh cần nơi đa văn.

"5. Tinh cần nơi tinh tấn.

"6. Tinh cần nơi chánh niệm.

"7. Tinh cần nơi thiền định.

"Lại có bảy pháp tức là bảy tưởng: tưởng về thân bất tịnh, tưởng về thức ăn bất tịnh, tưởng về hết thảy thế gian không đáng ưa thích, tưởng về sự chết, tưởng về vô thường, tưởng về vô thường là khổ, tưởng về khổ là vô ngã.

"Lại có bảy pháp tức là bảy tam-muội thành tựu: chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương

tiện, chánh niệm.

"Lại có bảy pháp tức là bảy giác chi: niệm giác chi, trạch pháp giác chi, tinh tấn giác chi, hỷ giác chi, khinh an giác chi, định giác chi, tuệ xả giác chi.

"Các Tỳ-kheo, đó là bảy pháp đã được Như Lai giảng dạy. Chúng ta hãy cùng kiết tập để ngăn ngừa sự tranh cãi, khiến cho phạm hạnh tồn tại lâu dài làm lợi ích cho số đông, cho chư Thiên và nhân loại được an lạc.

"Các Tỳ-kheo, Như Lai nói tám chánh pháp tức là tám pháp ở đời: đắc, thất, vinh, nhục, khen, chê, lạc và khổ[15].

"Lại có tám pháp tức là tám giải thoát:

"1. Sắc quán sắc giải thoát.

"2. Nội không sắc tưởng quán ngoại sắc giải thoát.

"3. Tịnh giải thoát.

"4. Vượt quá sắc tưởng, diệt sân nhuế tưởng[16], an trú Hư không xứ giải thoát.

"5. Vượt Hư không xứ an trú Hư không xứ giải thoát.

"6. Vượt Thức xứ an trú Vô hữu xứ giải thoát.

"7. Vượt Vô sở hữu xứ an trú Phi phi tưởng xứ giải thoát.

"8. Vượt Phi tưởng phi phi tưởng xứ, an trú Diệt tận định giải thoát.

"Lại có tám pháp tức là Tám thánh đạo: chánh kiến, chánh chí, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định.

"Lại có tám pháp tức tám nhân cách: Tu-đà-hoàn hướng, Tu-đà-hoàn quả; Tư-đà-hàm hướng, Tư-đà-hàm quả; A-na-hàm hướng, A-na-hàm quả; A-la-hán hướng, A-la-hán quả.

"Các Tỳ-kheo, đó là tám pháp đã được Như Lai giảng dạy. Chúng ta hãy cùng kiết tập để ngăn ngừa sự tranh cãi, khiến cho phạm hạnh tồn tại lâu dài, làm lợi ích cho số đông cho chư Thiên và nhân loại được

---

15. Bát thế pháp: lợi suy hủy dự xưng ky khổ lạc 八世法利衰毀譽稱譏苦樂; Pāli: aṭṭha loka-dhammā: lābha, alābha, ayasa, yasa, pasaṃsa, nindā, dukkha, sukha.

16. Diệt sân nhuế tưởng 滅瞋恚想; No.1536: diệt hữu đối tưởng 滅有對想, "loại trừ ấn tượng về tính đối ngại"; Pāli: paṭigha (Skt.: pratigha), vừa có nghĩa sân, vừa có nghĩa đối ngại chỉ tính chất ngăn ngại nhau giữa các vật chất.

an lạc.

"Các Tỳ-kheo, Như Lai nói chín chánh pháp, tức là chín chúng sanh cư:

"1. Hoặc có chúng sanh có nhiều thân khác nhau, với nhiều tưởng khác nhau, tức là chư Thiên và loài người. Đó là nơi cư trú thứ nhất của chúng sanh.

"2. Lại có chúng sanh có nhiều thân khác nhau, nhưng với một tưởng giống nhau, tức là trời Phạm quang âm lúc mới sanh. Đó là cư trú thứ hai của chúng sanh.

"3. Lại có chúng sanh với một thân giống nhau, nhưng với nhiều tưởng khác nhau, tức là trời Quang âm. Đó là cư trú thứ ba của chúng sanh.

"4. Lại có chúng sanh với một thân một tưởng giống nhau, tức là trời Biến tịnh. Đó là cư trú thứ tư của chúng sanh.

"5. Lại có chúng sanh không có tưởng và không có giác tri, tức là trời Vô tưởng. Đó là cư trú thứ năm của chúng sanh.

"6. Lại có chúng sanh an trú hư không xứ. Đó là cư trú thứ sáu của chúng sanh.

"7. Lại có chúng sanh an trú thức xứ. Đó là cư trú thứ bảy của chúng sanh.

"8. Lại có chúng sanh an trú vô sở hữu xứ. Đó là cư trú thứ tám của chúng sanh.

"9. Lại có chúng sanh an trú phi tưởng phi phi tưởng xứ. Đó là cư trú thứ chín của chúng sanh.

"Các Tỳ-kheo, đó là chín pháp đã được Như Lai giảng dạy. Chúng ta hãy cùng kiết tập để ngăn ngừa sự tranh cãi, khiến cho phạm hạnh tồn tại lâu dài, làm lợi ích cho số đông, cho chư Thiên và nhân loại được an lạc.

"Các Tỳ-kheo, Như Lai nói mười chánh pháp, tức là mười pháp vô học: vô học chánh kiến, vô học chánh tư duy, vô học chánh ngữ, vô học chánh nghiệp, vô học chánh mạng, vô học chánh niệm, vô học chánh phương tiện, vô học chánh định, vô học chánh trí, vô học chánh giải thoát.

"Các Tỳ-kheo, đó là mười pháp đã được Như Lai giảng dạy. Chúng ta hãy cùng kiết tập để ngăn ngừa sự tranh cãi, khiến cho phạm hạnh tồn tại lâu dài, làm lợi ích cho số đông, cho chư Thiên và nhân

loại được an lạc.”

Bấy giờ, Thế Tôn ấn khả những điều Xá-lợi-phất đã nói. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những điều Xá-lợi-phất đã nói, hoan hỷ phụng hành.

❑

10. KINH THẬP THƯỢNG[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật du hành nước Ương-già, cùng chúng Đại Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi người[2], đến thành Chiêm-bà[3], nghĩ đêm bên bờ hồ Già-già[4]. Vào ngày mười lăm trăng tròn, Thế Tôn ngồi ở khoảng đất trống, với đại chúng vây quanh, thuyết pháp cho đến hết đêm. Rồi ngài bảo Xá-lợi-phất:

"Nay các Tỳ-kheo bốn phương tập hợp về đây, thảy đều tinh cần, dẹp bỏ sự ngủ nghỉ, muốn nghe thuyết pháp. Nhưng Ta đau lưng, muốn nghỉ ngơi một chút. Thầy nay hãy thuyết pháp cho các Tỳ-kheo."

Sau khi Xá-lợi-phất vâng lời Phật dạy, Thế Tôn bèn gấp tư y Tăng-già-lê, nằm nghiêng về hông phải như sư tử chồng hai chân lên nhau mà nằm.

Bấy giờ, Trưởng lão Xá-lợi-phất[5] nói với các Tỳ-kheo:

"Nay tôi nói pháp, khoảng đầu, khoảng giữa, khoảng cuối thảy đều chân chánh, có đầy đủ nghĩa và vị, phạm hạnh thanh tịnh. Các thầy hãy lắng nghe, hãy suy ngẫm kỹ. Tôi sẽ giảng thuyết."

Các Tỳ-kheo vâng lời lắng nghe. Xá-lợi-phất nói:

"Có pháp thập thượng[6], trừ các kết phược[7], dẫn đến Niết-bàn[8], dứt

---

1. Bản Hán, *Phật Thuyết Trường A-hàm kinh*, quyển 9, "Đệ nhị phần Thập Thượng kinh Đệ lục", Đại I, tr.52c-57b. Tham chiếu, Trường A-hàm Thập Báo Pháp kinh, Hậu Hán An Thế Cao dịch (Đại I, tr.233); số 9, "kinh Chúng Tập" ở trên. Tương đương Pāli: D.3, Deva Dig iii. 11, Dasuttara-suttanta, Trường II, tr.653, "kinh Thập Thượng".

2. Bản Pāli: cùng vơùi năm trăm Tỳ-kheo.

3. Chiêm-bà 瞻婆; (Pāli: Campā), thủ phủ của nước Ương-già (Pāli: Aṅga).

4. Già-già trì 伽伽池; Pāli: Gaggarā-pokkharai, hồ sen Gaggarā.

5. Hán: kỳ niên Xá-lợi-phất 耆年舍利弗; Pāli: āyasmā Sariputto.

sạch biên tế của khổ, lại có thể đầy đủ năm trăm năm mươi pháp. Nay tôi sẽ phân biệt. Các thầy hãy lắng nghe.

"Này các Tỳ-kheo, có một thành pháp, một tu pháp, một giác pháp, một diệt pháp, một thối pháp, một tăng pháp, một nan giải pháp, một sanh pháp, một tri pháp, một chứng pháp[9].

"Thế nào là một thành pháp? Đó là: đối với các pháp thiện mà không buông lung.

"Thế nào là một tu pháp? Đó là: thường tự niệm thân.

"Thế nào là một giác pháp? Đó là: xúc hữu lậu[10].

"Thế nào là một diệt pháp? Đó là: ngã mạn.

"Thế nào là một thối pháp? Đó là: bất ác lộ quán[11].

"Thế nào là một tăng pháp? Đó là: ác lộ quán.

"Thế nào là một nan giải pháp? Đó là: vô gián định[12].

"Thế nào là một sanh pháp? Đó là: hữu lậu giải thoát[13].

"Thế nào là một tri pháp? Đó là: hết thảy chúng sanh đều do thức ăn mà tồn tại.

"Thế nào là một chứng pháp? Đó là: vô ngại tâm giải thoát[14].

---

6. Thập thượng pháp 十上法, tức pháp thập tiến; Pāli: dasuttara-dhamma.

7. Hán: trừ chúng kết phược 除眾結縛. Pāli: sabbaganthappamocanaṃ, cởi mở tất cả mọi sự trói buộc.

8. Trong bản: nê-hoàn 泥洹.

9. Đối chiếu Pāli (D.34, sđd.: tr.211, Trường II, tr.653): thành pháp 成法, dhammo bahukāro, pháp đem lại nhiều lợi ích; tu pháp 修法, bhāvitabbo, cần phải tu tập; giác pháp 覺法, pariññeyyo, cần được nhận thức toàn diện; diệt pháp 滅法, pahātabbo, cần phải loại trừ; thối pháp 退法, hānabhāgiyo, dẫn đến thoái hóa; tăng pháp 增法, visesabhāgiyo, dẫn đến sự thăng tiến; nan giải pháp 難解法, duppativijjho, khó hiểu; sanh pháp 生法, uppādetabbo, cần phải làm cho phát sanh; tri pháp 知法, abhiññeyyo, cần được chứng tri; chứng pháp 證法, sacchikātabbo, cần được chứng nghiệm.

10. Hữu lậu xúc 有漏觸; Pāli: phasso sāsavo upādāniyo, xúc có tính chất hữu lậu dẫn đến chấp thủ.

11. Bất ác lộ quán 不惡露觀 *(?Không hiểu nghĩa);* Pāli: ayoniso manasikāro, không như lý tác ý. Có lẽ bản Hán hiểu yoniso phái xuất từ yoni (Skt.: id): tử cung, hay âm hộ, thay vì nghĩa triệt để hay căn bản.

12. Vô gián định 無間定; Pāli: ānantariko cetosāmadhi, vô gián tâm định.

13. Hữu lậu giải thoát 有漏解脫; Pāli: akuppam ñānam: bất động trí.

14. Vô ngại tâm giải thoát 無礙心解脫; Pāli: akuppā cetovimutti, bất động tâm giải thoát.

"Lại nữa, có hai thành pháp, hai tu pháp, hai giác pháp, hai diệt pháp, hai thối pháp, hai tăng pháp, hai nan giải pháp, hai sanh pháp, hai tri pháp, hai chứng pháp.

"Thế nào là hai thành pháp? Biết tàm và biết quý.

"Thế nào là hai tu pháp? Chỉ và quán.

"Thế nào là hai giác pháp? Danh và sắc.

"Thế nào là hai diệt pháp? Vô minh và ái.

"Thế nào là hai thối pháp? Hủy giới và phá kiến[15].

"Thế nào là hai tăng pháp? Có giới và có kiến.

"Thế nào là hai nan giải pháp? Có nhân, có duyên, khiến chúng sanh sanh cáu bẩn. Có nhân, có duyên khiến chúng sanh đắc tịnh.

"Thế nào là hai sanh pháp? Tận trí và vô sanh trí.

"Thế nào là hai tri pháp? Thị xứ và phi xứ [16].

"Thế nào là hai chứng pháp? Minh và giải thoát.

"Lại nữa, có ba thành pháp, ba tu pháp, ba giác pháp, ba diệt pháp, ba thối pháp, ba tăng pháp, ba nan giải pháp, ba sanh pháp, ba tri pháp, ba chứng pháp.

"Thế nào là ba thành pháp? Thân cận thiện hữu; Tai nghe pháp âm; Thành tựu pháp và tùy pháp[17].

"Thế nào là ba tu pháp? Đó là ba tam-muội: Không tam-muội, Vô tướng tam-muội, Vô tác tam-muội[18].

"Thế nào là ba giác pháp? Đó là ba thọ: khổ thọ, lạc thọ, phi khổ phi lạc thọ.

"Thế nào là ba diệt pháp? Đó là ba ái: dục ái, hữu ái, vô hữu ái.

---

15. Pāli: dovocassatā ca pāpa-mittatā, ác ngôn và ác hữu.

16. Thò xuù phi xuù 是處非處, một trong mười trí lực của Phật (ṭhānāṭhānaṃ-yathābhūta-ñāṇnaṃ: nhận thức như thực về những gì là hiện thực và không hiện thực). Trong bản Pāli, D. 34, sđd.: katame dve dhammā abhiññeyyā? … saṅkhatā dhātu ca asaṅkhatā dhātu ca, hai pháp cần được nhận thức toàn diện là gì? … Hữu vi giới và vô vi giới.

17. Pháp pháp thành tựu 法法成就; Pāli: dhammānudhammappatipatti, thực hành, hay hướng đến, pháp và những tùy thuộc pháp.

18. Không, vô tươùng, vô taùc 空無相無作, caùc bản TNM: hữu giaùc hữu quaùn tam- muội 有覺有觀三昧, vô giaùc hữu quaùn tam-muội 無覺有觀三昧, vô giác vô quán tam-muội 無覺無觀三昧; Pāli: savitakko savicāro samādhi, avitakko savicāro samādhi, avitakko avicāro samādhi.

"Thế nào là ba thối pháp? Đó là ba bất thiện căn: tham bất thiện căn, nhuế bất thiện căn, si bất thiện căn.

"Thế nào là ba tăng pháp? Đó là ba thiện căn: vô tham thiện căn, vô nhuế thiện căn, vô si thiện căn.

"Thế nào là ba nan giải pháp? Đó là ba điều khó hiểu: khó hiểu về các bậc Hiền thánh, khó hiểu về nghe Pháp, khó hiểu về Như Lai[19].

"Thế nào là ba sanh pháp? Đó là ba tướng: tức chỉ tướng, tinh tấn tướng, xả ly tướng[20].

"Thế nào là ba tri pháp? Đó là ba xuất yếu giới:

"1. Thoát ly dục lên sắc giới.

"2. Thoát ly sắc giới lên vô sắc giới.

"3. Xả ly hết thảy các pháp hữu vi, đó được gọi là diệt tận[21].

"Thế nào là ba chứng pháp? Đó là ba minh: túc mạng trí, thiên nhãn trí và lậu tận trí.

"Các Tỳ-kheo, đó là ba mươi pháp như thật, không hư dối, Như Lai đã biết, rồi thuyết pháp một cách xác thực.

Lại nữa, có bốn thành pháp, bốn tu pháp, bốn giác pháp, bốn diệt pháp, bốn thối pháp, bốn tăng pháp, bốn nan giải pháp, bốn sanh pháp,

---

19. Hieàn thaùnh nan giải 賢聖難解, vaên phaùp nan giải 聞法難解, Như Lai nan giải 如來難解; các bản TNM: tam-ma-đề tướng nan giải 三摩提相難解, khó hiểu về dấu hiệu của sự nhập định, tam-ma-đề trú tướng nan giải 三摩提住相難解, khó hiểu về dấu hiệu an trú trong định, tam-ma-đề khởi tướng nan giải 三摩提起相難解, khó hiểu về dấu hiệu xuất định; Pāli: katame tayo dhammā duppaṭivijjhā? Tisso nissaraṇiyā dhātuyo: kāmānam etaṃ nissaraṇaṃ yadidaṃ nekkhammaṃ, rūpānam etaṃ nissaraṇaṃ yadiadaṃ arūpaṃ, yaṃ kho pana kiñca bhūtaṃ saṅkhataṃ paṭiccasamuppannaṃ nirodho tassa nissaraṇaṃ: ba pháp khó thể nhập là gì? Đó là ba xuất ly giới: viễn ly tức thoát ly dục vọng; vô sắc tức thoát ly khỏi sắc; diệt tức thoát ly những gì là tồn tại, hữu vi, duyên khởi.

20. Tam tướng 三相: chỉ tức tướng 止息相, tinh tấn tướng 精進相, xả ly tướng 捨離相; các bản TNM: không, vô tướng, vô tác 空無相無作; Pāli: tīṇi ñāṇāni: atītaṃse ñāṇaṃ, anāgataṃse ñāṇaṃ, paccuppannaṃse ñāṇaṃ: ba nhận thức: nhận thức về quá khứ, về vị lai, về hiện tại.

21. D. 34, sđd.: tr. 212 đặt ba xuất ly giới này vào loại pháp khó hiểu khó thể nhập; xem cht.19 trên; Pāli: katame tayo dhammā abhiññeyyā? Tisso dhātuyo: kāmadhātu, rūpadhātu, arūpadhātu, ba pháp cần nhận thức toàn diện là gì? Đó là ba giới: Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới.

bốn tri pháp, bốn chứng pháp.

"Thế nào là bốn thành pháp? Đó là luân pháp[22]:

"1. Sống ở giữa nước[23];

"2. Gần thiện hữu;

"3. Tự cẩn thận[24];

"4. Có gốc rễ thiện đã được trồng từ đời trước.

"Thế nào là bốn tu pháp? Đó là bốn niệm xứ:

"1. Tỳ-kheo quán thân trên nội thân, tinh cần không biếng nhác, ức niệm không quên, trừ tham ưu ở đời[25]; Quán thân trên ngoại thân, tinh cần không biếng nhác, ức niệm không quên, trừ tham ưu ở đời. Quán thân trên nội ngoại thân, tinh cần không biếng nhác, ức niệm không quên, trừ tham ưu ở đời.

"2. Quán thọ.

"3. Quán ý.

"4. Quán pháp cũng như vậy.

"Thế nào là bốn giác pháp? Đó là bốn thức ăn: thức ăn bằng vo nắm, thức ăn bằng cảm xúc, thức ăn bằng tư niệm, thức ăn do thức.

"Thế nào là bốn diệt pháp? Đó là bốn thủ[26]: dục thủ, ngã ngữ thủ, giới cấm thủ và kiến thủ.

"Thế nào là bốn thối pháp? Đó là bốn ách[27]: dục là ách, hữu là ách, kiến là ách, vô minh là ách.

"Thế nào là bốn tăng pháp? Đó là bốn vô ách: không có ách là dục, không có ách là hữu, không có ách là kiến, không có ách là vô minh.

"Thế nào là bốn nan giải pháp? Đó là bốn thánh đế: khổ đế, tập

---

22. Tứ luân 四 輪; Pāli: cattāri cakkāni, bốn bánh xe.

23. Pāli: paṭirūpadesavāso: sống ở địa phương thích hợp.

24. Tự cẩn thận 自 謹 慎; các bản TNM: túc tằng phát tinh nguyện 宿 曾 發 精 願, ước nguyện đã phát từ đời trước; Pāli: attasammāpaṇidhi, tự chánh nguyện.

25. Pāli: kāye kāyānupassī viharati ātāpī sampajāno satimā, vineyya loke abhijjhādo manassaṃ, sống quán thân trên thân, nhiệt tâm, chánh trí, chánh niệm, để chế ngự ham muốn và ưu phiền ở đời.

26. Tứ thọ, đây chỉ bốn chấp thủ; trong bản Pāli: cattāro oghā, bốn bộc lưu hay dòng thác.

27. Tứ ách 四 扼; Pāli: cattāro yogā.

đế, diệt đế, đạo đế[28].

"Thế nào là bốn sanh pháp: đó là bốn trí: pháp trí, vị tri trí, đẳng trí, tha tâm trí[29].

"Thế nào là bốn tri pháp? Đó là bốn biện tài: pháp biện, nghĩa biện, từ biện, vô ngại biện[30].

"Thế nào là bốn chứng pháp? Đó là bốn Sa-môn quả: Tu-đà-hoàn quả, Tư-đà-hàm quả, A-na-hàm quả, A-la-hán quả.

"Các Tỳ-kheo, đó là bốn mươi pháp, như thật, không hư dối, Như Lai đã biết, rồi thuyết pháp một cách xác thực.

"Lại nữa, có năm thành pháp, năm tu pháp, năm giác pháp, năm diệt pháp, năm thối pháp, năm tăng pháp, năm nan giải pháp, năm sanh pháp, năm tri pháp, năm chứng pháp.

"Thế nào là năm thành pháp? Đó là năm diệt tận chi[31]:

"1. Tin Phật Như Lai, Chí Chân, mười hiệu thành tựu.

"2. Không bệnh, thân thường an ổn.

"3. Chất trực, không dua xiểm, hướng thẳng đến con đường dẫn đến Niết-bàn của Như Lai [32].

"4. Chuyên tâm không tán loạn, đọc tụng cũng không quên lãng.

"5. Khéo léo quán sát sự sinh diệt của pháp, bằng thực hành của Hiền thánh mà diệt tận gốc rễ khổ.

---

28. Bốn thánh đế, trong bản Pāli thuộc bốn pháp cần nhận thức toàn diện. Bốn nan giải, trong bản Pāli: cattāro samādhi: hānabhāgiyo samādi, ṭhitibhāgiyo samādhi, visesabhāgiyo samādhi nibbedhabhāgiyo samādhi: bốn định: thuận thối phần hay xả phần định, thuận trú phần hay chỉ phần định, thuận thắng tiến phần hay thắng phần định, thuận quyết trạch phần định.

29. Tứ trí 四智: pháp trí 法智, vị tri trí 未知智, đẳng trí 等智, tha tâm trí 他心智; Pāli: cattāri ñāṇāni: dhamme ñāṇaṃ, anvaye ñāṇaṃ, pariye ñāṇaṃ, sammutiyā ñāṇaṃ, pháp trí, loại trí, tha tâm trí, thế tục trí.

30. Các bản TNM: tri tiểu, tri đại, tri vô lượng, tri vô biên pháp 知小知大知無量知無邊法. Bản Pāli: katame cattāro dhammā abhiññeyyā? Cattāri ariyasaccāni, bốn pháp cần nhận thức toàn diện là gì? Đó là Bốn thánh đế.

31. Diệt tận chi 滅盡支; Pāli: padhāniyaṅga (padhānaṅga), tinh cần chi. Xem cht. 64, kinh số 9 "Chúng Tập".

32. Văn đoạn này so với mục năm pháp trong kinh Chúng Tập có hơi khác. Có những chữ thừa trong kinh Chúng Tập.

"Thế nào là năm tu pháp? Đó là năm căn[33]: tín căn, tinh tấn căn, niệm căn, định căn và tuệ căn.

"Thế nào là năm giác pháp? Đó là năm thọ ấm[34]: sắc thọ ấm, thọ, tưởng, hành, thức thọ ấm.

"Thế nào là năm diệt pháp? Đó là năm cái: tham dục cái, sân nhuế cái, thụy miên cái, trạo hối cái và nghi cái.

"Thế nào là năm thối pháp? Đó là năm tâm ngại kết[35]:

"1. Tỳ-kheo nghi Phật. Nghi Phật rồi thì không thân cận. Không thân cận rồi thì không cung kính. Đó là tâm ngại kết thứ nhất.

"2→4. Lại nữa, Tỳ-kheo, đối với Pháp, đối với Chúng, đối với Giới, có lọt, có rỉ, có hành vi không chân chánh, có hành vi ô nhiễm, không thân cận giới, cũng không cung kính. Đó là bốn tâm ngại kết.

"5. Lại nữa, Tỳ-kheo đối với người đồng phạm hạnh sanh tâm ác hại, tâm không hỷ lạc, mắng chửi bằng những lời thô lỗ. Đó là tâm ngại kết thứ năm.

"Thế nào là năm tăng pháp? Đó là năm gốc rễ của hỷ: vui vẻ, niệm, khinh an, lạc, định[36].

"Thế nào là năm nan giải pháp? Đó là năm giải thoát xứ[37], nếu Tỳ-kheo tinh cần không biếng nhác, ưa chỗ nhàn tĩnh, chuyên niệm nhất tâm, chưa giải thì được giải, chưa diệt tận thì được diệt tận, chưa an thì được an. Những gì là năm? Nếu Tỳ-kheo nghe Phật thuyết pháp hoặc nghe đồng phạm hạnh thuyết, hoặc nghe sư trưởng thuyết, tư duy, quán sát, phân biệt pháp nghĩa, tâm được hoan hỷ. Tâm được hoan hỷ rồi thì được pháp ái, được pháp ái rồi thì thân tâm an ổn. Thân tâm an ổn rồi thì đắc thiền định. Đắc thiền định rồi thì đắc như thật trí. Đó là

---

33. Pāli: katame pañca dhammā bhāvetabbā? Pañcaṅgiyo sammā samādhi, chánh định có năm thành phần.

34. Thọ ấm 受陰, thường gọi là thủ uẩn 取蘊; Pāli: upādānakkhanda.

35. Tâm ngại kết: tâm xơ cứng; Pāli: cetokhīla; khīla vừa có nghĩa cứng, vừa có nghĩa hoang vu. Trường II, tr.662: tâm hoang vu.

36. Ngũ hỷ bổn 五喜本: duyệt 悅, niệm 念, ỷ 猗, lạc 樂, định 定; Pāli: pañcindriyāni: saddhindriyaṃ, viriyindriyaṃ, satindriyaṃ, samādhindriyaṃ, paññindriyaṃ, năm căn: tín căn, tấn căn, niệm căn, định căn, tuệ căn.

37. Giải thoát nhập 解脫入; kinh số 9, "Chúng Tập", hỷ giải thoát nhập 喜解脫入; Trong bản Pāli: năm giải thoaùt xuù (paóca vimuttāyatāni) thuộc phaùp caàn nhận thuùc toàn diện (abhióóeyya); thuộc năm nan giải pháp là xuất ly giới (duppaṭivijjha) tức năm tri pháp trong bản Hán.

giải thoát xứ thứ nhất. Ở đây, Tỳ-kheo nghe pháp hoan hỷ, thọ trì đọc tụng cũng hoan hỷ, thuyết giảng cho người khác cũng hoan hỷ, tư duy phân biệt cũng lại hoan hỷ, đối với pháp mà đắc định cũng giống như vậy.

"Thế nào là năm sanh pháp?

"Đó là năm trí định của Hiền thánh:

"1. Tu tam-muội là, nay an lạc về sau cũng an lạc, sanh nội ngoại trí[38].

"2. Là Hiền thánh vô ái[39], sanh nội ngoại trí.

"3. Là định mà chư Phật và các Hiền thánh tu hành, sanh nội ngoại trí.

"4. Là êm dịu, tịch diệt tướng, độc nhất không gì sánh ngang, sanh nội ngoại trí[40].

"5. Đối với tam-muội nhất tâm nhập, nhất tâm khởi, sanh nội ngoại trí.

"Thế nào là năm tri pháp? Đó là năm xuất yếu giới:

"1. Tỳ-kheo đối với dục không lạc, không niệm tưởng, cũng không thân cận, mà chỉ niệm tưởng sự xuất yếu, hoan lạc nơi sự viễn ly, thân cận không biếng nhác, tâm vị ấy nhu nhuyến, xuất yếu, ly dục. Lậu khởi do bởi dục cũng bị diệt tận mà đắc giải thoát. Đó là dục xuất yếu.

"2. Sân nhuế xuất yếu.

"3. Tật đố xuất yếu.

"4. Sắc xuất yếu.

"5. Thân kiến xuất yếu cũng giống như vậy.

"Thế nào là năm chứng pháp? Đó là năm tụ vô học[41]: tụ vô học

---

38. Sanh nội ngoại trí 生內外智; Pāli: paccattam ñānam upajjato: "Nội tâm khởi lên nhận thức như thế".

39. Hiền thánh vô ái 賢聖無愛; Pāli: ariyo nirāmiso, (loại tam muội đang được tu này) là Thánh, là phi vật dục.

40. Nguyên văn: ỷ, tịch diệt tướng, độc nhi vô lữ, nhi sanh nội ngoại trí 猗滅相獨而無侶而生內外智; Pāli: ayaṃ samādhi santo paòito paṭippassaddhaladdho ekodhibhāvādhigato, định này tịch tĩnh, vi diệu, đưa đến chỗ an ổn, đạt đến trạng thái chuyên nhất.

41. Ngũ vô học tụ 五無學聚; Pāli: pañca dhammakkhandhā, năm pháp uẩn, hay

giới, tụ vô học định, tụ vô học tuệ, tụ vô học giải thoát, tụ vô học giải thoát tri kiến.

"Các Tỳ-kheo, đó là năm mươi pháp, như thật, không hư dối. Như Lai đã biết, rồi thuyết pháp một cách xác thực.

"Lại nữa, có sáu thành pháp, sáu tu pháp, sáu giác pháp, sáu diệt pháp, sáu thối pháp, sáu tăng pháp, sáu nan giải pháp, sáu sanh pháp, sáu tri pháp, sáu chứng pháp.

"Thế nào là sáu thành pháp? Đó là sáu trọng pháp[42]: nếu có Tỳ-kheo tu sáu pháp tôn trọng, đáng kính đáng trọng, hòa hợp với chúng không có tranh tụng, độc hành không hỗn tạp. Những gì là sáu?

"1. Ở đây, Tỳ-kheo thân thường hành từ[43], kính đồng phạm hạnh, sống với tâm nhân ái. Đó gọi là trọng pháp, đáng kính, đáng trọng, hòa hợp với chúng, không có tranh tụng, độc hành không hỗn tạp[44].

"2→4. Lại nữa, Tỳ-kheo khẩu hành từ, ý hành từ; được vật lợi dưỡng đúng pháp và những thức ăn ở trong bát cũng đều đem chia cho người khác dùng chung, không phân biệt đây kia.

"5. Lại nữa, Tỳ-kheo, đối với giới mà bậc Thánh hành trì, không phạm, không hủy, không nhiễm ô, được bậc trí khen ngợi, khéo thọ trì đầy đủ, thành tựu định ý.

"6. Lại nữa, Tỳ-kheo chánh kiến về các phạm hạnh để thành tựu sự xuất yếu của Hiền thánh, để chân chánh diệt tận khổ, đó gọi là trọng pháp, đáng kính đáng trọng, hòa hợp với chúng, không có tranh tụng, độc hành không tạp.

"Thế nào là sáu tu pháp? Đó là sáu tu niệm: niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm giới, niệm thí, niệm thiên.

"Thế nào là sáu giác pháp? Đó là sáu nội nhập: nhãn nhập, nhĩ nhập, tỷ nhập, thiệt nhập, thân nhập, ý nhập.

---

pháp tụ.

42. Lục trọng pháp 六重法, thường gọi là pháp lục hòa; Pāli: cha sārāṇīyā dhammā, sáu pháp khả niệm, hay hòa kính.

43. Thân thường hành từ 身常行慈; Pāli: mettaṃ kāyakammaṃ, thân nghiệp từ ái.

44. Danh vieát trọng phaùp, khả kính khả trọng, hòa hợp ư chúng, vô hữu tranh tụng, độc hành vô tạp 名曰重法可敬可重和合於眾無有諍訟獨行無雜; Pāli: ayaṃ pi dhammo sāraṇīyo piyakaraṇo garukaraṇo saṅgahāya avivādāya sāmaggiyā ekobhāvāya saṃvattati, pháp hòa kính này tạo ra sự thân ái, tạo ra sự kính trọng, đưa đến sự đoàn kết, không tranh chấp, hòa hợp, nhất trí.

"Thế nào là sáu diệt pháp? Đó là sáu ái: sắc ái, thanh ái, hương ái, vị ái, xúc ái, pháp ái.

"Thế nào là sáu thối pháp? Đó là sáu pháp bất kính: không kính Phật, không kính Pháp, không kính Tăng, không kính giới, không kính định, không kính cha mẹ.

"Thế nào là sáu tăng pháp? Đó là sáu pháp kính: kính Phật, kính Pháp, kính Tăng, kính giới, kính định, kính cha mẹ.

"Thế nào sáu nan giải pháp? Đó là sáu vô thượng: kiến vô thượng, văn vô thượng, lợi dưỡng vô thượng, giới vô thượng, cung kính vô thượng, niệm vô thượng.

"Thế nào là sáu sanh pháp? Đó là sáu đẳng pháp[45]: ở đây, Tỳ-kheo, mắt thấy sắc, không ưu, không hỷ, an trú xả, chuyên niệm. Tai nghe tiếng, mũi ngửi hương, lưỡi nếm vị, thân xúc chạm, ý tưởng pháp, không ưu, không hỷ, an trú xả, chuyên niệm.

"Thế nào là sáu tri pháp? Đó là sáu xuất yếu giới. Nếu có Tỳ-kheo nói như vầy: 'Tôi tu Từ tâm, lại còn sanh sân nhuế', thì các Tỳ-kheo khác nói: 'Ngươi đừng nói như thế. Chớ hủy báng Như Lai. Như Lai không nói như thế, rằng muốn khiến tu Từ giải thoát mà lại sanh sân nhuế, không có trường hợp đó. Phật nói, trừ sân nhuế rồi sau đó mới đắc Từ'. Nếu có Tỳ-kheo nói: 'Tôi thực hành Bi giải thoát lại sanh tâm tật đố. Hành Hỷ giải thoát, sanh tâm ưu não. Hành Xả giải thoát, sanh tâm yêu ghét. Hành Vô ngã hành[46] sanh tâm hồ nghi. Hành Vô tưởng hành[47], sanh các loạn tưởng', thì cũng giống như vậy.

"Thế nào là sáu chứng pháp? Đó là sáu thần thông:

"1. Thần túc thông.

"2. Thiên nhĩ thông.

"3. Tri tha tâm thông

"4. Túc mạng thông.

"5. Thiên nhãn thông.

---

45. Lục đẳng pháp; Pāli: cha satata-vihārā, sáu hằng trú.

46. Hành vô ngã hành 行無我行; Pāli: asmī ti kho me vigataṃ, ayam aham asmī ti na samanupassāmi, không có quan niệm 'Tôi hiện hữu', không quán sát 'Tôi là cái này'.

47. Hành vô tưởng hành 行無想行; Pāli: animittā… cetovimutti bhāvitā, tu tập vô tưởng tâm định.

"6. Lậu tận thông.

"Các Tỳ-kheo, đó là sáu mươi pháp, như thật không hư dối. Như Lai đã biết, rồi thuyết pháp một cách xác thực.

"Lại nữa, có bảy thành pháp, bảy tu pháp, bảy giác pháp, bảy diệt pháp, bảy thối pháp, bảy tăng pháp, bảy nan giải pháp, bảy sanh pháp, bảy tri pháp, bảy chứng pháp.

"Thế nào là bảy thành pháp? Đó là bảy tài sản: tín là tài sản, giới là tài sản, tàm là tài sản, quý là tài sản, đa văn là tài sản, huệ thí là tài sản.

"Thế nào là bảy tu pháp? Đó là bảy giác ý: ở đây, Tỳ-kheo tu niệm giác ý, y vô dục y tịch diệt, y viễn ly. Tu pháp, tu tinh tấn, tu hỷ, tu ỷ, tu định, tu xả, y vô dục, y tịch diệt, y viễn ly.

"Thế nào là bảy giác pháp? Đó là bảy trú xứ của thức: nếu có chúng sanh với nhiều tâm khác nhau, nhiều tưởng khác nhau, đó là trời và người vậy. Đó là thức trú thứ nhất. Lại có chúng sanh, với nhiều thân khác nhau nhưng một tưởng, đó là trời Phạm quang âm lúc mới sanh đầu tiên. Đó là thức trú thứ hai. Lại có chúng sanh với một thân nhưng nhiều tưởng khác nhau, đó là trời Quang âm. Đó là thức trú thứ ba. Lại có chúng sanh với một thân và một tưởng giống nhau, đó là trời Biến tịnh. Đó là thức trú thứ tư. Lại có chúng sanh trú hư không xứ. Đó là thức trú thứ năm. Lại có chúng sanh trú ở thức xứ. Đó là thức trú thứ sáu. Hoặc trú bất dụng xứ. Đó là thức trú thứ bảy.

"Thế nào là bảy diệt pháp? Đó là sáu sử[48]: sai sử bởi dục ái, sai sử bởi hữu ái, sai sử bởi kiến, sai sử bởi mạn, sai sử bởi sân nhuế, sai sử bởi vô minh, sai sử bởi nghi.

"Thế nào là bảy thối pháp? Đó là bảy phi pháp: ở đây, Tỳ-kheo không có tín, không có tàm, không có quý, ít học, biếng nhác, hay quên, vô trí.

"Thế nào là bảy tăng pháp? Đó là bảy chánh pháp: ở đây Tỳ-kheo có tín, có tàm, có quý, đa văn, không biếng nhác, nhớ dai, có trí.

"Thế nào là bảy nan giải pháp? Đó là bảy chánh thiện pháp: ở đây, Tỳ-kheo ưa nghĩa, ưa pháp, ưa biết thời, ưa biết đủ, ưa tự nhiếp, ưa tập chúng, ưa phân biệt người.

"Thế nào là bảy sanh pháp? Đó là bảy tưởng: tưởng về sự bất tịnh

---

48. Pāli: sattānusayā, tùy miên.

của thân, tưởng về sự bất tịnh của thức ăn, tưởng về sự hết thảy thế gian không đáng ưa thích, tưởng về sự chết, tưởng về vô thường, tưởng vô thường là khổ, tưởng khổ là vô ngã.

"Thế nào là bảy tri pháp? Đó là bảy sự tinh cần: tinh cần nơi giới, tinh cần diệt tham dục, tinh cần phá tà kiến, tinh cần nơi đa văn, tinh cần nơi tinh tấn, tinh cần nơi chánh niệm, tinh cần nơi thiền định.

"Thế nào là bảy chứng pháp? Đó là bảy năng lực diệt tận lậu hoặc[49]: ở đây, Tỳ-kheo dứt tận lậu đối với hết thảy sự tập khởi của khổ, sự diệt trừ, vị ngọt, sự tai hại và sự xuất ly mà biết như thật, thấy như thật. Quán sát dục như hầm lửa và cũng như đao kiếm, biết dục, thấy dục, không tham nơi dục, tâm không trụ nơi dục. Tỳ-kheo lậu tận, quán sát thuận và nghịch, sau khi đã như thật giác tri, như thật thấy; tham, tật, ác bất thiện pháp của thế gian, không rò rỉ, không sinh khởi. Tu Tứ niệm xứ, tu tập nhiều lần, thực hành nhiều lần. Tu Năm căn, Năm lực, Bảy giác ý, Tám hiền thánh đạo, tu tập nhiều lần.

"Các Tỳ-kheo, đó là bảy mươi pháp như thật không hư dối. Như Lai đã biết, rồi thuyết pháp một cách xác thực.

---

49. Thất lậu tận lực 七漏盡力; Pāli: satta khiṇāsava-balāni. Bảy lậu tận lực theo Pāli: 1. Aniccato sabbe saṅkhārā yathābhūtaṃ sammappaññāya sudiṭṭhā honti, với chánh tuệ, thấy một cách chân thật về hết thảy hành vô thường; 2. Aṅgārakāsūpamā kāmā (…), thấy dục như than lửa hừng hừng; 3. Vivekaninnaṃ cittaṃ (…) tâm hướng đến ly dục; 4. Cattāro satipaṭṭhānā bhāvitā, tu tập bốn niệm xứ; 5. Pañcindriyāni bhāvitāni, tu tập năm căn; 6. Satta bojjhaṅgā bhāvitā, tu tập bảy giác chi; 7. Ariyo aṭṭhaṅiko maggo bhāvito, tu tập thánh đạo tám chi.

"Lại nữa, có tám thành pháp, tám tu pháp, tám giác pháp, tám diệt pháp, tám thối pháp, tám tăng pháp, tám nan giải pháp, tám sanh pháp, tám tri pháp, tám chứng pháp.

"Thế nào là tám thành pháp? Đó lá tám nhân duyên khiến cho chưa sở đắc phạm hạnh nhưng có thể sở đắc trí[1] và nếu đã sở đắc phạm hạnh thì trí tăng trưởng. Những gì là tám? Ở đây, Tỳ-kheo sống nương tựa Thế Tôn, hoặc nương tựa sư trưởng, hoặc nương tựa người phạm hạnh có trí tuệ, sanh tâm tàm quý, có ái, có kính. Đó là nhân duyên thứ nhất, chưa chứng đắc phạm hạnh nhưng chứng đắc trí; đã chứng đắc phạm hạnh thì trí tăng gia. Lại nữa, sống nương tựa Thế Tôn, tùy thời mà thưa hỏi: 'Pháp này có ý nghĩa gì? Dẫn đến đâu?' Khi ấy các tôn trưởng liền mở bày cho nghĩa lý thậm thâm. Đó là nhân duyên thứ hai. Sau khi nghe pháp thân tâm an lạc, an tĩnh. Đó là nhân duyên thứ ba. Sau khi đã được an lạc, an tĩnh, sẽ không luận bàn những tạp luận làm chướng ngại đạo. Vị ấy đến giữa đại chúng hoặc tự mình thuyết pháp, hoặc thỉnh người khác thuyết, mà vẫn không bỏ sự im lặng của Hiền thánh. Đó là nhân duyên thứ tư. Đa văn, quảng bác, ghi nhớ không quên các pháp thâm áo, hay khéo ở khoảng đầu, khoảng giữa và khoảng cuối, có nghĩa có vị, chân thật, đầy đủ phạm hạnh. Sau khi nghe thì ghi nhớ trong lòng, kiến giải không lay động[2]. Đó là nhân duyên thứ năm. Tu tập tinh cần, diệt ác tăng thiện, gắng sức thực hành không bỏ pháp ấy. Đó là nhân duyên thứ sáu. Bằng trí tuệ mà nhận thức pháp sanh diệt, chỗ thú hướng của Hiền thánh, tận cùng biên tế của khổ. Đó là nhân duyên thứ bảy. Quán tướng sanh và tướng diệt của năm thọ ấm: Đây là sắc, đây là sự tập khởi của sắc, đây là sự diệt tận của sắc. Đây là thọ tưởng, hành, thức. Đây là sự tập khởi của thọ, tưởng, hành, thức, sự diệt tận của thọ, tưởng, hành, thức. Đó là nhân duyên thứ tám, khiến cho chưa sở đắc phạm hạnh mà sở đắc trí, nếu đã sở đắc phạm hạnh thì trí tuệ tăng trưởng.

"Thế nào là tám tu pháp? Đó là tám con đường của Hiền thánh: chánh kiến, chánh chí, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định.

"Thế nào là tám giác pháp? Đó là tám pháp ở đời: lợi, suy, vinh,

---

1. Pāli: ādibrahmacariyikāya paññāya appaṭiladdhāya paṭilābhāya…nếu chưa chứng đắc trí tuệ thuộc căn bản phạm hạnh, thì sẽ đưa đến chứng đắc.

2. Kiến bất lưu động 見不流動; Pāli: diṭṭhiyā suppaṭividdhā, kiến giải thông đạt.

nhục, khen, chê, khổ, lạc.

"Thế nào là tám diệt pháp? Đó là tám tà: tà kiến, tà tư, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà phương tiện, tà niệm, tà định.

"Thế nào là tám thối pháp? Đó là tám pháp giải đãi. Tám pháp giải đãi là những gì? Tỳ-kheo lười biếng, khất thực nhưng không được thực, bèn suy nghĩ: 'Hôm nay ta khất thực dưới xóm nhưng không được thực, thân thể mệt mỏi không đủ sức tọa thiền kinh hành. Ta nên nghỉ ngơi.' Tỳ-kheo lười biếng suy nghĩ như vậy và nằm nghỉ, không chịu siêng năng để sở đắc những điều chưa sở đắc, thu hoạch những điều chưa thu hoạch, chứng những điều chưa chứng. Đó là sự giải đãi thứ nhất.

"Tỳ-kheo lười biếng nhận được thức ăn đầy đủ, lại suy nghĩ: 'Sáng nay ta vào xóm khất thực, nhận được thức ăn và ăn quá no, thân thể nặng nề không thể tọa thiền kinh hành. Ta nên ngủ nghỉ.' Tỳ-kheo lười biếng liền ngủ nghỉ, không chịu siêng năng để sở đắc những điều chưa sở đắc, thu hoạch những điều chưa thu hoạch, chứng những điều chưa chứng. Đó là sự giải đãi thứ hai.

"Tỳ-kheo lười biếng, giả sử có làm chút công việc, bèn suy nghĩ: 'Ngày nay ta làm việc, thân thể mệt mỏi không thể tọa thiền kinh hành. Ta nên ngủ nghỉ.' Tỳ-kheo lười biếng liền ngủ nghỉ, không chịu siêng năng để sở đắc những điều chưa sở đắc, thu hoạch những điều chưa thu hoạch, chứng những điều chưa chứng. Đó là sự giải đãi thứ ba.

"Tỳ-kheo lười biếng, giả sử có chút việc sẽ phải làm, bèn suy nghĩ: 'Ngày mai ta sẽ làm việc, thân thể sẽ mệt mỏi, vậy hôm nay không thể tọa thiền kinh hành. Ta nên nghỉ ngơi trước.' Tỳ-kheo lười biếng liền ngủ nghỉ. Đó là sự giải đãi thứ tư.

"Tỳ-kheo lười biếng, giả sử có đi lại chút ít bèn suy nghĩ: 'Sáng nay ta đi lại, thân thể mệt mỏi, không thể tọa thiền kinh hành. Ta nên ngủ nghỉ.' Tỳ-kheo lười biếng liền ngủ nghỉ. Đó là sự giải đãi thứ năm.

"Tỳ-kheo lười biếng, giả sử sẽ phải đi lại chút ít, bèn suy nghĩ: 'Ngày mai ta sẽ phải đi lại, thân thể sẽ mệt mỏi, vậy hôm nay không thể tọa thiền kinh hành. Ta nên nghỉ ngơi trước.' Tỳ-kheo lười biếng liền ngủ nghỉ, không chịu siêng năng để sở đắc những điều chưa sở đắc, thu hoạch những điều chưa thu hoạch, chứng những điều chưa chứng. Đó là sự giải đãi thứ sáu.

"Tỳ-kheo lười biếng, giả sử gặp chút bệnh hoạn, bèn suy nghĩ:

'Nay ta bệnh nặng, mệt nhọc gầy yếu, không thể tọa thiền kinh hành. Ta nên ngủ nghỉ.' Tỳ-kheo lười biếng liền ngủ nghỉ, không chịu siêng năng để sở đắc những điều chưa sở đắc, thu hoạch những điều chưa thu hoạch, chứng những điều chưa chứng. Đó là sự giải đãi thứ bảy.

"Tỳ-kheo lười biếng, khi bệnh đã bớt, bèn suy nghĩ: 'Ta khỏi bệnh chưa lâu, thân thể gầy yếu, không thể tọa thiền kinh hành. Ta nên ngủ nghỉ.' Tỳ-kheo lười biếng liền ngủ nghỉ, không chịu siêng năng để sở đắc những điều chưa sở đắc, thu hoạch những điều chưa thu hoạch, chứng những điều chưa chứng. Đó là sự giải đãi thứ tám.

"Thế nào là tám tăng pháp? Đó là tám sự không biếng nhác. Tỳ-kheo vào xóm khất thực nhưng không được thức ăn, bèn suy nghĩ: 'Ta thân thể nhẹ nhàng, ít buồn ngủ, vậy ta hãy tinh tấn tọa thiền, kinh hành, để sở đắc những điều chưa sở đắc, thu hoạch những điều chưa thu hoạch, chứng những điều chưa chứng.' Rồi Tỳ-kheo ấy liền siêng năng. Đó là sự tinh tấn thứ nhất.

"Tỳ-kheo khất thực được đủ, bèn suy nghĩ: 'Nay ta vào xóm khất thực được no đủ, khí lực sung túc, ta hãy tinh tấn tọa thiền, kinh hành, để sở đắc những điều chưa sở đắc, thu hoạch những điều chưa thu hoạch, chứng những điều chưa chứng.' Rồi Tỳ-kheo ấy liền siêng năng. Đó là sự tinh tấn thứ hai.

"Tỳ-kheo siêng năng giả sử có chút công việc phải làm, bèn suy nghĩ: 'Ta vừa làm công việc mà bỏ phế sự hành đạo. Nay ta hãy tinh tấn tọa thiền, kinh hành, để sở đắc những điều chưa sở đắc, thu hoạch những điều chưa thu hoạch, chứng những điều chưa chứng.' Rồi Tỳ-kheo ấy liền siêng năng. Đó là sự tinh tấn thứ ba.

"Tỳ-kheo siêng năng giả sử có công việc sẽ phải làm, bèn suy nghĩ: 'Ngày mai ta sẽ làm công việc mà bỏ phế sự hành đạo. Nay ta hãy tinh tấn tọa thiền, kinh hành, để sở đắc những điều chưa sở đắc, thu hoạch những điều chưa thu hoạch, chứng những điều chưa chứng.' Rồi Tỳ-kheo ấy liền siêng năng. Đó là sự tinh tấn thứ tư.

"Tỳ-kheo siêng năng giả sử có chút đi lại, bèn suy nghĩ: 'Ta sáng nay đi lại mà bỏ phế sự hành đạo. Nay ta hãy tinh tấn tọa thiền, kinh hành, để sở đắc những điều chưa sở đắc, thu hoạch những điều chưa thu hoạch, chứng những điều chưa chứng.' Rồi Tỳ-kheo ấy liền siêng năng. Đó là sự tinh tấn thứ năm.

"Tỳ-kheo siêng năng giả sử sẽ phải đi lại, bèn suy nghĩ: 'Ngày

mai ta sẽ phải đi lại mà bỏ phế sự hành đạo. Nay ta hãy tinh tấn tọa thiền, kinh hành, để sở đắc những điều chưa sở đắc, thu hoạch những điều chưa thu hoạch, chứng những điều chưa chứng.' Rồi Tỳ-kheo ấy liền siêng năng. Đó là sự tinh tấn thứ sáu.

"Tỳ-kheo siêng năng giả sử bị bệnh hoạn, bèn suy nghĩ: 'Ta nay bệnh nặng, có thể mạng chung. Nay ta hãy tọa thiền kinh hành, để sở đắc những điều chưa sở đắc, thu hoạch những điều chưa thu hoạch, chứng những điều chưa chứng.' Rồi Tỳ-kheo ấy liền siêng năng. Đó là sự tinh tấn thứ bảy.

"Tỳ-kheo siêng năng khi bệnh có chút thuyên giảm bèn suy nghĩ: 'Ta bệnh mới khỏi, biết đâu nó tăng trở lại mà phế bỏ sự hành đạo. Nay ta hãy tinh tấn tọa thiền, kinh hành, để sở đắc những điều chưa sở đắc, thu hoạch những điều chưa thu hoạch, chứng những điều chưa chứng.' Rồi Tỳ-kheo ấy liền siêng năng. Đó là sự tinh tấn thứ tám.

"Thế nào là tám nan giải pháp? Đó là tám sự không thuận lợi, cản trở sự tu tập phạm hạnh[3]. Những gì là tám?

"1. Như Lai, Chí Chân xuất hiện ở đời, nói pháp vi diệu, tịch diệt, vô vi, hướng về đạo giác ngộ, mà có người sanh vào địa ngục. Đó là trường hợp không thuận lợi, không thể tu tập phạm hạnh.

"2→5. Như Lai, Chí Chân xuất hiện ở đời, nói pháp vi diệu, tịch diệt, vô vi, hướng về đạo giác ngộ, mà có người sanh vào súc sanh ngạ quỷ, cõi trời trường thọ, biên địa vô thức, chỗ không có Phật pháp. Đó là trường hợp không thuận lợi, không thể tu tập phạm hạnh.

"6. Như Lai, Chí Chân xuất hiện ở đời, nói pháp vi diệu, tịch diệt, vô vi, hướng về đạo giác ngộ, hoặc có người sanh ở trung ương, nhưng có tà kiến, mang tâm điên đảo, thành tựu ác hành chắc chắn vào địa ngục. Đó là trường hợp không thuận lợi, không thể tu tập phạm hạnh.

"7. Như Lai, Chí Chân xuất hiện ở đời, nói pháp vi diệu, tịch diệt, vô vi, hướng về đạo giác ngộ, hoặc có chúng sanh sanh ở trung ương nhưng mù, điếc, câm, ngọng, không thể nghe pháp, tu hành phạm hạnh. Đó là trường hợp không thuận lợi, không thể tu tập phạm hạnh.

---

3. Bát bất nhàn phương tu phạm hạnh 八不閑妨修梵行; Pāli: aṭṭha akkhanā asamayā brahmacariya-vāsāya: tám trường hợp trái thời trái tiết đối với đời sống phạm hạnh.

"8. Như Lai, Chí Chân xuất hiện ở đời, nói pháp vi diệu, tịch diệt, vô vi, hướng về đạo giác ngộ, hoặc có chúng sanh sanh ở trung ương, các căn đầy đủ để lãnh thọ Thánh giáo nhưng không gặp Phật, không được tu hành phạm hạnh.

"Đó là tám pháp không thuận lợi.

"Thế nào là tám sanh pháp? Đó là tám sự tỉnh giác của bậc đại nhân[4]:

"1. Đạo phải là ít dục; nhiều dục không phải là đạo.

"2. Đạo phải là tri túc; không biết nhàm đủ không phải là đạo.

"3. Đạo cần phải nhàn tĩnh; ưa đám đông không phải là đạo.

"4. Đạo cần phải tự giữ; cười giỡn không phải là đạo.

"5. Đạo cần phải tinh tấn; biếng nhác không phải là đạo.

"6. Đạo cần phải chuyên niệm; hay quên lãng không phải là đạo.

"7. Đạo cần phải định ý; loạn ý không phải là đạo.

"8. Đạo cần phải có trí tuệ; ngu si không phải là đạo.

"Thế nào là tám tri pháp? Đó là tám trừ nhập[5]:

"1. Bên trong có sắc tưởng, quán ngoại sắc ít, hoặc đẹp hoặc xấu, thường quán thường niệm. Đó là trừ nhập thứ nhất.

"2. Bên trong có sắc tưởng, quán ngoại sắc vô lượng, hoặc đẹp hoặc xấu, thường quán thường niệm. Đó là trừ nhập thứ hai.

"3. Bên trong không có sắc tưởng, quán ngoại sắc ít, hoặc xấu hoặc đẹp, thường quán thường niệm. Đó là trừ nhập thứ ba.

"4. Bên trong không có sắc tưởng, quán ngoại sắc vô lượng, hoặc đẹp hoặc xấu, thường quán thường niệm. Đó là trừ nhập thứ tư.

"5. Bên trong không sắc tưởng, quán ngoại sắc xanh, màu xanh, ánh sáng xanh, cái nhìn xanh[6]. Ví như màu xanh của sen xanh. Cũng như vải ba-la-nại màu xanh, thuần nhất. Màu xanh, ánh sáng xanh, cái nhìn xanh cũng được tưởng như vậy, thường quán thường niệm. Đó là

---

4. Bát Đại nhân giác 八大人覺; Pāli: aṭṭha mahāpurisavitakkā, tám suy niệm của bậc Đại nhân.

5. Bát trừ nhập 八除入, tức bát bội xả 八背捨 hay bát thắng xứ 八勝處. Tham chiếu No.1536 (Đại XXVI, tr.445b); Pāli: attha abhibhāyatanāni.

6. Thanh sắc, thanh quang, thanh kiến 青色青光青見; No.1536: thanh hiển, thanh hiện, thanh quang 青顯青現青光; Pāli: nīlavannāni nīladassanāni nīlabhāsāni.

trừ nhập thứ năm.

"6. Bên trong không sắc tưởng, quán ngoại sắc vàng; màu vàng, ánh sáng vàng, cái nhìn vàng. Ví như màu vàng của hoa vàng; vải ba-la-nại vàng. Màu vàng, ánh sáng vàng, cái nhìn vàng cũng được tưởng như vậy, thường quán, thường niệm. Đó là trừ nhập thứ sáu.

"7. Bên trong không sắc tưởng quán ngoại sắc đỏ. Màu đỏ, ánh sáng đỏ, cái nhìn đỏ. Ví như ba màu đỏ, vải ba-la-nại đỏ, thuần nhất màu đỏ, ánh sáng đỏ, cái nhìn đỏ, cũng được tưởng như vậy thường quán, thường niệm. Đó là trừ nhập thứ bảy.

"8. Bên trong không sắc tưởng, quán ngoại sắc trắng. Màu trắng, ánh sáng trắng, cái nhìn trắng. Cũng như màu trắng của hoa trắng, vải ba-la-nại trắng, thuần nhất. Cũng tưởng như vậy, màu trắng, ánh sáng trắng, cái nhìn trắng, thường quán, thường niệm. Đó là trừ nhập thứ tám.

"Thế nào là tám chứng pháp? Đó là tám giải thoát: Bên trong có sắc tưởng, quán sắc: giải thoát thứ nhất. Bên trong có sắc tưởng, quán ngoại sắc: giải thoát thứ hai. Tịnh giải thoát: giải thoát thứ ba. Vượt sắc tưởng, diệt sân nhuế tưởng, an trú không xứ: giải thoát thứ tư[7]. Vượt qua không xứ, an trú thức xứ: giải thoát thứ năm. Vượt qua thức xứ, an trú bất dụng xứ: giải thoát thứ sáu. Vượt qua bất dụng xứ, an trú hữu tưởng vô tưởng xứ: giải thoát thứ bảy. Vượt hữu tưởng vô tưởng xứ, an trú tưởng tri diệt: giải thoát thứ tám.

"Các Tỳ-kheo, đó là tám mươi pháp như thật không hư dối. Như Lai đã biết, rồi thuyết pháp một cách xác thực.

"Lại nữa, có chín thành pháp, chín tu pháp, chín giác pháp, chín diệt pháp, chín thối pháp, chín tăng pháp, chín nan giải pháp, chín sanh pháp, chín tri pháp, chín chứng pháp.

"Thế nào là chín thành pháp? Đó là chín tịnh diệt chi[8]: giới[9] tịnh diệt chi, tâm tịnh diệt chi, kiến tịnh diệt chi, độ nghi tịnh diệt chi, phân biệt tịnh diệt chi, đạo tịnh diệt chi, trừ tịnh diệt chi, vô dục tịnh diệt chi, giải thoát tịnh diệt chi[10].

---

7. Xem kinh Chúng Tập, mục tám pháp.

8. Tịnh diệt chi 淨滅支; Pāli: parisuddhipadhāniyaṅga, thành phần cần nỗ lực để thanh tịnh: biến tịnh tinh cần chi. Chín pháp này, trong D.34 thuộc về các pháp cần tu tập.

9. Giới 戒; Pāli: sīla, giới.

10. Liệt kê của D.34: sīla (giới), citta (tâm), diṭṭhi (kiến), kaṅkhāvitaraṇa (đoạn nghi),

"Thế nào là chín tu pháp? Đó là chín gốc rễ của hỷ: hỷ, ái, duyệt, lạc, định, như thật tri, trừ xả, vô dục, giải thoát[11].

"Thế nào chín giác pháp? Đó là chín nơi cư trú của chúng sanh:

"1. Hoặc có chúng sanh có nhiều thân khác nhau, với nhiều tưởng khác nhau, tức là chư Thiên và loài người. Đó là nơi cư trú thứ nhất của chúng sanh.

"2. Lại có chúng sanh có nhiều thân khác nhau, nhưng với một tưởng giống nhau, tức là trời Phạm quang âm lúc mới sanh. Đó là nơi cư trú thứ hai của chúng sanh.

"3. Lại có chúng sanh với một thân giống nhau, nhưng với nhiều tưởng khác nhau, tức là trời Quang âm. Đó là nơi cư trú thứ ba của chúng sanh.

"4. Lại có chúng sanh với một thân một tưởng giống nhau, tức là trời Biến tịnh. Đó là nơi cư trú thứ tư của chúng sanh.

"5. Lại có chúng sanh không có tưởng và không có giác tri, tức là trời Vô tưởng[12]. Đó là nơi cư trú thứ năm của chúng sanh.

"6. Lại có chúng sanh an trú hư không xứ. Đó là nơi cư trú thứ sáu của chúng sanh.

"7. Lại có chúng sanh an trú thức xứ. Đó là an trú thứ bảy của chúng sanh.

"8. Lại có chúng sanh an trú vô sở hữu xứ. Đó là nơi cư trú thứ tám của chúng sanh.

"9. Lại có chúng sanh an trú phi tưởng phi phi tưởng xứ. Đó là nơi cư trú thứ chín của chúng sanh.

"Thế nào là chín diệt pháp? Đó là chín gốc rễ của ái: nhân ái có tìm cầu; nhân tìm cầu có lợi; nhân lợi có dụng; nhân dụng có dục; nhân dục có dính trước; nhân dính trước có tật đố; nhân tật đố có bảo thủ; nhân bảo thủ có hộ.

"Thế nào là chín thối pháp? Đó là chín não pháp: có người đã não hại ta; nó đang não hại ta; nó sẽ não hại ta; nó đã xâm hại cái ta thương

---

maggāmaggañāṇadassana (đạo phi đạo tri kiến), paṭipadāñāṇadassana (đạo tích tri kiến), ñāṇadassana (tri kiến), paññā (tuệ), vimutti (giải thoát).

11. Không thấy tương đương trong D.34.

12. Vô tưởng vô sở giác tri 無想無所覺知; No.1536: vô tưởng vô biệt tưởng 無想無別想; Pāli: asaññino appaṭīsamvedino.

yêu; nó đang xâm hại cái ta thương yêu; nó sẽ xâm hại cái ta thương yêu; nó đã yêu kính cái ta ghét; nó đang yêu kính cái ta ghét; nó sẽ yêu kính cái ta ghét.

"Thế nào là chín tăng pháp? Đó là chín vô não: Người kia đã xâm hại ta; nghĩ vậy chẳng có ích gì: đã không sanh não, đang không sanh não, sẽ không sanh não. Nó xâm não cái ta yêu thương; nghĩ như vậy chẳng có ích gì: đã không sanh não, đang không sanh não, sẽ không sanh não. Nó yêu thương cái ta ghét; nghĩ như vậy chẳng có ích gì: đã không sanh não, đang không sanh não, sẽ không sanh não.

"Thế nào là chín nan giải pháp? Đó là chín phạm hạnh: Nếu Tỳ-kheo có tín nhưng không trì giới, thì phạm hạnh không đầy đủ. Tỳ-kheo có tín và có giới thì phạm hạnh đầy đủ. Nếu Tỳ-kheo có tín, có giới, nhưng không có đa văn, thì phạm hạnh không đầy đủ. Tỳ-kheo có tín, có giới, có đa văn thì phạm hạnh đầy đủ. Nếu Tỳ-kheo có tín, có giới, có đa văn, nhưng không thể thuyết pháp, thì phạm hạnh không đầy đủ. Tỳ-kheo có tín, có giới, có đa văn, có thể thuyết pháp, thì phạm hạnh đầy đủ. Nếu Tỳ-kheo có tín, có giới, có đa văn, có thể thuyết pháp, nhưng không thể nuôi chúng, thì phạm hạnh không đầy đủ. Tỳ-kheo có tín, có giới, có đa văn, có thể thuyết pháp, có thể nuôi chúng, thì phạm hạnh đầy đủ. Nếu Tỳ-kheo có tín, có giới, có đa văn, có thể thuyết pháp, có thể nuôi chúng, nhưng giữa đại chúng không thể quảng diễn pháp ngôn, thì phạm hạnh không đầy đủ. Tỳ-kheo có tín, có giới, có đa văn, có thể thuyết pháp, có thể nuôi chúng, có thể quảng diễn pháp ngôn giữa đại chúng thì phạm hạnh đầy đủ. Nếu Tỳ-kheo có tín, có giới, có đa văn, có thể thuyết pháp, có thể nuôi chúng, giữa đại chúng có thể quảng diễn pháp ngôn, nhưng không chứng đắc Tứ thiền, thì phạm hạnh không đầy đủ. Tỳ-kheo có tín, có giới, có đa văn, có thể thuyết pháp, có thể nuôi chúng, có thể quảng diễn pháp ngôn giữa đại chúng, lại đắc Tứ thiền, thì phạm hạnh đầy đủ. Nếu Tỳ-kheo có tín, có giới, có đa văn, có thể thuyết pháp, có thể nuôi chúng, giữa đại chúng có thể quảng diễn pháp ngôn, lại chứng đắc Tứ thiền, nhưng đối với tám giải thoát không thể thuận nghịch du hành, thì phạm hạnh không đầy đủ. Tỳ-kheo có tín, có giới, có đa văn, có thể thuyết pháp, có thể nuôi chúng, có thể quảng diễn pháp ngôn giữa đại chúng, lại đắc Tứ thiền, đối với tám giải thoát có thể thuận nghịch du hành, thì phạm hạnh đầy đủ. Nếu Tỳ-kheo có tín, có giới, có đa văn, có thể thuyết pháp, có thể nuôi chúng, giữa đại chúng có thể quảng diễn pháp ngôn,

lại chứng đắc Tứ thiền, đối với tám giải thoát có thể thuận nghịch du hành, nhưng không thể diệt tận các lậu, thành vô lậu tâm giải thoát, trí tuệ giải thoát, ngay trong hiện tại mà tự thân tác chứng, sanh tử đã dứt, phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa, thì phạm hạnh không đầy đủ. Tỳ-kheo có tín, có giới, có đa văn, có thể thuyết pháp, có thể nuôi chúng, có thể quảng diễn pháp ngôn giữa đại chúng, lại đắc Tứ thiền, đối với tám giải thoát có thể thuận nghịch du hành, có thể diệt tận các lậu, thành vô lậu tâm giải thoát, trí tuệ giải thoát, ngay trong hiện tại mà tự thân tác chứng, sanh tử đã dứt, phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa, thì phạm hạnh đầy đủ.

"Thế nào là chín sanh pháp? Đó là chín tưởng: tưởng về sự bất tịnh; tưởng về sự bất tịnh của thức ăn; tưởng về hết thảy thế gian không đáng ưa thích; tưởng về sự chết; tưởng về vô thường; tưởng vô thường là khổ; tưởng khổ là vô ngã; tưởng về sự diệt tận; tưởng về vô dục.

"Thế nào là chín tri pháp? Đó là chín dị pháp: sanh quả dị nhân quả dị; sanh xúc dị nhân xúc dị; sanh thọ dị nhân thọ dị; sanh tưởng dị nhân tưởng dị; sanh tập dị nhân tập dị; sanh dục dị nhân dục dị; sanh lợi dị nhân lợi dị; sanh cầu dị nhân cầu dị; sanh phiền não dị nhân phiền não dị.

"Thế nào là chín chứng pháp? Đó là chín tận[13]: Nếu nhập Sơ thiền, thì gai nhọn là âm thanh bị diệt trừ. Nhập đệ Nhị thiền, thì gai nhọn là giác và quán bị diệt trừ. Nhập đệ Tam thiền, thì gai nhọn là hỷ bị diệt trừ. Nhập đệ Tứ thiền, thì gai nhọn là hơi thở ra vào bị diệt trừ. Nhập không xứ thì gai nhọn là sắc tưởng bị diệt trừ. Nhập thức xứ thì gai nhọn là không tưởng bị diệt trừ. Nhập bất dụng xứ thì gai nhọn là thức tưởng bị diệt trừ. Nhập hữu tưởng vô tưởng xứ thì gai nhọn là bất dụng tưởng bị diệt trừ. Nhập diệt tận định thì gai nhọn là tưởng và thọ bị diệt trừ.

"Các Tỳ-kheo, đó là chín mươi pháp như thật không hư dối. Như Lai đã biết, rồi thuyết pháp một cách xác thực.

"Lại nữa, có mười thành pháp, mười tu pháp, mười giác pháp, mười diệt pháp, mười thối pháp, mười tăng pháp, mười nan giải pháp, mười sanh pháp, mười tri pháp, mười chứng pháp.

---

13. Cửu tận 九 盡; Pāli: nava anupubbanirodhā, chín sự diệt trừ theo thứ tự.

"Thế nào là mười thành pháp? Đó là mười cứu pháp[14].

"1. Tỳ-kheo đầy đủ hai trăm năm mươi giới, đầy đủ oai nghi, thấy lỗi nhỏ nhặt sanh tâm lo sợ lớn, chân chánh học giới[15], tâm không nghiêng lệch.

"2. Có được thiện tri thức.

"3. Ngôn ngữ trung chánh, nhẫn nhịn được nhiều điều[16].

"4. Ưa cầu thiện pháp, phân bố không tiếc lẫn.

"5. Các đồng phạm hạnh có việc phải làm liền đến giúp đỡ không lấy làm mệt nhọc, làm được những việc khó làm và cũng dạy người khác làm.

"6. Nghe nhiều; nghe xong thì ghi nhớ không hề quên.

"7. Tinh tấn, diệt trừ bất thiện pháp, tăng trưởng thiện pháp.

"8. Thường tự chuyên niệm, không có tưởng khác, nhớ những hành vi thiện từ trước như thấy trước mắt.

"9. Trí tuệ thành tựu, quán sự sanh diệt của các pháp, bằng pháp luật Hiền thánh mà đoạn trừ gốc khổ.

"10. Vui với sự nhàn cư, chuyên niệm tư duy, ở trung gian thiền, không có đùa giỡn.

"Thế nào là mười tu pháp? Đó là mười chánh hành: chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định, chánh giải thoát, chánh tri.

"Thế nào là mười giác pháp? Đó là mười sắc nhập[17]: nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân nhập; sắc, thanh, hương, vị, xúc nhập.

"Thế nào là mười diệt pháp? Đó là mười tà hạnh: tà kiến, tà tư duy, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà phương tiện, tà niệm, tà định, tà giải thoát, tà trí.

"Thế nào là mười thối pháp. Đó là mười bất thiện hành tích[18]:

---

14. Cứu pháp; Pāli: nāthakaraṇa: tác nhân che chở.

15. Nguyên văn: bình đẳng học giới 平等學戒; Pāli: samādāya sikkhati sikkhapadesu, sau khi thọ lãnh, tu học trong các học xứ.

16. Đa sở hàm thọ 多所含受; Trường II, tr.646: nhẫn nại và nhận sự chỉ trích một cách cung kính.

17. Sắc nhập, hay sắc xứ.

18. Thập bất thiện hành tích 十不善行跡, hay Thập bất thiện nghiệp đạo 十不善業道; Pāli: dasa akusalakammapathā.

thân có sát, đạo, dâm; khẩu có hai lưỡi, ác khẩu, nói dối, nói thêu dệt; ý có tham lam, tật đố, tà kiến.

"Thế nào là mười tăng pháp? Đó là mười thiện hành: thân không sát, đạo, dâm; khẩu không hai lưỡi, ác khẩu, nói dối, nói thêu dệt; ý không tham lam, tật đố, tà kiến.

"Thế nào là mười nan giải pháp? Đó là mười Hiền thánh cư[19]:

"1. Tỳ-kheo trừ diệt năm chi[20].

"2. Thành tựu sáu chi[21].

"3. Xả một chi[22].

"4. Y trên bốn[23].

"5. Diệt dị đế[24].

"6. Thắng diệu cầu[25].

"7. Không trược tưởng[26].

"8. Thân hành đã lập[27].

"9. Tâm giải thoát.

"10. Tuệ giải thoát.

"Thế nào là mười sanh pháp? Đó là mười trường hợp khen ngợi: Nếu Tỳ-kheo tự mình đã có được tín tâm rồi lại nói cho người khác và cũng khen ngợi những người có được tín tâm. Tự mình đã trì giới rồi lại nói cho người khác và cũng khen ngợi những người trì giới. Tự mình

---

19. Mười thánh cư; Pāli: dasa ariyavāsā.

20. Tức diệt năm triền cái.

21. Tức thành tựu sự chế ngự sáu căn môn.

22. Pāli: ekārakho (…) satārakkhena cetasā samannāgato, một hộ trì, thành tựu sự hộ trì, tức chuyên niệm không xao lãng. Eka (một) + ārakkha (thủ hộ), bản Hán: eka + arakkha: không thủ hộ = xả.

23. Tứ y 四依, *xem Tập dị môn túc*, No.1536: tư trạch một pháp cần viễn ly, một pháp cần thọ dụng, một pháp cần trừ khử, một pháp cần nhẫn thọ; Pāli: caturāpasseno: saṅkhāyakam paṭisevati, adhivāseti, parivajjeti, vinodeti, sau khi tư duy, thọ dụng một pháp, nhẫn thọ (một pháp), viễn ly (một pháp), trừ khử (một pháp). Xem Trường II, tr.649.

24. Diệt dị đế 滅異諦; Pāli: paṇunnapaccekasacco, loại trừ thiên kiến, tức giáo điều cố chấp của ngoại đạo.

25. Thắng diệu cầu 勝妙求; Pāli: samavāyasaṭṭhesana: đoạn tận các dục cầu.

26. Vô trược tưởng; Pāli: anāvilasankappo, tư duy không ô trược.

27. Thân hành dĩ lập 身行已立; Pāli; passaddhakāyasaṅkhāro, thân hành khinh an.

thiểu dục rồi lại nói cho người khác và cũng khen ngợi những người thiểu dục. Tự mình tri túc rồi lại nói cho người khác và cũng khen ngợi những người tri túc. Tự mình ưa nhàn tĩnh rồi lại nói cho người khác và cũng khen ngợi những người ưa nhàn tĩnh. Tự mình đa văn rồi lại nói cho người khác và cũng khen ngợi những người đa văn. Tự mình tinh tấn rồi lại nói cho người khác và cũng khen ngợi những người tinh tấn. Tự mình chuyên niệm rồi lại nói cho người khác và cũng khen ngợi những người chuyên niệm. Tự mình đắc thiền định rồi lại nói cho người khác và cũng khen ngợi những người đắc thiền định. Tự mình đắc trí tuệ rồi lại nói cho người khác và cũng khen ngợi những người đắc trí tuệ.

"Thế nào là mười tri pháp? Đó là mười diệt pháp[28]: Người chánh kiến có thể diệt trừ tà kiến, diệt trừ sạch những gì là vô số ác duyên tà kiến mà khởi lên và thành tựu những gì là vô số thiện nhân nơi chánh kiến mà sanh khởi. Người có chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định, chánh giải thoát, chánh trí có thể diệt trừ tà trí và vô số ác nhân tà trí sanh khởi cũng hoàn toàn bị diệt tận; vô số thiện pháp, nhân nơi chánh trí sanh khởi, thảy đều được thành tựu.

"Thế nào là mười vô học pháp? Vô học chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định, chánh giải thoát, chánh trí.

"Các Tỳ-kheo, đó là trăm pháp như thật không hư dối. Như Lai đã biết, rồi thuyết pháp một cách xác thực."

Bấy giờ, Xá-lợi-phất được Phật ấn khả. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những điều Xá-lợi-phất thuyết, hoan hỷ phụng hành.

❑

28. Thập diệt pháp 十 滅 法; dasa nijjaravatthūni, mười cơ sở diệt trừ.

11. KINH TĂNG NHẤT[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại nước Xá-vệ, rừng cây Kỳ-đà, vườn Cấp cô độc, cùng với chúng Đại Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi người.

Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Nay Ta sẽ nói pháp cho các thầy nghe; pháp vi diệu, khoảng đầu, khoảng giữa, khoảng cuối đều chân chánh, có đầy đủ nghĩa và vị, phạm hạnh thanh tịnh. Đó là pháp tăng nhất. Các thầy hãy lắng nghe, hãy suy ngẫm kỹ. Ta sẽ giảng thuyết."

Các Tỳ-kheo vâng lời lắng nghe. Phật nói với các Tỳ-kheo:

"Pháp tăng nhất ấy là, một thành pháp, một tu pháp, một giác pháp, một diệt pháp, một chứng pháp.

"Thế nào là một thành pháp? Đó là không bỏ các pháp thiện.

"Thế nào là một tu pháp? Đó là thường tự niệm thân.

"Thế nào là một giác pháp? Đó là xúc hữu lậu.

"Thế nào là một diệt pháp? Đó là ngã mạn.

"Thế nào là một chứng pháp? Đó là vô ngại tâm giải thoát.

"Lại nữa, có hai thành pháp, hai tu pháp, hai giác pháp, hai diệt pháp, hai chứng pháp.

"Thế nào là hai thành pháp? Biết tàm và biết quý.

"Thế nào là hai tu pháp? Chỉ và quán.

"Thế nào là hai giác pháp? Danh và sắc.

"Thế nào là hai diệt pháp? Vô minh và hữu ái.

"Thế nào là hai chứng pháp? Minh và giải thoát.

"Lại nữa, có ba thành pháp, ba tu pháp, ba giác pháp, ba diệt

---

1. Bản Hán, quyển 9, Đại I, tr.57b-59b. Đại thể, đồng nhất với kinh số 10 "Thập Thượng" ở trên. Kinh này có các hạng mục ngắn hơn và do chính Phật thuyết.

pháp, ba chứng pháp.

"Thế nào là ba thành pháp.

"1. Thân cận thiện hữu.

"2. Tai nghe pháp âm.

"3. Thành tựu pháp và tùy pháp.

"Thế nào là ba tu pháp? Đó là ba tam-muội: không tam-muội, vô tướng tam-muội, vô tác tam-muội.

"Thế nào là ba giác pháp? Đó là ba thọ: khổ thọ, lạc thọ, phi khổ phi lạc thọ.

"Thế nào là ba diệt pháp? Đó là ba ái: dục ái, hữu ái, vô hữu ái.

"Thế nào là ba chứng pháp? Đó là ba minh: túc mạng trí, thiên nhãn trí và lậu tận trí.

"Lại nữa, có bốn thành pháp, bốn tu pháp, bốn giác pháp, bốn diệt pháp, bốn chứng pháp.

"Thế nào là bốn thành pháp? Đó là luân pháp:

"1. Sống ở trung ương của đất nước.

"2. Gần thiện hữu.

"3. Tự cẩn thận.

"4. Có gốc rễ thiện đã được trồng từ đời trước.

"Thế nào là bốn tu pháp? Đó là bốn niệm xứ:

"1. Tỳ-kheo quán thân trên nội thân, tinh cần không biếng nhác, ức niệm không quên, trừ tham ưu ở đời. Quán thân trên ngoại thân, tinh cần không biếng nhác, ức niệm không quên, trừ tham ưu ở đời. Quán thân trên nội ngoại thân, tinh cần không biếng nhác, ức niệm không quên, trừ tham ưu ở đời.

"2. Quán thọ.

"3. Quán ý.

"4. Quán pháp cũng như vậy.

"Thế nào là bốn giác pháp? Đó là bốn thức ăn: thức ăn bằng vo nắm, thức ăn bằng cảm xúc, thức ăn bằng tư niệm, thức ăn do thức.

"Thế nào là bốn diệt pháp? Đó là bốn thủ: dục thủ, ngã ngữ thủ, giới cấm thủ và kiến thủ.

"Thế nào là bốn chứng pháp? Đó là bốn Sa-môn quả: Tu-đà-hoàn quả, Tư-đa-hàm quả, A-na-hàm quả, A-la-hán quả.

"Lại nữa, có năm thành pháp, năm tu pháp, năm giác pháp, năm

diệt pháp, năm chứng pháp.

"Thế nào là năm thành pháp? Đó là năm diệt tận chi:

"1. Tin Phật, Như Lai, Chí Chân, mười hiệu thành tựu.

"2. Không bệnh, thân thường an ổn.

"3. Chất trực, không dua xiểm, hướng thẳng đến con đường dẫn đến Niết-bàn của Như Lai.

"4. Chuyên tâm không tán loạn, đọc cũng không quên lãng.

"5. Khéo léo quán sát sự sinh diệt của pháp, bằng thực hành của Hiền thánh mà diệt tận gốc rễ khổ.

"Thế nào là năm tu pháp? Đó là năm căn: tín căn, tinh tấn căn, niệm căn, định căn và tuệ căn.

"Thế nào là năm giác pháp? Đó là năm thọ ấm: sắc thọ ấm, thọ, tưởng, hành, thức thọ ấm.

"Thế nào là năm diệt pháp? Đó là năm cái: tham dục cái, sân nhuế cái, thụy miên cái, trạo hối cái và nghi cái.

"Thế nào là năm chứng pháp? Đó là năm tụ vô học: tụ vô học giới, tụ vô học định, tụ vô học tuệ, tụ vô học giải thoát, tụ vô học giải thoát tri kiến.

"Lại nữa có sáu thành pháp, sáu tu pháp, sáu giác pháp, sáu diệt pháp, sáu chứng pháp.

"Thế nào là sáu thành pháp? Đó là sáu pháp tôn trọng: Nếu có Tỳ-kheo tu sáu pháp tôn trọng, đáng kính, đáng trọng, hòa hợp với chúng không có tranh tụng, độc hành không hỗn tạp. Những gì là sáu?

"1. Ở đây, Tỳ-kheo thân thường hành từ, kính đồng phạm hạnh, sống với tâm nhân ái. Đó gọi là pháp tôn trọng, đáng kính, đáng trọng, hòa hợp với chúng, không có tranh tụng, độc hành không tạp.

"2→4. Lại nữa, Tỳ-kheo khẩu hành từ, ý hành từ; được vật lợi dưỡng đúng pháp và những thức ăn ở trong bát cũng đều đem chia cho người khác dùng chung, không phân biệt đây kia.

"5. Lại nữa, Tỳ-kheo, đối với giới mà bậc Thánh hành trì, không phạm, không hủy, không nhiễm ô, được bậc Trí khen ngợi, khéo thọ trì đầy đủ, thành tựu định ý.

"6. Chánh kiến và các phạm hạnh để thành tựu sự xuất yếu của Hiền thánh, để chân chánh diệt tận khổ, đó gọi là pháp tôn trọng, đáng kính đáng trọng, hòa hợp với chúng, không có tranh tụng, độc hành

không hỗn tạp.

"Thế nào là sáu tu pháp? Đó là sáu tu niệm: niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm giới, niệm thí, niệm thiên.

"Thế nào là sáu giác pháp? Đó là sáu nội nhập: nhãn nhập, nhĩ nhập, tỷ nhập, thiệt nhập, thân nhập, ý nhập.

"Thế nào là sáu diệt pháp? Đó là sáu ái: sắc ái, thanh ái, hương ái, vị ái, xúc ái, pháp ái.

"Thế nào là sáu chứng pháp? Đó là sáu thần thông:

"1. Thần túc thông chứng.

"2. Thiên nhĩ thông chứng.

"3. Tri tha tâm thông chứng.

"4. Túc mạng thông chứng.

"5. Thiên nhãn thông chứng.

"6. Lậu tận thông chứng.

"Lại nữa, có bảy thành pháp, bảy tu pháp, bảy giác pháp, bảy diệt pháp, bảy chứng pháp.

"Thế nào là bảy thành pháp? Đó là bảy tài sản: tín là tài sản, giới là tài sản, tàm là tài sản, quý là tài sản, đa văn là tài sản, huệ thí là tài sản.

"Thế nào là bảy tu pháp? Đó là bảy giác ý: ở đây, Tỳ-kheo tu niệm giác ý, y vô dục, y tịch diệt, y viễn ly. Tu pháp, tu tinh tấn, tu hỷ, tu ỷ, tu định, tu xả, y vô dục, y tịch diệt, y viễn ly.

"Thế nào là bảy giác pháp? Đó là bảy trú xứ thức: Hoặc có chúng sanh với nhiều tâm khác nhau, nhiều tưởng khác nhau, đó là trời và người vậy. Đó là thức trú thứ nhất. Lại có chúng sanh, với nhiều thân khác nhau nhưng một tưởng, đó là trời Phạm quang âm lúc mới sanh đầu tiên. Đó là thức trú thứ hai. Lại có chúng sanh với một thân nhưng nhiều tưởng khác nhau, đó là trời Quang âm. Đó là thức trú thứ ba. Lại có chúng sanh với một thân và một tưởng giống nhau, đó là trời Biến tịnh. Đó là thức trú thứ tư. Lại có chúng sanh trú Hư không xứ. Đó là thức trú thứ năm. Lại có chúng sanh trú ở Thức xứ. Đó là thức trú thứ sáu. Hoặc trú Bất dụng xứ. Đó là thức trú thứ bảy.

"Thế nào là bảy diệt pháp? Đó là bảy sử: sai sử bởi dục ái, sai sử bởi hữu ái, sai sử bởi kiến, sai sử bởi mạn, sai sử bởi sân nhuế, sai sử bởi vô minh, sai sử bởi nghi.

"Thế nào là bảy chứng pháp? Đó là bảy năng lực diệt tận lậu

hoặc: ở đây, Tỳ-kheo, đối với hết thảy khổ, sự tập khởi của khổ, sự diệt trừ, vị ngọt, sự tai hại và sự xuất ly của khổ mà biết như thật, thấy như thật; quán sát dục như hầm lửa và cũng như đao kiếm, biết dục, thấy dục, không tham nơi dục, tâm không trụ nơi dục. Ở trong đó lại khéo quán sát; sau khi đã như thật giác tri, như thật thấy, tham, tật, ác bất thiện pháp của thế gian không rò rỉ, không sinh khởi. Tu Tứ niệm xứ, tu tập nhiều lần, thực hành nhiều lần. Tu Năm căn, Năm lực, Bảy giác ý, Tám hiền thánh đạo, tu tập nhiều lần, thực hành nhiều lần.

"Lại nữa, có tám thành pháp, tám tu pháp, tám giác pháp, tám diệt pháp, tám chứng pháp.

"Thế nào là tám thành pháp? Đó là tám nhân duyên khiến cho chưa sở đắc phạm hạnh nhưng có thể sở đắc trí và nếu đã sở đắc phạm hạnh thì trí tăng trưởng. Những gì là tám? Ở đây, Tỳ-kheo sống nương tựa Thế Tôn, hoặc nương tựa Sư trưởng, hoặc nương tựa người phạm hạnh có trí tuệ, sanh tâm tàm quý, có ái, có kỉnh. Đó là nhân duyên thứ nhất, khiến cho chưa đắc phạm hạnh mà chứng đắc trí; nếu đắc phạm hạnh rồi thì trí tăng trưởng. Lại nữa, nương tựa Thế Tôn, tùy thời mà thưa hỏi: 'Pháp này có ý nghĩa gì? Dẫn đến đâu?', khi ấy các tôn trưởng liền mở bày cho nghĩa lý thậm thâm. Đó là nhân duyên thứ hai. Sau khi nghe pháp thân tâm an lạc, an tĩnh. Đó là nhân duyên thứ ba. Không luận bàn những tạp luận vô ích làm chướng ngại đạo; vị ấy đến giữa đại chúng, hoặc tự mình thuyết pháp, hoặc thỉnh người khác thuyết, mà vẫn không bỏ sự im lặng của Hiền thánh. Đó là nhân duyên thứ tư. Đa văn, quảng bác, ghi nhớ không quên các pháp thâm áo, hay khéo ở khoảng đầu, khoảng giữa và khoảng cuối, có nghĩa có vị, chân thật, đầy đủ phạm hạnh. Sau khi nghe thì ghi nhớ trong lòng, kiến giải không lay động. Đó là nhân duyên thứ năm. Tu tập tinh cần, diệt ác tăng thiện, gắng sức thực hành không bỏ pháp ấy. Đó là nhân duyên thứ sáu. Bằng trí tuệ mà nhận thức pháp sanh diệt, chỗ thú hướng của Hiền thánh, tận cùng biên tế của khổ. Đó là nhân duyên thứ bảy. Quán tướng sanh và tướng diệt của năm thọ ấm: Đây là sắc, đây là sự tập khởi của sắc, đây là sự diệt tận của sắc. Đây là sự tập khởi của thọ, tưởng, hành, thức, sự diệt tận của thọ, tưởng, hành, thức. Đó là nhân duyên thứ tám, khiến cho chưa sở đắc phạm hạnh mà sở đắc trí, nếu đã sở đắc phạm hạnh thì trí tuệ tăng trưởng.

"Thế nào là tám tu pháp? Đó là tám con đường của Hiền thánh: chánh kiến, chánh chí, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh

phương tiện, chánh niệm, chánh định.

"Thế nào là tám giác pháp? Đó là tám pháp ở đời: lợi, suy, vinh, nhục, khen, chê, khổ, lạc.

"Thế nào là tám diệt pháp? Đó là tám tà: tà kiến, tà tư, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà phương tiện, tà niệm, tà định.

"Thế nào là tám chứng pháp? Đó là tám giải thoát. Bên trong có sắc tưởng, quán sắc: giải thoát thứ nhất. Bên trong có sắc tưởng, quán ngoại sắc: giải thoát thứ hai. Tịnh giải thoát: giải thoát thứ ba. Vượt sắc tưởng, diệt sân nhuế tưởng, an trú không xứ: giải thoát thứ tư. Vượt qua không xứ, an trú thức xứ: giải thoát thứ năm. Vượt qua thức xứ, an trú bất dụng xứ: giải thoát thứ sáu. Vượt qua bất dụng xứ, an trú hữu tưởng vô tưởng xứ: giải thoát thứ bảy. Vượt hữu tưởng vô tưởng xứ, an trú tưởng tri diệt: giải thoát thứ tám.

"Lại nữa, có chín thành pháp, chín tu pháp, chín giác pháp, chín diệt pháp, chín chứng pháp.

"Thế nào là chín thành pháp? Đó là chín tịnh diệt chi: giới tịnh diệt chi, tâm tịnh diệt chi, kiến tịnh diệt chi, độ nghi tịnh diệt chi, phân biệt tịnh diệt chi, đạo tịnh diệt chi, trừ tịnh diệt chi, vô dục tịnh diệt chi, giải thoát tịnh diệt chi.

"Thế nào là chín tu pháp? Đó là chín gốc rễ của hỷ: hỷ, ái, duyệt, lạc, định, như thật tri, trừ xả, vô dục, giải thoát.

"Thế nào chín giác pháp? Đó là chín chúng sanh cư:

"1. Hoặc có chúng sanh có nhiều thân khác nhau, với nhiều tưởng khác nhau, tức là chư Thiên và loài người. Đó là nơi cư trú thứ nhất của chúng sanh.

"2. Lại có chúng sanh có nhiều thân khác nhau, nhưng với một tưởng giống nhau, tức là trời Phạm quang âm lúc mới sanh. Đó là cư trú thứ hai của chúng sanh.

"3. Lại có chúng sanh với một thân giống nhau, nhưng với nhiều tưởng khác nhau, tức là trời Quang âm. Đó là cư trú thứ ba của chúng sanh.

"4. Lại có chúng sanh với một thân một tưởng giống nhau, tức là trời Biến tịnh. Đó là cư trú thứ tư của chúng sanh.

"5. Lại có chúng sanh không có tưởng và không có giác tri, tức là trời Vô tưởng. Đó là cư trú thứ năm của chúng sanh.

"6. Lại có chúng sanh an trú hư không xứ. Đó là cư trú thứ sáu

của chúng sanh.

"7. Lại có chúng sanh an trú thức xứ. Đó là an trú thứ bảy của chúng sanh.

"8. Lại có chúng sanh an trú vô sở hữu xứ. Đó là cư trú thứ tám của chúng sanh.

"9. Lại có chúng sanh an trú phi tưởng phi phi tưởng xứ. Đó là cư trú thứ chín của chúng sanh.

"Thế nào là chín diệt pháp? Đó là chín gốc rễ của ái: Nhân ái có tìm cầu. Nhân cầu có lợi. Nhân lợi có dụng. Nhân dụng có dục. Nhân dục có dính trước. Nhân trước có tật đố. Nhân tật có bảo thủ. Nhân thủ có hộ.

"Thế nào là chín chứng pháp? Đó là chín tận: Nếu nhập Sơ thiền, thì gai nhọn là âm thanh bị diệt trừ. Nhập đệ Nhị thiền, gai nhọn là giác và quán bị diệt trừ. Nhập đệ Tam thiền, gai nhọn là hỷ bị diệt trừ. Nhập đệ Tứ thiền, gai nhọn là hơi thở ra vào bị diệt trừ. Nhập không xứ, gai nhọn là sắc tưởng bị diệt trừ. Nhập thức xứ, gai nhọn là không tưởng bị diệt trừ. Nhập bất dụng xứ, gai nhọn là thức tưởng bị diệt trừ. Nhập hữu tưởng vô tưởng xứ, gai nhọn là bất dụng tưởng bị diệt trừ. Nhập diệt tận định, gai nhọn là tưởng và thọ bị diệt trừ.

"Lại nữa, có mười thành pháp, mười tu pháp, mười giác pháp, mười diệt pháp, mười chứng pháp.

"Thế nào là mười thành pháp? Đó là mười cứu pháp:

"1. Tỳ-kheo đầy đủ hai trăm năm mươi giới, đầy đủ oai nghi, thấy lỗi nhỏ nhặt sanh tâm lo sợ lớn, chân chánh học giới, tâm không nghiêng lệch.

"2. Có được thiện tri thức.

"3. Ngôn ngữ trung chánh, nhẫn nhịn được nhiều điều.

"4. Ưa cầu thiện pháp, phân bố không tiếc lẫn.

"5. Các đồng phạm hạnh có việc phải làm liền đến giúp đỡ không lấy làm mệt nhọc, làm được những việc khó làm và cũng dạy người khác làm.

"6. Nghe nhiều; nghe xong thì ghi nhớ không hề quên.

"7. Tinh tấn, diệt trừ bất thiện pháp, tăng trưởng thiện pháp.

"8. Thường tự chuyên niệm, không có tưởng khác, nhớ những hành vi thiện từ trước như thấy trước mắt.

"9. Trí tuệ thành tựu, quán sự sanh diệt của các pháp, bằng pháp luật Hiền thánh mà đoạn trừ gốc khổ.

"10. Vui với sự nhàn cư, chuyên niệm tư duy, ở trung gian thiền, không có đùa giỡn.

"Thế nào là mười tu pháp? Đó là mười chánh hạnh: chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định, chánh giải thoát, chánh tri.

"Thế nào là mười giác pháp? Đó là mười sắc nhập: nhãn nhập, nhĩ, tỉ, thiệt, thân nhập; sắc, thanh, hương, vị, xúc nhập.

"Thế nào là mười diệt pháp? Đó là mười tà hạnh: tà kiến, tà tư duy, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà phương tiện, tà niệm, tà định, tà giải thoát, tà trí.

"Thế nào là mười chứng pháp? Đó là mười vô học pháp: vô học chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định, chánh giải thoát, chánh trí.

"Các Tỳ-kheo, đó là tăng nhất pháp. Ta nay đã nói cho các thầy pháp như vậy. Ta, Như Lai, đã làm đầy đủ những điều cần làm cho đệ tử. Với lòng thương yêu, Ta đã răn dạy các thầy. Các thầy cũng nên tinh tấn phụng hành.

"Này các Tỳ-kheo, hãy ở chỗ thanh vắng, dưới gốc cây hay bãi đất trống, tinh cần tọa thiền, chớ tự để mình buông lung. Nay không gắng sức, về sau hối hận nào có ích gì. Đó là lời Ta răn dạy, hãy tinh tấn thọ trì."

Bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe những điều Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

❑

12. KINH TAM TỤ[1]

Tôi nghe như vầy.

Một thời, Phật ở tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ thọ, vườn Cấp cô độc, cùng với chúng Đại Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi người.

Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Này các Tỳ-kheo, Ta sẽ nói cho các ngươi nghe pháp vi diệu, có nghĩa, có vị, thanh tịnh, đầy đủ phạm hạnh. Đó là pháp ba tụ. Các ngươi hãy lắng nghe, hãy suy nghĩ kỹ. Ta sẽ nói."

Các Tỳ-kheo vâng lời Phật dạy, chú ý lắng nghe.

Phật nói:

"Tỳ-kheo, pháp ba tụ ấy là: một pháp dẫn đến ác thú; một pháp dẫn đến thiện thú; một pháp dẫn đến Niết-bàn.

"Thế nào là một pháp dẫn đến ác thú? Không có nhân từ, ôm lòng độc hại. Đó là một pháp dẫn đến ác thú.

"Thế nào là một pháp dẫn đến thiện thú? Không đem ác tâm gia hại chúng sanh. Đó là một pháp dẫn đến thiện thú.

"Thế nào là một pháp dẫn đến Niết-bàn? Thường tinh cần tu niệm xứ về thân. Đó là một pháp dẫn đến Niết-bàn.

"Lại có hai pháp thú hướng ác thú. Lại có hai pháp thú hướng thiện thú. Lại có hai pháp thú hướng Niết-bàn.

"Thế nào là hai pháp dẫn đến ác thú? Hủy giới và phá kiến.

"Thế nào là hai pháp dẫn đến thiện thú? Có đủ giới và có đủ kiến.

"Thế nào là hai pháp dẫn đến Niết-bàn? Là chỉ và quán.

---

1. Bản Hán: *Phật Thuyết Trường A-hàm kinh*, quyển 10, "Đệ nhị phần Tam Tụ kinh Đệ bát". Tham chiếu, kinh số 9 "Chúng Tập", kinh số 10 "Thập Thượng", kinh số 11 "Tăng Nhất".

"Lại có ba pháp thú hướng ác thú; ba pháp thú hướng thiện thú; ba pháp thú hướng Niết-bàn.

"Thế nào là ba pháp hướng đến ác thú? Ba bất thiện căn: tham bất thiện căn, nhuế bất thiện căn, si bất thiện căn.

"Thế nào là ba pháp dẫn đến thiện thú? Ba thiện căn: vô tham thiện căn, vô nhuế thiện căn, vô si thiện căn.

"Thế nào là ba pháp dẫn đến Niết-bàn? Ba tam-muội: Không tam-muội, Vô tướng tam-muội, Vô tác tam-muội.

"Lại có bốn pháp dẫn đến ác thú; bốn pháp dẫn đến thiện thú; bốn pháp thú hướng Niết-bàn.

"Thế nào là bốn pháp thú hướng ác thú? Lời nói thiên vị, lời nói thù hận, lời nói sợ hãi, lời nói ngu si.

"Thế nào là bốn pháp dẫn đến thiện thú? Lời nói không thiên vị, lời nói không thù hận, lời nói không sợ hãi, lời nói không ngu si.

"Thế nào là bốn pháp dẫn đến Niết-bàn? Bốn niệm xứ: thân niệm xứ, thọ niệm xứ, tâm niệm xứ, pháp niệm xứ.

"Lại có năm pháp dẫn đến ác thú; năm pháp dẫn đến thiện thú; năm pháp dẫn đến Niết-bàn.

"Thế nào là năm pháp dẫn đến ác thú? Phá năm giới: giết, trộm, dâm dật, nói dối, uống rượu.

"Thế nào là năm pháp dẫn đến thiện thú? Thọ trì năm giới: không giết, không trộm, không dâm dật, không dối, không uống rượu.

"Thế nào là năm pháp dẫn đến Niết-bàn? Năm căn: tín căn, tinh tấn căn, niệm căn, định căn, tuệ căn.

"Lại có sáu pháp dẫn đến ác thú; sáu pháp dẫn đến thiện thú; sáu pháp thú hướng Niết-bàn.

"Thế nào là sáu pháp dẫn đến ác thú? Sáu bất kính: không kính Phật, không kính Pháp, không kính Tăng, không kính giới, không kính định, không kính cha mẹ.

"Thế nào là sáu pháp dẫn đến thiện thú? Kính Phật, kính Pháp, kính Tăng, kính giới, kính định, kính cha mẹ.

"Thế nào là sáu pháp dẫn đến Niết-bàn? Sáu tư niệm: niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm thí, niệm giới, niệm thiên.

"Lại có bảy pháp dẫn đến ác thú; bảy pháp dẫn đến thiện thú; bảy pháp dẫn đến Niết-bàn.

"Thế nào là bảy pháp dẫn đến ác thú? Giết, trộm, dâm dật, nói dối, nói hai lưỡi, ác khẩu, nói thêu dệt.

"Thế nào là bảy pháp dẫn đến thiện thú? Không giết, không trộm, không dâm dật, không nói dối, không nói hai lưỡi, không ác khẩu, không nói thêu dệt.

"Thế nào là bảy pháp dẫn đến Niết-bàn? Bảy giác ý: niệm giác ý, trạch pháp giác ý, tinh tấn giác ý, khinh an giác ý, định giác ý, hỷ giác ý, xả giác ý.

"Lại có tám pháp dẫn đến ác thú; tám pháp dẫn đến thiện thú; tám pháp dẫn đến Niết-bàn.

"Thế nào là tám pháp dẫn đến ác thú? Tám tà hạnh: tà kiến, tà tư duy, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà tinh tấn, tà niệm, tà định.

"Thế nào là tám pháp dẫn đến thiện thú? Thế gian chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định.

"Thế nào là tám pháp dẫn đến Niết-bàn? Tám hiền thánh đạo: chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định.

"Lại có chín pháp dẫn đến ác thú; chín pháp dẫn đến thiện thú; chín pháp dẫn đến Niết-bàn.

"Thế nào là chín pháp dẫn đến ác thú? Chín ưu não: Có người xâm não ta; nó đã xâm não, đang xâm não, sẽ xâm não. Có người xâm não cái ta yêu; nó đã xâm não, đang xâm não, sẽ xâm não. Có người yêu kính cái ta ghét; nó đã yêu kính, đang yêu kính, sẽ yêu kính.

"Thế nào là chín pháp dẫn đến thiện thú? 'Có người xâm não ta', ích gì mà ta sanh não; đã không sanh não, đang không sanh não, sẽ không sanh não. 'Có người xâm não cái ta yêu', ích gì ta sanh não; đã không sanh não, đang không sanh não, sẽ không sanh não. 'Có người yêu kính cái ta ghét', ích gì ta sanh não; đã không sanh não, đang không sanh não, sẽ không sanh não.

"Thế nào là chín pháp dẫn đến Niết-bàn? Chín thiện pháp: Hỷ, Ái, Duyệt, Lạc, Định, Thật tri, Trừ xả, Vô dục, Giải thoát.

"Lại có mười pháp dẫn đến ác thú; mười pháp dẫn đến thiện thú; mười pháp dẫn đến Niết-bàn.

"Thế nào là mười pháp dẫn đến ác thú? Mười bất thiện: thân với giết, trộm, tà dâm; khẩu với nói dối, hai lưỡi, ác khẩu, thêu dệt; ý với

tham lam, tật đố, tà kiến.

"Thế nào là mười pháp dẫn đến thiện thú? Mười thiện hành: thân với không giết, không trộm, không tà dâm; khẩu với không nói dối, không hai lưỡi, không ác khẩu, không thêu dệt; ý với không tham lam, không tật đố, không tà kiến.

"Thế nào là mười pháp dẫn đến Niết-bàn? Mười trực đạo: chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định, chánh giải thoát, chánh trí.

"Này các Tỳ-kheo, mười pháp như vậy đưa đến Niết-bàn. Đó là chánh pháp vi diệu gồm ba tụ. Ta, Như Lai, đã làm đầy đủ những điều cần làm cho đệ tử, vì nghĩ đến các ngươi nên chỉ bày lối đi. Các ngươi cũng phải tự lo cho thân mình, hãy ở nơi thanh vắng, dưới gốc cây mà tư duy, chớ lười biếng. Nay không gắng sức, sau hối không ích gì."

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

❑

13. ĐẠI DUYÊN PHƯƠNG TIỆN[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời gian Phật ở tại nước Câu-lưu-sa, trú xứ Kiếp-ma-sa[2], cùng với chúng Đại Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi người.

Bấy giờ, A-nan ở tại chỗ thanh vắng suy nghĩ: "Kỳ diệu thay! Hy hữu thay! Ánh sáng của mười hai nhân duyên[3] mà Đức Thế Tôn đã dạy thật là sâu xa, khó hiểu! Nhưng theo ý ta quán xét thì như thấy ở trước mắt, có gì mà gọi là sâu xa?"

Rồi thì, A-nan liền rời khỏi tịnh thất đi đến chỗ Phật; đầu mặt lễ chân Phật, rồi ngồi sang một bên, bạch Thế Tôn rằng:

"Vừa rồi, ở nơi tịnh thất, con tự thầm nghĩ: 'Kỳ diệu thay! Hy hữu thay! Ánh sáng của mười hai nhân duyên mà Đức Thế Tôn đã dạy thật là sâu xa, khó hiểu! Nhưng theo ý con quán xét thì như thấy ở trước mắt, có gì mà gọi là sâu xa?'"

Bấy giờ, Phật bảo A-nan:

---

1. Bản Hán: *Phật Thuyết Trường A-hàm* "Đệ nhị phần Đại Duyên Phương Tiện kinh Đệ cửu". Tham chiếu, *Phật Thuyết Nhân Bổn Dục Sanh kinh*, Hậu Hán, An Thế Cao dịch (Đại I, tr. 241); *Trung A-hàm*, kinh số 97 "Đại Nhân kinh"; *Phật Thuyết Đại Sanh Nghĩa kinh*, Tống Thi Hộ dịch (Đại I, tr. 844); Pāli, D. 15, Deva Dig ii. 2, Mahānidāna-suttanta; Trường I, tr.511.

2. Câu-lưu-sa quốc Kiếp-ma-sa trú xứ 拘流沙國劫摩沙住處; Pāli: Kurūsu viharati Kammāsadhammaṃ nāma Kurūnaṃ nigamo, trú giữa những người Kuru, tại một ấp của người Kuru gọi là Kammāsadhamma.

3. Thập nhị nhân duyên chi quang minh thậm thâm nan giải 十二因緣之光明甚深難解; Pāli: yāva gambīro cāyaṃ, bhante, paṭiccasamuppādo gambīrāvabhāso ca, lý duyên khởi thật sâu xa, sự biểu hiện cũng rất sâu xa. Trường II, sđd.: "giáo pháp Duyên khởi này thâm thúy, thật sự thâm thúy…". Tham chiếu, *Trung A-hàm,* sđd.: Thử duyên khởi thậm kỳ; cực thậm thâm; minh diệc thậm thâm 此緣起甚奇極甚深明亦甚深: duyên khởi này thật kỳ diệu, rất sâu thẳm; ánh sáng của nó cũng rất sâu thẳm.

"Thôi, thôi, A-nan! Chớ nói như vậy. Ánh sáng của mười hai nhân duyên rất sâu xa, khó hiểu. Mười hai nhân duyên này khó thấy, khó biết. Chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn, những người chưa thấy duyên, nếu muốn tư lương, quán sát, phân biệt nghĩa lý của nó, đều bị hoang mê không thể thấy nổi.

"Này A-nan, nay Ta nói với ngươi: Già chết có duyên[4]. Nếu có người hỏi: 'Cái gì là duyên của già chết?' Hãy trả lời người ấy: 'Sanh là duyên của già chết.[5]' Nếu lại hỏi: 'Cái gì là duyên của sanh.' Hãy trả lời: 'Hữu là duyên của sanh.[6] ' Nếu lại hỏi: 'Cái gì là duyên của hữu?' Hãy trả lời: 'Thủ là duyên của hữu.[7] ' Nếu lại hỏi: 'Cái gì là duyên của thủ?' Hãy trả lời: 'Ái là duyên của thủ.' Nếu lại hỏi: 'Cái gì là duyên của ái?' Hãy trả lời: 'Thọ là duyên của ái.' Nếu lại hỏi: 'Cái gì là duyên của thọ?' Hãy trả lời: 'Xúc là duyên của thọ.[8]' Nếu lại hỏi: 'Cái gì là duyên của xúc?' Hãy trả lời: 'Lục nhập là duyên của xúc.[9] ' Nếu lại hỏi: 'Cái gì là duyên của lục nhập?' Hãy trả lời: 'Danh sắc là duyên của lục nhập.' Nếu lại hỏi: 'Cái gì là duyên của danh sắc?' Hãy trả lời: 'Thức là duyên của danh sắc.[10]' Nếu lại hỏi: 'Cái gì là duyên của thức?' Hãy trả lời: 'Hành là duyên của thức.[11]' Nếu lại hỏi: 'Cái gì là duyên của hành?' Hãy trả lời: 'Vô minh[12] là duyên của hành.'

---

4. Pāli: atthi idappaccayā jaramaraṇaṃ, do cái này làm điều kiện mà có già và chết.

5. Pāli: jātipaccayā jarāmaraṇaṃ, do điều kiện là sanh mà có già chết.

6. Pāli: bhavapaccayā jāti, do điều kiện là hữu mà có sanh.

7. Pāli: upādānapaccayā bhavo, do điều kiện là thủ mà có hữu.

8. Pāli: phassapaccayā vedanā, do điều kiện là xúc cảm mà có cảm thọ.

9. Hán: lục nhập 六入, thường nói là lục xứ 六處 (Pāli: saḷāyatana). Nhưng, đặc biệt cần lưu ý trong bản Pāli tương đương, D.15 (Deva Dig ii. 2, tr.45, Trường I, tr.513).: nāmarūpapaccayā phasso, do điều kiện là danh sắc mà có xúc. Trong khi, D.14 Mahāpadāna-suttanta (sđd.: tr.26): saḷāyatane kho sati phasso hoti, saḷāyatanapaccayā phasso, khi sáu xứ hiện hữu thì xúc hiện hữu; do điều kiện là sáu xứ mà có xúc.

10. Pāli: viññāṇapaccayā nāmarūpaṃ, do điều kiện là thức mà có danh sắc.

11. Các bản Pāli tương đương (sđd.) đều nói: nāmarūpapaccayā viññāṇaṃ, do điều kiện là danh sắc mà có thức. Tham chiếu, D.14, sđd.: kimhi nu kho sati viññāṇaṃ hoti, kiṃpaccayā viññāṇaṃ ti? (…) nāmarūpe kho sati viññāṇaṃ hoti, nāmarūpapaccayā viññāṇaṃ ti: cái gì có thì thức có? Do danh sắc có mà thức có. Do điều kiện là danh sắc mà có thức. Lưu ý, trong các bản Pāli dẫn trên, không đề cập đến hai chi cuối, hành (saṅkhāra) và vô minh (avijjā).

12. Hán: si 痴.

"Này A-nan, như vậy duyên vô minh có hành, duyên hành có thức, duyên thức có danh sắc, duyên danh sắc có lục nhập, duyên lục nhập có xúc, duyên xúc có thọ, duyên thọ có ái, duyên ái có thủ, duyên thủ có hữu, duyên hữu có sanh, duyên sanh có già chết, lo, rầu, khổ não, tập thành một khối đại hoạn. Đó là duyên của cái đại khổ ấm vậy[13].

"Này A-nan, duyên sanh có già chết: điều này có ý nghĩa gì? Giả sử hết thảy chúng sanh không có sanh, thì có già chết không?"

"A-nan đáp: "Không".

"Vậy nên, A-nan, Ta do lẽ đó, biết già chết do sanh, duyên sanh có già chết, nghĩa của Ta nói thế đó.

"Lại nữa, này A-nan, duyên hữu mà có sanh là nghĩa thế nào? Giả sử hết thảy chúng sanh không có dục hữu, sắc hữu, vô sắc hữu[14], thế thì có sanh không?"

Đáp: "Không".

"Này A-nan, Ta do lẽ đó, biết sanh do hữu, duyên hữu có sanh. Điều mà Ta nói, ý nghĩa là ở đó.

"Lại nữa, này A-nan, duyên thủ mà có hữu là nghĩa thế nào? Giả sử hết thảy chúng sanh không có dục thủ, kiến thủ, giới thủ, ngã thủ[15], thế thì có hữu không?"

Đáp: "Không".

"Này A-nan, Ta do lẽ đó, biết hữu do thủ, duyên thủ có hữu. Nghĩa của Ta nói tại đó.

"Lại nữa, này A-nan, duyên ái mà có thủ là nghĩa thế nào? Giả sử hết thảy chúng sanh không có dục ái, hữu ái, vô hữu ái[16], thế thì có thủ không?"

---

13. Pāli: evam etassa kevalassa dukkhakkhandassa samudayo hoti, đó là sự tập khởi của khối đau khổ toàn diện này.

14. Dục hữu, sắc hữu, vô sắc hữu 欲有色有無色有; Pāli: kāma-bhava, rūpa-bhava, arūpa-bhava.

15. Dục thủ, kiến thủ, giới (cấm) thủ, ngã (ngữ) thủ 欲取見取戒禁取我語取; Pāli: kāmupādānaṃ vā diṭṭhupādānaṃ vā sīlabbatupādānaṃ vā attavādupādānaṃ vā.

16. Dục ái, hữu ái, vô hữu ái 欲愛有愛無有愛; Pāli: seyyathidaṃ rūpataṇhā saddataṇhā gandhataṇhā rasataṇhā phoṭṭabbataṇhā dhammataṇhā, như sắc ái, thanh ái, hương ái, vị ái, xúc ái, pháp ái.

Đáp: "Không".

"Này A-nan, Ta do lẽ đó, biết thủ do ái, duyên ái có thủ. Nghĩa của Ta nói tại đó.

"Lại nữa, này A-nan, duyên thọ mà có ái, là nghĩa thế nào? Giả sử hết thảy chúng sanh không có cảm thọ lạc, cảm thọ khổ, cảm thọ không lạc không khổ[17], thế thì có ái không?"

Đáp: "Không".

"Này A-nan, Ta do lẽ đó, biết ái do thọ, duyên thọ có ái. Nghĩa của Ta nói tại đó.

"A-nan, nên biết, nhân tham ái mà có tìm cầu, nhân tìm cầu mà đắc lợi, nhân đắc lợi mà thọ dụng, nhân thọ dụng mà tham muốn, nhân tham muốn mà đắm trước, nhân đắm trước mà tật đố, nhân tật đố mà quản thủ, nhân quản thủ mà bảo hộ[18]. Này A-nan! Do bảo hộ nên mới có dao gậy, tranh cãi, gây vô số điều ác. Nghĩa của ta nói là ở đó. Này A-nan! Nghĩa đó thế nào? Giả sử hết thảy chúng sanh không bảo hộ thế thì có dao gậy, tranh cãi, gây ra vô số ác không?"

Đáp: "Không".

"Này A-nan, Ta do lẽ đó, biết dao gậy, tranh cãi là do tâm bảo hộ, nhân tâm bảo hộ mà sinh ra. Nghĩa của Ta nói là ở đó. Lại này A-nan, nhân quản thủ mà có bảo hộ là nghĩa thế nào? Giả sử chúng sanh không tâm quản thủ thế thì có bảo hộ không?"

Đáp: "Không".

"Này A-nan! Ta do lẽ đó, biết có bảo hộ là do quản thủ; nhân quản thủ mà có sự bảo hộ. Nghĩa của Ta nói là ở đó. Lại này A-nan! Nhân tật đố có quản thủ là nghĩa thế nào? Giả sử chúng sanh không tâm tật đố thế thì có quản thủ không?"

Đáp: "Không".

---

17. Lạc thọ, khổ thọ, baát khổ baát lạc thọ 樂受苦受不苦不樂受; Pāli: cakkhusamphassajā vedanā sotasamphassajā vedanā ghānasamphassajā vedanā jivhāsamphassajā vedanā kāyasamphassajā vedanā manosamphassajā vedanā: cảm thọ phát sanh từ con mắt, cảm thọ phát sanh từ tai, cảm thọ phát sanh từ mũi, cảm thọ phát sanh từ lưỡi, cảm thọ phát sanh từ thân, cảm thọ phát sanh từ ý.

18. Chuỗi quan hệ: aùi 愛, caàu 求, lợi 利, dụng 用, dục 欲, trươùc 著, tật 嫉, thủ 守, hộ 護; Pāli: taòhā (khát ái), pariyesanā (tìm cầu), lābho (thủ đắc), vinicchayo (quyết định, sử dụng), chandarāgo (ham muốn), ajjhosānaṃ (đắm trước), pariggaho (giữ chặt), macchariyaṃ (keo kiệt), ārakkho (bảo vệ).

"Này A-nan! Ta do lẽ đó, biết quản thủ do tật đố; nhân tật đố mà có quản thủ. Nghĩa của ta nói là ở đó. Lại này A-nan! Nhân đắm trước mà có tật đố là nghĩa thế nào? Giả sử chúng sanh không đắm trước thế thì có tật đố không?"

Đáp: "Không".

"Này A-nan! Ta do lẽ đó, biết tật đố do đắm trước; nhân đắm trước mà có tật đố. Nghĩa của Ta nói là ở đó. Lại này A-nan! Nhân ham muốn mà có đắm trước là nghĩa thế nào? Giả sử chúng sanh không ham muốn thế thì có đắm trước không?"

Đáp: "Không".

"Này A-nan! Ta do lẽ đó, biết đắm trước do ham muốn; nhân ham muốn mà có đắm trước. Nghĩa của Ta nói là ở đó. Lại này A-nan! Nhân thọ dụng mà có ham muốn là nghĩa thế nào? Giả sử chúng sanh không thọ dụng thế thì có ham muốn không?"

Đáp: "Không".

"Này A-nan! Ta do lẽ đó, biết ham muốn do thọ dụng; nhân thọ dụng mà có ham muốn. Nghĩa của Ta nói là ở đó. Lại này A-nan! Nhân đắc lợi mà có thọ dụng là nghĩa thế nào? Giả sử chúng sanh không đắc lợi thế thì có thọ dụng không?"

Đáp: "Không".

"Này A-nan! Ta do lẽ đó, biết thọ dụng do đắc lợi; nhân đắc lợi mà có thọ dụng. Nghĩa của Ta nói là ở đó. Lại này A-nan! Nhân tìm cầu mà có đắc lợi là nghĩa thế nào? Giả sử chúng sanh không tìm cầu thế thì có đắc lợi không?"

Đáp: "Không".

"Này A-nan! Ta do lẽ đó, biết đắc lợi do tìm cầu; nhân tìm cầu mà có đắc lợi. Nghĩa của Ta nói là ở đó. Lại này A-nan! Nhân tham ái mà có tìm cầu là nghĩa thế nào? Giả sử chúng sanh không tham ái thế thì có tìm cầu không?

Đáp: "Không".

"Này A-nan! Ta do lẽ đó, biết tìm cầu do tham ái; nhân tham ái mà có tìm cầu. Điều mà Ta nói, ý nghĩa là ở đó."

Lại bảo A-nan:

"Nhân tham ái mà có tìm cầu, cho đến có thủ hộ. Thọ cũng vậy. Nhân thọ có tìm cầu, cho đến thủ hộ."

Phật lại bảo A-nan:

"Duyên xúc mà có thọ, là nghĩa thế nào? Giả sử không có con mắt, không có sắc, không có thức con mắt, thế thì có xúc không?"

Đáp: "Không".

"Nếu không có tai, không có tiếng, không có thức của tai; không có mũi, không có hương, không có thức của mũi; không có lưỡi, không có vị, không có thức của lưỡi; không có thân, xúc, thức của thân; không có ý, pháp, ý thức, thế thì có xúc không?"

Đáp: "Không".

"Này A-nan! Giả sử chúng sanh không có xúc, thế thì có thọ không?"

Đáp: "Không".

"A-nan, Ta do nghĩa đó, biết thọ do xúc; duyên xúc mà có thọ. Điều mà Ta nói, ý nghĩa là ở đó.

"Này A-nan! Duyên danh sắc mà có xúc, là nghĩa thế nào? Giả sử chúng sanh không có danh sắc, thế thì có tâm xúc[19] không?"

Đáp: "Không".

"Nếu chúng sanh không có hình sắc, tướng mạo, thế thì có thân xúc không?[20]"

Đáp: "Không".

"Nếu không có danh sắc, thế thì có xúc không?"

Đáp: "Không".

"A-nan, Ta do lẽ đó, biết xúc do danh sắc; duyên danh sắc mà có xúc. Điều mà Ta nói, ý nghĩa là ở đó.

"Này A-nan, duyên thức mà có danh sắc, là nghĩa thế nào? Nếu

---

19. Hán: tâm xúc 心 觸. Tham chiếu Pāli: yehi … ākārehi yehi liṅgehi yehi nimittehi yehi uddesehi nāmakāyassa paññatti hoti, tesu (…) asati api nu kho rūpakāye adhivacanasamphasso paññāyethā ti? Với những hình thái, dấu hiệu, hình tướng, biểu hiện, mà danh thân được khái niệm, nếu những hình thái ấy không tồn tại, thì có thể có khái niệm về xúc cảm tinh thần nơi sắc thân được không? adhivacana-samphassa: tăng ngữ xúc, danh mục xúc, sự xúc chạm do bởi các yếu tố tinh thần hay tâm lý; tương đối với paṭigha-samphassa, hữu đối xúc.

20. Hán: thân xúc 身 觸. Tham chiếu Pāli: yehi … ākārehi yehi liṅgehi yehi nimittehi yehi uddesehi rūpakāyassa paññatti hoti, tesu (…) asati api nu kho nāmakāye paṭighasamphasso paññāyethā ti? Với những hình thái, những dấu hiệu, những hình tướng, những biểu hiện mà có khái niệm về sắc thân; nếu những cái ấy không tồn tại, thì có thể có khái niệm về xúc cảm bởi vật chất nơi danh thân được không; paṭigha-samphassa: xúc cảm hay xúc chạm do đối ngại, tức sự tiếp xúc bởi vật chất, trái với adhivacana-samphassa, sự tiếp xúc bởi tinh thần.

thức không nhập thai mẹ thì có danh sắc không?"

Đáp: "Không".

"Nếu thức nhập thai mẹ rồi không sinh ra[21], thế thì có danh sắc không?"

Đáp: "Không".

"Nếu thức ra khỏi thai mẹ mà đứa hài nhi bị hỏng thì danh sắc có được tăng trưởng không?"

Đáp: "Không".

"A-nan, nếu không có thức, thế thì có danh sắc không?"

Đáp: "Không".

"A-nan, Ta do lẽ đó, biết danh sắc do thức; duyên thức mà có danh sắc. Nghĩa của ta nói là ở đó.

"A-nan, duyên danh sắc có thức là nghĩa thế nào? Nếu thức không trụ nơi danh sắc thời thức không có trú xứ. Nếu thức không có trú xứ, thế thì có sanh, già, bệnh, chết, ưu bi khổ não không?"

Đáp: "Không".

"Này A-nan, nếu không danh sắc thì có thức không?"

Đáp: "Không".

"A-nan, Ta do lẽ đó, biết thức do danh sắc; duyên danh sắc mà có thức. Nghĩa của Ta nói là ở đó. Vậy nên, danh sắc duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên già chết, ưu bi khổ não, tập thành một đại khổ ấm.

"Này A-nan, trong giới hạn ấy là ngôn ngữ, trong giới hạn ấy là sự thích ứng, trong giới hạn ấy là hạn lượng, trong giới hạn ấy là sự phô diễn, trong giới hạn ấy là trí quán, trong giới hạn ấy là chúng sanh[22].

---

21. Hán: nhập thai bất xuất 入胎不出; Pāli: viññāṇaṃ mātukucchismiṃ okkamitvā vokkamissatha, sau khi vào thai mẹ mà lại ra (bị trụy thai).

22. Hán: tề thị vi ngữ, tề thị vi ứng, tề thị vi hạn, tề thị vi diễn thuyết, tề thị vi trí quán, tề thị vi chúng sanh 齊是為語齊是為應齊是為限齊是為演說齊是為智觀齊是為眾生; Pāli: ettātavā adhivacanapatho, ettāvatā niruttipatho, ettāvatā paññattipatho, ettāvatā paññāvacaraṃ, ettāvatā vaṭṭaṃ vattati itthattaṃ paññāpānāya yadidaṃ nāmarūpaṃ saha viññaṇa aññamaññapaccayatā pavattati, trong giới hạn ấy là con đường của danh ngôn; … là con đường của ngữ nghĩa, … là con đường của sự giả lập, … là cảnh giới của trí tuệ, là sự lưu chuyển luân

"Này A-nan, các Tỳ-kheo nào ở trong pháp này mà như thật chánh quán, với tâm giải thoát vô lậu, Tỳ-kheo ấy được gọi là tuệ giải thoát[23]. Đối với Tỳ-kheo giải thoát như vậy, Như Lai chung tuyệt cũng được biết, Như Lai không chung tuyệt cũng được biết, Như Lai vừa chung tuyệt vừa không chung tuyệt cũng được biết, Như Lai chẳng phải chung tuyệt chẳng phải không chung tuyệt cũng được biết. Vì sao? Này A-nan, trong giới hạn ấy là ngôn ngữ, trong giới hạn ấy là sự thích ứng, trong giới hạn ấy là hạn lượng, trong giới hạn ấy là sự phô diễn, trong giới hạn ấy là trí quán, trong giới hạn ấy là chúng sanh. Sau khi đã hiểu biết tận cùng, Tỳ-kheo với tâm giải thoát vô lậu không biết không thấy tri kiến như vậy[24].

"Này A-nan, đối với những người chấp ngã, cho đến mức nào thì được gọi là ngã kiến? Danh sắc và thọ đều được chấp là ngã.

"Có người nói, 'thọ không phải ngã; ngã là thọ.' Có người nói, 'thọ không phải ngã, ngã không phải thọ; nhưng thọ pháp là ngã.' Có người nói, 'thọ không phải ngã, ngã không phải thọ, thọ pháp không phải ngã; nhưng thọ là ngã[25]'.

---

hồi để giả lập thế giới này, tức là danh sắc cùng với thức xoay chuyển làm điều kiện cho nhau.

23. Tuệ giải thoát (Pāli: paññā-vimutti), chỉ vị A-la-hán do tuệ mà đoạn trừ sở tri chướng, chứng đắc giải thoát; khác với vị A-la-hán do định mà đoạn trừ phiền não chướng, chứng đắc giải thoát và được gọi là tâm giải thoát (Pāli: citta-vimutti).

24. Hán: (…) bất tri bất kiến như thị tri kiến 不知不見如是知見; tham chiếu Pāli: evaṃ vimutticittaṃ… bhikkhuṃ yo evaṃ vadeyya: 'hoti Tathāga(…) tadabhiññāvimuttaṃ bhikkhuṃ yo paraṃ maraṇā(…)' itissa diṭṭhī ti, tadakallaṃ, 'na jānāti na passati itissa diṭṭhī' ti, tadakallaṃ: ai nói, Tỳ-kheo với tâm giải thoát như vậy có quan điểm rằng 'Như Lai tồn tại sau khi chết (…)', người ấy sai lầm. (…). Nói rằng, Tỳ-kheo với thắng trí giải thoát như vậy mà 'không biết, không thấy quan điểm như vậy'; điều ấy sai lầm.

25. Bốn quan điểm về tự ngã theo bản Hán: thọ thị ngã 受是我; thọ phi ngã, ngã thị thọ 受非我我是受; thọ phi ngã, ngã phi thọ, thọ pháp thị ngã 受非我我非受受法是我; thọ phi ngã, ngã phi thọ, thọ pháp phi ngã, đản thọ (bản khác: ái) thị ngã 受非我我非受受法非我但受(愛)是我. Đối chiếu Pāli: vedanā me attā ti: na heva kho me vedanā attā, appaṭisaṃvedano me attā; na heva kho pana vedanā attā, no pi appaṭisaṃvedano ime attā, attā me vediyate, vedanādhammo hi me attā, thọ là tự ngã của tôi; thọ không phải là tự ngã của tôi, (vì) tự ngã của tôi không cảm thọ; không phải thọ là tự ngã của tôi, cũng không phải tự ngã của tôi không có cảm thọ, (nhưng)

"Này A-nan, đối với người thấy có ngã, nói rằng 'thọ là ngã', hãy nói với người ấy: Như Lai nói có ba thọ là cảm thọ lạc, cảm thọ khổ, cảm thọ không lạc không khổ. Trong lúc hiện hữu thọ lạc thì không có thọ khổ, thọ không lạc không khổ. Trong khi hiện hữu thọ khổ thì không có thọ lạc, thọ không lạc không khổ. Trong lúc hiện hữu thọ không lạc không khổ thì không có thọ lạc, thọ khổ. Sở dĩ như vậy, A-nan, là vì do duyên là cảm xúc lạc mà phát sanh thọ lạc. Nếu cảm xúc lạc diệt mất, thì cảm thọ lạc cũng diệt mất. A-nan, do duyên là cảm xúc khổ mà phát sinh cảm thọ khổ. Nếu cảm xúc khổ diệt mất thì cảm thọ khổ cũng diệt mất. Này A-nan, do duyên là cảm xúc không lạc không khổ mà phát sanh thọ không lạc không khổ. Nếu cảm xúc không lạc không khổ diệt mất thì cảm thọ không lạc không khổ cũng diệt mất. A-nan, ví như hai khúc cây cọ lại với nhau thì lửa bật ra, hai khúc cây rời nhau thì lửa không có. Ở đây cũng vậy, nhân bởi duyên là cảm xúc lạc mà cảm thọ lạc phát sanh; nếu cảm xúc lạc diệt thì cảm thọ cũng đồng thời diệt. Nhân bởi duyên là cảm xúc khổ mà cảm thọ khổ phát sanh; nếu cảm xúc khổ diệt thì thọ cũng đồng thời diệt. Nhân bởi duyên là cảm xúc không lạc không khổ mà cảm thọ không lạc không khổ phát sanh; nếu cảm xúc không lạc không khổ diệt thì thọ cũng đồng thời diệt. Này A-nan! Ba thọ đó là hữu vi, vô thường, do nhân duyên sanh, là pháp phải tận, phải diệt, là pháp hủ hoại, nó chẳng phải sở hữu của ngã; ngã không phải là sở hữu của nó. Hãy chánh quán điều đó một cách như thật với chánh trí. A-nan, ai thấy có ngã, cho rằng 'thọ là ngã', người ấy sai lầm.

"A-nan, với những ai thấy có ngã, nói rằng, 'thọ không phải là ngã; ngã là thọ', hãy nói với người ấy rằng: Như Lai nói có ba thọ: thọ khổ, thọ lạc, thọ không khổ không lạc. Nếu thọ lạc là ngã; khi thọ lạc diệt mất, sẽ có hai ngã. Điều ấy sai lầm. Nếu thọ khổ là ngã; khi thọ khổ diệt mất thì sẽ có hai ngã. Điều ấy sai lầm. Nếu thọ không lạc không khổ là ngã; khi thọ không lạc không khổ diệt, thì sẽ có hai ngã. Điều ấy sai lầm. A-nan, những ai thấy có ngã, nói rằng 'thọ không phải là ngã; ngã là thọ', người ấy sai lầm.

"A-nan, với những ai chủ trương có ngã, nói rằng: 'Thọ không phải là ngã, ngã không phải là thọ; thọ pháp là ngã', hãy nói với người ấy rằng: 'Hết thảy không thọ, làm sao ông nói được có thọ pháp. Ông

ngã của tôi được cảm thọ, pháp cảm thọ là tự ngã của tôi.

là thọ pháp chăng'[26]? Đáp: 'Không phải.'

"Vì vậy, A-nan, những ai chủ trương có ngã, nói rằng: 'thọ không phải là ngã, ngã không phải là thọ; thọ pháp là ngã', người ấy sai lầm.

"A-nan, với những ai chủ trương có ngã, nói rằng: 'thọ không phải là ngã, thọ pháp không phải là ngã; nhưng thọ là ngã[27] ", nên nói với người ấy: 'Hết thảy không có thọ, làm sao có thọ. Ông chính là thọ chăng?[28] ' Đáp: 'Không phải.' Vì vậy, A-nan, những ai chủ trương có ngã, nói rằng: 'thọ không phải là ngã, ngã không phải là thọ, thọ pháp không phải là ngã; thọ là ngã', người ấy sai lầm.

"A-nan, trong giới hạn ấy là ngôn ngữ; trong giới hạn ấy là sự thích ứng; trong giới hạn ấy là hạn lượng; trong giới hạn ấy là sự phô diễn; trong giới hạn ấy là trí quán; trong giới hạn ấy là chúng sanh.

"A-nan, các Tỳ-kheo ở trong pháp này mà như thật chánh quán, với tâm giải thoát vô lậu, A-nan, Tỳ-kheo ấy được gọi là tuệ giải thoát. Với Tỳ-kheo tâm giải thoát như vậy, có ngã cũng được biết, không có ngã cũng được biết, vừa có ngã vừa không có ngã cũng được biết, không phải có ngã không phải không có ngã cũng được biết. Vì sao? Này A-nan, trong giới hạn ấy là ngôn ngữ; trong giới hạn ấy là sự thích ứng; trong giới hạn ấy là hạn lượng; trong giới hạn ấy là sự phô diễn; trong giới hạn ấy là trí quán; trong giới hạn ấy là chúng sanh. Sau khi biết rõ thấu suốt như vậy, Tỳ-kheo với tâm giải thoát vô lậu không biết

---

26. Pāli: yattha … sabbaso vedayitaṃ natthi api nu kho, tattha ayam aham asmī ti siyā ti? Nơi nào mà hoàn toàn không có cái gì được cảm thọ, nơi ấy có thể quan niệm rằng: 'Tôi đang hiện hữu' được chăng?

27. Bản Cao ly: ái thị ngã 愛是我. Các bản TNM: thọ 受.

28. Đoạn văn Hán hơi tối nghĩa. Đại loại, gần giống với phát biểu trên, chỉ khác câu cuối, mà bản Cao ly chép là ái, các bản TNM chép là thọ. Tham chiếu Pāli: yo so evam āha: 'na heva kho me vedanā attā, no pi appaṭisaṃvedano me attā, attā me vedayati, vedanādhammo hi me attā' ti, so evam assa vacanīyo-'vedanā ca hi, āvuso, sabbena sabbaṃ sabbathā sabbaṃ aparisesā nirujjheyyuṃ, sabbaso vedanāya asati vedanānirodhā api nu kho tattha ayam aham asmī tisiyā' ti? Với ai nói rằng, thọ không phải là tự ngã của tôi, cũng không phải tự ngã của tôi không có cảm thọ; tự ngã của tôi được cảm thọ, pháp cảm thọ là tự ngã của tôi', nên nói với người ấy rằng: "Này bạn, nếu tất cả các loại cảm thọ, một cách triệt để, đều bị diệt hoàn toàn; vậy trong khi cảm thọ không tồn tại, cảm thọ diệt, thế thì ở đó có thể nói: 'tôi đang hiện hữu' được chăng?"

không thấy tri kiến như vậy."

Phật nói A-nan:

"Với những người chủ trương có ngã, cho đến giới hạn nào thì được xác định?"

"Với những người chủ trương có ngã, hoặc nói: 'Một ít sắc là ngã'; hoặc nói: 'Phần lớn sắc là ngã'; hoặc nói: 'Một ít vô sắc là ngã'; hoặc nói: 'Phần lớn vô sắc là ngã'[29].

"A-nan, những người nói một ít sắc là ngã, xác định chỉ một ít sắc là ngã; sở kiến của ta là đúng, ngoài ra đều sai. Những người nói phần lớn sắc là ngã, xác định phần lớn sắc là ngã; sở kiến của ta là đúng, ngoài ra đều sai. Những người nói một ít vô sắc là ngã, xác định chỉ một ít vô sắc là ngã; sở kiến của ta là đúng, ngoài ra đều sai. Những người nói phần lớn vô sắc là ngã, xác định phần lớn vô sắc là ngã; sở kiến của ta là đúng, ngoài ra đều sai."

Phật nói với A-nan:

"Có bảy trú xứ của thức[30] và hai nhập xứ[31], mà các Sa-môn, Bà-la-môn nói: 'Chỗ này là nơi an ổn, nơi cứu vớt, nơi hộ trì; là cái nhà, là ngọn đèn, là ánh sáng, là nơi qui tựa, là không hư dối, là không phiền não.'

"Những gì là bảy? Hoặc có hạng chúng sanh, với nhiều thân khác nhau và nhiều tưởng khác nhau, tức chư Thiên và loài Người. Đó là trú xứ thứ nhất của thức, mà các Sa-môn, Bà-la-môn nói: 'Chỗ này là nơi an ổn, nơi cứu vớt, nơi hộ trì; là cái nhà, là ngọn đèn, là ánh sáng, là nơi qui tựa, là không hư dối, là không phiền não.' Này A-nan, nếu Tỳ-kheo biết trú xứ thứ nhất của thức, biết sự tập khởi, biết sự diệt trừ, biết vị ngọt, biết sự tai hại, biết sự xuất ly, biết một cách như thật; A-nan,

---

29. Hán: thiểu sắc thị ngã 少色是我; Pāli: rūpī me paritto attā, tự ngã của tôi là có sắc, có hạn lượng. Hán: đa sắc thị ngã 多色是我; Pāli: rūpī me ananto attā, tự ngã của tôi có sắc, không hạn lượng. Hán: thiểu vô sắc thị ngã 少無色是我; Pāli: arūpī me paritto attā, tự ngã của tôi là vô sắc, có hạn lượng. Hán: đa vô sắc thị ngã 多無色是我; Pāli: arūpī me ananto attā, tự ngã của tôi là vô sắc, không hạn lượng.

30. Thất thức trú 七識住; Pāli: satta viññāṇaṭṭhitiyo, bảy trạng thái tồn tại của thức. Tham chieáu caùc kinh số 9 "Chúng Tập", số 10 "Thập Thượng", số 11 "Tăng Nhất", mục Bảy pháp.

31. Nhị nhập xứ; Pāli: dve āyatanāni.

Tỳ-kheo ấy nói: 'Cái ấy không phải là ta. Ta không phải là cái ấy'[32] với tri kiến như thật.

"Hoặc có hạng chúng sanh với thân đồng nhất nhưng với nhiều tưởng khác nhau, như trời Quang âm. Hoặc có hạng chúng sanh với thân đồng nhất, tưởng đồng nhất, tức trời Biến tịnh. Hoặc có hạng chúng sanh trú nơi Không xứ. Hoặc có hạng chúng sanh trú nơi Thức xứ. Hoặc có hạng chúng sanh trú nơi Vô sở hữu xứ. Đó là bảy trú xứ của thức mà các Sa-môn, Bà-la-môn nói: 'Chỗ này là nơi an ổn, nơi cứu vớt, nơi hộ trì; là cái nhà, là ngọn đèn, là ánh sáng, là nơi qui tựa, là không hư dối, là không phiền não.' Này A-nan, nếu Tỳ-kheo biết bảy trú xứ của thức, biết sự tập khởi, biết sự diệt trừ, biết vị ngọt, biết sự tai hại, biết sự xuất ly, biết một cách như thật; A-nan, Tỳ-kheo ấy nói: 'Cái ấy không phải là ta. Ta không phải là cái ấy'[33] với tri kiến như thật.

"Thế nào là hai nhập xứ? Vô tưởng nhập và phi tưởng phi vô tưởng nhập[34]. A-nan, đó là hai nhập xứ mà các Sa-môn, Bà-la-môn nói: 'Chỗ này là nơi an ổn, nơi cứu vớt, nơi hộ trì; là cái nhà, là ngọn đèn, là ánh sáng, là nơi qui tựa, là không hư dối, là không phiền não.' Này A-nan, nếu Tỳ-kheo biết hai nhập xứ, biết sự tập khởi, biết sự diệt trừ, biết vị ngọt, biết sự tai hại, biết sự xuất ly, biết một cách như thật; A-nan, Tỳ-kheo ấy nói: 'Cái ấy không phải là ta. Ta không phải là cái ấy'[35] với tri kiến như thật.

"A-nan, lại có tám giải thoát[36]. Những gì là tám? Có sắc, quán sắc là giải thoát thứ nhất. Bên trong có sắc tưởng, quán ngoại sắc là giải thoát thứ hai. Tịnh giải thoát là giải thoát thứ ba. Vượt sắc tưởng, diệt hữu đối tưởng, không niệm tạp tưởng, an trú Không xứ là giải thoát thứ tư. Vượt Không xứ, an trú Thức xứ là giải thoát thứ năm. Vượt

---

32. Hán: bỉ phi ngã, ngã phi bỉ 彼非我我非彼. Tham chiếu Pāli: (…) kallaṃ nu tena tad abhinandituṃ ti? Có thích hợp chăng nếu vị ấy thích thú với trú xứ này?

33. Hán: bỉ phi ngã, ngã phi bỉ 彼非我我非彼. Tham chiếu Pāli: (…) kallaṃ nu tena tad abhinandituṃ ti? Có thích hợp chăng nếu vị ấy thích thú với trú xứ này?

34. Vô tưởng nhập 無想入; Pāli: asaññāsattāyatanaṃ, cảnh vực của chúng sanh không có tưởng. Hán: phi tưởng phi vô tưởng nhập 非想非無想入; Pāli: nevasaññānāsaññāyatanaṃ, cảnh vực phi có tưởng phi không có tưởng.

35. Hán: bỉ phi ngã, ngã phi bỉ 彼非我我非彼. Tham chiếu Pāli: (…) kallaṃ nu tena tadbhinandituṃ ti? Có thích hợp chăng nếu vị ấy thích thú với trú xứ này?

36. Xem các kinh: số 9 "Chúng Tập", số 10 "Thập Thượng".

thức xứ, an trú Vô sở hữu xứ là giải thoát thứ sáu. Vượt Vô sở hữu xứ, an trú Phi tưởng phi phi tưởng xứ là giải thoát thứ bảy. Diệt tận định là giải thoát thứ tám. A-nan, các Tỳ-kheo đối với tám giải thoát này du hành theo chiều thuận và nghịch, xuất nhập tự tại, Tỳ-kheo như vậy chứng đắc Câu giải thoát[37].”

Bấy giờ, A-nan sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

❑

[37.] Câu giải thoát, cũng nói là Câu phần giải thoát 俱分解脫 (Pāli: ubhatobhāga-vimutti), chỉ vị A-la-hán chứng đắc Diệt tận định, với hai phần giải thoát là Tâm giải thoát (Pāli: citta-vimutti) và Tuệ giải thoát (paññā-vimutti).

14. THÍCH ĐỀ-HOÀN NHÂN VẤN[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở tại nước Ma-kiệt-đà, trong hang Nhân-đà-bà-la, núi Tỳ-la, phía Bắc thôn Am-bà-la[2].

Bấy giờ, Thích Đề-hoàn Nhân[3] phát khởi thiện tâm vi diệu, muốn đến thăm Phật: "Nay ta hãy đi đến chỗ Thế Tôn".

Khi ấy, chư Thiên Đao-lợi[4] hay rằng Thích Đề-hoàn Nhân phát khởi thiện tâm vi diệu muốn đi đến chỗ Phật, bèn tìm gặp Đế Thích, tâu rằng:

"Lành thay, Đế Thích! Ngài phát khởi thiện tâm vi diệu muốn đến Như Lai. Chúng tôi cũng rất vui sướng nếu được theo hầu ngài đi đến chỗ Thế Tôn."

Thích Đề-hoàn Nhân liền nói với thần chấp nhạc là Ban-giá-dực[5] rằng:

"Ta nay muốn đi đến chỗ Thế Tôn. Ngươi có thể đi theo. Chư Thiên Đao-lợi này cũng muốn theo ta đến chỗ Phật."

---

1. Bản Hán: *Phật Thuyết Trường A-hàm* "Đệ nhị phần Thích Đề-hoàn Nhân Vấn kinh Đệ thập". Tham chiếu, *Trung A-hàm*, kinh số 134 "Thích Vấn kinh", Đại No. 26(234); *Đế Thích Sở Vấn kinh,* Tống, Pháp Hiền dịch (Đại I, tr. 246); *Tạp Bảo Tạng*, kinh số 73", Đế Thích Vấn Sự Duyên kinh," Nguyên Ngụy, Cát-ca-dạ & Đàm-vô-sấm dịch (Đại IV, tr.476). Tương đương Pāli: D.21 (Deva Dig ii. 8) Sakka-pañhā-suttanta.

2. Ma-kiệt 摩竭; Pāli: Magadha; Am-bà 菴婆; Pāli: Amba; Nhân-đà-sa-la khốt 因陀娑羅窟; Pāli: Indasāla-gūha; núi Tỳ-đà 毗陀; Pāli: Vediyaka.

3. Thích Đề-hoàn Nhân 釋提桓因; Pāli: Sakka devānaṃ Inda, tổng thủ lãnh các thiền thần, tên Sakka; vua của chư Thiên cõi trời Tāvatiṃsā (Đao-lợi hay Tam thập tam). Gọi tắt Thiên Đế Thích 天帝釋, hay Đế Thích.

4. Đao-lợi 忉利, hay Tam thập tam 三十三; Pāli: Tāvatiṃsā.

5. Xem cht. 2, kinh số 3 "Điển Tôn".

Đáp: "Thưa vâng".

Rồi Ban-giá-dực cầm cây đàn lưu ly, ở trong chúng, trước mặt Đế Thích, gảy đàn cúng dường.

Rồi Thích Đề-hoàn Nhân, chư Thiên Đao-lợi, cùng Ban-giá-dực, bỗng nhiên biến mất khỏi Pháp đường. Trong khoảnh khắc như lực sĩ co duỗi cánh tay họ đến phía Bắc nước Ma-kiệt-đà, trong núi Tỳ-đà.

Bấy giờ Thế Tôn nhập hỏa diệm tam-muội, khiến cho cả núi Tỳ-đà đồng một màu lửa. Khi ấy, người trong nước thấy vậy, bảo nhau rằng:

"Núi Tỳ-đà này đồng một màu lửa. Phải chăng là do thần lực của chư Thiên?"

Bấy giờ, Thích Đề-hoàn Nhân nói với Ban-giá-dực rằng:

"Đức Như Lai, Chí Chân, rất khó được gặp. Nhưng nay có thể rũ lòng đi xuống chỗ thanh vắng này, lặng lẽ không tiếng động, làm bạn với muông thú. Chỗ này thường có các Đại Thiên thần thị vệ Thế Tôn. Ngươi hãy đi trước tấu đàn lưu ly để làm vui lòng Thế Tôn. Ta cùng chư Thiên sẽ đến sau."

Đáp: "Kính vâng".

Tức thì cầm đàn lưu ly đến Phật trước. Cách Phật không xa, ông tấu đàn lưu ly và hát lên bài kệ rằng:

Bạt-đà[6] *ơi, kính lễ phụ thân nàng.*
Cha nàng đẹp rực rỡ,
Sinh ra nàng cát tường
Tâm ta rất thương yêu.
Vốn do nhân duyên nhỏ,
Dục tâm[7] *sinh trong đó;*
Càng ngày càng lớn thêm.
Như cúng dường La-hán[8]*;*
Thích tử chuyên Tứ thiền,
Thường ưa chốn thanh vắng,
Chánh ý cầu cam lồ;
Tâm niệm ta cũng vậy.

6. Bạt-đà 跋陀; Pāli: Bhaddā, con gái của Timbaru, Chấp nhạc Thiên vương.
7. Chỉ tình yêu của nhạc thần với Thiên nữ.
8. Văn cú đảo trang. Mệnh đề chính: "Tâm niệm ta (niềm vui) cũng vậy, như...".

Năng Nhân phát đạo tâm,
Tất muốn thành Chánh giác;
Như tôi nay cũng vậy,
Ước hội họp với nàng.
Tâm tôi đã đắm đuối,
Yêu thương không dứt được;
Muốn bỏ, không thể bỏ,
Như voi bị móc câu.
Như nóng gặp gió mát;
Như khát gặp suối lạnh;
Như người nhập Niết-bàn;
Như nước rưới tắt lửa;
Như bệnh, gặp lương y;
Đói, gặp thức ăn ngon,
No đủ, khoái lạc sanh;
Như La-hán trú Pháp.
Như voi bị kềm chặt,
Mà vẫn chưa khứng phục,
Bươn chạy, khó chế ngự,
Buông lung chẳng chịu dừng.
Cũng như ao trong mát,
Mặt nước phủ đầy hoa;
Voi mệt, nóng, vào tắm,
Toàn thân cảm mát rượi.
Trước, sau, tôi bố thí,
Cúng dường các La-hán;
Phước báo có trong đời;
Thảy mong được cùng nàng.
Nàng chết, tôi cùng chết;
Không nàng, sống làm gì?
Chẳng thà tôi chết đi,
Còn hơn sống không nàng.
Chúa tể trời Đao-lợi,
Thích chúa[9]*, cho tôi nguyện.*
Tôi ngợi ca đủ lễ.

---

9. Thích, chỉ Thích Đề-hoàn Nhân.

Xin người suy xét kỹ.

Khi ấy, Thế Tôn từ tam-muội dậy, nói với Ban-giá-dực rằng:

"Lành thay, lành thay, Ban-giá-dực, ngươi đã có thể bằng âm thanh thanh tịnh cùng với đàn lưu ly mà tán thán Như Lai. Tiếng của đàn và giọng của ngươi không dài, không ngắn, buồn và thương uyển chuyển, làm rung động lòng người. Cây đàn mà ngươi tấu hàm đủ các ý nghĩa. Nó được nói là sự trói buộc của dục và cũng được nói là phạm hạnh, cũng được nói là Sa-môn, cũng được nói là Niết-bàn."

Khi ấy Ban-giá-dực bạch Phật rằng:

"Con nhớ lại, thuở xưa khi Thế Tôn vừa mới thành đạo dưới gốc cây A-du-ba-đà ni-câu-luật[10], bên dòng sông Ni-liên-thiền[11], thôn Uất-bệ-la[12]; lúc ấy có người con trai của Thiên đại tướng là Thi-hán-đà[13] và con gái của Chấp nhạc Thiên vương đang cùng ở một chỗ, chỉ tổ chức những cuộc vui chơi. Con khi ấy thấy được tâm tư họ, bèn làm một bài tụng. Bài tụng ấy nói đến sự trói buộc của dục; và cũng nói đến phạm hạnh, cũng nói Sa-môn, cũng nói Niết-bàn. Vị Thiên nữ kia khi nghe bài kệ của con, đưa mắt lên cười và nói với con rằng: 'Ban-giá-dực, tôi chưa hề thấy Như Lai. Tôi ở trên Pháp đường của trời Đao-lợi đã từng nghe chư Thiên xưng tán Như Lai, có công đức như vậy, năng lực như vậy. Ông hằng có lòng thành tín, thân cận Như Lai. Nay tôi muốn cùng ông làm bạn.' Thế Tôn, con lúc ấy có nói với nàng một lời, rồi sau đó không hề nói với nàng nữa."

Lúc bấy giờ Thích Đề-hoàn Nhân suy nghĩ như vầy: "Ban-giá-dực này đã làm vui lòng Thế Tôn rồi, nay ta hãy nghĩ đến người ấy". Rồi Thiên Đế Thích tức thì nghĩ đến người ấy. Lúc ấy Ban-giá-dực lại có ý nghĩ như vầy: "Thiên Đế Thích đang nghĩ đến ta". Tức thì cầm cây đàn lưu ly đi đến chỗ Đế Thích. Đế Thích bảo rằng:

"Ngươi mang danh ta cùng ý của trời Đao-lợi đến thăm hỏi Thế Tôn: 'Đi đứng có nhẹ nhàng không? Lui tới có khỏe mạnh không?'"

Ban-giá-dực vâng lời chỉ giáo của Đế Thích, đi đến chỗ Thế Tôn,

---

10. A-du-ba-đà ni-câu-luật 阿遊波陀尼俱律; Pāli: Ajapāla-nigrodha.

11. Ni-liên-thiền 尼連禪; Pāli: Nerañjarā.

12. Uất-bệ-la 鬱鞞羅; Pāli: Uruvelā.

13. Thi-hán-đà, Thiên đại tướng tử 尸漢陀天大將子; Pāli: Sikkhaṇḍī nāma Mātalissa saṭṭhāhakassa putto, Sikkhandi, vốn là con trai của thần đánh xe Mātali.

đầu mặt lễ chân Phật, rồi đứng sang một bên, bạch Thế Tôn rằng:

"Thích Đề-hoàn Nhân và chư Thiên Đao-lợi sai con đến thăm Thế Tôn, hỏi Ngài đi đứng có nhẹ nhàng không? Lui tới có khỏe mạnh không?"

Thế Tôn trả lời:

"Mong Đế Thích của ngươi và chư Thiên Đao-lợi thọ mạng lâu dài, khoái lạc, không bệnh. Sở dĩ như vậy là vì chư Thiên, Người đời, A-tu-luân[14] và các chúng sanh khác đều ham sống lâu, an lạc, không bệnh hoạn."

Bấy giờ Đế Thích lại suy nghĩ: "Chúng ta nên đến lễ viếng Thế Tôn". Tức thì cùng với chư Thiên Đao-lợi đi đến chỗ Phật, đầu mặt lễ chân Phật, rồi đứng sang một bên. Khi ấy, Đế Thích bạch Phật rằng:

"Không biết nay con có thể ngồi cách Thế Tôn bao xa?"

Phật bảo Đế Thích:

"Thiên chúng các ngươi nhiều. Nhưng ai gần Ta thì ngồi."

Khi ấy, hang Nhân-đà-la mà Thế Tôn đang ở tự nhiên trở nên rộng rãi, không bị ngăn ngại. Bấy giờ Đế Thích cùng chư Thiên Đao-lợi và Ban-giá-dực đều lễ chân Phật, rồi ngồi sang một bên. Đế Thích bạch Phật:

"Một thời, Phật ở tại nhà một người Bà-la-môn ở nước Xá-vệ[15]. Lúc bấy giờ Thế Tôn nhập hỏa diệm tam-muội. Con khi ấy nhân có chút việc, cưỡi xe báu ngàn căm, đi đến chỗ Tỳ-lâu-lặc Thiên vương. Bay ngang không trung, trông thấy một Thiên nữ[16] chắp tay đứng trước Thế Tôn. Con liền nói với Thiên nữ ấy rằng: 'Khi Thế Tôn ra khỏi tam-muội, nàng hãy xưng tên ta mà thăm hỏi Thế Tôn, đi đứng có nhẹ nhàng không, lui tới có khỏe mạnh không?' Không biết Thiên nữ ấy sau đó có chuyển đạt tâm tư ấy giùm con không?"

Phật nói:

"Ta có nhớ. Thiên nữ ấy sau đó có xưng tên ngươi mà thăm hỏi Ta. Ta ra khỏi thiền định mà còn nghe tiếng xe của ngươi."

Đế Thích bạch Phật:

---

14. A-tu-luân 阿須倫 (bản Cao-ly: 輪), hoặc A-tu-la 阿須羅; Pāli: Asura.

15. Pāli: Sāvathiyāṃ viharati Salalāgārake, trú ở Sāvatthi, trong am thất Salāla.

16. Pāli xác định: Bhūjati ca nāma Vessavaṇassa mahārājassa paricārikā, Bhùjati, vợ của Vessavaṇa.

"Thuở xưa, nhân có chút duyên sự, con cùng chư Thiên Đao-lợi tập họp tại Pháp đường. Các vị Thiên thần cố cựu khi ấy đều nói rằng: 'Nếu Như Lai xuất hiện ở đời, thì Thiên chúng gia tăng, mà chúng A-tu-la giảm thiểu.' Nay con chính tự thân gặp Thế Tôn, tự thân biết, tự thân chứng nghiệm, rằng Như Lai xuất hiện ở đời thì các Thiên chúng gia tăng, mà chúng A-tu-la giảm thiểu.

"Có Cù-di Thích nữ[17] này, theo Thế Tôn tu hành phạm hạnh, thân hoại mạng chung, sanh lên cung trời Đao-lợi, làm con của con. Chư Thiên Đao-lợi đều khen: 'Cù-di con cả của trời[18] có công đức lớn, có uy lực lớn.'

Lại có ba Tỳ-kheo khác theo Thế Tôn tịnh tu phạm hạnh, thân hoại mạng chung, sanh trong hàng các thần chấp nhạc thấp kém, hằng ngày đến để con sai khiến. Cù-di thấy vậy, làm bài kệ chọc tức[19] rằng:

Ông là đệ tử Phật;
Khi tôi là tại gia,
Cúng dường ông cơm áo,
Lễ bái rất cung kính.
Các ông là những ai?
Tự thân được Phật dạy.
Lời dạy Đấng Tịnh Nhãn,
Mà ông không suy xét.
Ta xưa lễ kính ông,
Nghe Phật pháp vô thượng,
Sinh trời Tam thập tam,
Làm con trời Đế Thích.
Các ông sao không xét,
Công đức mà tôi có.
Trước vốn là thân gái,
Nay là con Đế Thích.
Trước vốn cùng các ông
Đồng tu nơi phạm hạnh;

---

17. Cù-di Thích nữ 瞿夷釋女; Pāli: Gopikā nāma Sakya-dhītā, con gái dòng họ Thích tên Gopikā.

18. Cù-di đại thiên tử 瞿夷大天子; Pāli: Gopaka deva-putta, con trai của trời tên Gopaka.

19. Xúc não 觸惱; Pāli: paṭicodeti, trách mắng.

Nay riêng sinh chỗ thấp,
Để cho tôi sai khiến.
Xưa ông hành vi xấu,
Nên nay chịu báo này.
Riêng sinh chỗ ti tiện,
Để cho tôi sai khiến.
Sinh chỗ bất tịnh này,
Bị người khác xúc phạm.
Nghe vậy, hãy nhàm chán
Chỗ đáng nhàm tởm này.
Từ nay hãy siêng năng,
Chớ để làm tôi người[20].
Hai ông siêng tinh tấn,
Tư duy pháp Như Lai.
Xả bỏ điều mê luyến,
Hãy quán, dục bất tịnh,
Dục trói, không chân thật,
Chỉ lừa dối thế gian.
Như voi bứt xiềng xích,
Siêu việt trời Đao-lợi.
Đế Thích, trời Đao-lợi,
Tập pháp trên giảng đường.
Kia với sức dũng mãnh,
Siêu việt trời Đao-lợi.
Thích khen chưa từng có.
Chư Thiên cũng thấy qua.
Đấy con nhà họ Thích,
Siêu việt trời Đao-lợi.
Đã chán dục trói buộc;
Cù-di nói như vậy.
Nước Ma-kiệt có Phật,
Hiệu là Thích-ca Văn[21].
Người kia vốn thất ý;

---

20. Trở lên, lời của Cù-di. Từ đây trở xuống, thuật chuyện nỗ lực tu của hai trong số ba thần chấp nhạc mà tiền thân là ba Tỳ-kheo.

21. Thích-ca Văn 釋迦文, phiên âm khác của Thích-ca Mâu-ni.

Nay phục hồi chánh niệm.
Một trong số ba người,
Vẫn làm thần Chấp nhạc.
Hai người thấy Đạo đế,
Siêu việt trời Đao-lợi.
Pháp Thế Tôn đã dạy,
Đệ tử không hoài nghi.
Cũng đồng thời nghe pháp;
Hai người hơn người kia.
Tự mình thấy thù thắng,
Đều sinh trời Quang âm.
Con quan sát họ rồi,
Nên nay đến chỗ Phật.

Đế Thích bạch Phật:

"Kính mong Thế Tôn bỏ chút thời gian, giải quyết cho con một điều nghi ngờ."

Phật nói:

"Ngươi cứ hỏi, Ta sẽ giải thích cho từng điều một."

Bấy giờ Đế Thích liền bạch Phật rằng:

"Chư Thiên, người thế gian, Càn-đạp-hòa[22], A-tu-la cùng các chúng sanh khác, tất cả tương ưng với kết phược[23] gì mà cho đến thù địch nhau, dao gậy nhắm vào nhau?"

Phật nói với Đế Thích:

"Sự phát sanh của oán kết đều do tham lam, tật đố[24]. Vì vậy, chư Thiên, người thế gian, cùng các chúng sanh khác dùng dao gậy nhắm vào nhau."

Đế Thích liền bạch Phật:

"Thật vậy, bạch Thế Tôn. Oán kết sanh do bởi tham lam, tật đố; khiến cho chư Thiên, người đời, A-tu-la và các chúng sanh khác, sử

---

22. Càn-đạp-hòa 乾 踏 和, hay Càn-thát-bà 乾 撻 婆, dịch là Hương thần 香 神, hay Chấp nhạc thần như các đoạn trên; Pāli: Gandhabba.

23. Kết 結; Pāli: saṃyojana, sự trói buộc, chỉ phiền não trói buộc chúng sanh vào luân hồi.

24. Tham tật 貪 嫉; Pāli: issāmachariyasaṃyojana, sự trói buộc của tham lam và ganh tị.

dụng dao gậy đối với nhau. Con nay nghe lời Phật dạy, lưới nghi đã được dứt bỏ, không còn nghi ngờ nữa. Nhưng con không hiểu sự phát sanh của tham lam tật đố do đâu mà khởi lên; do bởi nhân duyên gì; cái gì làm nguyên thủ[25], từ cái gì mà có, do cái gì mà không?"

Phật bảo Đế Thích:

"Sự phát sanh của tham lam, tật đố, tất cả đều do bởi yêu và ghét[26]; yêu ghét là nhân; yêu ghét là nguyên thủ; từ đó mà có, từ đó mà không[27]."

Bấy giờ, Đế Thích liền bạch Phật:

"Thật vậy, Thế Tôn! Tham lam, tật đố phát sanh do bởi yêu ghét; yêu ghét là nhân; yêu ghét làm duyên; yêu ghét làm nguyên thủ; từ đó mà có, từ đó mà không. Con nay nghe lời Phật dạy, mê hoặc đã được dứt bỏ, không còn nghi ngờ nữa. Nhưng con không hiểu yêu ghét do đâu mà sanh; do bởi nhân gì, duyên gì; cái gì làm nguyên thủ; từ cái gì mà có, do cái gì mà không?"

Phật bảo Đế Thích:

"Yêu ghét phát sanh ở nơi dục[28]; do nhân là dục, do duyên là dục; dục là nguyên thủ, từ đó mà có; không cái này thì không."

Đế Thích liền bạch Phật:

"Thật vậy, Thế Tôn, yêu ghét phát sanh ở nơi dục; do nhân là dục, do duyên là dục; dục là nguyên thủ, từ đó mà có; không cái này thì không. Con nay nghe lời Phật dạy, mê hoặc đã được dứt bỏ, không còn nghi ngờ nữa. Nhưng con không hiểu dục này do dâu mà sanh; do bởi nhân gì, duyên gì; cái gì làm nguyên thủ, do cái gì mà có, do cái gì mà không?"

Phật bảo Đế Thích:

"Ái[29] do tưởng sanh[30]; do nhân là tưởng, duyên là tưởng; tưởng làm

---

25. Thùy vi nguyên thủ 誰為原首; so sánh Pāli: kiṃpabhavaṃ, cái gì khiến xuất hiện?

26. Do ái tắng 由愛憎; Pāli: piyāppiyanidānaṃ, nhân duyên là yêu và ghét.

27. Pāli: piyāppiye sati issāmacchariyaṃ hoti, piyāppiye asati issāmacchariyaṃ na hoti, có yêu ghét thì có tham lam và tật đố; không có yêu ghét thì không có tham lam và tật đố.

28. Dục 欲; Pāli: chanda: ham muốn.

29. Ái 愛; đoạn trên nói là dục. Xem cht.26.

30. Ái do tưởng sanh 愛由想生; Pāli: chando (...) vitakkanidāno, dục có nguyên nhân là tầm 尋, tức tầm cầu hay suy nghĩ tìm tòi.

nguyên thủ, từ đó mà có; cái đó không thì không."

Đế Thích liền bạch Phật:

"Thật vậy, Thế Tôn, ái do tưởng sanh; do nhân là tưởng, do duyên là tưởng; tưởng là nguyên thủ, từ đó mà có; không cái này thì không. Con nay nghe lời Phật dạy, mê hoặc đã được dứt bỏ, không còn nghi ngờ nữa. Nhưng con không hiểu tưởng do đâu mà sanh; do bởi nhân gì, duyên gì; cái gì làm nguyên thủ, do cái gì mà có, do cái gì mà không?"

Phật bảo Đế Thích:

"Tưởng phát sanh do nơi điệu hý[31]; nhân điệu hý, duyên điệu hý; điệu hý làm nguyên thủ, từ đó mà có, cái đó không thì không.

"Này Đế Thích, nếu không có điệu hý thì không có tưởng. Không có tưởng thì không có dục. Không có dục thì không có yêu ghét. Không có yêu ghét thì không có tham lam tật đố. Nếu không có tham lam tật đó thì tất cả chúng sanh không tàn hại lẫn nhau.

"Này Đế Thích, chỉ duyên điệu hý làm gốc; nhân điệu hý, duyên điệu hý; điệu hý làm nguyên thủ, từ đó có tưởng. Từ tưởng có dục. Từ dục có yêu ghét. Từ yêu ghét có tham lam tật đố. Do tham lam tật đố, chúng sanh tàn hại lẫn nhau."

Đế Thích bạch Phật:

"Thật vậy, Thế Tôn, do điệu hý mà có tưởng; nhân điệu hý, duyên điệu hý; điệu hý làm nguyên thủ, từ đó có tưởng. Từ tưởng có dục. Từ dục có yêu ghét. Từ yêu ghét có tham lam tật đố. Do tham lam tật đố, chúng sanh tàn hại lẫn nhau. Nếu vốn không có điệu hý thì không có tưởng. Không có tưởng thì không có dục. Không có dục thì không có yêu ghét. Không có yêu ghét thì không có tham lam tật đố. Nếu không có tham lam tật đố thì tất cả chúng sanh không tàn hại lẫn nhau. Nhưng tưởng do điệu hý sanh; nhân điệu hý, duyên điệu hý; điệu hý làm nguyên thủ, từ đó có tưởng. Từ tưởng có dục. Từ dục có yêu ghét. Từ yêu ghét có tham lam tật đố. Do tham lam tật đố, chúng sanh tàn hại lẫn nhau. Con nay nghe những điều Phật dạy, mê hoặc đã trừ, không còn nghi ngờ gì nữa."

Rồi Đế Thích bạch Phật:

"Hết thảy Sa-môn, Bà-la-môn đều ở trên con đường diệt trừ điệu

---

31. Điệu hý 調戲, nghĩa đen: đùa giỡn; Pāli: papañca-saññā-saṃkhā, hý luận vọng tưởng.

hý chăng? Hay không ở trên con đường diệt trừ điệu hý[32]?"

Phật nói:

"Không phải hết thảy Sa-môn, Bà-la-môn đều ở trên con đường diệt trừ điệu hý. Sở dĩ như vậy, này Đế Thích, vì thế gian có nhiều chủng loại giới khác nhau. Mỗi chúng sanh y trên giới của mình, ôm giữ chặt cứng, không thể dứt bỏ; cho rằng điều của mình là thật, ngoài ra là dối. Vì vậy, Đế Thích, không phải hết thảy Sa-môn, Bà-la-môn đều ở trên con đường diệt trừ điệu hý[33]."

Đế Thích liền bạch Phật:

"Thật vậy, Thế Tôn, thế gian có nhiều chủng loại giới khác nhau. Mỗi chúng sanh y trên giới của mình, ôm giữ chặt cứng, không thể dứt bỏ; cho rằng điều của mình là thật, ngoài ra là dối. Vì vậy, không phải hết thảy Sa-môn, Bà-la-môn đều ở trên con đường diệt trừ điệu hý. Con nay nghe những điều Phật dạy, mê hoặc đã trừ, không còn nghi ngờ gì nữa."

Đế Thích lại bạch Phật:

"Trong chừng mực nào là con đường diệt trừ điệu hý?"

Phật bảo Đế Thích:

"Điệu hý có ba; một là miệng, hai là tưởng, ba là cầu[34]. Những gì do miệng người nói, hại mình, hại người, hại cả hai; xả bỏ lời nói ấy. Như những gì được nói không hại mình, không hại người, không hại cả hai; Tỳ-kheo biết thời, đúng như những điều được nói, chuyên niệm không tán loạn.

---

32. Hán: Tận trừ điệu hý tại diệt tích (...) 盡除調戲在滅跡; Pāli: (...) papañca-saññā-saṃkhā-nirodha-sāruppagāminiṃ paṭipadaṃ paṇipanno: thành tựu con đường dẫn đến sự diệt trừ hý luận vọng tưởng.

33. Tham chiếu Pāli (D.21, Dig ii. 8, tr.211): Tasmiṃ anekadhātunānādhātusmiṃ loke yaṃ yadeva sattā dhātuṃ abhinivisanti taṃ yadeva thāmasā parāmāsā abhinivissa voharanti-"idam eva saccaṃ, mogham aññaṃ" ti. Tasmā na sabbe samaṇabrāhmaṇā ekantavādā ekantasīlā ekantachandā ekanta-ajjhosānā ti: trong thế giới có nhiều chủng loại đa thù sai biệt này, các chúng sanh thiên chấp một loại thế giới nào đó, rồi chấp chặt vào thế giới ấy, cho rằng "Đây là thật; ngoài ra là ngu si". Vì vậy, tất cả Sa-môn, Bà-la-môn không đồng nhất quan điểm, không đồng nhất giới hạnh, không đồng nhất ước vọng, không đồng nhất cứu cánh.

34. Trong bản Pāli, đoạn này liên hệ đến sự thành tựu biệt giải thoát luật nghi (Pāli: pātimokkha-saṃvara-paṭipadā): kāyasamācāraṃ(...) sevitabbaṃ pi asevitabbaṃ pi. Vacīsamācāraṃ (...) pariyesanaṃ (...): thân hành, khẩu hành, truy cầu, đáng thân cận và không đáng thân cận.

Tưởng cũng hại mình, hại người, hại cả hai; xả bỏ tưởng ấy. Đúng như những gì được tưởng mà không hại mình, không hại người, không hại cả hai; Tỳ-kheo biết thời, đúng như những điều được tưởng, chuyên niệm không tán loạn. Đế Thích, cầu cũng hại mình, hại người, hại cả hai; sau khi xả bỏ cầu ấy, đúng những gì được tìm cầu, không hại mình, không hại người, không hại cả hai, Tỳ-kheo biết thời đúng như những gì được tìm cầu chuyên niệm không tán loạn."

Bấy giờ, Đế Thích bạch Phật:

"Con nghe những điều Phật dạy, không còn hồ nghi nữa."

Lại hỏi:

"Trong chừng mực nào thì gọi là Xả tâm của Hiền thánh?"

Phật nói với Đế Thích:

"Xả tâm có ba: một là hỷ thân, hai là ưu thân, ba là xả thân. Đế Thích; hỷ thân kia hại mình, hại người, hại cả hai[35]. Sau khi xả bỏ hỷ ấy, như điều được hoan hỷ, không hại mình, không hại người, không hại cả hai; Tỳ-kheo biết thời, chuyên niệm không tán loạn, liền được gọi là thọ giới Cụ túc[36]. Đế Thích, ưu thân[37] kia hại mình, hại người, hại cả hai. Sau khi xả bỏ ưu ấy, như điều ưu tư, không hại mình, không hại người, không hại cả hai, Tỳ-kheo biết thời, chuyên niệm không tán loạn, liền được gọi là thọ giới Cụ túc. Lại nữa, Đế Thích, xả thân kia hại mình, hại người, hại cả hai. Sau khi xả bỏ xả thân ấy, như điều được xả, không hại mình, không hại người, không hại cả hai, Tỳ-kheo biết thời, chuyên niệm không tán loạn, liền được gọi là thọ giới Cụ túc."

Đế Thích bạch Phật:

"Con nghe những điều Phật dạy, không còn hồ nghi nữa."

Lại bạch Phật:

"Trong chừng mực nào thì được gọi là sự đầy đủ các căn của bậc

---

35. Tham chiếu Pāli: somanassaṃ pāhaṃ (...) duvidhena vadāmi: sevitabbaṃ pi asevitabbaṃ pī ti (...) "imaṃ kho me somanassaṃ sevato akusalā dhammā abhivaḍḍhanti kusalā dhammā parihātantī" ti, evarūpaṃ somanassaṃ na sevitabbaṃ: Ta cũng nói hỷ có hai loại, đáng thân cận và không đáng thân cận. "Khi tôi thân cận hỷ này, bất thiện pháp tăng trưởng, thiện pháp suy giảm", hỷ như vậy không nên thân cận.

36. Thọ cụ túc giới 受具足戒; Pāli: pātimokkhasaṃvarapaṭipadā, thành tựu phòng hộ bằng biệt giải thoát (giới).

37. Ưu thân 憂身; Pāli: domanassa; xả thân 捨身; Pāli: upekkhā.

Hiền thánh[38]?"

Phật bảo Đế Thích:

"Con mắt biết sắc, Ta nói có hai: đáng thân và không đáng thân[39]. Tai nghe tiếng, mũi ngửi hương, lưỡi nếm vị, thân xúc chạm ý biết pháp, Ta nói có hai: đáng thân và không đáng thân."

Đế Thích bạch Phật:

"Thế Tôn, Như Lai nói vắn tắt mà không phân biệt rộng rãi. Theo chỗ hiểu biết đầy đủ của con thì như thế này: 'Mắt biết sắc, Ta nói có hai: đáng thân và không đáng thân. Tai nghe tiếng, mũi ngửi hương, lưỡi nếm vị, thân xúc chạm, ý biết pháp, Ta nói có hai: đáng thân và không đáng thân. Thế Tôn, như con mắt quán sát sắc, mà pháp thiện tổn giảm, pháp bất thiện tăng. Mắt thấy sắc như thế, Ta nói không đáng thân. Tai nghe tiếng, mũi ngửi hương, lưỡi nếm vị, thân xúc chạm, ý biết pháp, mà pháp thiện tổn giảm, pháp bất thiện tăng trưởng, Ta nói không đáng thân. Như mắt biết sắc mà pháp thiện tăng trưởng, pháp bất thiện giảm; sự biết sắc của mắt như vậy, Ta nói đáng thân. Tai nghe tiếng, mũi ngửi hương, lưỡi nếm vị, thân xúc chạm, ý biết pháp, mà pháp thiện tăng trưởng, pháp bất thiện tổn giảm, Ta nói đáng thân'."

Phật bảo Đế Thích:

"Lành thay, lành thay, đó gọi là sự đầy đủ các căn của Hiền thánh."

Đế Thích bạch Phật:

"Con nghe những điều Phật nói, không còn hồ nghi nữa."

Lại bạch Phật:

"Trong chừng mực nào Tỳ-kheo được nói là cứu cánh, cứu cánh phạm hạnh, cứu cánh an ổn, cứu cánh vô dư?"

Phật bảo Đế Thích:

"Thân bị khổ bởi ái đã diệt tận, là cứu cánh, cứu cánh phạm hạnh, cứu cánh an ổn, cứu cánh vô dư.[40]"

---

38. Hiền thánh luật chư căn cụ túc 賢聖律諸根具足; Pāli: indriyasaṃvarapaṭi panno, thành tựu sự phòng hộ các căn.

39. Khả thân bất khả thân 可親不可親; Pāli: sevitabbaṃ, asevitabbaṃ.

40. Tham chiếu Pāli (D.21, tr.283): Ye (...) taṇhāsaṅkhayavimuttā te accantaniṭṭhā accantayogakkhemī accantabrahmacārī accantapariyosānā, những ai đã giải thoát với sự diệt tận của khát ái, những vị ấy đạt đến tột cùng cứu cánh, an ổn cứu

Đế Thích bạch Phật:

"Những mối hoài nghi mà con ôm ấp lâu dài nay đã được Như Lai mở bày, không còn gì nghi ngờ nữa."

Phật nói với Đế Thích:

"Trước đây ngươi có bao giờ đi đến các Sa-môn, Bà-la-môn hỏi ý nghĩa này chưa?"

Đế Thích bạch Phật:

"Con nhớ lại, thuở xưa, con đã từng đến Sa-môn, Bà-la-môn để hỏi nghĩa này. Xưa, có một thời, chúng con tập họp tại giảng đường, cùng các Thiên chúng bàn luận: 'Như Lai sẽ ra xuất hiện ở đời chăng? Chưa xuất hiện ở đời chăng?' Rồi chúng con cùng suy tìm, không thấy có Như Lai xuất hiện ở đời. Mỗi vị trở về cung điện của mình, hưởng thụ ngũ dục. Thế Tôn, về sau, con lại thấy các Đại Thiên thần sau khi tự thỏa mãn với ngũ dục, dần dần từng vị mạng chung. Lúc ấy, bạch Thế Tôn, con rất kinh sợ, lông tóc dựng đứng. Khi gặp các Sa-môn, Bà-la-môn sống nơi thanh vắng, lìa bỏ gia đình, lìa bỏ dục lạc, con bèn tìm đến hỏi họ rằng: 'Thế nào là cứu cánh?' Con hỏi ý nghĩa ấy, nhưng họ không thể trả lời. Đã không thể trả lời, họ hỏi ngược lại con: 'Ông là ai?' Con liền đáp: 'Tôi là Thích Đề-hoàn Nhân.' Kia lại hỏi: 'Ông là Thích nào?'Con đáp: 'Tôi là Thiên Đế Thích. Trong lòng có mối nghi nên đến hỏi.' Rồi con và vị ấy theo chỗ thấy biết của mình cùng giải thích ý nghĩa. Kia nghe con nói, kia lại nhận làm đệ tử của con. Nay con là đệ tử Phật, chứng đắc Tu-đà-hoàn đạo, không còn đọa cõi dữ; tái sanh tối đa bảy lần tất thành đạo quả. Cúi mong Thế Tôn thọ ký con là Tư-đà-hàm."

Nói xong, Đế Thích lại làm bài tụng:

Do kia nhiễm uế tưởng[41],
Khiến con sanh nghi ngờ.
Cùng chư Thiên, lâu dài
Suy tìm đến Như Lai.
Gặp những người xuất gia
Thường ở nơi thanh vắng,
Tưởng là Phật Thế Tôn,

cánh, phạm hạnh cứu cánh, mục đích cứu cánh.

41. Hán: nhiễm uế tưởng 染穢想. Tham chiếu Pāli (D.21, Dig ii. 8, tr.215): apariyositasaṅkappo: tư duy không chân chính.

Con đến cúi đầu lễ.
Con đến và hỏi họ
"Thế nào là cứu cánh?"
Hỏi, nhưng không thể đáp,
Đường tu đi về đâu.
Ngày nay đấng Vô Đẳng,
Mà con đợi từ lâu,
Đã quán sát, thực hành,
Tâm đã chánh tư duy.
Đấng Tịnh Nhãn đã biết
Sở hành của tâm con
Và nghiệp tu lâu dài,
Cúi mong thọ ký con.
Quy mạng Đấng Chí Tôn,
Đấng siêu việt tam giới,
Đã bứt gai ân ái.
Kính lễ Đấng Nhật Quang[42].

Phật bảo Đế Thích:

"Ngươi có nhớ trước đây khi ngươi có hỷ lạc, cảm nghiệm lạc chăng[43]?"

Đế Thích đáp:

"Đúng vậy, Thế Tôn. Con nhớ hỷ lạc, cảm nghiệm lạc mà con có trước đây. Thế Tôn, xưa có lần con đánh nhau với A-tu-la. Khi đó con chiến thắng, A-tu-la bại trận. Con trở về với sự hoan hỷ, cảm nghiệm lạc. Nhưng hoan hỷ ấy, cảm nghiệm lạc ấy duy chỉ là hỷ lạc của dao gậy uế ác, là hỷ lạc của đấu tranh. Nay hỷ lạc, cảm nghiệm lạc mà con có được ở nơi Phật không phải là hỷ lạc của dao gậy, của đấu tranh."

Phật hỏi Đế Thích:

"Hỷ lạc, cảm nghiệm lạc mà ngươi có hiện nay, trong đó muốn tìm cầu những kết quả công đức gì?"

Bấy giờ, Đế Thích bạch Phật:

---

42. Hán: Nhật quang tôn 日光尊; Pāli: ādicca-bandhuna, thân tộc của mặt trời.

43. Hán: đắc hỷ lạc 得喜樂, niệm lạc 念樂; Pāli: vedapaṭilābhaṃ somanassapaṭilābhaṃ.

"Con ở trong hỷ lạc, cảm nghiệm lạc, muốn tìm cầu năm kết quả công đức[44]. Những gì là năm? Rồi Đế Thích liền đọc bài kệ:

Nếu sau này con chết,
Xả bỏ tuổi thọ trời,
Đầu thai không lo lắng[45]*,*
Khiến tâm con hoan hỷ.
Phật độ người chưa độ;
Hay nói đạo chân chánh;
Ở trong pháp Chánh giác[46]*,*
Con cần tu phạm hạnh.
Sống với thân trí tuệ,
Tâm tự thấy chân đế;
Chứng đạt điều cần chứng[47]*,*
Do thế sẽ giải thoát[48]*.*
Nhưng phải siêng tu hành,
Tu tập chơn trí Phật.
Dù chưa chứng đạo quả;
Công đức vẫn hơn trời.
Các cõi trời thần diệu,
A-ca-ni[49]*, vân vân;*
Cho đến thân cuối cùng,
Con sẽ sanh nơi ấy.
Nay con ở nơi này,
Được thân trời thanh tịnh;
Lại được tuổi thọ tăng;
Tịnh nhãn, con tự biết.

---

44. Pāli: cha atthavase: sáu ích lợi.

45. Hán: bất hoài hoạn 不懷患 Pāli: amūḷho gabbhamessāmi: không si ám, đầu thai (theo ý muốn).

46. Hán: tam Phật pháp 三佛法, tức nói đủ: Tam-miệu-tam-phật-đà pháp.

47. Hán: bổn sơ khởi 本初起; Tống-Nguyên-Minh: bổn sơ thú 本初趣. Xem cht.48 dưới.

48. Tham chiếu Pāli (D.21, tr.286): aññātā viharissāmi, sveva anto bhavissati, con sẽ sống với chánh trí; đây sẽ là đời cuối cùng.

49. A-ca-ni-trá 阿迦尼吒, dịch Hữu đảnh thiên 有頂天, hay Sắc cứu cánh thiên 色究竟天, cõi trời cao nhất thuộc sắc giới; Pāli: Akaniṭṭha.

Nói bài kệ xong, Đế Thích bạch Phật:

"Con ở trong hỷ lạc, cảm nghiệm lạc, mà được năm kết quả công đức như vậy."

Bấy giờ Đế Thích nói với chư Thiên Đao-lợi:

"Các ngươi ở trên trời Đao-lợi đã cung kính hành lễ trước Phạm đồng tử. Nay trước Phật lại cũng hành lễ cung kính như vậy, há không tốt đẹp sao?"

Nói xong, phút chốc Phạm đồng tử bỗng xuất hiện giữa hư không, đứng bên trên các Thiên chúng, hướng về phía Đế Thích mà đọc bài kệ rằng:

Thiên vương hành thanh tịnh,
Nhiều lợi ích chúng sanh;
Ma-kiệt, chúa Đế Thích,
Hỏi Như Lai ý nghĩa.

Bấy giờ, Phạm đồng tử sau khi nói kệ, bỗng nhiên biến mất. Khi ấy Đế Thích rời chỗ ngồi đứng dậy, lễ dưới chân Thế Tôn, đi quanh Phật ba vòng, rồi lui về. Chư Thiên Đao-lợi cùng Ban-giá-dực cũng lễ dưới chân Phật rồi lui về.

Thiên Đế Thích đi trước một đỗi, quay lại nói với Ban-giá-dực:

"Lành thay, lành thay! Ngươi đã đi trước đến gảy đàn trước Phật cho vui vẻ, sau đó ta mới cùng chư Thiên Đao-lợi đến sau. Ta nay bổ ngươi vào địa vị của cha ngươi, làm thượng thủ trong các Càn-đạp-hòa và sẽ gả Bạt-đà con gái của vua Càn-đạp-hòa cho ngươi làm vợ."

Khi Thế Tôn nói pháp này, tám vạn bốn ngàn chư Thiên xa lìa trần cấu, con mắt Chánh pháp phát sanh đối với các pháp.

Bấy giờ Thích Đề-hoàn Nhân, chư Thiên Đao-lợi và Ban-giá-dực sau khi nghe những điều Phật dạy hoan hỷ phụng hành.

❑

15. KINH A-NẬU-DI[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại nước Minh-ninh, đất A-nậu-di[2]. Cùng với chúng Đại Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi người.

Bấy giờ, Thế Tôn khoác y cầm bát vào thành A-nậu-di khất thực. Rồi Thế Tôn thầm nghĩ: "Nay Ta đi khất thực, thời gian còn quá sớm. Ta hãy đến khu vườn của Phạm chí Phòng-già-bà[3]. Tỳ-kheo cần phải đúng giờ mới đi khất thực".

Thế Tôn đi đến khu vườn kia. Khi ấy Phạm chí từ xa trông thấy Phật liền đứng dậy nghinh tiếp, cùng chào hỏi, rằng: "Hoan nghinh Cù-đàm. Từ lâu không đến. Nay do duyên gì lại khuất tất đến đây? Xin mời Cù-đàm ngồi chỗ này".

Thế Tôn liền ngồi vào chỗ ấy. Phạm chí ngồi một bên, bạch Thế Tôn:

"Đêm hôm qua có Tỳ-kheo Thiện Tú người Lệ-xa[4] đến chỗ tôi nói rằng: 'Đại sư, tôi không theo Phật tu phạm hạnh nữa. Sở dĩ vậy là vì Phật xa lạ với tôi.' Người ấy nói với tôi những sai lầm của Cù-đàm. Tuy có nói như vậy, nhưng tôi không chấp nhận."

Phật nói với Phạm chí:

---

1. Bản Hán: *Phật Thuyết Trường A-hàm kinh* quyển 11, Đệ nhị phần, "A-nậu-di kinh" Đệ thập nhất. Tương đương Pāli, D.24 Pāṇika-suttanta.

2. Hán: Minh-ninh quốc A-nậu-di thổ 冥寧國阿耨夷土 D.21: Mallesu viharati anupiyaṃ nāma mallānaṃ nigamo, trú giữa những người Malla, trong thôn Anupiya của người Malla.

3. Hán: Phòng-già-bà Phạm chí viên quán 房伽婆梵志園觀; Pāli (D.21): Bhaggava-gottassa paribbālakassa āramo: tinh xá của du sĩ thuộc dòng họ Bhaggava.

4. Lệ-xa tử Thiện Tú Tỳ-kheo 隸車子善宿比丘; Pāli (D.21): Sunakkhatto Licchaviputto, Sunakkhatta, con trai của người Licchavi.

"Điều mà Thiện Tú kia nói, Ta biết ông không chấp nhận. Xưa, một thời, Ta đang ở trên Tập pháp đường, bên bờ hồ Di hầu[5], thuộc Tỳ-da-li; khi ấy Thiện Tú này đi đến chỗ Ta, nói với Ta rằng: 'Như Lai xa lạ với con. Con không theo Như Lai tu phạm hạnh nữa.' Ta khi ấy nói rằng: 'Ngươi vì sao nói rằng không theo Như Lai tu phạm hạnh nữa, vì Như Lai xa lạ với ngươi?' Thiện Tú đáp: 'Như Lai không hiện thần túc biến hóa[6] cho con thấy.'

"Ta khi ấy nói rằng: 'Ta có mời ngươi đến trong pháp Ta tịnh tu phạm hạnh, Ta sẽ hiện thần túc cho ngươi thấy không? Sao lại nói: 'Như Lai hãy hiện thần túc biến hóa cho con thấy, con mới tu phạm hạnh'? Khi ấy Thiện Tú trả lời Ta rằng: 'Không, bạch Thế Tôn'."

Phật nói với Thiện Tú[7]:

"Ta cũng không nói với ngươi: 'Ngươi hãy ở trong Pháp của Ta mà tịnh tu phạm hạnh, Ta sẽ hiện thần túc biến hóa cho thấy.' Ngươi cũng không nói: 'Hãy hiện thần túc cho con thấy, con sẽ tu phạm hạnh.' Thế nào, Thiện Tú, theo ý ngươi, Như Lai có khả năng hiện thần thông, hay không có khả năng? Pháp mà Ta giảng thuyết, Pháp ấy có khả năng dẫn đến xuất ly, tận cùng biên tế của khổ chăng[8]."

Thiện Tú bạch Phật:

"Đúng vậy, Thế Tôn. Như Lai có thể thị hiện thần túc, chứ không phải không thể. Pháp được giảng dạy có khả năng dẫn đến xuất ly, diệt tận biên tế của khổ, chứ không phải không diệt tận."

"Cho nên, này Thiện Tú, ai tu hành phạm hạnh theo Pháp mà Ta giảng dạy thì có thể hiện thần túc chứ không phải không thể; pháp ấy dẫn đến xuất ly, không phải không thể xuất ly. Ngươi mong cầu cái gì đối với pháp ấy?"

Thiện Tú nói:

---

5. Di hầu trì 彌猴池, ao vượn; Pāli: Makaṭa; D.21 không có chi tiết này.

6. Thần túc biến hóa 神足變化; Pāli (D.21): uttarimanussadhammā iddhipāṭi-hāriya: sự thị hiện thần thông, pháp của bậc thượng nhân (siêu nhân).

7. Văn tự thuật chuyển sang văn tường thuật.

8. Tham chiếu Pāli (D.21): kate vā uttarimanussadhammā iddhipāṭihāriye akate uttarimanussadhammā iddhipāṭihāriye yassatthāya mayā dhammo desito niyyāti takkarassa sammā dukkhakkhayāyā ti: dù sự thị hiện thần thông, pháp của bậc thượng nhân, có được thực hiện hay không được thực hiện, nhưng pháp mà Ta giảng dạy chân chánh dẫn đến sự diệt trừ đau khổ.

"Thế Tôn thỉnh thoảng không dạy con bí thuật của cha con mà Thế Tôn đã biết hết, nhưng vì keo kiệt mà không dạy cho con."

Phật nói:

"Thiện Tú, Ta có bao giờ nói với ngươi rằng: 'Ngươi hãy ở trong pháp Ta tu phạm hạnh, Ta sẽ dạy cho ngươi bí thuật của cha ngươi chăng?'"

Đáp: "Không".

"Cho nên, này Thiện Tú, trước đây Ta không nói như vậy. Ngươi cũng không nói. Vậy tại sao nay nói như thế?

"Thế nào, Thiện Tú, Như Lai có thể nói bí thuật của cha ngươi, hay không thể? Pháp mà Ta giảng dạy có dẫn đến xuất ly, diệt tận biên tế của khổ chăng?"

Thiện Tú nói:

"Như Lai có thể nói bí thuật của cha con, không phải không thể. Pháp đã được giảng dạy có thể dẫn đến xuất ly, diệt tận biên tế của khổ, chứ không phải không thể."

Phật lại bảo Thiện Tú:

"Nếu Ta có thể nói bí thuật của cha ngươi, cũng có thể nói pháp, nói sự xuất ly, sự lìa khổ, thì ngươi tìm cái gì trong pháp của Ta?"

Phật lại nói với Thiện Tú:

"Ngươi, trước kia ở trong lãnh thổ của người Bạt-xà[9], thuộc Tỳ-xá-ly, đã bằng vô số phương tiện xưng tán Như Lai, xưng tán Chánh pháp, xưng tán chúng Tăng. Cũng như một người khen ngợi một cái ao trong mát kia bằng tám cách khiến mọi người ưa thích: một, lạnh; hai, nhẹ; ba, mềm; bốn, trong; năm, ngọt; sáu, không bẩn; bảy, uống không chán; tám, khỏe người. Ngươi cũng vậy, ở trong lãnh thổ Bạt-xà, Tỳ-xá-ly, xưng tán Như Lai, xưng tán Chánh pháp, xưng tán chúng Tăng, khiến mọi người tin vui. Thiện Tú, nên biết, ngày nay ngươi bị lui sụt, người đời sẽ nói rằng: 'Tỳ-kheo Thiện Tú có nhiều quen biết, lại thân cận Thế Tôn và cũng là đệ tử Thế Tôn; nhưng không thể trọn đời tịnh tu phạm hạnh; đã xả giới, hoàn tục, thực hành hèn hạ.' Phạm chí, nên biết, khi ấy Ta nói đủ lời, nhưng Thiện Tú không thuận lời dạy của Ta, mà đã xả giới hoàn tục.

---

9. Hán: Tỳ-xá-ly Bạt-xà thổ 毗舍離跋闍土; Pāli (D.21): Vajjigāme: tại làng Vajji (Bạt-kỳ).

"Phạm chí, một thời Ta ở tại Tập pháp đường bên bờ hồ Di hầu[10]; khi ấy có Ni-kiền Tử tên là Già-la-lâu[11] dừng chân tại chỗ kia, được mọi người sùng kính, tiếng tăm đồn xa, có nhiều quen biết, lợi dưỡng đầy đủ. Khi ấy Tỳ-kheo Thiện Tú khoác y cầm bát vào thành Tỳ-xá-ly khất thực; đi lần đến chỗ Ni-kiền Tử. Bấy giờ, Thiện Tú hỏi Ni-kiền Tử bằng ý nghĩa sâu xa. Ni-kiền Tử ấy không đáp được, liền sanh tâm sân hận. Thiện Tú nghĩ thầm: 'Ta làm người này bực bội[12], sẽ phải chịu quả báo lâu dài chăng?' Phạm chí, nên biết, Tỳ-kheo Thiện Tú sau khi khất thực về, cầm y bát đến chỗ Ta, đầu mặt lễ dưới chân, rồi ngồi xuống một bên. Thiện Tú khi ấy không đem duyên cớ ấy mà kể lại với Ta. Ta nói với Thiện Tú rằng: 'Người ngu kia, ngươi há có thể tự nhận mình là Sa-môn Thích tử chăng?' Thiện Tú giây lát hỏi Ta rằng: 'Thế Tôn vì duyên cớ gì mà gọi con là người ngu? Không xứng đáng tự nhận là Sa-môn Thích tử?' Ta nói: 'Người ngu kia, có phải ngươi đã đến Ni-kiền Tử mà hỏi ý nghĩa sâu xa, nhưng người kia không đáp được bèn sanh sân hận. Ngươi nghĩ thầm: "Ta nay làm người này bực bội, há sẽ phải chịu quả báo đau khổ lâu dài chăng?" Ngươi có nghĩ như vậy không?' Thiện Tú bạch Phật rằng: 'Người kia là A-la-hán. Sao Thế Tôn có tâm sân hận ấy[13]?'. Ta khi ấy trả lời rằng: 'Người ngu kia, La-hán làm sao lại có tâm sân hận? Ta, La-hán, không có tâm sân hận. Ngươi nay tự cho người kia là La-hán. Người kia có bảy sự khổ hạnh, đã được gìn giữ lâu ngày. Bảy khổ hạnh ấy là gì? Một, suốt đời không mặc quần áo. Hai, suốt đời không uống rượu, ăn thịt, cũng không ăn cơm và thực phẩm bằng bột mì[14]. Ba, suốt đời không vi phạm phạm hạnh. Bốn, trọn đời không rời bốn tháp bằng đá[15] ở Tỳ-xá-ly; phía Đông là tháp Ưu viên, phía Nam tháp Voi, phía Tây tháp Đa tử, phía Bắc tháp Thất tụ[16].

---

10. Bản Pāli, D.21: Vesāliyaṃ mahāvane Kūṭāgārasālāyaṃ, ở Vesāli (Tỳ-xá-ly), trong rừng Đại lâm, Trùng các giảng đường.

11. Ni-kiền Tử Già-la-lâu 尼乾子伽羅樓; Pāli, D.21, bản Devanagari: Kāḷāramaṭṭako, bản Roman: Kandaramasuko.

12. Pāli, D.21: arahantaṃ samaṇaṃ āsādimhase: ta đã đả kích vị Sa-môn A-la-hán.

13. Pāli, D.21: Kiṃ pana, Bhante, Bhagavā arahattassa maccharāyatī ti, Thế Tôn, sao Thế Tôn ganh tị với một vị A-la-hán?

14. Tham chiếu Pāli, D.21: yāvajīvaṃ surāmaṃseneva yāpeyyaṃ na odanakummā saṃ bhuñjeyyaṃ, trọn đời thọ hưởng rượu và thịt, chứ không cơm cháo.

15. Hán: thạch tháp 石塔; Pāli: cetiya.

16. Đông danh ưu viên tháp 東名憂園塔; Pāli: puritthamena Vesāliṃ Udenaṃ nāma

Trọn đời không rời khỏi bốn tháp ấy, coi đó là bốn sự khổ hạnh. Nhưng người ấy về sau vi phạm bảy khổ hạnh này và mạng chung ở ngoài thành Tỳ-xá-ly. Cũng như con chó sói bệnh suy vì ghẻ lỡ mà chết trong bãi tha ma[17]. Ni-kiền Tử kia cũng vậy. Tự mình đặt cấm pháp, sau lại phạm hết. Trước tự thề rằng suốt đời không mặc quần áo, sau đó lại mặc. Trước tự mình thề rằng suốt đời không uống rượu, ăn thịt và không ăn các thứ làm bằng bột mì, nhưng về sau lại ăn hết. Trước vốn tự mình thề rằng suốt đời không vượt qua khỏi bốn cái tháp: phía Đông tháp Ưu viên, Nam tháp Voi, Tây tháp Đa tử, Bắc tháp Thất tụ. Nay trái lời hết, rời xa không còn gần gũi nữa. Người ấy sau khi vi phạm bảy lời thề ấy rồi, ra khỏi thành Tỳ-xá-ly, chết trong bãi tha ma.' Phật bảo Thiện Tú: 'Người ngu kia, ngươi không tin lời Ta. Ngươi hãy tự mình đi xem, sẽ tự mình biết'."

Phật nói với Phạm chí:

"Một thời, Tỳ-kheo Thiện Tú khoác y cầm bát vào thành khất thực. Khất thực xong, lại ra khỏi thành, đi đến một khoảng trống trong bãi tha ma, thấy Ni-kiền Tử kia chết ở đó. Sau khi thấy như vậy, về đến chỗ Ta, đầu mặt lễ dưới chân, rồi ngồi sang một bên, nhưng không kể lại chuyện ấy với Ta. Phạm chí, nên biết, lúc ấy Ta nói với Thiện Tú: 'Thế nào, Thiện Tú, những điều Ta ghi nhận về Ni-kiền Tử trước đây, có đúng như vậy không?' Đáp rằng: 'Đúng vậy, đúng như lời Thế Tôn đã nói.' Phạm chí, nên biết, Ta đã hiện thần thông chứng minh cho Thiện Tú, nhưng kia lại nói: 'Thế Tôn không thị hiện thần thông cho con'."

"Lại một thời, Ta ở tại ấp Bạch thổ nước[18] Minh-ninh, lúc bấy giờ có Ni-kiền Tử tên là Cứu-la-đế[19], trú tại Bạch thổ, được mọi người sùng

---

cetiyaṃ, miếu Udāna (Ưu viên) ở phía Đông Vesāli; Nam danh Tượng tháp 南名象塔; Pāli: dakkhiṇena Vesāliṃ Gotamakaṃ nāma cetiyaṃ, miếu Gotamaka ở phía Nam Vesāli; Tây danh Đa tử tháp 西名多子塔; Pāli: pacchimena Vesāliṃ Sattambaṃ nāma cetiyaṃ, miếu Sattamba (Thất tụ) ở phía Tây Vesāli; Bắc danh Thất tụ tháp 北名七聚塔; Pāli: uttarena Vesāliṃ Bahuputtaṃ nāma cetiyaṃ, ngôi miếu Bahuputta (Đa tử) ở phía Bắc Vesāli.

17. Pāli, D. 21: so (...) yasā nihīno kālaṃ karissati, người ấy sẽ chết, mất hết tiếng tăm.

18. Minh-ninh quốc, Bạch thổ ấp 冥寧國白土邑; Pāli (D. 21): Thūlūsu viharāmi Uttarakā nāma Thūlūnaṃ nigamo, Ta trú giữa những người Thulu, tại xóm Uttaraka của người Thūlu. (Bản Devanagari: Thūlu, bản Roman: Bhumu.)

19. Ni-kiền tử danh Cứu-la-đế 尼乾子名究羅帝; Pāli: acelo Korakkhattiyo

kính, tiếng tăm đồn xa, được nhiều lợi dưỡng. Khi ấy, Ta khoác y cầm bát vào thành khất thực. Tỳ-kheo Thiện Tú lúc bấy giờ đi theo Ta, thấy Ni-kiền Tử Cứu-la-đế đang nằm phục trên một đống phân mà liếm bã trấu[20]. Phạm chí, nên biết, khi Tỳ-kheo Thiện Tú thấy Ni-kiền Tử này nằm phục trên đống phân mà ăn bã trấu, liền suy nghĩ rằng: 'Các A-la-hán hay những vị đang hướng đến quả A-la-hán trong thế gian không ai kịp vị này. Đạo của vị Ni-kiền Tử này là bậc nhất hơn hết. Vì sao? Người khổ hạnh mới được như vậy, dứt bỏ kiêu mạn, nằm trên đống phân mà liếm bã trấu.'

"Phạm chí, bấy giờ Ta xoay người theo hướng phải, nói với Thiện Tú rằng: 'Người ngu kia[21], ngươi há có thể tự nhận là Thích tử chăng?' Thiện Tú bạch Phật rằng: 'Thế Tôn, vì sao gọi con là người ngu, không xứng đáng tự nhận là Thích tử?' Phật nói với Thiện Tú: 'Ngươi ngu si, ngươi quan sát Cứu-la-đế này ngồi chồm hổm trên đống phân mà ăn bã trấu liền nghĩ rằng: Trong các A-la-hán hay những vị đang hướng đến quả La hán, Cứu-la-đế này là tối tôn. Vì sao? Nay Cứu-la-đế này có thể hành khổ hạnh, trừ kiêu mạn, ngồi chồm hổm trên đống phân mà ăn bã trấu. Ngươi có ý nghĩ như vậy không?' Đáp rằng: 'Thật vậy.' Thiện Tú lại nói: 'Thế Tôn vì sao sanh tâm ganh tị với một vị A-la-hán?' Phật nói: 'Người ngu kia, Ta không hề sanh tâm ganh tị đối với một vị A-la-hán, làm sao nay lại sanh tâm tật đố đối với một vị A-la-hán? Ngươi, người ngu kia, bảo Cứu-la-đế là một vị chân A-la-hán. Nhưng người này sau bảy ngày nữa sẽ sình bụng mà chết[22], tái sanh làm quỷ đói thây ma biết đi[23], thường chịu khổ vì đói. Sau khi mạng chung, được buộc bằng cọng lau mà lôi vào bãi tha ma. Nếu người không tin, hãy đến báo trước cho người ấy biết.'

"Rồi Thiện Tú liền đi đến chỗ Cứu-la-đế, bảo rằng: 'Sa-môn Cù-đàm kia tiên đoán rằng bảy ngày nữa ông sẽ bị sình bụng mà chết, sanh

---

kukkuravatiko, lõa thể Kotakkhattiya, tu theo kiểu chó.

20. Hán: thỉ khang tao 舐 糠 糟; Pāli (D.21): chamānikiṇṇaṃ bhakkasaṃ mukhen-eva khādati mukheneva bhuñjati, bò lết trên đất, lấy miệng mà cắn hay nhai đồ ăn.

21. Hán: nhữ ý ngu nhơn 汝 意 愚 人; Tống-Nguyên-Minh: nhữ ngu nhơn.

22. Hán: phúc trướng mạng chung 腹 脹 命 終; Pāli, D. 21: alasakena kālaṃ karissati, sẽ chết vì trúng thực.

23. Hán: sanh khởi thi ngạ quỷ 生 起 屍 餓 鬼, sanh loài quỷ đói thây ma. Pāli, D. 21: Kalakañjā nāma asurā sabba-nihīno asura-kāyo tatra upajjissati, sẽ tái sanh làm thân A-tu-la tối hạ tiện, được gọi là Kalakanja.

vào trong loài quỷ đói thây ma biết đi; sau khi chết, được buộc bằng sợi dây lau và lôi vào bãi tha ma.' Thiện Tú lại dặn: 'Ông hãy ăn uống cẩn thận, chớ để lời ấy đúng.' Phạm chí, nên biết, qua bảy ngày, Cứu-la-đế bị sình bụng mà chết, tức thì sanh vào trong loài quỷ đói thây ma; sau khi chết, được buộc bằng dây lau và lôi vào bãi tha ma. Thiện Tú sau khi nghe Phật nói, co ngón tay tính ngày. Cho đến ngày thứ bảy, Tỳ-kheo Thiện Tú đi đến xóm lõa hình, hỏi người trong xóm: 'Này các bạn, Cứu-la-đế nay đang ở đâu?' Đáp rằng: 'Chết rồi.' Hỏi: 'Vì sao chết?' Đáp: 'Bị sình bụng.' Hỏi: 'Chôn cất thế nào?' Đáp: 'Được buộc bằng dây lau và lôi vào bãi tha ma.'

"Phạm chí, Thiện Tú sau khi nghe như vậy, liền đi đến bãi tha ma. Khi sắp sửa đến nơi, hai đầu gối của thây ma động đậy, rồi bỗng nhiên ngồi chồm hổm dậy. Tỳ-kheo Thiện Tú vẫn cứ đi đến trước thây ma, hỏi: 'Cứu-la-đế, ông chết rồi phải không?' Thây ma đáp: 'Ta chết rồi.' Hỏi: 'Ông đau gì mà chết?' Đáp: 'Cù-đàm đã tiên đoán ta sau bảy ngày sình bụng mà chết. Quả như lời, qua bảy ngày, ta sình bụng mà chết.' Thiện Tú lại hỏi: 'Ông sanh vào chỗ nào?' Đáp: 'Như Cù-đàm tiên đoán, ta sẽ sanh vào loài quỷ đói thây ma biết đi. Nay ta sanh vào trong quỷ đói làm thây ma biết đi.' Thiện Tú hỏi: 'Khi ông chết, được chôn cất như thế nào?' Thây ma đáp: 'Như Cù-đàm đã tiên đoán, ta sẽ được buộc bằng dây lau rồi lôi vào bãi tha ma. Quả như lời, ta được buộc bằng dây lau rồi lôi vào bãi tha ma.' Rồi thây ma nói với Thiện Tú: 'Ngươi tuy xuất gia mà không được điều thiện lợi. Sa-môn Cù-đàm nói như vậy, mà ngươi thường không tin.' Nói xong, thây ma lại nằm xuống.

"Phạm chí, bấy giờ Tỳ-kheo Thiện Tú đi đến chỗ Ta, đảnh lễ xong, ngồi xuống một bên, nhưng không kể lại chuyện ấy với Ta. Ta liền nói: 'Như lời Ta tiên đoán, Cứu-la-đế có thật như vậy không?' Đáp: 'Thật vậy, đúng như Thế Tôn nói.' Phạm chí, Ta nhiều lần như vậy thị hiện thần thông chứng cho Tỳ-kheo Thiện Tú, nhưng kia vẫn nói: 'Thế Tôn không hiện thần thông cho con thấy'."

Phật lại nói với Phạm chí:

"Một thời, Ta ở tại Tập pháp đường, bên bờ hồ Di hầu[24]. Khi ấy có Phạm chí tên là Ba-lê Tử[25], đang ngụ tại chỗ kia, được mọi người

---

[24] Pāli, D. 21: tại Vesāli, trong Đại lâm, giảng đường Trùng các. Xem đoạn trên.

[25] Hán: Phạm chí danh Ba-lê Tử 梵志名波梨子; Pāli: acela Pātithaputta (bản Roman: Pāṭikaputta), lõa thể Pāṭikaputta.

sùng kính, có nhiều lợi dưỡng. Người ấy ở giữa quần chúng Tỳ-xá-ly nói như vậy: 'Sa-môn Cù-đàm tự nhận là có trí tuệ. Ta cũng có trí tuệ. Sa-môn Cù-đàm tự nhận có thần túc. Ta cũng có thần túc. Sa-môn Cù-đàm đã đạt được đạo siêu việt. Ta cũng đạt được đạo siêu việt. Ta sẽ cùng ông ấy hiện thần thông. Sa-môn hiện một, ta sẽ hiện hai. Sa-môn hiện hai, ta sẽ hiện bốn. Sa-môn hiện tám, ta sẽ hiện mười sáu. Sa-môn hiện mười sáu, ta sẽ hiện ba mươi hai. Sa-môn hiện ba mươi hai, ta hiện sáu mươi tư. Tùy theo Sa-môn ấy hiện nhiều hay ít, ta sẽ hiện gấp đôi.'

"Phạm chí, khi ấy Tỳ-kheo Thiện Tú khoác y cầm bát vào thành khất thực. Trông thấy Phạm chí Ba-lê Tử đang nói như vậy giữa quần chúng: 'Sa-môn Cù-đàm tự nhận là có trí tuệ. Ta cũng có trí tuệ. Sa-môn Cù-đàm tự nhận có thần túc. Ta cũng có thần túc. Sa-môn Cù-đàm đã đạt được đạo siêu việt. Ta cũng đạt được đạo siêu việt. Ta sẽ cùng ông ấy hiện thần thông. Sa-môn hiện một, ta sẽ hiện hai. Sa-môn hiện hai, ta sẽ hiện bốn. Sa-môn hiện tám, ta sẽ hiện mười sáu. Sa-môn hiện mười sáu, ta sẽ hiện ba mươi hai. Sa-môn hiện ba mươi hai, ta hiện sáu mươi tư. Tùy theo Sa-môn ấy hiện nhiều hay ít, ta sẽ hiện gấp đôi.' Tỳ-kheo Thiện Tú sau khi khất thực xong, về đến chỗ Ta, đảnh lễ rồi ngồi xuống một bên, nói với Ta rằng: 'Sáng nay, con khoác y cầm bát vào thành khất thực, nghe Ba-lê Tử ở Tỳ-xá-ly đang nói như vầy: 'Sa-môn Cù-đàm tự nhận là có trí tuệ. Ta cũng có trí tuệ. Sa-môn Cù-đàm tự nhận có thần túc. Ta cũng có thần túc. Sa-môn Cù-đàm đã đạt được đạo siêu việt. Ta cũng đạt được đạo siêu việt. Ta sẽ cùng ông ấy hiện thần thông. Sa-môn hiện một, ta sẽ hiện hai; cho đến, tùy theo Sa-môn ấy hiện nhiều hay ít, ta sẽ hiện gấp đôi.' Kể lại cho Ta đầy đủ sự việc ấy. Ta nói với Thiện Tú: 'Ba-lê Tử ở giữa quần chúng, nếu không từ bỏ lời ấy mà đi đến Ta, sẽ không có trường hợp ấy. Nếu người kia nghĩ rằng: 'Ta không từ bỏ lời ấy, không từ bỏ quan điểm ấy, không xả bỏ kiêu mạn ấy, mà cứ đi đến Sa-môn Cù-đàm, thì đầu ông ấy sẽ bị bể làm bảy mảnh. Không có trường hợp người ấy không từ bỏ lời ấy, không từ bỏ kiêu mạn ấy, mà vẫn đi đến Ta.'

"Thiện Tú nói: 'Thế Tôn hãy giữ miệng. Như Lai hãy giữ miệng.' Phật hỏi Thiện Tú: 'Vì sao ngươi nói: Thế Tôn hãy giữ miệng. Như Lai hãy giữ miệng?' Thiện Tú nói: 'Ba-lê Tử kia có uy thần lớn, có uy lực lớn. Giả sử ông ấy đến thật, há không phải Thế Tôn hư dối sao?' Phật bảo Thiện Tú: 'Như Lai có bao giờ nói hai lời không?' Đáp: 'Không.' Phật lại bảo Thiện Tú: 'Nếu không có hai lời, tại sao ngươi lại nói: Thế Tôn hãy giữ

miệng. Như Lai hãy giữ miệng?' Thiện Tú bạch Phật: 'Thế Tôn do tự mình thấy biết Ba-lê Tử, hay do chư Thiên nói?' Phật nói: 'Ta tự mình biết và cũng do chư Thiên đến nói cho nên biết. Đại tướng A-do-đà ở Tỳ-xá-ly[26] này sau khi thân hoại mạng chung sanh vào trời Đao-lợi. Ông đến nói với Ta rằng: 'Phạm chí Ba-lê Tử kia không biết xấu hổ, phạm giới, vọng ngữ, ở Tỳ-xá-ly, giữa quần chúng, nói lời phỉ báng như vầy: Đại tướng A-do-đà sau khi thân hoại mạng chung sanh vào loài quỷ thây ma biết đi[27]. Nhưng thật sự con thân hoại mạng chung sanh vào trời Đao-lợi.' Ta đã tự mình biết trước viện Ba-lê Tử và cũng do chư Thiên nói lại nên biết.' Phật nói với Thiện Tú ngu ngốc: 'Ngươi không tin Ta, thì hãy vào thành Tỳ-xá-ly, tùy ý mà rao lên. Ta sau bữa ăn sẽ đi đến chỗ Phạm chí Ba-lê Tử'."

---

26. Tỳ-xá-ly A-do-đà đại tướng 毗舍離阿由陀大將; Pāli: Ajito pi nāma Licchavīnaṃ senāpati, vị tướng quân người Licchavi tên là Ajita.

27. Khởi thi quỷ 起尸鬼; Pāli, D.21: mahānirayaṃ upapanno, sanh vào địa ngục lớn.

Phật lại nói với Phạm chí:

"Bấy giờ, Thiện Tú kia sau khi qua đêm khoác y cầm bát vào thành khất thực. Khi ấy Thiện Tú kia hướng đến các Bà-la-môn, Sa-môn, Phạm chí trong thành Tỳ-xá-ly kể đủ câu chuyện rằng: 'Phạm chí Ba-lê Tử ở giữa đại chúng đã tuyên bố lời này: 'Sa-môn Cù-đàm tự nhận là có trí tuệ. Ta cũng có trí tuệ. Sa-môn Cù-đàm có đại uy lực; ta cũng có đại uy lực. Sa-môn Cù-đàm tự nhận có đại thần túc. Ta cũng có đại thần túc. Sa-môn hiện một, ta sẽ hiện hai; cho đến, tùy theo Sa-môn ấy hiện nhiều hay ít, ta sẽ hiện gấp đôi.' Nhưng nay Sa-môn Cù-đàm sẽ đi đến chỗ Ba-lê Tử kia. Các vị cũng đến đó hết.'

"Khi ấy Phạm chí Ba-lê đang đi trên đường; Thiện Tú trông thấy, vội vã đến gần, nói rằng: 'Ông ở giữa đám đông của Tỳ-xá-ly đã tuyên bố như vầy: 'Sa-môn Cù-đàm có đại trí tuệ, ta cũng có đại trí tuệ, cho đến, tùy theo Sa-môn ấy hiện nhiều hay ít, ta sẽ hiện gấp đôi.' Sa-môn Cù-đàm nghe lời tuyên bố ấy, nay muốn đến chỗ ông. Ông hãy về nhanh đi.' Đáp rằng: 'Ta sẽ về ngay. Ta sẽ về ngay.' Nói như thế rồi, giây lát cảm thấy hoảng sợ, lông tóc dựng đứng, không trở về chỗ cũ, mà đi đến khu rừng của Phạm chí Đạo-đầu-ba-lê[1], ngồi trên võng[2], rầu rĩ, mê loạn."

Phật bảo Phạm chí:

"Ta, sau bữa ăn, cùng với nhiều người Lệ-xa, Sa-môn, Bà-la-môn, Phạm chí, Cư sĩ, đi đến trú xứ của Ba-lê-tử, ngồi lên chỗ ngồi. Trong đám đông ấy có một Phạm chí tên là Giá-la[3]. Khi ấy, mọi người kêu Giá-la, bảo rằng: 'Ông hãy đi đến rừng Đạo-đầu nói với Ba-lê Tử: 'Nay nhiều người Lệ-xa, Sa-môn, Bà-la-môn, Phạm chí, Cư sĩ đều tụ tập hết nơi rừng của ông. Mọi người cùng bàn luận rằng, Phạm chí Ba-lê ở giữa đám đông tự mình xướng lên lời này: 'Sa-môn Cù-đàm có đại trí tuệ, ta cũng có đại trí tuệ, cho đến, tùy theo Sa-môn ấy hiện nhiều hay ít, ta sẽ hiện gấp đôi.' Sa-môn Cù-đàm vì vậy đã đến nơi rừng của ông. Ông hãy đến xem.' Rồi thì, Già-la sau khi nghe mọi người nói, bèn đi đến rừng bảo Đạo-đầu Ba-lê Tử rằng: 'Nay nhiều người Lệ-xa, Sa-môn, Bà-la-môn, Phạm chí, Cư sĩ đều tụ tập hết nơi rừng của ông. Mọi người

---

1. Đạo-đầu-ba-lê Phạm chí lâm 道頭波梨梵志林; Pāli: Tindukkhānu-paribbāja-ka-ārāma.

2. Hán: thằng sàng 繩床; Pāli: vattha-dolā.

3. Giá-la 遮羅.

cùng bàn luận rằng, Phạm chí Ba-lê ở giữa đám đông tự mình xướng lên lời này: 'Sa-môn Cù-đàm có đại trí tuệ, ta cũng có đại trí tuệ, cho đến, tùy theo Sa-môn ấy hiện nhiều hay ít, ta sẽ hiện gấp đôi.'Sa-môn Cù-đàm nay đang ở nơi rừng kia. Ba-lê, ông có về không?' Khi ấy, Phạm chí Ba-lê liền đáp: 'Sẽ về. Sẽ về.' Nói như vậy xong, ở trên võng mà day trở không yên. Bấy giờ, võng lại làm cho vướng chân, khiến ông không thể rời khỏi võng, huống hồ đi đến Thế Tôn.

"Thế rồi, Già-la nói với Phạm chí Ba-lê: 'Ngươi tự vô trí, chỉ có tiếng nói rỗng không: 'Sẽ về. Sẽ về.' Nhưng cái võng ấy còn không thể rời khỏi, sao có thể đi đến chỗ đại chúng?' Trách mắng Ba-lê Tử xong, bèn trở về chỗ đại chúng, báo rằng: 'Ta nhân danh đại chúng, đi đến nói với Ba-lê Tử. Y trả lời: 'Sẽ về. Sẽ về.' Ngay lúc ấy, ở trên võng, chuyển động thân thể, nhưng võng dính vào chân không rời được. Y còn không thể rời khỏi cái võng, sao có thể đến đại chúng này được?'

"Bấy giờ, có một Lệ-xa Tử là Đầu-ma[4] đang ngồi trong chúng, liền đứng dậy, trịch áo bày vai phải, quỳ dài, chắp tay, bạch đại chúng rằng: 'Đại chúng hãy đợi một lát. Tôi sẽ tự mình đến dẫn người ấy lại đây'."

Phật nói:

"Ta khi ấy nói với Lệ-xa Tử Đầu-ma rằng: 'Người kia đã tuyên bố như vậy, ôm giữ kiến giải như vậy, khởi kiêu mạn như vậy; mà muốn khiến cho người ấy đi đến chỗ Phật, thì không thể được. Đầu-ma Tử, giả sử ông lấy dây quấn nhiều lớp, rồi khiến bầy bò cùng kéo, cho đến thân thể người ấy bị rã rời, cuối cùng người ấy vẫn sẽ không thể từ bỏ lời nói như vậy, kiến giải như vậy, kiêu mạn như vậy, để đến chỗ Ta. Nếu không tin lời Ta, ngươi hãy đến đó tự mình khắc biết.'

"Bấy giờ, Lệ-xa Tử Đầu-ma vẫn cố đi đến chỗ Ba-lê Tử, nói với Ba-lê Tử rằng: 'Nhiều người Lệ-xa, Sa-môn, Bà-la-môn, Phạm chí, Cư sĩ đều tụ tập hết nơi rừng của ông. Mọi người cùng bàn luận rằng, Phạm chí Ba-lê ở giữa đám đông tự mình xướng lên lời này: 'Sa-môn Cù-đàm có đại trí tuệ, ta cũng có đại trí tuệ, cho đến, tùy theo Sa-môn ấy hiện nhiều hay ít, ta sẽ hiện gấp đôi.' Sa-môn Cù-đàm nay đang ở nơi rừng kia. Ông hãy về đi.' Lúc ấy, Ba-lê Tử đáp: 'Sẽ về. Sẽ về.' Nói như vậy rồi, ở trên võng mà chuyển động thân mình, nhưng khi ấy võng lại vướng vào chân, khiến ông không thể rời khỏi võng, huống nữa là đi

---

4. Bản Hán: nhất Đầu-ma Lệ-xa Tử 一頭摩隸車子; bản Pāli: aññatara Licchavi-mahāmatta, một đại thần người Lệ-xa.

đến chỗ Thế Tôn.

"Thế rồi, Đầu-ma nói với Ba-lê Tử rằng: 'Ngươi tự vô trí, chỉ có tiếng nói rỗng không: Sẽ về, sẽ về. Nhưng tự mình còn không thể rời khỏi cái võng này, đâu có thể đi đến chỗ đại chúng!'

"Đầu-ma lại nói với Ba-lê Tử: 'Những người có trí, do thí dụ mà được hiểu rõ. Thuở xưa lâu xa có một sư tử chúa tể loài thú sống trong rừng sâu. Vào buổi sáng sớm, sư tử ra khỏi hang, nhìn ngắm bốn phía, vươn mình rống lên ba tiếng, sau đó rảo quanh kiếm thịt mà ăn. Này Ba-lê Tử, sư tử chúa tể loài thú kia ăn xong rồi trở về rừng, thường có một con dã can đi theo sau ăn tàn, khí lực sung mãn, bèn tự bảo: Sư tử trong rừng kia cuối cùng là con thú gì? Hơn ta được chăng? Nay ta hãy độc chiếm một khu rừng, sáng sớm ra khỏi hang, nhìn quanh bốn phía, vươn mình rống lên ba tiếng, sau đó rảo quanh. Nó muốn học tiếng rống sư tử, nhưng lại ré lên tiếng dã can. Này Ba-lê Tử, ngươi nay cũng vậy. Nhờ uy đức của Phật mà sống còn ở đời, được người cúng dường; nhưng nay lại tranh đua với Như Lai.' Rồi Đầu-ma nói bài kệ chỉ trích:

Dã can xưng sư tử
Tự cho mình vua thú
Muốn rống tiếng sư tử
Lại ré tiếng dã can.
Một mình trong rừng vắng
Tự cho mình vua thú
Muốn rống tiếng sư tử
Lại ré tiếng dã can.
Quỳ xuống kiếm chuột hang,
Tha ma tìm xác chết;
Muốn rống tiếng sư tử,
Lại ré tiếng dã can.

"Đầu-ma nói rằng: 'Ngươi cũng vậy. Nhờ ơn Phật mà sống còn ở đời, được người cúng dường; nhưng nay lại tranh đua với Như Lai.' Khi ấy Đầu-ma lấy bốn thí dụ, trách mắng thẳng mặt, sau đó, trở về chỗ đại chúng, báo rằng: 'Tôi đã nhân danh đại chúng đi gọi Ba-lê Tử. Kia trả lời tôi: 'Sẽ về. Sẽ về.' Rồi ở trên võng chuyển động thân, nhưng võng liền vướng chân không thể rời ra được. Kia còn không thể rời khỏi võng, nói gì chuyện đi đến đại chúng này.'

"Bấy giờ Thế Tôn nói với Đầu-ma: 'Ta đã nói trước với ngươi, muốn cho người ấy đi đến chỗ Phật, không thể được. Giả sử người lấy

sợi dây da bó nhiều lớp rồi cho bầy bò kéo, cho đến thân thể rã rời, cuối cùng kia vẫn không xả bỏ lời ấy, kiến giải ấy, kiêu mạn ấy, để đi đến Ta.'

"Này Phạm chí, bấy giờ, Ta liền thuyết nhiều pháp khác nhau cho đại chúng, chỉ bày, khuyến khích, làm cho ích lợi, hoan hỷ. Ở trong chúng, ba lần cất tiếng rống sư tử, rồi cất mình bay lên hư không, Ta trở về chỗ cũ."

Phật nói với Phạm chí:

"Hoặc có Sa-môn, Bà-la-môn nói rằng: 'Tất cả thế gian đều do Phạm tự tại thiên[5] sáng tạo.'Ta hỏi họ: 'Hết thảy thế gian có thật do Phạm tự tại thiên sáng tạo chăng?' Họ không thể đáp, mà lại hỏi Ta rằng: 'Cù-đàm, sự ấy là thế nào?' Ta trả lời họ: 'Có một thời gian, khi thế giới này bắt đầu hủy diệt, có những chúng sanh khác mà mạng hết, hành hết, từ trời Quang âm mạng chung, sanh vào chốn Phạm thiên trống không[6] khác; rồi khởi tham ái đối với chỗ ấy, sanh tâm đắm trước, lại mong muốn có chúng sanh khác cũng sanh đến chỗ này. Những chúng sanh khác khi mạng hết, hành hết, lại sanh vào chỗ này. Bấy giờ, chúng sanh kia tự nghĩ như vầy: 'Ta nay là Đại phạm vương, ngẫu nhiên mà hiện hữu, không do ai sáng tạo. Ta có thể thấu suốt mục đích của các ý nghĩa, tuyệt đối tự do trong một ngàn thế giới, có thể sáng tác, có thể biến hóa, vi diệu bậc nhất, là cha mẹ của loài người. Ta đến đây trước nhất, một mình không bầu bạn; do năng lực của ta mà có chúng sanh này; ta sáng tạo ra chúng sanh này.' Các chúng sanh khác cũng thuận theo, gọi đó là Phạm vương, ngẫu nhiên hiện hữu, có thể thấu suốt mục đích của các ý nghĩa, tuyệt đối tự do trong một ngàn thế giới, có thể sáng tác, có thể biến hóa, vi diệu bậc nhất, là cha mẹ của người, là vị duy nhất hiện hữu trước, còn chúng ta hiện hữu sau; chúng ta do vị Đại phạm vương ấy sáng tạo.' Các chúng sanh này tùy theo khi tuổi thọ của chúng hết, tái sanh vào đời này; rồi dần dần trưởng thành, cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia tu đạo. Vị ấy nhập định ý tam-muội[7], tùy tam-muội tâm[8] mà nhớ đời sống trước

---

5. Phạm tự tại thiên 梵自在天; Pāli: Brahma-Issara (?).

6. Không Phạm xứ 空梵處; Pāli: suñña Brahma-vimāna, cung điện Phạm thiên trống không.

7. Hán: nhập định ý tam-muội 入定意三昧; Pāli: tathārūpaṃ ceto-samādhi phussati, nhập trạng thái định tâm.

8. Hán: tùy tam-muội tâm 隨三昧心; Pāli: samāhite citte, trong khi tâm nhập định.

của mình. Vị ấy nói như vậy: 'Vị Đại phạm vương này ngẫu nhiên mà hiện hữu, không do ai sáng tạo; có thể thấu suốt mục đích của các ý nghĩa; tuyệt đối tự do trong một ngàn thế giới; có thể sáng tác, có thể biến hóa, vi diệu bậc nhất, là cha mẹ của người. Đại Phạm thiên kia thường trụ, không biến chuyển, không phải là pháp biến dịch. Chúng ta đều do Phạm thiên sáng tạo, cho nên không thường hằng, không tồn tại lâu dài, là pháp biến dịch.' Như vậy, Phạm chí, các Sa-môn, Bà-la-môn kia do duyên này, thảy đều nói Phạm tự tại thiên sáng tạo thế giới này. Này Phạm chí, sự sáng tạo của thế giới không phải là điều mà những vị ấy có thể vươn tới; duy chỉ Phật mới có thể biết. Lại còn vượt qua sự ấy, Phật cũng đều biết cả. Tuy biết nhưng không tham trước, mà biết một cách như thật về khổ, sự tập khởi, sự diệt khổ, vị ngọt, tai hoạn và sự xuất yếu; với bình đẳng quán mà giải thoát vô dư. Ấy gọi là Như Lai."

Phật bảo Phạm chí:

"Hoặc có Sa-môn, Bà-la-môn nói như vầy: 'Chơi bời và biếng nhác là khởi thủy của chúng sanh[9].' Ta nói với họ: 'Có thật các Ngươi nói rằng: Chơi bời và biếng nhác là khởi thủy của chúng sanh?' Họ không thể trả lời mà hỏi ngược lại rằng: 'Cù-đàm, sự ấy là thế nào?' Ta đáp: 'Một số chúng sanh ở trời Quang âm do chơi bời và biếng nhác, khi thân hoại mạng chung, tái sanh vào thế gian này; rồi dần trưởng thành, cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia tu đạo, cho đến khi nhập tâm định tam-muội[10]; do năng lực tam-muội, nhận thức được đời sống trước, bèn nói như vầy: 'Các chúng sanh kia do không chơi bời biếng nhác nên thường hằng ở chỗ ấy, tồn tại lâu dài, không biến chuyển. Chúng ta do thường xuyên chơi bời dẫn đến pháp vô thường, biến dịch này.' Như vậy, Phạm chí, Sa-môn, Bà-la-môn kia do duyên ấy nói rằng tiêu khiển là khởi thủy của chúng sanh. Những điều ấy Phật biết tất cả, lại còn biết hơn thế nữa. Biết nhưng không đắm trước, do không đắm trước mà như thật biết khổ, sự tập khởi, sự diệt trừ, vị ngọt, tai hoạn, sự xuất yếu; bằng bình đẳng quán mà giải thoát vô dư. Ấy gọi là Như Lai."

Phật nói với Phạm chí:

---

9. Hàun: hyù tieáu giải đãi thò chuùng sanh thủy 戲笑懈怠是眾生始; Pāli: khiḍḍā-padūsikaṃ ācariyakaṃ aggaóóaṃ, theo truyền thuyết, sự đam mê tiêu khiển là khởi nguyên của thế giới.

10. Ở trên, Hán dịch là định ý tam-muội; xem cht.34.

"Hoặc có Sa-môn, Bà-la-môn nói rằng: 'Thất ý[11] là khởi thủy của chúng sanh.' Ta nói với họ: 'Có thật các ngươi nói rằng sự thất ý là khởi thủy của chúng sanh chăng?' Họ không biết trả lời, bèn hỏi lại Ta rằng: 'Cù-đàm, sự ấy thế nào?' Ta nói với họ: 'Một số chúng sanh do nhìn ngắm nhau một thời gian sau bèn thất ý; do thế, mạng chung tái sanh vào thế gian này; rồi lớn dần, cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia tu đạo, bèn nhập tâm định tam-muội; do năng lực tam-muội vị ấy nhận thức được đời sống trước, bèn nói như vầy: Như chúng sanh kia do không nhìn ngắm nhau nên không thất ý, do vậy mà mà thường hằng bất biến. Chúng ta do nhiều lần nhìn ngắm nhau bèn thất ý; do thế dẫn đến pháp vô thường, biến dịch.' Như vậy, Phạm chí, Sa-môn, Bà-la-môn kia do duyên ấy nói rằng sự thất ý là khởi thủy của chúng sanh. Điều như vậy, duy Phật mới biết; lại còn biết hơn thế nữa. Biết nhưng không đắm trước; do không đắm trước mà như thật biết khổ, sự tập khởi, sự diệt tận, vị ngọt, tai hoạn, sự xuất yếu; do bình đẳng quán mà giải thoát vô dư."

Phật nói với Phạm chí:

"Những điều Ta nói là như vậy. Hoặc có Sa-môn, Bà-la-môn ở chỗ kín chê bai Ta rằng: 'Sa-môn Cù-đàm tự cho rằng đệ tử mình chứng nhập tịnh giải thoát[12], thành tựu tịnh hạnh. Kia biết thanh tịnh, nhưng không biết tịnh một cách toàn diện[13].' Nhưng Ta không nói như vậy: 'Đệ tử của Ta khi nhập tịnh giải thoát, thành tựu tịnh hạnh, vị ấy biết thanh tịnh, nhưng không biết tịnh một cách toàn diện.[14]' Này Phạm chí, chính Ta nói rằng: 'Đệ tử Ta nhập tịnh giải thoát, thành tựu tịnh hạnh; vị ấy biết thanh tịnh, tất cả đều thanh tịnh[15]'."

---

11. Hán: thất ý 失 意; Pāli: mano-padūsika, loạn ý.

12. Tịnh giải thoát 淨 解 脫, giải thoát thứ ba trong tám giải thoát; xem kinh số 10 "Thập Thượng"; Pāli: subha-vimokkha.

13. Tham chieáu Pāli: Samaṇo Gotamo evam āha: Yasmiṃ samaye subhaṃ vimokkhaṃ upasampajja viharati, sabbaṃ tasmiṃ samaye asubhaṃ t' eva sañjānāti, Sa-môn Gotama nói như vầy: vị nào khi chứng nhập và an trú tịnh giải thoát, vị ấy khi ấy nhận thức tất cả đều bất tịnh. Bản Hán, bất biến tri tịnh 不 遍 知 淨, phải đọc: biến tri bất tịnh, mới phù hợp với Pāli.

14. Tham chiếu Pāli: Yasmiṃ samaye subhaṃ vimokkhaṃ upasampajja viharati, subhantveva tasmiṃ samaye pajānāti: vị nào khi chứng nhập và an trú tịnh giải thoát, vị ấy khi ấy nhận thức một cách toàn diện tất cả đều tịnh.

15. Hán: nhất thiết biến tịnh 一 切 遍 淨; có lẽ nên đọc: nhất thiết biến tri tịnh. Xem cht.44 dưới.

Lúc bấy giờ, Phạm chí bạch Phật:

"Kia không được thiện lợi[16] khi phỉ báng Sa-môn Cù-đàm rằng: 'Sa-môn Cù-đàm tự cho đệ tử của mình nhập tịnh giải thoát, thành tựu tịnh hạnh; kia biết thanh tịnh, nhưng không biết tịnh một cách toàn diện.' Nhưng Thế Tôn không nói như vậy. Chính Thế Tôn nói: 'Đệ tử ta nhập tịnh giải thoát, thành tựu tịnh hạnh; vị ấy biết thanh tịnh, tất cả đều tịnh."

Rồi lại bạch Phật:

"Tôi cũng sẽ nhập tịnh giải thoát này, thành tựu tịnh hạnh, tất cả đều biết một cách toàn diện[17]."

Phật bảo Phạm chí:

"Ngươi muốn nhập, quả thật rất khó. Ngươi do kiến giải dị biệt, kham nhẫn dị biệt, sở hành dị biệt, mà muốn y trên kiến giải khác để nhập tịnh giải thoát, thì thật là quá khó. Nhưng nếu ngươi tin vui nơi Phật, tâm không đoạn tuyệt, thì trong lâu dài sẽ luôn luôn được an lạc."

Bấy giờ, Phạm chí Phòng-già-bà, sau khi nghe những điều Phật nói, hoan hỷ phụng hành.

❑

16. Tham chiếu Pāli: Te ca, Bhante, viparītā ye bhagavantaṃ viparītato dahanti: Đại đức, chính những người điên đảo lại chỉ trích Thế Tôn là điên đảo.

17. Hán: nhất thiết biến tri; xem cht.40; Pāli: Pahoti me Bhagavā tathā dhammaṃ desetum, mong Thế Tôn giảng dạy cho con pháp như vậy.

16. KINH THIỆN SINH[1]

Tôi nghe như vầy.

Một thời Phật ở tại núi Kỳ-xà-quật, thành La-duyệt-kỳ[2] cùng với chúng Đại Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi người.

Bấy giờ, vào lúc thích hợp[3] Đức Thế Tôn khoác y cầm bát vào thành khất thực. Lúc bấy giờ tại thành La-duyệt-kỳ có con trai của trưởng giả tên là Thiện Sinh[4], vào buổi sáng sớm, ra khỏi thành, đi đến khu vườn công cộng[5] sau khi vừa tắm gội xong, cả mình còn ướt, hướng đến các phương Đông, Tây, Nam, Bắc, Trên, Dưới mà lạy khắp cả.

Đức Thế Tôn thấy Thiện Sinh, con trai nhà trưởng giả, sau khi đi đến khu vườn công cộng, vừa tắm xong, cả thân mình còn ướt sũng, bèn đến gần và hỏi:

"Vì sao, vào buổi sáng sớm, ra khỏi thành, đi đến khu vườn công cộng, với cả người còn ướt đẫm, mà ngươi lại lạy các phương như thế?"

Thiện Sinh bạch Phật:

"Khi cha tôi sắp chết có dặn, "Nếu con muốn lạy, trước hết hãy lạy các phương Đông, Tây, Nam, Bắc, Trên và Dưới". Tôi vâng lời cha dạy không dám chống trái, nên sau khi tắm gội xong, chắp tay hướng

---

1. Pāli; D.31. Siṅgālovāda. Biệt dịch, *Thi-ca-la-việt Lục Phương Lễ Bái kinh* (Đại I, No.16); *Thiện Sinh Tử kinh* (Đại I, No.17); *Trung A-hàm* (Đại I, No.26,135).

2. No.16: Vương xá quốc Kê sơn 王舍國雞山; No.26, 135: Vương xá thành, Nhiêu hà mô lâm 王舍城饒蝦蟆林; Pāli: Rājagaha, Veḷuvana; Kalandaka-nivapa.

3. Hán: thời đáo 時到; Pāli: pubbansamamayam: vào buổi sớm.

4. Pāli: Singalakam gahapatiputtam, con trai gia chủ tên là Singalaka; No.16: Trưởng giả tử danh Thi-ca-la-việt 長者子名尸迦羅越; No.17: cư sĩ Thiện Sinh 居士善生 (tên người cha); No.26, 135: Thiện Sinh cư sĩ tử 善生居士子.

5. Hán: viên du quán 園遊觀.

mặt về phương Đông mà lễ phương Đông trước rồi tiếp lễ khắp các phương Tây, Nam, Bắc, Trên, Dưới."

Phật bảo Thiện Sinh:

"Này con trai trưởng giả! Quả có cái tên các phương đó chứ không phải không. Nhưng trong pháp của bậc Hiền thánh của ta chẳng phải lễ sáu phương như thế là cung kính đâu."

Thiện Sinh thưa:

"Cúi xin Đức Thế Tôn thương dạy cho con cách lễ sáu phương theo pháp của Hiền thánh."

Phật bảo con trai trưởng giả:

"Hãy lắng nghe, hãy suy ngẫm kỹ, Ta sẽ nói cho ngươi nghe."

Thiện Sinh đáp:

"Thưa vâng. Con rất muốn nghe."

Phật bảo Thiện Sinh:

"Nếu trưởng giả hay con trưởng giả nào biết tránh bốn nghiệp kết[6] không làm ác theo bốn trường hợp[7] và biết rõ sáu nghiệp hao tổn tài sản[8].

"Như thế, này Thiện Sinh[9] nếu trưởng giả hay con trai trưởng giả nào tránh được bốn việc ác là lễ kính sáu phương; thì đời này tốt đẹp và cả đời sau cũng được quả báo tốt đẹp; đời này có căn cơ và đời sau có căn cơ[10]; trong hiện tại được người trí ngợi khen, được quả bậc nhất[11], sau khi chết được sanh lên trời, cõi thiện.

---

6. Pāli: cattāro kammakilesā: bốn sự ô nhiễm của nghiệp, hay bốn nghiệp phiền não hay bốn phiền não của nghiệp; No.26, 135: tứ chủng nghiệp tứ chủng uế 四種業四種穢.

7. Hán: ư tứ xứ 於四處; Pāli: catūhi ca ṇhānehi: với bốn trường hợp; No.17: tứ diện cấu ác chi hành 四面垢惡之行.

8. Hán: lục tổn tài nghiệp 六損財業; Pāli: cha bhogānam apāyamukhāni; No. 16: lục sự tiền tài nhật hao giảm 六事錢財日耗減; No.17: lục hoạn tiêu tài nhập ác đạo 六患消財入惡道; No.26, 135: lục phi đạo.

9. Hán: thị vị thiện sinh 是謂善生...

10. Pāli: ubholokavijayāya…. tassa ayañceva loko āraddho hoti paroca loko: thắng lợi cả hai đời, người ấy thu hoạch lợi ích trong đời này và đời sau.

11. Hán: hoạch thế nhất quả 獲世一果. Các bản Tống, Nguyên, Minh đều in: Tam thập nhất quả (?)

"Này Thiện Sinh, nên biết, hành bốn kết[12] là: Sát sinh, trộm cắp, dâm dục[13], vọng ngữ.

"Thế nào là bốn trường hợp ác? Đó là: tham dục, sân hận, sợ hãi, ngu si. Ai làm những việc ác theo bốn trường hợp đó sẽ bị hao tổn. Nói như vậy xong, Phật lại nói bài tụng:

Ai làm theo bốn pháp,
Tham, sân, sợ hãi, si,
Thì danh dự mất dần,
Như trăng về cuối tháng.

"Này Thiện Sinh, người nào không làm ác theo bốn trường hợp thì sự ích lợi ngày càng tăng thêm:

Người nào không làm ác,
Do tham, hận, sợ, si,
Thì danh dự càng thêm,
Như trăng hướng về rằm.

"Này Thiện Sinh, sáu nghiệp tổn tài là:

"1 Đam mê rượu chè.

"2. Cờ bạc.

"3. Phóng đãng[14].

"4. Đam mê kỹ nhạc.

"5. Kết bạn người ác

"6. Biếng lười.[15]

"Này Thiện Sinh, nếu trưởng giả hay con trai trưởng giả biết rõ bốn kết hành[16], không làm ác theo bốn trường hợp, lại biết sáu nghiệp

---

12. Hán: hành tứ kết 行四結; Pāli: cattāro kammakilesā pāhinā honti: đoạn trừ bốn nghiệp kết.

13. Pāli: kāmesumicchācāro, dục tà hạnh hay tà dâm; No.16: bất ái tha nhân phụ nữ 不愛他人婦女; No.17: tà dâm.

14. Pāli: vikālavisikhācariyānuyogo: rong chơi đường phố phi thời; No.26. 135: phi thời hành cầu tài vật 非時行求財物.

15. Sáu nghiệp tổn tài, các bản đại khái tương đồng; No.16 hơi khác: 1. Ưa uống rượu; 2. Ưa cờ bạc; 3. Ưa ngủ sớm dậy trễ; 4. Ưa mời khách và cũng khiến người khác mời; 5. Giao du bạn xấu; 6. Kiêu mạn khinh người.

16. Tứ kết hành 四結行; xem cht.1 và 7.

tổn tài, ấy là, này Thiện Sinh, tránh được bốn trường hợp là cúng dường sáu phương, thì đời này tốt đẹp, đời sau tốt đẹp; đời này căn cơ và đời sau căn cơ; trong hiện tại được người trí ngợi khen, được quả báo bậc nhất; sau khi chết được sanh lên trời, cõi thiện.

"Lại nữa, này Thiện Sinh, nên biết, uống rượu có sáu điều lỗi:

"1. Hao tài.

"2. Sanh bệnh.

"3. Đấu tranh.

"4. Tiếng xấu đồn khắp.

"5. Bộc phát nóng giận.

"6. Tuệ giảm dần.

"Này Thiện Sinh, nếu trưởng giả hay con trai trưởng giả ấy uống rượu không thôi thì nghiệp gia sản ngày mỗi tiêu tán.

"Này Thiện Sinh, cờ bạc có sáu điều tai hại:

"1. Tài sản ngày một hao hụt.

"2. Thắng thì gây thù oán.

"3. Bị kẻ trí chê.

"4. Mọi người không kính nễ tin cậy.

"5. Bị xa lánh; và sáu, sanh tâm trộm cắp.

"Thiện Sinh, nếu trưởng giả hay con trai trưởng giả mê đánh bạc mãi thì gia sản ngày mỗi tiêu tán.

"Này Thiện Sinh, phóng đãng có sáu lỗi:

"1. Không tự phòng hộ mình.

"2. Không phòng hộ được tài sản và hàng hóa.

"3. Không phòng hộ được con cháu.

"4. Thường hay bị sợ hãi.

"5. Bị những điều khốn khổ ràng buộc xác thân.

"6. Ưa sinh điều dối trá.

"Đó là sáu điều lỗi. Nếu trưởng giả hay con trai trưởng giả phóng đãng mãi không thôi thì gia sản ngày mỗi tiêu tán.

"Này Thiện Sinh, say mê kỹ nhạc có sáu lỗi:

"1. Tìm đến chỗ ca hát.

"2. Tìm đến chỗ múa nhảy.

"3. Tìm đến chỗ đàn địch.

"4. Tìm đến chỗ tấu linh tay.

"5. Tìm đến chỗ có âm thanh vi diệu.

"6. Tìm đến chỗ đánh trống.[17]

"Đó là sáu tai hại của kỹ nhạc. Nếu trưởng giả hoặc con trai trưởng giả say mê kỹ nhạc mãi không thôi thì gia sản ngày mỗi tiêu tán.

"Này Thiện Sinh, giao du với bạn xấu có sáu lỗi:

"1. Tìm cách lừa dối.

"2. Ưa chỗ thầm kín.

"3. Dụ dỗ nhà người khác.

"4. Mưu đồ chiếm đoạt tài sản của người khác.

"5. Xoay tài lợi về mình.

"6. Ưa phanh phui lỗi người.

"Đó là sáu tai hại về bạn xấu. Nếu trưởng giả hay con trai trưởng giả làm bạn với kẻ ác mãi thì gia sản mỗi ngày mỗi tiêu tán.

"Này Thiện Sinh, lười biếng có sáu lỗi:

"1. Khi giàu sang không chịu làm việc.

"2. Khi nghèo không chịu siêng năng.

"3. Lúc lạnh không chịu siêng năng.

"4. Lúc nóng không chịu siêng năng.

"5. Lúc sáng trời không chịu siêng năng.

"6. Lúc tối trời không chịu siêng năng.

"Đó là sáu điều tai hại của sự lười biếng. Nếu trưởng giả hay con trưởng giả lười biếng mãi, thì gia sản mỗi ngày mỗi tiêu tán."

Nói như vậy xong, Phật làm bài tụng:

Người mê say rượu chè,
Lại có bè bạn rượu,
Tài sản đã tích lũy,
Liền theo mình tiêu tan;
Uống rượu không tiết độ;

---

17. Hán: ca, vũ, cầm sắt 歌舞琴瑟 (Pāli: vādita: tấu nhạc), ba nội tảo 波內早 (Pāli: pānissara?), đa-la-bàn 多羅盤 (Pāli: saravant?), thủ-ha-na 首呵那 (Pāli? So sánh: kumbhathunanti); No.26, 135: 1. Hỷ văn ca 喜聞歌; 2. Hỷ kiến vũ 喜見舞; 3. Hỷ vãng tác nhạc 喜往作樂; 4. Hỷ kiến lộng linh 喜見弄鈴; 5. Hỷ phách lưỡng thủ 喜拍兩手; 6. Hỷ đại tụ hội 喜大聚會.

Thường ưa ca, múa, nhảy,
Ngày rong chơi nhà người,
Nhân thế tự đọa lạc.
Theo bạn ác không sửa;
Phỉ báng ra nhà người.
Tà kiến bị người chê;
Làm xấu bị người truất.
Cờ bạc, đắm ngoại sắc;
Chỉ bàn việc hơn thua.
Bạn ác không sửa đổi,
Làm xấu bị người truất.
Bị rượu làm hoang mê;
Nghèo khó không tự liệu;
Tiêu xài chẳng tiếc của;
Phá nhà gây tai ương;
Đánh bạc, xúm uống rượu;
Lén lút vợ con người.
Tập quen nết bỉ ổi;
Như trăng về cuối tháng.
Gây ác phải chịu ác.
Chung làm cùng bạn ác;
Đời này và đời sau,
Rốt không đạt được gì.
Ngày thời ưa ngủ nghỉ,
Đêm thức những mơ tưởng,
Mê tối không bạn lành;
Chẳng gây nổi gia vụ.
Sáng chiều chẳng làm việc;
Lạnh, nóng lại biếng lười.
Làm việc không suy xét;
Trở lại uổng công toi.
Nếu không kể lạnh nóng,
Sáng chiều siêng công việc,
Sự nghiệp chi chẳng thành;
Suốt đời khỏi âu lo.

Phật bảo Thiện Sinh:

"Có bốn hạng kẻ thù mà như người thân, ngươi nên biết. Bốn kẻ

ấy là những ai?

"1. Hạng úy phục.

"2. Hạng mỹ ngôn.

"3. Hạng kính thuận.

"4. Hạng ác hữu[18].

"Hạng úy phục thì thường hay làm bốn việc:

"1. Cho trước đoạt lại sau.

"2. Cho ít mong trả nhiều.

"3. Vì sợ gượng làm thân.

"4. Vì lợi gượng làm thân.

"Hạng mỹ ngôn thì thường hay làm bốn việc:

"1. Lành dữ đều chiều theo.

"2. Gặp hoạn nạn thì xa lánh.

"3. Ngăn cản những điều hay.

"4. Thấy gặp nguy tìm cách đun đẩy.

"Hạng kính thuận thì thường làm bốn việc:

"1. Việc trước dối trá.

"2. Việc sau dối trá.

"3. Việc hiện dối trá.

"4. Thấy có một chút lỗi nhỏ đã vội trách phạt.

"Hạng bạn ác thì thường làm bốn việc: một, bạn lúc uống rượu; hai, bạn lúc đánh bạc; ba, bạn lúc dâm dật; bốn bạn lúc ca vũ."

Đức Thế Tôn nói như vậy rồi, bèn làm một bài tụng:

Úy phục, gượng làm thân;
Hạng mỹ ngôn cũng thế.
Kính thuận, thân nhưng dối.
Ác hữu là ác thân.
Bạn thế chớ tin cậy,
Người trí nên biết rõ.
Nên gấp rút lìa xa

---

18. No.16: ác tri thức có bốn: trong lòng thù oán, ngoài gượng làm bạn; trước mặt nói tốt sau lưng nói xấu; gặp lúc người hoạn nạn trước mặt ra vẻ buồn nhưng sau lưng thích thú; ngoài mặt như thân hậu trong lòng tính chuyện mưu oán.

Như tránh con đường hiểm.

Phật lại bảo Thiện Sinh:

"Có bốn hạng người thân đáng thân vì thường đem lại lợi ích và che chở. Những gì là bốn?

"1. Ngăn làm việc quấy.

"2. Thương yêu.

"3. Giúp đỡ.

"4. Đồng sự.

"Đó là bốn hạng người thân đáng thân cận.

"Này Thiện Sinh, hạng ngăn quấy thì thường làm bốn việc đem lại nhiều lợi ích và hay che chở:

"1. Thấy người làm ác thì hay ngăn cản.

"2. Chỉ bày điều chánh trực.

"3. Có lòng thương tưởng.

"4. Chỉ đường sinh Thiên[19].

"Đó là bốn trường hợp ngăn cản việc quấy đem lại nhiều lợi ích và hay che chở.

"Hạng thương yêu thì thường làm bốn việc:

"1. Mừng khi mình được lợi.

"2. Lo khi mình gặp hại.

"3. Ngợi khen đức tốt mình.

"4. Thấy mình nói ác thì tìm cách ngăn cản.

"Đó là bốn điều thương yêu đem lại nhiều lợi ích và hay che chở.

"Hạng giúp đỡ có bốn việc. Những gì là bốn? Đó là:

"1. Che chở mình khỏi buông lung.

"2. Che chở mình khỏi hao tài vì buông lung.

"3. Che chở mình khỏi sợ hãi.

"4. Khuyên bảo mình trong chỗ vắng người.

"Hạng đồng sự thì thường làm bốn việc:

"1. Không tiếc thân mạng với bạn.

---

19. Hán; thị nhân thiên lộ 示人天路. Các bản Nguyên, Minh: thị nhân đại lộ 示人大路; Pāli: saggassa maggam acikkhati: chỉ cho con đường lên trời.

"2. Không tiếc của cải với bạn.

"3. Cứu giúp bạn khỏi sợ hãi.

"4. Khuyên bảo bạn lúc ở chỗ vắng người."

Nói như vậy xong, Đức Thế Tôn lại nói bài tụng:

Bạn ngăn ngừa điều quấy,
Bạn từ mẫn thương yêu,
Bạn làm lợi ích bạn,
Bạn đồng sự với bạn.
Đó bốn hạng đáng thân,
Người trí đáng thân cận;
Thân hơn người thân khác,
Như mẹ hiền thân con.
Muốn thân người đáng thân;
Hãy thân bạn kiên cố.
Người bạn đủ giới hạnh,
Như lửa sáng soi người.

Phật lại bảo Thiện Sinh:

"Ngươi nên biết ý nghĩa sáu phương. Sáu phương là gì?

"1. Phương Đông là cha mẹ.

"2. Phương Nam là sư trưởng.

"3. Phương Tây là thê thiếp.

"4. Phương Bắc là bạn bè thân thích[20].

"5. Phương Trên là các bậc Trưởng thượng, Sa-môn, Bà-la-môn.

"6. Phương Dưới là tôi tớ.

"Này Thiện Sinh, kẻ làm con phải kính thuận cha mẹ với năm điều. Những gì là năm?

"1. Cung phụng không để thiếu thốn.

"2. Muốn làm gì thưa cha mẹ biết.

"3. Không trái điều cha mẹ làm.

"4. Không trái điều cha mẹ dạy.

"5. Không cản chánh nghiệp mà cha mẹ làm.

"Kẻ làm cha mẹ phải lấy năm điều này chăm sóc con cái:

"1. Ngăn con đừng để làm ác.

---

[20] Hán: thân đảng 親黨. Đoạn dưới nói là thân tộc.

"2. Chỉ bày những điều ngay lành.

"3. Thương yêu đến tận xương tủy.

"4. Chọn nơi hôn phối tốt đẹp.

"5. Tùy thời cung cấp đồ cần dùng.

"Này Thiện Sinh, kẻ làm con kính thuận và cung phụng cha mẹ thế thì phương ấy được an ổn không có điều lo sợ.

"Đệ tử cung phụng sư trưởng có năm việc:

"1. Hầu hạ cung cấp điều cần.

"2. Kính lễ cúng dường.

"3. Tôn trọng qúi mến.

"4. Thầy có dạy bảo điều gì không trái nghịch.

"5. Thầy có dạy bảo điều gì nhớ kỹ không quên. Kẻ làm đệ tử cần phải thờ kính sư trưởng với năm điều ấy.

"Thầy cũng có năm điều để săn sóc đệ tử:

"1. Dạy dỗ có phương pháp.

"2. Dạy những điều chưa biết.

"3. Giải nghĩa rành rõ những điều trò hỏi.

"4. Chỉ cho những bạn lành.

"5. Dạy hết những điều mình biết không lẫn tiếc.

"Này Thiện Sinh, nếu đệ tử kính thuận, cung kính sư trưởng, thì phương ấy được an ổn không có điều lo sợ.

"Này Thiện Sinh, chồng cũng phải có năm điều đối với vợ:

"1. Lấy lễ đối đãi nhau.

"2. Oai nghiêm không nghiệt.

"3. Cho ăn mặc phải thời.

"4. Cho trang sức phải thời.

"5. Phó thác việc nhà.

"Này Thiện Sinh, chồng đối đãi vợ có năm điều, vợ cũng phải lấy năm việc cung kính đối với chồng[21]. Những gì là năm?

"1. Dậy trước.

"2. Ngồi sau.

"3. Nói lời hòa nhã.

---

[21] No.26, 135: Vợ kính thuận chồng theo mười ba điều.

"4. Kính nhường tùy thuận.

"5. Đón trước ý chồng.

"Này Thiện Sinh, ấy là vợ đối với chồng cung kính đối đãi nhau, như thế thì phương ấy được an ổn không điều gì lo sợ.

"Này Thiện Sinh, người ta phải lấy năm điều thân kính đối với bà con[22]:

"1. Chu cấp.

"2. Nói lời hiền hòa.

"3. Giúp đạt mục đích.

"4. Đồng lợi[23].

"5. Không khi dối.

"Bà con cũng phải lấy năm điều đối lại:

"1. Che chở cho mình khỏi buông lung.

"2. Che chở cho mình khỏi hao tài vì buông lung.

"3. Che chở khỏi sự sợ hãi.

"4. Khuyên răn nhau lúc ở chỗ vắng người.

"5. Thường ngợi khen nhau.

"Này Thiện Sinh! Người biết thân kính bà con như vậy thì phương ấy được yên ổn không điều chi lo sợ.

"Này Thiện Sinh, chủ đối với tớ có năm điều để sai bảo:

"1. Tùy khả năng mà sai sử.

"2. Phải thời cho ăn uống.

"3. Phải thời thưởng công lao.

"4. Thuốc thang khi bệnh.

"5. Cho có thời giờ nghỉ ngơi.

"Tôi tớ phải lấy năm điều phụng sự chủ[24]:

"1. Dậy sớm.

"2. Làm việc chu đáo.

"3. Không gian cắp.

"4. Làm việc có lớp lang.

---

22. Hán: thân tộc 親族; đoạn trên: thân đảng.

23. Tức bốn nhiếp sự: bố thí, ái ngữ, lợi hành và đồng sự; Pāli: dāna, peyyavajja, atthacariya, samānatta.

24. No.26, 135: theo năm điều; D.31 cũng vậy.

"5. Bảo tồn danh giá chủ.

"Này Thiện Sinh, nếu chủ đối với tớ được như vậy thì phương ấy được an ổn không điều chi lo sợ.

"Kẻ đàn việt cung phụng hàng Sa-môn, Bà-la-môn với năm điều:

"1. Thân hành từ.

"2. Khẩu hành từ.

"3. Ý hành từ.

"4. Đúng thời cúng thí.

"5. Không đóng cửa khước từ.

"Sa-môn, Bà-la-môn cũng khuyên dạy theo sáu điều[25]:

"1. Ngăn ngừa chớ để làm ác.

"2. Chỉ dạy điều lành.

"3. Khuyên dạy với thiện tâm.

"4. Cho nghe những điều chưa nghe.

"5. Những gì đã được nghe làm cho hiểu rõ.

"6. Chỉ vẽ con đường sanh Thiên.

"Này Thiện Sinh, nếu đàn việt kính phụng hàng Sa-môn, Bà-la-môn như thế thì phương ấy được an ổn không điều gì lo sợ."

Đức Thế Tôn nói như vậy xong, lại làm một bài tụng:

Cha mẹ là phương Đông,
Sư trưởng là phương Nam,
Vợ chồng là phương Tây,
Thân tộc là phương Bắc,
Tôi tớ là phương Dưới,
Sa-môn là phương Trên.
Những người con trưởng giả
Kính lễ các phương ấy.
Thuận thảo không lỗi thời,
Khi chết được sanh Thiên.
Huệ thí, nói hòa nhã,
Giúp người đạt mục đích.
Lợi lộc chia đồng đều,
Mình có cho người hưởng.

25. No.26, 135: tớ phụng sự theo chín điều.

Bốn việc ấy như xe,
Chở tất cả nặng nề.
Đời không bốn việc ấy,
Sẽ không có hiếu dưỡng.
Bốn việc ấy ở đời,
Được người trí chọn lựa.
Làm thời kết quả lớn,
Tiếng tốt đồn vang xa.
Trang sức chỗ nằm ngồi,
Dọn thức ăn bậc nhất,
Để cấp bậc xứng đáng,
Tiếng tốt đồn vang xa.
Không bỏ người thân cũ;
Chỉ bày việc lợi ích;
Trên dưới thường hòa đồng,
Tất được danh dự tốt.
Trước hãy tập kỹ nghệ,
Sau mới có tài lợi.
Khi có tài lợi rồi,
Hãy khéo lo gìn giữ.
Tiêu dùng đừng xa xí;
Hãy lựa người làm thân.
Hạng lừa dối, xung đột;
Thà chẳng nên đến gần[26].
Của dồn từ khi ít;
Như ong góp nhụy hoa.
Tài bảo ngày chứa dồn,
Trọn đời không hao tổn.
Một, ăn biết vừa đủ;
Hai, làm việc siêng năng;
Ba, lo dồn chứa trước,
Đề phòng khi thiếu hụt;
Bốn, cày ruộng buôn bán,
Và lựa đất chăn nuôi;
Năm, xây dựng tháp miếu;

---

[26] Hán: Ninh khất vị cử dữ 寧乞未舉與?

Sáu, lập tăng phòng xá.
Tại gia sáu việc ấy,
Siêng lo chớ lỗi thời.
Ai làm được như thế
Thời nhà khỏi sa sút,
Tài sản ngày một thêm,
Như trăm sông về biển.

Bấy giờ Thiện Sinh bạch Phật:

"Lành thay, bạch Thế Tôn! Thật quá chỗ mong ước của con xưa nay, vượt xa những lời dạy của cha con. Như lật ngửa những gì bị úp xuống; như mở ra những gì bị đóng kín; như người mê được tỏ, đang ở trong nhà tối được gặp đèn, có mắt liền thấy. Những gì được Như Lai thuyết giảng cũng như thế; bằng vô số phương tiện khai ngộ cho kẻ ngu tối; làm rõ pháp thanh bạch. Phật là Đức Như Lai, Bậc Chí Chân, Đẳng Chánh Giác, do đó có thể chỉ bày, hướng dẫn cho đời. Nay con xin quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng. Cúi xin Đức Thế Tôn chấp thuận cho con được làm Ưu-bà-tắc ở trong Chánh pháp. Kể từ hôm nay cho đến trọn đời, con nguyện không giết, không trộm, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu."

Bấy giờ, Thiện Sinh sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

❑

17. KINH THANH TỊNH[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại nước Ca-duy-la-vệ[2], trong khu rừng của Ưu-bà-tắc Miến-kỳ[3], cùng với chúng Đại Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi người.

Bấy giờ, có Sa-di Châu-na[4], ở tại nước Ba-ba, sau an cư mùa hạ, cầm y bát, đi lần đến nước Ca-duy-la-vệ, trong vườn Miến-kỳ; đến chỗ A-nan, cúi đầu lễ dưới chân, rồi đứng sang một bên, bạch A-nan rằng:

"Có Ni-kiền Tử[5] trong thành Ba-ba[6], chết chưa bao lâu, mà các đệ tử của ông đã chia làm hai phe. Họ tranh chấp nhau, trực diện mắng chửi nhau, không còn phân biệt trên dưới; tìm tòi khuyết điểm của nhau, ganh đua kiến thức với nhau rằng: 'Ta có thể biết điều này; ngươi không thể biết điều này. Hành động của ta chân chính, còn ngươi là tà

---

1. Bản Hán, *Phật Thuyết Trường A-hàm kinh*, Q.12, "Đệ nhị phần Thanh Tịnh kinh Đệ thập tam". Tương đương Pāli: D. 29, Dig iii. 6. Pāsādika-suttanta.

2. Ca-duy-la-vệ 迦維羅衛, cũng âm là Ca-tỳ-la-vệ 迦毗羅衛; Pāli: Kapilavatthu (Skt.: Kapilavastu), tên thành, cũng là tên nước. Quê hương của Đức Thích Tôn.

3. Hán: Miến-kỳ Ưu-bà-tắc lâm trung 綿祇優婆塞林中. Phiên âm Miến-kỳ không tìm thấy Pāli tương đương chính xác. So sánh, D. 29, sđd.: sakkesu viharati vadhaññā nāma sakyā tesam ambavane pāsāde: trú giữa những người Thích-ca, trong ngôi nhà lầu trong khu vườn xoài của một người họ Thích có tên là Vadhaññā.

4. Châu-na 周那, cũng âm là Thuần-đà 純陀, nhưng không phải người thợ sắt trong kinh "Đại Bát-niết-bàn"; Pāli: Cunda.

5. Ni-kiền Tử 尼乾子, hay Ni-kiền Thân Tử 尼乾親子 (Pāli: Nigaṇṭha-Nāṭa-putta, Skt.: Nirgrantha-Jñātiputra), giáo chủ một giáo phái nổi tiếng đồng thời với Phật, được tôn xưng là Mahāvira (Đại Hùng). Phái này sau trở thành Kỳ-na giáo.

6. Ba-ba quốc 波波國 (Pāli: Pāva), tên một thị trấn gần Vương xá (Pāli: Rājagaha), thủ phủ của bộ tộc Malla.

kiến. Ngươi đặt cái trước ra sau; để cái sau ra trước; điên đảo, thác loạn, không có phép tắc. Những điều ta làm thật là vi diệu. Những điều ngươi nói thì sai lầm. Ngươi có điều gì nghi ngờ, cứ hỏi ta.' Bạch Đại đức A-nan, bấy giờ, những người thờ Ni-kiền Tử trong nước này nghe những tranh tụng như vậy sinh lòng chán ghét."

A-nan nói với Sa-di Châu-na:

"Ta có điều muốn bạch Thế Tôn. Ngươi hãy đi với ta, trình bày Thế Tôn về sự việc này. Nếu Thế Tôn có răn dạy điều gì, chúng ta hãy cùng phụng hành."

Rồi thì, Sa-di Châu-na sau khi nghe A-nan nói bèn cùng đi theo đến chỗ Thế Tôn. Sau khi cúi lạy dưới chân Thế Tôn, bèn đứng sang một bên. Lúc bấy giờ, A-nan bạch Thế Tôn rằng:

"Sa-di Châu-na này, sau an cư mùa hạ ở nước Ba-ba, cầm y bát, đi lần đến đây. Sau khi đảnh lễ dưới chân con, nói với con rằng: 'Có Ni-kiền Tử trong thành Ba-ba, chết chưa bao lâu, mà các đệ tử của ông đã chia làm hai phe. Họ tranh chấp nhau, trực diện mắng chửi nhau, không còn phân biệt trên dưới; tìm tòi khuyết điểm của nhau, ganh đua kiến thức với nhau rằng: 'Ta có thể biết điều này; ngươi không thể biết điều này. Hành động của ta chân chính, còn ngươi là tà kiến. Ngươi đặt cái trước ra sau; để cái sau ra trước; điên đảo, thác loạn, không có phép tắc. Những điều ta làm thật là vi diệu. Những điều ngươi nói thì sai lầm. Ngươi có điều gì nghi ngờ, cứ hỏi ta.' Bấy giờ, những người thờ Ni-kiền Tử trong nước này nghe những tranh tụng như vậy sinh lòng chán ghét.'."

Thế Tôn nói với Châu-na:

"Quả vậy, Châu-na, trong phi pháp ấy không có gì đáng để nghe. Đó không phải là những điều được nói bởi Bậc Chánh Đẳng Chánh Giác[7]. Cũng như ngôi tháp đổ nát, khó có thể bôi màu[8]. Kia tuy có thầy, nhưng thảy đều ôm giữ tà kiến. Tuy có pháp, nhưng thảy đều không chân chánh[9],

---

7. Hán: Tam-da-tam-phật-đà 三耶三佛陀, cũng âm là Tam-miệu-tam-phật-đà 三藐三佛陀, dịch là Đẳng Chánh Giác 等正覺, Chánh Đẳng Chánh Giác 正等正覺, Chánh Biến Tri 正編知; Pāli: Sammā-sambuddha, Skt.: Samyaksambuddha.

8. Hán: do như hủ tháp nan khả ô sắc 猶如朽塔難可污色. So sánh Pāli: bhinnathūpe appaṭisaraṇe, như ngôi tháp đổ không thể nương tựa.

9. Pāli: satthā ca hoti asammāsambuddho dhammo ca durakkhāto, thầy không phải là vị Đẳng chánh giác, pháp thì được công bố vụng về.

không đáng để nghe theo, không có khả năng xuất ly[10], không phải là những điều được nói bởi Bậc Chánh Đẳng Chánh Giác. Cũng như ngôi tháp đổ nát không thể bôi màu vậy.

"Trong số các đệ tử của vị ấy có người không thuận theo pháp ấy, dứt bỏ tà kiến ấy, đi theo chánh kiến. Châu-na, nếu có người đến nói với các đệ tử ấy rằng: 'Này chư Hiền, pháp của thầy ông là chân chánh, nên tu hành trong pháp ấy, sao lại bỏ đi?' Nếu người đệ tử này mà tin lời ấy, thì cả hai đều thất đạo, mắc tội vô lượng. Vì sao vậy? Kia tuy có pháp, nhưng không chân chánh.

"Châu-na, nếu thầy không tà kiến và pháp ấy chân chánh, có thể khéo léo nghe theo, có khả năng xuất yếu, là pháp được nói bởi Đấng Chánh Biến Tri[11]. Cũng như ngôi tháp mới có thể dễ dàng bôi màu. Nhưng nếu các đệ tử, ở trong pháp ấy, không tinh cần tu tập, không thể thành tựu, bỏ con đường bình đẳng, đi vào tà kiến. Nếu có người đến nói với các đệ tử ấy rằng: 'Này chư Hiền, pháp của thầy các người là chân chánh, nên ở trong đó mà tu hành, sao lại bỏ đi mà đi vào tà kiến?' Các đệ tử ấy nếu tin lời ấy, thì cả hai đều thấy chân chánh, được phước vô lượng. Vì sao vậy? Vì pháp ấy chân chánh."

Phật bảo Châu-na:

"Kia tuy có thầy, nhưng ôm giữ tà kiến. Tuy cũng có pháp, nhưng thảy đều không chân chánh, không có khả năng xuất yếu, không phải là pháp được thuyết bởi Đấng Chánh Biến Tri. Cũng như ngôi tháp đổ nát không thể bôi màu. Các đệ tử kia thành tựu pháp và tùy pháp[12], tùy thuận theo mà tu hành, nhưng lại khởi tà kiến. Châu-na, nếu có người đến nói đệ tử ấy rằng: 'Pháp của thầy ngươi là chân chánh. Điều ngươi làm là đúng. Nay ngươi tu hành cần khổ như vậy, có thể ở trong đời này ngươi sẽ thành tựu đạo quả.' Các đệ tử kia tin lời ấy, thì cả hai đều thất đạo, mắc tội vô lượng. Vì sao vậy? Vì pháp không chân chánh vậy.

"Này Châu-na, nếu bậc thầy không tà kiến; Pháp của vị ấy chân chánh, có thể khéo léo nghe theo, có khả năng xuất ly, là pháp được thuyết bởi Đấng Chánh Biến Tri. Cũng như ngôi tháp mới thì dễ bôi

---

10. Hán: bất năng xuất yếu 不能出要, không có khả năng dẫn đến giải thoát; Pāli: aniyyānike.

11. Xem cht.7.

12. Hán: pháp pháp thành tựu 法法成就. So sánh Pāli: dhammānudhammappaṭipanno viharati, sống thực hành pháp và tùy pháp.

màu. Nay đệ tử của vị ấy thành tựu pháp và tùy pháp, tùy thuận tu hành mà sanh chánh kiến. Nếu có người đến nói với các đệ tử ấy rằng: 'Pháp của thầy ngươi là chân chánh. Sở hành của ngươi là đúng. Nay cần khổ tu hành như vậy, có thể ở trong đời này mà thành tựu đạo quả.' Các đệ tử kia tin lời ấy, cả hai đều chánh kiến, được phước vô lượng. Vì sao vậy? Vì pháp ấy chân chánh.

"Này Châu-na, hoặc có bậc Đạo sư xuất thế khiến cho các đệ tử buồn rầu. Hoặc có Đạo sư xuất thế khiến các đệ tử không buồn rầu.

"Thế nào là Đạo sư xuất thế khiến các đệ tử sinh buồn rầu?

"Này Châu-na! Đạo sư mới xuất hiện thế gian, thành đạo chưa lâu, pháp của vị ấy đầy đủ phạm hạnh thanh tịnh, như thật chơn yếu nhưng không được phân bố rộng khắp, rồi vị Đạo sư ấy lại chóng diệt độ. Các đệ tử vì thế không được tu hành, thảy đều buồn rầu mà nói rằng: 'Thầy vừa mới xuất thế, thành đạo chưa lâu, pháp của Thầy đầy đủ phạm hạnh thanh tịnh, như thật chơn yếu, nhưng rốt cùng lại không được phân bố rộng khắp, mà nay Đạo sư lại nhanh chóng diệt độ, khiến cho đệ tử chúng ta không được tu hành.' Đấy là có vị Đạo sư xuất thế nhưng đệ tử lại ưu sầu.

"Thế nào là Đạo sư xuất thế, đệ tử không ưu sầu?

"Có vị Đạo sư xuất thế, Pháp của vị ấy thanh tịnh, đầy đủ phạm hạnh, như thật chơn yếu, lại được lưu bố rộng rãi, rồi sau đó mới vào diệt độ. Các đệ tử vì thế mà được tu hành, không ưu sầu, mà nói rằng: 'Thầy mới xuất hiện thế gian, thành đạo chưa lâu, pháp của Thầy thanh tịnh, đầy đủ phạm hạnh, như thật chơn yếu lại được lưu bố rộng rãi, rồi sau đó mới vào diệt độ, khiến cho đệ tử chúng ta thảy đều được tu hành.' Này Châu-na, như vậy, Đạo sư xuất thế, đệ tử không ưu sầu."

Phật lại bảo Châu-na:

"Với chi[13] này mà phạm hạnh thành tựu. Đó là, Đạo sư xuất thế, xuất gia chưa bao lâu, danh tiếng chưa rộng, đó gọi là phạm hạnh chi chưa đầy đủ[14]. Này Châu-na! Đạo sư xuất thế, xuất gia đã lâu, danh tiếng đã rộng rãi, đó gọi là chi phạm hạnh đầy đủ.

---

13. Hán: chi trì 支 持; Pāli: aṅga: thành phần, bộ phận, điều kiện, trạng thái. D. 29: etehi aṅgehi samannāgatam brahmacariyam hoti: phạm hạnh thành tựu bởi những chi này.

14. Pāli: tam brahmacariyam aparipūram hoti ten'aṅgena: phạm hạnh ấy không đầy đủ (trọn vẹn) do bởi điều kiện (chi) này.

"Này Châu-na, Đạo sư xuất thế, xuất gia đã lâu, danh tiếng đã rộng, nhưng các đệ tử chưa nhận được sự dạy dỗ, chưa đầy đủ phạm hạnh, chưa đến nơi an ổn[15], chưa đạt được mục đích của mình, chưa thể phân bố diễn thuyết pháp đã được thọ lãnh; nếu có dị luận nổi lên thì không thể như pháp mà diệt, chưa chứng đắc thần thông có khả năng biến hóa[16]. Đó gọi là chi phạm hạnh chưa đầy đủ.

"Này Châu-na! Đạo sư xuất thế, xuất gia đã lâu, danh tiếng đã rộng, mà các đệ tử thảy đều chịu giáo huấn, phạm hạnh đầy đủ, đã đến nơi an ổn, đã đạt được mục đích của mình, lại có thể phân biệt diễn thuyết pháp được lãnh thọ; nếu có dị luận khởi thì có thể như pháp mà diệt, đã chứng đắc thần thông có khả năng biến hóa đầy đủ. Đó là chi phạm hạnh đầy đủ.

"Này Châu-na! Đạo sư xuất thế, xuất gia chưa lâu, danh tiếng chưa rộng, các Tỳ-kheo-ni chưa nhận được sự dạy dỗ, chưa đến chỗ an ổn, chưa đạt được mục đích của mình, chưa thể phân bố diễn thuyết pháp đã được lãnh thọ; nếu có dị luận khởi lên chưa thể như thật diệt trừ bằng chánh pháp, chưa chứng đắc thần thông có khả năng biến hóa. Đó là chi phạm hạnh chưa đầy đủ.

"Này Châu-na! Đạo sư xuất thế, xuất gia đã lâu, danh tiếng đã rộng, các Tỳ-kheo-ni thảy đều nhận được giáo huấn, phạm hạnh đầy đủ, đã đến nơi an ổn, có thể phân biệt diễn thuyết pháp đã lãnh thọ; nếu có dị luận khởi lên thì như pháp mà trừ diệt, đã chứng đắc thần thông có khả năng biến hóa. Đó là chi phạm hạnh đầy đủ.

"Này Châu-na! Các Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di rộng tu phạm hạnh... cho đến đã chứng đắc thần thông có khả năng biến hóa, cũng vậy.

"Này Châu-na, nếu Đạo sư không còn ở đời, không có danh tiếng, sự lợi dưỡng tổn giảm. Đó là chi phạm hạnh không đầy đủ. Nếu Đạo sư

---

15. Hán: an xứ tại 安處在; Pāli: yogakkhema: du già an ổn, chỗ an ổn; chỉ cho Niết-bàn.

16. Hán: vị năng biến hóa thành thần thông chứng 未能變化成神通證; Pāli: sappaṭihāriyam dhammam desetum: có khả năng thuyết pháp thần biến (pháp có tính cách thần kỳ). Hán: biến hóa, cũng dịch là thị đạo (Xem Câu Xá q.27, Đại XXIX tr.143c11); có ba thị đạo: thần biến 神變 hay thần thông biến hóa, ký tâm 記心 hay biết được ý nghĩ của người khác và giáo giới thị đạo 教誡示導, sự thần kỳ của giáo dục; Pāli: sappāṭihāriyam dhammam: pháp có khả năng thị đạo, hay có khả năng thần kỳ của sự giáo dục.

tại thế, danh tiếng và lợi dưỡng đều có đủ, không có tổn giảm; đó là chi phạm hạnh đầy đủ.

"Nếu Đạo sư còn ở đời, danh tiếng và lợi dưỡng thảy đều đầy đủ, nhưng các Tỳ-kheo không thể đầy đủ danh tiếng và lợi dưỡng. Đó là chi phạm hạnh không đầy đủ.

"Nếu Đạo sư tại thế, danh tiếng và lợi dưỡng đầy đủ không tổn giảm, chúng các Tỳ-kheo cũng đầy đủ như vậy. Đó là chi phạm hạnh đầy đủ. Chúng Tỳ-kheo-ni cũng vậy.

"Châu-na, Ta xuất gia đã lâu, danh tiếng rộng xa, các Tỳ-kheo của Ta đã nhận lãnh giáo huấn, đã đến chỗ an ổn, đã tự mình đạt được mục đích, lại có thể nói cho người khác pháp đã lãnh thọ; nếu có dị luận khởi lên có thể như pháp mà diệt, đã chứng đắc thần thông có khả năng biến hóa. Các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, cũng vậy.

"Châu-na, Ta đã lưu bố rộng rãi phạm hạnh ... cho đến, đã chứng đắc thần thông có khả năng biến hóa.

"Này Châu-na! Hết thảy Đạo sư trong thế gian, không thấy có ai có danh tiếng và lợi dưỡng như Ta, Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác.

Này Châu-na, hết thảy đồ chúng có trong thế gian, không thấy ai có danh tiếng và lợi dưỡng như chúng của Như Lai.

"Châu-na, nếu muốn nói cho chân chánh, thì nên nói 'thấy mà không thấy'[17]. Thế nào là thấy mà không thấy? Hết thảy phạm hạnh thanh tịnh cụ túc, đã được tuyên thuyết, được lưu bố hiển thị[18]. Đó gọi là thấy mà không thấy."

Rồi thì, Đức Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Uất-đầu-lam Tử[19], ở giữa đại chúng, nói như vậy: 'Thấy mà không thấy. Thế nào là thấy mà không thấy? Như có thể thấy con dao nhưng không thể thấy sự bén nhọn'[20]. Này các Tỳ-kheo, vị ấy chỉ dẫn

---

17. Hán: kiến bất khả kiến 見不可見; Pāli: passan na passati.

18. Pāli: sabbākārasampannam sabbākāraparipūram anūnam anadhikam svākhatam kevalam paripūram brahmacariyam suppakāsan: phạm hạnh được mô tả là thành tựu hết thảy tướng (hình thái), tròn đầy hết thảy tướng, không thiếu sót, không dư thừa, được khéo tuyên thuyết, thuần túy viên mãn.

19. Uất-đầu-lam Tử 鬱頭藍子, hay Uất-đầu-lam-phất 鬱頭藍弗 (Pāli: Uddaka-Rāmaputta, Skt.: Udraka-Rāmaputra), vị đạo sỹ mà Đức Thích Tôn học được định Phi tưởng phi phi tưởng xứ (Pāli. nevasaññā-nāsaññā-āyatana)

20. Hán: đao khả kiến nhi nhẫn bất khả kiến 刀可見而刃不可見; Pāli: khurassa

lời nói không nhận thức của phàm phu mà ví dụ. Như vậy, này Châu-na, nếu muốn nói một cách chân chánh, nên nói: 'Thấy mà không thấy.' Thế nào là thấy mà không thấy? Ngươi cần phải nói một cách chân chánh rằng: 'Hết thảy phạm hạnh thanh tịnh đầy đủ, được tuyên thị, lưu bố.[21] Đó là thấy mà không thấy.'

"Này Châu-na, pháp tương tục kia không đầy đủ nhưng có thể đạt được. Pháp không tương tục kia tuy đầy đủ nhưng không thể đạt được[22]. Này Châu-na, phạm hạnh trong các pháp, là đề hồ[23] trong các thứ tô lạc[24]."

Rồi Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Ta đối với pháp này tự thân tác chứng[25]. Đó là bốn niệm xứ, bốn thần túc, bốn ý đoạn, bốn thiền, năm căn, năm lực, bảy giác ý, tám đạo Hiền thánh. Các ngươi tất cả hãy cùng hòa hợp chớ sanh tranh chấp. Cùng theo học một Thầy, cũng như nước và sữa hòa một; ở trong Chánh

---

sādhu-nisitassa talam assa passati, dhāran ca kho tassa na passati: thấy bề mặt được mài kỹ của con dao mà không thấy sự sắc bén của nó.

21. Xem cht.18.

22. Hán dịch tối nghĩa: bỉ tương tục pháp bất cụ túc nhi khả đắc, bất tương tục pháp cụ túc nhi bất khả đắc 彼相續法不具足而可得不相續法具足而不可得. Tham chiếu Pāli: idam ettha apakaḍḍheyya evam tam parisuddhataram assāti iti hetam na passati, idam ettha upakaḍḍheyya evam tam parisuddhataram assāti iti hetam na passati: nếu vị ấy nghĩ rằng ở đây nên bớt đi cái này thì nó sẽ thanh tịnh hơn, thế thì vị ấy không thấy cái ấy; nếu vị ấy nghĩ rằng ở đây nên thêm cái này thì nó sẽ thanh tịnh hơn, thế thì vị ấy không thấy cái ấy. (Trường 2, tr.456: Nếu vị ấy trừ bớt một phương diện nào tại một chỗ nào, nghĩ rằng làm vậy sẽ được rõ ràng hơn, vị ấy sẽ không thấy gì. Nếu vị ấy thêm vào một phương diện nào tại một chỗ nào, nghĩ rằng như vậy sẽ được rõ ràng hơn, vị ấy sẽ không thấy gì). Có lẽ ý muốn nói, vì không thấy rõ mục đích của đời sống phạm hạnh cho nên nghĩ rằng nên thêm hay bớt điều gì đó để cho phạm hạnh ấy thanh tịnh hơn, kỳ thực không thấy gì cả. Hán: tương tục 相續, có lẽ Skt.: prākarṛi: sự kéo dài ra (Ṣem, Huyền Tráng, Câu Ṣá ṛ.2, Đại XXIX tr.119c12; Chân Đế, ibid. 205c14, 271c21: đa thời 多時, trường thời 長時), gần với Pāli: apakaḍḍhati (Skt.: apakarṛati): lược bỏ bớt; upakaḍḍhati: lôi hay kéo lên, thêm vào.

23. Đề hồ 醍醐; Pāli: sappi-maṇḍa (Skt.: sarpimaṇḍa) hạng nhất trong năm chế phẩm từ sữa (Pāli: khīra, dadhi, takka, navanīta, sappi).

24. Tô và lạc. Lạc 酪; Pāli: dadhi: sữa đông, sữa để chua. Tô 酥, gồm có sanh tô (Pāli. navanīta: sữa tươi), thục tô (Pāli: sappi) tức đề hồ.

25. Hán: cung tự tác chứng 躬自作證.

pháp của Như Lai, hãy tự thắp sáng cho mình, nhanh chóng được an lạc. Sau khi đã được an lạc, nếu có Tỳ-kheo nào, trong lúc có Tỳ-kheo đang thuyết pháp, mà nói rằng: 'Điều được nói của vị kia, văn cú không chánh; nghĩa lý không chánh.' Tỳ-kheo nghe như thế không nên nói đấy là đúng, cũng không nên nói đấy là sai, mà hãy nói với Tỳ-kheo ấy rằng: 'Thế nào, chư Hiền? Câu của tôi như vậy. Câu của các ngài như vậy. Nghĩa của tôi như vậy. Nghĩa của các ngài như vậy. Cái nào hơn? Cái nào thua?' Nếu Tỳ-kheo kia nói rằng: 'Câu của tôi như vậy. Câu của ngài như vậy. Nghĩa của tôi như vậy. Nghĩa của ngài như vậy. Câu của ngài hơn. Nghĩa của ngài cũng hơn.' Tỳ-kheo kia nói vậy, nhưng cũng chớ cho là đúng, cũng chớ cho là sai, mà nên can gián Tỳ-kheo ấy, nên khuyến cáo hãy từ bỏ, hãy cùng suy cầu. Như vậy, cùng nhau hòa hợp, chớ sanh tranh chấp. Cùng một Thầy học, như sữa và nước hợp nhất; ở trong Chánh pháp của Như Lai, hãy tự mình thắp sáng, chóng được an lạc.

"Sau khi đã an lạc, nếu có Tỳ-kheo nào trong khi có Tỳ-kheo đang thuyết pháp mà nói như vậy: 'Điều mà vị ấy nói, văn cú không chánh, nhưng nghĩa thì chánh.' Tỳ-kheo nghe như vậy, không nên nói đấy là đúng, cũng không nên nói đấy là sai, mà nên nói với Tỳ-kheo ấy rằng: 'Thế nào, Tỳ-kheo? Câu của tôi như vậy. Câu của ngài như vậy. Câu nào đúng? Câu nào sai?' Nếu Tỳ-kheo ấy nói: 'Câu của tôi như vậy. Câu của ngài như vậy. Câu của ngài hơn.' Tỳ-kheo kia nói như vậy, nhưng cũng không nên nói đấy là đúng, cũng không nên nói thế là sai, mà nên can gián Tỳ-kheo ấy, nên khuyến cáo hãy dứt bỏ, hãy cùng suy cầu. Như vậy tất cả cùng hòa hợp, chớ sanh tranh chấp, đồng một Thầy học, như nước sữa hợp nhất, ở trong Chánh pháp của Như Lai, hãy tự mình thắp sáng, nhanh chóng được an lạc.

"Sau khi đã an lạc, nếu có Tỳ-kheo nào trong khi có Tỳ-kheo đang thuyết pháp mà nói như vậy: 'Điều mà vị kia nói, văn cú chánh, nhưng nghĩa không chánh.' Tỳ-kheo nghe như vậy, không nên nói đấy là đúng, cũng không nên nói đấy là sai, mà nên nói với Tỳ-kheo ấy rằng: 'Thế nào, Tỳ-kheo? Câu của tôi như vậy. Câu của ngài như vậy. Câu nào đúng? Câu nào sai?' Nếu Tỳ-kheo ấy nói: 'Câu của tôi như vậy. Câu của ngài như vậy. Câu của ngài hơn.' Tỳ-kheo kia nói như vậy, nhưng cũng không nên nói đấy là đúng, cũng không nên nói thế là sai, mà nên can gián Tỳ-kheo ấy, nên khuyến cáo hãy dứt bỏ, hãy cùng suy cầu. Như vậy tất cả cùng hòa hợp, chớ sanh tranh chấp, đồng một

Thầy học, cùng hòa hợp như nước với sữa, ở trong Chánh pháp của Như Lai, hãy tự mình thắp sáng, chóng được an lạc.

"Sau khi được an lạc, nếu có Tỳ-kheo trong khi có Tỳ-kheo đang thuyết pháp mà nói như vậy 'Điều được thuyết kia, văn cú chánh, nghĩa chánh.' Tỳ-kheo nghe như vậy, không nên nói là sai, mà hãy nên khen ngợi Tỳ-kheo ấy rằng: 'Điều ngài nói là đúng. Điều ngài nói là đúng.' Vì vậy, này Tỳ-kheo, trong mười hai bộ kinh[26] hãy tự mình chứng nghiệm, rồi lưu bố rộng rãi. Một là Quán kinh. Hai là Kỳ dạ kinh. Ba là Thọ ký kinh. Bốn là Kệ kinh. Năm là Pháp cú kinh. Sáu là Tương ưng kinh. Bảy là Bổn duyên kinh. Tám là Thiên bổn kinh. Chín là Quảng kinh. Mười là Vị tằng hữu kinh. Mười một là Thí dụ kinh. Mười hai là Đại giáo kinh. Các ngươi hãy khéo thọ trì, hãy tùy năng lực mà suy xét, phân bố rộng rãi.

"Này các Tỳ-kheo, y mà Ta quy định, hoặc y lấy từ bãi tha ma, hoặc y của trưởng giả, hoặc y xấu hèn; các thứ y ấy đủ để che nóng che lạnh, muỗi mòng; đủ để trùm kín bốn chi thể.

"Này các Tỳ-kheo, ẩm thực mà Ta quy định, hoặc thực phẩm do khất thực, hoặc từ cư sĩ; các loại thực phẩm ấy đủ no. Nếu thân thể khổ não, các bệnh hoạn bức thiết mình, sợ rằng có thể vì thế mà chết, cho nên Ta cho phép các loại thực phẩm ấy, để tri túc mà thôi.

"Này các Tỳ-kheo, trú xứ mà Ta quy định, hoặc dưới gốc cây,

---

26. Mười hai bộ kinh, mười hai bộ phận của Thánh điển: 1. Quán kinh 貫 經 (Pāli: sutta, Skt.: sutra: sợi chỉ, sợi dây), âm tu-đa-la 修 多 羅, dịch khế kinh 契 經; 2. Kỳ dạ 祇 夜 (Pāli. geyya, Skt.: geya), dịch trùng tụng 重 頌, ứng tụng 應 頌, phần văn vần lặp lại đoạn văn xuôi; 3. Thọ ký 授 記 (Pāli. veyyekāraṇa, Skt.: vyakāraṇa: giải thích, diễn giải), giải thích sự tái sinh, sự việc sẽ xảy ra trong đời sau của các đệ tử; hoặc dự báo sự sẽ thành Phật của đệ tử; 4. Kệ (Pāli., Skt.: gāthā), kệ tụng, thể thơ để ngâm vịnh; 5. Pháp cú 法 句 (udāna), dịch âm ôn-đà-nam 溫 陀 喃; cảm hứng kệ 感 興 偈, tự thuyết 自 說, vô vấn tự thuyết 無 問 自 說; 6. Tương ưng 相 應 (Pāli. itivuttaka, Skt.: ityuktaka, itivhttaka), y-đế-mục-đa-già 伊 帝 目 多 伽, như thị ngữ 如 是 語, bản sự 本 事; chuyện cổ hay chuyện đời trước của đệ tử; 7. Bản duyên 本 緣 (Pāli, Skt.: jataka), bản sanh 本 生, chuyện tiền thân của Phật; 8. Thiên bổn 天 本 (Pāli, Skt.: nidāna), nhân duyên 因 緣, nguyên do giáo hóa thuyết pháp của Phật; 9. Quảng kinh 廣 經 (Pāli. vedalla), phương quảng 方 廣, quảng giải 廣 解; nói về Bồ-tát đạo; 10. Vị tằng hữu 未 曾 有 (Pāli. abbhutadhamma, Skt.: adbhutadharma), pháp hy hữu chưa từng có, nói về những sự kỳ diệu của Phật; 11. Thí dụ 譬 喻 (Pāli. apadāna, Skt.: avadāna), chuyện ngụ ngôn; 12. Đại giáo luyện 大 教 練 (Pāli. upadesa), luận nghị 論 議, luận nghĩa 論 義; giải thích lời Phật bằng vấn đáp.

hoặc chỗ trống, hoặc trong phòng, hoặc trên lầu gác, hoặc trong hang, hoặc tại các trú xứ khác; các trú xứ ấy đủ để ngăn che nóng lạnh, che nắng, che mưa, muỗi mòng, cho đến chỗ vắng vẻ để nghỉ ngơi.

"Này các Tỳ-kheo, thuốc men mà Ta quy định[27], hoặc đại tiểu tiện, hoặc dầu, hoặc mật; các thứ thuốc ấy tự đủ, nếu thân thể phát sanh đau nhức, các thứ bệnh hoạn bức thiết mình, sợ rằng có thể chết, cho nên Ta quy định các thứ thuốc ấy."

27. Các bản Tống-Nguyên-Minh: trần khí dược 陳棄藥.

Phật lại nói:

"Hoặc có Phạm chí ngoại đạo[1] đến nói: 'Sa-môn Thích tử hưởng thụ các thứ hoan lạc.' Nếu có người nói như vậy, nên trả lời rằng: 'Ngươi chớ nói như vậy, rằng Sa-môn Thích tử ham hưởng thụ các thứ hoan lạc.' Vì sao? Có thứ lạc nếu hưởng thụ thì bị Như Lai chê trách. Có thứ lạc nếu hưởng thụ thì được Như Lai khen ngợi. Nếu Phạm chí ngoại đạo hỏi: 'Thứ lạc nào mà nếu hưởng thụ thì bị Cù-đàm chê trách?' Nếu có hỏi như vậy, nên trả lời rằng: 'Năm phẩm tính của dục[2], đáng ưa đáng thích, mọi người đều đam mê. Thế nào là năm? Mắt nhận thức sắc, đáng ưa đáng thích, mọi người đều đam mê. Tai nghe tiếng, mũi ngửi hương, lưỡi nếm vị, thân biết xúc cảm, đáng ưa đáng thích, mọi người đều đam mê. Này chư Hiền, do duyên là năm dục mà sanh hỷ lạc; đó là điều mà Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác chê trách. Cũng như có người cố tình sát hại chúng sanh, tự cho thế là hoan lạc; đó là điều mà Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác chê trách. Cũng như có người lén lút trộm cắp của người, cho thế là khoái lạc; đó là điều mà Như Lai chê trách. Cũng như có người xâm phạm tịnh hạnh của người khác, tự cho thế là khoái lạc; đó là điều mà Như Lai chê trách. Cũng như có người cố ý nói dối, tự cho thế là khoái lạc; đó là điều mà Như Lai chê trách. Cũng có người sống phóng đãng buông thả; đó là diều Như Lai chê trách. Cũng có người hành khổ hạnh bề ngoài, không phải là hành chân chánh mà Như Lai dạy, tự cho thế là khoái lạc; đó là điều Như Lai chê trách.

"Này các Tỳ-kheo, năm phẩm chất của dục vốn đáng chê trách, mà mọi người tham đắm. Những gì là năm? Mắt nhận biết sắc, đáng ưa đáng thích, là cái mà con người tham đắm. Tai nghe tiếng, mũi ngửi hương, lưỡi nếm vị, thân biết xúc, đáng ưa đáng thích, mọi người tham đắm. Sa-môn Thích tử không tán đồng những thứ khoái lạc như vậy. Cũng như có người cố ý sát sanh, cho đó là khoái lạc. Sa-môn Thích tử không tán đồng khoái lạc như vậy. Cũng như có người trộm cắp, cho thế là khoái lạc. Sa-môn Thích tử không tán đồng những thứ khoái lạc như vậy. Cũng như có người phạm tịnh hạnh, cho thế là khoái lạc. Sa-môn Thích tử không tán đồng khoái lạc như vậy. Cũng như có người phóng đãng buông trôi, cho thế là lạc. Sa-môn Thích tử không tán đồng

---

1. Ngoại đạo Phạm chí; Pāli: aññа-titthiya paribbājaka, du sĩ ngoại đạo.

2. Ngũ dục công đức; Pāli: pañca kāma-guṇa.

khoái lạc như vậy. Cũng như có người hành khổ hạnh bề ngoài, cho thế là khoái lạc. Sa-môn Thích tử không tán đồng khoái lạc như vậy.

"Nếu có Phạm chí ngoại đạo hỏi như vậy: 'Thứ lạc hưởng thụ nào mà Sa-môn Thích tử khen ngợi?' Này các Tỳ-kheo, nếu người kia có nói như vậy, các ngươi nên trả lời rằng: 'Này chư Hiền, năm phẩm chất của dục, đáng ưa đáng thích, được người đời tham đắm. Những gì là năm? Mắt biết sắc... cho đến, thân biết xúc, đáng ưa đáng thích, được người đời tham đắm. Này chư Hiền, do nhân duyên là năm dục mà sanh lạc, nên nhanh chóng diệt trừ. Cũng như có người cố ý sát sanh, tự cho thế là khoái lạc. Thứ lạc như thế, nên nhanh chóng diệt trừ. Có người trộm cắp, tự cho thế là khoái lạc. Thứ lạc ấy nên nhanh chóng diệt trừ. Cũng như có người phạm tịnh hạnh, tự cho thế là khoái lạc. Thứ lạc ấy nên chóng diệt trừ. Cũng như có người phóng đãng buông trôi, tự cho thế là khoái lạc. Thứ lạc ấy nên nhanh chóng diệt trừ. Cũng như có người hành khổ hạnh bề ngoài, cho thế là khoái lạc. Thứ lạc ấy nên chóng diệt trừ. Cũng như có người ly dục, lìa bỏ pháp ác bất thiện, có giác có quán, có hỷ lạc phát sanh do ly dục, nhập Sơ thiền. Lạc như thế là điều Phật khen ngợi. Cũng như có người diệt giác quán, nội tâm hoan hỷ[3], nhất tâm, không giác không quán, có hỷ lạc do định sanh, nhập Nhị thiền. Lạc như thế được Phật khen ngợi. Cũng như có người trừ hỷ, nhập xả, tự biết thân lạc, là điều mà Hiền thánh mong cầu, có xả niệm[4], nhất tâm, nhập đệ Tam thiền. Lạc như thế được Phật khen ngợi. Lạc hết, khổ hết, ưu và hỷ trước đã diệt, không khổ không lạc, hộ niệm thanh tịnh, nhập đệ Tứ thiền. Lạc như vậy được Phật khen ngợi.[5]

"Nếu có Phạm chí ngoại đạo nói như vầy: 'Trong lạc ấy, các ngươi tìm phẩm chất gì?' Nên trả lời rằng: 'Lạc ấy sẽ đưa đến phẩm chất của bảy quả[6]. Những gì là bảy? Ngay trong đời này, chứng đắc Thánh đạo[7]. Giả sử chưa chứng, sau khi chết, sẽ chứng đắc Thánh đạo. Nếu trong khi chết mà chưa chứng đắc, thì sẽ đoạn trừ năm hạ phần

3. Xem cht.123, kinh số 2 "Du Hành (iii)".

4. Hán dịch: hộ niệm. Xem cht.124, kinh số 2 "Du Hành (iii)".

5. Hán dịch liên quan bốn thiền có nhiều chỗ không chỉnh; xem các cht.122, 126, kinh số 2 "Du Hành (iii)".

6. Bảy quả, đây chỉ bốn hướng (Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán) và ba quả (như trước, trừ A-la-hán).

7. Chỉ trường hợp A-la-hán.

kết[8], sẽ chứng đắc Trung bát Niết-bàn, Sanh bát Niết-bàn, Hành bát Niết-bàn, Vô hành bát Niết-bàn, Thượng lưu A-ca-nị-trá Niết-bàn[9]. Này chư Hiền, như vậy lạc ấy có bảy phẩm chất. Chư Hiền, nếu Tỳ-kheo đang ở bậc học địa mà muốn hướng thượng, tìm cầu chỗ an ổn, nhưng chưa trừ năm triền cái. Những gì là năm? Tham dục triền cái, sân nhuế triền cái, thụy miên triền cái, trạo hý triền cái, nghi triền cái. Tỳ-kheo hữu học kia muốn cầu hướng thượng, tìm chỗ an ổn, nhưng chưa diệt trừ năm triền cái, đối với bốn niệm xứ không hay tinh cần, đối với bảy giác ý không hay tinh cần, lại muốn chứng được pháp thượng nhân, trí tuệ tăng thượng của Hiền thánh, mong cầu muốn biết, muốn thấy, không có trường hợp ấy.

"Chư Hiền, Tỳ-kheo hữu học muốn cầu hướng thượng, tìm cầu chỗ an ổn, mà có thể diệt trừ năm triền cái là tham dục triền cái, sân nhuế triền cái, thụy miên triền cái, trạo hý triền cái, nghi triền cái, đối với bốn niệm xứ lại hay tinh cần, đối với bảy giác ý như thật tu hành, vị ấy muốn được pháp thượng nhân, trí tuệ tăng thượng của Hiền thánh, muốn biết muốn thấy, có trường hợp như vậy.

"Chư Hiền, có Tỳ-kheo là lậu tận A-la-hán, điều cần làm đã làm xong, đã đặt gánh nặng xuống, đã đạt được mục đích của mình, đã dứt sạch các kết sử của hữu, với chánh trí đã giải thoát; vị ấy không làm chín việc. Những gì là chín? Một là không giết. Hai là không lấy trộm. Ba là không dâm. Bốn là không nói dối. Năm, không xả đạo[10]. Sáu, không bị dục chi phối. Bảy, không bị sân chi phối. Tám, không bị sợ hãi chi phối. Chín, không bị nghi chi phối. Chư Hiền, ấy là vị lậu tận A-la-hán đã làm xong điều cần làm, đã đặt gánh nặng xuống, đã đạt được mục đích của mình, đã dứt sạch kết sử của hữu, chánh trí giải thoát, xa lìa chín sự.

"Hoặc có Phạm chí ngoại đạo nói như vầy: 'Sa-môn Thích tử có pháp bất trụ[11]'. Nên trả lời vị ấy rằng: 'Chư Hiền, chớ nói như vậy,

---

8. Ngũ hạ kết, hay thuận hạ phần kết 順下分結; Pāli: orambhāgiya-saṃyojana, năm sự trói buộc dẫn tái sanh Dục giới.

9. Đây đề cập năm trường hợp chứng quả Bất hoàn.

10. D.29: không cất chứa tiền bạc để hưởng thụ dục lạc.

11. Hán: bất trụ pháp 不住法; Pāli: aṭṭhitadhamma, pháp bất định, không đứng vững; Pāli: aṭṭhadhammā... viharanti, sống với pháp không ổn định, sống không có lập trường (Trường 2, tr.464).

rằng Sa-môn Thích tử có pháp bất trụ. Vì sao vậy? Pháp của Sa-môn Thích tử là thường trụ, không bị dao động. Cũng như ngưỡng cửa[12] thường trụ không động. Pháp của Sa-môn Thích tử cũng vậy, thường trụ không di động.'

"Hoặc có Phạm chí ngoại đạo nói như vậy: 'Sa-môn Cù-đàm biết suốt việc trong đời quá khứ, nhưng không biết việc trong đời vị lai.' Tỳ-kheo kia, cùng Phạm chí dị học kia, trí tuệ khác nhau, trí quán cũng khác[13], nên lời nói hư dối. Như Lai đối với việc quá khứ kia, không gì không thấy biết, rõ như ở trước mắt. Đối với đời vị lai, Như Lai có trí tuệ phát sanh từ đạo[14]. Việc trong đời quá khứ vốn hư dối không thật, không đáng vui thích, không lợi ích gì, Như Lai không ghi nhận. Hoặc việc quá khứ có thật, nhưng không đáng ưa thích, không ích lợi gì, Phật cũng không ghi nhận. Nếu việc quá khứ có thật, đáng ưa, nhưng không lợi ích, Phật cũng không ghi nhận. Nếu việc quá khứ có thật, đáng ưa, có lợi ích, Như Lai biết suốt, sau đó mới ghi nhận. Vị lai, hiện tại, cũng vậy.

"Như Lai đối với quá khứ, vị lai, hiện tại, nói đúng thời, nói sự thật, nói có nghĩa, có lợi[15], nói đúng pháp, đúng luật, không có lời hư dối. Phật từ đêm đầu tiên thành Vô thượng Chánh giác cho đến đêm cuối cùng, trong khoảng giữa, có nói điều gì, thảy đều như thật; do đó gọi là Như Lai.

"Lại nữa, những điều Như Lai nói đúng như sự; sự đúng như lời; do đó gọi là Như Lai.

"Do nghĩa gì mà gọi là Đẳng Chánh Giác? Những gì mà Phật thấy biết, diệt trừ, giác ngộ, Phật thảy đều giác ngộ, biết rõ, nên gọi là Đẳng Chánh Giác.

"Hoặc có Phạm chí ngoại đạo nói như vậy: 'Thế gian thường còn. Duy chỉ điều này là thật; ngoài ra đều là hư dối.' Hoặc có người lại nói:

---

12. Hán: môn khổn 門閫; D. 29: cột đá hay cột sắt được chôn chặt.

13. Hán: trí dị, trí quán diệc dị 智異智觀亦異; Pāli: aññavihitakena ñānadassan-ena aññavihitakam ñānadassanam paññapetabbaṃ, có thể nhận biết tri kiến bị vô tri che lấp này bằng tri kiến bị vô tri che lấp khác.

14. Hán: sanh ư đạo trí 生於道智; Pāli: bodhija ñāṇa, trí phát sanh từ bồ-đề hay giác ngộ.

15. Hán: nghĩa ngữ, lợi ngữ 義語利語. Cả hai từ Hán: nghĩa và lợi đều tương đương với một từ Pāli: attha (Skt.: artha): ý nghĩa, lợi ích, mục đích.

'Thế gian này là vô thường. Duy chỉ điều này là thật; ngoài ra đều hư dối.' Hoặc có người lại nói: 'Thế gian vừa thường vừa vô thường. Duy chỉ điều này là thật; ngoài ra đều hư dối.' Hoặc có người nói: 'Thế gian không phải thường, không phải vô thường. Duy chỉ điều này là thật; ngoài ra là hư dối.'

"Hoặc có người nói: 'Thế gian hữu biên. Duy chỉ điều này là thật; ngoài ra đều hư dối.' Hoặc có người nói: 'Thế gian vô biên. Duy chỉ điều này là thật; ngoài ra đều hư dối.' Hoặc có người nói: 'Thế gian vừa hữu biên vừa vô biên. Duy chỉ điều này là thật; ngoài ra đều hư dối.' Hoặc nói: 'Thế gian không phải hữu biên không phải vô biên. Duy chỉ điều này là thật; ngoài ra đều hư dối.'

"Hoặc nói: 'Chính mạng[16] tức là thân. Duy chỉ điều này là thật; ngoài ra đều dối.' Hoặc nói: 'Mạng không phải là thân. Đây là thật; ngoài ra là dối.' Hoặc nói: 'Mạng khác thân khác. Đây là thật; ngoài ra là dối.' Hoặc nói: 'Không phải mạng khác thân khác. Đây là thật; ngoài ra là dối.'

"Hoặc nói: 'Như Lai có cuối cùng[17]. Đây là thật, ngoài ra là dối.' Hoặc nói: 'Như Lai không có cuối cùng. Đây là thật còn ngoài ra là dối.' Hoặc nói: 'Như Lai vừa có cuối cùng vừa không có cuối cùng, đây là thật còn ngoài ra là dối.' Hoặc nói: 'Như Lai không phải có cuối cùng cũng không phải không có cuối cùng, đây là thật còn ngoài ra là dối.'

"Những ai có quan điểm như vậy, gọi là bổn sanh bổn kiến[18]. Nay ta ghi nhận cho ngươi rằng: 'Thế gian là thường còn... cho đến, Như Lai không phải có cuối cùng cũng không phải không có cuối cùng. Đây là thật còn ngoài ra là dối.' Đó là bổn kiến bổn sanh. Hãy ghi nhớ lấy.

"Gọi là: 'Mạt[19] kiếp mạt sanh.'[20] Ta cũng ghi nhận. Những gì là mạt kiếp mạt sanh được ta ghi nhận? Sắc là ta, tùy theo tưởng mà có cuối cùng; đây là thật còn ngoài ra là dối. Vô sắc là ta, tùy theo tưởng

---

16. Mạng, chỉ linh hồn; Pāli: jīva.

17. Hán: Như Lai hữu chung 如來有終 v.v..; Pāli: hoti tathāgato param maraṇnā: Như Lai tồn tại sau khi chết, v.v…

18. Bổn sanh bổn kiến, so sánh với bổn kiếp bổn kiến trong kinh Phạm động; Pāli: pubbanta-sahagata-diṭṭhi-nissaya, cơ sở cho ṛuan điểm về quá khứ.

19. Bản Cao ly: vị kiếp vị sanh 未劫未生. Các bản Nguyên-Minh: mạt kiếp mạt sanh 末劫末生.

20. Pāli; aparanta-sahagata-diṭṭhi-nissaya. Ṛuan điểm liên hệ vị lai.

có cuối cùng. Vừa có sắc vừa vô sắc là ta, tùy theo tưởng mà có cuối cùng. Không phải có sắc không phải không sắc là ta, tùy theo tưởng mà có cuối cùng. Ta là hữu biên, ta là vô biên, ta vừa hữu biên vừa vô biên, ta không phải hữu biên cũng không phải vô biên, tùy theo tưởng mà có cuối cùng. Ta có lạc, tùy theo tưởng mà có cuối cùng. Ta không có lạc, tùy theo tưởng mà có cuối cùng. Ta vừa có khổ vừa có lạc, tùy theo tưởng mà có cuối cùng. Ta không khổ cũng không lạc, tùy theo tưởng mà có cuối cùng. Một tưởng là ta, tùy theo tưởng mà có cuối cùng. Nhiều tưởng là ta, tùy theo tưởng mà có cuối cùng. Ít tưởng là ta, tùy theo tưởng mà có cuối cùng. Vô lượng tưởng là ta, tùy theo tưởng mà có cuối cùng. Đây là thật ngoài ra là dối. Đó là tà kiến bổn kiến bổn sanh, được Ta ghi nhận.

"Hoặc có Sa-môn, Bà-la-môn, có luận như vầy, có kiến như vầy: 'thế gian này thường còn, đây là thật, ngoài ra là dối... cho đến, vô lượng tưởng là ta, đây là thật, ngoài ra là dối.' Sa-môn, Bà-la-môn kia, lại nói như vầy, thấy như vầy: 'Đây là thật ngoài ra là hư dối'. Nên trả lời người ấy rằng: 'Có phải ngươi chủ trương rằng, thế giới này là thường còn; đây là thật còn ngoài ra là dối? Lời nói như vậy Phật không chấp nhận. Vì sao? Trong các kiến giải đó mỗi thứ đều có kết sử. Ta lấy lý mà suy, trong các Sa-môn, Bà-la-môn, không ai bằng Ta, huống hồ muốn hơn Ta.' Các tà kiến như vậy chỉ có nơi lời nói mà thôi, không đáng cùng bàn luận... Cho đến vô lượng tưởng là ta, cũng vậy.

"Hoặc có Sa-môn, Bà-la-môn nói như vầy: 'Thế gian này tự tạo.' Lại có Sa-môn, Bà-la-môn nói: 'Thế gian này cái khác tạo.' Hoặc nói: 'Vừa tự tạo vừa cái khác tạo.' Hoặc nói: 'Không phải tự tạo cũng không phải cái khác tạo nhưng ngẫu nhiên mà có.' Sa-môn, Bà-la-môn nào nói rằng thế gian là tự tạo thì các Sa-môn, Bà-la-môn ấy đều nhân bởi nhân duyên là xúc. Nếu lìa xúc là nhân mà có thể nói được; không có trường hợp ấy. Vì sao? Do sáu nhập thân[21] mà phát sanh xúc. Do xúc mà sanh thọ. Do thọ mà sanh ái. Do ái mà sanh thủ. Do thủ mà sanh hữu. Do hữu mà sanh sanh. Do sanh mà có già, chết, ưu, buồn, khổ não, khối lớn khổ đau. Nếu không có sáu nhập, thì không có xúc. Không có xúc thì không có thọ. Không có thọ thì không có ái. Không có ái thì không có thủ. Không có thủ thì không có hữu. Không có hữu thì không có sanh. Không có sanh thì không có già, chết, ưu, buồn, khổ não, khối

21. Sáu nhập thân, tức sáu xứ y trên thân; sáu sở y của thức.

lớn khổ đau.

"Lại nói, 'thế gian này do cái khác tạo'; lại nói, 'thế gian này vừa tự tạo vừa do cái khác tạo'; lại nói, 'thế gian này không phải tự tạo cũng phải do cái khác tạo, nhưng ngẫu nhiên mà có'; cũng vậy. Nhân xúc mà có, không có xúc thì không."

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Nếu muốn diệt trừ các quan điểm tà ác ấy, nên tu ba hành[22] đối với Bốn niệm xứ. Thế nào Tỳ-kheo diệt trừ các tà ác, nên tu ba hành với Bốn niệm xứ? Tỳ-kheo quán thân trên nội thân, tinh cần không biếng nhác, ghi nhớ không quên, trừ tham ưu ở đời. Quán thọ, ý, pháp, cũng vậy. Đó là muốn diệt trừ ba hành đối với Bốn niệm xứ.

"Có tám giải thoát[23]. Những gì là tám? Có sắc, quán sắc, đó là giải thoát thứ nhất. Bên trong có sắc tưởng, quán ngoại sắc là giải thoát thứ hai. Tịnh giải thoát[24] là giải thoát thứ ba. Vượt sắc tưởng, diệt hữu đối tưởng, trú không xứ là giải thoát thứ tư. Xả không xứ trú thức xứ là giải thoát thứ năm. Xả thức xứ, trú bất dụng xứ[25] là giải thoát thứ sáu. Xả bất dụng xứ, trú hữu tưởng vô tưởng xứ là giải thoát thứ bảy. Diệt tận định, giải thoát thứ tám."

Bấy giờ, A-nan đứng sau Thế Tôn, cầm quạt quạt Phật, bèn trịch áo bày vai phải, quỳ gối phải xuống đất, chắp tay bạch Phật rằng:

"Kỳ diệu thay, Thế Tôn. Pháp này thanh tịnh, vi diệu bậc nhất, nên gọi là gì? Nên phụng trì như thế nào?"

Phật bảo A-nan:

"Kinh này gọi là "Thanh tịnh". Ngươi hãy phụng trì như thế."

Bấy giờ, A-nan sau khi nghe những lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

❑

---

22. Ba hành: thân hành (Pāli: kāyasaṅkhāra), tác động y trên thân; khẩu hành (vacasaṅkhāra), ý hành (manosaṅkhāra).

23. Xem *Tập Dị Môn Túc luận*, Q.18 (Đại XXXVI, tr. 445a); Pāli: aṭṭha vimokkhā

24. *Tập dị*, sđd.: tịnh giải thoát thân tác chướng cụ túc trụ.

25. Bất dụng xứ 不用處, hay vô sở hữu xứ 無所有處; Pāli: ākiñcanāyatana.

18. KINH TỰ HOAN HỶ[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật trú tại thành Na-nan-đà[2], trong rừng Ba-ba-lỵ-am-bà[3], cùng với chúng Đại Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi người.

Bấy giờ Trưởng lão Xá-lợi-phất đang ở nơi nhàn tĩnh, thầm tự suy nghĩ rằng:

"Ta biết với tâm quyết định[4] rằng các Sa-môn, Bà-la-môn trong quá khứ, vị lai và hiện tại, không ai có trí tuệ, thần túc, công đức, đạo lực sánh bằng Như Lai, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác[5]. "

Rồi Xá-lợi-phất rời khỏi tịnh thất, đi đến chỗ Phật; cúi đầu lễ chân Phật, rồi ngồi sang một bên, bạch Phật rằng:

"Vừa rồi ở tịnh thất, con thầm tự nghĩ rằng: 'Các Sa-môn, Bà-la-môn trong quá khứ, vị lai và hiện tại, không ai có trí tuệ, thần túc, công đức, đạo lực sánh bằng Như Lai, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác.' "

Phật bảo Xá-lợi-phất:

"Lành thay, lành thay, ngươi có thể trước Phật mà nói lời như vậy.

---

1. Bản Hán: *Phật Thuyết Trường A-hàm*, "Đệ nhị phần Tự Hoan Hỷ kinh Đệ thập tứ". Tương đương Pāli: D.28, Deva Dig iii, 5. Sampadānīya-suttanta. Tham chiếu, *Phật Thuyết Tín Phật Công Đức kinh*, Đại I, tr.225; tham chiếu, Tống Pháp Hiền dịch; *Tạp A-hàm* quyển 18.

2. Na-nan-đà 那難陀, cũng âm là Na-lan-đà 那闌陀; Pāli: Naḷandā, ở Ma-kiệt-đà (Magadha), phía Đông Bồ-đề đạo tràng. Xem Tây Vực Ký, Q. 9 (Đại LI, tr.919).

3. Ba-ba-lỵ-am-bà lâm 波波利菴婆林; Pāli: Pāvārikambavana; khu vườn xoài trong chùa Nālanda.

4. Hán: tâm quyết định 心決定, có lẽ tương đương Pāli: pasanno, tin tưởng sáng suốt.

5. Pāli: na... Bhagavatā biyyo 'bhiññatari yadidam sambodhiyan ti: không ai có thắng trí hơn Thế Tôn, tức giác ngộ.

Với tin tưởng xác quyết[6], ngươi thật sự cất tiếng rống sư tử. Các Sa-môn, Bà-la-môn không ai bằng ngươi được. Thế nào, Xá-lợi-phất, ngươi có thể biết những điều được nhớ nghĩ trong tâm của chư Phật quá khứ chăng? Biết Đức Phật ấy có giới như vậy, pháp như vậy, trí tuệ như vậy, giải thoát như vậy, giải thoát đường[7] như vậy chăng?"

Đáp rằng: "Không biết".

"Thế nào, Xá-lợi-phất, ngươi có thể biết những điều được nhớ nghĩ trong tâm của chư Phật đương lai chăng? Biết Đức Phật ấy có giới như vậy, pháp như vậy, trí tuệ như vậy, giải thoát như vậy, giải thoát đường như vậy chăng?"

Đáp rằng: "Không biết".

"Thế nào, Xá-lợi-phất, nay, như Ta, Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác, những gì được nhớ nghĩ trong tâm, có giới như vậy, pháp như vậy, trí tuệ như vậy, giải thoát như vậy, giải thoát đường như vậy, ngươi có thể biết được chăng?"

Đáp rằng: "Không biết".

Phật lại bảo Xá-lợi-phất:

"Ngươi không thể biết những điều được nhớ nghĩ[8] trong tâm của Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác trong quá khứ, vị lai, hiện tại, vì sao ngươi lại suy nghĩ một cách xác quyết như thế? Nhân bởi sự kiện gì mà ngươi phát sinh ý nghĩ như vậy, với tin tưởng xác quyết, cất tiếng rống sư tử? Nhưng các Sa-môn, Bà-la-môn khác nghe ngươi nói: 'Ta biết với tâm quyết định rằng các Sa-môn, Bà-la-môn trong quá khứ, vị lai và hiện tại, không ai có trí tuệ, thần túc, công đức, đạo lực sánh bằng Như Lai', họ sẽ không tin lời ngươi."

Xá-lợi-phất bạch Phật rằng:

"Con tuy không thể biết những điều suy nghĩ trong tâm của chư

---

6. Hán: nhất hướng thọ trì 一向受持; Pāli: ekaṃso gahito, nắm vững (vấn đề) một cách xác quyết.

7. Pāli: evaṃ sīlā... evaṃ-dhammā... evaṃ-paññā... evaṃ-vihārī... evaṃ-vimuttā... Bản Hán: giải thoát đường, có thể tương đương Pāli: vimutta-vihārī; an trú trong giải thoát; Pāli: vihāra, có nghĩa trú xứ, tinh xá, tự viện, tăng phòng; sự an trú; vihārī: người an trú; Hán thường dịch tinh xá, trú hay đường, thí dụ, Brahmavihāra, dịch là Phạm trú, cũng dịch là Phạm đường.

8. Hán: tâm trung sở niệm 心中所念; Pāli: ceto-pariya-ñāṇa, tâm sai biệt trí, nhận thức về các trạng thái sai biệt của tâm tư.

Phật quá khứ, vị lai, hiện tại; nhưng con có thể biết pháp tổng tướng[9] của Phật. Như Lai thuyết pháp cho con, càng lúc càng cao, càng lúc càng vi diệu[10]; nói về pháp đen, pháp trắng; pháp duyên, không duyên; pháp chiếu, không chiếu[11]. Những điều Như Lai dạy, càng cao, càng vi diệu. Con sau khi nghe, biết từng pháp một[12]; đạt đến chỗ rốt ráo của pháp[13], con tin Như Lai là Đấng Chí Chân, Đẳng Chánh Giác; tin pháp của Như Lai được khéo phân biệt; tin chúng của Như Lai thành tựu sự diệt khổ. Trong các pháp thiện[14], đây là tối thượng. Thế Tôn có trí tuệ vô dư, thần thông vô dư[15]. Các Sa-môn, Bà-la-môn trong đời không ai có thể sánh bằng Như Lai, huống hồ muốn vượt lên trên.

"Pháp mà Thế Tôn đã dạy, lại có pháp cao hơn nữa; đó là các chế pháp[16]. Các chế pháp đó là: Bốn niệm xứ, Bốn chánh cần, Bốn thần túc, Bốn thiền, Năm căn, Năm lực, Bảy giác ý, Tám hiền thánh đạo. Đó là các chế pháp vô thượng, trí tuệ vô dư[17], thần thông vô dư. Các Sa-môn, Bà-la-môn trong đời không ai có thể sánh bằng Như Lai, huống hồ muốn vượt lên trên.

"Pháp mà Thế Tôn đã dạy, lại có pháp cao hơn nữa, đó là chế các nhập[18]. Các nhập là mắt và sắc, tai và thanh, mũi và hương, lưỡi và vị,

---

9. Tổng tướng pháp 總相法; Pāli: dhamm'anvaya, pháp loại cú, pháp thứ đệ, sự diễn dịch, loại suy theo pháp; chỉ giáo nghĩa tổng quát hay tinh yếu của giáo nghĩa.

10. Hán: chuyển cao chuyển diệu 轉高轉妙, nghĩa là pháp nói sau càng cao siêu vi diệu hơn pháp trước; pháp được giảng theo thứ tự từ thấp lên cao; Pāli: uttaruttariṃ paṇītapaṇītaṃ.

11. Pāli: kaṇha-sukka-sappaṭibhāga, có sự đối chiếu giữa pháp đen và pháp trắng.

12. Hán: nhất nhất pháp 一一法, pháp cá biệt, đối với pháp tông tướng nói trên.

13. Hán: ư pháp cứu cánh 於法究竟; Pāli: idh' ekaccaṃ dhammaṃ dhammesu niṭṭham agamaṃ, đạt đến chỗ rốt ráo từng pháp một trong các pháp này.

14. Thiện pháp, chỉ giáo pháp được thiết lập hoàn hảo; Pāli: etadānuttariyam bhante kusalesu dhammesu.

15. Trí tuệ vô dư 智慧無餘; Pāli: asesam abhijānāti, (Ngài) hiểu biết một cách toàn diện, không còn sót điều gì. Bản Pāli không có "thần thông vô dư"; Pāli: abhiññā, dịch thần thông hay thắng tri, cùng gốc với động từ abhijānāti.

16. Chế pháp 制法, pháp được chế định, thiết định; tức thiện pháp nói trên. Coù lẽ Pāli: paóóatti-dhamma. Xem cht.14.

17. Văn dịch thiếu chủ từ. Nên hiểu: các pháp ấy đã được Thế Tôn hiểu biết một cách toàn diện. Xem cht.15.

18. Chế chư nhập 制諸入; Pāli: āyatana-paññatti, sự chế định, thiết lập về (sáu) xứ.

xúc và thân, ý và pháp. Cũng như Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác quá khứ đã chế nhập này, tức là mắt và sắc,... cho đến, ý và pháp. Giả sử Như Lai, Chí Chân. Đẳng Chánh Giác vị lai cũng chế nhập ấy, tức là, mắt và sắc,... cho đến, ý và pháp. Nay Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác, cũng chế nhập ấy, tức là, mắt và sắc,... cho đến, ý và pháp. Pháp ấy vô thượng, không gì có thể vượt qua; trí tuệ vô dư, thần thông vô dư; các Sa-môn, Bà-la-môn trong đời không ai có thể sánh ngang Như Lai, huống hồ vượt lên trên.

"Pháp mà Thế Tôn đã dạy, lại có pháp trên nữa; đó là thức nhập thai[19]. Nhập thai là, một, loạn nhập thai[20], loạn trú và loạn xuất; hai, không loạn nhập, loạn trú, loạn xuất; ba, không loạn nhập, không loạn trú nhưng loạn xuất; bốn, không loạn nhập, không loạn trú, không loạn xuất. Kia không loạn nhập, không loạn trú, không loạn xuất, là sự nhập thai bậc trên. Pháp ấy vô thượng, không gì có thể vượt qua; trí tuệ vô dư, thần thông vô dư; các Sa-môn, Bà-la-môn trong đời không ai có thể sánh ngang Như Lai, huống hồ vượt lên trên.

"Pháp Như Lai thuyết, lại có pháp trên nữa, đó là đạo[21]. Nói là đạo, tức là, các Sa-môn, Bà-la-môn bằng đủ các phương tiện nhập định ý tam-muội[22]; rồi tùy tam-muội tâm[23] mà tu niệm giác ý, y dục, y viễn ly, y diệt tận, y pháp xuất yếu; tinh tấn, hỷ, khinh an[24], định, xả giác ý, y dục, y viễn ly, y diệt tận, y pháp xuất yếu[25]. Pháp ấy vô thượng, không gì có thể vượt qua; trí tuệ vô dư, thần thông vô dư; các Sa-môn, Bà-la-môn trong đời không ai có thể sánh ngang Như Lai, huống hồ vượt lên trên.

"Pháp Như Lai thuyết lại còn có pháp trên nữa; đó là diệt[26]. Diệt,

---

19. Nhập thai, hay thác thai, tức vào thai mẹ; Pāli: gabbhāvakkanti.

20. Hán: loạn nhập thai 亂 入 胎; Pāli: asampajāno.. mātu kucchim okkamati, vào thai mẹ mà không biết.

21. Đạo, đây chỉ Bồ-đề, tức gồm Bảy giác chi.

22. Định ý tam-muội 定 意 三 昧, có lẽ Pāli: ceto-samādhi, sự tập trung tư tưởng.

23. Tam-muội tâm 三 昧 心; Pāli: samādhicitta, định tâm.

24. Trong bản Hán: ỷ 猗. Đây theo thuật ngữ quen dùng, sửa lại là khinh an 輕 安.

25. Trong đoạn này chỉ kể sáu giác chi, không có trạch pháp; Pāli: satta bhojjaṅgā.

26. Hán: diệt 滅. Đây đề cập bốn hành, tức quá trình tu tập bao gồm hai khía cạnh khổ và lạc, chậm và nhanh: khổ trì thông hành, khổ tốc thông hành, lạc trì thông hành, lạc tốc thông hành. Xem *Tập Dị Môn Túc luận* q.7 (Đại XXVI, tr.393b); Pāli:

tức là: Diệt bằng khổ hành nhưng chậm chứng đắc[27], cả hai[28] đều thấp kém. Diệt bằng khổ hành, chóng chứng đắc[29], duy chỉ khổ hành là thấp kém. Diệt bằng lạc, chậm chứng đắc, duy chỉ sự chậm là thấp kém. Diệt bằng lạc[30], chóng chứng đắc[31], nhưng không phổ rộng; vì không phổ rộng nên nói là thấp kém[32]. Như nay Như Lai diệt bằng lạc, chóng chứng đắc, mà lại phổ rộng, cho đến trời và người đều thấy biến hóa thần diệu."

Xá-lợi-phất bạch Phật:

"Những điều Thế Tôn dạy vi diệu bậc nhất, cho đến nữ nhân cũng có thể thọ trì, dứt sạch lậu, thành vô lậu, tâm giải thoát, tuệ giải thoát, tự thân tác chứng ngay trong đời này: sanh tử đã tận, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn hậu hữu. Đó là sự diệt vô thượng được Như Lai dạy. Pháp ấy vô thượng, không gì có thể vượt qua; trí tuệ vô dư, thần thông vô dư; các Sa-môn, Bà-la-môn trong đời không ai có thể sánh ngang Như Lai, huống hồ vượt lên trên.

"Pháp Như Lai dạy còn có trên nữa; đó là ngôn thanh tịnh[33]. Ngôn thanh tịnh, tức là, Thế Tôn đối với các Sa-môn, Bà-la-môn không nói lời hư dối vô ích; nói không cốt để hơn, không vì phe đảng, lời nói nhu hòa, không sai thời tiết, lời nói không phát suông. Đó gọi là ngôn thanh tịnh. Pháp ấy vô thượng, không gì có thể vượt qua; trí tuệ vô dư, thần thông vô dư; các Sa-môn, Bà-la-môn trong đời không ai có thể sánh ngang Như Lai, huống hồ vượt lên trên.

---

paṭipada.

27. Khổ diệt trì đắc 苦滅遲得, tức khổ trì thông hành 苦遲通行, thực hành khó mà chứng đắc lại chậm; Pāli: dukkhā paṭipadā dandhābhiññā.

28. Cả hai, chỉ thực hành và chứng đắc.

29. Khổ diệt tốc đắc 苦滅速得, tức khổ tốc thông hành 苦速通行; Pāli: dukkhā paṭipadā khippābhiññā.

30. Lạc diệt trì đắc 樂滅遲得, tức lạc trì thông hành 樂遲通行; Pāli: sukhā paṭipadā dandhābhiññā.

31. Lạc diệt tốc đắc 樂滅速得, tức lạc tốc thông hành 樂速通行; Pāli: sukhā paṭipadā khīppābhiññā.

32. Pāli nói khác: ayaṃ... paṭipadā ubhayen' eva paṇitā akkhāyati sukhattā ca khippattā ca, cả hai thông hành nay đều vi diệu, tức là lạc và nhanh.

33. Pāli: bhassa-samācara, ngôn thuyết chánh hành hay sự chân chánh của ngôn ngữ.

"Pháp Như Lai dạy còn có trên nữa, đó là kiến định[34]. Nói kiến định, là nói rằng, có Sa-môn, Bà-la-môn, bằng đủ phương tiện nhập định ý tam-muội. Tùy tam-muội tâm, quán từ đầu đến chân, từ chân đến đầu, trong ngoài lớp da, chỉ có những thứ bất tịnh như tóc, lông, móng, gan, phổi, ruột, dạ dày, lá lách, thận tức là năm tạng, mồ hôi, mỡ, tủy, não, phân, nước tiểu, nước mũi, nước mắt, chỗ hôi thối bất tịnh, không một cái gì đáng tham. Đó là kiến định thứ nhất.

"Các Sa-môn, Bà-la-môn, bằng đủ phương tiện, nhập định ý tam-muội, tùy tam-muội tâm, loại bỏ các thứ bất tịnh bên trong và ngoài da, chỉ quán xương trắng và răng. Đó là kiến định thứ hai.

"Các Sa-môn, Bà-la-môn, bằng đủ phương tiện, nhập định ý tam-muội, tùy tam-muội tâm, loại bỏ xương trắng và các thứ bất tịnh trong ngoài da, chỉ quán tâm thức[35] trú ở chỗ nào, ở đời này hay đời sau? Đời này không gián đoạn, đời sau không gián đoạn; đời này không giải thoát, đời sau không giải thoát. Đó là kiến định thứ ba.

"Các Sa-môn, Bà-la-môn, bằng đủ phương tiện, nhập định ý tam-muội, tùy tam-muội tâm, loại bỏ các thứ bất tịnh trong ngoài da và xương trắng, lại trùng quán thức. Thức ở đời sau, không ở đời này; đời nay gián đoạn, đời sau không đoạn; đời nay giải thoát, đời sau không giải thoát. Đó là kiến định thứ tư.[36]

"Các Sa-môn, Bà-la-môn, bằng đủ phương tiện, nhập định ý tam-muội, tùy tam-muội tâm, loại bỏ các thứ bất tịnh trong ngoài da và xương trắng, lại trùng quán thức; không ở đời này, không ở đời sau, cả hai đều gián đoạn, cả hai đều giải thoát. Đó là kiến định thứ năm. Pháp ấy vô thượng, không gì có thể vượt qua; trí tuệ vô dư, thần thông vô dư; các Sa-môn, Bà-la-môn trong đời không ai có thể sánh ngang Như Lai, huống hồ vượt lên trên.

"Pháp Như Lai thuyết lại còn có trên nữa, đó là thường pháp[37]. Thường pháp là, các Sa-môn, Bà-la-môn, bằng đủ phương tiện, nhập

---

34. Kiến định 見 定, trạng thái tập trung đạt được do thấy, tức do quán sát; Pāli: dassana-samāpatti.

35. Hán: tâm thức 心 識; Pāli; viññāṇa-sota, thức lưu, dòng chảy của thức.

36. Pāli không nói đến kiến định này.

37. Thường pháp 常 法; Pāli: sassata-vāda, thường luận hay thường trú luận, chủ trương thế giới thường tồn, vĩnh hằng.

định ý tam-muội[38], tùy tam-muội tâm[39], nhớ lại hai mươi thành kiếp và hoại kiếp[40] của thế gian, vị ấy nói: 'Thế gian thường tồn, đây là thật, ngoài ra là dối. Vì sao? Vì do tôi nhớ lại, cho nên biết có thành kiếp và hoại kiếp ấy. Quá khứ còn lại thì tôi không biết. Thành kiếp, hoại kiếp vị lai, tôi cũng không biết.' Người ấy sáng và chiều do vô trí mà nói rằng: 'Thế gian thường tồn, duy chỉ đây là thật, ngoài ra là dối.' Đó là thường pháp thứ nhất.

"Các Sa-môn, Bà-la-môn, bằng đủ phương tiện, nhập định ý tam-muội, tùy tam-muội tâm, nhớ lại bốn mươi kiếp thành và kiếp hoại, vị ấy nói: 'Thế gian này thường, duy chỉ đây là thật, ngoài ra là dối. Vì sao? Vì tôi nhớ lại nên biết có thành kiếp, hoại kiếp. Tôi còn biết hơn thế nữa, biết thành kiếp, hoại kiếp. Nhưng tôi không biết sự thành và hoại của vị lai.' Điều đó nói, biết khởi thủy mà không biết chung cuộc. Người ấy sáng mai, chiều tối, do vô trí mà nói rằng: 'Thế gian thường tồn, duy chỉ đây là thật, ngoài ra là dối.' Đó là thường pháp thứ hai.

"Các Sa-môn, Bà-la-môn, bằng đủ phương tiện, nhập định ý tam-muội, tùy tam-muội tâm, nhớ lại tám mươi thành kiếp, hoại kiếp, vị ấy nói rằng: 'Thế gian này thường, ngoài ra là dối. Vì sao? Tôi nhớ lại mà biết có thành kiếp, hoại kiếp; lại còn biết thành kiếp, hoại kiếp quá khứ hơn thế nữa. Thành kiếp, hoại kiếp vị lai tôi cũng biết cả.' Người ấy sớm chiều do vô trí mà nói lời này: 'Thế gian thường còn, chỉ đây là thật, ngoài ra là dối.' Đây là pháp thường tồn thứ ba. Pháp ấy vô thượng, không gì có thể vượt qua; trí tuệ vô dư, thần thông vô dư; các Sa-môn, Bà-la-môn trong đời không ai có thể sánh ngang Như Lai, huống hồ vượt lên trên.

"Pháp mà Như Lai thuyết còn có trên nữa, đó là quán sát[41]. Quán sát là, có Sa-môn, Bà-la-môn, do tưởng mà quán sát[42], 'tâm kia thú hướng như thế, tâm này thú hướng như thế.' Tâm ấy khi phát tưởng như

---

38. Pāli: ceto-samādhim phusati, vị ấy đạt đến trạng thái tập trung của tâm.

39. Pāli: yathā samāhite citte, trong khi tâm được tập trung như vậy.

40. Hán: thành kiếp bại kiếp 成劫敗劫; Pāli: saṃvatti vā loko vivaṭṭi vā, thế giới chuyển thành hay thế giới chuyển hoại.

41. Pāli: ādesana-vidhā, ký tâm sai biệt, các trường hợp khác nhau về sự đọc được ý nghĩ của người khác.

42. Hán: dĩ tưởng quán sát 以想觀察; Pāli: nimmittena ādesati, nói ý nghĩ của người khác bằng cách dựa vào các hình tướng.

vậy, hoặc hư hoặc thật[43]. Đó là quán sát thứ nhất.

"Các Sa-môn, Bà-la-môn, không do tưởng mà quán sát, nhưng hoặc nghe lời của chư Thiên và phi nhân, mà nói với người kia rằng: 'Tâm ngươi như vậy, tâm ngươi như vậy.' Điều này cũng hoặc thật, hoặc hư. Đó là quán sát thứ hai.

"Các Sa-môn, Bà-la-môn, không do tưởng mà quán sát, cũng không nghe lời của chư Thiên hay phi nhân, mà tự quán sát thân mình, lại nghe lời người khác, mà nói với người kia[44] rằng: 'Tâm của ngươi như vậy, tâm của ngươi như vậy.' Điều này cũng có thật, cũng có hư. Đó là quán sát thứ ba.

"Hoặc có Sa-môn, Bà-la-môn, không do tưởng quán sát, cũng không nghe lời chư Thiên và phi nhân nói, lại không tự quán sát, hay quán sát người khác; nhưng, trừ giác quán rồi, đắc định ý tam-muội, quán sát tâm người khác, mà nói với người ấy rằng[45]: 'Tâm của ngươi như vậy, tâm của ngươi như vậy.' Quán sát như thế là chân thật. Đó là quán sát thứ tư. Pháp ấy vô thượng, không gì có thể vượt qua; trí tuệ vô dư, thần thông vô dư; các Sa-môn, Bà-la-môn trong đời không ai có thể sánh ngang Như Lai, huống hồ vượt lên trên.

"Pháp Như Lai thuyết lại còn có trên nữa, đó là giáo giới[46]. Giáo giới là, hoặc có trường hợp có người không trái với giáo giới, dứt sạch hữu lậu thành vô lậu, tâm giải thoát, trí tuệ giải thoát, ngay trong đời này tự thân tác chứng[47]: sanh tử đã hết, phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn hậu hữu. Đó là giáo giới thứ nhất.

"Có người không trái với giáo giới, dứt sạch năm hạ phần kết, sau khi diệt độ chốn này sẽ không trở lại cõi này nữa. Đó là giáo giới thứ

---

43. Pāli: so bahuṃ ce pi ādasati, tath'eva taṃ hoti, no aññathā, vị ấy quán sát nhiều lần như vậy, biết xác thật là như thế, không sai lầm.

44. Pāli: vitakkayato vicārayato vitakka-vipphāra-saddaṃ sutvā ādati, y nơi tầm, y nơi tứ, vị ấy sau khi nghe âm thanh khuếch đại của tầm (suy nghiệm), bèn dự đoán rằng... (Đây chỉ trường hợp người đã chứng Sơ thiền).

45. Pāli: avitakkaṃ avicāraṃ samādhiṃ samāpannassa cetasā ceto paricca pajānāti, vị ấy, do thành tựu chánh định không tầm không tứ, bằng vào tâm của mình mà biết rằng... Chỉ trường hợp một vị đã chứng Nhị thiền hay cao hơn.

46. Pāli: anusāsana.

47. Tự thân tác chứng 自身作證; Pāli: sayaṃ abhiññā sacchikatvā, bằng nhận thức siêu việt, tự mình thể nghiệm.

hai.

"Hoặc có người không trái giáo giới, ba kết đã hết, dâm nộ si mỏng, đắc Tư-đà-hàm, sẽ trở lại đời này mà diệt độ. Đó là giáo giới thứ ba.

"Hoặc có người không trái giáo giới, ba kết đã hết, đắc Tu-đà-hoàn, tối đa bảy lần trở lại, ắt sẽ thành đạo quả, không đọa ác thú. Đó là giáo giới thứ tư. Pháp ấy vô thượng, không gì có thể vượt qua; trí tuệ vô dư, thần thông vô dư; các Sa-môn, Bà-la-môn trong đời không ai có thể sánh ngang Như Lai, huống hồ vượt lên trên.

"Pháp mà Như Lai thuyết lại còn có trên nữa, là thuyết pháp cho người khác, khiến cho giới thanh tịnh[48]. Giới thanh tịnh là, có Sa-môn, Bà-la-môn, có lời nói chí thành, không hề hai lưỡi, thường tự kính cẩn, dẹp bỏ ngủ nghỉ, không mang lòng tà siểm, miệng không nói dối, không dự đoán cát hung cho người, không tự mình xưng thuyết, đem sở đắc của người này tỏ cho người khác để cầu thêm lợi từ người khác[49], tọa thiền tu trí, biện tài vô ngại, chuyên niệm không loạn, tinh cần không biếng nhác. Pháp ấy vô thượng, không gì có thể vượt qua; trí tuệ vô dư, thần thông vô dư; các Sa-môn, Bà-la-môn trong đời không ai có thể sánh ngang Như Lai, huống hồ vượt lên trên.

"Pháp mà Như Lai thuyết lại còn có trên nữa, đó là giải thoát trí[50]. Nói là giải thoát trí, đó là, Thế Tôn do nhân duyên của người khác mà nội tâm tư duy rằng: Người này là Tu-đà-hoàn; người này là Tư-đà-hoàn; người này là A-na-hàm, người này là A-la-hán. Pháp ấy vô thượng, không gì có thể vượt qua; trí tuệ vô dư, thần thông vô dư; các Sa-môn, Bà-la-môn trong đời không ai có thể sánh ngang Như Lai, huống hồ vượt lên trên.

"Pháp mà Như Lai thuyết lại còn có trên nữa, đó là tự thức túc

---

48. Pāli: Bhagavā dhammaṃ deseti purisa-sīla-samācāre, Thế Tôn thuyết pháp liên quan đến chánh hạnh về giới của con người.

49. Hán: bất tự xưng thuyết, tùng tha sở đắc dĩ thị ư nhân, cánh cầu tha lợi 不自稱說從他所得以示於人更求他利. Tham chiếu Pāli: na ca nippe-siko na ca lābhena lābhaṃ nijiṃsitā, không phải là kẻ lường gạt (người tung hứng), tham lam lấy lợi cầu lợi.

50. Pāli: para-puggala-vimutti-ñāṇa, nhận thức về sự giải thoát của người khác; ấn chứng sự giải thoát cho người khác.

mạng trí chứng[51]. Các Sa-môn, Bà-la-môn, bằng đủ các phương tiện, nhập định ý tam-muội, tùy tam-muội tâm, tự mình nhớ lại vô số việc đời từ trước, một đời, hai đời,... cho đến trăm ngàn thành kiếp, hoại kiếp, vô số như vậy, ta sanh ở chỗ kia, có tên như vậy, chủng tộc như vậy, họ như vậy, thọ mạng như vậy, ẩm thực như vậy, khổ lạc như vậy; từ chỗ này sanh nơi kia; từ nơi kia sanh đến chỗ này, với nhiều tướng dạng khác nhau, tự nhớ vô số kiếp sự đời xưa, ngày đêm thường nghĩ nhớ những nơi đã trải qua. Đây là sắc. Đây là vô sắc. Đây là tưởng. Đây là vô tưởng. Đây là phi vô tưởng, thảy đều nhớ biết hết. Pháp ấy vô thượng, không gì có thể vượt qua; trí tuệ vô dư, thần thông vô dư; các Sa-môn, Bà-la-môn trong đời không ai có thể sánh ngang Như Lai, huống hồ vượt lên trên.

"Pháp Như Lai thuyết còn có pháp trên nữa, đó là thiên nhãn trí[52]. Thiên nhãn trí là, các Sa-môn, Bà-la-môn, bằng đủ các phương tiện, nhập định ý tam-muội, từ tam-muội tâm, quán chúng sanh, hoặc sống, hoặc chết, có sắc tốt, sắc xấu, định mệnh lành, định mệnh dữ[53], hoặc đẹp, hoặc xấu, tùy theo chỗ làm, thảy đều thấy hết, biết hết. Hoặc có chúng sanh thành tựu thân ác hành, khẩu ác hành, ý ác hành, phỉ báng Hiền thánh, tin theo tà kiến điên đảo, khi thân hoại mạng chung đọa ba đường dữ. Hoặc có chúng sanh có thân hành thiện, khẩu hành thiện, ý hành thiện, không báng bổ Hiền thánh, chánh kiến, tín hành, khi thân hoại mạng chung sanh lên trời người. Bằng thiên nhãn thanh tịnh, quán chúng sanh, thấy biết như thật. Pháp ấy vô thượng, không gì có thể vượt qua; trí tuệ vô dư, thần thông vô dư; các Sa-môn, Bà-la-môn trong đời không ai có thể sánh ngang Như Lai, huống hồ vượt lên trên.

"Pháp mà Như Lai thuyết lại còn có trên nữa, đó là thần túc chứng[54]. Thần túc chứng là, các Sa-môn, Bà-la-môn, bằng đủ các phương tiện, nhập định ý tam-muội, tùy tam-muội tâm, thực hiện vô số thần lực; có thể biến một thân thành vô số thân; từ vô số thân hợp làm một thân; vách đá không trở ngại; ngồi kiết già giữa hư không; cũng

---

51. Pāli: pubbe-nivāsānussati-ñaṇa, túc trú tùy niệm trí 宿住隨念智, nhận thức nhớ lại các tiền kiếp.

52. Pāli: sattānamṃ cutūpapāta-ñāṇa, hữu tình sanh tử trí 有情生死智, nhận thức về sự sống và sự chết của chúng sanh.

53. Hán: thiện thú ác thú 善趣惡趣; Pāli: sugata, duggata.

54. Pāli: iddhi-vidhā.

như chim bay; vào ra lòng đất như ở trong nước; đi trên nước như đi trên đất; thân mình bốc khói, bốc lửa, như đống lửa cháy rực; lấy tay sờ mặt trời, mặt trăng; đứng cao đến trời Phạm thiên. Nếu Sa-môn, Bà-la-môn gọi đó là thần túc, thì nên bảo họ rằng: có thần túc như vậy, không phải không có. Nhưng loại thần túc ấy thấp kém, hèn hạ, là việc làm của phàm phu, không phải điều mà Hiền thánh tu tập. Nếu Tỳ-kheo đối với sắc thế gian yêu thích mà không nhiễm[55], sau khi xả ly sắc ấy, làm việc đáng làm, ấy mới gọi là thần túc của Hiền thánh. Đối với sắc không đáng ưa cũng không ghét, sau khi xả ly sắc ấy, làm việc nên làm, ấy mới gọi là thần túc của Hiền thánh. Đối với sắc mà thế gian yêu, sắc mà thế gian không yêu, lìa bỏ cả hai, tu bình đẳng xả[56], chuyên niệm không quên[57], ấy mới gọi là thần túc của Hiền thánh[58].

"Cũng như Đức Thế Tôn tinh tấn dũng mãnh, có đại trí tuệ, có tri có giác, đắc đệ nhất giác, cho nên gọi là Đẳng giác. Thế Tôn nay cũng không hoan lạc nơi dục[59]; không hoan lạc nơi điều tu tập của phàm phu thấp kém[60], cũng không nhọc nhằn siêng năng để chịu các thứ khổ não. Thế Tôn nếu muốn loại trừ pháp xấu ác, có giác có quán, có hỷ lạc do định sanh, chứng nhập Sơ thiền, thì như thế Ngài liền có thể loại trừ pháp xấu ác, có giác có quán, có hỷ lạc do định sanh, chứng nhập Sơ thiền. Nhị thiền, Tam thiền, Tứ thiền, cũng vậy. Ngài tinh tấn, dũng mãnh, có đại trí tuệ, có tri, có giác, đắc đệ nhất giác, nên gọi là Đẳng giác."

Phật bảo Xá-lợi-phất:

---

55. Pāli: appaṭikkūle paṭikkūla-saññī vihareyyan, tôi có thể an trú với ý tưởng kinh tởm đối với cái kinh tởm. Hán: ái sắc 愛色; Pāli: appaṭikkūla; bất ái sắc 不愛色; Pāli: paṭikkūla; chỉ tính chất đáng nhàm tởm và không đáng nhàm tởm nơi vật chất.

56. Nguyên Hán dịch: tu bình đẳng hộ 修平等護; Pāli: upekkhako tattha viharati, ở đây vị ấy an trú xả. Từ Pāli: upekkha, Skt.: upekṣa, thay vì dịch là xả 捨, đây dịch là hộ 護. Nay sửa theo dịch ngữ thông dụng nhất là xả. Xem cht. 124 tr. 107, kinh số 2 "Du Hành (iii)".

57. Hán: chuyên niệm bất vong 專念不忘; Pāli: sato sampajano, chánh niệm, chánh tri (tỉnh giác).

58. Pāli: ayam... iddhi anāsavā anupadhikā ariyā vuccati, thần thông vô lậu, vô y này được gọi là Thánh.

59. Hán: bất lạc ư dục 不樂於欲; Pāli: na ca... kāmesu kāmasukhallikānuyoga-yutto, không đam mê hưởng thụ nơi các dục lạc.

60. Pāli: na ca atta-kilamatthānuyogam anuyutto, cũng không mê say tu tập khổ hạnh.

"Nếu có dị học ngoại đạo đến hỏi ngươi rằng[61]: 'Trong các Sa-môn, Bà-la-môn quá khứ có ai sánh bằng Sa-môn Cù-đàm chăng?' Ngươi sẽ trả lời như thế nào? Người ấy lại hỏi: 'Trong các Sa-môn, Bà-la-môn vị lai có ai sánh bằng Sa-môn Cù-đàm chăng?' Ngươi sẽ trả lời như thế nào? Kia lại hỏi: 'Trong các Sa-môn, Bà-la-môn hiện tại có ai sánh bằng Sa-môn Cù-đàm chăng?' Ngươi sẽ trả lời như thế nào?'"

Xá-lợi-phất liền trả lời:

"Giả sử được hỏi rằng: 'Trong các Sa-môn, Bà-la-môn quá khứ có ai sánh bằng Sa-môn Cù-đàm chăng?' Con sẽ trả lời rằng: 'Có.' Giả sử được hỏi: 'Trong các Sa-môn, Bà-la-môn vị lai có ai sánh bằng Sa-môn Cù-đàm chăng?' Con sẽ trả lời rằng: 'Có.' Giả sử được hỏi: 'Trong các Sa-môn, Bà-la-môn hiện tại có ai sánh bằng Sa-môn Cù-đàm chăng?' Con sẽ trả lời rằng: 'Không.'"

Phật bảo Xá-lợi-phất :

"Dị học ngoại đạo kia lại hỏi: 'Vì sao nói là có? Và vì sao nói là không?' Ngươi sẽ trả lời như thế nào?"

Xá-lợi-phất đáp:

"Con sẽ trả lời người ấy rằng: 'Các Bậc Tam-da-tam-phật quá khứ cùng sánh bằng Như Lai. Các Tam-da-tam-phật vị lai cùng sánh bằng Như Lai. Nhưng con tự thân nghe từ Phật, rằng không có trường hợp có thể nói có vị Tam-da-tam-phật hiện tại nào khác cùng sánh với Như Lai.' Bạch Thế Tôn, con theo chỗ được nghe, y pháp, thuận pháp, mà trả lời như vậy, có phải là trả lời đúng chăng?"

Phật nói:

"Trả lời như vậy là y pháp, thuận pháp, không trái. Sở dĩ như vậy là vì, có các Đức Tam-da-tam-phật quá khứ sánh bằng Ta. Có những vị Tam-da-tam-phật vị lai sánh bằng Ta. Nhưng không có trường hợp để nói rằng có hai Đức Phật cùng xuất hiện thế gian cùng một lần."

Lúc bấy giờ Tôn giả Uất-đà-di đứng sau Phật, đang cầm quạt quạt Phật. Phật nói với Uất-đà-di:

"Uất-đà-di, ngươi hãy quán sát sự ít dục, biết đủ của Thế Tôn. Nay Ta có thần lực lớn, có uy đức lớn, mà ít dục, biết đủ, không hoan

---

61. Trước đoạn này; Pāli còn có một đoạn: "trong quá khứ..., vị lai..., hiện tại..., có ai hơn..." và được Xá-lợi-phất trả lời "không" cho cả ba trường hợp.

lạc trong các dục[62]. Uất-đà-di, nếu các Sa-môn, Bà-la-môn khác ở trong pháp này mà có thể tinh cần khó nhọc, chứng đắc một pháp, vị ấy sẽ dựng phướn mà bố cáo bốn phương xa rằng: 'Nay Như Lai [63] này ít dục, biết đủ. Nay hãy quán sát sự ít dục, biết đủ của Như Lai. Như Lai có thần lực lớn, có uy đức lớn, không cần đến các dục.'"

Rồi thì, Tôn giả Uất-đà-di sửa y phục ngay ngắn, trịch áo bày vai hữu, qùy gối phải xuống đất, chắp tay bạch Phật rằng:

"Kỳ diệu thay, bạch Thế Tôn, ít dục, biết đủ như Thế Tôn. Thế Tôn có thần lực lớn, có uy đức lớn, không cần đến các dục. Nếu có Sa-môn, Bà-la-môn khác, ở trong pháp này mà tinh cần khó nhọc chứng đắc một pháp, vị ấy sẽ dựng phướn tuyên cáo bốn phương xa rằng: 'Thế Tôn[64] hiện nay là Bậc ít dục, biết đủ.' Xá-lợi-phất, ngài hãy thuyết pháp này cho các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di. Những người ấy nếu có điều nghi ngờ đối với Phật, Pháp, Tăng, thì sau khi nghe pháp này sẽ không còn ở trong lưới nghi nữa."

Bấy giờ Thế Tôn nói với Xá-lợi-phất :

"Ngươi hãy nhiều lần giảng thuyết pháp này cho các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di. Vì sao? Vì những người ấy nếu có nghi ngờ đối với Phật, Pháp, Tăng, đối với đạo, thì sau khi nghe ngươi giảng thuyết sẽ được thông tỏ."

Xá-lợi-phất đáp:

"Kính vâng, bạch Thế Tôn."

Rồi thì, Xá-lợi-phất nhiều lần giảng thuyết pháp này cho các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, vì để khiến họ được tự mình thanh tịnh, do đó được gọi là "Thanh Tịnh kinh".

Lúc bấy giờ, Xá-lợi-phất nghe những lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

❑

---

62. Hán: bất lạc tại dục 不樂在欲; Pāli: atha ca pana na attānaṃ pātukarissati, nhưng Ngài không làm hiển lộ tự kỷ. Nghĩa là, không tự khoe khoang.

63. Chỉ ngoại đạo tự xưng; không phải Phật tự nói.

64. Xem cht.63.

19. KINH ĐẠI HỘI[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật tại nước Thích-kiều-sấu[2], trong rừng Ca-duy[3], cùng với chúng Đại Tỳ-kheo năm trăm người, thảy đều là A-la-hán. Lại có mười phương các Trời thần diệu cũng đến tập hội, kính lễ Như Lai và Tỳ-kheo Tăng.

Lúc bấy giờ, bốn vị Tịnh cư thiên[4] đang ở trên cõi trời ấy, mỗi người, tự nghĩ rằng: "Nay Thế Tôn đang ở tại Thích-kiều-sấu trong rừng Ca-duy cùng chúng Đại Tỳ-kheo năm trăm người, thảy đều đã chứng đắc A-la-hán. Lại có mười phương các trời thần diệu cũng đến tập hội, kính lễ Như Lai và Tỳ-kheo Tăng. Nay chúng ta cũng nên đi đến chỗ Thế Tôn, mỗi người sẽ xưng tán Như Lai bằng bài kệ của mình."

Rồi thì, bốn vị Tịnh cư thiên, trong khoảnh khắc như lực sĩ co duỗi cánh tay, biến mất khỏi các cõi trời kia, đến Thích-kiều-sấu trong rừng Ca-duy. Bấy giờ, bốn vị Tịnh cư thiên, sau khi đến nơi, cúi đầu lễ chân

---

1. Hán, quyển 12. Tương đương Pāli: D.20, Deva Dig ii. 7, Mahāsamaya-suttanta; S. 1, 4, 7 Samay. Tham chiếu No.19 *Phật Thuyết Tam-ma-nhạ kinh*, Tống Pháp Thiên dịch (Đại I, tr.258); No.99 (1192) *Tạp A-hàm*, q.44 (Đại II, tr.323); No.100 (105); Biệt Dịch *Tạp A-hàm* Q.5 (Đại II, tr.411).

2. Thích-kiều-sấu quốc 釋翹廋 (hay 翅搜?) 國; Pāli: Sakkeḷu, giữa những người Thích-ca. Hán dịch có thể nhầm, không coi Sakkesu là biến cách của Sakka (Skt.: Sakya).

3. Ca-duy lâm 迦維林; Pāli: Kapilavatthu, tức Ca-tỳ-la-vệ, tên thành, cũng là tên nước; No.99 (1192): Phật tại Ca-tỳ-la-vệ, Ca-tỳ-la-vệ lâm trung 佛在迦毗羅衛迦毗羅衛林中; No.100 (105): Phật tại Thích-kiều, Ca-tỳ-la-vệ lâm trung 佛在釋翹迦毗羅衛林中.

4. Tứ Tịnh cư thiên 四淨居天; Pāli: catunnaṃ Suddhāvāsakāyikānaṃ devānaṃ, bốn Thiên chúng thuộc Tịnh cư thiên. Có năm tầng Tịnh cư thiên thuộc Tứ thiền, trú xứ của Thánh giả A-na-hàm trước khi nhập Niết-bàn.

Phật, rồi đứng sang một bên. Lúc ấy một vị Tịnh cư thiên ở trước Phật đọc bài kệ tán thán rằng:

Ngày nay đại chúng hội;
Chư Thiên cùng đến dự.
Tất cả đến vì pháp;
Muốn lễ chúng Vô thượng.

Nói xong bài kệ này rồi đứng sang một bên. Một vị Tịnh cư thiên khác lại đọc bài kệ rằng:

Tỳ-kheo thấy ô nhiễm,
Tâm ngay, tự phòng hộ.
Như biển nạp các sông;
Bậc trí hộ các căn.

Nói xong bài kệ ấy rồi đứng sang một bên. Một vị Tịnh cư thiên khác lại đọc bài kệ:

Bứt gai, lấp hố ái,[5]
San bằng hào vô minh;
Dạo bước trường thanh tịnh
Như voi khéo huấn luyện.

Nói bài kệ này xong, đứng sang một bên. Một Tịnh cư thiên khác đọc bài kệ:

Những ai quy y Phật,
Trọn không đọa đường dữ;
Khi xả bỏ thân người,
Thọ thân trời thanh tịnh.

Sau khi bốn Tịnh cư thiên đọc các bài kệ xong, Phật liền ấn khả. Họ bèn lễ chân Phật, đi quanh Phật ba vòng, thoạt biến mất. Họ đi chưa bao lâu, Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Nay chư Thiên đại tập hội. Mười phương các thần diệu thiên đều đến đây lễ viếng Như Lai và Tỳ-kheo Tăng. Này các Tỳ-kheo, quá khứ các Như Lai, Bậc Chí Chân, Đẳng Chánh Giác cũng có chư Thiên đại tập hội như Ta ngày nay. Đương lai các Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác, cũng có chư Thiên đại tập hội, như Ta ngày nay.

---

5. Hán: đoạn thích, bình ái khanh 斷刺平愛坑; Pāli: chetvā khilaṃ chetvā palighaṃ, bẻ cùm, bẻ khóa.

"Này các Tỳ-kheo, nay chư Thiên đại tập hội. Mười phương các thần diệu thiên không ai không đến đây lễ viếng Như Lai và Tỳ-kheo Tăng. Ta sẽ nói lên danh hiệu của họ và cũng nói kệ về họ. Tỳ-kheo, nên biết:

Chư Thiên nương hang núi,
Ẩn tàng, trông đáng sợ [6]
Mình khoác áo toàn trắng,
Tinh sạch không vết dơ.
Trời người nghe thế rồi,
Đều quy y Phạm thiên.
Ta nay nói tên họ,
Thứ tự không nhầm lẫn.
Các Thiên chúng nay đến;
Tỳ-kheo, ngươi nên biết,
Trí phàm phu thế gian
Trong trăm, không thấy một.
Vì sao có thể thấy,
Bảy vạn chúng quỷ thần?
Nếu thấy mười vạn quỷ,
Một bên còn không thấy,
Hà huống các quỷ thần
Đầy khắp cả thiên hạ.

Địa thần dẫn theo bảy ngàn Duyệt-xoa[7] đủ các loại, thảy đều có thần túc[8], hình mạo, sắc tượng, danh xưng, thảy đều với tâm hoan hỷ đến chỗ chúng Tỳ-kheo trong rừng.

Lúc ấy, có thần Tuyết sơn dẫn theo sáu ngàn quỷ Duyệt-xoa[9] đủ các loại, thảy đều có thần túc, hình mạo, sắc tượng, danh xưng, thảy

---

6. Tham chiếu Pāli: ye sitā giri-gabbharaṃ pahitattā samāhitā Puthū sīhā v'asallīnā lomahaṃsabhisambhuno, họ nương nơi các hang động, tinh cần, an tĩnh, như từng con sư tử đang co mình lại, lông tóc dựng đứng.

7. Hán: Địa thần hữu... Duyệt-xoa 地神有悅叉; Pāli: yakkhā bhummā Kāpilavatthavā, các Dạ-xoa sống trên mặt đất, ở Ca-tỳ-la-vệ. Hán; Duyệt-xoa 悅叉, thường nói là Dạ-xoa 夜叉 (Pāli: Yakkha, Skt.: Yakṣa).

8. Hữu thần túc 有神足; Pāli: iddhimanto, có thần thông.

9. Pāli: Hemavatā yakkhā, các Dạ-xoa sống ở Tuyết sơn.

đều với tâm hoan hỷ đến chỗ chúng Tỳ-kheo trong rừng.

Có một thần Xá-la dẫn theo ba ngàn quỷ Duyệt-xoa[10] đủ các loại, thảy đều có thần túc, hình mạo, sắc tượng, danh xưng, thảy đều với tâm hoan hỷ đến chỗ chúng Tỳ-kheo trong rừng.

Một vạn sáu ngàn quỷ thần Duyệt-xoa đủ các loại này thảy đều có thần túc, hình mạo, sắc tượng, danh xưng, thảy đều với tâm hoan hỷ đến chỗ chúng Tỳ-kheo trong rừng.

Lại có thần Tỳ-ba-mật[11], trú ở Mã quốc[12], dẫn năm trăm quỷ, đều có thần túc, oai đức.

Lại có thần Kim-tỳ-la[13], trú ở núi Tỳ-phú-la[14], thành Vương xá, dẫn vô số quỷ thần, cung kính vây quanh.

Lại có, phương Đông, Đề-đầu-lại-tra Thiên vương[15], thống lãnh các thần Càn-đạp-hòa[16], có đại oai đức, có chín mươi mốt người con, tất cả đều có tên là Nhân-đà-la[17], có đại thần lực.

Phương Nam, Tỳ-lâu-lặc[18] Thiên vương thống lãnh các Long vương, có đại oai đức, có chín mươi mốt người con, thảy đều có tên là Nhân-đà-la, có đại thần lực.

Phương Tây, Tỳ-lâu-bác-xoa[19] Thiên vương, thống lãnh các quỷ

---

10. Pāli: Sātāgirā yakkhā, các Dạ-xoa ở núi Sātāgiri. Xá-la thần 舍羅神, có lẽ chỉ thần núi Sātāgiri.

11. Tỳ-ba-mật 毗波密; Pāli: Vessāmitta (bạn của Vessa, giai cấp Phệ xá).

12. Mã quốc 馬國 (Pāli: Assaka), cũng âm là A-thấp-bà 阿濕婆, A-nhiếp-bối 阿攝貝; một trong mười sáu nước lớn thời Phật, phía Tây bắc A-bàn-đề (Avanti). Bản Pāli không đề cập tên nước này.

13. Kim-tỳ-la 金毗羅, hay Cung-tỳ-la 宮毗羅; Pāli: Kumbhila, thần cá sấu.

14. Tỳ-phú-la 毗富羅; Pāli: Vepulla.

15. Đề-đầu-lại-tra 提頭賴吒, dịch là Trì Quốc 持國 (Thiên vương), 1 trong 4 Thiên vương hộ thế, thủ lãnh các thần Càn-thát-bà 乾闥婆; Pāli: Dhataraṭṭa.

16. Càn-đạp-hòa 乾沓和, thường gọi Càn-thát-bà, dịch Hương thần, thần âm nhạc; Pāli: Gandhabba.

17. Nhân-đà-la 因陀羅; Pāli: Inda; Skt.: Indra.

18. Tỳ-lâu-lặc 毗樓勒, hay Tăng Trưởng Thiên vương 增長天王; Pāli: Virūḷha. Trong bản Hán, thần thống lãnh chúng Long vương. Trong bản Pāli, thống lãnh chúng Cưu-bàn-trà (Kumbhaṇḍa).

19. Tỳ-lâu-bác-xoa 毗樓博叉, hay Quảng Mục Thiên vương 廣目天王; Pāli: Virūpakkha. Trong bản Hán, thống lãnh chúng Cưu-bàn-trà quỷ (Kumbaṇḍa), trong bản Pāli, chúng Long vương.

Cưu-bàn-trà, có đại oai đức, có chín mươi mốt người con, thảy đều tên là Nhân-đà-la, có đại thần lực.

Phương Bắc, Tỳ-sa-môn[20] Thiên vương thống lãnh các quỷ Duyệt-xoa, có đại oai đức, có chín mươi mốt người con, thảy đều tên là Nhân-đà-la, có đại thần lực.

Bốn vị Thiên vương hộ trì thế gian này có đại oai đức, mình phát ánh sáng, đi đến rừng Ca-duy.

Bấy giờ, Thế Tôn muốn hàng phục tâm huyễn ngụy hư dối của họ[21] nên kết chú rằng:

"Ma câu lâu la ma câu lâu la[22], tỳ lâu la tỳ lâu la[23], chiên đà na, gia ma thế trí, ca, ni diên đậu, ni diên đậu, ba na lỗ[24], ô hô nô[25] nô chủ, đề bà tô mộ, Ma-đầu la, chi đa la tư na, càn đạp ba, na la chủ, xà ni sa, thi ha, vô liên đà la, tỷ ba mật đa la, thọ trần đà la, na lư ni[26] kha, thăng[27] phù lâu, thâu chi bà tích[28] bà.[29]

Như vậy, các vua Càn-đạp-hòa và La-sát đều có thần túc, hình mạo, sắc tượng, với tâm hoan hỷ đi đến chúng Tỳ-kheo trong khu rừng. Bấy giờ, Thế Tôn lại kết chú:

"A hê, na đà sắt, na đầu, tỳ-xá-ly, sa[30] ha, đái xoa xà, bà đề, đề

---

20. Tỳ-sa-môn 毗沙門, tức Đa Văn Thiên vương 多聞天王; Pāli: Vessavaṇa; cũng có tên là Câu-tỳ-la (Pāli: Kuvera), lãnh chúng Dạ-xoa.

21. Pāli: tesaṃ māyāvino dāsā vañcanikā saṭhā, những bộ hạ này vốn huyễn ngụy, hư vọng, ác tâm, lừa dối.

22. Tống-Nguyên-Minh: ma ma câu câu lâu lâu la la.

23. Tống-Nguyên-Minh: tỳ tỳ lâu lâu la la.

24. Na lỗ, Tống-Nguyên-Minh: đà na da lô.

25. Nô 奴, Nguyên-Minh: xoa 叉.

26. Ni 尼, Tống-Nguyên-Minh: thi 尸.

27. Tống-Nguyên-Minh: thăng; Cao ly: đẩu.

28. Tích 迹; Tống-Nguyên-Minh: giá 這.

29. Tham chiếu Pāli: Māyā Kuṭeṇḍu Viṭeṇḍu Viṭuc ca Viṭucco saha/ Candano Kāmaseṭṭho ca kinnughaṇḍu Nighaṇḍu ca/ Panādo Opamañño ca devasūto ca Mātali. / Cittaseno ca gandhabbo Nalo rājā Janesabho/ Āgu Pañcasikho c' eva Timbarū Suriyavaccasā/ Ete c' aññe ca rājāno gandhabbā saha rājubhi/ Modamānā abhikkāmuṃ bhikkhūnaṃ samitiṃ vanaṃ.

30. Sa, Tống-Nguyên-Minh: bà.

đầu lại trá, đế bà sa ha, nhã lỵ[31] da, gia[32] tỳ la, nhiếp ba[33] na già, a đà già ma, thiên đề già, y la bà đà, ma ha na già, tỳ ma na già đa, đà[34] già đà dư, na già la xà, bà ha sa ha, xoa kỳ đề, bà đề la đế, bà đề la đế, tỳ mai đại tích thiễm, tỳ ha tứ, bà nanh, a bà bà tứ, chất đa la, tốc hòa ni na, cầu tứ đa, a bà do, na già la trừ, a tứ, tu bạt la, tát đế nô, a già, phật đà sái, thất la-nanh, bà da, ưu la đầu bà diên lâu, tố bàn nậu, phật đầu, xá la nậu, già loại lâu.[35]

Rồi Thế Tôn lại kết chú cho A-tu-la:

"Kỳ đà, bạt xà, ha đế, tam vật đệ, a tu la, a thất đà, bà diên địa, bà tam bà[36] tứ, y đệ a đà, đề bà ma, thiên địa, già lê diệu, ma ha bí ma, a tu la, đà na bí la đà, bệ ma chất đâu lâu, tu chất đế lệ, bà la ha lê, vô di liên na bà, xá lê a tế, bạt lê, phất đa la na, tát bệ, tát lâu da na na mê, tát na mê đế, bà lê, tế như, la da bạt đâu lâu, y ha am bà la mê, tam ma do y, đà na, bạt đà nhã, tỷ khâu na, tam di thế, nê bạt.[37]

Rồi Thế Tôn lại kết chú cho chư Thiên:

"A phù, đề bà, bế lê, hê bệ, đề dự, bà do, đa đà nậu bạt lâu nậu bạt lâu ni, thế đế tô di, da xá a đầu, di đa la bà, già la na di bà a lã đề bà, ma thiên thê dữ, đà xà đề xá, già dư, tát bệ, na-nan đa la bà bạt na, y địa bàn đại, thù địa ban na bàn đại, da xá ti nậu, mộ đà bà na[38], a hê

---

31. Lỵ, Tống-Nguyên-Minh: lê.

32. Gia, Tống-Nguyên-Minh: ca.

33. Ba, Tống-Nguyên-Minh: bà.

34. Đà, Tống-Nguyên-Minh: tha.

35. Tham chiếu Pāli: Ath' āgu Nābhasā nāgā Vesālā saha Tacchakā, / Kambalassatarā āgu Pāyāgā saha ñātibhi. / Yāmunā Dhataraṭṭhā ca āgu nāgā yasassino, / Erāvano mahā-nāgo so p'āga samitiṃ vanaṃ. / Ye nāga-rāje sahasā haranti/ Dibbā dijā pakkhi visuddha-cakkhū/ Vehāsayā te vana-majjha-pattā/ Citrā Supaṇṇā iti tesaṃ nāmaṃ/ Abhayan tadā nāga-rājānam āsi/ Supaṇṇato khemam akāsi Budho. / Saṇhāhi vācāhi upavhayantā/ Nāgā Supaṇṇā saraṇaṃ agaṃsu Buddhaṃ.

36. Bà, Tống-Nguyên-Minh: sa.

37. Tham chiếu Pāli: Jitā Vajira-hatthena samuddaṃ Asurā sitā/ Bhātaro Vāsavass' ete iddhimanto yasassino/ Kālakañjā mahābhiṃsā asurā Dānaveghasā/ Vepacitti Sucitti ca Pahārādo Namucī saha/ Satañ ca Bali-puttānaṃ sabbe Veroca-nāmakā/ Sannayhitvā baliṃ senaṃ Rāhubhaddam upāgamuṃ: 'Samayo dāni bhaddan te bhikkhūnaṃ samitiṃ vanaṃ'.

38. Na, Tống-Nguyên-Minh: na-đà.

kiền đại, tỳ khâu na, bà[39] vị[40] đệ, bà ni.

"Bệ noa, đề bộ, xá già lỵ, a hê địa dũng mê, na sát[41] đế lệ phú la tức ky đại a đà man đà la bà la, bệ chiên đại tô, bà ni sao đề bà, a đa, chiên đà, phú la kiều chi đại, tô lê da tô bà ni sao đề ba, a đa, tô đề da, phú la kiều đại, ma già đà, bà tô nhân, đồ lô a đầu, thích câu, phú la đại lô.

"Thúc già, già la ma, la na a đại, bệ ma ni bà, ô bà đề kỳ ha, ba la vô ha bệ bà la vi a ni, tát đà ma đa a ha lê, di sa a ni bát thù nậu, thán nô a, lô dư đề xá, a hê bạt sa.

"Xa ma, ma ha xa ma, ma nậu sa ha, ma nậu sơ đa ma, khất đà ba đầu sái a, đa ma nậu đầu sái a hê a la dạ đề bà a đà lê đà da bà tư, ba la ma ha ba la a đa đề bà ma thiên thê da.

"Sai ma đâu suất đà, dạ ma, già sa ni a, ni, lam bệ, lam bà chiết đế, thọ đề na ma y sái, niệm ma la đề, a đà hê ba la niệm di đại.

"A hê đề bà đề bà xà lan đề, a kỳ, thi hu ba, ma a lật trá lô da, ô ma, phù phù ni bà tư viễn giá bà đà mo, a châu đà, a ni thâu đậu đàn[42] da nậu, a đầu a lã, tỳ sa-môn y sái.[43]

Đấy là sáu mươi chủng loại trời.

---

39. Các bản Hán đều đọc bà. Có lẽ nên đọc sa; tham chiếu Pāli: samitim.

40. Tống-Nguyên-Minh: vị 未; Cao ly: chu 朱.

41. Sát 剎, Tống-Nguyên-Minh: lỵ (lợi) 利.

42. Đàn, Tống-Nguyên-Minh: ni lô.

43. Tham chiếu Pāli: Āpo ca devā Paṭhavī Tejo Vāyo tadāgamuṃ, / Varuṇā Varuṇā devā Somo ca Yasasā saha, / Mettā-karuṇā-kāyikā āgu devā yasassino / Das' ete dasadhā kāyā sabbe nānatta-vaṇṇino/ iddhimanto jutīmanto vaṇṇavanto yasassino/ Modamānā abhikkāmuṃ bhikkhūnaṃ samitiṃ vanaṃ. // Veṇhū ca devā Sahaḷi ca Asamā ca duve Yamā, / Candaassūpanisā devā Candaṃ āgu purakkhatvā, / Suriyassūpanisā devā Suriyam āgu purakkhatvā, / Nakkhattāni purakkhatvā āgu Manda-Vlāhakā, / Vasūnaṃ Vāsavo seṭṭho Sakko p'āga purindado. // Sukkā karumhā Aruṇā āgu Veghanasā saha, / Odāta-gayhā pāmokkhā āgu devā Vicakkhaṇā, / Sadāmattā Hāragajā Missakā ca yasassino, / Thanayaṃ āga Pajjunno yo disā abhivassati. // Samānā Mahā-samānā Mānusā Mānsuttamā/ Khiḍḍāpadūsikā āgu, āgu Manopadūsikā, / Ath'āgu Harayo devā ye ca Lohita-vāsino/ Pāragā Mahā-pāragā āgu devā yasassino. // Khemiyā Tusitā Yā mā kaṭṭhakā ca yasassino, / Lambītakā Lāma-seṭṭhā Joti-nāmā ca Āsavā, / nimmānāratno āgu, ath' āgu paranimmitā. // Ath'āgu Sahabhū devā jalam aggi-sikhā-r-iva, / Ariṭṭhakā ca Rojā ca ummāpuppha-nibhāsino, / Varuṇā Saha-dhammā ca Accutā ca Anejakā, / Sūleyyarucirā āgu, āgu vāsavanesino.//

Rồi Thế Tôn lại kết chú cho sáu mươi tám vị Bà-la-môn đắc ngũ thông[44]:

"La da lê xá da hà[45] hê kiền đại bà ni già tỳ la bạt đâu bệ địa xà nậu a đầu sai mộ tát đề ương kỳ bệ địa mâu ni a đầu bế lê da sai già thi lê sa bà ha nhã nậu a đầu phạm ma đề bà đề na bà bệ địa mâu ni a đầu câu tát lê y ni lô ma xà lã ương kỳ lã dã bàn xà[46] a lâu ô viên đầu, ma ha la dã a câu đề[47] lâu dặc[48], nậu a đầu lục bế câu tát lê a lâu già lăng ỷ già di la đàn hê tội[49] phủ phù dã phúc đô lô lê sái tiên đà bộ a đầu[50] đề na già phủ bà, a di già da la dã đa đà[51] a già độ bà la man đà nậu ca mục la dã a đầu nhân đà la lâu mê[52] ca phù đà lô mộ ma già hê a sắc thương câu ty dư[53] a đầu hê lan nhã già phủ bệ lê vị dư lê đa tha a già độ a hê bà hảo la tử[54] di đô lô đa đà a già độ bà tư phật ly thủ đà la la dư đa đà a già độ y lê da sai ma ha la dư tiên a bộ đa đà a già độ ban xà bà dư bà lê địa kiều a[55] la dư đa đà a già độ, uất a lan ma ha dư tiện bị bà lê ma lê thâu bà hê đại na ma a bàn địa khổ ma lê la[56] dư a cụ tư lỵ đà na bà địa a đầu kiều bệ la dư[57] thi y nế[58] di nế ma ha la dư phục[59] bà lâu đa đà a già độ bạt đà bà lỵ ma ha la dư câu tát lê ma đề thâu thi hán đề chiêm bà lê[60] la dư tu đà la[61] lâu đa tha a già độ a ha[62] nhân đầu lâu a

---

44. Ngũ thông: thần cảnh trí chứng thông, thiên nhãn trí chứng thông, thiên nhĩ trí chứng thông, tha tâm trí chứng thông, túc mạng trí chứng thông; Pāli: pañcābhiññā.
45. Hà 何; Tống: a 阿; Nguyên: ha 訶; Minh: ha (kha) 呵.
46. Sau xà, Tống-Nguyên-Minh thêm: lâu.
47. Câu-đề, Tống-Nguyên-Minh: đề câu.
48. Dặc, Tống-Nguyên-Minh: bí.
49. Tội 罪, Tống-Nguyên-Minh: la 羅.
50. Sau đầu, Tống-Nguyên-Minh thêm: a.
51. Đà, Tống-Nguyên-Minh: tha.
52. Sau mê, Tống-Nguyên-Minh thêm: bà.
53. Sau dư, Tống-Nguyên-Minh thêm: già.
54. Tử, Tống-Nguyên-Minh: dư.
55. A, Tống-Nguyên-Minh: đế.
56. Sau la, Tống-Nguyên-Minh thêm: la.
57. Sau dư, Tống-Nguyên-Minh thêm: già.
58. Nế (bộ nhật), Tống-Nguyên-Minh: nế, bộ mục.
59. Phục, Tống-Nguyên-Minh: ưu.
60. Lê, Tống-Nguyên-Minh: lỵ.

đầu ma la dư dư tô lỵ dữ tha bệ địa đề bộ a ha bệ lỵ tứ a đầu hằng a[63] da lâu bà la mục giá da mộ a di nậu a đầu nhất ma da xá phê na bà sai ma la dư hà lê kiền độ dư phê độ bát chi dư thị số ba na lộ ma tô la dư da tứ đa do hê lan nhã tô bàn na bí sầu độ trí dạ số la xá ba la bệ đà uất đà bà a bà sái bà ha bà bà mưu sa ha sa[64] tham phú xa đại xa pháp[65] xà sa lệ la đà na ma ban chi sấu đa la càn đạp bà sa ha bà tát đa đề tô bệ la dư a hê kiền sấu[66] tỷ khâu tam di địa bà ni địa bà ni.[67]

Bấy giờ, có một ngàn Bà-la-môn đắc ngũ thông cũng được Như Lai kết chú cho.

Lúc ấy, trong thế giới này, vị Phạm thiên vương đứng đầu[68] cùng với các Phạm thiên[69] khác, thảy đều có thần thông và có một Phạm đồng tử tên gọi Đề-xá[70], có đại thần lực. Lại có Phạm thiên vương khác trong mười phương đến dự cùng với quyến thuộc vây quanh.

Lại vượt qua một ngàn thế giới, có Đại phạm vương[71], thấy các đại chúng ở tại chỗ Thế Tôn, bèn cũng đến dự với quyến thuộc vây quanh.

Bấy giờ Ma vương thấy các đại chúng ở tại chỗ Thế Tôn bèn sinh tâm độc hại, suy nghĩ rằng: Ta hãy dẫn các quỷ binh đi đến phá hoại chúng kia, bao vây chúng lại, không để sót một ai. Rồi thì, Ma vương triệu tập bốn binh chủng, tay vỗ xe, tiếng rền như sấm dậy. Những ai trông thấy không khỏi kinh sợ. Ma vương phóng ra gió to mưa lớn, sấm chớp vang rền, hướng đến rừng Ca-duy, bao vây đại chúng.

Phật nói với các Tỳ-kheo ưa thích chúng hội này rằng:

"Các ngươi nên biết, hôm nay, Ma chúng mang ác tâm đến đây."

Nhân đó tụng bài kệ rằng:

---

61. Tống-Nguyên-Minh không la.
62. Tống-Nguyên-Minh không có ha.
63. Hằng a, Tống-Nguyên-Minh: hằng hà.
64. Sa a sa, Tống-Nguyên-Minh: bà a bà.
65. Pháp 法, Tống-Nguyên-Minh: khư 佉.
66. Kiền sấu, Tống-Nguyên-Minh: kiền độ.
67. Bài chú này chưa tìm thấy Pāli tương đương để tham chiếu.
68. Đệ nhất Phạm vương; Pāli: Subrahmā Paramattha.
69. Phạm thiên; Pāli: Brahma-deva.
70. Phạm đồng tử Đề-xá 梵童子提舍; Pāli: Sanaṅkumāra Tissa.
71. Đại phạm vương; Pāli: Mahābrahmā.

Các ngươi hãy kính thuận,
Đứng vững trong Phật pháp;
Hãy diệt Ma chúng này,
Như voi giày đống hoa.
Chuyên niệm, không buông lung,
Đầy đủ nơi tịnh giới;
Tâm định, tự tư duy,
Khéo hộ trì chí ý.
Nếu ở trong Chánh pháp
Mà hay không buông lung,
Sẽ vượt cõi già, chết,
Diệt tận các gốc khổ,
Các đệ tử nghe rồi,
Hãy càng tinh tấn hơn;
Vượt khỏi mọi thứ dục,
Sợi lông không lay động.
Chúng này là tối thắng,
Có tiếng tăm, đại trí;
Đệ tử đều dũng mãnh,
Được đại chúng kính trọng.

Bấy giờ, chư Thiên thần, Quỷ, Tiên nhân ngũ thông, thảy đều hội về trong vườn Ca-duy, nhìn thấy việc làm của Ma, quái lạ chưa từng có.

Phật nói pháp này, lúc ấy tám vạn bốn ngàn chư Thiên xa lìa trần cấu, được pháp nhãn thanh tịnh. Chư Thiên, Rồng, Quỷ, Thần, A-tu-la, Ca-lâu-la, Chân-đà-la, Ma-hầu-la-già, Nhân và Phi nhân, sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

❑

20. KINH A-MA-TRÚ[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật du hành nước Câu-tát-la[2], cùng chúng Đại Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi người[3], rồi đến Y-xa-năng-già-la[4], thôn của một người Bà-la-môn ở Câu-tát-la. Ngài nghỉ đêm tại rừng Y-xa[5].

Lúc ấy, có một người Bà-la-môn tên Phất-già-la-sa-la[6], đang dừng chân ở thôn Úc-già-la[7]. Thôn ấy sung túc, nhân dân đông đúc, là một thôn được vua Ba-tư-nặc[8] phong cho Bà-la-môn Phất-già-la-sa-la làm phạm phần[9]. Người Bà-la-môn này, từ bảy đời nay cha mẹ đều chân chánh, không bị người khác khinh thường[10]; đọc tụng thông suốt ba bộ cựu điển[11], có thể phân tích các loại kinh thư, lại giỏi phép xem tướng

---

1. Bản Hán: *Phật Thuyết Trường A-hàm*, quyển 13, "Đệ tam phần A-ma-trú kinh Đệ nhất"; Tham chiếu No.20 *Phật Khai Giải Phạm Chí A-bạt kinh*, Ngô Chi Khiêm dịch, (Đại I, tr. 259). Tương đương Pāli, D. 3, Deva Dig i. 3, Ambaṭṭha-sutta.

2. Câu-tát-la 拒薩羅; Pāli: Kosala (Skt.: Kauśala); No.20: Việt-kỳ 越祇.

3. D. 3, sđd.: năm trăm người.

4. Y-xa-năng-già-la 伊車能伽羅; Pāli: Icchānaṅkala, tên thôn; No.20: Cổ xa thành 古車城.

5. Y-xa 伊車; Pāli: Icchānaṅkalavana, tên khu rừng.

6. Phất-già-la-sa-la 沸伽羅娑羅; Pāli: Pokkharasādi; No.20: Phí-ca-sa 費迦沙.

7. Úc-già-la 郁伽羅; Pāli: Ukkaṭṭha.

8. Ba-tư-nặc 波斯匿; Pāli: Pasenadi, vua nước Câu-tát-la.

9. Phạm phần 梵分, phạm thí 梵施, hay tịnh thí 淨施; Pāli: brahmadeyya, vật, thường là đất đai, do vua ban tặng.

10. Tham chiếu Pāli: saṃsuddha-gahaṇko yāva sattamā titāmahā-yugā akkhitto anupakkuṭṭho: thanh tịnh cho đến bảy đời tổ phụ, không bị pha tạp, không bị chỉ trích.

11. Ba bộ cựu điển, chỉ ba bộ Vệ-đà, gồm Lê-câu-vệ-đà (Ṛgveda), Sa-ma

đại nhân, nghi lễ tế tự; có năm trăm đệ tử, dạy dỗ không bỏ phế. Ông có một đệ tử Ma-nạp[12] tên là A-ma-trú[13], từ bảy đời nay cha mẹ đều chân chánh, không bị người khác khinh thường, đọc tụng thông suốt ba bộ cựu điển, có thể phân tích các loại kinh thư và cũng giỏi phép xem tướng đại nhân, nghi lễ tế tự và cũng có năm trăm đệ tử Ma-nạp, dạy dỗ không bỏ phế, không khác với thầy mình.

Lúc ấy, Bà-la-môn Phất-già-la-sa-la nghe đồn Sa-môn Cù-đàm Thích tử[14], xuất gia, thành đạo, cùng với chúng Đại Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi người, đến Y-xa-năng-già-la, thôn của Bà-la-môn, đang nghỉ trong rừng Y-xa; có tiếng tăm lớn lưu truyền trong thiên hạ, là Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác, đầy đủ mười hiệu, ở giữa chư Thiên, Người đời, Ma, hoặc Ma thiên, Sa-môn, Bà-la-môn, đã tự mình chứng nghiệm[15], rồi thuyết pháp cho người khác, khéo léo khoảng đầu, khoảng giữa, khoảng cuối, có đủ nghĩa và vị[16], phạm hạnh thanh tịnh. Với Bậc Chân Nhân như vậy[17], ta nên đến thăm viếng. Ta nay nên đến xem Sa-môn Cù-đàm để xác định có ba mươi hai tướng, tiếng tăm đồn khắp, có đúng sự thật chăng? Nên bằng duyên cớ nào để có thể thấy tướng của Phật? Rồi lại nghĩ: Nay đệ tử ta A-ma-trú, từ bảy đời trở lại cha mẹ đều chân chánh, không bị người khác khinh thường, đọc tụng thông suốt ba bộ cựu điển, có thể phân tích các loại kinh thư, lại giỏi phép xem tướng đại nhân, nghi lễ tế tự; duy chỉ người này có thể sai đi xem Phật, để biết có các tướng ấy không.

Rồi Bà-la-môn liền sai đệ tử A-ma-trú, bảo rằng:

"Ngươi hãy đến xem Sa-môn Cù-đàm kia có thật có ba mươi hai

(Samaveda) và Dạ-nhu-vệ-đà (Yayurveda).

12. Ma-nạp đệ tử 摩納弟子; Pāli: māṇavo antevāsi, thiếu niên đệ tử, người học trò (hầu cận) trẻ tuổi.

13. A-ma-trú 阿摩晝, No.20: A-bạt 阿拔; Pāli: Ambaṭṭha.

14. Cù-đàm Thích tử 瞿曇釋子; Pāli: Gotamo Sakya-putto, Gotama, con trai dòng họ Sakya.

15. Hán: ư chư Thiên, Ma,... Bà-la-môn trung tự thân tác chứng 於諸天魔婆羅門中自身作證; Pāli: So imaṃ lokaṃ sadevakaṃ,..., sayaṃ abhiññā sacchikatvā, Ngài đã tự mình chứng ngộ thế giới này bao gồm thiên giới...

16. Hán: nghĩa vị cụ túc 義味具足; Pāli: sātthaṃ savyañjanaṃ, có ý nghĩa (có mục đích) và có văn.

17. Như thử chân nhân 如此真人; Pāli: tathā-rūpānaṃ arahataṃ, bậc Thánh (A-la-hán) như vậy.

tướng hay không, hay là dối?"

A-ma-trú liền thưa thầy ngay rằng:

"Con làm thế nào để nghiệm xét tướng của Cù-đàm, để biết thật hay dối?"

Người thầy trả lời:

"Nay ta bảo cho ngươi biết, nếu thật có ba mươi hai tướng đại nhân, chắc chắn có hai đường, không nghi ngờ gì nữa. Nếu tại gia, sẽ làm Chuyển luân thánh vương, cai trị bốn thiên hạ, bằng pháp trị, giáo hóa, thống lãnh nhân dân, đầy đủ bảy báu:

"1. Báu bánh xe vàng.

"2. Báu voi trắng.

"3. Báu ngựa xanh.

"4. Báu thần châu.

"5. Báu ngọc nữ.

"6. Báu cư sĩ.

"7. Báu điển binh.

"Vua có một ngàn người con, dũng mãnh, đa trí, hàng phục kẻ thù, không cần dùng vũ khí mà thiên hạ thái bình, nhân dân trong nước không có điều kinh sợ. Còn nếu không ham thích thế gian, vị ấy xuất gia cầu đạo, sẽ thành Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác đầy đủ mười hiệu. Theo đó mà có thể biết thực hư của Cù-đàm."

A-ma-trú vâng lời thầy sai bảo, bèn thắng cỗ xe báu, dẫn theo năm trăm đệ tử Ma-nạp, vào lúc sáng sớm, ra khỏi thôn, đi đến rừng Y-xa. Đến nơi, xuống xe, đi bộ đến chỗ Thế Tôn. Trong lúc cùng đàm luận nghĩa lý, nếu Thế Tôn đang ngồi thì Ma-nạp này đứng; nếu Thế Tôn đứng thì Ma-nạp này ngồi. Phật nói với Ma-nạp rằng:

"Phải chăng ngươi đã từng đàm luận với các Bà-la-môn trưởng thượng, kỳ cựu như thế?"

Ma-nạp bạch Phật:

"Nói như vậy nghĩa là sao?"

Phật bảo Ma-nạp:

"Trong lúc cùng đàm luận, Ta ngồi thì ngươi đứng; Ta đứng thì ngươi ngồi. Phép đàm luận của thầy ngươi phải là như vậy chăng?"

Ma-nạp bạch Phật:

"Theo phép Bà-la-môn của tôi, ngồi thì cùng ngồi, đứng thì cùng

đứng, nằm thì cùng nằm. Nay với hạng Sa-môn hủy hình, góa vợ, hèn hạ, thấp kém, tập theo pháp đen tối[18], thì khi tôi cùng bọn người ấy luận nghĩa, không theo phép ngồi đứng."

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói với Ma-nạp ấy rằng:

"Khanh, Ma-nạp, chưa được dạy kỹ[19]."

Khi Ma-nạp nghe Thế Tôn gọi mình là khanh, lại nghe bị chê là chưa được dạy kỹ, tức thì nổi giận, kích bác Phật rằng:

"Con nhà họ Thích[20] này hay có lòng độc ác, không có phép tắc."

Phật bảo Ma-nạp:

"Những người họ Thích có lỗi gì với khanh?"

Ma-nạp nói:

"Xưa, một lần, tôi có chút duyên sự của thầy tôi với họ Thích ở nước Ca-duy-việt[21]. Khi ấy có nhiều người họ Thích có chút nhân duyên nên tập họp tại giảng đường. Thấy tôi từ xa đến, họ khinh mạn, đùa cợt, không thuận nghi pháp, không biết kính trọng nhau."

Phật bảo Ma-nạp:

"Các người họ Thích kia khi ở trong nước mình có thể vui đùa thỏa thích. Cũng như chim bay, đối với khu rừng có tổ của nó, ra vào tự tại. Cũng vậy, các người họ Thích khi ở trong nước mình có thể vui đùa tự tại."

Ma-nạp nói với Phật:

"Đời có bốn chủng tánh[22]: Sát-lỵ, Bà-la-môn, Cư sĩ, Thủ-đà-la. Ba chủng tánh kia thường tôn trọng, cung kính, cúng dường Bà-la-môn. Những người họ Thích kia không nên như vậy. Họ Thích tôi tớ[23] kia, hèn mọn, thấp kém, mà không cung kính Bà-la-môn như ta."

---

18. Hán: hủy hình, quan độc, ti lậu, hạ liệt, tập hắc minh pháp 毀形鰥獨卑陋下劣習黑冥法; Pāli: muṇḍakā samaṇakā ibbhā kiṇhā bandhu-pādāpaccā, hạng Sa-môn trọc đầu, ti tiện, đen đui, sanh từ chân Phạm thiên.

19. Hán: vị điều phục 未調伏; Pāli: avusitavā, chưa được hoàn hảo, chưa được dạy dỗ, vô giáo dục.

20. Thích chủng tử 釋種子; Pāli: Sakya-jāti, dòng họ Thích-ca.

21. Ca-duy-việt 迦維越, tức Ca-tỳ-la-vệ; Pāli: Kapilavatthu (Skt.: Kapilavastu).

22. Pāli: cattāro vaṇṇā, bốn màu (da), bốn sắc tộc, thường chỉ bốn đẳng cấp xã hội Ấn Độ cổ.

23. Hán: xí tư 廁斯; Pāli: ibbha, tôi tớ hèn mọn.

Bấy giờ, Thế Tôn nghĩ thầm rằng: "Gã Ma-nạp này nhiều lần mắng nhiếc và nói đến từ tôi tớ. Vậy Ta có nên nói duyên do của nó để nó khuất phục chăng?" Rồi Phật bảo Ma-nạp:

"Chủng tánh[24] ngươi là gì?"

Ma-nạp trả lời:

"Tôi chủng tánh Thanh vương[25]."

Phật bảo Ma-nạp:

"Chủng tánh ngươi như thế là thuộc dòng dõi tôi tớ[26] của dòng họ Thích."

Lúc ấy, năm trăm đệ tử Ma-nạp kia thảy đều lớn tiếng nói với Phật rằng:

"Chớ nói như vậy. Chớ nói Ma-nạp này thuộc dòng dõi tôi tớ của dòng họ Thích. Vì sao? Đại Ma-nạp này thật sự là con nhà tông tộc, nhan mạo đoan chánh, tài biện luận đúng lúc, nghe nhiều, học rộng, đủ để cùng đàm luận trao đổi với Cù-đàm."

Thế Tôn nói với năm trăm Ma-nạp:

"Nếu thầy của các ngươi không đúng như lời các ngươi nói, Ta sẽ bỏ qua thầy ngươi mà luận nghĩa với các ngươi. Nếu thầy ngươi có đúng như lời các ngươi nói, các ngươi nên im lặng để Ta luận với thầy các ngươi."

Năm trăm Ma-nạp bấy giờ bạch Phật rằng:

"Chúng tôi tất cả sẽ im lặng. Xin Ngài luận với thầy của tôi."

Bấy giờ Thế Tôn nói với A-ma-trú:

"Trong thời quá khứ lâu dài xa xưa, có vị vua tên Thanh Ma[27]. Vua có bốn người con trai. Thứ nhất tên Diện Quang. Thứ hai tên Tượng Thực. Thứ ba tên Lộ Chỉ. Thứ tư tên Trang Nghiêm[28]. Bốn người

---

24. Hán: tánh 姓; Pāli: gotta, chủng tánh, dòng dõi.

25. Hán: Thanh Vương 聲王; Pāli: Kaṇhāyana, chỉ hậu duệ thổ dân bị chủng tộc Arya chinh phục; ám chỉ có nguồn gốc da đen. Từ này không phù hợp với Hán.

26. Hán: Thích-ca nô chủng 釋迦奴種; Pāli: dāsi-putto tvam āsi Sakyānam, ngươi là con cháu của một nữ tỳ của họ Thích.

27. Hán: Thanh Ma 聲摩; Pāli: Okkāka (Skt.: Ikṣvāku), thường dịch là Cam giá vương 甘蔗, thủy tổ dòng họ Thích.

28. Diện Quang 面光; Pāli: Okkamukha. Tượng Thực 象食; Pāli: Hatthinīya. Lộ Chỉ 路

con của vua có chút vi phạm bị vua đuổi khỏi nước[29], đến phía Nam Tuyết sơn, sống trong rừng cây thẳng[30]. Mẹ của bốn người con cùng với các gia thuộc đều nghĩ nhớ họ, cùng nhau nhóm họp bàn, rồi đi đến chỗ Thanh Ma vương, tâu rằng:

"Đại vương, nên biết, bốn đứa con của chúng ta xa cách đã lâu, nay tôi muốn đi thăm."

Vua nói:

"Muốn đi thì tùy ý."

"Người mẹ và các quyến thuộc nghe vua dạy, liền đi đến phía Nam Tuyết sơn, trong rừng cây thẳng, đến chỗ bốn người con. Các bà mẹ nói:

"Con gái của ta gả cho con trai ngươi. Con trai ngươi gả cho con gái ta[31].

"Rồi họ phối nhau thành vợ chồng. Sau sinh con trai[32], dung mạo đoan chánh.

"Lúc ấy, vua Thanh Ma nghe bốn người con mình được các bà mẹ gả cho các con gái làm vợ, sanh con trai đoan chánh. Vua rất vui mừng, thốt lên lời này: 'Đúng là con nhà họ Thích. Đúng là con trai họ Thích.'[33] Vì có thể tự lập, nhân đó đặt tên là Thích. Thanh Ma vương chính là tiên tổ họ Thích vậy. Vương có một người áo xanh[34], tên gọi Phương Diện, nhan mạo đoan chánh, cùng thông giao với một người Bà-

---

指; Pāli: Karakaṇḍa. Trang Nghiêm 莊嚴; Pāli: Sīnipura.

29. Theo bản Pāli, Okkāka muốn truyền ngôi cho con trai một ái phi nên đuổi những người con lớn đi.

30. Hán: trực thọ lâm 直樹林; Pāli: sāka-saṇḍo, rừng cây sāka, có lẽ chỉ cây sồi.

31. Theo văn, bốn người con khác mẹ; Pāli: Te jāti-sambheda-bhayā sakāhi bhaginīhi saddhiṃ samvāsaṃ kappesuṃ: Vì sợ phá hoại huyết thống, họ bèn phối hợp với các chị em của mình.

32. Trong bản, sanh nam tử 生男子. Tống-Nguyên-Minh: sinh nam nữ 生男女: sanh con cái.

33. Bản Hán chua thêm: "Thích, tiếng nước Tần nói là Năng 能 (khả năng). Vì ở trong rừng trực thọ nên gọi là Thích. Thích, tiếng Tần cũng có nghĩa là trực 直 (thẳng)"; Pāli: Sakyā vata bho kumārā, parama-sakyā vata bho kumārā: giỏi thay các vương tử; rất giỏi thay các vương tử. Ở đây, Sakya được hiểu là "có năng lực".

34. Hán: thanh y 青衣, tức đày tớ; Pāli: Okkākassa Disā nāma dāsī ahosi, Vua có một nữ tỳ tên Disā (Phương hướng).

la-môn bèn có thai, sanh một Ma-nạp[35], vừa rớt xuống đất là biết nói. Nó nói với cha mẹ rằng: 'Hãy tắm cho con, trừ sạch dơ bẩn. Sau này lớn lên, con sẽ báo ơn.' Vì mới sanh đã biết nói nên đặt tên Thanh vương. Như nay kẻ mới sanh mà biết nói thì ai cũng sợ, đặt tên là Đáng Sợ[36]. Kia cũng vậy. Vừa sanh đã biết nói nên được đặt tên là Thanh vương. Từ đó đến nay, Bà-la-môn lấy Thanh vương làm họ."

Lại bảo Ma-nạp:

"Ngươi có bao giờ nghe các Bà-la-môn kỳ cựu, trưởng thượng, nói về nguồn gốc chủng tánh này chưa?"

Lúc ấy Ma-nạp im lặng không trả lời. Hỏi lần nữa. Lại cũng không trả lời, Phật hỏi đến ba lần, bảo Ma-nạp rằng:

"Ta hỏi đến ba lần. Ngươi hãy nhanh chóng trả lời. Nếu ngươi không trả lời, Mật Tích lực sĩ[37], tay cầm chày vàng đứng hai bên Ta sẽ đánh cho đầu ngươi vỡ thành bảy mảnh."

Lúc ấy Mật Tích lực sĩ tay cầm chày vàng, đang đứng giữa hư không, ngay trên đầu Ma-nạp. Nếu Ma-nạp không trả lời câu hỏi đúng lúc, sẽ hạ chày vàng đánh vỡ đầu Ma-nạp. Phật bảo Ma-nạp:

"Ngươi hãy ngước nhìn xem."

Ma-nạp ngước nhìn, thấy Mật Tích lực sĩ tay cầm chày vàng đứng giữa hư không. Thấy vậy, rất đỗi kinh hãi, toàn thân lông dựng đứng, liền rời chỗ ngồi, đến gần Thế Tôn, nương nơi Thế Tôn để được cứu hộ. Ma-nạp bạch Phật:

"Thế Tôn hãy hỏi. Con sẽ trả lời."

Phật hỏi Ma-nạp:

"Ngươi có bao giờ nghe các Bà-la-môn kỳ cựu, trưởng thượng, nói về nguồn gốc chủng tánh này chưa?"

Ma-nạp đáp:

"Con tin là đã từng nghe. Thật có sự kiện ấy."

Khi ấy năm trăm Ma-nạp thảy cùng cất tiếng bảo nhau rằng:

"A-ma-trú này thật sự thuộc dòng họ tôi tớ của Thích-ca. Sa-môn

---

35. Hán: Ma-nạp tử 摩納子; Pāli: kaṇhaṃ janesi, sanh một người con da đen.

36. Hán: khả úy 可畏; Pāli: pisāca, ác quỷ. (Te evam āhaṃsu: Ayaṃ sañjāto paccābhāsi. Kaṇho jāto pisāco jāto ti: Nó vừa mới sanh đã biết nói. Một con quỷ đen mới sanh).

37. Mật Tích lực sĩ 密跡力士; Pāli: vajira-pāṇī yakkho, Dạ-xoa cầm chày Kim cang.

Cù-đàm nói sự thật, chúng ta vô cớ ôm lòng khinh mạn."

Bấy giờ Thế Tôn nghĩ thầm: "Năm trăm Ma-nạp này về sau tất có lòng khinh mạn, gọi Ma-nạp này là đày tớ. Nay hãy phương tiện diệt cái tên đày tớ ấy." Ngài liền nói với năm trăm Ma-nạp:

"Các ngươi cẩn thận, chớ gọi người này là đày tớ. Vì sao? Tiên tổ Bà-la-môn của người này là một đại tiên nhân[38], có oai lực lớn, chinh phạt Thanh Ma vương, đòi lấy con gái. Vì sợ, vua bèn gả con gái cho."

Do lời này của Phật, Ma-nạp tránh được tên đày tớ.

Rồi Thế Tôn bảo A-ma-trú:

"Thế nào, Ma-nạp? Nếu con gái Sát-lỵ có bảy đời cha mẹ chân chánh không bị khinh khi, nhưng được gả cho một người Bà-la-môn làm vợ, sanh một người con trai, là Ma-nạp, dung mạo đoan chánh. Người con trai này khi vào giữa những người Sát-lỵ có được mời ngồi, nhận nước, tụng đọc pháp Sát-lỵ không?"

Đáp: "Không được".

"Có được sự nghiệp tài sản của cha không?"

Đáp: "Không được".

"Có được kế thừa chức của cha không?"

Đáp: "Không được".

"Thế nào, Ma-nạp? Nếu con gái Bà-la-môn, có cha mẹ bảy đời chân chánh không bị người khinh khi, được gả cho người Sát-lỵ làm vợ, sanh một người con, dung mạo đoan chánh. Người này khi vào giữa chúng Bà-la-môn, có được mời ngồi, được nhận nước không?"

Đáp: "Được".

"Được tụng đọc pháp Bà-la-môn, được hưởng gia tài của cha, thừa kế chức vụ của cha không?"

Đáp: "Được".

"Thế nào, Ma-nạp? Nếu người Bà-la-môn bị Bà-la-môn tẩn xuất, chạy vào chủng tánh Sát-lỵ, có được chỗ ngồi, được nước, được tụng đọc pháp Sát-lỵ không?"

Đáp: "Không được".

"Được hưởng di sản của cha, kế thừa chức vụ của cha không?"

Đáp: "Không".

---

38. Pāli: Uḷāro so Kaṇho isi ahosi, Kanha trở thành một tiên nhân vĩ đại.

"Nếu chủng tánh Sát-lỵ bị Sát-lỵ tẩn xuất sang Bà-la-môn, có được chỗ ngồi, được mời nước, tụng đọc pháp Bà-la-môn chăng?"

Đáp: "Được".

"Vậy thì, này Ma-nạp, giữa người nữ, nữ Sát-lỵ trỗi hơn. Giữa người nam, nam Sát-lỵ trỗi hơn. Không phải là Bà-la-môn vậy."

Phạm thiên[39] tự mình nói bài kệ rằng:

Sanh[40] *Sát-lỵ tối thắng,*
Chủng tánh cũng thuần chơn.
Minh, Hạnh thảy đầy đủ,
Tối thắng giữa trời, người.[41]

Phật bảo Ma-nạp:

"Phạm thiên nói bài kệ này, thật là nói khéo chớ không phải không khéo. Ta công nhận như vậy, là vì sao? Nay, như Ta, Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác, cũng nói nghĩa đó:

Sanh, Sát-lỵ tối thắng,
Chủng tánh cũng thuần chơn.
Minh, Hạnh thảy đầy đủ,
Tối thắng giữa Trời Người.

Ma-nạp bạch Phật:

"Cù-đàm, thế nào là Vô thượng sĩ, đầy đủ Minh và Hạnh[42]?"

Phật bảo Ma-nạp:

"Hãy nghe kỹ, hãy nghe kỹ, hãy suy nghĩ kỹ, Ta sẽ nói cho."

Đáp: "Kính vâng. Rất muốn được nghe".

Phật bảo Ma-nạp:

"Nếu Đức Như Lai xuất hiện ở đời, là Bậc Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, là Đấng Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn; ở giữa chư Thiên, Người đời, Sa-môn, Bà-la-môn, Thiên ma, Phạm vương, tự mình

---

39. Pāli: Sanaṅkumāra-brahma: Thường đồng hình Phạm thiên; vị Phạm thiên thường xuất hiện với hình dáng một đồng tử.

40. Hán: sanh; Pāli: jāti, huyết thống, dòng dõi.

41. Tham chiếu Pāli: Khattiyo seṭṭho janetasmiṃ ye gotta-paṭisārino/ Vijjācaraṇa-sampanno so seṭṭho deva-manuse ti, những ai tôn sùng chủng tộc, Sát-đế-lỵ là bậc nhất. Người nào đầy đủ Minh và Hạnh, tối thắng giữa trời và người.

42. Minh và Hạnh; Pāli: vijja (minh triết) và caraṇa (đức hạnh).

chứng ngộ, rồi thuyết pháp cho người. Lời nói khoảng đầu thiện[43], khoảng giữa thiện, khoảng cuối cũng thiện, đầy đủ nghĩa và vị, khai mở hạnh thanh tịnh[44]. Nếu cư sĩ, con trai cư sĩ và các chủng tánh khác, nghe chánh pháp mà sanh lòng tín ngưỡng, do tâm tín ngưỡng mà nghĩ như vầy: 'Ta nay tại gia, vợ con ràng buộc, không thể thanh tịnh thuần tu phạm hạnh. Ta hãy cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y[45], xuất gia tu đạo.' Người ấy, sau đó từ bỏ gia đình tài sản, từ giã thân tộc, cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia tu đạo. Cũng đồng với những người xuất gia, xả bỏ các thứ trang sức, đầy đủ các giới hạnh, không làm hại chúng sanh.

"Xả bỏ dao gậy, tâm hằng tàm quý, từ niệm đối với hết thảy. Đó là không giết.

"Xả bỏ tâm trộm cắp, không lấy vật không cho, tâm hằng thanh tịnh, không có ý lén lút lấy cắp. Đó là không trộm cắp.

"Xả ly dâm dục, tịnh tu phạm hạnh, ân cần tinh tấn, không bị nhiễm dục, sống trong sạch. Đó là không dâm.

"Xả ly vọng ngữ, chí thành không lừa dối, không gạt người. Đó là không nói dối.

"Xả ly nói hai lưỡi; nếu nghe lời người này, không truyền lại người kia; nếu nghe lời người kia, không truyền lại người này. Những người chia rẽ thì làm cho hòa hợp, khiến cho thân kính lẫn nhau. Những lời nói ra, hoà thuận, đúng thời. Đó là không nói hai lưỡi.

"Xả ly ác khẩu. Những lời thô lỗ, thích gây não người khác, khiến sanh phẫn kết; xả những lời như vậy. Lời nói dịu dàng, không gây oán hại, đem nhiều lợi ích, được mọi người yêu kính, thích nghe những lời như vậy. Đó là không ác khẩu.

"Xả ly ỷ ngữ; lời nói hợp thời, thành thật như pháp, y luật diệt trừ tranh chấp; có duyên cớ mới nói; lời nói không phát suông. Đó là xả ly ỷ ngữ.

"Xả ly uống rượu, xa lìa chỗ buông lung.

---

43. Hán: thượng ngữ diệc thiện 上語亦善; Pāli: So dhammaṃ deseti ādi-kalyāṇaṃ (...), Ngài tuyên pháp phần đầu thiện (...).

44. Hán: khai thanh tịnh hạnh 開清淨行; Pāli: kevala-paripuṇṇaṃ parisuddhaṃ brahmacariyaṃ pakāseti, Ngài thuyết minh phạm hạnh hoàn toàn viên mãn, thanh tịnh.

45. Ba pháp y; Pāli: (tīni) kāsāyāni vatthāni.

"Không đeo hương hoa, anh lạc.

"Không đi xem và nghe các thứ ca múa xướng hát.

"Không ngồi giường cao.

"Không ăn phi thời.

"Không cất chứa, sử dụng vàng bạc, bảy báu.

"Không cưới thê thiếp; không nuôi nô tỳ, voi ngựa, trâu bò, gà, chó, heo, dê; không tích chứa ruộng nhà, vườn tược. Không gạt người bằng cân đấu dối trá. Không lôi kéo nhau bằng bàn tay, nắm tay. Cũng không cầm đồ. Không vu dối người, không làm điều ngụy trá. Xả bỏ những thứ xấu ác như vậy; diệt trừ các tranh tụng, các điều bất thiện. Đi thì biết thời. Không phải thời thì không đi. Lường dạ mà ăn, không tích chứa dư thừa. Che thân bằng y phục, vừa đủ thì thôi. Pháp phục, ứng khí[46], thường mang theo mình. Như chim bay mang theo mình hai cánh. Cũng vậy, Tỳ-kheo không chứa dư thừa.

"Này Ma-nạp, như các Sa-môn, Bà-la-môn khác, nhận sự tín thí của người mà vẫn tìm cách tích chứa; y phục, ẩm thực, không hề biết đủ. Ai vào trong pháp Ta, không có việc ấy.

"Ma-nạp, như các Sa-môn, Bà-la-môn khác, tuy ăn của do người tín thí, vẫn tự mình kinh doanh buôn bán, gieo trồng cây cối, sở y của quỷ thần[47]. Ai vào trong pháp Ta, không có việc ấy.

"Ma-nạp, như các Sa-môn, Bà-la-môn khác, tuy ăn của người tín thí, vẫn tìm phương tiện cầu các lợi dưỡng, các thứ ngà voi, tạp bảo, giường lớn cao rộng, với các loại chăn nệm thêu thùa sặc sỡ. Ai vào trong pháp Ta, không có việc ấy.

"Ma-nạp, như các Sa-môn, Bà-la-môn khác tuy nhận của người tín thí, vẫn tìm phương tiện, tìm cách trang điểm mình, bôi dầu[48] vào thân, tắm gội bằng nước thơm, thoa các thứ bột thơm, chải đầu thơm láng, đeo tràng hoa đẹp, nhuộm mắt xanh biếc, bôi mặt cho đẹp đẽ, đeo vòng xuyến sáng chói, dùng gương soi mặt, giày da đủ màu, áo trên thuần trắng, dao gậy, người hầu, lọng báu, quạt báu, xe báu trang nghiêm. Ai vào trong pháp Ta, không có những việc ấy.

---

46. Ứng khí 應器, hay ứng lượng khí 應量器, vật dụng lường thức ăn; chỉ bình bát.

47. Hán: quỷ thần sở y 鬼神所依; Pāli: bhūta-gāma, làng quỷ thần, chỉ các loại cây cối hay cây cỏ.

48. Hán: tô du 酥油, một loại bơ.

"Ma-nạp, như các Sa-môn, Bà-la-môn khác tuy ăn của người tín thí mà chuyên việc đùa giỡn, chơi bài, chơi cờ loại tám đường, mười đường[49], trăm đường, cho đến đủ hết mọi đường[50], với các loại đùa cười khác nhau. Ai vào trong pháp Ta, không có những việc ấy.

"Ma-nạp, như các Sa-môn, Bà-la-môn khác tuy ăn của người tín thí vẫn nói những lời vô ích, chướng ngại đạo: bàn các việc vương giả, việc chiến đấu, quân mã; việc quần liêu, đại thần, cưỡi ngựa, đánh xe ra vào, dạo chơi vườn quán; bàn luận việc nằm, việc đứng, việc đi bộ, việc nữ nhân, việc y phục, ẩm thực, thân lý; lại nói chuyện vào biển tìm ngọc. Ai vào pháp Ta, không có việc ấy.

"Ma-nạp, như các Sa-môn, Bà-la-môn khác, tuy ăn của người tín thí, bằng vô số phương tiện, chỉ sinh hoạt tà mạng: mỹ từ dua siểm, hiện tướng khen chê, lấy lợi cầu lợi. Ai vào pháp Ta, không có việc ấy.

"Ma-nạp, như các Sa-môn, Bà-la-môn khác tuy ăn của người tín thí, lại chỉ tranh cãi nhau, hoặc nơi vườn quán, hoặc nơi ao tắm, hoặc ở sảnh đường, chỉ trích lẫn nhau, rằng: 'Ta biết kinh luật. Ngươi không biết gì. Ta đi đường chánh. Ngươi đi lối tà. Ngươi đặt cái trước ra sau, đặt cái sau ra trước. Ta nhịn ngươi được. Ngươi không biết nhịn. Những điều ngươi nói đều không chân chánh. Nếu có điều gì nghi ngờ, cứ đến hỏi ta, ta giải đáp được hết.' Ai vào pháp Ta, không có việc ấy.

"Ma-nạp, như các Sa-môn, Bà-la-môn tuy ăn của người tín thí, lại làm các phương tiện, cầu làm sứ giả; hoặc làm sứ giả thông tin cho vua, đại thần của vua, Bà-la-môn, cư sĩ; từ người này đến người kia, từ người kia đến người này; đem lời người này trao cho người kia, đem lời người kia trao cho người này; hoặc tự mình làm, hoặc sai người khác làm. Ai vào trong pháp Ta, không có việc ấy.

"Ma-nạp, như các Sa-môn, Bà-la-môn khác, tuy ăn của người tín thí, lại chỉ luyện tập các việc chiến trận, tỷ đấu; hoặc luyện tập dao, gậy, cung tên; hoặc nuôi gà chọi, chó, heo, dê, voi, ngựa, bò, lạc đà; hoặc đấu nam nữ; hoặc tấu các thứ tiếng: tiếng loa, tiếng trống, tiếng ca, tiếng múa, leo cột phướn, leo xuôi, leo ngược, đủ các thứ trò chơi. Ai vào pháp Ta, không có việc ấy.

"Ma-nạp, như các Sa-môn, Bà-la-môn khác, tuy ăn của người tín

---

49. Hán: bát đạo, thập đạo 八道十道; Pāli: aṭṭha-padaṃ dasa-padaṃ ākāsam, bát mục kỳ, thập mục kỳ: cờ tám ô, cờ mười ô.

50. Bản Pāli không có các loại cờ này.

thí, lại hành pháp chướng ngại đạo, sinh hoạt bằng tà mạng, xem tướng trai gái, cát hung, đẹp xấu và tướng súc sanh, lấy lợi cầu lợi. Ai vào pháp Ta, không có việc ấy.

"Ma-nạp, như các Sa-môn, Bà-la-môn khác tuy ăn của người tín thí vẫn hành pháp chướng ngại đạo, sinh sống tà mạng, kêu gọi quỷ thần, hoặc đuổi đi, hoặc bảo dừng, các thứ ếm đảo, vô số phương thuật, khiến người sợ hãi, có thể tụ có thể tán, có thể khổ có thể vui, lại có thể an thai trục thai, cũng có thể chú ếm người khiến làm lừa ngựa, cũng có thể khiến người đui mù câm ngọng, hiện bày các mánh khóe, chắp tay hướng về mặt trời mặt trăng, làm các khổ hạnh để cầu lợi. Ai vào trong pháp Ta, không có những việc ấy.

"Ma-nạp, như các Sa-môn, Bà-la-môn khác, tuy ăn của người tín thí, mà hành các pháp chướng ngại đạo, sinh sống bằng tà mạng: chú bệnh cho người, hoặc tụng ma thuật ác, hoặc tụng chú thuật lành, hoặc làm thầy thuốc, châm cứu, thuốc thang, liệu trị các thứ bệnh. Ai vào pháp Ta, không có những việc ấy.

"Ma-nạp, như các Sa-môn, Bà-la-môn khác, tuy ăn của người tín thí, nhưng hành các pháp chướng ngại đạo, sinh sống bằng tà mạng: hoặc chú nước chú lửa, hoặc chú ma quỷ, hoặc tụng chú Sát-lỵ, hoặc tụng chú chim, hoặc tụng chú chi tiết, hoặc bùa chú trấn nhà trấn cửa, hoặc bùa chú giải trừ lửa cháy, chuột gặm, hoặc tụng kinh thư ly biệt sanh tử, hoặc đọc sách đoán mộng, hoặc xem tướng tay tướng mặt, hoặc đọc sách tất cả âm. Ai vào pháp Ta, không có việc ấy.

"Ma-nạp, như các Sa-môn, Bà-la-môn khác, tuy ăn của người tín thí, mà hành pháp chướng ngại đạo, sinh sống bằng tà mạng: xem tướng thiên thời, đoán mưa hay không mưa, thóc cao hay thóc kém, bệnh nhiều hay bệnh ít, kinh sợ hay an ổn, hoặc nói động đất, sao chổi, nhật thực, nguyệt thực, tinh thực, hoặc nói không thực, điềm lành như vậy, điềm xấu như vậy. Ai vào pháp Ta, không có việc ấy.

"Ma-nạp, như các Sa-môn, Bà-la-môn khác tuy ăn của người tín thí, mà hành pháp chướng ngại đạo, sinh sống bằng tà mạng: hoặc nói nước này hơn nước kia, nước kia không bằng; hoặc nói nước kia hơn nước này, nước này không bằng; xem tướng tốt xấu, đoán việc thịnh suy. Ai vào pháp Ta, không có việc ấy. Nhưng tu Thánh giới, không nhiễm trước tâm, trong lòng hỷ lạc[51].

---

[51]. Đoạn trên, nói về Tỳ-kheo thành tựu giới (Bhikkhu sīla-sampanno). Đoạn tiếp

"Mắt tuy nhìn thấy sắc nhưng không nắm bắt các tướng, mắt không bị sắc trói buộc, kiên cố tịch nhiên, không điều tham đắm, cũng không buồn lo, không rò rỉ các ác, kiên trì giới phẩm, khéo thủ hộ nhãn căn. Tai, mũi, lưỡi, thân và ý, cũng như vậy. Khéo chế ngự sáu xúc, hộ trì điều phục, khiến cho được an ổn, cũng như đi xe bốn ngựa trên đường bằng phẳng, người đánh xe khéo cầm roi khống chế không để trật lối. Tỳ-kheo cũng vậy, chế ngự con ngựa sáu căn, an ổn không mất.

"Vị ấy có Thánh giới như vậy, khéo hộ trì các căn theo Thánh pháp, ăn biết đủ[52], cũng không tham vị, chỉ với mục đích nuôi thân để không bị khổ hoạn mà không cống cao, điều hòa thân mình khiến cho cái khổ cũ diệt, cái khổ mới không sanh, có sức, vô sự, khiến thân an lạc. Cũng như người dùng thuốc bôi ghẻ, cốt để ghẻ lành chứ không phải để trang sức, không vì tự cao.

"Ma-nạp, Tỳ-kheo như vậy, ăn đủ để duy trì thân, không có lòng kiêu mạn phóng túng. Cũng như xe được bôi mỡ, cốt để trơn tru khiến vận hành thông suốt, đi đến đích. Tỳ-kheo cũng vậy, ăn uống cốt đủ duy trì thân để mà hành đạo.

"Ma-nạp, Tỳ-kheo như vậy thành tựu Thánh giới, được các căn của Thánh, ăn biết vừa đủ; đầu hôm cuối hôm, tinh tấn tỉnh giác. Lại lúc ban ngày, hoặc đi hoặc dừng, thường niệm nhất tâm, trừ các ấm cái[53]. Vị ấy, vào khoảng đầu hôm, hoặc đi hoặc ngồi, thường niệm nhất tâm, trừ các ấm cái. Cho đến giữa đêm, nằm nghiêng hông phải, tưởng niệm sẽ trỗi dậy, đặt ý tưởng vào ánh sáng, tâm không loạn tưởng. Đến lúc cuối đêm, liền dậy tư duy, hoặc đi hoặc ngồi, trừ các ấm cái. Tỳ-kheo có Thánh giới như vậy đầy đủ, được các căn bậc Thánh, ăn uống biết đủ, đầu hôm cuối hôm, tinh cần tỉnh giác, thường niệm nhất tâm, không có loạn tưởng.

---

theo, Tỳ-kheo phòng hộ căn môn (Bhikkhu indriyesu gutta-dvāro hoti).

52. Từ đây trở xuống, Tỳ-kheo sống tri túc (Bhikkhu santuṭṭho hoti).

53. Ấm cái 陰蓋, hay triền cái, hay nói gọn, cái; Pāli: nivāraṇa (năm triền cái: tham dục, sân hận, hôn trầm và thùy miên, trạo cử và hối tiếc, hoài nghi).

"Thế nào là Tỳ-kheo-niệm không thác loạn? Tỳ-kheo như vậy, quán thân trên nội thân, tinh cần không biếng nhác, nhớ nghĩ không quên, trừ tham ưu ở đời. Quán thân trên ngoại thân; quán thân trên nội ngoại thân, tinh cần không biếng nhác, nhớ nghĩ không quên, trừ tham ưu ở đời. Quán thọ, quán ý, quán pháp cũng vậy. Đó là Tỳ-kheo-niệm không thác loạn.

"Thế nào là nhất tâm? Tỳ-kheo như vậy hoặc tản bộ, hoặc ra vào, hoặc quay nhìn hai bên, co duỗi, cúi ngước, cầm y bát, tiếp nhận ẩm thực, hoặc tả hữu tiện lợi, hoặc ngủ hoặc thức, hoặc ngồi hoặc đứng, nói năng hay im lặng, vào bất cứ lúc nào, thường niệm nhất tâm, không mất oai nghi. Đó là nhất tâm. Cũng như một người đi giữa đám đông, hoặc đi ở trước, ở giữa hay ở cuối, thường an ổn, không có điều sợ hãi. Ma-nạp, Tỳ-kheo như vậy,... cho đến, nói năng im lặng, thường niệm nhất tâm, không buồn không sợ.

"Tỳ-kheo có Thánh giới như vậy, được các căn bậc Thánh, ăn thì biết đủ, đầu hôm, cuối hôm, tinh cần tỉnh thức, thường niệm nhất tâm, không có thác loạn. Thích ở nơi vắng, dưới gốc cây, trong bãi tha ma, hoặc trong hang núi, hoặc ở đất trống hay trong chỗ đống phân[1]; đến giờ khất thực, lại rửa tay chân, đặt yên y bát, ngồi kiết già, ngay người chánh ý, buộc chặt niệm trước mắt. Trừ bỏ xan tham, tâm không đeo theo[2]; diệt tâm sân hận, không có oán kết, tâm trú thanh tịnh, thường giữ lòng từ; trừ dẹp ngủ nghỉ[3], buộc tưởng nơi ánh sáng[4], niệm không thác loạn; đoạn trừ trạo hý[5], tâm không khuấy động, nội tâm an tịnh[6], diệt tâm trạo hý; đoạn trừ nghi hoặc, đã vượt lưới nghi, tâm chuyên nhất ở nơi pháp thiện[7]. Cũng như đồng bộc được đại gia ban cho chủng

---

1. Hán: phẩn tụ 糞聚; có lẽ Pāli: palāla-puñja, đống rơm.

2. Hán: tâm bất dữ câu 心不與俱; Pāli: abhijjhāya cittaṃ parisodheti, tâm gột sạch xan tham.

3. Pāli: thīna-middhaṃ pahāya, loại bỏ trạng thái buồn ngủ và dã dượi.

4. Hán: hệ tưởng tại minh 繫想在明; phương pháp trừ buồn ngủ bằng cách thực tập quang minh tưởng; Pāli: āloka-saññī sato, ý niệm với ảnh tượng ánh sáng.

5. Trạo (điệu) hý 掉戲, hay trạo hối 掉悔, trạo cử và hối tiếc; chỉ trạng thái bứt rứt và bồn chồn; Pāli: uddhacca-kukkucca.

6. Nội hành tịch diệt 內行寂滅; Pāli: ajjhattaṃ vūpasanta-citto.

7. Hán: kỳ tâm chuyên nhất tại ư thiện pháp 其心專一在於善法; Pāli: akathaṃkāthī kusalesu dhammesu, không phân vân đối với các pháp thiện.

tánh, an ổn giải thoát, miễn khỏi sai khiến, tâm hoan hỷ, không còn lo, sợ.

"Lại như có người mượn tiền đi buôn bán[8], được lợi lớn mà trở về, trả vốn cho chủ, còn dư tiền đủ dùng, bèn nghĩ rằng: 'Ta trước mượn tiền đi buôn, e không như ý. Nay được lợi mà trở về, trả vốn cho chủ, tiền còn dư đủ dùng, không lo, sợ.' Người ấy rất đỗi vui mừng.'

"Như người bệnh lâu, nay bệnh đã khỏi; ăn uống được tiêu hóa, sức lực dồi dào, bèn nghĩ rằng: 'Ta trước có bệnh, mà nay đã khỏi; ăn uống được tiêu hóa, sức lực dồi dào, không còn lo và sợ.' Người ấy rất đỗi vui mừng.

"Cũng như người bị nhốt trong ngục đã lâu, nay bình yên ra tù, bèn nghĩ thầm rằng: 'Ta trước đây bị giam giữ, nay được giải thoát, không còn lo và sợ.' Người ấy rất đỗi vui mừng.

"Lại như có người cầm nhiều tài bảo, đi qua chỗ hoang mạc, không gặp cướp, bình an qua khỏi, bèn tự nghĩ rằng: 'Ta cầm tài bảo qua khỏi chỗ hiểm nạn này, không còn lo và sợ.' Người ấy rất đỗi vui mừng, tâm tư an lạc.

"Ma-nạp, Tỳ-kheo bị năm triền cái bao phủ cũng giống như vậy. Như người mang nợ, bệnh lâu, bị giam giữ, đi qua hoang mạc[9], tự thấy mình chưa thoát ly các ấm che trùm tâm, bị trùm kín trong tối tăm, mắt tuệ không sáng; vị ấy bèn tinh cần, xả dục, xả pháp ác, bất thiện, có giác có quán, có hỷ do viễn ly sanh, chứng nhập Sơ thiền. Vị ấy có hỷ lạc nhuần thấm nơi thân, tràn đầy cùng khắp, không đâu là không sung mãn. Như người khéo biết cách tắm, cho thuốc đầy bồn tắm, rồi chế nước vào, trong ngoài đều nhuần thấm[10], không đâu là không cùng khắp. Tỳ-kheo cũng vậy, chứng nhập Sơ thiền, hỷ lạc nhuần thấm khắp thân, không đâu không sung mãn. Như vậy, này Ma-nạp, đó là hiện thân chứng đắc lạc thứ nhất. Vì sao? Ấy là do tinh tấn, niệm không thác loạn, ưa chỗ nhàn tĩnh mà được vậy.

"Vị ấy xả giác, quán, bèn phát sanh tín[11], chuyên niệm nhất tâm,

---

8. Hán: cử tài trị sanh 舉 財 治 生; Pāli: iṇaṃ ādāya kammante payojeyya, người mắc nợ, bèn làm các nghề nghiệp (để trả nợ).

9. Bản Hán kể thiếu: như cảnh nô lệ. Thứ tự năm thí dụ cho năm triền cái hơi khác bản Pāli.

10. Bột thấm nước và do đó hòa tan với nước.

11. Hán: tiện sanh vi tín 便 生 為 信, Huyền Tráng dịch: nội đẳng tịnh 內 等 淨, trạng

không giác không quán, có hỷ lạc do định sanh, chứng nhập đệ Nhị thiền. Vị ấy có hỷ lạc và nhất tâm thấm nhuần châu thân, cùng khắp, tràn đầy, không đâu không sung mãn. Cũng như nước suối trong mát từ đỉnh núi chảy ra[12], không phải từ ngoài đến, mà nước trong mát chảy ra ngay từ trong con suối ấy, trở lại thấm nhuần chính nó, không đâu không cùng khắp. Ma-nạp, Tỳ-kheo cũng vậy, nhập Nhị thiền, có hỷ lạc do định sanh không đâu không sung mãn. Đó là hiện thân chứng đắc lạc thứ hai.

"Vị ấy lìa hỷ, an trú xả và niệm, không tán loạn[13], thân cảm thọ lạc, như điều mà Thánh nói, khởi hộ niệm lạc[14], chứng nhập Tam thiền. Vị ấy thân không hỷ, có lạc thấm nhuần, cùng khắp, tràn đầy, không đâu không sung mãn. Cũng như hoa Ưu-bát, hoa Bát-đầu-ma, hoa Câu-vật-đầu, hoa Phân-đà-lỵ[15], mới nhô khỏi bùn mà chưa ra khỏi nước, với cọng, rễ, cành, lá còn chìm ngập trong nước, không đâu không cùng khắp. Ma-nạp, Tỳ-kheo cũng vậy, chứng nhập Tam thiền, lìa hỷ, an trú lạc, nhuần thấm khắp thân, không đâu không cùng khắp. Đó là hiện thân chứng đắc lạc thứ ba.

"Vị ấy xả hỷ và lạc; ưu và hỷ đã diệt từ trước, không khổ, không lạc, xả[16] niệm thanh tịnh, nhập Tứ thiền. Thân tâm thanh tịnh, tràn đầy cùng khắp, không chỗ nào không thấm nhuần. Cũng như một người đã tắm gội sạch sẽ, khoác lên mình tấm lụa trắng mới tinh, toàn thân thanh tịnh. Ma-nạp, Tỳ-kheo cũng vậy, nhập Tứ thiền, tâm thanh tịnh, tràn

---

thái trong sáng của nội tâm; Pāli: ajjhattaṃ sampasādaṃ.

12. Hán: sơn đảnh lương tuyền thủy tụ trung xuất 山頂涼泉水聚中出; Pāli: udaka-rahado ubbhidodako, nước phun lên từ hồ nước sâu.

13. Hán: bỉ xả hỷ trú hộ niệm bất thố loạn 彼捨喜住護念不措亂. Đoạn này Hán dịch không chính xác. Pāli: upekha hay Skt.: upekṣa, thường được dịch là xả, chỉ trạng thái nội tâm quân bình, chứ không phải hộ. Dịch giả phân tích sai ngữ nguyên: upa: bên trên + ikṣa (Pāli: ikha): nhìn. Tham chiếu Pāli: 'pītiyā ca virāgā ca upekhako ca viharati sato ca sampajāno, vị ấy loại trừ hỷ, an trú xả, chánh niệm chánh trí.

14. Xem chú thích 65. Tham chiếu Pāli: sukhañ ca kāyena paṭisaṃvedeti yan taṃ ariyā ācikkhanti: upekhako satimā sukha-vihārī: thân cảm giác lạc, điều mà các Thánh nói là an trú lạc với xả (trạng thái quân bình nội tâm) và chánh niệm.

15. Các loại sen, hay bông súng: Uppala, sen (súng) xanh; Bát-đầu-ma: sen chỉ chung, có khi chỉ sen đỏ; Kuduma: sen(súng) trắng; Pundarika: sen trắng.

16. Xem chú thích 66.

khắp thân, không chỗ nào không thấm.

"Lại nhập Tứ thiền, tâm không tăng giảm, cũng không dao động, an trú trên mảnh đất không ái, không nhuế, không động. Cũng như mật thất, trong ngoài được sơn quét, đóng chặt các cửa nẻo, không gió không bụi lọt vào, bên trong đốt đèn, không bị khuấy động, ngọn lửa bốc thẳng mà không lay động. Ma-nạp, Tỳ-kheo cũng vậy, nhập đệ Tứ thiền, tâm không tăng giảm, cũng không khuynh động, an trú trên đất không ái, không nhuế, không dao động. Đó là hiện thân chứng lạc thứ tư.

"Vị ấy với tâm định tĩnh[17], thanh tịnh không dơ, nhuần nhuyễn, khéo được huấn luyện, an trú trạng thái bất động[18], tự mình trong thân khởi tâm biến hóa, hóa thành thân khác, chân tay đầy đủ, các căn không khuyết. Vị ấy quán như vầy: 'Thân này, với sắc bốn đại, hóa thành thân kia. Thân này cũng khác, thân kia cũng khác. Từ thân này khởi tâm hóa thành thân kia, các căn đầy đủ, chân tay không khuyết.' Cũng như người rút con dao khỏi bao, bèn nghĩ rằng: 'Bao khác với dao, nhưng dao được rút ra từ bao.' Lại như một người se gai làm dây, nghĩ rằng: 'Gai khác với dây. Nhưng dây xuất xứ từ gai.' Lại như một người cho rắn bò ra khỏi hộp[19], nghĩ rằng: 'Rắn khác hộp khác, nhưng rắn từ hộp mà ra.' Lại như một người lấy áo ra khỏi giỏ tre, nghĩ rằng: 'Giỏ tre khác áo khác, nhưng áo được lấy ra từ giỏ. Ma-nạp, Tỳ-kheo cũng vậy. Đây là thắng pháp đầu tiên được chứng đắc. Vì sao? Ấy do tinh tấn, niệm không thác loạn, ưa chỗ nhàn tĩnh mà được vậy.

"Vị ấy với tâm định tĩnh, thanh tịnh không dơ, nhu nhuyến, được khéo huấn luyện, an trú trạng thái bất động, từ sắc thân bốn đại của mình mà khởi tâm, hóa thành thân khác, đủ cả tay chân và các căn, nghĩ rằng: 'Thân này do bốn đại hợp thành. Thân kia từ thân này hóa ra. Thân này với thân kia khác nhau. Tâm này trú trong thân này, y thân này mà an trú, rồi đi đến trong thân biến hóa kia. Cũng như lưu ly, ma ni, được lau chùi sáng loáng, trong sạch không dơ; hoặc được xâu bằng chỉ xanh, chỉ vàng, chỉ đỏ, người có mắt đặt trong lòng tay mà nhìn, biết rằng ngọc và dây xâu khác nhau. Nhưng dây dựa ngọc, từ hạt này đến hạt khác. Ma-nạp, Tỳ-kheo quán tâm nương thân này mà an

---

17. Pāli: samāhite citte.

18. Trú bất động địa 住不動地; Pāli: ṭhite ānejjappatte.

19. Hán: khiệp trung xuất xà 篋中出蛇; Pāli: ahiṃ karaṇḍa uddhareyya, con rắn lột vỏ; Pāli: karaṇḍa, cái giỏ, xác (vỏ) rắn.

trú, rồi đi đến thân kia cũng như vậy. Đó là Tỳ-kheo chứng đắc thắng pháp thứ hai. Vì sao? Ấy do tinh cần, niệm không tán loạn, ưa chỗ nhàn tĩnh mà được vậy.

"Vị ấy, với tâm định tĩnh, thanh tịnh không dơ, mềm dịu, dễ điều phục, an trú bất động địa, nhất tâm tu tập thần thông trí chứng[20], có thể biến hóa các thứ: hoặc biến một thân thành vô số thân; từ vô số thân hợp thành một thân; thân có thể bay đi, vách đá không ngăn ngại; dạo trong hư không như chim, đi trên nước như đi trên đất; mình bốc khói lửa, như đống lửa lớn; tay sờ mặt trời, mặt trăng, đứng cao đến Phạm thiên; muốn làm gì tùy ý, đều có thể tự tại thành tựu, làm ích lợi cho nhiều người. Lại như thợ ngà khéo xử lý ngà voi. Cũng như thợ vàng khéo luyện chơn kim, tùy ý mà làm, ích lợi cho nhiều người. Ma-nạp, Tỳ-kheo như vậy, tâm định tĩnh, thanh tịnh, an trú bất động địa, tùy ý biến hoá, cho đến, tay sờ mặt trời, mặt trăng, đứng cao đến Phạm thiên. Đó là thắng pháp thứ ba của Tỳ-kheo.

"Vị ấy với tâm đã định, thanh tịnh không dơ, mềm dịu, khéo điều phục, an trú bất động địa, nhất tâm tu tập chứng thiên nhĩ trí[21]. Vị ấy, với thiên nhĩ thanh tịnh vượt qua lỗ tai con người, nghe được hai loại tiếng: tiếng chư Thiên và tiếng loài người. Cũng như trong thành có đại giảng đường, cao lớn, rộng rãi, có người thính tai ở trong giảng đường; những âm thanh có trong giảng đường, không phải cố gắng để nghe, người ấy nghe rõ hết. Cũng vậy, Tỳ-kheo do tâm đã định, với thiên nhĩ thanh tịnh, nghe được hai thứ tiếng. Ma-nạp, đó là thắng pháp thứ tư của Tỳ-kheo.

"Vị ấy với tâm đã định, thanh tịnh không dơ, mềm dịu, khéo điều phục, an trú bất động địa, nhất tâm tu tập chứng tha tâm trí[22]. Vị ấy đúng như tâm của người, có dục hay không dục, có cấu uế hay không cấu uế[23], có si hay không si, tâm rộng hay hẹp[24], tâm lớn hay nhỏ[25], tâm

---

20. Thần thông trí chứng 神通智證. Huyền Tráng: Thần cảnh trí chứng thông 神景智證通; Skt.: Ṛddapāde jñāna-sākṛātkriyābhijñā, Pāli: Iddhi-vidhāya.

21. Chứng thiên nhĩ trí 天耳智; Pāli: dibbāya sotadhātuyā cittaṃ abhinīharati abhininnāmeti, vị ấy hướng tâm đến thiên nhĩ giới.

22. Tha tâm trí 他心智; Pāli: ceto-pariya-ñāṇa.

23. Hữu cấu vô cấu 有垢無垢; Pāli: sa-dosaṃ vā... vīta-dosaṃ vā, có sân, hay không sân.

24. Quảng tâm hiệp tâm 廣心狹心; Pāli: saṃkhittaṃ vā cittaṃ... visakhittaṃ vā

định hay loạn, tâm bị trói buộc hay cởi mở, tâm cao thượng hay hạ liệt, cho đến, tâm vô thượng, thảy đều biết hết. Cũng như một người rọi bóng mình trong nước trong, đẹp hay xấu đều xét biết cả. Tỳ-kheo như vậy, vì tâm định tĩnh cho nên có thể biết tâm người. Ma-nạp, đó là thắng pháp thứ tư của Tỳ-kheo.

"Vị ấy tâm định, thanh tịnh không cấu uế, mềm dịu, khéo điều phục, an trú bất động địa, nhất tâm tu tập túc mạng trí chứng[26], liền có thể biết được đời trước, với vô số sự việc; có thể nhớ một đời cho đến vô số đời, số kiếp thành hoại; chết đây sanh kia; danh tánh, chủng tộc, ẩm thực xấu tốt, thọ mạng dài vắn, cảm thọ khổ lạc, hình sắc tướng mạo thế nào, tất cả đều nhớ biết hết. Cũng như một người từ thôn xóm mình đi đến nước khác; ở tại chỗ kia, hoặc đi hoặc đứng, hoặc nói hoặc im lặng; rồi lại từ nước này đến nước khác. Lần lượt như vậy, sau đó quay về chốn cũ. Không cần nhọc sức mà vẫn có thể nhớ những nước đã đi qua; từ chỗ này đến chỗ kia, từ chỗ kia đến chỗ này; đi, đứng, nói năng, im lặng, thảy đều nhớ hết. Ma-nạp, Tỳ-kheo như vậy, do tâm đã định tĩnh, thanh tịnh không cấu uế, an trú bất động địa, có thể bằng túc mạng trí mà nhớ đời trước vô số sự việc trong vô số kiếp. Đó là Tỳ-kheo chứng đắc minh thứ nhất[27]. Vô minh vĩnh viễn diệt, pháp đại minh phát sanh; cái tối tăm tiêu diệt, pháp sáng chói phát sanh. Đấy là Tỳ-kheo đắc túc mạng trí minh. Vì sao? Ấy do tinh cần, niệm không tán loạn, ưa chỗ thanh nhàn vắng vẻ mà được như vậy.

"Vị ấy, với tâm định tĩnh, thanh tịnh không cấu uế, nhu nhuyến khéo điều phục, an trú bất động địa, nhất tâm tu tập sanh tử trí chứng[28]. Vị ấy với thiên nhãn thuần tịnh, thấy các chúng sanh sanh đây chết kia; chết ở kia, sanh đến nơi này, hình sắc đẹp xấu, quả báo thiện ác, tôn quý, ty tiện, tùy nghiệp báo đã tạo mà phù hợp với nhân duyên, tất cả đều biết rõ. Người này thân hành ác, khẩu nói ác, ý nghĩ ác, phỉ báng

---

cittaṃ, tâm chuyên chú hay tâm không chuyên chú.

25. Tiểu tâm đại tâm 小心大心; Pāli: mahaggataṃ vā cittaṃ... amahaggataṃ vā cittaṃ, tâm quảng đại (đại hành tâm) hay không quảng đại (phi đại hành tâm).

26. Túc mạng trí chứng 宿命智證, hay túc trú tùy niệm trí 宿住隨念智; Pāli: pubbe-nivāsānussati-ñaṇa.

27. Bản Pāli đề cập cả sáu mà không phân thành thông 通 (abhiññā, thắng trí) và minh 明 (vijja). Trong bản Hán, ba trường hợp đầu là thông, ba trường hợp sau là minh.

28. Pāli: sattānaṃ cutūpapāta-ñāṇa.

Hiền thánh, tin theo tà kiến điên đảo, thân hoại mạng chung đọa ba đường ác. Người này thân làm thiện, miệng nói thiện, ý nghĩ thiện, không phỉ báng Hiền thánh, hành theo chánh kiến, thân hoại mạng chung, sanh lên trời, người. Bằng thiên nhãn thanh tịnh, thấy chúng sanh tùy theo duyên của nghiệp đã làm, qua lại trong năm đường. Cũng như khoảng đất bằng cao rộng trong thành nội, đầu ngã tư đường cất một lầu cao lớn, người mắt sáng đứng trên lầu mà nhìn, thấy các bộ hành Đông, Tây, Nam, Bắc, mọi cử động, tất cả đều thấy hết. Ma-nạp, Tỳ-kheo như vậy, với tâm định tĩnh, không cấu uế, thanh tịnh, nhu nhuyến dễ điều phục, an trú bất động địa, chứng sanh tử trí. Bằng thiên nhãn thanh tịnh, thấy hết chúng sanh với những việc thiện ác mà chúng đã làm, tùy nghiệp thọ sanh, qua lại năm đường, thảy đều biết cả. Đó là minh thứ hai của Tỳ-kheo. Đoạn trừ vô minh, sanh tuệ minh, xả bỏ tối tăm, phát ra ánh sáng trí tuệ. Đó là kiến chúng sanh sanh tử trí minh vậy. Vì sao? Ấy do tinh cần niệm không tán loạn, ưa một mình nơi thanh vắng mà được vậy.

"Vị ấy với tâm định tĩnh, thanh tịnh không cấu uế, nhu nhuyến dễ điều phục, an trú bất động địa, nhất tâm tu tập vô lậu trí chứng[29]. Vị ấy như thật biết Khổ thánh đế, như thật biết hữu lậu tập, như thật biết hữu lậu diệt tận, như thật biết con đường dẫn đến vô lậu. Vị ấy biết như vậy, thấy như vậy; tâm giải thoát khỏi dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu, chứng đắc giải thoát trí[30]:'sanh tử đã hết, phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sinh đời sau nữa.' Cũng như trong nước trong, có gỗ, đá, cá, ba ba, các loại thủy tộc du hành Đông-tây, người có mắt sáng thấy rõ hết: đây là gỗ, đá; đây là cá, ba ba. Ma-nạp, Tỳ-kheo như vậy, với tâm định tĩnh, an trú bất động địa, đắc vô lậu trí chứng, cho đến, không còn tái sanh. Đó là Tỳ-kheo đắc minh thứ ba. Đoạn trừ vô minh, phát sanh tuệ minh, xả bỏ tối tăm, phát ra ánh sáng đại trí. Đó là vô lậu trí minh. Vì sao? Ấy do tinh cần, niệm không tán loạn, ưa một mình nơi thanh vắng vậy.

"Ma-nạp, đó là Minh và Hạnh vô thượng được đầy đủ. Ý ngươi nghĩ sao, Minh và Hạnh như vậy là đúng, hay sai?

Phật bảo Ma-nạp:

---

29. Pāli: āsavānam khaya-ñāṇa.

30. Pāli: vimuttasmiṃ vimuttam iti ñāṇaṃ hoti, trong sự giải thoát, biết rằng mình đã giải thoát.

"Có người không thể chứng đắc đầy đủ Minh Hạnh vô thượng, nhưng thực hành bốn phương tiện[31]. Những gì là bốn? Ma-nạp, hoặc có người không được đầy đủ Minh Hạnh vô thượng, nhưng vác rựa, ôm lồng[32], đi vào rừng tìm thuốc, ăn rễ cây. Đó là không được Minh Hạnh vô thượng mà hành phương tiện thứ nhất. Thế nào, Ma-nạp, phương tiện thứ nhất này, ngươi và thầy các ngươi có làm không?"

Đáp: "Không".

Phật bảo Ma-nạp:

"Ngươi tự mình thấp kém, không hay biết chơn ngụy, lại cứ phỉ báng, khinh mạn Thích tử, tự gieo mầm tội lỗi, nuôi lớn gốc rễ địa ngục.

"Lại nữa, Ma-nạp, không được thành tựu Minh Hạnh vô thượng, mà tay cầm bình nước rửa, vác gậy toán thuật[33], vào núi rừng, ăn trái cây tự rụng. Ma-nạp, đó là không được thành tựu Minh Hạnh vô thượng mà hành phương tiện thứ hai. Thế nào, Ma-nạp, ngươi và thầy ngươi có hành pháp này chăng?"

Đáp: "Không".

Phật bảo Ma-nạp:

"Ngươi tự mình thấp kém, không rõ chân ngụy, bèn phỉ báng, khinh mạn Thích tử, tự gieo mầm ác, nuôi lớn gốc địa ngục lâu dài.

"Lại nữa, Ma-nạp, không được thành tựu Minh Hạnh vô thượng, mà bỏ lối hái thuốc và lượm trái cây rụng trên đây, trở về thôn xóm, sống nương người đời, cất am tranh, ăn lá cây, lá cỏ[34]. Ma-nạp, đó là không được thành tựu Minh Hạnh vô thượng mà thực hành phương tiện thứ ba. Thế nào, Ma-nạp, ngươi và thầy ngươi có hành pháp này chăng?"

Đáp: "Không".

Phật bảo Ma-nạp:

---

31. Hán: nhi hành tứ phương tiện 而行四方便; Pāli: cattāri apāya-mukhāni bhavanti, có bốn phương diện tổn thất. Trong bản Hán, upāya (phương tiện) thay cho apāya (tổn thất) trong bản Pāli.

32. Hán: trì chước phụ lung 持斫負籠; Pāli: kuddāla-piṭakaṃ ādāya, mang theo cuốc và giỏ. Trong bản Pāli, đây là tổn thất thứ hai.

33. Hán: thủ chấp tháo bình, trì trượng toán thuật 手執澡瓶持杖算術; Pāli: khāri-vividhaṃ ādāya, mang dụng cụ của đạo sĩ.

34. Bản Pāli, trường hợp thứ ba: agyāgāraṃ karitvā aggiṃ paricaranto acchati, dựng Thánh hỏa đường và thờ lửa.

"Ngươi tự mình thấp kém, không rõ chân ngụy, bèn phỉ báng, khinh mạn Thích tử, tự gieo mầm ác, nuôi lớn gốc địa ngục lâu dài.

"Lại nữa, Ma-nạp, không được thành tựu Minh Hạnh vô thượng, nhưng không ăn cỏ thuốc, không ăn trái cây rụng, không ăn lá cỏ, mà dựng nhà gác to lớn nơi thôn xóm thành ấp[35]. Những người đi đường từ Đông sang Tây ngang qua đó đều được cấp dưỡng tùy khả năng. Đó là không được Minh Hạnh vô thượng mà thực hành phương tiện thứ tư. Thế nào, Ma-nạp, ngươi và thầy ngươi có hành pháp ấy không?"

Đáp: "Không".

Phật bảo Ma-nạp:

"Ngươi tự mình thấp kém, không rõ chơn ngụy, bèn phỉ báng, khinh mạn Thích tử, tự gieo mầm tội, nuôi lớn gốc địa ngục.

"Thế nào, Ma-nạp, các Bà-la-môn kỳ cựu và các Tiên nhân, với nhiều kỷ thuật, tán thán, xưng tụng những điều mình học tụng, như nay những điều được các người Bà-la-môn, tán thán, ca ngợi. Đó là:

"1. A-tra-ma.

"2. Bà-ma.

"3. Bà-ma-đề-bà.

"4. Tỷ-ba-mật-đa.

"5. Y-đâu-lại-tất.

"6. Da-bà-đề-già.

"7. Bà-bà-bà-tất-tra.

"8. Ca-diệp.

"9. A-lâu-na.

"10. Cù-đàm.

"11. Thủ-di-bà.

"12. Tổn-đà-la.[36]

---

35. Pāli: cātummahāpathe catudvāraṃ agāraṃ karitvā, dựng ngôi nhà có bốn cửa tại ngã tư đường.

36. Danh sách các tiên nhơn cổ đại: A-tra-ma 阿吒摩, Bà-ma 婆摩, Bà-ma-đề-bà 婆摩提婆, Tỉ-ba-mật-đa 鼻波密多, Y-đâu-lại-tất 伊兜瀨悉, Da-bà-đề-già 耶婆提伽, Bà-bà-bà-tất-tra 婆婆婆悉吒, Ca-diệp 迦葉, A-lâu-na 阿樓那, Cù-đàm 瞿曇, Thủ-di-bà 首夷婆, Tổn-đà-la 損陀羅. Danh sách trong bản Pāli: Aṭṭaka, Vāmaka, Vāmadeva, Vessāmitta, Yamataggi, Aṅgirassa, Bhāradvāja, Vāseṭṭha, Kassapa, Bhagu.

"Các Đại tiên, Bà-la-môn này, có đào hào, xây dựng nhà gác, như chỗ mà thầy trò ngươi đang ở không?"

Đáp: "Không".

"Các Đại tiên ấy có dựng thành quách vây quanh nhà cửa, rồi ở trong đó, như chỗ ở của thầy trò ngươi hiện nay không?

Đáp: "Không".

"Các Đại tiên ấy có nằm trên giường cao, chăn đệm dày, mềm mại, như thầy trò ngươi hiện nay không?"

Đáp: "Không".

"Các Đại tiên kia có tự mình vui thú với vàng, bạc, chuỗi anh lạc, tràng hoa nhiều màu và mỹ nữ, như thầy trò ngươi hiện nay không? Các Đại tiên kia có đi xe báu, cầm gậy sắt dẫn đường, che đầu bằng lọng trắng, tay cầm phất báu, mang guốc báu nhiều màu, lại mặc toàn lụa trắng, như thầy trò ngươi hiện nay đang mặc không?"

Đáp: "Không".

"Ma-nạp, ngươi tự mình thấp hèn, không rõ chơn ngụy, mà lại phỉ báng, khinh mạn Thích tử, tự gieo mầm tội, nuôi lớn gốc địa ngục. Thế nào, Ma-nạp, như các đại tiên, các Bà-la-môn kỳ cựu kia, như A-tra-ma, tán thán, đề cao những gì mà họ vốn đọc tụng, nay những điều được các Bà-la-môn tán thán, đề cao cũng giống như vậy. Nếu truyền những điều ấy, để dạy vẽ người khác, mà muốn sanh lên Phạm thiên, không có trường hợp đó. Cũng như, này Ma-nạp, vua Ba-tư-nặc cùng nói chuyện với người khác, hoặc cùng bàn luận với các vua, hoặc với đại thần, Bà-la-môn, cư sĩ, mà những người nhỏ mọn khác nghe được, bèn vào thành Xá-vệ, gặp người, liền thuật chuyện vua Ba-tư-nặc có nói như vậy. Thế nào, Ma-nạp, vua có cùng bàn luận với người ấy không?"

Đáp: "Không".

"Ma-nạp, người đọc thuộc lời vua cho những người khác nghe, há có thể làm đại thần cho vua được chăng?"

Đáp: "Không có chuyện ấy".

"Ma-nạp, ngươi ngày nay truyền lời của đại tiên đời trước, Bà-la-môn kỳ cựu, đọc tụng, dạy cho người, mà muốn sanh Phạm thiên, không có chuyện ấy. Thế nào, Ma-nạp, các ngươi tiếp nhận sự cúng dường của người có thể tùy pháp mà thực hành được chăng?"

Đáp: "Đúng như vậy, Cù-đàm, nhận cúng dường của người khác

thì phải như pháp mà hành".

"Ma-nạp, thầy ngươi Phất-già-la-sa-la nhận phong ấp của vua, nhưng khi cùng nghị luận với vua Ba-tư-nặc, lại nói những lời vô ích mà vua không nên bàn đến, không đem sự việc chân chánh mà cùng bàn luận, cùng khuyên nhủ. Ngươi nay tự mình xem xét lỗi lầm của thầy ngươi và của chính ngươi; nhưng hãy gác qua chuyện ấy, mà nên tìm hiểu nguyên nhân ngươi đến đây."

"Ma-nạp liền ngước mắt lên nhìn thân của Như Lai, tìm các tướng tốt. Thấy đủ các tướng khác, duy chỉ hai tướng không thấy, trong lòng hoài nghi. Bấy giờ, Thế Tôn thầm nghĩ: "Nay Ma-nạp này không thấy hai tướng nên sanh nghi ngờ như thế". Ngài bèn cho ra tướng lưỡi rộng dài, liếm đến tai, phủ kín mặt. Lúc ấy, Ma-nạp còn nghi ngờ một tướng nữa. Thế Tôn lại nghĩ: "Nay Ma-nạp này vẫn còn nghi ngờ một tướng nữa". Ngài bèn dùng thần lực khiến cho duy chỉ Ma-nạp thấy được tướng mã âm tàng. Ma-nạp thấy đủ các tướng rồi, không còn hồ nghi gì nơi Như Lai nữa, bèn rời chỗ ngồi đứng dậy, vòng quanh Phật rồi đi.

Khi ấy, Bà-la-môn Phất-già-la đứng ngoài cửa, từ xa trông thấy đệ tử đang đi đến, bèn đón lại, hỏi rằng:

"Ngươi xem Cù-đàm có thật đủ các tướng không? Công đức thần thông có thật như lời đồn không?"

Tức thì bạch thầy rằng:

"Sa-môn Cù-đàm đầy đủ cả ba mươi hai tướng. Công đức thần lực đều như tiếng đồn."

Thầy lại hỏi:

"Ngươi có bàn luận ý nghĩa gì với Cù-đàm không?"

Đáp: "Thật có trao đổi với Cù-đàm".

Thầy lại hỏi:

"Người với Cù-đàm thảo luận chuyện gì?"

Bấy giờ Ma-nạp kể hết câu chuyện cùng Phật luận bàn. Thầy nói:

"Ta có người đệ tử thông minh như vậy lại khiến xảy ra như vậy, chúng ta chẳng bao lâu sẽ đọa địa ngục. Vì sao? Lời nói của ngươi, vì muốn hơn mà kích bác Cù-đàm, khiến cho ông ấy không vui lòng, đối với ta lại càng xa cách[37]. Ngươi được coi là đệ tử thông minh mà khiến

---

[37]. Tham chiếu Pāli: Yadeva kho tvaṃ Ambaṭṭha taṃ bhavantaṃ Gotamaṃ evaṃ āsajja āsajja avacāsi, atha kho so bhavan Gotamo amhehi pi evaṃ upanīyya

đến mức ấy, thì khiến ta vào địa ngục sớm."

Thế rồi người thầy ấy lòng rất tức giận, bèn đạp Ma-nạp té xuống đất và ông tự mình đánh xe lấy. Ma-nạp kia khi vừa té xuống đất thì toàn thân nổi vảy trắng.

Khi ấy Bà-la-môn Phất-già-la-sa-la ngước nhìn mặt trời, nghĩ thầm rằng: "Nay chưa phải là lúc thăm viếng Sa-môn Cù-đàm. Ta hãy chờ sáng mai rồi đi thăm hỏi".

Sáng hôm sau, ông thắng cỗ xe báu, cùng với năm trăm đệ tử tùy tùng, đi đến rừng Y-xa; đến nơi, xuống xe, đi bộ đến chỗ Thế Tôn, chào hỏi xong, ngồi xuống một bên. Ông ngước nhìn thân Như Lai, đầy đủ các tướng, duy thiếu hai tướng. Bà-la-môn do đó có ý nghi ngờ về hai tướng. Phật biết ý nghĩ của ông, bèn làm lộ tướng lưỡi rộng dài, liếm đến tai và phủ kín mặt. Bà-la-môn lại còn nghi ngờ một tướng nữa. Phật biết ý nghĩ của ông, bèn dùng thần lực, khiến cho thấy tướng mã âm tàng. Bà-la-môn khi thấy đủ ba mươi hai tướng của Như Lai, trong lòng khai ngộ, không còn hồ nghi, liền bạch với Phật rằng:

"Nếu khi đi giữa đường mà gặp Phật, con dừng xe một lát, mong Ngài biết cho là con đã kính lễ Thế Tôn. Vì sao? Vì con nhận được phong cho thôn này. Nếu con xuống xe, sẽ mất thôn ấy và tiếng xấu đồn khắp."

Ông lại bạch Phật:

"Nếu tôi xuống xe, cởi kiếm, lui tàn lọng và dẹp bỏ giải phướn, bình nước rửa và giày dép, nên biết ấy là tôi đã lễ kính Như Lai. Vì sao? Tôi nhận được phong cho thôn này. Nếu tôi xuống xe, sẽ mất thôn ấy và tiếng xấu đồn khắp."

Lại bạch Phật:

"Nếu ở giữa đám đông, thấy Phật mà con đứng dậy, hoặc trịch áo bày vai phải, tự xưng tên họ, nên biết, ấy là con đã lễ kính Như Lai. Vì sao? Vì con nhận được phong cho thôn này. Nếu con xuống xe, sẽ mất thôn ấy và tiếng xấu đồn khắp."

Lại bạch Phật:

"Con xin quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng. Xin nhận con làm

upanīyya, Ambattha, ngươi càng nói lời công kích Tôn giả Cù-đàm, chúng ta càng bị Tôn giả Cù-đàm buộc tội.

Ưu-bà-tắc trong Chánh pháp. Từ nay về sau, con không giết, không trộm, không tà dâm, không dối, không uống rượu. Cúi mong Thế Tôn cùng các Đại chúng nhận lời mời của con."

Đức Thế Tôn im lặng nhận lời.

Bà-la-môn thấy Phật im lặng, biết Ngài đã hứa khả, bèn rời chỗ ngồi đứng dậy lễ Phật, nhiễu quanh ba vòng rồi đi. Về nhà, ông sửa soạn thức ăn. Sau khi bày biện mâm cỗ xong, ông quay trở lại thưa: "Đã đến giờ".

Bấy giờ, Thế Tôn khoác y ôm bát cùng với đại chúng một ngàn hai trăm năm mươi người đi đến nhà ông ấy, rồi ngồi lên chỗ soạn sẵn.

Lúc ấy, Bà-la-môn tự tay châm chước thức ăn, cúng Phật và Tăng các thứ ngon ngọt. Ăn xong, dẹp cất bát, dùng nước rửa xong, Bà-la-môn tay phải nắm cánh tay đệ tử là A-ma-trú đến trước Thế Tôn bạch rằng:

"Cúi mong Thế Tôn nghe lời hối lỗi của nó."

Nói như vậy ba lần, rồi lại bạch Phật:

"Cũng như voi, ngựa đã được huấn luyện khéo; người này cũng vậy, tuy có sơ suất, cúi mong Ngài nhận lời hối lỗi."

Phật bảo Bà-la-môn:

"Cầu cho ngươi thọ mạng dài lâu, đời này an ổn. Mong cho chứng vảy trắng của đệ tử ngươi được trừ."

Phật nói vừa xong, người đệ tử kia liền khỏi chứng vảy trắng.

Rồi thì, Bà-la-môn lấy một cái giường nhỏ để trước Thế Tôn. Thế Tôn bèn nói pháp cho Bà-la-môn, chỉ bày, khuyên dạy, khiến cho được ích lợi, hoan hỷ. Ngài giảng về thí, giới, sanh thiên, dục là ô uế, phiền não là tai hoạn, xuất yếu là trên hết, diễn bày thanh tịnh. Khi Thế Tôn biết tâm người Bà-la-môn đã nhu nhuyến, thanh tịnh, không cáu bẩn, có thể nhận lãnh đạo giáo; như thường pháp của chư Phật, Ngài nói Khổ thánh đế, Khổ tập thánh đế, Khổ diệt thánh đế, Khổ xuất yếu thánh đế. Bà-la-môn lúc ấy ngay trên chỗ ngồi mà xa lìa trần cấu được pháp nhãn tịnh, cũng như tấm lụa trắng tinh dễ nhuộm màu, Bà-la-môn Phất-già-la-sa-la cũng vậy, thấy pháp, đắc pháp, quyết định đạo quả, không còn tin ở đạo khác, được vô sở úy, tức thì bạch Phật rằng:

"Con nay ba lần xin quy y Phật, Pháp và Tỳ-kheo Tăng. Xin nhận con làm Ưu-bà-tắc trong Chánh pháp. Suốt đời không giết, không trộm, không tà dâm, không dối, không uống rượu. Cúi mong Thế Tôn cùng Đại chúng thương tưởng con, nhận lời mời bảy ngày."

Thế Tôn im lặng nhận lời. Bà-la-môn tức thì trong bảy ngày cúng dường Phật và Đại chúng đủ các thứ. Bấy giờ, qua bảy ngày, Thế Tôn lại du hành nhân gian.

Phật đi chưa bao lâu, Phất-già-la-sa-la ngộ bệnh, mạng chung. Các Tỳ-kheo nghe Bà-la-môn này sau khi cúng dường Phật trong bảy ngày, sau đó mạng chung, bèn tự nghĩ thầm: Người này mạng chung, sanh vào cõi nào? Rồi chúng Tỳ-kheo đi đến chỗ Phật, lễ Phật xong, ngồi sang bên, bạch Phật rằng:

"Bà-la-môn sau khi cúng dường Phật suốt bảy ngày thì thân hoại mạng chung. Người ấy sanh vào chỗ nào?"

Phật nói với các Tỳ-kheo:

"Tộc tánh tử ấy đã tập hợp rộng rãi các điều thiện, đầy đủ pháp và tùy pháp, không trái pháp hành, đoạn trừ năm hạ phần kết, Niết-bàn ở nơi kia[38], không trở lại đời này nữa."

Bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

❑

[38]. Chỉ trường hợp Thánh giả Bất hoàn tái sanh lên Tịnh cư thiên và nhập Niết-bàn tại đó.

21. KINH PHẠM ĐỘNG[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật du hành đến nước Ma-kiệt[2], cùng chúng Đại Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi người[3], du hành nhân gian, đến Trúc lâm[4], nghỉ đêm tại vương đường[5].

Lúc bấy giờ có vị Phạm chí[6] tên là Thiện Niệm và đệ tử tên là Phạm-ma-đạt[7]; hai thầy trò thường cùng đi theo sau Phật, mà Phạm chí Thiện Niệm thì dùng vô số phương tiện hủy báng Phật, Pháp và Tỳ-kheo Tăng, đệ tử Phạm-ma-đạt thì bằng vô số phương tiện tán thán Phật, Pháp và Tỳ-kheo Tăng. Hai thầy trò mỗi người một tâm tư, mâu thuẫn chống trái nhau. Vì sao vậy? Ấy là do xu hướng dị biệt, kiến giải dị biệt, thân cận dị biệt[8].

---

1. Bản Hán, *Phật Thuyết Trường A-hàm kinh*, quyển 14, "Đệ tam phần, Phạm Động kinh Đệ nhị", Đại I, tr.88b-94a. Tham chiếu No.21 *Phật Thuyết Phạm Võng Lục Thập Nhị Kiến kinh*, Ngô Chi Khiêm dịch Đại I, tr.264. Tương đương Pāli: D.1, Deva Dig i.1 Brahmajāla-sutta; *Trường* I, "kinh Phạm Võng". Bản Hán: Phạm Động, có thể do đọc Brahmacala, thay vì Brahmajala.

2. Ma-kiệt, hay Ma-kiệt-đà 摩竭陀; Pāli: Magadha.

3. D. 1, sđd.: năm trăm người.

4. Tống, Nguyên, Minh: Trúc thôn 竹村; No.1: Phật du hành từ nước Câu-lưu 拘留 (Pāli: Kuru) đến Xá-vệ 舍衛 (Pāli: Savatthi), nghỉ tại vườn Cấp cô độc 級孤獨. D.1, sđd.: trên con đường giữa Rājagaha (thủ phủ của Magadha) và Nālandā.

5. Hán: tại vương đường thượng 在王堂上; Pāli: Ambalaṭṭhikāyam rājārake, tại Ambalatthikā, trong nhà nghỉ mát của vua.

6. Phạm chí 梵志; Pāli: paribbājaka.

7. Thiện Niệm 善念; Pāli: Suppiya, Phạm-ma-đạt 梵摩達; Pāli: Brahmadatta. No.21, hai thầy trò Tu tỳ 須毗 và Phạm-đạt ma-nạp 梵達摩納 (Brahmadattamanava).

8. Haùn: dò tập, dò kieán, dò thân cận 異習異見異親近.

Bấy giờ, số đông Tỳ-kheo sau khi khất thực về[9] nhóm tại giảng đường bàn câu chuyện như sau:

"Kỳ diệu thay, hy hữu thay, Thế Tôn có đại thần lực, đầy đủ oai đức, biết hết mọi xu hướng của chúng sanh. Nhưng nay có hai thầy trò Thiện Niệm cùng đi theo sau Phật và chúng Tăng, mà Phạm chí Thiện Niệm thì dùng vô số phương tiện hủy báng Phật, Pháp và Tỳ-kheo Tăng. Đệ tử Phạm-ma-đạt thì bằng vô số phương tiện tán thán Phật, Pháp và Tỳ-kheo Tăng. Hai thầy trò mỗi người một tâm tư, mâu thuẫn chống trái nhau vì do xu hướng dị biệt, kiến giải dị biệt, thân cận dị biệt vậy."

Bấy giờ, Thế Tôn đang ở trong tịnh thất, bằng thiên nhĩ thanh tịnh quá hơn người thường, nghe các Tỳ-kheo đang luận bàn như thế, liền rời khỏi tịnh thất đi đến giảng đường, ngồi trước đại chúng. Tuy đã biết Ngài vẫn hỏi:

"Này các Tỳ-kheo! Do nhân duyên gì mà các ông nhóm lại đây và đang bàn luận câu chuyện gì?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Chúng con sau khi khất thực về, tập họp ở giảng đường này và cùng bàn luận như vầy: 'Kỳ diệu thay, hy hữu thay, Thế Tôn có đại thần lực, đầy đủ oai đức, biết hết mọi xu hướng của chúng sanh. Nhưng nay có hai thầy trò Thiện Niệm cùng đi theo sau Phật và chúng Tăng, mà Phạm chí Thiện Niệm thì dùng vô số phương tiện hủy báng Phật, Pháp và Tỳ-kheo Tăng. Đệ tử Phạm-ma-đạt thì bằng vô số phương tiện tán thán Phật, Pháp và Tỳ-kheo Tăng. Hai thầy trò mỗi người một tâm tư, mâu thuẫn chống trái nhau vì do xu hướng dị biệt, kiến giải dị biệt, thân cận dị biệt vậy'."

Thế Tôn bèn nói với các Tỳ-kheo:

"Này các Tỳ-kheo, nếu có ai dùng phương tiện hủy báng Như Lai, hủy báng Chánh pháp và chúng Tăng, các ngươi không nên ôm lòng phẫn nộ, có ý nghĩ ác hại đối với người ấy[10]. Vì sao vậy? Vì nếu có ai dùng phương tiện hủy báng Như Lai, hủy báng Chánh pháp và chúng Tăng mà các ngươi ôm lòng phẫn nộ, có ý nghĩ ác hại đối với người ấy[11] thì tự các ngươi đã tự hãm nịch[12] rồi. Vì vậy các ngươi không nên

9. D.1: rattiyā paccūsasamayaṃ, "khi đêm vừa tàn…"

10. Pāli: na āghāto na appaccayo na cetoso anabhiraddhi, không đau lòng, không buồn giận, tâm không phẫn nộ.

11. Pāli: kupitā vā anattamanāvā, tức tối hay bất mãn.

ôm lòng oán giận hay có ý nghĩ ác hại đối với người ấy.

"Này các Tỳ-kheo, nếu có ai khen ngợi Phật, Pháp và chúng Tăng, các ngươi cũng vội chớ lấy điều đó làm vui mừng, hãnh diện. Vì sao vậy? Vì nếu các ngươi sinh tâm vui mừng là đã bị hãm nịch rồi. Do đó các ngươi không nên vui mừng. Tại sao thế? Vì đó chỉ là duyên cớ nhỏ nhặt về oai nghi giới hạnh[13], mà hàng phàm phu ít học, không thấu rõ thâm nghĩa, chỉ bằng vào sở kiến để tán thán một cách chân thật.

"Thế nào là duyên cớ nhỏ nhặt về oai nghi giới hạnh, mà hàng phàm phu ít học, không thấu rõ thâm nghĩa, chỉ bằng vào sở kiến để tán thán một cách chân thật?

"Người ấy tán thán rằng[14] Sa-môn Cù-đàm đã bỏ nghiệp sát, dứt nghiệp sát, xả bỏ dao gậy, có tàm quý, có tâm thương xót hết thảy. Đó chỉ là duyên cớ nhỏ nhặt về oai nghi giới hạnh mà hàng phàm phu ít học dựa lấy để tán thán Như Lai.

"Lại tán thán rằng: Sa-môn Cù-đàm đã bỏ sự lấy của không cho, dứt trừ sự lấy của không cho, không có tâm trộm cắp.

"Sa-môn Cù-đàm đã dứt bỏ sự dâm dục, tịnh tu phạm hạnh, một mực giữ giới, không tập thói dâm dật, sở hành tinh khiết.

"Sa-môn Cù-đàm đã dứt bỏ nói dối, mà nói lời nói chí thành, nói điều chân thật, không dối gạt người đời.

"Sa-môn Cù-đàm đã dứt bỏ nói hai lưỡi, không đem lời người này đến phá rối người kia, đem lời người kia đến phá rối người này, gặp kẻ tranh tụng làm cho hòa hợp, kẻ đã hòa hợp làm cho vui thêm, nói ra lời gì cũng cốt đem đến sự hòa hợp, thành thật đưa vào lòng người và nói phải lúc.

"Sa-môn Cù-đàm đã dứt bỏ ác khẩu. Nếu có lời thô lỗ, thương tổn đến người, tăng thêm mối hận, kéo dài mối thù; những lời như vậy đều không nói. Thường nói lời hay, đẹp lòng người, ai cũng ưa, nghe không chán. Chỉ nói những lời như vậy.

---

12. Pāli: tumhaṃ yev' assa tena antarāyo, như vậy sẽ là sự chướng ngại cho các ngươi.

13. Pāli: appamatakaṃ kho pan' etaṃ oramattakaṃ sīlamattakaṃ, cái đó chỉ thuộc về giới luật, nhỏ nhặt, không quan trọng.

14. Từ đây trở xuống cho hết phần về giới, nội dung đồng nhất với kinh "A-ma-trú", nhưng văn dịch nhiều chỗ bất nhất.

"Sa-môn Cù-đàm đã dứt bỏ nói thêu dệt[15], chỉ nói phải lúc, nói thành thật, nói có lợi, nói đúng pháp đúng luật, nói để ngăn ngừa sai quấy.

"Sa-môn Cù-đàm đã dứt bỏ uống rượu; không trang sức hương hoa[16]; không xem ca múa; không ngồi giường cao; không ăn phi thời; không cầm vàng bạc; không chứa vợ con, tớ trai, tớ gái; không nuôi heo ngựa, voi, dê, gà, chó và các thứ chim muông; không chứa binh voi, binh ngựa, binh xe, binh bộ; không chứa ruộng nhà, gieo trồng ngũ cốc; không nắm quyền đánh đấm với người; không dùng cân đấu lường gạt; không mua bán, khoán ước, giao kèo; không cho vay cầm đồ lấy lãi bất chánh[17]. Cũng không âm mưu, trước mặt khác sau lưng khác; phi thời không đi; để nuôi sống thân, lường bụng mà ăn; đi đến chỗ nào thì y bát mang theo như chim không lìa hai cánh. Nhưng đó cũng chỉ là nhân duyên nhỏ nhặt về sự trì giới mà hàng phàm phu ít học nương lấy để tán thán Như Lai.

"Như các Sa-môn, Bà-la-môn khác dầu đã nhận của tín thí vẫn tìm cách tích trữ; y phục, ẩm thực không hề biết chán. Sa-môn Cù-đàm không như vậy.

"Như các Sa-môn, Bà-la-môn khác tuy ăn của người tín thí, nhưng vẫn kinh doanh sinh kế, trồng cây, gieo giống[18]. Còn Sa-môn Cù-đàm không có việc đó.

"Như các Sa-môn, Bà-la-môn khác tuy ăn của người tín thí nhưng vẫn tìm phương tiện mong cầu lợi dưỡng, chứa ngà voi tạp bảo, ghế giường cao rộng, thảm thêu, đệm bông, chăn len các thứ thêu thùa. Sa-môn Cù-đàm không có việc ấy.

"Như các Sa-môn, Bà-la-môn khác tuy ăn của người tín thí nhưng vẫn tìm phương tiện để trang sức, dùng dầu mỡ xoa mình, nước thơm tắm gội, bột thơm xông ướp, chải đầu thơm láng, hoặc mang tràng hoa

---

15. Ỷ ngữ 綺語, hay tạp uế ngữ 雜穢語; Pāli: samphappāla, lời nói phù phiếm.

16. Bất trước hương hoa 不著香花; D.1: Mālā-gandha-vilepana-dhāraṇa-maṇḍana-vibhūsana-ṭṭhānā paṭivirato, không trang sức, tô điểm, đeo mang tràng hoa, hương liệu.

17. Hán: khoán ước đoan đương, … thọ thủ để trái, hoạnh sanh vô đoan 券約斷當 … 受取觝債. A-ma-trú: bất để trái, bất vu võng 不觝債不誣網.

18. Hán: chủng thực thọ mộc qủy thần sở y 種植樹木鬼神所依, trồng các thứ cây cối có quỷ thần ở. Dịch nghĩa đen của từ Pāli: bhūta-gāma (Skt.: bhūta-grama), thôn xóm quỷ thần; nghĩa thực chỉ các loại cây cối.

đẹp, nhuộm mắt xanh biếc, tô điểm mặt mày, xâu bông tai, soi gương, mang dép da quý, mặc áo trắng mịn, che dù, cầm phất lộng, trang sức cờ hiệu, còn Sa-môn Cù-đàm không có các việc đó.

"Như các Sa-môn, Bà-la-môn khác chuyện trò du hí, chơi cờ đánh bạc, cờ tám đường, mười đường cho đến trăm ngàn đường, đủ các trò chơi. Sa-môn Cù-đàm không như vậy.

"Như các Sa-môn, Bà-la-môn khác tuy ăn của người tín thí, nhưng vẫn nói lời vô ích chướng ngại đạo[19], hoặc bàn việc vua chúa, quân mã, chiến đấu, việc quân liêu đại thần, xe ngựa ra vào, dạo chơi vườn quán và luận việc nữ nhân, nằm ngồi đi đứng, việc y phục, ăn uống, thân thích; lại nói chuyện vào biển tìm châu báu. Sa-môn Cù-đàm không có các việc đó.

"Như các Sa-môn, Bà-la-môn khác tuy đã nhận thức ăn của tín thí, bằng vô số phương tiện, làm điều tà mạng, chuốt lời dua nịnh, gợi ý, chê bai[20], lấy lợi cầu lợi. Sa-môn Cù-đàm không có các việc đó.

"Như các Sa-môn, Bà-la-môn khác tuy ăn của người tín thí, nhưng cùng nhau tranh cãi, hoặc nơi vườn quán, hoặc ở ao tắm, trong nhà, thị phi lẫn nhau, rằng: 'Ta biết kinh luật. ngươi không biết gì; ta đi đường chánh, ngươi đi đường tà, đem trước để sau, lấy sau để trước; ta nhẫn ngươi được, ngươi không nhẫn được; ngươi nói điều gì đều không chánh đáng; nếu có nghi ngờ hãy đến hỏi ta, ta đáp cho cả.' Sa-môn Cù-đàm không có các việc đó.

"Như các Sa-môn, Bà-la-môn khác tuy đã ăn của tín thí, nhưng tìm đủ phương tiện làm thông sứ cho vua, đại thần, Bà-la-môn, cư sĩ; đi từ đây đến kia, từ kia đến đây; đem tin qua lại, hoặc tự làm, hoặc dạy người làm. Sa-môn Cù-đàm không có các việc đó.

"Như các Sa-môn, Bà-la-môn khác tuy đã ăn của tín thí, nhưng lo luyện tập chiến trận, đấu tranh, đao gậy cung tên, chọi gà, chó, heo, dê, voi, ngựa, trâu, lạc đà. Hoặc đấu tài trai gái, hoặc luyện các thứ tiếng, tiếng thổi, tiếng trống, tiếng ca, tiếng múa, luyện các trò kỹ thuật, leo cột phướn, leo xuôi leo ngược. Sa-môn Cù-đàm không có các việc đó.

"Như các Sa-môn, Bà-la-môn khác tuy ăn của tín thí, nhưng hành

---

19. Hán: vô ích giá đạo chi ngôn 無益遮道之言; Pāli: tiracchāna-katham, súc sanh luận, chuyện thú vật, chuyện vô ích, không ích lợi cho sự tu đạo.

20. Hán: hiện tướng hủy thụ 現相毀呰; Pāli: nemittikā ca nippesikā.

pháp chướng ngại đạo, nuôi sống bằng cách tà vạy, như xem tướng trai gái tốt xấu lành dữ, xem tướng súc sinh, để cầu lợi dưỡng. Sa-môn Cù-đàm không có các việc đó.

"Như các Sa-môn, Bà-la-môn khác tuy ăn của người tín thí, nhưng hành pháp chướng ngại đạo, nuôi sống bằng cách tà vạy, như kêu gọi quỷ thần, hoặc lại đuổi đi, các thứ ếm đảo, vô số phương đạo, làm người khiếp sợ; có thể tụ, có thể tán; có thể làm cho khổ, có thể làm cho vui; có thể an thai, trục thai; hoặc phù chú người ta hóa làm lừa, ngựa; có thể khiến người điếc, đui, câm, ngọng; hiện các kỹ thuật; hoặc chắp tay hướng về mặt trời, mặt trăng; hành các khổ hạnh để cầu lợi dưỡng. Sa-môn Cù-đàm không có các việc đó.

"Như các Sa-môn, Bà-la-môn khác tuy ăn của người tín thí, nhưng hành pháp chướng ngại đạo, nuôi sống bằng cách tà vạy; hoặc vì người mà chú đảo bệnh tật, đọc ác thuật, tụng thiện chú; làm thuốc thang, châm chích, trị liệu bệnh tật. Sa-môn Cù-đàm không có việc đó.

"Như các Sa-môn, Bà-la-môn tuy ăn của người tín thí, nhưng hành pháp chướng ngại đạo[21], sinh hoạt bằng tà mạng: hoặc chú[22] nước lửa, hoặc chú quỷ thần[23], hoặc chú Sát-lỵ, hoặc chú voi, hoặc chú chân tay[24], hoặc bùa chú an nhà cửa; hoặc giải chú lửa cháy, chuột gặm; hoặc đọc sách đoán việc sống chết; hoặc đọc sách giải mộng; hoặc xem tướng tay, tướng mặt; hoặc đọc sách thiên văn; hoặc đọc sách hết thảy âm. Sa-môn Cù-đàm không có những việc ấy.

"Như các Sa-môn, Bà-la-môn khác tuy ăn của người tín thí, hành pháp chướng ngại đạo, sinh hoạt bằng tà mạng: xem tướng thiên thời, nói có mưa hay không mưa, thóc quý hay thóc rẻ, nhiều bệnh hay ít bệnh, kinh sợ hay an ổn; hoặc dự đoán động đất, sao chổi, nhật thực, nguyệt thực, tinh tú thực, hay không thực, phương vị ở đâu[25]; thảy đều ghi nhận cả. Sa-môn Cù-đàm không có các việc ấy.

---

21. Hán: hành giá đạo pháp 行遮道法; Pāli: tiracchāna-vijjāya, bằng học thuật vô ích (súc sanh minh).

22. Các khoa chú được kể; Pāli: vijjā, Skt.: vidya, môn học, ngành học; cũng có nghĩa chú thuật (minh chú).

23. Quỷ thần chú 鬼神咒; Pāli: bhūta-vijja, môn học liên quan đến quỷ thần; ma thuật.

24. Hán: chi tiết chú 支節咒; Pāli: aṅga-vijja, khoa học về chân tay, xem tướng chân tay.

25. Phương diện sở tại 方面所在. Chưa xác định nghĩa. Gần tương đương Pāli: disā-ḍāha, lửa cháy ở các phương.

"Như các Sa-môn, Bà-la-môn khác tuy ăn của người tín thí, nhưng hành pháp chướng ngại đạo, sinh hoạt bằng tà mạng: hoặc nói nước này sẽ thắng, hoặc nói nước này chẳng bằng; xem tướng tốt xấu, bàn chuyện thịnh suy. Sa-môn Cù-đàm không có việc ấy.

"Các Tỳ-kheo, đấy chỉ là nhân duyên trì giới nhỏ nhặt, mà phàm phu ít học kia dựa vào để khen Phật."

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Lại còn có pháp khác, là ánh sáng của đại pháp sâu xa vi diệu, duy chỉ đệ tử Hiền thánh mới có thể tán thán Như Lai bằng pháp này. Thế nào là pháp đại quang minh, mà đệ tử Hiền thánh tán thán Như Lai? Có các Sa-môn, Bà-la-môn, y vào bổn kiếp bổn kiến[26], mạt kiếp mạt kiến[27], mà tùy ý lập thuyết với vô số trường hợp khác nhau[28]. Tất cả được tóm thâu vào trong sáu mươi hai kiến. Bổn kiếp bổn kiến, mạt kiếp mạt kiến, với vô số trường hợp khác nhau, tùy ý lập thuyết, không thể vượt ra ngoài sáu mươi hai kiến. Các Sa-môn, Bà-la-môn kia, do duyên gì, y vào bổn kiếp bổn kiến, mạt kiếp mạt kiến, mà tùy ý lập thuyết với vô số trường hợp khác nhau; tất cả được tóm thâu vào trong sáu mươi hai kiến; chỉ chừng ấy, không hơn?

"Các Sa-môn, Bà-la-môn, y bổn kiếp bổn kiến, với vô số trường hợp khác nhau, mỗi người tùy ý lập thuyết; tất cả được thâu tóm trong mười tám trường hợp[29]. Các Sa-môn, Bà-la-môn ấy do duyên gì, y bổn kiếp bổn kiến, với vô số trường hợp khác nhau, tùy ý lập thuyết, tất cả được thâu tóm trong mười tám trường hợp; chừng ấy không hơn?

"Những Sa-môn, Bà-la-môn nào y bổn kiến khởi thường trú luận[30], nói rằng: 'Bản ngã và thế giới thường tồn.'[31] Tất cả thuyết này được thâu tóm vào trong bốn trường hợp. Y bổn kiếp bổn kiến mà nói:

---

26. Bổn kiếp bổn kiến 本劫本見, quan điểm về khởi nguyên của thế giới dựa kiếp quá khứ, nguyên thuỷ sáng thế luận; Pāli: pubbantakappikā pubbantādiṭṭhino.

27. Mạt kiếp mạt kiến 末劫末見, thế mạt luận; Pāli: aparanta-kappikā aparanta-diṭṭhiṃ.

28. Chủng chủng vô số, tùy ý sở thuyết 種種無數隨意所說; Pāli: pubbantaṃ ārabbha anekavihitāni adhivutti-padāni abhivadanti, họ tuyên bố nhiều hư thuyết khác nhau liên quan đến quá khứ; Pāli: adhivutti-pada, lập thuyết phù phiếm; gần nghĩa với Hán dịch: tùy ý sở thuyết.

29. Hán: kiến 見; Pāli: vatthu, sự vật, cơ sở.

30. Hán: thường luận 常論; Pāli: sassata-vādā (Skt.: śāśvata-vādā).

31. Hán: ngã cập thế gian thường tồn 我及世間常存; Pāli: sassataṃ attāñ ca lokañ ca.

'Bản ngã và thế giới thường tồn', tất cả được thâu tóm vào trong bốn trường hợp; chừng ấy không hơn.

"Các Sa-môn, Bà-la-môn kia do duyên gì, y bổn kiếp bổn kiến, khởi thường trú luận, nói rằng, 'bản ngã và thế giới thường tồn', tất cả được thâu tóm trong bốn trường hợp, chừng ấy không hơn?

"Hoặc có Sa-môn, Bà-la-môn, bằng vô số phương tiện, nhập định ý tam-muội[32], rồi bằng tam-muội tâm[33], nhớ lại hai mươi thành kiếp và hoại kiếp[34]. Vị ấy bèn nói như vầy: 'Bản ngã và thế gian thường tồn. Đây là thật, ngoài ra là dối. Vì sao? Tôi bằng vô số phương tiện, nhập định ý tam-muội, rồi bằng tam-muội tâm, nhớ lại hai mươi thành kiếp và hoại kiếp. Trong đó, chúng sanh không tăng, không giảm, thường trụ, không tán[35]. Tôi vì thế mà biết, 'bản ngã và thế gian thường tồn.' Đó là trường hợp điểm thứ nhất. Sa-môn, Bà-la-môn nhân đó y bổn kiếp bổn kiến chủ trương bản ngã và thế giới thường trú, thuộc trong bốn quan điểm, chừng ấy không hơn.

"Hoặc có Sa-môn, Bà-la-môn, bằng vô số phương tiện, nhập định ý tam-muội, rồi bằng tam-muội tâm, nhớ lại bốn mươi thành kiếp và hoại kiếp. Vị ấy bèn nói như vầy: 'Bản ngã và thế gian thường tồn. Đây là thật, ngoài ra là dối. Vì sao? Tôi bằng vô số phương tiện, nhập định ý tam-muội, rồi bằng tam-muội tâm, nhớ lại bốn mươi thành kiếp và hoại kiếp. Trong đó, chúng sanh không tăng, không giảm, thường tụ, không tán. Tôi vì thế mà biết, 'bản ngã và thế gian thường tồn.' Đó là trường hợp điểm thứ hai. Sa-môn, Bà-la-môn nhân đó y bổn kiếp bổn kiến chủ trương bản ngã và thế giới thường trú, thuộc trong bốn trường hợp, chừng ấy không hơn.

---

32. Hán: nhập định ý tam muội 入定意三昧; Pāli: ceto-samādhiṃ phusati, nhập vào trạng thái tập trung của tâm.

33. Hán: dĩ tam muội tâm 以三昧心; Pāli: yathā samāhite citte, trong khi tâm được tập trung như thế.

34. Thành kiếp bại kiếp 成劫敗劫 (hoại kiếp), các thời kỳ sáng thế và tận thế (Pāli: saṃvaṭṭa-vivaṭṭa, Skt.: saṃvhta-vivhta), tính theo đơn vị thời gian vũ trụ gọi là kiếp (Pāli: kappa, Skt.: kalp).

35. Tham chiếu Pāli: So evaṃ āha: "Sassato attā ca loko ca vañjho kūṭaṭṭho esikaṭṭhāyiṭṭhito, te ca sattā sandhāvanti saṃsaranti cavanti upapajjanti, atthi tveva sassatisamaṃ..." Vị ấy nói: "Bản ngã và thế giới là vĩnh hằng, không sinh sản (như thạch nữ), đứng thẳng, bất động như trụ đá. Các chúng sanh trong đó lưu chuyển, luân hồi, chết rồi tái sanh, tuy nhiên chúng vẫn thường tồn."

"Hoặc có Sa-môn, Bà-la-môn, bằng vô số phương tiện, nhập định ý tam-muội, rồi bằng tam-muội tâm, nhớ lại tám mươi thành kiếp và hoại kiếp[36]. Vị ấy bèn nói như vầy: 'Bản ngã và thế gian thường tồn. Đây là thật, ngoài ra là dối. Vì sao? Tôi bằng vô số phương tiện, nhập định ý tam-muội, rồi bằng tam-muội tâm, nhớ lại tám mươi thành kiếp và hoại kiếp. Trong đó, chúng sanh không tăng, không giảm, thường tụ, không tán. Tôi vì thế mà biết, 'bản ngã và thế gian thường tồn.' Đó là quan điểm thứ hai. Sa-môn, Bà-la-môn nhân đó y bổn kiếp bổn kiến chủ trương bản ngã và thế giới thường trú, thuộc trong bốn trường hợp, chừng ấy không hơn.

"Hoặc có Sa-môn, Bà-la-môn, là người có trí tuệ nhạy bén, có năng lực quán sát khéo[37] và bằng trí tuệ nhạy bén ấy, phương tiện quán sát, nghĩa là suy xét kỹ, rồi bằng những điều mà mình đã thấy và bằng tài biện thuyết của mình, tuyên bố rằng: 'Bản ngã và thế gian thường tồn.' Đó là quan điểm thứ tư. Sa-môn, Bà-la-môn nhân đó đối với bổn kiếp bổn kiến chủ trương 'bản ngã và thế gian thường tồn', thuộc trong bốn trường hợp, chừng ấy không hơn.

"Duy chỉ Như Lai biết rõ những cơ sở quan điểm này[38] được nắm bắt như vậy, được giữ chặt như vậy và cũng biết sẽ có báo ứng như vậy. Sở tri của Như Lai vượt qua những thứ ấy. Tuy biết nhưng không bị dính mắc. Do không bị dính mắc nên được tịch diệt[39]; biết sự tập khởi của thọ; biết sự diệt tận, vị ngọt, sự tai hại và sự xuất yếu của thọ[40], do bình đẳng quán mà được vô dư giải thoát, vì vậy được gọi là Như Lai[41].

---

36. Trong bản Pāli: 1. Nhớ từ một đời cho đến trăm nghìn đời; 2. Nhớ từ một cho đến mười thành kiếp hoại kiếp; 3. Nhớ cho đến bốn mươi thành kiếp hoại kiếp.

37. Hán: hữu tiệp tật tướng trí, thiện năng quán sát 有捷疾相智, 善能觀察; Pāli: takkī hoti vīmaṃsī hoti, nhà suy luận, nhà thẩm sát.

38. Kiến xứ 見處; Pāli: diṭṭhiṭṭhānā, luận điểm tư tưởng.

39. Pāli: aparāmasato c' assa paccattaṃ yeva nibbuti viditā, do không thủ trước nên nội tâm tịch tĩnh.

40. Hán: tri thọ tập, diệt, vị, quá hoạn, xuất yếu 知受集滅味過患出要; Pāli: vedanānaṃ ca samudayañ ca aṭṭhagamañ ca assādañ ca ādīnavañ ca nissaraṇañ ca yathā-bhūtaṃ viditvā, biết một cách như thật sự tập khởi, sự hủy diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự thoát ly của thọ.

41. Hán: dĩ bình đẳng quán vô dư giải thoát cố danh Như Lai 以平等觀無餘解脫故名如來; Pāli: anupādā vimutto... Tathāgato, Như Lai được giải thoát vô dư; giải

"Đó gọi là, còn có pháp khác, là ánh sáng của đại pháp sâu xa vi diệu, để cho đệ tử Hiền thánh có thể tán thán Như Lai một cách chơn thật, bình đẳng.

"Lại còn có pháp khác, là ánh sáng của đại pháp sâu xa vi diệu, để cho đệ tử Hiền thánh có thể tán thán Như Lai một cách chơn thật, bình đẳng[42]. Đó là pháp gì?

"Một số Sa-môn, Bà-la-môn y bổn kiếp bổn kiến đề lên luận thuyết rằng 'Bản ngã và thế gian, một nửa thường và một nửa vô thường.[43] ' Các Sa-môn, Bà-la-môn nào nhân đó đối với bổn kiếp bổn kiến chủ trương bản ngã và thế gian một nửa thường và một nửa vô thường, đều thuộc trong bốn trường hợp này; chừng ấy không hơn.

"Hoặc có một thời gian, kiếp này bắt đầu thành tựu[44]. Một số chúng sanh khác phước hết, mạng dứt, hành dứt, từ trời Quang âm[45] mạng chung sanh vào Phạm thiên trống không[46], tức thì đối với nơi ấy sanh tâm yêu thích, lại ước nguyện có các chúng sanh khác cùng sanh đến chỗ này. Chúng sanh này sau khi sanh tâm yêu thích và có ước nguyện như vậy rồi, lại có các chúng sanh khác mà mạng, hành và phước đều hết, chết ở trời Quang âm sanh đến Phạm thiên trống không. Chúng sanh này bèn nghĩ: 'Ở đây, ta là Phạm, Đại phạm. Ta tự nhiên hiện hữu, không có ai tạo ra ta. Ta biết hết thảy nghĩa điển[47]. Ta tự tại trong một ngàn thế giới, là tôn quý bậc nhất, có khả năng biến hóa, vi diệu bậc nhất. Là cha của chúng sanh, riêng mình ta hiện hữu trước nhất. Chúng sanh sanh ra sau này đều do ta hóa thành[48].' Chúng sanh

---

thoát không còn chấp thủ (như lửa tắt hoàn toàn không còn nhiên liệu).

42. Chơn thật bình đẳng 真實平等; Pāli: yathābhuccaṃ sammā. Bản Hán đọc là sama, ngang bằng, thay vì sammā, một cách chơn chánh.

43. Hán: bán thường bán vô thường 半常半無常; Pāli: ekaccaṃ sassataṃ ekaccaṃ asassataṃ, một bộ phận thường, một bộ phận không thường.

44. Đối chiếu Pāli, Dig i. 1 tr.17: kadāci karahaci.... ayaṃ loko vivaṭṭati, vào một lúc, thế giới này chuyển thành. Trong bản Pāli, trước đoạn này có một đoạn nói về kiếp hoại (kadāci karahahi... ayaṃ loko saṃvaṭṭati).

45. Quang âm thiên 光音天, tầng cao nhất của Nhị thiền thiên; Pāli: Ābhassara.

46. Tham chiếu Pāli, sđd.: tr.17: Vivaṭṭamāne loke sūññaṃ Brahma-vimānaṃ pātu-bhavati, trong khi thế giới chuyển thành, cung điện Phạm thiên trống không hiện ra.

47. Nghĩa điển 義典, có lẽ muốn nhắc đến Arthaśāstra. Pāli không có chi tiết này.

48. "Ở đây, ta là Phạm,... do ta hóa thành;" tham chiếu Pāli, sđd. nt.: Ahaṃ asmi Brahmā Mahā-brahmā abhibhū anabhibhūto aññad-atthu-daso vasavattī issaro

sanh đến sau kia lại có ý nghĩ như vầy: 'Vị kia là Đại phạm. Vị kia có khả năng tự tạo, không có ai là người sáng tạo ra vị ấy. Ngài biết rõ hết nghĩa điển; tự tại trong một ngàn thế giới, tôn quý bậc nhất, có khả năng biến hóa, vi diệu bậc nhất. Là cha của chúng sanh, riêng vị ấy hiện hữu trước nhất. Chúng ta hiện hữu sau. Chúng sanh chúng ta đều do vị ấy hóa thành.' Chúng sanh ở Phạm thiên kia khi mạng và hành đã hết bèn sanh đến thế gian; tuổi lớn dần, cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia tu đạo, nhập định ý tam-muội, tùy tam-muội tâm, tự mình biết được đời trước, bèn nói như vầy: 'Đại phạm kia có khả năng tự tạo; không do ai tạo ra. Ngài biết hết nghĩa điển, tự tại trong một ngàn thế giới, là tôn quý bậc nhất, có khả năng biến hóa, vi diệu bậc nhất. Là cha của chúng sanh, thường trú bất biến. Nhưng các chúng sanh do Phạm thiên kia sáng tạo như chúng ta, chúng ta thì vô thường biến dịch, không tồn tại lâu dài. Vì vậy biết rằng bản ngã và thế gian nửa thường và nửa vô thường. Đây là thật, ngoài ra là dối.' Đó là trường hợp thứ nhất. Sa-môn, Bà-la-môn nhân đó y bổn kiếp bổn kiến đề khởi luận thuyết nửa thường nửa vô thường, thuộc trong bốn trường hợp, chừng ấy không hơn.

"Hoặc có chúng sanh[49] thích vui đùa, biếng nhác, mãi mãi[50] vui đùa lấy làm thỏa thích. Kia khi vui đùa thỏa thích, thân thể mệt mỏi, bèn thất ý[51]. Do thất ý mà mạng chung, sanh đến thế gian; tuổi lớn dần, cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia tu đạo, nhập định ý tam-muội, từ tam-muội tâm, tự mình biết được đời trước, bèn nói như vầy: 'Các chúng sanh còn lại kia do không vui đùa thỏa thích nhiều nên thường trú ở chỗ kia. Ta do vui đùa thỏa thích nhiều nên phải chịu vô thường, là pháp biến dịch. Vì vậy, ta biết rằng: bản ngã và thế gian nửa thường nửa vô thường. Đây là thật, ngoài ra là dối.' Đó là trường hợp thứ hai; Sa-môn Bà-la-môn nhân đó đối với bổn kiếp bổn kiến đề khởi luận thuyết rằng bản ngã và thế giới nửa thường nửa vô thường; thuộc trong

---

kattā nimmātā seṭṭho sañjitā vasī pitā bhūta-bhavyānaṃ. Mayā ime sattā nimmitā, "Ta là Phạm thiên, Đại phạm thiên. đấng Toàn năng, Toàn thắng, Phổ kiến, đấng Quan phòng, đấng Tự tại, đấng Sáng tạo, Hóa sanh chủ, Chí tôn, Chúa tể mọi loài, Cha của những ai đã sanh và sẽ sanh. Các hữu tình này do ta sáng tạo."

49. Chỉ chúng sanh trên cõi Phạm thiên; Pāli: Khiḍḍā-padosika namā devā, có hạng chư Thiên được gọi là Đam mê Hỷ tiếu.

50. Hán: sác sác 數數; Pāli: ativelaṃ, quá lâu dài.

51. Pāli: sati mussati, thất niệm, mất chánh niệm, xao lãng.

bốn trường hợp. Chừng ấy không hơn.

"Hoặc có chúng sanh sau khi nhìn ngó nhau, liền thất ý[52]. Do thất ý mà mạng chung, sanh đến thế gian; tuổi lớn dần, cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia tu đạo, nhập định ý tam-muội, tùy tam-muội tâm, tự mình biết được đời trước, bèn nói như vầy: 'Các chúng sanh còn lại kia do không nhìn ngó nhau nên không thất ý. Vì vậy, chúng thường trú bất biến. Chúng ta vì nhiều lần nhìn ngó nhau; sau khi nhìn ngó nhau nhiều lần liền thất ý, khiến cho phải vô thường, là pháp biến dịch. Ta vì vậy biết rằng bản ngã và thế gian nửa thường nửa vô thường. Đây là thật, ngoài ra là dối.' Đó là trường hợp thứ ba, các Sa-môn, Bà-la-môn nhân đó y bổn kiếp bổn kiến đề xuất luận thuyết rằng bản ngã và thế giới nửa thường nửa vô thường; thuộc trong bốn trường hợp. Chừng ấy không hơn.

"Hoặc có Sa-môn, Bà-la-môn, là người có trí tuệ nhạy bén, có năng lực quán sát khéo và bằng trí tuệ quán sát nhạy bén ấy và bằng trí biện thuyết của mình, tuyên bố rằng: 'Bản ngã và thế gian nửa thường nửa vô thường.' Đó là quan điểm thứ tư, Sa-môn, Bà-la-môn nhân đó y bổn kiếp bổn kiến chủ trương 'bản ngã và thế gian thường tồn', thuộc trong bốn trường hợp. Chừng ấy không hơn.

"Duy chỉ Như Lai biết rõ những cơ sở quan điểm này được nắm bắt như vậy, được giữ chặt như vậy và cũng biết sẽ có báo ứng như vậy. Sở tri của Như Lai vượt qua những thứ ấy. Tuy biết nhưng không bị dính mắc. Do không bị dính mắc nên được tịch diệt; biết sự tập khởi của thọ; biết sự diệt tận, vị ngọt, sự tai hại và sự xuất yếu của thọ, do bình đẳng quán mà được vô dư giải thoát, vì vậy được gọi là Như Lai.

"Đó gọi là, còn có pháp khác, là ánh sáng của đại pháp sâu xa vi diệu, để cho đệ tử Hiền thánh có thể tán thán Như Lai một cách chơn thật, bình đẳng.

"Lại còn có pháp khác, là ánh sáng của đại pháp sâu xa vi diệu, để cho đệ tử Hiền thánh có thể tán thán Như Lai một cách chơn thật, bình đẳng. Đó là pháp gì?

"Một số Sa-môn, Bà-la-môn y bổn kiếp bổn kiến đề lên luận

---

52. Tham chiếu Pāli, Dig I. 1, tr.19: Santi Mano-pasodikā nāma devā. Te ativelaṃ aññamaññaṃ upanijjhāyanti (...) cittāni nappadūsenti, có những chư Thiên được gọi là Ý nhiễm (Manopasodika). Chúng nhìn ngắm nhau lâu ngày... tâm chúng bị nhiễm ô với nhau.

thuyết rằng 'Bản ngã và thế gian là hữu biên và vô biên'.[53] Các Sa-môn, Bà-la-môn nào nhân đó y bổn kiếp bổn kiến chủ trương bản ngã và thế gian hữu biên và vô biên, thuộc trong bốn trường hợp. Chừng ấy không hơn.

"Hoặc có Sa-môn, Bà-la-môn, bằng vô số phương tiện, nhập định ý tam-muội. Với tam-muội tâm, khởi lên vô biên tưởng[54], vị ấy nói rằng: 'Thế gian là hữu biên[55]. Đây là thật, ngoài ra là dối. Vì sao? Ta bằng vô số phương tiện nhập định ý tam-muội. Với tam-muội tâm, quán sát thấy rằng thế gian có biên tế. Vì vậy biết rằng thế gian là hữu biên. Đây là thật, ngoài ra là dối.' Đó là trường hợp thứ nhất, Sa-môn, Bà-la-môn nhân đó y bổn kiếp bổn kiến đề xướng luận thuyết rằng bản ngã và thế giới hữu biên, thuộc trong bốn trường hợp. Chừng ấy không hơn.

"Hoặc có Sa-môn, Bà-la-môn, bằng vô số phương tiện, nhập định ý tam-muội. Với tam-muội tâm, khởi lên vô biên tưởng, vị ấy nói rằng: 'Thế gian là vô biên. Đây là thật, ngoài ra là dối. Vì sao? Ta bằng vô số phương tiện nhập định ý tam-muội. Với tam-muội tâm, quán sát thấy rằng thế gian không có biên tế. Vì vậy biết rằng thế gian là hữu biên. Đây là thật, ngoài ra là dối.' Đó là trường hợp thứ hai, Sa-môn, Bà-la-môn nhân đó y bổn kiếp bổn kiến đề xướng luận thuyết rằng bản ngã và thế giới vô biên, thuộc trong bốn trường hợp. Chừng ấy không hơn.

"Hoặc có Sa-môn, Bà-la-môn, bằng vô số phương tiện, nhập định ý tam-muội. Với tam-muội tâm, quán sát thế gian, thấy rằng phương trên có biên, bốn phương không có biên[56], vị ấy nói rằng: 'Thế gian vừa hữu biên vừa vô biên. Đây là thật, ngoài ra là dối. Vì sao? Ta bằng vô số phương tiện nhập định ý tam-muội. Với tam-muội tâm, quán sát thấy phương trên có biên còn bốn phương không có biên. Vì vậy biết rằng thế gian vừa hữu biên

---

53. Hán: Ngã cập thế gian hữu biên vô biên 我及世間有邊無邊. Các bản Hán đều có chữ ngã. Theo văn mạch tiếp theo, chữ này dư. Tham chiếu Pāli, Dig i. 1, tr.1: antānantikā antānantaṃ lokassa paññapenti, họ chủ trương thế giới hữu biên, vô biên.

54. Hán: khởi vô biên tưởng 起無邊想; Pāli, sđd. nt.: anta-saññī lokasmiṃ viharati, vị ấy sống trong thế gian với ý tưởng hữu biên.

55. Pāli, sđd. nt.: antavā ayaṃ loko parivaṭumo, thế giới này có biên tế, có giới hạn (có đường viền chung quanh).

56. Pāli, Dig i. 1 tr.22: uddham-addho anta-saññī lokasmiṃ viharti, tiriyaṃ ananta-saññī, vị ấy sống trong thế gian với ý tưởng phía trên và phía dưới hữu biên; chiều ngang vô biên.

vừa vô biên. Đây là thật, ngoài ra là dối.' Đó là trường hợp thứ ba, Sa-môn, Bà-la-môn nhân đó y bổn kiếp bổn kiến đề xướng luận thuyết rằng bản ngã và thế giới vô biên, thuộc trong bốn trường hợp. Chừng ấy không hơn.

"Hoặc có Sa-môn, Bà-la-môn, là người có trí tuệ nhạy bén, có năng lực quán sát khéo, rồi bằng trí tuệ quán sát nhạy bén và bằng trí biện thuyết của mình, tuyên bố rằng: 'Bản ngã và thế gian không phải hữu biên, không phải vô biên.' Đó là trường hợp thứ tư, Sa-môn, Bà-la-môn nhân đó y bổn kiếp bổn kiến chủ trương 'bản ngã và thế gian hữu biên hay vô biên', thuộc trong bốn trường hợp. Chừng ấy không hơn.

"Duy chỉ Như Lai biết rõ những cơ sở quan điểm này được nắm bắt như vậy, được giữ chặt như vậy và cũng biết sẽ có báo ứng như vậy. Sở tri của Như Lai vượt qua những thứ ấy. Tuy biết nhưng không bị dính mắc. Do không bị dính mắc nên được tịch diệt; biết sự tập khởi của thọ; biết sự diệt tận, vị ngọt, sự tai hại và sự xuất yếu của thọ, do bình đẳng quán mà được vô dư giải thoát, vì vậy được gọi là Như Lai.

"Đó gọi là, còn có pháp khác, là ánh sáng của đại pháp sâu xa vi diệu, để cho đệ tử Hiền thánh có thể tán thán Như Lai một cách chơn thật, bình đẳng.

"Lại còn có pháp khác, là ánh sáng của đại pháp sâu xa vi diệu, để cho đệ tử Hiền thánh có thể tán thán Như Lai một cách chơn thật, bình đẳng. Đó là pháp gì?

"Có các Sa-môn, Bà-la-môn, y bổn kiếp bổn kiến, được hỏi khác nhưng trả lời khác[57]. Những vị ấy mỗi khi có người hỏi điều này hay điều khác, được hỏi khác, trả lời khác[58], thuộc trong bốn trường hợp. Chừng ấy không hơn. Các Sa-môn, Bà-la-môn nhân đó y bổn kiếp bổn kiến, hỏi khác đáp khác, thuộc trong bốn trường hợp. Chừng ấy không hơn.

"Hoặc có Sa-môn, Bà-la-môn có luận thuyết như vầy, quan điểm như vầy: 'Tôi không thấy, không biết, thiện ác có quả báo chăng? không có quả báo chăng?'[59] Vì tôi không thấy, không biết nên nói như

---

57. Hán: dị vấn dị đáp; Pāli: amarā-vikkhepika, nhà ngụy biện (uốn lượn trườn lươn).

58. Pāli, sđd.: tr.24: tattha tattha pañhaṃ puṭṭhā samānā vācā-vikkhepaṃ āpajjanti, khi được hỏi vấn đề này hay vấn đề khác, họ rơi vào tình trạng uốn lượn lời nói.

59. Hán: thiện ác hữu báo da, vô báo da? 善惡有報耶無報耶. Tham chiếu Pāli, Dig i. 1 tr.25: Atthi sukata-dukkatānaṃ kammānaṃ phalaṃ vipāko? Có quả dị thục của nghiệp thiện và bất thiện chăng? Câu hỏi có bốn vế: có, không có, vừa có vừa không có, không phải có cũng không phải không có. Trong bản Pāli, đây

vầy: 'Thiện ác có quả báo chăng? không có quả báo chăng? Thế gian có những Sa-môn, Bà-la-môn quảng bác, đa văn, thông minh, trí tuệ, thường ưa nhàn tĩnh, cơ biện tinh vi, được người đời tôn trọng, có thể bằng trí tuệ phân tích khéo léo các quan điểm. Giả sử họ hỏi tôi những nghĩa lý sâu sắc, tôi không thể đáp. Vì thẹn với vị ấy; vì sợ vị ấy, tôi phải dựa vào sự trả lời ấy làm chỗ quy y, làm hòn đảo, làm mái nhà, làm cứu cánh đạo. Giả sử kia có hỏi, tôi sẽ đáp như vầy: 'Việc này như thế. Việc này là thật. Việc này khác. Việc này không khác. Việc này không phải khác, không phải không khác.' Đó là trường hợp thứ nhất, Sa-môn, Bà-la-môn nhân đó hỏi khác đáp khác, thuộc trong bốn trường hợp. Chừng ấy không hơn.

---

không chỉ một vế của một câu hỏi về quả báo của thiện và ác. Nhưng có bốn vấn đề với bốn vế: thế giới khác (paro loko), hóa sanh hữu tình (sattā opapātikā), thiện ác nghiệp báo (sukata-dukkatānaṃ kammānaṃ phalaṃ vipāko), Như Lai sau khi chết (Tathāgato param maraṇā). Trong bản Pāli, đây là trường hợp thứ tư, thuyết của những người ngu si ám độn (mando momūho).

"Hoặc có Sa-môn, Bà-la-môn có luận thuyết như vầy, quan điểm như vầy: 'Tôi không thấy, không biết có thế giới khác chăng? Không có thế giới khác chăng?[1] Trong đời có các Sa-môn, Bà-la-môn, bằng thiên nhãn trí, tha tâm trí, có thể thấy những việc xa xôi. Những việc ấy tuy gần người khác nhưng người khác không thấy. Những người như vậy có thể biết có thế giới khác hay không có thế giới khác. Tôi không biết, không thấy có thế giới khác hay không có thế giới khác. Nếu tôi nói, thì đó là nói dối. Vì ghét nói dối, sợ nói dối[2]. Vì vậy, để làm chỗ quy y, làm hòn đảo, làm mái nhà, làm cứu cánh đạo, giả sử kia có hỏi, tôi sẽ đáp như vầy: 'Việc này như vậy. Việc này là thật. Việc này khác. Việc này không khác. Việc này không phải khác, không phải không phải không khác.' Đó là trường hợp thứ hai, Sa-môn, Bà-la-môn nhân đó hỏi khác đáp khác, thuộc trong bốn trường hợp. Chừng ấy không hơn.

"Hoặc có Sa-môn, Bà-la-môn có quan điểm như vầy, có luận thuyết như vầy: 'Tôi không thấy, không biết thiện là gì, bất thiện là gì. Nếu tôi không thấy, không biết mà nói như vầy: đây là thiện, đây là bất thiện, thì do đây tôi sanh ái, từ ái sanh sân nhuế. Có ái, có nhuế, thì có thọ[3] sanh. Tôi vì muốn diệt trừ thọ nên xuất gia tu hành.' Kia do ghét thọ, kinh sợ thọ[4]. Vì để làm chỗ quy y, làm hòn đảo, làm mái nhà, làm cứu cánh đạo, nên giả sử kia có hỏi, tôi sẽ trả lời như vầy: 'Việc này như vậy. Việc này là thật. Việc này khác. Việc này không khác. Việc này không phải khác, không phải không khác.' Đó là trường hợp thứ ba, Sa-môn, Bà-la-môn nhân đó hỏi khác đáp khác, thuộc trong bốn trường hợp. Chừng ấy không hơn.

"Hoặc có Sa-môn, Bà-la-môn ngu si ám độn[5], khi có người hỏi, thì tùy theo người hỏi mà trả lời rằng: 'Việc này như vậy. Việc này là thật. Việc này khác. Việc này không khác. Việc này không phải khác, không phải không khác.' Đó là trường hợp thứ tư, Sa-môn, Bà-la-môn nhân đó hỏi khác

---

1. Xem chú thích 59.

2. Hán: ố úy vọng ngữ 惡畏妄語. Pāli, Dig i. 1, tr.24: musā-vāda-bhayā musā-vāda-parijegucchā, vì sợ vọng ngữ, kinh tởm vọng ngữ. Trong bản Pāli, đây thuộc trường hợp thứ nhất, được hỏi thiện, ác là gì.

3. Thọ 受, tức thủ 取 (Pāli: upādāna), chỉ yếu tố duy trì sự sống, hay sở y của tái sanh (chấp thủ, trong mười hai chi duyên khởi).

4. Pāli, sđd. nt.: upādāna-bhayā upādāna-parijegucchā.

5. Xem cht. 59.

đáp khác, thuộc trong bốn trường hợp. Chừng ấy không hơn.

"Hoặc có Sa-môn, Bà-la-môn, y bổn kiếp bổn kiến, hỏi khác đáp khác, tất cả thuộc trong bốn trường hợp. Chừng ấy không hơn.

"Duy chỉ Phật mới có thể biết rõ những cơ sở quan điểm này được nắm bắt như vậy, được giữ chặt như vậy và cũng biết sẽ có báo ứng như vậy. Sở tri của Như Lai vượt qua những thứ ấy. Tuy biết nhưng không bị dính mắc. Do không bị dính mắc nên được tịch diệt; biết sự tập khởi của thọ; biết sự diệt tận, vị ngọt, sự tai hại và sự xuất yếu của thọ, do bình đẳng quán mà được vô dư giải thoát, vì vậy được gọi là Như Lai.

"Đó gọi là, còn có pháp khác, là ánh sáng của đại pháp sâu xa vi diệu, để cho đệ tử Hiền thánh có thể tán thán Như Lai một cách chơn thật, bình đẳng.

"Lại còn có pháp khác, là ánh sáng của đại pháp sâu xa vi diệu, để cho đệ tử Hiền thánh có thể tán thán Như Lai một cách chơn thật, bình đẳng. Đó là pháp gì?

"Có các Sa-môn, Bà-la-môn, y bổn kiếp bổn kiến, chủ trương rằng không có nguyên nhân mà xuất hiện có thế gian này. Chủ trương ấy thuộc hai trường hợp. Y bổn kiếp bổn kiến, chủ trương vô nhân mà xuất hiện có thế gian này[6], thuộc trong hai trường hợp. Chừng ấy không hơn.

"Sa-môn, Bà-la-môn kia nhân sự kiện gì, y bổn kiếp bổn kiến, chủ trương vô nhân mà có, thuộc trong hai trường hợp, chừng ấy không hơn?

"Có hạng chúng sanh vô tưởng, vô tri[7]. Khi chúng sanh kia sanh khởi tưởng, tức thì mạng chung, sanh đến thế gian này; rồi dần dần khôn lớn, cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia tu đạo, nhập định ý tam-muội. Bằng tam-muội tâm mà biết được gốc đời trước của mình, vị ấy bèn nói như vầy: 'Tôi vốn không có. Nay bỗng nhiên có[8]. Thế gian này vốn không, nay có. Đây là thật, ngoài ra là dối.' Đó là trường hợp thứ nhất, các Sa-môn, Bà-la-môn nhân đó, y bổn kiếp bổn kiến, chủ trương không nhân

---

6. Hán: vô nhân nhi xuất hữu thử thế gian 無因而出有此世間; Pāli: adhicca-samuppannaṃ attānañ ca lokañ ca paññāpenti, chủ trương bản ngã và thế gian xuất hiện không do nguyên nhân nào.

7. Pāli, Dig i. 1, tr.26: Asañña-sattā nāma devā, có chư Thiên được gọi là vô tưởng hữu tình.

8. Pāli, sđd. nt.: Ahaṃ hi pubbe nāhosiṃ, so'mhi etarahi ahutvā sattattāya pariṇato, tôi trước kia không hiện hữu, nhưng nay từ không hiện hữu, tôi biến hiện thành chúng sanh.

mà có, thuộc trong hai trường hợp, chừng ấy không hơn.

"Hoặc có Sa-môn, Bà-la-môn có trí tuệ nhạy bén, có khả năng quán sát khéo léo. Vị ấy bằng trí tuệ quán sát nhạy bén, bằng trí tuệ biện luận của mình, nói như vầy: 'Thế gian này hiện hữu không do nhân. Đây là thật, ngoài ra là dối.' Đó là trường hợp thứ hai, các Sa-môn, Bà-la-môn nhân đó, y bổn kiếp bổn kiến, chủ trương không nhân mà hiện hữu, mà có thế gian này, thuộc trong hai trường hợp, chừng ấy không hơn.

"Duy chỉ Phật mới có thể biết... (như trên).

"Các Sa-môn, Bà-la-môn, y bổn kiếp bổn kiến, với vô số trường hợp khác nhau, mỗi người tùy ý lập thuyết; tất cả được thâu tóm trong mười tám trường hợp. Bổn kiếp bổn kiến, với vô số trường hợp, tùy ý lập thuyết, thuộc trong mười tám trường hợp, chừng ấy không hơn. Duy chỉ Phật mới có thể biết... (như trên).

"Lại có pháp khác, là ánh sáng của đại pháp vi diệu, thâm sâu. Đó là pháp gì? Có các Sa-môn, Bà-la-môn, y mạt kiếp mạt kiến[9], với vô số trường hợp, tùy ý lập thuyết, gồm bốn mươi bốn trường hợp, chừng ấy không hơn.

"Các Sa-môn, Bà-la-môn kia, nhân sự kiện gì, y mạt kiếp mạt kiến, với vô số trường hợp, tùy lý lập thuyết, thuộc trong bốn mươi bốn trường hợp, chừng ấy không hơn?

"Có các Sa-môn, Bà-la-môn, y mạt kiếp mạt kiến, sanh hữu tưởng luận[10], nói rằng thế gian có tưởng[11], tất cả thuộc trong mười sáu trường hợp. Y mạt kiếp mạt kiến, sanh hữu tưởng luận, nói rằng thế gian có tưởng, thuộc trong mười sáu trường hợp, chừng ấy không hơn.

"Các Sa-môn, Bà-la-môn kia, nhân sự kiện gì, y mạt kiếp mạt kiến, sanh tưởng luận, nói rằng thế gian có tưởng, thuộc trong mười sáu trường hợp, chừng ấy không hơn?

"Có các Sa-môn, Bà-la-môn có luận thuyết như vầy, có quan điểm như vầy: 'Ta[12], sau kết thúc này, sanh có tưởng có sắc. Đây là

---

9. Xem cht. 26.

10. Hữu tưởng luận 有想論; Pāli: saññī-vādā.

11. Pāli: uddhaṃ āghatanā saññiṃ attānaṃ paññāpeti, chủ trương sau khi chết bản ngã có tưởng; linh hồn vẫn có tri giác hay ý thức sau khi chết.

12. Hán: ngã 我, chỉ bản ngã hay tự ngã, ở đây chỉ linh hồn.

thật, ngoài ra là dối.'[72] Đó là trường hợp thứ nhất, các Sa-môn, Bà-la-môn nhân đó, y bổn kiếp bổn kiến, sanh tưởng luận, nói thế gian có tưởng, thuộc trong mười sáu luận chấp, chừng ấy không hơn.

"Có người nói: 'Ta, sau kết thúc này, sanh vô sắc có tưởng. Đây là thật, ngoài ra là dối.'

"Có người nói: 'Ta, sau kết thúc này, sanh vừa có sắc vừa không sắc, có tưởng. Đây là thật, ngoài ra là dối.'

"Có người nói: 'Ta, sau kết thúc này, sanh không phải có sắc không phải vô sắc, có tưởng. Đây là thật, ngoài ra là dối.'

"Có người nói: 'Ta, sau kết thúc này, sanh có biên[13], có tưởng. Đây là thật, ngoài ra là dối.'

"Có người nói: 'Ta, sau kết thúc này, sanh không biên, có tưởng. Đây là thật, ngoài ra là dối.'

"Có người nói: 'Ta, sau kết thúc này, sanh vừa có biên vừa không biên, có tưởng. Đây là thật, ngoài ra là dối.'

"Có người nói: 'Ta, sau kết thúc này, sanh không phải có biên cũng không phải không biên, có tưởng. Đây là thật, ngoài ra là dối.'

"Có người nói: 'Ta, sau kết thúc này, sanh mà thuần lạc, có tưởng[14]. Đây là thật, ngoài ra là dối.'

"Có người nói: 'Bản ngã, sau kết thúc này, sanh mà thuần khổ, có tưởng[15]. Đây là thật, ngoài ra là dối.'

"Có người nói: 'Bản ngã, sau kết thúc này, sanh vừa có khổ vừa có lạc, có tưởng. Đây là thật, ngoài ra là dối.'

"Có người nói: 'Ta, sau kết thúc này, sanh không phải khổ, không phải lạc, có tưởng. Đây là thật, ngoài ra là dối.'

"Có người nói: 'Ta, sau kết thúc này, sanh có một tưởng[16]. Đây là thật, ngoài ra là dối.'

"Có người nói: 'Ta, sau kết thúc này, sanh có đa biệt tưởng[17]. Đây là

---

13. Hán: sanh hữu biên hữu tưởng 生有邊有想. Pāli, Dig i. 1, tr.28: Antavā hoti... saññī, bản ngã (linh hồn) là hữu biên (hữu hạn).

14. Hán: sanh nhi nhất hướng lạc hữu tưởng 生而一向樂有想; Pāli: Ekanta-sukhī..., bản ngã (linh hồn) thuần lạc.

15. Pāli: Ekanta-dukkhī attā, bản ngã thuần khổ.

16. Hán: sanh nhất tưởng 生一想; Pāli: Ekatta-saññī attā hoti, bản ngã chỉ có một tưởng.

17. Hán: hữu nhược can tưởng 有若干想; Pāli: Nānatta-saññī attā hoti, bản ngã có

thật, ngoài ra là dối.'

"Có người nói: 'Ta, sau kết thúc này, sanh có ít tưởng[18]. Đây là thật, ngoài ra là dối.'

"Có người nói: 'Ta, sau kết thúc này, sanh có vô lượng tưởng[19]. Đây là thật, ngoài ra là dối.'

"Đó là mười sáu trường hợp, các Sa-môn, Bà-la-môn nhân đó, y mạt kiếp mạt kiến, sanh tưởng luận, nói thế gian có tưởng, thuộc trong mười sáu trường hợp, chừng ấy không hơn.

"Duy chỉ Phật mới có thể biết, cũng như vậy... (như trên).

"Lại có pháp khác, là ánh sáng của đại pháp vi diệu, thâm sâu. Đó là pháp gì? Có các Sa-môn, Bà-la-môn, y mạt kiếp mạt kiến, sanh vô tưởng luận[20], nói thế gian không có tưởng. Tất cả thuộc vào trong tám trường hợp. Y mạt kiếp mạt kiến, sanh vô tưởng luận, thuộc trong tám trường hợp này, chừng ấy không hơn.

"Các Sa-môn, Bà-la-môn kia, nhân sự kiện gì, y mạt kiếp mạt kiến, sanh vô tưởng luận, nói thế gian không có tưởng, thuộc trong tám trường hợp, chừng ấy không hơn?

"Có các Sa-môn, Bà-la-môn, luận thuyết như vầy, quan điểm như vầy: 'Ta, sau kết thúc này, sanh có sắc không có tưởng. Đây là thật, ngoài ra là dối.'

"Có người nói: 'Ta, sau kết thúc này, sanh không sắc, không tưởng. Đây là thật, ngoài ra là dối.'

"Có người nói: 'Ta, sau kết thúc này, sanh vừa có sắc vừa không sắc, không có tưởng. Đây là thật, ngoài ra là dối.'

"Có người nói: 'Ta, sau kết thúc này, không phải có sắc cũng không phải không có sắc, không có tưởng. Đây là thật, ngoài ra là dối.'

"Có người nói: 'Ta, sau kết thúc này, sanh có biên, không có tưởng. Đây là thật, ngoài ra là dối.'

---

tưởng sai biệt.

18. Hán: hữu thiểu tưởng 有少想; Pāli: Parittā-saññī attā hoti, bản ngã có tưởng hạn lượng.

19. Hán: hữu vô lượng tưởng 有無量想; Pāli: appamāṇā-saññī attā hoti, bản ngã có vô lượng tưởng.

20. Vô tưởng luận 無想論; Pāli: uddhaṃ āghatanikā asaññī-vādā, chủ trương sau khi chết không có tưởng.

"Có người nói: 'Ta, sau kết thúc này, sanh không có biên, không có tưởng. Đây là thật, ngoài ra là dối.'

"Có người nói: 'Ta, sau kết thúc này, sanh vừa có biên vừa không có biên, không có tưởng. Đây là thật, ngoài ra là dối.'

"Có người nói: 'Ta, sau kết thúc này, sanh không phải có biên không phải không có biên, không có tưởng. Đây là thật, ngoài ra là dối.'

"Đó là tám trường hợp. Nếu có Sa-môn, Bà-la-môn nhân đó, y mạt kiếp mạt kiến, sanh vô tưởng luận, nói thế gian không có tưởng; tất cả thuộc trong tám trường hợp, chừng ấy không hơn.

"Duy chỉ Phật mới có thể biết, cũng vậy (như trên).

"Lại có pháp khác, là ánh sáng của đại pháp vi diệu, sâu xa. Đó là pháp gì? Hoặc có Sa-môn, Bà-la-môn, y mạt kiếp mạt kiến, sanh phi tưởng phi phi tưởng luận[21], nói thế gian không phải có tưởng không phải không có tưởng. Tất cả thuộc trong tám trường hợp. Y mạt kiếp mạt kiến, chủ trương phi tưởng phi phi tưởng luận, thuộc trong tám trường hợp, chừng ấy không hơn.

"Sa-môn, Bà-la-môn kia, nhân sự kiện gì, y mạt kiếp mạt kiến, chủ trương phi tưởng phi phi tưởng luận, thuộc trong tám trường hợp, chừng ấy không hơn?

"Có Sa-môn, Bà-la-môn luận thuyết như vầy, quan điểm như vầy: 'Ta, sau kết thúc này, sanh có sắc, không phải có tưởng không phải không có tưởng. Đây là thật, ngoài ra là dối.'

"Có Sa-môn, Bà-la-môn luận thuyết như vầy, quan điểm như vầy: 'Ta, sau kết thúc này, sanh không sắc, không phải có tưởng không phải không có tưởng. Đây là thật, ngoài ra là dối.'

"Có Sa-môn, Bà-la-môn luận thuyết như vầy, quan điểm như vầy: 'Ta, sau kết thúc này, sanh vừa có sắc vừa không sắc, không phải có tưởng không phải không có tưởng. Đây là thật, ngoài ra là dối.'

"Có Sa-môn, Bà-la-môn luận thuyết như vầy, quan điểm như vầy: 'Ta, sau kết thúc này, sanh không phải có sắc không phải không sắc, không phải có tưởng không phải không có tưởng. Đây là thật, ngoài ra là dối.'

"Có Sa-môn, Bà-la-môn luận thuyết như vầy, quan điểm như vầy:

---

21. Pāli: n'evasaṇṇī-nāsaññī-vādā.

'Ta, sau kết thúc này, sanh có biên, không phải có tưởng không phải không có tưởng. Đây là thật, ngoài ra là dối.'

"Có Sa-môn, Bà-la-môn luận thuyết như vầy, quan điểm như vầy: 'Ta, sau kết thúc này, sanh không có biên, không phải có tưởng không phải không có tưởng. Đây là thật, ngoài ra là dối.'

"Có Sa-môn, Bà-la-môn luận thuyết như vầy, quan điểm như vầy: 'Ta, sau kết thúc này, sanh vừa có biên vừa không có biên, không phải có tưởng không phải không có tưởng. Đây là thật, ngoài ra là dối.'

"Có Sa-môn, Bà-la-môn luận thuyết như vầy, quan điểm như vầy: 'Ta, sau kết thúc này, sanh không phải có biên không phải không có biên, không phải có tưởng không phải không có tưởng. Đây là thật, ngoài ra là dối.'

"Đó là tám trường hợp. Nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào nhân đó, y mạt kiếp mạt kiến, sanh phi hữu tưởng phi vô tưởng, nói thế gian không phải có tưởng không phải không có tưởng, thảy đều thuộc trong tám trường hợp, chừng ấy không hơn.

"Duy chỉ Phật mới có thể biết, cũng vậy... như trên.

"Lại có pháp khác, là ánh sáng của pháp vi diệu, sâu xa. Pháp đó là gì? Có các Sa-môn, Bà-la-môn, y mạt kiếp mạt kiến, khởi lên đoạn diệt luận[22], nói rằng chúng sanh hoàn toàn đoạn diệt; tất cả thuộc trong bảy trường hợp. Y mạt kiếp mạt kiến, khởi đoạn diệt luận, nói rằng chúng sanh hoàn toàn đoạn diệt, thuộc trong bảy trường hợp, chừng ấy không hơn.

"Sa-môn, Bà-la-môn kia, nhân sự kiện gì, y mạt kiếp mạt kiến, khởi đoạn diệt luận, nói chúng sanh hoàn toàn đoạn diệt, thuộc trong bảy trường hợp, chừng ấy không hơn?

"Có Sa-môn, Bà-la-môn luận thuyết như vầy, quan điểm như vầy: 'Ta[23], với thân bốn đại, sáu nhập, do cha mẹ sanh, được nuôi nấng bằng

---

22. Đoạn diệt luận 斷滅論, một dạng chủ nghĩa hư vô, chủ trương chết là hết; Pāli: uccheda-vādā, sattassa ucchedaṃ vināsaṃ vibhavaṃ, đoạn diệt luận, chúng sanh đoạn diệt, tiêu diệt, không tồn tại.

23. Hán: ngã 我 chỉ tự ngã, hay linh hồn.

sữa; trưởng thành nhờ áo cơm, nhờ vuốt ve, bồng ẳm; nhưng là vô thường, chắc chắn đi đến chỗ hủy diệt.[24]' Cho đến mức ấy, được gọi là đoạn diệt. Đó là trường hợp thứ nhất.

"Hoặc có Sa-môn, Bà-la-môn nói như vầy: 'Cái ta đây không thể gọi là đoạn diệt. Cái ta dục giới thiên[25] mới đoạn diệt hoàn toàn; cho đến mức ấy mới là đoạn diệt.' Đó là trường hợp thứ hai.

"Hoặc có Sa-môn, Bà-la-môn nói như vầy: 'Đấy không phải là đoạn diệt. Ta sắc giới hóa thân, các căn đầy đủ[26], đoạn diệt hoàn toàn; chừng mức ấy mới gọi là đoạn diệt.'

"Hoặc có người nói: 'Đấy không phải là đoạn diệt. Ta vô sắc giới không xứ[27] mới đoạn diệt.'

"Hoặc có người nói: 'Đấy không phải là đoạn diệt. Ta vô sắc thức xứ[28] mới đoạn diệt.'

"Hoặc có người nói: 'Đấy không phải đoạn diệt. Ta vô sắc bất dụng xứ[29] đoạn diệt.'

"Hoặc có người nói: 'Đấy không phải là đoạn diệt. Ta vô sắc hữu tưởng vô tưởng xứ[30] đoạn diệt.' Đó là đoạn diệt thứ bảy.

---

24. Tham chiếu Pāli, D.1, Dig i. 1, tr.30: ayaṃ attā rūpī cātum-mahā-bhutiko mātā-pettika-sambhavo; kayassa bhedā ucchijjati vinassati, na hoti param maraṇā, tự ngã này, thuộc sắc, do bốn đại tạo thành, do cha mẹ sanh, khi bản thân bị rã, thì nó bị đoạn diệt, tiêu diệt.

25. Hán: ngã dục giới thiên 我欲界天. Tham chiếu Pāli: añño attā dibbo rūpī kāmāvacaro kabaliṅkārāhāra-bhakkho, có tự ngã khác, thuộc thiên giới, có sắc, ở dục giới, ăn bằng đoàn thực.

26. Hán: ngã sắc giới hóa thân, chư căn cụ túc 我色界化身諸根具足. Tham chiếu Pāli: añño attā dibbo rūpī manomayo sabbaṅga-paccaṅgī ahīndriyo, có tự ngã khác, thiên giới, có sắc, do ý sanh, có đầy đủ tay chân chi tiết.

27. Tham chiếu Pāli: Atthi añño attā sabbaso rūpa-saññānaṃ samatikkamā paṭigha-saññānaṃ atha-gamā nānatta-saññānaṃ amanasi-kārā 'Ananto okaso' ti ākāsānañcāyatanūpago, có tự ngã khác, vượt sắc tưởng, diệt hữu đối tưởng, không tư duy sai biệt tưởng, nhận ra 'Hư không là vô biên', đạt không vô biên xứ.

28. Tham chiếu Pāli: (...) sabbaso ākāsānañcāyataṃ samapatikkama 'Anantam viññānan' ti viññāṇānañcāyatanūpago, vượt tất cả không vô biên xứ, nhận thức 'Thức là vô biên', đạt thức vô biên xứ.

29. Hán: bất dụng xứ 不用處, tức vô sở hữu xứ; Pāli: akiñcaññāyatana.

30. Hán: hữu tưởng vô tưởng xứ 有想無想處 tức phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ Pāli:

"Đó là bảy trường hợp, các Sa-môn, Bà-la-môn nhân đó, y mạt kiếp mạt kiến, nói các loại chúng sanh đoạn diệt hoàn toàn, thuộc trong bảy trường hợp, chừng ấy không hơn.

"Duy chỉ Phật mới có thể biết, cũng vậy ... (như trên).

"Lại có pháp, là ánh sáng của đại pháp vi diệu, sâu xa. Đó là pháp gì? Có Sa-môn, Bà-la-môn, y mạt kiếp mạt kiến, đề xuất hiện tại Niết-bàn luận[31], nói rằng chúng sanh trong hiện tại có Niết-bàn; thảy đều thuộc trong năm trường hợp. Y mạt kiếp mạt kiến, chủ trương hiện tại Niết-bàn luận, thuộc trong năm kiến, chừng ấy không hơn.

"Sa-môn, Bà-la-môn kia, nhân sự kiện gì, y mạt kiếp mạt kiến, nói rằng chúng sanh trong hiện tại có Niết-bàn, thuộc trong năm trường hợp, chừng ấy không hơn?

"Có Sa-môn, Bà-la-môn, quan điểm như vầy, luận thuyết như vầy: 'Ta trong hiện tại phóng túng theo năm dục[32], ấy là ta đạt Niết-bàn trong hiện tại.' Đó là trường hợp thứ nhất.

"Lại có Sa-môn, Bà-la-môn nói như vầy: 'Đó là hiện tại Niết-bàn, chớ không phải là không đúng. Nhưng còn có Niết-bàn vi diệu bậc nhất mà ngươi không biết; chỉ ta biết mà thôi. Như ta ly dục, ly ác bất thiện pháp, có giác có quán, hỷ lạc do định sanh, nhập Sơ thiền.[33] ' Đây mới là hiện tại Niết-bàn.' Đó là trường hợp thứ hai.

"Lại có Sa-môn, Bà-la-môn nói như vầy: 'Đó là hiện tại Niết-bàn, chớ không phải là không đúng[34]. Nhưng có Niết-bàn hiện tại vi diệu bậc nhất mà ngươi không biết; chỉ mình ta biết mà thôi. Như ta diệt giác quán, nội tâm tịch tĩnh, nhất tâm, không giác quán, hỷ lạc do định sanh, nhập đệ Nhị thiền. Chừng ấy mới gọi là hiện tại Niết-bàn.'

---

nevasaññā-nāsaññā-āyatana.

31. Hiện tại Nê-hoàn luận 現在泥洹論; Pāli: diṭṭha-dhamma-nibbāna-vādā.

32. Pāli: ayaṃ attā pañcahi kāma-guṇehi samappito samangi-bhūto paricāreti ettavatā kho bho ayaṃ attā parama-diṭṭha-dhamma-nibbānaṃ patto hoti, chừng nào tự ngã này hưởng thụ thoả mãn năm phẩm tính của dục, trong chừng mực ấy tự ngã này mới đạt đến hiện tại tối thượng Niết-bàn.

33. Từ đây trở xuống, liên hệ Tứ thiền, Hán dịch nhiều chỗ không chính xác. Xem cht.122-126, kinh số 2 "Du Hành iii".

34. Tham chiếu Pāli: No ca kho bho ayaṃ attā ettavā parama-diṭṭha-dhamma-nibbāna-patto hoti. Taṃ kissa hetu? Kāmā hi bho aniccā dukkhā vipariṇāma-dhammā, (...). Đó chứ phải là hiện tại tối thượng Niết-bàn. Vì sao? Dục là vô thường, khổ, là pháp hoại diệt.

Đó là trường hợp thứ ba.

"Lại có Sa-môn, Bà-la-môn nói như vầy: 'Đó là hiện tại Niết-bàn, chớ không phải là không đúng. Nhưng có Niết-bàn hiện tại vi diệu bậc nhất mà ngươi không biết; chỉ mình ta biết mà thôi. Như ta lìa hỷ, an trú xả và niệm, nhất tâm, thân cảm thọ lạc, điều mà Thánh nói, an trú lạc và xả, nhập đệ Tam thiền. Chừng ấy mới là hiện tại Niết-bàn.' Đó là trường hợp thứ tư.

"Lại có Sa-môn, Bà-la-môn nói như vầy: 'Đó là hiện tại Niết-bàn, không phải là không đúng. Nhưng còn hiện tại Niết-bàn vi diệu bậc nhất mà ngươi không biết. Chỉ mình ta biết thôi. Như ta lạc diệt, khổ diệt, ưu hỷ đã trừ trước, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh, nhập đệ Tứ thiền. Ấy mới gọi là hiện tại Niết-bàn.' Đó là trường hợp thứ năm. Nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào chủ trương hiện tại Niết-bàn luận, thuộc trong năm trường hợp, chừng ấy không hơn.

"Duy Phật mới có thể biết, cũng vậy... (như trên).

"Các Sa-môn, Bà-la-môn, y mạt kiếp mạt kiến, với vô số trường hợp, tùy ý lập thuyết, thuộc trong bốn mươi bốn trường hợp, chừng ấy không hơn.

"Duy Phật mới có thể biết các cơ sở quan điểm này, cũng như vậy (như trên).

"Các Sa-môn, Bà-la-môn, y bổn kiếp bổn kiến, mạt kiếp mạt kiến, với vô số trường hợp, tùy ý lập thuyết, tất cả thuộc trong sáu mươi hai trường hợp. Y bổn kiếp bổn kiến, mạt kiếp mạt kiến, với vô số trường hợp, tùy ý lập thuyết, tất cả thuộc trong sáu mươi hai trường hợp, chừng ấy không hơn.

"Duy chỉ Như Lai mới biết các cơ sở quan điểm ấy, cũng vậy (như trên).

"Các Sa-môn, Bà-la-môn, y bổn kiếp bổn kiến, chủ trương thường trú luận, nói: 'Bản ngã và thế giới là thường.' Sa-môn, Bà-la-môn kia ở nơi đó phát sanh trí, nghĩa là, tín dị biệt, dục dị biệt, học hỏi dị biệt, duyên dị biệt, giác dị biệt, kiến dị biệt, định dị biệt, nhẫn dị biệt. Nhân đấy mà sanh trí và kia do hiện hữu phổ biến mà được gọi là thọ[35],... cho đến, hiện tại Niết-bàn, cũng lại như vậy.

---

[35]. Hán: (...) bỉ dĩ bố hiện tắc danh vi thọ 彼以布現則名為受, chưa rõ nghĩa. Xem cht. 97. Trong bản Hán: hy hiện 希現, Tống-Nguyên-Minh: bố hiện trường 布現場.

"Các Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương thường trú luận, nói: 'Thế gian là thường', các vị ấy nhân bởi duyên là thọ mà khởi ái; sanh khởi ái mà tự mình không hay biết, bị nhiễm trước bởi ái, bị khuất phục bởi ái[36],... cho đến hiện tại Niết-bàn; cũng lại như vậy.

"Các Sa-môn, Bà-la-môn, y bổn kiếp bổn kiến, chủ trương thường trú luận, nói 'Thế gian là thường', các vị ấy do bởi duyên là xúc. Nếu lìa xúc duyên thì không thể lập luận,... cho đến hiện tại Niết-bàn, cũng lại như vậy.

"Các Sa-môn, Bà-la-môn, y bổn kiếp bổn kiến, mạt kiếp mạt kiến, mỗi người tùy theo sở kiến mà nói; tất cả đều gồm trong sáu mươi hai kiến. Mỗi người tùy ý thuyết; thảy đều y trên đó, ở trong đó, chừng ấy không hơn. Cũng như người chài khéo, bằng tấm lưới dày mắt giăng trên ao nhỏ, nên biết, hết thảy các loài thủy tộc trong ao đều lọt vào lưới, không chỗ tránh thoát, chừng ấy không hơn. Cũng vậy, các Sa-môn, Bà-la-môn, y bổn kiếp bổn kiến, mạt kiếp mạt kiến, với nhiều thuyết khác nhau, tất cả thuộc vào sáu mươi hai kiến, chừng ấy không hơn.

"Nếu Tỳ-kheo, đối với sự tập khởi của sáu xúc, sự diệt tận, vị ngọt, tai họa và sự xuất ly, mà biết rõ như thật, Tỳ-kheo ấy là người tối thắng, vượt ngoài các kiến ấy. Như Lai tự biết, sự sanh đã dứt, sở dĩ có thân là để phước độ chư Thiên, nhân loại. Nếu Như Lai không có thân, người đời không chỗ nương cậy. Cũng như cây Đa-la bị chặt ngọn không còn sống trở lại nữa. Phật cũng vậy, đã đoạn sanh tử, vĩnh viễn không còn tái sanh."

Khi Phật nói pháp này, đại thiên thế giới ba lần chuyển mình với sáu cách rung động. Lúc ấy, A-nan đứng sau Phật đang cầm quạt hầu Phật, liền trịch áo bày vai phải, quỳ gối chắp tay bạch Phật rằng:

"Pháp này rất sâu xa, nên gọi tên là gì? Nên phụng trì như thế nào?"

Phật bảo A-nan:

"Nên đặt kinh này là Nghĩa động, Pháp động, Kiến động, Ma động, Phạm động[37]."

---

[36] Pāli: tadapi tesaṃ bhavataṃ samaṇa-brāhmaṇānaṃ ajānataṃ apassataṃ vedayitaṃ taṇhā-gatānaṃ paritasita-vipphanditam eva, chủ trương ấy là sự không biết, không thấy của các Sa-môn, Bà-la-môn ấy, được cảm thọ, bị chi phối bởi khát ái, bị khuấy động bởi thiên kiến.

[37] Nghĩa động 義 動; Pāli: Atthajāla: Nghĩa võng, cái lưới thâu tóm các ý nghĩa; Pháp

Bấy giờ A-nan sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

❑

động 法 動; Pāli: Dhammajāla: Pháp võng, lưới của Pháp; Kiến động 見 動; Pāli: Diṭṭhijāla: Kiến võng, lưới quan điểm; Ma động 魔 動, không có từ này, nhưng tương đương: Anuttaro saṅgāmavijayo: Vô thượng chiến thắng; Phạm động 梵 動; Pāli: Brahmajāla, xem cht.1.

22. KINH CHỦNG ĐỨC

Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở tại Ương-già[2], cùng với chúng Đại Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi người, du hành trong nhân gian, nghỉ đêm tại thành Chiêm-bà bên bờ hồ Già-già.

Lúc ấy có Bà-la-môn tên Chủng Đức[3] sống ở Chiêm-bà. Thành ấy nhân dân đông đúc, sầm uất, sung túc. Vua Ba-tư-nặc phong thành này cho Bà-la-môn ấy làm phạm phần[4].

Người Bà-la-môn này, bảy đời cha mẹ trở lại đều chân chánh không bị người khác khi dễ[5], đọc tụng thông suốt ba bộ sách của dị học[6], có thể phân tích các thứ kinh thư; chỗ sâu xa của thế điển không thứ nào không nghiền ngẫm; lại giỏi xem tướng đại nhân, xem thời tiết tốt xấu, nghi lễ tế tự. Ông có năm trăm đệ tử, dạy dỗ không bỏ phế.

Bấy giờ, trong thành Chiêm-bà các Bà-la-môn, trưởng giả, cư sĩ, nghe tin Sa-môn Cù-đàm, con nhà họ Thích, xuất gia và thành đạo, từ Ương-già, du hành trong nhân gian, đến thành Chiêm-bà, ở bên bờ hồ Già-già. Ngài có tiếng tăm lớn, đồn khắp thiên hạ, là Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác, đầy đủ mười hiệu, ở giữa chư Thiên, Người đời, Ma hoặc Ma thiên, Sa-môn, Bà-la-môn, tự thân chứng ngộ, rồi

---

1. Bản Hán, *Phật Thuyết Trường A-hàm kinh*, quyển 15, "Đệ tam phần Chủng Đức kinh Đệ tam". Tương đương Pāli, D. 4, Dig i. 4 Soṇadaṇḍa-sutta.

2. Ương-già 鴦伽; Pāli: Aṅga. Chiêm-bà 瞻婆; Pāli: Campā. Già-già trì 伽伽池; Pāli: Gaggarā pokkharaṇī.

3. Chủng Đức; Pāli: Soṇadaṇḍa.

4. Xem cht. 9, kinh số 20 "A-ma-trú".

5. Xem cht. 10, kinh số 20 "A-ma-trú".

6. Hán: dị học tam bộ 異學三部. Xem cht. 11, kinh số 20 "A-ma-trú".

thuyết pháp cho người[7], lời nói khoảng đầu, khoảng giữa và khoảng cuối đều chân chánh, đầy đủ nghĩa và vị, phạm hạnh thanh tịnh. Bậc chân nhân như vậy nên đến viếng thăm. Nay ta cũng nên đến thăm Ngài.' Nói như vậy xong, bèn rủ nhau ra khỏi thành Chiêm-bà, từng đoàn lũ lượt nối nhau, muốn đến chỗ Phật.

Lúc ấy, Bà-la-môn Chủng Đức đang ngồi trên đài cao, từ xa trông thấy đoàn người lũ lượt nối nhau, bèn quay hỏi người hầu:

"Những người ấy vì nhân duyên gì mà lũ lượt nối nhau, muốn đi đâu vậy?"

Người hầu thưa:

"Tôi nghe nói Sa-môn Cù-đàm, con nhà họ Thích, xuất gia và thành đạo, từ Ương-già, du hành trong nhân gian, đến thành Chiêm-bà, ở bên bờ hồ Già-già. Ngài có tiếng tăm lớn, đồn khắp thiên hạ, là Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác, đầy đủ mười hiệu, ở giữa chư Thiên, Người đời, Ma hoặc Ma thiên, Sa-môn, Bà-la-môn, tự thân chứng ngộ, rồi thuyết pháp cho người[8], lời nói khoảng đầu, khoảng giữa và khoảng cuối thảy đều chân chánh, đầy đủ nghĩa và vị, phạm hạnh thanh tịnh. Các Bà-la-môn, trưởng giả, cư sĩ trong thành Chiêm-bà này tụ họp, nối nhau để đến thăm viếng Sa-môn Cù-đàm vậy."

Rồi Bà-la-môn Chủng Đức liền ra lệnh cho người hầu rằng:

"Ngươi hãy nhanh chóng mang lời ta đến với các người ấy rằng: 'Các ngươi hãy dừng lại một lát, hãy đợi ta đến, rồi cùng đi đến chỗ Cù-đàm kia'."

Người hầu tức thì mang lời của Chủng Đức đến nói với các người ấy rằng: "Các người hãy dừng lại một lát, hãy đợi ta đến, rồi cùng đi đến chỗ Cù-đàm kia."

Lúc ấy, mọi người trả lời rằng:

"Ngươi hãy nhanh chóng trở về thưa với Bà-la-môn rằng, nay thật là phải thời, nên cùng nhau đi."

Người hầu trở về thưa:

"Những người ấy đã dừng rồi. Họ nói: nay thật là phải thời, nên cùng nhau đi."

Bà-la-môn liền xuống đài, đến đứng cửa giữa.

---

7. Xem cht. 15, kinh số 20 "A-ma-trú".

8. Xem kinh A-ma-trú, cht.15.

Bấy giờ có năm trăm Bà-la-môn khác, có chút duyên sự, trước đó đã tụ tập dưới cửa. Thấy Bà-la-môn Chủng Đức đến, thảy đều đứng dậy nghinh đón, hỏi rằng:

"Đại Bà-la-môn, ngài muốn đi đâu đây?"

Chủng Đức đáp:

"Có Sa-môn Cù-đàm, con nhà họ Thích, xuất gia và thành đạo, từ Ương-già, du hành trong nhân gian, đến thành Chiêm-bà, ở bên bờ hồ Già-già. Ngài có tiếng tăm lớn, đồn khắp thiên hạ, là Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác, đầy đủ mười hiệu, ở giữa chư Thiên, Người đời, Ma hoặc Ma thiên, Sa-môn, Bà-la-môn, tự thân chứng ngộ, rồi thuyết pháp cho người, lời nói khoảng đầu, khoảng giữa và khoảng cuối thảy đều chân chánh, đầy đủ nghĩa và vị, phạm hạnh thanh tịnh. Bậc Chân nhân như vậy nên đến viếng thăm. Nay ta muốn đến thăm Ngài."

Năm trăm người Bà-la-môn liền thưa với Chủng Đức:

"Ngài chớ đi thăm. Vì sao? Kia nên đến đây chứ đây không nên đến kia. Nay Đại Bà-la-môn, bảy đời cha mẹ đều chân chánh không bị gièm pha. Nếu đã có đủ điều kiện như vậy. Thì kia nên đến đây, chớ đây không nên đến kia. Lại nữa, Đại Bà-la-môn tụng đọc thông suốt ba bộ sách dị học, có thể phân tích các loại kinh thư, những chỗ sâu xa của thế điển, không chỗ nào không nghiền ngẫm. Lại giỏi xem tướng đại nhân, xem tướng tốt xấu, nghi lễ tế tự. Đã thành tựu những pháp ấy, thì kia nên đến đây, chứ đây không nên đến kia.

"Lại nữa, Đại Bà-la-môn dung mạo đoan chánh, có sắc tướng của Phạm thiên [9]. Đã thành tựu pháp ấy thì kia nên đến đây chớ đây không nên đến kia.

"Lại nữa, Đại Bà-la-môn có giới đức tăng thượng[10], trí tuệ thành tựu. Đã thành tựu pháp ấy, thì kia nên đến đây, chớ đây không nên đến kia.

"Lại nữa, Đại Bà-la-môn có lời nói nhu hòa, biện tài đầy đủ, nghĩa và vị thanh tịnh. Đã có đủ pháp ấy, thì kia nên đến đây, chớ đây không nên đến kia.

"Lại nữa, Đại Bà-la-môn là đại tôn sư, có đông đệ tử. Đã có đủ

---

9. Hán: hữu Phạm thiên sắc tượng 有梵天色像; Pāli: Brahma-vaṇṇī brahma-vaccasī: có dung sắc như Phạm thiên, uy nghi như Phạm thiên.

10. Giới đức tăng thượng 戒德增上; Pāli: vuddha-sīlā, đạo đức được trọng vọng.

pháp ấy, thì kia nên đến đây, chớ đây không nên đến kia.

"Lại nữa, Đại Bà-la-môn thường dạy dỗ năm trăm Bà-la-môn. Đã thành tựu pháp ấy, thì kia nên đến đây, chớ đây không nên đến kia.

"Lại nữa, Đại Bà-la-môn có học giả bốn phương đến xin thọ giáo, được hỏi các kỹ thuật, các pháp tế tự, thảy đều trả lời được cả. Đã thành tựu pháp ấy, thì kia nên đến đây, chớ đây không nên đến kia.

"Lại nữa, Đại Bà-la-môn được vua Ba-tư-nặc và vua Bình-sa[11] cung kính cúng dường. Đã thành tựu pháp thì kia nên đến đây, chớ đây không nên đến kia.

"Lại nữa, Đại Bà-la-môn trí tuệ sáng suốt, nói năng thông lợi, không hề khiếp nhược. Đã thành tựu pháp ấy, thì kia nên đến đây, chớ đây không nên đến kia."

Chủng Đức nói với các Bà-la-môn:

"Đúng vậy, đúng vậy. Đúng như điều các ông nói. Tôi có đủ các đức ấy, chớ không phải không có. Nhưng các ông hãy nghe tôi nói. Sa-môn Cù-đàm có công đức[12] mà chúng ta nên đến kia chớ kia không nên đến đây. Sa-môn Cù-đàm từ bảy đời trở lại cha mẹ đều chân chánh không bị gièm pha. Kia đã thành tựu pháp này, chúng ta nên đến kia, chớ kia không nên đến đây.

"Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm có dung mạo đoan chánh, xuất thân từ giai cấp Sát-lỵ. Đã thành tựu pháp này, chúng ta nên đến kia chớ kia không nên đến đây.

"Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm sanh chỗ tôn quý, nhưng đã xuất gia hành đạo[13]. Thành tựu pháp này, ta nên đến kia chớ kia không nên đến đây.

"Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm sắc sáng đầy đủ, chủng tánh chân chánh, nhưng đã xuất gia tu đạo. Đã thành tựu pháp này, thì ta nên đến kia chớ kia không nên đến đây.

"Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm sanh vào gia đình giàu có, có uy lực lớn, nhưng đã xuất gia hành đạo. Đã thành tựu pháp này, ta nên đến kia chớ kia không nên đến đây.

"Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm có đủ giới Hiền thánh, thành tựu trí

---

11. Ba-tư-nặc 波斯匿; Pāli: Pasenadi. Bình-sa 餅沙; Pāli: Bimbisāra.

12. Hán: công đức 功德; Pāli = Skt.: guṇa: phẩm tính hay phẩm chất.

13. Pāli: mahantaṃ ñati-saṅgaṃ ohāya pabbajito, xuất gia, lìa bỏ gia đình quyến thuộc lớn.

tuệ. Đã thành tựu pháp này, ta nên đến kia chớ kia không nên đến đây.

"Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm khéo léo nơi ngôn ngữ, dịu dàng hòa nhã. Đã thành tựu pháp này, thì ta nên đến kia chớ kia không nên đến đây.

"Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm là Bậc Đạo Sư của đại chúng, có đông đệ tử. Đã thành tựu pháp này, ta nên đến kia chớ kia không nên đến đây.

"Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm vĩnh viễn diệt trừ dục ái, không có sơ suất thô tháo[14], ưu tư và sợ hãi đã trừ, lông tóc không dựng đứng[15], hoan hỷ, hòa vui; được mọi người thì khen ngợi, khéo nói quả báo của hành vi[16], không chê bai đạo khác. Đã thành tựu pháp này, thì ta nên đến kia chớ kia không nên đến đây.

"Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm thường được vua Ba-tư-nặc và vua Bình-sa lễ kính cúng dường. Đã thành tựu pháp này, thì ta nên đến kia, chớ kia không nên đến đây.

"Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm được Bà-la-môn Phất-già-la-sa-la[17] lễ kính cúng dường; cũng được Bà-la-môn Phạm[18], Bà-la-môn Đa-lợi-già[19], Bà-la-môn Cứ Xỉ[20], Thủ-ca-ma-nạp Đô-da Tử[21] thăm gặp cúng dường. Đã thành tựu pháp ấy, thì ta nên đến kia chớ kia không nên đến đây.

"Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm được Thanh văn đệ tử sùng phụng, lễ kính cúng dường; cũng được chư Thiên và các chúng quỷ thần khác cung kính. Các dòng họ Thích-ca, Câu-lỵ, Minh-ninh, Bạt-kỳ, Mạt-la, Tô-ma[22],

---

14. Hán: vĩnh diệt dục ái, vô hữu thốt bạo 永滅欲愛無有卒暴. Pāli D.4, Dig I tr.100: khīṇa-kāma-rāgo vigata-cāpallo, đã diệt ái dục, không còn tháo động.

15. Hán: y mao bất thụ 衣毛不豎.

16. Hán: kiến nhân xưng thiện, thiện thuyết hành báo 見人稱善善說行報. Tham chiếu Pāli: kamma-vādī kiriya-vādī, là người chủ trương về nghiệp, chủ trương về hành vi.

17. Phất-già-la-sa-la; Pāli: Pokkharasādi, xem kinh số 20 "A-ma-trú".

18. Phạm Bà-la-môn 梵婆羅門 (?).

19. Đa-lợi-giá 多利遮; Pāli: Tārukkha.

20. Cứ Xỉ 鋸齒 tức Cứu-la-đàn-đầu 究羅檀頭, xem kinh số 23 "Cứu-la-đàn-đầu"; Pāli: Kuṭadanta.

21. Thủ-ca-ma-nạp Đô-da tử 首迦摩納都耶子; Pāli: Sukhamāṇava-Toddeyaputta.

22. Một số nước lớn thời Phật: Thích chủng 釋種, dòng họ Thích, Pāli: Sakka; Câu-lỵ 俱利, Pāli: Kuru; Minh-ninh 冥寧, Pāli: Mithilā; Bạt-kỳ 跋祇, Pāli: Vajji; Mạt-la 末羅, Pāli: Mallā; Tô-ma 酥摩, Pāli: Soma.

thảy đều phụng thừa. Đã thành tựu pháp này, ta nên đến kia chớ kia không nên đến ta.

"Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm truyền trao cho vua Ba-tư-nặc và vua Bình-sa ba quy và năm giới. Đã thành tựu pháp này, ta nên đến kia chớ kia không nên đến đây.

"Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm truyền trao ba quy năm giới cho Bà-la-môn Phất-già-la-sa-la v.v... Đã thành tựu pháp này, ta nên đến kia chớ kia không nên đến đây.

"Lại nữa, đệ tử của Sa-môn Cù-đàm thọ ba quy năm giới; chư Thiên, dòng họ Thích, Câu-lỵ v.v..., thảy đều thọ ba quy năm giới. Đã thành tựu pháp này, ta nên đến kia chớ kia không nên đến đây.

"Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm khi du hành được hết thảy mọi người cung kính cúng dường. Đã thành tựu pháp này, ta nên đến kia chớ kia không nên đến đây.

"Lại nữa, những thành quách, tụ lạc mà Sa-môn Cù-đàm đã đến, đều được mọi người cúng dường. Đã thành tựu pháp này, ta nên đến kia chớ kia không nên đến đây.

"Lại nữa, những nơi Sa-môn Cù-đàm đi đến, các loài phi nhân, quỷ thần không dám xúc nhiễu. Đã thành tựu pháp này, ta nên đến kia chớ kia không nên đến đây.

"Lại nữa, những nơi Sa-môn Cù-đàm đi đến, nhân dân ở đó đều thấy ánh sáng, nghe âm nhạc trời. Đã thành tựu pháp này thì ta nên đến kia chớ kia không nên đến ta.

"Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm khi muốn rời khỏi chỗ đã đến. Mọi người đều luyến mộ, khóc lóc mà tiễn đưa. Đã thành tựu pháp này thì ta nên đến kia chớ kia không nên đến đây.

"Sa-môn Cù-đàm khi mới xuất gia, cha mẹ khóc lóc, thương nhớ tiếc nuối. Đã thành tựu pháp này thì ta nên đến kia chớ kia không nên đến ta.

"Sa-môn Cù-đàm xuất gia khi còn trai trẻ, dẹp bỏ các thứ trang sức, voi, ngựa, xe báu, ngũ dục, anh lạc. Đã thành tựu pháp này, thì ta nên đến kia chớ kia không nên đến đây.

"Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm khước từ ngôi vị Chuyển luân vương, xuất gia hành đạo. Nếu Ngài tại gia, sẽ trị vì bốn thiên hạ, thống lãnh dân vật, thì chúng ta đều là thần thuộc. Đã thành tựu pháp ấy, thì ta nên đến kia chớ kia không nên đến đây.

"Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm hiểu rõ Phạm pháp[23], có thể nói cho người khác và cũng nói chuyện trao đổi với Phạm thiên. Đã thành tựu pháp ấy, thì ta nên đến kia chớ kia không nên đến đây.

"Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm đầy đủ cả ba hai tướng. Đã thành tựu pháp này, thì ta nên đến kia chớ kia không nên đến đây.

"Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm có trí tuệ thông suốt, không có khiếp nhược. Đã thành tựu pháp này, thì ta nên đến kia chớ kia không nên đến đây.

"Cù-đàm kia nay đến thành Chiêm-bà này, ở bên bờ hồ Già-già, đối với ta là tôn quý, vả lại là khách. Ta nên thân hành đến thăm viếng."

Năm trăm Bà-la-môn khi ấy thưa với Chủng Đức rằng:

"Kỳ diệu thay, hy hữu thay, công đức của vị kia đến như vậy chăng? Trong các đức, vị kia chỉ cần có một đức là đã không nên đến đây rồi, huống hồ nay gồm đủ cả. Vậy ta hãy kéo hết đi thăm hỏi."

Chủng Đức đáp:

"Ngươi muốn đi thì nên biết thời."

Rồi Chủng Đức cho thắng cỗ xe báu, cùng với năm trăm Bà-la-môn và các trưởng giả trong thành Chiêm-bà trước sau vây quanh, đi đến hồ Già-già. Cách hồ không xa, ông thầm nghĩ rằng: 'Giả sử ta hỏi Cù-đàm, mà hoặc giả không vừa ý Ngài, thì vị Sa-môn ấy sẽ chê trách ta, bảo rằng: 'Nên hỏi như vầy. Không nên hỏi như vầy.' Mọi người mà nghe được, cho rằng ta vô trí, sẽ tổn hại cho thanh danh của ta. Giả sử Sa-môn Cù-đàm hỏi ta về nghĩa, mà ta đáp hoặc không vừa ý Ngài, vị Sa-môn ấy sẽ khiển trách ta, bảo rằng: 'Nên trả lời như vầy. Không nên trả lời như vầy.' Mọi người mà nghe được, cho rằng ta vô trí, sẽ tổn hại cho thanh danh của ta. Giả sử ở đây ta im lặng rồi trở về, mọi người sẽ nói: 'Ông này chẳng biết gì. Cuối cùng, không thể đến chỗ Sa-môn Cù-đàm.' Thế thì cũng tổn hại thanh danh của ta. Nếu Sa-môn Cù-đàm hỏi ta về pháp của Bà-la-môn, ta sẽ trả lời Cù-đàm đầy đủ, hợp ý Ngài."

Khi ấy, Chủng Đức ở bên bờ hồ suy nghĩ như vậy rồi, liền xuống xe đi bộ dẫn đầu đến chỗ Thế Tôn, chào hỏi xong, ngồi sang một bên. Bấy giờ các Bà-la-môn, trưởng giả, cư sĩ thành Chiêm-bà, có người lễ Phật xong rồi

---

23. Phạm pháp 梵法, pháp tế tự Phạm thiên; Pāli: Brahma-dhamma.

ngồi; có người chào hỏi xong rồi ngồi; hoặc có người xưng tên rồi ngồi; hoặc có người chắp tay hướng về Phật rồi ngồi; hoặc có người im lặng mà ngồi xuống. Khi mọi người đã ngồi yên, Phật biết ý nghĩ trong lòng của Chủng Đức, bèn bảo rằng:

"Điều mà ông suy nghĩ, hãy theo ước nguyện của ông."

Rồi Phật hỏi Chủng Đức:

"Bà-la-môn của ông có mấy pháp để thành tựu?"

Bấy giờ Chủng Đức nghĩ thầm rằng:

"Kỳ diệu thay, hy hữu thay, Sa-môn Cù-đàm có đại thần lực mới thấy được tâm của người, đúng theo ý nghĩ của ta mà hỏi."

Bà-la-môn Chủng Đức bèn ngồi thẳng người lên, nhìn bốn phía đại chúng, tươi cười hớn hở, rồi mới trả lời Phật rằng:

"Bà-la-môn của tôi có năm pháp để thành tựu, lời nói mới chí thành, không có hư dối[24]. Những gì là năm?

"1. Bà-la-môn có bảy đời cha mẹ chân chánh không bị người gièm pha.

"2. Đọc tụng thông lợi ba bộ dị học, có thể phân tích các thứ kinh thư, những chỗ u vi của thế điển, không chỗ nào không tổng luyện, lại có thể giỏi phép xem tướng đại nhân, xét rõ cát hung, nghi lễ tế tự.[25]

"3. Dung mạo đoan chánh[26].

"4. Trì giới đầy đủ[27].

---

24. Hán: sở ngôn chí thành, vô hữu hư vọng 所言至誠無有虛妄; Pāli: 'Brāhmaṇo 'smīti' ca vadamāno sammā vadeyya na ca pana musā-vādaṃ āpajjeyya, để có thể nói rằng 'Tôi là Bà-la-môn' mà không trở thành nói dối.

25. Tham chiếu Pāli: Ajjhāyako hoti manta-dharo tiṇṇaṃ vedānaṃ pāragū sanighaṇḍu-keṭubhānaṃ sākkharappabhedānaṃ itihāsa-pañcamānaṃ padako veyyākaraṇo lokāyata-mahāpurusa-lakkhaṇesu anavayo: Là người đọc tụng Thánh điển, trì chú, tinh thông ba bộ Veda cùng với ngữ vựng, nghi quỹ, phân tích âm vận và thứ năm là truyền thuyết lục, thông hiểu ngữ pháp, thế gian học và tướng đại nhân.

26. Nghĩa là tốt tướng; Pāli: Abhirūpo hoti dassanīyo pāsādiko paramāya vaṇṇa-pokkharatāya samannāgato brahma-vaṇṇī brahma-vaccasī akkhuddāvakaso: sắc diện thù thắng, đẹp đẽ, khả ái, màu da tuyệt diệu như hoa sen, dung sắc như Phạm thiên, uy nghi như Phạm thiên, cốt cách cao nhã.

27. Tham chiếu Pāli: Paṇḍito ca hoti medhāvī patthamo vā dutiyo vā sujaṃ paggaṇhantānaṃ: bác học, thông tuệ, là người thứ nhất hay thứ hai bưng dụng cụ tế tự.

"5. Trí tuệ thông suốt. Đó là năm. Thưa Cù-đàm, Bà-la-môn thành tựu năm pháp này, thì lời nói chí thành, không có hư dối."

Phật nói:

"Lành thay, Chủng Đức, có Bà-la-môn nào, trong năm pháp, bỏ một, thành tựu bốn, mà lời nói chí thành, không có hư dối chăng?"

Chủng Đức bạch Phật:

"Có. Vì sao? Thưa Cù-đàm, cần gì dòng họ[28]? Nếu Bà-la-môn đọc tụng thông suốt ba bộ dị học, phân tích các loại kinh thư, những chỗ u vi của thế điển, không đâu là không tổng luyện, lại giỏi phép xem tướng đại nhân, xét rõ cát hung, tế tự nghi lễ, dung mạo đoan chánh, trì giới đầy đủ, trí tuệ thông suốt; có bốn pháp thì lời nói thành thật, không có hư dối."

Phật nói với Chủng Đức:

"Lành thay, lành thay, nếu trong bốn pháp này, bỏ một, thành tựu ba, mà lời nói vẫn thành thật, không có hư dối, vẫn được gọi là Bà-la-môn chăng?"

Chủng Đức trả lời:

"Có. Cần gì dòng dõi. Cần gì đọc tụng[29]. Nếu Bà-la-môn có dung mạo đoan chánh, trì giới đầy đủ, trí tuệ thông suốt; thành tựu ba pháp này, thì lời nói chân thành, không có hư dối; được gọi là Bà-la-môn."

Phật nói:

"Lành thay, lành thay. Thế nào, nếu trong ba pháp, bỏ một pháp, thành hai, mà kia lời nói vẫn chí thành, không có hư dối; được gọi là Bà-la-môn chăng?"

Đáp: "Có. Cần gì dòng dõi, đọc tụng và đoan chánh?"[30]

Lúc bấy giờ năm trăm Bà-la-môn ai nấy đều lớn tiếng, nói với Bà-la-môn Chủng Đức:

"Sao lại chê bỏ dòng dõi, đọc tụng và đoan chánh, cho là không cần?"

---

28. Hán: hà dụng sanh 何用生, (huyết thống) thọ sanh mà làm gì? Pāli: Kiṃ hi vaṇṇo karissati: dung sắc mà làm gì? Trong bản Hán, dung sắc được trừ ở hàng thứ ba, ngược với Pāli, huyết thống thọ sanh hàng thứ ba.

29. Hán: hà dụng sanh tụng 何用生誦? Pāli: Kiṃ hi mantā karissati: chú ngữ mà làm được gì?

30. Xem cht. 26; Pāli: Kiṃ hi jāti karissati: thọ sanh mà làm gì?

Thế Tôn nói với năm trăm Bà-la-môn rằng:

"Nếu Bà-la-môn Chủng Đức có dung mạo xấu xí, không có dòng dõi, đọc tụng không thông suốt, không có biện tài, trí tuệ, khéo trả lời, không đủ khả năng nói chuyện với Ta, thì các ngươi nên nói. Nếu Bà-la-môn Chủng Đức có dung mạo đoan chánh, chủng tánh đầy đủ, đọc tụng thông suốt, trí tuệ biện tài, giỏi vấn đáp, đủ khả năng cùng Ta luận nghị, thì các ngươi hãy im lặng, nghe người này nói."

Bấy giờ, Bà-la-môn Chủng Đức bạch Phật:

"Xin Cù-đàm tạm ngừng giây lát. Tôi sẽ tự mình dùng pháp đi khuyên bảo những người này."

Chủng Đức ngay sau đó nói với năm trăm Bà-la-môn:

"Ương-già Ma-nạp[31] nay đang ở trong chúng này. Đó là cháu của ta. Các ngươi có thấy không? Nay các đại chúng cùng tụ hội hết ở đây. Duy trừ Cù-đàm có dung mạo đoan chánh, kỳ dư có ai bằng Ma-nạp này? Nhưng nếu Ma-nạp này sát sanh, trộm cướp, dâm dật, vô lễ, dối trá, lừa gạt, lấy lửa đốt người, chận đường làm chuyện ác. Này các Bà-la-môn, nếu Ương-già Ma-nạp này làm đủ chuyện ác, thế thì đọc tụng, đoan chánh, để làm gì?"

Năm trăm Bà-la-môn lúc ấy im lặng không trả lời. Chủng Đức bạch Phật:

"Nếu trì giới đầy đủ, trí tuệ thông suốt, thế thì lời nói chí thành, không hư dối, được gọi là Bà-la-môn."

Phật nói:

"Lành thay, lành thay, thế nào, Chủng Đức, trong hai pháp nếu bỏ một mà thành tựu một, thì lời nói vẫn thành thật, không có hư dối, được gọi là Bà-la-môn chăng?"

Đáp:

"Không thể được. Vì sao? Giới tức trí tuệ. Trí tuệ tức giới. Có giới, có trí, sau đó lời nói mới thành thật, không có hư dối, tôi gọi là Bà-la-môn."

Phật nói:

"Lành thay, lành thay, đúng như ông nói. Có giới thì có tuệ. Có tuệ thì có giới. Giới làm thanh tịnh tuệ. Tuệ làm thanh tịnh giới. Chủng

---

31. Ương-già-ma-nạp 鴦伽摩納; Pāli: Aṅgako nāma māṇavako: có thanh niên tên Angaka.

Đức, như người rửa tay, tay trái và tay phải cần cho nhau. Tay trái rửa sạch tay phải, tay phải rửa sạch tay trái. Cũng vậy, có tuệ thì có giới. Có giới thì có tuệ. Giới làm sạch tuệ. Tuệ làm sạch giới. Bà-la-môn, ai đầy đủ giới và tuệ, ta gọi người đó là Tỳ-kheo.[32] ”

Bấy giờ, Chủng Đức bạch Phật:

“Thế nào là giới?”

Phật nói:

“Hãy lắng nghe, hãy lắng nghe. Hãy suy ngẫm kỹ. Ta sẽ phân biệt từng điều một cho ông nghe.”

Đáp rằng: “Kính vâng. Vui lòng muốn nghe”.

Bấy giờ, Phật nói với Chủng Đức:

“Nếu Như Lai xuất hiện ở đời, là vị Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hành Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn, ở giữa chư Thiên, Người đời, Sa-môn, Bà-la-môn, mà tự thân chứng ngộ, rồi giảng thuyết cho người; lời nói khoảng đầu, khoảng giữa và khoảng cuối thảy đều chân chánh, đầy đủ nghĩa và vị, phạm hạnh thanh tịnh. Nếu có trưởng giả, hay con trai trưởng giả, sau khi nghe pháp này, tín tâm thanh tịnh. Do tín tâm thanh tịnh, người ấy suy xét như vầy: ‘Tại gia thật khó, ví như gông cùm; muốn tu hành phạm hạnh mà không thể tự tại. Ta nay hãy cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia tu đạo.’ Người ấy, sau đó, từ bỏ gia đình, bỏ sản nghiệp, từ giã thân tộc, mặc ba pháp y, dẹp các trang sức, đọc tụng tỳ-ni, đầy đủ giới luật, từ bỏ không sát sanh,..., cho đến, tâm pháp Tứ thiền[33], đạt được an lạc ngay trong hiện tại. Vì sao? Ấy là do tinh tấn, chuyên niệm không quên, ưa sống một mình chỗ thanh vắng mà được vậy. Bà-la-môn, đó gọi là giới.”

Lại hỏi:

“Sao gọi là tuệ?” Phật nói:

“Nếu Tỳ-kheo, bằng tam-muội tâm, thanh tịnh không cấu uế, mềm mại, dễ điều phục, an trú trạng thái bất động,... cho đến, chứng đắc ba minh, trừ khử vô minh, phát sanh trí tuệ, diệt trừ tối tăm, sanh ánh sáng đại pháp, xuất trí tuệ lậu tận. Vì sao? Ấy là do tinh cần, chuyên niệm không quên, ưa

---

32. Pāli: sīla-paññānañ ca pana lokasmiṃ aggam akkhāyatīti: giới và tuệ được nói là bậc nhất trong thế gian.

33. Trong bản Pāli, từ chứng đắc Tứ thiền trở đi, thuộc phần tuệ.

sống một mình nơi thanh vắng mà được vậy. Bà-la-môn, đó là đầy đủ trí tuệ."

Khi ấy, Chủng Đức liền bạch Phật rằng:

"Nay con quy y Phật, Pháp, Thánh chúng. Cúi mong Thế Tôn nhận con làm Ưu-bà-tắc trong Chánh pháp. Từ nay về sau, suốt đời không giết, không trộm, không tà dâm, không dối, không uống rượu."

Bấy giờ, Chủng Đức Bà-la-môn sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

❒

23. KINH CỨU-LA-ĐÀN-ĐẦU[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại nước Câu-tát-la[2], cùng với chúng Đại Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi người du hành trong nhân gian, đến phía Bắc xóm Bà-la-môn Khư-nậu-bà-đề[3] ở Câu-tát-la, nghỉ đêm trong rừng Thi-xá-bà[4].

Bấy giờ, có Bà-la-môn tên Cứu-la-đàn-đầu đang nghỉ tại thôn Khư-nậu-bà-đề. Xóm ấy sung túc, nhân dân đông đúc, vườn quán, ao tắm, cây cối, trong xanh, tươi mát. Vua Ba-tư-nặc phong thôn ấy cho Bà-la-môn Cứu-la-đàn-đầu làm phạm phần. Bà-la-môn này từ bảy đời trở lại cha mẹ đều chân chánh không bị người khinh nhờn, đọc tụng thông suốt ba bộ dị học, có khả năng phân tích các loại kinh thư. Thế điển u vi, không thứ nào không tổng luyện; lại giỏi phép xem tướng đại nhân, dự đoán cát hung, tế tự nghi lễ. Ông có năm trăm đệ tử, dạy dỗ không hề bỏ phế. Khi ấy, Bà-la-môn muốn thiết lễ đại tế[5], chuẩn bị năm trăm con bò đực, năm trăm con bò cái, năm trăm con bê đực, năm trăm con bê cái, năm trăm con dê và năm trăm con cừu[6] để dâng cúng.

---

1. Bản Hán, *Trường A-hàm, quyển* 15, "Đệ tam phần, Cứu-la-đàn-đầu kinh Đệ tứ". Tương đương Pāli, D. 5, Dig i. 5 Kūṭadanta-sutta.

2. Câu-tát-la 俱薩羅 (Pāli: Kosala), trong bản Pāli: Phật tại Magadha, cùng với chúng Tỳ-kheo năm trăm người.

3. Câu-tát-la Khư-nậu-bà-đề Bà-la-môn thôn 俱薩羅佉耨婆提婆羅村; Pāli: Khānumataṃ nāma Magadhānaṃ Brāhmaṇa-gamo, một làng Bà-la-môn ở Magadha tên là Khānu-mata.

4. Thi-xá-bà 尸舍婆 (Pāli: Siṃsapa). Pāli, sđd.: Khānumate... Ambalaṭṭhikāyaṃ, trong rừng cây Ambalatthika ở Khānumata.

5. Đại tự 大祀; Pāli: Mahā-yaññā, đại lễ hiến tế sinh vật lớn nhất của Bà-la-môn giáo. Xem mô tả đoạn dưới.

6. Đặc ngưu 特牛; Pāli: usabha, bò đực; đặc độc 特犢; Pāli: vacchatara, bê đực; tự

Lúc bấy giờ, các Bà-la-môn, trưởng giả, cư sĩ trong thôn Khư-nậu-bà-đề nghe tin Sa-môn Cù-đàm, con trai dòng họ Thích, đã xuất gia và thành đạo, từ nước Câu-tát-la, du hành trong nhân gian, đến nghỉ ở rừng Thi-xá-bà. Ngài có tiếng tăm lớn, lan truyền khắp thiên hạ, là Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác, mười hiệu đầy đủ, ở giữa chư Thiên, Người đời, Ma hoặc Ma thiên, Sa-môn, Bà-la-môn. Mà tự thân chứng ngộ, rồi giảng pháp cho người, lời nói khoảng đầu, khoảng giữa và khoảng cuối đều chân chánh, đầy đủ nghĩa và vị, phạm hạnh thanh tịnh. "Bậc Chân nhân như vậy, nên đến thăm viếng. Nay chúng ta hãy cùng đi thăm viếng Ngài". Nói như vậy rồi, họ kéo nhau ra khỏi thôn Khư-nậu-bà-đề, từng đoàn nối tiếp nhau, cùng đến chỗ Phật.

Khi ấy Bà-la-môn Cứu-la-đàn-đầu đang ở trên lầu cao, từ xa trông thấy từng đoàn người nối tiếp nhau, bèn quay lại hỏi người hầu:

"Những người kia do nhân duyên gì mà từng đoàn nối tiếp nhau, muốn đi đâu vậy?"

Người hầu thưa:

"Tôi nghe đồn, Sa-môn Cù-đàm, con trai dòng họ Thích, đã xuất gia và thành đạo, từ nước Câu-tát-la, du hành trong nhân gian, đến nghỉ ở rừng Thi-xá-bà. Ngài có tiếng tăm lớn, lan truyền khắp thiên hạ, là Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác, mười hiệu đầy đủ, ở giữa chư Thiên, Người đời, Ma hoặc Ma thiên, Sa-môn, Bà-la-môn. Mà tự thân chứng ngộ, rồi giảng thuyết pháp cho người, lời nói khoảng đầu, khoảng giữa và khoảng cuối đều chân chánh, đầy đủ nghĩa và vị, phạm hạnh thanh tịnh. Những người Bà-la-môn, trưởng giả, cư sĩ trong thôn này, từng đoàn nối tiếp nhau, muốn đến thăm viếng Sa-môn Cù-đàm vậy."

Rồi Bà-la-môn Cưu-la-đàn-đầu liền ra lệnh cho người hầu rằng:

"Ngươi hãy nhanh chóng mang lời ta đến với các người ấy rằng: 'Các khanh hãy dừng lại một lát, hãy đợi ta đến, rồi cùng đi đến chỗ Cù-đàm kia'."

Người hầu tức thì mang lời của Cứu-la-đàn-đầu đến nói với các người ấy rằng: "Các người hãy dừng lại một lát, hãy đợi ta đến, rồi cùng đi đến chỗ Cù-đàm kia".

Lúc ấy, mọi người trả lời rằng:

độc 牸犢; Pāli: vacchatari, bê cái; cổ dương 羖羊; Pāli: urabbha, dê đực; yết dương 羯羊; Pāli: aja, sơn dương đực. Mỗi thứ bảy trăm con, theo bản Pāli.

"Ngươi hãy nhanh chóng trở về thưa với Bà-la-môn rằng, nay thật là phải thời, nên cùng nhau đi."

Người hầu trở về thưa:

"Những người ấy đã dừng rồi. Họ nói: nay thật là phải thời, nên cùng nhau đi."

Bà-la-môn liền xuống đài, đến đứng cửa giữa.

Bấy giờ có năm trăm Bà-la-môn khác đang ngồi bên ngoài cửa giữa, giúp Cứu-la-đàn-đầu thiết lễ đại tự. Thấy Bà-la-môn Cứu-la-đàn-đầu đến, thảy đều đứng dậy nghinh đón, hỏi rằng:

"Đại Bà-la-môn, ngài muốn đi đâu đây?"

Cứu-la-đàn-đầu đáp:

"Có Sa-môn Cù-đàm, con nhà họ Thích, xuất gia và thành đạo, đang ở Câu-tát-la, du hành trong nhân gian, đến rừng Thi-xá-bà, phía Bắc thôn Khư-nậu-bà-đề. Ngài có tiếng tăm lớn, đồn khắp thiên hạ, là Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác, đầy đủ mười hiệu, ở giữa chư Thiên, Người đời, Ma hoặc Ma thiên, Sa-môn, Bà-la-môn, tự thân chứng ngộ, rồi thuyết pháp cho người[7], lời nói khoảng đầu, khoảng giữa và khoảng cuối thảy đều chân chánh, đầy đủ nghĩa và vị, phạm hạnh thanh tịnh. Bậc Chân nhân như vậy nên đến viếng thăm. Này các ngài Bà-la-môn, ta lại nghe nói Cù-đàm biết ba loại tế tự[8], mười sáu tư cụ tế tự[9]. Ta tuy là hàng tiên học cựu thức trong chúng, nhưng có chỗ chưa biết rõ. Nay ta muốn cử hành đại tế tự, bò và dê đã đủ. Ta muốn đến Cù-đàm để hỏi về ba pháp tế tự và mười sáu tư cụ tế tự. Nếu chúng ta có được pháp tế tự rồi, công đức đầy đủ, tiếng tăm sẽ đồn xa."

Năm trăm người Bà-la-môn liền thưa với Cứu-la-đàn-đầu:

"Đại sư chớ đi. Vì sao? Kia nên đến đây chứ đây không nên đến kia. Đại sư có bảy đời cha mẹ đều chân chánh không bị gièm pha. Nếu đã có đủ yếu tố như vậy, thì kia nên đến đây, chớ đây không nên đến kia. Lại nữa, Đại sư tụng đọc thông suốt ba bộ sách dị học, có thể phân tích các loại kinh thư, thế điển u vi, không thứ nào là không tổng luyện. Lại giỏi xem tướng đại nhân, xem tướng tốt xấu, nghi lễ tế tự. Đã thành tựu những

---

7. Xem cht.15 kinh số 20 "A-ma-trú".

8. Tam chủng tế tự 三種祭祀 (Pāli: tividha-yañña-sampadam): tế ngựa, tế bò, tế dê; hoặc như kinh giải thích đoạn sau.

9. Thập lục tự cụ 十六祀具; Pāli: soḷasa-parikkhāram, sẽ được kể sau.

pháp ấy, thì kia nên đến đây, chứ đây không nên đến kia.

"Lại nữa, Đại sư dung mạo đoan chánh, có sắc tướng của Phạm thiên[10]. Đã thành tựu pháp ấy thì kia nên đến đây chớ đây không nên đến kia.

"Lại nữa, Đại sư có giới đức tăng thượng[11], trí tuệ thành tựu. Đã thành tựu pháp ấy, thì kia nên đến đây, chớ đây không nên đến kia."

"Lại nữa, Đại sư có lời nói nhu hòa, biện tài đầy đủ, nghĩa và vị thanh tịnh. Đã có đủ pháp ấy, thì kia nên đến đây chớ đây không nên đến kia.

"Lại nữa, Đại sư là vị dẫn đầu đại chúng, có đông đệ tử. Đã có đủ pháp ấy, thì kia nên đến đây, chớ đây không nên đến kia.

"Lại nữa, Đại sư thường dạy dỗ năm trăm Bà-la-môn. Đã thành tựu pháp ấy, thì kia nên đến đây, chớ đây không nên đến kia.

"Lại nữa, Đại sư có học giả bốn phương đến xin thọ giáo; được hỏi các kỹ thuật, các pháp tế tự, thảy đều trả lời được cả. Đã thành tựu pháp ấy, thì kia nên đến đây, chớ đây không nên đến kia.

"Lại nữa, Đại sư được vua Ba-tư-nặc và vua Bình-sa[12] cung kính cúng dường. Đã thành tựu pháp ấy thì kia nên đến đây chớ đây không nên đến kia.

"Lại nữa, Đại sư giàu có nhiều tài bảo, kho tàng đầy ắp. Đã thành tựu pháp ấy thì kia nên đến đây chớ đây không nên đến kia.

"Lại nữa, Đại sư có trí tuệ sáng suốt, nói năng thông lợi, không hề khiếp nhược. Đã thành tựu pháp ấy, thì kia nên đến đây, chớ đây không nên đến kia.

"Đại sư nếu đã đủ mười pháp như vậy, thì kia nên đến đây, chớ đây không nên đến kia.

Cứu-la-đàn-đầu nói với các Bà-la-môn:

"Đúng vậy, đúng vậy. Đúng như điều các ông nói. Tôi thật có đủ các đức ấy, chớ không phải không có. Nhưng các ông hãy nghe tôi nói. Sa-môn Cù-đàm có công đức để chúng ta nên đến kia chớ kia không nên đến đây. Sa-môn Cù-đàm từ bảy đời trở lại cha mẹ đều chân chánh không

---

10. Hán: hữu Phạm thiên sắc tượng 有梵天色像; Pāli: brahma-vaṇṇī brahma-vaccasī: có dung sắc như Phạm thiên, uy nghi như Phạm thiên.

11. Giới đức tăng thượng 戒德增上; Pāli: vuddha-sīla đạo đức được trọng vọng.

12. Ba-tư-nặc 波斯匿; Pāli: Pasenadi. Bình-sa 鉼沙; Pāli: Bimbi.

bị gièm pha. Kia đã thành tựu pháp này, chúng ta nên đến kia, chớ kia không nên đến đây.

"Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm có dung mạo đoan chánh, xuất thân từ giai cấp Sát-lỵ. Đã thành tựu pháp này, chúng ta nên đến kia chớ kia không nên đến đây.

"Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm sanh chỗ tôn quý, nhưng đã xuất gia hành đạo[13]. Thành tựu pháp này, ta nên đến kia chớ kia không nên đến đây.

"Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm sắc sáng đầy đủ[14], chủng tánh chân chánh, nhưng đã xuất gia tu đạo. Đã thành tựu pháp này, thì ta nên đến kia chớ kia không nên đến đây.

"Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm sanh vào gia đình giàu có, có uy lực lớn, nhưng đã xuất gia hành đạo. Đã thành tựu pháp này, ta nên đến kia chớ kia không nên đến đây.

"Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm có đủ giới Hiền thánh, thành tựu trí tuệ. Đã thành tựu pháp này, ta nên đến kia chớ kia không nên đến đây.

"Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm khéo léo nơi ngôn ngữ, dịu dàng hòa nhã. Đã thành tựu pháp này, thì ta nên đến kia chớ kia không nên đến đây.

"Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm là Bậc Đạo Sư của đại chúng, có đông đệ tử. Đã thành tựu pháp này, ta nên đến kia chớ kia không nên đến đây.

"Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm vĩnh viễn diệt trừ dục ái, không có sơ suất thô tháo[15], ưu tư và sợ hãi đã trừ, lông tóc không dựng đứng[16], hoan hỷ, hòa vui; được người[17] khen thiện, khéo nói quả báo của hành vi[18], không chê bai đạo khác. Đã thành tựu pháp này, thì ta nên đến kia

---

13. Pāli: mahantaṃ ñati-saṅgaṃ ohāya pabbajito, xuất gia, lìa bỏ gia đình quyến thuộc lớn.

14. Hán: quang minh cụ túc 光明具足; kinh Chủng đức: quang sắc cụ túc 光色具足.

15. Hán: vĩnh diệt dục ái, vô hữu tốt bạo 永滅欲愛無有卒暴; Pāli: khīṇa-kāma-rāgo vigata-cāpallo, đã diệt ái dục, không còn tháo động.

16. Hán: y mao bất thụ 衣毛不豎.

17. Kiến nhơn 見人, Tống-Nguyên-Minh: nhơn kiến 人見.

18. Hán: kiến nhân xưng thiện, thiện thuyết hành báo 見人稱善善說行報. Tham chiếu Pāli: kamma-vādī kiriya-vādī, là người chủ trương về nghiệp, chủ trương về hành vi.

chớ kia không nên đến đây.

"Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm thường được vua Ba-tư-nặc và vua Bình-sa lễ kính cúng dường. Đã thành tựu pháp này, thì ta nên đến kia, chớ kia không nên đến đây.

"Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm được Bà-la-môn Phất-già-la-sa-la[19] lễ kính cúng dường; cũng được Bà-la-môn Phạm[20], Bà-la-môn Đa-lỵ-giá[21], Bà-la-môn Chủng Đức[22], Thủ-ca Ma-nạp Đô-da Tử[23] thăm gặp cúng dường. Đã thành tựu pháp ấy, thì ta nên đến kia chớ kia không nên đến đây.

"Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm được Thanh văn đệ tử tôn thờ, lễ kính cúng dường; cũng được chư Thiên và các chúng quỷ thần khác cung kính. Các dòng họ Thích-ca, Câu-lỵ, Minh-ninh, Bạt-kỳ, Mạt-la, Tô-ma, thảy đều tôn thờ. Đã thành tựu pháp này, ta nên đến kia, chớ kia không nên đến ta.

"Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm truyền trao cho vua Ba-tư-nặc và vua Bình-sa ba quy y và năm giới. Đã thành tựu pháp này, ta nên đến kia chớ kia không nên đến đây.

"Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm truyền trao ba quy năm giới cho Bà-la-môn Phất-già-la-sa-la vân vân. Đã thành tựu pháp này, ta nên đến kia chớ kia không nên đến đây.

"Lại nữa, đệ tử của Sa-môn Cù-đàm thọ ba quy năm giới; chư Thiên, dòng họ Thích, Câu-lỵ..., đều thọ ba quy năm giới. Đã thành tựu pháp này, ta nên đến kia chớ kia không nên đến đây.

"Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm khi du hành được hết thảy mọi người cung kính cúng dường. Đã thành tựu pháp này, ta nên đến kia chớ kia không nên đến đây.

"Lại nữa, những thành quách, thôn ấp mà Cù-đàm đã đến, không đâu là không khuynh động, cung kính cúng dường[24]. Đã thành tựu pháp

---

19. Phất-già-la-sa-la; Pāli: Pokkharasādi, xem kinh số 20 "A-ma-trú".

20. Phạm Bà-la-môn (?).

21. Đa-lỵ-giá 多利遮; Pāli: Tārukkha.

22. Chủng Đức; Pāli: Soṇadanda, xem kinh số 22 "Chủng Đức". Trong kinh Chủng Đức, Bà-la-môn này được thay bằng Cư sĩ; Pāli: Kuṭadanta.

23. Thủ-ca Ma-nạp Đô-da Tử; Pāli: Sukhamāṇava-Toddeyaputta.

24. Hán: vô bất khuynh động cung kính cúng dường 無不頃動恭敬供養. Kinh Chủng đức dịch hơi khác: vị nhơn cúng dường 為人供養 (những địa điểm mà

này, ta nên đến kia chớ kia không nên đến đây.

"Lại nữa, những nơi Sa-môn Cù-đàm đi đến, các loài phi nhân, quỷ thần không dám xúc nhiễu. Đã thành tựu pháp này, ta nên đến kia chớ kia không nên đến đây.

"Lại nữa, những nơi Sa-môn Cù-đàm đi đến, nhân dân ở đó đều thấy ánh sáng, nghe âm nhạc trời. Đã thành tựu pháp này, thì ta nên đến kia chớ kia không nên đến đây.

"Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm khi muốn rời khỏi chỗ đã đến. Mọi người đều luyến mộ, khóc lóc mà tiễn đưa. Đã thành tựu pháp này, thì ta nên đến kia chớ kia không nên đến đây.

"Sa-môn Cù-đàm khi mới xuất gia, cha mẹ, tông thân, khóc lóc, thương nhớ tiếc nuối. Đã thành tựu pháp này, thì ta nên đến kia chớ kia không nên đến ta.

"Sa-môn Cù-đàm xuất gia khi còn trai trẻ, dẹp bỏ các thứ trang sức, voi, ngựa, xe báu, ngũ dục, anh lạc. Đã thành tựu pháp này, thì ta nên đến kia chớ kia không nên đến đây.

"Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm khước từ ngôi vị Chuyển luân vương, xuất gia hành đạo. Nếu Ngài tại gia, sẽ trị vì bốn thiên hạ, thống lãnh dân vật, thì chúng ta đều là thần thuộc. Đã thành tựu pháp ấy, thì ta nên đến kia chớ kia không nên đến đây.

"Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm hiểu rõ Phạm pháp, có thể nói cho người khác và cũng nói chuyện trao đổi với Phạm thiên. Đã thành tựu pháp này, thì ta nên đến kia chớ kia không nên đến đây.

"Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm đầy đủ cả ba mươi hai tướng. Đã thành tựu pháp này, thì ta nên đến kia chớ kia không nên đến đây.

"Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm có trí tuệ thông suốt, không có khiếp nhược. Đã thành tựu pháp này, thì ta nên đến kia chớ kia không nên đến đây.

"Cù-đàm kia nay đến thôn Khư-nậu-bà-đề này, đối với ta là tôn quý, vả lại là khách. Ta nên thân hành đến thăm viếng."

Năm trăm Bà-la-môn khi ấy thưa với Cứu-la-đàn-đầu rằng:

"Kỳ diệu thay, hy hữu thay, công đức của vị kia đến như vậy chăng? Trong các đức, giả sử Cù-đàm chỉ cần có một đức là đã không nên đến đây rồi, huống hồ nay gồm đủ cả. Vậy ta hãy kéo hết đi thăm hỏi."

Phật từng đến) được người cúng dường.

Cứu-la-đàn-đầu đáp:

"Các ngươi muốn đi thì nên biết thời."

Rồi Bà-la-môn liền thắng cỗ xe báu, cùng với năm trăm Bà-la-môn và các Bà-la-môn, trưởng giả, cư sĩ ở Khư-nậu-bà-đề, trước sau vây quanh, đi đến rừng Thi-xá-bà. Đến nơi, xuống xe, đi bộ, tiến đến chỗ Thế Tôn, chào hỏi xong, ngồi xuống một bên. Trong lúc ấy, trong số các Bà-la-môn, trưởng giả, cư sĩ, có người lễ Phật rồi ngồi xuống; có người chào hỏi xong rồi ngồi xuống; có người chỉ xưng tên rồi ngồi xuống; có người chắp tay hướng về Phật rồi ngồi xuống; có người im lặng ngồi xuống. Khi mọi người ngồi yên chỗ, Cứu-la-đàn-đầu bạch Phật rằng:

"Tôi có điều muốn hỏi. Nếu Ngài có rỗi, cho phép, tôi mới dám hỏi.

Phật nói:

"Xin cứ hỏi tùy ý."

Bà-la-môn bạch Phật:

"Tôi nghe nói Cù-đàm thông hiểu ba loại tế tự và mười sáu tư cụ tế tự, là những điều mà chúng tôi, tiên túc kỳ cựu, không hiểu biết. Nay chúng tôi muốn cử hành đại tế tự; đã chuẩn bị đủ năm trăm bò đực, năm trăm bò cái, năm trăm bê đực, năm trăm bê cái, năm trăm con dê, năm trăm con cừu. Hôm nay cố ý đến đây, tôi muốn hỏi ba pháp tế tự và mười sáu tế cụ. Nếu tế tự này mà được thành tựu, sẽ được quả báo lớn, tiếng tăm đồn xa, được trời và người kính trọng."

Bấy giờ, Thế Tôn nói với Cứu-la-đàn-đầu rằng:

"Nay ông hãy lắng nghe, hãy lắng nghe, hãy suy ngẫm kỹ, tôi sẽ giảng thuyết cho."

Bà-la-môn nói:

"Xin vâng, thưa Cù-đàm, tôi rất muốn nghe."

Rồi Phật nói với Cứu-la-đàn-đầu:

"Vào một thời quá khứ xa xưa, có vị vua Quán đảnh thuộc dòng Sát-lỵ[25], muốn thiết lễ đại tự, tập họp đại thần Bà-la-môn[26] đến bảo

---

[25]. Hán: Sát-lỵ vương thủy nhiễu đầu chủng 剎利王水澆頭種, vua được truyền ngôi, khi đăng quang được rưới nước lên đầu, khác với vua tự lập, như Chuyển luân vương. Pāli cho biết tên vua: rājā Mahā-vijito nāma ahosi, có ông vua tên Mahāvijita.

rằng:

Ta nay rất giàu có, tài bảo dồi dào, ngũ dục thỏa mãn. Tuổi ta đã già yếu. Dân chúng cường thịnh, không có sự khiếp nhược. Kho tàng đầy ắp. Nay ta muốn thiết lễ đại tự. Theo các ngươi, pháp tế tự cần những gì?"

Khi ấy, có vị đại thần kia tâu vua rằng:

"Tâu Đại vương, quả như lời Đại vương, nước giàu, binh mạnh, kho tàng đầy ắp. Nhưng dân chúng phần nhiều ôm ác tâm, tập các phi pháp. Nếu tế tự vào lúc này thì không thành phép tế tự. Như sai ăn cướp đuổi ăn cướp, thì sự sai khiến chẳng thành.

"Tâu Đại vương, chớ nghĩ rằng, đây là dân của ta; ta có thể đánh, có thể giết, có thể khiển trách, có thể ngăn cấm. Những kẻ gần gũi vua, nên cung cấp chúng những thứ cần yếu. Những người buôn bán, nên cung cấp chúng tài bảo. Những người chuyên tu điền sản, hãy cung cấp chúng bò, bê, hạt giống. Chúng mỗi người tự mình kinh doanh. Vương không bức bách dân, thì dân được an ổn, nuôi nấng con cháu, cùng nhau vui đùa."

Phật lại nói với Cứu-la-đàn-đầu:

"Rồi thì, sau khi nghe lời của các đại thần, vua liền cung cấp y phục ẩm thực cho những người thân cận, tài bảo cho những người buôn bán, trâu bò, thóc giống cho những người làm ruộng. Bấy giờ nhân dân mỗi người tự lo công việc của mình, không xâm hại nhau, nuôi nấng con cháu, cùng nhau vui đùa."

Phật lại nói:

"Sau đó, vua lại triệu quần thần đến bảo rằng: 'Ta nước giàu, binh mạnh, kho tàng đầy ắp. Ta cung cấp cho nhân dân không thiếu thốn cái gì. Chúng nuôi dưỡng con cháu, cùng nhau vui đùa. Nay ta muốn thiết lễ đại tự. Theo các ngươi, phép tế tự cần có những gì?'

"Các đại thần tâu:

"Đúng vậy, đúng vậy, như lời Đại vương nói, 'Nước giàu, binh mạnh, kho tàng đầy ắp. Ta cung cấp cho nhân dân không thiếu thốn cái gì. Chúng nuôi dưỡng con cháu, cùng nhau vui đùa.' Nếu Đại vương muốn tế tự, có thể truyền lệnh cho cung nội biết.

[26.] Bà-la-môn đại thần 婆羅門大臣, chỉ người Bà-la-môn làm tư tế cho vua, hoặc làm quốc sư, phụ tướng; Pāli: purohita brāhmaṇa.

"Vua làm như lời các đại thần; vào truyền lệnh cung nội: 'Ta nước giàu, binh mạnh, kho tàng đầy ắp. Ta cung cấp cho nhân dân không thiếu thốn cái gì. Chúng nuôi dưỡng con cháu, cùng nhau vui đùa. Nay ta muốn thiết lễ đại tự.'

"Các phu nhân liền tâu vua:

"Đúng vậy, đúng vậy, như lời Đại vương, nước giàu binh mạnh, kho tàng đầy ắp, tài bảo dồi dào. Nếu muốn tế tự, nay thật đúng lúc.

Vua trở ra, báo cho quần thần biết:

"Ta nước giàu, binh mạnh, kho tàng đầy ắp. Ta cung cấp cho nhân dân không thiếu thốn cái gì. Chúng nuôi dưỡng con cháu, cùng nhau vui đùa. Nay ta muốn thiết lễ đại tự. Ta đã truyền lệnh cung nội. Các ngươi hãy nói hết cho ta, cần có những thứ gì?

"Bấy giờ, các đại thần liền tâu vua rằng:

"Đúng vậy, đúng vậy, như lời Đại vương nói. Đại vương muốn tế tự. Đã truyền cho nội cung biết, nhưng chưa nói cho thái tử, hoàng tử, đại thần, tướng sĩ biết[27]. Đại vương nên lệnh truyền cho biết.

"Vua nghe lời các đại thần, bèn truyền lệnh cho thái tử, hoàng tử, đại thần, tướng sĩ rằng:

"Ta nước giàu binh mạnh, kho tàng đầy ắp. Nay ta muốn thiết lễ đại tự.

"Khi ấy, thái tử, hoàng tử, quần thần và các tướng sĩ, tâu vua rằng:

"Đúng vậy, đúng vậy, như lời Đại vương, nước giàu binh mạnh, kho tàng đầy ắp, tài bảo dồi dào. Nếu muốn tế tự, nay thật đúng lúc.

"Vua lại báo cho quần thần biết:

"Ta nước giàu, binh mạnh, kho tàng đầy ắp. Tài bảo dồi dào. Nay ta muốn thiết lễ đại tự. Ta đã truyền lệnh cung nội, thái tử, hoàng tử, cho đến tướng sĩ. Nay muốn thiết lễ đại tự, cần có những thứ gì?

Các đại thần liền tâu:

"Như lời Đại vương. Muốn thiết lễ đại tự, nay chính là lúc.

"Vua nghe lời, cho dựng những ngôi nhà mới ở thành Đông. Vua đi vào nhà mới. Mình khoác áo da hươu, thoa mình bằng dầu bơ thơm,

---

[27]. Bốn tư trợ của đại tự, theo bản Hán: hoàng hậu, thái tử, quần thần và tướng sĩ. Theo bản Pāli, cattāro anumati-pakkhā (bốn tư trợ thuận tùng): 1. Hoàng tộc (janapade khattiyā); 2. Triều thần (amaccā parisajjā); 3. Bà-la-môn phú hào (brāhmaṇa-mahāsāla); 4. Cư sĩ phú hào (gahapati-necayikā).

lại đội sừng hươu lên đầu. Sai trét phân bò lên đất, rồi ngồi nằm trên đó. Rồi đệ nhất phu nhân, đại thần Bà-la-môn, chọn một con bò cái màu vàng. Một phần sữa để vua ăn; một phần sữa để cho phu nhân ăn; một phần sữa để cho đại thần ăn; một phần sữa cúng dường đại chúng, còn lại cho bê. Bấy giờ, nhà vua thành tựu tám pháp, đại thần thành tựu bốn pháp.

"Những gì là tám pháp nhà vua thành tựu?

"Nhà vua thuộc dòng Sát-lỵ, từ bảy đời trở lại cha mẹ đều chân chánh, không bị người khinh chê. Đó là thành tựu pháp thứ nhất. Nhà vua thuộc dòng tộc Sát-lỵ, có dung mạo đoan chánh. Đó là pháp thứ hai.

"Nhà vua có giới đức tăng thạnh, trí tuệ đầy đủ. Đó là pháp thứ ba. Nhà vua tập đủ các loại kỹ thuật: cưỡi voi, xe ngựa, đao mâu, cung tên, phương pháp chiến đấu; không thứ nào là không biết. Đó là pháp thứ tư. Nhà vua có uy lực lớn, thâu nhiếp các tiểu vương; không ai không thần phục. Đó là pháp thứ năm. Nhà vua khéo léo về ngôn ngữ, lời nói dịu dàng, đầy đủ nghĩa và vị. Đó là pháp thứ sáu. Nhà vua có tài bảo dồi dào, kho tàng đầy ắp. Đó là pháp thứ bảy. Nhà vua có trí mưu, dũng mãnh, quả cảm, không hề run sợ. Đó là pháp thứ tám.[1] Nhà vua thuộc dòng Sát-lỵ kia thành tựu tám pháp này.

"Thế nào là đại thần[2] thành tựu bốn pháp? Đại thần Bà-la-môn kia từ bảy đời nay cha mẹ đều chân chánh không bị người khinh chê; đó là pháp thứ nhất. Đại thần đọc tụng thông suốt ba bộ dị học, có khả năng phân tích các loại kinh thư; thế điển u vi, không thứ nào không tổng luyện; lại giỏi phép xem tướng đại nhân, dự đoán tốt xấu, tế tự nghi lễ; đó là pháp thứ hai. Lại nữa, đại thần giỏi về ngôn ngữ, lời nói dịu dàng, nghĩa vị đầy đủ; đó là pháp thứ ba. Lại nữa, đại thần có trí mưu, dũng cảm, quả quyết, không hề run sợ; thấu hiểu tất cả mọi pháp tế tự; đó là pháp thứ tư.[3]

"Bấy giờ, vua thành tựu tám pháp; đại thần Bà-la-môn thành tựu bốn pháp; và vua có đủ bốn viện trợ. Đó là, ba pháp tế tự, với mười sáu tư cụ tế tự.

"Bấy giờ, đại thần Bà-la-môn ở nơi ngôi nhà mới mở bày tâm ý của vua bằng mười sáu việc, dứt trừ ý tưởng nghi ngờ của vua. Mười sáu việc ấy là gì? Đại thần tâu vua:

"Hoặc có người nói, nay vua Sát-lỵ muốn cử hành đại tự, nhưng từ

---

1. Tám yếu tố này hơi khác với bản Pāli: 1. Thuần chủng (sujāta); 2. Dung sắc (abhirūpa); 3. Giàu có (aḍḍha); 4. Uy lực (balavā); 5. Tín tâm (saddha); 6. Học rộng (bahussuta); 7. Giỏi ngôn ngữ (bhāsitassa attham janāti); 8. Hiền minh (paṇdta).

2. Đây chỉ đại thần Bà-la-môn, tức vị tư tế của vua (purohita-brāhmaṇa).

3. Bốn đức tính theo bản Pāli: 1. Huyết thống (sujāta); 2. Tụng đọc (ajjhāyaka); 3. Có giới đức (sīlavā); 4. Hiền minh (paṇḍita).

bảy đời trở lại cha mẹ vua không chân chánh, thường bị người khinh chê. Giả sử có lời ấy, Đại vương vẫn không bị ô uế. Vì sao? Đại vương từ bảy đời nay cha mẹ đều chân chánh.

"Hoặc có người nói, nay vua Sát-lỵ muốn cử hành đại tự, nhưng dung mạo xấu xí, không thuộc dòng dõi Sát-lỵ. Giả sử có lời ấy, Đại vương vẫn không bị ô uế. Vì sao? Đại vương có dung mạo đoan chánh, thuộc dòng dõi Sát-lỵ.

"Hoặc có người nói, nay vua Sát-lỵ muốn cử hành đại tự, nhưng không có giới tăng thượng, trí tuệ không đầy đủ. Giả sử có lời như vậy, Đại vương vẫn không bị ô uế. Vì sao? Đại vương giới đức tăng thượng, trí tuệ đầy đủ.

"Hoặc có người nói, nay vua Sát-lỵ muốn cử hành đại tự, nhưng không giỏi các thuật: cưỡi voi, xe ngựa, các thứ binh pháp cũng không biết. Giả sử có lời như vậy, Đại vương vẫn không bị ô uế. Vì sao? Đại vương giỏi các kỹ thuật, binh pháp chiến trận, không thứ nào không biết.

"Hoặc có người nói, nay vua Sát-lỵ muốn cử hành đại tự, nhưng không có uy lực lớn để thống nhiếp các tiểu vương. Giả sử có lời như vậy, Đại vương vẫn không bị ô uế. Vì sao? Đại vương có uy lực lớn, thống nhiếp các tiểu vương.

"Hoặc có người nói, nay vua Sát-lỵ muốn cử hành đại tự, nhưng không giỏi ngôn ngữ; lời nói thô lỗ, không đủ nghĩa vị. Giả sử có lời như vậy, Đại vương vẫn không bị ô uế. Vì sao? Đại vương giỏi ngôn ngữ, lời nói dịu dàng, đầy đủ nghĩa và vị.

"Hoặc có người nói, nay vua Sát-lỵ muốn cử hành đại tự, nhưng không có nhiều tài bảo. Giả sử có lời như vậy, Đại vương vẫn không bị ô uế. Vì sao? Đại vương có nhiều tài bảo, kho lẫm tràn đầy.

"Hoặc có người nói, nay vua Sát-lỵ muốn cử hành đại tự, nhưng không có trí mưu, ý chí khiếp nhược. Giả sử có lời như vậy, Đại vương vẫn không bị ô uế. Vì sao? Đại vương có trí mưu, dũng mãnh và quả cảm, không hề khiếp nhược.

"Hoặc có người nói, nay vua Sát-lỵ muốn cử hành đại tự, nhưng không nói với nội cung. Giả sử có lời như vậy, Đại vương vẫn không bị ô uế. Vì sao? Đại vương muốn tế tự, trước đã nói cho nội cung.

"Hoặc có người nói, nay vua Sát-lỵ muốn cử hành đại tự, nhưng không nói với thái tử và các hoàng tử. Giả sử có lời như vậy, Đại vương vẫn không bị ô uế. Vì sao? Đại vương muốn tế tự, trước đã nói với thái

tử và các hoàng tử.

"Hoặc có người nói, nay vua Sát-lỵ muốn cử hành đại tự, nhưng không nói với quần thần. Giả sử có lời như vậy, Đại vương vẫn không bị ô uế. Vì sao? Đại vương muốn tế tự, trước đã nói với quần thần.

"Hoặc có người nói, nay vua Sát-lỵ muốn cử hành đại tự, nhưng không nói với tướng sĩ. Giả sử có lời như vậy, Đại vương vẫn không bị ô uế. Vì sao? Đại vương muốn tế tự, trước đã nói với tướng sĩ.

"Hoặc có người nói, nay vua Sát-lỵ muốn cử hành đại tự, nhưng Bà-la-môn đại thần từ bảy đời trở lại cha mẹ không chân chánh, bị người khinh chê. Giả sử có lời như vậy, Đại vương vẫn không bị ô uế. Vì sao? Tôi bảy đời trở lại cha mẹ chân chánh, không bị người khinh chê.

"Hoặc có người nói, nay vua Sát-lỵ muốn cử hành đại tự, nhưng Bà-la-môn đại thần không đọc tụng thông suốt ba bộ dị học, không có khả năng phân tích các thứ kinh thư, thế điển u vi không hề lão luyện, không giỏi phép xem tướng đại nhân, dự đoán cát hung, tế tự nghi lễ. Giả sử có lời như vậy, Đại vương vẫn không bị ô uế. Vì sao? Tôi đọc tụng thông suốt ba bộ dị học, có khả năng phân tích các thứ kinh thư, thế điển u vi không thứ nào không lão luyện, lại giỏi phép xem tướng đại nhân, dự đoán cát hung, tế tự nghi lễ.

"Hoặc có người nói, nay vua Sát-lỵ muốn cử hành đại tự, nhưng Bà-la-môn đại thần không giỏi ngôn ngữ; nói năng thô lỗ, nghĩa vị không đủ. Giả sử có lời như vậy, Đại vương vẫn không bị ô uế. Vì sao? Tôi khéo léo nơi ngôn ngữ; nói năng dịu dàng, đầy đủ nghĩa và vị.

"Hoặc có người nói, nay vua Sát-lỵ muốn cử hành đại tự, nhưng Bà-la-môn đại thần không đủ mưu trí, ý chí khiếp nhược, không hiểu rõ phép tế tự. Giả sử có lời như vậy, Đại vương vẫn không bị ô uế. Vì sao? Tôi đủ mưu trí, ý chí không khiếp nhược, không phép tế tự nào mà không hiểu rõ."

Phật bảo Cứu-la-đàn-đầu:

"Nhà vua có mười sáu chỗ ngờ vực, mà đại thần kia cởi mở ý vua bằng mười sáu việc như thế."

Rồi Phật nói tiếp:

"Bấy giờ, vị đại thần ở nơi ngôi nhà mới, bằng mười sự hành[4], chỉ

---

4. Sự hành 事 行; Pāli: dasa-ākārā, mười hành tướng: pubbe va yaññā das' ākārehi

bày, khuyến khích, khiến cho được ích lợi, hoan hỷ cho nhà vua. Những gì là mười?

"Vị đại thần nói: Khi Đại vương tế tự, những kẻ sát sanh hay những kẻ không sát sanh cùng tụ hội đến. Hãy bố thí cho họ một cách bình đẳng. Nếu có những kẻ sát sanh đến, cũng bố thí cho và kia sẽ tự biết lấy. Kẻ không sát sanh đến, cũng bố thí cho, vì lý do ấy mà bố thí; bố thí với tâm như vậy[5]. Nếu có những kẻ trộm cắp, tà dâm, hai lưỡi, ác khẩu, nói dối, ỷ ngữ, tham lam, tật đố, tà kiến, cùng tụ hội đến, hãy bố thí cho họ. Kia sẽ tự biết lấy. Nếu những kẻ không trộm cắp, cho đến, có chánh kiến, cùng đến, cũng hãy bố thí cho họ, vì sự ấy mà bố thí, bố thí với tâm như vậy.

Phật lại nói với Bà-la-môn:

"Vị đại thần kia, bằng mười sự hành này, chỉ bày, khuyến khích, khiến cho được lợi ích, hoan hỷ."

"Rồi thì, vua Sát-lỵ kia ở nơi ngôi nhà mới sanh ba tâm hối tiếc. Vị đại thần khiến cho được dứt trừ. Ba tâm hối là gì?

"Nhà vua sanh tâm hối tiếc rằng: Ta nay tổ chức đại tự, đã làm đại tự, sẽ làm đại tự, đang làm đại tự. Tốn nhiều tài bảo. Đại thần tâu vua: Đại vương đã tổ chức đại tự, đã bố thí, sẽ bố thí, đang bố thí. Không nên sanh hối tiếc đối với tế tự có phước này.

"Như thế, nhà vua khi ở ngôi nhà mới có ba sự hối tiếc, đã được đại thần dứt trừ."

Phật lại nói với Bà-la-môn:

"Bấy giờ, vua Quán đảnh dòng Sát-lỵ, vào ngày rằm, khi trăng tròn, ra khỏi ngôi nhà mới, tại khoảng đất trống trước nhà, đốt lên một đống lửa lớn. Tay vua cầm bình dầu rót lên ngọn lửa, xướng lên rằng: 'Hãy cho! Hãy cho!'[6]

"Khi ấy phu nhân của vua hay tin nhà vua, vào ngày rằm trăng tròn, ra khỏi nhà mới, tại khoảng đất trống trước nhà, đốt lên một đống lửa lớn, tay cầm bình dầu rót lên ngọn lửa, xướng lên rằng: 'Hãy cho! Hãy cho!' Bà

---

paṭigghāhakesu vippaṭisāraṃ paṭivinodetuṃ, trước khi tế tự, bằng mười phương pháp để loại trừ những sự hối tiếc.

5. Tham chiếu Pāli: pāṇātipātā paṭiviratā te ārabha yajatam bhavam modatam bhavaṃ cittam eva bhavaṃ antaraṃ pasādetu, những người không sát sanh, đối với họ, bố thí, cúng dường, hoan hỷ, nội tâm sanh khởi tịnh tín.

6. Bản Pāli không có chi tiết này.

cùng với thể nữ cầm nhiều tài bảo, đi đến chỗ vua, tâu vua rằng:

"Các tạp bảo này, giúp Đại vương làm tế tự.

"Này Bà-la-môn, nhà vua liền nói với phu nhân và thể nữ rằng:

"Thôi, đủ rồi. Các ngươi như thế là đã cúng dường rồi. Ta có sẵn tài bảo riêng mình, đủ để tế tự.'

"Phu nhân và các thể nữ suy nghĩ: 'Chúng ta không nên mang các bảo vật này trở về nội cung. Nếu khi đức vua thiết lễ đại tự ở phương Đông, chúng ta sẽ dùng để hỗ trợ.

"Này Bà-la-môn, sau đó nhà vua ở phương Đông thiết lễ đại tự, khi ấy phu nhân và các thể nữ liền đem các bảo vật ấy trợ giúp thiết lễ đại tự.

"Bấy giờ, thái tử, hoàng tử, hay tin nhà vua, vào ngày rằm trăng tròn, ra khỏi nhà mới, tại khoảng đất trống trước nhà, đốt lên một đống lửa lớn, tay cầm bình dầu rót lên ngọn lửa, xướng lên rằng: 'Hãy cho! Hãy cho!' Thái tử, hoàng tử cầm nhiều tài bảo, đi đến chỗ vua, tâu vua rằng:

"Các tạp bảo này, giúp Đại vương làm tế tự.

"Này Bà-la-môn, nhà vua liền nói với thái tử và hoàng tử.

"Thôi, đủ rồi. Các ngươi như thế là đã cúng dường rồi. Ta có sẵn tài bảo riêng mình, đủ để tế tự.

"Thái tử, hoàng tử suy nghĩ: 'Chúng ta không nên mang các bảo vật này trở về. Nếu khi đức vua thiết lễ đại tự ở phương Nam, chúng ta sẽ dùng để hỗ trợ.'

"Này Bà-la-môn, sau đó nhà vua ở phương thiết lễ đại tự, khi ấy thái tử, hoàng tử liền đem các bảo vật ấy trợ giúp thiết lễ đại tự.

"Cũng vậy, đại thần cầm tài bảo đến, hỗ trợ vua tế tự ở phương Tây. Tướng sĩ cầm tài bảo đến hỗ trợ vua tế tự ở phương Bắc[7]."

Phật lại nói với Bà-la-môn:

"Nhà vua kia khi cử hành đại tự không giết bò, dê và các chúng sanh; chỉ dùng bơ, sữa, dầu mè, mật, đường đen[8], đường thẻ để tế tự."

Phật lại nói với Bà-la-môn:

---

7. Bốn tư trợ, đã nói đoạn trên. Xem cht.25. Bản Pāli nói bốn tư trợ của đại tự tổ chức tùy hậu tế (anuyāgino homā).

8. Hán: tô 酥, nhũ 乳, ma du 麻油, mật 蜜, hắc mật 黑蜜, thạch mật 石蜜; Pāli: sappi tela navanīta dadhi madhu phāṇita: bơ, dầu mè, bơ sống (sanh tô), sữa đông, mật, đường cát.

"Vua Sát-lỵ kia khi cử hành đại tự, khoảng đầu hoan hỷ, khoảng giữa hoan hỷ, khoảng cuối hoan hỷ. Đó là phép tổ chức tế tự."

Phật lại nói với Bà-la-môn[9]:

"Vua Sát-lỵ kia, sau khi cử hành đại tự, cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia hành đạo, tu Bốn vô lượng tâm. Khi thân hoại mạng chung, sanh lên cõi Phạm thiên.

"Phu nhân của vua, sau khi cử hành đại tự, cũng cạo tóc, mặc ba pháp y, xuất gia hành đạo, hành bốn phạm hạnh. Khi thân hoại mạng chung, sanh lên cõi Phạm thiên.

"Đại thần Bà-la-môn sau khi chỉ dẫn vua tế tự bốn phương, cũng tổ chức đại thí, sau đó cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia hành đạo, hành bốn phạm hạnh. Khi thân hoại mạng chung, sanh lên cõi Phạm thiên."

Phật lại nói với Bà-la-môn:

"Bấy giờ, nhà vua bằng ba pháp tế tự, mười sáu tư cụ tế tự, đã tổ chức thành công đại tự. Ý ông nghĩ sao?"

Cứu-la-đàn-đầu nghe Phật nói, im lặng không trả lời. Lúc ấy, năm trăm Bà-la-môn hỏi Cứu-la-đàn-đầu:

"Những điều Sa-môn Cù-đàm nói thật vi diệu, sao Đại sư im lặng không trả lời?"

Cứu-la-đàn-đầu đáp:

"Những điều Sa-môn Cù-đàm nói thật là vi diệu. Không phải tôi không thừa nhận. Lý do mà tôi im lặng, là vì có điều suy nghĩ. Sa-môn Cù-đàm nói sự việc này, không nói là nghe từ người khác. Tôi thầm nghĩ: Há Sa-môn Cù-đàm không phải là vua Sát-lỵ kia chăng? Hoặc giả là vị đại thần Bà-la-môn kia chăng?"

Bấy giờ Thế Tôn nói với Cứu-la-đàn-đầu:

"Lành thay, lành thay. Ngươi quán sát Như Lai, thật sự là thích hợp. Vua Sát-lỵ cử hành đại tự lúc ấy há phải là ai khác chăng? Chớ nhận xét như thế. Người ấy chính bản thân Ta vậy. Ta lúc bấy giờ đã huệ thí rất lớn."

Cứu-la-đàn-đầu bạch Phật rằng:

"Chừng ấy thôi, ba loại tế tự và mười sáu tư cụ tế tự, là được quả

9. Các chi tiết kể sau đó không có trong bản Pāli.

báo lớn, hay còn có cái gì[10] hơn thế nữa không?"

Phật nói: "Có".

Hỏi: "Đó là cái gì?"

Phật nói:

"So với ba tế tự và mười sáu tế cụ, nếu thường cúng dường chúng Tăng, không để gián đoạn, công đức còn hơn nhiều."

Lại hỏi:

"So với ba tế tự và mười sáu tế cụ, nếu thường cúng dường chúng Tăng, không để gián đoạn, do thế công đức tối thắng. Nhưng còn có cái tối thắng nữa không?"

Phật nói: "Có".

Lại hỏi: "Đó là cái gì?"

Phật nói:

"Nếu bằng ba tế tự và mười sáu tế cụ và thường cúng dường chúng Tăng không để gián đoạn, chẳng bằng vì Chiêu-đề tăng[11] mà dựng tăng phòng, nhà cửa, lầu gác. Thí ấy tối thắng."

Lại hỏi:

"Bằng ba tế tự và mười sáu tế cụ và thường cúng dường chúng Tăng không để gián đoạn và vì Chiêu-đề tăng mà dựng tăng phòng, nhà cửa, lầu gác; phước ấy tối thắng. Những có cái gì hơn thế chăng?"

Phật nói: "Có".

Lại hỏi:

"Đó là cái gì?"

Phật nói:

"Nếu bằng ba tế tự và mười sáu tế cụ và thường cúng dường chúng Tăng không để gián đoạn và vì Chiêu-đề tăng mà dựng tăng phòng, nhà cửa, lầu gác; chẳng bằng khởi tâm hoan hỷ, miệng tự phát thành lời rằng: Tôi quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng. Phước này tối thắng."

Lại hỏi:

"Chừng ấy ba pháp quy y được quả báo lớn, hay còn có cái gì hơn

---

10. Tham chiếu Pāli: Atthi (...) aññο yaññο (...) mahapphalataro: có loại tế tự nào khác có kết quả lớn hơn?

11. Chiêu-đề tăng 招 提 僧, Hán dịch Tứ phương tăng 四 方 僧, chỉ cộng đồng các Tỳ-kheo không thường trú tại một nơi; Pāli: Catudisa-saṅgha (Skt.: Caturdiśa).

nữa?”

Phật nói: “Có”.

Hỏi: “Đó là cái gì?”

Phật nói:

“Nếu với tâm hoan hỷ thọ và hành năm giới, suốt đời không giết, không trộm, không tà dâm, không dối, không uống rượu; phước này tối thắng.”

Lại hỏi: “Chừng ấy ba pháp tế tự (...), cho đến năm giới, được quả báo lớn hay còn có cái gì hơn nữa?”

Phật nói: “Có”.

Lại hỏi: “Đó là cái gì?”

Phật nói:

“Nếu có thể bằng Từ tâm nhớ nghĩ chúng sanh bằng khoảnh khắc vắt sữa bò; phước ấy tối thắng.”

Lại hỏi: “Chừng ấy ba pháp tế tự, cho đến Từ tâm, được quả báo lớn, hay còn có cái gì hơn nữa?”

Phật nói: “Có”.

Lại hỏi: “Đó là cái gì?”

Phật nói:

“Nếu Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác xuất hiện ở đời, có người theo Phật pháp xuất gia tu đạo, mọi đức đều hoàn bị, cho đến, đầy đủ ba minh, diệt các sự tối tăm, đầy đủ tuệ minh. Vì sao? Vì không buông lung, ưa sống nơi thanh vắng; phước này tối thắng.”

Cứu-la-đàn-đầu bạch Phật:

“Thưa Cù-đàm! Tôi vì tế tự mà chuẩn bị bò, dê mỗi thứ năm trăm con. Nay sẽ thả hết, mặc chúng tùy ý đi tìm cỏ, nước. Tôi nay quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng, xin nhận tôi làm Ưu-bà-tắc trong chánh pháp. Từ nay về sau, cho đến hết đời, không giết, không trộm, không tà dâm, không dối, không uống rượu. Cúi mong Thế Tôn cùng đại chúng nhận lời mời sáng mai của tôi.”

Bấy giờ, Thế Tôn im lặng nhận lời.

Bà-la-môn thấy Phật im lặng nhận lời, liền đứng dậy lễ Phật, đi quanh ba vòng, rồi lui ra.

Trở về nhà, ông sửa soạn đủ các loại hào soạn. Sáng hôm sau, khi đến thời, Thế Tôn khoác y, cầm bát, cùng với chúng Đại Tỳ-kheo một

ngàn hai trăm năm mươi người, đi đến nhà Bà-la-môn, ngồi trên chỗ dọn sẵn. Khi ấy Bà-la-môn tự tay châm chước, cúng Phật và Tăng. Ăn xong, thâu y bát, dùng nước rửa xong, Phật đọc cho Bà-la-môn nghe một bài tụng:

Tế tự, lửa là nhất.
Đọc tụng, thơ là nhất.
Loài người, vua là nhất.
Các sông, biển là nhất.
Các sao, trăng là nhất.
Ánh sáng, mặt trời nhất.
Trên, dưới và bốn phương,
Phàm sanh vật hiện hữu,
Chư Thiên và Người đời,
Duy chỉ Phật tối thượng.
Ai muốn cầu đại phúc,
Hãy cúng dường Tam bảo.

Bấy giờ Cứu-la-đàn-đầu lấy một cái ghế nhỏ ngồi trước Phật. Thế Tôn thuyết pháp cho ông theo thứ tự, chỉ bày, khuyến khích, khiến được lợi ích, hoan hỷ. Ngài nói về thí, về giới, về sanh thiên; nói dục là tai họa, phiền não là chướng ngại[12], xuất ly là tối thượng, phân bố, hiển thị các hạnh thanh tịnh.

Rồi Thế Tôn quán sát Bà-la-môn, ý chí đã mềm dịu, ấm cái đã vơi nhẹ[13], dễ được điều phục. Như thường pháp của chư Phật, Ngài giảng thuyết cho ông về Khổ thánh đế, phân biệt hiển thị, thuyết Tập thánh đế, Tập diệt thánh đế. Cứu-la-đàn-đầu ngay trên chỗ ngồi mà xa lìa trần cấu, đắc pháp nhãn tịnh. Cũng như tấm lụa trắng rất dễ nhuộm màu. Bà-la-môn Cứu-la-đàn-đầu cũng vậy, thấy pháp, đắc pháp, thành tựu đạo quả, quyết định an trú, tự tín không do ai, đắc vô sở úy[14], bèn

---

12. Hán: thượng lậu vi ngại 上漏為礙. Tham chiếu Pāli: kāmānaṃ ādinavaṃ okāraṃ saṃkilesam, sự nguy hiểm, sự thấp hèn và sự ô nhiễm của dục.

13. Hán: ấm cái khinh vi 蔭蓋輕微; Pāli: vinīvaraṇna-cittam, tâm đã diệt trừ các triền cái (có năm triền cái).

14. Hán: kiến pháp, đắc pháp, hoạch quả, định trú, bất do tha tín, đắc vô sở uý 見法得法獲果定住不由他信得無所畏. Tham chiếu Pāli: diṭṭha-dhammo patta-dhamma vidita-dhammo pariyogāḷha-dhammo tiṇṇa-vicikiccho vigata-kathaṃkatho vesārajjappatto aparapaccayo satthu sāsane, thấy pháp, đắc pháp, ngộ pháp,

bạch Phật rằng:

"Nay con ba lần xin quy y Phật, Pháp, Thánh chúng. Nguyện Phật chấp thuận con là một Ưu-bà-tắc ở trong Chánh pháp. Từ nay về sau, cho đến trọn đời, không giết, không trộm, không tà dâm, không dối, không uống rượu."

Rồi lại bạch Phật tiếp rằng:

"Cúi mong Thế Tôn nhận lời mời của con trong bảy ngày."

Thế Tôn khi ấy im lặng nhận lời.

Trong bảy ngày ấy, Bà-la-môn tự tay châm chước, cúng Phật và Tăng. Qua bảy ngày, Thế Tôn du hành trong nhân gian.

Phật đi chưa bao lâu, Cứu-la-đàn-đầu mắc bệnh mà mạng chung. Khi ấy, số đông Tỳ-kheo nghe tin Cứu-la-đàn-đầu sau khi cúng dường Phật bảy ngày và khi Phật đi chưa lâu, ông lâm bệnh mà mạng chung. Các Tỳ-kheo này bèn nghĩ thầm rằng: "Người kia nay mạng chung, sẽ sanh về đâu?" Rồi các Tỳ-kheo đi đến chỗ Phật, lễ dưới chân Phật xong, ngồi xuống một bên, bạch Phật rằng:

"Cứu-la-đàn-đầu nay mạng chung, sẽ sanh về đâu?"

Phật nói với các Tỳ-kheo:

"Người ấy tịnh tu phạm hạnh, thành tựu pháp và tùy pháp và cũng không bị xúc nhiễu bởi pháp[15], do đã đoạn trừ năm hạ phần kết, hiện Bát-niết-bàn ở nơi kia, không trở lại cõi này nữa[16]."

Bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe những lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

❑

thâm nhập pháp, diệt nghi, trừ hoặc, được vô úy, duy y giáo pháp của Đạo Sư.

15. Hán: diệc bất ư pháp hữu sở xúc nhiễu 亦不於法有所觸擾.

16. Chỉ trường hợp Thánh giả Bất hoàn (Pāli: Anāgāmin), sanh lên Tịnh cư (Pāli: Suddhāvāsa) và nhập Niết-bàn tại đó.

24. KINH KIÊN CỐ[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại thành Na-lan-đà, trong rừng Ba-bà-lỵ-yểm, cùng chúng Đại Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi người.[2]

Bấy giờ, có người con trai trưởng giả, tên gọi Kiên Cố[3], đi đến chỗ Phật, cúi lạy sát chân Phật, rồi ngồi xuống một bên. Khi ấy, con trai trưởng giả Kiên Cố bạch Phật rằng:

"Lành thay, Thế Tôn. Cúi mong Thế Tôn giáo sắc các Tỳ-kheo, nếu có Bà-la-môn, trưởng giả tử hay cư sĩ đến, hãy hiện thần thông[4], hiển thị pháp thượng nhân[5]."

Phật nói với Kiên Cố:

"Ta không bao giờ dạy các Tỳ-kheo hiện thần túc, pháp thượng nhân, cho Bà-la-môn, trưởng giả, cư sĩ[6]. Ta chỉ dạy các đệ tử ở nơi thanh vắng nhàn tĩnh mà trầm tư về đạo. Nếu có công đức, nên giấu kín. Nếu có sai lầm, nên bày tỏ."

Kiên Cố, con trai trưởng giả, lại bạch Phật:

---

1. Bản Hán, *Phật Thuyết Trường A-hàm kinh*, quyển 16, "Đệ tam phần Kiên Cố kinh Đệ ngũ". Đại I, tr.101b. Tương đương Pāli, Dig i. 11, D.11 Kevaddha-Sutta.

2. Na-lan-đà thành 那 闡 陀 城; Pāli: Nālanda, tên thị trấn, phía Đông chùa Đại giác (Mahābodhi) ở Bồ-đề đạo tràng, nước Ma-kiệt-đà (Magadha). Ba-bà-lỵ-yểm lâm 波 婆 利 掩 林; Pāli: Pāvārikambavana, vườn Pāvārikamba.

3. Trưởng giả tử danh viết Kiên Cố 長 者 子 名 曰 堅 固; Pāli: Kevaddho gahapati-putto, Kevaddha, con trai gia chủ.

4. Hán: hiện thần túc 現 神 足; Pāli: iddhi-pāṭihāriya, Skt.: iddhi-prātihārya, Huyền Tráng dịch, thần biến thị đạo 神 變 示 導, làm cho kinh ngạc hay gây sự chú ý, lôi cuốn sự chú ý bằng các hiện phép thần thông biến hóa.

5. Thượng nhân pháp 上 人 法; Pāli: uttari-manussa-dhamma, pháp của con người siêu việt, siêu nhân.

6. Pāli: gihīnaṃ odātavasanānaṃ, cho những người tại gia áo trắng.

"Cúi mong Thế Tôn giáo sắc các Tỳ-kheo, nếu có Bà-la-môn, trưởng giả tử hay cư sĩ đến, hãy hiện thần thông, hiển thị pháp thượng nhân."

Phật lại nói với Kiên Cố:

"Ta không bao giờ dạy các Tỳ-kheo hiện thần túc, pháp thượng nhân, cho Bà-la-môn, trưởng giả, cư sĩ. Ta chỉ dạy các đệ tử ở nơi thanh vắng nhàn tĩnh mà trầm tư về đạo. Nếu có công đức, nên giấu kín. Nếu có sai lầm, nên bày tỏ."

Khi ấy Kiên Cố, con trai trưởng giả, bạch Phật rằng:

"Con đối với pháp thượng nhân không có gì nghi ngờ. Nhưng thành Na-lan-đà này, quốc thổ thịnh vượng, nhân dân đông đúc, nếu ở đó mà hiện thần túc, sẽ ích lợi cho nhiều người. Phật và chúng Tăng khéo hoằng hóa đạo."

Phật nói với Kiên Cố:

"Ta không bao giờ dạy các Tỳ-kheo hiện thần túc, pháp thượng nhân, cho Bà-la-môn, trưởng giả, cư sĩ. Ta chỉ dạy các đệ tử ở nơi thanh vắng nhàn tĩnh mà trầm tư về đạo. Nếu có công đức, nên giấu kín. Nếu có sai lầm, nên bày tỏ. Vì sao vậy? Có ba loại thần túc. Những gì là ba? Một, thần túc; hai, quán sát tâm người; ba, giáo giới[7].

"Thế nào là thần túc? Này con trai trưởng giả, Tỳ-kheo tập[8] vô lượng thần túc, có thể từ một thân biến thành vô số; từ vô số thân hợp trở lại thành một thân; hoặc xa, hoặc gần, núi, sông, vách đá, thảy đều tự tại vô ngại, như đi trong hư không. Ở giữa hư không mà ngồi kết già y như chim bay. Ra, vào lòng đất y như trong nước. Hoặc đi trên nước như đi trên đất. Mình bốc khói, lửa, như đống lửa lớn. Tay sờ mặt trời, mặt trăng. Đứng cao đến Phạm thiên. Nếu có trưởng giả hay cư sĩ đã có tín tâm thấy Tỳ-kheo hiện vô lượng thần túc, đứng cao đến

---

7. Thần túc 神足, trong bản Hán dịch này, từ thần túc được dùng cho hai từ khác nhau trong Pāli hay Skt.: a) Pāli: iddhi-pāda, Skt.: hddhi-pāda, thần túc mà nơi khác dịch là thần thông 神通, thần biến 神變 hay như ý túc 如意足; b) Pāli: pāṭihāriya, Skt.: prātihārya, nơi khác dịch là thị đạo 示導 (hướng dẫn, lôi cuốn chú ý). Xem giải thích của kinh đoạn sau. Ở đây, ba loại thần túc hay thị đạo: 1. Thần biến thị đạo 神變示導 (Pāli: iddhi-pāṭihāriya, Skt.: hddhi-prātihārya); 2. Ký tâm thị đạo 記心示導 (Pāli: ādesanā-pāithāriya, Skt.: ādeśanā-prātihārya); 3. Giáo giới thị đạo 教誡示導 (Pāli: anusāsani-pāṭihāriya, Skt.: anuśāsana-prātihārya).

8. Tập; Pāli: paccanubhoti, thể nghiệm.

Phạm thiên, sẽ đi đến các trưởng giả, cư sĩ chưa có tín tâm khác, mà nói rằng: 'Tôi thấy Tỳ-kheo hiện vô lượng thần túc, đứng cao đến Phạm thiên.' Trưởng giả hay cư sĩ kia, những người chưa có tín tâm, nói với những người đã có tín tâm rằng: 'Tôi nghe nói có thần chú Cù-la[9] có khả năng hiện vô lượng thần biến như vậy..., cho đến, đứng cao đến Phạm thiên."

Phật bảo Kiên Cố, con trai trưởng giả:

"Những người chưa có tín tâm kia nói như vậy há không phải là hủy báng sao?"

Kiên Cố đáp:

"Đó thật sự là lời hủy báng vậy."

Phật nói:

"Ta vì vậy không giáo sắc các Tỳ-kheo hiện thần túc, pháp thượng nhân, mà chỉ dạy các đệ tử ở nơi thanh vắng nhàn tĩnh mà trầm tư về đạo. Nếu có công đức, nên giấu kín. Nếu có sai lầm, nên bày tỏ. Như vậy, này con trai trưởng giả, đó chính là loại thần túc mà các đệ tử Ta thị hiện.

"Sao gọi là thần túc quán sát tâm người? Ở đây, Tỳ-kheo hiện vô lượng thần túc quán sát; quán sát những pháp được nhớ nghĩ trong tâm chúng sanh; những việc được làm trong xó tối cũng có thể nhận biết. Nếu có trưởng giả hay cư sĩ đã có tín tâm thấy Tỳ-kheo hiện vô lượng thần túc quán sát; quán sát những pháp được nhớ nghĩ trong tâm chúng sanh; những việc được làm trong xó tối cũng có thể nhận biết, sẽ đi đến các trưởng giả, cư sĩ chưa có tín tâm khác, mà nói rằng: 'Tôi thấy Tỳ-kheo hiện vô lượng thần túc quán sát; quán sát những pháp được nhớ nghĩ trong tâm chúng sanh; những việc được làm trong xó tối cũng có thể nhận biết.' Trưởng giả hay cư sĩ kia, những người chưa có tín tâm, nói với những người đã có tín tâm rằng: 'Tôi nghe nói có thần chú Càn-đà-la[10] có khả năng hiện vô lượng thần biến như vậy... cho đến, đứng cao đến Phạm thiên."

Phật bảo Kiên Cố, con trai trưởng giả:

---

9. Hán: Cù-la chú 瞿羅咒; Pāli: Gandhāri nāma vijjā, có thần chú gọi là Gandhāri. Trong bản Hán, chú Gandhāri (Càn-đà-la) này dùng cho thuật đọc ý nghĩ người khác.

10. Hán: Càn-đà-la chú 乾陀羅咒; trong bản Pāli, chú này dùng cho thuật biến hóa; Pāli: Atthi Maṇiko nāma vijjā, có minh chú gọi lā Maṇika.

"Những người chưa có tín tâm kia nói như vậy há không phải là hủy báng sao?"

Kiên Cố bạch Phật:

"Đó thật sự là lời hủy báng vậy."

Phật nói:

"Ta vì vậy không giáo sắc các Tỳ-kheo hiện thần túc, pháp thượng nhân, mà chỉ dạy các đệ tử ở nơi thanh vắng nhàn tĩnh mà trầm tư về đạo. Nếu có công đức, nên giấu kín. Nếu có sai lầm, nên bày tỏ. Như vậy, này con trai trưởng giả, đó chính là loại thần túc quán sát mà các đệ tử Ta thị hiện.

"Thế nào là giáo giới thần túc? Này con trai trưởng giả, nếu Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác xuất hiện ở đời, mười hiệu đầy đủ, ở giữa chư Thiên, Người đời, Ma hoặc Ma thiên, Sa-môn, Bà-la-môn, mà tự thân chứng ngộ, rồi giảng thuyết cho người khác, với lời khoảng đầu, khoảng giữa và khoảng cuối thảy đều chân chánh, nghĩa vị thanh tịnh, phạm hạnh đầy đủ[11]. Nếu có trưởng giả hoặc cư sĩ, sau khi nghe, ở trong đó phát sanh tín tâm. Khi đã có tín tâm, vị ấy ở trong đó quán sát, suy nghĩ rằng: 'Ta không nên sống tại gia. Nếu sống tại gia, trói buộc liên miên, không thể thanh tịnh tu hành phạm hạnh. Nay ta hãy cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia tu đạo, đủ các công đức, cho đến thành tựu ba minh, diệt trừ những sự tối tăm, phát sanh ánh sáng đại trí. Vì sao vậy? Ấy là do tinh cần, ưa sống một mình chỗ thanh vắng, chuyên niệm không quên, mà được vậy. Này con trai trưởng giả, đó là giáo giới thần túc mà Tỳ-kheo của Ta thị hiện vậy."

Bấy giờ, Kiên Cố, con trai trưởng giả, bạch Phật rằng:

"Có Tỳ-kheo nào thành tựu ba thần túc ấy không?

Phật nói với con trai trưởng giả:

"Ta không nói phần lớn các Tỳ-kheo đều thành tựu ba thần túc ấy. Nhưng, này con trai trưởng giả, có một Tỳ-kheo của Ta ở trong

---

11. Trong bản Hán dịch này, thường không thống nhất, hoặc: nghĩa vị cụ túc, phạm hạnh thanh tịnh 義味具足梵行清淨; hoặc: nghĩa vị thanh tịnh, phạm hạnh cụ túc 義味清淨梵行具足. Tham chiếu Pāli: So dhammaṃ deseti ādi-kalyāṇaṃ majjhe kalyāṇaṃ pariyosāna-kalyāṇaṃ sātthaṃ savyañjanaṃ kevala-paripuṇṇaṃ parisuddhaṃ brahmacariyaṃ pakāseti, Ngài thuyết pháp; pháp ấy thiện xảo ở phần đầu, thiện xảo ở phần giữa, thiện xảo ở phần cuối, có đủ văn cú và nghĩa vị; Ngài nêu rõ đời sống tịnh hạnh hoàn toàn viên mãn và tuyệt đối thanh tịnh.

chúng này thầm suy nghĩ rằng: 'Thân này, với bốn đại: đất, nước, lửa, gió, vĩnh viễn diệt tận ở đâu[12]?' Tỳ-kheo ấy phút chốc hướng vào con đường thiên giới[13], đi đến chỗ Tứ thiên vương[14], hỏi Tứ thiên vương rằng: 'Thân này, với bốn đại: đất, nước, lửa, gió, vĩnh viễn diệt tận ở đâu?'

"Này con trai trưởng giả, Tứ thiên vương kia trả lời Tỳ-kheo rằng: 'Tôi không biết bốn đại vĩnh viễn diệt tận ở đâu. Trên tôi còn có trời, gọi là Đao-lợi[15], vi diệu đệ nhất, có đại trí tuệ. Trời kia có thể biết bốn đại vĩnh viễn diệt tận ở đâu.' Tỳ-kheo nghe xong, phút chốc hướng theo thiên đạo, đi lên trời Đao-lợi, hỏi chư Thiên: 'Thân này, với bốn đại: đất, nước, lửa, gió, vĩnh viễn diệt tận ở đâu?' Chư Thiên Đao-lợi trả lời: 'Tôi không biết bốn đại vĩnh viễn diệt tận ở đâu. Bên trên còn có trời, gọi là Diệm-ma[16], vi diệu đệ nhất, có đại trí tuệ. Trời ấy có thể biết.' Tỳ-kheo liền lên đó hỏi, nhưng nơi ấy vẫn không biết.

"Lần lượt như thế, lên Đâu-suất, lên Hóa tự tại, lên Tha hóa tự tại thiên[17], thảy đều nói: 'Tôi không biết bốn đại vĩnh viễn diệt tận ở đâu. Bên trên còn có trời, gọi là Phạm-ca-di[18], vi diệu đệ nhất, có đại trí tuệ. Trời ấy có thể biết bốn đại vĩnh viễn diệt tận ở đâu.'Tỳ-kheo ấy phút chốc hướng vào Phạm đạo[19]. Lên đến Phạm thiên, Tỳ-kheo hỏi: 'Thân này, với bốn đại: đất, nước, lửa, gió, vĩnh viễn diệt tận ở đâu?' Vị Phạm thiên kia trả lời Tỳ-kheo: 'Tôi không biết bốn đại vĩnh viễn diệt tận ở đâu. Nay có Đại Phạm thiên vương, đấng Vô năng thắng,

---

12. Hán: hà do vĩnh diệt 何由永滅; Pāli: kattha (...) aparisesā nirujjhanti.

13. Hán: Thúc thú thiên đạo 倏趣天道; Pāli: devayāniyo maggo pātur ahosi, con đường dẫn đến thiên giới hiện ra.

14. Pāli: Cātummahārājikā devā, chư Thiên cõi Tứ đại thiên vương. Tầng thứ nhất trong sáu tầng trời Dục giới.

15. Đao-lợi hay Tam thập tam (thiên); Pāli: Tāvatiṃsa. Tầng thứ hai trong 6 tầng Dục giới thiên.

16. Diệm-ma 焰摩, hay Dạ-ma 夜摩; Pāli: Yàma, tầng thứ 3 trong 6 Dục giới thiên. Trong bản Pāli, chư Thiên Tāvatimsā giới thiệu đến Thiên chúa Sakka. Sakka không giải đáp được, giới thiệu lên Yāma.

17. Đâu-suất 兜率; Pāli: Tusita. Hóa tự tại 化自在, hay Hóa lạc 化樂; Pāli: Nimmānarati. Tha hóa tự tại 他化自在; Pāli: Paranimmitavasavatti.

18. Phạm-ca-di 梵迦夷, hay Phạm thân thiên 梵身天, hay Phạm chúng thiên 梵眾天, tầng thứ nhất trong ba tầng thuộc Sơ thiền thiên; Pāli: Brahmakāyika.

19. Pāli: Brahma-yāniyo maggo pātur ahosi, con đường dẫn lên Phạm thiên hiện ra.

thống lãnh một ngàn thế giới, phú quý, tôn quý, hào quý, hoàn toàn được tự tại, có khả năng tạo hóa mọi vật, là cha mẹ của chúng sanh. Ngài có thể biết bốn đại vĩnh viễn diệt tận ở đâu.' Này con trai trưởng giả, Tỳ-kheo kia liền hỏi ngay rằng: 'Ngài Đại Phạm thiên vương kia hiện đang ở đâu?' Vị trời ấy đáp: 'Không rõ Đại Phạm nay đang ở đâu. Nhưng theo ý tôi mà xét, Ngài sẽ xuất hiện giây lát.' Chưa bao lâu, Phạm vương hốt nhiên xuất hiện. Này con trai trưởng giả, Tỳ-kheo kia đến Phạm vương và hỏi: 'Thân này, với bốn đại: đất, nước, lửa, gió, vĩnh viễn diệt tận ở đâu?' Đại phạm vương kia nói với Tỳ-kheo: 'Ta là Đại Phạm, là đấng Vô năng thắng, thống lãnh một ngàn thế giới, phú quý, tôn quý, hào quý, hoàn toàn được tự tại, có khả năng tạo hóa mọi vật, là cha mẹ của chúng sanh[20].' Tỳ-kheo kia khi ấy nói với Phạm thiên vương: 'Tôi không hỏi việc ấy. Tôi hỏi, bốn đại: đất, nước, lửa, gió, vĩnh viễn diệt tận ở đâu.'

"Này con trai trưởng giả, Phạm vương kia vẫn trả lời Tỳ-kheo: 'Ta là Đại phạm vương, cho đến, sáng tạo vạn vật, cha mẹ của chúng sanh.' Tỳ-kheo lại nói: 'Tôi không hỏi việc ấy. Tôi hỏi, bốn đại vĩnh viễn diệt tận ở đâu.' Này con trai trưởng giả, Phạm thiên vương, như vậy đến ba lần, không thể trả lời Tỳ-kheo, bốn đại này vĩnh viễn diệt tận ở đâu. Rồi thì, Đại phạm vương bèn nắm lấy tay phải của Tỳ-kheo, kéo ra chỗ kín đáo, nói rằng: 'Này Tỳ-kheo, nay các Phạm thiên đều bảo rằng ta là trí tuệ bậc nhất, không có gì không biết, không thấy. Vì vậy ta không trả lời thầy, vì ta không biết, không thấy, bốn đại này nơi đâu vĩnh viễn diệt tận.' Rồi lại nói tiếp với Tỳ-kheo: 'Thầy thật là đại ngu ngốc mới bỏ

---

20. Tham chiếu Pāli: Aham asmi(...) Brahmā Mahābrahmā abhibhū anabhibhūto aññadatthidaso vasavattī issaro kattā nimmitā seṭṭho sañjitā vasī pitā bhūta-bhavayānan ti: Ta là Phạm, Đại phạm, đấng Chiến thắng, đấng Bất bại, đấng Toàn kiến, đấng Chi phối, đấng Tự tại, là Tác giả, là Hóa công, là đấng Ưu việt, là đấng Sáng tạo, Chủ tể, Tổ phụ của những loài đã tồn tại và sẽ tồn tại.

Như Lai mà đi tra vấn chư Thiên về việc này. Thầy nên đến Thế Tôn mà hỏi việc này. Như những gì Phật nói, hãy ghi nhớ kỹ.' Lại bảo Tỳ-kheo: 'Nay Phật ở tại Xá-vệ, trong vườn Cấp cô độc. Thầy hãy đến đó mà hỏi.'

"Này con trai trưởng giả, bấy giờ, Tỳ-kheo hốt nhiên biến mất khỏi Phạm thiên giới và trong khoảnh khắc như tráng sĩ co duỗi cánh tay, đến Xá-vệ, trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà. Tỳ-kheo đi đến chỗ Ta, cúi lạy chân Ta, ngồi sang một bên, bạch Ta rằng: 'Thế Tôn, nay bốn đại này, đất, nước, lửa, gió, vĩnh viễn diệt tận ở đâu?'

Bấy giờ, Ta nói rằng:

"Tỳ-kheo! Cũng như thương nhân mang một con ưng[21] vào biển. Ở giữa biển, thả chim ưng bay các phương Đông, Tây, Nam, Bắc trong hư không. Nếu nhìn thấy đất liền, chim bèn dừng trên đó. Nếu không nhìn thấy, chim bay trở về thuyền. Tỳ-kheo, ngươi cũng vậy. Ngươi lên cho đến Phạm thiên để hỏi ý nghĩa đó, cuối cùng không thành tựu mới trở về Ta. Nay Ta sẽ khiến cho ngươi thành tựu ý nghĩa đó."

Liền nói bài kệ rằng:

Do đâu không bốn đại:
Đất, nước, lửa và gió?[22]
Do đâu không thô, tế,
Và dài, ngắn, đẹp, xấu?
Do đâu không danh-sắc,
Vĩnh diệt, không dư tàn?[23]

---

21. Hán: tí ưng nhập hải 臂鷹入海; Pāli: sāmuddikā vāṇijā tīra-dassaiṃ sakunaṃ gahetvā, thương nhân đi biển mang theo con chim tìm bờ.

22. Pāli: Kattha āpo ca paṭhavī tejo vāyo na gādhati? Nơi nào nước, đất, lửa và gió không trụ vững?

Nên đáp: thức vô hình,
Vô lượng, tự tỏa sáng[24]*;*
Nó diệt, bốn đại diệt;
Thô, tế, đẹp, xấu diệt.
Nơi này danh sắc diệt,
Thức diệt, hết thảy diệt.[25]

Khi ấy, Kiên Cố, con trai trưởng giả, bạch Phật rằng:

"Thế Tôn, Tỳ-kheo ấy tên gì? Làm sao ghi nhớ?"

Phật đáp:

"Tỳ-kheo ấy tên là A-thất-dĩ[26]. Hãy ghi nhớ như vậy."

Bấy giờ, Kiên Cố, con trai trưởng giả, nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

❑

23. Pāli: Kattha nāmañ ca rūpañ ca asesaṃ uparujjhati? Nơi nào danh và sắc hoại diệt không dư tàn?

24. Tham chiếu Pāli: Viññāṇaṃ anidassanaṃ anantaṃ sabbato pahaṃ: Thức vô hình, vô hạn, biến thông tất cả; Pāli: pahaṃ, hoặc gốc động từ pajahati, loại bỏ hoàn toàn; hoặc gốc động từ pabhāti, tỏa sáng. Bản Hán hiểu theo nghĩa sau. Nghĩa biến thông là theo chú giải của Phật Âm (Budhaghosa).

25. Pāli: Vññāṇassa nirodhena eth' etaṃ uparujjhatīti: Do thức diệt, (tất cả) cái đó diệt.

26. A-thất-dĩ 阿室已. Bản Pāli không nêu tên Tỳ-kheo này, Skt.: Aśvajit?

26. KINH TAM MINH[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại nước Câu-tát-la, du hành nhân gian, cùng với chúng Đại Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi người, đến Y-xa-năng-già-la, thôn Bà-la-môn ở Câu-tát-la. Ngài nghỉ đêm trong rừng Y-xa.[2]

Bấy giờ, có Bà-la-môn tên Phất-già-la-sa-la, Bà-la-môn tên Đa-lê-xa[3], có duyên sự nên cùng đến thôn Y-xa-năng-già-la. Bà-la-môn Phất-già-la-sa-la này, từ bảy đời nay cha mẹ chân chánh không bị người khinh chê, tụng đọc thông suốt ba bộ dị điển, có khả năng phân tích các loại kinh thư, lại giỏi phép xem tướng đại nhân, quán sát cát hung, tế tự nghi lễ. Ông có năm trăm đệ tử, dạy dỗ không bỏ phế. Trong số đó có một đệ tử tên Bà-tất-tra[4], từ bảy đời nay cha mẹ chân chánh không bị người khinh chê, tụng đọc thông suốt ba bộ dị điển, có khả năng phân tích các loại kinh thư, lại giỏi phép xem tướng đại nhân, quán sát cát hung, tế tự nghi lễ; cũng có năm trăm đệ tử, dạy dỗ không bỏ phế.

Bà-la-môn Đa-lê-xa cũng từ bảy đời nay cha mẹ chân chánh không bị người khinh chê, tụng đọc thông suốt ba bộ dị điển, có khả năng phân tích các loại kinh thư, cũng giỏi phép xem tướng đại nhân, quán sát cát hung, tế tự nghi lễ. Ông cũng có năm trăm đệ tử, dạy dỗ

---

1. Bản Hán, *Phật Thuyết Trường A-hàm*, "Đệ tam phần, Tam Minh kinh Đệ thất", Đại I, tr. 104c. Tương đương Pāli, D. 13, Dig i. 13 Tevijja-Sutta.

2. Xem kinh số 20 "A-ma-trú". Bản Pāli, Phật trú tại Manasākaṭa, bên bờ sông Aciravatī. Chúng Tỳ-kheo năm trăm người.

3. Phất-già-la-sa-la 沸伽羅娑羅, được đề cập trong kinh soá 20 "A-ma-trú"; Pāli: Pokkharasāti; Đa-lê-xa 多梨車; Pāli: Tārukkha. Bản Pāli còn kể thêm: Jāṇussoni, Todeyya.

4. Bà-tất-tra; Pāli: Vāseṭṭha. Xem cht.3, kinh số 5 "Tiểu duyên".

không bỏ phế. Trong số đó có một đệ tử tên Phả-la-đọa[5] từ bảy đời nay cha mẹ chân chánh không bị người khinh chê, tụng đọc thông suốt ba bộ dị điển, có khả năng phân tích các loại kinh thư, lại giỏi phép xem tướng đại nhân, quán sát cát hung, tế tự nghi lễ; cũng có năm trăm đệ tử, dạy dỗ không bỏ phế.

Lúc bấy giờ, Bà-tất-tra và Phả-la-đọa, hai người vào lúc tảng sáng đi đến khu vườn cùng nhau bàn luận. Bà-tất-tra nói với Phả-la-đọa:

"Con đường của ta chân chánh, có khả năng xuất yếu, dẫn đến Phạm thiên. Đó là điều mà Đại sư Phất-già-la-sa-la Bà-la-môn dạy."

Phả-la-đọa lại nói:

"Con đường của ta chân chánh, có khả năng xuất yếu, dẫn đến Phạm thiên. Đó là điều mà Đại sư Đa-lê-xa Bà-la-môn dạy."

Như vậy, Bà-tất-tra ba lần tự khen đạo mình chân chánh. Phả-la-đọa cũng ba lần tự khen đạo mình chân chánh. Hai người cùng bàn luận mà không thể quyết định.

Rồi Bà-tất-tra nói với Phả-la-đọa rằng:

"Ta nghe nói Sa-môn Cù-đàm, con nhà dòng họ Thích, xuất gia và đã thành đạo, ở Câu-tát-la, du hành nhân gian, nay đang nghỉ tại rừng Y-xa-năng-già-la. Ngài có tiếng tăm lớn, lưu truyền khắp thiên hạ, rằng, Ngài là Bậc Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác, đầy đủ mười hiệu, ở giữa chư Thiên, người đời, Sa-môn, Bà-la-môn, tự mình chứng ngộ, rồi thuyết pháp cho người khác; lời nói khoảng đầu, khoảng giữa, khoảng cuối thảy đều chân chánh, nghĩa vị đầy đủ, phạm hạnh thanh tịnh. Bậc Chân Nhân như vậy, ta nên đến thăm viếng. Ta nghe nói Sa-môn Cù-đàm kia biết con đường Phạm thiên, có thể giảng thuyết cho người. Ngài thường nói chuyện, trao đổi với Phạm thiên. Chúng ta hãy cùng nhau đi đến Cù-đàm

5. Phả-la-đọa; Pāli: Bhāradva. Xem cht. 3, kinh số 5 "Tiểu duyên".

để giải quyết ý nghĩa này. Nếu Sa-môn có nói điều gì, chúng ta sẽ vâng nhớ."

Bấy giờ, Bà-tất-tra và Phả-la-đọa, hai người theo nhau đi vào rừng Y-xa-năng-già-la, đến chỗ Thế Tôn, chào hỏi xong, ngồi xuống một bên.

Thế Tôn biết ý nghĩ trong lòng hai người, bèn hỏi Bà-tất-tra:

"Các ngươi hai người vào lúc tảng sáng đi vào khu vườn, cùng nhau thảo luận như vậy, cùng bài bác lẫn nhau. Một người nói: 'Con đường của ta chân chánh, có khả năng xuất yếu, dẫn đến Phạm thiên. Đó là điều mà Đại sư Phất-già-la-sa-la Bà-la-môn dạy.' Người kia nói: 'Con đường của ta chân chánh, có khả năng xuất yếu, dẫn đến Phạm thiên. Đó là điều mà Đại sư Đa-lê-xa Bà-la-môn dạy.' Như vậy ba lần, các ngươi bài bác nhau. Có sự việc như vậy không?"

Bà-tất-tra và Phả-la-đọa khi nghe lời này của Phật thảy đều kinh ngạc, lông tóc dựng đứng, trong lòng nghĩ thầm: 'Sa-môn Cù-đàm có đại thần đức, biết trong tâm người. Những điều mà chúng ta muốn thảo luận, Sa-môn Cù-đàm đã nói trước rồi. Rồi Bà-tất-tra bạch Phật:

"Con đường này và con đường kia, đều tự xưng là chân chánh, đều có khả năng xuất yếu, dẫn đến Phạm thiên. Điều mà Bà-la-môn Phất-già-la-sa-la nói đúng hay điều mà Đa-lê-xa nói đúng?"

Phật nói:

"Giả sử, Bà-tất-tra, con đường này, con đường kia đều chân chánh, xuất yếu, dẫn đến Phạm thiên, các ngươi sao lại đi vào khu vườn lúc tảng sáng mà bài bác lẫn nhau, cho đến ba lần?"

Bà-tất-tra bạch Phật:

"Có những Bà-la-môn thông ba minh[6] giảng thuyết các con đường

---

6. Tam minh Bà-la-môn 三明婆羅門; Pāli: tevijja-brāhmaṇa, Bà-la-môn tinh thông ba bộ Veda.

khác nhau, con đường tự tại dục, con đường tự tác, con đường Phạm thiên. Cả ba con đường ấy đều dẫn đến Phạm thiên[7]. Cũng như những con đường trong xóm, tất cả đều dẫn về thành, các Bà-la-môn tuy nói những con đường khác nhau, nhưng đều hướng đến Phạm thiên."

Phật hỏi Bà-tất-tra:

"Có phải các con đường kia thảy đều thú hướng Phạm thiên?"

Đáp: "Thảy đều thú hướng".

Phật lặp lại câu hỏi ba lần:

"Có phải các con đường kia thảy đều thú hướng Phạm thiên?"

Đáp: "Thảy đều thú hướng".

Thế Tôn sau khi đã xác định lời ấy rồi, bèn hỏi Bà-tất-tra:

"Thế nào, trong số các Bà-la-môn thông tam minh có ai đã từng thấy Phạm thiên chưa?"

Đáp: "Không có ai thấy".

"Thế nào, Bà-tất-tra, tiên sư của Bà-la-môn thông tam minh có từng thấy Phạm thiên chưa?"

Đáp: "Không ai thấy".

"Thế nào, Bà-tất-tra, các Bà-la-môn kỳ cựu, các tiên nhân thông tam minh thời cổ, đọc tụng thông suốt, có thể thuyết cho người khác nghe các tán tụng cổ, các ca vịnh, thi thư, những vị có tên là A-tra-ma Bà-la-môn, Bà-ma-đề-bà Bà-la-môn, Tỳ-bà-thẩm-tra Bà-la-môn, Y-ni-la-tư Bà-la-môn, Xà-bà-đề-già Bà-la-môn, Bà-bà-tất Bà-la-môn, Ca-diệp Bà-la-môn, A-lâu-na Bà-la-môn, Cù-đàm-ma Bà-la-môn, Thủ-chỉ Bà-la-môn, Bà-la-tổn-đà Bà-la-môn[8]; những vị này có được thấy Phạm thiên không?"

Đáp: "Không có ai thấy".

Phật nói:

"Nếu Bà-la-môn thông tam minh kia không thấy Phạm thiên, tiên sư của Bà-la-môn thông tam minh cũng không thấy Phạm thiên, các Bà-la-môn thông tam minh, những cựu tiên nhân, như A-tra-ma v.v..., cũng không một ai thấy Phạm thiên, thế thì biết rằng những điều mà Bà-la-

---

7. D.13 (Dig I 13 tr. 200) không kể tên các học thuyết, mà kể tên các người đề xướng: Addhāriyā, Tittiriyā, Chandoka, Chandavā.

8. Danh sách các Bà-la-môn cổ: xem kinh số 20 "A-ma-trú", cht.89.

môn thông tam minh nói không phải là sự thật[9].”

Phật lại nói với Bà-tất-tra:

“Như có một người dâm, nói rằng: ‘Tôi cùng với người nữ đẹp đẽ kia thông giao, ca ngợi dâm pháp.’ Những người khác liền hỏi: ‘Ông có biết người nữ ấy không? Cô ấy ở đâu? Phương Đông, phương Tây, phương Nam, hay phương Bắc?’ Đáp: ‘Không biết.’ Lại hỏi: ‘Ông có biết đất, đai, thành ấp, chòm xóm mà người nữ ấy ở không?’ Đáp: ‘Không biết.’Lại hỏi: ‘Ông có biết cha mẹ cô ấy tên gì không?’ Đáp: ‘Không biết.’ Lại hỏi: ‘Ông có biết người nữ ấy là Sát-lỵ, hay Bà-la-môn, hay Cư sĩ, hay Thủ-đà-la không?’ Đáp: ‘Không.’ Lại hỏi: ‘Ông có biết người nữ ấy cao hay thấp, mập hay gầy, đen hay trắng, đẹp hay xấu không?’ Đáp: ‘Không.’ Thế nào, Bà-tất-tra, sự ca ngợi của người kia có phải sự thật không?”

Đáp: “Không thật”.

“Như vậy, Bà-tất-tra, những điều mà Bà-la-môn thông tam minh nói cũng như vậy, không có sự thật. Thế nào, Bà-tất-tra, Bà-la-môn thông tam minh của ngươi thấy nơi chốn mà mặt trời, mặt trăng mọc, lặn, du hành, chắp tay cúng dường và có thể nói như vầy: ‘Con đường này chân chánh, có thể dẫn đến xuất yếu, đến chỗ mặt trời, mặt trăng’ được chăng?”

Đáp: “Thật vậy, Bà-la-môn thông tam minh thấy nơi chốn mà mặt trời, mặt trăng mọc, lặn, du hành, chắp tay cúng dường, nhưng không thể nói như vầy: ‘Con đường này chân chánh, có thể dẫn đến xuất yếu, đến chỗ mặt trời, mặt trăng.’”

Phật nói:

“Như vậy, Bà-tất-tra, Bà-la-môn thông tam minh thấy nơi chốn mà mặt trời, mặt trăng mọc, lặn, du hành, chắp tay cúng dường, nhưng không thể nói như vầy: ‘Con đường này chân chánh, có thể dẫn đến xuất yếu, đến chỗ mặt trời, mặt trăng.’ Nhưng lại thường chắp tay cúng dường cung kính, há không phải là hư dối sao?”

Đáp: “Thật vậy, thưa Cù-đàm, kia thật sự hư dối”.

Phật nói:

“Ví như có người dựng thang nơi khoảng đất trống; những người khác hỏi: ‘Ngươi bắc thang làm

---

9. Sở thuyết phi thật, D.13 sđd.: appāṭihīrakatā, lời nói ngu ngốc.

gì?' Đáp: 'Tôi muốn lên nhà trên'. Hỏi: 'Nhà ở chỗ nào? Đông, hay Tây, hay Nam, hay Bắc?' Đáp rằng: 'Không biết.'

Thế nào, Bà-tất-tra, người ấy dựng thang để lên nhà, há không phải là hư dối sao?'

Đáp: 'Thật vậy, kia thật sự hư dối'.

Phật nói:

"Bà-la-môn thông tam minh cũng vậy, hư dối không thật.

"Bà-tất-tra, năm dục khiết tịnh, rất đáng yêu thích[10]. Những gì là năm? Mắt thấy sắc, rất đáng yêu thích. Tai nghe tiếng, mũi ngửi hương, lưỡi nếm vị, thân xúc chạm, rất đáng yêu thích, ở trong pháp Hiền thánh của Ta, được gọi là dính mắc, là trói buộc, là xiềng xích. Bà-la-môn thông tam minh kia bị nhiễm bởi năm dục, ái dục dính chặt, nhưng không thấy lỗi lầm, không biết lối xuất yếu. Kia đã bị năm dục trói buộc, giả sử có phụng sự nhật, nguyệt, thủy, hỏa và xướng lên rằng: 'Xin tiếp đỡ tôi sanh lên Phạm thiên.' Không có trường hợp ấy. Ví như con sông A-di-la[11], có mức nước ngang bờ[12]. Có người ở bờ bên này, mình bị quấn chặt, kêu suông bờ bên kia rằng: 'Lại đây, đưa tôi sang.' Bờ kia có đến đưa người ấy sang không?"

Đáp: "Không".

"Bà-tất-tra, năm dục khiết tịnh, rất đáng yêu thích, ở trong pháp Hiền thánh của Ta, được gọi là dính mắc, là trói buộc, là xiềng xích. Bà-la-môn thông tam minh kia bị nhiễm bởi năm dục, ái dục dính chặt, nhưng không thấy lỗi lầm, không biết lối xuất yếu. Kia đã bị năm dục trói buộc, giả sử có phụng sự nhật, nguyệt, thủy, hỏa và xướng lên rằng: 'Xin tiếp đỡ tôi sanh lên Phạm thiên', thì cũng giống như vậy. Trọn không thể xảy ra.

---

10. D. 13 sđd.: (...) ime kāma-guṇā ariyassa vinaye andūti pi vuccanti, bandhanan ti pi vuccanti, năm phẩm chất của dục này, trong luật của Thánh, được gọi là xiềng xích, là trói buộc.

11. A-di-la hà 阿夷羅河, tên sông, một trong năm sông lớn; các phiên âm khác: A-trí-la-phiệt-để, Y-la-bạt-đề, A-di-na-hòa-đề; Pāli: Aciravatī.

12. D. 13: Aciravatī nadī pūrā udakassa samatittikā kākapeyyā: con sông Aciravatī đầy với lượng nước tràn bờ, con quạ có thể uống.

"Bà-tất-tra, ví như con sông A-di-la, nước tràn ngang bờ, con quạ có thể uống được. Có người muốn sang, không bằng vào sức của tay chân, thân mình, không nhân thuyền bè, mà có thể sang được không?"

Đáp: "Không".

"Bà-tất-tra, Bà-la-môn thông tam minh cũng vậy, không tu hạnh thanh tịnh của Sa-môn, lại tu theo hạnh không thanh tịnh của đạo khác, mà muốn cầu sanh Phạm thiên, không có trường hợp đó.

"Bà-tất-tra, cũng như nước trong núi vọt mạnh ra, cuốn trôi khá nhiều nhân dân, vả lại không có thuyền, bè, cũng không có cầu bến. Người kia nghĩ thầm: 'Ta nên thâu lượm thật nhiều cỏ và cây, buộc thành chiếc bè thật chắc chắn, rồi bằng sức của thân mình mà sang bờ một cách an ổn. Bà-tất-tra, cũng vậy, nếu Tỳ-kheo xả hạnh bất tịnh phi Sa-môn, tu hành phạm hạnh thanh tịnh của Sa-môn, muốn sanh Phạm thiên; trường hợp ấy có xảy ra.

"Thế nào, Bà-tất-tra, Phạm thiên có nhuế tâm[13] hay không có nhuế tâm?"

Đáp: "Không có nhuế tâm".

Lại hỏi:

"Bà-la-môn thông tam minh có nhuế tâm hay không có nhuế tâm?"

Đáp: "Có nhuế tâm".

"Bà-tất-tra, Phạm thiên không có nhuế tâm. Bà-la-môn thông tam minh có nhuế tâm. Nhuế tâm và không nhuế tâm không cùng sống chung, không cùng giải thoát, không thú hướng đến nhau.[14] Vậy Phạm thiên và Bà-la-môn không sống chung.

"Thế nào, Bà-tất-tra, Phạm thiên có sân tâm, hay không có sân

---

13. Nhuế tâm, xem cht.16.

14. Hán: bất cộng đồng, bất câu giải thoát, bất tương thú hướng 不共同不俱解脫不相趣向; D.13: (...) saddhiṃ saṃsandati sametīti? no h'idaṃ (...), có tương giao, có tương đồng không? Không.

tâm[15].”

Đáp: “Không có sân tâm”.

Lại hỏi:

“Bà-la-môn thông tam minh có sân tâm, hay không có sân tâm?”

Đáp: “Có sân tâm.”

“Bà-tất-tra, Phạm thiên không có sân tâm. Bà-la-môn thông tam minh có sân tâm. Sân tâm và không sân tâm không cùng sống chung, không cùng giải thoát, không thú hướng đến nhau. Vậy Phạm thiên và Bà-la-môn không sống chung.

“Thế nào, Bà-tất-tra, Phạm thiên có hận tâm, hay không có hận tâm[16]?”

Đáp: “Không có hận tâm.”

Lại hỏi:

“Bà-la-môn thông tam minh có hận tâm, hay không có hận tâm?

Đáp: “Có hận tâm”.

Phật nói:

“Phạm thiên không có sân tâm. Bà-la-môn thông tam minh có sân tâm. Sân tâm và không sân tâm không cùng sống chung, không cùng giải thoát, không thú hướng đến nhau. Vậy Phạm thiên và Bà-la-môn không sống chung.

“Thế nào, Bà-tất-tra, Phạm thiên có gia thuộc, sản nghiệp không[17]?”

Đáp: “Không”

Lại hỏi:

“Bà-la-môn tam minh có gia thuộc, sản nghiệp không?”

Đáp: “Có”.

Phật nói:

“Phạm thiên không có gia thuộc, sản nghiệp. Bà-la-môn thông tam minh có gia thuộc, sản nghiệp. Người có gia thuộc, sản nghiệp và người không gia thuộc, sản nghiệp không cùng sống chung, không cùng

---

15. Sân tâm, xem cht.16.

16. Bản Pāli, D.13, sđd.: liệt kê hai trạng thái sân: savera-citta, tâm có oán hận, thù nghịch; savyāpajjha-citta, tâm có các hại, có ý muốn gây hại cho người.

17. Gia thuộc sản nghiệp, có thể Pāli (D.13): sapariggaha, có sở hữu, có thê thiếp.

giải thoát, không thú hướng đến nhau. Vậy Phạm thiên và Bà-la-môn không sống chung.

"Thế nào, Bà-tất-tra, Phạm thiên có được tự tại hay không được tự tại[18]?"

Đáp: "Được tự tại".

Lại hỏi:

"Bà-la-môn tam minh có được tự tại, hay không được tự tại?

Đáp: "Không được tự tại".

Phật nói:

"Phạm thiên được tự tại. Bà-la-môn thông tam minh không được tự tại. Người được tự tại và người không được tự tại cùng sống chung, không cùng giải thoát, không thú hướng đến nhau. Vậy Phạm thiên và Bà-la-môn không sống chung."

Phật lại nói:

"Bà-la-môn tam minh kia, giả sử có người đến hỏi ý nghĩa sâu xa, không thể trả lời đầy đủ, có thật như vậy không?"

Đáp: "Thật như vậy".

Bấy giờ, Bà-tất-tra và Phả-la-đọa, hai người đều bạch Phật rằng:

"Hãy gác qua một bên các đề tài khác. Tôi nghe Sa-môn Cù-đàm biết rõ con đường Phạm thiên[19], có thể giảng thuyết điều đó cho người khác; lại đã cùng Phạm thiên gặp gỡ, qua lại chuyện trò. Cúi mong Sa-môn Cù-đàm vì lòng từ mẫn, xin thuyết con đường Phạm thiên, xin khai thị, phô diễn."

Phật nói với Bà-tất-tra:

"Ta nay hỏi ngươi. Hãy tùy ý trả lời. Thế nào, Bà-tất-tra, nước Tâm niệm[20] kia cách đây gần xa?"

Đáp: "Gần".

"Giả sử có người sanh trưởng ở nước này được người khác hỏi

---

18. Tự tại, Pāli: vasavattin, người có quyền lực chi phối.

19. Hán: minh thức Phạm thiên đạo 明識梵天道; D.13: Brahmānaṃ sahavyatāya maggaṃ jānātīti: ngài biết rõ con đường dẫn đến cộng trú (làm bạn) với Phạm thiên.

20. Tâm niệm quốc 心念國, dịch nghĩa địa danh Manasākaṭa. Bản Hán nói là quốc, nhưng D.13: Manasākaṭaṃ nāma Kosalānaṃ brāhmaṇa-gamo: làng Bà-la-môn ở Kosala tên là Manasākaṭa.

đường đi đến nước này. Thế nào, Bà-tất-tra, người sanh trưởng ở nước ấy trả lời đường đi cho người hỏi kia, há có đáng nghi ngờ chăng?"

Đáp: "Không nghi. Vì sao? Vì y sanh trưởng ở nước này".

Phật nói:

"Dù cho người sanh trưởng ở nước này kia cũng có thể đáng nghi ngờ, nhưng nếu có người hỏi Ta về con đường Phạm thiên, không có điều gì nghi ngờ. Vì sao? Ta đã từng nhiều lần nói về con đường Phạm thiên ấy."

Bà-tất-tra và Phả-la-đọa, cả hai cùng bạch Phật:

"Hãy gác qua một bên các đề tài khác. Tôi nghe Sa-môn Cù-đàm biết rõ con đường Phạm thiên, có thể giảng thuyết điều đó cho người khác; lại đã cùng Phạm thiên gặp gỡ, qua lại chuyện trò. Cúi mong Sa-môn Cù-đàm vì lòng từ mẫn, xin thuyết con đường Phạm thiên, xin khai thị, phô diễn."

Phật nói:

"Hãy lắng nghe, hãy suy ngẫm kỹ. Ta sẽ nói cho ngươi nghe."

Đáp: "Kính vâng. Xin vui lòng được nghe."

Phật nói:

"Nếu Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác xuất hiện ở đời, đầy đủ mười hiệu, cho đến, Tứ thiền, ở ngay trong đời này mà hưởng thọ an lạc. Vì sao? Ấy do tinh cần, chuyên niệm không quên, ưa sống một mình nơi thanh vắng, không buông lung vậy. Vị ấy với Từ tâm tràn khắp một phương; các phương khác cũng vậy, rộng khắp không biên tế, không hai, vô lượng, không hận, vô hại[21], du hí với tâm ấy và hưởng thọ an lạc[22]. Bi, Hỷ, Xả tâm biến mãn một phương, phương khác cũng vậy, rộng khắp không biên tế, không hai, vô lượng, không kết hận, không có ý não hại[23], du hí với tâm ấy và hưởng thọ an lạc.

"Thế nào, Bà-tất-tra, Phạm thiên có nhuế tâm không?"

Đáp: "Không".

---

21. Tham chiếu, D.13. (...) mettā-sahagayena cetasā vipulena mahaggatena appamāṇa avereṇa avyāpajjena pharitvā, làm tràn đầy với tâm song hành với từ, rộng lớn, bao la, không lượng, không hận, không ác hại.

22. Hán: du hí thử tâm nhi tự ngộ lạc 遊戲此心而自娛樂.

23. Đối chiếu đoạn trên, xem cht. 22.

Lại hỏi:

"Tỳ-kheo hành Từ tâm có nhuế tâm, hay không có nhuế tâm?"

Đáp: "Không có nhuế tâm".

Phật nói:

"Phạm thiên không có nhuế tâm. Tỳ-kheo hành Từ tâm không có nhuế tâm. Không nhuế tâm và không nhuế tâm cùng hướng đến nhau, đồng giải thoát. Vì vậy, Phạm thiên và Tỳ-kheo cùng sống chung.[24]

"Thế nào, Bà-tất-tra, Phạm thiên có sân tâm, hay không có sân tâm?"

Đáp: "Không".

Lại hỏi:

"Tỳ-kheo hành Từ tâm có sân tâm, hay không có sân tâm?"

Đáp: "Không có sân tâm".

Phật nói:

"Phạm thiên không có sân tâm. Tỳ-kheo hành Từ tâm không có sân tâm. Không sân tâm và không sân tâm cùng hướng đến nhau, đồng giải thoát. Vì vậy, Phạm thiên và Tỳ-kheo cùng sống chung.

"Thế nào, Bà-tất-tra, Phạm thiên có hận tâm, hay không có hận tâm?"

Đáp: "Không".

Lại hỏi:

"Tỳ-kheo hành Từ tâm có hận tâm, hay không có hận tâm?"

Đáp: "Không có hận tâm".

Phật nói:

"Phạm thiên không có hận tâm. Tỳ-kheo hành Từ tâm không có hận tâm. Không hận tâm và không hận tâm cùng hướng đến nhau, đồng giải thoát. Vì vậy, Phạm thiên và Tỳ-kheo cùng sống chung.

"Thế nào, Bà-tất-tra, Phạm thiên có gia thuộc sản nghiệp hay không?"

Đáp: "Không".

Lại hỏi:

"Tỳ-kheo hành Từ tâm có gia thuộc, sản nghiệp hay không?"

Đáp: "Không có gia thuộc, sản nghiệp".

Phật nói:

---

[24]. Câu cộng đồng; Pāli, D.13: sahavyūpago bhavissati, sẽ sống chung với nhau.

"Phạm thiên không có gia thuộc, sản nghiệp. Tỳ-kheo hành Từ tâm không có gia thuộc, sản nghiệp. Không gia thuộc, sản nghiệp và không gia thuộc sản nghiệp cùng hướng đến nhau, đồng giải thoát. Vì vậy, Phạm thiên và Tỳ-kheo cùng sống chung.

"Thế nào, Bà-tất-tra, Phạm thiên có được tự tại không?"

Đáp: "Được tự tại".

Lại hỏi:

"Tỳ-kheo hành Từ tâm có được tự tại không?"

Đáp: "Được tự tại".

Phật nói:

"Phạm thiên được tự tại. Tỳ-kheo hành Từ tâm được tự tại. Được tự tại và được tự tại cùng hướng đến nhau, đồng giải thoát. Vì vậy, Phạm thiên và Tỳ-kheo cùng sống chung."

Phật lại nói với Bà-tất-tra:

"Nên biết, Tỳ-kheo hành Từ tâm, khi thân hoại mạng chung, trong khoảnh khắc như mũi tên được bắn đi, sanh lên Phạm thiên."

Khi Phật nói kinh này, Bà-tất-tra và Phả-la-đọa ngay trên chỗ ngồi mà xa lìa trần cấu, ở trong các pháp phát sanh con mắt thấy pháp[25].

Bấy giờ, Bà-tất-tra và Phả-la-đọa sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

❑

[25] Bản Minh: ư chư pháp trung, đắc pháp nhãn sanh 於諸法中得法眼生; các bản khác: chư pháp pháp nhãn sanh 諸法法眼生. Đây chỉ trường hợp chứng quả Dự lưu; D.13 không đề cập sự kiện này. Văn cú tương đương Pāli, tham chiếu D.3 Ambaṭṭha-sutta (21): āsane virajaṃ vimalaṃ dhamma-cakkhuṃ udapādi: ngay tại chỗ, sạch bụi bặm, sạch cáu bẩn, con mắt thấy pháp khởi lên.

27. KINH SA-MÔN QUẢ[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú tại La-duyệt-kỳ, trong vườn Am-bà của Kỳ Cựu đồng tử[2], cùng với Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi người.

Bấy giờ, A-xà-thế, con trai bà Vi-đề-hi[3], vào ngày rằm, lúc trăng tròn, sai gọi một phu nhân đến, bảo rằng:

"Đêm nay trong sáng không khác gì ban ngày. Ta nên làm gì?"

Phu nhân tâu:

"Đêm nay rằm trăng tròn, như ban ngày không khác. Nên tắm gội sạch sẽ, cùng các thể nữ hưởng thụ ngũ dục."

Vua lại lệnh gọi thái tử thứ nhất là Ưu-da-bà-đà[4] đến hỏi:

"Đêm nay rằm trăng tròn, không khác gì ban ngày. Ta nên làm gì?"

---

1. Bản Hán, *Trường A-hàm kinh*, quyển 17, "Đệ tam phần Sa-môn Quả kinh Đệ bát". Tham chiếu, *Phật Thuyết Tịch Chí Quả kinh*, Đông Tấn, Trúc Đàm-vô-sấm dịch (Đại I, tr. 270); *Tăng nhất A-hàm*, "Thiên Tử phẩm Đệ thất kinh" (Đại II, tr. 762a), *Tạp A-hàm*, quyển 7, kinh số 156-165. Tương đương Pāli, D. 2, Dig i. 2, Samaññaphala-sutta.

2. La-duyệt-kỳ 羅閱祇; Pāli: Rājagaha (thành Vương xá, thủ phủ của Magadha); Kỳ Cựu đồng tử Am-bà viên 耆舊童子菴婆園; Pāli: Jīvaka-komārabhaccassa ambavane, trong vườn xoài của Jīvaka-Komārabhacca, hay nhi khoa y sĩ Jīvaka; y sĩ của vua Bimbisāra, người nuôi nấng thái tử Ajātasattu; Pāli: Komārabhacca, Skt.: Kaumāra-bhhtya, chỉ nghề nghiệp, trong bản Hán được đọc là, Skt.: Kaumāra (Pāli: Kumāra): người niên thiếu. Đoạn sau, Haùn dòch là Thọ Mạng đoàng tử; xem cht.19 sau. *Tịch Chí Quả kinh*: đồng tử y vương danh Kỳ-vực.

3. A-xà-thế Vi-đề-hi Tử 阿闍世韋提希子; Pāli: Ajātasattu Vedehi-putta, dịch nghĩa: Vị Sanh Oán, con trai của vua Bimbisāra (Tần-bà-sa-la) và bà Vedehi (Vi-đề-hi), giết cha, cướp ngôi, làm vua nước Magadha (Ma-kiệt-đà).

4. Ưu-da-bà-đà 優耶婆陀, hoặc âm Ưu-bà-da, dịch nghĩa: Bạch Hiền 白賢; Pāli: Udayībhadda (Udaya-bhadra), con trai của A-xà-thế, sau này cũng giết cha để cướp ngôi.

Thái tử tâu:

"Đêm nay rằm trăng tròn, như ban ngày không khác. Nên tập họp bốn thứ quân, cùng bàn mưu chinh phạt phản nghịch biên cương, sau đó trở về cùng hưởng thụ dục lạc."

Vua lại ra lệnh triệu đại tướng Dũng Kiện đến hỏi:

"Nay ngày rằm trăng tròn, đêm sáng trong không khác gì ban ngày. Ta nên làm gì?"

Đại tướng tâu:

"Đêm nay trong sáng, không khác gì ban ngày, nên tập họp bốn thứ quân, đi tra xét thiên hạ để biết có sự thuận hay nghịch[5]."

Vua lại sai triệu Bà-la-môn Vũ-xá[6] đến hỏi:

"Nay ngày rằm trăng tròn, đêm sáng trong không khác gì ban ngày. Ta nên đến Sa-môn, Bà-la-môn nào, để có thể khai ngộ tâm ta?"

Khi ấy Vũ-xá tâu vua:

"Đêm nay trong sáng, không khác ban ngày. Có Bất-lan Ca-diệp[7], là người lãnh đạo, đứng đầu chúng lớn, được nhiều người biết đến, tiếng tăm đồn xa, cũng như biển cả dung nạp được nhiều, được mọi người cúng dường[8]. Đại vương, nên đến kia thăm viếng. Nếu Đại vương gặp vị ấy, hoặc giả tâm được khai ngộ."

"Vua lại lệnh gọi em Vũ-xá là Tu-ni-đà[9] đến hỏi: "Nay ngày rằm trăng tròn, đêm sáng trong không khác gì ban ngày. Ta nên đến Sa-môn, Bà-la-môn nào, để có thể khai ngộ tâm ta?"

Khi ấy Tu-ni-đà tâu vua:

"Đêm nay trong sáng, không khác ban ngày. Có Mạt-già-lê Cù-xá-lê[10], là người lãnh đạo, đứng đầu chúng lớn, được nhiều người biết

---

5. Từ đoạn hỏi phu nhân, cho đến đại tướng, không có trong bản Pāli D.2.

6. Vũ-xá 雨舍, hoặc dịch là Vũ Hành, Vũ Thế; Pāli: Vassakāra, đại thần phụ chính của A-xà-thế. Trong bản Hán, các đề nghị kể sau đều có nêu tên người đề nghị; D. 2 chỉ nói chung là một đại thần nào đó, không nêu tên. Tham chiếu D. 2 (2ff): aññataro rājāmacco.

7. Bất-lan Ca-diệp 不蘭迦葉, hoặc âm Phú-lâu-na Ca-diệp; Pāli: Pūtaṇa-Kassapa. Một trong lục sư ngoại đạo. Chủ trương được thuật đoạn sau.

8. Chúng sở cúng dường 眾所供養; Pāli: sādhu-sammato bahu-janassa, được nhiều người tôn kính.

9. Tu-ni-đà, hay Tu-ni-đề; Pāli: Sunidha; D. 2 không nêu tên này.

10. Mạt-già-lê Cù-xá-lê, hay Mạt-già-lê Câu-xá-lợi; Pāli: Makkhali-Gosāla.

đến, tiếng tăm đồn xa, cũng như biển cả dung nạp được nhiều, được mọi người cúng dường. Đại vương, nên đến kia thăm viếng. Nếu Đại vương gặp vị ấy, hoặc giả tâm được khai ngộ."

Vua lại sai triệu Điển tác đại thần[11] đến hỏi:

"Nay ngày rằm trăng tròn, đêm sáng trong không khác gì ban ngày. Ta nên đến Sa-môn, Bà-la-môn nào, để có thể khai ngộ tâm ta?"

Khi ấy Điển tác đại thần tâu vua:

"Đêm nay trong sáng, không khác ban ngày. Có A-kỳ-đa Sí-xá-khâm-bà-la[12], là người lãnh đạo, đứng đầu chúng lớn, được nhiều người biết đến, tiếng tăm đồn xa, cũng như biển cả dung nạp được nhiều, được mọi người cúng dường. Đại vương, nên đến kia thăm viếng. Nếu Đại vương gặp vị ấy, hoặc giả tâm được khai ngộ."

Vua lại sai triệu tướng thủ thành môn là Già-la[13] đến hỏi:

"Nay ngày rằm trăng tròn, đêm sáng trong không khác gì ban ngày. Ta nên đến Sa-môn, Bà-la-môn nào, để có thể khai ngộ tâm ta?"

Khi ấy tướng thủ thành môn là Già-la tâu vua:

"Đêm nay trong sáng, không khác ban ngày. Có Bà-phù-đà Già-chiên-na[14], là người lãnh đạo, đứng đầu chúng lớn, được nhiều người biết đến, tiếng tăm đồn xa, cũng như biển cả dung nạp được nhiều, được mọi người cúng dường. Đại vương, nên đến kia thăm viếng. Nếu Đại vương gặp vị ấy, hoặc giả tâm được khai ngộ."

Vua lại sai triệu Ưu-đà-di Mạn-đề Tử[15] đến hỏi:

"Nay ngày rằm trăng tròn, đêm sáng trong không khác gì ban ngày. Ta nên đến Sa-môn, Bà-la-môn nào, để có thể khai ngộ tâm ta?"

Khi ấy Ưu-đà-di tâu vua:

"Đêm nay trong sáng, không khác ban ngày. Có Tán-nhã-di Tỳ-la-lê-phất[16], là người lãnh đạo, đứng đầu chúng lớn, được nhiều người biết đến, tiếng tăm đồn xa, cũng như biển cả dung nạp được nhiều,

---

11. Điển tác 典 作, hay điển chế đại thần; chỉ quan hàn lâm. Không tìm thấy Pāli tương đương.

12. A-kỳ-đa Sí-xá-khâm-bà-la 阿 耆 多 翅 舍 欽 婆 羅; Pāli: Ajita-Kesakambala.

13. Già-la thủ môn tướng 伽 羅 守 門 將. Không tìm thấy Pāli tương đương.

14. Bà-phù-đà Già-chiên-na 婆 俯 陀 伽 旃 那; Pāli: Pakudha-Kaccāyana.

15. Ưu-đà-di Mạn-đề Tử 優 陀 夷 漫 提 子; D. 2 không đề cập.

16. Tán-nhã-di Tỳ-la-lê-phất 散 若 夷 毗 羅 梨 沸; Pāli: Sañjaya Balaṭṭhi-putta.

được mọi người cúng dường. Đại vương, nên đến kia thăm viếng. Nếu Đại vương gặp vị ấy, hoặc giả tâm được khai ngộ."

Vua lại sai triệu em là Vô Úy[17] đến hỏi:

"Nay ngày rằm trăng tròn, đêm sáng trong không khác gì ban ngày. Ta nên đến Sa-môn, Bà-la-môn nào, để có thể khai ngộ tâm ta?"

Khi ấy Vô Úy tâu vua:

"Đêm nay trong sáng, không khác ban ngày. Có Ni-kiền Tử[18], là người lãnh đạo, đứng đầu chúng lớn, được nhiều người biết đến, tiếng tăm đồn xa, cũng như biển cả dung nạp được nhiều, được mọi người cúng dường. Đại vương, nên đến kia thăm viếng. Nếu Đại vương gặp vị ấy, hoặc giả tâm được khai ngộ."

Vua lại sai triệu Thọ Mạng đồng tử[19] đến hỏi:

"Nay ngày rằm trăng tròn, đêm sáng trong không khác gì ban ngày. Ta nên đến Sa-môn, Bà-la-môn nào, để có thể khai ngộ tâm ta?"

Thọ Mạng đồng tử tâu:

"Có Phật, Thế Tôn, nay đang ở trong vườn xoài của tôi. Đại vương nên đến đó thăm hỏi. Nếu Đại vương gặp Phật, tâm tất khai ngộ."

Vua bèn sắc lệnh Thọ Mạng:

"Hãy thắng kiệu con voi báu mà ta thường cưỡi, cùng với năm trăm thớt voi trắng."

Thọ Mạng vâng lệnh, cho trang nghiêm con voi của vua cùng với năm trăm thớt voi xong, tâu vua rằng:

"Xa giá đã trang nghiêm. Xin Đại vương biết thời."

A-xà-thế tự mình cưỡi voi báu; cho năm trăm phu nhân cưỡi năm trăm voi cái, tay mỗi người đều cầm một bó đuốc, thể hiện uy nghi của vua, ra khỏi La-duyệt-kỳ, chậm rãi tiến đi trên con đường hướng đến chỗ Phật. Vua bảo Thọ Mạng:

"Ngươi nay gạt ta, hãm hại ta, dẫn ta và đại chúng đến cho kẻ thù."

---

17. Vô Úy, hay Vô Úy vương tử 無畏王子; Pāli: Abhaya-rājakumāra; D. 2 không nêu tên này.

18. Ni-kiền Tử, hay Ni-kiền Thân Tử, 尼乾親子; hay Ni-kiền-đà Nhã-đề Tử 尼乾陀若提子; Pāli: Nigaṇṭha-Nāṭa-putta.

19. Thọ Mạng đồng tử 壽命童子, cùng nhân vật trên kia dịch là Kỳ Cựu đồng tử; Pāli: Jīvaka-Komārabhacca.

Thọ Mạng tâu:

"Đại vương, thần không dám lừa dối Đại vương. Không dám hãm hại Đại vương, dẫn Đại vương và đại chúng đến cho kẻ thù. Đại vương cứ tiến về phía trước, tất thu hoạch được phúc khánh."

Rồi thì, tiến tới một quãng ngắn, vua lại bảo Thọ Mạng:

"Ngươi nay gạt ta, hãm hại ta, dẫn ta và đại chúng đến cho kẻ thù."

Vua nói ba lần như vậy.

"Vì sao? Kia có một ngàn hai trăm năm mươi người, nhưng lại vắng lặng không tiếng động. Hẳn là có âm mưu rồi."

Thọ Mạng ba lần tâu:

"Đại vương, thần không dám lừa dối Đại vương. Không dám hãm hại Đại vương, dẫn Đại vương và đại chúng đến cho kẻ thù. Đại vương cứ tiến về phía trước, tất thu hoạch được phúc khánh. Vì sao? Sa-môn kia theo pháp thường ưa sự thanh vắng, do đó không có tiếng động. Đại vương cứ tiến tới. Khu vườn đã xuất hiện[20]."

Vua A-xà-thế đi đến cổng vườn[21], xuống voi, giải kiếm, cất lọng, dẹp bỏ năm thứ uy nghi[22], bước vào cổng vườn, nói với Thọ Mạng:

"Phật, Thế Tôn đang ở đâu?"

Thọ Mạng trả lời:

"Đại vương, Phật đang ở trên cao đường kia[23], phía trước Ngài có ngọn đèn. Thế Tôn ngồi trên tòa sư tử[24], mặt hướng về phía Nam. Đại vương đi tới một chút, tự mình gặp Thế Tôn."

Bấy giờ, A-xà-thế đi đến chỗ giảng đường, rửa chân ở bên ngoài, sau đó mới bước lên giảng đường, im lặng nhìn bốn phía, sanh tâm hoan hỷ, miệng tự phát lên lời:

"Nay các Sa-môn yên tĩnh lặng thinh, đầy đủ chỉ quán[25]. Mong sao

---

20. Pāli (D. 2 Dig. I, tr.43): Ete maṇḍala-maḷe dīpā jhāyanti, những ngọn đèn đang cháy sáng trong ngôi nhà hình tròn.

21. Pāli (D. 2 §11): mañḍala-maḷāssa dvāra, cửa của ngôi nhà hình tròn.

22. Ngũ uy nghi, tức năm nghi trượng của vua: kiếm, lọng, mão (thiên quan), phất trần cán cẩn ngọc và giày thêu. Bản Pāli không có chi tiết này.

23. Cao đường, tức giảng đường. Trong bản Pāli: ngôi nhà hình tròn, hay viên đường (maṇḍla-māḷa).

24. Pāli (D. 2 §11): majjhimaṃ thambhaṃ nissāya, ngồi dựa cột giữa.

25. Hán: tịch nhiên tĩnh mặc, chỉ quán cụ túc 寂然靜默止觀具足, tham chiếu Pāli,

thái tử Ưu-đà-di của tôi cũng chỉ quán thành tựu[26], như thế này không khác."

Khi ấy, Phật nói với vua A-xà-thế:

"Đại vương nghĩ đến con, nên từ miệng mình phát ra lời[27]: 'Mong sao thái tử Ưu-đà-di cũng chỉ quán thành tựu như vậy không khác.' Đại vương hãy ngồi phía trước đó."

A-xà-thế bèn đảnh lễ Phật, rồi ngồi sang một bên, bạch Phật rằng:

"Nay có điều muốn hỏi, nếu Ngài có rảnh, tôi mới dám hỏi."

Phật nói:

"Đại vương, có điều gì muốn hỏi, xin cứ hỏi."

A-xà-thế bạch Phật:

"Thế Tôn, như nay người cưỡi voi, xe ngựa, tập luyện đao, mâu, kiếm, cung tên, binh khí, phép chiến đấu; vương tử, lực sĩ, đại lực sĩ, tôi tớ, thợ da, thợ hớt tóc, thợ bện tóc, thợ đóng xe, thợ gốm, thợ đan, thợ dệt cói; mỗi người đều sinh sống bằng các kỹ thuật khác nhau, tự mình hưởng thụ dục lạc; và cùng với cha, mẹ, vợ con, nô bộc vui hưởng lạc thú. Các nghề nghiệp như vậy đều có quả báo hiện tại. Nay các Sa-môn hiện tại tu hành, được những quả báo hiện tại[28] gì?"

Phật nói với vua A-xà-thế:

"Đại vương đã từng đến các Sa-môn, Bà-la-môn để hỏi ý nghĩa như vậy chưa?"

Vua bạch Phật:

"Tôi đã từng đi đến các Sa-môn, Bà-la-môn để hỏi ý nghĩa như vậy.

"Nhớ lại, một thời tôi đến Bất-lan Ca-diệp, hỏi rằng: 'như người

---

D. 2 § 12: rahadaṃ iva vippasanaṃ, như hồ nước tĩnh lặng; Pāli: vippasana (hai chữ p một s): tĩnh lặng, trong suốt, trong bản Hán đọc là vipassanā (một chữ p hai s): quán hay quán chiếu. Liên hệ câu tiếp theo, Hán: chỉ quán cụ túc; Pāli: vipassanaṃ (...) upasamena samannāgato: trong suốt, (...), một cách tĩnh lặng.

26. Hán: (...) chỉ quán thành tựu 止觀成就; Pāli, sđd.: iminā me upasamena Udāyi-bhaddo kumāri samannāgato: mong cho vương tử Udāyi-bhadda cũng trầm lặng như vậy.

27. Tham chiếu Pāli, sđd.: Agamā kho tvaṃ mahā-rāja yathā peman ti? Đại vương cũng tràn ngập yêu thương như vậy sao? Ý Phật muốn nhắc vua về việc giết cha.

28. Pāli, sđd.: § 14: diṭṭh' eva dhamme sandiṭṭhikam sāmañña-phalam: kết quả thiết thực của Sa-môn trong hiện tại.

cưỡi voi, xe ngựa, tập luyện binh pháp... cho đến, bằng các sự mưu sinh khác nhau, hiện tại có quả báo. Nay chúng đây hiện tại tu đạo, hiện tại có được quả báo không?' Bất-lan Ca-diệp kia trả lời tôi rằng: 'Đại vương nếu tự mình làm hay sai bảo người khác làm. Chặt, bửa, tàn hại, nấu, nướng, cắt, xẻ, não loạn chúng sanh, khiến cho sầu ưu, than khóc; sát sanh, trộm cắp, dâm dật, vọng ngữ, trèo tường cướp bóc, phóng lửa thiêu đốt, chận đường làm chuyện ác. Đại vương, hành động như vậy không phải là ác. Đại vương, nếu lấy kiếm bén mà lóc thịt chúng sanh, làm thành một đống thịt, ngập tràn cả thế gian; đó không phải là sự ác, cũng không tội báo. Ở bờ Nam sông Hằng, lóc thịt chúng sanh, cũng không có ác báo. Ở phía Bắc sông Hằng, thiết hội bố thí lớn, bố thí tất cả chúng sanh, lợi cho tất cả mọi người, cũng không có quả báo của tội phước[29]'."

Rồi vua bạch Phật:

"Cũng như một người hỏi về dưa thì trả lời về mận; hỏi mận thì trả lời dưa. Kia cũng vậy. Tôi hỏi hiện tại có được quả báo không, nhưng kia trả lời tôi là không có tội phước. Tôi bèn suy nghĩ rằng: 'Ta là vua Quán đảnh dòng Sát-lỵ, không duyên cớ mà lại giết người xuất gia, bắt trói, đuổi đi.[30]' Khi ấy, trong lòng tôi phẫn nộ, suy nghĩ như vậy rồi, bèn bỏ mà đi[31]."

Rồi nhà vua lại bạch Phật:

"Nhớ lại, một thời tôi đến Mạt-già-lê Câu-xá-lê, hỏi rằng: 'như người cưỡi voi, xe ngựa, tập luyện binh pháp v.v..., cho đến, bằng các sự mưu sinh khác nhau, hiện tại có quả báo. Nay chúng đây hiện tại tu đạo, hiện tại có được quả báo không?' Kia trả lời tôi rằng: 'Đại vương, không có bố thí, không có sự cho[32], không có pháp tế tự[33]. Cũng không

---

29. Pāli: akiriyaṃ vyakāsi, thuyết minh về sự không có hành động, thuyết phi nghiệp, hay vô tác.

30. Tham chiếu Pāli, D. 2, sđd.: tr. 46: Kathaṃ hi nāma mādiso samanaṃ vā brāhmaṇanṃ vā vijite vasān taṃ apasā-detabbaṃ maññeyyāti: Làm sao một người như tôi lại có thể làm cho Sa-môn hay Bà-la-môn sống trong lãnh thổ tôi không hài lòng?

31. Tham chiếu Pāli, sđd.: anabhinanditvā appaṭikkositvā anattamano anattamana-vācaṃ anicchāretvā (...): không tán thành, không chỉ trích, dù không hài lòng cũng không nói lời làm phật lòng (...).

32. Hán: vô dữ 無與; Pāli: n'atthi yiṭṭhaṃ, không có sự hiến tế sinh vật; đôi khi cũng dùng theo nghĩa bố thí, cấp dưỡng. Xem cht. 36.

có thiện ác; không có quả báo của thiện ác. Không có đời này, không có đời sau. Không có cha, không có mẹ, không có chư Thiên, không có sự hóa sanh, không có chúng sanh[34]. Ở đời không có Sa-môn, Bà-la-môn, bình đẳng hành giả[35] và họ cũng không tự mình chứng ngộ đời này hay đời sau, rồi phô diễn cho người hay. Những ai nói có, thảy đều hư dối.[36] '

"Cũng như một người hỏi về dưa thì trả lời về mận; hỏi mận thì trả lời dưa. Kia cũng vậy. Tôi hỏi hiện tại có được quả báo không, nhưng kia trả lời bằng thuyết vô nghĩa[37]. Tôi bèn suy nghĩ rằng: 'Ta là vua Quán đảnh dòng Sát-ly, không duyên cớ mà lại giết người xuất gia, bắt trói, đuổi đi.' Khi ấy, trong lòng tôi phẫn nộ, suy nghĩ như vậy rồi, bèn bỏ mà đi."

Rồi nhà vua lại bạch Phật:

"Một thời, tôi đến A-kỳ-đa Sí-xá-khâm-bà-la, hỏi rằng: 'Đại đức, như người cưỡi voi, ngựa xe, luyện tập binh pháp, cho đến, các loại mưu sinh khác nhau, đều có quả báo hiện tại. Nay đây chúng hội này hiện

---

33. Hán: tế tự pháp 祭祀法; Pāli: huta, phẩm vật cúng tế, vật cúng hy sinh. Xem cht. 36.

34. Hán: vô hóa, vô chúng sanh 無化無眾生; Pāli: n' atthi sattā opapātikā, không có chúng sanh hóa sanh. Bản Hán đọc sattā và oppātikā thành hai danh từ độc lập.

35. Hán: bình đẳng hành giả 平等行者; Pāli (D. 2 Dig I, tr.49): sammā-paṭipannā: những người đang hướng thẳng đến (Thánh quả); Pāli: sammā-paṭipanna (chánh hành), bản Hán đọc là sama-paṭipanna (bình đẳng hành).

36. Trong bản Pāli, trên đây là phần đầu học thuyết của Ajita-Kesakambali (A-kỳ-đa-xí-xá-khâm-bà-la), được gọi là đoạn diệt luận (Pāli: uccheda-vāda); phần sau, xem đoạn kế tiếp. Ở đây, dẫn phần đầu: D. 2, sđd.: N' atthi dinnaṃ n' atthi yiṭṭhaṃ n' atthi hutaṃ n 'atthi sukaṭa-dukkaṭānaṃ kammānaṃ phalaṃ vipako, n' atthi ayaṃ loko n' atthi paraṃ loko, n'atthi mātā, n' atthi pitā, n' atthi sattā opapātikā, n' atthi loke samaṇa-brāhmaṇā sammaggatā sammā-paṭipaṇṇā ye imañ ca lokaṃ parañ ca lokaṃ sayaṃ abhiññā sacchikatvā pavedenti: không có bố thí, không có lễ hy sinh, không có cúng tế, không có kết quả chín muồi của các nghiệp tịnh hay bất tịnh, không thế gian này, không có thế gian khác, không có cha, không có mẹ, không có hữu tình hóa sanh, trong đời này không có Sa-môn, Bà-la-môn chánh hành chánh hướng, không có những vị đã tự mình chứng nghiệm thế gian này và thế gian khác, sau khi chứng ngộ rồi tuyên thuyết điều ấy.

37. Hán: nãi dĩ vô nghĩa đáp 乃以無義答. Pāli, sđd.: § 24: uccheda-vādaṃ vyākāsi: thuyết minh chủ nghĩa đoạn diệt. Xem thêm cht. 36.

tại tu đạo, hiện tại có được quả báo không?' Kia trả lời tôi rằng: 'Con người lãnh thọ bốn đại, khi mạng chung, đất trở về đất, nước trở về nước, lửa trở về lửa, gió trở về gió; thảy đều hư rã, các căn trở về hư không. Khi người chết, nhà đồ khiêng xác để trong bãi tha ma, lửa đốt cháy thành xương như màu bồ câu, hoặc biến thành tro đất. Hoặc ngu, hoặc trí, đến lúc mạng chung, thảy đều hư rã, là pháp đoạn diệt[38]'.

"Cũng như một người hỏi về dưa thì trả lời về mận; hỏi mận thì trả lời dưa. Kia cũng vậy. Tôi hỏi hiện tại có được quả báo không, nhưng kia trả lời bằng thuyết đoạn diệt[39]. Tôi bèn suy nghĩ rằng: 'Ta là vua Quán đảnh dòng Sát-lỵ, không duyên cớ mà lại giết người xuất gia, bắt trói, đuổi đi.' Khi ấy, trong lòng tôi phẫn nộ, suy nghĩ như vậy rồi, bèn bỏ mà đi."

Rồi nhà vua lại bạch Phật:

"Một thời, tôi đến Ba-phù-đà Già-chiên-diên, hỏi rằng: 'Đại đức, như người cưỡi voi, ngựa xe, luyện tập binh pháp, cho đến, các loại mưu sinh khác nhau, đều có quả báo hiện tại. Nay đây chúng hội này hiện tại tu đạo, hiện tại có được quả báo không?' Kia trả lời tôi rằng: 'Không có lực, không có tinh tấn, con người không sức mạnh, không phương tiện. Chúng sanh nhiễm trước không do nhân gì hay duyên gì. Chúng sanh thanh tịnh không do nhân gì hay duyên gì. Hết thảy chúng

---

38. Trong bản Pāli, đây là phần hai chủ nghĩa đoạn diệt (uccheda-vāda) của Ajita-Kesakambali (phần đầu, xem cht. 36), D. 2 Dig I, tr.48: Cātum-mahābhūtiko ayaṃ puriso, yadā kālaṃ karoti paṭhavī paṭhavi-kāyaṃ anupeti anupagacchati, āpo āpo-kāyaṃ anupeti anupagacchati, tejo tejo-kāyaṃ anupeti anupagacchati, vāyo vāyo-kāyaṃ anupeti anupagacchati, ākāsaṃ indriyāni saṃkamanti. Āsandi-pañcamā purisā mataṃ ādāya gacchanti, yāva āḷāhanā padāni paññāpenti, kāpotakāni aṭṭhīni bhavanti, bhassantāhutiyo. Dattu-paññattaṃ yadidaṃ dānaṃ, tesaṃ tucchaṃ musā vilāpo ye keci atthika-vādaṃ vadanti. Bāle ca paṇḍite ca kāyassa bhedā ucchijjanti vinassanti, na honti param maraṇā ti: con người vốn là sản phẩm của bốn đại, khi thời gian đến, thân thuộc đất đi theo đất trở về đất, thân thuộc nước đi theo nước trở về với nước, thân thuộc lửa đi theo lửa trở về với lửa, thân thuộc gió đi theo gió trở về với gió; các căn hội nhập hư không. Với người thứ năm trong quan tài, người ta khiêng xác đến giàn hỏa, đặt ra những vần thơ. Xương trắng sẽ trở thành màu bồ câu, vật cúng tế biến thành tro. Sự bố thí là thuyết cho kẻ ngu độn. Những ai chủ trương chủ nghĩa tồn tại, người ấy hư ngụy, dối trá, hý luận. Kẻ ngu hay người trí, khi thân xác tan rã, sẽ tiêu diệt, không còn tồn tại sau khi chết.

39. Hán: đáp ngã dĩ đoạn diệt 答我以斷滅; Pāli: ucchedavādaṃ vyākāsi. Xem cht. 37.

sanh, những loài có mạng, thảy đều không sức mạnh, không được tự tại, không có cái gì được gọi là oán là thù[40], ở trong sáu sanh loại[41] mà thọ các khổ hay lạc.'[42]

"Cũng như một người hỏi về dưa thì trả lời về mận; hỏi mận thì trả lời dưa. Kia cũng vậy. Tôi hỏi hiện tại có được quả báo không, nhưng kia trả lời bằng thuyết Vô lực[43]. Tôi bèn suy nghĩ rằng: 'Ta là vua Quán đảnh dòng Sát-ly, không duyên cớ mà lại giết người xuất gia, bắt trói, đuổi đi.' Khi ấy, trong lòng tôi phẫn nộ, suy nghĩ như vậy rồi, bèn bỏ mà đi."

Rồi nhà vua lại bạch Phật:

"Một thời, tôi đến Tán-nhã Tỳ-la-lê Tử, hỏi rằng: 'Đại đức, như người cưỡi voi, ngựa, xe, luyện tập binh pháp, cho đến, các loại mưu sinh khác nhau, đều có quả báo hiện tại. Nay đây chúng hội này hiện tại tu đạo, hiện tại có được quả báo không?' Kia trả lời tôi rằng: 'Đại vương, hiện tại có quả báo của Sa-môn. Hỏi như vậy, đáp sự việc ấy như vậy. Sự việc này là thật, sự việc này là khác; sự việc này không phải khác cũng không phải không khác. Đại vương, hiện tại không có

---

40. Hán: vô hữu oan thù định tại số trung 無有冤讎定在數中.

41. Hán: lục sanh 六生; Pāli: chass' abhijāti, chỉ sáu giống người, phân biệt theo màu da: đen, xanh, đỏ, vàng, trắng, thuần trắng.

42. Trong bản Pāli, D. 2 Dig. I, tr.47, là phần đầu thuyết luân hồi tịnh hóa (saṃsāra-suddhi) của Makkhali Gosāla: N' atthi hetu n' atthi paccayo sattānaṃ saṃkilesāya, ahetu-apaccayā sattā saṃkilissanti. N' atthi hetu n' atthi paccayo sattānaṃ visuddhiyā, ahetu-apaccayā sattā visujjhanti. N 'atthi attakāre n' atthi parakāre, n' atthi purisa-kāre; n' atthi balaṃ n' atthi viriyaṃ. N' atthi purisa-thāmo n'atthi purisa-parakkamo. Sabbe sattā sabbe pāṇā sabbe bhūtā sabbe jīvā avasā abalā aviriyā niyati-saṅgati-bhāva-pariṇatā chass' evābhijāisu sukha-dukkhaṃ paṭisaṃvedenti: không có nguyên nhân, không có điều cho sự ô nhiễm của chúng sanh. Chúng sanh bị nhiễm ô không do nhân duyên gì. Không có nguyên nhân, không có điều kiện cho sự thanh tịnh của chúng sanh. Chúng sanh được thanh tịnh không do bởi nhân duyên gì. Không có cái tự tác, không có cái tha tác, không có cái nhân tác. Không có lực, không có tinh tấn, không có nghị lực của con người, không có sự nỗ lực của con người. Tất cả chúng sanh, tất cả loài có hơi thở, tất cả loài có sự sống, tất cả loài có linh hồn, đều không tự do, bất lực, không tinh tấn, được biến đổi theo định mệnh, kết hợp, tính cách, cảm thọ khổ và lạc trong sáu giống.

43. Hán: bỉ dĩ Vô lực đáp 彼以無力答. Vô lực, tức Pāli: Akiriya, mà trong bản Pāli, là thuyết của Pūraṇa-Kassapa tức Bất-lan Ca-diệp. Xem đoạn trên, cht. 29.

quả báo của Sa-môn. Hỏi như vậy, đáp sự việc ấy như vậy; sự việc này là thật, sự việc này là khác; sự việc này không phải khác cũng không phải không khác. Đại vương, hiện tại vừa có vừa không có quả báo của Sa-môn. Hỏi như vậy, đáp sự việc ấy như vậy; sự việc này là thật, sự việc này là khác; sự việc này không phải khác cũng không phải không khác. Đại vương, hiện tại không phải có cũng không phải không có quả báo của Sa-môn. Hỏi như vậy, đáp sự việc ấy như vậy; sự việc này là thật, sự việc này là khác; sự việc này không phải khác cũng không phải không khác. Hỏi như vậy, đáp sự việc ấy như vậy; sự việc này là thật, sự việc này là khác; sự việc này không phải khác cũng không phải không khác[44].' Thế Tôn, cũng như một người hỏi về dưa thì trả lời về mận; hỏi mận thì trả lời dưa. Kia cũng vậy. Tôi hỏi hiện tại có được quả báo không, nhưng kia trả lời bằng thuyết dị luận. Tôi bèn suy nghĩ rằng: 'Ta là vua Quán đảnh dòng Sát-lỵ, không duyên cớ mà lại giết người xuất gia, bắt trói, đuổi đi.' Khi ấy, trong lòng tôi phẫn nộ, suy nghĩ như vậy rồi, bèn bỏ mà đi."

Rồi nhà vua lại bạch Phật:

"Một thời, tôi đến Ni-kiền Tử, hỏi rằng: 'Đại đức, như người cưỡi voi, ngựa xe, luyện tập binh pháp, cho đến, các loại mưu sinh khác nhau, đều có quả báo hiện tại. Nay đây chúng hội này hiện tại tu đạo, hiện tại có được quả báo không?' Kia trả lời tôi rằng: 'Đại vương, tôi là bậc Nhất thiết trí, là người thấy tất cả, biết thấu suốt không sót. Hoặc đi, hoặc đứng, hoặc nằm, hoặc ngồi, hoặc ngủ, hoặc thức, bất cứ lúc nào, trí thường hiện tiền.' Thế Tôn, cũng như một người hỏi về dưa thì trả lời về mận; hỏi mận thì trả lời dưa. Kia cũng vậy. Tôi hỏi hiện tại có được quả báo không, nhưng kia trả lời bằng thuyết dị luận. Tôi bèn suy nghĩ rằng: 'Ta là vua Quán đảnh dòng Sát-lỵ, không duyên cớ mà lại giết người xuất gia, bắt trói, đuổi đi.' Khi ấy, trong lòng tôi phẫn nộ, suy nghĩ như vậy rồi, bèn bỏ mà đi.

---

44. Chủ trương ngụy biện (vikhepaṃ vyākāsi) của Sañjaya Belaṭṭhi-putta, Hán và Pāli đại thể tương đồng, tham chiếu, D. 2 Dig I, tr.51: "Atthi paro loko" ti iti ce taṃ pucchasi, "atthi paro loko" ti iti ce me assa, "atthi paro loko" ti iti te naṃ vyākareyyeṃ. Evam pi me no. Tathā ti pi me no, aññathā ti pi me no no ti pi me no no no ti pi me no: Nếu ngươi hỏi Ta, "Có thế giới khác hay không" và nếu ta nghĩ rằng "Có thế giới khác", Ta sẽ trả lời ngươi rằng "Có thế giới khác". Nhưng, Ta không nghĩ như vậy. Ta không nghĩ sự thật như vậy. Ta không nghĩ một cách khác. Không nghĩ không phải như vậy. Không nghĩ không phải không như vậy.

"Thế Tôn, hôm nay tôi đến đây để hỏi ý nghĩa như vầy: như người cưỡi voi, ngựa xe, luyện tập binh pháp, cho đến, các loại mưu sinh khác nhau, đều có quả báo hiện tại. Nay đây Sa-môn hiện tại tu đạo, hiện tại có được quả báo không?"

Phật nói với vua A-xà-thế:

"Nay Ta trở lại hỏi Đại vương, xin tùy ý trả lời. Thế nào, Đại vương, có đồng bộc của Đại vương, người làm các công việc trong và ngoài, đều thấy Đại vương vào ngày rằm, lúc trăng tròn, tắm gội sạch sẽ, ở trên điện cao cùng hưởng thụ dục lạc với các thể nữ, bèn suy nghĩ như vầy: 'Lạ thay, quả báo của hành vi[45] đến như thế sao? Vua A-xà-thế này vào ngày rằm, lúc trăng tròn, tắm gội sạch sẽ, ở trên điện cao cùng hưởng thụ dục lạc với các thể nữ. Ai có thể biết được đấy lại là quả báo của hành vi?' Người kia, một thời gian sau, cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia tu đạo, thực hành pháp bình đẳng[46]. Thế nào, Đại vương, Đại vương từ xa thấy người ấy đi đến, há có khởi lên ý nghĩ rằng: Đấy là nô bộc của ta?"

Vua bạch Phật:

"Không, bạch Thế Tôn. Nếu thấy người ấy đến, phải đứng dậy nghinh đón, mời ngồi."

Phật nói:

"Đó không phải là Sa-môn được quả báo hiện tại sao?"

Vua đáp: "Đúng như vậy, Thế Tôn, đó là hiện tại được quả báo Sa-môn vậy".

"Lại nữa, Đại vương, có người khách[47] cư ngụ trong cương giới của Đại vương, ăn thóc lúa mà Đại vương ban cho. Người ấy thấy Đại vương vào ngày rằm trăng tròn, tắm gội sạch sẽ, ở trên điện cao cùng các thể nữ vui thú ngũ dục, bèn nghĩ thầm rằng: 'Lạ thay, quả báo của hành vi kia đến như vậy sao? Ai có thể biết đó là quả báo của hành vi?' Một thời gian sau, người ấy cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia tu đạo, hành bình đẳng pháp. Thế nào, Đại vương? Nếu Đại vương từ xa thấy người ấy đi đến, có khởi lên ý nghĩ rằng; 'Người ấy là khách dân

---

45. Hán: bỉ hành chi báo; Pāli (D. 2 § 35): puññānaṃ gati puññānaṃ vipāko, thú hướng của phước đức, kết quả của phước đức.

46. Xem cht. 35.

47. Pāli (D. 2 § 37): assa puriso kassako gahapatiko, một người kia, là nông phu, là gia chủ.

của Ta, ăn thóc lúa mà Ta ban cho' hay không?"

Vua nói: "Không. Nếu tôi thấy người ấy từ xa đến, tôi sẽ đứng dậy nghinh đón, chào hỏi, mời ngồi".

"Thế nào, Đại vương, đó không phải là Sa-môn hiện tại được quả báo chăng?"

Vua nói: "Đúng như vậy, hiện tại được quả báo của Sa-môn vậy".

"Lại nữa, Đại vương, Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác xuất hiện ở đời, vào trong pháp Ta, cho đến tam minh, diệt trừ các tối tăm, phát sanh ánh sáng đại trí, gọi là lậu tận trí chứng. Vì sao? Ấy là do tinh cần, chuyên niệm không quên, ưa sống một mình nơi thanh vắng, không buông lung vậy. Thế nào, Đại vương, đó không phải là quả báo hiện tại của Sa-môn sao?"

Vua đáp: "Thật vậy, Thế Tôn, đó thật là quả báo hiện tại của Sa-môn".

Bấy giờ, vua A-xà-thế rời chỗ ngồi đứng dậy, đầu mặt lễ chân Phật, bạch Phật rằng:

"Cúi mong Thế Tôn nhận sự hối hận của con. Con vì cuồng, ngu si, tối tăm, không nhận thức. Cha con là Bình-sa vương, vua nước Ma-kiệt-đà, cai trị bằng chánh pháp, không có thiên vạy. Nhưng con bị ngũ dục mê hoặc, thật sự đã hại phụ vương. Cúi mong Thế Tôn rũ lòng thương xót, nhận sự sám hối của con."

Phật bảo vua:

"Ngươi ngu si, không nhận thức. Nhưng đã tự mình hối cải. Ngươi vì mê say ngũ dục mà hại phụ vương. Nay trong pháp Hiền thánh mà biết hối cải, tức là tự làm ích lợi cho mình. Ta vì thương tưởng ngươi, nhận sự sám hối của ngươi."

Bấy giờ, vua A-xà-thế sau khi lễ Phật, được Phật giảng pháp cho nghe, được chỉ bày, khuyến khích, làm cho ích lợi, hoan hỷ. Sau khi nghe những điều Phật dạy, vua liền bạch Phật:

"Con nay quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng. Xin chấp nhận con là Ưu-bà-tắc trong Chánh pháp. Từ nay về sau, suốt đời không giết, không trộm, không dâm, không dối, không uống rượu. Cúi mong Thế Tôn cùng đại chúng sáng ngày mai nhận lời thỉnh của con."

Bấy giờ, Thế Tôn im lặng nhận lời. Rồi thì, vua thấy Phật im lặng nhận lời, liền đứng dậy lễ Phật, đi quanh ba vòng sau đó cáo lui.

Vua đi chưa bao lâu, Phật nói với các Tỳ-kheo rằng:

"Vua A-xà-thế này, tội lỗi đã vơi bớt, đã nhổ trọng tội. Nếu A-xà-thế không giết cha, thì ngay tại chỗ này đã được con mắt thanh tịnh thấy pháp. Nhưng vua A-xà-thế nay đã hối lỗi, tội lỗi đã vơi bớt, đã nhổ trọng tội."

Bấy giờ, A-xà-thế, đang trên đường đi, gọi Thọ Mạng đồng tử bảo rằng:

"Lành thay, lành thay! Ngươi nay làm được nhiều điều lợi ích cho ta. Ngươi trước đã tán thán Như Lai, chỉ dẫn, khơi mở, sau đó đưa ta đến gặp Thế Tôn, nhờ thế ta được khai ngộ. Ta rất cám ơn ngươi, trọn không bao giờ quên."

Rồi thì, vua trở về cung sửa soạn các món hào soạn, các loại thức ăn. Sáng hôm sau, khi đã đến giờ, báo Đức Thánh biết đã đến giờ.

Bấy giờ, Thế Tôn khoác y cầm bát, cùng với chúng đệ tử một ngàn hai trăm năm mươi người, đi đến vương cung, ngồi trên chỗ ngồi dọn sẵn. Rồi, vua tự tay châm chước, cúng Phật và Tăng. Ăn xong, cất bát, dùng nước rửa xong, vua đảnh lễ Phật, bạch rằng:

"Con nay ba lần xin sám hối. Con vì cuồng dại, ngu si, tối tăm, không nhận thức. Cha con là Bình-sa vương, vua nước Ma-kiệt-đà, cai trị bằng chánh pháp, không có thiên vạy. Nhưng con vì mê say ngũ dục, thật sự đã hại phụ vương. Cúi mong Thế Tôn rủ lòng thương xót, nhận sự sám hối của con."

Phật bảo vua:

"Ngươi ngu si, không nhận thức. Ngươi vì mê say ngũ dục mà hại phụ vương. Nay trong pháp Hiền thánh mà biết hối cải, tức là tự làm ích lợi cho mình. Ta vì thương tưởng ngươi, nhận sự sám hối của ngươi."

Rồi thì, sau khi đảnh lễ Phật, vua lấy một ghế nhỏ ngồi trước Phật. Phật giảng pháp cho vua nghe, chỉ bày, khuyến khích, khiến cho được ích lợi, hoan hỷ. Sau khi nghe Phật dạy, vua lại bạch Phật:

"Con nay ba lần xin quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng. Cúi mong nhận con làm Ưu-bà-tắc trong Chánh pháp. Từ nay cho đến trọn đời, không giết, không trộm, không tà dâm, không dối, không uống rượu."

Bấy giờ, Thế Tôn sau khi giảng pháp cho vua nghe, chỉ bày, khuyến khích, khiến cho được ích lợi, hoan hỷ, bèn rời chỗ ngồi ra về.

Vua A-xà-thế và Thọ Mạng đồng tử sau khi nghe những điều Phật

dạy, hoan hỷ phụng hành.

❑

28. KINH BỐ-TRA-BÀ-LÂU[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại nước Xá-vệ[2], trong vườn Kỳ thọ Cấp cô độc[3], cùng với chúng Đại Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi người[4].

Bấy giờ, vào lúc sáng sớm, Thế Tôn khoác y cầm bát vào thành Xá-vệ khất thực. Khi ấy, Thế Tôn nghĩ rằng:

"Ngày hôm nay khất thực, thời gian còn sớm, Ta hãy đến thăm khu rừng của Phạm chí Bố-tra-bà-lâu[5]; đợi đến giờ rồi hãy đi khất thực". Rồi Ngài đi đến rừng của Phạm chí. Phạm chí Bố-tra-bà-lâu từ xa trông thấy Phật đi đến, liền đứng dậy nghinh đón rằng:

"Hoan nghinh, Sa-môn Cù-đàm! Lâu nay không đến. Nay vì duyên cớ gì lại khuất mình chiếu cố? Xin mời ngồi phía trước đây."

Thế Tôn ngồi xuống chỗ ấy, nói với Bố-tra-bà-lâu rằng:

"Các ông tập họp tại đây, để làm gì? Để bàn chuyện gì?"

Phạm chí bạch Phật:

---

1. Bản Hán: *Phật thuyết Trường A-hàm*, đệ tam phần "Bố-tra-bà-lâu kinh đệ cửu"; Pāli; D.9, Dig. I. 9 Poṭṭhapāda-suttsa.

2. Xá-vệ (Pāli: Sāvatthī; Skt.: Śrāvasti) hoặc âm Tất-la-phiệt-để, thủ phủ của nước Câu-tát-la (Pāli: Kosaka, Skt.: Kauśalya).

3. Kỳ thọ Cấp cô độc viên (Pāli: Jetavana Anāthapiṇḍikārāma, Skt.: Jetavane' nāthapiṇḍadaya-ārāma), tịnh xá do ông Cấp Cô Độc (Anāthapiṇḍika) xây dựng trong khu rừng của Jeta (Hán dịch: Thắng lâm).

4. Bản Pāli, D.9, sđd.: không ghi số lượng Tỳ-kheo.

5. Trong bản Pāli, D.9, sđd.: Poṭṭhapādo pabbājako samayappavādake tindukācīre eka-sālake Malikāya ārāme paṭivasati mahatiyā paribbājaka-parisāya saddhiṃ timattehi paribbājaka-satehi, du sĩ Poṭṭhapāda ngụ cư trong khu vườn của hoàng hậu Mallika, trong đại giảng đường luận nghị được bao quanh bởi cây tinduka, cùng với giáo đoàn du sĩ gồm ba trăm người.

"Thế Tôn, ngày hôm qua[6] có nhiều Sa-môn, Bà-la-môn tập họp tại giảng đường, bàn luận sự việc như vậy[7]. Những vấn đề chống trái nhau.

"Cù-đàm, hoặc có Phạm chí nói như vầy: 'Con người phát sanh tưởng không do nhân gì duyên gì. Tưởng có đến, có đi. Đến thì tưởng sanh. Đi thì tưởng diệt.[8]'

"Cù-đàm, hoặc có Phạm chí nói như vầy: 'Do mạng, có tưởng sanh; do mạng, có tưởng diệt. Tưởng kia đi, đến. Đến thì tưởng sanh. Đi thì tưởng diệt.[9]'

"Cù-đàm, hoặc có Phạm chí nói như vầy: 'Các thuyết nói trước đó không đúng sự thật. Có vị đại quỷ thần, có uy lực lớn, mang tưởng đi; mang tưởng đến. Khi vị ấy mang tưởng đi thì tưởng diệt. Khi vị ấy mang tưởng đến thì tưởng sanh.[10]'

"Tôi nhân đó có suy nghĩ, nghĩ rằng Sa-môn Cù-đàm tất biết rõ ý nghĩa này, tất có thể biết rõ tưởng tri diệt định[11]."

Bấy giờ Thế Tôn nói với Phạm chí rằng:

---

6. Hán: tạc nhật 昨 日; Pāli, D. 9 § 6: purimāni divasāni purimatarāni: vài ngày trước đây.

7. Hán: thuyết như thị sự 說 如 是 事, không nói rõ nội dung. Pāli, sđd.: abhisaññā-nirodha, sự diệt tận của tăng thượng tưởng.

8. Tham chiếu Pāli, sđd.: Ahetu-apaccayā purisassa saññā upajjanti pi nirujjanti pi. Yasmiṃ samaye uppajjanti saññī tasmiṃ samaye hoti, yasmiṃ samaye nirujjanti, asaññī tasmiṃ samaye hotīti: các tưởng của con người sanh khởi hay hủy diệt không do bởi nhân gì duyên gì. Khi chúng sanh khởi, lúc đó con người có tưởng. Khi chúng diệt, lúc đó con người không có tưởng.

9. Tham chiếu Pāli, nt.: Saññā hi bho purussa attā, sā ca kho upeti pi apeti pi. Yasmiṃ samaye (...), tưởng là tự ngã của con người. Tự ngã có đến, có đi. Khi nó đến, tưởng sanh (...). Trong bản Hán: mạng (Pāli: jīva); trong bản Pāli: attā (tự ngã). Phổ thông, jīva hay attā đều chỉ chung là linh hồn.

10. Tham chiếu Pāli, nt.: Santi hi bho devatā mahaddhikā mahānubhāvā. Tā purissa saññāṃ upakaḍḍhanti pi apakaḍḍhanti pi. Yasmiṃ samaye upakaḍḍhanti saññī (...), có những Thiên thần có đại thần thông, có đại uy lực đưa vào và đưa ra tưởng của con người. Khi đưa vào thì có tưởng (...).

11. Hán: tưởng tri diệt định; có lẽ muốn nói đến tưởng thọ diệt tận định (Pāli: saññā-vedayita-nirodha, Skt.: sajñā-vedita-nirodha), thiền định trong đó ý tưởng và cảm giác bị đình chỉ. Pāli, D.9 sđd. nt.: chỉ nói: Bhagavā pakatañño abhisaññā-nirodhassa: Thế Tôn là người thấu rõ sự diệt tận của tăng thượng tưởng.

"Các luận thuyết ấy đều có chỗ sai lầm. Tức là nói không do nhân, không do duyên mà có tưởng sanh; không do nhân, không do duyên mà có tưởng diệt; tưởng có đến, đi; đến thì tưởng sanh, đi thì tưởng diệt. Hoặc nói nhân bởi mạng mà tưởng sanh, nhân bởi mạng mà tưởng diệt; tưởng có đến, đi; đến thì tưởng sanh, đi thì tưởng diệt. Hoặc nói, không hề có chuyện đó, mà là có một vị đại quỷ thần mang tưởng đến và mang tưởng đi; khi vị ấy mang đến thì tưởng sanh; khi mang đi thì tưởng diệt. Những lời như vậy thảy đều sai lầm. Vì sao? Này Phạm chí, có nhân, có duyên để tưởng sanh. Có nhân, có duyên để tưởng diệt.

"Nếu Như Lai xuất hiện ở đời; là Bậc Chí Chân, Đẳng Chánh Giác, mười hiệu đầy đủ. Có người ở trong Phật pháp mà xuất gia tu đạo, cho đến, diệt năm triền cái che lấp tâm, trừ khử dục, ác bất thiện pháp, có giác có quán, hỷ lạc do định sanh, nhập Sơ thiền. Trước diệt tưởng về dục, rồi phát sanh tưởng về hỷ và lạc. Phạm chí, vì vậy biết có nhân duyên cho tưởng sanh, có nhân duyên cho tưởng diệt.

"Diệt giác, quán, nội tâm hoan hỷ[12], nhất tâm, không giác, không quán, hỷ và lạc do định sanh, nhập đệ Nhị thiền. Phạm chí, kia tưởng của Sơ thiền diệt, tưởng của Nhị thiền sanh, vì vậy nên biết có nhân duyên để tưởng diệt; có nhân duyên để tưởng sanh.

"Dứt hỷ, an trú xả[13], chuyên niệm nhất tâm[14], tự biết thân lạc, điều mà Hiền thánh mong cầu, hộ niệm thanh tịnh[15], nhập đệ Tam thiền. Phạm chí, kia tưởng của Nhị thiền diệt, tưởng của Tam thiền sanh. Vì vậy nên biết có nhân duyên để tưởng diệt, có nhân duyên để tưởng sanh.

"Dứt khổ, dứt lạc, ưu và hỷ từ trước đã diệt, xả niệm thanh tịnh,

---

12. Hán: nội tín 內信, tức nội đẳng tịnh 內等淨 (Huyền Tráng), trạng thái nội tâm trong sáng; Pāli: ajjhattaṃ sampasa-danaṃ. Xem cht. 123, kinh số 2 "Du Hành iii".

13. Hán: xả hỷ tu hộ 捨喜修護, Tham chiếu, *Pháp Uẩn Túc luận*, quyển 6 (Đại XXXVI, tr.482): ly hỷ trú xả 離喜住捨; Pāli: pītiyā ca virāgā upekkhako ca viharati. Xem cht.124, kinh số 2 "Du Hành iii".

14. Tham chiếu *Pháp Uẩn* sđd. nt.: chánh niệm chánh tri 正念正智; Pāli: sato ca sampajāno.

15. Hán: tự tri thân lạc, Hiền thánh sở cầu, hộ niệm thanh tịnh 自知身樂賢聖所求護念清淨. Tham chiếu *Pháp Uẩn*, sđd. nt.: thân thọ lạc, Thánh thuyết ứng xả 身受樂聖說應捨, thân thể có cảm giác khoái lạc, điều mà Thánh nói là cần phải xả; Pāli: sukhañ ca kāyena paṭisaṃvedeti yan taṃ ariyā ācikkhanti upekkhako satimā sukha-vihārī ti: thân thể cảm giác lạc, điều mà bậc Thánh gọi là xả, an trú với niệm.

nhập đệ Tứ thiền[16]. Phạm chí, kia tưởng Tam thiền diệt, tưởng Tứ thiền sanh. Vì vậy biết rằng có nhân duyên để tưởng diệt; có nhân duyên để tưởng sanh.

"Xả[17] hết thảy tưởng về sắc, diệt nhuế[18], không niệm dị tưởng[19], nhập không xứ[20]. Này Phạm chí, tưởng về hết thảy sắc diệt, tưởng về không xứ sanh. Vì vậy biết rằng có nhân duyên để tưởng sanh, có nhân duyên để tưởng diệt.

"Vượt hết thảy không xứ, nhập thức xứ. Này Phạm chí, tưởng về không xứ diệt, tưởng về thức xứ sanh. Vì vậy biết rằng có nhân duyên để tưởng sanh, có nhân duyên để tưởng diệt.

"Vượt hết thảy thức xứ, nhập bất dụng xứ[21]. Này Phạm chí, tưởng về thức xứ diệt, tưởng về bất dụng xứ sanh. Vì vậy biết rằng có nhân duyên để tưởng sanh, có nhân duyên để tưởng diệt.

"Xả bất dụng xứ, nhập hữu tưởng vô tưởng xứ[22]. Này Phạm chí, tưởng về bất dụng xứ diệt, tưởng về hữu tưởng vô tưởng xứ sanh. Vì

---

16. Tham chiếu *Pháp Uẩn, sđd. nt.:* đoạn khổ, đoạn lạc; tiên hỷ ưu một; bất khổ bất lạc, xả niệm thanh tịnh, đệ tứ tĩnh lự cụ túc trú 斷苦斷樂先喜憂沒不苦不樂捨念清淨第四靜慮具足住; Pāli: sukhassa pahānā dukkhassa pahānā pubb' eva somanassa-domanassānaṃ atthagamā adukkham asukhaṃ upekhā-sati-pārisuddhiṃ upasampajja viharati, dứt trừ lạc, dứt trừ khổ, hỷ và ưu từ trước đã biến mất, sau khi thành tựu xả và niệm, vị ấy sống với trạng thái không khổ không lạc.

17. Xả, *Pháp Uẩn, sđd.:* tr. 488b: siêu 超; Pāli: samatikamà: vượt qua.

18. Diệt nhuế, *Pháp Uẩn*, sđd. nt.: diệt hữu đối tưởng 滅有對想; Pāli: paṭigha-saññānaṃ atthagamā. Hán dịch không chính xác. Mặc dù Pāli: paṭigha, hay Skt.: pratigha, có nghĩa là sân và cũng có nghĩa bị đối ngại, chỉ đặc tính bị cản trở của vật chất.

19. Hán: bất niệm dị tưởng 不念異想. *Pháp uẩn* sđd. nt.: bất tư duy chủng chủng tưởng 不思唯種種想; Pāli: nānatta-saññānaṃ amanasi-kārà: không tác ý về tưởng sai biệt, tức ý tưởng hay ấn tượng về tính đa dạng của vật chất.

20. *Pháp Uẩn, sđd. nt.:* nhập vô biên không; không vô biên xứ cụ túc trú 入無邊空空無邊處具足住; Pāli: "ananto ākāso ti" ākāsānañcāyatanaṃ upasampajja viharati: (có ý tưởng rằng) hư không là vô biên; thành tựu và an trú không vô biên xứ.

21. *Pháp Uẩn, sđd. nt.:* siêu nhất thiết chủng thức xứ, nhập vô sở hữu; vô sở hữu xứ cụ túc trú 超一切種識處入無所有無所有處具足住; Pāli: sabbaso viññānañcāyatanaṃ samatikkamma "n'atthi kiñcī ti" ākiñcaññāyatanaṃ upasampajja viharati.

22. Bản Pāli không có đoạn bất dụng xứ; đoạn tưởng tri diệt, xem phần dưới.

vậy biết rằng có nhân duyên để tưởng sanh, có nhân duyên để tưởng diệt.

"Kia xả hữu tưởng vô tưởng xứ, nhập tưởng tri diệt định. Này Phạm chí, tưởng về hữu tưởng vô tưởng xứ diệt; nhập tưởng tri diệt định. Vì vậy biết rằng có nhân duyên để tưởng sanh, có nhân duyên để tưởng diệt.

"Vị ấy khi đạt đến tưởng này rồi[23], suy nghĩ như vầy: có niệm là ác, không niệm là thiện. Vị ấy khi suy nghĩ như vậy, tưởng vi diệu của vị ấy không diệt, mà tưởng thô lại sanh[24]. Vị ấy lại suy nghĩ: Nay ta không nên niệm hành, không khởi tư duy[25]. Vị ấy khi không niệm hành, không khởi tư duy, tưởng vi diệu diệt, tưởng thô không sanh. Khi vị ấy không niệm hành, tưởng vi diệu diệt, tưởng thô không sanh, liền nhập định tưởng tri diệt[26].

"Thế nào, Phạm chí, từ trước đến nay ông đã bao giờ nghe nhân duyên của thứ tự diệt tưởng[27] này chưa?"

Phạm chí bạch Phật:

"Tôi tin là từ trước đến nay chưa bao giờ nghe đến nhân duyên của thứ tự diệt tưởng này."

Phạm chí lại bạch Phật:

"Nay tôi có ý nghĩ như vầy, tức là, đây là có tưởng; đây là không có tưởng. Hoặc lại có tưởng. Sau khi có tưởng như vậy rồi, vị ấy suy nghĩ như vầy: có niệm là ác, không niệm là thiện. Vị ấy khi suy nghĩ như vậy, tưởng vi diệu của vị ấy không diệt, mà tưởng thô lại sanh. Vị

---

23. Tham chiếu Pāli, D.9: so tato amutra tato amutra anupubbena saññaggaṃ phusati. Tassa saññagge ṭhitassa evaṃ hoti: vị ấy theo thứ tự từ tưởng này đến tưởng khác, đạt đến đỉnh cao của tưởng. Khi đã đạt đến đỉnh cao của tưởng, vị ấy nghĩ rằng..."

24. Tham chiếu Pāli, D.9 nt.: Ahañ ceva kho pana ceteyyaṃ abhisaṃkhareyyaṃ, imā ca me saññā nirujjheyyaṃ, aññā ca oḷārukā saññā uppajjeyyaṃ: Nếu ta tư lự, tác ý, tưởng này của ta diệt, tưởng thô khác sanh. Trong bản Hán, vi diệu tưởng, đối lại với thô tưởng.

25. Hán: Bất vi niệm hành, bất khởi tư duy 不念行不起思唯. Pāli, sđd. nt.: ceteyyaṃ abhisaṃkharyeyyaṃ.

26. Pāli, nt.: so nirodhaṃ phusati: vị ấy đạt đến trạng thái diệt tận (của các tưởng).

27. Thứ đệ diệt tưởng 次第滅想; Pāli: anupubbābhisaññā-nirodha-sampajāna-samapatti: trạng thái tập trung tư tưởng do nhận thức về sự diệt tận của tăng thượng tưởng theo thứ tự lần lượt.

ấy lại suy nghĩ: Nay ta không nên niệm hành, không khởi tư duy. Vị ấy khi không niệm hành, không khởi tư duy, tưởng vi diệu diệt, tưởng thô không sanh. Khi vị ấy không niệm hành, tưởng vi diệu diệt, tưởng thô không sanh, liền nhập định tưởng tri diệt[28].”

Phật nói với Phạm chí:

“Lành thay, lành thay, đó là theo thứ tự đạt diệt tưởng định trong pháp của Hiền thánh.”

Phạm chí lại bạch Phật:

“Trong các tưởng này, tưởng nào là tối thượng bậc nhất?”

Phật nói với Phạm chí:

“Những gì được nói là có tưởng và những gì được nói là không có tưởng, ở khoảng trung gian đó mà có thể thứ tự đạt được tưởng tri diệt định, đó là tưởng tối thượng bậc nhất.”

Phạm chí lại hỏi:

“Là một tưởng, hay nhiều tưởng[29]?”

Phật nói:

“Có một tưởng. Không có nhiều tưởng[30].”

Phạm chí lại hỏi:

“Trước có tưởng sanh sau đó mới trí, hay trước có trí sanh sau đó mới tưởng?”

Phật nói:

“Trước có tưởng sanh, sau đó mới trí. Do tưởng mà có trí.”

Phạm chí lại hỏi:

“Tưởng tức là ngã[31] chăng?”

Phật hỏi:

“Ngươi nói con người như thế nào là ngã?”

---

28. Phạm chí lặp lại lời Phật. Nội dung đoạn này và đoạn trên giống nhau, nhưng văn cú hơi khác.

29. Tham chiếu Pāli, D.9: Ekaṃ yeva nu kho bhante Bhagavā saññaggaṃ paññāpeti, udāhu puthu pi saññagge paññāpetīti: Thế Tôn cho biết một cực điểm của tưởng hay nhiều cực điểm của tưởng khác nhau?

30. Tham chiếu Pāli: Ekaṃ pi kho Poṭṭhapāda saññaggaṃ paññāpemi, phuthu pi saññagge paññāpemīti: Ta nói đến một cực điểm của tưởng và cũng nói đến nhiều cực điểm của tưởng.

31. Pāli: purisassa attā: tự ngã (linh hồn) của con người.

Phạm chí nói:

"Tôi không nói con người là ngã. Tôi tự nói, sắc thân với bốn đại, sáu nhập, do cha mẹ sanh, được nuôi nấng mà lớn, trang sức bằng y phục, nhưng là pháp vô thường, biến hoại. Tôi nói, con người đó là ngã."

Phật nói với Phạm chí:

"Ngươi nói, sắc thân với bốn đại, sáu nhập, do cha mẹ sanh, được nuôi nấng mà lớn, trang sức bằng y phục, nhưng là pháp vô thường, biến hoại. Nói con người đó là ngã. Này Phạm chí, hãy gác qua tự ngã đó[32]. Nhưng, tưởng của con người sanh, tưởng của con người diệt[33]."

Phạm chí nói:

"Tôi không nói con người là ngã. Tôi nói, Dục giới thiên là ngã[34]."

Phật nói:

"Này Phạm chí, hãy gác qua Dục giới thiên là tự ngã đó. Nhưng, tưởng của con người sanh, tưởng của con người diệt[35]."

Phạm chí nói:

"Tôi không nói con người là ngã. Tôi tự nói, Sắc giới thiên là ngã[36]."

Phật nói:

"Này Phạm chí, hãy gác qua Sắc giới thiên là tự ngã đó. Nhưng, tưởng của con người sanh, tưởng của con người diệt."

Phạm chí nói:

"Tôi không nói con người là ngã. Tôi tự nói không xứ, thức xứ, bất dụng xứ, hữu tưởng vô tưởng xứ, vô sắc thiên, là ngã."

Phật nói:

"Hãy gác qua không xứ, thức xứ, vô sở hữu xứ[37], hữu tưởng vô

---

32. Tham chiếu Pāli, D.9: Tadiminā p' etaṃ Poṭṭhapāda pariyāyena veditabbaṃ, yathā aññā va saññā bhavissati añño attā: Theo lý thú đó, cần phải hiểu rằng tưởng khác và tự ngã khác.

33. Tham chiếu Pāli, sđd. nt.: atha imasa purisassa aññā va saññā uppajjanti, aññā vā saññā nirujjhānti: thế thì, đối với con người này, những tưởng khác sanh, những tưởng khác diệt.

34. Pāli, sđd.: Manomayaṃ (...) attānaṃ paccemi sabbaṅga-paccaṅgiṃ ahīnindriyan ti: tôi hiểu rằng ngã là do ý sanh, có đầy đủ các chi thể và quan năng.

35. Tham chiếu Pāli, sđd. nt.: atha imassa purisassa aññā va saññā uppajjanti, aññā vā saññā nirujjhānti: thế thì, đối với con người này, những tưởng khác sanh, những tưởng khác diệt.

36. Trong bản Pāli, không có quan điểm tự ngã này.

tưởng xứ, vô sắc thiên, là ngã. Nhưng, tưởng của con người sanh, tưởng của con người diệt."

Phạm chí bạch Phật:

"Thế nào, thưa Cù-đàm, tôi có thể biết được tưởng của con người sanh, tưởng của con người diệt không[38]? "

Phật nói:

"Ngươi muốn biết tưởng của con người sanh, tưởng của con người diệt. Thật quá khó! Thật quá khó! Vì sao vậy? Vì do ngươi, y pháp khác mà có kiến giải khác, tập hành khác, nhẫn khác, thọ khác[39]."

Phạm chí bạch Phật:

"Thật vậy, thưa Cù-đàm, tôi y theo pháp khác mà có kiến giải khác, tập hành khác, nhẫn khác, thọ khác, cho nên, muốn biết tưởng của con người sanh, tưởng của con người diệt, thật quá khó! Thật quá khó! Vì sao vậy? Ngã, thế gian là thường hằng: đây là thật, ngoài ra là dối. Ngã, thế gian là vô thường: đây là thật, ngoài ra là dối. Ngã, thế gian vừa thường vừa vô thường: đây là thật, ngoài ra là dối. Ngã, thế gian không phải thường không phải vô thường: đây là thật, ngoài ra là dối. Ngã, thế gian là hữu biên: đây là thật, ngoài ra là dối. Ngã, thế gian là vô biên: đây là thật, ngoài ra là dối. Ngã, thế gian vừa hữu biên vừa vô biên: đây là thật, ngoài ra là dối. Ngã, thế gian không phải hữu biên không phải vô biên: đây là thật, ngoài ra là dối. Thân tức là mạng: đây là thật, ngoài ra là dối. Mạng khác thân khác: đây là thật, ngoài ra là dối. Thân, mạng không phải khác không phải không khác: đây là thật, ngoài ra là dối. Không mạng, không thân: đây là thật, ngoài ra là dối. Như Lai có tận cùng: đây là thật, ngoài ra là dối. Như Lai không có tận cùng: đây là thật, ngoài ra là dối. Như Lai không phải có tận cùng không phải không có tận cùng: đây là thật, ngoài ra là dối."

---

37. Vô sở hữu xứ, trong bản dịch Hán; cũng trong bản Hán này, những nơi khác và ngay trong câu trên, dịch là bất dụng xứ; xem đoạn trên, cht. 21.

38. Pāli, D. 9, Sakkā (...) mayā ñātuṃ: "saññā purisassa attā" ti vā, "aññā saññā añño attā" ti vā: Tôi có thể hiểu, tưởng của người là tự ngã, hay tưởng và tự ngã khác nhau" hay không?

39. Dị kiến, dị tập, dị nhẫn, dị thọ, y dị pháp cố 異見異習異忍異受依異法故; Pāli: añña-diṭṭhena añña-khantikena añña-rucikena aññatrāyogena aññatthācariyakena: bởi vì ngươi y theo sở kiến khác, tín nhẫn khác, chấp nhận khác, học tập khác, hành trì khác.

Phật nói với Phạm chí:

"Thế gian là thường hằng, cho đến, Như Lai không phải có tận cùng không phải không có tận cùng: là những câu hỏi Ta không trả lời[40]."

Phạm chí bạch Phật:

"Cù-đàm, vì sao không trả lời, ngã và thế gian là thường hằng, cho đến, Như Lai không phải có tận cùng không phải không có tận cùng?"

Phật nói:

"Vì chúng không phù hợp ý nghĩa[41], không phù hợp pháp, không phải phạm hạnh, không phải vô dục, không phải vô vi, không phải tịch diệt, không phải chỉ tức, không phải Chánh giác, không phải Sa-môn, không phải Nê-hoàn. Vì vậy Ta không trả lời."

Phạm chí lại hỏi:

"Thế nào là phù hợp nghĩa, phù hợp pháp[42]? Thế nào là phạm hạnh sơ[43]? Thế nào là vô vi[44]? Thế nào là vô dục[45]? Thế nào là tịch diệt[46]? Thế nào là chỉ tức[47]? Thế nào là Chánh giác[48]? Thế nào là Sa-môn[49]? Thế nào là Nê-hoàn[50]? Thế nào là vô ký[51]? "

Phật nói:

---

40. Hán: ngã sở bất ký 我所不記; Pāli: avyākataṃ (...) mayā.

41. Hán: bất dữ nghĩa hợp 不與義合; Pāli: na h' ethaṃ attha-saṃhitaṃ: không phù hợp với mục đích (giải thoát). Đối chiếu từ ngữ, xem các chú thích tiếp dưới.

42. Hán: nghĩa hiệp pháp hiệp 義合法合; Pāli: attha-saṃhita, dhamma-saṃhita, có liên hệ với mục đích (giải thoát), có liên hệ với pháp.

43. Phạm hạnh sơ 梵行初; Pāli: ādibrahmacariyaka, căn bản phạm hạnh, thuộc về những nguyên tắc căn bản hay nền tảng của đời sống đạo đức.

44. Vô vi 無為, thông thường dịch từ Skt.: asaṃskhta hay Pāli: saṃkhata; nhưng trong đoạn Pāli tương đương (D. 9, Dig I, tr.157): nibbidā (yểm ly, nhàm tởm thế gian), Skt.: nirveda.

45. Vô dục 無欲; Pāli: virāga, ly tham, ly dục hay dứt trừ tham dục.

46. Tịch diệt 寂滅; Pāli: nirodha, diệt, huỷ diệt, diệt tận, tiêu diệt.

47. Chỉ tức 止息, nghĩa đen: dừng nghỉ; Pāli: upasama: an tĩnh, bình an, trầm lặng.

48. Chánh Giác 正覺; Pāli: sambodha

49. Không đề cập trong đoạn Pāli tương đương.

50. Nê-hoàn 泥洹, tức Niết-bàn; Pāli: nibbāna.

51. Vô ký 無記; Pāli: avyākata, không được trả lời, không được giải thích.

"Ta trả lời về Khổ đế, về Khổ tập, Khổ diệt, Khổ xuất yếu đế. Vì sao vậy? Vì phù hợp nghĩa, phù hợp pháp, là phạm hạnh sơ thủ, là vô dục, vô vi, tịch diệt, chỉ tức, Chánh giác, Sa-môn, Nê-hoàn. Vì vậy Ta trả lời."

Bấy giờ, Thế Tôn thuyết pháp cho Phạm chí nghe xong, chỉ bày, khuyến khích, làm cho ích lợi, hoan hỷ, Ngài đứng dậy mà đi.

Phật đi chưa bao lâu, sau đó các Phạm chí khác nói với Phạm chí Bố-tra-bà-lâu rằng:

"Tại sao ngươi nghe theo những lời của Sa-môn Cù-đàm? Chấp nhận những lời của Cù-đàm rằng: 'Ngã và thế gian là thường hằng, cho đến, Như Lai không phải có tận cùng không phải không có tận cùng, là những vấn đề không phù hợp nghĩa nên Ta không trả lời.' Tại sao ngươi ấn khả những lời như vậy? Chúng ta không chấp nhận sở thuyết như vậy của Sa-môn Cù-đàm[52]."

Bố-tra-bà-lâu trả lời các Phạm chí:

"Sa-môn Cù-đàm nói rằng: 'Ngã và thế gian là thường hằng, cho đến, Như Lai không phải có tận cùng không phải không có tận cùng, là những vấn đề không phù hợp nghĩa nên Ta không trả lời.' Tôi cũng không ấn khả lời ấy. Nhưng Sa-môn Cù-đàm kia y trên Pháp, trụ trên Pháp[53], đúng Pháp mà nói, đúng theo Pháp mà xuất ly; làm sao tôi có thể chống lại lời nói có trí tuệ ấy? Pháp ngôn vi diệu như thế của Sa-môn Cù-đàm, không thể chống trái được."

Rồi, một lúc khác[54], Phạm chí Bố-tra-bà-lâu cùng với Tượng Thủ Xá-lợi-phất[55] đến chỗ Thế Tôn, chào hỏi xong, ngồi xuống một bên. Tượng Thủ lễ Phật xong rồi ngồi xuống. Phạm chí bạch Phật:

"Trước đây Phật tại chỗ tôi. Khi Ngài đi chưa lâu, sau đó các

---

52. Tham chiếu Pāli (D. 9, sđd.: nt.): Na kho pana mayaṃ kiñci Samanassa Gotamassa ekaṅsikaṃ dhammaṃ desitaṃ (...): chúng ta nhận thấy rõ rằng đối Sa-môn Gotama pháp (những vấn đề thường và vô thường của ngã và thế giới, v.v...) không được thuyết minh một cách xác quyết.

53. Hán: y pháp, trụ pháp 依法住法; Pāli: dhammaṭṭhita, dhamma-niyāma (Skt.: dharmaṣṭhita, dharmaniyāma, xem *Pháp hoa*, phẩm "Phương tiện": pháp trụ, pháp vị.)

54. Pāli (D. 9, Dig I, tr.158): Atha kho dvīha-tīhassa accayena, rồi hay, ba ngày sau.

55. Tượng Thủ Xá-lợi-phất; Pāli: Citta Hatthisāriputta, tên Tỳ-kheo. Xuất gia, rồi hoàn tục, rồi xuất gia lại; cuối cùng chứng A-la-hán. Trong kinh này, ông là Cư sĩ.

Phạm chí khác nói với tôi rằng: 'Tại sao ngươi nghe theo những lời của Sa-môn Cù-đàm? Chấp nhận những lời của Cù-đàm rằng: 'Ngã và thế gian là thường hằng, cho đến, Như Lai không phải có tận cùng không phải không có tận cùng, là những vấn đề không phù hợp nghĩa nên Ta không trả lời.' Tại sao ngươi ấn khả những lời như vậy? Chúng ta không chấp nhận sở thuyết như vậy của Sa-môn Cù-đàm.'Tôi trả lời các Phạm chí: 'Sa-môn Cù-đàm nói rằng: 'Ngã và thế gian là thường hằng, cho đến, Như Lai không phải có tận cùng không phải không có tận cùng, là những vấn đề không phù hợp nghĩa nên Ta không trả lời.' Tôi cũng không ấn khả lời ấy. Nhưng Sa-môn Cù-đàm kia y trên Pháp, trụ trên Pháp, đúng Pháp mà nói, đúng theo Pháp mà xuất ly; làm sao chúng ta có thể chống lại lời nói có trí tuệ ấy? Pháp ngôn vi diệu như thế của Sa-môn Cù-đàm, không thể chống trái được'."

Phật nói với Phạm chí:

"Các Phạm chí nói: 'Ngươi tại sao nghe những điều Sa-môn Cù-đàm nói mà ấn khả?' Lời ấy sai lầm. Vì sao vậy? Pháp mà Ta nói, có trường hợp được ghi nhận xác quyết, có trường hợp không được ghi nhận xác quyết[56]. Thế nào gọi là không ghi nhận xác quyết? Ngã, thế gian thường hằng, cho đến, Như Lai không phải có tận cùng không phải không có tận cùng. Ta cũng nói lời ấy, nhưng không ghi nhận xác ký. Sở dĩ như vậy, vì những lời ấy không phù hợp nghĩa, không phù hợp pháp, không phải là phạm hạnh sơ, không phải vô dục, không phải vô vi, không phải tịch diệt, không phải chỉ tức, không phải Chánh giác, không phải Sa-môn, không phải Nê-hoàn. Vì vậy, này Phạm chí, Ta tuy nói những lời ấy nhưng không ghi nhận xác quyết. Thế nào gọi là ghi nhận xác quyết? Ta ghi nhận Khổ đế, Khổ tập, Khổ diệt, Khổ xuất yếu đế. Vì sao vậy? Điều đó phù hợp nghĩa, phù hợp pháp, là phạm hạnh sơ thủ, vô dục, vô vi, tịch diệt, chỉ tức, Chánh giác, Sa-môn, Nê-hoàn. Vì vậy, Ta nói được ghi nhận xác quyết.

"Hoặc có Sa-môn, Bà-la-môn, chủ trương ở một nơi thế gian chỉ có hoàn toàn lạc[57]. Ta nói với vị ấy rằng: 'Các ông có thật chủ trương ở

---

[56] Hán: hữu quyết định ký, bất quyết định ký 有決定記不決定記. Pāli (D. 9, Dig I, tr.159): ekaṅsikā pi hi Poṭṭhapāda mayā dhammā desitā paññattā, anekaṅsikā pi hi kho Poṭṭhapāda mayā dhammā desitā, có những pháp được Ta công bố một cách xác quyết, có những pháp được Ta công bố một cách không xác quyết.

[57] Tham chiếu Pāli (D.9 sđd. nt.): Ekanta-sukhī attā arogo paraṃ maraṇnā hoti: Sau

một nơi thế gian chỉ có hoàn toàn lạc chăng?' Những vị ấy trả lời Ta rằng: 'Thật vậy.' Ta lại nói với họ rằng: 'Các ông có thấy, biết một nơi thế gian chỉ có hoàn toàn lạc không?' Họ trả lời: 'Không thấy, không biết.' Ta lại nói với họ: 'Chư Thiên ở một nơi thế gian chỉ có hoàn toàn lạc[58]; các ông đã từng thấy chưa?' Kia đáp: 'Không biết, không thấy.' Ta lại hỏi: 'Chư Thiên ở một nơi thế gian kia, có bao giờ các ông từng cùng đứng ngồi trò chuyện, tinh tấn tu định chưa?' Đáp rằng: 'Chưa.' Ta lại hỏi: 'Chư Thiên ở một nơi thế gian hoàn toàn sung sướng kia, có bao giờ đến nói với các ông chưa, rằng: 'Việc làm của ngươi chất trực, ngươi sẽ sanh lên cõi trời hoàn toàn sung sướng kia. Ta do việc làm chất trực, nên được sanh lên kia cùng hưởng thọ dục lạc?' Kia đáp rằng: 'Chưa'. Ta lại hỏi: 'Các ông có thể ở nơi thân của mình, khởi tâm biến hóa thành thân tứ đại khác, thân thể đầy đủ, các căn không khuyết, hay không?' Kia đáp: 'Không thể'. Thế nào, Phạm chí, những điều mà Sa-môn, Bà-la-môn kia nói có thành thật chăng? Có thích ứng với pháp chăng?"

Phạm chí bạch Phật:

"Đấy không phải là thành thật; không phải là lời nói đúng pháp."

Phật bảo Phạm chí:

"Như có người nói: 'Tôi đã giao thông với người nữ xinh đẹp kia, khen ngợi dâm nữ kia.' Người khác hỏi: 'Ngươi có biết người nữ ấy không? Ở tại địa phương nào: Đông, Tây, Nam, Bắc?' Đáp: 'Không biết.' Lại hỏi: 'Ngươi có biết đất đai, thành ấp, chòm xóm mà người nữ ấy cư ngụ không? 'Đáp: 'Không biết'. Lại hỏi: 'Ngươi có biết người kia là Sát-ly, hay Bà-la-môn, hay Cư sĩ, hay Thủ-đà-la không?' Đáp: 'Không.' Lại hỏi: 'Ngươi có biết người kia cao hay thấp, thô kệch hay thanh lịch. Đen hay trắng, xấu hay đẹp không?' Đáp: 'Không.' Thế nào, Phạm chí, những điều mà người này nói có thành thật chăng?'

Đáp: 'Không'.

"Phạm chí, Sa-môn, Bà-la-môn kia cũng vậy, không có sự chân thật. Phạm chí, cũng như có người dựng thang nơi khoảng đất trống. Những người khác hỏi: 'Dựng thang để làm gì?' Đáp: 'Tôi muốn leo lên

khi chết, tự ngã hoàn toàn sung sướng không bịnh.

58. Pāli, sđd. nt.: tā devatā ekanta-sukhaṃ lokaṃ upannā: chư Thiên kia sanh vào thế giới hoàn toàn sung sướng.

nhà trên.' Thế nào, Phạm chí, người dựng thang kia há không phải là dối sao?"

Đáp: "Kia thật sự hư dối".

Phật nói:

"Các Sa-môn, Bà-la-môn kia cũng vậy, hư dối, không thật."

Phật bảo Bố-tra-bà-lâu:

"Thân ta[59], sắc gồm bốn đại, sáu nhập, do cha mẹ sanh, được nuôi lớn bằng bú mớm, trang sức bằng y phục, vô thường hoại diệt; thân đó được cho là ngã. Ta nói đó là ô nhiễm, là thanh tịnh, là được giải thoát[60]. Ý của ngươi hoặc giả cho rằng pháp nhiễm ô không thể diệt, pháp thanh tịnh không thể sanh, luôn luôn tồn tại trong đau khổ[61]. Chớ nghĩ như vậy. Vì sao? Vì, pháp nhiễm ô có thể bị diệt tận, pháp thanh tịnh có thể xuất sanh, an trú nơi lạc địa, hoan hỷ, ái lạc, chuyên niệm, nhất tâm, trí tuệ rộng lớn[62]. Phạm chí, Ta đối với Dục giới thiên, Sắc giới thiên, Không xứ, Thức xứ, Bất dụng xứ, Hữu tưởng vô tưởng thiên, nói là ô nhiễm và cũng nói là thanh tịnh, cũng nói là được giải thoát. Ý ngươi có thể cho rằng pháp nhiễm ô không thể diệt, pháp thanh tịnh không thể sanh, luôn luôn tồn tại trong đau khổ. Chớ nghĩ như vậy. Vì sao? Vì, pháp nhiễm ô có thể bị diệt tận, pháp thanh tịnh có thể xuất sanh, an trú nơi lạc địa, hoan hỷ, ái lạc, chuyên niệm, nhất tâm, trí tuệ

---

59. Đoạn này nói về bốn loại ngã chấp (Pāli phân biệt chỉ có ba: atta-paṭilābha (ngã đắc): 1. Thân tứ đại là ngã; Pāli: oḷārika atta-paṭilābha (thô ngã đắc); 2. Thân dục giới thiên; 3. Sắc giới thiên là ngã (Pāli: manomaya atta-paṭilābha: ý sở thành ngã đắc); 4. Thân vô sắc là ngã (Pāli: arūpo atta-paṭilābha: vô sắc ngã đắc).

60. Tham chiếu Pāli (D. 9, Dig I, tr.163): Oḷārikassa kho ahaṃ Poṭṭhapāda atta-paṭilābhassa pahānāya dhammaṃ desemi, yathā paṭipannānaṃ vo saṃkilesikā dhammā pahīyissanti, vodāniyā dhammā abhivaḍḍhissanti, paññā-pāripūriṃ vepullatañ ca diṭṭhe va dhamma sayaṃ abhiññā sacchikatvā upasampajja viharissathāti: Ta thuyết pháp để đoạn trừ tự ngã thô. Như thế mà thực hành, các pháp ô nhiễm sẽ bị đoạn trừ, các pháp thanh tịnh sẽ được tăng trưởng và ngay trong đời này mà tự mình thắng tri và chứng ngộ trí tuệ viên mãn và quảng đại, thông đạt và an trú.

61. Đối chiếu Pāli, sđd. nt.: Siyā kho pane te Poṭṭhapāda evam assa: 'Saṃkilesā dhammā pahīyissanti (...), dukkho ca khi vihāro ti: Các ngươi có thể nghĩ rằng: các pháp nhiễm ô diệt (...) nhưng vẫn sống trong đau khổ.

62. Xem cht. 60.

rộng lớn[63]. ”

Bấy giờ Tượng Thủ Xá-lợi-phất bạch Phật rằng:

“Thế Tôn, khi đang hiện hữu thân người thuộc Dục giới, với bốn đại và các căn, khi ấy thân thuộc Dục giới thiên, thân thuộc Sắc giới thiên, thân thuộc Không xứ, Thức xứ, Bất dụng xứ, Hữu tưởng vô tưởng xứ thiên, lúc ấy có đồng thời cùng hiện hữu không[64]?

“Bạch Thế Tôn, khi đang hiện hữu thân thuộc Dục giới thiên, khi ấy thân người thuộc Dục giới với bốn đại và các căn, thân thuộc Sắc giới thiên, thân thuộc Không xứ, Thức xứ, Bất dụng xứ, Hữu tưởng vô tưởng xứ thiên, lúc ấy có đồng thời cùng hiện hữu không?

“Bạch Thế Tôn, khi đang hiện hữu thân thuộc Sắc giới thiên, khi ấy thân người thuộc Dục giới với bốn đại và các căn, thân thuộc Dục giới thiên, thân thuộc Không xứ, Thức xứ, Bất dụng xứ, Hữu tưởng vô tưởng xứ có đồng thời cùng hiện hữu không?

“Cũng vậy, cho đến, khi đang hiện hữu thân thuộc Hữu tưởng vô tưởng xứ, khi ấy thân người thuộc Dục giới với bốn đại và các căn, thân thuộc Dục giới thiên, thân thuộc Sắc giới thiên, thân thuộc Không xứ, Thức xứ, Bất dụng xứ thiên có đồng thời cùng hiện hữu không?”

Phật nói với Tượng Thủ Xá-lợi-phất :

“Khi đang hiện hữu thân người thuộc Dục giới với bốn đại và các căn, thì ngay khi ấy là thân người thuộc Dục giới với bốn đại và các căn, chứ không phải là thân thuộc Dục giới thiên, thân Sắc giới thiên, thân Không xứ thiên, thân Thức xứ thiên, thân Vô sở hữu xứ thiên, thân Hữu tưởng vô tưởng thiên. Cũng vậy, cho đến, nếu khi đang hiện hữu thân Hữu tưởng vô tưởng thiên, thì ngay khi ấy là thân Hữu tưởng vô tưởng thiên, chứ không phải là thân người Dục giới với bốn đại và các căn, không phải là thân Dục giới thiên, thân Sắc giới thiên, thân Không

---

63. Pāli, sđd. nt.: Saṃkilesikā c’ eva dhammā pahīyissanti, vodāniyā dhammā abhivaḍḍhissanti (...) pāmujjaṃ c’ eva bhavissati pīti ca passaddhi ca sati ca sampajaññañ ca sukho ca vihāro: khi các pháp nhiễm ô bị diệt trừ, pháp thanh tịnh được tăng trưởng (...), khoái lạc sẽ sanh, cùng với hỷ, khinh an, chánh niệm, chánh tri và sống an lạc.

64. Tham chiếu Pāli (D. 9 § 38): Yasmiṃ bhante samaye oḷāriko atta-paṭilābho hoti, mogh’ assa tasmiṃ samaye manomayo atta-paṭilābho hoti, mogho arūpo atta-paṭilābho hoti: Bạch Đại Đức, trong khi sở đắc ngã thô tồn tại, thì có đồng thời tồn tại sở đắc ngã do ý sanh và sở đắc ngã vô sắc không?

xứ, Thức xứ, Vô sở hữu xứ thiên.

"Này Tượng Thủ, ví như sữa bò. Sữa biến thành tô. Tô biến thành lạc. Lạc biến thành sanh tô. Sanh tô biến thành thục tô. Thục tô biến thành đề hồ. Đề hồ là bậc nhất. Khi là sữa, thì chỉ được gọi là sữa mà không gọi là lạc, tô, đề hồ. Cũng vậy, lần lượt cho đến khi là đề hồ, thì khi ấy chỉ được gọi là đề hồ mà không gọi là lạc, tô.

"Tượng Thủ, ở đây cũng vậy, khi đang hiện hữu thân người thuộc Dục giới với bốn đại và các căn, thì ngay khi ấy là thân người thuộc Dục giới với bốn đại và các căn, chứ không phải là thân thuộc Dục giới thiên, cho đến, không phải là thân Hữu tưởng vô tưởng thiên. Cũng vậy, lần lượt cho đến, khi đang hiện hữu thân Hữu tưởng vô tưởng thiên, thì ngay khi ấy chỉ có thân Hữu tưởng vô tưởng thiên, chứ không phải là thân người Dục giới với bốn đại và các căn, cho đến, thân Vô sở hữu xứ thiên.

"Tượng Thủ, ý ngươi nghĩ sao? Nếu có người hỏi ngươi: 'Khi đang hiện hữu thân quá khứ; khi ấy thân vị lai và thân hiện tại có cùng nhất thời hiện hữu không? Khi đang hiện hữu thân vị lai, khi ấy thân quá khứ và thân hiện tại có đồng thời hiện hữu không? Khi đang hiện hữu thân hiện tại, khi ấy thân quá khứ và thân vị lai có đồng thời hiện hữu không?' Giả sử được hỏi như vậy, ngươi sẽ trả lời như thế nào?"

Tượng Thủ đáp:

"Giả sử có người hỏi như vậy, con sẽ trả lời người ấy rằng: 'Khi đang hiện hữu thân quá khứ, khi ấy duy chỉ là thân quá khứ, mà không phải là thân hiện tại và vị lai. Khi đang hiện hữu thân vị lai, khi ấy duy chỉ là thân vị lai. Chứ không phải là thân quá khứ và hiện tại. Khi đang hiện hữu thân hiện tại, khi ấy chỉ là thân hiện tại, chứ không phải là thân quá khứ và thân vị lai'."

Phật nói:

"Tượng Thủ, ở đây cũng vậy, khi đang hiện hữu thân người thuộc Dục giới với bốn đại và các căn, thì ngay khi ấy là thân người thuộc Dục giới với bốn đại và các căn, chứ không phải là thân thuộc Dục giới thiên, cho đến, không phải là thân Hữu tưởng vô tưởng thiên. Cũng vậy, lần lượt cho đến, khi đang hiện hữu thân Hữu tưởng vô tưởng thiên, thì ngay khi ấy chỉ có thân Hữu tưởng vô tưởng thiên, chứ không phải là thân người Dục giới với bốn đại và các căn, cho đến, thân Bất dụng xứ

thiên[65].

"Lại nữa, Tượng Thủ, giả sử có người hỏi ngươi: 'Có phải ngươi trong quá khứ đã từng hiện hữu và đã diệt; vị lai sẽ sanh và hiện tại đang tồn tại chăng?' Nếu được hỏi như vậy, ngươi sẽ trả lời như thế nào?"

Tượng Thủ bạch Phật:

"Giả sử có người hỏi như vậy, con sẽ trả lời người ấy rằng: 'Trong quá khứ tôi đã từng hiện hữu; không phải không hiện hữu. Trong vị lai, tôi sẽ sanh, chứ không phải không có; trong hiện tại, tôi đang tồn tại. Chứ không phải không có."

Phật nói:

"Tượng Thủ, ở đây cũng vậy, khi đang hiện hữu thân người thuộc Dục giới với bốn đại và các căn, thì ngay khi ấy là thân người thuộc Dục giới với bốn đại và các căn, chứ không phải là thân thuộc Dục giới thiên, cho đến, không phải là thân Hữu tưởng vô tưởng thiên. Cũng vậy, lần lượt cho đến, khi đang hiện hữu thân Hữu tưởng vô tưởng thiên, thì ngay khi ấy chỉ có thân Hữu tưởng vô tưởng thiên, chứ không phải là thân người Dục giới với bốn đại và các căn, cho đến, thân Vô sở hữu xứ thiên."

Bấy giờ, Tượng Thủ bạch Phật:

"Con nay quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng. Xin nhận con là Ưu-bà-tắc trong Chánh pháp. Từ nay đến trọn đời, nguyện không giết, không trộm, không tà dâm, không dối, không uống rượu."

Khi ấy Phạm chí Bố-tra-bà-lâu bạch Phật:

"Con có thể ở trong Phật pháp xuất gia, thọ giới Cụ túc được không?"

Phật nói với Phạm chí:

"Nếu có người dị học muốn được xuất gia thọ giới trong Pháp của Ta, trước hết phải cần bốn tháng quán sát, làm hài lòng đại chúng, sau đó mới được xuất gia thọ giới. Tuy có quy định như vậy, nhưng cũng còn nhận xét tùy người."

Phạm chí bạch Phật:

---

65. Bản Hán, khi nói là Bất dụng xứ, khi nói là Vô sở hữu xứ, không dùng một từ chuẩn.

"Nếu có các người dị học muốn được xuất gia thọ giới trong Phật Pháp, trước hết phải cần bốn tháng quán sát, làm hài lòng đại chúng, sau đó mới được xuất gia thọ giới. Như con nay, có thể ở trong Phật pháp qua bốn tháng quan sát, khi đại chúng hài lòng, con mới xin xuất gia thọ giới Cụ túc."

Phật nói với Phạm chí:

"Ta đã có nói với ngươi trước rồi. Tuy có quy định như vậy, nhưng cũng còn nhận xét tùy người."

Bấy giờ Phạm chí liền được xuất gia thọ giới Cụ túc ở trong Chánh pháp. Như vậy không bao lâu, do tín tâm kiên cố, tịnh tu phạm hạnh, ở ngay trong đời này mà tự thân tác chứng, sanh tử đã dứt, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sinh nữa; tức thành A-la-hán.

Bấy giờ, Bố-tra-bà-lâu sau khi nghe những điều Phật dạy hoan hỷ phụng hành.

❑

29. KINH LỘ-GIÀ[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở Câu-tát-la[2], cùng với chúng Đại Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi người[3], du hành nhân gian, đi đến thôn Bà-la-môn Bà-la-bà-đề[4], dừng nghỉ ở phía Bắc khu rừng Thi-xá-bà[5].

Khi ấy, có Bà-la-môn tên là Lộ-già[6] trú ở trong rừng Bà-la[7]. Thôn ấy giàu có, an vui, nhân dân đông đúc. Vua Ba-tư-nặc phong thôn này cho Bà-la-môn để làm phạm phần. Vị Bà-la-môn này, bảy đời cha mẹ trở lại đây chân chánh, không bị người khác khinh chê, phúng tụng thông suốt ba bộ dị điển, có khả năng phân biệt hết các loại kinh sách, lại giỏi về tướng pháp đại nhân bói xem kiết hung, nghi lễ tế tự, nghe Sa-môn Cù-đàm là con dòng họ Thích xuất gia thành đạo đang ở nước Câu-tát-la, du hành nhân gian, đến lại rừng Thi-xá-bà, có đại danh xưng lưu truyền thiên hạ, là Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác,... đầy đủ mười hiệu, ở trong chúng chư Thiên, Người đời, Ma hoặc Ma thiên, Sa-môn, Bà-la-môn, tự thân tác chứng, rồi thuyết pháp cho người khác; pháp ấy có khoảng đầu khoảng giữa, khoảng cuối đều thiện, nghĩa vị đầy đủ, phạm hạnh thanh tịnh. "Với vị Chân nhân như vậy, nên đến thăm hỏi. Nay ta phải đến để tương kiến".

Khi ấy, Bà-la-môn liền ra khỏi thôn, đến rừng Thi-xá-bà, tới chỗ

---

1. Bản Hán, Phật thuyết *Trường A-hàm kinh*, "Đệ tam phần Lộ-già kinh Đệ thập". Tương đương Pāli, D.12, Dig i. 12, Lohicca-sutta.
2. Xem kinh 20 "A-ma-trú".
3. Pāli, D.12: năm trăm người.
4. Bà (Tống-Minh: sa)-la-bà-đề 婆 (娑) 羅 婆 提; Pāli: Sālavatika.
5. Xem kinh số 23 "Cứu-la-đàn-đầu". Bản Pāli không có chi tiết địa điểm này.
6. Lộ-già 露 遮; Pāli: Lohicca.
7. Bà-la, xem cht. 4.

Thế Tôn, thăm hỏi rồi, ngồi một bên. Phật vì ông thuyết pháp, chỉ dạy, làm cho lợi ích, hoan hỷ. Bà-la-môn nghe pháp rồi, bạch Phật: "Cúi xin Thế Tôn và chư đại chúng ngày mai nhận lời thỉnh mời của con!" Bấy giờ, Thế Tôn im lặng thọ thỉnh.[8]

Bà-la-môn kia thấy Phật im lặng, biết là đã chấp thuận, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, vòng quanh Phật rồi lui. Đi cách Phật không xa, bèn khởi ác kiến: "Các Sa-môn, Bà-la-môn biết nhiều thiện pháp[9], chứng đắc thành tựu nhiều thiện pháp. Nhưng không nên nói cho người khác, mà chỉ nên tự biết an nghỉ[10]. Chẳng khác nào một người đã phá ngục cũ rồi, lại tạo ngục mới[11]. Đó chỉ là pháp tham, ác bất thiện".

Khi ấy, Bà-la-môn về đến rừng Bà-la rồi, ngay trong đêm ấy bày biện đủ loại thức ăn thức uống ngon lành. Đến giờ, bảo người thợ cạo[12]:

"Ngươi mang lời ta đến rừng Thi-xá-bà bạch với Sa-môn Cù-đàm: 'Ngày giờ đã đến, nên biết đúng thời[13].'"

Người thợ hớt tóc vâng lời ra đi, đến chỗ Phật, lạy chân Thế Tôn, bạch: "Thời giờ đã đến, nên biết đúng thời".

Bấy giờ, Thế Tôn liền khoác y mang bát, cùng các đệ tử, một ngàn hai trăm năm mươi người, đến rừng Bà-la.

Người thợ cạo theo hầu Thế Tôn, để trần vai phải, quỳ thẳng chắp tay bạch Phật:

---

8. Trong bản Pāli, Lohicca không thân hành thỉnh Phật, mà sai người thợ cạo thỉnh, sau đó lại sai đi báo tin đã đến giờ ăn.

9. Đa tri thiện pháp 多知善法; Pāli: kusalaṃ dhammaṃ adhigantvā, sau khi chứng đắc pháp thiện.

10. Pāli, Dig i. 12, tr.191: (…) na parassa āroceyya-Kiñhi paro parassa karissati, không nên giảng nói cho người khác; vì có ai làm được gì cho ai? Trong bản Pāli, đây là chủ trương của Lohicca trước khi gặp Phật. Quan điểm này sau đó được người thợ cạo thuật lại với Phật.

11. Pāli, sđd.: seyyāthāpi nāma purāṇaṃ bandhanaṃ chinditvā aññaṃ bandhanaṃ kareyya, cũng như đã bứt sợi dây trói cũ rồi, lại tạo ra sợi dây trói mới.

12. Thế đầu sư 剃頭師; Pāli, bản Deva: Rosikaṃ Nahàpitaṃ, bản Ro: Bhesikaṃ nahāpitaṃ, người thợ hớt tóc tên Rosika (hay Bhesika).

13. Cũng trong bản Hán, những nơi khác thường dịch là: duy Thánh tri thời 唯聖知時; Pāli: kālo bhante niṭṭhitaṃ bhattaṃ.

"Bà-la-môn Lộ-già kia khi đi cách Phật chưa xa, khởi sanh ác kiến rằng: 'Có các Sa-môn, Bà-la-môn biết nhiều thiện pháp, chứng đắc nhiều điều, nhưng không nên nói cho người khác, mà chỉ tự mình biết an nghỉ. Cũng như một người phá ngục cũ, rồi lại tạo ngục mới. Đó chỉ là pháp tham, ác bất thiện.' Cúi xin Thế Tôn trừ ác kiến ấy!"

Phật bảo người thợ cạo:

"Đây là việc nhỏ, dễ khai hóa thôi."

Bấy giờ, Thế Tôn đến nhà Bà-la-môn, ngồi lên chỗ ngồi dọn sẵn. Khi ấy, Bà-la-môn với đủ các loại ngon ngọt, tự tay phục dịch, cúng Phật và Tăng. Ăn xong, cất bát và sau khi dùng nước rửa, bắc một cái gường nhỏ ngồi trước Phật. Phật bảo Lộ-già:

"Hôm qua, ngươi đi cách Ta chẳng xa, phát sanh ác kiến rằng: 'Các Sa-môn, Bà-la-môn biết nhiều thiện pháp, chứng đắc nhiều điều, nhưng không nên nói cho người khác,... cho đến, chỉ là pháp tham, ác bất thiện.' Có thật nói như vậy chăng?"

Lộ-già đáp:

"Vâng! Thật có việc đó."

Phật bảo Lộ-già:

"Ngươi chớ sanh ác kiến như thế nữa. Vì sao? Đời có ba hạng thầy có thể để tự răn dạy. Những gì là ba?

"Hạng thầy thứ nhất, cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia tu đạo, để rồi ngay trong đời này mà có thể trừ các phiền não, lại có thể tăng trưởng được pháp thượng nhân; nhưng vị ấy ở trong đời này mà không thể trừ các phiền não, không chứng đắc pháp thượng nhân; đạo nghiệp của mình chưa thành mà lại thuyết pháp cho đệ tử. Các đệ tử ấy không cung kính phụng thờ, nhưng lại chỉ nương tựa, cùng sống chung với nhau. Này Lộ-già! Các đệ tử ấy nói với thầy rằng: 'Nay thầy cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia tu đạo, ở trong đời này đã có thể trừ được các phiền não, được pháp thượng nhân; nhưng nay ở trong đời này mà không thể trừ các phiền não, không chứng đắc pháp thượng nhân; đạo nghiệp của mình chưa thành tựu mà lại nói pháp cho đệ tử, khiến các đệ tử chẳng cung kính, thờ phụng, cúng dường, mà chỉ cùng sống chung, nương tựa nhau mà thôi.'"

Phật nói :

"Này Lộ-già, cũng như có người đã phá bỏ ngục tù cũ, rồi lại xây ngục tù mới. Như thế gọi là pháp tham, ô trược, xấu xa. Đó là hạng

thầy thứ nhất; có thể lấy đó mà tự răn. Đó là giới của Hiền thánh, luật giới, nghi giới, thời giới[14].”

Phật lại nói với Lộ-già:

“Hạng thầy thứ hai, cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia tu đạo, để rồi ngay trong đời này mà có thể trừ các thứ phiền não, lại có thể tăng trưởng được pháp thượng nhân. Nhưng vị ấy ở trong đời này mà không thể trừ các phiền não; tuy có chứng đắc một ít pháp thượng nhân, nhưng đạo nghiệp của mình chưa thành tựu mà lại thuyết pháp cho đệ tử. Các đệ tử ấy không cung kính phụng thờ, nhưng lại chỉ nương tựa, cùng sống chung với nhau mà thôi. Này Lộ-già! Các đệ tử ấy nói với thầy rằng: ‘Thầy nay đã cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia tu đạo, đáng lẽ ở trong đời này đã có thể trừ được các phiền não, được pháp thượng nhân; nay ở trong đời này mà lại không thể trừ các phiền não, tuy đã có chứng đắc một ít pháp thượng nhân, nhưng đạo nghiệp của mình chưa thành tựu, mà lại nói pháp cho đệ tử, khiến các đệ tử chẳng cung kính, thờ phụng, cúng dường, mà chỉ cùng sống chung, nương tựa nhau mà thôi’.”

Phật nói:

“Này Lộ-già! Giống như có người đi theo sau người khác, đưa tay xoa lưng kẻ ấy, đây gọi là pháp tham, ô trược, xấu xa. Đó là hạng thầy thứ hai, có thể lấy đó tự răn dạy. Đó là giới của Hiền thánh, luật giới, nghi giới, thời giới.”

Lại bảo Lộ-già:

“Hạng thầy thứ ba là, cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia tu đạo, ở trong đời này, đáng lẽ có thể trừ phiền não, lại có thể tăng trưởng được pháp thượng nhân; nhưng ở trong đời này lại không thể trừ các thứ phiền não; tuy có chứng đắc một ít pháp thượng nhân, nhưng việc lợi mình chưa thành tựu, mà lại nói pháp cho đệ tử. Các đệ tử ấy không cung kính phụng thờ, mà chỉ là nương tựa, cùng sống chung vậy thôi. Này Lộ-già, các đệ tử kia nói với thầy rằng: ‘Thầy nay đã cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia tu đạo, ở trong đời này đáng lẽ có thể trừ được các thứ phiền não, được ít nhiều pháp

---

14. Hiền thánh giới, luật giới, nghi giới, thời giới 賢聖戒律戒儀戒時戒, ý nghĩa không rõ. Tham chiếu Pāli, sđd.: tr.196: yo ca panevarūpaṃ satthāraṃ codeti sā codanā bhūtā tacchā dhammikā anavajjā, ai chỉ trích vị Đạo sư như vậy, sự chỉ trích ấy chân thật, đúng pháp, không lỗi lầm.

thượng nhân; nhưng nay ở trong đời này đã chẳng thể trừ các phiền não, tuy được ít nhiều pháp thượng nhân, nhưng việc lợi mình chưa thành tựu mà lại nói pháp cho đệ tử. Các đệ tử không cung kính phụng thờ, mà chỉ nương tựa, cùng sống chung thôi'."

Phật nói:

"Lộ-già, cũng như có người bỏ lúa của mình, đi cày ruộng người khác. Đó gọi là pháp tham ô trược, xấu xa. Đó là hạng thầy thứ ba, có thể lấy đó tự răn dạy. Đó là giới của Hiền thánh, luật giới, nghi giới, thời giới.

"Này Lộ-già một Thế Tôn chẳng ở thế gian, chẳng thể khuynh động[15]. Sao gọi là một? Nếu Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác xuất hiện ở đời,... cho đến, chứng đắc ba minh, diệt trừ vô minh, sanh trí tuệ minh, trừ bỏ các tối tăm, phát sanh ánh sáng đại pháp; gọi là lậu tận trí chứng. Vì sao? Vì đây là do tinh cần, chuyên niệm không quên, ưa một mình ở chỗ thanh vắng mà sở đắc. Này Lộ-già, đó là một Đức Thế Tôn chẳng ở thế gian, chẳng thể khuynh động.

"Lộ-già, có bốn quả Sa-môn. Những gì là bốn? Đó là quả Tu-đà-hoàn, quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm, quả A-la-hán.

"Lộ-già, ý ngươi nghĩ sao? Có người nghe pháp, có thể chứng đắc bốn quả Sa-môn này; nếu có người ngăn lại nói: 'Chớ nói pháp cho người này.' Giả sử nghe theo lời ấy thì người nghe pháp có chứng đắc quả chăng?

Đáp: "Không được".

Phật lại hỏi:

"Nếu không chứng đắc quả, nhưng có thể sanh thiên chăng?

Đáp: "Không thể".

Lại hỏi:

"Ngăn người khác nói pháp, khiến người không chứng đắc quả, khiến người chẳng được sanh thiên; đó là thiện tâm chăng? Hay là bất thiện tâm?"

Đáp: "Bất thiện tâm".

Lại hỏi:

"Người có tâm bất thiện, sanh về cõi thiện hay sanh cõi ác?"

---

15. Pāli, sđd. nt.: atthi (…) satthā yo loke nacodanāraho, trong đời, có vị Đạo sư không thể bị chỉ trích.

Đáp: "Sanh cõi ác".

Phật nói:

"Lộ-già, cũng như có người nói với vua Ba-tư-nặc: "Tất cả tài vật thuộc trong lãnh thổ mà Đại vương sở hữu, thảy đều do Đại vương tự mình sử dụng, chớ ban phát cho người khác.' Lộ-già, ý ngươi nghĩ sao, nếu nghe theo lời người kia thì có cắt đứt sự cung cấp cho người khác chăng?"

Đáp: "Sẽ cắt đứt".

Lại hỏi:

"Cắt đứt sự cung cấp cho người là tâm thiện hay là tâm bất thiện?"

Đáp: "Tâm bất thiện".

Lại hỏi:

"Người có tâm bất thiện sẽ sanh vào cõi thiện hay đọa vào đường ác?"

Đáp: "Đọa vào đường ác".

Phật nói:

"Lộ-già, người kia cũng vậy. Có người nghe pháp, có thể chứng đắc bốn quả Sa-môn, nhưng nếu có người nói: 'Chớ nên nói pháp cho nó.' Nếu nghe theo lời nói ấy, thì người kia có thể nghe pháp để chứng đắc quả chăng?"

Đáp: "Không được".

Lại hỏi:

"Nếu không chứng đắc quả, nhưng có được sanh thiên chăng?"

Đáp: "Không được".

Lại hỏi:

"Ngăn người khác nói pháp, khiến người không chứng đắc đạo quả, chẳng được sanh thiên, thì người ấy có tâm thiện, hay là tâm bất thiện?"

Đáp: "Bất thiện".

Lại hỏi:

"Người có tâm bất thiện sẽ sanh cõi thiện chăng? Sẽ đọa vào ác đạo chăng?"

Đáp: "Đọa vào ác đạo".

"Lộ-già, nếu có người nói với ngươi rằng: 'Trong thôn Bà-la-bà-đề này, tất cả những tài vật được phong tặng kia, này ông Lộ-già, hãy nên tự mình dùng, chớ có cấp phát cho người khác. Có tài vật thì nên tự mình dùng, sao lại cấp phát cho người? Ý ngươi nghĩ sao, Lộ-già, nếu nghe lời khuyên của người ấy, có phải là cắt đứt sự cung cấp cho các người khác chăng?"

Đáp: "Sẽ cắt đứt".

Lại hỏi:

"Khiến người cắt đứt sự cung cấp cho người khác là tâm thiện hay tâm bất thiện?"

Đáp: "Bất thiện".

Lại hỏi:

"Người có tâm bất thiện được sanh cõi thiện hay đọa đường ác?"

Đáp rằng: "Đọa đường ác".

Phật nói:

"Lộ-già, người kia cũng vậy. Có người nghe pháp, đáng lẽ chứng đắc bốn quả Sa-môn. Nhưng nếu có người nói: 'Chớ có nói.' Nếu nghe lời ấy, thì người kia có thể nghe pháp, chứng đắc quả chăng?"

Đáp: "Không thể".

Lại hỏi:

"Nếu không đắc quả, nhưng có được sanh thiên chăng?"

Đáp: "Không được".

Lại hỏi:

"Ngăn người khác nói pháp, khiến người không đắc quả, không được sanh thiên, là tâm thiện hay tâm bất thiện?"

Đáp: "Bất thiện".

Lại hỏi:

"Người có tâm bất thiện sanh cõi thiện hay đọa ác đạo?"

Đáp: "Đọa ác đạo".

Bấy giờ, Bà-la-môn Lộ-già bạch Phật:

"Con quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng. Xin nhận con ở trong Chánh pháp làm Ưu-bà-tắc! Từ nay về sau, trọn đời, không giết, không

trộm, không tà dâm, không dối, không uống rượu."

Phật nói pháp này rồi, Bà-la-môn Lộ-già nghe những điều Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

❑

30. KINH THẾ KÝ[1]

Phẩm 1: CHÂU DIÊM-PHÙ-ĐỀ

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong hang Câu-lỵ[2], rừng Kỳ thọ, vườn Cấp cô độc, cùng với chúng Đại Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi người.

Bấy giờ, số đông Tỳ-kheo, sau bữa ăn[3], tập trung trên giảng đường cùng bàn luận rằng:

"Chư Hiền! Thật chưa từng có, nay đây trời đất này do đâu mà tan hoại? Do đâu mà hình thành? Quốc độ mà chúng sanh ở là như thế nào?"

Khi ấy, Thế Tôn ở chỗ thanh vắng, bằng thiên nhĩ nghe suốt, nghe các Tỳ-kheo, sau bữa ăn, tập trung tại giảng đường, bàn luận như thế. Rồi thì, Thế Tôn rời tĩnh thất, đi đến giảng đường và ngồi xuống. Tuy đã biết nhưng Thế Tôn vẫn hỏi các Tỳ-kheo:

"Vừa rồi các thầy đang bàn luận về vấn đề gì?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Sau bữa ăn, chúng con tập trung tại pháp giảng đường bàn luận rằng: 'Chư Hiền! Thật chưa từng có, nay đây trời đất này do đâu mà tan hoại? do đâu mà hình thành? Quốc độ mà chúng sanh ở là như thế

---

1. Bản Hán: *Phật Thuyết Trường A-hàm kinh,* quyển 18, "Đệ tứ phần Thế Ký kinh Diêm-phù-đề phẩm Đệ nhất" không có Pāli tương đương.

2. Câu-lợi (lỵ) khốt 俱利窟, tên một am cốc trong vườn Cấp cô độc; kinh số 1 "Đại Bản" dịch là Hoa lâm khốt 華林窟; Pāli: Kareri-kuṭikā. Trong bản Hán, Kuṭikā, am cốc nhỏ, được hiểu là hang động (Pāli: guhā, Skt.: guhya)

3. Thực hậu 食後; Pāli: pacchā-bhattaṃ. Xem cht. 3 kinh số 1 "Đại Bản".

nào?' Chúng con tập trung tại giảng đường bàn luận vấn đề như thế."

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Lành thay! Lành thay! Phàm người xuất gia nên hành hai pháp: một là sự im lặng của Hiền thánh, hai là giảng luận pháp ngữ. Các thầy tập trung tại giảng đường cũng nên hành sự im lặng của Hiền thánh hoặc giảng luận Chánh pháp. Này các Tỳ-kheo! Các thầy muốn nghe Như Lai nói về việc trời đất thành, hoại và quốc độ mà chúng sanh ở chăng?"

Khi ấy, các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Kính vâng, bạch Thế Tôn! Nay thật là phải thời. Chúng con mong ước được nghe. Thế Tôn nói xong, chúng con sẽ phụng trì!"

Phật nói:

"Này các Tỳ-kheo! Hãy lắng nghe! Hãy lắng nghe! Hãy suy nghĩ chính chắn. Ta sẽ nói cho các thầy nghe."

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Như trong chỗ mà một mặt trời, mặt trăng vận hành khắp bốn thiên hạ[4], tỏa ánh sáng chiếu; có một ngàn thế giới như vậy. Trong ngàn thế giới có một ngàn mặt trời, mặt trăng; có một ngàn núi chúa Tu-di[5]; có bốn ngàn thiên hạ, bốn ngàn đại thiên hạ, bốn ngàn biển, bốn ngàn biển lớn, bốn ngàn rồng, bốn ngàn rồng lớn, bốn ngàn chim cánh vàng[6], bốn ngàn chim cánh vàng lớn, bốn ngàn đường ác[7], bốn ngàn đường ác lớn, bốn ngàn vị vua, bốn ngàn vị vua lớn, bảy ngàn cây lớn, tám ngàn địa ngục lớn[8], mười ngàn núi lớn, ngàn Diêm-la vương[9], ngàn Tứ thiên vương[10], ngàn trời Đao-lợi[11], ngàn trời Diệm-ma[12],

---

4. Tứ thiên hạ, hay tứ châu thiên hạ 四 州 天 下, chỉ bốn đại lục nằm chung quanh núi Tu-di; Pāli: cattaro dīpà; Skt.: catvaro dvīpā.

5. Tu-di sơn vương 須 彌 山 王; Pāli: Sumeru-pabbata-rājā; Skt.: Sumeru-parvata-rājan.

6. Kim-sí điểu 金 翅 鳥; Pāli: garuḍa hay garuḷa; Skt.: garuḍa.

7. Ác đạo 惡 道, chỉ các định hướng tái sinh xấu ở địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh; Pāli: duggata, Skt.: durgata.

8. Trong bản, Đại Nê-lê 大 泥 梨; Pāli: Mahā-niraya hay Mahā-niraka, Skt.: Naraka.

9. Diêm-la vương 閻 羅 王, gọi tắt là Diêm vương, vua địa ngục; Pāli: Yāma.

10. Tứ thiên vương thiên 四 天 王 天, tầng thấp nhất trong sáu tầng trời Dục giới; Pāli: Cātumahārājikā Devā hay Cātummahārājikā Devā, Skt.: Cāturmahārājakāyika.

ngàn trời Đâu-suất[13], ngàn trời Hóa tự tại[14], ngàn trời Tha hóa tự tại[15], ngàn trời Phạm[16]; đó là tiểu thiên thế giới[17]. Như một tiểu thiên thế giới, ngàn tiểu thiên thế giới như thế là một trung thiên thế giới[18]. Như một trung thiên thế giới, một ngàn trung thiên thế giới như vậy là một tam thiên đại thiên thế giới[19]. Phạm vi thế giới thành hoại như thế là nơi chúng sanh cư trú, gọi là một cõi Phật[20].”

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Cõi đất này dày mười sáu vạn tám ngàn do-tuần[21], biên giới vô hạn. Đất nương trên nước. Nước sâu ba ngàn ba mươi do-tuần, biên giới vô hạn. Nước ở trên gió; gió dày sáu ngàn bốn mươi do-tuần, biên giới vô hạn.

“Này các Tỳ-kheo! Nước của biển lớn ấy sâu tám vạn bốn ngàn do-tuần, biên giới vô hạn. Núi chúa Tu-di, phần chìm xuống biển là tám vạn bốn ngàn do-tuần; phần trên mặt nước cao tám vạn bốn ngàn do-tuần; chân núi sát đất, phần lớn là phần đất cứng chắc. Núi ấy thẳng đứng, không có lồi lõm, sanh các loại cây; cây tỏa ra các mùi

---

11. Đao-lợi (lỵ) thiên 忉利天, dòch là Tam thập tam thiên 三十三天, cõi của ba mươi ba vị trời. Tầng thứ hai, Dục giới thiên; Pāli: Tāvatiṃsa.

12. Diệm-ma thiên 焰摩天, taàng thöù ba trong Dục giới; Pāli: Yāmā devā.

13. Đâu-suaát thiên 兜率天, taàng thöù tư trong saùu tầng trời Dục giới; Pāli: Tusitā devā, Skt.: Tuṛita.

14. Hoùa tự tại thiên 化自在天, hay Hoùa lạc thiên 化樂天, taàng thöù 5 trong 6 tầng Dục giới thiên; Pāli: Nimmānaratī devā, Skt.: Nirmāṇarati.

15. Tha hóa tự tại thiên 他化自在天, tầng thứ saùu trong saùu tầng Dục giới thiên; Pāli: Paranimmitavasavattin, Skt.: Paranirmitavaṛavartin. j.

16. Phạm thiên 梵天, Brahma-devā.

17. Tiểu thiên thế giới 小千世界, ngàn thế giới số nhỏ, Skt.: sāhasra cūḍika lokadhātu; Pāli: sahassadhā lokadhātu.

18. Trung thiên thế giới 中千世界; ngàn thế giới số trung, Skt.: dvisāhasra madhyama lokadhātu; dvisahassī majjhimikā lokadhātu hay sahassa majjhimakā lokadhātu.

19. Tam thiên đại thiên thế giới 三千大千世界, ba ngàn thế giới số lớn, Skt.: trisāhasramahāsāhasra lokadhātu; Pāli: ti-sahassī mahāsahassī lokadhātu.

20. Phật-saùt 佛剎, quoác độ Phật, phạm vi mà giaùo phaùp của một vò Phật coù hiệu naêng giaùo hoùa, Skt.: Buddhakṛetra; Pāli: Buddhakhetta.

21. Do-tuần 由旬, đơn vị đo đường dài, Skt. = Pāli: yojana; một yojana = bốn hay tám krosa (câu-lô-xá), khoảng bảy hay tám dặm Anh.

hương, thơm khắp núi rừng, là nơi mà phần nhiều các Hiền thánh, các trời đại thần diệu. Móng chân núi toàn là cát vàng ròng. Bốn phía núi có bốn mô đất rắn doi ra, cao bảy trăm do-tuần, nhiều màu đan xen, được tạo thành bởi bảy báu. Bốn mô đất thoai thoải, uốn cong sát mặt biển.

"Núi chúa Tu-di có đường cấp[22] bằng bảy báu; đường cấp ở dưới núi rộng sáu mươi do-tuần; sát hai bên đường có bảy lớp tường báu, bảy lớp lan can[23], bảy lớp lưới giăng, bảy lớp hàng cây; tường vàng thì cửa bạc, tường bạc thì cửa vàng; tường thủy tinh thì cửa lưu ly, tường lưu ly thì cửa thủy tinh; tường xích châu thì cửa mã não; tường mã não thì cửa xích châu; tường xa cừ thì cửa các báu. Còn lan can thì cây ngang vàng thì cây dọc bạc, cây ngang bạc thì cây dọc vàng; cây ngang thủy tinh thì cây dọc lưu ly, cây ngang lưu ly thì cây dọc thủy tinh; cây ngang xích châu thì cây dọc mã não, cây ngang mã não thì cây dọc xích châu; cây ngang xa cừ thì cây dọc các báu. Trên lan can ấy, có lưới báu. Ở dưới lưới vàng ấy có treo linh bạc. Dưới lưới bạc, treo linh vàng. Dưới lưới lưu ly treo linh thủy tinh. Dưới lưới thủy tinh treo linh lưu ly. Dưới lưới xích châu treo linh mã não. Dưới lưới mã não treo linh xích châu. Dưới lưới xa cừ treo linh các báu. Còn cây vàng thì rễ vàng, nhánh vàng, lá, hoa, quả bạc. Còn cây bạc thì rễ bạc, cành bạc, lá hoa quả vàng. Còn cây thủy tinh thì rễ, nhánh thủy tinh; hoa, lá, lưu ly. Còn cây lưu ly thì rễ, nhánh lưu ly; hoa, lá thủy tinh. Còn cây xích châu thì rễ, nhánh xích châu; hoa, lá mã não. Còn cây mã não thì rễ nhánh mã não; hoa, lá xích châu. Còn cây xa cừ thì rễ, nhánh xa cừ; hoa lá các báu.

"Về bảy lớp tường ấy, tường có bốn cửa; cửa có lan can. Trên bảy lớp tường đều có lầu, gác, đài, quán; bao bọc chung quanh là vườn cảnh, ao tắm, mọc các loài hoa lá báu. Cây báu sắp thành hàng. Hoa quả tốt tươi. Gió hương tỏa bốn phía làm vui lòng người. Chim le le, nhạn, uyên ương, các loại chim kỳ lạ, có hàng ngàn giống loại không kể xiết, cùng hòa âm kêu hót. Lại nữa, đường cấp ở giữa núi chúa Tu-di rộng bốn mươi do-tuần, sát hai bên đường có bảy lớp tường báu, bảy

---

22. *Câu-xá luận*, quyển 11: núi Tô-mê-lô (Skt.: Sumeru) có bốn tầng bậc (Skt.: pariṛaṇḍāś catasro, Hán: tằng cấp 層 級). Đại XXIX, tr.59b.

23. Hán: lan thuẫn 闌 楯, lan can với thanh gỗ ngang để vịn tay gọi là lan; thanh gỗ đứng gọi là thuẫn; Pāli, Skt.: vedikā.

lớp lan can, bảy lớp lưới, bảy lớp hàng cây báu... cho đến vô số các loài chim cùng nhau ca hót, cũng như đường cấp ở dưới núi. Còn đường cấp ở trên rộng hai mươi do-tuần, sát hai bên đường có bảy lớp tường, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới, bảy lớp hàng cây báu... cho đến vô số các loài chim, cùng nhau ca hót, cũng như đường cấp ở giữa."

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Đường cấp ở dưới có quỷ thần tên là Già-lâu-la Túc[24] ở. Đường cấp ở giữa có quỷ thần tên là Trì Man[25] ở. Đường cấp ở trên có quỷ thần tên là Hỷ Lạc[26] ở. Bốn doi đất cao bốn vạn hai ngàn do-tuần. Ở đó có cung điện, chỗ ở của Tứ thiên vương; có bảy hàng thành, bảy hàng lan can, bảy hàng lưới, bảy hàng cây báu, các linh báu... cho đến vô số các loài chim cùng nhau ca hót, cũng lại như thế.

"Trên đảnh núi Tu-di có cung trời Tam thập tam[27], có bảy vòng thành, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới, bảy lớp hàng cây báu... cho đến vô số các loài chim cùng nhau ca hót, cũng lại như thế.

"Vượt lên trời Tam thập tam một do-tuần, lại có cung trời Diệm-ma; qua khỏi cung trời Diệm-ma một do-tuần, lại có cung trời Đâu-suất; qua khỏi cung trời Đâu-suất một do-tuần, lại có cung trời Hóa tự tại; qua khỏi cung trời Hóa tự tại một do-tuần, lại có cung trời Tha hóa tự tại; qua khỏi trời Tha hóa tự tại một do-tuần, lại có cung trời Phạm-gia-di[28].

"Khoảng giữa trời Tha hóa tự tại và trời Phạm-gia-di có cung điện Ma thiên[29], cao rộng sáu ngàn do-tuần, có bảy lớp tường cung, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới, bảy lớp hàng cây... cho đến vô số các loài chim

---

24. Haùn: Già-lâu-la Tuùc 伽樓羅足, nghóa đen: chân của Già-lâu-la. *Câu-xaù luận*, quyển 11: có thần Dược-xoa tên là Kiên Thủ 堅手 (bàn tay cứng), Đại XXIX tr.59c2. *Kośa* iii Kārikā 63-64: có yakṣa tên là Karoṭapāṇi.

25. Trì Man 持鬘; *Kośa*, sđd.: Mālādhara.

26. Hỷ lạc 喜樂; *Kośa,* sđd.: Sadāmatta, Huyền Tráng (*Câu-xá luận.* sđd.): Hằng kiêu 恆憍.

27. Tam thập tam thiên 三十三天, tức Đao-lợi (lỵ) thiên 忉利天; Skt.: Trāyastriṃśa, Pāli: Tāvatiṃsa.

28. Phạm-gia-di 梵加夷, Skt.; Pāli: Brahmakāyika, thường dịch là Phạm chúng thiên 梵眾天, tầng thấp nhất trong ba tầng Sơ thiền.

29. Ma thiên 魔天, trong trời Tha hóa tự tại (Pāli: Paranimmitavasavatta) có một số chư Thiên gọi là Ma thiên (Pāli: devaputta-māra*). Đại Trí Độ,* quyển 56, SA. I. 158 (Dict. Pāli Proper Names).

cùng nhau ca hót cũng lại như thế. Qua khỏi cung trời Phạm-gia-di một do-tuần, lại có cung trời Quang âm[30]; qua khỏi cung trời Quang âm một do-tuần lại có cung trời Biến tịnh[31]; qua khỏi cung trời Biến tịnh một do-tuần, lại có cung trời Quả thật[32]; qua khỏi cung trời Quả thật một do-tuần, lại có cung trời Vô tưởng[33]; qua khỏi cung trời Vô tưởng một do-tuần, lại có cung trời Vô tạo[34]; qua khỏi cung trời Vô tạo một do-tuần, lại có cung trời Vô nhiệt[35]; qua khỏi cung trời Vô nhiệt một do-tuần, lại có cung trời Thiện hiện[36]; qua khỏi cung trời Thiện hiện một do-tuần, lại có cung trời Đại thiện hiện[37]; qua khỏi cung trời Đại thiện hiện một do-tuần, lại có cung trời Sắc cứu cánh[38], qua khỏi trời Sắc cứu cánh, trên có trời Không xứ trí[39], trời Thức xứ trí[40], trời Vô sở hữu xứ trí[41], trời

30. Quang âm thiên 光音天, bản Hán, nơi khác, dịch âm: A-ba-hội 阿波會; tầng thứ ba thuộc Sắc giới Nhị thiền thiên. Huyền Tráng: Cực quang thiên 極光天; Chân Đế: Biến quang thiên 遍光天, Skt.: Ābhāsvarā; Pāli: Ābhassara. Theo ngữ nguyên, bản Hán, Ābhā (ánh sáng) + svara (âm thanh); Huyền Tráng: Abhās (ánh sáng) + vara (hạng nhất); Chân Đế có dạng Skt.: gần với Pāli: Ābhās (ánh sáng) + sara (sự đi).

31. Bieán tònh thiên 遍淨天, taàng thöù ba thuộc Saéc giöùi Tam thieàn thiên, Skt.: Śubhākhtsnà; Pāli: Subhakiṇṇā.

32. Quả thật thiên 果實天. Haùn, Huyền Tráng: Quảng quả thiên 廣果天, tầng thứ ba thuộc Sắc giới Tứ thiền thiên, Skt.: Bhhatphalā; Pāli: Vehapphalā devā.

33. Vô tưởng thiên 無想天, hoặc noùi đủ: Vô tưởng hữu tình thiên 無想有情天, một hạng chư Thiên đặc biệt trong Quảng quả thiên, hay được xếp bên trên Quảng quả thiên; Pāli: Asaññā-sattā devā.

34. Vô tạo thiên 無造天, Huyền Tráng: Vô phiền thiên 無煩天; Pāli: Avihā devā; Skt.: Abhha; taàng thöù tư thuộc Saéc giöùi Tứù thieàn; một trong năm Tịnh cư thiên (Skt.: Śuddhāvāsika; Pāli: Suddhāvāsa).

35. Vô nhiệt thiên 無熱天, tầng thứ tư, Sắc giới Tứ thiền, một trong năm Tịnh cư thiên. Skt.; Pāli: Atapā.

36. Thiện hiện thiên 善現天, tầng thứ sáu Sắc giới Tứ thiền, một trong năm Tịnh cư thiên, Skt.: Sudhśa; Pāli: Sudassī devā.

37. Đại thiện hiện 大善現, Huyền Tráng: Thiện kiến thiên 善見天, tầng thứ bảy Sắc giới Tứ thiền, một trong năm Tịnh cư, Skt.: Sudarśanà; Pāli: Sudassanā.

38. Sắc cứu cánh 色究竟, hoặc Hữu đảnh 有頂, thường phiên âm A-ca-nị-trá thiên 阿迦尼吒天, tầng cao nhất của Sắc giới, Skt.: Akaniṭṭhā; Pāli: Akaniṭṭhā.

39. Không xuù trí thiên 空處智天; Huyeàn Traùng: Hư không vô biên xuù thiên 虛空無邊處天, Skt.: Ākāśanantāyatana; Pāli: Ākāsānañcāyatanūpagā devā.

40. Thức xứ trí thiên 識處智天, Huyền Tráng: Thức vô biên xứ thiên 識無邊處天,

Hữu tưởng vô tưởng xứ trí[42], ngang đây gọi là giới hạn của chúng sanh, thế giới chúng sanh, tất cả chúng sanh sanh, lão, bệnh, tử, thọ ấm, thọ hữu ngang đây, không vượt qua.

Phật bảo các Tỳ-kheo: Phía Bắc núi Tu-di có một thiên hạ tên là Uất-đan-viết[43]. Lãnh thổ vuông vức, ngang rộng một vạn do-tuần; mặt người cũng vuông, giống như hình đất.

"Phía Đông núi Tu-di có một thiên hạ tên là Phất-vu-đãi[44]; lãnh thổ tròn trịa, ngang rộng chín ngàn do-tuần. Mặt người cũng tròn, giống như hình đất.

"Phía Tây núi Tu-di có thiên hạ tên là Câu-da-ni[45], địa hình như nửa mặt trăng, ngang rộng tám ngàn do-tuần; mặt người cũng vậy, giống như hình đất.

"Phía Nam núi Tu-di có thiên hạ tên là Diêm-phù-đề[46], đất đai phía Nam hẹp, phía Bắc rộng, ngang rộng bảy ngàn do-tuần, mặt người cũng vậy, giống như hình đất.

"Mặt Bắc núi Tu-di có ánh sáng được tạo thành do bởi vàng chiếu sáng phương Bắc. Mặt Đông núi Tu-di có ánh sáng tạo thành bởi bạc chiếu sáng phương Đông. Mặt Tây núi Tu-di có ánh sáng tạo thành bởi thủy tinh chiếu sáng phương Tây. Mặt Nam núi Tu-di có ánh sáng tạo thành bởi lưu ly chiếu sáng phương Nam.

"Ở Uất-đan-viết có một đại thọ chúa tên gọi là Am-bà-la[47], vòng thân bảy do-tuần, cao một trăm do-tuần, cành lá tỏa ra bốn phía năm

---

Skt.: Vijñāṇāntāyatana; Pāli: Viññāṇañcāyatanūpagā.

41. Vô sở hữu trí thiên, Huyền Tráng: Vô sở hữu xứ thiên 無所有處天, Skt.: Ākiñcanayayātana; Pāli: Ākiñcaññāyatanūpagā.

42. Hữu tưởng vô tưởng xứ trí, Huyền Tráng: Phi tưởng phi phi tưởng xứ thiên 非想非非想處天; Skt.: Naivasaṃjñāsaṃjñāyatana; Pāli: Nevasaññāsaññāyayanūpagā.

43. Uất-đan-viết (việt) 鬱單曰 (越); Huyền Tráng: Bắc Câu-lô châu 北俱 (拘) 盧州; Skt., Pāli: Uttara-kuru.

44. Phaát-vu-đãi 沸予逮, hoặc Đông-tỳ-đeà-ha 東毗提訶, Huyền Tráng: Đông thaéng thân châu 東勝身州; Skt.: Pūrva-videha, Pāli: Pubba-videha.

45. Câu-da-ni 俱耶尼, hoặc Cù-đà-ni-da 瞿陀尼耶, Huyền Tráng: Tây Ngưu hóa châu 西牛貨州; Skt., Pāli: Godānīya.

46. Diêm-phù-đeà 閻浮提升, Huyền Tráng: Nam Thiệm-bộ châu 南贍部州; Skt.: Jambudvìpa, Pāli: Jambudìpa.

47. Am-bà-la 菴婆羅.

mươi do-tuần. Cõi Phất-vu-đãi có một đại thọ, tên là Gia-lam-phù[48], vòng thân bảy do-tuần, cao một trăm do-tuần, cành lá tỏa ra bốn phía năm mươi do-tuần. Cõi Câu-da-ni có một đại thọ, tên là Cân-đề[49], vòng thân bảy do-tuần, cao một trăm do-tuần, cành lá tỏa ra bốn phía năm mươi do-tuần; dưới cây ấy, có tảng thạch ngưu tràng[50], cao một do-tuần. Cõi Diêm-phù-đề có một đại thọ tên là Diêm-phù[51], vòng thân bảy do-tuần, cao trăm do-tuần, cành lá tỏa ra bốn phía năm mươi do-tuần. Điểu vương cánh vàng và Long vương có cây tên là Câu-lợi-thiểm-bà-la[52], vòng thân bảy do-tuần, cao trăm do-tuần, cành lá tỏa ra bốn phía năm mươi do-tuần. A-tu-la vương có cây tên là Thiện-trú[53], vòng thân bảy do-tuần, cao trăm do-tuần, cành lá tỏa ra bốn phía năm mươi do-tuần. Trời Đao-lợi có cây tên là Trú-độ[54], vòng thân bảy do-tuần, cao trăm do-tuần, cành lá tỏa ra bốn phía năm mươi do-tuần.

"Bên núi Tu-di có núi tên là Già-đà-la[55], cao bốn vạn hai ngàn do-tuần, ngang dọc bốn vạn hai ngàn do-tuần, hai bên rất rộng, nhiều màu đan xen, do bảy báu tạo thành; núi này cách núi Tu-di tám vạn bốn ngàn do-tuần, khoảng giữa mọc toàn hoa Ưu-bát-la, hoa Bát-đầu-ma, hoa Câu-vật-đầu, hoa Phân-đà-lỵ[56], lau, tùng, trúc mọc trong đó, tỏa ra các loại hương, mùi thơm lan khắp. Cách núi Khư-đà-la[57] không xa, có núi tên là Y-sa-đà-la[58], cao hai vạn một ngàn do-tuần, ngang dọc hai vạn một ngàn do-tuần, hai bên rất rộng nhiều màu đan xen, bảy báu tạo

---

48. Gia-lam-phù 加藍浮.

49. Cân-đề 斤提.

50. Thạch ngưu tràng 石牛幢.

51. Diêm-phù 閻浮.

52. Câu-lợi (lỵ)-thiểm-bà-la 俱利睒婆羅.

53. Thiện truù 善晝; Pāli: cittapāṇali?

54. Trú độ (đạc) 晝度, Huyeàn Traùng: viên sanh thọ 園生樹; Skt.: pārijātaka (hoặc pāriyātra); Pāli: pāricchattaka.

55. Già-đà-la 伽陀羅, đoạn dưới nói là Khư-đà-la. Có lẽ nhầm lẫn tự dạng *khư* 佉 với *già* 伽; Huyền Tráng: Du-kiện-đạt-la 踰健達羅; Skt., Pāli: Yugandhara.

56. Ưu-bát-la 優鉢羅, Skt.: Utpala, Pāli: Uppala. Bát-đầu ma 鉢頭摩, Skt.: Padma, Pāli: Paduma. Câu-vật-đầu 拘物頭, Skt.: Kumuda. Phân-đà-lỵ 分陀利, Skt., Pāli: Puṇḍarīka.

57. Khư-đà-la, ở trên nói là Già-đà-la. Có lẽ do lẫn lộn tự dạng. Xem cht. 55.

58. Y-sa-đà-la 伊娑陀羅, Huyền Tráng: Y-sa-đà-la 伊沙馱羅; Skt.: Īṛādhara; Pāli: Īsadhara.

thành; cách núi Khư-đà-la bốn vạn hai ngàn do-tuần, khoảng giữa mọc toàn hoa Ưu-bát-la, hoa Bát-đầu-ma, hoa Câu-vật-đầu, hoa Phân-đà-ly; lau, tùng, trúc mọc trong đó, tỏa ra các loại hương, mùi thơm lan khắp. Cách núi Y-sa-đà-la không xa, có núi tên là Thọ-cự-đà-la[59], cao một vạn hai ngàn do-tuần, ngang dọc một vạn hai ngàn do-tuần, hai bên rất rộng, nhiều màu đan xen, bảy báu tạo thành; cách núi Y-sa-đà-la hai vạn một ngàn do-tuần, khoảng giữa mọc thuần bốn loài hoa tạp; lau, tùng, trúc cũng mọc trong đó, tỏa ra các loại hương, mùi thơm lan khắp. Cách núi Thọ-cự-đà-la không xa, có núi tên là Thiện kiến[60], cao sáu ngàn do-tuần, ngang dọc sáu ngàn do-tuần, hai bên rất rộng, nhiều màu đan xen, bảy báu tạo thành, cách núi Thọ-cự-đà-la một vạn hai ngàn do-tuần, khoảng giữa mọc toàn bốn loại tạp hoa; lau, tùng, trúc cũng mọc trong đó, tỏa ra các loại hương, mùi hương xông khắp.

"Cách núi Thiện kiến không xa, có núi tên là Mã thực[61], cao ba ngàn do-tuần, ngang dọc ba ngàn do-tuần, hai bên rất rộng, nhiều màu đan xen, bảy báu tạo thành; cách núi Thiện kiến sáu ngàn do-tuần, ở khoảng giữa mọc toàn bốn loại tạp hoa; lau, tùng, trúc cũng mọc trong đó, tỏa ra các loại hương, mùi thơm lan khắp. Cách núi Mã thực không xa, có núi tên là Ni-dân-đà-la[62], cao một ngàn hai trăm do-tuần, ngang dọc một ngàn hai trăm do-tuần, bảy báu tạo thành; cách núi Mã thực ba ngàn do-tuần, ở khoảng giữa mọc toàn bốn loại tạp hoa; lau, tùng, trúc cũng mọc trong đó, tỏa ra các loại hương, mùi thơm lan khắp. Cách núi Ni-dân-đà-la không xa, có núi tên là Điều phục[63], cao sáu trăm do-tuần, ngang dọc sáu trăm do-tuần, hai bên rất rộng, nhiều màu đan xen, bảy báu tạo thành; cách núi Ni-dân-đà-la một ngàn hai trăm do-tuần, khoảng giữa mọc toàn bốn loại tạp hoa; lau, tùng, trúc cũng mọc trong đó, tỏa ra các loại hương, mùi thơm lan khắp. Cách núi Điều phục

---

59. Thọ-cự-đà-la 樹 巨 陀 羅, Huyền Tráng: Kiết-địa-lạc-ca 羯 地 洛 迦, Skt.: Khadiraka, Pāli: Karavīka.

60. Thiện kiến 善 見; Huyền Tráng: Tô-đạt-lê-xá-na 蘇 達 梨 舍 那, Skt.: Sudarśana; Pāli: Sudassana.

61. Mã thực 馬 食; Huyeàn Traùng: A-thaáp-phược-kiết-noa 阿 濕 縛 羯 駄. Skt.: Aśvakarṇa, Assakaṇṇa.

62. Ni-dân-đà-la 尼 民 陀 羅; Huyền Tráng: Ni-dân-đạt-la 尼 民 達 羅, Skt.: Nimindhara; Pāli: Nemindhara.

63. Điều phục 調 伏; Huyền Tráng: Tỳ-na-đát-ca 毗 那 怛 迦; Skt., Pāli: Vinataka.

không xa, có núi tên là Kim cang vi[64], cao ba trăm do-tuần, ngang dọc ba trăm do-tuần; hai bên rất rộng, nhiều màu đan xen, bảy báu tạo thành; cách núi Điều phục sáu trăm do-tuần, khoảng giữa mọc toàn bốn loại tạp hoa; lau, tùng, trúc cũng mọc trong đó, tỏa ra các loại hương mùi thơm lan khắp.

"Cách núi Đại kim cang[65] không xa, có biển lớn, bờ phía Bắc của biển lớn có cây đại thọ vương tên là Diêm-phù[66], vòng thân bảy do-tuần, cao một trăm do-tuần, cành lá tỏa ra bốn phía năm mươi do-tuần, khoảng đất trống hai bên lại có khu rừng tên là Am-bà-la[67], ngang dọc năm mươi do-tuần; lại có khu rừng tên là Diêm-bà[68], ngang dọc năm mươi do-tuần; lại có khu rừng tên là Sa-la[69], ngang dọc năm mươi do-tuần; lại có khu rừng tên là Đa-la[70], ngang dọc năm mươi do-tuần; lại có khu rừng tên là Na-đa-la[71], ngang dọc năm mươi do-tuần; lại có khu rừng tên là Nam[72], ngang dọc năm mươi do-tuần; lại có khu rừng tên là Nữ[73], ngang dọc năm mươi do-tuần; lại có khu rừng tên là Tán-na[74], ngang dọc năm mươi do-tuần; lại có khu rừng tên là Chiên-đàn[75], ngang dọc năm mươi do-tuần; lại có khu rừng tên là Khư-châu-la[76], ngang dọc năm mươi do-tuần; lại có khu rừng tên là Ba-nại-bà-la[77], ngang dọc năm mươi do-tuần; lại có khu rừng tên là Tỳ-la[78], ngang dọc năm mươi do-

64. Kim cang vi 金剛圍, đoạn dưới ghi là Đại kim cang. Huyền Tráng: Thiết luân vi 鐵輪圍, Skt.: Cakravāḍa, Pāli: Cakkavāḷa.

65. Đoạn trên noùi là Kim cang vi. Xem cht. 64.

66. Đại thọ vương Diêm-phù 大樹王閻浮, Huyền Tráng: Thiệm-bộ lâm thọ 贍部林樹; Skt., Pāli: Jambu.

67. Am-bà-la-lâm 菴婆羅林.

68. Diêm-bà 閻婆.

69. Sa-la 娑羅, các bản khác: Bà-la 婆羅.

70. Đa-la 多羅.

71. Na-đa-la 那多羅.

72. Nam 男.

73. Nữ 女.

74. Tán-na 散那.

75. Chiên-đàn 旃檀.

76. Khư-châu-la 佉詶羅.

77. Ba-nại-bà-la 波奈婆羅.

78. Tỳ-la 毗羅.

tuần; lại có khu rừng tên là Hương nại[79], ngang dọc năm mươi do-tuần; lại có khu rừng tên là Lê[80], ngang dọc năm mươi do-tuần; lại có khu rừng tên là An-thạch-lưu[81], ngang dọc năm mươi do-tuần; lại có khu rừng tên là Cam[82], ngang dọc năm mươi do-tuần; lại có khu rừng tên là Ha-lê-lặc[83], ngang dọc năm mươi do-tuần; lại có khu rừng tên là Tỳ-hê-lặc[84], ngang dọc năm mươi do-tuần; lại có khu rừng tên là A-ma-lặc[85], ngang dọc năm mươi do-tuần; lại có khu rừng tên là A-ma-lê[86], ngang dọc năm mươi do-tuần; lại có khu rừng tên là Nại[87], ngang dọc năm mươi do-tuần; lại có khu rừng tên là Cam-giá[88], ngang dọc năm mươi do-tuần; lại có khu rừng tên là Vi[89], ngang dọc năm mươi do-tuần; lại có khu rừng tên là Trúc[90], ngang dọc năm mươi do-tuần; lại có khu rừng tên là Xá-la[91], ngang dọc năm mươi do-tuần; lại có khu rừng tên là Xá-la-nghiệp[92], ngang dọc năm mươi do-tuần; lại có khu rừng tên là Mộc qua[93], ngang dọc năm mươi do-tuần; lại có khu rừng tên Đại mộc qua[94], ngang dọc năm mươi do-tuần; lại có khu rừng tên là Giải thoát hoa[95], ngang dọc năm mươi do-tuần; lại có khu rừng tên là Chiêm-bà[96], ngang dọc năm mươi do-tuần; lại có khu rừng tên là Bà-la-la[97], ngang dọc năm

79. Hương nại 香 奈.
80. Lê 梨.
81. An-thạch-lưu 安 石 留.
82. Cam 甘.
83. Ha-lê-lặc 呵 梨 勒.
84. Tỳ-hê-lặc 毗 醯 勒.
85. A-ma-lặc 阿 摩 勒.
86. Am-ma-lê 阿 摩 犁.
87. Nại 奈.
88. Cam-giá 甘 蔗.
89. Vi 葦.
90. Trúc 竹.
91. Xá-la 舍 羅.
92. Xá-la-nghiệp 舍 羅 業.
93. Mộc qua 木 瓜.
94. Đại mộc qua 大 木 瓜.
95. Giải thoát hoa 解 脫 花.
96. Chiêm-bà 瞻 婆.
97. Bà-la-la 婆 羅 羅.

mươi do-tuần; lại có khu rừng tên là Tu-ma-na[98], ngang dọc năm mươi do-tuần; lại có khu rừng tên là Bà-sư[99], ngang dọc năm mươi do-tuần; lại có khu rừng tên Đa-la-lê[100], ngang dọc năm mươi do-tuần; lại có khu rừng tên là Già-da[101], ngang dọc năm mươi do-tuần; lại có khu rừng tên là Bồ-đào[102], ngang dọc năm mươi do-tuần.

"Qua khỏi đó thì đất trống. Trong khoảng đất trống ấy lại có ao hoa, ngang dọc năm mươi do-tuần. Lại có ao hoa Bát-đầu-ma, ao hoa Câu-vật-đầu, ao hoa Phân-đà-lỵ; rắn độc đầy trong đó. Mỗi ao ngang dọc năm mươi do-tuần.

"Qua khỏi đó, đất trống. Trong khoảng đất trống ấy có biển lớn tên là Uất-thiền-na[103]. Dưới biển này có con đường của Chuyển luân thánh vương, rộng mười hai do-tuần; sát hai bên đường có bảy lớp tường, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới, bảy lớp hàng cây. Các trang hoàng chung quanh đều do bảy báu tạo thành. Khi Chuyển luân thánh vương ra đời trên cõi Diêm-phù-đề thì nước tự nhiên rút đi, đường ấy hiện ra.

"Cách biển không xa, có núi tên là Kim bích[104]. Trong núi có tám vạn cái hang. Tám vạn tượng vương sống ở trong hang ấy. Thân chúng thuần trắng; đầu có nhiều màu; miệng có sáu ngà, giữa các răng có trám vàng.

"Qua khỏi núi Kim bích rồi, có núi tên là Tuyết sơn[105], ngang dọc năm trăm do-tuần, sâu năm trăm do-tuần, phía Đông và Tây nhập vào biển. Ở giữa núi Tuyết có núi báu, cao hai mươi do-tuần.

"Doi đất núi Tuyết trồi lên một trăm do-tuần, trên đảnh núi ấy có ao A-nậu-đạt[106], ngang dọc năm mươi do-tuần; nước ao trong mát, lóng sạch không cáu bẩn; có bảy bậc bờ thềm, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới giăng, bảy lớp hàng cây, nhiều loại màu sắc khác lạ, do bảy

---

98. Tu-ma-na 修摩那.

99. Bà-sư 婆師.

100. Đa-la-lê 多羅梨.

101. Già-da 伽耶.

102. Bồ-đào 莆萄.

103. Uất-thiền-na 鬱禪那.

104. Kim bích 金壁.

105. Tuyết sơn 雪山; Skt.: Himavat; Pāli: Himavā hay Himavanta, tức Himalaya.

106. A-nậu-đạt 阿耨達; Huyền Trang: Vô nhiệt trì 無熱池, Skt.: Anavatapta; Pāli: Anotatta.

báu tạo thành. Lan can thì trụ vàng, tay nắm bạc; trụ bạc, tay nắm vàng; trụ lưu ly, tay nắm thủy tinh; trụ thủy tinh, tay nắm lưu ly; trụ xích châu, tay nắm mã não; trụ mã não, tay nắm xích châu; trụ xa cừ, tay nắm bằng các báu. Lưới vàng, linh bạc; lưới bạc, linh vàng; lưới lưu ly, linh thủy tinh; lưới thủy tinh, linh lưu ly; lưới xa cừ, linh bằng bảy báu. Cây Đa-la[107] vàng, gốc vàng, nhánh vàng, lá bạc, quả bạc; cây Đa-la bạc, gốc bạc, nhánh bạc, lá vàng, quả vàng; cây thủy tinh, gốc, nhánh thủy tinh, hoa, quả lưu ly; cây xích châu, gốc, nhánh xích châu, lá mã não, hoa, quả mã não; cây xa cừ, gốc, nhánh xa cừ, hoa, quả bằng các báu. Bên cạnh ao A-nậu-đạt có vườn cảnh, ao tắm, các hoa tích tụ, các loại cây lá hoa quả đều tốt tươi; các loại hương thơm, lan tỏa bốn phương, các loài chim lạ cùng cất tiếng hót họa nhau buồn bã. Dưới đáy ao A-nậu-đạt cát vàng đầy ắp, bốn phía ao đều có thềm bậc; bậc vàng, thềm bạc, bậc bạc, thềm vàng; bậc lưu ly, thềm thủy tinh, bậc thủy tinh, thềm lưu ly; bậc xích châu, thềm mã não, bậc mã não, thềm xích châu; bậc xa cừ, thềm bằng các báu, bao bọc chung quanh đều có lan can, có bốn loài hoa: xanh, vàng, đỏ, trắng nhiều màu đan xen; hoa như bánh xe, rễ như ổ trục xe; rễ hoa ra nhựa màu trắng như sữa, vị ngọt như mật. Phía Đông ao A-nậu-đạt có sông Hằng-già[108], từ miệng trâu chảy ra, dẫn theo năm trăm con sông, chảy vào biển Đông. Phía Nam ao A-nậu-đạt, có sông Tân-đầu[109], từ miệng sư tử chảy ra, dẫn theo năm trăm dòng sông chảy vào biển Nam. Phía Tây ao A-nậu-đạt có sông Bà-xoa[110], từ miệng ngựa chảy ra, dẫn theo năm trăm dòng sông nhập vào biển Tây. Phía Bắc ao A-nậu đạt có sông Tư-đà[111], từ miệng voi chảy ra, dẫn theo năm trăm dòng sông chảy vào biển Bắc. Trong cung A-nậu-đạt có nhà năm cột, Long vương A-nậu-đạt[112] thường ở trong đó."

Phật nói:

"Vì sao gọi là A-nậu-đạt? A-nậu-đạt nghĩa là gì? Các Long vương ở Diêm-phù-đề này có đủ ba hoạn nạn, chỉ có A-nậu-đạt không

---

107. Đa-la thọ 多羅樹.

108. Hằng-già 恆伽; Huyền Tráng: Căng-già 殑伽, Skt.: Gaṅgā.

109. Tân-đầu 新頭; Huyền Tráng: Tín-độ 信度, Skt.: Sindhu.

110. Bà-xoa 婆叉; Huyền Tráng: Phược-sô 縛芻, Skt.: Vakṣu.

111. Tư-đà 斯陀; Huyền Tráng: Tỉ-đa 徙多; Sītā.

112. A-nậu-đạt Long vương 阿耨達龍王.

có ba hoạn nạn. Những gì là ba? Một là, toàn thể Long vương ở Diêm-phù-đề đều bị gió nóng, cát nóng chạm vào thân, thiêu đốt da thịt và thiêu đốt xương tủy làm cho khổ não; chỉ có Long vương A-nậu-đạt không có hoạn này. Hai là, toàn thể long cung ở Diêm-phù-đề bị gió dữ thổi mạnh, thổi vào trong cung, làm mất y báu phục sức, thân rồng lộ ra, làm cho khổ não; chỉ có Long vương A-nậu-đạt không có hoạn nạn như thế. Ba là toàn thể Long vương ở Diêm-phù-đề, khi ở trong cung vui chơi đều bị chim lớn cánh vàng bay vào cung dắt đi, hoặc mới nghĩ cách muốn bắt rồng để ăn thịt; các rồng sợ hãi, thường ôm lòng lo sầu; chỉ có Long vương A-nậu-đạt không bị hoạn này; nếu chim cánh vàng khởi niệm muốn ở thì liền mạng chung, cho nên gọi là A-nậu-đạt."

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Bên phải núi Tuyết có thành tên là Tỳ-xá-ly[113], phía Bắc của thành ấy có bảy núi đen[114]. Phía Bắc của bảy núi đen có núi Hương[115], núi ấy thường có tiếng âm nhạc, ca xướng, kỹ nhạc. Núi có hai hang[116], một hang tên là Trú[117], hang thứ hai tên là Thiện trụ[118], do bảy báu trời tạo thành, mềm mại thơm sạch, giống như áo trời. Diệu âm Càn-thát-bà[119] vương cùng năm trăm Càn-thát-bà ở trong hang Trú đó. Phía Bắc hang Thiện trú có cây đại thọ vương Ta-la, tên là Thiện trụ[120], có bốn ngàn thọ vương vây quanh bốn phía. Dưới Thiện trụ thọ vương có tượng vương, cũng tên là Thiện trụ[121], ở dưới cây này, thân thể toàn trắng, bảy chỗ đầy đặn[122], có thể bay đi; đầu nó màu đỏ, lông có nhiều màu; sáu ngà đều thon, giữa được trám vàng, có tám ngàn voi vây quanh tùy

---

113. Tỳ-xá-li 毗舍離; Skt.: Vaiśāli; Pāli: Vesāli.

114. Hắc sơn 黑山, Skt.: Kīṭādri, núi con kiến; Chân Đế: Nghị sơn 蟻山.

115. Hương sơn; Huyền Tráng: Hương túy sơn 香醉山, Skt.: Gandhamādana.

116. Truyền thuyết Pāli, trong núi Gandhamādana có ba hang: Suvaṭṭa-gūha (hang vàng), Maṭi-gūha (hang ngọc), Rajata-gūha (hang bạc).

117. Trú 晝 (hang Ban ngày).

118. Thiện trú 善晝.

119. Diệu âm Càn-thát-bà vương 妙音乾闥婆王, thủ lãnh thần âm nhạc.

120. Thiện trụ Ta-la thọ vương 善住娑羅樹王.

121. Thiện trụ tượng vương 善住象王.

122. Thất xứ bình trụ 七處平住. Bảy chỗ: lòng hai bàn chân, hai bàn tay, hai vai và chỏm đầu.

tùng. Dưới tám ngàn thọ vương ấy, có tám ngàn voi, cũng lại như thế.

"Phía Bắc thọ vương Thiện trụ có ao tắm lớn, tên là Ma-đà-diên[123]; ngang dọc năm mươi do-tuần; có tám ngàn ao tắm bao bọc chung quanh, nước ao trong mát, không có cáu bẩn, được bao quanh các bờ lũy đắp bằng bảy báu. Ao có bảy lớp lan can, bảy lớp lưới, bảy lớp hàng cây đều do bảy báu tạo thành: tay nắm vàng thì trụ bạc, tay nắm bạc thì trụ vàng; tay nắm thủy tinh thì trụ lưu ly, tay nắm lưu ly thì trụ thủy tinh; tay nắm xích châu thì trụ mã não, tay nắm mã não thì trụ xích châu; tay nắm xa cừ thì trụ bằng các báu; dưới lưới vàng treo linh bạc, dưới lưới bạc treo linh vàng; lưới thủy tinh treo linh lưu ly, lưới lưu ly treo linh thủy tinh; lưới xích châu treo linh mã não, lưới mã não treo linh xích châu; lưới xa cừ treo linh các báu. Cây vàng thì rễ vàng, nhánh vàng, lá hoa quả bạc; cây bạc thì rễ bạc, nhánh bạc, lá hoa quả vàng; cây thủy tinh thì rễ, nhánh thủy tinh, hoa quả lưu ly; cây lưu ly thì rễ, nhánh lưu ly, hoa quả thủy tinh; cây xích châu thì rễ, nhánh xích châu, hoa quả mã não; cây mã não thì rễ, nhánh mã não, hoa quả xích châu; cây xa cừ thì rễ nhánh xa cừ, hoa, quả các báu.

"Lại nữa, dưới đáy ao ấy, cát vàng rải khắp, bọc chung quanh ao có đường thềm cấp bằng bảy báu; thềm vàng cấp bạc, thềm bạc cấp vàng; thềm thủy tinh cấp lưu ly, thềm lưu ly cấp thủy tinh; thềm xích châu, cấp mã não, thềm mã não, cấp xích châu; thềm xa cừ, cấp các báu. Sát hai bên thềm có lan can báu. Lại trong ao ấy, sanh bốn loài hoa: xanh, vàng, đỏ, trắng nhiều màu đan xen; hoa như bánh xe, rễ như ổ trục xe. Rễ hoa ra nhựa màu trắng như sữa, vị ngọt như mật. Vòng quanh bốn phía ao có vườn cảnh, rừng, ao tắm, mọc đủ các loại hoa; cây cối xanh tươi, hoa quả dồi dào, vô số các loài chim cùng nhau ca hót, cũng giống như trước. Tượng vương Thiện trụ khi nghĩ muốn dạo chơi vào ao tắm thì liền nghĩ đến tám ngàn voi khác. Khi ấy tám ngàn voi lại tự nghĩ: "Tượng vương Thiện trụ đang nghĩ đến chúng ta, chúng ta nên đến chỗ tượng vương". Bầy voi liền đi đến đứng trước tượng vương.

"Bấy giờ, tám ngàn voi theo tượng vương Thiện trụ đến ao Ma-đà-diên. Trong bầy voi ấy, có con cầm lọng che tượng vương, có con cầm quạt báu quạt tượng vương; trong đó có con tấu xướng kỹ nhạc đi trước mở đường. Tượng vương Thiện trụ vào ao tắm rửa, tấu xướng kỹ

---

123. Ma-đà-diên 摩陀延.

nhạc, cùng nhau vui chơi; có con rửa vòi cho tượng vương, có con rửa miệng, gội đầu; rửa ngà, rửa tai, rửa bụng, kỳ lưng, rửa đuôi, rửa chân; trong đó có con nhổ gốc hoa rửa sạch dâng voi ăn, có con lấy bốn loại hoa rải trên voi.

"Tượng vương Thiện trụ tắm rửa, ăn uống, cùng nhau vui chơi xong, liền lên bờ, đi đến đứng ở cây Thiện trụ. Tám ngàn con voi, sau đó, mới vào ao tắm rửa, ăn uống, cùng nhau vui chơi, xong rồi trở ra, đến chỗ tượng vương.

"Khi ấy, tượng vương cùng tám ngàn voi tùy tùng sau trước, đến chỗ thọ vương Thiện trụ; trong đó có con cầm lọng che tượng vương; có con cầm quạt quạt tượng vương; trong đó có con tấu xướng kỹ nhạc đi trước mở đường. Khi tượng vương Thiện trụ đến chỗ thọ vương rồi, ngồi nằm đi đứng tùy ý, tám ngàn voi khác ở dưới các cây, tự do ngồi nằm đi đứng tùy ý. Trong rừng cây ấy, có cây chu vi tám tầm, có cây chu vi chín tầm, cho đến mười tầm, mười lăm tầm, chỉ có thọ vương Ta-la của voi chúa Thiện trụ chu vi mười sáu tầm. Khi cành lá của tám ngàn cây Ta-la rơi rụng thì có luồng gió mát thổi bay xa ra ngoài khu rừng. Lại khi tám ngàn voi đại tiểu tiện thì các quỷ Dạ-xoa hốt bỏ ngoài rừng."

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Tượng vương Thiện trụ có đại thần lực, công đức như thế; tuy là loài súc sanh mà hưởng phước như vậy."

Phẩm 2: UẤT-ĐAN-VIẾT

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Cõi Uất-đan-viết có nhiều núi. Bên cạnh các núi ấy, có các vườn cảnh, ao tắm, mọc nhiều loài hoa, cây cối mát mẻ, hoa quả dồi dào, vô số các loài chim cùng nhau hót. Lại trong các núi ấy có nhiều dòng nước; nước ấy xuôi dòng ra biển, không chảy xiết; các loại hoa phủ trên mặt nước, chảy bình lặng êm ả. Sát hai bên bờ, có nhiều cây cối, cành nhánh mềm mại, hoa quả sum suê. Đất mọc cỏ mềm xoay về bên phải, màu như đuôi công[1], mùi thơm như bà-sư[2], mềm như áo trời. Đất ở đó mềm; dùng chân đạp đất, đất lún bốn tấc, dở chân lên, trở lại như cũ, mặt đất bằng như bàn tay, không có cao thấp.

"Này Tỳ-kheo! Cõi Uất-đan-viết kia bốn phía có bốn ao A-nậu-đạt; mỗi ao ngang dọc một trăm do-tuần. Nước ao lắng trong, không có cáu bẩn. Có hào cùng bậc thềm bằng bảy báu chung quanh... cho đến, vô số các loài chim cùng nhau cất tiếng hót buồn bã, giống như sự trang trí của ao Ma-đà-diên không khác. Bốn ao lớn ấy, rộng mười do-tuần, nước sông xuôi dòng ra biển, không có xiết; các loại hoa phủ trên mặt nước, chảy từ từ êm ả. Sát hai bên bờ sông có nhiều cây cối, cành nhánh mềm mại, hoa quả dồi dào. Đất mọc cỏ mềm, xoay về phía phải, màu như đuôi công, hương như bà-sư, mềm mại như áo trời. Đất đó mềm mại, dùng chân đạp đất, đất lún bốn tấc, giở chân lên, trở lại như cũ. Đất bằng như bàn tay, không có cao thấp. Lại đất đai kia không có ngòi rãnh, khe suối, hầm hố, gai góc, gốc cây, cũng không có muỗi mòng, rắn, rết, ong, bò cạp, cọp, beo, thú dữ. Đất thuần châu báu, không có đất cát; âm dương điều độ, bốn mùa thuận hòa, chẳng lạnh chẳng nóng, không có các sự não hoạn. Đất đai thấm ướt, bụi dơ không

---

1. Khổng thúy sắc 孔翠色.

2. Bà-sư, tức Bà-sư-ca 婆師迦; Skt.: Vāsikā, một loại hoa Lài.

dậy, như dầu bôi trên đất, không có bụi bay. Trăm thứ cây cỏ thường mọc, không có mùa Đông rét mướt, mùa Hạ nóng bức. Cây cối tốt tươi; hoa trái xum xuê. Đất mọc cỏ mềm, xoay về phía phải, màu như lông công, hương như bà-sư, mềm như áo trời. Đất ở đó mềm mại; dùng chân đạp đất, đất lún bốn tấc, dở chân lên lại, trở lại như cũ. Đất bằng như bàn tay, không có chỗ cao, chỗ thấp.

"Cõi ấy thường có lúa thơm tự nhiên, chẳng gieo trồng mà tự mọc, không có vỏ trấu, như đóa hoa trắng, giống như thức ăn trời Đao-lợi, đầy đủ các vị. Cõi ấy luôn có nồi, vạc tự nhiên; có ngọc ma-ni tên là Diệm quang[3] được đặt dưới nồi nấu. Khi cơm chín thì ánh sáng tắt, chẳng cần lửa củi, không nhọc sức người. Cõi ấy có cây tên là Khúc cung[4], lá cây dày đặc chồng lên nhau theo thứ lớp, trời mưa không dột. Đàn ông, đàn bà cư ngụ dưới cây đó. Lại có cây hương[5] cao bảy mươi dặm, hoa quả đầy cành. Khi quả ấy chín, vỏ nó tự nứt, tự nhiên xuất ra các loại hương. Hoặc có cây cao sáu mươi dặm, hoặc năm mươi dặm, bốn mươi dặm; cây nhỏ nhất cao năm dặm, hoa quả đầy cành. Khi quả ấy chín, vỏ nó tự nứt, tự nhiên hương tỏa.

"Lại có cây Y[6] cao bảy mươi dặm, hoa quả đầy cành; khi quả ấy chín vỏ tự nứt ra, tuôn ra các loại y phục; hoặc có cây cao sáu mươi dặm, năm mươi, bốn mươi, nhỏ nhất là năm dặm, hoa quả đầy cành, tuôn ra các loại y phục. Lại có cây trang nghiêm[7], cao bảy mươi dặm, hoa quả đầy cành; khi quả ấy chín, vỏ tự nứt ra, tuôn ra các thứ đồ trang nghiêm thân thể; hoặc có cây cao sáu mươi dặm, năm mươi dặm, đều đầy cành hoa quả, tuôn ra đủ các đồ trang nghiêm thân thể. Lại có cây hoa man[8] cao bảy mươi dặm, hoa quả đầy cành; khi quả ấy chín, vỏ tự nứt ra, xuất ra các loại tràng hoa; hoặc có cây cao sáu mươi dặm, năm mươi, bốn mươi dặm, cây nhỏ nhất cao năm dặm, hoa quả cũng đầy cành, xuất ra các loại tràng hoa. Lại có cây khí[9], cao bảy mươi dặm, hoa quả đầy cành. Khi quả ấy chín vỏ tự nứt ra. Xuất ra các khí cụ; hoặc có

---

3. Diệm quang 焰光.
4. Khúc cung 曲躬.
5. Hương thọ 香樹.
6. Y thọ 衣樹.
7. Trang nghiêm thọ 莊嚴樹.
8. Hoa man-thọ 花鬘樹.
9. Khí thọ 器樹.

cây sáu mươi dặm, năm mươi, bốn mươi, cây nhỏ nhất cao năm dặm, hoa quả đều đầy cành, xuất ra các loại khí cụ. Lại có cây quả[10] cao bảy mươi dặm, hoa quả đầy cành; khi quả ấy chín, vỏ tự nứt ra, xuất ra các loại quả; hoặc có cây cao sáu mươi dặm, năm mươi, bốn mươi, cây nhỏ nhất cao năm dặm, hoa quả đều đầy cành, xuất ra các loại quả. Lại có cây nhạc khí[11] cao bảy mươi dặm, hoa quả đầy cành; quả ấy khi chín, vỏ tự nứt ra, xuất ra các loại nhạc khí, hoặc có cây cao sáu mươi dặm, năm mươi, bốn mươi, cây nhỏ nhất cao năm dặm, đều đầy cành hoa quả, xuất ra các loại nhạc khí.

"Cõi ấy có ao tên là Thiện kiến[12], ngang dọc một trăm do-tuần, nước ao trong vắt, không có cáu bẩn. Các bên ao được xây lát bằng hào bảy báu. Bốn mặt quanh ao có bảy lớp lan can, bảy lớp lưới, bảy lớp hàng cây... cho đến, vô số các loài chim cùng nhau ca hót, cũng giống như trước.

"Phía Bắc ao Thiện kiến có cây tên là Am-bà-la[13], vòng thân bảy dặm, cao một trăm dặm, cành lá tỏa ra bốn phía năm mươi dặm. Phía Đông của ao Thiện kiến phát xuất sông Thiện đạo[14], rộng một do-tuần, nước sông chảy chậm, không có dòng xoáy, có nhiều loại hoa phủ trên mặt nước; sát hai bên bờ cây cối tốt tươi, cành nhánh mềm mại, hoa quả đầy cành; đất mọc cỏ mềm, xoay về phía phải, màu như lông công, hương như bà-sư, mềm như áo trời; đất ở đó mềm mại, khi đạp chân xuống, đất lún bốn tấc, dở chân lên, trở lại như cũ; đất bằng như bàn tay, không có cao thấp.

"Lại nữa, trong sông ấy, có các thuyền báu. Nhân dân ở nơi ấy khi muốn vào sông tắm rửa vui chơi, cởi y phục để trên bờ. Lên thuyền ra giữa dòng; nô đùa vui vẻ xong, lên bờ gặp y phục thì mặc, lên trước mặc trước, lên sau mặc sau, chẳng tìm lại y phục cũ. Sau đó, đi đến cây hương. Cây cong mình xuống; những người ấy lấy các loại tạp hương để xoa trên mình. Rồi đến cây y phục. Cây cong mình xuống; những người ấy lấy các loại y phục, tùy ý mặc vào. Tiếp đến, đi đến cây trang nghiêm, cây cong mình xuống, những người ấy lấy các thứ trang

---

10. Quả thọ 果樹.
11. Nhạc khí thọ 樂器樹.
12. Thiện kiến trì 善見池.
13. Am-bà-la thọ 菴婆羅樹.
14. Thiện đạo hà 善道河.

nghiêm để tự trang sức. Xong, đến cây hoa man; cây cong mình xuống, những người ấy lấy các thứ tràng hoa, để đội trên đầu. Rồi đến cây khí, cây cong mình xuống; những người ấy lấy các loại khí vật báu; lấy khí vật báu xong, tiếp theo, đến cây quả, cây cong mình xuống, những người ấy hái các quả đẹp, hoặc có người ăn nuốt, có người ngậm, có người vắt nước uống. Kế tiếp, đến cây nhạc khí; cây cong mình xuống, những người ấy lấy các loại nhạc khí, chơi đàn, đánh trống và dùng âm thanh vi diệu hòa với tiếng đàn mà đi đến khu vườn, tùy ý vui chơi, hoặc một ngày, hai ngày cho đến bảy ngày, sau đó lại đi, không có chỗ nhất định.

"Phía Nam ao Thiện kiến, phát xuất sông Diệu thể[15]. Phía Tây ao Thiện kiến, phát xuất sông Diệu vị[16]. Phía Bắc ao Thiện kiến, phát xuất sông Quang ảnh[17], cũng giống như trên. Phía Đông ao Thiện kiến có khu vườn tên là Thiện kiến[18], ngang dọc một trăm do-tuần; vòng quanh bốn bên khu vườn có bảy lớp lan can, bảy lớp lưới, bảy lớp hàng cây, nhiều màu đan xen bảy báu tạo thành. Bốn phía vườn ấy có bốn cửa lớn, lan can bao quanh, đều do bảy báu tạo thành; trong vườn sạch sẽ, không có gai góc, đất đai bằng phẳng, không có ngòi rãnh khe suối, hầm hố, đồi gò, cũng không có muỗi mòng, ruồi, rệp, rận, rắn rết, ong, bò cạp, hổ báo, ác thú; đất toàn các báu, không có cát, âm dương điều độ, bốn mùa thuận hòa, chẳng lạnh chẳng nóng, không có các hoạn nạn; đất đai nhuận thấm, không có bụi bặm, như có dầu xoa đất, đi bụi không bốc lên, hằng trăm loài cỏ thường mọc, không có Đông rét Hạ bức; cây cối tươi tốt, hoa quả đầy cành; đất mọc cỏ mềm, xoay về phía phải, màu như lông công, hương như bà-sư, mềm như áo trời; đất đai mềm mại, khi đạp chân xuống, đất lún bốn tấc, dở chân lên, đất lại như cũ.

"Vườn ấy thường mọc lúa thơm tự nhiên, không có vỏ trấu, trắng như đóa hoa, đầy đủ các vị, như cơm trời Đao-lợi. Vườn ấy thường có nồi chõ tự nhiên; có ngọc ma-ni, tên là Diệm quang đặt dưới nồi chõ; khi cơm chín, ánh sáng tắt, chẳng cần lửa củi, chẳng nhọc công người. Vườn ấy có cây tên là khúc cung, lá chồng lên nhau theo thứ lớp, trời

---

15. Diệu thể hà 妙體河.

16. Diệu vị hà 妙味河.

17. Quang ảnh hà 光影河.

18. Thiện kiến viên lâm 善見園林.

mưa không dột. Các nam nữ ấy cư ngụ ở đó. Lại có cây hương, cao bảy mươi dặm, hoa quả đầy cành; khi quả ấy chín, vỏ tự nứt ra, xuất ra các loại hương, có cây cao sáu mươi dặm, năm mươi, bốn mươi, cho đến cao năm dặm, hoa quả đầy cành, xuất ra các loài hương... cho đến cây khí, cũng giống như trên.

"Nhân dân ở cõi ấy đến vườn ấy vui chơi giải trí, một ngày, hai ngày... cho đến bảy ngày. Vườn Thiện kiến ấy không người bảo vệ, tùy ý dạo chơi, sau đó lại đi.

"Phía Nam ao Thiện kiến có khu vườn tên là Đại thiện kiến, phía Tây ao Thiện kiến có khu vườn tên là Ngu lạc[19]; phía Bắc ao Thiện kiến có khu vườn tên là Đẳng hoa[20], cũng giống như thế.

"Ở cõi ấy, vào nửa đêm, cuối đêm, Long vương A-nậu-đạt thường thường vào lúc thích hợp khởi mây lành cùng khắp thế giới rồi mưa nước ngọt xuống, giống như khi vắt sữa bò; nước đủ tám vị, thấm nhuận khắp nơi; nước không đọng lại, đất không bùn lầy. Giống như thợ làm tràng hoa dùng nước rưới hoa, khiến không khô héo, thấm ướt tốt tươi. Khi ấy, ở cõi đó vào lúc gần sáng không có mây che, bầu trời trong vắt; biển nổi gió mát, trong lành hiu hiu, chạm nhẹ vào người, toàn thân sảng khoái.

"Cõi ấy trù mật, nhân dân sung túc. Nếu khi cần ăn thì dùng gạo thơm tự nhiên bỏ vào trong chõ, dùng ngọc Diệm quang để ở dưới chõ; cơm tự nhiên chín, ánh sáng ngọc tự tắt. Các người đi đến, tự do ăn cơm. Người ăn không đứng dậy thì cơm không hết; người ăn đứng dậy thì cơm cũng hết. Cơm ấy tinh khiết như đóa hoa trắng, đầy đủ mùi vị như cơm cõi trời Đao-lợi. Người ăn cơm đó không có các bệnh, khí lực dồi dào, nhan sắc tươi vui, không có gầy còm.

"Lại ở cõi ấy, thân thể con người như nhau, hình mạo giống nhau, không thể phân biệt. Dáng người trẻ trung, như người khoảng hai mươi tuổi ở Diêm-phù-đề. Người cõi ấy, răng họ bằng đều, trắng sạch, kín sát không hở; tóc màu xanh biếc, không có cáu bẩn; tóc xõa xuống bằng tám ngón tay, ngang vai thì dừng, không dài không ngắn. Người ở cõi đó nếu khi khởi tâm dục thì nhìn chăm chăm nữ nhân rồi bỏ đi; người nữ ấy theo sau vào trong vườn. Nếu nữ nhân và người nam kia là cha, mẹ hoặc liên hệ trong cốt nhục, không phải là người nên hành dục

19. Ngu lạc 娛樂.

20. Đẳng hoa 等花.

thì cây không cong xuống che lại, thì họ tự chia tay. Nếu chẳng phải cha, mẹ và nhiều liên hệ đến cốt nhục, đúng là đối tượng hành dâm thì cây cong xuống che phủ thân họ, tùy ý hưởng lạc, một ngày, hai ngày... hoặc đến bảy ngày, khi ấy mới thôi. Người nữ ấy mang thai; bảy hoặc tám ngày thì sanh. Sanh ra con trai hay con gái, cũng mang đặt ở ngã tư đường, đầu trục lộ giao thông, bỏ đó rồi đi. Các người đi đường, đi ngang qua bên nó, đưa ngón tay cho nó mút, ngón tay chảy ra sữa ngọt, nuôi lớn thân bé. Qua bảy ngày rồi, bé ấy trưởng thành, bằng với người lớn; nam thì theo nhóm nam, nữ thì theo nhóm nữ.

"Người cõi ấy khi mạng chung, không ai khóc lóc, trang nghiêm tử thi, đặt ở ngã tư đường, bỏ đó rồi đi. Có loài chim tên là Ưu-úy thiền-già[21] gắp tử thi ấy để ở phương khác.

"Lại nữa, người ở cõi ấy khi đại tiểu tiện, đất liền nẻ ra; đại tiểu tiện rồi, đất khép trở lại. Nhân dân cõi ấy không lệ thuộc sự tham luyến, cũng không cất chứa, thọ mạng có hạn định; chết rồi sanh lên trời. Vì sao người cõi ấy thọ mạng luôn có hạn định? Đời trước người cõi ấy tu mười hạnh thiện, khi thân hoại mạng chung sanh vào cõi Uất-đan-viết, thọ mạng ngàn tuổi, chẳng hơn chẳng kém. Vì thế, người cõi ấy thọ mạng như nhau.

"Lại nữa, người sát sanh đọa vào đường ác; người không sát sanh sanh vào nẻo thiện. Kẻ trộm cắp, tà dâm, hai lưỡi, ác khẩu, nói dối, nói thêu dệt, tham lam, ganh ghét, tà kiến đều đọa vào đường ác. Người không trộm cắp, không tà dâm, không hai lưỡi, không ác khẩu, không nói dối, không nói thêu dệt, không tham lam, không ganh ghét, không tà kiến thì khi thân hoại mạng chung sanh cõi Uất-đan-viết, thọ mạng ngàn năm, chẳng hơn chẳng kém. Vì vậy, người ở cõi kia thọ mạng bằng nhau. Lại nữa, tham lam keo kiệt chẳng thường bố thí thì chết đọa đường ác; tâm thoáng không keo thường hành bố thí sanh chốn thiện. Có người bố thí cho Sa-môn, Bà-la-môn và bố thí cho người bần cùng, ăn xin, bệnh ghẻ, khốn khổ, cho họ y phục, thức ăn uống, xe cộ, tràng hoa, hương thơm, giường chõng, phòng xá; lại tạo lập tháp miếu, đèn đuốc cúng dường, thì người ấy khi mạng chung sanh vào cõi Uất-đan-viết, thọ mạng ngàn tuổi, chẳng hơn chẳng kém, vì vậy, người cõi kia thọ mạng bằng nhau. Vì sao gọi người Uất-đan-viết là hơn hết? Vì nhân dân cõi ấy chẳng thọ thập thiện nhưng toàn bộ hành động của họ tự

---

21. Ưu-úy thiền-già 憂 畏 禪 伽.

nhiên hợp với thập thiện, khi thân hoại mạng chung, sanh vào cõi lành. Vì vậy, người ở đó được khen là Uất-đan-viết hơn hết. Uất-đan-viết, ý nghĩa như thế nào? Đối với ba cõi kia, cõi này là tối thắng, tối thượng cho nên gọi là Uất-đan-viết[22].

❑

[22]. Do từ uttara: trên hết.

Phẩm 3: CHUYỂN LUÂN THÁNH VƯƠNG[1]

Phật nói với các Tỳ-kheo:

"Thế gian có Chuyển luân thánh vương[2], thành tựu bảy báu, có bốn thần đức.

"Những gì là bảy báu mà Chuyển luân thánh vương thành tựu[3]? Một, báu bánh xe vàng; hai, báu voi trắng; ba, báu ngựa xanh; bốn, báu thần châu; năm, báu ngọc nữ; sáu, báu cư sĩ; bảy, báu chủ binh.

"Chuyển luân thánh vương thành tựu báu bánh xe vàng như thế nào?

Nếu Chuyển luân thánh vương hiện trong cõi đất Diêm-phù-đề; khi ấy, vua Quán đảnh thuộc dòng Sát-lỵ[4], vào ngày rằm trăng tròn,

---

1. "Đệ tứ phần, Chuyển Luân Thánh Vương phẩm Đệ tam".

2. Chuyển luân thánh vương; Skt.: Cakravarti(-rājan); Pāli: (rāja) cakkavattin. Hán, các phiên âm: Chước-ca-la-phạt-lạt-để 斫迦羅伐剌底, Chước-ca-la-phạt-lạt-để 斫迦羅伐辣底, Chước-ca-ra-bạt-để 斫迦羅跋底, Già-ca-la-bạt-đế 遮迦羅跋帝; dịch nghĩa: Chuyển luân vương 轉輪王, Chuyển luân thánh đế 轉輪聖帝, Phi hành luân đế 飛行輪帝, Phi hành hoàng đế 飛行皇帝. Caùc tư liệu khaùc liên quan Chuyển luân vương, Hán: *Trung A-hàm*, quyển 13, 15; *Tăng nhất A-hàm* quyển 13, 33; *Phật bản hành tập kinh* 1-15; *Hiền ngu kinh* quyển, 13; *Đại tỳ bà sa* quyển 150, 183; *Đại trí độ quyển* 4, 24, 82. Tài liệu Pāli: các kinh thuộc Dīgha-Nikāya: Mahāsudassana, Mahāpadāna, Cakkavattisīhanāda, Ambaiha và thuộc Majjhima-Nikāya: Bālapaṇḍita.

3. Thành tựu thất bảo 成就七寶; Pāli: sattaratanasamannāgato: kim luân bảo 金輪寶, bạch tượng bảo 白象寶, cám mã bảo 紺馬寶, thần châu bảo 神珠寶, ngọc nữ bảo 玉女寶, cư sĩ bảo 居士寶, chủ binh bảo 主兵寶. Tham chieáu Pāli (D. iii. 59): tass'imāni satta ratanāni ahesuṃ, seyyathīdaṃ cakka-ratanaṃ, hatthi-ratanaṃ, assa-ratanaṃ, maṇi-ratanaṃ, itthi-ratanaṃ, gahapati-ratanaṃ, pariṇāyaka-ratanam eva sattamaṃ.

4. Nguyên Hán: Sát-lỵ (lợi) thủy nhiễu đầu chủng 剎利水澆頭種, vua Sát-lỵ được truyền ngôi bằng phép quán đỉnh (rưới nước lên đầu); Pāli: khattiya-abhiseka-

tắm gội bằng nước thơm, rồi lên điện cao, cùng với thể nữ hưởng thụ hoan lạc. Bảo vật là bánh xe trời bằng vàng[5] bỗng nhiên xuất hiện trước mặt. Bánh xe có ngàn căm, với màu sắc sáng chói, được làm bằng vàng trời, do thợ trời chế tạo, không phải người đời làm được. Đường kính bánh xe là bốn trượng. Khi nhìn thấy bánh xe, Chuyển luân thánh vương thầm nghĩ: Ta từng nghe từ các bậc tiên túc, kỳ cựu nói rằng: 'Nếu vua Sát-lỵ quán đảnh, vào ngày rằm lúc trăng đầy, tắm gội bằng nước thơm, lên ngồi trên Pháp điện, với thể nữ vây quanh. Bánh xe vàng tự nhiên xuất hiện trước mặt. Bánh xe có ngàn căm, với màu sắc sáng chói, được làm bằng vàng trời, do thợ trời chế tạo, không phải người đời làm được. Đường kính bánh xe là bốn trượng. Bấy giờ được gọi là Chuyển luân thánh vương.' Nay bánh xe này xuất hiện, há không phải là điều ấy chăng? Ta nay hãy thử bảo vật là bánh xe này.

"Rồi Chuyển luân vương bèn triệu tập bốn binh chủng, hướng về bảo vật bánh xe vàng, bày vai phải, quỳ gối phải xuống đất, lấy tay phải sờ bánh xe vàng mà nói rằng: 'Ngươi hãy nhắm hướng Đông, đúng như pháp mà chuyển, chớ có trái qui tắc thông thường'. Bánh xe liền chuyển về phương Đông. Khi ấy Chuyển luân vương liền dẫn bốn binh chủng đi theo sau. Phía trước bảo vật bánh xe vàng có bốn vị thần dẫn đường. Bánh xe ngừng chỗ nào, vua đình giá chỗ đó. Bấy giờ các Tiểu quốc vương thấy Đại vương đến, lấy bát vàng đựng đầy thóc bạc; bát bạc đựng đầy thóc vàng đi đến chỗ Đại vương, cúi đầu bạch rằng: 'Lành thay, Đại vương! Nay, ở phương Đông này, đất đai phong phú, vui tươi, có nhiều trân bảo, nhân dân đông đúc, tâm chí nhân ái, hòa thuận, từ hiếu, trung thuận. Cúi nguyện Thánh vương hãy ở đây mà trị chính. Chúng tôi sẽ gần gũi hầu hạ, cung cấp những thứ cần dùng.' Khi ấy, Chuyển luân vương nói với các Tiểu vương: 'Thôi, thôi! Này các hiền, các người như vậy là đã cúng dường ta rồi. Nhưng hãy theo chánh pháp mà cai trị giáo hóa, chớ để thiên lệch; không để quốc nội có hành vi phi pháp. Tự mình không sát sanh; khuyên bảo người khác không sát sanh, trộm cướp, tà dâm, hai lưỡi, ác khẩu, nói dối, thêu dệt, tham lam, tật đố, tà kiến. Đó gọi là sự cai trị của ta vậy.'

"Các Tiểu vương sau khi nghe lời dạy, liền đi theo Đại vương,

rāja.

5. Thiên luân bảo 天 輪 寶; Pāli: dibba-cakka-ratana.

tuần hành các nước. Cho đến tận cùng bờ biển[6] phía Đông.

"Sao đó, lần lượt đi về phương Nam, phương Tây, phương Bắc. Bất cứ chỗ nào mà bánh xe lăn đến, các Quốc vương ở đó đều dâng hiến quốc thổ; cũng như các Tiểu vương ở phương Đông vậy.

"Tất cả đất đai có trong Diêm-phù-đề này, màu mỡ, phong phú, sản xuất nhiều trân bảo, những nơi có rừng, có nước trong sạch, bánh xe đều lăn khắp; ấn định biên giới, vẽ bản đồ[7], Đông Tây mười hai do-tuần, Nam Bắc mười do-tuần. Vào ban đêm, các thần ở trong đó xây dựng thành quách. Thành có bảy lớp, với bảy lớp lan can[8], bảy lớp lưới, bảy lớp hàng cây, những trang hoàng chung quanh, đều được làm bằng bảy báu... cho đến vô số các loài chim cùng họa nhau mà hót. Thành được xây xong, bánh xe vàng lại xuất hiện trong thành, qui định địa giới Đông Tây bốn do-tuần, Nam Bắc hai do-tuần. Vào ban đêm, các thần ở trong đó xây dựng cung điện. Tường cung có bảy lớp, được làm bằng bảy báu... cho đến vô số các loài chim cùng họa nhau mà hót, như đã kể trên.

"Cung điện được dựng xong, khi ấy bảo vật bánh xe vàng trụ giữa hư không, ngay phía trước cung điện, hoàn toàn không chuyển động. Chuyển luân vương phấn khởi nói: 'Nay bảo vật bánh xe vàng này thật sự là điềm lành cho ta. Ta nay thật sự là Chuyển luân thánh vương.'

"Đó là sự thành tựu bánh xe vàng.

"Voi trắng được thành tựu[9] như thế nào? Chuyển luân thánh vương, vào buổi sáng sớm, ngồi trên chánh điện. Tự nhiên voi trắng bỗng xuất hiện trước mặt. Lông của nó thuần trắng, bảy chỗ bằng phẳng[10], có khả năng phi hành. Đầu của có nhiều màu; sáu ngà thon dài được cẩn bằng vàng ròng. Thấy thế vua liền nghĩ thầm: 'Con voi này khôn. Nếu khéo huấn luyện, có thể cưỡi.' Bèn cho huấn luyện thử, đầy

---

6. Hải biểu 海表; Pāli: sāgara-pariyanta.

7. Phong họa đồ độ 封畫圖度; *Khởi Thế kinh* (Đại I, tr. 318a): qui độ vi giới phận 規度為界分.

8. Hán: lan thuẫn 欄楯, tức câu lan 勾欄, hay lan can 欄杆; Pāli: vedikā.

9. Bạch tượng bảo thành tựu 白象寶成就; Pāli: (seta-)hatthi-ratana-samannāgata.

10. Thất xứ bình trụ 七處平住, cũng nói là thất xứ bình mãn 七處平滿, chỉ thịt nơi hai bàn tay, hai bàn chân, hai vai và cổ đầy đặn, gồ lên cao; Skt.: saptotsada, Pāli: sattussada.

đủ các kỹ năng. Khi ấy, Chuyển luân vương muốn thử voi, bèn cưỡi lên nó, vào buổi sáng sớm, xuất thành, đi quanh khắp bốn biển. Cho đến giờ ăn trưa thì trở về. Chuyển luân vương phấn khởi nói: 'Bảo vật voi trắng này thật sự là một điềm lành cho ta. Ta nay thật sự là Chuyển luân thánh vương.'

"Đó là sự thành tựu báu voi.

"Thế nào là sự thành tựu ngựa xanh[11] của Chuyển luân vương? Khi ấy, Chuyển luân thánh vương, vào buổi sáng sớm, ngồi tại chánh điện, tự nhiên bảo vật là ngựa bỗng xuất hiện trước mặt. Màu nó xanh thẫm, bờm và đuôi đỏ[12]. Thấy thế, vua liền nghĩ thầm: 'Con ngựa này khôn. Nếu khéo huấn luyện, có thể cưỡi.' Bèn cho huấn luyện thử, đầy đủ các kỹ năng. Khi ấy, Chuyển luân vương muốn thử ngựa, bèn cưỡi lên nó, vào buổi sáng sớm, xuất thành, đi quanh khắp bốn biển. Cho đến giờ ăn trưa thì trở về. Chuyển luân vương phấn khởi nói: 'Bảo vật ngựa xanh này thật sự là một điềm lành cho ta. Ta nay thật sự là Chuyển luân thánh vương.'

"Đó là sự thành tựu ngựa xanh.

"Báu thần châu được thành tựu[13] như thế nào? Chuyển luân Thánh vương, vào buổi sáng sớm, ngồi trên chánh điện. Tự nhiên thần châu bỗng xuất hiện trước mặt. Màu chất[14] trong suốt, không có tỳ vết. Sau khi thấy, vua tự nghĩ: 'Châu này thật tuyệt vời. Nếu có ánh sáng, có thể rọi cung nội.' Rồi Chuyển luân thánh vương muốn thử hạt châu này, bèn triệu tập bốn binh chủng. Đặt bảo châu trên cây phướn cao. Trong lúc đêm tối, cầm cây phướn xuất thành. Ánh sáng của hạt châu này rọi đến một do-tuần. Những người ở trong thành đều thức dậy làm việc, cho rằng bây giờ là ban ngày. Chuyển luân vương khi ấy phấn khởi nói: 'Nay thần châu này thật sự là điềm lành cho ta. Ta nay thật sự là Chuyển luân thánh vương'.

"Đó là sự thành tựu báu thần châu.

---

11. Cám mã bảo thành tựu 紺寶馬成就; Pāli: (nīla-)assa-ratana-samannāgata. Cám 紺, hay cám thanh 紺青, màu xanh thẫm, xanh pha đỏ. Pāli, Skt.: nīla.

12. Chu tông vĩ 朱騣尾; các bản TNM: châu mao vĩ 珠毛尾: đuôi có lông (màu) hạt châu.

13. Thần châu bảo thành tựu 神珠寶成就; Pāli: maṇi-ratana-samannāgata.

14. Chất sắc 質色; các bản TNM: kỳ sắc 其色.

"Báu ngọc nữ được thành tựu[15] như thế nào? Khi ấy, báu ngọc nữ bỗng nhiên xuất hiện, nhan sắc thung dung, diện mạo đoan chánh; không dài, không vắn; không thô, không nhỏ; không trắng, không đen; không cương, không nhu; mùa đông thì thân ấm, mùa hè thì thân mát. Từ các lỗ chân lông khắp mình phát ra mùi hương Chiên-đàn; miệng phát ra mùi hương của hoa Ưu-bát-la; nói năng dịu dàng; cử động khoan thai; đứng dậy trước (vua) nhưng ngồi xuống sau (vua), không mất nghi tắc. Chuyển luân thánh vương sau khi thấy, tâm không mê đắm, không chút mơ tưởng, huống hồ gần gũi. Chuyển luân vương sau khi thấy, phấn khởi mà nói: 'Báu ngọc nữ này thật sự là điềm lành cho ta. Ta nay thật sự là Chuyển luân thánh vương.'

"Đó là sự thành tựu báu ngọc nữ.

"Báu cư sĩ được thành tựu[16] như thế nào? Khi ấy, người đàn ông cư sĩ[17] bỗng nhiên tự xuất hiện; kho báu tự nhiên, tài sản vô lượng. Cư sĩ do phước báu đời trước có cặp mắt có thể nhìn thấu suốt các hầm mỏ[18] dưới lòng đất; biết rõ hết thảy có chủ hay vô chủ. Kho nào có chủ, ông có thể giữ gìn hộ. Kho nào vô chủ, ông lấy lên cho vua tiêu dùng. Rồi thì, báu cư sĩ đi đến tâu vua: 'Đại vương, cần cung cấp thứ gì, xin đừng lo lắng. Tôi tự mình có thể giải quyết.'

"Khi ấy, Chuyển luân thánh vương muốn thử báu cư sĩ, bèn ra lệnh sửa soạn thuyền để du ngoạn thủy, bảo cư sĩ rằng: 'Ta cần bảo vật vàng, ngươi hãy đưa nhanh đến cho.' Báu cư sĩ tâu rằng: 'Đại vương đợi một chút; cần phải lên bờ đã.' Vua lại hối thúc: 'Ta nay đang cần dùng. Ngươi hãy mang đến liền cho ta.' Khi báu cư sĩ bị vua ra nghiêm lệnh, bèn quỳ mọp trên thuyền, dùng tay mặt thọc xuống nước. Khi ông rút tay lên thì một cái bình báu từ trong nước cũng lên theo. Giống như con sâu leo cây. Báu cư sĩ kia cũng vậy. Khi rút bàn

---

15. Ngọc nữ bảo thành tựu 玉女寶成就; Pāli: itthi-ratana-samannāgata.

16. Cư só bảo thành tựu 居士寶成就; Pāli: gahapati-ratana-samannāgata.

17. Cư sĩ trượng phu 居士丈夫; Skt.: ghhapati (mauḷya); Pāli: gahapati.

18. Phục tạng 伏藏; Pāli: ākara.

tay lên khỏi nước thì bình báu cũng lên theo, để đầy cả thuyền. Rồi ông tâu vua: 'Vừa rồi vua cần bảo vật để dùng. Mà cần bao nhiêu?' Chuyển luân thánh vương khi ấy nói với cư sĩ: 'Thôi, thôi! Ta không cần dùng gì. Vừa rồi, ta chỉ muốn thử mà thôi. Ngươi nay như thế là đã cúng dường ta rồi.' Cư sĩ nghe vua nói như vậy, liền đem bảo vật trả lại trong nước. Khi ấy, Chuyển luân thánh vương phấn khởi nói rằng: 'Báu cư sĩ này thật sự là điềm lành của ta. Ta nay thật sự là Chuyển luân thánh vương.'

"Đó là sự thành tựu báu cư sĩ.

"Báu chủ binh được thành tựu[19] như thế nào? Khi ấy, báu chủ binh bỗng nhiên xuất hiện, đủ trí mưu, hùng mãnh, sách lược sáng suốt, quyết đoán; đi ngay đến chỗ vua, tâu rằng: 'Đại vương, cần chinh phạt chỗ nào, xin đừng lo. Tôi có thể đảm trách.' Rồi Chuyển luân thánh vương muốn thử báu chủ binh, bèn tập hợp bốn binh chủng, bảo rằng: 'Ngươi nay hãy điều binh. Chưa tập họp thì tập họp lại. Đã tập họp thì giải tán. Chưa nghiêm, hãy làm cho nghiêm. Đã nghiêm, hãy cởi mở. Chưa đi, hãy khiến đi. Đã đi, hãy khiến dừng.' Báu chủ binh nghe vua nói xong, bèn điều động bốn binh chủng, Chưa tập họp thì tập họp lại. Đã tập họp thì giải tán. Chưa nghiêm, làm cho nghiêm. Đã nghiêm, thì cởi mở. Chưa đi, thì khiến đi. Đã đi, thì khiến dừng. Khi ấy Chuyển luân thánh vương phấn khởi nói rằng: 'Báu chủ binh này thật sự là điềm lành của ta. Ta nay thật sự là Chuyển luân thánh vương.'

"Đó là sự thành tựu báu chủ binh.

"Thế nào là bốn thần đức[20]? Một là không ai bì kịp về tuổi thọ, không yểu số. Hai, không ai bì kịp về thân thể cường tráng, không bệnh hoạn. Ba, không ai bì kịp về nhan mạo đoan chánh. Bốn, không ai bì kịp về sự giàu có, kho tàng châu báu đầy dẫy.

---

19. Chủ binh bảo thành tựu 主兵寶成就; Pāli: pariṇāyaka-ratana-samannāgata.

20. Tứ thần đức 四神德; Pāli: catu-iddhi-samannāgata, thành tựu bốn năng lực (phồn vinh) siêu tự nhiên.

"Đó là Chuyển luân thánh vương thành tựu bảy báu và bốn thần đức.

"Vào một lúc, rất lâu về sau, Chuyển luân thánh vương ra lệnh ngự giá xuất du ở hậu viên, bèn bảo người đánh xe: 'Ngươi hãy đánh xe đi cho khéo. Ta muốn quan sát rõ nhân dân trong quốc thổ có an lạc, không tai họa gì chăng.'

"Bấy giờ nhân dân trong nước đứng dọc các con đường, nói với người đánh xe rằng: 'Ông cho xe đi chậm lại. Chúng tôi muốn nhìn ngắm rõ uy nhan của Thánh vương.'

"Chuyển luân thánh vương thương yêu chăm sóc nhân dân như cha yêu con. Quốc dân mến mộ vua cũng như con trông lên cha. Có những gì trân quý đều đem cống vua, tâu rằng: 'Xin nguyện hạ cố thọ nhận, tùy ý sử dụng.' Khi ấy vua trả lời: 'Thôi đủ rồi, các người! Ta tự mình có đủ tài bảo. Các người hãy tự thọ dụng của mình.'

"Khi Chuyển luân thánh vương cai trị Diêm-phù-đề này, cõi đất ấy bằng phẳng, không có gai góc, hầm hố, gò nổng; cũng không có muỗi mòng, ruồi nhặng, ong, bò cạp, rắn rết, sâu độc, đá cát, sạn sỏi; tất cả lặn mất. Vàng, bạc, báu ngọc hiện lên mặt đất. Bốn mùa điều hòa, không nóng, không lạnh. Đất ấy mềm mại, không có bụi bẩn. Như đất được bôi dầu, sạch sẽ, trơn láng, không có bụi bẩn. Khi Chuyển luân thánh vương cai trị ở đời, cõi đất cũng như vậy. Từ đất tuôn ra các dòng suối, trong sạch, không bao giờ cạn, sanh loại cỏ mềm mại, mùa đông vẫn xanh tươi. Cây cối sầm uất, hoa trái xum xuê. Đất sanh cỏ mềm, màu như đuôi lông công, mùi hương hoa bà-sư[21], mềm mại như lụa trời. Khi đạp chân xuống đất; đất lõm xuống bốn tấc. Khi dở chân lên, đất trở lại như cũ, không có chỗ khuyết rỗng. Có loại lúa tẻ mọc tự nhiên[22], không có vỏ trấu[23], đủ các mùi vị. Bấy giờ có cây hương, hoa trái xum xuê. Khi trái chín, trái tự nhiên nứt, tỏa ra mùi hương tự nhiên; hương thơm sực nức. Lại có cây vải, hoa trái xum xuê. Khi trái chín, vỏ nó tự nứt ra, cho ra các loại vải khác nhau. Lại có cây trang sức, hoa trái xum xuê. Khi trái chín, vỏ nó tự nứt ra, cho ra các đồ trang sức khác

---

21. Bà-sư hay bà-sư-ca 婆師迦; Pāli: vassika hay vessika (Skt.: vārṛika), hoa mùa mưa hay mùa hè (hạ sanh hoa 夏生花).

22. Tự nhiên canh mễ 自然粳米; Pāli: aṭṭhapākasāli, loại lúa thơm mọc, vàng chín tự nhiên, không cần cày cấy.

23. Vô hữu khang khoái 無有糠䴬; Pāli: akaṇo athuso.

nhau. Lại có cây tràng hoa, hoa trái xum xuê. Khi trái chín, vỏ nó tự nứt ra, cho ra các loại tràng hoa khác nhau. Lại có cây dụng cụ, hoa trái xum xuê. Khi trái chín, vỏ nó tự nứt ra, cho ra các thứ dụng cụ khác nhau. Lại có cây nhạc cụ, hoa trái xum xuê. Khi trái chín, vỏ nó tự nứt ra, cho ra các loại nhạc cụ khác nhau.

"Khi Chuyển luân thánh vương cai trị ở đời, Long vương A-nậu-đạt[24], vào lúc giữa đêm và cuối đêm, nổi lên đám mây lớn dày đặc, giăng bủa khắp cả thế giới, trút xuống cơn mưa lớn. Như trong khoảng thời gian vắt sữa bò; mưa xuống thứ nước có tám vị, thấm ướt khắp nơi. Đất không đọng nước, cũng không bùn sình[25], thấm nhuần, đẫm ướt, sanh trưởng các loại cỏ cây. Cũng như thợ hớt tóc, rưới nước tràng hoa, khiến hoa tươi thắm, không để héo úa. Những cơn mưa phải thời thấm nhuần cũng như vậy.

"Lại nữa, bấy giờ vào lúc giữa đêm và cuối đêm, bầu trời trong sáng, tịnh không chút mây, từ biển nổi cơn gió mát, trong sạch mát dịu, chạm đến thân thể khiến sanh khoan khoái.

"Khi Thánh vương cai trị, trong cõi Diêm-phù-đề này ngũ cốc dồi dào, nhân dân đông đúc, tài bảo phong phú, không thiếu thốn thứ gì.

"Đương thời, Chuyển luân thánh vương trị nước bằng Chánh pháp, không có dua vạy, tu mười hành vi thiện. Lúc bấy giờ, nhân dân cũng tu chánh kiến, đủ mười hành vi thiện.

"Một thời gian lâu, rất lâu về sau, vua nhuốm bệnh nặng mà mạng chung. Cũng như một người do sung sướng mà ăn hơi nhiều, thân thể có hơi không thích hợp[26], cho nên mạng chung, sanh lên cõi trời. Khi ấy, báu ngọc nữ, báu cư sĩ, báu chủ binh, cùng nhân dân trong nước tấu các kỹ nhạc, làm lễ tẩn táng thân vua. Rồi báu ngọc nữ, báu cư sĩ, báu chủ binh và sĩ dân trong nước, tắm gội thân thể vua bằng nước thơm, quấn quanh bằng năm trăm tấm lụa kiếp-bối; theo thứ lớp mà quấn. Rồi khiêng thi thể vua đặt vào quan tài bằng vàng, rưới lên dầu thơm, bọc

---

24. A-nậu-đạt Long vương 阿耨達龍王; Pāli: Anotatta-nāgarāja (Skt.: Anavatapta-nāgarājan), một trong tám đại Long vương hay rắn thần, sống trong hồ A-nậu-đạt (Anotatta, Anavatapta), nơi phát nguyên bốn con sông lớn của Ấn Độ.

25. Hán: nê hoàn 泥洹; cùng tự dạng với nê-hoàn 泥洹, không nhầm với phiên âm khác của Niết-bàn.

26. Thời do như lạc nhân, thực như tiểu quá, thân tiểu bất thích 時猶如樂人食如小過身小不適; nghĩa không rõ ràng.

bên ngoài cỗ quách bằng sắt; rồi lại dùng một cỗ quách bằng gỗ bao ngoài bằng lớp vải. Chất các củi thơm, phủ lên nhiều lớp vải. Sau đó thì hỏa táng[27]. Ở ngã tư đường dựng tháp bảy báu[28], dọc ngang một do-tuần, xen kẽ nhiều màu sắc được tạo thành bởi bảy báu. Ở bốn mặt tháp, mỗi mặt có một cửa, bao quanh bằng lan can được làm bằng bảy báu. Khoảng đất trống chung quanh bốn mặt tháp dọc ngang năm do-tuần. Có bảy lớp tường bao quanh vườn, với bảy lớp lan can, bảy lớp lưới, bảy lớp hàng cây. Tường bằng vàng, cửa bằng bạc; tường bằng bạc, cửa bằng vàng. Tường lưu ly, cửa thủy tinh; tường thủy tinh, cửa lưu ly. Tường xích châu, cửa mã não; tường mã não, cửa xích châu. Tường xa cừ, cửa bằng các loại báu.

"Về lan can, thanh ngang bằng vàng, thanh đứng bằng bạc; thanh ngang bằng bạc, thanh đứng bằng vàng. Thanh ngang thủy tinh, thanh đứng lưu ly; thanh ngang lưu ly, thanh đứng thủy tinh. Thanh ngang xích châu, thanh đứng mã não; thanh ngang mã não, thanh đứng xích châu. Thanh ngang bằng xa cừ, thanh đứng bằng các thứ báu khác.

"Dưới lớp lưới bằng vàng treo linh bằng bạc, dưới lưới bạc treo linh vàng. Dưới lưới lưu ly treo linh thủy tinh, dưới lưới thủy tinh treo linh lưu ly. Dưới lưới xích châu treo linh mã não, dưới lưới mã não treo linh xích châu. Dưới lưới xa cừ treo linh bằng các thứ báu khác.

"Cây bằng vàng thì lá, hoa, trái bằng bạc. Cây bạc thì lá, hoa, trái vàng. Cây lưu ly, hoa lá thủy tinh; cây thủy tinh, hoa lá lưu ly. Cây xích châu, hoa lá mã não; cây mã não, hoa lá xích châu. Cây xa cừ, hoa lá bằng các thứ báu khác.

"Bốn vách tường của vườn lại có bốn cửa, bao quanh bằng lan can. Trên tường đều có lầu các, đài báu. Bốn mặt tường có các vườn cây, suối, hồ tắm, sinh nhiều loại hoa khác nhau; cây cối sầm uất, hoa trái xum xuê, các loại hương thơm sực nức. Nhiều giống chim lạ ca hót điệu buồn. Khi tháp được dựng xong, báu ngọc nữ, báu cư sĩ, báu điển

---

27. Trong bản Hán: xà (đồ) duy 闍維; Pāli: jhāpeti, hỏa táng, ta quen gọi là trà (đồ) trì 荼毗.

28. Thất bảo 七寶; Pāli: satta ratanāni (Skt.: sapta ratnāni): kim 金 hay vàng (suvaṇṇa/ suvarṇa), ngân 銀 hay bạc (rūpīya /rūpya), lưu ly 琉璃 hay thủy tinh (veḷuriya / vaiḍurya), pha-lê 頗梨 (phalika / sphaṭika), xa cừ 硨磲 (masāragalla/ musāragalva), xích châu 赤珠 (lohitanka/ lohitamukṭika), mã não 瑪瑙 (asama/ aśmagarbha).

binh và sĩ dân cả nước đều đến cúng dường tháp này. Họ bố thí cho những người nghèo khốn, cần ăn thì cho ăn; cần mặc thì cho mặc. Voi, ngựa, xe cộ, các thứ cần dùng đều được chu cấp, tùy ý mà cho.

"Công đức oai thần của Chuyển luân thánh vương, sự tích là như vậy."

❑

Phẩm 4: ĐỊA NGỤC

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Bên ngoài của bốn châu thiên hạ này, có tám ngàn thiên hạ bao quanh. Lại có biển lớn bao quanh tám ngàn thiên hạ. Kế đó có núi Đại Kim cang[1] bao bọc biển lớn. Bên ngoài núi Đại kim cang này lại có núi Đại kim cang thứ hai. Giữa hai núi này là một cảnh giới mờ mịt, tối tăm; mặt trời, mặt trăng, các vị thần, trời dù có uy lực cũng không thể dùng ánh sáng soi chiếu đến đó được.

"Ở nơi này có tám địa ngục lớn[2], mỗi địa ngục lớn có mười sáu địa ngục nhỏ. Địa ngục lớn thứ nhất gọi là Tưởng[3]. Thứ hai là địa ngục Hắc thằng[4]. Thứ ba là địa ngục Đôi áp[5]. Thứ tư là địa ngục Khiếu hoán[6]. Thứ năm là địa ngục Đại khiếu hoán[7]. Thứ sáu là địa ngục Thiêu chích[8]. Thứ bảy là địa ngục Đại thiêu chích[9]. Thứ tám là địa

---

1. Xem cht.64, 65 phẩm 1, châu Diêm-phù-đề.
2. Địa ngục 地 獄, Skt.: naraka, hay niraya, Huyền Tráng, âm: nại-lạc-ca 奈 落 迦, hoặc nơi khác âm: nê-lê 泥 梨; Pāli: niraya. Thứ tự trong bản Hán này ngược với thứ tự trong *Câu-xá luận 11* (Kośa-kārikā iii. 58) và trong các tài liệu Pāli.
3. Tưởng 想; Huyền Tráng: Đẳng hoạt 等 活; Skt., Pāli: Saṃjīva. Bản Hán đọc Skt.: lā Saṃjñī(va), hoặc Pāli: Saññī(va).
4. Hắc thằng 黑 繩; Skt.: Kālasūtra; Pāli: Kālasutta.
5. Đôi áp 堆 壓; Huyền Tráng: Chúng hợp 眾 合; Skt.: Saṃghāta, Pāli đồng. Bản Haùn đọc Skt.: là Saṃkata.
6. Khiếu hoán 叫 喚; Huyền Tráng: Hào khiếu 號 叫; Skt.: Raurava; Pāli: Jālaroruva.
7. Đại khiếu hoán 大 叫 喚; Huyền Tráng: Đại khiếu 大 叫; Skt.: Mahāraurava; Pāli: Dhūmaroruva.
8. Thiêu chích 燒 炙; Huyền Tráng: Viêm nhiệt 炎 熱; Skt.: Tapana; Pāli đồng.
9. Đại thiêu chích 大 燒 炙; Huyền Tráng: Cực nhiệt 極 熱; Skt.: Pratāpana; Pāli: Patāpana.

ngục Vô gián[10].

"Trong địa ngục Tưởng có mười sáu ngục nhỏ[11]; mỗi địa ngục nhỏ ngang dọc năm trăm do-tuần. Ngục nhỏ thứ nhất là Hắc sa, hai là Phất thỉ, ba là Ngũ bách đinh, bốn là Cơ, năm là Khát, sáu là một Đồng phủ, bảy là Đa đồng phủ, tám là Thạch ma, chín là Nùng huyết, mười là Lượng hỏa, mười một là Hôi hà, mười hai là Thiết hoàn, mười ba là Cân phủ, mười bốn là Sài lang, mười lăm là Kiếm thọ, mười sáu là Hàn băng.

"Vì sao gọi là địa ngục Tưởng? Vì chúng sanh ở trong đó, trên tay của chúng mọc móng sắt; móng này vừa dài vừa bén. Chúng thù hận nhau, luôn có ý tưởng độc hại, dùng móng tay cào cấu lẫn nhau, chạm tay vào chỗ nào là chỗ đó thịt rớt xuống, tưởng là đã chết; có cơn gió lạnh thổi đến, da thịt sinh ra trở lại, giây lát chúng sống lại, đứng dậy, tự mình có ý tưởng rằng: 'Ta nay đã sống lại.' Chúng sanh khác nói: 'Ta có ý tưởng ngươi đang sống.' Vì sự tưởng này cho nên gọi là địa ngục Tưởng[12].

"Lại nữa, chúng sanh ở trong địa ngục Tưởng này, lúc nào cũng nghĩ đến sự độc hại, phá hại lẫn nhau. Tay họ cầm một loại đao kiếm tự nhiên, vừa nhọn vừa bén, đâm chém lẫn nhau, lóc da xẻ thịt, bằm nát thân thể rớt xuống đất và họ tưởng mình đã chết, nhưng bỗng một cơn

---

10. Vô gián 無 間; Huyền Tráng, phiên âm: A-tỳ-chỉ 阿 毗 旨; Skt.: Avīci, Pāli: Mahāvici.

11. Thập lục tiểu ngục 十 六 小 獄; Huyền Tráng: thập lục tăng 十 六 增; Chân Đế: thập lục viên 十 六 園; Skt.: aṣṭau śoḍaṭsadāh. Danh sách theo bản Hán: Hắc sa 黑 沙 (cát đen), Phất (Phí) thỉ 沸 屎 (phân sôi), Ngũ bách đinh (năm trăm đinh) 五 百 釘, Cơ (đói) 飢, Khát 渴, Đồng phủ 銅 釜 (nồi đồng), Đa đồng phủ 多 銅 釜 (nhiều nồi đồng), Thạch ma 石 磨 (mài bằng đá), Nùng huyết 膿 血 (máu mủ), Lượng hỏa 量 火 (đống lửa), Hôi hà 灰 河 (sông tro), Thiết hoàn 鐵 丸 (hòn sắt), Cân phủ 斤 斧 (búa rìu), Sài lang 豺 狼 (chó sói), Kiếm thọ 劍 樹 (rừng cây bằng gươm), Hàn băng 寒 冰 (băng lạnh). *Câu-xaù luận* 11 (Kośa-kārikā iii 59): ngoài bốn cửa ngục lớn, mỗi cửa có bốn ngục nhỏ, danh sách, Huyền Tráng: Đường ôi 塘 煨 (Skt.: Kukūla), Thi phẩn 屍 糞 (Skt.: Kuṇapa), Phong nhẫn 鋒 刃 (Skt.: Kṣura), Liệt hà (Skt.: Vaitaraṇī). Trong đó, Phong nhẫn có ba: Đao nhẫn lộ 刀 刃 路 (Skt.: Kṣuramārga, hay Kṣuradhārāmārga), Kiếm diệp lâm 劍 葉 林 (Skt.: Asipattravana), Kiếm thích lâm 劍 刺 林 (Skt.: Ayahśalmalīvana).

12. Định nghĩa của *Câu-xá luận 11* (Kośa-kārikā iii 58): Đẳng hoạt (Saṃjīva), chúng sanh trong đó bị hành hạ cho đến chết, sau đó có ngọn gió mát thổi qua, chúng sống lại để tiếp tục chịu hình phạt.

gió lạnh thổi đến, da thịt sanh ra lại, làm cho họ sống lại đứng dậy, tự nghĩ và nói: 'Ta nay đã sống lại.' Chúng sanh khác nói: 'Ta cũng nghĩ là ngươi đã sống lại.' Vì lý do đó nên gọi là địa ngục Tưởng.

"Lại nữa, những chúng sanh ở trong địa ngục Tưởng đó, lúc nào cũng ôm trong lòng ý tưởng độc hại; chúng quấy phá lẫn nhau. Tay chúng cầm một loại đao kiếm tự nhiên[13], vừa nhọn vừa bén, đâm chém lẫn nhau, lóc da xẻ thịt, thân thể rã rời dưới đất, tưởng là đã chết, nhưng một cơn gió lạnh thổi đến, da thịt sanh ra lại, giây lát sống lại, đứng dậy, tự có ý tưởng rằng: 'Ta nay đã sống lại.' Chúng sanh khác nói: 'Ta có ý tưởng ngươi đang sống.' Vì lý do đó nên gọi là địa ngục Tưởng.

"Lại nữa, địa ngục Tưởng là nơi mà những chúng sanh lúc nào cũng ôm lòng độc hại, quấy phá lẫn nhau. Tay chúng cầm một loại đao kiếm, vừa nhọn vừa bén, đâm chém lẫn nhau, lóc da xẻ thịt và tưởng là đã chết, nhưng bỗng một cơn gió lạnh thổi đến, da thịt sanh ra lại, giây lát sống lại đứng dậy, tự có ý tưởng rằng: 'Ta nay đã sống lại.' Chúng sanh khác nói: 'Ta có ý tưởng ngươi đang sống.' Vì lý do đó nên gọi là địa ngục Tưởng.

"Lại nữa, địa ngục Tưởng là nơi mà những chúng sanh lúc nào cũng ôm ý tưởng độc hại, quấy phá lẫn nhau. Tay chúng cầm một loại dao bóng dầu[14], vừa nhọn vừa bén, đâm chém lẫn nhau, lóc da xẻ thịt, tưởng là đã chết, nhưng bỗng một cơn gió lạnh thổi đến, da thịt sanh ra lại, giây lát sống lại, đứng dậy, tự có ý tưởng rằng: 'Ta nay đã sống lại.' Chúng sanh khác nói: 'Ta có ý tưởng ngươi đang sống.' Vì lý do đó nên gọi là địa ngục Tưởng.

"Lại nữa, địa ngục Tưởng là nơi mà những chúng sanh lúc nào cũng ôm ý tưởng độc hại, quấy phá lẫn nhau. Tay chúng cầm một loại dao nhỏ, vừa nhọn vừa bén, đâm chém lẫn nhau, lóc da xẻ thịt, tưởng là đã chết, nhưng bỗng một cơn gió lạnh thổi đến, da thịt sanh ra lại, giây lát sống lại, đứng dậy, tự mình có ý tưởng rằng: 'Ta nay đã sống lại.' Chúng sanh khác nói: 'Ta có ý tưởng ngươi đang sống.' Vì lý do đó nên gọi là địa ngục Tưởng.

"Những chúng sanh ở trong đó, sau khi chịu khổ lâu, ra khỏi địa ngục Tưởng, hoảng hốt chạy càn để tự cứu mình. Nhưng vì tội quá khứ

---

13. Tự nhiên đao kiếm 自然刀劍.

14. Du ảnh đao 油影刀.

lôi kéo, nên bất ngờ lại đến địa ngục Hắc sa. Bấy giờ, có một cơn gió nóng dữ dội bốc lên, thổi cát đen nóng dính vào thân nó, khiến toàn thân đều đen, giống như đám mây đen. Cát nóng đốt da, hết thịt, vào tận xương. Sau đó, trong thân tội nhân có một ngọn lửa đen bộc phát, đốt cháy quanh thân rồi vào bên trong, chịu các khổ não, bị thiêu nướng, cháy nám. Vì nhân duyên tội, nên chịu khổ báo này. Nhưng vì tội chưa hết, nên khiến cho tội nhân không chết được.

"Sau một thời gian, chịu khổ khá lâu ở trong đó, nó ra khỏi địa ngục Hắc sa, hoảng hốt chạy càn, để tự cứu mình. Nhưng vì tội quá khứ lôi kéo, nên bất ngờ lại đến địa ngục Phất thỉ. Trong địa ngục này có những hòn sắt là phân sôi tự nhiên đầy dẫy trước mặt, đuổi bức tội nhân phải ôm hòn sắt nóng, đốt cháy thân và tay, đến đầu và mặt tội nhân; không đâu là không bị đốt cháy; lại khiến cho tội nhân bốc hòn sắt bỏ vào miệng, đốt cháy cả môi, lưỡi, từ yết hầu đến bụng, từ trên đến dưới đều bị cháy tiêu hết. Có một loài trùng mỏ sắt ăn da thịt, tận cả xương tủy, đau đớn nhức nhối, lo sợ vô cùng. Nhưng vì tội chưa hết, nên khiến cho tội nhân không chết được.

"Sau một thời gian, chịu khổ lâu ở trong địa ngục Phất thỉ, tội nhân ra khỏi địa ngục này, hoảng hốt chạy càn, để tự cứu mình, không ngờ lại đến địa ngục Thiết đinh[15]. Sau khi đã vào đó, ngục tốt đánh tội nhân cho té xuống, nằm mọp trên sắt nóng, căng thẳng thân thể nó ra, dùng đinh đóng tay, đóng chân, đóng vào tim. Toàn thân bị đóng hết thảy năm trăm cái đinh. Nó đau đớn nhức nhối, kêu la rên xiết. Nhưng vì tội chưa hết, nên khiến cho tội nhân không chết được.

"Sau một thời gian, chịu khổ lâu, tội nhân ra khỏi địa ngục Thiết đinh, hoảng hốt chạy càn, để tự cứu mình, không ngờ lại đến địa ngục Cơ. Ngục tốt đến hỏi: 'Các người đến đây muốn điều gì?' Tội nhân đáp: 'Tôi đói quá.' Tức thì ngục tốt bắt tội nhân quăng lên bàn sắt nóng, căng thân thể ra, dùng móc câu cạy miệng cho mở ra, rồi lấy hòn sắt nóng bỏ vào trong miệng, đốt cháy môi lưỡi, từ cổ cho đến bụng, chạy tuốt xuống dưới, không chỗ nào không đốt cháy, đau rát nhức nhối, khóc la rên xiết. Nhưng vì tội chưa hết, nên khiến cho tội nhân không chết được.

"Sau một thời gian, chịu khổ lâu, tội nhân ra khỏi địa ngục Cơ, hoảng hốt chạy càn, để tự cứu mình, không ngờ lại đến địa ngục Khát.

---

15. Thiết đinh 鐵釘, đinh sắt; trên kia nói là Ngũ bách đinh. Xem cht.184.

Ngục tốt liền hỏi: 'Các ngươi đến đây, muốn cầu điều gì?' Tội nhân đáp: 'Tôi khát quá.' Ngục tốt liền bắt tội nhân quăng lên bàn sắt nóng, căng thân thể ra rồi dùng móc câu cạy miệng tội nhân ra, lấy nước đồng sôi rót vào trong miệng đốt cháy môi, lưỡi, từ cổ cho đến bụng, suốt từ trên xuống dưới, không chỗ nào không đốt cháy, đau rát nhức nhối, khóc la rên xiết. Nhưng vì tội chưa hết, nên khiến cho tội nhân không chết được.

"Sau một thời gian, chịu khổ lâu, tội nhân ra khỏi địa ngục Khát, hoảng hốt chạy càn, để tự cứu mình, không ngờ lại đến địa ngục một Đồng phúc[16]. Ngục tốt trợn mắt giận dữ, nắm chân tội nhân ném vào trong vạc đồng, theo nước sôi sùng sục, trồi lên hụp xuống, từ đáy đến miệng, rồi từ miệng cho đến đáy, hoặc ở giữa vạc, cả thân thể bị nấu nhừ. Cũng như nấu đậu, hạt đậu tùy theo nước sôi, trào lên lộn xuống, các hạt đậu cả trong ngoài đều được nấu nhừ. Tội nhân trồi lên sụp xuống trong vạc dầu sôi cũng như vậy. Kêu gào bi thảm, hàng vạn độc hại cùng đến; nhưng vì tội chưa hết, nên khiến cho tội nhân không chết được.

"Sau một thời gian, chịu khổ lâu, tội nhân ra khỏi địa ngục một Đồng phúc, hoảng hốt chạy càn, để tự cứu mình, nhưng bị tội đời trước lôi kéo, bất ngờ lại rơi vào địa ngục Đa đồng phúc. Địa ngục này ngang dọc năm trăm do-tuần. Ngục tốt trợn mắt giận dữ, nắm chân tội nhân ném vào trong vạc đồng, theo nước sôi sùng sục, trồi lên hụp xuống, từ đáy đến miệng, rồi từ miệng cho đến đáy, hoặc ở giữa vạc, cả thân thể bị nấu nhừ. Cũng như nấu đậu, hạt đậu tùy theo nước sôi, trào lên lộn xuống, các hạt đậu cả trong ngoài đều được nấu nhừ. Tội nhân trồi lên sụp xuống trong vạc dầu sôi cũng như vậy, tùy theo nước sôi mà trồi lên sụp xuống, từ miệng vạc cho đến đáy vạc, rồi từ đáy cho đến miệng, hoặc tay chân nổi lên, hoặc lưng bụng nổi lên, hoặc đầu mặt nổi lên. Ngục tốt dùng lưỡi câu móc để trong vạc đồng khác. Nó kêu khóc thảm thiết, đau đớn nhức nhối. Nhưng vì tội chưa hết, nên khiến cho tội nhân không chết được.

"Sau một thời gian, chịu khổ lâu, tội nhân ra khỏi địa ngục Đa đồng phúc, hoảng hốt chạy càn, để tự cứu mình, nhưng bị tội đời trước lôi kéo, không ngờ lại rơi vào địa ngục Thạch ma. Địa ngục này ngang dọc năm trăm do-tuần. Ngục tốt thịnh nộ, bắt tội nhân quăng lên tảng

---

16. Đồng phúc 銅鍑; trên kia dịch là Đồng phủ, cùng nghĩa. Xem cht.184.

đá nóng, căng tay chân ra, dùng đá tảng nóng lớn đè trên thân tội nhân, mài tới mài lui làm cho xương nát vụn, máu mủ chảy ra, đau đớn nhức nhối, khóc la thảm thiết. Nhưng vì tội chưa hết, nên khiến cho tội nhân không chết được.

"Sau một thời gian, chịu khổ lâu, tội nhân ra khỏi địa ngục Thạch ma, hoảng hốt chạy càn, để tự cứu mình, nhưng bị tội đời trước lôi kéo, không ngờ lại rơi vào địa ngục Nùng huyết. Địa ngục này ngang dọc năm trăm do-tuần. Trong địa ngục này tự nhiên có máu mủ nóng sôi sục trào vọt. Tội nhân ở trong đó chạy Đông, chạy Tây, bị máu mủ sôi nóng luộc chín toàn thân, đầu, mặt, tay, chân, tất cả đều nát nhừ. Tội nhân còn phải ăn máu mủ nóng, miệng, môi đều bị bỏng, từ cổ cho đến bụng, suốt trên xuống dưới không chỗ nào không nát nhừ, đau đớn nhức nhối, không thể chịu nổi. Nhưng vì tội chưa hết, nên khiến cho tội nhân không chết được.

"Sau một thời gian, chịu khổ lâu, tội nhân ra khỏi địa ngục Nùng huyết, hoảng hốt chạy càn, để tự cứu mình, nhưng bị tội đời trước lôi kéo, không ngờ lại rơi vào địa ngục Lượng hỏa. Địa ngục này ngang dọc năm trăm do-tuần. Trong địa ngục này có một đống lửa lớn, tự nhiên xuất hiện trước mặt, lửa cháy hừng hực. Ngục tốt hung dữ, bắt tội nhân tay cầm cái đấu bằng sắt, để đong đống lửa ấy. Khi họ đong lửa, thì lửa đốt cháy tay chân và cả toàn thân, họ đau đớn vô cùng, kêu la thảm thiết. Nhưng vì tội chưa hết, nên khiến cho tội nhân không chết được.

"Sau một thời gian, chịu khổ lâu, tội nhân ra khỏi địa ngục Lượng hỏa, hoảng hốt chạy càn, để tự cứu mình, nhưng bị tội đời trước lôi kéo, không ngờ lại rơi vào địa ngục Hôi hà. Địa ngục này ngang dọc năm trăm do-tuần, sâu năm trăm do-tuần. Tro sôi sùng sục, độc khí xông lên phừng phực, các dòng xoáy vỗ nhau, âm vang thật đáng sợ, từ đáy lên bên trên có gai sắt dọc ngang với mũi nhọn dài tám tấc. Bên bờ sông lại có một loại dao kiếm dài, có cả ngục tốt, sài lang. Hai bên bờ sông mọc những đao kiếm dài, nhánh, lá, hoa, trái đều là đao kiếm, vừa nhọn vừa bén, cỡ tám tấc, đứng bên là những ngục tốt, sài lang. Trên bờ sông có rừng mà cây là gươm với cành, lá, hoa, trái đều là đao kiếm, mũi nhọn tám tấc. Tội nhân vào trong sông, tùy theo lượn sóng lên xuống, mà trồi lên hụp xuống. Toàn thân đều bị gai sắt đâm thủng từ trong ra ngoài, da thịt nát bét, máu mủ dầm dề, đau đớn muôn chiều, kêu la thảm thiết. Nhưng vì tội chưa hết, nên khiến cho tội nhân không

chết được.

"Sau một thời gian chịu khổ lâu, tội nhân ra khỏi địa ngục Hôi hà, lên được trên bờ, nhưng ở trên bờ lại có nhiều gươm giáo sắc bén đâm thủng toàn thân, tay chân bị thương tổn. Bấy giờ quỷ sứ hỏi tội nhân: 'Các ngươi đến đây muốn cầu điều chi? Tội nhân đáp: 'Chúng tôi đói quá.' Ngục tốt liền bắt tội nhân quăng lên sắt nóng, căng thân thể ra rồi dùng móc câu cạy miệng tội nhân ra, lấy nước đồng sôi rót vào, cháy bỏng môi, lưỡi, từ cổ đến bụng, suốt trên xuống dưới, không chỗ nào không rục. Lại có loài lang sói răng nanh vừa dài vừa bén đến cắn tội nhân, ăn thịt khi tội nhân đang sống. Rồi thì, tội nhân bị sông tro đun nấu, bị gai nhọn đâm thủng, bị rót nước đồng sôi vào miệng và bị sài lang ăn thịt xong, thì lại leo lên rừng kiếm; khi leo lên rừng kiếm thì bị đao kiếm chỉa xuống; khi tuột xuống rừng kiếm thì bị đao kiếm chỉa lên, khi tay nắm thì cụt tay, chân dẫm lên thì cụt chân; mũi nhọn đâm thủng toàn thân từ trong ra ngoài, da thịt rơi xuống, máu mủ đầm đìa, chỉ còn xương trắng, gân cốt liên kết với nhau. Bấy giờ, trên cây kiếm có một loại quạ mỏ sắt đến mổ nát đầu và xương để ăn não của tội nhân. Nó đau đớn nhức nhối kêu la thảm thiết. Nhưng vì tội chưa hết, nên khiến cho tội nhân không chết được, lại bị trở lại địa ngục Hôi hà. Tội nhân này theo lượn sóng lên xuống, mà trồi lên sụp xuống, gươm giáo đâm thủng toàn thân trong ngoài, da thịt tan nát, máu mủ đầm đìa, chỉ còn xương trắng trôi nổi bên ngoài. Bấy giờ, có một cơn gió lạnh thổi đến làm cho da thịt phục hồi, giây lát nó đứng dậy đi, hoảng hốt chạy càn, để tự cứu mình, nhưng vì tội quá khứ lôi kéo, tội nhân lại không ngờ sa vào địa ngục Thiết hoàn. Địa ngục này ngang dọc năm trăm do-tuần. Khi tội nhân vào đây, thì tự nhiên có những hòn sắt nóng hiện ra trước mặt. Ngục quỷ cưỡng bức tội nhân nắm bắt, tay chân rã rời, toàn thân lửa đốt, đau đớn kêu la thảm, muôn vàn khổ độc dồn đến chết. Nhưng vì tội chưa hết, nên khiến cho tội nhân không chết được.

"Sau một thời gian chịu khổ lâu, tội nhân ra khỏi địa ngục Thiết hoàn, hoảng hốt chạy càn, để tự cứu mình; nhưng vì bị tội quá khứ lôi kéo, tội nhân bất ngờ lại sa vào địa ngục Cân phủ. Địa ngục này ngang dọc năm trăm do-tuần. Khi tội nhân vào địa ngục này, ngục tốt hung dữ, bắt tội nhân để trên bàn sắt nóng, dùng búa rìu bằng sắt nóng chặt thân thể, tay, chân, cắt tai, xẻo mũi, làm cho đau đớn nhức nhối, kêu la thảm thiết; nhưng vì tội chưa hết, nên họ không chết được.

"Sau một thời gian chịu khổ lâu, tội nhân ra khỏi địa ngục Cân phủ, hoảng hốt chạy càn, để tự cứu mình; nhưng vì bị tội quá khứ lôi kéo, tội nhân không ngờ lại sa vào địa ngục Sài lang. Địa ngục này ngang dọc năm trăm do-tuần. Khi tội nhân vào địa ngục này, thì có bầy lang sói tranh nhau cắn xé tội nhân, làm cho da thịt nhầy nhụa, xương gãy, thịt rơi, máu chảy đầm đìa, làm đau đớn muôn vàn, kêu la thảm thiết; nhưng vì tội cũ chưa hết, nên họ không chết được.

"Sau một thời gian chịu khổ lâu, tội nhân ra khỏi địa ngục Sài lang, hoảng hốt chạy càn, mong cầu cứu hộ; nhưng vì bị tội quá khứ lôi kéo, tội nhân bất ngờ lại sa vào địa ngục Kiếm thọ. Địa ngục này ngang dọc năm trăm do-tuần. Khi tội nhân vào địa ngục này, thì có một cơn gió mãnh liệt, thổi lá cây bằng gươm dao rớt trên thân thể tội nhân, hễ chạm vào tay thì cụt tay, dính vào chân thì cụt chân, thân thể, đầu mặt không đâu là không bị thương hoại. Có một loại quạ mỏ sắt, đứng trên đầu mổ đôi mắt tội nhân, làm cho đau đớn muôn vàn, kêu la thảm thiết; nhưng vì tội cũ chưa hết, nên không chết được.

"Sau một thời gian chịu khổ lâu, tội nhân ra khỏi địa ngục Kiếm thọ, hoảng hốt chạy càn, mong cầu cứu hộ; nhưng vì bị tội quá khứ lôi kéo, tội nhân bất ngờ lại sa vào địa ngục Hàn băng. Địa ngục này ngang dọc năm trăm do-tuần. Khi tội nhân vào địa ngục này, thì có một cơn gió lạnh buốt, thổi đến làm cho thân thể bị lạnh cóng, máu huyết đông đặc, da thịt nứt nẻ, rớt ra từng mảnh, làm họ đau đớn vô cùng, kêu la thảm thiết. Sau đó thì mạng chung."

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Địa ngục lớn Hắc thằng có mười sáu địa ngục nhỏ bao bọc chung quanh, mỗi địa ngục ngang dọc năm trăm do-tuần. Vì sao gọi là địa ngục Hắc thằng? Vì ở đó các ngục tốt bắt tội nhân quăng lên bàn sắt nóng, căng thân hình ra rồi dùng sợi dây sắt kéo ra cho thẳng, rồi dùng búa bằng sắt nóng xẻ theo đường sợi dây, xẻ tội nhân kia thành trăm ngàn đoạn. Giống như thợ mộc dùng dây kẻ vào cây rồi dùng búa bén theo đường mực mà bổ ra thành trăm ngàn đoạn, thì cách hành hạ tội nhân ở đây cũng như vậy, đau đớn vô cùng, không thể diễn tả hết được. Nhưng vì tội cũ chưa hết, nên tội nhân không thể chết được. Vì thế nên gọi là địa ngục Hắc thằng.

"Lại nữa, ngục tốt ở địa ngục Hắc thằng bắt tội nhân quăng lên bàn sắt nóng, căng thân hình ra, dùng dây sắt nóng kéo ra cho thẳng, dùng cưa để cưa tội nhân. Giống như người thợ mộc dùng dây mực kẻ

trên thân cây, rồi dùng cưa để cưa cây, thì cách hành hạ tội nhân ở đây cũng như vậy, đau đớn vô cùng, không thể diễn tả hết được. Nhưng vì tội cũ chưa hết, nên tội nhân không thể chết được. Vì thế gọi là địa ngục Hắc thằng.

"Lại nữa, ngục tốt ở địa ngục Hắc thằng bắt tội nhân quăng lên bàn sắt nóng, căng thân thể ra, dùng dây sắt nóng để trên thân tội nhân, làm cho da thịt bị thiêu đốt, tiêu xương chảy tủy đau đớn vô cùng, không thể diễn tả hết được. Nhưng vì tội cũ chưa hết, nên tội nhân không thể chết được. Vì thế gọi là địa ngục Hắc thằng.

"Lại nữa, ngục tốt ở địa ngục Hắc thằng dùng vô số dây sắt nóng treo ngang, rồi bắt tội nhân đi giữa những sợi dây này, lúc đó lại có cơn gió lốc nổi lên, thổi những sợi dây sắt nóng quấn vào thân, đốt cháy da thịt, tiêu xương chảy tủy đau đớn vô cùng, không thể diễn tả hết được. Nhưng vì tội cũ chưa hết, nên tội nhân không thể chết được. Vì thế gọi là địa ngục Hắc thằng.

"Lại nữa, ngục tốt ở trong địa ngục Hắc thằng buộc tội nhân mặc áo bằng dây sắt nóng, đốt cháy da thịt, tiêu xương chảy tủy đau đớn vô cùng, không thể diễn tả hết được. Nhưng vì tội cũ chưa hết, nên tội nhân không thể chết được. Vì thế gọi là địa ngục Hắc thằng.

"Sau thời gian chịu khổ lâu, tội nhân ra khỏi địa ngục Hắc thằng, hoảng hốt chạy càn, mong cầu cứu hộ; nhưng vì bị tội quá khứ lôi kéo, tội nhân bất ngờ lại sa vào địa ngục Hắc sa... cho đến địa ngục Hàn băng. Sau đó thì tội nhân mạng chung."

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Địa ngục lớn Đôi áp có mười sáu địa ngục nhỏ bao bọc chung quanh; mỗi ngục nhỏ ngang dọc năm trăm do-tuần. Vì sao gọi là địa ngục Đôi áp? Vì trong ngục đó có núi đá lớn, từng cặp đối nhau. Khi tội nhân vào giữa thì hai hòn núi tự nhiên khép lại, ép thân thể tội nhân, xương thịt nát vụn, xong rồi trở lại vị trí cũ, giống như hai thanh củi cọ vào nhau, khi cọ xong dang ra, thì cách trị tội nhân của địa ngục này cũng như vậy, đau đớn vô cùng, không thể diễn tả hết được. Nhưng vì tội cũ chưa hết, nên tội nhân không thể chết được. Vì vậy nên gọi là địa ngục Đôi áp.

"Lại nữa, ở địa ngục Đôi áp, có voi sắt lớn, toàn thân bốc lửa, vừa kêu rống, vừa chạy đến dày xéo thân thể tội nhân, dẫm đi dẫm lại, làm cho thân thể bị nghiền nát, máu mủ tuôn chảy, đau đớn muôn vàn, kêu

la thảm thiết. Nhưng vì tội cũ chưa hết, nên tội nhân không thể chết được. Vì vậy nên gọi là địa ngục Đôi áp.

"Lại nữa, các ngục tốt ở địa ngục Đôi áp, bắt tội nhân đặt lên bàn đá mài, rồi lấy đá mài mà mài, làm cho xương thịt vụn nát, máu mủ chảy dầm dề, đau đớn vô cùng, kêu la thảm thiết. Nhưng vì tội cũ chưa hết, nên tội nhân không thể chết được. Vì vậy nên gọi là địa ngục Đôi áp.

"Lại nữa, các ngục tốt ở địa ngục Đôi áp, bắt tội nhân nằm trên tảng đá lớn, rồi lấy một tảng đá khác đè lên, làm cho xương thịt vụn nát, máu mủ chảy đầm đìa, đau đớn nhức nhối, kêu la thảm thiết. Nhưng vì tội cũ chưa hết, nên tội nhân không thể chết được. Vì vậy nên gọi là địa ngục Đôi áp.

"Lại nữa, các ngục tốt ở địa ngục Đôi áp, bắt tội nhân nằm trong các cối sắt, rồi dùng chày sắt để giã tội nhân, từ đầu đến chân, làm cho xương thịt vụn nát, máu mủ chảy đầm đìa, đau đớn nhức nhối, kêu la thảm thiết. Nhưng vì tội cũ chưa hết, nên tội nhân không thể chết được. Vì vậy nên gọi là địa ngục Đôi áp.

"Sau thời gian chịu khổ lâu, tội nhân ra khỏi địa ngục Đôi áp, hoảng hốt chạy càn, mong cầu cứu hộ; nhưng vì bị tội quá khứ lôi kéo, tội nhân bất ngờ lại sa vào địa ngục Hắc sa... cho đến địa ngục Hàn băng, rồi sau đó thì tội nhân mạng chung."

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Địa ngục lớn Khiếu hoán có mười sáu địa ngục nhỏ bao quanh; mỗi ngục nhỏ ngang dọc năm trăm do-tuần. Vì sao gọi là địa ngục Khiếu hoán? Vì các ngục tốt trong ngục này bắt tội nhân bỏ vào trong vạc lớn, với nước nóng sôi sục, nấu nhừ tội nhân, khiến chúng kêu la gào thét, đau đớn nhức nhối, muôn vàn độc hại. Nhưng vì tội cũ chưa hết, nên tội nhân không thể chết được. Vì vậy nên gọi là địa ngục Khiếu hoán.

"Lại nữa, ngục tốt ở địa ngục Khiếu hoán bắt tội nhân bỏ vào trong vò sắt lớn, dùng nước nóng sôi sục, nấu nhừ tội nhân, khiến chúng đau đớn vô cùng, kêu la thảm thiết. Nhưng vì tội cũ chưa hết, nên tội nhân không thể chết được. Vì vậy nên gọi là địa ngục Khiếu hoán.

"Lại nữa, ngục tốt ở địa ngục Khiếu hoán bắt tội nhân bỏ vào trong nồi sắt lớn, dùng nước nóng sôi sục, nấu nhừ tội nhân, khiến họ đau đớn vô cùng, kêu la thảm thiết. Nhưng vì tội cũ chưa hết, nên tội

nhân không thể chết được. Vì thế nên gọi là địa ngục Khiếu hoán.

"Lại nữa, ngục tốt ở địa ngục Khiếu hoán bắt tội nhân ném vào trong nồi nhỏ, dùng nước nóng sôi sục, nấu nhừ tội nhân, khiến chúng đau đớn vô cùng, kêu la thảm thiết. Nhưng vì tội cũ chưa hết, nên tội nhân không thể chết được. Vì vậy nên gọi là địa ngục Khiếu hoán.

"Lại nữa, ngục tốt ở địa ngục Khiếu hoán bắt tội nhân bỏ lên trên cái nồi hầm, hầm đi hầm lại, khiến cho kêu gào, la thét, đau đớn vô cùng. Nhưng vì tội cũ chưa hết, nên tội nhân không thể chết được. Vì vậy nên gọi là địa ngục Khiếu hoán.

"Sau thời gian chịu khổ lâu, tội nhân ra khỏi địa ngục này, hoảng hốt chạy càn, mong cầu cứu hộ; nhưng vì bị tội quá khứ lôi kéo, tội nhân không ngờ lại sa vào địa ngục Hắc sa... cho đến địa ngục Hàn băng và sau đó thì tội nhân mạng chung."

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Địa ngục Đại khiếu hoán lớn có mười sáu địa ngục nhỏ bao quanh; mỗi ngục nhỏ ngang dọc năm trăm do-tuần. Vì sao gọi là địa ngục Đại khiếu hoán? Vì các ngục tốt trong ngục này bắt tội nhân bỏ vào trong nồi sắt lớn, dùng nước nóng sôi sục, nấu nhừ tội nhân, khiến chúng kêu la gào thét, khóc lóc thảm thiết, đau đớn vô cùng. Nhưng vì tội cũ chưa hết, nên tội nhân không thể chết được. Vì vậy nên gọi là địa ngục Đại khiếu hoán.

"Lại nữa, ngục tốt ở địa ngục Đại khiếu hoán bắt tội nhân bỏ vào trong vò sắt lớn, dùng nước sôi sùng sục, nấu nhừ tội nhân, khiến họ đau đớn vô cùng. Nhưng vì tội cũ chưa hết, nên tội nhân không thể chết được. Vì vậy nên gọi là địa ngục Đại khiếu hoán.

"Lại nữa, ngục tốt ở địa ngục Đại khiếu hoán bắt tội nhân bỏ vào trong vạc sắt, dùng nước sôi sùng sục, nấu nhừ tội nhân, khiến chúng đau đớn vô cùng. Nhưng vì tội cũ chưa hết, nên tội nhân không thể chết được. Vì vậy nên gọi là địa ngục Đại khiếu hoán.

"Lại nữa, ngục tốt ở địa ngục Đại khiếu hoán bắt tội nhân bỏ vào trong nồi nhỏ, dùng nước sôi sùng sục, nấu nhừ tội nhân, khiến chúng đau đớn vô cùng. Nhưng vì tội cũ chưa hết, nên tội nhân không thể chết được. Vì vậy nên gọi là địa ngục Đại khiếu hoán.

"Lại nữa, ngục tốt ở địa ngục Đại khiếu hoán, bắt tội nhân ném lên trên chảo lớn, rồi trở qua trở lại tội nhân, khiến kêu la gào thét, kêu la lớn, đau đớn vô cùng. Nhưng vì tội cũ chưa hết, nên tội nhân không thể chết được. Vì vậy nên gọi là địa ngục Đại khiếu hoán.

"Sau thời gian chịu khổ lâu, tội nhân ra khỏi địa ngục này, hoảng hốt chạy càn, mong cầu cứu hộ; nhưng vì bị tội quá khứ lôi kéo, tội nhân bất ngờ lại sa vào địa ngục Hắc sa... cho đến địa ngục Hàn băng, rồi sau đó thì tội nhân mạng chung."

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Địa ngục lớn Thiêu chích, có mười sáu địa ngục nhỏ bao bọc chung quanh. Vì sao gọi là địa ngục lớn Thiêu chích? Vì các ngục tốt trong địa ngục đó bắt tội nhân vào trong thành sắt. Thành này bốc cháy, cả trong lẫn ngoài đều đỏ rực, thiêu nướng tội nhân, da thịt tiêu tan, đau đớn vô cùng kêu la thảm thiết. Nhưng vì tội cũ chưa hết, nên tội nhân không thể chết được. Vì vậy gọi là địa ngục Thiêu chích.

"Lại nữa, ngục tốt ở địa ngục này, bắt tội nhân bỏ vào trong nhà

sắt, rồi cho nhà này bốc cháy, trong ngoài đều đỏ rực, thiêu nướng tội nhân, da thịt tiêu tan, đau đớn vô cùng, kêu la thảm thiết. Nhưng vì tội cũ chưa hết, nên tội nhân không thể chết được. Vì vậy nên gọi là địa ngục Thiêu chích.

"Lại nữa, ngục tốt ở địa ngục này, bắt tội nhân bỏ vào trên lầu sắt, rồi cho lầu bốc cháy, trong ngoài đỏ rực, thiêu nướng tội nhân, da thịt tiêu tan, đau đớn vô cùng, kêu la thảm thiết. Nhưng vì tội cũ chưa hết, nên tội nhân không thể chết được. Vì vậy nên gọi là địa ngục Thiêu chích.

"Lại nữa, ngục tốt ở địa ngục này, bắt tội nhân bỏ vào trong lò gốm sắt lớn, rồi cho lò này cháy, trong ngoài đỏ rực, thiêu nướng tội nhân, da thịt tiêu tan, đau đớn vô cùng, kêu la thảm thiết. Nhưng vì tội cũ chưa hết, nên tội nhân không thể chết được. Vì vậy nên gọi là địa ngục Thiêu chích.

"Lại nữa, ngục tốt ở địa ngục này, bắt tội nhân bỏ vào trong nồi hầm lớn, rồi cho nồi này bốc cháy, trong ngoài đều đỏ rực, thiêu nướng tội nhân, da thịt tiêu tan, đau đớn vô cùng, kêu la thảm thiết. Nhưng vì tội cũ chưa hết, nên tội nhân không thể chết được. Vì vậy nên gọi là địa ngục Thiêu chích.

"Sau thời gian chịu khổ lâu, tội nhân ra khỏi địa ngục này, hoảng hốt chạy càn, mong cầu cứu hộ; nhưng vì bị tội quá khứ lôi kéo, tội nhân bất ngờ lại sa vào địa ngục Hắc sa... cho đến địa ngục Hàn băng và sau đó thì tội nhân mạng chung."

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Địa ngục Đại thiêu chích có mười sáu địa ngục nhỏ bao bọc chung quanh; mỗi ngục nhỏ ngang dọc năm trăm do-tuần. Vì sao gọi là địa ngục Đại thiêu chích? Vì các ngục tốt trong địa ngục này, bắt tội nhân vào trong thành sắt, rồi cho thành này bốc cháy, cả trong lẫn ngoài đều đỏ rực, thiêu nướng tội nhân, thiêu nướng nhiều lần, da thịt tiêu tan, đau đớn vô cùng, kêu la thảm thiết. Nhưng vì tội cũ chưa hết, nên tội nhân không thể chết được. Vì vậy nên gọi là địa ngục Đại thiêu chích.

"Lại nữa, ngục tốt ở địa ngục này, bắt tội nhân bỏ vào trong nhà sắt, rồi cho nhà này bốc cháy, trong ngoài đều đỏ rực, thiêu nướng tội nhân, thiêu nướng nhiều lần, da thịt tiêu tan, khiến họ đau đớn vô cùng, kêu la thảm thiết. Nhưng vì tội cũ chưa hết, nên tội nhân không thể

chết được. Vì vậy nên gọi là địa ngục Đại thiêu chích.

"Lại nữa, ngục tốt ở địa ngục này, bắt tội nhân bỏ vào trên lầu sắt, rồi cho lầu bốc cháy, trong ngoài đỏ rực, thiêu nướng tội nhân, thiêu nướng nhiều lần, da thịt tiêu tan, đau đớn vô cùng, kêu la thảm thiết. Nhưng vì tội cũ chưa hết, nên tội nhân không thể chết được. Vì vậy nên gọi là địa ngục Đại thiêu chích.

"Lại nữa, ngục tốt ở địa ngục này, bắt tội nhân bỏ vào trong lò gốm sắt lớn, rồi cho lò này bốc cháy, trong ngoài đều đỏ rực, thiêu nướng tội nhân, thiêu nướng nhiều lần, da thịt tiêu tan, đau đớn vô cùng, kêu la thảm thiết. Nhưng vì tội cũ chưa hết, nên tội nhân không thể chết được. Vì vậy nên gọi là địa ngục Đại thiêu chích.

"Lại nữa, ở địa ngục này, thiêu nướng nhiều lần, tự nhiên có hầm lửa lớn, lửa cháy phừng phừng, hai bên bờ hầm có núi lửa lớn. Các ngục tốt ở đây bắt tội nhân ghim vào trên chĩa sắt, rồi dựng đứng trong lửa đỏ, làm cho thân thể bị thiêu nướng, thiêu nướng nhiều lần, da thịt tiêu tan, đau đớn vô cùng, kêu la thảm thiết. Nhưng vì tội cũ chưa hết, nên tội nhân không thể chết được. Vì vậy nên gọi là địa ngục Đại thiêu chích.

"Sau thời gian chịu khổ lâu, tội nhân ra khỏi địa ngục này, hoảng hốt chạy càn, mong cầu cứu hộ; nhưng vì bị tội quá khứ lôi kéo, tội nhân bất ngờ lại sa vào địa ngục Hắc sa... cho đến địa ngục Hàn băng và sau đó thì tội nhân mạng chung."

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Địa ngục lớn Vô gián, có mười sáu địa ngục nhỏ bao bọc chung quanh, mỗi địa ngục ngang dọc năm trăm do-tuần. Vì sao gọi là địa ngục lớn Vô gián? Vì các ngục tốt trong địa ngục này, bắt tội nhân lột da từ đầu đến chân, rồi dùng da ấy cột thân tội nhân vào bánh xe lửa, rồi cho xe lửa chạy đi chạy lại trên nền sắt nóng, làm cho thân thể nát tan, da thịt rời ra từng mảnh, khiến đau đớn vô cùng kêu la thảm thiết. Nhưng vì tội cũ chưa hết, nên tội nhân không thể chết được. Vì vậy nên gọi là địa ngục Vô gián.

"Lại nữa, ở địa ngục này, có thành sắt lớn[1], bốn mặt thành lửa cháy dữ dội, ngọn lửa từ Đông lan sang Tây, ngọn lửa từ Tây lan sang Đông, ngọn lửa từ Nam lan đến Bắc, ngọn lửa từ Bắc lan đến Nam,

---

[1]. Đại thiết vi thành 大鐵圍城.

ngọn lửa từ trên lan xuống dưới, ngọn lửa từ dưới lan lên trên, lửa cháy vòng quanh, không có một chỗ nào trống. Tội nhân ở trong đây cứ chạy Đông chạy Tây, toàn thân bị thiêu nướng, da thịt cháy nám, đau đớn vô cùng, kêu la thảm thiết. Nhưng vì tội cũ chưa hết, nên tội nhân không thể chết được. Vì vậy nên gọi là địa ngục Vô gián.

"Lại nữa, ở địa ngục Vô gián này có thành bằng sắt, lửa cháy hừng hực, tội nhân bị lửa đốt thân, da thịt tiêu tan, đau đớn vô cùng, kêu la thảm thiết. Nhưng vì tội cũ chưa hết, nên tội nhân không thể chết được. Vì vậy nên gọi là địa ngục Vô gián.

"Lại nữa, tội nhân ở địa ngục Vô gián này, sau thời gian chịu khổ lâu, thì cửa mở và tội nhân liền chạy về hướng cửa mở, trong khi chạy thì các bộ phận của thân đều bốc lửa, cũng như chàng lực sĩ tay cầm bó đuốc lớn bằng cỏ, chạy ngược gió, lửa ấy cháy phừng phực, thì khi tội nhân chạy lửa cũng bộc phát như vậy. Khi chạy đến gần cửa, thì tự nhiên cửa khép lại. Tội nhân bò càng, nằm phục trên nền sắt nóng, toàn thân bị thiêu nướng, da thịt tiêu tan, đau đớn vô cùng, như muôn thứ độc cùng kéo đến một lúc. Nhưng vì tội cũ chưa hết, nên tội nhân không thể chết được. Vì vậy nên gọi là địa ngục Vô gián.

"Lại nữa, tội nhân ở địa ngục Vô gián này, những gì mà mắt thấy, chỉ thấy toàn là màu ác; những gì tai nghe, toàn là âm thanh ác; những gì mũi ngửi, toàn là mùi thối ác; những gì thân xúc chạm, toàn là những sự đau đớn; những gì ý nhớ, chỉ nghĩ điều ác. Lại nữa, tội nhân ở nơi đây, trong khoảnh khắc búng tay, không có một giây phút nào là không khổ. Vì vậy nên gọi là địa ngục Vô gián.

"Sau thời gian chịu khổ lâu, tội nhân ra khỏi địa ngục này, hoảng hốt chạy càn, mong cầu cứu hộ; nhưng vì bị tội quá khứ lôi kéo, tội nhân bất ngờ lại sa vào địa ngục Hắc sa... cho đến địa ngục Hàn băng lạnh và sau đó thì tội nhân mạng chung."

Bấy giờ Đức Thế Tôn liền nói bài kệ:

Thân làm nghiệp bất thiện,
Miệng, ý cũng bất thiện,
Đều vào địa ngục Tưởng,
Sợ hãi, lông dựng đứng.
Ý ác đối cha mẹ,
Phật và hàng Thanh văn,

Thì vào ngục Hắc thằng,
Khổ đau không thể tả.
Chỉ tạo ba nghiệp ác,
Không tu ba hạnh lành,
Thì vào ngục Đôi áp,
Khổ đau nào tả được.
Ôm lòng sân độc hại,
Sát sanh máu nhơ tay,
Tạo linh tinh hạnh ác,
Vào địa ngục Khiếu hoán.
Thường tạo những tà kiến,
Bị lưới ái phủ kín;
Tạo hạnh thấp hèn này,
Vào ngục Đại khiếu hoán.
Thường làm việc thiêu nướng,
Thiêu nướng các chúng sanh;
Sẽ vào ngục Thiêu chích,
Bị thiêu nướng luôn luôn.
Từ bỏ nghiệp thiện quả,
Quả thiện, đạo thanh tịnh;
Làm các hạnh tệ ác,
Vào ngục Đại thiêu chích.
Tạo tác tội cực nặng,
Tất sinh nghiệp đường ác;
Vào địa ngục Vô gián,
Chịu tội không thể tả.
Ngục Tưởng và Hắc thằng,
Đôi áp, hai Khiếu hoán;
Thiêu chích, Đại thiêu chích,
Vô gián là thứ tám.
Tám địa ngục lớn này,
Hoàn toàn rực màu lửa;
Tai họa do ác xưa,
Có mười sáu ngục nhỏ.

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Giữa hai ngọn núi Đại kim cương kia có cơn gió lớn trỗi lên, tên

là Tăng-khư[2]. Nếu như ngọn gió này thổi đến bốn châu thiên hạ và tám mươi ngàn thiên hạ khác, thì gió sẽ thổi đại địa này và các danh sơn cùng chúa Tu-di bay khỏi mặt đất từ mười dặm cho đến trăm dặm, tung lên bay liệng giữa trời; tất cả thảy đều vỡ vụn. Giống như tráng sĩ tay nắm một nắm trấu nhẹ tung lên giữa hư không. Dưới ngọn gió lớn kia, giả sử thổi vào thiên hạ này, cũng giống như vậy. Vì có hai ngọn núi Đại kim cương ngăn chận ngọn gió ấy, nên gió không đến được. Này Tỳ-kheo, nên biết, hai ngọn núi Đại kim cương này có rất nhiều lợi ích và cũng do nghiệp báo của chúng sanh chiêu cảm nên.

"Lại nữa, gió ở khoảng giữa hai núi này nóng hừng hực; nếu như gió này thổi đến bốn châu thiên hạ, thì những chúng sanh trong đó và những núi non, biển cả, sông ngòi, cây cối, rừng rậm đều sẽ bị cháy khô. Cũng như giữa cơn nắng mùa hè, cắt một nắm cỏ non để ngay dưới mặt trời, cỏ liền khô héo, thì ngọn gió kia cũng như vậy; nếu ngọn gió đó thổi đến thế giới này, thì sức nóng đó sẽ tiêu rụi tất cả. Vì có hai ngọn núi Kim cương này ngăn chận được ngọn gió đó, nên không thể đến đây được. Các Tỳ-kheo, nên biết, ngọn núi Kim cương này có rất nhiều lợi ích và cũng do nghiệp báo của chúng sanh chiêu cảm nên vậy.

"Lại nữa, gió giữa hai núi này hôi thối, bất tịnh, tanh tưởi nồng nặc; nếu như ngọn gió này thổi đến bốn châu thiên hạ này, thì sẽ xông lên làm cho chúng sanh bị mù lòa. Nhưng vì có hai núi Đại kim cương này ngăn chận nên ngọn gió ấy không thể đến được. Tỳ-kheo, nên biết, núi Kim cương này có rất nhiều lợi ích và cũng do nghiệp báo của chúng sanh chiêu cảm nên vậy.

"Lại nữa, giữa hai núi này lại có mười địa ngục[3]: một là Hậu vân, hai là Vô vân, ba là Ha ha, bốn là Nại hà, năm là Dương minh, sáu là Tu-càn-đề, bảy là Ưu-bát-la, tám là Câu-vật-đầu, chín là Phân-đà-ly, mười là Bát-đầu-ma. Vì sao gọi là địa ngục Hậu vân[4]? Vì tội nhân

---

2. Tăng-khư 增佉, trên kia âm là tăng-già 僧伽.

3. Mười địa ngục: Hậu vân 厚雲, Vô vân 無雲, Ha ha 呵哵, Nại hà 奈合, Dương minh 羊鳴, Tu-càn-đề 須乾提, Ưu-bát-la 優鉢羅, Câu-vật-đầu 拘物頭, Phân-đà-lỵ 分陀利, Bát-đầu-ma 鉢頭摩. So sánh tám ngục lạnh, *Câu-xá luận 11* (Kośa-kārikà 59c-d), Huyền Tráng: An-bộ-đà (Skt.: Arbuda), Ni-lạt-bộ-đà (Niratbuda), An-tích-tra (Aṭaṭa), Hoắc-hoắc-bà (Hahava), Hổ-hổ-bà (Huhuva), Ôn-bát-la (Utpala), Bát-đặc-ma (Padma). Xem các cht. tiếp theo.

4. Hậu vân: mây dày; Arbuda (Pāli: Abbuda) ở đây được đọc là ambuda (mây).

trong ngục này tự nhiên sinh ra thân thể như đám mây dày, cho nên gọi là Hậu vân. Vì sao gọi là Vô vân? Vì chúng sanh chịu tội trong ngục này, tự nhiên thân thể sinh ra như một cục thịt nên gọi là Vô vân[5]. Vì sao gọi là Ha ha? Vì chúng sanh chịu tội trong ngục này, thường thì thân thể đau đớn, rồi rên la 'ối ối!', nên gọi là Ha ha. Vì sao gọi là Nại hà? Vì chúng sanh chịu tội trong ngục này, thường thân thể đau khổ vô cùng, không có nơi nương tựa, nên thốt lên 'Sao bây giờ!', nên gọi là Nại hà! Vì sao gọi là Dương minh? Vì chúng sanh chịu tội trong ngục này, thường thân thể, đau đớn vô cùng, muốn thốt lên lời nhưng lưỡi không cử động được, chỉ giống như dê kêu, nên gọi là Dương minh. Vì sao gọi là Tu-càn-đề[6]? Vì trong ngục này chỉ toàn là màu đen, cũng như màu hoa Tu-càn-đề, nên gọi là Tu-càn-đề. Vì sao gọi là Ưu-bát-la? Vì trong ngục này chỉ toàn là màu xanh, như màu hoa Ưu-bát-la, nên gọi là Ưu-bát-la. Vì sao gọi là Câu-vật-đầu? Vì trong ngục này toàn là màu hồng, như màu hoa Câu-vật-đầu, nên gọi là Câu-vật-đầu. Vì sao gọi là Phân-đà-lỵ? Vì trong ngục này toàn là màu trắng, như màu hoa Phân-đà-lỵ, nên gọi là Phân-đà-lỵ. Vì sao gọi là Bát-đầu-ma? Vì trong ngục này toàn là màu đỏ, cũng như màu hoa Bát-đầu-ma, nên gọi là Bát-đầu-ma."

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Thí dụ[7] như có một cái thùng có sáu mươi bốn hộc, mỗi hộc đựng đầy hạt mè và có một người cứ một trăm năm lấy đi một hột, như vậy cho đến hết. Thời gian này vẫn chưa bằng thời gian chịu tội trong địa ngục Hậu vân. Chúng sanh hai mươi tuổi ở địa ngục Hậu vân bằng một tuổi ở địa ngục Vô vân; chúng sanh hai mươi tuổi ở địa ngục Vô vân bằng chúng sanh một tuổi ở địa ngục Ha ha; chúng sanh hai mươi tuổi ở địa ngục Ha ha, bằng chúng sanh một tuổi ở địa ngục Nại hà; chúng sanh hai mươi tuổi ở địa ngục Nại hà, bằng chúng sanh một tuổi ở địa ngục Dương minh; chúng sanh hai mươi tuổi ở địa ngục Dương minh

---

5. Vô vân: không mây; Skt.: Nirambuda, thay vì Nirarbuda; xem cht.19.

6. Tu-càn-đề, Skt.; Pāli: Sugandha (hoặc Sugandhi).

7. Tham chiếu, *Câu-xá luận 11* (Huyền Tráng), Kośa-kārikā iii. 84: Lượng một *vāha* mè (Huyền Tráng: ma-bà-ha) của nước Magadha là 20 khār (Huyền Tráng: khư-lê) đựng đầy mè. Cứ một trăm năm lấy đi một hạt mè. Cho đến khi vāha mè hết nhưng tuổi thọ ở ngục lạnh Arbuda chưa hết. Hai mươi lần tuổi thọ của Arbuda bằng một lần tuổi Nirbuda.

bằng một tuổi ở ngục Tu-càn-đề; chúng sanh hai mươi tuổi ở địa ngục Tu-càn-đề, bằng một tuổi ở địa ngục Ưu-bát-la; chúng sanh hai mươi tuổi ở địa ngục Ưu-bát-la, bằng một tuổi ở địa ngục Câu-vật-đầu; chúng sanh hai mươi tuổi ở địa ngục Câu-vật-đầu, bằng một tuổi ở địa ngục Phân-đà-lỵ; chúng sanh hai mươi tuổi ở địa ngục Phân-đà-lỵ, bằng một tuổi ở địa ngục Bát-đầu-ma; chúng sanh hai mươi tuổi ở địa ngục Bát-đầu-ma, thì gọi là một trung kiếp; hai mươi trung kiếp thì gọi là một đại kiếp.

"Trong địa ngục Bát-đầu-ma lửa cháy hừng hực, dù tội nhân còn cách ngọn lửa khoảng trăm do-tuần cũng đã bị lửa thiêu nướng; nếu cách tội nhân sáu mươi do-tuần, thì hai tai bị điếc, không còn nghe gì cả; nếu cách năm mươi do-tuần, thì đôi mắt bị mù lòa, không còn thấy gì cả. Tỳ-kheo Cù-ba-lê[8] dùng tâm độc ác, hủy báng Tôn giả Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên, nên sau khi mạng chung phải đọa vào địa ngục Bát-đầu-ma này."

Bấy giờ, vị Phạm vương[9] liền nói bài kệ:

Phàm con người ở đời,
Búa rìu từ cửa miệng;
Sở dĩ giết chết mình,
Là do lời nói độc.
Người đáng chê thì khen,
Người đáng khen thì chê;
Miệng làm theo nghiệp ác.
Thân phải chịu tội ấy.
Mánh lới cướp của cải,
Tội ấy cũng còn nhẹ;
Nếu hủy báng Thánh hiền,
Thì tội ấy rất nặng.
Vô vân, tuổi trăm ngàn,
Hậu vân, tuổi bốn mốt;
Hủy Thánh mắc tội này,

---

8. Cù-ba-lê 瞿波梨; Pāli: Kokālika (hoặc Kokāliya). Đề cập trong S. i. 149, A. v. 171.

9. Tài liệu Pāli, Kokālika là đệ tử của Tudu. Tỳ-kheo Tudu chuùng quả A-na-hàm roài taùi sinh lên thiên giôùi là vị Pacceka Brahamā (Phạm thiên độc hành). Chính Tudu khuyên Kokālika sám hối vì đã nói xấu hai vị Đại Tôn giả. Nhưng Kikālika không chịu, dù phải đọa địa ngục.

Do tâm, miệng làm ác.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Vị Phạm thiên đã nói bài kệ như vậy, đó là lời nói chân chánh, được Đức Phật ấn khả. Vì sao? Vì nay Ta là Đấng Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác, cũng nói ý nghĩa như vậy:

Phàm con người ở đời,
Búa rìu từ cửa miệng;
Sở dĩ giết chết mình,
Là do lời nói độc.
Người đáng chê thì khen,
Người đáng khen thì chê;
Miệng làm theo nghiệp ác.
Thân phải chịu tội ấy.
Mánh lới cướp của cải,
Tội ấy cũng còn nhẹ;
Nếu hủy báng Thánh hiền,
Thì tội ấy rất nặng.
Vô vân, tuổi trăm ngàn,
Hậu vân, tuổi bốn mốt;
Hủy Thánh mắc tội này,
Do tâm, miệng làm ác".

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Về phía Nam cõi Diêm-phù-đề, trong núi Đại kim cương có cung điện của vua Diêm-la, chỗ vua cai trị ngang dọc sáu ngàn do-tuần. Thành này có bảy lớp, với bảy lớp lan can, bảy lớp lưới, bảy lớp hàng cây và vô số các loài chim cùng nhau ca hót líu lo, cũng lại như vậy. Tại chỗ vua Diêm-la cai trị, ngày đêm ba thời đều có vạc đồng lớn, tự nhiên xuất hiện trước mặt. Nếu vạc đồng đã xuất hiện ở trong cung thì nhà vua cảm thấy sợ hãi, liền bỏ ra ngoài cung; nếu vạc đồng xuất hiện ngoài cung thì vua cảm thấy sợ hãi, liền bỏ vào trong cung. Có ngục tốt to lớn bắt vua Diêm-la nằm trên bàn sắt nóng, dùng móc sắt cạy miệng cho mở ra rồi rót nước đồng sôi vào, làm cháy bỏng môi, lưỡi từ cổ đến bụng, thông suốt xuống dưới, không chỗ nào không chín nhừ. Sau khi chịu tội xong, nhà vua cùng thể nữ vui đùa. Các vị đại thần ở đây lại cũng cùng hưởng phúc báo như vậy."

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Có ba vị sứ giả. Những gì là ba? Một là già, hai là bệnh, ba là chết. Nếu có chúng sanh nào thân làm ác, miệng nói lời ác, ý nghĩ điều ác, thì sau khi qua đời bị đọa vào địa ngục. Lúc này, ngục tốt dẫn tội nhân đến chỗ vua Diêm-la. Đến nơi rồi, thưa rằng: 'Đây là người Thiên sứ cho đòi. Vậy xin Đại vương hỏi cung hắn.' Vua Diêm-la hỏi người bị tội: 'Ngươi không thấy sứ giả thứ nhất sao?' Người bị tội đáp: 'Tôi không thấy.' Vua Diêm-la nói tiếp: 'Khi nhà ngươi còn ở trong loài người, có thấy người nào già nua, đầu bạc, răng rụng, mắt lờ, da thịt nhăn nheo, lưng còm chống gậy, rên rỉ mà đi, hay thân thể run rẩy, vì khí lực hao mòn; ngươi có thấy người này không?' Người bị tội đáp: 'Có thấy.' Vua Diêm-la nói tiếp: 'Tại sao ngươi không tự nghĩ rằng mình cũng sẽ như vậy?' Người kia đáp: 'Vì lúc đó tôi buông lung, không tự hay biết được.' Vua Diêm-la nói: 'Ngươi buông lung không tu tập thân, miệng và ý, bỏ ác mà làm lành. Nay Ta sẽ cho ngươi biết cái khổ của sự buông lung.' Vua lại nói tiếp: 'Nay ngươi phải chịu tội, không phải là lỗi của cha mẹ, không phải là lỗi của anh em, cũng không phải là lỗi của Thiên đế, cũng không phải là lỗi của tổ tiên, cũng không phải là lỗi của hàng tri thức, đầy tớ, sứ giả; cũng không phải là lỗi của Sa-môn, Bà-la-môn. Chính ngươi làm ác, nên chính ngươi phải chịu tội'.

"Bấy giờ, vua Diêm-la cho hỏi tội nhân về vị Thiên sứ thứ nhất xong, lại hỏi về Thiên sứ thứ hai: 'Thế nào, nhà ngươi có thấy vị Thiên sứ thứ hai không?' Đáp rằng: 'Không thấy.' Vua lại hỏi: 'Khi nhà ngươi còn ở trong loài người, ngươi có thấy kẻ bị bệnh tật, khốn đốn, nằm lăn lóc trên giường, thân thể lăn lộn trên phẩn dãi hôi thối, không thể đứng dậy được; cần phải có người đút cơm cho; đau nhức từng lóng xương, nước mắt chảy, rên rỉ, không thể nói năng được; ngươi có thấy người như thế chăng?' Tội nhân đáp: 'Có thấy.' Vua Diêm-la nói tiếp: 'Tại sao nhà ngươi không tự nghĩ: rồi đây ta cũng sẽ bị tai hoạn như vậy?' Tội nhân đáp: 'Vì khi ấy buông lung tôi không tự hay biết được.' Vua Diêm-la nói tiếp: 'Vì chính ngươi buông lung, nên không thể tu tập thân, miệng và ý, không bỏ việc ác mà làm điều lành. Nay ta sẽ cho ngươi biết thế nào là cái khổ của sự buông lung.' Vua lại nói: 'Nay ngươi phải chịu tội, không phải là lỗi của cha mẹ, không phải là lỗi của anh em, cũng không phải là lỗi của Thiên đế, cũng không phải là lỗi của tổ tiên, cũng không phải là lỗi của hàng tri thức, đầy tớ, sứ giả, cũng không phải là lỗi của Sa-môn, Bà-la-môn. Chính ngươi làm ác, nên chính ngươi phải chịu tội.'

"Khi vua Diêm-la hỏi người bị tội về Thiên sứ thứ hai xong, bấy giờ lại hỏi về Thiên sứ thứ ba: 'Thế nào, nhà ngươi không thấy vị Thiên sứ thứ ba chứ?' Đáp: 'Không thấy.' Vua Diêm-la hỏi tiếp: 'Khi còn làm người, ngươi có thấy người chết, thân hư hoại, mạng chung, các giác quan đều bị diệt hẳn, thân thể ngay đơ cũng như cây khô, vứt bỏ ngoài gò mả để cho cầm thú ăn thịt, hoặc để trong quan tài, hoặc dùng lửa thiêu đốt chăng?' Tội nhân đáp: 'Có thấy.' Vua Diêm-la nói tiếp: 'Tại sao nhà ngươi không tự nghĩ: rồi đây ta cũng sẽ bị chết như người đó không khác gì?' Người bị tội đáp: 'Vì khi ấy buông lung tôi không tự hay biết được.' Vua Diêm-la nói tiếp: 'Vì chính ngươi buông lung, nên không thể tu tập thân, miệng và ý, không cải đổi việc ác mà thực hành điều thiện. Nay ta sẽ cho ngươi biết thế nào là cái khổ của sự buông lung.' Vua lại nói: 'Nay ngươi phải chịu tội, không phải là lỗi của cha mẹ, không phải là lỗi của anh em, cũng không phải là lỗi của Thiên đế, cũng không phải là lỗi của tổ tiên, cũng không phải là lỗi của hàng tri thức, đầy tớ, sứ giả, cũng không phải là lỗi của Sa-môn, Bà-la-môn. Chính ngươi làm ác, nên chính ngươi phải chịu tội.' Bấy giờ, vua Diêm-la hỏi về Thiên sứ thứ ba xong, bèn giao lại cho ngục tốt. Khi đó ngục tốt liền dẫn đến địa ngục lớn. Địa ngục lớn này ngang dọc một trăm do-tuần, sâu một trăm do-tuần."

Bấy giờ Đức Thế Tôn liền nói bài kệ:

Bốn hướng có bốn cửa,
Ngõ ngách đều như nhau;
Dùng sắt làm tường ngục,
Trên che võng lưới sắt;
Dùng sắt làm nền ngục,
Tự nhiên lửa bốc cháy;
Ngang dọc trăm do-tuần,
Đứng yên không lay động.
Lửa đen phừng phực cháy,
Dữ dội khó mà nhìn;
Có mười sáu ngục nhỏ,
Lửa cháy do ác hạnh.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Khi ấy vua Diêm-la tự nghĩ: 'Chúng sanh ở thế gian, vì mê lầm không ý thức, nên thân làm ác, miệng nói lời ác, ý nghĩ điều ác. Do đó sau khi lâm chung, ít có ai không chịu khổ này. Nếu như những

chúng sanh ở thế gian, sửa đổi điều ác, sửa thân, miệng, ý để thực hành theo điều lành, thì sau khi lâm chung sẽ được an vui như hàng chư Thiên vậy. Sau khi ta lâm chung được sinh vào trong cõi người, nếu gặp được Đức Như Lai, thì sẽ ở trong Chánh pháp, cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia tu đạo, đem lòng tin trong sạch để tu hành Phạm hạnh thanh tịnh. Những điều cần làm đã làm xong, đã đoạn trừ sanh tử, tự mình tác chứng ngay trong hiện tại, không còn tái sinh'."

Bấy giờ, Đức Thế Tôn đọc bài kệ:

Tuy là thấy Thiên sứ,
Nhưng vẫn còn buông lung;
Người ấy thường âu lo,
Sanh vào nơi ti tiện.
Nếu người có trí tuệ,
Khi gặp thấy Thiên sứ,
Gần gũi pháp Hiền thánh,
Mà không còn buông lung.
Thấy thụ sinh mà sợ,
Do sanh, già, bệnh, chết.
Không thụ sinh, giải thoát,
Hết sanh, già, bệnh, chết.
Người đó được an ổn.
Hiện tại chứng vô vi,
Đã vượt qua lo sợ,
Chắc chắn nhập Niết-bàn.

Phẩm 5: LONG ĐIỂU

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Có bốn loại rồng[1]. Những gì là bốn? Một, sanh ra từ trứng; hai, sanh ra từ bào thai; ba, sanh ra từ nơi ẩm thấp; bốn, sanh ra từ hóa sinh. Đó là bốn loại rồng.

"Có bốn loại Kim sí điểu[2]. Những gì là bốn? Một, sinh ra từ trứng; hai, sinh ra từ bào thai; ba, sinh ra từ nơi ẩm thấp; bốn, sinh ra từ hóa sinh. Đó là bốn loại Kim sí điểu.

"Ở dưới đáy nước đại dương có cung điện của vua rồng Ta-kiệt[3], ngang dọc là tám vạn do-tuần. Tường cung điện có bảy lớp với bảy lớp lan can, bảy lớp lưới, bảy lớp hàng cây, chung quanh trang hoàng bằng bảy thứ báu, ... cho đến vô số các loài chim cùng nhau ca hót líu lo, lại cũng như vậy.

"Giữa hai ngọn núi chúa Tu-di cùng núi Khư-đà-la[4] có hai cung điện của vua rồng Nan-đà và Bạt-nan-đà[5]. Mỗi cung điện ngang dọc sáu mươi do-tuần. Tường cung điện có bảy lớp với bảy lớp lan can, bảy lớp lưới, bảy lớp hàng cây, chung quanh trang hoàng bằng bảy thứ báu... cho đến, vô số các loài chim ca hót líu lo, lại cũng như vậy.

"Phía Bắc bờ đại dương có một cây lớn tên là Cứu-la-thiểm-ma-la[6]. Loại cây này cả vua rồng và Kim sí điểu cũng có, gốc cây to bảy

---

1. Long, nāga, rắn thần.

2. Kim sí điểu, chim cánh vàng; Pāli: garuḍa.

3. Sa-kiệt-la Long vương 娑竭羅龍王, Skt.: Sāgara-nāgarājan, loại rắn thần ở dưới biển.

4. Xem cht.55, phẩm 1, châu Diêm-phù-đề.

5. Nan-đà 難陀; Skt., Pāli: Nanda. Bạt-nan-đà 跋難陀; Skt., Pāli: Upananda. Hai anh em Long vương.

6. Cứu-la-thiểm-ma-la 究羅睒摩羅.

do-tuần, cao trăm do-tuần, tàn cây phủ chung quanh năm mươi do-tuần. Phía Đông của cây lớn này có cung điện của loài vua rồng sinh ra từ trứng và cung điện của loài Kim sí điểu sinh ra từ trứng. Mỗi cung điện ngang dọc là sáu ngàn do-tuần, tường của cung điện có bảy lớp, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới, bảy lớp hàng cây, chung quanh trang hoàng bằng bảy thứ báu, ... cho đến, vô số các loài chim ca hót líu lo, lại cũng như vậy.

"Phía Nam của cây lớn này có cung điện của loài vua rồng sinh ra từ thai và cung điện của loài Kim sí điểu sinh ra từ thai. Mỗi cung điện ngang dọc là sáu ngàn do-tuần; tường của cung điện có bảy lớp, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới, bảy lớp hàng cây, chung quanh trang hoàng bằng bảy thứ báu, ... cho đến, vô số các loài chim ca hót líu lo, lại cũng như vậy.

"Phía Tây của cây lớn này có cung điện của loài vua rồng sinh ra từ nơi ẩm thấp và cung điện của loài Kim sí điểu sinh ra từ nơi ẩm thấp. Mỗi cung điện ngang dọc sáu ngàn do-tuần; tường của cung điện có bảy lớp, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới, bảy lớp hàng cây, chung quanh trang hoàng bằng bảy thứ báu, ... cho đến, vô số các loài chim ca hót líu lo, lại cũng như vậy.

"Phía Bắc của cây lớn này có cung điện của loài vua rồng sinh ra từ hóa sinh và cung điện của loài Kim sí điểu sinh ra từ hóa sinh. Mỗi cung điện ngang dọc là sáu ngàn do-tuần; tường của cung điện có bảy lớp, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới, bảy lớp hàng cây, chung quanh trang hoàng bằng bảy thứ báu, ... cho đến, vô số các loài chim ca hót líu lo, lại cũng như vậy.

"Khi nào loài Kim sí điểu sinh ra từ trứng, nếu muốn bắt loài rồng để ăn, thì từ nhánh phía Đông của cây Cứu-la-thiểm-ma-la bay xuống, dùng đôi cánh quạt nước đại dương; khi nước rẽ ra hai bên rộng hai trăm do-tuần, mới bắt loài rồng cũng sinh ra từ trứng để ăn một cách tùy ý tự tại. Nhưng không thể bắt loài rồng được sinh ra từ thai, từ nơi ẩm thấp, từ hóa sinh được.

"Khi nào loài Kim sí điểu sinh ra từ thai, nếu muốn bắt loài rồng sinh ra từ trứng để ăn, thì từ nhánh phía Đông cây này bay xuống, dùng đôi cánh quạt nước đại dương; khi nước rẽ ra hai bên rộng hai trăm do-tuần, mới bắt loài rồng sinh ra từ trứng để ăn một cách tùy ý tự tại. Khi nào loài Kim sí điểu sinh ra từ thai muốn ăn loài rồng sinh ra từ thai, thì từ nhánh phía Nam của cây này bay xuống và dùng đôi cánh

quạt nước đại dương; khi nước rẽ ra hai bên rộng bốn trăm do-tuần, mới bắt loài rồng cũng sinh ra từ thai để ăn một cách tùy ý tự tại. Nhưng không thể bắt loài rồng sinh ra từ ẩm thấp, từ hóa sinh được.

"Khi nào loài Kim sí điểu sinh ra từ nơi ẩm thấp, nếu muốn bắt loài rồng sinh ra từ trứng để ăn, thì từ nhánh phía Đông bay xuống, dùng đôi cánh quạt nước đại dương; khi nước rẽ ra hai bên rộng hai trăm do-tuần, mới bắt loài rồng sinh ra từ trứng để ăn một cách tùy ý tự tại. Khi nào loài Kim sí điểu sinh ra từ nơi ẩm thấp, nếu muốn bắt loài rồng sinh ra từ thai để ăn, thì từ nhánh phía Nam cây này bay xuống, dùng đôi cánh quạt nước đại dương; khi nước rẽ ra hai bên rộng bốn trăm do-tuần, thì bắt loài rồng sinh ra từ thai để ăn một cách tùy ý tự tại. Khi nào loài Kim sí điểu sinh ra từ nơi ẩm thấp muốn ăn loài rồng sinh ra từ nơi ẩm thấp, thì từ nhánh phía Tây của cây này bay xuống và dùng đôi cánh quạt nước đại dương; khi nước rẽ ra hai bên rộng tám trăm do-tuần, thì bắt loài rồng cũng sinh ra từ nơi ẩm thấp để ăn một cách tùy ý tự tại. Nhưng không thể bắt loài rồng sinh ra từ hóa sinh được.

"Khi nào loài Kim sí điểu sinh ra từ biến hóa, nếu muốn bắt loài rồng sinh ra từ trứng để ăn, thì từ nhánh phía Đông bay xuống, dùng đôi cánh quạt nước đại dương; khi nước rẽ ra hai bên rộng hai trăm do-tuần, thì bắt loài rồng sinh ra từ trứng để ăn một cách tùy ý tự tại. Khi nào loài Kim sí điểu sinh ra từ biến hóa, nếu muốn bắt loài rồng sinh ra từ thai để ăn, thì từ nhánh phía Nam cây này bay xuống, dùng đôi cánh quạt nước đại dương; khi nước rẽ ra hai bên rộng bốn trăm do-tuần, thì bắt loài rồng sinh ra từ thai để ăn một cách tùy ý tự tại. Khi nào loài Kim sí điểu sinh ra từ biến hóa muốn ăn loài rồng sinh ra từ nơi ẩm thấp, thì từ nhánh phía Tây của cây này bay xuống và dùng đôi cánh quạt nước đại dương; khi nước rẽ ra hai bên rộng tám trăm do-tuần, thì bắt loài

rồng sinh ra từ nơi ẩm thấp để ăn. Khi nào Kim sí điểu sinh ra từ biến hóa, nếu muốn ăn loài rồng sinh ra từ biến hóa, thì từ nhánh phía Bắc cây này bay xuống, dùng đôi cánh quạt nước đại dương; khi nước rẽ ra hai bên rộng một ngàn sáu trăm do-tuần, thì bắt loài rồng sanh ra từ biến hóa để ăn một cách tùy ý tự tại. Đó là loài rồng bị loài Kim sí điểu ăn thịt.

"Tuy nhiên có những loại rồng lớn mà loài Kim sí điểu không thể ăn thịt được. Đó là[7]: Vua rồng Ta-kiệt-la, Nan-đà, Bạt-nan-đà, Y-na-bà-la, Đề-đầu-lại-tra, Thiện-kiến, A-lô, Ca-câu-la, Ca-tỳ-la, A-ba-la, A-nậu-đạt, Thiện-trú, Ưu-diệm-ca-bà-đầu, Đắc-xoa-ca. Đó là các loài vua rồng lớn không bị loài Kim sí điểu bắt ăn thịt."

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Nếu có chúng sanh nào thọ trì giới rồng[8], tâm ý nghĩ đến loài rồng, đầy đủ pháp của rồng, thì sẽ sinh về trong loài rồng. Nếu có chúng sanh nào trì giới Kim sí điểu, tâm ý nghĩ đến loài Kim sí điểu, đầy đủ pháp của Kim sí điểu, thì sẽ sinh về trong loài Kim sí điểu. Hoặc có chúng sanh trì giới của thỏ, tâm ý nghĩ về loài thỏ, cắt[9]; đầy đủ pháp của thỏ, thì sẽ sinh vào loài thỏ, cắt. Hoặc có chúng sanh trì giới của chó, hoặc trì giới của trâu, hoặc trì giới của nai, hoặc trì giới câm, hoặc trì giới Ma-ni-bà-đà[10], hoặc trì giới lửa, hoặc trì giới mặt trăng, hoặc trì giới mặt trời, hoặc trì giới nước, hoặc trì giới cúng dường lửa, hoặc trì pháp khổ hạnh ô uế[11]. Những người ấy nghĩ rằng:

---

7. Danh sách các đại long: Sa (Ta)-kiệt-la 娑竭羅 (Skt., Pāli: Sāgara-nāgarājan), Nan-đà 難陀 (Nanda-nāgarājan), Bạt-nan-đà 跋難陀 (Upananda), Y-na-bà-la 伊那婆羅 (?), Đề-đầu-lại-tra 提頭賴吒 (Skt.: Dhataraṭṭha, Pāli: Dhataraṭṭha), Thiện Kiến 善見 (Skt.: Sudarśana), A-lô 阿盧 (?), Già-câu-la 伽拘羅 (?), Già-tỳ-la 伽毗羅 (?), A-ba-la 阿波羅 (?), Già-nậu 伽耨 (?), Cù-già-nậu 瞿伽耨 (?), A-nậu-đạt 阿耨達 (Anavatapta), Thiện Trụ 善住 (Skt.: Vāsuki?), Ưu-thiểm-già-bà-đầu 優睒伽婆頭 (?), Đắc-xoa-già 得叉伽 (Skt.: Takṣaka).

8. Long giới 龍戒; Pāli: nāga-sīla, nāga-vata.

9. Thố kiêu giới 兔梟戒.

10. Ma-ni-bà-đà 摩尼婆陀; Pāli: Maṇibhadda, tên một Dạ-xoa (Yakkha), S. 208.

11. Khổ hành ueá ô phaùp 苦行穢汙法; Pāli: tapa-jigucchā-dhamma.

'Ta trì pháp câm này, pháp Ma-ni-bà-đà, pháp lửa, pháp mặt trăng, mặt trời, pháp nước, pháp cúng dường lửa, các pháp khổ hạnh; ta trì công đức này là để sinh lên cõi Trời.' Đây là những thứ tà kiến."

Phật dạy:

"Ta nói những người tà kiến này chắc chắn sẽ đi vào hai nơi: Hoặc sinh vào địa ngục, hay sinh vào hàng súc sanh. Nếu có Sa-môn, Bà-la-môn nào có những lý luận như vầy, những quan điểm như vầy: 'Ngã và thế gian là thường còn, đây là thật, ngoài ra đều hư dối', hoặc 'Ngã và thế gian là vô thường, đây là thật, ngoài ra đều hư dối', hoặc 'Ngã và thế gian vừa thường vừa là vô thường, đây là thật ngoài ra đều hư dối', hoặc 'Ngã và thế gian chẳng phải thường cũng chẳng phải vô thường, đây là thật ngoài ra đều hư dối'; 'Ngã và thế gian là hữu biên, đây là thật ngoài ra đều hư dối', hoặc 'Ngã và thế gian là vô biên, đây là thật ngoài ra đều hư dối', hoặc 'Ngã và thế gian vừa hữu biên vừa vô biên, đây là thật ngoài ra đều hư dối', hoặc 'Ngã và thế gian chẳng phải hữu biên cũng chẳng phải vô biên, đây là thật ngoài ra đều hư dối'; 'Thân tức mạng[12], đây là thật ngoài ra đều hư dối' hoặc 'Thân khác mạng khác, đây là thật ngoài ra đều hư dối', hoặc 'Chẳng phải có mạng chẳng phải không mạng, đây là chắc thật ngoài ra đều là hư dối'; hoặc 'Không mạng không thân, đây là thật ngoài ra đều là hư dối.'

"Hoặc có người nói: 'Có cái chết của đời khác như vậy[13], đây là thật ngoài ra đều là hư dối.' Có người nói: 'Không có cái chết của đời khác như vậy, đây là thật ngoài ra đều là hư dối.' Hoặc có người nói: 'Vừa có cái chết đời khác như vậy và không có cái chết đời khác như vậy, đây là thật ngoài ra đều hư dối.' Lại có người nói: 'Chẳng phải có chẳng phải không cái chết đời khác như vậy, đây là thật ngoài ra đều hư dối.'

"Nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào có những lý luận như vầy, những kiến giải như vầy: 'Thế gian là thường, đây là lời nói chắc thật ngoài

---

12. Mạng 命; Skt., Pāli: jīva, thường chỉ linh hồn.

13. Hán: hữu như thị tha tử 有如是他死, văn dịch tối nghĩa. Có lẽ Pāli chính xác của câu này được đọc là: Tathā paraṃ maraṇā hoti, thay vì đọc là: Tathāgato paraṃ maraṇā hoti: Như Lai tồn tại sau khi chết; trong đó, Tathā: như vậy, thay cho Tathāgata: Như Lai; paraṃ maraṇā, thay vì hiểu: sau khi chết, ở đây hiểu "tha tử: cái chết khác".

ra đều hư dối', những người ấy hành với[14] kiến chấp về ngã, kiến chấp về thân, kiến chấp về mạng, kiến chấp về thế gian, cho nên nói rằng: 'Ngã và thế gian là thường'. Những ai chủ trương là vô thường, những người ấy hành với kiến chấp về ngã, kiến chấp về mạng, kiến chấp về thân, kiến chấp về thế gian cho nên nói rằng: 'Ngã và thế gian là vô thường'. Những ai chủ trương là vừa thường vừa vô thường, những người ấy hành với kiến chấp về ngã, kiến chấp về mạng, kiến chấp về thân, kiến chấp về thế gian, cho nên nói rằng: 'Thế gian vừa thường vừa vô thường'. Những ai chủ trương rằng chẳng phải thường cũng chẳng phải vô thường, những người ấy hành với kiến chấp về ngã, có kiến chấp về mạng, có kiến chấp về thân, có kiến chấp về thế gian, cho nên nói rằng: 'Ngã và thế gian chẳng phải thường chẳng phải vô thường'.

"Những ai chủ trương thế gian là hữu biên, những người ấy hành với kiến chấp về ngã, kiến chấp về mạng, kiến chấp về thân, kiến chấp về thế gian, cho nên nói rằng: 'Mạng là hữu biên; thân là hữu biên; thế gian là hữu biên'. Từ lúc mới thụ thai cho đến khi bị vứt bỏ nơi gò mả, thì những gì thuộc về thân bốn đại đều chuyển di như vậy tối đa cho đến bảy đời. Khi các hành thân, mạng đã hết thì ngã nhập vào thanh tịnh tụ[15], cho nên nói rằng: 'Ngã là có biên'. Những người chủ trương ngã và thế gian là vô biên, những người này hành với kiến chấp về ngã, kiến chấp về mạng, kiến chấp về thân, kiến chấp về thế gian, cho nên nói rằng: 'Mạng là vô biên, thân là vô biên, thế gian là vô biên.' Từ lúc mới thụ thai cho đến khi bị vứt bỏ nơi gò mả, những gì thuộc về thân bốn đại đều chuyển di như vậy tối đa cho đến bảy đời. Khi các hành thân, mạng đã hết thì ngã nhập thanh tịnh tụ, cho nên nói rằng: 'Ngã và thế gian là vô biên'. Những ai chủ trương thế gian này vừa hữu biên vừa vô biên, những người ấy hành với kiến chấp về ngã, kiến chấp về mạng, kiến chấp về thân, kiến chấp về thế gian, cho nên nói rằng: 'Mạng vừa hữu biên vừa vô biên.' Từ lúc mới thụ thai cho đến khi bị vứt bỏ nơi gò mả, những gì thuộc về thân bốn đại đều chuyển di như vậy tối đa cho đến bảy đời. Khi các hành thân, mạng đã hết thì ngã nhập thanh tịnh tụ, cho nên nói rằng: 'Ngã vừa hữu biên

14. Bản Cao-ly: hành ư 行 於; các bản TNM: ư hành 於 行, đối với (các) hành (mà có những kiến chấp).

15. Thanh tịnh tụ 清 淨 聚; Pāli: suddha-rāsi (?).

vừa vô biên'. Những ai chủ trương ngã và thế gian là không phải hữu biên không phải vô biên, những người ấy hành với kiến chấp về ngã, kiến chấp về mạng, kiến chấp về thân, kiến chấp về thế gian, cho nên nói rằng: 'Mạng và thân chẳng phải hữu biên chẳng phải vô biên.' Từ lúc mới thụ thai cho đến khi bị vứt bỏ nơi gò mả, những gì thuộc về thân bốn đại đều chuyển di như vậy tối đa cho đến bảy đời. Khi các hành thân, mạng đã hết thì ngã nhập thanh tịnh tụ, cho nên nói rằng: 'Ngã chẳng phải hữu biên chẳng phải là vô biên'.

"Những người chủ trương mạng tức là thân, thì đối với thân này có kiến chấp về mạng; đối với thân khác, có kiến chấp về mạng, cho nên nói rằng: 'Mạng tức là thân'. Những người chủ trương mạng khác với thân, thì đối với thân này có kiến chấp về mạng, đối với thân khác không có kiến chấp về mạng, cho nên nói rằng: 'Mạng khác với thân'. Những ai chủ trương mạng chẳng phải có, chẳng phải không, thì đối với thân này không có kiến chấp về mạng, đối với thân khác lại có kiến chấp về mạng, cho nên nói rằng: 'Chẳng phải có, chẳng phải không'. Những ai chủ trương không có thân, mạng, thì đối với thân này họ không có kiến chấp về mạng, cho nên nói rằng: 'Không có mạng, không có thân'.

"Có người bảo: 'Có cái chết của đời khác như vậy[16], vì thấy hiện tại có thân mạng và đời sau cũng có thân mạng du hành[17], cho nên họ bảo rằng: 'Có cái chết đời khác như vậy.' Có người bảo: 'Không có cái chết của đời khác như vậy', vì người này bảo đời hiện tại có mạng, nhưng đời sau không có mạng, cho nên nói rằng: 'Không có cái chết của đời khác như vậy.' Có người bảo: 'Vừa có cái chết của đời khác như vậy, vừa không có cái chết của đời khác như vậy', vì người ấy bảo đời hiện tại mạng bị đoạn diệt, đời sau mạng du hành[18], cho nên nói rằng: 'Vừa có mạng[19] của đời khác như vậy, không có mạng của đời khác như vậy.' Có người bảo: 'Chẳng phải có, chẳng phải không cái chết của đời khác như vậy', vì người ấy bảo thân, mạng hiện tại bị đoạn diệt; thân, mạng đời sau bị đoạn diệt, cho nên bảo rằng: 'Chẳng phải có, chẳng phải không cái chết của đời khác như vậy'."

---

16. Xem cht. 211.

17. Hán: du hành 遊 行; Skt., Pāli: viharati: an trú, sống, tồn tại hay lưu ngụ.

18. Xem cht. 215.

19. Trong bản Hán: mạng 命; có lẽ tử 死 nhưng chép nhầm. Xem cht. 211.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Lâu xa về thời quá khứ có vị vua tên là Kính Diện[20]. Một hôm nhà vua tập họp những người mù lại một chỗ và hỏi: 'Này những người mù từ khi mới sinh, các ngươi có biết con voi không?' Họ đáp: 'Tâu đại vương, chúng tôi không biết!' Nhà vua lại hỏi: 'Các ngươi có muốn biết hình loại con voi ra sao không?' Họ đáp: 'Muốn biết.' Bấy giờ nhà vua ra lệnh cho người hầu dắt con voi đến và bảo những người mù này dùng tay của mình sờ thử. Trong đó có người sờ trúng vòi voi, thì vua nói rằng đấy là con voi; có người sờ trúng ngà voi, có người sờ trúng tai voi, có người sờ trúng đầu voi, có người sờ trúng lưng voi, có người sờ trúng bụng voi, có người sờ trúng bắp đùi voi, có người sờ trúng chân voi, có người sờ trúng bàn chân voi, có người sờ trúng đuôi voi, thì vua cứ theo chỗ sờ được của họ mà bảo: 'Đó là con voi.'

"Rồi vua Kính Diện liền ra lệnh dắt voi lui và hỏi những người mù: 'Voi giống như cái gì?' Trong những người mù này, người sờ trúng vòi thì bảo voi giống như cái càng xe bị cong; người sờ trúng ngà thì bảo voi giống như cái chày; người sờ trúng tai thì bảo voi giống như cái nia; người sờ trúng đầu thì bảo voi giống như cái vạc; người sờ trúng lưng thì bảo voi giống như gò đất; người sờ trúng bụng thì bảo voi giống như bức tường; người sờ trúng bắp đùi thì bảo voi giống như gốc cây; người sờ trúng cái chân thì bảo voi giống như trụ cột; người sờ trúng bàn chân thì bảo voi giống như cái cối; người sờ trúng đuôi thì bảo voi giống như cây chổi. Họ tranh cãi nhau về việc đúng sai, người này bảo như vậy, người kia bảo không phải như vậy, vân vân và vân vân không dứt, đưa đến việc đấu tranh nhau. Lúc ấy nhà vua thấy vậy, hoan hỷ cười to. Rồi thì, vua Kính Diện nói bài tụng:

Những người mù tụ tập,
Tranh cãi tại nơi này,
Thân voi vốn một thể,
Tưởng khác sinh thị phi".

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Các dị học ngoại đạo lại cũng như vậy; không biết Khổ đế, không biết Tập đế, Tận đế và Đạo đế, sinh ra những kiến giải khác nhau, tranh chấp thị phi với nhau, họ tự cho mình là đúng, nên đưa đến

20. Kính Diện 鏡面; Pāli: Ādāsamukha, J. ii. 297-310.

mọi việc tranh tụng. Nếu có Sa-môn, Bà-la-môn nào có thể biết như thật về Khổ thánh đế, Khổ tập thánh đế, Khổ diệt thánh đế và Khổ xuất yếu thánh đế, những vị ấy sẽ tự tư duy và khéo cùng nhau hòa hợp, cùng một lãnh thọ, cùng một Thầy học, như nước với sữa, thì pháp Phật mới rực rỡ, sống an lạc lâu dài."

Bấy giờ Đức Thế Tôn nói bài kệ:

Nếu người không biết khổ,
Không biết chỗ khổ sinh;
Lại cũng không biết khổ,
Sẽ diệt tận ở đâu;
Lại cũng không thể biết,
Con đường diệt khổ tập;
Thì mất tâm giải thoát,
Tuệ giải thoát cũng mất;
Không thể biết gốc khổ,
Nguồn sanh, già, bệnh, chết.
Nếu biết thật về khổ,
Biết nhân sinh ra khổ;
Cũng biết rõ khổ kia,
Sẽ diệt tận nơi nào;
Lại hay khéo phân biệt,
Con đường diệt khổ tập;
Thì được tâm giải thoát,
Tuệ giải thoát cũng vậy.
Người này chấm dứt được,
Cội gốc của khổ ấm;
Hết sanh, già, bệnh, chết,
Nguồn gốc của thọ, hữu[21]*."*

Này các Tỳ-kheo, cho nên các Thầy nên siêng cầu phương tiện tư duy về Khổ thánh đế, Khổ tập thánh đế, Khổ diệt thánh đế và Khổ xuất yếu thánh đế.

❑

[21] Thọ hữu, tức thủ (Pāli: upādāna) và hữu (bhava).

Phẩm 6: A-TU-LUÂN[1]

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Trong đáy nước biển lớn ở phía Bắc của núi Tu-di, có một thành của La-ha A-tu-luân[2], bề ngang rộng khoảng tám vạn do-tuần, thành của nó có bảy lớp, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới, bảy lớp hàng cây, trang điểm chung quanh đều bằng bảy thứ báu tạo thành. Chiều cao của thành là ba ngàn do-tuần, rộng hai ngàn do-tuần. Cửa thành của nó cao một ngàn do-tuần, rộng cũng một ngàn do-tuần. Thành vàng thì cửa bạc, thành bạc thì cửa vàng,... cho đến, vô số các loài chim cùng nhau ríu rít cũng lại như trên[3]. Tiểu thành, chỗ ngự trị của vị vua A-tu-luân này ở ngay trong thành lớn có tên là Luân-thâu-ma-bạt-tra[4], dọc ngang sáu vạn do-tuần. Thành của nó gồm bảy lớp, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới, bảy lớp hàng cây, trang điểm chung quang bằng bảy thứ báu tạo thành. Thành cao ba ngàn do-tuần, rộng hai ngàn do-tuần. Cửa thành của nó cao hai ngàn do-tuần, rộng một ngàn do-tuần. Thành vàng thì cửa bạc, cửa bạc thì thành vàng,... cho đến, vô số các loài chim cùng nhau ríu rít cũng lại như trên.

"Ở trong thành này, xây dựng riêng nhà hội nghị có tên là Thất-thi-lợi-sa[5], bảy lớp tường hào, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới, bảy lớp hàng cây, trang điểm chung quanh bằng bảy thứ báu tạo thành. Nền nhà hội nghị hoàn toàn dùng bằng xa cừ; cột nhà, sà nhà hoàn toàn đều dùng bảy báu. Chu vi những trụ cột ở chính giữa một ngàn do-tuần, cao

---

1. Bản Hán: *Phật Thuyết Trường A-hàm kinh*, quyển 20, "Đệ tứ phần Thế Ký kinh, A-tu-luân phẩm Đệ lục". A-tu-luân 阿須倫, phiên âm thông dụng: A-tu-la 阿修羅.
2. La-ha A-tu-luân 羅呵阿須倫; có lẽ Pāli: Rāhu-asura, A-tu-la gây nguyệt thực.
3. Như các mẫu mô tả trong phẩm 1.
4. Luân-thâu (du)-ma-bạt-tra 輪輸摩跋吒.
5. Thất-thi-lỵ (lợi)-sa 七尸利沙.

một vạn do-tuần. Ở dưới những trụ cột này có tòa Chánh pháp[6], dọc ngang bảy trăm do-tuần, đều dùng bảy báu chạm trổ mà thành. Nhà này có bốn cửa, được bao quanh bằng bảy lớp đình thềm lan can[7], bảy lớp lan can, bảy lớp lưới, bảy lớp hàng cây, trang hoàng chung quanh bằng bảy báu,... cho đến, các loài chim cùng nhau ríu rít, cũng lại như đã kể.

"Ở phía Bắc nhà hội nghị này có cung điện A-tu-luân, dọc ngang một vạn do-tuần. Cung điện có bảy lớp tường, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới, bảy lớp hàng cây, trang hoàng chung quanh bằng bảy báu, cho đến, vô số các loài chim cùng nhau ríu rít, cũng như đã kể.

"Phía Đông nhà hội nghị này có một khu rừng vườn tên là Sa-la[8], dọc ngang một vạn do-tuần. Vườn có bảy lớp tường, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới, bảy lớp hàng cây, trang hoàng chung quanh bằng bảy báu,... cho đến, vô số các loài chim cùng nhau ríu rít, cũng lại như đã kể.

"Phía Nam nhà hội nghị này có một khu vườn rừng tên là Cực diệu[9], dọc ngang một vạn do-tuần như vườn Sa-la.

"Phía Tây nhà hội nghị có một khu vườn rừng tên là Thiểm-ma[10], dọc ngang một vạn do-tuần cũng như vườn rừng Ta la.

"Phía Bắc nhà hội nghị này có một khu vườn rừng, tên là Nhạc lâm[11], bề ngang một vạn do-tuần cũng như vườn rừng Sa-la.

"Giữa hai khu vườn Sa-la và Cực diệu có cây Trú độ[12], thấp là bảy do-tuần, cao thì một trăm do-tuần, cành lá vươn ra bốn phía cỡ năm mươi do-tuần, cây có bảy lớp bờ tường, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới, bảy lớp hàng cây, trang hoàng chung quanh bằng bảy báu,... cho đến, vô số các loài chim cùng nhau ríu rít, cũng lại như đã kể. Lại nữa, giữa hai khu vườn Thiểm-ma và Nhạc lâm này có ao Bạt-nan-đà[13], nước của nó trong mát, không có cáu bẩn, hào báu bảy lớp, chung

---

6. Chánh pháp tòa 正法座.

7. Lan thuẫn giai đình 欄楯階亭.

8. Sa-la viên lâm 娑羅園林.

9. Cực diệu viên lâm 極妙園林.

10. Thiểm-ma 睒摩.

11. Nhạc lâm 樂林.

12. Trú độ (đạc) thọ 晝度樹; Pāli: pāricchattaka. Ṣem cht. 54.

13. Bạt-nan-đà 跋難陀.

quanh cạnh thềm là bảy lớp lan can, bảy lớp lưới, bảy lớp hàng cây, trang hoàng chung quanh bằng bảy thứ báu. Ở trong ao này sinh ra bốn loài hoa, lá hoa bề ngang rộng một do-tuần, hương thơm bay phảng phất cũng một do-tuần; rễ như ổ trục xe, nhựa của nó lưu xuất ra có màu trắng như sữa, vị ngọt như mật và vô số các loài chim cùng nhau hót líu lo. Hơn nữa, bên cạnh ao này có bảy lớp đình thềm, bảy lớp tường cửa, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới, bảy lớp hàng cây, trang hoàng chung quanh bằng bảy thứ báu,... cho đến, vô số các loài chim cùng nhau hót líu lo, cũng lại như vậy.

"Cung điện thần hạ của vua A-tu-luân, dọc ngang một vạn do-tuần, rồi chín ngàn, tám ngàn và cho đến cung điện nhỏ nhất là một ngàn do-tuần. Cung điện có bảy lớp tường, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới, bảy lớp hàng cây, trang hoàng chung quanh bằng bảy thứ báu,... cho đến, vô số các loài chim cùng nhau hót líu lo, cũng lại như vậy.

"Cung điện của Tiểu A-tu-luân, dọc ngang một ngàn do-tuần, rồi chín trăm, tám trăm và cho đến cung điện cực nhỏ là một trăm do-tuần. Cung điện có bảy lớp tường, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới, bảy lớp hàng cây, trang hoàng chung quanh bằng bảy thứ báu,... cho đến, vô số các loài chim cùng nhau hót líu lo, cũng lại như vậy.

"Phía Bắc nhà hội nghị có bảy đường cấp báu dẫn vào trong cung điện; lại có đường cấp dẫn đến vườn Sa-la; có đường cấp dẫn đến vườn Cực diệu; có đường dẫn đến vườn Thiểm-ma; có đường cấp dẫn đến vườn Nhạc lâm; có đường cấp dẫn đến cây Trú độ; có đường cấp dẫn đến ao Bạt-nan-đà; có đường cấp dẫn đến cung điện đại thần; có đường cấp dẫn đến cung điện của Tiểu A-tu-luân.

"Nếu khi nào vua A-tu-luân muốn đến vườn Sa-la để ngoạn cảnh, chỉ cần nghĩ đến vua Tỳ-ma-chất-đa A-tu-luân[14], thì vua Tỳ-ma-chất-đa A-tu-luân lại tự nghĩ rằng: 'vua La-ha A-tu-luân đang nghĩ đến ta.' Liền tự sửa soạn trang bị, đóng ngựa vào xe báu, cùng vô số người hầu kẻ hạ vây quanh theo sau, đến trước vua La-ha A-tu-luân, đứng một bên.

---

14. Tỳ-ma-chất-đa A-tu-luân 毗摩質多阿須倫; Pāli: Vepacitti Asura.

"Lại khi vua A-tu-luân lại nghĩ đến vua Ba-la-ha A-tu-luân[15], thì vua Ba-la-ha A-tu-luân nghĩ rằng: 'Nay vua đang nghĩ đến ta.' Liền tự sửa soạn trang bị, đóng ngựa vào xe báu, cùng với vô số kẻ hầu người hạ vây quanh theo sau đến đứng một bên trước vua La-ha.

"Khi vua A-tu-luân lại nghĩ đến vua Thiểm-ma A-tu-luân[16], thì vua Thiểm-ma A-tu-luân lại tự nghĩ rằng: 'Hiện nay vua đang nghĩ đến ta.' Liền tự sửa soạn trang bị đóng ngựa vào xe báu, cùng vô số kẻ hầu người hạ vây quanh theo sau, đến đứng một bên trước vua La-ha.

"Khi vua lại nghĩ đến đại thần của vua A-tu-luân, thì đại thần của A-tu-luân lại nghĩ rằng: 'Nay vua đang nghĩ đến ta.' Liền tự sửa soạn trang bị đóng ngựa vào xe báu, cùng vô số kẻ hầu người hạ vây quanh theo sau, đến đứng một bên trước vua La-ha. Lúc này, vua lại nghĩ đến Tiểu A-tu-luân, thì Tiểu A-tu-luân lại nghĩ rằng: 'Nay vua đang nghĩ đến ta.' Liền tự sửa soạn trang bị cùng mọi người đến đứng một bên trước vua La-ha.

"Lúc này, vua La-ha mình mặc áo báu, đóng ngựa vào xe báu, cùng với vô số mọi người vây quanh trước sau đến trong rừng Sa-la, thì tự nhiên có gió thổi cửa tự mở, tự nhiên gió thổi đất sạch, tự nhiên gió thổi hoa rụng xuống đất, ngập đến đầu gối. Sau khi vua La-ha vào vườn này rồi, thì cùng nhau vui đùa từ một ngày, hai ngày, ... cho đến bảy ngày. Sau khi vua đùa xong, liền trở về lại cung điện mình. Sau đó việc ngoạn cảnh đối với vườn Cực diệu, vườn Thiểm-ma, vườn Nhạc lâm, thì cũng lại như vậy. Lúc này, vua La-ha luôn luôn có năm Đại A-tu-luân hầu cận và bảo vệ hai bên: một tên là Đề Trì, hai tên là Hùng Lực, ba tên là Võ Di, bốn tên là Đầu Thủ, năm tên là Tồi Phục[17]. Năm Đại A-tu-luân này luôn luôn hầu cận bảo vệ hai bên. Cung điện của vua La-ha này ở dưới nước biển lớn. Nước biển ở trên được duy trì bởi bốn thứ gió: một là trụ phong, hai là trì phong, ba là bất động, bốn là kiên cố[18]; chúng giữ cho nước biển lớn, treo ngược giữa hư

---

15. Ba-la-ha A-tu-luân 波羅呵阿須倫; Pāli: Pahārāda Asura, một trong ba thủ lãnh của Asura.

16. Thiểm-ma A-tu-luân 睒摩阿須倫; Pāli: Sambara Asura.

17. Ngũ đại A-tu-luân 五大阿須倫: Đề Trì 提持, Hùng Lực 雄力, Võ Di 武夷, Đầu Thủ 頭首, Tồi Phục 摧伏.

18. Tứ phong 四風: trụ phong 住風, trì phong 持風, bất động phong 不動風, kiên cố

không, giống như mây nổi, cách cung điện A-tu-luân một vạn do-tuần, không bao giờ bị rớt. Oai thần, công đức và phước báo của vua A-tu-luân là như vậy."

❑

phong 堅固風.

Phẩm 7: TỨ THIÊN VƯƠNG[19]

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Cách phía Đông Tu-di sơn vương một ngàn do-tuần có thành của Đề-đầu-lại-tra[20] Thiên vương, tên là Hiền thượng[21], dọc ngang sáu ngàn do-tuần. Thành này có bảy lớp, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới, bảy lớp hàng cây, trang hoàng chung quanh bằng bảy thứ báu, ... cho đến, có vô số các loài chim cùng nhau ca hót líu lo, cũng lại như đã kể.

"Cách phía Nam Tu-di sơn vương một ngàn do-tuần có thành của Tỳ-lâu-lặc[22] Thiên vương, tên là Thiện kiến[23], dọc ngang sáu ngàn do-tuần. Thành này có bảy lớp, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới, bảy lớp hàng cây, trang hoàng chung quanh bằng bảy thứ báu, ... cho đến, có vô số các loài chim cùng nhau ca hót líu lo, cũng lại như vậy.

"Cách phía Tây Tu-di sơn vương một ngàn do-tuần có thành Tỳ-lâu-bà-xoa[24] Thiên vương, tên là Chu-la Thiện kiến[25], dọc ngang sáu ngàn do-tuần. Thành có bảy lớp, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới, bảy lớp hàng cây, trang hoàng chung quanh bằng bảy thứ báu, ... cho đến, có vô số các loài chim cùng nhau ca hót líu lo, cũng lại như vậy.

"Cách phía Bắc Tu-di sơn vương một ngàn do-tuần có thành của Tỳ-sa-môn[26] Thiên vương. Vua có ba thành[27]: một tên là Khả úy, hai là

---

19. Tứ thiên vương 四 天 王; Pāli: Cātummmahārājikà.

20. Đề-đầu-lại-tra 提 頭 賴 吒, Hán dịch: Trì Quốc; Pāli: Dhataraṭṭha.

21. Hiền thượng 賢 上.

22. Tỳ-lâu-lặc 毗 樓 勒, Hán dịch: Tăng Trưởng 增 長; Pāli: Virūḷhaka.

23. Thiện kiến 善 見; Pāli: Sudassana, Skt.: Sudarśana.

24. Tỳ-lâu-bà(baùc)-xoa 毗 樓 婆(博)叉. Haùn dòch: Quảng Mục 廣 目; Pāli: Virūpakkha.

25. Chu (châu)-la Thiện kieán 周 羅 善 見; Pāli: Cūla-Sudassana.

26. Tỳ-sa-môn 毗 沙 門, Hán dịch: Đa Văn 多 聞; Pāli: Vessavaṇa.

27. Ba thành: Khả úy 可 畏, Thiên kính 天 敬, Chúng quy 眾 歸.

Thiên kính, ba là Chúng quy; mỗi thành dọc ngang sáu ngàn do-tuần. Thành này có bảy lớp, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới, bảy lớp hàng cây, trang hoàng chung quanh bằng bảy thứ báu, ... cho đến, có vô số các loài chim cùng nhau ca hót líu lo, cũng lại như vậy.

"Phía Bắc thành Chúng quy có vườn rừng, tên là Già-tỳ-diên-đầu[28], dọc ngang bốn ngàn do-tuần, tường của vườn có bảy lớp, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới, bảy lớp hàng cây, trang hoàng chung quanh bằng bảy thứ báu, ... cho đến, có vô số các loài chim cùng nhau ca hót líu lo, cũng lại như vậy. Ở quãng giữa vườn và thành có ao tên là Na-lân-ni[29] rộng bốn mươi do-tuần. Nước của nó lắng trong không bợn nhơ. Ven hồ được lát bằng bảy báu làm thành mương nước; bảy lớp lan can, bảy lớp võng lưới, bảy lớp hàng cây, trang hoàng chung quanh bằng bảy thứ báu; hoa sen xanh, vàng, đỏ, trắng, lẫn lộn màu sắc ở trong đó, ánh sáng phản chiếu cả nửa do-tuần, hương thơm phảng phất nghe khắp cả nửa do-tuần. Vả lại rễ của nó lớn như ổ trục xe. Nhựa của nó lưu xuất ra màu trắng như sữa và có vị ngọt như mật, ... cho đến, có vô số các loài chim cùng nhau ca hót líu lo, lại cũng như vậy.

"Trừ cung điện mặt trời, mặt trăng ra, cung điện của các Tứ thiên vương, rộng độ bốn mươi do-tuần. Tường cung điện có bảy lớp với bảy lớp lan can, bảy lớp lưới, bảy lớp hàng cây, trang hoàng chung quanh bằng bảy thứ báu, ... cho đến có vô số các loài chim cùng nhau ca hót líu lo, cũng lại như vậy.

"Các cung điện này rộng bốn mươi do-tuần, hai mươi do-tuần và nhỏ nhất bề ngang rộng năm do-tuần. Từ thành Chúng quy có đường cấp báu dẫn đến thành Hiền thượng; lại có đường cấp dẫn đến thành Thiện kiến; lại có đường cấp dẫn đến thành Chu-la Thiện kiến; lại có đường cấp dẫn đến thành Khả úy, thành Thiên kính; lại có đường cấp dẫn đến vườn Già-tỳ-diên-đầu; lại có đường cấp dẫn đến ao Na-lân-ni, lại có đường cấp dẫn đến cung điện đại thần của Tứ thiên vương.

"Khi Tỳ-sa-môn Thiên vương muốn đến ngoạn cảnh tại vườn Già-tỳ-diên-đầu, thì lập tức nghĩ đến Đề-đầu-lại-tra Thiên vương; Đề-đầu-lại-tra Thiên vương lại nghĩ rằng: 'Hiện tại Tỳ-sa-môn Thiên vương đang nghĩ đến ta.' Liền tự mình sửa soạn trang bị, đóng ngựa vào xe

---

28. Già-tỳ-diên-đầu 伽毗延頭.

29. Na-lân-ni 那鄰尼.

báu, cùng với vô số thần Kiền-đạp-hòa[30] vây quanh trước sau, đến đứng một bên trước Tỳ-sa-môn Thiên vương. Khi vua Tỳ-sa-môn nghĩ đến Tỳ-lâu-lặc Thiên vương, thì Tỳ-lâu-lặc Thiên vương lại tự nghĩ rằng: 'Nay vua Tỳ-sa-môn đang nghĩ đến ta.' Liền tự mình sửa soạn trang bị đóng ngựa vào xe báu, cùng với vô số thần Cứu-bàn-trà[31] vây quanh trước sau, đến đứng một bên trước Tỳ-sa-môn Thiên vương. Khi vua Tỳ-sa-môn nghĩ đến Tỳ-lâu-bà-xoa, thì Tỳ-lâu-bà-xoa lại tự nghĩ rằng: 'Hiện tại Tỳ-sa-môn Thiên vương đang nghĩ đến ta.' Liền tự mình sửa soạn trang bị, đóng ngựa vào xe báu, cùng với vô số Long thần vây quanh trước sau, đến đứng một bên trước vua Tỳ-sa-môn. Khi vua Tỳ-sa-môn nghĩ đến đại thần của Tứ thiên vương, thì đại thần của Tứ thiên vương lại tự nghĩ rằng: 'Nay vua Tỳ-sa-môn đang nghĩ đến ta.' Liền tự mình sửa soạn trang bị, đóng ngựa vào xe báu, cùng dẫn theo với vô số chư Thiên, đến đứng một bên trước Tỳ-sa-môn Thiên vương.

"Lúc này, Tỳ-sa-môn Thiên vương liền sửa soạn trang bị, mặc y báu, đóng ngựa vào xe báu, cùng với vô số trăm ngàn Thiên thần đến vườn Tỳ-diên-đầu, tự nhiên có gió thổi cửa tự mở, tự nhiên có gió thổi sạch đất, tự nhiên có gió thổi hoa rụng khắp mặt đất, ngập đến đầu gối. Nhà vua ở trong vườn này cùng nhau vui đùa, từ một ngày, hai ngày, ... cho đến bảy ngày; sau khi ngoạn cảnh xong trở về cung điện của mình. Vua Tỳ-sa-môn luôn luôn có năm vị đại quỷ thần[32] hầu cận bảo vệ hai bên: một là Bát-xà-lâu, hai là Đàn-đà-la, ba là Hê-ma-bạt-đề, bốn là Đề-kệ-la, năm là Tu-dật-lộ-ma, năm vị quỷ thần này luôn luôn theo hầu bảo vệ. Oai thần, công đức, phước báo của vua Tỳ-sa-môn là như vậy."

❑

30. Càn-đạp-hòa 乾沓和; thần âm nhạc của Đế Thích, nhưng do Đề-đầu-lại-tra quản lãnh; Pāli: Gandhabba, Skt.: Gandharva.

31. Cứu-(cưu)-bàn-trà 究(鳩)盤荼, các thần thuộc hạ của Tỳ-lâu-lặc; Pāli: Kumbaṇḍha.

32. Ngũ đại quỷ thần 五大鬼神 (Pāli: Pañca mahāyakkhā): Bàn-xà-lâu 盤闍樓; Đàn-đà-la 檀陀羅; Hê-ma-bạt-đà 醯摩跋陀; Đề-kệ-la 提偈羅; Tu-dật-lộ-ma 修逸路摩.

Phẩm 8: ĐAO-LỢI THIÊN[1]

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Trên đỉnh Tu-di sơn vương có thành của trời Tam thập tam. Thành dọc ngang rộng tám vạn do-tuần; có bảy lớp với bảy lớp lan can, bảy lớp lưới, bảy lớp hàng cây, trang hoàng chung quanh bằng bảy thứ báu. Thành cao một trăm do-tuần, phần trên rộng sáu mươi do-tuần. Cửa thành cao sáu mươi do-tuần, rộng ba mươi do-tuần. Cách nhau năm trăm do-tuần là có một cái cửa; tại mỗi cửa này có năm trăm quỷ thần giữ gìn bảo vệ trời Tam thập tam. Thành bằng vàng thì cửa bằng bạc, thành bạc thì cửa vàng... cho đến vô số các loài chim cùng nhau ca hót bi thương, cũng lại như vậy.

"Trong thành lớn này lại có thành nhỏ, dọc ngang rộng sáu vạn do-tuần. Thành có bảy lớp với bảy lớp lan can, bảy lớp lưới, bảy lớp hàng cây, trang hoàng chung quanh bằng bảy thứ báu. Thành cao một trăm do-tuần, rộng sáu mươi do-tuần. Cửa thành cách nhau năm trăm do-tuần, cao sáu mươi do-tuần, rộng ba mươi do-tuần; tại mỗi cửa thành có năm trăm quỷ thần thị vệ tại bên cửa, để giữ gìn trời Tam thập tam. Thành bằng vàng thì cửa bằng bạc, thành bằng bạc thì cửa bằng vàng; thành bằng thủy tinh thì cửa bằng lưu ly, thành bằng lưu ly thì cửa bằng thủy tinh; thành bằng xích châu thì cửa bằng mã não, thành bằng mã não thì cửa bằng xích châu; thành bằng xa cừ thì cửa bằng các thứ báu khác.

"Về lan can này: nếu lan can bằng vàng thì tam cấp bằng bạc, lan can bằng bạc thì tam cấp bằng vàng; lan can bằng thủy tinh thì tam cấp bằng lưu ly, lan can bằng lưu ly thì tam cấp bằng thủy tinh; lan can bằng xích châu thì tam cấp bằng mã não, lan can bằng mã não thì tam cấp

---

1. Đao-lợi (lỵ) thiên, Hán dịch: Tam thập tam thiên; Pāli: Tāvatiṃsa, Skt.: Trāyastiṃsa.

bằng xích châu; lan can bằng xa cừ thì tam cấp bằng các thứ báu khác. Trên những lan can này có lưới báu; dưới lưới vàng thì treo linh bạc, dưới lưới bạc thì treo linh vàng; lưới bằng lưu ly thì treo linh bằng thủy tinh, lưới bằng thủy tinh thì treo linh bằng lưu ly; lưới bằng xích châu thì treo linh bằng mã não, lưới bằng mã não thì treo linh bằng xích châu; lưới bằng xa cừ thì treo linh bằng các thứ báu khác. Về cây vàng: nếu rễ vàng, cành vàng thì lá hoa bằng bạc ròng. Về cây bạc: nếu rễ bạc, cành bạc thì lá hoa bằng vàng ròng. Về cây thủy tinh: nếu rễ, cành bằng thủy tinh thì lá, hoa bằng lưu ly. Về cây lưu ly: nếu rễ, cành bằng lưu ly thì lá hoa bằng thủy tinh. Về cây xích châu: nếu rễ, cành bằng xích châu thì lá hoa bằng mã não. Về cây mã não: nếu rễ, cành bằng mã não thì lá hoa bằng xích châu. Về cây xa cừ: nếu rễ, cành bằng xa cừ thì lá hoa bằng các thứ báu khác.

"Về bảy lớp thành này: thành có bốn cửa, cửa có lan can. Trên bảy lớp thành đều có đền đài, lầu các bao bọc chung quanh, có vườn rừng ao tắm, sinh ra các loài hoa quý nhiều màu sắc xen lẫn nhau, cây báu thành hàng, hoa trái tốt tươi đầy dẫy, hương thơm bay phảng phất khắp nơi làm đẹp lòng mọi người. Có chim le, chim nhạn, uyên ương, cùng các loài chim kỳ lạ, vô số hàng ngàn loại, cùng nhau ca hót.

"Khoảng giữa bên ngoài thành nhỏ này có cung điện của Long vương Y-la-bát[2], dọc ngang rộng sáu ngàn do-tuần. Vách tường của cung điện có bảy lớp, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới, bảy lớp hàng cây, trang hoàng chung quanh bằng bảy thứ báu ... cho đến vô số các loài chim cùng nhau ca hót líu lo, cũng lại như vậy.

"Trong thành Thiện kiến[3] này có Thiện pháp đường[4], dọc ngang một trăm do-tuần; có bảy lớp lan can, bảy lớp lưới, bảy lớp hàng cây, trang hoàng chung quanh bằng bảy thứ báu. Nền nhà hoàn toàn bằng vàng ròng, trên mặt phủ lưu ly. Chu vi những cây cột trong nhà này là mười do-tuần, cao một trăm do-tuần, dưới những trụ cột của ngôi nhà này là nơi đặt ngự tòa của Thiên đế[5], bề ngang rộng độ một do-tuần, có nhiều màu sắc xen lẫn nhau được tạo thành bởi bảy thứ báu. Ngự tòa

---

2. Y-la-bát Long vương 伊羅鉢龍王; Pāli: Erakapatta.

3. Thiện kiến thành 善見城; Pāli: Sudassana-devanagara; Skt.: Sudarśana.

4. Thiện pháp đường 善法唐; Pāli: Sudhamma-sālā, Skt.: Sudharmā devasabhā.

5. Thiên đế 天帝, tức Thiên Đế Thích 天帝釋, hay Thích Đề-hoàn Nhân 釋提桓因, chúa tể các Thiên thần trời Đao-lợi (Pāli: Tāvatiṃsa); Pāli: Sakka devānaṃ Inda.

này êm ái, mềm mại như lụa trời và bên tả bên hữu, giáp hai bên tòa, có mười sáu chỗ ngồi.

"Pháp đường này có bốn cửa; chung quanh là lan can bằng bảy thứ báu. Đường cấp của ngôi nhà này dọc ngang năm trăm do-tuần, có bảy lớp cửa ngoài, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới, bảy lớp hàng cây, trang hoàng chung quanh bằng bảy thứ báu... cho đến, vô số các loài chim cùng nhau ca hót líu lo, cũng lại như vậy.

"Phía Bắc ngôi nhà Thiện kiến có cung điện Đế Thích, dọc ngang một ngàn do-tuần; tường vách cung điện có bảy lớp với bảy lớp lan can, bảy lớp lưới, bảy lớp hàng cây, trang hoàng chung quanh bằng bảy thứ báu... cho đến, vô số các loài chim cùng nhau ca hót líu lo, cũng lại như vậy.

"Phía Đông ngôi nhà Thiện kiến có vườn rừng tên là Thô sáp[6], ngang rộng độ một ngàn do-tuần; tường vách cung điện có bảy lớp với bảy lớp lan can, bảy lớp lưới, bảy lớp hàng cây, trang hoàng chung quanh bằng bảy thứ báu... cho đến vô số các loài chim cùng nhau ca hót líu lo, cũng lại như vậy. Trong vườn Thô sáp có hai ụ đá do vàng trời trang sức, một gọi là Hiền, hai gọi là Thiện hiền[7], bề ngang mỗi ụ rộng năm mươi do-tuần, đá này mềm mại, độ mềm mại của nó như vải trời.

"Phía Nam cung điện Thiện kiến có khu vườn tên là Họa lạc[8], ngang rộng một ngàn do-tuần; vách tường của khu vườn có bảy lớp với bảy lớp lan can, bảy lớp lưới, bảy lớp hàng cây, trang hoàng chung quanh bằng bảy thứ báu... cho đến vô số các loài chim cùng nhau ca hót líu lo, cũng lại như vậy. Trong vườn này có hai ụ đá bằng bảy thứ báu, một là Họa, hai là Thiện họa[9], bề ngang mỗi ụ rộng độ năm mươi do-tuần, ụ đá này mềm mại, độ mềm mại của nó như thiên y.

"Phía Tây ngôi nhà Thiện kiến có khu vườn tên là Tạp[10], ngang

---

6. Thô sáp viên lâm 麤澀園林; một trong bốn công viên trên trời Đao-lợi; Huyền Tráng, tứ uyển 四苑: Chúng xa 眾車 (Skt.: Caitraratha), Thô ác 麤惡 (Skt.: Pāruṛyaka), Tạp lâm 雜林 (Skt.: Miśraka), Hỷ lâm 喜林 (Nandana).

7. Hiền 賢, Skt.: Bhadra; Thiện hiền 善賢, Skt.: Subhadra.

8. Họa lạc 畫樂, Hán dịch từ Skt.: Caitrarata, thay vì Skt.: Caitraratha mà Huyền Tráng dịch là Chúng xa. Xem cht. 257.

9. Họa 畫, Skt.: Caitra? Thiện họa 善畫, Skt.: Sucaitra?

10. Tạp, tức Tạp lâm; xem cht. 257.

rộng một ngàn do-tuần, bờ tường của khu vườn có bảy lớp, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới, bảy lớp hàng cây, trang hoàng chung quanh bằng bảy thứ báu... cho đến vô số các loài chim cùng nhau ca hót líu lo, cũng lại như vậy. Trong khu vườn này có hai ụ đá, một là Thiện kiến, hai là Thuận thiện kiến, do vàng trời trang sức và do bảy báu tạo thành, bề ngang mỗi ụ rộng độ năm mươi do-tuần, ụ đá này mềm mại và độ mềm mại của nó như thiên y.

"Phía Bắc ngôi nhà Thiện kiến có khu vườn tên là Đại hỷ[11], ngang rộng một ngàn do-tuần, bờ tường của khu vườn có bảy lớp, bảy lớp lan can, bảy lớp võng lưới, bảy lớp hàng cây, trang hoàng chung quanh bằng bảy thứ báu... cho đến vô số các loài chim cùng nhau ca hót líu lo, cũng lại như vậy. Trong vườn này có hai ụ đá, một gọi là Hỷ, hai gọi là Đại hỷ, do xa cừ trang sức, ngang rộng năm mươi do-tuần, ụ đá này mềm mại, độ mềm mại của nó như thiên y.

"Ở quãng giữa vườn Thô sáp và vườn Họa nhạc có ao Nan-đà[12], ngang rộng một trăm do-tuần; nước của nó lắng trong, không có một chút bợn nhơ, chung quanh bên cạnh thềm là bảy lớp hào báu, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới, bảy lớp hàng cây, trang hoàng chung quanh bằng bảy thứ báu. Bốn phía hồ này có bốn bậc thang, chung quanh lan can làm bằng bảy báu, ... cho đến có vô số các loài chim cùng nhau ca hót líu lo, lại cũng như vậy.

"Lại nữa trong ao này lại sinh ra bốn loại hoa xanh, vàng, đỏ, trắng, hồng, xanh nhạt, nhiều màu xen lẫn nhau; bóng rợp của một lá hoa này che một do-tuần; hương thơm phảng phất khắp một do-tuần; rễ của nó như ổ trục xe, nhựa của nó lưu xuất ra có màu trắng như sữa, vị ngọt như mật. Bốn phía ao này lại có những khu vườn.

"Giữa hai khu vườn Tạp và khu vườn Đại hỷ có cây tên là Trú độ[13], chu vi độ bảy do-tuần, cao một trăm do-tuần, cành lá bao trùm ra bốn phía độ năm mươi do-tuần, ngoài cây có ngôi đình trống, bề ngang rộng năm trăm do-tuần, bờ tường của cung điện có bảy lớp, bảy lớp lan can, bảy lớp võng lưới, bảy lớp hàng cây, trang hoàng chung quanh bằng bảy thứ báu... cho đến vô số các loài chim cùng nhau ca hót líu lo, cũng lại như vậy.

---

[11]. Đại hỷ, tức Hỷ lâm; xem cht. 257.

[12]. Nan-đà trì 難陀池. Đoạn dưới, dịch nghĩa là vườn Đại hỷ; Pāli: Nandā-pokkharaṇī.

[13]. Trú độ (đạc) 晝度; Pāli: Pāricchattaka, Skt.: Pārijātaka.

"Ngoài ra các cung điện khác của Đao-lợi thiên, ngang rộng một ngàn do-tuần, tường cung điện có bảy lớp với bảy lớp lan can, bảy lớp võng lưới, bảy lớp hàng cây, trang hoàng chung quanh bằng bảy thứ báu... cho đến vô số các loài chim cùng nhau ca hót líu lo, cũng lại như vậy. Những cung điện này ngang rộng từ chín trăm, tám trăm cho đến nhỏ nhất là một trăm do-tuần, bờ tường cung điện có bảy lớp, bảy lớp lan can, bảy lớp võng lưới, bảy lớp hàng cây, trang hoàng chung quanh bằng bảy thứ báu... cho đến vô số các loài chim cùng nhau ca hót líu lo, cũng lại như vậy. Những cung điện nhỏ, ngang rộng từ một trăm do-tuần, chín mươi, tám mươi, cho đến cực nhỏ là mười hai do-tuần, bờ tường của cung điện có bảy lớp, bảy lớp lan can, bảy lớp võng lưới, bảy lớp hàng cây, trang hoàng chung quanh bằng bảy thứ báu... cho đến vô số các loài chim cùng nhau ca hót líu lo, cũng lại như vậy.

"Phía Bắc ngôi nhà Thiện kiến có hai đường cấp dẫn đến cung điện Đế Thích. Phía Đông ngôi nhà Thiện kiến có hai đường cấp dẫn đến khu vườn Thô sáp; lại có hai đường cấp dẫn đến vườn Họa lạc; lại có đường cấp dẫn đến trong khu vườn Tạp; lại có đường cấp dẫn đến khu vườn Đại hỷ; lại có đường cấp dẫn đến ao Đại hỷ[14]; lại có đường cấp dẫn đến cây Trú độ; lại có đường cấp dẫn đến cung điện Tam thập tam thiên; lại có đường cấp dẫn đến cung điện chư Thiên; lại có đường cấp dẫn đến cung điện Y-la-bát Long vương. Nếu khi Thiên Đế Thích muốn du ngoạn đến trong vườn Thô sáp, liền nghĩ đến vị đại thần của trời Tam thập tam, thì đại thần Tam thập tam thiên lại tự nghĩ rằng: 'Hiện nay Đế Thích đang nghĩ đến ta.' Liền tự mình sửa soạn trang bị, đóng ngựa vào xe báu, cùng với vô số mọi người vây quanh trước sau đến đứng một bên trước Đế Thích. Khi Đế Thích nghĩ đến chư Thiên khác, thì chư Thiên nghĩ rằng: 'Hiện nay Đế Thích đang nghĩ đến ta.' Liền tự mình sửa soạn trang bị, cùng với vô số chúng chư Thiên theo nhau đến đứng một bên trước Đế Thích. Khi Đế Thích nghĩ đến Y-la-bát Long vương, thì Y-la-bát Long vương lại tự nghĩ rằng: 'Hiện nay Đế Thích đang nghĩ đến ta.' Long vương liền tự biến hóa thân hình ra ba mươi ba cái đầu, mỗi cái đầu có sáu cái răng, mỗi cái răng có bảy hồ tắm, mỗi hồ tắm có bảy hoa sen lớn, mỗi hoa sen có một trăm lá, mỗi lá hoa có bảy ngọc nữ, ca nhạc, múa xướng, đánh trống, khảy đàn, vỗ nhịp ở trên đó. Sau khi vị Long vương biến hóa như vậy rồi, đi đến

14. Trên kia, âm là Nan-đà.

đứng một bên trước Đế Thích.

"Lúc này, Thích-đề-hoàn Nhân mặc vào thân mình những đồ trang sức quý báu cùng anh lạc, ngồi trên đầu thứ nhất của Y-la-bát Long vương, kế đó, hai bên mỗi đầu còn có mười sáu vị Thiên vương ở trên đỉnh đầu Long vương này, theo thứ tự mà ngồi. Bấy giờ, Thiên Đế Thích cùng với vô số quyến thuộc chư Thiên vây quanh đến vườn Thô sáp, tự nhiên có gió thổi cửa tự động mở, tự nhiên có gió thổi khiến cho đất sạch; tự nhiên có gió thổi làm những đóa hoa rơi khắp mặt đất và tích tụ hoa rụng lại ngập đến cả đầu gối. Lúc này Thiên Đế Thích ngồi trên hai ụ đá Hiền và Thiện hiền theo ý thích, còn Ba mươi ba vị Thiên vương mỗi người tự theo thứ tự mà ngồi. Lại nữa, có những chư Thiên không được phép theo hầu để đến tham quan viên quán này, không được vào vườn để vui đùa ngũ dục. Vì sao? Vì công đức mà họ vốn thực hành không đồng. Lại có những chư Thiên thấy được khu vườn mà không vào được và không được cùng nhau vui đùa ngũ dục. Vì sao? Vì công đức mà họ vốn thực hành không đồng. Lại có những chư Thiên thấy được, vào được, nhưng không được cùng nhau vui đùa ngũ dục. Vì sao? Vì công đức mà họ vốn thực hành không đồng. Lại có những chư Thiên vào được, thấy được và vui đùa ngũ dục được. Vì sao? Vì công đức mà họ vốn thực hành đồng nhau.

"Sau thời gian du hí trong vườn, chư Thiên đã tự vui ngũ dục, từ một ngày, hai ngày, cho đến bảy ngày, họ đã cùng nhau vui đùa xong và mỗi người tự trở về cung điện. Khi Thiên Đế Thích du ngoạn vườn Họa lạc, vườn Tạp, vườn Đại hỷ cũng lại như vậy.

"Vì sao gọi là vườn Thô sáp? Vì lúc vào trong vườn này, thì thân thể trở nên thô nhám[15]. Vì sao gọi là vườn Họa lạc? Vì lúc vào vườn này, thì thân thể tự nhiên có những sắc màu như vẽ[16] dùng để vui đùa. Vì sao gọi là vườn Tạp? Vì thường những ngày mùng tám, ngày mười bốn, ngày mười lăm của mỗi tháng, ngoại trừ người nữ A-tu-luân, các thể nữ được thả tự do để cùng các Thiên tử ở trong vườn này cùng du hí hỗn tạp[17] với nhau, cho nên gọi là vườn Tạp. Vì sao gọi là vườn Đại hỷ?

---

15. Thô sáp 麤 澀, Skt.: pāruṛya. Xem cht. 257.

16. Caitrarati, tên vườn theo bản Hán (Xem cht. 257), do ghép citra, hình dung từ, có màu sắc sặc sỡ; và rati, danh từ, sự vui thích. Những giải thích này gần với từ Pāli: Cittalatā-vana hơn.

17. Tên vườn Miśraka (Xem cht. 257) do hình dung từ miśra, được pha trộn.

Vì lúc vào vườn này, thì có thể vui đùa một cách hoan hỷ, cho nên gọi là Đại hỷ[18]. Vì sao gọi là nhà Thiện pháp? Vì ở trên ngôi nhà này mà tư duy về pháp vi diệu[19], nhận lãnh cái vui thanh tịnh, cho nên gọi là nhà Thiện pháp. Vì sao gọi là cây Trú độ? Vì cây này có vị thần tên là Mạn-đà[20] thường thường tấu nhạc để tự vui đùa, cho nên gọi là Trú độ. Lại nữa, cành nhánh của cây lớn này vươn ra bốn phía, hoa lá rậm rạp tốt tươi như đám mây báu lớn, cho nên gọi là Trú độ[21].

"Hai bên tả hữu của Thích Đề-hoàn Nhân thường có mười đại Thiên tử[22] theo sau để hầu hạ và bảo vệ đó là: một tên là Nhân-đà-la, hai tên là Cù-di, ba tên là Tỳ-lâu, bốn tên là Tỳ-lâu-bà-đề, năm tên là Đà-la, sáu tên là Bà-la, bảy tên là Kỳ-bà, tám tên là Linh-hê-nậu, chín tên là Vật-la, mười tên là Nan-đầu. Thích Đề-hoàn Nhân có thần lực lớn và oai đức như vậy.

Các loại hoa mọc trong nước mà người Diêm-phù-đề quý như: Ưu-bát-la, Bát-đầu-ma, Câu-vật-đầu, Phân-đà-ly, Tu-càn-đầu, hương thơm của chúng thanh khiết nhẹ nhàng. Cũng vậy, các loại hoa mọc ra trên đất liền; đó là: Giải thoát hoa, Đảm-bặc-hoa, Bà-la-đà-hoa, Tu-mạn-châu-na hoa, Bà-sư hoa, Đồng nữ hoa. Giống như những hoa sinh ra ở nước, ở đất liền, thì những hoa sinh ra ở Câu-da-ni, Uất-đan-viết, Phất-vu-đãi, Long cung, Kim sí điểu cung cũng lại như vậy. Những hoa sinh ra ở trong thủy cung của A-tu-luân: hoa Ưu-bát-la, hoa Bát-đầu-ma, hoa Câu-vật-đầu, hoa Phân-đà-ly, hương thơm của chúng nhẹ nhàng thanh khiết. Những hoa sinh ra nơi đất liền: hoa Thù-hảo, hoa Tần-phù, hoa đại Tần-phù, hoa Già-già-lợi, hoa đại Già-già-lợi, hoa Mạn-đà-la, hoa đại Mạn-đà-la. Những hoa sinh ra ở nước, ở đất liền này được Tứ thiên vương, Tam thập tam thiên, Diễm-ma thiên, Đâu-suất thiên, Hóa tự tại thiên, Tha hóa tự tại thiên yêu quý cũng lại như vậy.

---

18. Tên vườn Nandanavana (Xem cht. 257) do hình dung từ nandana, làm cho vui vẻ.

19. Hán: diệu pháp 妙 法; Skt.: sudharma, Pāli: sudhamma.

20. Mạn-đà 漫 陀.

21. Định nghĩa này gần với từ Pāli: Pāricchattaka, hơn là Skt.: Pārijātaka hay Pāriyātra. Do động từ Pāli: pari-cchādeti: che phủ khắp.

22. Thập đại thiên tử 十 大 天 子, Nhân-đà-la 因 陀 羅, Cù-di 瞿 夷, Tỳ-lâu 毗 樓, Tỳ-lâu-bà-đề 毗 樓 婆 提, Đà-la 陀 羅, Bà-la 婆 羅, Kỳ-bà 耆 婆, Linh-hê-nậu 靈 醯 耨, Vật-la 物 羅, Nan-đầu 難 頭.

"Cõi Trời có mười loại pháp; đó là: một, bay đi không hạn số; hai, bay đến không hạn số; ba, đi vô ngại; bốn, đến vô ngại; năm, thân Trời không có da, xương, gân, mạch, máu, thịt; sáu, thân không có việc đại, tiểu tiện bất tịnh; bảy, thân không mệt nhọc; tám, Thiên nữ không sinh đẻ; chín, mắt Trời không nháy; mười, thân tùy thuộc vào màu sắc của ý mình, như thích xanh thì hiện xanh, thích vàng thì vàng, đỏ, trắng và các màu khác tùy theo ý mình mà hiện. Đó là mười pháp của chư Thiên.

"Con người có bảy màu sắc, đó là: có người màu lửa, có người màu xanh, có người màu vàng, có người màu đỏ, có người màu đen, có người màu trắng. Chư Thiên, A-tu-luân cũng có bảy màu sắc như vậy.

"Các Tỳ-kheo, ánh sáng của con đom đóm không bằng đèn, nến; ánh sáng của đèn, nến không bằng bó đuốc; ánh sáng của bó đuốc không bằng đống lửa; ánh sáng của đống lửa không bằng ánh sáng của sắc thân, y phục, anh lạc, thành quách, cung điện của Tứ thiên vương; ánh sáng của sắc thân, y phục, anh lạc, thành quách, cung điện của Tứ thiên vương không bằng ánh sáng của Tam thập tam thiên; ánh sáng của Tam thập tam thiên không bằng ánh sáng của Diệm-ma thiên; ánh sáng của Diệm-ma thiên không bằng ánh sáng của Đâu-suất thiên, ánh sáng của Đâu-suất thiên không bằng ánh sáng của Hóa tự tại thiên; ánh sáng của Hóa tự tại thiên không bằng ánh sáng của Tha hóa tự tại thiên; ánh sáng của Tha hóa tự tại thiên không bằng ánh sáng của sắc thân, y phục, cung điện Phạm-ca-di thiên; ánh sáng của sắc thân, y phục, cung điện Phạm-ca-di thiên không bằng ánh sáng của Quang âm thiên; ánh sáng của Quang âm thiên không bằng ánh sáng của Biến tịnh thiên; ánh sáng của Biến tịnh thiên không bằng ánh sáng của Quả thật thiên; ánh sáng của Quả thật thiên không bằng ánh sáng của Vô tưởng thiên; ánh sáng của Vô tưởng thiên không bằng ánh sáng của Vô tạo thiên; ánh sáng của Vô tạo thiên không bằng ánh sáng của Vô nhiệt thiên; ánh sáng của Vô nhiệt thiên không bằng ánh sáng của Thiện kiến thiên; ánh sáng của Thiện kiến thiên không bằng ánh sáng của Đại Thiện kiến thiên; ánh sáng của Đại Thiện kiến thiên không bằng ánh sáng của Cứu cánh thiên; ánh sáng của Cứu cánh thiên không bằng ánh sáng của Tha hóa tự tại thiên; ánh sáng của Tha hóa tự tại thiên không bằng ánh sáng của Phật. Từ ánh sáng của con đom đóm đến ánh sáng của Phật, mà kết hợp những thứ ánh sáng như vậy lại, thì cũng không bằng ánh sáng của Khổ đế, Tập đế, Diệt đế và Đạo đế.

Cho nên, các Tỳ-kheo! Muốn tìm cầu ánh sáng, thì phải cầu ánh sáng của Khổ đế, Tập đế, Diệt đế và Đạo đế. Các ngươi nên như vậy mà tu hành.

"Thân người ở cõi Diêm-phù-đề cao ba khuỷu tay rưỡi; y dài bảy khuỷu tay, rộng ba khuỷu tay rưỡi[1]. Thân người ở Cù-da-ni, Phất-vu-đãi cũng cao ba khuỷu tay; y dài bảy khuỷu tay, rộng ba khuỷu tay rưỡi. Thân người Uất-đan-viết cao bảy khuỷu tay; y dài mười bốn khuỷu tay, rộng bảy khuỷu tay. Thân A-tu-luân cao một do-tuần; y dài hai do-tuần, rộng một do-tuần, y dày sáu lạng. Thân của Tứ thiên vương cao nửa do-tuần; y dài một do-tuần, rộng nửa do-tuần, y dày nửa lạng. Thân của Đao-lợi thiên cao một do-tuần; y dài hai do-tuần, rộng một do-tuần, y dày sáu lạng. Thân của Diệm-ma thiên cao hai do-tuần; y dài bốn do-tuần, rộng hai do-tuần, y dày ba lạng. Thân của Đâu-suất thiên cao bốn do-tuần; y dài tám do-tuần, rộng bốn do-tuần, y dày một lạng rưỡi. Hóa tự tại thiên cao tám do-tuần; y dài mười sáu do-tuần, rộng tám do-tuần, y dày một lạng. Thân của Tha hóa tự tại thiên cao mười sáu do-tuần; y dài ba mươi hai do-tuần, rộng mười sáu do-tuần, y dày nửa lạng. Từ chư Thiên trở lên, mỗi nơi tùy theo thân hình của họ mà mặc y phục.

"Tuổi thọ của người Diêm-phù-đề là một trăm năm, ít ai vượt qua khỏi; mà phần nhiều là dưới. Tuổi thọ của người Câu-da-ni là hai trăm năm, ít ai vượt qua khỏi, mà phần nhiều là dưới. Tuổi thọ của người Phất-vu-đãi là ba trăm năm, ít ai vượt qua khỏi, mà phần nhiều là dưới. Tuổi thọ của người Uất-đan-viết là một ngàn năm, không có tăng hay giảm. Tuổi thọ của ngạ quỷ là bảy vạn năm, ít ai vượt qua khỏi, mà phần nhiều là dưới. Tuổi thọ của loài rồng và Kim sí điểu là một kiếp, hoặc có giảm đi. Tuổi thọ của A-tu-luân là một ngàn năm của cõi trời, ít ai vượt qua khỏi, mà phần nhiều là dưới. Tuổi thọ của Tứ thiên vương là năm trăm năm của cõi trời, ít ai vượt qua khỏi, mà phần nhiều là dưới. Tuổi thọ của Đao-lợi thiên là một ngàn năm của cõi trời, ít ai vượt qua khỏi, mà phần nhiều là dưới. Tuổi thọ của Diệm-ma thiên là hai ngàn năm của cõi trời, ít ai vượt qua khỏi, mà phần nhiều là dưới. Tuổi thọ của Đâu-suất thiên là bốn ngàn năm của cõi trời, ít ai vượt qua khỏi, mà phần nhiều là dưới. Tuổi thọ của Hóa tự tại thiên là tám ngàn năm của cõi trời, ít ai vượt qua khỏi, mà phần nhiều là dưới. Tuổi thọ của Tha hóa tự tại thiên là sáu ngàn năm của cõi trời, ít ai vượt qua khỏi, mà phần nhiều là dưới. Tuổi thọ của Phạm-ca-di thiên là một kiếp, hoặc có giảm bớt. Tuổi thọ của Quang âm thiên là hai kiếp, hoặc

[1]. Kích thước trung bình khăn quấn của người Ấn.

có giảm bớt. Tuổi thọ của Biến tịnh thiên là ba kiếp, hoặc có giảm bớt. Tuổi thọ của Quả thật thiên là bốn kiếp, hoặc có giảm bớt. Tuổi thọ của Vô tưởng thiên là năm trăm kiếp, hoặc có giảm bớt. Tuổi thọ của Vô tạo thiên là một ngàn kiếp, hoặc có giảm bớt. Tuổi thọ của Vô nhiệt thiên là hai ngàn kiếp, hoặc có giảm bớt. Tuổi thọ của Thiện kiến thiên là ba ngàn kiếp, hoặc có giảm bớt. Tuổi thọ của Đại Thiện kiến thiên là bốn ngàn kiếp, hoặc có giảm bớt. Tuổi thọ của Sắc cứu cánh thiên là năm ngàn kiếp, hoặc có giảm bớt. Tuổi thọ của Không xứ thiên là một vạn kiếp, hoặc có giảm bớt. Tuổi thọ của Thức xứ thiên là hai vạn một ngàn kiếp, hoặc có giảm bớt. Tuổi thọ của Bất dụng xứ thiên là bốn vạn hai ngàn kiếp, hoặc có giảm bớt. Tuổi thọ của Hữu tưởng vô tưởng thiên là tám vạn bốn ngàn kiếp, hoặc có giảm bớt. Trong giới hạn ấy, được gọi là chúng sanh; trong giới hạn ấy được gọi là tuổi thọ; trong giới hạn ấy được gọi là thế giới; trong giới hạn ấy là sự luân chuyển của tập hợp uẩn, xứ, giới, qua lại trong các cõi, sanh, già, bệnh, chết."

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Tất cả chúng sanh do bốn loại thức ăn mà tồn tại. Một là đoàn tế hoạt thực[2]. Hai là xúc thực. Ba là niệm thực. Bốn là thức thực. Những loại thức ăn này chúng sanh ăn không giống nhau. Như người cõi Diêm-phù-đề dùng các loại cơm, bún mì, cá thịt, gọi là loại đoàn thực[3]. Y phục, tắm giặt, được gọi là tế hoạt thực[4]. Người Câu-da-ni, Phất-vu-đãi cũng ăn các loại cơm, bún mì, cá thịt được gọi là đoàn thực; y phục, tắm giặt là tế hoạt thực. Người Uất-đan-viết thì chỉ ăn lúa gạo chín tự nhiên, đầy đủ vị trời lấy là đoàn thực; cũng lấy y phục, tắm giặt làm tế hoạt thực. Loài rồng, Kim sí điểu, thì ăn các con giải, con đà, con cá, con ba-ba lấy làm đoàn thực và tắm gội, y phục làm tế hoạt thực. A-tu-luân thì ăn đoàn thực sạch[5] lấy làm đoàn thực và lấy tắm giặt, y phục làm tế hoạt thực. Tứ thiên vương, Đao-lợi thiên, Diệm-ma thiên, Đâu-suất

---

2. Hán: đoàn tế hoạt thực 摶細滑食; Pāli: kabaḷikāro āhāro oḷāriko vā sukhumo. Xem cht.43, kinh số 9 "Chúng Tập".

3. Chỉ thực phẩm vật chất: thức ăn được nắn thành viên, do tục ăn bốc của người Ấn.

4. Tham chiếu, *Câu-xá luận 10:* đoạn thực 段食 (Skt.: kavaḍīkāra āhāra; Pāli: kabaḷikāro āhāro) có hai loại: thô (Skt.: audārika; Pāli: oḷāriko) và tế (Skt.: sūkṣuma; Pāli: sukhumo): (…) như thức ăn chư Thiên được gọi là tế, vì không phải bài tiết.

5. Tịnh đoàn thực 淨摶食.

thiên, Hóa tự tại thiên, Tha hóa tự tại thiên ăn loại đoàn thực sạch lấy làm đoàn thực và tắm giặt, y phục làm tế hoạt thực. Chư Thiên từ đây trở lên dùng hỷ lạc thiền định làm thức ăn.

"Những chúng sanh nào dùng xúc thực? Những chúng sanh, sinh ra từ trứng dùng xúc thực.

"Những chúng sanh nào dùng niệm thực? Có chúng sanh nhờ vào niệm thực mà được tồn tại, tăng trưởng các căn, tuổi thọ không dứt, đó là niệm thực.

"Những chúng sanh nào dùng thức thực? Những chúng sanh ở địa ngục và cõi Vô sắc thiên, những loại chúng sanh này dùng thức thực.

"Người cõi Diêm-phù-đề dùng các thứ vàng bạc, đồ quý báu, lúa gạo, lụa là, nô bộc để mưu sinh buôn bán mà tự nuôi sống. Người Câu-da-ni dùng bò, dê, châu báu để trao đổi mà nuôi sống. Người Phất-vu-đãi dùng thóc, vải, châu ngọc[6] để trao đổi mà tự nuôi sống. Người Uất-đan-viết tuy không dùng cách trao đổi nhưng cũng mưu sinh để tự nuôi sống.

"Người cõi Diêm-phù-đề có sự mai mối hôn nhân, con trai lấy vợ, con gái lấy chồng. Người Câu-da-ni và người Phất-vu-đãi, cũng có mai mối hôn nhân, con trai lấy vợ, con gái lấy chồng. Người Uất-đan-viết, thì không có vấn đề hôn nhân, không có sự lấy chồng, lấy vợ của con trai và con gái. Loài rồng và Kim sí điểu cùng A-tu-luân, thì cũng có hôn nhân, có giá thú giữa con trai và con gái. Tứ thiên vương, Đao-lợi thiên... cho đến Tha hóa tự tại thiên cũng có hôn nhân và có giá thú giữa người nam và người nữ. Chư Thiên từ đây trở lên không còn có nam và nữ.

"Người cõi Diêm-phù-đề, vì giữa nam và nữ giao hội nhau, thân và thân xúc chạm nhau, nên sanh ra âm dương. Những người Câu-da-ni, người Phất-vu-đãi, người Uất-đan-viết cũng dùng thân với thân xúc chạm nhau nên cũng sanh ra âm dương. Các loài rồng, Kim sí điểu cũng dùng thân với thân xúc chạm nhau nên cũng sanh ra âm dương. Loài A-tu-luân thì thân với thân gần gũi nhau phát sanh khí mà trở thành âm dương. Tứ thiên vương, Đao-lợi thiên thì cũng lại như vậy. Diệm-ma thiên, thì gần gũi nhau mà thành âm dương. Đâu-suất thiên thì cầm tay nhau mà thành âm dương. Hóa tự tại thiên thì nhìn kỹ nhau mà thành

---

6. Hán: châu ky 珠璣, chỉ chung cho các kim loại quý làm vật ngang giá.

âm dương. Tha hóa tự tại thiên thì láy mắt nhìn nhau mà thành âm dương. Chư Thiên từ đây trở lên thì không còn dâm dục nữa.

"Nếu có chúng sanh nào, với thân làm ác, miệng nói lời ác, ý nghĩ điều ác, thì sau khi thân hoại mạng chung, thức người đời diệt mất; thức nê-lê bắt đầu sinh ra. Nhân thức nên có danh sắc. Nhân danh sắc nên có sáu nhập. Hoặc có chúng sanh với thân làm ác, miệng nói lời ác, ý nghĩ điều ác, thì sau khi thân hoại mạng chung, bị đọa vào trong loài súc sanh; sau đó thức người đời bị diệt; thức súc sanh bắt đầu sinh ra; nhân thức nên có danh sắc; nhân danh sắc nên có sáu nhập. Hoặc có chúng sanh với thân làm ác, miệng nói lời ác, ý nghĩ điều ác, thì sau khi thân hoại mạng chung, sẽ đọa vào trong ngạ quỷ; sau đó thức người đời bị diệt, thức ngạ quỷ bắt đầu sinh ra; nhân thức nên có danh sắc; nhân danh sắc nên có sáu nhập. Hoặc có chúng sanh với thân làm thiện, miệng nói những lời thiện, ý nghĩ điều thiện, thì sau khi thân hoại mạng chung, sẽ được sinh vào trong cõi người; sau đó thức đời trước diệt, thức loài người bắt đầu sinh ra; nhân thức nên có danh sắc; nhân danh sắc nên có sáu nhập.

"Hoặc có chúng sanh với thân làm thiện, miệng nói lời thiện, ý nghĩ điều thiện, thì sau khi thân hoại mạng chung, sẽ sinh về cõi Tứ thiên vương; sau đó thức đời trước diệt; thức loài trời Tứ thiên vương bắt đầu sinh ra; nhân thức nên có danh sắc; nhân danh sắc nên có sáu nhập.

"Lúc bắt đầu sinh ở cõi Trời, hình dạng cũng giống hệt như con nít chừng hai, ba tuổi của cõi người này, tự nhiên hóa hiện, ngồi trên đầu gối Trời. Vị Trời ấy liền nói: 'Đây là con ta.' Do quả báo của hành vi, nên tự nhiên mà có nhận thức; liền tự nghĩ rằng: 'Ta do đã làm những gì, mà nay ta sinh ra nơi này?' Rồi tự nhớ lại: 'Đời trước ta ở nhân gian, thân làm việc thiện, miệng nói lời thiện, ý nghĩ điều thiện. Vì đã làm những việc này nên nay được sanh về cõi Trời. Giả như ở đây ta mạng chung, mà sinh vào cõi nhân gian trở lại, thì phải thanh tịnh thân, khẩu, ý và siêng năng gấp đôi trong việc tu tập các hạnh lành.' Sau khi sinh ra chưa lâu, hài nhi tự biết đói, thì tự nhiên trước mặt hài nhi này có đồ đựng quý, trong đó đựng thức ăn thanh tịnh của cõi Trời, tự nhiên có, đủ cả trăm mùi vị. Nếu phước báo nhiều thì thức ăn màu trắng. Nếu phước báo vừa thì thức ăn có màu xanh. Còn nếu phước báo ít thì thức ăn có màu đỏ. Đứa trẻ này dùng tay lấy thức ăn đưa vào miệng, thức ăn tự nhiên tiêu mất, như váng sữa được chế vào trong lửa. Khi đứa trẻ ăn

xong, mới tự cảm thấy khát, thì tự nhiên có đồ đựng quý, đựng đầy nước cam lồ. Nếu là người có nhiều phước báo thì nước này có màu trắng; nếu người này phước báo vừa vừa thì nước này có màu xanh; nếu là người có phước báo ít thì nước này có màu đỏ. Đứa trẻ này lấy nước uống; nước tự động tiêu mất như váng sữa được chế vào lửa vậy.

"Đứa trẻ này sau khi ăn uống xong, thì thân thể cao lớn cũng như các chư Thiên khác, liền vào trong hồ nước mà tự mình thưởng thức sự tắm gội rửa ráy. Khi đã tự mình thưởng thức xong thì ra khỏi hồ tắm, đến dưới cây hương. Cây hương sẽ cong xuống; nó dùng tay lấy các loại hương tự thoa vào thân mình. Sau đó lại đến cây y-kiếp-bối. Cây cong xuống, nó lấy các loại y mặc vào thân mình. Tiếp đến nơi cây trang nghiêm. Cây cong xuống, nó lấy các thứ đồ trang sức, để tự trang điểm thân. Tiếp đến cây Hoa man[7], cây nghiêng xuống một bên, lấy tràng hoa đội lên đầu. Tiếp đến cây đồ vật, cây nghiêng xuống một bên, để lấy các thứ đồ vật báu. Tiếp đến cây có trái, cây nghiêng xuống một bên, hái trái tự nhiên, hoặc ăn hay ngậm, hoặc lọc nước mà uống. Tiếp đến cây nhạc khí, cây nghiêng xuống một bên, lấy nhạc khí Trời, khảy lên âm thanh trong trẻo vi diệu hòa cùng lời ca. Khi đứa trẻ cõi Trời hướng đến các khu vườn, thì thấy vô số Thiên nữ đang khảy đàn đánh trống ca hát nói cười với nhau. Bấy giờ đứa trẻ cõi Trời dạo chơi thấy những cảnh như vậy, bèn sinh lòng đắm nhiễm, nhìn Đông mà quên Tây, nhìn Tây mà quên Đông. Lúc mà đứa trẻ này mới sinh, tự biết mà tự nghĩ rằng: 'Do hành vi gì mà nay ta được sinh ra nơi này? Khi đang dạo chơi xem cảnh nơi kia, thì lại quên hết ý nghĩ này. Thế rồi, liền có thể nữ theo hầu.

"Hoặc có chúng sanh với thân làm thiện, miệng nói lời thiện, ý nghĩ điều thiện, thì sau khi thân hoại mạng chung sẽ sinh về cõi Đao-lợi thiên; sau đó thức đời trước diệt; thức kia bắt đầu sinh ra; nhân thức này nên có danh sắc, nhân danh sắc nên có sáu nhập. Kẻ mới bắt đầu sinh của cõi Trời kia, giống như đứa trẻ hai hay ba tuổi ở cõi Diêm-phù-đề, tự nhiên biến hiện ra ở trên đầu gối của Trời và vị Trời ấy nói: 'Đây là con trai của ta. Đây là con gái của ta.' Cũng lại như đã kể trên.

"Hoặc có chúng sanh với thân, miệng, ý đều thiện, thì sau khi thân hoại mạng chung sẽ sinh về cõi Diệm-ma thiên; kẻ mới bắt đầu sinh của cõi trời kia, giống như đứa trẻ ba, bốn tuổi ở cõi Diêm-phù-

---

7. Man thọ 鬘樹; xem cht.131, "phẩm Uất-đan-viết".

đề này.

"Hoặc có chúng sanh với thân, miệng, ý đều thiện, sau khi thân hoại mạng chung sẽ sinh về cõi Đâu-suất thiên; kẻ mới sinh ở cõi Trời này, giống như đứa trẻ bốn, năm tuổi ở thế gian này.

"Hoặc có chúng sanh với thân, miệng, ý đều thiện, sau khi thân hoại mạng chung sẽ sinh về cõi Hóa tự tại thiên; kẻ mới sinh ở cõi trời này, giống như đứa trẻ năm, sáu tuổi ở thế gian này.

"Hoặc có chúng sanh với thân, miệng, ý đều thiện, sau khi thân hoại mạng chung sẽ sinh về cõi Tha hóa tự tại thiên; kẻ mới sinh ở cõi Trời này, giống như đứa trẻ sáu, bảy tuổi ở thế gian này, cũng lại như vậy."

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Mỗi nửa tháng có ba ngày trai[8], đó là: ngày mồng tám, ngày mười bốn và ngày mười lăm. Đó là ba ngày trai. Vì sao trong mỗi nửa tháng lấy ngày mùng tám làm ngày trai? Vì vào ngày mồng tám của mỗi nửa tháng là ngày Tứ thiên vương thường bảo sứ giả rằng: 'Các ngươi nên đi khảo sát thế gian, xem xét mọi người, có biết hiếu thuận với cha mẹ, có kính thuận với Sa-môn, Bà-la-môn, có tôn kính các bậc trưởng lão, có trai giới, bố thí, có cứu giúp người nghèo thiếu hay không?' Sau khi sứ giả nghe những lời dạy này rồi, liền đi khảo sát khắp trong thiên hạ, để biết có người hiếu thuận với cha mẹ, tôn kính Sa-môn, Bà-la-môn, kính trọng các bậc trưởng lão, trì giới giữ trai, bố thí cho người nghèo thiếu. Sau khi xem xét đầy đủ rồi, thấy có những người bất hiếu với cha mẹ, bất kính sư trưởng, không tu trai giới, không cứu giúp người nghèo thiếu, về thưa với nhà vua rằng: 'Tâu Thiên vương, ở thế gian những người hiếu thuận với cha mẹ, kính trọng sư trưởng, tịnh tu trai giới, giúp đỡ những người nghèo thiếu thì rất ít! rất ít!' Sau khi Tứ thiên vương nghe xong, sầu lo không vui, đáp rằng: 'Than ôi! nếu người thế gian, có nhiều kẻ ác, bất hiếu với cha mẹ, không kính trọng sư trưởng, không tu tập trai giới, không giúp đỡ người nghèo thiếu! thì chúng chư Thiên sẽ tổn giảm và chúng A-tu-luân sẽ tăng thêm.' Trường hợp nếu sứ giả thấy ở thế gian mà có người hiếu kính mẹ cha, kính trọng sư trưởng, siêng tu trai giới, giúp đỡ người nghèo, thì trở về bạch với Thiên vương rằng: 'Ở thế gian có người hiếu

8. Trai 齋, thường dịch âm là bố-tát 布薩 (Skt.: upavasatha hay upoṭaḍha; Pāli: uposatha).

thuận mẹ cha, kính trọng sư trưởng, siêng tu trai giới, giúp đỡ người nghèo thiếu.' Thì Tứ thiên vương sau khi nghe xong rất là hoan hỷ, xướng lên rằng: 'Lành thay! Ta đã nghe những lời tốt lành, thế gian nếu có những người có thể hiếu thuận mẹ cha, kính trọng sư trưởng, siêng tu trai giới, giúp đỡ những người nghèo thiếu, thì chúng chư Thiên sẽ tăng thêm và chúng A-tu-luân sẽ giảm bớt.'

"Vì sao lấy ngày mười bốn làm ngày trai? Vì ngày mười bốn là ngày mà Tứ thiên vương bảo thái tử rằng: 'Ngươi nên đi khảo sát khắp thiên hạ, xem xét mọi người, để biết có người hiếu thuận mẹ cha, kính trọng sư trưởng, siêng tu trai giới, giúp đỡ người nghèo thiếu hay không?' Sau khi vâng lời dạy của vua xong, thái tử liền đi khảo sát thiên hạ, xem xét mọi người, có biết hiếu thuận mẹ cha, tôn trọng sư trưởng, siêng tu trai giới, giúp đỡ người nghèo thiếu hay không. Khi đã quán sát tất cả rồi, nhận thấy thế gian có người không hiếu thuận mẹ cha, không kính sư trưởng, không tu trai giới, không giúp đỡ người nghèo thiếu, trở về thưa vua rằng: 'Tâu Thiên vương, ở thế gian người hiếu thuận với cha mẹ, tôn kính sư trưởng, tu hành trai giới thanh tịnh, giúp đỡ những người nghèo thiếu thì rất ít! rất ít!' Tứ thiên vương nghe xong, sầu lo không vui, bảo rằng: 'Than ôi! Nếu thế gian có nhiều kẻ ác, không hiếu thuận mẹ cha, không tôn trọng sư trưởng, không tu tập trai giới, không giúp đỡ những người nghèo thiếu, thì chúng chư Thiên sẽ giảm bớt, chúng A-tu-luân sẽ tăng thêm.' Nếu thái tử nhận thấy thế gian có người hiếu thuận mẹ cha, tôn kính sư trưởng, siêng tu trai giới, giúp đỡ những người nghèo thiếu, thì liền trở về thưa vua rằng: 'Tâu Thiên vương, ở thế gian có người hiếu thuận với mẹ cha, kính trọng sư trưởng, siêng tu trai giới, giúp đỡ những người nghèo thiếu.' Tứ thiên vương nghe xong, lòng rất vui mừng, xướng lên rằng: 'Lành thay! Ta nghe được những lời tốt lành, là ở thế gian nếu có những người hiếu thuận với mẹ cha, tôn trọng sư trưởng, siêng tu trai giới, giúp đỡ những người nghèo thiếu, thì chúng chư Thiên sẽ tăng thêm, chúng A-tu-luân sẽ giảm bớt.' Cho nên ngày mười bốn là ngày trai.

"Vì sao lấy ngày mười lăm làm ngày trai? Vì ngày mười lăm là ngày Tứ thiên vương đích thân tự đi khảo sát thiên hạ, xem xét mọi người ở trong thế gian, có hiếu thuận mẹ cha, kính trọng sư trưởng, siêng tu trai giới, giúp đỡ những người nghèo thiếu hay không? Nếu nhận thấy người thế gian phần nhiều bất hiếu với mẹ cha, không tôn trọng sư trưởng, không siêng trai giới, không giúp đỡ kẻ nghèo thiếu, thì Tứ thiên vương đến điện Thiện pháp thưa với Đế Thích: 'Đại vương biết cho, chúng sanh ở thế gian phần nhiều bất hiếu với mẹ cha, không kính trọng sư trưởng, không tu trai giới, không giúp đỡ kẻ nghèo thiếu!' Sau khi Đế Thích và chư Thiên Đao-lợi nghe xong lòng buồn lo không vui nói rằng: 'Than ôi! Nếu chúng sanh ở thế gian phần nhiều là ác, không hiếu thuận mẹ cha, không tôn kính sư trưởng, không tu trai giới, không giúp kẻ nghèo thiếu, thì chúng chư Thiên sẽ giảm bớt, chúng A-tu-luân sẽ tăng lên.' Nếu Tứ thiên vương nhận thấy thế gian có người hiếu thuận với mẹ cha, tôn kính sư trưởng, siêng tu trai giới, giúp đỡ kẻ nghèo thiếu, thì trở về điện Thiện pháp tâu với Đế Thích: 'Người thế gian có kẻ hiếu thuận với mẹ cha, tôn kính sư trưởng, siêng tu trai giới, giúp kẻ nghèo thiếu.' Sau khi Đế Thích và chư Thiên Đao-lợi nghe xong lòng rất là hoan hỷ, xướng lên rằng: 'Lành thay! Nếu ở thế gian mà có kẻ hiếu thuận mẹ cha, tôn kính sư trưởng, siêng tu trai giới, giúp kẻ nghèo thiếu, thì chúng chư Thiên sẽ tăng, chúng A-tu-luân sẽ giảm.' Cho nên lấy ngày mười lăm là ngày trai giới. Vì lý do trên nên có ba ngày trai. Bấy giờ, Đế Thích muốn cho chư Thiên càng thêm hoan hỷ hơn, liền nói bài kệ:

Thường lấy ngày mồng tám,
Mười bốn, rằm mỗi tháng,
Cải hóa, tu trai giới,
Người này đồng với Ta."

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Đế Thích nói bài kệ này, không phải là khéo thọ, không phải là khéo nói; Ta cũng không ấn khả. Vì sao? Vì Đế Thích chưa dứt hết dâm dục, sân hận, si mê, chưa thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ não. Ta bảo người này chưa lìa khỏi gốc khổ. Tỳ-kheo nào của Ta, nếu lậu hoặc đã hết, được A-la-hán, những gì cần làm đã làm xong, đã trút bỏ gánh nặng, đã được tự lợi, đã hết kết sử các hữu, bình đẳng giải thoát, thì Tỳ-kheo đó mới đáng nói bài kệ này:

Thường lấy ngày mồng tám,
Mười bốn, rằm mỗi tháng,
Vâng lời tu trai giới,
Người này đồng với Ta.”

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Tỳ-kheo kia nói bài kệ này mới gọi là khéo thọ, mới gọi là khéo nói, được Ta ấn khả. Vì sao? Vì Tỳ-kheo kia đã dứt sạch dâm dục, sân hận, si mê, đã thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ não. Ta bảo người kia đã lìa khỏi gốc khổ.”

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Tất cả chỗ ở như nhà cửa của mọi người đều có quỷ thần, không có chỗ nào là không có cả. Tất cả mọi đường sá, mọi ngã tư, hàng thịt, chợ búa, cùng bãi tha ma đều có quỷ thần, không có chỗ nào là không có cả. Phàm các loài quỷ thần đều tùy thuộc vào chỗ nương náu mà có tên. Như nếu nương vào người thì gọi là người; nương vào thôn thì gọi là thôn; nương vào thành thì gọi là thành; nương vào nước thì gọi là nước; nương vào đất thì gọi là đất; nương vào núi thì gọi là núi, nương vào sông thì gọi là sông.”

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Tất cả mọi loại cây cối dù là cực nhỏ như trục xe cũng đều có quỷ thần nương tựa, không có chỗ nào là không có. Tất cả mọi người nam, người nữ khi mới bắt đầu sinh ra đều có quỷ thần theo bên ủng hộ; nếu khi nào họ chết thì quỷ thần giữ gìn họ, thu nhiếp tinh khí của họ, nên người này sẽ chết ngay.”

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Giả như có Phạm-chí ngoại đạo hỏi rằng: ‘Chư Hiền! Nếu như tất cả nam nữ khi bắt đầu sinh ra đều có quỷ thần theo bên giữ gìn, ủng hộ; khi người kia sắp chết, quỷ thần giữ gìn ủng hộ kia sẽ thu nhiếp tinh khí họ, thì người này chết. Nhưng tại sao người hiện nay lại có người bị quỷ thần quấy nhiễu, có người không bị quỷ thần quấy nhiễu?’ Nếu có người hỏi câu này, thì các Thầy nên trả lời cho họ rằng: ‘Người thế gian hành động phi pháp, tà kiến điên đảo, tạo ra mười nghiệp ác, những người như vậy, thì trong trăm hay ngàn mới có một thần theo bảo hộ thôi. Giống như đàn bò, đàn dê, trong trăm hay ngàn con cũng chỉ có một người chăn giữ; thì việc này cũng như vậy, vì hành động phi pháp, tà kiến điên đảo, tạo ra mười nghiệp ác, nên những người như vậy, trong

trăm hay ngàn người mới có một thần bảo hộ thôi. Nếu có người nào tu hành pháp thiện, chánh kiến, chánh tín, chánh hạnh, đầy đủ mười nghiệp thiện, chỉ một người như vậy, thì cũng có trăm ngàn thần bảo hộ rồi. Giống như quốc vương, đại thần của quốc vương có trăm ngàn người hộ vệ một người; thì việc này cũng như vậy, người tu hành pháp thiện, đầy đủ mười nghiệp thiện, như một người có trăm ngàn thần hộ vệ. Vì nhân duyên này cho nên, người thế gian có người bị quỷ thần quấy nhiễu, có người không bị quỷ thần quấy nhiễu.

"Người cõi Diêm-phù-đề có ba điều hơn người Câu-da-ni, đó là: một, dõng mãnh, nhớ dai, có khả năng tạo nghiệp hành; hai, dõng mãnh, nhớ dai, siêng tu phạm hạnh; ba, vì dõng mãnh, nhớ dai, nên Phật ra đời ở cõi này. Do có ba điều này nên hơn người Câu-da-ni. Người Câu-da-ni có ba điều hơn người Diêm-phù-đề, đó là: một, nhiều bò; hai, nhiều dê; ba, nhiều châu ngọc. Do có ba điều này nên hơn người Diêm-phù-đề.

"Người Diêm-phù-đề có ba điều hơn người Phất-vu-đãi, đó là: một, dõng mãnh, nhớ dai, có khả năng tạo ra nghiệp hành; hai, dõng mãnh, nhớ dai, thường tu phạm hạnh; ba, dõng mãnh, nhớ dai, Phật ra đời ở cõi này. Vì ba điều này nên hơn Phất-vu-đãi. Người Phất-vu-đãi có ba điều hơn người Diêm-phù-đề, đó là: một, cõi này rất rộng; hai, cõi này rất lớn; ba, đất đai cõi này rất vi diệu. Vì ba điều này nên hơn người Diêm-phù-đề.

"Người Diêm-phù-đề có ba điều hơn người Uất-đan-viết, đó là: một, mạnh mẽ, nhớ dai, có khả năng tạo ra hành nghiệp; hai, mạnh mẽ, nhớ dai, thường tu hành phạm hạnh; ba, mạnh mẽ, nhớ dai, Phật ra đời ở cõi này. Đó là ba điều hơn người Uất-đan-viết. Người Uất-đan-viết có ba điều hơn người Diêm-phù-đề, đó là: một, không bị ràng buộc lệ thuộc; hai, không có vật sở hữu của ngã; ba, tuổi thọ cố định là ngàn năm. Vì ba điều này nên hơn người Diêm-phù-đề. Người Diêm-phù-đề cũng vì ba điều trên mà hơn đường ngạ quỷ. Đường ngạ quỷ có ba điều hơn Diêm-phù-đề, đó là: một, sống lâu; hai, thân to lớn; ba, người khác làm mà mình chịu. Vì ba điều này nên hơn Diêm-phù-đề.

"Người Diêm-phù-đề cũng vì ba điều trên nên hơn loài rồng, Kim sí điểu. Loài rồng, Kim sí điểu lại có ba điều hơn người Diêm-phù-đề, đó là: một, sống lâu; hai, thân to lớn; ba, cung điện. Vì ba điều này nên hơn người Diêm-phù-đề.

"Người Diêm-phù-đề vì ba điều trên nên hơn A-tu-luân. A-tu-luân

lại có ba điều hơn người Diêm-phù-đề, đó là: một, cung điện cao, rộng; hai, cung điện trang nhiêm; ba, cung điện thanh tịnh. Vì ba điều này nên hơn người Diêm-phù-đề.

"Người Diêm-phù-đề vì ba điều trên mà hơn Tứ thiên vương. Tứ thiên vương lại có ba điều hơn người Diêm-phù-đề, đó là: một, sống lâu; hai, đoan chánh; ba, an vui nhiều; vì ba điều này nên hơn người Diêm-phù-đề.

"Người Diêm-phù-đề cũng vì ba điều trên mà hơn Đao-lợi thiên, Diệm-ma thiên, Đâu-suất thiên, Hóa tự tại thiên, Tha hóa tự tại thiên. Các hàng chư Thiên này lại có ba điều hơn người Diêm-phù-đề, đó là: một, sống lâu; hai, đoan chánh; ba, an vui nhiều."

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Chúng sanh cõi Dục có mười hai loại, đó là:

"1. Địa ngục.

"2. Súc sanh.

"3. Ngạ quỷ.

"4. Người.

"5. A-tu-luân.

"6. Tứ thiên vương.

"7. Đao-lợi thiên.

"8. Diệm-ma thiên.

"9. Đâu-suất thiên.

"10. Hóa tự tại thiên.

"11. Tha hóa tự tại thiên.

"12. Ma thiên.

"Chúng sanh cõi Sắc có hai mươi hai loại, đó là:

"1. Phạm thân thiên.

"2. Phạm phụ thiên.

"3. Phạm chúng thiên.

"4. Đại Phạm thiên.

"5. Quang thiên.

"6. Thiểu quang thiên.

"7. Vô lượng quang thiên.

"8. Quang âm thiên.

"9. Tịnh thiên.

"10. Thiểu tịnh thiên.

"11. Vô lượng tịnh thiên.

"12. Biến tịnh thiên.

"13. Nghiêm sức thiên.

"14. Tiểu nghiêm sức thiên.

"15. Vô lượng nghiêm sức thiên.

"16. Nghiêm thắng quả thật thiên.

"17. Vô tưởng thiên.

"18. Vô phiền thiên.

"19. Vô nhiệt thiên.

"20. Thiện kiến thiên.

"21. Đại Thiện kiến thiên.

"22. A-ca-nị-trá thiên.

"Chúng sanh cõi Vô sắc có bốn loại, đó là:

"1. Không trí thiên.

"2. Thức trí thiên.

"3. Vô sở hữu trí thiên.

"4. Hữu tưởng vô tưởng trí thiên."

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Có bốn loại Đại Thiên thần, đó là:

"1. Địa thần.

"2. Thủy thần.

"3. Phong thần.

"4. Hỏa thần.

Xưa kia Địa thần nảy sinh ra nhận thức sai lầm rằng: 'Trong đất không có nước, lửa và gió.' Lúc đó Ta biết rõ tâm niệm của thần đất này, liền đến bảo rằng: Ngươi đang nảy sanh ra ý nghĩ: 'Trong đất không có nước, lửa và gió phải không?' Địa thần đáp: 'Trong đất quả thực không có nước, lửa và gió.' Lúc ấy Ta bảo rằng: 'Ngươi chớ nảy sanh ý niệm này là trong đất không có nước, lửa và gió. Vì sao? Vì trong đất có nước, lửa và gió, chỉ vì yếu tố đất nhiều nên lấy đất mà gọi tên'."

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Lúc ấy Ta vì Địa thần mà lần lượt nói pháp, để dứt trừ nhận thức sai lầm này và chỉ bày, khuyến khích, làm cho lợi ích, làm cho hoan hỷ; nói về thí, về giới, về sinh thiên; nói dục là bất tịnh, là ô nhiễm, là tai họa; xuất yếu là trên hết và trình bày khai mở phạm hạnh thanh tịnh. Lúc ấy Ta biết rõ tâm niệm Địa thần đã thanh tịnh, nhu nhuyến, không còn năm ấm cái, dễ dàng khai hóa. Như pháp thường của chư Phật, Ta chỉ bày giảng rộng về Khổ thánh đế, Khổ tập đế, Khổ diệt đế và Khổ xuất yếu thánh đế. Bấy giờ Địa thần liền ngay tại chỗ xa lìa trần cấu, được mắt pháp thanh tịnh. Ví như áo trắng sạch sẽ dễ được nhuộm màu, Địa thần cũng như vậy, lòng tin đã thanh tịnh, nên được mắt pháp, không còn hồ nghi, thấy pháp quyết định, không còn rơi vào đường ác, không theo đường khác, thành tựu được pháp vô úy, mà bạch với Ta rằng: 'Nay con xin quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng, suốt đời không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu, cho phép con được làm Ưu-bà-di ở trong Chánh pháp'."

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Xưa kia, Thủy thần nảy sanh ác kiến, nói rằng: 'Trong nước không có đất, lửa và gió.' Lúc ấy Địa thần biết rõ tâm niệm Thủy thần sinh ra nhận thức này, nên đến nói với Thủy thần rằng: 'Thật sự ngươi có sinh ra kiến giải này, là trong nước không có đất, lửa và gió phải không?' Đáp rằng: 'Có thật như vậy.' Địa thần nói: 'Ngươi chớ sinh ra kiến giải này, là trong nước không có đất, lửa và gió. Vì sao? Vì trong nước có đất, lửa và gió, nhưng chỉ vì yếu tố nước nhiều quá, nên dùng yếu tố nước để gọi tên.' Bấy giờ, Địa thần liền vì y mà nói pháp, dứt trừ kiến giải sai lầm này và chỉ bày, khuyến khích, làm cho lợi ích, làm cho hoan hỷ; nói về thí, về giới, về sinh thiên; nói dục là bất tịnh, là ô nhiễm, là tai họa; xuất yếu là trên hết và trình bày khai mở phạm hạnh thanh tịnh. Lúc ấy Địa thần biết rõ tâm niệm Thủy thần đã thanh tịnh, nhu nhuyến, không còn năm ấm cái, dễ dàng khai hóa. Như pháp thường của chư Phật, chỉ bày giảng rộng về Khổ thánh đế, Khổ tập đế, Khổ diệt đế và Khổ xuất yếu thánh đế. Bấy giờ Thủy thần liền ngay tại chỗ xa lìa trần cấu, được mắt pháp thanh tịnh. Ví như áo trắng sạch sẽ dễ được nhuộm màu, Thủy thần cũng như vậy, lòng tin đã thanh tịnh, nên được mắt pháp, không còn hồ nghi, thấy pháp quyết định, không còn rơi vào đường ác, không theo đường khác, thành tựu được pháp vô úy, mà bạch với Địa thần rằng: 'Nay tôi xin quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng, suốt đời không sát sanh, không trộm cắp, không tà

dâm, không nói dối, không uống rượu, xin nhận tôi là Ưu-bà-di ở trong Chánh pháp'."

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Xưa kia Hỏa thần nảy sanh ra ác kiến, nói rằng: 'Trong lửa không có đất, nước và gió.' Lúc ấy Địa thần và Thủy thần biết rõ tâm niệm Hỏa thần sinh ra nhận thức này, nên cùng nói với Hỏa thần rằng: 'Thật sự ngươi có sinh ra kiến giải này phải không?' Đáp rằng: 'Có thật như vậy.' Hai thần nói: 'Ngươi chớ sinh ra kiến giải này. Vì sao? Vì trong lửa có đất, nước và gió, nhưng chỉ vì yếu tố lửa nhiều quá, nên dùng yếu tố lửa để gọi tên.' Bấy giờ, hai vị thần Địa và Thủy liền vì y mà nói pháp, dứt trừ kiến giải sai lầm này và chỉ bày, khuyến khích, làm cho lợi ích, làm cho hoan hỷ; nói về thí, về giới, về sinh thiên; nói dục là bất tịnh, là ô nhiễm, là tai họa; xuất yếu là trên hết và trình bày khai mở phạm hạnh thanh tịnh. Lúc ấy hai thần biết rõ tâm niệm Hỏa thần đã thanh tịnh, nhu nhuyến, không còn năm ấm cái, dễ dàng khai hóa. Như pháp thường của chư Phật, chỉ bày giảng rộng về Khổ thánh đế, Khổ tập đế, Khổ diệt đế và Khổ xuất yếu thánh đế. Bấy giờ Hỏa thần liền ngay tại chỗ xa lìa trần cấu, được mắt pháp thanh tịnh. Ví như áo trắng sạch sẽ dễ được nhuộm màu, Hỏa thần cũng như vậy, lòng tin đã thanh tịnh, nên được mắt pháp, không còn hồ nghi, thấy pháp quyết định, không còn rơi vào đường ác, không theo đường khác, thành tựu được pháp vô úy, mà bạch với hai thần rằng: 'Nay tôi xin quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng, suốt đời không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu, xin nhận tôi là Ưu-bà-di ở trong Chánh pháp'."

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Xưa kia Phong thần nảy sanh ra nhận thức sai lầm rằng: 'Trong gió không có đất, nước và lửa.' Lúc ấy Địa thần, Thủy thần, Hỏa thần biết rõ tâm niệm Phong thần sinh ra nhận thức này, nên đến nói rằng: 'Thật sự ngươi có sinh ra kiến giải này phải không?' Đáp rằng: 'Có thật như vậy.' Ba vị thần nói: 'Ngươi chớ sinh ra kiến giải này. Vì sao? Vì trong gió có đất, nước và lửa, nhưng chỉ vì yếu tố gió nhiều quá, nên dùng yếu tố gió để gọi tên.' Bấy giờ, ba vị thần liền vì y mà nói pháp, dứt trừ kiến giải sai lầm này và chỉ bày, khuyến khích, làm cho lợi ích, làm cho hoan hỷ; nói về thí, về giới, về sinh thiên; nói dục là bất tịnh, là ô nhiễm, là tai họa; xuất yếu là trên hết và trình bày khai mở phạm hạnh thanh tịnh. Lúc ấy ba thần biết rõ tâm niệm của Phong thần đã

thanh tịnh, nhu nhuyến, không còn năm ấm cái, dễ dàng khai hóa. Như pháp thường của chư Phật, chỉ bày giảng rộng về Khổ thánh đế, Khổ tập đế, Khổ diệt đế và Khổ xuất yếu thánh đế. Bấy giờ Phong thần liền ngay tại chỗ xa lìa trần cấu, được mắt pháp thanh tịnh. Ví như tấm vải trắng sạch sẽ dễ được nhuộm màu, Phong thần cũng như vậy, lòng tin đã thanh tịnh, nên được mắt pháp, không còn hồ nghi, thấy pháp quyết định, không còn rơi vào đường ác, không theo đường khác, thành tựu được pháp vô úy, mà bạch với ba thần rằng: 'Nay tôi xin quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng, suốt đời không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu, xin nhận tôi là Ưu-bà-di ở trong Chánh pháp'."

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Mây có bốn thứ, đó là: một là màu trắng; hai là màu đen; ba là màu đỏ; bốn là màu hồng. Mây có màu trắng vì yếu tố đất đặc biệt nhiều; mây có màu đen vì yếu tố nước đặc biệt nhiều hơn; mây có màu đỏ vì yếu tố lửa đặc biệt nhiều hơn; mây có màu hồng vì yếu tố gió đặc biệt nhiều hơn. Mây cách mặt đất từ hai mươi dặm, ba mươi dặm, bốn mươi dặm... cho đến bốn ngàn dặm; ngoại trừ kiếp sơ, còn sau đó thì mây lên đến cõi Quang âm thiên. Chớp có bốn loại, đó là: Chớp ở phương Đông gọi là thân quang; chớp ở phương Nam gọi là nan hủy; chớp ở phương Tây gọi là lưu diễm; chớp ở phương Bắc gọi là định minh[1]. Vì sao mây ở trong hư không có hiện tượng ánh chớp này? Có lúc thân quang cùng nan hủy chạm nhau, có khi thân quang cùng với lưu diễm chạm nhau, có khi thân quang cùng với định minh chạm nhau, có khi nan hủy cùng với lưu diễm chạm nhau, có khi nan hủy cùng với định minh chạm nhau, có khi lưu diễm cùng với định minh chạm nhau; vì những nhân duyên này nên mây giữa hư không sinh ra ánh chớp. Và vì sao mây ở giữa hư không lại sinh ra sấm chớp? Vì ở giữa hư không có khi địa đại cùng với thủy đại chạm nhau, có khi địa đại cùng với hỏa đại chạm nhau, có khi địa đại cùng với phong đại chạm nhau, có khi thủy đại cùng với hỏa đại chạm nhau, có khi thủy đại cùng với phong đại chạm nhau; vì những nhân duyên này mà mây giữa hư không sinh ra sấm chớp.

"Có năm lý do mà các thầy tướng không thể tiên đoán và không

---

[1]. Bốn loại chớp: thân quang 身光: ánh sáng của thân; nan hủy 難毀: khó hủy diệt; lưu diệm 流焰: ngọn lửa trôi; định minh 定明: ánh sáng cố định.

thể biết được một cách chắc chắn về mưa nên dẫn đến việc sai lầm trong lúc đoán, đó là: một, trong mây có sấm chớp, đoán rằng sắp mưa; nhưng vì hỏa đại nhiều nên nó thiêu hủy mây đi, vì vậy mà không mưa. Đó là lý do thứ nhất khiến cho các thầy tướng đoán sai lầm. Hai, trong mây có sấm chớp, đoán rằng sắp mưa, nhưng vì phong đại nổi lên, thổi mây bay tứ tán vào trong các núi, vì lý do này nên khiến cho các thầy tướng đoán sai lầm. Ba, trong mây có sấm chớp, đoán rằng sắp mưa, nhưng bấy giờ Đại A-tu-luân đem phù vân đặt giữa biển cả, vì lý do này mà thầy tướng đoán sai lầm. Bốn, trong mây có sấm chớp, đoán rằng sắp mưa, nhưng vì thần mây, thần mưa đang buông lung dâm loạn, nên rốt cùng không làm mưa, vì lý do này nên thầy tướng đoán sai lầm. Năm, trong mây có sấm chớp, đoán rằng sắp mưa, nhưng vì mọi người trong thế gian hành động buông lung phi pháp, làm hạnh bất tịnh, tham lam, keo kiệt, ghen ghét, kiến giải điên đảo, nên khiến trời không mưa xuống, vì lý do này nên thầy tướng đoán sai. Đó là năm lý do làm cho các thầy tướng không thể biết để đoán mưa một cách chắc chắn được."

Phẩm 9: TAM TAI[1]

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Có bốn sự kiện[2] trường cửu, không lường, không giới hạn, không thể dùng năm, tháng, ngày để mà tính kể được. Bốn sự kiện, đó là: Một, ở thế gian có những thứ tai nạn khởi lên từ từ; khi thế giới này tan hoại, trung gian là một khoảng thời gian trường cửu, không lường, không giới hạn, không thể dùng năm, tháng, ngày để mà tính kể được. Hai, sau khi thế giới này tan hoại rồi, thì trung gian là một khoảng trống vắng mênh mông, không có thế giới; thời gian này là mịt mù trường cửu, không thể dùng số lượng năm, tháng, ngày để mà tính được. Ba, khi trời đất mới bắt đầu khởi hướng nhắm đến sự hình thành tựu, thì khoảng thời gian này là trường cửu, không thể dùng số lượng năm, tháng, ngày để mà tính được. Bốn, sau khi trời đất đã hoàn thành rồi, tồn tại lâu dài không hoại, không thể dùng số lượng năm, tháng, ngày để mà tính được. Đó là bốn sự kiện trường cửu, không lường, không có giới hạn, không thể dùng số lượng năm, tháng, ngày để tính toán được."

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Ở thế gian có ba thứ tai kiếp[3]; đó là: Một, tai kiếp lửa. Hai, tai kiếp nước. Ba, tai kiếp gió. Có giới hạn phía trên của ba tai kiếp. Thế

---

1. Hán, *Trường A-hàm kinh*, quyển 21, "Đệ tứ phần, Thế Ký kinh, Tam Tai phẩm Đệ cửu". Tam tai 三災; Skt.: saṃvartanayah tisro, ba sự hủy diệt.

2. Hán: tứ sự 四事: chỉ bốn sự kiện, hay bieán coá loùn xảy ra cho theá giôùi, gọi là bốn đại kiếp 四大劫 (Pāli: cattāro mahākappā): thành kiếp (Pāli: vivaṭṭa-kappa, Skt.: vivarta-kalpa), trụ kiếp (Pāli: vivaṭṭaṭṭhāyin, Skt.: vivhṭṭāvasthā), hoại kiếp (Pāli: saṃvaṭṭa-kappa, Skt.: saṃvartna-kalpa), không kiếp (Pāli: saṃvaṭṭathāyin, Skt.: saṃvhṭṭāvasathā).

3. Tam tai 三災 (Skt.: tisro saṃvartanyah): hỏa tai 火災 (Skt.: tejahsaṃvartanī), thủy tai 水災 (apsaṃvartanī), phong tai 風災 (vāyusaṃvartanī).

nào là ba? Đó là: một, Quang âm thiên[4]; hai, Biến tịnh thiên[5]; ba, Quả thật thiên[6]. Khi tai kiếp lửa khởi lên, cháy lên cho đến Quang âm thiên, thì Quang âm thiên là giới hạn. Khi tai kiếp nước khởi lên, ngập cho đến Biến tịnh thiên, thì Biến tịnh thiên là giới hạn. Khi tai kiếp gió khởi lên, thổi cho đến Quả thật thiên, thì Quả thật thiên là giới hạn.

"Thế nào là tai kiếp lửa? Khi tai kiếp lửa bắt đầu sắp sửa khởi, thì con người thế gian này lúc đó đều thực hành chánh pháp, đều chánh kiến không điên đảo, đều tu thập thiện hành[7]. Khi thực hành pháp này, có người đạt được Nhị thiền, liền có thể cất mình bay lên ở giữa hư không, trụ vào Thánh nhơn đạo, Thiên đạo, Phạm đạo[8] và lớn tiếng xướng lên rằng: 'Các Hiền giả! Sung sướng thay, đệ Nhị thiền không giác không quán! Sung sướng thay, đệ Nhị thiền!'[9]' Lúc ấy, người thế gian nghe những lời này rồi, liền ngửa mặt lên trời nói với họ rằng: 'Lành thay! Lành thay! xin vì tôi mà nói đạo của đệ Nhị thiền không giác, không quán.' Lúc này, người ở giữa hư không nghe những lời của người kia rồi liền nói về đạo của Nhị thiền không giác, không quán. Sau khi người thế gian nghe nói rồi, liền tu đạo của Nhị thiền không giác, không quán, nên khi thân hoại mạng chung được sinh về Quang âm thiên.

"Lúc ấy, những chúng sanh có tội trong địa ngục, sau khi mạng chung lại được sinh vào cõi người và tu tập pháp của đệ Nhị thiền không giác, không quán, nên sau khi thân hoại mạng chung được sinh về Quang âm thiên. Những chúng sanh ở trong các loài Súc sanh, Ngạ quỷ, A-tu-la, Tứ thiên vương, Đao-lợi thiên, Diệm-ma thiên, Đâu-suất thiên, Hóa tự tại thiên, Tha hóa tự tại thiên, Phạm thiên, sau khi thân

---

4. Quang âm thiên 光音天, cao nhất trong ba tầng trời Nhị thiền; Skt.: Ābhāsvara; Pāli: Ābhassara, Huyền Tráng: Cực quang tịnh thiên 極光淨天.

5. Bieán tònh thiên 遍淨天, cao nhaát trong ba taàng Tam thieàn thiên; Skt.: Śubhakhtsana, Pāli: Subhakiṇṇa.

6. Quả thật thiên 果實天, tầng thứ ba Tứ thiền thiên; Skt.: Bhhatphala; Pāli: Vehapphala; Huyền Traùng: Quảng quả thiên 廣果天.

7. Thập thiện hành 十善行, tức thập thiện nghiệp 十善業; Skt.: daśa kusala karmā; Pāli: dasa-kusala-kammā.

8. Thiên đạo 天道 (Pāli: deva-yāniyo maggo) xem cht.13, kinh số 24 "Kiên Cố"; Phạm đạo 梵道 (Pāli: Brahma-yāniyo maggo), xem cht.19, kinh số 24 "Kiên Cố".

9. Tham chiếu Hán dịch, Huyền Tráng, *Câu-xá luận*, q.12: "Định sanh hỷ lạc, thậm lạc, thậm tĩnh!"定生喜樂甚樂甚靜.

hoại mạng chung sanh lại cõi nhân gian; sau đó tu tập Nhị thiền không giác, không quán, thì sau khi thân hoại mạng chung sẽ sinh về Quang âm thiên. Vì những nhân duyên này nên đường địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ, A-tu-la, cho đến Phạm thiên tất cả đều diệt. Ngay lúc bấy giờ, trước tiên là địa ngục diệt, sau đó súc sanh diệt; súc sanh diệt rồi thì ngạ quỷ diệt; ngạ quỷ diệt rồi thì A-tu-la diệt; A-tu-la diệt rồi thì Tứ thiên vương diệt; Tứ thiên vương diệt rồi thì Đao-lợi thiên diệt; Đao-lợi thiên diệt rồi thì Diệm-ma thiên diệt; Diệm-ma thiên diệt rồi thì Đâu-suất thiên diệt; Đâu-suất thiên diệt rồi thì Hóa tự tại thiên diệt; Hóa tự tại thiên diệt rồi thì Tha hóa tự tại thiên diệt; Tha hóa tự tại thiên diệt rồi thì Phạm thiên diệt; Phạm thiên diệt rồi thì sau đó con người diệt, không còn sót gì lại sau này. Khi con người đã diệt, không còn gì nữa, thì thế gian này sẽ hủy hoại cho đến thành là tai nạn. Sau đó trời không mưa, trăm thứ lúa thóc, cỏ cây tự nhiên chết khô."

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Vì vậy nên biết: Tất cả hành là vô thường, biến dịch, mục nát hư hoại, không thể tin cậy nương nhờ. Các pháp hữu vi rất đáng nhàm tởm. Hãy nên tìm con đường giải thoát, vượt qua thế gian.

"Sau đó, qua một thời gian rất lâu, có một trận bão lớn[10] bạo khởi, thổi nước biển lớn, làm cho nước biển, sâu tám vạn bốn ngàn do-tuần, bị tách làm hai; mang cung điện mặt trời đem đặt lưng chừng núi Tu-di; cách mặt đất bốn vạn hai ngàn do-tuần, đặt làm quỹ đạo của mặt trời[11]. Do nhân duyên này mà thế gian có hai mặt trời xuất hiện. Sau khi hai mặt trời xuất hiện, thì những giòng sông, ngòi, kênh, rạch nhỏ có được trên thế gian này, đều khô kiệt."

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Vì vậy nên biết: Tất cả hành là vô thường, biến dịch, mục nát hư hoại, không thể tin cậy nương nhờ. Các pháp hữu vi rất đáng nhàm tởm. Hãy nên tìm con đường giải thoát vượt qua thế gian.

"Sau đó một thời gian rất lâu có một trận bão lớn bạo khởi, thổi nước biển lớn, làm cho nước biển, sâu tám vạn bốn ngàn do-tuần, bị tách làm hai; mang cung điện mặt trời, đem đặt lưng chừng núi Tu-di; cách mặt đất bốn vạn hai ngàn do-tuần, an trí quỹ đạo mặt trời. Do

---

[10]. Hán: đại hắc phong 大黑風; Pāli: mahā-kāla-vāta.

[11]. Hán: an nhật đạo trung 安日道中.

nhân duyên này mà thế gian có ba mặt trời xuất hiện. Sau khi ba mặt trời xuất hiện, thì những nơi có nước nhiều như: sông Hằng, sông Da-bà-na, sông Bà-la, sông A-di-la-bà-đề, sông A-ma-khiếp, sông Tân-đà, sông Cố-xá tất cả đều khô cạn, không còn một giọt.

"Vì vậy nên biết: Tất cả hành là vô thường, biến dịch, mục nát hư hoại, không thể tin cậy nương nhờ, Các pháp hữu vi rất đáng nhàm tởm. Hãy nên tìm con đường giải thoát vượt qua thế gian.

"Sau đó một thời gian rất lâu có một trận bão lớn bạo khởi, thổi nước biển lớn, làm cho nước biển, sâu tám vạn bốn ngàn do-tuần, bị tách làm hai; mang cung điện mặt trời, đem đặt lưng chừng núi Tu-di; cách mặt đất bốn vạn hai ngàn do-tuần, an trí quỹ đạo mặt trời. Do nhân duyên này mà thế gian có bốn mặt trời xuất hiện. Sau khi bốn mặt trời xuất hiện, thì những con suối, nguồn nước, hồ, vực, trong thế gian như ao lớn Thiện kiến, ao lớn A-nậu-đạt, ao Tứ-phương-đà-diên, ao Ưu-bát-la, ao Câu-vật-đầu, ao Phân-đà-lỵ, ao Ly; dọc ngang rộng năm mươi do-tuần, thảy đều khô cạn hết.

"Vì vậy nên biết: Tất cả hành là vô thường, biến dịch, mục nát hư hoại, không thể tin cậy nương nhờ. Các pháp hữu vi rất đáng nhàm tởm. Hãy nên tìm con đường giải thoát vượt qua thế gian.

"Sau đó, một thời gian lâu dài, có một trận bão lớn bạo khởi, thổi nước biển lớn, làm cho nước biển, sâu tám vạn bốn ngàn do-tuần, bị tách làm hai; mang cung điện mặt trời, đem đặt lưng chừng núi Tu-di; cách mặt đất bốn vạn hai ngàn do-tuần, an trí quỹ đạo mặt trời. Do nhân duyên này mà thế gian có năm mặt trời xuất hiện. Sau khi năm mặt trời xuất hiện, thì nước trong biển lớn bị vơi dần từ một trăm do-tuần cho đến bảy trăm do-tuần.

"Vì vậy nên biết rằng: Tất cả hành là vô thường, biến dịch, mục nát hư hoại, không thể tin cậy nương nhờ. Các pháp hữu vi rất đáng nhàm tởm. Hãy nên tìm con đường giải thoát vượt qua thế gian.

"Bấy giờ, nước biển lớn vơi dần hết chỉ còn có từ bảy trăm do-tuần, rồi sáu trăm do-tuần, rồi năm trăm do-tuần, rồi bốn trăm do-tuần, và... cho đến chỉ tồn tại một trăm do-tuần. Vì vậy nên biết rằng: Tất cả hành là vô thường, biến dịch, mục nát hư hoại, không thể tin cậy nương nhờ. Phàm các pháp hữu vi rất đáng nhàm tởm. Hãy nên tìm con đường giải thoát vượt qua thế gian.

"Bấy giờ, nước biển lớn từ từ vơi dần chỉ còn từ bảy do-tuần, rồi

sáu do-tuần, rồi năm do-tuần và... cho đến chỉ còn tồn tại một do-tuần."

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Vì vậy nên biết: 'Tất cả hành là vô thường, biến dịch, mục nát hư hoại, không thể tin cậy nương nhờ. Phàm các pháp hữu vi rất đáng nhàm tởm. Hãy nên tìm con đường giải thoát vượt qua thế gian.

"Sau đó nước biển vơi dần chỉ còn từ bảy cây Đa-la, rồi sáu cây Đa-la, và... cho đến chỉ còn bằng một cây Đa-la."

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Vì vậy nên biết: Tất cả hành là vô thường, biến dịch, mục nát hư hoại, không thể tin cậy, nương nhờ. Phàm các pháp hữu vi rất đáng nhàm tởm. Hãy nên tìm con đường giải thoát vượt qua thế gian.

"Sau đó nước biển chuyển cạn dần từ bảy người, rồi sáu người, rồi năm người, rồi bốn người, rồi ba người, rồi hai người, rồi một người, cho đến chỉ còn từ thắt lưng, rồi đầu gối, rồi đến ... mắt cá chân người."

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Vì vậy nên biết: Tất cả hành là vô thường, biến dịch, mục nát hư hoại, không thể tin cậy nương nhờ. Phàm các pháp hữu vi rất đáng để cho con người chán nản và lo sợ, nên tìm đạo giải thoát độ thế gian.

"Sau đó, nước biển chỉ còn giống như sau cơn mưa xuân; cũng giống như nước trong dấu chân trâu, từ từ cạn hết, không đủ thấm ướt ngón tay người'."

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Vì vậy nên biết: Tất cả hành là vô thường, biến dịch, mục nát hư hoại, không thể tin cậy nương nhờ. Phàm các pháp hữu vi rất đáng nhàm tởm. Hãy nên tìm con đường giải thoát vượt qua thế gian.

"Sau đó, qua một thời gian lâu dài, có trận bão lớn bạo khởi, thổi cát đáy biển, độ sâu tám vạn bốn ngàn do-tuần, dạt lên hai bờ; mang cung điện mặt trời đem đặt lưng chừng núi Tu-di, an trí quỹ đạo mặt trời. Do nhân duyên này mà thế gian có sáu mặt trời xuất hiện. Sau khi sáu mặt trời xuất hiện, thì bốn châu thiên hạ, cùng tám vạn núi trong thiên hạ, núi lớn, Tu-di sơn vương... đều bốc khói cháy xém, giống như thợ gốm khi bắt đầu đun đồ gốm, thì lúc sáu mặt trời xuất hiện lại cũng

như vậy.”

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Vì vậy nên biết: Tất cả hành là vô thường, biến dịch, mục nát hư hoại, không thể tin cậy nương nhờ. Phàm các pháp hữu vi rất đáng nhàm tởm. Hãy nên tìm con đường giải thoát vượt qua thế gian.

“Sau đó, qua một thời gian lâu dài, có trận bão lớn bạo khởi, thổi cát đáy biển, độ sâu tám vạn bốn ngàn do-tuần, dạt lên hai bờ; mang cung điện mặt trời đem đặt lưng chừng núi Tu-di, an trí quỹ đạo mặt trời. Do nhân duyên này mà thế gian có bảy mặt trời xuất hiện. Sau khi bảy mặt trời xuất hiện, thì bốn châu thiên hạ này, cùng tám vạn núi trong thiên hạ, các núi lớn, Tu-di sơn vương... tất cả đều rực lửa. Cũng như thợ gốm khi đốt to, ngọn lửa bốc lên, lúc bảy mặt trời xuất hiện lại cũng như vậy.”

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Vì vậy nên biết: Tất cả hành là vô thường, biến dịch, mục nát hư hoại, không thể tin cậy nương nhờ. Phàm các pháp hữu vi rất đáng nhàm tởm. Hãy nên tìm con đường giải thoát vượt qua thế gian. Bốn châu thiên hạ này, cùng tám vạn núi trong thiên hạ, các núi lớn, Tu-di sơn vương... tất cả đều rực lửa. Cùng lúc, cung điện Tứ thiên vương, cung điện Đao-lợi thiên, cung điện Diệm-ma thiên, Đâu-suất thiên, Hóa tự tại thiên, Tha hóa tự tại thiên, cung điện Phạm thiên cũng đều rực lửa.”

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Vì vậy nên biết: Tất cả hành là vô thường, biến dịch, mục nát hư hoại, không thể tin cậy nương nhờ. Phàm các pháp hữu vi rất đáng nhàm tởm. Hãy nên tìm con đường giải thoát vượt qua thế gian.

“Sau khi bốn châu thiên hạ này... cho đến Phạm thiên, thảy đều rực lửa, gió thổi ngọn lửa đến cõi Quang âm thiên. Các Thiên tử sơ sinh khi thấy ngọn lửa này đều sanh lòng sợ hãi, nói rằng: ‘Ối! Vật gì đây?’ Chư Thiên sinh trước nói với chư Thiên sinh sau rằng: ‘Chớ sợ hãi! Lửa kia đã từng đến và dừng lại ngang đó.’ Vì nghĩ đến ánh lửa trước nên gọi là Quang niệm thiên[12].

[12] Quang niệm thiên 光念天, các đoạn trên Hán dịch Quang âm thiên, cho thấy

"Khi bốn thiên hạ này, ... cho đến Phạm thiên, bốc lửa, thì Tu-di sơn vương dần dần sụp lở, từ một trăm do-tuần, hai trăm do-tuần... cho đến bảy trăm do-tuần."

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Vì vậy nên biết: Tất cả hành là vô thường, biến dịch, mục nát hư hoại, không thể tin cậy nương nhờ. Phàm các pháp hữu vi rất đáng nhàm tởm. Hãy nên tìm con đường giải thoát vượt qua thế gian.

"Sau khi bốn châu thiên hạ này... cho đến Phạm thiên đều bị lửa đốt sạch, sau đó đại địa cùng Tu-di sơn không còn chút tro tàn nào hết. Vì vậy nên biết: Tất cả hành là vô thường, biến dịch, mục nát hư hoại, không thể tin cậy nương nhờ. Phàm các pháp hữu vi rất đáng nhàm tởm. Hãy nên tìm con đường giải thoát vượt qua thế gian."

"Sau khi đại địa bị lửa đốt cháy sạch rồi, thì nước ở bên dưới đất cũng hết; gió ở bên dưới nước cũng hết. Vì vậy nên biết: Tất cả hành là vô thường, biến dịch, mục nát hư hoại, không thể tin cậy nương nhờ. Phàm các pháp hữu vi rất đáng nhàm tởm. Hãy nên tìm con đường giải thoát vượt qua thế gian."

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Khi tai kiếp lửa khởi lên, thì trời không mưa xuống, trăm thứ lúa, cỏ, cây tự nhiên bị khô chết. Ai sẽ tin? Chỉ có ai đã thấy thì sẽ tự biết mà thôi! Cũng vậy, cho đến, nước ở bên dưới đất hết, gió ở bên dưới nước cũng hết; ai sẽ tin? Chỉ có ai đã thấy thì sẽ tự biết mà thôi!

"Đó là tai kiếp lửa.

"Thế nào là sự phục hồi của kiếp lửa[13] ? Sau đó rất lâu, rất lâu, có đám mây đen lớn ở giữa hư không, cho đến cõi Quang âm thiên; mưa đổ xuống khắp nơi, giọt mưa như bánh xe. Mưa như vậy trải qua vô số trăm ngàn năm, nước mưa lớn dần, cao đến vô số trăm ngàn do-tuần, cho đến cõi Quang âm thiên.

"Bấy giờ, có bốn trận gió lớn nổi lên, giữ nước này trụ lại. Những gì là bốn? Một là Trụ phong, hai là Trì phong, ba là Bất động, bốn là Kiên cố[14]. Sau đó nước này vơi bớt một trăm ngàn do-tuần, rồi vô số

Skt.: Ābhāsvara (Pāli: Ābhassara) liên hệ giữa svara: âm thanh và smara, ký ức. Xem cht.30, kinh Thế Ký, phẩm 1, châu Diêm-phù-đề.

13. Kiếp hỏa hoàn phục 劫火還復; nội dung, diễn tả chu kỳ thế giới được tái tạo sau tai kiếp của lửa; Pāli: tejo-vivaṭṭana, Skt.: tejo-vivartani.

14. Tứ đại phong 四大風: trụ phong 住風, trì phong 持風, bất động 不動, kiên cố 堅固.

trăm ngàn vạn do-tuần. Bốn mặt của nước này khởi lên trận gió lớn tên gió là Tăng già[15], thổi nước khiến chúng dao động, nổi dậy ba đào, tạo thành bọt nước mà tích tụ lại; đám bọt nước tích tụ này bị gió thổi lìa khỏi mặt nước bắn lên không trung và tự nhiên chúng rắn chắc, biến thành Thiên cung. Thiên cung trang sức bằng bảy báu. Do nhân duyên này mà có thiên cung Phạm-ca-di[16]. Khi nước kia vơi mãi cho đến vô số trăm ngàn vạn do-tuần, thì bốn mặt của nước này lại nổi lên gió lớn, được gọi là tăng già, thổi nước khiến chúng dao động, nổi dậy ba đào, tạo thành bọt nước mà tích tụ lại; đám bọt nước tích tụ này bị gió thổi lìa khỏi mặt nước bắn lên không trung và tự nhiên chúng rắn chắc, biến thành Thiên cung. Thiên cung này trang sức bằng bảy báu. Do nhân duyên này mà có thiên cung Tha hóa tự tại.

"Khi nước kia vơi bớt mãi cho đến vô số ngàn vạn do-tuần, thì bốn mặt nước này nổi lên gió lớn, có gió tên là tăng già, thổi nước khiến chúng dao động, nổi dậy ba đào, tạo thành bọt nước mà tích tụ lại; đám bọt nước tích tụ này bị gió thổi lìa khỏi mặt nước bắn lên không trung và tự nhiên chúng rắn chắc, biến thành Thiên cung. Thiên cung này trang sức bằng bảy báu. Do nhân duyên này mà có thiên cung Hóa tự tại.

"Khi nước kia rút xuống vô số trăm ngàn do-tuần, thì có gió tên là tăng già, thổi nước khiến chúng dao động, nổi dậy ba đào, tạo thành bọt nước mà tích tụ lại; đám bọt nước tích tụ này bị gió thổi lìa khỏi mặt nước bắn lên không trung và tự nhiên chúng rắn chắc, biến thành Thiên cung. Thiên cung này trang sức bằng bảy báu. Do nhân duyên này mà có thiên cung Đâu-suất.

"Khi nước kia rút xuống vô số trăm ngàn do-tuần, thì có gió tên là tăng già, thổi nước khiến chúng dao động, nổi dậy ba đào, tạo thành bọt nước mà tích tụ lại; đám bọt nước tích tụ này bị gió thổi lìa khỏi mặt nước bắn lên không trung và tự nhiên chúng rắn chắc, biến thành Thiên cung. Thiên cung này trang sức bằng bảy báu. Do nhân duyên này mà có thiên cung Diệm-ma.

"Khi nước kia rút xuống vô số trăm ngàn do-tuần, thì trên nước có bọt và sâu sáu mươi vạn tám ngàn do-tuần, các biên của nó không có bờ mé. Cũng như dòng nước, suối, nguồn, hang, động ở thế gian này,

15. Tăng già 僧伽.

16. Phạm-ca-di, Skt., Pāli: Brahmakāyika.

trên nước của nó có bọt; thì kia cũng như vậy.

"Vì nhân duyên gì mà có núi Tu-di? Vì có cuồng phong nổi dậy, nên thổi bọt nước này tạo thành núi Tu-di, cao sáu mươi vạn tám ngàn do-tuần, dọc ngang tám vạn bốn ngàn do-tuần và do bốn báu tạo thành: vàng, bạc, thủy tinh, lưu ly.

"Vì nhân duyên gì mà có bốn cung điện A-tu-luân? Sau đó, cuồng phong thổi đám bọt nước lớn, ở tại bốn mặt của núi Tu-di nổi lên cung điện lớn; mỗi cung điện dọc ngang tám vạn do-tuần, tự nhiên biến thành cung điện bảy báu.

"Lại vì nhân duyên gì mà có cung điện của Tứ thiên vương? Về sau, cuồng phong thổi đám bọt nước lớn lên lưng chừng nửa núi Tu-di, độ bốn vạn hai ngàn do-tuần, tự nhiên biến thành cung điện bảy báu. Vì vậy cho nên gọi là cung điện Tứ thiên vương.

"Vì nhân duyên gì có cung điện Đao-lợi thiên? Về sau, cuồng phong thổi đám bọt nước lớn lên tới đỉnh núi Tu-di, tự nhiên biến thành cung điện bảy báu.

"Lại vì nhân duyên gì mà có núi Già-đà-la[17]? Về sau, cuồng phong thổi đám bọt nước lớn lên cách núi Tu-di không xa, tự nhiên hóa thành núi báu, chân núi ăn sâu vào trong đất bốn vạn hai ngàn do-tuần, dọc ngang bốn vạn hai ngàn do-tuần, biên ngoài thì không hạn, sắc tạp bên cạnh do bảy báu mà thành, vì nhân duyên này nên có núi Già-đà-la.

"Lại vì nhân duyên gì mà có núi Y-sa[18]? Về sau, cuồng phong thổi đám bọt nước lớn lên cách núi Già-đà-la không xa, tự nhiên hóa thành núi Y-sa, cao hai vạn một ngàn do-tuần, dọc ngang hai vạn một ngàn do-tuần, ngoài biên thì không hạn, nhiều màu sắc xen nhau, do bảy báu mà thành. Vì nhân duyên này nên có núi Y-sa. Sau khi cuồng phong thổi đám bọt nước lớn lên cách núi Y-sa không xa, tự nhiên hóa thành núi Thọ-thần-đà-la[19], cao một vạn hai ngàn do-tuần, dọc ngang một vạn hai ngàn do-tuần, ngoài biên thì không hạn, nhiều màu xen nhau, do bảy báu mà thành. Vì nhân duyên này nên có núi Thọ-thần-đà-la.

"Về sau, cuồng phong thổi đám bọt nước lớn lên cách núi Thọ

---

17. Xem cht. 55, kinh Thế Ký, phẩm 1, châu Diêm-phù-đề.

18. Tức Y-sa-đa-la, xem cht. 58, kinh Thế Ký, phẩm 1, châu Diêm-phù-đề.

19. Các bản: Thọ-thần-đà-la 樹辰陀羅; trên kia, Thọ-cự-đà-la 樹巨陀羅. Có lẽ nhầm lẫn tự dạng. Xem cht.59, phẩm 1, châu Diêm-phù-đề.

thần-đà-la không xa, tự nhiên hóa thành núi A-bát-ni-lâu[20], cao sáu ngàn do-tuần, dọc ngang sáu ngàn do-tuần, biên ngoài thì không hạn, nhiều sắc xen nhau, do bảy báu mà thành. Vì nhân duyên này nên có núi A-bát-ni-lâu.

"Sau đó, cuồng phong thổi đám bọt nước lớn lên cách núi A-bát-ni-lâu không xa, tự nhiên hóa thành núi Ni-lân-đà-la[21], cao ba ngàn do-tuần, dọc ngang ba ngàn do-tuần, biên ngoài thì không hạn, nhiều sắc tạp xen, do bảy báu mà thành. Vì nhân duyên này nên có núi Ni-lân-đà-la.

"Sau đó, cuồng phong thổi đám bọt nước lớn lên cách núi Ni-lân-đà-la không xa, tự nhiên hóa thành núi Tỳ-ni-đà[22], cao một ngàn hai trăm do-tuần, dọc ngang một ngàn hai trăm do-tuần, biên ngoài thì không hạn, sắc tạp xen nhau, do bảy báu mà thành, vì nhân duyên này nên có núi Tỳ-ni-đà.

"Sau đó, cuồng phong thổi đám bọt nước lớn lên cách núi Tỳ-ni-đà không xa, tự nhiên hóa thành núi Kim cương luân[23], cao ba trăm do-tuần, dọc ngang ba trăm do-tuần, biên ngoài thì không hạn, sắc tạp xen nhau, do bảy báu mà thành, vì nhân duyên này nên có núi Kim cương luân.

"Vì sao có một cung điện mặt trăng, bảy cung điện mặt trời? Một thời gian sau, cuồng phong thổi đám bọt nước lớn, thì tự nhiên biến thành một cung điện mặt trăng, bảy cung điện mặt trời, sắc tạp xen nhau, do bảy báu mà thành, vì bị bão thổi ngược trở lại chỗ cũ nên vì nhân duyên này mà có cung điện mặt trời và cung điện mặt trăng.

"Sau đó, cuồng phong thổi đám bọt nước lớn, thì tự nhiên biến thành bốn châu thiên hạ, cùng tám vạn thiên hạ. Vì nhân duyên này nên có bốn châu thiên hạ cùng tám vạn thiên hạ.

"Sau đó, cuồng phong thổi bọt nước lớn, thì tại tứ thiên hạ cùng tám vạn thiên hạ, tự nhiên biến thành núi Đại Kim cương luân, cao

---

20. A-bát-ni-lâu 阿般尼樓, có lẽ trên kia gọi là núi Mã thực 馬食, Skt.: Aśvakarṇa. Xem cht. 61, phẩm 1, châu Diêm-phù-đề.

21. Ni (bản Cao-ly: di)-lân-đà-la 尼(彌)鄰陀羅, trên kia âm là Ni-dân-đà-la 尼民陀羅. Xem cht. 62, phẩm 1, châu Diêm-phù-đề.

22. Tỳ-ni-đà 毗尼陀, ở trên gọi là nuùi Đieàu phục 調伏; xem cht. 63, phẩm 1, châu Diêm-phù-đề.

23. Kim cang luân 金剛輪, ở trên dịch là Kim cang vi 金剛圍. Xem cht.64, phẩm 1, châu Diêm-phù-đề.

mười sáu vạn tám ngàn do-tuần, dọc ngang rộng mười sáu vạn tám ngàn do-tuần, biên giới của nó thì không có hạn; kim cương rắn chắc không thể hủy hoại. Vì nhân duyên này nên có núi Đại Kim cương luân.

"Sau đó một thời gian rất lâu, rất lâu, có mây tự nhiên phủ đầy không trung và mưa lớn khắp nơi, những giọt nước mưa như bánh xe; nước này tràn đầy khắp nơi dìm bốn châu thiên hạ cùng núi Tu-di v.v...

"Sau đó, cuồng phong thổi đất làm thành hầm hố lớn; nước khe suối đều chảy vào hết trong đó, nhân đây mà làm thành biển. Vì nhân duyên này nên có bốn biển nước lớn. Nước biển mặn đắng có ba nhân duyên. Những gì là ba? Một, mây tự nhiên giăng khắp hư không cho đến Quang âm thiên, mưa khắp mọi nơi, tẩy rửa cung trời, rửa sạch thiên hạ; từ cung trời Phạm-ca-di, cung trời Tha hóa tự tại xuống đến cung trời Diệm-ma, bốn thiên hạ, tám vạn thiên hạ, các núi, núi lớn, Tu-di sơn vương, thảy đều được tẩy rửa sạch sẽ; trong những nơi này, tất cả các thứ nước dịch bất tịnh, dơ dáy và mặn, đều trôi xuôi xuống mà vào trong biển cả hợp thành một vị, nên nước biển có vị mặn. Hai, vì xưa kia có vị Đại tiên trì cấm chú vào nước biển, muốn cho lúc nào nó cũng mặn đắng, người không uống được, cho nên chúng mặn đắng. Ba, vì trong nước biển lớn này có nhiều loại chúng sanh cư trú, thân hình chúng to dài đến, hoặc trăm do-tuần, hai trăm do-tuần... cho đến bảy trăm do-tuần, thở hít, ăn vào mửa ra, đại tiểu tiện đều ở trong đó, nên nước biển mặn.

"Đó là tai kiếp lửa[24]."

[24] Hỏa tai 火災.

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Thế nào là tai kiếp nước?

"Khi tai kiếp nước bắt đầu, con người trong thế gian này đều phụng hành chánh pháp, đều chánh kiến, không theo tà kiến, mà tu tập mười thiện nghiệp. Sau khi tu tập thiện hành, có người đạt được đệ Tam thiền không có hỷ, thân họ có thể cất lên ở giữa hư không, an trụ Thánh nhơn đạo, Thiên đạo, Phạm đạo và lớn tiếng xướng lên rằng: 'Các Hiền giả! Sung sướng thay, đệ Tam thiền không có hỷ!' Lúc ấy, người thế gian nghe những lời này rồi, liền ngửa mặt lên trời nói với họ rằng: 'Lành thay! Lành thay! xin vì tôi mà nói đạo của Tam thiền không có hỷ.' Lúc này, người ở giữa hư không nghe những lời của người kia rồi liền nói về đạo của Tam thiền không có hỷ. Sau khi người thế gian nghe nói rồi, liền tu đạo của Tam thiền không có hỷ, nên khi thân hoại mạng chung họ được sinh về Biến tịnh thiên.

"Bấy giờ, những chúng sanh ở trong địa ngục, sau khi tội nghiệp của họ đã mãn, thân hoại mạng chung tái sinh vào nhân gian. Rồi cũng tu tập đạo của đệ Tam thiền; sau khi tu tập đạo thiền, thân hoại mạng chung, được sinh về Biến tịnh thiên. Những chúng sanh của các loài súc sanh, ngạ quỷ, A-tu-luân, Tứ thiên vương, Đao-lợi thiên, Diệm-ma thiên, Đâu-suất thiên, Hóa tự tại thiên, Tha hóa tự tại thiên, Phạm thiên, Quang âm thiên sau khi thân hoại mạng chung cũng tái sinh vào cõi nhân gian; nếu họ cũng tu tập đạo của đệ Tam thiền, khi thân hoại mạng chung họ cũng sẽ được sinh về Biến tịnh thiên. Vì nhân duyên này nên đạo địa ngục bị diệt tận và súc sanh, ngạ quỷ, A-tu-luân, Tứ thiên vương... cho đến cõi Quang âm thiên cũng đều diệt tận. Vào lúc bấy giờ, trước tiên là địa ngục biến mất, sau đó súc sanh biến mất; súc sanh biến mất rồi, thì ngạ quỷ biến mất; ngạ quỷ biến mất rồi, thì A-tu-luân biến mất; khi A-tu-luân biến mất rồi, thì Tứ thiên vương biến mất; khi Tứ thiên vương biến mất rồi, thì Đao-lợi thiên biến mất, khi Đao-lợi thiên biến mất rồi, thì Diệm-ma thiên biến mất; Diệm-ma thiên biến mất rồi, thì Đâu-suất thiên biến mất; khi Đâu-suất thiên biến mất rồi, thì Hóa tự tại thiên biến mất; khi Hóa tự tại thiên biến mất rồi, thì Tha hóa tự tại thiên biến mất; khi Tha hóa tự tại thiên biến mất rồi, thì Phạm thiên biến mất; khi Phạm thiên biến mất rồi, thì Quang âm thiên biến mất; khi Quang âm thiên biến mất, sau đó thì loài người hoàn toàn biến mất. Sau khi loài người hoàn toàn biến mất,

thế gian này hủy diệt. Như thế là hoàn thành tai kiếp[1].

"Rất lâu sau đó, rất lâu, có đám mây đen lớn bạo khởi, trên cho đến Biến tịnh thiên, mưa khắp mọi nơi, mưa xuống hoàn toàn là nước nóng. Thứ nước này sôi sục, đun nấu thiên hạ, làm cho các cung điện cõi trời thảy đều bị tiêu hết, không còn sót thứ gì, giống như đặt chất béo váng sữa[2] vào trong lửa, đều bị chảy tiêu hết, không còn sót thứ gì, thì cung điện Quang âm thiên cũng lại như vậy. Vì vậy nên biết: Tất cả hành là vô thường, là pháp biến dịch, không đáng tin cậy; phàm các pháp hữu vi rất đáng nhàm tởm. Hãy nên tìm con đường giải thoát vượt khỏi thế gian.

"Sau đó, mưa này lại xâm phạm đến cung điện cõi trời Phạm-ca-di, cũng đun chảy tiêu hết, không sót thứ gì, giống như chất béo váng sữa đem đặt vào trong lửa, không còn sót thứ gì, thì cung điện Phạm-ca-di lại cũng như vậy.

"Sau đó, nước mưa này lại xâm phạm đến các cung điện Tha hóa tự tại thiên, Hóa tự tại thiên, Đâu-suất thiên, Diệm-ma thiên, cũng bị đun chảy tiêu hết, không còn sót thứ gì, giống như chất béo váng sữa đem đặt vào trong lửa, không còn sót thứ gì, thì các cung điện chư Thiên lại cũng như vậy.

"Sau đó, nước mưa này lại xâm phạm đến bốn châu thiên hạ, cùng tám vạn thiên hạ, các núi, núi lớn, Tu-di sơn vương cũng đều bị đun nấu tiêu hết, không còn sót thứ gì, giống như chất béo váng sữa đem đặt vào trong lửa, đều bị nung chảy tiêu hết, không còn sót thứ gì, thì những thứ này lại cũng như vậy. Vì vậy nên biết: Tất cả hành là vô thường, là pháp biến dịch, không đáng tin cậy; phàm các pháp hữu vi rất đáng nhàm tởm. Hãy nên tìm con đường giải thoát vượt khỏi thế gian.

"Sau đó, nước này đã đun nấu đại địa không còn sót gì nữa rồi, thì nước bên dưới đất cũng hết, gió bên dưới nước cũng hết. Vì vậy nên biết: Tất cả hành là vô thường, là pháp biến dịch, không đáng tin cậy; phàm các pháp hữu vi rất đáng nhàm tởm. Hãy nên tìm đạo giải thoát vượt khỏi thế gian."

Phật bảo Tỳ-kheo:

---

1. Nãi thành vi tai 乃成為災. Trong bản Hán, từ tai 災 và bại 敗 đồng một từ gốc Skt.: saṃvartanī. Tham chiếu, *Câu-xá luận 12*, Huyền Tráng: Nãi chí khí tận, tổng danh hoại kiếp 乃至器盡總名壞劫.

2. Tô du 酥油, tức bơ.

"Sự nung chảy, tiến tận ngang đến cung điện Biến tịnh thiên này, ai là người có thể tin? Chỉ có ai thấy mới có thể biết mà thôi!

"Từ cung điện Phạm-ca-di bị nung chảy tiêu hết... cho đến, nước bên dưới đất cũng hết, gió bên dưới nước cũng hết, ai là người có thể tin? Chỉ có ai thấy, mới có thể biết mà thôi!

"Đó là tai họa do nước.

"Thế nào là sự hồi phục của tai kiếp nước? Sau đó một thời gian rất lâu, rất lâu, xuất hiện đám mây đen lớn bao phủ khắp hư không, lên đến cõi Biến tịnh thiên, mưa khắp nơi, những giọt nước mưa như bánh xe. Mưa kéo dài vô số trăm ngàn vạn năm như vậy, nước mưa này lớn dần dần cho đến cõi Biến tịnh thiên. Có bốn loại gió lớn giữ nước này lại một chỗ đó là: một là trụ phong, hai là trì phong, ba là bất động, bốn là kiên cố[3].

"Sau đó, nước này vơi giảm vô số trăm ngàn do-tuần, bốn mặt gió lớn nổi dậy gọi là tăng-già, thổi nước khiến chúng dao động, nổi dậy ba đào, tạo thành bọt nước mà tích tụ lại, rồi bị gió thổi lìa khỏi mặt nước bắn lên không trung và tự nhiên chúng biến thành cung điện Quang âm thiên, trang sức bằng bảy báu. Vì nhân duyên này mà có cung điện Quang âm thiên.

"Khi nước kia vơi giảm dần cho đến vô số trăm ngàn do-tuần, thì gió tăng già thổi nước khiến chúng dao động, nổi dậy ba đào, tạo thành bọt nước mà tích tụ lại, rồi bị gió thổi lìa khỏi mặt nước bắn lên không trung và tự nhiên chúng biến thành cung điện Phạm-ca-di, trang sức bằng bảy báu. Như đã kể, cho đến, nước biển có cùng một vị mặn đắng, cũng như lúc tai họa do lửa phục hồi, đó là tai kiếp nước."

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Thế nào là tai kiếp gió[4]? Khi tai kiếp gió bắt đầu khởi, con người trong thế gian này đều phụng hành chánh pháp, đều chánh kiến, không theo tà kiến, mà tu tập mười thiện nghiệp. Khi tu tập hành vi thiện, thì có người đạt được đệ Tứ thiền với xả và niệm thanh tịnh[5], họ ở giữa hư không, trụ vào Thánh nhơn đạo, Thiên đạo, Phạm đạo và lớn tiếng xướng lên rằng: 'Các Hiền giả! Nên biết, sung sướng thay, đệ Tứ thiền

3. Xem cht. 296.

4. Thủy tai 水 災, Skt.: apsaṃvartanī.

5. Hán: hộ niệm thanh tịnh 護 念 清 淨; Pāli: upekkhāsāti parisuddhim. Xem cht.126 kinh số 2 "Du Hành iii".

với xả và niệm thanh tịnh! Sung sướng thay, đệ Tứ thiền với xả và niệm thanh tịnh!' Lúc ấy, người thế gian nghe những lời này rồi, liền ngửa mặt lên trời nói với họ rằng: 'Lành thay! Lành thay! Xin vì tôi mà nói về đạo của Tứ thiền với xả và niệm thanh tịnh!' Lúc này, người ở giữa hư không nghe những lời của người kia rồi liền nói về đạo của Tứ thiền. Sau khi người thế gian nghe nói rồi, liền tu đạo của Tứ thiền, nên khi thân hoại mạng chung được sinh về Quả thật thiên[6].

"Bấy giờ, những chúng sanh ở trong địa ngục, sau khi tội nghiệp đã mãn, thân hoại mạng chung, tái sinh vào nhân gian. Rồi cũng tu tập đạo của đệ Tứ thiền; sau khi tu tập đạo thiền, thân hoại mạng chung, tái sinh về Quả thật thiên. Còn những chúng sanh của các loài súc sanh, ngạ quỷ, A-tu-luân, Tứ thiên vương, ... cho đến Biến tịnh thiên, sau khi thân hoại mạng chung cũng sẽ tái sinh vào cõi nhân gian; nếu cũng tu tập đạo của đệ Tứ thiền, khi thân hoại mạng chung cũng sẽ tái sinh về Quả thật thiên. Vì nhân duyên này nên đạo địa ngục được diệt tận và súc sanh, ngạ quỷ, A-tu-luân, Tứ thiên vương... cho đến cõi Biến tịnh thiên cũng đều diệt tận.

"Vào lúc bấy giờ, trước tiên là địa ngục diệt tận, sau đó súc sanh diệt tận; súc sanh diệt tận rồi, thì ngạ quỷ diệt tận; khi ngạ quỷ diệt tận rồi, thì A-tu-luân diệt tận; khi A-tu-luân diệt tận rồi, thì Tứ thiên vương diệt tận; khi Tứ thiên vương diệt tận rồi... như vậy lần lượt cho đến Biến tịnh thiên diệt tận; khi Biến tịnh thiên diệt tận rồi, thì sau đó, con người bị diệt tận không còn sót. Khi con người đã bị diệt tận không còn sót, thì thế gian này bị tan hoại, thế là hoàn thành tai kiếp.

"Rất lâu, rất lâu sau đó, có gió lớn nổi lên, tên là đại tăng già, ... cho đến Quả thật thiên. Gió lan khắp mọi nơi, thổi cung điện Biến tịnh thiên, Quang âm thiên, khiến cho các cung điện va chạm nhau tan vỡ ra thành phấn bụi, giống như lực sĩ cầm hai cái chày đồng, làm cho chúng va chạm nhau, cả hai đều vỡ vụn không còn gì hết, thì hai cung điện va chạm nhau cũng lại như vậy. Vì vậy nên biết: Tất cả hành là vô thường, là pháp biến dịch, không đáng tin cậy; phàm các pháp hữu vi rất đáng nhàm tởm. Hãy nên tìm đạo giải thoát vượt khỏi thế gian.'

"Sau đó, gió này thổi cung điện Phạm-ca-di thiên, Tha hóa tự tại thiên, các cung điện va chạm nhau, tan vỡ ra thành phấn bụi không còn gì hết, giống như lực sĩ cầm hai cái chày đồng, làm cho chúng va chạm

---

6. Xem cht. 288.

nhau, cả hai đều vỡ không còn gì hết, thì hai cung điện va chạm nhau cũng lại như vậy. Vì vậy nên biết: Tất cả hành là vô thường, là pháp biến dịch, không đáng tin cậy; phàm các pháp hữu vi rất đáng nhàm tởm. Hãy nên tìm đạo giải thoát vượt thế gian.

"Sau đó, gió này thổi cung điện Hóa tự tại thiên, Đâu-suất thiên, Diệm-ma thiên, các cung điện này va chạm nhau, tan vỡ ra thành phấn bụi không còn lại gì hết, giống như lực sĩ cầm hai cái chày đồng, làm cho chúng va chạm nhau, cả hai đều vỡ vụn không còn gì hết, thì những cung điện này va chạm nhau không còn gì hết cũng lại như vậy. Vì vậy nên biết: Tất cả hành là vô thường, là pháp biến dịch, không đáng tin cậy; phàm các pháp hữu vi rất đáng nhàm tởm. Hãy nên tìm con đường giải thoát vượt khỏi thế gian.'

"Sau đó, gió này thổi bốn thiên hạ, cùng tám vạn thiên hạ, các núi, núi lớn, Tu-di sơn vương đem đặt giữa hư không, cao trăm ngàn do-tuần, những ngọn núi này va chạm nhau, tan vỡ ra thành phấn bụi, giống như lực sĩ tay cầm vỏ trấu nhẹ rải vào không trung, thì tứ châu thiên hạ, Tu-di, các núi này vỡ vụn, phân tán ra, cũng lại như vậy. Vì vậy nên biết: Tất cả hành là vô thường, là pháp biến dịch, không đáng tin cậy; phàm các pháp hữu vi rất đáng nhàm tởm. Hãy nên tìm con đường giải thoát vượt khỏi thế gian.

"Sau đó, gió thổi đại địa; nước bên dưới đất hết, gió bên dưới nước hết. Cho nên phải biết: Tất cả hành là vô thường, là pháp biến dịch, không đáng tin cậy; phàm các pháp hữu vi rất đáng nhàm tởm nên tìm con đường giải thoát vượt khỏi thế gian."

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Khi hai cung điện Biến tịnh thiên và Quang âm thiên va chạm nhau, tan vỡ ra thành phấn bụi, ai là người có thể tin? Chỉ có độc nhất người thấy mới có thể biết mà thôi. Như vậy cho đến nước bên dưới đất hết, gió bên dưới nước hết, ai là người sẽ tin? Chỉ có độc nhất người thấy mới có thể biết mà thôi.

"Đó là tai kiếp gió.

"Thế nào là sự hồi phục của tai kiếp?

"Sau một thời gian rất lâu xuất hiện đám mây đen lớn bao phủ khắp hư không, lên đến cõi Quả thật thiên. Rồi mưa xuống khắp nơi; những giọt nước mưa như bánh xe, mưa kéo dài vô số trăm ngàn vạn năm, nước này lớn dần, cho đến Quả thật thiên. Lúc bấy giờ, có bốn

loại gió lớn giữ nước này lại một chỗ. Những gì là bốn? Một là trụ phong, hai là trì phong, ba là bất động, bốn là kiên cố. Sau đó, nước này dần dần rút xuống vô số trăm ngàn do-tuần; bốn phía mặt nước gió lớn nổi dậy, gọi là tăng già, thổi nước khiến chúng dao động, nổi dậy ba đào, tạo thành bọt nước mà tích tụ lại, bị gió thổi lìa khỏi mặt nước bắn lên không trung và tự nhiên chúng biến thành cung điện Biến tịnh thiên, được trang sức bằng bảy báu, xen lẫn các loại tạp sắc. Vì nhân duyên này mà có cung điện Biến tịnh thiên.

"Khi nước kia rút dần cho đến vô số trăm ngàn do-tuần, thì gió tăng già kia thổi nước khiến chúng dao động, nổi dậy ba đào, tạo thành bọt nước mà tích tụ lại, bị gió thổi lìa khỏi mặt nước bắn lên không trung và tự nhiên chúng biến thành cung điện Quang âm thiên, được trang sức bằng bảy báu, xen lẫn các loại tạp sắc... cho đến nước biển có cùng một vị mặn đắng, cũng như đã nói về tai kiếp lửa.

"Đó là tai kiếp gió. Đó là ba tai kiếp và là ba lần phục hồi[7]."

❑

[7.] Tức ba đợt hủy diệt (Skt.: saṃvartana) và ba đợt sáng tạo (Skt.: vivartana).

Phẩm 10: CHIẾN ĐẤU

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Vào thuở xưa, khi chư Thiên cùng A-tu-luân chiến đấu. Bấy giờ Thích Đề-hoàn Nhân[1] lệnh gọi chư Thiên Đao-lợi đến bảo rằng: 'Nay các ngươi đi đánh nhau với bọn chúng. Nếu thắng, hãy bắt A-tu-luân Tỳ-ma-chất-đa-la[2], trói với năm chỗ trói[3], rồi mang đến giảng đường Thiện pháp[4]. Ta muốn nhìn thấy.' Rồi, chư Thiên Đao-lợi sau khi vâng lệnh Đế Thích, mỗi người tự trang bị cho mình.

"Lúc bấy giờ, A-tu-luân Tỳ-ma-chất-đa-la ra lệnh các A-tu-luân rằng: 'Nay các ngươi hãy đi đánh nhau với bọn chúng. Nếu thắng, hãy bắt Thích Đề-hoàn Nhân, trói với năm chỗ trói, rồi mang đến giảng đường Thất diệp[5]. Ta muốn nhìn thấy.' Rồi, các A-tu-luân sau khi vâng lệnh của A-tu-luân Tỳ-ma-chất-đa, mỗi người tự trang bị cho mình.

"Bấy giờ, chư Thiên cùng chúng A-tu-luân chiến đấu với nhau. Chư Thiên đắc thắng và A-tu-luân bại trận. Chư Thiên Đao-lợi bắt vua A-tu-luân trói lại với năm chỗ trói, mang về chỗ Thiện pháp đường, cho Thiên Đế Thích nhìn thấy. Khi ấy vua A-tu-luân thấy sự khoái lạc ở trên Trời, sanh lòng quyến luyến vui thích, liền tự nghĩ: 'Nơi này thù thắng, khả dĩ ở được; trở lại cung điện A-tu-luân làm gì?' Khi khởi lên ý nghĩ này, thì năm nơi đang bị trói trên thân lập tức được mở ra và năm thứ dục lạc ở trên Trời hiện ra trước mắt. Nhưng

---

1. Thích Đề-hoàn Nhân 釋 提 桓 因; Pāli: Sakka devānaṃ Inda, Sakka, chúa tể của các Thiên thần.
2. Tỳ-ma-chất-đa-la 毗 摩 質 馱 羅; Pāli: Vepacitta, một trong các thủ lãnh của A-tu-la.
3. Ngũ phược 五 縛: cột cổ, trói hai tay và hai chân.
4. Thiện phaùp giảng đường 善 法 講 堂; Pāli: Sudhamma-sālā.
5. Thất diệp giảng đường 七 葉 講 堂; Pāli: Sattapatta-sālā, hay Cittapāṭali?

nếu A-tu-luân nghĩ đến việc trở lại cung điện trước kia, thì năm nơi trên thân liền bị trói chặt trở lại và năm thứ dục lạc tự biến mất. Khi ấy những nơi bị trói buộc trên thân của A-tu-luân trở nên bền chắc hơn. Sự trói buộc của Ma còn hơn thế nữa. Chấp ta và người, là sự trói buộc của Ma. Không chấp ta và người thì sự trói buộc của Ma được cởi mở. Chấp thủ ngã[6] là bị trói, chấp thủ ái là bị trói, 'tự ngã sẽ tồn tại' là bị trói, 'tự ngã sẽ không tồn tại' là bị trói; 'tự ngã có sắc[7]' là bị trói, 'tự ngã không sắc' là bị trói, 'tự ngã vừa có sắc vừa không có sắc' là bị trói, 'tự ngã có tưởng' là bị trói, 'tự ngã không có tưởng' là bị trói, 'tự ngã vừa có tưởng vừa không có tưởng' là bị trói; tự ngã là tai hoạn lớn, là ung nhọt, là gai nhọn. Cho nên, đệ tử Hiền thánh biết rằng tự ngã là tai hoạn lớn, là ung nhọt, là gai nhọn, nên xả bỏ ý tưởng về tự ngã mà tu vô ngã hành[8]. Hãy quán sát tự ngã kia là một gánh nặng, là buông lung, là hữu[9]; 'sẽ tồn tại tự ngã' là hữu vi, 'sẽ không tồn tại tự ngã' là hữu vi; 'tự ngã có sắc' là hữu vi, 'tự ngã không có sắc' là hữu vi, 'tự ngã vừa có sắc vừa không có sắc' là hữu vi; 'tự ngã có tưởng' là hữu vi; ' tự ngã không có tưởng' là hữu vi; 'tự ngã vừa có tưởng vừa không có tưởng' là hữu vi; hữu vi là tai hoạn lớn, là ung nhọt, là gai nhọn. Cho nên, đệ tử Hiền thánh biết rằng hữu vi là tai hoạn lớn, là ung nhọt, là gai nhọn, nên xả bỏ hữu vi mà thực hành vô vi hành."

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Vào thuở xưa, khi chư Thiên cùng A-tu-luân chiến đấu. Bấy giờ Thích Đề-hoàn Nhân lệnh gọi chư Thiên Đao-lợi đến bảo rằng: 'Nay các ngươi đi đánh nhau với bọn chúng. Nếu thắng, hãy bắt A-tu-luân Tỳ-ma-chất-đa-la, trói với năm chỗ trói, rồi mang đến giảng đường thiện pháp. Ta muốn nhìn thấy.' Rồi, chư Thiên Đao-lợi sau khi vâng lệnh Đế Thích, mỗi người tự trang bị cho mình.

"Lúc bấy giờ, A-tu-luân Tỳ-ma-chất-đa-la ra lệnh các A-tu-luân rằng: 'Nay các ngươi hãy đi đánh nhau với bọn chúng. Nếu thắng, hãy bắt Thích Đề-hoàn Nhân, trói với năm chỗ trói, rồi mang đến giảng đường Thất diệp. Ta muốn nhìn thấy.'Rồi, các A-tu-luân sau khi vâng

---

6. Các bản TNM: thọ ngã 受我; bản Cao-ly: ái ngã 愛我.

7. Bản Hán chỉ nói: hữu sắc vi phược 有色為縛; theo nội dung, đây thêm 'tự ngã' cho rõ. Caùc mệnh đeà tiếp theo cũng thế.

8. Vô ngã hành 無我行; Pāli: anatta-saṃkhāra.

9. Hữu 有 (Pāli: bhava), một chi trong mười hai chi duyên khởi.

lệnh của A-tu-luân Tỳ-ma-chất-đa-la, mỗi người tự trang bị cho mình.

"Rồi thì, chư Thiên cùng chúng A-tu-luân chiến đấu với nhau. Chư Thiên đắc thắng và A-tu-luân bại trận. Chư Thiên Đao-lợi bắt vua A-tu-luân trói chặt với năm chỗ trói, mang về chỗ Thiện pháp đường, cho Thiên Đế Thích nhìn thấy. Lúc ấy, Thiên Đế Thích thong thả dạo trên Thiện pháp đường. Vua A-tu-luân từ xa trông thấy Đế Thích, tuy đang bị trói chặt với năm chỗ trói, mở miệng mắng chửi.

"Lúc đó, người hầu của Thiên đế, ở trước mặt Thiên đế liền nói kệ rằng:

Việc gì Thiên đế sợ,
Tự lộ yếu kém mình.
Bị mắng thẳng vào mặt,
Sao lặng nghe lời ác?"

"Bấy giờ, Thiên Đế Thích đáp lại người hầu bằng bài kệ rằng:

Nó cũng không sức mạnh,
Ta cũng không sợ hãi.
Việc gì, người đại trí,
Hơn thua với kẻ ngu.

"Lúc bấy giờ, người hầu lại làm bài tụng tâu Đế Thích rằng:

Nay không bẻ đứa ngu,
E sau càng khó nhịn.
Hãy đánh nó bằng gậy,
Khiến kẻ ngu hối lỗi.

"Bấy giờ, Thiên Đế Thích lại làm bài tụng trả lời người hầu rằng:

Ta thường bảo, người trí
Không tranh cùng kẻ ngu;
Nếu ngu mắng, trí im,
Thì thắng kẻ ngu này.

"Khi ấy, người hầu lại làm bài tụng tâu Đế Thích rằng:

Thiên vương sở dĩ im,
Vì e giảm đức trí;
Nhưng kẻ ngu độn kia,
Cho vua lòng sợ hãi.
Kẻ ngu không tự lượng,

Cho có thể địch vua;
Liều chết đến xúc phạm,
Muốn vua lui như trâu.

"Bấy giờ, Thiên Đế Thích lại làm bài tụng trả lời người hầu rằng:

Người ngu không tri kiến,
Bảo ta lòng sợ hãi.
Ta quán đệ nhất nghĩa:
Nhẫn nhục là tối thượng.
Điều xấu trong các xấu:
Trong sân lại nổi sân;
Ở trong sân không sân,
Là chiến đấu tối thượng.
Con người có hai duyên,
Vì mình cũng vì người;
Mọi người có tranh tụng,
Ai không tranh là thắng.
Con người có hai duyên,
Vì mình cũng vì người;
Thấy người không tranh tụng,
Lại cho là ngu đần.
Nếu người có sức lớn,
Nhịn được người không sức;
Sức này là đệ nhất,
Là tối thượng trong nhẫn.
Ngu tự cho mình mạnh,
Sức này chẳng là sức;
Người mạnh nhẫn như pháp,
Sức này không ngăn được.

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Lúc bấy giờ, Thiên Đế Thích há là người nào khác sao? Không nên có ý nghĩ như vậy. Lúc ấy, Thiên Đế Thích chính là bản thân Ta vậy. Vào lúc bấy giờ, Ta tu tập nhẫn nhục, không hành động nóng vội, thường thường khen ngợi người hay nhẫn nhục. Nếu có người trí nào muốn hoằng dương đạo của Ta, thì phải tu tập nhẫn nhục im lặng, chớ ôm lòng phẫn hận đấu tranh."

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Thuở xa xưa, chư Thiên Đao-lợi cùng A-tu-luân đánh nhau. Bấy giờ Thích Đề-hoàn Nhân nói với A-tu-luân Chất-đa rằng: 'Tại sao các khanh lại ôm lòng sân hại, trang bị binh khí, đánh nhau để làm gì? Nay sẽ cùng ngươi giảng luận đạo lý, để biết rõ thắng thua.' Lúc ấy, Chất-đa A-tu-luân kia nói với Đế Thích rằng: 'Giả sử, nếu vất bỏ binh khí, chỉ bàn luận tranh tụng về nghĩa lý thôi, vậy thì ai biết thắng bại?' Đế Thích dạy rằng: 'Chỉ cần bàn luận thôi, hiện tại trong chúng của ngươi và trong chúng chư Thiên của Ta, tự có người có trí tuệ biết rằng ai thắng, ai bại.' Lúc ấy, A-tu-luân nói với Đế Thích rằng: 'Nhà ngươi nói kệ trước đi.' Đế Thích trả lời: 'Nhà ngươi là Cựu thiên[10], nhà ngươi nên nói trước đi.' Bấy giờ, Chất-đa A-tu-luân liền vì Đế Thích mà làm kệ:

Nay không bẻ đứa ngu,
E sau càng khó nhịn.
Hãy đánh nó bằng gậy,
Khiến kẻ ngu hối lỗi.

"Sau khi A-tu-luân nói bài kệ này xong, thì chúng A-tu-luân phấn khởi vui mừng, cao tiếng khen hay. Chỉ có chúng chư Thiên là im lặng không nói. Rồi vua của A-tu-luân nói với Đế Thích rằng: 'Đến lượt ngươi nói kệ'. Bấy giờ, Đế Thích liền nói kệ cho A-tu-luân nghe:

Ta thường bảo, người trí
Không tranh cùng kẻ ngu;
Nếu ngu mắng, trí im,
Thì thắng kẻ ngu này.

"Sau khi Thiên Đế Thích nói bài kệ này xong, thì chư Thiên Đao-lợi đều rất đỗi vui mừng, cất tiếng khen hay. Lúc này chúng A-tu-luân im lặng không nói. Bấy giờ, Thiên Đế Thích nói với A-tu-luân rằng: 'Đến lượt nhà ngươi nói kệ.'

Lúc này, A-tu-luân lại nói kệ:

Thiên vương sở dĩ im,
Vì e giảm đức trí;
Nhưng kẻ ngu độn kia,
Cho vua lòng sợ hãi.
Kẻ ngu không tự lượng,

---

[10]. Cựu thiên 舊天, một danh hiệu khác chỉ A-tu-la, vì nguyên trước là chư Thiên Đao-lợi; Pāli: Pubbadevā.

Cho có thể địch vua;
Liều chết đến xúc phạm,
Muốn vua lui như trâu.

"Sau khi A-tu-luân nói bài kệ này xong, thì chúng A-tu-luân nhảy nhót vui mừng, lớn tiếng khen hay. Lúc này chúng Đao-lợi thiên im lặng không nói. Bấy giờ, A-tu-luân vương nói với Đế Thích rằng: 'Đến lượt nhà ngươi nói kệ.'

Thiên Đế Thích bèn nói kệ cho A-tu-luân nghe rằng:

Người ngu không tri kiến,
Bảo Ta lòng sợ hãi.
Ta quán đệ nhất nghĩa:
Nhẫn nhục là tối thượng.
Điều xấu trong các xấu:
Trong sân lại nổi sân;
Ở trong sân không sân,
Là chiến đấu tối thượng.
Con người có hai duyên,
Vì mình cũng vì người;
Mọi người có tranh tụng,
Ai không tranh là thắng.
Con người có hai duyên,
Vì mình cũng vì người;
Thấy người không tranh tụng,
Lại cho là ngu đần.
Nếu người có sức lớn,
Nhịn được người không sức;
Sức này là đệ nhất,
Là tối thượng trong nhẫn.
Ngu tự cho mình mạnh,
Sức này chẳng là sức;
Người mạnh nhẫn như pháp,
Sức này không ngăn được.

"Sau khi Thích Đề-hoàn Nhân nói bài kệ này xong, thì chúng Đao-lợi thiên nhảy nhót vui mừng, cất tiếng khen hay; chúng A-tu-luân thì im lặng không nói. Lúc này, chúng Trời và chúng A-tu-luân, tạm thời tự rút lui, cùng bảo nhau rằng: 'Những bài kệ tụng của A-tu-luân nói ra có điều xúc phạm, dấy lên sự đáp trả bằng đao kiếm, làm nảy

sinh ra gốc rễ của đấu tranh và kiện tụng, nuôi lớn các oán kết, dựng lập gốc cây tam hữu. Còn những bài kệ tụng của Thiên Đế Thích nói ra không gây xúc nhiễu, không đưa đến đao kiếm, không sinh ra tranh đấu kiện tụng, không nuôi lớn oán kết, tuyệt gốc tam hữu. Những lời nói của Thiên Đế Thích là tốt lành; chư Thiên đã thắng, A-tu-luân đã bại."

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Lúc bấy giờ, Thiên Đế Thích là người nào khác sao? Chớ có quan niệm này! Vì sao? Vì đó chính là bản thân Ta. Vào lúc bấy giờ, Ta dùng những lời nhu hòa mà thắng chúng A-tu-luân."

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Thuở xa xưa, khi chư Thiên lại đánh nhau với A-tu-luân lần nữa. Bấy giờ A-tu-luân thắng, chư Thiên bại. Lúc ấy, Thích Đề-hoàn Nhân sợ hãi cưỡi xe báu ngàn căm bỏ chạy; giữa đường thấy trên cây Thiểm-bà-la có một tổ chim, trong tổ có hai con chim con, liền dùng kệ tụng bảo người điều khiển xe rằng:

Cây này có hai chim,
Người nên lui xe tránh,
Chẳng thà giặc hại ta,
Chớ thương tổn hại chim.

"Sau khi người điều khiển xe nghe Đế Thích nói kệ, liền dừng xe và quay xe tránh chim trên cây. Khi ấy, đầu xe quay về phía A-tu-luân. Chúng A-tu-luân từ xa nhìn thấy xe báu quay đầu lại, quân của chúng bảo nhau: 'Giờ Thiên Đế Thích cưỡi xe báu ngàn căm quay đầu nhắm về phía chúng ta, có lẽ muốn giao đấu trở lại. Chúng ta không thể đượng cự được!' Chúng A-tu-luân liền thối lui và tan rã, nhân đây mà chư Thiên chiến thắng và A-tu-luân bại tẩu."

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Lúc bấy giờ, Đế Thích há là người nào khác sao? Chớ có quan niệm như vậy! Vì sao? Vì chính đó là bản thân Ta. Vào lúc bấy giờ, Ta đối với chúng sanh phát khởi lòng thương xót. Này các Tỳ-kheo, các Thầy ở trong pháp của Ta xuất gia tu đạo, thì nên phát khởi lòng từ bi, thương xót chúng sanh."

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Thuở xa xưa, khi chư Thiên cùng A-tu-luân đánh nhau. Bấy giờ chư Thiên đắc thắng và A-tu-luân bại trận. Sau khi chiến thắng, Thiên

Đế Thích trở về cung, xây dựng một ngôi nhà đặt tên là Tối thắng[11], Đông Tây dài một trăm do-tuần, Nam Bắc rộng sáu mươi do-tuần. Ngôi nhà này gồm trăm gian, trong mỗi gian có bảy đài giao lộ[12]. Trên mỗi đài có bảy ngọc nữ; mỗi ngọc nữ có bảy người để sai. Thích Đề-hoàn Nhân cũng không lo cung cấp các thứ trang điểm, áo chăn, đồ ăn thức uống; mà tất cả tùy theo hành vi đã tạo từ trước, mỗi người tự thọ lãnh phước báo ấy. Do chiến thắng A-tu-luân, nên nhân đây lòng sinh vui mừng mà xây dựng ngôi nhà này, cho nên gọi là Tối thắng đường. Lại nữa, những ngôi nhà có được trong ngàn thế giới xem ra không có ngôi nhà nào bằng ngôi nhà này, cho nên gọi là Tối thắng."

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Thuở xa xưa, A-tu-luân tự nghĩ rằng: 'Ta có oai đức lớn, thần lực không phải ít, nhưng Đao-lợi thiên, mặt trời, mặt trăng, chư Thiên thường ở nơi hư không, du hành tự tại trên đỉnh đầu ta. Nay ta hãy lấy mặt trời, mặt trăng này làm ngọc đeo tai, thử chúng có còn du hành tự tại được không?'

"Rồi, vua A-tu-luân nổi lòng sân hận cực độ, liền nghĩ đến A-tu-luân Chùy Đỏa[13]; A-tu-luân Chùy Đỏa lại nghĩ rằng: 'Hiện nay, vua A-tu-luân đã nghĩ đến ta, chúng ta nên nhanh chóng trang bị.' Liền ra lệnh tả hữu chuẩn bị binh khí đầy đủ, cưỡi cỗ xe báu, cùng với vô số chúng A-tu-luân theo dẫn đường trước sau, đến trước vua A-tu-luân, đứng một bên.

"Bấy giờ, vua lại nghĩ đến A-tu-luân Xá-ma-lê[14]. A-tu-luân Xá-ma-lê lại tự nghĩ rằng: 'Hiện nay, vua đã nghĩ đến ta, chúng ta nên nhanh chóng trang bị.' Liền ra lệnh tả hữu chuẩn bị binh khí đầy đủ, cưỡi cỗ xe báu, cùng với vô số chúng A-tu-luân theo dẫn đường trước sau, đến trước chỗ vua A-tu-luân, đứng một bên.

"Bấy giờ, vua lại nghĩ đến Tỳ-ma-chất-đa A-tu-luân[15]. Tỳ-ma-chất-đa A-tu-luân lại tự nghĩ rằng: 'Hiện nay, vua đang nghĩ đến ta, chúng ta nên nhanh chóng trang bị.' Liền ra lệnh tả hữu chuẩn bị binh khí đầy đủ, cưỡi cỗ xe báu, cùng với vô số chúng A-tu-luân theo dẫn

---

11. Tối thắng đường 最 勝 堂; Pāli: Vejayanta-pāsāda.

12. Giao lộ đài 交 露 臺; Pāli?

13. Chùy Đỏa A-tu-luân 捶 打 阿 須 倫; Pāli:?

14. Xá-ma-lê A-tu-luân 舍 摩 犁 阿 須 倫; Pāli: Sambara?

15. Tỳ-ma-chất-đa A-tu-luân 毗 摩 質 多 阿 須 倫; Pāli: Vepacitti.

đường trước sau, đến trước chỗ vua A-tu-luân, đứng một bên.

"Bấy giờ, vua lại nghĩ đến Đại thần A-tu-luân; Đại thần A-tu-luân lại tự nghĩ rằng: 'Hiện nay, vua đang nghĩ đến ta. Chúng ta nên nhanh chóng trang bị.' Liền ra lệnh tả hữu chuẩn bị binh khí đầy đủ, cưỡi cỗ xe báu, cùng với vô số chúng A-tu-luân theo dẫn đường trước sau, đến trước vua A-tu-luân, đứng một bên.

"Bấy giờ, vua lại nghĩ đến các Tiểu A-tu-luân. Các Tiểu A-tu-luân lại tự nghĩ rằng: 'Hiện nay, vua đang nghĩ đến ta. Chúng ta nên nhanh chóng trang bị.' Liền ra lệnh tả hữu chuẩn bị binh khí đầy đủ, cưỡi cỗ xe báu, cùng với vô số chúng A-tu-luân theo dẫn đường trước sau, đến trước vua A-tu-luân, đứng một bên.

"Bấy giờ, vua A-tu-luân là La-ha[16] liền tự mình trang bị, mình mặc áo giáp đồng báu, đóng ngựa vào các cỗ xe báu, cùng với vô số trăm ngàn chúng A-tu-luân và binh khí trang bị, vây quanh trước sau, ra khỏi chỗ ở của chúng, muốn đến đánh nhau cùng chư Thiên.

"Bấy giờ, Nan-đà Long vương[17] và Bạt-nan-đà Long vương[18] dùng thân mình quấn quanh núi Tu-di bảy vòng làm chấn động cả sơn cốc, trải một lớp mỏng mây mờ, lơ thơ từng giọt mưa rơi và dùng đuôi đập vào nước biển làm cho nước biển dậy sóng, dâng đến đỉnh núi Tu-di. Lúc bấy giờ, Đao-lợi thiên liền tự nghĩ: 'Nay, mây mờ giăng mỏng, lơ thơ từng giọt mưa rơi, nước biển dậy sóng, lên đến tận nơi này, chắc thế nào A-tu-luân cũng muốn đến đây gây chiến, nên có những điềm lạ này chăng!'

"Lúc này, nhiều vô số ức vạn binh chúng các loài rồng trong biển, đều cầm giáo mác, cung tên, đao kiếm, áo giáp đồng dày và trang bị binh khí tề chỉnh, đối đầu cùng quân binh A-tu-luân chiến đấu. Khi binh chúng các loài rồng mà thắng, thì lập tức đuổi A-tu-luân vào trong cung điện của chúng. Nếu các loài rồng mà bị bại, thì các loài rồng không trở lại cung điện, mà sẽ chạy đến chỗ quỷ thần Già-lâu-la[19] báo cáo rằng: 'Chúng A-tu-luân muốn đánh nhau với chư Thiên. Chúng tôi đã

---

16. La-ha A-tu-luân vương 羅呵阿須倫王; Pāli: Rāhu.

17. Nan-đà Long vương 難陀龍王, một trong tám đại Long vương, anh em với Bạt-nan-đà Long vương, Skt.: Nanda-nāgarājan.

18. Bạt-nan-đà Long vương 跋難陀龍王, một trong tám đại Long vương, anh em với Na-đà Long vương, Skt.: Upananda.

19. Già-lâu-la 伽樓羅; Skt.: Karoṭapāṇi. Xem cht. 24, phẩm 1, châu Diêm-phù-đề.

đón đánh, nhưng hiện chúng đang đắc thắng. Các ngươi nên chuẩn bị các thứ binh khí, binh chúng cùng sức mạnh, để chiến đấu cùng với chúng.' Sau khi các quỷ thần nghe xong, liền tự trang bị, chuẩn bị các đồ binh khí, áo giáp đồng dày, cùng các loài rồng hợp tác chiến đấu chống lại A-tu-luân. Nếu mà thắng, thì lập tức đuổi A-tu-luân vào trong cung điện của chúng. Nếu mà bị bại, thì không trở lại cung điện, mà sẽ chạy lui đến chỗ quỷ thần Trì Hoa[20] báo cáo rằng: 'Chúng A-tu-luân muốn chiến đấu cùng chư Thiên. Chúng tôi đã đón đánh. Nhưng hiện chúng đang thắng. Các ngươi nên chuẩn bị các thứ binh khí, binh chúng cùng sức mạnh, để đánh nhau với chúng.'

"Sau khi các quỷ thần Trì Hoa nghe các loài rồng nói rồi, liền tự trang bị, chuẩn bị các đồ binh khí, áo giáp đồng dày, binh chúng cùng sức mạnh, cùng chiến đấu lại A-tu-luân. Nếu mà thắng, thì lập tức đuổi A-tu-luân vào trong cung điện của chúng. Nếu mà bị bại, thì không trở lại cung điện, mà sẽ chạy đến chỗ quỷ thần Thường Lạc[21] báo cáo rằng: 'Chúng A-tu-luân muốn đánh nhau cùng chư Thiên. Chúng tôi đã đón đánh. Nhưng hiện chúng đang thắng. Các ngươi nên chuẩn bị các thứ binh khí, cùng sức mạnh, để đánh nhau với chúng.'

"Sau khi các quỷ thần Thường Lạc nghe nói rồi, liền tự trang bị, chuẩn bị các đồ binh khí, áo giáp đồng dày, binh chúng cùng sức mạnh, cùng chiến đấu lại A-tu-luân. Nếu mà thắng, thì lập tức đuổi A-tu-luân vào trong cung điện của chúng. Nếu mà bị bại, thì không trở lại cung điện, mà sẽ chạy đến Tứ thiên vương báo cáo rằng: 'Chúng A-tu-luân muốn chiến đấu cùng chư Thiên. Chúng tôi đã đón đánh. Nhưng hiện chúng đang thắng. Các ngài nên chuẩn bị các thứ binh khí, binh chúng cùng sức mạnh, để đánh nhau với chúng.'

"Sau khi Tứ thiên vương nghe những lời này rồi, liền tự trang bị, chuẩn bị các đồ binh khí, áo giáp đồng dày, binh chúng cùng sức mạnh, cùng chiến đấu lại A-tu-luân. Nếu mà thắng, thì lập tức đuổi A-tu-luân vào trong cung điện của chúng. Nếu không thì Tứ thiên vương sẽ đến giảng đường Thiện pháp, tâu Thiên Đế Thích và chư Thiên Đao-lợi rằng: 'Chúng A-tu-luân muốn chiến đấu cùng chư Thiên. Nay chư

---

20. Trì Hoa 持華, trên kia dịch là Trì Man 持鬘; Skt.: Mālādhara. Xem cht.25, phẩm 1, châu Diêm-phù-đề.

21. Thường Lạc 常樂, trên kia dịch là Hỷ Lạc 喜樂; Skt.: Sadāmatta. Xem cht. 26, phẩm 1, châu Diêm-phù-đề.

Thiên Đao-lợi hãy tự trang bị, chuẩn bị binh khí, binh chúng cùng sức mạnh, để đi đánh nhau với chúng.'

"Bấy giờ, Thiên Đế Thích ra lệnh cho người hầu rằng: 'Ngươi đem lời nói của ta đến báo lại cho Diệm-ma thiên, Đâu-suất thiên, Hóa tự tại thiên, Tha hóa tự tại thiên rằng: 'A-tu-luân cùng vô số chúng muốn đến chiến đấu. Nay chư Thiên nên tự trang bị, chuẩn bị các đồ binh khí để hỗ trợ ta chiến đấu.'

"Bấy giờ, người hầu này vâng lệnh của Đế Thích, liền đến Diệm-ma thiên... cho đến Tha hóa tự tại thiên, đem những lời của Đế Thích mà báo cáo rằng: 'A-tu-luân cùng vô số chúng muốn đến chiến đấu. Nay chư Thiên nên tự trang bị, chuẩn bị binh khí để hỗ trợ ta chiến đấu.'

"Sau khi Diệm-ma thiên nghe những lời này rồi, liền tự trang bị, chuẩn bị các đồ binh khí, áo giáp đồng dày, đóng xe báu vào ngựa, cùng vô số trăm ngàn Thiên chúng trước sau vây quanh, đóng binh tại phía Đông của núi Tu-di. Sau khi thiên tử Đâu-suất nghe những lời này rồi, cũng liền tự trang bị, chuẩn bị các đồ binh khí, áo giáp đồng dày, đóng xe báu vào ngựa, cùng vô số trăm ngàn Thiên chúng, đóng binh tại phía Nam của núi Tu-di. Sau khi thiên tử Hóa tự tại thiên nghe những lời này rồi, cũng trang bị binh chúng, đóng binh tại phía Tây của núi Tu-di. Sau khi thiên tử Tha hóa tự tại thiên nghe những lời này rồi, cũng trang bị binh chúng, đóng binh tại phía Bắc của núi Tu-di.

"Khi Thiên Đế Thích nghĩ đến ba mươi ba vị Thiên thần của Đao-lợi thiên, thì ba mươi ba vị Thiên thần của Đao-lợi thiên tự nghĩ rằng: 'Hiện tại Thiên Đế Thích đang nghĩ đến ta. Vậy chúng ta nên nhanh chóng trang bị.' Liền ra lệnh tả hữu chuẩn bị các đồ binh khí, cưỡi cỗ xe báu, cùng vô số chúng chư Thiên trước sau vây quanh, đến trước Thiên Đế Thích, đứng một bên.

"Khi Thiên Đế Thích nghĩ đến các Thiên thần khác của Đao-lợi, thì các Thiên thần khác của Đao-lợi liền tự nghĩ rằng: 'Hiện tại Đế Thích đang nghĩ đến ta. Vậy chúng ta nên nhanh chóng trang bị.' Liền ra lệnh tả hữu chuẩn bị các đồ binh khí, đóng xe báu vào ngựa, cùng vô số chúng chư Thiên trước sau vây quanh, đến trước Đế Thích, đứng một bên.

"Khi Thiên Đế Thích nghĩ đến quỷ thần Diệu Tượng[22], thì quỷ thần Diệu Tượng liền tự nghĩ rằng: 'Hiện tại Đế Thích đã nghĩ đến ta. Vậy chúng ta nên nhanh chóng trang bị.' Liền ra lệnh tả hữu chuẩn bị các đồ binh khí, đóng xe báu vào ngựa, cùng vô số Thiên chúng trước sau vây quanh, đến đứng trước Đế Thích.

"Khi Đế Thích nghĩ đến Long vương Thiện Trụ[23], thì Long vương Thiện Trụ tự nghĩ rằng: 'Nay Thiên Đế Thích nghĩ đến ta, nay ta nên đến.' Long vương Thiện Trụ liền đi đến đứng trước Đế Thích.

"Lúc này, Đế Thích liền tự trang bị, chuẩn bị các đồ binh khí, mình mặc áo giáp đồng báu, cưỡi trên đỉnh đầu Long vương Thiện Trụ, cùng vô số chư Thiên, quỷ thần trước sau vây quanh, tự ra khỏi thiên cung, đánh nhau với A-tu-luân. Đồ vật trang bị như các thứ binh khí, đao kiếm, giáo, mác, cung tên, rìu, đục, búa lớn, búa nhỏ, bánh xe quay, dây tơ cột, binh khí, áo giáp đồng, tất cả đều dùng bảy báu để tạo thành. Lại dùng mũi nhọn đâm thêm vào người A-tu-luân, nhưng thân ông ta vẫn không bị thương tổn, chỉ chạm vào bên ngoài khi đâm mà thôi. Chúng A-tu-luân tay cũng cầm đao kiếm bảy báu, giáo mác, cung tên, rìu đục, búa lớn, búa nhỏ, bánh xe quay, dây cột bằng tơ và dùng mũi nhọn đâm thêm vào thân chư Thiên, nhưng cũng chỉ chạm đến bên ngoài mà thôi, không gây bất cứ thương tổn nào.

"Như vậy, dục khiến chư Thiên cùng A-tu-luân đánh nhau; do bởi nhân là dục như vậy."

22. Diệu Tượng 妙匠.

23. Thiện Trụ Long vương 善住龍王.

Phẩm 11: BA TRUNG KIẾP

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Có ba trung kiếp[1]. Những gì là ba? Một là kiếp đao binh. Hai là kiếp đói kém. Ba là kiếp tật dịch[2].

"Thế nào là kiếp đao binh[3]?

"Người thế gian này vốn thọ bốn vạn tuổi. Sau đó giảm xuống, thọ hai vạn tuổi. Sau đó lại giảm nữa, thọ một vạn tuổi. Lần lượt giảm, thọ một ngàn năm, năm trăm năm, ba trăm năm, hai trăm năm. Như nay con người thọ một trăm tuổi, với số ít vượt quá, mà phần nhiều là dưới. Sau đó, tuổi thọ con người giảm dần xuống còn mười tuổi. Khi đó, người nữ sinh ra chừng năm tháng là đi lấy chồng. Bấy giờ, các loại mỹ vị có được trong thế gian như bơ sữa, mật, đường thẻ, đường đen[4], những gì có vị ngon, tự nhiên biến mất; ngũ cốc không sinh sản, chỉ còn có loại lúa hoang[5] mà thôi. Lúc này, các loại y phục cao cấp như gấm vóc, lụa là[6], kiếp-bối[7], sô-ma[8], tất cả đều không còn nữa, mà chỉ còn có loại vải dệt thô sơ bằng cỏ. Bấy giờ, mặt đất này hoàn toàn chỉ sinh gai góc, muỗi mòng, ong, bọ cạp, rắn, rết, trùng độc; còn vàng bạc, lưu ly,

---

1. Trung kiếp 中劫, Skt.: antara-kalpa, kiếp trung gian; nhưng đối lại với mahākalpa, đại kiếp 大劫, nên cũng thường gọi là tiểu kiếp 小劫.
2. Đao binh 刀兵, cốc quý 穀貴, tật dịch 疾疫. Tham chieáu, Câu-xaù luận, q. 12 (Huyền Tráng): ba tiểu tam tai trung kiếp: đao binh, tật dịch, cơ cẩn. Cf. Kośa-kārikā iii. 99: kalpasya śastrarogābhyāṃ durbhikṛṣṇa nirgamah.
3. Đao binh kiếp 刀兵劫, Skt.: śastra-kalpa, Pāli: sattha-kappa.
4. Tô du 酥油 (Skt., Pāli: navanīta), mật 蜜 (madhu), thạch mật 石蜜 (Pāli: madhu-phāṇita), hắc thạch mật 黑石蜜 (kāḷamadhuphāṇita, kāḷa-loṇa?).
5. Hán: để bại 稊稗, chỉ loại cỏ có hạt nhỏ như hạt lúa.
6. Hán: cẩm 錦, lăng 綾, tắng 繒, quyến 絹.
7. Kiếp-bối 劫貝; Pāli: kappāsa, Skt.: karpāsa, vải bông (gòn).
8. Sô-ma 芻麻; Pāli: khoma, Skt.: kṣauma, vải gai.

bảy báu, châu ngọc, tự nhiên chúng bị vùi vào đất hết và chỉ có đá, cát, các thứ xấu xí là dẫy đầy. Lúc này chúng sanh chỉ làm mười điều ác càng ngày càng tăng, không còn nghe đến danh từ mười điều thiện, cho đến không có cả danh từ thiện, huống chi là có người làm việc thiện? Bấy giờ, trong loài người ai không có hiếu với cha mẹ, không kính trọng sư trưởng, hay làm việc ác thì được cúng dường, được mọi người cung kính hầu hạ. Cũng như người nay ai hiếu thuận mẹ cha, kính trọng sư trưởng, thường làm việc lành, thì được cúng dường, được mọi người cung kính hầu hạ, thì người làm việc ác kia lại cũng được cúng dường như vậy. Bây giờ, con người thân hoại mạng chung bị đọa vào trong súc sanh, cũng như con người hiện tại được sinh lên cõi trời. Lúc đó con người gặp nhau thường ôm lòng độc hại, chỉ muốn giết nhau; cũng giống như thợ săn gặp được đàn nai, chỉ muốn giết chúng, không có bất cứ một ý nghĩ thiện nào; con người lúc đó cũng như vậy, chỉ muốn giết nhau, không có một chút ý nghĩ thiện nào. Bấy giờ, mặt đất này chỉ là sông ngòi, khe suối, núi đồi, đất đống, không có chỗ đất nào bằng phẳng cả. Khi có người đi đến, tức thì kinh sợ, run rẩy, lông tóc dựng đứng.

"Bấy giờ, trong vòng bảy ngày có sự nổi lên của kiếp đao kiếm. Lúc ấy, những thứ cỏ, cây, ngói, đá mà con người cầm trong tay đều biến thành đao kiếm; những thứ đao kiếm này rất bén nhọn, đụng đến vật gì thì vật đó đều sẽ bị cắt đứt. Chúng sát hại lẫn nhau. Trong lúc này có người có trí tuệ thấy đao binh sát hại nhau nên hoảng sợ tránh vào núi rừng, hang động, khe suối, những chỗ không người. Trốn tránh trong vòng bảy ngày, tâm nghĩ miệng tự nói: 'Ta không hại người, người chớ hại ta.' Trong vòng bảy ngày người này chỉ ăn rễ cây cỏ để tự nuôi sống mình. Qua bảy ngày, sau đó mới lại ra khỏi rừng núi. Lúc này, gặp được một người, vui mừng nói rằng: 'Nay gặp được người còn sống! Nay gặp được người còn sống!' Cũng giống như cha mẹ vì gặp lại một người con bị thất lạc lâu ngày không thấy nhau, nên vui mừng nhảy nhót mà không thể tự kiềm chế chính mình được, thì sự kiện người này cũng như vậy, vì sự vui mừng nên nhảy nhót mà không thể tự kiềm chế được cảm xúc vui nơi chính mình. Khi ấy thì người dân trong vòng bảy ngày chỉ có khóc lóc mà thôi; cũng trong vòng bảy ngày này họ lại cùng gặp vui nên vui vẻ chúc mừng nhau. Người lúc bấy giờ khi thân hoại mạng chung đều đọa vào địa ngục. Vì sao? Vì con người ấy luôn luôn ôm lòng sân hận và phẫn nộ, họ chỉ có

một tâm hại nhau mà thôi, vì không có tâm nhân từ nên gọi là kiếp đao binh."

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Thế nào gọi là kiếp đói kém[9]? Con người bấy giờ phần nhiều làm những việc phi pháp, tà kiến điên đảo, làm mười nghiệp ác. Vì làm mười nghiệp ác nên trời không mưa xuống, làm cho trăm thứ cỏ cây chết khô, ngũ cốc không thành, mà chỉ có gốc rạ mà thôi.

"Thế nào gọi là đói kém? Vì lúc bấy giờ, người dân phải thu quét những hạt thóc còn rơi rớt lại các nơi như ruộng vườn, đường sá, đầu ngõ và trong phân đất để tự sống còn, nên mới gọi là đói kém[10].

"Lại nữa, lúc đói kém, người bấy giờ lượm nhặt xương cốt từ những nơi như lò sát sanh, chợ búa, các đường sá và các bãi tha ma, rồi nấu nước trấp mà uống, nhờ vậy mà họ sống, nên gọi là 'đói xương trắng'[11].

'Lại nữa, vào kiếp đói kém, ngũ cốc được gieo trồng đều biến thành cỏ cây. Con người lúc này lấy bông nấu nước trấp để uống. Lại nữa, vào thời đói kém, bông của các loài cây cỏ rụng phủ kín cả mặt đất, lúc ấy mọi người phải đào đất lấy bông để nấu ăn, nhờ vậy mà tự tồn tại, nên gọi là 'đói cây cỏ[12]'. Bấy giờ, chúng sanh thân hoại mạng chung đọa vào trong ngạ quỷ. Sao vậy? Vì những người sống trong kiếp đói kém này, thường ôm lòng tham lam keo bẩn, không có lòng bố thí nhân ái, không chịu chia xẻ cùng người và không nhớ nghĩ đến những tai ách của người khác.

"Đấy là kiếp đói kém."

Phật bảo Tỳ-kheo:

---

9. Cơ ngạ kiếp 饑餓劫; Skt.: durbhikṣa-kalpa, Pāli: dubbhikkha-kappa; ở trên gọi là cốc quý kiếp.

10. Cơ ngạ; định nghĩa từ đồng nghĩa của Skt.: durbhikṣa (Pāli: dubbhikkha); Kośa-kārikā iii. 99: cañcu (sự mổ bằng mỏ chim), Chân Đế: chiên giá lương 旃遮糧, Huyền Tráng: tụ tập 聚集; *Câu-xá luận* q.12: thời kỳ đói kém cũng được gọi là tư tập, vì con người bấy giờ cực đói, thây chết gom thành đống; cũng vì người sau, người ta cất các thứ hạt giống trong những cái giỏ.

11. Bạch cốt cơ ngạ 白骨飢餓; *Câu-xá luận*, sđd.: Kośa-kārikā, sđd.: Skt.: śvetāsthi; Pāli: setaṭṭhika.

12. Thảo mộc cơ ngạ 草木飢餓; kośa-kārikā, sđd.: śalākāvhtti, Huyền Tráng: vận trù 運籌, Chân Đế: trù lương 籌糧.

"Thế nào là kiếp tật dịch[13]? Người đời bấy giờ, tu hành chánh pháp, chánh kiến không điên đảo, đầy đủ thập thiện hành. Có quỷ thần thế giới phương khác đến, mà quỷ thần ở đây thì buông lung dâm loạn, không thể hộ vệ con người được. Quỷ thần thế giới khác xâm lấn, nhiễu loạn con người thế gian này, họ dùng tay đánh đập, dùng gậy quật ngã, rồi hút lấy tinh khí, khiến cho tâm người loạn lên, rồi cưỡng bức mang đi. Giống như quốc vương ra lệnh cho các tướng soái những thứ phải bảo vệ, nhưng giặc cướp ở phương khác đến xâm phạm quấy nhiễu, mà các tướng soái ở đây lại buông lung, nên nước nhà bị chúng cướp mất. Ở đây cũng vậy, những quỷ thần ở thế giới khác đến bắt giữ mọi người ở thế gian này, chúng đánh đập, quật ngã, rồi hút lấy tinh khí mọi người và cưỡng bức mang đi."

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Giả sử quỷ thần ở thế gian này dù không buông lung dâm loạn, nhưng khi quỷ thần có sức mạnh lớn ở thế giới khác đến, thì quỷ thần ở thế gian này cũng phải sợ hãi mà đi trốn. Các đại quỷ thần kia bèn xâm lấn, quấy nhiễu người ở đây, đánh đập, quật ngã, hút lấy tinh khí, giết chết rồi bỏ đi. Giống như quốc vương, hay đại thần của quốc vương sai khiến các tướng soái bảo vệ nhơn dân; tuy tất cả các tướng lãnh này đều trong sạch thận trọng, không buông lung, nhưng khi các tướng soái mạnh bạo, có binh lính đông đảo kia lại đến khuấy phá thành ấp, làng xóm, mà cướp đoạt người vật. Thì ở đây lại cũng như vậy, nếu quỷ thần ở thế gian này dù không dám buông lung đi nữa, nhưng khi các quỷ thần có sức mạnh lớn ở thế giới khác đến, thì các quỷ thần thế gian này cũng sẽ sợ hãi tránh đi và những hàng quỷ thần lớn mạnh kia sẽ xâm đoạt, nhiễu hại

---

13. Tật dịch kiếp 疾疫劫; Skt.: roga-kalpa, rogābhyā, Pāli: roga-kappa.

người thế gian này; đánh đập, quật ngã, hút lấy tinh khí và giết hại mọi người rồi bỏ đi.

"Khi ấy, người dân trong kiếp tật dịch, sau khi thân hoại mạng chung đều sinh lên cõi trời. Vì sao? Vì con người lúc ấy đều hướng tâm từ bi đến nhau, thăm hỏi nhau: 'Bệnh tật của bạn có giảm không? Thân thể có được an ổn không?' Vì những nhân duyên này, nên họ được sinh lên cõi trời. Cho nên gọi là kiếp tật dịch.

"Đó là ba trung kiếp."

Phẩm 12: THẾ BỔN DUYÊN[1]

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Sau khi qua khỏi hỏa tai, khi trời đất của thế gian này sắp sửa thành tựu trở lại, một số chúng sanh khác phước hết, hành hết, mạng hết, mạng chung ở cõi trời Quang âm thiên, sinh vào cung điện Phạm thiên trống không[2], rồi sinh tâm đắm nhiễm chỗ đó, yêu thích chỗ đó, nên nguyện cho chúng sanh khác cũng sinh vào nơi này. Sau khi phát sanh ý nghĩ này rồi, thì những chúng sanh khác phước hết, hành hết, mạng hết, từ cõi trời Quang âm thiên, sau khi thân hoại mạng chung, sinh vào cung điện Phạm thiên trống không. Bấy giờ, vị Phạm thiên sinh ra trước liền tự nghĩ rằng: 'Ta là Phạm vương, là Đại Phạm thiên vương, không có ai sáng tạo ra ta, ta tự nhiên mà có, không bẩm thọ cái gì từ ai hết; ở trong một ngàn thế giới ta hoàn toàn tự tại, thông rõ các nghĩa lý, giàu có sung mãn, có khả năng tạo hóa vạn vật; ta là cha mẹ của tất cả chúng sanh.'

"Các Phạm thiên sanh sau lại tự nghĩ rằng: 'Vị Phạm thiên sanh trước kia là Phạm vương, là Đại Phạm thiên vương. Vị ấy tự nhiên mà có, không do ai có sáng tạo; là đấng Tối tôn ở trong một ngàn thế giới, không bẩm thọ từ ai cái gì, thông rõ các nghĩa lý, giàu có sung mãn, có khả năng sáng tạo vạn vật, là cha mẹ của tất cả chúng sanh. Ta từ vị ấy mà có.'

"Nhan sắc dung mạo của vị Phạm thiên vương này thường như đồng tử, cho nên Phạm vương được gọi là Đồng tử[3].

---

1. Tham chiếu, kinh số 4, "Tiểu Duyên".

2. Không Phạm xứ 空梵處; Pāli: suñña Brahma-vimāna.

3. Các chỗ khác, bản dịch Hán gọi là Phạm đồng tử 梵童子; Pāli: Sanaṇkumāra, Thường Đồng hình 常童形.

"Hoặc có lúc, khi thế giới này chuyển thành trở lại[4], phần lớn chúng sanh có kẻ sinh về Quang âm thiên, bằng hóa sinh tự nhiên[5], sống bằng thức ăn là sự hoan hỷ[6], mình phát ra ánh sáng[7], có thần túc bay trong hư không, an vui không ngại, mạng sống lâu dài. Sau đó thế gian này biến thành đại hồng thủy, tràn ngập khắp nơi. Vào lúc bấy giờ thiên hạ hoàn toàn tối tăm, không có mặt trời, mặt trăng, tinh tú, ngày đêm và cũng không có năm tháng hay con số bốn mùa. Sau đó, khi thế gian này bắt đầu sắp chuyển biến, một số chúng sanh khác phước hết, hành hết, mạng hết, từ cõi Quang âm thiên sau khi mạng chung sinh đến thế gian này, bằng hóa sinh và ăn bằng sự hoan hỷ, tự thân phát sáng, có thần túc bay trong hư không, an vui không ngại, sống lâu dài ở đây. Khi ấy, không có nam nữ, tôn ty, trên dưới, cũng không có những tên khác nhau. Các chúng cùng sinh ở thế gian này, cho nên gọi là chúng sanh.

"Bấy giờ, đất này tự nhiên phát sinh ra vị đất[8], ngưng tụ trong đất. Cũng như đề hồ[9], vị đất khi xuất hiện cũng như vậy; giống như sanh tô[10], vị ngọt như mật. Sau đó chúng sanh dùng tay nếm thử để biết vị ra sao. Vừa mới nếm, liền có cảm giác ngon, nên sanh ra mê đắm vị ấy. Như vậy, lần lượt nếm mãi không thôi nên sanh ra tham đắm, bèn lấy bàn tay mà vốc, dần thành thói ăn bốc[11]. Ăn bốc mãi như thế, những chúng sanh khác thấy vậy lại bắt chước ăn và cách ăn này không bao giờ chấm dứt. Khi ấy, những chúng sanh này thân thể trở nên thô kệch, ánh sáng mất dần, không còn có thần túc, không thể bay đi. Bấy giờ, chưa có mặt trời mặt trăng. Ánh sáng của chúng sanh biến mất. Khi ấy, trời đất hoàn toàn tối om, không khác như trước. Một thời gian lâu, rất lâu về sau, có một trận cuồng phong mạnh nổi lên thổi nước biển lớn, sâu tám vạn bốn ngàn do-tuần, khiến cho biển bị tách làm hai, mang cung điện mặt trời đặt ở lưng núi Tu-di, an trí quỹ đạo mặt trời, mọc ở

---

4. Hán: hoàn thành 還成; Skt.: vivartnana, Pāli: vivaṭṭana.

5. Tự nhiên hóa sanh 自然化生; Pāli: manomaya. Được sáng tạo do ý.

6. Haùn: hoan hỷ vi thực 歡喜為食; Pāli: pìtibhakkha, aên baèng hỷ.

7. Hán: thân quang tự chiếu 身光自照; Pāli: sayaṃpabhā.

8. Đòa vị 地味; Pāli: rasa-paṭhavī.

9. Đề hồ 醍醐; Pāli: sappi-maṇḍa, chế phẩm thượng hạng từ sữa.

10. Sanh tô 生酥; Pāli: navanīta, chế phẩm từ sữa, váng sữa để nguội, sữa đông.

11. Đoàn thực 摶食, giải thích ngữ nguyên của ý niệm thực phẩm vật chất.

phương Đông và lặn ở phương Tây, đi quanh khắp thiên hạ.

"Nhật cung điện thứ hai mọc từ phương Đông, lặn phương Tây. Chúng sanh khi ấy nói: 'Đấy là ngày hôm qua'[12] hoặc nói: 'Không phải ngày hôm qua.'

"Nhật cung điện thứ ba đi quanh núi Tu-di, mọc ở phương Đông, lặn ở phương Tây. Chúng sanh khi ấy bảo rằng: 'Nhất định là một ngày'. Ngày, có nghĩa là nhân của ánh sáng đi trước[13], do đó gọi là ngày. Mặt trời có hai nghĩa: một, trụ thường độ[14]; hai, cung điện[15]. Nhìn xa từ bốn hướng, cung điện có hình tròn. Nóng lạnh dễ chịu, được tạo thành bởi vàng của trời; được xen bằng pha lê. Hai phần là vàng trời, thuần chân không pha tạp; trong suốt từ trong ra ngoài, ánh sáng rọi xa. Một phần là pha lê, thuần chân không tạp, trong suốt từ trong ra ngoài, ánh sáng rọi xa.

"Nhật cung điện rộng năm mươi mốt do-tuần. Đất và vách tường của cung điện mỏng như bẹ lau[16].

"Tường cung điện có bảy lớp, với bảy lớp lan can, bảy lớp lưới, bảy lớp chuông báu, bảy lớp hàng cây, các trang trí chung quanh đều được làm bằng bảy báu. Tường bằng vàng thì cửa bằng bạc, tường bạc thì cửa vàng; tường lưu ly thì cửa thủy tinh, tường thủy tinh thì cửa lưu ly; tường ngọc đỏ thì cửa mã não, tường mã não thì cửa ngọc đỏ; tường xa cừ thì cửa bằng các thứ báu, tường bằng các thứ báu thì cửa xa cừ. Lại nữa, các lan can kia, nếu thanh ngang bằng vàng thì cọc bằng bạc, thanh ngang bạc thì cọc vàng; thanh ngang lưu ly thì cọc thủy tinh, thanh ngang thủy tinh thì cọc lưu ly; thanh ngang ngọc đỏ thì cọc mã não, thanh ngang mã não thì cọc ngọc đỏ; thanh ngang bằng các loại báu thì cọc bằng xa cừ, thanh ngang xa cừ thì cọc là các loại báu. Lưới vàng thì linh bạc, lưới bạc thì linh vàng; lưới thủy tinh thì linh lưu ly, lưới lưu ly thì linh thủy tinh; lưới ngọc đỏ thì linh mã não, lưới mã não thì linh ngọc đỏ; lưới xa cừ thì linh bằng các loại báu, lưới bằng các loại báu thì linh xa cừ. Những cây bằng vàng này thì lá, hoa quả

---

12. Hán: tạc nhật 昨 日.

13. Định nghĩa từ Skt.: divasa, ngày, Hán: nhật 日; theo ngữ nguyên, do động từ căn: dīv, chiếu sáng.

14. Hán: trú thường độ 住 常 度; cùng định nghĩa với mặt trăng. Xem đoạn sau.

15. Cung điện 宮 殿; cùng đònh nghĩa với mặt trăng, xem đoạn sau.

366. Các bản TNM: vi thác 葦 籜; bản Cao-ly: tử bá 梓 柏.

bạc; cây bằng bạc thì lá, hoa quả vàng; cây bằng lưu ly thì hoa quả thủy tinh, cây thủy tinh thì hoa quả lưu ly; cây bằng ngọc đỏ thì hoa quả mã não, cây mã não thì hoa quả ngọc đỏ; cây bằng xa cừ thì hoa quả các loại báu, cây là các loại báu thì hoa quả là xa cừ. Tường của cung điện có bốn cửa, cửa của nó có bảy bậc thềm, bao quanh bằng lan can; có lầu các đền đài, ao tắm, vườn rừng đều theo thứ lớp đối nhau, sanh các loại hoa báu, hàng nào hàng nấy đều xứng nhau; có nhiều loại cây ăn trái, hoa lá nhiều màu sắc, hương thơm ngạt ngào của cây cỏ lan tỏa xa khắp bốn phương, cùng các loài chim ríu rít hòa vang.

"Nhật cung điện kia, được duy trì bởi năm loại gió[17]. Một là trì phong, hai là dưỡng phong, ba là thọ phong, bốn là chuyển phong, năm là điều phong. Điện chính, nơi Nhật thiên tử ngự, hoàn toàn được xây dựng bằng vàng ròng, cao mười sáu do-tuần. Điện có bốn cửa, đều có lan can bao quanh. Tòa của Nhật thiên tử rộng nửa do-tuần, làm bằng bảy báu, trong sạch mềm mại, giống như thiên y. Nhật thiên tử tự thân phóng ra ánh sáng chiếu điện vàng; ánh sáng điện vàng chiếu khắp nhật cung; ánh sáng của nhật cung lại chiếu ra khắp bốn phương thiên hạ. Tuổi thọ của Nhật thiên tử năm trăm năm nhà trời; con cháu đều kế thừa nhau không bao giờ gián đoạn. Cung điện này không bao giờ bị hoại diệt, trong vòng thời gian là một kiếp. Khi cung điện mặt trời di chuyển, thì Nhật thiên tử không có ý di chuyển rằng: 'Ta đi. Ta dừng.' Mà chỉ luôn luôn hưởng thụ ngũ dục. Lúc mà cung điện mặt trời vận hành thì vô số trăm ngàn chư Thiên, Thiên thần đi theo dẫn đường trước, hoan hỷ không mệt mỏi, thích đi nhanh nhẹn, vì vậy Nhật thiên tử được gọi là 'Nhanh nhẹn'[18].

"Thân Nhật thiên tử phát ra ngàn tia sáng; năm trăm tia sáng chiếu xuống và năm trăm tia sáng chiếu chung quanh, đó là vì công đức của nghiệp đời trước nên có ngàn tia sáng này. Thế nên Nhật thiên tử còn gọi là Thiên Quang[19]. Thế nào là công đức của nghiệp đời trước? Hoặc có một người phát tâm cúng dường Sa-môn, Bà-la-môn, cùng cứu giúp những người đói khát cùng khốn, cho họ đồ ăn thức uống, y phục, thuốc thang, voi ngựa, xe cộ, phòng xá, đèn đuốc, tùy

---

17. Ngũ phong 五 風: trì phong 持 風, dưỡng phong 養 風, thọ phong 受 風, chuyển phong 轉 風, điều phong 調 風.

18. Hán: tiệp tật 捷 疾; liên hệ ngữ nguyên: sūriya (do SVAR) và jvala.

19. Thiên Quang 千 光; Skt.?

thời ban phát, tùy theo nhu cầu, không trái ý người và cúng dường cho các vị Hiền thánh trì giới. Do bởi nhân duyên vô số pháp hỷ quang minh khác nhau kia, mà thiện hoan hỷ. Như vua Quán đảnh dòng Sát-lỵ lúc bắt đầu lên ngôi, thiện tâm hoan hỷ cũng lại như vậy. Do nhân duyên này, thân hoại mạng chung làm Nhật thiên tử, được Nhật cung điện, có ngàn tia sáng, cho nên nói là nghiệp lành được ngàn tia sáng.

"Lại nữa, do duyên gì mà gọi là ánh sáng của nghiệp đời trước? Hoặc có người không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không hai lưỡi, không ác khẩu, không nói dối, không thêu dệt, không tham giữ, không sân nhuế, không tà kiến, vì những nhân duyên này mà tâm lành hoan hỷ. Giống như đầu ngã tư đường có hồ tắm lớn trong mát không nhơ, có người đi xa, mệt mỏi nóng khát, lại vào trong hồ nước này tắm rửa cho mát mẻ rồi cảm thấy vui mừng yêu thích; thì người thực hành mười điều lành, tâm lành vui mừng của họ lại cũng như vậy. Thân người này sau khi thân hoại mạng chung, làm Nhật thiên tử, sống ở Nhật cung điện, có ngàn tia sáng, vì nhân duyên này cho nên gọi là ánh sáng nghiệp lành.

"Lại nữa, vì duyên gì gọi là ngàn tia sáng? Hoặc có người không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không dối, không uống rượu; do những nhân duyên này, mà thiện tâm hoan hỷ; thân hoại mạng chung, làm Nhật thiên tử, sống ở Nhật cung điện, có ngàn tia sáng. Do những nhân duyên như vậy nên gọi là ngàn tia sáng nghiệp lành.

"Trong sáu mươi niệm khoảnh[20] gọi là một la-da[21], ba mươi la-da gọi là ma-hầu-đa[22], trăm ma-hầu-đa gọi là ưu-ba-ma[23]. Nhật cung điện mỗi năm có sáu tháng đi theo hướng Nam, mỗi ngày di chuyển ba mươi dặm; cực Nam không vượt qua khỏi Diêm-phù-đề. Mặt trời di chuyển về hướng Bắc, cũng vậy.

"Vì duyên gì nên ánh sánh mặt trời nóng bức? Có mười nhân duyên. Những gì là mười?

---

20. Niệm khoảnh 念 頃, Skt.: kṛaṇa, Pāli: khaṇa. Nhưng, *Câu-xaù luận* q.12: 120 kṛaṇa (sát-na) là một tatkṛaṇa (Huyền Tráng: đát-sát-na 怛 剎 那) saùu mươi tatkṛaṇa là một lava (Huyền Tráng: lạp phược 臘 縛). Xem cht. dưới.

21. La-da 羅 耶, Huyền Tráng: lạp phược 臘 縛, Skt.: lava.

22. Ma-haàu-đa 摩 喉 多, Huyeàn Traùng: mâu-hô-lật-đa 牟 呼 栗 多; Skt.: muhūrta.

23. Ưu-ba-ma 優 波 摩, Huyeàn Traùng: truù dạ 晝 夜, ahorātra.

"1. Ngoài núi Tu-di có núi Khư-đà-la[24] cao bốn vạn hai ngàn do-tuần, rộng bốn vạn hai ngàn do-tuần, biên núi không ước lượng được; núi được tạo thành bởi bảy báu. Khi ánh sáng mặt trời chiếu đến núi, xúc chạm mà phát sinh ra nhiệt. Đây là duyên thứ nhất ánh sáng mặt trời nóng bức.

"2. Bên ngoài núi Khư-đà-la có núi Y-sa-đà[25] cao hai vạn một ngàn do-tuần, rộng cũng hai vạn một ngàn do-tuần, chu vi là vô lượng, tạo thành bởi bảy báu, khi ánh sáng chiếu đến núi này, xúc chạm mà phát sinh ra nhiệt. Đó là duyên thứ hai ánh sáng mặt trời nóng bức.

"3. Bên ngoài núi Y-sa-đà có núi Thọ-đề-đà-la[26], bên trên cao một vạn hai ngàn do-tuần, rộng một vạn hai ngàn do-tuần, chu vi là vô lượng, tạo thành bởi bảy báu. Khi ánh sáng mặt trời chiếu đến núi này, xúc chạm mà phát sinh ra nhiệt. Đó là duyên thứ ba ánh sáng mặt trời nóng bức.

"4. Ở ngoài cách núi Thọ-đề-đa-la không xa có núi gọi là Thiện kiến[27], cao sáu ngàn do-tuần, rộng sáu ngàn do-tuần, chu vi là vô lượng, núi được hình thành bởi bảy báu, khi ánh sáng mặt trời chiếu đến sẽ phát sinh ra nhiệt, đó là duyên thứ tư để ánh sáng mặt trời nóng bức.

"5. Ở ngoài núi Thiện kiến có núi Mã tự[28] cao ba ngàn do-tuần, ngang rộng cũng ba ngàn do-tuần, chu vi là vô lượng, núi được hình thành bởi bảy báu, khi ánh sáng mặt trời chiếu đến sẽ phát sinh ra nhiệt, đó là duyên thứ năm để ánh sáng mặt trời nóng bức.

"6. Ở ngoài cách núi Mã tự không xa có núi Ni-di-đà-la[29], cao một ngàn hai trăm do-tuần, rộng một ngàn hai trăm do-tuần, chu vi thì vô lượng, núi được hình thành bởi bảy báu, khi ánh sáng mặt trời chiếu đến sẽ phát sinh ra nhiệt, đó là duyên thứ sáu để ánh sáng mặt trời nóng bức.

"7. Ở ngoài cách núi Ni-di-đà-la không xa có núi Điều phục[30], cao

---

24. Khư-đà-la sơn, xem phẩm 1, châu Diêm-phù-đề, cht. 55. 57.

25. Y-sa-đà sơn, xem phẩm 1, châu Diêm-phù-đề, cht. 58.

26. Thọ-đề-đà-la 樹提陀羅, ở trên là Thọ-cự-đà-la 樹巨陀羅. Có lẽ do nhầm tự dạng.

27. Thiện kiến sơn xem phẩm 1, châu Diêm-phù-đề, cht. 60.

28. Mã tự sơn 馬祀山, ở trên là Mã thực sơn, xem phẩm 1, châu Diêm-phù-đề, cht. 61.

29. Ni-di-đà-la 尼彌陀羅, ở trên là Ni-dân-đà-la; xem phẩm 1, châu Diêm-phù-đề, cht. 62.

30. Xem phẩm 1, châu Diêm-phù-đề, cht. 63.

sáu trăm do-tuần, rộng cũng sáu trăm do-tuần, chu vi thì vô lượng, núi được hình thành bởi bảy báu, khi áng sáng mặt trời chiếu đến sẽ phát sinh ra nhiệt. Đó là duyên thứ bảy để ánh sáng mặt trời nóng bức.

"8. Ở ngoài núi Điều phục có núi Kim cương luân[31], cao ba trăm do-tuần, rộng ba trăm do-tuần, chu vi thì vô lượng, tạo thành bởi bảy báu, khi ánh sáng mặt trời chiếu đến sẽ phát ra nhiệt. Đó là duyên thứ tám để ánh sáng mặt trời nóng bức.

"9. Lại nữa, bên trên một vạn do-tuần có cung điện Trời gọi là Tinh tú, tạo thành bởi lưu ly. Khi ánh sáng mặt trời chiếu vào nó, xúc chạm mà phát sinh ra nhiệt. Đó là duyên thứ chín để ánh sáng mặt trời nóng bức.

"10. Lại nữa, ánh sáng cung điện mặt trời chiếu xuống đại địa, xúc chạm mà phát sinh ra nhiệt.

"Đó là mười duyên thứ mười làm cho ánh sáng mặt trời nóng bức."

Bấy giờ, Thế Tôn nói bài tụng:

Do mười nhân duyên này,
Mặt trời gọi Thiên quang;
Ánh sáng phát nóng bức:
Được nói mặt trời Phật.

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Tại sao cung điện mặt trời mùa đông thì lạnh để không thể ở gần được? Có ánh sáng mà sao lạnh? Có mười ba duyên, tuy có ánh sáng nhưng vẫn lạnh. Những gì là mười ba?

"1. Giữa hai núi Tu-di và Khư-đà-la có nước, rộng tám vạn bốn ngàn do-tuần, chu vi thì vô lượng. Nước này sinh ra rất nhiều loại hoa khác nhau như: hoa Ưu-bát-la, hoa Câu-vật-đầu, hoa Bát-đầu-ma, hoa Phân-đà-lỵ, hoa Tu-kiền-đề; khi ánh sáng mặt trời chiếu xuống, xúc chạm mà sinh ra lạnh. Đó là duyên thứ nhất để ánh sáng mặt trời lạnh.

"2. Khoảng cách giữa hai núi Khư-đà-la và Y-sa-đà-la có nước, rộng bốn vạn hai ngàn do-tuần, dọc ngang bốn vạn hai ngàn do-tuần, chu vi thì vô lượng. Nước này sinh ra các loài hoa khác nhau. Khi ánh sáng chiếu đến, xúc chạm mà sinh ra lạnh. Đó là duyên thứ hai để ánh sáng mặt trời lạnh.

---

31. Xem phẩm 1, châu Diêm-phù-đề, cht. 64.

"3. Giữa hai núi Y-sa-đà-la và Thọ-đề-đà-la có nước, rộng hai vạn một ngàn do-tuần, chu vi thì vô lượng, sinh ra các loài hoa khác nhau. Khi ánh sáng mặt trời chiếu xuống, xúc chạm mà sinh ra lạnh. Đó là duyên thứ ba ánh sáng mặt trời lạnh.

"4. Giữa hai núi Thiện kiến và núi Thọ-đề có nước, rộng hai ngàn do-tuần, chu vi thì vô lượng, nơi này có nước, sinh ra các loài hoa khác nhau; khi ánh sáng mặt trời chiếu xuống thì sinh ra lạnh, đó là duyên thứ tư để ánh sáng mặt trời lạnh.

"5. Giữa hai núi Thiện kiến và núi Mã tự có nước, rộng sáu ngàn do-tuần, sinh ra các loài hoa khác nhau; khi ánh sáng mặt trời chiếu xuống thì sinh ra lạnh, đó là duyên thứ năm để ánh sáng mặt trời lạnh.

"6. Giữa hai núi Mã tự và núi Ni-di-đà-la có nước, rộng một ngàn hai trăm do-tuần, chu vi thì vô lượng, sinh ra các loài hoa khác nhau; khi ánh sáng mặt trời chiếu xuống thì sinh ra lạnh, đó là duyên thứ sáu để ánh sáng mặt trời lạnh.

"7. Giữa hai núi Ni-di-đà-la và núi Điều phục rộng sáu trăm do-tuần, chu vi thì vô lượng, sinh ra các loài hoa khác nhau; khi ánh sáng mặt trời chiếu xuống thì sinh ra lạnh, đó là duyên thứ bảy để sinh ra ánh sáng mặt trời lạnh.

"8. Giữa hai núi Điều phục và núi Kim cương luân có nước, rộng ba trăm do-tuần, chu vi thì vô lượng, sinh ra các loài hoa khác nhau; khi ánh sáng mặt trời chiếu xuống thì sinh ra lạnh, đó là duyên thứ tám để ánh sáng mặt trời lạnh.

"9. Giữa núi Kim cang luân và đất Diêm-phù-đề có nước[32], khi ánh sáng mặt trời chiếu xuống một lần chạm nhau thì sinh ra lạnh, đó là duyên thứ chín để ánh sáng mặt trời lạnh.

"10. Đất Diêm-phù-đề có sông ít, đất Câu-da-ni có nước nhiều. Khi ánh sáng mặt trời chiếu xuống, xúc chạm mà sinh ra lạnh. Đó là duyên thứ mười để ánh sáng mặt trời lạnh.

"11. Sông ngòi của cõi Câu-da-ni thì ít, nước của cõi Phất-vu-đãi thì nhiều; khi ánh sáng mặt trời chiếu xuống, xúc chạm mà sinh ra lạnh. Đó là duyên thứ mười một để ánh sáng mặt trời lạnh.

"12. Sông ngòi của Phất-vu-đãi thì ít, sông ngòi của Uất-đơn-viết

32. Câu này dịch theo bản TNM; trong bản Cao-ly: Diêm-phù-lợi địa, đại hải giang hà.

thì nhiều; khi ánh sáng mặt trời chiếu xuống, xúc chạm nhau thì sinh ra lạnh, đó là duyên thứ mười hai để ánh sáng mặt trời lạnh.

"13. Ánh sáng của cung điện mặt trời chiếu xuống nước của biển cả, thì khi ánh sáng mặt trời chiếu, xúc chạm mà sinh ra lạnh, đó là duyên thứ mười ba để ánh sáng mặt trời lạnh."

Bấy giờ, Phật nói bài tụng:

Do mười ba duyên này.
Mặt trời gọi Thiên quang
Ánh sáng này lạnh trong:
Được nói Mặt trời Phật.

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Cung điện mặt trăng, chất tròn khi đầy khi vơi[33], ánh sáng sút giảm, cho nên nguyệt cung được gọi là Tổn[34]. Mặt trăng có hai nghĩa: một là trụ thường độ, hai gọi là cung điện[35]. Do từ bốn phương xa mà nhìn, thấy là tròn. Lạnh ấm điều hòa, được tạo thành bởi bạc trời và lưu ly. Hai phần là thuần bạc trời ròng không pha tạp, trong suốt trong ngoài, ánh sánh chiếu xa; một phần bằng lưu ly ròng không pha tạp, trong suốt trong ngoài, ánh sáng chiếu xa. Cung điện mặt trăng, rộng bốn mươi chín do-tuần, tường cung điện cùng đất mỏng như tử bách[36]. Tường cung điện có bảy lớp, với bảy lớp lan can, bảy lớp lưới, bảy lớp linh báu, bảy lớp hàng cây, trang sức chung quanh bằng bảy báu... cho đến, vô số các loài chim ríu rít hòa vang.

"Cung điện mặt trăng này được năm thứ gió giữ gìn[37]: một là trì phong, hai là dưỡng phong, ba là thụ phong, bốn là chuyển phong, năm là điều phong. Chánh điện, nơi ngự của Nguyệt thiên tử, làm bằng lưu ly, cao mười sáu do-tuần. Điện có bốn cửa, chung quanh là lan can. Tòa của Nguyệt thiên tử, rộng nửa do-tuần, được làm thành bởi bảy báu, trong sạch và mềm mại, giống như thiên y. Nguyệt thiên tử trên thân phóng ra ánh sáng, chiếu soi điện lưu ly; ánh sáng của điện lưu ly chiếu soi cung điện mặt trăng và ánh sáng cung điện mặt trăng chiếu soi bốn

---

33. Bản Cao-ly: tổn chất 損 質; các bản TNM: viên chất 圓 質.

34. Tổn 損; định nghĩa indu theo ngữ nguyên là ūna?

35. Xem cht. 365.

36. Xem cht. 366.

37. Xem cht. 367.

cõi thiên hạ. Tuổi thọ của Nguyệt thiên tử là năm trăm năm, con cháu thừa kế nhau không hề khác[38]. Cung điện này không bị hủy hoại trong vòng một kiếp. Lúc cung điện mặt trăng di chuyển, Nguyệt thiên tử này không có ý niệm di chuyển, rằng: 'Ta đi. Ta dừng.' Mà chỉ luôn luôn hưởng thụ ngũ dục. Khi cung điện mặt trăng di chuyển, thì có vô số trăm ngàn các Đại Thiên thần, thường ở trước dẫn đường, hoan hỷ không mệt mỏi, ưa thích nhanh nhẹn, vì vậy nên Nguyệt thiên tử được gọi là 'Nhanh nhẹn'[39].

"Thân Nguyệt thiên tử phát ra ngàn tia sáng, năm trăm tia sáng chiếu xuống và năm trăm tia sáng chiếu hai bên. Đó là do công đức của nghiệp đời trước nên có ánh sáng này, thế nên Nguyệt thiên tử còn gọi là Thiên Quang[40]. Thế nào là công đức nghiệp đời trước? Thế gian có một người phát tâm cúng dường Sa-môn, Bà-la-môn, cùng bố thí cho những người đói khát cùng cực, cho họ đồ ăn thức uống, y phục, thuốc thang, voi ngựa, xe cộ, phòng xá, đèn đuốc, tùy thời ban phát, tùy theo nhu cầu, mà không trái ý người và cúng dường cho các vị Hiền thánh trì giới. Do vô số pháp hỷ khác nhau ấy, thiện tâm quang minh. Như vị vua Quán đảnh dòng Sát-ly, khi mới đang vương vị, thiện tâm hoan hỷ, cũng lại như vậy. Vì nhân duyên này, nên thân hoại mạng chung làm Nguyệt thiên tử, cung điện mặt trăng có ngàn tia sáng, cho nên nói là nghiệp lành được ngàn tia sáng.

"Lại nữa, do nghiệp gì được ngàn ánh sáng? Thế gian có người không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không hai lưỡi, không ác khẩu, không nói dối, không thêu dệt, không tham giữ, không sân nhuế, không tà kiến; do những nhân duyên này mà thiện tâm hoan hỷ. Giống như đầu ngã tư đường có hồ tắm lớn trong mát không nhơ, có người đi xa, mệt mỏi nóng khát, vào trong hồ nước này, tắm rửa mát mẻ, hoan hỷ khoái lạc; người thực hành mười điều lành, thiện tâm hoan hỷ, lại cũng như vậy. Người này sau khi thân hoại mạng chung, sẽ làm Nguyệt thiên tử, sống ở cung điện mặt trăng, có ngàn tia sáng. Do nhân duyên này cho nên gọi là ngàn ánh sáng nghiệp lành.

"Lại nữa, do duyên gì được ngàn tia sáng? Thế gian có người không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không lừa dối, không

---

38. Trong bản Hán: dị hệ 異係; các bản TNM: dị kế.

39. Xem cht. 368.

40. Xem cht. 369.

uống rượu, vì những nhân duyên này, thiện tâm hoan hỷ; thân hoại mạng chung, làm Nguyệt thiên tử, sống ở cung điện mặt trăng, có ngàn tia sáng. Do những nhân duyên như vậy nên gọi là ngàn tia sáng nghiệp lành.

"Trong sáu mươi niệm khoảnh[1] gọi là một la-da, ba mươi la-da gọi là ma-hầu-đa, trăm ma-hầu đa gọi là ưu-bà-ma. Nếu cung điện mặt trời mỗi năm có sáu tháng đi về phía Nam, mỗi ngày di chuyển ba mươi dặm, cực Nam không vượt qua khỏi Diêm-phù-đề; thời gian ấy, cung điện mặt trăng nửa năm đi về phía Nam, không vượt qua khỏi Diêm-phù-đề. Nguyệt Bắc hành cũng như vậy.

"Vì duyên gì mà cung điện mặt trăng khuyết giảm mỗi khi một ít? Có ba nhân duyên nên cung điện mặt trăng khuyết giảm mỗi khi một ít: Một, mặt trăng phát xuất từ phương góc, là duyên thứ nhất để mặt trăng tổn giảm. Lại nữa, trong cung điện mặt trăng có các đại thần đều mặc y phục màu xanh, theo thứ tự mà lên, trú xứ cũng trở thành xanh, cho nên mặt trăng bị tổn giảm; đó là duyên thứ hai để mặt trăng mỗi ngày mỗi giảm. Lại nữa, cung điện mặt trời có sáu mươi tia sáng, tia sáng này chiếu vào cung điện mặt trăng, ánh chiếu khiến cho không hiện, do đó nơi có ánh chiếu, nơi ấy của mặt trăng bị tổn giảm; đó là duyên thứ ba để ánh sáng mặt trăng tổn giảm.

"Lại nữa, vì duyên gì mà ánh sáng cung điện mặt trăng đầy dần? Có ba nhân duyên khiến cho ánh sáng mặt trăng đầy dần. Những gì là ba? Một, mặt trăng hướng về phương vị chánh cho nên ánh sáng mặt trăng đầy. Hai, các thần cung điện mặt trăng hết thảy đều mặt y phục màu xanh và Nguyệt thiên tử vào ngày rằm ngồi vào giữa, cùng nhau hưởng lạc, ánh sáng chiếu khắp, lấn át ánh sáng chư Thiên, nên ánh sáng đầy khắp. Giống như bó đuốc lớn được đốt lên trong đám đèn đuốc, sẽ át hẳn ánh sáng các ngọn đèn. Nguyệt thiên tử cũng lại như vậy. Vào ngày rằm, ở giữa chúng chư Thiên, át hẳn tất cả các ánh sáng khác, chỉ có ánh sáng của ông độc chiếu, cũng như vậy. Đó là duyên thứ hai. Ba, Nhật thiên tử tuy đã có sáu mươi tia sáng chiếu soi cung điện mặt trăng, nhưng trong vào ngày rằm, Nguyệt thiên tử cũng có thể dùng ánh sáng chiếu nghịch lại, khiến cho nó không thể che khuất được. Đó là ba nhân duyên cho cung điện mặt trăng tròn đầy mà không bị tổn giảm.

"Lại nữa vì duyên gì mà mặt trăng có bóng đen? Vì cái bóng cây Diêm-phù in vào trong mặt trăng, nên mặt trăng có bóng."

Phật bảo Tỳ-kheo:

---

[1]. Xem các cht. 370-373.

"Tâm hãy như mặt trăng, trong mát không nóng bức, khi đến nhà đàn-việt[2], chuyên niệm không tán loạn.

"Lại vì duyên gì mà có các sông ngòi? Vì mặt trời mặt trăng có độ nóng. Do độ nóng này mà có nung đốt. Do có nung đốt nên có mồ hôi. Do mồ hôi mà thành sông ngòi. Do đó thế gian có sông ngòi.

"Vì nhân duyên gì mà thế gian có năm loại hạt giống? Có cuồng phong dữ từ thế giới chưa bị hủy diệt thổi hạt giống đến sanh ở quốc độ này. Một là hạt từ rễ; hai, hạt từ cọng; ba, hạt từ đốt; bốn, hạt từ ruột rỗng; năm, hạt từ hạt. Đó là năm loại hạt. Vì nhân duyên này mà thế gian có năm loại hạt giống xuất hiện.

"Lúc ở Diêm-phù-đề đang là giữa trưa thì ở Phất-vu-đãi mặt trời lặn. Ở Câu-da-ni mặt trời mọc, ở Uất-đơn-viết là nửa đêm. Câu-da-ni giữa trưa thì ở Diêm-phù-đề mặt trời lặn. Uất-đơn-viết mặt trời mọc, ở Phất-vu-đãi là nửa đêm; ở Uất-đơn-viết giữa trưa thì ở Câu-da-ni mặt trời lặn; ở Phất-vu-đãi mặt trời mọc, thì Diêm-phù-đề là nửa đêm. Nếu ở Phất-vu-đãi là giữa trưa, thì ở Uất-đơn-viết mặt trời lặn; ở Diêm-phù-đề mặt trời mọc, thì ở Câu-da-ni là nửa đêm. Phương Đông của Diêm-phù-đề, thì là phương Tây ở Phất-vu-đãi; phương Tây của Diêm-phù-đề là phương Đông của Câu-da-ni; phương Tây của Câu-da-ni là phương Đông của Uất-đơn-viết; phương Tây của Uất-đơn-viết là phương Đông của Phất-vu-đãi.

"Diêm-phù-đề[3], sở dĩ được gọi là Diêm-phù vì ở dưới có núi vàng cao ba mươi do-tuần, do cây Diêm-phù[4] sanh ra nên được gọi là vàng Diêm-phù[5]. Cây Diêm-phù có trái của nó như tai nấm[6], vị của nó như mật; cây có năm góc[7] lớn, bốn mặt bốn góc, ở trên có một góc. Những

---

2. Đàn-việt 檀越, phiên âm của Skt., Pāli: dāna-pati, Hán dịch: thí chủ 施主.

3. Diêm-phù-đề 閻浮提; Skt.: Jambudvīpa, Pāli: Jambudīpa. Các bản TNM: Diêm-phù-địa 閻浮地.

4. Diêm-phù-thọ 閻浮樹; Skt., Pāli: jambu, tên loại cây lớn ở Ấn Độ, tên khoa học: Eugenia jambolana.

5. Diêm-phù kim, noùi đủ: Diêm-phù-đàn kim 閻浮檀金 (Skt.: Jambonada-suvarna; Pāli: Jambonada-suvaṇṇa), thuù vàng xuaát xuù từ caùt của con sông chảy qua rừng cây Jambu.

6. Tẩm 蕈; TNM: đan 簞.

7. Cô 孤; TNM: 觚.

trái ở bên góc phía Đông của nó được Càn-thát-bà[8] ăn. Trái ở góc phía Nam của nó được người bảy nước ăn. Bảy nước[9] là: một, nước Câu-lâu; hai, Câu-la-ba; ba, Tỳ-đề; bốn, Thiện-tỳ-đề; năm, Mạn-đà; sáu, Bà-la; bảy, Bà-lệ. Trái ở góc phía Tây được hải trùng[10] ăn. Trái ở góc phía Bắc được cầm thú ăn. Trái ở phía góc trên được Tinh tú thiên ăn. Phía Bắc của bảy nước lớn có bảy hòn núi đen lớn[11], một là Lõa thổ, hai là Bạch hạc, ba là Thủ cung, bốn là Tiên sơn, năm là Cao sơn, sáu là Thiền sơn, bảy là Thổ sơn. Trên mặt của bảy núi đen này có bảy vị Tiên nhơn Bà-la-môn. Trú xứ của bảy Tiên nhơn[12] này, một là Thiện đế, hai là Thiện quang, ba là Thủ cung, bốn là Tiên nhơn, năm là Hộ cung, sáu là Già-na-na, bảy là Tăng ích."

Phật bảo Tỳ-kheo[13]:

"Khi kiếp sơ[14], chúng sanh sau khi nếm vị đất, rồi tồn tại một thời gian lâu dài. Những ai ăn nhiều, nhan sắc trở nên thô kệch, khô héo. Những ai ăn ít, nhan sắc tươi sáng, mịn màng. Từ đó về sau mới phân biệt nhan sắc tướng mạo của chúng sanh có hơn có kém và sinh ra thị phi với nhau, nói rằng: 'Ta hơn ngươi; ngươi không bằng ta.' Do tâm của chúng phân biệt kia và ta, ôm lòng cạnh tranh, cho nên vị đất tiêu hết. Sau đó sinh ra một loại da đất[15], hình dáng giống như cái bánh mỏng; màu sắc, hương vị của nó rất là thanh khiết. Bấy giờ chúng sanh tụ tập lại một chỗ, tất cả đều áo não buồn khóc, đấm ngực mà nói: 'Ối chao là tai họa! Vị đất nay bỗng biến mất.' Giống như hiện nay người được đầy ắp vị ngon, bảo là ngon lành, nhưng sau đó lại bị mất đi nên

---

8. Càn-thát-bà 乾闥婆; Pāli: Gandhabba, Skt.: Gandharva.

9. Bảy nươùc: 1. Câu-lâu 拘樓; 2. Câu-la-bà 拘羅婆; 3. Tỳ-đề 毗提; 4. Thiện-tỳ-đề 善毗提; 5. Mạn-đà 漫陀; 6. Bà-la 婆羅; 7. Bà-lê 婆梨.

10. Hải trùng 海蟲, loài sâu biển (?).

11. Bảy Hắc sơn 黑山: 1. Lõa thổ 裸土; 2. Bạch hạc 白鶴; 3. Thủ cung 守宮; 4. Tiên sơn 仙山; 5. Cao sơn 高山; 6. Thiền sơn 禪山; 7. Thổ sơn 土山.

12. Thất tiên nhân trú xứ 七仙人住處: 1. Thiện đế 善帝; 2. Thiện quang 善光; 3. Thủ cung 守宮; 4. Tiên nhân 仙人; 5. Hộ cung 護宮; 6. Già-na-na 伽那那; 7. Tăng ích 增益.

13. Từ đây trở xuống, tham chiếu kinh số 5 "Tiểu Duyên".

14. Kiếp sơ 劫初, thời kỳ nguyên thủy; Pāli: aggañña; Skt.: kalpāgra.

15. Hán: địa bì 地皮; ở trên, kinh số 5 "Tiểu Duyên": địa phì 地肥. Huyeàn Traùng: đòa bì bính 地皮餅; Chân Đế: địa bì càn 地皮乾; Pāli: bhūmipappaṭaka; Skt.: phthivīparpaṭaka. Xem cht.17, kinh số 5 "Tiểu Duyên".

lấy làm buồn lo. Kia cũng như vậy buồn lo hối tiếc. Sau đó, chúng ăn lớp da đất, dần quen cái vị của nó. Những ai ăn nhiều thì nhan sắc trở thành thô kệch khô héo. Những ai ăn ít thì nhan sắc tươi sáng mịn màng. Từ đó mới phân biệt nhan sắc tướng mạo của chúng sanh có xấu có đẹp và sinh chuyện thị phi với nhau, nói rằng: 'Ta hơn ngươi. Ngươi không bằng ta.' Do tâm chúng phân biệt kia và ta, ôm lòng cạnh tranh, nên nấm đất cạn tiêu hết.

"Sau đó lại xuất hiện một loại da ngoài của đất[16], càng lúc càng dày thêm, màu của nó như thiên hoa[17], mềm mại của nó như thiên y, vị của nó như mật. Bấy giờ, các chúng sanh lại lấy nó cùng ăn, sống lâu ngày ở thế gian. Những ai càng ăn nhiều thì nhan sắc càng sút kém. Những ai ăn ít thì nhan sắc tươi sáng mịn màng. Từ đó phân biệt nhan sắc tướng mạo của chúng sanh có xấu có đẹp và do thế mà sinh chuyện thị phi với nhau rằng: 'Ta hơn ngươi. Ngươi không bằng ta.' Vì tâm chúng phân biệt ta và người, sinh lòng cạnh tranh, nên lớp da ngoài của đất tiêu hết.

"Sau đó, lại xuất hiện loại lúa tẻ[18] mọc tự nhiên, không có vỏ trấu[19], không cần phải gia thêm chế biến mà chúng đã đầy đủ các thứ mỹ vị. Bấy giờ, chúng sanh tụ tập nhau lại nói: 'Ối chao là tai họa! Nay màng đất bỗng nhiên biến mất.' Giống như hiện tại người gặp họa gặp nạn thì than rằng: 'Khổ thay!' Bấy giờ chúng sanh áo não, buồn than, cũng lại như vậy.

"Sau đó, chúng sanh cùng nhau lấy lúa tẻ tự nhiên này ăn và thân thể chúng, trở nên thô xấu, có hình dáng nam nữ, nhìn ngắm nhau, sinh ra dục tưởng; họ cùng nhau tìm nơi vắng làm hành vi bất tịnh, các chúng sanh khác thấy than rằng: 'Ôi, việc làm này quấy! Tại sao chúng sanh cùng nhau sinh ra chuyện này?' Người nam làm việc bất tịnh kia, khi bị người khác quở trách, tự hối hận mà nói rằng: 'Tôi đã làm quấy.'Rồi nó gieo mình xuống đất. Người nữ kia thấy người nam này vì hối lỗi mà gieo mình xuống đất, không đứng lên, liền đưa thức

---

16. Hán: địa phu 地膚; Huyền Tráng, Chân Đế: lâm đằng 林藤, dây leo rừng; Pāli: badālatā; Skt.: vanalatā.

17. Thiên hoa 天華.

18. Hán: canh mễ 粳米; Huyền tráng: hương đạo 香稻; Chân Đế: xá-lỵ (lợi) 舍利; Skt.: śāli, Pāli: sāli. Xem cht. 18, kinh số 5 "Tiểu duyên".

19. Haùn: khang khoaùi 糠穊; Pāli: kaṇa-thusa.

ăn đến. Chúng sanh khác thấy vậy, hỏi người nữ rằng: 'Ngươi đem thức ăn này để cho ai?' Đáp: 'Chúng sanh hối lỗi kia đọa lạc[20] thành kẻ làm điều bất thiện, tôi đưa thức ăn cho nó.' Nhân lời nói này, nên thế gian liền có danh từ 'người chồng bất thiện'[21] và vì việc đưa cơm cho chồng nên được gọi là vợ[22].

"Sau đó, chúng sanh bèn làm chuyện dâm dật, pháp bất thiện tăng. Để tự che giấu, chúng tạo ra nhà cửa. Do vì nhân duyên này, bắt đầu có danh từ 'nhà'[23].

"Sau đó, sự dâm dật của chúng sanh càng ngày càng tăng, nhân đây đã trở thành chồng vợ. Có các chúng sanh khác, khi tuổi thọ hết, hành hết, phước hết, từ cõi trời Quang âm sau khi mạng chung lại sinh vào thế gian này, ở trong thai mẹ, nhân đây thế gian có danh từ 'mang thai'[24].

"Bấy giờ, trước tiên tạo thành Chiêm-bà, kế đến tạo thành Già-thi, Ba-la-nại và tiếp theo là thành Vương xá[25]. Lúc mặt trời mọc thì bắt đầu kiến tạo, tức thì lúc mặt trời mọc hoàn thành[26]. Do nhân duyên này nên thế gian liền có tên thành, quách, quận, ấp, là chỗ nhà vua cai trị.

"Bấy giờ, khi chúng sanh bắt đầu ăn lúa tẻ mọc tự nhiên, sáng sớm gặt thì chiều tối lại chín, chiều tối gặt thì sáng sớm lại chín. Sau khi được gặt, lúa sinh trở lại, hoàn toàn không có thân cuống lúa.

"Rồi thì, có chúng sanh thầm nghĩ rằng: 'Sao ta mỗi ngày mỗi gặt chi cho mệt nhọc? Nay hãy gom lấy đủ cho nhiều ngày.' Nó bèn gặt gộp lại, chứa số lương đủ cho nhiều ngày. Người khác sau đó gọi nó: 'Nay chúng ta hãy cùng đi lấy lúa.' Người này bèn trả lời: 'Tôi đã chứa đủ sẵn rồi, không cần lấy thêm nữa. Anh muốn lấy, cứ tùy ý đi lấy một

---

20. Hán: đọa 墮; Pāli: patti, nghĩa đen: té, đọa lạc; chuyển thành nghĩa: tội lỗi.

21. Hán: phu chủ bất thiện 夫主不善. Định nghĩa danh từ chồng (Hán: phu chủ); Pāli: pati (người chồng), coi như đồng âm với patti, do gốc động từ PAD: rơi, té, đọa lạc.

22. Nguồn gốc của danh từ vợ; bhariyā (vợ), do động từ bharati: mang cho.

23. Nguồn gốc của từ Pāli: gaha (nhà), do gūhati: che dấu.

24. Hán: xử thai 處胎; Pāli: gabba.

25. Caùc thành: Chiêm-bà 瞻婆; Pāli: Campā; Già-thi 伽尸; Pāli: Kāsi; Bà-la-nại 婆羅奈; Pāli: Bārāòasì; Vương xá 王舍; Pāli: Rājagaha.

26. Có lẽ xác định ngữ nguyên của nagara, thành trì hay đô thị, là do Naga: mặt trời.

mình.' Người kia bèn nghĩ thầm: 'Gã này có thể lấy đủ lương cho hai ngày, sao ta không thể lấy đủ cho ba ngày?' Người ấy bèn chứa dư ba ngày lương. Lại có những người khác gọi nó: 'Hãy cùng đi lấy lương.' Nó liền đáp: 'Ta đã lấy dư ba ngày lương rồi. Các người muốn lấy, tùy ý đi mà lấy.' Các người kia bèn nghĩ: 'Người kia có thể lấy ba ngày lương, sao ta không thể lấy năm ngày lương?' Rồi chúng lấy năm ngày lương. Bấy giờ, chúng sanh tranh nhau cất chứa lương dư, nên lúa tẻ ấy bèn sanh ra vỏ trấu; sau khi được gặt, không mọc trở lại nữa; chỉ còn trơ cọng khô mà thôi.

"Bấy giờ chúng sanh tụ tập lại một chỗ, áo não buồn khóc, đấm ngực than: 'Ôi, đây là một tai họa!' và tự thương trách rằng: 'Chúng ta vốn đều do biến hóa mà sinh, ăn bằng niệm, tự thân phát ánh sáng, có thần túc bay trên không, an vui không ngại. Sau đó vị đất bắt đầu sinh ra, sắc vị đầy đủ. Khi ấy chúng ta nếm thử vị đất này, rồi tồn tại lâu trong đời này. Những ai ăn nhiều thì nhan sắc trở thành thô xấu. Những ai ăn nó ít thì nhan sắc tươi sáng, mịn màng; từ đó tâm chúng sanh có phân biệt ta và người, sinh tâm kiêu mạn, bảo rằng: 'Sắc ta hơn. Sắc ngươi không bằng.' Do kiêu mạn, tranh nhau sắc, nên vị đất tiêu diệt. Lại sanh ra lớp da đất, có đầy đủ sắc hương vị. Chúng ta lúc ấy cùng thu lấy để ăn, tồn tại lâu dài ở thế gian. Những ai ăn nhiều thì da sắc trở thành thô xấu. Những ai ăn ít đi thì da sắc tươi sáng mịn màng, từ đó có phân biệt ta và người, sinh tâm kiêu mạn bảo rằng: 'Sắc ta hơn, sắc ngươi không bằng.' Vì tranh nhau về sắc mà kiêu mạn nên lớp da đất biến mất và xuất hiện lớp da ngoài của đất, càng lúc càng dày lên, đủ cả sắc, hương, mùi vị. Chúng ta khi ấy lại cùng nhau thu lấy ăn, tồn tại dài ở thế gian. Những ai ăn nhiều thì sắc da trở thành thô xấu. Những ai ăn ít thì sắc da tươi sáng mịn màng, từ đó có phân biệt ta và người, sinh tâm kiêu mạn bảo rằng: 'Sắc ta hơn, sắc ngươi không bằng.' Vì sắc tranh nhau mà kiêu mạn, nên lớp da ngoài của đất biến mất, để rồi sinh ra loại lúa tẻ mọc tự nhiên, đầy đủ sắc, hương, vị. Chúng ta lúc ấy lại cùng nhau thu lấy ăn, sớm mai thu hoạch buổi chiều lại chín, buổi chiều thu hoạch sáng mai lại chín, vì thu hoạch xong thì sinh trở lại nên không cần phải gom thu. Nhưng vì chúng ta lúc này tranh nhau tích lũy, nên lúa này sinh ra vỏ trấu và sau khi thu gặt xong không sinh trở lại nữa, mà hiện tại chỉ còn có rễ và thân mà thôi. Nay chúng ta hãy cùng nhau phân phối ruộng nhà, phân chia bờ cõi.'

"Rồi chúng phân chia ruộng đất, vạch bờ cõi khác nhau, phân biệt của người và của ta. Sau đó mọi người tự cất giấu lúa thóc của mình,

trộm lấy lúa ruộng người khác. Các chúng sanh khác trông thấy, nên nói: 'Việc ngươi làm là quấy! Việc ngươi làm là quấy! Tại sao cất giấu vật của chính mình, mà đi trộm tài vật của người?' Liền quở trách rằng: 'Từ nay về sau không được tái phạm việc trộm cắp nữa!' Nhưng những việc trộm cắp như vậy vẫn tái phạm không dứt, mọi người lại phải quở trách: 'Việc ngươi làm sai quấy! Tại sao không chịu bỏ?' Bèn lấy tay mà đánh, lôi đến giữa đám đông, báo cáo cùng mọi người rằng: 'Người này tự cất giấu thóc lúa, đi trộm lúa ruộng của người.' Người ăn trộm nói lại: 'Người kia đã đánh tôi.' Mọi người nghe xong, ấm ức rơi lệ, đấm ngực nói rằng: 'Thế gian trở nên xấu ác, nên đã sinh ra pháp ác này chăng?' Nhân đấy mà sinh ra ưu kết nhiệt não khổ báo; rằng: 'Đây là cội nguồn của của sinh, già, bệnh, chết; là nguyên nhân rơi vào đường ác. Do có ruộng nhà, bờ cõi riêng khác, nên sinh ra tranh giành kiện tụng, đưa đến oán thù, không ai có thể giải quyết. Nay chúng ta hãy lập lên một người chủ bình đẳng[27], để khéo léo giữ gìn nhơn dân, thưởng thiện phạt ác. Mọi người trong chúng ta đều cùng nhau giảm bớt phần của mình để cung cấp cho người chủ này.'

"Lúc đó, trong chúng có một người hình thể vạm vỡ, dung mạo đoan chánh, rất có oai đức. Mọi người bảo rằng: 'Nay, chúng tôi muốn tôn bạn lên làm chủ, để khéo léo giữ gìn nhơn dân, thưởng thiện phạt ác. Chúng tôi sẽ giảm bớt phần của mình mà cung cấp.' Người này nghe xong, liền nhận làm chủ. Ai đáng thưởng thì thưởng; ai đáng phạt thì phạt. Từ đây mới bắt đầu có danh từ dân chủ[28]. Dân chủ ban đầu có con tên là Trân Bảo[29]; Trân Bảo có con tên là Hảo Vị; Hảo Vị có con tên là Tĩnh Trai; Tĩnh Trai có con tên là Đảnh Sanh; Đảnh Sanh có con tên là Thiện Hành; Thiện Hành có con tên là Trạch Hành; Trạch Hành có con tên là Diệu Vị; Diệu Vị có con tên là Vị

---

27. Bình đẳng chủ 平等主, xem kinh số 5 "Tiểu Duyên" cht.20.

28. Xem kinh số 5 "Tiểu Duyên": bắt đầu có danh từ vương 王; Pāli: rāja.

29. Phả hệ dòng vua đầu tiên: Dân Chủ 民主, Trân Bảo 珍寶, Hảo Vị 好味, Tĩnh Trai 靜齋, Đảnh Sanh 頂生, Thiện Hành 善行, Trạch Hành 宅行. Diệu Vị 妙味, Vị Đế 味帝, Thủy Tiên 水仙, Bách Trí 百智, Thị Dục 嗜欲, Thiện Dục 善欲, Đoạn Kết 斷結, Đại Đoạn Kết 大斷結, Bảo Tạng 寶藏, Đại Bảo Tạng 大寶藏, Thiện Kiến 善見, Đại Thiện Kiến 大善見, Vô Ưu 無憂, Châu Chử 洲渚, Thực Sanh 殖生, Nhạc Sơn 岳山, Thần Thiên 神天, Khiển Lực 遣力, Lao Xa 牢車, Thập Xa 十車, Bách Xa 百車, Lao Cung 牢弓, Bách Cung 百弓, Dưỡng Mục 養牧, Thiện Tư 善思.

Đế; Vị Đế có con tên là Thủy Tiên; Thủy Tiên có con tên là Bách Trí; Bách Trí có con tên là Thị Dục; Thị Dục có con tên là Thiện Dục; Thiện Dục có con tên là Đoạn Kết; Đoạn Kết có con tên là Đại Đoạn Kết; Đại Đoạn Kết có con tên là Bảo Tạng; Bảo Tạng có con tên là Đại Bảo Tạng; Đại Bảo Tạng có con tên là Thiện Kiến; Thiện Kiến có con tên là Đại Thiện Kiến; Đại Thiện Kiến có con tên là Vô Ưu; Vô Ưu có con tên là Châu Chử; Châu Chử có con tên là Thực Sanh; Thực Sanh có con tên là Sơn Nhạc; Sơn Nhạc có con tên là Thần Thiên; Thần Thiên có con tên là Khiển Lực; Khiển Lực có con tên là Lao Xa; Lao Xa có con tên là Thập Xa; Thập Xa có con tên là Bách Xa; Bách Xa có con tên là Lao Cung; Lao Cung có con tên là Bách Cung; Bách Cung có con tên là Dưỡng Mục; Dưỡng Mục có con tên là Thiện Tư.

"Từ Thiện Tư trở về sau có mười họ, Chuyển luân thánh vương nối tiếp nhau không dứt: Một tên là Già-nậu-thô, hai tên là Đa-la-bà, ba tên là A-diệp-ma, bốn tên là Trì-thí, năm tên là Già-lăng-già, sáu tên là Chiêm-bà, bảy tên là Câu-la-bà, tám tên là Bác-đồ-la, chín tên là Di-tư-la, mười tên là Thanh Ma.

"Giòng Vua Già-nậu-thô có năm vị Chuyển luân thánh vương. Giòng vua Đa-la-bà có năm vị Chuyển luân thánh vương. Giòng vua A-diếp-ma có bảy vị Chuyển luân thánh vương. Giòng vua Trì-thí có bảy vị vua Chuyển luân thánh vương. Giòng vua Già-lăng-già có chín vị vua Chuyển luân thánh vương. Giòng vua Chiêm-bà có mười bốn vị Chuyển luân thánh vương. Giòng vua Câu-la-bà có ba mươi mốt vị Chuyển luân thánh vương. Giòng vua Bát-xà-la có ba mươi hai vị Chuyển luân thánh vương. Giòng vua Di-tư-la có tám vạn bốn ngàn vị Chuyển luân thánh vương. Giòng vua Thanh Ma có một trăm lẻ một vị Chuyển luân thánh vương. Và vị vua cuối cùng có tên là Đại Thiện Sanh Tùng.

"Vua Thanh Ma[30] của giòng thứ mười có vương tử tên là Ô-la-bà. Vua Ô-la-bà có vương tử tên là Cừ-la-bà. Vua Cừ-la-bà có vương tử tên là Ni-cầu-la. Vua Ni-cầu-la có vương tử tên là Sư Tử Giáp. Vua Sư tử Giáp có vương tử tên là Bạch Tịnh vương[31]. Vua Bạch Tịnh vương có

30. Thanh Ma vương, xem kinh số 20: "A-ma-trú".

31. Bạch Tịnh vương 白淨王, hoặc dịch là Tịnh Phạn vương 淨飯王; Pāli: Sudhodana, vua nước Ca-tỳ-la-vệ (Pāli: Kapilavatthu), phụ vương của Đức Thích Tôn.

vương tử tên là Bồ-tát[32]. Bồ-tát có con tên là La-hầu-la. Do bản duyên này mà có tên gọi Sát-lỵ[33].

"Bấy giờ, có một chúng sanh suy nghĩ như vầy: 'Tất cả mọi sở hữu như gia đình, quyến thuộc, muôn vật ở thế gian đều là gai nhọn, ung nhọt, nay nên lìa bỏ, vào núi hành đạo, ở nơi vắng vẻ mà tư duy.' Rồi thì, người liền lìa bỏ gai nhọn là gia đình, vào núi, ở nơi vắng vẻ, ngồi dưới gốc cây mà tư duy, hằng ngày ra khỏi núi, vào thôn xóm mà khất thực. Mọi người trong thôn thấy vậy, càng cung kính cúng dường. Mọi người đều cùng khen ngợi rằng: 'Người này có thể lìa bỏ hệ lụy của gia đình để vào núi tìm đạo.' Vì người này có thể xa lìa được pháp ác bất thiện, nên nhân đó mà gọi là Bà-la-môn[34].

"Trong chúng Bà-la-môn có người không hành Thiền được, nên ra khỏi rừng núi, du hành trong nhân gian và tự nói: 'Ta không thể tọa thiền.' Nhân đó gọi là Vô Thiền Bà-la-môn[35]. Rồi đi qua các thôn xóm, nó làm pháp bất thiện, thi hành pháp độc, nhân đó tương sinh, nên được gọi đó là độc[36]. Do nhân duyên này mà có chủng tánh Bà-la-môn ở thế gian.

"Trong chúng sanh kia, chúng học tập các thứ nghề để tự mưu sống, nhân đây nên có chủng tánh Cư sĩ ở thế gian.

"Trong chúng sanh kia, chúng học tập các kỹ nghệ để tự nuôi sống, nhân đây mới có chủng tánh Thủ-đà-la ở thế gian.

"Trước đó trong thế gian đã có giòng họ Thích này xuất hiện rồi, sau đó mới có giòng Sa-môn. Trong giòng Sát-lỵ có người tự tư duy: 'Thế gian ân ái là ô uế, bất tịnh, đáng gì mà tham đắm?' Rồi người ấy lìa bỏ gia đình, cạo bỏ râu tóc, mặc pháp phục mà cầu đạo và nói: 'Ta là Sa-môn! Ta là Sa-môn!'

"Trong chủng tánh Bà-la-môn, chủng tánh Cư sĩ, chủng tánh Thủ-đà-la, có người suy nghĩ: 'Thế gian ân ái là ô uế, bất tịnh, đáng gì mà tham đắm?' Rồi người ấy lìa bỏ gia đình, cạo bỏ râu tóc, mặc pháp phục mà cầu đạo và nói: 'Ta là Sa-môn! Ta là Sa-môn!

---

32. Chỉ Đức Thích Tôn.

33. Ngữ nguyên của từ Sát-lỵ, xem cht.22, kinh số 5 "Tiểu Duyên".

34. Ngữ nguyên của từ Bà-la-môn, xem cht.23 kinh số 5 "Tiểu Duyên".

35. Vô thiền Bà-la-môn 無禪婆羅門, kinh Tiểu Duyên: Bất thiền Bà-la-môn; xem cht.24, kinh số 5 "Tiểu Duyên".

36. Hán: độc 毒.

"Nếu trong chúng Sát-lỵ, có người thân hành bất thiện, khẩu hành bất thiện, ý hành bất thiện; sau khi hành bất thiện rồi, thân hoại mạng chung nhất định sẽ phải thọ khổ. Hoặc có Bà-la-môn, Cư sĩ, Thủ-đà-la thân hành bất thiện, khẩu hành bất thiện, ý hành bất thiện; sau khi hành bất thiện rồi, thân hoại mạng chung nhất định sẽ phải thọ khổ.

"Chủng tánh Sát-lỵ thân hành thiện, khẩu hành thiện, ý hành thiện, khi thân hoại mạng chung nhất định sẽ thọ lạc. Bà-la-môn, Cư sĩ, Thủ-đà-la thân hành thiện, khẩu hành thiện, ý hành thiện, khi thân hoại mạng chung nhất định sẽ được thọ lạc.

"Thân của người Sát-lỵ thân có hai loại hành, miệng và ý cũng có hai loại hành. Sau khi thân, miệng và ý đã hành hai loại ấy rồi, thân hoại mạng chung nhất định sẽ thọ báo hoặc khổ hoặc lạc. Bà-la-môn, Cư sĩ, Thủ-đà-la, thân, miệng, ý có hai loại hành. Sau khi thân, miệng và ý đã hành hai loại này rồi, thân hoại mạng chung chắc chắn sẽ thọ báo hoặc khổ hoặc vui.

"Trong chúng Sát-lỵ, như có người cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia cầu đạo. Vị ấy tu tập bảy giác ý. Với tín tâm kiên cố vị ấy xuất gia hành đạo, tu phạm hạnh vô thượng, ngay trong đời này, tự thân tác chứng: 'Sự sanh của ta đã dứt, phạm hạnh đã vững, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.'

"Ở trong chúng Bà-la-môn, Cư sĩ, Thủ-đà-la, có người cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia cầu đạo. Vị ấy tu tập bảy giác ý. Vị ấy do lòng tin kiên cố mà xuất gia hành đạo, tu phạm hạnh vô thượng, ở ngay trong đời này mà tự thân tác chứng: 'Sự sanh của ta đã dứt, phạm hạnh đã vững, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.'

"Trong bốn chủng tánh này, đều có thể thành tựu Minh và Hành, chứng đắc A-la-hán, là đệ nhất tối thượng."

Bấy giờ, Phạm thiên liền nói kệ:

Thọ sanh, Sát-lỵ nhất,
Hay tập các chủng tánh.
Minh Hạnh thành đầy đủ,
Là nhất trong Trời, Người."

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Phạm thiên kia nói bài kệ này rất hay, chứ không phải không

hay; là khéo lãnh thọ, chứ không phải không khéo lãnh thọ, được Ta ấn chứng. Vì sao? Vì Ta nay, là Như Lai, Chí Chân, là Đẳng Chánh Giác, cũng nói như bài kệ này:

"Sát-lỵ sanh là nhất,
Hay tập các chủng tánh,
Minh Hạnh thành đầy đủ,
Là nhất trong trời, người."

Bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ thực hành.

Trường A-hàm hoàn tất.
Quy mạng Nhất thiết trí.
Tất cả chúng an vui.
Chúng sanh trú vô vi,
Tôi cũng ở trong đó.

❑

SỐ 2

KINH THẤT PHẬT[1]

Hán dịch: Tống Pháp Thiên

Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng cây Kỳ-đà, vườn Cấp cô độc[2].

Bấy giờ, có chúng Đại Bí-sô[3] khi ôm bát ăn[4], đến đạo tràng Ca-lý-lê, cùng nhau ngồi suy nghĩ[5]:

"Trong thời quá khứ có Đức Phật nào xuất hiện? Dòng họ, danh hiệu, tuổi thọ ngắn dài của các vị ấy như thế nào?"

Sau khi suy nghĩ như vậy, họ hỏi nhau nhưng vẫn không thể biết được.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn biết các Bí-sô này suy nghĩ sự việc ấy. Ngài rời chỗ ngồi, đến đạo tràng Ca-lý-lê, ngồi kiết già.

Các Bí-sô cúi đầu lạy sát chân Phật, rồi đứng qua một bên, chắp tay cung kính, nhất tâm chiêm ngưỡng Phật.

Thế Tôn hỏi:

"Này các Bí-sô! Các Thầy đang nghĩ về chuyện gì?"

---

1. Bản hán: *Phật Thuyết Thất Phật kinh*, Tống Pháp Thiên dịch (Đại I, No.2, tr.150a-154b). Tham chiếu: *Phật Thuyết Trường A-hàm kinh*, Hậu Tần Hoằng Thỉ Phật-đà-da-xá cọng Trúc Phật Niệm dịch, "Đệ nhất phẩm sơ Đại Bản kinh Đệ nhất", Đại I, No.1(1), tr.1b-10c.

2. No.2: *Kỳ thọ Cấp cô độc viên* 祇樹級孤獨圓: rừng cây Kỳ-đà vườn Cấp Cô Độc; No.1(1): Kỳ thọ hoa lâm khốt, dữ Đại Tỳ-kheo chúng thiên nhị bách ngũ thập nhân câu 祇樹華林窟, 與大比丘眾千二百五十人俱: động Hoa lâm vườn cây Kỳ-đà, cùng với chúng Đại Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi.

3. **Bi-soa 苾芻, No.1(1): Tỳ-kheo hay Tyu-khưu 比丘.**

4. Nguyên văn: trì bát thực thời 持鉢食時, khi ôm baùt aên; chính xác: "sau khi ăn xong". Xem "*kinh Đại Bản*", cht.3.

5. No.2: *nghệ Ca-lý-lê đạo tràng cọng tọa tư duy* 詣迦里梨道場, 共坐思惟, "đến đạo tràng Ca-lý-lê, cùng nhau ngồi suy nghĩ"; No.1(1): ư khất thực thời tập Hoa lâm đường các cọng nghị ngôn 於乞食時集華林堂各共議言 "(Sau) khi khaát thực, tụ tập ở Hoa lâm đường, cùng nhau bàn luận raèng:"

Bí-sô thưa:

"Chúng con suy nghĩ: Trong thời quá khứ có vị Phật nào ra đời, với dòng họ, danh hiệu, tuổi thọ ngắn dài như thế nào, nhưng không ai biết được."

Phật hỏi các Bí sô:

"Các Thầy muốn biết không?"

Các Bí sô thưa:

"Nay đã đúng lúc, ngưỡng mong Thế Tôn dạy cho chúng con."

Phật dạy:

"Các Thầy lắng nghe! Ta sẽ nói về việc đó.

"Thời quá khứ, cách đây chín mươi mốt kiếp có Phật Tỳ-bà-thi, là Bậc Ứng Cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác xuất hiện ở thế gian.

"Cách đây ba mươi mốt kiếp, có Phật Thi-khí, Phật Tỳ-xá-phù[6], là Bậc Ứng Cúng, Chánh Đẳng Giác xuất hiện ở thế gian.

"Vào kiếp thứ sáu trong hiền kiếp có Phật Câu-lưu-tôn, là Bậc Ứng Cúng, Chánh Đẳng Giác xuất hiện ở thế gian.

"Vào kiếp thứ bảy, có Phật Câu-na-hàm Mâu-ni, là Bậc Ứng Cúng, Chánh Đẳng Giác xuất hiện ở thế gian.

"Vào kiếp thứ tám, có Phật Ca-diếp-ba[7], là Bậc Ứng Cúng, Chánh Đẳng Giác xuất hiện trong thế gian.

"Vào kiếp thứ chín, Ta là Phật Thích-ca Mâu-ni, xuất hiện ở thế gian, là Bậc Ứng Cúng, Chánh Đẳng Giác.

"Trong kiếp quá khứ, Phật Tỳ-bà-thi, Phật Thi-khí, Phật Tỳ-xá-phù giảng dạy Thi-la[8], là giới luật thanh tịnh và công hạnh để thành tựu trí tuệ tối thượng.

"Trong hiền kiếp, Phật Câu-lưu-tôn, Phật Câu-na-hàm Mâu-ni, Phật Ca-diếp-ba, cũng giảng dạy luật nghi thanh tịnh và pháp thiền định giải thoát. Pháp của Ta giảng dạy cũng như vậy.

"Này các Bí-sô! Phật Tỳ-bà-thi, thời quá khứ, thuộc giòng Sát-đế-lỵ, phát tâm tịnh tín, mà xuất gia, thành đạo Chánh giác. Phật Thi-khí, Phật Tỳ-xá-phù cũng thuộc giòng Sát-đế-lỵ. Phật Câu-lưu-tôn, Phật Câu-na-hàm Mâu-ni, Phật Ca-diếp thuộc giòng Bà-la-môn. Ta sinh

---

6. Tỳ-xá-phù 毘舍浮; No.1(1): Tỳ-xá-bà 毘舍婆.
7. Ca-diếp-ba 迦葉波; No.1(1): Ca-diếp 迦葉.
8. Thi-la 尸羅, phiên âm Skt.: Śīla, hay Pāli: Sīla.

trong cung vua Tịnh Phạn, dòng Sát-đế-ly."

Bấy giờ, để trùng tuyên ý nghĩa này, Thế Tôn bèn nói bài kệ:

Ta nói đời quá khứ,
Vào kiếp chín mươi mốt;
Có Phật Tỳ-bà-thi,
Xuất hiện trong thế gian.
Trong kiếp ba mươi mốt,
Thi-khí, Tỳ-xá-phù;
Bậc Chánh Đẳng Giác ấy,
Thuộc giòng Sát-đế-ly.
Như Lai Câu-lưu-tôn,
Câu-na-hàm, Ca-diếp;
Cả ba Thế Tôn này,
Đều thuộc Bà-la-môn.
Ta ở cõi Diêm-phù,
Con đức vua Tịnh Phạn;
Tu giác ngộ thành Phật,
Thuộc giòng Sát-đế-ly.

Thế Tôn nói kệ xong, bảo các Bí-sô:

"Các Thầy hãy lắng nghe: Ta lại nói về tộc họ của bảy Phật, Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Giác. Phật Tỳ-bà-thi, Phật Thi-khí, Phật Tỳ-xá-phù, thuộc họ Kiều-trần[9]. Phật Câu-lưu-tôn, Phật Câu-na-hàm Mâu-ni, Phật Ca-diếp-ba, thuộc họ Ca-diếp. Thích-ca Như Lai thuộc họ Cù-đàm."

Thế Tôn lặp lại bằng kệ:

Như Lai Tỳ-bà-thi,
Thi-khí, Tỳ-xá-phù;
Cả ba vị Phật này,
Đều mang họ Kiều-trần.
Như Lai Câu-lưu-tôn,
Câu-na-hàm, Ca-diếp;
Cả ba vị Phật này,
Đều mang họ Ca-diếp.
Ta ở cõi Diêm-phù,
Sinh trong cung Tịnh Phạn;

9. Kiều-trần 憍陳, No.1(1): Câu-ly-nhã 拘利若.

Nên mang họ Cù-đàm,
Xuất gia chứng Bồ-đề.

Thế Tôn nói kệ xong, bảo chúng Bí-sô:

"Các Thầy lắng nghe! Ta nói về tuổi thọ dài ngắn của bảy Phật Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Giác.

"Phật Tỳ-bà-thi, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Giác xuất hiện trong thế gian, sống tám vạn tuổi. Phật Thi-khí, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Giác, xuất hiện trong thế gian, sống bảy vạn tuổi. Phật Tỳ-xá-phù, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Giác xuất hiện trong thế gian, sống sáu vạn tuổi. Phật Câu-lưu-tôn, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Giác, xuất hiện trong thế gian, sống bốn vạn tuổi. Phật Câu-na-hàm Mâu-ni, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Giác, xuất hiện trong thế gian, sống ba vạn tuổi. Phật Ca-diếp-ba, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Giác xuất hiện trong thế gian, sống hai vạn tuổi. Ta hóa độ chúng sanh trong đời năm trược, sống một trăm tuổi."

Thế Tôn lặp lại bằng kệ:

Như Lai Tỳ-bà-thi,
Thi-khí, Tỳ-xá-phù;
Đức Phật Câu-lưu-tôn,
Câu-na-hàm, Ca-diếp.
Chư Phật khi ra đời,
Đều theo tuổi thọ người;
Tám vạn rồi bảy vạn,
Sáu vạn xuống bốn vạn.
Ba vạn đến hai vạn,
Phật Thích-ca cũng vậy;
Xuất hiện, đời năm trược,
Loài người thọ trăm tuổi.

Thế Tôn nói kệ xong, bảo các Bí-sô:

"Các Thầy lắng nghe! Nay Ta nói về tên, danh hiệu cha mẹ, quốc gia, thành phố của bảy vị Phật Như Lai."

"Phụ vương của Phật Tỳ-bà-thi tên là Mãn-độ-ma[10], mẹ tên Mãn-độ-ma, kinh thành cũng tên Mãn-độ-ma.

[10]. Tên cha, mẹ, thành phố cùng là tên Mãn-độ-ma 滿度摩; No.1(1) Bàn-đầu 盤頭.

"Phụ vương Thi-khí Như Lai tên A-lỗ-noa[11], mẹ cũng tên A-lỗ-noa; kinh thành tên A-lỗ-phược-đế [12].

"Phụ vương Tỳ-xá-phù Như Lai tên Tô-bát-la-để-đô, mẹ tên Bát-la-bà-phược-để, kinh thành tên A-nỗ-bát-ma[13].

"Cha của Phật Câu-lưu-tôn tên Dã-nghê-dã-na-đa, hiệu Sát-mô-sát-ma, mẹ tên Vĩ-xá-khư, kinh thành tên Sát-ma[14].

"Cha của Phật Câu-na-hàm Mâu-ni tên Dã-nghê-dã-na-đỗ, mẹ tên Ô-đa-la; vua hiệu Thâu-bộ, kinh thành tên Thâu-bà-phược-đế [15].

"Cha của Ca-diếp Như Lai tên Tô-một-ra-hạ-ma, mẹ tên Một-ra-hạ-ma-ngu-bát-đa; vua hiệu Ngật-lý-kế, kinh thành tên Ba-la-nại[16].

"Nay, Ta Bậc Ứng Cúng, Chánh Đẳng Giác, phụ vương ta tên Tịnh Phạn, mẹ tên Ma-ha Ma-da; kinh thành tên Ca-tỳ-la."

Thế Tôn lặp lại bằng kệ:

Bản sinh của chư Phật,
Tỳ-bà-thi Như Lai;
Cha tên Mãn-độ-ma,
Mẹ Mãn-độ-ma-đế.
Kinh đô thành quách lớn,

---

11. Tên cha A-lỗ-noa 阿嚕拏; No.1(1) Minh Tướng 明相, hay 將曉 (阿盧那 A-lô-na).

12. Tên mẹ và kinh thành lúc đó là A-lỗ-phược-đế 阿嚕縛帝 hay A-lỗ-noa-phược-đế 阿嚕拏縛帝; No.2: mẹ là Quang Diệu 光耀, thành Quang tướng 光相.

13. Tô-bát-la-để-đô 穌鉢囉底都, Bát-la-bà-phược-để 鉢囉婆縛底, A-nỗ-bát-ma 阿努鉢麼; No.1(1): Thiện Đăng 善燈; Xứng Giới 稱戒; Vô dụ 無喻.

14. Cha tên Dã-nghê-dã-na-đa 野倪也那多, mẹ tên Vĩ-xá-khư 尾舍佉, vua vào lúc đó hiệu Sát-mô-sát-ma 殺謨殺摩, thành Sát-ma 殺摩; No.1(1): cha tên Tự Đắc 祀得; mẹ tên Thiện Chi 善枝, hiệu An hòa 安和; thành An hòa 安和城.

15. Cha tên Dã-nghê-dã-na-đổ 野倪也那睹, tên mẹ Ô-đa-la 烏多囉, vua thời đó hiệu Thâu-bộ 輸部, thành Thâu-bà-phược-đế 輸婆縛帝; No.1(1): Cha tên Đại Đức 大德, mẹ Thiện Thắng 善勝; vua thời đó hiệu Thanh Tịnh 清淨, đô thành tên là Thanh tịnh 清淨城.

16. Cha tên Tô-một-ra-hạ-ma 穌沒囉賀摩, mẹ Một-ra-hạ-ma-ngu-bát-đa 沒囉賀摩虞鉢多, vua thời đó hiệu Ngật-lý-kế 訖里計, thành Ba-la-nại 波羅奈; No.1(1): cha tên Phạm Đức 梵德, mẹ Tài Chủ 財主; vua thời đó là Cấp-tỳ 汲毗; thành Ba-la-nại 波羅奈 như No.2.

Cũng tên Mãn-độ-ma;
Lúc đó nước ấy giàu,
Nhân dân sống an lạc.
Phật Thi-khí Thế Tôn,
Phụ vương A-lỗ-noa;
A-lỗ-noa-phược-đế,
Là tên của mẹ Phật.
Thành Ngài ở cùng tên,
A-lô-na-phược-đế;
Nhân dân sống phồn thịnh,
Giàu có thường an ổn.
Tỳ-xá-phù Như Lai,
Phụ vương và mẹ tên;
Tô-bát-ra-đế-đô,
Bát-la-bà-phược-đế.
Kinh thành của nước ấy,
Tên A-nỗ-ba-ma.
Thời đó sống an ổn,
Không có các tai hại.
Thế Tôn Câu-lưu-tôn,
Tên thân phụ của Ngài;
Dã-nghê-dã-na-đa,
Mẹ tên Vĩ-xá-khư.
Vua Sát-mô-sát-ma;
Kinh thành tên Sát-ma;
Nhân dân sống thời ấy,
Tôn trọng điều hiền thiện.
Câu-na-hàm Mâu-ni,
Dã-nghê-dã-na-đổ,
Là tên cha của Ngài;
Mẹ tên Ô-đa-la.
Quốc vương hiệu Thâu-bộ,
Thành Thâu-bà-phược-đế;
Cao rộng thật tráng lệ;
Chúng sanh không cực nhọc.
Cha Phật Ca-diếp-ba,
Tô-một-ra-hạ-ma;

Mẹ tên gọi Một-ra,
Hạ-ma-ngu-bát-đa.
Quốc vương Ngật-lý-kế,
Thành đô Ba-la-nại;
Chúng sanh trong thành ấy,
Ngày đêm sống an ổn.
Nay chỗ sinh của Ta,
Phụ vương hiệu Tịnh Phạn;
Mẹ Ma-ha Ma-da,
Thành tên Ca-tỳ-la.
Như trên phân biệt rõ,
Tên cha mẹ, nước, thành;
Của bảy Phật Như Lai,
Chánh Đẳng Giác như vậy.

Thế Tôn nói kệ xong, bảo các Bí-sô:

"Các Thầy lắng nghe! Ta nói về đệ tử Thanh văn của bảy vị Phật Như Lai. Đệ tử đại trí của Tỳ-bà-thi Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Giác, tên Khiếm-noa-để-tả[17], là bậc đệ nhất trong chúng Thanh văn.

"Đệ tử đại trí của Thi-khí Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Giác, tên Bộ-tam-bà-phược[18], là bậc đệ nhất trong chúng Thanh văn.

"Đệ tử đại trí của Tỳ-xá-phù Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Giác, tên Dã-thâu-đa-la[19], là bậc đệ nhất trong chúng Thanh văn.

"Đệ tử đại trí của Câu-lưu-tôn Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Giác, tên Tán-nhĩ-phược[20], là bậc đệ nhất trong chúng Thanh văn.

"Đệ tử đại trí của Câu-na-hàm Mâu-ni Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Giác, tên Tô-lỗ-noa-đa-la[21], là bậc đệ nhất trong chúng Thanh văn.

"Đệ tử đại trí của Ca-diếp-ba Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng

---

17. Khieám-noa-để-tả 欠拏底寫; No.1(1): có hai đệ tử Khiên-trà 騫荼 (hay Khiên-đồ 騫荼) và Đề-xá 提舍 (hay Chất-sa 蹉沙).

18. Bộ-tam-bà-phược 部三婆縛; No.1(1): A-tỳ-phù 阿毗浮 và Tam-bà-bà 三婆婆.

19. Dã-thâu-đa-la 野輸多囉; No.1(1): Phù-du 扶遊 và Uất-đa-ma 鬱多摩.

20. Tán-nhĩ-phược 散爾縛; No.1(1): Tát-ni 薩尼 và Tỳ-lâu 毗樓.

21. Tô-lỗ-noa-đa-la 穌嚕拏多囉; No.1(1): Thư-bàn-na 舒盤那 và Uất-đa-lâu 鬱多樓.

Giác, tên Bà-ra-đặc-phược-nhạ[22], là bậc đệ nhất trong chúng Thanh văn.

"Ta, Bậc Ứng Cúng, Chánh Đẳng Giác, có đệ tử đại trí tên Xá-lợi-phất[23] là bậc đệ nhất trong chúng Thanh văn."

Thế Tôn lặp lại bằng kệ:

Tỳ-bà-thi Như Lai,
Có đệ tử đại trí,
Tên Khiếm-noa-để-tả.
Phật Thi-khí Thế Tôn,
Có đệ tử đại trí,
Tên Bộ-tam-bà-phược.
Tỳ-xá-phù Như Lai,
Có đệ tử đại trí,
Tên Dã-thâu-đa-la.
Câu-lưu-tôn Như Lai,
Có đệ tử đại trí,
Tên là Tán-nhĩ-phược.
Câu-na-hàm Mâu-ni,
Có đệ tử đại trí,
Tô-lỗ-noa-đa-la.
Phật Thế Tôn Ca-diếp,
Có đệ tử đại trí,
Bà-la-đặc-phược-nhạ.
Nay Ta, Ứng Chánh Giác,
Có đệ tử đại trí,
Tên là Xá-lợi-phất.
Bảy vị Phật tử ấy,
Đều đệ nhất đại trí,
Ở trong chúng Thanh văn.

Thế Tôn nói kệ xong, bảo các Bí-sô:

"Các Thầy lắng nghe! Ta nói về đệ tử thị giả của bảy vị Phật Như Lai.

"Thị giả của Tỳ-bà-thi Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Giác,

---

22. Bà-la-đặc-phược-nhạ 婆羅特縛惹; No.1(1): Đề-xá 提舍 và Bà-la-bà 婆羅婆.

23. Xaù-lợi-phaát 舍利弗; No.1(1), ngoài Xá-lợi-phất 舍利弗, kể thêm Mục-kiền-liên 目揵連.

tên A-thâu-ca[24].

"Thị giả của Thi-khí Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Giác, tên Sát-ma-ca-rô[25].

"Thị giả của Phật Tỳ-xá-phù, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Giác, tên Ô-ba-phiến-đổ[26].

"Thị giả của Phật Câu-lưu-tôn, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Giác, tên Một-đề-du[27].

"Thị giả của Phật Câu-na-hàm Mâu-ni, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Giác, tên Tô-rô-đế-lý-dã[28].

"Thị giả của Ca-diếp Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Giác, tên Tát-lý-phược mật-đát-la[29].

"Nay Ta, Bậc Ứng Cúng, Chánh Đẳng Giác, có thị giả tên A-nan-đà[30]."

Thế Tôn lặp lại bằng kệ:

Phật tử A-thâu-ca,
Và Sát-ma-ca-rô;
Với Ô-ba-phiến-đổ,
Tôn giả Một-đề-du.
Tô-rô-đế-lý-dã,
Tát-phược-mật-đát-ra;
Bí-sô A-nan-đà,
Đều là thị giả Phật.
Thường hành tâm từ bi,
Thành tựu được chánh định;
Thông đạt các pháp tướng,
Đầy đủ đại trí tuệ.
Đa văn lại thông minh,
Là bậc Thầy đại pháp;

---

24. A-thâu-ca 阿輸迦; No.1(1): Vô ưu 無優.
25. Sát-ma-ca-lỗ 殺摩迦嚕; No.1(1): Nhẫn Hành 忍行.
26. Ô-ba-phiến-đổ 烏波扇睹; No.1(1): Tịch Diệt 寂滅.
27. Một-đề-du 沒提踰; No.1(1): Thiện Giác 善覺.
28. Tô-rô-đế-lý-dã 穌嚕帝里野; No.1(1): An Hòa 安和.
29. Taùt-lyù-phạ-mật-đaùt-ra 薩里縛蜜怛囉; No.1(1): Thiện Hữu 善友.
30. A-nan-đà 阿難陀; No.1(1), cùng tên.

Đệ nhất ở trong chúng;
Danh tiếng khắp mười phương,
Trời người đều quy kính;
Sức tinh tấn kiên cố;
Đoạn sạch các phiền não.
Chứng quả không sinh diệt.
Thị giả Phật Thế Tôn,
Tự thân thường được lợi;
Thành tựu chơn Phật tử,
Của chư Phật là vậy.

Thế Tôn nói kệ xong, bảo chúng Bí-sô:

"Các Thầy lắng nghe! Ta nói về chúng Thanh văn do bảy Phật Như Lai hóa độ.

"Hội thuyết pháp thứ nhất của Tỳ-bà-thi Như Lai có sáu vạn hai ngàn Bí-sô đắc quả A-la-hán; hội thuyết pháp thứ hai có mười vạn Bí-sô đắc quả A-la-hán; hội thuyết pháp thứ ba có bảy vạn Bí-sô đắc quả A-la-hán.

"Hội thuyết pháp thứ nhất của Thi-khí Như Lai có mười vạn Bí-sô đắc quả A-la-hán; hội thuyết pháp thứ hai có tám mươi ức Bí-sô đắc quả A-la-hán; hội thuyết pháp thứ ba có bảy vạn Bí-sô đắc quả A-la-hán.

"Hội thuyết pháp thứ nhất của Tỳ-xá-phù Như Lai có tám vạn Bí-sô đắc quả A-la-hán; hội thuyết pháp thứ hai có bảy vạn Bí-sô đắc quả A-la-hán; hội thuyết pháp thứ ba có sáu vạn Bí-sô đắc quả A-la-hán.

"Câu-lưu-tôn Như Lai thuyết pháp một hội có bốn vạn Bí-sô đắc quả A-la-hán.

"Phật Câu-na-hàm Mâu-ni thuyết pháp một hội có ba vạn Bí-sô đắc quả A-la-hán.

"Phật Ca-diếp thuyết pháp một hội có hai vạn Bí-sô đắc quả A-la-hán.

"Hiện nay, Ta thuyết pháp một hội có một ngàn hai trăm năm mươi Bí-sô đắc quả A-la-hán."

Thế Tôn lập lại bằng kệ:

Tỳ-bà-thi Như Lai,
Thi-khí, Tỳ-xá-phù,

Thế Tôn Câu-lưu-tôn,
Câu-na-hàm, Ca-diếp,
Và Thích-ca Mâu-ni.
Khi chư Phật ra đời,
Chúng Thanh văn được độ,
Số có bảy mươi ức,
Chín vạn thêm ba ngàn,
Hai trăm năm mươi người,
Đều chứng A-la-hán,
Không tái sinh đời sau.

Thế Tôn nói kệ xong, bảo các Bí-sô:

"Các Thầy lắng nghe! Phật Tỳ-bà-thi, Phật Thi-khí, Phật Tỳ-xá-phù, cho đến nay Ta xuất hiện ở thế gian, trụ trì giáo hóa, nêu giảng giáo pháp, giáo hóa, dẫn dắt các hữu tình, về giới hạnh luật nghi, thọ trì y bát, cầu chứng Bồ-đề, không có pháp nào sai khác nhau cả."

Thế Tôn nói kệ:

Kiếp quá khứ đến nay,
Tỳ-bà-thi các Phật;
Chúng Bí-sô được độ,
Thành tựu đại trí tuệ.
Dốc tu nơi Chánh đạo,
Các phần pháp Bồ-đề;
Năm căn và Năm lực,
Bốn niệm, Bốn thần túc.
Bảy giác, Tám thánh đạo,
Cùng với Tam-ma-địa;
Các căn được tịch tĩnh,
Thông đạt nơi pháp tạng.
Khai ngộ các quần sinh,
Tuệ mạng được tăng trưởng;
Trong hiền kiếp như vậy,
Thật là chưa từng có.
Phật dùng trí đại bi,
Tự giác và giác tha;
Đại thần thông uy đức,
Được nêu bày như vậy.

Thế Tôn nói kệ xong, cùng các Bí-sô rời chỗ ngồi, trở về vườn Cấp cô độc.

Qua đêm ấy, đến sáng sớm hôm sau, các chúng Bí-sô rời thất của mình, đi đến đạo tràng Ca-lý-lê. Họ hỏi nhau về việc các Đức Như Lai trong thời gian quá khứ nhập Đại Niết-bàn, xa lìa hý luận, đoạn trừ hẳn luân hồi, không còn lỗi lầm. Bậc Đại Trượng Phu như vậy, có đại trí tuệ như vậy, trì giới như vậy, thiền định như vậy, giải thoát như vậy, uy đức như vậy, chủng tộc như vậy, giáng thế lợi sinh, thật ít có, không thể nghĩ bàn.

Thế Tôn biết ý nghĩ của các Bí-sô, bèn từ chỗ ngồi đứng dậy, đi đến đạo tràng Ca-lý-lê, ngồi kiết già, hỏi chúng Bí-sô:

"Các Thầy bàn luận về việc gì?"

Các Bí-sô bạch:

"Chúng con nghe nói Đức Như Lai trong quá khứ nhập Đại Niết-bàn, xa lìa các hý luận, cắt đứt luân hồi, không còn lỗi lầm. Bậc Đại

Trượng Phu như vậy, có trí tuệ như vậy, trì giới như vậy, thiền định như vậy, giải thoát như vậy, uy đức như vậy, chủng tộc như vậy, giáng thế lợi sinh, rất là ít có, không thể nghĩ bàn."

Phật hỏi:

"Này các Bí-sô! Tại sao các Thầy nói những điều như thế?"

Bí-sô bạch Phật:

"Phật có pháp giới thanh tịnh, chứng Chân giác trí, hiểu biết tất cả, ngưỡng mong giảng giải."

Phật dạy:

"Này các Bí-sô! Các Thầy lắng nghe, Ta sẽ nói về việc ấy.

"Vào thời quá khứ, có quốc vương lớn hiệu Mãn-độ-ma; vương phi của vua tên Mãn-độ-ma-đế. Khi ấy, Phật Tỳ-bà-thi từ cung trời Đâu-suất giáng sinh xuống cõi Diêm-phù, nhập vào bụng mẹ, an trú trong thai, phóng ra ánh sáng chiếu khắp các cõi trong thế gian, không còn chỗ tối tăm, đến cả các cảnh giới ác, địa ngục, nơi ánh sáng mặt trời mặt trăng không thể chiếu tới. Ánh sáng của Phật đến đâu, nơi ấy bỗng sáng rực lên. Hữu tình ở những nơi ấy được trông thấy nhau, liền lên tiếng: Tại sao ở đây lại có chúng sanh khác?"

Thế Tôn nói kệ:

Bồ-tát từ Đâu-suất,
Khi xuống cõi Diêm-phù;
Như mây bay gió thổi,
Nhanh chóng vào thai mẹ.
Thân phóng ánh sáng lớn,
Chiếu rực cõi trời người;
Địa ngục núi Thiết vi,
Đều không còn tối tăm.
Tất cả chúng Đại tiên,
Các cảnh giới cõi Phật;
Đều tập hợp nhau lại,

Hộ vệ thân mẹ ngài.

Thế Tôn nói kệ xong, bảo chúng Bí-sô:

"Các thầy lắng nghe. Khi Đại Bồ-tát ấy từ trời Đâu-suất giáng sinh xuống Diêm-phù, vào thai mẹ, Dạ-xoa Bộ-ma lớn tiếng tuyên bố: Vị Đại Bồ-tát có uy đức lớn, Bậc Đại Trượng Phu này, bỏ thân Trời, thân A-tu-la, ở trong thai mẹ để thọ thân người. Lần lượt trời Tứ thiên vương, trời Đao-lợi, trời Dạ-ma cho đến các cõi trời Phạm phụ v.v... nghe lời này, đồng xướng lên: Bồ-tát giáng thần ở trong thai mẹ, tất cả phải vân tập đến."

Thế Tôn nói kệ:

Bồ-tát từ Đâu-suất,
Khi giáng thần thai mẹ;
Đại Dạ-xoa Bộ-ma,
Tuyên bố: đức Bồ-tát.
Từ bỏ thân cõi trời,
Và thân A-tu-la;
An trú trong thai mẹ,
Để thọ báo thân người.
Tứ thiên, Đao-lợi thiên,
Dạ-ma và Đâu-suất;
Cho đến cõi Phạm thiên,
Đều nghe rõ việc này.
Bồ-tát xuống nhân gian,
Thân sắc vàng vi diệu;
Chư Thiên đều tập hợp,
Tâm ý rất vui mừng.

Thế Tôn nói kệ xong, bảo các Bí-sô:

"Các Thầy lắng nghe: Khi Đại Bồ-tát ấy từ trời Đâu-suất giáng sinh xuống Diêm-phù, có bốn Đại thiên tử đầy đủ uy đức, thân mặc áo giáp, tay cầm cung đao, hộ vệ Bồ-tát, loài người và phi nhân đều không thể gây tổn hại."

Thế Tôn lặp lại bằng kệ:

Khi Bồ-tát giáng sinh,
Đế Thích, trời Đao-lợi;
Sai Tứ đại thiên vương,
Đều đủ đại uy lực.

Thân mang áo giáp vàng,
Tay cầm cung đao thương,
Luôn luôn hộ vệ Ngài;
Loài La-sát, phi nhân.
Không dám gây não hại,
Ngài an trú thai mẹ;
Như ở cung điện lớn,
Thường thọ các diệu lạc.

Thế Tôn nói kệ xong, bảo chúng Bí-sô:

"Các Thầy lắng nghe! Khi Đại Bồ-tát ấy từ cõi trời Đâu-suất giáng sinh xuống cõi Diêm-phù, ở trong thai mẹ; thân Ngài thanh tịnh tỏa ánh sáng rực rỡ như ngọc Ma-ni; tâm ý mẹ ngài an vui không có phiền não."

Thế Tôn nói kệ:

Bồ-tát ở trong thai,
Thanh tịnh không vết nhiễm;
Trong sáng như lưu-ly,
Quý báu như Ma-ni.
Ánh sáng chiếu thế gian,
Như mặt trời không mây;
Thành tựu đệ nhất nghĩa,
Xuất sinh trí tối thượng.
Khiến mẹ không ưu não,
Thường làm các việc thiện;
Hữu tình đều quy ngưỡng,
Ngự ngôi Sát-đế-lỵ.

Thế Tôn nói kệ xong, bảo các Bí-sô:

"Các Thầy lắng nghe! Khi Đại Bồ-tát ấy từ trời Đâu-suất giáng sinh xuống cõi Diêm-phù, ở trong thai mẹ; chưa từng nghe người mẹ có dục nhiễm và tham đắm năm trần, sắc v.v..."

Thế Tôn nói kệ:

Bồ-tát ở trong thai,
Khiến tâm mẹ thanh tịnh;
Không nghe tên nhiễm ô,
Xa lìa tội năm dục.
Đoạn trừ gốc tham ái,

Không có các khổ não;
Thân tâm thường an ổn,
Luôn luôn được an lạc.

Thế Tôn nói kệ xong, bảo chúng Bí-sô:

"Các Thầy lắng nghe! Khi Đại Bồ-tát ấy từ trời Đâu-suất giáng sinh xuống cõi Diêm-phù ở trong thai mẹ; người mẹ tự thọ trì năm giới cận sự. Một, không sát sanh. Hai, không trộm cắp. Ba, không dâm dục. Bốn, không nói dối. Năm, không uống rượu. Mẹ Bồ-tát sinh Ngài nơi hông bên phải. Sau đó mệnh chung, sinh lên cõi trời."

Thế Tôn nói kệ:

Bồ-tát ở trong thai,
Mẹ ngài giữ năm giới;
Hông phải sinh đồng tử,
Khi sinh không khổ não.
Cũng như trời Đế Thích,
Thọ năm dục vi diệu;
Sau đó, khi mạng chung,
Liền sanh lên cõi trời.

Thế Tôn nói kệ xong, bảo chúng Bí-sô:

"Các Thầy lắng nghe! Khi Đại Bồ-tát ấy sinh ra nơi hông phải mẹ, quả đất chấn động. Thân Ngài màu sắc như vàng ròng không có uế nhiễm, phóng ánh sáng lớn chiếu khắp tất cả cảnh giới trong thế gian. Những cảnh giới ác, nơi tối tăm như địa ngục bỗng nhiên sáng rực. Những chúng sanh nơi đó cũng trông thấy nhau. Tất cả đều như ngỡ ngàng nói: Tại sao nơi đây lại có chúng sanh khác?"

Thế Tôn nói kệ:

Khi Bồ-tát giáng sinh,
Cả quả đất chuyển động;
Thân thể như vàng ròng,
Không nhiễm những trần cấu.
Đại thần thông, uy đức,
Chiếu sáng khắp nơi nơi;
Chúng sanh nơi tối tăm,
Đều được nhìn thấy nhau.

Thế Tôn nói kệ xong, bảo chúng Bí-sô:

"Các Thầy lắng nghe! Khi Đại Bồ-tát ấy sinh ra nơi hông bên

phải, mẹ ngài không mệt nhọc, không ngồi không nằm. Bồ-tát với đại uy đức của Bậc Đại Trượng Phu, tâm không mờ tối, chân không đạp đất, có bốn Đại thiên vương đỡ thân Đồng tử."

Thế Tôn nói kệ:

Khi Bồ-tát giáng sinh,
Tâm mẹ không tán loạn;
Không ngồi cũng không nằm,
Tự tại và vui thích.
Uy đức Đại Trượng Phu,
Tâm lìa các ám muội;
Tứ thiên bồng chân Ngài,
Chân Ngài không đụng đất.

Thế Tôn nói kệ xong, bảo chúng Bí-sô:

"Các Thầy lắng nghe! Khi Đại Bồ-tát ấy sinh ra nơi hông bên phải, thân thể Ngài thanh tịnh như ngọc lưu ly quý báu không bị dính những vật bất tịnh như máu, mủ, nước dãi. Cũng như ngọc Ma-ni, như y phục của trời Kiều-thi-ca, tất cả bụi bặm không thể dính vào."

Thế Tôn nói kệ:

Khi Bồ-tát giáng sinh,
Thân thể Ngài thanh tịnh;
Xa lìa những bất tịnh,
Như máu mủ nước dãi.
Như y phục vua trời,
Như ngọc quý Ma-ni;
Tâm sạch thân sáng rực,
Bụi bặm không dính được.

Thế Tôn nói kệ xong, bảo chúng Bí-sô:

"Các Thầy lắng nghe! Khi Đại Bồ-tát ấy sinh ra nơi hông bên phải, có hai vị Thiên tử từ trên hư không, tuôn hai vòi nước một mát, một ấm để tắm rửa Đồng tử."

Thế Tôn nói kệ:

Khi Bồ-tát giáng sinh,
Hai vị trời trên không;
Tắm rửa thân Đồng tử,
Bằng hai vòi nước sạch.
Ấm, mát cho thích nghi,

Biểu thị tròn phước tuệ;
Thành tựu đại vô úy,
Xem khắp cả chúng sanh.

Thế Tôn nói kệ xong, bảo chúng Bí-sô:

"Các Thầy lắng nghe! Khi Đại Bồ-tát ấy sinh ra nơi hông bên phải; Ngài đủ ba mươi hai tướng, hình dáng đoan nghiêm, mắt thanh tịnh thấy xa mười do-tuần."

Thế Tôn nói kệ:

Khi Bồ-tát giáng sinh,
Các tướng đều đầy đủ;
Mắt trong lại đoan nghiêm,
Thấy xa mười do-tuần.

Thế Tôn nói kệ xong, bảo chúng Bí-sô:

"Các Thầy lắng nghe! Khi Đại Bồ-tát ấy sinh ra nơi hông bên phải, nhìn đến cõi trời Đao-lợi. Thiên Đế Thích cũng thấy Đồng tử này chính là thân Phật, liền cầm lọng trắng che thân Đồng tử. Lạnh nóng gió bụi, tất cả các vật xấu không xâm phạm được."

Thế Tôn nói kệ:

Khi Bồ-tát mới sinh,
Nhìn xa hơn Đao-lợi;
Đế Thích cũng thấy Ngài,
Vội cầm lọng trắng lớn.
Đến che thân cho Ngài,
Lạnh nóng gió bụi nắng;
Và các thứ độc hại,
Không thể xâm phạm được.

Thế Tôn nói kệ xong, bảo chúng Bí-sô:

"Các Thầy lắng nghe! Khi Đại Bồ-tát ấy sinh ra nơi hông bên phải, mẫu hậu, nhũ mẫu và dưỡng mẫu cùng các cung nhân vây quanh để giữ gìn, che chở, tắm rửa, xoa chất thơm, hầu hạ Ngài chu toàn."

Thế Tôn nói kệ:

Khi Đồng tử mới sinh,
Ba người mẹ nuôi dưỡng;
Cùng với các cung nhân,
Thường vây quanh bên Ngài.

Tắm rửa xoa hương thơm,
Khiến Ngài luôn an ổn;
Hầu cận suốt ngày đêm,
Không lúc nào rời khỏi.

Thế Tôn nói kệ xong, bảo chúng Bí-sô:

"Các Thầy lắng nghe! Khi Đại Bồ-tát ấy sinh ra nơi hông bên phải, hình dáng Ngài đoan nghiêm đủ ba mươi hai tướng. Vua Mãn-độ-ma liền triệu vị thầy xem tướng đến xem tướng cho Đồng tử. Vị Bà-la-môn ấy tâu: Nếu Ngài sống tại gia thì thọ pháp Quán đỉnh, giữ ngôi vị Chuyển luân vương, làm chủ cả thiên hạ, đủ ngàn người con uy đức không sợ hãi. Hàng phục các quân đội khác mà không cần đến binh đao cung kiếm. Nếu Ngài xuất gia tu hành chắc chắn thành Bậc Chánh Đẳng Giác."

Thế Tôn nói kệ:

Tướng sư Bà-la-môn,
Xem tướng đồng tử này;
Tâu với vua cha rằng,
Bậc đủ ba hai tướng.
Như trăng giữa muôn sao,
Ít có trong thế gian;
Nếu Ngài ở cung điện,
Tất làm vua Chuyển luân.
Thống lĩnh cả bốn châu,
Sinh một ngàn thái tử;
Nếu xuất gia tu hành,
Liền chứng Vô thượng giác.

Thế Tôn nói kệ xong, bảo chúng Bí-sô:

"Các Thầy lắng nghe! Khi Đại Bồ-tát ấy sinh ra nơi hông bên phải, thân Ngài màu vàng ròng, tướng mạo đoan nghiêm, như hoa sen mọc trong nước không dính bụi trần. Tất cả mọi loài chiêm ngưỡng Ngài không chán. Âm thanh Ngài nói ra dịu dàng nhỏ nhẹ thanh nhã lưu loát, như chim Ca-vĩ-la ở Tuyết sơn. Chim này rất thích ăn hoa, hót lên giọng thanh nhã dịu dàng. Chúng sanh nghe tiếng hót đều ưa thích. Âm thanh ngôn ngữ của đồng tử cũng vậy."

Thế Tôn nói kệ:

Đồng tử lúc mới sinh,

Thân thể màu vàng ròng;
Cũng như hoa sen hồng,
Bụi trần không dính được.
Tiếng nói Ngài thanh nhã,
Như tiếng chim Ca-vĩ;
Mọi người khi được nghe,
Ưa thích không biết chán.

Thế Tôn nói kệ xong, bảo chúng Bí-sô:

"Các Thầy lắng nghe! Khi Đại Bồ-tát ấy còn là đồng tử đã xa lìa gian tà dối trá, tâm ý thuần chính, tự giác giác tha thường hành chánh pháp. Mọi người đều tôn trọng phục vụ như Thiên Đế Thích tôn kính cha mẹ. Do đó, ngài tên là Tỳ-bà-thi."

Thế Tôn nói kệ:

Tỳ-bà-thi Như Lai,
Khi còn là Đồng tử;
Thông minh đại trí tuệ,
Xa lìa sự dối trá.
Tự giác và giác tha,
Tu tập theo Chánh pháp;
Mọi người thường ái kính,
Như vị trời Đế Thích.
Kính phụng dưỡng cha mẹ,
Danh tiếng khắp thế gian;
Nên hiệu Tỳ-bà-thi,
Lợi ích cho chúng sanh.

❑

SỐ 3

KINH PHẬT TỲ-BÀ-THI[1]

Hán dịch: Tống Pháp Thiên

QUYỂN THƯỢNG[2]

Lúc bấy giờ, Phật bảo các Bí-sô:

Thời quá khứ có đại quốc vương tên Mãn-độ-ma. Vua có một Thái tử tên Tỳ-bà-thi. Sống lâu ngày trong thâm cung, Thái tử muốn đi dạo xem công viên[3], nên bảo Du-nga[4], người đánh xe:

"Hãy bố trí xe ngựa đàng hoàng để ta đi du ngoạn."

Du-nga vâng lệnh đến chuồng ngựa, xếp đặt xe ngựa đem tới trước Thái tử. Thái tử lên xe, ra ngoài, thấy một người bệnh, bèn hỏi:

"Tại sao người này hình dáng tiều tụy, sức lực bạc nhược như vậy?"

Du-nga đáp:

"Đây là người bệnh."

Thái tử hỏi:

"Bệnh là gì? "

Du-nga trả lời:

"Bốn đại giả hợp, hư huyễn không thật, chống trái nghịch nhau, liền sinh khổ não, đó gọi là bệnh."

Thái tử hỏi:

"Ta có thoát khỏi bệnh không?"

Du-nga đáp:

"Thân thể huyễn hóa của Ngài cũng là tứ đại không khác. Nếu

---

1. Bản hán, *Tỳ-bà-thi Phật kinh,* Tống Pháp Thiên dịch (Đại 1, No.3, tr.154b-159a). Tham chiếu: *Phật Thuyết Trường A-hàm kinh,* Hậu Tần Hoằng thỉ Phật-đà-da-xá cọng Trúc Phật Niệm dịch, 'Đệ nhất phần sơ Đại Bản kinh Đệ nhất', (Đại I, No.1(1), tr.1b-10c).

2. Hán, quyển thượng, tiếp theo No.2, nói về Đức Phật Tỳ-bà-thi từ khi dạo bốn cửa thành cho đến khi thành Vô thượng chánh đẳng chánh giác.

3. Hán: Viên lâm 園 林; No.1(1): Viên quán.

4. Du-nga 瑜 哦; No.1(1) không nói tên người đánh xe.

không tự bảo hòa cũng không thoát bệnh."

Thái tử nghe nói, lòng cảm thấy không vui, liền bảo quay xe trở về hoàng cung, ngồi trầm tư về cái khổ của bệnh là thật, không hư dối, tâm không an ổn."

Thế Tôn nói kệ:

Thái tử Tỳ-bà-thi,
Dạo xem quanh vườn rừng;
Bỗng thấy người bệnh hoạn,
Hình sắc rất tiều tụy.
Liền hỏi người đánh xe.
Biết mình không thoát bệnh,
Ngồi yên tự trầm tư:
Khổ bệnh, là thật có.

Thế Tôn nói kệ xong, bảo các Bí-sô:

Vua Mãn-độ-ma hỏi Du-nga:

"Thái tử đi ra ngoài trở về, tại sao không vui?'

"Du-nga đáp:

"Thái tử ra ngoài dạo xem phong cảnh, thấy một người bệnh hình sắc tiều tụy. Thái tử không biết, hỏi 'Người ấy là người gì?' Du-nga trả lời: 'Đó là người bệnh.' Thái tử hỏi: 'Ta có thoát khỏi bệnh không?' Du-nga đáp: 'Thân thể của Ngài cũng đồng bốn đại huyễn hóa không khác; nếu không tự bảo hòa cũng không thoát khỏi bệnh.' Thái tử liền bảo quay xe trở về cung; suy nghĩ về sự khổ của bệnh nên không vui."

Vua Mãn Độ Ma nghe việc này, nhớ lại lời của thầy tướng ngày trước: 'Nếu tại gia thì thọ phép Quán đảnh[5] nối ngôi vua Chuyển luân. Nếu xuất gia thì dốc chí tu hành thì chứng đắc quả Phật.' Nghĩ vậy, nên trong cung cho bày các loại ngũ dục tuyệt vời để mua vui Thái tử, làm Ngài say đắm, bỏ chí xuất gia.

Thế Tôn nói kệ:

Phụ vương Mãn-độ-ma
Biết con dạo chơi về,
Thân tâm không được vui.
Sợ Thái tử xuất gia;

5. Quán đảnh 灌頂, nghi thức rưới nước lên đỉnh đầu để làm lễ tức vị cho vua hay lập thái tử theo pháp cổ xưa của Ấn Độ.

Dùng thú vui tuyệt diệu,
Sắc, thanh, hương, vị, xúc;
Làm thỏa lòng Thái tử,
Để sau kế nghiệp vua.

Thế Tôn nói kệ xong, bảo các Bí-sô:

Sau đó, Thái tử Tỳ-bà-thi bảo Du-nga:

"Hãy bố trí xe ngựa đàng hoàng để ta đi du ngoạn."

Du-nga vâng lệnh, đến chuồng ngựa, xếp đặt xe ngựa đem tới trước Thái tử. Ra khỏi thành, Thái tử thấy một người già, tóc râu đều bạc, thân tâm suy nhược, run rẩy, hơi thở phều phào, chống gậy đi về phía trước. Thái tử hỏi:

"Đây là người gì?"

Du-nga đáp:

"Đây là người già."

Thái tử hỏi:

"Sao gọi là người già?"

Du-nga đáp:

"Thân ngũ uẩn huyễn hóa, bốn tướng biến đổi, bắt đầu từ đứa bé, không bao lâu trưởng thành rồi già lão, mắt mờ, tai điếc, thân tâm suy tàn, gọi là già."

Thái tử hỏi:

"Ta có thoát khỏi già không?"

Du-nga thưa:

"Sang hèn tuy khác nhưng thân hư giả này không khác; ngày qua tháng lại cũng phải già suy."

Thái tử nghe nói không vui, trở về cung, ngồi yên trầm tư về sự đau khổ của già, không thể nào thoát được.

Thế Tôn nói kệ:

Thái tử Tỳ-bà-thi,
Bỗng thấy một người già;
Tóc râu đều bạc phơ,
Sức suy tàn, chống gậy.
Ngài nhập định tư duy:
Tất cả pháp hữu vi;
Thay đổi từng sát na,

Không ai thoát khỏi già.

Thế Tôn nói kệ xong, bảo các Bí-sô:

"Vua Mãn-độ-ma thấy Thái tử không vui, hỏi Du-nga:

"Tại sao tâm tình con ta không vui?

Du-nga đáp:

"Thái tử ra ngoài thấy một người già. Ngài hỏi: 'Đây là người gì?' Du-nga đáp: 'Đây là người già.' Thái tử lại hỏi: 'Già là gì?' Du-nga đáp: 'Thân năm uẩn huyễn hóa, bốn tướng biến đổi, bắt đầu từ đứa bé, không bao lâu trưởng thành rồi già lão, mắt mờ, tai điếc, thân tâm suy tàn, gọi đó là già.' Thái tử hỏi: 'Ta có thoát khỏi già không?' Du-nga thưa: 'Sang hèn tuy khác nhưng thân giả hợp này không khác. Ngày qua tháng lại, cũng phải già suy.' Thái tử nghe nói không vui, trở về, ngồi yên lặng trầm tư, thật không sao thoát khỏi già. Do đó Ngài không vui."

Vua cha nghe việc này, nhớ đến lời của thầy tướng ngày trước: 'Nếu tại gia làm vua Chuyển luân. Nếu xuất gia chắc chắn chứng quả Phật.' Vua Mãn-độ-ma nghĩ vậy, nên dùng năm dục tuyệt vời mua vui Thái tử làm Ngài ưa thích bỏ chí xuất gia.

Thế Tôn nói kệ:

Phụ vương Mãn-độ-ma,
Thấy con lòng không vui;
Nhớ lời thầy tướng nói,
Sợ Thái tử xuất gia.
Liền dùng vui năm dục,
Thỏa lòng cho Thái tử;
Như vua trời Đế Thích,
Vui trong vườn hoan hỷ.

Thế Tôn nói kệ xong, bảo các Bí-sô:

Sau đó, Thái tử Tỳ-bà-thi bảo Du-nga:

"Hãy bố trí xe ngựa đàng hoàng, ta muốn đi du ngoạn."

Du-nga đến chuồng ngựa, xếp đặt xe cộ đem tới trước Thái tử. Thái tử đi ra ngoài, thấy có nhiều người vây quanh một chiếc xe tang, khóc lóc thảm thiết. Thái tử hỏi:

"Đây là người gì?"

Du-nga đáp:

"Đây là người chết."

Thái tử hỏi:

"Người chết là gì?"

Du-nga đáp:

"Con người sống trong thế giới trôi nổi này, tuổi thọ có dài ngắn. Ngày nào đó, hơi thở dứt thì thần thức lìa khỏi xác, vĩnh biệt thân quyến ra ở luôn nơi gò hoang, thân thuộc buồn khóc, đây là chết."

Thái tử hỏi:

"Ta có thoát khỏi chết không?"

Du-nga đáp:

"Ba cõi không an, làm sao thoát khỏi sinh tử? Cho nên, không ai thoát khỏi chết cả."

Thái tử nghe nói, thân tâm buồn rầu, bảo quay xe trở về cung, ngồi yên lặng suy nghĩ về pháp vô thường, chẳng thể ưa thích, làm sao ta thoát được khổ này.

Thế Tôn nói kệ:

Thái tử Tỳ-bà-thi,
Thấy người chết nên hỏi.
Người đánh xe trả lời,
Không ai thoát chết được.
Ngồi yên tự suy nghĩ,
Thật đúng không nghi ngờ;
Ta phải làm thế nào,
Để thoát khỏi vô thường.

Thế Tôn nói kệ xong, bảo các Bí-sô:

Vua Mãn-độ-ma hỏi Du-nga:

"Tại sao Thái tử không vui?"

Du-nga đáp:

"Thái tử đi ra khỏi thành thấy một người chết, hỏi: 'Đó là người gì? Du Nga đáp: 'Đó là thây chết.' Thái tử hỏi: 'Chết là gì?' Du-nga đáp: 'Con người sống trong thế giới trôi nổi này, tuổi thọ có dài ngắn. Ngày nào đó, đứt hơi thở, thần thức lìa khỏi xác, vĩnh biệt thân quyến ra ở luôn nơi gò hoang, thân quyến buồn khóc, đó gọi là chết.' Thái tử hỏi: 'Ta có thoát khỏi chết không?' Du-nga đáp: 'Ba cõi không yên, làm sao thoát được sinh tử? Cho nên không ai thoát khỏi chết cả.' Thái tử nghe nói, bảo quay xe trở về cung, yên lặng trầm tư, thật không thể

thoát chết, do đó không vui."

Nhà vua nghe lời này nhớ đến lời thầy tướng ngày trước: 'Nếu tại gia làm Luân vương, nếu xuất gia chứng quả Phật.' Nhà vua đem năm loại dục để mua vui cho Thái tử , khiến người say đắm, bỏ chí xuất gia.

Thế Tôn nói kệ:

Quốc vương Mãn-độ-ma,
Biết Thái tử Tỳ-thi,
Nhìn thấy người qua đời,
Than thở lòng không vui.
Vua dùng cảnh vui thú,
Sắc, thanh, hương, vị, xúc;
Làm Thái tử ưa thích,
Bỏ chí nguyện xuất gia.

Thế Tôn nói kệ xong, bảo các Bí-sô:

Sau đó, Thái tử Tỳ-bà-thi bảo Du-nga:

"Hãy bố trí xe ngựa đàng hoàng, ta muốn đi du ngoạn."

Du-nga nghe xong, liền đến chuồng ngựa, xếp đặt xe cộ đem tới cho Thái tử. Thái tử lên xe ra ngoài, thấy một Bí-sô[6], cạo bỏ râu tóc, mặc ca sa. Thái tử hỏi:

"Đây là người gì?"

Du-nga đáp:

"Đây là người xuất gia."

Thái tử hỏi:

"Người xuất gia là gì?"

Du-nga đáp:

"Người giác ngộ lão bệnh tử, vào cửa giải thoát, thực hành nhẫn nhục từ bi, cầu an lạc Niết-bàn, vĩnh viễn cắt đứt sự ân ái của thân quyến, chí nguyện làm Sa-môn; gọi là người xuất gia."

Thái tử nghe xong vui mừng đến trước vị Bí-sô, tán thán:

"Lành thay! Lành thay! Thực hành các pháp thiện từ bi, nhẫn nhục, bình đẳng thì có thể dứt bỏ phiền não hướng đến an lạc. Ta cũng

6. Bí-sô 苾芻, cũng gọi là Tỷ-khưu; No.1(1): gặp một Sa-môn 沙門.

mong muốn làm như vậy. Thái tử nói xong trở về cung, phát lòng tin, hành pháp xuất gia, tác thành tướng mạo Sa-môn."

Thế Tôn nói kệ:

Thái tử ra khỏi thành,
Dạo xem các phong cảnh.
Chợt thấy người già bệnh,
Hiện tượng vô thường kia.
Tâm tư suy nghĩ mãi,
Đau khổ vấn vương lòng.
Lại thấy người xuất gia,
Cạo bỏ sạch râu tóc;
Mặc ca sa hoại sắc,
Điềm đạm dáng trang nghiêm;
Hành từ bi bình đẳng,
Nhẫn nhục các pháp thiện.
Nên Ngài xin xuất gia,
Từ bỏ năm dục lạc,
Cha mẹ cùng quyến thuộc,
Quốc thành cùng vật quý.
Mang hình tướng Sa-môn,
Nhẫn nhục, tự điều phục;
Trừ hẳn tâm tham ái,
Siêng năng cầu giải thoát.

Thế Tôn nói kệ xong, bảo các Bí-sô:

Tại thành Mãn-độ-ma có tám vạn người thấy Tỳ-bà-thi từ bỏ ngôi của phụ vương, xuất gia cạo tóc mang hình tướng Sa-môn, nên họ suy nghĩ:

"Thái tử thuộc dòng họ cao thượng lại từ bỏ năm dục để tu phạm hạnh. Chúng ta nên xuất gia theo. Họ nghĩ như thế rồi, liền xuất gia làm Sa-môn."

Thế Tôn nói kệ:

Người đại trí tối thượng,
Số này có tám vạn;
Tùy thuận Tỳ-bà-thi,
Xuất gia tu phạm hạnh.

Thế Tôn nói kệ xong, bảo các Bí sô:

Sau khi Bồ-tát Tỳ-bà-thi đã xuất gia rồi, cùng với tám vạn người kia, rời khỏi thành phố của mình, du hành các nơi, đến một làng nọ kết hạ an cư. Sau khi mãn hạ, Ngài suy nghĩ: 'Tại sao Ta lại như người say mê du hành các nơi vậy?' Nghĩ như vậy tâm Ngài thanh tịnh đi đến chỗ ở cũ. Nửa đêm, Ngài lại suy nghĩ: 'Tại sao ta sử dụng sự phú quý của thế gian? Chúng sanh do tham ái nên luân hồi sanh tử, bị khổ ràng buộc liên tục không chấm dứt.' Ngài lại suy nghĩ: 'Nguyên nhân của khổ là già chết. Già chết do nhân duyên gì phát sinh?' Ngài nhập chánh định[7] quán sát kỹ về pháp này, thấy có già chết là do có sự sinh. Ngài lại suy nghĩ: Khổ của sinh do nhân duyên gì phát sinh? Ngài nhập chánh định quán sát về pháp này, thấy từ hữu mà có. Ngài lại suy nghĩ: Khổ của hữu do nhân duyên gì sinh? Ngài nhập chánh định quán sát kỹ về pháp này, do thủ sinh ra hữu. Ngài lại suy nghĩ: Khổ của thủ do nhân duyên gì sinh? Ngài nhập chánh định quán sát kỹ về pháp này, do ái sinh ra thủ. Ngài lại suy nghĩ: Khổ của ái do nhân duyên gì sinh? Ngài nhập chánh định quán sát kỹ về pháp này, do thọ sinh ra ái. Ngài lại suy nghĩ: Khổ của thọ do nhân duyên gì sinh? Ngài nhập chánh định quán sát kỹ về pháp này, do xúc sinh ra thọ. Ngài lại suy nghĩ: Khổ của xúc do nhân duyên gì sinh? Ngài nhập chánh định quán sát kỹ về pháp này, do lục nhập sinh xúc. Ngài lại suy nghĩ: Khổ của lục nhập do nhân duyên gì sinh? Ngài nhập chánh định quán sát kỹ về pháp này, do danh sắc sinh lục nhập. Ngài lại suy nghĩ: Khổ của danh sắc do nhân duyên gì sinh? Ngài nhập chánh định quán sát kỹ về pháp này, do thức sanh danh sắc. Ngài lại suy nghĩ: Khổ của thức do nhân duyên gì sinh? Ngài nhập chánh định quán sát kỹ về pháp này, do hành sinh ra thức. Ngài lại suy nghĩ: Khổ của hành do nhân duyên gì sinh? Ngài nhập chánh định quán sát pháp này, do vô minh sanh hành. Như vậy, vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão tử ưu bi khổ não. Như vậy là sự tập hợp thành một khối khổ lớn[8].

Bấy giờ Bồ-tát Tỳ-bà-thi lại suy nghĩ: Làm sao diệt trừ nhân của

---

7. Hán: Tam-ma-địa, 三摩地: chánh định, định ý, là xa lìa hôn trầm trạo cử, chuyên tâm trụ vào một cảnh (đối tượng quán sát).

8. Hán: Tập thành nhất đại khổ uẩn, 集成一大苦蘊; No.1(1): Khổ thạnh ấm, 苦盛蔭; chỗ khác: thuần đại khổ tụ 純大苦聚; hay ngũ ấm xí thạnh khổ 五陰熾盛苦.

khổ lão tử? Ngài nhập chánh định quán sát về pháp này: sinh bị diệt thì lão tử diệt. Ngài lại suy nghĩ: Làm sao diệt trừ nhân của khổ về sinh? Ngài nhập chánh định quán sát về pháp này, do hữu diệt thì sinh diệt. Ngài lại suy nghĩ: Làm sao diệt trừ nhân của khổ về hữu? Ngài nhập chánh định quán sát về pháp này, do thủ diệt thì hữu diệt. Ngài lại suy nghĩ: Làm sao diệt trừ nhân của khổ về thủ? Ngài nhập chánh định quán sát về pháp này, do ái diệt thì thủ diệt. Ngài lại suy nghĩ: Làm sao diệt trừ nhân của khổ về ái? Ngài nhập chánh định quán sát về pháp này, do thọ diệt thì ái diệt. Ngài lại suy nghĩ: Làm sao diệt trừ nhân của khổ về thọ này? Ngài nhập chánh định quán sát về pháp này, do xúc diệt thời thọ diệt. Ngài lại suy nghĩ: Làm sao diệt trừ nhân của khổ về xúc này? Ngài nhập chánh định quán sát về pháp này, do lục nhập diệt thì xúc diệt. Ngài lại suy nghĩ: Làm sao diệt trừ nhân của khổ về lục nhập? Ngài nhập chánh định quán sát về pháp này, do danh sắc diệt thì lục nhập diệt. Ngài suy nghĩ: Làm sao diệt trừ nhân của khổ về danh sắc? Ngài nhập chánh định quán sát về pháp này, do thức diệt thời danh sắc diệt. Ngài suy nghĩ: Làm sao diệt trừ nhân của khổ về thức? Ngài nhập chánh định quán sát về pháp này, do hành diệt thì thức diệt. Ngài lại suy nghĩ: Làm sao diệt trừ nhân của khổ về hành? Ngài nhập chánh định quán sát về pháp này, do vô minh diệt thì hành diệt. Như vậy, vô minh diệt thì hành diệt, hành diệt thì thức diệt, thức diệt thì danh sắc diệt, danh sắc diệt thì lục nhập diệt, lục nhập diệt thì xúc diệt, xúc diệt thì thọ diệt, thọ diệt thì hữu diệt, hữu diệt thì sanh diệt, sanh diệt thì lão tử ưu bi khổ não diệt."

Như vậy, một khối khổ lớn, tự nó không sanh nữa.

Thế Tôn nói kệ:

Bồ-tát Tỳ-bà-thi,
Traàm tư khổ già chết,
Dùng trí tìm nhân khổ,
Duyên gì sanh pháp gì?
Nhập định quán sát kỹ,
Biết rõ khổ do sinh;
Cho đến nhân của hành,
Biết từ vô minh khởi.
Lại quán diệt từ đâu,
Vô minh diệt hành diệt;
Cho đến hết lão tử,

Thì khổ uẩn không còn.

Thế Tôn nói kệ xong, bảo các Bí-sô:

Khi ấy, Bồ-tát Tỳ-bà-thi lại quán về sắc, thọ, tưởng, hành, thức sanh diệt không ngừng, như huyễn như hóa không chân thật. Khi ngài quán như vậy, trí quán hiện tiền, tất cả nghiệp tập phiền não không còn sinh khởi, đắc đại giải thoát, thành Chánh đẳng giác. Thế Tôn nói kệ:

Bồ-tát Tỳ-bà-thi,
Lại quán các pháp uẩn;
Nhập vào Tam-ma-địa[9]*,*
Khi trí quán hiện tiền.
Tập khí khổ hoặc nghiệp,
Tất cả đều không sanh;
Như lụa bị gió cuốn,
Không sát na nào ngừng.
Thành tựu Phật Bồ-đề,
Quả Niết-bàn an lạc;
Như trăng tròn sáng chiếu,
Rạng rỡ khắp mười phương.

Thế Tôn nói kệ xong, bảo các Bí-sô:

"Bồ-tát Tỳ-bà-thi khi chưa giác ngộ, thứ nhất nghi ngờ về sự mê loạn của tự thân. Thứ hai nghi ngờ về các phiền não tham sân cứ phát triển mãi. Ngài quán sát về các pháp duyên sanh như vậy, đắc đại giải thoát."

Thế Tôn nói kệ:

Thân Phật Như Lai kia,
Ngài chứng pháp khó chứng;
Quán sát pháp duyên sinh,
Đoạn trừ tham, sân, si.
Tận cùng đến bờ giác,
Thành tựu đại giải thoát;
Như mặt trời trên núi,
Chiếu sáng khắp nơi nơi[10]*.*

---

9. Tam-ma-địa, 三摩地: chánh định, xem cht.14.

10. No.3, đoạn này là phần kết của quyển thượng; No.1(1), thì không có đoạn này.

❑

KINH PHẬT TỲ-BÀ-THI

QUYỂN HẠ[1]

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói kệ xong, bảo các Bí-sô:

Sau khi thành đạo, Phật Tỳ-bà-thi suy nghĩ:

"Nên thuyết pháp nơi nào trước để đem lại lợi lạc cho hữu tình? Ngài nghĩ kỹ, thấy thành lớn chỗ ngự của vua Mãn-độ-ma, nhân dân phồn thịnh, cơ duyên thuần thục. Suy nghĩ như vậy rồi, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục tay cầm bát, lần lượt đi khất thực, đến thành Mãn-độ-ma, vào vườn An lạc Lộc dã, tạm trú ở đây với tâm tự tại, không sợ hãi.

Thế Tôn nói kệ:

Bậc Nhị Túc[2], Chánh Biến,
Tự tại hành trì bát;
An trú vườn Lộc dã,
Không sợ, như sư tử.

Thế Tôn nói kệ xong, bảo các Bí-sô:

Phật Tỳ-bà-thi bảo người giữ cửa:

"Ta muốn gặp thái tử Khiếm-noa và cận thần Đế-tô-rô. Ta đang ở vườn An lạc Lộc dã, muốn gặp hai vị đó."

Người giữ cửa nghe nói, đến chỗ thái tử Khiếm-noa và cận thần Đế-tô-rô, trình bày sự việc:

"Phật Tỳ-bà-thi thành đạo Chánh giác, đến thành Mãn-độ-ma, ở

---

1. Nói về việc sự truyền giáo, giáo giới độ đệ tử của Đức Phật Tỳ-bà-thi.
2. Haùn: Nhị túc 二足, gọi đủ là Nhị Túc Tôn, 二足尊, hay có chỗ gọi là Lưỡng Túc Tôn, 兩足尊: Tôn quý giữa loài hai chân, chỉ cho chư Thiên và loài người. Có chỗ giải thích là đầy đủ Phước và Trí, vì chữ Hán 足 vừa có nghĩa là 'cái chân' vừa có nghĩa là 'đầy đủ'.

trong vườn An lạc Lộc dã, muốn gặp các ngài."

"Thái tử Khiếm-noa nghe tâu, cùng Đế-tô-rô lên xe ra khỏi thành Mãn-độ-ma, vào vườn An lạc Lộc dã, đến trước Phật Tỳ-bà-thi, cúi đầu đảnh lễ sát chân Phật, mắt chăm chú chiêm ngưỡng tôn nhan của Phật không rời.

Bấy giờ, Phật Tỳ-bà-thi muốn cho Khiếm-noa vui vẻ phát lòng tin nên khai thị diệu pháp. Phật dạy:

"Như Phật quá khứ giảng dạy, nếu bố thí, trì giới, tinh tấn tu hành, xa lìa dục sắc phiền não lỗi lầm, sẽ được sinh nơi cõi trời thanh tịnh."

Thái tử Khiếm-noa cùng Đế-tô-rô nghe lời dạy, tâm được thanh tịnh, như tâm của Phật Tỳ-bà-thi Chánh đẳng giác, sinh tâm hiểu biết chân chính, tâm không nghi ngờ, tâm thiện, tâm nhu hòa, tâm quảng đại, tâm vô ngại, tâm vô biên, tâm thanh tịnh. Đức Phật lại giảng nói, khai thị các pháp hành của Tứ đế là khổ, tập, diệt, đạo.

Bấy giờ, thái tử Khiếm-noa và Đế-tô-rô thông đạt Tứ đế, thấy pháp, biết pháp, đắc pháp, được pháp kiên cố, nương nơi pháp, trụ nơi pháp, bất động nơi pháp, không xả pháp, không luống không nơi pháp[3]. Như tấm vải trắng không có các vết bẩn, tâm giác ngộ pháp cũng như vậy.

Lúc này, thái tử Khiếm-noa và Đế-tô-rô bạch Phật Tỳ-bà-thi:

"Kính bạch Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Giác, con mong được xuất gia thọ giới của Thiện Thệ."

Phật dạy:

"Lành thay! Nay đã đến lúc[4]."

"Đức Phật cho cạo tóc và truyền giới Cụ túc cho hai người. Sau đó, Ngài vì hai người này hiện ba loại thần thông[5], làm cho họ phát tâm tinh tấn hướng đến Phật tuệ. Một, hiện biến hóa thần thông. Hai, hiện thuyết pháp thần thông. Ba, hiện điều phục thần thông. Thấy sự thị hiện như vậy, thái tử Khiếm-noa và Đế-tô-rô càng dũng mãnh tinh tấn,

---

3. Nghĩa là: không còn do dự đối với pháp.

4. Hán: Thiện tai! Kim chánh thị thời, 善哉！今正是時; No.1(1): Thiện lai Tỳ-kheo 善來比丘. Theo Luật tạng, lúc bấy giờ các Đức Phật quá khứ cũng như hiện tại thường trực tiếp truyền giới Cụ túc cho đệ tử bằng cách nói như vậy.

5. Tức ba thị đạo 三示導: Thần biến thị đạo 神變示導, Ký tâm thị đạo 記心示導 và Giáo giới thị đạo 教誡示導.

không bao lâu tương ưng với chân trí, đoạn sạch các lậu, thành A-la-hán. Thế Tôn nói kệ:

Thế Tôn Tỳ-bà-thi,
Thuyết pháp vườn Lộc dã;
Khiếm-noa, Đế-tô-rô,
Đều đến nơi Phật ở.
Cúi đầu sát đảnh lễ,
Nhất tâm chiêm ngưỡng Ngài.
Phật dạy thí, trì giới,
Pháp khổ, tập, diệt, đạo.
Nghe xong càng tin nhận,
Hiểu pháp không sanh diệt;
Đều cầu xin xuất gia,
Thọ giới của Thiện Thệ.
Lại thấy sức thần thông,
Liền phát tâm tinh tấn;
Không lâu, đoạn hết lậu,
Chứng quả A-la-hán.

Thế Tôn nói kệ xong, bảo các Bí-sô:

"Các Thầy hãy lắng nghe! Nhân dân thành Mãn-độ-ma phồn thịnh, có tám vạn người gieo trồng gốc thiện đời trước, nghe thái tử Khiếm-noa và Đế-tô-rô vì lòng tin chân chính xuất gia; Đức Phật thuyết pháp, hiện thần thông, cả hai đều chứng thánh quả. Họ đều suy nghĩ: 'Thật sự có xuất gia như vậy, có phạm hạnh như vậy, có thuyết pháp như vậy, có điều phục như vậy. Đây là sự việc hiếm có trên thế gian, được nghe việc chưa từng nghe, chúng ta nên nguyện xuất gia.' Sau khi nghĩ như thế, tám vạn người đều xả bỏ gia đình duyên sự, ra khỏi thành Mãn-độ-ma, vào vườn An lạc Lộc dã, đến nơi Phật Tỳ-bà-thi, cúi đầu đảnh lễ sát chân Phật, đứng qua một bên, chắp tay chăm chú chiêm ngưỡng Phật. Để cho họ phát sinh lòng tin, Phật nói:

"Diệu pháp mà chư Phật quá khứ đã dạy: người bố thí, trì giới, tinh tấn, tu hành, thoát ly dục sắc, phiền não, các lỗi lầm, thì sinh về cõi trời thanh tịnh."

Tám vạn người nghe lời dạy, tâm được thanh tịnh, như tâm Phật Tỳ-bà-thi Chánh đẳng giác, sinh tâm hiểu biết chân chính, tâm không nghi ngờ, tâm thiện, tâm nhu hòa, tâm quảng đại, tâm vô ngại, tâm vô

biên, tâm thanh tịnh. Phật lại giảng dạy, khai thị các pháp hành của Tứ đế là khổ, tập, diệt, đạo. Tám vạn người kia thông đạt Tứ đế, thấy pháp, biết pháp, đắc pháp, kiên cố nơi pháp, nương dựa nơi pháp, bất hoại nơi pháp, trụ nơi pháp, không dao động nơi pháp, không xả pháp, không luống không nơi pháp. Như tấm vải trắng không bị vết nhớp; tâm họ cũng như vậy.

Tám vạn người đồng bạch Phật:

"Cầu xin Đức Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Giác thu nhận chúng con, cho phép chúng con được xuất gia thọ trì giới của Thiện Thệ."

Phật cho phép họ cạo tóc thọ giới. Ngài lại hiện ba loại thần thông làm cho họ phát khởi tinh tấn. Một, biến hóa thần thông. Hai, thuyết pháp thần thông. Ba, điều phục thần thông. Sau khi Phật thị hiện như thế, tám vạn người dũng mãnh tinh tấn, không bao lâu đoạn tận phiền não, tâm ý giải thoát, chứng A-la-hán.

Thế Tôn nói kệ:

Trong thành Mãn-độ-ma,
Tám vạn người nghe được;
Khiếm-noa, Đế-tô-rô,
Xuất gia chứng thánh đạo.
Đều phát tâm thanh tịnh,
Đi đến nơi Đức Phật;
Nghe pháp tâm hoan hỷ,
Liền phát lòng dũng mãnh.
Chắp tay bạch Thế Tôn,
Cho con xin xuất gia;
Thọ trì đối giới luật,
Đã đúng lúc nhận họ.
Cạo tóc cho thọ giới,
Rồi lại hiện thần thông;
Đoạn sạch các trói buộc,
Như diệt rừng Thi lợi.
Cháy sạch không còn sinh,
Thành tựu giải thoát lớn;
Các khổ nương như vậy,
Diệt hết không còn nữa.

Thế Tôn nói kệ xong, bảo các Bí-sô:

Phật Tỳ-bà-thi độ đại chúng kia rồi, ra khỏi vườn An lạc Lộc dã đến thành Mãn-độ-ma. Tám vạn Bí-sô cũng đến thành Mãn-độ-ma, tới trước Thế Tôn, cúi đầu đảnh lễ sát chân Phật, ngồi qua một bên. Phật giảng dạy đầy đủ nhân duyên đắc đạo, làm cho họ thêm kiên cố.

Thế Tôn nói kệ:

Làm việc rất khó làm,
Luân hồi dứt luân hồi;
Tám vạn người như vậy,
Đoạn sạch các trói buộc.
Cũng như Đế-tô-rô,
Và thái tử Khiếm-noa;
Tinh tấn cầu xuất gia,
Đều được quả giải thoát.

Thế Tôn nói kệ xong, bảo các Bí-sô:

Phật Tỳ-bà-thi suy nghĩ: 'Nên giảm bớt số đông Bí-sô đang ở nơi thành Mãn-độ-ma; bảo sáu vạn hai ngàn Bí-sô đi khắp nơi, du hóa đến các thôn xóm, tùy ý tu tập. Sau sáu năm lại trở về thành Mãn-độ-ma, thọ trì Ba-la-đề-mục-xoa[6].' Khi Phật suy nghĩ, trên hư không có một vị thiên tử, biết tâm niệm của Phật, bạch rằng:

"Lành thay! Nay đúng lúc bảo sáu vạn hai ngàn Bí-sô du hóa các thôn xóm, tùy ý tu hành, sau sáu năm lại trở về nước cũ[7], thọ trì Ba-la-đề-mục-xoa."

Đức Phật dạy:

"Này các Bí-sô, nên sai sáu vạn hai ngàn người du hóa tới các thôn xóm, tùy ý tu hành, sau sáu năm lại trở về nước cũ, thọ trì Ba-la-đề-mục-xoa."

Khi ấy, sáu vạn hai ngàn người nghe dạy, đi ra khỏi thành Mãn-độ-ma, du hóa các phương.

Thế Tôn nói kệ:

---

6. Ba-la-đề-mục-xoa 波羅提目叉, No.1(1): Cụ túc giới 具足戒.

7. **Hán: phục hoàn bổn quốc 復還本國; No.1(1): hoàn thử thành, 還此城.**

Vô Lậu, Đẳng Chánh Giác,
Điều Ngự, Đại Trượng Phu;
Hướng dẫn chúng quần sinh,
Đi đến đạo tịch tĩnh.
Sai đại chúng Bí-sô,
Chúng Thanh văn tối thượng;
Sáu vạn hai ngàn người,
Ra khỏi thành Mãn-độ.
Du hành các thôn xóm,
Như rồng uy thế lớn;
Tùy ý tự tu hành,
Sáu năm về chỗ cũ.

Thế Tôn nói kệ xong bảo các Bí-sô:

"Sáu vạn hai ngàn Bí-sô kia ra khỏi thành, đi đến các làng xóm tùy ý tu hành. Trải qua một năm, hai năm, cho đến sáu năm, các Bí-sô ấy bảo nhau:

"Đã hết sáu năm, nên trở về nước cũ."

"Khi họ nói như vậy, Thiên nhân ở không trung lên tiếng:

"Nay đã đúng lúc trở về thành Mãn-độ-ma, thọ trì Ba-la-đề-mục-xoa. Sáu vạn hai ngàn Bí-sô dùng thần lực của mình và uy đức của chư Thiên, trong chốc lát đã về thành Mãn-độ-ma.

Thế Tôn nói kệ:

Đại Bí-sô của Phật,
Sáu vạn hai ngàn người;
Du hóa khắp làng xóm,
Thời gian đủ sáu năm.
Tự nhớ trở về nước,
Thiên nhân lên tiếng nói;
Nên về thành Mãn-độ,
Thọ trì giới thanh tịnh.
Nghe vậy rất vui mừng,
Cảm giác cả toàn thân;
Liền dùng sức thần thông,
Như cưỡi voi quý lớn.
Nhanh chóng về thành cũ,
Tự tại không trở ngại;

Vô Thượng Nhị Túc Tôn[8],
Xuất hiện ở thế gian.
Khéo giảng các luật nghi,
Độ thoát chúng quần sinh;
Nay Phật sẽ giảng dạy,
Ba-la-đề-mục-xoa.

Thế Tôn nói kệ xong, bảo các Bí-sô:

Sáu vạn hai ngàn Bí-sô kia vào thành Mãn-độ-ma, đến trước Phật Tỳ-bà-thi cúi đầu đảnh lễ sát chân Phật, ngồi qua một bên. Phật dạy:

"Hãy lắng nghe! Ta sẽ giảng giải về Ba-la-đề-mục-xoa:

Nhẫn nhục là tối thượng,
Nhẫn được chứng Niết-bàn;
Phật quá khứ đã dạy:
Xuất gia làm Sa-môn,
Từ bỏ sự sát hại,
Bảy chi tội thân, miệng;
Giữ giới Cụ túc này,
Phát sinh đại trí tuệ.
Được thân Phật thanh tịnh,
Bậc Tối Thượng thế gian;
Xuất sinh trí vô lậu,
Chấm dứt khổ sinh tử.

Khi Thế Tôn nêu giảng về giới luật này, có chư Thiên, Thiên tử, dùng uy lực chư Thiên, rời khỏi thiên cung, đến trước Phật Tỳ-bà-thi, đảnh lễ chắp tay, lắng nghe Ba-la-đề-mục-xoa.

Thế Tôn nói kệ:

Vô lậu, không nghĩ bàn,
Phá tối, đến bờ giác;
Tất cả trời Thích, Phạm,
Đều nghe giới Đại Tiên.

Thế Tôn nói kệ xong, bảo các Bí-sô:

"Một hôm, trong tịnh thất, cạnh hang Thất diệp ở thành Vương xá, Ta ngồi suy nghĩ: 'Khi Phật quá khứ Tỳ-bà-thi tuyên bố tạng Tỳ-nại-

8. Nhị Túc Tôn, 二足尊, xem cht.20.

da[9], e rằng có chư Thiên không đến nghe giới của Đại tiên. Nay Ta đến cõi trời để hỏi chúng Phạm thiên.' Nghĩ như thế rồi, Ta nhập chánh định đến trời Thiện hiện[10] nhanh như người lực sĩ co duỗi cánh tay. Thiên tử nơi ấy, cúi đầu đảnh lễ sát chân Phật, bạch: 'Lành thay Thế Tôn! Đã lâu Ngài không đến đây, con là đệ tử Thanh văn của Phật Tỳ-bà-thi Chánh Đẳng Chánh Giác. Ngài thuộc giòng Sát-đế-lợi, họ Kiều-trần, xuất gia vì lòng tin, sống tám vạn tuổi. Phụ vương tên Mãn-độ-ma, mẫu hậu tên Mãn-độ-ma-đế, thái tử Khiếm-noa, Đế-tô-rô, xuất gia thọ giới, chứng A-la-hán. Vị thị giả Hiền thiện đệ nhất tên A-thâu-ca. Phật thuyết pháp ba hội, độ nhiều Thanh văn. Đại hội thứ nhất có sáu vạn hai ngàn người đắc quả A-la-hán. Đại hội thứ hai mười vạn người đắc quả A-la-hán. Đại hội thứ ba có tám vạn người đắc quả A-la-hán. Đức Phật Tỳ-bà-thi có sự tối thượng như vậy, xuất gia như vậy, chứng Bồ-đề như vậy, thuyết pháp như vậy, điều phục như vậy, làm cho các đệ tử mặc y mang bát như vậy, tu hành Phạm hạnh, xa lìa năm dục, đoạn phiền não đắc giải thoát, chứng pháp Vô sanh, chứng A-na-hàm... cũng như vậy.

Sau đó, là Phật Thi-khí, Phật Tỳ-xá-phù, Phật Câu-lưu-tôn, Phật Câu-na-hàm Mâu-ni, Phật Ca-diếp thuyết giảng pháp điều phục, mặc y mang bát, tu các phạm hạnh, xa lìa năm dục, đoạn phiền não chứng pháp vô sanh, chứng A-na-hàm... cũng như vậy.

Bấy giờ, có vô số trăm ngàn Thiên tử, cung kính vây quanh Thế Tôn cùng đi đến trời Thiện kiến[11]. Chư Thiên ở trời Thiện kiến thấy Phật, đầu mặt lạy sát chân Phật, rồi cùng vô số trăm ngàn Thiên tử cung kính vây quanh Phật, đi đến trời Sắc cứu cánh[12]. Thiên vương kia từ xa thấy Thế Tôn, đảnh lễ sát chân Thế Tôn, bạch:

"Lành thay Thế Tôn! Đã lâu Ngài không đến đây, con là đệ tử Thanh văn của Phật Tỳ-bà-thi Chánh Đẳng Chánh Giác. Ngài thuộc dòng Sát-đế-lỵ, họ Kiều-trần sống tám vạn tuổi. Phụ vương tên Mãn-

---

9. Tỳ-nại-da 毘奈耶; hay Tỳ-ni; No.1(1) không có sự kiện này.

10. Thiện hiện 善現, một trong năm cõi Tịnh cư của Thánh giả A-na-hàm; No.1(1) không thấy đề cập.

11. Thiện kiến 善見, một trong năm cõi Tịnh cư của Thánh giả A-na-hàm; No.1(1) có đề cập đến cõi này.

12. Sắc cứu cánh 色究竟, một trong năm cõi Tịnh cư của Thánh giả A-na-hàm. No.1(1): Nhất cứu cánh 一究竟.

độ-ma, mẹ tên Mãn-độ-ma-đế. Đô thành cũng tên Mãn-độ-ma. Thái tử Khiếm-noa, Đế-tô-rô, xuất gia thọ giới, chứng A-la-hán. Vị thị giả Hiền thiện đệ nhất tên A-thâu-ca. Phật thuyết pháp ba hội, độ nhiều chúng Thanh văn. Đại hội thứ nhất độ sáu vạn hai ngàn người đắc quả A-la-hán. Đại hội thứ hai độ mười vạn người đắc quả A-la-hán. Đại hội thứ ba độ tám vạn người đắc quả A-la-hán. Phật Tỳ-bà-thi có sự tối thượng như vậy, xuất gia như vậy, phạm hạnh như vậy, chứng Bồ-đề như vậy, thuyết pháp như vậy, điều phục như vậy, quy định các đệ tử mặc y mang bát, tu các phạm hạnh, xa lìa năm dục, đoạn phiền não, chứng pháp Vô sanh, chứng A-na-hàm...

"Sau đó là Phật Thi-khí, Phật Tỳ-xá-phù, Phật Câu-lưu-tôn, Phật Câu-na-hàm Mâu-ni, Phật Ca-diếp, mặc y mang bát thuyết pháp điều phục, tu các phạm hạnh, xa lìa năm dục, chứng pháp vô sanh, chứng A-na-hàm...

"Nay, Bậc Đại Mâu-ni thuyết pháp phạm hạnh điều phục chúng sanh cũng như vậy."

Thiên tử nói kệ:

Vô Thượng Nhị Túc Tôn,
Nhập vào tam-ma-địa;
Dùng sức thần thông lớn,
Ra khỏi cõi Diêm-phù.
Đến cõi trời Thiện hiện,
Chỉ trong một chớp nhoáng;
Như lực sĩ duỗi tay,
Sát-na đến cõi ấy.
Thế Tôn rất hy hữu,
Vô lậu, không chướng ngại;
Thân thanh tịnh giải thoát,
Như sen không dính nước.
Trong trăm ngàn thế giới,
Không ai sánh bằng Phật;
Hàng phục Đại ma vương,
Như sông cuốn cỏ rác.
Các vị trời Thiện hiện,
Đều đến cúi đầu lạy;
Quy y Bậc Tối Thượng,
Chánh Giác Đại Từ Tôn.

Điều phục các chúng sanh,
Sáu căn đều thanh tịnh;
Phát sinh tuệ vô thượng,
Y pháp tu tinh tấn.
Quá khứ Tỳ-bà-thi,
Bậc Chánh Đẳng Chánh Giác;
Thuyết diệu pháp ba hội,
Hóa độ chúng Thanh văn.
Luật nghi và phạm hạnh,
Giữ gìn không khuyết phạm;
Thanh tịnh và viên mãn,
Như trăng trong đêm rằm.
Phật Thi-khí Thế Tôn,
Như Lai Tỳ-xá-phù;
Hiền kiếp Câu-lưu-tôn,
Câu-na-hàm Mâu-ni.
Cùng với Phật Ca-diếp,
Các Như Lai như vậy;
Chúng Thanh văn được độ,
Đều chứng đắc, lậu hết.
Không có các phiền não,
Thường tu bảy giác chi;
Hành trì Bát chánh đạo,
Xa lìa lỗi năm dục.
Thông đạt trí tuệ lớn,
Đều là bậc tri thức;
Như vua Tỳ-sa-môn,
Thường uống vị cam lồ.
Như ánh sáng mặt trời,
Tất cả Phật, Thế Tôn.
Uy nghi và pháp hành,
Lợi ích chúng quần sanh;
Mở bày các phương tiện,
Hướng dẫn đều giống nhau.

Thế Tôn nói kệ xong, bảo các Bí-sô:

"Ta đến chỗ chư Thiên kia, nghe sự việc này, biết các Thiên nhân, đối với pháp hội của chư Phật, đều tùy hỷ, có người ưa thích thọ

trì, đi đứng nằm ngồi, tư duy đọc tụng, không có các mê hoặc, đoạn trừ hẳn luân hồi, giải thoát an lạc.

Phật thuyết kinh này xong, mọi người đều hoan hỷ, tin thọ phụng hành.

❑

SỐ 4

KINH THẤT PHẬT PHỤ MẪU

TÁNH TỰ[1]

Hán dịch: Khuyết danh

Nghe như vầy[2]:

Một thời, Phật ở nước Xá-vệ. Trong nước, có người phụ nữ có con trai tên là Vô Diên do đó được gọi là Mẹ Vô Diên[3]. Phật cùng năm trăm Tỳ-kheo[4] đến nhà bà Vô Diên, ngồi thọ trai trên điện. Sau khi thọ trai[5], có khoảng mười Tỳ-kheo, ở chỗ khuất[6], bàn luận với nhau: Phật là bậc chúng ta tôn kính, thần uy vô cùng, biến hóa tự tại theo ý muốn, lẽ nào Ngài không biết Phật quá khứ và Phật tương lai, với tuổi thọ, tên họ cha mẹ, bao nhiêu đệ tử, sự tu hành và giáo pháp của các Ngài.

Phật bằng thiên nhĩ nghe các Tỳ-kheo bàn luận về việc này; Ngài đến hỏi:

"Này các Tỳ-kheo, các thầy bàn luận về việc gì?"

Các Tỳ-kheo thưa:

"Chúng con nghĩ rằng Phật có thần thông tối thượng, đạo đức vi diệu, hiểu biết cao xa, không ai có thể hơn Ngài được. Phật biết rõ chư Phật quá khứ, chư Phật tương lai, với tuổi thọ, tên họ cha mẹ, bao nhiêu đệ tử, sự tu hành và ý chí giáo lệnh."

Phật nói:

---

1. Bản hán: *Thất Phật Phụ Mẫu Tánh Tự kinh*, vô danh dịch, thời Tiền Ngụy. Đại I, No.4, tr.159a-160a. Tham chiếu: *Phật Thuyết Trường A-hàm kinh*, Hậu Tần Hoằng thỉ niên, Phật-đà-da-xá cọng Trúc Phật Niệm dịch, 'Đệ nhất phần sơ Đại Bản kinh Đệ nhất'. Đại I, No.1(1) tr.1a-10c.

2. Nguyên Hán: Văn như thị 聞如是.

3. Vô Diên mẫu 無延母, phiên âm của Mhgāramāth (Pāli: Migāramātu), dịch Lộc Tử mẫu 鹿子母, tức bà Tỳ-xá-khư (Pāli: Visākā).

4. Ngũ bách Tỳ-kheo 五百比丘 (năm trăm Tỳ-kheo); No.1(1): Đại Tỳ-kheo chúng thiên nhị bách ngũ thập nhơn 大比丘眾千二百五十人 (chúng đại Tỳ-kheo một nghìn hai trăm năm mươi người).

5. Hán: phạn dĩ 飯已, (sau khi thọ trai); No.1(1): Ư khất thực hậu 於乞食後, (sau khi khất thực).

6. Hán: ư bình xứ 於屏處 (ở chỗ khuất); No.1(1): ở Hoa lâm đường 花林堂.

"Lành thay! Lành thay! Đúng như vậy. Các thầy hành pháp Sa-môn, nên nhớ nghĩ những việc lành như vậy. Các thầy muốn nghe tên họ chư Phật quá khứ với cha mẹ, đệ tử các Ngài không?"

Các Tỳ-kheo thưa:

"Chúng con muốn nghe."

Phật dạy:

"Các Thầy hãy lắng nghe! Đức Phật thứ nhất tên Duy-vệ[7], nhập Niết-bàn đến nay đã chín mươi mốt kiếp. Phật thứ hai tên Thức[8], nhập Niết-bàn đến nay cũng đã ba mươi mốt kiếp. Phật thứ ba tên Tùy-diệp[9], nhập Niết-bàn đến nay đã ba mươi mốt kiếp. Trong kiếp Phi-địa-la[10] sẽ có một ngàn Phật, thứ nhất tên Phật Câu-lâu-tần[11], Đức Phật thứ hai tên Phật Câu-na-hàm Mâu-ni[12], thứ ba tên Phật Ca-diếp[13], thứ tư là Ta, Phật Thích-ca Văn-ni.

"Phật Duy-vệ họ Câu-lân[14]. Phật Thức cũng họ Câu-lân. Phật Tùy-diệp cũng họ Câu-lân. Phật Câu-lâu-tần họ Ca-diếp. Phật Câu-na-hàm Mâu-ni, cũng họ Ca-diếp, Phật Ca-diếp cũng họ Ca-diếp. Nay, Ta, Phật Thích-ca Văn-ni họ Cù-đàm[15].

"Phật Duy-vệ dòng Sát-lỵ. Phật Thức cũng dòng Sát-lỵ. Phật Tùy-diệp cũng dòng Sát-lỵ. Phật Câu-lâu-tần dòng Bà-la-môn. Phật Câu-na-hàm Mâu-ni cũng dòng Bà-la-môn. Phật Ca-diếp cũng dòng Bà-la-môn. Đến nay, Ta, Phật Thích-ca Văn-ni dòng Sát-lỵ.

"Phật Duy-vệ, cha tên Bàn-biểu,[16] vua dòng Sát-lỵ; mẹ tên Bàn-đầu-mạt-đà[17], trị vì đất nước tên Sát-mạt-đề[18].

---

7. Duy-vệ 維衛; No.1(1): Tỳ-bà-thi 毗婆尸.
8. Thức 式; No.1(1): Thi-khí 尸棄.
9. Tùy-diệp 隨葉; No.1(1): Tùy-xá-bà 毗舍婆.
10. Phi-địa-la kiếp 披地羅劫; No.1(1): Hiền kiếp 賢劫.
11. Câu-lâu-tần 拘樓秦; No.1(1): Câu-lâu-tôn 拘樓孫.
12. Câu-na-hàm Mâu-ni 拘那含牟尼.
13. Ca-diếp 迦葉.
14. Câu-lân 拘鄰; No.1(1): Câu-lỵ-nhã, 拘利若.
15. Cù-đàm 瞿曇; Pāli: Gotama.
16. Bàn-biểu 槃裱; No.1(1): Bàn-đầu 槃頭.
17. Bàn-đầu-mạt-đà 槃頭末陀; No.1(1), Bàn-đầu-bà-đề 槃頭婆提.
18. Saùt-mạt-đeà 殺末提; No.1(1): Bàn-đầu-bà-đề 槃頭婆提.

"Phật Thức, cha tên A-luân-noa[19], vua dòng Sát-lỵ; mẹ tên Ba-la-ha-việt-đề[20], trị vì đất nước tên A-lâu-na-hòa-đề[21].

"Phật Tùy-diệp, cha tên Tu-ba-la-đề-hòa[22], vua dòng Sát-lỵ; mẹ tên Da-xá-việt-đề[23], trị vì đất nước tên A-nâu-ưu-ma[24]. Phật Câu-lâu-tần, cha tên A-chi-vi-đâu[25], dòng Bà-la-môn; mẹ tên Tùy-xá-ca[26]. Quốc gia tên Luân-ha-lợi-đề-na[27]. Quốc vương hiệu Tu-ha-đề[28].

"Phật Câu-na-hàm Mâu-ni, cha tên Da-thiểm-bát đa[29], dòng Bà-la-môn; mẹ tên Uất-đa-la[30], nước tên Sai-ma-việt-đề[31]. Quốc vương hiệu Sai-ma[32].

"Phật Ca-diếp, cha tên A-chi-đạt-da[33], dòng Bà-la-môn; mẹ tên Đàn-na-việt-đề-da[34], nước hiệu Ba-la-tư[35]. Quốc vương hiệu Kỳ-thậm-đọa[36].

"Nay, Ta Phật Thích-ca Văn-ni, cha tên Duyệt-đầu-đàn[37], vua dòng Sát-lỵ; mẹ tên Ma-ha Ma-da[38]. Nước tên Ca-duy-la-vệ[39], Đại

---

19. A-luân-noa 阿輪拏; No.1(1), Minh Tướng 明相.
20. Ba-la-ha-việt-đề 波羅呵越提; No.1(1), Quang Diệu 光妙.
21. A-lâu-na-hòa-đề 阿樓那(和+心)提; No.1(1), Quang Tướng 光相.
22. Tu-ba-la-đề-hòa 須波羅提(和+心); No.1(1)d, Thiện Đăng 善燈.
23. Da-xá-việt-đề 耶舍越提; No.1(1), Xứng Giới 稱戒.
24. A-nâu-ưu-ma 阿(...)憂摩; No.1(1), Vô Dụ 無喻.
25. A-chi-vi-đâu 阿枝違兜; No.1(1), Tự Đắc 祀得.
26. Tùy-xá-ca 隨舍迦; No.1(1), Thiện Chi 善枝.
27. Luân-ha-lợi-đề-na 輪訶唎提那; No.1(1), An Hòa thành 安和城.
28. Tu-ha-đề 須訶提; No.1(1), An Hòa, 安和.
29. Da-thiểm-baùt-đa 耶睒鉢多; No.1(1)d, Đại Đức 大德.
30. Uất-đa-la 鬱多羅; No.1(1), Thiện Thắng 善勝.
31. Sai-ma-việt-đề 差摩越提 (có lẽ Skt.: Kṛemavatī; Pāli: Khemavātī); No.1(1): Thanh tịnh thành, 清淨城.
32. Sai-ma 差摩 (có lẽ Skt.: Kwema; Pāli:Khema); No.1(1), Thanh Tịnh 清淨.
33. A-chi-đạt-da 阿枝達耶; No.1(1), Phạm Đức 梵德.
34. Đàn-na-việt-đề-da 檀那越提耶; No.1(1): Tài Chủ 財主.
35. Ba-la-tư 波羅私; No.1(1), Ba-la-nại 波羅奈城.
36. Kỳ-thậm-đọa 其甚墮; No.1(1), Cấp-tỳ 汲毗.
37. Duyệt-đầu-đàn 閱頭檀; No.1(1), Tịnh Phạn 淨飯.
38. Ma-ha Ma-da 摩訶摩耶; No.1(1), Đại Thanh Tịnh Diệu 大清淨妙.

vương đời trước tên Bàn-đề[40].

"Phật Duy-vệ thọ tám vạn tuổi[41]. Phật Thức thọ bảy vạn tuổi[42]. Phật Tùy-diệp thọ sáu vạn tuổi[43]. Phật Câu-lâu-tần thọ bốn vạn tuổi[44]. Phật Câu-na-hàm Mâu-ni thọ ba vạn tuổi[45]. Phật Ca-diếp thọ hai vạn tuổi[46]. Ta, Phật Thích-ca Văn thọ trên dưới một trăm tuổi.

"Con Phật Duy-vệ tên Tu-viết-đa-kiện-đà[47]. Con Phật Thức tên A-đâu-la[48]. Con Phật Tùy-diệp tên Tu-ba-la-viết[49]. Con Phật Câu-lâu-tần tên Uất-đa-la[50]. Con Phật Câu-na-hàm Mâu-ni tên Đọa-di-đà-tiên-na[51]. Con Phật Ca-diếp tên Sa-đa-hòa[52]. Nay, con Ta, Phật Thích-ca Văn-ni tên La-vân[53].

"Phật Duy-vệ đắc đạo thành Phật dưới cây Ba-đà-la[54]. Phật Thức đắc đạo thành Phật dưới cây Phân-đồ-lỵ[55]. Phật Tùy-diệp đắc đạo thành Phật dưới cây Tát-la[56]. Phật Câu-lâu-tần đắc đạo thành Phật dưới cây Tư-lợi[57]. Phật Câu-na-hàm Mâu-ni đắc đạo thành Phật dưới cây Ô-tạm[58]. Phật Ca-diếp đắc đạo thành Phật dưới cây Ni-câu-loại[59]. Nay,

---

39. Ca-duy-la-vệ 迦維羅衛; No.1(1), Ca-tỳ-la-vệ 迦毗羅衛.
40. Bàn-đề 槃提, không rõ.
41. No.4, tuổi thọ của Phật; nhưng No.1(1), tuổi thọ loài người đương thời.
42. Xem cht.41.
43. No.1(1), người thời bấy giờ thọ bảy vạn tuổi.
44. Xem cht.41.
45. Xem cht.41.
46. Xem cht.41.
47. Tu-viết-đa-kiện-đà 須曰多鞬陀; No.1(1), Phương Ưng 方膺.
48. A-đâu-la 阿兜羅; No.1(1) sđd.: Vô Lượng, 無量.
49. Tu-ba-la-vieát 須波羅曰; No.1(1) sđd.: Diệu Giác 妙覺.
50. Uaát-đa-la 鬱多羅; No.1(1) sđd.: Thượng Thắng 上勝.
51. Đọa-di-đà-tiên-na 墮夷陀先那; No.1(1) sđd.: Đạo Sư 道師.
52. Sa-đa-hòa 沙多和; No.1(1) sđd.: Tập Quân 集軍.
53. La-vân 羅云; No.1(1) sđd.: La-Hầu-La 羅候羅.
54. Ba-đà-la 波陀羅; No.1(1) sđd.: Ba-ba-la 波波羅.
55. Phân-đồ-lỵ 分塗利; No.1(1) sđd.: Phân-đà-lỵ 分陀利.
56. Tát-la 薩羅; No.1(1) sđd.: Bà-la 婆羅.
57. Tư-lợi 斯利; No.1(1) sđd.: Thi-lỵ-sa 尸利沙.
58. Ô-tạm 烏暫; No.1(1) sđd.: Ô-tạm-bà-la 烏暫婆羅.
59. Ni-câu-loại 尼拘類; No.1(1) sđd.: Ni-câu-luật 尼拘律.

Ta thành Phật Thích-ca Văn-ni dưới cây A-bái-đa[60]. Thị giả Phật Duy-vệ tên A-luân[61]. Thị giả Phật Thức tên Sai-ma-yết[62]. Thị giả Phật Tùy-diệp tên Phục-chi-diệp[63]. Thị giả Phật Câu-lâu-tần tên Phù-đề[64]. Thị giả Phật Câu-na-hàm Mâu-ni tên Tát-chất[65]. Thị giả Phật Ca-diếp tên Tát-ba-mật[66]. Ta, Phật Thích-ca Văn-ni, thị giả tên A-nan[67].[68]

"Phật Duy-vệ có đệ tử đệ nhất tên Tắc, đệ nhị tên Chất-hàm[69]. Phật Thức có đệ tử đệ nhất tên A-tỷ-vụ, đệ nhị tên Tam-tham[70]. Phật Tùy-diệp có đệ tử đệ nhất tên Phật-đề, đệ nhị tên Uất-đa[71]. Phật Câu-lâu-tần có đệ tử đệ nhất tên Tăng-kỳ, đệ nhị tên Duy-lưu[72]. Phật Câu-na-hàm Mâu-ni có đệ tử đệ nhất tên Chuyển Luân, đệ nhị tên Uất-đa[73]. Phật Ca-diếp có đệ tử đệ nhất tên Chất-da-luân, đệ nhị tên Ba-đạt-hòa[74]. Nay đệ tử đệ nhất của Ta, Phật Thích-ca Văn-ni là Xá-lợi-phất-la, đệ nhị tên Ma-ha Mục-kiền-liên[75].

---

60. A-bái-đa 阿沛多; No.1(1) sđd.: Bát-đa 鉢多.
61. A-luân 阿輪; No.1(1), sđd.: Vô Ưu 無優.
62. Sai-ma-yết 差摩竭; No.1(1) sđd.: Nhẫn-Hành 忍行.
63. Phục-chi-diệp 復枝葉; No.1(1) sđd.: Tịch Diệt 寂滅.
64. Phù-đề 浮提; No.1(1) sđd.: Thiện Giác 善覺.
65. Tát-chất 薩質; No.1(1) sđd.: An Hòa 安和.
66. Tát-ba-mật 薩波蜜; No.1(1) sđd.: Thiện Hữu 善友.
67. A-nan 阿難; No.1(1) sđd.: A-nan 阿難.
68. No.4, đoạn văn này (từ Thị giả đến A-nan) đề cập đến những người hầu cận của các Đức Phật. Nhưng theo bản No.1(1) lại đề cập đến con của các Đức Phật. Ở đây, nếu đem đối chiếu hai đoạn của chủ đề này, thì chúng ta thấy có những điểm đồng dị như trên.
69. Tắc và Chất-hàm 塞 và 質含; No.1(1) sđd.: Khiên-trà và Đề-xá 騫荼 và 提舍.
70. A-tỷ-vụ và Tam-tham 阿比務 và 三參; No.1(1) sđd.: A-tỳ-phù và Tam-bà-bà 阿毗浮 và 三婆婆.
71. Phật-đeà và Uaát-đa 佛提 và 鬱多; No.1(1) sđd.: Phò-du và Uất-đa-ma 扶遊 và 鬱多摩.
72. Taêng-kỳ và Duy-lưu 僧耆 và 維留; No.1(1) sđd.: Tát-ni và Tỳ-lâu 薩尼 và 毗樓.
73. Chuyển Luân và Uaát-đa 轉輪 và 鬱多; No.1(1) sđd.: Thư-bàn-na và Uất-đa-lâu 舒盤那 và 鬱多樓.
74. Chất-da-luân và Ba-đạt-hòa 質耶輪 và 波達和; No.1(1) sđd.: Đề-xá và Bà-la-bà 提舍 và 婆羅婆.
75. Xaù-lợi-phaát-la và Ma-ha Mục-kieàn-liên 舍利弗羅 và 摩訶目乾連; No.1(1)

"Phật Duy-vệ thuyết ba hội kinh cho các Tỳ-kheo. Hội thuyết kinh thứ nhất có mười vạn Tỳ-kheo đắc quả A-la-hán. Hội thuyết kinh thứ hai có chín vạn Tỳ-kheo đắc quả A-la-hán. Hội thuyết kinh thứ ba có tám vạn Tỳ-kheo đắc quả A-la-hán.

"Phật Thức cũng có ba hội thuyết kinh. Hội thuyết Kinh thứ nhất có chín vạn Tỳ-kheo đắc quả A-la-hán. Hội thuyết kinh thứ hai có tám vạn Tỳ-kheo đắc quả A-la-hán. Hội thuyết kinh thứ ba có bảy vạn Tỳ-kheo đắc quả A-la-hán.

"Phật Tùy-diệp có hai hội thuyết kinh. Hội thuyết kinh thứ nhất có bảy vạn Tỳ-kheo đắc quả A-la-hán. Hội thuyết kinh thứ hai có sáu vạn Tỳ-kheo đắc quả A-la-hán.

"Phật Câu-lâu-tần thuyết pháp một hội, có bốn vạn Tỳ-kheo đắc quả A-la-hán.

"Phật Câu-na-hàm Mâu-ni thuyết pháp một hội, có ba vạn Tỳ-kheo đắc quả A-la-hán.

"Phật Ca-diếp thuyết pháp một hội, có hai vạn Tỳ-kheo đắc quả A-la-hán.

"Ta, Phật Thích-ca Văn-ni thuyết pháp một hội, có một ngàn hai trăm năm mươi Tỳ-kheo đều đắc quả A-la-hán."

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Không thể đo lường và xưng tán hết trí của Phật. Các Thầy nên thọ trì về sự xuất hiện, cha mẹ, quốc vương, sự giáo hóa của bảy Đức Phật."

Phật lại dạy các Tỳ-kheo:

"Kinh luật không thể không học. Đạo pháp không thể không hành trì. Đức Phật như người lái chiếc thuyền trong biển lớn, cả ngàn vạn người đều nương nhờ vào người lái để đi qua biển. Đức Phật dạy mọi người hành pháp thiện, đắc đạo quả và hóa độ thế gian cũng như vậy."

Các Tỳ-kheo nghe kinh này vui mừng, làm lễ rồi lui ra.

❑

sđd.: Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên 舍利弗 và 目乾連.

SỐ 5

KINH PHẬT BÁT-NÊ-HOÀN[1]

Hán dịch: Tây Tấn, Bạch Pháp Tổ

QUYỂN THƯỢNG[2]

Nghe như vầy[3]:

Một thời Phật ở trong núi Diêu[4], nước Vương xá[5] cùng với một ngàn hai trăm năm mươi Tỳ-kheo.

Bấy giờ vua nước Ma-kiệt[6] tên là A-xà-thế[7], không hài lòng với nước Việt-kỳ[8], muốn đem quân sang chinh phạt. Nhà vua triệu tập quần thần để cùng nhau nghị luận:

"Nước Việt-kỳ giàu có, nhân dân đông đúc, sản xuất nhiều châu báu, không chịu thần phục ta, vậy hãy đem binh chinh phạt nước ấy."

Trong nước có một hiền thần tên là Vũ-xá[9] thuộc dòng dõi Thệ tâm[10]. Ông Vũ-xá tâu:

"Xin tuân lệnh!"

Vua bảo Vũ-xá:

"Đức Phật ở cách đây không xa. Hãy đem lời của ta đến chỗ Đức Phật, cúi đầu đảnh lễ sát chân Ngài, hỏi thăm sức khỏe Ngài, 'Thân thể

---

1. Bản Hán, *Phật Bát-nê-hoàn kinh,* Tây Tấn, Bạch Pháp Tổ dịch, Đại I, No.5, tr.160b-168a. Tham chiếu, *Phật Thuyết Trường A-hàm kinh*, quyển 2. Hậu Tần Hoằng thỉ niên Phật-đà-da-xá cọng Trúc Phật Niệm dịch (Đại I, No.1(2) tr.11a-16b).
2. Bản Hán: Quyển thượng, No.1(2) sđd.: "Đệ nhất phần Du Hành kinh Đệ nhị, sơ".
3. Hán: Văn như thị 聞 如 是.
4. Diêu sơn 鷂 山 (núi Kên kên); No.1(2) sđd.: Kỳ-xà-quật 耆 奢 崛.
5. Hán: Vương xaù quốc 王 舍 國; No.1(2) sđd.: La-duyệt thành 羅 閱 城; hay La-duyệt-kỳ 羅 閱 祇, tức thành Vương xá, thủ phủ nước Ma-kiệt-đà vào lúc bấy giờ.
6. Ma-kiệt 摩 竭.
7. A-xà-thế 阿 闍 世; No.1(2), cũng vậy.
8. Việt-kỳ 越 祇; No.1(2) sđd.: Bạt-kỳ 跋 祇, tên một thị tộc, nhà nước thị tộc, vào lúc bấy giờ.
9. Vũ-xaù 雨 舍; như No.1(2).
10. Thệ tâm 逝 心; No.1(2) sđd.: dòng dõi Bà-la-môn, 婆 羅 門.

có bình an không? Ăn uống có bình thường không?' Hỏi thăm và đảnh lễ Đức Phật xong, hãy đem ý của ta mà bạch Ngài: 'Việt-kỳ nước lớn, khi dễ vua. Nhà vua muốn đem quân sang chinh phạt. Vậy có thể đắc thắng không?'"

Ông Vũ-xá nhận lệnh vua, liền chuẩn bị năm trăm cỗ xe, hai ngàn người cưỡi ngựa, hai ngàn người đi bộ, đến nước Vương xá. Tới con đường đi bộ liền xuống xe, đến trước Đức Phật, cúi đầu đảnh lễ sát chân Ngài. Đức Phật chỉ cái ghế bảo ông ngồi, rồi hỏi:

"Thừa tướng từ đâu đến đây?"

Ông thưa:

"Nhà vua bảo con đến đây, lạy dưới chân Đức Phật, hỏi thăm sức khỏe của Ngài, thân thể có bình an không, ăn uống có bình thường không?"

Đức Phật liền hỏi:

"Nhà vua và nhân dân trong nước có an hòa không? Được mùa hay mất mùa?"

Ông thưa:

"Nhờ ơn Đức Phật nên tất cả đều được bình an, hòa thuận, mưa gió đúng thời, nước nhà giàu có."

Đức Phật bảo:

"Ông đi đường, người ngựa đều bình an không?"

Ông thưa:

"Nhờ ơn Đức Phật, tất cả đi đường đều bình an không có gì xảy ra."

Rồi ông bạch Phật:

"Nhà vua và nước Việt-kỳ có sự hiềm khích nên nhà vua muốn đem quân chinh phạt, tiêu diệt nước đó. Vậy ý Phật như thế nào? Có thể thắng được không?"

Đức Phật dạy:

"Nhân dân nước Việt-kỳ nếu thọ trì bảy pháp này, nhà vua không thể chiến thắng được; nếu không thọ trì bảy pháp này, nhà vua có thể chiến thắng được."

Đức Phật dạy:

"Ngày trước ta từng đến nước Việt-kỳ. Nước này có Thần xá

Cấp-tật[11], thỉnh thoảng ta dừng chân trong ấy. Các trưởng lão trong nước Việt-kỳ đều đến nói với ta: 'Vua A-xà-thế muốn đến chinh phạt nước chúng con. Vậy chúng con phải phòng thủ nước thật cẩn thận'."

Đức Phật nói:

"Ta liền bảo các trưởng lão chớ có sầu lo, chớ có sợ sệt. Nếu thọ trì bảy pháp sau đây vua A-xà-thế có đến cũng không thể chiến thắng được các ngươi."

Vũ-xá hỏi Đức Phật:

"Bảy pháp đó là những gì?"

Khi ấy Đức Phật đang ngồi, Tôn giả A-nan đứng quạt hầu phía sau, Đức Phật bảo Tôn giả A-nan:

"Ngươi có nghe người nước Việt-kỳ thường cùng nhau tụ hội, giảng giải, luận bàn về chính sự, tu chỉnh, dự bị để tự phòng thủ không?"

A-nan thưa:

"Con có nghe họ thường cùng nhau tụ hội, giảng giải, luận bàn về chính sự, tu chỉnh, dự bị để tự phòng thủ."

Đức Phật dạy:

"Như vậy nước ấy không thể suy thoái được."

"Ngươi có nghe vua tôi nước Việt-kỳ, thường hòa thuận, quan lại trung lương giúp đỡ lẫn nhau không?"

Thưa:

"Con có nghe ở nước ấy vua tôi thường hòa thuận, quan lại trung lương, giúp đỡ lẫn nhau."

"Ngươi có nghe dân chúng nước Việt-kỳ cùng nhau tôn trọng luật pháp, hiểu rõ điều quốc cấm, không dám trái phạm không[12]?"

Thưa:

"Con có nghe dân chúng nước ấy cùng nhau tôn trọng luật pháp, hiểu rõ điều quốc cấm, không dám trái phạm."

"Ngươi có nghe dân chúng nước Việt-kỳ kính cẩn lễ hóa, nam nữ

---

11. Hán: Cấp-tật Thần xá 急疾神舍; xem cht.91. Trong bản Pāli, Phật giảng bảy pháp bất thối này cho những người Vajjī tại miếu thần Sārandada.

12. Hán: vô thủ vô nguyện 無取無願. So sánh Pāli: apaññattaṃ na paññāpenti, "không thiết chế điều không được thiết chế".

sống riêng biệt, lớn nhỏ thờ kính lẫn nhau không?"

Thưa:

"Con có nghe dân chúng nước Việt-kỳ kính cẩn lễ hóa, nam nữ sống riêng biệt, lớn nhỏ thờ kính lẫn nhau."

"Ngươi có nghe dân chúng nước Việt-kỳ hiếu thảo với cha mẹ, tôn kính Sư trưởng, nghe lời dạy bảo không?"

Thưa:

"Con có nghe rằng dân chúng nước ấy hiếu thuận cha mẹ, tôn kính Sư trưởng, nghe lời dạy bảo."

"Ngươi có nghe dân chúng nước Việt-kỳ tôn trọng đất trời[13], kính sợ xã tắc, phụng sự bốn mùa không?"

Thưa:

"Con có nghe dân chúng nước Việt-kỳ tôn trọng đất trời, kính sợ xã tắc, phụng sự bốn mùa."

"Ngươi có nghe dân chúng nước Việt-kỳ tôn thờ đạo đức, có các Sa-môn, những vị Ứng chơn[14] ở trong nước hoặc từ các nơi đến, thì được cúng dường áo quần, giường nằm, ngọa cụ và thuốc men không?"

Thưa:

"Con có nghe dân chúng nước ấy tôn thờ đạo đức, có các Sa-môn, những vị Ứng chơn ở trong nước hoặc từ các nơi đến, thì được cúng dường quần áo, giường nằm, ngọa cụ và thuốc men."

Đức Phật dạy:

"Hễ nước nào thực hành bảy pháp này, khó có thể làm cho nguy hại được."

Vũ-xá thưa:

"Giả sử nước Việt-kỳ chỉ thực hành một pháp thôi, còn không thể công phạt nổi, huống chi là thực hành bảy pháp."

Rồi ông bạch Phật:

"Vì việc nước quá đa đoan, vậy con xin cáo từ Thế Tôn."

Phật dạy:

"Ông nên biết thời."

Vũ-xá liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ Đức Phật rồi lui ra. Ông

---

13. Hán: thừa thiên tắc địa 承天則地.

14. Hán: Ứng chơn 應真, chỉ Thánh giả A-la-hán.

đi chưa bao lâu, Đức Phật bảo A-nan:

"Hãy đến trong Diêu sơn gọi tất cả các Tỳ-kheo Tăng tập họp tại giảng đường."

A-nan liền vâng lời dạy, đến Diêu sơn bảo các Tỳ-kheo Tăng:

"Đức Phật cho gọi các Tỳ-kheo."

Các Tỳ-kheo đều đến đảnh lễ Đức Phật, Đức Phật liền đi trước, vào trong giảng đường, tất cả đều trải tòa rồi ngồi. Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Hãy thọ trì bảy giới pháp[15]. Những gì là bảy?

"Tỳ-kheo nên thường xuyên cùng nhau tụ tập để tụng đọc kinh điển thì Chánh pháp được lâu dài[16].

"Lúc ngồi, lúc đứng, trên dưới vâng thuận lẫn nhau[17], thì Chánh pháp được lâu dài.

"Khi ngồi, khi đứng không được nghĩ đến nhà cửa, vợ con, thì Chánh pháp được lâu dài[18].

"Hoặc trong hốc núi, hoặc ở rừng sâu, dưới bóng cây, nơi gò mả, phải tự suy tư về năm điều hủy diệt[19], thì Chánh pháp được lâu dài.

"Người học đạo tuổi nhỏ, trước phải hỏi các Tỳ-kheo trưởng lão, kính nể, thừa sự[20], học hỏi không mệt mỏi, thì Chánh pháp được lâu dài.

"Trong tâm phải vâng giữ pháp, kính sợ kinh giới, thì Chánh pháp được lâu dài.

"Gìn giữ hai trăm năm mươi giới, cứu cánh đắc đạo A-la-hán. Ai muốn đến học hỏi thì đừng từ chối; các bạn đồng tu[21] thì giúp đỡ lẫn nhau. Người mới đến thì chia xẻ dùng chung áo, chăn, ẩm thực; bệnh hoạn ốm yếu phải chăm sóc cho nhau.

---

15. Hán: Giới pháp 戒法; No.1(2) sđd.: bất thối pháp 不退法; có bảy pháp bất thối của quốc vương và bảy pháp bất thối của Tỳ-kheo.

16. Pháp khả cửu 法可久; No.1(2) sđd.: Pháp bất khả hoại 法不可壞.

17. Hán: thượng hạ tương thừa dụng khởi tọa 上下相承用起坐; văn Hán tối nghĩa; có lẽ Pāli chuẩn: sakkaroti garukaroti māneti pūjeti: cung kính, tôn trọng, thừa sự, cúng dường.

18. So sánh Pāli: (...) uppannāya taṇhāya ponobhavikāya na vasaṃ gacchanti, "các Tỳ-kheo không bị chi phối bởi khát ái dẫn đến tái sinh đời sau..."

19. Hán: ngũ diệt 五滅 (?)

20. Hán: kỉnh úy thừa dụng 敬畏承用, xem cht.17.

21. Hán: nhập giả 入者.

"Tỳ-kheo trì bảy pháp này thì Chánh pháp được lâu dài.

"Lại có bảy pháp, hãy lắng nghe."

Các Tỳ-kheo vâng lời lắng nghe.

"Tỳ-kheo không được ham nằm. Khi nằm không được nghĩ đến chuyện khác[22], thì Chánh pháp được lâu dài.

"Thích giữ sự thanh tịnh, không thích pháp hữu vi[23], thì chánh pháp được lâu dài.

"Ưa ngồi chung với người hiền, giữ hạnh nhẫn nhục, cẩn thận không tranh tụng, thì Chánh pháp được lâu dài.

"Không được mong người đến lễ kính. Giảng kinh cho người không được coi đó là điều ân huệ, thì Chánh pháp được lâu dài.

"Hiểu được chút đạo, hay có tài năng chớ tự kiêu mạn, thì Chánh pháp được lâu dài.

"Không được nghĩ đến các dục tình, tâm không bị tác động bởi hành nghiệp hữu dư[24], thì Chánh pháp được lâu dài.

"Không tham lợi dưỡng, thường ưa ở ẩn, lấy cỏ rơm làm giường. Tỳ-kheo giữ như vậy thì Chánh pháp được lâu dài.[25]"

"Lại có bảy pháp, các ngươi hãy lắng nghe."

Các Tỳ-kheo nói:

"Kính vâng lời dạy."

"Có người bố thí tài vật cho người khác, không vì thế khởi tâm oán hận, thì Chánh pháp được lâu dài.

"Phải biết xấu hổ thì Chánh pháp được lâu dài.

"Không biếng nhác đối với kinh giới[26] thì Chánh pháp được lâu dài.

"Khi đứng, hay ngồi tâm không quên kinh pháp[27] thì Chánh pháp được lâu dài.

---

22. Hán: tha sự 他事, việc của người khác.

23. Hữu vi 有為, đây chỉ pháp thế gian, hay chuyện thế sự. Tham chiếu Pāli: (...) na kammārāmā bhavissanti.

24. Hán: bất đầu dư hành 不投餘行: không bị lôi cuốn bởi các hành hữu dư, tác thành đời sống khác; đưa đến tái sinh. Tham chiếu Pāli: na pāpicchā bhavissanti na pāpikāṇāṃ icchānaṃ vasaṃ gatā.

25. Bảy pháp này, giữa hai bản No.5 và No.1(2) hoàn toàn không giống nhau.

26. Hán: kinh giới 經戒, chỉ Thánh giới.

27. Hán: kinh pháp 經法, chỉ Thánh Pháp.

"Lúc ngồi, hay đứng không nhàm chán khổ thì Chánh pháp được lâu dài.

"Lúc ngồi, hay đứng đều hiểu rõ kinh pháp thì Chánh pháp được lâu dài.

"Khi đọc, học kinh điển nên đọc lấy nghĩa sâu của nó, thì Chánh pháp được lâu dài[28].

"Lại có bảy pháp:

"Lúc Phật ở thế gian làm thầy các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo cung kính giới cấm của Phật dạy, thọ trì giới pháp, luôn luôn nhớ ơn thầy, trì giới pháp của thầy, thì chánh pháp được lâu dài.

"Chưa đạt được đạo bậc thấp[29], hãy tùy theo Phật pháp mà tự chế ngự thì Chánh pháp được lâu dài.

"Cung kính Tỳ-kheo Tăng, thọ nhận lời giáo giới của các ngài, phải cung kính, thừa sự[30], không có nhàm chán, thì Chánh pháp được lâu dài.

"Tôn trọng người giữ giới, hay nhẫn nhục, thì Chánh pháp được lâu dài.

"Tùy thuận kinh giới, tâm không tham ái, phải nghĩ mạng người là vô thường, thì Chánh pháp được lâu dài.

"Ban ngày không được ham ăn uống, ban đêm nằm ngủ nghỉ không được ham giường tốt, thì Chánh pháp được lâu dài.

"Tự mình thường xuyên tư duy, thế gian là rối loạn, tâm niệm không biếng trễ, không theo ác tâm, không theo tâm tà; lúc tâm tà đến phải tự kiềm chế, không để bị chi phối, hãy giữ tâm đoan chánh. Người thế gian bị tâm lừa dối, Tỳ-kheo chớ có dua theo tâm của người ngu trong thiên hạ.

"Thọ trì bảy pháp này thì Chánh pháp được lâu dài."

"Lại có bảy pháp."

Chúng Tỳ-kheo đáp:

"Kính vâng lời dạy."

"Tỳ-kheo hãy quý trọng kinh[31] như người ngu quý trọng châu báu

---

28. No.2 và No.1(2) sđd.: có một vài chi tiết giống nhau, ngoài ra hoàn toàn khác nhau.

29. Hán: bất đắc hạ đạo 不得下道; có lẽ Pāli: na oramattakena (...) āpajjanti.

30. Xem cht.17.

31. Hán: kinh 經, đây chỉ giáo pháp của Phật.

và xem kinh như cha mẹ vì kinh là cha mẹ sinh ra ta. Người ta sống có một đời nhưng kinh điển độ thoát vô số đời, khiến cho người được đạo Nê-hoàn. Do vậy mà Chánh pháp được lâu dài.

"Không được ham chuộng mùi vị ăn uống, không được ăn nhiều, ăn nhiều làm người ta sanh bệnh, ăn ít thì bị đói, ăn vừa no thì thôi; không được tham đắm thức ăn, thì Chánh pháp được lâu dài.

"Nên xem thân như đất, ban ngày ưu tư về sự chết, không thích ở trong đường sanh tử. Đời sống có nhiều ưu lo: lo cho cha mẹ, anh em, vợ con, thân thuộc, nô tỳ, quen biết, súc sanh, ruộng nhà. Những ưu tư như vậy đều là ưu tư của kẻ ngu si. Như người có tội bị quan bắt giữ, tuy có những người thân thuộc cũng không thể nhờ cậy được. Bằng sự ô uế ấy, so sánh thân này với đất, đơn độc đến, đơn độc đi[32]; hãy ganh đua với thân này, thì Chánh pháp được lâu dài.

"Tinh tấn siêng tu, đoan nghiêm nơi thân, khẩu, ý, hành động không lỗi lầm, giữ đạo không cho là khó khăn, thì Chánh pháp được lâu dài.

"Lo sợ mà hàng phục tâm ý, không nghe theo sáu tình[33], kiềm chế dâm, nộ, si, không có tà hạnh, thì Chánh pháp được lâu dài.

"Ngồi giữa chúng hội mà không thấy xấu hổ với chúng hội, được người đời kính trọng. Nhờ tâm đoan chánh, thanh tịnh nên không sợ sệt, giữ đạo không làm điều tà vạy. Như có người bị người khác vu cáo, quan bắt giữ. Tuy bị quan cầm giữ nhưng người ấy không sợ, vì không có phạm tội. Trì giới thanh tịnh, sợ giới ngữ của Phật, ngồi ở trong đại chúng mà không lo sợ vì tâm thanh tịnh. Nhờ vậy mà Chánh pháp được lâu dài.

"Thận trọng không kiêu mạn, theo người trí tuệ thọ trì kinh giới. Thấy người ngu si nên dạy giới kinh cho họ.

"Tỳ-kheo trì bảy pháp này thì Chánh pháp được trụ thế lâu dài.

"Lại có bảy pháp."

Các Tỳ-kheo đáp:

"Kính vâng lời dạy."

"Tỳ-kheo phải thường niệm kinh, xả bỏ tánh tham dâm, thường nghĩ đến con đường giải thoát khỏi thế gian. Phải tự tư duy về thân thể

---

32. Hán: đương dữ thân cạnh 當與身競.

33. Hán: lục tình 六情, hay lục trần, chỉ sáu ngoại cảnh.

thì Chánh pháp được lâu dài.

"Luôn luôn thọ trì kinh của Phật dạy, giữ mãi trong tâm; đã giữ trong tâm rồi hãy khiến tâm mình luôn đoan chánh, bỏ tâm xấu, giữ tâm tốt. Giống như áo của người ta có nhiều cáu bẩn, dùng nước tro tẩy giặt hai ba lần, làm cho tất cả cáu bẩn sạch hết. Nhớ nghĩ lời Phật dạy, phải trì giới, bỏ ác theo thiện thì Chánh pháp được lâu dài.

"Hãy khuất phục tâm[34], không nên thuận theo tâm; tâm hướng tới dâm, nộ, si thì đừng nghe theo; thường tự cấm chế tâm mình, không được theo tâm. Như người tòng quân, kẻ mạnh thì dẫn đầu mọi người, làm quân tiền phong, khó mà quay lui; nếu có ý hối muốn thối lui liền thấy xấu hổ với người ở sau mình. Người đã thọ tịnh giới phải nên giữ tâm đoan chánh, ý ngay thẳng, hãy đứng trước mọi người, chớ có đứng sau, vị ấy có thể đắc đạo trước tiên. Như vậy thì Chánh pháp được lâu dài.

"Nên biết chỗ thâm nhập của đạo hạnh mình nhiều hay ít, sâu hay cạn, thành thục tâm chí ban đầu. Hãy nên càng ngày càng vui với kinh giáo; không sợ khổ, không kén thức ăn, không chọn giường nằm. Hãy lấy đạo, tự khuyến khích mình và tự ưa thích, nhờ đó Chánh pháp được lâu dài.

"Nên tôn kính người đồng học, hãy xem bạn đồng học như anh em; hãy đoan chánh cả trong, ngoài; bên ngoài là lỗi của thân, miệng, bên trong là lỗi của tâm. Hãy suy tư về hai việc này thì Chánh pháp được lâu dài.

"Lúc ngồi hãy tự suy nghĩ: chín lỗ bài tiết dẫy đầy chất dơ. Một lỗ đóng vai chủ bên trong, chín lỗ đều bài tiết đồ bất tịnh; đói, no, nóng, lạnh đều làm cho ta đau khổ cùng cực; thân thể khó làm cho thích nghi, đều là bất tịnh; bên trong chứa đồ bất tịnh; gió nóng, gió lạnh hiện ra bên ngoài; đều là bất tịnh mà tự che đậy; lỗ mũi hiện ra sự lạnh nóng thì trong tâm đều không hoan hỷ; nếu có mùi hôi thối cũng không ghét, không mừng. Tỳ-kheo nên giữ tâm đoan chánh trong và ngoài như vậy thì Chánh pháp được lâu dài.

"Hãy quán xem những người trong thiên hạ, vua chúa cũng chết; kẻ nghèo, người giàu, kẻ sang người hèn không ai thoát khỏi cái chết, đồng ở trong con đường sống chết như nhau. Như

---

34. Hán: đương dữ tâm tránh 當與心諍, "hãy cãi nhau với tâm".

người nằm mộng thấy nhà đẹp, vườn xinh, giàu sang sung sướng, đến lúc tỉnh giấc thì chẳng thấy gì cả. Những sự giàu, nghèo, sang, hèn ở thế gian cũng như người nằm mộng. Hãy tự suy tư về thế gian, ví như người chiêm bao mà thôi.

"Tỳ-kheo thọ trì bảy pháp này, tư duy không quên thì Chánh pháp được lâu dài."

"Lại có bảy pháp:

"Tỳ-kheo Tăng[35] phải có tâm từ đối với mọi người, có tâm từ đối với Đức Phật. Người ta chửi mắng thì không chửi mắng lại, không sân hận. Hãy giữ tâm từ đối với mọi người. Ví như người ở trong tù thường có lòng từ đối với nhau. Người ta ở trên thế gian cũng nên bằng từ mà chiếu cố cho nhau. Tỳ-kheo hãy giữ tâm, bị người chửi mắng mà không giận, bình thản không mừng rỡ, sanh tâm như vậy, khả dĩ không lo lắng, do đó không tranh chấp với người thế gian. Thí như con trâu cái ăn cỏ non thì sanh ra sữa, từ sữa tạo ra lạc, từ lạc tạo ra tô, từ tô thành đề hồ. Hãy giữ tâm như đề hồ mà phụng trì Giới pháp của Phật, có thể được tồn tại lâu dài.

"Lưỡi không nói dối; lời nói không làm thương tổn người khác; ý và lưỡi phải đoan chánh. Lưỡi không đoan chánh khiến người ta không thể đắc đạo. Do lưỡi đưa đến việc dao gậy hoặc đưa đến sự tàn diệt. Cho nên người học đạo phải luôn luôn nói lời đoan chánh thì Chánh pháp được lâu dài.

"Hãy giữ tâm mình được đoan chánh, chớ có nghĩ ác, chớ nghĩ đến dâm; nếu có tâm dâm dục thì không thành đạo A-la-hán. Ban đêm nằm ngủ mà tâm dâm dục muốn khởi lên thì hãy nghĩ đến sự nhơ nhớp của người nữ, ý dâm liền được loại bỏ. Khi tâm sân hận khởi lên, hãy nghĩ: "Con người sống trên mặt đất này có bao lâu đâu". Làm như vậy thì Chánh pháp được lâu dài.

"Nếu có người mời Tỳ-kheo thọ trai, những người khác không được thì nghĩ rằng: 'Chỉ có Tỳ-kheo này được mời, còn ta thì không.' Chớ có những ý nghĩ như vậy. Có Tỳ-kheo bệnh, có người mang thuốc đến cho; những Tỳ-kheo khác không được như vậy, bèn nghĩ: 'Chỉ

35. Văn đủ có lẽ là Tỳ-kheo Tăng ngôn thọ giáo 比丘僧言受教 như các đoạn trước.

chăm sóc người kia mà không chăm sóc mình.' Chớ có ý nghĩ như vậy. Có ngươi mang y phục đến cho Tỳ-kheo, những người khác không được, không nên nghĩ: "Riêng ta thì không được, sao lại phải đi xin mới có?". Khi tín thí bỏ đồ ăn vào trong bát, không được nói nhiều hay ít. Giữ tâm như vậy thì Chánh pháp được tồn tại lâu dài.

"Hãy thọ trì giới pháp, thận trọng giới pháp. Nếu đối với giới pháp mà không biết thì nên hỏi vị Tỳ-kheo biết giới. Hãy niệm Phật, niệm Pháp và niệm Tỳ-kheo Tăng không phút nào nghỉ. Cung kính thừa sự lẫn nhau. Nếu trong y phục có chí rận nên khởi lòng thương đối với chúng, như vậy thì Chánh pháp được tồn tại lâu dài.

"Lúc thấy người chết, ta nói: 'Người này đã chết, mà không biết kinh đạo, cả nhà khóc lóc, các thân thuộc tri thức đều không biết người chết ấy đi về đâu', nhưng Tỳ-kheo đã đắc đạo có thể biết người chết ấy, thần thức đi về đâu. Đối với kinh điển thì cần phải đọc, đối với đạo thì cần phải học. Con đường tắt trong thiên hạ thì nhipều, nhưng đường của vua là lớn nhất. Phật đạo cũng thế, là đạo Tối thượng. Giống như vài chục người, ai ai cũng cầm cung tên bắn vào ụ đất để tập bắn; có người bắn trúng trước, có người bắn trúng sau. Cứ bắn liên tục, sẽ có mũi tên trúng ngay giữa ụ đất. Người thực hành kinh đạo của Phật cũng giống như thế, chớ biếng nhác, chớ suy nghĩ rằng người trước đã đắc đạo, nay ta không đắc đạo; không được có sự hối tiếc này. Giống như người bắn tên không dừng nghỉ rồi được trúng đích. Hành đạo Tỳ-kheo không ngừng, thì Chánh pháp được tồn tại lâu dài.

"Khi đi, khi đứng phải luôn tôn trọng, cúng dường kinh Phật; hãy đọc tụng và tư duy về nghĩa kinh.

"Tỳ-kheo[36], Thanh tín sĩ và Thanh tín nữ thực hành bảy pháp như vậy thì Chánh pháp được tồn tại lâu dài.

"Phụng trì bảy bảy bốn mươi chín pháp này, như nước từ trên trời đổ xuống, nước của khe nhỏ chảy vào khe lớn, nước của khe lớn chảy vào sông, nước của sông chảy vào biển. Tỳ-kheo hãy như dòng nước chảy vào biển; hành đạo không bao giờ dừng nghỉ sẽ được đạo quả A-la-hán."

---

36. Hán: trừ cẩn 除饉, "trừ sự đói kém". Pāli: dubhikkha (?), cùng ngữ nguyên với Bhikkhu: Tỳ-kheo.

Đức Phật từ thành Vương xá bảo A-nan:

"Chúng ta hãy đến xóm Ba-lân[1]."

Tôn giả A-nan thưa:

"Dạ."

Rồi từ nước Ma-kiệt-đà, đi chưa tới xóm Ba-lân, giữa đường là xóm La-trí[2], ở đó Đức Phật bảo các Tỳ-kheo Tăng hãy lắng nghe, các Tỳ-kheo vâng lời dạy. Đức Phật bảo:

"Trong thiên hạ có bốn sự thống khổ[3], Đức Phật biết rõ nhưng con người lại không biết. Do con người không biết cho nên cứ bị sanh tử mãi không lúc nào dừng nghỉ. Những gì là bốn? Đó là, sanh là thống khổ, già là thống khổ, bệnh là thống khổ, chết là thống khổ. Vì con người không biết suy tư để chấp nhận bốn sự thống khổ này một cách dũng mãnh nên mới chịu sự sanh tử mãi mãi không bao giờ dừng nghỉ. Đức Phật vì vậy nêu lên bốn sự thống khổ này cho mọi người biết. Tuy có cha mẹ, vợ con, nhưng đều sẽ bị biệt ly, cùng nhau lo buồn, khóc lóc không thôi. Những việc xấu xa hằng ngày hiện ra ngay trước mắt[4]. Do đó Đức Phật công bố giáo pháp để dứt trừ bốn sự thống khổ, phụng trì tám giới, thân này đáng nhàm chán."

Đức Phật dạy:

"Một là thọ lãnh lời Phật dạy. Hai, xa lìa ái dục, đến với đạo không có ham tranh cãi. Ba, không nói dối, nói thêu dệt, nói hai lưỡi và nói lời độc ác. Bốn, không được sát sanh, trộm cắp, xâm phạm phụ nữ của người khác. Năm, không được ganh tị, sân hận và ngu si. Sáu, khi

---

1. Xóm Ba-lân 巴鄰; còn gọi là Ba-liên-phất 巴連弗; hay Hoa thị thành, 華氏城. No.1(1): Phật khởi hành từ Ma-kiệt-đà đi đến Ca-lan-đà Trúc viên; rồi từ đây đi tiếp đến Ba-lăng-phất. Trong bản Pāli, Phật từ Rājagaha đi Ambalatthika; từ đây đi đến Nālanda, trú trong rừng Pāvārikambavana; rồi từ đây đi đến Pātaligāma (Ba-lăng-phất).

2. La trí 羅致 (?), có lẽ là Ambalatthi trong bản Pāli; nhưng tại đây Phật giảng về thành tựu của giới-định-tuệ, chứ không giảng về bốn sự khổ như trong bản Hán này.

3. Hán: tứ thống 四痛.

4. Nguyên văn Hán: Chư sở ác kiến nhựt tại mục tiền, 諸所惡見日在目前; đây muốn nói đến điều mà thành ngữ Hán Phật thường gọi là oán tắng hội khổ: phải hằng ngày tụ hội với những gì mình ghét. Trong tám khổ, đây chỉ kể bốn khổ tự nhiên và chỉ thêm hai khổ xã hội: xa lìa người mình yêu, chung đụng với người mình ghét.

ngồi, tự mình tư duy về bốn sự thống khổ ở trong tâm. Bảy, nghĩ tưởng thân thể đều là nhơ nhớp. Tám, quán sự sanh tử, thân này rồi sẽ trở thành đất.

"Đức Phật cũng nghĩ về sự hiện hữu của bốn thống khổ và sự ra đi của chúng. Đức Phật cũng đã nói tám giới này và Phật cũng sẽ nói về tám giới. Hãy suy niệm ý nghĩa sâu xa của kinh Phật.

"Các Tỳ-kheo nếu có nghĩ tưởng về cha mẹ, vợ con, nghĩ về sự sanh hoạt của thế gian thì không thể đạt được đạo giải thoát khỏi thế gian. Nếu ưa thích thế gian thì tâm không ưa thích đạo. Đạo từ tâm mà có, chánh tâm mới có thể đắc đạo. Có chút chánh tâm thì có thể sanh lên cõi trời; hiểu kinh pháp có thể được làm người. Hãy đoạn trừ con đường địa ngục, súc sanh và ngạ quỷ. Đức Phật vì thiên hạ mà sửa trị con đường sanh tử. Các Tỳ-kheo hãy nên suy tư về việc này."

Đức Phật từ xóm La-trí[5] bảo Tôn giả A-nan cùng đi đến xóm Ba-lân[6]. A-nan thưa:

"Dạ vâng."

Liền đi theo sau Đức Phật. Bấy giờ Tỳ-kheo Tăng có một ngàn hai trăm năm mươi vị. Đức Phật đi đến xóm Ba-lân, ngồi bên gốc cây. Quỷ thần[7] của xứ Ba-lân liền báo cho cư sĩ[8] biết, tất cả đều mang hoặc ghế, nệm lông, đèn đi đến chỗ Đức Phật, đảnh lễ trước Đức Phật rồi ngồi qua một bên. Đức Phật bảo các cư sĩ:

"Con người ở thế gian, những ai tham dục, tự mình buông lung, thì có năm điều xấu ác[9]. Những gì là năm? Một, tài sản ngày một hao mòn.

---

5. La-trí 羅致; No.1(2), Phật từ Trúc viên 竹園 đi đến Ba-liên-phất 巴連弗.

6. Ba lân 巴鄰; No.1(2), Ba-lăng-phất 巴陵弗. Xem cht.25.

7. No.5, Quỷ thần 鬼神; bản No.1(2) không có.

8. No.5, Thệ tâm lý gia 誓心理家; chỉ Bà-la-môn và cư sĩ (hay gia chủ); xem cht.10. No.1(2): Thanh tín sĩ 清信士. Tham chiếu Pāli: assosuṃ kho pāṭāligāmikā upāsakā, "các Ưu-bà-tắc thôn Pātaligāma nghe đồn rằng".

9. Tham chiếu Pāli: paññcime gahapatayo ādīnavā dussīlassa sīlavipattiyā, "Này các gia chủ, có năm điều tai hại cho những ai ác giới, phá giới".

Hai, không biết ý đạo. Ba, mọi người không kính nể; lúc chết bị hối hận. Bốn, tiếng xấu đồn khắp, thiên hạ đều nghe. Năm, lúc chết đọa vào địa ngục, trong ba đường ác.

"Nếu ai có thể hàng phục tâm mình, tự mình không buông lung, thì có năm điều lành. Những gì là năm? Một, tài sản ngày một tăng. Hai, có đạo hạnh. Ba, mọi người kính nể, lúc chết không hối hận. Bốn, tiếng tốt đồn khắp ai cũng nghe. Năm, lúc chết được sanh đến cõi trên, đầy đủ phước đức.

"Tự mình không buông lung có năm điều lành như vậy, các ngươi hãy tự mình suy tư về việc ấy."

Đức Phật thuyết pháp cho cho các gia chủ cư sĩ, tất cả đều hoan hỷ, lạy Phật rồi đi.

Đức Phật đi đến xóm A-vệ[10], ngồi bên một gốc cây, dùng đạo nhãn thấy chư Thiên trên trời sai các thần Hiền thiện[11] bảo hộ vùng đất này. Đức Phật từ chỗ ngồi đứng dậy, ra khỏi xóm A-vệ, lại ngồi xuống một chỗ khác. Hiền giả A-nan sửa lại y phục ngay thẳng, từ chỗ ngồi đứng dậy, lạy Phật xong đứng qua một bên. Đức Phật hỏi A-nan:

"Ai tính toán để xây dựng thành quách ở xóm Ba-lân này?"

Thưa:

"Đại thần Vũ-xá nước Ma-kiệt xây dựng thành này nhằm ngăn chận quân nước Việt-kỳ."

Đức Phật nói:

"Lành thay! Này A-nan, ông Vũ-xá là người hiền mới biết mưu kế ấy. Ta thấy các vị Trời thần diệu ở trên cõi trời Đao-lợi đều hộ trì đất này. Ai có đất đai mà được chư Thiên trên trời hộ trì, vùng đất ấy chắc chắn sẽ được an ổn, giàu có. Lại nữa, vùng đất này là trung tâm của trời. Vị trời làm chủ bốn phân dã[12] này tên là Nhân Ý[13]. Nước nào được Nhân Ý hộ trì, nước ấy càng lâu bền, lại càng hưng thịnh. Nước đó chắc chắn có nhiều bậc Thánh hiền, mưu trí mà các nước khác không thể bì kịp, cũng không thể phá hoại được. Thành Ba-lân này sẽ bị phá hoại

10. A-vệ 阿衛; chưa rõ địa danh này.

11. Hiền thiện thần 賢善神; có lẽ chỉ chủng loại, chứ không phải tên riêng. Các bản khác không có chi tiết này.

12. Tứ phần dã 四分野, tức tọa đời trời, thuật ngữ thiên văn Trung Quốc.

13. Hán: nhân ý 仁意, chưa xác định được ý nghĩa gì.

bởi ba việc: Một, lửa lớn; hai, nước lớn; ba, người trong và ngoài thành thông mưu với nhau."

Đại thần Vũ-xá nghe Đức Phật cùng chúng Tỳ-kheo từ nước Ma-kiệt du hành đến đây, bèn nương uy của vua, trang nghiêm năm trăm cỗ xe mà ra khỏi xóm Ba-lân, đi đến chỗ Đức Phật; đến phía trước đảnh lễ rồi ngồi qua một bên, bạch Phật:

"Ngày mai mong ngài cùng đông đủ Tỳ-kheo đến nhà con để dùng bữa ăn nhỏ[14]."

Đức Phật yên lặng không trả lời. Ông Vũ-xá nói như vậy đến ba lần. Sự yên lặng trong Phật pháp tức là nhận lời. Vũ-xá liền trở về nhà sửa soạn, đặt bày giường ghế, thắp đèn dầu, đồ ăn thức uống đầy đủ để đón rước Đức Phật và các Tỳ-kheo Tăng. Sáng mai, Vũ-xá đến thỉnh Phật. Bấy giờ Đức Phật cùng đông đủ một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ-kheo Tăng đi đến. Ăn uống xong, Đức Phật liền chú nguyện:

"Mong tín chủ được đắc đạo, không ham thích địa vị quốc công. Tuy đời này không thể từ bỏ quan lại[15], nhưng nay tín chủ cúng cơm cho Phật và Tỳ-kheo Tăng, mong cho đời sau được thoát khỏi việc quan lại. Thế gian có người sáng suốt nên cúng thức ăn cho đạo nhân Hiền thiện, đạo nhân chú nguyện, nếu không bỏ được tâm muốn làm quan, thì quan không nên có tâm tham lam, tâm khốc hại, tâm cầu cạnh, tâm ham thích dục lạc, tâm khuyên làm điều ác[16]. Bỏ năm tâm này, người giữ việc triều chính có thể sẽ không có lỗi; sau khi chết có thể trừ được tội ác nơi địa ngục. Này Vũ-xá, hãy tự suy nghĩ lấy."

Ông thưa:

"Dạ, con xin thọ giáo."

Đức Phật và các Tỳ-kheo Tăng đều đứng dậy ra đi. Đức Phật đi ra cửa thành, Vũ-xá liền đi theo sau Phật quan sát xem Đức Phật đi ra cửa thành nào để đặt tên cửa thành ấy là Phật thành môn[17]. Còn cái khe nước nhỏ mà Đức Phật đi qua thì gọi là Phật khê[18].

---

14. Hán: tiểu thực 小食. Chính xác là ngọ thực. Phật và chúng Tăng chỉ dùng một bữa (nhất tọa thực).

15. Hán: huyện quan 縣官.

16. Hán: quan bất khả hữu tham tâm, khốc tâm, tiến tâm, lạc tâm, khuyến tâm 官不可有貪心, 酷心, 進心, 樂心, 勸心.

17. Phật thành môn 佛城門; No.1(2): Cù-đàm môn, 瞿曇門.

18. Phật khê, 佛溪; No.1(2): bến đò mà Phật đi qua được đặt tên là "bến Cù-đàm 瞿

Đức Phật đi đến bên bờ sông. Bấy giờ dân chúng nhiều người muốn qua sông; có người dùng thuyền lớn, có người dùng thuyền nhỏ, có người dùng bè tre để vượt qua. Đức Phật ngồi suy nghĩ: "Lúc ta chưa thành Phật, qua sông này, cưỡi lên bè tre để đi qua. Nay thân ta không còn cưỡi lên bè tre để qua sông". Đức Phật lại tự nghĩ: "Ta là thầy đưa đò người, đưa người vượt qua nẻo đường thế gian, không còn để ai đưa đò nữa". Nghĩ như vậy rồi các Tỳ-kheo đều vượt qua.

Đức Phật gọi A-nan:

"Tất cả hãy đi đến xóm Câu-lân[19]."

A-nan thưa:

"Dạ vâng."

Đức Phật cùng với một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ-kheo liền đến xóm Câu-lân. Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Tất cả hãy lắng nghe. Hãy khéo giữ gìn tâm, không tranh cãi với thiên hạ; tự suy tư, để biết vô thường; hãy bằng trí tuệ mà lo cho thân[20]. Hãy khéo giữ tâm, không tranh cãi với thiên hạ; tự suy tư, thì liền được sáng suốt. Người sáng suốt liền trừ bỏ được trạng thái tham dâm, sân nhuế, ngu si. Trừ bỏ được ba trạng thái này rồi liền được vượt khỏi con đường thế gian, không còn sanh trở lại, tâm không còn dong ruổi nữa. Nhất tâm, không bị vướng mắc. Ví như quốc vương vui thích độc tôn[21], suy nghĩ: 'Trong quần chúng đông người này, ta là ông chủ độc nhất.' Người đắc đạo, đã vượt qua khỏi thế gian, cũng tự nghĩ trong lòng: 'Dù có trăm ngàn vạn mối rối ren, chỉ có tâm là chủ, giống như quốc vương làm chủ coi sóc muôn dân'."

Đức Phật lại từ Câu-lân bảo A-nan:

"Tất cả hãy đến nước Hỷ dự[22]."

A-nan thưa:

"Dạ vâng."

Đức Phật cùng các Tỳ-kheo đồng đến nước Hỷ dự, ngồi bên gốc

曇 渡".

19. Câu-lân, 拘 鄰; No.1(2): Câu lỵ, 拘 利.

20. Hán: dĩ tuệ ưu thân 以 慧 憂 身, ý nói, hãy quán sát thân bằng trí tuệ.

21. Hán: lạc độc 樂 獨, ưa sự độc tôn hay độc cư.

22. Hán: Hỷ dự quốc 喜 豫 國; No.1(2): Na-đà thôn 那 陀 村.

cây Kiền-đề[23]. Đức Phật bảo các Tỳ-kheo Tăng:

"Các ngươi hãy đi khất thực ở nước Hỷ dự.

Lúc khất thực xong trở về, các Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

"Nước Hỷ dự có nhiều bệnh tật nên dân chúng có nhiều người chết, trong đó có các Ưu-bà-tắc[24] tên là Huyền Điểu, Thời Tiên, Sơ Động, Thức Hiền, Thục Hiền, Khoái Hiền, Bá Tông, Kiêm Tông, Đức Cử, Thượng Tịnh. Mười vị này[25] đều là Ưu-bà-tắc thọ trì năm giới, nay đều qua đời."

Các Tỳ-kheo hỏi Đức Phật:

"Các Ưu-bà-tắc này chết rồi sanh về đâu?"

Đức Phật trả lời:

"Huyền Điểu v.v... cả thảy mười người này, chết rồi được sanh vào trong đạo Bất hoàn[26]."

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo Tăng:

"Các ngươi chỉ biết về cái chết của mười người này. Phật bằng thiên nhãn quán sát xem thấy năm trăm Ưu-bà-tắc đã chết đều sanh trong đạo Bất hoàn. Lại có ba trăm Ưu-bà-tắc như Nan-đề, lúc còn sống đã không còn trạng thái dâm, trạng thái phẫn hận và trạng thái ngu si[27], thì lúc chết được sanh lên cõi trời Đao-lợi, đắc đạo quả Câu cảng[28], chỉ còn bảy lần sanh, bảy lần tử nữa là chứng được đạo quả A-la-hán. Còn Huyền Điểu v.v... cả thảy năm trăm người đều được đạo quả Bất hoàn,

---

23. Kiền-đề thọ 揵提樹; No.1(2): Kiền-chùy xứ 揵椎處; Pāli: Ginjakāvasatha, ngôi nhà gạch.

24. Ưu-bà-tắc 優婆塞; Skt.: Upāsaka; No.1(2) sđd.: Cư sĩ 居士; Pāli: Gaha-pati; Skt.: Grha-pati.

25. Danh sách mười vị Ưu-bà-tắc ở nước Hỷ dự: Huyền Điểu 玄鳥, Thời Tiên 時仙, Sơ Động 初動, Thức Hiền 式賢, Thục Hiền 淑賢, Khoái Hiền 快賢, Bá Tông 伯宗, Kiêm Tôn 兼尊, Đức Cử 德舉, Thượng Tịnh 上淨. Danh sách mười hai vị cư sĩ ở Na-đà, theo No.1(2): Già-già-la 伽伽羅, Gia-lăng-gia 加陵加, Tỳ-già-đà 毗伽陀, Già-lỵ-thâu 伽利輸, Giá-lâu 遮樓, Bà-da-lâu 婆耶樓, Bà-đầu-lâu 婆頭樓, Tẩu-bà-đầu-lâu 藪婆頭樓, Đà-lê-xá-nậu 陀梨舍耨, Tẩu-đạt-lỵ-xá-nậu 藪達利舍耨, Da-thâu 耶輸, Da-thâu-đa-lâu 耶輸多樓.

26. Bất hoàn 不還; đây chỉ các cư sĩ đã chứng quả Bất hoàn, sau khi chết sinh lên cõi trời Tịnh cư và nhập Niết-bàn ở đó.

27. Chính xác, chỉ trấn áp, làm cho vơi mỏng đi, chứ chưa diệt trừ hoàn toàn.

28. Câu-cảng 溝港, nghĩa đen: "ngòi rãnh" tức đạo quả Dự lưu 預流, hay Tu-đà-hoàn.

tự mình ở nơi cõi trời đạt được đạo Ứng chơn[29].”

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Các người đi khất thực[30] về, cớ gì lại hỏi đến mười vị Ưu-bà-tắc ấy? Nếu các ngươi muốn cố ý quấy rầy Phật, cho rằng Phật không muốn nghe điều xấu này. Nhưng Phật đâu có gì e sợ. Đã có sanh thì ai cũng phải chết. Các Đức Phật quá khứ, vị lai và hiện tại đều Bát-nê-hoàn. Nay ta đã thành Phật, cũng sẽ Bát-nê-hoàn. Nhờ thân này mà được làm Phật. Trải qua nhiều kiếp cầu Phật để chấm dứt con đường sanh tử. Khi làm Phật thì nhổ sạch gốc rễ của sanh tử. Biết gốc rễ con người vốn từ si[31], từ si là hành; từ hành là thức; từ thức là danh sắc[32]; từ danh sắc là lục nhập; từ lục nhập là xúc[33]; từ xúc là thọ[34]; từ thọ là ái; từ ái nên thủ[35]; từ thủ là hữu; từ hữu là sanh; từ sanh là già chết, lo, rầu, khổ não, buồn bã, chẳng như ý. Như là sự tập khởi của khối lớn đau khổ họp lại[36].

“Phật do vậy suy tư về nguồn gốc sanh tử, như chiếc xe có bánh, khi xe chạy thì bánh xe không thể ngừng. Con người từ si cho nên mới bị sanh tử. Nếu từ bỏ si thì si diệt, do si diệt thì hành diệt, do hành diệt nên thức diệt, do thức diệt nên danh sắc diệt, do danh sắc diệt nên lục nhập diệt, do lục nhập diệt nên xúc diệt, nhờ xúc diệt nên thọ diệt, do thọ diệt nên ái diệt, do ái diệt nên thủ diệt, do thủ diệt nên hữu diệt, do hữu diệt nên sanh diệt, do sanh diệt nên già chết diệt, do già chết diệt nên ưu bi khổ não, bất như ý diệt. Như vậy sự tập khởi của khối lớn đau khổ họp lại được chấm dứt.

“Cho nên trước tiên Đức Phật nói cho các ngươi biết, do si mê nên có sanh tử; người có trí giữ đạo thì không còn sanh tử nữa.”

Đức Phật dạy:

“Hãy nghĩ tưởng phụng trì Phật, Pháp, Thánh chúng và tịnh giới.

---

29. Ứng-chơn 應真, còn gọi là A-la-hán 阿羅漢, chứng A-ha-hán và nhập Niết-bàn trên các tầng trời Tịnh cư.

30. Nguyên Hán: phân-vệ 分衛, phiên âm; Pāli: piṇḍapāta.

31. Hán: si癡, tức vô minh.

32. Nguyên Hán: tự sắc 字色.

33. Nguyên Hán: tài 栽, “trồng trọt”.

34. Hán: thống 痛, “đau nhức”.

35. Hán: cầu 求, “mong cầu (hay tìm cầu)”.

36. Hán: hợp đại khổ ấm đọa tập 合大苦陰墮習.

Cung kính, thừa sự lẫn nhau mà dạy dỗ kinh Phật. Hãy tư duy, giữ tâm chánh niệm, thì chẳng còn trở lại nẻo sanh tử, không còn nỗi lo lắng ưu sầu."

Đức Phật từ xóm Hỷ dự gọi A-nan đi đến nước Duy-da-lê[37], Tôn giả A-nan thưa:

"Dạ vâng."

Đức Phật từ xóm Hỷ dự đi đến nước Duy-da-lê, chưa tới bảy dặm, thì dừng chân nơi vườn Nại[38]. Có một dâm nữ tên Nại nữ[39], với năm trăm đệ tử là dâm nữ, ở trong thành nghe Đức Phật đi đến hiện ngụ nơi vườn Nại, liền bảo đám đệ tử dâm nữ phải lo trang điểm mặc y phục và chuẩn bị xe cộ, rồi từ trong thành đi ra, đến chỗ Phật, muốn yết kiến cùng lễ bái Đức Thế Tôn.

Bấy giờ Đức Phật ở nơi vườn Nại cùng với hàng ngàn vị Tỳ-kheo, đang thuyết giảng kinh cho các vị ấy. Đức Phật thấy Nại nữ cùng năm trăm đệ tử dâm nữ đang đi tới, tất cả đều mặc những bộ y phục đẹp đẽ, có trang điểm. Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Các ngươi đã thấy Nại nữ cùng với năm trăm dâm nữ đệ tử, thảy đều hãy cúi đầu, tâm đoan chánh. Họ tuy trang điểm, ăn mặc đẹp đẽ đến đây, ví như cái bình vẽ, bên ngoài tô vẽ rất đẹp, nhưng bên trong chứa toàn là đồ nhơ nhớp, đã được phong kín không đáng để mở ra; nếu ai mở ra thì toàn là những thứ bất tịnh xú uế. Đó chính là Nại nữ; cả đám đều là những cái bình vẽ. Vậy các Tỳ-kheo phải có khả năng quán sát[40]. Quán sát những gì? Đó là bỏ ác theo thiện, không chạy theo trạng thái ham muốn của lòng dâm, thà tự mình bị chẻ xương, phá tim, thiêu đốt thân thể chớ quyết trọn đời không bao giờ đồng lõa với vọng tâm làm ác. Không chỉ là lực sĩ mới có nhiều sức mạnh, mà tự mình giữ tâm chánh niệm thì còn hơn cả lực sĩ. Đức Phật chế ngự tâm mình đến nay đã trải qua vô số kiếp, không chạy theo vọng tâm, siêng

---

37. Duy-da-lê quốc 維耶梨國; No.1(2), Tỳ-xá-ly 毗舍離, hoặc Tỳ-da-ly 毗耶離.

38. Nại viên 柰園 (vườn xoài, có chỗ nói là vườn táo); đây chỉ khu vườn của kỹ nữ Am-bà-bà-lê, hay Am-ma-la; No.1(2): tại Tỳ-da-ly, Phật ngồi dưới một gốc cây. Kỹ nữ Am-bà-bà-lê đến nghe Pháp. Sau đoù quy y và cuùng khu vườn sở hữu cho Phật.

39. Nại nữ 柰女; No.1(2) sđd.: Am-bà-bà-lê 菴婆婆梨, âm khác: Am-bà-ba-lỵ 菴婆波利, Am-bà-la-bà-lỵ 菴婆羅婆利, Am-bà-la 菴婆羅; Pāli: Ambapāli-gaṇikā.

40. Hán: kiến lực 見力, tức Pāli: vipassana.

năng tinh tấn để tự đạt đến quả Phật. Vậy các Tỳ-kheo hãy tự làm cho tâm mình ngay thẳng, đoan nghiêm. Tâm từ lâu ở trong chỗ bất tịnh, thì hiện tại cũng có thể tự mình nhổ bỏ. Hãy tự tư duy năm tạng trong thân thể cũng có thể đình chỉ được pháp sanh tử. Hãy quán xem bên ngoài cũng khổ, bên trong cũng khổ, hãy khiến cho tâm mình luôn chính đáng."[41]

Nại nữ đến nơi, xuống xe đến chỗ Đức Phật, đảnh lễ rồi ngồi qua một bên. Các Tỳ-kheo đều cúi đầu. Đức Phật hỏi:

"Do nhân duyên gì mà đến đây?"

Nại nữ thưa:

"Con thường nghe Phật là Bậc tôn quý hơn chư Thiên nên con đến để lễ bái."

Đức Phật nói:

"Này Nại nữ! Có thích làm thân người nữ chăng?"

Nại nữ thưa:

"Trời bắt con làm thân người nữ, nhưng con không thích."

Đức Phật dạy:

"Nếu cô không thích làm thân người nữ, vậy ai khiến cô nuôi tới năm trăm đệ tử dâm nữ?"

Nại nữ thưa:

"Họ đều là những dân nghèo, con nuôi dưỡng và bảo hộ cho họ."

Đức Phật nói:

"Chẳng phải như thế! Nếu không nhàm chán về bệnh khổ của người nữ, hoặc như kinh nguyệt bất tịnh, lại bị nhiều thứ ràng buộc, đánh đập, không được tự tại. Đã không nhàm chán thân nữ của cô lại còn nuôi chứa đến năm trăm người nữ nữa?"

Nại nữ thưa:

"Con ngu si nên mới như vậy. Người có trí thì không làm như vậy."

Đức Phật nói:

"Biết suy xét như thế là tốt."

Nại nữ liền quỳ mọp, bạch Phật:

---

41. Văn dịch không rõ ràng. Nhưng, trên đây là bài giảng về việc Tỳ-kheo tu tập sống trong chánh niệm, chánh trí, bằng cách tu bốn niệm xứ: quán nội ngoại thân, v.v... Bài giảng có mục đích khiến các Tỳ-kheo nhiếp tâm để sẽ khỏi bị sắc đẹp của kỹ nữ Am-bà-bà-lê tác động.

"Sáng mai con mời Đức Phật và chúng Tỳ-kheo Tăng đến nhà con thọ trai."

Đức Phật yên lặng không trả lời. Nại nữ rất sung sướng, liền đứng dậy đảnh lễ Đức Phật rồi đi ra.

Nại nữ ra khỏi chưa bao lâu thì các Lý gia[42] thuộc dòng họ danh giá của thành Duy-da-lê, nghe Đức Phật cùng đông đủ các Tỳ-kheo Tăng đang đi đến đây, cách thành bảy dặm, ở trong vườn Nại, liền dựa vào oai lực của nhà vua, sửa sang xe cộ rồi ra đi, muốn đến yết kiến để cúng dường Đức Phật. Trong đó có toán cưỡi ngựa xanh, xe xanh, áo xanh, dù lọng xanh, tràng phan cũng xanh, các viên quan đều mặc màu xanh. Toán cưỡi ngựa vàng, xe vàng, áo vàng, lọng vàng, tràng phan vàng, quan thuộc đều mặc màu vàng. Có toán thì cưỡi ngựa đỏ, xe đỏ, áo đỏ, lọng đỏ, tràng phan đỏ, quan thuộc đều dùng màu đỏ. Có toán thì cưỡi ngựa trắng, xe trắng, áo trắng, dù lọng trắng, tràng phan trắng, quan thuộc đều dùng màu trắng. Có toán thì cưỡi ngựa đen, xe đen, áo đen, lọng đen, tràng phan đen, quan thuộc đều mặc màu đen. Đức Phật từ xa trông thấy đoàn xe ngựa khoảng chừng mười vạn người đang đi đến, liền bảo các Tỳ-kheo:

"Các ngươi muốn thấy trong vườn của Đế Thích, trên cõi trời Đao-lợi, đám thị tùng ra vào đông đúc ra sao, thì hãy nhìn các Lý gia này. Chúng giống nhau, chẳng khác gì cả."

Các Lý gia tới đầu đường đều xuống xe, đi đến chỗ Đức Phật. Người đến trước gần Đức Phật thì quỳ, người ở giữa đều cúi đầu, còn đám người sau cùng thì đều chắp tay rồi ngồi xuống.

Đức Phật hỏi:

"Các vị từ đâu đến đây?"

Các Lý gia thưa:

"Chúng con nghe Đức Phật ở chỗ này cho nên đến đây để lễ bái."

Trong đoàn có một người tên là Tân Tự[43], đứng dậy đi đến trước Đức Phật, nhìn Ngài thật kỹ. Đức Phật hỏi:

"Ông nhìn những gì ở nơi ta?"

---

42. Lý gia 理家 tức gia chủ; gần âm với No.1(2), Lệ-xa 隸車 một bộ tộc hùng mạnh vào lúc bấy giờ, thủ phủ ở Tỳ-xá-ly. Xem cht.10 và 44.

43. Tân tự 賓自 (?); No.1(2) sđd.: Tịnh ký 并暨 (?)

Tân Tự thưa:

"Khắp trên trời dưới đất đều rung động hướng về Ngài, cho nên con nhìn Đức Phật không hề biết chán."

Đức Phật nói:

"Này Tân Tự, ông hãy nhìn Phật thật kỹ. Về lâu xa lại có Phật ra đời nữa. Lúc có Phật nên theo lời Phật dạy."

Trong nhóm có bốn năm trăm Lý gia nói:

"Tân Tự có phước đức lớn, cùng được hầu chuyện Đức Phật."

Tân Tự nói:

"Từ xa tôi được nghe nói tới kinh Phật. Tôi nghĩ kinh ấy từ lâu rồi, cho đến hôm nay tôi mới được gặp. Tôi có tâm từ hiếu đối với Đức Phật."

Đức Phật nói:

"Người trong thiên hạ ít có ai như Tân Tự, từ hiếu đối với thầy."

Đức Phật bảo Tân Tự:

"Phật xuất hiện trong thiên hạ, biết rõ con đường sanh tử của muôn người, thuyết giảng kinh để mở bày, giáo hóa. Trên trời dưới trời và các loài quỷ, rồng v.v... không ai là không nghiêng mình. Đó là oai thần thứ nhất của Phật.

"Nếu ai đọc tụng kinh Phật, tự mình giữ tâm ngay thẳng, thì đạt được đạo. Đó là oai thần thứ hai của Phật.

"Phật thuyết giảng kinh cho muôn người. Những người hiền trí thảy đều hoan hỷ. Những người đến nghe không ai là không vui mừng. Những người tu học cùng chỉ dạy lẫn nhau, cùng nhau dẫn dắt, cùng nhau giúp cho tâm được ngay thẳng. Đó là oai thần thứ ba của Phật.

"Ai học kinh Phật cũng đều hoan hỷ, như người ngu được vàng. Kẻ thượng trí được đạo Ứng chơn. Hạng thứ hai có thể được quả Bất hoàn, hạng thứ ba có thể được quả Tần lai[44], hạng thứ tư có thể được Câu cảng,[45] hạng thứ năm là giữ năm giới của Ưu-bà-tắc, có thể được

---

44. Tần lai 頻來, Nhất lai 一來 (dịch âm: Tư-đà-hàm, 斯陀含), "người chỉ tái sinh dục giới nhiều lần (chính xác: một lần nữa) trước khi đắc quả A-la-hán và nhập Niết-bàn.

45. Ở trên là Tứ quả Sa-môn 四果沙門: Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán (Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán) là quả vị tu đạo của các hàng Thanh văn tiểu thừa Phật giáo.

sanh lên cõi trời, giữ ba giới thì có thể được làm người. Đức Phật xuất hiện ở thế gian, nhân đó mới xuất hiện đạo này. Đó là oai thần thứ tư của Đức Phật."

Đức Phật bảo Tân Tự:

"Ông đến nhìn Phật thật kỹ. Ông nói rằng đã từng nghe danh hiệu của Phật nhưng ít thấy Phật. Lúc bấy giờ, trong số hàng chục vạn người đang ngồi ở đó, đều không hỏi Phật, mà chỉ riêng ông hỏi Phật. Đó là oai thần thứ năm của Phật."

Đức Phật bảo Tân Tự:

"Người có trí huệ trong thiên hạ rất ít, người không hiểu đạo[46] thì nhiều. Thọ trì kinh giáo của Phật, thọ trì những lời hay của thầy, giữ giới pháp của thầy, thì các loài quỷ, thần, rồng không ai là không hộ vệ, chăm sóc, khiến không ai dám phỉnh phờ, dối gạt[47]. Hãy từ hiếu đối với thầy. Làm thầy không nên theo những yêu sách của đệ tử. Trước mặt thầy phải nên cung kính, sau lưng thì nên khen ngợi thầy. Thầy chết thì luôn luôn tưởng nhớ. Hiện nay Tân Tự là người tài giỏi trong loài người, khéo ưa thích pháp, giới thanh tịnh."

Các vị Thệ tâm Lý gia[48] ở Duy-da-lê mời Đức Phật sáng mai cùng các Tỳ-kheo vào thành để cúng dường. Đức Phật nói:

"Sáng mai Nại nữ đã thỉnh Phật và Tỳ-kheo Tăng rồi."

Các Thệ tâm Lý gia đều trở về.

Sáng sớm, Nại nữ đi đến chỗ Đức Phật, thưa:

"Con đã đặt tòa ngồi, đồ ăn uống cũng đã dọn xong, mong đức Thiên Tôn thể hiện oai thần hạ cố."

Đức Phật nói:

"Hãy về đi, ta sẽ đến!"

Đức Phật đứng dậy, mặc y ôm bát cùng đông đủ Tỳ-kheo đi vào thành. Ở trong thành có mấy mươi vạn người đến xem, trong đó có các Ưu-bà-tắc Hiền thiện, họ đều khen: 'Đức Phật như trăng sáng, các đệ tử ngài như sao sáng vây quanh mặt trăng.'

---

46. Nguyên Hán: phản phục 反復, có lẽ mượn chữ kinh Dịch, quẻ Phục: phản phục chi vị đạo 反復之謂道, "đi rồi trở lại, đó là Đạo".

47. Hán: bất cảm vọng triệu hô 不敢妄召呼, có lẽ muốn nói "không bị ma quỷ ám ảnh hay quấy nhiễu".

48. Thệ tâm lý gia, tức Bà-la-môn cư sĩ, hay gia chủ Bà-la-môn. Xem cht.10.

Đức Phật đến nhà Nại nữ, ngồi xuống, dùng nước rửa tay chân. Đức Phật và các Tỳ-kheo Tăng thọ trai, rửa tay xong xuôi, Nại nữ lấy một chiếc ghế nhỏ ngồi trước Đức Phật. Đức Phật bảo Nại nữ:

"Các bậc Thánh nhân và những người giàu có, phú quý được tôn kính trong thiên hạ chỉ thích tịnh giới, rõ biết các kinh của Phật; những điều họ nói ra trong chúng hội, ai cũng ưa nghe; những việc họ làm, ai cũng kính yêu. Nay được làm người trong thiên hạ, đừng tham tiền, sắc, vâng theo sự giáo hóa của Phật, lúc chết tất được sanh lên cõi trời."

Đức Phật bảo Nại nữ:

"Hãy khéo giữ mình, thọ trì năm giới."

Đức Phật và chúng Tỳ-kheo ra đi.

Đức Phật ra khỏi nước Duy-da-lê, bảo A-nan:

"Tất cả hãy đến xóm Trúc phương[1]."

Tôn giả A-nan thưa:

"Dạ vâng."

Lại nghe ở xóm Trúc phương bấy giờ lúa thóc khan hiếm, các Tỳ-kheo đi khất thực khó khăn, Đức Phật ngồi suy nghĩ: 'Nước Duy-da-lê đang hồi đói kém, lúa thóc ít ỏi, đất đỏ, còn ở xóm làng này thì nhỏ hẹp, không đủ để các Tỳ-kheo đi khất thực.' Đức Phật nghĩ, muốn bảo các Tỳ-kheo hãy phân bố ra nước khác, nơi lúa thóc dồi dào hơn để khất thực. Đức Phật bảo các Tỳ-kheo Tăng:

"Ở xóm Trúc phương này lúa thóc không nhiều, việc khất thực khó khăn, còn bên nước Sa-la-đề[2] thì khá giả, sung túc hơn. Chung quanh nước Duy-da-lê này thì lúa thóc rất đất đỏ. Riêng ta cùng A-nan thì ở lại xóm Trúc phương."

Các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều đi đến nước Sa-la-đề, còn Đức Phật và A-nan thì đến xóm Trúc phương. Lúc này, Đức Phật bị bệnh nặng, muốn nhập Nê-hoàn. Đức Phật tự nghĩ: "Các Tỳ-kheo đều đi khỏi cả, riêng ta nhập Nê-hoàn, không có lời dạy dỗ nào sao?"

A Nan ở bên một gốc cây, đi đến chỗ Đức Phật hỏi thăm:

"Thánh thể không điều hòa, nay có bớt không?"

Phật nói:

"Chưa bớt. Bệnh rất nặng. Ta muốn nhập Nê-hoàn."

A-nan thưa:

"Xin Phật hãy khoan nhập Nê-hoàn. Hãy chờ các Tỳ-kheo tụ tập đông đủ đã."

Phật bảo Tôn giả A-nan:

"Ta có kinh điển và giới luật[3]. Các ngươi hãy vâng theo kinh, giới mà tu hành thì cũng như ta hiện có trong chúng Tỳ-kheo Tăng. Các Tỳ-kheo Tăng đều đã biết sự chỉ dạy của Phật. Ta đã dạy cho đệ tử phép thờ thầy. Các đệ tử hãy nên thọ trì, dốc tâm tu học. Nay toàn thân ta đau đớn. Ta đã vận dụng oai thần của Phật, trị bệnh

---

1. Trúc phương 竹 芳; No.1(2) sđd.: Trúc lâm, 竹 林.
2. Sa-la-đề 沙 羅 提; No.1(2) sđd.: đến hai nước, Tỳ-xá-ly 毗 舍 離, Việt-kỳ 越 祇.
3. Hán: kinh giới 經 戒, chỉ Pháp và Luật.

không cho tái phát; trụ tâm nhiếp phục bệnh, như có phần thuyên giảm."

Đức Phật bảo A-nan:

"Nay ta đã già rồi, tuổi đã tám mươi. Ví như chiếc xe cũ kỹ không còn cứng cáp. Thân thể ta cũng như vậy, không còn cứng cáp nữa. Ta há chẳng từng nói với các ngươi: 'Không có cái gì trên mặt đất này mà không chết. Có một cõi trời thật cao tên là Bất tưởng nhập[4], thọ đến tám mươi ức bốn ngàn vạn kiếp, cuối cùng cũng phải chết.' Do đó nên ta mới giảng kinh chỉ dạy cho mọi người để đoạn trừ cội gốc của sanh tử. Sau khi ta đã Bát-nê-hoàn, các ngươi không được lìa bỏ kinh giới này; hãy cung kính, tôn trọng nhau; hãy tự quán sát nội thân; giữ tâm chánh niệm, thực hành chân chánh; hãy giữ giới pháp, khiến cho trong và ngoài vẫn như thường. Trong bốn chúng đệ tử, ai thọ trì giới pháp, thảy đều là đệ tử Phật. Nếu ai học kinh giáo của Phật cũng đều là đệ tử của Phật. Đức Phật đã bỏ ngôi vị Chuyển luân vương lo cho mọi người trong thiên hạ; cũng tự lo bệnh tật của chính mình; luôn xả bỏ mọi trạng thái dâm, nộ, si."

Đức Phật từ xóm Trúc phương, bảo A-nan:

"Chúng ta hãy trở lại nước Duy-da-lê[5].

A-nan vâng theo lời dạy. Đức Phật trở lại nước Duy-da-lê, ôm bát vào thành khất thực, tìm đến ngồi ở khoảng đất trống dưới một gốc cây Cấp-tật thần[6] ở khoảng đất trống suy tư về việc sanh tử. A-nan thì ngồi dưới một gốc cây khác cách xa đó mà suy nghĩ về những điều ám ảnh[7]; rồi đứng dậy đi đến chỗ Đức Phật; đảnh lễ Phật xong, đứng bạch Phật:

"Sao Ngài chưa nhập Niết-bàn?[8]"

Đức Phật bảo A-nan:

---

4. Bất-tưởng-nhập 不想入, tức Phi tưởng phi phi tưởng xứ.

5. Duy-da-lê 維耶梨; No.1(2) sđd.: đi đến tháp Giá-bà-la tháp 遮婆羅塔.

6. Hán: Cấp-tật thần thọ hạ 急疾神樹下 (xem cht.4), có lẽ muốn nói là gốc cây ở gần tháp Giá-bà-la; Pāli: Cāpāla-cetiya. No.1(2) sđd.: không có tên này.

7. Nguyên văn: tư duy âm phòng chi sự 思惟陰房之事, nghĩa đen: "suy nghĩ về căn buồng bị che tối". Ý muốn nói, A-nan bị Ma-vương che lấp tâm trí nên không biết thỉnh Phật trụ thế lâu hơn. No.1(2) sđd.: Ma sở tế 魔所蔽.

8. Có sự nhầm lẫn trong bản Hán dịch này. Thay vì là ma Ba-tuần nói câu này, chứ không phải A-nan.

"An vui thay nước Duy-da-lê. An vui thay nước Việt-da.[9] An vui thay đất của thần Cấp Tật. An vui thay cửa thành Sa-đạt-tránh. An vui thay những con đường trong thành. An vui thay đền thờ Danh-phù-phất. An vui thay thiên hạ Diêm-phù-lợi. An vui thay nước Việt-kỳ. An vui thay nước Giá-ba. An vui thay cửa Tát-thành. An vui thay nước Ma-kiệt. An vui thay Mãn-phất. An vui thay Uất-đề. An vui thay suối Tây-liên. An vui thay núi Xuất kim. Năm sắc[10] sanh ra trong nội địa Diêm-phù-lợi như bức họa; an vui thay những ai sanh trong đó."

Đức Phật bảo A-nan:

"Nếu có Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nào, thọ trì bốn pháp[11], tư duy cho thuần thục, chánh tâm, không lệ thuộc vào vọng tâm, bên ngoài cũng nghĩ tốt, bên trong cũng nghĩ tốt, tâm không còn tham đắm dục lạc, không kinh sợ, cũng không còn dong ruổi nữa, thì Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni đó đã giữ vững ý chí mình. Tu tập bốn pháp như vậy gọi là bốn thần túc[12]; nếu muốn sống đến một kiếp cũng có thể được."

Bấy giờ, Ma đã nhập vào bụng[13] của A-nan. Đức Phật lại bảo A-nan:

"Như vậy hãy còn có thể được."

A-nan lại nói:

"Vì sao Phật chưa nhập Nê-hoàn? Bây giờ là đúng lúc Nê-hoàn!"

Đức Phật lại nói:

"An vui thay Diêm-phù-lợi. Nếu ai biết bốn thần túc này thì có thể sống trong trời đất này một kiếp, hoặc hơn thế nữa."

---

9. Danh sách các địa phương Phật đi qua và khen ngợi vẻ đẹp của chúng như là báo hiệu Ngài sắp nhập Niết-bàn. Việt-da quốc 越耶國; Danh-phù-phaát 名浮沸; Diêm-phù-lợi 閻浮利; Việt-kỳ 越祇; Giá-ba quốc 遮波國; Tát thành 薩城; Ma kiệt 摩竭; Uất-đề 鬱提; Tây-liên-khê 醯連溪; Xuất-kim sơn 出金山. So sánh liệt kê của bản Pāli: thành Vesāli, miếu Udena, miếu Gotamaka, miếu Sattambaka, miếu Bahuputta, miếu Sārandada, miếu Cāpala. No.1(2) không nêu danh sách này.

10. Hán: ngũ sắc 五色; đây không chỉ màu sắc của thị giác, mà chính xác nói đến màu da, tức chỉ năm sắc dân, yếu tố phân chia đẳng cấp xã hội của Ấn Độ cổ đại.

11. Tứ pháp 四法, chỉ cho Tứ thần túc, 四神足.

12. Xem cht.88.

13. Nguyên Hán: A-nan phúc 阿難腹.

Ngài lại bảo A-nan như vậy cho đến lần thứ ba mà A-nan vẫn không trả lời về việc bốn thần túc. Đức Phật bảo A-nan:

"Hãy nên ngồi bên gốc cây mà tự suy tư."

Đức Phật đứng dậy đi đến bên dòng suối Hê-liên[14], ngồi cạnh gốc cây. Ma[15] đi đến chỗ Phật nói:

"Tại sao Ngài không nhập Nê-hoàn?"

Đức Phật bảo:

"Này Tệ ma[16], ta chưa thể nhập Nê-hoàn, vì còn chờ bốn chúng đệ tử của ta có trí tuệ sáng suốt, đắc đạo; còn chờ chư Thiên trên trời, dân chúng nơi thế gian và các hàng quỷ thần đạt được trí tuệ, đắc đạo; chờ cho kinh pháp của ta được truyền bá khắp mọi nơi chốn, cho nên ta chưa thể nhập Nê-hoàn."

Ma biết Phật sẽ nhập Nê-hoàn nên vui mừng ra đi. Đức Phật ngồi tự suy tư: 'Ta nay có thể xả bỏ tuổi thọ[17].' Khi ngài muốn xả bỏ tuổi thọ, bấy giờ trời đất chấn động mạnh, hàng quỷ thần thảy đều kinh hãi. Lúc đó, A-nan đang ngồi bên gốc cây lo sợ vội đứng dậy đi đến chỗ Phật ngự, cúi đầu đảnh lễ sát chân Phật rồi đứng qua một bên, thưa:

"Con đang ngồi bên gốc cây, bỗng nhiên trời đất chấn động mạnh. Con kinh hãi đến nỗi lông tóc trong người đều dựng đứng. Con không biết vì lý do gì mà đại địa chấn động như thế?"

Đức Phật bảo Tôn giả A-nan:

"Phàm đại địa rung động có tám nhân duyên. Những gì là tám? Vì đất ở trên nước, nước ở trên gió, gió duy trì nước. Như từ mặt đất mà nhìn lên trời, hoặc có lúc gió làm rung động nước, nước làm rung động đại địa, đại địa nhân đó bị chấn động. Đó là nguyên nhân thứ nhất.

"Hoặc có bậc A-la-hán tôn quý, muốn thử oai thần của mình, ý muốn khiến cho đại địa chấn động, nên lấy hai ngón tay ấn trên mặt đất làm cho đất trời bị chấn động mạnh. Đó là nguyên nhân thứ hai.

---

14. Hê-liên khê 醯連溪, phiên âm khác: Hi-liên-thiền hà 希(熙)連禪河; tức Pāli: sông Hiraññavatī (Kim hà) Kusināra.

15. Ma 魔; No.1(2) sđd.: Ma Ba-tuần, 魔波旬; Pāli: Māra pāpimant, ma ác, hay thần chết kẻ gây ra tội ác, xúi dục người khác làm ác.

16. Tệ ma 弊魔, chỉ ác ma; xem cht.100.

17. Nguyên văn: Diệc khả phóng khí thọ mạng 亦可放棄壽命; No.1(2) sđd.: Xả mạng trụ thọ 捨命住壽.

"Trong khoảng không có vị trời oai thần lớn lao ý muốn làm cho đại địa rung động, tức thì đại địa liền bị chấn động mạnh. Đó là nguyên nhân thứ ba.

"Khi Đức Phật còn làm Bồ-tát từ cõi trời Đâu-thuật[18] nhập mẫu thai, lúc đó đất trời bị chấn động mạnh.

"Khi Bồ-tát từ hông bên hữu của mẹ hạ sanh thì đất trời bị chấn động mạnh.

"Khi Bồ-tát đắc đạo thành Phật, đất trời bị chấn động mạnh.

"Lúc Phật bắt đầu thuyết giảng kinh giáo hóa chúng sanh thì đất trời bị chấn động mạnh."

Đức Phật bảo A-nan:

"Sau ba tháng nữa thì Phật sẽ Bát-nê-hoàn, trời đất sẽ lại chấn động. Đó là nguyên nhân thứ tám khiến cho đại địa chấn động."

A-nan nghe Đức Phật nói thời hạn là ba tháng nữa sẽ nhập Nê-hoàn liền khóc lóc, hỏi:

"Phải chăng Ngài đã xả bỏ thọ mạng?"

Đức Phật bảo A-nan:

"Ta đã xả bỏ thọ mạng rồi."

A-nan bạch Phật:

"Con từng nghe từ kim khẩu của Phật nói: Nếu Tỳ-kheo nào có bốn pháp này, gọi là bốn thần túc, nếu muốn kéo dài mạng sống trong một kiếp cũng có thể được. Uy đức của Đức Phật còn cao hơn bốn thần túc nữa, tại sao không kéo dài mạng sống hơn một kiếp?"

Đức Phật bảo A-nan:

"Đó là do lỗi của ngươi, là điều người đã làm. Vì ta đã ba lần nói với ngươi: 'An vui thay trong cõi Diêm-phù-lợi!' nhưng ngươi vẫn im lặng không trả lời. Ta thấy ngươi tài năng[19], tại sao lại để cho Tệ ma nhập vào trong người mình? Ta không thể dừng lại được, sau ba tháng ta sẽ nhập Nê-hoàn."

A-nan liền đứng dậy nói với các Tỳ-kheo Tăng:

"Sau ba tháng nữa Đức Phật sẽ nhập Nê-hoàn."

Đức Phật bảo A-nan:

---

18. Đâu-thuật 兜術; No.2(1) sđd.: Đâu-suất 兜率; Pāli: Tusita; Skt.: Tusita.

19. Nguyên văn: Ngã kiến nhược đầu giác 我見若頭覺.

"Hãy tập hợp tất cả các Tỳ-kheo lại trong đại hội đường.

A-nan bạch:

"Tất cả các Tỳ-kheo Tăng đã ở trong đại hội đường rồi."

Đức Phật liền đứng dậy đi vào đại hội đường. Các Tỳ-kheo đều đứng dậy, cung kính đảnh lễ. Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Mọi vật trong trời đất đều vô thường, không có gì vững chắc. Con người vẫn ham muốn sanh tử, không mong tìm con đường giải thoát khỏi thế gian, thảy đều do si mê cả. Cha mẹ rồi cũng phải biệt ly, tưởng nhớ đến mà buồn thương. Người càng ân ái, tham luyến nhau càng nhiều bi ai. Trong thiên hạ, không có cái gì có sanh mà không có chết. Ta từng giảng nói nơi kinh: Hễ có sanh thì phải có chết; chết rồi lại sanh, sầu khóc lẫn nhau chẳng lúc nào thôi. Núi Tu-di rồi cũng sụp đổ. Chư Thiên trên trời cũng phải chết. Làm vua cũng chết; nghèo, giàu, sang, hèn, cho đến loài súc sanh cũng vậy. Không có gì sanh mà không chết. Đừng kinh ngạc khi biết Đức Phật sau ba tháng nữa sẽ nhập Nê-hoàn. Dù Phật không còn, hãy thọ trì giới kinh. Phật còn tại thế cũng phải thọ trì giới luật kinh pháp, mong cầu thoát khỏi cuộc đời không còn trở lại nẻo sanh tử nữa, cũng không còn ưu sầu khổ nữa. Để cho kinh Phật được trường tồn, sau khi Phật diệt độ, các bậc Hiền giả trong khắp mọi nơi hãy cùng nhau thọ trì giới, kinh. Người trong thế gian mà tự làm cho tâm mình được ngay thẳng chính đáng thì chư Thiên trên trời thảy đều hoan hỷ hỗ trợ, khiến người đó được phước. Đối với kinh của Phật phải đọc phải tụng, phải học, phải thọ trì, phải tư duy, phải khiến cho tâm ý luôn chân chánh, hãy cùng truyền dạy cho nhau.

"Có bốn việc: đoan nghiêm thân, đoan nghiêm tâm, đoan nghiêm chí, đoan nghiêm miệng.

"Lại có bốn việc: lúc muốn sân hận thì nhẫn, niệm ác khởi lên thì diệt trừ, có tham dục thì diệt bỏ, phải nên luôn luôn lo nghĩ về sự chết.

"Lại có bốn việc: tâm muốn tà vạy thì đừng nghe theo, tâm muốn dâm dục thì đừng nghe theo, tâm muốn làm điều ác thì đừng nghe theo, tâm muốn sự giàu sang, phú quý cũng đừng nghe theo.

"Lại có bốn việc: tâm phải nên lo nghĩ về sự chết, tâm muốn làm điều ác thì đừng nghe theo, phải kiềm chế tâm; tâm phải tùy thuộc người, người đừng tùy tâm; tâm làm mê hoặc người; tâm giết thân, tâm làm bậc La-hán, tâm lên trời, tâm làm người, tâm làm súc sanh, trùng kiến chim thú, tâm vào địa ngục, tâm làm ngạ quỷ. Tất cả hình dạng

tướng mạo đều do tâm làm ra cả.

"Tâm, thọ và mạng, ba thứ theo nhau. Tâm là vị thầy dẫn đầu. Mạng tùy tâm, thọ tùy mạng. Đó là ba thứ theo nhau. Nay ta làm Phật, được trên trời dưới trời tôn kính, cũng đều do tâm mà ra. Hãy nên nghĩ đến sự thống khổ của sanh tử, lìa bỏ mọi sự ràng buộc của gia đình. Nên nhớ nghĩ đến tám việc để suy tư về kinh Phật:

"Một, hãy lìa bỏ vợ con mà tìm con đường vượt khỏi thế gian; không tranh cãi với người đời; không có tâm tham.

"Không được nói hai lưỡi, nói lời thô ác, nói dối, thêu dệt, ngâm vịnh ca hát.

"Không được sát sanh, trộm cắp tài vật người khác và nhớ nghĩ đến sự dâm dục.

"Không được ôm lòng sân hận, ngu si và tham lam.

"Không được ganh ghét, khinh mạn người khác.

"Không được nghĩ tưởng làm ác, làm cho người khác thêm đau khổ.

"Không nên có thái độ buông lung; không được biếng trễ, nằm dài, nghĩ tới chuyện ăn uống.

"Hãy nên lo lắng, thân sanh rồi sẽ già, bệnh và chết.

"Thọ trì tám việc này, tự đoan nghiêm tâm, không tranh cãi cùng mọi người, được giải thoát khỏi thế gian.

"Này các Tỳ-kheo! Hãy nên suy tư về tám việc này và bốn nguồn gốc thống khổ thì kinh Phật được tồn tại lâu dài."

Đức Phật từ nước Duy-da-lê, bảo A-nan, hãy đi đến xóm Câu-lân[20]. A-nan bạch:

"Dạ vâng!"

Đức Phật từ nước Duy-da-lê ra đi, ngoái nhìn lại thành. A-nan liền đến trước thưa:

"Đức Phật đâu có vô cớ xoay người để nhìn lại thành này?"

Đức Phật bảo A-nan:

"Ta không hề vô cớ xoay người lại để ngắm. Phàm làm Phật thì không vô cớ quay lại để ngắm."

A-nan thưa:

---

[20]. Câu-lân 拘鄰, xem cht.55.

"Vậy Đức Phật quay nhìn như vậy là ý gì?"

Đức Phật nói:

"Hôm nay tuổi thọ của ta đã dứt, không còn trở lại để vào thành này nữa, cho nên ta quay lại nhìn."

Có một vị Tỳ-kheo tiến đến trước, gần chỗ Phật hỏi:

"Từ hôm nay Thế Tôn không còn đi vào trong thành này nữa sao?"

Đức Phật nói:

"Ta sắp nhập Nê-hoàn, không còn thấy lại nước Duy-da-lê nữa. Ta sẽ đi đến đến quê hương Hoa thị[21]."

Đức Phật đến xóm Câu-lân, trong đó có khu vườn tên là Thi-xá-hoàn[22]. Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Hãy giữ tâm tinh khiết, an tọa luôn tự tư duy, biết trong cuộc sống người có trí tuệ khiến cho tâm đoan chánh, do tâm chánh trực mà ba thứ độc là dâm, nộ, si được trừ sạch. Tỳ-kheo ấy tự nói rằng đã đoạn trừ cội gốc của sanh tử, đắc quả A-la-hán, nhất tâm không còn gì để lo lắng, lại không còn lo sợ về sanh tử. Tuy còn khổ[23] nhưng vẫn đạt được con đường không sanh tử[24]."

Đức Phật từ xóm Câu-lân bảo Tôn giả A-nan đi đến xóm Kiền-lê[25].

Tôn giả A-nan thưa:

---

21. Hoa thị hương thổ 華氏鄉土, có lẽ đồng nhất với Lực sĩ sanh địa 力士生地, tức "quê hương của những người lực sĩ" hay cũng gọi là Mạt-la quốc, mà thủ phủ là thành Câu-thi-na, nơi Phật sẽ nhập Niết-bàn. Phạm: Malla: lực sĩ, Malya: tràng hoa.

22. Thi-xá-hoàn 尸舍洹; No.2(2) sđd.: Thi-xá-bà 尸舍婆 tên một loại cây; Pāli: Siṃsāpa; tên khoa học: Dalbergia sisu; No.1(2): Phật dừng lại trong rừng cây Thi-xá-bà, phía Bắc thành Phụ-di. (Theo tài liệu Pāli, có một khu rūng Sinsāpavana tại Kosambī).

23. Hán: tuy cánh khổ雖更枯苦, không rõ ý.

24. Văn dịch không chuẩn về thành cú chuẩn liên hệ sự chứng quả A-la-hán. Hán dịch thường gặp: sanh dĩ tận, phạm hạnh dị lập, sở tác dĩ biện, bất thọ hậu hữu 生已盡梵行已立所作已辦不受後有.

25. Kieàn-lê 揵梨; No.1(2) sđd.: Phật từ tháp Giá-bà-la đi đến thôn Am-bà-la, rồi đến thôn Chiêm-bà, rồi đến thôn Kiển-đồ. Trong bản Pāli: từ miếu Cāpālā-cetiya, Phật trở vào thành Vesāli, từ đó đi đến thôn Bhandagāma, đến thôn Hatthigāma, thôn Ambagāma, Jambugāma, dừng chân tại thị trấn Bhoganagara...

"Dạ vâng."

Đức Phật cùng Tỳ-kheo Tăng đi đến xóm Kiền-lê. Từ xóm Kiền-lê Đức Phật bảo A-nan đồng đi đến Kim tụ[26], cùng với đông đủ Tỳ-kheo Tăng. Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Nếu có Tỳ-kheo nào tâm thanh tịnh, tâm tư duy, tâm có trí tuệ, tâm tự tư duy, thì người đó có trí biết kinh, đó là gốc của tâm trí tuệ; và tâm dâm, tâm hận, tâm si đều được trừ diệt. Ba tâm đã thanh tịnh, nếu muốn thoát khỏi cuộc đời thì không phải là chuyện khó. Khi đắc quả A-la-hán thì các thứ dâm, nộ, si đều được tiêu trừ. Nên tự nói: 'Đã trừ diệt ba thứ này thì không còn tạo pháp sanh tử nữa'."

Đức Phật từ Kim tụ bảo A-nan lại đến xóm Thọ thủ[27]. A-nan thưa:

"Dạ vâng."

Liền cùng đông đủ các Tỳ-kheo đi đến xóm Thọ thủ. Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Hãy để tâm thanh tịnh, tâm tư duy, tâm trí tuệ[28]. Nếu ai tâm ý được thanh tịnh thì tâm liền ngay thẳng, tâm trí tuệ liền sanh, trí tâm liền hiểu rõ, khai mở, không nghĩ về dâm, không nghĩ đến hận, không còn si mê nữa, tâm đã được khai mở."

Các Tỳ-kheo tự nói:

"Những điều mong ước của ta đã đạt được, nhơn đó thấy được đạo A-la-hán."

Đức Phật từ xóm Thọ thủ bảo A-nan đi đến xóm Yêm-mãn[29], A-nan thưa:

"Dạ vâng."

Tôn giả liền cùng đông đủ các Tỳ-kheo đi đến xóm Yêm-mãn. Đức Phật bảo các Tỳ-kheo Tăng[30]:

---

26. Kim tụ 金 聚; tức No.2(2) sđd.: thôn Chiêm-bà 瞻 婆; Pāli:Jambugāma. Ở đây, jambu được hiểu là jambunada hay jambodana, Diêm-phù-đàn kim, tên loại vàng lấy từ cát ở Jambu, do đó dịch là Kim tụ, hay Xóm vàng.

27. Thọ thủ 授 手; Pāli: Hatthigama.

28. Chính xác, đoạn này Phật giảng về sư tu tập cùng lúc ba môn giới, định và tuệ.

29. Yêm-mãn 掩 滿; Pāli: Ambagāma.

30. Tham chiếu No.1(2): tại thôn Am-bà-la, Phật giảng, tu tập giới-định-tuệ đưa đến giải thoát dục lậu, hữu lậu và vô minh lậu. Bản Pāli, tại thôn Bhandagāma, nội dung cũng tương đồng.

"Phương pháp của tâm thanh tịnh, tâm tư duy, tâm trí tuệ dẫn tới việc dứt hết các thứ dâm, nộ. Đạt được con đường của tâm thanh tịnh, cùng với tâm tư duy, tâm trí tuệ liền sanh ra con đường để tâm tư duy[31]. Nếu có tâm thanh tịnh, tâm trí tuệ liền khai mở được con đường của tâm trí tuệ. Có tâm thanh tịnh, tâm tư duy liền được sáng suốt[32]. Người đời dùng vải dạ để nhuộm màu, nếu vải dạ sạch sẽ thì màu nhuộm đẹp, đó là do dạ sạch. Tỳ-kheo có ba tâm: tâm thanh tịnh, tâm tư duy, tâm trí tuệ. Tâm thanh tịnh là thi-đại[33], tâm tư duy là tam-ma-đề[34], tâm trí tuệ là băng-mạn-nhã[35]. Tâm thi-đại là không dâm, không giận dữ, không tham. Tam-ma-đề là tâm được thu nhiếp khiến không còn dong ruổi. Băng-mạn-nhã là tâm không còn ái dục.

"Người thọ trì kinh giới của Phật ví như người có tấm vải dạ. Tấm vải ấy nếu bị bẩn, muốn nhuộm lấy để có màu sắc thì màu sắc không được tươi tốt. Tỳ-kheo nếu chẳng an định đối với tâm thanh tịnh, tâm tư duy, tâm trí tuệ mà muốn đạt đạo thì thật là khó. Vì tâm của vị ấy không được cởi mở. Tỳ-kheo tâm tự cởi mở, bằng tâm tư của mình vị ấy liền thấy cả việc trên trời, biết rõ ý niệm của tâm người, cũng thấy họ sẽ sanh vào các cõi địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, thiện, ác. Giống như dưới nước trong có cát, đá màu xanh, vàng, trắng, đen... tất cả đều hiện rõ do nhờ nước trong. Cầu con đường giải thoát khỏi thế gian, phải để tâm thanh tịnh như vậy. Thí như khe nước đục ngầu thì cát, đá ở dưới không thể

---

31. Tham chiếu No.1(2): tu giới đắc định, được phước lớn; Pāli: định cùng tu với giới đưa đến kết quả lớn.

32. Tham chiếu No.1(2): do tâm (định) và trí (tuệ) được tu tập đồng thời, sẽ giải thoát, dứt sạch các lậu hoặc: dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu. Bản Pāli cũng vậy.

33. Hán: thi đại 尸大, phổ thông phiên âm là thi-la 尸羅, tức Pāli: giới.

34. Hán: tam-ma-đề 三摩提, phiên âm phổ thông là tam-ma-địa hay tam-muội, tức định hay chánh định.

35. Hán: băng-mạn-nhã 崩曼若, phiên âm phổ thông: bát-nhã, tức tuệ hay trí tuệ.

thấy được, cũng không thể biết là nước cạn hay sâu. Tâm Tỳ-kheo mà không thanh tịnh thì không thể đạt được con đường giải thoát, vì tâm của Tỳ-kheo ấy luôn bị ô trược."

Đức Phật từ xóm Yêm-mãn bảo Tôn giả A-nan cùng đi đến xóm Hỷ dự[36]. A-nan thưa:

"Dạ vâng."

Rồi cùng đông đủ các Tỳ-kheo đi đến xóm Hỷ dự. Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Nếu có tâm thanh tịnh, tâm tư duy, tâm trí tuệ thì đối với những điều thầy truyền dạy, đệ tử phải nên học. Nếu không những điều suy nghĩ của thầy không thể đi vào trong tâm của đệ tử, làm cho tâm của đệ tử được đoan nghiêm. Tỳ-kheo hãy tự làm thanh tịnh lấy mình, tâm đoan nghiêm mới là tâm. Tâm đoan nghiêm thì được giải thoát khỏi thế gian. Hãy tự nói: 'Ta đã được giải thoát khỏi thế gian, đoạn trừ cội gốc của sanh tử'."

Đức Phật bảo Tôn giả A-nan:

"Hãy đi đến xóm Hoa thị[37]."

A-nan thưa: "Dạ vâng!" Liền cùng đông đủ các Tỳ-kheo đi đến xóm Hoa thị. Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Tâm có ba thứ cấu uế, đó là cấu uế về tham dâm, cấu uế về giận dữ và cấu uế về si mê. Giữ tâm thanh tịnh thì trừ được cấu uế về tham dâm, giữ tâm tư duy thì trừ được cấu uế về giận dữ, giữ tâm trí tuệ thì trừ được cấu uế về si mê. Bấy giờ Tỳ-kheo tự tuyên bố: Đã thoát khỏi thế gian, đoạn trừ được cội gốc của bao thứ khổ não nơi sanh tử."

---

36. Hỷ dự 喜豫; Pāli: Ānanda-cetiya, chứ không phải là Nādika, No.1(1) Na-đà thôn, như thấy ở cht.58.

37. Hoa thị tụ 華氏聚; No.2(2) sđd.: Ba-bà 波婆; Pāli: Pāvā. theo tài liệu Pāli, Pāvā là một đô thị của bộ tộc Malla (xem cht. 106). Phật từ Bhoagagāma đi đến Pāvā. No.1(2), Phật từ Phù-di (Pāli: Bhogagāma?) đi đến Pāvā.

Đức Phật lại từ xóm Hoa thị bảo A-nan cùng đi đến thành Phu-diên[1].

A-nan thưa: "Dạ vâng!" Rồi cùng đông đủ các Tỳ-kheo đi đến phía Bắc thành Phu-diên, ngồi dưới một gốc cây. A-nan ngồi kế bên gốc cây, dốc tư duy quán tưởng nội tâm, thì đại địa chấn động mạnh. A-nan liền đứng dậy đi đến chỗ Đức Phật, thưa:

"Đại địa vì sao lại chấn động mạnh?"

Đức Phật đáp:

"Đại địa chấn động có bốn nguyên nhân:

"Đất ở trên nước, nước ở trên gió, gió động làm nước chuyển động, nước chuyển động làm cho đất chấn động. Nhân đó đại địa rung động. Đó là nguyên nhân thứ nhất.

"Nếu có bậc A-la-hán muốn tự thử đạo lực của mình, dùng hai ngón tay ấn xuống mặt đất, khiến đại địa rung động. Đó là nguyên nhân thứ hai.

"Ở trong khoảng không có một vị trời với oai thần lớn lao muốn khiến cho đại địa rung động, tức thì đại địa liền rung động. Đó là nguyên nhân thứ ba.

"Đức Phật không bao lâu nữa sẽ nhập Nê-hoàn, đại địa lại chấn động mạnh. Đó là bốn nguyên nhân làm đại địa rung động[2].

A-nan thưa:

"Do oai thần của Phật, Đức Phật nhập Nê-hoàn nên đại địa mới chấn động mạnh như vậy?"

Đức Phật bảo A-nan:

"Oai thần của Phật vòi vọi, rất tôn quý, hóa độ soi sáng cho vô lượng chúng sanh. Vậy ngươi có muốn biết oai thần của Phật chăng?"

A-nan thưa:

"Con mong muốn được nghe biết điều ấy."

Đức Phật nói:

"Ta đi khắp mọi nơi chốn. Dân chúng trong quận huyện mà Ta đến, ai biết thì đi đến chỗ Đức Phật. Thân Phật tự biến hóa theo ngôn ngữ, y phục của dân nước ấy. Ta xem thấy dân chúng ở nước ấy thực

---

1. Phu-diên 夫延; No. 2(2) sđd.: Phụ-di 負彌. Tức Pāli: Bhogagāma.

2. Bốn nguyên nhân khiến cõi đất chấn động: Ở đây được lập lại như trên.

hành những pháp gì, biết những kinh, giới gì; Phật liền thuyết giảng kinh giới để đem lại lợi ích cho họ. Nhưng những dân chúng ấy đều chẳng biết Ta là ai, cũng chẳng biết Ta từ trên trời hay dưới đất đến. Dân chúng đều hết sức cung kính Ta.

"Ta lại biến hóa đến chỗ các quốc vương, quốc vương hỏi Ta: 'Khanh là ai?' Ta đáp: 'Tôi là đạo nhân ở trong nước này.' Quốc vương lại hỏi: 'Ngài nói kinh gì?' Ta nói: 'Ngài muốn hỏi kinh gì, xin cứ hỏi, tôi đều trả lời tất cả.'Quốc vương rất hoan hỷ. Ta vì nhà vua thuyết giảng rộng khắp xong, Ta liền biến mất, không thấy. Quốc vương sau đó đều chẳng biết Ta là ai.

"Ta đến các nước Thệ tâm[3], Ta cũng biến hóa thành người Thệ tâm với y phục, ngôn ngữ của như họ. Ta hỏi: 'Các người nói những giới kinh gì?' Ta biết tâm của các họ, biết tiếng nói của họ, Ta đem kinh và giới ra giáo hóa họ rồi biến mất. Những người ấy sau đó suy nghĩ về lời nói và hình tướng của Ta, họ hỏi: 'Đó là người gì? Là trời, là quỷ hay là thần?' Họ đều chẳng biết Ta là ai. Ta cũng không nói với họ Ta là Phật.

"Ta đã du hành khắp thiên hạ, truyền trao kinh, đạo mọi nơi rồi lên cõi trời thứ nhất chỗ ở của Tứ thiên vương, Ta cũng mặc y phục như trời và nói tiếng của trời. Ta hỏi trời: 'Ngài thọ trì kinh gì?' Trời thưa: 'Tôi chẳng biết kinh.' Ta liền thuyết giảng kinh cho họ nghe xong rồi biến mất, trời cũng chẳng biết Ta là ai.

"Ta lại lên cõi trời thứ hai là Đao-lợi thiên, hóa ra như y phục và tiếng nói của cõi trời Đao-lợi. Ta hỏi trời Đao-lợi: 'Ngài đã nói những kinh gì?' Trời Đao-lợi thưa: 'Tôi không biết kinh.' Ta liền thuyết giảng kinh cho họ nghe xong rồi biến mất. Trời cũng chẳng biết Ta là ai.

"Ta lại lên cõi trời thứ ba là Diêm[4], hóa ra y phục và tiếng nói của cõi trời Diêm. Ta hỏi trời Diêm: 'Ngài thọ trì kinh gì?' Trời thưa: 'Tôi không biết kinh.' Ta thuyết giảng kinh cho họ nghe.

"Ta lại lên cõi trời thứ tư là Đâu-thuật[5], hóa ra y phục và tiếng nói của trời ấy. Ta hỏi: 'Ngài thọ trì những kinh gì?' Vị trời ấy thưa: Ngài

---

3. Thệ tâm quốc, chỉ cho chúng hội những người Bà-la-môn.

4. Đệ tam Diêm thiên 第三鹽天, Diêm cõi trời thứ ba, trong sáu cõi trời dục giới, cũng âm là Diễm-ma thiên 焰摩天.

5. Đệ tứ Đâu-thuật thiên 第四兜術天; Đâu-thuật cõi trời thứ tư, trong sáu cõi trời Dục giới, tức thường gọi Đâu-suất thiên, 兜率天.

Di-lặc nói kinh cho tôi nghe.' Ta cũng lại nói kinh cho họ nghe.

"Ta lên cõi trời thứ năm là Bất kiêu lạc[6], cũng mặc y phục và nói tiếng của cõi trời ấy. Ta hỏi trời ấy: 'Ngài có biết kinh không?' Vị trời ấy thưa: 'Tôi không biết kinh.' Ta liền giảng nói kinh cho vị ấy nghe rồi biến mất, vị trời ấy cũng chẳng biết Ta là ai.

"Ta lại lên cõi trời thứ sáu là Ứng hóa thanh[7], cũng mặc y phục và nói tiếng của cõi trời ấy. Ta hỏi trời: 'Ngài thọ trì những kinh gì?' Trời thưa: 'Tôi không biết kinh.' Ta bèn giảng nói kinh cho họ nghe rồi lại biến mất. Sau đó, những vị ở cõi trời thứ sáu đều chẳng biết Ta là ai và Ta cũng không nói với họ Ta là Phật.

"Ta lại lên các cõi Phạm thiên, Phạm chúng thiên, Phạm phụ thiên, Đại Phạm thiên, Thủy hành thiên, Thủy vi thiên, Vô lượng thủy thiên, Thủy âm thiên, Ước tịnh thiên, Biến tịnh thiên, Tịnh minh thiên, Thủ diệu thiên, Cận tế thiên, Khoái kiến thiên, Vô kết ái thiên[8]. Các vị trời ấy đều đến gặp Ta. Ta hỏi: 'Các vị có ai biết kinh không?' Trong số đó có người biết kinh, có người không biết kinh. Ta đều thuyết giảng về con đường sanh tử cho họ nghe, lại thuyết giảng về con đường đoạn trừ cội gốc của sanh tử. Ai thích nghe kinh, Ta đều giảng nói cho họ nghe. Ta cũng mặc y phục và nói tiếng giống như các cõi trời ấy.

---

6. Đệ ngũ Baát kiêu lạc thiên 第五不憍樂天; Bất kiêu lạc cõi trời thứ năm, trong sáu cõi trời Dục giới, còn gọi là Hóa tự tại thiên 化自在天.

7. Đệ lục Ứng hoùa thanh thiên 第六應化聲天; Ứng hoùa thanh là cõi trời thuù saùu, trong saùu cõi trời Dục giới, còn gọi là Tha hóa tự tại thiên, 他化自在天.

8. Liệt kê danh hiệu các trời thuộc Sắc giới caùc cõi trời Sắc giới 色界: Phạm thiên 梵天, Phạm chúng thiên 梵眾天, Phạm phụ thiên 梵輔天, Đại phạm thiên 大梵天, Thủy hành thiên 水行天, Thủy vi thiên 水微天, Vô lượng thủy thiên 無量水天, Thủy âm thiên 水音天, Ước tịnh thiên 約淨天, Biến tịnh thiên 遍淨天, Tịnh minh thiên 淨明天, Thủ diệu thiên 守妙天, Cận tế thiên 近際天, Khoái kiến thiên 快見天, Vô kết ái thiên 無結愛天. Tham chiếu *Trường A-hàm kinh 20* (No.1(20), cõi Sắc giới phân ra Nhị thập nhị thiên, tức: Phạm thân thiên 梵身天, Phạm phụ thiên 梵輔天, Phạm chúng thiên 梵眾天, Đại Phạm thiên 大梵天, Quang thiên 光天, Diệu quang thiên 妙光天, Vô lượng quang thiên 無量光天, Quang âm thiên 光音天, Tịnh thiên 淨天, Thiểu tịnh thiên 少淨天, Vô lượng tịnh thiên 無量淨天, Biến tịnh thiên 遍淨天, Nghiêm sức thiên 嚴飾天, Tiểu nghiêm sức thiên 小嚴飾天, Vô lượng nghiêm sức thiên 無量嚴飾天, Nghiêm sức quả thật thiên 嚴飾果實天, Vô tưởng thiên 無想天, Vô tạo thiên 無造天, Vô nhiệt thiên 無熱天, Thiện kiến thiên 善見天, Đại thiện kiến thiên 大善見天, A-ca-ni-tra thiên 阿迦尼吒天.

"Ngoài ra còn có bốn cõi trời không thể dùng ngôn ngữ[9]. Ta muốn lên các cõi ấy nhưng họ không thể trả lời những điều ta hỏi; đó là cõi trời thứ hai mươi lăm là Không tuệ thiên, cõi trời thứ hai mươi sáu là Thức tuệ nhập, cõi trời thứ hai mươi bảy là Vô sở niệm tuệ nhập và cõi trời thứ hai mươi tám là Bất tưởng nhập[10]."

Đức Phật dạy:

"Chẳng có nơi nào mà ta không thấy biết, nhưng chỉ có Nê-hoàn là an lạc tột bực."

Đức Phật bảo Tôn giả A-nan:

"Oai thần của Phật không chỉ làm cho đại địa chấn động, mà còn khiến cho cả hai mươi tám tầng trời[11] kia cũng rúng động mạnh. Đức Phật nhờ chánh tâm mà được như vậy."

Đức Phật bảo A-nan:

"Sau khi Ta nhập Nê-hoàn rồi, những kinh giới pháp, sư pháp, mà A-nan đã nghe từ miệng Phật, A-nan nên nói rằng: 'Tôi nghe pháp này từ miệng của Đức Phật'[12]. Hãy nói lại cho các Tỳ-kheo Tăng đời sau như vậy. Này A-nan, không được cất giấu kinh Phật, phải dốc sức nêu bày phổ biến, trong kinh không có gì phải nghi ngờ. Sau khi ta nhập Nê-hoàn, các Tỳ-kheo hãy nên cùng nhau giữ gìn chánh pháp. Nếu có những Tỳ-kheo khác, dối muốn làm pháp sư. Trong kinh những kẻ đó không có giới cấm, nên bỏ chẳng nên giữ, vì nó hủy hoại Phật pháp. Hoặc có các Tỳ-kheo khác tùy tiện thêm bớt kinh giới của Phật. A-nan ngươi nên nói như vầy: 'Tôi từng theo Phật nhưng không nghe Đức Phật giảng nói kinh pháp này. Tại sao lại tùy tiện thêm bớt kinh pháp của Phật?' Nếu có Tỳ-kheo không hiểu kinh Phật thì nên hỏi Tỳ-kheo tôn lão là A-nan. Vì đã nhận biết đầy đủ về kinh giới của Phật, đã nghe

---

9. Chỉ bốn cõi trời thuộc Vô sắc giới.

10. Danh sách bốn trời thuộc Vô sắc giới: Không tuệ thiên 空慧天, Thức tuệ nhập 識慧入, Vô sở niệm tuệ nhập 無所念慧入, Bất tưởng nhập 不想入. Danh hiệu được biết nhiều nhất: Không vô biên xứ thiên 空無邊處天, Thức vô biên xứ thiên 識無邊處天, Vô sở hữu xứ thiên 無所有處天, Phi tưởng phi phi tưởng xứ thiên 非想非非想處天.

11. Nhị thập bát thiên 二十八天: Sáu trời cõi Dục, mười tám trời cõi Sắc và bốn trời cõi Vô sắc như những chú thích trên.

12. Phật chỉ cho A-nan, khi kết tập kinh điển, mở đầu kinh bằng "Tôi nghe như vầy". Văn dịch Hán ở đây không rõ.

chính từ miệng Đức Phật nói ra và nói cho các Tỳ-kheo Tăng nghe, chớ có thêm bớt. Nếu ai muốn thêm bớt kinh giới thì ngươi hãy sửa lại cho đúng; điều là phi pháp thì hãy bỏ đi chớ dùng.

"Này A-nan, nếu có người nói: 'Đức Phật không nói lời này', thì hãy nói với kẻ ấy: 'Tại sao ông muốn hủy hoại giới kinh của Phật?'. Hoặc có các Tỳ-kheo ngu si không hiểu giới kinh thì nên hỏi các Tỳ-kheo tôn lão, Tỳ-kheo không được tức giận. Nếu có Tỳ-kheo không hiểu kinh ấy, trong số đó có Tỳ-kheo biết kinh giới, biết những điều Phật dạy thì hãy nên tới đó mà học hỏi. Nếu có Tỳ-kheo nghi ngờ đối với kinh giới đến hỏi Tỳ-kheo Tăng, thì nên nói với vị ấy: 'Ông theo thầy nào mà nghe như vậy?'. Vị ấy tự nói tên của thầy mình. Tỳ-kheo nói giới kinh không được nghi: 'Đó không phải do Phật chỉ dạy ngăn cấm.' Tỳ-kheo Tăng đều có mặt trong lúc kiết tập kinh. Những kinh nào ở trong cuộc kiết tập thì dùng, còn những gì ở ngoài sự kiết tập thì bỏ đi đừng dùng. Ai không hiểu kinh giới, nên hỏi nơi nào có Trưởng lão Tỳ-kheo thông suốt về kinh giới, sẽ đến đó để hỏi nghĩa kinh. Khi hỏi kinh không được nói đúng, sai. Nếu ai có nghi ngờ, A-nan hãy giải thích: 'Chính tôi được nghe Đức Phật dạy'. Kinh không thuộc trong cuộc kiết tập, các Trưởng lão Tỳ-kheo đã không nói thì bỏ đi chớ dùng. Các Tỳ-kheo nên nói cho đúng giới kinh. Các Tỳ-kheo sau khi đã nói giới kinh nên cùng nhau thọ trì. Nếu có Tỳ-kheo nghi, nói rằng: 'Đó chẳng phải là kinh Phật chơn thật,' và người ấy không thích kinh thì các Tỳ-kheo nên trục xuất kẻ ấy ra ngoài. Khắp thiên hạ, từ trong lúa sanh ra cỏ, cỏ là thứ hủy hoại, lúa là chơn thật, người ta phải nhổ sạch cỏ đi thì lúa mới chắc hạt. Tỳ-kheo xấu ác không thích kinh, không giữ giới, làm hư hoại các Tỳ-kheo tốt, thì chư Tỳ-kheo nên nhóm họp lại để trục xuất kẻ ấy ra. Trường hợp có những vị Tỳ-kheo Hiền thiện, thông hiểu kinh giới, thì các Tỳ-kheo nên đi đến chỗ Tỳ-kheo ấy để học hỏi, tu tập."

Đức Phật nói:

"Các Tỳ-kheo đã thọ trì, đã biết, đã học, khi truyền trao giới kinh cho Tỳ-kheo nên nói: 'Lúc Đức Phật còn tại thế, đối với chốn kia, làng xóm kia, huyện kia, nước kia, bấy giờ có Tỳ-kheo kia cùng đi theo, Ngài đã giảng nói kinh giới này, vậy thọ trì kinh giới này không được lớn tiếng giận dữ cho rằng, không phải do Phật nói.' Những điều được nói ra nên dạy dỗ lẫn nhau, tôn trọng và cúng dường nhau, kẻ lớn người nhỏ hãy cùng nhau kiểm chế, không để Phật Bát-nê-hoàn rồi mà không

tôn kính cúng dường nhau. Nếu cùng tôn kính cúng dường nhau thì chư Thiên và dân chúng hỗ trợ, hoan hỷ, tất cả đều được phước, có thể làm cho kinh Phật được trụ thế lâu dài. Sau khi ta nhập Niết-bàn, A-nan nên nói: 'Ở chỗ kia có Tỳ-kheo thông hiểu kinh, trì giới. Tỳ-kheo mới tu học này nên đến chỗ vị Tỳ-kheo Trưởng lão hiểu kinh kia để theo vị ấy thọ học kinh giới.' Các Tỳ-kheo mới tu học đến nghe kinh giới, không được nói rằng: 'Đây không phải là vị trì kinh giới của Phật'; mà hãy tôn kính cúng dường nhau. Nếu các Tỳ-kheo hòa hợp cùng nhau giữ đúng giới pháp thì bên ngoài có các hàng Thanh tín sĩ, các hàng Thanh tín nữ nghe các vị Tỳ-kheo Tăng hòa hợp giữ giới của Phật thì đều vui mừng lo cúng dường đồ ăn, y phục và thuốc men trị bệnh cho các Tỳ-kheo Tăng. Như vậy là kinh Phật có thể được trụ thế lâu dài. Tỳ-kheo Tăng nên hòa hợp, tôn kính và thừa sự nhau, trên dưới cùng nhau theo đúng giới pháp. Khắp nơi trong cõi người, các nẻo địa ngục, cầm thú, ngạ quỷ, do vì bất hòa cho nên rơi vào ba đường ác. Các Tỳ-kheo thọ trì kinh giới nên hòa hợp, không được cùng nhau tranh chấp, cười nói cho rằng: 'Ta nhiều trí, ông ít trí'. Dù trí nhiều, trí ít, tất cả đều phải tu hành. Nếu Tỳ-kheo hòa hợp dốc thọ trì kinh Phật, khiến cho Chánh pháp được tồn tại lâu dài, làm cho người trong thiên hạ được phước, chư Thiên nơi các cõi trời đều hoan hỷ. Không nên ở trong kinh giới mà lìa bỏ lời Phật dạy. Đối với lời Phật dạy, Tỳ-kheo đã thọ trì thì nên phụng hành."

Đức Phật bảo A-nan nên trở lại nước Ba-tuần[13]. A-nan thưa:

"Dạ vâng."

Đức Phật cùng Tỳ-kheo Tăng từ nước Phu-diên đi đến nước Ba-tuần, dừng chân trong vườn Thiền-đầu[14]. Dân chúng của nước Ba-tuần gọi là Chư hoa[15]. Dân chúng Chư hoa nghe Phật đi tới đây, dừng chân trong vườn Thiền-đầu, họ đều đến phía trước đảnh lễ Phật, rồi tất cả đều ngồi xuống. Đức Phật thuyết giảng kinh cho họ nghe. Bấy giờ có một người tên là Thuần[16]. Cha của Thuần tên là Hoa Thị[17]. Con của Hoa

---

13. Ba-tuaàn 波 旬; No. 2(2) sđd.: Ba-bà 波 婆; Pāli: Pāvā.

14. Thieàn-ñaàu 禪 頭; No. 2(2) sđd.: Xà-đầu 闍 頭.

15. Tức dân Mạt-la, tức tiếng Phạm là Malla, thường dịch là Lực sĩ. Trong bản Hán này, hiểu Malla là "bông hoa" do liên hệ vời từ Mallikā: hoa Mạt-lỵ hay hoa Lài.

16. Thuaàn 純; No.2(2) sđd.: Châu-na 周 那; No.7, Thuần-đà 純 陀.

17. Hoa Thò 華 氏; No.1(2) sđd.: Châu-na, con trai một người thợ; Pāli: kammāraputta

Thị lúc này vẫn còn ngồi lại, trong khi mọi người đã đi hết. Một mình Thuần ở lại trong giây lát thì đứng dậy, đi nhiễu quanh Đức Phật ba lần, chắp tay thưa:

"Sáng mai mong Ngài cùng các Tỳ-kheo Tăng đến nhà con để thọ trai."

Đức Phật yên lặng không trả lời. Thuần liền đến trước Đức Phật đảnh lễ, nhiễu quanh Phật ba vòng rồi trở về nhà, trải tòa, thắp đèn để mời Phật và chư Tỳ-kheo.

Sáng mai, Thuần đi đến bạch với Đức Phật là đã chuẩn bị xong xuôi. Đức Phật đứng dậy ôm bát cùng với đông đủ các Tỳ-kheo đi đến nhà Thuần để thọ trai. Trong số các Tỳ-kheo đi theo, có một Tỳ-kheo có ý xấu, lấy nước uống trong bình bát đổ đi. Đức Phật liền biết và Thuần cũng thấy như vậy. Đức Phật ăn xong, Thuần lấy một cái ghế nhỏ ngồi trước Đức Phật và bạch Phật:

"Con muốn hỏi một việc là khắp trên trời dưới trời, không ai có trí tuệ hơn Phật, vậy trong thiên hạ có mấy hạng Tỳ-kheo?

Đức Phật dạy:

"Có bốn hạng Tỳ-kheo:

"1. Hành đạo thù thắng.

"2. Hiểu đạo, có thể giảng nói được.

"3. Nương nơi đạo để sống.

"4. Làm ô uế đạo.

"Sao gọi là Tỳ-kheo hành đạo thù thắng?

"Đó là đạo nghĩa mà vị ấy thuyết giảng không thể nào kể xiết. Vị ấy thực hành đạo lớn, tối thắng không thể so sánh, đã hàng phục được tâm lo sợ, chế ngự các pháp, dẫn dắt thế gian. Đó là hạng Sa-môn hành đạo thù thắng.

"Sao gọi là hạng Sa-môn hiểu đạo, có thể giảng nói được?

"Đó là vị ấy nêu bày được điều cao quý thứ nhất của Đức Phật, lại còn phụng hành không có nghi ngờ, lại cũng có thể diễn nói đạo pháp cho người khác nghe. Hạng Sa-môn như vậy gọi là hiểu đạo có thể giảng nói được.

"Sao gọi là hạng nương nơi đạo để sinh sống?

"Đó là hạng luôn nhớ đến việc tự giữ gìn cho riêng mình, siêng

Cunda, Cunda con trai người thợ sắt.

năng học tập một mạch không lùi, chăm chăm không mỏi, nhưng bị người, pháp tự che lấp. Đó là hạng Sa-môn nương nơi đạo để sinh sống.

"Sao gọi là hạng làm ô uế đạo?

"Đó là hạng chỉ làm những điều mình ưa thích, ỷ lại vào tộc họ của mình, chuyên tạo hành vi ô trược làm khiến người khác bàn tán, chẳng nhớ lời Phật dạy, cũng không sợ tội lỗi. Hạng Sa-môn như vậy là làm ô uế đạo. Kẻ phàm nhân nghe hạng người này cho là hàng đệ tử có trí huệ thanh tịnh.

"Vậy Sa-môn có người thiện, có người ác, không phải là cùng một hạng giống nhau. Người bất thiện thì bị người thiện chê bai. Thí như trong lúa có cỏ. Cỏ là xấu, lúa là tốt. Những nhà trong thế gian có con xấu ác, một đứa con làm ảnh hưởng cả gia đình. Một Tỳ-kheo xấu ác làm bại hoại các Tỳ-kheo khác, khiến nhiều người cho các Tỳ-kheo đều là xấu ác."

Đức Phật dạy:

"Con người không nên cho nhan sắc, y phục là đẹp. Ý đoan nghiêm, thanh tịnh mới là đẹp. Con người không nên để cho hình tướng lừa dối."

Đức Phật dạy Thuần:

"Nếu ai cúng cơm cho Phật và chư Tỳ-kheo Tăng, lúc chết được sanh lên cõi trời. Người hiểu biết kinh thì trừ bỏ tâm dâm, tâm nóng giận và tâm si mê. Không nên vì một người mà chê trách tất cả mọi người.

❑

KINH PHẬT BÁT-NÊ-HOÀN

QUYỂN HẠ[1]

Đức Phật ra khỏi nhà ông Thuần, bảo Tôn giả A-nan đến nước Cưu-di-na-kiệt[2]. Tôn giả A-nan thưa:

"Dạ vâng."

Tôn giả liền cùng các Tỳ-kheo Tăng từ nước Hoa thị đi tới nước Cưu-di-na-kiệt. Đức Phật bảo:

"Ta đang bệnh, cần phải ngồi nghỉ."

Ngài gọi A-nan. A-nan thưa: "Dạ vâng."

Đức Phật nói:

"Gần chỗ này có một con suối tên là Cưu-đối[3]. Hãy cầm bát đến đó múc đầy bát nước lại đây. Ta muốn uống nước và rửa mặt."

Tôn giả A-nan liền đến bên suối. Khi ấy có năm trăm cỗ xe đi qua trên dòng nước làm nước rất đục. A-nan liền múc nước đục đem đến, bạch Đức Phật:

"Trên dòng nước có đến năm trăm cỗ xe đi qua làm cho nước rất đục. Nước này chỉ có thể rửa mặt, rửa chân chứ không thể uống. Ở vùng ấy lại có một con suối tên là Hê-liên[4], nước rất trong, từ đây đến đó cũng không xa, con có thể tới suối kia lấy nước cho Thế Tôn uống."

---

1. Bản Hán: Quyển hạ, No.1(2) sđd.: 'Du Hành kinh Đệ nhị'.

2. Cưu-di-na-kiệt 鳩夷那竭; No. 2(2) sđd.: Câu-thi-na-kiệt 拘尸那傑; Pāli: Kusinagara.

3. Cưu-đối 鳩對; No.1(2) sđd.: Câu-tôn 拘孫.

4. Suối Hê-liên 醯連; có lẽ là sông Hi-liên-thiền (Pāli: Hiraññanavatī; xem cht.99, quyển thượng). Nhưng, theo No.1(2), giữa sông Câu-tôn (đây gọi là Cưu-đối, xem cht.3) và chỗ Phật dừng chân có một con suối nước đục. Sông Hi-liên-thiền còn cách xa một quãng nữa.

Đức Phật liền dùng nước đục để rửa mặt, rửa chân. Bệnh của Ngài có phần thuyên giảm. Bấy giờ có vị đại thần tên là Bào-mân[5], người nước Hoa thị, cùng đi trên đường, từ xa trông thấy oai thần của Đức Phật, dung mạo đoan nghiêm, đang ngồi một cách an tịnh. Đại thần Bào-mân liền đến trước Đức Phật đảnh lễ rồi ngồi xuống. Đức Phật giảng nói kinh cho ông nghe và ông rơi lệ khóc lóc. Đức Phật dạy:

"Có Tỳ-kheo nào đã từng nói kinh cho ông nghe chưa. Vì sao nghe kinh mà ông lại khóc?"

Bào-mân thưa:

"Có một người tên là La-ca-diêm[6] tụng kinh cho con nghe, khi ấy nước mắt con tuôn trào."

Đức Phật hỏi:

"Ông ta tụng kinh gì?"

Bào mân thưa:

"La-ca-diêm ngồi bên gốc cây, tự suy tư về thân thể. Lúc ấy có năm trăm cỗ xe đi qua. Không lâu sau đó có một người đến hỏi: 'Vừa rồi có năm trăm cỗ xe chạy qua, Tôn giả không nghe tiếng động sao?'. Đáp: 'Ta không nghe'. Người ấy nói: 'Gần ngay nơi đây, tiếng xe ầm ầm như vậy, sao lại không nghe?' Đáp: 'Không nghe'. Người ấy nói: 'Khi đó Tỳ-kheo ngủ à?' Đáp: 'Không ngủ'. Người ấy nói: 'Vậy sao lại không nghe tiếng xe chạy?' Đáp rằng: 'Ta đang nghĩ đến đạo, tự tư duy về năm tạng trong thân thể mình.' Kẻ ấy nói: 'Xe chạy qua như vậy mà lại không nghe tiếng xe!'"

Bào-mân thưa:

"Con đi nửa đường thì gặp một người đã thuyết pháp cho con nghe. Đó là Tỳ-kheo La-ca-diêm, người giữ đạo thâm diệu, không nghe tiếng ầm ầm của năm trăm cỗ xe chạy qua. Do đấy con cảm phục nên khóc."

Đức Phật nói với Bào-mân:

---

5. Nguyên văn: Đại thần danh Bào-mân 大臣名胞罽; No.2(2) sđd.: A-la-hán đệ tử danh viết Phúc-quý 阿羅漢第子名曰福貴.

6. La-ca-diêm 羅迦鹽; chính xác phải đọc là Ca-la-diêm, tên người thường biết với phiên âm là A-la-la Ca-la-ma (Pāli: Ālāra-Kālāma), vị đạo sĩ mà Đức Thích Tôn đã từng đến tham vấn đạo sau khi Ngài rời cung vua. Trong bản Pāli, Pakkusa (tức Bào-mân ở đây) là đệ tử của Ālāra-Kālāma.

"Tiếng của năm trăm cỗ xe chạy so với tiếng sấm sét, tiếng nào lớn hơn?"

Bào-mân thưa:

"Cho dù có ngàn cỗ xe chạy, tiếng động vẫn không bằng tiếng sấm sét."

Đức Phật bảo Bào-mân:

"Ngày trước ta ở tại xóm Ưu-đàm[7], ngồi tư duy về nguồn gốc sanh tử của muôn loài. Bấy giờ trời đang mưa ào ào, sấm sét vang rền dữ dội, làm chết bốn con trâu và hai anh em người đi cày. Khi ấy nhiều người xúm lại để xem. Có một người đi đến chỗ ta, tới phía trước đảnh lễ. Ta hỏi: 'Người ta làm gì mà tụ tập đông quá vậy?' Người ấy thưa: 'Vừa rồi sấm sét đã giết chết bốn con trâu và anh em người đi cày, tại sao Phật không nghe; hay là lúc ấy Phật đang ngủ chăng?' Đức Phật trả lời: 'Ta không ngủ. Ta đang ngồi tư duy về đạo.' Người ấy nói: 'Đạo của Phật sâu xa như vậy, tuy Ngài không ngủ mà vẫn không nghe tiếng sấm sét vang rền dữ dội, là do Ngài đang suy tư về đạo một cách sâu xa.' Người đó cũng rơi lệ."

Đại thần Bào-mân thưa:

"Đạo của Phật sâu xa như vậy, từ nay về sau con xin thọ trì kinh giới của Phật."

Bào-mân liền gọi kẻ tùy tùng tới, bảo trở về lấy tấm vải dạ dệt bằng kim tuyến[8] đem đến để ông dâng cúng Đức Phật. Kẻ tùy tùng liền trở về nhà đem tấm dạ dệt bằng kim tuyến đến. Bào-mân dâng lên Phật, thưa:

"Mặc dù con biết Đức Phật không dùng thứ này nhưng mong Ngài thương xót mà nhận cho con."

Đức Phật liền thọ nhận. Bào-mân đảnh lễ Phật rồi đi. Ông đi chưa bao lâu, Đức Phật bảo A-nan:

"Hãy mang tấm dạ dệt bằng kim tuyến, có màu vàng lại đây."

Tôn giả A-nan thưa:

"Con đã theo hầu Phật trên hai mươi năm chưa hề thấy tấm dạ nào đẹp như vậy."

Đức Phật nói:

---

7. Ưu-đàm 優曇; No.1(2) sđd.: A-việt 阿越; Pāli: Atuma.

8. Nguyên văn: hoàng kim chức thành điệp bố 黃金織成疊(bộ mao 毛)布.

"Còn có cái hết sức đẹp."

A-nan thưa:

"Sắc mặt của Đức Phật ngày hôm nay đẹp như sắc tấm dạ vậy."

Đức Phật bảo A-nan:

"Đức Phật có hai lần đạt được sắc diện đẹp như vậy. Đó là lúc Đức Phật mới thành đạo, sắc diện đẹp như thế. Ngày hôm nay vào lúc nửa đêm ta sẽ nhập Nê-hoàn nên sắc diện cũng lại đẹp như vậy."

Đức Phật lại bảo A-nan:

"Hãy đi đến bên dòng suối Hê-liên, ta muốn tắm rửa thân thể."

A-nan thưa:

"Dạ vâng."

Đức Phật cùng A-nan đi đến bên dòng suối Hê-liên. Đức Phật cởi y, tự mình lấy nước để tắm rửa[9]. Đức Phật bảo A-nan:

"Sáng nay Ta thọ trai nơi nhà con ông Hoa Thị tên là Thuần, rồi vào lúc nửa đêm ta sẽ nhập Nê-hoàn. Hãy nói cho ông Thuần biết: Đức Phật đã thọ trai nơi nhà ông, vào nửa đêm hôm nay Ngài sẽ nhập Nê-hoàn. Vậy ông nên hoan hỷ. Hãy bảo ông Thuần đừng khóc lóc. Nếu ai cúng cơm cho Đức Phật một lần sẽ được năm thứ phước. Đó là bữa ăn cuối cùng trước khi Phật Bát-nê-hoàn. Vậy ông Thuần sẽ được trường thọ, được đoan chánh, được phú quý, được tôn trọng, được sanh lên cõi trời. Đức Phật là Bậc đáng tôn kính, ai cúng dường cơm nước cho Ngài một lần là được năm thứ phước trên."

A-nan bạch Phật:

"Có một Tỳ-kheo tên là Chiên-đàn[10], tánh tình nóng nảy, ưa chửi mắng, thường tranh cãi với các Tỳ-kheo. Sau khi Phật Bát-nê-hoàn, con gặp các Tỳ-kheo như vậy làm sao để cùng nhau phụng sự kinh giới của Phật?"

Đức Phật bảo A-nan:

"Sau khi Ta nhập Nê-hoàn rồi, nếu gặp loại Tỳ-kheo như vậy thì hãy đừng quan hệ, các Tỳ-kheo hãy đừng nói với kẻ ấy. Như vậy Tỳ-kheo Chiên-đàn sẽ phải suy nghĩ, ôm lòng xấu hổ, hối hận vì thường

---

9. No.1(2): Phật uống nước và tắm gội nơi sông Câu-tôn (Pāli: Kakutthā).

10. Chiên-đàn 栴檀; No.1(3) sđd.: Xiển-nộ 闡怒, còn phiên là Xiển-đà 闡陀 hay là Xiển-na 闡那; Pāli: Channa; Skt.: Chandaka, tức là Xa-nặc 車匿 nguyên quân hầu mã của Thái tử.

tranh cãi với các Tỳ-kheo."

Đức Phật bảo Tôn giả A-nan:

"Hãy trải giường cho ta, đầu quay về hướng Bắc. Lưng ta đau nhức, ta muốn nằm."

A-nan liền trải giường, đặt gối. Đức Phật nằm nghỉ, nghiêng hông về phía bên phải, hai chân chồng lên nhau. Ngài nằm suy tư về đạo vô vi. Đức Phật đang nằm, bảo A-nan:

"Ngươi có biết bảy sự về ý[11] không? Những gì là bảy? Một, có chí. Hai, hiểu rõ kinh. Ba, siêng tụng kinh. Bốn, không ham nằm, ưa thích kinh. Năm, chánh tâm. Sáu, tịnh tâm. Bảy, thấy trong thân toàn là đồ dơ bẩn. Tỳ-kheo có được bảy pháp này thì tự biết là mình đã giải thoát khỏi cuộc đời."

A-nan có ý nghĩ là Phật đang mệt mỏi. Đức Phật bảo A-nan:

"Ngươi nghĩ rằng Phật biếng nhác chăng?"

Đức Phật bảo A-nan:

"Người mà không biếng nhác đối với kinh, không biếng nhác ngồi dậy; người ấy muốn làm Phật thì có thể[12]."

Nói xong, Phật ngồi dậy.

Bấy giờ có một Tỳ-kheo tên Kiếp-tân[13], đến nói với A-nan:

"Tôi muốn hỏi một việc."

Tôn giả A-nan đáp:

"Thánh thể của Phật không điều hòa, vậy nên thôi đi."

Đức Phật từ bên trong biết có Tỳ-kheo muốn hỏi chuyện, Ngài bảo A-nan:

"Hãy bảo Tỳ-kheo ấy vào gặp ta."

Đức Phật dạy:

"Ngươi muốn hỏi gì cứ hỏi."

---

11. Hán: thất ý chi sự 七 意 之 事, tức bảy Giác ý, cũng gọi là Giác chi, hay Bồ-đề phần (Pāli: satta sambojjhaṅgā), theo dịch ngữ thông dụng: 1. Niệm 念 (Pāli: satti); 2. Trạch pháp 擇 法 (dhamma-vicaya); 3. Tinh tấn 精 進 (viriya); 4. Hỷ 喜 (pīti); 5. Khinh an 輕 安 (passaddhi); 6. Định 定 (samādhi); 7. Xả 捨 (upekkhā).

12. Chính xác, đoạn văn mô tả trạng thái nghỉ ngơi của Phật, nhưng bản Hán dịch dài dòng và tối nghĩa. Tham chiếu Pāli: (...) sato sampajāno utthānasaññaṃ manasikaritvā, "chánh niệm, tỉnh giác, với ý tưởng ngồi dậy".

13. Kiếp-tân 劫 賓; No.1(2) sđd.: không có tên cùng sự kiện này.

Tỳ-kheo thưa:

"Ngài đang bị bệnh, xin đừng thuyết giảng kinh nữa. Phật đã nói về bảy sự. Chúng con nghe và sẽ thực hành theo. Phật không cần thuyết kinh nữa."

"Vừa rồi ta mới nằm, A-nan nghĩ rằng Đức Phật có ý mệt mỏi, sao lại nằm. Do đó ta ngồi dậy nói về bảy việc."

Tỳ-kheo thưa:

"Đức Phật là Bậc tôn quý của trời và người, tại sao Ngài không lên trời lấy thuốc để trị cho hết bệnh?"

Đức Phật dạy:

"Như ngôi nhà cũ, thời gian lâu đều bị hư nát, nhưng đại địa thì sẽ tiếp tục an ổn. Tâm của Phật thì an ổn như đại địa, còn thân của Phật thì như ngôi nhà cũ. Tâm ta không bệnh, chỉ có thân ta mới có bệnh thôi."

Đức Phật dạy:

"Hãy lo về bảy sự, lo cho thân mà giữ giới."

Tỳ-kheo thưa:

"Nay Phật sắp nhập Nê-hoàn vì thân có bệnh, huống chi là người phàm phu có xác thịt!"

Tỳ-kheo thưa:

"Loài chim yến sanh con, nhờ cha mẹ đút mồi mà được sống. Nay Đức Phật bỏ chúng con mà nhập Nê-hoàn, vậy chúng con biết nương cậy vào ai."

Đức Thế Tôn bảo:

"Ta đã từng nói rằng: Có sanh thì có tử. Tỳ-kheo nên nhớ việc thọ trì trọng giới của Đức Phật."

Tỳ-kheo ấy lui ra. Đức Phật bảo Tôn giả A-nan:

"Hãy đi nhanh đến rừng Diêm-kha-sa[14] trải giường, đầu quay về hướng Bắc, vào lúc nửa đêm hôm nay Ta sẽ nhập Nê-hoàn."

A-nan vâng lời đi đến đó, đặt giường ở trong rừng, đầu quay về hướng Bắc xong, trở về thưa:

"Con đã trải giường xong."

---

[14] Diêm-kha-sa 鹽呵沙, phiên âm, chỉ rừng Sa-la song thọ, tức rừng cây Sa-la mọc đôi; Pāli: yamaka-sālā.

Đức Phật đứng dậy đi đến Diêm-kha-sa, nằm lên giường, hông nghiêng về phía hữu. Có một Tỳ-kheo tên là Ưu-hòa-hoàn[15], đến đứng ở trước Đức Phật. Đức Phật bảo:

"Không nên đứng phía trước Ta!"

A-nan bạch Phật:

"Từ khi con đích thân làm thị giả đến nay là hai mươi lăm năm, con chưa từng thấy có Tỳ-kheo nào đi thẳng đến trước Phật mà không hỏi ý con."

Đức Phật bảo:

"Tỳ-kheo này có oai thần lớn hơn cả chư Thiên, nghe Phật diệt độ cho nên mới nóng lòng tự mình đến thẳng phía trước, muốn gặp Phật[16]."

A-nan hỏi:

"Chỉ có vị Thiên này biết Phật sắp diệt độ hay lại có các vị Thiên khác cùng biết?"

Đức Phật bảo A-nan:

"Từ cảnh giới nước Cưu-di-na-kiệt, trong khoảng bốn trăm tám mươi dặm, đầu này nối tiếp đầu kia, không có một kẽ hở, đều là chư Thiên; nghe Phật sắp Nê-hoàn, họ đều thương tiếc, khóc lóc mà đi đến đây. Trong đó có vị cào đầu, bứt tóc, xé áo, tim muốn ngừng đập, ngất xỉu, than rằng: 'Sao mà buồn quá! Đức Phật đã bỏ chúng ta. Ngài đã diệt độ vĩnh viễn! Sao mà nhanh thế! Phật là Bậc sáng suốt tột bậc, là con mắt của ba cõi, nay Ngài đã nhập Niết-bàn, ba cõi thành tối tăm'."

Đức Phật bảo A-nan:

"Ta đã từng nói rằng: 'Trong trời đất này chẳng có cái gì mà chẳng bị hủy hoại; có sanh thì có tử. Kẻ ngu si thì cho rằng trời đất này là thường còn, Phật thì cho đó là hư không. Đất trời có thành thì có hoại, thân này rồi cũng phải bỏ đi. Chỉ có thiện hay ác đi theo thân. Cha có điều xấu ác, con không bị tai ương. Con có điều xấu ác, cha cũng không bị tai ương. Mỗi người phải tự nhận lấy sự sống chết, thiện hay ác, tai ương hay lỗi lầm, tất cả đều tùy thuộc vào mình."

---

15. Ưu-hòa-hoàn 優和洹; No.1(2) sđd.: Phạm-ma-na 梵摩那; Pāli: Upavāṇa.

16. So sánh với No.1(2) và Pāli: Bấy giờ rất đông chư Thiên muốn hầu Phật, nhưng vì uy lực của Tỳ-kheo này quá lớn che mất, khiến chư Thiên không vào được. Vì vậy, Phật bảo Tỳ-kheo tránh ra.

A-nan bạch Phật:

"Sau khi Phật diệt độ, cách thức an táng thân thể của Phật phải làm như thế nào?"

Đức Phật bảo A-nan:

"Ngươi hãy im lặng, đừng lo. Sẽ có các Thệ tâm, Lý gia cùng nhau lo việc đó[17]."

A-nan thưa:

"Họ theo phương thức gì để an táng tôn thể của Đức Phật?"

Đức Phật bảo A-nan:

"Phương thức an táng cũng như phương thức an táng của hoàng đế Phi hành[18]. Đức Phật còn hơn thế nữa."

Tôn giả A-nan thưa:

"Phương thức an táng ấy như thế nào?"

Đức Phật bảo Tôn giả A-nan:

"Lấy dạ trắng mới quấn quanh thân, tiếp đến lấy mười tấm vải kiếp-ba quấn lên trên dạ trắng, rồi đặt vào trong kim quan bằng bạc, dùng nước hoa rưới lên vải kiếp-ba; lại dùng tất cả loại hương tốt để lên trên, lấy củi cây tử, cây chương, cây Chiên-đàn chất chung quanh kim quan. Dùng lọng che lên kim quan, lấy củi chất trên dưới rồi trà-tỳ. Trà-tỳ xong thì thu lấy xá-lợi, dựng tháp, treo phan, tại ngã tư đường, đặt cái mâm lên trên; trống nhạc, hoa hương, đốt đèn cúng dường. Phương thức an táng của Phi hành hoàng đế là như vậy. Cách thức an táng Đức Phật còn hơn thế nữa."

Khi Đức Phật nói như vậy, A-nan đứng ở phía sau Ngài tiếc thương khóc lóc, đặt đầu trên góc giường, thưa:

"Ngài diệt độ sao mà nhanh quá! Đất trời trở nên tối tăm."

Khắp bốn phương, các Tỳ-kheo Tăng nghe Đức Phật sắp diệt độ đều khóc lóc trở về. Họ nói với nhau: 'Sợ không còn thấy được Phật.' Có Tỳ-kheo Tăng bước đến, Đức Phật hỏi:

"Tỳ-kheo A-nan ở đâu?"

Thưa:

"Tôn giả A-nan ở gần sau góc giường, đang cúi đầu khóc nghẹn

---

17. Tức việc đó để cho các Bà-la-môn, cư sĩ lo.

18. Phi hành hoàng đế 飛行皇帝 tức Chuyển luân thánh vương 轉輪聖王.

ngào."

Các Tỳ-kheo chảy nước mắt thưa:

"Đức Thế Tôn diệt độ sao mà nhanh quá!"

Đức Phật dạy:

"Lúc đi qua các thôn xóm, ta đã có cho biết trước rằng: 'Khoảng chín mươi ngày trở lại ta sẽ nhập Nê-hoàn. Lúc này, bốn chúng đệ tử ở xa vài ngàn dặm, tất cả đều trở về'."

Đức Phật bảo A-nan:

"Chớ có buồn rầu. Sở dĩ như vậy, vì ngươi đã hết lòng hầu Phật trên hai mươi năm; có tâm từ đối với Phật; thân thì cung kính, miệng thì thận trọng; có lòng đại hiếu đối với Phật. Thị giả của Phật thời quá khứ cũng như A-nan, thị giả của Phật thời vị lai cũng như A-nan. Ngươi biết ý Phật; biết lúc nào nên cho Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di vào gặp Phật, lúc nào thì không nên cho. Trong công việc hầu hạ chuyện ăn uống, lúc nào nên ăn, nên uống, khi nằm, khi đứng, luôn hợp với ý của Phật, chưa từng mất oai nghi. Tỳ-kheo hay hàng Thệ tâm nào thích nghe kinh hay không thích, A-nan nói ra đều chân thật. A-nan đã hết lòng hiếu thuận đối với Phật, vậy thì khóc lóc làm gì?"

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Hãy lắng nghe bậc Phi hành hoàng đế có bốn đức khó làm. Những gì là bốn đức?"

"Các Tiểu quốc vương và các Thệ tâm, Lý gia cùng các dân chúng, đến dưới cửa vua. Phi hành hoàng đế đều gặp họ, bằng tâm hòa thuận, dịu dàng để chỉ dạy, thuyết giảng phương pháp trị nước cho các vua, là phải tri túc, đừng cầu mong. Còn sự hành trì của hàng Thệ tâm thì lấy sự thanh tịnh làm đầu. Các Lý gia và dân phải đến chỗ thờ Phật để nghe Sa-môn giảng dạy về cách sống chân chánh, nơi nhà thì phải tu hạnh hiếu thuận, theo chỗ an định, dùng tâm từ ban bố cho tất cả. Các vua, Thệ tâm, Lý gia và thứ dân không ai là không hoan hỷ, khen ngợi Thánh đế đã làm cảm động cả chư Thiên. Phi hành hoàng đế có bốn đức như vậy.

"Tỳ-kheo A-nan cũng có bốn đức: Nếu có Trừ cận nam, Trừ cận nữ, Thanh tín sĩ, Thanh tín nữ đi đến chỗ A-nan để hỏi kinh giới thì A-nan có thể trình bày quảng diễn cho họ một cách đầy đủ. Bốn chúng đệ tử chẳng ai là chẳng hoan hỷ cáo từ lui ra. Họ đều hết lời khen ngợi. Đó là đức thứ nhất trong bốn đức của A-nan.

"Lại có bốn chúng đệ tử không hiểu sự thâm diệu của kinh, đi đến chỗ của A-nan để hỏi những điều còn nghi. A-nan giải thích rõ các mối nghi của họ, chỗ nào cũng được khai mở, khiến người nghe không chán, khi ra về, không ai là không khen ngợi. Đó là đức thứ hai trong bốn đức của Tôn giả A-nan.

"Các bậc cao đức trong bốn chúng nhìn thấy A-nan đứng hầu bên trái Đức Phật, ai cũng hết lời khen ngợi. Đó là đức thứ ba trong bốn đức của A-nan.

"Đức Phật thuyết giảng kinh, bất luận nhiều hay ít, A-nan đã nghe qua đều nhớ nằm lòng rồi truyền lại cho bốn chúng, hoàn toàn không thêm bớt. Đó là đức thứ tư trong bốn đức của A-nan."

A-nan bạch Phật:

"Cách đây không xa có những quốc độ như nước Xá-vệ, nước Sa-chi, nước Đàn-ba, nước Vương xá, nước Ba-la-nại, nước Duy-da-lê[19]. Nơi các nước lớn ấy, văn minh nghĩa giáo đầy đủ, mong Đức Phật nên đến những chốn đó để diệt độ. Sao Ngài không tới các nước lớn ấy mà chọn một huyện nhỏ, lại còn ở ngoài của thành, một xóm thưa thớt, một huyện thấp hèn, để nhập Nê-hoàn?"

Đức Phật bảo A-nan:

"Đừng bảo đây là một xóm nhỏ. Vì sao như vậy?

"Vào thời xa xưa ở xứ Cưu-di-na-kiệt này có tên là Cưu-di-việt-vương[20]. Khi ấy trong nước hết sức an lạc, không có các bệnh tật, lúa thóc dồi dào, dân chúng đông đúc, cuộc sống sung túc, trong nhà có con hiếu thảo. Thành từ Đông sang Tây dài bốn trăm tám mươi dặm, thành Nam-Bắc dài hai trăm tám mươi dặm. Thành có bảy lớp đều dùng ngói nung nhiều lớp ghép lại, dùng vàng ròng, bạc trắng, lưu ly, thủy tinh để làm tường thành, cũng dùng bốn loại báu làm ngói lợp. Thành cao sáu trượng bốn thước, ở bên trên rộng hai trượng bốn thước. Trong thành có cây báu, hoa phát ra ánh sáng năm màu. Đường đi có ba lối, hai bên đều dùng bốn báu để lót đường, có ngói lợp lên trên, hai bên là nhà ở, điêu khắc chạm trổ đẹp đẽ giống như trên cõi trời. Có các thứ âm nhạc, các loại đàn cầm, đàn sắt do nam nữ thuần

---

19. Các đô thị lớn, trù phú, thời Phật.

20. Cưu-di-việt vương 鳩夷越王; No.1(2) sđd.: Câu-xá-bà-đề 拘舍婆提; Pāli: Kusāvati.

nhất ca ngợi đạo đức. Nhạc về đạo có mục đích giúp cho trí tuệ thêm sáng suốt, khiến dân chúng không có ưu sầu, sợ sệt, tâm thường hoan hỷ. Trên đầu họ không có trang điểm nhưng hương trí tuệ tỏa khắp. Vị Thánh vương ở cõi này tên là Đại Khoái Kiến[21], hiệu là Phi hành hoàng đế, điều khiển binh đội thông minh nhất thế gian, dùng đạo trị dân, dân chúng không trái với vương pháp. Nếu dân chúng muốn phi hành, hễ nghĩ thì thân liền bay đến đó. Nhà vua có bảy báu, tự nhiên sanh ra: Bánh xe bằng vàng báu bay được. Voi trắng có thần lực. Ngựa thần màu xanh. Ngọc Minh nguyệt. Vợ là Ngọc nữ ở trên trời. Quan là bậc Thánh chủ kho báu. Quan là bậc Thánh coi về binh.

"Nhà vua có bốn đức. Lúc còn thơ ấu, lúc làm Thái tử, lúc lên ngôi vua, lúc bỏ nước, lúc diệt dục làm Sa-môn, đều trải qua mỗi thời kỳ là tám vạn bốn ngàn năm. Đó là đức khó có của vua Đại Khoái Kiến.

"Khi ăn uống thì tiêu hóa, thân thể không có bệnh lâu, lạnh nóng điều hòa, thân ý thường được an vui. Đó là đức thứ hai của nhà vua.

"Dung mạo oai nghiêm, khí sắc hơn đời, chỉ kém thua Đế Thích một chút, vua cho là không bằng. Đó là đức thứ ba của nhà vua.

"Khắp cả vòm trời, trọn cả cõi đất, người dân từ lớn chí nhỏ không ai là không yêu kính nhà vua, giống như người con chí hiếu mong cho cha mẹ đều được an lạc. Nhà vua cũng đem tâm thương yêu chúng sanh, xem tất cả như con đẻ. Nếu ai nghèo thì vua cho tiền của, đói cho ăn, khát cho uống. Già mà khốn cùng, nhỏ mà cô quạnh đều khiến cho ở chung như là quyến thuộc thân thích. Dùng nhà cửa, xe cộ để cứu tế khẩn cấp cho tất cả. Đó là đức thứ tư của nhà vua.

"Trong nước thường nghe mười hai loại âm thanh, đó là tiếng voi, tiếng ngựa, tiếng bò, tiếng xe, tiếng loa, tiếng trống, tiếng múa, tiếng ca, tiếng nhạc, tiếng ca tụng nhân nghĩa, tiếng khen Phật là Bậc tôn quý. Dân chúng trang sức bằng các thứ châu báu dệt thành như vô số

---

[21]. Đại Khoái Kiến 大快見; No.1(2) sđd.: Đại Thiện Kiến 大善見; Pāli: Mahāsudassana.

loại ngọc Minh nguyệt, chuỗi anh lạc chiếu sáng, ăn uống ca nhạc giống như cõi trời Đao-lợi. Dân chúng luôn được sống trong cảnh yên vui, sung sướng.

"Khi nhà vua muốn đi du ngoạn thì bảo vị quan giữ xa giá tên là Tu đạt[1]. Nhà vua bảo: 'Hãy chạy xe từ từ! Lâu rồi mà ta không gặp các Thệ tâm, Lý gia. Nay ta muốn gặp họ.'

"Các Thệ tâm, Lý gia nghe nhà vua đang đi; người có đeo ngọc minh châu, bạch ngọc, bích ngọc, thanh ngọc, san hô, Chiên-đàn, các loại hương nổi tiếng liền đem dâng cho Thánh vương. Nhà vua không muốn nhận, nhưng những người ấy đều thành kính van nài, do đó nhà vua mới nhận. Vua ra lệnh cho vị quan coi về kho báu trả giá gấp đôi những vật đó. Dân chúng lớn nhỏ đều dùng các thứ hương hoa báu rải khắp trên mặt đất, chúc vua sống lâu vô lượng.

"Các Tiểu vương có đến tám vạn bốn ngàn người, nghe Phi hành hoàng đế muốn bố thí đều đến để phụ giúp. Họ đến đại điện, Hoàng đế muốn cùng các vua đều lên chánh điện. Các vua từ chối, thưa: 'Các nước của chúng thần đều có cung điện báu.'

"Hoàng đế nói: 'Cung điện nhỏ của các vị không có gì đáng để nói. Hãy xem Minh điện, theo ta mà lên, đừng sợ!'

"Hoàng đế có chiếc xe báu và các Tiểu vương cũng vậy. Xe cao mười trượng có bốn bánh, từ trên xuống dưới đều làm bằng bảy báu, bên trên thì treo tràng phan màu sắc sáng chói phản chiếu nhau. Xe này do sáu con ngựa kéo, những con ngựa ấy đều bay được. Đặc biệt có một chiếc xe của nhà vua đi do hai con ngựa mình trắng bờm và đuôi đen nhưng xe tự nhiên chạy. Xe đó gọi là Câu-la-kiệt, để Thánh đế cưỡi. Tám vạn bốn ngàn xe đều đi trước dẫn đường cùng đến Minh điện. Minh điện tên là Ba-la-sa-đàn, ngang dọc bốn mươi dặm, dùng hoàng kim, bạch ngân, lưu ly, thủy tinh làm tường, dùng bốn loại báu làm trụ, lấy ngói vàng ròng, bạch ngân, lưu ly, thủy tinh lợp lên. Có năm mươi lớp tam cấp đều dùng hoàng kim, bạch ngân, lưu ly, thủy tinh tạo thành. Các xà nhà, cột chống đều làm bằng hoàng kim, bạch ngân, lưu ly, thủy tinh. Trong điện có tám vạn bốn ngàn cái giường, tất cả đều làm bằng vàng ròng, bạch ngân, lưu ly, thủy tinh. Các thứ màn che cũng được làm bằng các loại báu ấy. Có những thứ nệm dệt bằng vàng ròng, bạch ngân, lưu ly, thủy tinh, hoặc dệt bằng nhung đỏ, tất cả đều dùng để trải lên giường. Còn gối thì do những tay nghề trên cõi trời dệt thành.

"Này A-nan, tường vách quanh cung điện có bốn lớp: tường bằng

---

[1]. Tu-đạt 須達; No.2(2) sđd.: không có tên.

vàng ròng, tường bằng bạch ngân, tường bằng lưu ly, tường bằng thủy tinh. Ao tắm được làm bằng bốn thứ báu, chu vi bốn mươi dặm. Hễ ao bằng vàng ròng thì đường cấp lên xuống bằng bạch ngân. Hễ ao bằng bạch ngân thì đường cấp lên xuống vàng ròng. Hễ ao bằng lưu ly thì cấp bằng thủy tinh. Hễ ao bằng thủy tinh thì cấp bằng lưu ly. Trong ao tự nhiên sanh hoa sen có bốn màu: xanh, hồng, tía, trắng thường nở trong ao suốt mùa hè. Bên ngoài thì có cây hoa tỏa hương thơm ngát. Phía dưới cung điện có bốn con đường, đều dùng bốn báu để làm lan can cho hai bên lối đi, mỗi lan can dài hai mươi dặm. Trước cấp bậc của cung điện có bốn cây báu, mỗi cây cao bốn mươi dặm, bóng cây che phủ cả mặt đất. Cây bằng vàng ròng thì lá bằng bạch ngân, cây bằng bạch ngân thì lá bằng vàng ròng, cây bằng lưu ly thì lá bằng thủy tinh, cây bằng thủy tinh thì lá bằng lưu ly. Nhà vua ở dưới cung điện để tự suy nghĩ, không ở trên điện, dùng lời lẽ ôn hòa nói với các vua, các vua đều không dám lên điện.

"Vua Đại Khoái Kiến ra lệnh cho quan hầu cận thỉnh các Sa-môn, Thệ tâm hiểu kinh, trì giới lên điện trước nhất. Trên điện đã dọn đủ thứ đồ ăn thượng vị, lại còn ban tặng ngọc báu quý giá. Các Sa-môn, Thệ tâm đi rồi nhà vua liền đắm chìm trong tư duy: 'Thọ mạng là vô thường'. Ngài và một người hầu cùng lên Minh điện, bảo: 'Ta muốn các phu nhân, kỹ nữ, cận thần, các vua hãy lui ra.'

"Nhà vua ngồi trên giường bằng vàng ròng, chân để trên ghế bằng bạch ngân, tự mình suy niệm một cách sâu xa về hành động của sự dâm dật, nào có ích gì cho ta mà kẻ ngu si phần nhiều tham đắm, không biết đó là tai họa. Nay ta tuy thọ đến ba mươi ba vạn sáu ngàn năm, nhưng cái gì có thạnh thì sẽ có suy, có hợp hội thì sẽ có sự chia ly. Thân là loại mục nát rồi trở thành tro bụi mà thôi. Nay bốn điện báu này, ai có thể bảo tồn lâu dài được? Đối với một thân ta chỉ cần một cái nhà nhỏ để ở là đủ, cần gì phải dùng đến cung điện bốn mươi dặm và tám vạn bốn ngàn cái giường?

"Nhà vua từ nơi giường bằng vàng ròng bước đến giường bằng bạch ngân, để chân lên ghế bằng vàng, chỉ suy tư về con người để khiến cho tâm tham lam, ganh ghét, giận dữ, ngu si, tà dâm được thanh khiết, vì bốn sự phi thường luôn hủy diệt nên chẳng cái gì tồn tại. Quán thấy thế gian là vô thường, vậy thân ta làm sao mà tồn tại lâu dài được?

"Nhà vua từ giường bằng bạch ngân đi đến giường bằng lưu ly,

để chân lên ghế thủy tinh, nói: 'Ngọc nữ nơi hậu cung của ta có đến tám vạn bốn ngàn người, ta sẽ bảo lui về hết, dùng họ chỉ thêm sự trói buộc. Người nữ chứa đầy sự xấu ác, hãy bỏ đi chớ để cho tâm ý bị ô uế.'

"Nhà vua từ giường lưu ly bước đến giường thủy tinh, đặt chân lên ghế lưu ly, lại tư duy về: 'Vạn sự đều xấu ác, chỉ có pháp Vô vi là an lạc. Hãy trừ bỏ tâm ý ô trược nơi ta, hãy cầu đạo Vô vi. Nay ta tuy làm Phi hành hoàng đế cao quý như vậy, nào có ích gì cho thân?'

"Người hầu đến trước nhà vua thưa: 'Các ngọc nữ báu hỏi nhà vua ở trong điện sao lâu quá, họ đều muốn tới trước để bái yết nhà vua.'

"Vua bảo người hầu: 'Ra lệnh cho vị quan coi về kho báu bảo với các phu nhân ai về nhà nấy, hãy mang theo trong người các thứ châu báu danh tiếng tùy theo ý muốn. Còn các vị vua, quần thần, ngựa trời, voi báu, đều bảo là lui ra hết.'

"Vua Đại Khoái Kiến liền bước lên lầu cao, từ xa nghe thấy các thứ âm thanh 'than trời, trách đất'. Vua hỏi: 'Tiếng gì thế?'

"Người hầu thưa: 'Đó là tiếng kêu than khóc lóc của đám ngọc nữ nhà trời, các vị vua, đám quần thần, cả voi báu, ngựa trời. Tất cả đều hết lòng luyến mộ Thiên vương, không một ai có thể rời bước được.'

"Vua bảo: 'Hãy đem cái ghế nhỏ lại đây, đặt ở dưới điện, mời ngọc nữ báu, các vị vua, bá quan, các thứ voi báu, ngựa báu và kẻ hầu. Đệ nhất hoàng hậu ngồi cạnh nhà vua.'

"Vua lại bảo các thể nữ xinh đẹp hầu hạ các phu nhân. Hoàng hậu giơ tay chỉ các nữ báu, nói: 'Dung nhan của các Thiên nữ tươi đẹp lạ thường, thân mặc y phục của trời, thế gian thật ít thấy! Mong ngài hãy nên lưu tâm! Có voi báu, ngựa trời; ngựa tên là Hoàn thanh[2]. Các thứ anh lạc báu như: Bạch châu, Dạ quang hiện rõ soi sáng cả nước. Các vị vua khắp bốn phương đều cần có ánh sáng của bậc Thánh nhân để họ kính thờ, xưng mình là bề tôi, hết lòng hiếu thuận, trung hậu, ái mộ Thiên vương.'

---

2. Hoàn thanh 桓 青, phiên âm của Vālahaka?

“Vua Khoái Kiến bảo: ‘Ta đời đời vốn có tâm từ bi. Người nữ trong thế gian ganh ghét nhau, gây tai ương xấu ác cùng khắp, làm ảnh hưởng lâu dài đến thân vua, đó chính là tai họa lớn. Ta muốn xa lìa. Từ nay về sau, nếu gặp các người nữ thì Ta xem họ như là em gái của ta.’

“Các phu nhân cùng than khóc, thưa: ‘Tại sao đang lúc còn sống lại nỡ xa lìa chúng tôi?’

“Tất cả đều vứt hết đồ trang sức nơi thân, ngã nhào xuống đất. Hoàng hậu thì càng áo não, sầu thảm, nói: ‘Này Thiên vương, vậy chúng tôi biết nương tựa vào ai?’

“Vua bảo: ‘Mạng người rất ngắn, nhưng sự lo buồn lại nhiều. Thân là vật hư nát, chẳng biết chết đi lúc nào. Từ nay ta giữ tâm, sùng kính uy đức của bậc Sa-môn, xa lìa cả những người nữ thân thuộc, chỉ có đạo là tôn quý, tự lo tu thân không thể lo các chuyện khác được.’

“Ngài lại nói với các vị Tiểu vương:

“Mạng người ngắn ngủi nhưng sự lo buồn thì dài, nên tự thương lấy thân mình, hễ có sanh thì có tử. Hãy giữ tâm hạnh chân chánh, từ ái, hiếu thuận, sự vinh hoa khó giữ mãi được.”

“Các Tiểu vương đều cúi đầu, chí thành thưa: ‘Các nước trong bốn cõi thiên hạ đều trông cậy vào Thiên vương. Thường nghe các bậc Thánh từng khen ngợi về vùng đất này, không thể nêu rõ hết được. Vua và trăm quan hẳn là thần thánh nên châu báu của đất nước này nhiều khác nào như trên cõi trời. Vậy Thiên vương nên dốc lòng thương xót chúng dân mà thay đổi thánh ý đó đi!’

“Nhà vua bảo các Tiểu vương: ‘Tuổi thọ con người rất ngắn, mà nỗi lo lắng của người đời thì lại nhiều. Hãy tự lo cho thân mình, mạng người chỉ trong hơi thở. Hễ có sanh thì có tử, hãy lìa bỏ hành vi tham dâm, uế trược đi!’

“Nhà vua đứng dậy đi lên cung điện, ngồi trên giường bằng vàng ròng, giữ tâm từ bi rộng lớn hướng về các phu nhân, trăm quan, các Tiểu vương, dân chúng, voi, ngựa, mọi loài lao khổ trong mười phương; đem tâm từ bi thương xót, muốn khiến cho họ biết đến Phật. Rồi ngài từ giường bằng vàng đi đến giường bằng bạc, suy tư về đạo Vô vi. Từ giường bằng bạc ngài đi tới giường bằng lưu ly, suy tư về hạnh từ bi

nhằm cứu vớt chúng sanh. Từ giường lưu ly, ngài lại đi tới giường thủy tinh, suy tư về hạnh đại hiếu, muốn cứu độ những người thân trong vô số kiếp. Tự mình suy tư về toàn bộ cơ thể trong con người là dơ nhớp. Nhà vua bảo: 'Ngày xưa ta đã từng mắc một chứng bệnh như có sợi dây bằng tre siết nơi cổ, như dùi gỗ xuyên qua thân. Thân là đồ chứa sự khổ, đâu đủ để làm chỗ nương tựa?'

Đức Phật bảo Tôn giả A-nan:

"Phi hành hoàng đế Đại Khoái Kiến ấy chính là thân ta. Nhà vua sau khi mãn tuổi thọ thì sanh lên cõi trời Phạm thiên. Ai biết thân Phật đã từng làm Phi hành hoàng đế, tu tập Chánh pháp? Lại có bốn đức, bảy thứ báu tự nhiên xuất hiện. Từ cảnh giới Cưu-di-na-kiệt dài bốn trăm tám mươi dặm, rộng hai trăm tám mươi dặm, đều ở tại trong thành này. Trước đây ta từng bảy lần đem thân mình gắn bó với vùng đất này. Nay ta đã đoạn trừ được. Tâm mong cầu các định về niệm, không, vô tướng[3], cắt đứt nguồn gốc của sanh tử. Từ nay về sau ta không còn tái sinh nữa.

"Này A-nan, ngươi hãy vào thành báo cho dân chúng biết:

"Hôm nay, vào lúc nửa đêm, Như Lai sẽ nhập Bát-nê-hoàn. Nếu ai có điều gì nghi ngờ, hãy gấp đi đến để Đức Phật giảng giải cho, đừng để sau này phải hối hận mãi. Rằng Phật ở tại xóm nhỏ, mà chúng không đến thọ bẩm lời dạy."

A-nan như lời Phật dạy, đi báo cho dân chúng biết. Dân chúng vô cùng ngạc nhiên, thưa:

"Đức Phật vì sao lại ở tại một xóm nhỏ để diệt độ?"

Mọi người nghe tin, ai cũng than thở, khóc lóc, vừa ngạc nhiên, vừa thương tiếc, cùng bảo: 'Cớ sao như vậy?'

Nhà vua nghe biết sự việc này, ngạc nhiên hỏi:

"Vì sao ở đây có sự than khóc?"

Vua bèn sai quan hầu ra ngoài dò hỏi? Dân chúng nức nở, nghẹn ngào tâu:

"Tôn giả A-nan cho biết là Đức Phật sắp diệt độ, ai còn nghi ngờ điều gì hãy đến để thưa hỏi. Do đó nên chúng tôi than khóc."

Quan hầu trở về tâu với vua:

---

3. Hán: niệm không vô tướng chi định 念空無相之定; chỉ ba môn giải thoát: không, vô tướng, vô nguyện.

"Tôn giả A-nan báo cho dân chúng vùng này biết là Đức Phật sắp nhập Nê-hoàn, hãy đến để hỏi những chỗ còn nghi ngờ. Vì thế nên họ khóc lóc."

Nhà vua liền cho gọi thái tử A-thần[4], bảo:

"Con hãy đi đến chỗ Đức Phật, đảnh lễ dưới chân Ngài, cung kính thăm hỏi tin tức, thỉnh nguyện Đức Thế Tôn hãy chọn nơi chánh điện để nhập Nê-hoàn, đừng ở chỗ xóm nhỏ hẹp ấy."

Thái tử thưa:

"Nếu Đức Thế Tôn không đồng ý thì phải làm thế nào?"

Vua bảo:

"Hãy thọ giáo và trở về cung thật nhanh."

Thái tử đi đến chỗ Đức Phật. Tôn giả A-nan thưa với Đức Phật:

"Quốc vương nước Cưu-di sai thái tử đến, con chưa dám cho vào."

Đức Phật nói:

"Hãy cho vào."

Thái tử vào, gieo năm vóc xuống đất, cung kính đảnh lễ sát chân Phật rồi quỳ dài thưa:

"Nhà vua bảo con đến đảnh lễ Phật, cung kính hỏi thăm tin tức. Chúng sanh bị đắm chìm nơi vực thẳm mênh mông, chỉ có Đức Phật mới cứu vớt được. Nay Đức Thế Tôn sắp diệt độ, sao mà nhanh quá! Ngài nên chọn nơi hoàng cung mà nhập Nê-hoàn, chớ nên ở nơi xóm nhỏ."

Đức Phật bảo A-thần:

"Cám ơn phụ vương của thái tử. Ta đã từng nói ngày trước Ta là Phi hành hoàng đế, là vị Thánh đế sau cùng, tên Đại Khoái Kiến. Ta đã từng bảy lần gắn bó với vùng đất này. Lần đây nữa là thứ tám. Nay ta đã thành đạo, không còn thọ thân nữa để phải an táng trong đất. Cám ơn phụ vương của ngươi, cảm phiền thái tử."

Thái tử im lặng trở về cung ra mắt vua cha trình bày rõ sự việc. Nhà vua kinh ngạc, rơi lệ tiếc thương, rồi ra lệnh cho dân chúng trong nước hãy đến chỗ Phật để thọ giáo pháp giác ngộ. Vua lại sai người ấn định giờ giấc để đến chỗ Đức Phật. Vua cùng với mười bốn vạn

4. A-thần 阿晨; nhân danh và sự kiện này bản No.1(3) sđd.: không có, mà chỉ có sự kiện dòng Mạt-la.

người tề tựu đông đủ bên ngoài chỗ Đức Phật. Nhà vua thưa với Tôn giả A-nan:

"Tôi cùng với mười bốn vạn dân muốn đến xin thọ giới của Phật."

Tôn giả A-nan hướng về Đức Phật nêu đầy đủ ý của vua. Đức Thế Tôn liền bảo:

"Thật tội nghiệp cho vua và dân chúng!"

Tôn giả A-nan thưa:

"Có thể nói với nhà vua như thế nào?"

Đức Phật đáp:

"Hãy khoan! Hãy để họ lần lượt vào gặp Ta".

Nhà vua cùng các bậc Hiền giả cao đức trong nước đồng bước tới chỗ Phật. Tất cả đều cung kính đảnh lễ Phật rồi chắp tay mà đứng. Lúc này nơi phía trước Đức Phật, chẳng có đèn đuốc gì cả. Đức Phật bèn phóng luồng hào quang từ giữa đỉnh đầu, chiếu sáng đến hai ngàn dặm. Đức Phật cám ơn nhà vua và dân chúng của vua đã khổ cực đến đây. Nhà vua kính lạy Đức Phật và bạch:

"Đức Thế Tôn có những lời chỉ dạy gì để chúng con phụng hành?"

Đức Phật nói:

"Ta đã bảo sứ giả: Phật đã thuyết giảng kinh trong bốn mươi chín năm, quốc vương và chư vị Hiền thiện đều tự chấp hành. Nhà vua hãy trở về hoàng cung. Vào lúc nửa đêm hôm nay ta sẽ nhập Nê-hoàn. Vua và trăm quan, dân chúng không nên khóc lóc thương tiếc."

Đức Phật lại bảo nhà vua:

"Ta thấy[5] có sanh tất phải có diệt vong, vậy khóc than để làm gì? Hãy dằn lòng mình xuống, theo đúng pháp, xa điều ác, tự thương thân mình, siêng năng tu điều đức, thân cận người hiền. Việc gì xảy đến hãy suy nghĩ kỹ, đừng nên tàn bạo. Mạng người khó được, phải thương yêu muôn họ. Kẻ sáng suốt thì quý trọng, kẻ ngu si thì ân xá. Thế gian có nhiều điều tà vạy, hãy tự thương mình, hãy tự làm tốt cho mình."

Nhà vua và các bậc hiền đức đều xin cáo từ.

---

5. Hán: Ngô văn 吾 聞.

Nhà vua ra đi cách chỗ Đức Phật năm dặm thì cho binh lính dừng lại.

Trong nước này có vị cao niên, thọ một trăm hai mươi tuổi, tên Tu-bạt[1]. Bây giờ đang đêm khuya, ông chợt thức giấc vì thấy hào quang của Phật chiếu sáng cả thành. Nhà lại không có ai, ông liền đi ra khỏi thành bước nhanh về chỗ Đức Phật, thưa với Tôn giả A-nan:

"Vì tôi mới được nghe biết về việc Đức Thế Tôn sắp nhập Nê-hoàn, tâm tôi có chỗ nghi ngờ muốn được nêu bày với Đức Thế Tôn."

Tôn giả A-nan đáp:

"Đã gần nửa đêm, Phật sắp vào Nê-hoàn, chớ nên làm phiền Ngài."

Tu-bạt thưa lại:

"Vậy tôi không thể được lãnh hội gì chăng? Tôi nghe nói hàng vô số kiếp mới có một Đức Phật ra đời. Nay tôi đến đây là để thưa hỏi về chỗ còn nghi ngờ mà chỉ có Đức Phật mới giải thích được."

Tôn giả A-nan bảo:

"Thôi đi, không nên hỏi nữa."

Đức Phật biết Tu-bạt đang ở bên ngoài muốn thưa hỏi về chỗ nghi ngờ, nên gọi Tôn giả A-nan:

"Sao lại không cho Tu-bạt vào để nêu bày về chỗ còn nghi ngờ ấy?"

Tôn giả A-nan thưa:

"Con thấy đã gần nửa đêm, Phật sắp diệt độ, con sợ ông ta vào chỉ làm phiền cho Phật. Nay Ngài sắp bỏ Dục giới ba cõi để nhập vào cõi Vô vi."

Đức Phật dạy:

"Hãy để cho ông ấy vào."

Tôn giả A-nan liền đưa Tu-bạt vào. Biết mình được vào gặp Phật, ông ta vô cùng sung sướng, toàn thân rung động, bước đến trước Đức Phật, cung kính đảnh lễ. Đức Phật thấy Tu-bạt tuổi cao, hơi thở yếu ớt, bèn chỉ ghế bảo ngồi. Đức Phật hỏi Tu-bạt:

"Ông có những nghi ngờ gì?"

Thưa:

---

1. Tu-bạt-đa-la 須跋多羅; No. 2(3) sđd.: Tu-bạt-đa-la 須跋多羅; Pāli: Subhaddaparibbājaka, du sĩ Subhada.

"Đức Phật là vị Trời trên các Trời trong ba cõi, thần thánh không thể lường được, là Đấng Chí Tôn không gì sánh bằng; đã khai thị giáo hóa, dẫn dắt muôn loài trong bốn mươi chín năm, Tiên thánh, Phạm vương, Đế Thích không ai là không kính lễ. Con có tám người đồng chí hướng, đó là Cố-quy thị, Vô-tiên thị, Chí-hành thị, Bạch-lộ-tử thị, Diên-thọ thị, Kế-kim-phàn thị, Đa-tích-nguyện thị và Ni-kiền Tử[2]. Đó là tám người thuộc loại có trí tuệ, nhưng đấy chỉ là thứ ánh sáng yếu ớt, khéo che đậy cuộc sống sung mãn, râu tóc tuy mượt mà nhưng trong lòng chứa đầy ba độc, bên ngoài thì chạy theo dục lạc, ngồi lại thì bàn toàn chuyện xa vời, thư tịch hư dối, nói điều không thật, chẳng đưa đến chánh đạo, vậy đó là duyên gì?"

Đức Phật bảo Tu-bạt:

"Ý nghĩa nơi kinh của họ trái với kinh của Phật. Đó là con đường sanh tử, chỉ là để mong cầu phú quý. Chí của đạo ta là dứt mong cầu, niệm Không, không dua theo vinh hoa của thế gian, thanh tịnh vô vi, lấy điều ấy làm vui."

Tu-bạt thưa:

"Sao gọi là đạo Vô vi?"

Đức Phật dạy:

"Diệt trừ mọi hệ lụy của sanh tử trở về cội nguồn, không còn bị sanh tử nữa, đó là Vô vi. Chí hướng của những người kia đều có tám thứ ác. Những gì là tám? Thờ cúng quỷ thần, bói quẻ, dối trá giết hại, đó là một.

"Đối với những người trong gia đình thì tham lam keo kiệt, không phụng thờ đạo hiếu, tham ái đủ thứ một cách tà vạy mà dục vọng vẫn

---

2. Danh saùch caùc toâng sö giaùo toå ñöông thôøi: Coá-quy thò 故龜氏, Voâ-tieân thò 無先氏, Chí-haønh thò 志行氏, Baïch-loä-töû thò 白鷺子氏, Dieân-thoï thò 延壽氏, Keá-kim-phaøn thò 計金樊氏, Ña-tích-nguyeän thò 多積願氏 vaø Ni-kieàn Töû 尼揵子. Tham chieáu baûn No.1(3) chæ coù saùu vò, nhö caùc oâng Phaát-lan Ca-dieäp 弗闡迦葉 (Pāli: Pūraṇa-Kassapa). Maïc-giaø-leâ Kieâu-xaù-lôïi 末伽梨憍舍利 (Pāli: Makkhali-Gosala). A-phuø-ñaø Sí-xaù-kim-baït-la 阿浮陀翅舍金拔羅 (Pāli: Ajita-Kesakambalā). Ba-phuø Ca-chieân 波浮迦旃 (Pāli: Pakudha-Kaccāyana). Taùt-nhaõ Tyø-da-leâ-phaát 薩若毗耶梨弗 (Sañjaya Belaṭṭhi-Putta). Ni-kieàn Töû 尼乾子 (Pāli: Niganṭha-Nāṭa-putta).

chưa dừng. Đó là thứ hai.

"Nói hai lưỡi, nói lời ác độc, mắng nhiếc, nói dối, nói thêu dệt, chưa từng nêu bày điều thiện khiến cho kẻ ngu si bỏ điều ác. Đó là thứ ba.

"Sát sanh, trộm cắp, dâm dật. Đó là thứ tư.

"Thường ôm lòng oán hận, bất hiếu với cha mẹ, khinh mạn anh em, vợ con, dòng họ, tâm tà vạy làm điều ô uế, không khéo giáo hóa, dẫn dắt, thường tự kiêu, tự đại muốn cho người ta sợ mình, kính mình. Đó là thứ năm.

"Ngày đêm ôm lòng tà, không sợ pháp luật, khinh chê bậc Hiền thiện, tôn quý kẻ ô trược, xa lìa người chân chánh, giao thiệp với người ác. Đó là thứ sáu.

"Nghe nói có bậc Hiền trí, Sa-môn, Phạm chí hiểu kinh thì hoài nghi, ganh ghét, hủy báng một cách hư ngụy. Đó là thứ bảy.

"Không tôn kính tiên tổ và không hết lòng hiếu thảo với cha mẹ; không tôn kính bậc hiền minh mà dua theo kẻ phản tặc; hủy bỏ điều nhơn từ chân chánh; mê muội chạy theo thế tục ô trược, đáng xấu hổ. Đó là điều ác thứ tám.

"Ông tự nói rõ ra rằng Đức Thế Tôn thuyết giảng kinh bốn mươi chín năm, mà tám người ấy không đến để mong được giáo hóa. Họ là những người ôm giữ tám điều ác này, há lại thích được giáo hóa theo con đường thanh tịnh sao? Nếu họ có chính thức đến thì Phật cũng nhổ sạch tám sự xấu ác ấy trong tâm của ông. Vậy hãy thận trọng chớ có hỏi Phật. Nếu giữ tám giới này[3] thì có thể chứng được bốn đạo Câu cảng, Tần lai, Bất hoàn, Ứng chơn[4]. Thực hành tám giới này thì tâm mình phải chân chánh, đó mới là Phật tử. Nếu có kẻ phàm phu chuyên làm bậc thầy dẫn đường, đứng đầu việc giáo hóa mà phạm tám giới này thì đều là kẻ yêu tinh, độc hại, hãy nên xa lánh, từ bỏ, cẩn thận chớ nghe lời dụ dỗ.[5]"

Đức Thế Tôn bảo:

---

3. Theo bản No.1(3), đây Phật nói về tám Thánh đạo.

4. Còn gọi là Dự lưu 預流; Pāli: Sotāpanna. Nhất lai 一來; Pāli: Sakadāgāmin. Bất hoàn 不還; Pāli: Anāgāmin. A-la-hán 阿羅漢; Pāli: Arahant. (dịch là Tu-đà-hoàn 須陀洹, Tư-đà-hàm 斯陀含, A-na-hàm 阿那含, A-la-hán 阿羅漢).

5. Đại ý, theo No.1(2) và bản Pāli, Phật giảng cho Tu-bạt, vì các nơi khác không có tám Thánh đạo, nên không có các quả Thánh.

"Nay Ta ở trong ba cõi, chỉ một mình, giảng nói và hành hóa Chánh pháp không có người thứ hai sánh bằng. Nếu có điều gì còn nghi ngờ cứ hỏi, đừng ngại."

Tu-bạt quỳ mọp, cúi đầu, bạch:

"Đúng như Phật nói. Con gần như để mất thân mình, lại còn rơi vào nẻo ngu si, cuồng loạn."

Đức Thế Tôn lại nói:

"Ông đã hiểu tám giới này chưa?"

Thưa:

"Đã hiểu".

Ông lại cúi đầu thưa:

"Con muốn từ bỏ chí thấp kém của mình để xin giữ lấy hạnh thanh tịnh của hàng Sa-môn."

Đức Thế Tôn lại nói:

"Ông thành tâm chăng?"

Thưa:

"Mong Phật rũ lòng thương xót, cho con được làm Sa-môn."

Râu tóc Tu-bạt liền tự rụng xuống đất, mình đắp ca-sa, tâm dốc suy tư về điều Phật dạy, bỗng nhiên dứt hết mọi tưởng niệm, nhất tâm thanh tịnh, giống như hạt ngọc minh nguyệt, liền đạt đạo quả Ứng chơn. Ông lại tự suy nghĩ:

"Ta không nên để Thầy ta nhập Nê-hoàn trước."

Ngay khi đó ông liền nhập Nê-hoàn.

Đức Phật gọi các Tỳ-kheo vào nói:

"Sau khi Ta diệt độ, nếu có người thế tục bỏ nhà, dứt trừ mọi cấu nhiễm, muốn làm Sa-môn, gia nhập vào hàng ngũ Tỳ-kheo Tăng, trước hết phải thử thách trong ba tháng để biết chí nguyện của kẻ ấy cao hay thấp[6].

"Ở thế gian có bốn loại người:

"1. Hạng nghèo khổ không thể tự sinh sống được, nên muốn làm Tỳ-kheo.

---

6. Đoạn này trái ngược với No.1(2) và bản Pāli, theo đó, trước kia Phật quy định các tu sĩ ngoại đạo muốn xuất gia thọ Tỳ-kheo, phải cho bốn tháng biệt trú để tìm hiểu tâm chí. Sau Phật Niết-bàn, quy định ấy nên bỏ.

"2. Hạng bị nợ nần không thể trả được cho nên muốn làm Tỳ-kheo.

"3. Hạng đang ở trong quân đội, nhưng lúc đó không cần thiết nữa, cho nên muốn làm Tỳ-kheo.

"4. Hạng là bậc cao sĩ đức hạnh thanh tịnh, nghe rằng trong vô số đời mới có một Đức Phật xuất hiện, lại được xem kinh điển của Phật, vô cùng vui mừng, tâm đã thức tỉnh, bỏ nhà, bỏ dục, không ham sự vinh hoa của thế gian, để làm Tỳ-kheo.

"Sau khi Ta nhập Nê-hoàn rồi, hễ có người đến xin xuất gia tu tập hãy xem chí hướng của người ấy, nhìn xem lúc ngồi lúc đứng, để ý về lời nói, quán sát lúc đi bộ, biết được hành động kẻ ấy hướng về thiện hay ác, dụng tâm cầu đạo có thích tinh tấn không? Xét kỹ trong ba tháng, nếu thấy kẻ ấy chí cao, hạnh thanh tịnh, có thể thưa chúng cho làm Tỳ-kheo. Thân đã làm Tỳ-kheo rồi phải chọn bậc kỳ cựu thông tỏ giới luật để làm thầy. Thọ trì mười giới[7], tuân giữ giới trong ba năm, siêng năng không biếng trễ, các bậc Hiền thiện đều có thể chấp nhận trao cho vị ấy hai trăm năm mươi giới[8], mười giới là căn bản, hai trăm bốn mươi giới là lễ nghi. Nếu ở đời sau này dốc lòng thi hành pháp ấy thì trời, thần các bậc đều luôn cung kính, hoan hỷ. Đối với giới pháp của Phật, các Tỳ-kheo phải suy tư thật kỹ, không được cho là Phật đã nhập Nê-hoàn rồi thì sinh lười biếng, làm điều trái với pháp. Những việc làm của Đức Phật, các đệ tử phải nên nhớ nghĩ, lãnh hội, kẻ lớn người nhỏ kính nhường lẫn nhau, không được làm trái đạo nghĩa. Nếu ai không ưa thích đắc đạo, ham chuộng sự tôn vinh thì nên đọc kinh này. Ai muốn cầu sống lâu, muốn sanh lên cõi trời hãy đọc kinh này. Nhưng chủ đích quan trọng nhất của Đức Phật là hướng về đạo giải thoát. Sau khi ta nhập Nê-hoàn, đừng để vì Phật mất rồi mà nói là không có chỗ nương tựa. Hãy nương tựa vào giới, kinh. Sau khi ta nhập Nê-hoàn rồi, hãy tôn kính cúng dường lẫn nhau. Hãy xem kinh, thờ giới, giữ hai trăm năm mươi giới, nên thay nhau cung kính phụng trì, giống như con hiếu thảo phụng sự cha mẹ. Những Tỳ-kheo trưởng thượng phải dạy cho kẻ hậu học, giống như lúc ta còn tại thế. Hàng Tỳ-kheo đi sau nếu bị bệnh tật thì các Tỳ-kheo kỳ cựu phải lưu tâm săn sóc, thăm hỏi tin tức. Người đọc giáo lý, hiểu giáo lý, hãy dạy bảo trong sự hòa thuận, nên dốc thọ trì giới của Phật, để đạo ta được trụ thế lâu dài.

---

7. Sa-di giới 沙彌戒.

8. Tỳ-kheo giới 比丘戒; cũng gọi là Cụ tuùc giouùi 具足戒 (Upasaṃpadā).

"Ta nhập Nê-hoàn rồi, hàng vợ con của các bậc Hiền thiện, tìm hiểu, sau đấy thì nhớ nghĩ: 'Đời của ta có Phật, có kinh điển vi diệu. Đức Phật ở thế gian vừa mới nhập Nê-hoàn. Chúng ta đều có lòng chí hiếu đối với Đức Phật, hết lòng đối với kinh.' Những người ấy đến lúc mạng chung đều được sanh lên trời. Các ngươi đừng cho là Ta đã mất rồi thì không phụng hành kinh giới. Cẩn thận chớ có biếng trễ, kiêu mạn.

"Này các Tỳ-kheo, các ngươi hãy nhìn kỹ dung mạo của Phật. Phật không dễ gặp được. Sau mười lăm ức bảy ngàn sáu mươi vạn năm (1.570.600.000) mới có Phật ra đời. Ở đời khó gặp Phật, kinh pháp khó được lãnh hội, chúng Tăng khó được nghe biết. Chỉ có Phật là khó thấy.

"Trong cõi Diêm-phù-đề có loại cây được tôn quý tên là Ưu-đàm-bát[9], có quả mà không hoa. Cây Ưu-đàm-bát hễ có hoa vàng thì thế gian mới có Phật ra đời. Ngay bây giờ Ta sẽ Bát-nê-hoàn, các ngươi đối với kinh nếu có điều nghi ngờ gì thì đang lúc Phật còn tại thế sẽ giải thích cho. Nay các mối nghi không được giải tỏa thì về sau sẽ gây tranh cãi kéo dài. Đang lúc Ta còn, hãy mau hỏi những chỗ còn hồ nghi."

Bấy giờ, Tôn giả A-nan ở phía sau Đức Phật, cúi đầu thưa:

"Từ lúc Đức Phật chỉ dạy đến giờ, các Tỳ-kheo Tăng không có nghi ngờ gì cả. Đệ tử tự nói: 'Chúng con không có nghi ngờ gì đối với Đấng Thiên Trung Thiên'."

Đức Phật bảo Tỳ-kheo:

"Đã gần nửa đêm, chớ nên gây tiếng động."

Đức Phật liền đứng dậy, ngồi thẳng, suy tư một cách sâu xa về nguồn đạo, bỏ mọi thiện ác cả trong ba cõi. Ta nay tuổi đã hơn bảy mươi chín, chỉ đoạn trừ sanh tử, hố thẳm của nẻo luân hồi, tư duy quán sát một cách sâu xa, từ Tứ thiên vương, lên đến Bất tưởng nhập, từ Bất tưởng chuyển trở về nơi thân, tự suy tư về thân bốn đại hiện rõ sự xấu ác, chẳng có gì là quý giá[10].

---

9. Ưu-đàm-bát 優曇鉢; hay Ưu-đàm-bạt-la 優曇跋羅; Pāli: Udumbara; Skt.: Uḍumbara, cũng gọi là hoa Linh thụy.

10. Trên là quá trình xuất-nhập Thiền định trước khi Đức Phật vào Niết-bàn. Tham chiếu bản No.1(3).

Đầu Đức Phật quay về hướng Bắc, co tay làm gối, nằm nghiêng về hông bên hữu, hai gối chồng lên nhau, liền nhập Bát-nê-hoàn. Đất trời chấn động mạnh. Chư Thiên rải hương hoa, than khóc thương tiếc: 'Đấng Pháp vương đã diệt độ, chúng ta biết nương tựa vào ai?'

Quốc vương cùng bốn mươi vạn dân chúng nghe tin hầu như đều ngất xỉu, hướng về chỗ Phật mà than khóc: 'Chúng sanh bị suy tổn lớn, sao mà đau đớn đến nỗi này!' Có người chết giấc rồi sau mới tỉnh lại.

Vua Đế Thích thứ hai bảo chư Thiên: 'Đức Phật thường dạy đã sanh ra thì không ai là không chết! Các vị hãy nhớ nghĩ đến chơn lý: Vô thường-Khổ-Không-Vô ngã, đừng có than khóc nữa.'

Vị Thiên vương thứ bảy cũng hiện xuống bảo: 'Hào quang của Phật đã tắt. Đức Phật còn phải xả bỏ thân, các vị thì mong cầu cái gì? Khóc thương thảm thiết như vậy cũng chẳng được chi cả.'

Các Tỳ-kheo thì vật vã trên mặt đất gào khóc cùng nói: 'Con mắt của ba cõi sao mà tắt nhanh thế? Từ nay về sau, thế gian sẽ tăm tối mãi.'

Người thì đứng khóc, có người không dám nhìn vào thi thể của Đức Phật, có người suy nghĩ một cách sâu xa: Lúc Phật còn tại thế thường dạy: 'Hễ có sanh thì có tử, khóc lóc cực thân như vậy đâu có lợi gì cho việc hiểu rõ giáo pháp.'

Tỳ-kheo A-na-luật[11] bảo Tôn giả A-nan:

"Thôi đi! Này các Tỳ-kheo, không ai bảo các vị phải than khóc. Cả nhà vua và trăm quan, dân chúng, cả chư Thiên trên trời, xin hết thảy chư vị đừng quá buồn sầu xúc động nữa."

Tôn giả A-nan thưa:

"Hãy nhìn chư Thiên trên trời xem thử có bao nhiêu vị?"

Tôn giả A-na-luật nói:

"Trong chu vi bốn trăm tám mươi dặm, trước sau nối tiếp nhau đều là các vị chư Thiên tôn quý. Nếu dùng một cây kim nhỏ ném lên

---

[11] A-na-luật 阿那律; có thiên nhãn đệ nhất.

trời thì cây kim ấy cũng không có chỗ để rơi xuống đất."

Tôn giả A-na-luật khuyên chư Thiên đừng sầu não nữa, nhưng chư Thiên càng đau lòng gấp bội. Tôn giả A-na-luật nói với Tôn giả A-nan:

"Đức Phật không bảo chúng ta làm công việc khâm liệm. Tôn giả hãy đến báo cho các Thệ tâm, Lý gia biết: 'Chúng ta có thể tẩm liệm nhục thân của Đức Thế Tôn được, nhưng Đức Thế Tôn có bảo hãy để các Thệ tâm, Lý gia lo liệu công việc đó, sau này khỏi phải ân hận'."

Tôn giả A-nan liền đến chỗ các Thệ tâm, Lý gia thuật lại sự việc như vậy. Các Thệ tâm, Lý gia khóc lóc thưa:

"Đức Thế Tôn diệt độ, chúng con hầu như bơ vơ, hàng hiểu biết lúc nào cũng một lòng gắn bó với Đức Thế Tôn."

Có năm trăm người đến chỗ đức vua tâu:

"Xin cho chúng tôi được quyền an táng trọng thể Đức Thế Tôn."

Nhà vua nói:

"Đức Phật mất rồi, chúng sanh cô độc! Nên giữ tâm hòa thuận, đừng tranh chấp, hãy giữ lòng hiếu thuận. Đức Phật luôn thương xót các người con của Ngài; luôn khiến cho tất cả được hưởng phước vô lượng."

Nhà vua nói như vậy, khiến ai cũng nghẹn ngào nức nở. Các Lý gia và dân khiêng kim sàng của Phật vào thành vua. Chư Thiên dùng lọng báu trang nghiêm che phía trên giường. Cờ phướn dẫn đường, hương hoa xen lẫn các thứ báu vật rơi xuống như tuyết. Mười hai loại nhạc đều cùng tấu lên, trời, người, rồng, quỷ chẳng ai là chẳng thương tiếc. Lý gia thưa:

"Lúc còn tại thế, Đức Thế Tôn có bảo cách thức khâm liệm thi thể của Ngài như thế nào?"

A-nan đáp:

"Lúc Phật còn tại thế đã dạy: 'Nên khâm liệm nhục thân của Ngài theo cách thức an táng Phi hành hoàng đế. Đối với Đức Phật còn hơn thế nữa'."

Lý gia thưa:

"Phương pháp khâm liệm Phi hành hoàng đế thì như thế nào?"

Đáp:

"Dùng dạ mới quấn chặt quanh thân; dùng vải kiếp-ba mới quấn thêm một lớp nữa, rồi đặt vào trong quan tài bằng bạc. Dùng dầu thơm rảy lên thân, lấy lọng báu che ở trên. Dùng hương Chiên-đàn, củi mật hương, củi cây tử, củi cây chương chất ở phía trên dưới quan tài, bốn mặt cao rộng đều ba mươi trượng, rồi đốt lửa lên để trà-tỳ[12]. Mười hai thứ âm nhạc cùng lúc hòa tấu, dùng hoa thơm tươi tốt tung rải trên cao. Trà-tỳ xong, thu lấy xá-lợi, loại bỏ tro tàn, dùng nước hoa thơm rửa thật sạch, bỏ trong bát vàng, để bát ấy trên giường bằng vàng, nên đặt trong cung, trai giới trên điện, xong chín mươi ngày thì chọn nơi ngã tư đường, dựng tháp, lập đàn tràng, treo cờ phướn, hoa hương, âm nhạc để cúng dường. Đó là phương thức an táng Phi hành hoàng đế. Đối với Đức Phật thì phải hơn thế."

Các Thệ tâm, Lý gia rơi nước mắt, thưa:

"Dạ vâng, chúng con sẽ làm đúng như lời dạy bảo sáng suốt ấy. Xin để trong bảy ngày."

Các Lý gia đồng thưa với vua:

"Chúng thần muốn khâm liệm thánh thể của Đức Thiên Tôn, kính mong vua chiếu cố."

Vua đáp: "Được".

Lý gia rước cái giường vàng trên đặt kim quan của Phật, trở lại từ cửa thành phía Tây đi vào, để giữa thành trong bảy ngày. Lúc khâm liệm Ngài có đến ba mươi vạn dân chúng. Dân chúng dùng mười hai bộ nhạc tấu lên, ngày đêm thắp đèn sáng trưng khắp cả thành chu vi mười hai dặm, mỗi bước mỗi bước đều có đèn. Vua Đế Thích thứ hai đem theo mười vạn chư Thiên, mang theo mười hai bộ danh nhạc của trời từ cõi trời Đao-lợi đến viếng Đức Phật. Hoa hương, các thứ châu báu treo ở không trung, cách mặt đất ba dặm. Chỉ có một mình trời Đế Thích đi đến hỏi Tôn giả A-na-luật:

"Đức Phật có dạy bảo gì không?"

Tôn giả A-na-luật thuật lại đầy đủ những lời Đức Phật dạy cho Đế Thích. Trời Đế Thích thưa:

"Đã có đầy đủ các vật báu, kỹ nhạc, hoa hương để dùng cho việc liệm. Tôi muốn đứng ra lo việc an táng cho Đức Phật, vậy có

---

[12]. Nguyên vaên: Xà-duy 蛇維; No.2(3) sđd.: Xà-duy 闍維; hay trà-tỳ 茶持 hỏa táng; Pāli: Jhāpetī.

được không?"

Đáp:

"Xin để tôi hỏi lại".

A-na-luật đem ý của trời Đế Thích nói với Tôn giả A-nan. Tôn giả A-nan đáp:

"Khi Phật còn tại thế, Ngài không nói tới trường hợp chư Thiên và Quốc vương lo công việc khâm liệm. Ngài chỉ dành sự việc đó cho các Thệ tâm, Lý gia thôi. Vậy xin cám ơn các vị Phạm thiên, Đế Thích. Mong chư vị hiểu rõ ý Phật. Trời Đế Thích bèn cho chư Thiên biết ý kiến của Tôn giả A-nan."

Chư Thiên thưa:

"Bậc vua trời tôn quý của ta lo liệu công việc ấy một cách chu đáo, há không bằng người thế gian sao?"

Đáp:

"Không nên nói như vậy? Phải tuân giữ theo lời dạy của Đức Thế Tôn, cẩn thận chớ làm điều không hay."

Các Thệ tâm, Lý gia liền thưa:

"Chúng con tính nâng cái giường xá-lợi của Đức Phật lên để đưa ra theo lối vào cửa thành phía Tây, nhưng cái giường ấy vẫn không nhúc nhích."

Các Lý gia đồng thưa:

"Nếu cái giường không nhấc lên được thì làm sao đưa ra khỏi thành?"

Tôn giả A-nan hỏi Tôn giả A-na-luật:

"Cái giường vì sao lại không nâng lên được?

Đáp:

"Chư Thiên vì muốn được làm công việc khâm liệm nhục thân của Đức Phật nên đã khiến cho cái giường không thể lay động."

Tôn giả A-na-luật nói:

"Tôi sẽ nói cho Phạm, Thích cùng chư Thiên biết."

Tức thì Tôn giả A-na-luật liền lên nói với Phạm, Thích:

"Tôn giả A-nan xin cám ơn ý muốn lo việc tống táng của chư Thiên, nhưng việc này chính là ý của Đức Phật."

Phạm, Thích và chư Thiên thưa:

"Chúng tôi đã mang theo dụng cụ cho việc tống táng đến đây, nên

để cho chúng tôi lo việc phía phải, còn quốc vương và dân chúng thì ở phía bên trái kim sàng của Đức Thế Tôn, dùng nhạc trời, hoa hương để tiễn đưa được không?"

Đáp:

"Tôi sẽ trở về báo lại."

Tôn giả A-na-luật trở về, đem ý của chư Thiên nói lại đầy đủ cho Tôn giả A-nan. Tôn giả A-nan nói:

"Nếu họ muốn làm công việc khâm liệm thì rõ ràng là trái với lời dạy của Đức Phật, nhưng vì lòng hiếu mà tiễn đưa thì được."

Tôn giả A-na-luật liền báo cho Phạm, Thích biết ý kiến của Tôn giả A-nan. Chư Thiên đều hoan hỷ, liền hạ xuống đứng nơi phía bên phải kim sàng của Đức Phật. Nhà vua và dân chúng thì đứng ở phía bên trái. Lý gia thưa:

"Có thể khiêng kim sàng của Đức Phật ra cửa thành phía Tây không?"

Tôn giả A-nan đáp:

"Được!"

Thế là, phía bên phải, trước là Đế Thích, sau là Phạm vương. Phía trái thì trước là Tôn giả A-nan, sau là quốc vương sở tại. Tất cả cùng đưa tay nắm lấy chân của kim sàng. Các Thệ tâm, Lý gia thì dùng lụa quấn nơi hai chân trước của kim sàng. Trời người cảm động xót thương cùng tiễn đưa. Chư Thiên, rồng, quỷ thần rải hoa, các thứ báu, danh hương, kỹ nhạc, cờ phướn, lọng hoa tất cả đều đi theo sau. Vua và dân chúng cũng cúng dường đủ thứ như vậy. Bên trên thì trời người thương tiếc, ca ngợi công đức của Phật, dưới thì dân chúng tiếp tục hát những bài hát buồn. Trời, rồng, quỷ, thần, vua quan, dân chúng cùng một lúc bi ai, xúc động, đau lòng than: 'Đức Phật diệt độ như vậy, chúng sanh biết nương cậy vào đâu?'

Đoàn tiễn đưa đi ra theo cửa thành phía Tây[13], đến điện Châu-lê-ba-đàn[14] có giảng đường lớn, họ để kim sàng của Đức Phật ở trên giảng đường. Các Thệ tâm, Lý gia, như lời chỉ dạy để lại của Đức Phật, dùng gấm mới quấn quanh nhục thân, lấy vải kiếp-ba một ngàn tấm quấn chéo nhau ở phía trên, rồi bỏ vào trong cái quan bằng bạc, dùng dầu

---

13. No.1(3) sđd.: ra cửa Bắc.

14. Châu-lê-ba-đàn 周黎波檀; No.2(3) sđd.: Thiên quan tự 天冠寺; hay Thiên quan miếu; Pāli: Makuṭa-(bandhana)-cetiya.

thơm rảy khắp thân Ngài, dùng lọng trời che ở trên. Các Lý gia cùng đưa kim quan xuống khỏi điện, để ở giữa sân, lấy củi Chiên-đàn hương, củi mật hương, tử chương và củi chiên chất cao rộng ba mươi trượng. Trời, thần, quỷ, rồng, các vua quan, dân chúng đều lấy hoa hương tung rải trên củi. Lý gia đốt củi, lửa vẫn không cháy. Họ hỏi Tôn giả A-na-luật:

"Vì cớ gì mà lửa đốt không cháy?"

Đáp:

"Có bậc đệ tử kỳ cựu của Đức Phật là Tôn giả Đại Ca-diếp, đi khắp nơi để giáo hóa, nay đang trên đường trở về. Tôn giả Đại Ca-diếp dẫn hai ngàn đệ tử cùng với chư Thiên nhiều vô số, tất cả đều muốn được nhìn thấy Đức Phật một cách trọn vẹn, vì vậy nên khiến lửa không cháy."

Lý gia thưa:

"Xin vâng theo lời dạy, chờ Tôn giả Đại Ca-diếp."

Lúc này, Đại Ca-diếp đang cùng bốn chúng đệ tử, mỗi chúng là năm trăm người, tạm nghỉ mệt trên con đường trở về.

Có kẻ dị học tên là Ưu-vi[1], từ chỗ Đức Phật đi đến, tay cầm một cành hoa trời, tên là Mạn-đà-lặc[2], thấy Tôn giả Đại Ca-diếp cùng với hai ngàn đệ tử theo sau. Ưu-vi đến trước Tôn giả Đại Ca-diếp đảnh lễ, chào hỏi. Tôn giả Đại Ca-diếp hỏi:

"Ông từ đâu đi đến đây?"

Thưa rằng:

"Tôi từ nước Na-kiệt đến."

Tôn giả Đại Ca-diếp hỏi:

"Ông có biết Đức Phật là Bậc Đại Sư của tôi chăng?"

"Vâng, tôi có biết. Ngài đã diệt độ cách nay bảy ngày. Tôi ở chỗ đó nên có được cành hoa trời này."

Bấy giờ, các đệ tử có người chưa thấy được chân lý, nghe Đức Phật diệt độ thảy đều kinh ngạc, hết sức đau buồn than: 'Tại sao lại như vậy? Chúng sanh biết nương cậy vào ai?' Có người đã thấy được chơn lý, đã hiểu một cách sâu xa lời dạy của Đức Phật, thì nói: 'Thế gian đều là vô thường, mọi sự thương yêu đều như huyễn mộng, có ai sống mãi đâu!'

Trong chúng Tỳ-kheo có một vị Tỳ-kheo tuổi cao nhưng tâm trí lại tối tăm, không đạt được Thánh ý, thấy chúng Tỳ-kheo đau lòng, xúc động như vậy thì đứng lại và nói:

"Xin chớ buồn sầu nữa! Lúc Đức Thế Tôn còn tại thế, lúc nào cũng răn dạy cấm đoán: đây là điều phi pháp, kia là điều phi nghĩa. Thọ trì cái này, làm như vậy là không trái phạm. Nay Thế Tôn đã qua đời thì chúng ta được tự do, há lại không thích thú sao?"

Chúng Tỳ-kheo đều cho lời nói như vậy là sai, nên cùng nhau thưa với trời. Trời bèn nắm Tỳ-kheo già ấy bỏ ra ngoài chúng. Tôn giả Đại Ca-diếp bảo các Tỳ-kheo:

"Hãy lên đường gấp."

Bốn chúng đệ tử, vô số trời, người đều buồn khóc mà đi, cùng đến

---

1. Hán: Hữu dị học giả danh Ưu-vi 有異學者名優為; No.1(3) sđd.: Ngộ nhất Ni-kiền Tử 遇一尼乾子.

2. Mạn-đà-lặc 曼陀勒; sđd.: Văn-đà-la 文沱羅; TNM: Mạn-đà-la 曼陀羅; Pāli: Mandarāva.

chỗ Đức Phật, nhiễu quanh điện ba vòng, cung kính đảnh lễ, đau đớn thương tiếc. Tôn giả Đại Ca-diếp nhìn thật kỹ vào kim quan của Đức Phật, trong lòng tự nghĩ: 'Ta trở về trễ, không thấy được Thầy ta. Chẳng biết đầu, chân của Đức Thế Tôn ở chỗ nào?' Đức Phật bèn đáp lại bằng cách duỗi hai chân ra ngoài. Tôn giả Đại Ca-diếp liền áp nhẹ đầu mặt mình vào chân Đức Phật, ca ngợi công đức của Đức Phật bằng bài kệ:

Ngài vì không 'sanh, già',
Và cũng không 'già, chết';
Ngài vì không tụ hội,
Không cùng kẻ ghét chung;
Ngài cũng vì không để
Yêu thương mà ly biệt;
Nên mới cầu phương tiện,
Để đạt đến chỗ này.
Ngài vì năm ấm này,
Rốt ráo không tái thọ;
Cũng không còn tạo tác,
Để thọ năm ấm ấy.
Vì chấm dứt khổ đau,
Và trừ luôn gốc hữu;
Nên mới cầu phương tiện,
Khiến đạt được như vậy.
Phật vì đoạn thế gian,
Ái dục đã trừ sạch;
Nên gọi là Nhẫn nhục,
Bỏ phiền não thế gian.
Phật vì tự an lạc,
Cùng an ổn thế gian;
Cho nên con chắp tay,
Cung kính đảnh lễ Phật.
Pháp Phật đã giảng nói,
Là nguồn sáng thế gian;
Phật Chí Tôn chỉ nẻo,
An ổn không chướng ngại;
Cũng hóa độ muôn loài,
Khiến không còn già, chết.

Vì sao người thế gian,
Lại không thọ ân Phật?
Trăng sáng trên bầu trời,
Để phá tan đêm tối.
Mặt trời chiếu trên không,
Để soi sáng ban ngày;
Điện xẹt trên trời cao,
Để chiếu soi mây sáng.
Hào quang Phật chiếu ra,
Để sáng soi ba cõi;
Tất cả các sông ngòi,
Sông Côn-lôn hơn hết.
Tất cả vùng nước lớn,
Biển cả là lớn nhất;
Tất cả ngôi sao sáng,
Mặt trăng là sáng nhất.
Phật là mắt thế gian,
Tối tôn trong trời đất;
Phật vì cứu độ đời,
Vì ban bố phước đức;
Phật chỉ dạy, giáo hóa,
Đến nay đã phân minh.
Do vậy mà hôm nay,
Đệ tử Phật thọ, hành;
Tất cả trời và người,
Cung kính cùng đảnh lễ.

Tôn giả Đại Ca-diếp tán thán Đức Phật xong, thì trời, thần, quỷ rồng, vua quan, dân chúng đều đảnh lễ nơi chân Phật. Sau đấy thì hai chân Phật thu vào kim quan trở lại. Trời, người, quỷ, rồng thấy vậy đều nức nở, thương tiếc. Tôn giả Đại Ca-diếp và các Tỳ-kheo cùng nhau thăm hỏi, chia buồn. Các Thệ tâm, Lý gia bèn đốt lửa trà-tỳ. Chư Thiên tung rải hương hoa, đều nói rằng: 'Vì sao chúng sanh lại cùng khốn như thế này?'

Hào quang của Đức Phật thường chiếu thẳng lên cõi trời thứ bảy là cõi Phạm thiên. Những chỗ tối tăm, khuất kín trong mười phương, nơi mà chúng sanh không nhìn thấy nhau được, nhờ hào quang của Đức Phật cùng lúc sáng rực nên hân hoan nói: 'Ánh

sáng ở đâu thế?'

Các Lý gia bàn bạc, khi nhục thân của Đức Phật đã cháy xong, họ liền lấy nước hoa rưới lên cho lửa tắt, rửa sạch xá-lợi, đựng đầy trong bát bằng vàng. Y trong và ngoài của Đức Phật vẫn còn nguyên như cũ. Trong khi vải kiếp-ba quấn quanh thân Ngài đều cháy hết. Họ lấy bát chứa xá-lợi để trên kim sàng rồi đưa vào cung, đặt trên chánh điện. Trời người tung rải hoa, ca nhạc, đốt đèn đi bộ quanh thành, đèn thắp sáng trên mặt đất đến mười hai dặm. Tôn giả A-nan nói với Tôn giả A-na-luật:

"Cám ơn các vị trời, rồng, xin chư vị hãy trở về nơi chốn của mình."

Trời, rồng, quỷ, thần đều rơi nước mắt, thưa:

"Mặt trời, mặt trăng của ba cõi đã mất. Thế gian sẽ mãi bị tăm tối. Lễ an táng sắp dứt hay còn kéo dài trong bao lâu nữa? Dân chúng đông đảo như muốn đuổi gấp chúng ta đi. Vậy chúng ta làm gì bây giờ?"

Đáp:

"Dân chúng nhao nhao muốn dâng hoa hương, vậy chư vị nên tạm thời trở về, để dân chúng được giải bày tấm lòng của mình."

Đế Thích hỏi Tôn giả A-na-luật:

"Ngày nào thì sẽ dựng tháp của Đức Thế Tôn?"

Tôn giả A-na-luật hỏi Tôn giả A-nan. Tôn giả A-thưa:

"Sau chín mươi ngày, sẽ chọn ở giữa ngã tư đường dựng tháp, lập đàn tràng."

Chư Thiên đồng nói:

"Vì duyên cớ gì chờ đến chín mươi ngày?"

Tôn giả A-na-luật đáp:

"Bốn chúng đệ tử còn ở xa, họ đang vội vã trở về để mong được nhìn thấy xá-lợi của Đức Phật."

Bấy giờ, chư Thiên cùng một lúc cung kính lễ bái. Đế Thích đi trước, chư Thiên theo sau, nhiễu quanh chánh điện ba vòng, buồn khóc trở về.

Hai vạn Tỳ-kheo lo việc gìn giữ xá-lợi của Phật. Lại cảm tạ quốc vương, xin vua trở lại cung. Vua và các quan lễ bái lần nữa buồn bã nhiễu

quanh chánh điện ba vòng rồi trở về cung. Nhà vua bảo các phu nhân, thể nữ đều phải phụng trì giới cấm trong suốt chín mươi ngày. Các Thệ tâm, Lý gia cũng thực hành trai giới trong thời gian ấy. Dân chúng khắp bốn phương xa đều nghe Đức Phật đã diệt độ.

Bốn chúng đệ tử ở nước Cưu-di[3], đều mang theo hương hoa để cúng dường. Ai nấy đều khóc thương sầu thảm, chật ních đường xá. Họ nhiễu quanh chánh điện ba lần, cúi lạy dưới đất, giậm chân thương tiếc, than thở: 'Tại sao lại như thế này?' Các vị vua ở cách xa trong vòng ngàn dặm thì cùng đi với thái tử. Các vị vua ở ngoài ngàn dặm thì sai thái tử đốc suất dân chúng cùng đi đến chỗ Đức Phật, nhiễu quanh chánh điện, tiếc thương, dâng hoa hương cúng dường. Ai đến trước thì về trước, ai đến sau thì về sau.

Các Tỳ-kheo đồng hỏi Tôn giả A-nan:

"Phương pháp an táng cúng dường xá-lợi như thế nào?"

Tôn giả A-nan đáp:

"Nên đi về hướng Đông, cách thành ba mươi dặm, ở đấy có thôn Vệ-trí[4], sẽ đến chỗ ngã tư đường trống trải lập tháp, dựng đàn tràng, lấy ngọc làm ngói, viên ngói mỗi bề rộng ba thước, tháp cao rộng mười lăm thước, xá-lợi đựng trong bát vàng để ngay chính giữa. Dựng tháp xong thì lập đàn, treo cờ phướn trên cao, thắp hương đốt đèn, quét sạch, rải hoa, dùng mười hai bộ nhạc, sáng tối tấu lên để cúng dường. Các Thệ tâm, Lý gia hãy cùng nhau lo hoàn thành bảo tháp để Phạm vương, Đế Thích, quỷ, rồng, vua quan và dân chúng tiễn đưa xá-lợi Phật."

Lý gia cung kính vâng lời, làm đúng như lời chỉ dẫn của Tôn giả A-nan.

Tôn giả Đại Ca-diếp, các bậc A-la-hán và Tôn giả A-na-luật cùng nhau bàn luận: Ba mươi vạn dân chúng, vua và các quan hiện tại khi mạng chung sẽ được sanh lên chỗ của ngài Di-lặc[5] tại trời Đâu-thuật. Khi Đức Di-lặc thành Phật, thuyết giảng kinh lần thứ nhất, có chín mươi

---

3. Cưu-di 鳩夷 tức Cưu-di-na-kiệt.

4. Vệ-trí 衛致; bản No.1(3) không nói đến địa danh và chi tiết này.

5. Di-lặc 彌勒; Skt.: Maitreya.

sáu ức Tỳ-kheo chứng quả A-la-hán. Ngài Di-lặc sẽ thuyết giảng kinh cho các chúng sanh rằng: 'Các thần thông này đều là của Đức Phật Thích-ca Văn!' Bây giờ làm tháp thì hãy treo cờ phướn, thắp hương, đốt đèn, thực hành đúng theo giới pháp của Phật, công việc này đều giao cho Thanh tín sĩ và Thanh tín nữ vậy.

Tôn giả Đại Ca-diếp và A-nan cùng các vị A-la-hán luận bàn tiếp: 'Vua nước Cưu-di sau khi mạng chung sẽ sanh về đâu?'. Tôn giả Đại Ca-diếp nói:

"Vua nước ấy mạng chung sẽ sanh lên cõi trời thứ mười hai là Thủy vi[6]. Sau khi Đức Di-lặc hạ sanh, thành Phật, ông ấy sẽ có tên là Tu-đạt[7], tạo dựng cung điện cho Phật Di-lặc, nhà giảng dạy đạo[8], như tinh xá Văn vật[9], vườn Cấp cô độc. Y phục, thức ăn uống, thuốc men chữa bệnh luôn cúng dường đầy đủ cho Tỳ-kheo Tăng."

Tôn giả A-nan hỏi Tôn giả Đại Ca-diếp:

"Quốc vương nước Cưu-di tại sao không ở chỗ Đức Phật Di-lặc mà chứng đạo quả Ứng chơn?"

Tôn giả Đại Ca-diếp đáp:

"Tâm dục của vua ấy chưa nhàm chán đối với các khổ của sanh, lão, bệnh, tử, buồn sầu cho nên không đạt được đạo quả Ứng chơn vậy."

Tôn giả Đại Ca-diếp nói với A-nan:

"Ai không nhàm chán đối với bao nỗi khổ, lo của sanh tử thì rốt cuộc chẳng chứng đắc đạo."

Tôn giả A-nan nói:

"Tôi đã nhàm chán nó từ lâu rồi, tại sao không đắc đạo?"

Tôn giả Đại Ca-diếp đáp:

"Tôn giả chỉ vâng giữ giới luật mà không tư duy về trong, ngoài thân, tư duy về sự ô uế của

---

6. Thập nhị Thủy vi thiên 十二水微天, cõi trời thứ mười hai, tức phổ thông gọi là Quang âm thiên hay Cực quang thiên; Pāli: Ābhassara.

7. Tu đạt 須達; Pāli, Skt.: Sudatta.

8. Hán: giảng thọ đạo đường 講受道堂.

9. Văn vật tinh xá 聞物精舍, có lẽ là Kỳ-hoàn tinh xaù 祇洹精舍 (Pāli: Jetavana), được dùng để so sánh.

thân chuyển biến theo dòng sanh tử nên chưa đạt được."

Có tám nước ở ngoài biên giới[10] nước Cưu-di nghe tin Đức Phật đã diệt độ, xá-lợi hiện đang được lưu giữ tại nước Cưu-di, tức thì họ đều huy động quân binh kéo đến đòi chia phần xá-lợi. Vua nước Cưu-di nói:

"Đức Phật đã ngự tại nước tôi, nay Ngài đã diệt độ, thì tôi sẽ lo việc cúng dường. Các vị từ chốn xa xôi khổ nhọc tới đây mong được chia phần xá-lợi, điều đó không thể được."

Tám vị vua kia đáp:

"Chúng tôi thành thật mong muốn được chia phần xá-lợi. Nếu ông không chia cho chúng tôi, chắc chắn chúng tôi phải ra lệnh cho quân binh chống cự để đoạt lấy."

Trời Đế Thích thấy tám vị vua cùng nhau tranh cãi để được phần xá-lợi đem về nước cúng dường, liền hóa thành một vị Phạm chí tên là Truân-khuất[11], chắp tay đến trước chỗ tám vị vua để giải thích:

"Xin cho tôi nói một lời: Lúc Đức Phật còn tại thế, các vua luôn phụng hành, tôn kính lời dạy của Ngài là phải luôn từ bi. Phàm là bậc chủ của muôn dân thì không nên tranh chấp mà nên thực hành bốn sự bình đẳng, chia đều xá-lợi của Phật ra, khiến cho các nước đều có bảo tháp, để khai mở sự tối tăm của dân chúng, giúp họ được biết có Phật, lấy đó làm giềng mối ngõ hầu đạt được phước đức lớn lao."

Trời, thần, quỷ, rồng, các vua và dân chúng cùng nhau khen ngợi:

"Lành thay, Truân-khuất! Ngài đã rộng thí phước điền cho chúng sanh."

Vậy là họ cùng nhau nhờ Truân-khuất chia xá-lợi ra làm tám phần bằng nhau. Truân-khuất tự lấy bát vàng của cõi trời, bên trong

---

10. No.5 không liệt kê tên các nước. Tham chiếu bản No.1(3): Ba-bà 波婆 (Pāli: Pāvā), Giá-la-phả 遮羅頗 (Pāli: Allakapa), La-ma-già 羅摩伽 (Pāli: Rāmagāma), Tỳ-lưu-đề 毗留提 (Pāli: Veṭhadīpa), Ca-duy-la-vệ 迦維羅衛 (Pāli: Kapila-vatthu; Skt.: Capila-vastu), Tỳ-xá-ly 毗舍離 (Skt.: Vaiśāli) và Ma-kiệt 摩竭 (Pāli, Skt.: Magadha).

11. Truân-khuất 屯屈; No.1(3) sđd.: Bà-la-môn Hương Tánh 婆羅門香性.

bát dùng đường mía[12] bôi lên để chứa xá-lợi, mỗi vua một phần. Các vua được xá-lợi rồi thì buồn vui lẫn lộn, đều lấy hương hoa, cờ phướn bằng tơ năm sắc, thắp hương đốt đèn, sáng tối tấu nhạc. Truân-khuất cung kính xin số mật xá-lợi còn lại ở trong bình để đem về lập tháp thờ. Các vua đồng ý cho, ông liền bỏ xá-lợi vào bình. Bấy giờ có một đạo sĩ tên là Hoàn-vi[13] cũng đến chỗ vua để xin xá-lợi. Vua bảo:

"Đã phân chia hết cả rồi, hiện chỉ còn số cháy thành than, nên tự mình đến đó mà lấy."

Ông đạo sĩ liền đến chỗ trà-tỳ lấy phần cháy thành than xong thì dùng hương hoa cúng dường. Lại có người ở vùng Già-ca-kiệt[14] cũng tới để xin xá-lợi. Nhà vua bảo là đã phân hết rồi, chỉ còn có phần tro thôi. Người ấy liền đến lấy phần tro kia thờ cúng trong chín mươi ngày.

Tôn giả Đại Ca-diếp, A-na-luật, Ca-chiên-diên cùng nhau bàn bạc: 'A-nan theo hầu Phật rất lâu, riêng được gần gũi với Đức Phật. Những gì Đức Phật đã giáo hóa, nêu giảng, chỉ dạy rộng khắp, A-nan đều ghi nhớ kỹ trong tâm, không chỗ nào là không hiểu rõ. Chúng ta hãy nhờ A-nan đọc tụng lại pháp luật để đại chúng dựa theo đấy mà lãnh hội, ghi chép.'

Tỳ-kheo Tăng cũng cùng nhau bàn luận: 'A-nan chưa chứng đạo quả sợ còn có tâm tham, che giấu những chỗ ý nghĩa vi diệu, không chịu nói hết.'

Có những Tỳ-kheo Tăng thì bảo: 'Nên tạm lập ra một tòa cao, chư Thánh vân tập, các vị Tỳ-kheo Tăng nhân đó nêu câu hỏi, trên dưới ba lần, hỏi về chỗ cốt yếu của kinh thì mới có thể biết được sự thành thật.'

Vua nước Cưu-di lập bảo tháp để thờ Phật, lại xây phòng ốc, thiền thất rộng rãi đẹp đẽ để chứa ba ngàn Tỳ-kheo ở trong đó tụng kinh, tọa thiền. Nhà vua sai vị đại thần tên là Ma-nam đem ba ngàn binh lính luân phiên lo canh gác bảo tháp. Tôn giả Đại Ca-diếp và Tôn giả A-na-luật cùng báo cho các Tỳ-kheo Tăng là sẽ kết tập kinh luật của Phật là bốn bộ A-hàm. Tôn giả A-nan theo hầu Phật, một mình luôn được

---

12. Hán: thạch mật 石蜜.

13. Hoàn-vi 桓違; xem cht.54.

14. Già-ca-kiệt 遮迦竭; No.1(3) chỉ nói người ở thôn Tất-bát 畢鉢; bản Pāli: nói người Moryā ở Pipphala. Các phiên âm và Pāli không gần nhau, nên khó xác định.

gần gũi với Đức Phật. Đức Phật vì sự phóng túng không biết kiềm chế của chúng sanh nên tạo ra một bộ A-hàm; vì những người hung dữ nóng giận, bội nghịch, nên tạo ra một bộ A-hàm; vì hạng người ngu si tăm tối, xa lìa đường chánh nên tạo ra một bộ A-hàm; vì những người bất hiếu với cha mẹ, xa lìa các bậc Hiền thiện, không ghi nhớ ân sâu của Phật nên không lo báo đền, do đó tạo thành một bộ A-hàm.

Chúng Sa-môn thưa:

"Chỉ có Tôn giả A-nan là bậc biết rõ về bốn bộ A-hàm, cho nên phải nhờ Tôn giả đọc tụng."

Tôn giả Đại Ca-diếp nói:

"Tôn giả A-nan chưa chứng đạo quả, sợ còn có ý tham không nói hết các kinh."

Chúng Tỳ-kheo thưa:

"Hãy đem việc trước đây để chất vấn Tôn giả A-nan. Nên mời Tôn giả A-nan lên chỗ ngồi cao, các bậc Hiền thiện ở dưới nêu hỏi về kinh."

Mọi người đều nói:

"Lành thay! Rất hợp với việc lớn."

Các Sa-môn trị sự liền họp Thánh chúng giục Tôn giả A-nan ra mắt. Thánh chúng đều an tọa, mời Tôn giả A-nan tiến lên mau. A-nan bước lên, cung kính đảnh lễ Thánh chúng.

"Người nào được quả Ứng chơn Sa-môn thì vẫn ngồi như cũ. Người nào chưa đắc quả Ứng chơn thì hãy đứng dậy."

Sa-môn trị sự mời Tôn giả A-nan lên ngồi trên tòa cao ở chính giữa. A-nan từ chối, nói:

"Đó không phải là chỗ ngồi của tôi."

Thánh chúng đều nói:

"Vì để đọc tụng kinh Phật nên mời Tôn giả ngồi ở chỗ ấy, nhằm nói lại giáo pháp tối thượng của Đức Phật mà Ngài được lãnh hội cho chúng Tăng nghe."

A-nan liền ngồi. Chúng Hiền thiện hỏi:

"Tôn giả có bảy điều lỗi lầm, vậy Tôn giả có biết chăng? Đức Thế Tôn lúc còn tại thế đã bảo: 'An vui thay trong cõi Diêm-phù-đề!'

Vậy mà ngài vẫn cứ làm thinh không đáp[15].”

Vị Sa-môn trị sự gọi A-nan. A-nan liền đáp:

“Phật là Bậc Thánh Tôn Vô Thượng Chánh Đẳng Giác, há lại không được tự tại hay sao mà phải chờ tôi nói? Giả sử Đức Phật còn trụ thế trong một kiếp, thì Đức Di-lặc Chí Tôn làm sao mà sớm được thành Phật?”

Thánh chúng im lặng. A-nan thì không sợ hãi. Thánh chúng cùng nói:

“Xin ngồi lại chỗ cũ để biết giáo pháp mà Ngài tuyên đọc tụng cùng với Chánh pháp mà đại chúng được lãnh hội là giống nhau, không gì hơn là xin mời Ngài ba lần lên tòa đọc tụng Chánh pháp.”

Tôn giả A-nan ba lần xuống tòa, rồi lại lên tòa nói:

“Y-diệm ma tu-đàn. Y-diệm ma tu-đàn[16] là: ‘Tôi nghe từ Phật.’ Các Tỳ-kheo Tăng nghe lời nói mở đầu của Tôn giả A-nan: ‘Y-diệm ma tu-đàn’, ‘Tôi nghe từ Phật’, tất cả đều nghẹn ngào nức nở, nói: ‘Biết làm sao đây?’ Đức Phật mới đây vẫn còn tại thế mà nay lại nói: ‘Tôi từ Phật nghe như vầy.’

Trời, thần, quỷ, rồng, đế quan và muôn dân, bốn chúng đệ tử, không ai là không thương tiếc.

Tôn giả Đại Ca-diếp tuyển chọn trong chúng Hiền thánh được bốn mươi vị A-la-hán[17], theo Tôn giả A-nan để nghe tụng đọc về bốn bộ A-hàm: mỗi bộ A-hàm sáu mươi xấp lụa[18]. Chép kinh chưa xong, ở trong miếu thờ Phật tự nhiên sanh ra bốn cây danh mộc. Một cây tên là Ca-chiên, một cây tên là Ca-tỉ-diên, một cây tên là A-hóa, một cây

---

15. Buộc tội A-nan không khuyến thỉnh Phật trụ thế lâu hơn, dù Phật đã có gợi ý.

16. Y-diệm ma tu-đàn 伊焰摩須檀, phiên âm lời mở đầu các kinh, gần với Skt.: hỗn chủng, hay Pāli: evaṃ me sutam, hơn là gần âm với Skt.: tiêu chuẩn: evaṃ mayā śrutam. Hán dịch phổ thông: như thị ngã văn 如是我聞.

17. Truyền thuyết trong các Luật tạng nói: năm trăm A-la-hán.

18. Hán: lục thất sất tố 六十疋素, “sáu mươi xấp lụa”. Kết tập lần đầu bằng khẩu truyền, chưa chép thành căn tự; cho nên Hán dịch ở đây không chính xác. Có thể hiểu: mỗi bộ A-hàm nguyên thủy được tập thành gồm sáu mươi tụng, tức sáu mươi lần đọc mới hết. Truyền thuyết các bộ phái không giống nhau.

tên là Ni-câu-loại[19].”

Các Tỳ-kheo Tăng nói:

“Chúng ta đem tâm từ bi chép bốn bộ A-hàm, tự nhiên sanh ra bốn cây thần diệu. Bốn bộ A-hàm chính là cây đạo[20] của Đức Phật. Do đó phải cùng nhau hết lòng giữ gìn. Giới của Tỳ-kheo Tăng gồm có hai trăm năm mươi giới thanh tịnh. Giới của Tỳ-kheo-ni gồm có năm trăm sự. Giới của Ưu-bà-tắc gồm có năm. Giới của Ưu-bà-di gồm có mười[21].

“Khi chép kinh xong, các Tỳ-kheo Tăng mỗi người phải tự thực hành kinh giới, cùng nhau trao truyền giáo hóa cho đến ngàn năm. Trong ngàn năm ấy, có người giữ đúng giới nên được ở chỗ của Phật Di-lặc là cõi trời thứ tư[22].

“Đức Thế Tôn Di-lặc sẽ vì chư Thiên giảng nói kinh pháp. Nay, trong chúng hội đều là những người trì giới của Đức Phật Thích-ca Văn, tương lai sẽ sanh đến cõi ấy. Đức Phật Di-lặc nói: ‘Các vị hãy siêng năng tinh tấn thực hành đầy đủ những điều khó làm, nhiều ít cũng phải thọ trì giới luật. Sau khi Phật đã Nê-hoàn[23] hãy tạo tám miếu thờ[24]. Cái thứ chín là tháp thờ cái bình chứa xá-lợi. Cái thứ mười là tháp thờ phần xá-lợi vụn thành than, tháp mười một là tháp thờ tro dư.’

Kinh nói[25]: ‘Đức Phật đản sinh là ngày mồng tám tháng tư, ngày mồng tám xuất gia, ngày mồng tám đắc đạo, ngày mồng tám diệt độ.

---

19. Ca-chieân 迦栴, Ca-tæ-dieân 迦比延, A-hoùa 阿貨, Ni-caâu-loaïi 尼拘類. Hai caây ñaàu, chöa xaùc ñònh ñöôïc. A-hoùa, phieân aâm cuûa Skt.: Aśvattha (Pāli: assattha), moät caây cung, teân khoa hoïc Ficus Religosa; Ñöùc Thích Toân thaønh ñaïo döôùi caây naøy, neân cuõng ñöôïc goïi laø caây Boà-ñeà. Ni-caâu-loaïi; Pāli: nigrodha, caây baøng; Phaät Ca-dieáp thaønh ñaïo döôùi caây naøy; xem No.1(1).

20. Hán: Đạo thọ 道樹, tức cây Bồ-đề.

21. Nguyên văn: Ưu-bà-di giới hữu thập 優婆夷戒有十 (?), Hán dịch này có sự nhầm lẫn. Có lẽ muốn nói là giới của Sa-di.

22. Tầng trời thứ tư của Dục giới, chỉ trời Đâu-suất.

23. Trong bản Hán: nê-viết 泥曰.

24. Nguyên Hán: tông miếu 宗廟.

25. Trong bản: Kinh viết 經曰.

Ngài xuất gia học đạo, vào tháng sao Phất[26]. Ngài thành đạo vào tháng sao Phất. Ngài Bát-nê-hoàn, vào tháng sao Phất[27].' Cỏ cây đều sanh hoa lá, cây cối khắp cả nước đều lại xanh tốt um tùm. Đức Phật đã Bát-nê-hoàn rồi, Vị Thiên Trung Thiên của ba cõi, ánh hào quang đã tắt, tất cả muôn loài trong mười phương đều tự quy y Phật.[28]"

❑

26. Nguyên Hán: Phất tinh 沸 星; Skt.: Puṛya(-nakṛatra), tương đương sao Quỷ trong nhị thập bát tú. Tháng sao Puṛya, hay tháng Pauṛsa tương đương khoảng tháng 12, tháng Giêng dương lịch.

27. Tham chiếu No.2(3) sđd.: Phật sinh giờ nào? Thành đạo giờ nào? Diệt độ thời nào? Sinh khi sao Phất mọc. Xuất gia khi sao Phất mọc. Thành đạo khi sao Phất mọc.

28. No.5 đoạn văn từ: "Quốc vương cùng bốn mươi vạn dân chúng nghe tin hầu như ngất xỉu, cho đến tất cả muôn loài trong mười phương đều quy y Phật." Đây là những sự kiện xảy ra sau khi Phật vào Niết-bàn: Từ vua quan sĩ thứ thương khóc xót xa cho đến những bài kệ tán thán của chư Thiên các cõi đối với ân đức công hạnh của Phật đối với chúng sanh ba cõi, cùng những sự kiện sắp xếp dự liệu cho việc trà-tỳ làm sao cho đúng pháp, cho đến mọi sự kiện khác xảy ra quanh việc chia phần xá-lợi cho các nước phụng thờ giữa hai bản trên những sự kiện chính thì đồng, nhưng về cách diễn tả sự kiện chi tiết thì không giống nhau. Đôi khi bản này có sự kiện này mà bản kia lại không và ngược lại, hay những sai khác nhau về nhân danh, địa danh quốc độ vào lúc bấy giờ giữa hai bản như những chú thích đã ghi lại ở trên.

SỐ 6

KINH BÁT-NÊ-HOÀN[1]

Hán dịch: Vô Danh

QUYỂN THƯỢNG[2]

Nghe như vầy[3]:

Một thời Phật du hóa tại núi Diêu[4], thuộc thành Vương xá, cùng chúng Đại Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi người.

Bấy giờ vua A-xà-thế nước Ma-kiệt, cùng với nước Việt-kỳ không hòa thuận. Nhà vua tập họp quần thần cùng bàn bạc:

"Nước Việt-kỳ cậy mình giàu có, dân chúng đông đúc, đất đai phì nhiêu, lại có nhiều châu báu nên không chịu thần phục ta. Vậy hãy đem binh chinh phạt nước ấy."

Trong số các bậc Hiền thiện của nước Ma-kiệt có một đại thần tên Vũ-xá vốn thuộc chủng tộc Phạm chí. Vua A-xà-thế sai ông đến đảnh lễ ra mắt Đức Phật, kính hỏi thăm tin tức, Ngài ngồi đứng có nhẹ nhàng không, đi lại có khỏe mạnh không, đức hóa ngày có càng tốt đẹp không và thưa:

"Vua A-xà-thế của nước Ma-kiệt cùng với nước Việt-kỳ có sự hiềm khích, vua quan cùng bàn luận muốn đem quân sang đánh nước ấy, cúi mong Đức Chúng Hựu[5] có lời gì dạy bảo chăng?"

Đại thần Vũ-xá vâng mệnh vua, liền cho năm trăm cỗ xe, hai ngàn người đi bộ, hai ngàn người cưỡi ngựa tất cả cùng đi đến núi Diêu. Tới chỗ giáp con đường nhỏ Vũ-xá liền xuống xe đi bộ. Thấy Đức Phật

---

1. Bản Hán, *Bát-nê-hoàn kinh*, quyển thượng, Đông Tấn, vô danh dịch. Đại I, No. 6 tr.176a-183b. Tham chiếu, *Phật Thuyết Trường A-hàm kinh*, quyển 2, Hậu Tần Hoằng thỉ niên Phật-đà-da-xá cọng Trúc Phật Niệm dịch, 'Đệ nhất phần sơ Du Hành kinh Đệ nhị'. Đại I, No. 2(1) tr.11a-16b.

2. Bản Hán: Quyển thượng kinh Bát-nê-hoàn.

3. Nguyên văn: Văn như thị 聞如是.

4. Diêu sơn 鷂山; No.1(2), Kỳ-xà-quật sơn. Các tên riêng phần lớn giống như No.5. Xem các cht. liên hệ từ 4→7, số hiệu 5 *Kinh Phật Bát-nê-hoàn,* quyển thượng.

5. Chúng Hựu 眾祐; phổ thông dịch là Thế Tôn.

hoan hỷ, sắc diện khiêm cung, từ tốn; thần khí trang trọng, nhún nhường, Vũ-xá liền vái chào đúng lễ nghi rồi quỳ mọp mà bạch rằng:

"Vua A-xà-thế nước Ma-kiệt, sai con đến đảnh lễ Đức Phật, cung kính hỏi thăm tin tức, Ngài ngồi đứng có nhẹ nhàng không, đi lại có khỏe mạnh không, đức hóa ngày có càng tốt đẹp không?"

Đức Phật đáp:

"Rất tốt! Nhà vua, dân chúng trong nước cùng ông thảy đều bình an chăng?"

Vũ-xá bạch:

"Nhà vua cùng với nước Việt-kỳ có điều hiềm khích. Vua và các quan họp lại bàn bạc: 'Vì nước ấy cậy mình giàu có, dân đông, đất đai phì nhiêu, sản sanh ra nhiều châu báu, nên không chịu thuần phục nước Ma-kiệt. Vì vậy vua nước Ma-kiệt muốn đem quân sang đánh. Cúi mong Đức Phật dạy bảo'."

Đức Phật nói với vị đại thần:

"Ngày xưa, một thời ta từng du hóa ở nước Việt-kỳ, dừng chân nơi miếu thần Chánh táo[6], thấy dân chúng nước ấy đều hết lòng tuân theo lệnh vua. Khi ấy ta liền nói về bảy pháp trị nước, là con đường không nguy vong. Nếu ai thực hành được, thì ngày càng hưng thịnh, không hề suy tổn."

Đại thần Vũ-xá liền chắp tay bạch:

"Con muốn được nghe bảy pháp ấy và cách thức thi hành như thế nào?"

Đức Phật dạy:

"Hãy lắng nghe!"

Đáp:

"Con xin thọ giáo."

Khi ấy, Hiền giả A-nan đứng phía sau quạt hầu Phật. Đức Phật bảo Hiền giả A-nan:

"Ngươi có nghe người nước Việt-kỳ thường cùng nhau tụ hội, bàn luận về chính sự, tu chỉnh phòng bị để tự thủ chăng?

Đáp:

---

6. Chánh táo thần xá 正躁神舍; trong bản Pāli tương đương, Phật đã từng giảng bảy pháp bất thối cho người Bạt-kỳ tại thần miếu Sārandada-cetiya. Xem cht.11, số hiệu 5, sđd.

"Con có nghe người nước họ thường cùng nhau tụ hội để bàn luận về chính sự, tu chỉnh phòng bị để tự thủ."

Đức Phật dạy:

"Nếu như vậy thì nước ấy không thể suy thoái."

"Ngươi có nghe ở nước Việt-kỳ, vua tôi thường hòa thuận, trung thành với trách nhiệm, cùng tôn kính, cúng dường nhau[7] chăng?"

Thưa:

"Con có nghe vua tôi nước ấy thường hòa thuận, trung thành với trách nhiệm, cùng tôn kính, cúng dường nhau."

"Ngươi có nghe dân nước Việt-kỳ cùng nhau tôn trọng pháp luật, không chấp nhận những điều không đáng được chấp thuận; không dám trái phạm chăng[8]?"

Đáp:

"Con nghe dân chúng nước ấy tôn trọng luật pháp, không chấp nhận những điều không đáng được chấp thuận; không dám trái phạm."

"Ngươi có nghe dân nước Việt-kỳ kính cẩn giữ đúng lễ, nam nữ sống riêng biệt, lớn nhỏ kính nhường lẫn nhau chăng?"

Đáp:

"Con có nghe dân nước Việt-kỳ kính cẩn giữ đúng lễ, nam nữ sống riêng biệt, lớn nhỏ kính nhường lẫn nhau."

"Ngươi có nghe dân nước Việt-kỳ hiếu thuận đối với cha mẹ, tôn trọng sư trưởng, luôn nghe lời dạy bảo của các bậc trưởng thượng chăng?"

Đáp:

"Con có nghe dân nước ấy hiếu thuận đối với cha mẹ, tôn kính sư trưởng, luôn nghe lời dạy bảo của các bậc trưởng thượng."

"Ngươi có nghe dân nước Việt-kỳ vâng theo phép trời, noi theo phép đất, kính sợ quỷ thần, kính thuận bốn mùa chăng?"

Thưa:

"Con có nghe dân nước ấy vâng theo phép trời, noi theo phép đất, kính sợ quỷ thần, kính thuận bốn mùa."

---

7. Hán: chuyển tương thừa dụng 轉相承用. Xem cht.11, số hiệu 5, sđd.

8. Hán: vô thủ vô nguyện 無取無願. Xem cht.12, sđd.: nt.

"Ngươi có nghe dân nước Việt-kỳ tôn thờ đạo đức, trong nước có các bậc Sa-môn, A-la-hán[9] hoặc chư vị ấy từ bốn phương đến thì luôn cúng dường y phục, thức ăn uống, giường nằm và thuốc chữa bệnh chăng?"

Thưa:

"Con có nghe dân nước ấy kính thờ đạo đức, trong nước có các bậc Sa-môn, A-la-hán, hoặc chư vị ấy từ bốn phương đến thì luôn cúng dường y phục, thức ăn uống, giường nằm và thuốc chữa bệnh."

Đức Phật dạy:

"Phàm nước nào thực hành bảy pháp này, thì khó làm cho họ nguy khốn được."

Vũ-xá thưa:

"Nếu dân nước Việt-kỳ thực hành được một pháp thôi thì hãy còn không thể công phá nổi, huống chi là thực hành đủ bảy pháp ấy."

Vũ-xá lại thưa:

"Vì việc nước quá bề bộn nên con xin cáo từ."

Đức Phật bảo:

"Ông nên biết thời."

Vũ-xá liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ Đức Phật rồi ra đi.

Bấy giờ Đức Phật bảo Hiền giả A-nan, hãy báo cho các Tỳ-kheo ở trong núi Diêu biết, tất cả tập họp tại giảng đường.

Hiền giả A-nan liền triệu tập đông đủ các Tỳ-kheo tại giảng đường. Đại chúng cung kính đảnh lễ Đức Phật rồi ngồi sang một bên.

Đức Phật dạy:

"Này các Tỳ-kheo! Hãy nghe ta nói, hãy khéo suy nghĩ, lãnh hội."

Tất cả Tỳ-kheo đều bạch:

"Chúng con xin thọ giáo."

Đức Phật dạy:

"Tỳ-kheo có bảy giáo pháp thì Chánh pháp không suy thoái. Những gì là bảy?

"1. Thường xuyên tụ hội để tụng giảng kinh đạo, không được biếng nhác.

---

9. Hán: Ứng chơn 應 真, tức A-la-hán.

"2. Phải hòa thuận, trung chánh, dạy bảo lẫn nhau, cùng tôn kính, cúng dường nhau.

"3. Không chấp nhận những điều không đáng được chấp thuận; vui thích ở những nơi chốn thanh vắng[10].

"4. Phải dứt bỏ dâm dục, lớn nhỏ có thứ tự, đối xử nhau đúng lễ.

"5. Phải lấy lòng từ hiếu kính thờ các bậc Sư trưởng, nghe lời dạy bảo.

"6. Phải phụng thờ giới pháp, kính sợ kinh giới, tu tập phạm hạnh.

"7. Phải tuân theo đạo pháp, cúng dường Thánh chúng, khai mở cho kẻ mới tu học. Người đến học, phải cung cấp y phục, thức ăn uống, giường nằm cùng thuốc chữa bệnh cho họ.

"Đó là bảy pháp có thể làm cho Chánh pháp được trụ lâu dài.

"Lại nữa, Tỳ-kheo có bảy điều cần phải giữ gìn thì Chánh pháp không suy thoái. Phải khéo suy tư, thực hành:

"1. Giữ sự thanh tịnh, không ưa thích các pháp hữu vi[11].

"2. Giữ sự vô dục, không tham lợi dưỡng.

"3. Giữ nhẫn nhục, không có tranh tụng.

"4. Giữ hạnh Không[12], không vào chỗ đông người.

"5. Giữ pháp ý, không khởi các tưởng.

"6. Giữ nhất tâm, tọa thiền, định ý.

"7. Giữ sự kiệm ước, ăn mặc giản dị, lấy cỏ làm giường.

"Bảy pháp như vậy, có thể làm cho Chánh pháp được trụ lâu dài.

"Lại nữa, này các Tỳ-kheo, có bảy điều cung kính thì Chánh pháp không bị suy thoái. Phải khéo suy niệm, thực hành:

"1. Kính Phật, hãy khéo đem tâm lễ bái, không nương tựa vào đâu khác.

"2. Kính pháp, chí ở nơi ý đạo, không nương tựa vào đâu khác.

---

10. Sôn traïch 山澤.

11. Hán; bất lạc hữu vi 不樂有為, không ham thích những hoạt động thế tục; Pāli: na kammārāmā bhavissanti.

12. Hán: không hạnh 空行; có lẽ chỉ A-lan-nhã hạnh, tức thích sống trong rừng thanh vắng; Pāli: bhikkhū na saṅgaṇikārāmā bhavissanti, nếu các Tỳ-kheo không thích quần tụ.

"3. Kính chúng Tăng, vâng theo lời dạy, không nương tựa vào đâu khác.

"4. Kính trọng sự tu học, kính thờ người trì giới, không nương tựa vào đâu khác.

"5. Kính trọng những điều hiểu biết, kính thờ những vị giảng dạy, không nương tựa vào đâu khác.

"6. Kính trọng sự thanh tịnh, vô dục, không nương tựa vào đâu khác.

"7. Kính trọng thiền định, dốc thực hành việc ngồi thiền, tĩnh lặng, không nương tựa vào đâu khác.

"Hành bảy pháp như vậy thì Chánh pháp có thể được trụ lâu dài.

"Lại nữa, Tỳ-kheo có bảy thứ tài sản[13], khiến cho Chánh pháp không suy thoái, phải khéo nhớ nghĩ, thực hành:

"1. Phải có tín tâm, thấy biết điều chân chánh thì vui mừng.

"2. Phải có giới pháp, thận trọng giữ gìn, không phạm.

"3. Phải có tâm xấu hổ, quyết sửa đổi lỗi lầm, tự hối hận về điều sai quấy đã vấp phải.

"4. Phải có tâm hổ thẹn, nói và làm phải phù hợp.

"5. Phải gắng học hỏi để hiểu biết, đọc tụng không nhàm chán.

"6. Phải có trí tuệ để sự hành hóa đạt đến chỗ sâu xa, vi diệu.

"7. Phải bố thí giáo pháp, chớ mong được mọi người kính lạy.

"Thực hành bảy pháp như vậy, thì Chánh pháp có thể được trụ lâu dài.

"Lại nữa, Tỳ-kheo có bảy pháp giác ý[14] thì Chánh pháp không suy

---

13. Thất tài 七財, hay thất Thánh tài. Đối chiếu Pāli: satta-ariya-dhanāni: bhikkhū saddhā bhavissanti (Tỳ-kheo có tín),... hirimanā (có tàm),... ottappī (có quý),... bahussutā (đa văn),... āraddhaviriyā (có tinh cần nghị lực),... upatthitassatī (an trụ chánh niệm),... paññāvanto (có trí tuệ).

14. Thaát giaùc yù 七覺意 (töùc Thaát giaùc chi 七覺支, hay Boà-ñeà phaàn 菩提分): 1. Chí nieäm giaùc yû 志念覺倚; 2. Phaùp giaûi giaùc yû 法解覺倚; 3. Tinh taán giaùc yû 精進覺倚; 4. AÙi hyû giaùc yû 愛喜覺倚; 5. Nhaát höôùng giaùc yû 一向覺倚; 6. Duy ñònh giaùc yû 惟定覺倚; 7. Haønh hoä giaùc yû 行護覺倚. Ñoái chieáu baûn Pāli: sattasambojjhaṅgā: bhikkhū satisambojjhaṅgaṃ bhāvessanti (Tyø-kheo tu taäp nieäm giaùc chi);... dhamma

thoái, phải khéo nhớ nghĩ, thực hành:

"1. Chí niệm giác ý, thanh tịnh không dâm, tịch tĩnh, phân tán ý[15].

"2. Pháp giải giác ý, thanh tịnh không dâm, xả, phân tán ý.

"3. Tinh tấn giác ý, thanh tịnh không dâm, xả, phân tán ý.

"4. Ái hỷ giác ý, thanh tịnh không dâm, xả, phân tán ý.

"5. Nhất hướng giác ý, thanh tịnh không dâm, xả, phân tán ý.

"6. Duy định giác ý, thanh tịnh không dâm, xả, phân tán ý.

"7. Hành hộ giác ý, thanh tịnh không dâm, xả, phân tán ý.

"Thực hành bảy pháp như vậy, có thể làm cho Chánh pháp được trụ thế lâu dài.

"Lại nữa, Tỳ-kheo có bảy điều cần phải biết[16], thì Chánh pháp được trụ thế lâu dài, phải khéo nhớ nghĩ, thực hành:

"1. Phải hiểu biết về giáo pháp, đối với mười hai bộ kinh của Phật, phải thọ trì, tụng đọc thật kỹ.

"2. Phải hiểu biết về ý nghĩa, cầu các pháp để mở mang trí huệ, hiểu rộng chỗ cốt yếu.

"3. Phải hiểu biết về thời gian, hoàn cảnh lúc nào nên tụng kinh, lúc nào đi kinh hành, lúc nào tham thiền, lúc nào nằm nghỉ, đừng xáo trộn thời biểu.

"4. Phải tự tri, đã hội nhập nẻo hành hóa đúng pháp nhiều hay ít, sâu hay cạn, đã thành thục hay mới thực tập, quyết chí ngày một tiến bộ.

"5. Phải biết tiết chế, chớ tham lam các vật dụng tốt đẹp, phải biết thích nghi thân, điều độ trong việc ăn uống, đừng để thân mình bị bệnh.

"6. Biết rõ về các chúng. Khi đi vào chỗ những chúng Tỳ-kheo,

---

vicayasambojjhaṅgaṃ (traïch phaùp giaùc chi);... viriyasambojjhaṅgaṃ (tinh taán giaùc chi);... pītisambojjhaṅgaṃ (hyû giaùc chi);... passaddhisambojjhaṅgaṃ (khinh an giaùc chi);... amādhisambojjhaṅgaṃ (chaùnh ñònh giaùc chi),... upekkhāsambojjhaṅgaṃ...(xaû giaùc chi).

15. Nguyên Hán: (...) tịch tĩnh, phân tán ý; No.1(10) kinh Thập thượng: y vô dục, y tịch diệt, y viễn ly.

16. Tham chiếu, No.26(1) *Trung A-hàm* "Thiện Pháp kinh"; No.27 *Thất Tri kinh*; Pāli: A.vii. 64 Dhamaññū.

Phạm chí, Thánh nhân, Quân tử và đám đông dân chúng, phải biết phân biệt biết chỗ nào đáng cung kính, chỗ nào nên đứng, chỗ nào nên ngồi, chỗ nào nên im lặng, chỗ nào nên nói năng.

"7. Biết về người. Hãy quán về chỗ tốt đẹp, xem xét ý chí, khả năng của từng người, theo đấy mà khuyến khích, dẫn dắt, khiến mọi người đều biết được chỗ giáo hóa của bậc Thánh.

"Thực hành bảy pháp như vậy, có thể làm cho Chánh pháp được trụ lâu dài.

"Lại nữa, Tỳ-kheo có bảy điều suy tưởng[17], khiến cho Chánh pháp không suy thoái, phải khéo lãnh hội, thực hành:

"1. Nhớ nghĩ về kinh sách đạo pháp, như người tưởng nhớ về cha mẹ. Cha mẹ sanh con, lo lắng cực nhọc cả một đời, nhưng Chánh pháp thì cứu độ người trong vô số đời, đưa con người thoát khỏi sanh tử.

"2. Nhớ nghĩ về cuộc sống của con người, chẳng ai là chẳng khổ. Lo nghĩ về vợ con trong gia đình mình, chết rồi mỗi người ly tán một ngả, chẳng biết đọa lạc nơi nào. Nếu thân ta có tội thì quyến thuộc cũng không thể cứu. Biết nó là vô thường, nên nhớ nghĩ như vậy mà hành đạo.

"3. Nhớ nghĩ về sự tinh tấn, phải khiến cho thân, khẩu, ý luôn đoan nghiêm thì giữ đạo không khó khăn.

"4. Nhớ nghĩ đến sự khiêm cung, không tự kiêu, tự đại, phải vâng theo sự chỉ bảo của bậc minh triết, kính thuận lời răn dạy trước đây chưa được nghe, vì đấy là do lòng từ bi mà chỉ dạy.

"5. Nhớ nghĩ về sự hàng phục tâm ý, không chạy theo sáu tình, nên chế ngự ba độc tham dâm, giận dữ, si mê, không tạo tà hạnh.

"6. Nhớ nghĩ biết trong thân, toàn là đồ xú uế, chỉ là hơi lạnh máu nóng, có gì để tham đắm.

"7. Nhớ nghĩ về việc tự quán sát. Thân hình như đất bụi, nghĩ rằng nó có thể chết vào một ngày nào đó, kể từ mới tạo dựng trời đất, mạng sống con người từ xưa đến nay, không ai là không chết. Thế gian như mộng, nhìn thấy sự vật đáng yêu, đâu biết rằng nó chỉ như sự biến hóa, khi tỉnh ngộ mới rõ là không. Nên biết đó là huyền ảo, đừng để con mắt mình bị đánh lừa.

"Thực hành bảy pháp như vậy thì Chánh pháp được trụ lâu dài.

---

[17]. Thất duy 七惟. Bản Pāli có satta-saññā, bảy tưởng, nhưng nội dung hơi khác.

"Lại nữa, này các Tỳ-kheo, có sáu pháp tôn trọng[18] nên khéo nhớ nghĩ, thực hành, thì Chánh pháp có thể được trụ lâu dài.

"1. Tu tập về thân với tâm từ ái[19]; thực hành trọng nhiệm này, thảy đều lấy sự thanh tịnh hòa hợp của Thánh, bằng sự hòa kính, mà đối sử với những bạn người cùng học, đoàn kết không tranh cãi, cùng xây dựng lẫn nhau, cùng giữ gìn đạo hạnh[20].

"2. Tu tập thiện hành của miệng[21] mà khởi tâm từ ái.

"3. Tu tập về ý, mà khởi tâm từ ái.

"4. Thọ nhận được các thứ y phục, thức ăn uống bình bát và những vật dụng khác một cách đúng pháp[22] không nên tiếc của, che giấu.

"5. Giữ giới không phạm, không vi phạm giới thì mới có thể dạy người được.

"6. Bằng chánh kiến để thành tựu sự xuất yếu[23] để ra khỏi sinh tử, chấm dứt khổ đau, đạt được tri kiến rốt ráo. Thực hành trọng nhiệm này, thảy đều lấy sự thanh tịnh hòa hợp của Thánh, bằng sự hòa kính, mà đối xử với những bạn người cùng học, đoàn kết không tranh cãi, cùng xây dựng lẫn nhau, cùng giữ gìn đạo hạnh[24].

"Lại nữa, Tỳ-kheo phải thương yêu tất cả côn trùng, cho đến đối với con trùng, con kiến, cũng phải thể hiện tâm từ. Đối với sự chết của

---

18. Lục trọng pháp 六重法, thường gọi là pháp Lục hòa, hay Sáu pháp hòa kỉnh. Tham chiếu, No.1(10) *Trường A-hàm*, "10. Thập Thượng kinh" mục sáu thành pháp; Pāli: cha sārāṇnīyā dhammā, sáu pháp khả niệm, cần ghi nhớ.

19. Hán: tu thân dĩ khởi từ tâm 修身以起慈心, nghĩa là, luôn luôn có thái độ hay cử từ ái đối với bạn đồng tu; Pāli: mettaṃ kāyakammaṃ, thân hành từ, hay thân nghiệp từ ái.

20. Xem cht.22.

21. Tu khẩu thiện hành dĩ khởi từ tâm 修口善行以起慈心; Pāli: metteṃ vacīkammaṃ paccupaṭṭhāpenti, xử sự khẩu nghiệp từ hòa với bạn đồng tu.

22. Hán: vị sở kiến pháp tế 為所見法際; tham chiếu No.1(10) *Trường A-hàm* "10 Thập Thượng kinh" mục sáu thành pháp. Tham chiếu Pāli: labhā dhammikā dhamma-laddhā...

23. Ñaéc xuaát chaùnh yeáu 得出正要; xuaát yeáu hay xuaát ly; Pāli: nissaraṇīya.

24. Nói về ý nghĩa của sáu trọng pháp, tham chiếu No.1(10): Danh viết trọng pháp, khả kính khả trọng, hòa hợp ư chúng, vô hữu tranh tụng, độc hành vô tạp 名曰重法可敬可重和合於眾無有諍訟獨行無雜; Pāli: ayaṃ pi dhammo sāraṇīyo piyakaraṇo garukaraṇo saṅgahāya avivādāya.

con người phải nên buồn thương. Kẻ ấy được làm người, nếu không hiểu biết về đạo thì chỉ khiến cả nhà khóc lóc, cũng chẳng rõ khi chết rồi, thần thức đi về đâu? Chỉ có người đắc đạo mới có thể biết được việc ấy. Đức Phật vì mọi người cho nên mới giảng giải rõ trong kinh pháp. Vậy kinh không thể không học, đạo không thể không hành. Trong thiên hạ có nhiều đạo, chỉ có Vương đạo là lớn. Phật đạo như thế là tối thượng. Ví như vài mươi người cùng nhau bắn vào một cái đích, có người bắn trúng trước, có người bắn trúng sau, cứ bắn liên tục không dừng nghỉ thì chắc chắn sẽ trúng đích.

"Lại như các dòng nước trong trời đất luôn chảy không ngừng, thảy đều đổ về biển. Tỳ-kheo cũng như vậy, hành đạo không ngừng nghỉ, sẽ đạt được giải thoát.

"Đúng như giáo pháp của Đức Phật mà cùng tôn kính cúng dường lẫn nhau. Tụng đọc lời Phật dạy; tùy thời mà khuyên bảo nhau. Bốn chúng đệ tử chỉ dạy lẫn nhau. Như vậy kinh giáo của Phật có thể được tồn tại lâu dài.

Bấy giờ, Phật bảo Hiền giả A-nan cùng đi đến xóm Ba-liên-phất[25]. Hiền giả liền vâng lời. Đức Phật thu xếp y bát, đi qua thành Vương xá, mới được nửa đường, Ngài bỗng dừng chân nơi vườn vua[26]. Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Tất cả hãy lắng nghe! Người hành đạo phải biết rõ về Bốn đế. Phàm người không biết rõ về Bốn đế nên mãi trôi lăn, qua lại trong sanh tử, chẳng khi nào dừng. Vì vậy, ta muốn mở mang tâm ý cho các ngươi. Những gì là bốn?

"1. Biết khổ của khổ. Đó là chân đế.

"2. Khổ do tập mà sanh. Đó là chân đế.

"3. Sự diệt tận tập khởi của khổ. Đó là chân đế.

"4. Con đường đưa đến diệt tận tập khởi của khổ. Đó là chân đế.[27]

"Đối với khổ mà không nhận biết rõ nên mới trôi giạt mãi trong nẻo sanh tử không dừng. Vậy nên phải biết rõ về khổ đế. Khổ: sanh là

---

25. Ba-liên-phất ấp 巴連弗邑; No.1(2) sđd.: Ba-lăng-phất thành Pāli: Pāṭaliputta.

26. Vương viên 王園; No.1(2) sđd.: Trúc viên; Pāli: Veḷuvana. Khu rừng trúc nổi tiếng ở Ma-kiệt-đà (Magadha).

27. Bốn thánh đế: 1, Tri khổ khổ 知苦苦; 2. Khổ do tập sanh 苦由習生; 3. Khổ tập tận diệt 苦習盡滅; 4. Khổ tập tận thọ đạo 苦習盡受道.

khổ, già là khổ, bệnh là khổ, chết là khổ, ưu sầu buồn bực là khổ, yêu thương mà xa lìa là khổ, mong cầu mà chẳng đạt được là khổ. Nói tóm lại, năm thạnh ấm là khổ[28].

"Đã biết rõ về khổ như vậy rồi thì có thể đoạn trừ tập khởi tức là ái. Đó gọi là được con mắt[29], cho đến hết đời này về sau không còn khổ nữa. Bởi vì tập là do từ ái; đạo đế là con đường đưa đến diệt tận tập khởi của khổ; có con mắt để thấy pháp, chứng pháp, sự sanh đã dứt, đời sau không còn thọ sanh. Đã thấy chân đế liền đạt được đạo nhãn, không còn trở lại nẻo sanh tử, con đường dài ấy đã vĩnh viễn chấm dứt. Như vậy, này Tỳ-kheo, lại còn phải biết là đạo có được tám hạnh[30]. Những gì là tám?

"1. Chuyên tâm thọ trì kinh pháp của Phật.

"2. Bỏ ái dục, không tranh cãi với thế gian.

"3. Trọn đời không làm các việc sát sinh, trộm cắp, dâm dục.

"4. Không được lừa dối, dua nịnh, chửi mắng.

"5. Không được ganh ghét, tham lam, keo kiệt, bất tín.

"6. Nhớ nghĩ đến sự vô thường, khổ, không, vô ngã[31].

"7. Quán trong thân người toàn là các thứ xú uế, dơ nhớp.

"8. Không tham đắm về thân mạng, biết rằng cuối cùng là trở về với đất bụi.

"Các vị Phật thời quá khứ đều thấy rõ về Bốn đế này. Các vị Phật thời vị lai cũng thấy rõ Bốn đế ấy. Những ai tham luyến việc ân ái, nhà cửa, cùng ưa thích về tuổi thọ, vinh hoa phú quý của thế gian, cuối cùng không thể đạt được giải thoát. Đạo do tâm sanh. Tâm thanh tịnh thì đạt được đạo. Tiếp theo, giữ tâm đoan chánh, không phạm năm giới sẽ được sanh lên cõi Trời. Thứ nữa là tin đạo, thích học kinh pháp, về sau có thể được làm người. Nếu muốn đoạn tuyệt các cõi ác là địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ thì phải nhất tâm phụng hành kinh giới.

---

28. Ngũ thạnh ấm khổ 五盛陰苦: năm thạnh ấm tức năm thủ uẩn (Pāli: pañca upādānakkhamdhā).

29. Hán: đắc nhãn 得眼, tức có được con mắt thấy pháp; Pāli: dhamma-cakkhuṃ paṭilabhati.

30. Bát hạnh 八行. Chính xác phải là tám chi (Pāli: aṭṭhaṅgika), nhưng nội dung được nêu trong đây không cùng nội dung với tám chi thường được biết.

31. Nguyên Hán: phi thân 非身.

"Nay Phật vì mọi người trong thế gian, khiến họ giải thoát khỏi sanh tử, nên khai mở chánh đạo. Những người muốn học đạo cần phải suy tư đúng đắn."

Phật cùng Hiền giả A-nan trước tiên đến Ba-liên-phất, dừng chân bên một gốc cây thần[32] ở ngoài thành. Các Phạm chí, cư sĩ nghe tin Đức Phật cùng các đệ tử đến, họ đều ra ngoài thành, muốn đến để được gặp và cúng dường Đức Phật. Có người mang chiếu, có người mang nệm, có người mang nước và xách đèn cùng đi tới chỗ Đức Phật, cung kính đảnh lễ rồi đứng qua một bên. Đức Phật nói với các Phạm chí, cư sĩ:

"Con người ở thế gian, ham muốn dục lạc, tâm ý buông lung thì có năm điều hao tổn:

"1. Tự mình phóng túng, tài sản ngày một giảm.

"2. Tự mình phóng túng làm nguy hại đến thân, mất đạo.

"3. Tự mình phóng túng nên mọi người không kính nể, lúc chết phải hối hận.

"4. Tự mình phóng túng bị nhơ danh, gây tiếng xấu, thiên hạ đều nghe.

"5. Tự mình phóng túng, khi chết thần thức bị đọa vào ba đường ác.

"Nếu ai hàng phục được tâm, không phóng túng thì có đầy đủ năm điều phước đức:

"1. Tự mình biết kềm chế, giữ gìn thì tài sản ngày một tăng.

"2. Tự mình biết kềm chế, giữ gìn thì được gần với ý đạo.

"3. Tự mình biết kềm chế, giữ gìn thì mọi người kính yêu, khi chết không hối hận.

"4. Tự mình biết kềm chế, giữ gìn thì được tiếng tốt, danh thơm, mọi người đều biết.

"5. Tự mình biết kềm chế, giữ gìn thì khi chết thần thức được sanh lên cõi trời, cảnh giới phước đức.

"Người tự mình không buông lung thì có năm điều thiện ấy, phải luôn nhớ nghĩ."

Đức Phật vì mọi người thuyết pháp, giáo hóa họ theo con đường

---

32. Hán: Thần thọ 神樹; No.1(2), Phật ngồi dưới gốc cây Ba-lăng-phất (Pāli: Pāṭala) ở ngoại thành.

chánh, cùng với pháp yếu, khiến ai nấy đều hoan hỷ. Những người nghe cùng đến trước đảnh lễ nơi chân Phật, nhiễu quanh ba vòng rồi lui ra.

Bấy giờ Đức Phật đi đến xóm A-vệ[33], ngồi cạnh một gốc cây, dùng tâm thần diệu cùng mắt đạo xem thấy chư Thiên nơi cõi trời đang sai khiến hiền thần lo bảo vệ vùng đất này.

Hiền giả A-nan từ chỗ ngồi thiền đứng dậy, cúi lạy Đức Phật rồi đứng qua một bên. Đức Phật hỏi Hiền giả A-nan:

"Ai lo liệu công việc xây cất thành quách nơi Ba-liên-phất này?"

Thưa:

"Đó là do đại thần Vũ-xá của nước Ma-kiệt xây cất, nhằm ngăn chặn sự xâm phạm của nước Việt-kỳ."

Đức Phật dạy:

"Lành thay! Lành thay! Vũ-xá là vị quan hiền mới biết lo tính như vậy. Ta thấy các vị trời thần diệu ở cõi trời Đao-lợi cùng nhau hộ trì đất này. Đất đai nào được Thiên thần bảo vệ, thì đã an ổn mà lại sang quý. Lại nữa, cuộc đất này nằm trong phạm vi gần gũi với cõi trời. Vị thần chủ đất này là Nhân Ý[34] luôn hộ trì nước này được tồn tại lâu dài và càng tăng trưởng hơn nữa. Chắc chắn xứ này có nhiều bậc Thánh hiền, nhân trí, hào kiệt hơn các nước khác, cho nên cũng không thể phá hoại được. Thành này về lâu sau, như khi muốn phá hoại phải có ba nguyên nhân: Một, lửa lớn. Hai, nước lớn. Ba, người trong nước và bên ngoài cùng âm mưu với nhau thì mới có thể phá hoại được."

Vũ-xá nghe Đức Phật cùng chúng đệ tử đi đến nơi đây, liền nương oai của vua, sửa soạn năm trăm cỗ xe, ra khỏi thành nhằm đến yết kiến, cúng dường Đức Phật. Khi tới nơi, Vũ-xá liền xuống xe, đi bộ vào cửa của khu vườn, trông thấy Phật hoan hỷ, sắc diện khiêm cung, từ tốn, khí sắc đáng tôn quý, Vũ-xá liền vái chào đúng lễ nghi rồi đứng qua một bên. Đức Phật giảng nói pháp cho ông nghe, giáo hóa theo nẻo chánh, cùng với nhiều pháp yếu. Ông Vũ-xá vui mừng, bèn rời khỏi chỗ ngồi mà bạch rằng:

"Con muốn dâng cúng một bữa ăn nhỏ[35], cúi mong Ngài cùng Thánh chúng đồng hạ cố."

---

33. A-vệ tụ 阿衛聚. Không rõ địa danh này.

34. Nhân ý 人意 (?)

35. Nguyên Hán: vi thực 微食. ·

Đức Phật liền im lặng nhận lời.

Ông liền đứng dậy đảnh lễ Đức Phật, nhiễu quanh ba vòng rồi trở về. Đại thần trở về nhà rồi, suốt cả đêm lo sắm đủ các thứ đồ ăn thức uống ngon, bổ, lại sửa sang phòng ốc, bên trong đặt ghế ngồi. Sáng sớm, ông đi đến bạch Đức Phật:

"Trai phạn đã chuẩn bị xong, cúi mong Đức Phật biết cho."

Đức Phật liền khoác y cầm bát, cùng chúng đệ tử đồng đi đến nhà Vũ-xá. Ngài ngồi chỗ cao hơn trước đại chúng. Vũ-xá tự tay mình bưng dọn thức ăn và sớt thức ăn vào bát Đức Phật. Khi ăn uống, rửa tay xong, ông đứng lên bạch Phật:

"Con đã tạo phước duyên này, cúi mong Đức Phật chú nguyện cho dân chúng cùng tất cả trời, người ở trong nước này luôn luôn được an lạc."

Đức Phật chú nguyện:

"Phật tùy hỷ ngươi. Vì trời và người mà cúng dường, dẫn dắt dân chúng trong nước. Những ai cúng thức ăn cho Phật và Tỳ-kheo Tăng, tán dương Chánh pháp, thọ nhận giáo pháp trí tuệ, phụng hành kinh giới, ta đều chú nguyện cho họ: 'Đáng kính thì biết kính, việc đáng thờ thì biết thờ, bố thí rộng rãi, cùng thương yêu cùng khắp, có tâm từ bi thương xót, mong cho tất cả mọi người thường được phước lợi, thấy được chánh đạo'."

Đại thần Vũ-xá vui mừng. Đức Phật lại dạy:

"Ông ở đời này tuy mắc việc quan, nhưng nhờ phước đức này, về sau chắc chắn được giải thoát. Nếu ai cúng dường trai phạn cho Phật, cùng những bậc Hiền thiện chân chính trì giới, nhờ Sa-môn chú nguyện, thì trọn đời được lợi ích.

"Lại phải nên biết, nếu muốn làm quan hay chỉ là cư sĩ, đều không nên có tâm tham, không nên có tâm xa xỉ, không nên khởi tâm kiêu mạn, không nên có tâm bạo ngược, không nên có tâm khoái lạc. Bỏ năm thứ tâm này về sau sẽ không hối hận về những lỗi lầm của mình, chết được sanh lên cõi trời, trừ bỏ tội lỗi trong nẻo ác.

Đức Phật dạy xong, từ chỗ ngồi đứng dậy, ra khỏi cửa thành phía Đông. Vũ-xá gọi kẻ hầu bảo:

"Hãy gọi cửa thành này là cửa Cù-đàm[1], bến đò Ngài đi qua thì gọi là bến Cù-đàm[2].

Khi ấy, dân chúng có người đi thuyền lớn, có người đi thuyền nhỏ, có người đi bè tre, có người dùng bè gỗ để qua sông rất đông. Đức Phật ngồi nhập định tư duy: 'Ngày xưa, khi ta chưa thành Phật, muốn qua đây, ta đi trên bè gỗ không biết bao nhiêu lần. Nay ta đã giải thoát rồi,

---

1. Cù-đàm môn 瞿曇門; Pāli: Gotama-dvāra.

2. Cù-đàm tân 瞿曇津; Pāli: Gotama-titthaṃ.

không còn dùng bè gỗ ấy nữa, cũng khiến cho các đệ tử được xa lìa điều ấy.' Đức Phật xuất định, tự nói bài tụng:

Phật là Hải Thuyền Sư,
Pháp là cầu sang sông;
Là cỗ xe Đại thừa,
Độ hết thảy trời người.
Cũng là người giải thoát,
Sang bờ thành Phật đạo;
Khiến tất cả đệ tử,
Giải thoát đạt Nê-hoàn.[3]

Bấy giờ Đức Phật bảo Hiền giả A-nan:

"Tất cả hãy đi đến ấp Câu-lợi[4].

Tôn giả vâng lời cùng đi. Đến nơi, ngồi dưới một gốc cây, Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Tất cả hãy lắng nghe. Hãy thọ trì giới pháp thanh tịnh, nên tập trung tâm ý tư duy, nên tu tập để phát huy trí huệ. Ba điều ấy[5] một khi tu tập đã đầy đủ[6], lại xa lìa sự cấu uế của dâm nộ si; đó gọi là chánh thức vượt qua tai họa của dục[7], do vậy, bằng tự lực mà giải thoát, bằng nhất tâm mà biết rằng 'Sự sanh đã dứt hết, hạnh thanh tịnh đã trụ vững, điều cần làm đã làm'[8], do tánh Hiền thiện nên không tranh cãi với thế gian. Đã biết về thế sự, phải tự lo thân mình, nên ở nơi

---

3. Bài tụng hoàn toàn giống nhau với bài tụng ở No.1(2) sđd.: chỉ khác nhau một vài chữ trên cách viết nhưng nghĩa thì đồng.

4. Như No.1(2).

5. Ba điều ấy, chỉ cho Giới, định, tuệ.

6. Hán: thiền dự ký phong 禪譽既豐, không rõ nghĩa. Nhưng, tham chiếu Pāli: sīlaparibhāvito samādhi mahapphalo hoti: định được tu tập cùng với giới thì có kết quả lớn.

7. Chánh độ dục tật 正度欲疾; có lẽ tương đương Pāli: (...) sammadeva āsavehi vimuccati seyyathidaṃ kāmāsavā bhavāsavā avijjāsavā, "chân chánh giải thoát khỏi các lậu, là dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu".

8. Hán: dụng tận thị sanh, nhập thanh tịnh hạnh, vụ như ưng tác, nhi tri nhất tâm 用盡是生, 入清淨行, 務如應作, 而知一心. Đây là văn chuẩn khi nói về một vị chứng quả A-la-hán; tuyên bố bốn điều, văn Hán dịch ở đây chỉ có ba. Văn chuẩn Hán thường gặp như sau: tự tri sanh dĩ tận, phạm hạnh dĩ lập, sở tác dĩ biện, bất thọ hậu hữu 自知生已盡梵行已立所作已辦不受後有. khīṇā jāti vusitaṃ brahmacariyaṃ kataṃ karaṇīyaṃ nāparaṃ itthattāyāti pajānāti.

vắng lặng mà tư duy bên trong, tâm ý liền sáng, ba thứ cấu nhiễm đã trừ, liền đạt được đạo, tâm không còn dong ruổi, cũng không còn tham đắm vướng mắc. Giống như vị quốc vương là chủ của muôn dân. Tỳ-kheo có năng lực tự tư duy, thấy vạn cảnh đều do tâm làm chủ."

Đức Phật cùng Tôn giả A-nan đi đến xóm Hỷ dự[9] dừng chân bên cây Kiền-kỳ[10] gần bờ sông. Các đệ tử bèn vào thành khất thực, tắm rửa rồi trở về đảnh lễ Đức Phật và thưa:

"Nước này đang có bệnh dịch khiến nhiều người chết. Sáng nay chúng con đều nghe có các Thanh tín sĩ như: Huyền Đảm, Thời Tiên, Sơ Động, Hoặc Chấn, Thục Lương, Khoái Hiền, Bá Tông, Kiêm Đốc, Đức Xứng, Tịnh Cao, cả thảy mười người đều qua đời[11], những người ấy thân chết rồi thì thần thức sẽ đi về đâu?"

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Mười người ấy đã dứt bỏ thần thức tự nhiên, được sanh lên trên mười tám cõi Trời[12], vào quả vị Bất hoàn, không còn sanh trở lại để thọ pháp thế gian nữa. Vả lại, những người chết trong nước này, không phải chỉ như vậy. Phật bằng thiên nhãn quan sát thấy năm trăm Thanh tín sĩ, tất cả đều như Nan-đề... đã xa lìa ba thứ cấu uế, đoạn tuyệt năm đạo[13], chết đều sanh lên địa vị của Bất hoàn ở bên trên mà đạt Nê-hoàn ở đó.

"Lại có ba trăm Thanh tín sĩ, đã đoạn trừ ba kết[14], không còn dâm,

---

9. Hỷ dự 喜豫邑; Pāli: Nādikā.

10. Hán: Kiền-kỳ thọ hạ 揵祇樹下; Pāli: Ginjakāvasatha, ngôi nhà lợp ngói, hay nhà gạch.

11. Trên là danh sách mười người qua đời ở Hỷ dự: Huyền Đảm 玄黮, Thời Tiên 時仙, Sơ Động 初動, Hoặc Chấn 或震, Thúc Lương 叔良, Khoái Hiền 快賢, Bá Tông 伯宗, Kiêm Đốc 兼篤, Đức Xứng 德稱, Tịnh Cao 淨高. Tham chiếu No.1(2) sđd.: ở Na-đà gồm mười hai người: Già-già-la, Già-lăng-già, Tỳ-già-đà, Già-lỵ-thâu, Giá-lâu, Bà-da-lâu, Bà-đầu-lâu, Tẩu-bà-đầu-lâu, Đà-lê-xá-nậu, Tẩu-đạt-lê-xá-đậu, Gia-thâu, Gia-thâu-đa-lâu. Xem số hiệu 1(2), cht.41.

12. Chỉ mười tám tầng trời thuộc Sắc giới.

13. Ngũ đạo đoạn 五道斷; đây chỉ đoạn trừ năm hạ phần kết, tức năm loại kết sử phiền não khiến tái sanh Dục giới; khi ấy được gọi là Thánh giả Bất hoàn vì không còn tái sanh Dục giới nữa. Pāli: orambhāgiya-samyojana.

14. Đoạn tam kết 斷三結, đoạn trừ ba kết sử (Pāli: tiṇṇam samyojanaṃ parikkayā): hữu thân kiến (Pāli: sakkāya-diṭṭhi), giới cấm thủ (Pāli: sīlabbataparāmāsa), nghi (Pāli: vicikicchā), chứng quả Tu-đà-hoàn hay Dự lưu.

nộ, si[15], thăng lên quả vị Tần lai[16], sau hạ sanh trở lại hạ giới, rồi sẽ thấy được biên vực tận cùng của sự khổ.

"Lại có năm trăm Thanh tín nữ, đều đã được bốn hỷ[17], đã dứt hết ba kiết, được quả Câu cảng[18], xa lìa ba cõi xấu[19], sanh trong cõi trời hay nhân gian, không quá bảy lần, liền đạt được đạo quả Ứng chơn[20]."

Bấy giờ Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Các ngươi nói về sự chết của những người ấy như thế là quấy rầy Ta! Nhưng Ta đã là Phật, nên không còn nhận chịu điều đó, cũng chẳng còn lo sợ. Thật là vi diệu! Sanh tử luôn có lúc.

"Phàm chư Phật xuất hiện, tuy gọi là sanh nơi thế gian, nhưng không có Phật pháp tánh vẫn vậy[21]. Vì sao vậy? Như Lai đã an trụ pháp tánh, cho nên không gì không biết. Đã rõ về sự sanh này, trình bày phân minh, cho nên gọi là Diệu. Do cái này có nên cái kia có, do cái này không nên cái kia không, do cái này sanh nên cái kia sanh, do cái này diệt nên cái kia diệt. Vì sao vậy?

"Vì tham dục khởi nên mới bị vô minh, duyên vô minh có hành, duyên hành có thức, duyên thức có danh sắc, duyên danh sắc có lục nhập, duyên lục nhập có xúc, duyên xúc có thọ, duyên thọ có ái, duyên ái có thủ, duyên thủ có hữu, duyên hữu có sanh, duyên sanh có già chết, buồn sầu, khổ bất mãn, bực bội, đưa đến toàn bộ sự khổ đau được tạo nên[22]. Hữu là nguồn gốc của sanh tử, nó sẽ xoay chuyển như bánh

---

15. Vô dâm, nộ, si 無婬怒癡, bị trấn áp không còn hoạt động chứ không phải đoạn tuyệt; (Pāli: rāgadosamohānam tanuttaø).

16. Tần lai 頻來 hay còn gọi là Nhất lai, Tư-đà-hàm (Pāli: Sakadāgāmi, Skt.: Sakṛdāgāmi), người tái sanh Dục giới một lần nữa mới nhập Niết-bàn.

17. Tứ hỷ 四喜, tức bốn Chứng tịnh, bốn Bất hoại tín, hay bốn Dự lưu chi.

18. Câu cảng 溝港 tức Dự lưu hay Tu-đà-hoàn (Pāli: Sotapanna).

19. Tam ác đạo 三惡道.

20. Ứng chơn 應真 tức A-la-hán.

21. Nguyên văn: bất Phật pháp tình hỷ 不佛法情矣. Pháp tình tức pháp tánh; Pāli: dhammatā.

22. Dụng ngữ mười hai chi duyên khởi theo bản Hán này: duyên bất minh hành 緣不明行, duyên hành thức 緣行識, danh sắc 名色, lục nhập 六入, cánh lạc 更樂, thống 痛, ái 愛, thọ 受, hữu 有, sanh 生, lão tử ưu bi khổ mạn não 老死憂悲苦懣惱, cụ túc khổ tánh tập 具足苦性習.

xe, vận hành không bao giờ ngừng. Do si vô minh[23] nên mới có sanh tử. Ví như khiến cho vô minh không còn dấu vết; vô dục, tức vô minh đã diệt thì hành diệt, hành diệt nên thức diệt, thức diệt nên danh sắc diệt, danh sắc diệt nên lục nhập diệt, lục nhập diệt nên xúc diệt, xúc diệt nên thọ diệt, thọ diệt nên ái diệt, ái diệt nên thủ diệt, thủ diệt nên hữu diệt, hữu diệt nên sanh diệt, sanh diệt nên già chết, buồn sầu, khổ não, đưa đến toàn bộ khối khổ đau được tạo thành đều bị tiêu diệt.

"Cho nên trước đây Ta đã nói, kẻ si mê thì có sanh tử, người trí tuệ giữ đạo nên không còn sanh tử nữa. Hãy suy niệm về điều ấy, phải kiềm chế tâm mình mới không còn rơi vào đường sanh tử nữa.

"Lại nữa nếu muốn gần với đạo nên có bốn điều hoan hỷ[24], phải khéo suy tư, thực hành:

"Niệm Phật, ý hoan hỷ, không xả ly[25].

"Niệm Pháp, ý hoan hỷ, không xả ly.

"Niệm Chúng, ý hoan hỷ, không xả ly.

"Niệm Giới, ý hoan hỷ, không xả ly.

"Niệm về bốn điều hoan hỷ này, khiến luôn đầy đủ, tự thấy rõ, mong đạt chánh đạo, dốc cầu giải thoát, chắc chắn có thể đoạn trừ ba đường ác là địa ngục, súc sanh và quỷ thần[26], dẫn đến là đạt được quả vị Câu cảng, không bị đọa vào các cõi ác, chỉ còn sanh lại ở cõi trời, người không quá bảy lần, là giải thoát khỏi mọi khổ đau."

Đức Phật bảo Hiền giả A-nan đi đến nước Duy-da-ly[27]. Hiền giả liền vâng lời cùng đi. Đức Phật vào thành Câu-lợi-lịch[28], rồi dừng chân trong vườn xoài của kỹ nữ[29] ở ngoài thành. Nại nữ[30] nghe Đức Phật cùng các đệ tử từ nước Việt-kỳ đến, liền sửa soạn xe cộ, y phục, cùng năm trăm nữ đệ tử đồng ra khỏi thành, đi đến vườn xoài muốn được gặp và lễ bái. Đức Phật từ xa trông thấy năm trăm người nữ đến, liền bảo các

---

23. Nguyên Hán: si bất minh 癡不明.

24. Xem cht.51.

25. Hán: ý hỷ bất ly 意喜不離, cách dịch và hiểu khác của bất hoại tín, hay chứng tịnh; Pāli: avecca-pasāda.

26. Hán: quỷ thần 鬼神; đây chỉ ngạ quỷ.

27. Duy-da-ly quốc 維耶離國; No.1(2): Tỳ-xá-ly.

28. Câu-lợi-lịch thành 拘利歷城; No.1(2) Câu-lợi.

29. Hán: Nại thị viên 奈氏園, khu vườn của Nại nữ; xem cht. dưới.

30. Nại nữ 奈女; No.1(2) dâm nữ Am-bà-bà-lê; Pāli: Ambapāli.

Tỳ-kheo:

"Khi thấy họ tất cả đều phải thu nhiếp tâm ý, nội quán, phải tự giữ đoan nghiêm tâm. Những y phục cùng trang sức của họ giống như cái bình vẽ, tuy bên ngoài màu sắc đẹp đẽ, nhưng bên trong toàn chứa những thứ dơ nhớp hôi thối. Nên biết các người con gái đẹp đều là những cái bình vẽ vừa nói. Người hành đạo thì không nên để chúng mê hoặc, cho nên phải tích cực chế ngự[31], tập trung tư duy[32] và phân biệt[33]. Nàng Nại nữ này đến đây cũng là để nghe ta chỉ dạy.

"Sao gọi là phải tích cực chế ngự? Là nếu pháp ác đã sanh thì phải đoạn trừ liền, tinh tấn thực hiện, tự giữ lấy tâm ý cho đoan nghiêm. Nếu pháp ác chưa sanh thì đừng cho sanh, tinh tấn thực hiện, tự thu nhiếp tâm ý cho đoan nghiêm. Nếu pháp lành chưa sinh thì khiến nó phát sanh, tinh tấn thực hiện, tự giữ vững tâm ý cho đoan nghiêm. Nếu pháp lành đã sanh, lập chí đừng quên, khiến nó luôn tăng trưởng, tinh tấn thực hiện, tự giữ tâm ý mình cho đoan nghiêm. Đó là điều phải làm. Thà bị gân cốt chặt đứt, thân thể bị tan nát, chớ đừng theo vọng tâm mà làm ác. Đó gọi là kiên quyết kiềm chế vọng tâm.

"Sao gọi là tập trung tư duy? Là quán thân trên nội thân[34], quán thân trên ngoại thân; quán nội ngoại thân, tư niệm phân biệt, đoạn trừ, không xao lãng[35]. Hãy quán thọ trên cảm thọ bên trong[36]; quán thọ trên cảm thọ bên ngoài, quán thọ trên nội ngoại thọ, tư niệm phân biệt đoạn trừ, ý không xao lãng. Hãy quán tâm trên nội tâm[37], quán tâm trên ngoại tâm, quán tâm trên nội ngoại tâm, tư niệm phân biệt đoạn trừ, tâm ý không xao lãng. Hãy quán pháp trên nội pháp, quán pháp trên ngoại pháp; quán pháp trên nội ngoại pháp, tư niệm phân biệt, đoạn

---

31. Hán: Kiện chế 健制, "mạnh mẽ mà chế ngự"; đây chỉ Bốn chánh cần hay chánh đoạn, nghị lực tu tập; Pāli: cattāro sammappadhānā.

32. Chí-duy 志惟; đây chỉ Bốn niệm xứ; Pāli: Cattāro sati-paṭṭhānāni.

33. Xem cht. dưới.

34. Hán: duy nội thân tuần thân quán 惟內身循身觀.

35. Hán: tư niệm phân biệt, đoạn, bất sử ý 思念分別斷不使意. Tham chiếu No.1(2): tinh cần không biếng nhác, ức niệm không quên, trừ bỏ tham ưu ở đời.

36. Hán: duy nội thống tuần thống quán 惟內痛循痛觀, "quán thọ trên (nội) thọ".

37. Hán: duy nội ý tuần ý quán 惟內意循意觀. Nhận xét, các nơi khác, về Bốn niệm xứ, chỉ quán thân mới có quán nội thân, ngoại thân và nội ngoại thân. Ba niệm xứ còn lại không phân biệt nội ngoại.

trừ, tâm ý không xao lãng. Đó gọi là chí duy.

"Sao gọi là phân biệt[38]? Biết trường hợp nên làm; trường hợp không nên làm. Vì tùy theo trường hợp chân chánh mà thực hành riêng biệt, đó gọi là phân biệt.

"Phàm ai có thể tích cực chế ngự, tập trung tư duy và phân biệt thì đó là người có sức mạnh, chẳng phải chỉ những tráng sĩ có thể lực dồi dào mới là người có sức mạnh. Nếu ai có thể bỏ ác theo thiện thì gọi đó là người có sức mạnh tối thượng.

"Từ khi Ta cầu quả vị Phật đến nay, đã tự chiến đấu với tâm[39] mình trong vô số kiếp, nhờ không nghe theo tâm tà nên nay mới đạt được quả vị Phật nơi thế gian và cũng có thể an nghỉ. Tâm ý của các ngươi từ lâu đã ở trong chỗ bất tịnh, phải tự vươn lên, dứt sạch tâm ý ấy để thoát khỏi các khổ. Nếu thấy những người nữ đến, hãy như lời dạy của Ta."

Bấy giờ, Nại nữ đi đến, cung kính đảnh lễ Đức Phật rồi đứng qua một bên. Đức Phật hỏi:

"Hiện giờ, ý người nữ các ngươi thế nào?"

Thưa:

"Chúng con đã thọ lãnh ơn đức lớn của Phật, được nghe giáo pháp khiến cho kẻ ngu si tỉnh ngộ, sớm tối luôn tự căn dặn lòng mình không dám có tâm tà nữa.

Đức Phật bảo Nại nữ:

"Người nào ham thích tà dâm, thì có năm điều tổn hại:

"1. Nhiều tiếng không tốt.

"2. Bị phép vua theo dõi.

"3. Ôm lòng lo sợ, có nhiều nghi ngờ.

"4. Chết bị đọa vào địa ngục.

"5. Tội trong địa ngục hết rồi phải thọ thân hình súc sanh. Tất cả điều đó do dục mà ra, hãy tự diệt trừ tâm dục.

"Người nào không tà dâm thì có năm điều làm cho phước đức tăng trưởng:

---

38. Hán: phân biệt 分 別. Tham chiếu No.1(2) "10. Kinh Thập Thượng": Thế nào là hai tri pháp? Biết thị xứ và phi xứ. Tham chiếu Pāli, D.iii. Sangīti-sutta: ṭhānakusalatā ca aṭṭhānakusalatā ca.

39. Hán: dữ tâm tránh 與 心 諍.

"1. Được nhiều người khen ngợi.

"2. Không sợ phép nước theo dõi.

"3. Thân được an ổn.

"4. Lúc chết được sanh lên trời.

"5. Được đạo Nê-hoàn thanh tịnh.

"Do đó, tự mình cần phải nhàm chán những tai họa do dục sanh ra. Nữ nhân sanh bệnh, nguyệt kỳ bất tịnh, luôn bị gò bó, trói buộc, đánh đập, không được tự do. Nếu thọ nhận, thực hành kinh luật thì có thể đạt được đạo thanh tịnh như Phật."

Đức Phật thuyết pháp, giảng nói nhiều pháp yếu cho Nại nữ nghe. Nàng rất vui mừng, từ chỗ ngồi đứng dậy, quỳ mọp, bạch Phật:

"Con muốn bày biện các thứ đồ ăn thức uống thịnh soạn, cúi mong Đức Phật cùng Thánh chúng đồng thể hiện oai thần hạ cố."

Đức Phật im lặng nhận lời. Nại nữ liền đảnh lễ rồi lui ra về. Nàng đi chưa lâu thì các tộc họ cao quý ở Duy-da-ly, có các Ly-xa[40], nghe Đức Phật cùng các đệ tử đến, cách thành bảy dặm, họ liền vâng theo oai thần của vua, sửa soạn loại xe bốn màu, đi tới, muốn được yết kiến Đức Phật. Trong các Ly-xa có người cưỡi ngựa xanh, xe xanh, áo xanh, lọng xanh, cờ phướn xanh, đám quan thuộc đều dùng màu xanh. Có người cưỡi ngựa vàng, xe vàng, y vàng, lọng vàng, cờ phướn vàng, đám quan thuộc đều dùng màu vàng. Có người cưỡi ngựa đỏ, xe đỏ, áo đỏ, lọng đỏ, cờ phướn đỏ, đám quan thuộc đều dùng màu đỏ. Có người cưỡi ngựa trắng, xe trắng, y phục trắng, lọng trắng, cờ phướn trắng, đám quan thuộc đều dùng màu trắng.

Đức Phật thấy đoàn xe, ngựa cùng hàng mười vạn người chật cả đường đi đến, liền bảo các Tỳ-kheo:

"Các vị muốn thấy đám thị tùng ra vào nơi vườn của Thiên đế[41] trên cõi trời Đao-lợi như thế nào thì đoàn người ở đây cũng như vậy, không khác."

Các Ly-xa đến đều xuống xe đi bộ, vào vườn xoài đảnh lễ đức Phật xong thì ngồi qua một bên. Đức Phật thuyết pháp, giảng dạy, chỉ

---

40. Ly-xa 離 車 No.1(2), Lệ-xa; Pāli: Licchavi, thuộc bộ tộc Vajji, một bộ tộc hùng mạnh vào thời bấy giờ ở Vesāli (Tỳ-xá-ly).

41. Thiên Đế 天 帝, tức Thiên Đế Thích; Pāli: Sakka Devā Indānam.

bày pháp yếu mọi người nghe. Có một người tên là Tịnh Ký[42], từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, hướng về Đức Phật tự trình bày:

"Mỗi khi nghe công đức của Phật, to lớn vòi vọi, trên trời, dưới trời không ai là không ngưỡng mộ, kính phục. Con thường ở chỗ mình, sớm tối luôn kính ngưỡng, lại được giáo hóa theo nẻo thanh tịnh, cho nên không dám không để ý đến."

Đức Phật bảo Tịnh Ký:

"Những người hiền trí trong thiên hạ mới biết kính Phật. Hễ ai kính Phật liền được phước đức, khi chết đều được sanh lên cõi trời, không đọa vào đường ác."

Bấy giờ, Tịnh Ký nói bài kệ khen ngợi Phật:

Kính gặp Đấng Pháp Vương,
Tâm chánh, đạo lực an,
Phật là Bậc Tối Thắng,
Danh nêu như núi Tuyết,
Như hoa sạch, không nghi,
Như gần hương hoan hỷ,
Ngắm thân Ngài không chán,
Sáng chói như trăng rằm,
Trí Phật thật cao diệu,
Sáng tỏa không chút bụi,
Xin giữ giới thanh tín,
Tự quy y Tam Tôn.

Lúc này, trong số đông đang ngồi quanh có năm trăm vị trưởng giả đều cởi áo choàng quý giá của mình tặng cho Tịnh Ký. Tịnh Ký nhận lấy các tấm áo choàng quý giá ấy đến trước Đức Phật, bạch:

"Những vị gia chủ này nghe lời giảng nói về các pháp thiện của Đức Phật nên rất hoan hỷ, cùng nhau đem năm trăm áo choàng quý giá này dâng lên cúng dường Đức Thế Tôn, mong Ngài thương xót mà thọ nhận."

Đức Phật nhận xong liền bảo:

"Các vị Hiền sĩ nên biết! Phật là Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, Phật, Chúng Hựu, xuất hiện ở thế gian, có

---

42. Tịnh ký 淨 暨 (?).

năm pháp tự nhiên rất khó có được. Những gì là năm?

Phật xuất hiện giáo hóa khắp mọi nơi chốn, kể cả các hàng Đế Thích, Phạm vương, Sa-môn, Phạm chí, rồng, thần, đế vương; dùng trí tuệ tự nhiên, thể hiện sự chứng đắc nơi thế gian, khai mở, giảng nói đạo chân thật, lời nói đầu cũng thiện, lời nói giữa, lời nói cuối cũng đều thiện, đầy đủ ý nghĩa thiết yếu, thanh tịnh, rốt ráo. Tất cả đều được diễn đạt rõ ràng. Đó là pháp tự nhiên khó có được thứ nhất.

Phật nói kinh cho khắp mọi đối tượng, người nghe đều hoan hỷ, tin học, đọc tụng, khiến cho thân, miệng, ý được đoan nghiêm bỏ tà theo chánh. Đó là pháp tự nhiên khó có được thứ hai.

Dân chúng khắp nơi nghe kinh pháp của Phật, tâm ý được khai mở, tư duy càng sâu xa, đều đạt được trí tuệ sáng suốt. Đó là pháp tự nhiên khó có được thứ ba.

Muôn người nghe lời chỉ dạy của Phật, phần nhiều đều tôn kính, thực hiện, nhờ đấy thoát khỏi ba cõi ác, sanh nơi cõi trời, người, đạt được lợi ích lớn. Đó là pháp tự nhiên khó có được thứ tư.

Muôn người được nghe giáo pháp thâm diệu, uyên áo của Phật, hiểu được nguồn gốc, duyên cớ của sanh tử, đoạn trừ hẳn tham dục, đều được giải thoát. Hạng tinh tấn thứ nhất đạt được đạo quả Ứng chơn, hạng tinh tấn thứ nhì thì được đạo quả Bất hoàn, hạng tinh tấn thứ ba được đạo quả Tần lai, hạng tinh tấn thứ tư thì được đạo quả Câu cảng. Đó là pháp tự nhiên khó có được thứ năm.

"Phàm con người đối với Đức Phật phải có lòng nhớ tưởng đền đáp dù là cúng dường chút ít điều lành cũng đạt được phước lớn, không bao giờ là vô ích. Cho nên, này Tịnh Ký, hãy tự mình gắng sức học hỏi để đạt được điều ấy."

Đức Phật nêu dạy như vậy xong, các Ly-xa từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, chắp tay thưa:

"Chúng con muốn cung thỉnh Đức Phật và Thánh chúng thọ trai, nhưng Nại nữ đã thỉnh trước, mong rằng sau này chúng con sẽ được mời Đức Phật. Hiện nay chúng con có nhiều việc phải trở về, vậy chúng con xin cáo từ."

Đức Phật dạy:

"Nên biết thời".

Khi ấy, các Ly-xa liền cung kính đảnh lễ Đức Phật, nhiễu quanh ba vòng rồi ra đi.

Nại nữ thì suốt đêm sửa soạn những món ăn đặc biệt, trang trí phòng ốc, buổi sáng sắp đặt chỗ ngồi, nằm, xong xuôi rồi đi đến bạch Đức Phật:

"Trai phạn đã dọn xong, mong Bậc Thánh biết thời."

Đức Phật cùng các đệ tử đồng đi đến nhà Nại nữ. Ngài an tọa chỗ ngồi cao trước đại chúng, Nại nữ tự tay múc dọn, dâng cúng. Buổi thọ trai xong, Nại nữ bưng nước rửa tay rồi lấy một cái ghế nhỏ ngồi trước Đức Phật, muốn hỏi pháp.

Đức Phật dạy:

"Đời ta nhờ ưa thích bố thí, về sau không hề có oán sợ, phần nhiều được tiếng khen, tiếng lành ngày một nhiều, được mọi người kính yêu. Con người không keo kiệt, lấy nhân từ làm trí, như vậy là không bị cấu nhiễm, được an ổn, được sanh lên cõi trời, cùng được mọi an lạc với chư Thiên."

Đức Phật vì Nại nữ thuyết giảng, chỉ dẫn pháp yếu, khiến tất cả đều hoan hỷ.

Đức Phật bảo Hiền giả A-nan cùng đi đến ấp Trúc-phương[43], dừng chân cạnh nơi rừng cây, phía Bắc thành. Năm ấy thôn Trúc-phương bị đói kém, lúa thóc khan hiếm. Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Hiện nay ở đây đang lúc đói kém, việc khất thực khó khăn, các vị nên phân bổ đi đến các thôn xóm của các nước Duy-da và Việt-kỳ, có thể những nơi đó lúa thóc dồi dào hơn. Hãy nghe lời chỉ dẫn và thực hiện đi."

---

43. Trúc phương 竹芳; No.1(2), Trúc lâm. Trong bản Pāli, Phật từ vườn Ampāli đến làng Beluva.

Đức Phật dạy:

"Này Tỳ-kheo! Nên biết pháp để tự chế ngự tâm ý, được điều lành không mừng, bị điều ác không buồn, việc ăn uống là để nuôi thân thể, chớ tham cầu đồ ngon, tham đắm mùi vị. Do ái dục tham cầu cho nên sanh tử không bao giờ chấm dứt.

"Phàm biết giữ thân điều độ, tự mình chế ngự thì có thể đạt được tâm định."

Đức Phật thuyết giảng cho các Tỳ-kheo nghe, chỉ bày pháp yếu, khiến cho tất cả đều vui mừng. Họ đảnh lễ rồi lui ra.

Các Tỳ-kheo phân chia đi đến các vùng lân cận, riêng Đức Phật và Hiền giả A-nan thì cùng đi đến xóm Vệ-sa[1]. Lúc này, Đức Phật bị bệnh, toàn thân đau nhức. Đức Phật suy nghĩ: 'Hiện nay Ta bị bệnh nặng, nhưng các đệ tử đều không có ở đây, Ta hãy chờ tất cả trở về đông đủ, Ta sẽ nhập Nê-hoàn. Vậy Ta nên tự dùng lực tinh tấn để trị bệnh này, bằng cách nhập môn định không suy niệm về các tưởng[2]. Ngài liền bằng tam-muội chánh thọ[3] như vậy[4] mà tư duy, nhập môn định không suy niệm về các tưởng. Bằng tâm ý nhẫn nại này mà được tự tại.'

Hiền giả A-nan từ một gốc cây khác đứng dậy đi đến chỗ Đức Phật; cúi lạy xong, đứng qua một bên, hỏi thăm về bệnh tình của Đức Phật có thuyên giảm chăng.

Tôn giả thưa:

"Nghe Thánh thể bị bệnh, con thật sự vì thế mà lo và sợ. Há chẳng phải Đức Thế Tôn muốn nhập Nê-hoàn? Cúi nguyện Thế Tôn có điều chỉ dạy chúng đệ tử."

---

1. Vệ-sa tụ 衛沙聚; chưa xác định được địa danh này. Có lẽ phiên âm của Trúc phương, hay Pāli: Beluvagāma. Theo bản Pāli, năm đó Phật và A-nan an cư tại xóm này.

2. Bất niệm chúng tưởng chi định 不念眾想之定; không thấy đề cập nơi các bản khác. Có thể muốn nói là tưởng thọ diệt tận định (Pāli: saññāvedayita-nirodha-samāpatti). Hoặc vô tướng định (Pāli: asaññā-samāpatti), nhưng đây là định của ngoại đạo mà Phật chê.

3. Chánh thọ tam muội 正受三昧: chánh thọ và tam muội, hay đẳng chí 等至 và đẳng trì 等持; Pāli: samāpatti vā samādhi.

4. Như kỳ tượng 如其像; Pāli, hoặc Skt.: evarūpam: hình dung từ, "có hình thức như vậy", hay "giống như vậy".

Đức Phật bảo Hiền giả A-nan:

"Phật há có bao giờ cách biệt với chúng sao? Ta luôn luôn ở trong chúng Tỳ-kheo. Những điều cần nêu bày chỉ dạy thì trước sau đối với chúng Tăng Ta đã giảng nói đầy đủ. Các vị hãy nên tinh tấn theo kinh mà làm. Nay Ta bị bệnh toàn thân đau đớn, Ta liền tư duy về môn định không suy niệm các tưởng, ý không gắn vào bệnh, cố gắng chịu đựng để chấm dứt cơn đau. Này A-nan! Những gì Ta đã thuyết giảng trong ngoài đều đầy đủ. Phật là pháp sư, chẳng hề bỏ sót điều gì. Những sự việc cần làm, thì tự mình đều nhận biết một cách rõ ràng. Nay Ta cũng đã già, tuổi đã tám mươi, giống như chiếc xe cũ kỹ, không còn vững chắc nữa. Ta vốn có nói: Sanh tử có lúc, không có cái gì có sanh mà không có kết thúc. Có một cõi trên trời tên là Bất tưởng nhập[5], tuổi thọ đến tám mươi bốn ngàn vạn kiếp, cuối cùng thì cũng phải chết. Cho nên Phật giảng nói kinh pháp cho muôn người, nhằm chỉ ra con đường lớn là Nê-hoàn, đoạn trừ cội gốc của sanh tử. Nay Ta điều thân, lấy thân làm cây đèn[6] để cho thân là chỗ quy y; lấy pháp làm cây đèn, để cho pháp là chỗ tự quy y.

"Sao gọi là cây đèn? Sao gọi là tự quy y? Đó là chuyên tâm vào bốn chí duy[7].

"1. Tư duy quán thân.

"2. Tư duy quán thọ.

"3. Tư duy quán tâm.

"4. Tư duy quán pháp, tinh cần, chuyên niệm, tâm ý không xao lãng[8].

Đó gọi là lấy tất cả giáo pháp làm ngọn đèn sáng, làm chỗ nương tựa cho chính mình. Ta vì điều này nên nói lại lần nữa. Nếu muốn hiểu rõ phải tinh tấn thực hành giới pháp trong, ngoài, khiến luôn được thành tựu. Còn như tự mình nương tựa nơi giáo pháp, hiểu kinh giáo của Phật thì đều là con cháu của Đức Như Lai.

"Nay Ta đã lìa bỏ ngôi vị Chuyển luân vương, vì muôn loài mà làm Bậc Giác Ngộ, chuyên lo hóa độ để thoát khỏi sinh tử nơi ba cõi.

---

5. Bất tưởng nhập 不想入, tức cõi trời Phi tưởng phi phi tưởng xứ.

6. Đô vi hữu thân tác đính linh thân quy 都為有身作錠令身歸; nói rõ hơn: hãy tự mình là ngọn đèn; tự mình là nơi nương tựa cho mình.

7. Xem cht.66.

8. Câu chót này là văn chuẩn cho cả ba niệm xứ trên.

Các vị cũng nên tự lo cho thân mình để đoạn trừ các khổ."

Bấy giờ là an cư mùa hạ[9] mùa mưa, sau khi khâu vá, sửa lại y phục xong, Đức Phật bảo Hiền giả A-nan cùng đi đến Duy-da-ly. Hiền giả vâng lời, lên đường dừng chân ở quán Viên hầu[10], khất thực xong, rửa bát, tắm rửa, ngài lại cùng với Hiền giả A-nan đến chỗ Cấp tật thần[11]. Đức Phật dạy:

"Này A-nan! Nước Duy-da-ly được an lạc. Nước Việt-kỳ cũng được an lạc. Nay trong thiên hạ này có mười sáu nước lớn, tất cả các vùng đất ấy đều được an lạc. Sông Hy-liên-nhiên[12], tạo ra nhiều vàng ròng, cõi Diêm-phù-đề như bức tranh vẽ có năm màu sắc. Con người ở đời cho sống lâu là vui sướng. Nếu các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni biết được bốn thần túc, thì có thể dứt trừ hết khổ, tu tập thực hành nhiều, thường nhớ mãi không quên, nếu mong muốn thì có thể đạt được bất tử, không chỉ trong một kiếp.

"Như vậy, này A-nan, bốn thần túc của Phật đã tu tập trong nhiều thời gian, chuyên niệm không quên, tùy theo ý muốn Như Lai có thể kéo dài tuổi thọ hơn một kiếp cũng được."

Đức Phật nói điều này đến lần thứ hai, thứ ba.

Khi ấy tâm ý của Hiền giả A-nan như chìm đắm đâu đâu, bị ma che khuất, mịt mờ không rõ, nên im lặng không đáp.

Đức Phật bảo:

"Này A-nan! Ngươi hãy đến dưới một gốc cây mà tĩnh tọa tư duy. Hiền giả liền theo lời dạy đi tới bên gốc cây, an tọa. Lúc này ma Ba-tuần[13] đến nói rằng:

"Phật nên vào Bát-nê-hoàn. Việc giáo hóa đã hoàn tất, vậy có thể diệt độ. Ngày xưa, Phật du hóa nơi bờ sông Ủ-lưu[14], giảng dạy cho

---

9. Hán: tị vũ thời 避雨時, vào thời kỳ tránh mưa.

10. Viên hầu quán 猿猴館, không rõ địa danh này.

11. Cấp-tật thần địa 急疾神地; No.1(2), Giá-bà-la tháp; Pāli: Cāpāla-cetiya.

12. Hi-liên-nhiên hà 熙連然河; Pāli: Hiraṇñavatī, ở Kusinàra, nơi Phật nhập Niết-bàn.

13. Ma Ba-tuần 魔波旬; Pāli: Māra pāpimant, Ác ma, hay tử thần kẻ gây tội ác, xúi người khác làm ác.

14. Ủ-lưu hà 傴留河; Pāli: Uruvelā; nhưng đó là địa phương ở bên bờ sông Neranlarā, gần cây bồ-đề nơi Phật thành đạo. Tham chiếu No.1(2): "Khi xưa, Phật ở bên bờ sông Ni-liên-thuyền, thuộc xứ Uất-tỳ-la".

các người già rằng[15]:

"Ta là Phật, tuy được tự tại, nhưng không tham sống lâu. Vậy nay chẳng phải là đã đúng lúc, công việc hóa độ đã hoàn tất, có thể Bát-nê-hoàn được rồi."

Đức Phật bảo Ba-tuần:

"Sở dĩ tới bây giờ mà ta chưa diệt độ là vì còn chờ cho chúng Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni của ta đều được đầy đủ trí tuệ để kế thừa Chánh pháp khuyến hóa kẻ chưa đến với đạo giải thoát cùng khiến cho kẻ tu học được thành tựu. Và cũng vì chờ cho các hàng Thanh tín sĩ, Thanh tín nữ có được trí tuệ đầy đủ để góp phần kế thừa kinh, giới. Ai chưa hội nhập được hội nhập, kẻ thọ pháp thì được thành tựu. Như vậy, này Ba-tuần! Ta phải chờ cho bốn chúng đệ tử đều đạt được diệu lý của giáo pháp, thay nhau dạy dỗ, khai mở cho những chúng sanh còn mê muội, khiến cho kẻ tu học được thành tựu. Vì thế, mãi đến nay ta vẫn chưa diệt độ."

Ma nói:

"Đã đủ rồi, thời gian đã hết."

Đức Phật bảo:

"Ngươi hãy im lặng! Không bao lâu, sau ba tháng nữa, Như Lai sẽ nhập Nê-hoàn."

Lòng Ma vui sướng, hoan hỷ ra đi. Đức Phật liền ngồi ngay thẳng, nhập định tự tư duy, ở trong pháp tam-muội, không trụ vào tánh mạng, xả bỏ thọ hành còn lại. Ngay lúc ấy, đại địa chấn động mạnh; bầu trời trong vắt, ánh hào quang của Đức Phật soi khắp mười phương, chư Thiên, thần hiện ra khắp hư không. Đức Phật xuất định, tự nói kệ:

Trong vô lượng các hành
Ta nay bỏ hữu vi,
Gần xa cần hóa độ,
Ta đã hóa độ khắp.

Hiền giả A-nan trong lòng hoảng hốt, lông tóc dựng đứng, vội

---

[15]. Trong bản Hán: giải thuyết chư lão 解說諸老, có sự nhầm lẫn nào ở đây chăng?

bước nhanh đến chỗ Đức Phật, cúi lạy xong, đứng qua một bên, thưa:

"Kỳ lạ thay, bạch Đức Thế Tôn! Đại địa chấn động như vậy là do nhân duyên gì?"

Đức Phật bảo Hiền giả A-nan:

"Đại địa ở thế gian khi chấn động có tám nguyên nhân. Những gì là tám?

Trong khắp thiên hạ, đất ở trên nước, nước trụ trên gió, gió trụ trên hư không. Nơi hư không, gió lớn có lúc nổi lên làm cho các vùng nước lớn bị nhiễu loạn, như thế thì cả đại địa đều bị chấn động. Đó là nguyên nhân thứ nhất.

Có lúc một bậc Sa-môn đắc đạo, hoặc chư Thiên thần diệu, uy đức to lớn, muốn thể hiện diệu lực của mình nên dùng tay ấn xuống mặt đất, tức thì đại địa bị chấn động. Đó là nguyên nhân thứ hai.

Hoặc như vị Bồ-tát mới từ cõi trời thứ tư hạ sanh, nhập vào thai mẹ, là bậc Minh triết sáng suốt, muốn thị hiện đạo lớn để giáo hóa, khai mở cho kẻ mê lầm, bèn phóng luồng hào quang kỳ diệu làm chấn động cả đất trời, khiến cho các Phạm thiên, Đế Thích, Ma, Sa-môn, Phạm chí, tất cả đều được thấy ánh sáng ấy. Đó là nguyên nhân thứ ba.

Lúc Bồ-tát ra khỏi thai mẹ, đức của Ngài cảm hóa chư Thiên, bầu trời lúc này trong lành không chút mây che, hào quang kỳ diệu tỏa chiếu khắp nơi khiến cả đại địa chấn động. Đó là nguyên nhân thứ tư.

Đến lúc Bồ-tát đạt được đạo Vô thượng, chứng đắc quả vị Phật, khiến cho cả đại địa chấn động mạnh, trời thần bốn phương đều tán dương danh hiệu Phật. Đó là nguyên nhân thứ năm.

Lúc đã thành Phật, nơi pháp hội đầu tiên, ba lần Chuyển pháp luân, trời người hiểu rõ đấy là việc Bồ-tát đã thành tựu được đạo lớn, hào quang tỏa chiếu khắp, bấy giờ cả đại địa đều chấn động. Đó là nguyên nhân thứ sáu.

Sự nghiệp giáo hóa của Đức Phật sắp hoàn mãn, muốn bỏ tuổi thọ, không trụ nơi tánh mạng, bèn phóng luồng hào quang lớn, như thông báo cho trời người cùng biết, làm cả đại địa chấn động. Đó là thứ nguyên nhân thứ bảy.

Phật là Bậc Chúng Hựu, lúc sắp xả thân, nhập Bát-nê-hoàn, hào quang chiếu nơi nơi, Thiên thần đều đến dự, khiến cho đại địa chấn động. Đó là nguyên nhân thứ tám."

Tôn giả A-nan thưa:

"Nay Đức Phật đã xả bỏ tánh mạng rồi sao?"

Đức Phật đáp:

"Ta đã xả bỏ."

A-nan thưa:

"Ngày xưa con nghe Phật dạy: 'Nếu có đệ tử nào biết được Bốn thần túc, tu tập thực hành nhiều lần, chuyên niệm không quên, tùy theo ý muốn, có thể sống tới một kiếp hay hơn. Nhưng uy đức của Phật còn thù thắng hơn nhiều, vậy sao Ngài không kéo dài tuổi thọ?'."

Đức Phật bảo A-nan:

"Nay lời nói của ngươi, há chẳng sai lầm sao? Ta đã nói với ngươi về bốn thần túc ấy cho đến hai ba lần, nhưng lúc đó ngươi vẫn im lặng, đang mãi đắm chìm trong mê muội, tâm tưởng không sáng tỏ, bị ma che khuất, bây giờ còn hỏi gì nữa! Như thế thì lời của Phật đã nói ra có thể đi ngược lại chăng?

A-nan thưa:

"Không thể được".

"Như vậy, này A-nan! Những kẻ không trí khi đã tự mình nói ra rồi có thể đi ngược lại, còn ta thì không như vậy."

A-nan rơi nước mắt, thưa:

"Đức Phật sắp nhập Nê-hoàn sao mà vội thế! Con mắt của thế gian chợt tắt, sao mà chóng thế!"

Đức Phật bảo Hiền giả A-nan:

"Hãy gọi các Tỳ-kheo đang du hóa ở nước Duy-da-ly trở về đông đủ ở đây."

Tôn giả liền vâng lời đi gọi, tất cả các Tỳ-kheo trở về tụ tập ở giảng đường, cung kính đảnh lễ Phật rồi đứng qua một bên.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Thế gian là vô thường, không bền chắc, tất cả rồi sẽ ly tán. Ở trong sự vô thường đó, để cho tâm thức dong ruổi chỉ là tự dối mình mà thôi. Ân ái hội họp nào có bền lâu? Trời đất, núi Tu-di còn phải sụp đổ, huống chi là con người, sự vật mà lại muốn trường tồn sao! Sanh tử sầu khổ, chỉ là điều đáng nhàm chán. Sau ba tháng nữa, Phật sẽ nhập Niết-bàn, chớ cho

là lạ, chớ có ưu sầu. Vả lại tất cả các Đức Phật quá khứ, vị lai và hiện tại đều do pháp mà thành tựu. Kinh pháp nếu tồn tại đầy đủ thì nên tự cố gắng, siêng năng nỗ lực tu học, giữ tâm thanh tịnh, tất được giải thoát. Tình của tâm thức ngưng nghỉ thì không chết, mà cũng không còn sinh trở lại nữa, không còn phải luân lưu trong năm đường để bỏ thân này, thọ thân khác. Năm ấm đã đoạn trừ thì không còn tai họa đói, khát, lạnh, nóng, ưu sầu khổ não nữa.

"Con người biết giữ tâm chân chánh thì chư Thiên trên cõi trời thảy đều vui mừng cho kẻ ấy. Hãy hàng phục tâm, khiến luôn được thuần thục, tự chế ngự, chớ có theo tâm hành. Hành của tâm, không gì là không làm. Đắc đạo cũng do tâm vậy. Tâm làm trời, tâm làm người, tâm làm quỷ thần. Súc sanh, địa ngục cũng đều do tâm tạo ra cả. Từ sự tạo tác của tâm mà sanh ra các pháp, tâm làm ra thức, thức làm ra ý, ý chuyển nhập vào tâm. Tâm ấy, là cái dẫn đầu. Tâm chí làm ra hành, hành làm ra mạng[16]. Hiền hay ngu cũng do hành. Thọ hay yểu đều từ mạng. Phàm ba cái là chí, hành và mạng đều tùy thuộc vào nhau. Việc làm tốt hay xấu, thân ta phải thọ lãnh lấy. Cha làm điều bất thiện, con không chịu thay. Con làm điều bất thiện, cha cũng không chịu thay. Làm thiện thì tự mình được phước, làm ác thì tự mình nhận lấy tai ương. Nay Phật được cả trời người tôn kính đều do chí mà ra. Cho nên cần phải lấy tâm chân chính để hành pháp. Chỉ có người thực hành đúng theo Chánh pháp thì đời này được tịch tĩnh[17], đời này được an ổn. Vậy hãy khéo thọ trì, tụng đọc kinh, giới, giữ tâm ý tĩnh lặng tư duy thì giáo pháp thanh tịnh của Ta mới được an trụ lâu dài, mới thể hiện lòng từ bi thương xót cứu độ các nỗi khổ của thế gian, dẫn dắt chư Thiên và muôn người đạt được an lạc.

"Các Tỳ-kheo nên biết, pháp ấy là những gì? Là Bốn chí duy, Bốn ý đoan, Bốn thần túc, Bốn thiền hạnh, Năm căn, Năm lực, Bảy

---

16. Chí, hành, mạng 志 行 命; chỉ tư, nghiệp và mạng căn. Tham chiếu, *Câu-xá luận,* quyển 5: thức khởi nghiệp, nghiệp kết thành mạng căn tức tuổi thọ.

17. Hán: hưu 休, chỉ sự bình an; Pāli: santi.

giác và Tám đạo đế[18]. Theo như điều đã thọ nhận mà hành trì thì có thể đạt được giải thoát, làm cho Chánh pháp không suy thoái.

"Sao gọi là Bốn chí duy? Là tư duy quán toàn thân trên nội thân; quán toàn thân trên ngoại thân; quán toàn thân trên nội ngoại thân, phân biệt, chuyên niệm, đoạn trừ tâm ý ngu si mê lầm. Quán về thọ, ý và pháp cũng giống như trên.

"Sao gọi là Bốn ý đoan? Là pháp ác đã sanh thì nên liền đoạn trừ, sửa tánh theo hướng tinh tấn, tự thu nhiếp tâm ý đoan chánh. Pháp ác chưa sanh thì kiềm chế đừng cho khởi lên, sửa tánh cho tinh tấn để tự thu nhiếp tâm ý đoan chánh. Pháp thiện chưa sanh thì nên làm cho phát sanh, sửa tánh theo hướng tinh tấn, để tự thu nhiếp tâm ý đoan chánh. Pháp thiện đã sanh, thì lập chí không quên, khiến cho luôn tăng trưởng, siêng năng làm cho tâm ý đoan chánh.

"Sao gọi là Bốn thần túc? Là tư duy về dục định để diệt các hành, đầy đủ niệm thần túc[19]. Dục ấy không tà vạy, không lấy không bỏ, thường giữ hạnh thanh tịnh. Tư duy tinh tấn định, tư duy ý chí định, tư duy giới tập định[20], đều giống như trên đã nói.

"Sao gọi là Bốn thiền? Là bỏ dục, pháp ác, duy chỉ niệm, duy chỉ hành[21], tâm chí an lạc vô vi[22] thành thiền hạnh thứ nhất. Niệm, hành đã diệt, bên trong giữ nhất tâm, chí ở chỗ tịch tĩnh[23] thành thiền hạnh thứ

---

18. Bốn chí duy 四志惟 tức bốn niệm xứ; bốn ý đoan 四意端 tức bốn chánh cầnhay chánh đoạn; bốn thần túc 四神足; boán thieàn hành 四禪行 hay bốn tĩnh lự; năm căn 五根; năm lực 五力; bảy giác 七覺 tức bảy giác chi; tám đạo đế 八道諦 hay thánh đạo tám chi. Trên đây, trừ bốn thiền, còn lại là ba mươi bảy thành phần bồ-đề.

19. Tư duy dục định dĩ diệt chúng hành cụ niệm thần túc 思惟欲定,以滅眾行,具念神足. Văn chuẩn (định cú) của Huyền Tráng: dục tam-ma-địa thắng hành thành tựu thần túc; Pāli: chanda-samādhi-padhāna-sankhāra-samanvāgata-iddhipāda: thần thông được thành tựu bằng dụng công không ngừng tập trung tư tưởng trên điều ước muốn. Các giai đoạn tiếp theo, tập trung tâm chí (citta), tập trung nghị lực (viriya) và tập trung quán sát (vīmaṃsa)

20. Duy tinh tấn định, duy ý chí định, duy giới tập định 惟精進定,惟意志定,惟戒習定. Xem cht.96.

21. Đản niệm đản hành 但念但行, tức duy tầm duy tứ, hay hữu giác hữu quán; Pāli: savitakka, savicāra.

22. Chí lạc vô vi 志樂無為, nghĩa là, có hỷ và lạc phát sanh do ly dục.

23. Chí tại điềm tĩnh 志在恬靜, tức là trạng thái hỷ và lạc phát sanh do định.

hai. Tư duy quán sát, không dâm, tâm an, thể chánh, phân biệt thấy rõ ràng thành thiền hạnh thứ ba. Đã đoạn trừ khổ, vui, không còn tưởng về sự buồn vui, ý đã thanh tịnh, thành thiền hạnh thứ tư[24].

"Sao gọi là Năm căn?

"1. Tín căn, ý hướng về bốn điều hoan hỷ[25].

"2. Tinh tấn căn, phát huy bốn ý đoan.

"3. Niệm căn tức niệm về bốn chí duy.

"4. Định căn, suy tư về bốn thiền hạnh.

"5. Trí căn, thấy Bốn chân đế.

"Sao gọi là Năm lực?

"1. Tín lực, ý hoan hỷ không hoại.

"2. Tinh tấn lực, thường hay kiềm chế dõng mãnh.

"3. Niệm lực, được quán chí duy.

"4. Định lực, thiền ý không loạn.

"5. Trí lực, dùng đạo để tự chứng đắc.

"Sao gọi là bảy giác chi? Là Niệm giác ý, Pháp giải giác ý, Tinh tấn giác ý, Ái hỷ giác ý, Nhất hướng giác ý, Duy định giác ý, Hành hộ giác ý."

"Sao gọi là tám đạo? Là Chánh kiến, Chánh tư, Chánh ngôn, Chánh hành, Chánh mạng, Chánh trị, Chánh chí, Chánh định. Đó là pháp thanh tịnh để thoát khỏi thế gian.

Bấy giờ, Đức Phật bảo Hiền giả A-nan đồng đến ấp Câu-lợi[26]. Hiền giả vâng lời cùng đi. Đức Phật mến thích thành Duy-da. Khi đi ngang qua nước này, ra khỏi cửa thành, Ngài quay người về phía bên phải, nhìn cửa thành mà cười. Hiền giả A-nan liền sửa lại y phục, gối bên mặt chạm sát đất, quỳ gối thưa:

"Từ khi con được hầu hạ Đức Phật cho đến nay hơn hai mươi năm, con chưa từng thấy Đức Phật làm gì mà không có duyên cớ. Như vậy việc Ngài quay người lại nhìn cửa thành mà cười là do nhân duyên gì?"

Đức Phật đáp:

---

24. Về văn chuẩn (định cú) của bốn thiền, tham chiếu No.1(2), bản Việt, "9. Kinh Chúng Tập", "10. Kinh Thập Thượng" và các chú thích rải rác.

25. Chỉ bốn bất hoại tín.

26. Câu-lợi ấp 拘利邑; Pāli: koṭigāma. Nhưng trong bản Pāli, ra khỏi Vesāli, Phật đi đến thôn Bhandagāma.

"Đúng vậy, đúng vậy. Này A-nan! Nghi pháp của Phật là không bao giờ quay người một cách vọng động rồi cười suông. Đây là lần cuối cùng ta nhìn thành Duy-da-ly, nên Ta nhìn rồi cười."

Bấy giờ, Đức Phật tự nói bài tụng:

Đây là lần cuối cùng,
Ta ngắm Duy-da-ly,
Ta sắp vào Nê-hoàn,
Không còn tái sinh nữa.

Có vị Tỳ-kheo khác cũng tán thán Ngài bằng bài tụng:

Phật bảo đây cuối cùng,
Thân hành từ đây hết,
Nếu tâm mãi ruổi dong,
Làm sao thấy được Phật?

Đức Phật cùng Hiền giả A-nan đồng đến Câu-lợi, dừng chân ở khu rừng phía Bắc thành. Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Hãy gìn giữ tịnh giới, nên tư duy định ý, nên phát huy trí tuệ. Hễ ai giữ giới mà có cả định, tuệ, thành bậc Đại đức, có tiếng tăm lớn[27], vĩnh viễn xa lìa dứt tham dâm, sân hận, ngu si, có thể đạt được đạo quả Ứng chơn. Nếu muốn đời hiện tại đạt được giải thoát chân chánh thì hãy nỗ lực tự giải thoát, khiến cho sự sanh đã dứt hết, đã an trú hạnh thanh tịnh, đã làm việc cần làm, tự mình biết rằng sau thân này không còn thọ thân nào nữa[28]."

Đức Phật lại bảo Hiền giả A-nan cùng đi đến ấp Kiện-trì[29], đến nơi thì ngồi bên gốc cây phía Bắc thành. Ngài bảo các Tỳ-kheo:

"Hãy giữ giới thanh tịnh, tư duy định ý, để mong mở mang trí tuệ. Người giữ giới thanh tịnh thì không chạy theo ba trạng thái[30]; người tư duy định ý thì tâm không buông lung tán loạn; người đã mở mang trí tuệ

---

27. Tham chiếu Pāli: sīlaparibhāvito samādhi mahapphalo hoti, định cùng tu với giới thì có kết quả lớn.

28. Tuyên bố của một vị khi chứng quả A-la-hán: tận thị sanh, nhập thanh tịnh đạo, dĩ như ưng hành, nãi tự tri thân, hậu bất phục thọ 盡是生, 入清淨道, 已如應行, 乃自知身, 後不復受. Văn chuẩn, xem rải rác trong bản Việt, No.1(2).

29. Kiện trì ấp 健持邑. Phiên âm gần giống Kiền-chùy xứ (Pāli: Giñjakāvasatha), là ngôi nhà gạch mà Phật đã đi qua trước đó, ở Nādika, tức xóm Hỷ dự.

30. Tam thái 三態 chỉ cho tham, sân, si.

rồi thì lìa bỏ ái dục, hành động không bị chướng ngại. Người có đủ Giới, Định, Tuệ thì đức lớn, tiếng tăm vang xa, lại lìa dứt ba cấu uế[31], cuối cùng đạt được quả Ứng chơn. Nếu muốn đời hiện tại đạt được giải thoát chân chánh thì hãy nỗ lực tự giải thoát, khiến cho sự sanh đã dứt hết, đã an trú hạnh thanh tịnh, đã làm việc cần làm, tự mình biết rằng sau thân này sẽ không còn thọ thân nữa."

Đức Phật lại cùng Hiền giả A-nan đồng qua ấp Yêm-mãn và ấp Xuất kim, ấp Thọ thủ, ấp Hoa thị, lại đến ấp Thiện tịnh[32], ở chỗ nào Ngài cũng vì các đệ tử nói ba điều căn bản này: Nên giữ giới, nên tư duy thiền định và nên mở mang trí tuệ. Giữ ba điều ấy thì uy đức, tiếng tốt vang xa, tiêu trừ dâm, nộ, si. Đó gọi là sự giải thoát chân chánh.

"Đã có giới thì tâm được định, tâm định đã thành tựu thì trí tuệ liền sáng tỏ. Như nhuộm tấm dạ sạch thì màu sắc sẽ tươi đẹp. Ai có ba tâm này thì dễ đạt được đạo. Chỉ một lòng cầu giải thoát, để cho sự sanh đã dứt hết, đã an trú hạnh thanh tịnh, đã làm việc cần làm, tự mình biết rằng sau thân sẽ không còn thọ thân nữa. Nếu ai không thực hành đầy đủ Giới, Định, Tuệ, mà muốn thoát khỏi sanh tử nơi thế gian thì thật là khó.

"Nếu có đủ ba điều ấy thì tâm ý tự khai mở, an tọa tư duy liền thấy rõ năm đường: trời, người, địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ[33]; biết rõ những điều nhớ nghĩ trong tâm ý của chúng sanh[34]. Ví như khe nước trong sạch thì những thứ cát sỏi ở dưới đáy có màu xanh, vàng, trắng, đen đều thấy tất cả. Người đắc đạo do tâm thanh tịnh nên mọi đối tượng nhận thức đều thấu đạt. Nếu ai muốn đắc đạo thì hãy làm cho tâm mình được thanh tịnh. Như nước dơ, đục thì không thấy gì cả. Nếu giữ tâm không thanh tịnh thì không thể giải thoát khỏi thế gian[35].

"Những điều Thầy thấy được rồi giảng nói ra thì đệ tử phải nên thực hành. Thầy không thể thực hành thay cho đệ tử, nên giữ niệm chân

---

31. Tam cấu 三垢, đây chỉ ba lậu hoặc: dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu.

32. Những nơi Phật đi qua: ấp Yêm-mãn 掩滿邑, ấp Xuất kim 出金邑, ấp Thọ thủ 授手邑, ấp Hoa thị 華氏邑, ấp Thiện tịnh 善淨邑; No.1(2): từ Am-bà-la đi qua Chiêm-bà, Kiển-trà, Bệ-bà-la và thành Phụ-di; Pāli: từ Bhandagāma đi Hatthigāma, Ambagāma, Jambugāma, Bhoganagara.

33. Chỉ sự chứng đắc thiên nhãn trí.

34. Chỉ sự chứng đắc tha tâm trí (thay vì là túc mạng trí).

35. Theo tuần tự, đoạn này nói về lậu tận trí, nhưng văn dịch không rõ ràng.

chánh. Nếu ai niệm ý được ngay thẳng thì liền đắc đạo. Đức Phật đã đạt được an lạc trong pháp thiện thanh tịnh."

Đức Phật lại bảo Hiền giả A-nan cùng đi đến ấp Phu-diên[1], ngồi bên gốc cây nơi phía Bắc thành. Vào lúc xế chiều, Hiền giả A-nan từ chỗ ngồi thiền đứng dậy, đến trước Đức Phật đảnh lễ rồi chắp tay thưa:

"Con thật sự muốn biết rõ là đại địa chấn động do mấy nguyên nhân?"

Đức Phật bảo Hiền giả:

"Có ba nguyên nhân:

"1. Đất nương trên nước, nước nương trên gió, gió nương trên hư không. Khi gió lớn nổi lên khiến nước bị chấn động, nước chấn động làm cho đại địa chấn động.

"2. Bậc Sa-môn đắc đạo và chư Thiên thần diệu, muốn thể hiện sự cảm ứng cho nên đại địa chấn động.

"3. Do thần lực của Phật. Từ lúc Ta thành Phật đến nay, trước và sau đại địa đều chấn động. Ba ngàn mặt trời mặt trăng, một vạn hai ngàn cõi trời đất đều cảm ứng, hầu hết trời, người, quỷ thần đều được khai mở.[2]"

Hiền giả A-nan tán thán:

"Kỳ diệu thay! Không ai sánh bằng Phật! Ngài dùng pháp tự nhiên mà không đâu là không cảm ứng, chấn động. Đức tột bực, đạo tột cùng, vòi vọi như thế."

Đức Phật dạy:

"Đúng vậy! Đúng vậy, này A-nan! Oai đức của Phật hết sức lớn lao, vì đã tích lũy công đức từ vô số kiếp, phụng hành các pháp lành, tự mình tu tập thành Phật, có pháp hóa tác tự nhiên thần diệu như vậy. Ngài là Bậc biết tất cả, thấy tất cả, không gì là không hội nhập, không gì là không cảm hóa được. Nhớ lại xưa kia Ta đã dùng tâm từ bi đối với hàng trăm ngàn người trong thiên hạ gồm các bậc vua chúa, các vị quân tử đều cùng gặp nhau để giáo hóa, tùy theo hình tướng của họ mà Ta an ủi, giảng nói kinh pháp, giáo hóa cùng khắp khiến họ đạt được ý lành. Ta hiện thân giáo hóa như vậy, khắp cả tám phương[3], tùy theo tiếng nói, phục sức và phong tục của nước đó, biết họ hành pháp gì, biết kinh gì nên Ta đã diễn giảng truyền trao để đưa họ vào chánh đạo. Đối với

---

1. Phu-diên ấp 夫延邑; No.1(2) sđd.: Phụ di thành; Pāli: Bhoganagara.

2. Lập lại ba trong tám nguyên nhân khiến cho cõi đất rung động ở trên.

3. Tám phương; No.1(2) và bản Pāli đều nói là tám chúng hội.

người ưa thích ngôn từ mang nhiều ý nghĩa thì Ta nêu bày giáo pháp rõ ràng, dễ lãnh hội. Đối với người hiểu đạo lý thì Ta giảng nói về những điều cốt yếu nhằm làm cho ý chí của họ thêm vững chắc rồi Ta đi. Các vua, các vị quân tử đều chẳng biết Ta là ai, về sau họ đều hết lòng, cung kính vâng theo sự giáo hóa đúng pháp ấy. Đó là pháp tự nhiên thanh tịnh vi diệu của Phật.

"Lại nữa, này A-nan! Ta có được Phật lực, hội nhập khắp chốn để hiện thân giáo hóa, dùng oai nghi của Phật đi vào chúng Sa-môn, làm bậc Đạo sư, sau đó hóa nhập vào chúng Phạm chí, lại nhập vào chúng cư sĩ, cũng như các nhóm học thuật khác nhau. Tùy theo lối ăn mặc, âm thanh, ngôn ngữ của họ mà Ta giảng dạy kinh pháp cho họ, khiến cho tất cả đều được thành tựu, làm pháp mẫu mực cho họ, rồi biến mất. Họ đều nghe theo lời chỉ dạy của Ta mà chẳng biết Ta là ai. Đó là pháp tự nhiên khó có được của Phật.

"Ta cũng nhập vào cõi trời thứ nhất là Tứ thiên vương, cõi trời thứ hai là Đao-lợi, cõi trời thứ ba là Diệm thiên, cõi trời thứ tư là Đâu-thuật, cõi trời thứ năm là Bất kiêu lạc, cõi trời thứ sáu là Hóa ứng thinh[4], chung quanh là cõi Ma.

"Lại lên cõi trời thứ bảy là Phạm thiên, cõi trời thứ tám là Phạm chúng, cõi trời thứ chín là Phạm phụ, cõi trời thứ mười là đại Phạm, cõi trời thứ mười một là Thủy hành, cõi trời thứ mười hai là Thủy vi, cõi trời thứ mười ba là Thủy vô lượng, cõi trời thứ mười bốn là Thủy âm, cõi trời thứ mười lăm là Ước tịnh, cõi trời thứ mười sáu là Biến tịnh, cõi trời thứ mười bảy là Thanh minh, cõi trời thứ mười tám là Thủy diệu, cõi trời thứ mười chín là Huyền diệu, cõi trời thứ hai mươi là Phước đức, cõi trời hai mươi mốt là Ý thuần thứ, cõi trời thứ hai mươi hai là Cận tế, cõi trời thứ hai mươi ba là Khoái kiến, cõi trời thứ hai mươi bốn là Vô kết ái[5]. Tất cả các cõi ấy Ta đều đi khắp, gặp

---

4. Trên là Sáu cõi trời thuộc Dục giới: Tứ thiên vương 四天王; Đao-lợi thiên 忉利天, Diệm thiên 焰天, Đâu-thuật thiên 兜術天, Bất kiêu lạc thiên 不憍樂天, Hóa ứng thanh thiên 化應聲天. Tham chiếu *Trường A-hàm kinh* quyển 20; *Câu-xá luận* quyển 8, quyển 21; *Đại Trí Độ luận* quyển 9; *Thành Duy Thức luận* quyển 5.

5. Trên là mười tám cõi trời Sắc giới: Phạm thiên 梵天, Phạm chúng thiên 梵眾天, Phạm phụ thiên 梵輔天, Đại phạm thiên 大梵天, Thủy hành thiên 水行天, Thủy vi thiên 水微天, Thủy vô lượng thiên 水無量天, Thủy âm thiên 水音天, Ước tịnh thiên 約淨天, Tịnh thiên 淨天, Thanh minh thiên 清明天, Thủ diệu thiên 守妙天, Huyền diệu thiên 玄妙天, Phước đức thiên 福德天, Ý thuần thiên 慤淳天, Cận

hàng trăm ngàn người, hóa hiện theo dung mạo của chư Thiên để cùng họ gặp gỡ. Người ưa sự thanh tịnh thì Ta nói về sự thanh tịnh cho họ, người thông đạt ý đạo thì Ta khuyên nên hóa độ rộng rãi. Với người nhân từ thuần thục thì Ta để họ nơi đại đạo. Ai hiểu rõ về các pháp ta liền trao truyền pháp quan trọng. Ta khuyên nhủ, dẫn dắt, hóa độ thuận hợp nhanh chóng, khiến họ đạt đạo xong thì liền biến mất, mà các hàng chư Thiên ấy chẳng biết Ta là ai. Đó là pháp tự nhiên khó có được của Phật.

"Vì bốn cõi trời còn lại ở trên không có hình tướng, âm thanh, nên Phật không đến. Đó là cõi trời thứ hai mươi lăm là Không tuệ nhập, cõi trời thứ hai mươi sáu là Thức tuệ nhập, cõi trời thứ hai mươi bảy là Bất dụng tuệ nhập và cõi trời thứ hai mươi tám là Bất tưởng nhập[6].

"Như vậy, này A-nan! Ân đức của Phật thật là rộng lớn, không ai là không được Phật tế độ, nhưng rất khó gặp. Đức Phật xuất hiện ở thế gian như hoa Âu-ba-la[7] đúng thời mới nở. Đức Phật thuyết pháp cũng khó được nghe; đã nghe được Kinh pháp thì phải nên thọ nhận, hộ trì.

"Hộ trì như thế nào? Sau khi ta diệt độ, nếu có Tỳ-kheo nói:

"Tôi thấy Phật, tôi thọ lãnh pháp này, luật này, sự chỉ dạy này từ miệng Ngài nói ra. Nhưng lời nói của người ấy không gần gũi với Kinh điển lại là pháp thiếu sót gây tổn hại. Vậy hãy nên đem các câu giáo pháp nơi kinh, nơi luật đã thấy đã biết để giảng giải cho vị Tỳ-kheo kia. Nếu những lời ấy không hợp với kinh, luật, so sánh xong thì khuyên can: 'Hiền giả hãy nghe đây! Đức Phật không giảng nói điều này. Thầy đã thọ lãnh không đúng nên không hợp với ý của pháp, chẳng phải là pháp, chẳng phải là luật, không giống như lời Phật dạy. Thầy nên biết điều đó để bỏ đi'."

Nếu có Tỳ-kheo bảo:

"Tôi ở chỗ đó, được nương tựa nơi Thánh chúng, có pháp giới, tôi trực tiếp thọ pháp này, luật này, những lời giảng dạy này. Nhưng nếu

---

thiên 近 天, Khoái kiến thiên 快 見 天, Vô kết ái thiên 無 結 愛 天.Tham chiếu *Câu-xá luận* quyển 8.

6. Trên là bốn cõi trời Vô sắc: Không tuệ nhập thiên 空 慧 入 天, Thức tuệ nhập thiên 識 慧 入 天, Bất dụng tuệ nhập thiên 不 用 慧 入 天, Bất tưởng nhập thiên 不 想 入 天. Tham chiếu *Trường A-hàm kinh* quyển 20, *Đại tỳ-bà-sa luận* quyển 84.

7. Âu-ba-la 漚 波 羅, phiên âm phổ thông là Ưu-đàm-bát-la, dịch là hoa Linh thụy.

lời nói của người đó không gần với kinh điển, gây tổn hại cho Chánh pháp, thì hãy đem giáo pháp nơi kinh nơi luật để giải thích cho kẻ ấy. Nếu những lời nói kia không thích hợp với giáo pháp nơi kinh, nơi luật thì nên khuyên can: 'Này Hiền giả, hãy lắng nghe! Chúng Tỳ-kheo biết pháp hiểu luật, còn những điều ông nói thì không phải là giáo pháp, giới luật. Thầy đã thọ nhận sai lạc, không hợp với ý nghĩa của kinh, pháp. Điều này không giống như lời Phật dạy, nên biết điều đó mà bỏ đi'."

Nếu có Tỳ-kheo nói:

"Tôi đích thân theo các bậc Trưởng lão kỳ cựu được nghe từ miệng chư vị ấy nói về pháp này, luật này, giáo này. Nhưng những lời được cho là kinh giáo ấy không gần gũi với kinh điển, làm tổn hại Chánh pháp; hãy đem những giáo pháp nơi kinh để giải thích cho kẻ ấy. Nếu những lời nói kia không hợp với ý nghĩa nơi kinh luật thì nên khuyên can: 'Này Hiền giả, hãy lắng nghe! Các bậc Trưởng lão kỳ cựu là người biết pháp hiểu luật, còn những điều Thầy nói ra thì chẳng phải là giáo pháp, giới luật. Thầy đã thu nhận sai lạc, không phù hợp với kinh, lại ngược với ý pháp, không đúng như lời Phật dạy; nên biết điều đó mà bỏ đi'."

Nếu có Tỳ-kheo cho rằng:

"Tôi được ở gần các bậc hiền tài, cao minh, trí tuệ thông tỏ, phước đức, được nhiều người tôn kính, lãnh thọ từ các vị ấy những lời dạy về kinh, luật giáo pháp này. Nhưng lời nói của người kia không gần với kinh lại làm tổn hại Chánh pháp; nên đem ý nghĩa của giáo pháp nơi kinh để giải thích cho vị ấy. Nếu những lời nói kia không hợp với ý nghĩa kinh pháp, chống trái đưa đến tranh cãi, thì nên khuyên vị ấy: 'Này Hiền giả hãy lắng nghe! Các bậc hiền triết cao minh thì hiểu biết giáo pháp kinh luật. Còn những điều này thì không phải là giáo pháp kinh luật. Thầy đã thu nhận sai lạc về điều này không phù hợp với kinh, cùng đi ngược lại ý nghĩa giáo pháp, không đúng như lời Phật dạy; nên biết điều đó mà bỏ đi'."

Lại nữa, này A-nan! Nếu có người nói:

"Tôi được theo Phật thụ nhận giáo pháp này. Nhưng lời nói ấy thì sai lầm, không hợp với kinh pháp. Hoặc có người bảo: 'Tôi từng nương tựa nơi Thánh chúng, nên được phụng lãnh

giáo pháp như vậy.' Nhưng lời nói của người kia thì sai lầm, không hợp với Kinh pháp. Hoặc có người nói: 'Chính miệng của tôi nghe điều này từ các vị Trưởng lão kỳ cựu.' Nhưng lời nói ấy lại sai lầm, không hợp với kinh pháp.' Hoặc nói: 'Tôi thụ lãnh lời nói này từ các bậc hiền tài, cao minh, trí lớn, phước dày'. Nhưng lời nói ấy sai lầm, không hợp với kinh pháp; hãy nêu lên lời dạy của Phật để giải thích cho những kẻ ấy hiểu, khiến họ hội nhập và hiểu biết đúng theo kinh luật. Nhờ nói rõ về giáo pháp kinh luật của Phật mà Thánh chúng thừa hành, các vị trưởng lão thấy rõ, các bậc hiền tài được biết, các hàng Hiền thiện thọ nhận đúng đắn. Như luật dạy là không được tranh cãi, nên biết để thọ trì bốn điều này.

"Này A-nan, hoặc có bốn điều tối tăm[8] làm tổn hại Chánh pháp, phải biết phân biệt, để trừ bỏ điều tà vạy, thọ trì bốn chánh ý[9]. Đó gọi là thọ trì, giữ gìn Chánh pháp. Nếu ai không vâng theo kinh giới, thì chúng Tỳ-kheo nên trục xuất kẻ ấy ra ngoài. Các thứ cỏ xấu nếu không nhổ đi thì sẽ làm hại đến mầm lúa tươi tốt. Đệ tử không tốt làm tổn hại đến đạo pháp của ta. Hãy cùng nhau kiểm điểm, sách tấn, đừng để sau khi Phật diệt độ rồi không ai kế thừa giáo pháp.

"Ở đời nếu có các vị Sa-môn phụng hành kinh giới thì khắp chốn được phước, trời, thần đều hoan hỷ. Nếu nghe ở chỗ nào đó có Tỳ-kheo thông hiểu kinh, các Tỳ-kheo khác tuy lớn tuổi mà mới vào đạo thì phải tìm đến vị kia để học hỏi, thọ trì. Như vậy thì sẽ được các hàng Thanh tín sĩ, Thanh tín nữ vui thích cúng dường y phục, các thức ăn uống, giường nằm, thuốc chữa bệnh. Tỳ-kheo đồng đạo thì không nên bất hòa. Những người bị đọa vào địa ngục, ba cõi ác đều do bất hòa mà ra. Tỳ-kheo không nên cùng nhau đùa giỡn cho rằng: 'Ta biết kinh

8. Tứ ám 四 暗, chưa rõ.

9. Tứ chánh ý 四 正 意, chưa rõ.

nhiều, ông biết kinh ít!'. Biết nhiều hay biết ít phải tự mình thực hành. Lời nói nào phù hợp với kinh thì dùng, lời nói nào không phù hợp với kinh thì bỏ. Điều nào do Phật nói ra, Tỳ-kheo đã thọ trì thì hãy khéo gìn giữ. Từ nay về sau, phàm giảng giải về kinh thì nên nói: 'Nghe như vậy! Một thời Phật ở tại nơi nào, nước nào, cùng đông đủ chúng Tỳ-kheo nào giảng nói Kinh này'. Nếu kinh đó là đúng thì không được khinh suất nói rằng: 'Kinh đó không phải do Phật nói.' Nếu các Tỳ-kheo cùng nhau vâng làm như vậy, thì Chánh pháp được tồn tại lâu dài[10]."

Bấy giờ Đức Phật bảo Hiền giả A-nan:

"Tất cả hãy đến nước Ba-tuần[11]. Các đệ tử vâng lời cùng đi. Đức Phật muốn vào trong thành Phu-diên-lịch[12], rồi dừng chân nơi vườn Thiền đầu[13] bên ngoài thành. Các tộc họ phú hào ở Ba-tuần có những người thuộc dân Hoa thị[14], nghe Đức Phật đến, họ cùng nhau kéo tới ra mắt, đảnh lễ, xong rồi ngồi qua một bên. Đức Phật bảo các Hoa thị:

"Hàng trí thức ở nhà, tuân thủ sự kiệm ước, phụng hành bốn việc, để luôn được vui vẻ:

"1. Phụng dưỡng cha mẹ săn sóc vợ con.

"2. Trông nom khách khứa, nô tỳ.

"3. Cung cấp bố thí cho những người thân thuộc, bằng hữu tri thức.

"4. Phụng sự các bậc vua, trời, thần, Sa-môn, đạo sĩ.

Nếu làm được như vậy sẽ biết cuộc sống hiện tại thân được an, nhà cửa được an, có sức khỏe, dung mạo tươi đẹp, giàu có sung túc, hiểu biết rộng, lúc chết được sanh lên cõi trời."

---

10. No.6 đoạn văn từ: "Bấy giờ Đức Phật bảo Hiền giả A-nan... cho đến thì chánh pháp được tồn tại lâu dài". Ngoài những sự kiện đồng dị về các pháp dạy giữa hai bản ra, như những chú thích trên, chúng cũng còn có những sự kiện sai biệt khác đó là có những sự kiện bản này có mà bản kia không và ngược lại.

11. Ba-tuần quốc 波旬國; No.1(2) sđd.: Ba-bà; Pāli: Pāvā.

12. Phu-diên-lịch thành 夫延歷城; No.1(2) sđd.: Phụ-di; Pāli: Bhoganagara. Xem cht.113.

13. Thiền đầu viên 禪頭園; No.2(2) sđd.: Xà đầu viên; Pāli: Pāvāyaṃ viharati Cundassa cammāraputtassa ambavane, trú xứ ở Pāvā trong vườn xoài của con trai người thợ sắt tên Cunda.

14. Hoa thị 華氏; tức dòng họ Mạt-la (Pāli: Malla), chủ nhân của thị trấn Pāvā và Kusinārā.

Đức Phật thuyết pháp, giáo hóa các Hoa thị, với những lời lẽ thiết yếu khiến cho tất cả đều hoan hỷ, xin cáo từ. Chỉ có người con của Hoa thị tên là Thuần[15], một mình ở lại, đứng dậy sửa y phục rồi quỳ gối bạch Đức Phật:

"Con muốn sửa soạn một bữa cơm thịnh soạn, cúi mong Đức Phật cùng đại chúng đồng thể hiện oai thần, hạ cố."

Đức Phật vì lòng thương xót nên im lặng nhận lời.

Thuần vui mừng đảnh lễ rồi về nhà sửa soạn các thức ăn ngon, trang hoàng phòng ốc. Sáng sớm, trải sàng tọa xong đi đến bạch Đức Phật:

"Công việc đã xong xuôi, cúi mong Đức Thánh biết thời."

Đức Phật cùng các đệ tử đồng đến nhà ông. Đức Phật ngồi chỗ ngồi cao trước đại chúng.

Thuần tự tay bưng dọn thức ăn và phân chia vào các bình bát. Có vị Tỳ-kheo xấu tính đã ăn rồi mà vẫn đưa bình bát. Đức Phật biết điều đó. Thuần nghĩ đến sự tư duy của Thánh, thành tâm cúng dường. Khi lấy nước rửa xong, ông cầm một cái ghế nhỏ ngồi trước Đức Phật, nói bài tụng để hỏi:

Xin hỏi Bậc Thánh Trí,
Đã đến bờ bên kia,
Vị Pháp ngự hết nghi
Có mấy loại Sa-môn.

Đức Phật bảo Thuần:

"Có bốn hạng Sa-môn, phải biết mà phân biệt:

"1. Loại hành đạo thù thắng.

"2. Đạt đạo có thể diễn giảng.

"3. Nương đạo để sanh sống.

"4. Hạng làm ô uế đạo.

"Sao gọi là hạng Sa-môn hành đạo thù thắng?

"Là Đức Phật thuyết giảng kinh pháp nhiều vô số, vị ấy có thể thực hành không gì sánh kịp, hàng phục được tâm luôn lo lắng đối với Chánh pháp, là Bậc chỉ đường, dẫn dắt cho thế gian. Đó là loại Sa-môn hành đạo thù thắng bậc nhất.

---

15. Hán: Hoa thị tử Thuần 華氏子淳, người con trai dòng họ Mạt-la tên Thuần (tức Thuần-đà, hay Châu-na); No.1(2) sđd.: Châu-na, con trai của một người thợ; Pāli: Cundo kammāraputto, Cunda, người thợ (hoặc con trai người thợ) luyện kim.

"Sao gọi là hạng Sa-môn đạt đạo có thể giảng nói được?

"Những pháp thâm diệu được Đức Phật thuyết giảng, tán dương, vị ấy đều có thể lý giải thông suốt, thực hành không chút nghi ngờ, lại cũng có thể thuyết giảng kinh pháp cho người khác nghe. Đó là loại Sa-môn đạt đạo và có thể giảng nói được.

"Sao gọi là hạng Sa-môn nương vào đạo?

"Là kẻ luôn nhớ nghĩ, tự giữ gìn, siêng năng học tập không thoái lui, luôn nỗ lực không mỏi, lấy pháp để tự nuôi sống. Đó là hạng Sa-môn biết nương theo đạo để sanh sống.

"Sao gọi là hạng Sa-môn làm ô uế đạo?

"Là kẻ buông lung tâm ý theo dục lạc, ỷ lại vào tộc họ, dòng dõi, chuyên làm ô uế đạo, bị chúng dị nghị, không tôn kính lời Phật dạy, cũng không sợ tội lỗi. Hạng Sa-môn này làm ô uế đạo.

"Phàm con người khi nghe thấy điều gì nên đem so sánh với đạo, học theo bậc trí tuệ, thanh tịnh như họ mới thôi. Nên biết trong đó có đúng có sai, có thiện có ác, không thể giống nhau, cùng một loại. Người bất thiện sẽ bị các Hiền giả chê trách; cho nên trong giới luật của Đức Phật luôn gạt bỏ những kẻ xấu ác, ví như trong lúa non sanh ra cỏ, nếu không nhổ cỏ đi thì lúa bị tổn hại.

"Thế gian có rất nhiều hạng người này, trong thì ôm lòng uế trược, ngoài thì in như người thanh tịnh. Nếu có người biết phước đức, có lòng tin tưởng, dốc phụng sự đạo pháp, thì rốt cuộc không bao giờ vì những kẻ xấu ác kia mà khởi tâm sân hận. Người biết điều thiện, tu thân, xa điều ác, trừ bỏ dục, nộ, si cho nên được đắc đạo nhanh."

Đức Phật giảng nói như vậy xong, Thuần hết sức vui mừng.

❑

KINH BÁT-NÊ-HOÀN

QUYỂN HẠ

Bấy giờ, Đức Phật bảo Hiền giả A-nan đồng đi đến ấp Câu-di[1]. Sau khi đã yên ổn trong thành Ba-tuần-lịch[2], đang đi nửa đường thì Đức Phật bị bệnh, toàn thân đau đớn[3]. Ngài ngồi bên gốc cây, bảo Hiền giả A-nan:

"Hãy cầm bát đến sông Câu-di[4] múc một ít nước."

Hiền giả vâng lời ra đi. Lúc này có năm trăm cỗ xe đang chạy ầm ầm qua phía trên dòng sông làm cho nước bị đục. Tôn giả A-nan lấy nước xong trở về bạch Đức Phật:

"Vừa rồi có rất nhiều xe chạy qua làm cho nước sông bị đục, chưa được trong, vậy Thế Tôn có thể dùng nước này để rửa ráy. Có con sông Hi-liên[5] cách đây không xa, con sẽ đến đó lấy nước về để Thế Tôn uống."

Đức Phật dùng nước trong bát rửa mặt và rửa chân. Bấy giờ cơn đau của Đức Phật dịu bớt.

---

1. Câu-di ấp 拘夷邑; No.1(2): Câu-di-na-kiệt; Pāli: Kusinārā hay Kusinagara.
2. Ba-tuần-lịch thành 波旬歷城. Phiên âm cho phép đồng nhất với Pāli Pāvārikamba, khu vườn xoài ở Nālanda, gần Rājagaha (Vương xá).
3. Trong bản Pāli, Phật sau khi dùng món nấm sūkara-maddave do Cunda cúng, Ngài phát bịnh lỵ huyết.
4. Câu-di hà 拘遺河; No.1(2) và bản Pāli đều có đề cập con sông này nhưng không nói là tên gì.
5. Hi-liên 醯連; tức Hi-liên-thiền 熙連禪 (Pāli: Hiraññavatī, con sông có vàng), gần chỗ Phật diệt độ. Theo lộ trình, còn cách xa nữa; No.1(2): A-nan đề nghị Phật chờ đến sông Câu tôn gần đó; Pāli: Kakutthā.

Sau đấy, có vị đại thần người Hoa thị tên là Phước-kế[6] đang đi qua vùng này; từ xa trông thấy Đức Phật các căn vắng lặng, được định tịch tĩnh, an nhiên, thần sắc quang minh rạng rỡ, trong lòng hoan hỷ, nên đến trước đảnh lễ Đức Phật, rồi đứng qua một bên. Đức Phật hỏi Phước-kế:

"Nhờ đâu mà ông có được pháp hỷ."

Thưa:

"Nhờ Tỳ-kheo Lực Lam[7]. Ngày trước, con đang đi trên đường trông thấy Lực Lam đang an tọa ở bên một gốc cây. Khi ấy ở trên đường có năm trăm cỗ xe chạy qua, có người đến sau, xuống xe hỏi Tỳ-kheo:

"–Ngài có thấy đoàn xe chạy ở trước không?

"–Không thấy.

"–Vậy Ngài không nghe tiếng xe à?

"–Không nghe.

"–Khi đó Ngài đang ngủ sao?

"–Không ngủ, do vì ta đang suy nghĩ về đạo.

"Người ấy khen:

"–Tiếng xe chạy ầm ầm, thức nhưng vẫn không nghe, giữ tâm sao mà chuyên nhất như vậy, thật khó có người làm được. Tiếng của năm trăm cỗ xe chạy qua mà còn không nghe, há lại còn nghe tiếng gì khác sao?

"Ông liền cúng dường vị Tỳ-kheo kia một tấm y bằng vải nhuộm.

"Lúc ấy, con nghe sự việc như thế, trong lòng hết sức sung sướng, liền được pháp hỷ cho đến ngày hôm nay."

Đức Phật hỏi Phước-kế:

"Ông xem tiếng sấm sét ầm ầm dữ dội so với tiếng động của năm trăm cỗ xe chạy qua thì thế nào?"

"Cho dù có một ngàn cỗ xe cùng lúc chạy thật nhanh thì tiếng động ấy cũng không thể so với tiếng sấm sét được."

Đức Phật nói:

---

6. Phước-kế 諸華大臣字福嚫; No.1(2): Phúc-quý, đệ tử A-la-hán; Pāli: Pukkusa, đệ tử của Alāra Kālāma.

7. Tỳ-kheo Lực Lam 比丘力藍; No.1(2); Thầy của Phúc-quý, A-la-hán; Pāli: Thầy của Pukkus là Alāra Kālama.

"Ngày trước, có một thời Ta du hóa ở A-trầm[8]. Hôm đó vào lúc xế chiều, trời đổ mưa to, sấm sét dữ dội, làm chết hết bốn con trâu và hai anh em người đi cày. Dân chúng xúm tới chật ních để xem. Lúc ấy Ta vừa ra khỏi pháp định, đang thong thả đi kinh hành. Có một người đến, cúi đầu đảnh lễ, rồi đi theo Ta. Ta hỏi:

"–Người ta làm gì đông vậy?

"–Vừa rồi trời sấm sét, đánh chết bốn con trâu và hai anh em người đi cày, vậy Thế Tôn không nghe sao?

"–Không nghe.

"–Lúc đó ngài đang ngủ chăng?

"–Không ngủ. Ta đang ở trong tam-muội.

"Người ấy khen ngợi nói:

"Ít nghe có người định như Đức Phật. Tiếng sấm sét vang rền trời đất, nhưng Ngài đã được định tĩnh lặng, nên không còn nghe biết. Người đó trong lòng vui mừng, cũng đạt được pháp hỷ."

Phước-kế tán thán bằng kệ:

Gặp Phật, xem thấy Phật,
Ai mà không hoan hỷ;
Phước nguyện cùng gặp thời,
Khiến con được pháp lợi.

Đức Phật đáp lại bài tụng:

Người mến pháp ngủ yên,
Hoan hỷ, tâm thanh tịnh;
Chân nhân đã thuyết pháp,
Bậc hiền thường làm theo.
Pháp che chở người tu,
Như mưa làm cây tốt.

Khi ấy đại thần Phước-kế liền sai người hầu trở về lấy tấm dạ bằng sợi vàng mới dệt dâng lên Đức Phật, bạch rằng:

"Con biết Đức Phật không dùng thứ này, nhưng mong Ngài thương xót nhận cho."

Đức Phật nhận tấm dạ rồi thuyết pháp, chỉ dạy nhiều điều pháp yếu. Phước-kế tránh qua một bên cung kính bạch:

---

8. A-trầm 阿沈; No.1(2) sđd.: A-việt; Pāli: Atuma.

"Kể từ ngày hôm nay, con xin tự quy y Phật, tự quy y đạo pháp, tự quy y Thánh chúng, thọ giới của hàng Thanh tín, thân không sát sanh, không trộm lấy của người, không dâm dật, không lừa dối sai quấy, không uống rượu, không ăn thịt, không vi phạm những giới ấy. Vì việc nước bận rộn vậy con xin cáo từ."

Ông liền lạy sát chân Phật, nhiễu quanh ba vòng rồi đi ra.

Đức Phật bảo Hiền giả A-nan lấy tấm dạ dệt bằng sợi vàng của Phước-kế đem đến. Hiền giả vâng lời dâng lên, Đức Phật mặc vào người. Hiền giả A-nan thấy Đức Phật thần sắc rạng ngời, tươi vui chói lọi, khác nào màu sắc vàng ròng nên quỳ gối, thưa:

"Từ khi con được làm thị giả đến nay hơn hai mươi năm, nhưng chưa lúc nào thấy thần sắc của Đức Phật quang minh rực rỡ như hôm nay. Con không rõ đó là ý gì?"

Đức Phật dạy:

"Này A-nan! Có hai nguyên nhân làm cho thần sắc của Đức Phật tươi sáng. Đó là đêm đầu tiên khi Ta thành tựu đạo Chân chánh Vô thượng, Chánh giác vi diệu và đến đêm sau cùng khi Ta xả bỏ tuổi thọ còn lại, tâm vô vi để diệt độ. Vào lúc nửa đêm này Ta sẽ Bát-nê-hoàn, cho nên thần sắc tỏa ra ánh sáng như vậy."

Hiền giả A-nan than khóc và thưa:

"Đức Phật nhập Nê-hoàn sao mà vội quá! Con mắt của thế gian sẽ tắt mất, sao mà nhanh thế!"

Bấy giờ, Đức Phật bảo Hiền giả A-nan cùng đi tới sông Hi-liên. Đức Phật đến bên bờ sông, cởi bỏ y phục, lội vào nước, tay nâng y, tự tắm rửa thân thể, rồi qua đứng ở bờ bên kia, sửa lại y phục, bảo Hiền giả A-nan:

"Buổi sáng Ta thọ thực ở nhà đệ tử Thuần, đến đêm sẽ diệt độ. Hiền giả hãy giải thích cho Thuần rõ là Ta thọ cơm ở nhà ông ấy, tối nay Ta sẽ diệt độ. Thiên hạ có hai điều khó gặp, nếu được gặp mà lại đích thân cúng dường liền được dứt trừ hết mọi điều nghi, sợ, lại có phước báo chân chánh.

"Những gì là hai? Nếu cúng dường trai phạn cho Đức Phật, nhờ bữa cơm đó Ngài được khí lực, thành tựu đạo quả Vô thượng chánh chơn, thành Bậc Giác Ngộ hoàn toàn. Hoặc cúng dường trai phạn cho Đức Phật, sau bữa cơm đó Ngài xả bỏ tuổi thọ, tâm vô vi mà diệt độ.

"Nay Thuần đã cúng dường trai phạn cho Đức Phật như vậy thì

ông ấy sẽ được sống lâu, được vô dục, được phước lớn, được mọi người hết sức tôn quý, được dự vào hàng quan viên, sau khi mạng chung được sanh lên cõi trời. Được năm thứ phước đó, nên bảo Thuần chớ buồn, phải vui mừng. Ông ta cúng dường trai phạn cho Đức Phật một lần, đạt được nhiều phước báo như vậy. Cho nên biết rằng đối với Phật không thể không cung kính, đối với Kinh pháp không thể không học, đối với Thánh chúng không thể không tôn thờ."

Hiền giả A-nan bạch Đức Phật:

"Tỳ-kheo Như-diên[9] tánh tình hung dữ, nóng nảy, thích mắng chửi, nói nhiều, sau khi Phật Nê-hoàn rồi thì phải đối trị hạng người ấy như thế nào?"

Đức Phật bảo Hiền giả A-nan:

"Sau khi ta nhập Nê-hoàn rồi, đối với những Tỳ-kheo hung dữ phải phạt bằng pháp Phạm-đàn[10], bảo đại chúng hãy im lặng lánh đi, đừng nói chuyện với kẻ ấy, kẻ ấy sẽ thấy xấu hổ mà tự cải hối."

Bấy giờ Đức Phật bảo Hiền giả A-nan:

"Hãy trải giường gối, lưng ta đau nhức."

Hiền giả liền trải giường gối. Đức Phật nằm nghiêng theo phía hông bên hữu, hai chân chồng lên nhau, tư duy về đạo trí tuệ chân chánh. Khi ấy Đức Phật gọi Hiền giả A-nan, bảo nói về bảy giác ý.

Hiền giả A-nan thưa:

"Dạ vâng, ngày xưa con theo Phật được nghe:

"1. Giác là chí niệm. Đức Phật vì mục đích tự giác, thành vô tỷ, có khinh an của bậc Thánh, vô vi, an tĩnh, không dâm, trừ bỏ tâm ý tán loạn[11].

"2. Giác là pháp giải. Đức Phật vì mục đích tự giác, thành vô tỷ, có khinh an của bậc Thánh, vô vi, an tĩnh, không dâm, trừ bỏ tâm ý tán loạn.

---

9. Như-diên 如 (diên bộ tâm), xem Trường 1(2) sđd.: cht.141.

10. Phạm-đàn phạt 梵檀罰; xem Trường 1(2) sđd.: cht.142.

11. Nội dung tu tập mỗi giác chi: chí niệm chi giác, Phật dụng tự giác, thành vô tỷ Thánh ỷ, vô vi, chỉ, bất dâm, xả phân tán ý 志念之覺佛用自覺成無比聖猗無為止不婬捨分散意. Tham chiếu, No.1(2): tu niệm giác ý, nhàn tĩnh, vô dục, xuất yếu, vô vi 修念覺意閑靜無欲出要無為; hoặc rải rác: y vô dục, y tịch diệt, y viễn ly 依無欲依寂滅依遠離.

"3. Giác là tinh tấn. Đức Phật vì mục đích tự giác, thành vô tỷ, có khinh an của bậc Thánh, vô vi, an tĩnh, không dâm, trừ bỏ tâm ý tán loạn.

"4. Giác là ái hỷ. Đức Phật vì mục đích tự giác, thành vô tỷ, có khinh an của bậc Thánh, vô vi, an tĩnh, không dâm, trừ bỏ tâm ý tán loạn.

"5. Giác là nhất hướng. Đức Phật vì mục đích tự giác, thành vô tỷ, có khinh an của bậc Thánh, vô vi, an tĩnh, không dâm, trừ bỏ tâm ý tán loạn.

"6. Giác là duy định. Đức Phật vì mục đích tự giác, thành vô tỷ, có khinh an của bậc Thánh, vô vi, an tĩnh, không dâm, trừ bỏ tâm ý tán loạn.

"7. Giác là hành hộ. Đức Phật vì mục đích tự giác, thành vô tỷ, có khinh an của bậc Thánh, vô vi, an tĩnh, không dâm, trừ bỏ tâm ý tán loạn."

Đức Phật nói:

"A-nan đã có thể nói được như thế, vậy phải nên tinh tấn."

Bạch:

"Xin vâng, con đã nói được, vậy con sẽ tinh tấn."

"Như vậy, này A-nan! Người nỗ lực tu hành sẽ mau đắc đạo."

Đức Phật đứng dậy khỏi chỗ ngồi, tư duy về ý nghĩa của giáo pháp. Có Tỳ-kheo nói bài tụng:

Pháp cam lộ xuất từ Phật;
Khi Ngài bệnh, đệ tử thuyết.
Dạy điều này khuyên hậu học:
Thất giác ý hỏi Thánh hiền.
Phật ra đời con mới hiểu,
Hạnh thanh bạch, không tỳ vết;
Học phải biết, niệm chánh chí,
Ái hỷ pháp, nhập tinh tấn.
Chuyên nhất hướng, hộ, định ý,
Như pháp giải là tịnh trí.
Người có bệnh nên nghe đây,
Tu giác ý, trừ tà niệm.
Vị đang bệnh là Pháp vương,
Đạo báu xuất từ nguồn này.
Bậc như vậy còn nghe pháp,

Huống phàm phu mà không nghe?
Đệ tử giỏi, thông minh nhất,
Đến thăm bệnh để hỏi đạo.
Nơi Thánh triết, còn không chán,
Huống người khác, lại không nghe.
Nếu quá khứ, đã nghe đạo,
Dấy niệm khác, tâm sai trái;
Ai làm thế, không ái hỷ,
Lời Phật dạy, không tạp niệm.
Do ái hỷ mà nhất hướng,
Sống vô vi, tâm vắng lặng;
Đã an tĩnh, không nghe tưởng,
Đó gọi là pháp giải giác.
Diệt các hành, trí thuần thục,
Tự quy y, Tam Thế Tôn;
Cầu tất cả Trời, Người, Thần,
Học tâm từ, theo đại đạo.
Nay Thánh sư đã diệt độ,
Các Hiền giả tiếp tục dạy;
Tùy thời giảng tụng pháp âm,
Mong Thần cốt giúp giáo hóa.

Bấy giờ Đức Phật bảo Hiền giả A-nan:

"Ngươi hãy đi mắc giường dây giữa hai cây song thọ ở Tô liên[12], đầu quay về hướng Bắc, vào lúc nửa đêm hôm nay Ta sẽ diệt độ."

Hiền giả thọ giáo liền làm như lời Phật dạy, rồi trở về bạch Phật là đã làm xong. Đức Phật đến song thọ, nằm lên giường dây, hông nghiêng về phía hữu. Hiền giả A-nan đứng ở sau giường, gục đầu khóc, tức tối thở dài, thưa:

"Đức Phật nhập Nê-hoàn sao mà vội quá! Con mắt của thế gian sao mà tắt nhanh thế? Các bạn đồng tu học của con từ bốn phương về, là muốn được thấy Phật, không còn trông mong gì nữa! Khó mà được thấy lại Phật! Khó mà được hầu hạ lại Phật! Đến mà không thấy đức Thế Tôn, họ sẽ buồn tủi. Sao lòng con buồn quá!"

Đức Phật hỏi Tỳ-kheo:

---

12. Tô liên song thọ 蘇連雙樹. Xem Trường 1(2) sđd.: cht.111.

"Hiền giả A-nan đang làm gì?"

Thưa:

"Hiền giả đang đứng phía sau buồn khóc."

Đức Phật bảo Hiền giả A-nan:

"Ngươi chớ khóc lóc. Vì sao? Từ lúc ngươi hầu Phật cho tới nay, thân hành luôn từ bi, khẩu hành cũng từ bi, ý hành cũng từ bi, mong sao đem lại mọi sự an lạc, ý nghĩ suy xét rõ ràng, hết lòng đối với Đức Phật. Tuy các thị giả của Phật ở quá khứ, có dốc lòng phụng sự cũng không hơn ngươi. Các thị giả của Phật ở thời vị lai và hiện tại dù có dốc lòng phụng sự cũng không thể hơn ngươi. Vì sao? Vì ngươi đã hiểu rõ ý của Phật nên biết lúc nào là thích hợp. Nếu có chúng Tỳ-kheo mỗi khi đến yết kiến Đức Phật, ngươi đều cho vào yết kiến luôn đúng lúc. Nếu có các chúng Tỳ-kheo-ni và Thanh tín sĩ, Thanh tín nữ, mỗi khi đến xin gặp Đức Phật, ngươi cũng cho vào đúng lúc. Mỗi khi các chúng dị học, các Phạm chí, cư sĩ, đến để thưa hỏi, ngươi cho họ vào gặp luôn đúng thời."

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Bậc tôn quý nhất trong thiên hạ là Chuyển luân thánh vương. Vua có bốn đức tự nhiên khó ai bì kịp.

"Những gì là bốn? Nếu lúc các vua thuộc giòng Sát-lỵ của các nước chư hầu đến để được gần gũi chầu vua, Thánh vương hoan hỷ thuyết pháp cho họ nghe, khiến cho tất cả đều thích lãnh hội, vâng lời phụng hành. Đó là đức thứ nhất.

"Nếu có các vị Phạm chí thờ đạo, thân hành đến chầu vua, nhà vua luôn hoan hỷ xuất hiện, thuyết pháp cho họ nghe, khiến họ đều ưa thích lãnh hội, vâng lời phụng hành. Đó là đức thứ hai.

"Nếu có các hàng Lý gia[13], cư sĩ cùng nhau đến để chầu vua, Thánh vương liền hoan hỷ xuất hiện, thuyết pháp cho họ nghe, khiến họ đều ưa thích lãnh hội, vâng lời phụng hành. Đó là đức thứ ba.

"Nếu có những học giả thuộc các phái dị học[14] đến để chầu vua, Thánh vương liền xuất hiện, thuyết pháp cho họ nghe, khiến họ đều ưa thích lắng nghe, vâng lời phụng hành. Đó là đức thứ tư.

"Lại nữa, Tỳ-kheo Hiền giả A-nan này cũng có bốn đức tốt đẹp

---

13. Lý gia 理家 tức gia chủ.

14. Hán: Nho lâm dị học 儒林異學.

khó ai bì kịp. Những gì là bốn? Nếu các Tỳ-kheo đến chỗ A-nan, liền hoan hỷ cùng họ gặp gỡ chào hỏi, thuyết kinh pháp cho họ nghe, không ai là không được thêm phần hiểu biết, ưa thích thọ giáo, phụng hành. Các Tỳ-kheo-ni, các Thanh tín sĩ đến chỗ Hiền giả A-nan, Hiền giả liền hoan hỷ cùng họ gặp gỡ chào hỏi, thuyết kinh pháp cho họ nghe, khiến không ai là không được thêm phần hiểu biết, ưa thích thọ trì, phụng hành. Đó là bốn đức thứ nhất.

"Lại có bốn đức khác. Hiền giả A-nan vì các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Thanh tín sĩ, Thanh tín nữ, lúc thuyết kinh pháp, tâm và lời đều đứng đắn, không có hai ý, khiến cho người nghe cung kính, im lặng nghe. Chính nhờ sự tĩnh lặng cho nên Hiền giả A-nan nhớ rộng, không quên mất một cách thình lình. Đó là bốn đức thứ hai.

"Lại có bốn đức khác. Hoặc có các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Thanh tín sĩ, Thanh tín nữ, không hiểu nghĩa của kinh và giới luật, đều đến hỏi Hiền giả A-nan. Hiền giả A-nan liền phân biệt thuyết giảng, giúp họ đều được hiểu rõ. Sau khi ra về, không ai là không khen ngợi Hiền giả A-nan. Đó là bốn đức thứ ba.

"Lại có bốn đức khác. Phật đã nói mười hai bộ kinh, Hiền giả A-nan đều đọc tụng nhớ biết, nên nói lại cho bốn chúng đệ tử như Hiền giả đã được nghe, không có thêm bớt, cũng chưa từng chán mỏi. Đó là bốn đức thứ tư của Hiền giả A-nan, khó ai bì kịp, thế gian ít có."

Bấy giờ, có vị Hóa Tỳ-kheo[15] đang đứng trước Đức Phật. Đức Phật bảo:

"Này Tỳ-kheo! Nên tránh đi, đừng đứng ở trước ta."

Hiền giả A-nan bạch Phật:

"Con được hầu hạ Đức Thế Tôn hai mươi lăm năm, nhưng chưa thấy có Tỳ-kheo nào như vậy, không hỏi ý con mà lại đi thẳng đến trước Phật."

Đức Phật bảo:

"Này A-nan! Đó là vị Hóa Tỳ-kheo. Vả lại, trong nhiều kiếp vị ấy là bậc Đại-tuân-thiên, rất thần diệu, có oai đức, đã trừ sạch mọi sự buồn lo, sợ hãi, biết Đức Phật vào nửa đêm hôm nay sẽ nhập Nê-hoàn, cho nên mới đến đây. Vì từ nay về sau sẽ vĩnh viễn không còn thấy

---

15. Hóa Tỳ-kheo 化比丘, chỉ Tỳ-kheo hóa thân, không phải người thật. No.1(2): Tỳ-kheo Phạm-ma-na; Pāli: Upavāṇa.

Đức Phật nữa."

A-nan thưa:

"Chỉ có một vị Trời này biết Đức Phật sắp diệt độ sao?"

Đức Phật đáp:

"Từ Đông, Tây, Nam, Bắc, trong chu vi bốn trăm tám mươi dặm của thành Câu-di, chư Thiên hiện ra đầy cả hư không, đều buồn than, bối rối không an, tâm họ đều nghĩ: 'Đức Phật diệt độ sao mà vội quá!'"

A-nan thưa:

"Gần hai bên vùng này có các nước lớn như: Văn vật, Vương xá, Mãn-la, Duy-da[16], sao Đức Phật không chọn những chỗ ấy mà nhập Nê-hoàn mà lại ở nơi thành nhỏ bé, hẻo lánh này?"

Đức Phật bảo:

"Này A-nan! Đừng gọi thành này là nhỏ bé, hẻo lánh. Vì sao? Ngày xưa nước này tên là Câu-na-việt[17], là kinh đô của Đại vương, thành dài bốn trăm tám mươi dặm, rộng hai trăm tám mươi dặm, trang nghiêm đẹp như tranh vẽ, có bảy lớp tường thành, nền thành có bốn bậc, cao tám tầm, bên trên rộng ba tầm, đều làm bằng hoàng kim, bạch ngân, thủy tinh, lưu ly, dùng bốn thứ báu làm ngói, trên tường có xếp nhiều tường ngắn điêu khắc, chạm trổ tinh vi, dưới đất thì lát gạch nung và phòng ốc của dân chúng đều do bốn báu tạo thành. Dọc theo đường đi, tự nhiên sanh trưởng nhiều cây đứng san sát nhau. Cây cũng bằng bốn báu. Cây bằng vàng thì lá, hoa, quả bằng bạc. Cây bằng bạc thì lá hoa, quả bằng vàng. Cây bằng lưu ly, thủy tinh cũng giống như vậy. Gió hiu hiu thổi làm cây lay động thường phát ra năm thứ âm thanh. Âm thanh ấy hiền hòa, dịu dàng, như năm dây đàn cầm rung lên. Ở giữa hàng cây có ao tắm, bên bờ ao có lát ngói, các bờ để đi bộ nối tiếp nhau, bên trong có bốn đài báu, bậc thềm của đài có hàng lan can. Vách tường, giường, ghế trong nhà, tất cả đều làm bằng bốn báu. Trong ao thường có các thứ hoa sen đủ màu, sen xanh âu-bát, sen tía câu-

16. Đô thị lớn thời Phật: Văn vật đại quốc 聞物大國 tức Xá-vệ, thủ phủ của nước Câu-tát-la (Pāli: Kosala); Vương xá đại quốc 王舍大國; thủ phủ của Ma-kiệt-đà (Magadha); Mãn-la đại quốc 滿羅大國, tức Mạt-la; Duy-da đại quốc 維耶大國 tức Tỳ-xá-ly, thủ phủ của những người Lệ-xa (Licchavi). Hán dịch nói là các đại quốc, là lấy tên đô thị mà gọi thay tên nước.

17. Câu-na-việt 拘那越; No.1(2): Câu-xá-bà-đề.

điểm, sen vàng văn-na, sen đỏ phù-dung[18], nhìn bốn bên đều thẳng hàng. Hai bên đường đi lại có bảy thứ hoa lạ, mùi hương thơm ngát, thường sanh trong mùa đông, mùa hạ, có năm màu rực rỡ. Ở trong đất nước ấy thường nghe mười ba loại tiếng: tiếng voi, tiếng ngựa, tiếng bò, tiếng xe, tiếng loa, tiếng chuông, tiếng linh, tiếng trống, tiếng múa, tiếng ca, tiếng đàn, tiếng nhạc, tiếng ca tụng nhân nghĩa, tiếng tán thán những hạnh cao quý của Đức Phật.

"Bấy giờ có vị Chuyển luân thánh vương tên là Đại Khoái Kiến[19], làm vua bốn châu thiên hạ, lấy Chánh pháp để trị dân, có bảy báu tự nhiên:

"1. Xe vàng báu.

"2. Voi trắng báu.

"3. Ngựa biếc báu.

"4. Thần giữ kho châu báu.

"5. Ngọc nữ báu.

"6. Lý gia báu[20].

"7. Thánh đạo báu.[21]

"Vua có bốn thần đức:

"Lúc còn nhỏ thời gian là tám vạn bốn ngàn năm; khi làm thái tử là tám vạn bốn ngàn năm; lúc làm bậc Chuyển luân vương là tám vạn bốn ngàn năm; lúc bỏ ngôi vị ở thế gian mặc pháp y là tám vạn bốn ngàn năm, tuổi thọ của vua là ba mươi ba vạn sáu ngàn năm. Đó là thần đức thứ nhất của vua.

"Ngài có thể phi hành, chu du bốn châu thiên hạ, bảy báu đều đi theo, cùng các quan tùy tùng. Đó là thần đức thứ hai của vua.

"Ngài có thân tướng đẹp đẽ đoan nghiêm, khỏe mạnh ít bệnh, thân nhiệt điều hòa, không lạnh, không nóng. Đó là thần đức thứ ba của vua.

"Ngài có oai thần thù thắng, tâm luôn hiền hòa, vui vẻ, thấy rõ

---

18. Thanh liên Âu-bát 青蓮漚鉢 (Pāli: Uppala); Tử liên Câu-điểm 紫蓮拘恬 (Pāli: Kumuda), Hoàng liên Văn-na 黃蓮文那 (Mandārava), Hồng liên Phù-dung 紅蓮芙蓉 (Paduma).

19. Đại Khoái Kiến 大快見; No.1(2): Đại Thiện Kiến; Pāli: Mahāsudassana.

20. Lý gia bảo 理家寶, tức cư sĩ bảo.

21. Thánh đạo bảo 聖導寶, tức Chủ binh thần bảo (vị tướng quân).

chánh đạo, lấy Chánh pháp để giáo hóa muôn dân. Đó là thần đức thứ tư của vua.

"Mỗi lần nhà vua đi dạo, ngài luôn bố thí để tạo thêm phước, đáp ứng những mong muốn của mọi người, ai xin nước uống thì cho uống, ai cầu thức ăn thì cho ăn, ai cầu áo quần xe ngựa, hương hoa tiền bạc châu báu, ngài đều cho tất cả. Ngài thương yêu người, vật như cha mẹ thương yêu con. Sĩ dân kính mến vua như con kính mến cha. Mỗi khi vua đi dạo, bảo người đánh xe đi từ từ để cho sĩ dân ở trong nước được nhìn vua lâu hơn. Bản tánh của vua thì thuần hậu nhân từ, bốn phương thì thái bình. Đó chính là cái đức cùng tột của vua.

"Nhà vua thống lãnh tiểu vương gồm đến tám vạn bốn ngàn nước. Các vị tiểu vương ấy mỗi lần vào chầu, khi ấy vua Đại Khoái Kiến đều mời lên điện, vui vẻ an ủi, giảng nói Chánh pháp cho họ nghe, hỏi họ trong nước có thiếu thốn gì không?"

Các tiểu vương đều thưa:

"Nhờ thọ ân nặng của Thiên vương, nên đất nước chúng thần tự thấy đầy đủ mọi điều vui sướng."

Nhà vua lại ra lệnh:

"Các vị hãy sửa sang lại cung điện của mình như cung điện của ta vậy, lấy Chánh pháp giáo hóa dân chúng, chớ làm khổ muôn dân của Trời. Ngài lại ban cho các Tiểu vương áo mão, giày dép, xe cộ, vật báu. Các tiểu vương thọ nhận lời dạy bảo của nhà vua rồi cáo từ lui ra, ai nấy đều hoan hỷ.

Bấy giờ đại vương sửa lại Pháp điện, dài bốn mươi dặm, có bốn tầng cấp bậc, tất cả đều làm bằng hoàng kim, bạch ngân, thủy tinh, lưu ly. Nhà, tường, lan can, cây trụ, xà ngang gác trên cao, trụ trên cây vuông, xà ngắn, đòn dông dưới mái hiên che, từ trên xuống dưới, giường tòa, ghế, chiếu đều làm bằng bốn báu.

Lại ở trên Pháp điện có tám vạn bốn ngàn thứ xen lẫn phô bày đẹp đẽ, nào xe cộ, nhà gác đều hiện ra như sao Bắc-đẩu, có dát vàng nơi các khoảng trống giao nhau, phía trước bày ra cái bệ bằng bạc. Hễ nhà gác bằng bạc thì bệ bằng vàng, nhà gác thủy tinh, lưu ly thì cấp bậc cũng lại như vậy. Ở khoảng giữa của vùng châu báu tô điểm thì treo hoa kết trái, bốn báu xen lẫn che trên trương, do vàng bạc dệt thành, hoặc nhung đỏ dệt bằng lông thú màu sắc rực rỡ, bốn góc thì làm bằng san hô, riêng ở trên điện, bốn mặt điện đều có ao tắm, tất cả vuông vức

rộng một do-tuần.

Chung quanh ao tắm sanh ra nhiều cây Đa-lân[22], có tám vạn bốn ngàn gốc, cao một do-tuần, mọc dọc theo các giao lộ.

Mỗi lần Đại vương đi dạo thì dùng xe voi. Khi đó, vua Khoái Kiến đem những vật sở hữu của mình để làm phước đối với dân chúng. Buổi sáng ngài mời các Sa-môn, Phạm chí lên trên điện để thọ thực. Nhà vua tự suy nghĩ: 'Ngày tháng trôi mau mà ta sắp già rồi, ta đang dùng năm thứ dục này, cùng tạo ra các thứ như nhà báu... Ta hãy kiềm chế lòng dục, tự thân tu hạnh thanh tịnh'. Nhà vua chỉ đi với một người hầu, lên Pháp điện, đi vào vùng châu báu trang sức bằng vàng, ngồi trên ngự sàng bằng bạc, suy nghĩ: 'Thiên hạ tham dâm vô độ, đã có sanh thì phải có tử, hình hài rồi trở về với đất bụi. Tất cả vạn vật đều vô thường.' Nhà vua đứng dậy, đi vào vùng trang sức bằng bạc, ngồi trên giường bằng vàng, suy nghĩ: 'Hễ có gặp gỡ thì phải có biệt ly, mọi luyến mộ đều không ích gì. Hãy xả bỏ ân ái, dốc tu phạm hạnh.' Suy nghĩ xong, nhà vua đứng dậy đi vào vùng trang hoàng bằng thủy tinh, ngồi trên giường lưu ly, tự nghĩ: 'Ta chống chọi với cái già, bệnh, chết, sửa tâm, đổi thay hành động để trừ bỏ dâm, nộ, si, suy nghĩ về đạo Vô vi.' Rồi nhà vua lại đứng dậy đi vào vùng trang hoàng bằng lưu ly, ngồi trên giường thủy tinh, chuyên tâm tư duy, để trừ bỏ pháp ác, tham dục của thế gian, suy nghĩ về đạo Vô vi, giữ tâm thanh tịnh, thành hạnh Nhất thiền, kéo dài như vậy thật lâu, bao trùm tất cả.

---

22. Đa lân 多鄰; xem No.1(2), bản Việt, cht. 116.

Bấy giờ, tám vạn bốn ngàn ngọc nữ cùng thưa với ngọc nữ báu đệ nhất rằng:

"Thiên hậu biết cho, chúng tôi nghe tiếng, nhưng chưa được thân cận đứng hầu, tỏ lòng cung kính đức vua. Chúng tôi muốn được bái kiến."

Đáp:

"Các em hãy trở về tự trang điểm, chúng ta sẽ cùng đến bái kiến."

Bà liền bảo Chủ binh báu rằng:

"Chị em phụ nữ chúng tôi đã từ lâu chưa được thân cận hầu hạ để tỏ lòng kính ngưỡng Thánh vương, nay chị em chúng tôi thảy đều muốn bái kiến đức vua."

Quan Chủ binh báu liền sửa soạn tám vạn bốn ngàn thớt voi, trang sức bằng chiến giáp da tê ngưu dát vàng, dây cương bằng châu báu là con Bạch tượng vương có lông đuôi dài màu đỏ là thứ nhất; tám vạn bốn ngàn con ngựa, trang sức bằng chiến giáp, da tê ngưu dát vàng, dây cương bằng ngọc báu, chỉ có con Lực mã vương thân nó màu xanh biếc, đuôi dài màu đỏ tía là thứ nhất. Tám vạn bốn ngàn cỗ xe, dùng chiến giáp da tê ngưu bao phủ, trang sức bằng bốn báu, nhưng Quan chủ binh báu là thứ nhất. Có tám vạn bốn ngàn người nữ, mỗi người nữ ngồi một xe, nhưng ngọc nữ báu là thứ nhất. Các ngọc nữ đi theo sau, đến Pháp điện thì xuống xe.

Quân hầu thưa với đức vua:

"Các voi, ngựa, xe cộ, phu nhân và tiểu vương đều muốn đến bái yết nhà vua."

Nhà vua ra lệnh quân hầu hãy trải tòa ngồi ở dưới điện. Vua đi xuống Pháp điện, trông thấy tám vạn bốn ngàn người nữ, trang sức đẹp đẽ. Khi ấy mọi người đều trầm trồ khen rằng: ' Thật không có bút mực nào diễn tả hết vẻ đẹp của các người nữ thuộc hàng vua chúa, chỉ có họ mới tuyệt đẹp như vậy.'

Ngọc nữ thưa:

"Chúng tôi xa cách vua đã lâu, không được thân cận để hầu hạ, cho nên mới trang điểm và cùng đến đây, mong được bái kiến đức vua."

Lúc này, đức vua đang ngồi. Các người nữ đều đến phía trước, cúi lạy xong rồi ngồi qua một bên. Ngọc nữ báu đến trước đức vua, thưa:

"Nay đây tất cả voi, ngựa, xe, ngọc nữ, tiểu vương đều là sở hữu của vua, mong Thiên vương lưu tâm chiếu cố để cùng vui thích. Lại

trong tám vạn bốn ngàn nước thì Thiên vương đứng đầu, tám vạn bốn ngàn chiếu giường đơn thì giường Đại chánh là bậc nhất, mong Thiên vương lưu tâm để nuôi dưỡng tánh mạng."

Đức vua đáp:

"Này các muội! Sở dĩ ta ngày đêm tự chế ngự nơi bản thân, chánh tâm, hành từ là chỉ muốn xa lìa cái tham dục này thôi. Vì sao? Vì tánh ganh ghét của người nữ làm hại đến thân ta. Cho nên ta bỏ dục để xa lìa lỗi lầm ấy."

Ngọc nữ báu rơi lệ thưa:

"Này Thiên vương! Vì sao đức vua lại riêng chọn việc cắt bỏ ái dục? Gọi chúng tôi là các em? Lìa bỏ ân tình, khiến cho các cung nữ hầu như tuyệt vọng? Chúng tôi muốn biết Thiên vương giữ giới, chánh tâm, hành từ là để làm gì? Chúng tôi cũng nguyện cùng nhau dốc lòng tu theo đức vua."

Vua đáp:

"Tâm từ, hạnh chánh thì không rơi vào các lậu, vứt bỏ dục lạc, tu đức để giữ sự thanh tịnh, vì nghĩ rằng sự sống ngày càng rút ngắn mà mạng người thì qua mau, người và vật đều là vô thường, chỉ có đạo mới là chơn thật. Do đó, ta đối với các thứ voi, ngựa, xe, cung điện, quốc độ, tiểu vương, nữ nhân, ái dục đều xa lìa tất cả, không còn trói buộc tâm ý ta nữa. Nếu ai muốn lo cho thân mình hãy xem trong khoảng đất trời này hễ có sanh thì không tránh khỏi tử. Vậy các muội hãy nên giữ tâm chân chánh, hành từ bi, đừng nên buông lung tâm ý mà bị đọa lạc vào nẻo phiền não sinh tử."

Ngọc nữ báu rơi nước mắt tâu:

"Nay Thiên vương đã tự kiềm chế thân tâm, không muốn rơi vào nẻo phiền não khổ lụy, vì nghĩ rằng sự sống ngày càng rút ngắn, mà mạng người thì qua mau, nên ẩn cư để lo cho thân, giữ tâm, tu hạnh thanh tịnh. Do suy biết, con người và vạn vật, hễ có sanh thì không tránh khỏi tử, nên xa lìa mọi thứ sở hữu, để tâm ý không bị cấu uế. Chúng em nguyện phụng thờ giới sáng suốt ấy, không bao giờ dám quên."

Đức vua dùng tâm từ đáp tạ các người nữ, rồi bảo họ lui ra. Ngài lên Pháp điện, vào chỗ trang hoàng bằng vàng, ngồi suy nghĩ về tâm từ, quên hết tất cả những oán hận, không còn tâm ganh tỵ xấu ác, tiến lên suy tư về đại đạo, vô lượng đức hạnh, lòng từ rải khắp thế gian, để

tự mình thức tỉnh, chế ngự. Ngài lại đứng dậy đi vào chỗ trang hoàng bằng bạc ngồi suy nghĩ về tâm bi, quên hết sự oán hận, không còn tâm ganh ghét xấu xa, tiến lên suy tư về đại đạo, vô lượng đức hạnh, lòng bi rải khắp thế gian, để tự kiềm chế, thức tỉnh. Ngài lại đứng dậy đi vào chỗ trang hoàng bằng thủy tinh, ngồi suy nghĩ về tâm hỷ, quên hết tất cả những oán hận, không còn sự ganh ghét xấu ác, tiến lên suy tư về đại đạo, dùng vô lượng đức hạnh, lòng từ rải khắp thế gian, để tự kiềm chế và thức tỉnh. Ngài lại đứng lên đi vào chỗ trang hoàng bằng lưu ly, ngồi suy nghĩ về sự phòng hộ tâm, quên hết những oán hận, không còn tâm ganh tỵ xấu xa, tiến lên suy tư về đại đạo, dùng vô lượng đức hạnh muốn che chở cho tất cả, để tự chế ngự, thức tỉnh.

Nhờ dốc thực hành bốn đại phạm hạnh này nên bỏ được tâm ái dục, tu nhiều hạnh thanh tịnh. Nhà vua thực hành như vậy, nên liền được tự tại, lúc chết được an ổn, thân không đau khổ, giống như lực sĩ, trong khoảng thời gian một bữa ăn ngon, thần thức đã sanh lên cõi trời thứ bảy là Phạm thiên. Vua Chuyển luân Đại Khoái Kiến lúc ấy chính là thân ta ngày trước.

"Như vậy, này A-nan! Ai có thể biết được điều này, kiếp trước của Ta là Chuyển luân vương, có bảy báu tự nhiên thực hành Chánh pháp, có bốn đức, thường không tham đắm.

"Bấy giờ, từ thành Câu-di, trải rộng ra bốn trăm tám mươi dặm đều ở trong phạm vi thành của Thiên vương. Thời trước của Ta lại làm vua Sát-lỵ, đã sáu lần bỏ thân trong đất này và nay nữa là lần thứ bảy. Nay ta thành Phật, đã đoạn trừ sanh tử, từ đây về sau, không còn tạo thân nữa. Ta cũng đối với tất cả mọi sự việc đều đã hoàn tất. Ta hiện ở phương Đông, phương Nam, phương Tây, phương Bắc, tùy phương mà giáo hóa. Sau ba tháng nữa, Ta cũng để xương cốt ở nơi đây."

Hiền giả A-nan thưa Đức Phật:

"Sau khi Phật diệt độ, phải làm phép an táng như thế nào?"

Đức Phật dạy:

"Ngươi hãy im lặng. Các Phạm chí, cư sĩ sẽ tự vui thích lo liệu

việc ấy."

Lại hỏi:

"Các Phạm chí, cư sĩ sẽ an táng bằng cách nào?"

Đức Phật dạy:

"Nên làm theo phương pháp an táng của Chuyển luân vương. Hãy dùng lụa kiếp-ba mới quấn quanh thân thể, rồi lấy năm trăm xấp dạ tiếp tục quấn lên trên, đặt vào kim quan, rưới dầu mè, làm chất dầu thấm đều xong nâng kim quan lên đặt vào trong cái quách lớn bằng sắt. Lấy các thứ gỗ thơm chất lên trên mà xà-duy[1], xong thì thâu xá-lợi, đặt ở ngã tư đường, lập tháp, dựng đền, lập đàn tràng, treo phan, dâng cúng hương hoa, bái yết, lễ lạy. Đó là phương pháp an táng của Chuyển luân vương."

Đức Phật bảo Hiền giả A-nan:

"Nên vào thành bảo cho các Hoa thị biết: 'Nửa đêm hôm nay, Đức Phật sẽ diệt độ, ai muốn cúng dường thì hãy cố gắng đến đúng lúc, đừng để sau này phải hối hận. Ai muốn gặp Đức Phật để mong được khai mở, hãy nên kịp thời'."

Hiền giả liền vâng lời vào thành Câu-di, thấy năm trăm Hoa thị đang cùng họp nhau bàn luận. Hiền giả A-nan bèn báo cho các vị ấy biết:

"Nửa đêm hôm nay, Đức Phật sẽ diệt độ. Ai muốn cúng dường hãy cố gắng cho kịp thời, đừng để sau này phải hối hận. Ai muốn gặp Đức Phật để được khai mở thì hãy nên đến cho đúng lúc."

Mọi người đều kinh ngạc, buồn bã than:

"Sao mà nhanh quá, Đức Phật nhập Nê-hoàn? Con mắt của thế gian mất đi, sao mà nhanh thế?"

Tiếng kêu bi ai đã lan đến cung vua. Vua bảo thái tử và các Hoa thị hãy đem cả quyến thuộc của mình, cùng đến Song thọ, bạch với Hiền giả A-nan:

"Chúng con muốn đến trước để đảnh lễ và thăm hỏi."

Hiền giả A-nan vào bạch với Đức Phật:

"Thái tử A Thần[2] cùng các vị bà con hào tộc đồng đến để xin thọ Tam tự quy, vì không còn bao lâu nữa, Đức Phật sẽ diệt độ. Đức Phật

---

1. Xà-duy 闍維; xem 1(2) 'Du Hành Kinh Đệ nhị hậu' cht.154.

2. A Thần 阿晨, giống như No.5; nhưng chưa thấy nơi khác chép.

cho vào."

Tất cả đều đến trước cúi lạy xong ngồi qua một bên, thái tử thưa:

"Đức Phật diệt độ, sao mà nhanh quá."

Đức Phật đáp:

"Ta vốn đã nói: 'Thế gian là không chân thật, chẳng có gì là vui, hễ ai ham sống lâu, tham luyến năm dục thì sẽ bị mê lầm mà chẳng còn lợi, chỉ tăng thêm sự sanh tử, thọ khổ vô lượng. Nay Ta là Phật, đã được an nhiên, vô dục đối với các thứ ấy, mà lại còn phải tự mình siêng năng. Những bậc trí giả trong thiên hạ, thường muốn gặp Phật, ưa nghe kinh pháp. Ông đã có ý như vậy cốt phải an lập trên sự tin tưởng, an lập trên giới, bố thí, nghe nhiều, học rộng phát huy trí tuệ; xây dựng năm chí này để xa lìa tham đắm cấu uế. Như vậy đời đời sẽ được phú quý, tiếng lành đồn xa, mạng chung sanh lên cõi trời, được an lạc, có thể đạt được Nê-hoàn."

"Đức Phật giảng nói như vậy, thái tử và các Hoa thị đều đảnh lễ Phật rồi cáo lui."

Bấy giờ, vua và mười bốn vạn người nam nữ lớn nhỏ trong nước, theo giờ đã định, liền đi đến Song-lâm, thưa với Hiền giả A-nan:

"Cho phép chúng tôi đến bái yết Đức Phật để nghe lời Ngài dạy."

Hiền giả xin Đức Phật cho phép họ được vào. Nhà vua liền dẫn các bậc Hiền giả trong nước tiến lên đảnh lễ Đức Phật, xong rồi ngồi qua một bên. Lúc này, nơi phía trước không có đèn đuốc gì cả. Đức Phật bèn phóng một luồng hào quang từ trên đỉnh đầu chiếu sáng đến hai ngàn dặm. Đức Phật dạy:

"Thật là cực nhọc cho Đại vương và các quần thần đã đến đây."

Vua thưa:

"Đức Phật sắp diệt độ, vậy Ngài có dạy bảo gì không?"

Đức Phật bảo nhà vua:

"Từ khi Ta thành Phật đến nay là bốn mươi chín năm; những kinh, giới Ta giảng nói, tất cả đã đầy đủ. Các bậc hiền tài ở trong nước của vua đều đã lãnh hội."

"Nhà vua cùng quần thần đều tỏ ra thương cảm, buồn bã."

Đức Phật bảo nhà vua:

"Từ xưa đến nay, trời, thần, người, vật, hễ đã sanh thì không tránh

khỏi chết. Chết mà không diệt, duy chỉ Nê-hoàn là an vui. Vua không nên buồn bã làm gì, chỉ nên nghĩ đến điều lành, cải đổi những lỗi lầm ở quá khứ, tu tỉnh ở tương lai, để sửa trị việc nước, đừng vô cớ tăng thêm bạo ác, phải hậu đãi kẻ hiền lương, hãy ân xá, khoan thứ kẻ bị mắc các lỗi nhỏ, thi hành bốn ân để an ủi vỗ về lòng người. Những gì là bốn?

"1. Thường bố thí cứu giúp, không lúc nào thấy đủ.

"2. Nên lấy lòng nhân ái xem dân như con của mình.

"3. Vì lợi người nên giáo hóa họ theo đường lành.

"4. Nên chia lợi cho kẻ dưới để cùng vui hưởng.

"Nếu nhà vua làm được như vậy thì thường được phước đức lớn. Kiếp trước của Ta, nhờ thực hành bốn ân này[3], tích lũy qua nhiều đời cho nên mới được thành Phật."

Đức Phật nói kệ:

Đã ngộ, Phật Chí Tôn,
Bỏ dâm, sạch, vô lậu;
Bậc trí, thầy trời, người,
Theo Ngài được an vui.
Phước báo được diệu lạc,
Nguyện lớn dốc thành tựu;
Dõng mãnh đạt giải thoát,
Ta sắp nhập Nê-hoàn.

Vua cùng mọi người đồng đứng dậy lạy Phật, nhiễu quanh ba vòng rồi lui ra.

Bấy giờ, ở trong thành có một dị học già, tuổi đã một trăm hai mươi, tên là Tu-bạt[4], nghe Đức Phật vào nửa đêm nay sẽ diệt độ, ông tự nghĩ: 'Ta có sự nghi ngờ về pháp, thường mong được Đức Cù-đàm một lần khai mở, ý của ta đã đúng lúc!' Khi ấy, ông liền đứng dậy, tự gắng sức đi đến Song thọ, thưa với Hiền giả A-nan:

"Tôi nghe Đức Cù-đàm, vào nửa đêm hôm nay sẽ diệt độ, vậy tôi muốn được gặp Ngài để xin giải quyết sự nghi ngờ."

Hiền giả A-nan đáp:

---

3. Tức chỉ bốn nhiếp sự hay bốn nhiếp pháp: bố thí, ái ngữ, lợi hành vào đồng sự; Pāli: samgrahavatthu, cùng ngữ căn với anugraha: ân huệ, nên Hán dịch là bốn ân đức.

4. Tu-bạt 須跋, xem 1(2), bản Việt, cht.130.

"Thôi đi, thôi đi! Này Tu-bạt! Đừng có gây phiền hà cho Đức Phật."

Tu-bạt năn nỉ đến hai, ba lần:

"Tôi nghe Đức Phật là Bậc Như Lai, Chí Chân Chánh Đế Giác, Minh Hạnh Thành Dĩ, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, Hiệu Phật, Chúng Hựu[5], rất khó được gặp, như hoa âu-đàm[6], trăm ngàn vạn năm mới nở một lần. Xin được gặp Ngài một lần để gỡ mối nghi.

"Hiền giả A-nan vì sợ làm phiền đến Đức Như Lai cho nên không muốn thưa lại Đức Thế Tôn. Trí huệ của Phật luôn thông tỏ, thanh tịnh hơn người thường, do đó Ngài biết được, liền bảo Hiền giả A-nan:

"Đừng ngăn chận, hãy cho ông ấy vào. Đây là lúc cuối cùng ta sẽ hóa độ cho ông cụ ngoại đạo Tu-bạt.

"Tu-bạt được vào, trong lòng vui mừng, phát sanh thiện tâm, thấy Phật hoan hỷ, cung kính, thăm hỏi đúng lễ rồi, đứng qua một bên, bạch Đức Phật:

"Tôi có điều muốn hỏi, vậy Ngài có vui lòng giải đáp điều nghi cho tôi được không?"

Đức Phật nói:

"Cứ hỏi, tùy theo ý ông muốn, nghe rồi sẽ giải thích."

Tu-bạt thưa:

"Kẻ học thức đời nay ai cũng tự xưng là thầy. Đó là Cổ-quy Thị, Vô-thất Thị, Chí-hành Thị, Bạch-lộ-tử Thị, Diên-thọ Thị, Kế-kim-phàn thị, Đa-tích-nguyên thị và Ni-kiền Tử[7]. Tám người ấy là do người khác

---

5. Trên là mười hiệu của Như Lai: Như Lai, Chí Chân Chánh Đế Giác, Minh Hạnh Thành Dĩ, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, Hiệu Phật, Chúng Hựu 如來, 至真正諦覺, 明行成已, 善逝, 世間解, 無上士, 導法御, 天人師, 號佛, 眾祐. Bản dịch này có nhiều chỗ không giống với nơi khác..

6. Âu-đàm hoa 漚曇華. Xem No.1(2), bản Việt, cht.131.

7. Danh sách các giáo tổ đương thời, thường kể sáu; đây kể tám: Cổ-quy Thị, Vô-thất Thị, Chí-hành Thị, Bạch-lộ-tử Thị, Diên-thọ Thị, Kế-kim-phàn Thị, Đa-tích-nguyên Thị và Ni-kiền Tử 古龜氏, 無失氏, 志行氏, 白鷺子氏, 延壽氏, 計金樊氏, 多積願氏, 尼犍子. Danh sách này giống với No.5. Tham chiếu No.1(2), bản Việt, xem cht.133, 134, 135, 136, 137, 138.

truyền lại, hay do tự biết được?"

Đức Phật bảo Tu-bạt:

"Họ khác với Phật. Những người ấy tự tạo ra con đường tà vạy, tham sanh, mê tưởng[8].

"1. Gọi là tà kiến tức không biết đời này đời sau, việc làm tự cho là đúng, ưa thích bói toán để cầu phước sống lâu.

"2. Tà tư, nhớ nghĩ ái dục, dấy tâm tranh cãi, sân hận.

"3. Tà ngôn, nói lời gièm pha một cách hư dối, dua nịnh, bêu xấu, nói lời thêu dệt.

"4. Tà hạnh, có ý sát sanh, trộm cắp, dâm dật.

"5. Tà mạng tức cầu lợi lộc, cơm áo không đúng chánh đạo.

"6. Tà trị tức không thể ngăn chận điều ác, không thể thực hành điều thiện.

"7. Tà chí, tâm tham chuyện dục lạc, thân đau khổ mà cho là thanh tịnh.

"8. Tà định, chú tâm mong cầu, không thấy được con đường giải thoát.[9]

"Như vậy, này Tu-bạt! Ngày trước, Ta xuất gia tìm đạo, trải mười hai năm, được đắc đạo thành Phật, giảng nói kinh pháp trải qua năm mươi năm. Từ lúc Ta từ bỏ gia đình, có định, có tuệ, có giải thoát, giải thoát tri kiến. Người giảng nói chánh đạo chỉ có Phật Sa-môn, chứ không phải kẻ phàm phu, ngoại đạo thực hiện được. Ta vốn có tám chơn đạo. Quả vị Sa-môn thứ nhất nhờ đó mà đắc đạo, quả vị Sa-môn thứ hai, thứ ba, cho đến thứ tư đều từ đó mà thành tựu. Nếu ai không thấy tám chơn đạo này thì kẻ ấy không thể chứng đắc được bốn đạo quả Sa-môn. Tám chơn đạo là:

"1. Chánh kiến: là thấy đời này và đời sau, làm thiện thì có phước, làm ác thì bị tai họa, hiểu biết khổ, tập, hành diệt, được đạo.

"2. Chánh tư: nghĩ đến sự xuất gia đạt an lạc, bỏ tâm tranh chấp, sân hận.

"3. Chánh ngôn: lời nói chân thật chí thành, hòa dịu, trung tín.

"4. Chánh hạnh: không sát sanh, không tà vạy, không có tâm dâm dục.

---

[8]. Tham sanh ỷ tưởng 貪生猗想.

[9]. Trên đây là tám tà đạo, trái với Tám chánh đạo của Phật.

"5. Chánh mạng: cầu lợi ích cơm áo, theo đúng đạo không tà vạy.

"6. Chánh trị: ngăn chận, kiềm chế hạnh ác, phát khởi ý thiện.

"7. Chánh chí: Quán về bốn pháp: quán về thân, thọ, ý, pháp, hiểu vô thường, khổ, vô ngã, bất tịnh.

"8. Chánh định: một mực vô vi, thành tựu bốn thiền hạnh.[10]

"Sa-môn, Phạm chí, thực hành tám điều chân chánh này, mới thành tựu bốn đạo quả, có thể rống lên tiếng rống của sư tử. Đệ tử Hiền thiện của Ta thực hành không buông lung, ý niệm về thế gian đã diệt, cho nên được quả A-la-hán."

Bấy giờ Tu-bạt nói với Hiền giả A-nan:

"Vui thay, này Hiền giả! Sự lợi lạc này vừa rộng lớn vừa tốt đẹp. Thật chưa từng có. Phàm là hàng đệ tử thượng tôn, được gặp điều này, há chẳng vi diệu sao? Nay tôi đã thọ ân của bậc Thánh, được nghe pháp này, mong được xuất gia, thọ giới thành tựu[11]."

Hiền giả A-nan thưa Đức Phật:

"Phạm chí Tu-bạt mong được thọ giới luật giải thoát của Đức Thế Tôn[12], xuất gia, thành tựu hạnh Sa-môn."

Đức Phật dùng giới thành tựu trao cho Phạm chí nói:

"Người cuối cùng chứng đắc giới pháp thanh tịnh của ta chính là dị học Tu-bạt. Ngài liền trao giới cho Tu-bạt làm Tỳ-kheo. Tu-bạt nhất tâm lãnh thọ, không buông lung, bằng chánh cần, bằng niệm xứ[13], đoạn trừ các thứ phiền não, để đạt được mục đích vì đó mà đã cạo bỏ râu tóc, khoác cà-sa, từ gia đình do tín tâm mà lìa bỏ gia đình, vì muốn đắc pháp với đạo, thành tựu tịnh hạnh, tự biết đã được chứng ngộ, thành tựu giải thoát, cứu cánh an lạc, làm những điều nên làm, tâm ý đã thông suốt. Hiền giả Tu-bạt đã vượt khỏi mọi trói buộc của thế gian, đắc quả Ứng chơn. Hiền giả tự suy nghĩ: 'Ta không thể chờ Đức Phật Bát-nê-hoàn.' Hiền giả liền diệt độ trước Đức Phật.

Bấy giờ, Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Sau khi Ta diệt độ, như có kẻ ngoại đạo học theo phái khác học,

---

10. Bát chân đạo 八 真 道: chánh kiến 正 見, chánh tư 正 思, chánh ngôn 正 言, chánh hành 正 行, chánh mạng 正 命, chánh trị 正 治, chánh chí 正 志, chánh định 正 定.

11. Thành tựu giới 成 就 戒, tức Cụ túc giới, chỉ giới pháp Tỳ-kheo.

12. Hán: Chúng Hựu 眾 祐.

13. Hán: dĩ kiện chế, dĩ chí duy 以 健 制 以 志 惟. Xem cht.65, 66.

trong hàng dị sanh, muốn cắt bỏ đầu tóc bện, bước chân lên bến pháp, tắm rửa để trở nên thanh tịnh, xuất gia xin thọ giới, thì nên cho kẻ ấy làm Sa-môn. Tại sao? Vì kẻ ấy có chí lớn. Trước hết phải tập sự trong ba tháng[14] để biết kẻ ấy có thật sự dụng tâm hay không? Nếu lời nói và hành động của người ấy phù hợp nhau thì có thể xả bỏ các lỗi lầm, trước trao cho mười giới, nếu ba năm không sai phạm thì mới trao cho hai trăm năm mươi giới, trong đó mười giới là gốc, hai trăm bốn mươi giới là phần oai nghi phép tắc[15]. Nếu ai có thể làm được như vậy thì chư Thiên luôn hoan hỷ.

"Lại nữa, phàm người mong muốn trì luật thị giới làm Sa-môn là do có bốn nhân duyên, đều do có ý muốn gần đạo thích an lạc mà ra. Sau khi ta diệt độ, hoặc có người lìa bỏ chức quan mong làm Sa-môn; hoặc có người vì tuổi cao, già cả nên mong làm Sa-môn; hoặc có người bần cùng, nghèo khốn nên muốn làm Sa-môn; hoặc có người vì muốn tu tập theo chánh hạnh nên muốn làm Sa-môn. Nếu là người hiền tài muốn tu tập chánh hạnh, kẻ già cả, bần cùng khốn khổ, kẻ lìa bỏ quan chức đến mà tu đạo, những người ấy đối với y phục, thức ăn uống đã đầy đủ rồi thì phải thọ tụng lời pháp. Như có người tu tập hạnh thanh tịnh, thì có thể làm cho Chánh pháp được tồn tại lâu dài, vì nhờ người ấy nên khiến cho nhiều người được an ổn, được độ thoát, thế gian được nương nhờ, lợi lạc khắp trời, người. Cho nên mới nói: 'Người theo pháp thì đời này được an lạc, đời này được giải thoát.' Vậy nên dốc tâm thọ trì.

"Người đó nhờ pháp gì mà đời này được an lạc, được giải thoát? Là mười hai bộ kinh mà Phật đã nói: Văn, Ca, Ký, Tụng, Thí dụ, Bổn ký, Sự giải, Sanh truyện, Quảng bác, Tự nhiên, Đạo hạnh, Lưỡng hiện[16]. Đó gọi là pháp. Nếu ai phụng trì, gìn giữ đúng như pháp thì đời này được an lạc, có thể được giải thoát. Vậy nên dốc tâm thọ lãnh, hộ

---

14. Theo các Luật tạng, sống biệt trú giữa các Tỳ-kheo trong bốn tháng. Nhưng, No.1(2) Nói: quy định này không áp dụng sau khi Phật Niết-bàn.

15. Phân tích này không thấy nói đến trong Luật tạng nào.

16. Mười hai bộ phận Thánh điển: 1. Văn; 2. Ca; 3. Ký; 4. Tụng; 5. Thí dụ; 6. Bổn ký; 7. Sự giải; 8. Sanh truyện; 9. Quảng bác; 10. Tự nhiên; 11. Đạo hạnh; 12. Lưỡng hiện 十二部經: 一文, 二歌, 三記, 四頌, 五譬喻, 六本記, 七事解, 八生傳, 九廣博, 十自然, 十一道行, 十二兩現. Tham chiếu Trường 1(2) sđd.: Quán kinh, Kỳ dạ kinh, Thọ ký kinh, Kệ kinh, Pháp cú kinh, Tương ưng kinh, Bản duyên kinh, Thiên bản kinh, Quảng kinh, Vị tằng hữu kinh, Chứng dụ kinh, Đại giáo kinh.

trì, đọc tụng, chánh tâm suy nghĩ, khiến cho đạo thanh tịnh được trụ thế lâu dài.

"Này các đệ tử, hãy nên tự nỗ lực, tinh tấn, đừng có biếng nhác, xem thường, rồi bảo: 'Đức Phật đã diệt độ, không còn ai để nương tựa.' Nên vâng theo giáo pháp, cứ mỗi nửa tháng, vào ngày rằm và ngày ba mươi hãy giảng giới, các ngày lục trai, ngồi trên tòa cao tụng kinh, để tâm nơi kinh, giống như Đức Phật còn tại thế.

"Lại nữa, các vị tộc tánh tử và tộc tánh nữ, hãy nên nhớ nghĩ bốn việc sau đây:

"1. Khi Đức Phật làm Bồ-tát, mới hạ sanh.

"2. Lúc Đức Phật mới đắc đạo Chánh giác vi diệu.

"3. Lúc thuyết kinh chuyển Pháp luân đầu tiên.

"4. Lúc bỏ tuổi thọ còn lại, tâm vô vi nhập Nê-hoàn.

"Hãy nên bàn luận, tư duy các việc này. Nhớ Đức Phật lúc sanh ra, phước đức như vậy. Lúc Đức Phật đắc đạo, thần lực như vậy. Lúc chuyển Pháp luân độ người như vậy. Lúc sắp diệt độ, để lại giáo pháp như vậy.

"Tiếp theo, thời trung gian, thời cuối cùng, nếu ai suy tư nhớ nghĩ về điều này, khởi ý thực hành đều được sanh lên cõi Trời. Nếu ai thọ trì điều này mà có nghi ngờ về Phật, Pháp, Thánh chúng và về Khổ, Tập, Tận, Đạo, thì này các Tỳ-kheo, hãy nên giải đáp những nghi vấn cho kẻ ấy như lúc Ta còn tại thế. Vậy nay hãy đem lời nói ấy hỏi Đức Phật và chơn đệ tử, hãy tự mình đến hỏi Ta và nghe Ta giải thích."

Hiền giả A-nan đứng ở sau, quạt Đức Phật, thưa:

"Dạ vâng! Tất cả đều đã mong chờ ân Phật mà được an lạc. Không có một Tỳ-kheo nào có ý nghi về Phật, Pháp, Thánh chúng và Bốn đế."

Đức Phật bảo Hiền giả A-nan:

"Tất cả đều đã được an lạc, nhờ Như Lai giáo hóa, dẫn dắt, nên đối với Phật, Pháp, Thánh chúng và Bốn đế là Khổ, Tập, Tận, Đạo, không còn nghi ngờ nữa. Vậy hãy bỏ tâm tham dục, khinh mạn, vâng theo lời Phật dạy, bằng tâm tinh tấn để thọ trì, tư duy tĩnh lặng mà hành đạo. Đó là những lời khuyên dạy cuối cùng của Đức Phật, hãy cung kính tùy thuận.

"Này các Tỳ-kheo! Hãy quan sát dung mạo, uy nghi của Đức Phật, khó có dịp để nhìn lại Ngài. Về sau, hơn một ức bốn ngàn năm

nữa mới lại có Đức Phật Di-lặc[17] ra đời. Thật khó mà luôn được gặp Phật. Trong thiên hạ có cây Âu-đàm-bát[18], không hoa mà có trái. Nhưng nếu khi cây ấy ra hoa thì thế gian mới có Phật. Đức Phật là mặt trời của thế gian, luôn lo trừ diệt bóng tối cho chúng sanh. Chính Ta là Bậc Thánh Sư, tuổi đã bảy mươi chín, điều cần làm thì đã làm xong, các vị hãy siêng năng, tinh tấn. Giờ cũng đã nửa đêm rồi."

Rồi thì, Đức Phật nhập Sơ thiền. Rồi xuất Sơ thiền, Ngài khởi thiền thứ hai. Xuất thiền thứ hai, Ngài khởi thiền thứ ba. Xuất thiền thứ ba, Ngài khởi thiền thứ tư. Xuất thiền thứ tư, Ngài nhập Không vô tế[19]. Xuất Không vô tế, Ngài nhập Thức vô lượng. Xuất Thức vô lượng, Ngài nhập Vô sở dụng. Xuất Vô sở dụng, Ngài nhập Bất tưởng nhập[20]. Xuất Bất tưởng nhập, Ngài nhập Tưởng tri diệt[21]."

Bấy giờ, Hiền giả A-nan hỏi Hiền giả A-na-luật[22]:

"Đức Phật đã diệt độ rồi chăng?"

A-na-luật nói:

"Chưa diệt độ. Đức Phật mới tư duy nhớ nghĩ về định Tưởng tri diệt."

Hiền giả A-nan nói:

"Trước đây tôi nghe Đức Phật bảo: 'Từ chỗ nhập Tứ thiền cho đến vô tri, xả trạng thái vô vi hữu dư y thì nhập Nê-hoàn[23]'."

Khi ấy, Đức Phật xả Tưởng tri diệt, trở lại tư duy Bất tưởng nhập; xả Bất tưởng nhập tư duy Vô sở dụng; xả Vô sở dụng tư duy Thức vô lượng; xả Thức vô lượng tư duy Không vô tế; xả Không vô tế tư duy Thiền thứ tư; xả Thiền thứ tư tư duy Thiền thứ ba; xả Thiền thứ ba tư duy Thiền thứ hai; xả Thiền thứ hai tư duy Thiền thứ nhất. Từ Thiền

---

17. Di-lặc Phật 彌勒佛; Pāli: Metteyya.

18. Âu-đàm-bát, 漚曇鉢.

19. Không vô tế 空無際, tức Không vô biên xứ định.

20. Bất tưởng nhập 不想入, tức Phi tưởng phi phi tưởng xứ.

21. Tưởng tri diệt 想知滅, tức Tưởng thọ diệt tận định. Tham chiếu No.1(2), Việt, xem cht.150.

22. A-na-luật 阿那律, tham chiếu No.1(2), bản Việt, xem cht.149.

23. Hán: chí ư vô tri, khí xả sở thọ dư vô vi chi tình 至於無知棄所受餘無為之情. Trạng thái vô tri ở Tứ thiền là trạng thái nhập vô tưởng định (Pāli: asaññā-samāpatti), nhưng các Thánh giả không nhập loại định này. "Sở thọ dư vô vi" chỉ hữu dư y Niết-bàn.

thứ nhất nhập trở lại cho đến Thiền thứ ba, rồi Thiền thứ tư, trở lại Vô tri, xả bỏ trạng thái Nê-hoàn hữu dư y, liền Bát-nê-hoàn. Ngay lúc ấy, đại địa chấn động, chư Thiên, Rồng, Thần, hiện ra đầy cả không trung, tung hoa như mưa, chẳng ai là chẳng than thở, luyến tiếc, đi đến cúng dường."

Bấy giờ Đế Thích ở tầng trời thứ hai hiện ra đọc bài tụng:

Ấm, hành đều vô thường,
Chỉ là pháp hưng, suy;
Có sanh thì có tử,
Phật diệt độ, an lạc.

Vị Phạm thiên nơi cõi trời thứ bảy hiện ra đọc bài tụng:

Tuyệt thay, Phật đã bỏ,
Điều thế gian mê đắm;
Rộng dạy pháp thanh tịnh,
Ba cõi không ai bằng.
Thần lực diệu, Vô úy,
Ánh sáng mất từ nay.

Hiền giả A-na-luật đọc bài tụng:

Phật đã trụ Vô-vi,
Hơi ra vào đã dứt;
Vốn từ tự nhiên đến,
Nay trở về Linh diệu.
Ý tịnh, không tham đắm,
Vì người, chịu thân bệnh;
Giáo hóa đã hoàn tất,
Mới trở về Tịch diệt.
Từ khi được gặp Phật,
Ai cũng đội ơn sâu;
Nay vào cõi thanh hư,
Biết lúc lại xuất hiện.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo đều rối loạn, bồi hồi, than thở: 'Đức Phật Bát-nê-hoàn, sao mà nhanh quá! Con mắt của thế gian đã tắt mất, sao mà nhanh quá!' Trong số ấy có người buồn bã than khóc, tự nghĩ đến cái khổ của thế gian không đạt được đạo. Có người nhìn vào thi thể Đức Phật chú tâm tư duy về hữu là từ nhân duyên sanh, tạo tác không ngừng, phải chịu sự vô thường, khổ, đã sanh thì phải tử, tử rồi lại sanh, sanh tử qua lại, nhưng tinh thần bất diệt, không bị chi phối. Hiền giả A-na-luật nói:

"Thôi đi, thôi đi! Này A-nan! Hãy bảo cho các Tỳ-kheo biết, chư Thiên trên trời thấy việc đó sẽ cho là mê mờ. Vì có ai xuất gia nhập

vào luật giải thoát mà lại không thể dùng pháp lợi để tự giải thoát?"

Hiền giả A-nan gạt nước mắt thưa:

"Ở trên đó có bao nhiêu vị trời?"

"Từ Uy-da-việt[1] cho đến miếu Âu-đồ[2] và sông Hi-liên[3], khoảng cách bốn trăm tám mươi dặm, chư Thiên hiện ra đầy khắp, chẳng có khoảng hư không nào là chẳng có họ đang bồi hồi, rối loạn, cùng nói: 'Đức Phật Bát-nê-hoàn sao mà nhanh quá! Con mắt của thế gian đã tắt mất, sao mà nhanh quá!' Trong đó có người lo lắng than thở, thương nỗi khổ của thế gian bị tham dục che lấp, không thấy được chánh đạo. Hoặc họ cùng bảo nhau rằng: Đức Phật dạy: 'Sanh tử vốn từ duyên khởi, ý luôn tạo tác, thọ nhận sự vô thường, khổ, đã sanh thì phải tử, tử rồi lại sanh, thức theo hành mà di chuyển, đâu biết được Nê-hoàn? Đức Phật đã độ thoát thế gian, vậy mọi người phải nên tinh tấn, đã quá nửa đêm rồi!'"

Hiền giả A-na-luật bảo Hiền giả A-nan:

"Hãy vào trong thành bảo cho mọi người biết là Đức Phật đã diệt độ, ai muốn khâm liệm, hãy nên kịp thời."

Hiền giả A-nan liền vào trong thành, báo cho mọi người biết. Các Hoa thị nghe được điều ấy, ai cũng kinh ngạc, buồn bã thương tiếc, nói:

"Đức Phật Bát nê-hoàn sao mà nhanh quá! Con mắt của thế gian đã tắt mất, sao mà nhanh quá!"

Người trong thành cùng nhau tụ hội, mang hương hoa đến chỗ nhục thân của Phật, cúi đầu đảnh lễ để thừa sự cúng dường. Họ cùng hỏi Hiền giả A-nan:

"Phương pháp khâm liệm an táng Đức Thế Tôn như thế nào?"

Như lời Đức Phật dạy:

"Phải làm như phương pháp khâm liệm và an táng của Chuyển luân vương, đối với Đức Phật còn phải hơn thế nữa."

Các hào tánh thưa:

"Xin hãy để trong bảy ngày, chúng con muốn dâng cúng kỹ nhạc, hoa hương, đèn đuốc để tâm ý được khai mở."

Hiền giả A-nan đáp:

---

1. Uy-da-việt 威耶越. Có lẽ Pāli: Upavattana, tên khu rừng Sāla ở Kusinārā.

2. Âu-đồ miếu 漚荼廟; tức chùa Thiên quan, tham chiếu No.1(2), xem cht.156.

3. Hi-liên hà 熙連河; tham chiếu Trường 2(3) sđd.: xem cht.155.

"Tùy ý các vị mong muốn."

Các Hoa thị liền chung sức lại để lo liệu. Nào làm bình bằng vàng, linh xa bằng vàng, kim quan bằng vàng, quách bằng sắt, đầy đủ gấm mới kiếp-ba, năm trăm xấp dạ.

Bấy giờ, dân chúng ở bốn phương, chu vi trong khoảng bốn trăm tám mươi dặm, đều mang kỹ nhạc, hoa hương đi đến song thọ, đồng khiêng nhục thân Đức Phật đặt lên trên giường bằng vàng, rồi dùng kỹ nhạc, lễ bái cúng dường.

Bấy giờ, các Hoa thị tuyển chọn các đồng nam để lo việc gìn giữ linh xa. Họ muốn đưa linh cữu đến khoảnh đất Âu-đồ để trà-tỳ. Nhưng các đồng nam không thể đến gần phía trước linh xa của Đức Phật được, họ lại tiến lên đến hai ba lần, nhưng vẫn không thể tới được."

Hiền giả A-na-luật nói với Hiền giả A-nan:

"Sở dĩ không thể đến gần linh xa của Đức Phật, vì đó là ý của chư Thiên. Họ muốn bảo các đồng nam của Hoa thị hãy vịn vào phía bên trái, còn chư Thiên ở phía bên phải, dân trong nước thì đi theo sau, đồng khiêng kim sàng của Đức Phật vào cửa thành phía Đông, lúc đi qua trong thành, tấu nhạc trời lên để cúng dường, xong thì đi ra cửa thành phía Tây, đặt trên đất Âu-đồ, chất các thứ gỗ hương nhiều lớp rồi trà-tỳ."

Hiền giả A-nan thưa:

"Xin vâng, kính vâng như ý nguyện của chư Thiên."

Rồi Hiền giả bảo cho các Hoa thị biết ý nguyện đó.

Họ đều thưa:

"Kính tuân lệnh."

Họ liền bảo các đồng nam ở phía bên tả dùng nhiều dây lụa cột chặt góc bên trái, còn chư Thiên thì thuộc về bên phải, dùng dây lụa cột chặt nơi góc phải của cái giường. Ngoài ra, có vô số chư Thiên ở trên hư không, rải đủ thứ hoa trời, rưới các hương thơm.

Bấy giờ, đại thần Bà-hiền cùng đại thần Câu-di[4] bàn bạc: Muốn dùng âm nhạc của loài người để ca ngợi, tiếp theo nhạc trời cùng đưa xá-lợi.

"Liền như lời bàn bạc, cả đoàn đi từ từ vào cửa thành phía Đông,

4. Bà-hiền đại thần 婆賢大臣, chủ quản thành Pāva. Câu-di đại thần 拘夷大臣, vị quan của thành Kusinārā.

đi khắp trong thành, đến ngã tư đường lớn, dừng chân nơi đường hẻm, rải hương hoa và trỗi nhạc, ra khỏi cửa thành phía Tây, đến vùng đất Âu-đồ, lấy lụa kiếp-ba quấn quanh thân thể Đức Phật, dùng năm trăm xấp dạ quấn tiếp theo hơn một ngàn lần, rồi dùng dầu mè dầu thơm để tẩm, rưới đầy kim quan, cùng trên nhục thân Phật, khiêng kim quan lên đặt vào trong quách bằng sắt, đậy kín nắp kim quan, chất các thứ gỗ hương lên xong, đại thần Âu-tô[5] bắt đầu châm lửa đốt, lửa mới hừng lên liền tắt ngay đốt tới ba lần vẫn không cháy."

Hiền giả A-na-luật bảo Hiền giả A-nan:

"Sở dĩ lửa không cháy là do ý của chư Thiên. Họ thấy Hiền giả Đại Ca-diếp đang dẫn năm trăm đồ chúng từ Ba-tuần trở về đây, đã đi được nửa đường, muốn về gấp để được thấy mặt cùng đảnh lễ Đức Phật, cho nên đã khiến lửa không cháy."

Hiền giả A-nan thưa:

"Dạ vâng, xin tôn kính ý nguyện của chư Thiên.

Bấy giờ có đạo sĩ thuộc học phái khác, tên là A-di-duy[6], thấy Đức Phật diệt độ, ông ta nhặt được cành hoa trời mạn-na-la, ngược đường đi về phía Hiền giả Đại Ca-diếp. Hiền giả Ca-diếp thấy vậy liền đến hỏi:

"Ông có biết Đức Phật là Bậc Thánh Sư mà tôi tôn thờ chăng?

A-di-duy đáp:

"Tôi biết rõ điều này. Ngài đã Bát-nê-hoàn được bảy ngày. Trời người cùng tụ hội để cúng dường Ngài. Tôi từ chỗ đó đến đây nên có được cành hoa trời này."

Khi ấy, Hiền giả Ca-diếp buồn bã không vui. Trong số năm trăm vị Tỳ-kheo, nhiều người bồi hồi, rối loạn, ngẩng mặt lên trời than thở:

"Đức Phật Bát-nê-hoàn sao mà nhanh quá! Con mắt của thế gian đã tắt mất rồi!"

Có người thì lo lắng, buồn thương, nghĩ đến nỗi khổ của thế gian do ân ái trói buộc, không thể thấy được chánh đạo.

Hiền giả Ca-diếp bảo:

"Các Hiền giả chớ lo buồn. Nên biết rằng có thân là do duyên khởi, tâm ý luôn tạo tác không dừng nghỉ, đều là vô thường, khổ, có

---

5. Âu-tô đại thần 漚蘇大臣; tham chiếu No.1(2) sđd.: Lộ-di châm lửa.

6. A-di-duy 阿夷維; No.1(2), ngoại đạo Ni-kiền Tử.

sanh thì có tử, có tử là do có sanh, ở trong năm đường bất an, chỉ có Nê-hoàn mới là cảnh giới hoàn toàn an lạc. Người chưa đắc đạo, hãy cầu pháp lợi, lìa bỏ mọi nẻo tạo tác của các pháp hữu vi thì sẽ đắc đạo. Tất cả hãy thu gom y bát, đi nhanh thì mới kịp để được nhìn thấy thân sắc của Phật.

Trong chúng này có một Tỳ-kheo tên là Đàn-đầu, cũng thuộc giòng họ Thích, cùng xuất gia theo Phật, nói với các Tỳ-kheo:

"Chuyện gì phải lo lắng như vậy? Chúng ta từ nay được tự do. Ông già ấy thường bảo: 'Nên làm cái này, không nên làm cái kia.' Nay ông ta mất rồi há không phải là điều hết sức tốt sao?"

Hiền giả Ca-diếp nghe lời ấy càng buồn bã hơn, nên giục đại chúng mau đến Song thọ để được thấy Phật. Đến nơi, Hiền giả Ca-diếp bảo Hiền giả A-nan:

"Nay chưa trà-tỳ vậy hãy cho tôi thấy thân Đức Phật."

Hiền giả A-nan thưa:

"Thân của Đức Phật đã được khâm liệm, ướp bằng dầu mè, để trong kim quan, bên ngoài thì chất các thứ gỗ hương, chung quanh thì tẩm dầu, tuy chưa trà-tỳ, nhưng khó có thể thấy được.

Hiền giả Ca-diếp bày tỏ ý muốn của mình đến lần thứ ba, nhưng Hiền giả A-nan vẫn đáp như lúc đầu.

Bấy giờ, nhục thân của Đức Phật từ trong nhiều lớp áo quan lộ ra hai chân. Mọi người đều thấy, ai cũng hết sức vui mừng. Hiền giả Ca-diếp cúi đầu đảnh lễ. Thấy trên chân của Đức Phật có màu sắc lạ, liền hỏi Hiền giả A-nan:

"Thân Phật sắc vàng, vậy do cớ gì mà đổi khác?"

A-nan thưa:

"Có một bà cụ già yếu, cúi lạy nơi chân Đức Phật làm nhỏ nước mắt trên chân Ngài nên mới có màu sắc khác như vậy."

Hiền giả Đại Ca-diếp lại không vui, cung kính đọc bài tụng:

Ngài tịch diệt, chẳng sanh
Chẳng còn thọ già, chết
Cũng không còn hội ngộ,
Không có ghét phải gặp
Vốn đã bỏ ân ái,
Chẳng bị buồn biệt ly
Do dốc cầu phương tiện,

Nên đạt được như vậy
Năm ấm Phật thanh tịnh,
Đã đoạn trừ hết thảy
Cũng không còn tạo tác,
Để thọ lại năm ấm.
Khổ đau đã hết rồi,
Gốc hữu cũng trừ sạch
Do dốc cầu phương tiện,
Mới an lạc như vậy.
Phật đã đoạn thế gian,
Trừ bỏ mọi ái dục
Ngài kham nhẫn tất cả,
Nên lìa các hoạn nạn
Ngài đã đạt an định
Đem an lạc muôn loài.
Phải nên đảnh lễ Ngài,
Vĩnh viễn thoát ba cõi.
Kinh giới Phật nói ra,
Tỏa sáng khắp thế gian
Ngài rộng hiện chánh đạo,
Chắc thật, dứt mọi nghi.
Cứu tất cả muôn loài,
Khiến thoát khỏi già chết.
Những người gặp được Phật,
Ai chẳng mang ơn lớn
Như trăng chiếu ban đêm,
Để phá tan bóng tối.
Mặt trời chiếu ban ngày,
Soi sáng mọi nơi chốn.
Cũng như ánh điện chớp,
Mây dày liền rực sáng.
Hào quang Phật chiếu ra,
Ba cõi cùng tỏ rạng.
Hết thảy sông danh tiếng,
Sông Côn-luân lớn nhất;
Tất cả vùng nước lớn,
Biển cả là hơn hết;

Trong tất cả tinh tú,
Mặt trăng là sáng nhất;
Phật dẫn dắt chúng sanh,
Trời người đều tôn quý.
Phật cứu độ thế gian,
Phước đức ban rải khắp.
Giới pháp đã thuyết giảng,
Mọi chốn đều phân minh.
Cũng đem pháp lưu bố,
Đệ tử dốc hành trì,
Khiến trời, người, quỷ, thần...
Đều cung kính đảnh lễ.

Hiền giả Đại Ca-diếp đọc kệ xong, đảnh lễ nơi chân Phật, nhiễu quanh kim quan ba vòng, rồi đứng qua một bên.

Các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, các Thanh tín sĩ, Thanh tín nữ, Trời, Rồng, Quỷ thần, thần Thiên nhạc, thần Chất-lược, thần Kim-sí điểu, thần Ái dục, thần Xà-khu... đều đến trước đảnh lễ nơi chân Phật, nhiễu quanh kim quan ba lần, rồi đứng qua một bên.

Bấy giờ, kim quan của Đức Phật không đốt nhưng tự nhiên bốc cháy. Hiền giả A-nan liền đọc bài tụng:

Phật thanh tịnh trong ngoài,
Là thân của Phạm thế;
Gốc hành hóa thần diệu,
Nên nay mới như vậy.
Hơn ngàn lớp lụa, dạ,
Đâu cần áo che thân,
Cũng không cần giặt giũ,
Như trăng trong sáng ngời.

Cho đến hết đêm ấy, công việc trà-tỳ nhục thân Phật xong xuôi, thì tự nhiên ở nơi đó mọc lên bốn cây: cây Tô-thiền-ni, cây Ca-duy-đồ, cây A-thế-đề, cây Ni-câu-loại[7]. Các vị Cư sĩ, Lý gia trong nước cùng nhau thu nhặt xá-lợi của Phật đựng đầy nơi bình bằng vàng, đặt trên linh xa, đưa vào thành để trên đại điện, rồi cùng cho tấu kỹ nhạc, rải

7. Bốn giống cây Bồ-đề: Tô-thiền-ni 蘇 禪 尼 樹, Ca-duy-đồ 迦 維 屠 樹, A-thế-đề 阿 世 鞮 樹, Ni-câu-loại 尼 拘 類 樹. Xem No.5, bản Việt, cht.59.

hoa, đốt hương, lễ bái cúng dường.

Bấy giờ, các tộc họ Hoa thị của nước Ba-tuần, các Câu-lân của nước Khả Lạc, các Mãn-ly của nước Hữu hoành, các Phạm chí của nước Thần Châu, các Ly-kiền của nước Duy-da,[8] nghe tin Đức Phật dừng chân ở Song thọ để Bát-nê-hoàn, nên họ đều sửa soạn bốn thứ binh đội là tượng binh, mã binh, xa binh, bộ binh cùng kéo đến nước Câu-di, dừng chân nơi ngoài thành, bảo sứ vào thưa:

"Chúng tôi nghe Đức Phật Chúng Hựu diệt độ ở đây. Ngài cũng là Thầy của chúng tôi. Chúng tôi có lòng kính mộ Ngài, đồng đến với vua xin phân chia phần xá-lợi, đem về bản quốc lập bảo tháp cúng dường."

Vua nước Câu-di bảo:

"Đức Phật tự đến nơi đây, vậy nước tôi sẽ chăm lo việc cúng dường Ngài. Thật là cực khổ cho các vua từ xa tới muốn chia phần xá-lợi, điều đó thì không thể được."

Các người thuộc dòng họ Thích nước Xích trạch[9] cũng kéo bốn loại binh, đến nói:

"Chúng tôi nghe Đức Phật Chúng Hựu diệt độ ở đây. Ngài là Bậc Thánh đệ nhất của giòng họ Thích, xuất thân từ bà con, đúng là bậc cha ông của chúng tôi. Chúng tôi có lòng kính mộ, nên đến đây để xin chia phần xá-lợi đem về dựng bảo tháp cúng dường.

Nhà vua nước Câu-di vẫn trả lời như trước, không chịu chia phần.

Vua nước Ma-kiệt là A-xà-thế lại dẫn bốn loại binh, vượt qua sông lớn để đến, bảo Phạm chí Mao-quệ[10] vào để hỏi tin tức, rồi ân cần thưa:

"Tôi lâu nay vốn có lòng tin tưởng vào tình bạn của nhà vua, không bảo thủ, không tranh chấp. Nay Đức Phật Chúng Hựu đã diệt độ

---

8. Tám nước động binh yêu cầu được phần xá-lợi. Đây kể năm nước trước: Hoa thị ở Ba tuần 波旬國, 諸華氏, tức Pāli: dòng họ Mallā chi nhánh Pāvā; người Câu-lân ở Khả lạc,可樂國, 諸拘鄰; Pāli: người Koli ở thôn Rāmagāma; người Mãn-ly ở Hữu hoành 有衡國, 諸滿離; Pāli: Buli ở Allakappa; các Bà-la-môn ở Thần châu 神州國, 諸梵志; Pāli: những người Bà-la-môn ở Vethadīpaka; người Ly-tiệp ở Duy-da 維耶國, 諸離揵; Pāli: những người Licchavi ở Vesāli.

9. Xích trạch quốc chư Thích thị 赤澤國諸釋氏: những người họ Thích ở Kapilavatthu.

10. Phạm chí Mao-quệ 梵志毛蹶; tham chiếu No.1(2), bản Việt, cht.161.

nơi đây. Ngài là Bậc Tôn Quý của ba cõi, chính là Vị Trời của tôi. Tôi luôn có lòng kính mộ nên đến đây để xin chia phần xá-lợi. Nếu nhà vua cho tôi phần xá-lợi của Phật thì hai nước chúng ta nếu có những vật báu gì thì nguyện cùng trao cho nhau để chung hưởng."

Vua nước Câu-di đáp:

"Đức Phật tự đến đây, tôi sẽ lo việc cúng dường Ngài, xin cảm ơn Đại vương chứ không thể chia phần xá-lợi cho nhà vua được."

Khi ấy Mao-quệ nhóm mọi người lại, làm bài tụng thông báo:

Nay những người thành tâm,
Từ xa đến lễ bái;
Xin được chia xá-lợi,
Nếu như vua không cho.
Sự việc ấy động chúng,
Bốn binh chủng sẵn đây;
Nếu không dùng đạo nghĩa,
Không tránh khỏi đao binh.

"Người của nước Câu-di cũng đáp lại bằng bài tụng:

Phiền các ngài từ xa,
Nhọc sức đến lễ bái;
Phật để thân nơi đây,
Không dám hứa cho ai.
Các vị muốn động binh,
Tôi đây cũng sẵn sàng;
Ta cùng nhau sống chết,
Chưa từng biết sợ ai.

Phạm chí Mao-quệ giải thích với mọi người:

"Các vua đều vâng theo lời dạy của Đức Phật một cách nghiêm túc; ban ngày thì tụng lời pháp, tâm cảm phục sự giáo hóa nhân từ của Ngài. Tất cả chúng sanh ai cũng nghĩ đến việc muốn được an ổn. Huống chi, Đức Phật vì lòng đại từ nên thiêu hình để lại xá-lợi, muốn rộng làm phước báu cho khắp thiên hạ. Vậy sao lại muốn hủy diệt ý nhân từ của Ngài? Cho nên xá-lợi hiện tại phải được phân chia ra mà thôi."

Mọi người đều khen là hay, nên cùng đến chỗ đặt xá-lợi, cung kính đảnh lễ xong thì đứng qua một bên, rồi bảo Mao-quệ chia xá-lợi. Bấy giờ Mao-quệ lấy một cái bát đá dùng mật xoa bên trong, chia làm

tám phần, rồi thưa với mọi người:

"Tôi đã cung kính Đức Phật và cũng thuận theo ý tốt của mọi người, mong được đem chiếc bát chia xá-lợi này về nước để dựng bảo tháp cúng dường, được chăng?"

Mọi người đều nói:

"Bậc trí tuệ thì nên biết thời."

Họ liền đồng ý.

Lại có Phạm chí tên là Ôn-vi[11], thưa với mọi người:

"Tôi trộm mến ý lành của chư vị, chỉ xin lấy phần than đốt ở dưới đất để đem về dựng bảo tháp cúng dường."

Mọi người đều đồng ý.

Sau lại có đạo sĩ thuộc học phái khác ở nước Hữu hoành[12] đến xin phần tro còn lại ở dưới đất.

Lúc này tám nước đều được mỗi phần xá-lợi nên đều trở về nước mình để dựng tháp. Những tháp ấy đều trang nghiêm, đẹp đẽ.

Phạm chí Mao-quệ, đạo nhân Đại Ôn-vi ở Chủng-ấp trở về ấp Ty-phần, đạo sĩ của nước Hữu hoành, thảy đều được phần tro đất, đều trở về dựng bảo tháp. Tám phần xá-lợi có tám bảo tháp, tháp thờ bát chia xá-lợi là chín, tháp thờ than là mười, tháp thờ tro là mười một.

Đức Phật đản sanh ngày mồng tám tháng tư, xuất gia ngày mồng tám tháng tư, thành đạo ngày mồng tám tháng tư, Bát-nê-hoàn ngày mồng tám tháng tư. Tất cả đều vào tháng sao Phật mọc[13]. Khi ấy trăm thứ hoa cỏ đều xanh tươi, cây cối sầm uất.

Bấy giờ Đức Phật đã Bát-nê-hoàn, ánh sáng của thiên hạ đã mất, chư Thiên, thần khắp mười phương, thảy đều tự quy ngưỡng Phật.

Xá-lợi đã chia rồi, nhưng bốn chúng đệ tử ở phương xa có người chưa được nghe tin, nên phải để sau chín mươi ngày mới xây tháp. Các vị Quốc vương đến tham dự, các Lý gia, dân chúng, gia đình quyến thuộc và các hàng nô tỳ đều trai giới trong chín mươi ngày. Bốn chúng đệ tử ở phương xa cùng tụ hội ở Câu-di, đồng hỏi Hiền giả A-nan:

"Nên dựng tháp ở đâu?"

A-nan đáp:

---

11. Ôn-vi, người ấp Ty-phần; 溫違還俾賁邑; Pāli: người Morya ở Pipphalavana.

12. Hữu hoành, tham chiếu No.1(2), bản Việt, cht.162.

13. Phật tinh 佛星; xem No.5, bản Việt, quyển hạ, cht.66.

"Nên ra khỏi thành bốn mươi dặm, đến ngã tư đường của khu đất rộng tạo dựng bảo tháp."

Các tộc họ phú hào của nước Câu-di cùng nhau dùng ngọc làm ngói, viên ngói bề ngang và rộng ba thước (tấc), tập trung lại dùng để làm tháp, cao và rộng đều mười lăm thước, lấy bát vàng chứa xá-lợi để ngay chính giữa tháp, lập đàn pháp luân, treo cờ phướn trên cao, thắp đèn chưng hoa, đốt hương, ca nhạc, lễ bái cúng dường, để dân chúng trong cả nước đều được tạo lập phước đức.

Hiền giả Đại Ca-diếp, Hiền giả A-na-luật và chúng Tỳ-kheo cùng nhau hội họp bàn bạc:

"Trong một ngày, ba mươi vạn dân chúng, các quan lại, các tộc họ quyền quý của các nước, khi gặp được Phật, đều hết lòng cung kính, tạo phước, khi chết đều được sanh lên cõi Trời thứ tư, cùng được gặp Di-lặc và được giải thoát. Quốc vương của nước Câu-di sẽ sanh lên trên cõi Trời thứ mười hai là Thủy âm[14], chờ khi Bồ-tát Di-lặc thành Phật sẽ đầu thai xuống tạo dựng tinh xá cho Đức Phật còn đẹp hơn khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc hiện nay."

Hiền giả A-nan hỏi Hiền giả Đại Ca-diếp:

"Vua nước Câu-di vì sao không ở chỗ Đức Phật Di-lặc mà mong đạt đạo quả Ứng chơn?"

Đáp:

"Vì vua này chưa nhàm chán cái khổ về sanh tử. Ai không nhàm chán cái khổ của sanh thì không được đạo quả Ứng chơn."

A-nan thưa:

"Tôi đã nhàm chán cái khổ của thân, sao không được lìa thế gian, không đạt được đạo quả?"

Hiền giả Đại Ca-diếp đáp:

"Vì Hiền giả chỉ trì giới mà không hành quán về thân, vẫn còn ham thích sanh tử, niệm tưởng thức ăn, nên các hành về sanh tử chưa dứt."

Đến chín mươi ngày, Hiền giả Đại Ca-diếp, Hiền giả A-na-luật và chúng Tỳ-kheo cùng nhau bàn luận:

"Mười hai bộ kinh của Đức Phật có bốn A-hàm, chỉ riêng Hiền giả A-nan là người luôn gần gũi hầu hạ Đức Phật. Đức Phật giảng nói,

---

14. Thủy âm thiên 水音天; tức Quang âm thiên, hay Cực quang thiên; Pāli: Ābhassara.

Hiền giả A-nan đều ghi nhớ, vậy chúng ta phải nhờ Hiền giả A-nan tụng đọc để chép lại, nhưng sợ Hiền giả là người chưa đắc đạo nên còn có tâm tham chăng. Chúng ta nên đem việc xưa mà chất vấn Hiền giả A-nan. Vậy hãy cho đặt tòa ngồi cao. Ba lần bước lên, ba lần phải bước xuống. Làm như vậy mới có thể đạt được lời thành thật."

Mọi người đều cho là hết sức hay.

Đại chúng đã tề tựu đông đủ và ngồi yên, Tỳ-kheo trị sự đuổi A-nan ra ngoài, giây lát lại thỉnh vào. Hiền giả A-nan đi vào, đảnh lễ chúng Tăng. Các Tỳ-kheo chưa đắc đạo thấy thế bèn đứng dậy hết.

Tỳ-kheo trị sự bảo A-nan ngồi nơi tòa cao chính giữa. A-nan nhún nhường từ chối:

"Đây không phải là tòa ngồi của A-nan."

Chúng Tỳ-kheo nói:

"Do vì kinh Phật, cho nên hãy mời Hiền giả ngồi vào tòa cao để cho chúng Tăng hỏi."

A-nan ngồi lên ngồi tòa.

Chúng Tăng hỏi:

"Hiền giả có lỗi lớn, vậy có biết chăng? Ngày ấy Đức Phật nói: 'An vui thay, Diêm-phù-đề! Tại sao Hiền giả không trả lời?'"

Tỳ-kheo trị sự bảo Hiền giả A-nan bước xuống. A-nan bước xuống, rồi trả lời:

"Đức Phật không được tự tại sao mà phải chờ tôi thỉnh cầu?"

Chúng Tăng im lặng, Tỳ-kheo trị sự lại bảo lên tòa. Chúng Tăng lại hỏi:

"Đức Phật nói với Hiền giả, ai đạt được bốn Thần túc thì có thể kéo dài tuổi thọ hơn một kiếp, tại sao Hiền giả lại làm thinh?"

Hiền giả A-nan lại xuống tòa để trả lời:

"Đức Phật nói: Bồ-tát Di-lặc sẽ hạ sanh thành Phật. Người nào mới vào đạo theo ngài Di-lặc để tu tập mà thành. Giả sử Đức Phật tự lưu lại thì Phật Di-lặc sẽ thế nào?"

Tăng chúng lại im lặng. Hiền giả A-nan trong lòng sợ hãi. Chúng Tỳ-kheo nói:

"Hiền giả nên theo đúng như ý của Pháp nói đầy đủ về Kinh của Phật."

Hiền giả đáp:

"Kính vâng."

Ba lần lên tòa như vậy. Lần sau cùng Hiền giả A-nan lên tòa nói:

"Nghe như vầy, một thời..."

Trong chúng hội có những người chưa đắc đạo đều rơi nước mắt nói:

"Đức Phật vừa mới nói Kinh, nay sao đã vội mất?"

Hiền giả Đại Ca-diếp liền chọn ở trong chúng được bốn mươi vị Ứng chơn theo Hiền giả A-nan để nghe truyền lại bốn bộ A-hàm:

1. Trung A-hàm.
2. Trường A-hàm.
3. Tăng nhất A-hàm.
4. Tạp A-hàm.

Văn của bốn bộ này là:

1. Vì hàng tham dâm mà giảng nói.
2. Vì hàng mừng giận mà giảng nói.
3. Hàng ngu si mà giảng nói.
4. Vì hàng bất hiếu, không thừa sự mà giảng nói.

Văn của bốn bộ A-hàm, mỗi bộ gồm sáu mươi xấp.

Chúng Tỳ-kheo thưa rằng:

"Hãy nên chép văn bốn bộ A-hàm để phổ biến trong thiên hạ."

Do vậy, chỗ trà-tỳ Đức Phật tự nhiên mọc lên bốn cây danh mộc.

Tăng chúng liền cùng nhau kiểm điểm, phân biệt Kinh Phật ra thành mười hai bộ loại: Giới, Luật, Pháp đầy đủ để lưu lại cả ngàn năm.

Những ai trì kinh giới của Phật về sau đều được sanh chỗ Đức Phật Di-lặc, tu học với Ngài mà được giải thoát sanh tử.

❑

SỐ 7

KINH ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN

Hán dịch: Đời Đông Tấn, Sa-môn Thích Pháp Hiển.

QUYỂN I

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở tại giảng đường Trùng các, trong rừng Đại lâm, thành Tỳ-da-ly, cùng với Đại chúng Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi vị.

Bấy giờ Đức Thế Tôn cùng Tôn giả A-nan, vào lúc sáng sớm mang y bát vào thành khất thực, trở về chỗ nghỉ, ăn xong rửa bát, súc miệng, thâu dọn y bát, bảo Tôn giả A-nan:

–Tôn giả hãy lấy tọa cụ đến cho Ta. Ta nay muốn đến khu tháp miếu Già-ba-la để nhập định tư duy.

Nói xong, Ngài liền cùng Tôn giả A-nan đi đến chốn ấy. Đến nơi, Tôn giả A-nan liền trải tọa cụ, Đức Thế Tôn bèn ngồi kiết già, tĩnh lặng tư duy. Tôn giả A-nan cũng ở chỗ riêng cách Phật không xa, ngồi ngay ngắn nhập định.

Không lâu sau, Đức Thế Tôn từ thiền định xuất, bảo Tôn giả A-nan:

–Thành Tỳ-da-ly này có các khu đền tháp như: Ưu-đà-diên, Cù-đàm, Am-la, Đa Tử, Bà-la, Già-ba-la. Những đền tháp này thật đáng mến thích.

Đức Phật bảo:

–Này Tôn giả A-nan, người có đủ bốn thần túc còn có thể sống lâu một kiếp hoặc gần một kiếp. Như Lai hiện tại có thần lực lớn, há lại không thể trụ thế một kiếp hay gần một kiếp sao?

Lúc ấy Đức Thế Tôn đã mở lời để Tôn giả A-nan có thể thưa thỉnh

nhưng Tôn giả A-nan lặng thinh, không thể nhận biết. Đức Thế Tôn đã ân cần nói lại ba lần, Tôn giả A-nan mờ mịt vẫn không rõ, nên không cầu thỉnh Như Lai sống lâu một kiếp hoặc gần một kiếp để đem lại lợi ích cho chư Thiên và loài người trong thế gian. Vì sao thế? Vì Tôn giả A-nan đã bị ma vương làm cho mê hoặc.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói lời ấy ba lần vẫn chưa thấy tâm Tôn giả A-nan tỉnh ngộ nên Ngài lặng thinh. Khi đó Ma vương đến chỗ Phật thưa:

–Đức Thế Tôn nay nên vào Niết-bàn! Đấng Thiện Thệ nay nên vào Niết-bàn. Vì sao vậy? Tôi ngày xưa tại bên bờ sông Ni-liên-thiền cầu thỉnh Đức Thế Tôn vào Niết-bàn, hồi ấy Ngài đáp: "Bốn chúng đệ tử của Ta là Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di còn chưa đầy đủ, lại chưa hàng phục các phái ngoại đạo, do đó Ta chưa vào Niết-bàn". Bạch Đức Thế Tôn, nay bốn chúng đệ tử của Ngài đã đầy đủ, lại đã hàng phục các phái ngoại đạo, các việc phải làm đều đã hoàn tất, vậy Ngài nên vào Niết-bàn.

Ma vương ba lần thưa thỉnh, Đức Như Lai liền đáp:

–Lành thay! Ta ngày xưa ở bên bờ sông Ni-liên-thiền đã hứa với ngươi: do bốn chúng đệ tử chưa được đầy đủ, nay các chúng đệ tử của Ta đã được đầy đủ, sau ba tháng nữa Ta sẽ vào Niết-bàn.

Ma vương nghe Phật nói lời này thì hết sức vui mừng bèn trở về thiên cung.

Bấy giờ Đức Thế Tôn liền xả thọ mạng, dùng thần lực chỉ duy trì sự sống trong ba tháng nữa. Tức thì đại địa hiện đầy đủ mười tám tướng chấn động, trống trời tự kêu vang. Do thần lực của Phật nên trong không trung có tiếng nói lớn: "Đức Như Lai không bao lâu nữa sẽ vào Niết-bàn". Chư Thiên và loài người bỗng dưng nghe được lời báo ấy đều rất đau lòng, xót xa. Đức Thế Tôn bèn nói bài kệ:

Tất cả loài chúng sanh
Theo nghiệp có sanh tử
Ta nay cũng sanh tử
Mà không tùy theo nghiệp.
Tất cả việc tạo tác
Ta nay đều xả bỏ.

Đức Thế Tôn nói kệ ấy xong thì an trú trong vắng lặng. Khi ấy Tôn giả A-nan thấy đại địa chấn động lớn, tâm vô cùng lo sợ, tự nghĩ: "Nay vì sao bỗng nhiên có hiện tướng này? Đây không phải là nhân duyên nhỏ.

Ta nên đến thưa hỏi Đức Thế Tôn". Nghĩ như vậy rồi liền từ tòa ngồi đứng dậy, đến trước Phật, đầu mặt lễ sát nơi chân Ngài, bạch:

–Bạch Đức Thế Tôn, con một mình tư duy bỗng thấy đại địa hiện đủ mười tám tướng chuyển động, lại nghe trong hư không có tiếng trống trời vang lên, tâm con vô cùng lo sợ, không rõ hiện tướng này là nhân duyên gì?

Đức Phật dạy Tôn giả A-nan:

–Có tám nhân duyên làm cho đại địa chấn động:

1. Đại địa nương nơi nước, nước nương vào gió, gió nương vào hư không, trong hư không khi gió lớn nổi lên, gió đã chuyển động thì nước kia cũng động, nước đã động thì đại địa chấn động.

2. Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di tu tập chứng đắc thần thông, mới được thành tựu, muốn thử nghiệm nên khiến cho đại địa chấn động.

3. Bồ-tát tại cõi trời Đâu-suất sắp xuống trần để giáng thần nhập vào thai mẹ, cho nên đại địa chấn động.

4. Bồ-tát từ hông bên phải sanh ra nên khiến đại địa chấn động.

5. Bồ-tát từ giã cung vua, xuất gia học đạo, thành tựu Nhất thiết chủng trí nên đại địa chấn động.

6. Đức Như Lai thành đạo, bắt đầu vì chúng sinh nơi các cõi trời, người chuyển bánh xe pháp nên khiến cho đại địa chấn động.

7. Khi Đức Như Lai dùng diệu lực của thần thông xả bỏ thọ mạng nên khiến cho đại địa chấn động.

8. Đức Như Lai khi sắp nhập Niết-bàn nên khiến đại địa chấn động.

Tôn giả A-nan nên biết, có tám việc như thế là nhân duyên khiến cho đại địa chấn động. Này Tôn giả A-nan, có tám bộ chúng:

1. Sát-đế-lợi

2. Bà-la-môn

3. Trưởng giả, Cư sĩ

4. Sa-môn

5. Tứ thiên vương

6. Đao-lợi thiên

7. Ma vương

8. Phạm vương.

Ta quán xét căn cơ những người đáng được hóa độ trong tám bộ

chúng ấy, tùy theo nơi chốn, cảnh giới mà hiện thân hình, vì họ giảng nói chánh pháp, nhưng các hạng chúng sanh kia cũng không biết là Ta nói pháp.

Tôn giả A-nan, có tám thắng xứ:

1. Trong: tưởng có sắc, ngoài: quán sắc với cảnh giới hẹp.
2. Trong: tưởng có sắc, ngoài: quán sắc với vô lượng cảnh giới.
3. Trong: tưởng không sắc, ngoài: quán sắc với cảnh giới hẹp.
4. Trong: tưởng không sắc, ngoài: quán sắc với vô lượng cảnh giới.
5. Quán tất cả sắc xanh.
6. Quán tất cả sắc vàng.
7. Quán tất cả sắc đỏ.
8. Quán tất cả sắc trắng.

Đây là pháp vô cùng thù thắng của người tu hành.

Lại nữa, Tôn giả A-nan, có tám pháp giải thoát:

1. Trong: tưởng có sắc, ngoài: quán sắc.
2. Trong: tưởng không sắc, ngoài: quán sắc, tư duy sắc là bất tịnh.
3. Tịnh giải thoát.
4. Không xứ giải thoát.
5. Thức xứ giải thoát.
6. Vô sở hữu xứ giải thoát.
7. Phi tưởng phi phi tưởng xứ giải thoát.
8. Diệt tận định giải thoát.

Đây cũng là phép thù thắng của người tu tập. Nếu thực hành đầy đủ, rốt ráo, tức ở nơi các pháp đạt được tự tại vô ngại.

Này Tôn giả A-nan, Ta xưa kia, khi mới thành đạo, hóa độ ông Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp bên bờ sông Ni-liên-thiền. Bấy giờ Ma vương đến chỗ Ta, cầu thỉnh:

–Bạch Đức Thế Tôn, nay Ngài nên vào Niết-bàn. Bạch Đấng Thiện Thệ, nay Ngài nên vào Niết-bàn. Vì sao vậy? Vì những người đáng độ đều đã giải thoát, nay chính là lúc nên vào Niết-bàn.

Ba lần thưa thỉnh như vậy, Ta liền đáp:

–Nay chưa đúng lúc để vào Niết-bàn. Vì sao? Vì bốn chúng đệ tử của Ta chưa được đầy đủ. Người đáng được hóa độ đều chưa độ hết. Các phái ngoại đạo cũng chưa được hàng phục.

Ta đáp ba lần như vậy, Ma vương nghe thế trong lòng sầu não, liền

trở về thiên cung. Vừa rồi Ma vương lại đến thỉnh Ta:

–Bạch Đức Thế Tôn, nay nên vào Niết-bàn. Bạch Đấng Thiện Thệ, nay nên vào Niết-bàn. Vì sao? Tôi ngày xưa ở bên bờ sông Ni-liên-thiền khuyến thỉnh Đức Thế Tôn vào Niết-bàn. Khi đó Đức Thế Tôn bảo: "Bốn chúng đệ tử của Ta là Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di còn chưa đầy đủ, lại chưa hàng phục các chúng ngoại đạo, do đó nên chưa vào Niết-bàn". Bạch Đức Thế Tôn, ngày nay bốn chúng đệ tử đã được đầy đủ, lại cũng đã hàng phục các chúng ngoại đạo, những việc nên làm đều đã hoàn tất, vậy Ngài nên vào Niết-bàn.

Ma vương ba lần thưa thỉnh như vậy, Ta liền đáp:

–Ta ngày xưa nơi bờ sông Ni-liên-thiền đã tự hứa với ngươi, do bốn chúng đệ tử của Ta chưa được đầy đủ, nay thì đã được đầy đủ, nên sau ba tháng nữa Ta sẽ vào Niết-bàn.

Ma vương nghe Ta nói thế thì vô cùng vui mừng hả hê, bèn trở về thiên cung. Ta khi đó nhận lời thỉnh cầu của Ma vương xong, liền xả thọ mạng, chỉ duy trì sự sống trong ba tháng. Do nhân duyên này mà đại địa chấn động.

Tôn giả A-nan nghe Đức Phật nói như vậy thì hết sức buồn thảm, xót xa, rơi lệ bạch Phật:

–Cúi mong Đức Thế Tôn hãy thương xót chúng con, mà duy trì thọ mạng một kiếp hoặc gần một kiếp để đem lại lợi ích cho chư Thiên và loài người trong thế gian.

Ba lần thưa thỉnh như thế. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo Tôn giả A-nan:

–Ông nay không phải đúng lúc để thưa thỉnh Như Lai về việc ấy. Vì sao? Ta đã hứa với Ma vương là sau ba tháng nữa sẽ vào Niết-bàn. Nay ông còn thỉnh Ta trụ thế nữa sao? Ông làm thị giả cho Ta xưa nay có từng nghe Ta nói hai lời không?

Tôn giả A-nan bạch Phật:

–Thật chưa từng nghe Bậc Thầy của trời người có nói hai lời. Con trước đây từng được nghe Đức Thế Tôn vì bốn chúng đệ tử mà nói pháp: "Người chứng đắc bốn thần túc thì có thể duy trì thọ mạng đủ một kiếp hoặc gần một kiếp". Huống chi Như Lai là Đấng có vô lượng thần lực tự tại, nay há không thể duy trì thọ mạng trong một kiếp hoặc gần một kiếp, mà lại xả bỏ tuổi thọ, mạng sống chỉ còn ba tháng! Cúi mong Đức Thế Tôn hãy thương xót chúng con mà kéo dài thọ mạng trong một kiếp hoặc gần một kiếp.

Đức Thế Tôn đáp:

–Ta nay sở dĩ xả bỏ thọ mạng chính cũng do ông đấy. Vì sao? Ta trước đây vì việc này đã nói với ông: "Người đạt đủ bốn thần túc còn có thể duy trì thọ mạng trong một kiếp hoặc gần một kiếp". Nay Đức Như Lai có đại thần lực há không thể duy trì thọ mạng đủ một kiếp hoặc gần một kiếp sao? Cứ như vậy Ta đã ân cần nói lại ba lần, mở ra con đường khuyến khích, thưa thỉnh mà ông vẫn cứ lặng thinh không chịu lên tiếng thỉnh Ta duy trì thọ mạng một kiếp hay gần một kiếp, cho nên Ta nay chỉ duy trì thọ mạng trong ba tháng nữa. Vì sao ông tới lúc này mới thỉnh Ta trụ thế?

Tôn giả A-nan nghe Đức Phật nói thế, biết là Đức Phật đã quyết định vào Niết-bàn, không thể thưa thỉnh gì nữa nên tâm sanh đau khổ, áo não, khóc lóc, không thể tự kiềm chế. Đức Thế Tôn thấy Tôn giả A-nan quá khổ não liền dùng Phạm âm an ủi:

–Tôn giả A-nan, nay ông chớ quá đau buồn! Các pháp hữu vi đều là như vậy, mọi sự tụ họp đều phải xa lìa.

Đức Thế Tôn liền nói kệ:

Tất cả pháp hữu vi.
Đều trở về vô thường
Mọi ân ái tụ hội.
Tất phải chịu chia ly.
Các hành pháp như vậy
Không nên sanh sầu khổ.

Tôn giả A-nan rơi lệ, nói:

–Đấng Tôn Quý Vô Thượng, Bậc Thầy của trời người, không còn bao lâu nữa sẽ vào Niết-bàn, con nay làm sao mà không đau buồn sầu khổ.

Liền vỗ đầu lớn tiếng kêu than:

–Ôi thôi! Khổ thay, con mắt của thế gian sắp mất, chúng sanh không bao lâu sẽ chẳng còn gặp Đấng Cha Lành.

Đức Thế Tôn bảo Tôn giả A-nan:

–Ông nay không nên sanh tâm ưu phiền sầu khổ! Dầu ở lâu một kiếp hoặc gần một kiếp rồi cũng đều phải diệt, vì tánh tướng của các pháp hữu vi là như thế. Ông chớ nên vì Ta mà riêng chịu buồn khổ. Ta nay muốn trở về giảng đường Trùng các, ông hãy lấy tọa cụ đem đến cho Ta.

Rồi Đức Thế Tôn cùng Tôn giả A-nan trở về giảng đường Trùng các. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo Tôn giả A-nan:

–Nay ông hãy gọi các chúng Tỳ-kheo ở giảng đường Trùng các trong khu vực Đại lâm này, tất cả đều đi đến giảng đường Đại tập.

Tôn giả A-nan vâng theo lời dạy, liền gọi khắp các chúng Tỳ-kheo: "Đức Thế Tôn dạy tất cả hãy đi tới giảng đường Đại tập". Các vị Tỳ-kheo tụ hội đông đủ xong, Tôn giả A-nan bạch Phật:

–Các Tỳ-kheo đều đã có mặt. Cúi mong Đức Như Lai tự biết là đúng lúc.

Lúc ấy Đức Như Lai từ giảng đường Trùng các đi đến giảng đường Đại tập, trải tòa ngồi và bảo các Tỳ-kheo:

–Ta trước đây vì các vị mà giảng nói các pháp, vậy các vị nên thường tư duy, siêng năng tụng đọc, tu tập Phạm hạnh thanh tịnh, giữ gìn giới cấm, làm phước lợi cho chư Thiên và loài người ở thế gian.

Này các Tỳ-kheo, Ta xưa nay vì các vị giảng nói những pháp gì, các vị phải suy nghĩ kỹ, tinh tấn tu tập chớ sanh tâm biếng nhác. Như pháp Ba mươi bảy phẩm trợ đạo gồm có: Tứ niệm xứ, Tứ chánh cần, Tứ như ý túc, Ngũ căn, Ngũ lực, Thất giác chi, Bát thánh đạo. Các vị phải nên suy nghĩ, siêng năng thực hành. Các pháp này có thể giúp người tu tập đạt đến giải thoát.

Lại nữa các Tỳ-kheo, tất cả các pháp đều vô thường, thân mạng mỏng manh dễ mất cũng như làn chớp hiện ra rồi vụt tắt. Các vị không nên khởi tâm biếng trễ. Các vị nên biết, Đức Như Lai không còn bao lâu, sau ba tháng nữa sẽ vào Niết-bàn.

Bấy giờ Đức Thế Tôn liền nói kệ:

Ta nay sắp lìa bỏ
Thân già suy yếu này
Nay Ta đã xả thọ
Thân mạng còn ba tháng
Người đáng được hóa độ
Thảy đều đã độ xong
Vì vậy không bao lâu
Ta sẽ vào Niết-bàn.
Các pháp Ta đã nói
Chính là thầy các vị
Phụng hành và giữ gìn

Tu tập chớ bỏ mất
Các vị luôn tinh tấn
Như Ta còn không khác.
Sanh tử rất mong manh
Thân mạng đều vô thường
Luôn dốc cầu giải thoát
Chớ theo nẻo buông lung
Quán chánh niệm thanh tịnh
Khéo giữ gìn giới cấm
Định ý với tư duy
Giữ căn trước ngoại cảnh
Nếu đạt được như vậy
Là hộ trì Chánh pháp
Tự đến chốn giải thoát
Lợi ích cho trời, người.

Lúc bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Đức Phật nói những lời ấy, lòng vô cùng đau đớn, kinh hoàng, hoảng loạn, buồn khổ, nước mắt chảy dài, bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn, cúi mong Thế Tôn duy trì thọ mạng, chớ vào Niết-bàn, để đem lại lợi ích cho chúng sanh, khiến điều thiện nơi cõi trời người luôn được tăng trưởng. Cúi xin Đức Như Lai trụ thế, chớ vào Niết-bàn, để mở bày con mắt trí tuệ cho chúng sanh. Tất cả chúng sanh bị rơi vào chỗ tối tăm, kính xin Đức Như Lai vì họ làm ngọn đèn chiếu sáng. Tất cả chúng sanh đều lặn hụp trong biển lớn sanh tử, kính xin Đức Như Lai vì họ mà làm thuyền bè.

Các thầy Tỳ-kheo đều vật vã thở than, kêu lớn:

–Hỡi ôi, khổ thay! Đức Như Lai chẳng bao lâu nữa sẽ vào Niết-bàn, tất cả chúng sanh còn biết nương tựa vào đâu?

Bấy giờ Đức Thế Tôn nói với các vị Tỳ-kheo:

–Tất cả các pháp đều vô thường, ân ái, tụ hội đều phải biệt ly. Các vị không nên mong Ta lưu trú mãi ở đời. Vì sao vậy? Vì nay chẳng phải là lúc khuyến thỉnh Ta. Trước đây, Ta đã vì các vị lược nói những pháp trọng yếu, vậy các vị nên khéo vâng giữ, tu tập, cũng như Ta còn tại thế.

Mặt trời đã về chiều, Đức Thế Tôn cùng Tôn giả A-nan trở về giảng đường Trùng các. Sáng hôm sau, Đức Thế Tôn đắp y cầm bát cùng Tôn giả A-nan vào thành khất thực, đã được thức ăn liền trở về chỗ cũ,

thọ thực xong thì rửa bát, súc miệng, cùng các Tỳ-kheo đến thôn Kiền-đồ. Trên đường đi ngang qua thành Tỳ-da-ly, Đức Thế Tôn ngoái nhìn về hướng thành mà mỉm cười. Tôn giả A-nan cung kính đảnh lễ nơi chân và hỏi:

–Đấng Tôn Quý Vô Thượng không bao giờ mỉm cười mà không có duyên cớ?

Đức Phật liền đáp:

–Này A-nan, Ta nay sở dĩ hướng về thành mỉm cười vì đây chính là lần sau cùng Ta nhìn thấy thành này.

Đang lúc Đức Như Lai nói lời ấy thì trong hư không chẳng có chút mây mà tuôn mưa. Tôn giả A-nan lại bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn, thật hết sức kỳ lạ, hư không trong lặng, chẳng có chút mây che, bỗng nhiên lại có mưa lớn.

Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Tôn giả có biết chăng? Chư Thiên trên không trung nghe Ta nói: "Đây chính là lần sau cùng Ta nhìn thấy thành Tỳ-da-ly" nên rất buồn rầu, thương cảm rơi lệ. Đấy là nước mắt của chư Thiên chứ chẳng phải là mưa.

Tôn giả A-nan và các Tỳ-kheo nghe Đức Phật nói lời đó, lại càng bi thương, buồn bã như muốn ngất đi, liền bạch Phật:

–Nay các hàng trời, người đều vô cùng đau buồn, sao Đức Thế Tôn lại muốn xả bỏ thọ mạng để vào Niết-bàn?

Khi ấy Đức Thế Tôn dùng Phạm âm để an ủi:

–Các vị không nên sanh tâm sầu khổ.

Các thầy Tỳ-kheo thưa:

–Nay Đức Thế Tôn nói đây là lần sau cùng nhìn thấy thành Tỳ-da-ly, không còn bao lâu nữa sẽ vào Niết-bàn. Chúng con làm sao mà không lo lắng, buồn khổ được!

Cứ như vậy, lần lượt mọi người báo cho nhau. Tiếng đồn thấu đến các vị Ly-xa. Các vị Ly-xa nghe được lời ấy, đều buồn thương sầu não, lớn tiếng than thở:

–Hỡi ôi, khổ thay! Con mắt của thế gian sắp mất. Chúng sanh nay không còn chỗ nương tựa!

Họ cùng bảo nhau:

–Chúng ta nay nên đến chỗ Phật, cầu xin Đức Thế Tôn ở lại thành

Tỳ-da-ly, duy trì thọ mạng một kiếp hoặc gần một kiếp để tạo lợi ích cho chư Thiên và loài người trong thế gian.

Họ liền sửa soạn xe cộ, vội đi đến chỗ Đức Phật. Vừa ra khỏi cửa thành, từ xa họ đã trông thấy Đức Như Lai, cũng thấy Tôn giả A-nan và các Tỳ-kheo đều buồn bã, rơi nước mắt, các vị Ly-xa càng thêm âu sầu thảm thiết. Họ cùng tiến đến trước Đức Phật, cung kính đảnh lễ nơi chân Phật và thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn, nay Ngài muốn vào Niết-bàn, tất cả chúng sanh sẽ mất con mắt trí tuệ, cõi này sẽ rơi vào cảnh tối tăm, làm sao có thể thấy được con đường tu tập. Kính mong Đức Thế Tôn nên duy trì thọ mạng trong một kiếp hoặc gần một kiếp.

Ba lần thưa thỉnh như vậy, Đức Phật đáp:

–Các pháp hữu vi đều là vô thường, dẫu Ta có trú lại đời một kiếp hoặc gần một kiếp rồi cũng phải trở về vô thường.

Đức Như Lai liền nói kệ:

Tu-di tuy cao rộng
Rốt cuộc cũng tiêu tan
Biển lớn tuy sâu thẳm
Rồi cũng bị khô cạn
Nhật nguyệt tuy soi sáng
Không lâu lặn về Tây
Đại địa tuy vững chắc
Hay nâng đỡ hết thảy
Kiếp tận, lửa nghiệp đốt
Lại cũng về vô thường
Mọi ân ái tụ hội
Rồi cũng phải chia ly
Chư Như Lai quá khứ
Thân Kim cang không hoại
Cũng trở về vô thường
Ta nay đâu riêng khác
Pháp chư Phật như vậy
Các ông chẳng nên thỉnh
Chớ riêng hướng về Ta
Mà lại sanh sầu não.

Đức Thế Tôn nói kệ xong, bảo các vị Ly-xa:

–Các ông nên lắng lòng bi thương để nghe lời dạy sau cùng của Như Lai.

Các vị Ly-xa cùng thưa:

–Lành thay Đức Thế Tôn! Chúng con xin lắng nghe.

Đức Thế Tôn bèn trải tọa cụ ngồi kiết già. Chúng Tỳ-kheo và các vị Ly-xa đều cố gắng tự kiềm chế, nhẫn nại, cùng ngồi qua một bên. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các vị Ly-xa:

–Các vị nên biết, có bảy pháp khiến cho sự tu tập ngày càng tăng tiến, không bị tổn giảm:

1. Vui vẻ, hòa đồng, không trái nghịch nhau.

2. Cùng nhau học hỏi, lãnh hội giảng luận về nghiệp lành.

3. Giữ gìn giới cấm, duy trì lễ giáo, oai nghi.

4. Cung kính cha mẹ và các bậc tôn trưởng.

5. Hòa thuận với mọi người thân thích, cùng nhau vâng lời, thuận hợp.

6. Trong nước có đền tháp thì nên sửa sang tu bổ để cúng dường.

7. Vâng giữ Phật pháp, thân thiện, cung kính chư vị Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, mến mộ các Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di.

Bảy pháp như vậy nếu nhận lãnh, thực hành, sẽ khiến cho người ấy uy đức ngày càng tăng trưởng, đất nước thêm thạnh, dân chúng an lạc. Các ông từ nay cho đến trọn đời phải nên vâng giữ thực hiện, không được biếng trễ.

Các vị Ly-xa liền bạch Phật:

–Chúng con, nếu trong bảy pháp này, tu tập được một pháp hãy còn khiến cho chúng con uy đức tăng tiến, huống chi là thực hành đầy đủ cả bảy pháp. Lành thay, Đức Thế Tôn! Chúng con hôm nay đã được phước lợi, nguyện suốt đời vâng giữ không quên.

Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Các vị từ nay cũng nên tu tập, thực hành bảy pháp:

1. Luôn vui vẻ, hòa hợp cùng nhau như nước với sữa.

2. Nên cùng nhau nhóm họp, giảng luận về kinh pháp.

3. Giữ gìn giới cấm, không sanh tư tưởng hủy phạm.

4. Cung kính các vị Sư trưởng, Thượng tọa.

5. Tôn kính chăm sóc các Tỳ-kheo tu tập ở các nơi tĩnh lặng vắng vẻ.

6. Khuyến hóa hàng tín thí lo việc sửa sang, tu bổ các trú xứ của ba ngôi báu.

7. Luôn tinh tấn giữ gìn Phật pháp.

Các vị nên biết, nếu có thầy Tỳ-kheo dốc tu tập bảy pháp này thì công đức trí tuệ ngày một tăng tiến.

Lại nữa, các Tỳ-kheo, có bảy pháp, các vị phải nên tu học:

1. Không nên như người tại gia kinh doanh tài sản làm sự nghiệp sinh sống.

2. Không được hý luận, cười cợt, đùa giỡn.

3. Không nên ham thích ngủ nghỉ, phế bỏ sự siêng năng.

4. Không luận bàn các sự việc vô ích ở thế gian.

5. Xa lánh kẻ tri thức xấu ác, gần gũi bạn lành.

6. Luôn nghĩ nhớ chân chánh, không sanh tư tưởng tà vạy.

7. Nếu ở trong Phật pháp có chỗ lãnh hội thấu đạt, thông tỏ, cũng lại mong tiến thêm lên nữa.

Các vị hãy nên tu tập bảy pháp ấy thì công đức trí tuệ ngày thêm tăng trưởng.

Lại nữa, các Tỳ-kheo, có bảy pháp, các thầy nên thực hành:

1. Đối với Phật, Pháp, Tăng luôn phát khởi niềm tin vững chắc.

2. Biết hổ thẹn với chính mình.

3. Biết hổ thẹn với người.

4. Tâm thường ưa thích sự học hỏi, hiểu biết.

5. Luôn giữ tâm được tĩnh lặng, không xao động.

6. Thích nghe ý nghĩa của kinh điển.

7. Ưa tu tập về trí tuệ.

Các thầy, nếu tinh tấn tu tập bảy pháp này thì công đức trí tuệ luôn tăng trưởng.

Lại nữa, các Tỳ-kheo, có bảy pháp Giác ý, các thầy nên thực hành:

1. Trạch pháp.

2. Tinh tấn.

3. Hỷ.

4. Niệm.

5. Định.

6. Ỷ (Khinh an).

7. Xả.

Nếu các thầy có thể thực hành bảy pháp này thì công đức trí tuệ ngày một tăng tiến.

Lại nữa các Tỳ-kheo, còn có bảy pháp:

1. Quán vô thường.

2. Quán vô ngã.

3. Quán bất tịnh.

4. Quán khổ.

5. Quán thế gian không vui.

6. Không tham đắm năm dục.

7. Siêng tu tập các pháp vắng lặng, giải thoát.

Nếu các vị tinh tấn tu tập bảy pháp này thì công đức trí tuệ luôn tăng trưởng.

Lại nữa Tỳ-kheo, còn có bảy pháp, các thầy phải nên thực hành:

1. Thân thường thể hiện lòng từ.

2. Miệng thường nói theo lòng từ.

3. Ý thường nghĩ theo tâm từ.

4. Nếu được các hàng thí chủ bố thí, thì phải phân chia bình đẳng, không thiên vị.

5. Đối với các pháp thâm diệu ưa thích giảng nói không chán.

6. Không dùng các thứ sách vở thế gian để dạy người.

7. Thấy người chẳng phải là bạn đồng học không nên sanh tâm ganh ghét. Nếu các thầy hay tu tập theo bảy pháp này thì công đức trí tuệ ngày càng tăng trưởng.

Lại nữa, các Tỳ-kheo, còn có bảy pháp, các thầy nên thực hành:

1. Đối với chín bộ pháp, phải khéo phân biệt.

2. Khéo lý giải, lãnh hội ý nghĩa của các pháp ấy.

3. Hành đạo, đọc tụng, tu tập đều đúng thời.

4. Đi đứng ngồi nằm đều hợp với oai nghi.

5. Vì người giảng nói Chánh pháp, đều phải tự suy xét, đem chỗ mình đã thấu đạt chứng đắc để chỉ dạy người.

6. Nếu các hàng Bà-la-môn, Sát-đế-lợi, Trưởng giả, Cư sĩ tìm đến để được nghe pháp, thì phải khéo trù liệu, tùy căn cơ mà giảng nói.

7. Khéo phân biệt được người trí, kẻ ngu.

Các thầy nếu tinh tấn thực hành bảy pháp này thì công đức trí tuệ ngày một tăng trưởng, cũng chính là có thể giữ gìn phát huy Chánh pháp của Ta.

Bấy giờ, trong nước, vợ của các vị Ly-xa nghe Đức Phật không bao lâu nữa sẽ vào Niết-bàn và nay là lần sau cùng Ngài nhìn thấy thành Tỳ-da-ly, nên tâm ý sầu não, buồn thương liền cùng với năm trăm quyến thuộc sửa soạn năm trăm cỗ xe chở các vật dụng để cúng dường. Toàn bộ các cỗ xe thảy đều trang nghiêm chỉnh tề: xe do bò trắng kéo thì treo cờ phướn, lọng màu trắng. Cũng vậy, tùy màu sắc của bò kéo xe mà trang hoàng xe theo màu sắc đen, vàng...

Đoàn xe thứ lớp ra khỏi thành, đi đến chỗ Đức Phật. Đức Thế Tôn từ xa thấy đoàn xe kia đến, bảo các thầy Tỳ-kheo:

–Các thầy có thấy đoàn xe thứ tự trước sau, vô cùng trang nghiêm của phu nhân các vị Ly-xa đang đi đến kia không?

Các thầy Tỳ-kheo đáp:

–Dạ, đã thấy.

Đức Phật nói:

–Thành Tỳ-da-ly này, Trưởng giả Ly-xa và hàng vợ con của họ, ra vào luôn theo đúng lễ nghi, phục sức cùng trang hoàng các phương tiện đi lại đều chỉnh tề, đẹp đẽ, so với trời Đao-lợi không khác.

Khi ấy vợ của các vị Ly-xa đã đến chỗ Đức Phật đầu mặt lễ chân Phật, thương khóc rơi lệ, không thể tự kiềm chế, rồi đem các phẩm vật cúng dường dâng lên Đức Thế Tôn, thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn, kính xin Đức Thế Tôn duy trì thọ mạng để giáo hóa chúng sanh! Đức Thế Tôn nay vào Niết-bàn thì chúng con như bị mù tối, vĩnh viễn không ai khai ngộ. Chúng con phước mỏng, thọ sanh làm thân người nữ, thường bị mọi thứ hạn chế ngăn ngại, không được tự tại, không đủ nhân duyên để thường được gần gũi Đức Thế Tôn. Nay

Thế Tôn lại muốn nhập Niết-bàn vậy là căn lành của chúng con ngày càng tổn giảm.

Đức Như Lai đáp:

–Các vị từ nay cho đến trọn đời phải luôn luôn tinh tấn giữ giới như người bảo vệ con mắt mình, ý niệm luôn chân chánh ngay thẳng, chớ sanh tâm xu nịnh, ganh ghét. Nếu được như thế là thường thấy Ta.

Vợ các vị Ly-xa nghe Phật dạy thế càng thêm buồn thương, không thể tự kiềm chế, sụt sùi thở than rồi lui ra ngồi qua một bên.

Bấy giờ cô gái Am-bà-la, dung nhan đoan chánh, nổi tiếng xinh đẹp, nghe Đức Phật không bao lâu sẽ vào Niết-bàn và nghe nói đây là lần sau cùng Ngài nhìn thấy thành Tỳ-da-ly, thì lòng buồn bã, thương khóc, liền cùng năm trăm quyến thuộc, trang hoàng năm trăm cỗ xe, lần lượt cùng ra khỏi thành đi đến chỗ Đức Phật. Đức Thế Tôn thấy họ từ xa đi đến, bèn nói với các Tỳ-kheo:

–Cô gái Am-bà-la nay đến thăm Ta. Cô ấy dung mạo xinh đẹp, thuộc loại ít có trong đời, các thầy phải giữ tâm niệm đoan chánh, chớ sanh tâm tham đắm. Các thầy nên quán thân này có những thứ không sạch: lục phủ ngũ tạng, các chất bài tiết cùng máu mủ đầy dẫy trong thân, tám vạn loài vật ký sinh cũng ở trong đó, tóc, lông, móng, răng, da mỏng bọc thịt, chín lỗ thường bài tiết, không có một thứ nào là đáng ưa. Lại nữa nguồn gốc sanh ra thân này do từ nơi bất tịnh, chỗ thân này thường lui tới cũng đều tràn đầy những thứ không sạch. Tuy được trang điểm, dùng đến các loại lụa là thuê vẽ, xông ướp các thứ nước thơm ví như bình báu bên trong chứa toàn đồ dơ nhớp. Hơn nữa, thân kia khi chết thì sình chướng thối rữa, mỗi mỗi chi phần nơi thân xác đều tan rã, trong thân lại có trùng trở lại đục khoét thân thể, còn bị các loài thú dữ, chim chóc cắn mổ. Người đời do si mê không thể quán sát chân chánh, nên tham đắm chấp trước chuyện ân ái, gìn giữ cho đến chết, ở trong đó tạo tác, sanh tham dục. Người có trí tuệ lại ưa thích thứ đó sao?

Đức Thế Tôn liền nói kệ:

Thân tuy mang chuỗi báu
Hương hoa tự trang điểm
Phân tiểu và nước miếng
Trong ấy chứa bất tịnh
Chúng sanh mến tiếc nó
Mê lầm không giác ngộ

Cũng như tro che lửa
Người ngu giẫm đạp lên
Kẻ trí nên xa lìa
Chớ sanh tâm nhiễm đắm.

Bấy giờ cô gái Am-bà-la đến trước Đức Phật, cung kính đảnh lễ dưới chân, dâng cúng đủ các phẩm vật cúng dường Ngài xong, xót xa, nức nở, thưa:

–Kính xin Đức Thế Tôn duy trì thọ mạng ở đời, không vào Niết-bàn, để tạo lợi ích cho chư Thiên và loài người trong thế gian. Nếu Đức Thế Tôn quyết định vào Niết-bàn thì tất cả chúng sanh không còn ai để dẫn dắt, chỉ dạy, cũng như bé thơ mất đi mẹ hiền.

Đức Thế Tôn bảo:

–Tất cả các hành, tánh tướng là như vậy. Nay tín nữ không nên sanh tâm buồn thương sầu não.

Đức Thế Tôn liền vì tất cả những người mới đến giảng nói giáo pháp:

–Các vị từ nay trở đi nên giữ gìn giới cấm, không nên thiếu sót hoặc hủy phạm. Người phá bỏ giới pháp thì các hàng trời, rồng, quỷ thần đều ghét bỏ, tiếng xấu đồn khắp, mọi người đều không muốn gặp, nhìn, nếu ở trong chúng thì không còn uy đức, các thiện thần lại không ủng hộ. Khi sắp lâm chung, tâm thức sợ sệt, dẫu có chút việc lành đều không thể ghi nhớ, chết liền theo nghiệp, chịu khổ nơi cõi địa ngục, trải qua nhiều kiếp sau mới ra khỏi, lại phải thọ thân ngạ quỷ, súc sanh, cứ như vậy mà luân chuyển sanh không biết đến bao giờ mới giải thoát. Các vị Tỳ-kheo trì giới thì các hàng trời, rồng, quỷ thần đều cung kính, tiếng tốt đồn xa, truyền khắp mọi nơi chốn, ở trong đại chúng thì uy đức rạng rỡ, các chúng quỷ thần hiền thiện thường theo ủng hộ. Khi mạng sống sắp hết, tâm thức luôn chánh niệm, phân minh, thọ mạng dứt liền sanh đến thế giới thanh tịnh.

Đức Như Lai vừa giảng nói pháp ấy xong, sáu vạn tám ngàn vô số trời, người, và tám bộ chúng xa cảnh trần, lìa cấu nhiễm, đạt được Pháp nhãn thanh tịnh. Sáu mươi vị Tỳ-kheo dứt hết nghiệp lậu, tâm được giải thoát chứng quả A-la-hán.

Đức Thế Tôn lại bảo các vị Ly-xa và vợ của họ cùng cô Am-bà-la:

–Ta nay muốn đến thôn Kiền-đồ, các vị có thể trở về nơi chốn của mình. Nên biết, các hành đều là vô thường, nên theo đúng như pháp Ta

đã giảng nói để tu tập, đừng như trẻ thơ mà khóc lóc, buồn thương sầu não.

Đức Thế Tôn liền từ tòa ngồi đứng dậy. Cùng lúc, các vị Ly-xa, vợ con họ và cô gái Am-bà-la nghe Đức Phật nói như thế thì cùng gào khóc lớn tiếng, cùng đi theo Đức Phật, không chịu quay về. Đức Thế Tôn thấy lòng luyến mộ, tình cảm sâu xa của họ không thể dùng ngôn từ để an ủi được, liền dùng thần lực hóa ra dòng sông sâu thẳm, sóng nước chảy xiết, hai bờ ngăn cách. Khi ấy các vị Ly-xa cùng quyến thuộc và cô gái Am-bà-la thấy Đức Như Lai cùng các thầy Tỳ-kheo ở bên kia bờ, lại càng thêm bi thương, buồn bã, cùng nói với nhau: "Chỗ này sao lại bỗng dưng có con sông lớn, sóng nước chảy xiết thật đáng sợ. Phải chăng Đức Như Lai thấy chúng ta cứ đi theo không muốn rời bỏ nên tạo ra việc này để cắt đứt đường đi tới". Lúc ấy, các vị Ly-xa cùng vợ con họ và cô gái Am-bà-la qua sông không được, nên càng bồn chồn, hướng về phía bên kia sông, nghẹn ngào không nói nên lời, tuyệt vọng trở về.

Khi ấy Đức Như Lai đi đến khu rừng phía Bắc thôn Kiền-đồ. Ngài bảo các thầy Tỳ-kheo:

–Các vị nên biết, có bốn loại pháp:

1. Giới

2. Định

3. Tuệ

4. Giải thoát.

Nếu không nghe biết về bốn pháp này thì những người ấy sẽ ở mãi trong đêm dài của biển sanh tử. Ta ngày xưa nếu không lãnh hội, tu tập bốn pháp ấy thì không thể mau chứng được đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Đức Thế Tôn liền nói kệ:

Giới, Định, Tuệ, Giải thoát
Nếu Ta chẳng sớm nghe
Không thể mau chứng đắc
Đạo Vô thượng chánh chân.
Các vị nên siêng năng
Tu tập bốn pháp ấy
Đoạn trừ khổ sanh tử
Ruộng phước của trời người.

Đức Thế Tôn nói bài kệ này xong, lại vì các thầy Tỳ-kheo phân

biệt giảng nói về ý nghĩa của bốn pháp ấy. Khi Đức Như Lai giảng nói pháp này, có một ngàn hai trăm vị Tỳ-kheo ở ngay nơi các pháp dứt hết nghiệp lậu, tâm được giải thoát, thành bậc A-la-hán.

Bấy giờ Đức Thế Tôn cùng các Tỳ-kheo liền từ tòa ngồi đứng dậy, đi đến thôn Tượng, thôn Am-bà-la, thôn Diêm-phù rồi đi đến thành Thiện già. Đến nơi, Đức Thế Tôn cùng các thầy Tỳ-kheo trước sau vây quanh ngồi lại một chỗ. Đức Thế Tôn bảo các thầy Tỳ-kheo:

–Có bốn Thánh đế, nên siêng năng quán sát:

1. Khổ đế.

2. Tập đế.

3. Diệt đế.

4. Đạo đế.

Này các Tỳ-kheo, Khổ đế là gì? Đó là tám khổ:

1. Sanh là khổ.

2. Già là khổ.

3. Bệnh là khổ.

4. Chết là khổ.

5. Mong cầu không đạt được là khổ.

6. Oán ghét gặp nhau là khổ.

7. Yêu thương phải xa lìa là khổ.

8. Năm thọ ấm là khổ.

Các vị nên biết, đây là tám thứ khổ, là pháp hữu lậu, có tính chất bức bách. Đích thật là khổ.

Tập đế là gì? –Vô minh và Ái làm nhân chính cho tám khổ. Nên biết Tập này chính thật là nhân của khổ.

Diệt đế là gì? –Vô minh và Ái đã diệt tức các nguyên nhân của khổ diệt. Nên biết Diệt đế này chắc thật là tịch diệt vắng lặng.

Đạo đế là gì? –Là tám Chánh đạo:

1. Chánh kiến.

2. Chánh niệm.

3. Chánh tư duy.

4. Chánh nghiệp.

5. Chánh tinh tấn.

6. Chánh ngữ.

7. Chánh mạng.

8. Chánh định.

Tám pháp này chính là con đường tu tập của bậc Thánh giác ngộ. Nếu ai luôn tinh tấn, siêng năng quán sát bốn pháp ấy thì sẽ chóng lìa sanh tử, đạt đến chốn giải thoát. Các thầy Tỳ-kheo ở trong pháp này nếu đã đạt được cứu cánh, thì cũng nên hết lòng vì người khác giảng nói. Sau khi Ta diệt độ, các thầy cũng nên siêng năng nhớ nghĩ, tu tập.

Khi Đức Như Lai thuyết giảng pháp này vừa xong, có năm trăm vị Tỳ-kheo dứt hết nghiệp lậu, tâm được giải thoát, thành bậc A-la-hán. Chư Thiên trên hư không, số lượng là bốn vạn vị, ở trong các pháp xa trần lìa cấu, đạt được Pháp nhãn thanh tịnh.

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các thầy Tỳ-kheo:

–Có bốn quyết định về sự thuyết pháp:

1. Nếu có Tỳ-kheo ưa muốn thuyết giảng giáo pháp, nói lời thế này: "Tôi tự thân theo Phật được nghe nên có thể khéo lãnh hội, giảng giải ý nghĩa pháp này, thọ trì đọc tụng, tự thấy rất là thông suốt", thì các vị nên cung thỉnh Tỳ-kheo ấy giảng nói. Nên tùy theo pháp được nghe mà tự khéo suy nghĩ: "Đó là Kinh, đó là Luật, ở trong pháp tướng có pháp ấy chăng?" Nếu khi đã biết là Kinh, là Luật, ở trong pháp tướng có pháp ấy rồi thì phải thọ trì, khen ngợi: "Lành thay!" Nếu trong Kinh và Luật không có pháp ấy thì không nên thọ trì, cũng đừng khen ngợi. Nên biết pháp đó không phải do Ta nói.

2. Nếu có thầy Tỳ-kheo ưa thích muốn thuyết giảng giáo pháp, nói lời thế này: "Tôi ở chỗ chúng Tỳ-kheo Tăng, nghe được pháp như vậy, khéo lãnh hội, giảng giải ý nghĩa, thọ trì đọc tụng rất thông suốt", thì các vị nên cung thỉnh thầy ấy giảng nói. Nên tùy theo pháp được nghe mà tự khéo suy nghĩ: "Đấy là Kinh, đây là Luật, ở trong pháp tướng có pháp ấy chăng?" Nếu là Kinh, là Luật, ở trong pháp tướng có pháp ấy, thì cần thọ trì, khen ngợi: "Lành thay!" Nếu là Kinh, là Luật, ở trong pháp tướng không có pháp ấy thì không nên thọ trì, cũng chớ khen ngợi. Nên biết pháp ấy chẳng phải Ta nói, lại cũng chẳng phải do chúng Tỳ-kheo nói.

3. Nếu có thầy Tỳ-kheo ưa muốn thuyết giảng giáo pháp, nói lời thế này: "Tôi tự thân từ chùa kia, ở nơi A-lan-nhã nọ, trong chúng có nhiều Tỳ-kheo, Thượng tọa, thảy đều là hàng đa văn, thông minh, trí tuệ, nghe được pháp như vậy và khéo lãnh hội, giải thích ý nghĩa, thọ trì đọc tụng thông suốt", thì các vị nên cung thỉnh thầy ấy giảng nói. Nên tùy theo pháp

được nghe mà khéo suy nghĩ: "Là Kinh, là Luật, chính trong pháp tướng có pháp ấy chăng? Nếu đó là Kinh hoặc Luật, ở trong pháp tướng có pháp ấy thì cần phải thọ trì, khen ngợi: "Lành thay!" Nếu là Kinh, là Luật, ở trong pháp tướng không có pháp ấy thì không nên thọ trì, cũng chớ khen ngợi. Nên biết pháp ấy chẳng phải Ta nói.

4. Nếu có thầy Tỳ-kheo ưa muốn thuyết giảng giáo pháp, nói lời thế này: "Tôi tự thân từ chùa kia, ở chỗ A-lan-nhã nọ, có một Tỳ-kheo Thượng tọa là bậc trí tuệ, đa văn, được nghe pháp ấy, khéo lãnh hội, giải thích ý nghĩa, thọ trì, đọc tụng được thông suốt", thì các vị nên cung thỉnh thầy ấy giảng nói. Nên tùy theo chỗ nghe mà khéo suy nghĩ: "Là Kinh, là Luật, trong pháp tướng có pháp này chăng?" Nếu là Kinh, là Luật, ở trong pháp tướng có pháp ấy thì cần thọ trì, khen ngợi: "Lành thay!" Nếu là Kinh, là Luật ở trong pháp tướng không có pháp ấy thì không nên thọ trì, cũng chớ khen ngợi. Nên biết pháp này chẳng phải Ta nói. Các vị phải khéo phân biệt.

Đây là bốn quyết định về việc giảng nói giáo pháp, lại cũng dùng sự phân biệt về công việc thuyết pháp ấy để truyền trao cho người khác. Dẫu Ta ở lại đời hay vào Niết-bàn thì lời nói pháp hư giả hay chân thật đều do đấy mà biết.

Các thầy Tỳ-kheo bạch Phật:

–Lành thay! Đức Thế Tôn, chúng con từ nay sẽ có thể phân biệt Phật nói hay Ma nói.

Lúc ấy Đức Thế Tôn cùng các thầy Tỳ-kheo đều từ tòa ngồi đứng dậy, đi đến thôn Cưu-bà. Đến nơi, Đức Phật cùng với chúng Tỳ-kheo trước sau vây quanh, cùng an tọa bên một gốc cây. Khi ấy ở trong thôn, các hàng Bà-la-môn, Trưởng giả, Cư sĩ nghe Phật đã đến, đều cùng nhau vội vã đi tới chỗ Phật, cung kính đảnh lễ nơi chân Phật, lui ra ngồi một bên, thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn, nay Ngài cùng các thầy Tỳ-kheo đến thôn này rồi còn có đi tới đâu nữa chăng?

Đức Như Lai đáp:

–Ta sau ba tháng nữa sẽ vào Niết-bàn. Từ thành Tỳ-da-ly Ta đi khắp qua các thôn ấp, lần lượt rồi đến đây.

Các người trong thôn nghe Phật nói như vậy thì đều thương tiếc, buồn bã, nghẹn ngào kêu lớn:

–Than ôi! Khổ thay! Con mắt của thế gian sắp mất, chúng ta không

còn bao lâu nữa sẽ mất chỗ nương tựa, mất người dìu dắt.

Họ lại gạt lệ bạch Phật:

–Kính xin Đức Thế Tôn nên duy trì thọ mạng trong một kiếp hoặc gần một kiếp.

Đức Thế Tôn đáp:

–Các vị không nên sanh tâm buồn thương sầu não. Vì sao? Vì các pháp hữu vi bản tánh và hình tướng đều là như vậy. Các vị nên lìa bỏ tình cảm ưu sầu, tịnh tâm nghe Ta chỉ dạy lời sau cùng.

Các người trong thôn khi ấy đều gắng sức dằn lòng, cúi đầu yên lặng lắng nghe. Trong số ấy có một Bà-la-môn tên là Phất-ba-dục-đế, là hạng thông minh, trí tuệ, nghe nhiều nhớ giỏi. Bấy giờ Đức Như Lai liền nói:

–Các vị nên biết, người tại gia có bốn pháp cần nên tu tập:

1. Cung kính cha mẹ, hết lòng hiếu dưỡng.

2. Thường dùng pháp lành để dạy dỗ, dẫn dắt vợ con.

3. Luôn nhớ nghĩ, thương xót những người giúp việc, biết họ cần giúp đỡ gì không?

4. Gần gũi bậc thiện tri thức, xa lìa người xấu ác.

Các vị nếu thường thực hành bốn pháp ấy thì hiện tại được mọi người mến thương, kính trọng, đời sau được sanh nơi cảnh giới an lành.

Lại nữa, này Phất-ba-dục-đế, người tại gia có bốn pháp vui thích:

1. Không nhờ cậy vào tiền bạc của người khác, nên không có sắc diện hổ thẹn.

2. Nếu là hạng rất giàu có, vui với việc tích lũy của cải, không tiêu dùng. Đối với cha mẹ, vợ con, thân thích quyến thuộc đều không cung cấp, lại không cúng dường các bậc Sa-môn, Bà-la-môn.

3. Rất giàu có, thân mặc áo đẹp, miệng ăn vị ngon, phụng dưỡng cha mẹ, đối với thân thích, quyến thuộc thảy đều cung cấp, phụng sự các bậc Sa-môn, Bà-la-môn.

4. Ba nghiệp thân khẩu ý đều không làm ác, lại thông minh trí tuệ, ưa muốn học hỏi, hiểu biết.

Các vị nên rõ, người tại gia tuy có bốn điều vui thích này, như không mắc nợ người khác, không tham lam keo kiệt, pháp này gọi là sự vui thích thấp nhất. Ưa thực hành bố thí gọi là sự vui thích bậc trung. Ba nghiệp thân khẩu ý không tạo việc ác, thông minh trí tuệ, ưa hiểu biết,

pháp này là sự vui thích thù thắng, hơn hết.

Bấy giờ Đức Như Lai nói kệ:

Không nợ nần, xan tham
Gọi là vui bậc thấp.
Có tiền đem bố thí
Đây là vui bậc vừa.
Nghiệp thân, khẩu, ý sạch
Trí tuệ, ưa hiểu biết
Đây là vui bậc cao
Là việc làm người trí.
Các vị từ hôm nay
Cho đến trọn đời mình
Già trẻ dạy cho nhau
Hành pháp bậc vừa, cao.

❑

KINH ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN

QUYỂN II

Lúc ấy, Phất-ba-dục-đế cùng những người trong nhóm bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn, chúng con từ nay xin lấy pháp bậc vừa, bậc cao để cùng dẫn dắt chỉ bảo cho nhau.

Ngay khi ấy, nhóm Phất-ba-dục-đế gồm năm trăm người, liền ở trước Phật thọ ba quy y và nguyện giữ năm giới. Phất-ba-dục-đế lại bạch Phật:

–Kính xin Đức Thế Tôn và chúng Tỳ-kheo sáng mai thọ nhận cho con cúng dường.

Đức Như Lai im lặng chấp nhận. Nhóm ông Phất-ba-dục-đế biết Phật đã hứa liền từ chỗ ngồi đứng dậy, cùng với những người đã đến, lễ Phật lui ra, rồi trở về nhà. Suốt trong buổi chiều họ lo sắm sửa các món ăn uống thơm ngon tinh khiết. Sáng ngày hôm sau, tới giờ thọ trai, Phất-ba-dục-đế sai người thân tín đến bạch Phật:

–Xin Đức Như Lai tự biết đúng thời.

Bấy giờ Đức Thế Tôn cùng chúng Tỳ-kheo trước sau vây quanh đi đến nhà ấy theo thứ tự mà ngồi. Ông Phất-ba-dục-đế thấy Phật và chúng Tăng đều đã an tọa, liền đứng dậy đi lấy nước, tự tay rót mời, cùng bưng dọn các món ăn mỹ vị. Ngoài ra, các Bà-la-môn, Trưởng giả, Cư sĩ có đến năm trăm người cũng đều đem đồ ăn ngon quý đến tại nhà ấy cùng cúng dường Phật và chúng Tỳ-kheo. Đang khi ăn, các Tỳ-kheo có vị không khéo thu nhiếp thân tâm theo đúng oai nghi, khiến các Bà-la-môn, Trưởng giả, Cư sĩ thấy được nên tâm không hoan hỷ.

Đức Thế Tôn biết được tâm ý của mọi người nên bảo họ:

–Các vị nên biết, Chánh pháp của Như Lai sâu rộng như biển, không thể lường tính. Lại trong biển rộng có các chúng sanh thân thể

rất lớn, dài đến một vạn sáu ngàn du-xà-na hoặc thân dài tám ngàn du-xà-na, hoặc thân dài bốn ngàn du-xà-na, hoặc thân dài một ngàn du-xà-na, hoặc lại có thân chỉ dài một tấc, nửa tấc, cho đến rất nhỏ. Biển pháp của Như Lai cũng như vậy, trong đó cũng có vị đắc quả A-la-hán, đầy đủ ba minh và sáu thứ thần thông, có oai đức lớn, làm phước lành cho trời người, có vị đạt được các quả A-na-hàm, Tư-đà-hàm, Tu-đà-hoàn. Lại có vị được bốn hướng quả, cho đến cũng có người phàm phu chưa được hưởng lợi ích của Phật pháp. Vì vậy, các vị chớ ở trong biển pháp mà sanh tâm nghi hoặc.

Đức Thế Tôn bèn nói kệ:

Tất cả các dòng sông
Đều trở về biển cả
Cúng dường Phật và Tăng
Phước về mình cũng vậy.

Đức Như Lai nói kệ ấy xong, lại vì mọi người giảng nói các bài pháp. Khi ấy năm trăm người nhóm ông Phất-ba-dục-đế ở trong các pháp xa cảnh trần, lìa các khổ đạt được Pháp nhãn thanh tịnh.

Lúc ấy Đức Thế Tôn cùng Tỳ-kheo Tăng từ chỗ ngồi đứng dậy, tiếp tục lên đường đến thành Ba-ba. Năm trăm người nhóm ông Phất-ba-dục-đế đều buồn bã thở than, cung kính tiễn đưa Đức Như Lai, lòng bồi hồi lưu luyến, nhìn theo rồi hầu như tuyệt vọng đành trở về. Khi Đức Thế Tôn đến thành Ba-ba, trong thành ấy có người thợ khéo giỏi tên là Thuần-đà, sở hữu một khu vườn rất mát mẻ, yên tĩnh. Đức Như Lai cùng các thầy Tỳ-kheo trước sau vây quanh đi đến vườn đó. Thuần-đà nghe tin Đức Phật và chúng Tăng đến khu vườn của mình thì hết sức vui mừng không thể tự kiềm chế, liền cùng các người thợ đồng đi đến chỗ Phật, đầu mặt lễ nơi chân Phật rồi ngồi qua một bên, thưa:

–Không rõ Đức Thế Tôn có duyên gì lại đến đây, và còn đi đâu nữa chăng?

Đức Thế Tôn đáp:

–Ta nay sở dĩ đến đây, là vì không bao lâu nữa Ta sẽ vào Niết-bàn. Vì vậy nên Ta đến đây để gặp nhau lần sau cùng.

Thuần-đà và các đồng nghiệp của ông nghe Phật dạy như vậy thì vô cùng ưu sầu, buồn thương, thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn, nay Ngài bỏ chúng sanh không còn thương tưởng sao? Vì sao Ngài lại muốn vào Niết-bàn? Kính xin Đức Thế Tôn

hãy duy trì thọ mạng trong một kiếp hoặc gần một kiếp.

Rồi họ lại vò đầu, bứt tai, thở than lớn tiếng:

–Than ôi, khổ thay! Con mắt của thế gian sắp mất. Tất cả chúng sanh từ nay về sau mãi chìm đắm trong biển sanh tử, chưa biết bao giờ mới ra khỏi. Vì sao? Vì Bậc Thầy dẫn dắt Vô thượng đã vào Niết-bàn!

Đức Thế Tôn bảo Thuần-đà:

–Ông nay không nên sanh tâm sầu não. Tất cả pháp hữu vi đều như vậy, đều là dời đổi, biến chuyển vô thường, mọi tụ hội ân ái tất phải biệt ly. Vì vậy, nay ông chớ nên ưu sầu.

Thuần-đà liền bạch Phật:

–Con nay cũng biết các hành là vô thường, mọi tụ hội ân ái thảy đều biệt ly. Nhưng Đấng Vô Thượng sẽ vào Niết-bàn, con sao khỏi buồn thương sầu não!?

Bấy giờ Đức Thế Tôn liền vì Thuần-đà giảng nói các pháp. Thuần-đà nghe xong tâm trạng sầu thương giảm bớt, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, chỉnh đốn oai nghi, trịch áo bày vai bên phải cung kính đảnh lễ dưới chân Đức Phật, thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn, xin nguyện vào ngày mai thọ nhận cho con cúng dường bữa ăn đạm bạc.

Đức Thế Tôn hứa nhận bằng cách yên lặng. Khi Thuần-đà biết Phật đã hứa, liền làm lễ nơi chân Ngài rồi lui ra. Thuần-đà về nhà, suốt chiều hôm đó lo sắm sửa nhiều món ăn uống ngon quý, sáng ngày mai tới giờ ăn sai người thân tín đến bạch Phật:

–Xin Đức Thế Tôn tự biết đúng thời.

Lúc ấy Đức Như Lai cùng các Tỳ-kheo trước sau vây quanh đi đến nhà Thuần-đà, theo thứ lớp mà vào chỗ. Thuần-đà thấy Phật và chúng Tăng đã an tọa, liền đi lấy nước tự tay rót mời, bỏ vào bát các món ăn thượng vị. Đức Thế Tôn cùng chúng Tăng dùng xong, rửa bát, trở về chỗ ngồi. Thuần-đà cũng ngồi gần đấy. Đức Thế Tôn bảo Thuần-đà:

–Ông nay đã làm được một việc phước rất ít có, là người sau cùng cúng dường cơm lên Phật và chúng Tỳ-kheo, phước báo này nhiều không thể cùng tận. Tất cả chúng sanh nên trồng các loại phước đức không thể bằng được, vậy ông nên sanh tâm hoan hỷ. Ta nay thọ nhận sự thỉnh cầu sau cùng, sẽ không còn nhận bữa ăn nào khác nữa.

Đức Thế Tôn liền nói kệ:

Ông nay đã tạo được

Công đức thật ít có
Cúng dường lần sau cùng
Phật và Tỳ-kheo Tăng
Công đức ngày càng tăng
Sẽ không bao giờ hết.
Ông nay phải tự mình
Sanh tâm rất hoan hỷ
Hết thảy chỗ tạo phước
Không ai được như ông.

Đức Thế Tôn nói kệ xong, liền bảo Tôn giả A-nan:

–Ta nay thân bệnh, muốn mau đến thành Cưu-thi-na.

Tôn giả A-nan cùng các thầy Tỳ-kheo và ông Thuần-đà nghe Phật nói lời ấy thì càng sầu khổ, xót xa rơi lệ không thể tự kiềm chế. Đức Thế Tôn liền từ chỗ ngồi đứng dậy, cùng các Tỳ-kheo trước sau vây quanh đi đến thành Cưu-thi-na. Thuần-đà cùng với quyến thuộc theo sau Đức Như Lai. Trên đường đi, Đức Thế Tôn ghé vào cạnh một gốc cây nói với Tôn giả A-nan:

–Ta hiện nay đang bị đau bụng!

Rồi cùng A-nan ra đi, cách gốc cây ấy không xa bị ra máu, liền trở về lại chỗ cũ. Ngài dạy Tôn giả A-nan:

–Tôn giả hãy lấy y Tăng-già-lê cho Ta, xếp làm bốn lớp trải trên đất. Ta muốn ngồi nghỉ, không thể đi tiếp được.

A-nan vâng lời. Đức Thế Tôn liền ngồi nghỉ cạnh gốc cây, lại bảo Tôn giả A-nan:

–Ta nay rất khát nước. Tôn giả có thể đến sông Ca-quật-ta lấy nước sạch đến cho Ta.

A-nan thưa:

–Vừa rồi, có năm trăm cỗ xe của các người đi buôn, lội băng qua sông, khiến nước sông đục, sợ không uống được.

Đức Phật ba lần bảo Tôn giả A-nan lấy nước như vậy, nhưng A-nan cứ do dự, sau đó mới cầm bát ra đi. Đến dòng sông, Tôn giả thấy nước lắng trong, lòng rất sợ hãi, lông toàn thân dựng ngược, tự nghĩ: "Vừa rồi có năm trăm cỗ xe băng qua dòng nước nên ta nghĩ là nước còn đục, không ngờ nước liền trong, đến nỗi khiến ta như muốn trái nghịch với lời dạy của Đức Như Lai". Rồi Tôn giả vội đem nước về dâng lên Phật, thưa:

–Lạ thay! Đức Thế Tôn, vừa rồi con thấy năm trăm cỗ xe của các người đi buôn băng qua sông, con ngại rằng trên dòng hay dưới dòng trong khoảng mười dặm hãy còn chưa lắng trong. Vậy mà do thần lực của Đức Thế Tôn nên chỉ trong khoảnh khắc nước liền lắng sạch.

Đức Thế Tôn liền nhận nước uống.

Bấy giờ có một vị tiên nhân dòng họ Mãn-la, tên là Phất-ca-sa, là đệ tử của tiên nhân Ca-lan, từ Cưu-thi-na đến thành Ba-ba. Trên đường đi chợt thấy Đức Như Lai đang ngồi nghỉ bên một gốc cây, liền ghé lại chắp tay chào hỏi, rồi ngồi qua một bên thưa với Đức Phật:

–Pháp của người xuất gia, công việc trọng yếu nhất là tọa thiền để điều phục các căn trần, khiến cho tâm không loạn, chuyên nhất, vắng lặng, chẳng hề sợ hãi. Vì sao? Nhớ lại ngày xưa đi theo thầy tôi là tiên nhân Ca-lan, đang đi thầy tôi vì mệt nên dừng nghỉ cạnh một gốc cây gần bên đường, rồi tọa thiền tư duy. Đang lúc ấy có các người buôn, đi trên năm mươi cỗ xe hướng về phía trước, thầy tôi khi đó còn đang ở trong cảnh giới vắng lặng, thân không dao động hồi lâu mới từ thiền định xuất. Tôi liền đến thưa: “Khi Tôn sư đang tọa thiền thì có các người buôn với năm mươi cỗ xe đi qua trước đường, tiếng vang như sấm động, không biết Tôn sư có thấy không?”. Thầy tôi trả lời: “Hoàn toàn không thấy”. Tôi lại hỏi: “Có nghe tiếng động kia chăng?”. Thầy tôi cũng đáp: “Không nghe”. Tôi liền bạch: “Trên áo của Tôn sư sở dĩ có bụi bám vào, ấy là do đoàn xe đi qua nên mới như vậy”. Lúc ấy tôi càng thấy rõ sự kỳ lạ, biết pháp tọa thiền rất đáng tôn trọng vì đã khéo thâu nhiếp căn trần không cho loạn động.

Đức Thế Tôn nói với Phất-ca-sa:

–Những lời ông nói chưa phải kỳ lạ. Vì sao? Nếu lại có người chẳng phải ngủ say, lại cũng không phải đang nhập định Diệt tận, chỉ là chánh tâm tọa thiền. Có năm trăm cỗ xe đi qua trước người ấy, nhưng người này đều không biết, không nghe, như vậy mới có thể gọi là kỳ lạ.

Lại nữa, Phất-ca-sa, đấy cũng chưa đủ để gọi là rất kỳ lạ. Nếu lại có người chánh niệm tọa thiền, gặp lúc trời sấm sét chấn động, điện chớp sáng lòa. Khi ấy có hai anh em người cày ruộng nghe tiếng sấm sét sợ hãi mà chết. Lại còn có bốn con bò cũng bị sét đánh chết mà người tòa thiền không biết, không nghe. Như thế có được gọi là kỳ lạ không?

Phất-ca-sa thưa:

–Năm trăm cỗ xe đi qua trước mặt, không biết không nghe đã là kỳ lạ rồi, huống chi là sấm sét chớp sáng vang động trời đất mà cũng không nghe biết thì rất là hy hữu.

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo Phất-ca-sa:

–Ta ngày xưa tại thôn A-xa-ma, cạnh một gốc cây, ngồi ngay thẳng tư duy. Khi ấy có năm trăm cỗ xe của các người lái buôn đi ngang qua trước mặt Ta mà Ta trong thiền tư không biết, không nghe. Các lái buôn đi qua hồi lâu thì Ta mới ra khỏi định. Lúc ấy các lái buôn từ xa thấy Ta đứng dậy, tất cả đều quay trở lại, nhìn trên thân Ta có bụi dơ bám vào y, họ liền phủi đi và hỏi: "Chúng tôi cùng năm trăm cỗ xe đã đi qua đây, Đức Thế Tôn có thấy không?". Đáp: "Ta không thấy". Lại hỏi: "Thế Tôn có thể tự nhắm mắt không quan sát, nhưng Ngài có nghe tiếng không?". Ta lại đáp: "Cũng không nghe tiếng". Lái buôn tự hỏi: "Thế Tôn đang ngủ hay nhập định Diệt tận?". Ta đáp: "Ta khi ấy không ngủ, cũng chẳng phải vào định, chỉ đang ở trong thiền tư, cho nên không nghe thấy". Các lái buôn nghe Ta nói như thế cho là rất kỳ lạ, khen ngợi là chưa từng có rồi nói: "Chỉ có diệu lực của sự tọa thiền mới được như vậy". Ta liền vì họ mà giảng nói các pháp. Các vị lái buôn ấy liền ở nơi các pháp xa lìa mọi phiền não cấu uế, đạt được Pháp nhãn thanh tịnh.

Lại nữa, Phất-ca-sa, Ta ngày xưa tại một thôn nọ đang ngồi một mình bên đám ruộng, vắng lặng thiền tư. Không lâu sau bỗng nhiên trời nổi sấm sét, sấm chớp gió mưa chấn động cả trời đất. Khi ấy, có hai anh em đang cày ruộng bỗng nghe tiếng sét đều sợ hãi mà chết, lại có bốn con bò cũng bị sét đánh chết ngay. Người trong thôn nghe nói về sự việc vừa xảy ra hoặc là cha mẹ, vợ con, bạn bè của hai người xấu số kia cùng nhau đến thăm viếng, khóc lóc. Bấy giờ Ta mới từ thiền định tỉnh giác, thấy trên đất vướng nước bùn, lại có mọi người tụ tập kêu khóc. Có một người đi đến, Ta liền hỏi: "Vì sao mọi người tụ tập than khóc như vậy?". Người kia đáp: "Đức Thế Tôn, Ngài không nghe tiếng sét đánh, cùng sấm chớp sao? Trong thôn tôi, có hai anh em đang cày ruộng nơi này đều bị sét đánh chết và bốn con bò cũng bị như vậy. Vì sao Đức Thế Tôn lại không biết? Đức Như Lai lúc ấy đang ngủ hay nhập định Diệt tận?". Đáp: "Ta khi ấy không ngủ cũng không nhập định mà đang tĩnh lặng ngồi thiền cho nên không nghe". Người ấy nghe Ta nói như vậy cho là rất kỳ lạ, khen ngợi là chưa từng có, trong lòng tự nghĩ: "Do tọa thiền nên mới có năng lực như vậy". Ta liền vì thế giảng

nói Chánh pháp. Họ đã được nghe pháp rồi liền ở trong các pháp xa lìa cấu nhiễm, đạt được Pháp nhãn thanh tịnh.

Phất-ca-sa nghe Phật dạy như vậy, sanh tâm cho là ít có, thưa với Phật:

–Khi tôi thấy thầy tôi ngồi thiền, năm mươi cỗ xe đi qua mà không nghe biết, cho đó là việc kỳ lạ. Nay nghe Như Lai kể lại hai trường hợp ấy thật gấp trăm ngàn vạn lần, không thể so sánh. Diệu lực thiền định của Như Lai thật không thể nghĩ bàn.

Rồi Phất-ca-sa bèn theo Phật thọ ba quy y. Như Lai lại vì ông giảng nói các pháp thâm diệu. Ông ấy nghe pháp, tâm ý được khai ngộ, xa lìa phiền não cấu nhiễm được Pháp nhãn thanh tịnh. Ông liền nói với người hầu:

–Ông hãy lấy đem đến cho ta hai xấp vải kiếp-bối màu hoàng kim. Ta muốn dâng lên Phật.

Người hầu vâng lời liền lấy vải quý đem đến. Phất-ca-sa tay cầm xấp vải cung kính quỳ thẳng trước Phật, thưa:

–Con nay đem xấp vải này dâng lên Đức Thế Tôn, cúi mong Thế Tôn thương xót mà thọ nhận.

Đức Thế Tôn nói với Phất-ca-sa:

–Ta nay vì ông nhận lấy một xấp vải. Xấp còn lại có thể đem cúng dường cho Tôn giả A-nan. Vì sao vậy? Vì Tôn giả A-nan ngày đêm gần gũi hầu hạ bên Ta, vả lại hôm nay đã hết lòng chăm sóc thân bệnh cho Ta. Nếu có thí chủ bố thí người bệnh và người chăm sóc bệnh, thì đấy gọi là bố thí lớn lao, đầy đủ nhất.

Phất-ca-sa nghe Phật dạy như vậy thì rất hoan hỷ, liền lấy một xấp vải đặt nơi chân Phật, lại đem một xấp đến chỗ Tôn giả A-nan quỳ thẳng thưa:

–Nay con đem xấp vải này cúng dường Tôn giả, mong được thọ nhận.

Tôn giả A-nan đáp:

–Lành thay, lành thay! Nay ông đã tin theo lời dạy của Bậc Thầy nơi của trời người, khiến ông trong suốt cuộc đời mình luôn được an lạc, ta nay vì ông mà nhận lấy.

Phất-ca-sa trở về chỗ Phật. Như Lai lại vì ông giảng nói các pháp. Ông nghe pháp rồi liền đạt được quả A-na-hàm. Khi ấy Phất-ca-sa lại bạch Phật:

–Con nay muốn nương pháp Phật xin được xuất gia.

Phật liền gọi: "Thiện lai Tỳ-kheo". Tức thì râu tóc tự rụng, áo ca-sa mặc vào thân liền thành Sa-môn, đắc quả A-la-hán.

Bấy giờ Đức Như Lai từ trên mặt của người phóng ra các loại ánh sáng màu xanh, vàng, đỏ, trắng, óng ánh như pha lê. Tôn giả A-nan liền đảnh lễ nơi chân Phật, quỳ thẳng chắp tay, thưa:

–Không rõ Đức Thế Tôn do nhân duyên gì mà hiện tướng lành này?

Phật liền đáp:

–A-nan nên biết, Ta có hai nhân duyên mà phóng hào quang lớn:

Một là khi ở bên gốc cây Bồ-đề sắp thành đạo, liền phóng hào quang.

Hai là khi sắp vào Niết-bàn cũng phóng ra hào quang lớn.

Này A-nan, Tôn giả biết chăng, Ta thành tựu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác vào khoảng cuối đêm và khi nhập Niết-bàn cũng vào thời gian ấy. Tôn giả nay nên biết, ngay trong hôm nay, sau nửa đêm, tại thành Cưu-thi-na, vùng đất sinh hoạt của các lực sĩ bên dòng sông Hy-liên, giữa hai cây Sa-la, Ta sẽ nhập Niết-bàn.

Đức Phật vừa nói xong, các chúng Tỳ-kheo, kể cả chư Thiên trên không đều buồn thương than khóc không thể tự kềm chế. Khi ấy Đức Thế Tôn cùng các thầy Tỳ-kheo đến sông Ca-quật-tha. Ở đấy sau khi tắm gội xong, Ngài cùng các thầy Tỳ-kheo ngồi nghỉ bên bờ sông.

Lúc ấy ông Thuần-đà trong lòng tự trách: "Đức Thế Tôn do thọ dụng bữa cơm cúng dường của ta, bị đau bụng nên sắp vào Niết-bàn". Đức Thế Tôn biết tâm niệm của Thuần-đà, nên bảo Tôn giả A-nan:

–Tôn giả nay nên biết, tất cả chúng sanh chớ tự trách: "Như Lai vì thọ dụng bữa cơm của mình đã khiến cho thân Ngài bị bệnh mà vào Niết-bàn. Vì sao vậy? Đức Như Lai xuất hiện ở đời có hai hạng người đạt được phước tối thượng:

Một là khi Như Lai sắp thành tựu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác mà được đến để cung kính bố thí.

Hai là khi Đức Như Lai sắp vào Niết-bàn mà được cúng dường bữa ăn sau cùng.

Hai người làm công việc cúng dường này phước đức bằng nhau không khác, phước báo nhận được không thể tính kể. Hai lần cúng dường ấy rất khó gặp được, như hoa Ưu-đàm-bát lâu lâu mới có.

Bấy giờ Đức Thế Tôn nói với Thuần-đà:

–Nay trong tâm của ông chính đang có ý niệm ấy. Ông không nên tự sanh tâm hối trách như thế. Đã có được phước đức quý báu vô thượng khó gặp thì nên tự sanh tâm vui mừng, vinh hạnh. Trong trăm ngàn vạn kiếp, danh hiệu của Phật rất khó được nghe. Tuy được nghe danh, gặp Phật lại càng khó. Tuy được gặp Phật, cúng dường Phật lại khó hơn. Tuy được cúng dường Phật mà được cúng dường trong hai trường hợp khi sắp Thành đạo và sắp vào Niết-bàn lại càng khó hơn nữa. Ông nay đã được phước báo, không bao lâu sẽ đạt được trí tuệ biện tài, sức khỏe, dung mạo, thọ mạng.

Thuần-đà nghe Đức Phật dạy như thế, tâm sanh hoan hỷ vô cùng, bèn bạch Phật:

–Sung sướng thay! Bạch Đức Thế Tôn, con nay đã được lợi lạc lớn lao như vậy.

Bấy giờ Đức Thế Tôn nói kệ:

Kẻ bố thí được phước
Người tâm từ không oán
Làm lành hay trừ ác
Lìa dục không phiền não
Khéo hành được hạnh ấy
Không lâu vào Niết-bàn.

Đức Thế Tôn nói kệ xong, liền bảo Thuần-đà:

–Ông nay nên đem việc đạt được phước báo do sự cúng dường Phật lần sau cùng này, vì mọi người mà rộng nói, khiến người nghe luôn đạt được an lạc trong suốt cuộc đời mình.

Rồi Đức Thế Tôn bảo Tôn giả A-nan:

–Ta nay muốn đến thành Cưu-thi-na, vùng đất sinh hoạt của các lực sĩ, bên dòng sông Hy-liên, giữa hai cây Sa-la.

Tôn giả A-nan thưa:

–Xin vâng, bạch Đức Thế Tôn.

Bấy giờ Đức Thế Tôn cùng các thầy Tỳ-kheo trước sau vây quanh, cùng nhau lên đường, vượt qua sông Hy-liên, đến trụ bên ngoài rừng Sa-la thuộc thành Cưu-thi-na, vùng đất phát sinh các lực sĩ.

Đức Phật nói với Tôn giả A-nan:

–Tôn giả hãy đi vào rừng Sa-la, thấy có hai cây đứng riêng một

nơi thì quét dọn dưới đất cho thật sạch sẽ, xếp chỗ treo giường dây, đầu hướng về phía Bắc. Ta nay thân thể rất mỏi mệt.

Tôn giả A-nan và các thầy Tỳ-kheo nghe Phật dạy như thế thì càng thêm buồn thương. Tôn giả A-nan rơi lệ vâng theo lời dạy đi đến chỗ có hai cây Sa-la đứng riêng một nơi, quét dọn, sắp đặt, treo giường dây thảy đều đúng như pháp, rồi trở về bạch Phật:

–Thưa, con đã quét dọn, xếp đặt, thảy đều hoàn tất.

Lúc ấy Đức Thế Tôn cùng các thầy Tỳ-kheo đi vào rừng, đến nơi hai gốc cây Sa-la. Ngài lên giường, nghiêng hông bên phải, xếp chân lên nhau mà nằm, như sư tử ngủ, chánh niệm tỉnh giác. Khi ấy hai cây Sa-la bỗng nhiên trổ hoa, rơi trên thân Như Lai. Đức Thế Tôn liền hỏi Tôn giả A-nan:

–Tôn giả có thấy cây Sa-la này chẳng phải thời mà trổ hoa để cúng dường Ta chăng?

Tôn giả A-nan đáp:

–Dạ thưa, có thấy.

Bấy giờ tám bộ chúng trời, rồng, quỷ thần, ở trong hư không tuôn rải các loại hoa vi diệu tươi đẹp như: hoa Mạn-đà-la, hoa Ma-ha mạn-đà-la, hoa Mạn-thù-sa, hoa Ma-ha mạn-thù-sa lần lượt rơi trên thân Đức Phật. Chư vị ấy lại còn tung rải các thứ hương thơm như ngưu đầu, chiên đàn; cùng tấu khúc nhạc trời, ca bài chúc tụng, tán thán. Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Tôn giả có thấy trên hư không, hàng chư Thiên cùng tám bộ chúng cúng dường Ta chăng?

A-nan bạch:

–Dạ thưa có thấy.

Đức Thế Tôn lại nói:

–Người muốn cúng dường Ta để báo đáp ân đức, quyết không phải chỉ dùng hương hoa, hòa nhạc như thế này, mà là phải giữ giới cho thanh tịnh, đọc tụng kinh điển, suy nghĩ về nghĩa lý của các pháp sâu xa vi diệu. Như thế mới đúng gọi là cúng dường Ta.

Lúc ấy có một Tỳ-kheo tên Ưu-ba-ma-na, lúc Như Lai chưa chọn Tôn giả A-nan làm thị giả, thì vị này thường làm công việc hầu hạ, chăm sóc Như Lai. Khi Ưu-ba-ma-na thấy Đức Như Lai nằm xuống giữa hai cây Sa-la thì rất buồn khổ, nên đứng ngay trước chỗ Phật. Đức Thế Tôn bảo:

–Thầy không nên đứng ở trước chỗ Ta.

Ưu-ba-ma-na liền đứng qua một bên. Tôn giả A-nan thấy thế liền sanh nghi hoặc, suy nghĩ: "Ta làm thị giả Đức Phật đến nay trải qua đã nhiều năm, chưa từng thấy Ngài dạy lời như thế. Hôm nay vì lý do gì mà không cho đứng ở trước? Đức Như Lai không còn bao lâu sẽ vào Niết-bàn, mà lại không cho đệ tử đứng trước buồn khóc!". Tôn giả A-nan liền đảnh lễ nơi chân Phật, rồi quỳ thẳng, chắp tay bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn, con từ xưa hầu hạ Phật thường đứng trước Đức Thế Tôn, chưa từng nghe dạy con phải bước lui. Nay vì sao Ngài dạy Ưu-ba-ma-na phải tránh ra không được đứng ở trước?

Phật dạy:

–Này Tôn giả A-nan, tám bộ chúng như trời, rồng, thần... nghe Ta đang ở nơi giữa hai cây Sa-la, nằm nghiêng hông bên phải, đều cùng nhau đến để được thấy và chiêm ngưỡng Ta. Từ trong hư không cho đến khắp trên mặt đất, bốn phía đều có mặt kín cả, choán đến ba mươi hai du-xà-na. Tỳ-kheo Ưu-ba-ma-na ấy nếu đứng trước Ta, thì tám chúng trời, rồng, thần... sẽ sanh tâm không hoan hỷ, đều nghĩ rằng: "Nay Đức Như Lai đang ở nơi hai cây Sa-la, không bao lâu nữa sẽ vào Niết-bàn, đây là lúc chúng ta được nhìn thấy và chiêm ngưỡng lần sau cùng vậy mà vị Tỳ-kheo này đã đứng choán chỗ trước Phật". Do đó mà Ta phải bảo Ưu-ba-ma-na tránh qua một bên.

A-nan, Tôn giả biết chăng, hiện tại đây trong tám bộ chúng ấy, hoặc có người buồn khóc không thể tự kiềm chế, hoặc có vị thì sầu não, mê loạn, buồn thương hết mực, hoặc có người dùng tay tự vò đầu, bứt tóc, hoặc có vị vứt bỏ hết các đồ trang sức nơi thân, thảy đều đồng thanh nói lớn: "Đức Như Lai nay vào Niết-bàn, sao mà vội thế! Như Lai xuất hiện ở đời khó mà gặp gỡ, như hoa Ưu-đàm-bát lâu lâu mới có, vậy mà nay lại sắp vào Niết-bàn. Than ôi, khổ thay! Con mắt của thế gian sắp mất. Từ nay ai là người để cho chúng ta hướng về và được dẫn dắt". Các vị trời đã được lìa dục đều than: "Hỡi ôi! Thế gian thật là vô thường, chỉ không có thọ sanh thì mới không bị trở về hoại diệt!".

Lại nữa, nhóm chư Thiên kia cùng nhau nói: "Đức Thế Tôn ngày trước nơi thành Tỳ-da-ly, hay tại thành Vương xá, hoặc tại nước Xá-vệ và các nơi chốn khác an cư xong, các chúng Tỳ-kheo từ bốn phương cùng trở về thăm hỏi Đức Thế Tôn. Chúng ta nhân đấy, được ở bên đường trông thấy các Tỳ-kheo lễ bái cúng dường, đã lắng nghe lãnh hội kinh pháp, đạt được phước lợi lâu dài. Đức Thế Tôn nay sắp vào Niết-bàn, các chúng Tỳ-kheo Tăng an cư xong, không còn trở về thăm hỏi, vấn an Đức Thế Tôn như trước. Đi qua các chốn cũ, chúng ta cũng không còn ở bên đường trông thấy các Tỳ-kheo lễ bái, cúng dường Phật, được nghe giảng và lãnh hội kinh pháp. Từ nay vĩnh viễn mất đi phước lợi như thế".

Bấy giờ Đức Như Lai bảo Tôn giả A-nan:

–Nếu các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, sau khi Ta diệt độ, có thể phát tâm đi đến bốn chỗ liên quan tới Ta thì sẽ đạt được công đức không thể tính kể, đời sau thọ sanh thường được làm thân trời, người, được phước báo an lạc không cùng tận. Bốn nơi ấy là gì?

Vườn Lâm-tỳ-ni, thuộc nước Ca-tỳ-la-vệ, nơi Đản sanh của Như Lai khi là Bồ-tát.

Cội Bồ-đề nơi Ta ngồi xưa kia để thành tựu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, ở nước Ma-kiệt-đà.

Vườn Lộc dã, trụ xứ của tiên nhân, thuộc nước Ba-la-nại, nơi Ta chuyển pháp luân.

Hai cội cây trong rừng Sa-la, bên dòng sông Hy-liên, vùng đất phát sinh các lực sĩ, thuộc nước Cưu-thi-na, nơi Ta vào Niết-bàn.

Đó là bốn chỗ. Nếu các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di và tất cả mọi người, kể cả đồ chúng của ngoại đạo, phát tâm muốn đến bốn chỗ ấy để lễ bái thì sẽ đạt được công đức như trên đã nói.

Bấy giờ Tôn giả A-nan nghe Phật dạy như thế liền bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn, từ nay con sẽ truyền lại rộng khắp cho đệ tử bốn chúng biết rõ về nơi chốn ấy, nếu đến lễ bái thì sẽ đạt được công đức như vậy.

Tôn giả A-nan lại bạch Phật:

–Nếu có các hàng Ưu-bà-di phát thiện tâm, khéo giữ giới hạnh, ưa thích nghe kinh pháp, muốn thấy các Tỳ-kheo thì chúng con từ nay sẽ nên xử trí thế nào?

Phật dạy:

–Các vị từ nay chớ nên cùng họ gặp gỡ.

A-nan thưa:

–Khỏi cần gặp gỡ họ, nhưng nếu phải gặp thì nên như thế nào?

Phật dạy:

–Chớ cùng họ nói chuyện.

A-nan thưa:

–Không cùng họ nói chuyện nhưng nếu họ thưa thỉnh muốn được nghe kinh pháp thì phải thế nào?

Phật dạy:

–Nên vì họ giảng nói giáo pháp, song phải khéo thu giữ thân, miệng, ý.

Tôn giả A-nan lại bạch Đức Thế Tôn:

–Chúng con từ nay xin y như vậy mà phụng hành.

Rồi Tôn giả A-nan thưa hỏi:

–Đức Thế Tôn sau khi vào Niết-bàn, phép cúng dường thân xá-lợi nên như thế nào?

Phật dạy:

–Tôn giả nay khỏi phải lo việc này, chỉ nên tự suy nghĩ về cách hộ trì giáo pháp sau khi Ta diệt độ, đem những điều được nghe từ trước, hoan hỷ vì người giảng nói. Vì sao? Vì chư Thiên sẽ đảm nhận lo việc cúng dường thân Ta. Lại còn có các Bà-la-môn, các vị vua, các Trưởng giả, Cư sĩ, những người này sẽ cùng đảm đương công việc cúng dường thân Ta.

A-nan thưa:

–Tuy đã có các hàng trời, người phát tâm cúng dường, nhưng con không biết nên dựa theo pháp nào?

Phật dạy:

–A-nan, muốn cúng dường thân Ta thì theo như pháp cúng dường thân Chuyển luân thánh vương.

Tôn giả A-nan lại hỏi:

–Cúng dường Chuyển luân thánh vương, pháp ấy như thế nào?

Phật dạy:

–A-nan, pháp cúng dường Chuyển luân thánh vương là: dùng bông mới sạch và lụa mịn cùng quấn quanh thân, quấn như vậy đủ cả ngàn lớp, đặt thi thể vào kim quan. Lại dùng quách bằng bạc bọc kim quan ở trong.

Rồi quách bằng đồng bọc quách bằng bạc ấy. Đem quách bằng sắt bọc quách bằng đồng. Như vậy, sau mới rưới các thứ dầu thơm, đem các loại hoa hương rải vào trong quan. Sau đó tấu các loại nhạc, ca ngâm tán tụng rồi mới đậy nắp quan. Tiếp, tạo xe báu lớn, cao rộng, có mái che, có lan can, trang trí tôn nghiêm, rồi đặt kim quan lên xe. Lại ở trong thành, tạo chỗ trà tỳ, phải quét dọn bốn bề sạch sẽ, đem gỗ quý chiên đàn và các loại danh hương nhóm lại thành đống lớn, trên đó trải tấm lụa dày, dùng màn trướng báu lớn che ở trên. Sau đó mới đưa xe chở kim quan đến chỗ trà tỳ, đốt hương, rải hoa, tấu nhạc cúng dường, đi nhiễu quanh đống hương liệu kia bảy vòng, rồi mới thỉnh kim quan đặt trên đống hương liệu, dùng dầu thơm rưới vào, pháp châm lửa phải bắt đầu từ dưới thấp. Trà tỳ xong, thì thâu lấy xá-lợi đặt trong bình vàng, ngay ở chỗ đó nên tạo dựng tháp, xây chùa, trang nghiêm, treo các thứ cờ phướn, lọng báu, đông đảo dân chúng đến lễ bái thì thường ngày đốt hương, rải hoa cúng dường.

A-nan nên biết, pháp cúng dường bậc Chuyển luân thánh vương, sự việc là như vậy. Trà tỳ thân Ta cùng với vua không khác, nhưng tạo tháp thờ thì khác với nhà vua. Nên tạo tháp, dựng chùa trang nghiêm, treo chín cái lọng. Nếu có chúng sanh treo các thứ cờ phướn, lọng báu, đốt hương rải hoa, thắp đuốc, đèn, lễ bái, tán thán, nơi tháp thờ xá-lợi, thì những người ấy sẽ đạt được phước lợi lớn trong suốt cuộc đời mình. Về sau không lâu, cũng lại có người khác tạo dựng tháp lớn cúng dường thân kia. Tôn giả A-nan nên biết, tất cả chúng sanh đều không có tháp, chỉ có bốn người mới được lập tháp:

Một là Đấng Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn luôn thương xót chúng sanh, có thể làm ruộng phước tốt nhất cho thế gian, nên tạo dựng tháp thờ.

Hai là bậc Bích-chi-phật, do suy nghĩ về các pháp mà tự giác ngộ cũng có thể làm phước lợi cho dân chúng trong thế gian, nên tạo dựng tháp thờ.

Ba là bậc A-la-hán, tùy chỗ nghe pháp mà suy nghĩ, dứt hết các lậu hoặc, cũng có thể làm phước lợi cho dân chúng trong thế gian, nên tạo dựng tháp thờ.

Bốn là hàng Chuyển luân thánh vương, nhiều kiếp đã vun trồng phước đức sâu dày, có oai đức lớn, là vua của bốn cõi thiên hạ, đầy đủ bảy thứ báu, tự mình thực hành mười điều thiện, lại khuyến khích mọi

người trong bốn cõi thiên hạ cũng thực hành mười điều thiện, nên tạo dựng tháp thờ.

A-nan nên biết, nếu có chúng sanh đem các phẩm vật cúng dường nơi tháp ấy thì người ấy sẽ đạt được phước đức, theo thứ lớp sai biệt từ cao xuống thấp.

Bấy giờ, Tôn giả A-nan nghe Phật dạy như thế, tâm sanh sầu não, buồn thương khóc lóc, bước lui phía sau cách Phật không xa, than thầm: "Ta nay vẫn còn là kẻ hữu học, ở trong các pháp chưa đạt được nẻo thâm diệu mà Bậc Thầy của trời người sắp bỏ ta để vào Niết-bàn. Ta khi nào mới bước được vào đường giải thoát?". Than như thế rồi đưa tay vin vào một cành cây, tay kia thì vò đầu, muôn phần xót xa, tuyệt vọng.

Đức Thế Tôn hỏi các Tỳ-kheo:

–Tôn giả A-nan hiện đang ở đâu?

Các thầy Tỳ-kheo thưa:

–Tôn giả A-nan đang ở cạnh gốc cây, phía sau Đức Như Lai, than khóc một mình.

Phật lại bảo thầy Tỳ-kheo:

–Thầy có thể đến chỗ kia bảo Tôn giả A-nan: "Bậc Thầy của trời người nay muốn thấy Tôn giả".

Thầy Tỳ-kheo vâng theo lời dạy của Như Lai đến nói với Tôn giả A-nan. Tôn giả nghe xong liền trở về, đến ngay chỗ Phật, cung kính đảnh lễ rồi đứng qua một bên. Đức Thế Tôn hỏi Tôn giả A-nan:

–Những ngày gần đây Ta đã nói với Tôn giả: "Tất cả các hành đều là vô thường, thương yêu gặp gỡ tất phải xa lìa", ông nay sao còn sanh tâm buồn thương quá thể như vậy? Lại nữa A-nan, ông từ trước đến nay làm thị giả cho Ta, gần gũi, đảm đang mọi việc, tới lui qua lại, sắp xếp khách viếng đều luôn đúng pháp, hợp cách. Lại thấy ông ba nghiệp thân, miệng, ý đều thanh tịnh, không có lỗi lầm, ông đạt được phước lợi thật là vô lượng.

Đức Thế Tôn lại nói với các thầy Tỳ-kheo:

–Tôn giả A-nan không nên quá buồn thương như vậy. Vì sao vậy? Vì không bao lâu nữa Tôn giả sẽ đạt đến chỗ giải thoát. Các thầy Tỳ-kheo nên biết, chư Phật thời quá khứ đều có thị giả như Tôn giả A-nan hiện nay, các Đức Phật thời vị lai cũng lại như vậy. Các thầy Tỳ-kheo nên biết, Tôn giả A-nan hiện tại là một thị giả có trí tuệ sâu xa, thông minh, lợi căn. Ta từ trước đến nay giảng nói vô số các pháp, Tôn giả A-

nan đều ghi nhớ, giữ gìn không quên.

Lại nữa, các thầy Tỳ-kheo, Tôn giả A-nan khéo biết sắp xếp thời gian các trường hợp tới lui đúng pháp. Nếu có khách muốn đến yết kiến Ta, Tôn giả A-nan đều suy tính trước một cách hợp lý để cho họ được gặp Đức Thế Tôn: khi nào thì dành cho các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, khi nào thì dành cho các Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, khi nào thì đến lượt các hàng Bà-la-môn, Sát-lợi, Trưởng giả, Cư sĩ, kể cả các chúng ngoại đạo. Như vậy những vị đến xin gặp Ta và nghe giảng pháp, thảy đều đạt được rất nhiều công đức phước lợi. Vì sao vậy? Vì tất cả đều do Tôn giả A-nan thông báo và dẫn dắt đến gặp Ta đúng lúc, khiến cho họ căn lành được thành tựu trọn vẹn.

Lại nữa, các thầy Tỳ-kheo, Chuyển luân thánh vương có bốn pháp hy hữu đặc biệt:

Nếu các hàng Bà-la-môn đi đến chỗ ở của Chuyển luân thánh vương, đến nơi thấy dung mạo của vua đoan nghiêm, oai đức lộ rõ, thì sanh tâm hoan hỷ. Lại được nghe vua nói, âm thanh ngôn từ trong suốt thì cũng sanh hoan hỷ, cho đến thấy vua im lặng không nói thì trong lòng cũng phấn khởi. Rồi khi từ giã nhà vua trở về chỗ cũ của mình ai cũng lưu luyến mến mộ, bước từng bước mà buồn thương bứt rứt như người đói khát không được no đủ.

Các vị Sát-lợi.

Các vị Tỳ-xá.

Các vị Thủ-đà-la cũng lại như vậy.

Đó là bốn việc đặc biệt ít có của Chuyển luân thánh vương. Nên biết, Tôn giả A-nan cũng có bốn việc đặc biệt như vậy:

Các thầy Tỳ-kheo từ phương xa trở về, nhằm vấn an thăm hỏi Ta, thứ đến gặp Tôn giả A-nan đều sanh tâm hoan hỷ, nghe Tôn giả nói pháp và gặp lúc lặng thinh, cũng đều vui thích, từ biệt mà đi, đều lưu luyến mến mộ không dứt.

Các vị Tỳ-kheo-ni.

Các hàng Ưu-bà-tắc.

Các hàng Ưu-bà-di cũng lại như vậy.

Các vị nên biết, A-nan có bốn việc đặc biệt như thế. Đức Thế Tôn lại bảo A-nan:

–Nay Tôn giả không nên tự sanh khổ não than thở: "Bậc Thầy của trời, người sắp vào Niết-bàn, Ta nay không còn cơ hội để mong đạt được

giải thoát". Vì sao? Phàm những gì Ta đã thuyết giảng tức tất cả kho tàng giáo pháp, sau khi Ta diệt độ, phải nên suy nghĩ phụng trì, tinh tấn tu tập, không bao lâu tự mình sẽ đạt được giải thoát.

Lúc ấy Tôn giả A-nan được Đức Như Lai dùng Phạm âm an ủi, nên mọi ưu phiền sầu khổ đã giảm bớt. Tôn giả liền bạch Phật:

–Con nay trong lòng có chút tỉnh ngộ, muốn được thưa thỉnh, kính xin Thế Tôn thương xót.

Đức Phật đáp:

–Tôn giả muốn thưa điều gì cứ nói.

Tôn giả A-nan bạch Phật:

–Thành Cưu-thi-na này so với các nước lớn rất là xa cách nhỏ hẹp, dân chúng cũng không đông đúc, phồn thịnh. Kính mong Đức Thế Tôn đi đến các nước lớn khác như thành Vương xá, thành Tỳ-da-ly, thành (nước) Xá-vệ, thành Ba-la-nại, thành A-du-xà, thành Chiêm-ba, thành Câu-diệm-di, thành Đức-xoa-thi-la. Các thành như thế dân chúng đông đảo, sung túc, đất nước lại thịnh vượng, an lạc, người nhiều tín tâm, trí tuệ, thông minh. Kính mong Đức Thế Tôn đi đến các thành ấy để vào Niết-bàn, nhân dân trong những thành đó sẽ đạt được lợi ích lớn.

Đức Thế Tôn đáp:

–Tôn giả nay không nên thưa thỉnh Ta mà nói: "Thành Cưu-thi-na này là xa xôi nhỏ hẹp!". Tôn giả nên lắng nghe, Ta nay sẽ vì ông mà nói rõ. Này A-nan, về thời quá khứ xa xưa, thành Cưu-thi-na này có vị Chuyển luân thánh vương tên là Đại Thiện Kiến, đầy đủ bảy món báu. Vua có ngàn người con, có năng lực hàng phục giặc oán, đều dùng chánh pháp để giáo hóa muôn dân. Lúc bấy giờ thành ấy có tên là Cưu-thi-bà-đế. Từ cửa Đông đến cửa Tây cách nhau mười hai du-xà-na. Cửa Nam, cửa Bắc cách nhau tám du-xà-na. Bốn mặt đều có bảy lớp thành bao quanh: lớp thứ nhất ở trong thành hoàn toàn dùng bằng vàng, lớp thứ hai xây dựng bằng bạc, lớp thứ ba tạo dựng bằng lưu ly, lớp thứ tư bằng pha lê, lớp thứ năm bằng xa cừ, lớp thứ sáu bằng mã não, lớp thứ bảy do các thứ báu hợp lại tạo nên.

Trong thành, lầu gác có đến bảy tầng, cửa sổ lan can đều dùng bảy báu để chạm trổ, trang trí. Trên cao giăng lưới treo các linh báu, khoảng cách nhau với mặt đường xa một lần tên. Thành có bốn cửa lớn, muốn vào thành phải qua chín lớp cửa đều trang hoàng uy nghiêm, sáng

đẹp, vui mắt. Bên ngoài bảy lớp thành đều có ao nước, nước ấy trong sạch có đủ tám thứ công đức, đều dùng bảy báu để làm bậc thềm. Có các loài chim như: loan, phượng, khổng tước, le le, vịt nước, uyên ương bay lượn lên xuống, nhảy múa ca hót. Nơi ao nước lại có các thứ hoa như Cưu-mâu-đầu, Uất-ba-la, Phân-đà-lợi, hoa sen xanh, vàng, đỏ, trắng màu sắc xen kẽ. Trên bờ thì có bảy hàng cây báu, mỗi hàng cây đều được tạo thành do các loại báu khác nhau. Gió nhẹ thổi qua cành cây, lá kêu xào xạc, âm thanh như nhạc trời. Dân chúng trong thành đều no đủ, an ổn giàu vui, cuộc sống rất là sung túc, năm dục không thiếu cũng như nơi cõi trời Đao-lợi. Trên đường đi treo nhiều hạt ngọc minh châu, dân chúng qua lại không kể đêm ngày.

Thành ấy luôn có mười loại âm thanh: tiếng voi, tiếng ngựa, tiếng xe cộ, tiếng trống, tiếng loa, tiếng của các loại đàn cầm, đàn sắt, tiếng khua chuông, đánh khánh thiết lập đại hội, tiếng ca ngợi những người trì giới, thứ mười là tiếng cùng nhau bàn luận giảng nói Phật pháp.

Vua Đại Thiện Kiến có các uy đức, thân tướng đoan nghiêm bậc nhất, mọi người trông thấy đều kính mến lại được sống lâu, an lạc, thân không tật bệnh. Vua là người nhân từ, thương nhớ tất cả chúng sanh, như người cha yêu mến các con. Tất cả dân chúng luôn tôn kính đức vua cũng như đối với người cha lành.

Này A-nan, vua Đại Thiện Kiến những lúc muốn ra khu vườn rừng ngắm cảnh vui chơi, thì cho chỉnh đốn bốn thứ binh chủng, số lượng đến tám vạn bốn ngàn quân. Lại nữa, trong cung, phu nhân và tám vạn bốn ngàn thể nữ cũng được lên xe theo vua cùng đi. Khi ấy vua ra lệnh cho các hàng Bà-la-môn, Trưởng giả, Cư sĩ trong nước đều theo đức vua cùng đi dạo chơi. Sửa soạn sắp đặt xa giá xong xuôi, khi ấy vị quan chủ binh vào tâu vua: "Bốn binh chủng đã sẵn sàng, mong đức vua biết thời". Bấy giờ nhà vua ngự trên xe voi trắng, cùng các Bà-la-môn, Trưởng giả, Cư sĩ, các đại thần, quyến thuộc và bốn binh chủng trước sau vây quanh, đi đến khu vườn rừng, voi đi rất nhanh tợ như gió lướt. Bấy giờ, các vị đại thần, Bà-la-môn, Trưởng giả, Cư sĩ cùng can gián vua:

–Đại vương ở lâu trong thâm cung, dân chúng bên ngoài ít có nhân duyên thấy vua. Nay ngài đến khu vườn rừng du ngoạn, tất cả dân chúng đang đứng chật hai bên đường, đều mong muốn được chiêm ngưỡng đại vương. Do việc ấy, mong ngài ra lệnh cho người dẫn đường không cần đi nhanh.

Vua nghe lời liền bảo người hầu nên cho xe đi từ từ, dân chúng hai bên đường mặc sức chiêm ngưỡng đức vua, như con thấy cha. Khi ấy vua trông thấy các nơi ngã tư đường đều bằng phẳng, bảy hàng cây báu la liệt rợp bóng im mát mà thiếu ao nước, vua liền ra lệnh cho một vị quan, bên lề đường tạo các ao bảy báu, khoảng rộng cách nhau đến cả trăm cung, trồng thêm các loại hoa nổi tiếng. Cũng ra lệnh trong mỗi ao đều cho người trông coi giữ gìn. Nếu người đến tắm thì có nước hoa thơm, đồ ăn uống, tùy ý sử dụng, cung cấp như vậy không kể ngày đêm. Lại ra lệnh cho các cận thần: từ nay về sau dân chúng nơi phương xa có đến cầu xin, tùy theo sự cần dùng mà cung cấp cho họ.

Sau khi đến khu vườn rừng, vua cùng các hàng Bà-la-môn, Trưởng giả, Cư sĩ, đại thần xem cảnh, vui chơi thích thú, cho đến trời chiều; ngọc minh châu chiếu sáng như ban ngày, không còn thấy bóng mặt trời mới biết là ban đêm. Khi ấy vua cùng các Bà-la-môn, Trưởng giả, Cư sĩ, các quan và dân vui chơi xong thì cùng trở về cung.

Một ngày khác, các Bà-la-môn, Trưởng giả, Cư sĩ cùng các đại thần đem các thứ châu báu giá trị nổi tiếng dâng lên vua. Đức vua nói:

–Những ngày gần đây ta đi dạo chơi nơi khu vườn rừng, đã bảo các vị đại thần từ đây trở đi có người đến cầu xin thì theo đấy mà cấp cho họ. Ta làm việc bố thí đến như vậy, các khanh sao còn đem vật báu hiến cho ta?

Nhà vua tự nghĩ: "Những người sở dĩ đem vật báu đến dâng cho ta đều là do tài sản của những người giàu sang trong nước. Tài sản ấy đều do người nghèo đem đến". Vua liền dạy quan giữ kho đem các thứ châu báu và đồ cần dùng để tại ngã tư đường, đánh trống, khua chuông kêu gọi người ở xa trong bốn phương biết: "Nay vua Đại Thiện Kiến mở kho báu để bố thí. Nếu ai cần dùng, tùy ý đến lấy". Vua thường như vậy, rộng thực hành việc bố thí đem lại lợi ích cho chúng sanh không kể ngày đêm.

Bấy giờ các hàng Bà-la-môn, Trưởng giả, Cư sĩ trong nước, cùng các vị đại thần tâu với nhà vua:

–Thưa đại vương, cung điện của đại vương đang ở thật quá chật hẹp. Chúng thần mỗi khi đến thăm hỏi đức vua, đám tùy tùng không có chỗ dung nạp. Kính xin đại vương mở rộng cung điện cho thật rộng lớn.

Vua nghe tâu, lặng yên chấp nhận, tự suy nghĩ: "Ta nay nên mở rộng cung điện thành trì". Khi ấy trời Đế-thích biết tâm niệm của vua,

liền gọi một vị Thiên tử tên là Tỳ-thủ-kiến-ma rất tài giỏi, làm được mọi việc, đến dạy:

–Nay dưới cõi Diêm-phù-đề, vua Chuyển luân thánh vương tên là Đại Thiện Kiến, muốn mở rộng cung điện, thành trì, ông có thể xuống làm người thợ giỏi, khiến nơi ấy trở thành chốn trang nghiêm đẹp đẽ, chạm trổ, trang hoàng cũng như cung điện của ta không khác.

Vị trời kia vâng lệnh, chỉ trong khoảng thời gian như một tráng sĩ co duỗi cánh tay, đã đến cõi Diêm-phù-đề, đứng ngay trước nhà vua, vua thấy thân tướng của vị thần ấy phong độ đoan nghiêm khác thường, biết chắc là hàng phi phàm nên hỏi:

–Ngài là vị thần ở đâu bỗng nhiên xuất hiện?

Vị trời ấy đáp:

–Đại vương nên biết, tôi là đại thần của trời Đế-thích tên là Tỳ-thủ-kiến-ma, rất quen với nghề xây dựng. Đại vương có ý nghĩ muốn mở rộng cung điện nên trời Đế-thích sai tôi xuống đây đảm nhận công việc trông coi trợ giúp vua.

Vua nghe lời ấy, tâm vô cùng hoan hỷ. Khi ấy vị Thiên tử bắt đầu cho thực hiện việc mở rộng cung điện, thành trì. Thành gồm bốn cửa, khoảng rộng cách nhau hai mươi bốn du-xà-na; vì vua tạo cung điện cao, thấp, rộng, hẹp mỗi bên đều tám du-xà-na, dùng bảy báu để trang trí, tô điểm đẹp đẽ như cung trời Đế-thích. Trong cung điện có tám vạn bốn ngàn phòng riêng để ở, đều có đầy đủ các loại giường màn, đồ nằm bằng bảy báu. Lại vì vua mà kiến tạo điện thuyết pháp cao, thấp, ngang, rộng đều bằng tám du-xà-na, cũng dùng bảy báu để trang hoàng đẹp đẽ, uy nghiêm không khác. Trước cung điện ấy, bốn mặt đều có bảy hàng cây báu cùng trồng các loại hoa nổi tiếng rất ngay ngắn để tạo bóng mát. Lại xây ao báu, nước trong ao thanh khiết, đủ tám thứ công đức. Phần chính giữa cung điện đặt tòa sư tử, bằng bảy báu trang nghiêm, vô cùng cao rộng, dùng màn báu che phủ ở trên, giăng treo bảy báu cùng khắp. Lại vì những người từ bốn phương xa đến nghe pháp, tạo ra bốn loại tòa ngồi bằng vàng, bạc, lưu ly, pha lê, số lượng đến tám vạn bốn ngàn cái.

Vị trời Tỳ-thủ-kiến-ma đã vì nhà vua mà tạo lập cung điện, thành trì tất cả đều hoàn tất, bèn từ biệt nhà vua, bỗng nhiên biến khỏi nơi đó trở về cung trời. Bấy giờ vua Đại Thiện Kiến thấy cung điện thành trì xây dựng, trang hoàng đã xong, liền ra lệnh cho quan hầu cận đánh

trống rao gọi khắp trong nước được biết: Vua Đại Thiện Kiến sau bảy ngày sẽ vì mọi người giảng nói chánh pháp, nếu ai muốn nghe đều có thể đến cung điện để nghe.

Khi ấy các hàng Bà-la-môn, Trưởng giả, Cư sĩ, các đại thần và dân chúng nghe lệnh này rồi đều lần lượt quy tụ về tại giảng đường. Lúc đó vua đi tới điện thuyết pháp, bước lên tòa sư tử. Tất cả những người đến nghe pháp cũng đã ngồi yên trên bốn loại tòa báu. Đức vua trước tiên vì mọi người nói pháp mười điều thiện, sau đó lại chỉ bày các pháp môn khác, trải qua đến một vạn hai ngàn năm. Chúng sanh nước ấy nếu đã từng nghe vua nói pháp, đến khi mạng chung đều được sanh lên cõi trời, không còn bị đọa vào ba đường ác.

Này Tôn giả A-nan, vị vua ấy luôn đem lại lợi ích cho tất cả chúng sanh như thế. Này A-nan, lúc bấy giờ vua Đại Thiện Kiến đang ở trong tĩnh thất, tâm tự suy nghĩ: "Ta ở trong đời quá khứ đã tạo nghiệp gì, tu tập căn lành gì mà được sanh làm người tôn quý trong đời, có oai đức lớn, dung mạo, sức lực, thọ mạng không ai bằng? Chính là do trong đời quá khứ đã từng rộng tu các phép bố thí, nhẫn nhục, từ bi nên nay mới đạt được phước báo như thế. Vậy ta nay phải dốc tu hành tinh tấn hơn nữa". Nhà vua tiếp tục tư duy, trong khoảng thời gian không lâu liền đạt được Sơ thiền, cho đến Tứ thiền, và còn tu tập Bốn tâm vô lượng.

Này A-nan, vua Đại Thiện Kiến lại còn chỉ dạy cho phu nhân và các thể nữ trong cung đều tu Tứ thiền.

❑

KINH ĐẠI BÁT-NIẾT-BÀN

QUYỂN III

Bấy giờ, ở núi Tuyết có tám vạn bốn ngàn con voi trắng, ngày ngày đi đến sắp hàng trước điện nhà vua. Khi ấy vua nghĩ: "Các con voi trắng này thường đến đây tất phải đi qua các đường giẫm đạp muôn vật". Liền lệnh cho quan chủ binh:

–Từ nay về sau không cần cho đám voi đông đảo ấy đến đây hàng ngày! Trải qua một ngàn năm có thể đến một lần, nhưng chỉ cần số lượng bốn vạn hai ngàn con là đủ, không cần phải đến tám vạn bốn ngàn con như thế!

Ngọc nữ báu của vua tên là Thiện Hiền cùng với các phu nhân khác và tám vạn bốn ngàn thể nữ ở trong tĩnh thất, ngồi thiền tư duy, trải qua bốn vạn năm, cùng nói với nhau: "Chúng ta ngồi thiền tư duy tại đây đã bốn vạn năm không thấy đại vương. Nay nên đến lễ bái thăm hỏi". Nói như thế rồi liền cùng nhau đi đến chỗ vua. Các cung nữ vào tâu vua:

–Thiện Hiền cùng tám vạn bốn ngàn thể nữ đến để thăm hỏi vấn an đức vua.

Vua nghe xong liền đi đến điện Thuyết pháp, lên ngồi trên tòa sư tử. Trong chốc lát Thiện Hiền và các thể nữ có mặt đông đủ. Vua liền gọi tới trước. Khi ấy Thiện Hiền cùng đám thể nữ lần lượt bước đến trước chỗ vua ngồi, đầu mặt lễ nơi chân, thứ lớp mà ngồi, rồi thưa:

–Chúng tôi cùng ở trong tĩnh thất, tọa thiền tư duy trải qua bốn vạn năm, đã lâu không gặp đại vương nên nay xin đến thăm hỏi, có điều muốn tâu bày, xin đại vương chấp nhận.

Vua đáp:

–Lành thay! Tùy ý.

Thiện Hiền liền thưa:

–Cõi Diêm-phù-đề này phía Tây là xứ Cù-da-ni, phía Bắc là xứ Uất-đơn-việt, phía Đông là xứ Phất-bà-đề, dân chúng bốn phương rất đông đúc, giàu vui, an ổn, thực hành mười điều thiện đều nhờ vào sức cảm hóa từ uy đức của đại vương. Nơi cõi Diêm-phù-đề này, những thành như Cưu-ma-bà-đế, số lượng có đến tám vạn bốn ngàn. Những thành ấy, từ vua đến dân chúng và các hàng Bà-la-môn đều về đây, muốn yết kiến đại vương, nhưng đại vương tọa thiền trải qua nhiều năm, những người đến vương triều muốn được gặp vua đều không thấy, ví như các con hiếu không được thấy mặt cha lành. Lại nữa, dân chúng trong bốn thiên hạ từ lâu đã không được thấy đại vương du hành khắp chốn. Xin đại vương khéo dùng thời gian thích hợp để vỗ về, dẫn dắt muôn dân. Chúng tôi là phận nữ yếu đuối, thật chẳng có ích đối với đất nước, nên mới thích hợp với việc ngồi thiền lâu dài. Đại vương là bậc cao quý, thống lãnh cai quản cả trong ngoài, tất cả dân chúng đều ngưỡng mộ, tôn kính, đâu như việc làm của hàng nữ nhân chúng tôi. Nào voi trắng, xe, ngựa mỗi thứ đều có đủ số lượng là tám vạn bốn ngàn, đại vương nên dùng đến để du hành, thưởng ngoạn. Đại vương ngày xưa thường vì mọi người giảng nói chánh pháp, chỉ dạy tu tập mười điều lành. Nhưng trong thời gian ngài ngồi thiền việc này đã bỏ phế.

Khi ấy Thiện Hiền dùng các việc như vậy để tâu bày, can gián đức vua. Vua Đại Thiện Kiến nghe xong những lời ấy, liền đáp:

–Khanh trước sau đều dùng việc lành để can gián, khuyến khích ta. Nay nghe nàng nói thật trái với ý người xưa.

Thiện Hiền nghe đức vua dạy như thế thì rơi lệ nghĩ: "Ta sở dĩ dám can gián đại vương vì cho nhận thức của mình là đúng, nhưng không khéo lại sanh tội lỗi", liền từ tòa ngồi đứng dậy, đảnh lễ nơi chân đức vua và thưa:

–Thiếp nay ngu si không rõ chánh lý, mới dám đem những việc như thế để can gián đại vương. Kính mong đại vương cho thiếp được sám hối.

Vua Đại Thiện Kiến đáp lời Thiện Hiền:

–Tất cả các hành đều là vô thường, ân ái tụ hội rồi cũng biệt ly. Bốn cõi thiên hạ này tuy giàu mạnh như vậy nhưng không bao lâu nữa ta cũng phải lìa bỏ. Ta ngày xưa trải qua tám vạn bốn ngàn năm là bé

thơ, tám vạn bốn ngàn năm làm đồng tử, tám vạn bốn ngàn năm thọ pháp quán đảnh làm thái tử, tám vạn bốn ngàn năm nhận lễ quán đảnh ở ngôi vua, sau đó mới thành Chuyển luân thánh vương, thống lãnh khắp bốn cõi thiên hạ, bảy báu đầy đủ, tám vạn bốn ngàn năm hành xử việc dân, tám vạn bốn ngàn năm vì muôn dân giảng nói chánh pháp, tám vạn bốn ngàn năm ngồi thiền tư duy. Suốt trong thời gian năm mươi tám vạn tám ngàn năm, tuy thọ mạng dài lâu như vậy rồi cũng phải chấm dứt. Ta nay đã già, mạng sống sắp hết, các bậc vua ngày xưa đều tôn quý dục lạc, như ta không khác, rồi cũng tàn tạ trở về với vô thường. Thành Câu-thi-bà-đế và tám vạn bốn ngàn thành lớn khác rồi cũng bị diệt, không nên đối với cảnh ấy sanh lòng mến yêu tham đắm, tăng trưởng tâm buông lung. Ta nay sở dĩ được địa vị tôn quý, thù thắng này đều do ngày xưa gom góp các nghiệp lành, vậy ngày nay cũng phải gieo trồng nhiều thiện nghiệp để tạo nhân tốt cho đời sau. Vì thế nên ta phải ngồi thiền trải qua nhiều năm tháng.

Bấy giờ Thiện Hiền và các thể nữ nghe đức vua dạy như vậy trong lòng hoan hỷ, đảnh lễ nơi chân vua, rồi trở về cung của mình. Không bao lâu sau nhà vua ốm đau, tự biết sắp mạng chung liền lập thái tử lên làm vua, nhóm họp các vị đại thần, cùng các hàng Bà-la-môn, Trưởng giả, Cư sĩ, dùng nước nơi bốn bể làm lễ quán đảnh cho thái tử. Việc đã hoàn tất, vua liền mạng chung, sinh lên cõi Phạm thiên.

Này A-nan, vua Đại Thiện Kiến làm vua tuy thống lãnh cả bốn cõi thiên hạ mà chỗ ở chỉ chọn lấy cõi Diêm-phù-đề. Cõi ấy tuy có tám vạn bốn ngàn thành lớn mà chỗ ở chỉ có thành Câu-thi-bà-đế. Ở trong núi Tuyết, có tám vạn bốn ngàn voi trắng báu mà vua chỉ cưỡi chỉ có một con. Tuy có tám vạn bốn ngàn con tuấn mã hay mà vua chỉ dùng một con. Tuy có tám vạn bốn ngàn xe bằng bảy báu mà vua thường ngự giá chỉ mỗi một chiếc. Tuy có tám vạn bốn ngàn vị phu nhân, mà vua yêu mến chỉ có một người. Tám vạn bốn ngàn ngôi điện báu chạm trổ trang sức, vua sử dụng chỉ có một điện. Đối với thân mình chỉ cần vừa đủ no nhưng vua luôn dốc sức lo toan khắp bốn phương thiên hạ, buộc tâm theo việc bên ngoài, luống nhọc tinh thần, không màng thân thể.

Này A-nan, vua Đại Thiện Kiến đâu phải người nào lạ, chính là thân Ta. Ta ngày xưa sống trong địa vị tôn quý, quốc độ thành trì đều ở tại đây. Cũng chính nơi thành này Ta làm Chuyển luân thánh vương, tạo mọi lợi ích cho vô lượng chúng sanh số lượng không thể tính. Nay chư Thiên vân tập đến đây đầy cả hư không, đều do Ta ngày xưa khi

làm vua, luôn dùng các pháp lành để giáo hóa mà đạt được. Chư Thiên ấy nay cũng tại thành này thấy Ta sắp vào Niết-bàn, sẽ khiến họ rồi cũng sẽ được quả Niết-bàn.

Này Tôn giả A-nan, do các sự kiện như vậy, nên Tôn giả chớ cho rằng thành Cưu-thi-na này là xa xôi, nhỏ hẹp. Nay Ta quyết định trú ở đây mà vào Niết-bàn.

Khi Đức Như Lai diễn bày về việc ấy, có vô số ức chư Thiên và loài người, ở trong các pháp xa trần cảnh, lìa cấu nhiễm, đạt được pháp nhãn thanh tịnh, liền đồng thanh bạch Phật:

–Kính bạch Thế Tôn, từ thời xa xưa vô lượng vô biên A-tăng-kỳ kiếp, Đức Thế Tôn đã dùng các pháp lành tạo lợi ích cho chúng con, nay lại ở đây mà vào Niết-bàn tạo sự an lạc cho chúng con.

Liền lập tức tung rải hoa thơm và tấu nhạc trời, ca vịnh tán thán để cúng dường Đức Phật.

Tôn giả A-nan bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn, kỳ lạ thay! Thành Cưu-thi-na này về thời quá khứ đã có những việc kỳ lạ đặc biệt. Con nay không còn sanh tâm coi thường nữa.

Đức Thế Tôn bảo A-nan:

–Tôn giả hãy vào thành Cưu-thi-na nói với các Lực sĩ: "Đức Phật trong ngày hôm nay, sau nửa đêm sẽ vào Niết-bàn", để họ có thể đến gặp gỡ Ta, nếu có chỗ nghi hoặc thì mặc tình thưa hỏi, chớ để khi Ta đã vào Niết-bàn không kịp thấy nhau, sanh tâm hối hận.

Tôn giả A-nan nghe Phật dạy như vậy thì càng buồn thương xót xa, rồi đảnh lễ nơi chân Phật, thân tướng giữ đúng oai nghi cùng với một Tỳ-kheo khác đồng vào thành. Lúc đó, trong thành Cưu-thi-na, các vị lực sĩ nam nữ, lớn nhỏ, mới vừa nhóm họp bàn luận về việc Đức Như Lai sẽ vào Niết-bàn, mọi người đều muốn đến viếng Đức Phật. Khi gặp Tôn giả A-nan, họ liền hỏi:

–Chúng con nghe Đức Thế Tôn đang nghỉ ở giữa hai cội cây Sa-la sắp vào Niết-bàn, chính chúng con vừa bàn luận muốn đến chỗ Phật.

Tôn giả A-nan trình bày đầy đủ những lời dạy của Đức Như Lai cho các Lực sĩ. Họ nghe rồi thì đều buồn thương than khóc, có người ngất xỉu trên đất, cùng than thở:

–Hỡi ôi, khổ thay! Con mắt của thế gian sắp mất. Chúng ta từ nay biết nương tựa vào đâu! Cũng như bé thơ mất đi mẹ hiền, từ nay về sau

cõi trời người sẽ giảm bớt, ba đường ác ngày càng tăng thêm.

Rồi họ thưa với Tôn giả A-nan:

–Cả quyến thuộc chúng con nay muốn đến viếng Phật.

Tôn giả A-nan trở về bạch Phật:

–Con đem lời dạy của Đức Thế Tôn vào thành tuyên nói, các vị Lực sĩ đều kinh hoàng, khóc than, thương tiếc, tất cả sẽ đến chiêm ngưỡng Đức Thế Tôn.

Các vị Lực sĩ nam nữ, lớn nhỏ, tất cả cùng nhau rơi lệ than thở, theo đường đi đến viếng Phật. Bấy giờ Tôn giả A-nan nhận thấy các vị Lực sĩ số lượng quá đông, nên tự nghĩ: "Nếu để cho từng người vào lễ Phật thì sẽ không biết đến khi nào mới xong, ta nay nên sắp xếp cho từng gia đình lễ Phật". Khi các vị Lực sĩ đã đến chỗ Phật, Tôn giả A-nan liền nói với họ:

–Các vị đến đây số lượng quá đông, nếu mỗi người vào lễ Phật sẽ lâu lắm mới xong. Nay mỗi gia đình hãy cùng lúc vào lễ bái.

Các vị Lực sĩ nghe theo lời chỉ dẫn ấy, liền lần lượt vào lễ Phật rồi lùi lại, ngồi qua một bên, bạch Phật:

–Xin Đức Thế Tôn trụ thế trong một kiếp hoặc gần một kiếp, không vào Niết-bàn để đem lại lợi ích cho tất cả trời, người. Nay chúng sanh sẽ không còn mắt tuệ, kính mong Đức Thế Tôn vì chúng sanh mà làm người khai mở dẫn dắt.

Đức Như Lai nói với các Lực sĩ:

–Các vị nay không nên thưa thỉnh Ta nữa. Vì sao vậy? Vì tất cả các hành đều là vô thường, ân ái tụ hội rồi cũng phải biệt ly. Nếu Ta ở đời dù đủ một kiếp rồi cũng hoại diệt. Những pháp Ta đã giảng nói các vị nên nhớ nghĩ, giữ gìn, tụng niệm chớ để quên mất. Nếu được như vậy thì không khác gì Ta còn tại thế.

Các vị Lực sĩ nghe Phật dạy như vậy thì không dám thưa thỉnh nữa, nhưng trong lòng buồn rầu, ảo não, ngồi im lặng. Bấy giờ, trong thành Cưu-thi-na có một vị ngoại đạo tên là Tu-bạt-đà-la, đã một trăm hai mươi tuổi, thuộc hàng thông tuệ, từng đọc tụng bốn bộ Vệ-đà, tất cả các thứ sách vở luận thuyết đều thông thạo, được mọi người tôn kính. Ông nghe Đức Như Lai ở giữa hai cội cây trong rừng Sa-la sắp vào Niết-bàn, nên tự nghĩ: "Các sách vở, kinh luận của ta đọc có nói các Đức Phật ra đời rất là khó gặp, như hoa Ưu-đàm-bát lâu lắm mới xuất hiện một lần. Ngài đang ở trong rừng Sa-la, ta nay có chỗ nghi ngờ hãy

đến thưa hỏi. Đức Cù-đàm nếu có thể giải quyết nghi ngờ cho ta thì mới thật sự là bậc đạt được Nhất thiết chủng trí". Suy nghĩ như thế rồi, ông bèn đi đến chỗ Phật. Tới phía ngoài rừng, ông gặp Tôn giả A-nan, liền thưa:

–Trong sách vở, kinh luận của tôi đọc có nói: "Đức Phật ra đời rất là khó gặp, muôn ngàn vạn kiếp đến thời mới xuất hiện, như hoa Ưu-đàm-bát không thể dễ gặp". Ngài giáo hóa ở đời tôi không được gặp từ đầu, nay nghe tại đây, trong rừng Sa-la này, Ngài sắp vào Niết-bàn, tôi có chỗ nghi ngờ muốn đến thưa hỏi, Tôn giả có thể vì tôi mà bạch với Đức Thế Tôn là tôi rất mong muốn xin được gặp Ngài.

Tôn giả A-nan nghe Tu-bạt-đà-la nói như thế, liền suy nghĩ: "Đức Thế Tôn hiện nay bốn đại không điều hòa, tiếp chuyện với những người đến thăm quá lâu, nên Ngài đã mệt mỏi, giờ lại cùng ngoại đạo này gặp gỡ tất có nói bàn luận giảng giải, nếu cho ông ta vào sẽ khiến cho Đức Thế Tôn càng mệt hơn nữa". Nghĩ như vậy, nên liền đáp:

–Đức Thế Tôn hiện nay bốn đại không điều hòa, đang nằm nghỉ trong rừng cây, thân bệnh nên rất mệt mỏi, ông không nên vào gặp Đức Như Lai, chớ làm trở ngại khi Đức Như Lai sắp vào Niết-bàn.

Tu-bạt-đà-la ba lần thưa thỉnh như vậy, và Tôn giả A-nan cũng lại ba lần đáp như thế. Khi ấy Đức Thế Tôn dùng thiên nhĩ thanh tịnh, nghe tiếng Tu-bạt-đà-la thưa thỉnh Tôn giả A-nan, lại quán sát căn cơ biết là lúc có thể độ, liền dùng Phạm âm bảo Tôn giả A-nan:

–Tôn giả chớ làm trở ngại đối với người đệ tử sau cùng của Ta. Hãy cho Tu-bạt-đà-la đến trước đây, Ta muốn gặp ông ấy. Người ấy chất trực, thông tuệ, dễ ngộ, sở dĩ đến đây là muốn giải quyết chỗ mình còn nghi ngờ, chẳng phải đến để tranh luận hơn thua.

Tôn giả A-nan liền vâng lời dạy của Đức Phật, nói với Tu-bạt-đà-la:

–Nay Đức Thế Tôn đã chấp thuận để ông được gặp.

Tu-bạt-đà-la nghe Đức Phật đã chấp thuận thì hết sức hoan hỷ phấn chấn chẳng thể tự kiềm chế, suy nghĩ: "Sa-môn Cù-đàm chắc chắn là bậc đã được Nhất thiết chủng trí". Rồi ông liền đi đến trước Phật bày tỏ lời thăm hỏi, ngồi qua một bên, thưa:

–Bạch Đức Cù-đàm, tôi có điều muốn được thưa hỏi, xin Ngài chấp thuận cho.

Phật dạy:

–Lành thay! Lành thay! Tu-bạt-đà-la, ông cứ thưa hỏi.

Tu-bạt-đà-la liền hỏi Phật:

–Hiện nay các hàng Sa-môn, Bà-la-môn trong thế gian có sáu vị thầy của ngoại đạo là: Phú-lan-na Ca-diếp, Mạt-già-lợi-câu-xa-lê Tử, San-xà-dạ-tỳ-la-thị Tử, A-kỳ-đa-xí-xá-khâm-bà-la, Ca-la-cưu-đà-ca-chiên-diên, Ni-kiền-đà-nhã-đề Tử... ai cũng tự nói mình là người đã đạt được Nhất thiết trí, bảo các học phái khác là tà kiến, cho công việc tu hành của họ là con đường giải thoát, còn việc hành hóa của người khác thì cho là nhân của sanh tử, cùng nhau tranh luận hơn thua, phải quấy. Vậy làm sao biết được thật hư? Vị thầy nào đáng được gọi là Sa-môn? Vị thầy nào đúng là nhân của sự giải thoát?

Đức Như Lai liền đáp:

–Lành thay, lành thay! Tu-bạt-đà-la, ông đã có thể hỏi Ta về ý nghĩa như vậy. Lắng nghe, hãy lắng nghe! Ta sẽ vì ông mà giảng nói. Này Tu-bạt-đà-la, trong các giáo pháp, nếu không thấy có pháp Bát thánh đạo thì nên biết sẽ không có tên của bốn quả Sa-môn thứ nhất, thứ hai, thứ ba, thứ tư. Đã không có quả Sa-môn thì cũng không có giải thoát. Giải thoát đã không có thì chẳng phải đã đạt được Nhất thiết chủng trí. Này Tu-bạt-đà-la, nếu trong các giáo pháp có pháp Bát thánh đạo thì nên biết là sẽ có tên bốn quả Sa-môn, có tên của quả Sa-môn thì có giải thoát, đã có giải thoát thì chính là đã đạt được Nhất thiết chủng trí.

Này Tu-bạt-đà-la, chỉ trong giáo pháp của Ta mới có Bát thánh đạo, có tên của bốn quả Sa-môn, là con đường giải thoát, là Nhất thiết chủng trí. Các hàng ngoại đạo kia như Phú-lan-na Ca-diếp..., trong giáo pháp mà họ giảng dạy không có Bát thánh đạo, không có tên các đạo quả của Sa-môn, chẳng phải là con đường giải thoát và Nhất thiết chủng trí. Nếu họ nói là có, thì nên biết đó là lời hư dối.

Này Tu-bạt-đà-la, tất cả chúng sanh đã nghe Ta giảng dạy, có niềm tin, tiếp nhận và tư duy, thì nên biết người đó chắc chắn không phải chỉ nghe suông mà được giải thoát.

Này Tu-bạt-đà-la, khi Ta còn ở cung vua, chưa xuất gia, tất cả thế gian đều mê say theo sáu học phái ngoại đạo, vì chưa thấy được sự thật của quả Sa-môn.

Này Tu-bạt-đà-la, Ta năm hai mươi chín tuổi xuất gia học đạo, ba mươi sáu tuổi ở nơi cội cây Bồ-đề, suy nghĩ rốt ráo tận nguồn về pháp

Bát thánh đạo, thành tựu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, đạt được Nhất thiết chủng trí, liền đến nước Ba-la-nại, trong vườn Lộc dã, chỗ ở của tiên nhân, vì nhóm năm người của ông A-nhã Kiều-trần-như, chuyển bánh xe pháp, nói pháp Tứ đế. Họ là những người chứng đắc đạo giải thoát đầu tiên. Bấy giờ, mới có tên gọi Sa-môn xuất hiện tại thế gian, làm phước lợi cho chúng sanh.

Này Tu-bạt-đà-la, ông nên biết, giáo pháp của Ta có khả năng đạt đến giải thoát. Như Lai chính là Bậc Nhất Thiết Chủng Trí.

Lúc ấy, Tu-bạt-đà-la nghe Như Lai giảng nói về pháp Bát thánh đạo, tâm sanh hoan hỷ, hết sức xúc động, khao khát muốn được nghe ý nghĩa của pháp Bát thánh đạo nên bạch Phật:

–Kính xin Đức Thế Tôn vì con mà phân biệt ý nghĩa của Bát thánh đạo.

Khi đó Đức Thế Tôn liền vì ông mà phân biệt, giảng rộng pháp ấy. Tu-bạt-đà-la được nghe Phật nói về ý nghĩa của Bát thánh đạo, tâm ý mở sáng, bỗng nhiên đại ngộ, ở trong các pháp xa lìa mọi phiền não cấu nhiễm, đạt được pháp nhãn thanh tịnh, liền bạch Phật:

–Con nay muốn xuất gia theo pháp của Phật.

Đức Như Lai liền gọi: "Thiện lai Tỳ-kheo!". Tức thì râu tóc tự rụng, áo ca-sa mặc trên thân, trở thành Sa-môn. Đức Thế Tôn lại vì ông giảng rộng pháp Tứ đế, Tu-bạt-đà-la liền được dứt hết các lậu hoặc, thành bậc A-la-hán.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói với Tôn giả A-nan:

–Tôn giả nay nên biết, Ta ở đạo tràng, thành tựu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, lần đầu tiên nói pháp độ nhóm năm người của ông A-nhã Kiều-trần-như. Hôm nay, trong rừng Sa-la, Ta sắp vào Niết-bàn, lần sau cùng nói pháp độ Tu-bạt-đà-la. Chư Thiên và loài người từ nay về sau không ai còn nghe Ta nói pháp mà được độ nữa. Trong tương lai, nếu ai có căn lành đáng được giải thoát đều là đệ tử của Ta, lần lượt dạy cho nhau. Này A-nan, Tu-bạt-đà-la tuy là ngoại đạo, nhưng căn lành ấy đã đến lúc thành thục, chỉ có Như Lai mới phân biệt biết được. Sau khi Ta vào Niết-bàn, nếu có ngoại đạo muốn cầu xin xuất gia theo giáo pháp của Ta thì các vị không nên hứa cho ngay, mà trước phải chỉ dẫn họ trải qua bốn tháng tụng đọc, học tập kinh điển để xem xét tánh ý của người ấy là dối hay thật. Nếu thấy hạnh của người đó chơn chất, ngay thẳng, nhu hòa, đối với giáo pháp của Ta thật

có niềm vui sâu xa, như vậy mới có thể cho họ xuất gia. Này A-nan, vì sao? Vì các ông trí tuệ còn hạn chế chưa thể phân biệt về căn tánh của chúng sanh, vì vậy các ông trước phải xem xét.

Tu-bạt-đà-la bạch Phật:

–Con nay dốc chí cầu xuất gia, giả sử Đức Thế Tôn dạy phải trước ở trong Chánh pháp bốn mươi năm đọc tụng kinh điển, sau mới cho xuất gia, con cũng có thể chấp nhận, huống gì là bốn tháng.

Đức Thế Tôn liền bảo:

–Đúng vậy! Đúng vậy! Này Tu-bạt-đà-la, Ta xét tâm ý của ông đối với giáo pháp Ta đã hết lòng ngưỡng mộ quy kính, nay nói lời như vậy chẳng phải là hư dối.

Tu-bạt-đà-la bạch Phật:

–Con nay không nỡ thấy Bậc Tôn quý của trời, người vào Niết-bàn. Con ngay hôm nay muốn vào Niết-bàn trước Đức Thế Tôn.

Đức Phật dạy:

–Lành thay!

Tu-bạt-đà-la liền ở trước Đức Phật nhập pháp Tam-muội hỏa giới mà vào Niết-bàn.

Lúc đó Đức Như Lai bảo Tôn giả A-nan:

–Tôn giả chớ thấy Ta vào Niết-bàn mà cho rằng Chánh pháp từ đây sẽ đoạn dứt. Vì sao vậy? Vì Ta xưa đã vì các thầy Tỳ-kheo chế giới Ba-la-đề-mộc-xoa và giảng nói rộng các loại pháp vi diệu khác. Giới pháp ấy chính là bậc đại sư của các vị, cũng giống như Ta còn sống ở đời không khác.

Này A-nan, sau khi Ta vào Niết-bàn, các thầy nên theo thứ lớp lớn nhỏ mà tôn kính lẫn nhau, không được kêu tên họ mà phải gọi nhau bằng tên trong đạo, nên cùng nhau quan sát dò xét, không để cho trong chúng có người phạm giới trọng, cũng không nên soi mói tìm vạch lỗi nhỏ của người khác. Còn Tỳ-kheo Xa-nặc thì nên xử phạt nặng.

Tôn giả A-nan thưa hỏi:

–Như thế nào là xử phạt nặng?

Phật dạy:

–Này A-nan, phạt nặng là tất cả các thầy Tỳ-kheo chớ cùng nói chuyện với người ấy.

Tôn giả A-nan theo như lời Phật dạy mà phụng hành.

Bấy giờ Đức Thế Tôn nói với các thầy Tỳ-kheo:

–Các vị nếu có chỗ nào còn nghi ngờ thì cứ thật lòng thưa hỏi, chớ để sau khi Ta diệt độ, sanh tâm hối hận mà nói: "Đức Như Lai khi gần vào Niết-bàn trong rừng Sa-la, khi ấy ta đã không đến thưa hỏi để giải quyết điều còn nghi hoặc, đến nay trong lòng còn có chỗ vướng mắc". Ta nay tuy thân thể có bệnh, nhưng vẫn có thể vì các vị mà giải thích những điều nghi hoặc. Sau khi Ta vào Niết-bàn, nếu ai muốn giữ gìn Chánh pháp, tạo lợi ích cho hàng trời người, thì nay mau bày tỏ để giải quyết chỗ nghi.

Đức Thế Tôn nói rõ như vậy đến ba lần, các Tỳ-kheo đều im lặng, không có ai xin được giải quyết chỗ nghi. Lúc ấy Tôn giả A-nan bạch Phật:

–Lạ thay, bạch Đức Thế Tôn, Ngài đã ba lần dạy như thế mà trong chúng đây đều không có vị nào nghi ngờ gì.

Phật dạy:

–Đúng vậy! Đúng vậy! Này A-nan, nay năm trăm thầy Tỳ-kheo trong chúng hội này đều là những vị chưa chứng đắc đạo quả. Sau khi Ta vào Niết-bàn, họ sẽ được dứt sạch các lậu. Tôn giả cũng ở trong số đó.

Đức Thế Tôn lại nói với các thầy Tỳ-kheo:

–Các vị nếu thấy thân, miệng, ý của Ta có những lỗi gì thì nên nói cho Ta biết.

Khi ấy các thầy Tỳ-kheo nghe Phật dạy như thế rơi lệ sụt sùi cùng bạch Phật:

–Đức Như Lai đâu có chút lỗi nhỏ nào về thân, miệng, ý!

Lúc ấy Đức Như Lai liền nói kệ:

Các hành vô thường.
Là pháp sanh diệt
Sanh diệt đã diệt.
Tịch diệt là vui.

Đức Như Lai nói kệ xong, bảo các Tỳ-kheo:

–Các thầy nên biết, tất cả các hành đều là vô thường. Ta nay thân thể dù là kim cương cũng không tránh khỏi vô thường biến đổi. Ở trong nẻo sanh tử thật là đáng sợ, các thầy nên siêng năng tinh tấn tu tập dốc mong mau ra khỏi biển lửa sanh tử ấy. Đây chính là lời dạy sau cùng của Ta. Thời gian Ta vào Niết-bàn đã đến.

Lúc ấy các thầy Tỳ-kheo và hàng trời, người nghe Phật dạy như thế thì cúi đầu buồn bã, than khóc, có người ngất xỉu ngã xuống đất. Đức Như Lai liền vì tất cả mà dạy:

–Các vị không nên buồn thương sầu não, tánh tướng của các hành đều là như vậy.

Bấy giờ Đức Như Lai liền vào định Sơ thiền, rời Sơ thiền vào Nhị thiền, rời Nhị thiền vào Tam thiền, rời Tam thiền vào Tứ thiền, rời Tứ thiền vào Không xứ, rời Không xứ vào Thức xứ, rời Thức xứ vào Vô sở hữu xứ, rời Vô sở hữu xứ vào Phi tưởng phi phi tưởng xứ, rời Phi tưởng phi phi tưởng xứ thì vào định Diệt tận.

Khi ấy, Tôn giả A-nan thấy Đức Như Lai lặng yên không nói, các chi thể nơi thân tướng lại không chuyển động, liền rơi nước mắt, nói:

–Đức Thế Tôn nay đã vào Niết-bàn.

Tôn giả A-nậu-lâu-đà nói với Tôn giả A-nan:

–Đức Như Lai hiện giờ chưa vào Niết-bàn. Thân tướng Ngài vắng lặng không dao động chính là vì Ngài đang nhập định Diệt tận.

Khi ấy Đức Thế Tôn ra khỏi định Diệt tận, lại trở vào định Phi tưởng phi phi tưởng xứ, cho đến theo thứ lớp vào lại Sơ thiền, lại rời Sơ thiền vào Nhị thiền, rời Nhị thiền vào Tam thiền, rời Tam thiền vào Tứ thiền, liền ở đấy mà vào Niết-bàn.

Bấy giờ Tôn giả A-nậu-lâu-đà nói với Tôn giả A-nan:

–Đức Thế Tôn đã vào Tứ thiền, ngay ở đấy mà nhập Niết-bàn.

Khi ấy Tôn giả A-nan và bốn bộ chúng nghe Tôn giả A-nậu-lâu-đà nói như thế thì đều buồn bã, than khóc nghẹn ngào, không ai là không đau xót tột cùng. Các vị cùng than:

–Con mắt của thế gian đã mất, sao mà mau vậy! Tất cả chúng sanh từ nay về sau biết ai là người dẫn dắt? Hàng trời, người suy giảm, đường ác ngày càng tăng.

Khi ấy trên hư không, tám bộ chúng Trời, Rồng... đều thương khóc, nước mắt ràn rụa như mưa, cùng nhau than:

–Chúng ta từ nay lấy ai là người để quay về nương tựa, giống như trẻ thơ mất đi mẹ hiền. Ba đường ác ngày càng mở rộng, cửa giải thoát vừa khép kín. Tất cả chúng sanh chìm đắm trong biển khổ, cũng như người bệnh không có lương y, như kẻ đui mù không người dẫn dắt, chúng ta xa rời Đấng Pháp Vương Vô Thượng thì liền thấy giặc phiền não xâm phạm bức bách.

Than thở như thế rồi thì cùng buồn bã, sầu não không tự ngăn được. Lúc ấy, ở thành Cưu-thi-na, các vị Lực sĩ vốn đều tráng kiện giống như voi mạnh, thấy Đức Như Lai vào Niết-bàn thì tinh thần khốn khổ, như người mới mắc bệnh. Ngay lúc ấy, đại địa chấn động, trống trời tự vang lên, nước nơi bốn biển lớn sóng dậy cuồn cuộn, núi chúa Tu-di tự nhiên rung chuyển, gió cuốn, bão nổi, rừng cây nghiêng ngã, tan tác, xác xơ, rất lạ lùng, khác với sự thường.

Bấy giờ Đại Phạm thiên vương nói kệ:

Quá khứ cùng vị lai
Và ngay trong hiện tại
Không có chúng sanh nào
Là thoát khỏi vô thường.
Như Lai, Đấng Tối thượng
Thân kim cang bền chắc
Còn không khỏi vô thường
Huống chi những người khác
Tất cả các chúng sanh
Mến tiếc bảo vệ thân
Dùng hương hoa trang sức
Không biết sẽ hủy diệt
Như Lai thân sắc vàng
Tướng hảo thật trang nghiêm.
Rồi cũng đều xả bỏ.
Để vào Bát-niết-bàn
Đoạn dứt các phiền não
Thành Bậc Nhất Thiết Trí
Cũng còn chưa thoát khỏi
Huống kẻ bị buộc ràng!

Trời Đế-thích liền nói kệ:

Tánh tất cả các hành

Thật là pháp sanh diệt.
Đấng Lưỡng Túc tối thắng
Rồi cũng về vắng lặng.
Lửa tam độc bừng cháy
Luôn thiêu đốt chúng sanh
Không có mây đại bi
Ai làm mưa khiến diệt?

Tôn giả A-nậu-lâu-đà cũng nói kệ:

Hôm nay Đức Thế Tôn
Các căn không dao động
Tâm ý hướng các pháp
Mà xả bỏ thân này
An nhiên dứt tư lự
Cũng không còn các thọ
Như dầu hết đèn tắt
Như Lai diệt cũng vậy.

Tôn giả A-nan cũng nói kệ:

Đại địa bỗng chấn động
Gió mạnh thổi bốn bề
Biển nước sóng cuộn dâng
Núi báu Tu-di chuyển
Trời người tâm buồn đau
Khóc than như mưa đổ
Thảy đều rất lo sợ.
Như bị phi nhân bắt
Do Phật vào Niết-bàn
Nên mới có việc ấy.

Bấy giờ trong chúng có các vị Tỳ-kheo và trời người chưa đạt đạo thấy Đức Như Lai đã vào Niết-bàn, lòng sầu não, lăn lóc trên đất than khóc. Người đã đắc đạo thì than thở:

–Thế gian khổ vì vô thường; ai cũng đau buồn, thương khóc không thể tự kiềm chế.

Tôn giả A-nậu-lâu-đà thấy thế bèn nói với các thầy Tỳ-kheo và hàng trời người:

–Các vị không nên sanh tâm buồn phiền sầu não. Đức Như Lai trước đã vì các vị nói rằng tánh tướng của các hành là như vậy, vì sao

lại còn buồn khóc?

Tôn giả A-nan nói với mọi người từ bốn phương xa đến:

–Đức Như Lai nay đã vào Niết-bàn rồi.

Mọi người nghe Tôn giả A-nan nói vậy đều buồn bã thương khóc, cất tiếng nghẹn ngào thưa với Tôn giả A-nan:

–Ở đây hiện quá đông người, trong khoảng ba mươi hai du-xà-na cũng đều kín chỗ. Mong Tôn giả sắp xếp theo thứ tự cho chúng tôi được đến gần trước Đức Như Lai để chiêm ngưỡng, lễ bái, cúng dường lần sau cùng. Như Lai ra đời rất khó gặp gỡ, như hoa Ưu-đàm-bát-la đúng thời mới hiện. Nay tự thân chúng tôi được ở tại chỗ Đức Phật vào Niết-bàn, kính mong thương xót để cho chúng tôi được nhìn thấy chiêm ngưỡng.

Tôn giả A-nan nghe mọi người nói như thế, bèn suy nghĩ: "Như Lai ra đời rất là khó gặp, được cúng dường sau cùng lại cũng rất khó. Ta nay nên sắp đặt cho những ai được cúng dường Phật trước? Nay nên cho các Tỳ-kheo-ni và Ưu-bà-di được đến trước cúng dường thân Phật, vì những người ấy là thân nữ yếu đuối, xưa nay chưa chắc đã được đến chỗ Như Lai, do đó nên cho họ được tới lễ bái trước". Nghĩ như vậy rồi liền gọi các vị Tỳ-kheo-ni và Ưu-bà-di cho biết là họ được ưu tiên cho đến trước kim thân Đức Như Lai để chiêm ngưỡng, cúng dường.

Các vị Tỳ-kheo-ni cùng vô lượng các vị Ưu-bà-di đều đến chỗ Phật, trông thấy Đức Như Lai đã vào Niết-bàn thì đều than khóc sầu khổ, lần lượt vây quanh lễ bái, lớp lớp cúng dường. Khi ấy có một vị Ưu-bà-di nghèo khổ, đã một trăm tuổi, thấy các vị Bà-la-môn và Sát-lợi, Trưởng giả, Cư sĩ, các Lực sĩ cùng vợ, con quyến thuộc của họ, già trẻ lớn nhỏ, dùng hoa hương thơm quý lần lượt cúng dường. Tủi thân nghèo khó, chỉ riêng mình không được như ý nguyện, trong lòng suy nghĩ: "Như Lai ra đời rất khó gặp, cúng dường lần sau cùng lại cũng rất khó, mà nay ta thì cùng khốn, không lấy gì để tự tỏ bày". Nghĩ như vậy rồi lại càng thêm xót xa, đi đến gần chân của Phật, tâm rất ảo não, khóc rơi nước mắt, làm bẩn chân Phật, phát nguyện: "Nguyện cho con đời sau sanh ra chốn nào cũng thường được thấy Phật".

Các Tỳ-kheo-ni và Ưu-bà-di cúng dường xong, liền trở về chỗ cũ. Tôn giả A-nan lại báo khắp cho các người khác:

–Các vị Tỳ-kheo-ni và Ưu-bà-di đã cúng dường xong, chư vị có thể trước sau thứ lớp vào viếng.

Lúc ấy mọi người lần lượt vào lễ bái, đi đến chỗ Phật, thấy Đức Như Lai đã vào Niết-bàn, thì đều kêu khóc thảm thiết, buồn thương vô hạn, rồi theo thứ lớp dâng các phẩm vật cúng dường. Bấy giờ các vị Lực sĩ nhóm họp lại, cùng bàn bạc: "Nay chúng ta phải làm lễ trà tỳ nhục thân của Như Lai như thế nào? Đức Như Lai khi sắp vào Niết-bàn chắc có để lại lời chỉ dạy". Bàn luận xong, họ cùng nhau đến hỏi Tôn giả A-nan:

–Chúng tôi nay muốn làm lễ trà tỳ nhục thân Đức Như Lai, vậy phương thức ấy như thế nào? Đức Thế Tôn khi sắp vào Niết-bàn chắc có để lại lời chỉ dạy, xin Tôn giả hướng dẫn cho.

Tôn giả A-nan nói với các vị Lực sĩ:

–Đức Như Lai đã di giáo là cách thức trà tỳ nhục thân của Ngài cùng với vua Chuyển luân thánh vương không khác.

Tôn giả A-nan liền nói lại đầy đủ công việc mà Đức Phật đã chỉ dẫn truyền dạy. Các vị Lực sĩ nghe Tôn giả A-nan nói xong, liền cùng nhau sắm sửa đầy đủ các vật dụng dùng cho việc trà tỳ hết sức trang nghiêm. Trước tiên là tạo xe báu, chạm trổ đẹp đẽ trang nghiêm, rồi cung thỉnh nhục thân Như Lai để trên xe báu, đốt hương rải hoa, tấu các thứ kỹ nhạc, ca tụng tán thán; ở trong lời nhạc giảng nói về các pháp khổ, không, vô thường, vô ngã, bất tịnh. Các vị Lực sĩ lại bạch Tôn giả A-nan:

–Như Lai nay đã vào Niết-bàn, được cúng dường lần sau cùng rất là khó gặp, chúng con xin cung thỉnh lưu lại nhục thân Như Lai trong bảy ngày bảy đêm để thỏa ý cúng dường, khiến cho tất cả hàng trời, người sống trong cõi sinh tử đều được an lạc.

Tôn giả A-nan đem lời của các vị Lực sĩ hỏi Tôn giả A-nậu-lâu-đà, Tôn giả A-nậu-lâu-đà đáp:

–Lành thay! Tùy ý các vị ấy.

Tôn giả A-nan bèn bảo các vị Lực sĩ:

–Các vị được phép lưu lại nhục thân của Đức Phật trong bảy ngày bảy đêm để công việc cúng dường chiêm bái được mãn nguyện.

Các vị Lực sĩ nghe Tôn giả A-nan nói như thế, trong lòng tuy rất buồn mà lại cũng mừng vui, liền ở trong rừng bày biện các vật phẩm cúng dường đủ trong bảy ngày. Bấy giờ các vị Lực sĩ đem bông, mền mới và lụa mỏng quấn quanh nhục thân Đức Như Lai, sau đấy đặt vào trong kim quan. Trong kim quan ấy rải các bột hương ngưu đầu, chiên

đàn và các hoa thơm, rồi đem kim quan đặt trong quách bằng bạc, đem quách bằng bạc đặt trong quách bằng đồng, lại đem quách bằng đồng đặt trong quách bằng sắt, rồi đưa quách bằng sắt đó đặt trên xe báu, tấu các loại nhạc ca tụng tán thán. Chư Thiên trên hư không tung rải các thứ hoa Mạn-đà-la, Ma-ha mạn-đà-la, Mạn-thù-sa, Ma-ha mạn-thù-sa và trổi nhạc trời lớp lớp liên tục cúng dường, sau đó, mới lần lượt hạ các lọng báu che kim quan xuống. Các vị Lực sĩ cùng nhau nói:

–Thời gian bảy ngày đã qua, chúng ta nên rước kim quan Đức Như Lai đi nhiễu quanh thành, khiến cho dân chúng thỏa lòng cúng dường, sau đó sẽ dừng lại phía Nam của kinh thành để làm lễ trà tỳ.

Nói xong họ cùng nhau rước kim quan Đức Như Lai, nhưng đã đem hết sức lực mà nhấc vẫn không lên được. Mọi người đều kinh hãi, cho là điều kỳ lạ không biết vì lý do gì, liền đem việc này hỏi Tôn giả A-nậu-lâu-đà:

–Chúng tôi cùng nhau muốn rước kim quan của Phật đi nhiễu quanh thành, trở về cửa thành phía Nam để cúng dường và làm lễ trà tỳ, dù đã vận dụng hết sức lực mà vẫn không thể nâng lên, chẳng rõ việc này là như thế nào? Xin Tôn giả chỉ dạy cho chúng tôi.

Tôn giả A-nậu-lâu-đà nói với họ:

–Sở dĩ như vậy là vì chư Thiên trên hư không muốn thỉnh kim quan của Phật đi nhiễu quanh thành, từ cửa phía Bắc rước vào đặt chính giữa thành, nhận các phẩm vật cúng dường của trời người, sau đấy thì từ phía Đông đi ra, đến tại nơi khu vực bảo tháp nổi tiếng mà làm lễ trà tỳ.

Các vị Lực sĩ nghe lời giải thích như thế thì cùng nhau nói:

–Ý của chư Thiên như vậy cũng nên thuận theo.

Các vị ấy liền thỉnh kim quan của Phật đi nhiễu quanh thành một vòng, từ cửa phía Bắc lần lượt đi vào đặt ở chính giữa thành, để cho hàng trời người được cúng dường thỏa nguyện, trỗi các khúc nhạc vi diệu, đốt hương rải hoa, ca tụng tán thán. Chư Thiên ở trên không tung rải vô số các hoa Mạn-đà-la, hoa Ma-ha mạn-đà-la, hoa Mạn-thù-sa, hoa Ma-ha mạn-thù-sa, cùng tấu vô số các khúc nhạc trời để cúng dường. Cúng dường xong, họ liền thỉnh kim quan từ cửa thành phía Đông đi ra đến chỗ khu vực đền tháp báu nổi tiếng. Đến nơi, các hàng Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, Trời, Rồng... tám bộ chúng, tất cả đều thương cảm, nghẹn ngào không thể tự kiềm chế, cùng nhau gom các loại gỗ quý ngưu

đầu, chiên đàn và những thứ gỗ thơm khác chất thành đống, lại ngay nơi đống gỗ thơm trải tấm lụa dày, căng màn báu lớn để che ở trên, khiêng bảo quan đi nhiễu quanh đống gỗ thơm bảy vòng, đốt hương rải hoa, tấu các thứ kỹ nhạc, rồi đem bảo quan đặt trên đống gỗ thơm ấy, dùng dầu thơm quý rưới lên trên. Bấy giờ bốn bộ chúng cùng chư Thiên, loài người đều lưu luyến bồi hồi, xót xa, không thể tự kiềm chế, liền từ dưới châm lửa đốt nhưng lửa không cháy được, châm đốt như vậy cho đến ba lần cũng vẫn như thế. Khi ấy mọi người đem việc này hỏi Tôn giả A-nậu-lâu-đà:

–Vì sao ba lần đốt đống củi thơm mà vẫn không cháy?

Tôn giả A-nậu-lâu-đà nói:

–Sở dĩ như vậy là vì Tôn giả Ma-ha Ca-diếp đang ở nước Đạc-xoa-na-kỳ-lợi nghe tin Đức Như Lai sắp vào Niết-bàn liền cùng với năm trăm thầy Tỳ-kheo từ nước ấy vội trở về để được trông thấy Đức Thế Tôn lần cuối cùng. Vì vậy Đức Như Lai đã khiến cho lửa không cháy.

Mọi người nghe nói như vậy thì đều khen là việc rất đặc biệt, kỳ lạ.

Lúc này Tôn giả Ma-ha Ca-diếp ở tại nước Đặc-xoa-na-kỳ-lợi, từ nơi xa nghe tin Đức Như Lai tại thành Cưu-thi-na sắp vào Niết-bàn, trong lòng vô cùng buồn thương nhớ tưởng, bèn cùng với năm trăm thầy Tỳ-kheo vội vã lên đường trở về, còn cách thành không xa, nhưng thân thể quá mệt mỏi, nơi ở bên đường, cả đoàn tạm ngồi nghỉ bên gốc cây. Chợt thấy một ngoại đạo tay cầm cành hoa Mạn-đà-la, Tôn giả Ma-ha Ca-diếp liền hỏi:

–Hiền giả từ đâu lại?

Vị ấy đáp:

–Tôi từ thành Cưu-thi-na lại.

Tôn giả Ca-diếp lại hỏi:

–Hiền giả có biết thầy tôi là Bậc Ứng Cúng Chánh Biến Tri không?

Vị kia liền nói:

–Biết, thầy của Tôn giả ở giữa hai cội cây trong rừng Sa-la, tại thành Cưu-thi-na, vào Niết-bàn nay đã bảy ngày. Vừa rồi, chính tại khu vực đền tháp báu nổi tiếng sắp làm lễ trà tỳ, trời người đông đủ cùng nhau cúng dường, tôi ở chỗ ấy nên có được cành hoa trời này.

Tôn giả Đại Ca-diếp nghe nói như vậy thì đau buồn nghẹn ngào.

Các thầy Tỳ-kheo đều ưu sầu, vật vã, có người ngất xỉu ngã trên đất, cùng nhau than thầm: "Ôi thôi, khổ thay! Con mắt của thế gian đã mất!". Tôn giả Đại Ca-diếp an ủi:

–Các thầy không nên quá sầu khổ như thế. Tánh chất và hình tướng của các hành đều như vậy. Đức Như Lai, Đấng Tôn quý bậc nhất còn không tránh khỏi huống chi là kẻ khác. Nên siêng năng cầu mong xa lìa nỗi khổ ở đời. Nay chúng ta mau lên đường đến khu vực đền tháp báu nổi tiếng kia để lễ bái chiêm ngưỡng.

Khi ấy trong chúng có mấy vị Tỳ-kheo lớn tuổi xuất gia, ngu si kém hiểu biết cùng nói:

–Khi Phật còn ở đời luôn ngăn cấm khiển trách chúng ta không được buông lung tâm ý, nay Phật đã vào Niết-bàn rồi thì khỏi bị rầy la nữa, còn gì thích thú bằng.

Bấy giờ Tôn giả Ca-diếp cùng các thầy Tỳ-kheo tiến về thành Cưu-thi-na, đến khu vực đền tháp báu nổi tiếng, trông thấy kim quan Đức Như Lai đặt trên đống củi thơm thì đều than khóc nước mắt tuôn trào, cùng đi nhiễu quanh đấy bảy vòng rồi bước lên đống củi thơm đến sát chỗ đặt kim quan, nơi phía dưới phần chân của Đức Như Lai kêu gào khóc than, cung kính đảnh lễ. Khi ấy Đức Như Lai từ trong kim quan để lộ ra hai chân. Tôn giả Ca-diếp thấy thế càng tăng thêm buồn sợ. Các hàng trời, người thấy việc kỳ lạ đặc biệt hy hữu như vậy ai cũng thở than, càng thêm buồn khổ lưu luyến. Tôn giả Ca-diếp nhận thấy trên chân Phật có chấm bẩn liền quay lại hỏi Tôn giả A-nan:

–Trên chân Đức Như Lai do nhân duyên gì mà có vết bẩn này?

Tôn giả A-nan đáp:

–Đức Như Lai khi mới vào Niết-bàn, bốn bộ chúng có mặt rất đông. Khi ấy tôi suy nghĩ: "Nếu để đại chúng cùng một lúc tiến hành lễ bái, những người nữ yếu đuối không chắc được đến trước Phật", liền chấp thuận cho các chúng Tỳ-kheo-ni và Ưu-bà-di được ưu tiên đến chỗ Đức Như Lai để lễ bái, cúng dường. Lúc ấy, có một vị Ưu-bà-di nghèo khó, đã một trăm tuổi, thấy các hàng Bà-la-môn, Sát-lợi, Trưởng giả, Cư sĩ, Lực sĩ cùng vợ con quyến thuộc của họ, già trẻ, lớn nhỏ đều đem các đủ loại hương hoa vi diệu cúng dường, thì bà ấy tủi thân nghèo khổ, không có gì để biểu lộ lòng thành, nghĩ như vậy nên càng buồn thương, đến chỗ chân Đức Phật lòng thêm áo não khóc than rơi nước mắt khiến nơi chân Đức Như Lai có vết dơ.

Tôn giả Ca-diếp nghe nói như vậy trong lòng không vui, quở trách Tôn giả A-nan không lo liệu ngăn ngừa để đến nỗi có vết bẩn ấy. Rồi Tôn giả dùng hương hoa cúng dường kim quan của Đức Phật, lễ bái tán thán thảy đều hoàn tất, khi ấy hai chân của Đức Như Lai tự nhiên thâu vào. Tôn giả Ca-diếp liền bước xuống đất. Do thần lực của Phật, đống củi thơm tự nhiên cháy, bốn mặt lửa bốc lên, trải qua bảy ngày kim quan mới cháy hết. Lúc ấy chư Thiên bèn rưới mưa dập tắt ngọn lửa, các vị Lực sĩ lo việc thâu nhặt xá-lợi. Do ngàn lớp lụa quấn quanh nhục thân Phật, lớp trong cùng và một lớp ở ngoài chưa cháy còn như cũ cũng bọc xá-lợi ở trong. Cùng lúc, chư Thiên từ hư không tung rải vô số các loại hoa thơm đẹp và tấu kỹ nhạc ca tụng tán thán cúng dường xá-lợi. Bấy giờ tất cả đại chúng có mặt cùng các vị Lực sĩ đều bày các thứ phẩm vật để cúng dường. Các vị Lực sĩ liền dùng bình bằng vàng thu nhặt xá-lợi, đặt trên xe báu đốt hương rải hoa, tấu các loại kỹ nhạc, rước trở về thành, dựng lầu cao lớn đem bình đựng xá-lợi ấy đặt ở trên lầu, lại sai bốn loại binh chủng lo công việc giữ gìn, chỉ chấp nhận cho các thầy Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni vào lễ bái, thứ lớp cúng dường. Ngoài ra, các bậc Quốc vương, Bà-la-môn, Trưởng giả, Cư sĩ, tất cả dân chúng đều không cho đến trước nơi để xá-lợi.

Bấy giờ vua A-xà-thế, con bà Vi-đề-hi nghe tin các vị Lực sĩ kia thâu nhận xá-lợi của Phật để trên lầu cao, lại còn dùng đến bốn thứ quân binh để dốc lo việc phòng vệ, giữ gìn, thì lòng rất buồn phiền, lại cũng tức giận các vị Lực sĩ kia, liền sai người thân tín đến nói với các vị Lực sĩ:

–Đức Thế Tôn khi còn ở đời cũng là thầy của tôi, khi Ngài vào Niết-bàn, tôi rất ân hận vì không được gặp. Tôi cùng Đức Thế Tôn đều là giòng Sát-đế-lợi, các vị sao riêng thu nhặt xá-lợi đem để nơi lầu cao lại còn bố trí bốn thứ quân binh lo phòng vệ, giữ gìn không phân chia cho người khác? Các vị nên phân chia cho tôi một phần, vì tôi muốn xây dựng tháp cao đẹp ở trong nước để cùng cúng dường. Nếu có thể ưng thuận như trên thì sự giao hảo giữa hai nước luôn luôn tốt đẹp, còn không thì sẽ đem binh trừng phạt các vị.

Ngoài ra, bảy quốc vương, các vị Ly-xa ở thành Tỳ-da-ly... đều sai sứ giả đến bày tỏ việc xin chia phần xá-lợi và cách xử sự cũng đều như vậy.

Bấy giờ các hàng Bà-la-môn, Trưởng giả, Cư sĩ cũng đều sai người thân tín đến thưa với các vị Lực sĩ:

–Đức Thế Tôn là thầy của chúng tôi, xin thương xót phân cho chúng tôi phần xá-lợi.

Lúc ấy sứ giả của các nước đi đến chỗ các vị Lực sĩ trình bày đầy đủ ý nguyện của vua nước họ. Các vị Lực sĩ nghe thế trong lòng bất bình, trả lời các sứ giả:

–Đức Phật đến nước chúng tôi mà vào Niết-bàn, xá-lợi tự nhiên phải thuộc về chúng tôi. Nếu muốn ở cõi nước khác cùng tạo bảo tháp trang nghiêm để cúng dường, thì việc ấy không thể được. Khi bảo tháp ở đây hoàn thành, mặc tình các vị có thể thích thú cùng đến đây để cúng dường lễ bái. Còn nếu muốn dấy binh để được vào chốn này trước thì quân và dân nước chúng tôi cũng đủ sức lo liệu để chống lại.

Các vị sứ giả đều trở về nước mình, mỗi người đều trình bày lên vua sự việc như vậy. Các vị vua nghe xong trong lòng càng giận dữ, đều chỉnh đốn các loại binh mã kéo đến công phạt. Lúc ấy, các vị Lực sĩ cũng sửa sang chiến cụ để chống lại kẻ địch.

Bấy giờ trong thành Cưu-thi-na có một vị Bà-la-môn tên Đồ-lô-na là hàng thông minh trí tuệ, tin tưởng nơi Tam bảo, bèn tự nghĩ: "Quốc vương tám nước kia và các vị Ly-xa, sức lực tráng kiện, binh chúng tinh nhuệ. Vả lại, các vị Lực sĩ dù dõng mãnh cũng khó địch nổi, nếu đánh nhau thì sẽ khó bảo toàn". Nghĩ như vậy rồi, ông liền bàn với các vị Lực sĩ:

–Các vị tuy rất dõng mãnh, nhanh nhẹn, quả cảm, nhưng tám quốc vương kia chung sức đồng lòng, thì binh số đông đảo, quân trận hùng mạnh, nếu chiến đấu sẽ không tránh khỏi thất bại. Khí thế hai bên đều quyết liệt, khí giới sắc bén, khi đã giao tranh tất có tổn thương, tàn hại. Đức Như Lai khi còn ở đời đã dạy mọi người thực hành từ bi mà ngày nay bỗng dưng cùng nhau sát phạt. Các vị cũng không nên tham tiếc xá-lợi, nên phân chia cho các nước và những vị Ly-xa... Mỗi quốc vương đều ở nơi lãnh thổ của mình mà tạo dựng bảo tháp, mới hợp với lời dạy xưa kia của Đức Thế Tôn, lại cũng khiến cho các vị đều được phước lợi.

Các vị Lực sĩ nghe lời khuyên như vậy, tâm ý được thông tỏ liền đáp:

–Lời của ông nói thật hợp lý, xin thuận theo ý kiến của ông.

Bà-la-môn Đồ-lô-na khi thấy các vị Lực sĩ đã bãi bỏ việc quân binh, liền ra ngoài thành nói với các đức vua:

–Các vị nay vì việc gì mà dấy binh?

Các vua đáp:

–Chúng tôi vì pháp, nên từ xa đến cầu thỉnh xá-lợi nhưng bị chống cự, không chịu phân chia, vì vậy nay chúng tôi kéo binh cùng đến.

Bà-la-môn Đồ-lô-na lại nói với các vị vua:

–Chúng tôi đã cùng nhau bàn luận là muốn cầu hòa, các vị Lực sĩ sẽ phân chia xá-lợi cùng với quý vị. Các vị hãy dùng bình báu để đựng, tôi sẽ vì quý vị mà phân chia.

Tám vị quốc vương nghe nói như thế đều vui mừng, cùng trao bình vàng. Bà-la-môn Đồ-lô-na nhận các bình vàng đem vào thành, ở trên lầu cao mà phân chia xá-lợi, rồi giao lại cho tám vị quốc vương. Lúc ấy, các vị vua đã được phần xá-lợi, đều vui mừng phấn khởi, cung kính đem về nước mình, đều tạo dựng bảo tháp. Bà-la-môn Đồ-lô-na theo các vị Lực sĩ xin cái bình đã phân xá-lợi để tự tạo tháp thờ. Các vị Lực sĩ lấy phần xá-lợi của mình ở ngay nơi chỗ trà tỳ, hợp với tro than còn lại để tạo dựng bảo tháp phụng thờ. Như vậy là gồm có tất cả mười chỗ tạo tháp để tôn thờ xá-lợi.

Đức Như Lai từ khi sắp vào Niết-bàn, khi vào Niết-bàn cho đến lúc trà tỳ, tạo dựng bảo tháp phụng thờ xá-lợi, sự việc diễn biến là như vậy.

Sau đó Tôn giả Đại Ca-diếp cùng Tôn giả A-nan và các thầy Tỳ-kheo ở tại thành Vương xá đã kết tập ba tạng kinh điển.

❑

SỐ 8

PHẬT NÓI KINH DUYÊN KHỞI BÀ-LA-MÔN ĐẠI KIÊN CỐ[1]

Hán dịch: Đời Tống, Đại sư Thi Hộ.

QUYỂN I

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Thế Tôn cùng đông đủ đại chúng ở tại thành Vương xá, trong núi Thứu. Khi ấy có vương tử Càn-thát-bà tên là Ngũ Kế, qua khỏi nửa đêm, khi trời gần sáng, đến chỗ Phật, ánh sáng nơi thân của vị ấy phát ra chiếu soi khiến núi Thứu càng tươi sáng, rực rỡ. Vị ấy đến chỗ Phật, đầu mặt lễ dưới chân Ngài, đứng qua một bên, bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn, có một thời con ở tại cõi trời Ba mươi ba, thấy chủ trời Đế-thích, vua trời Đại phạm và chúng trời cùng nhóm họp tại giảng đường Thiện pháp, có điều giảng luận, tự thân con nghe, tự thân con nhận lãnh. Nghĩa ấy như thế nào, cúi mong Đức Thế Tôn chỉ dạy khiến con biết rõ.

Đức Phật dạy vương tử Càn-thát-bà Ngũ Kế:

–Những điều ông được nghe, được nhận lãnh ở giảng đường Thiện pháp, tại cõi trời Ba mươi ba, từ chủ trời Đế-thích, vua trời Đại phạm và chúng trời tụ tập. Ta nay tùy chỗ thích ứng sẽ có lời chỉ dạy cho ông, khiến ông được rõ.

---

1. Bản Hán, Phật Thuyết Đại Kiên Cố Bà-la-môn Duyên Khởi kinh, Đại I.tr.207. Tham chiếu, Phật Thuyết Trường A-hàm kinh, Q.5, "Đệ nhất phần Điển tôn kinh đệ tam" (Đại I, tr.30b-34b). Tương đương: D.19 (Deva Digh ii.6) Mahāgovinda-suttanta; Trường II 19 "Đại Điển Tôn".

Khi ấy vương tử Càn-thát-bà Ngũ Kế bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn, con một thời ở cõi trời Ba mươi ba, có chủ trời Đế-thích, vua trời Đại phạm và chúng trời cùng tụ tập tại giảng đường Thiện pháp. Lúc bấy giờ có vị trời do nhân duyên mới sanh ở cõi trời ấy, đồng thời cũng có những vị trời khác sanh ra trước đó, thấy các vị mới sanh có đủ năm việc rất đáng ưa thích: được sống lâu, được sắc đẹp, được tiếng tăm, được an lành, được quyến thuộc nơi cõi trời. Bạch Đức Thế Tôn, lúc ấy có một Thiên tử nói: "Chư Hiền, các vị hãy xem, những vị trời mới sanh kia và cũng có các vị sanh trước đó, có đủ năm việc rất đáng ưa thích, đó là: được sống lâu, sắc đẹp, tiếng tăm, an lành và quyến thuộc nơi cõi trời".

Lại có một số vị Thiên tử nói: "Chư Hiền, các vị trời mới sanh này đều là người tu hành thanh tịnh trong pháp Thanh văn của Đức Thế Tôn, sau khi thân hoại mạng chung cảm quả báo tốt đẹp mà sanh đến cõi trời Ba mươi ba này. Đồng thời cũng có các vị trời sanh trước đó đều có đủ năm thứ rất đáng ưa thích".

Lại có một số Thiên tử nói: "Vui sướng thay! Chư Hiền, nếu có bốn Đức Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác xuất hiện ở thế gian, giảng nói các pháp đem lại lợi ích cho trời người, giảm bớt chúng A-tu-la, khiến chư Thiên tăng trưởng lợi ích.

Khi ấy lại có một số Thiên tử nói: "Thôi đi! Chư Hiền, chẳng nói chi có bốn Đức Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác xuất hiện ở thế gian. Vui thích thay! Chư Hiền, nếu có ba Đức Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác xuất hiện ở thế gian, giảng nói các pháp đem lại lợi ích cho trời người, giảm bớt chúng A-tu-la, tăng trưởng lợi ích cho chư Thiên".

Lại có một số Thiên tử nói: "Thôi đi! Này chư Hiền, chẳng nói chi có ba Đức Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác xuất hiện ở thế gian. Vui thích thay! Chư Hiền, nếu có hai Đức Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác xuất hiện tại thế gian, giảng nói các pháp đem lại lợi ích cho trời người, giảm bớt chúng A-tu-la, tăng trưởng lợi ích cho chư Thiên".

Các việc như vậy mong Đức Phật vì chúng con giảng nói.

Lúc ấy, trời Đế-thích, vua trời Đại phạm đang có mặt trong chúng hội của Phật. Phật đem việc này bảo trời Đế-thích và chư Thiên:

–Các vị nên biết, cùng trong một thời không khi nào có hai Đức

Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác xuất hiện tại thế gian, giảng nói các pháp.

Trời Đế-thích và chư Thiên nghe Phật dạy như vậy, đều sanh tâm vui mừng, thích thú.

Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn nhận thấy trời Đế-thích và các Thiên chúng đều sanh hoan hỷ, liền bảo đại chúng:

–Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác xuất hiện tại thế gian, đầy đủ tám pháp hy hữu, các vị nếu muốn được nghe, trước hết phải sanh tâm hoan hỷ và khởi ý ưa thích.

Tức thời Đức Phật bảo thiên chủ Đế-thích:

–Này Kiều-thi-ca, ông nay nên vì chư Thiên, tùy thuận khéo nói tám pháp hy hữu của Đức Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác.

Khi ấy trời Đế-thích vâng lời Phật dạy, giảng nói tám pháp hy hữu của Đức Như Lai.

–Này chư Hiền, Đức Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác tùy thuận chúng sanh xuất hiện thế gian, quyết định làm giảm bớt chúng A-tu-la, tăng trưởng Thiên chúng, khiến cho nhiều người được lợi ích an lạc, lợi lạc như vậy thật là hy hữu.

Lại nữa, chư Hiền, Đức Như Lai, Đấng Đại Sư xuất hiện ở thế gian, ta không thấy ở quá khứ cũng như hiện tại có sự sai khác. Do vậy Đức Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác xuất hiện tại thế gian, nói pháp giáo hóa đem lại lợi ích cho trời người. Ấy là pháp phá các kiến chấp, pháp xa lìa nhiễm ô, pháp thuận quán sát, pháp trong sạch, pháp biết rõ các thọ, pháp trừ tâm kiêu mạn, pháp điều phục dòng nước khát ái, pháp phá trừ vô minh, pháp đoạn trừ mọi nương tựa, pháp lìa tham ái, pháp vắng lặng, pháp Niết-bàn, giảng nói các pháp như vậy thật là hy hữu.

Lại nữa, chư Hiền, Đức Như Lai, Đấng Đại Sư xuất hiện ở thế gian, ta không thấy ở quá khứ cũng như hiện tại có sự sai khác. Do vậy Đức Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác xuất hiện tại thế gian, vì các hàng Thanh văn chỉ dạy các pháp cần tu học. Ấy là nên tu các pháp hạnh không sân hận. Do nhân duyên này nên Đức Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác, thường luôn giáo hóa chỉ dạy những vị tu hành nên ở các nơi trống vắng, tịch tĩnh tu hạnh không tranh cãi, hoặc khi đi, đứng, nằm, ngồi, nên xa nơi ồn ào, giảm bớt bạn bè, tự

mình nương tựa thân mình, tự mình vui với mình, tự mình thương lấy mình, không xa lìa người khác mà tự mình nên tu hành. Những lời chỉ dạy như thế thật là hy hữu.

Lại nữa, chư Hiền, Đức Như Lai, Đấng Đại Sư xuất hiện ở thế gian, ta không thấy ở quá khứ cũng như hiện tại có sự sai khác. Do vậy Đức Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác xuất hiện tại thế gian, tùy thuận thọ nhận các món ăn thức uống. Đức Như Lai trong khi ăn cảm nhận được thượng vị, cũng được chánh vị, được hương vị thứ nhất, được mùi vị không ly tán.

Lại nữa, Đức Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác thọ nhận đồ ăn uống xa lìa kiêu mạn, không có sự chấp trước, thường lìa lỗi lầm, sanh khởi trí tuệ chân chánh, thường hướng tới giải thoát, lại dùng pháp này giáo hóa chỉ dạy tất cả, thật là hy hữu.

Lại nữa, chư Hiền, Đức Như Lai, Đấng Đại Sư xuất hiện ở thế gian, ta không thấy ở quá khứ cũng như hiện tại có sự sai khác. Do vậy Đức Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác xuất hiện ở đời đầy đủ thần thông, vì các hàng Thanh văn nói pháp thần thông, dạy dỗ, khai bày, hướng dẫn, khiến họ tu hành. Giáo hóa chỉ dạy như vậy thật là hy hữu.

Lại nữa, chư Hiền, Đức Như Lai, Đấng Đại Sư xuất hiện ở thế gian, ta không thấy ở quá khứ cũng như hiện tại có sự sai khác. Do vậy Đức Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác hiện ra ở đời, xa lìa các nẻo nghi ngờ, mê lầm, cũng lìa việc luận bàn về nghi hoặc, ở trong pháp thiện đạt được điều không sợ hãi. Lìa nghi như vậy thật là hy hữu.

Lại nữa, chư Hiền, Đức Như Lai, Đấng Đại Sư xuất hiện ở thế gian, ta không thấy ở quá khứ cũng như hiện tại có sự sai khác. Do vậy Đức Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác xuất hiện ở đời đối với các pháp, như điều đã giảng nói mà thực hành, như điều đã thực hành mà giảng nói. Lại đem các pháp đó chỉ dạy khai mở dẫn dắt khiến người tu hành, chỉ dạy như vậy thật là hy hữu.

Lại nữa, chư Hiền, Đức Như Lai, Đấng Đại Sư xuất hiện ở thế gian, ta không thấy ở quá khứ cũng như hiện tại có sự sai khác. Do vậy Đức Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác hiện ra ở đời, giảng dạy chỉ bày Niết-bàn và con đường đi vào Niết-bàn, làm tăng trưởng sung mãn không cùng tận. Ví như nước sông Căng-già, nước sông Diễm-mâu-na chảy về biển lớn, tăng trưởng không cùng tận, Đức Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác cũng lại như vậy, giảng dạy chỉ bày

Niết-bàn và con đường đi đến Niết-bàn, khéo giảng nói các pháp Niết-bàn và khéo an lập, khiến cho người tu hành tăng trưởng không cùng tận. Giảng dạy chỉ bày như vậy thật là hy hữu.

Này chư Hiền, Đức Như Lai, Đấng Đại Sư xuất hiện ở đời đầy đủ tám pháp hy hữu như vậy, cho nên ta không thấy ở quá khứ và hiện tại có sự sai khác.

Bấy giờ các Thiên tử nghe lời trên xong, lại càng sanh hoan hỷ hơn trước, tâm ý vui thích, thưa với chủ trời Đế-thích:

–Thưa Thiên chủ, xin vì chúng tôi nêu giảng lại tám pháp hy hữu của Đức Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác.

Khi ấy trời Đế-thích vì các Thiên chúng nói lại lần thứ hai tám pháp hy hữu:

–Lại nữa, chư Hiền, Đức Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác tùy thuận chúng sanh xuất hiện ở đời, quyết định làm giảm bớt chúng A-tu-la, khiến chư Thiên được tăng trưởng lợi ích an lạc. Lợi lạc như vậy thật là hy hữu.

Chư Hiền, cho nên Đức Như Lai, Đấng Đại Sư xuất hiện ở thế gian, ta không thấy ở quá khứ cũng như hiện tại có sự sai khác... *Như trên đã rộng nói, cho đến câu...* Đức Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác xuất hiện tại thế gian, giảng dạy chỉ bày Niết-bàn và con đường dẫn đến Niết-bàn, tăng trưởng sung mãn không cùng tận. Ví như nước sông Căng-già, nước sông Diễm-mâu-na chảy về biển lớn không cùng tận, Đức Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác cũng như vậy, chỉ dạy Niết-bàn và con đường đi đến Niết-bàn, khéo giảng nói pháp Niết-bàn và khéo an lập, khiến người tu hành tăng trưởng không cùng tận. Giảng dạy chỉ bày như vậy thật là hy hữu.

Này chư Hiền, Đức Như Lai, Đấng Đại Sư xuất hiện ở đời đầy đủ tám pháp hy hữu như vậy, cho nên ta không thấy ở quá khứ hay hiện tại mà có sai khác.

Nghe xong lời ấy, các vị Thiên tử ấy lại càng sanh tâm hoan hỷ hơn trước, tâm ý vui thích.

Bấy giờ Đức Thế Tôn sau khi đã biết chư Thiên đã sanh tâm hoan hỷ hơn trước, lại bảo vua trời Đế-thích:

–Kiều-thi-ca, ông nay nên nói lại lần nữa tám pháp hy hữu của Đức Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác.

Lúc ấy trời Đế-thích vâng lời Phật dạy, nói lại lần thứ ba, tám

pháp hy hữu:

–Lại nữa, chư Hiền, Đức Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác tùy thuận chúng sanh xuất hiện ở đời, quyết định làm tổn giảm chúng A-tu-la, tăng trưởng lợi ích cho Thiên chúng, khiến nhiều người được lợi ích an lạc. Lợi lạc như vậy thật là hy hữu.

Chư Hiền, cho nên Đức Như Lai, Đấng Đại Sư xuất hiện ở đời, ta không thấy ở quá khứ và hiện tại mà có sai khác... *Như trên đã rộng nói, cho đến câu...* Đức Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác xuất hiện ở đời chỉ dạy Niết-bàn và con đường để vào Niết-bàn, tăng trưởng sung mãn không cùng tận. Ví như nước sông Căng-già, nước sông Diễm-mâu-na chảy về biển lớn tăng trưởng không cùng tận, Đức Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác cũng lại như vậy, chỉ dạy Niết-bàn và con đường đi đến Niết-bàn, khéo giảng nói pháp Niết-bàn và khéo an lập, khiến người tu hành tăng trưởng không cùng tận. Giảng dạy chỉ bày như vậy thật là hy hữu.

Này chư Hiền, Đức Như Lai, Đấng Đại Sư xuất hiện ở đời đầy đủ tám pháp hy hữu như vậy, cho nên ta không thấy ở quá khứ hay hiện tại mà có sai khác.

Nói như vậy xong, lúc ấy Đại Phạm thiên vương biết chư Thiên đều sanh hoan hỷ, tâm ý vui thích hơn trước, liền nói kệ:

Chủ trời Đế-thích cùng Thiên chúng
Như vậy đều sanh tâm hoan hỷ
Quy mạng xưng tán Đức Như Lai
Khéo nói pháp hy hữu của Phật.
Trước thấy chư Thiên kẻ mới sanh
Đầy đủ sắc tướng và oai quang
Do đã lâu tu hành phạm hạnh
Được sanh cõi trời đủ lực lớn.

Khi ấy tất cả chư Thiên nơi cõi trời Ba mươi ba nghe kệ rồi đều sanh hoan hỷ hơn trước, tâm ý vui thích.

Bấy giờ vua trời Đại phạm biết chư Thiên sanh tâm hoan hỷ hơn trước rồi, liền bảo chúng trời:

–Các vị nếu ưa muốn nghe việc Đức Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác đầy đủ trí tuệ lớn, ở trong nẻo sanh tử tạo được nhiều lợi ích an lạc, những việc như thế này thì cần phải sanh tâm hoan hỷ hơn trước, phát khởi ý ưa thích.

Thiên chúng cùng nhau thưa với vua trời Đại phạm:

–Lành thay! Đại Phạm thiên vương, kính mong rộng nói về việc Đức Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác đầy đủ trí tuệ lớn, ở trong nẻo sanh tử tạo được nhiều lợi ích an lạc.

Khi ấy vua trời Đại phạm liền rộng giảng nói về nhân duyên trí tuệ của Đức Như Lai ở thời xa xưa.

Đại Phạm thiên vương thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn, trong đời quá khứ có một quốc vương tên là Vực Chủ. Thời ấy có một vị Bà-la-môn tên Kiên Cố, nhậm chức phụ tướng, làm quân sư cho nhà vua, trí tuệ thông minh, đầy đủ tài ba thao lược khéo việc trị nước. Vua có thái tử tên là Lê-nỗ, vua rất yêu mến, thông minh trí lớn, lại có nhiều tài, khéo biết mọi việc, vua thường thương nhớ. Thái tử Lê-nỗ kia có sáu người bạn trẻ dòng Sát-đế-lợi kết làm bạn thân, thường gặp gỡ nhau nhóm cát làm vui. Phụ tướng Bà-la-môn Kiên Cố cũng có một người con tên là Hộ Minh, tài trí lanh lợi, thông thạo mọi công việc, được cha yêu mến. Bạch Đức Thế Tôn, phụ tướng tham gia chính sự trải qua nhiều năm, sau một thời gian bỗng nhiên mạng chung. Vua nghe phụ tướng Bà-la-môn Kiên Cố đã mạng chung thì buồn rầu ảo não, rơi nước mắt, vin gối bàng hoàng, mê man tuyệt vọng nói:

–Vị phụ tướng của ta là bậc tài trí, tham gia giúp việc điều hành quốc chánh tốt đẹp, lại thường cùng ta vui thích, nay bỗng qua đời khiến ta rất đau khổ.

Khi ấy thái tử nghe vua cha vì phụ tướng Bà-la-môn Kiên Cố mạng chung mà ưu sầu áo não, liền đến chỗ vua cha thưa:

–Phụ vương không nên lo buồn than khóc, chớ có tuyệt vọng, đau khổ. Vì sao vậy? Phụ vương nên biết Bà-la-môn Kiên Cố có một trưởng tử tên là Hộ Minh, gồm đủ tài trí, thông minh hơn người, nếu được thừa kế địa vị của cha, khả năng hiểu biết về chính sự, việc của người cha rõ, người con này thảy đều biết rõ. Nay có người như thế, sao vua cha lại lo buồn? Phụ vương nên ra lệnh triệu vào cung tùy việc chỉ dạy, đem trách nhiệm của cha giao phó cho người con.

Vua cha nghe lời, liền gọi sứ giả đến bảo:

–Ngươi đến chỗ của đồng tử Hộ Minh truyền lại lời này: “Vua nay triệu ông nên mau đến đây.”

Sứ giả nhận lệnh, tức thời đi đến chỗ của đồng tử Hộ Minh, đến

nơi, tuyên lại đủ lệnh của vua: Vua triệu Hộ Minh mau vào cung. Đồng tử Hộ Minh nghe sứ giả nói, liền đi đến chỗ vua, thân hành cung kính ngồi qua một bên. Nhà vua rất hoan hỷ, an ủi vỗ về và nói:

–Ta nay thật sự chỉ dạy cho ông: Thân phụ ông qua đời, tuy rất đáng buồn nhưng ta nay ra lệnh cho ông thừa kế địa vị của cha lãnh chức phụ tướng. Ông khéo cùng ta sửa trị việc nước.

Đồng tử Hộ Minh nhận lệnh của vua, thừa kế địa vị của cha làm phụ tướng, cùng vua sửa trị việc nước như công việc của người cha. Tất cả cách thức ứng xử công việc đều giống như cha mình, không có sai sót.

Bấy giờ trong nước, các hàng Bà-la-môn, Trưởng giả, Cư sĩ, nhân dân biết được sự việc ấy, đều nói:

–Quý hóa thay đồng tử Hộ Minh! Cha ngài ngày xưa tên là Kiên Cố, con nay kế vị. Hãy mở rộng sự nghiệp của người đi trước! Chúng tôi sẽ gọi ngài là Đại Kiên Cố. Tên của Ngài trước đây là Hộ Minh, nay phát xuất từ sự nhiệt tình của mọi người mà có hiệu khác. Từ nay về sau đều gọi ngài là Đại Kiên Cố.

Bạch Đức Thế Tôn, bấy giờ phụ tướng Bà-la-môn Đại Kiên Cố làm việc không bao lâu, liền đi đến chỗ sáu vị đồng tử Sát-đế-lợi và bảo:

–Này các đồng tử, các vị nên đến thăm thái tử Lê-nỗ, thưa với ông ấy: "Thái tử nếu gặp cảnh khổ não chúng tôi và ngài cùng chịu, nếu được vui thích chúng ta cùng hưởng. Người có chỗ hướng về nương, tôi cũng có chỗ trở về. Nay phụ vương của ngài đã quá già nua, đi đứng yếu đuối, tuổi thọ chẳng còn bao lâu, một mai vua qua đời, chúng ta về đâu? Ngài nay nên biết, cần có các đại thần phò tá, cùng nhau bàn luận, sau khi đức vua băng hà, tất sẽ giúp ngài nhận lễ quán đảnh làm vua. Người nếu đã nối thừa vương vị, nên đem quốc độ cùng với chúng tôi phân ra để cùng sửa sang cai quản."

Sáu vị đồng tử nghe phụ tướng Bà-la-môn Đại Kiên Cố nói như vậy liền cùng nhau đi đến chỗ thái tử Lê-nỗ, trình bày đầy đủ như trên. Khi đó thái tử nói:

–Này các đồng tử, nếu ta còn sống đến ngày đó, và có các đại thần phò tá, lập ta lên kế vị cùng trao lễ quán đảnh, ta khi ấy sẽ không quên các ông, quốc độ phân chia ra để cùng các ông cai trị. Nếu có điều vui chúng ta cùng hưởng.

Sau đó, trải qua một thời gian dài vua Vực Chủ bỗng nhiên mạng

chung. Bấy giờ các đại thần phò tá đến chỗ thái tử cùng thưa:

–Thái tử nên biết, chúng tôi là các đại thần xin trao lễ quán đảnh cho ngài, nay đã đến lúc ngài thừa kế vương vị.

Thái tử Lê-nỗ nói với các đại thần phò tá:

–Các ông nếu thấy ta gánh vác được mà lập lên kế tục vương vị, nay chính đúng lúc.

Khi ấy các quan phò tá liền thiết lập tòa sư tử tốt đẹp. Thái tử lên ngồi trên tòa, họ dùng nước thơm rưới trên đảnh và cùng nhau tôn xưng:

–Thưa Thiên tử, ngày nay đã đến lúc thừa kế vương vị, chúng tôi quần thần xin tôn vua quán đảnh.

Vua làm lễ quán đảnh xong thì dốc lòng lo việc trị nước.

Bạch Đức Thế Tôn, vua Lê-nỗ lên ngôi thời gian chưa bao lâu, tùy ý thỏa thích vui đùa trong năm dục.

Khi ấy phụ tướng Bà-la-môn Đại Kiên Cố đi đến chỗ của sáu vị đồng tử bảo:

–Các ông nên biết, thái tử đã thọ lễ quán đảnh, đang ở vương vị thời gian chưa bao lâu, vui trong năm món dục, tùy ý thỏa thích. Lúc trước vua có nói cùng các vị phân chia đất nước để cai trị, các vị nay nên đến chỗ vua Lê-nỗ mà thưa: “Đức vua trước đây có hứa với chúng tôi phân đất để cai trị, đức vua nay còn nhớ không?”

Bấy giờ sáu vị đồng tử nghe phụ tướng Đại Kiên Cố nói xong, liền cùng nhau đi đến chỗ vua Lê-nỗ, nói lại đủ như trên.

Bạch Thế Tôn, khi ấy vua Lê-nỗ bảo sáu vị đồng tử:

–Lời hứa trước đây như thế nào, ta đều nhớ cả. Ta nay sẽ đem quốc độ này chia làm bảy phần cấp cho các ông, để mỗi người đều có đất trị vì.

Nghe dạy như vậy, sáu vị đồng tử đều tâu vua:

–Vua đã phán lời như thế thật là tốt đẹp, mong đức vua triệu phụ tướng Bà-la-môn Đại Kiên Cố, khiến ông ta như lời vua phán dạy thân hành phân chia cương giới cảnh vực. Ông ấy thông minh, trí tuệ thấu đạt, có thể phân chia đúng đắn.

Vua Lê-nỗ bèn ra lệnh cho sứ giả:

–Ông đến chỗ của phụ tướng Bà-la-môn Đại Kiên Cố thưa: “Vua có lệnh triệu, mau đến chỗ vua”.

Sứ giả vâng mạng, liền đi đến chỗ ở của phụ tướng Bà-la-môn

Đại Kiên Cố. Sau khi đến nơi liền nói lại lời triệu của đức vua:

–Ngài nên nhanh chóng đến yết kiến đức vua.

❑

PHẬT NÓI KINH DUYÊN KHỞI BÀ-LA-MÔN ĐẠI KIÊN CỐ

QUYỂN II

Lúc bấy giờ phụ tướng Bà-la-môn Đại Kiên Cố liền đến yết kiến đức vua Lê-nỗ. Đến nơi, ngài hết lòng cung kính, lui ngồi qua một bên. Vua vui mừng khen ngợi an ủi, phụ tướng cũng rất cung kính đối đáp. Vua nói:

–Này Đại Kiên Cố, nay ông hãy vì ta phân chia đất nước này ra làm bảy phần để ta cùng sáu vị đồng tử đều có phần đất riêng.

Khi ấy phụ tướng nhận lệnh vua rồi liền suy tính để phân ranh giới. Phía Bắc và cạnh Bắc, ranh giới rộng rãi. Phía Nam và cạnh Nam ranh giới nhỏ hẹp, cũng như hình dáng chiếc xe. Đất đai cảnh trí của vùng trung thổ, chỗ có nhiều người tụ hội đông đảo là nơi đóng đô của vua Lê-nỗ, có thành Nại-đa-bố-la thuộc nước Ca-lăng-nga, thành Bao-đát-na thuộc nước Ma-thấp-ma-ca, thành Ma-hư-sa-ma thuộc nước Vãn-đế-na, thành Lao-lỗ-ca thuộc nước Tô-vĩ-la; thành Vĩ-đề-hứ thuộc nước Di-thể-la, thành lớn Chiêm-ba thuộc nước Ma-già-đà, thành lớn Ca-thi thuộc nước Ba-la-nại. Như vậy bảy nước đã phân ranh giới rồi, sáu vị đồng tử ở nơi mỗi nước nhận lễ quán đảnh, đều lên làm vua thống lãnh một vùng. Từ đó về sau mới có bảy vua, đó là: Vua Lê-nỗ, vua Phá Oán, vua Phạm Thọ, vua Thắng Tôn, vua Minh Ái, vua Trì Quốc, vua Đại Trì Quốc. Như vậy bảy vua đều có phần đất thống lãnh riêng. Một thời gian sau, sáu vị vua cùng nhau nhóm họp đến chỗ phụ tướng Bà-la-môn. Khi đến nơi, các vị liền thưa:

–Đại Kiên Cố, người sẵn có mưu trí tài ba thao lược phò tá cho đại vương Lê-nỗ. Sáu vị vua chúng tôi cũng mong được ông giúp đỡ để cùng nhau tán trợ.

Phụ tướng Bà-la-môn nghe xong, nhận lời phụ giúp cho cả bảy đức vua, nếu có công việc thì cùng nhau bàn luận.

Phụ tướng Bà-la-môn sau này lại còn làm giáo thọ cho bảy ngàn Bà-la-môn tụng kinh điển và cũng là giáo thọ cho bảy ngàn Bà-la-môn khác đọc kinh điển.

Khi ấy các Trưởng giả, Bà-la-môn, Cư sĩ, nhân dân đều biết phụ tướng Bà-la-môn tài trí như vậy, cùng nhau luận bàn:

–Vị Đại Kiên Cố ấy, đúng là một bậc đại Bà-la-môn chân thật, lại có thể cùng các vị Bà-la-môn giảng dạy cho họ đọc tụng kinh điển Vệ-đà.

Phụ tướng Bà-la-môn nghe mọi người nhận xét như vậy, liền nghĩ: "Các Bà-la-môn, Trưởng giả, Cư sĩ, nhân dân này, ở đâu họ cũng cùng nhau bình phẩm tán dương ta quá đáng, cho ta là người tài trí, lại xem ta là bậc đại Bà-la-môn chân thật, địa vị ấy ta chưa được, ta tự quán xét thật chẳng phải là bậc đại Bà-la-môn chân thật. Ta nay lại không thể cùng các Bà-la-môn giảng dạy đọc tụng kinh điển Vệ-đà, khiến họ hiểu biết chánh đáng rộng rãi. Ta thật chẳng phải tài giỏi. Huống nữa, sắc thân hình tướng thế gian của ta không tồn tại lâu dài. Ta xưa đã từng nghe các bậc tiên đức kỳ cựu đại Bà-la-môn có trí nói: "Trong pháp của Bà-la-môn, ai trong bốn tháng mùa hạ, ở chỗ thanh vắng tu tập Bi quán. Nếu thiền quán được thành tựu thời vua trời Đại phạm sẽ hiện thân đến, thỏa mãn lòng cầu nguyện". Nếu được như vậy ta rất ưa thích. Ta nên như lời dạy mà tu tập thiền quán này". Nói và nghĩ như vậy, bấy giờ, phụ tướng Bà-la-môn muốn sắp xếp trong bốn tháng mùa hạ, ở chỗ thanh vắng tu tập thiền định Bi quán, liền đến chỗ vua Lê-nỗ tâu:

–Thưa Đại vương, tôi nay mong muốn trong bốn tháng mùa hạ ở chỗ thanh vắng tu tập thiền định Bi quán, mong ngài chấp nhận.

Vua Lê-nỗ nói:

–Này Đại Kiên Cố, tùy ý ông muốn nếu thấy hợp thời.

Phụ tướng Bà-la-môn được vua hứa rồi, đến chỗ thanh vắng lặng tâm chuyên chú, ở trong bốn tháng mùa hạ tu tập Bi quán.

Bốn tháng mùa hạ đã qua, đúng ngày rằm trăng tròn các khất sĩ làm lễ trưởng tịnh, nên ở chỗ ấy dựa theo pháp của Bà-la-môn, dùng Cù-ma-di sạch trét trên đất rồi lập hỏa đàn ở bốn phương, ở chính trung tâm cũng lập hỏa đàn. Khi ấy phụ tướng Bà-la-môn tắm rửa, mặc áo mới sạch sẽ, từ phương Bắc bước lên, đến ranh đàn phía Nam

trải cỏ kiết tường, phủ khắp mặt đất của đàn, ngồi xuống mặt xoay về phía Bắc, cầm dụng cụ tiến hành việc phụng sự lửa để tế tự Phạm thiên.

Bấy giờ phụ tướng Bà-la-môn làm lễ chưa bao lâu, bỗng ở phương Bắc hiện tướng ánh sáng lớn. Phụ tướng Bà-la-môn thấy được ánh sáng ấy, sanh tâm cho là ít có, toàn thân lông dựng đứng, lại càng nghiêm túc cung kính vững tâm an trú. Ánh sáng kia chói lọi xưa nay chưa từng thấy. Vua Đại Phạm thiên hiện ánh sáng lớn, sau đó không bao lâu, từ phương Bắc đến, trụ trong hư không. Phụ tướng Bà-la-môn một lòng hoan hỷ, ngước nhìn lên thấy vua Đại Phạm thiên ở giữa hư không liền chắp tay đảnh lễ, nói kệ:

Đủ oai thần sắc tướng quang minh
Là vị Thánh nào hiện trên không
Tôi nay tuy thấy không thể biết
Xin nguyện như thật vì tôi nói.

Bấy giờ Đại Phạm thiên vương liền nói kệ đáp phụ tướng Bà-la-môn:

Những người thanh tịnh tức sẽ biết.
Ta thường trụ ở cõi Phạm thế
Lại nữa chư Thiên biết tên ta
Vị Bà-la-môn nên tự xét.

Phụ tướng Bà-la-môn lại nói kệ:

Cần dùng nước sạch và tòa ngồi
Tô, mật, sữa, cháo, vị tối thắng
Tôi lần đầu hết lòng hiến dâng
Xin nguyện Phạm vương thương thọ nhận.

Đại Phạm thiên vương lại nói kệ:

Cần dùng nước sạch và tòa ngồi
Tô, mật, sữa, cháo, vị tối thắng
Vị Bà-la-môn cúng lần đầu
Ta nay theo đó vì ông nhận.

Phụ tướng Bà-la-môn nói kệ:

Các cảnh năm dục tên cõi này
Được sanh Phạm thế tên cõi khác
Tôi thích nghĩa này muốn thưa hỏi

Xin được Phạm vương hứa nghe cho.

Đại Phạm thiên vương nói kệ:

Cõi này cõi khác trong hai nghĩa
Tùy ý ưa thích ông cứ hỏi
Ta nay hứa nghe đều không nghi
Ông hỏi thế nào mau nên nói.

Khi ấy phụ tướng Bà-la-môn suy nghĩ: "Ta nay muốn dứt bỏ nghi hoặc, nên hỏi Phạm thiên về ý nghĩa gì trước tiên? Nên hỏi thế giới này do đâu mà phát khởi? Hay hỏi ý nghĩa của thế giới kia làm sao được sanh?" Phụ tướng Bà-la-môn lại suy nghĩ: "Về ý nghĩa của thế giới này là do năm dục phát khởi, ở đây ta không nên hỏi. Ta nay nên hỏi ý nghĩa sanh thế giới khác, tức là cõi Phạm thiên". Phụ tướng Bà-la-môn nghĩ như vậy rồi liền hỏi Đại Phạm thiên vương:

–Đại Phạm thiên vương, bậc dõng mãnh thanh tịnh, tôi nay xin hỏi ngài, nguyện giải trừ nghi hoặc. Người trong cõi Đại phạm nếu muốn cầu sanh về cảnh giới tịch tĩnh của Phạm thiên, nên tu hạnh gì để được sanh về?

Bấy giờ Đại Phạm thiên vương nói bài kệ đáp lời phụ tướng Bà-la-môn:

Người tu vô ngã tức tịnh hạnh
Tâm trụ một cảnh, bỉ giải thoát
Lìa các nhiễm dục trừ phiền não
Như thế được sanh Phạm thiên giới.

Phụ tướng Bà-la-môn thưa với Đại Phạm thiên vương:

–Như ngài dạy trong bài kệ, người tu vô ngã tức là tịnh hạnh. Tôi đối với nghĩa này có thể rõ biết, nghĩa là có người khởi tâm chánh tín, tu theo pháp xuất gia, cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, giàu có sung sướng dù ít, dù nhiều cũng đều xả bỏ, trí tuệ có thể theo đấy mà chuyển biến, hoặc trong dòng tộc cao sang, hoặc trong dòng tộc thấp kém, tâm kia vẫn bình đẳng lìa các chấp trước, chỉ dùng ba y và một bình bát, không sở hữu vật gì khác. Ở trong việc học và truyền trao các pháp cần tu học, ba nghiệp thân, ngữ, ý đầy đủ thanh tịnh nơi thân mạng thanh tịnh tự sống, lìa các lỗi lầm, như vậy gọi là người tu vô ngã.

Lại như Đại Phạm thiên vương nói:

–"Tâm trú một cảnh", tôi nghe lời này cũng có thể hiểu rõ. Nghĩa là người thực hành thiền định, trong tâm thanh tịnh, trụ vào một cảnh,

không tầm không tứ, định sanh hỷ lạc chứng Nhị thiền định, đầy đủ hạnh tu. Đây gọi là tâm trú nơi một cảnh.

Lại như Đại Phạm thiên vương nói:

–"Tâm bi là giải thoát", tôi nghe câu này, cũng có thể hiểu. Nghĩa là có một hạng người tu hạnh từ bi, khởi tâm bi mẫn trong đủ các thời, trước tiên ở phương Đông, trải tâm Bi rộng lớn ra khắp nơi, thực hành đầy đủ, tâm bình đẳng không hai, cũng không hạn lượng, không oán, không phiền não. Thực hành ở Đông phương như thế rồi, ở các phương Nam, Tây, Bắc bốn phía trên dưới, toàn thể thế giới, làm chuyển vận, mở rộng tâm Bi, thực hành đầy đủ cũng lại như vậy. Đây gọi là tu tâm Bi giải thoát.

Lại như Đại Phạm thiên vương nói:

–"Lìa các dục nhiễm dứt trừ phiền não", tôi nghe câu này, chưa rõ nghĩa đó. Đại Phạm thiên vương, phiền não là những gì? Làm sao con người chuyển các phiền não mà được thanh tịnh? Các thứ phiền não trôi chảy đầy dẫy như biển ở trong tâm, làm sao khiến người tu hành được sanh về cảnh giới Phạm thiên tịch tĩnh kia?

Bấy giờ Đại Phạm thiên vương liền nói bài kệ trả lời phụ tướng Bà-la-môn:

Tham, sân, si, mạn, nghi, phẫn, phú
Não, hại, hư dối và tật xan
Dấy pháp nhiễm ấy hủy báng người
Chính đó gọi là các phiền não.
Xa lìa những phiền não như trên
Trong nội tâm liền được thanh tịnh
Dứt tận cội nguồn biển phiền não
Được sanh cõi Phạm thiên tịch tịnh.

Phụ tướng Bà-la-môn thưa Đại Phạm thiên:

–Như Phạm thiên đã dạy về các pháp phiền não, tôi nghe lời đó đã rõ ý nghĩa. Nếu tôi ở tại gia sẽ luôn bị trói buộc. Nếu tôi xuất gia sẽ trọn hướng lìa lỗi lầm, cần phải tu tập phạm hạnh thanh bạch, chân chánh, trong sạch. Vì sao vậy? Có sanh đều phải diệt, mạng người ngắn ngủi, nếu không biết rõ chết liền đọa đường ác. Vì vậy tôi nay tự biết rõ phải khéo tu tập, thực hành phạm hạnh chân chánh, và không còn tạo nghiệp ác nơi thế gian. Thưa Đại Phạm thiên, tôi nay bỏ nhà mà cầu xuất gia. Cúi mong Phạm thiên biết tâm ý tôi.

Đại Phạm thiên nói:

–Như ý muốn của ông, nay chính là đúng lúc.

Bấy giờ từ không trung Đại Phạm thiên hiện ra dạy những lời như trên rồi biến mất.

Lại nữa, trong chúng hội, vương tử Càn-thát-bà Ngũ Kế bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn, con hôm nay nghe Phạm vương đối trước Thế Tôn nói việc nhân duyên đời trước, con bỗng suy nghĩ: "Phụ tướng Bà-la-môn Đại Kiên Cố thuở ấy phải chăng chính là Đức Thế Tôn?".

Phật bảo vương tử Càn-thát-bà Ngũ Kế:

–Đúng vậy! Đúng vậy! Phụ tướng Bà-la-môn Đại Kiên Cố thuở ấy chính là thân Ta. Ta nhớ lại, việc đi xuất gia của phụ tướng Bà-la-môn Đại Kiên Cố xưa kia. Ông đã từng nghe chưa?

Ngũ Kế thưa:

–Bạch Thế Tôn, con chưa nghe, con chưa từng nghe.

Phật dạy:

–Này Ngũ Kế, Ta nay sẽ lần lượt vì ông giảng nói. Này Ngũ Kế, thời ấy phụ tướng Bà-la-môn Đại Kiên Cố làm công việc phụng sự lửa xong, đi đến chỗ ở của vua Lê-nỗ. Khi đến nơi, ông quỳ gối, cung kính trước vua, nói kệ:

Tôi có ý nguyện nay xin thưa
Đại vương Lê-nỗ, chủ quốc giới
Tôi bỏ tướng vị cầu xuất gia
Mong vua tự lo việc quốc chính.

Bấy giờ đại vương Lê-nỗ nói kệ trả lời phụ tướng:

Nếu ông thiếu kém việc cần dùng
Mong muốn những gì ta sẽ giúp
Nếu ai quấy nhiễu ông nói mau
Ta dùng phép vua để trị phạt.
Ông như cha ta, ta như con
Chúng ta giúp nhau sao nỡ lìa
Ông tuy là tướng cũng là thầy
Vì sao nay lại nói như vậy.

Phụ tướng Bà-la-môn nói kệ:

Những đồ cần dùng tôi không thiếu
Cũng chẳng có ai gây phiền não

Chỉ vì tôi nghe lời chân thật
Phát tâm xuất gia không chuyển đổi.

Đại vương Lê-nỗ nói kệ:

Là phi nhân chân thật thế nào?
Vì sao tin nghe lời như vậy
Chớ cho lời ấy là chân chánh
Bỏ chức phụ tướng cầu xuất gia!

Phụ tướng Bà-la-môn nói kệ:

Thiên tử, tôi trước phụng sự lửa
Dốc phát tâm chuyên chú trong lành
Theo pháp lập đàn hỏa tế trời
Đem cỏ cát tường dùng để trải
Đại Phạm thiên vương, bậc Tiên thánh
Theo lời tôi cầu liền hiện thân
Tôi nghe ngài nói lời chân thật
Do vậy quyết tâm muốn xuất gia.

Đại vương Lê-nỗ nói kệ:

Như lời phụ tướng đã khéo nói
Ta nay đều đã tin hiểu cả
Ông trước đã nghe lời bậc Thánh
Tâm xuất gia ấy sao chuyển được.
Lòng ông thanh tịnh như hư không
Lại như lưu ly báu sạch đẹp
Ông nếu tu hành ta cũng tùy
Ta nhờ ông nên được khai ngộ.

Vua Lê-nỗ nói kệ rồi, lại bảo:

–Này Đại Kiên Cố, tâm ông thanh tịnh, ưa tu hạnh lành, tùy theo ý ông muốn. Ông có chỗ trở về, ta cũng có chỗ trở về.

Phụ tướng Bà-la-môn lại nói kệ thưa với vua:

Vua nên xả bỏ các cảnh dục
Nếu còn chấp trước tức người mê
Nên khởi quyết tâm lìa tham đắm
Đủ sức nhẫn Tam-ma-hứ-đa
Người ngộ pháp ấy liền thanh tịnh
Thật thường trụ đạo thanh tịnh ấy

Giảng nói pháp môn chân thật này
Do đấy được sanh cõi Phạm thiên.

Này Ngũ Kế, sáu vị vua được phân ra lãnh đạo các nước kia, nghe phụ tướng Bà-la-môn bỏ chức vị phụ tướng vui cầu xuất gia, sáu vua liền nhóm một chỗ. Lúc ấy, phụ tướng Bà-la-môn tự đi đến chỗ sáu đức vua, quỳ gối, thưa:

–Các đại vương nên biết, tôi nay muốn từ bỏ chức vị phụ tướng, xin các ngài tìm cầu người trợ giúp việc nước, nếu muốn học hỏi nên tìm riêng vị thầy mô phạm. Tôi nay ưa muốn xuất gia tu đạo. Vì sao vậy? Tôi ở chỗ Đại Phạm thiên nghe được lời chân thật, đó là cần nên xa lìa các phiền não. Từ đây về sau, tôi không ưa thích lối sống tại gia chỉ có trói buộc. Như tôi xuất gia chỉ quyết nhằm xa lìa lỗi lầm và cần tu tập phạm hạnh chân chánh, thanh bạch, trong lành. Vì sao? Mạng người ngắn ngủi, có sanh đều phải có diệt. Nếu không hiểu rõ thì khi chết sẽ bị đọa cõi ác. Vì vậy tôi nay tự giác khéo tu tập, thực hành phạm hạnh chân chánh, không còn trở lại như người thế gian tạo các nghiệp ác.

Lúc ấy sáu vua cùng nhau bàn luận: "Ông phụ tướng Bà-la-môn này vì sao lìa bỏ giàu sang cầu xuất gia? Trong hàng Bà-la-môn cũng có người ưa thích giàu sang. Chúng ta nên đem việc giàu sang khuyên bảo vị ấy chớ nên xuất gia".

Sáu vua bàn luận xong, liền gọi vị phụ tướng Bà-la-môn nói:

–Sáu vị quân vương chúng tôi sẽ ban tất cả sự giàu sang tùy theo ý ông muốn, để khuyến thỉnh ông. Sự giàu sang của chúng tôi hiện nay đều nương theo pháp mà có.

Nói rồi họ liền đem tất cả tiền bạc của báu, các vật dụng quý giá sang trọng trao cho phụ tướng Bà-la-môn. Khi ấy phụ tướng Bà-la-môn thưa với sáu vị vua:

–Thưa các đại vương, nay tiền bạc, báu vật và các vật dụng quý giá sang trọng ấy tôi đều đã có đầy đủ. Những vật sở hữu của tôi, cũng nương theo pháp mà được. Tài sản của tôi, tôi còn xả bỏ, sao tôi lại nhận thêm vật của các đại vương ban. Chí tôi nay đã quyết cầu được xuất gia. Vì sao? Tôi gặp Đại Phạm thiên vương, được nghe lời chân thật là cần phải xả bỏ pháp phiền não... *(cho đến đoạn mà ở trên đã rộng nói).*

Này Ngũ Kế, khi ấy sáu vị vua cùng bàn luận với nhau:

–Trong hàng Bà-la-môn cũng có người ưa thích sắc đẹp của kỹ nữ. Vậy chúng ta nên theo sự ưa thích ấy trao tặng, khiến ông ấy phải chấp nhận.

Bấy giờ sáu vị vua bàn luận xong, liền đem các kỹ nữ xinh đẹp tặng cho phụ tướng Bà-la-môn. Các vua nói:

–Các kỹ nữ này hình tướng xinh đẹp, thân thể đầy đặn, dung mạo dễ xem, lại có nhiều tài năng và hiểu biết. Ông nên thâu nhận chớ có xuất gia.

Phụ tướng Bà-la-môn thưa với sáu vị vua:

–Thưa đại vương, nhà tôi cũng đã có đến bốn mươi người vợ hình tướng, dung mạo đều xinh đẹp, dễ mến, đoan chánh. Tuy đã tự có, tôi vẫn xả bỏ tất cả, huống chi nay lại nhận thêm ân đức của các vua. Tôi nay đã quyết chí cầu xuất gia. Vì sao? Tôi đã gặp Đại Phạm thiên vương, đã nghe lời dạy chân thật là cần nên xả bỏ pháp phiền não... *(như trên đã rộng nói).*

Này Ngũ Kế, lúc ấy sáu vị vua nói với phụ tướng Bà-la-môn:

–Ông nay cương quyết cầu xuất gia, nhưng có thể chờ đợi được chăng? Sau bảy năm, con cháu của chúng tôi đã khôn lớn nên người rồi, chúng tôi cũng sẽ theo ông xuất gia. Đại Kiên Cố, ông có chỗ hướng về, chúng ta các vua cũng có chỗ trở về.

Phụ tướng Bà-la-môn thưa với sáu vị vua:

–Nếu đợi bảy năm thời gian rất là lâu. Chí tôi nay cương quyết mong mau được xuất gia. Vì sao vậy? Tôi đã gặp Đại Phạm thiên vương, nghe lời chân thật là cần nên xả bỏ pháp phiền não... *(như vậy, cho đến như trên đã rộng nói).*

Sáu vị vua nói:

–Này Đại Kiên Cố, nếu không như thế thì có thể đợi sáu năm, hoặc năm năm, cho đến một năm.

Phụ tướng đáp:

–Nếu đợi một năm cũng là lâu. Tôi nay đã quyết chí mong mau được xuất gia.

Sáu vị vua lại nói:

–Nếu không được như vậy, thì hãy đợi bảy tháng.

Phụ tướng đáp:

–Nếu đợi bảy tháng cũng còn là lâu, tôi nay đã quyết lòng mong

mau được xuất gia.

Sáu vị vua lại nói:

–Nếu không được thì hãy đợi sáu tháng cho đến nửa tháng.

Phụ tướng đáp:

–Nếu đợi nửa tháng thì quá lâu. Tôi nay đã quyết tâm mong mau được xuất gia.

Sáu vị vua lại nói:

–Nếu không được như vậy thì chỉ đợi bảy ngày.

Phụ tướng đáp:

–Thưa các đại vương, nếu đợi bảy ngày, kỳ hạn này có thể được. Chúng ta xuất gia, bỏ khổ được vui, nay chính là phải lúc.

Này Ngũ Kế, bấy giờ phụ tướng Bà-la-môn đi đến chỗ bảy ngàn người dạy họ tụng kinh điển Bà-la-môn cùng đến chỗ bảy ngàn người dạy họ đọc kinh điển Bà-la-môn. Đến các nơi ấy, ông bảo với tất cả một vạn bốn ngàn vị Bà-la-môn ấy:

–Lành thay! Lành thay! Này các chúng Bà-la-môn, các vị đã có kinh điển Vệ-đà, hoặc đọc hoặc tụng. Từ nay về sau, mỗi vị nên tìm riêng thầy dạy để học tập với nhau. Ta nay xuất gia, không thể dạy các vị. Vì sao vậy? Vì ta đã gặp Đại Phạm thiên vương, nghe lời chân thật, đó là cần nên xả bỏ pháp phiền não. Từ nay về sau, ta không còn ưa thích lối sống tại gia chỉ nhiều ràng buộc. Ta nếu xuất gia chỉ theo một hướng xa lìa lỗi lầm, cần tu tập phạm hạnh thanh tịnh, chân chánh, trong lành. Vì sao? Mạng người ngắn ngủi, có sanh đều phải có diệt. Nếu không hiểu biết, chết sẽ bị đọa vào đường ác. Vì vậy ta nay tự giác, khéo tu tập, thực hành phạm hạnh chân chánh, không như người đời tạo các nghiệp ác.

Khi ấy một vạn bốn ngàn người trong chúng Bà-la-môn đều thưa với phụ tướng Bà-la-môn:

–Thầy là người trí chớ nên xuất gia. Vì sao vậy? Vì làm người xuất gia, ít có lợi ích, ít có oai đức, ít được khen ngợi. Nếu là Bà-la-môn thì có lợi ích lớn, có oai đức lớn, được khen ngợi lớn.

Phụ tướng Bà-la-môn bảo với một vạn bốn ngàn vị Bà-la-môn kia:

–Các vị Bà-la-môn, chớ nói như vậy! Các vị nên biết người xuất gia có lợi ích lớn, có oai đức lớn, có được sự khen ngợi lớn. Còn Bà-la-môn thì ít có lợi ích, ít có oai đức, ít được khen ngợi. Như các hiểu biết mà Bà-la-môn các ông đang có, tất cả đều nhờ nhân duyên thầy trao

mà được. Vì vậy các ông chớ có cái nhìn sai khác.

Một vạn bốn ngàn vị trong chúng Bà-la-môn đều thưa với phụ tướng Bà-la-môn:

–Như thầy đã dạy, đúng như vậy. Phàm người xuất gia thì có lợi ích lớn, có oai đức lớn, được khen ngợi lớn, cho đến việc chúng tôi có được hiểu biết tất cả đều nhờ nhân duyên thầy trao dạy. Thầy ngày nay nếu có chỗ trở về, chúng tôi cũng có chỗ trở về.

Lúc ấy phụ tướng Bà-la-môn lại nói với một vạn bốn ngàn Bà-la-môn:

–Chúng ta xuất gia, bỏ khổ được vui, nay chính là đúng lúc.

Bấy giờ phụ tướng Bà-la-môn trở về nhà, gặp bốn mươi người vợ, nói với các vị ấy:

–Lành thay! Lành thay! Các vị mỗi người đều nên trở về nơi thân tộc của mình, hoặc có thể ở lại dòng tộc Bà-la-môn này. Ta nay từ giã các vị, chí cầu xuất gia. Vì sao? Ta đã gặp Đại Phạm thiên vương, nghe lời chân thật; đó là cần nên xả bỏ pháp phiền não. Từ nay về sau, ta không còn vui thích cảnh tại gia chỉ nhiều trói buộc. Ta nếu xuất gia sẽ hết lòng lìa lỗi lầm, cần tu phạm hạnh thanh bạch, chân chánh, trong lành. Vì sao vậy? Mạng người ngắn ngủi, có sanh đều phải diệt. Nếu không hiểu biết thì khi chết sẽ bị đọa nơi cõi ác. Tự mình rõ biết, nên khéo tu tập phạm hạnh chân chánh, không còn trở lại thế gian tạo các nghiệp ác.

Bốn mươi người vợ nghe nói thế bèn thưa với phụ tướng Bà-la-môn:

–Ngài Đại Kiên Cố, khi nên làm Tôn sư, ngài là Tôn sư; khi đáng làm chồng, ngài là chồng; khi nên làm bạn lành, ngài là bạn lành. Nay tùy theo ý ngài muốn, ngài có chỗ trở về, chúng tôi cũng có chỗ trở về.

Phụ tướng Bà-la-môn bảo với bốn mươi vị phu nhân:

–Chúng ta xuất gia, bỏ khổ được vui, nay chính là đúng lúc.

Này Ngũ Kế, bấy giờ phụ tướng Bà-la-môn, những nơi cần thông báo đều đã thông báo xong. Ở trong bảy ngày, với niềm tin vững chắc, theo Phật xuất gia, râu tóc tự rụng, thân vận ca-sa thành tướng Bí-sô, đầy đủ oai nghi. Sau khi phụ tướng Bà-la-môn xuất gia, bảy vị vua ấy đều bỏ đất nước cùng theo xuất gia, lại có bảy ngàn vị Bà-la-môn được chỉ dạy tụng đọc kinh điển đều theo thầy xuất gia, bốn mươi vị phu nhân cũng xuất gia, lại có vô số trăm ngàn dân chúng đều tùy hỷ và ưa

thích xuất gia.

Này Ngũ Kế, bấy giờ phụ tướng Bà-la-môn Đại Kiên Cố xa lìa các dục, chứng quả A-la-hán. Đã chứng Thánh quả, ngài lại vì các vị đồng tu phạm hạnh giảng nói các pháp thanh tịnh. Đại chúng nghe pháp xong, hiểu rõ ý nghĩa, được sanh lên cõi Phạm thiên.

Lúc ấy vị Thanh văn Đại Kiên Cố lại tiếp tục vì các vị đồng tu phạm hạnh giảng nói các pháp Thanh văn. Họ nghe pháp xong, hiểu rõ ý nghĩa, được sanh làm bốn vị Đại thiên vương trong cõi Dục. Lại có các vị đồng tu phạm hạnh khác, nghe pháp tỏ ngộ sanh vào cõi trời Ba mươi ba. Hoặc có các vị đồng tu phạm hạnh được sanh nơi cõi trời Dạ-ma. Hoặc có một số vị được sanh nơi cõi trời Đâu-suất. Hoặc có một số vị được sanh nơi cõi trời Hóa lạc. Hoặc có một số vị được sanh nơi cõi trời Tha hóa tự tại.

Này Ngũ Kế, thời ấy, những ai trong chúng hội, hoặc nam hay nữ cùng tu phạm hạnh, sanh tâm lỗi lầm với Thanh văn Đại Kiên Cố thì khi thân hoại mạng chung bị đọa trong địa ngục.

Thời ấy, những ai trong chúng hội, hoặc nam hoặc nữ cùng tu phạm hạnh, khởi niềm tin thanh tịnh với Thanh văn Đại Kiên Cố thì sau khi thân hoại mạng chung được sanh vào cõi trời.

Này Ngũ Kế, khi ấy Thanh văn Đại Kiên Cố đi khắp các nơi thành ấp xóm làng, vì tất cả hạng người hoặc vua, hoặc quan, hoặc trưởng giả, hoặc Bà-la-môn, kẻ sĩ, dân chúng đều giáo hóa, đem lại lợi ích khiến họ lìa bỏ tà đạo.

Bấy giờ, ở trong nước, các bậc vua, quan, trưởng giả, Bà-la-môn, bậc tu phạm hạnh và người tại gia, cho đến tất cả kẻ sĩ, dân chúng đều nói:

–Vui thay! Chúng ta quy y với bậc Thánh Đại Kiên Cố, quan phụ tướng của bảy vị vua nên hôm nay mới được lợi ích lớn lao, tốt đẹp.

Đức Thế Tôn giảng nói về nhân duyên đời trước như thế xong, vương tử Càn-thát-bà Ngũ Kế sanh tâm hoan hỷ, xa lìa trần cấu, được pháp nhãn thanh tịnh.

Phật nói kinh này xong, vương tử Càn-thát-bà Ngũ Kế cùng toàn thể đại chúng nghe lời Phật giảng, đều rất hoan hỷ, tin nhận phụng hành.

❑

SỐ 9

PHẬT NÓI KINH NHÂN TIÊN

Hán dịch: Đời Tống, Đại sư Pháp Hiền.

Tôi nghe như vầy.

Một thời Đức Phật cùng đông đủ đại chúng ở trong tinh xá Côn-tả-ca, tại thành Na-đề-ca. Bấy giờ Tôn giả A-nan ở riêng một mình, suy nghĩ như thế này: "Đức Thế Tôn trước đây đã có nói về các nước, các thành như nước Áng-nga, nước Ma-già-đà, nước Ca-thi, nước Kiều-tát-la, nước Mật-nhĩ-sa, nước Đại lực sĩ, nước Bôn-noa, nước Tô-ma, nước A-thuyết-ca, nước Phược-đế, nước Câu-lỗ, nước Bán-tả, nước Phược-tha, nước Thú-la-tây-na, nước Dạ-phược-na, nước Cam-mô-nhạ... Các nước này có những bậc Thanh văn đã vào Niết-bàn, Đức Phật đều đã nói về chỗ sanh và quả báo của những vị ấy. Chỉ có nước Ma-già-đà là có các vị thuộc hàng thượng thủ Ưu-bà-tắc đã mạng chung. Những vị ở nước này chưa ai được Đức Thế Tôn nói về chỗ thác sanh của họ".

Tôn giả A-nan nghĩ như vậy rồi liền ra khỏi tinh xá, đi đến chỗ Phật ngự. Đến nơi, Tôn giả trịch áo bày vai bên phải, gối quỳ sát đất, cúi đầu lễ bên chân Đức Thế Tôn xong, đứng trước Phật bạch:

–Các phương, các nước *(như trước đã nói),* con theo hầu Đức Phật được nghe đều đã rõ biết, cho đến theo Phật nghe pháp, cũng được biết rõ. Như chỗ thác sanh của các vị Ưu-bà-tắc trong thành Na-đề-ca, Phật cũng đã nói. Trong thành Na-đề-ca kia, lại có năm trăm vị Ưu-bà-tắc cũng đã mạng chung. Các Ưu-bà-tắc ấy khéo đoạn ba chướng, chứng quả Tu-đà-hoàn, ngược dòng sanh tử, bảy lần trở lại nhân gian, bảy lần sanh lên cõi trời, rõ giới hạn của khổ, quyết chứng Bồ-đề.

Lại nữa, trong thành Na-đề-ca còn có ba trăm vị Ưu-bà-tắc cũng lần lượt mạng chung. Các vị ấy cũng đoạn được ba chướng cùng tham, sân, si. Một lần trở lại nhân gian, rõ được giới hạn của khổ, chứng quả Tư-đà-hàm.

Lại nữa, trong thành Na-đề-ca, còn có hai trăm năm mươi vị Ưu-bà-tắc lần lượt mạng chung. Các Ưu-bà-tắc ấy đoạn năm thứ phiền não và tùy phiền não, chứng quả A-na-hàm, không trở lại nhân gian, không còn luân chuyển. Các việc như vậy con cũng đã rõ biết. Riêng nước Ma-già-đà có các vị Ưu-bà-tắc thượng thủ, sau khi mạng chung, những vị ở nước này chưa có ai được Đức Thế Tôn nói về chỗ thác sanh của họ. Cúi mong Đức Thế Tôn vì con mà giảng nói các vị Ưu-bà-tắc ở nước Ma-già-đà được thác sanh ở đâu? Hạnh nghiệp tu tập được quả báo gì?

Bạch Đức Thế Tôn, lại ở nước Ma-già-đà có vua Tần-bà-sa-la một lòng quy hướng Đức Phật, hiểu biết Chánh pháp, tôn trọng Tăng già, trọn đời luôn nhớ nghĩ không quên. Sau khi mạng chung, nhân dân trong nước đều khen ngợi công đức của vua. Họ nói: "Đây chính là bậc Pháp vương, nguyện cho Pháp vương sanh ở cõi lành, được an vui thù thắng".

Bạch Đức Thế Tôn, vì sao Ngài chưa nói đến chỗ thác sanh, ý nguyện, quả vị của vua? Cúi mong Đức Thế Tôn giảng nói từng sự việc.

Tôn giả lại thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn, nước Ma-già-đà kia là nơi Đức Phật thành Chánh giác, tối cao thù thắng không thể so sánh, nơi thắng địa này vị vua ấy là chủ, cúi mong Đức Thế Tôn vì vua nói chỗ thác sanh.

Lúc ấy Đức Thế Tôn nhận lời thỉnh cầu của Tôn giả A-nan bằng cách im lặng. Tôn giả A-nan thấy Phật im lặng, biết là đã nhận lời thỉnh, liền cúi đầu đảnh lễ dưới chân Đức Thế Tôn rồi trở về chỗ cũ.

Bấy giờ, đêm đã gần mãn, trời sáng, sắp đến giờ thọ thực, Đức Thế Tôn đắp y mang bình bát vào thành Na-đề-ca lần lượt khất thực. Được thức ăn, Ngài trở về trú xứ, xếp y, rửa chân, trải tòa ngồi để thọ thực. Thọ thực xong, Ngài đi kinh hành, rồi trở lại chỗ ngồi suy nghĩ về câu hỏi của Tôn giả A-nan: "Quốc vương nước Ma-già-đà và các vị Ưu-bà-tắc đã mạng chung ở đây sẽ sanh về chỗ nào? Do hạnh nguyện gì, được quả báo thế nào?"

Khi suy niệm như vậy, do thần lực của Phật, ở trong không trung

có tiếng xưng tên:

–Bạch Thế Tôn, con là Nhân Tiên. Bạch Đức Thiện Thệ, con là Nhân Tiên.

Khi ấy Đức Thế Tôn nghe tiếng ở không trung, liền từ tòa ngồi đứng dậy, đi đến chỗ các vị Thanh văn. Các chúng Thanh văn vây quanh Phật và an tọa. Tôn giả A-nan đi tới chỗ Phật, trịch áo bày vai bên phải, lễ dưới chân Đức Phật, đứng ở phía trước, bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn, vì nhân duyên gì mà ngài hoan hỷ hơn bình thường?

Đức Thế Tôn bảo A-nan:

–Như ông đã thưa thỉnh: "Vua Tần-bà-sa-la và các vị Ưu-bà-tắc sau khi mạng chung ở đây sẽ sanh về chỗ nào? Do hạnh nguyện gì, được quả báo ra sao?" Ta muốn đem ý nghĩa này chỉ bày cho thế gian, nhưng thời gian nói chưa đến. Ta luôn nhớ nghĩ mà an trú qua đêm, đến giờ ăn vào thành khất thực, trở về chỗ cũ, thọ thực xong, đi kinh hành, lui về tòa ngồi. Vì đã đến thời có thể giảng nói nên Ta đã nhớ nghĩ, quán sát vấn đề ông hỏi. Quốc vương nước Ma-già-đà kia và các vị Ưu-bà-tắc chết ở đây, sanh ở kia và hạnh nguyện thọ quả báo của họ theo thứ tự như thế. Do thần lực của Ta, ở trong hư không có tiếng xưng tên: "Bạch Thế Tôn, con là Nhân Tiên. Bạch Đức Thiện Thệ, con là Nhân Tiên".

Phật lại bảo:

–Này A-nan, ông xưa nay có nghe tên như vậy không?

A-nan bạch:

–Bạch Đức Thế Tôn, con chưa nghe tên như vậy. Khi con nghe tên này lông toàn thân như dựng ngược.

Tôn giả A-nan nói như vậy, lại nghe trong không trung có tiếng:

–Bạch Thế Tôn, con là vua Tần-bà-sa-la. Bạch Đức Thiện Thệ, con là vua Tần-bà-sa-la. Con nay hướng về Đức Phật hai, ba lần tự xưng tên tuổi, dòng họ. Bạch Đức Thế Tôn, Nhân Tiên ngày xưa sau khi mạng chung, sanh vào cõi người, được làm vua loài người, chứng quả Tu-đà-hoàn, nay là đời thứ bảy con được sanh vào Thiên cung Tỳ-sa-môn, cũng gọi là Nhân Tiên. Bạch Đức Thế Tôn, hiện nay con là con của Tỳ-sa-môn thiên vương, khéo rõ biết lời dạy vi diệu an lạc, tịch tĩnh của Phật. Sau này con sẽ chứng quả Tư-đà-hàm.

Phật liền khen ngợi:

–Lành thay! Hay thay! Ông là Nhân Tiên. Rất tốt! Ông nên như vậy mà tu hành không buông lung. Này Nhân Tiên, do nhân duyên gì mà ông được quả Tu-đà-hoàn?

Nhân Tiên đáp:

–Con không tạo nhân gì, cũng không có duyên gì đặc biệt, chỉ biết Phật pháp vi diệu tối thắng, tin tưởng sâu sắc, thực hành theo nên liền chứng được sơ quả. Bạch Thế Tôn, theo lệnh của Thiên vương Trì Quốc, con đi đến chỗ Thiên vương Tăng Trưởng, do đó mà biết được Đức Thế Tôn ở tại tinh xá Côn-tả-ca, riêng ngồi một mình, suy niệm về Quốc vương nước Ma-già-đà và các Ưu-bà-tắc, từ đây mạng chung sanh về chỗ nào? Do hạnh nguyện gì? Được quả báo gì? Đức Phật muốn giảng nói các sự kiện như vậy. Bạch Đức Thế Tôn, con từ chỗ phụ vương Tỳ-sa-môn đích thân nghe được việc ấy, nhớ giữ không quên. Vì vậy con nay chính do nhân duyên ấy nên đi đến chỗ Phật để nói sự việc đó.

Phật dạy:

–Này Nhân Tiên, nay đã đúng thời, ông nên rộng nói.

Khi ấy Nhân Tiên vâng lời của Thế Tôn dạy, liền thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn, một thời con nghe phụ vương Tỳ-sa-môn nói với chúng trời: “Các vị Thánh giả nên một lòng lắng nghe. Tôi ngày xưa ở cõi trời Ba mươi ba, đang thuyết pháp trong một hội chúng đặc biệt, chư Thiên đều vân tập đầy đủ và trời Hộ thế cũng có trong hội ấy, đều ngồi theo phương hướng của mình. Thiên vương Trì Quốc ngồi ở hướng Đông, quay mặt về hướng Tây. Thiên vương Tăng Trưởng ngồi ở hướng Nam, quay mặt về hướng Bắc. Thiên vương Quảng Mục ngồi ở hướng Tây, quay mặt về hướng Đông. Ta ngồi ở hướng Bắc, quay mặt về hướng Nam. Đại chúng nghe pháp ngồi trước mặt trời Hộ thế. Khi ấy chư Thiên và trời Hộ thế... đều muốn nghe pháp, đi đến hội chúng đó. Sau khi nghe pháp, trở về cung điện của mình, bỗng có ánh sáng lớn soi khắp cả hội chúng đến nỗi che khuất ánh sáng của chư Thiên. Bấy giờ trời Đế-thích bảo chư Thiên:

–Các vị nên biết, ánh sáng lớn này soi khắp hội chúng, khiến cho ánh sáng và sắc tướng của ta và của cả chư Thiên bị che không thể hiển hiện. Vì vậy chẳng bao lâu Đại Phạm thiên vương sẽ đến trong hội chúng này. Vì sao vậy? Phàm Đại Phạm thiên vương đi đến chỗ nào, trước hiện tướng lành. Chư Thiên các vị chớ rời khỏi chỗ ngồi, để biết

vì sao hiển hiện ánh sáng này.

Chư Thiên và trời Hộ thế thưa Đế-thích:

–Chúng tôi thừa lệnh không đứng dậy khỏi chỗ ngồi, cho đến khi biết được lý do xuất hiện ánh sáng.

Khi ấy Đại Phạm thiên vương dùng thân hình đồng tử bỗng nhiên xuất hiện trong chúng hội ấy, đầu có năm búi tóc, sắc tướng đầy đủ, liền nói kệ bảo chư Thiên:

Ông nương Phật Thế Tôn
Là mắt sáng cõi trần
Khéo nói pháp vi diệu
Được nghe câu tịch tĩnh.
Quý vị chúng chư Thiên
Sắc tướng oai lực lớn
Nhân tu phạm hạnh Phật
Do đấy sanh cõi trời.
Lại có vị tịnh hạnh
Đủ sắc, thọ, danh xưng
Là Phật tử trí lớn
Không lâu sanh cõi này.
Chư Thiên nghe lời ấy
Tâm sanh nhiều hoan hỷ
Nương về Phật Thế Tôn
Tin tưởng pháp vi diệu.
Khi Phạm vương nói kệ
Đủ năm thứ diệu âm
Chấn động rất sâu xa
Người nghe vui chân thật.

Khi Đại Phạm thiên vương nói kệ có đủ năm thứ diệu âm, đó là: âm thanh của bậc Đại phạm, âm thanh như chim Ca-lăng-tần-già, âm thanh như tiếng trống lớn, âm thanh như tiếng sấm vang rền và âm thanh luôn được yêu thích.

Phạm vương ở trong hội chúng, thâu hình đồng tử lại, hiện ra thân lớn. Ý nghĩa ấy là thế nào? Đại Phạm thiên vương tùy tâm ưa thích của đại chúng mà hiện thân kia. Hiện ra thân lớn có hai loại đức tính:

1. Đầy đủ sắc tướng.
2. Danh xưng vang khắp.

Thí như vàng ròng có hai đức tính, nghĩa là màu sắc và danh tiếng. Đại Phạm thiên vương ở trong Thiên chúng hiện hai loại thân cũng lại như vậy.

Khi Phạm thiên vương đến hội chúng, Thiên chúng trong hội không đứng dậy, cũng không làm lễ. Lúc đó Thiên chúng chắp tay ngồi yên, đều khởi ý nghĩ: "Ôi! Đây là chủ của thế giới Ta-bà!". Đại Phạm thiên vương ở trước chúng hội dùng thân đã hiện, lại hiện thân lớn hơn.

Khi ấy Phạm thiên vương biết tâm niệm của Thiên chúng, ngay trong thân lớn lại hiện lớn gấp bội. Ở trong hội chúng Thiên vương liền bay lên hư không ngồi kiết già, ví như đại lực sĩ ngồi vững trên đất, Đại Phạm thiên vương ngồi cũng như vậy.

Bấy giờ Đại Phạm thiên vương lại bảo Thiên chúng:

–Sở dĩ hiện được thân lớn là do năng lực của Bốn thần túc. Chỉ có Đức Thế Tôn mới biết, mới thấy, có thể nói, có thể tu, lại cũng có thể hiển hiện. Vì vậy cho nên các vị cũng nên thành tâm tu thần túc này, cho đến hiện được thần thông, được lợi ích lớn. Bốn thần túc ấy là: Dục, Cần, Tâm, Tuệ.

Thiên chúng lại suy nghĩ: "Ôi! Đại Phạm thiên vương, mong biến hóa chư Thiên chúng tôi tất cả đều như thân Phạm vương, trong chỗ ngồi của mỗi Phạm thiên đều có một thiên vương ngồi".

Bấy giờ Đại Phạm thiên vương biết tâm niệm của Thiên chúng, liền dùng thần lực thâu nhiếp thân chư Thiên, hóa thành thân Phạm vương, ở trong mỗi chỗ ngồi kia đều có một Thiên vương ngồi. Tâm niệm của Thiên chúng đều thỏa mãn và an lạc. Ví như vua Sát-đế-lợi nhận vua cha lễ quán đảnh để kế thừa vương vị, tâm niệm được thỏa mãn nên rất an vui, các Thiên chúng kia cũng lại như vậy.

Bấy giờ Đại Phạm lại bảo Thiên chúng:

–Chư Thiên và các vị trời Hộ thế nên một lòng lắng nghe! Trong các bậc Thánh chỉ có Phật Như Lai là Bậc Chánh Đẳng Chánh Giác, đối với Bốn thần túc có thể giảng nói rộng khắp, đã tu tập lâu dài, có năng lực biến hiện. Vì vậy các vị cần phải phát lòng thành, siêng năng tu tập, sẽ được biến hiện tự tại, đạt được nhiều lợi ích.

Khi ấy, các Thiên vương ngồi nơi chỗ ngồi của Phạm vương đều sanh niệm nghi ngờ: "Chỉ có một Đại Phạm vương, ngồi trong chỗ của ta. Vì sao khi ngài nói thì chư Thiên đều nói, nếu ngài im lặng thì chư Thiên cũng im lặng." Lại nữa, thiên chủ Đế-thích cũng khởi ý niệm như

vầy: "Ôi, Đại Phạm thiên vương, nguyện thâu nhiếp thân hình vốn có của Thiên chúng chúng tôi, biến thành một thân lớn, ngồi ở trong chỗ của ta". Lúc đó Đại Phạm thiên vương biết ý niệm của Đế-thích, liền thâu thân hình của Thiên chúng, hiện ra một thân lớn, ngồi kiết già ở trong chỗ ngồi của Đế-thích. Đại Phạm thiên vương đã sử dụng sức thần túc, mỗi mỗi biến hiện như thế. Làm công việc biến hóa rồi, lại bảo chư Thiên và các vị trời Hộ thế:

–Đức Phật Thế Tôn dùng diệu lực của Bốn thần túc này và pháp Thanh văn trước kia đã hóa độ tám vạn vị Ưu-bà-tắc ở nước Ma-già-đà khéo đoạn ba chướng, dứt hết giới hạn của khổ, chứng quả Tu-đà-hoàn, ở trên cõi trời và trong nhân gian bảy lần qua lại. Có người sanh ở cõi trời Tha hóa tự tại, có người sanh ở cõi trời Hóa lạc, có người sanh cõi trời Ba mươi ba, có người sanh cõi Tứ thiên vương, có người sanh ở vương cung dòng Sát-đế-lợi, có người sanh vào nhà thượng thủ Bà-la-môn, có người sanh trong nhà trưởng giả giàu có lớn.

Lại nữa, trong các Thiên tử, có vị suy nghĩ: "Ôi! Làm sao có được bốn vị Phật xuất hiện ở đời. Ôi! Làm sao có được tám vị Phật xuất hiện ở đời". Đại Phạm thiên vương biết tâm niệm của chư Thiên nên bảo:

–Thiên chúng các ông chớ nên nghĩ như vậy. Suy nghĩ muốn có bốn Đức Phật xuất hiện ở đời, cho đến tám Đức Phật xuất hiện ở đời, việc ấy không thể có được. Các Hiền giả nên biết, tôi nghe Phật dạy rằng không có hai Đức Phật cùng lúc xuất hiện ở đời, làm sao có đến bốn Đức Phật, tám Đức Phật cùng xuất hiện ở đời? Chư Hiền chỉ nên nguyện: Thể vô lậu của Đức Phật Thế Tôn, thọ mạng luôn tăng trưởng, trú lâu ở đời.

Lúc ấy chư Thiên lại nghĩ: "Làm sao Đại Phạm thiên vương lại biết rõ tất cả tâm niệm của ta?" Tất cả chư Thiên trong lòng đều sanh sợ hãi, buồn lo. Khi ấy Đại Phạm thiên vương bảo đại chúng:

–Các vị Thiên chúng và trời Hộ thế hãy một lòng lắng nghe, Đức Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác giảng nói chánh pháp Nhất thừa, khiến các chúng sanh xa lìa ưu bi, khổ não, đều được thanh tịnh, chứng lý chân thật. Lại nữa, ta sẽ bảo cho các vị: có ba loại pháp Như Lai đều biết. Ba loại pháp ấy là gì? Đó là nếu có người thân trước đã tạo nghiệp bất thiện, ý nghĩ bất thiện, sau do gần gũi bạn lành, lắng nghe diệu pháp, buộc niệm tư duy, đoạn dứt điều bất thiện của thân. Thân tạo nghiệp lành, đoạn dứt ý không lành, ý nghĩ đến hạnh lành. Người này từ trong an lạc sanh an lạc, trong vui thích lại sanh vui thích.

Ví như có người ở chỗ hoan hỷ sanh tâm hoan hỷ, tự vui lại sanh vui. Người kia vui thích an lạc cũng lại như vậy. Đó là pháp loại thứ nhất.

Lại nữa, có người trước đã thọ năm dục, tạo nghiệp bất thiện, sau gần gũi bạn lành, lắng nghe diệu pháp, buộc niệm tư duy, bỏ được dục lạc, lại cũng không tạo các nghiệp bất thiện. Người ấy trong an lạc sanh an lạc, trong thích ý lại sanh thích ý. Ví như có người từ hoan hỷ lại sanh hoan hỷ, vui lại sanh vui. Người ưa vui Phật pháp cũng lại như vậy. Đó là loại pháp thứ hai.

Lại nữa, có người với pháp bất thiện rõ biết như thật, cũng với pháp thiện rõ biết như thật, cho đến Khổ, Tập, Diệt, Đạo cũng biết rõ như thật. Sau lại gần gũi bạn lành, với pháp bất thiện và các pháp thiện, cho đến Khổ, Tập, Diệt, Đạo đối với các pháp này lại tăng hiểu biết tinh vi gấp bội. Người ấy từ trong an lạc sanh an lạc, trong thích ý lại sanh thích ý. Ví như có người trong hoan hỷ lại sanh hoan hỷ, vui lại sanh vui. Người ưa vui giáo pháp cũng lại như vậy. Đó là loại pháp thứ ba.

Đại Phạm thiên vương lại bảo chư Thiên và các vị trời Hộ thế:

–Các Thánh giả nên một lòng lắng nghe. Có bốn loại pháp Đức Phật Thế Tôn thảy đều thấy biết. Bốn loại pháp ấy là gì? Đó là thân, thọ, tâm, pháp. Đức Như Lai dùng trí tuệ quán bốn pháp này, hoặc trong hoặc ngoài rõ biết như thật, trí tuệ hiện hành, tu tập viên mãn, khéo nói chánh pháp Nhất thừa Bồ-đề, khiến chúng sanh đều được thanh tịnh, xa lìa ưu bi khổ não, chứng được lý của pháp vi diệu.

Đại Phạm thiên vương lại nói với chư Thiên và các vị trời Hộ thế:

–Các Thánh giả nên một lòng lắng nghe. Có pháp Tám chánh đạo, Đức Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác thảy đều thấy biết. Tám pháp ấy là gì? Đó là Chánh kiến, Chánh tư duy, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định. Như vậy là Tám chánh đạo, tức là pháp dùng để đi vào con đường chánh định. Nếu có tu tập như vậy được Chánh tư duy, thực hành phạm hạnh, tu tập viên mãn, đạt được an vui của Phạm thiên. Lại còn Chánh ngữ là tất cả lời nói chân chánh, đầy đủ tất cả các hình thái của nó, nói đúng theo phạm hạnh, phân biệt làm sáng tỏ giáo pháp, được ý chỉ như thật, nói lời Chánh ngữ là mở cửa cam lồ, chỉ pháp Nhất thừa, khiến chúng sanh đều được thanh tịnh, xa lìa khổ não ưu bi, chứng được lý vi diệu của Phật pháp.

Lúc bấy giờ Nhân Tiên bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn, các loại pháp quan trọng con nói đều là do Đại Phạm thiên vương ở cung trời Đế-thích đã vì chư Thiên cõi trời Ba mươi ba, bốn vị trời Hộ thế và chư Thiên chúng... mà giảng nói như thế. Phụ vương của con là Tỳ-sa-môn thiên vương trở về cung điện đã nói, con đều ghi nhớ không quên. Nay nương nhờ oai lực lớn của Đức Như Lai, vì Tôn giả A-nan muốn biết chỗ sanh, chỗ diệt, hạnh nguyện quả báo của vua Tần-bà-sa-la, con nay đối trước Phật như thật nói ra.

Đức Phật khen:

–Lành thay! Hay thay! Ông nay khéo nói như thế.

Bấy giờ Nhân Tiên nói pháp ấy xong, Tôn giả A-nan và các vị trong chúng hội được nghe pháp ấy hoan hỷ tín thọ, lễ Phật lui ra.

❑

SỐ 10

PHẬT NÓI KINH DUYÊN KHỞI HAI BÀ-LA-MÔN BẠCH Y VÀ KIM TRÀNG

Hán dịch: Đời Tống, Đại sư Thi Hộ.

QUYỂN I

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Thế Tôn ngự tại giảng đường Lộc mẫu, gần khu vườn rừng hoang thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ có hai vị Bà-la-môn tên là Bạch Y và Kim Tràng, đến chỗ Đức Phật cầu xin xuất gia thành bậc Bí-sô. Khi ấy trời đã xế chiều, Đức Thế Tôn rời phòng đi đến giảng đường Lộc mẫu, dạo quanh kinh hành. Lúc đó Bà-la-môn Bạch Y thấy Phật Thế Tôn đi đến giảng đường Lộc mẫu, dạo quanh kinh hành, bèn gọi Bà-la-môn Kim Tràng nói:

–Này Kim Tràng, sự vui thích ở thế gian, các pháp được gọi là vui thích ấy, tất cả đều là hý luận. Tôi tuy có thực hành (các pháp ấy) nhưng rốt cuộc nó không phải là chân thật, hoặc thân hoặc tâm sanh biếng nhác, mệt mỏi. Do thân tâm biếng lười, mệt mỏi nên sanh ra thất niệm. Do sự thất niệm ấy nên đó là pháp vô thường không bền chắc, không rốt ráo, pháp tiêu tán hư hoại. Ông nay không nên ưa thích tu tập, thực hành pháp ấy, tức là việc lập bày phụng thờ lửa.

Bà-la-môn Kim Tràng nói:

–Ông làm sao biết được?

Bạch Y đáp:

–Tôi được nghe từ Tôn giả Cù-đàm. Đức Cù-đàm có đại biện tài, biết rõ nghĩa ấy. Ngài đã dạy: Cách thức thờ lửa là tập tục được truyền

lại từ một vị Tiên xưa, cho đến phương cách của việc thờ lửa, Ngài cũng đều biết. Ngài nói có một loại Tiên nhân, ở trong hàng Sa-môn, Bà-la-môn sanh khởi ý lỗi lầm, nên tạo việc phải phụng sự lửa. Những kẻ lỗi lầm ấy ganh ghét nhau nên tìm kiếm chỗ yếu kém của nhau, chính do vậy nên mới có những lỗi lầm, khiến thọ mạng của các chúng hữu tình giảm bớt. Lại nữa, có chúng sanh ở thế giới khác thọ mạng đã hết mà sanh đến đây, tìm cầu thanh tịnh, bỏ nhà xuất gia, tu hành tinh tấn, tương ưng với chân thật, khéo tác ý chân chánh, thân tâm như thế sẽ vào chánh định. Hướng tâm theo định liền có thể ghi nhớ chỗ ở kiếp trước. Những chúng sanh ấy không ưa ganh ghét, dò xét lỗi lầm của nhau, do đấy nên không khởi lên nguyên nhân của lỗi lầm. Đó là chính pháp thường trú, vững chắc, rốt ráo, là pháp không tiêu tán hư hoại.

Nếu có chúng sanh tìm xét lỗi lầm của nhau, do đó mà cùng tạo ra nhân sanh khởi lỗi lầm, thì đó là pháp vô thường, không vững chắc, không rốt ráo, là pháp tán hoại. Vì vậy, các Bà-la-môn không nên tu tập thực hành như vậy, chớ khởi ý lỗi lầm lập bày phép thờ lửa.

Này Kim Tràng, ông có biết không? Đức Thế Tôn vào lúc xế chiều, rời khỏi tịnh thất, đến giảng đường Lộc mẫu, dạo quanh kinh hành. Ông nay có thể cùng ta đồng đi đến chỗ Đức Thế Tôn, đầu mặt lễ dưới chân Phật. Khi Phật kinh hành, chúng ta theo sau cũng đi kinh hành. Đức Thế Tôn sẽ vì chúng ta tùy nghi nói pháp.

Bà-la-môn Kim Tràng Nói:

–Lành thay! Tôi sẽ đi.

Bấy giờ hai vị Bà-la-môn Bạch Y và Kim Tràng cùng nhau bàn luận xong, đồng đi đến chỗ Phật. Khi đến nơi, hai vị đầu mặt lễ dưới chân, theo sau kinh hành. Khi ấy Đức Thế Tôn bảo Bạch Y và Kim Tràng:

–Các ông nên biết, những Bà-la-môn tự cho là thấu rõ ba minh, thuộc chủng tộc cao thượng, dòng họ thanh tịnh, theo việc thờ lửa trời, từ trong dòng tộc thù thắng mà sanh, cha mẹ đều thanh tịnh; khéo sanh trong dòng tộc hiền thiện, cho đến bảy đời, cha mẹ đều tôn quý thanh cao, dòng tộc thù thắng, không tội lỗi, không bị phỉ báng. Được như thế đều nhờ nơi dòng họ thanh tịnh. Lại tự cho rằng thông suốt năm thứ Ký luận:

1. Những pháp căn bản mẫu mực, thấu tỏ Ba minh.

2. Định danh các vật.

3. Cai-tra-bà-na.

4. Văn, chữ, chương, câu.

5. Lời nói khéo léo, êm ả, vui tươi.

Các Ký luận này trong kinh điển Vệ-đà, các bậc thầy Bà-la-môn đều biết rõ. Này Bạch Y, các Bà-la-môn ở trong Ba minh, há chẳng bị khinh hủy, lăng nhục và bị chê bai phỉ báng sao?

Hai Bà-la-môn Bạch Y, Kim Tràng đều bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn, các Bà-la-môn ở trong Ba minh, làm sao không bị khinh hủy lăng nhục và không bị các điều chê bai phỉ báng. Nhưng trong kinh điển Ba minh của Bà-la-môn lại nói như thế này: "Các Bà-la-môn chính thật là thanh tịnh, là Bà-la-môn chân chánh, là con của Phạm vương, từ miệng thanh tịnh sanh ra, là dòng dõi Phạm vương, từ Phạm vương hóa sanh, được Phạm vương truyền trao. Vì vậy các Bà-la-môn chính thật là thanh tịnh, là Bà-la-môn chân chánh." Bạch Thế Tôn, chúng con, Bạch Y và Kim Tràng cũng do quyến thuộc trói buộc, không được giải thoát, mất dần pháp lành, tăng trưởng pháp ác. Bạch Thế Tôn, đó cũng chính vì con là Bà-la-môn có Ba minh như trong kinh điển cũng bị các việc khinh hủy, lăng nhục, chê bai, phỉ báng.

Phật dạy hai vị Bà-la-môn Bạch Y và Kim Tràng:

–Các ông nên biết, những Bà-la-môn ở trong Ba minh, sở dĩ rước lấy sự khinh khi, hủy báng và chê bai là do Bà-la-môn nói như thế này: "Các Bà-la-môn chính thật là thanh tịnh, là Bà-la-môn chân chánh, là con của Phạm vương, từ miệng thanh tịnh sanh ra, là dòng dõi Phạm vương, từ Phạm vương hóa sanh, được Phạm vương truyền trao. Vì vậy các Bà-la-môn chính thật là thanh tịnh, là Bà-la-môn chân chánh!"

Này Bạch Y, các Bà-la-môn ấy tuy nói như vậy, nhưng ngược lại thì phá hoại, làm suy yếu tự thân, còn làm tổn thương mất mát. Các Bà-la-môn ấy bị phá hoại là do bởi không thành thật, lại khởi chấp trước, đi ngược với chánh pháp mà còn sanh tâm chê trách, nhàm chán lánh xa. Do đấy liền sanh khởi tranh luận. Vì sao vậy? Này Bạch Y, nếu có Bà-la-môn cho là khi sanh, thời gian cũng khác, trong thai cũng khác, chấp chặt vào quan điểm: "Do thời gian sanh khác nên mới thanh tịnh, mà các Bà-la-môn cũng đồng sanh chỗ thanh tịnh như vậy", cho nên nói thế này: "Các Bà-la-môn là con của Phạm vương, từ miệng thanh tịnh sanh ra, là dòng dõi Phạm vương, từ Phạm vương hóa sanh, được Phạm

vương truyền trao. Vì vậy các Bà-la-môn chính thật là thanh tịnh, là Bà-la-môn chân chánh!"

Bạch Y, ông nên biết, có bốn chủng loại, tức là bốn chủng tộc. Thế nào là bốn?

–Là chủng tộc Sát-đế-lợi, chủng tộc Bà-la-môn, chủng tộc Tỳ-xá, và chủng tộc Thủ-đà-la.

Này Bạch Y, như vậy trong bốn chủng tộc ấy, người tạo nghiệp xấu nhận lấy quả báo xấu, chẳng phải là việc làm thù thắng, bị người trí chê trách, chết đọa đường ác. Lại trong bốn chủng tộc, có người tạo nghiệp tốt, thọ nhận quả báo tốt, là việc làm thù thắng, được người trí khen ngợi, chết sanh cõi trời.

Này Bạch Y, thế nào gọi là nghiệp ác? Đó là: sát sanh, trộm cắp, tà nhiễm, nói dối, nói thêu dệt, nói hai lưỡi, ác khẩu, tham lam, sân hận và tà kiến. Đấy là nghiệp ác.

Thế nào là nghiệp tốt? Ấy là: không sát sanh, không trộm cắp, không tà nhiễm, không nói dối, không nói lời thêu dệt, không nói hai lưỡi, không ác khẩu, không tham, không sân, chánh kiến. Đấy là nghiệp tốt.

Lại nữa Bạch Y, ông chớ sanh khởi ý niệm, cho rằng với các nghiệp xấu như sát sanh,... chịu lấy quả báo xấu, chẳng phải việc làm thù thắng, bị người trí chê trách, xa lánh, các chủng tộc Sát-đế-lợi, Tỳ-xá, Thủ-đà-la kia đều có, mà chỉ riêng chủng tộc Bà-la-môn không có việc ấy.

Hai Bà-la-môn Bạch Y và Kim Tràng bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, vì sao lại nói lời ấy, việc ấy không phải như vậy. Nếu người tạo nghiệp xấu sẽ nhận lấy quả báo xấu. Các chủng tộc Sát-đế-lợi, Bà-la-môn, Tỳ-xá, Thủ-đà-la đều có những việc đó, mà riêng Bà-la-môn sao lại tránh khỏi?

Phật dạy:

–Này Bạch Y, ông lại chớ nên sanh khởi ý niệm, cho rằng các nghiệp xấu Bà-la-môn không có, còn ba chủng tộc kia thì có. Lời ấy là hợp với câu nói trong kinh Ba minh bảo rằng Bà-la-môn là con của Phạm thiên, từ miệng thanh tịnh sanh ra, là dòng dõi của Phạm vương, từ Phạm vương hóa sanh, được Phạm vương trao truyền, nguồn gốc thọ sanh thanh tịnh, nên là Bà-la-môn chân chánh.

Này Bạch Y, ông lại chớ sanh khởi ý niệm này: nếu trong bốn chủng tộc đều có nghiệp xấu, thì lời ấy không tương ưng với lời dạy

trong kinh Ba minh.

Lại nữa, Bạch Y, ông chớ sanh khởi ý nghĩ, cho rằng với các nghiệp tốt như: không sát sanh... sẽ nhận lấy quả báo tốt, là việc làm thù thắng, được kẻ trí khen ngợi, các hàng Sát-đế-lợi, Tỳ-xá, Thủ đà, trong các chủng tộc ấy không có, chỉ riêng Bà-la-môn mới có.

Bạch Y và Kim Tràng bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn, sao nói như thế được? Việc ấy không phải như vậy. Nếu người tạo nghiệp tốt sẽ nhận lấy quả báo tốt, các hàng Sát-đế-lợi, Bà-la-môn, Tỳ-xá, Thủ-đà đều có như vậy, không riêng Bà-la-môn mới có.

Phật dạy:

–Này Bạch Y, ông chớ sanh khởi ý, cho là các nghiệp tốt chỉ Bà-la-môn mới có, ngoài ra ba chủng tộc kia thì không. Lời ấy tức tương ứng với lời dạy trong kinh Ba minh. Do Bà-la-môn là con của Phạm vương, từ miệng thanh tịnh sanh, là dòng dõi của Phạm vương, từ Phạm vương hóa sanh, được Phạm vương trao truyền. Do nguồn gốc sanh thanh tịnh nên mới là Bà-la-môn chân chánh.

Này Bạch Y, ông lại chớ sanh khởi ý niệm này: nếu trong bốn chủng tộc đều có nghiệp tốt thì lời ấy là không tương ứng với lời dạy trong kinh Ba minh.

Lại nữa Bạch Y, ông chớ sanh khởi ý niệm, cho rằng Sát-đế-lợi, Tỳ-xá, Thủ-đà-la, trong các chủng tộc ấy làm các việc sát sanh... tức các nghiệp xấu, khi thân hoại mạng chung, đọa ở địa ngục mà riêng Bà-la-môn không có như vậy.

Bạch Y và Kim Tràng bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn sao lại nói như vậy được? Việc ấy không phải thế. Các hàng Sát-đế-lợi, Tỳ-xá, Thủ-đà, trong các chủng tộc ấy ai tạo nghiệp xấu thì khi thân hoại mạng chung đều bị đọa địa ngục, mà riêng Bà-la-môn sao không bị đọa?

Phật dạy:

–Này Bạch Y, ông lại chớ sanh khởi ý cho rằng người tạo nghiệp ác bị đọa ở địa ngục, Bà-la-môn thì không, còn ba chủng tộc kia thì có. Lời ấy là tương ứng với lời dạy trong kinh Ba minh. Do Bà-la-môn là con của Phạm vương, từ miệng thanh tịnh sanh, là dòng dõi của Phạm vương, từ Phạm vương hóa sanh, được Phạm vương trao truyền, nguồn gốc sanh thanh tịnh nên mới gọi là Bà-la-môn chân chánh.

Này Bạch Y, ông lại chớ nên sanh khởi ý nghĩ: nếu trong bốn chủng tộc có tạo nghiệp xấu ác đều bị đọa địa ngục thì lời này là không tương ứng với lời dạy trong kinh Ba minh.

Lại nữa, này Bạch Y, ông chớ sanh khởi ý nghĩ: vì không sát sanh... tức tạo các nghiệp tốt khi thân hoại mạng chung được sanh ở cõi trời. Các hàng Sát-đế-lợi, Tỳ-xá, Thủ-đà-la kia đều không được việc ấy, mà chỉ riêng Bà-la-môn là được việc ấy.

Bạch Y và Kim Tràng bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, sao lại nói như vậy? Việc ấy không như thế. Các hàng Sát-đế-lợi, Bà-la-môn, Tỳ-xá, Thủ-đà-la, người nào tạo nghiệp tốt thì khi thân hoại mạng chung đều được sanh cõi trời, đâu riêng Bà-la-môn mới có.

Phật dạy:

–Này Bạch Y, ông lại chớ sanh khởi ý nghĩ, cho rằng tạo nghiệp tốt được sanh ở cõi trời, chỉ Bà-la-môn mới có, ngoài ra ba chủng tộc kia thì không. Lời ấy thích ứng với lời dạy trong kinh Ba minh, do Bà-la-môn là con của Phạm vương, từ miệng thanh tịnh sanh, là dòng dõi của Phạm vương, từ Phạm vương hóa sanh, được Phạm vương truyền trao, nguồn gốc sanh trưởng thanh tịnh, nên là Bà-la-môn chân chánh.

Này Bạch Y, ông lại chớ nên sanh khởi ý nghĩ cho rằng nếu người trong bốn chủng tộc tạo nghiệp tốt đều được sanh cõi trời. Lời ấy là không thích ứng với lời dạy trong kinh Ba minh.

Lại nữa, Bạch Y, Ta trước đã nói: các pháp như vậy, hoặc lành, chẳng lành, hoặc tốt hoặc xấu, hoặc có tội hoặc không tội, hoặc thuộc phần tịnh hoặc thuộc phần nhiễm, hoặc hơn hoặc kém, hoặc rộng hoặc hẹp, Các pháp như vậy chuyển biến tùy theo thời nhưng các Bà-la-môn một mực chấp chặt. Ta nói người ấy thật là kẻ si mê, nên tự thức tỉnh tâm của mình để được hiểu biết.

Này Bạch Y, lại các hàng Bà-la-môn, hoặc khởi luận bàn về họ hàng, hoặc luận bàn về dòng tộc, hoặc luận bàn về giáo nghĩa và khởi ý nghĩ thế này: "Người khác phải lập tòa ngồi, dâng nước, hiến cúng, đứng dậy trước để nghinh đón, chắp tay hỏi chào, thăm viếng Ta. Ta không cần đối với người khác làm các việc như vậy". Người khởi ý nghĩ ấy, Ta nói người ấy là không thấy chánh pháp.

Lại nữa, Bạch Y, nếu có Sa-môn, hoặc Bà-la-môn chấp trước khi nói về dòng họ, chủng tộc, hoặc lại chấp trước khi luận bàn về giáo

nghĩa. Ta nói đó chẳng phải là Sa-môn, Bà-la-môn có hạnh xa lìa chân chánh.

Này Bạch Y, nếu có Sa-môn, hoặc Bà-la-môn không chấp trước khi nói về dòng họ, cũng không chấp trước khi bàn về chủng tộc, lại cũng không chấp trước khi bàn về giáo nghĩa. Ta nói đó là Sa-môn, Bà-la-môn có hạnh xa lìa chân chánh, hiểu biết chân chánh.

Lại nữa, Bạch Y, đại vương Thắng Quân, chủ nước Kiều-tát-la, thấy Sa-môn Cù-đàm là con của tộc họ Thích, từ trong dòng họ Thích bỏ nhà xuất gia. Vua Thắng Quân kia đối với người con của tộc họ Thích hoan hỷ, vui thích, cung kính lễ bái, đứng lên trước để nghinh đón, chắp tay thưa hỏi. Này Bạch Y, đại vương Thắng Quân, chủ nước Kiều-tát-la, đối với Phật Như Lai hoan hỷ, vui thích, cung kính lễ bái, đứng dậy trước nghinh đón, chắp tay thưa hỏi. Nhà vua kia không phải vì Sa-môn Cù-đàm là dòng tộc cao quý thù thắng, vua cũng không khởi ý về dòng tộc cao quý, thù thắng; không vì Sa-môn Cù-đàm có tướng hảo đoan nghiêm, vua cũng không khởi ý nghĩ về tướng hảo; cũng không vì Sa-môn Cù-đàm có tiếng tăm lớn, vua cũng không sanh khởi ý nghĩ về tiếng tăm. Do đấy nên biết pháp vốn là như thế.

Này Bạch Y, pháp ấy xưa nay là lớn lao, tối thượng, vô cùng cao quý, thù thắng. Chánh kiến như vậy là mẹ của các pháp, là sự tăng thượng, là chốn quay về rốt ráo.

Lại nữa, Bạch Y, nếu có người tâm an trú trong chánh tín đối với Ta, người ấy tức được tăng trưởng vững chắc, đã căn bản ra khỏi sanh tử, không mất niềm tin thanh tịnh. Vì sao vậy? Bởi vì Sa-môn hay Bà-la-môn, hoặc chư Thiên, Ma vương, Phạm chí, tất cả ba cõi đều là con Ta, đều đồng một pháp không có sai biệt, từ miệng của chánh pháp sanh ra, cùng một pháp, từ pháp mà hóa sanh, là con của pháp chân chánh.

Này Bạch Y, nếu có người hỏi: "Tất cả các ông đều có cha mẹ, họ hàng, dòng tộc, vì sao xả bỏ?" thì nên nói: "Chúng tôi đều là Sa-môn, con của họ Thích". Bạch Y nên biết pháp vốn như vậy. Pháp ấy xưa nay rất cao tột lớn lao, vô cùng cao quý thù thắng. Chánh kiến như vậy là mẹ của các pháp, là sự tăng thượng, là chốn quay về rốt ráo.

❑

PHẬT NÓI KINH DUYÊN KHỞI HAI BÀ-LA-MÔN BẠCH Y VÀ KIM TRÀNG

QUYỂN II

Lại nữa, Bạch Y, vào thời quá khứ xa xưa, khi thế giới ấy bị hủy hoại, các chúng sanh trong thế giới ấy được vãng sanh đến cõi trời Quang âm. Trải qua thời gian rất lâu, khi thế giới ấy hình thành, riêng có các chúng sanh ở cõi trời Quang âm mạng chung, sanh về ở cõi ấy. Các chúng sanh đó đều có ánh sáng nơi thân, thanh tịnh sáng suốt, nương hư không mà đi, tùy ý muốn mà đến, vui thích, an lạc, tự tại như ý. Do thân các chúng sanh ấy có ánh sáng nên thế giới thời ấy, ánh sáng của mặt trăng, mặt trời đều chưa xuất hiện. Do ánh sáng mặt trăng, mặt trời chưa xuất hiện, nên tinh tú cũng chưa hiện. Tinh tú chưa hiện nên màn đêm cũng không hiện. Màn đêm không hiện nên cũng không phân biệt ngày đêm khác nhau. Do chúng sanh ấy không phân biệt ngày đêm khác nhau nên năm tháng, ngày giờ cũng không có sự sai khác. Lại cũng không phân hình tướng nam nữ. Chúng hữu tình lúc bấy giờ vẫn tồn tại như vậy, ánh sáng nơi thân soi chiếu với nhau.

Lại nữa, Bạch Y, thời ấy ở trong quả đất này có dòng suối trào ra, màu sắc như sữa đặc, vị ngọt như nước mía, hoặc như mật, thơm ngon tuyệt diệu, làm món ăn cho loài người, nuôi dưỡng các căn, là hương vị của đất. Lúc ấy có một chúng sanh, đối với hương vị này sanh tâm ưa thích, đưa tay bốc để nếm thử hương vị của đất. Các chúng sanh khác thấy cũng bắt chước, khởi tưởng mong muốn, cũng dùng tay bốc nếm thử, tùy theo đấy mà sanh tâm ưa thích. Bấy giờ các hữu tình đối với hương vị của đất ấy rất ham thích, dùng làm món ăn nuôi dưỡng thân thể. Do ham ăn nhiều, thân thể chúng sanh dần dần cứng chắc, rồi đến thô nặng. Do thân thô nặng nên không thể tùy ý bay đi trên không, ánh sáng trên thân cũng mất. Khi đó toàn mặt đất đều tối tăm. Thế giới sau

đó mới có mặt trời, mặt trăng xuất hiện. Mặt trời, mặt trăng xuất hiện thì tinh tú cũng xuất hiện. Từ đó mới có phân biệt ngày đêm. Đã có phân biệt ngày đêm tức có năm, tháng, ngày, giờ sai khác.

Lại nữa, Bạch Y, chúng sanh thời ấy lúc đầu ăn hương vị của đất, hương vị ấy trong một thời gian dài là món ăn nuôi dưỡng người đời. Do có chúng hữu tình tham ăn nhiều, sắc tướng thô xấu. Nếu người ăn ít, sắc tướng xinh đẹp. Khi ấy người xinh đẹp thấy người thô xấu không biết thông cảm nhau nên nói: "Ông là người thô xấu, ta là người xinh đẹp". Do đây mới khởi tưởng kiêu mạn. Vì nhân duyên này mà hương vị trong đất ẩn mất. Bấy giờ các chúng sanh thấy hương vị của đất đã ẩn mất, cùng nhau than: "Khổ thay! Khổ thay! Nay đồ ăn vì sao mà ẩn mất?".

Lại nữa, Bạch Y, hương vị của đất đã mất, lại sanh ra bánh đất màu sắc như San-na-ca, mùi vị như nước mía, hoặc như mật, thơm ngon tuyệt diệu, làm món ăn cho người. Chúng sanh thời ấy cùng nhau ăn bánh đất để nuôi sống lâu dài. Do có chúng sanh tham ăn nhiều, sắc tướng thô xấu. Nếu người ăn ít, sắc tướng xinh đẹp. Người xinh đẹp thấy người thô xấu, do không thông cảm nhau, cho nên nói: "Ông là xấu xí, ta là xinh đẹp". Do đó mà sanh khởi tư tưởng kiêu mạn, vì nhân duyên này mà bánh đất ẩn mất. Lúc ấy chúng sanh thấy bánh đất không còn sanh nữa, cùng nhau than: "Khổ thay! Khổ thay! Nay bánh đất sao lại biến mất?".

Lại nữa, Bạch Y, bánh đất đã mất, lại sanh ra loại quả rừng như Ca-lung-phược-ca-chi, có bốn màu, mùi vị như nước mía, mật ong, thơm ngon tuyệt diệu, làm món ăn cho người. Thời ấy chúng sanh sau khi ăn quả rừng, làm món ăn nuôi thân lâu dài. Do có chúng sanh tham ăn nhiều, sắc tướng thô xấu. Nếu người ăn ít, sắc tướng xinh đẹp. Khi người xinh đẹp thấy kẻ thô xấu, không hiểu biết nhau, nên mới nói: "Ông thật xấu xí, ta đây xinh đẹp". Từ đó mới sanh tư tưởng kiêu mạn. Do nhân duyên này, quả rừng không mọc nữa. Lúc ấy chúng sanh thấy quả rừng không mọc, cùng nhau than: "Khổ thay! Khổ thay! Quả rừng sao lại không mọc?".

Này Bạch Y, như người thời nay, hoặc có việc đau khổ khi bị xúc não, cũng kêu than: "Khổ thay! Khổ thay!".

Lại nữa, Bạch Y, quả rừng đã mất, lúa thơm lại sanh, mà lúa thơm này không có trấu cám, mùi thơm đáng ưa, theo thời gian mà chín mùi. Buổi sáng cắt rồi, buổi chiều mọc lại. Buổi chiều cắt dùng, buổi sáng

lại sanh. Cắt dùng rồi liền sống lại không có gián đoạn. Sáng chiều hai buổi lấy lúa thơm này để nuôi thân. Chúng sanh thời ấy vì không rõ nguyên nhân, cạnh tranh món ăn. Do nhân duyên này thành thân thô nặng, mới có hình tướng nam nữ sai khác. Do đó chúng sanh cùng nhau thương ghét, mới hủy báng nhau. Lại cũng lần lần cùng nhau tham đắm, do nguyên nhân tham đắm này làm nguồn gốc của các lỗi lầm. Lại có các chúng sanh mang tâm hủy báng nên mới dùng đến cây, gậy, ngói, đá cùng nhau đánh đập. Do đó thế gian mới sanh việc làm phi pháp và hạnh bất chánh.

Này Bạch Y, như người đời nay, các đồng nữ dùng hoa trang sức, mặc y phục đẹp, mong người khác phái cưới về làm vợ, tạo điều phi pháp cho là đúng pháp, với việc làm như thế đều không tự biết, chúng sanh thời ấy cũng lại như vậy. Chánh pháp quá khứ, nay cho là phi pháp. Luật nghi quá khứ, cũng thành chẳng phải là luật nghi. Như vậy lần lần sinh ra các hạnh phi pháp. Do khởi hành động phi pháp nên sanh ra bức bách, giảm mất tâm chán lìa, lại tăng thêm biếng trễ. Hoặc trong một ngày, hai ngày, ba ngày, cho đến một tháng không ở nơi nhà, không lo việc nhà, đi chơi chỗ vắng vẻ, riêng che giấu lỗi lầm.

Thời ấy có một người, tánh tình biếng nhác, không chịu theo đúng thời đi gặt lúa thơm, mới nghĩ thế này: "Ta nay sao lại phải chịu khổ não? Mỗi buổi sáng đi lấy lúa thơm, mỗi buổi chiều lại cũng phải đi lấy. Ta có thể mỗi ngày đi một lần lấy đủ lúa ăn cho cả ngày". Nghĩ như vậy xong, người ấy liền đi lấy lúa thơm đủ dùng cho hai buổi.

Lại nữa, Bạch Y, thời ấy có một người đến gọi: "Ông nay cùng ta đi lấy lúa thơm". Người biếng nhác kia nói: "Ông đi một mình, ta đã lấy đủ lúa thơm để ăn hai buổi". Khi ấy người đến kêu mới nghĩ: "Lấy lúa thơm trong một lần để dùng cho hai buổi là việc hay. Ta nay sao không một lần đi lấy lúa thơm đủ dùng cho hai, ba ngày?" Nghĩ như vậy xong, người ấy liền đi lấy lúa.

Lại nữa, Bạch Y, thời ấy lại có một người đến gọi: "Ông hãy cùng ta đi lấy lúa thơm". Người trước đã lấy lúa đáp: "Ông một mình tự đi, ta đã lấy lúa thơm đủ ăn cho hai, ba ngày rồi". Bấy giờ người kia mới nghĩ: "Một lần đi lấy lúa thơm đủ ăn cho hai, ba ngày là việc quá hay. Ta nay sao không một lần đi lấy lúa thơm đủ ăn cho bốn, năm ngày". Suy nghĩ xong, anh ta liền đi lấy lúa.

Lại nữa, Bạch Y, ban đầu lúa thơm không có trấu cám mùi thơm ngon tuyệt hảo. Do nguyên nhân một người biếng nhác, sau đó thứ lớp

lần lượt ham lấy thức ăn cho nhiều để dự trữ, đủ mình dùng riêng. Bấy giờ lúa thơm mới sanh trấu cám, sáng gặt lúa rồi, chiều không sanh. Chiều gặt, sáng không sanh. Gặt rồi lúa không sống trở lại, mà không tự biết được nguyên nhân. Các chúng sanh kia liền nhóm họp, bàn luận với nhau: "Chúng ta ban đầu thân đều có ánh sáng, nương hư không mà đi, vui thích tự tại. Do có ánh sáng nơi thân nên ánh sáng mặt trời, mặt trăng, ngôi sao không xuất hiện. Lại cũng không phân biệt ngày đêm khác nhau, năm tháng ngày giờ cũng không sai khác. Lại cũng không phân biệt hình tướng nam nữ, theo tự nhiên ánh sáng nơi thân của chúng sanh soi chiếu lẫn nhau. Thời ấy trong đất có dòng nước như sữa đặc xuất hiện, vị ngọt như nước mía, như mật ong, mùi thơm ngon tuyệt diệu, làm món ăn cho con người, nuôi dưỡng thân căn, gọi là hương vị của đất. Khi ấy có một chúng sanh thấy mùi vị của đất sanh tâm ưa thích, đưa tay bốc lên ăn, nếm thử vị kia, các chúng sanh khác thấy rồi cũng bắt chước cùng ăn với nhau đều sanh ưa thích. Chúng ta thời ấy dùng làm món ăn nuôi dưỡng thân thể. Với món ăn này, nếu tham ăn nhiều thân thể chúng ta trở nên thô nặng. Do nguyên nhân ấy không thể nương hư không theo ý mà đi, ánh sáng nơi thân cũng ẩn mất. Do đấy toàn mặt đất đều tối tăm. Bấy giờ mới xuất hiện ánh sáng mặt trời, mặt trăng và các ngôi sao, đầu tiên phân biệt ngày đêm, năm tháng, ngày giờ.

Thời ấy chúng ta dùng hương vị của đất để nuôi thân rất lâu. Người nào ăn nhiều, hình sắc thô xấu. Nếu người ăn ít thì sắc tướng xinh đẹp. Khi ấy người xinh đẹp thấy kẻ thô xấu sanh tâm kiêu mạn. Do nhân duyên ấy hương vị của đất ẩn mất, bánh đất lại được sinh ra, ngọt ngon tuyệt diệu, sắc hương đầy đủ. Chúng ta lại dùng món này để ăn trong thời gian rất lâu. Nếu người ăn nhiều, hình tướng thô xấu. Nếu người ăn ít sắc tướng xinh đẹp. Khi ấy người xinh đẹp thấy kẻ thô xấu sanh khởi tư tưởng kiêu mạn. Do nguyên nhân ấy nên bánh đất ẩn mất, quả rừng lại được sanh ra, ngọt ngon tuyệt diệu, sắc hương đầy đủ. Chúng ta đã dùng món này để ăn trong rất lâu. Người nào ăn nhiều, hình tướng thô xấu. Nếu người ăn ít, sắc tướng xinh đẹp. Lúc ấy, người xinh đẹp thấy kẻ thô xấu sanh tâm kiêu mạn. Do nhân duyên ấy, quả rừng ẩn mất, lúa thơm lại được sanh ra. Bấy giờ lúa thơm không có trấu và cám, thơm ngon đáng ưa. Buổi sáng thu hoạch, buổi chiều lại sanh. Buổi chiều thu hoạch, buổi sáng lại sanh. Chúng ta dùng ăn chỉ vì nuôi thân, không biết nguyên nhân nguồn gốc. Tham ăn đã nhiều, căn đục ô

uế trở lại ngăn ngại. Bấy giờ mới có hình tướng nam nữ khác nhau. Sau đó sanh khởi ghét thương, cùng nhau hủy báng, lại cũng lần lần cùng nhau sanh tham đắm. Do nhân duyên tham đắm này làm nguồn gốc lỗi lầm. Bấy giờ chúng ta do cùng nhau phỉ báng, dùng cây, gậy, ngói, đá cùng nhau đánh đập. Do đấy thế gian mới sanh phi pháp, sanh khởi phi pháp lần lần có sự bức bách nhau, giảm mất tâm xả ly, lại thêm biếng nhác. Một ngày, hai ngày cho đến một tháng không ở trong nhà, không lo việc nhà, ham chơi lêu lổng, che giấu lỗi lầm. Khi ấy có một người tính tình biếng nhác, không thể theo đúng thời đi lấy lúa thơm, mới nghĩ ra: "Ta nay tại sao phải chịu khổ não, sáng chiều đều phải đi lấy lúa. Ta nên một ngày đi một lần lấy lúa thơm cho cả sáng và chiều". Đã nghĩ như vậy liền đi lấy lúa. Thời ấy có một người khác đi đến gọi: "Ông nay cùng ta đi lấy lúa thơm". Người biếng nhác nói: "Ông đi một mình, ta đã lấy lúa thơm đủ ăn hai buổi". Khi ấy người kia mới nghĩ: "Lấy lúa đủ ăn hai buổi là điều tốt. Ta nay một lần đi lấy lúa thơm đủ ăn hai, ba ngày". Đã nghĩ như vậy, người ấy liền đi lấy lúa. Khi đó lại có một người đi đến gọi: "Ông hãy cùng ta đi lấy lúa". Người đã lấy lúa trước đáp: "Ông đi một mình, ta đã lấy lúa đủ ăn ba ngày". Lúc đó người kia liền nghĩ: "Lấy lúa đủ ăn ba ngày là tốt, ta nay một lần đi nên lấy đủ dùng trong bốn, năm ngày". Nghĩ như vậy xong, anh ta liền đi lấy lúa để dự trữ. Bấy giờ lúa thơm dần dần sanh trấu cám. Buổi sáng cắt gặt, buổi chiều không sanh. Buổi chiều cắt gặt, buổi sáng không sanh. Thu hoạch rồi không còn mọc trở lại, không biết nguyên nhân vì sao? Chúng ta bây giờ nên đem tất cả đất đai phân chia ra các phần bằng nhau. "Đây là địa giới của ông, đó là địa giới của ta".

Các chúng sanh kia cùng nhau bàn luận rồi, liền phân địa giới, giới hạn bằng nhau.

Phật dạy:

–Này Bạch Y, bấy giờ, mọi người phân chia địa giới rồi. Thời ấy có một người đi lấy lúa thơm, gian nan khó được, liền nghĩ: "Ta nay làm sao tìm được đồ ăn, lấy gì để nuôi dưỡng thân mạng? Nay phần lúa thơm của ta sắp hết, người khác tuy có mà họ không cho. Ta cần đi trộm ít lúa của người kia". Sau khi nghĩ như vậy, người kia lấy lúa của mình giấu kỹ ở đó, liền đến ranh giới của người khác lén lấy lúa thơm. Người chủ kia thấy được bảo người ăn trộm: "Ê! Ông là kẻ cướp. Vì sao đến đây lén lấy của ta?". Kẻ trộm đáp: "Ta không như vậy, chưa từng lấy lúa trong ranh giới của ông".

Lại nữa, người ăn trộm lúa ấy, lần sau đi lấy lúa cũng rất khó được, lại nghĩ như trước: "Ta nay làm sao kiếm được đồ ăn, lấy gì để nuôi dưỡng mạng sống? Phần lúa của ta gần hết, bên ranh giới của người khác tuy còn mà họ không cho. Nay ta cần trộm lấy ít lúa". Nghĩ như vậy rồi, y bèn lấy lúa của mình cất kỹ ở đó, đi đến ranh giới của người khác lén lấy lúa. Người chủ kia lại thấy lần nữa, đến gặp kẻ trộm nói: "Ê! Ông là kẻ cướp. Vì sao trở lại trộm lúa của ta?". Tên trộm trả lời: "Ta không như vậy, chưa từng lấy lúa thơm trong ranh giới của ông".

❑

PHẬT NÓI KINH DUYÊN KHỞI HAI BÀ-LA-MÔN BẠCH Y VÀ KIM TRÀNG

QUYỂN III

Lại nữa, Bạch Y, người ấy lần thứ ba lại đi lấy lúa thơm cũng rất khó được, mới suy nghĩ: "Ta nay làm sao kiếm được đồ ăn, lấy gì để nuôi dưỡng mạng sống? Nay phần lúa thơm của ta sắp hết, bên kia tuy còn mà người ta không hứa cho. Nay ta phải lần thứ ba trộm ít lúa của người kia". Nghĩ như vậy rồi, y lấy lúa của mình giấu kỹ, giữ gìn, liền đến ranh giới của người khác trộm lúa. Người chủ thấy người này đã ba lần đến đây lấy trộm lúa, tâm sanh giận dữ, liền nói: "Ê! Ông là kẻ trộm cắp. Tại sao ba lần đến đây trộm cắp?". Tay liền dùng gậy đánh. Kẻ trộm bị đánh kêu la khóc lóc. Bấy giờ thế gian mới sanh điều phi pháp. Các hạnh bất chánh từ đấy mà sanh, việc dùng gậy đánh đập do đây mới có. Nhân việc trộm cắp kia mới sanh sân hận và các việc khổ não. Đây là phi pháp. Do phi pháp sanh, việc bất chánh mới xuất hiện. Do đấy mới có ba việc bất thiện đầu tiên thành lập, ấy là trộm cắp, nói dối, dùng gậy gộc đánh đập.

Lại nữa, Bạch Y, mọi người lúc ấy thấy việc như vậy, đồng nhóm họp để cùng luận bàn: "Chúng ta ban đầu thân có ánh sáng, tùy ý tự tại. Do thân có ánh sáng nên mặt trăng, mặt trời và tinh tú thảy đều không hiện, không phân ngày đêm; năm tháng, ngày giờ cũng không sai khác. Khi ấy trong đất chất ngọt xuất hiện, gọi là hương vị của đất. Chúng ta làm món ăn nuôi thân dài lâu cho đến sau cùng do chúng ta tự tạo điều bất thiện nên vị đất mất, bánh đất lại sanh ra, dùng làm món ăn nuôi thân lâu dài. Đến sau đó chúng ta tự ý làm việc chẳng lành, bánh đất cũng mất, quả rừng lại sanh, dùng làm món ăn nuôi thân cho đến cuối cùng. Rồi sau chúng ta làm điều chẳng

lành, quả rừng mất, lúa thơm lại sanh, không có trấu cám, dùng làm món ăn lâu dài nuôi thân. Cho đến sau này chúng ta lại làm việc chẳng lành, lúa thơm kia sanh trấu cám, sáng gặt chiều không mọc; chiều gặt sáng không sanh, không sống trở lại, không biết nguyên nhân. Chúng ta bấy giờ liền đem ruộng lúa phân ranh giới. Khi phân ranh giới rồi, lúc ấy có người đi lấy lúa ăn, gian nan khó được, ở ranh giới của kẻ khác sanh tâm trộm cắp. Người chủ đã thấy bảo với người ăn trộm: "Ê! Ông là tên trộm cắp. Vì sao đến đây ăn trộm?". Kẻ trộm nói: "Ta không như vậy, chưa từng trộm cắp lúa trong ranh giới của ông". Người đó tiếp đến hai, ba lần lấy lúa, cũng như vậy, người chủ đã thấy, mới sanh giận dữ, lại nói: "Ê! Ông là kẻ cướp, vì sao ba lần đến đây trộm lúa?". Liền cầm gậy đánh, kẻ trộm bị đánh kêu than khóc lóc. Thế gian bấy giờ mới sanh phi pháp và các hành động bất chánh. Việc dùng gậy gộc đánh đập do đây mà sanh. Ba việc chẳng lành từ đây mới có, đó là: trộm cắp, nói dối và dùng gậy gộc đánh đập. Nay chúng ta hãy cùng nhau lựa chọn người đầy đủ sắc tướng, oai đức, trí tuệ bầu làm điền chủ. Mọi người chúng ta nên phân ranh giới lúa ra từng phần, dành một phần cho người lãnh đạo. Người này phải công bình chánh trực. Người đáng khiển trách thì khiển trách, người đáng chấp nhận thì chấp nhận, khéo bảo hộ địa phương và bảo hộ mọi người. Chúng ta nên mỗi người đều phải vâng lệnh".

Khi ấy mọi người tham gia bình luận rồi, liền cùng nhau lựa chọn người có đầy đủ sắc tướng, oai đức, trí tuệ lớn, lập làm điền chủ để lãnh đạo, mọi người đều vâng lệnh.

Đức Phật dạy:

–Này Bạch Y, bấy giờ chức điền chủ đã được thành lập, do đấy vị ấy được mọi người gọi là Điền chủ. Tên gọi Điền chủ đầu tiên được ghi vào trong sổ bằng văn tự. Lại nữa, do vị ấy ở trong ranh giới địa phận khéo bảo quản, giữ gìn, là người đứng đầu, nên được gọi là Sát-đế-lợi. Danh từ "Sát-đế-lợi" này thứ đến được ghi vào trong sổ bằng văn tự. Lại nữa, do vị ấy ở trong chúng khéo nói lời an ủi, hòa hợp nên được gọi là người an ủi. Người an ủi ấy có tên gọi là vua. Danh từ "vua" là chữ thứ ba được ghi vào sổ bằng văn tự. Thời ấy thế gian mới thành lập đã có dòng tộc Sát-đế-lợi. Bạch Y nên biết, hoặc đây, hoặc kia, các loại chúng sanh, hoặc đồng, hoặc khác, hoặc là pháp, hoặc là phi pháp, tuy có sai khác, pháp như thế vẫn tồn tại tự nhiên, tối thượng, tối thắng, vô cùng to lớn. Thấy được các pháp như vậy, thấy được các pháp phát triển

như vậy càng tăng thêm sự quy ngưỡng, hướng về.

Lại nữa, Bạch Y, thời ấy, trong chúng sanh đó có một số người thấy các pháp không thật, là bức bách, suy giảm, lỗi lầm, sanh tâm chán nản muốn xa lìa, bỏ đời sống tại gia, chọn ở nơi chốn rộng rãi, vắng vẻ, tạo lập am tranh, buộc tâm một chỗ, tịch tĩnh vắng lặng tu thiền. Cứ đến buổi chiều, vì việc ăn uống nên vị ấy đi vào trong xóm làng; sáng ngày mai vì việc ăn uống lại trở vào làng xóm. Tất cả mọi người thấy như vậy mới có ý nghĩ: "Nay người này thấy các pháp không thật, là bức bách, suy giảm, lỗi lầm, sanh tâm chán nản muốn xa lìa, bỏ đời sống tại gia, chọn ở chỗ rộng rãi vắng vẻ, tạo lập am tranh, buộc tâm một chỗ, tịch tĩnh vắng lặng tu thiền". Từ đây mới có tên là người tu thiền. Sau lại có người tạo việc ồn náo. Nên sau lại có tên gọi là người tu thiền, người gây ồn náo. Lại có tên gọi là bậc giáo thọ, và cũng có tên gọi là người tạo nghiệp bất thiện.

Lại nữa, Bạch Y, bấy giờ trong chúng có một hạng người, ban đầu tu thiền, sau lại sanh khởi tác ý suy nghĩ: "Nếu ở trong xóm làng thành lập trường lớp, quy tụ môn đồ đến học, dạy trao kinh điển văn chương". Tất cả mọi người trông thấy người này rồi, cùng nhau bàn: "Đây là một hạng người, ban đầu ở chốn hoang vắng, tịch tĩnh tu thiền, sau lại khởi ý nghĩ: "Nên ở trong xóm làng thành lập trường học, nhóm các chúng cầu học, dạy trao kinh điển, văn chương". Từ đó, họ không gọi là người tu thiền, mà có tên là giáo thọ, lại cũng có tên gọi là Bà-la-môn thường giảng nói. Danh từ "Bà-la-môn" lần đầu tiên được ghi trong sổ văn tự. Do đấy, thế gian mới có chủng tộc Bà-la-môn. Bạch Y nên biết, hoặc đây, hoặc kia, các loại chúng sanh hoặc đồng, hoặc khác, hoặc là pháp, hoặc là phi pháp, tuy có sai khác, pháp như vậy vẫn tồn tại tự nhiên, tối thượng tối thắng, vô cùng lớn lao. Thấy được pháp như vậy, thấy được pháp sanh như vậy, càng tăng thêm sự quy ngưỡng, hướng về.

Lại nữa, Bạch Y, thời ấy trong chúng có một hạng người khai khẩn ruộng đất, chuyên làm nghề nông để nuôi sống thân mạng. Do người này chuyên làm việc gieo trồng trên đồng ruộng nên gọi là Tỳ-xá. Danh từ "Tỳ-xá" đầu tiên có trong sổ văn tự. Từ đó nhân gian mới có chủng tộc Tỳ-xá. Bạch Y nên biết, hoặc đây hoặc kia, các loại chúng sanh hoặc đồng hoặc khác, hoặc là hợp pháp, hoặc là phi pháp, tuy có sai khác, pháp tự nhiên như vậy, tối thượng, tối thắng, vô cùng lớn lao. Thấy được các pháp như vậy, thấy được các pháp phát triển như vậy, càng thêm sự quy ngưỡng, hướng về.

Lại nữa, Bạch Y, thời đó trong chúng sanh có một hạng người dần dần sanh ra tâm xảo quyệt, gian dối, làm các việc xấu ác, gọi là Thủ-đà. Danh từ "Thủ-đà" đầu tiên được ghi vào sổ văn tự. Do đấy thế gian mới có chủng tộc Thủ-đà. Bạch Y nên biết, hoặc đây hoặc kia, có các chúng sanh hoặc giống hoặc khác, hoặc là hợp pháp, hoặc là phi pháp, tuy có sai khác nhưng pháp như vậy vẫn tồn tại tự nhiên, tối thượng, tối thắng, vô cùng lớn lao. Thấy được các pháp như vậy, thấy được các pháp phát triển như vậy, càng tăng sự quy ngưỡng, hướng về.

Lại nữa, Bạch Y, trong dòng Sát-đế-lợi kia có kẻ nhàm chán muốn xa lìa, ra khỏi các việc xấu ác bức bách, tức là sanh, già, bệnh, chết, sầu, bi, khổ, ưu não, gian trá tai họa nên bỏ nhà xuất gia, tức là hàng Sa-môn. Họ là những người đầu tiên được gọi là Sa-môn. Dòng Sát-đế-lợi tu tập như vậy, Bà-la-môn, Tỳ-xá, Thủ-đà cũng như vậy, nếu ai sanh nhàm chán các điều xấu ác bức bách, sanh, già, bệnh, chết, sầu, bi, khổ, ưu não, gian trá, tai họa nên bỏ nhà xuất gia đều là Sa-môn, không có khác nhau. Do đấy thế gian mới có hàng Sa-môn, bấy giờ mới được hình thành. Bạch Y nên biết, hoặc đây, hoặc kia, có các chúng sanh, hoặc giống hoặc khác, hoặc là hợp pháp, hoặc là phi pháp, tuy có sai khác nhưng pháp như vậy vẫn tồn tại tự nhiên, tối thượng, tối thắng, vô cùng cao quý. Thấy được các pháp như vậy, thấy các pháp phát triển như vậy, họ càng thêm quy ngưỡng hướng về.

Đức Phật dạy:

–Này Bạch Y, do đấy lần lượt có năm chủng tộc bắt đầu hiện hữu tại thế gian, đó là: dòng Sát-đế-lợi, dòng Bà-la-môn, dòng Tỳ-xá, dòng Thủ-đà, dòng Sa-môn. Trong năm dòng tộc này, dòng Sa-môn là tôn quý, cao thượng, tiếng tăm lừng lẫy không ai bằng.

Này Bạch Y, cũng như đỉnh núi cao, rất hùng vĩ, hoặc có bầy bò đi vòng quanh núi kia, tất cả đều đi đến được, chỉ riêng có đỉnh núi là chẳng thể đặt chân tới. Đỉnh núi cao kia là pháp tự nhiên như vậy, là lớn lao, hùng vĩ. Trong năm dòng tộc cũng lại như thế. Dòng tộc Sa-môn chính là pháp tự nhiên như vậy, ở trong thế gian, là cao tột, là hơn hết, không ai sánh bằng.

Lại nữa, Bạch Y, trong dòng Sát-đế-lợi kia nếu có ai thân, ý đã tạo nghiệp bất thiện, sanh khởi tà kiến, sau khi thân hoại mạng chung sẽ bị đọa vào đường ác, sanh vào địa ngục. Bà-la-môn, Tỳ-xá, Thủ-đà-la, các dòng tộc này cũng như vậy; đã tạo nghiệp bất thiện của thân, ngữ, ý rồi lại khởi tà kiến, thì khi thân hoại mạng chung sẽ bị

đọa vào đường ác, sanh vào địa ngục. Hàng Sa-môn cũng vậy, nếu đã tạo nghiệp bất thiện nơi thân, ngữ, ý, lại khởi tà kiến thì khi thân hoại mạng chung bị đọa vào đường ác, sanh vào địa ngục.

Lại nữa, Bạch Y, nếu dòng tộc Sát-đế-lợi kia đã tạo các hành động hỗn tạp *(có thiện có ác)* về thân, về miệng và ý, sanh khởi tri kiến hỗn tạp, thì khi thân hoại mạng chung sanh vào cõi người. Hàng Bà-la-môn, Tỳ-xá, Thủ-đà và Sa-môn, các dòng tộc này cũng đều như vậy. Nếu thân tạo các hành động hỗn tạp, cũng như về miệng và ý tạo nghiệp hỗn tạp *(có thiện có ác)* thì khi thân hoại mạng chung đều sanh vào cõi người.

Lại nữa, Bạch Y, trong dòng tộc Sát-đế-lợi kia, có người đã tạo nghiệp thiện nơi thân, miệng, ý, thì khi thân hoại mạng chung được sanh ở cõi trời. Bà-la-môn, Tỳ-xá, Thủ-đà và hàng Sa-môn, các dòng tộc này cũng đều như vậy. Đã tạo nghiệp thiện nơi thân, miệng, ý thì khi thân hoại mạng chung được sanh lên cõi trời.

Lại nữa, Bạch Y, vị Sát-đế-lợi ấy đã tu tập các nghiệp thiện nơi thân, miệng, ý, sanh khởi chánh kiến, an trú tâm trong Tứ niệm xứ, đã tu tập đúng như lý về Thất giác chi thì tự mình có thể chứng ngộ cảnh giới Niết-bàn. Bà-la-môn, Tỳ-xá, Thủ-đà, và hàng Sa-môn cũng đều như vậy. Đã tu nghiệp thiện nơi thân, miệng, ý, khởi chánh kiến, chánh tâm an trú trong Tứ niệm xứ, đã tu tập đúng như lý về Thất giác chi thì tự mình cũng có thể chứng ngộ cảnh giới Niết-bàn.

Lại nữa, Bạch Y, vào lúc ban sơ ấy Đại Phạm thiên vương đã nói kệ:

Loài người Sát-lợi là tôn quý
Dòng tộc chân thật lại thanh tịnh.
Ba minh, các hạnh đều tròn đầy
Là bậc tôn quý cõi nhân thiên.

Này Bạch Y, bài kệ ấy của Đại Phạm thiên vương thật là khéo nói, là lời ca ngợi rất hay. Lời ấy thành thật chẳng phải hư dối. Vì sao vậy? Chính Ta cũng nói: Dòng Sát-đế-lợi được mọi người tôn quý, là dòng tộc chân thật lại thanh tịnh, ba minh và các hạnh đều viên mãn, là bậc tối tôn trong trời người.

Bấy giờ, hai Bà-la-môn Bạch Y và Kim Tràng chắp tay cung kính bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn, chúng con trước đây do ngu si che lấp,

không tự hiểu biết. Ví như người tật nguyền, như người ngu dốt, như kẻ tối tăm, tất cả phương hướng không thể thông suốt. Chúng con ngày nay được ơn Phật Thế Tôn chỉ dạy ý nghĩa, phân biệt nói rõ, thông suốt tỏ ngộ, như người gù được thẳng, người ngu được chỉ bày dẫn dắt, như kẻ tối tăm gặp đèn sáng. Từ đây về sau xin nguyện quy y Phật, quy y Chánh pháp, quy y Tăng-già, gần gũi, hầu hạ Thế Tôn cho đến trọn đời, phụng trì Phật pháp như giữ gìn thân mạng, luôn có đầy đủ sự hổ thẹn, thương xót chúng sanh, cho đến loài trùng kiến cũng sanh khởi tư tưởng hộ niệm. Con nay xin theo Phật xuất gia, thọ giới cụ túc.

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Này các Tỳ-kheo, nay hai vị Bà-la-môn Bạch Y và Kim Tràng xin theo Phật xuất gia, các thầy Tỳ-kheo nên vì họ mà truyền thọ giới cụ túc.

Lúc ấy, các vị Tỳ-kheo như lời Phật dạy, truyền thọ giới cụ túc cho hai vị ấy. Hai Bà-la-môn Bạch Y và Kim Tràng trong thời gian ngắn trở thành hình tướng Tỳ-kheo giới hạnh đầy đủ.

Sau đó Tôn giả Bạch Y và Kim Tràng, hai thầy Tỳ-kheo nội tâm chuyên chú, lìa các niệm tán loạn, thân tâm thanh tịnh, dốc cầu chánh lý, liền được Ba minh: Thiên nhãn, Túc trú và Lậu tận. Sau khi đầy đủ Ba minh liền thành bậc thấy biết chân chánh, nhờ nghe pháp nên đạt được lợi ích lớn.

❑

SỐ 11

PHẬT NÓI KINH PHẠM CHÍ NI-CÂU-ĐÀ

Hán dịch: Đời Tống, Đại sư Thi Hộ.

QUYỂN I

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Thế Tôn ở tinh xá Ca-lan-đà trong vườn Trúc, thuộc thành Vương xá. Bấy giờ, trong thành này có một Trưởng giả tên là Hòa Hợp, vào một ngày nọ sau khi dùng cơm xong, đi ra khỏi thành, đến tinh xá Ca-lan-đà trong vườn Trúc, chỗ Phật đang ngự để được gần gũi chiêm ngưỡng lễ bái. Khi ấy Trưởng giả ra đi chưa bao lâu, liền nghĩ: "Nay trưa Phật và các thầy Tỳ-kheo đang ở nơi phòng, trong giờ chỉ tịnh, lúc này không thể gần gũi lễ bái, ta nên đi đến chỗ nhóm họp của thầy trò Phạm chí Ni-câu-đà". Lúc ấy Phạm chí Ni-câu-đà ở nơi vườn Ô-đàm-mạt-lê, cùng các Phạm chí vây quanh, đang lớn tiếng cùng nhau bàn luận. Họ chỉ bàn đến các việc về vua chúa, chiến đấu, giặc cướp, việc y phục, ăn uống, việc phụ nữ, việc rượu chè, tà kiến tạp nhạp, cho đến việc về biển cả... Những loại bình luận ấy đều do tâm ràng buộc của thế gian."

Khi ấy, Phạm chí Ni-câu-đà trông thấy Trưởng giả Hòa Hợp từ xa đi đến, liền bảo đại chúng:

–Các người im lặng, nên nói nhỏ lại. Người đang đến đây là đệ tử Thanh văn của Sa-môn Cù-đàm, tên là Hòa Hợp, là hàng Trưởng giả lớn trong thành Vương xá. Ông này tánh vốn ít nói, pháp môn mà ông ta tiếp nhận cũng rất vắng lặng. Vì vậy các người nên phải nói nhỏ. Ông ấy thấy biết như vậy thì mới đến đây.

Các Phạm chí nghe nói như thế, thảy đều im lặng. Bấy giờ Trưởng giả Hòa Hợp đi đến chỗ Phạm chí Ni-câu-đà. Đến nơi, Phạm chí Ni-câu-đà nghinh đón, tiếp chuyện vui vẻ. Sau khi đã tiếp xúc xã giao, mỗi người ngồi một bên, Trưởng giả Hòa Hợp thưa với Phạm chí Ni-câu-đà:

–Chúng hội của ngài có chỗ sai khác. Tôi đã nghe quí vị lớn tiếng bàn luận, chỉ nói đến việc vua chúa, chiến tranh... như vậy cho đến bàn luận về chuyện biển cả... Những việc luận bàn này chỉ tăng thêm tâm chấp trước nơi thế gian. Có khác với Đức Thế Tôn của chúng tôi là Đấng Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác. Đức Thế Tôn ở chỗ rộng rãi thanh vắng, luôn tự tại an lạc, mọi sự đi, đứng, nằm, ngồi đều xa lìa ồn náo, dứt hẳn dấu vết người, thường được vắng lặng; thân trú một chỗ, tâm không tán loạn, chuyên chú nhất tâm, tùy hoàn cảnh thích ứng mà hành hóa.

Bấy giờ Phạm chí Ni-câu-đà nói với Trưởng giả:

–Này Trưởng giả, nay ta làm sao bàn luận với Sa-môn Cù-đàm kia được. Nếu ta đưa ra một vấn đề để cật vấn, thì vị Sa-môn ấy dù đa mưu túc trí cũng không thể xoay chuyển vấn đề được. Hơn nữa, Sa-môn Cù-đàm kia ở nơi chỗ trống vắng thì làm sao đủ trí tuệ để xoay chuyển vấn đề, đã ở nơi chốn ấy thì không có khả năng ấy đâu! Vả lại, đi, đứng, nằm, ngồi ở chỗ thanh vắng, xa nơi huyên náo, tuyệt hẳn dấu vết người, luôn giữ tĩnh lặng, thân trú một chỗ, tâm không loạn động, chuyên chú nhất tâm, tùy theo hoàn cảnh mà hành hóa thích ứng, này trưởng giả, chỉ ví như con bò một mắt đi khắp đó đây. Nên biết con bò đó có thể đi được không? Sa-môn Cù-đàm cũng giống như vậy, ở chỗ trống vắng như thế thì trí tuệ làm sao có thể chuyển biến được? Nếu Sa-môn Cù-đàm đến trong hội này, ta khi ấy sẽ cùng bàn luận, kiến lập ý nghĩa thù thắng, chỉ cần đưa ra một câu hỏi, thầy ông sẽ cúi đầu chịu phục. Ta sẽ thắng, thầy ông sẽ lập tức bị thua, như đập vào bình rỗng, rất dễ phá vỡ.

Lúc ấy Đức Thế Tôn ở trong tịnh thất đang yên lặng ngồi thiền. Do thiên nhĩ thanh tịnh, từ xa nghe Trưởng giả Hòa Hợp và Phạm chí Ni-câu-đà cùng nhau gặp gỡ luận bàn như vậy. Bấy giờ, vào buổi chiều, Đức Thế Tôn từ trong tịnh thất đi ra. Khi ấy trời mưa vừa tạnh, không khí mát mẻ, sáng sủa. Ngài đi đến ao Thiện vô độc, bên bờ ao Ngài từ từ đi kinh hành.

Phạm chí Ni-câu-đà từ xa thấy Đức Thế Tôn đang ở bên bờ ao, liền bảo với chúng bạn:

–Sa-môn Cù-đàm nay đang ở bên bờ ao Thiện vô độc chậm rãi đi kinh hành. Nếu ông ấy đến trong chúng hội này, các ngươi có cần đứng dậy nghinh đón, hoặc cùng luận bàn, hoặc sẽ rời tòa, hoặc lại chẳng dùng tòa ngồi của mình mà mời ngồi không?

Nói xong, ông ta lại tự nhiên vì Đức Thế Tôn đi trải tòa ngồi, còn nghe ông tự nói:

–Tôn giả Cù-đàm nếu đến đây đã có chỗ ngồi. Tùy theo ý muốn của Ngài sẽ có tòa ngồi này.

Bấy giờ Đức Thế Tôn sau khi kinh hành bên ao Thiện vô độc, liền đi đến chỗ của Phạm chí Ni-câu-đà. Phạm chí từ xa thấy Đức Thế Tôn đi đến, liền bảo đại chúng:

–Khi Sa-môn Cù-đàm đến trong hội này, ta sẽ hỏi: "Trong pháp và luật của Đức Cù-đàm dùng pháp gì, hạnh gì khiến cho người tu hạnh Thanh văn đạt đến chỗ an ổn, nội tâm dừng nghỉ, đạt được phạm hạnh thanh tịnh?".

Lúc ấy Đức Thế Tôn đã đến chỗ chúng hội của Phạm chí, tự nhiên họ đều sanh tâm hoan hỷ, tất cả đều đứng dậy đón rước. Phạm chí Ni-câu-đà chắp tay hướng về Đức Phật đảnh lễ, thưa:

–Lành thay! Đức Cù-đàm đã đến đây. Ngài biết tất cả, đây là chỗ ngồi của Ngài, xin mời Ngài ngồi.

Phật bảo Phạm chí Ni-câu-đà:

–Ta biết ông đã sửa soạn và sắp xếp chỗ ngồi cho Ta. Ta sẽ đến ngồi.

Khi ấy các Phạm chí đồng lớn tiếng xướng:

–Hy hữu thay! Thật khó có được! Vị Sa-môn Cù-đàm ấy, ở trong hội này không ai nói ra, chỉ do diệu lực thần thông, tự biết chỗ ngồi dành cho mình.

Phạm chí Ni-câu-đà cùng Đức Thế Tôn vui vẻ chào hỏi xong thì lui ngồi qua một bên. Phật bảo Phạm chí Ni-câu-đà:

–Như Lai nay đến với chúng hội, các vị có điều gì cần phân biệt luận bàn không?

Phạm chí Ni-câu-đà bạch Phật:

–Khi thấy Ngài từ xa đi đến, tôi bảo đại chúng rằng: "Sa-môn Cù-đàm khi đến chúng hội này, ta sẽ hỏi Ngài: "Trong pháp luật của Ngài dùng pháp hạnh gì có thể giúp người tu hành đạt đến cảnh giới an ổn, nội tâm được tịch tĩnh, đạt phạm hạnh thanh tịnh?"." Nay Đức Cù-đàm

đã đến đây, tôi cũng đem việc này thưa hỏi để cùng Ngài phân biệt luận bàn.

Đức Thế Tôn bảo Phạm chí Ni-câu-đà:

–Này Ni-câu-đà, đối với sự việc này ông thật khó lãnh hội. Vì sao? Vì pháp của Ta khác, nhận thức khác, thầy dạy khác, thực hành cũng khác. Ông chỉ nên theo giáo pháp của ông mà thưa hỏi.

Các Phạm chí cùng nói lớn:

–Thật là hy hữu! Sa-môn Cù-đàm đối với câu hỏi này không đem giáo lý của mình giải đáp, trái lại có thể trong giáo pháp của người khác, khiến họ đặt câu hỏi rồi tùy theo câu hỏi đó mà trả lời.

Phạm chí Ni-câu-đà bạch Phật:

–Nếu chúng tôi khác giáo pháp, khác nhận thức, khác thầy, khác cách tu hành, đối với pháp luật của Ngài chúng tôi khó biết. Nay trong giáo pháp của chính chúng tôi, theo ý Ngài thì tu hành như thế nào để có thể được giải thoát, được thanh tịnh, trong sạch cao tột và được chân thật, được an trú trong chân thật thanh tịnh?

Phật bảo Phạm chí Ni-câu-đà:

–Trong pháp tu hành của ông, nay Ta nói tóm lược: Ông cho rằng nếu có đầy đủ bốn giới thì gọi là có thể tu hành, có thể đạt đến chỗ tối thượng, thù thắng. Trước tiên, đối với việc tu hành để được giải thoát, không phải giảm thiểu các dục. Này Ni-câu-đà, thế nào là ý nghĩa tu hành của người về thọ trì bốn giới?

1. Không tự mình giết hại, không dạy người giết hại, không tùy hỷ đối với sự giết hại.

2. Không tự mình trộm cướp, không dạy người trộm cướp, không tùy hỷ đối với sự trộm cướp.

3. Không tự mình nói dối, không dạy người nói dối, không tùy hỷ đối với sự nói dối.

4. Không tự mình tà nhiễm, không dạy người tà nhiễm, không tùy hỷ đối với sự tà nhiễm.

Này Ni-câu-đà, người cho những điều như vậy là đạt được đầy đủ bốn giới.

Lại nữa, này Ni-câu-đà, thế nào là pháp tu hành của ông? Đó là đi đến chỗ thật cao, thiết lập chỗ ngồi, hoặc kiễng chân mà đứng, cho đó là pháp tu hành. Hoặc ăn đồ đắng chát, thô xấu làm pháp tu hành. Hoặc nằm im trên đất làm pháp tu hành. Hoặc không cạo râu tóc làm

pháp tu hành. Hoặc nằm trên gai nhọn, nằm trên đòn cây làm pháp tu hành. Hoặc ở chỗ cao, mây bay lạnh giá làm pháp tu hành. Hoặc tự mình trói buộc một chỗ làm pháp tu hành. Cho đến một ngày ba lần tắm rửa thân thể... nhiều cách như vậy bức bách, thống khổ đối với tự thân cho là pháp tu hành. Các việc như vậy là pháp tu hành của Ni-câu-đà.

Này Ni-câu-đà, thế nào là hạnh xuất ly?

Ni-câu-đà, hạnh xuất ly của ông là: theo lối khỏa thân cho là được xuất ly. Lại đối với việc ăn xong thì phủi tay làm sạch. Không nhận sự bố thí đồ ăn uống từ người có nét mặt buồn rầu hay sân hận. Không thọ thực giữa ngã tư, ngõ tắt. Không đứng chỗ có dao gậy, binh khí. Đi khắp thành ấp lặng thinh không nói, không nói từ đâu lại, không nói đi về đâu, không nói chỗ đang ở, không nói lời thuận nghịch, không dùng nhiều cách nói, cũng không trao đổi lời nói. Hoặc nhận đồ ăn từ một nhà hoặc nhận đồ ăn từ hai, ba, cho đến bảy nhà. Hoặc chỉ nhận đồ ăn một nhà, không nhận các nhà khác. Hoặc một ngày không ăn, hoặc hai ngày, ba ngày cho đến bảy ngày không ăn. Hoặc cho đến nửa tháng, một tháng không ăn. Hoặc trong bữa ăn không ăn bánh bột gạo, không ăn cơm, không ăn đậu và các loại cá, thịt, sữa bò, tô, lạc, dầu và mật. Không uống rượu, không uống nước ngọt, không uống nước giấm chua, chỉ uống nước lúa gạo thanh khiết để nuôi mạng sống. Lại nữa, cũng thường ăn rau, hoặc ăn hạt kê, hạt cỏ, hoặc ăn phân bò *(Cù-ma-di gomaya),* hoặc uống thuốc nấu bằng lá, thuốc rễ, hoặc ăn gạo sống, hoặc ăn các thứ rau cỏ thô xấu. Hoặc chỉ mặc một áo, hoặc mặc áo bằng cỏ cát tường, hoặc mặc áo bằng vỏ cây, hoặc mặc áo bằng thanh gỗ ghép lại, hoặc mặc áo bằng vỏ trái cây, hoặc lượm tóc tử thi trong rừng làm áo, hoặc dùng cánh lông chim Để-lý-tra làm áo, hoặc dùng cánh lông chim Hưu-lưu làm áo... Các pháp kể trên chính là pháp tu hành của Ni-câu-đà, chấp cho như thế là hạnh xuất ly.

Này Ni-câu-đà, các hạnh ấy lại được xem là thanh tịnh, giải thoát sao? Được xem là trong sạch tối thượng sao? Được cho là chân thật sao? Được gọi là an trú nơi chân thật thanh tịnh sao?

Phạm chí Ni-câu-đà bạch Phật:

–Đúng như vậy! Thưa Sa-môn Cù-đàm, những hạnh của tôi như thế là đạt được giải thoát, thanh tịnh, đạt được trong sạch tối thượng, đạt được chân thật, được an trú trong chân thật thanh tịnh.

Phật bảo Phạm chí Ni-câu-đà:

–Này Ni-câu-đà, những điều tu hành của ông như vậy chẳng phải giải thoát, chẳng phải đạt được thanh tịnh, xuất ly, chẳng phải đạt được trong sạch tối thượng, chẳng phải được chân thật, chẳng phải được an trú trong chân thật thanh tịnh. Ở trong pháp tu hành đó chỉ đạt được một phần rất nhỏ.

Phạm chí Ni-câu-đà bạch Phật:

–Thưa Sa-môn Cù-đàm, như Ngài đã nói, tuy là rất khéo, nhưng chỗ tu hành của tôi như thế là được xuất ly, tối thượng, là đạt được chân thật, đạt được vô thượng.

Phật bảo Phạm chí Ni-câu-đà:

–Lại nữa, với việc tu hành, ông cho rằng đạt được bốn giới là có thể tu hành, là được sự tăng trưởng tối thượng, thù thắng. Trước tiên tu hạnh cầu xuất ly, không giảm các dục, khi giữ lấy bốn giới cũng có đủ tâm "từ". Trước ở phương Đông sanh khởi tâm từ, quán hạnh đầy đủ, rộng lớn cùng khắp, vô lượng, không hai, cũng không tâm oán hại. Sau đó ở phương Nam, phương Tây, phương Bắc, bốn phía trên dưới, tất cả thế giới đều rải tâm từ cùng khắp, đầy đủ quán hạnh, cũng lại như vậy. Này Ni-câu-đà, ông có nghĩ rằng: Tu hành như vậy là đạt được xuất ly, thanh tịnh chăng? Là đạt được trong sạch tối thượng chăng? Được chân thật chăng? Được an trú trong thanh tịnh chân thật chăng?

Phạm chí Ni-câu-đà bạch Phật:

–Đúng như vậy! Thưa Sa-môn Cù-đàm, tôi tu hành như thế, thật được xuất ly, thanh tịnh, được trong sạch tối thượng, được chân thật, được an trú trong thanh tịnh chân thật.

Phật bảo Phạm chí Ni-câu-đà:

–Này Ni-câu-đà, ông tu hành những điều như thế chẳng phải là đạt được xuất ly, thanh tịnh, chẳng phải đạt được trong sạch tối thượng, chẳng phải đạt được chân thật, chẳng phải là được an trú trong thanh tịnh chân thật. Vì ông còn chấp là có sở đắc, do đó chẳng phải chân thật.

Phạm chí Ni-câu-đà bạch Phật:

–Thưa Sa-môn Cù-đàm, như lời Ngài dạy tuy là thật khéo, nhưng tôi tu hành là được xuất ly, thanh tịnh, là được chân thật, là được vô thượng.

Phật bảo Phạm chí Ni-câu-đà:

–Này Ni-câu-đà, lại nữa, như ông tu hành cho rằng ta có đủ bốn giới. Là đã tu hành, là được tối thượng, tăng trưởng thù thắng. Trước tiên tu hạnh xuất ly, không giảm các dục. Do dùng Túc trú thông có thể hay biết việc quá khứ một, hai, ba đời cho đến trăm đời. Này Ni-câu-đà, ông có nghĩ rằng: Theo pháp như vậy tu hành sẽ được xuất ly, thanh tịnh chăng? Được trong sạch tối thượng chăng? Được chân thật chăng? Được an trú trong thanh tịnh chân thật chăng?

Phạm chí Ni-câu-đà bạch Phật:

–Đúng như vậy! Thưa Sa-môn Cù-đàm, tôi tu hành như thế thật được xuất ly, thanh tịnh, được trong sạch tối thượng, được chân thật và được an trú trong thanh tịnh chân thật.

Phật bảo Phạm chí Ni-câu-đà:

–Này Ni-câu-đà, những điều tu hành của ông như vậy là chẳng phải được xuất ly, chẳng phải được trong sạch tối thượng, chẳng phải được chân thật.

Phạm chí Ni-câu-đà bạch Phật:

–Thưa Sa-môn Cù-đàm, như Ngài đã nói, tuy là rất khéo, nhưng tôi tu hành là được xuất ly, thanh tịnh, là được chân thật, là được vô thượng.

Phật bảo Phạm chí Ni-câu-đà:

–Này Ni-câu-đà, lại nữa, như ông tu hành cho rằng ta đầy đủ bốn giới là đã tu hành, là được tối thượng, tăng trưởng thù thắng. Trước tiên tu hạnh xuất ly, không giảm các dục, có thể dùng thiên nhãn thanh tịnh quán sát tất cả chúng sanh ở thế gian, hoặc sanh hoặc diệt, hoặc tốt hoặc xấu, hoặc sanh cõi lành, hoặc sanh cõi dữ, hoặc phú quý hoặc bần tiện, tùy nghiệp báo ứng, đều có thể quan sát thấy rõ. Này Ni-câu-đà, ông nghĩ tu hành như vậy là được xuất ly, thanh tịnh chăng? Được chân thật chăng? Được an trú trong thanh tịnh chân thật chăng?

Phạm chí Ni-câu-đà bạch Phật:

–Đúng như vậy! Thưa Sa-môn Cù-đàm, tôi tu hành như thế thật là được xuất ly, thanh tịnh, được trong sạch tối thượng, được chân thật và được an trú trong thanh tịnh chân thật.

Phật bảo Phạm chí Ni-câu-đà:

–Này Ni-câu-đà, những việc tu hành của ông như vậy tuy là thanh tịnh, nhưng Ta nói tu hành như ông là chưa lìa được vô số các phiền não theo đấy tăng trưởng.

Phạm chí Ni-câu-đà bạch Phật:

–Thưa Sa-môn Cù-đàm, vì sao tôi tu hành tuy thanh tịnh, Ngài lại nói là chưa lìa được vô số các phiền não theo đấy tăng trưởng?

Phật bảo Phạm chí Ni-câu-đà:

–Này Ni-câu-đà, các ông tu hành chỉ vì muốn làm sáng tỏ công lao, sự nghiệp tu hành của mình: do ta tu hành công hạnh như vậy, cho nên các hàng quốc vương, đại thần, Sát-đế-lợi, Bà-la-môn, những vị ấy tôn trọng, cung kính cúng dường, ta là Ni-câu-đà. Chính do việc này mà ông tu hành, phiền não càng tăng thêm. Này Ni-câu-đà, ông tuy tu hành, dựa vào chỗ tu của mình, sanh tâm cống cao, khinh miệt kẻ khác. Chính do việc này mà ông tu hành phiền não càng tăng thêm.

Lại nữa, Ni-câu-đà, các ông tu hành đối với Sa-môn, Bà-la-môn khác khinh hủy, lăng nhục, nói như thế này: "Sa-môn, Bà-la-môn các ông do ăn nhiều thứ để nuôi mạng sống, ăn năm loại cây giống trong khắp thế gian, đó là: rễ cây làm giống, thân cây làm giống, thân cây rỗng làm giống, loại giống hiếm quý, hột trong trái lấy làm giống. Như thế dùng năm loại giống này để ăn nuôi thân". Ông, Ni-câu-đà, như vậy đi khắp nơi, nói lời chỉ trích, khinh nhục, tìm cầu việc tranh luận, nhanh chóng, sắc bén như điện như chớp, mong hàng phục, phá hoại kẻ khác như sương tán, nước đá tan. Này Ni-câu-đà, do đó mà ông tu hành phiền não càng tăng thêm.

Lại nữa, Ni-câu-đà, các ông tu hành, khi thấy Sa-môn, Bà-la-môn được mọi người tôn trọng, cung kính, cúng dường liền sanh tâm ganh ghét nói: "Sa-môn, Bà-la-môn các ngươi tham ăn quá nhiều thứ để nuôi thân, lại được người khác tôn trọng, cung kính cúng dường. Còn ta thường chỉ ăn những vật đắng chát, đạm bạc để nuôi thân mạng. Vì sao các người khác lại không cung kính, tôn trọng cúng dường ta là Ni-câu-đà". Do việc này mà ông tu hành phiền não càng tăng thêm.

❑

PHẬT NÓI KINH PHẠM CHÍ NI-CÂU-ĐÀ

QUYỂN II

Lại nữa, Ni-câu-đà, các ông tu hành đối với Như Lai, hoặc đối với đệ tử của Như Lai, thân hành đến thưa hỏi, lại sanh hiềm giận, sân si phiền não đã có thì chướng ngại liền sanh. Do có chướng ngại nên sanh khởi các lỗi lầm. Này Ni-câu-đà, do đó ông tu hành mà phiền não vẫn cứ theo đấy gia tăng.

Ni-câu-đà, các ông tu hành đối với Như Lai hoặc đối với đệ tử của Như Lai thưa hỏi Chánh pháp. Đức Như Lai đem lòng chánh đáng khéo khai bày giảng nói, theo chỗ hỏi để đáp, trừ bỏ các nghi ngờ, mà các ông lại dùng luận thuyết ở ngoài đến để bàn cãi, nhằm chống trái nhau. Muốn mình có lý, trái lại với câu hỏi của mình, không phân biệt chính đáng. Này Ni-câu-đà, do chính điểm này các ông tu hành mà phiền não vẫn theo đấy gia tăng.

Ni-câu-đà, Các ông tu hành biết Đức Như Lai hoặc đệ tử của Như Lai thật có công đức thù thắng cao tột, rất đáng kính ngưỡng mà không kính ngưỡng. Này Ni-câu-đà, do đấy mà các ông tu hành phiền não vẫn theo đấy tăng thêm.

Ni-câu-đà, các ông tu hành đối với việc lợi ích muốn nhàm chán xa lìa, với việc tổn hại lại không chịu nhàm chán xa lìa. Các ông trong hai việc này, đối với việc tổn hại mà không xa lìa. Này Ni-câu-đà, do đó mà ông tu hành phiền não vẫn theo đấy tăng thêm.

Ni-câu-đà, các ông tu hành thường dấy tướng kiêu mạn, luôn bày tỏ rằng ta là người có tu hành. Đó chính là lý do ông tu hành mà phiền não cứ theo đấy tăng lên.

Ni-câu-đà, các ông tu hành, hoặc được đồ ăn uống trân quý giá,

tham đắm mùi vị, sanh tâm phân biệt. Món này ta ưa, món này ta không ưa. Nếu ưa ta liền tiếp nhận, từ đấy chấp trước, sinh ra đắm nhiễm. Do có đắm nhiễm nên che giấu lỗi lầm, do đó không thể có trí tuệ thù thắng và không được xuất ly. Các loại món ăn uống nếu không đáng ưa, vẫn có lòng tham tiếc, miễn cưỡng mà bỏ. Này Ni-câu-đà, do đấy mà các ông tu hành phiền não vẫn theo đấy tăng thêm.

Ni-câu-đà, các ông tu hành, vào chốn thâm sơn ở ẩn, ngồi im lặng lẽ, cho là tốt đẹp. Có người đến hỏi: "Ngài có thể hiểu rõ pháp môn nào và không hiểu rõ pháp môn nào?". Nhưng các ông đối với pháp hiểu rõ nói ta không rõ. Pháp không hiểu rõ lại nói ta hiểu. Đáp bằng nhiều cách như vậy, rồi cho rằng ta hiểu biết chánh đáng, tạo các vọng ngữ. Này Ni-câu-đà, đó chính là lý do khiến ông tu hành mà phiền não vẫn theo đấy tăng thêm.

Ni-câu-đà, các ông tu hành thường hay sanh khởi nhiều giận hờn. Này Ni-câu-đà, các ông tu hành ở chỗ nào cũng không biết hổ thẹn. Này Ni-câu-đà, đó chính là lý do khiến ông tu hành mà phiền não vẫn theo đó tăng thêm.

Ni-câu-đà, các ông tu hành thường hay sanh khởi tâm biếng nhác, rất ít siêng năng. Này Ni-câu-đà, đó chính là lý do khiến ông tu hành mà phiền não vẫn theo đó tăng thêm.

Ni-câu-đà, các ông tu hành thường bị thất niệm, hiểu biết không chân chánh. Này Ni-câu-đà, đó chính là lý do khiến ông tu hành mà phiền não vẫn theo đấy tăng thêm.

Ni-câu-đà, các ông tu hành tâm luôn tán loạn, các căn suy giảm. Này Ni-câu-đà, đó chính là lý do khiến ông tu hành mà phiền não vẫn theo đấy tăng thêm.

Ni-câu-đà, các ông tu hành làm điều tổn hại, tâm luôn chấp chặt, không cầu xuất ly, một mực theo kiến chấp, đối với các pháp này thật sự sanh tâm chấp trước. Này Ni-câu-đà, đó chính là lý do khiến ông tu hành mà phiền não vẫn theo đấy tăng thêm.

Ni-câu-đà, các ông tu hành tà kiến sâu dày, thực hành theo các pháp điên đảo. Này Ni-câu-đà, đó chính là lý do khiến ông tu hành mà phiền não vẫn theo đấy tăng thêm.

Ni-câu-đà, các ông tu hành với chỗ không giới hạn, chấp là có giới hạn, sanh khởi tri kiến cũng giống như vậy. Này Ni-câu-đà, đó chính là lý do khiến ông tu hành mà phiền não vẫn theo đấy tăng thêm.

Ni-câu-đà, các ông tu hành thường sanh khởi tham ái và sân hận. Này Ni-câu-đà, đó chính là lý do khiến ông tu hành mà phiền não vẫn theo đấy tăng thêm.

Ni-câu-đà, các ông tu hành, đối với các việc làm đều là ngu si, ám độn. Này Ni-câu-đà, đó chính là lý do khiến ông tu hành mà phiền não vẫn theo đấy tăng thêm.

Ni-câu-đà, các ông tu hành, không thể lắng nghe cũng như người điếc, không biết giảng dạy như loại dê câm. Này Ni-câu-đà, đó chính là lý do khiến ông tu hành mà phiền não vẫn theo đấy tăng thêm.

Ni-câu-đà, các ông tu hành, ưa tạo nghiệp, gây ra tội lỗi, lại ưa thân gần người tạo nghiệp gây tội, ràng buộc với bạn bè xấu ác, như thế cho là việc nhiếp phục kẻ khác. Này Ni-câu-đà, đó chính là lý do khiến ông tu hành mà phiền não vẫn theo đấy gia tăng.

Ni-câu-đà, các ông tu hành, khởi tâm tăng thượng mạn, tưởng chấp có sở đắc, chưa thấy cho đã thấy, chưa làm cho đã làm, chưa được cho đã được, chưa biết cho đã biết, chưa chứng cho đã chứng. Này Ni-câu-đà, đó chính là lý do khiến ông tu hành mà phiền não vẫn theo đấy gia tăng.

Này Ni-câu-đà, ý ông nghĩ thế nào? Các pháp phiền não như trên đã nói, chỉ một số ít người tu hành có đủ các phiền não này chi phối chăng?

Phạm chí Ni-câu-đà bạch Phật:

–Thưa Sa-môn Cù-đàm, đâu phải chỉ một ít người tu hành có đủ các thứ phiền não này, theo ý của tôi thì số ấy rất nhiều.

Phật bảo Phạm chí Ni-câu-đà:

–Như Ta đã nói ở trên, các ông tu hành mà muốn biểu dương công lao sự nghiệp tu hành của mình, khiến cho các hàng Quốc vương, Đại thần, Sát-đế-lợi, Bà-la-môn... kia phải tôn trọng cung kính cúng dường. Này Ni-câu-đà, các ông nếu như vậy, vì mong muốn nêu rõ công lao sự nghiệp tu hành như thế, mong cho Quốc vương, Đại thần... cung kính cúng dường, cho đến khởi tâm tăng thượng mạn, tưởng chấp có chứng đắc, chưa thấy cho đã thấy, chưa làm cho đã làm, chưa biết cho đã biết, chưa được cho đã được, chưa chứng cho đã chứng. Những quan niệm như thế đều không thanh tịnh, tất cả chúng đều làm cho phiền não theo đấy gia tăng, nên biết chúng đều thuộc về nhiễm ô.

Này Ni-câu-đà, ý ông nghĩ thế nào? Như Ta nói ở trên, các sự

việc như vậy, nếu tu hành như vậy thì có được xuất ly và thanh tịnh chăng? Được trong sạch tối thượng chăng? Được chân thật chăng? Được an trú trong thanh tịnh chân thật chăng?

Phạm chí Ni-câu-đà bạch Phật:

–Đúng như vậy! Thưa Sa-môn Cù-đàm, tất cả chúng tôi tu hành như vậy là được xuất ly, thanh tịnh, là được trong sạch tối thượng, là được chân thật, là được an trú trong thanh tịnh chân thật.

Phật bảo Phạm chí Ni-câu-đà:

–Ta nay vì ông giảng nói như thật. Như ông trước đây có hỏi Ta: "Thưa Sa-môn Cù-đàm, ở trong pháp luật, do thực hành pháp gì khiến người tu hạnh Thanh văn đạt đến chỗ an ổn, nội tâm tĩnh lặng, phạm hạnh thanh tịnh?". Câu hỏi như vậy mới là chân thật. Nên biết chỗ dừng nghỉ của Thanh văn là trên hết của bậc trên, cao tột thù thắng, là chỗ dừng nghỉ của các bậc Thánh.

Lúc ấy, tất cả các Phạm chí đồng tán dương:

–Lạ thay! Kỳ lạ thay! Trong pháp luật của Sa-môn Cù-đàm, việc tu hành rất là thanh tịnh, trong sáng.

Bấy giờ Trưởng giả Hòa Hợp nghe lời tán thán như vậy, biết các Phạm chí ở trong hội chúng đối với Đức Thế Tôn đã có phần hướng mộ, liền bảo Phạm chí Ni-câu-đà:

–Này Ni-câu-đà, ông trước đây có nói, đối với Đức Thế Tôn sẽ cùng nhau nghị luận, thiết lập ý nghĩa thù thắng "Chỉ cần nêu một câu hỏi, khiến thầy ông phải cúi đầu chịu phục. Ta sẽ được thắng, thầy ông tức bị thua, như đập vào bình rỗng rất dễ phá vỡ". Nay ông vì sao chưa nêu câu hỏi?

Phật bảo Phạm chí Ni-câu-đà:

–Ý ông thế nào? Ông thật đã có nói lời ấy chăng?

Phạm chí Ni-câu-đà bạch Phật:

–Thưa Sa-môn Cù-đàm, tôi thật đã có nói lời như vậy.

Phật bảo Phạm chí Ni-câu-đà:

–Này Ni-câu-đà, ông há không nghe các bậc thầy xưa uy đức kỳ cựu là hàng túc trí nói: Chư Phật Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác, cũng như các ông ngày nay nhóm họp, cao tiếng lớn lời nêu các vấn đề để cùng bàn luận, luận về vua, về chiến đấu, về giặc cướp, luận về ăn mặc, về phụ nữ, về rượu, về các việc tà mị tạp nhiễm trói buộc, như vậy cho đến cùng luận về biển cả... không?

Này Ni-câu-đà, hoặc ông đã từng nghe các bậc Tiên sư cổ đức nói: Chư Phật Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác như ta ngày nay, ở nơi rộng rãi thanh vắng, ngồi nằm dừng trú, xa lìa ồn náo, tuyệt dấu vết người, giữ tâm vắng lặng, thân ở một chỗ, tâm không tán loạn, chuyên chú một cảnh, tùy thích ứng mà hành xử không?

Phạm chí Ni-câu-đà bạch Phật:

–Đúng vậy, thưa Đức Cù-đàm, Tôi cũng từng nghe bậc thầy uy đức kỳ cựu, là hàng túc trí xưa kia đã nói: Chư Phật Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác, chẳng phải như chúng tôi ngày nay nhóm họp cao tiếng, lớn lời, nêu các vấn đề bàn luận, luận về vua, về chiến đấu, về giặc cướp, luận về ăn mặc, về phụ nữ, luận về rượu, về các tà nhiễm, trói buộc, cho đến cùng nhau bàn luận về biển cả... Tôi cũng đã từng nghe các bậc tiên sư cổ đức nói: Chư Phật Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác như Ngài ngày nay ở nơi rộng rãi thanh vắng ngồi nằm, dừng trú, xa lìa ồn náo, tuyệt dấu vết người, giữ tâm vắng lặng, thân ở một chỗ, tâm không tán loạn, chuyên chú một cảnh, tùy thích ứng mà hành xử.

Phật bảo Phạm chí Ni-câu-đà:

–Này Ni-câu-đà, các ông khi nghe các bậc cổ đức tiên sư xưa dạy, đâu không suy nghĩ thế này: "Các Đức Phật Thế Tôn hay tùy nghi thuyết pháp, tự mình giác ngộ, lại vì người khác nói pháp giác ngộ. Tự mình đã được giải thoát, lại vì người khác nói pháp giải thoát. Tự mình đã an lạc, lại vì người khác nói pháp an lạc. Tự mình đã được Niết-bàn, lại hay vì người khác nói pháp Niết-bàn".

Này Ni-câu-đà, các ông khi ấy nói ngược lại: "Sa-môn Cù-đàm nói thế này: Có sự phân biệt sai khác đối với pháp và sự nghiệp của bậc thầy họ". Lại nói: "Sa-môn Cù-đàm nói thế này: Ở nơi vắng lặng, hay khéo léo trong sự nghiệp là có phân biệt". Lại còn nói: "Sa-môn Cù-đàm nói rằng trong pháp của thầy ông Ni-câu-đà, có sự tập hợp các lỗi lầm và pháp bất thiện". Lại nói: "Sa-môn Cù-đàm nói rằng trong pháp của thầy ông Ni-câu-đà, các loại pháp lành đều bị ly tán". Lại còn nói: "Sa-môn Cù-đàm nói rằng vì muốn giảng nói, chỉ bày về nhân duyên sự việc nên phải dùng nhiều cách nói năng, như thế thì không nên căn cứ vào lời nói để biết".

Này Ni-câu-đà, vì sao không nên căn cứ vào lời nói để biết? Vì pháp của các bậc thầy, cũng như những điều tu hành của họ, cho đến

các nhân duyên sự việc... của họ, tất cả đều khác.

Này Ni-câu-đà, vì vậy Ta không bao giờ nhận định về sự nghiệp và pháp giảng dạy của thầy ông. Cũng không nói đến sự nghiệp an trú vắng lặng của ông. Cũng không nói trong pháp của thầy ông là chỗ tập hợp của lỗi lầm và bất thiện. Cũng không nói trong pháp của thầy ông nhiều thứ pháp lành bị ly tán. Cũng không muốn nói về nhân duyên sự việc kia.

Này Ni-câu-đà, Ta thường nói thế này: "Nếu có người chân chánh không dua nịnh, không quanh co và cũng không hư dối, là người chân chánh tu hành, Ta liền vì họ giảng nói pháp, chỉ bày. Nếu như đáng khai thị dìu dắt khiến người chân chánh theo như lời khuyên dạy chỉ bày chân chánh của Ta, trong bảy tháng hoặc sáu tháng, năm, bốn, ba, hai, một tháng, nửa tháng, thường không tán loạn, xa lìa phiền não bức bách, thân tâm thanh tịnh, chuyên chú tới đích. Ta nói người ấy là người đã thấy pháp, biết pháp, vượt quả thứ nhất, quả thứ hai, thẳng đến quả thứ ba, ở địa vị hữu dư y, chứng quả A-na-hàm".

Lại nữa, Ni-câu-đà, Ta thường nói thế này: "Nếu có người chân chánh không dua nịnh, không quanh co, không hư dối, chân chánh tu hành, Ta liền vì họ giảng nói, pháp chỉ bày. Như đáng khai thị dìu dắt, khiến người chân chánh như lời dạy bảo chỉ bày của Ta, ở trong năm, bốn, ba, hai, một ngày, nửa ngày cho đến chỉ trong khoảng bữa ăn thường không tán loạn, xa lìa phiền não bức bách, thân tâm thanh tịnh, chuyên chú thẳng tới mục đích. Ta nói người ấy là người đã thấy pháp, biết pháp, vượt qua quả thứ nhất, quả thứ hai, thẳng đến thứ ba, ở địa vị hữu dư y, chứng quả A-na-hàm."

Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn khi giảng nói như vậy, các Phạm chí trong chúng hội, nghiệp chướng còn trói buộc sâu nặng, không thể tỏ ngộ, thân tâm mê hoặc rối loạn, trầm trệ bối rối. Các thứ biện tài đều không thể thi thố được, nên chỉ cúi đầu lặng yên, ngồi im lo nghĩ.

Đức Thế Tôn biết rõ sự việc như vậy, quay lại bảo Trưởng giả Hòa Hợp:

–Này Trưởng giả, nay trong chúng hội này đều thành kẻ si mê, đã mù mịt nơi cách thấy và nghe, im phắc không một lời như người cầm vật tự che bít miệng mình, tội lỗi sâu dày, chướng ngại quá lớn. Họ không thể đối với Đức Như Lai nêu lên câu hỏi: "Sa-môn của Ngài trong pháp và luật dùng pháp hạnh gì hay khiến cho người tu hạnh Thanh văn đến chỗ an ổn, nội tâm được vắng lặng, phạm hạnh thanh

tịnh?”

Bấy giờ, Thế Tôn nhân thấy đã thích hợp, liền chỉ dạy cho Trưởng giả Hòa Hợp pháp đem đến lợi ích hoan hỷ, rồi phóng hào quang rộng lớn rực rỡ, chiếu sáng khắp nơi, từ trong chúng hội, thân nương hư không, trở về tinh xá Ca-lan-đà nơi vườn Trúc.

❑

SỐ 12

PHẬT NÓI KINH ĐẠI TẬP PHÁP MÔN

Hán dịch: Đời Tống, Đại sư Thi Hộ.

QUYỂN I

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Thế Tôn cùng với chúng Tỳ-kheo tập hợp du hành đến thành Mạt-lợi. Khi ấy, ở trong thành này có một vị Ưu-bà-tắc tín tâm thanh tịnh, cũng có tên là Mạt-lợi. Ông ta ở trong thành xây dựng một ngôi nhà mới, dùng các vật tốt đẹp để tôn tạo trang hoàng, rất rộng rãi, thoáng mát, thanh tịnh. Trước đó chưa có vị Sa-môn, Bà-la-môn nào dừng nghỉ trong ngôi nhà này. Lúc ấy Ưu-bà-tắc Mạt-lợi nghe Đức Thế Tôn cùng chúng Tỳ-kheo du hóa đến đây, trong lòng hoan hỷ, liền đi đến chỗ Phật. Khi đến nơi, ông cúi đầu mặt lạy ngang chân Đức Phật, đảnh lễ xong chắp tay, lui ngồi qua một bên, bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn, con là Ưu-bà-tắc Mạt-lợi. Đối với Đức Thế Tôn con có lòng tin thanh tịnh. Ở trong thành này con vừa xây dựng một ngôi nhà mới, rất yên tĩnh, thoáng mát rộng rãi. Ngôi nhà này trước đây chưa có vị Sa-môn, Bà-la-môn nào được mời nghỉ ở trong đó. Nay con xin cung thỉnh Đức Phật và chúng Tỳ-kheo đến nghỉ trong nhà con. Cúi mong Đức Thế Tôn thương xót, chấp nhận lời thỉnh cầu này của con.

Lúc ấy Đức Thế Tôn chấp nhận bằng cách im lặng. Ưu-bà-tắc Mạt-lợi biết Phật đã chấp nhận lời thỉnh bằng cách im lặng, nên cúi đầu mặt đảnh lễ ngang chân Đức Thế Tôn, đi nhiễu theo phía phải ba vòng, từ giã Phật và chúng hội trở về nhà, sửa soạn, bố trí sau trước cho ngôi nhà thêm phần trang nghiêm, dùng nước thơm rưới khắp trên đất, trong ngoài đều thanh tịnh. Sau khi đã trang hoàng ngôi nhà nghiêm tịnh

xong, ông trở lại chỗ Phật, đảnh lễ ngang chân Đức Thế Tôn, bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn, ngôi nhà mới làm, con đã dùng nước thơm rưới khắp trên đất, trong ngoài đều thanh tịnh. Mong Đức Thế Tôn và chúng Tỳ-kheo, nay chính phải lúc đến trụ trong nhà mới của con.

Bấy giờ Đức Thế Tôn được đại chúng Tỳ-kheo cung kính vây quanh, đi đến ngôi nhà mới xây dựng của Ưu-bà-tắc Mạt-lợi. Khi đến nơi, trước tiên Phật rửa chân, rồi mới bước vào nhà. Vào bên trong Ngài đi quanh, quan sát khắp nơi rồi đến giữa nhà, ung dung an tọa. Các thầy Tỳ-kheo cũng đều rửa chân, theo thứ tự đi vào nhà, lễ ngang chân Đức Phật, ngồi thứ tự phía sau Ngài. Ưu-bà-tắc Mạt-lợi theo sau đi đến, lễ ngang chân Đức Thế Tôn, chắp tay cung kính đảnh lễ tất cả các thầy Tỳ-kheo, rồi mới đến trước Phật, ngồi sang một bên.

Lúc ấy Đức Thế Tôn dùng những lời khuyến khích an ủi, dạy dỗ Ưu-bà-tắc Mạt-lợi, rồi liền theo chỗ mong cầu của ông mà giảng nói pháp cần thiết, chỉ dạy những điều lợi ích, an vui. Ưu-bà-tắc Mạt-lợi nghe pháp hoan hỷ, trong lòng sanh niềm tin thanh tịnh. Đức Thế Tôn đã vì vị Ưu-bà-tắc ấy giảng nói pháp thích hợp, chỉ dạy điều lợi ích, an vui như thế. Đã quá nửa đêm, Phật liền bảo:

–Này Mạt-lợi, đã quá nửa đêm, ông nên tự biết về giờ giấc.

Khi ấy Ưu-bà-tắc Mạt-lợi nghe Đức Phật dạy, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, lễ dưới chân Đức Thế Tôn, chắp tay cung kính đảnh lễ tất cả các thầy Tỳ-kheo, đi quanh Phật ba vòng, rồi rời khỏi chúng hội của Phật.

Đức Thế Tôn thấy Ưu-bà-tắc Mạt-lợi ra khỏi chúng hội chưa bao lâu, liền nói với Tôn giả Xá-lợi-phất:

–Đại chúng Tỳ-kheo Thanh văn này của Ta đã lìa bỏ sự ham ngủ nghỉ, đều là hàng thanh tịnh lìa mọi phiền não. Nếu các thầy Tỳ-kheo ưa thích nghe nói pháp, thì thầy nên tùy chỗ mong cầu mà giảng nói, để họ theo đó đạt được lợi ích, không nên dừng nghỉ.

Tôn giả Xá-lợi-phất im lặng vâng lời Phật dạy. Bấy giờ Đức Thế Tôn liền dùng y Tăng-già-lê xếp làm bốn lớp trải lên tòa sư tử, nghiêng hông bên phải, xếp hai chân nằm một cách an lành.

Phật nghỉ chưa bao lâu. Lúc ấy, ở chỗ khác có chúng ngoại đạo Ni-càn-đà-nhã-đề Tử... đối với các vị Tỳ-kheo Thanh văn hay sanh tâm khinh khi phỉ báng, muốn phá hoại, gây tranh cãi, nói lời phi pháp,

dùng vô số cách để phỉ báng, nói như thế này:

–Pháp mà ta hiểu biết, các vị Thanh văn không thể biết rõ. Các ngươi có pháp gì ta đều hiểu biết như thật. Tà hạnh là ngươi, chánh hạnh là ta. Có lợi ích là ta, không có lợi ích là ngươi. Pháp ngươi nói ra lời trước dẫu đúng, lời sau liền sai; lời sau nếu đúng, lời trước lại sai, mà cũng không thể giảng nói pháp đạt được lợi ích như tiếng rống lớn của sư tử.

Lúc ấy nhóm Ni-càn-đà-nhã-đề Tử... muốn tạo nhân duyên để tranh cãi lớn, nên khi phát ra các lời nói phỉ báng như thế họ đều nhìn mặt nhau trông rất hung ác. Lại còn nói rằng:

–Các thầy Tỳ-kheo Thanh văn sắc tướng oai nghi mà không vắng lặng, không thể lìa tham, chưa được giải thoát, không thể thấy pháp, không thể khéo biết con đường xuất ly, không thể hướng đến việc chứng đắc Thánh quả. Pháp tu tập ấy chẳng phải là do Bậc Chánh Đẳng Chánh Giác nói.

Họ phát ra những lời phỉ báng như vậy là nhằm gây việc tranh cãi chống đối.

Bấy giờ Tôn giả Xá-lợi-phất biết được việc ấy, liền tự nghĩ: "Đức Như Lai nằm nghỉ chưa bao lâu, không nên vì việc này mà thưa với Đức Thế Tôn". Nghĩ như thế rồi Tôn giả nói với các Tỳ-kheo:

–Các thầy nên biết. Ở chỗ khác kia có nhóm ngoại đạo Ni-càn-đà-nhã-đề Tử... đối với các Tỳ-kheo Thanh văn thường sanh tâm khinh khi phỉ báng, muốn phá hoại, muốn cùng gây tranh cãi chống đối, nói lời phi pháp, dùng vô số cách để phỉ báng. Họ nói: "Pháp mà ta biết, các vị Thanh văn không thể biết rõ. Ngươi biết pháp gì, ta đều rõ biết như thực. Tà hạnh là ngươi, chánh hạnh là ta. Có lợi ích là ta, không lợi ích là ngươi. Ngươi nói pháp, lời trước dẫu đúng, lời sau liền sai. Lời sau nếu đúng, lời trước lại sai, mà cũng không thể giảng nói pháp đạt lợi ích như tiếng rống lớn của sư tử". Này các Tỳ-kheo, nhóm Ni-càn-đà-nhã-đề Tử kia... muốn tạo ra nhân duyên để tranh cãi chống đối, khi phát ra những lời phỉ báng như vậy họ đều nhìn nhau, mặt mày trông rất hung ác. Lại còn nói rằng: "Các hàng Tỳ-kheo Thanh văn sắc tướng tuy oai nghi mà không được vắng lặng, không thể lìa bỏ tham, chưa được giải thoát, không thể thấy pháp, không thể khéo biết con đường xuất ly, không thể hướng đến việc chứng đắc Thánh quả. Pháp tu tập ấy chẳng phải là do Bậc Chánh Đẳng Chánh Giác nói". Phát ra những lời phỉ báng như vậy để nhằm gây việc tranh cãi chống đối.

Này các Tỳ-kheo, các thầy nên biết, đại chúng Thanh văn của chúng ta đều là những người tâm đã được lìa dục, thanh tịnh, hiện tại chứng đắc các pháp, khéo biết rõ các con đường xuất ly, tất cả đã được chứng đắc Thánh quả. Các Thanh văn chúng ta đối với pháp tu tập mỗi mỗi đều là do Bậc Đại Sư Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác thân hành giảng dạy, tất cả đều chân thật mà không hư dối. Này các Tỳ-kheo, nên biết pháp do Phật giảng dạy gồm có: Khế kinh, Kỳ dạ, Ký biệt, Già-đà (tự thuyết), Bổn sự, Bổn sanh, Duyên khởi (thí dụ), Phương quảng, Hy pháp (vị tằng hữu), Luận nghị. Các pháp như vậy là do Đức Phật có lòng từ bi thương xót, rộng vì tất cả chúng sanh giảng nói đúng như lý, khiến các chúng sanh tu tập đúng theo điều đã nêu giảng, thực hành các hạnh thanh tịnh, đem lại lợi ích an lạc cho các hàng trời, người trong khắp thế gian.

Lại nữa, các thầy Tỳ-kheo nên biết, có một pháp do Phật giảng nói, đó là tất cả chúng sanh đều nương thức ăn mà tồn tại, đây là một pháp. Các pháp như vậy là do Đức Phật có lòng từ bi thương xót, rộng vì chúng sanh, giảng nói đúng như lý, khiến chúng sanh theo đúng như lời dạy tu tập, thực hành các hạnh thanh tịnh, đem lại lợi ích an lạc cho trời, người trong khắp thế gian.

Lại nữa, có hai pháp do Đức Phật giảng nói, đó là danh và sắc. Những pháp như vậy là do Đức Phật có lòng từ bi luôn thương xót, rộng vì các chúng sanh giảng nói đúng như lý, khiến chúng sanh theo đúng như lời dạy tu tập, thực hành các hạnh thanh tịnh, đem lại lợi ích an lạc cho trời, người trong khắp thế gian.

Lại nữa, có ba nghiệp do Phật giảng dạy. Đó là thân nghiệp, ngữ nghiệp và ý nghiệp. Nơi ba nghiệp này, lại có hai loại là thiện và ác. Thế nào là thiện? Nghĩa là thân làm việc thiện, miệng nói điều thiện, ý nghĩ việc thiện. Thế nào gọi là ác? Nghĩa là thân tạo nghiệp ác, miệng nói điều ác, ý tạo nghiệp ác.

Lại nữa, có ba điều tư duy không thiện, do Phật giảng nói tư duy về tham dục, tư duy về sân hận và tư duy vềsự tổn hại.

Lại nữa, có ba điều tư duy thiện do Đức Phật giảng nói là tư duy lìa dục, tư duy không sân hận và tư duy không gây tổn hại.

Có ba điều không phải là căn bản của thiện do Phật giảng nói là tham chẳng phải là căn bản của thiện, sân chẳng phải là căn bản của thiện và si chẳng phải là căn bản của thiện.

Có ba điều là căn bản của thiện do Đức Phật giảng nói là không tham là căn bản của thiện, không sân là căn bản của thiện và không si là căn bản của thiện.

Có ba lậu do Đức Phật giảng nói là dục lậu, hữu lậu và vô minh lậu.

Lại có ba điều mong cầu do Đức Phật giảng nói là mong cầu về dục, mong cầu về hữu và mong cầu về phạm hạnh.

Có ba ái do Đức Phật giảng nói là dục ái, sắc ái và vô sắc ái.

Có ba cõi do Đức Phật giảng nói là cõi Dục, cõi Sắc và cõi Vô sắc.

Có ba cảnh giới không thiện do Đức Phật giảng nói là cảnh giới nhiễm dục, cảnh giới sân hận và cảnh giới tổn hại.

Có ba cảnh giới thiện do Đức Phật giảng nói là cảnh giới không tham dục, cảnh giới không sân hận và cảnh giới không tổn hại.

Có ba hữu do Phật giảng nói là dục hữu, sắc hữu và vô sắc hữu.

Có ba tụ do Phật giảng nói là tà định tụ, chánh định tụ và bất định tụ.

Có ba thọ do Phật giảng nói là lạc thọ, khổ thọ và chẳng phải khổ lạc thọ (xả thọ).

Có ba khổ do Phật giảng nói là luân hồi khổ, khổ khổ và hoại khổ.

Có ba loại ham muốn sanh, do Phật giảng nói là ham muốn sanh ở cõi Dục, ham muốn sanh ở cõi Hóa lạc và ham muốn sanh ở cõi Tha hóa tự tại.

Có ba loại ưa thích sanh do Phật giảng nói là:

–Có hữu tình sanh ra, sanh rồi thọ vui, như trong loài người. Đó gọi là loại ưa thích sanh thứ nhất.

–Lại có chúng sanh hưởng thọ hỷ lạc lâu dài, vui này rất lớn, an lạc thích thú, như cõi trời Quang âm. Đó gọi là chỗ ưa thích sanh thứ hai.

–Lại có chúng sanh, cho đến trọn đời thọ đủ mọi sự diệu lạc, như cõi trời Biến tịnh. Đó gọi là chỗ ưa thích sanh thứ ba.

Có ba việc phước đem lại sự thành tựu cho tuệ hạnh, do Phật giảng nói là bố thí trang nghiêm nên tuệ hạnh được thành tựu, trì giới trang nghiêm nên tuệ hạnh được thành tựu và thiền định trang nghiêm nên tuệ hạnh được thành tựu.

Có ba thứ Tam-ma-địa do Phật giảng nói là Tam-ma-địa có tầm, có tứ, Tam-ma-địa không có tầm, chỉ có tứ và Tam-ma-địa không tầm, không tứ.

Có ba thứ Tam-ma-địa do Phật giảng nói là Tam-ma-địa không giải thoát, Tam-ma-địa vô nguyện giải thoát và Tam-ma-địa vô tướng giải thoát.

Có ba chỗ an trú do Phật giảng nói là Thiên trú, Phạm trú và Thánh trú.

Có ba căn do Phật giảng nói là căn chưa biết nên biết, căn đã biết và căn biết đầy đủ.

Có ba điều tăng thượng do Phật giảng nói là thế tăng thượng, pháp tăng thượng và ngã tăng thượng.

Có ba đời các Đức Phật do Phật giảng nói là chư Phật quá khứ, chư Phật vị lai và chư Phật hiện tại.

Có ba việc đáng nói do Phật giảng nói là việc quá khứ đáng nói, việc vị lai đáng nói và việc hiện tại đáng nói.

Có ba loại mắt do Phật giảng nói là Nhục nhãn, Thiên nhãn và Tuệ nhãn.

Có ba loại minh do Phật giảng nói là Túc mạng trí minh, Chúng sanh sanh diệt trí minh và Lậu tận trí minh.

Có ba loại thông do Phật giảng nói là thần cảnh thông, thuyết pháp thông và giáo giới thông.

Có ba điều bất tịnh do Phật giảng nói là thân bất tịnh, ngữ bất tịnh, tâm bất tịnh.

Có ba điều thanh tịnh do Phật giảng nói là thân tịnh, ngữ tịnh và tâm tịnh.

Có ba môn học do Phật giảng nói là Giới học, Định học và Tuệ học.

Có ba phẩm do Phật giảng nói là Giới phẩm, Định phẩm, Tuệ phẩm.

Có ba thứ lửa do Phật giảng nói là lửa tham, lửa sân và lửa si.

Có ba phần vị do Phật giảng nói là Sanh phần vị, Thành phần vị và Pháp phần vị.

Những pháp như vậy, do Phật có lòng từ bi thương xót, vì tất cả chúng sanh giảng nói đúng như lý, khiến các chúng sanh theo đúng như

lời dạy mà tu tập, thực hành các hạnh thanh tịnh, đem lại lợi ích an lạc cho chư Thiên và loài người trong khắp thế gian.

Lại nữa, quán Bốn niệm xứ do Phật giảng nói là:

–Quán thân bất tịnh, không có sanh khởi tư tưởng về dục nhiễm, điều phục vô minh, lìa thọ phiền não.

–Quán thọ là khổ.

–Quán tâm sanh diệt (vô thường).

–Khéo quán các pháp (vô ngã) cũng lại như vậy.

Lại nữa, có Bốn chánh đoạn (Tứ chánh cần) do Phật giảng nói, là:

–Các pháp bất thiện đã sanh, nên khởi tâm siêng năng tinh tấn, nhiếp phục ý chí và tâm niệm để đoạn trừ tất cả.

–Các pháp bất thiện chưa sanh, nên khởi tâm siêng năng tinh tấn, nhiếp phục ý chí và tâm niệm để ngăn ngừa khiến không cho sanh.

–Các pháp thiện chưa sanh, nên khởi tâm siêng năng tinh tấn, nhiếp phục ý chí và tâm niệm khiến cho sanh khởi.

–Các pháp thiện đã sanh, nên khởi tâm siêng năng tinh tấn, nhiếp phục ý chí, tâm niệm khiến cho tất cả chúng được tăng trưởng viên mãn. Đây gọi là Bốn chánh đoạn (Tứ chánh cần).

Lại nữa, có Bốn thần túc do Phật giảng nói là:

–Dục Tam-ma-địa, đoạn hành đầy đủ thần túc.

–Tinh tấn Tam-ma-địa, đoạn hành đầy đủ thần túc.

–Tâm Tam-ma-địa, đoạn hành đầy đủ thần túc.

–Tuệ Tam-ma-địa, đoạn hành đầy đủ thần túc.

Lại nữa, có Bốn thiền định do Phật giảng nói là:

–Nếu Tỳ-kheo đã có thể lìa các dục và pháp bất thiện, có tầm, có tứ. Đây gọi là định thứ nhất "Ly sanh hỷ lạc".

–Nếu có Tỳ-kheo dừng dứt tầm tứ, trong tâm thanh tịnh, an trú vào một tưởng, không tầm, không tứ. Đây gọi là định thứ hai "Định sanh hỷ lạc".

–Nếu lại có Tỳ-kheo không tham đắm niềm vui, an trú nơi hành xả, thân được nhẹ nhàng, an lạc vi diệu. Đây gọi là định thứ ba "Ly hỷ diệu lạc".

–Nếu lại có Tỳ-kheo đoạn trừ tưởng về lạc, cũng không có tưởng khổ, ý cũng không vui, không khổ, không còn khổ vui. Đây gọi là định thứ tư "Xả niệm thanh tịnh ".

Như vậy gọi là Bốn thiền định.

Lại nữa, có Bốn tâm vô lượng do Phật giảng nói là:

Nếu có thầy Tỳ-kheo phát khởi tâm từ, trước ở phương Đông thực hành hạnh từ; ở các phương Nam, Tây, Bắc bốn phía trên dưới cũng thực hành hạnh từ, như vậy, phát khởi lòng từ ở tất cả mọi nơi, khắp cả thế giới, với tất cả chủng loại chúng sanh rộng lớn vô lượng không có giới hạn, cũng không phân biệt giới hạn. Đó gọi là tâm từ vô lượng.

Ba pháp Bi, Hỷ, Xả cũng lại như vậy. Đây gọi là Bốn tâm vô lượng.

Lại nữa, có Bốn định Vô sắc do Phật giảng nói là:

–Nếu có thầy Tỳ-kheo lìa tất cả cảnh sắc, không đối đãi, không ngăn ngại mà cũng không có tác ý, quán hư không là vô biên. Hành tướng của quán này gọi là định Không vô biên xứ.

–Lại lìa Không xứ, không còn quán sát, chỉ quán sát thức là vô biên. Hành tướng của pháp quán này gọi là định Thức vô biên xứ.

–Lại lìa Thức xứ, không còn quán sát, chỉ quán tất cả đều không thật có. Hành tướng của pháp quán này gọi là định Vô sở hữu xứ.

Lìa hành tướng của Vô sở hữu xứ, gọi là định Phi tưởng phi phi tưởng xứ.

Như vậy gọi là bốn định Vô sắc.

Lại nữa, có bốn trí do Phật giảng nói là Pháp trí, Vô sanh trí, Đẳng trí, và Tha tâm trí.

Lại nữa, có bốn an trú do Phật giảng nói là an trú nơi tất cả hạnh, an trú nơi hạnh xả, an trú nơi hạnh vắng lặng và an trú nơi hạnh trí tuệ.

Lại nữa, có Bốn Thánh đế do Phật giảng nói là Thánh đế về khổ, Thánh đế về nguyên nhân của khổ, Thánh đế về sự diệt trừ khổ và Thánh đế về con đường tu tập để diệt khổ.

Lại nữa, có bốn thứ bố thí thanh tịnh do Phật giảng nói:

–Có bố thí, người bố thí thanh tịnh, vì chẳng thấy có người thọ.

–Hoặc có bố thí, người thọ nhận thanh tịnh, vì chẳng thấy có người thí.

–Hoặc có bố thí, chẳng thấy có người thí, cũng chẳng thấy có người thọ nhận, nghĩa là bố thí thanh tịnh.

–Hoặc có bố thí, người thí và người thọ nhận cả hai đều thanh tịnh.

Lại có bốn loại sanh, do Phật giảng nói là sanh từ thai, sanh từ trứng, sanh từ chỗ ẩm thấp và sanh từ sự biến hóa.

Lại nữa, có bốn việc trong thai mẹ, do Phật giảng nói là:

–Có thể biết rõ việc vào thai mẹ, việc trú trong thai mẹ và việc ra khỏi thai mẹ. Đây gọi là việc thứ nhất trong thai mẹ.

–Có thể biết rõ việc vào thai mẹ, việc trú trong thai mẹ, không thể biết rõ việc ra khỏi thai mẹ. Đây gọi là việc thứ hai trong thai mẹ.

–Có thể biết rõ việc vào thai mẹ, không thể biết rõ việc trú trong thai mẹ và việc ra khỏi thai mẹ. Đây gọi là việc thứ ba trong thai mẹ.

–Không thể biết rõ việc vào thai mẹ, việc trú trong thai mẹ và việc ra khỏi thai mẹ. Đây gọi là việc thứ tư trong thai mẹ. Như vậy gọi là bốn việc trong thai mẹ.

Lại nữa, có bốn chỗ trú của thức do Phật giảng nói là:

–Do sắc, thức sanh; do sắc, thức duyên; do sắc, thức trú. Hoan hỷ hành động tăng trưởng rộng lớn là chỗ trú của thức.

–Do thọ, thức sanh; do thọ, thức duyên; do thọ, thức trú. Hoan hỷ hành động tăng trưởng rộng lớn là chỗ trú của thức.

–Do tưởng, thức sanh; do tưởng, thức duyên; do tưởng, thức trú. Hoan hỷ hành động tăng trưởng rộng lớn là chỗ trú của thức.

–Do hành, thức sanh; do hành, thức duyên; do hành, thức trú. Hoan hỷ hành động tăng trưởng rộng lớn là chỗ trú của thức.

Như vậy gọi là bốn chỗ trú của thức.

Lại nữa, có bốn pháp cú do Đức Phật giảng nói là:

–Pháp cú thần thông.

–Pháp cú lìa sân hận.

–Pháp cú bình đẳng.

–Pháp cú Tam-ma-địa bình đẳng

Lại nữa, có bốn pháp "Sa-ma-na tương" do Đức Phật giảng nói là:

–Nếu hiện tại vui, đây là quả báo khổ.

–Nếu hiện tại khổ, đây cũng là quả báo khổ.

–Nếu hiện tại khổ, đây là quả báo vui.

–Nếu hiện tại vui, đây cũng là quả báo vui.

Đây gọi là bốn pháp Sa-ma-na tương.

Lại nữa, có bốn hướng tâm do Đức Phật giảng nói là: Vô tâm, Nhẫn nhẫn, Điều phục và Tịch tĩnh.

Lại nữa, có bốn con đường dùng thần thông do Đức Phật giảng nói là:

–Dùng thần thông trì hoãn nỗi khổ.

–Dùng thần thông qua nhanh nỗi khổ.

–Dùng thần thông trì hoãn niềm vui.

–Dùng thần thông qua nhanh niềm vui.

Lại nữa, có bốn Dự lưu thân do Đức Phật giảng nói là:

–Có một hạng Dự lưu, đối với Đức Như Lai tín tâm không mất, không phỉ báng Sa-môn, Bà-la-môn, Trời, Người, Ma, Phạm, biết rõ pháp thế gian.

–Có một hạng Dự lưu, tâm được thanh tịnh, chứng được pháp Phật, thấy chân chánh, hành chân chánh, tất cả đều biết rõ pháp tu hành của mình.

–Có một hạng Dự lưu, tâm sanh an vui, thấy người tại gia và hàng xuất gia, người trì giới thanh tịnh tâm sanh tôn kính.

–Có một hạng Dự lưu, tự tu hành tịnh giới, đầy đủ không mất, trí tuệ thông minh, lanh lợi, hình tướng khéo vắng lặng.

Như vậy gọi là bốn Dự lưu thân.

Lại nữa, có bốn quả Sa-môn do Đức Phật giảng nói là quả Tu-đà-hoàn, quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm và quả A-la-hán.

Lại nữa, có bốn chấp thủ do Đức Phật giảng nói là dục thủ, kiến thủ, giới cấm thủ và ngã ngữ thủ.

Lại nữa, có bốn tưởng Tam-ma-địa do Đức Phật giảng nói là:

–Nếu có thấy pháp được vui, tu hành chuyển đổi, đây là tưởng Tam-ma-địa.

–Nếu có tri kiến chuyển đổi, đây là tưởng Tam-ma-địa.

–Nếu có trí tuệ phân biệt để chuyển đổi, đây là tưởng Tam-ma-địa.

–Nếu có thân được dứt sạch lậu chuyển đổi, đây là tưởng Tam-ma-địa.

Lại nữa, có bốn lực do Đức Phật giảng nói là Tuệ lực, Tinh tấn lực, Vô ngại lực, và Nhiếp lực.

Lại nữa, có bốn Bổ-đặc-già-la do Đức Phật giảng nói là:

–Có Bổ-đặc-già-la: ta có thể tu hành, ta trì giới, ta như pháp tương ưng, chẳng phải người khác có thể tu hành, chẳng phải người khác trì

giới, chẳng phải người khác như pháp tương ưng.

–Có Bổ-đặc-già-la: người khác có thể tu hành, người khác trì giới, người khác như pháp tương ưng, chẳng phải ta có thể tu hành, chẳng phải ta trì giới, chẳng phải ta như pháp tương ưng.

–Có Bổ-đặc-già-la: ta có thể tu hành, người khác cũng hay tu hành. Ta trì giới, người khác cũng trì giới. Ta như pháp tương ưng, người khác cũng như pháp tương ưng.

–Có Bổ-đặc-già-la: ta không thể tu hành, người khác cũng không thể tu hành. Ta không trì giới, người khác cũng không trì giới. Ta không như pháp tương ưng, người khác cũng không như pháp tương ưng.

Như vậy gọi là bốn Bổ-đặc-già-la.

Lại nữa, có bốn việc tùy chúng do Đức Phật giảng nói là cùng chúng đồng một chỗ ở, cùng chúng đồng ăn uống, cùng chúng đồng sám hối và cùng chúng đồng thọ dụng.

Lại nữa, có bốn chuyển vận lớn do Đức Phật giảng nói là khéo giảng nói diệu pháp, nương tựa bậc chân chánh, tâm nguyện bình đẳng và trước tu hành trí tuệ.

Lại nữa, có bốn nhiếp pháp do Đức Phật giảng nói là Bố thí, Ái ngữ, Lợi hành và Đồng sự.

Lại nữa, có bốn sự hiểu biết thông suốt do Đức Phật giảng nói là hiểu biết thông suốt về ý nghĩa, hiểu biết thông suốt về pháp, hiểu biết thông suốt về sự ưa thích giảng nói và hiểu biết thông suốt về biện tài.

Lại nữa, có bốn phiền não do Đức Phật giảng nói là phiền não do tham dục, phiền não do chấp có, phiền não do kiến chấp và phiền não do vô minh.

Lại nữa, có bốn hành do Đức Phật giảng nói là hành động tham dục, hành động chấp có, hành động kiến chấp và hành động do vô minh.

Lại nữa, có bốn kết tụ nơi thân do Đức Phật giảng nói là vô minh kết tụ nơi thân, sân hận kết tụ nơi thân, giới cấm thủ kết tụ nơi thân và tất cả chấp trước kết tụ nơi thân.

Lại nữa, có bốn việc sanh ra tham muốn do Đức Phật giảng nói là:

–Có Tỳ-kheo nhân nơi y phục mà sanh tâm mến thích. Do tâm mến thích sanh khởi nên liền sanh chấp trước.

–Có Tỳ-kheo nhân nơi ăn uống mà sanh tâm ưa thích. Tâm ưa thích sanh khởi nên liền sanh chấp trước.

–Có Tỳ-kheo nhân ngồi trên đồ nằm mà sanh tâm mến thích. Do tâm mến thích sanh khởi nên liền sanh chấp trước.

–Có Tỳ-kheo nhân nơi các thứ thọ dụng sanh tâm mến thích. Tâm mến thích sanh khởi nên liền sanh chấp trước.

Đây gọi là bốn việc sanh ra tham muốn.

Lại nữa, có bốn cách ăn do Đức Phật giảng nói là đoàn thực, xúc thực, tư thực và thức thực.

Lại nữa, có bốn việc không cần phòng hộ do Đức Phật giảng nói là:

–Như Lai không phòng hộ thân nghiệp, thân vẫn xa lìa các lỗi lầm.

–Như Lai không phòng hộ ngữ nghiệp, ngôn ngữ vẫn xa lìa các lỗi lầm.

–Như Lai không phòng hộ ý nghiệp, ý vẫn xa lìa các lỗi lầm.

–Như Lai không phòng hộ thọ mạng, mạng vẫn không tổn giảm.

Lại nữa, có bốn thứ điên đảo do Đức Phật giảng nói là:

–Vô thường cho là thường, vì vậy sanh khởi tư tưởng điên đảo, tâm điên đảo, nhận thức điên đảo.

–Lấy khổ cho là vui, vì vậy sanh khởi tư tưởng, tâm và nhận thức điên đảo.

–Vô ngã cho là ngã, vì vậy sanh khởi tư tưởng, tâm và nhận thức điên đảo.

–Bất tịnh cho là tịnh, vì vậy sanh khởi tư tưởng, tâm và nhận thức điên đảo.

Như thế gọi là bốn thứ điên đảo.

Lại nữa, có bốn ngôn ngữ xấu ác do Đức Phật giảng nói là nói dối, nói lời trau chuốt, nói hai lưỡi và nói lời thô ác.

Lại nữa, có bốn ngôn ngữ hiền thiện do Đức Phật giảng nói là lời nói như thật, lời nói ngay thẳng thật thà, lời nói không hai lưỡi và lời nói dựa theo pháp.

Lại nữa, có bốn thứ chẳng phải hạnh A-duệ-la do Đức Phật giảng nói là:

–Không thấy nói thấy.

–Không nghe nói nghe.

–Không nhớ nói nhớ.

–Không biết nói biết.

Lại nữa, có bốn hạnh A-duệ-la do Đức Phật giảng nói là:

–Thật thấy nói thấy.

–Thật nghe nói nghe.

–Không bị thất niệm, nói là ghi nhớ.

–Thật biết nói biết.

Lại nữa, có bốn điều ghi nhớ do Đức Phật giảng nói là:

–Một mực ghi nhớ.

–Phân biệt để ghi nhớ.

–Hỏi ngược lại để ghi nhớ.

–Yên lặng để ghi nhớ.

Những pháp như vậy, do Đức Phật có lòng từ bi thương xót, rộng vì chúng sanh giảng nói đúng như lý, khiến chúng sanh theo đúng như lời dạy tu tập, thực hành các hạnh thanh tịnh, đem lại lợi ích, an vui cho hàng trời, người trong khắp thế gian.

❑

PHẬT NÓI KINH ĐẠI TẬP PHÁP MÔN

QUYỂN II

Lại nữa, các Tỳ-kheo nên biết, có năm thủ uẩn do Đức Phật giảng nói là sắc thủ uẩn, thọ thủ uẩn, tưởng thủ uẩn, hành thủ uẩn và thức thủ uẩn.

Lại nữa, có năm tham muốn do Đức Phật giảng nói là:

–Mắt thấy sắc, tâm ham muốn vui thích, do tâm vui thích nên chấp trước sắc trần.

–Tai nghe tiếng...

–Mũi ngửi mùi thơm...

–Lưỡi nếm rõ vị...

–Thân có cảm giác nơi xúc... cũng lại như vậy.

Lại nữa, có năm điều chướng ngại do Đức Phật giảng nói là:

–Chướng ngại vì lòng ưa muốn.

–Chướng ngại vì sân hận.

–Chướng ngại vì ngủ nghỉ.

–Chướng ngại vì làm ác.

–Chướng ngại vì nghi hoặc.

Lại nữa, có năm phần phiền não câu kết do Đức Phật giảng nói là:

–Phần phiền não do ưa muốn câu kết.

–Phần phiền não do sân hận câu kết.

–Phần phiền não do thân kiến câu kết.

–Phần phiền não do giới cấm thủ câu kết.

–Phần phiền não do nghi hoặc câu kết.

Lại nữa, có năm việc keo kiệt do Đức Phật giảng nói là keo kiệt về ăn uống, keo kiệt về việc lành, keo kiệt về lợi dưỡng, keo kiệt về

sắc tướng, keo kiệt về pháp.

Lại nữa, có năm thọ căn do Đức Phật giảng nói là lạc thọ căn, khổ thọ căn, hỷ thọ căn, ưu thọ căn, xả thọ căn.

Lại nữa, có năm thắng căn do Đức Phật giảng nói là tín căn, tinh tấn căn, niệm căn, định căn, tuệ căn.

Lại nữa, có năm lực do Đức Phật giảng nói là tín lực, tinh tấn lực, niệm lực, định lực, tuệ lực.

Lại nữa, có năm học lực do Đức Phật giảng nói là tín học lực, tinh tấn học lực, niệm học lực, định học lực, tuệ học lực.

Lại nữa, có năm cảnh giới xuất ly do Đức Phật giảng nói là:

–Có Tỳ-kheo đầy đủ sự hiểu biết, nhưng không hay thấy khổ. Tâm vị ấy dung nạp thọ nhận, chưa thể lìa dục, tùy theo các cảnh dục, khởi tâm tham muốn; không lui sụt, không xả bỏ, chưa giải thoát. Chính do duyên này, sau trở lại quán sát cảnh giới của dục, sanh khởi tâm lìa dục, chối bỏ tâm tham dục, ưa vui giải thoát, khéo thực hiện các việc chân chánh, nên tâm được giải thoát. Tâm giải thoát phát khởi liền có thể xa lìa các pháp bất tương ưng, trụ tâm nơi vô dục. Từ ý nghĩa này, do dục làm duyên, dẫn đến sanh tâm vô lậu.

–Có Tỳ-kheo đầy đủ sự hiểu biết, nhưng không hay thấy khổ. Tâm vị ấy dung nạp thọ nhận, chưa thể lìa sân, đối với cảnh chống trái, trở ngại, khởi tâm giận dữ, không lui sụt, không xả bỏ, chưa giải thoát. Chính do duyên này, sau trở lại hay quán sát các cảnh chống trái, trở ngại, sanh khởi tâm lìa sân, chối bỏ tâm sân, ưa vui giải thoát, khéo làm việc chân chánh nên tâm được giải thoát. Đã sanh tâm giải thoát liền có thể xa lìa các pháp bất tương ưng, an trụ tâm nơi không sân. Từ ý nghĩa này, do sân làm duyên, dẫn đến sanh tâm vô lậu.

–Có Tỳ-kheo đầy đủ sự hiểu biết, nhưng không hay thấy khổ. Tâm vị dung nạp thọ nhận, chưa thể lìa hại, đối với cảnh không vừa ý sanh khởi tâm gây tổn hại, không lui sụt không xả bỏ, chưa giải thoát. Chính do duyên này, sau lại quán sát các cảnh không vừa ý, sanh khởi tâm không gây tổn hại. Đã không còn tâm tổn hại, ưa vui giải thoát, khéo tu hành chân chánh, tâm vui giải thoát. Tâm giải thoát đã sanh liền có thể xa lìa các pháp bất tương ưng, trụ tâm nơi bất hại. Từ ý nghĩa này, do tổn hại làm duyên, dẫn đến sanh tâm vô lậu.

–Có thầy Tỳ-kheo đầy đủ sự hiểu biết, nhưng không hay thấy khổ. Tâm vị ấy dung nạp thọ nhận, chưa lìa sắc tướng, với các cảnh

sanh khởi tâm chấp trước vào cảnh sắc, không lui sụt, không xả bỏ, chưa giải thoát. Chính do duyên này, sau lại quán sát cảnh giới sắc tướng kia, sanh khởi tâm lìa cảnh sắc, chối bỏ tâm theo sắc, ưa vui giải thoát, khéo hay tu hành chân chánh, tâm được giải thoát. Tâm giải thoát đã sanh liền có thể xa lìa các pháp bất tương ưng, an trú nơi tâm lìa cảnh sắc. Từ ý nghĩa này do cảnh sắc làm duyên, dẫn đến sanh tâm vô lậu.

–Có Tỳ-kheo đầy đủ sự hiểu biết, nhưng không hay thấy khổ, chấp trước có thân, chưa lìa thân tướng, mà đối với thân này sanh khởi tư tưởng cho là thật có, không chịu chối bỏ, chưa được giải thoát. Do nhân duyên này, sau lại quán sát: phàm có thân thì phải diệt, sanh khởi tư tưởng thân hủy diệt, tâm chấp trước tiêu tan, ưa vui giải thoát, khéo tu hành chân chánh, tâm được giải thoát. Tâm giải thoát đã sanh liền mới có thể xa lìa các pháp bất tương ưng, trú trong tư tưởng: thân dễ bị hủy diệt. Do ý nghĩa này, chấp có thân làm duyên, dẫn đến sanh tâm vô lậu.

Như vậy gọi là năm cảnh giới xuất ly.

Lại nữa, có năm chốn giải thoát do Đức Phật giảng nói là:

–Có Tỳ-kheo đối với Pháp sư hay gần gũi phụng sự, tôn trọng cung kính, tu tập hạnh thanh tịnh, không chút dừng nghỉ. Do vị ấy luôn thân cận hầu hạ nên được lợi ích. Nếu khi nghe thầy giảng nói chánh pháp, tâm sanh vui thích, sanh khởi tư tưởng trọng pháp. Do tâm ấy phát sinh, tuy chưa có thể nghe, lĩnh hội, ghi nhớ được nhiều, chỉ ở trong đó biết được một pháp. Theo chỗ biết một pháp liền rõ một nghĩa, nếu không rõ được nghĩa kia thì không thể đối với pháp mà sanh tâm hoan hỷ. Vì vậy do đã hiểu rõ nghĩa kia nên sanh tâm hoan hỷ. Do tâm hoan hỷ nên thân được nhẹ nhàng. Do thân nhẹ nhàng, liền tương ưng với an lạc. Do an lạc nên tâm trú nơi Tam-ma-hứ-đa *(Tam-ma-địa).* Tâm trú nơi cảnh kia, nên biết như thật, quán sát như thật, đã quán sát như thật tức lìa trần, lìa tham, được trí giải thoát. Trí giải thoát khởi lên liền được biết rõ rằng là ta đã chấm dứt được sanh tử, phạm hạnh đã thành, việc làm đã xong, không thọ thân sau.

–Có Tỳ-kheo đối với Pháp sư hay gần gũi phụng sự, tôn trọng cung kính, tu tập hạnh thanh tịnh, không chút dừng nghỉ. Do được gần gũi, hầu hạ nên được nghe pháp. Tùy chỗ nghe ấy, tâm sanh vui thích, sanh khởi tư tưởng trọng pháp. Do sanh tâm ấy nên hay ở trong pháp ấy được nghe, nhớ và lĩnh hội pháp sâu xa, rồi tùy theo đấy biết được các

pháp, liền rõ các ý nghĩa. Nếu không rõ các ý nghĩa, thì không thể đối với pháp sanh tâm vui mừng. Do đã hiểu rõ các ý nghĩa nên tâm sanh hoan hỷ, do tâm hoan hỷ nên thân được khinh an. Do thân được khinh an nên tương ưng với an lạc, do an lạc nên tâm an trú trong Tam-ma-hứ đa. Do tâm ấy an trú nên có thể nhận biết như thật, lại quán sát như thật. Đã quán sát như thật, tức lìa cảnh trần, lìa tham ái, được trí tuệ giải thoát. Trí giải thoát khởi lên liền biết rõ rằng ta đã chấm dứt được sanh tử, phạm hạnh đã thành, việc làm đã xong, không còn thọ thân sau.

–Có Tỳ-kheo đối với Pháp sư hay gần gũi phụng sự, tôn trọng cung kính, tu tập hạnh thanh tịnh, không chút dừng nghỉ. Do theo thầy gần gũi, hầu hạ nên được nghe pháp. Theo chỗ đã nghe, tâm sanh hoan hỷ, khởi tư tưởng trọng pháp. Do tâm trọng pháp nên hay nghe, ghi nhớ, lĩnh hội được pháp sâu xa, lại có thể đối với từng pháp giải rõ như thật các nghĩa, rộng vì người khác phân biệt giảng nói. Nếu không rõ các nghĩa thì không thể đối với pháp sanh tâm hoan hỷ. Vì vậy do đã hiểu rõ các nghĩa nên tâm sanh hoan hỷ. Do tâm hoan hỷ nên thân được khinh an. Do thân khinh an nên tương ưng với an lạc. Do có an lạc nên tâm an trú trong Tam-ma-hứ-đa. Do tâm ấy an trú nên có thể biết như thật, lại quán sát như thật. Do quán sát như thật nên lìa trần, lìa tham, được trí giải thoát. Trí giải thoát đã sanh liền biết rõ rằng ta đã chấm dứt được sanh tử, phạm hạnh đã thành, việc làm đã xong, không còn thọ thân sau.

–Có Tỳ-kheo đối với Pháp sư hay gần gũi phụng sự, tôn trọng cung kính, tu tập hạnh thanh tịnh, không chút dừng nghỉ. Do theo thầy gần gũi hầu hạ nên được nghe pháp. Theo chỗ đã nghe, tâm sanh hoan hỷ, khởi tư tưởng trọng pháp. Do tâm trọng pháp nên hay nghe, lĩnh hội, ghi nhớ được pháp sâu xa, tâm lại có thể trụ vào một cảnh, không lui sụt, không xả bỏ. Đối với pháp được nghe, khởi tầm và tứ phát sanh trí tuệ chân chánh. Do sanh khởi tầm, tứ nên đối với các pháp mỗi mỗi đều rõ biết. Do biết các pháp nên thông tỏ các nghĩa, rồi rộng vì người khác phân biệt, giảng nói. Nếu không rõ các nghĩa thì không thể đối với pháp sanh tâm hoan hỷ. Vì vậy do đã thông tỏ các nghĩa nên tâm sanh hoan hỷ. Do tâm hoan hỷ nên thân được khinh an. Do thân khinh an nên liền tương ưng với an lạc. Do có an lạc nên tâm trú nơi Tam-ma-hứ-đa. Do tâm ấy an trú nên có thể biết như thật, lại quán sát như thật. Do đã quán sát như thật nên lìa trần, lìa tham, được trí tuệ giải thoát.

Trí tuệ giải thoát khởi lên liền biết rõ rằng ta đã chấm dứt được sanh tử, phạm hạnh đã thành, việc làm đã xong, không còn thọ thân sau.

–Có Tỳ-kheo đối với Pháp sư hay gần gũi phụng sự, tôn trọng cung kính, tu tập hạnh thanh tịnh, không chút dừng nghỉ. Do theo thầy gần gũi hầu hạ nên được nghe pháp. Theo chỗ được nghe đó nên tâm sanh hoan hỷ, khởi tư tưởng trọng pháp. Do tâm trọng pháp nên có thể nghe, lĩnh hội, ghi nhớ được pháp sâu xa, tâm trú trong một cảnh, không lui sụt, không xả bỏ. Đối với pháp đã nghe, khởi tầm và tứ, phát sanh trí tuệ chân chánh, lại có thể ở riêng trong Tam-ma-địa môn ấy khéo an trú, nhiếp tâm, theo chỗ trú tâm mà chuyển hóa tâm thêm thù thắng tức là đối với mỗi pháp đều biết rõ. Do biết các pháp nên rõ các nghĩa, rồi rộng vì người khác phân biệt giảng nói. Nếu không rõ các nghĩa thì không thể đối với pháp sanh tâm hoan hỷ. Vì vậy do đã hiểu rõ các nghĩa nên tâm sanh hoan hỷ. Do tâm hoan hỷ nên thân được nhẹ nhàng. Do thân nhẹ nhàng nên tương ưng với an lạc. Do có an lạc, tâm an trú nơi Tam-ma-hứ-đa. Do tâm ấy an trú nên có thể biết như thật, lại quán sát như thật. Do quán sát như thật nên lìa trần, lìa tham, được trí giải thoát. Trí giải thoát sanh khởi biết rõ rằng ta đã chấm dứt được sanh tử, phạm hạnh đã thành, việc làm đã xong, không còn thọ thân sau.

Như vậy gọi là năm chốn giải thoát.

Lại nữa, có năm cõi do Đức Phật giảng nói là địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, trời và người.

Lại nữa, có năm chỗ ở thanh tịnh do Đức Phật giảng nói là Vô phiền, Vô nhiệt, Thiện kiến, Thiện hiện, Sắc cứu cánh.

Lại nữa, có năm hạng người có học đi vào Phật pháp do Đức Phật giảng nói là:

–Hàng trung lưu vào Phật pháp.

–Trọn đời vào Phật pháp.

–Có thực hành vào Phật pháp.

–Không thực hành vào Phật pháp.

–Thượng lưu vào Phật pháp.

Đó gọi là năm hạng người có học đi vào với Phật pháp. Những pháp như vậy, do Phật có lòng từ bi thương xót, rộng vì chúng sanh, giảng nói đúng như lý, khiến các chúng sanh theo đúng như lời dạy mà tu tập, thực hành các hạnh thanh tịnh, tạo lợi ích an vui cho hàng trời, người trong khắp thế gian.

Lại nữa, có sáu xứ bên trong do Đức Phật giảng nói là nhãn xứ, nhĩ xứ, tỷ xứ, thiệt xứ, thân xứ và ý xứ.

Lại nữa, có sáu xứ bên ngoài do Đức Phật giảng nói là sắc xứ, thanh xứ, hương xứ, vị xứ, xúc xứ và pháp xứ.

Lại nữa, có sáu thức do Đức Phật giảng nói là nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức và ý thức.

Lại nữa, có sáu xúc do Đức Phật giảng nói là nhãn xúc, nhĩ xúc, tỷ xúc, thiệt xúc, thân xúc và ý xúc.

Lại nữa, có sáu thọ do Đức Phật giảng nói là:

–Nhãn xúc làm duyên sanh ra các thọ.

–Nhĩ xúc làm duyên sanh ra các thọ.

–Tỷ xúc làm duyên sanh ra các thọ.

–Thiệt xúc làm duyên sanh ra các thọ.

–Thân xúc làm duyên sanh ra các thọ.

–Ý xúc làm duyên sanh ra các thọ.

Lại nữa, có sáu tưởng do Đức Phật giảng nói là tưởng về sắc, tưởng về thanh, tưởng về hương, tưởng về vị, tưởng về xúc và tưởng về pháp.

Lại nữa, có sáu điều ưa mến do Đức Phật giảng nói là mến cảnh sắc, mến âm thanh, mến mùi hương, mến nếm vị, mến chạm xúc và mến các pháp.

Lại nữa, có sáu điều thích ý do Đức Phật giảng nói là:

–Thấy sắc đáng ưa là điều thích ý.

–Nghe tiếng đáng ưa là điều thích ý.

–Ngửi mùi đáng ưa là điều thích ý.

–Nếm vị đáng ưa là điều thích ý.

–Xúc chạm biết đáng ưa là điều thích ý.

–Phân biệt pháp lành là điều thích ý.

Lại nữa, có sáu điều không thích ý do Đức Phật giảng nói là:

–Thấy sắc không đáng ưa là điều không thích ý.

–Nghe tiếng không đáng ưa là điều không thích ý.

–Ngửi mùi không đáng ưa là điều không thích ý.

–Nếm vị không đáng ưa là điều không thích ý.

–Xúc chạm biết không đáng ưa là điều không thích ý.

–Phân biệt pháp bất thiện không đáng ưa là điều không thích ý.

Lại nữa, có sáu hạnh xả do Đức Phật giảng nói là:

–Thấy sắc, liền tu tập xả bỏ ngay cảnh sắc đó.

–Nghe âm thanh, liền tu tập xả bỏ ngay nơi âm thanh đó

–Ngửi mùi hương, liền tu tập xả bỏ ngay mùi hương đó.

–Nếm vị, liền tu tập xả bỏ ngay vị đó.

–Xúc chạm, liền tu tập biết ngay nơi xúc chạm đó mà xả bỏ.

–Biết pháp, liền tu tập xả bỏ ngay nơi pháp đó.

Lại nữa, có sáu niệm do Đức Phật giảng nói là niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm Giới, niệm Thí, niệm Thiên.

Lại nữa, có sáu hành do Đức Phật giảng nói là kiến hành, văn hành, lợi ích hành, học hành, phân biệt hành, niệm hành.

Lại nữa, có sáu pháp xa lìa cảnh trần do Đức Phật giảng nói là:

–Có Tỳ-kheo hiện tại an trú thân nghiệp trong hạnh từ, theo đó bắt đầu tu tập thì được hạnh thanh tịnh vững chắc, không hoại.

–Có Tỳ-kheo hiện tại an trú ngữ nghiệp trong hạnh từ, theo đó bắt đầu tu tập nên được hạnh thanh tịnh vững chắc, không hoại.

–Có Tỳ-kheo hiện tại an trú ý nghiệp trong hạnh từ, theo đó bắt đầu tu tập nên được hạnh thanh tịnh vững chắc, không hoại.

–Có Tỳ-kheo nhận lợi dưỡng đúng như pháp, đi khất thực đúng như pháp, tùy phẩm vật nhận được ăn dùng đúng như pháp, tự giữ gìn thực hành, xa lìa phi pháp, theo đó bắt đầu tu tập nên đạt hạnh thanh tịnh vững chắc, không hoại.

–Có Tỳ-kheo tu hành giới luật thanh tịnh, không hủy phạm, không khiếm khuyết, lìa các lỗi lầm, tăng thêm thiện lực. Do việc làm đó nên không còn các kiến chấp; theo đó bắt đầu tu tập nên đạt hạnh thanh tịnh, vững chắc, không hoại.

Lại nữa, có sáu thứ nguồn gốc của sự tranh luận chống đối, do Đức Phật giảng nói:

–Có một loại người, tự mình ưa thích tạo tội, lại ưa gần gũi người tạo tội khác, thường muốn người khác mến kính mình.

–Có một loại người, tự mình ưa thích tạo tội, lại ưa gần gũi người tạo tội khác, thường muốn người khác mến kính mình, lại còn không tôn kính Phật, không tôn kính Pháp, không hay quán sát các pháp.

–Có một loại người, tự mình ưa thích tạo tội, lại ưa gần gũi người

tạo tội khác, thường muốn người khác mến kính mình, lại còn ưa muốn chống đối với Tăng.

–Có một loại người có đủ tật: dua nịnh, luống dối, tham lam, keo kiệt, ganh ghét, che giấu..., các tùy phiền não và còn có thân kiến, tà kiến, biên kiến, kiến thủ không thể xa lìa.

–Có một loại người đầy đủ thân kiến... sanh khởi tâm điên đảo, lại còn không tôn kính Phật, không tôn kính Pháp, không hay quán pháp.

–Có một loại người đầy đủ thân kiến... sanh khởi tâm điên đảo, lại còn ưa thường chống đối với chúng Tăng.

Lại nữa, có sáu cảnh giới đối trị để được xuất ly do Đức Phật giảng nói là:

–Có Tỳ-kheo nói như thế này: "Ta tu quán tâm từ giải thoát, tùy công việc làm đều biết như thật, tinh tấn phát khởi tâm từ để đối trị. Tâm sân hận của ta thảy đều dứt sạch". Do quán tâm từ giải thoát như thế, nên tâm sân hận không còn chỗ nào để dung chứa, chấp nhận, chỉ có quán tâm từ hiện tiền thôi, vì vậy tâm sân không còn sanh khởi. Vì sao? Vì do nhân duyên quán tâm từ mà được xuất ly.

–Có Tỳ-kheo nói như thế này: "Ta tu quán tâm bi giải thoát, tùy mọi việc làm đều biết như thật, siêng năng hăng hái vận dụng tâm bi để đối trị. Tâm hại của ta thảy đều dứt sạch". Do quán tâm bi giải thoát như thế nên tâm tổn hại không có chỗ dung chứa, chỉ còn quán tâm bi hiện tiền, vì vậy tâm tổn hại không còn sanh khởi. Vì sao? Vì do nhân duyên quán tâm bi kia mà được xuất ly.

–Có Tỳ-kheo nói như thế này: "Ta tu quán tâm hỷ giải thoát, tùy chỗ làm đều biết như thật, siêng năng dùng tâm hỷ để đối trị với tâm không hoan hỷ của ta, tất cả đều dứt sạch". Do quán tâm hỷ giải thoát như vậy nên tâm không hoan hỷ không còn chỗ dung chứa, chỉ quán tâm hoan hỷ này được hiện tiền, cho nên tâm không hoan hỷ ở đây không còn sanh khởi. Vì sao? Vì do nhân duyên quán hoan hỷ kia mà được xuất ly.

–Có Tỳ-kheo nói như thế này: "Ta tu quán tâm xả giải thoát, tùy công việc làm đều biết như thật, siêng năng vận dụng tâm xả để đối trị với tâm của ta, tất cả đều dứt sạch". Do quán tâm xả giải thoát như vậy, nếu có tâm tham dục thì không còn chỗ dung chứa, chỉ quán tâm xả hiện tiền, cho nên tâm tham dục không còn sanh khởi. Vì sao? Vì do nhân duyên quán tâm xả kia mà được xuất ly.

–Có Tỳ-kheo nói như thế này: "Ta tu quán tâm vô tướng giải thoát, tùy công việc làm đều biết như thật, siêng năng vận dụng tâm vô tướng giải thoát để đối trị với tâm chấp tướng của ta, tất cả đều dứt sạch". Vì do quán tâm vô tướng giải thoát như vậy nên tâm chấp trước hình tướng không có chỗ dung chứa, chỉ còn tâm quán vô tướng này hiện tiền thôi. Tâm chấp tướng ấy ở đây không còn chỗ sanh khởi. Vì sao? Vì do nhân duyên quán tâm vô tướng kia mà được xuất ly.

–Có Tỳ-kheo nói như thế này: "Ta tu hạnh quyết định, do pháp quyết định này để đối trị với tâm nghi hoặc của ta, tất cả đều dứt sạch". Vì do tu hạnh quyết định như vậy, trong tâm nếu có nghi hoặc sẽ không còn chỗ dung chứa mà chỉ có quán tâm quyết định kia hiện tiền, cho nên tâm nghi hoặc không có chỗ sanh khởi. Vì sao? Vì do nhân duyên quán tâm quyết định kia mà được xuất ly.

Các điều như thế gọi là sáu thứ đối trị để được xuất ly. Những pháp như vậy do Phật có lòng từ bi thương xót, rộng vì chúng sanh giảng nói đúng như lý, khiến cho chúng sanh đúng như lời dạy mà tu tập, thực hành các hạnh thanh tịnh, đem lại lợi ích cho hàng an lạc trời người trong khắp thế gian.

Lại nữa, có Thất giác chi do Đức Phật giảng nói là Niệm giác chi, Trạch pháp giác chi, Tinh tấn giác chi, Hỷ giác chi, Khinh an giác chi, Định giác chi và Xả giác chi.

Lại nữa, có bảy điều làm trợ duyên cho Tam-ma-địa do Đức Phật giảng nói là quán sát chân chánh, suy lường chân chánh, nói năng chân chánh, hành động chân chánh, nuôi sống chân chánh, dõng mãnh chân chánh, trụ niệm chân chánh.

Lại nữa, có bảy điều quán tưởng để tu hạnh giải thoát do Đức Phật giảng nói là:

–Quán tưởng bất tịnh.

–Quán tưởng sự chết.

–Quán tưởng không tham ăn uống.

–Quán tưởng tất cả thế gian không đáng vui.

–Quán tưởng về vô thường.

–Quán tưởng vô thường là khổ.

–Quán tưởng về nỗi khổ không cùng tận.

Lại nữa, có bảy lực do Đức Phật giảng nói là Tín lực, Niệm lực, Vô úy lực, Tinh tấn lực, Nhẫn lực, Định lực và Tuệ lực.

Lại nữa, có bảy Bổ-đặc-già-la do Đức Phật giảng nói, là: Tâm giải thoát, Câu giải thoát, Tuệ giải thoát, Thân chứng, Tín giải thoát, Pháp hạnh, Tín hạnh.

Lại nữa, có bảy chỗ thức an trú do Đức Phật giảng nói là:

–Vô số thân hình đều có vô số tưởng, tức là hàng trời, người trong cõi Dục là chỗ thức an trú.

–Vô số thân hình chỉ có một tưởng, đó là cõi trời Sơ thiền, là chỗ thức an trú.

–Chỉ có một thân mà có vô số các tưởng, đó là cõi trời Nhị thiền, là chỗ thức an trú.

–Một thân một tưởng, đó là cõi trời Tam thiền, là chỗ thức an trú.

–Cõi Không vô biên xứ là chỗ thức an trú.

–Cõi Thức vô biên xứ là chỗ thức an trú.

–Cõi trời Vô sở hữu xứ là chỗ thức an trú.

Đó gọi là bảy chỗ thức an trú.

Các pháp như vậy do Phật có lòng từ bi thương xót, rộng vì chúng sanh giảng nói đúng như lý, khiến các chúng sanh theo đúng như lời dạy mà tu tập, thực hành các hạnh thanh tịnh, tạo lợi ích an vui cho hàng trời, người trong khắp thế gian.

Lại nữa, có tám giải thoát do Đức Phật giảng nói là:

–Trong có tưởng sắc, quán sắc bên ngoài để giải thoát.

–Trong không tưởng sắc, quán sắc bên ngoài để giải thoát.

–Thanh tịnh giải thoát, an trú đầy đủ.

–Không vô biên xứ giải thoát.

–Thức vô biên xứ giải thoát.

–Vô sở hữu xứ giải thoát.

–Phi tưởng phi phi tưởng xứ giải thoát.

–Diệt thọ tưởng giải thoát.

Lại nữa, có tám thắng xứ do Đức Phật giảng nói là:

–Trong có tưởng sắc, quán một ít sắc bên ngoài, khi quán sát như thế, sanh khởi tri kiến thù thắng, đó là thắng xứ.

–Trong có tưởng sắc, quán sắc bên ngoài nhiều, khi quán sát như vậy, sanh khởi tri kiến thù thắng, đó là thắng xứ.

–Trong không tưởng sắc, quán một ít sắc bên ngoài, khi quán sát như thế, sanh khởi tri kiến thù thắng, đó là thắng xứ.

–Trong không tưởng sắc, quán sắc bên ngoài nhiều, khi quán sát như thế, sanh khởi tri kiến thù thắng, đó là thắng xứ.

–Trong không tưởng sắc, ngoài quán sắc "xanh" nghĩa là quán như hoa Ô-ma và áo màu xanh, đối với hai màu xanh này đều thấy màu xanh hiển hiện sáng tỏ, rất trong sạch. Khi quán như thế, sanh khởi tri kiến thù thắng, đó là thắng xứ.

–Trong không tưởng sắc, ngoài quán sắc "vàng", nghĩa là quán màu sắc như hoa Ngật-lý-sắc-noa, A-ca-la và áo màu vàng. Ở trong hai màu vàng này đều là màu vàng hiển hiện sáng chói rất là trong sạch. Khi quán như thế, sanh khởi tri kiến thù thắng, đó là thắng xứ.

–Trong không tưởng sắc, ngoài quán sắc "đỏ", nghĩa là quán màu sắc như hoa Mãn-độ-nhĩ-phược-ca, áo màu sắc "đỏ". Ở trong hai màu đỏ này đều là màu đỏ hiển hiện sáng chói, rất là trong sạch. Khi quán sát như thế, sanh khởi tri kiến thù thắng, đó là thắng xứ.

–Trong không tưởng sắc, ngoài quán sắc "trắng", nghĩa là quán như hoa màu sắc trắng và áo màu sắc trắng, ở trong hai màu trắng này đều là màu trắng hiển hiện, sáng chói rất trong sạch. Khi quán sát như thế sanh khởi tri kiến thù thắng, đó là thắng xứ.

Lại nữa, có tám thứ pháp thế gian do Đức Phật giảng nói là lợi dưỡng, suy kiệt, hủy báng, khen ngợi, xưng danh, chê bai, khổ, vui.

Lại nữa, có Bát chánh đạo do Đức Phật giảng nói là Chánh tri kiến; Chánh tư duy; Chánh ngữ; Chánh nghiệp; Chánh mạng; Chánh tinh tấn; Chánh niệm; Chánh định. Đây gọi là Bát chánh đạo.

Những pháp như vậy do Phật có lòng từ bi thương xót, rộng vì chúng sanh giảng nói đúng như lý, khiến cho chúng sanh theo đúng như lời dạy mà tu tập, thực hành các hạnh thanh tịnh, tạo lợi ích an vui cho trời, người trong khắp thế gian.

Lại nữa, có chín cõi chúng sanh ở do Đức Phật giảng nói là:

–Mỗi mỗi thân hình đều có các tư tưởng, tức là hàng trời người trong cõi Dục, là chỗ chúng sanh nương ở.

–Mỗi mỗi thân hình chỉ có một tưởng, đó là cõi Sơ thiền, là chỗ chúng sanh nương ở.

–Một thân hình có các tư tưởng, đó là cõi trời Nhị thiền, là chỗ chúng sanh nương ở.

–Một thân hình một tư tưởng, đó là cõi trời Tam thiền, là chỗ chúng sanh nương ở.

–Cõi trời Không vô biên xứ là chỗ chúng sanh nương ở.

–Thức vô biên xứ là chỗ chúng sanh nương ở.

–Vô sở hữu xứ là chỗ chúng sanh nương ở.

–Cõi trời Phi tưởng phi phi tưởng xứ là chỗ chúng sanh nương ở.

–Cõi trời Vô tưởng là chỗ chúng sanh nương ở.

Đó gọi là chín chỗ chúng sanh nương ở.

Những pháp như vậy do Phật có lòng từ bi thương xót, rộng vì chúng sanh giảng nói đúng như lý, khiến cho chúng sanh theo đúng như lời dạy mà tu tập, thực hành các hạnh thanh tịnh để đem lại an vui cho trời, người trong khắp thế gian.

Lại nữa, có mười hạnh cụ túc do Đức Phật giảng nói là:

–Không hủy hoại chánh kiến.

–Không hủy hoại chánh tư duy.

–Không hủy hoại chánh ngữ.

–Không hủy hoại chánh nghiệp.

–Không hủy hoại chánh mạng.

–Không hủy hoại chánh tinh tấn.

–Không hủy hoại chánh nhẫn.

–Không hủy hoại chánh định.

–Không hủy hoại chánh giải thoát

–Không hủy hoại chánh trí.

Đó gọi là mười hạnh cụ túc.

Những pháp như vậy do Phật có lòng từ bi thương xót, rộng vì chúng sanh giảng nói đúng như lý, khiến cho chúng sanh theo đúng như lời dạy mà tu tập, thực hành các hạnh thanh tịnh, đem lại lợi ích an vui cho trời, người khắp khắp trong thế gian.

Bấy giờ Đức Thế Tôn biết Tôn giả Xá-lợi-phất vì các Tỳ-kheo giảng nói pháp thích hợp, Phật liền từ chỗ nằm nghỉ ung dung ngồi dậy, nói với Tôn giả Xá-lợi-phất:

–Lành thay! Lành thay! Xá-lợi-phất, như chỗ Tôn giả nói là Phật đã nói, pháp này gọi là Đại tập pháp môn, ở trong đời sau có thể cùng chúng sanh tạo được lợi ích lớn. Vào đời vị lai, các Tỳ-kheo của Ta, những người tu phạm hạnh, đối với pháp môn Đại tập này phải nên thọ trì, đọc tụng, giảng nói cùng khắp. Xá-lợi-phất; vào đời vị lai, nếu người nào được thọ trì pháp môn Đại tập này, thì người ấy, trong giáo

pháp của chư Phật đời vị lai là người hiền thiện, có lòng tin thanh tịnh, đối với giáo pháp của Đức Phật, tâm rất ưa thích, hiểu rõ, khai mở rộng lớn, tâm rất hoan hỷ.

Lúc bấy giờ các thầy Tỳ-kheo nghe Đức Phật tán thán pháp môn Đại tập này, tất cả đều hoan hỷ tín thọ, lễ Phật lui ra.

❑

SỐ 13

KINH TRƯỜNG A-HÀM THẬP BÁO PHÁP

Hán dịch: Đời Hậu Hán, Tam tạng Pháp sư An Thế Cao.

người nước An Tức.

QUYỂN I

Nghe như vầy:

Đức Phật ngự trong rừng cây của thái tử Kỳ-đà, vườn Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ. Khi ấy Tôn giả Xá-lợi-phất nói:

–Thỉnh các vị Tỳ-kheo nghe giảng nói pháp mà phần trước, phần giữa, phần sau đều tốt đẹp, có trí tuệ, có thiện xảo, đầy đủ thanh tịnh từ đầu đến cuối, nói để người tu hành cùng nghe, tuần tự từ một pháp tăng đến mười pháp. Các vị nên hướng tâm và để ý.

Nghe Tôn giả Xá-lợi-phất nói như vậy, các vị Tỳ-kheo đều hướng về Tôn giả thưa:

–Xin nguyện muốn nghe.

Tôn giả Xá-lợi-phất nói:

–Tiện đây tôi sẽ nói tuần tự từ một pháp tăng lên cho đến mười pháp, tất cả gom thành một pháp vô vi. Người tu hành, từ đây tất cả khổ não đều được xa lìa, tiêu diệt:

–Một pháp thứ nhất là hành giả hoàn thành pháp vô vi, chỉ cần giữ vững để tu hành.

–Một pháp thứ hai là tư duy, ý không lìa thân.

–Một pháp thứ ba là cần biết việc thô, tế của thế gian.

–Một pháp thứ tư là cần bỏ tâm kiêu mạn.

–Một pháp thứ năm là cần để ý vào một pháp quán (cho tự mình).

–Một pháp thứ sáu là theo nhiều pháp quán (cho tự mình).

–Một pháp thứ bảy là khó chịu về cảm thọ, không nên đình chỉ tập định.

–Một pháp thứ tám là đã thành tựu việc khiến ý đình chỉ.

–Một pháp thứ chín là nên biết tất cả con người đều nương ở món ăn.

–Một pháp thứ mười là nên chứng đắc, khiến cho tâm ý hết nghi ngờ.

Đó là mười pháp của người tu hành, không trái, không khác, có xét kỹ, không mê lầm, không điên đảo, là như người cầm đèn tuệ, tùy ý quán sát.

–Hai pháp thứ nhất là người tu hành đã đến vô vi, nên có tâm ý cũng tự niệm.

–Hai pháp thứ hai là tăng thêm thực hành chỉ - quán.

–Hai pháp thứ ba là nên biết danh và tự.

–Hai pháp thứ tư là nên bỏ si và ái của thế gian.

–Hai pháp thứ năm là nên từ bỏ không biết hổ, không biết thẹn.

–Hai pháp thứ sáu là khó định hai pháp: không nên và nên như vậy.

–Hai pháp thứ bảy là nên biết–nên không biết như vậy.

–Hai pháp thứ tám là nên mong cầu chấm dứt sanh–không còn sanh ra nữa.

–Hai pháp thứ chín là nên biết con người do nhân duyên gì mà chịu khổ trên thế gian, cũng nên biết do nhân duyên gì mà vượt khỏi thế gian.

–Hai pháp thứ mười là nên tự mình chứng được trí tuệ và cũng được giải thoát.

Đó là hai mươi pháp của người tu hành, không trái, không khác, có chứng đắc, không mê lầm, không điên đảo, như người cầm đèn tuệ tùy ý quán sát.

–Ba pháp thứ nhất là người tu hành đến vô vi, trong mọi sự việc đều có trí tuệ, cũng ưa nghe kinh pháp, cũng nên quán pháp căn bản.

–Ba pháp thứ hai là nên tư duy: còn niệm dục; được định không

còn dục, chỉ có niệm; cũng không dục, cũng không còn niệm.

–Ba pháp thứ ba là nên biết cõi Dục, cõi Sắc và cõi Vô sắc.

–Ba pháp thứ tư là nên xả bỏ tham ái nơi cõi Dục, cõi Sắc và cõi Vô sắc.

–Ba pháp thứ năm là nên xả bỏ ba ác: ác về tham dục, ác về sân hận và ác về ngu si.

–Ba pháp thứ sáu là làm tăng trưởng: không có tham dục làm gốc; không có sân hận làm gốc; không có ngu si làm gốc.

–Ba pháp thứ bảy là khó cảm nhận: hành tướng đang định; hành tướng khi dứt định; hành tướng khi khởi định.

–Ba pháp thứ tám là nên làm ba hướng sinh hoạt: không, không nguyện và không tưởng.

–Ba pháp thứ chín là nên biết ba thọ (thống): lạc thọ, khổ thọ, không khổ không lạc cũng không khổ thọ.

–Ba pháp thứ mười là: tự chứng đắc trí tuệ; không còn phải học; vốn có từ xưa nay cũng thường trong sự sống; không có gì phải từ bỏ.

Đó là ba mươi pháp của người tu hành, không trái, không khác, có xét kỹ, không mê lầm, không điên đảo, như người cầm đèn tuệ, tùy ý quán sát.

–Bốn pháp thứ nhất là người tu hành đạt đến vô vi còn trong vòng trời người: ưa ở phần đất đã chia; nương người có trí tuệ; tự mình mong muốn chính đáng; mạng sống đời trước có căn bổn.

–Bốn pháp thứ hai là tăng trưởng thực hành bốn điều dứt ý: tự quán về thân; quán xét trong ngoài thân chẳng lìa ý; biết sự vướng mắc của ý xa lìa tâm ý si mê phiền não thế gian. Thống lương (thọ) của ý pháp cũng như pháp quán xét về thân.

–Bốn pháp thứ ba là nên biết về bốn cách ăn: đoàn thực, lạc thực, niệm thực và thức thực.

–Bốn pháp thứ tư là nên bỏ bốn thứ bệnh: bệnh tham muốn, bệnh do ý chấp lẽ phải, bệnh tự nguyện răn cấm và bệnh cảm thọ nơi thân.

–Bốn pháp thứ năm là nên rõ biết bốn thứ lỗi lầm: lỗi lầm về giới, lỗi lầm về ý chấp lẽ phải, lỗi lầm về hành động, lỗi lầm về tạo nghiệp.

–Bốn pháp thứ sáu là bốn việc thành tựu nên tăng trưởng: thành tựu về giới, thành tựu về ý đứng đắn, thành tựu về hành động, thành tựu về nghiệp thiện.

–Bốn pháp thứ bảy là biết bốn đế: Khổ đế, Tập đế, Tận (diệt) đế và chịu nhận Diệt khổ đế (Đạo đế).

–Bốn pháp thứ tám là có bốn thứ thông tuệ: thông tuệ về khổ; thông tuệ về tập; thông tuệ về tận (diệt) và thông tuệ về đạo.

–Bốn pháp thứ chín là nên biết bốn tướng: biết ít; biết nhiều, không biết số lượng vì không chỗ có; không dùng thức biết nhiều; biết không có số lượng vì biết không chỗ có, nên không dùng trí để biết.

–Bốn pháp thứ mười là tự chứng: nên biết pháp thân; nên biết ý thân; nên biết pháp nhãn; nên biết pháp tuệ.

Đó là bốn mươi pháp của người tu hành, không trái, không khác, có thẩm xét, không mê lầm điên đảo, như người cầm đèn tuệ, tùy ý quan sát.

–Năm pháp thứ nhất là người tu hành đạt đến vô vi có năm cách dừng dứt tam y. Những gì là năm?

1. Người đệ tử học đạo có niềm tin căn bản, vững chắc, không ai phá hoại được.

2. Nhẫn nhục là Tiên nhân, hoặc Trời, hoặc Ma, hoặc Phạm thiên, cũng như trong thế gian không có hành động che giấu, thân tâm ngay thẳng, đặt liên quan với sự chỉ dẫn của trí tuệ mà tu hành.

3. Thân ít bệnh hoạn, an lành như giữ cái bụng mà đi tới. Thân không quá lạnh, quá nóng, không có sân giận. Được như vậy mới an lòng, khiến ăn uống tiêu hóa, làm cho thân yên ổn, điều hòa, phát sanh tu hành tinh tấn.

4. Có quan tâm dùng tinh tấn làm phương tiện, chắc được pháp tốt đẹp, ý không bỏ phương tiện, đem cả sức lực tâm ý, dốc hết siêng năng, không được nửa chừng dừng nghỉ, cần thiết là phải có kết quả tu hành.

5. Người tu hành từ đó sanh khởi trí tuệ, diệt chấp mới đạt đạo. Cần yếu là không chán nản hành trì, đi thẳng vào việc diệt khổ. Đây là cách dừng dứt ý nghĩ.

–Năm pháp thứ hai là làm tăng trưởng công đức cho người tu hành, tức năm thứ định:

1. Người đệ tử hành đạo tự thân giữ được hỷ lạc, như tẩm nước mát toàn thân, khiến cho khắp thân đều được hỷ lạc, từ đó tự mình giữ được niềm vui. Ví như khi người có trí tuệ tắm rửa, có đệ tử trí tuệ lo việc tắm rửa đem đồ đựng, hoặc bồn, hoặc vò, rửa bằng nước sạch, đã dùng nước sạch rửa chỗ dính cát bẩn, trong ngoài các chất dơ không còn

tan ra, do đây nước mới không bị dơ. Người hành đạo cũng như vậy, tự mình giữ được lòng thân ái, sanh vui vẻ, mát mẻ, hòa hợp, thân cận nhau, tự thân liên quan với tất cả, từ đó chính mình tự giữ được hỷ lạc. Đây là một trong năm thứ định mà người đệ tử học đạo phải thực hành đầu tiên.

2. Cũng có người đệ tử hành đạo, thân đã được định nên sanh hỷ lạc, như tắm mát toàn thân, nên khắp thân không có chỗ nào là không nhờ từ định mà được hỷ lạc. Ví như trở về lại nguồn suối của ao nước, cũng không từ trên cao mà đến, cũng không từ phía Đông, cũng không từ phía Nam, cũng không từ phía Tây, cũng không từ phía Bắc, chỉ từ suối nước mát mẻ khắp đầy; vì suối nước tưới từ nguồn nước trong sáng nên nước mát lạnh không chỗ nào là không chảy đến. Người đệ tử học đạo tu hành cũng như vậy, do thân an định nên được hỷ lạc tưới mát toàn thân, toàn thân chỗ nào cũng được tưới mát, từ đấy mà sanh hỷ lạc. Đây là định thứ hai trong năm thứ định mà người đệ tử học đạo phải thực hành.

3. Cũng có người đệ tử hành đạo, thân không còn đắm trước vào niềm vui của tham ái nên không liên quan đến việc thúc giục nhau, có thể khiến cho toàn thân không hỷ lạc. Ví như hoa sen sống trong nước và trưởng thành trong nước, cho đến rễ, cành và lá tất cả đều từ nước mát lạnh tưới tẩm cùng khắp. Đệ tử hành đạo thân cũng như vậy, do không ưa thích ái lạc nên thân như được tưới tẩm mát mẻ, từ đó không có ái lạc. Đây là định thứ ba trong năm thứ định mà người đệ tử học đạo phải hành theo.

4. Cũng có đệ tử hành đạo, từ thân này làm thanh tịnh được ý, đã trừ cảm thọ của thân mà thành hạnh, trong thân không có chỗ nào mà không đến từ tịnh ý và dứt trừ ý. Ví như có bốn dòng tộc, cũng như con cháu của bốn dòng tộc dùng lụa trắng dài tám, chín trượng phủ trên thân người từ đầu đến chân, chỗ nào cũng được che phủ bằng lụa trắng sạch. Như vậy đệ tử hành đạo đã hành trì để thân này được thanh tịnh ý và dứt trừ ý, khắp thân không có chỗ nào là không được phủ trùm do thanh tịnh, ý (vọng tưởng) đã được dứt trừ. Đây là định thứ tư trong năm thứ định mà người đệ tử học đạo phải hành trì.

5. Cũng có đệ tử hành đạo, quán sát rõ ràng về cảm thọ thân, đã rất tinh tường về ý niệm, tinh tường về chỗ ở, tinh tường về cảm thọ. Ví như người đứng quán sát người ngồi và người nằm. Người đệ tử học đạo hành trì cũng như vậy, biết hành tướng của cảm thọ, phải tư duy tinh

tưởng về cảm thọ, do tinh tưởng về cảm thọ nên tinh tưởng về ý niệm, tinh tưởng về sự việc và cũng tinh tưởng luôn về cảm thọ. Đây là định thứ năm trong năm thứ định, người đệ tử học đạo phải hành trì.

–Năm pháp thứ ba là nên biết năm loại:

1. Loại cảm thọ về sắc.
2. Loại cảm thọ về thống (thọ).
3. Loại cảm thọ về tưởng.
4. Loại cảm thọ về hành.
5. Loại cảm thọ về thức.

–Năm pháp thứ tư là nên bỏ năm điều ngăn che (ngũ cái):

1. Ngăn che vì ái dục.
2. Ngăn che vì sân hận.
3. Ngăn che vì ngủ nghỉ.
4. Ngăn che vì vui đùa.
5. Ngăn che vì hối hận và nghi ngờ.

–Năm pháp thứ năm là nên giảm năm tâm ý đóng chặt:

1. Nếu có kẻ tu học không tin tưởng đạo.
2. Nghi không biết khiêm tốn.
3. Không cho ai có thể khá hơn, nên không chấp nhận, tâm ý như vậy nhất định đóng chặt chưa xả bỏ.
4. Không chịu nghe răn dạy về đạo pháp.
5. Cũng như có kẻ tu học trong đạo được tán thán về danh văn, là người trí, người đồng học, lại đem lời nói ác đến có ý ly gián, quấy nhiễu, xúc phạm, nếu trong đạo có người danh văn, người trí, người đồng học, đem lời nói ác đến có ý ly gián, quấy nhiễu, xúc phạm (là tâm ý đóng chặt).

Như vậy, đây là năm tâm ý đóng chặt chưa xả.

–Năm pháp thứ sáu là sẽ làm tăng trưởng cho đạo, là năm căn: tín căn, tinh tấn căn, ý (niệm) căn, định căn và tuệ căn.

–Năm pháp thứ bảy là khó khăn về cảm thọ, năm pháp hành động để được ra khỏi ái dục là: Nếu người đệ tử đã thành thục trong việc tu học đạo, không nghĩ đến ái dục, ý không vướng niệm dục thì không nên có ý nghĩ "Không dừng tham muốn, ý không thể vượt qua tham muốn" mà dừng lại ý ác không cho sanh khởi, không vận dụng ý nữa, từ bỏ ý xấu không dùng vào việc ác. Ví như: con gà với bộ lông đẹp, đầy sức lực, gặp lửa liền lùi lại, tỏ thái độ không đi tới được. Người đệ tử đã

thấy đạo cũng như vậy, nếu tu hành nắm vững ý tưởng không niệm ái dục, liền không dùng đến ái dục, cũng không còn ái dục, ý không rơi vào ái dục, có niệm dục liền dừng, do có ý niệm liền dừng dứt nên không còn sanh khởi nữa. Từ đây, ý niệm về đạo mới xuất hiện và ý muốn tu hành sanh khởi, ý ấy vững chắc, có ý thức hay không có ý thức đều rõ ràng, vì ý ác không sanh khởi nên không cần ngăn ngừa ý, ý không còn chỗ ngại, không chỗ dùng, nhưng ý an ổn, vì ý đã tu hành và tu hành thành thục. Nếu lại do từ nhân duyên ái dục mà kết thành ảo não, ưu sầu, suy nghĩ là ta phải theo đúng như đã giải thích ở trên, không nên đắm trước thì sẽ được xa lìa, do nhân duyên này sẽ không còn bị chạy theo cảm thọ về tham dục.

Như vậy người tu hành từ nơi tham dục mà được độ thoát, tuy có sân hận mà không sân hận, có xâm lấn mà không thật xâm lấn, có thấy sắc mà không tham sắc. Nếu người đệ tử học đạo nắm chắc ý tưởng không còn trở lại nghĩ đến thân, đã nắm chắc ý tưởng không nghĩ đến thân, liền không tham muốn thân, không muốn thân thì không đắm chấp nơi thân, ý sẽ không rơi vào ái dục, ý xấu ác không sanh khởi. Ví như con gà với bộ lông đẹp, có đủ sức khỏe, thấy lửa liền thoái lui, tỏ thái độ không đi tới được. Người đệ tử hành đạo cũng như vậy, đã nhận thức vững chắc thì không còn nghĩ đến thân, ý đã không nghĩ về thân, ý không vượt qua được ý, dứt được ý, thì ác ý mới không sanh khởi, tự giữ gìn một đời dứt điều ác, niệm ác không sanh. Muốn độ thân phải nhờ ý niệm độ, thân vốn không làm, do ý siêng mới có làm, dứt ý là ý được độ, dẫu ý không dừng thì ý cũng không ác, ý liền đạt đến niệm tưởng không chỗ ngại, không chỗ dừng, ý muốn dừng nghỉ, từ đó tu hành được thuần thục.

Nếu nhân duyên từ nơi thân sanh lỗi khổ não ưu bi, vì nhân duyên ấy đã sanh lỗi ưu não, thì từ đây mà hiểu rõ, dừng dứt không chấp trước là được độ thoát, cũng không từ nơi nhân duyên ấy mà lại chịu thọ nhận. Người đệ tử học đạo như vậy, từ thân này mà được xuất ly.

–Năm pháp thứ tám là làm cho sanh khởi đạo hạnh, là năm loại trí tuệ do định sanh:

1. Người có đạo đức, không chấp trước, không thuận theo chấp trước thì tuệ thứ nhất bên trong tự sanh.

2. Loại thiền định người thường không thể đạt đến, chỉ người có trí mới đạt được. Đây là loại tuệ thứ hai từ bên trong sanh khởi.

3. Loại định từ nhất tâm mà đạt được tiếng khen là có đạo hạnh. Như vậy là loại tuệ thứ ba từ bên trong sanh khởi.

4. Loại thiền định tự nhận thấy đạt đến hạnh an lạc, cảm thọ cũng rất tốt đẹp, như vậy là loại tuệ thứ tư từ bên trong sanh khởi.

5. Loại thiền định từ định này mà có thể ngồi, đứng tự tại, như vậy là loại tuệ thứ năm từ bên trong sanh khởi.

–Năm pháp thứ chín là nên biết năm pháp giải thoát:

1. Nếu người tu học được nghe các bậc tôn túc nói kinh, hoặc nghe người có trí tuệ nói, hoặc cùng người đồng học được nghe, nghe nói kinh như vậy xong liền biết ý nghĩa mà thực hành, đã rõ pháp liền rõ nghĩa, đã rõ nghĩa liền thọ nhận, đã thọ nhận liền hoan hỷ, đã hoan hỷ thân an lạc, đã an lạc nên ý được định, ý được định nên biết và thấy như thật, đã thấy biết như thật liền xả bỏ không dùng, đã bỏ không dùng nên không chấp, đã không chấp trước như vậy nên liền được giải thoát. Đây là giải thoát thứ nhất của người tu hành.

2. Người tu hành đã được an trú nhưng ý chưa chánh, được chánh ý nhưng ý chưa định, được định ý nhưng chưa cởi bỏ được những trói buộc từ bên trong, cởi bỏ được những trói buộc bên trong nhưng chưa đạt vô vi, đã đến vô vi nhưng khi ấy không được nghe Phật giảng kinh, cũng không nghe người trí kẻ đồng học nói kinh, chỉ theo chỗ được nghe, được thọ trì liền tự mình đọc tụng. Đây là giải thoát thứ hai của người tu hành.

3. Hoặc là khi ấy cũng không được nghe Phật nói kinh và người trí kẻ đồng học nói kinh, chỉ như pháp đã nghe, theo pháp đã thọ nhận, nói dạy đầy đủ cho người mới học. Đây là giải thoát thứ ba của người tu hành.

4. Hoặc là khi ấy cũng không được nghe Phật nói kinh, người học chỉ như pháp đã nghe, như pháp đã thọ, riêng ngồi một chỗ suy nghĩ, nên như pháp đã nghe, như pháp đã thọ mà tụng đọc đầy đủ thì chỗ nên hiểu rõ sẽ như pháp hiểu rõ. Đây là giải thoát thứ tư của hành giả.

5. Hoặc là khi ấy không như pháp mà nghe, không như pháp mà thọ, cũng không suy nghĩ, chỉ từ thực hành mà đạt được một tướng định thuần thục, cảm thọ thuần thục và niệm thuần thục. Sau khi tu tập sẽ thể nhận tướng định thuần thục, cảm thọ thuần thục, tư niệm thuần thục và hành thuần thục, liền theo đúng như pháp, liền giải ngộ các pháp tương ứng như thật, liền giải ngộ các pháp như thật. Khi đã giải ngộ các

pháp tương ứng như thật, đã giải ngộ các pháp như thật thì các pháp có thể sanh đã sanh ra tình thương phát khởi. Tình thương đã sanh thân liền an vui; thân biết an vui, đã được an vui thì ý liền, như chỗ đã biết đã thấy mà hối lỗi; đã hối lỗi thì không còn tham muốn, đã không tham muốn thì được giải thoát. Đây là giải thoát thứ năm của người tu hành.

Nếu người tu hành có đạo hạnh được như vậy, tu hành được như vậy, ý chưa dừng liền dừng, ý chưa định liền định, những trói buộc bên trong chưa hết liền dứt hết, chưa vượt được thế gian đến cõi vô vi liền vượt được thế gian đến vô vi Niết-bàn.

–Năm pháp thứ mười là biết đã tự chứng:

1. Không học về ấm.

2. Không học về giới.

3. Không học về định.

4. Không học về tuệ.

5. Không học vượt thế gian giải thoát.

Đó là năm mươi pháp của người tu học, không trái, không khác, có thẩm xét, không mê lầm, không điên đảo, như người cầm đèn tuệ, tùy ý quán sát.

–Sáu pháp thứ nhất người tu hành đã đến vô vi, không còn nặng về chấp thủ. Các pháp ấy là:

1. Các thân hành dừng dứt được là nhờ trí tuệ của Phật và các bậc đồng học, đây là pháp không còn nặng về chấp thủ.

2. Từ pháp ấy được mến thương, được kính trọng, rất vừa ý vì đã được mến thương, đã được kính trọng trong mọi hành động, do đó mà nhóm họp không có tranh tụng, chuyên tâm tu tập thiền định để đạt đến pháp nhẫn.

3. Các việc miệng nói, tâm nghĩ đều có giới hạnh không hủy phạm, không xuyên tạc, không trì hoãn, không che giấu và không lỗi lầm là người học đạo nên thực hành đầy đủ. “Các vị ấy hành trì giới như thế, ta cũng hành trì giới”, nên so sánh với người trí tuệ và người đồng học.

4. Người cầu đạo cần nhàm chán, cần quyết tâm tu tập để diệt khổ. “Họ như vậy, ta cũng như vậy”, nên so sánh với người trí tuệ, người đồng học. Pháp này là pháp không còn nặng về chấp thủ.

5. Nếu mình có pháp lợi ích nên hướng dẫn các vị đồng học thực hành, để theo pháp ấy cùng đạt được. Tất cả pháp đạt được là tùy ở khả

năng bên trong. Những lợi ích như thế nên cùng chia xẻ với các vị đồng học, không nên riêng che giấu. Đây là pháp không còn nặng về chấp thủ.

6. Từ mến thương nên được kính trọng, được vừa ý; đã được mến thương, đã được kính trọng, đã được vừa ý, đã được cùng nhau tu hành hòa hợp ở một chỗ, không tranh tụng, một lòng tu hành thiền định, đạt đến pháp nhẫn.

–Sáu pháp thứ hai là sáu cách cùng yên ổn để hộ trì người tu hành: mắt thấy sắc cũng không vui, cũng không chán, chỉ quán sát hành động của tâm ý, biết có chân chánh không. Tai, mũi, lưỡi, thân và ý, cách quán sát cũng không vui, cũng không giận, chỉ cần quán sát tịnh chỉ tâm ý, không vọng tưởng.

–Sáu pháp thứ ba là nên biết sáu cách trở vào bên trong; mắt nhìn vào bên trong, tai, mũi, lưỡi, thân và ý nghĩ trở vào bên trong.

–Sáu pháp thứ tư là nên bỏ sáu tham ái: mắt theo ái dục; tai, mũi, lưỡi, thân và ý theo ái dục.

–Sáu pháp thứ năm là nên trừ bỏ sáu điều không cung kính:

1. Không cung kính Phật.
2. Không cung kính Pháp.
3. Không cung kính người đồng học.
4. Không cung kính giới.
5. Không bỏ ác khẩu.
6. Không bỏ ác tri thức.

–Sáu pháp thứ sáu là nên tăng trưởng sáu sự cung kính:

1. Cung kính Phật.
2. Cung kính Pháp.
3. Cung kính người đồng học.
4. Cung kính giới.
5. Tăng thêm lời nói tốt đẹp.
6. Gần thiện tri thức.

–Sáu pháp thứ bảy là khó chấp nhận sáu hành động vượt thế gian:

1. Nếu có người nói: "Ta đã được ý bình đẳng, tâm định tĩnh, đã tu tập có kết quả nhưng tâm giận dữ của ta chưa giải trừ được", liền nên đáp: "Chớ nói như vậy. Vì sao? Vì không đúng, tâm ý đã bình đẳng, định tĩnh, đã tu tập có kết quả thì sao lại còn có sân hận? Điều ấy là

không đúng. Vì sao? Đã đạt tâm bình đẳng, định tĩnh là vì đã trừ hết niệm giận dữ".

2. Nếu có người tu hành nói: "Ta có lòng từ và tâm định, đã hành trì và đã có kết quả, chỉ có ý giết hại không trừ được", thì nên trả lời: "Lời nói kia không đúng. Vì sao vậy? Đã có từ tâm và định ý, đã thực hành và có kết quả, thì sao lại còn ý giết hại? Điều ấy là không đúng. Vì sao? Đã có lòng từ và tâm định không thể có ý sát hại".

3. Nếu có người tu hành nói: "Ta có tâm hoan hỷ, bình đẳng, ý đã định tĩnh, đã thực hành và có kết quả, chỉ có ý tưởng là không tịnh chỉ được", thì nên trả lời: "Chớ nói như vậy! Vì sao? Vì không đúng, đã có ý bình đẳng và tâm định, đã thực hành có tăng tiến và có kết quả, thì sao không thể định được? Điều ấy là không đúng. Vì sao? Tâm định, ý bình đẳng là đã trừ vọng, không thể không được định".

4. Nếu có người tu hành nói: "Ta có tâm chỉ quán, đã thực hành và có kết quả, chỉ có ái dục và sân hận là chưa trừ", thì nên đáp: "Chớ nói như vậy! Vì sao? Tâm đã đạt được chỉ và quán thì không có ái dục và sân hận".

5. Nếu có người tu hành nói: "Ta không có nghi, chỉ do ý không thuận theo", thì nên trả lời: "Chớ nói như vậy! Vì sao? Hiểu rõ được điều cốt yếu thì ý không còn nghi".

6. Nếu có người tu hành nói: "Tâm ý tôi đã hoàn toàn định tĩnh, nhưng đối với việc đã qua còn dùng ý niệm để nhận thức", thì nên trả lời: "Không nên nói như vậy vì điều đó không đúng, cũng không nên có ý niệm ấy. Đã được định ý thì không còn ý niệm cho là đã đủ. Lại người tu hành mà còn ý niệm nhận thức là không có đúng. Vì sao vậy? Người mà tâm ý đã được giải thoát thì không cầu nhớ nghĩ lại".

–Sáu pháp thứ tám là nên phải có sáu niệm:

1. Niệm Phật.

2. Niệm Pháp.

3. Niệm các vị Tăng đồng học.

4. Niệm giới.

5. Niệm thí.

6. Niệm thiên.

–Sáu pháp thứ chín là nên biết sáu điều không so lường:

1. Thấy không có so lường.

2. Nghe không có so lường.

3. Vì lợi không có so lường.

4. Giới không có so lường.

5. Trong sự việc không có so lường.

6. Ý niệm không có so lường.

–Sáu pháp thứ mười là tự biết đã chứng, có sáu điều:

1. Thần thông.

2. Nghe khắp hết.

3. Biết ý người khác.

4. Biết vốn từ đâu sanh lại.

5. Biết sẽ sanh về đâu.

6. Biết về sự trói buộc đã dứt sạch.

Đây là sáu mươi pháp của người tu hành, không trái, không khác, có thẩm xét, không có mê lầm, không điên đảo, như người cầm đèn tuệ, tùy ý quán sát.

–Bảy pháp thứ nhất là người tu hành muốn đạt đến Niết-bàn, cần có bảy món quý báu:

1. Có lòng tin là quý báu.

2. Có giới là quý báu.

3. Biết hổ với mình là quý báu.

4. Biết thẹn với người là quý báu.

5. Biết lắng nghe là quý báu.

6. Biết bố thí là quý báu.

7. Có trí tuệ là quý báu.

–Bảy pháp thứ hai là nên tu hành bảy giác ý:

1. Niệm giác ý.

2. Phân biệt pháp giác ý (Trạch pháp).

3. Tinh tấn giác ý.

4. Khả giác ý (Hỷ).

5. Ỷ giác ý (Khinh an).

6. Định giác ý.

7. Hộ giác ý (Xả).

–Bảy pháp thứ ba là nên biết bảy loài:

1. Không thể xếp loài.

2. Loài súc sanh.

3. Loài ngạ quỷ.

4. Loài người.

5. Loài trời.

6. Loài chuyển hóa.

7. Loài trung gian.

–Bảy pháp thứ tư là nên bỏ bảy sự trói buộc:

1. Trói buộc do ái dục.

2. Trói buộc do chẳng thể thuận hợp.

3. Trói buộc do ưa thích.

4. Trói buộc do kiêu mạn.

5. Trói buộc do tà kiến.

6. Trói buộc do ngu si.

7. Trói buộc do nghi ngờ.

–Bảy pháp thứ năm là có thể trừ bớt người ác ở trong bảy pháp:

1. Không có lòng tin.

2. Không hổ với mình.

3. Không thẹn với người.

4. Không có siêng năng.

5. Vô ý hay quên.

6. Ý không định tỉnh.

7. Không có trí tuệ.

–Bảy pháp thứ sáu là tăng tuệ. Bảy pháp của người trí tuệ là:

1. Có lòng tin.

2. Hổ với mình.

3. Thẹn với người.

4. Phát khởi siêng năng.

5. Biết giữ tâm ý.

6. Có thiền định.

7. Có trí huệ.

–Bảy pháp thứ bảy là khó nhận biết bảy chỗ thức nương tựa:

1. Có sắc thân nhưng khác thân, khác hình tướng, ví như trong loài người hoặc trên cõi trời, là chỗ thứ nhất nơi thức nương tựa.

2. Có hình sắc, có nhiều thân chỉ có một tưởng, như chư Thiên trên cõi Phạm thiên lúc mới sanh về cõi ấy, là chỗ thứ hai nơi thức

nương tựa.

3. Tại cõi Sắc, một thân hình một tư tưởng, như cõi trời Tự tại sáng chói, là chỗ thứ ba thức nương tựa.

4. Cõi không có sắc, chỗ người tu hành tất cả sắc tướng đã diệt, vô lượng niệm sân đã dừng, ví như cõi trời tên là Không xứ. Đây là chỗ thứ tư nơi thức nương tựa.

5. Cõi không có sắc, chỗ người tu hành tất cả từ Không xứ được vượt đến Thức xứ, tịnh chỉ không hạn lượng, như cõi trời tên là Thức xứ. Đây là chỗ thứ năm nơi thức nương tựa.

6. ...[1]

7. Cõi không nương hình sắc, chỗ người tu hành không có tưởng cũng không lìa tưởng, như cõi trời tên là Phi tưởng. Đây là chỗ thứ bảy nơi thức nương tựa.

–Bảy pháp thứ tám là bảy pháp thực hành khiến có được định ý:

1. Thấy biết ngay thẳng.

2. Nhớ nghĩ ngay thẳng.

3. Nói năng ngay thẳng.

4. Phương pháp ngay thẳng.

5. Tạo nghiệp ngay thẳng.

6. Phương tiện ngay thẳng.

7. Tâm ý ngay thẳng.

–Bảy pháp thứ chín là nên biết bảy điều hiện tại phải suy nghĩ:

1. Nếu người tu hành trong đạo, ý đặt niềm tin nơi Đức Phật để làm căn bản vào đạo thì tâm sẽ sanh trưởng, an trú, không hư hoại. Nếu có Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên, Ma, Phạm, cũng như các người tu hành khác trong thế gian không thể phá hoại được.

2. Trì giới, giữ luật phải nhiếp tâm vào giới, như kẻ tử tội đang sợ hãi vào ra thành, trì giới học giới cũng vậy.

3. Có thiện tri thức là tốt, có người tốt đồng ở, sẽ tự trở về chỗ tốt đẹp.

4. Riêng ở một mình, không có người khác để khỏi mất tự chủ về hành động, mất tự chủ về thân và mất tự chủ về ý.

5. Duy trì hạnh tinh tấn, vững chắc trong hạnh tinh tấn, không bỏ

---

1. Đại 1, tr.236c: không có.

phương tiện của đạo pháp.

6. Ý suy nghĩ: "Thà để thân, da, gân, xương, máu của mình đều tiêu hoại, cũng chỉ siêng năng đối với việc nên làm".

7. Người có chiêm nghiệm vững chắc, tu hành không bỏ phương tiện, pháp tu hành trong đạo cần phải đạt được. Nếu mình chưa được thì phải siêng năng, không được nửa đường dừng nghỉ, giữ ý thực hành, cố ý duy trì thực hành, tự mình tu hành lâu dài, giảng nói lâu dài, ý không quên mất.

Bảy điều này do tuệ nhớ nghĩ tu hành biết rõ về sanh diệt, được trí tuệ. Đây là bảy điều hiện tại phải suy nghĩ.

–Bảy pháp thứ mười là bảy pháp sẽ khiến đưa đến chứng ngộ:

1. Có giáo pháp; 2. Có hiểu rõ; 3. Biết thời; 4. Biết đủ; 5. Biết tự thân; 6. Biết đại chúng; 7. Biết người trước kẻ sau.

Đây là bảy mươi pháp của người tu hành, không trái, không khác, có thẩm xét, không mê lầm, không điên đảo như người cầm đèn tuệ, tùy ý quán sát.

❑

KINH TRƯỜNG A-HÀM
THẬP BÁO PHÁP
QUYỂN II

–Tám pháp thứ nhất là Người tu hành muốn tăng trưởng nơi gốc thực hành nhưng chưa được trí tuệ, cần có tám pháp làm nhân duyên. Những gì là tám:

1. Nếu người tu hành nương theo lời Đức Phật, thọ giáo răn dạy mà thực hành, cũng nương tự bậc trí tuệ, kẻ đồng học là căn bản tu hành, nếu chưa được trí tuệ liền được trí tuệ. Đây là nhân duyên của pháp thứ nhất.

2. Đã nương tựa Phật, cũng nương tựa bậc trí tuệ, kẻ đồng học, thường được nghe kinh pháp vi diệu, là căn bản để tăng trưởng việc tu hành, không được trí tuệ căn bản liền được trí tuệ căn bản. Đây là nhân duyên của pháp thứ hai.

3. Đã nghe pháp, không chấp vào thân, không chấp vào ý, từ đó làm nhân duyên căn bản cho sự tu hành, không được trí tuệ liền được trí tuệ. Đây là nhân duyên của pháp thứ ba.

4. Đã nghe pháp, tinh tấn thực hành, từ đó làm căn bản cho sự tu hành được tăng trưởng, không được trí tuệ liền được trí tuệ. Đây là nhân duyên của pháp thứ tư.

5. Giữ gìn ý tưởng, tự mình tận lực tu hành, có thời gian lâu tu trì, có thời gian giảng nói, muốn nhớ nghĩ liền được nhớ, sự tu hành được tăng trưởng, không được trí tuệ liền được trí tuệ. Đây là nhân duyên của pháp thứ năm.

6. Nhận lời giảng dạy cũng như nhận được giáo pháp tu hành, làm tu hành được tăng trưởng, không được trí tuệ liền được trí tuệ. Đây là nhân duyên của pháp thứ sáu.

7. Vui trong giáo pháp, vui trong việc thực hành, thường giảng nói kinh làm tu hành tăng trưởng, không được trí tuệ liền được trí tuệ. Đây là nhân duyên của pháp thứ bảy.

8. Biết năm ấm tăng giảm nên tu hành. Hoặc là sắc, hoặc là sự tập khởi của sắc, hoặc từ đó mà sắc được diệt đều biết rõlà tư tưởng, thống, lương khổ do thức sanh tử phân biệt. Từ sự nhận biết đó mà được vượt qua. Đó là căn bản của sự tu hành được tăng trưởng, chưa được trí tuệ liền được trí tuệ. Đây là nhân duyên của pháp thứ tám.

–Tám pháp thứ hai là: người theo tám pháp này tu hành có thể đạt đến đạo, có tám con đường:

1. Thấy biết chân chánh.
2. Nhớ nghĩ chân chánh.
3. Nói năng chân chánh.
4. Học pháp chân chánh.
5. Tạo nghiệp chân chánh.
6. Phương tiện chân chánh.
7. Tâm ý chân chánh.
8. Thiền định chân chánh.

–Tám pháp thứ ba là nên biết tám pháp nơi thế gian:

1. Lợi.
2. Không lợi.
3. Danh tiếng.
4. Không danh tiếng.
5. Luận bàn.
6. Đáng khen.
7. Vui thích.
8. Không vui thích.

–Tám pháp thứ tư nên bỏ là:

1. Thấy biết không chân chánh.
2. Nhớ nghĩ không chân chánh.
3. Nói năng không chân chánh.
4. Tu pháp không chân chánh.
5. Tạo nghiệp không chân chánh.
6. Dùng phương tiện không chân chánh.
7. Tâm ý không chân chánh.

8. Thiền định không chân chánh.

–Tám pháp thứ năm là nên giảm bỏ tám thứ:

1. Không nên mê mờ, chẳng tinh tấn đối với đạo. Người tu hành nên ở quận huyện, ở nơi thôn xóm, cũng như những nơi khác, tùy chỗ tu hành, buổi sáng thức dậy mang y, cầm bát vào xóm làng khất thực, trong lòng suy nghĩ sẽ được nhiều đồ ăn vừa ý. Đã đi khất thực mà không được nhiều đồ ăn, liền suy nghĩ: "Hôm nay ta không nhận được nhiều đồ ăn vừa ý, thân gầy yếu không thể ngồi thiền nên đi nằm ngủ", liền đi nằm ngủ. Lại cũng không tìm cầu phương tiện giải thoát thế gian, điều chưa được không được, vấn đề chưa hiểu không hiểu, việc nên tự biết không chịu tự biết. Đây là một loại người mê mờ, không siêng năng trong đạo.

2. Người tu hành hoặc ở quận huyện, ở nơi thôn xóm, cũng như ở những nơi khác, tùy theo chỗ ở tu hành. Buổi sáng thức dậy mang y, cầm bát vào xóm làng khất thực, trong tâm nghĩ sẽ khất thực được nhiều đồ ăn vừa ý, tự mình sau đó nhận được nhiều đồ ăn, suy nghĩ: "Ta sáng nay nhận được nhiều đồ ăn vừa ý", liền nghĩ: "Sáng nay ta được ăn nhiều đồ ăn, làm cho thân nặng nề, không kinh hành hay ngồi thiền được, ta nay nên đi nằm nghỉ", liền đi nằm nghỉ, không tìm phương tiện vượt thoát thế gian, chỗ nên được không được, vấn đề nên hiểu không hiểu, việc nên tự biết không thể tự biết. Đây là việc mê mờ thứ hai.

3. Hoặc có người tu hành, khi cần đi hành đạo, liền sanh ý nghĩ: "Ta phải nên đi hành đạo, nhưng ta không có khả năng hành đạo, không thể đi giáo giới, ta nên đi nằm nghỉ". Không tìm cầu phương tiện vượt thoát thế gian, chỗ nên được chưa được, vấn đề nên hiểu chưa hiểu, điều cần tự biết chưa tự biết. Đây là việc mê mờ thứ ba.

4. Hoặc có người tu hành, suốt ngày hành đạo, ý nghĩ: "Từ sáng hành đạo đến giờ, thân thể mệt mỏi, không thể ngồi thiền hoặc đi kinh hành, ta phải đi nằm nghỉ", liền bỏ đi nằm nghỉ, không tìm cầu phương tiện vượt thoát thế gian, việc nên được lại không được, vấn đề nên hiểu không hiểu, cần phải tự biết phép chứng đắc không tự biết phép chứng đắc. Đây là loại mê mờ thứ tư.

5. Hoặc có người tu hành sắp nỗ lực tu tập, lại nghĩ: "Ta nên siêng tu hành, nhưng ta không có khả năng tu tập, không có khả năng vâng nhận lời răn dạy, ta nên dành chút thời gian để nghỉ ngơi", liền

đi nằm nghỉ, không tìm cầu phương tiện vượt thoát thế gian, cần theo kịp người thì không thể theo kịp, điều nên hiểu thì không hiểu, nên tự mình chứng biết mà không thể tự chứng biết. Đây là điều mê mờ thứ năm.

6. Hoặc có người tu hành suy nghĩ: "Ta từ sáng đến giờ hành đạo nên thân thể mệt mỏi không thể ngồi thiền, ta phải đi nằm nghỉ". Người ấy đi nghỉ, không tìm cầu phương tiện vượt thế gian, điều nên được lại không được, việc nên rõ không rõ, nên tự chứng biết thì không tự chứng biết. Đây là điều mê mờ thứ sáu.

7. Hoặc có người tu hành đã bị khổ vì bệnh, liền suy nghĩ: "Ta đã khổ vì mắc bệnh, thân thể yếu đuối không thể đi kinh hành, không thể ngồi thiền, ta cần phải nằm nghỉ", liền đi ngủ nghỉ, không tìm cầu phương tiện vượt thoát thế gian, việc nên được lại không được, điều nên hiểu lại không hiểu, nên tự chứng biết thì không tự chứng biết. Đây là điều mê mờ thứ bảy.

8. Hoặc có người tu hành gặp lúc bệnh mới vừa khỏi, sau đó liền nghĩ: "Ta bị bệnh mới lành, thân thể còn yếu đuối, không thể kinh hành hoặc ngồi thiền, ta nên đi nằm nghỉ", liền bỏ đi nằm ngủ, không tìm cầu phương tiện vượt thoát thế gian, điều nên được thì không được, việc nên hiểu không hiểu, pháp nên tự chứng biết thì không thể tự chứng biết. Đây là điều mê mờ thứ tám.

–Tám pháp thứ sáu là tám phương tiện tinh tấn tu tập làm tăng trưởng đạo lực.

1. Người tu hành hoặc ở quận huyện, hoặc ở thôn xóm, cũng như các chỗ khác, tại chỗ tu hành, buổi sáng thức dậy, mang y cầm bát vào xóm làng khất thực, ý nghĩ sẽ được nhiều đồ ăn, nhưng không được nhiều đồ ăn nên tự nghĩ: "Ta sáng nay không nhận được đồ ăn, thân nhẹ nhàng, có thể kinh hành, ngồi thiền, giúp phương tiện cho ta", pháp chưa được liền được, vấn đề chưa hiểu liền hiểu, chưa tự biết sẽ tự biết. Đây là phương tiện siêng năng thứ nhất.

2. Hoặc có người tu hành, nếu ở tại quận huyện, hoặc ở thôn xóm, cũng như những nơi khác, ở chỗ tu hành, buổi sáng thức dậy mang y cầm bát vào xóm làng khất thực, ý nghĩ sẽ được nhiều đồ ăn liền suy nghĩ: "Ta sáng nay nhận được nhiều đồ ăn vừa ý, thân có sức lực, trước nên ngồi thiền hoặc kinh hành, giúp phương tiện cho sự mong muốn của ta", chưa được liền được, chưa hiểu nên hiểu, chưa tự biết nên tự biết. Đây là phương tiện siêng năng thứ hai.

3. Hoặc có người tu hành sắp đi hành đạo, tuy thân không thể hành đạo, cũng chưa nhận lời răn dạy về hành đạo, tự nghĩ: "Ta phải tìm cầu phương tiện để được răn dạy về hành đạo, để giúp phương tiện cho tự mình hành đạo", chưa được sẽ đạt được, chưa hiểu rồi sẽ hiểu, chưa tự biết rồi cũng tự biết. Đây là phương tiện siêng năng thứ ba.

4. Hoặc có người tu hành, đã đi hành đạo lại sanh ý nghĩ: "Ta đã hành đạo từ lâu nay, bây giờ không thể tự hành đạo nữa, không thể phụng sự việc giảng đạo nữa, như thế là khiến ta mở ngõ cho việc sai phạm", có suy nghĩ ấy nên những gì chưa được sẽ được, chưa tự biết sẽ tự biết. Đây là phương tiện siêng năng thứ tư.

5. Hoặc có người đang tu tập, liền suy nghĩ: "Ta không thể tự tạo việc tu hành để thành tựu việc giáo hóa, mà ta phải trước tìm cầu pháp phương tiện", liền trước hết thực hành pháp phương tiện, do đó pháp chưa được sẽ được, điều chưa hiểu sẽ hiểu, việc chưa tự biết sẽ tự biết. Đây là phương tiện siêng năng thứ năm.

6. Hoặc có người đã tận lực tu tập, liền nghĩ: "Ta đã tận lực tu hành, không còn cần tu tập để thành tựu việc giảng dạy, như thế là sẽ khiến cho ta vướng vào chỗ bế tắc, sai phạm. Phải tìm cầu pháp phương tiện để hóa giải chỗ sai phạm bế tắc đó". Như thế pháp chưa được sẽ được, điều chưa hiểu rõ sẽ rõ, nếu chưa tự biết sẽ tự biết. Đây là phương tiện siêng năng thứ sáu.

7. Hoặc có người tu hành, thân có bệnh rất cực khổ, liền nghĩ: "Ta có bệnh khổ, có khi do bệnh mà chết. Ta phải mau gấp tìm cầu phương tiện tu hành". Nhờ tu tập, pháp chưa được sẽ được, điều chưa hiểu sẽ hiểu, nếu chưa tự biết sẽ biết. Đây là phương tiện siêng năng thứ bảy.

8. Hoặc có người tu hành vừa bị bệnh mới khỏi không lâu, liền suy nghĩ: "Thân ta vừa bệnh mới khỏi, sợ bệnh trở lại, nay ta nên trước tìm cầu phương tiện tu hành", liền tìm cầu phương tiện tu hành, điều chưa được sẽ được, việc chưa rõ sẽ rõ, chưa tự biết sẽ tự biết. Đây là phương tiện siêng năng thứ tám.

–Tám pháp thứ bảy là tám giải thoát khó cảm thọ:

1. Nếu có người tu hành, trong tưởng sắc, ngoài quán sắc, nếu có ít nhiều sắc xấu tốt đều thấy biết tự tại, ý tưởng cũng như thế. Đây là giải thoát thứ nhất.

2. Nếu có người hành đạo, bên trong thiền tư cảnh sắc, ngoài thấy

sắc. Đây là giải thoát thứ hai.

3. Nếu có người tu hành, thân thanh tịnh giải thoát nhờ rõ biết về cảm thọ để tu hành. Đây là pháp giải thoát thứ ba.

4. Đều vượt qua tất cả sắc tưởng, diệt sân hận, bao nhiêu tâm niệm "có", "không" đều diệt, không còn cảm thọ. Đây là giải thoát thứ tư.

5. Vượt qua tất cả không xứ, không còn có thức thọ hành. Vượt qua tất cả thức xứ, không còn chịu sức tác dụng cảm thọ của thức. Đây là pháp giải thoát thứ năm.

6. Vượt qua tất cả niệm vô sở hữu, không dụng công với tưởng "hữu", "vô" cũng chẳng cảm thọ với tưởng "hữu", "vô". Đây là pháp giải thoát thứ sáu.

7. Vượt qua tất cả tưởng "hữu", "vô" cũng không tu tập tưởng "hữu", "vô". Đây là giải thoát thứ bảy.

8. Diệt tưởng và tư, tự thân biết rõ của cảm thọ. Đây là pháp giải thoát thứ tám.

–Tám pháp thứ tám: Gồm có tám sự nhớ nghĩ của bậc Đại nhân. Thế nào là tám?

1. Vì nhớ nghĩ đạo pháp nên là người thiểu dục, không phải đa dục.

2. Vì đạo pháp, là người tri túc, không tri túc sẽ không có đạo pháp.

3. Vì đạo pháp, là người biết tiếp nhận pháp tu hành, không thọ nhận pháp tu hành sẽ không có đạo pháp.

4. Vì đạo pháp, là người tinh tấn, không tinh tấn sẽ không có đạo pháp.

5. Vì đạo pháp, là người giữ gìn ý, không giữ gìn ý sẽ không có đạo pháp.

6. Vì đạo pháp, là người định tâm ý, không định ý sẽ không có đạo pháp.

7. Vì đạo pháp, là người trí tuệ, không có trí tuệ sẽ không có đạo pháp.

8. Vì đạo pháp, không có nhà là vui, cũng có thể không có nhà không vui, nhưng người cùng ở chung nhà mới vui, cùng ở là không có đạo pháp.

Đây là tám sự nhớ nghĩ của bậc Đại nhân.

–Tám pháp thứ chín là nên biết tám pháp. Đó là những gì?

1. Bên trong tưởng sắc, ngoài thấy sắc, ít đoan chánh hoặc không đoan chánh, gồm thâu được sắc, biết tự tại, cũng được tự tại trong khi thấy, trong ý nghĩ. Đây là tự tại thứ nhất.

2. Bên trong quán niệm sắc, ngoài thấy sắc, thấy sắc chẳng qua chỉ nơi tác động nên biết tự tại, thấy tự tại. Quán tư tưởng như vậy là tự tại thứ hai.

3. Bên trong quán tưởng không có sắc, ngoài thấy sắc, ít đoan chánh hoặc không đoan chánh, nơi sắc hay tu hành, để biết tự tại, thấy tự tại. Quán tưởng như vậy là tự tại thứ ba.

4. Bên trong không nghĩ về sắc, ngoài thấy sắc, không những là đoan chánh hay không đoan chánh, nơi sắc hay tu hành, để biết tự tại, thấy tự tại. Quán tưởng như vậy là tự tại thứ tư.

5. Bên trong niệm tưởng về sắc, bên ngoài thấy sắc màu xanh, sắc xanh, ánh sáng xanh, tướng thấy xanh, ví như hoa sen xanh thơm ngát, màu sắc xanh, ánh sáng, tướng thấy xanh. Trong tưởng sắc, ngoài thấy sắc, màu sắc xanh, ánh sáng xanh, tướng thấy xanh như vậy. Quán tưởng như thế là tự tại thứ năm.

6. Bên trong quán tưởng biết sắc, bên ngoài thấy sắc màu vàng, sắc vàng, ánh sáng vàng, tướng thấy vàng, ví như hoa Gia-ni, như y màu vàng rất sáng, sắc vàng, ánh sáng vàng, tướng thấy vàng. Bên trong tưởng sắc, thấy sắc bên ngoài màu vàng, ánh sáng vàng, tướng thấy vàng như vậy. Quán tưởng như vậy là tự tại thứ sáu.

7. Bên trong tưởng sắc, ngoài thấy sắc màu đỏ, sắc đỏ, ánh sáng đỏ, tướng thấy đỏ, ví như hoa sắc đỏ, cũng như áo sắc rất đỏ, màu đỏ, sắc đỏ, ánh sáng đỏ, tướng thấy đỏ. Người tu hành bên trong tưởng sắc, ngoài thấy sắc màu đỏ, sắc đỏ, ánh sáng đỏ, tướng thấy đỏ như vậy. Như vậy, người tu hành tự tại biết, tự tại thấy màu sắc. Quán tưởng như thế là tự tại thứ bảy.

8. Bên trong tưởng sắc, ngoài thấy sắc màu trắng, sắc trắng, ánh sáng trắng, tướng thấy trắng, ví như sao sáng, cũng như áo trắng còn mới, màu trắng, sắc trắng, ánh sáng trắng, tướng thấy trắng. Như vậy người tu hành bên trong tưởng sắc, bên ngoài thấy sắc, màu trắng, sắc trắng, tướng thấy trắng. Như vậy màu sắc là đối tượng tu tập để biết tự tại, thấy tự tại. Quán tưởng như thế là tự tại thứ tám.

–Tám pháp thứ mười là người tu hành khi quán cần tự biết tám

điều không chấp trước:

1. Do năng lực không vướng mắc của người tu hành nên nhận thấy rõ ái dục ví như lửa dữ. Biết rõ mình thấy như vậy và rõ mình thấy như vậy thì kiến niệm ái dục qua nhanh và khiến tâm sáng suốt, không còn chấp trước. Đây là năng lực thứ nhất.

2. Đã tu hành Tứ ý chỉ, đầy đủ, không có chấp trước. Đây là năng lực thứ hai.

3. Đã tu hành Tứ ý đoạn (Tứ chánh cần) đầy đủ. Đây là năng lực thứ ba.

4. Đã tu hành Tứ thiền túc (Tứ thần túc) đầy đủ. Đây gọi là năng lực thứ tư.

5. Đã tu hành Năm căn đầy đủ. Đây là năng lực thứ năm.

6. Đã tu hành Năm lực đầy đủ. Đây là năng lực thứ sáu.

7. Đã tu hành Thất giác ý đầy đủ. Đây là năng lực thứ bảy.

8. Đã tu hành Bát hành (Bát chánh đạo) đầy đủ. Đây là năng lực thứ tám.

Đây là tám mươi pháp của người tu hành, không trái, không khác, có thẩm xét, không mê lầm, không điên đảo, như người cầm đèn tuệ, tùy ý quán sát.

–Chín pháp thứ nhất là người tu tập nên thực hành chín điều làm tâm ý an vui. Thế nào là chín?

1. Nghe pháp vui.

2. Tâm niệm vui.

3. Hoan hỷ vui.

4. Ưa thích vui.

5. Tốt đẹp vui.

6. An ổn vui.

7. Định tĩnh vui.

8. Dừng nghỉ vui.

9. Xa lìa vui.

–Chín pháp thứ hai là siêng năng để đạt đến chỗ thanh tịnh. Thế nào là chín?

1. Siêng năng đạt đến thanh tịnh.

2. Tâm ý đạt đến thanh tịnh.

3. Nhận thức đạt đến thanh tịnh.

4. Niệm nghi đạt đến thanh tịnh.

5. Thuyết đạo đạt đến thanh tịnh.

6. Dùng trí tuệ thấy như thật.

7. Trí tuệ nhận thức đoạn tham ái, đạt đến thanh tịnh.

8. Là đoạn hết chủng tử.

9. Là vượt khỏi thế gian.

–Chín pháp thứ ba là nên biết chín chỗ thần thức nương ở. Thế nào là chín?

1. Có sắc thân nhóm họp nơi thần thức nương gá, có bao nhiêu thân là có bấy nhiêu tưởng, chẳng phải một, ví như loài người và một số chư Thiên cõi Dục. Đây là cõi thứ nhất thần thức nương gá.

2. Có hình sắc, nơi thần thức nương gá, có nhiều thân nhưng chỉ có một tưởng, ví như cõi trời tên Phạm ý (Phạm chúng) khi thân mạng lúc đầu mới sanh lên. Đây là cõi thứ hai thần thức nương gá.

3. Có hình sắc, thân gá, thức nương, một thân mà có nhiều tưởng, ví như cõi trời Lạc minh (Quang âm). Đây là cõi thứ ba thần thức nương gá.

4. Có hình sắc, thần thức nương, có một thân và một tưởng, ví như cõi trời Biến tịnh. Đây là cõi thứ tư thần thức nương gá.

5. Có hình sắc, thần thức nương, không có thọ, không có tưởng, ví như cõi trời Vô tưởng. Đây là cõi thứ năm nơi thần thức nương gá.

6. Có hữu tình không có hình sắc, thần thức nương, đã vượt qua tất cả sắc tưởng, diệt sân hận còn ý niệm, có nhiều thân nhưng không còn thọ hành. Ví như cõi trời Không tuệ (Hư không là vô biên). Đây là cõi thứ sáu nơi thần minh nương vào.

7. Có hữu tình không có hình sắc, thần thức nương, đã vượt qua hoàn toàn Không vô biên xứ, đến thức tuệ hành (Thức là vô biên) đã hết ý niệm. Ví như cõi trời Thức tuệ hành (Thức vô biên xứ). Đây là cõi thứ bảy thần minh nương gá.

8. Có hữu tình không có hình sắc, thần thức nương, tất cả từ thức vô biên, lại vượt qua vô sở hữu tuệ thọ hành. Ví như cõi trời Vô sở niệm tuệ (Vô sở hữu xứ). Đây là cõi thứ tám thần minh nương gá.

9. Có hữu tình không có hình sắc, chỗ thức nương, tất cả từ Vô sở hữu xứ vượt qua cõi không có tư tưởng cũng không lìa tư tưởng, cảm thọ hoàn toàn dừng dứt, như cõi trời Phi tưởng phi phi tưởng. Đây là cõi thứ chín thần minh nương gá.

–Chín pháp thứ tư là nên nhổ sạch chín thứ trói buộc. Những gì là chín?

1. Ái dục là sự trói buộc thứ nhất.
2. Sân hận là sự trói buộc thứ hai.
3. Kiêu mạn là sự trói buộc thứ ba.
4. Ngu si là sự trói buộc thứ tư.
5. Tà kiến là sự trói buộc thứ năm.
6. Nghi ngờ là sự trói buộc thứ sáu.
7. Tham lam là sự trói buộc thứ bảy.
8. Tật đố là sự trói buộc thứ tám.
9. Xan tham là sự trói buộc thứ chín.

–Chín pháp thứ năm là nên diệt trừ chín thứ phiền não căn bản. Những gì là chín?

1. Người tu hành nếu có ý muốn làm việc ác sẽ không an ổn, khiến bị bức bách, cũng như nghĩ các điều ác. Nếu người tu hành nghĩ đến, từ đó sẽ sanh các phiền não. Đây là phiền não thứ nhất.

2. Nếu người tu hành trước đã có làm ác nên không an, đã bị bức bách vì các điều ác đã thi hành, nếu người tu hành còn nghĩ nhớ đến, từ đấy sẽ sanh phiền não. Đây là phiền não thứ hai.

3. Nếu người tu hành, sau lại có ý muốn làm ác khiến cho không an mà vẫn muốn làm, bị bức bách mà vẫn muốn làm các điều ác. Nếu người tu hành niệm tưởng đến, từ đấy sẽ sanh phiền não. Đây là phiền não thứ ba.

4. Nếu người tu hành do gần gũi người có ý mong muốn làm ác, người ấy gần gũi người muốn làm ác, mong làm ác nên không an mà vẫn muốn làm, bị bức bách bởi muốn làm các điều ác. Nếu người tu hành nghĩ nhớ đến, từ đấy sanh phiền não. Đây là phiền não thứ tư.

5. Nếu người tu hành có gần gũi người đã thi hành việc ác thì tâm không an, bị bức bách do gần người làm các điều ác. Nếu người tu tập còn nghĩ nhớ đến, từ đấy sẽ sanh phiền não. Đây là phiền não thứ năm.

6. Nếu người tu hành do gần gũi nhau, sau lại bày ra việc ác nên sanh ra việc bất an, gây ra việc bức bách do làm các việc ác. Nếu người tu hành có tâm hướng như thế, từ đấy sẽ sanh các phiền não. Đây là phiền não thứ sáu.

7. Nếu người tu hành e ngại không tiện lợi và giúp ích cho việc tu hành, sợ không thuận tiện cho nhau nên muốn thiết lập sự an ổn, muốn giải tỏa bức bách, không muốn phải có các điều ác. Nếu người tu hành không chủ hướng, ý niệm như vậy, từ đấy sẽ sanh ra các phiền não. Đây là phiền não thứ bảy.

8. Nếu người tu hành e ngại không tiện lợi và muốn giúp ích cho việc tu hành, không thuận tiện cho nhau nên đã thiết lập sự an ổn, đã giải tỏa sự bức bách, không muốn có các điều ác. Nếu người tu hành hướng niệm không được như vậy, từ đấy sẽ sanh phiền não. Đây là phiền não thứ tám.

9. Nếu người tu hành e ngại không tiện cho nhau trong việc tu hành, sợ không tiện lợi cho nhau nên đã trợ giúp, đã an ổn, đã giải tỏa bức bách cũng như các điều ác. Nếu người tu hành hướng niệm không

được như vậy là không cho nhau được an lạc. Từ đấy sanh phiền não. Đây là phiền não thứ chín.

–Chín pháp thứ sáu là nên suy nghĩ trừ bỏ chín phiền não của ý. Thế nào là chín?

1. Nếu có người tu hành cho rằng: "Vì ta hay quên nên khiến ta có dị tưởng, khiến ta không vui, làm cho ta không an ổn, và ta đã làm ác, còn duy trì ý hướng về phiền não ấy". Nếu người tu hành hướng niệm như vậy, là phiền não thứ nhất.

2. Hoặc có người tu hành nghĩ rằng: "Vì tự ta hay quên nên khiến ta có dị tưởng, khiến ta không vui, làm cho ta không an ổn, là ta đã làm ác và còn duy trì ý hướng về phiền não ác ấy". Nếu người tu hành hướng niệm như vậy là phiền não thứ hai.

3. Hoặc có người tu hành tự nghĩ: "Vì ta hay quên nên khiến ta có dị tưởng, khiến ta không vui, làm cho ta không an ổn, ta có thể đã làm ác và còn duy trì ý hướng phiền não ấy". Nếu người tu hành hướng niệm như vậy, gọi là phiền não thứ ba.

4. Hoặc có người tu hành đôi khi tự nghĩ: "Ta có nhiều tình cảm thân thiết nên gần nên khiến ta mà hay quên, khiến ta có dị tưởng, khiến ta không vui, không an ổn, ta đã làm điều ác và còn duy trì ý hướng về phiền não ấy". Nếu người tu hành còn nhớ nghĩ như vậy, ấy là phiền não thứ tư.

5. Hoặc có người tu hành có khi tự nghĩ: "Ta có nhiều tình cảm thân thiết nên khiến ta hay quên, khiến ta dị tưởng, khiến ta không vui, không an ổn, vì thấy làm ác và còn giữ ý hướng về phiền não ấy. Nếu người tu hành hướng niệm như vậy là phiền não thứ năm.

6. Hoặc có người tu hành có lúc tự nghĩ: "Ta có nhiều tình cảm thân thiết nên khiến ta hay quên, khiến ta có dị tưởng, khiến ta không vui, không an ổn vì có thể ta đã làm ác và còn duy trì ý hướng về phiền não ấy. Nếu người tu hành còn có ý hướng như vậy, gọi là phiền não thứ sáu.

7. Hoặc có người tu hành sanh khởi ý nghĩ: "Ta không cùng phương tiện, ta nghĩ nhớ ác, khiến ta không an ổn, khiến ta nghĩ nhớ điều không tốt, vì nó khiến ta oán hận. Thật có ích lợi nếu được làm cho tâm an, được vui, được an ổn. Ta đã giữ ý hướng về phiền não ấy". Nếu người tu hành hướng niệm như vậy là phiền não thứ bảy.

8. Hoặc có người tu hành sanh khởi ý nghĩ: "Ta không cùng

phương tiện, ta nghĩ nhớ ác, khiến ta không an ổn, khiến ta nghĩ nhớ điều không tốt, vì nó khiến ta thù oán. Thật lợi ích nếu làm cho tâm được an, được vui, được an ổn, thấy làm mà vẫn giữ chặt ý hướng quay điểm về phiền não". Nếu người tu hành hướng niệm như vậy là phiền não thứ tám.

9. Hoặc có người tu hành sanh khởi ý nghĩ: "Ta không cùng phương tiện, ta nghĩ nhớ ác, khiến ta không an ổn, khiến ta nghĩ nhớ điều không tốt, bởi vì nó khiến ta thù oán. Thật lợi ích nếu làm cho tâm được an, được vui, được an ổn. Tâm muốn làm mà ta vẫn giữ ý hướng về phiền não ác ấy". Nếu người tu hành hướng niệm như vậy là phiền não thứ chín.

–Chín pháp thứ bảy là chín chỗ nương trú khó có. Những gì là chín?

1. Nếu người tu hành được nương trú vào đức tin thì có thể bỏ điều xấu được điều tốt. Đây là chỗ nương trú thứ nhất.

2. Nếu người tu hành có ý tu tập xả bỏ tâm chấp trước, không muốn chấp trước. Đây là chỗ nương trú thứ hai.

3. Nếu người tu hành sanh khởi tâm tinh tấn, từ bỏ tâm không khởi tinh tấn. Đây là chỗ nương trú thứ ba.

4. Nếu người tu hành tự giữ chỗ an nhàn, xả bỏ tâm không giữ. Đây là chỗ nương trú thứ tư.

5. Nếu người tu hành có thể kham nhẫn, nương vào sự kham nhẫn như vậy mà được an trú thì đã được tâm trắc đạt chân chánh. Đây là chỗ nương trú thứ năm.

6. Nếu người tu hành xả bỏ một pháp (để tiến lên). Đây là chỗ nương trú thứ sáu.

7. Đã xả một pháp liền hiểu rõ thêm một pháp. Đây là chỗ nương trú thứ bảy.

8. Đã hiểu rõ một pháp liền thọ một pháp. Đây là chỗ nương trú thứ tám.

9. Đã thọ một pháp liền thực hành một pháp. Đây là chỗ nương trú thứ chín.

–Chín pháp thứ tám là chín thứ định. Những gì là chín?

1. Tâm ý an trú ở Sơ thiền là định thứ nhất.

2. Từ định thứ nhất tuần tự đạt đến rốt ráo Nhị thiền là định thứ hai.

3. Từ định thứ hai tuần tự đạt đến rốt ráo Tam thiền là định thứ ba.

4. Từ định thứ ba tuần tự đạt đến rốt ráo Tứ thiền là định thứ tư.

5. Từ thiền thứ tư tuần tự đạt đến rốt ráo Không xứ là định thứ năm.

6. Từ Không xứ tuần tự đạt đến rốt ráo Thức xứ là định thứ sáu.

7. Từ Thức xứ tuần tự đạt đến rốt ráo Vô sở hữu xứ là định thứ bảy.

8. Từ Vô sở hữu xứ tuần tự đạt đến rốt ráo chỗ không có tư tưởng (Phi tưởng phi phi tưởng xứ) là định thứ tám.

9. Từ chỗ không có tưởng tuần tự đạt đến Diệt thọ tưởng là định thứ chín.

–Chín pháp thứ chín là nên biết chín chỗ không hợp thời. Người tu hành sanh vào chín chỗ này, dù tu hành cũng không viên mãn. Những gì là chín?

1. Con người khi ở trong địa ngục mà tội báo chưa hết thì không thể đắc đạo.

2. Hoặc khi bị đọa vào loài súc sanh, tội báo chưa hết cũng không thể đắc đạo.

3. Hoặc khi làm thân ngạ quỷ, tội báo chưa hết cũng không thể đắc đạo.

4. Hoặc được sanh ở cõi trời Trường thọ, khi phước báo chưa hết cũng không thể đắc đạo.

5. Hoặc có khi đối với ý nghĩa của Phật pháp, do không có người giảng nói nên không được tiếp nhận, cũng không thể đắc đạo.

6. Hoặc khi bị tai điếc không nghe Pháp, không thể nhận lãnh Pháp, cũng không thể đắc đạo.

7. Hoặc khi bị câm, không thể thọ trì, không thể đọc tụng, cũng không thể đắc đạo.

8. Hoặc khi được nghe mà không thể tiếp nhận, cũng không thể đắc đạo.

9. Hoặc khi chưa được sáng suốt, không khai mở tâm ý để giảng nói kinh pháp, cũng không thể đắc đạo.

–Chín pháp thứ mười là chín pháp tự chứng biết không còn phải diệt. Những gì là chín?

1. Diệt trừ khổ của danh tự (danh sắc).

2. Diệt trừ sáu nhập (lục nhập).

3. Diệt trừ cánh thọ (xúc).

4. Diệt trừ các thống (thọ).

5. Diệt trừ tham ái (ái)

6. Diệt trừ thọ (thủ).

7. Diệt mong cầu (hữu).

8. Diệt trừ sanh (sanh).

9. Diệt già, chết (lão tử).

Đây là chín mươi pháp của người tu hành, không trái, không khác, có thẩm xét, không mê lầm, không điên đảo, như người cầm đèn tuệ, tùy ý quán xét.

–Mười pháp thứ nhất là tăng trưởng các đạo hạnh, giữ gìn Phật pháp, cứu giúp chúng sanh. Những gì là mười?

1. Nếu có vị đệ tử theo Đức Như Lai nhận lãnh đạo pháp, trọn đời phát nguyện tin theo thì không ai có thể phá hoại được dù là Sa-môn, Bà-la-môn, Trời, Ma, Phạm thiên, cũng như loài người tại thế gian.

2. Tu tập, giữ gìn giới luật thanh tịnh, có thể hiểu rõ các việc phải làm, theo đó sợ phạm các tội đã gặp, thấy rõ như trong luật dạy răn để tu học.

3. Có trí tuệ phân biệt, có tuệ tùy thuận với người, có tuệ đạt pháp một cách trọn vẹn.

4. Ngồi một mình tư duy, tu tập điều khiển, chế ngự cả thân và ý.

5. Tu tập, thọ trì một cách siêng năng, có năng lực hiểu rõ các pháp, rồi nỗ lực thực hành, không từ bỏ pháp phương tiện thanh tịnh.

6. Ở đâu cũng giữ gìn tâm ý. Tâm ý rất nhiệm mầu, tùy theo các pháp đã làm, đã nói lâu xa mà vẫn có thể nhớ rõ, có thể hiểu thấu suốt.

7. Tu tập trí tuệ, từ trí tuệ biết rõ các pháp sanh diệt mà theo đó đạt đạo, đã quyết từ bỏ chúng không nghi ngờ, chỉ tu tập để dứt khổ, được vắng lặng.

8. Tu tập thọ nhận lời dạy tốt đẹp, rồi theo lời pháp tốt đẹp ấy thực hành.

9. Ưa thích nghe pháp, ưa thích nghe pháp để tu hành, chỉ vui thích được nghe các bài thuyết pháp.

10. Khi có người đồng học cùng tu, thì tinh tấn hỗ trợ cho nhau.

Đó là mười pháp cứu giúp. Từ đây về sau, các vị nên ngồi một mình tư duy, buộc tâm với Tín, Giới, Tuệ; tu tập siêng năng tâm ý mới phát tuệ, tiếp nhận lời dạy tốt đẹp, muốn nói kinh pháp, tự thân thực hành các pháp như vậy không dừng nghỉ. Đây gọi là pháp cứu giúp.

–Mười pháp thứ hai là nên tu tập mười hạnh chánh trực. Mười hạnh chánh trực là gì?

1. Nhờ nhận thức chánh trực, người tu hành làm cho các hạnh tà kiến được tiêu diệt, do các pháp nhân duyên của tà kiến chẳng phải ít. Bao nhiêu hạnh tệ ác sanh ra có thể được tiêu trừ cũng nhờ rất nhiều từ nhân duyên nhận thức ngay thẳng. Bao nhiêu pháp tốt đẹp đều nhờ từ sự tu hành đủ các hạnh.

2. Nhờ sự tư duy, trắc đạt ngay thẳng nên tiêu trừ được mưu tính tà quấy, do các pháp nhân duyên của mưu tính tà quấy chẳng phải ít. Bao nhiêu hành động tệ ác sanh ra có thể được tiêu trừ cũng nhờ rất nhiều từ nhân duyên tư duy, trắc đạt ngay thẳng. Bao nhiêu pháp tốt đẹp đến từ sự tu hành đủ các hạnh.

3. Lời nói chánh trực làm tiêu trừ lời nói tà quấy, do các pháp nhân duyên của lời tà quấy chẳng phải ít. Bao nhiêu hành động tệ ác sanh ra có thể được tiêu trừ cũng nhờ rất nhiều từ nhân duyên lời nói ngay thẳng. Bao nhiêu pháp tốt đẹp đều từ tu hành các hạnh đầy đủ.

4. Hạnh ngay thẳng tiêu trừ hạnh tà vạy, do các pháp nhân duyên của hạnh tà vạy chẳng phải ít, nên bao nhiêu hạnh tệ ác sanh ra có thể được tiêu trừ cũng nhờ rất nhiều từ nhân duyên hạnh ngay thẳng. Bao nhiêu pháp tốt đẹp đều nhờ tu hành các hạnh đầy đủ.

5. Nghiệp ngay thẳng làm tiêu trừ nghiệp tà, do các pháp nhân duyên của tà nghiệp chẳng ít. Bao nhiêu hành động tệ ác sanh ra có thể được tiêu trừ cũng nhờ rất nhiều từ nhân duyên nghiệp ngay thẳng. Bao nhiêu pháp tốt đẹp đều đến từ sự tu hành đầy đủ các hạnh.

6. Phương tiện ngay thẳng làm tiêu trừ phương tiện tà vạy, do các pháp nhân duyên của phương tiện tà vạy chẳng phải ít. Bao nhiêu hạnh tệ ác sanh ra có thể được tiêu trừ cũng nhờ rất nhiều từ nhân duyên phương tiện ngay thẳng. Bao nhiêu pháp tốt đẹp đến đều nhờ từ tu hành đủ các hạnh.

7. Niệm ngay thẳng làm tiêu trừ niệm tà vạy, do các pháp nhân duyên của niệm tà vạy chẳng phải ít. Bao nhiêu hành động tệ ác sanh ra có thể được tiêu trừ cũng nhờ rất nhiều từ nhân duyên của niệm ngay

thẳng. Bao nhiêu pháp tốt đẹp đều nhờ tu hành đủ các hạnh.

8. Chánh định tiêu trừ tà định, do các pháp nhân duyên của tà định không phải ít. Bao nhiêu hành động tệ ác sanh ra có thể được tiêu trừ cũng nhờ rất nhiều từ nhân duyên chánh định. Bao nhiêu pháp tốt đẹp đến với người tu hành nhờ tu đủ các hạnh.

9. Chánh độ tiêu trừ tà độ, do các pháp nhân duyên của tà độ chẳng phải ít. Bao nhiêu hành động tệ ác sanh ra có thể tiêu trừ cũng nhờ rất nhiều từ nhân duyên chánh độ. Bao nhiêu pháp tốt đẹp đến với người tu hành nhờ tu đủ các hạnh.

10. Chánh tuệ tiêu trừ tà tuệ, do các pháp nhân duyên của tà tuệ chẳng phải một. Bao nhiêu hành động tệ ác sanh ra có thể được tiêu trừ cũng do từ nhân duyên chánh tuệ chẳng phải ít. Bao nhiêu pháp tốt đẹp được đầy đủ là nhờ tu hành đủ các hạnh.

–Mười pháp thứ ba là nên rõ biết trong ngoài mười sắc nhập. Những gì là mười? Đó là:

1. Nhãn nhập.

2. Sắc nhập.

3. Nhĩ nhập.

4. Thanh nhập.

5. Tỷ nhập.

6. Hương nhập.

7. Thiệt nhập.

8. Vị nhập.

9. Thân nhập.

10. Thô tế nhập.

–Mười pháp thứ tư là nên bỏ mười điều ngăn che trong ngoài. Những gì là mười?

1. Tham dục ngăn che bên trong.

2. Tham dục ngăn che bên ngoài.

Đủ cả hai do đó không có trí tuệ, cũng không có hiểu biết, cũng không đưa đến vô vi vượt thoát thế gian.

3. Là tức giận.

4. Là nóng giận.

Vì tức giận đều có tính cách ngăn che, nên đều nêu ra để thấy sự ngăn che. Nếu có đủ cả hai, thì do đó cũng không đưa đến trí tuệ, cũng

không đưa đến hiểu biết, cũng không đưa đến vô vi vượt thoát thế gian.

5. Là ngủ nghỉ.

6. Là tối tăm.

Ý nói ngủ nghỉ là ngăn che, tối tăm cũng là ngăn che. Đủ cả hai thì từ đó không đưa đến trí tuệ, cũng không đưa đến hiểu biết, cũng không đưa đến vô vi vượt thoát thế gian.

7. Là phiền não.

8. Là nghi ngờ.

Ý nói phiền não là ngăn che, nêu ra nghi ngờ cũng là pháp ngăn che. Đủ hai điều này từ đây không đưa đến trí tuệ, cũng không đưa đến hiểu biết, cũng không đưa đến cảnh giới vô vi vượt thế gian.

9. Hoặc trong pháp thanh tịnh mà nghi ngờ.

10. Hoặc trong pháp ác mà có nghi ngờ.

Nếu có nghi ngờ pháp thanh tịnh thì đó ngăn che. Trong pháp ác mà nghi ngờ cũng là ngăn che. Nếu có đủ cả hai, từ đây sẽ không có trí tuệ, cũng không dẫn đến hiểu biết, cũng không đạt đến vô vi vượt thoát thế gian.

–Mười pháp thứ năm là giảm trừ mười việc ác. Những gì là mười?

1. Sát sanh.

2. Trộm cướp.

3. Phạm sắc dục.

4. Nói hai lưỡi.

5. Nói dối.

6. Nói thô ác.

7. Nói thêu dệt.

8. Ngu si.

9. Sân hận.

10. Tà kiến.

–Mười pháp thứ sáu là tu hành để thành tựu mười hạnh thanh tịnh. Những gì là mười?

1. Xa lìa sát sanh, từ sát sanh mà dứt bỏ.

2. Xa lìa trộm cướp, từ trộm cướp mà dứt bỏ.

3. Xa lìa sắc dục, từ sắc dục mà dứt bỏ.

4. Xa lìa nói hai lưỡi, từ nói hai lưỡi mà dứt bỏ.

5. Xa lìa nói dối, từ nói dối mà dứt bỏ.

6. Xa lìa nói lời thô ác, từ lời thô ác mà dứt bỏ.

7. Xa lìa nói thêu dệt, từ lời thêu dệt mà dứt bỏ.

8. Xa lìa ngu si, từ ngu si mà dứt bỏ.

9. Xa lìa sân hận, từ sân hận mà dứt bỏ.

10. Xa lìa ý tà kiến, từ tà kiến mà dứt bỏ.

–Mười pháp thứ bảy là khó nhận rõ mười đức trong đạo. Những gì là mười?

1. Đã xả bỏ năm thứ tán loạn (ngũ chủng).

2. Sáu chánh đạo đức (lục chánh đạo đức).

3. Chỉ giữ một cảnh.

4. Là có bốn chỗ nương (y tứ).

5. Tự mình hiểu rõ, không đợi người giải mới hiểu.

6. Đã bỏ sự mong cầu (bên ngoài).

7. Chỗ mong cầu đã thanh tịnh.

8. Thân hành đã dừng nghỉ.

9. Khẩu hành đã dừng nghỉ.

10. Ý hành đã dừng nghỉ.

Dùng tâm ý tối thắng vượt qua, do trí tuệ thù thắng vượt qua. Thực hành đầy đủ gọi là người tối thắng.

–Mười pháp thứ tám là hoàn thành mười quán định cùng khắp. Những gì là mười?

1. Dù ở đâu, Tỳ-kheo cũng tu tập quán tưởng "đất" phổ biến trên dưới cùng khắp, không hai, không hạn lượng.

2. Ở đâu, Tỳ-kheo cũng tu tập quán tưởng "nước" phổ biến trên dưới cùng khắp, không hai, không hạn lượng.

3. Ở đâu, Tỳ-kheo cũng tu tập quán tưởng "lửa" phổ biến trên dưới cùng khắp, không hai, không hạn lượng.

4. Ở đâu, Tỳ-kheo cũng tu tập quán tưởng "gió" phổ biến trên dưới cùng khắp, không hai, không hạn lượng.

5. Ở đâu, Tỳ-kheo cũng tu tập quán tưởng "màu xanh" phổ biến trên dưới cùng khắp, không hai, không hạn lượng.

6. Ở đâu, Tỳ-kheo cũng tu tập quán tưởng "màu vàng" phổ biến trên dưới cùng khắp, không hai, không hạn lượng.

7. Ở đâu, Tỳ-kheo cũng tu tập quán tưởng "màu đỏ" phổ biến trên

dưới cùng khắp, không hai, không hạn lượng.

8. Ở đâu, Tỳ-kheo cũng tu tập quán tưởng "màu trắng" phổ biến trên dưới cùng khắp, không hai, không hạn lượng.

9. Ở đâu, Tỳ-kheo cũng tu tập quán tưởng "hư không" phổ biến trên dưới cùng khắp, không hai, không hạn lượng.

10. Ở đâu, Tỳ-kheo cũng tu tập quán tưởng "thức" rất phổ biến trên dưới cùng khắp, không hai, không hạn lượng.

Mười lực của Phật, thế nào gọi là mười lực?

1. Đức Phật ở đâu cũng như sự thật biết nên hay không nên, đúng hay không đúng, đều biết như thật, do trí tuệ vận hành mà được tự biết. Đây là năng lực thứ nhất.

2. Đức Phật ở trong ba đời: quá khứ, hiện tại và vị lai, người tạo tội gì vốn phải chịu tai ương nào, Ngài đều biết rõ như thật. Đây là năng lực thứ hai.

3. Phật vì tất cả chúng sanh hiện tại đang cảm thọ cảnh giới tu hành biết rõ như thật, tự dùng trí tuệ vận hành mà được biết như thế. Đây là năng lực thứ ba.

4. Phật vì chúng sanh mà hủy bỏ hay giảng giải, quy định pháp tu hành, cũng biết rõ như thật loại định bị trói buộc, loại định đưa đến giải thoát, loại định đưa đến siêu thoát. Đây là năng lực thứ tư.

5. Phật hiểu biết như thật tâm nguyện của chúng sanh. Đây là năng lực thứ năm.

6. Phật hiểu biết như thật nhiều vô lượng các loại hạnh nghiệp của chúng sanh trong thiên hạ. Đây là năng lực thứ sáu.

7. Phật hiểu biết như thật căn lành của chúng sanh, có đủ hay không đủ. Đây là năng lực thứ bảy.

8. Phật vì vô lượng chúng sanh phân biệt tâm niệm, từ khởi nguyên cho đến chung cuộc đều như thật mà biết. Đây là năng lực thứ tám.

9. Phật dùng thiên nhãn thanh tịnh quán sát khắp thế gian thấy chúng sanh sanh tử qua lại, đều hiểu biết như thật. Đây là năng lực thứ chín.

10. Phật đã diệt tận các thứ kiết phược, không còn bị kiết phược trói buộc, sai sử; tâm ý đã giải thoát, từ trí tuệ tu hành giải thoát thấy pháp phải tự mình từ trí tuệ mà được chứng, lại biết cảm thọ đã hết, không còn sanh tử, chỗ tu hành đã được đầy đủ, không còn qua lại thế

gian, đều hiểu biết như thật. Đây là năng lực thứ mười.

–Mười pháp thứ chín là tự chứng biết mười điều học đầy đủ, không còn phải học nữa. Những gì là mười?

1. Nhận thức chân chánh đã đầy đủ, không còn phải học về nhận thức chân chánh nữa.

2. Suy nghĩ, tính toán chân chánh đã đầy đủ, không còn phải học về suy tính chân chánh nữa.

3. Lời nói chân chánh đã đầy đủ, không còn phải học về lời nói chân chánh nữa.

4. Hành động chân chánh đã đầy đủ, không còn phải học về hành động chân chánh nữa.

5. Nghiệp chân chánh đã đầy đủ, không còn phải học về nghiệp chân chánh nữa.

6. Phương tiện chân chánh đã đầy đủ, không còn phải học về phương tiện chân chánh nữa.

7. Tâm niệm chân chánh đã đầy đủ, không còn phải học về niệm chân chánh nữa.

8. Thiền định chân chánh đã đầy đủ, không còn phải học về định chân chánh nữa.

9. Đã được giải thoát thế gian một cách chân chánh đầy đủ, không còn phải học về pháp đưa đến giải thoát khỏi thế gian một cách chân chánh nữa.

10. Trí tuệ chân chánh đã đầy đủ, không còn phải học về tuệ chân chánh nữa.

Đó là trăm pháp của người tu học.

Trăm pháp tôi đã nói này là không trái, là không khác, có thẩm xét, không mê lầm, không điên đảo, như người cầm đèn tuệ tùy ý quán sát. Những ai có trí tuệ cần quán sát như thế.

Các vị hãy lắng nghe những pháp tôi đã nói ở trên: Những pháp tôi đã nói, phần trên cũng tịnh, phần giữa cũng tịnh và phần sau cùng cũng tịnh. Có lợi ích, có tốt đẹp, đầy đủ thanh tịnh, là hạnh rốt ráo như chúng ta đã thấy.

Đây gọi là Thập báo pháp. Những pháp cần nói như trên, tôi đã vì các vị mà nói.

Tôn giả Xá-lợi-phất nói xong, các thầy Tỳ-kheo vâng nhận, hết lòng đội ân.

SỐ 14

PHẬT NÓI KINH CON NGƯỜI DO DỤC SANH

Hán dịch: Đời Hậu Hán, Sa-môn An Thế Cao, người nước An Tức.

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật trú tại nước Câu-loại, đi đến xứ Pháp trị của nước Câu-loại. Bấy giờ Hiền giả A-nan một mình tĩnh tọa nơi thanh vắng, khởi lên ý nghĩ như vầy: "Thật chưa từng có! Chính ý này là nguồn gốc của sự vi diệu, sanh tử cũng vi diệu, nhưng trong sự vi diệu ấy lại phân minh dễ thấy".

Rồi Hiền giả A-nan, trời vừa sáng liền đến chỗ Đức Phật. Sau khi đến nơi, Hiền giả lạy dưới chân Đức Phật, đứng qua một bên và bạch:

–Bạch Thế Tôn, con ở một mình tại nơi thanh vắng tĩnh tọa, khởi lên ý nghĩ như vầy: "Thật chưa từng có! Chính ý này là nguồn gốc của sự vi diệu, sanh tử cũng vi diệu, nhưng trong sự vi diệu ấy lại phân minh dễ thấy".

Đức Phật bảo:

–Này A-nan, chớ có nói việc ấy là phân minh dễ biết dễ thấy. Nó rất sâu xa vi diệu. Này A-nan, từ gốc Hữu mà có sanh tử. Này A-nan, từ nguồn gốc của nhân duyên sanh tử ấy, nếu ai không biết, không thấy, không hiểu, không thọ trì, mới khiến cho thế gian này rối loạn như khung cửi, huyên náo qua lại, từ đời này qua đời sau, từ đời sau đến đời này, chịu khổ ở thế gian, làm cho họ không lìa khỏi thế gian được. Nhân duyên như vậy, này A-nan, nên biết là thâm sâu vi diệu, bởi vì biết rõ về nguồn gốc của sanh tử cũng rất vi diệu.

Nếu có người hỏi: "Có nhân duyên của lão tử không?" Hỏi như vậy thì nên đáp: "Có nhân duyên". "Này A-nan, nhân duyên của lão tử là gì?" Nên đáp: "Bởi vì có sanh".

Nếu hỏi: "Sanh có nhân duyên không?" Hỏi vậy, liền đáp: "Có nhân duyên". "Nhân duyên của sanh là gì?" Nên đáp: "Vì có hữu nên có sanh".

Nếu hỏi: "Hữu có nhân duyên không?", thì đáp: "Hữu có nhân duyên". "Nhân duyên của hữu là gì?" Đáp rằng: "Thọ là nhân duyên của hữu".

Nếu hỏi: "Thọ có nhân duyên không?", thì đáp: "Thọ có nhân duyên". "Nhân duyên của thọ là gì?" Đáp rằng: "Tìm cầu ái là nhân duyên của thọ".

Như vậy, này A-nan, từ nhân duyên tìm cầu ái nên có thọ, từ nhân duyên thọ nên có hữu, từ nhân duyên hữu nên có sanh, từ nhân duyên sanh nên có lão tử, ưu bi khổ, không vừa ý, ảo não sanh ra. Như vậy là đầy đủ khối khổ ấm to lớn, từ đó tập khởi.

Này A-nan, nhân duyên của sanh là lão tử, cho nên nói: "Do cái này có nên cái kia có". Này A-nan, từ đó phải phân biệt rõ ràng nhân duyên của sanh là lão tử.

Này A-nan, nếu không có sanh cũng không có các chủng loại như cá và loài cá, chim và loài chim, muỗi và loài muỗi, rồng và loài rồng, thần và loài thần, quỷ và loài quỷ, người và loài người, các thứ chủng loại. Nếu như không có hữu, cũng sẽ không có sanh. Này A-nan, tất cả đều không có sanh, vậy có lão tử không?

A-nan bạch Đức Phật:

–Thưa không.

Đức Phật liền bảo Tôn giả A-nan:

–Từ nhân duyên ấy nên biết, là từ đó làm căn bản, từ đó tập khởi, từ đó làm nhân duyên nên lão tử nhờ sanh mà có. Này A-nan, nhân duyên của sanh là lão tử.

Nếu có người hỏi: "Sanh có nhân duyên không?" Nên đáp: "Sanh có nhân duyên". "Nhân duyên của sanh là gì?" Đáp: "Nhân duyên của sanh là hữu".

Này A-nan, từ nhân duyên này mà biết, mạng sống từ đó mà có, nhân duyên của hữu là sanh. Này A-nan, nếu không có nhân duyên của hữu thì làm gì có cá và loài cá, chim và loài chim, muỗi và loài muỗi,

rồng và loài rồng, thần và loài thần, quỷ và loài quỷ, người và loài người, các thứ chủng loại. Vậy nên có hữu hay không có hữu? Nếu không hữu thì không có gì hết. Này A-nan, tất cả đều không có hữu, vậy có sanh chăng?

A-nan thưa:

–Dạ, không.

Cho nên, này A-nan, từ đó phát sanh, từ đó làm căn bản, từ đó tập khởi, từ đó làm nhân duyên, sanh nhờ hữu mà có. Này A-nan, nhân duyên của hữu là sanh.

Nếu có người hỏi: "Có nhân duyên của hữu không?" Nên đáp: "Có". "Cái gì là nhân duyên của hữu?" Nên đáp: "Thọ là nhân duyên của hữu". Như vậy cần phân biệt rõ ràng nhân duyên của thọ là hữu. Này A-nan, giả sử nhân duyên của thọ mà không có, cũng không có thọ hữu. Này A-nan, tất cả không có thọ, vậy có hữu chăng?

A-nan thưa:

–Dạ, không.

Này A-nan, như vậy từ đó phát sanh, từ đó làm căn bản, từ đó tập khởi, từ nhân duyên này khiến cho có thọ. Này A-nan, nhân duyên của thọ là hữu. Này A-nan, nhân duyên của hữu là thọ. Này A-nan nhân duyên của hữu, chính là thọ. Hãy trả lời câu hỏi như vậy.

"Do nhân duyên gì có thọ?" Nên đáp: "Ái làm nhân duyên cho thọ". Này A-nan, từ nhân duyên này nên biết, nhân duyên của ái là thọ. Này A-nan, nếu không có ái thì cũng không có thọ, cũng không có cái đang thọ. Này A-nan, tất cả nếu không có ái vậy có thọ chăng? Có danh từ thọ chăng?

A-nan thưa:

–Dạ, không.

Như vậy, này A-nan, từ đó phát sanh, từ đó làm căn bản, từ đó tập khởi, từ nhân duyên này, nhân duyên của ái là thọ. Này A-nan, nhân duyên của ái chính là thọ. Như vậy, này A-nan, do nhân duyên ái mà có mong cầu, do nhân duyên mong cầu mà có lợi, do nhân duyên lợi mà có mưu tính, do nhân duyên mưu tính mà có dục lạc, do nhân duyên dục lạc mà khởi tâm cầu mong; do nhân duyên ái ở trước mới không muốn xả bỏ, keo kiết, do nhân duyên không xả bỏ, keo kiết mới có gia đình, do nhân duyên có gia đình mới có chấp thủ, do chấp thủ làm căn bản, này A-nan, liền có dao gậy, vì có dao gậy liền có tranh giành, ngôn ngữ

trên dưới, lừa dối, xâm đoạt, nhiều lời hai lưỡi, lắm điều sai trái, đưa đến toàn pháp tệ ác.

Này A-nan, nếu từ gốc đã không có, thì cũng không có cái để ôm giữ, cũng không có ôm giữ. Này A-nan, tất cả đều không có ôm giữ, thì có dao gậy, vì có dao gậy liền có tranh giành, ngôn ngữ trên dưới, lừa dối, xâm đoạt, nhiều lời hai lưỡi, lắm điều sai trái, đưa đến toàn pháp tệ ác đó không?

A-nan thưa:

–Dạ, không.

Như vậy, này A-nan, từ đó phát sanh, từ đó làm căn bản, từ đó tập khởi, từ nhân duyên đó mà liền có dao gậy, vì có dao gậy liền có tranh giành, ngôn ngữ trên dưới, lừa dối, xâm đoạt, nhiều lời hai lưỡi, lắm điều sai trái, đưa đến toàn pháp tệ ác. Vì thế cho nên, này A-nan, do chấp thủ liền có dao gậy, tranh giành, ngôn ngữ trên dưới, lừa dối, xâm đoạt, nhiều lời hai lưỡi, lắm điều sai trái, đưa đến toàn pháp tệ ác Như vậy, chỉ toàn là khổ, từ ngũ ấm tập khởi tạo ra.

Do nhân duyên gia đình mà có thủ cho nên mới nói như vậy, theo đó mà biết. Này A-nan, do nhân duyên gia đình nên có chấp thủ, nếu không có nhân duyên gia đình liền không có thọ, vậy nhân duyên gì mà có gia đình? Tất cả nhân duyên gia đình đã không có, thì có gia đình, có dao gậy, tranh giành, ngôn ngữ trên dưới, lừa dối, xâm đoạt, nhiều lời hai lưỡi, nhiều sự sai trái đưa đến toàn pháp tệ ác không?

A-nan thưa:

–Dạ, không.

Như vậy, này A-nan, từ đó phát sanh, từ đó làm căn bản, từ đó tập khởi, từ nhân duyên đó khiến cho có chấp thủ. Vì có chấp thủ nên mới có gia đình, này A-nan, khiến cho có tâm chấp giữ, vì do nhân duyên khó xả bỏ, tham lam mới có gia đình. Do nhân duyên này mới có như vậy, phải theo nhân duyên này mà biết. Này A-nan, vì nhân duyên khó xả, tham lam nên có gia đình. Này A-nan, nếu sự khó xả bỏ, tham lam mà không có, cũng không có thọ, đã không có thọ, vậy có sự tham lam, khó xả bỏ chăng? Này A-nan, tất cả sự tham lam, khó xả bỏ đã không có vậy có gia đình chăng?

A-nan bạch Phật:

–Dạ, không có.

Như vậy, này A-nan, từ đó phát sanh, từ đó làm căn bản, từ đó tập

khởi, từ nhân duyên này mà khiến cho có gia đình, tham lam, khó xả bỏ, cho nên này A-nan, khiến cho có gia đình. Do nhân duyên thọ ở trước, này A-nan, khiến cho có tham lam, khó xả bỏ vì thế mới nói như vậy, cũng do nhân duyên này mà có điều ấy? Như vậy, nên từ nhân duyên này, này A-nan, có thể hiểu, từ đó phát sanh ra thọ, do thọ này mà tham lam khó xả. Này A-nan, nếu sự phát sanh ra thọ không có, thì làm sao có thọ, cũng làm sao có nhân duyên nào để có thọ ở trước? Tất cả, này A-nan, không có phát sanh ra thọ, vậy có sự tham lam, khó xả bỏ chăng?

A-nan bạch Phật:

–Dạ, không.

Như vậy, này A-nan, từ đó phát sanh, từ đó làm căn bản, từ đó tập khởi, từ nhân duyên này khiến cho có tham lam, khó xả bỏ, phát sanh ra thọ ở trước, đồng thời cũng phát sanh ra nhân duyên hữu. Vì vậy, này A-nan, do thọ nên có tham lam, khó xả bỏ. Này A-nan, do nhân duyên dục tham, khiến cho hữu phát sanh nên mới nói như vậy. Này A-nan, nên từ nhân duyên này mà biết, từ nhân duyên dục tham khiến cho phát sanh. Này A-nan, nếu dục tham không có, đã không có nhân duyên, vậy nhân duyên nào sẽ có dục tham? Này A-nan, tất cả dục tham đã không có, vậy có hữu phát sanh chăng?

A-nan thưa:

–Dạ, không.

Như vậy, này A-nan, từ đó phát sanh, từ đó làm căn bản, từ đó tập khởi, từ nhân duyên này khiến phát sanh có tham dục. Cho nên, này A-nan, từ dục tham khiến cho các pháp trước phát sanh, từ các pháp ở trên phát sanh khiến có dục tham. Vì vậy mới nói, phải theo nhân duyên này mà biết là từ các pháp ở trên phát sanh nên khiến có dục tham. Này A-nan, nếu không có các pháp ở trên phát sanh, cũng không có nhân duyên khiến cho các pháp ấy phát sanh, thì này A-nan, tất cả đã không phát sanh vậy có tham dục không?

A-nan thưa:

–Dạ, không.

Như vậy, này A-nan, từ đó mà có, từ đó làm căn bản, từ đó tập khởi, do nhân duyên này, tham dục có mặt, làm phát sanh các pháp nhân duyên ở trên khiến có tham dục. Do lợi dưỡng, này A-nan, khiến phát sanh các pháp trên, từ đó mà nói, phải nên từ nhân duyên đó mà

biết, vì do nhân duyên lợi dưỡng khiến cho phát sanh các pháp trên. Này A-nan, nếu không có lợi thì không có mong cầu, cũng không có nhân duyên nào để mong cầu. Này A-nan, tất cả đã không có lợi vậy có phát sanh các pháp trước đó không?

A-nan thưa:

–Dạ, không.

Như vậy, này A-nan, từ đó mà có, từ đó làm căn bản, từ đó tập khởi, từ nhân duyên này cho nên phát sanh tài lợi, do lợi nên phát sanh mong cầu, do nhân duyên mong cầu nên khiến cho có lợi. Vì vậy nói là từ nhân duyên ấy nên biết, từ nhân duyên mong cầu có lợi dưỡng. Này A-nan, nếu không có nhân duyên mong cầu, cũng không có nhân duyên nào để mong cầu, cũng không từ nhân duyên nào để mong cầu, tất cả đã không có mong cầu, vậy có thấy lợi dưỡng không?

A-nan thưa:

–Dạ, không.

Này A-nan, như vậy, từ đó mà có, từ đó làm căn bản, từ đó tập khởi, từ nhân duyên đó mà có lợi, mà có tìm cầu. Này A-nan, vì có tìm cầu cho nên khiến cho có lợi, do ái nên khiến cho có tìm cầu. Cho nên nói, theo đó mà biết, khiến có ái cầu. Này A-nan, nếu không có ái cũng không có tìm cầu, cũng không có nhân duyên tìm cầu, cũng không có ái. Này A-nan, tất cả ái không có, vậy có tìm cầu chăng?

A-nan thưa:

–Dạ, không.

Như vậy, này A-nan, từ đó mà có, từ đó làm căn bản, từ đó tập khởi, từ nhân duyên đó mà có ái, vì có ái nên khiến cho có tìm cầu, vì có tìm cầu nên khiến cho có ái. Này A-nan, dục ái cũng như hữu ái, cả hai đều là tướng tham của thống (thọ).

"Này A-nan, có pháp làm nhân duyên cho thọ không?" Nếu ai hỏi như vậy, liền đáp: "Có". "Cái gì làm nhân duyên của thọ?" Đáp: "Cánh (xúc) là nhân duyên của thọ".

Từ nhân duyên đó, này A-nan, cũng nên biết chính cánh (xúc) là nhân duyên của thống (thọ). Này A-nan, nếu mắt không tiếp xúc, cũng không có cái đang tiếp xúc, thì mắt không thể tiếp xúc được. Này A-nan, mắt đã không tiếp xúc tất cả, vậy có nhãn xúc không? Cũng như có sự kiện mắt làm nhân duyên để phát sanh lạc, khổ, không lạc, không khổ không?

A-nan thưa:

–Dạ, không.

Như vậy, này A-nan, từ đó mà có, từ đó làm căn bản, từ đó tập khởi, từ nhân duyên đó khiến cho có cảm thọ của nhãn xúc. Này A-nan, do nhân duyên cánh (xúc) của mắt nên khiến cho mắt biết Thống; lỗ tai, mũi, lưỡi, thân cũng như vậy. Tâm không cánh (xúc), này A-nan, cũng không có cái đang cánh (xúc), cũng không có nhân duyên cánh (xúc) khiến cho tâm tiếp xúc, này A-nan, tâm không tiếp xúc với tất cả, vậy có nhân duyên để tâm tiếp xúc, thâu nhận vào khiến sanh ra thống không? Khiến sanh ra lạc không? Khiến sanh ra khổ không? Khiến sanh ra không khổ, không lạc không?

A-nan thưa:

–Dạ, không.

Như vậy, này A-nan, đó là hữu, đó là căn bản, đó là tập khởi, đó là nhân duyên để thống (thọ) làm phát sanh cánh (xúc). Này A-nan, tâm cánh (sự tiếp xúc của tâm) làm nhân duyên khiến cho có thống.

Nếu có người hỏi: "Cánh có nhân duyên không?" Đáp là: "Có". "Những gì là nhân duyên của cánh?" Đáp là: "Nhân duyên danh tự (danh sắc)".

Này A-nan, theo đó nên biết chính từ nhân duyên của danh tự nên có cánh. Nếu các pháp mà theo đó có hữu, cũng theo đó mà cần phải thọ, khiến cho danh và thân hợp lại mà hiện hữu. Này A-nan, nếu các pháp mà theo đó có hữu, cũng theo đó mà cần phải thọ đều không có, vậy có cánh (xúc) và có danh tự (danh sắc) không?

A-nan thưa:

–Dạ, không.

Này A-nan, nếu các pháp mà theo đó có hữu, cũng theo đó mà cần phải thọ đều không có, thì danh và thân trong hiện tại có hay không? Vậy phải có đối tượng của cánh hay không?

A-nan thưa:

–Dạ, không.

Này A-nan, tất cả danh tự cũng như sắc thân đều không có, vậy có cánh không? Vậy từ đó mà có cánh không?

A-nan thưa:

–Dạ, không.

Như vậy, này A-nan, từ đó phát sanh, từ đó làm căn bản, từ đó tập khởi, từ đó làm nhân duyên, từ cánh đó khiến cho có danh tự. Này A-nan, do nhân duyên danh tự khiến cho có cánh.

Này A-nan, giả sử có người hỏi: "Có nhân duyên của danh tự không?", liền đáp: "Có". "Nhân duyên của danh tự là gì?" Đáp rằng: "Thức làm nhân duyên nên có danh tự".

Từ nhân duyên đó, này A-nan, phải hiểu rõ, nhân duyên của thức là danh tự. Này A-nan, nếu thức không vào trong bụng mẹ, vậy danh sắc này có theo tinh để thọ thai không?

A-nan thưa:

–Dạ, không.

Này A-nan, nếu thức đã ở trong bụng mẹ mà không lưu trú, vậy có danh tự không?

A-nan thưa:

–Dạ, không.

Này A-nan, thức là căn bản. Nếu thai nhi trai hay gái đã hư, đã chết, khiến cho không có hình dạng, vậy có danh tự khiến cho nó lớn lên, khiến cho nó đầy đủ không?

A-nan thưa:

–Dạ, không.

Này A-nan, như vậy, từ đó phát sanh, từ đó làm căn bản, từ đó tập khởi, từ đó làm nhân duyên, do thức mà có danh tự. Này A-nan, do nhân duyên thức mà có danh tự.

"Thưa Tôn giả A-nan, thức có nhân duyên không?" Nếu ai hỏi vậy, liền đáp: "Có". "Do nhân duyên gì có thức?" "Do nhân duyên danh tự mà có thức".

Này A-nan, phải theo nhân duyên này mà phân biệt, biết rõ rằng nhân duyên của danh tự là thức. Này A-nan, nếu thức không được danh tự dựa vào, vì thức đã không được dựa vào, vậy (thai nhi) có được sự hỗ trợ, để được tăng trưởng và có sanh, lão, khổ tập hợp để có thể hiện hữu hay không?

A-nan thưa:

–Dạ, không.

Như vậy, này A-nan, từ đó đưa đến, từ đó làm căn bản, từ đó tập khởi, từ nhân duyên này, thức làm cho có danh tự, do nhân duyên danh tự mà có thức. Như vậy nhân duyên của thức chính là danh tự, nhân

duyên của danh tự chính là thức. Đừng nói danh, đừng nói xứ, đình chỉ nguồn gốc tranh giành hiện tại, phải theo trí tuệ, chớ có thọ. Này A-nan, có bao nhiêu nhân duyên chấp rằng thống (thọ) chính là thân?

A-nan thưa:

–Pháp ấy vốn từ Phật, pháp ấy gốc ở Phật, Phật là chỗ các pháp hướng về, mong Đức Phật nói cho. Con nhờ theo Phật nghe dạy, nghe xong thọ trì, hiểu rõ mà được lợi ích.

Đức Phật dạy:

–Hãy lắng nghe, này A-nan, lành thay! Lành thay! Hãy thọ trì và nhớ nghĩ cho kỹ, Ta sẽ dạy.

Hiền giả A-nan thưa:

–Xin vâng, con xin nghe theo Phật.

Đức Phật dạy:

–Này A-nan, nếu có người nhìn thống (cảm thọ) này là thân, hoặc có người thấy cảm thọ này, chấp chẳng phải là thân, chỉ vì thấy pháp cánh (xúc), thống (thọ) của thân chính là thân, hoặc thấy toàn thân là cảm thọ đó, không phải là thân, cũng không phải là pháp cảm thọ; thấy pháp cảm thọ, chấp không phải là thân, chỉ vì thấy thân này là thân. Này A-nan, hoặc là ngay cảm thọ này chấp là thân nên đối với vấn đề đó mà nói như vầy: "Này Hiền giả, thống (thọ) này có ba loại, có lạc thọ, có khổ thọ, có bất khổ bất lạc thọ. Này Hiền giả, đối với ba thọ này, thấy thọ nào là thân?" Này A-nan, khi lạc thọ, lúc đó hai thọ kia là khổ và bất lạc khổ thọ đã diệt, lúc đó chỉ là lạc cánh (xúc). Này A-nan, lạc thọ là vô thường. Nếu khổ đã diệt, này A-nan, lạc thọ đã diệt, lìa thân, không chấp rằng ở trong thân. Như vậy, ngay lúc đó, này A-nan, lúc khổ thọ có mặt, bấy giờ hai thọ đã diệt, vậy là lạc hay khổ? Lúc đó chỉ là tiếp xúc với cảm thọ khổ. Này A-nan, khổ thọ là vô thường, là pháp khổ tận. Này A-nan, lúc khổ thọ đã hết, thân không còn biết cánh nữa, lúc đó, này A-nan, cũng không khổ, cũng không lạc, không tiếp xúc với cảm thọ đó nữa. Bấy giờ hai thọ đã diệt, vậy thọ cũng tức là khổ, chỉ vì lúc đó không khổ, không lạc, xúc là thọ. Này A-nan, không khổ không lạc thọ là vô thường. Khi khổ tận thì cảm thọ không khổ, không lạc, này A-nan, cũng đã tận, vậy lẽ ra phải là không có thân? Tự vị ấy chấp trước. Này A-nan, hoặc có người hành đạo đối với thọ là pháp vô thường, cho đó là thân. Này A-nan, hoặc có người hành đạo, buông lung với lạc thọ, khổ thọ, tự thấy là thân. Này A-nan, do nhân duyên như vậy không nên cho thọ là thân, thấy đó là thân. Này A-nan, nếu có người hỏi: "Nếu không chấp thọ, thấy là thân, thì xúc và thọ chỉ là pháp của thân chăng?".

Thì nên đáp lại:

"Này Hiền giả, nếu không có thọ và xúc, cũng không thấy cái bị xúc, vậy cần có nó không?" Lúc đó, này A-nan, vị Tỳ-kheo thấy không có cảm thọ chấp chẳng phải là thân, vậy có nên xem pháp xúc và thọ này cũng là thân chăng?

A-nan thưa:

–Dạ, không.

Như vậy, này A-nan, do nhân duyên này không thể nào chấp xúc và thọ là thân, cũng không thể khiến cho một người hoàn toàn không có

chấp cảm thọ là thân, mà chỉ thấy là xúc và thọ của thân. Này A-nan, vì không chấp thọ là thân, cũng không thấy thọ ấy chẳng phải là thân, cũng không thấy xúc và thọ của thân, đối với pháp cảm thọ cũng không thấy, không chấp là thân mà chỉ thấy vì chấp ngã nên bất giác cho là thân này chính là thân. Có thể đáp: "Này Hiền giả, tự chấp tất cả điều ấy là thân mà không có xúc và thọ, vậy có thể có thân không?".

Bấy giờ, vị Tỳ-kheo, không chấp thọ là thân, thân cũng không có xúc và thọ, thấy pháp cảm thọ cũng không phải là thân, có thân chỉ vì thân không tỉnh thức mà thôi. Quán thân như vậy, vậy có thân chăng?

A-nan thưa:

–Dạ, không.

Này A-nan, do nhân duyên như vậy, không nên cho rằng không có thọ là thân, cũng không cho rằng thân là xúc, cũng không nên cho rằng pháp là thân, cũng không nên cho rằng không biết thân là thân. Này A-nan, như vậy tất cả thọ là pháp tác động lên thân rồi thấy cảm thọ hiện lên thân. Này A-nan, có bao nhiêu nhân duyên hoặc là hành đạo, không bị cảm thọ tác động, vậy thấy hay không thấy thân?

A-nan thưa:

–Pháp này vốn do Phật dạy, cũng do Phật nói, cúi mong Phật vì con tuyên thuyết. Sau khi Phật dạy, đệ tử sẽ thọ trì, làm cho lời dạy đó được hiểu rõ, lợi ích.

Đức Phật bảo A-nan:

–Hãy lắng nghe, thọ trì rồi nhớ mãi những điều đã thọ trì, ta sẽ vì ông mà nói.

Như vậy Hiền giả A-nan nghe pháp do Phật nói. Đức Phật liền dạy:

–Này A-nan, có Tỳ-kheo không cho thọ là thân, cũng không thấy thọ là thân, cũng không phải là sự xúc chạm của thân, cũng không có pháp cảm thọ chấp là thân, cũng không thấy thân kiến là thân, cũng không do hoặc cho hữu là thân, cũng không theo cái thấy này thấy là thân, rồi thấy như vậy không trở lại thế gian, khiến cho không còn thọ thế gian; đã không còn trở lại thế gian nữa thì không còn ưu sầu; đã không ưu sầu nữa liền được giải thoát thế gian và tự biết rằng: "Ta đã chấm dứt sanh, lão, bệnh, tử, ưu sầu, việc cần làm đã hoàn mãn, việc cần làm đã làm xong, không còn trở lại thế gian nữa". Do đó, này A-nan, nếu là người hành đạo thì không chấp thọ là thân, tự mình tu tập phương tiện, cũng không thấy kiến là thân. Này A-nan, có bao nhiêu

nhân duyên để kẻ hành đạo lấy sắc làm thân?

A-nan thưa:

–Pháp vốn do Phật dạy, từ Ngài mà lưu xuất, cúi mong Ngài vì con mà nói. Sau khi Ngài dạy, đệ tử sẽ thọ trì, khiến cho lời dạy ấy được hiểu rõ, lợi ích.

Đức Phật bảo A-nan:

–Hãy lắng nghe, thọ trì, khéo nhớ nghĩ, Ta sẽ nói.

Như vậy Hiền giả A-nan nghe pháp do Phật nói. Đức Phật liền dạy:

–Này A-nan, có người hành đạo cho sắc hành nhỏ hẹp là thân. Này A-nan, hoặc có người hành đạo cho không phải sắc hành nhỏ hẹp là thân, sắc hành không có hạn lượng là thân, chỉ cho rằng không có sắc hành nhỏ hẹp là thân. Này A-nan, hoặc có người hành đạo cũng không cho là sắc hành nhỏ hẹp, cũng không cho là sắc hành không có hạn lượng, cũng không cho là không có sắc hành nhỏ hẹp là thân.

Này A-nan, hoặc có người hành đạo cũng không cho là sắc hành nhỏ hẹp, cũng không cho sắc hành không có hạn lượng, cũng không cho là không có sắc hành nhỏ hẹp là thân, mà chỉ cho không phải sắc hành không hạn lượng là thân.

Này A-nan, hoặc có người hành đạo cho sắc hành nhỏ hẹp là thân. Hiện tại, này A-nan, có người hành đạo cho rằng sắc hành nhỏ hẹp là thân, khi thân hoại mạng chung nhận thấy có một ảnh tượng (ngã) của thân. Như vậy, quan niệm hai yếu tố (sắc hành nhỏ hẹp là thân và ảnh tượng của thân) như vậy là không đúng, từ quan điểm đó đưa đến suy nghĩ như vậy. Này A-nan, có người hành đạo cho sắc hành nhỏ hẹp là thân, rồi tự mình có quan niệm như vậy. Từ đó, này A-nan, có người hành đạo cho sắc hành nhỏ hẹp là thân, nên bị kiết sử ràng buộc.

Này A-nan, hoặc có người hành đạo không cho sắc hành nhỏ hẹp là thân, chỉ cho sắc không có hạn lượng là thân. Hiện tại, này A-nan, hoặc có người hành đạo cho sắc không có hạn lượng là thân, khi thân hoại mạng chung nhận thấy có ảnh tượng (ngã) của thân như vậy, quan niệm hai yếu tố (sắc hành không có hạn lượng là thân và ảnh tượng của thân) như vậy là không đúng, từ quan điểm đó đưa đến suy nghĩ như vậy. Này A-nan, hoặc có người hành đạo, chấp thân là sắc không có hạn lượng. Cũng vậy, này A-nan, hoặc có người hành đạo cho sắc không có hạn lượng là thân rồi bị kiết sử trói buộc.

Này A-nan, hoặc có người hành đạo cho rằng chẳng phải sắc nhỏ

hẹp, cũng chẳng phải sắc không có hạn lượng, nhưng chấp rằng chỉ có niệm mới nhớ nghĩ đến sắc nhỏ hẹp là thân. Hiện tại, này A-nan, hoặc có người hành đạo cho rằng không phải sắc nhỏ hẹp là chấp thân, khi đã thân hoại mạng chung, nhận thấy có ảnh tượng (ngã) của thân. Hai quan điểm trên như vậy là không đúng, từ quan điểm đó đưa đến suy nghĩ như vậy. Này A-nan, hoặc có người hành đạo cho rằng không phải sắc nhỏ hẹp tự chấp là có thân. Cũng vậy, này A-nan, hoặc có người hành đạo cho rằng không phải sắc nhỏ hẹp khiến có thân rồi bị kiết sử ràng buộc.

Này A-nan, hoặc có người hành đạo cho rằng cũng không phải sắc nhỏ hẹp, cũng không phải sắc không có hạn lượng, cũng không phải không có sắc nhỏ hẹp, cũng không phải không có sắc không có hạn lượng, mà là thân đọa hành (thân ràng buộc trong các hành). Hiện tại, này A-nan, hoặc có người hành đạo cho rằng cũng không phải sắc nhỏ hẹp, cũng không phải sắc không có hạn lượng, cũng không phải là không có sắc nhỏ hẹp, cũng không phải không có sắc không có hạn lượng, mà là thân kế đọa (thân bị chấp thủ ràng buộc), khi thân hoại mạng chung, nhận thấy có ảnh tượng (ngã) của thân. Hai quan điểm trên như vậy là không đúng, từ quan điểm đó đưa đến suy nghĩ như vậy. Này A-nan, hoặc có người hành đạo không phải sắc không có hạn lượng tự chấp là có thân. Theo đó, này A-nan, hoặc có người hành đạo mà chấp như vậy, chẳng phải sắc bị trói buộc sai sử.

Cũng vậy, này A-nan, hoặc có người hành đạo tự mình có những quan điểm đưa đến chấp trước về thân, vậy thân có mấy nhân duyên, này A-nan, để người hành đạo cho rằng sắc không phải là những yếu tố tác thành thân?

A-nan thưa:

–Pháp này vốn do Ngài dạy, cũng từ Ngài mà lưu xuất, mong Ngài vì con mà nói. Khi Ngài nói xong, đệ tử sẽ thọ trì, khiến cho lời nói ấy được hiểu rõ và lợi ích.

Đức Phật bảo A-nan:

–Hãy lắng nghe, thọ trì kỹ, nhớ mãi, Ta sẽ nói.

Như vậy Hiền giả A-nan theo Phật để nghe pháp. Đức Phật dạy:

–Này A-nan, có người hành đạo, hoặc không cho rằng sắc tác thành thân, cũng không cho rằng chấp sắc là thân, cũng không cho sắc không có hạn lượng, cũng không cho sắc nhỏ hẹp, cũng không cho sự

chấp vào sắc không có hạn lượng là thân. Này A-nan, người hành đạo không cho sắc nhỏ hẹp là pháp tác thành thân, cũng không cho sự chấp là thân. Hiện tại, này A-nan, người hành đạo ấy không cho sắc nhỏ hẹp là thân, cũng không cho sự đọa xuống là thân, sau khi thân hoại mạng chung lại không còn thấy ảnh tượng (ngã) của thân này. Hai quan điểm (sắc là... và thấy ảnh tượng của thân) là không đúng.

Cũng vậy, này A-nan, người hành đạo cho rằng không phải sắc nhỏ hẹp là thân, cũng không chấp là thân này. Cũng vậy, này A-nan, người hành đạo cho rằng không phải sắc nhỏ hẹp là thân thì không bị trói buộc.

Này A-nan, hoặc có người hành đạo không cho sắc không có hạn lượng là thân, cũng không cho sắc tác động là thân. Hiện tại, này A-nan, người hành đạo không cho sắc không có hạn lượng là thân, cũng không chấp đó là thân, khi thân hoại mạng chung, khiến cho không còn thấy lại ảnh tượng của thân tướng nữa. Như vậy không phải là đối tượng, như vậy chính là chẳng có thân đó. Cũng vậy, này A-nan, kẻ hành đạo không cho sắc không có hạn lượng là thân, cũng không rơi vào sự chấp vào thân. Cũng như vậy, A-nan, nếu có người hành đạo cho rằng không phải sắc không có hạn lượng là thân thì không bị trói buộc.

Này A-nan, hoặc người hành đạo không cho rằng không phải sắc nhỏ hẹp là thân, cũng không rơi vào chấp thân. Hiện tại, này A-nan, người hành đạo cho rằng không phải sắc nhỏ hẹp là thân, cũng không rơi vào chấp thân, sau khi thân hoại mạng chung rồi, khiến cho không còn thấy lại hình tượng của thân tướng nữa. Như vậy đó chẳng phải là đối tượng, như vậy đó chính là chẳng có thân đó. Cũng thế, này A-nan, kẻ hành đạo không cho rằng chẳng phải sắc nhỏ hẹp là thân, cũng không rơi vào chấp thân. Này A-nan, người hành đạo như vậy không cho không phải sắc nhỏ hẹp khiến người ấy không bị trói buộc.

Này A-nan, hoặc là có người hành đạo không cho không phải sắc không có hạn lượng là thân, cũng không rơi vào sự chấp thân này. Hiện tại, này A-nan, người hành đạo không cho rằng không phải sắc là thân, cũng không rơi vào kiến chấp cho là tác thành thân, sau khi thân hoại mạng chung, thân như vậy khiến cho không còn thấy kiến chấp ấy nữa, không cho là đối tượng như vậy, như vậy chính là không có thân đó.

Cũng vậy, này A-nan, người hành đạo không cho rằng không phải sắc không có hạn lượng là thân, cũng không rơi vào sự chấp đó là thân. Này A-nan, người hành đạo như vậy không cho là không phải sắc

không có hạn lượng, cũng khiến cho thân không bị trói buộc.

Cũng vậy, hoặc có người hành đạo không cho không phải sắc không có hạn lượng là thân, cũng chẳng tác thành thân, cũng không rơi vào sự chấp đó là thân. Này A-nan, cũng có bảy chỗ khiến cho thức được an trú, cũng có hai thọ hành mà theo đó được giải thoát.

1. Đối với loài có sắc mà theo đó có nhiều thân, nhiều tư tưởng, ví như ở cõi người hay ở cõi trời. Đó là chỗ an trú thứ nhất của thức.

2. Đối với loài có sắc mà theo đó có một thân nhưng nhiều tư tưởng, như cõi trời tên là Phạm thiên, ở đó được trường thọ. Đó là trú xứ thứ hai của thức.

3. Đối với loài có sắc mà theo đó có một thân nhưng nhiều tư tưởng, ví như cõi trời tên Minh thanh. Đó là chỗ trú xứ thứ ba của thức.

4. Đối với loài có sắc mà theo đó có một thân, một tư tưởng, như cõi trời tên Biến tịnh. Đó là trú xứ thứ tư của thức.

5. Đối với loài không có sắc mà theo đó có chúng sanh từ tất cả sắc tướng vượt qua nhiều tướng diệt, là vô hữu lượng không, dùng không tuệ để tâm an trú, như cõi trời tên Không tuệ hành (Không vô biên xứ thiên). Đó là trú xứ thứ năm của thức.

6. Đối với loài không có sắc mà theo đó có chúng sanh tu tập tất cả từ không rốt ráo vượt đến thức vô hạn lượng, từ tuệ mà an trú tâm, ví như cõi trời tên Thức tuệ (Thức vô biên xứ thiên). Đó là trú xứ thứ sáu của thức.

7. Đối với loài không có sắc mà theo đó có chúng sanh từ tất cả thức tuệ vượt qua vô hữu lượng, bất dụng, theo tuệ đó an trú tâm, ví như cõi trời Bất dụng tùng thị tuệ (Vô sở hữu xứ thiên). Đó là trú xứ thứ bảy của thức.

Này A-nan, thế nào là "Cũng có hai thọ hành mà từ đó được giải thoát?"

–Có người hành đạo theo nhân duyên của sắc khiến cho không còn tư tưởng như cõi trời tên Bất tư tưởng (Vô tưởng thiên). Đó là thọ hành mà theo đó được giải thoát thứ nhất.

–Có người hành đạo theo nhân duyên vô sắc, không thọ dụng theo tất cả nên được độ, vì thọ hành an trú ở cảnh giới không có tư tưởng mà cũng có tư tưởng (Phi hữu tưởng, Phi vô tưởng), như cõi trời tên Bất tư tưởng diệc hữu tư tưởng. Đó là thọ hành mà theo đó được giải thoát thứ hai.

Này A-nan, chỗ thức an trú theo thứ lớp ấy là từ nhân duyên tu tập sắc hành nhiều thân, nhiều tư tưởng, ví như ở cõi trời hay ở cõi người cũng đồng một xứ.

Này A-nan, nếu người hành đạo đã biết chỗ an trú của thức này, cũng biết thức ấy, cũng biết chỗ tập khởi của nó, cũng biết từ đó mà diệt mất, cũng biết sự yêu thích của nó, cũng biết khổ xúc của nó, cũng biết con đường thoát khỏi nó. Khi đã biết như vậy rồi, này A-nan, người hành đạo đối với chỗ an trú của thức có nên mong cầu, có nên mơ tưởng, có nên trụ trong đó chăng?

Tôn giả A-nan thưa:

–Dạ, không.

Này A-nan, chỗ thức dừng nghỉ thứ hai là từ nhân duyên tu tập sắc hành, nhiều thân nhưng một tưởng, như cõi trời tên Phạm thiên, được sống lâu đệ nhất ở tại đó. Này A-nan, nếu người hành đạo đã biết chỗ an trú của thức ấy, cũng biết thức ấy, cũng biết chỗ tập khởi của nó, cũng biết từ đó mà diệt mất, cũng biết sự ưa thích của nó, cũng biết khổ xúc của nó, cũng biết con đường thoát ra khỏi nó. Vậy thì, này A-nan, người hành đạo đối với trú xứ của thức có nên mong cầu, mơ tưởng và an trụ trong đó không?

A-nan thưa:

–Dạ, không.

Này A-nan, chỗ trú thứ ba của thức là từ nhân duyên tu tập sắc hành một thân nhưng nhiều tưởng; như cõi trời tên là Minh. Này A-nan, nếu người hành đạo đã biết chỗ trú của thức ấy, biết chỗ tập khởi của nó, cũng biết sự từ đó mà diệt mất, cũng biết sự ưa thích của nó, cũng biết khổ xúc của nó, cũng biết con đường thoát khỏi nó. Đã biết như vậy rồi, này A-nan, người hành đạo đối với chỗ trú của thức ấy có nên mong cầu, mơ tưởng và an trụ trong đó không?

A-nan thưa:

–Dạ, không.

Này A-nan, chỗ trú thứ tư của thức, từ nhân duyên tu tập sắc hành một thân, một tư tưởng như cõi trời tên Biến tịnh. Này A-nan, nếu người hành đạo đã biết chỗ trú của thức ấy, cũng biết chỗ tập khởi của nó, cũng biết sự từ đó mà diệt mất, sự ưa thích của nó, khổ xúc của nó, cũng biết con đường thoát khỏi nó. Đã biết như vậy rồi, này A-nan, người hành đạo đối với chỗ trú của thức có nên mong cầu, mơ tưởng và

an trụ trong đó không?

A-nan thưa:

–Dạ, không.

Này A-nan, chỗ dừng trú năm của thức, là từ nhân duyên tu tập không có sắc hành, do đã vượt qua mọi sắc, địa tưởng không còn, có vô lượng không, tu tập an trú vào không tuệ, như cõi trời tên là Không tuệ. Này A-nan, nếu người hành đạo đã biết chỗ trú của thức ấy, cũng biết chỗ tập khởi của nó, cũng biết từ đó mà diệt mất, cũng biết sự ưa thích của nó, khổ xúc của nó, và con đường thoát khỏi nó. Vậy thì, này A-nan, người hành đạo đối với chỗ trú của thức có nên mong cầu, mơ tưởng và an trụ trong đó không?

A-nan thưa:

–Dạ, không.

Này A-nan, chỗ trú thứ sáu của thức là nhân duyên tu tập không có sắc hành, tất cả từ không tuệ vượt đến an trú thức vô hữu lượng thọ tuệ hành, như cõi trời tên Thức tuệ. Này A-nan, nếu người hành đạo đã biết chỗ trú của thức này, chỗ tập khởi của nó, sự biến mất của nó, sự ưa thích của nó, khổ xúc của nó, và cũng biết con đường thoát khỏi nó. Đã biết như vậy, này A-nan, người hành đạo đối với chỗ trú của thức ấy có nên mong cầu, mơ tưởng và an trụ trong đó không?

A-nan thưa:

–Dạ, không.

Này A-nan, đối với chỗ trú thứ bảy của thức là từ nhân duyên tu tập không có sắc hành tất cả từ Thức tuệ vượt đến vô hữu lượng bất dụng kỷ xả thọ tuệ hành, như cõi trời tên Bất dụng thọ tuệ hành (Vô sở hữu xứ thiên). Này A-nan, nếu người hành đạo đã biết chỗ trú của thức này, chỗ tập khởi của nó, cũng biết sự biến mất của nó, sự ưa thích của nó, sự khổ xúc của nó, cũng biết con đường thoát khỏi nó. Đã biết vậy rồi, này A-nan, bấy giờ người hành đạo đối với chỗ trú của thức có nên mong cầu, mơ tưởng và an trụ trong đó không?

A-nan thưa:

–Dạ, không.

Này A-nan, thọ hành mà theo đó được giải thoát thứ nhất, có người theo nhân duyên tu tập sắc, không có tưởng cũng không thọ, như cõi trời tên Bất tư (Vô tưởng thiên). Này A-nan, nếu người hành đạo đã biết nó từ thọ, cũng biết nó từ thọ tập, cũng biết sự biến mất của nó, sự

ưa thích của nó, sự khổ xúc của nó, cũng biết con đường thoát ra khỏi nó. Đã biết như vậy, khi ấy, này A-nan, người hành đạo đối với thọ hành mà theo đó được giải thoát này có nên mong cầu, mơ ước, an trụ trong đó không?

A-nan thưa:

–Dạ, không.

Này A-nan, thọ hành mà theo đó được giải thoát thứ hai, có người do nhân duyên tu tập không có sắc, tất cả đều không thọ dụng theo tuệ đạt đến an trụ trong cảnh giới không có tư tưởng, cũng chẳng tư tưởng thọ hành (xa lìa Vô sở hữu xứ, Phi hữu tưởng, Phi vô tưởng), tức là cõi trời Vô hữu tư tưởng giải (Phi tưởng phi phi tưởng xứ). Này A-nan, nếu người hành đạo đã biết từ thọ hành này được giải thoát, chỗ tập khởi của nó, cũng biết sự biến mất của nó, sự ưa thích của nó, sự khổ xúc của nó, cũng biết con đường thoát ra khỏi nó. Đã biết như vậy, thì này A-nan, người hành đạo đối với thọ hành mà theo đó được giải thoát này có nên mong cầu, mơ ước, an trụ trong đó không?

A-nan thưa:

–Dạ, không.

Này A-nan, nếu kẻ hành đạo biết như vậy, thấy như vậy, nói là không biết, không thấy, nếu có kiết sử này, bấy giờ nên nói là thường, hay nên nói là vô thường; nên nói thế gian có bản thể (ngã) hay nên nói thế gian là không có bản thể, nên nói: đắc đạo rồi chết sanh trở lại, hay nên nói: đắc đạo không còn chết nữa? Vậy có hay không có sự thoát khỏi sự chết ở thế gian từ sự trói buộc này? Lúc đó, này A-nan, người hành đạo đối với bảy chỗ trú của thức và hai thọ hành đắc giải thoát như vậy, như đã thấy rõ bằng trí tuệ, theo tâm ý đã thông tỏ mà được giải thoát. Đó gọi là, này A-nan, bậc tu tập Vô sở trước (A-la-hán), nhờ tuệ mà được giải thoát.

Này A-nan, cũng có tám giải thoát xứ. Những gì là tám? Đó là:

1. Bên trong có sắc, quán sắc. Đó là giải thoát xứ thứ nhất.

2. Nội quán sắc, không quán tưởng ngoại sắc. Đó là giải thoát xứ thứ hai.

3. Quán ba mươi sáu vật bất tịnh trong thân, tu tập quán chiếu nên được chỉ. Đó là giải thoát xứ nhất thiết thứ ba.

4. Do đã lìa sắc tưởng, diệt địa tưởng, nhiều tưởng, không nghĩ đến Vô lượng không tuệ đã thọ rồi, ví như trời Không tuệ. Đó là giải

thoát xứ thứ tư.

5. Vượt qua tất cả từ không tuệ đạt vô hữu lượng thức tuệ thọ rồi, gọi là trời Thức tuệ. Đó là giải thoát xứ thứ năm.

6. Vượt qua tất cả từ Thức tuệ (Thức vô biên) được Vô sở hữu, không dùng Thọ tuệ hành, gọi là trời Bất dụng vô sở dụng tuệ hành. Đó là giải thoát xứ thứ sáu.

7. Vượt qua tất cả từ không dụng tuệ, được Vô hữu tư tưởng, cũng chẳng phải Vô hữu tư tưởng (Phi tưởng phi phi tưởng), đình chỉ thọ hoàn toàn, gọi là trời Tư tưởng. Đó là giải thoát xứ thứ bảy.

8. Vượt qua tất cả từ không có tư tưởng đạt đến chỗ diệt tư tưởng và giác ngộ hoàn toàn, thân đã tịnh chỉ xúc và thọ hoàn toàn. Đó là giải thoát xứ thứ tám.

Này A-nan, nếu người hành đạo đối với bảy chỗ an trú của thức, hai thọ hành mà từ đó được giải thoát và tám giải thoát xứ này, nếu như có trí tuệ, theo đó mà thấy, từ bỏ không thọ dụng ngã thì liền được giải thoát. Như vậy là có phước cho thân mình nhờ pháp môn định chỉ này. Này A-nan, đó gọi là hành đạo Vô sở trước, nhờ hai thọ hành mà được giải thoát.

Đức Phật nói như vậy, Tôn giả A-nan tín thọ phụng hành.

❑

SỐ 15

PHẬT NÓI KINH ĐẾ-THÍCH SỞ VẤN

Hán dịch: Đời Tống, Đại sư Pháp Hiền.

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong hang Đế-thích, nơi núi Tỳ-đề-hê, phía Bắc của khu làng Đại Bà-la-môn, trong vườn Đông yêm-la, thuộc thành Vương xá, nước Ma-già-đà với đông đủ đại chúng.

Bấy giờ, Thiên chủ Đế-thích nghe Phật ở trong hang Đế-thích, núi Tỳ-đề-hê, nước Ma-già-đà, liền bảo Ngũ Kết vương tử Càn-thát-bà:

–Ngươi có biết không? Ta nghe Phật ở trong hang Đế-thích, núi Tỳ-đề-hê, nước Ma-già-đà. Ta muốn cùng ông đi đến chỗ Phật để thân cận cúng dường.

Ngũ Kết vương tử Càn-thát-bà nghe nói như vậy bèn thưa với Đế-thích:

–Rất hay! Thưa Thiên chủ!

Nói xong, vị ấy liền ôm đàn không hầu tô điểm bằng lưu ly báu đi theo Đế-thích. Lúc đó các Thiên chúng nghe Thiên chủ Đế-thích cùng vương tử Càn-thát-bà Ngũ Kết phát tâm đi đến chỗ Phật để thân cận cúng dường, nên cũng phát tâm vui thích đi theo đến chỗ Phật để thân cận cúng dường.

Thiên chủ Đế-thích cùng vương tử Càn-thát-bà Ngũ Kết và các Thiên chúng lúc ấy biến mất ở cõi trời nhanh như lực sĩ co duỗi cánh tay, liền đến núi Tỳ-đề-hê, nước Ma-già-đà. Khi đó hòn núi này bỗng có một luồng ánh sáng bao trùm tỏa chiếu khắp cả bốn mặt. Dân chúng quanh vùng thấy luồng ánh sáng này, bèn nói với nhau:

–Núi này tại sao có một đám lửa lớn cháy rực cả một vùng giống như núi báu?

Khi ấy, Thiên chủ Đế-thích bảo vương tử Càn-thát-bà Ngũ Kết:

–Ngươi thấy núi này có màu sắc thù thắng vi diệu không? Đấy là chỗ Đức Phật Thế Tôn đang an trú nơi đó, bốn sự đều thanh tịnh. Vả lại, núi này có những nhà cửa đều do châu báu tạo thành. Người nào ở trong đó đều dứt hết các phiền não, đều chứng Thánh quả, cho đến chư Thiên có oai lực lớn cũng thường ở nơi ấy.

Rồi nói tiếp:

–Cho nên chúng ta khó mà gặp được Ngài, như trên đã nói, để thân cận cúng dường. Nay đã đúng lúc, này vương tử Càn-thát-bà Ngũ Kết, hãy dùng âm nhạc tấu lên để cúng dường. Vì sao như vậy? Vì trước đây thật khó mà được gặp Ngài.

Vương tử Càn-thát-bà nghe xong, thưa với Đế-thích:

–Rất hay! Rất hay!

Nói xong, vương tử liền suy nghĩ: "Chư Phật Như Lai có đủ thiên nhĩ thông, không xa cũng không gần đều có thể nghe rõ cả". Nghĩ như vậy rồi liền khảy chiếc đàn không hầu tô điểm bằng lưu ly báu đã mang theo, trong âm thanh phát ra bài kệ. Bài kệ ấy như sau:

Như hiền nữ Nhật Quang
Hãy xin với cha nàng
Cùng ta làm quyến thuộc
Nên biết hỡi hiền lương!
Ta vốn hâm mộ nàng
Ví như người nóng khát
Nhớ nghĩ chốn thanh lương
Như người khát nhớ nước.
Như người bệnh mong thuốc
Người đói mong được ăn
Như voi chúa bị xích
Không thể bước tới được.
Lại như A-la-hán
Ưa cầu pháp tịch diệt
Nay mong muốn của ta
Ý nghĩa cũng như vậy.
Tham dục thêm phiền não

Nó đâu có chân thật
Nguyện cầu chẳng như ý
Chịu vô lượng khổ đau.
Ta đã tạo phước đức
Cúng dường A-la-hán
Các quả báo đạt được
Xin chia sẻ cùng nàng.
Ta mong Nhật Quang nữ
Lòng ấy không đổi dời
Đế-thích chư Thiên chủ
Cho tôi được mãn nguyện.

Khi ấy Đức Thế Tôn ở trong hang Đế-thích, dùng thiên nhĩ thông, từ xa nghe bài hát đó liền dùng thần lực bảo với vương tử Càn-thát-bà Ngũ Kết:

–Lành thay! Lành thay! Này vương tử Càn-thát-bà! Ông thật khéo sử dụng âm nhạc, khi những dây đàn rung lên phát ra những âm thanh vi diệu như tiếng ca êm ái của ông, khi ông ca hát cũng giống như tiếng đàn. Vì sao vậy? Bởi vì đã từ lâu khi phát ra âm nhạc thì trong dây đàn ấy lại phát ra kệ tụng. Lại nữa, trong bài kệ tụng ấy nói lên ba loại âm thanh. Đó là âm thanh yêu thích, âm thanh của loài rồng và âm thanh của bậc A-la-hán.

Lúc đó vương tử Càn-thát-bà Ngũ Kết nương vào thần lực của Phật, từ xa nghe tiếng của Ngài, liền bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, con nhớ một thời có vua Càn-thát-bà tên là Đống-mẫu-la, vị vua ấy có một người con gái tên là Nhật Quang, tâm con rất muốn được làm quyến thuộc với nàng. Mặc dù lúc đó con đã làm đủ cách nhưng vẫn không được như nguyện. Con liền đến trước người con gái ấy hát lên bản nhạc này, trong tiếng đàn phát ra một bài kệ, trong bài kệ có ba loại âm thanh. Bạch Thế Tôn, khi con ca hát thì ở trong hội Thiện pháp có các Thiên chúng, họ cùng nói với nhau:

–Vị vương tử Càn-thát-bà Ngũ Kết này không thấy, không nghe Đức Thế Tôn của chúng ta có đủ mười hiệu là: Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn.

Lúc đó con nói với các Thiên chúng:

–Chư Thiên, các vị thật khéo tán thán công đức của Phật.

Chư Thiên đáp:

–Vương tử Càn-thát-bà Ngũ Kết, chúng tôi tán thán công đức của Phật cùng với người không khác.

Vương tử Càn-thát-bà Ngũ Kết nghe chư Thiên nói như vậy bỗng nhiên tỉnh ngộ, đáp:

–Nhân giả, nay tôi quy y Phật Thế Tôn. Nhân việc ấy tôi hướng về Đức Phật, hát lên bản nhạc này.

Bấy giờ, Thiên chủ Đế-thích suy nghĩ như vầy: "Nay vương tử Càn-thát-bà Ngũ Kết này căn duyên đã thuần thục, nhưng chưa đến trước Đức Phật để đích thân cúng dường". Nghĩ như vậy xong, liền bảo vương tử Càn-thát-bà Ngũ Kết:

–Ông hãy đem lời nói của ta đến chỗ Đức Phật, đầu mặt lạy sát chân Ngài, như lời ta mà thưa: "Thiên chủ Đế-thích cúi đầu lạy dưới hai chân, thăm hỏi sức khỏe của Thế Tôn, có ít bệnh, ít phiền, đi lại nhẹ nhàng, khí lực an ổn, tới lui ung dung chăng? Con nay cùng với Thiên chúng trời Đao-lợi này muốn đến gặp Phật để thân cận cúng dường, nghe lời Phật dạy".

Vương tử Càn-thát-bà Ngũ Kết nghe xong, thưa với Đế-thích:

–Rất hay, thưa Thiên chủ!

Nói như vậy rồi vị ấy liền đi đến chỗ Phật, đầu mặt lạy sát chân Phật, đứng qua một bên, bạch với Phật:

–Bạch Thế Tôn, Thiên chủ Đế-thích cùng với Thiên chúng trời Đao-lợi sai con đến đây lạy dưới hai chân Phật, thăm hỏi Thế Tôn có ít bệnh, ít phiền, đi lại nhẹ nhàng, khí lực an ổn, tới lui ung dung chăng? Chúng con hôm nay muốn đến gặp Phật để thân cận cúng dường, cho nên sai con đến đây để nghe Phật chỉ dạy.

Phật liền đáp:

–Ông hãy trở lại nói với Đế-thích và Thiên chúng ấy: "Nay đã đúng lúc".

Vương tử Càn-thát-bà Ngũ Kết vâng theo thánh chỉ của Phật, trở về chỗ Đế-thích truyền lại lời dạy của Thế Tôn: "Nay đã đúng lúc".

Bấy giờ Đế-thích và Thiên chúng Đao-lợi liền đến chỗ Phật, đến nơi, lạy dưới hai chân Phật, đứng qua một bên. Lúc đó Thiên chủ liền nghĩ: "Hang Đế-thích này có vẻ chật hẹp, còn Thiên chúng thì nhiều vô số, làm sao mà ngồi?". Phật biết ý nghĩ này, liền dùng thần lực khiến cho cái hang trở nên rộng rãi, có thể chứa hết Thiên chúng mà không

trở ngại. Thiên chủ Đế-thích và Thiên chúng đều đảnh lễ Phật, rồi theo thứ lớp mà ngồi. Sau khi tất cả đã ngồi yên, Thiên chủ Đế-thích chắp tay bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, đã lâu chúng con muốn đến yết kiến Phật và muốn nghe chánh pháp. Bạch Thế Tôn, con nhớ lại có một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng cây Kỳ-đà, vườn Cấp cô độc, Ngài nhập Tam-muội hỏa giới. Lúc đó con đang ở trong cung Tỳ-sa-môn, thấy trong cung có một phu nhân tên là Diệu Tý. Vị phu nhân ấy thấy Phật nhập Tam-muội hỏa giới thì chắp tay cung kính chuyên tâm niệm Phật. Con thấy Thế Tôn chưa ra khỏi tam-muội, nên bảo với Diệu Tý: "Chờ Phật Thế Tôn ra khỏi tam-muội thì thưa: Ta chí thành hỏi thăm sức khỏe của Phật có ít bệnh, ít phiền, đi lại nhẹ nhàng, khí lực an ổn, tới lui ung dung chăng?" Con lại bảo: "Hãy chờ Phật xuất định, thưa lại lời chí thành của ta, đừng quên". Bạch Thế Tôn, việc này có đúng như vậy chăng?

Đức Phật nói:

–Này Đế-thích, việc này quả đúng như vậy. Vị phu nhân kia đã thay thế ông cung kính hỏi thăm sức khỏe của Ta.

Phật lại bảo:

–Này Thiên chủ, Ta ở trong tam-muội cũng có nghe ông nói, sau đó không bao lâu Ta liền xuất định.

Đế-thích bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, xưa kia con từng được nghe có Phật Như Lai Chánh Đẳng Chánh Giác xuất hiện ở thế gian tạo lợi ích lớn, dùng đại phương tiện, tùy theo từng loài mà dẫn dắt, hoặc ẩn nơi tướng người, hoặc hiện làm thân trời. Nay con tự biết Phật ở thế gian tạo lợi ích lớn, dùng phương tiện khéo léo, tùy loài mà dẫn dắt, hoặc ẩn, hoặc hiện. Bạch Thế Tôn, những vị Thanh văn theo Phật xuất gia, tu trì phạm hạnh, sau khi mạng chung, sanh lên trời Đao-lợi, các vị thiên nhân ấy vui mừng vì được ba việc, đó là: thọ mạng, sắc tướng và danh xưng. Bạch Thế Tôn, xưa có một Thích nữ tên là Mật Hạnh theo Phật xuất gia, giữ gìn phạm hạnh, thường nhàm chán thân nữ, cầu tướng nam tử. Sau khi mạng chung, sanh lên trời Đao-lợi làm con của con tên là Mật Hạnh, có đầy đủ oai lực, đúng là vị đại trượng phu. Bạch Thế Tôn, lại có ba vị Bí-sô tu hạnh Thanh văn nhưng chưa đoạn trừ được tâm tham dục, sau khi mạng chung sanh lên cõi trời, làm con của vị Càn-thát-bà thấp nhất, thường đến chỗ Thiên tử Mật Hạnh để hầu hạ. Khi ấy vị trời

Mật Hạnh hướng về Càn-thát-bà thấp kém nói bài kệ:

Xưa kia ta thân nữ
Đủ trí tên Mật Hạnh
Chán nữ cầu tướng nam
Thường cúng Phật Pháp Tăng.
Khi ấy thấy ba người
Đang tu hạnh Thanh văn
Nay sanh vào hạ tộc
Theo ta để hầu hạ.
Các ngươi nay nên biết
Vì các ngươi nói thật
Xưa các ngươi làm người
Tứ sự đều đầy đủ
Không giữ giới cấm Phật
Nay ôm lòng xấu hổ
Rõ tâm là Chánh pháp
Chỉ kẻ trí mới biết.
Xưa ta cùng các ngươi
Gần Phật theo Chánh pháp
Tín tâm trì giới Phật
Và cúng dường Thánh chúng.
Nhờ ta hành chánh hạnh
Được làm con Đế-thích
Vị trời đại oai lực
Tự biết tên Mật Hạnh
Ở cung điện thù thắng
Chuyển nữ thành tướng nam.
Ngươi con Càn-thát-bà
Theo Phật giữ phạm hạnh
Nghe pháp Phật tối thượng
Trở lại làm người hầu
Ta ở trong cõi trời
Chưa thấy việc như vậy.
Tu trì hạnh Thanh văn
Mà sanh nhà hạ tiện
Ngươi con Càn-thát-bà
Chịu Mật Hạnh giáo hóa

Chỗ thọ sanh các ngươi
Chẳng phải đệ tử Phật.
Càn-thát-bà tử thưa:
"Lời ngài nói là thật
Chúng tôi vì tham dục
Đọa vào Càn-thát-bà.
Tôi nay nguyện tinh tấn
Chỉ nhớ chánh pháp Phật
Biết tham dục là sai
Đoạn trừ tâm tham dục
Tham bị phiền não trói
Còn mạnh hơn ma quân.
Bỏ pháp Phật chân thật
Nên không sanh cõi trời.
Đế-thích cùng Phạm vương
Ngồi trong hội Thiện pháp
Xem chư Thiên thắng hạnh
Qua lại ở cõi trời
Thấy tôi sanh hạ tộc
Qua lại ở cõi trời
Tôi do hành bất chánh
Nên không được thắng quả".
Khi ấy trời Mật Hạnh
Thưa với cha Đế-thích:
"Vua cha nay nên biết
Phật của con tối thắng
Xuất hiện ở thế gian
Khéo hàng phục ma quân
Tên Thích-ca Mâu-ni
Ba Càn-thát-bà này
Là con của Đức Phật
Vì quên mất chánh niệm
Nên đọa Càn-thát-bà
Nhưng trong ba vị kia
Một vị không chánh tri
Hai vị theo chánh đạo
Thường hướng Phật Bồ-đề

Thực hành theo chánh pháp
Kiến thức của Thanh văn
Không có ai hơn được.
Họ xa lìa ái dục
Đoạn trừ các phiền não
Chỉ nhớ Phật Thế Tôn
Không còn sanh các tưởng.
Pháp nào chưa liễu ngộ
Cả hai đều chánh tri
Sẽ được quả báo tốt
Sanh lên trời Phạm thiên.

Bạch Thế Tôn, khi nghe Thiên tử Mật Hạnh nói kệ xong, đối với việc ấy lòng con vẫn còn phân vân, cho nên con đến chỗ Phật muốn đích thân thưa hỏi, mong Phật rủ lòng thương xót dạy bảo.

Bấy giờ Đức Thế Tôn suy nghĩ: "Thiên chủ Đế-thích ở trong cõi sanh tử không hề biếng nhác, không phế bỏ, không bị cấu nhiễm, nếu có hỏi điều gì là do không biết chứ không phải là nhằm để quấy nhiễu Ta. Nếu vị này hỏi Ta sẽ trả lời". Nghĩ như vậy xong Phật liền nói bài kệ bảo Đế-thích:

Đế-thích nay nên biết
Chỗ vui trong lòng ông
Muốn hỏi nghĩa lý nào
Cứ hỏi Ta sẽ nói.

Thiên chủ Đế-thích liền nói kệ bạch Thế Tôn:

Nay mong Phật chấp thuận
Như lòng con vui sướng
Con nay xin thưa hỏi
Xin Phật hãy chỉ bày.

Thiên chủ Đế-thích nói kệ xong bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, các hàng Trời, Người, A-tu-la, Càn-thát-bà cùng với các hàng phàm phu khác vì sao mà bị phiền não?

Phật dạy:

–Do thương ghét mà bị phiền não. Này Thiên chủ Đế-thích, những hàng Trời, Người, A-tu-la, Càn-thát-bà cho đến các chúng sanh khác thường hay suy nghĩ: "Than ôi! Tự ta đối với người khác trước hết đừng có xâm hại, cũng đừng oán thù, không tranh giành chống đối, không kiện cáo tranh hơn thua, lại cũng đừng lôi kéo lẫn nhau. Tại sao ta lại làm những việc như vậy?" Này Thiên chủ, những việc như thế là do lòng thương ghét nổi lên nên mới sanh ra phiền não.

Đế-thích thưa:

–Bạch Thế Tôn, đúng vậy! Đúng vậy! Như lời Phật dạy, nay con nhờ Phật biết được nghĩa này: Vì thương ghét nên có phiền não, phải đoạn trừ mê lầm thì trong lòng mới an vui.

Khi ấy Thiên chủ Đế-thích được nghe Phật dạy, hoan hỷ tin vâng, lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, phiền não thương ghét lấy gì làm nhân, do đâu tập khởi, vì sao sanh ra, lấy gì làm duyên, do đâu mà có, do đâu mà không?

Phật dạy:

–Này Thiên chủ, phiền não thương ghét do thân oán làm nhân, do thân oán tập khởi, từ thân oán sanh ra, lấy thân oán làm duyên, do có thân oán mà có phiền não thương ghét. Nếu không có thân oán sẽ không có thương ghét.

Đế-thích bạch Phật:

–Đúng vậy! Đúng vậy! Như Phật đã dạy, nay con nhờ Phật hiểu được nghĩa này: Phiền não thương ghét lấy thân oán làm nhân. Nếu không có thân oán thì cũng không có thương ghét.

Lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, thân oán nhân đâu mà có, từ đâu tập khởi, do đâu sanh ra, lấy gì làm duyên, tại sao lại có, làm sao để không có?

Phật dạy:

–Này Đế-thích, do dục làm nhân, vì dục tập khởi, do dục sanh ra, do dục mà có thân oán. Nếu không có dục sẽ không có oán thân.

Đế-thích bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, đúng vậy! Đúng vậy! Như Phật đã dạy, nhân có dục mà có oán thân.

Lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, nhưng dục này nhân đâu mà có, do đâu tập khởi, do đâu phát sanh, lấy gì làm duyên, tại sao lại có, làm sao để không có?

Phật dạy:

–Này Đế-thích, dục do nghi hoặc mà có, từ nghi hoặc tập khởi, do nghi hoặc sanh, nương nghi hoặc làm duyên, nhân nghi hoặc mà có, nếu không có nghi hoặc sẽ không có dục.

Đế-thích bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, đúng vậy! Đúng vậy! Như Phật đã dạy, do nghi hoặc nên có dục.

Lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, nghi hoặc do nhân gì, tập gì, sanh gì, duyên gì mà có nghi hoặc này. Do đâu có nghi hoặc, do đâu không có?

Phật bảo Đế-thích:

–Lấy hư vọng làm nhân, từ hư vọng tập khởi, do hư vọng phát sanh, nương hư vọng làm duyên, do có hư vọng nên có nghi hoặc, do có nghi hoặc nên có dục, do có dục nên có thân oán, do có thân oán nên có thương ghét, do có thương ghét nên mới có dao kiếm đánh nhau, tố tụng, tranh giành, trong lòng sanh ra quanh co, khúc khuỷu, lời nói không thành thật, khởi lên muôn ngàn các thứ nghiệp xấu, pháp bất thiện như vậy, dẫn đến sự tập khởi của khối đại khổ được tích tụ. Này Thiên chủ, nếu không có hư vọng thì không có nghi hoặc, nếu không có nghi hoặc liền không có tham dục, nếu không có tham dục liền không có thân oán sanh ra, thân oán không có thì thương ghét tự trừ. Vì không có thương ghét thì dao kiếm đánh nhau, tố tụng đấu tranh, trong lòng quanh co khúc khuỷu, lời nói không thành thật, các thứ nghiệp xấu, pháp bất thiện đều được tiêu trừ; như thế là toàn bộ khối khổ lớn được tiêu diệt.

Đế-thích bạch Phật:

–Đúng vậy! Đúng vậy! Như Phật đã dạy, nhân mê lầm mà có hư vọng.

Lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, pháp hư vọng lấy pháp gì để diệt trừ, cho đến các Bí-sô phải thực hành như thế nào?

Phật dạy:

–Này Thiên chủ, pháp để diệt trừ hư vọng là Bát chánh đạo. Bát chánh đạo là chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định. Nhờ tám pháp này mà diệt trừ được hư vọng. Nếu các Bí-sô thực hành pháp này thì gọi là thực hành các pháp diệt trừ hư vọng.

Đế-thích bạch Phật:

–Đúng vậy! Đúng vậy! Bạch Thế Tôn! Pháp diệt trừ hư vọng là Bát chánh đạo.

Đế-thích lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, pháp diệt trừ hư vọng ấy, nếu Bí-sô thực hành đối với Biệt giải thoát có mấy pháp?

Phật dạy:

–Này Thiên chủ, pháp hư vọng này đối với Biệt giải thoát có sáu pháp. Những gì là sáu? Đó là mắt thấy sắc, tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi biết vị, thân cảm xúc, ý phân biệt pháp. Này Thiên chủ, mắt xem sắc có hai thứ, đó là sắc nên xem và sắc không nên xem. Sắc không nên xem là đối với tất cả cảnh giới của pháp ô nhiễm thì không nên xem. Sắc nên xem là đối với các cảnh giới của pháp thiện thì nên quán sát. Mắt xem cảnh sắc là như vậy, cho đến ý phân biệt pháp cũng như thế.

–Bạch Thế Tôn, nay con nhờ Phật biết được nghĩa này. Những điều không nên xem là nếu mắt nhìn cảnh thuộc pháp bất thiện, hễ nhìn nó liền tăng trưởng pháp ô nhiễm, tổn hại pháp lành. Còn những điều nên xem là mắt thấy các cảnh thuộc pháp thiện, hễ thấy nó liền tăng trưởng pháp thiện, làm tổn giảm pháp ô nhiễm; cho đến ý phân biệt pháp trần cũng giống như vậy. Bạch Thế Tôn, nay con nhờ Phật nghe được pháp này rồi, mãn nguyện sung sướng, đoạn trừ nghi hoặc.

Lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, nếu lại có Bí-sô muốn đoạn trừ hư vọng phải đoạn bao nhiêu pháp, hành bao nhiêu pháp?

Phật dạy:

–Này Thiên chủ, nếu có Bí-sô muốn diệt trừ pháp hư vọng cần phải đoạn ba pháp, hành ba pháp. Một là nghi hoặc, hai là mong cầu, ba là lời nói vô nghĩa. Ba pháp này cũng có thể thực hành, cũng có thể không thực hành. Nói không thực hành tức là đối với ba pháp bất thiện phải đoạn trừ không thực hành, nếu thực hành pháp bất thiện sẽ tăng trưởng, pháp thiện sẽ tổn giảm. Còn nói nên thực hành tức là đối với ba pháp bất thiện siêng năng đoạn trừ, như vậy pháp bất thiện được tổn giảm, pháp thiện được tăng trưởng.

Đế-thích bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, đúng vậy! Đúng vậy! Nay con nhờ Phật được hiểu nghĩa này. Đó là ba pháp nghi hoặc, mong cầu và nói lời vô nghĩa. Nếu thực hành chúng thì pháp thiện bị tổn giảm, pháp bất thiện được tăng trưởng. Nếu các Bí-sô đối với ba pháp này siêng năng đoạn trừ thì

pháp bất thiện sẽ tổn giảm, pháp thiện được tăng trưởng.

Lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, nếu có Bí-sô thực hành pháp diệt trừ hư vọng, có mấy loại thân?

Phật dạy:

–Này Thiên chủ, nếu có Bí-sô thực hành pháp diệt trừ hư vọng thì có ba loại thân. Ba loại thân đó là thân vui thích, thân khổ não và thân xả. Thân vui thích có hai nghĩa, đó là nên thực hành và không nên thực hành. Nên thực hành là các pháp thiện, không nên thực hành là các pháp bất thiện. Thân khổ não và thân xả cũng lại như vậy.

Đế-thích bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, đúng vậy! Đúng vậy! Nay con nhờ Phật nên được hiểu nghĩa này: Nếu các Bí-sô thực hành pháp diệt trừ hư vọng, đối với thân vui thích, thân khổ não và thân xả, ba loại thân này nên thực hành theo các pháp thiện, không nên thực hành theo các pháp bất thiện.

Bấy giờ Đế-thích lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn sự ưa muốn, sự nhớ nghĩ và sắc tướng của tất cả chúng sanh có giống nhau không?

Phật dạy:

–Chẳng giống nhau. Này Thiên vương, tất cả chúng sanh không đồng một ưa muốn, không đồng một nhớ nghĩ, không đồng một sắc tướng. Này Thiên chủ, tất cả chúng sanh tuy mỗi mỗi đều ở trong cảnh giới của mình, nhưng không biết các cảnh giới sai biệt. Vì không biết các cảnh giới sai biệt cho nên mới đi vào con đường tối tăm, trở lại chấp pháp si mê cho đó là chân thật. Các chúng sanh ấy không biết các cõi muôn ngàn sai biệt, điều họ biết được chỉ là cảnh giới tối tăm. Tuy có hiểu biết nhưng cũng thường đi vào con đường tăm tối, chấp chặt lấy si mê mà cho là chân thật.

Đế-thích bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, đúng vậy! Đúng vậy! Như Phật đã dạy, nay con nhờ Phật nên biết được nghĩa này: Tất cả chúng sanh không đồng một ưa muốn, không đồng một nhớ nghĩ, không đồng một sắc tướng. Do vì các chúng sanh ấy không biết sự sai biệt cho nên mới chấp sự si ám cho là chân thật.

Bấy giờ Đế-thích lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, có phải tất cả Sa-môn, Bà-la-môn đều đạt được

phạm hạnh thanh tịnh hoàn toàn không?

Phật dạy:

–Chẳng phải như vậy. Điều này có hai nghĩa. Này Thiên chủ, nếu các Sa-môn, Bà-la-môn nào không thể tận trừ ái dục, chắc chắn không thể nào đạt được phạm hạnh thanh tịnh hoàn toàn. Còn nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào có thể đoạn trừ được ái dục, liền chứng được tâm vô thượng giải thoát, tâm chánh giải thoát, kẻ ấy mới gọi là đạt được phạm hạnh thanh tịnh.

Đế-thích bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, đúng vậy! Đúng vậy! Như lời Phật dạy, nay con nhờ Phật hiểu được nghĩa này: Nếu các Sa-môn, Bà-la-môn không thể tận trừ ái dục, kẻ ấy quyết định không thể đạt được phạm hạnh thanh tịnh hoàn toàn. Còn nếu các Sa-môn, Bà-la-môn nào đã tận trừ được ái dục thì quyết định đạt được tâm vô thượng giải thoát, tâm chánh giải thoát, kẻ ấy mới gọi là đạt được phạm hạnh thanh tịnh hoàn toàn.

Bấy giờ Đế-thích lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, nay con phải làm sao để vĩnh viễn xa lìa bệnh của các kiến chấp, làm sao cho nó không còn sanh ra nữa? Bệnh của các kiến chấp ấy từ tâm thức sanh ra, vậy tâm thức này của con lại phải làm thế nào? Con tuy hỏi Phật về ý nghĩa các thứ nhưng tại sao con vẫn không thể đạt được Thánh quả, được quả Ứng Chánh Đẳng Giác của Phật Như Lai? Cúi mong Đức Thế Tôn vì con đoạn trừ nghi hoặc là nguồn gốc của căn bệnh kiến chấp.

Phật dạy:

–Này Thiên chủ, ông có biết không, lúc trước đó có Sa-môn, Bà-la-môn cũng hỏi về ý nghĩa này.

Đế-thích bạch Phật:

–Nay con nhớ lại trong một thời có chư Thiên với đại oai lực nhóm họp ở hội Thiện pháp tại cung trời Đao-lợi.

Khi ấy, trong hội có các trời người không biết pháp muốn mau thành Phật. Vì có ý như vậy nên họ đã bạch với Thế Tôn. Thế Tôn quán sát thấy họ là những người ngu si cho nên đã không thọ ký cho họ. Chư Thiên ấy vì không được mãn nguyện, tâm có sai biệt, nên từ chỗ ngồi đứng dậy, mỗi người đều trở về chỗ ở của mình. Chỗ ở của họ chẳng hiện ra nên liền bị đọa lạc. Lúc đó chư Thiên ấy vì bị đọa lạc nên hết sức sợ hãi, tâm sanh nghi hoặc, ai cũng nghĩ như vầy: “Chỗ ở của mình

không hiện ra, chắc chắn phải bị đọa lạc. Nếu ta thấy được vị Sa-môn, Bà-la-môn nào thì phải đến để thưa hỏi: "Ngài có phải là Đức Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác không?"

Bấy giờ các vị trời kia, có người thấy con một mình đi kinh hành, liền đến chỗ con hỏi:

–Nhân giả, ngài là ai?

Con đáp:

–Tôi là Thiên chủ Đế-thích.

Khi ấy các vị trời ấy trong lòng rất khổ não, thưa:

–Thiên chủ, há ngài không thấy tôi đang bị khổ não sao? Vì tôi hướng đến Phật để hỏi pháp nhưng không thể hỏi được, muốn quy y mà không quy y được, vì có tâm sai biệt nên đã trở về chỗ ở của mình, nhưng chỗ ở của mình lại chẳng hiện ra, biết chắc mình đã bị đọa lạc cho nên khổ não, mong được cứu hộ. Thiên chủ, kể từ ngày hôm nay, tôi thệ nguyện quy y Phật làm đệ tử Thanh văn.

Khi ấy con liền nói kệ đáp vị thiên kia:

Các ngươi khởi niệm tà
Nói ra lời bất chánh
Tâm sai biệt cầu Phật
Do đó chịu khổ mãi.
Hoặc thấy vị Sa-môn
Và các Bà-la-môn
Kinh hành liền thưa hỏi:
"Ngài là chánh giác chăng?
Nếu là bậc chánh giác
Con quy y cúng dường".
Con liền hỏi vị kia
Làm sao để cúng dường
Hỏi rồi không thể biết
Chánh đạo Phật như thật.
Khi ấy Thiên chúng ấy
Những dục vọng trong lòng
Tâm và tâm sở pháp
Nghi hoặc nên phân biệt.
Con biết tâm pháp họ
Như Thế Tôn đã dạy

Con đã nói với họ
Ở trong ba cõi này
Chỉ có Phật Thế Tôn
Là Đại Sư thế gian
Hàng phục đại ma quân
Độ các loài hữu tình
Đến bờ giác Niết-bàn
Như Lai Đại Giác Tôn
Ở thiên thượng, nhân gian
Không có ai bằng Ngài.
Đại Trượng Phu vô úy
Khéo đoạn bệnh tham ái.
Như Lai Đại Nhật Tôn
Nay ông hãy đảnh lễ.

Khi Thiên chủ Đế-thích nói việc ấy xong, Phật lại bảo:

–Này Thiên chủ, ông có thể biết được việc quá khứ ấy, đó là lợi phân biệt và lợi vui thích.

Đế-thích bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, nay con nhớ lại thuở xưa, chư Thiên và A-tu-la cùng đánh nhau, thiên nhân thắng trận, A-tu-la bại trận. Con suy nghĩ như vầy: "Những điều vui thích của thiên nhân và của A-tu-la, nay con một mình được sự vui thích, do được cái lợi vui thích như vậy, thì trong suốt cuộc đời này cần phải tranh giành, đao binh chém giết lẫn nhau, đó gọi là lợi ích của sự vui thích. Còn lợi phân biệt là suốt cả đời này không tranh giành cho đến việc dùng đao binh tàn hại lẫn nhau, đó là lợi ích của sự phân biệt".

Đế-thích lại thưa:

–Bạch Thế Tôn, nay con nhờ Phật nghe được Chánh pháp này, lại càng thêm tin tưởng sâu sắc, phát khởi hạnh nguyện. Nguyện cho con sau khi mạng chung, nếu sanh ở nhân gian thì được sanh vào nhà giàu có, sang trọng, tiền bạc lúa thóc vô kể, chứa nhiều châu báu, xe cộ đầy đủ, quyến thuộc đông đúc, đủ mọi thứ chẳng thiếu vật gì. Nguyện cho con sẽ sanh vào nhà giàu có như vậy, ở trong thai của trí tuệ, thân thể tròn đầy, sắc tướng đẹp đẽ, ăn món thượng vị, giàu sang tự tại, thọ mạng lâu dài, phát tâm chánh tín theo Phật xuất gia, cạo bỏ râu tóc mặc áo ca-sa làm Bí-sô, thường giữ phạm hạnh không có thiếu sót sai phạm,

chứng quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, cho đến đạt được biên vực tận cùng của sự khổ. Bạch Thế Tôn, con lại nghe nói có cõi trời Sắc cứu cánh, mong cho con khi mạng chung ở nhân gian được sanh lên cõi trời ấy.

Phật dạy:

–Này Thiên chủ, lành thay, lành thay! Này Thiên chủ, như lời nguyện của ông, do nhân duyên gì mà có được sự chứng quả thù thắng ấy?

Đế-thích bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, con không có nguyên nhân gì đặc biệt, chỉ nhờ theo Phật nghe Chánh pháp mà phát khởi đức tin sâu xa, nhờ nguyện lực ấy mà chứng được quả như vậy. Bạch Thế Tôn, nay con ở trong hội này được nghe Chánh pháp, nhờ pháp lực ấy nên được tăng trưởng trí tuệ, lại được tăng thêm tuổi thọ.

Khi ấy Đế-thích phát lời nguyện ấy xong, liền xa lìa mọi thứ cấu nhiễm, được pháp nhãn thanh tịnh, đồng thời có tám vạn người, trời cũng được pháp nhãn thanh tịnh. Bấy giờ Thiên vương Đế-thích nghe pháp, thấy pháp, có thể thông tỏ an trụ vững chắc nơi pháp, đoạn các nghi hoặc. Chứng như vậy xong, ông liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch vai áo bên phải, chắp tay đảnh lễ bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, con đã được giải thoát! Con đã được giải thoát! Kể từ hôm nay cho đến trọn đời con xin quy y Phật, Pháp và Tăng, thọ trì giới Ưu-bà-tắc.

Bấy giờ Thiên chủ Đế-thích đang ở trước Đức Phật quay lại nói với vương tử Càn-thát-bà Ngũ Kết:

–Nhờ ông mà ngày nay ta được hoan hỷ, lợi lạc và nhiều người cũng được lợi ích. Nhờ ông đã đến trước dùng âm thanh vi diệu này cúng dường Phật khiến cho chúng ta được nghe pháp, chứng quả. Chờ ta trở về cung sẽ khiến cho ông được mãn nguyện.

Khi ấy, Thiên chủ Đế-thích lại bảo chúng chư Thiên ở cõi Đao-lợi:

–Này các Nhân giả, các ông hãy dùng phạm âm, ba lần xin quy y Đức Phật. Vì sao như vậy? Vì nay Đức Phật Thế Tôn đã đắc Phạm trụ, tịch tĩnh, Niết-bàn.

Bấy giờ Thiên chúng đi theo Đế-thích, đều nhiễu quanh chỗ Phật ba vòng đầu mặt lạy sát chân Phật, đứng trước Đức Phật, đồng cất tiếng

phạm âm, ba lần quy y Phật:

–Na mô na mạc, tát đa tát muội, bà nga phạ đế, đát tha nga đa da, a ra ha đế, tam miệu tam một đà dã (Thành kính đảnh lễ Bậc Nhất Thiết Trí, Thế Tôn, A-la-hán, Chánh Đẳng Chánh Giác).

Thiên chủ Đế-thích và chúng chư Thiên ấy ba lần quy y Phật xong liền cùng với vương tử Càn-thát-bà Ngũ Kết... biến mất khỏi hội chúng, trở về cõi trời.

Bấy giờ Đại Phạm thiên vương, chủ cõi Ta-bà, ngày đã qua, đêm đến, đi tới chỗ Phật, thân phát ra ánh sáng rực rỡ, chiếu sáng hang Đế-thích, đến trước Đức Phật, lạy dưới hai chân Ngài, chắp tay đảnh lễ, nói kệ:

Đế-thích được nhiều lợi
Theo Phật hỏi Chánh pháp
Phật dùng vi diệu âm
Đoạn trừ hết mê lầm.

Nói kệ xong, Phạm vương bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, khi Phật nói Chánh pháp, Thiên chủ Đế-thích xa lìa mọi thứ cấu nhiễm, được con mắt pháp thanh tịnh, tám vạn trời người cũng được con mắt pháp thanh tịnh.

Phật dạy:

–Đúng vậy, đúng vậy!

Khi ấy Đại Phạm thiên vương, chủ cõi Ta-bà, nghe Phật nói xong, hoan hỷ tin vâng, lạy dưới chân Phật rồi ẩn thân biến mất, trở về cõi trời.

Bấy giờ, lúc đêm vừa tàn, Đức Thế Tôn, đến chỗ chúng Bí-sô, đi vòng quanh rồi an tọa, bảo các Bí-sô:

–Ngày đã qua, khoảng nửa đêm, Đại Phạm thiên vương, chủ cõi Ta-bà đi đến chỗ Ta, lạy dưới chân xong, chắp tay cung kính nói kệ:

Đế-thích được nhiều lợi
Theo Phật hỏi Chánh pháp
Phật dùng vi diệu âm
Đoạn trừ hết mê lầm.

Lại nói với Ta: "Thiên chủ Đế-thích khi nghe Chánh pháp, được mắt pháp thanh tịnh, và tám vạn trời người cũng được mắt pháp thanh tịnh".

Ta liền nói: "Đúng vậy, đúng vậy!"

Khi ấy Phạm vương nghe lời Ta nói hoan hỷ tin vâng, lạy dưới chân Ta rồi ẩn thân biến mất, trở về cõi trời.

Bấy giờ các Bí-sô nghe Phật nói pháp này xong, thảy đều hoan hỷ, lạy Phật lui ra.

❑

SỐ 16

PHẬT NÓI KINH THI-CA-LA-VIỆT LẠY SÁU PHƯƠNG

Hán dịch: Đời Hậu Hán, Sa-môn An Thế Cao.

Phật ở trong núi Kê thuộc thành Vương xá.

Bấy giờ, có vị con trai Trưởng giả tên Thi-ca-la-việt, sáng sớm dậy, tắm rửa chải đầu, mặc áo đẹp, hướng về phương Đông lạy bốn lạy, phương Nam lạy bốn lạy, phương Tây lạy bốn lạy, phương Bắc lạy bốn lạy, ngẩng lên trời lạy bốn lạy, cúi xuống đất lạy bốn lạy. Phật đi vào thành khất thực, từ xa trông thấy như vậy, liền đi đến nhà vị ấy để hỏi lý do:

–Tại sao anh lại lạy sáu phương? Việc này tương ứng với pháp gì?

Thi-ca-la-việt thưa:

–Khi cha con còn sống dạy con lạy sáu phương. Con chẳng biết tương ứng với pháp gì. Nay cha con đã mất, con không dám trái lệnh.

Phật dạy:

–Cha anh dạy anh lạy sáu phương không phải dùng thân lễ bái.

Thi-ca-la-việt liền quỳ xuống bạch Phật:

–Cúi mong Phật giải thích ý nghĩa của sự lạy sáu phương này cho con.

Phật dạy:

–Hãy lắng nghe và ghi nhớ. Trưởng giả là người thông minh trí tuệ nếu có thể giữ gìn bốn giới không có vi phạm thì đời này được mọi người kính nể, đời sau được sanh lên trời:

1. Không giết hại quần sanh.

2. Không trộm cắp.

3. Không lấy vợ người.

4. Không nói dối, nói hai lưỡi, tâm dục, tham dâm, sân hận, ngu si, phải tự kiềm chế đừng có nghe theo.

Nếu không tự kiềm chế bốn sự việc này thì tiếng xấu ngày một tăng, như mặt trăng đã lặn, ánh sáng mất đi thành tối tăm. Còn ai tự kiềm chế được việc ác này thì như mặt trăng lúc mới mọc, ánh sáng càng lúc càng tỏ, cho đến ngày rằm là lúc mặt trăng tròn đầy nhất.

Phật dạy:

–Lại có sáu việc làm cho tiền tài mỗi ngày một hao giảm:

1. Thích uống rượu.

2. Thích cờ bạc.

3. Thích ngủ sớm dậy trễ.

4. Thích mời khách và cũng muốn được người ta mời lại.

5. Muốn kết thân cùng với ác tri thức.

6. Kiêu mạn khinh người.

Phạm bốn việc ác ở trên và lại làm sáu việc này sẽ phương hại đến hạnh lành, cũng như không ích lợi trong vấn đề sinh kế, khiến cho tiền bạc ngày một hao giảm, thì việc lễ bái sáu phương có ích lợi gì.

Phật dạy:

–Ác tri thức có bốn hạng:

1. Bên trong có tâm oán thù, bên ngoài giả làm tri thức.

2. Đối với người trước mặt thì nói tốt sau lưng thì nói xấu.

3. Khi bạn có việc cần cấp, trước mặt bạn thì tỏ ra sầu khổ, sau lưng thì ấp ủ vui mừng.

4. Bên ngoài như thân lắm, nhưng bên trong lại mưu oán.

–Thiện tri thức cũng có bốn hạng:

1. Bên ngoài như oan gia, bên trong lại có lòng nhân hậu.

2. Trước mặt người thì thẳng thắn can ngăn, bên ngoài thì đề cao việc tốt của người.

3. Gặp khi bệnh hoạn, kẻ quan quyền làm cho bạn lo âu sợ sệt thì tìm cách giúp đỡ hóa giải.

4. Thấy bạn nghèo túng cũng không bỏ rơi, thường nghĩ cách tìm phương tiện muốn cho được giàu có.

–Ác tri thức cũng có bốn hạng:

1. Khó can gián, khó dạy dỗ làm điều thiện, cùng kẻ ác làm thân.

2. Dù có dạy bảo cũng không thích nghe vì làm bạn với kẻ uống rượu cho nên thích hợp với người nghiện rượu.

3. Dù có dạy bảo thì bảo thủ, lại còn gây nhiều chuyện.

4. Dạy bảo làm bạn với kẻ hiền nhưng lại quen thân với bạn bè cờ bạc.

–Thiện tri thức cũng có bốn hạng:

1. Thấy người bần cùng đói rách thì giúp cho sinh sống.

2. Không tranh hơn thua với người.

3. Thường hay thăm viếng.

4. Đi đứng luôn luôn tưởng nhớ.

–Thiện tri thức lại có bốn hạng:

1. Bị quan lại bắt bớ thì đem về che giấu, chờ sau sẽ giải quyết.

2. Có tật bệnh, ốm đau thì đem về nuôi dưỡng, chăm sóc.

3. Nhận biết bạn có sự chết chóc thì lo việc chôn cất.

4. Nếu biết bạn đã chết, lại nghĩ tưởng đến gia đình bạn.

–Thiện tri thức lại có bốn hạng:

1. Bạn muốn tranh giành, đấu đá thì ngăn cản.

2. Bạn muốn theo kẻ ác tri thức thì khuyên can đừng theo.

3. Bạn không muốn làm ăn thì khuyên bảo lo làm ăn.

4. Bạn không thích theo đạo pháp thì dạy bảo làm cho có niềm tin, vui vẻ.

–Ác tri thức lại có bốn hạng:

1. Bị xâm phạm ít mà sân hận nhiều.

2. Khi có việc gấp rút nhờ cậy thì không chịu làm.

3. Thấy người khi có việc nguy cấp thì bỏ trốn.

4. Thấy người chết chóc thì bỏ đi không quan tâm.

Phật dạy:

–Hãy chọn người tốt để theo, kẻ ác để tránh. Ta nhờ làm bạn với thiện tri thức mà tự mình được thành Phật.

Phật dạy:

* Lạy về phương Đông, ý nghĩa là:

–Con thờ cha mẹ phải có năm việc:

1. Phải nhớ lo làm ăn.

2. Phải dậy sớm để sai bảo người giúp việc đúng giờ cơm nước.

3. Đừng để cha mẹ lo âu.

4. Phải nghĩ đến công ơn của cha mẹ.

5. Cha mẹ bệnh tật thì phải lo lắng tìm thầy thuốc trị liệu.

–Cha mẹ đối với con cũng có năm việc:

1. Phải nhớ khiến cho con bỏ ác theo thiện.

2. Dạy cho con chăm lo học hành.

3. Dạy cho con trì kinh giữ giới.

4. Phải biết lo dựng vợ gả chồng cho con.

5. Trong nhà có của cải gì phải để cho con.

* Lạy về phương Nam, có ý nghĩa là:

–Đệ tử thờ thầy phải có năm việc:

1. Phải cung kính tán thán.

2. Phải nhớ ơn thầy.

3. Phải nghe theo lời thầy dạy.

4. Nhớ nghĩ không nhàm chán.

5. Nên hết lòng theo và khen ngợi thầy.

–Thầy dạy đệ tử cũng có năm việc:

1. Phải làm cho mau hiểu biết.

2. Hãy làm cho đệ tử mình hơn đệ tử người khác.

3. Muốn làm cho điều đã biết nhớ mãi không quên.

4. Các hoài nghi đều giảng giải.

5. Muốn khiến đệ tử trí tuệ hơn thầy.

* Lạy về phương Tây, có ý nghĩa là:

–Vợ thờ chồng phải có năm việc:

1. Chồng đi đâu về phải đứng dậy nghênh tiếp.

2. Khi chồng đi khỏi phải lo mọi việc nấu nướng, quét dọn chờ chồng về.

3. Không được có lòng dâm dục với người khác, chồng có trách mắng cũng không được có thái độ trách mắng lại.

4. Hãy làm theo lời chồng răn dạy, có nhặt được vật gì cũng không được che giấu.

5. Khi chồng ngủ nghỉ, phải lo sắp xếp xong rồi mới ngủ.

–Chồng đối với vợ cũng có năm điều:

1. Đi đâu phải cho vợ biết.

2. Việc ăn uống đúng giờ, cung cấp áo quần cho vợ.

3. Phải cung cấp vàng bạc châu báu.

4. Những vật ở trong nhà nhiều ít đều phải giao phó cho vợ.

5. Không được ngoại tình, bằng cách nuôi dưỡng, hầu hạ, chuyển tài sản.

* Lạy phương Bắc là mình đối với người thân thuộc bằng hữu có năm việc:

1. Thấy làm việc ác thì riêng đến chỗ vắng mà can gián, khuyên ngăn.

2. Thấy việc nguy cấp dù rất nhỏ cũng mau chạy đến cứu giúp.

3. Có việc nói riêng, không được nói cho người khác nghe.

4. Phải kính mến khen ngợi nhau.

5. Có vật tốt dù nhiều, dù ít cũng nên phân chia cho nhau.

* Lạy dưới đất có nghĩa là:

–Chủ đối với người giúp việc phải có năm việc:

1. Phải đúng giờ cho ăn uống và cho quần áo.

2. Khi bị bệnh hoạn phải gọi thầy thuốc đến điều trị.

3. Không được đánh đập.

4. Họ có của riêng thì không được chiếm đoạt.

5. Những vật phân chia phải phân chia đồng đều.

–Tôi tớ đối với chủ cũng có năm việc:

1. Phải lo dậy sớm, đừng để chủ nhà gọi.

2. Khi làm việc phải hết lòng.

3. Phải thương tiếc đồ vật của chủ, không được vứt bỏ cho người khác.

4. Chủ nhà đi về phải đưa rước.

5. Phải khen ngợi điều hay, không được nói điều xấu của chủ.

* Hướng lên trời lễ bái có nghĩa là người phụng sự các bậc Sa-môn, Đạo sĩ cần làm năm việc:

1. Hướng đến các vị ấy với thiện tâm.

2. Chọn lời hay mà nói.

3. Lấy thân cung kính.

4. Phải quyến luyến hâm mộ.

5. Sa-môn, Đạo sĩ là bậc thiện sĩ trong loài người, phải cung kính, thờ phụng, thưa hỏi về phương cách để thoát khỏi nỗi khổ nơi cuộc đời.

–Sa-môn, Đạo sĩ có sáu điều nhớ nghĩ đến phàm nhân:

1. Dạy họ bố thí, không được tham lam keo kiệt.

2. Dạy cho họ trì giới, không được phạm sắc dục.

3. Dạy cho họ nhẫn nhục, không được giận hờn.

4. Dạy cho họ tinh tấn, không được kiêu mạn, lười biếng.

5. Dạy cho họ nhất tâm, không được buông lung.

6. Dạy cho họ sự hiểu biết, trí tuệ không được ngu si.

Sa-môn, Đạo sĩ dạy anh bỏ ác làm lành, khai thị con đường chánh đạo, ơn ấy lớn hơn cha mẹ. Hãy làm như vậy, xem như lúc cha anh còn sống dạy anh lạy sáu phương, lo gì mà không phú quý.

Thi-ca-la-việt liền thọ năm giới, làm lễ lui ra.

Phật nói bài kệ:

Gà gáy cần dậy sớm
Xuống giường vận y phục
Súc miệng để tâm tịnh
Hai tay dâng hương hoa.
Phật cao hơn chư Thiên
Quỷ thần không bì kịp
Cúi đầu nhiễu tháp chùa
Vòng tay lạy mười phương.
Hiền giả không tinh tấn
Giống như cây không rễ
Rễ đứt cành lá khô
Khi nào mới liền được.
Người hái hoa giữa ngày
Hoa tươi được bao lâu
Phóng tâm tự buông ý
Mạng qua rồi nói gì.
Người phải nghĩ vô thường
Nó đến không hẹn trước
Phạm lỗi không tự biết
Mạng qua vì tự khinh.
Nay phải vào Nê-lê
Khi nào mới ra được

Hiền giả nghe lời Phật
Trì giới chớ có nghi.
Phật như cây hoa tốt
Ai mà chẳng mến yêu
Nơi nơi nghe tiếng Ngài
Tất cả đều hoan hỷ.
Khi ta được quả Phật
Mong được như Pháp vương
Vượt qua đường sanh tử
Tất cả được giải thoát.
Tâm nương theo giới đức
Phước báo thường theo ta
Pháp thiện nay lớn dần
Trọn xa ba nẻo ác.
Giới trừ hết lo sợ
Phước đức ba cõi quý
Quỷ thần tà độc hại
Không phạm người có giới.
Đọa thế tục khổ đau
Mạng nhanh như điện chớp
Già, bệnh, chết đến ngay
Chẳng kể là hào quý.
Chẳng ai để nương tựa
Không chỗ nào trốn được
Phước trời còn phải hết
Mạng người há dài lâu.
Ở nhà của cha mẹ
Thí như người khách trọ
Mạng trước thọ đã hết
Bỏ cũ thọ thân mới.
Tất cả do hành động
Xoay vần như bánh xe
Khởi diệt theo tội phước
Sanh tử mười hai nhân.
Hiện thân không thác loạn
Tế độ khắp mọi người
Thương chúng rơi đường tà

Trôi giạt nơi vực thẳm.
Siêng năng dùng sáu độ
Tu hành đạt như nhiên
Cho nên cúi đầu lạy
Qui mạng Thiên Trung Thiên.
Thân người đã khó được
Được thân lại tham dục
Ý thức đối tham dâm
Thọ, tưởng không nhàm chán.
Dự bị ở đời sau
Hoan hỷ đến địa ngục
Sáu tình đã đầy đủ
Tự mình chịu khổ đau.
Tất cả phải chánh tâm
Ba đời thần thức tốt
Không tham đắm tám nạn
Tùy hạnh sanh mười phương.
Sanh đâu cũng tinh tấn
Sáu độ là cây cầu
Tuệ rộng lớn khuyên răn
Tất cả nhờ trí Phật.

❑

SỐ 17

PHẬT NÓI KINH CON TRAI CỦA THIỆN SANH

Hán dịch: Đời Tây Tấn, Sa-môn Chi Pháp Độ.

Nghe như vầy:

Một thời Bậc Chúng Hựu (Thế Tôn) du hóa tại núi Kỳ-xà-quật, thuộc thành La-duyệt-kỳ (Vương xá). Bấy giờ cư sĩ Thiện Sanh bị bệnh nguy cấp, cho gọi con trai đến bảo:

–Sau khi cha mất, con phải hướng về sáu phương mà lễ bái.

Ngay ngày hôm sau cư sĩ Thiện Sanh qua đời. Người con bèn cung kính lo việc chôn cất, cúng dường tang sự xong, liền dậy sớm, tắm rửa, mặc áo mới, đứng trên bờ sông lễ bái sáu phương, nói:

–Tôi cung kính những chúng sanh ở phương Đông, những chúng sanh ấy cũng lễ bái cung kính tôi.

Giáp vòng các phương Nam, phương Tây, phương Bắc, phương Trên và phương Dưới, phương nào cũng nói như vậy.

Khi ấy, vào buổi sáng sớm, Đức Phật đắp y, ôm bát vừa muốn vào thành thì thấy con trai của cư sĩ Thiện Sanh đứng trên bờ sông lễ bái sáu phương, nói như vậy. Bậc Chúng Hựu liền đến đó, hỏi:

–Này con ông cư sĩ, anh nghe ai nói mà lại dậy sớm, tắm rửa, mặc áo mới, đứng trên bờ bái yết sáu phương, tự nói lên lời cung kính lễ bái? Lạy các phương xong lại tắm, anh cung kính vị pháp sư nào vậy, này Thiện Sanh tử?

Người con trai của Thiện Sanh thưa:

–Trước khi cha con sắp mất có dạy như vậy, cho nên con làm

theo, chứ không nghe theo thầy nào cả.

Bậc Chúng Hựu bảo:

–Này con ông cư sĩ, lời nói của cha anh không phải là sáu phương này. Dẫu anh muốn sáng sớm, ngồi lễ bái sáu phương, nhưng có hành vi xấu ác, cấu uế của bốn việc không thể sám hối thì khi thân này chết tinh thần sẽ sanh vào trong cõi ác như địa ngục. Phàm con người vì bốn việc này mà bị lao khổ, anh cần phải biết rõ. Những gì là bốn?

1. Ham thích sát sanh.

2. Ham thích trộm cắp.

3. Tà hạnh dâm dục.

4. Thích nói dối.

Phật nói kệ tụng về ý nghĩa trên:

Sát sanh cùng trộm cắp.
Lừa dối và nói láo.
Chạy theo vợ người khác
Người trí không khen ngợi.

Lại nữa, này con ông cư sĩ, có bốn việc đưa đến nẻo ác. Những gì là bốn?

1. Tham dục.

2. Giận dữ.

3. Si mê.

4. Sợ hãi.

Phật đọc bài tụng nói lên ý nghĩa trên:

Có dục, sân, si, sợ
Không lãnh thọ Chánh pháp
Do đó tiếng xấu xa
Như trăng khuyết không tròn.
Không dục, sân, si, sợ
Lại thừa lãnh Chánh pháp
Do đó danh tiếng thơm
Như vầng trăng tròn đầy.

Lại nữa, này con ông cư sĩ, có sáu tai họa làm tiêu tán tiền tài, đi vào đường ác, cần phải biết. Những gì là sáu?

1. Thích rượu, phóng dật.

2. Vào phòng người khác không đúng lúc.

3. Đam mê cờ bạc.

4. Đam mê kỹ nhạc.

5. Có bạn ác.

6. Trễ nãi lười biếng.

Phật đọc bài tụng nói lên ý nghĩa trên:

Uống rượu vào phòng khác
Thích bài bạc, ca xướng
Bạn ác cùng biếng lười
Bậc Thánh không khen ngợi.

Phàm rượu có sáu việc nguy biến, cần phải biết. Những gì là sáu?

1. Làm tiêu hao tiền bạc.

2. Đưa đến bệnh hoạn.

3. Khởi tranh chấp.

4. Sân hận nhiều.

5. Mất tiếng tốt.

6. Hao tổn trí não.

Đã có những xấu ác này thì sự nghiệp sẽ tiêu tan, tiền tài chưa đến sẽ không đến, đã đến thì mất hết, vốn liếng có từ trước cũng hao sạch.

Tà dâm có sáu điều nguy biến, cần phải biết. Những gì là sáu?

1. Không tự bảo vệ được thân mình.

2. Không bảo vệ được vợ con.

3. Không bảo vệ được gia đình quyến thuộc.

4. Do nghi ngờ sanh ra xấu ác.

5. Oan gia có được cơ hội.

6. Các khổ vây quanh.

Đã có điều xấu ác này thì sự nghiệp sẽ tiêu tan, tiền tài chưa đến sẽ không đến, đã đến sẽ mất hết, vốn liếng có từ trước cũng hao sạch.

Vui chơi cờ bạc có sáu điều nguy biến, cần phải biết. Những gì là sáu?

1. Thắng thì sanh oán.

2. Thua thì nổi nóng.

3. Bạn bè thì lo lắng.

4. Oan gia thì vui mừng.

5. Vào tù ngục ưu phiền.

6. Mọi người đều nghi ngờ.

Đã có điều xấu ác này thì sự nghiệp sẽ tiêu tan, tiền tài chưa đến sẽ không đến, đã đến sẽ mất hết, vốn liếng có từ trước cũng hao sạch.

Ham mê ca nhạc có sáu điều nguy biến, cần phải biết. Những gì là sáu?

1. Tâm trí thích múa.

2. Tâm trí thích ca.

3. Tâm trí thích đàn.

4. Tâm trí thích âm điệu.

5. Tâm trí thích trống.

6. Tâm trí thích những việc như vậy.

Đã có điều xấu ác này thì sự nghiệp sẽ tiêu tan, tiền tài chưa đến sẽ không đến, đã đến sẽ mất hết, vốn liếng có từ trước cũng hao sạch.

Bạn ác có sáu điều nguy biến cần phải biết. Những gì là sáu?

1. Tập chuyện say sưa mê muội.

2. Tập theo việc hôn loạn.

3. Tập theo nẻo buông lung.

4. Tập thói quen đến quán rượu.

5. Làm quen với kẻ tiểu nhân.

6. Tập quen với lời nói thô bỉ.

Đã có điều xấu ác này sự nghiệp sẽ tiêu tan, tiền tài chưa đến sẽ không đến, đã đến sẽ mất hết, vốn liếng có từ trước cũng hao sạch.

Biếng nhác có sáu điều nguy biến cần phải biết. Những gì là sáu?

1. Ăn no không chịu làm việc.

2. Ăn đói không chịu làm việc.

3. Lạnh không chịu làm việc.

4. Nóng không chịu làm việc.

5. Sáng không chịu làm việc.

6. Tối không chịu làm việc.

Đã có điều xấu ác này rồi thì sự nghiệp sẽ tiêu tan, tiền tài chưa

đến sẽ không đến, đã đến sẽ mất hết, vốn liếng có từ trước cũng hao sạch. Phật nói bài tụng về ý nghĩa trên:

Ưa sắc, nhạc, ca múa
Ngày ngủ đêm đi chơi
Bạn ác cùng làm ác
Kẻ ấy tổn hại lớn.
Cờ bạc, rượu rối loạn
Theo đuổi vơ của người
Xa hiền gần kẻ ngu
Tổn hại như trăng khuyết
Thân tự kiêu tự đại
Hủy diệt đạo Sa-môn
Tà kiến và keo kiệt
Đó là kẻ tà mạn.
Phàm rượu hao tiền của
Ít lợi uống thêm khát
Bệnh rượu thêm nợ nần
Thân nguy loạn mau chóng.
Hoặc vì rượu kết bạn
Hoặc vì rượu phạm pháp
Muốn được lợi, tốt đẹp
Với rượu phải lo chừa.
Hoặc ngày như giữ giới
Tối lại trộm tà hạnh
Cũng tại vì lò rượu
Như vậy chớ thân gần.
Không tự biết ấm lạnh
Như cỏ chẳng quý thân
Tinh tấn tu sự nghiệp
Như thế lợi mà hại.
Nếu chịu được ấm lạnh
Như cỏ chẳng quý thân
Tinh tấn tu sự nghiệp
Đã an lại có ích.
Đi xuống của dần tiêu
Đi lên chưa từng tổn
Trọn theo Bậc Tôn Quý

Vì thiện nên được thiện.
Lành lớn được tạo nên
Thành thật tập hạnh lành
Thân thích đều mến ưa
Giữ giới diệt điều ác.
Cho nên cần phải tập
Đã làm rồi lại làm
Cùng thân thích đi lên
Như ngôi vua cao cả.

Lại nữa, này con ông cư sĩ, có bốn hạng người giống như bạn nhưng không phải là bạn cần phải biết. Những gì là bốn?

1. Hay chọn lấy những vật lạ.
2. Nói lời nịnh hót.
3. Vì muốn làm đẹp mặt mình.
4. Chỉ bày những lời sai quấy.

Phật nói tụng về ý nghĩa trên:

Bạn nhằm lấy vật lạ
Nói đẹp để êm tai
Gặp nhau toàn nịnh hót
Lời tà càng hiểm nguy.
Đó chẳng phải là bạn
Người trí không kết thân
Đã biết phải xa lìa
Như ra khỏi đường xấu.

Bạn hay chọn lấy vật lạ, nên biết có bốn việc. Những gì là bốn?

1. Tham chọn lấy vật ấy.
2. Cho ít mà mong cầu nhiều.
3. Vì sợ sệt nên theo mình.
4. Vì điều lợi nên theo mình.

Phật nói tụng về ý nghĩa ấy:

Người chọn lấy vật lạ
Cho ít mà mong nhiều
Vì sợ, lợi nên theo
Là bạn tham đúng nghĩa.
Đấy chẳng phải là bạn

Người trí không kết thân
Đã biết, nên xa lìa
Như ra khỏi đường xấu.

Bạn nói lời nịnh hót, cần lấy bốn việc để biết. Những gì là bốn?

1. Nói đời tư kẻ khác.
2. Giấu đời tư của mình.
3. Ngoài mặt giả khen tốt.
4. Quay lưng thì bài xích.

Phật nói tụng về ý nghĩa trên:

Thích nói đời tư người
Đời tư mình thì giấu
Ngoài mặt giả khen tốt
Sau lưng lại nói xấu
Kẻ đó không phải bạn
Người trí không kết thân
Đã biết, phải tránh xa
Như ra khỏi đường xấu.

Bạn vì muốn làm đẹp mặt mình, cần lấy bốn việc để biết. Những gì là bốn?

1. Nói việc dở đã qua của người khác.
2. Âm thầm tìm lỗi ở tương lai.
3. Cho mà không thật lòng.
4. Mong cho người gặp nguy hiểm.

Phật nói tụng về ý nghĩa này:

Làm điều không nên làm
Bất lợi nên nói nịnh
Cho nhưng không thật lòng
Mong người nguy nhờ mình
Kẻ đó không phải bạn
Người trí không kết thân
Đã biết, phải tránh xa
Như ra khỏi đường xấu.

Bạn hay chỉ bày những điều sai quấy, cần lấy bốn việc để biết. Những gì là bốn?

1. Khuyên người sát sanh.

2. Khuyên người trộm cắp.

3. Khuyên người tà dâm.

4. Khuyên người dối láo.

Phật nói tụng về ý nghĩa trên:

Sát sanh cùng trộm cắp
Dối trá và nói láo
Theo đuổi vợ của người
Khuyên người làm như vậy
Kẻ đó không phải bạn
Người trí không kết thân
Đã biết phải tránh xa
Như ra khỏi đường xấu.

Lại nữa, này con ông cư sĩ, có bốn loại bạn là người nhân từ có trí tuệ, muốn làm lợi cho người, cần phải biết. Những gì là bốn?

1. Cùng khổ cùng vui.

2. Cùng làm lợi ích cho nhau.

3. Làm hưng thạnh sự nghiệp của mình.

4. Có lòng nhân từ thương xót.

Phật nói tụng về ý nghĩa này:

An nguy cùng có nhau
Chia sẻ các thiện lợi
Dốc vì sự nghiệp bạn
Thương xót dẫn đường chánh
Những người bạn như vậy
Kẻ trí đến học hỏi
Hãy nên theo người này
Lợi ích, không xấu ác.

Bạn cùng khổ cùng vui, nên lấy bốn việc để biết. Những gì là bốn?

1. Cho những vật báu của mình.

2. Cho tài lợi đối với vợ con.

3. Cho những vật của nhà mình.

4. Nói lời trung thực, nhẫn nhịn.

Phật nói tụng về ý nghĩa trên:

Cho bạn lợi của mình

Có tài lợi cũng cho
Cho tài sản nhà mình
Nói trung thực nhẫn nhịn
Những loại bạn như thế
Kẻ trí đến thân cận
Hãy nên theo người này
Lợi ích, không xấu ác.

Bạn có lợi cùng hưởng, cần lấy bốn việc để biết. Những gì là bốn?

1. Không nói đời riêng kẻ khác.
2. Không giấu đời tư của mình.
3. Gặp nhau nói điều thiện.
4. Bài xích lối nói hai chiều.

Phật nói tụng về ý nghĩa này:

Không nói đời tư người
Không giấu đời tư mình
Gặp nhau nói điều thiện
Bài xích nói hai chiều
Những loại bạn như thế
Kẻ trí đến thân cận
Hãy nên theo người này
Lợi ích, không xấu ác.

Bạn làm hưng thạnh sự nghiệp của mình, cần lấy bốn việc để biết. Những gì là bốn?

1. Giúp tài lợi cho sự nghiệp của bạn.
2. Dùng sức lực trợ giúp cho sự nghiệp của bạn.
3. Bạn buông lung thì can ngăn.
4. Lấy điều thiện để khuyên bạn.

Phật nói tụng về ý nghĩa trên:

Đem tài lợi cho bạn
Dùng sức giúp bạn an
Cắt đứt sự buông lung
Nuôi dưỡng thiện chí bạn
Những loại bạn như thế
Kẻ trí đến thân cận
Hãy nên theo người này

Lợi ích, không xấu ác.

Bạn có lòng nhân từ thương xót, cần lấy bốn việc để biết. Những gì là bốn?

1. Dạy khuyên kiên định để thành tựu đức tin.
2. Dạy khuyên kiên định để thành tựu giới.
3. Dạy khuyên kiên định để thành tựu văn.
4. Dạy khuyên kiên định để thành tựu thí.

Phật nói tụng về ý nghĩa trên:

Đạo tín, giới, văn, thí
Luôn đem khuyến hóa người
Những loại bạn như thế
Kẻ trí đến thân cận
Hãy nên theo người này
Lợi ích, không xấu ác.

Lại nữa, này con ông cư sĩ, hướng về phương Đông thì cũng như con hướng về cha mẹ. Do đó người con phải lấy năm việc để cung kính, phụng dưỡng và an ủi một cách chân chánh đối với cha mẹ. Những gì là năm?

1. Nhớ nghĩ báo đáp ân cha mẹ.
2. Phải lo thay thế gánh vác.
3. Phải biết an ủi can ngăn.
4. Chỉ mong được cung cấp, nuôi dưỡng cha mẹ.
5. Chỉ làm vui cho cha mẹ.

Cha mẹ cũng phải lấy năm việc để yêu thương con cái. Những gì là năm?

1. Tạo cơ nghiệp cho con.
2. Lo tài lợi cho con.
3. Lo dựng vợ gả chồng cho con.
4. Dạy con học theo kinh sách đạo lý.
5. Đem của cải giao phó cho con.

Đó là hai bổn phận cần thiết nên làm của phương Đông, là pháp được các bậc Thánh xưa chế ra, làm con phải hiếu thảo, làm cha mẹ phải từ ái thương yêu, kẻ sĩ trượng phu mong lợi ích và pháp thiện không suy giảm.

Hướng về phương Nam thì như đệ tử hướng về thầy. Do đó người

đệ tử phải lấy năm việc để cung kính, phụng dưỡng và an ủi một cách chân chánh đối với thầy. Những gì là năm?

1. Phải hết lòng lắng nghe lời chỉ dạy.

2. Phải ham thích sự học.

3. Phải siêng năng hầu hạ.

4. Đừng hành động sai trái.

5. Phải cúng dường thầy.

Thầy cũng phải lấy năm việc để thương yêu giáo dục đệ tử. Những gì là năm?

1. Dạy đệ tử học những điều mình đã học.

2. Lấy nghề hay truyền cho đệ tử.

3. Khiến đệ tử siêng năng học hành.

4. Dẫn dắt đệ tử đi theo con đường lành.

5. Hướng dẫn cho đệ tử quen biết những bạn hiền.

Đó là bổn phận cần thiết nên làm của phương Nam, là pháp được các Thánh xưa chế định, làm đệ tử phải khiêm cung, làm thầy phải lấy lòng nhân từ để dạy dỗ, kẻ sĩ trượng phu mong được lợi ích và pháp lành không suy thoái.

Hướng về phương Tây thì như chồng đối với vợ. Do đó chồng phải lấy năm việc để kính trọng, nuôi dưỡng và an ủi một cách chân chánh đối với vợ. Những gì là năm?

1. Hết lòng kính mến.

2. Không có ý giận dữ.

3. Không ngoại tình với kẻ khác.

4. Cấp y phục, thức ăn đúng lúc.

5. Cho những đồ trang sức báu đúng thời.

Vợ cũng phải có mười bốn điều để thờ chồng. Những gì là mười bốn?

1. Khéo làm việc.

2. Khéo tác thành mọi sự việc.

3. Gìn giữ tài sản chồng giao phó.

4. Gà gáy phải lo dậy.

5. Tối thì đi ngủ.

6. Làm việc phải học hỏi.

7. Phải đóng cửa hầu chồng.

8. Phải hầu thăm sức khỏe khi chồng đi xa về.

9. Nói lời hòa nhã.

10. Ngôn ngữ êm tai.

11. Giường ghế phải ngay thẳng.

12. Đồ ăn uống phải tinh khiết.

13. Nhớ nghĩ về bố thí.

14. Cung cấp nuôi dưỡng chồng.

Đó là hai bổn phận cần thiết nên làm của phương Tây, là pháp nên làm của vợ và chồng được các Thánh xưa chế định, kẻ sĩ trượng phu mong được lợi ích và pháp thiện không suy giảm.

Hướng về phương Bắc thì như thấy bạn thân của mình. Do đó phải lấy năm việc để kính trọng, nuôi dưỡng và an ủi một cách chân chánh đối với bằng hữu. Những gì là năm?

1. Chánh tâm kính trọng.

2. Không có ý giận hờn.

3. Tình cảm trung thực.

4. Luôn luôn phân chia các món ngon.

5. Không quên ân dày.

Bạn hữu cũng phải lấy năm việc để đối lại bạn của mình. Những gì là năm?

1. Có điều sợ sệt thì bảo về nương tựa với mình.

2. Có ngạo mạn thì quở trách.

3. Có việc riêng thì che giấu.

4. Cung cấp nuôi dưỡng thêm lợi ích.

5. Nói lời trung thực nhẫn nhịn.

Đó là hai bổn phận cần làm của phương Bắc, là pháp giao tế của bạn bè, được các Thánh xưa chế định, kẻ sĩ trượng phu mong được lợi ích và pháp thiện không suy thoái.

Hướng xuống phương Dưới là như người chủ đối với người giúp việc. Theo đó người chủ phải lấy năm việc để kính trọng, nuôi dưỡng và an ủi một cách chân chánh đối với người giúp việc. Những gì là năm?

1. Tùy theo sức của họ để sai bảo.

2. Cho cơm áo đúng thời.

3. Luôn luôn phân chia món ngon ngọt.

4. Luôn luôn khuyên dạy một cách đồng đều.

5. Có bệnh tật thì cho nghỉ ngơi.

Người giúp việc cũng phải lấy mười điều để đối với chủ. Những gì là mười?

1. Làm việc một cách khéo léo.

2. Hoàn tất công việc một cách khéo léo.

3. Khi được giao phó phải suy xét cẩn thận.

4. Phải thức khuya.

5. Phải dậy sớm để làm việc.

6. Làm việc phải học hỏi.

7. Khi làm việc phải gắng sức.

8. Nhà chủ nghèo không được khinh mạn.

9. Chủ gặp cảnh thiếu nghèo cũng không được bỏ đi.

10. Khi ra khỏi nhà phải nói: "Người chủ nhà tôi thông minh trí tuệ".

Đó là hai bổn phận nên làm của phương Dưới, là pháp được các Thánh xưa chế định, người chủ nên chấp hành, kẻ sĩ trượng phu mong được lợi ích và pháp thiện không suy giảm.

Hướng lên phương Trên thì như người tại gia bố thí cho Sa-môn, Phạm chí. Do đó cư sĩ có năm điều để cung kính, phụng dưỡng, an ủi một cách chân chánh đối với Sa-môn, Phạm chí. Những gì là năm?

1. Mở cửa chờ đợi.

2. Đi ra nghênh tiếp.

3. Thăm hỏi và sắp đặt bàn ghế chỗ ngồi.

4. Bảo hộ, cất giữ kinh pháp.

5. Đem đồ ăn trong sạch thanh tịnh để cúng dường Sa-môn, Phạm chí.

Sa-môn, Phạm chí cũng phải lấy năm điều để đáp lại gia đình thí chủ. Những gì là năm?

1. Khuyên dạy để họ trở thành người chánh tín.

2. Khuyên dạy để họ thành người giới hạnh.

3. Khuyên dạy để họ thành người hiểu biết rộng.

4. Khuyên dạy để họ thành người bố thí.

5. Khuyên dạy để họ thành người trí tuệ.

Đó là hai bổn phận nên làm của phương Trên, được các Thánh

xưa chế định, là pháp mà cư sĩ tại gia và Phạm chí Sa-môn nên thực hành, kẻ sĩ trượng phu mong được lợi ích và pháp thiện không suy giảm.

Đức Phật nói bài tụng về các ý nghĩa trên:

Phương Đông là cha mẹ
Thầy dạy ở phương Nam
Phương Tây là vợ con
Bằng hữu ở phương Bắc
Người hầu ở phương Dưới
Sa-môn Phạm chí Trên
Như vậy nên đảnh lễ
Cư sĩ phải nên làm.
Người giàu có tiền của
Hãy nghĩ vì lợi người
Cùng người đồng tài lợi
Kẻ bố thí sanh thiên.
Được lợi cùng người hưởng
Nơi nào cũng an vui
Nghĩa gồm thâu thế gian
Là gần gốc an lạc.
Phàm ban ơn cho người
Như mẹ cho con mình
Điều thiện giúp thiên hạ
Phước ấy thật hằng sa.
Trên được nơi chúng hội
Đạt lợi ích an vui
Người thành tựu tín, giới
Liền có được danh thơm.
Ý thường không biếng nhác
Xả bỏ hạnh keo kiệt
Thu nhiếp tình bạn người
Ẩm thực cùng chia xẻ.
Qua lại để viếng thăm
Như vậy tiếng vang lừng
Ai tu thân cẩn thận
Ở nhà vẫn là Hiền.
Nhà chứa hàng hóa báu

Cần làm việc nghĩa nhân
Trước học là tối thắng
Sau đó lo làm ăn.
Nếu kiếm được của cải
Phải chia làm bốn phần
Một phần cho y, thực
Hai để cầu lợi ích
Cắt một phần dự trữ
Để phòng lúc khốn nguy
Làm ruộng, buôn, nuôi trâu
Nuôi dê nữa là bốn
Thứ năm sửa nhà cửa
Sáu lo lập gia đình
Chứa hàng hóa như vậy
Lợi ích ngày càng tăng
Tiền tụ về ngày đêm
Như nước chảy về biển
Của cải có dần dần
Như ong lấy mật hoa.
Giàu tiền nghèo bố thí
Xa gần đều không cho
Tham keo và nghiệp ác
Có của không giúp bạn
Trong việc này phải học
Không cho, chớ ngăn người.
Thường xem người cần giúp
Bạn tốt như lửa hừng
Ở trong thân tộc ấy
Cả hai đều tốt đẹp
Cùng thân chúng an hưởng
Như cung trời Đế-thích.

Bấy giờ, con trai của Thiện Sanh nghe Bậc Chúng Hựu nói xong, liền cúi đầu lạy dưới chân Phật, đứng dậy nhiễu ba vòng, vui mừng tự mình xin quy y, theo Phật thọ giới.

❑

SỐ 18

PHẬT NÓI KINH CÔNG ĐỨC TIN PHẬT

Hán dịch: Đời Tống, Đại sư Pháp Hiền.

Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật tại thành A-nô-ca, trong vườn Yêm-la cùng với đông đủ đại chúng.

Bấy giờ Tôn giả Xá-lợi-phất đến giờ khất thực, đắp y ôm bát vào thành A-nô-ca, thứ lớp khất thực xong, trở về chỗ ở của mình, xếp y rửa chân, trải tòa ngồi thọ thực. Khi ăn xong, Tôn giả đi đến chỗ Đức Phật, cúi đầu mặt lạy dưới chân Như Lai, rồi đứng qua một bên, chắp tay hướng về Thế Tôn thưa:

–Bạch Thế Tôn, nay con đối với Phật pháp khởi lòng tin một cách sâu xa. Vì sao vậy? Vì thần thông của Phật là tối thắng không ai sánh bằng. Các Sa-môn, Bà-la-môn ở quá khứ, hiện tại và vị lai vẫn không ai có thể biết thần thông của Phật, huống chi là hơn được Phật. Làm sao họ có thể chứng được đạo quả Vô thượng Bồ-đề?

Phật dạy:

–Lành thay! Lành thay! Này Xá-lợi-phất, Tôn giả có thể khéo nói về nghĩa lý vô cùng rộng này. Tôn giả nên thọ trì và ở trong đại chúng rống lên tiếng rống của sư tử, vì họ mà tuyên thuyết rộng khắp.

Xá-lợi-phất lại thưa:

–Bạch Thế Tôn, nay con đối với Phật sanh khởi tín tâm, cho rằng không người nào ở quá khứ, hiện tại và vị lai có thể bằng Phật, cũng không có Sa-môn, Bà-la-môn nào biết rõ thần thông của Phật huống chi là hơn được Phật. Làm sao họ có thể chứng được đạo quả Vô thượng Bồ-đề?

Phật bảo:

–Này Xá-lợi-phất, ý ông nghĩ sao? Các Đức Phật Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác trong ba đời có đủ giới thanh tịnh, trí tuệ, giải thoát, thần thông, diệu hạnh, Ta dùng diệu lực của thần thông đều biết rõ cả. Các Đức Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác ấy cũng lại như vậy, các Ngài biết Ta có đầy đủ giới thanh tịnh, trí tuệ, giải thoát, thần thông, diệu hạnh. Này Xá-lợi-phất, Tôn giả chớ có bảo rằng chỉ riêng Đức Phật Thích-ca Mâu-ni mới có đủ thần thông ấy.

Tôn giả Xá-lợi-phất thưa:

–Chẳng phải như vậy, bạch Thế Tôn, con không có nói "Chỉ có Phật mới có đủ thần thông ấy". Con biết ba đời các Đức Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác đều có đầy đủ giới thanh tịnh, trí tuệ, giải thoát, thần thông, diệu hạnh cũng đồng như Phật.

Phật dạy:

–Này Xá-lợi-phất, đúng vậy, đúng vậy! Các Đức Phật Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác trong ba đời đều có đủ các pháp thần thông ấy. Tôn giả hãy vì các chúng sanh mà tuyên bày pháp sâu xa như vậy, hãy một lòng thọ trì. Ở trong đại chúng, hãy rống lên tiếng rống của sư tử, thuyết giảng rộng khắp.

Tôn giả Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, Thế Tôn đã thuyết giảng rộng rãi diệu pháp tối thắng vô cùng sâu xa, cho đến nghiệp thiện, nghiệp bất thiện và các pháp duyên sanh, với mỗi pháp con đều biết rõ như thật. Khi hiểu một pháp liền tu một pháp; tu một pháp xong lại diệt một pháp; diệt một pháp xong lại chứng một pháp. Cho nên nay con sanh khởi lòng tin Đức Phật là Bậc Chánh Đẳng Chánh Giác chân thật.

Phật bảo:

–Này Xá-lợi-phất, nay Tôn giả hãy đi hỏi những người khác trong thời quá khứ có Sa-môn, Bà-la-môn nào có thể rõ biết về diệu lực nơi các thần thông chân thật hơn Phật cho đến thành tựu quả vị giác ngộ như Phật? Tôn giả hãy hỏi và xem họ sẽ đáp như thế nào.

Lại nữa, này Xá-lợi-phất, Tôn giả lại đến hỏi các người khác rằng trong thời vị lai có Sa-môn, Bà-la-môn nào bằng với Đức Phật cho đến thành tựu quả vị giác ngộ như Phật? Tôn giả hãy đến hỏi và xem họ sẽ đáp như thế nào.

Lại nữa, này Xá-lợi-phất, Tôn giả đến hỏi các người khác rằng

trong thời hiện tại có Sa-môn, Bà-la-môn nào bằng với Đức Phật cho đến thành tựu quả vị giác ngộ như Phật?

Lại nữa, này Xá-lợi-phất, Tôn giả hãy đến hỏi các người khác rằng thời quá khứ, vị lai và hiện tại, các Sa-môn, Bà-la-môn... quy y người nào? Tôn giả hãy hỏi và xem họ sẽ đáp như thế nào.

Bấy giờ Tôn giả Xá-lợi-phất thưa Phật:

–Bạch Thế Tôn, nghĩa ấy chẳng phải như vậy. Con được theo Phật nghe Phật dạy, đã ghi nhớ thọ trì: "Không có hai Đức Phật cùng xuất hiện ở thế gian, chỉ có một Đức Phật Thế Tôn là Bậc Chánh Đẳng Chánh Giác chân thật, là Bậc Chánh Biến Tri, đầy đủ năng lực thần thông tối thượng". Thân Thế Tôn, con không thấy gì có vị Sa-môn, Bà-la-môn nào có thể biết được năng lực thần thông ấy, huống chi là có thể hơn Phật, cho đến việc thành tựu quả vị giác ngộ như Phật.

Tôn giả Xá-lợi-phất lại thưa:

–Con thấy Đức Thế Tôn có vô số các pháp tối thắng. Pháp tối thắng ấy là khi Đức Phật Thế Tôn đang thuyết pháp, ai đạt được thiện lợi, Phật đều biết rõ. Nếu có các Sa-môn, Bà-la-môn... trụ ở các nơi như núi rừng hoang vắng, bên gốc cây, chốn gò mả, hay trong nhà trống, nhập Tam-ma-địa, đoạn trừ các phiền não, tu tập viên mãn, làm tăng trưởng các pháp lành, chánh tâm ghi nhớ; lại nữa, các Sa-môn, Bà-la-môn ấy đoạn các pháp ác, tu các pháp lành cho đến chứng được quả vị. Các pháp như vậy Phật đều biết rõ. Đó gọi là pháp tối thắng của Phật, không có Sa-môn, Bà-la-môn nào biết được năng lực thần thông này hơn Phật, huống chi là thành tựu quả vị giác ngộ như Phật.

Lại nữa, Đức Phật Thế Tôn có đầy đủ pháp tối thắng. Đó là Phật Thế Tôn có năng lực khéo phân biệt được pháp mười hai xứ. Và có thể thuyết giảng rộng rãi pháp này cho người khác nghe. Không có một Sa-môn, Bà-la-môn nào có thể rõ biết pháp mười hai xứ ấy, có thể phân biệt được mười hai xứ. Đó là nhãn xứ, sắc xứ, nhĩ xứ, thanh xứ, tỷ xứ, hương xứ, thiệt xứ, vị xứ, thân xứ, xúc xứ, ý xứ, pháp xứ. Các pháp như vậy chỉ có Phật Thế Tôn mới biết rõ. Như vậy gọi là pháp tối thắng của Phật, không có Sa-môn nào hơn được, huống hồ là thành tựu quả vị giác ngộ như Phật.

Lại nữa, Đức Phật Thế Tôn có pháp tối thắng. Đó là Phật Thế Tôn có năng lực khéo phân biệt thấu đạt lý của pháp Bổ-đặc-già-la và giảng nói cho người khác nghe. Không có Sa-môn, Bà-la-môn nào biết

được pháp như vậy và giảng cho người khác nghe về pháp Bổ-đặc-già-la, tức bảy loại thân, đó là tùy tín hành, tùy pháp hành, tín giải, kiến chí, thân chứng, tuệ giải thoát và câu giải thoát. Bảy loại pháp tối thắng của Bổ-đặc-già-la như vậy chỉ có Phật Thế Tôn mới rõ biết. Đây gọi là pháp tối thắng của Phật.

Lại nữa, Đức Phật Thế Tôn có pháp tối thắng. Đó là Phật Thế Tôn nói ra lời chân thật không hư dối, cũng không nói lời thêu dệt và nói lời hai lưỡi. Những điều Ngài nói ra là đúng đắn, đem lại lợi ích lớn. Pháp tối thắng ấy có nhân có duyên. Phật có thể ở trong đại chúng phát ra âm thanh vi diệu, giảng nói ý nghĩa sâu xa. Pháp chân thật hơn hết như vậy chỉ có Phật Thế Tôn mới có thể biết rõ. Đó gọi là pháp tối thắng của Phật.

Lại nữa, Đức Phật Thế Tôn có pháp tối thắng. Đó là Phật Thế Tôn dùng Tam-ma-bát để quán sát thân hữu lậu là dơ nhớp xấu xa. Ấy là những phần trên và dưới của thân thể như tóc, lông, móng, răng, da thịt, gân, xương, các vật bất tịnh như thế đầy dẫy trong thân, Phật đều biết rõ, đấy là vật không rốt ráo, cần phải xa lìa, nhàm chán. Đó gọi là Tam-ma-bát để thứ nhất.

Lại nữa, bạch Thế Tôn, nếu có Sa-môn, Bà-la-môn đối với những vật trong thân như da, thịt, xương, tủy, các vật hôi thối... là hữu lậu bất tịnh, thì có thể dùng trí tuệ để quán sát một cách như thật. Đó là Tam-ma-bát để thứ nhì.

Lại nữa, bạch Thế Tôn, nếu có Sa-môn, Bà-la-môn nào có thể dùng trí tuệ quán sát về thân hữu lậu, suốt cả cuộc đời mà vẫn chẳng thấy là rốt ráo; nếu có thể quán sát như vậy thì đó là Tam-ma-bát để thứ ba.

Lại nữa, bạch Thế Tôn, nếu có Sa-môn nào có thể dùng trí tuệ quán sát về thân hữu lậu, đời này chẳng phải là rốt ráo, cho đến đời sau cũng chẳng phải là rốt ráo; nếu có thể quán sát được như vậy thì đó là Tam-ma-bát để thứ tư.

Lại nữa, bạch Thế Tôn, nếu có Sa-môn nào có thể dùng trí tuệ như trên để quán sát về thân hữu lậu, đời này và đời sau đều chẳng phải là rốt ráo, cho đến đời sau và đời sau nữa vẫn chẳng phải là rốt ráo, đều là bất tịnh đáng ghét; nếu có thể quán sát như vậy thì gọi là Tam-ma-bát để thứ năm.

Lại nữa, bạch Thế Tôn, hữu lậu bất tịnh như vậy là pháp không

rốt ráo. Chỉ có Phật Thế Tôn dùng thiên nhãn thanh tịnh thấy xa hơn mắt thường, thấy khắp chúng sanh sống, chết, đẹp, xấu, sinh đến chỗ lành hay chỗ ác, cho đến sanh lên cõi trời, Ngài đều biết đúng như thật. Đó gọi là pháp tối thắng của Phật.

Lại nữa, Đức Phật Thế Tôn có pháp tối thắng. Đó là khi Thế Tôn thuyết pháp, nếu có Sa-môn, Bà-la-môn nào quy y hướng về Ngài để nghe pháp thọ trì, cầu đạt sự tịch tĩnh, họ đều nương tựa vào Thất giác phần. Thất giác phần là Trạch pháp giác phần, Tinh tấn giác phần, Hỷ giác phần, Khinh an giác phần, Xả giác phần, Niệm giác phần, Định giác phần. Bảy pháp như vậy chỉ có Phật Thế Tôn mới có thể biết rõ. Đó gọi là pháp tối thắng của Phật.

Lại nữa, Đức Phật Thế Tôn có pháp tối thắng. Đó là khéo phân biệt pháp Tứ chánh cần. Tứ chánh cần là điều ác đã làm khiến cho đoạn trừ; điều ác chưa làm khiến cho không phát sinh; điều thiện đã làm khiến cho tăng trưởng; điều thiện chưa làm khiến cho phát sanh. Các pháp như vậy đối với thiên thượng, nhân gian, Ngài đều thuyết giảng rộng rãi để tạo mọi lợi ích. Đó gọi là pháp tối thắng của Phật.

Lại nữa, Đức Phật Thế Tôn của con có pháp tối thắng. Đó là Phật Thế Tôn có năng lực hiển bày chánh trí thần thông. Thần thông đó là từ một thân hiện thành nhiều thân, từ nhiều thân hợp thành một thân, hoặc hiện không có gì cả, hoặc dùng thân xuyên qua thành quách núi đá để đi, hoặc thị hiện từ mặt đất lấy tay tiếp xúc với hư không cho đến tận cõi trời Phạm thiên, hoặc hiện đi dưới nước như đi trên đất liền, hoặc hiện ngồi kiết già trên không trung, hoặc hiện hành tướng giống như mặt trời mặt trăng du hành trên không trung. Những thần thông như vậy, nếu có Sa-môn, Bà-la-môn nào thấy diệu lực của thần thông ấy mà sanh lòng ngờ vực, con nói những người ấy là những kẻ phàm phu ngu si, không phải là bậc Thánh, không đủ sức thần thông, không cầu chánh giác, cũng không muốn cầu Niết-bàn tịch tĩnh. Và năng lực thần thông ấy chính là pháp tối thắng của Phật.

Lại nữa, bạch Thế Tôn, những điều ưa muốn của thế gian là sắc hoan hỷ, sắc đẹp... nếu có ai mong cầu, Như Lai vì các chúng sanh đó, theo căn cơ mà giáo hóa. Đó là thần thông của Như Lai.

Lại nữa, bạch Thế Tôn, những sắc vui và những sắc không vui, sắc đẹp và sắc không đẹp của thế gian, cả hai đều xa lìa, xả bỏ không trụ, khéo biết túc mạng. Đó chính là thần thông của Như Lai.

Lại nữa, bạch Thế Tôn, trong sắc thấy sắc, đó gọi là thần thông

của Như Lai.

Lại nữa, bạch Thế Tôn, bên trong không có tưởng về sắc, thấy các sắc bên ngoài, đó gọi là thần thông của Như Lai.

Lại nữa, bạch Thế Tôn, thân khéo giải thoát, chứng được Hành trụ, đó gọi là thần thông của Như Lai.

Lại nữa, bạch Thế Tôn, chứng đắc hoàn toàn định Không vô biên xứ, đó gọi là thần thông của Như Lai.

Lại nữa, bạch Thế Tôn, chứng đắc hoàn toàn định Thức vô biên xứ, đó gọi là thần thông của Như Lai.

Lại nữa, bạch Thế Tôn, chứng đắc hoàn toàn định Vô sở hữu xứ, đó gọi là thần thông của Như Lai.

Lại nữa, bạch Thế Tôn, chứng đắc hoàn toàn định Phi tưởng phi phi tưởng xứ, đó gọi là thần thông của Như Lai.

Lại nữa, bạch Thế Tôn, rõ biết thọ, tưởng và đã diệt thọ tưởng, đó gọi là thần thông của Như Lai.

Tất cả những cảnh giới thần thông tối thắng như thế chỉ có Phật Thế Tôn mới có thể rõ biết hoàn toàn. Đó gọi là năng lực thần thông của Phật.

Lại nữa, Đức Phật Thế Tôn có pháp tối thắng. Đó là mọi nhân duyên đã làm, nhận lấy quả báo, mọi suy nghĩ... *cho đến* tuổi thọ của các Sa-môn, Bà-la-môn... từ một đời cho đến nhiều đời trong quá khứ, con đối với số năm nhiều như vậy không thể nào biết được. Chỉ có Phật Thế Tôn mới biết được những nơi mà các Sa-môn, Bà-la-môn này đã trụ trong kiếp quá khứ hoặc trong sắc giới, hoặc trong vô sắc giới, hoặc Hữu tưởng xứ, hoặc Vô tưởng xứ, hoặc Phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ. Mọi nhân duyên quả báo mà họ đã làm, Ngài đều biết rõ cả. Đó gọi là pháp tối thắng của Phật.

Lại nữa, Đức Phật Thế Tôn có pháp tối thắng. Đó là khi Thế Tôn thuyết pháp đều thuyết giảng hoàn toàn như thật. Hoặc có Sa-môn, Bà-la-môn vì ngu si nên sanh ra ý nghĩ này nọ, khởi tâm mê hoặc nghi ngờ "Pháp Phật đã giảng đều dùng ngôn ngữ sự tướng để nói pháp được giảng nói phải là ba đời đồng nói, hoặc gần hoặc xa, pháp đều thích hợp với tâm ý và cũng đều được thuyết giảng như thế. Pháp do vị ấy nói đều chẳng như thật". Người khởi niệm nghi này, Phật đều biết rõ. Đó gọi là pháp tối thắng của Phật.

Lại nữa, Đức Phật Thế Tôn thuyết pháp, nếu có Sa-môn, Bà-la-

môn nào tự mình không sanh nghi, sau đó nghe người khác nói: "Pháp Phật nói ra đều chẳng như thật". Nghe lời nói ấy rồi lại sanh lòng nghi, cũng cho: "Thế Tôn dùng sự tướng để thuyết giảng các pháp". Người khởi lên sự hủy báng này, Phật cũng biết rõ. Đó gọi là pháp tối thắng của Phật.

Lại nữa, khi Đức Phật Thế Tôn thuyết pháp, nếu có Sa-môn, Bà-la-môn nào vốn không sanh nghi hoặc, không bảo "Thế Tôn dùng sự tướng để thuyết giảng các pháp" Sau lại nghe người khác nói, do đó mà sanh nghi hoặc, lại bảo với người khác khiến cho người này cũng sanh nghi hoặc. Do tâm nghi hoặc mới sanh ra ý này ý nọ, nói như thế này: "Việc này giống như trước, đều chẳng chân thật". Đó là những loại tâm sai khác của chúng sanh, đối với những việc như vậy Phật đều biết cả. Đó gọi là pháp tối thắng của Phật.

Lại nữa, Đức Phật Thế Tôn thấy có Sa-môn ở trong Tam-ma-địa, không nghi, không nói, Phật đều biết rõ hạnh nguyện của họ. Lại nữa, hoặc thấy Sa-môn từ định mà ra Phật cũng biết rõ, họ có những việc gì và những nghi hoặc nào nên mới xuất định, những nghi hoặc như vậy Phật đều biết rõ. Đó gọi là pháp tối thắng của Phật.

Lại nữa, Đức Phật Thế Tôn có pháp tối thắng. Đó là Phật Thế Tôn khéo biết rõ các pháp không rốt ráo. Nếu có Sa-môn, Bà-la-môn nào ở trong núi, tâm an trụ vào định Đẳng dẫn, tự dùng diệu lực thần thông biết được sự việc hai mươi kiếp tăng giảm. Họ nghĩ như vầy: "Ta ở trong thời quá khứ, những sự việc trong kiếp tăng giảm đều biết rõ". Bạch Thế Tôn, các Sa-môn, Bà-la-môn ấy đối với những việc tăng giảm trong thời vị lai và hiện tại họ không thể biết được. Chỉ có Đức Phật Thế Tôn mới biết rõ đầy đủ sự tăng giảm của ba đời. Đó gọi là biết rõ pháp không rốt ráo thứ nhất.

Lại nữa, bạch Thế Tôn, nếu có Sa-môn, Bà-la-môn nào ở trong núi sâu, tâm an trụ trong định Đẳng dẫn, tự dùng diệu lực thần thông biết được sự việc bốn mươi kiếp tăng giảm. Vị ấy nghĩ: "Trong đời vị lai có những kiếp tăng giảm, ta đã biết rõ". Bạch Thế Tôn, các Sa-môn, Bà-la-môn kia lại không biết sự tăng giảm của kiếp quá khứ và hiện tại. Chỉ có Đức Phật Thế Tôn mới biết ba đời một cách đầy đủ. Đó gọi là biết rõ pháp không rốt ráo thứ hai.

Lại nữa, bạch Thế Tôn, nếu có Sa-môn, Bà-la-môn nào ở trong núi sâu, tâm an trụ trong định Đẳng dẫn, tự dùng diệu lực thần thông biết được sự việc tăng giảm của tám mươi kiếp. Vị ấy nghĩ: "Những

việc tăng giảm của quá khứ và vị lai, ta đều biết rõ". Bạch Thế Tôn, vị Sa-môn, Bà-la-môn ấy chỉ còn đối với biên vực tận cùng của hiện tại là không thể biết. Chỉ có Phật Thế Tôn là biết rõ chi tiết giới hạn của ba đời. Đó gọi là biết rõ pháp không rốt ráo thứ ba.

Đức Thế Tôn đã dùng thiên nhãn thanh tịnh thấy xa hơn mắt thường như thế, Ngài thấy hết các pháp sanh và diệt của chúng sanh cho đến sanh lên cõi trời. Đó gọi là pháp tối thắng của Phật.

Lại nữa, Đức Phật Thế Tôn có pháp tối thắng. Đó là Đức Phật Thế Tôn dùng pháp điều phục, biết rõ pháp an lạc trong tâm của các (cấp độ) Bổ-đặc-già-la, từ đó Ngài vì chúng sanh giảng nói cho Bổ-đặc-già-la ấy. Khi đã biết rõ, họ theo đúng như lý mà tu hành, đoạn ba thứ phiền não, không lâu sau đó chứng quả Tu-đà-hoàn, ngược dòng sanh tử, bảy lần qua lại nơi cõi trời hoặc ở nhân gian, dứt tận biên vực của khổ. Như vậy Thế Tôn đều biết rõ cả. Lại nữa, Thế Tôn biết pháp ưa thích nơi tâm ý của Bổ-đặc-già-la ấy rồi, giúp họ theo đúng như lý mà tu hành, đoạn trừ ba thứ phiền não, đoạn trừ tham, sân, si, sau đó không lâu sẽ chứng quả Tư-đà-hàm; một lần trở lại nhân gian nữa thì dứt được tận cùng biên vực của khổ. Như vậy Thế Tôn đều biết rõ cả. Lại nữa, Thế Tôn, khéo biết pháp ưa thích nơi tâm ý của Bổ-đặc-già-la rồi, giúp họ đúng như lý tu hành, đoạn ba món phiền não và tùy phiền não, không lâu sau đó chứng quả A-na-hàm. Như vậy Thế Tôn đều biết rõ cả. Lại nữa, Thế Tôn, khéo biết rõ Bổ-đặc-già-la, giúp họ theo đúng như lý tu hành, chẳng bao lâu thì dứt sạch các lậu, chứng pháp giải thoát, sanh tử đã hết, phạm hạnh được lập, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa. Những pháp như vậy Thế Tôn mỗi mỗi đều biết rõ cả. Đó là pháp tối thắng của Phật.

Lại nữa, Đức Phật Thế Tôn có pháp tối thắng. Đó là Đức Phật Thế Tôn khéo biết rõ về bốn loại thai tạng. Một là loại không biết nhập thai, cũng không biết trụ thai và ra khỏi thai; hai là có biết nhập vào thai nhưng không biết trụ trong thai và ra khỏi thai; ba là biết nhập vào thai, trụ trong thai nhưng không biết ra khỏi thai; bốn là nhập vào thai, trụ ở thai và ra khỏi thai đều biết rõ. Bốn loại như vậy, sự biết có sai khác, chỉ có Phật Thế Tôn mới biết rõ. Đó gọi là pháp tối thắng của Phật.

Lại nữa, Đức Phật Thế Tôn có pháp tối thắng. Đó là Phật Thế Tôn khéo biết rõ các Bổ-đặc-già-la, tùy theo loại mà đoạn trừ các chướng ngại để chứng Thánh quả. Các pháp như vậy, Phật đều biết rõ.

Đó gọi là pháp tối thắng của Phật.

Lại nữa, Đức Phật Thế Tôn có pháp tối thắng. Đó là Phật Thế Tôn biết rõ có người đã đủ tín căn, giới hạnh thanh tịnh, trí tuệ đầy đủ, chân thật không hư vọng, không có ngã, không biếng trễ, không có các thứ huyễn hoặc, không bị tán loạn, cũng không có tham dục, không dùng tà đạo để dẫn dắt chúng sanh, thường thực hành chánh niệm. Những pháp như vậy, chỉ có Phật Thế Tôn mới có thể biết rõ. Đó gọi là pháp tối thắng của Phật.

Bấy giờ Tôn giả Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, hàng phàm phu ngu si của thế gian tham các dục lạc, lao khổ thân mình, cầu lợi một các vô nghĩa. Chư Phật Như Lai chẳng giống như vậy, chỉ muốn làm lợi cho người khác, chẳng cầu cái vui riêng cho mình, khéo biết tâm pháp, thấy pháp tịch tĩnh, trụ trong an lạc, không dục không khổ, được bốn thiền định. Cho nên bạch Thế Tôn, nếu có những thiện nam tử thuộc hàng thượng căn nên thấy như vậy, nên nghe như vậy, nên hay như vậy, nên biết như vậy, thì mới gọi là bậc thượng căn đích thực.

Bấy giờ, trong chúng hội có một Tôn giả tên là Long Hộ, tay cầm phất trần báu, đứng hầu một bên Phật. Lúc đó, Tôn giả Long Hộ bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, con xem các hàng ngoại đạo tà kiến như Ni-kiền tử... đối với Phật Thế Tôn trước không có lòng tin, chỉ dùng tà đạo để cạnh tranh nói cho hơn. Cho nên con nay quyết tâm tạo lập pháp tràng để tuyên nói chỉ dẫn cho người đời, nhằm khiến họ đều nghe biết về công đức thù thắng của Phật. Vì Phật Thế Tôn là Bậc Đại Trượng Phu tối tôn tối thượng, không ai bằng.

Đức Thế Tôn bảo Tôn giả Long Hộ:

–Tôn giả chớ nói như vậy, chớ có tuyên nói chỉ dẫn cho người khác biết về công đức thù thắng của Phật. Nay Ta không muốn xưng dương như vậy.

Tôn giả Long Hộ liền tán thán Đức Thế Tôn:

–Lành thay! Lành thay! Đúng là Bậc Chánh Đẳng Chánh Giác.

Phật bảo Tôn giả Xá-lợi-phất:

–Tôn giả hãy khéo dùng chánh pháp như trên, rộng vì các Bí-sô, Bí-sô-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di và các Sa-môn, Bà-la-môn mà tuyên nói giảng rộng khắp nơi, cho đến các hàng ma, ngoại đạo Ni-kiền tử...

những hàng tà kiến không tin Phật, được nghe chánh pháp này khiến họ khởi sanh lòng tin sâu xa, quy hướng về Phật mà sanh chánh kiến, biết rõ chánh pháp.

Ngài lại nói:

–Này Xá-lợi-phất! Tôn giả cần phải thuyết giảng rộng khắp như vậy.

Bấy giờ Đức Thế Tôn nói với Tôn giả Xá-lợi-phất xong thì ngồi im lặng. Tôn giả Xá-lợi-phất, nương vào oai lực của Phật, nói pháp này xong, lạy Phật lui ra. Khi ấy, những vị ở trong hội chúng được nghe chánh pháp, hoan hỷ đảnh lễ, tín thọ phụng hành.

❑

SỐ 19

PHẬT NÓI KINH ĐẠI TAM-MA-NHẠ

Hán dịch: Đời Tống, Đại sư Pháp Thiên.

Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở tại rừng Ca-tỳ-la, cùng với chúng Đại Bí-sô đều là A-la-hán, các lậu đã hết, việc cần làm đã làm xong, đã được tự lợi, dứt hết các sự trói buộc, tâm được tự tại; có đủ năm ngàn năm trăm vị như vậy.

Bấy giờ mười phương lại có chư Thiên, Thích, Phạm, đầy đủ đại oai đức, cùng các quyến thuộc cung kính vây quanh, thân sắc đoan nghiêm, hào quang chiếu sáng, đi đến rừng Ca-tỳ-la, tới trước Thế Tôn, đầu mặt lạy dưới chân, đứng qua một bên. Khi đó bốn vị Đại Phạm vương, mỗi vị dùng một bài kệ ca tụng công đức của Phật. Vị Phạm vương thứ nhất nói bài tụng:

Đức Đại Tam-ma-nhạ
Tuyên dương Diệu pháp âm
Đức Phật, Bậc Tối Thắng
Trời, người đều vân tập.

Vị Phạm vương thứ hai nói bài tụng:

Trải qua vô số kiếp
Tu hành, tâm tin sâu
Giữ gìn mắt, các căn
Không đắm nơi trần cảnh.

Vị Phạm vương thứ ba nói bài tụng:

Giới định tuệ chân thật

Thanh tịnh không cấu nhiễm.
Như kim cang Đế-thích.
Kiên cố không thể hoại.

Vị Phạm vương thứ tư nói bài tụng:

Nếu ai quy y Phật
Trọn không đọa nẻo ác
Người ấy khi mạng chung
Liền được sanh cõi trời.

Bấy giờ Đức Thế Tôn dùng thiên nhãn thanh tịnh quán khắp đại chúng hội vô lượng vô số trời và người, rồi bảo các Bí-sô:

–Thời quá khứ các Đức Như Lai, Ứng Cúng Chánh Đẳng Giác nhóm họp trời, người mà vì họ nói pháp cũng như thế này. Hôm nay Ta tập hợp trời người muốn vì các vị thuyết pháp, các vị hãy thọ trì. Nếu người nào dõng mãnh, quyết định không sợ sệt, giống như sư tử, có sự tin tưởng sâu xa, vững chắc mà không tham đắm thì từ thế gian cõi người cho đến cõi Phạm thiên, đều đạt được Niết-bàn.

Khi Phật nói lời pháp ấy, lại có một ngàn bảy trăm vị trời, người hữu học và vô số chư Thiên với hào quang chiếu sáng, đi đến chỗ Phật. Phật bảo các Bí-sô:

–Các vị hãy lắng nghe cho kỹ. Ta xem các Thiên chúng vừa đến đây, nên dùng pháp của hàng Thanh văn ưa thích mà hóa độ họ.

Bấy giờ lại có bảy ngàn vị Đại dược-xoa, có đủ oai đức đại thần thông, hào quang chiếu sáng, cùng các quyến thuộc cung kính vây quanh, đi đến rừng Ca-tỳ-la.

Lại có sáu ngàn vị Đại dược-xoa đứng trên Kim sơn, có đầy đủ oai đức đại thần thông, hào quang chiếu sáng, cùng các quyến thuộc cung kính vây quanh, đi đến rừng Ca-tỳ-la.

Lại có ba ngàn vị Đại dược-xoa đứng trên núi Ta-đa, có đầy đủ oai đức đại thần thông, hào quang chiếu sáng, cùng các quyến thuộc cung kính vây quanh, đi đến rừng Ca-tỳ-la.

Lại có trăm ngàn vị Dược-xoa, Cung-tỳ-la... đứng trên núi Vĩ-bố-la, thành Vương xá, có đầy đủ oai đức đại thần thông, hào quang chiếu sáng, cùng các quyến thuộc cung kính vây quanh, đi đến rừng Ca-tỳ-la.

Lại có Thấp-phạ-di-đát-ra, Bán-tả-thủy, Vĩ-thấp-phạ-di-phạ... các đại tướng Dược-xoa, có đầy đủ oai đức đại thần thông, hào quang chiếu

sáng, cùng các quyến thuộc, đi đến rừng Ca-tỳ-la.

Lại có Hộ thế thiên vương Càn-thát-bà chủ ở phương Đông, tên là Địa-lý-đa-ra-sắc-đà-ra, có đủ đại thần thông, vô lượng oai đức, thân sắc đẹp đẽ, hào quang sáng chói, cùng các quyến thuộc cung kính vây quanh, đi đến rừng Ca-tỳ-la, nơi chúng hội để nghe pháp. Hộ thế thiên vương Cưu-bàn-nô chủ ở phương Nam tên là Vĩ-lỗ-trà-ca, có đủ đại thần thông, vô lượng oai đức, thân sắc đẹp đẽ, hào quang sáng chói, cùng các quyến thuộc cung kính vây quanh, đi đến rừng Ca-tỳ-la, nơi chúng hội để nghe pháp. Hộ thế thiên vương ở phương Tây là Đại long chủ tên là Vĩ-lô-bác-xoa có đủ đại thần thông, vô lượng oai đức, thân sắc đẹp đẽ, hào quang sáng chói, cùng các quyến thuộc cung kính vây quanh, đi đến rừng Ca-tỳ-la, nơi chúng hội để nghe pháp. Hộ thế thiên vương ở phương Bắc là Đại dược-xoa chủ tên là Câu-phệ-ra, có đủ đại thần thông, vô lượng oai đức, thân sắc đẹp đẽ, hào quang sáng chói, cùng các quyến thuộc cung kính vây quanh, đi đến rừng Ca-tỳ-la, nơi chúng hội để nghe pháp. Lại có, các quỷ thần theo hầu Tứ đại thiên vương, đó là Ma-dã, Ca-trí, Vĩ-chỉ-trí, Bạt-lý-ngu, Bạt-lý-cu-trí.... đều có thần thông uy lực, ngã mạn, vô minh, hình dáng xấu xí, biến hóa đủ loại, cùng với quyến thuộc cung kính vây quanh, đi đến rừng Ca-tỳ-la, nơi chúng hội để nghe pháp.

Lại có các thần tướng Dược-xoa là Ấn-nại-ra, Mộ-phạ-lỗ-nô, Bát-ra-nhạ-bát-đế, Bà-ra-nại-phược-nhạ, Y-xá-nẳng, Tán-nan-nẳng, Ca-ma, Tất-lý-sắc-tra, Cu-nễ-kiến-tra, Nễ-kiến-tra, Mãn-ni-ma-ni-tả-ra, Bát-ra-nô-na, Ô-ba-bán-tả-ca, Sa-đa-nghi-lý, Hải-ma-phạ-đa-bố-ra-noa-khư-nễ-ra-cu-vĩ-tra-ngu-ba-ra, A-tra-phạ-cu-nẳng-ra-ra-nhạ-nễ, Nẳng-lý-sa-bà, Tức-đát-ra-tế-nẳng, Hiến-đà-lý-phạ, Nễ-lý-đà-thiết-đế-ma-đa-lệ, Bán-tả-ra, Hiến-noa-tô-mô-ma-nẳng-di-lý-cụ, cùng các quyến thuộc Đát-lý-phả-lệ, Đát-lý-kiến-tra-kế, cho đến các vị du hành trong thế gian, có đủ oai đức thần thông, hào quang chiếu sáng, cung kính vây quanh, đi đến rừng Ca-tỳ-la, nơi chúng hội để nghe pháp.

Lại có các vị Đại độc long, đó là rồng Đát-xoa-ca, Kiếm-mạt-la-thấp-phạ-đa-lỗ, Bát-ra-bát-đa, Bát-ra-nhạ-ngu, Sa-ngu-nẳng-sa-họa-tảo-na-cu, Địa-lý-đa-ra-sắt-tra-ra, Cu-tổ-ra, Ái-ra-phạ-ni... sân hận bạo ác, có oai đức đại thần thông, hào quang sáng chói, cùng các quyến thuộc cung kính vây quanh, đi đến rừng Ca-tỳ-la, nơi chúng hội để nghe pháp.

Lại có vị Kim sí điểu tên là Vô Úy, cùng các loại thú bay, có mắt thanh tịnh... cùng các quyến thuộc cũng có đủ oai đức thần thông, hào quang chiếu sáng, cung kính vây quanh, đi đến rừng Ca-tỳ-la, nơi chúng hội để nghe pháp.

Lại có Kim cang thủ Vô năng thắng, ở trong biển cả, tất cả Bố Úy Dược-xoa cùng các quyến thuộc đều có đủ oai đức thần thông, hào quang chiếu sáng, cung kính vây quanh, đi đến rừng Ca-tỳ-la, nơi chúng hội để nghe pháp.

Lại có chúng A-tu-la, đó là Vĩ-ma-tức-đát-ra, Tô-tức-đát-ra, Bát-ra-hạ, Na-mẫu-na-lệ và một trăm Mạt-lệ A-tu-la tử cùng các quyến thuộc có đủ đại thần thông, vô lượng oai đức, hào quang chiếu sáng, cung kính vây quanh, đi đến rừng Ca-tỳ-la, nơi chúng hội để nghe pháp.

Lại có Tứ đại thiên vương, trời Đao-lợi, trời Dạ-ma, trời Đâu-suất-đà, trời Hóa lạc, trời Tha hóa tự tại và Thiên chúng, đều có đủ oai đức thần thông, hào quang chiếu sáng, cung kính vây quanh, đi đến rừng Ca-tỳ-la, nơi chúng hội để nghe pháp.

Lại có các vị trời danh tiếng đó là trời Phạ-lỗ-noa, trời Phạ-lỗ-ni, trời Tô-ma, trời Tất-lý-sắc-tra, trời A-nga-ma, trời Mật-đát-ra-phạ-lỗ-ni, Địa thiên, Thủy thiên, Hỏa thiên, Phong thiên, mười vị trời như vậy, có đủ đại oai đức, thần thông biến hóa, hào quang chiếu sáng, cung kính vây quanh, đi đến rừng Ca-tỳ-la, nơi chúng hội để nghe pháp.

Lại có trời Na-la-diên, trời Ta-hạ-lợi-tả, Nhật thiên, Nguyệt thiên, Tinh tú thiên, trời Đế-thích, trời Mạc-già, tất cả các vị trời Hiền thánh tối tôn, cùng các quyến thuộc... mười vị trời như vậy, có đủ đại thần thông, vô lượng oai đức, hào quang chiếu sáng, cung kính vây quanh, đi đến rừng Ca-tỳ-la, nơi chúng hội để nghe pháp.

Lại có các vị Thiên nữ là Thiên nữ Ta-hê-ca, Thiên nữ Như Hỏa Diệm, Thiên nữ A-lý-sắc-tra, Thiên nữ Tô-ma, Thiên nữ Ô-đa-ma, Thiên nữ Bổ-sắc-ba-phạ-tất-nễ, Thiên nữ Tả-ra-ca, Thiên nữ Tô-bạt-nại-ra, Thiên nữ Yết-xoa-a-tả-dụ-đa, Thiên nữ Bát-ra-nại-dụ-ma-nẳng, Thiên nữ Sa-nễ-ca... vô số Thiên nữ như vậy cùng các quyến thuộc, có đủ đại thần thông, vô lượng oai đức, thân tướng đoan nghiêm, hào quang chiếu sáng, cung kính vây quanh, đi đến rừng Ca-tỳ-la, nơi chúng hội để nghe pháp.

Lại có các Đại dược-xoa nữ là nữ Dược-xoa Xá-ma, nữ Dược-xoa

Ma-ha Xá-ma, nữ Dược-xoa Ma-nậu-sa, nữ Dược-xoa Ma-nậu-số-đát-ma, nữ Dược-xoa Ngật-lý-noa, nữ Dược-xoa Bát-ra-mộ-sa, nữ Dược-xoa Ma-nẳng-bát-ra-nổ-sa-ca, nữ Dược-xoa Mạc-ra-hạ, nữ Dược-xoa Ma-hạ-mạt-ra, nữ Dược-xoa Bí-sô-mâu-ni-ca, mười hai vị Đại dược-xoa nữ như vậy, cũng có đủ oai đức thần thông, hào quang chiếu sáng, cùng các quyến thuộc, cung kính vây quanh, đi đến rừng Ca-tỳ-la, nơi chúng hội để nghe pháp.

Lại có mười vị Đại dược-xoa nữ, đó là nữ Dược-xoa Thâu-ngật-ra, nữ Dược-xoa Yết-noa-mạt-ra, nữ Dược-xoa Ca-lô-noa, nữ Dược-xoa Nễ-ra-ca-phạ-tất-nễ, nữ Dược-xoa A-phạ-na-đa-kế-xá, nữ Dược-xoa Bát-ra-mục-khế-bế-đa-ca-phạ-tất-nê, nữ Dược-xoa Ta-na-ma-đa, nữ Dược-xoa Ha-lý-đế, nữ Dược-xoa Lô-tức-ca, các Dược-xoa nữ như vậy, cũng có đủ oai đức thần thông, hào quang chiếu sáng, cùng các quyến thuộc, cung kính vây quanh, đi đến rừng Ca-tỳ-la, nơi chúng hội để nghe pháp.

Lại có Hạ-lý-đế và quyến thuộc đồng nam, đồng nữ cũng có đủ oai đức thần thông, hào quang chiếu sáng, cùng các quyến thuộc, cung kính vây quanh, đi đến rừng Ca-tỳ-la, nơi chúng hội để nghe pháp.

Như vậy, mười phương Phạm vương, Đế-thích, trời người, tám bộ, các Đại Bí-sô, vô lượng vô số đều đến nơi chúng hội.

Bấy giờ, trong chúng hội có một vị Đại hắc thần tên là Tổ-tôn-na, có đủ đại thần thông, dõng mãnh, bạo ác, luôn gây não hại cho trời người, làm chướng ngại cho việc tu thiện, lấy tay vỗ mặt đất, phát ra âm thanh đại ác, ở trên hư không hóa ra gió lớn, mây lớn, sét lớn, mưa đá lớn, sấm lớn, tia chớp có sét lớn, các thứ tướng xấu ác khiến ai cũng khiếp sợ. Phật liền quán sát giảng nói pháp Thanh văn, ma nghe xong liền quy y và chấm dứt các điều ác ấy, cùng các Bí-sô đồng an trụ trong Thanh văn thừa.

Bấy giờ chúng hội thấy Phật hàng phục các ma ác, tâm đều phấn khởi vui mừng, tin kính vâng làm.

❑

SỐ 20

KINH PHẬT GIÁO HÓA PHẠM CHÍ A-BẠT

Hán dịch: Đời Đông Ngô, Ưu-bà-tắc Chi Khiêm.

Nghe như vầy:

Một thời Phật cùng đông đủ năm trăm vị Sa-môn du hóa tại Việt-kỳ, đến nơi Ngài an tọa bên gốc cây ngoài thành Cổ-xa. Trong ngôi làng gần đó, có một vị Phạm chí giàu sang, hiền hậu tên là Phí-ca-sa, hiểu rõ kinh sách và sự vận hành của tinh tú. Ai hỏi điều gì cũng đều trả lời được. Ông có năm trăm người đệ tử, người đệ tử đứng đầu tên là A-bạt.

A-bạt hỏi thầy:

–Hôm nay có Phật đến, mọi người khen ngợi đức độ của Phật, danh tiếng bao trùm trời đất, chẳng biết đó là người thế nào?

Phí-ca-sa đáp:

–Ta nghe vị ấy thuộc dòng họ Thích, là Thái tử con vua một nước, vị ấy không nhờ thầy mà tự mình trước tác kinh điển để giáo hóa chúng sanh.

A-bạt thưa:

–Nếu không có thầy thì tiếng tăm đâu có tốt. Vả lại con của vị quốc vương phần nhiều thì kiêu mạn, dâm dục và ham vui, làm sao đi bộ, tự hạ thấp mình xuống để khất thực, dạy bảo người không mệt mỏi? Vị ấy là bậc chân nhân sao? Mong thầy nên đi đến để xem đạo đức của vị ấy.

Phí-ca-sa nói:

–Chẳng phải vậy. Ta ở đời là bậc hiền thiện, hào phú, thông minh, nhiều tài, vị kia mới xuất hiện, đáng lẽ phải đến yết kiến ta mới đúng. Ta không nên đến.

A-bạt thưa:

–Con nghe trời Đế-thích cùng vị Phạm thiên thứ bảy đều đến để hầu hạ vị ấy. Những đệ tử được vị ấy dạy đều chứng ngũ thông, bay đi nhẹ nhàng, thấy xa nghe suốt, biết được ý chí của con người, biết cả từ đâu sanh đến, chết đi về đâu. Hơn nữa, vị đó là Thầy của trời, sao lại không đến để yết kiến?

Phí-ca-sa bảo:

–Kinh nói: Đế vương sanh con có ba mươi hai tướng tốt, lập tức sẽ làm hoàng đế phi hành, làm vua bốn châu thiên hạ tự nhiên có bảy báu là: Kim luân báu; Bạch tượng báu; Ngựa báu; Ngọc nữ báu; Thần châu báu; Lý gia báu; Hiền tướng báu, và có ngàn người con đều là bậc tài nghệ, thông minh, vũ dũng, một người có thể địch được ngàn người, không dùng binh đội, dao gậy, cuộc đời thái bình. Nếu bỏ thiên hạ, tự nhiên thành Phật, lấy pháp vô vi hóa độ con người đạt đạo. Có phải là vị ấy chăng? Ông hãy đến xem thử. Nếu có tướng ấy thì đúng là Phật, ta sẽ tôn thờ.

A-bạt thưa:

–Cho phép con đi cùng với các bạn đồng học.

Vị thầy nói:

–Rất hay!

A-bạt cùng với năm trăm người bạn đồng môn đến chỗ Phật, cùng xuống xe, vòng tay vái chào một cách cung kính trước Phật. Phật bảo ngồi xuống, năm trăm người đều ngồi, chỉ có A-bạt là hồi hộp nhìn bên trái liếc bên phải, chăm chú xem tướng Phật. Đức Phật biết ý ấy, Ngài cũng đứng dậy và làm như thế. A-bạt đứng thì Phật cũng đứng, A-bạt ngồi Phật cũng ngồi. A-bạt bèn hỏi Đức Phật:

–Ngài thờ đạo nào? Cạo bỏ râu tóc, mặc ca-sa, ôm bình bát có ý nghĩa gì?

Phật nói:

–Từ khi Ta cầu đạo đến nay đã trải qua nhiều kiếp lâu xa không thể kể hết, thường thờ chư Phật, hành đạo Bồ-tát, đã thờ kính vô số thầy bạn. Cạo bỏ râu tóc là suốt đời giữ giới, từ bỏ tham ái, cũng không trang sức đẹp đẽ, khiến cho người đời không tham đắm Ta, Ta cũng

không tham đắm người đời. Mặc áo pháp ca-sa, đó là biểu tượng cho dòng họ của bậc Thánh xưa, giải thoát những điều cấu nhiễm trói buộc, cũng không còn nhớ nghĩ về thế gian. Bình bát là ứng khí (vật đựng đồ ăn) của bậc đạo nhân dùng, tiết chế thân tâm để được tỉnh ngộ, vật phi nghĩa không nhận. Đó là biểu tượng của pháp vô vi thanh tịnh. Nay Ta đã thành Phật, là Thầy của thiên hạ, ông cứ tự ý muốn hỏi gì cũng được.

A-bạt thưa:

–Thầy của chúng con đang thờ tên là Phí-ca-sa, đời đời thông minh, tiếng tăm xa gần đều biết, lại là dòng dõi Phạm chí, đặc biệt hơn những người khác. Thiên hạ tuy cho vua là quý nhưng cũng có kẻ bất nhân, chứ dòng họ của con hoàn toàn không thích sát sanh.

Phật dạy:

–Ta vốn vì ghét việc sát sanh nên cầu đạo Vô thượng chánh chân của Phật. Dòng họ Phạm chí của ông miệng chỉ nói quý nhân từ, tuy tay không giết hại nhưng tâm đều có ý sát hại. Nay Ta là Phật, thân, miệng, ý đều thanh tịnh, không sát hại tất cả chúng sanh, khuyên bảo những người trong thiên hạ không được hiếu sát, dạy họ làm việc nhân nghĩa.

A-bạt hỏi:

–Nay Phật đã bỏ vợ con, tự mình làm tuyệt dòng giống, không người kế tự, sao bằng thầy tôi đời đời được kế tự.

Phật dạy:

–Dòng họ loài người trong thiên hạ, trước sau mỗi mỗi khác nhau. Những người ở đời trước đã từng là con của Ta, Ta cũng đã từng là con của tất cả mọi người, hội họp rồi sẽ có chia ly, bản chất của chúng là vô thường; hoặc trước đó là oán cừu nay trở thành thân thuộc; hoặc trước đây là thân thuộc nay trở thành oán cừu. Nhân duyên tan hợp, tất cả đều như huyễn. Cha mẹ, vợ con vốn chẳng phải là thân thuộc của Ta, Ta cũng không phải là thân thuộc của họ. Người đời chỉ lấy cái "ta" này, hoặc chẳng phải là "ta" mà gây ra tội ác, sau đó phải chịu khổ.

Ngày xưa, Ta đã từng làm làm vị vua dòng Sát-lợi, tên là Cổ-ma-sàng có bốn người con. Người thứ nhất tên là Úc-cam, người thứ hai tên là Kiền-ni, người thứ ba tên là Độ, người thứ tư tên là Hưởng. Nhà vua chưa băng hà mà bốn người con đã giành ngôi. Vua nghe việc ấy nên rất buồn rầu lo lắng, nghĩ rằng bốn người con tranh ngôi sẽ giết hại

nhân dân, liền ủy thác việc nước lại rồi đi về phương Đông. Cứ mỗi bước, mỗi bước tự nghĩ: "Đời người có bao lâu mà lo lắng mãi mãi! Ta nay làm vua muốn có con cái. Khi đã có con, chúng lại muốn giết nhau. Có con như vậy ích gì cho người! Ta không nỡ nhìn thấy cảnh huynh đệ tương tàn ấy, sợ giết đi thì không ai nối dõi, chỉ nên bỏ nhà làm Sa-môn mà thôi". Vua liền vào núi phía Bắc gặp vị đạo nhân Ca-tỳ-giáo đang ở trong một am tranh, cùng có đạo nhân Ma-ly. Vua hỏi lý do tại sao học đạo.

Ma-ly tự nói:

–Tôi cưới vợ mà không có con mặt thẹn với mọi nhà cho nên làm Sa-môn.

Vua bảo:

–Lạ thay! Ta là quốc vương có bốn người con, thân ta tuy chưa chết mà con đã làm loạn trong nước, ta không nỡ nhìn thấy cảnh ấy cho nên mới đi tìm đạo.

Ma-ly hiểu rõ càng thêm tinh tấn.

Như vậy, này A-bạt, chính là muốn khiến cho con được hiền lương, cha già bệnh chết con không cướp ngôi, khi sống làm ác, chết bị đọa địa ngục, con không thể thay thế được. Do đó, Ta thường dùng tâm từ bi cứu tế người vật, thành đạo, chứng quả Phật, độ thoát chúng sanh.

A-bạt thưa:

–Phật thật khó sánh! Ngày nay thiên hạ có bốn hạng người: quân tử, Phạm chí, điền gia, công kỹ. Chỉ có dòng Phạm chí của con vừa chân chánh vừa cao quý. Ngoài ra, ba hạng kia đều phải tôn thờ dòng họ của con.

Đức Phật bảo:

–Giả sử dòng họ của ông là chân chánh, cao quý, nhưng nếu như người vợ không có con, phải lấy người gái hầu để sanh con trai, vậy ông có chấp nhận người đó không?

Thưa:

–Phải chấp nhận.

–Nay tổ mẫu của ông hiện chọn lấy người hèn kém để nối dõi, có thể gọi đó là chân chánh cao quý chăng?

A-bạt im lặng. Năm trăm người đệ tử đều đứng lên nói:

–Sa-môn Cù-đàm, tại sao lại hủy báng dòng họ chúng tôi? A-bạt là người tài trí, có thể cùng Ngài vấn nạn.

Đức Phật bảo:

–Tất cả hãy im lặng. Nếu ai có tài trí hãy tự mình tranh biện.

Đức Phật hỏi về vị tổ của họ, cho đến ba lần mà chẳng ai trả lời. Kim cang lực sĩ đưa cái chày lớn lên nói:

–Đức Phật đã hỏi lại ông, tại sao không trả lời?

A-bạt sợ hãi thưa:

–Thật đúng như lời Phật nói.

Năm trăm người kia nói:

–Thánh trí của Phật thật sáng suốt, mẹ của A-bạt đúng là người con gái giúp việc trong nhà họ Thích. Chúng tôi từ nay không còn kính phục nữa.

Đức Phật dạy:

–Chẳng phải như vậy. Ở đời hoặc mẹ thì bần tiện nhưng con lại hiền quý. A-bạt là người hiền, các ông không nên hủy báng. Nếu như người dòng Phạm chí ấy lấy con gái dòng Sát-lợi, sanh con khôn lớn, nên học theo cha hay học theo mẹ?

Tất cả đều đáp:

–Nên học theo cha.

Đức Phật dạy:

–Như vậy nếu mẹ bần tiện nào có hại gì. Nếu con khôn lớn, giỏi kinh điển, đức hạnh cao vút hơn cả cha mình, các ông càng phải kính phục. Nếu con gái của Phạm chí là vợ của dòng Sát-lợi, sanh con khôn lớn, biết bên ngoại là hiền lương nhưng không chịu học, tự bắt chước theo cha, săn bắn, sát sanh, các ông có kính phục không?

Tất cả đều đáp:

–Không nên kính phục.

Đức Phật dạy:

–Như vậy đề cập đến phía mẹ làm gì. Nếu giả sử A-bạt có con hiền lương, tài trí tuyệt thế, các ông phải xử sự như thế nào?

Đều thưa:

–Nên mời ngồi tòa ở trên.

–Giả sử cả cha lẫn mẹ đều thuộc dòng Phạm chí, nhưng sanh con chẳng ra gì, không ngay thẳng, các ông phải làm gì?

Tất cả đều đáp:

–Phải cho ngồi nơi tòa thấp.

Đức Phật dạy:

–Sự quý trọng đó mãi như vậy không? Nếu con của Phạm chí mà sát sanh, trộm cắp, phạm pháp thì quan lại có nên bắt không?

Thưa:

–Nên bắt.

–Tại sao các ông không tranh luận: "Dòng họ của tôi cao quý, không nên bắt tôi?"

Thưa:

–Hiện nay có tội, đâu có nói dòng dõi.

Đức Phật dạy:

–Nay Ta là Phật dạy cho dân chúng nói lời chân chánh về lòng nhân hiếu để bỏ dục, giận dữ, si mê, giữ thái độ bình thường. Đối với những người làm điều ác, Ta liền dạy họ không sát sanh, trộm cắp, tà dâm, nói láo, uống rượu, cúng tế tà đạo. Người đời trước làm ác, thân phải chịu tội, còn việc giết hại sinh linh để tế trời, tội càng thêm nặng, chẳng ích lợi gì. Vả lại, phàm tâm của các vị trời thì thanh tịnh, nhân từ, há lại ăn đồ ăn của con người sao? Có đức thì thần giúp, không giết hại là phước. Cho nên những bậc Thế chủ hiền trí trong thiên hạ nghe kinh, giới của Phật đều tự dứt bỏ một cách vĩnh viễn, nguyện không làm ác, thà giữ giới mà chết, tinh thần được sinh lên trời. Nếu ai có thể chí tâm thanh tịnh liền đạt được bốn đạo quả của bậc Sa-môn: một là Cấu cảng (Tu-đà-hoàn), hai là Tần lai (Tư-đà-hàm), ba là Bất hoàn (A-na-hàm), bốn là Ứng chân (A-la-hán).

Lại nữa, những bậc quân vương trong thiên hạ, tuy thực hiện việc trị nước, muốn được thái bình, nhưng vẫn có bổn phận bắt dân đóng thuế, ý tham chưa trừ. Còn nay Ta là Phật đều khiến cho con người không còn tham dục nữa, chứng đạo vô vi. Từ khi Ta cầu đạo đến nay, trải qua vô số kiếp, mỗi đời đều có lời nguyện: "Nguyện bỏ ái dục, tu hạnh Sa-môn, chẳng thích cũng chẳng không; đối với những người hiền minh, các bậc quân tử trong thiên hạ, nghe giới kinh của Phật, không ai là không phụng hành. Người nào không vâng theo về sau đều hối hận. Ai kiềm chế được ý chí, không còn tham dục, liền đoạn trừ con đường sanh tử buồn khổ. Nếu chẳng luyến ái nhau, liền được thoát khỏi khổ đau. Cuộc đời vô thường, con người như bọt nước, cái này thành thì cái kia hoại, đâu có tồn tại".

Đức Phật hỏi A-bạt:

–Thầy của ông lấy gì để giảng dạy?

Thưa:

–Thầy của con dạy không được giết người, giết bò, không được trộm cắp vàng bạc, không được dâm dục với vợ thầy và vợ của đệ tử, không được uống rượu. Lúc bốn mươi tám tuổi mới được cưới vợ. Thầy của con dạy người suốt đời phải giữ tám giới này. Chẳng hay giới của Phật có ý nghĩa gì?

Đức Phật dạy:

–Những ai thích nghe hãy lắng nghe! Nếu có con nhà tộc tánh tìm đến, tự trình bày việc ưa thích giới của Phật, Ta sẽ tùy theo khả năng từng người mà truyền trao giới pháp. Người muốn tu tập tại nhà thì gọi là Thanh tín sĩ, phải giữ năm giới:

1. Không được ham giết hại các loài cầm thú, kể cả loài nhỏ bé nhất, không được làm tổn hại đến thân hình chúng, huống hồ lại cầm dao gậy hành hạ chúng. Tâm nghĩ việc nhân từ, miệng không bảo giết.

2. Không được trộm cắp, tham lam đối với tài sản của cải người khác, lừa cân tráo đấu, dù như đồ vật nhỏ nhất cũng không được xâm chiếm của kẻ khác. Tâm phải nhớ điều nghĩa, miệng không được dạy người trộm cắp.

3. Không được ham dâm dục, xâm phạm vợ của người khác, không được xem sắc đẹp, không được nghe nhạc hay, tâm tu lễ cấm, lời nói không trái phép.

4. Không được nói dối, gièm pha, vu vạ để lời buộc tội người. Lời nói đúng lúc. Lời nói phải thành tín, tâm không được lộ rõ sự kiêu mạn, miệng không được khen chê.

5. Không được uống rượu, không tự ý say sưa. Tâm không nghiện rượu, miệng không nếm rượu. Rượu có ba mươi sáu thứ lỗi, chớ có khuyên người uống.

Đó gọi là giới luật nơi hàng Thanh tín sĩ của Ta.

Đức Phật dạy:

–Ta không kêu gọi người, nhưng người tự đến xin kính thọ giới và được dạy dỗ, bỏ ác làm theo thiện, kẻ hiền trí trong thiên hạ muốn làm Sa-môn, trước hết Ta hỏi: Do duyên gì mà được giác ngộ?

Phàm là con người, cần phải hiếu kính, lấy việc an dưỡng cha mẹ làm chính, nếu muốn học đạo cần phải báo ân cha mẹ. Cha mẹ có đồng ý, sau đó Ta mới nói giới Sa-môn cho họ. Có hai trăm năm mươi giới,

suốt đời phải giữ cho thanh tịnh, không được nửa đường phế bỏ, làm mất ân cúng dường. Nếu ai dốc lòng cầu thỉnh, tín tâm không chuyển, có thể phụng trì pháp luật như thế Ta mới ban giới pháp cho họ. Giới của Sa-môn lấy từ bi làm gốc, không được tàn sát các loài vật nhỏ bé nhất, luôn thương xót người vật xem như con đỏ, cũng không thù oán kiện cáo, mong người ngay thẳng, thường nhớ đến công ơn của cha mẹ và thầy bạn, siêng năng cầu đạo, nhằm độ thoát cho cha mẹ. Sa-môn không được tham lam, lừa đảo để chiếm đoạt tài vật của kẻ khác, thấy những của cải báu hãy xem như là cát bụi, người ta có cho cũng không lấy, nếu có lấy cũng không được giữ, phải đem cho những người bần cùng, thường thuyết giảng đức tính không tham cho mọi người.

Sa-môn không được có vợ để nối dõi, phải đề phòng tránh xa người nữ, đóng kín nẻo tình dục. Khi thấy sắc đẹp, mắt không được ngắm nhìn, hãy xem người già như mẹ, người trẻ như chị em, nếu tâm không đình chỉ được phải quán bất tịnh để trừ hạnh dâm, có sanh tử đều do si ái.

Sa-môn không được nói dối, nói lời thêu dệt, gièm pha vu vạ để buộc tội người, thấy nghe như thật, điều phi nghĩa thì không rao truyền, hòa giải kẻ tranh chấp, nói hai bên đều tốt, nói lời từ tốn là nhằm giữ lấy sự chính đáng, không được nói đời tư của người khác.

Sa-môn không được ngâm vịnh, ca hát, múa vui, đùa giỡn và luận bàn chuyện xướng ca, cần phải siêng năng suy tư, ôn cũ để biết mới. Những điều Sa-môn nói, lời ấy ắt là của Pháp sư. Những ai không nghe, tâm ý chẳng được mở mang. Sáng tối tụng kinh, không được nhầm lẫn. Hãy tinh tấn thực hành điều cốt yếu của đạo, mục đích là để dứt trừ các thứ ô uế, vì người thuyết pháp, suy tư hợp với ý nghĩa.

Sa-môn không được mong nằm giường tốt đẹp, quần áo không được dùng tơ lụa thêu thùa, ăn uống không được tham đắm vị ngon, không được dùng đồ vàng bạc chạm trổ, chỉ nên dùng bình bát bằng đất nung, hoặc bằng thiếc.

Sa-môn không được uống rượu, ăn thịt, mong nhớ được nếm các mùi vị, không được uống rượu thuốc và đi đến các nơi chốn bán rượu.

Sa-môn không được lấy hương hoa xoa lên thân, xông ướp áo quần, phải nhớ kỹ đến sự trì giới.

Sa-môn không được mua kẻ sai khiến, hàng nô tỳ, cho mướn đồ vật và nhi đồng, hoặc có người đem đến cho mình, nhất thiết không

được nhận.

Sa-môn không được nuôi dưỡng các thứ súc vật, cưỡi xe, cưỡi ngựa buông lung tâm ý.

Sa-môn không được cất giữ lúa gạo. Mỗi sáng đi khất thực, không quá bảy nhà, nhà thứ nhất mà không được cho mới đến nhà thứ hai, giáp vòng bảy nhà mà không được thì chỉ nên uống nước mà thôi.

Sa-môn vào xóm làng, phải như chim ăn no rồi bay đi, không trông mong về chỗ còn lại, nếu không được ăn, tâm cũng không giận.

Sa-môn bỏ nhà, ở không cầu an lạc, không ham nhà tốt, chỉ ở các chốn núi rừng, cạnh đầm ao, bên gốc cây mà thôi.

Sa-môn không được buôn bán cầu lợi, suy nghĩ về cái này cái kia, cái nào là sang, cái nào là hèn.

Sa-môn không được bận bịu chuyện ruộng vườn, khai khẩn đất đai để trồng lúa thóc, nhớ nghĩ, vui thích công việc trồng.

Sa-môn không được bàn luận về sự vui thích đối với đất đai, sông nước hương hoa; phải nhất tâm suy nghĩ về đạo, ngoài ra không được suy nghĩ cái gì khác.

Sa-môn không được bàn về chuyện làng xóm, thành ấp, quốc gia, xấu tốt, cao thấp.

Sa-môn không được bình luận về cơ nghiệp của đồng đạo như ruộng, nhà, lúa thóc, y phục, đồ ăn uống, kia thì có, đây thì không.

Sa-môn không được nằm mà đàm luận, ăn mà nói chuyện, không được dự đoán việc chính sự, binh bị, việc hành quân đánh chiếm, được thua.

Sa-môn không được nói về y phục, thức ăn tốt xấu, ngon dở, cho đến khen chê nước suối tốt xấu.

Sa-môn không được nói về hình tướng tốt xấu của các loài súc sanh. Đó là sự đàm luận của kẻ ngu, chứ không phải là sự luận bàn của đạo pháp.

Sa-môn không được tự xưng là mình hiểu kinh, còn kẻ khác thì không thông, phải tự trách mình không phải kẻ hiền, không được cao ngạo, kiêu căng.

Sa-môn giảng pháp, không được nói: "Kinh của tôi thì hay còn kinh của ông thì bị vướng mắc, giới của tôi thực hành thanh tịnh, giới của ông thực hành thì ô uế". Không được nói: "Thầy của tôi thì sáng suốt, thầy của ông thì không sáng suốt". Kinh Phật thống nhất, chỗ quy

về không hai. Kẻ có chí khí còn trẻ hãy tự gánh vác, thể hiện, không nên khen chê. Không được cho rằng: "Ta thuộc về dòng họ lớn, còn tộc của ông thì chẳng ra gì". Không được tự nói: "Điều ông giảng nói không bằng ta".

Sa-môn không được tự cho các thứ giường ghế, áo quần, gối, đồ nằm của ta tốt đẹp, còn của người khác thì thô sơ, không được soi gương cạo râu, tưởng nhớ đến những vật mịn, trơn. Không được xem các trưởng giả đấu giá những người nghèo hèn và các loài súc sanh đấu húc. Không được bắt chước lối dùng hai tay đánh nhau, không được chơi cờ "xu bồ", bài bạc, xem kết quả của các trò chơi, biếng nằm chờ ăn. Không được nghĩ đến phương nào, quận nào, từ kia lại đây hết bao nhiêu dặm đường. Không được làm thầy thuốc cho con trai, con gái và cho bò, ngựa. Không được dạy người nói năng lung tung hay không nên nói năng. Không được tập giỡn với binh đao gậy gộc, ném đạn vui chơi. Không được học xem tướng nam nữ, nghèo giàu, sang hèn, có tướng, không tướng và tướng trạng của sáu thứ gia súc. Không được theo đòi việc bói quẻ về sự phong phú hay nghèo nàn của những năm tai biến, hạn hán.

Sa-môn không được xem coi về lịch số, đoán mặt trời mặt trăng đầy vơi hay bị che lấp, sao xấu biến hiện, núi sập, động đất, mưa gió trong năm, tất cả đều không được học.

Sa-môn quá ngọ không được ăn, y phục, thức ăn uống thô sơ, tâm không oán hận, bình bát thường mang dưới hông trái, dù đến nơi nào cũng không lo đói lạnh, thường mang bình bát bên thân, như chim có cánh, miệng không được ăn phi thời, sáu căn thường đoan chánh, tâm biết hổ thẹn, không sân, không hận vì thân khổ, nguyện giữ giới kinh, mắt không liếc sắc; tai, mũi, lưỡi, thân, tiếp xúc điều tốt hay xấu mà tâm vẫn không động, hãy tiết chế trong việc ăn uống để thân không đói cũng không no, để cơ thể được nghỉ ngơi, giả như có ngủ cũng không lâu, giữ chí thanh cao, luôn gắn bó với nẻo Nê-hoàn giải thoát. Thí như con hiếu, sáng chôn cha mẹ, thương khóc nhớ tưởng, chẳng phút nào quên. Sa-môn của Ta ở đây giữ chí hành đạo, khi ngồi thì thiền tư, lúc đứng dậy thì tụng niệm, thường tỉnh giác, tinh tấn, đừng trái với giới hạnh. Đó là đệ tử của Phật.

Phật bảo A-bạt:

–Những giới như vậy gồm có hai trăm năm mươi thứ, nay chỉ nói sơ lược, Sa-môn phải thu giữ tâm ý, đừng để buông lung, ở chỗ vắng lặng thanh tịnh, bỏ dâm, nộ, si, nhằm thành tựu được trí tuệ, thường dùng tâm từ bi thương xót khắp thiên hạ, xả bỏ trạng thái tham dục, ham ngủ nghỉ, một lòng tin pháp, không còn nghi hoặc mới đạt được A-la-hán. La-hán là người đã chứng quả Ứng chân. Thí như người đời thường sinh sống, nợ nần nghèo khổ, khi được tài lợi trở về với mình tất vui mừng. Lại như tội nhân ở lâu trong ngục, có vị trưởng giả tốt tạo phương tiện để được ra tù. Ví như kẻ thoát khỏi hoàn cảnh nô tỳ được làm dân lương thiện. Lại nữa, bệnh khổ nhiều năm, nhờ uống thuốc của cha mà trị được lành. Lại như người đi buôn, từ nơi con đường hiểm trở mà được hàng hóa quý giá rồi trở về nhà.

Năm thí dụ này người đều hoan hỷ, những Sa-môn của Ta cũng lại như vậy. Tự nghĩ đến sanh tử, năm ấm trói buộc từ lâu, thọ khổ vô lượng, nay được giải thoát.

Sao gọi là năm ấm? Một là sắc, hai là thống (thọ), ba là tưởng, bốn là hành, năm là thức. Năm thứ này che lấp con người, làm cho họ không thấy được đạo.

Sa-môn tự nghĩ, biết về lẽ vô thường, thân này chẳng phải của ta, ý ngu si liền tỏ, tâm không tham đắm vướng mắc. Sắc ấm đã trừ, đó là cái vui thứ nhất.

Sa-môn nhớ nghĩ, tự thấy trong thân năm tạng nhơ nhớp, ý tham dục liền bỏ, thiện ác không hai, thống (thọ) ấm đã trừ, đó là cái vui thứ hai.

Sa-môn siêng năng suy nghĩ, thấy ân ái là khổ, không tạo các pháp hữu lậu, không có ý tưởng về cánh lạc (xúc). Tưởng ấm đã trừ, đó là cái vui thứ ba.

Sa-môn tư duy về thân, miệng, ý thanh tịnh, cũng không mừng, giận, tâm định tĩnh vắng lặng, không khởi, không tạo tác. Hành ấm đã trừ, đó là cái vui thứ tư.

Sa-môn tự nghĩ rằng được Phật giáo hóa thanh tịnh, đoạn các nhân duyên, si ái diệt sạch. Thức ấm đã trừ, đó là điều vui mừng thứ năm.

Phật bảo A-bạt:

–Sa-môn của Ta vứt bỏ các dục, phụng hành kinh giới, để đoạn sanh tử, như vậy, đời này không còn tư tưởng buồn khóc ái luyến nhau

nữa. Ta không tham ái người, người cũng không tham ái Ta, nhưng Ta lấy đạo thương nhớ tất cả, muốn làm cho họ được độ thoát.

Phàm người hành đạo, thân khổ một đời, nhưng người không theo đạo thì thọ khổ nhiều kiếp. Như người tắm rửa chỉ sạch bên ngoài, tâm dơ không trừ được. Bậc đã chứng quả Ứng chân (La-hán) thì các điều ác đều dứt hết.

Người phàm phải dốc tâm theo, tâm của người hành đạo chuyên nhất, như đá ở trong đất, mặt trời thiêu đốt cũng không tiêu, mưa ngập cũng không tan, gió thổi cũng không động, ra khỏi phàm tục, liền thành đạo lớn. Tâm ý đã nguội lạnh, không bị lửa dâm dục thiêu đốt nữa, giống như bông sen ra khỏi bùn lầy ô uế mà gốc nằm trong nước, nước dơ không dính được.

Sa-môn tự nghĩ: "Cha mẹ nuôi con, ân lớn một đời. Đức Phật khai hóa khắp thiên hạ, làm cho con người đắc đạo, tự thấy được gốc ngọn của năm đường sanh tử, biết thọ mạng của con người, ý chí đã chân chánh, hành hóa tự tại, muốn lên trời thì lên, muốn vào biển thì vào. Thí như lấy hương tắm cho người chết, không thể làm cho xác chết thơm lên được. Dạy cho người ác điều thiện, chưa chắc họ làm theo. Tâm con người ác thì miệng thân đều ác. Lời nói của người học thế tục chỉ làm cho nghe xong thì sự buông lung mà thôi, không phải là đạo chân chánh. Người hành đạo nghe như vậy thì quyết không trả lời, biết tâm ý kẻ phàm, nhận thức tư duy đều điên đảo. Kẻ ngu không hiểu đạo, lấy chánh làm tà, không phân biệt được chân ngụy. Bậc Thánh Nhân thương xót họ nên càng thêm lòng từ bi cứu độ".

Sa-môn giữ ý như người mặc áo mới lúc ngồi, lúc đứng đều cẩn thận, không muốn làm cho dơ bẩn. Cho nên người giữ giới thường chiến đấu với tâm, dù trăm điều ác đến, rốt cuộc đều không nghe theo.

Cha mẹ sanh con, lúc còn thơ ấu dạy dỗ cho theo đạo, khi lớn phạm tội bị chết, không thể oán trách cha mẹ. Thí như ngồi xổm trên giường có cây mà không có dây thì không thể ngồi được. Đệ tử mà không có minh sư cũng không thể đắc đạo được. Như các vị đạo sĩ này ở thời tiền kiếp của Ta thờ nhiều Thánh hiền, thọ lãnh được những điều phi phàm, đều do thầy là bậc Vô vi dạy. Người được quả La-hán, có thể tự mình nêu bày rõ, ở nơi nào được quả Cấu cảng (Tu-đà-hoàn), ở nơi nào được quả Tần lai (Tư-đà-hàm) và Bất hoàn cho đến quả Ứng chân, tất cả đều giải thoát, không còn sanh tử nữa, biết rõ rộng hẹp, như xem bức tranh đẹp, phân biệt được năm màu. Thấy người trong thiên hạ đều

có ba độc: kiêu mạn, phóng dật, tham đắm mùi vị, tự biết đã cởi bỏ, không còn tham sanh lên trời, cũng không thích ở trong cõi người, chỉ nhớ tưởng đến chúng sanh, muốn họ được giải thoát. Kẻ phàm phu chưa nghe Chánh pháp cần phải học tập thật kỹ, như cầm dây tơ ngũ sắc xâu chuỗi ngọc lưu ly năm màu đều hiện.

Bậc đạt được mắt đạo xem thấy thần thức của con người từ đâu đến và chết đi về đâu. Biết người nào chết thần thức bị đọa vào địa ngục, ai bị đọa vào súc sanh, ai bị đọa vào ngạ quỷ, ai sinh vào loài người, ai chết sanh lên trời, kẻ thành đạo tự biết. Đoạn trừ năm chỗ sanh này, đã đạt được điều nguyện ước, xem thân này như đất bụi, cứ đem thân mình nghiền nát thành bụi cũng được. Đã rõ chân ngụy như vào nước trong thì cát sỏi hoặc châu báu đều hiện rõ. Dự biết thiên hạ, một người là trăm, trăm người là một. Sở dĩ như vậy là vì một người sanh con truyền đến cháu chắt, hưng thạnh được trăm, hoặc khi một trăm người chết dần dần chuyển thành không, hay lại còn có một.

Sa-môn đắc đạo, thấy một cách đầy đủ về tốt và xấu. Biết người nào chết sẽ sanh nơi đường lành, cũng biết kẻ nào chết sẽ sanh vào đường dữ. Lại thấy phạm vi bốn đại trong thân, biết được tuổi thọ, khổ, vui, dài ngắn của con người. Từ gốc đã không rõ, tâm thức là hành, hành thọ danh sắc, chỉ do nhân duyên ký thác, sanh trong bụng mẹ, lại thương nhớ nhau. Cha mẹ nói: "Con tôi". Con nói: "Cha mẹ tôi", tinh thần xoay chuyển đều không tự biết. Đời trước là kẻ thiện, lại sanh làm người, phú quý sống lâu, còn kẻ bất thiện thì khổ mà chết yểu. Tất cả đều do nghiệp của bản thân. Trời, đất, người, vật đều nhờ bốn khí (bốn đại): một là đất, hai là nước, ba là lửa, bốn là gió. Trong thân con người, chất cứng là đất, chất ướt là nước, chất ấm nóng là lửa, hơi thở là gió. Sống nhờ vào đó, chết trở về tứ đại. Xét từ gốc ngọn, tất cả đều từ những cái khác sanh ra nhưng kẻ phàm không biết. Trong khoảng đất trời, sự sanh như mộng, mạng sống ngắn ngủi, loay hoay rồi chết. Giống như gió thổi nước biển, các lớp sóng đuổi nhau, sanh tử cũng vậy, qua lại không ngừng.

Sa-môn đắc đạo, biết hết những việc đầu cuối, trước sau, thành bại của đất trời trong một kiếp, thân có trở lại cũng biết sự việc từ vô số kiếp lâu xa. Cũng biết các bậc thần tiên đắc đạo trong thiên hạ thần tiên không ai bằng Phật. Tự biết ý chí vốn có vạn mối, việc nay là một, thường thương chúng sanh bị tham dục, sân giận, si mê kết hợp gây rối loạn trong lòng, hoặc do ân ái nên không biết chỗ cốt yếu ấy. Bậc đắc

đạo, đạt thần thông như người xem gương, bay đi không bị ngăn ngại, vách đá đều qua được, có thể đứng trên núi Tu-di, lấy bàn tay sờ mặt trời, mặt trăng, có thể làm cho trong thân phun nước, phun lửa, có thể biến mất ở dưới đất rồi hiện ra ở một chỗ khác. Có thể ngồi hay nằm trên hư không tùy ý, có thể sai khiến Ma vương, Phạm thích, chư Thiên, không gì mà không đảo lộn được. Thí như người thợ làm đồ gốm nung ngói gạch, vật đựng đồ, nước không thể thấm qua được. Kẻ phàm phu thì như ngói chưa nung, người đắc đạo thì như ngói đã nung, có thể làm khô hay ướt, dù nước có thấm qua cũng không bể. Như người thợ vàng muốn làm vật gì tùy ý, người đắc thần túc cũng lại như vậy, tùy ý biến hóa. Người làm đồ gốm đem nung lửa thành đồ dùng. Sa-môn của Ta cũng như vậy, giữ ý thành đạo, giống như da trâu khô cuộn lại cũng có tiếng mà mở ra cũng có tiếng, để ẩm thì thành chất cao, cuốn vào hay mở ra cũng đều mềm mại. Ý đạo cũng thế, tất cả đều mềm mại, không có cứng rắn. Giống như ở trên lầu cao thấy người ở dưới ca múa, tiếng chuông, tiếng trống và tiếng của sáu thứ gia súc. Đạo là như vậy, cũng nghe được âm nhạc cõi trời, cũng nghe được tiếng kêu thống khổ, đói khát của địa ngục, ngạ quỷ, thấy rõ lòng người, kẻ có dục, người không dục, có các sự mừng giận, thương, ghét, ngu, trí, mạnh, yếu, kẻ dễ hóa độ, người khó hóa độ, đường tốt, đường không tốt đều có thể phân biệt biết rõ. Như người thích tắm rửa, cọ xát thân thể, nếu chưa cùng khắp thì lại cọ xát cho đến thỏa thích. Bậc Đạo nhãn quán biết người có thể độ được, liền đem kinh Phật để khai mở truyền trao. Ý đã thiện rồi, lại được làm người, hành vi cao vút, lúc chết được sanh lên trời. Nếu trì giới thanh tịnh liền được bốn đạo quả Sa-môn. Người đã đắc đạo rồi liền biết việc của một đời, mười đời, trăm đời, vô số đời; cũng biết kiếp thành, kiếp hoại, bắt đầu và kết thúc của trời đất; biết vô số kiếp, thân này từ kia sanh ra; khi sanh, cha mẹ, tên tuổi, dòng họ như thế này. Đời khác tuổi thọ nhiều ít. Biết khi khác từ cõi người sanh lên trời, rồi từ cõi trời sanh xuống làm người; hoặc từ loài người đọa vào địa ngục; từ địa ngục làm súc sanh, ngạ quỷ. Từ ngạ quỷ ra được làm thân người; hoặc từ loài người lại làm quỷ thần, từ quỷ thần sa vào địa ngục, rồi được sanh lên trời, vị ấy đều phân biệt tự tư duy biết rõ. Như người khách xa nhà nhớ nghĩ quê nhà. Dùng tâm thức đầy đủ quán thấy năm đường, tự biết mình đã giải thoát, đạo lực đã được tự tại, muốn sống trăm tuổi, ngàn tuổi, vạn tuổi, cho đến vô số kiếp cũng được. Có thể theo ý muốn không ăn từ mười ngày, trăm ngày, một năm, trăm năm, cho đến vô số

năm, muốn ăn thì ăn. Như lên lầu cao nghe nhìn người bên dưới; khi ngồi, khi đứng, tiếng nói từ Đông, Tây, Nam, Bắc, tất cả đều nghe thấy.

Đạo nhân tự biết ý chí đã tịnh, thiện ác đều trừ. Như người ưa làm những điều lỗi lầm, phạm pháp, bị quan lại dùng xác chó chết quấn trên cổ, dắt đi khắp nơi. Người ấy rất xấu hổ, muốn sớm thoát ly. Bậc chứng A-la-hán xấu hổ về thân này cũng như vậy. La-hán có hai loại: Diệt và Hộ. Gọi là Diệt vì tự mình lo đắc đạo, liền đạt được Nê-hoàn (Niết-bàn). Còn gọi là Hộ vì lo che chở con người, độ thoát khắp thiên hạ. Giống như nước trong thì cát, đá, cá, rùa tự hiện trong đó. Đạo ý đã tịnh liền thấy tất cả tâm thức trong thiên hạ, Sa-môn cũng vậy.

–Thầy ông giáo huấn có được như vậy không?

A-bạt thưa:

–Điều này thật khó sánh kịp.

Đức Phật dạy:

–Ta thấy thế gian cũng có đạo sĩ, không biết Phật pháp, ở ẩn nơi ao đầm, ăn toàn rau cỏ, nói: "Không cần thầy tự nhiên sẽ chứng đạo". Kẻ ấy có đắc đạo chăng?

Đáp:

–Không đắc đạo.

Đức Phật dạy:

–Đạo từ tâm mà được, cần có thầy có pháp. Ở trên là một cách tin đạo si vọng thứ nhất. Lại có đạo sĩ hái một trăm thứ cây, cành, lá, hoa, quả làm thành phương thuốc, tự uống thuốc này cho là có thể thành tiên. Thầy trò của ông có tin như vậy chăng?

Thưa:

–Không tin.

–Đó là tin đạo một cách si vọng thứ hai. Hoặc có đạo sĩ từ bỏ cha mẹ, mặc áo da nai, nằm nghỉ trên chiếu cỏ, xõa tóc, không ăn, lạy trời cầu đạo, chỉ tự làm khốn khổ cho mình mà chẳng thành đạo gì cả. Ông có bắt chước như vậy chăng?

Thưa:

–Không bắt chước.

–Đó là tin đạo một cách si vọng thứ ba. Cũng có đạo sĩ ở trong thâm sơn cùng cốc vắng vẻ, cách biệt, đề xướng có đạo, thờ phụng nước lửa, mặt trời, mặt trăng và năm sao, giết vật tế trời, rộng mong cầu phước. Ông có làm như vậy chăng?

Thưa:

–Chẳng làm như vậy.

–Đó là tin đạo một cách si vọng thứ tư.

Đức Phật bảo A-bạt:

–Từ khi đất trời được mở rộng đến nay có hai mươi ba vị đạo sĩ Đại Phạm chí tên là: Kỳ-đồ, Lưu-hao, Tận-đà, Ca-di, A-nhu, Ca-thần, Linh-di, Át-siêu, Viêm-mao, Ba-mật, Lam-hóa, A-luân, Cầu-đàm, Kỳ-tảng, Linh-lệ, Ca-diếp, Bạo-phục, A-bát, Khê-hiệt, Ưu-sát, Ba-lợi, Nghiêu-cảnh, Pha-khư, thành quách đất trời đều do hai mươi ba vị này hợp lại tạo ra. Nay Phí-ca-sa có bằng những vị ấy không?

Đáp:

–Không bằng.

Đức Phật dạy:

–Thầy của ông bao lớn và có thể làm thầy các đế vương và khiến cho họ được đắc đạo không?

Thưa:

–Không có thể.

–Các ông có thể làm thầy thái tử, đại thần, quan trưởng và khiến họ được đắc đạo chăng?

Thưa:

–Không thể.

–Thầy của ông có thể dạy cho các hàng sĩ, công, nông, thương, trưởng lão, trung niên, thiếu niên, nam tử, phụ nữ, và khiến cho họ đều được đắc đạo chăng?

Thưa:

–Không thể.

–Tổ tiên của thầy ông đã đắc đạo chưa?

Thưa:

–Không nghe thầy con dạy chuyện này.

–Vậy các ông theo những đạo nào?

Thưa:

–Thầy con dạy rằng ai giữ tám giới lúc chết được sanh lên trời Phạm thiên.

–Chẳng lẽ trong các ông, ai trì tám giới này đều có thể sanh lên trời Phạm thiên sao?

Thưa:

–Nghe thầy con nói như vậy.

Đức Phật bảo A-bạt:

–Sa-môn của Ta đắc quả Ứng chân (A-la-hán), biết sự sanh tử trong kiếp sống, phân biệt được mọi người, lúc đó là người nào, từ đâu sanh và làm việc gì. Biết người trong thiên hạ và việc ở trên trời, bay đi từ chỗ này đến chỗ khác, muốn sống thì sống, muốn chết thì chết, có thể làm rung động đất trời, dời núi Tu-di ra vào không gián đoạn, biến hóa tùy ý, cha mẹ đã chết biết đọa nơi đâu, tìm kiếm để chỉ bày, dẫn dắt, làm cho được giải thoát. Con được đắc đạo, cha mẹ đều được độ thoát. Lại nữa, Sa-môn của Ta tu tập tâm ý chuyên chú, chánh chân, gồm hai trăm năm mươi giới, thành tựu đạo Vô vi (Niết-bàn).

Đức Phật bảo A-bạt:

–Ta bỏ nước, bỏ ngôi vua làm Sa-môn lo đoạn sanh tử, nay đã tự chứng được, là Bậc Như Lai, Chí Chân Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, hiệu Phật Chúng Hựu, làm Bậc Thầy của trời và người. Ai trì kinh giới của Ta, không ai mà không đắc đạo. Ta luôn luôn dùng tâm từ giáo hóa thiên hạ bỏ ác làm lành. Điều thiện có thể làm mãi, điều ác không thể lâu dài, điều khổ thì lâu dài, sự vui thì ngắn ngủi. Kẻ hưởng dục lạc trong hiện tại thì vui thích, nhưng về lâu sau phải chịu khổ. Có tội mà chí tâm sám hối, đó là điều tốt nhất.

Bấy giờ A-bạt nhìn kỹ thân Phật, tâm nghĩ tướng Phật có ba mươi hai tướng, đặc biệt có một tướng ta không thấy, tại sao như vậy?

Đức Phật biết ý ấy liền hiện tướng lưỡi ra, trước tiên chạm đến tai bên trái, sau đến tai bên phải, lại đến mé tóc, dùng lưỡi che cả mặt, rồi từ từ thâu lưỡi trở lại.

A-bạt khen:

–Bậc như Đức Phật dù vạn kiếp cũng khó gặp, có tướng lưỡi như vậy sao mà chẳng biết?

Đức Phật dạy:

–Các ông đến đây đã lâu, hãy trở về xin lỗi với thầy của các ông đi.

Năm trăm người đều đến trước lạy dưới chân Phật rồi đi ra.

Phí-ca-sa cưỡi xe đi ra, thấy các đệ tử đi lại, liền đứng chờ họ.

Các đệ tử đi đến, xuống xe đảnh lễ. Thầy hỏi:

–Sa-môn Cù-đàm tiếng đồn khắp thiên hạ, vậy có tướng ấy không? Vì sao ở lâu như vậy? Phật đã nói chuyện gì?

A-bạt thưa:

–Những điều đã nói hồi sáng, không sai một chút nào. Sau khi về nhà dùng cơm xong con sẽ từ từ kể lại chuyện ấy.

Thầy nói:

–Đức Phật không thể giữ các ngươi lại để ăn cơm sao?

Thưa:

–Đức Phật ngồi bên gốc cây, hoàn toàn chẳng có gì cả. Ngài biết đã đến giờ ăn cho nên bảo chúng con trở về.

Mọi người trở về dùng cơm xong, A-bạt thuật lại cho thầy nghe đầy đủ những điều Phật đã nói.

Thầy bảo:

–Ông nói Đức Phật dạy, không có thêm bớt, có ý muốn ta tôn thờ Ngài chăng.

A-bạt thưa:

–Con nghe những lời Phật nói vượt hẳn Phạm chí của ta, chỉ sợ dòng dõi chúng ta không thể tôn thờ Ngài thôi!

Vị thầy liền tức giận, giậm chân bảo:

–Ta nhiều đời làm thầy, tại sao lại không bằng?

A-bạt thưa:

–Thầy hãy thử tự mình đến để xem trí năng của Đức Phật.

Thầy nói:

–Vậy thì ta phải tự mình thỉnh Phật để cùng đàm đạo.

Đến chiều tối, ông cho bày biện bàn ghế đủ cho năm trăm vị. Lúc gà gáy, vị thầy tự mình đi đến, xưng tên họ, xin được gặp Phật. Đảnh lễ Phật xong, ông ngồi qua một bên, vòng tay thưa:

–Hôm nay tôi có soạn một ít thức ăn, mong Phật cùng chúng Sa-môn đều dùng oai thần hạ cố.

Đức Phật im lặng nhận lời. Phí-ca-sa vui vẻ từ biệt, trở về bày biện thức ăn. Trời chưa đúng ngọ, ông lại bảo A-bạt tới rước Phật cùng năm trăm vị Sa-môn đến nhà. Sau khi ổn định chỗ ngồi, Đức Phật và các Sa-môn ăn uống, rửa tay xong, Phí-ca-sa hỏi Đức Phật:

–Hôm qua A-bạt trở về nói những điều Phật dạy, chẳng biết hôm

nay Phật có thể nói lại cho tôi nghe được không?

Đức Phật bảo:

–Tất cả đều không có thêm bớt.

Đức Phật liền nói lại những điều đã nói hôm qua. Phí-ca-sa nghe lời Phật nói, hoan hỷ, liền tự cúi lạy thưa:

–Ngày hôm qua con đã vô cớ tức giận vì những điều A-bạt nói.

Đức Phật dạy:

–Ông tuy nổi giận về người đệ tử hiền ấy nhưng giống như ngựa hay biết được tâm ý con người.

Đức Phật chú nguyện cho A-bạt:

–Mong ông sống lâu không bệnh.

Bấy giờ vị thầy khen ngợi Đức Phật:

Lửa chiếu soi bóng tối
Vua sông, biển, trăm hang
Thánh nhân dạy dỗ khắp
Như nước có minh quân.
Ma-ni báu số một
Trăng sáng hơn các sao
Như mặt trời chiếu soi
Ba cõi, Phật lớn nhất.

Đức Phật biết tâm Phí-ca-sa đã hiền hòa, chân chánh, không tà vạy nên vì ông nói kệ:

Người làm nhân nghĩa
Bố thí làm phước
Giác ngộ vô thường
Hộ trì kinh, giới.
Thế gian nguy khốn
Vui ít khổ nhiều
Phải lo thân mình
Không nên biếng nhác.
Nhằm đoạn tham dục
Tích tập đáng sợ
Sanh, già, bệnh chết
Đau khổ buồn lo.
Ân ái chia lìa
Tất cả đều khổ

Cho nên Thánh nhân
Cầu đạo giải thoát.

Phí-ca-sa nghe xong, liền đứng dậy đảnh lễ chân Phật, rơi lệ thưa:

–Con nhớ tổ tiên của con đều chẳng có ai biết Phật, mong Phật xót thương. Con có anh em, vợ con, gia đình, nay muốn đem đến đây để họ được thọ lãnh Phật pháp.

Đức Phật bảo:

–Được!

Khi ấy mọi người liền lạy chân Phật, thọ tam quy, cùng với A-bạt... đồng giữ năm giới.

Sau đó Phí-ca-sa mạng chung. Các đệ tử hỏi Phật:

–Thầy của chúng con mất rồi, sanh ở nơi nào?

Đức Phật dạy:

–Thầy của các ông đã đắc quả thứ ba là Bất hoàn, sanh tại tầng trời thứ mười chín của bậc A-na-hàm, sẽ ở đó Bát-nê-hoàn.

A-bạt cùng tất cả năm trăm người muốn làm Sa-môn. Đức Phật dạy:

–Các ông hãy tự mình về nhà, khéo giữ năm giới, giữ ý chí kiên cố rồi mới có thể xuất gia.

Đức Phật nói kinh này xong, tất cả đều rất hoan hỷ, đảnh lễ lui ra.

❑

SỐ 21

PHẬT NÓI KINH PHẠM VÕNG SÁU MƯƠI HAI KIẾN

Hán dịch: Ưu-bà-tắc Chi Khiêm, người nước Nguyệt Chi, đời Ngô.

Nghe như vầy:

Một thời Phật du hóa tại nước Câu-lưu, cùng đông đủ chúng Đại Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi vị. Bấy giờ có vị ngoại đạo tên Tu-tì và đệ tử là Ma-nạp-phạm-đạt, đi theo sau Phật và chúng Tỳ-kheo Tăng. Ngoại đạo Tu-tì dùng vô số lời lẽ hủy báng Phật, Pháp và Tỳ-kheo Tăng; còn vị đệ tử Ma-nạp-phạm-đạt lại tán thán Phật, Pháp và Tỳ-kheo Tăng hết lời. Hai thầy trò mãi tranh luận với nhau, mỗi người đều cho rằng lời của người kia nói là sai lầm trong suốt thời gian đi theo sau Phật và chúng Tỳ-kheo Tăng trên đường các Ngài đến chỗ thọ thỉnh.

Lúc ấy, Đức Phật từ nước Câu-lưu đến nước Xá-vệ, dừng chân nghỉ tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà. Khi đó các Tỳ-kheo hội họp tại giảng đường Ca-lê-la, cùng nhau ngồi bàn luận:

–Việc này như thế nào? Ngoại đạo Tu-tì và đệ tử Ma-nạp-phạm-đạt luôn đi theo sau Thế Tôn và chúng ta, trong khi chúng ta đến chỗ thọ thỉnh. Ngoại đạo Tu-tì thì dùng vô số lời lẽ để hủy báng Phật, Pháp và Tỳ-kheo Tăng; còn vị đệ tử Ma-nạp-phạm-đạt thì lại tán thán Phật, Pháp và Tỳ-kheo Tăng hết lời.

Đức Phật từ xa nghe rõ các Tỳ-kheo đang luận bàn về việc này, liền đứng dậy đi đến giảng đường, ngồi xuống và hỏi các Tỳ-kheo:

–Các ông đang nhóm họp tại giảng đường Ca-lê-la để bàn luận

những việc gì?

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

–Vừa rồi chúng con cùng nhau nhóm họp để bàn luận về việc ngoại đạo Tu-tì và đệ tử là Ma-nạp-phạm-đạt đi theo sau Phật và chúng con trên đường đi đến chỗ thọ thỉnh. Ngoại đạo Tu-tì thì dùng vô số lời lẽ để hủy báng Phật, Pháp và Tỳ-kheo Tăng; còn vị đệ tử là Ma-nạp-phạm-đạt thì lại tán thán Phật, Pháp và Tỳ-kheo Tăng hết lời.

Đức Phật dạy:

–Lành thay! Này các Tỳ-kheo, khi hội họp thường phải làm hai việc. Những gì là hai? Một là thuyết pháp, hai là tư duy.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Nếu có người hủy báng Phật, Pháp và Tỳ-kheo Tăng, các ông chớ có sân hận, sanh tâm ý ác, buồn rầu thì mới tốt. Nếu có người hủy báng Phật, Pháp và Tỳ-kheo Tăng, các ông sanh lòng sân hận, sầu muộn thì các ông sẽ bị suy thoái. Này các Tỳ-kheo, nếu có người tán thán Phật, Pháp và Tỳ-kheo Tăng, các ông chẳng nên vui mừng, cũng không buồn lo, cũng chẳng có ý hân hoan; nếu chẳng như vậy, các ông sẽ bị suy thoái.

Nếu có người hủy báng Phật, Pháp và Tỳ-kheo Tăng, các ông nên nghĩ: "Điều người kia nói không phải là lời nói thành thật. Đức Phật không có những việc như vậy". Này các Tỳ-kheo, nếu có người tán thán Phật, Pháp và Tỳ-kheo Tăng, các ông nên suy nghĩ: "Thật có việc này". Vì sao như vậy? Vì kẻ biết ít chỉ biết theo lời răn dạy không thể nghe nhiều, nên mới chê trách Phật.

Các Tỳ-kheo hỏi Phật:

–Sao gọi là kẻ biết ít, chỉ biết theo lời răn dạy, không đa văn nên mới chê trách Đức Phật?

Đức Phật dạy:

–Người đó nói rằng Đức Phật không sát sanh, không kết oán, không cầm dao gậy, dạy người làm thiện, thương yêu tất cả mọi người cho đến loài côn trùng nhỏ bé; cũng không lấy tài vật của kẻ khác, chỉ muốn bố thí, tâm niệm bố thí, thấy người bị kẻ khác cướp đoạt thì thương xót; thân tự làm thanh tịnh, không kết tội kẻ khác, tu phạm hạnh thanh tịnh, thích hạnh thanh tịnh, không thích pháp ái dục xấu ác; cũng không nói dối, lời nói chí thành, thích sự thành thật không hư dối. Người thế gian đều tin lời nói của vị ấy, không có ý khác, cũng không vọng niệm, không nói hai

lưỡi, rao truyền để hai bên đánh nhau, nếu có tranh tụng thì hòa giải, khiến hai bên được an ổn, không chửi mắng, cũng không nói lời ác, nói ra điều gì cũng khiến cho mọi người hoan hỷ, chỉ nói điều thiện, không nói lời lừa dối, nói lời rất thành thật đúng lúc, nói lời dịu dàng theo chánh pháp, có nghĩa lý; không ngồi giường cao chạm trổ đẹp đẽ, cũng không trang sức hương hoa, không nghe ca hát múa xướng, không uống rượu; cũng không đeo vàng bạc châu báu, luôn khất thực đúng pháp, không ăn sai giờ, không nhận nô tỳ trai gái, không hủy diệt mầm lúa, cũng không nuôi gà, dê, heo, không có nhà cửa; cũng không mua bán ở chợ búa, không dùng cân, đấu thước, tấc để lừa đảo, xâm đoạt của người; đối với việc dùng dao gậy, đánh đập khủng bố người đều xa lìa.

Thí như ngoại đạo tham đắm việc ăn uống, vì việc đó nên mọi việc làm đều tham đắm; họ cất chứa nhiều lúa thóc để ăn, uống rượu, nuôi súc vật, y phục, thuốc men. Sa-môn Cù-đàm đều không có những việc ấy.

Thí như ngoại đạo thọ nhận đồ ăn của tín thí vì việc ấy nên luôn làm những việc si mê, mặc sức ra vào, bài báng ganh tị, chỉ muốn thân mình được cung kính. Đức Phật thường xa lìa nghiệp si mê này.

Thí như ngoại đạo thọ nhận đồ ăn của tín thí rồi mà còn ở trong làng xóm, tích chứa nhà cửa, lúa thóc, cây cối, hoa quả, vườn rau cải, tự giữ lấy để ăn dùng. Đức Phật đều xa lìa những việc ấy.

Có ngoại đạo thọ nhận đồ ăn của tín thí mà còn ngồi nằm giường cao rộng trải tơ, lấy vàng bạc tốt đẹp khảm lên trên, rồi lấy nệm làm bằng các loại lông voi, ngựa, súc sanh, các loài chim trải lên tòa ngồi. Đức Phật đều xa lìa các việc này.

Thí như có ngoại đạo đã thọ nhận đồ ăn của tín thí rồi mà còn hỏi nhau: "Vua là thế nào? Giặc là thế nào? Binh đội là thế nào? Đánh nhau là thế nào? Đại thần là thế nào? Quận, nước, huyện, ấp là thế nào? Nữ nhân là thế nào? Dâm dật là thế nào?" Nói toàn chuyện thế gian, nói cả về việc biển khơi... Còn Đức Phật đều xa lìa các việc ấy.

Có ngoại đạo đã thọ nhận đồ ăn của tín thí rồi mà còn hành động hư dối, giả làm như thật, ứng hiện trong ngoài không hợp nhau, tỏ vẻ xuất sắc để cầu tài lợi, thường tham đắm chuyện ăn uống. Đức Phật đều xa lìa kiến chấp si mê.

Có ngoại đạo đã thọ nhận đồ ăn của tín thí rồi mà còn tranh cãi với nhau cho rằng: "Ta biết pháp luật, ngươi chẳng biết pháp luật,

ngươi có tà kiến làm sao có thể biết pháp được? Ta có chánh kiến còn ngươi thì ngôn ngữ trước sau điên đảo. Ta có chánh kiến, ngươi có tà kiến. Ngươi bị thua, ta được thắng. Ngươi là xấu, ngươi có biên kiến, đến độ không chịu nghe lời nói của ta. Ngươi cần phải học hành. Ngươi có gì để bảo chứng không?" Đức Phật thì xa lìa quả báo của hàng súc sanh ấy.

Có ngoại đạo đã thọ nhận đồ ăn của tín thí rồi mà còn thường chơi cờ xu bồ, bài bạc và nói: "Ta được ném thả vào túi, leo lên trụ, chơi cờ vua, đấu nghé, ném chén". Đức Phật đều xa lìa các việc ấy.

Có ngoại đạo đã thọ nhận đồ ăn của tín thí, mà khi tắm rửa còn dùng tạp hương xoa vào mình, tự làm đẹp, lấy gương tự soi, cầm dù lọng cao, mang giày da, búi tóc, dùng châu ngọc. Đức Phật đều xa lìa các việc như thế.

Có ngoại đạo đã thọ nhận đồ ăn của tín thí mà còn thường làm việc ác, lấy tay đánh chân, dùng đầu mặt xúc chạm nhau, đấu voi, ngựa, trâu, dê, đấu người nam, người nữ và trẻ em, đấu gà, heo, vịt. Đức Phật đều xa lìa những tà kiến, ác kiến ấy.

Có ngoại đạo đã thọ nhận đồ ăn của tín thí mà còn làm nghiệp của hàng súc sanh để tự mưu sống, biết phân biệt về dao, mâu, cung tên, phân biệt tướng nam, tướng nữ, người lớn, trẻ nhỏ, biết phân biệt tướng voi, ngựa, trâu, dê. Đức Phật đều xa lìa các việc ấy.

Có ngoại đạo đã thọ nhận đồ ăn của tín thí rồi mà còn làm nghiệp của hàng súc sanh để tự mưu sống, làm thầy thuốc cho đàn ông, đàn bà, con nít, làm thầy thuốc cho voi, ngựa, trâu, dê. Đức Phật đều xa lìa các việc như vậy.

Có ngoại đạo đã thọ nhận đồ ăn của tín thí rồi mà còn làm nghiệp của hàng súc sanh để tự mưu sống; làm các việc về quỷ thần, tạo ra các thứ áo quần, làm thầy thuốc chữa mắt, làm thuốc cho phụ nữ mới sanh, làm bùa chú cho người bị nhiễu loạn. Khi người nữ lui tới thì cầm cây cỏ hóa thành đồ ăn ngon cho họ ăn, nói dối là đi tìm vật tốt để hóa ra y phục cho người mặc vào có thể bay được. Đức Phật đều xa lìa những việc ấy.

Có ngoại đạo đã thọ nhận đồ ăn của tín thí mà còn làm nghiệp của hàng súc sanh để tự mưu sống; cho người uống thuốc để nôn mửa. Đức Phật đều xa lìa các việc như thế.

Có ngoại đạo đã thọ nhận đồ ăn của tín thí mà còn dùng nghiệp

súc sanh để tự mưu sống, bảo người đi tới chỗ này chỗ nọ, dùng chú thuật khiến cho gây lộn, kiện cáo, cùng đánh đập người, vật ngã xuống đất, dùng bùa chú khiến phụ nữ bị hư thai, dùng cây lau chú thuật khiến bám vào tay người. Đức Phật đều xa lìa những việc ấy.

Có ngoại đạo đã thọ nhận đồ ăn của tín thí mà còn dùng nghiệp của hàng súc sanh để tự mưu sống, cầm củi đốt lửa, chú vào hơi độc của vỏ cây á phiện, hạt bồ đào để tạo ra khói, chú vào con chuột để cắn giết người, học chú thuật để biết người lúc nào sống lúc nào chết. Đức Phật đều xa lìa các việc như thế.

Có ngoại đạo đã thọ nhận đồ ăn của tín thí mà còn làm nghiệp của hàng súc sanh để tự mưu sống. Một người nói: "Sẽ có mưa lớn"; một người nói: "Sẽ có mưa nhỏ"; một người nói: "Lúa thóc sẽ chín"; một người nói: "Lúa thóc sẽ không chín"; một người nói: "Lúa thóc sẽ tốt"; một người nói: "Lúa thóc sẽ không tốt"; một người nói: "Sẽ có bệnh dịch lớn"; một người nói: "Không có"; một người nói: "Sẽ có giặc đến phá hoại nước này"; một người nói: "Sẽ có chết chóc lớn"; một người nói: "Sẽ có vua băng hà"; một người nói: "Sẽ có lập vua mới"; một người nói: "Sẽ có động đất lớn"; một người nói: "Không có động đất"; một người nói: "Sẽ có nguyệt thực"; một người nói: "Không có nguyệt thực"; một người nói: "Sẽ có nhật thực"; một người nói: "Không có nhật thực"; một người nói: "Mặt trời từ phía Đông qua phía Tây"; một người nói: "Từ phía Tây qua phía Đông"; một người nói: "Mặt trăng tinh tú từ phía Đông qua phía Tây"; một người nói: "Từ phía Tây qua phía Đông, do đó mà có việc tốt xấu"; một người nói: "Do đó cho nên mặt trời, mặt trăng từ phía Đông qua phía Tây"; một người nói: "Do đó cho nên mặt trời, mặt trăng, tinh tú xuất hiện"; một người nói: "Do đó cho nên mặt trời, mặt trăng, tinh tú lặn"; một người nói: "Mây sẽ che mặt trời"; một người nói: "Mặt trời sẽ ra khỏi mây"; một người nói: "Mặt trời sẽ trong sáng, không bị mây che". Đức Phật đều xa lìa những việc ấy.

Có ngoại đạo đã thọ nhận đồ ăn của tín thí mà còn làm nghiệp của hàng súc sanh để tự mưu sống. Một người nói: "Vua nước này sẽ qua tàn phá nước kia, vua nước kia sẽ tàn phá lại nước này", một người nói: "Xe, ngựa, sáu thứ súc vật của nước này ít", giải mộng cho người, dùng chú thuật khiến người không nói được, khiến cho người cấm khẩu; vì người mà viết sách nói lên giá trị của họ, vì người mà lấy áo quần để so sánh phẩm giá của họ, phân biệt màu sắc tốt xấu để đánh giá họ.

Đức Phật đều xa lìa những việc như vậy.

Đức Phật dạy:

–Sa-môn ngày ăn một bữa, chiều không ăn, ăn đúng giờ, xa lìa việc ăn phi thời, đối với y bát, thực hành hạnh biết vừa đủ, ăn uống vừa no thì thôi, có đi đâu cũng đều mang theo y bát bên mình, thí như con chim bay đi đâu cũng có hai cánh bên thân. Tỳ-kheo cũng như vậy, đối với áo quần, việc ăn uống, bình bát đều vừa đủ thì thôi, dù đi đến đâu cũng mang theo y bát bên mình; Tỳ-kheo cũng như vậy, thọ trì, phụng hành lời răn dạy của bậc Hiền giả, tự quán thân mình, không có tranh cãi, luôn suy nghĩ về đạo, làm việc hợp với sự thật, thấy sắc không khởi tưởng, cũng không xem người cùng đánh nhau, giữ sự tịch tĩnh liên tục, không có si mê loạn động; các pháp ác bất thiện, không vừa lòng, không nên để chúng làm loạn tâm mình, như giữ gìn con mắt. Đó gọi là Tỳ-kheo phụng hành giới phẩm của bậc Hiền giả.

Bậc Hiền giả như vậy, các căn tịch tĩnh, đối với bên trong không nghĩ về sự tranh giành, loạn động, ăn uống chỉ nhằm vừa đủ, không ăn nhiều cũng không ăn ít, thấy thích ứng là được, thường ăn một bữa, không thêm không bớt, nhằm nuôi mạng sống chứ không phải để cho mập béo, chỉ để cho thân được an ổn, không thọ khổ, có khí lực để tu tập hành hóa.

Các Tỳ-kheo ở tương lai nên tôn thờ và hành trì giới của bậc hiền thiện ấy. Bậc hiền thiện ấy nên ăn uống đủ no, phải suy tư về đạo, đầu đêm, cuối đêm phải hành đạo, thực hành đạo niệm vi diệu, không lay động, ban ngày hoặc ngồi, hoặc đi kinh hành, không nghĩ đến pháp ác; đầu đêm hoặc đi kinh hành, hoặc ngồi; nửa đêm nằm nghiêng hông bên phải, hai chân xếp lên nhau, ý tưởng nghĩ đến việc thức dậy, luôn mong thấy trời sáng; cuối đêm lại ngồi suy tư về đạo. Lúc kinh hành thì không nghĩ đến pháp ác. Nếu đi vào quận, huyện, làng ấp để khất thực, thì sáng sớm ngủ dậy, đắp y mang bát đi vào những nơi chốn ấy để khất thực, phải luôn gìn giữ các căn, thường nghĩ đến việc khất thực cho xong, dùng cơm xong, rửa tay, rửa chân, cất bát, liền vào chỗ vắng vẻ một mình, ban đêm ngồi thiền, hoặc ở bên gốc cây vắng vẻ, hoặc chỗ đất trống, hoặc giữa núi, trong hang động, hoặc trong nhà cỏ, hay bên ao đầm, ngồi ngay thẳng, không ngó bên này, không liếc bên kia, lìa bỏ sự si mê của thế gian, ý nhớ nghĩ về sự hành hóa, không có ý ác, lấy tâm từ bi thương xót tất cả mọi người kể cả các loại côn trùng nhỏ bé, ý cũng không nghĩ ác, trừ bỏ ái dục, xa lìa sự ham ngủ nghỉ, thường nghĩ

đến việc mau đạt được tâm ý hành định, mà không nghĩ đến việc ngủ nghỉ, từ bỏ các tưởng còn do dự, không nói điều ác, cũng không nghĩ tưởng về điều ác, giữ lòng tịch định, xa lìa sự nghi ngờ bên ngoài, xả bỏ các tưởng về việc hành hay chẳng hành các pháp ác, ý cũng chẳng nhớ nghĩ về các tưởng ấy, trừ bỏ năm thứ ngăn che và những ý tưởng về phiền não.

Thí như có người mang tiền đi buôn, mong được như ý, khi trở về quê, lợi tức thường được dư dả, sinh sống đầy đủ, người đó tự nghĩ, trong lòng vui mừng.

Thí như có người từ lâu đã làm tôi tớ cho người ta, nay được thoát khỏi thân nô tỳ, ra vào tự tại, tự nghĩ: "Ta vốn làm nô tỳ, nay được giải thoát để làm dân". Người đó nghĩ như thế, trong lòng vui mừng.

Thí như có người bị nhốt trong lao ngục, được ân xá mà ra khỏi ngục, người đó tự nghĩ, trong lòng vui mừng.

Thí như có người bị bệnh nặng, năm này qua năm nọ không lành, bỗng gặp được lương y chữa cho lành bệnh, có khí lực, đi đứng ra vào, ăn uống tự nhiên. Người đó suy nghĩ: "Lúc xưa bị bệnh quanh năm, nay được lành bệnh, lại có khí lực ăn uống, ra vào", người đó tự nghĩ như thế, trong lòng vui mừng.

Thí như có người đem tài vật quý báu đi qua đường hiểm, tài vật được giữ gìn hoàn toàn an ổn, đến được con đường tốt, người đó tự nghĩ, trong lòng vui mừng.

Tỳ-kheo cũng như vậy, xa lìa năm thứ ngăn che tâm ý. Thí như người mắc nợ đã trả được nợ; người bị cầm tù nay được thả ra; người bệnh lâu ngày được lành; người làm tôi tớ nay được về làm dân, như người qua đường hiểm nay được an lành, trong lòng hoan hỷ.

Đức Phật bảo:

–Kẻ thiếu trí hoặc không đa văn mới hủy báng Phật.

Đức Phật dạy:

–Pháp mà Ta hiểu thì thâm diệu, điều mà Ta biết thì rốt ráo. Vị đệ tử hiền giả nghe như vậy liền khen ngợi Đức Như Lai.

Đức Phật nói:

–Sao gọi đó là pháp thâm diệu mà Ta hiểu rõ, đệ tử hiền giả nghe pháp ấy liền tán thán Đức Như Lai?

Đức Phật dạy:

–Nếu có ngoại đạo, ở trong kiếp quá khứ, thấy việc quá khứ, đối

với vô số học thuyết, mỗi mỗi đều học hỏi các sự việc và biết các sự việc ấy, thì đều ở trong mười tám thứ kiến giải này.

Nếu có ngoại đạo, ở trong kiếp vị lai, thấy việc vị lai, học hỏi việc vị lai, đối với số học thuyết, mỗi mỗi rõ biết từng việc, thì đều ở trong bốn mươi bốn thứ kiến giải.

Đối với ngoại đạo ở trong kiếp quá khứ, thấy việc quá khứ, đối với vô số học thuyết, mỗi mỗi đều học hỏi các sự việc và biết rõ các sự việc ấy, đều ở trong mười tám thứ kiến giải thì người hành theo "Thường kiến" luôn tự cho "Thế gian là hữu thường", ở trong bốn kiến giải.

Đức Phật dạy:

–Người ngoại đạo ấy vì sao trong bốn kiến giải đều thấy là thường, tự thuyết giảng cho người thế gian về "Hữu thường"? Nếu có ngoại đạo, đoạn trừ ái dục, hành thiền định, liền ở trong loại định tương tự như Tam-muội chánh thọ, có thể nhớ sự việc trong hai mươi kiếp ở quá khứ. Người đó nói: "Ngã và thế gian là hữu thường". Vì sao như vậy? Ta biết lúc thành lúc hoại ở kiếp quá khứ, nhưng không biết lúc thành lúc hoại ở kiếp vị lai". Người đó liền nghĩ: "Biết việc quá khứ, bỏ việc vị lai". Đó là kiến giải thứ nhất.

Thứ hai, nếu có ngoại đạo, đoạn trừ ái dục, ở trong loại đinh tương tự như Tam-muội chánh thọ, có thể nhớ được sự việc trong bốn mươi kiếp ở vị lai. Người đó nói: "Ngã và thế giới là hữu thường. Vì sao vậy? Vì ta không biết sự việc thành, hoại ở kiếp quá khứ, chỉ biết lúc thành, hoại ở kiếp vị lai". Người đó bèn bỏ việc quá khứ không biết đến, chỉ nghĩ đến việc vị lai. Đó là kiến giải thứ hai.

Thứ ba, nếu có ngoại đạo, đoạn trừ ái dục, tinh tấn hành thiền, nhờ loại định tương tự như Tam-muội chánh thọ, nhớ lại sự việc trong tám mươi kiếp ở quá khứ và vị lai. Người đó bèn nói: "Ngã và thế giới là hữu thường. Vì sao vậy? Vì ta biết lúc thành lúc hoại ở kiếp vị lai và quá khứ". Người đó bèn nhớ nghĩ đến trí tuệ của quá khứ và vị lai. Đó là kiến giải thứ ba.

Thứ tư, nếu có ngoại đạo, tinh tấn tịch tĩnh, nhất tâm đoạn trừ hạnh ác, liền được loại định tương tự như Tam-muội chánh thọ, nhớ đến căn tịch tĩnh, trụ nơi niệm si. Người ấy tự cho: "Thế gian là hữu thường. Vì sao vậy? Vì ta không biết lúc thành lúc bại ở kiếp quá khứ, cũng không biết lúc thành lúc bại ở kiếp vị lai". Đó là kiến giải thứ tư.

Chỗ mà ngoại đạo gọi là "nói thường, thấy thường, tự mình vì người thế gian thuyết giảng hữu thường", đều ở trong bốn kiến giải này không thể vượt lên trên. Như Lai đều biết rõ, biết một cách vi diệu vượt hơn thế nữa, cho nên Như Lai không chấp trước, nhờ không chấp trước nên được giải thoát. Như Lai biết sự thọ nhận (thống dương) do lạc xúc sanh ra đã diệt tận, biết nó từ đâu sanh khởi, Như Lai thấy vậy nên không chấp nhận, ý hiểu rất rõ.

Đức Phật dạy:

–Pháp mà Ta hiểu hết sức thâm diệu, vô cùng sâu xa sáng tỏ, nếu có vị đệ tử hiền giả nghe được pháp đó liền tán thán Phật.

Có ngoại đạo trong kiếp quá khứ, thấy việc quá khứ, nhớ đến việc quá khứ, đối với vô số học thuyết, đều thích nói là biết những việc trong quá khứ, tất cả đều ở trong mười tám kiến giải. Vị ngoại đạo ấy vì sao ở trong kiếp quá khứ, thấy việc quá khứ, nhớ đến việc quá khứ, đối với vô số học thuyết, đều thích nói là biết những việc trong đó? Nếu có ngoại đạo đều "nói thường, thấy thường", tự thân vì người thế gian thuyết "hữu thường" thì đều ở trong bốn kiến giải. Vì sao vị ngoại đạo ấy gọi là "nói thường, thấy thường", vì người thế gian nói "thường"? Khi kiếp hoại, chúng sanh nơi hạ giới được sanh lên trời A-vệ-hóa-la thứ mười hai. Lúc kiếp hoại, vị thiên đó phước đức cạn mỏng, mạng chung liền sanh xuống hạ giới. Có vị Phạm thiên sanh trong cõi hư không, bèn đối với vị đó tự xưng là bậc Đại tôn phạm, tự cho "Ta làm ra tất cả mọi sự, ta là thượng tôn, là cha của tất cả, giải nghĩa cho ngàn người, ta là bậc Tôn thượng". Vị Phạm thiên ấy tự nghĩ: "Làm thế nào để có chúng sanh được sanh đến đây?". Vị ấy vừa nghĩ như vậy, những người ở hạ giới khác liền được sanh lên trên cõi trời ấy. Bấy giờ vị Phạm thiên kia nhân điều mới thấy đó, nên nói: "Ta hóa sanh ra các người này". Các người đó cũng tự sanh kiến giải cho rằng: "Vị Phạm thiên đã hóa sanh ra chúng ta. Vì sao vậy? Vì Phạm thiên sanh trước, chúng ta sanh sau, cho nên hóa sanh ra chúng ta là vị Phạm thiên sanh trước ấy". Ngài hết sức đoan chánh đẹp đẽ và thanh khiết, oai thần vòi vọi". Các vị trời thì tùy theo phước đức cạn mỏng mà mạng hết dần dần sanh xuống nhân gian. Các vị ấy tu hành tinh tấn, xa lìa ái dục, hành nhất tâm liền được loại định tương tự như tam-muội, nên nhớ lại chỗ sanh khi xưa. Vị ấy nói: "Vị Phạm thiên sanh ra ở trên trời trước tiên đó thì được thường tại, không di chuyển, cũng không chết. Vị Phạm thiên tối tôn tối thượng luôn tồn tại ấy hóa sanh ra chúng ta. Chúng ta là những người phi thường (vô thường), bị chuyển dời và bị chết". Đó là chủ thuyết thường và vô thường, gọi là kiến chấp thứ nhất.

Hai là nếu có ngoại đạo đối với Phạm thiên nêu bày kiến giải như thế này: "Nếu có các pháp sắc, thống dương (thọ), tưởng, hành, thức, thì các pháp ấy là thường, cũng không chuyển dời, không chết. Còn các đại chủng như địa chủng, thủy chủng, hỏa chủng, phong chủng và không chủng, những thứ này là vô thường, không bền chắc". Vị Phạm

thiên ấy, lộc tướng phước đức cạn mỏng, mạng chung lại sanh xuống nhân gian. Vị đó tinh tấn, xa lìa ái dục, nhất tâm liền được loại định ý tương tự tam-muội, nhớ lại Phạm thiên lúc trước, bèn nói: "Các pháp như sắc, thọ (thống dương), tư tưởng (tưởng), hành, thức kia là pháp thường còn bền chắc. Còn các đại chủng như địa chủng, thủy chủng, hỏa chủng, phong chủng và không chủng ở nhân gian này là pháp vô thường, không bền chắc, có diệt vong", thì đó là kiến giải thứ hai.

Thứ ba nếu có ngoại đạo, chủ trương rằng có vị trời tên là Kỷ-đà-ba-đồ, ở trên cõi trời cùng nhau vui chơi, vì vui chơi nên sau đó thường không nhớ lại lúc thân thể bị bệnh nằm liệt giường. Vị đó thân tướng, pháp lộc, phước đức cạn mỏng, mạng chung sanh xuống nhân gian. Vị đó thực hành hạnh tinh tấn, xa lìa ái dục, nhất tâm nên được loại định tương tự như tam-muội, nhớ lại chỗ sanh đời trước, liền nói: "Sự vui sướng an lạc của vị trời kia luôn tồn tại, chẳng dời đổi, chẳng diệt vong. Còn sự vui sướng của nhân gian là vô thường không bền chắc, bị tử vong. Vị thiên kia là hữu thường, còn người nhân gian này là vô thường", thì đó là kiến giải thứ ba.

Thứ tư, nếu có ngoại đạo chủ trương rằng có vị trời tên là Tán-đề, vị đó ở trên trời cùng với vị trời tên là Đốn Bình, hai bên nhìn nhau sanh ra sân hận nên phải xa lìa tòa ngồi của mình. Vị thiên nhân ấy lộc tướng phước đức cạn mỏng, mạng chung sanh xuống nhân gian, tu hành tinh tấn, xa lìa ái dục, nhất tâm liền được loại định ý tương tự như tam-muội, nhớ lại thuở xưa đã sanh ở thiên thượng, vị đó nói: "Chư Thiên kia cùng nhau vui chơi thỏa thích là thường trụ, bền chắc không có tử vong. Còn ta ở nhân gian thì chẳng thường, không bền chắc, bị tử vong. Chư Thiên kia là thường còn, ta ở nhân gian là vô thường", thì đó là kiến giải thứ tư.

Đức Phật dạy:

–Các ngoại đạo, tất cả gì họ nói "hữu thường", tất cả những gì họ vì người thế gian nói "hữu thường" đều ở trong bốn kiến giải ấy, không thể vượt hơn bốn kiến giải ấy. Thế Tôn đều biết rõ, còn hiểu biết vượt hơn thế nữa bằng sự hiểu biết tuyệt diệu. Do Thế Tôn không chấp trước cũng không hủy báng nên được Vô vi (Niết-bàn). Thế Tôn biết thọ do xúc sanh, biết phương tiện để thoát khỏi kiến giải, nhờ không có thọ nên tâm ý khéo được giải thoát. Pháp mà Thế Tôn biết thì thâm diệu, sáng tỏ; Thế Tôn đều biết rõ tất cả. Nếu có vị đệ tử hiền giả nghe biết pháp ấy đều tán thán Đức Thế Tôn.

Nếu có ngoại đạo, ở trong kiếp quá khứ, thấy việc quá khứ, nhớ lại việc trong thời quá khứ, đối với vô số học thuyết, mỗi mỗi đều thích nói, hiểu rõ những việc đó, thì đều ở trong mười tám thứ kiến giải, vốn là đối tượng nhận thức của đạo nhân. Những gì mà ngoại đạo nói: "Ta tự nhiên sanh ở đây, không phải từ nơi khác sanh đến", nghĩ: "Không có từ đâu sanh đến", thấy rằng: "Vốn không có thế gian, nay có thế gian", đều ở trong hai loại kiến giải.

Những điều mà ngoại đạo đã biết và nói rằng: "Ta tự nhiên sanh ở đây, không phải từ phương khác sanh đến", nhớ là: "Không có thế gian, nay lại có thế gian" là do chủ trương rằng có một vị trời tên là Vô Tưởng, sanh vào cõi Vô tưởng, không có cảm thọ. Vị trời ấy do nghĩ đến tư tưởng nên lộc, phước đức liền cạn mỏng, mạng chung sanh xuống nhân gian. Người đó tu hành tinh tấn, xa lìa ái dục, nhất tâm định ý, tâm ý liền được loại định như vào tam-muội nhưng không thể nhớ lại thuở xưa từ đâu sanh đến, nên nói: "Vốn không có thế gian, nay mới có thế gian, thuở xưa ta vốn không có, nay bỗng tự nhiên sanh". Đó là kiến giải thứ nhất.

Thứ hai, nếu có ngoại đạo ý niệm si mê, người si mê ấy nghĩ: "Vốn không có thế gian, nay bỗng nhiên có thế gian, ta vốn không có, nay tự nhiên sanh ra có. Vì sao như vậy? Vì ta vốn không có, nay tự nhiên sanh ra có. Đó là vì vốn không có thế gian". Đó là kiến giải thứ hai.

Các ngoại đạo kia chủ trương: "Ta vốn không từ đâu sanh", nghĩ là "không từ đâu sanh". Kiến giải này gọi là "Bổn pháp thế gian, nay bỗng có thế gian", đều ở trong hai kiến giải trên. Đó là hai loại kiến giải không có loại kiến giải thứ ba. Ta biết rõ và còn vượt lên trên bằng sự hiểu biết tuyệt diệu. Do Ta không chấp trước, cũng không hủy báng nên được Vô vi (Niết-bàn). Ta biết cảm thọ do xúc sanh ra, và còn biết phương tiện từ đâu phát sanh kiến giải ấy, nên ý hiểu rất rõ.

Đức Phật dạy:

–Pháp mà Ta biết thì thâm diệu, hết sức sáng tỏ, Ta biết tất cả pháp ấy. Nếu có vị đệ tử hiền giả nghe biết như vậy liền tán thán Phật.

Nếu có ngoại đạo, ở trong kiếp quá khứ, thấy việc quá khứ, nhớ nghĩ hành động lúc quá khứ, đối với một số chủ trương đều thích nói là đã hiểu rõ việc quá khứ, thì đều ở trong mười tám loại kiến giải này.

Có ngoại đạo, một người nói: "Những điều tôi thấy là có giới

hạn", một người cho rằng: "Những điều tôi thấy là không có giới hạn", một người nêu: "Những điều tôi thấy là có giới hạn, mà cũng không có giới hạn", một người cho là: "Những điều tôi thấy là không có giới hạn, cũng không phải không có giới hạn", tất cả đều ở trong bốn kiến giải này. Nhận thức của chúng ngoại đạo ấy như thế nào?

Nếu có ngoại đạo thực hành như vầy: Tự giảng nói về "hữu hạn" cho người thế gian, cho rằng chỉ có lời nói của ta là chân thật, ngoài ra đều là lời nói hư vọng si cuồng. Vị ấy tự giảng nói không hạn lượng cho người thế gian, nói rằng: "Nếu có ai nói rằng ngã và thế gian là hữu hạn, vô hạn. Ngã và thế gian cũng không hữu hạn, cũng không vô hạn, thì đó cũng chỉ là lời nói hư vọng. Lời phát biểu như vậy là lời nói điên cuồng. Vì sao? Vì ta thấy thế gian là 'hữu hạn'". Đó là kiến giải thứ nhất.

Thứ hai, nếu có ngoại đạo chủ trương: "Điều ta làm và thấy là vô hạn", nghĩa là "Ngã và thế gian là vô hạn". Ngoại đạo ấy làm như vầy, thấy như vầy tức là "Ngã và thế gian là vô hạn". Người ấy nói rằng: "Ngã và thế gian là vô hạn. Chỉ có lời nói của ta là chân thật, ngoài ra là si mê. Nếu có người nói ngược lại rằng: Ngã và thế gian vừa hữu hạn, vừa vô hạn; ngã và thế gian cũng không hữu hạn, cũng không vô hạn. Ai nói lời nói đó là nói cuồng si. Vì sao như vậy? Vì ngã và thế gian là vô hạn". Đó là kiến giải thứ hai.

Thứ ba, có ngoại đạo chủ trương: Thấy như vầy hành như vầy, tức cho rằng: "Ngã và thế gian vừa hữu hạn, vừa vô hạn". Chỉ có lời nói của ta là chân thật, ngoài ra đều là lời vọng ngữ, si cuồng. Kẻ nào nói ngược lại: Ngã và thế gian vừa hữu hạn, vừa vô hạn; ngã và thế gian cũng không hữu hạn, cũng không vô hạn, ai nói như vậy là nói lời si cuồng. Vì sao như vậy? Vì ngã và thế gian vừa hữu hạn, vừa vô hạn". Đó là kiến giải thứ ba.

Thứ tư, có ngoại đạo chủ trương: "Ta nhớ như vầy, làm theo kiến giải như vầy, nghĩa là ngã và thế gian cũng không hữu hạn, cũng không vô hạn. Chỉ có lời nói của ta là chân thật, ngoài ra đều là lời hư vọng si cuồng. Ai nói ngược lại rằng: Ngã và thế gian là hữu hạn, ngã và thế gian là vô hạn, ngã và thế gian vừa hữu hạn, vừa vô hạn", nói như vậy là nói lời si cuồng. Vì sao? Vì ngã và thế gian cũng không hữu hạn, cũng không vô hạn". Đó là kiến giải thứ tư.

Đức Phật dạy:

–Các ngoại đạo, có người nói: "Ngã và thế gian hữu hạn", có người bảo "vô hạn", có người cho rằng "vừa hữu hạn vừa vô hạn", lại có người nói: "Không hữu hạn, cũng không vô hạn", đều ở trong bốn kiến giải này, không thể vượt hơn bốn kiến giải ấy. Ta biết tất cả những điều đó, lại còn vượt lên trên bằng sự hiểu biết một cách tuyệt diệu hơn nữa. Do Ta không chấp trước, không hủy báng mà được Vô vi (Niết-bàn). Ta biết cảm thọ là do xúc sanh ra, biết phương tiện để thoát ra khỏi nó, không chấp vào các thọ, nên Ta được hoàn toàn giải thoát.

Đức Phật dạy:

–Pháp mà Ta biết thì thâm diệu, hết sức sáng tỏ, nếu có vị đệ tử hiền giả nghe biết pháp ấy liền tán thán Đức Phật.

Nếu có ngoại đạo ở tròn kiếp quá khứ, thấy việc quá khứ, nhớ nghĩ đến chỗ đã sanh thuở trước, đối với vô số học thuyết đều ưa thích thuyết giải những việc ấy, thì các học thuyết ấy đều ở trong mười tám loại kiến giải. Các ngoại đạo ấy cùng nhau tranh luận mỗi người mỗi cách. Nếu có người hỏi sự việc liền đấu tranh với nhau, lời nói, ngôn giáo khác nhau: "Ta sẽ dạy đạo như vậy, người kia nên dạy như vậy, người khác phải dạy như vậy, ngươi nên như vậy, không nên như vậy", đều ở trong bốn kiến giải ấy.

Các ngoại đạo ấy cùng nhau tranh luận, chủ thuyết mỗi người khác nhau ra sao? Có các ngoại đạo thấy như vầy, hành như vầy, nói rằng: "Ta không biết cũng không thấy có đời sau hay không có đời sau, ta không biết cũng không thấy là tất cả không có đời sau. Ta vốn không thấy không biết, không nhớ việc này, lời của ta nói không phải như lời người khác đã nói". Người ấy tự khẳng định: "Sự thấy của ta là chân thật, ngoài ra đều là si mê".

Đức Phật dạy:

–Người chấp thủ tà kiến si mê ấy, khi thân chết đọa vào cõi ác Nê-lê. Nếu có Sa-môn, Bà-la-môn biết được nhiều việc, trí tuệ thông tỏ, nhận xét đúng đắn về ý nghĩa, lời nói không khác, danh tiếng đồn xa, trừ bỏ kiến chấp của kẻ khác, có ai đến chỗ vị ấy để hỏi, vị ấy không thể trả lời được. Vị ngoại đạo ấy chết bị đọa vào nẻo ác. Đó là kiến giải thứ nhất.

Thứ hai, có ngoại đạo chủ trương thế nào? Vị ngoại đạo ấy thấy như vầy, nói như vầy: "Tôi không biết có tai ương hay phước đức của

việc thiện ác? Cũng không biết là không có tai ương hay phước đức của việc thiện, ác. Tôi không biết cũng không thấy. Nếu nói như vầy: có tai ương hay phước đức của thiện ác, thì tôi chấp nhận; nếu không có tai ương, phước đức của việc thiện, ác, thì tôi không chấp nhận; nếu tôi không chấp nhận nó sẽ cảm thọ trở lại". Nếu có Sa-môn, Bà-la-môn hiểu biết nhiều việc, giải thuyết một cách trí tuệ, nghĩa lý chắc thật, lời lẽ không thay đổi, tiếng tăm đồn xa, hủy bỏ kiến chấp của kẻ khác, có ai đến chỗ vị ấy hỏi, thì vị ấy không thể trả lời, giải thích. Vị ngoại đạo ấy nghi ngờ sợ sệt có người đến hỏi. Nếu có người đến hỏi liền cùng nhau tranh luận rằng: "Dạy người này phải như thế này, dạy người khác phải như thế khác, nên như vậy, không nên như vậy, cũng nên như vậy, không nên như vậy". Đó là kiến giải thứ hai.

Thứ ba, có ngoại đạo chủ trương thế nào? Chúng ngoại đạo ấy thấy như vậy, nói như vầy: "Nếu không có ngã thì sao gọi là thiện, sao gọi là ác, nên làm những gì và không nên làm những gì, đâu là nẻo thiện, đâu là nẻo ác, đâu là sự thật đời này, đâu là sự thật đời sau, thường làm những gì thì bị khổ, thường nên làm những gì thì được vui?" Nếu có Sa-môn, Bà-la-môn có nhiều hiểu biết, nghĩa lý xác thực, lời lẽ không thay đổi, tiếng tăm đồn xa, hủy bỏ kiến giải của kẻ khác, có ai đến hỏi: "Thiện ác ở chỗ nào? Những gì nên làm và những gì không nên làm? Đâu là con đường của thiện ác? Sự thật của đời này và đời sau ở chỗ nào? Thường phải làm những gì đưa đến khổ vui?", đến hỏi như vậy nhưng vị ấy giải thích, sợ rơi vào nẻo ác. Nếu có người đến hỏi việc như vậy, liền cùng nhau tranh cãi, lời nói khác nhau: "Dạy người này nên làm như vầy, dạy người khác nên làm như kia, dạy người này nên như vậy, cũng nên như vậy, không nên như vậy". Đó là kiến giải thứ ba.

Thứ tư, có ngoại đạo chủ trương thế nào? Ý nghĩ của chúng ngoại đạo ấy si mê, nếu có người đến hỏi việc, liền cùng nhau tranh cãi, lời nói khác nhau: "Dạy người này nên như vầy, dạy người khác nên như kia, nên như vậy, không nên như vậy, cũng nên như vậy, cũng không nên như vậy, không như vậy, cũng nên như vậy, cũng không như vậy". Đó là kiến giải thứ tư.

Đó là ý nghĩa mà các ngoại đạo cùng nhau tranh luận, với các lời lẽ khác nhau. Khi có người đến hỏi, họ tranh luận với nhau: "Dạy người này nên làm như vầy, dạy người khác nên làm như kia, nên như vậy, không nên như vậy, cũng nên như vậy, cũng không nên như vậy", đều ở

trong bốn kiến giải ấy, không thể vượt hơn bốn kiến giải ấy. Phật đều biết rõ, và còn biết hơn thế nữa bằng sự hiểu biết tuyệt diệu. Do Ta không chấp trước cũng không hủy báng nên được Vô vi (Niết-bàn). Ta biết cảm thọ do xúc sanh, biết theo phương tiện để thoát ra khỏi thọ hiện tại, tâm ý được giải thoát hoàn toàn.

Đức Phật dạy:

–Pháp mà Ta biết thì thâm diệu, vô cùng chói sáng, Ta đều biết rõ. Nếu có vị đệ tử hiền giả nghe biết pháp ấy liền tán thán Phật.

Nếu có ngoại đạo ở trong kiếp quá khứ, biết việc quá khứ, nhớ việc trong lúc quá khứ, đối với vô số học thuyết, ưa giải thích những việc ấy, đều ở trong mười tám kiến giải này, không thể vượt qua mười tám kiến giải ấy được. Thế Tôn đã biết như vậy, còn vượt lên bằng sự hiểu biết tuyệt diệu. Do đó Thế Tôn không chấp trước, cũng không hủy báng, hiện tại không còn chấp thọ nên được giải thoát hoàn toàn.

Đức Phật dạy:

–Pháp mà Ta biết được rất thâm diệu, sáng tỏ vô cùng, Ta biết rõ tất cả. Nếu có vị đệ tử hiền giả nghe biết pháp ấy liền tán thán Phật.

Nếu có ngoại đạo ở trong kiếp tương lai, nhớ nghĩ việc tương lai, hành theo vô số học thuyết, ưa thích giảng nói những việc ấy, đều ở trong bốn mươi bốn kiến giải. Các ngoại đạo ấy đã biết những gì mà ở trong kiếp tương lai, biết việc tương lai, hành theo vô số học thuyết, ưa giải thích những việc ấy. Nếu có ngoại đạo hành theo tưởng, nhận thức theo tưởng, tự thân nói về tưởng cho người thế gian, đều ở trong mười sáu kiến giải. Ngoại đạo ấy đã biết những gì mà hành theo tưởng, nhận thức theo tưởng, nói về tưởng cho người thế gian, đều ở trong mười sáu kiến giải?

Ngoại đạo ấy đã thấy như vầy, làm như vầy: "Bản ngã có sắc thì đời sau có tưởng"[1]. Chỉ lời nói của ta là chân thật, ngoài ra là si mê. Đó là kiến giải thứ nhất.

Nếu có ngoại đạo nói: "Bản ngã không có sắc, không có đời sau. Chỉ có lời nói của ta là chân thật, ngoài ra là si mê". Đó là kiến giải thứ hai.

Nếu có ngoại đạo, hành theo tưởng nhận thức theo tưởng, tự thân

---

1. Hán: hữu ngã sắc vi hữu hậu thế tưởng [illegible] Tham chiếu: Trường A-hàm, số 21, kinh Phạm Động, tr.458, chú thích 72.

nói về tưởng cho người thế gian: "Bản ngã vừa có sắc, vừa không sắc. Chỉ lời nói của ta là chân thật, ngoài ra là si mê". Đó là kiến giải thứ ba.

Nếu có ngoại đạo nói: "Bản ngã không có sắc, cũng không phải không có sắc. Chỉ lời nói của ta là chân thật, ngoài ra là si mê". Đó là kiến giải thứ tư.

Thứ năm, nếu có ngoại đạo nói: "Bản ngã là hữu hạn. Chỉ lời nói của ta là chân thật, ngoài ra là si mê". Đó là kiến giải thứ năm.

Thứ sáu, nếu có ngoại đạo nói: "Bản ngã là vô hạn. Chỉ lời nói của ta là chân thật, ngoài ra là si mê". Đó là kiến giải thứ sáu.

Thứ bảy, nếu có ngoại đạo nói: "Bản ngã vừa hữu hạn, vừa vô hạn. Chỉ lời nói của ta là chân thật, ngoài ra là si mê". Đó là kiến giải thứ bảy.

Thứ tám, nếu có ngoại đạo nói: "Bản ngã không hữu hạn, cũng không vô hạn. Chỉ lời nói của ta là chân thật, ngoài ra là si mê". Đó là kiến giải thứ tám.

Thứ chín, nếu có ngoại đạo nói: "Bản ngã là nhất tưởng[2]. Chỉ lời nói của ta là chân thật, ngoài ra là si mê". Đó là kiến giải thứ chín.

Thứ mười, nếu có ngoại đạo nói: "Bản ngã là ít tư tưởng[3]. Chỉ lời nói của ta là chân thật, ngoài ra là si mê". Đó là kiến giải thứ mười.

Thứ mười một, nếu có ngoại đạo nói: "Bản ngã là nhiều loại tư tưởng[4]. Chỉ lời nói của ta là chân thật, ngoài ra là si mê". Đó là kiến giải thứ mười một.

Thứ mười hai, nếu có ngoại đạo nói: "Bản ngã là vô số tư tưởng. Chỉ lời nói của ta là chân thật, ngoài ra là si mê". Đó là kiến giải thứ mười hai.

Thứ mười ba, nếu có ngoại đạo nói: "Bản ngã là nhất lạc (hoàn toàn vui). Chỉ lời nói của ta là chân thật, ngoài ra là si mê". Đó là kiến giải thứ mười ba.

---

2. Hán: nhất tưởng vi hữu ngã □□ Tham chiếu: Sđd, tr.459, chú thích 76.

3. Hán: thiểu tư tưởng vi hữu ngã □□ Tham chiếu: Sđd, tr.460, chú thích 78.

4. Hán: chủng chủng tư tưởng vi hữu ngã □□ Tham chiếu: Sđd, tr.459, chú thích 77.

Thứ mười bốn, nếu có ngoại đạo nói: "Bản ngã là khổ. Chỉ lời nói của ta là chân thật, ngoài ra là si mê". Đó là kiến giải thứ mười bốn.

Thứ mười lăm, nếu có ngoại đạo nói: "Bản ngã là vừa khổ vừa vui. Chỉ lời nói của ta là chân thật, ngoài ra là si mê". Đó là kiến giải thứ mười lăm.

Thứ mười sáu, nếu có ngoại đạo nói: "Bản ngã không khổ cũng không vui. Chỉ lời nói của ta là chân thật, ngoài ra là si mê". Đó là kiến giải thứ mười sáu.

Đức Phật dạy:

–Vị ngoại đạo ấy hành theo tưởng, nhận thức theo tưởng, tự thân vì thế gian nói về tưởng, đều ở trong mười sáu kiến giải này, không thể vượt hơn được. Đức Thế Tôn đều biết những việc ấy. Thế Tôn còn hiểu biết hơn thế nữa, sự hiểu biết của Thế Tôn là tuyệt diệu, cho nên Thế Tôn không chấp trước cũng không hủy báng mà được Vô vi (Niết-bàn). Thế Tôn biết các cảm thọ do xúc sanh ra, biết phương tiện để thoát ra khỏi nó; Thế Tôn trong hiện tại không chấp các thọ nên tâm ý được giải thoát hoàn toàn.

Đức Phật dạy:

–Pháp mà Ta biết thì thâm diệu, hết sức sáng tỏ, Ta biết tất cả. Nếu có vị đệ tử hiền giả nghe biết như vậy liền tán thán Phật.

Nếu có ngoại đạo, ở trong kiếp tương lai, thấy việc tương lai, nhớ nghĩ về các việc đã làm trong quá khứ, đối với vô số học thuyết, ưa thích giải thuyết những việc làm ấy thì đều ở trong bốn mươi bốn kiến giải. Những ngoại đạo ấy đã nói những gì?

Nếu có ngoại đạo hành vô thường, nhận thức vô thường, tự thân tuyên thuyết về vô thường cho người thế gian, thì đều ở trong tám kiến giải.

1. Ngoại đạo ấy đã thực hành những gì mà chủ trương "hành vô tưởng, nhận thức vô tưởng", rồi tự thân tuyên thuyết về vô tưởng cho người thế gian? Ngoại đạo ấy thấy như vầy, hành như vầy: "Bản ngã không có tưởng là hữu sắc, chết rồi không có đời sau. Chỉ lời nói của ta là chân thật, ngoài ra là si mê". Đó là kiến giải thứ nhất.

2. Nếu có ngoại đạo đã biết những gì thuộc về luận thuyết: "hành vô tưởng, nhận thức vô tưởng", rồi tự thân tuyên thuyết về vô tưởng cho người thế gian thì đó là chủ thuyết "Bản ngã không có tưởng là vô sắc, chết rồi không có đời sau. Chỉ lời nói của ta là chân thật, ngoài ra là si mê". Đấy là kiến giải thứ hai.

3. Nếu có ngoại đạo nói: "Bản ngã không có tưởng vừa là hữu sắc, vừa là vô sắc, chết rồi không có đời sau. Chỉ lời nói của ta là chân thật, ngoài ra là si mê". Đó là kiến giải thứ ba.

4. Nếu có ngoại đạo nói: "Ngã và thế gian là không có sắc cũng không phải không có sắc, chết rồi không có đời sau. Chỉ lời nói của ta là chân thật, ngoài ra là si mê". Đó là kiến giải thứ tư.

5. Nếu có ngoại đạo nói: "Ngã và thế gian là hữu hạn, chết rồi không có đời sau. Chỉ lời nói của ta là chân thật, ngoài ra là si mê". Đó là kiến giải thứ năm.

6. Nếu có ngoại đạo nói: "Ngã và thế gian là vô hạn, chết rồi không có đời sau. Chỉ lời nói của ta là chân thật, ngoài ra là si mê". Đó là kiến giải thứ sáu.

7. Nếu có ngoại đạo nói: "Vừa hữu hạn, vừa vô hạn. Chỉ lời nói của ta là chân thật, ngoài ra là si mê". Đó là kiến giải thứ bảy.

8. Nếu có ngoại đạo nói: "Cũng không hữu hạn, cũng không vô hạn. Chỉ lời nói của ta là chân thật, ngoài ra là si mê". Đó là kiến giải

thứ tám.

Đức Phật dạy:

–Nếu có ngoại đạo ở kiếp tương lai, thấy việc tương lai, sự hiểu biết và lời nói khác nhau, đều ở trong bốn mươi bốn loại kiến giải. Ngoại đạo ấy đã biết những gì mà nói "nhận thức vô tưởng, hành vô tưởng, cũng không nhận thức vô tưởng?" Quan điểm của vị ấy là "Ngã và thế gian là không có tưởng", đều ở trong tám kiến giải này:

1. Kiến giải thứ nhất là nếu có ngoại đạo thấy như vầy, hành như vầy: "Bản ngã là có sắc, không có tưởng, cũng không phải không có tưởng, chết rồi có đời sau. Lời nói của ta là chân thật, ngoài ra là si mê". Đó là kiến giải thứ nhất.

2. Nếu có ngoại đạo nói: "Bản ngã vừa là hữu sắc, vừa là vô sắc, không có tưởng, cũng không phải không có tưởng, chết rồi có đời sau. Lời nói của ta là chân thật, ngoài ra là si mê". Đó là kiến giải thứ hai.

3. Nếu có ngoại đạo nói: "Bản ngã vừa là hữu sắc, vừa là vô sắc, không có tưởng, cũng không phải không có tưởng ở đời sau. Lời nói của ta ta chân thật, ngoài ra là si mê". Đó là kiến giải thứ ba.

4. Nếu có ngoại đạo nói: "Bản ngã không có sắc, cũng không phải không có sắc, không có tưởng cũng không phải không có tưởng ở đời sau. Lời nói của ta là chân thật, ngoài ra là si mê". Đó là kiến giải thứ tư.

5. Nếu có ngoại đạo nói: "Bản ngã là hữu hạn, không có tưởng cũng không phải không có tưởng ở đời sau. Lời nói của ta là chân thật, ngoài ra là si mê". Đó là kiến giải thứ năm.

6. Nếu có ngoại đạo nói: "Bản ngã là vô hạn, không có tưởng cũng không phải không có tưởng ở đời sau. Lời nói của ta là chân thật, ngoài ra là si mê". Đó là kiến giải thứ sáu.

7. Nếu có ngoại đạo nói: "Bản ngã vừa hữu hạn vừa vô hạn, không có tưởng cũng không phải không có tưởng ở đời sau. Lời nói của ta là chân thật, ngoài ra là si mê". Đó là kiến giải thứ bảy.

8. Nếu có ngoại đạo nói: "Bản ngã không hữu hạn cũng không vô hạn, không có tưởng cũng không phải không có tưởng ở đời sau. Lời nói của ta là chân thật, ngoài ra là si mê". Đó là kiến giải thứ tám.

Đức Phật dạy:

–Nếu có ngoại đạo nói: "Không phải có tưởng, cũng không phải không có tưởng hành; không phải có tưởng, cũng không phải không có

tưởng kiến; không phải có tưởng hành, cũng không phải có tưởng kiến", đều ở trong tám kiến giải ấy, không thể vượt hơn tám kiến giải ấy. Thế Tôn đều biết những điều ấy, Ta còn biết hơn thế nữa bằng sự hiểu biết tuyệt diệu, cho nên Ta không chấp trước cũng không hủy báng mà được Vô vi (Niết-bàn). Ta biết các cảm thọ nhận do xúc sanh ra, và biết phương tiện thoát ra khỏi nó. Hiện tại Ta không có chấp trước nên tâm ý hoàn toàn giải thoát.

Đức Phật dạy:

–Pháp mà Ta biết thì thâm diệu, vô cùng sáng tỏ, Ta biết tất cả. Nếu có vị đệ tử hiền giả nghe biết pháp ấy liền tán thán Phật.

Đức Phật dạy:

–Nếu có ngoại đạo ở kiếp tương lai, thấy việc tương lai, đối với vô số học thuyết có sự hiểu biết và lời nói khác nhau, đều ở trong bốn mươi bốn kiến giải này. Ngoại đạo ấy biết những gì mà nói như vậy? Nếu có ngoại đạo nói: "Không có hành, không có nhận thức, không có người nghĩ biết về 'không'", đều ở trong bảy kiến giải. Ngoại đạo ấy nói: "Không có hành, không có nhận thức, không có người nghĩ biết về 'không'", họ biết như thế nào mà nói như vậy?

1. Nếu có ngoại đạo thấy như vầy: "Các sắc tứ đại của ta, do cha mẹ sanh ra, do ăn uống nên trưởng thành, tắm rửa mặc y phục, nhưng nó là vật vô thường, thân chết trở về đất, xương cốt các thứ nơi thân rơi rớt mỗi thứ một nơi, gió thổi vào thân, tan nát hư hoại, đến đời sau không còn sống chết nữa, như vậy liền tiêu diệt hết". Đó là kiến giải thứ nhất.

2. Lại có ngoại đạo nói: "Chết rồi không phải như vậy, tuy tan hoại nhưng còn có cái ngã vượt hơn thế nữa. Đâu là chỗ ngã này vượt lên trên? Cái ngã ấy là ở cõi Sắc và cõi Dục hành. Bản ngã ấy nếu chết thì hủy hoại, đời sau không còn sanh tử nữa". Đó là kiến giải thứ hai.

3. Nếu có ngoại đạo nói: "Ngã là cái mà chết rồi không có hủy hoại như vậy, có cái ngã khác còn vượt hơn nó, cái ngã ấy là sắc vô ý, còn ngã kia nếu chết thì hủy hoại, đời sau không còn sanh tử trở lại nữa". Đó là kiến giải thứ ba.

4. Lại có ngoại đạo nói: "Ngã chẳng phải chết hủy hoại như vậy, có cái ngã còn vượt hơn nó nữa. Sao gọi cái ngã ấy như vậy? Vì ngã ấy vượt qua các cõi trời Sắc tưởng, vượt qua cõi trời Tưởng giận dữ, nhớ vô

số các loại hư không tri hành. Ngã ấy nếu chết thì hủy hoại, đời sau không còn sanh tử nữa". Đó là kiến giải thứ tư.

5. Lại có ngoại đạo nói: "Ngã này không phải chết rồi hủy hoại như vậy, còn có cái ngã vượt lên trên nó. Sao gọi cái ngã ấy như vậy? Vì ngã ấy vượt qua cõi trời Nhất thiết hư không tri, cõi trời Vô ương số danh thức tri, cõi trời Sở niệm hành kỳ, nếu chúng không hủy hoại, đời sau không còn sanh tử nữa". Đó là kiến giải thứ năm.

6. Lại có ngoại đạo nói: "Ngã ấy không phải chết rồi hủy hoại như thế, có cái ngã còn vượt lên trên nó nữa. Sao gọi cái ngã ấy như vậy? Vì ngã ấy vượt qua cõi trời Nhất thiết thức tri, không còn chấp trước danh, vượt qua cõi trời Vô thức tri niệm hành kỳ. Ngã ấy chết rồi thì hủy hoại, đời sau không còn sanh tử trở lại nữa". Đó là kiến giải thứ sáu.

7. Lại có ngoại đạo nói: "Ngã ấy chẳng phải chết rồi hủy hoại như thế, có cái ngã còn vượt lên trên nó nữa. Sao gọi cái ngã ấy như vậy? Vì ngã ấy vượt qua cõi trời Nhất thiết vô thức tri, vị thiên nhân ấy là thuộc cõi trời Vô tưởng hữu tưởng niệm hành. Ngã này khi chết thì hủy hoại, đời sau không còn sanh tử trở lại nữa". Đó là kiến giải thứ bảy.

Đức Phật dạy:

–Quan điểm về đoạn diệt trong tu tập của ngoại đạo có thể tuyên bố là "Không có hành, không có tưởng, không có người niệm 'không'", đều ở trong bảy kiến giải ấy, thuộc về bảy kiến giải ấy, không thể vượt hơn được. Thế Tôn đều biết những sự kiện ấy, còn vượt lên nó bằng sự hiểu biết tuyệt diệu, cho nên Ta không chấp trước, cũng không hủy báng mà được Vô vi (Niết-bàn). Ta biết các cảm thọ do xúc sanh ra, và biết cách thoát ra khỏi nó. Hiện tại Ta không còn chấp trước nên ý được giải thoát hoàn toàn. Pháp mà Ta biết thì thâm diệu, vô cùng sáng tỏ, biết một cách trọn vẹn. Nếu có vị đệ tử hiền giả nghe biết pháp ấy liền tán thán công đức của Phật.

Đức Phật dạy:

–Nếu có ngoại đạo ở kiếp tương lai, thấy việc tương lai, đối với vô số học thuyết, có chủ trương khác nhau, đều ở trong bốn mươi bốn kiến giải này. Lại có ngoại đạo tự chủ trương: "Niệm hành trong hiện tại là Vô vi (Niết-bàn), kiến trong hiện tại là Vô vi (Niết-bàn)", đều ở trong năm kiến giải này.

1. Có ngoại đạo thấy như vầy, nói và hành cũng như vầy: "Ở trong cung điện, tự hoan lạc, dùng năm thứ dục lạc để tự vui thích. Người đó nói: "Ngã hiện tại đạt được Vô vi (Niết-bàn)". Đó là kiến giải thứ nhất.

2. Lại có ngoại đạo nói không giống như những người khác rằng: "Bản ngã hiện tại được Niết-bàn, nhưng còn phải đạt hiện tại Niết-bàn. Sao gọi là hiện tại Niết-bàn? Nếu Tỳ-kheo lìa dục, lìa pháp ác bất thiện, ý niệm hành thiện an lạc, được đệ Nhất thiền; vị ấy diệt tận ngã, đời sau không còn sanh tử trở lại nữa. Ngã ấy đạt Niết-bàn trong hiện tại". Đó là kiến giải thứ hai.

3. Lại có Sa-môn, Đạo nhân không như những người khác đã nói chủ trương: "Không cần ngã hiện tại ấy được Niết-bàn, còn có hiện tại Niết-bàn cao hơn nữa. Hiện tại Niết-bàn ấy như thế nào? Đó là Tỳ-kheo diệt ý, bên trong được định tịch tĩnh, giữ ý chí chuyên nhất, không nghĩ cũng không hành, tam-muội sanh hỷ lạc, liền được đệ Nhị thiền. Người đó hoàn toàn vắng lặng đạt Niết-bàn trong hiện tại". Đó là kiến giải thứ ba.

4. Lại có Sa-môn, Đạo nhân không như những người khác đã nói chủ trương: "Không cần ngã hiện tại ấy được Niết-bàn, còn có hiện tại Niết-bàn vượt hơn nữa. Hiện tại Niết-bàn ấy là thế nào? Đó là Tỳ-kheo an vui, xa lìa dâm dật, ưa thích hành quán, thân hành được tịch tĩnh, an lạc. Nếu chỗ hành quán của vị hiền giả luôn được an ổn, liền được đệ Tam thiền". Đó là kiến giải thứ tư.

5. Lại có Sa-môn, Đạo nhân không như những người khác đã nói chủ trương: "Không cần ngã hiện tại ấy được Niết-bàn, còn có hiện tại Niết-bàn vượt hơn thế nữa. Hiện tại Niết-bàn ấy như thế nào? Đó là có vị Tỳ-kheo đoạn trừ lạc, đoạn trừ khổ, không có niệm duyên với điều khả ý hay bất khả ý, tâm không khổ, cũng không vui, luôn giữ gìn tâm thanh tịnh, liền được đệ Tứ thiền. Vị ấy trong hiện tại được giải thoát hoàn toàn, do đó đời sau không còn sanh tử trở lại nữa". Đó là kiến giải thứ năm.

Đức Phật dạy:

–Những gì các Sa-môn, Đạo nhân có thể tuyên thuyết, nhận thức và suy tư về hiện tại Niết-bàn đều ở trong năm kiến giải ấy, không thể vượt hơn năm kiến giải ấy. Thế Tôn biết tất cả các kiến giải ấy, Ta còn hiểu biết hơn thế nữa bằng sự hiểu biết tuyệt diệu, do đó Ta không

chấp trước, cũng không hủy báng nên được Vô vi (Niết-bàn). Ta biết các cảm thọ do xúc sanh ra, và biết phương tiện để thoát khỏi nó. Hiện tại Ta không còn chấp trước nên tâm ý được hoàn toàn giải thoát. Pháp mà Ta biết thì thâm diệu, vô cùng sáng tỏ; Ta biết một cách trọn vẹn. Nếu có vị đệ tử hiền giả nghe, biết pháp ấy liền tán thán công đức của Phật.

Đức Phật dạy:

–Vị ngoại đạo ấy suy niệm về thường tồn, có quan điểm thường tồn và giảng nói cho người nghe rằng: "Ngã và thế gian là thường tại", thuộc về bốn loại kiến giải ấy. Do không biết chỉ bày nên không được đạo hạnh tinh tấn, chính là sự hiểu biết về nhân duyên tập khởi, nhân duyên không tập khởi, do cái này nhân duyên thành, do cái kia nhân duyên không thành. Vị ấy không đạt được sự hiểu biết đó.

Đức Phật dạy:

–Ngoại đạo ấy nói về hạnh bậc thượng và bậc trung, mỗi pháp hiện hữu là do chính nó, rồi tự thân giảng thuyết cho mọi người rằng thế gian là thường tại, thuộc về hai loại kiến giải ấy. Do không biết, không thấy nên vị ấy không được đạo hạnh tinh tấn chính là sự hiểu biết về nhân duyên tập khởi, nhân duyên không tập khởi, do cái này nhân duyên thành, do cái kia nhân duyên không thành. Vị ấy không đạt được sự hiểu biết đó.

Đức Phật dạy:

–Nếu có ngoại đạo luôn suy niệm về thường tồn, có quan điểm thường tồn rồi nói với mọi người: "Ngã và thế gian là hữu thường", thuộc về bốn loại kiến giải ấy. Do không biết, không thấy nên vị ấy không đắc đạo, chính là sự hiểu biết về nhân duyên tập khởi, nhân duyên không tập khởi, do cái này nhân duyên thành, do cái kia nhân duyên không thành. Vị ấy không đạt được sự hiểu biết ấy.

Đức Phật dạy:

–Các ngoại đạo kia, có người nói: "Ngã và thế gian là hữu hạn", có người bảo "Vô hạn", có người cho: "Vừa hữu hạn vừa vô hạn, có người nói: "Không hữu hạn, cũng không vô hạn" đều ở trong bốn loại kiến giải ấy. Do không biết, không thấy nên họ không được đạo hạnh tinh tấn, chính là sự hiểu biết về nhân duyên tập khởi, nhân duyên không tập khởi, do cái này nhân duyên thành, do cái kia nhân duyên không thành. Vị ấy không đạt được sự hiểu biết ấy.

Đức Phật dạy:

–Các ngoại đạo ấy cùng nhau tranh luận chủ thuyết không giống nhau, đều ở trong bốn loại kiến giải ấy. Do không biết, không thấy nên không tinh tấn tu tập đạo hạnh, chính là sự hiểu biết về nhân duyên tập khởi, nhân duyên không tập khởi, do cái này nhân duyên thành, do cái kia nhân duyên không thành. Họ không đạt được sự hiểu biết ấy.

Đức Phật dạy:

–Các ngoại đạo kia có luận thuyết về tưởng, thực hành theo tưởng, rồi nói với mọi người: "Ngã và thế gian là có tưởng", đều ở trong mười sáu loại kiến giải ấy. Do không biết, không thấy nên họ không được đạo hạnh tinh tấn, chính sự hiểu biết về nhân duyên tập khởi, nhân duyên không tập khởi, do cái này nhân duyên thành, do cái kia nhân duyên không thành. Họ không đạt được sự hiểu biết ấy.

Đức Phật dạy:

–Các ngoại đạo kia có niệm vô tưởng, có kiến (quan điểm, nhận thức) vô tưởng, rồi nói với mọi người "Ngã và thế gian là không có tưởng", ở trong tám loại kiến giải ấy. Do không biết, không thấy nên họ không được đạo hạnh tinh tấn, chính là do sự hiểu biết về nhân duyên tập khởi, nhân duyên không tập khởi, do cái này nhân duyên thành, do cái kia nhân duyên không thành. Họ không đạt được sự hiểu biết ấy.

Đức Phật dạy:

–Các ngoại đạo ấy không có niệm về tưởng, cũng không phải không có tưởng, nói với mọi người "Ngã và thế gian là không có tưởng", ở trong tám loại kiến giải ấy. Do không biết, không thấy nên họ không được đạo hạnh tinh tấn, chính là sự hiểu biết về nhân duyên tập khởi, nhân duyên không tập khởi, do cái này nhân duyên thành, do cái kia nhân duyên không thành. Họ không đạt được sự hiểu biết ấy.

Đức Phật dạy:

–Các ngoại đạo kia chủ trương "hoại diệt", thường nói cho mọi người: "Ngã và thế gian là hoại diệt", ở trong bảy loại kiến giải. Do không biết, không thấy nên họ không được đạo hạnh tinh tấn, chính là sự hiểu biết về nhân duyên tập khởi, nhân duyên không tập khởi, do cái này nhân duyên thành, do cái kia nhân duyên không thành. Họ không đạt được sự hiểu biết ấy.

Đức Phật dạy:

–Các ngoại đạo kia chủ trương "Hiện tại là Vô vi (Niết-bàn)",

nhưng thấy hiện tại là vô thường, vì người giảng nói về "hiện tại Niết-bàn", ở trong năm loại kiến giải. Do không biết, không thấy nên họ không được đạo hạnh tinh tấn, chính là sự hiểu biết về nhân duyên tập khởi, nhân duyên không tập khởi, do cái này nhân duyên thành, do cái kia nhân duyên không thành. Họ không đạt được chỗ này.

Đức Phật dạy:

–Nếu có ngoại đạo ở trong kiếp quá khứ, thấy việc quá khứ, đối với vô số học thuyết, mỗi mỗi chủ trương khác nhau, đều ở trong mười tám loại kiến giải ấy. Các ngoại đạo kia ở trong kiếp tương lai, thấy việc tương lai, đối với vô số học thuyết, chủ trương khác nhau, đều ở trong bốn mươi bốn loại kiến giải ấy.

Hiệp lại tất cả đều ở trong sáu mươi hai loại kiến giải ấy, qua lại trong sáu mươi hai loại kiến giải ấy, nằm gọn trong đó, chết nghẹt trong cái lưới kiến giải mà không thể thoát ra ngoài.

Đức Phật dạy:

–Thí như người đánh cá lành nghề hay học trò của ông ta, dùng cái lưới có lỗ nhỏ, bao phủ trên cái ao nhỏ, khi thả lưới xong, người đánh cá hoặc đứng phía trước ao, hoặc ngồi, suy nghĩ rằng: "Các con cá bơi lội trong cái ao nhỏ đều bị mắc trong lưới, vùng vẫy trong lưới không thể thoát ra được".

Đức Phật dạy:

–Các ngoại đạo cũng như vậy, ở trong kiếp quá khứ, thấy việc quá khứ, đối với vô số học thuyết có chủ trương khác nhau, đều ở trong mười tám loại kiến giải ấy. Nếu có ngoại đạo ở trong kiếp tương lai, thấy việc tương lai, suy niệm, tuyên thuyết về việc tương lai, đối với vô số học thuyết có chủ trương khác nhau, đều ở trong bốn mươi bốn loại kiến giải ấy. Tất cả họ đều qua lại trong sáu mươi hai loại kiến giải ấy, sống chết, an trụ trong đó, cùng nhau gặp gỡ hợp thành trong cái lưới ấy mà không thoát ra được.

Đức Phật dạy:

–Này Tỳ-kheo, thân của Phật đã đoạn trừ hết các chấp trước. Ta thường dùng thân này để chư Thiên và loài người có thể thấy được. Sau khi Ta nhập Bát-niết-bàn thì không thể thấy nữa.

Khi Đức Phật nói kinh này, ba ngàn đại thiên thế giới chấn động sáu cách. Bấy giờ Tỳ-kheo Na-da-hòa-lưu ở trước Đức Phật, dùng quạt quạt cho Phật. Hiền giả Na-da-hòa-lưu quỳ thẳng, chắp tay bạch Phật:

–Thật chưa từng thấy! Bậc Thiên Trung Thiên đã nói kinh thâm diệu và hết sức sáng tỏ này. Bạch Thế Tôn, kinh này tên là gì? Và làm sao để thọ trì?

Đức Phật dạy Na-da-hòa-lưu:

–Phật Câu-lâu-tần, Đức Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, khi nói kinh này đã đặt tên là Pháp Võng. Phật Ca-diếp, Đức Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác khi thuyết kinh này đã gọi tên là Kiến Võng. Nay Ta cũng nói kinh này gọi tên là Phạm Võng.

Đức Phật nói như vậy, các Tỳ-kheo đều hoan hỷ, đến trước Đức Phật đảnh lễ rồi lui ra.

❑

SỐ 22

KINH TỊCH CHÍ QUẢ

Hán dịch: Đời Đông Tấn, Sa-môn Trúc Đàm Vô Lan.

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật du hóa tại vườn xoài Kỳ-vực thuộc thành Vương xá, cùng đông đủ chúng Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi vị. Lúc bấy giờ, vua A-xà-thế vào ngày rằm tháng bảy, ngày thọ tuế, cùng đông đủ bá quan, quần thần, quyến thuộc vây quanh, vua im lặng, an nhiên quan sát, bảo quần thần:

–Các khanh nên biết, ta luôn tu tập như vậy mà sầu muộn vẫn không thay đổi, tuy đến tuổi này mà trong lòng cứ buồn thảm mãi. Vậy phải dùng phương pháp gì để tiêu trừ sự sầu muộn ấy?

Có vị quan tâu với vua:

–Nên dùng năm thứ âm nhạc để làm tiêu tan sự buồn lo.

Có vị quan khác thưa:

–Nên cho kỹ nữ mỹ miều cử trống, khảy đàn, hát những bài ca tuyệt diệu thì có thể làm tiêu sầu.

Lại có vị quan tâu vua:

–Nên dùng bốn loại binh chủng tượng binh, mã binh, xa binh, bộ binh, với các binh sĩ dũng mãnh để tiêu trừ sầu muộn.

Lại có vị quan khác tâu với vua:

–Bất-lan Ca-diếp, Mạc-kha-ly Duy-cù-lâu, A-di-súy, Kỳ-da-kim-ly, Ca-chiên, Tiên-tỷ-lô-trì, Ni-kiền tử..., các vị thầy ấy, mỗi vị đều có năm trăm vị đệ tử đang ở trong thành lớn này. Đại vương nên chuẩn bị xe lớn, đến gặp mặt nghe đàm đạo vui vẻ, có thể xa lìa sầu khổ.

Khi ấy có vị thầy thuốc trẻ tuổi tên Kỳ-vực (đời Tấn gọi là Cố Hoạt) đang cầm quạt hầu vua. Nhà vua quay lại hỏi:

–Tại sao khanh im lặng, không trình bày ý kiến của mình?

Kỳ-vực tâu với vua:

–Nay có Đức Phật Thế Tôn cùng với chúng đệ tử đang ở tại vườn xoài. Đại vương muốn cắt đứt nỗi phiền muộn, trừ sự buồn lo, có thể đến chỗ Phật, cúi đầu cung kính đảnh lễ, thưa hỏi chỗ nghi hoặc thì sẽ được khai mở.

Lúc ấy vua A-xà-thế lập tức nảy ý muốn gặp Bậc Thiên Trung Thiên nên đáp lời Kỳ-vực:

–Lành thay! Thật tốt đẹp! Hãy cùng trẫm đi đến yết kiến.

Kỳ-vực tuân lệnh, sửa soạn năm trăm thớt voi, năm trăm thể nữ, sửa soạn xong liền thưa:

–Tâu đại vương, nay đã đến giờ.

Nhà vua cưỡi một con voi tên là Nhân Điều, cùng năm trăm quân hầu hộ vệ trước sau, thắp đuốc lớn ra khỏi thành Vương xá. Lúc đó nhà vua trong lòng sợ sệt dừng lại không dám bước tới, gọi Kỳ-vực nói:

–Đức Phật cùng với bao nhiêu vị Tỳ-kheo có mặt tại vườn Xoài này?

Kỳ-vực tâu:

–Có tất cả một ngàn hai trăm năm mươi vị.

Nhà vua nói:

–Khanh không lừa dối ta, để ta ra khỏi nước, đi vào con đường nguy hiểm này chứ? Mỗi lần trẫm đến chỗ các vị Phạm chí, họ chỉ có năm trăm người mà âm thanh vang dội, nay các Tỳ-kheo nhiều như vậy mà sao không nghe một tiếng động nào?

Kỳ-vực thưa với vua:

–Xin đại vương đừng sợ hãi. Thần không dám dối đại vương, không làm điều phản nghịch, hại đến đại vương, hoàng hậu và các cung phi. Chỉ vì Đức Phật Thế Tôn luôn luôn yên lặng, các đệ tử tinh tấn tu học cũng giữ phép im lặng. Cúi mong đại vương cứ đến trước để thấy được ánh sáng tuyệt cùng, thấy Phật Thế Tôn và chúng đệ tử, tâm ý đại vương sẽ lập tức hoan hỷ.

Khi ấy vua A-xà-thế từ xa trông thấy Đức Thế Tôn liền xuống voi, cởi bỏ năm loại trang sức: vương miện, anh lạc báu, áo khoác báu

tràng hoa, phất trần và cởi kiếm, bỏ lọng, đi bộ đến giảng đường. Vua hỏi Kỳ-vực:

–Đức Phật ở chỗ nào?

Đáp:

–Vị đang ngồi ở trước chúng Tỳ-kheo chính là Đức Phật. Ngài có oai thần sáng chói, công đức cao vòi vọi.

Nhà vua đến trước Đức Phật thăm hỏi, chiêm ngưỡng Đức Phật, rồi đứng qua một bên, quan sát chúng Tỳ-kheo của Đức Phật. Thấy tất cả đều ngồi yên lặng, hết sức thanh tịnh, thậm thâm vi diệu, trong lòng vua vui mừng, vòng tay hướng về Đức Phật bạch:

–Tâm Phật tịch lặng, vi diệu, vô niệm, các đệ tử cũng như vậy. Mong Phật làm cho tâm trí của tôi cũng được định tĩnh vi diệu như thế.

Có một thanh niên tên Bạch Hiền tâu với vua:

–Đại vương mong muốn được hạnh ấy chăng?

Nhà vua bạch với Phật:

–Đúng như vậy, bạch Thế Tôn, tôi rất ưa thích chúng Tăng, tâm ý tôi rất hoan hỷ.

Bấy giờ vua A-xà-thế bạch Đức Phật:

–Tôi có điều muốn hỏi, nếu Ngài cho phép tôi mới dám hỏi.

Đức Phật bảo:

–Đại vương có ý muốn gì cứ hỏi.

Nhà vua thưa:

–Những người làm những công việc tùy theo sở thích ưa muốn như sự vui sướng ngủ nghỉ, hội họp, tính toán, thuật số, các đại thần và trăm quan đều tuân phục. Thái sử bói quẻ biết được sự kết thúc và bắt đầu của con người. Họ nhận được sự cung kính, các thức ăn uống, kỹ nghệ. Hoặc vì bản thân, cha mẹ, vợ con, nô tỳ cúng dường Sa-môn, Phạm chí, dâng cúng các vật hảo hạng để cầu được sự lợi lạc an ổn tốt đẹp. Như vậy đối với Pháp luật của Phật có đắc đạo chứng quả chăng?

Đức Phật đáp:

–Đại vương đã từng hỏi các ngoại đạo khác như vậy chưa?

Nhà vua bạch Phật:

–Tôi đã từng đến chỗ Bất-lan Ca-diếp hỏi: "Có những người với

các thứ voi, ngựa, cưỡi xe hay đi bộ, có của báu, kẻ hầu, kho tàng, lực sĩ dõng mãnh, xe voi, ngựa lớn, vui chơi ngủ nghỉ, trời người cùng tụ hội đến, các hàng đại thần, trăm quan tùy tùng; thái sử bói quẻ biết sự khởi đầu và kết cuộc của con người nên được cung kính; những việc làm ấy, hoặc vì thân mình cầu được an ổn, hoặc vì cha mẹ, vợ con, nô tỳ cúng dường Sa-môn, Phạm chí những vật hảo hạng. Như vậy là tôi đã làm theo pháp luật, được nhập vào đạo tịch nhiên rồi phải chăng?"

Vị ấy liền trả lời tôi: "Không có gì cả, cũng không có Bậc Thế Tôn, không có báo đáp ân lành, cũng không có tội phước, không có cha mẹ cũng không có người đắc đạo La-hán. Cúng dường không có phước, cũng không có đời này đời sau, cũng không có người chuyên cần tu hành nhất tâm hướng về đạo. Mặc dù có thân mạng, sau khi mạng chung, bốn sự tan rã, tâm diệt trở về không, sau đó không còn sanh trở lại. Tuy chôn vào đất, mỗi phần tự hư thối, rốt cuộc cũng như hư không, không còn hiện hữu nữa".

Kính bạch Thế Tôn, tôi đã hỏi vị thầy ngoại đạo, vị ấy dùng quan điểm như thế đáp lại tôi. Tâm tôi nghĩ: "Không phải thế. Tại sao lại không có tội phước báo ứng?" Thí như có người hỏi xoài là loại gì thì lại lấy dưa trả lời, hỏi dưa thì lấy xoài trả lời, Bất-lan Ca-diếp cũng như vậy, lời lẽ điên đảo, chẳng có đầu đuôi. Tuy nghe ông ta nói lời ấy nhưng tôi cũng chẳng hiểu.

Vua A-xà-thế bạch Phật:

–Tôi lại đến chỗ Mạc-kha-ly Cù-da-lâu hỏi: "Sao gọi là tiểu xứ, dục xứ? Con người không có nhân duyên có được trở thành người thanh tịnh không? Không biết không thấy thì có tội phước không? Vị ấy cũng trả lời với tôi: "Không có đời này đời sau, không có tự lực và tha lực, không có tinh tấn. Tất cả mọi người đều có khổ vui theo như vậy". Nếu hỏi sáu thì lấy bảy đáp lại, bạch Thế Tôn, thí như hỏi xoài thì lấy dưa đáp, hỏi dưa thì lấy xoài đáp. Vị ngoại đạo ấy cũng như vậy, ở trong nước của tôi, với những nghi vấn mà tôi đã hỏi, thì vị ấy dùng quan điểm đó đáp lại. Tôi đã hỏi những điều trên nhưng không được giải thích rõ ràng nên liền bỏ đi.

Tôi lại đến chỗ A-di-súy hỏi: "Sao gọi là trụ xứ, dục xứ. Làm thế nào để ở trong pháp luật ấy chứng được đạo? Vị ấy trả lời: "Tâu đại vương, người khắc đến hỏi tôi cũng trả lời là có sanh lại ở đời sau. Tôi ở trong vấn đề ấy cũng nói có đời sau. Giả như có người hỏi đời sau sanh lại ở thế gian là có hay không? Như ý tưởng của tôi là có đời

sau, hoặc không có đời sau. Hoặc có người đến hỏi như có đời sau hoặc không có đời sau, tôi trả lời hoặc có hoặc không". Thí như có người hỏi xoài thì lấy dưa đáp lại, hỏi dưa thì lấy xoài đáp lại, A-di-súy cũng như vậy. Tôi hỏi về những phương pháp tu tập khác nhau để đắc đạo quả Sa-môn thì vị ấy đáp lại tôi bằng lời lẽ chẳng có thứ tự. Tâm tôi nghĩ: "Tất cả các đạo khác ở thành Vương xá đều không thể giải tỏa, tiêu trừ tâm sầu muộn của ta. Ta nên đến chỗ nào để được gặp Sa-môn, Phạm chí khiến tâm ý ta được khai mở, không còn ưu sầu?" Thấy những điều A-di-súy nói chẳng ích lợi gì, tôi liền bỏ đi.

Tôi lại đến chỗ Ba-hưu-ca-chiên hỏi: "Sao gọi là sở trụ xứ? Nguyên do của hàng súc sanh? Ở trong luật pháp này làm sao để đắc đạo chứng quả?" Vị ấy đáp lại tôi: "Tâu đại vương, như người được thọ thân này, không nhân cũng không duyên, không có tưởng, cũng không kiêu mạn, không chứa nhóm giặc hại, thì ngay chỗ hiện tại mà được trụ xứ, đối với việc được thân này chẳng mất gì cả. Các sắc và tâm tưởng cứ tự lưu hành, cái gọi là tội phước, thiện ác đối với người đó đã đoạn tuyệt. Những điều mắt xem thấy chẳng có gì để tranh cãi. Khi thọ mạng của thân hết, không lo buồn về sự chết. Kẻ ấy không nói là ta sắp chết và nói do sự sắp đặt của chư Thiên cho con người, nên tuổi thọ kết thúc là mất hẳn. Vì dựa vào ái dục trần tục của nhân gian, trời người phát sinh kiến chấp, từ đó dục liền có năm giặc, sáu mươi hai loại. Sáu mươi hai loại này không có chủng tánh, nói đủ là sáu mươi hai sự cùng với chủng tánh cùng sanh, không dùng tư tưởng, đi vào tám nạn đều sẽ xả bỏ, luôn được thêm lợi ích, an ổn. Đã được an ổn, thường ở cõi trời, đã được ở cõi trời liền có tám mươi bốn đại niệm cùng với huyễn thuật cùng sanh, cùng với vi diệu sanh, liền khởi lên già, bệnh, khổ. Không có Đạo nhân, cũng không có Phạm chí chủ trương như vậy. Giới của ta thanh tịnh, lại xa lìa ái dục, đối với dục thường theo bên thân đã tận trừ. Thí như đốt đèn thì có ánh sáng. Sự việc là như vậy, không có Phạm chí đắc đạo". Thí như có người hỏi xoài thì lấy dưa đáp lại, hỏi dưa thì lấy xoài đáp lại, vị Ba-hưu-ca-chiên cũng vậy. Tôi hỏi về sự chứng đạo của Sa-môn thì ông ta lại đem việc già, bệnh của con người mà trả lời. Tâm tôi nghĩ: "Ta hỏi về việc đạo chứng mà vị ấy lại trả lời như vậy". Nghe lời nói của ông ấy, trong lòng không vui, chẳng hiểu gì cả, tôi liền đứng dậy bỏ đi.

Tôi lại đến chỗ Tiên-tỷ-lô-trì để hỏi về sự mong cầu đối với pháp luật này làm sao để thành đạo? Vị ấy đáp lại tôi: "Tâu đại vương, điều

mà con người đã dạy, phải làm là đoạn trừ sự chiếm đoạt có thấy hay không thấy, nhàm chán mọi sự mong cầu, tự mình từ bỏ ưu sầu như là đập bình đất, xa lìa tham lam keo kiệt. Phá nước hủy thành, tàn hại muôn dân, sát sanh, trộm cướp, dâm dật, nói dối, nói hai lưỡi, uống rượu, đánh nhau, tuy phạm những việc này cũng chẳng có tội báo. Người bố thí cũng không có phước báo. Tàn hại, bội nghịch, làm những điều ác, không tội không phước, không có gì để giữ, để làm, không có nhân duyên, không có chí thành, cũng không có chân thật, dẫu làm theo nghĩa lý, thiện ác không có báo ứng". Thí như hỏi xoài thì lấy dưa đáp lại, hỏi dưa thì lấy xoài đáp lại, Tỷ-lô-trì cũng như vậy. Tôi hỏi về phương pháp tu tập để đắc đạo chứng quả thì lại trả lời đoạn tuyệt, không có tội phước. Tâm tôi nghĩ rằng duyên gì như vậy. Không thể hiểu nổi tôi liền bỏ đi.

Tôi lại đến chỗ Ni-kiền tử, hỏi Ni-kiền tử: "Sao gọi là được trụ xứ, dục xứ, có người thọ tội phước hay không? Làm những việc gì ở đời trước? Người học đạo có đắc đạo chăng?" Vị ấy đáp lại tôi: "Thưa đại vương, tất cả những người hiện tại mà tôi thấy được có tội hay phước đều là do nhân duyên ái dục từ đời trước sanh ra, do nhân duyên ái dục mà có già bệnh. Đối với người học đạo có ý niệm về nhân duyên, nhờ sanh ra con cháu, sau đó mới được đạo". Thí như hỏi xoài đáp dưa, hỏi dưa đáp xoài. Tôi hỏi việc chứng quả đắc đạo, vị ấy trở lại dùng kiến chấp hư vọng để trả lời. Tôi nghe vị ấy nói xong không mừng không vui, liền đứng dậy bỏ đi.

Vua A-xà-thế bạch Đức Phật:

–Tôi đã hỏi tất cả các vị thầy ấy mà không được thông tỏ. Dám mong Đức Thế Tôn, Đấng Chứa Của Báu, xin hỏi những điều như vậy, mong Ngài giải đáp sự nghi ngờ cho tôi: "Thế nào là vị Phạm chí có chí tịch tịnh? Đối với pháp luật này làm thế nào để chứng đạo?"

Đức Phật bảo nhà vua:

–Những điều đại vương hỏi, Ta sẽ vì đại vương phân biệt rõ ràng để tâm đại vương giải tỏa các ràng buộc. Trước hết Ta hỏi đại vương, đại vương hãy tùy ý đáp lại. Thế nào đại vương, nếu có người mặc quần áo đẹp cung kính đứng hầu đại vương tự cho là sung sướng. Người đó không thích địa vị và chỗ ở của mình, tâm tự nghĩ: "Vua A-xà-thế là người, ta cũng là người, vua dùng năm thứ dục lạc để tự vui thích, y phục trang nghiêm, mà còn không thích chỗ ở, không ưa địa vị của mình. Ta nên lập đức, lìa các tội báo, chi bằng ta hãy cạo bỏ râu tóc

mặc áo ca-sa làm Sa-môn, từ nhà phát sanh niềm tin, bỏ nhà học đạo. Vị ấy bèn thọ giới pháp, tu tập vâng giữ các điều ngăn cấm của đạo: không sát sanh, trộm cắp, tà dâm; không nói láo, nói hai lưỡi, nói lời độc ác, mắng nhiếc; không giận hờn, ganh ghét si mê. Ý của đại vương như thế nào, nếu có người đến chỗ đại vương tâu rằng, người hầu trang nghiêm đẹp đẽ, cung phụng hầu hạ đại vương đã không thích địa vị, không ham chỗ ở, từ nhà phát sanh niềm tin, bỏ nhà học đạo, giữ gìn thân miệng ý, không phạm các điều ác, tu hành mười nghiệp thiện? Đại vương đối xử với người hầu ấy như thế nào?

Nhà vua thưa với Đức Phật:

–Tôi gặp người đó sẽ hoan hỷ hỏi thăm, cung kính lễ bái, cúng dường y phục, đồ ăn đồ uống, giường nằm tọa cụ, thuốc thang khi đau ốm.

Đức Phật bảo nhà vua:

–Người đó chưa thực hành đại pháp mà đạt được kết quả của đạo như vậy.

Nhà vua bạch Đức Phật:

–Cúi mong Phật thuyết pháp.

Đức Phật bảo nhà vua:

–Ta đối với thế gian là Bậc Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn. Khi thuyết pháp, lời nói đầu cũng thiện, lời nói giữa cũng thiện, lời nói cuối cũng thiện, đầy đủ trí tuệ vi diệu, giảng thuyết hạnh thanh tịnh. Nếu có con của bậc Trưởng giả tôn quý nghe Phật giảng thuyết kinh điển, đối với Pháp luật của Như Lai có được đức tin tốt đẹp lợi ích, tự thấy đối với trong Phật pháp có lợi ích lớn liền được pháp nhẫn, nghĩ rằng đời sống gia đình bức bách, phiền não, còn người xuất gia thì không có ngăn ngại, liền nhất tâm trừ bỏ dục lạc, cho đến trọn đời vâng giữ hạnh thanh tịnh, nghĩ rằng: "Ta muốn dứt bỏ nhà cửa, tài sản, quyến thuộc, cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, từ nhà phát sinh niềm tin xuất gia theo đạo, xả bỏ dục lạc làm Sa-môn, phụng trì hai trăm năm mươi giới của Tỳ-kheo không vi phạm điều cấm của đạo, nên đạt được pháp". Vị ấy khi đứng đều có khuôn pháp chẳng mất oai nghi, ngay đó trừ được tâm sở hữu, yên tịnh nghiêm trang, cẩn thận sợ sệt những lỗi lầm, nhất tâm bình đẳng, tu tập chánh giới, xa lìa sát sanh, không cầm dao gậy, tâm thường giữ lòng hổ

thẹn, rộng làm an ổn cho tất cả chúng sanh, không làm chúng sợ hãi. Tâm vị ấy thanh tịnh, không có tổn hại, xa lìa trộm cắp, trừ bỏ sự lấy của không cho, hoan hỷ tuệ thí, tâm muốn xả bỏ, nhớ nghĩ an ổn, thường tự phòng hộ.

Tâm vị ấy thanh tịnh, không cho thì không lấy, xa lìa dâm dục, tịnh tu phạm hạnh, giữ tâm trinh khiết, tiêu diệt tâm dục ô uế.

Tâm vị ấy thanh tịnh, không bị sắc mê hoặc, xa lìa nói dối, không còn hư dối, chưa từng dối trá, giữ tâm thành tín, an trụ trên sự thật, không làm ngược lại lời thệ nguyện đối với thế gian.

Tâm vị ấy thanh tịnh, không ôm lòng lừa đảo, không thích hai lưỡi, không gièm pha bậc có đức, chưa từng xúi giục để bên này bên kia tranh giành, hòa giải những điều tranh tụng, làm tiêu trừ sự oán hại.

Tâm vị ấy thanh tịnh, không nói hai lưỡi để gây thù hận, xa lìa lời nói ác độc, không thích chửi mắng, luôn luôn giữ tâm tự tại, chưa từng phóng túng buông lời bất thiện, nói điều nhu hòa, không nói lời thô bỉ, ai nghe cũng tín phục, hân hoan, quy ngưỡng.

Tâm vị ấy thanh tịnh, chưa từng chửi mắng, xa lìa lời nói thêu dệt, phát ngôn đúng lúc, không có sự hủy báng, mưu hại, bàn luận pháp ý nghĩa rõ ràng, lời nói an tường, tịch tĩnh không sai sót, phân biệt tình lý.

Tâm vị ấy thanh tịnh, không thêu dệt, xa lìa vô minh, trừ bỏ tâm ngu si, không tham vật của kẻ khác, không tìm lỗi của người, xem thân mình như người, thường cầu được an định tuyệt đối.

Tâm vị ấy thanh tịnh, không ôm lòng ngu si, xa lìa sân hận, không có ý sân hại, thường giữ tâm từ bi, dùng phương tiện khéo léo thương xót che chở cho cả loài côn trùng nhỏ bé, biết xấu hổ, an ủi tất cả muôn loài.

Tâm vị ấy thanh tịnh, không ôm lòng sân hận, xa lìa việc ham ngủ nghỉ, tâm tập hạnh không, thường hành vắng lặng, chưa từng an nghỉ, mong thấy trời sáng để thức dậy.

Tâm vị ấy thanh tịnh, tinh tấn không ngủ nghỉ, xa lìa đùa giỡn, nói chuyện ồn ào, hành động không tham đắm, không hung bạo.

Tâm vị ấy thanh tịnh, tinh tấn không đùa giỡn, xa lìa hồ nghi, tâm không do dự, giữ ý nhất định ở nơi pháp lành, trong lòng thanh tịnh, chí không hồ nghi, xa lìa tà kiến, đời này đời sau, tin bố thí đạt được phước, hiếu thuận đối với cha mẹ, tôn kính bậc Hiền thánh, vâng giữ tu hành

theo đường thiện của người có lòng tin, sau khi mạng chung được sanh trở lại, được đạo lục thông, hành hạnh bình đẳng.

Tâm vị ấy thanh tịnh, không có tà kiến, xa lìa dua nịnh, trong lòng chân thật, không ôm lòng xảo trá, không dùng cân, đấu, thước tấc để xâm chiếm, lừa dối cướp đoạt của người, không trói buộc và bỏ người vào lao ngục, không hủy báng, không oán trách, mong được sáng tỏ.

Tâm vị ấy thanh tịnh, không dua nịnh, xa lìa quan hệ nam nữ, không thích ở nhà với cảnh vợ con ái dục, tiêu trừ hồ nghi.

Tâm vị ấy thanh tịnh, không tham danh lợi, không nuôi nô tỳ, tớ hầu, tỳ thiếp; không thích đời sống gia đình.

Tâm vị ấy thanh tịnh, không có vọng chấp, không nuôi voi, ngựa, trâu, dê, không ưa nuôi súc vật.

Tâm vị ấy thanh tịnh, không muốn cưỡi xe, không nuôi gà, chim, chó, heo; không có cầu lợi.

Tâm vị ấy thanh tịnh, không nuôi gà heo, xa lìa nhà cửa, không trang sức phòng ốc, không tậu ruộng nhà, vườn tược cây trái.

Tâm vị ấy thanh tịnh, không tham đắm ruộng nhà, xa lìa sự thêu dệt mỹ lệ, tòa ngồi vàng bạc cao rộng; không thích nệm trải trên xe, ghế bện bằng tre.

Tâm vị ấy thanh tịnh, không ngủ giường cao, xa lìa bảy thứ châu báu, không chứa ngọc ngà vật báu, xả bỏ đồ chơi bằng ngọc, không ham danh lợi.

Tâm vị ấy thanh tịnh, không ham tài sắc, xa lìa hương hoa, không thích các loại hương, thân không ướp hương, không có mong cầu.

Tâm vị ấy thanh tịnh, không tham đắm hoa hương, xa lìa ăn phi thời, đúng giờ chỉ ăn một lần, trọn đời giữ đúng kỳ hạn.

Tâm vị ấy thanh tịnh, ăn không sai giờ, cày đất gieo giống, đứng đắn trong các việc ấy, thấy rồi mới làm, làm việc của Sa-môn, làm nghiêm tịnh tâm mình, chiếu soi phá bỏ ưu sầu, trừ hết uế hại, thường hành chân chánh, tiết độ, tri túc, một lòng với đạo, làm Sa-môn Phạm chí như vậy, thọ nhận đồ ăn của tín thí, ngay nơi chỗ ở quận, nước, huyện ấp, hành động như pháp, cội rễ đã thường thanh tịnh, cành thân nhánh lá hoa quả cũng thanh tịnh, đầy đủ các thứ thanh tịnh, hạt giống ấy cũng thanh tịnh như vậy, tại quận nước, huyện ấp làm Sa-môn với hạnh xa lìa.

Nếu có Sa-môn Phạm chí là người đáng thọ nhận đồ ăn của tín

thí, ngay chỗ mình ở phải khéo nhớ nghĩ đến tín thí, thường hành như pháp.

Nếu có Sa-môn Phạm chí thọ nhận đồ ăn của tín thí, ở ngay trụ xứ, hành động không tương ứng, mong cầu đồ ăn uống, so đo, tính toán, mong cầu hương hoa, y phục, giường nằm, tàng trữ châu báu, những việc mong cầu như vậy, vị Sa-môn đạo nhân ấy đều đã xa lìa.

Nếu có Sa-môn Phạm chí thọ nhận đồ ăn của tín thí rồi mà còn ngồi giường cao rộng, sử dụng giường báu, hành động không tương ứng, trang sức giường chõng, sơn phết đẹp đẽ, ưa thích vẽ vời, tạo cảm giác mạnh, tay cầm tràng phất, cưỡi voi, xe, ngựa, chí mong cầu ăn ngon, thường ưa danh sắc, Sa-môn đạo nhân ấy đều đã xa lìa những việc đó.

Nếu có Sa-môn Phạm chí đã thọ nhận đồ ăn của tín thí mà còn tắm rửa tự do, hành động không tương ứng, hành động đáng bỏ, lấy hương hoa tự ướp vào người, cầu mong đồ cúng dường, không theo đạo lý, tay cầm dao và lọng, thi nhau dùng chuỗi ngọc châu báu, đeo vào cánh tay, cổ tay, vào cổ vào chân, thân thì mặc y phục trắng sạch, chặt đứt cây cối; những hành động như vậy, vị Sa-môn đạo nhân ấy đều đã xa lìa.

Nếu có Sa-môn Phạm chí đã thọ nhận đồ ăn của tín thí mà còn tự làm đẹp thân thể, ở tại trụ xứ hành động không tương ứng, như đấu voi, trâu, ngựa, gà, chó, dê, heo, đấu loạn giữa người nam, người nữ, người lớn, người nhỏ, đi xem việc đấu nhau và các lễ hội, hành động và mong cầu như vậy, vị Sa-môn đạo nhân đều đã xa lìa.

Nếu có Sa-môn Phạm chí đã thọ nhận đồ ăn của tín thí mà còn tự mình trang nghiêm thân thể, chỗ ở phi pháp, hành động không tương ứng, chỉ làm nghề nghe tiếng voi, tiếng bầy ngựa, tiếng xe, tiếng người đi bộ, tiếng trâu, tiếng dê, đánh trống, kỹ nhạc, ca múa, vui đùa, bàn luận nói năng, những pháp như vậy là đạo hạnh của ngoại đạo, vị Sa-môn đạo nhân ấy đều đã xa lìa.

Nếu có Sa-môn Phạm chí thọ nhận đồ ăn của tín thí mà còn chơi cờ xu bồ, bài bạc, nếp sống phi pháp, hành động bất nhất, cùng nhau cạnh tranh, ném thẻ vào túi, leo cột, chơi cờ vua, chọi bò con, ném chén, hành động như vậy là nếp sống phi pháp, vị Sa-môn đạo nhân ấy đều đã xa lìa.

Nếu có Sa-môn Phạm chí thọ nhận đồ ăn của tín thí mà còn cùng nhau lớn tiếng tranh nhau lời nói, hành động phi pháp, nếp sống phi

pháp, việc làm không tương ứng, cho rằng: "Đây là pháp đúng, đấy là phi pháp. Việc ấy chẳng phải như vậy, đây là pháp duy nhất, chẳng phải như ngươi nói. Ta đã tu tập pháp, ngươi làm không đúng, ta làm đúng; ngươi có nhân duyên, ta không có nhân duyên; những điều đáng nói trước ngươi lại nói dối ngược ra sau, ta đã thắng ngươi, ngươi không được gì cả, chỉ làm các điều ác, sẽ gặp nguy hại; ta được độ thoát, ngươi bị tổn hại, không được tự tại", những sự tranh tụng như vậy là lời nói phi pháp, vị Sa-môn đạo nhân ấy đều đã xa lìa.

Nếu có Sa-môn Phạm chí đã thọ nhận đồ ăn của tín thí mà còn ngồi lại bàn luận không căn cứ, hành động không tương ứng như: "Vua xử ra sao với giặc trộm? Chiến đấu ra sao? Ăn uống thế nào? Y phục nam nữ, kẻ lớn người nhỏ ra sao? Các việc thế gian, nguyên nhân tốt xấu thế nào?", những lời nói phi pháp mang tính như vậy, vị Sa-môn đạo nhân ấy đều đã xa lìa.

Sa-môn Phạm chí đã thọ nhận đồ ăn của tín thí mà còn nói năng không đúng, nói những điều phi pháp, hành động không tương ứng, nói về việc vua chúa, việc của hàng Bà-la-môn, nói về cây cối, nhân sự, nói về quốc sự, đối với đây với kia phải như vậy, nước kia phải có điều đó, người này phải đến kia, người kia phải lại đây; những lời nói phi pháp như vậy, vị Sa-môn đạo nhân ấy đều đã xa lìa.

Sa-môn Phạm chí đã thọ nhận đồ ăn của tín thí mà còn hành động quanh co dua nịnh, việc làm phi pháp, hành động không tương ứng, ngồi lại nói chuyện như thế là đắc lợi, như thế là suy bại, làm ăn mua bán tài vật của người; những việc phi pháp quanh co, dua nịnh như vậy, vị Sa-môn đạo nhân ấy đều đã xa lìa.

Sa-môn Phạm chí đã thọ nhận đồ ăn của tín thí mà còn học các huyễn thuật, hưng khởi tà kiến, nói sự quái gở của mặt trời, bói ngược xem tướng, nói dối có sự chiếm đoạt, học phẩm thuật, xử độ thuật và thuật học chú dối trá, thuật niệm chú Càn-đà-la, niệm chú Khổng tước, niệm chú Tạp toái. Ấy là dị thuật dối trá, mê hoặc. Những việc như vậy là thuật phi pháp. Vị Sa-môn đạo nhân ấy đều đã xa lìa những việc.

Sa-môn Phạm chí đã thọ nhận đồ ăn của tín thí mà còn học chú mê hoặc, thuật lừa dối, xem tướng mặt người, xem tinh tú, các việc tai biến, mây, gió, sấm sét, sương mù, cầu xin ngày tốt, vào lúc trong tháng mùa hạ ở làng xóm kia sẽ có mưa, không mưa, ở đất đó sẽ tốt, không tốt, nói về việc quốc vương. Hành động như vậy là thuật phi pháp. Vị Sa-môn đạo nhân ấy đều đã xa lìa những việc đó.

Sa-môn Phạm chí đã thọ nhận đồ ăn của tín thí mà còn học bao nhiêu loại pháp tà quấy, tạo nghiệp súc sanh, xem mạch ra toa làm thuốc, vì muốn làm cho người đoạn khí, thổ hạ, xuất hạn, chí không chân chánh, nói ra thuật lừa dối, bói việc an ổn. Những việc như vậy là nghiệp súc sanh. Vị Sa-môn đạo nhân ấy đều đã xa lìa những việc đó.

Sa-môn Phạm chí đã thọ nhận đồ ăn của tín thí mà vẫn còn hành động phi pháp, miệng nhai cơm bàn luận chuyện cưới hỏi: "Vị ấy có chỗ ở tốt, quán của vị này, nhà của vị kia, nhà vị này đáng nhớ, nhà vị kia yên ổn; vị này có lầu đài, làm việc siêng năng, vị kia có lầu quán, làm việc lười biếng, và nói về những việc vụn vặt của vua. Việc làm như vậy là nghiệp súc sanh. Vị Sa-môn đạo nhân ấy đều đã xa lìa những việc đó.

Sa-môn Phạm chí đã thọ nhận đồ ăn của tín thí mà còn làm bao nhiêu hạnh súc sanh, nghiệp tà kiến: xem bói, xem tướng châu báu, bò, ngựa, nhà ở, dao bén, xem tướng đàn ông, đàn bà, người lớn, con nít. Những việc làm như vậy là nghiệp tà kiến. Vị Sa-môn đạo nhân ấy đều đã xa lìa những việc đó.

Sa-môn Phạm chí đã thọ nhận đồ ăn của tín thí mà tự thân còn làm nghiệp phi pháp yêu tá, mê vọng, làm việc vô trí mà tự cho là có trí, bói quẻ, làm phù chú. Hành động như vậy là nghiệp tà kiến. Vị Sa-môn đạo nhân ấy đều đã xa lìa những việc đó.

Sa-môn Phạm chí đã thọ nhận đồ ăn của tín thí mà còn xem việc tốt, xấu, dự đoán lúa thóc sẽ mất mùa, được mùa, sẽ bình yên hay bị nạn, sẽ bị khủng bố, sẽ được an ổn, sẽ có nạn dịch lớn, sẽ có tử vong. Việc làm như vậy là nghiệp tà kiến. Vị Sa-môn đạo nhân ấy đều đã xa lìa những việc đó.

Sa-môn Phạm chí đã thọ nhận đồ ăn của tín thí mà còn nói vua nước này chiến đấu sẽ đắc thắng, vua nước kia thì không bằng, vua nước này sẽ công du thăm nước kia, vua nước kia thì không được tự tại như vậy. Ở đây sẽ đắc thắng, ở kia sẽ bại trận; voi ngựa, sáu thứ súc vật, xe cộ của vua này nhiều; voi, ngựa, xe cộ của vua kia ít. Các việc như vậy là nghiệp tà kiến. Vị Sa-môn đạo nhân ấy đều đã xa lìa những việc đó.

Sa-môn Phạm chí đã thọ nhận đồ ăn của tín thí rồi mà còn cùng nhau bàn luận chuyện mặt trời, mặt trăng đi thuận đường, mặt trời, mặt trăng đi sai đường; tinh tú đi thuận đường, tinh tú đi sai đường; mặt trời mặt trăng vận hành chậm, nhanh, không thuận, sẽ có tai biến lạ lùng, khác thường, sẽ có nhật thực, nguyệt thực, hoặc có mưa, có sương, có mưa đá, hoặc sẽ có sấm chớp. Việc làm như vậy là nghiệp tà kiến. Vị Sa-môn đạo nhân ấy đều đã xa lìa những việc đó.

Sa-môn Phạm chí đã thọ nhận đồ ăn của tín thí rồi mà còn nói mặt trời mặt trăng vì vậy mà đi thuận đường, vì vậy mà đi sai đường, tinh tú đi thuận đường là có nhân duyên, đi không thuận đường cũng có nhân duyên. Có sự trở ngại biến hóa quái dị, mặt trời mặt trăng sẽ đi về hướng Tây, hoặc nói đi về hướng Đông, hoặc nói sẽ bị xâm thực, lại nói tại sao không bị xâm thực, sẽ có sấm chớp, sét nổ. Những việc như vậy thường cho là chứng nghiệm. Vị Sa-môn đạo nhân ấy đều đã xa lìa những việc đó, thì mới gọi là bậc Hiền thánh.

Đệ tử Sa-môn của Ta tôn thờ giới phẩm của bậc Hiền thánh, hành động biết vừa đủ, áo quần mục đích là để che thân, ăn uống mục đích là để no lòng, đi đến đâu y bát luôn mang theo bên thân, không lưu luyến việc gì. Ví như con chim bay trên bầu trời mang theo đôi cánh, Tỳ-kheo cũng vậy, tôn thờ giới của bậc Hiền thánh, tâm biết vừa đủ, không có mong cầu, chăm chú, tiết chế, các hành động của vị ấy đều an ổn, tất cả hành động đều tốt lành, thấy nhìn, quan sát, không mất oai nghi, co duỗi, tiến ngừng theo đúng nghi pháp, ngồi đứng an nhàn, không có tổn hại, trì giới phẩm này là tri túc đệ nhất, các căn tịch tĩnh, tâm được an ổn, các căn không loạn, giữ gìn tâm mình, không còn suy tưởng, để tâm nơi đạo, mắt thấy sắc đáng ưa không suy tưởng tìm cầu cái đẹp, đoạn trừ ngay chỗ cảm thọ, phụng hành gốc thiện, ở trong tâm mình, xa lìa nội sắc, giữ gìn nhãn căn, khi tai nghe tiếng, mũi ngửi hương, lưỡi nếm vị, thân xúc chạm cũng như vậy, không có tưởng mong cầu, không có tham đắm, trừ bỏ những điều không nên làm, vứt sạch ngu si, đoạn pháp bất thiện, giữ ý bên trong khiến cho không loạn, làm cho tâm, căn được định. Vị Tỳ-kheo phụng trì giới của Hiền thánh ấy là bậc Tri túc đệ nhất. Tâm vị ấy tịch tịnh, các căn của toàn thân đều an định, bên trong không khởi loạn động mà hành an ổn, ở chỗ an nhàn vắng lặng, ẩn mình nơi núi rừng, hang động hoang dã, trong thân an ổn, lìa thế gian, không nhiễm đắm tham vướng, tâm nghĩ đến vô tưởng, không tham sở hữu của kẻ khác, không khởi ngu si, không xâm loạn người, thường hành tâm từ bi, trong lòng thanh tịnh, không có tưởng si mê, du hành nơi nào tâm không vướng mắc, thích điều thiện, an ổn.

Ví như người đi xa cầu lợi, vượt qua đường xấu, thoát khỏi hiểm trở chông gai, được nhiều tài lợi, không quên cung cấp cho vợ con, trai gái, thân tộc. Người ấy tự nghĩ trong lòng hoan hỷ vô cùng. Tỳ-kheo cũng vậy xa lìa ngu si, trong lòng thanh tịnh, không có vẩn đục, đã trừ sân hại, vui mừng không ô uế.

Ví như có người bị bệnh liệt giường, ốm yếu quanh năm, ngày hôm sau lành bệnh, sức lực an ổn, ăn uống tiêu hóa, trong lòng tự nghĩ ta vốn nguy ách nay được lành bệnh. Tỳ-kheo cũng vậy, trừ tâm sân hận, tư duy chín chắn, tâm cũng hoan hỷ.

Ví như có người làm tôi tớ cho kẻ khác, chấp lao phục dịch, không bao giờ được nghỉ ngơi, không được tự tại, sau được giải thoát, làm kẻ tự do, tâm tự nghĩ rằng ta vốn là người bị lệ thuộc kẻ khác, nay được thoát khỏi, tâm rất vui mừng. Tỳ-kheo trừ bỏ tâm nghi ngờ, không còn

do dự, liền được thanh tịnh, hoan hỷ vui mừng.

Ví như có người bị nhốt trong lao ngục, khổ sở đau đớn, sau đó được ra tâm tự nghĩ rằng ta vốn bị nhốt trong ngục u tối, nay đã thoát khỏi, liền tự thương mình. Tỳ-kheo cũng vậy, trừ khử tâm nghi, thanh tịnh, không còn tỳ vết, hoan hỷ. Tỳ-kheo trừ bỏ tâm bất chánh, tâm không còn tư tưởng tỳ vết, thanh tịnh trong lòng.

Ví như có người gặp năm được mùa, sợ lúc đói khát để được an ổn, cứu giúp mạng mình, gặp lúc được mùa, lúa thóc được giá rẻ, vui mừng không sợ sệt, tâm tự nghĩ rằng ta vốn đói khát, nguy khốn khó tả, nay được no đủ, trong lòng vui mừng. Tỳ-kheo cũng vậy trừ tâm bất chánh, không có các tưởng, trở về nguồn gốc thanh tịnh, không còn tâm nghi ngờ, trừ năm thứ ngăn che, xa lìa tâm phiền não, ra sức để đạt trí tuệ mà thoát các ách nạn, hình ngục đói khát đã trừ, ái dục, các pháp bất thiện đã bỏ, có tưởng có hành, tịch nhiên thanh tịnh, hành đệ Nhất thiền.

Ví như có người xuống nước tắm rửa, sạch sẽ không dơ bẩn, vượt qua bờ bên kia, tâm được hoan hỷ. Tỳ-kheo cũng vậy, tịch nhiên ở một mình, an tịnh, hỷ duyệt, quán thấy tất cả, thân này từ đâu có, thấy không có thân, rộng quán thấy không có gốc rễ, tâm được vắng lặng, vui mừng an ổn, đạt đệ nhất nhất tâm (thiền định), vị ấy dùng định này, trong lòng thanh tịnh, an trụ tịch nhiên, được tâm chuyên nhất, ái dục đã hết, trừ khử các tưởng, bên trong nhớ nghĩ đầy đủ, an ổn làm hạnh lành, đệ nhị nhất tâm. Lại ngay thân này được tam-muội định, hoan hỷ an ổn, không còn chướng ngại, quán thấy đầy đủ, không có thân loại, thành vô sở đắc, đắc định hoan hỷ.

Ví như hoa sen xanh, cành hoa sanh ở dưới nước bùn hôi thối, nuôi lớn trong nước, tuy ở trong nước mà gốc, lá, hoa, quả ở trong nước không dính nước, cũng không bị ô nhiễm. Tỳ-kheo cũng vậy, đối với thân này cùng với tam-muội, an ổn hoan hỷ. Vị ấy lấy tâm chánh thọ này đạt đến vững chắc, tâm không loạn động, thanh tịnh tâm mình, không có trần dục, đạt đệ tam nhất tâm (thiền định). Vị ấy dùng tâm này, thân an ổn, ý định an ổn, không tham đắm, giả như có thân phải rộng quán tất cả đều không có gì, lại cũng không còn hỷ lạc, an ổn không loạn.

Ví như có một hòn núi, hoàn toàn không bị sứt mẻ, rộng lớn vô biên, gió từ phương Đông thổi tới cũng không thể làm nó di động, gió từ Nam, Tây, Bắc phương thổi tới cũng như vậy. Vì sao? Vì chân núi

vững chắc nên không thể di động. Bên trong lại có dòng nước trong lành, mát mẽ, không có ô uế, nhờ nương vào núi nên dòng nước chảy đầy đủ, cùng khắp trong núi, không chỗ nào mà không chảy đến, vì nhờ nước sạch. Tỳ-kheo cũng vậy, quán thân này không có ưa thích, nương tựa an ổn, hành động đầy đủ, quán thấy không thân. Vị ấy đã thấy khắp, dùng tâm này thực hành an ổn, thanh tịnh không có tỳ vết, vững chắc không khác, trừ khử ái dục, không khổ không lạc, đang hành nhất tâm đệ Tứ thiền.

Ví như có người vào ngày mười bảy, mười tám trong tháng, mặc quần áo mới, đầu mặt vui vẻ, xem thấy thân mình đoan nghiêm, nhờ mặc y phục thật đẹp. Tỳ-kheo cũng vậy, thân hành thanh tịnh, tâm không ô uế, vui mừng được độ thoát, không còn gì để làm, không thấy có thân, quán khắp không sót chỗ nào, dùng tâm thanh tịnh, không có các ô uế.

Ví như ở quận, nước, huyện, ấp không xa có một giảng đường, có người ở trong đó đốt lửa sáng rực, ánh sáng chiếu khắp, không có cao thấp, gió không thể diệt, chim không thể che, và các chủng loại khác cũng không thể làm mờ ánh sáng ấy, nó thật vững chắc bất động. Tỳ-kheo cũng vậy, tâm không tán loạn, vững chắc bất động, đã được thanh tịnh vắng lặng. Tỳ-kheo biết rõ rằng đã được chánh thọ, thân tâm tịch tĩnh, thân tứ đại này, từ cha mẹ sanh, chỗ nương của thần thức, bỏ thân, không vui thích, thân tâm là vật tai hoạn cần phải nhàm chán, không còn thọ sanh trở lại, khiến tâm vô sắc, trừ khử tất cả thân hình các chủng loại, không mất căn bản mà lập thân tâm, hóa hiện các thân, đầy đủ tướng tốt, không có thiếu sót.

Ví như nhổ gốc rễ cây cỏ, kẻ trí thấy biết, như nhổ gốc cây, không còn sanh trở lại nữa. Tỳ-kheo cũng thế, hiểu rõ như vậy, sở hữu của thân này, thấy có danh sắc, tứ đại hợp thành, từ cha mẹ sanh, cơm áo nuôi dưỡng, là vật ngăn che hư ngụy, nào có bền chắc, là pháp tiêu diệt, thần thức nương tựa, khiến cho an trụ không tán loạn, cũng không lay động. Ta ở ngay nơi thân tâm, hóa hiện các thân, không có sắc tâm, đầy đủ hình dạng, các căn không hủy, từ tam-muội khởi, hóa bao nhiêu thân, hình dung đầy đủ.

Ví như có người ra khỏi cái rương có rắn hổ mang. Người trí thấy đó biết là cái rương của bốn con rắn hổ. Tỳ-kheo cũng vậy, hiểu rõ việc ấy là cái thân hữu hình, nương vào hơi ấm, tứ đại hợp thành, từ cha mẹ sanh, thần thức nương tựa, phải ngay thân tâm biến hiện các hình,

không có danh sắc, đầy đủ hình dung, nói về căn bản không có thiếu sót, từ tam-muội khởi, hóa thân vô số.

Ví như có người rút gươm ra khỏi bao, kẻ sáng mắt biết rằng trong bao này có một cây gươm bén nay đã rút ra. Tỳ-kheo cũng vậy hiểu rõ việc ấy, rộng xem con người hóa ra vô số hình, đầy đủ các tướng tốt, khiến cho không thiếu sót.

Tỳ-kheo dùng Tam-muội chánh thọ này mà tâm được thanh tịnh, không có tỳ vết ô uế, trừ bỏ phiền não, nhu hòa vô dục, vững chắc bất động, trí tuệ thần túc, đã đạt được trí tuệ thần thông, tâm không tăng giảm, hành động bình đẳng, tôn xưng là Đại tự tại, tâm niệm không sợ sệt, dùng một thân hóa ra vô số thân, vô số thân trở lại làm thành một thân, tự do biến hiện, với bao nhiêu trí tuệ, xuyên qua tường vách mà không ngại dấu vết.

Ví như chim bay trên hư không, bay ra không cần cửa, bay vào không cần lỗ, vị ấy vào đất không trở ngại như ra vào trong nước, đi trên mặt nước giống như đạp trên mặt đất. Ở trong hư không, ngồi kiết già ngay thẳng, như chim bay trên mây, đối với mặt trời, mặt trăng oai thần rộng lớn, lấy tay nắm bắt, sờ chạm vào, biến thân lên đến cõi Phạm thiên thứ bảy.

Ví như thợ làm đồ gốm thiện xảo, trộn bùn thật đều, nắn ra hình tượng đẹp, khiến cho đất thó dính lại để làm đồ dùng, chẳng có gì mà không làm được. Tỳ-kheo cũng lại như vậy, được thần thông tự tại biến hóa lên đến Phạm thiên.

Ví như thợ huấn luyện voi, ngựa, huấn luyện các voi ngựa đều khiến được thành tựu. Tỳ-kheo cũng như vậy, thần thông biến hóa, thân lên đến cõi Phạm thiên.

Ví như thợ vàng luyện vàng tinh xảo, lấy vàng ròng làm vòng ngọc đeo tay, xâu chuỗi, ấn ngọc khảm vàng xinh đẹp, tùy ý làm gì cũng thành. Tỳ-kheo cũng vậy, thần thông biến hóa, thân lên đến Phạm thiên, Tỳ-kheo giữ Tam-muội chánh thọ, tâm thanh tịnh, không tỳ vết, đạt đến chứng trí, được thần thông, tâm không vướng mắc, mắt có thể thấy được tất cả, thấy trên trời dưới đất các chỗ thiện ác, tai có thể nghe hết, nghe tiếng nói của chư Thiên con người và tiếng của loài trùng bò, hơi thở của người vật.

Ví như vị Đại sĩ trượng phu thổi kèn ốc lớn, đứng trên đài lớn, dùng hết sức để thổi, tiếng vang bốn phương đều nghe. Tỳ-kheo cũng

lại như vậy, tai đạo nghe khắp chư Thiên, nhân, thiện ác đều nghe được cả, do đã đắc đạo chứng thần thông, biết khắp tâm niệm thiện ác của người khác, có dục, không có dục, có sân hay không sân, có lòng từ hay không có lòng từ, có ngu si hay không ngu si, có trí tuệ hay không có trí tuệ, có phiền não hay không có phiền não, có đắc đạo chứng quả hay không đắc đạo chứng quả, loạn tâm hay tịnh tâm, siêng năng hay biếng nhác, công đức trí tuệ, hữu lượng vô lượng đều biết rõ cả.

Ví như quận, nước, huyện, ấp, không xa có một cái chòi lớn hoặc là lầu cao, có người đứng trên đó, thấy vô số người đi lại ra vào, kẻ trí thấy vậy, xem kẻ ra vào. Tỳ-kheo cũng như thế, thấy tâm con người thiện ác, tốt xấu cùng với tất cả hình loại trong thế gian.

Đức Phật nói:

–Vị Tỳ-kheo ấy đạt được thần thông nhớ về vô số sự việc trong đời quá khứ, có tâm trí tuệ hay tâm si mê. Thấy một đời, mười đời, trăm đời, ngàn đời, vạn đời, ngàn vạn đời, vô số đời, qua lại xoay quanh, đất trời thành bại, nơi sanh của người đó, lại sanh nơi này, ở tại nơi này, tên gọi của địa phương, dòng họ, tên gọi, tướng mạo, thọ, yểu, đẹp, xấu, thiện ác. Chết chỗ kia sanh ở đây, chết ở đây sanh ở kia, đều biết rõ cả.

Ví như có người từ làng xóm này đến làng xóm khác, ngồi đứng, nói năng, ngủ nghỉ, không nói, rồi từ làng xóm kia trở lại làng xóm này, ngồi đứng nói năng, kinh hành, đều biết rõ cả. Tỳ-kheo cũng vậy, có sự hiểu biết như biển, thấy sự việc vô số ở đời quá khứ.

Đức Phật nói:

–Tỳ-kheo được thần thông trong tâm thanh tịnh, đạo nhãn thấy khắp, xa hơn người thường, thấy người chết, sống, thiện ác, đẹp xấu, sanh ở cõi thiện, cõi ác, người mà thân làm thiện, miệng nói thiện, ý nghĩ thiện, quán sát chân chánh, không tà kiến, duyên vào căn bản này, nên khi mạng chung được sanh lên trời, còn người mà thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác, duyên vào căn bản này, sau khi chết đọa trong đường ác. Ví như có người đứng trên lầu cao thấy người đi bộ qua lại ra vào, ngồi, vui sướng hay buồn rầu. Tỳ-kheo đã được thần thông như thế, đạo nhãn thấy khắp, thanh tịnh không tỳ vết, thấy việc quá khứ vị lai.

Đức Phật nói:

–Tỳ-kheo đạt được thần thông, các lậu đã hết, trí tuệ chứng tam đạt, không còn nghi ngờ, rõ biết Khổ đế, Tập đế, Diệt đế, Đạo đế, trừ

hữu lưu, vô lưu, không còn tâm si mê, thấy rõ cội nguồn, thâm sâu bền chắc không khác, thấy biết đúng như vậy, đã vượt qua dục lậu, nếu có si lậu, tâm đã thanh tịnh giải thoát, đã độ thoát rồi, trí độ đầy đủ, sanh tử đã đoạn, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, biết cội gốc của danh sắc.

Đức Phật nói:

–Đại vương, đó là đạo quả hiện tại của Sa-môn.

Bấy giờ A-xà-thế, vua nước Ma-kiệt đứng dậy lạy dưới chân Phật, tự hối hận lỗi lầm của mình, bạch Đức Thế Tôn:

–Con đã phạm trọng tội. Ví như đứa trẻ ngu si, không có trí tuệ, mê hoặc, mất trí, không biết quyền biến khéo léo. Đức Phật là Bậc Pháp Vương, là cha mẹ của tất cả, thường lập Chánh pháp cứu kẻ mê, lập ra pháp, không có sân, hận che lấp. Kể từ nay cho đến suốt đời, mong Đức Thế Tôn cho con quy y, tự thấy lỗi lầm xấu ác, lại thọ lãnh lời khuyên răn của Phật, nguyện sửa đổi lỗi lầm quá khứ, thuận tu ở tương lai.

Đức Phật dạy:

–Đại vương, như vua đã nói, ngài thật như đứa trẻ thơ, ngu si không trí tuệ, mê hoặc không có phương tiện, đã hại mạng của cha mẹ mình, nay quy y Bậc Pháp Vương, là đã được sanh lại, tự thấy điều tội lỗi, đối với pháp luật này, sẽ được thiện lợi, không có tổn hại.

Khi ấy vua A-xà-thế chắp tay hướng về Đức Phật thưa:

–Cúi mong Đức Thế Tôn và chúng Tỳ-kheo thọ nhận sự cúng dường của con.

Đức Phật im lặng nhận lời. Nhà vua biết Đức Phật đã nhận lời, trong lòng vui mừng sung sướng, nhiễu quanh Phật ba vòng, cúi lạy rồi lui ra.

Khi nhà vua lui ra cách Phật không xa, bảo đồng tử Kỳ-vực:

–Khanh đã đem lại nhiều điều lợi ích cho ta, khiến ta đến chỗ Đức Phật, học hỏi Phật pháp, được gần gũi Thế Tôn, thoát khỏi tội nặng, làm cho tội nặng trở thành nhẹ.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Vua A-xà-thế đã được pháp sanh nhẫn, tuy có hại pháp vương nhưng đã biết trừ các ô uế, không còn các lậu, đã trụ nơi pháp mà không động chuyển, ngay chỗ này xa lìa mọi phiền não cấu uế, sanh các pháp nhãn.

Nhà vua trở về hoàng cung, ngay ban đêm đã cho bày soạn trăm thứ thức ăn ngon quý, thanh tịnh. Sáng sớm, vua liền đi đến chỗ Phật, cúi đầu lạy dưới chân Đức Phật bạch:

–Đã đến giờ, thỉnh Thế Tôn phó trai.

Đức Phật cùng đại chúng Tỳ-kheo Tăng, quyến thuộc vây quanh đi đến cung vua. Đức Phật và chúng Tăng đã ngồi xong, nhà vua lấy nước rửa chân tay, rồi bày đồ ăn uống, tự tay vua dâng cơm. Khi Đức Phật và chúng Tăng ăn và rửa tay xong, nhà vua liền lấy một cái ghế nhỏ, ngồi ở trước Đức Phật, nghe Phật thuyết pháp.

Nhà vua bạch Đức Phật:

–Cúi mong Đức Thế Tôn cùng chúng Tỳ-kheo nhận lời thỉnh mời của con, an cư một mùa hạ, tại Vương xá cung. Con xin cúng dường không thiếu sót vật gì. Con sẽ xây cất năm trăm tinh xá cúng dường Phật để cho một ngàn hai trăm năm mươi vị có chỗ nghỉ ngơi, kho lẫm lúa thóc lớn nhỏ ở trong cung, con sẽ đem cúng dường.

Đức Phật dạy:

–Đại vương hoan hỷ tức là đã cúng dường Ta đầy đủ rồi. Trước đây Ta đã nhận sự thỉnh mời một mùa hạ của Trưởng giả Tu-đạt ở nước Xá-vệ rồi.

Nhà vua bạch Phật:

–Trưởng giả nước kia đã được thiện lợi. Đức Phật là vị trời giữa trời, trước đã thọ nhận lời thỉnh mời của vị đó.

Bấy giờ Đức Phật thuyết pháp cho vua A-xà-thế nghe, khiến tâm vua khai mở. Đức Phật nói kệ:

Đem lửa tế miếu thờ
Tối thượng trong tế tự
Vua tôn quý loài người
Biển là gốc các sông
Trăng sáng nhất tinh tú
Mặt trời chiếu ban ngày
Đã qua lại trên dưới
Giúp các mầm sinh trưởng
Trên trời, tại cõi người
Phật đạo là tối thượng.

Đức Phật nói kinh xong, vua A-xà-thế, chư Tỳ-kheo, chư Thiên, A-tu-la nghe kinh hoan hỷ, đảnh lễ lui ra.

SỐ 23

KINH ĐẠI LÂU THÁN

Hán dịch: Đời Tây Tấn, Sa-môn Pháp Lập và Pháp Cự.

QUYỂN I

Phẩm 1: DIÊM-PHÙ-LỢI

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật cùng với chúng Đại Tỳ-kheo hai ngàn năm trăm vị du hóa tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc thuộc nước Xá-vệ.

Lúc bấy giờ, sau giờ thọ thực, chúng Tỳ-kheo tập hợp tại giảng đường, cùng nhau ngồi bàn luận:

–Thật là lạ lùng chưa từng có! Trời đất này hình thành như thế nào và hoại diệt như thế nào?

Từ xa, Đức Phật nghe rõ lời nói ấy của các Tỳ-kheo, sau giờ thọ thực, cùng ngồi bàn luận tại giảng đường. Đức Phật liền đứng dậy đi đến giảng đường, ngồi xuống, rồi hỏi các Tỳ-kheo:

–Các thầy đang tập hợp để bàn luận việc gì?

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

–Sau bữa cơm, chúng con tập hợp tại giảng đường, cùng bàn luận: "Thật lạ lùng chưa từng có! Trời đất hình thành như thế nào và hoại diệt như thế nào?" chỉ cùng nhau bàn luận việc đó mà thôi.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Các vị có muốn nghe Như Lai nói để biết về thời kỳ hình thành và hoại diệt của trời đất không?

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

–Nay đã đến lúc, xin Đấng Thiên Trung Thiên vì các Tỳ-kheo chúng con nói cho biết về thời kỳ thành, hoại của đất trời. Tỳ-kheo chúng con nghe lời Phật dạy, sẽ phụng trì.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ! Nay Ta vì các ông mà nói.

Các Tỳ-kheo bạch:

–Bạch Thế Tôn, chúng con rất muốn nghe để biết.

Phật dạy:

–Này các Tỳ-kheo, nếu khi một mặt trời, mặt trăng xoay vần chiếu sáng bốn châu thiên hạ, thì bốn ngàn thiên hạ ở thế giới đó, có một ngàn mặt trời, mặt trăng, có một ngàn núi chúa Tu-di, có bốn ngàn thiên hạ, bốn ngàn biển lớn, bốn ngàn cung rồng lớn, bốn ngàn đại Kim sí điểu (chim lớn cánh vàng), bốn ngàn đường ác, bốn ngàn đường ác lớn, bảy ngàn các loại cây lớn, tám ngàn các loại núi lớn, một vạn các loại địa ngục lớn, gọi đó là một Tiểu thiên thế giới bằng một ngàn Tiểu thế giới. Một ngàn Tiểu thiên thế giới như vậy thì gọi là Trung thiên thế giới. Một ngàn Trung thiên thế giới như vậy thì gọi là Tam thiên thế giới. Sự thành, hoại thiêu hủy hết, gọi đó là một cõi Phật.

Phật dạy:

–Này các Tỳ-kheo, cõi đất ấy rộng sáu trăm tám mươi vạn do-tuần, biên giới vô hạn; cõi đất đó ở trên nước, nước đó rộng bốn trăm sáu mươi vạn do-tuần, biên giới không giới hạn, ngăn ngại; gió lớn giữ nước, gió đó trải rộng hai trăm ba mươi vạn do-tuần, biên giới không giới hạn.

Này các Tỳ-kheo, biển lớn đó sâu tám trăm bốn mươi vạn do-tuần, biên giới không bờ, không đáy.

Này các Tỳ-kheo, núi Tu-di ăn sâu xuống biển lớn tám vạn bốn ngàn do-tuần, cao cũng tám vạn bốn ngàn do-tuần, phía dưới hẹp, trên hơi rộng, trên đỉnh bằng phẳng. Đủ bốn chủng loại chúng sanh ở trên đó, đầy ấp không có chỗ trống; các đại tôn thần cũng ở trên đó, các tôn thần lại tôn một vị thần lớn, tất cả đều ở trên đó. Cung trời Đao-lợi ở trên núi Tu-di. Qua khỏi trời Đao-lợi, trên đó có cõi Diệm thiên; qua khỏi cõi Diệm thiên, có trời Đâu-suất; trên cõi trời Đâu-suất, có trời Ni-ma-la; qua khỏi trời Ni-ma-la, trên đó có trời Ba-la-ni-mật-hòa-da-việt-trí; qua khỏi đó, trên có trời Phạm-ca-di; qua khỏi cõi trời ấy, trên

có cõi Thiên ma. Cung điện của cõi đó rộng, dài hai mươi bốn vạn dặm, cung điện có bảy lớp tường, bảy lớp lan can, bảy lớp đường đi, bảy lớp hàng cây; chung quanh đều dùng bảy báu: vàng, bạc, pha lê, lưu ly, mã não, chơn châu đỏ, xa cừ chạm trổ vô cùng đẹp đẽ. Vách vàng cửa bạc, vách bạc cửa vàng; vách lưu ly cửa pha lê, vách pha lê cửa lưu ly; vách chơn châu đỏ cửa mã não, vách mã não cửa chơn châu đỏ; vách xa cừ cửa bằng các báu. Trang trí tuyệt đẹp, dùng toàn bảy báu: Lan can bằng vàng, trụ bằng vàng thì bậch thang bằng bạc, lan can bằng bạc, trụ bằng bạc thì bậch thang bằng vàng; lan can bằng lưu ly, trụ bằng lưu ly thì bậc thang bằng pha lê; lan can bằng pha lê, trụ bằng pha lê, thì bậc thang bằng lưu ly; lan can bằng chơn châu đỏ, trụ bằng chơn châu đỏ, thì bậc thang bằng mã não; lan can bằng mã não, trụ bằng mã não thì bậc thang bằng chơn châu đỏ; lan can bằng xa cừ, trụ bằng xa cừ thì bậc thang dùng tất cả vật báu để làm. Đường bằng vàng thì lề đường bằng bạc; đường bằng bạc thì lề đường bằng vàng; đường bằng lưu ly thì lề đường bằng pha lê; đường bằng pha lê thì lề đường bằng lưu ly; đường bằng chân châu đỏ thì lề đường bằng mã não; đường bằng mã não thì lề đường bằng chơn châu đỏ; đường bằng xa cừ thì lề đường bằng tất cả vật báu. Cây, gốc, thân bằng vàng thì cành, lá, hoa, quả bằng bạc; cây, gốc, thân cây bằng bạc thì cành, lá, hoa, quả bằng vàng; cây, gốc, thân cây bằng lưu ly thì cành, lá, hoa, quả bằng pha lê; cây, gốc, thân cây bằng pha lê thì cành, lá, hoa, quả bằng lưu ly; cây, gốc, thân cây bằng chơn châu đỏ thì cành, lá, hoa, quả bằng mã não; cây, gốc, thân cây bằng mã não thì cành, lá, hoa, quả bằng chơn châu đỏ; cây, gốc, thân cây bằng xa cừ thì cành, lá, hoa, quả bằng tất cả vật báu. Trang trí tuyệt đẹp, đều dùng bảy báu: vàng, bạc, lưu ly, pha lê, chơn châu đỏ, xa cừ, mã não. Trên cửa có mái che, trên lan can có đường đi, dưới lầu có vườn, có nhà. Đất mát sanh các loại hoa, các loại cây, các loại lá. Các loại hoa sum suê, tỏa ra các mùi thơm; các loại chim bay, loại nào cũng hót lên tiếng thương yêu.

Qua khỏi cõi Thiên ma, trên có trời Phạm-ca-di; qua khỏi trời Phạm-ca-di, trên có trời A-vệ-hóa; qua khỏi đó, trên có trời Thủ-bì-cân; qua khỏi cõi ấy, có trời Tỷ-hô-phá; qua khỏi đấy thì có trời Vô nhân tưởng; qua khỏi cõi ấy có trời A-hòa; rồi đến trời Đáp-hòa; đến cõi trời Tu-đạt-xưng; trời Tu-đà-thi; trời A-ca-ni-trá; trời A-yết-thiền; trời Thức tri; trời A-nhân; trời Vô hữu tư tưởng diệc bất vô tưởng. Cho đến ở trên cõi đó có loài người; sanh, già, bệnh, chết, không vượt qua khỏi số phận

như thế.

Phật dạy:

–Tỳ-kheo, tường thành của núi chúa Tu-di làm bằng bốn báu: lưu ly, pha lê, vàng, bạc. Phía Bắc núi chúa Tu-di có cõi tên là Uất-đơn-việt, mỗi mặt rộng dài bốn mươi vạn dặm, bốn phương bằng phẳng. Phía Đông núi chúa Tu-di có cõi tên là Phất-vu-đãi, mỗi mặt rộng dài sáu mươi vạn dặm, chu vi tròn đầy. Phía Tây núi chúa Tu-di có cõi tên là Câu-da-ni, mỗi mặt rộng dài ba mươi hai vạn dặm, như hình bán nguyệt. Phía Nam núi chúa Tu-di có cõi tên là Diêm-phù-lợi, mỗi mặt rộng dài hai mươi tám vạn dặm. Bắc rộng, Nam hẹp, hông phía Bắc của núi chúa Tu-di, ánh thiên kim chiếu sáng cõi phương Bắc. Hông phía Đông của núi chúa Tu-di, ánh thiên ngân chiếu sáng cõi phương Đông. Hông phía Tây của núi chúa Tu-di, có ánh pha lê cõi trời chiếu sáng cõi phía Tây. Hông phía Nam của núi chúa Tu-di, ánh lưu ly cõi trời chiếu sáng cõi phía Nam. Cõi phương Bắc có cây tên là Ngân hành, vòng thân hai trăm tám mươi dặm, cao bốn ngàn dặm, cành lá tỏa ra hai ngàn dặm. Cõi phía Đông có cây lớn tên là Điều hành, vòng thân hai trăm tám mươi dặm, cao bốn ngàn dặm, cành lá tỏa ra hai ngàn dặm. Cõi Câu-da-ni có cây tên là Cân hành, vòng thân hai trăm tám mươi dặm, cao bốn ngàn dặm, cành lá tỏa ra hai ngàn dặm; trên cây ấy có con trâu đá, cao bốn mươi dặm. Cõi Diêm-phù-lợi có cây tên là Diêm-phù, cao bốn ngàn dặm, vòng thân hai trăm tám mươi dặm, cành lá tỏa ra hai ngàn dặm. Kim sí điểu vương và rồng có cây tên là Câu-lợi-đàm, cao bốn ngàn dặm, vòng thân hai trăm tám mươi dặm, cành lá tỏa ra hai ngàn dặm. A-tu-luân có cây tên là Thiện trú quá độ, cao bốn ngàn dặm, vòng thân hai trăm tám mươi dặm, cành lá tỏa ra hai ngàn dặm. Phía Bắc của biển lớn có cây tên là Diêm, cao bốn ngàn dặm, vòng thân hai trăm tám mươi dặm, cành lá tỏa ra hai ngàn dặm. Cõi phía Bắc, trong khu đất bao la có rừng cây tên là Am, mỗi mặt dài rộng hai ngàn dặm; lại có rừng cây tên là Diêm-phá, mỗi mặt rộng dài hai ngàn dặm; lại có rừng cây tên là Đa, mỗi mặt rộng dài hai ngàn dặm; lại có rừng cây tên là Na-đa, mỗi mặt rộng dài hai ngàn dặm; lại có rừng cây tên là Nam, mỗi mặt rộng dài hai ngàn dặm; lại có rừng cây tên là Nữ, mỗi mặt rộng dài hai ngàn dặm; lại có rừng cây tên là Tiểu nhi, mỗi mặt rộng dài hai ngàn dặm; lại có rừng cây tên là Bách, mỗi mặt rộng dài hai ngàn dặm; lại có rừng cây tên là Chiên đàn, mỗi mặt rộng dài hai ngàn dặm; lại có rừng cây tên là Khư-bát, mỗi mặt rộng dài hai ngàn dặm;

lại có rừng cây tên là Ban-nại, mỗi mặt rộng dài hai ngàn dặm; lại có rừng cây tên là Tỷ-la, mỗi mặt rộng dài hai ngàn dặm; lại có rừng cây tên là Đại lợi, mỗi mặt rộng dài hai ngàn dặm; lại có rừng cây tên là Nại, mỗi mặt rộng dài hai ngàn dặm; lại có rừng cây tên là An thạch lựu, mỗi mặt rộng dài hai ngàn dặm; lại có rừng cây tên là Sao-la, mỗi mặt rộng dài hai ngàn dặm; lại có rừng cây tên là Pha-pha, mỗi mặt rộng dài hai ngàn dặm; lại có rừng cây tên là Pha-long, mỗi mặt rộng dài hai ngàn dặm; lại có rừng cây tên là A-ma-lặc, mỗi mặt rộng dài hai ngàn dặm; lại có rừng cây tên là A-lệ-lặc, mỗi mặt rộng dài hai ngàn dặm; lại có rừng cây tên là Tỳ-ê-lặc, mỗi mặt rộng dài hai ngàn dặm; lại có rừng cây tên là vi, mỗi mặt rộng dài hai ngàn dặm; lại có rừng cây tên là Trúc, mỗi mặt rộng dài hai ngàn dặm; lại có rừng cây tên là Tha-la, mỗi mặt rộng dài hai ngàn dặm; lại có rừng cây tên là Hiệp-la, mỗi mặt rộng dài hai ngàn dặm; lại có rừng cây tên là Qua, mỗi mặt rộng dài hai ngàn dặm; lại có rừng cây tên là Đại qua, mỗi mặt rộng dài hai ngàn dặm; lại có rừng cây tên là Thoát hoa, mỗi mặt rộng dài hai ngàn dặm; lại có rừng cây tên là Dục pha, mỗi mặt rộng dài hai ngàn dặm; lại có rừng cây tên là Tu nữ hoa, mỗi mặt rộng dài hai ngàn dặm; lại có rừng cây tên là Bì-la, mỗi mặt rộng dài hai ngàn dặm; lại có rừng cây tên là Hòa sư, mỗi mặt rộng dài hai ngàn dặm; lại có rừng cây tên là Da-di, mỗi mặt rộng dài hai ngàn dặm; lại có rừng cây tên là Đầu tiên, mỗi mặt rộng dài hai ngàn dặm; lại có rừng cây tên là Bồ đào, mỗi mặt rộng dài hai ngàn dặm.

Qua khỏi đó là vùng đất trống; trên vùng đất trống ấy, lại có ao hoa Ưu-bát hai ngàn dặm, ao hoa sen hồng hai ngàn dặm, ao hoa sen trắng hai ngàn dặm, ao hoa sen vàng hai ngàn dặm, ao hoa sen xanh hai ngàn dặm.

Qua khỏi đó rồi, là vùng đất trống, trên vùng đất trống đó có biển Uất thiền, từ phương Đông và phương Tây chảy vào biển lớn. Trong biển Uất thiền ấy, thấy dấu vết của Chuyển luân vương quan sát thiên hạ, có dấu tích của Chuyển luân vương hiện ra khi du hành. Phía Bắc của biển Uất thiền có núi tên là Uất-đơn-gia.

Phật dạy:

–Này các Tỳ-kheo, núi ấy rất vui, cây cối xinh tươi, sanh lá, trổ hoa, ra quả rất thơm tho, chỗ nào cũng có thú và chim, không có thứ gì khác.

Phật dạy:

–Này các Tỳ-kheo, núi Uất-đơn-gia đó rất vui, đẹp đẽ, cao vòi vọi. Núi Uất-đơn-gia có núi nhỏ tên là Tu-đát-na, núi này có tám vạn cái hang, có tám vạn con voi ở trong đó, bảy ngày ăn một bữa, có sáu cái răng, trên to, dưới nhỏ, khoảng giữa răng nanh và răng thường, có vàng trám kín.

Qua khỏi núi Tu-đát-na, có núi tên là Đông vương rất cao, hơn một ức, phần trên núi đó cao bốn ngàn dặm. Trên núi ấy, có ao tên là A-na-đạt, rộng, dài hai ngàn dặm, cát dưới đáy đều là vàng, nước mát lạnh, êm ả, trong suốt, dùng bảy báu: vàng, bạc, lưu ly, pha lê, chơn châu đỏ, xa cừ, mã não làm bờ; bốn phía ao có tường; dưới đáy cũng có bài trí bảy lớp lan can, bảy lớp hàng cây, bao bọc xung quanh; đường đi bằng bảy báu, phối trí đẹp đẽ. Ao của Long vương A-nậu-đạt, bốn phía ao có thềm; thềm bằng vàng thì bậc thang bằng bạc, thềm bằng bạc thì bậc thang bằng vàng; thềm bằng lưu ly thì bậc thang bằng pha lê; thềm bằng pha lê thì bậc thang bằng lưu ly; thềm bằng chơn châu đỏ thì bậc thang bằng mã não, thềm bằng mã não thì bậc thang bằng chơn châu đỏ; thềm bằng xa cừ thì bậc thang bằng bảy báu. Trên thềm có mái che, có lan can, có đường đi qua lại, có lầu. Trong ao đó, có hoa sen xanh, hoa sen hồng, hoa sen trắng, hoa sen vàng; cũng có loại hoa màu lửa, màu vàng ròng, màu xanh, màu hồng, màu đỏ, màu trắng vây quanh. Hoa lớn như bánh xe, cọng lớn như trục bánh xe, nếu chích vào thì nhựa chảy ra như mùi sữa, vị ngọt như mật. Cung của Long vương A-nậu-đạt ở trong ao đó, tên là Bát-xà-đâu. Long vương A-nậu-đạt ở trong ấy. Long vương này có những gì quý? Vì sao gọi là Long vương A-nậu-đạt? Trừ Long vương A-nậu-đạt, các Long vương khác trong thiên hạ, đều bị ba sức nóng thiêu đốt, Long vương A-nậu-đạt không bị ba sức nóng thiêu đốt. Lại nữa, ngoài Long vương A-nậu-đạt, còn các Long vương khác trong thiên hạ đều bị cát nóng rơi trên thân, thiêu đốt cháy vảy; vảy cháy rồi, thiêu đốt da; thiêu đốt da rồi, thiêu đốt gân; thiêu đốt gân rồi, thiêu đốt xương; thiêu đốt xương rồi, thiêu đốt tủy; bị thiêu đốt rất thống khổ; trừ Long vương A-nậu-đạt, các Long vương khác đều bị nóng, riêng Long vương A-nậu-đạt thì không bị nóng. Vì vậy gọi là A-nậu-đạt. Đó là việc thứ nhất.

Lại nữa, trừ Long vương A-nậu-đạt, các Long vương khác trong thiên hạ, khi khởi lên việc dâm dục, hướng đến nhau, thì bị gió nóng thổi đến trên thân, thiêu đốt thân rồng, liền mất nhan sắc, trở thành thân rắn, thật là kinh khủng, không vui! Các Long vương khác trong

thiên hạ, trừ A-nậu-đạt, đều bị nóng, riêng Long vương A-nậu-đạt không bị nóng, vì vậy, gọi là A-nậu-đạt. Đó là việc thứ hai.

Lại nữa, các Long vương trong thiên hạ, trừ Long vương A-nậu-đạt, các Long vương khác đều bị các Kim sí điểu vương xông vào cung điện, tất cả đều sợ bị ăn thịt. Nếu Kim sí điểu khởi ý nghĩ muốn xông vào cung của Long vương A-nậu-đạt, thì liền lại nghĩ sẽ tự chuốc lấy vô số tai biến vào thân. Trừ Long vương A-nậu-đạt, các Long vương khác trong thiên hạ, đều bị sức nóng dữ dội ấy, chỉ riêng Long vương A-nậu-đạt thì không bị nóng, vì vậy gọi là A-nậu-đạt. Đó là việc thứ ba. Do ba sự việc này, nên gọi là Long vương A-nậu-đạt.

Phía Đông có con sông lớn, một dòng chảy xuống, chia thành năm trăm nhánh sông khác, chảy quanh Long vương A-nậu-đạt, rồi chảy về hướng Đông vào biển lớn; phía Nam Long vương A-nậu-đạt, có dòng sông lớn tên là Hòa-xoa, chia thành năm trăm nhánh sông khác, chảy quanh Long vương A-nậu-đạt, rồi chảy vào biển lớn phía Nam; phía Tây Long vương A-nậu-đạt có dòng sông lớn, tên là Tín-đà, chia thành năm trăm nhánh sông khác, chảy quanh Long vương A-nậu-đạt, rồi vào biển lớn phía Tây; phía Bắc Long vương A-nậu-đạt, có dòng sông lớn, tên là Tư đầu, chia thành năm trăm nhánh sông khác, chảy quanh Long vương A-nậu-đạt, rồi vào biển phía Bắc. Phía Nam núi Đông vương có nước tên là Duy-da-ly; phía Bắc Duy-da-ly có bảy ngọn núi đen, phía Bắc núi đen có bảy vị tiên Bà-la-môn ở đó, một là Cơ-cơ-du, hai là Thí-nê-lê, ba là Uất-đơn, bốn là Thiên, năm là Ca-xà, sáu là Ưu-đa-la, bảy là Ba-bi-đầu. Có núi tên là Hòa-đàm-ma. Qua khỏi bảy vị tiên Bà-la-môn, ở phía Bắc có núi tên là Càn-đàm-ma-ha-thuật, trong có hai cái hang, cái thứ nhất tên là Họa, cái thứ hai tên là Thiện, đều dùng bảy báu: vàng, bạc, lưu ly, pha lê, chơn châu đỏ, xa cừ, mã não, tạo thành, tô điểm mịn màng như áo lụa. Phía Bắc hang Họa có cây lớn tên là Thiện trú, có tám ngàn cây lớn vây quanh. Dưới cây lớn Thiện trú, có voi chúa tên là Thiện trụ ở dưới, có tám ngàn con voi đi vòng chung quanh; phía Bắc cây lớn Thiện trú có ao tắm tên là Ma-na-ma được làm bằng bảy báu: vàng, bạc, pha lê, lưu ly, chơn châu đỏ, xa cừ, mã não; bên bờ hào có tám ngàn ao tắm bao bọc chung quanh, nước trong các ao ấy đều mát lạnh, êm, đẹp, trong trẻo, cát dưới đáy đều là vàng, dùng bảy báu: vàng bạc, pha lê, lưu ly, chơn châu đỏ, xa cừ, mã não làm bảy lớp lan can, bảy lớp đường đi, bảy lớp hàng cây, bao bọc chung quanh. Cái ao ấy tuyệt đẹp. Lan can bằng vàng, trụ bằng vàng thì bậc thang

bằng bạc; lan can bằng bạc, trụ bằng bạc thì bậc thang bằng vàng; lan can bằng lưu ly, trụ bằng lưu ly thì bậc thang bằng pha lê; lan can bằng pha lê, trụ bằng pha lê thì bậc thang bằng lưu ly; lan can bằng chơn châu đỏ, trụ bằng chơn châu đỏ thì bậc thang bằng mã não; lan can bằng mã não, trụ bằng mã não thì bậc thang bằng chơn châu đỏ; lan can bằng xa cừ, trụ bằng xa cừ thì bậc thang bằng tất cả vật báu. Đường bằng vàng thì lề đường bằng bạc; đường bằng bạc thì lề đường bằng vàng; đường bằng lưu ly thì lề đường bằng pha lê; đường bằng pha lê thì lề đường bằng lưu ly; đường bằng chơn châu đỏ thì lề đường bằng mã não; đường bằng mã não thì lề đường bằng chơn châu đỏ; đường bằng xa cừ thì lề đường bằng tất cả vật báu, đều dùng bảy báu tạo thành, rất đẹp. Cây, cành, gốc bằng vàng thì thân, lá, hoa, quả bằng bạc; cây, cành, gốc bằng bạc thì thân, lá, hoa, quả bằng vàng; cây, gốc, cành bằng lưu ly thì thân, lá, hoa, quả bằng pha lê; cây, gốc, cành bằng pha lê thì thân, lá, hoa, quả bằng lưu ly; cây, gốc, cành bằng chơn châu đỏ thì thân, lá, hoa, quả bằng mã não; cây, gốc, cành bằng mã não thì thân, lá, hoa, quả bằng chơn châu đỏ; cây, gốc, cành bằng xa cừ thì thân, lá, hoa, quả bằng tất cả vật báu; dùng bảy báu tạo thành bốn mặt chung quanh ao Ma-na-ma, rất đẹp. Dùng bảy báu: vàng, bạc, pha lê, lưu ly, chơn châu đỏ, xa cừ, mã não làm thềm vàng, bậc thang bạc; thềm bạc, bậc thang vàng; thềm pha lê, bậc thang lưu ly; thềm lưu ly, bậc thang pha lê; thềm chơn châu đỏ, bậc thang mã não; thềm mã não, bậc thang chơn châu đỏ; thềm xa cừ, bậc thang bằng tất cả vật báu; dùng bảy báu làm rất đẹp. Trên thềm có mái cong che; trên lan can có đường đi; dưới lầu có vườn, nhà, có ao tắm, cây cối sanh ra các loại hoa, các loại quả, tỏa ra các mùi thơm; trong đó cá các loài chim bay, cùng hót lên tiếng thương yêu. Trong ao Ma-na-ma, có hoa sen xanh, hoa sen vàng, hoa sen trắng, hoa sen đỏ; trong đó có cái màu hồng, cái màu vàng ròng, cái màu xanh, cái màu vàng, cái màu đỏ, cái màu trắng, đủ các loại màu xen lẫn; các loài hoa vây quanh ấy lớn như bánh xe, cọng của các loài hoa ấy lớn như trục bánh xe. Chích vào hoa ấy thì nhựa của nó chảy ra như sữa, vị nó như mật. Voi chúa Thiện trụ khi khởi ý nghĩ muốn vào trong ao tắm rửa cho thỏa thích, thì liền nghĩ đến tám ngàn voi chúa khác. Khi ấy tám ngàn voi chúa đó nói: “Voi chúa Thiện trụ đã nghĩ đến chúng ta”, liền cùng nhau đến trước chỗ voi chúa Thiện trụ ở. Khi ấy voi chúa Thiện trụ cùng với tám ngàn voi chúa đi đến ao Ma-na-ma. Trong đàn voi, có con cầm lọng, cầm quạt đi vòng

chung quanh. Giữa lúc ấy, có con voi rất hăng say tên là Cơ-na ở trước ca múa, biểu diễn các loại nhạc hay.

Khi ấy voi chúa Thiện trụ vào trong ao Ma-na-ma tắm rửa, diễn các loại nhạc hay, cùng nhau vui chơi thỏa thích. Trong đàn voi, có con rửa vòi, miệng cho voi chúa; có con rửa ngà, đánh răng; có con gội đầu, có con kỳ lưng; có con rửa bụng, có con rửa bắp vế, có con rửa đầu gối; có con rửa chân, có con rửa đuôi; có con nhổ gốc hoa, rửa để cho voi chúa ăn, có con lấy vòi quấn lấy hoa sen xanh, hoa sen vàng, hoa sen đỏ, hoa sen trắng xoa lên đầu voi chúa.

Bấy giờ, voi chúa Thiện trụ tắm rửa thoái mái, ăn uống xong, liền đến dưới bóng cây Thiện trú; đến lượt tám ngàn con voi chúa lần lượt vào ao đó để tắm rửa, tấu lên các loại nhạc hay, cùng nhau ăn uống thỏa thích, rồi cùng nhau quay về chỗ voi chúa Thiện trụ.

Lúc ấy voi chúa Thiện trụ cùng với đông đủ tám ngàn voi chúa, trước sau vây quanh, trở lại bên cây Thiện trú. Trong đàn voi đó, có con cầm lọng che cho voi chúa, có con cầm quạt quạt; phía trước có tấu nhạc hay và ca múa. Về đến khu rừng Thiện trú, voi chúa đứng, nằm, đi lại tùy thích; tám ngàn voi chúa khác, mỗi con cũng tùy ý đứng nằm, đi lại nơi khu rừng cây ấy theo ý muốn. Trong tám ngàn cội cây của đàn voi, có cây chu vi bốn trượng, chín thước; có cây chu vi năm trượng, sáu thước; có cây chu vi sáu trượng, ba thước; có cây chu vi bảy trượng, bảy thước; có cây chu vi tám trượng, bốn thước; có cây chu vi chín trượng, một thước; có cây chu vi chín trượng, năm thước; có cây chu vi mười một trượng, hai thước. Cội cây của voi chúa Thiện trụ, chu vi của thân mười trượng, chín thước. Khi cành lá của tám ngàn cây ấy rơi rụng, thì gió liền thổi sạch. Lúc tám ngàn voi chúa ấy đại tiểu tiện, thì các quỷ thần dọn sạch.

Phật dạy:

–Này các Tỳ-kheo, voi chúa Thiện trụ oai thần tôn quý, lớn lao đến như thế, loài súc sanh say máu mà còn được như vậy!

M

Phẩm 2: UẤT-ĐƠN-VIỆT

Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Cõi Uất-đơn-việt, chu vi rộng dài mỗi mặt bốn mươi vạn dặm; phía Bắc cõi ấy có vô số các loại núi. Hai bên dòng sông của vùng ấy có các loại cây, nước sông chảy êm ả, có các loại hoa, tụ thành nhóm, trôi theo dòng nước. Hai bên bờ sông có thuyền có hình dạng rất đẹp, dùng bốn thứ báu vàng, bạc, lưu ly, pha lê tạo thành. Ở giữa phía Bắc cõi ấy, có ao tắm tên là Uất-nan-đà, dài rộng bốn ngàn dặm, nước ao êm mát trong trẻo, có bảy lớp vách, cát dưới ao đều là vàng. Ao tắm Nan-đà, bốn mặt chung quanh đều có thềm, dùng bốn thứ báu vàng, bạc, lưu ly, pha lê tạo thành; bệ bằng vàng thì bậc thang bằng bạc, bệ bằng bạc thì bậc thang bằng vàng; bệ bằng lưu ly thì bậc thang pha lê; bệ bằng pha lê thì bậc thang bằng lưu ly. Trong ao Nan-đà có hoa sen xanh, hoa sen trắng, hoa sen vàng, hoa sen đỏ; trong đó có cái màu hồng, có cái màu vàng ròng, có cái màu đỏ, có cái màu trắng vây quanh. Gốc thân, nếu bị cắt thì nhựa của nó chảy ra như sữa, vị nó như mật, ánh sáng chiếu đến bốn mươi dặm, mùi thơm của nó cũng tỏa ra bốn mươi dặm. Phía Đông ao tắm Nan-đà, có con sông tên là Dĩ vị. Phía Nam ao tắm Nan-đà, có con sông tên là Tu-yết. Phía Tây ao tắm Nan-đà, có con sông tên là Bại thổ. Phía Bắc ao tắm Nan-đà, có dòng sông tên là Thiện chủng. Nước của các dòng sông ấy đều chảy êm ả; trong đó có các loại hoa tụ thành nhóm, trôi theo dòng nước. Hai bên bờ sông có các loại cây, dùng vàng, bạc, lưu ly, pha lê tạo thành hai bờ sông.

Phía Đông của ao tắm Nan-đà, có khu vườn tên là Hiền thượng, có bảy lớp lan can, bảy lớp đường đi, bảy lớp hàng cây bao bọc chung quanh, dùng bốn thứ vàng, bạc, lưu ly, pha lê tạo thành rất đẹp. Trong vườn Hiền thượng, có cây Hương, trổ hoa, kết quả, bổ quả tỏa ra các loại mùi thơm; có cây Táo hương trổ hoa, kết quả, bổ quả ra, toát ra các loại mùi thơm; có cây Y bị, có cây Anh lạc, có cây Bất tức đang trổ hoa, kết quả, nếu bổ quả thì hiện ra các thứ áo, mền, ngọc Anh lạc, các thứ ấy cứ ra mãi không thôi. Có cây Diệp, cây Khí, cây Âm nhạc trổ hoa, kết quả nếu bổ quả ra, thì xuất hiện các thứ đồ dùng, các thứ quả, các thứ nhạc cụ. Cây ấy cao bảy dặm; có cây cao sáu dặm, năm dặm, bốn dặm, ba dặm, hai dặm; cây thấp nhất cao một dặm.

Phía Nam ao tắm Nan-đà, có khu vườn tên là Dữ hiền, có bảy lớp lan can, bảy lớp đường đi, bảy lớp hàng cây bao bọc chung quanh, dùng bốn thứ báu tạo thành. Trong vườn có cây Hương, cây Đảo hương, cây Y bì, cây Anh lạc, cây Bất tức, cây Khí, cây Diệp đều trổ hoa, kết quả, bổ quả ra thì tỏa các loại mùi thơm, nước thơm và hiện ra các loại áo, mền, ngọc Anh lạc không dứt, cùng các thứ đồ dùng như trái cây, âm nhạc. Cây nhỏ nhất cao mười dặm, hai mươi dặm, bốn mươi dặm, cao nhất là bảy mươi dặm.

Phía Tây ao tắm Nan-đà, có khu vườn tên là La-việt, dùng bốn thứ báu tạo thành bảy lớp lan can, bảy lớp đường đi, bảy lớp hàng cây bao bọc chung quanh. Các cây mọc ở đó cao thấp cũng giống như vườn ở phía Đông.

Phía Bắc ao tắm Nan-đà, có khu vườn tên là Thường hữu hoa cũng dùng bốn loại báu vàng, bạc, pha lê, lưu ly tạo thành bảy lớp lan can, bảy lớp đường đi, bảy lớp hàng cây bao bọc chung quanh. Các cây mọc ở đó, cao thấp cũng giống như khu vườn ở phía Đông.

Cõi phía Bắc, có loại cây cong xuống đan vào nhau giống như đường đi. Người ở cõi phía Bắc đứng nằm trên đó, nam, nữ có chỗ riêng biệt. Có loại lúa thơm tinh khiết, không cày cấy gieo trồng mà tự nhiên mọc, bốc lên đủ loại hương vị. Người muốn ăn thì lấy gạo thơm tinh khiết thổi nấu. Có loại ngọc tên là Diệm vị, dùng búa đập xuống, ánh sáng hiện ra làm chín cơm. Người ở bốn phương đến đều cùng nhau ăn, ăn no mà cơm cũng chưa hết. Không có trộm cướp, người ác, không ai nói là vợ con ta, không có người làm ruộng, ăn cơm xong, sắc mặt tươi nhuận, có oai thần. Con trai, con gái, nếu khởi ý dâm dục, nhìn nhau mà không nói gì, người con trai đi trước, người con gái theo sau, đi đến và vào trong vườn, cùng nhau thọ lạc; hai ngày, ba ngày, hoặc đến bảy ngày, mỗi người tùy ý ra về, không tùy thuộc vào nhau. Người con gái mang thai, bảy ngày, tám ngày thì sanh, hoặc trai, hoặc gái, liền bồng ra giữa ngã tư đường. Nếu có người từ các phương Đông, Tây, Bắc, Nam đến, đưa tay cho mút ra sữa để uống. Sau bảy ngày, tự nhờ phước đức lớn lên, giống như người ở lứa tuổi hai mươi, hoặc hai mươi lăm ở châu Diêm-phù-lợi.

Cõi phía Bắc, bao bọc bốn phía có nước tên là A-nậu-đạt. Qua đêm, mây nổi lên, trời mưa xuống nước có tám vị, như trong khoảng một bữa ăn của người, tẩy rửa sạch bụi bặm cõi phía Bắc, bụi bặm không sinh lại nữa; giống như dầu Tô-ma rưới trên đất, bụi không sinh

được, cõi phía Bắc cũng như thế, bụi bặm không sinh được. Giống như một người thợ kết vòng hoa, hoặc đệ tử của vị thợ đó, dùng các loại hoa kết thành vòng, tay trái cầm vòng hoa, tay phải dùng nước xối cho vòng hoa hết bụi; cõi phía Bắc cũng như vậy, đất không dấy bụi, luôn có dòng nước chảy sanh ra cây cỏ, luôn có lá, hoa, quả; trong đó có cỏ xanh, giống như màu cánh của chim Khổng tước, mùi thơm của nó như mùi thơm Chiên đàn, chân giẫm lên, liền lún xuống bốn tấc, chân giở lên, cỏ lại bung lên như cũ.

Người ở cõi phía Bắc muốn đến trong vườn Hiền thượng, vui chơi giải trí với nhau, ngay khi ấy, lên thuyền đến bên bờ, cởi áo tắm gội, cùng nhau vui chơi rồi, liền bỏ thuyền qua sông, đi đến vùng cây Hương, lấy hương xoa mình, đến vùng cây Mền, áo, lấy áo mặc, đến vùng cây Bất tức, vùng cây Anh lạc, vùng cây Đồ dùng, vùng cây Quả, vùng cây Âm nhạc, lấy vòng ngọc anh lạc để đeo, lấy đồ dùng, nhạc cụ, rồi đến vườn Hiền thượng. Khi úa tàn, hoa trong vườn Hiền thượng, bị gió thổi rụng xuống đất, ngập tới đầu gối người, rồi gió tứ phương đến thổi sạch đất trong vườn.

Khi ấy mọi người cõi phía Bắc, đều vào trong vườn Hiền thượng, cùng nhau vui chơi thỏa thích, hai ngày ba ngày cho đến bảy ngày; sau đó mọi người tự ra về theo ý mình không có gì ràng buộc. Cho đến các vườn Dữ hiền thượng, vườn La-việt, vườn Thường hữu hoa cũng lại như vậy.

Khi muốn ăn, người ở cõi phương Bắc lấy gạo thơm tinh khiết thổi nấu, dùng ánh sáng của ngọc Diêm vị, đốt ở dưới thì cơm chín. Nếu có người từ phương Đông, phương Tây, phương Nam, phương Bắc, đến chỗ đó, đều ăn cơm ấy, người đến đã ăn xong nhưng cơm cũng không hết.

Người cõi phương Bắc có cây tên là Tượng đầu, phần trên cong, đâu vào nhau, trông như đường đi; nhân dân nghỉ đêm tại đó; trai gái có chỗ riêng biệt.

Người cõi phương Bắc, tóc đều nhau, màu xanh biếc, dài tám thước. Sắc mặt người dân như nhau, dài, ngắn bằng nhau, người nữ cũng vậy. Nhân dân thực hành mười điều thiện, lại không bày cho nhau làm điều ác, đều thọ ngàn tuổi, không ai thiếu. Sau khi chết, có người sanh lên cõi trời Đao-lợi, sanh lên cõi trời Đâu-suất, có người sanh lên cõi trời Ni-ma-la, có người sanh lên cõi trời Ba-la-ni-mật. Ở trên cõi trời, thọ mạng hết, sanh xuống trong cõi người Diêm-phù-lợi, được sanh vào nhà đại hào phú, hoặc nhà đại trưởng giả, Bà-la-môn.

Người cõi phương Bắc, khi đại tiểu tiện, đất nứt ra, chôn vào lòng đất, chỗ đó sạch sẽ, không có vật uế hôi thối.

Người ở phương Bắc, đàn ông, đàn bà khi chết rồi, dùng áo mền phủ lên, không khóc lóc, rồi đem để ở ngã tư đường. Có con chim tên là Uất-giá gắp xác chết đi ra khỏi cõi phương Bắc.

Vì sao gọi là Uất-đơn-việt? Cõi Uất-đơn-việt, hơn hẳn ba cõi khác, lại cao hơn hết, vì vậy gọi là Uất-đơn-việt. Nhân dân ở cõi Uất-đơn-việt ăn gạo thơm tinh khiết, không có trộm cướp, không có kẻ ác, không có danh từ vợ ta, không có danh từ con ta; nhan sắc rất đẹp, có oai thần, không có ai chết yểu; sau khi chết, sanh về cõi lành, vì vậy gọi là Uất-đơn-việt.

M

Phẩm 3: CHUYỂN LUÂN VƯƠNG 1

Phật bảo:

–Này các Tỳ-kheo, khi thế gian có Chuyển luân vương, bảy báu có bốn đức tự nhiên sanh ra. Bảy thứ báu ấy là gì? Một là bánh xe báu bằng vàng, hai là voi báu trắng, ba là ngựa báu xanh biếc, bốn là ngọc minh nguyệt báu, năm là ngọc nữ báu, sáu là vị thánh quan báu chủ quản kho tàng, bảy là vị tướng quân báu chủ quản quân đội.

Bánh xe báu bằng vàng của Chuyển luân vương là loại gì? Vào ngày rằm trăng tròn vua tắm gội, rồi lên lầu cao cùng ngồi với thể nữ, thấy ở phương Đông có bánh xe bằng thiên kim tự nhiên lăn đến; có ngàn tăm hoàn hảo, tất cả đều dùng vàng trời tạo thành, cao một trượng, bốn thước. Vua thấy rồi, tự nghĩ: "Ta nghe từ các bậc tiên thánh dạy: "Nếu có vị vua vào ngày rằm trăng tròn, tắm gội rồi lên lầu cao, cùng ngồi với thể nữ, thấy ở phương Đông có bánh xe vàng tự nhiên hiện, thì liền được thành Chuyển luân vương". Vua tự nghĩ, muốn thử bánh xe vàng. Lúc bấy giờ Chuyển luân vương liền thử bánh xe vàng, bèn tập hợp bốn binh đi đến chỗ bánh xe vàng, chỉnh đốn y phục, quỳ thẳng, vòng tay, dùng tay phải chỉ về phía bánh xe vàng khiến bay về phương Đông, bánh xe vàng liền bay về phương Đông. Chuyển luân vương liền cùng với bốn bộ binh và người nhà, thân quyến, tất cả đều bay theo. Chư Thiên trên cõi trời Tứ thiên vương cũng đều bay trước bánh xe vàng. Bánh xe vàng đến chỗ, dừng lại. Chuyển luân vương cùng bốn bộ binh, người nhà, thân thuộc, đều dừng nghỉ đêm ở đó.

Lúc ấy các vua ở phương Đông, không chần chờ, kịp thời đem bát vàng đựng đầy cơm bạc, bát bạc đựng đầy cơm vàng, cùng nhau đến chỗ Chuyển luân vương thưa:

–Thiên vương đến đây, thật là quý hóa! Các thành quách, cõi nước ở phương Đông này giàu có, vui vẻ, hưng thịnh, an ổn; năm thứ lúa thóc nhiều, tốt, nhân dân đông đúc, nhiều thứ châu báu, thợ giỏi

cũng nhiều, ngọc minh nguyệt, ngọc lưu ly, voi trắng, ngựa, trâu, bò, dê, nô tỳ, lúa gạo rất nhiều, kho tàng đầy ắp. Xin Đại vương ở lại đây, chúng tôi xin nhận lãnh sự dạy bảo của người. Chuyển luân vương liền bảo các vua:

–Chư Hiền, các vị tự dùng chánh pháp trị nước, đừng làm việc phi pháp. Chư Hiền chỉ dạy đừng sát sanh, đừng trộm cắp, đừng xâm phạm phụ nữ của người khác, đừng nói dối, chửi bới, nói lời ác, nói hai lưỡi; đừng nghĩ điều ác, nên dùng lòng từ mà cai trị, hãy phụng hành đầy đủ! Làm được như vậy, tức là đã nhận lãnh lời giáo huấn của ta.

Bấy giờ các tiểu vương đem cõi nước dâng lên Chuyển luân vương. Chuyển luân vương trụ lại ở đó, rồi đi tuần du các nước phương Đông. Thời gian dừng lại ở đây, số năm không kể xiết, cùng nhau hưởng vui thú thỏa thích; ăn uống thì được biển phía Đông cung cấp. Xong rồi, trở về.

Vua hàng phục cõi Diêm-phù-lợi ở phương Nam cũng thế, lại cùng người nhà, thân thuộc và bốn bộ binh bay trước bánh xe vàng, Lại đến cõi Cu-da-ni ở phương Tây cũng như vậy, lại đến cõi Uất-đơn-việt ở phương Bắc cũng như vậy, các trời trên cõi Tứ thiên vương đều bay phía trước bánh xe vàng. Bánh xe vàng đến chỗ dừng lại. Chuyển luân vương cùng với người nhà, thân thuộc và bốn bộ binh dừng lại ở đó.

Bấy giờ các tiểu vương ở phương Bắc dùng bát vàng chứa đầy cơm bạc, dùng bát bạc chứa đầy cơm vàng đều đi đến chỗ Chuyển luân vương thưa:

–Thiên vương đến đây, thật là quý hóa! Các thành quách, cõi nước ở phương Bắc này, giàu có, vui vẻ, hưng thịnh, an ổn, năm thứ lúa thóc nhiều, tốt, nhân dân đông, châu báu nhiều, thợ giỏi cũng nhiều, ngọc minh nguyệt, ngọc lưu ly, voi trắng, ngựa, trâu, bò, dê, nô tỳ, lúa gạo rất nhiều, kho tàng đầy ắp. Xin Đại vương ở lại đây, chúng tôi xin nhận lãnh sự dạy bảo của ngài.

Chuyển luân vương liền bảo các tiểu vương:

–Chư Hiền, các vị tự dùng chánh pháp trị nước, đừng làm điều phi pháp. Chư Hiền, các vị đừng sát sanh, đừng trộm cắp, đừng xâm

phạm phụ nữ của người khác, đừng nói dối, chửi bới, nói ác, nói hai lưỡi; đừng nghĩ đến điều ác của người, nên nghĩ đến lòng từ, làm theo chánh kiến. Làm được như vậy tức là đã nhận lãnh lời giáo huấn của ta.

Lúc ấy các tiểu vương đem cõi nước dâng lên. Chuyển luân vương trụ lại ở đó, rồi tuần du các nước phương Bắc. Thời gian dừng lại ở đây, số năm không kể xiết, cùng nhau hưởng vui thú thỏa thích; ăn uống thì được biển phía Bắc chu cấp. Sau đó, vua cùng người nhà, thân thuộc và bốn bộ binh trở lại cõi Diêm-phù-lợi. Cõi Diêm-phù-lợi, oai thần lớn lao, bánh xe vàng cũng vậy, lúc ấy đo được, từ Đông sang Tây dài bốn trăm tám mươi dặm, từ Nam sang Bắc rộng hai trăm tám mươi dặm. Chư Thiên vì Chuyển luân vương mà tạo dựng bảy lớp thành lũy, bảy lớp lan can, bảy lớp đường đi, bảy lớp hàng cây, bao bọc chung quanh; bài trí đẹp đẽ, đều dùng bảy báu: vàng, bạc, pha lê, lưu ly, chơn châu đỏ, xa cừ, mã não; vách bằng vàng thì cửa bằng bạc, vách bằng bạc thì cửa bằng vàng, vách bằng lưu ly thì cửa bằng pha lê, vách bằng pha lê thì cửa bằng lưu ly, vách bằng chơn châu đỏ thì cửa bằng mã não, vách bằng mã não thì cửa bằng chơn châu đỏ, vách bằng xa cừ thì cửa bằng tất cả vật báu. Bốn phía chung quanh thành đều có cửa. Lan can bằng vàng, trụ bằng vàng thì bậc thang bằng bạc; lan can bằng bạc, trụ bằng bạc thì bậc thang bằng vàng; lan can bằng lưu ly, trụ bằng lưu ly thì bậc thang bằng pha lê; lan can bằng pha lê, trụ bằng pha lê thì bậc thang bằng lưu ly; lan can bằng chơn châu đỏ, trụ bằng chơn châu đỏ thì bậc thang bằng mã não; lan can bằng mã não, trụ bằng mã não thì bậc thang bằng chơn châu đỏ; lan can bằng xa cừ, trụ bằng xa cừ thì bậc thang bằng bằng tất cả vật báu. Đường bằng vàng thì lề đường bằng bạc; đường bằng bạc thì lề đường bằng vàng; đường bằng lưu ly thì lề đường bằng pha lê; đường bằng chơn châu đỏ thì lề đường bằng mã não; đường bằng mã não thì lề đường bằng chơn châu đỏ; đường bằng xa cừ thì lề đường bằng tất cả vật báu. Lại dùng bảy báu tạo thành cây cảnh thật đẹp đẽ: cây, gốc, cành bằng vàng thì thân, lá, hoa, quả bằng bạc; cây, gốc, cành bằng bạc thì thân, lá, hoa, quả bằng vàng; cây, gốc, cành bằng lưu ly thì thân, lá, hoa, quả bằng pha

lê; cây, gốc, cành bằng pha lê thì thân, lá, hoa, quả bằng lưu ly; cây, gốc, cành bằng chơn châu đỏ thì thân, lá, hoa, quả bằng mã não; cây, gốc, cành bằng mã não thì thân, lá, hoa, quả bằng chơn châu đỏ; cây, gốc, cành bằng xa cừ thì thân, lá hoa, quả bằng tất cả vật báu. Trên cửa có mái che. Đường đi có nhà lầu bên lề, có vườn, có nhà. Trong ao tắm có các loại cây, các loại lá, các loại hoa, các loại quả, tỏa ra các thứ mùi thơm; các loài chim cùng nhau hót. Thành làm xong, linh thiêng hùng vĩ, bánh xe vàng dừng lại ở đó. Thành ấy đo được từ Đông sang Tây tám mươi dặm, từ Nam sang Bắc bốn mươi dặm.

Khi ấy chư Thiên vì Chuyển luân vương dùng bảy báu tạo dựng cung điện có bảy lớp vách, bảy lớp lan can, bảy lớp đường đi bằng bảy báu, bảy lớp hàng cây bằng bảy báu bao bọc chung quanh. Trên bảy lớp cửa có mái che; đường đi có nhà lầu, dưới có vườn, ao tắm, các loại cây, các loại lá, các loại hoa quả, các loại chim cùng nhau hót.

Tạo dựng cung điện của Chuyển luân vương xong, bánh xe vàng liền dừng trước cửa cung điện, trên hư không.

Bấy giờ Chuyển luân vương vô cùng vui vẻ, hoan hỷ nói:

–Chính vì ta mà bánh xe vàng báu tự nhiên hiện. Ta nay vì thế thành Chuyển luân vương.

Phật dạy:

–Chuyển luân vương có bánh xe vàng báu tự nhiên như thế, còn voi trắng báu của Chuyển luân vương là loại gì?

Chuyển luân vương sáng sớm cùng với các bề tôi, hội họp bàn luận, liền khi ấy, tự nhiên có voi trắng hiện ra trước mặt. Thân thể hoàn hảo, toàn màu trắng, có thể bay đi, tướng đoan chánh; đầu đỏ có sáu ngà, trên to, dưới nhỏ, ngà màu vàng ròng đẹp như tranh vẽ. Chuyển luân vương thấy xong liền nghĩ: "Con voi này nếu có thể điều phục được, thì sẽ trở nên hiền lành", liền cho người điều khiển voi điều khiển thử, chỉ mới thực hiện một lần mà đã điều khiển rất tốt, như một con vật đã thuần thục.

Lúc ấy Chuyển luân vương muốn thử voi báu trắng, liền cho tập hợp bốn bộ binh, trang bị cho voi trắng thật trang nghiêm, rồi cưỡi voi trắng, khi mặt trời vừa mọc, liền ra khỏi cửa cung, bay đi vòng quanh trong bốn biển, ngay tức khắc trở về cung, cùng nhau vui

vẻ an tọa.

Bấy giờ Chuyển luân vương vô cùng vui vẻ, thích thú nói:

–Chính vì ta mà voi báu trắng tự nhiên hiện. Ta nay đã thành Chuyển luân thánh vương.

Chuyển luân vương có voi trắng báu như thế, còn ngựa báu màu xanh biếc của Chuyển luân vương là loại gì?

Chuyển luân vương, sáng sớm cùng bề tôi bàn luận. Khi ấy vua thấy có ngựa màu xanh biếc tự nhiên ở trước mặt. Ngựa đó, thân xanh, lông trơn láng, đầu đen. Chuyển luân vương tự nghĩ: "Nếu có ai điều khiển con ngựa này thì sẽ tốt ngay", liền cho người điều khiển ngựa đến, tức thời điều khiển rất tốt, như một con ngựa hiền lành.

Bấy giờ Chuyển luân vương muốn thử con ngựa báu màu xanh biếc, liền tập hợp bốn bộ binh, trang bị xong, cưỡi ngựa, mặt trời chưa mọc, đã ra khỏi cửa cung, liền cùng với bốn bộ binh bay đi vòng quanh trong bốn biển và ngay ngày ấy, trở về cung, cùng nhau vui vẻ an tọa. Chuyển luân vương vô cùng vui mừng, nói:

–Chính vì ta mà ngựa báu xanh biếc tự nhiên hiện. Ta nay đã thành Chuyển luân vương.

Đã có con ngựa báu màu xanh biếc như vậy, còn ngọc báu minh nguyệt của Chuyển luân vương là loại gì?

Khi Chuyển luân vương, vào buổi sáng, cùng với các bề tôi đang ngồi bàn luận, bỗng thấy có ngọc báu minh nguyệt tự nhiên hiện ở trước mặt. Ngọc ấy xanh màu lưu ly, tám mặt trơn láng, đẹp đẽ, trong suốt, có ánh sáng tỏa chiếu. Chuyển luân vương thấy rồi, tự nghĩ: "Nếu treo ngọc này để chiếu sáng trong hậu cung của ta thì tuyệt đẹp".

Lúc ấy Chuyển luân vương muốn thử ngọc báu minh nguyệt, liền tập hợp bốn bộ binh, lấy ngọc báu gắn lên đầu ngọn cờ, ban đêm, ra khỏi cung, cùng với bốn bộ binh. Bấy giờ, ngọc báu minh nguyệt chiếu sáng nhà các Trưởng giả, Bà-la-môn, làm họ thức dậy, cho là đã sáng nên sai nô tỳ đi chợ mua sắm. Ngọc ấy chiếu đủ sáng để bốn bộ binh ra khỏi cung bốn mươi dặm, bay đi vòng quanh trong

bốn biển, ngay đêm ấy, trở về hoàng cung an tọa. Chuyển luân vương vô cùng vui mừng, thích thú, nói:

–Chính vì ta mà ngọc báu minh nguyệt tự nhiên hiện. Ta nay đã thành Chuyển luân vương.

Chuyển luân vương đã có ngọc báu minh nguyệt như thế.

M

KINH ĐẠI LÂU THÁN

QUYỂN II

Phẩm 3: CHUYỂN LUÂN VƯƠNG 2

Chuyển luân vương có ngọc nữ báu thế nào?

Sáng sớm, Chuyển luân vương cùng với các đại thần ngồi bàn luận. Khi ấy, có ngọc nữ báu hiện ra ở trước, đoan chánh đẹp đẽ, sắc diện không ai bằng, cũng không cao, không thấp, không mập, không ốm, không trắng, không đen; mùa đông, thân ấm áp, mùa hạ, thân mát mẻ; lỗ chân lông khắp thân thể đều tỏa ra mùi hương chiên đàn, miệng thơm mùi hoa sen. Chuyển luân vương rất yêu quý, chẳng khởi ý dâm dục với ai khác, huống là tự thân làm.

Bấy giờ Chuyển luân vương rất vui mừng, phấn khởi nói:

–Chính vì ta, nên ngọc nữ báu tự nhiên hiện. Nay ta đã thành Chuyển luân vương.

Chuyển luân vương có ngọc báu nữ như thế, còn vị quan chủ quản kho tàng báu của Chuyển luân vương là thế nào?

Sáng sớm, Chuyển luân vương ngồi bàn luận. Khi ấy vua thấy vị thánh quan chủ quản kho tàng báu hiện ở trước mặt, thông minh, hiểu việc, chí thành, đi đến chỗ Chuyển luân vương thưa:

–Chuyển luân vương muốn cần việc gì, thần sẽ vì Thiên vương mà phục vụ. Thiên vương chỉ ngồi yên ổn.

Chuyển luân vương muốn thử vị thánh quan chủ quản kho tàng báu, liền tập họp bốn bộ binh, lên thuyền ra biển, bảo với vị ấy:

–Ta muốn được vàng bạc châu báu, ngươi hãy cung cấp cho ta.

Vị thánh quan chủ quản kho tàng báu tâu với Chuyển luân vương:

–Qua biển rồi, thần sẽ cung cấp tùy theo ý vua.

Vua bảo:

–Nay ta cần dùng ngay tại đây, hãy mau cung cấp cho ta vàng, bạc, châu báu. Qua biển rồi ta chẳng cần dùng nữa.

Vị thánh quan chủ quản kho tàng nghe xong, tuân theo lệnh truyền bảo của vua liền, sửa y phục, quỳ thẳng trên thuyền, tay phải khuấy nước, lấy đồ đựng múc vàng, bạc, châu báu. Giống như loài trùng bám trên cây, các loại vàng, bạc, châu báu ở trên tay cũng như vậy.

Lúc ấy vị thánh quan chủ quản kho tàng đem các loại châu báu để trên thuyền và tâu với Chuyển luân vương:

–Ngài muốn bao nhiêu vàng, bạc, châu báu, nay thần cung cấp cho ngài.

Chuyển luân vương bảo với vị thánh quan chủ kho tàng:

–Vàng, bạc, châu báu ta đã có rất nhiều. Ta chỉ muốn thử khanh thôi.

Vị thánh quan chủ kho tàng nghe rồi liền đem vàng, bạc, châu báu bỏ trở lại xuống nước.

Bấy giờ Chuyển luân vương rất vui mừng, hân hoan nói:

–Chính vì vậy mà vị thánh quan chủ quản kho tàng báu tự nhiên hiện. Nay ta đã thành Chuyển luân vương.

Chuyển luân vương có vị thánh quan chủ kho tàng báu như thế.

Chuyển luân vương có vị tướng quân báu chủ quản quân đội ra sao?

Sáng sớm, Chuyển luân vương ngồi bàn luận. Khi ấy vua thấy có vị tướng quân chủ quản quân đội ở trước mặt, thông minh, dũng mãnh, rành việc, đi đến chỗ Chuyển luân vương và tâu vua:

–Nhà vua muốn làm việc gì, thần sẽ thi hành. Vua chỉ ngồi yên chớ lo.

Lúc ấy Chuyển luân vương muốn thử vị ấy, liền tập hợp bốn binh chủng, bảo với vị tướng quân báu:

–Ai chưa biết binh pháp, thì dạy cho họ biết; người đã biết rồi, thì dạy cho họ biết thêm; người chưa biết kỷ luật, thì dạy cho họ biết; người chưa biết cưỡi ngựa, bắn cung thì dạy cho họ biết.

Vị tướng quân chủ binh báu liền nhận lệnh, huấn luyện toàn thể binh chủng.

Chuyển luân vương rất vui mừng, hân hoan nói:

–Chính vì ta mà vị tướng quân báu chủ quản quân đội tự nhiên hiện. Nay ta đã thành Chuyển luân vương.

Chuyển luân vương có vị tướng quân báu chủ quản quân đội như thế.

Phật dạy:

–Chuyển luân vương có bảy báu như vậy.

Phật dạy:

–Chuyển luân vương có bốn đức. Bốn đức ấy là gì?

Một là rất giàu có. Các thứ châu báu, ruộng, nhà, nô tỳ, châu ngọc, voi, ngựa, thợ giỏi rất nhiều. Người giàu có trong thiên hạ không ai bằng Chuyển luân vương. Đó là đức thứ nhất của Chuyển luân vương.

Hai là rất đoan chánh đẹp đẽ. Nhan sắc của Chuyển luân vương không ai bằng. Người đoan chánh, đẹp đẽ trong thiên hạ không ai bằng Chuyển luân vương. Đó là đức thứ hai của Chuyển luân vương.

Ba là thường an ổn, không bệnh tật. Thân Chuyển luân vương bình yên, không nóng cũng không lạnh, ăn uống các thứ theo ý thích đều được an ổn. Người không bệnh trong thiên hạ không có ai như Chuyển luân vương. Đó là đức thứ ba của Chuyển luân vương.

Bốn là Chuyển luân vương sống lâu an ổn. Người sống lâu an ổn trong thiên hạ không có ai như Chuyển luân vương. Đó là đức thứ tư của Chuyển luân vương.

Chuyển luân vương có bảy báu và bốn đức như thế.

Chuyển luân vương dùng chánh pháp để cai trị, không thay đổi điều tốt hiện có, thực hành mười điều thiện, khuyên dạy vua các nước nhỏ, bề tôi chung quanh và muôn dân phụng hành mười điều thiện. Chuyển luân vương yêu thương dân chúng trong các nước nhỏ, như cha thương con. Nhân dân các nước nhỏ kính yêu Chuyển luân vương như con thương cha. Khi Chuyển luân vương cai trị thiên hạ, thì cõi Diêm-phù-lợi, đất bằng phẳng, không có cao thấp, không có gai gốc, không có các loài thú độc, kiến trùng, không có núi đồi, khe hang, không có đất sỏi đá, Chỉ có toàn là vàng, bạc, ngọc minh nguyệt, lưu ly, hổ phách, pha lê, xa cừ, mã não, san hô. Khi Chuyển luân vương trị quốc, thiên hạ giàu có, vui sướng, an ổn, hưng thịnh, ngũ cốc phong phú, dân chúng đông đúc.

Phật dạy các Tỳ-kheo:

–Thời gian Chuyển luân vương trị quốc, nhân dân trong tám vạn ngôi làng của các nước nhỏ, khi gà gáy, lần lượt cùng nghe. Khi Chuyển luân vương trị quốc, khắp thiên hạ luôn có cây cỏ nước, cây cối luôn xanh tươi, luôn có lá, hoa, quả. Mặt đất đầy cỏ, phân bố khắp nơi, màu cỏ như lông chim Khổng tước, mùi thơm như mùi hoa. Chân giẫm lên thì lún xuống bốn tấc, giở chân thì bung lên như cũ. Cỏ mọc đầy trên đất cao không quá bốn tấc. Có cây Hương thường trổ hoa kết quả, bổ quả ra, tỏa các mùi hương thơm. Có cây Áo, mền mọc ra hoa quả và các thứ áo, mền. Có cây Anh lạc châu báu trổ hoa kết quả, bổ ra, có vô số các thứ châu báu anh lạc. Có cây Hoa kết vòng trổ hoa kết quả, bổ ra có các loại vòng hoa. Có cây Quả luôn trổ hoa kết quả, bổ ra có các thứ quả. Có cây Đồ dùng trổ hoa kết quả, bổ ra có các loại đồ dùng. Có cây Kỹ nhạc trổ hoa kết quả, bổ ra có các thứ âm nhạc.

Thời gian Chuyển luân vương trị quốc, cõi Diêm-phù-lợi không cày cấy gieo trồng mà gạo, lúa, kê, nếp đều tự nhiên mọc, thanh khiết, không có tạp vật, tiết ra các vị ngọt.

Khi Chuyển luân vương lâm chung, thân không đau đớn. Ví như người ưa thích tập luyện, ăn nhiều bụng chẳng hề đau. Khi Chuyển luân vương lâm chung, thân thể không đau cũng như vậy. Sau khi Chuyển luân vương lâm chung, bánh xe bằng vàng, voi trắng báu liền biến mất; ngựa màu xanh biếc, ngọc báu minh nguyệt cũng biến mất; ngọc nữ báu, vị thánh quan chủ quản kho tàng báu, vị tướng quân báu chủ quản quân đội liền tắm rửa thân Chuyển luân vương, dùng lụa quấn kín, lại dùng năm trăm tấm khăn phủ thân, bỏ vào trong quan tài bằng sắt, dùng đề hồ rưới lên trên. Xong rồi, dùng lọng che lên, lấy đinh đóng vào, đưa quan tài Chuyển luân vương đi. Dân chúng cùng nhau cử nhạc, ca múa, đưa ra ngoài thành, chất tất cả củi thơm, khiêng quan tài Chuyển luân vương đặt lên trên rồi châm lửa đốt. Thiêu xong, ngọc nữ báu, vị thánh quan chủ quản kho tàng báu, vị tướng quân báu chủ quản quân đội cùng nhặt xương, đặt ở ngã tư đường, rồi xây tháp thờ. Tháp ấy cao bốn mươi dặm, rộng, dài bốn mươi dặm, chung quanh xây tường, rộng, dài hai trăm dặm, dùng bảy báu: vàng, bạc, pha lê, lưu ly, chơn châu đỏ, xa cừ, mã não làm bảy lớp lan can, bảy lớp đường đi, bảy lớp hàng cây bao bọc chung quanh rất đẹp. Ai từ bốn phương đến lễ bái Chuyển luân vương, hành nghi thức xây dựng tháp đều được vô số phước đức.

Bấy giờ, ngọc nữ báu, thánh quan chủ quản kho tàng báu và tướng

quân báu chủ quản quân đội xây tháp cho Chuyển luân vương xong, liền bố thí cơm cho người đói, thức uống cho người khát, y phục cho người muốn có y phục, hương xông cho người muốn có hương xông, cho của cải, trâu, dê cho người muốn có các thứ ấy. Sau đó, ngọc nữ báu, thánh quan chủ quản kho tàng báu và tướng quân báu chủ quản quân đội đều mạng chung.

M

Phẩm 4: NÊ LÊ 1

Phật bảo:

–Tỳ-kheo, có núi Thiết vi lớn, lại có núi Thiết vi lớn thứ hai, khoảng giữa mờ mờ mịt mịt ánh sáng của đại tôn thần Nhật nguyệt không thể chiếu đến. Trong đó, có tám địa ngục lớn. Mỗi địa ngục có mười sáu bộ. Địa ngục lớn thứ nhất tên là Tưởng, địa ngục lớn thứ hai tên là Hắc nhĩ, địa ngục lớn thứ ba tên là Tăng càn, địa ngục lớn thứ tư tên là Lô cách, địa ngục lớn thứ năm tên là Khiếu hoán, địa ngục lớn thứ sáu tên là Thiêu chích, địa ngục lớn thứ bảy tên là Phủ chử, địa ngục lớn thứ tám tên là A-tỳ-ma-ha.

Phật dạy:

–Vì sao gọi là Tưởng? Địa ngục lớn tên Tưởng ấy, nếu có người đọa vào trong đó, tám ngón tay mọc móng như dao bén, dùng để đâm chém nhau, thịt của họ theo tay mà rơi xuống, tưởng nghĩ muốn giết hại nhau, cho đó là việc bình thường, nên gọi là địa ngục Tưởng.

Lại có các nhân duyên khác: Địa ngục lớn gọi là Tưởng đó, nếu có người đọa vào chốn ấy, trong tay tự nhiên có dao kiếm, dùng để đâm chém nhau, với ý tưởng muốn giết hại người khác, vì cho đó là việc bình thường, nên gọi là Tưởng.

Lại có các nhân duyên khác: Có người đọa vào trong đó, tay tự nhiên thành dao nhỏ, dùng để đâm chém, lột da người khác, luôn tưởng nghĩ muốn giết hại kẻ khác, vì cho là việc bình thường, nên gọi là Tưởng.

Lại có nhân duyên khác: Có người đọa vào trong địa ngục lớn gọi là Tưởng ấy, dùng tay cào, lột da từ chân đến đỉnh đầu kẻ khác, nghĩ tưởng muốn giết hại người khác. Gió mát thổi đến thì vết thương trên thân lành lại, họ truyền nói với nhau là sẽ trở lại sống lâu. Trong đó lại có kẻ nói với nhau: "Bọn ta nay thích sống như vậy đó", nên gọi là địa ngục Tưởng.

Lại có nhân duyên khác: Vì người sống lâu trong địa ngục, nên mới từ trong địa ngục Tưởng thoát ra, liền chạy cầu được giải thoát.

Lại có địa ngục tên là Hắc giới, cao rộng hai vạn dặm. Tất cả người vào trong ấy, lửa từ thân phát ra, đốt quanh thân ba vòng, rồi nhập lại thân, đau đớn không thể chịu nổi; vì tội ác chưa giải trừ cho

nên chưa chết được.

Lại nữa, tường phía Đông của địa ngục Hắc giới, lửa cháy ba vòng thiêu người, rồi lửa cháy đến vách phía Tây. Từ vách phía Tây lửa cháy đến vách phía Đông; lửa từ vách phía Nam, cháy đến vách phía Bắc; lửa từ vách phía Bắc cháy đến vách phía Nam; lửa từ trên cháy xuống đến đất; lửa từ dưới cháy lên trên, cháy lên mãi. Người trong đó bị thiêu đốt, đau đớn không thể chịu nổi, vì tội ác chưa hết nên chẳng chết, còn ở trong ấy rất lâu, mới từ nơi địa ngục Hắc giới thoát ra liền bỏ chạy tìm chốn giải thoát.

Có địa ngục tên là Phí thỉ cao rộng hai vạn dặm. Tất cả tội nhân vào trong cõi ấy thì tự nhiên bị dìm trong nước sôi sùng sục đến tận cổ. Ngục tốt dùng tay vật mạnh tội nhân xuống, tội nhân muốn ra cũng không thể được. Thân thể, tay chân, tai, mũi, đầu, mắt, đều bị thiêu đốt đau đớn không chịu nỗi. Vì tội ác chưa hết nên không chết. Có loài trùng tên là Thiết khẩu, đục khoét vào đầu người, đục khoét xuyên qua thịt người, phá xương hút tủy. Người trong địa ngục dùng tay bốc phân ăn, môi lưỡi đều bị bỏng; cổ họng, ruột, bao tử trong bụng đều bị chín, thức ăn liền tuột ra ngoài, đau đớn không sao chịu nổi. Vì tội ác chưa hết nên chưa chết, phải ở trong đó rất lâu. Về sau, từ trong địa ngục Phí thỉ thoát ra, liền bỏ chạy muốn tìm cầu giải thoát.

Có địa ngục tên là Năm trăm đinh, cao rộng hai vạn dặm. Tất cả tội nhân vào trong đó, ngục tốt nắm chân tay người đè nằm xuống đất có đinh, dùng đinh sắt nóng đỏ đóng vào bàn tay bên phải; dùng đinh sắt đóng vào bàn tay bên trái; dùng đinh sắt đóng vào chân bên phải; lại dùng đinh sắt đóng chân bên trái; lại dùng đinh sắt đóng vào tim; lại dùng đinh sắt đóng khắp thân thể, xuống thấu dưới đất; dùng hết năm trăm cây đinh đóng vào thân. Sau đó, tội nhân cử động, muốn đứng dậy, đau đớn không thể chịu nổi. Ngục tốt hỏi: "Muốn cầu điều gì?" Đáp: "Tôi chỉ khổ vì đói khát". Ngục tốt dùng kềm cạy miệng ra, dùng sắt nóng chảy rót vào trong miệng tội nhân, môi, lưỡi, cổ họng đều cháy tiêu. Ruột, bao tử trong bụng đều chín nhừ, thức ăn tuột ra ngoài, đau đớn không sao kể xiết. Do tội ác chưa hết nên chẳng chết. Vì tội nhân trong địa ngục chịu đựng như thế quá lâu, nên sau khi mới từ địa ngục Năm trăm đinh ra, liền bỏ chạy muốn tìm cầu giải thoát.

Có địa ngục tên là Xa thiếp, cao rộng hai vạn dặm. Tất cả tội nhân vào trong đó, ngục tốt đều hỏi: "Muốn cầu điều gì?" Đáp: "Chỉ

khổ vì đói khát". Ngục tốt liền chụp từng người đè xuống đất, lấy kềm cạy miệng họ ra, dùng nước đồng sôi rót vào miệng từng người, môi lưỡi đều cháy. Ngũ tạng, ruột, bao tử trong bụng đều cháy nhừ, bị thiêu đốt, đau đớn không thể chịu nổi. Vì tội ác chưa hết nên chẳng chết. Ở trong địa ngục quá lâu, sau đó mới được thoát ra, liền bỏ chạy muốn tìm cầu giải thoát.

Có địa ngục tên là Ẩm. Tất cả tội nhân vào trong đó, ngục tốt liền hỏi: "Muốn cầu điều gì?" Đáp: "Tôi chỉ khổ vì đói khát". Ngục tốt liền chụp từng người đè xuống đất nóng, dùng kềm cạy miệng họ ra, lấy viên sắt nóng bỏ vào miệng tội nhân; mũi, lưỡi, cổ họng đều bị cháy, ngũ tạng, ruột, bao tử cháy hết, thức ăn liền tuột ra ngoài, đau đớn không sao chịu nổi. Vì tội ác chưa giải trừ nên chẳng chết. Ở trong đó quá lâu, nên vừa thoát khỏi địa ngục Ẩm, liền bỏ chạy muốn tìm cầu giải thoát.

Có địa ngục tên là Nhất đồng phủ, cao rộng hai vạn dặm. Tất cả tội nhân vào trong đó, ngục tốt lần lượt xách cả tay chân, thân thể tội nhân bỏ vào nồi đồng nấu, dưới đáy cũng nóng, ở trên cũng nóng. Nước sôi nổi bọt trào vọt lên, phủ lên, làm chín những chỗ tay chân lộ trên mặt nước. Giống như nấu đậu, dưới cũng nóng, trên cũng nóng; chỗ bị phủ cũng nóng, chỗ lộ trên mặt nước cũng nóng. Tội nhân trong địa ngục cũng thế. Ở trong hai vạn dặm của địa ngục Đồng phủ: trên dưới đều chín, đầu mặt, tay chân đều chín nhừ; ngục tốt dùng mâu đâm vào thân họ, đau đớn không thể chịu nổi, vì tội ác chưa giải trừ nên chẳng chết. Vì tội nhân trong địa ngục chịu đựng như thế quá lâu, nên sau đó, mới từ địa ngục Nhất đồng phủ thoát ra, liền bỏ chạy muốn tìm cầu giải thoát.

Có địa ngục tên là Đa đồng phủ, cao rộng hai vạn dặm. Tất cả tội nhân vào trong đó, ngục tốt lần lượt xách cả thân thể, tay chân của tội chân bỏ vào nồi đồng để nấu. Nước sôi dâng trào lên, lần lượt từ đáy vọt lên trên, đầu, mắt, tay, chân đều bị chín nhừ. Ngục tốt liền lấy mâu đâm tội nhân. Bỏ tội nhân vào trong nồi đồng khác, rồi cũng bị nấu nhừ như vậy, đau đớn không thể chịu nổi. Vì tội ác chưa giải trừ nên chẳng chết. Ở trong đó rất lâu, sau đấy, mới từ trong địa ngục Đa đồng phủ thoát ra, liền bỏ chạy muốn tìm cầu giải thoát.

Có địa ngục tên là Thiết ma, cao rộng hai vạn dặm. Tất cả tội nhân vào trong đó, ngục tốt liền lần lượt xách từng tội nhân đặt nằm trên bàn mài bằng sắt; dùng nắp đậy lên, rồi chà xát, làm cho thịt nát

máu tuôn; xương dưới còn dính lại trên bàn mài, lửa trong bàn phát ra, đốt cháy đau đớn chẳng thể chịu nổi. Tội ác chưa giải trừ nên chẳng chết. Vì tội nhân trong địa ngục chịu đựng như thế quá lâu, nên sau đó, vừa từ địa ngục Thiết ma thoát ra, liền bỏ chạy muốn tìm cầu giải thoát.

Có địa ngục tên là Nùng huyết, cao rộng hai vạn dặm. Tội nhân vào trong địa ngục đó, tự nhiên có máu mủ nóng như lửa tuôn ra, tội nhân lấy tay chân cào đạp, muốn thoát ra, đầu, mặt, tai, mũi, thân thể, tay chân đều bị cháy, liền lấy tay bốc máu mủ đó mà ăn; môi, lưỡi, cổ, họng đều cháy; ruột, bao tử, ngũ tạng trong bụng đều cháy, thức ăn liền tuột ra ngoài, đau đớn không thể chịu nổi. Vì tội ác chưa giải trừ nên chẳng chết. Ở trong đó rất lâu, sau đấy, mới từ trong địa ngục Nùng huyết thoát ra, liền bỏ chạy muốn tìm cầu giải thoát.

Có địa ngục tên là Cao lăng, cao rộng hai vạn dặm. Tất cả tội nhân vào trong đó, lửa của địa ngục phun ra; ngục tốt liền xô tội nhân vào; đầu, mặt, tai, mũi, thân thể, tay chân đều cháy rụi, đau đớn không thể nào chịu nổi. Vì tội ác chưa giải trừ nên chẳng chết. Ở trong đó quá lâu, sau đấy, mới từ trong địa ngục Cao lăng thoát ra, liền bỏ chạy muốn tìm cầu giải thoát.

Có địa ngục tên là Chước bản, cao rộng hai vạn dặm. Tất cả tội nhân vào trong đó, ngục tốt lần lượt bắt tội nhân đè xuống nền sắt nóng, dùng dây sắt quấn cột thân họ lại, hai tay cầm rìu bổ vào thân và đầu, mặt, tay, chân, mũi, tai của họ, đau đớn không thể chịu nổi. Vì tội ác chưa giải trừ nên chưa chết. Ở trong đó rất lâu, sau đấy, mới từ trong địa ngục Chước bản thoát ra, liền bỏ chạy muốn tìm cầu giải thoát.

Có địa ngục tên là Hộc lượng, cao rộng hai vạn dặm. Tất cả tội nhân vào trong đó, ngục tốt liền lấy lửa than đổ vào tội nhân, rồi đẩy tội nhân vào thùng, lấy tay đè xuống; đầu, mặt, thân thể, tay chân, mũi, tai đều cháy nhừ. Ngục tốt lại xô tội nhân lên trên lửa đốt tới, đốt lui, đau đớn không thể chịu nổi. Vì tội ác chưa giải trừ nên không chết. Ở trong đó rất lâu, sau đấy mới từ trong địa ngục Hộc lượng thoát ra, liền bỏ chạy mong tìm cầu giải thoát.

Có địa ngục tên là Kiếm thọ diệp, cao rộng hai vạn dặm. Tất cả tội nhân vào trong đó, gió nổi lên thổi lá cây kiếm sắt rơi xuống chặt đứt tay, chân, đầu, mặt, tai, mũi, thân thể tội nhân, đau đớn không thể nào chịu nổi. Vì tội ác chưa giải trừ nên chẳng chết. Ở trong đó rất lâu, sau đấy, vừa mới từ trong địa ngục Kiếm thọ diệp thoát ra, liền bỏ chạy

mong tìm cầu giải thoát.

Có địa ngục tên là Nhiễu lao hà, cao rộng hai vạn dặm. Hai bên bờ ngục, có loại cỏ dao cắt đầu. Tội nhân vào trong đó bị dao đâm ngược, chặt đứt tay chân, đầu, mặt, mũi, tai, thân thể tội nhân, đau đớn không thể chịu nổi. Bấy giờ tội nhân đều rơi xuống sông Nhiễu lao, nước sôi vọt lên, dưới đáy có cỏ dao tám tấc đâm vào thân tội nhân, máu phụt ra, chỉ còn có xương, liền bị nước sôi trào phủ lên trên tội nhân, đau đớn không thể chịu nổi. Gió thổi đến bờ cỏ, dao xoay ngược vào trong, chặt đầu, mặt, tai, mắt, mũi, thân thể, tay chân của tội nhân, đau đớn không thể kể xiết. Vì tội ác chưa giải trừ nên chưa chết. Ngục tốt liền hỏi tội nhân: "Muốn cầu việc gì?" Đáp: "Tôi chỉ khổ vì đói khát". Ngục tốt lần lượt đè từng tội nhân xuống nền đất nóng, lấy nước đồng sôi rót vào miệng tội nhân; môi, lưỡi, cổ họng đều bị cháy, thân thể, ngũ tạng, ruột, bao tử đều bị cháy, thức ăn tuột ra ngoài, đau đớn không sao chịu nổi. Vì tội ác chưa giải trừ nên chưa chết. Hai bên bờ sông có cây sắt, ngục tốt xách tội nhân giơ lên, đặt xuống dưới gốc cây, cây sinh ra các mũi nhọn chỉa xuống, đâm vào thân thể tội nhân, máu chảy thịt rơi, chỉ còn có xương. Gió nổi lên thổi vào thân thể tội nhân, bình phục như cũ.

Có loài chim tên là Thiết điểu trác mổ vào đầu tội nhân, hút não, đậu trên đầu tội nhân, mổ lấy cặp mắt. Tội nhân muốn xuống thì mũi nhọn đâm ngược lên; tội nhân muốn lên thì bị mũi nhọn đâm xuống. Bấy giờ tội nhân bỏ chạy muốn tìm chốn giải thoát, nhưng lại bị rơi vào trong bờ của ngục Nhiễu lao hà nước sôi trào vọt lên khiến rớt xuống đáy, bị cỏ nhọn đâm chích như cũ. Trên bờ, nổi gió thổi cỏ đao bên bờ chặt ngược, gây thương tích ở đầu, mặt, tai, mũi, thân thể, tay chân của tội nhân, đau đớn không thể nào chịu nổi. Vì tội ác chưa giải trừ nên không chết. Ngục tốt hỏi: "Muốn cầu việc gì?" Đáp: "Tôi chỉ khổ vì đói khát". Ngục tốt liền lấy nước đồng sôi rót vào miệng tội nhân; môi, lưỡi, cổ họng, ruột, bao tử đều cháy nhừ, thức ăn tuột ra ngoài. Ngục tốt ở bên bờ, lại leo lên cây bên bờ, thả dao ở trên xuống, đâm ngược tội nhân.

Có loài chim tên là Na-ny trác, mổ vào đầu, hút não tội nhân, đậu lên đầu tội nhân rồi mổ mắt. Tội nhân muốn lên hay xuống đều bị đâm ngược vào thân, đau đớn không thể nào chịu nổi. Vì tội ác chưa hết, nên không chết. Lại bị đọa rơi vào lại trong địa ngục Nhiễu lao hà, đau đớn như cũ. Gió lại thổi đến bên bờ, dao cỏ đâm ngược tội nhân như trước.

Ngục tốt lại hỏi tội nhân: "Muốn cầu việc gì?" Đáp: "Chỉ khổ vì đói khát". Ngục tốt lấy nước đồng sôi rót vào miệng tội nhân, bị thiêu đốt như cũ, đau đớn không thể nào chịu nổi. Ở trong đó rất lâu, sau đấy, vừa từ trong địa ngục Nhiễu lao hà thoát ra, liền chạy đi, muốn tìm cầu giải thoát.

Có địa ngục tên là Lang dã can, cao rộng hai vạn dặm. Tất cả tội nhân vào trong đó, chó sói tự nhiên đứng trước mặt, trong thân phát lửa đỏ, ngoạm thịt trên thân tội nhân vào miệng để ăn, đau đớn không thể chịu nổi. Chim bay đến mổ nuốt thịt tội nhân, đau đớn không sao kể xiết. Vì tội ác chưa hết nên không chết. Ở trong ấy rất lâu, sau đấy, mới từ địa ngục Lang dã can thoát ra, liền chạy đi, muốn cầu giải thoát.

Có địa ngục tên là Hàn băng, cao rộng hai vạn dặm. Tất cả tội nhân vào trong đó, gió bốn phía chung quanh nổi lên, lạnh buốt, thổi xuyên qua da, thịt, gân, xương, vào đến tủy của tội nhân. Vì phải chịu đựng như vậy cho nên chết ở trong đó.

Phật dạy:

–Vì sao gọi là địa ngục Hắc nhĩ? Nếu có tội nhân nào đọa vào địa ngục Hắc nhĩ, gió đen thổi cát nóng phủ lên trên thân, liền ngã xuống đất, da, thịt, xương, gân, tủy đều bị cháy, đau đớn không thể nào chịu nổi. Vì tội ác chưa hết nên không chết. Vì phải chịu đựng như vậy nên gọi là Hắc nhĩ.

Lại nữa, có nhân duyên khác: Tội nhân đọa vào trong địa ngục lớn Hắc nhĩ, bị sắt đen nóng đỏ trói buộc thân, gió thổi lên làm chúng siết mạnh vào, cắt đứt da, thịt, thân thể họ; phá vỡ xương làm tủy vọt ra, đau đớn không thể nào chịu nổi. Vì tội ác chưa hết nên không chết. Vì phải chịu đựng như vậy nên gọi là Hắc nhĩ.

Lại nữa, có nhân duyên khác: Kẻ bị đọa vào đại địa ngục Hắc nhĩ, ngục tốt dùng dây sắt đen nóng đỏ quấn vào thân tội nhân, làm cháy da, thịt, xương, tủy, đau đớn không sao chịu nổi. Vì tội ác chưa hết nên không chết. Vì hình phạt như vậy nên gọi là Hắc nhĩ.

Lại nữa, có kẻ đọa vào ngục đại Hắc nhĩ, ngục tốt dùng dây sắt cột hai bên tội nhân, lấy cưa cưa đứt, lấy búa bửa ra, đau đớn không sao chịu đựng nổi. Vì tội ác chưa hết nên không chết. Vì hình phạt như vậy, nên gọi là Hắc nhĩ. Lại nữa, tội nhân ở trong đó rất lâu, bị thiêu đốt đau đớn, nên mới vừa từ địa ngục Hắc nhĩ thoát ra, liền chạy đi, muốn cầu giải thoát.

Có địa ngục tên là Hắc hỏa, cao rộng hai vạn dặm. Tội nhân vào hết trong đó, lửa đen từ thân phát ra, đốt quanh thân ba vòng rồi vào lại trong thân, đau đớn không thể chịu đựng nổi. Vì tội ác chưa hết nên không chết. Ở trong địa ngục này rất lâu, nên mới từ trong địa ngục Hắc hỏa thoát ra, tuần tự nhập vào mười sáu địa ngục như trước, cho đến địa ngục Hàn băng mới chết.

Phật dạy:

–Vì sao gọi là địa ngục Tăng càn?

Có tội nhân đọa vào đại địa ngục Tăng càn, tự nhiên hai ngọn núi sắt phát lửa; núi lửa ép tội nhân trong địa ngục, làm nát thân hình, đau đớn không sao chịu nổi. Vì tội ác chưa hết nên không chết. Vì vậy, gọi là Tăng càn.

Lại nữa, có nhân duyên khác: Nếu có tội nhân đọa vào đại địa ngục Tăng càn, tội nhân vào trong đó, có hai ngọn núi cùng ép, thân thể tội nhân đều bị dập nát, rã ra, rơi xuống, đau đớn không thể chịu đựng nổi. Vì tội ác chưa hết nên không chết. Vì vậy gọi là Tăng càn.

Lại có nhân duyên khác nữa: Tội nhân ở trong đó quá lâu, nên vừa từ địa ngục Tăng càn thoát ra, liền chạy đi, mong cầu giải thoát, nhưng lại bị nhập vào mười sáu địa ngục như trước, cho đến địa ngục Hàn băng thì mới chết.

Phật dạy:

–Vì sao gọi là địa ngục Lâu liệp?

Có tội nhân đọa vào địa ngục Lâu liệp, ngục tốt lần lượt bắt từng tội nhân bỏ vào trong chảo sắt. Tội nhân la lớn lên, rất rùng rợn, đau đớn. Vì vậy, nên gọi là Lâu liệp.

Lại nữa, có tội nhân đọa vào địa ngục Lâu liệp, ngục tốt bắt tội nhân bỏ vào trong đỉnh sắt, tội nhân kêu la rùng rợn, rất đau đớn. Vì vậy gọi là Lâu liệp.

Lại nữa, có tội nhân vào trong địa ngục Lâu liệp, ngục tốt lần lượt bắt từng người bỏ vào trong nồi sắt. Tội nhân kêu la, rất rùng rợn, rất đau đớn. Vì vậy gọi là Lâu liệp.

Lại có nhân duyên khác nữa: Tội nhân ở trong đó quá lâu, nên vừa mới từ trong địa ngục Lâu liệp thoát ra, liền chạy đi, mong cầu giải thoát. Nhưng lại lần lượt nhập vào mười sáu địa ngục như trước, cho đến địa ngục Hàn băng mới chết.

Phật dạy:

–Vì sao gọi là Đại khiếu hoán?

Có tội nhân đọa vào đại địa ngục Khiếu hoán, ngục tốt lần lượt bắt từng tội nhân bỏ vào trong chảo lớn nấu. Tội nhân hết sức đau đớn, la lớn lên. Vì vậy, gọi là Đại khiếu hoán. Lại có nhân duyên khác: Tội nhân đọa vào đại địa ngục Khiếu hoán, ngục tốt lần lượt bắt từng người bỏ vào trong nồi lớn. Tội nhân rất đau đớn, kêu gào. Lại có nhân duyên

khác nữa: Có tội nhân bị đọa vào đại địa ngục Khiếu hoán, ngục tốt lần lượt bắt từng tội nhân bỏ vào trong đỉnh sắt nấu. Tội nhân rất đau đớn, luôn luôn gào thét. Vì ở trong đó rất lâu, nên vừa từ trong địa ngục Khiếu hoán thoát ra, liền chạy đi mong cầu giải thoát. Nhưng lại lần lượt nhập vào mười sáu địa ngục như trước, đến địa ngục Hàn băng mới chết.

Phật dạy:

–Vì sao gọi là Thiêu chích?

Có tội nhân nào đọa vào đại địa ngục Thiêu chích, ngục tốt lần lượt bắt từng người bỏ vào trong thùng sắt, trong ấy tự nhiên phát lửa, thiêu đốt, đau đớn. Vì vậy gọi là Thiêu chích. Lại nữa, có tội nhân nào đọa vào đại địa ngục Thiêu chích, ngục tốt lôi tội nhân vào trong đường đi bằng sắt, tự nhiên có lửa đốt cháy, đau đớn. Vì vậy gọi là Thiêu chích. Vì tội ác chưa hết nên không chết. Lại nữa, có tội nhân nào đọa vào đại địa ngục Thiêu chích, ngục tốt lôi tội nhân vào nhà sắt, tự nhiên có lửa thiêu đốt, đau đớn. Vì vậy gọi là Thiêu chích. Tội nhân ở trong đó quá lâu, nên vừa mới từ trong địa ngục Thiêu chích thoát ra, liền chạy đi, mong cầu giải thoát. Nhưng lại bị rơi vào mười sáu địa ngục như trước, đến địa ngục Hàn băng mới chết.

Phật dạy:

–Vì sao gọi là A-tỳ-ma-ha?

Có tội nhân nào đọa vào địa ngục A-tỳ-ma-ha, mắt chỉ thấy cảnh ác, chẳng thấy cảnh lành; tai chỉ nghe tiếng ác, chẳng nghe tiếng lành; miệng chỉ được ăn món dơ, chẳng ăn được món ngon; mũi chỉ ngửi được mùi hôi, chẳng ngửi được mùi thơm; thân chỉ tiếp xúc với thứ khó chịu; ý chỉ nghĩ điều ác, không lành. Vì vậy, gọi là A-tỳ-ma-ha. Lại có nhân duyên khác: Có tội nhân nào đọa vào địa ngục A-tỳ-ma-ha, lửa tường phía Đông cháy đến tường phía Tây; lửa tường phía Tây cháy đến tường phía Đông; lửa tường phía Nam cháy đến tường phía Bắc; lửa tường phía Bắc cháy đến tường phía Nam; lửa ở trên cháy xuống dưới đất; lửa dưới đất cháy mãi lên trên. Sáu mặt lửa đều áp đến thiêu đốt tội nhân đau đớn. Vì vậy gọi là A-tỳ-ma-ha. Lại nữa, có tội nhân nào đọa vào địa ngục A-tỳ-ma-ha, không có một khoảnh khắc an lạc. Vì vậy gọi là A-tỳ-ma-ha. Tội nhân ở trong đó quá lâu, nên mới vừa từ trong địa ngục A-tỳ-ma-ha thoát ra, liền chạy đi, mong cầu giải thoát. Nhưng lại lần lượt rơi vào mười sáu địa ngục như trước, đến địa ngục Hàn băng mới

chết.

Phật dạy:

–Ở ngoài núi Đại thiết vi, phía Nam cõi Diêm-phù-lợi, có thành vua Diêm-la, cao rộng hai mươi bốn vạn dặm, dùng bảy báu làm bảy lớp tường, bảy lớp lan can, bảy lớp đường đi, bảy lớp hàng cây, vườn, ao tắm, bao bọc chung quanh; vách bằng vàng thì cửa bằng bạc, vách bằng bạc thì cửa bằng vàng; vách bằng lưu ly thì cửa bằng pha lê, vách bằng pha lê thì cửa bằng lưu ly; vách bằng chơn châu đỏ thì cửa bằng mã não, vách bằng mã não thì cửa bằng chơn châu đỏ; vách bằng xa cừ thì cửa bằng tất cả vật báu; trên có mái che lối đi, dưới có vườn, ao tắm; có các thứ cây, lá, hoa, quả tỏa ra các thứ mùi thơm, các loại chim bay, cùng nhau vui hót.

Phật dạy:

–Người mà thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác, sau khi chết, đọa vào trong địa ngục của vua Diêm-la này. Ngục tốt trói ngược tội nhân, đem đến yết kiến vua Diêm-la và tâu với vua:

–Những tội nhân này đều bất hiếu với cha mẹ, không phụng sự Sa-môn, đạo nhân, không sợ quả báo đời sau. Xin nhà vua tùy theo ý ngài mà phạt họ.

Nhà vua liền kêu tội nhân đến trước, xét kỹ, hỏi rõ người ấy:

–Khi xưa ngươi ở thế gian có thấy người già một trăm hai mươi tuổi, đầu bạc, răng rụng, mặt hóp, da nhăn, khí lực suy kém, chống gậy mà đi, thân thể run rẩy không?

Tội nhân ấy đáp:

–Đã thấy.

–Tại sao không tự nghĩ mình cũng sẽ già nua như vậy, không thể thoát khỏi sự già nua. Tại sao không sửa đổi thân, khẩu, ý làm thiện?

Tội nhân đáp:

–Tôi thật mê loạn, không rõ đạo lý.

–Ta nay hỏi ngươi về cái ý mê loạn không rõ đạo lý: Tội ấy chẳng phải là tội của cha mẹ, cũng chẳng phải tội của anh em, cũng chẳng phải tội của Thiên đế vương, cũng chẳng phải tội của thân quyến, bạn bè, cũng chẳng phải tội của tổ tiên, người đời trước, cũng chẳng phải tội của Sa-môn, Bà-la-môn phải không? Ngươi làm ác thì chính thân ngươi phải chịu.

Vua Diêm-la hỏi lần thứ nhất xong, rồi xét kỹ, hỏi rõ tội nhân lần

thứ hai:

–Khi xưa ngươi còn ở tại thế gian chẳng thấy đàn ông, đàn bà bệnh, nằm liệt trên giường, mồ hôi đổ ra, nằm bất động trên giường, không thể ngồi dậy, người nhà đỡ ngồi dậy cho ăn uống sao?

Tội nhân đáp:

–Đã thấy.

Vua nói:

–Tại sao ngươi không tự nghĩ mình cũng sẽ bị đau ốm như vậy để tự sửa đổi thân, khẩu, ý thành thiện?

–Tôi thật là mê loạn, không rõ đạo lý.

Vua nói:

–Ta nay hỏi ngươi về cái ý mê loạn, không rõ đạo lý: Tội ấy chẳng phải tội của cha mẹ; chẳng phải tội của anh em; chẳng phải tội của Thiên đế vương; chẳng phải tội của người thân, bạn bè; chẳng phải tội của tổ tiên, người đã khuất; cũng chẳng phải tội của Sa-môn, Bà-la-môn chứ? Ngươi tự làm ác, thì chính thân ngươi phải chịu.

Vua Diêm-la hỏi lần thứ hai, rồi vua hỏi lần thứ ba:

–Khi xưa ngươi còn ở lại thế gian, chẳng thấy người đàn ông, đàn bà khi chết, thân thể hư hoại rã nát như cây vất trong rừng, bị chim, quạ, trùng, kiến, chồn sói ăn thịt; hoặc có người bị thiêu, hoặc có người được chôn sao?

Tội nhân đó đáp:

–Đã thấy.

–Tại sao ngươi không tự nghĩ mình cũng sẽ chết như thế để tự sửa đổi thân, khẩu, ý thành thiện?

–Tôi thật mê loạn, không rõ đạo lý.

Vua nói:

–Ta sẽ hỏi ngươi về cái ý mê loạn, không rõ đạo lý: Tội ấy chẳng phải tội của cha mẹ, chẳng phải tội của anh em, chẳng phải tội của Thiên đế vương, chẳng phải tội của tổ tiên, người quá cố, chẳng phải tội của họ hàng, bạn bè; cũng chẳng phải tội của Sa-môn, Bà-la-môn chứ? Ngươi tự làm ác thì chính thân ngươi phải chịu.

Vua Diêm-la hỏi lần thứ ba xong liền hỏi lần thứ tư:

–Khi xưa ngươi ở thế gian, chẳng thấy trẻ sơ sinh chưa biết gì, phân và nước tiểu dính đầy thân thể sao?

Tội nhân đó đáp:

–Tôi đã thấy.

–Tại sao ngươi không tự nghĩ mình vốn cũng như vậy, để sửa đổi thân, khẩu, ý thành thiện?

–Tôi thật mê loạn, không rõ đạo lý.

Vua nói:

–Ta nay hỏi ngươi về cái ý mê loạn, không rõ đạo lý: Tội ấy chẳng phải là tội của cha mẹ, chẳng phải là tội của anh em, chẳng phải tội của Thiên đế vương, chẳng phải tội của tổ tiên, người đã khuất; chẳng phải tội của họ hàng, bạn bè; cũng chẳng phải tội của Sa-môn, Bà-la-môn chứ? Ngươi tự làm ác, thì chính thân ngươi phải chịu.

Vua Diêm-la hỏi lần thứ tư xong, lại tra xét kỹ, hỏi lần thứ năm:

–Khi xưa ngươi còn ở thế gian, chẳng thấy ở các ấp, huyện trong nước, bắt được kẻ trộm cướp, hoặc kẻ phạm tội sát nhân, đem đến trình với vua, vua ra lệnh phanh thây bêu đầu, hoặc bỏ vào trong nồi nấu, hoặc thiêu sống, hoặc nhốt vào lao ngục; hoặc dùng roi đánh đập, hết sức đau đớn; hoặc cắt tay chân, mũi tai; hoặc đâm xuyên thân; hoặc chặt đầu, đủ các hình phạt đau đớn dữ dội sao?

Tội nhân đó đáp:

–Đã thấy.

–Tại sao ngươi không tự nghĩ nếu mình có lỗi cũng sẽ bị bắt như vậy, để sửa đổi thân, khẩu, ý thành thiện?

–Tôi thật mê loạn, không rõ đạo lý.

–Ta sẽ hỏi ngươi về cái ý mê loạn, không rõ đạo lý: Tội ấy chẳng phải tội của cha mẹ; chẳng phải tội của anh em; chẳng phải tội của Thiên đế vương; chẳng phải tội của tổ tiên, người đã khuất; chẳng phải tội của thân thuộc, bằng hữu; chẳng phải tội của Sa-môn, Bà-la-môn chứ? Ngươi tự làm ác, thì tự thân ngươi phải chịu.

Vua Diêm-la hỏi lần thứ năm xong, liền giao cho ngục tốt lần lượt đem treo ngược các tội nhân trong địa ngục. Thành địa ngục dài, rộng, mỗi bên bốn vạn dặm, mờ mờ mịt mịt.

Bấy giờ, Phật thuyết kệ:

Bốn phương có bốn cửa
Các góc giữ rất chắc
Vách tường làm bằng sắt
Trên cũng dùng sắt che

Dưới đất đều lót sắt
Lửa tự nhiên phát ra.

Trong cõi đó, có mười đại địa ngục: ngục thứ nhất tên là A-phù, ngục thứ hai tên là Ni-la-phù, ngục thứ ba tên là A-ha-phù, ngục thứ tư tên là A-ba-phù, ngục thứ năm tên là A-la-lưu, ngục thứ sáu tên là Ưu-bát, ngục thứ bảy tên là Tu-kiện, ngục thứ tám tên là Liên hoa, ngục thứ chín tên là Câu văn, ngục thứ mười tên là Phân-đà-lợi.

Phật dạy:

–Vì sao gọi là A-phù? Tội nhân ở trong địa ngục A-phù thân tự nhiên sanh, thí như hơi mây. Vì vậy gọi là A-phù.

Vì sao gọi là Ni-la-phù? Thân của tội nhân ở trong địa ngục Ni-la-phù ví như thân xác luôn bị lao đao khốn đốn. Vì vậy gọi là Ni-la-phù.

Vì sao gọi là A-ha-phù? Tội nhân trong địa ngục A-ha-phù vô cùng khổ sở, luôn kêu la thảm khốc. Vì vậy gọi là A-ha-phù.

Vì sao gọi là A-ba-phù? Tội nhân trong địa ngục A-ba-phù luôn kêu gào khóc lóc rất đau đớn, thống khổ. Vì vậy gọi là A-ba-phù.

Vì sao gọi là A-na-lưu? Tội nhân trong địa ngục A-na-lưu luôn đau đớn, rất khổ sở, muốn la lên mà lưỡi không thể nhúc nhích được. Vì vậy gọi là A-na-lưu.

Vì sao gọi là Tu-kiện? Tội nhân trong địa ngục Tu-kiện, thân giống như lửa màu vàng. Vì vậy gọi là Tu-kiện.

Vì sao gọi là Ưu-bát? Tội nhân trong địa ngục Ưu-bát, thân xanh giống như cây Ưu-bát. Vì vậy gọi là Ưu-bát.

Vì sao gọi là Câu văn? Tội nhân trong địa ngục Câu văn, sắc của thân vàng trắng giống như hoa Câu văn. Vì vậy gọi là Câu văn.

Vì sao gọi là Phân-đà-lợi? Tội nhân trong địa ngục Phân-đà-lợi, sắc của thân đỏ như hoa Phân-đà-lợi. Vì vậy gọi là Phân-đà-lợi.

Vì sao gọi là Liên hoa? Tội nhân trong địa ngục Liên hoa, sắc của thân màu hồng. Vì vậy gọi là Liên hoa.

Phật dạy:

–Thí như có một trăm hai mươi hộc, bốn thăng chứa đầy hạt cải. Cứ một trăm năm, người ta lấy đi một hạt cải. Này Tỳ-kheo, một trăm hai mươi hộc, bốn thăng hạt cải đó hết sạch, mà tội nhân trong địa ngục A-phù vẫn chưa hết.

Nếu tội nhân trong địa ngục Ni-la-phù, cứ một trăm năm lấy đi

một hạt cải, lấy cho hết hai ngàn bốn trăm tám mươi hộc hạt cải, thì mới được thoát ra.

Ở trong địa ngục A-ha-phù, cứ một trăm năm lấy đi một hạt cải, lấy cho hết bốn vạn tám ngàn một trăm sáu mươi hộc, thì mới được thoát ra.

Ở trong địa ngục A-ba-phù, cứ một trăm năm lấy đi một hạt cải, lấy cho hết chín mươi sáu vạn ba ngàn ba trăm hộc, thì mới được thoát ra.

Ở trong địa ngục A-na-lưu, cứ một trăm năm lấy đi một hạt cải, lấy cho hết một ngàn chín trăm hai mươi sáu vạn bốn ngàn hộc thì mới được thoát ra.

Ở trong địa ngục Tu-kiện, cứ một trăm năm lấy đi một hạt cải, lấy cho hết ba ức tám ngàn vạn năm trăm hai mươi tám hộc, thì mới được thoát ra.

Ở trong địa ngục Thanh liên hoa, cứ một trăm năm lấy đi một hạt cải, lấy cho hết tám mươi sáu ức năm trăm sáu mươi hộc, thì mới được thoát ra.

Ở trong địa ngục Huỳnh bạch liên hoa, cứ một trăm năm lấy đi một hạt cải, lấy cho hết một ngàn bảy trăm hai mươi ức vạn một ngàn hai trăm hộc, thì mới được thoát ra.

Ở trong địa ngục Câu văn liên hoa, cứ một trăm năm lấy đi một hạt cải, lấy cho hết ba vạn bốn ngàn bốn trăm ức hai mươi hai vạn bốn ngàn hộc, thì mới được thoát ra.

Ở trong địa ngục Hồng liên hoa, cứ một trăm năm lấy đi một hạt cải, lấy cho hết ba vạn bốn ngàn bốn trăm ức, hai mươi hai vạn bốn ngàn hộc, thì mới được thoát ra.

Hai mươi tiểu kiếp là nửa đại kiếp. Có người tên là Câu-ba-lợi đọa vào trong địa ngục Hồng liên hoa, ngồi chê bai Xá-lợi-phất, Ma-ha Mục-kiền-liên. Đức Phật nhân đó nói kệ:

Nếu có người phát khởi ý
Từ miệng thốt lời đao gươm
Ngồi chỉ nói toàn việc ác
Thì sẽ trở lại tự hại mình.
Người đáng chê bai lại khen
Đáng khen ngợi lại phỉ báng
Miệng nói ác lỗi càng nặng

Lỗi miệng nặng, chẳng an ổn.
Ví như người đánh bạc gian
Các lỗi xấu ác chỉ ít
Có ác ý với người hiền
Lỗi ấy lại càng quá nặng.
Địa ngục Phù có trăm ngàn
A-phù có ba mươi lăm.

Vua Diêm-la ngày đêm ba lần đi qua trên chỗ đồng nung nóng, lửa tự nhiên phát ra phía trước trong cung. Vua rất sợ hãi, lông toàn thân dựng ngược, liền chạy ra khỏi cung. Bên ngoài cũng tự nhiên có lửa, vua rất sợ nên chạy lại vào cung. Ngục tốt chụp bắt vua Diêm-la, xô ngã xuống nền sắt nóng, lấy móc câu sắt móc miệng kéo hả ra, rồi lấy nước đồng sôi rót vào miệng vua, làm cháy cổ họng; ruột, bao tử, ngũ tạng trong bụng đều cháy, nước đồng sôi chảy xuống và tuột ra ngoài, thiêu đốt đau đớn không thể chịu nổi. Tội ác chưa hết nên chẳng chết.

Ở thế gian, có kẻ nào thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác, sau khi chết, bị đọa vào đường ác, bị thiêu đốt đau đớn như các tội nhân trong địa ngục. Ở thế gian, người nào thân làm việc lành, miệng nói điều lành, ý nghĩ điều lành, sau khi chết, được sanh lên trời. Khi ấy Phật nói kệ:

Vua sai thần xét hỏi họ
Tội ác mà họ đã làm
Người nào luôn nghĩ ý ác.
Người như vậy, thân luôn khổ
Biết bị hỏi, chẳng làm ác
Mà làm theo các điều thiện
Có người sợ, thấy nhân duyên
Sống chỉ có bệnh và chết
Không nhân duyên, liền giải thoát.
Sanh, bệnh, chết liền dứt hết
Được an ổn, rất an lạc
Hiện tại liền được diệt độ
Vượt qua lo âu sợ hãi
Vô vi là pháp thường hằng.

M

Phẩm 5: A-TU-LUÂN

Phật dạy:

–Phần dưới núi Tu-di sâu bốn mươi vạn dặm, có chúng A-tu-luân, gọi là Sao-đa-thi-lợi. Thành quách của họ mỗi mặt rộng dài ba trăm ba mươi sáu vạn dặm, dùng bảy báu: vàng, bạc, pha lê, lưu ly, chơn châu đỏ, xa cừ, mã não làm thành, rất đẹp đẽ. Bao bọc chung quanh có bảy lớp vách, bảy lớp lan can, bảy lớp đường đi, bảy lớp hàng cây, cao tám vạn dặm, đều dùng bảy báu tạo thành. Bốn phương có bốn cửa, cửa cao một trăm vạn dặm, rộng sáu ngàn dặm. Hai bên cửa, mỗi bên đều có mười A-tu-luân ở đó. Dùng bảy báu làm cung điện, bảy lớp vách, bảy lớp lan can, bảy lớp đường đi, bảy lớp hàng cây bao bọc chung quanh. Cây thì có loại màu xanh, có loại màu hồng, có loại màu vàng, có loại màu trắng; có cây ra lá, có cây trổ hoa, có cây kết quả. Trên cây có các loài chim đậu như Hạc, Khổng tước, Sáo, Bồ câu trắng; tất cả đều ở trên cây, cùng ca hót rất hay.

Từ chỗ của chúng A-tu-luân Sao-đa-thi-lợi, đi về phía Đông bốn vạn dặm, ở đó có thành quách của A-tu-luân, mỗi mặt rộng, dài ba mươi sáu vạn dặm, dùng bảy báu trang trí thật đẹp đẽ; dùng vàng, bạc, lưu ly, pha lê, chơn châu đỏ, xa cừ, mã não tạo thành bảy lớp vách, bảy lớp lan can, bảy lớp đường đi, bảy lớp hàng cây bao bọc chung quanh. Bốn phương có bốn cửa, cửa cao mười vạn dặm, rộng sáu vạn dặm, đều có ba trăm A-tu-luân ở. Bao bọc chung quanh có bảy dòng nước rất sâu, đầy ngập. Trong đó có hoa sen xanh, hoa sen vàng, hoa sen hồng, hoa sen trắng, cát dưới đáy đều là vàng. Bên bờ có cây, có cây màu xanh, có cây màu hồng, có cây màu vàng, có cây màu trắng, có cây ra lá, có cây trổ hoa, có cây trĩu quả. Trên cây có các loài chim đậu, rất đẹp đẽ, cùng nhau vui hót.

Từ chỗ của chúng A-tu-luân Sao-đa-thi-lợi, đi về phía Nam bốn vạn dặm, ở đó có thành quách của chúng A-tu-luân, tên là Ba-đà-ha, mỗi mặt rộng, dài bốn mươi sáu vạn dặm, dùng bảy báu trang trí rất đẹp đẽ, bảy lớp vách, bảy lớp lan can, bảy lớp đường đi, bảy lớp hàng cây. Bốn phương đều có cửa, cửa cao mười vạn dặm, rộng sáu vạn dặm, ở mỗi cửa đều có ba trăm A-tu-luân ở. Chung quanh có bảy dòng nước rất sâu, đầy ngập; cát dưới đáy đều là vàng. Trong đó, có hoa sen màu xanh, hồng, vàng, trắng. Có bảy lớp vách, bảy lớp lan can, bảy lớp

đường đi, bảy hàng cây bao bọc chung quanh. Có cây màu xanh, hồng, vàng, trắng đang ra lá, trổ hoa, kết quả. Trên mỗi cây có các loài chim rất đẹp, cùng nhau vui hót.

Từ chỗ của A-tu-luân Sao-đa-thi-lợi, đi về phía Tây bốn vạn dặm, ở đó có chúng A-tu-luân tên là Ba-lợi. Thành quách của họ, mỗi mặt rộng, dài ba mươi sáu vạn dặm, đều dùng bảy báu trang trí đẹp đẽ, làm bảy lớp vách, lan can, đường đi, cây cối; bờ tường cao mười vạn dặm, rộng sáu vạn dặm; bốn phương có bốn cửa, cửa cao mười vạn dặm, rộng sáu vạn dặm, cửa đều dùng bảy báu tạo thành. Mỗi bên cửa đều có ba trăm A-tu-luân ở. Cung điện của họ cũng dùng bảy báu tạo thành; bảy lớp vách, lan can, đường đi, cây cối; có bảy dòng nước rất sâu, đầy ngập; cát dưới đáy đều là vàng; cũng có hoa sen xanh, hồng, vàng, trắng; cũng có cây xanh, hồng, vàng, trắng sanh ra lá, hoa, quả. Trên cây có các loài chim rất đẹp, cùng nhau vui hót.

Từ cung của chúng A-tu-luân Sao-đa-thi-lợi, đi về phương Bắc bốn vạn dặm, ở đó có chúng A-tu-luân La-hô. Thành quách của họ mỗi mặt rộng, dài ba mươi sáu vạn dặm; cũng dùng bảy báu trang trí đẹp đẽ, làm vách, lan can, đường đi, cây cối bao bọc chung quanh. Bờ tường cao mười vạn dặm, rộng sáu vạn dặm. Bốn phương có bốn cửa, cửa cao mười vạn dặm, rộng sáu vạn dặm, mỗi bên cửa đều có ba trăm A-tu-luân ở. Cung điện của họ cũng dùng bảy báu tạo thành; bảy lớp vách, bảy lớp lan can, đường đi, cây cối bao bọc chung quanh, có bảy dòng nước sâu, đầy ngập. Trong đó, có hoa sen xanh, hồng, vàng, trắng; cát dưới đáy đều là vàng. Lại có bảy lớp lan can, đường đi, cây cối bao bọc chung quanh. Có cây xanh, hồng, vàng, trắng sanh ra lá, hoa, quả. Trên cây có các loài chim rất đẹp, cùng nhau vui hót.

Trong thành của chúng A-tu-luân Sao-đa-thi-lợi, có cây lớn tên là Trú quá độ, cao mười hai vạn dặm, tỏa ra chung quanh cũng hai mươi vạn dặm, rễ ăn sâu hai vạn dặm, vòng thân bốn vạn dặm, thường có hoa, quả. Thân của chúng A-tu-luân Sao-đa-thi-lợi cao hai vạn tám ngàn dặm, có vị cao hai vạn bốn ngàn dặm, có vị cao hai vạn dặm, có vị cao một vạn sáu ngàn dặm, có vị cao một vạn hai ngàn dặm, có vị cao tám ngàn dặm; có vị cao bảy tầng âm thanh, có vị cao sáu tầng âm thanh, có vị cao năm tầng âm thanh, có vị cao bốn tầng âm thanh, có vị cao ba tầng âm thanh, có vị cao hai tầng âm thanh, vị cao tối thiểu là một tầng âm thanh.

Cung của loài A-tu-luân Sao-đa-thi-lợi có bốn loại gió thường

thổi. Bốn loại gió ấy là gì?

Một là gió không thể hoại.

Hai là gió đứng vững.

Ba là gió duy trì.

Bốn là gió trên cao.

Đó là bốn loại gió, chủ trì trên nước như mây nổi.

❑

KINH ĐẠI LÂU THÁN

QUYỂN III

Phẩm 6: LONG ĐIỂU

Phật bảo Tỳ-kheo:

–Có bốn loại Rồng. Những gì là bốn?

1. Loại rồng sanh từ trứng.

2. Loại rồng sanh từ nước.

3. Loại rồng sanh từ bào thai.

4. Loại rồng hóa sanh.

Đó là bốn loại rồng.

Phật bảo Tỳ-kheo:

–Có bốn loài Kim sí điểu:

1. Loại chim sanh từ trứng.

2. Loại chim sanh từ nước.

3. Loại chim sanh từ thai.

4. Loại chim hóa sanh.

Đó là bốn loại chim.

Nơi đáy biển lớn, phía Bắc núi Tu-di có cung Long vương Ta-kiệt, rộng, dài tám vạn do-tuần; dùng bảy báu: vàng, bạc, pha lê, lưu ly, chơn châu đỏ, xa cừ, mã não làm thành bảy lớp vách, bảy lớp lan can, bảy lớp đường đi, bảy lớp hàng cây bao quanh đẹp đẽ. Vách bằng vàng thì cửa bằng bạc, vách bằng bạc thì cửa bằng vàng; vách bằng lưu ly thì cửa bằng pha lê; vách bằng pha lê thì cửa bằng lưu ly; vách bằng chơn châu đỏ thì cửa bằng mã não; vách bằng mã não thì cửa bằng chơn châu đỏ; vách bằng xa cừ thì cửa bằng tất cả vật báu, phối trí đẹp đẽ. Vách ấy cứ hai vạn dặm có một cái cửa. Cửa cao hai ngàn bốn trăm

dặm, rộng một ngàn hai trăm dặm. Cửa ấy thường có năm trăm quỷ thần canh giữ. Trên vách cửa có lan can, lối đi, mái che; bên cửa có vườn nhà, ao tắm, có các loại cây tỏa ra mùi thơm, có các loại hoa, các loại lá, các loại chim bay cùng nhau vui hót.

Phía Bắc biển lớn, có cung Long vương Nan-đầu-hòa-nan, mỗi mặt rộng, dài hai vạn tám ngàn dặm; dùng bảy báu làm thành bảy lớp vách, lan can, bảy lớp đường đi, hàng cây bao bọc chung quanh. Cửa cung cao một ngàn bốn mươi dặm, rộng bốn trăm tám mươi dặm. Trên vách có lan can, đường đi, mái che. Chung quanh có khu viên quán, ao tắm, cây cối, các loại chim bay cùng nhau vui hót, như khu viên quán của Long vương Ta-kiệt. Phía Bắc của cung Long vương Nan-đầu-hòa-nan, có cây lớn tên là Câu-lê-thiểm, vòng thân hai trăm tám mươi dặm, cao bốn ngàn dặm, cành lá tỏa ra hai ngàn dặm. Phía Đông cây Câu-lê-thiểm, có cung điện của loài Kim sí điểu (chim cánh vàng) sanh từ trứng, rộng, dài hai mươi bốn vạn dặm, chung quanh có bảy lớp vách, lan can, đường đi, cây cối bằng bảy báu; có vườn, nhà, ao tắm, các loại chim bay cùng nhau vui hót. Phía Nam của cây Câu-lê-thiểm, có cung của loài Kim sí điểu sanh từ nước, rộng, dài hai mươi bốn vạn dặm, cũng có bảy lớp vách, lan can, đường đi, cây cối bằng bảy báu; có vườn nhà, ao tắm, hoa hương, các loại chim bay cùng nhau vui hót. Phía Tây của cây lớn Câu-lê-thiểm, có cung của loài Kim sí điểu sanh từ bào thai, rộng, dài hai mươi bốn vạn dặm; cũng có bảy lớp vách, lan can, đường đi, cây cối bằng bảy báu; có vườn, nhà, ao tắm, hoa hương, các loại chim bay cùng nhau vui hót. Phía Bắc của cây lớn Câu-lê-thiểm, có cung của loài Kim sí điểu hóa sanh, rộng, dài hai mươi bốn vạn dặm, cũng có bảy lớp vách, lan can, đường đi, cây cối bằng bảy báu; có vườn, nhà, ao tắm, hoa hương, các loại chim bay cùng nhau vui hót.

Khi loài Kim sí điểu sanh từ trứng muốn tìm bắt loài Rồng sanh từ trứng, từ cành phía Đông của cây Câu-lê-thiểm, lao xuống biển lớn, dùng cánh quạt nước biển, sóng dậy tám ngàn dặm, bắt loài Rồng sanh từ trứng ăn thịt, nhưng chẳng thể ăn được loại rồng sanh từ bào thai, loại sanh từ nước và loại hóa sanh.

Khi loài Kim sí điểu sanh từ nước muốn tìm bắt loài Rồng sanh từ trứng, liền từ cây lớn Câu-lê-thiểm lao xuống biển lớn, dùng cánh quạt nước biển, sóng dậy tám ngàn dặm, bắt loài Rồng sanh từ trứng ăn thịt.

Khi loài Kim sí điểu sanh từ nước, muốn tìm bắt loài Rồng sanh từ nước, liền từ cành phía Nam của cây lớn Câu-lê-thiểm, lao xuống biển

lớn, dùng cánh quạt nước biển, sóng dậy một vạn sáu ngàn dặm, bắt loài Rồng sanh từ nước ăn thịt, nhưng chẳng ăn được loài Rồng sanh từ bào thai và loại hóa sanh.

Khi loài Kim sí điểu sanh từ bào thai muốn bắt loại rồng sanh từ trứng, liền từ cành phía Đông của cây lớn Câu-lê-thiểm, lao xuống biển lớn, dùng cánh quạt nước biển, sóng dậy sáu ngàn dặm, bắt loại rồng sanh từ trứng ăn thịt.

Khi loài Kim sí điểu sanh từ bào thai, muốn bắt loại rồng sanh từ nước, liền từ cành phía Nam của cây lớn Câu-lê-thiểm, lao xuống biển lớn, dùng cánh quạt nước biển làm dậy sóng một vạn sáu ngàn dặm, bắt loại rồng sanh từ nước ăn thịt.

Khi loài Kim sí điểu sanh từ bào thai muốn bắt loại rồng sanh từ bào thai, liền từ cành phía Tây của cây lớn Câu-lê-thiểm, lao xuống biển lớn, dùng cánh quạt nước biển, sóng dậy ba vạn hai ngàn dặm, bắt loại rồng sanh từ bào thai ăn thịt, nhưng chẳng thể bắt loại rồng hóa sanh ăn thịt.

Khi loài Kim sí điểu hóa sanh muốn bắt loại rồng sanh từ trứng, liền từ cành phía Đông của cây lớn Câu-lê-thiểm, lao xuống biển lớn, dùng cánh quạt nước biển, sóng dậy tám ngàn dặm, bắt loại rồng sanh từ trứng ăn thịt.

Khi loài Kim sí điểu hóa sanh muốn bắt loại rồng sanh từ nước, liền từ cành phía Nam của cây lớn Câu-lê-thiểm, lao xuống biển lớn, dùng cánh quạt nước biển, sóng dậy một vạn sáu ngàn dặm, bắt loại rồng sanh từ nước ăn thịt.

Khi loài Kim sí điểu hóa sanh muốn bắt loại rồng sanh từ bào thai, liền từ cành phía Tây của cây lớn Câu-lê-thiểm, lao xuống biển lớn, dùng cánh quạt nước biển, sóng dậy ba vạn hai ngàn dặm, bắt loại rồng sanh từ bào thai ăn thịt.

Khi loài Kim sí điểu hóa sanh muốn bắt loại rồng hóa sanh, liền từ cành phía Bắc của cây lớn Câu-lê-thiểm, lao xuống biển lớn, dùng cánh quạt nước biển, sóng dậy sáu vạn bốn ngàn dặm, bắt loại rồng hóa sanh ăn thịt.

Có các loại Long vương khác mà loài Kim sí điểu chẳng thể bắt ăn thịt được. Những loại Long vương nào mà Kim sí điểu chẳng thể ăn thịt được? Một là Long vương Ta-kiệt, hai là Long vương A-nậu-đạt, ba là Long vương Nan-đầu-hòa-nan, bốn là Long vương Thiện Kiến, năm

là Long vương Đề-đầu-lại, sáu là Long vương Y-la-mộ, bảy là Long vương Thiện Trụ, tám là Long vương Ca-câu, chín là Long vương A-vu-lâu, mười là Long vương Uất-chiên-bát, mười một là Long vương Kiền-ha-cụ-đàm, mười hai là Long vương Lam-ba. Kim sí điểu đều chẳng thể bắt các Long vương ấy ăn thịt được.

Các Long vương này đều ở trong núi. Nếu có đạo nhân Bà-la-môn đến cầu ý rồng, phụng trì đầy đủ giới hạnh của rồng, liền sanh vào loài Rồng. Nếu có đạo nhân Bà-la-môn đến cầu ý Kim sí điểu, phụng trì giới hạnh Kim sí điểu, để cầu làm Kim sí điểu, chết rồi liền sanh vào loài Kim sí điểu. Nếu có đạo nhân Bà-la-môn đến cầu ý chim Ưu-lưu, phụng trì giới hạnh đầy đủ, sau khi chết liền sanh vào loại chim Ưu-lưu. Nếu có đạo nhân Bà-la-môn đến cầu ý trâu bò, làm theo ý trâu bò, giới hạnh đầy đủ, sau khi chết liền sanh vào loài trâu bò. Nếu có đạo nhân Bà-la-môn đến cầu đạo chó, làm theo ý chó, giới hạnh đầy đủ, sau khi chết sanh vào loài chó. Nếu có đạo nhân Bà-la-môn đến cầu đạo nai, làm theo ý nai, giữ giới đầy đủ, sau khi chết sanh vào loài nai. Nếu có đạo nhân Bà-la-môn đến cầu đạo gà, làm theo ý gà, giữ giới đầy đủ, sau khi chết sanh vào loài gà. Hoặc có đạo nhân Bà-la-môn đến cầu làm trời Ma-ni-việt, cầu làm nữ nhân, cầu làm thần lớn, cầu làm nhật nguyệt, có người ngày tắm ba lần trong nước để cầu sanh lên trời, có người thờ trời, người thờ nhật nguyệt để cầu sanh lên trời.

Phật dạy:

–Những người si mê kiến chấp ấy đọa vào hai đường ác: Một là địa ngục, hai là súc sanh. Hoặc có đạo nhân Bà-la-môn nói lên kiến giải thế này: "Ngã và thế gian là thường", rồi cho mình là đúng, cho những kẻ khác là ngu si. Có kẻ bảo: "Ngã và thế gian là vô thường", rồi cho mình là đúng, những kẻ khác là ngu si. Có kẻ bảo: "Ngã và thế gian là thường, vô thường", rồi cho mình là đúng, những kẻ khác là ngu si. Có kẻ chủ trương: "Ngã và thế gian cũng chẳng thường, cũng chẳng vô thường", rồi cho mình là đúng, những kẻ khác là ngu si. Có kẻ cho: "Ngã và thế gian có giới hạn", rồi bảo mình là đúng, những kẻ khác là ngu si. Có kẻ nói: "Ngã và thế gian không giới hạn", rồi bảo mình là đúng, những kẻ khác là ngu si. Có kẻ bảo: "Ngã và thế gian có giới hạn, vừa không có giới hạn", rồi cho mình là đúng, những kẻ khác là ngu si. Có người chủ trương: "Ngã và thế gian chẳng có giới hạn, cũng không phải không có giới hạn", rồi cho mình là đúng, những kẻ khác là ngu si. Có người nêu: "Ngã là có thân mạng", rồi cho mình là đúng,

những kẻ khác là ngu si. Có người nói: "Thân ta chết và đổi thành thân khác", rồi cho mình là đúng, những kẻ khác là ngu si. Có người bảo: "Không có thân mạng", rồi cho mình là đúng, những kẻ khác là ngu si. Có người chủ trương: "Không có thân mạng, cũng không phải không có thân mạng", rồi cho mình là đúng, những kẻ khác là ngu si. Có người cho: "Con người khi sanh ra từ chỗ nào, thì sau khi chết sẽ về chỗ đó", rồi cho mình là đúng, những kẻ khác là ngu si. Có người nói: "Con người sanh ra từ chỗ không có, sau khi chết cũng sẽ trở vào chỗ đó", bảo mình là đúng, những kẻ khác là ngu si. Có người bảo: "Con người vừa có chỗ từ đó sanh ra, vừa không có chỗ từ đó sanh ra, sau khi chết cũng sẽ về chỗ đó", rồi cho mình là đúng, còn những kẻ khác là ngu si. Có người chủ trương: "Con người cũng chẳng có chỗ từ đó sanh ra, cũng không phải không có chỗ từ đó sanh ra", rồi cho mình là đúng, còn những kẻ khác là ngu si.

Phật dạy:

–Kẻ đạo nhân Bà-la-môn nói rằng ngã và thế gian là hữu thường, và cho mình là đúng, còn những kẻ khác là ngu si, là vì họ tu tập chấp kiến có ngã, có mạng, có thân và thế gian, cho nên nói ngã và thế gian là hữu thường. Có người nói ngã và thế gian là vô thường. Có người nói ngã và thế gian vừa hữu thường, vừa vô thường. Có người nói ngã và thế gian chẳng hữu thường, cũng chẳng vô thường. Mọi người đều cho mình là đúng, còn những kẻ khác là ngu si, vì theo kiến chấp của họ là chấp có ngã, chấp có mạng, chấp có thân và thế gian, cho nên tuyên bố ngã và thế gian là hữu thường. Kẻ đạo nhân Bà-la-môn nói ngã và thế gian là hữu hạn, và cho mình là đúng, còn những kẻ khác là ngu si, vì theo nhận thức của họ là có ngã, có mạng, cho nên tuyên bố mạng là hữu hạn, con người là hữu hạn, từ khi ở trong bụng mẹ, cho đến khi chết chôn trong mồ đều như nhau. Con người từ lúc sơ sanh đã nhận bốn phần thân thể, và trải qua bảy lần sống chết, về sau đắc đạo; cho nên nói ngã và thế gian là hữu hạn. Có người nói ngã và thế gian là vô hạn, cho mình là đúng, còn những kẻ khác là ngu si, vì trong nhận thức của họ là có ngã, có mạng, có thân, có thế gian, nên tuyên bố có mạng, có người vô hạn. Con người từ khi ở trong bụng mẹ cho đến sau khi chết chôn trong mồ đều như nhau, từ lúc sơ sanh đã nhận bốn phần thân thể, trải qua bảy lần sống chết, về sau đắc đạo. Hoặc có đạo nhân Bà-la-môn nêu quan điểm của mình rằng ngã và thế gian vừa hữu hạn vừa vô hạn, vì nhân thức của họ là có ngã, có mạng, có thân, có thế gian, rồi

tuyên bố mạng là vô hạn, con người là hữu hạn. Con người từ khi ở trong bụng mẹ, cho đến sau khi chết đem chôn đều như nhau, từ lúc sơ sanh đã nhận bốn phần thân thể, trải qua bảy lần sống chết, về sau đắc đạo. Có người cho là ngã và thế gian chẳng hữu hạn, cũng chẳng vô hạn, nên họ tuyên bố mạng là hữu hạn. Con người từ khi ở trong bụng mẹ cho đến sau khi chết đem chôn đều như nhau, từ lúc sơ sanh đã nhận bốn phần thân thể, trải qua bảy lần sống chết, về sau mới đắc đạo, cho đến nói cũng chẳng phải hữu hạn, cũng chẳng phải vô hạn.

Hoặc có đạo nhân Bà-la-môn nêu quan điểm của mình: "Có mạng ấy, có thân ấy". Người đó cho rằng mạng trong đời hiện tại là thường còn, mạng ở đời sau là thường còn; nên họ nói ta là đúng, còn những kẻ khác là ngu si. Có đạo nhân nêu ý kiến: "Mạng khác, người khác", vì người ấy cho đời này có thọ mạng, đời sau không có thọ mạng, nên họ nói ta là đúng, còn những kẻ khác là ngu si.

Hoặc có đạo nhân Bà-la-môn nói: "Nay thấy mạng dứt, sau khi chết, chuyển sanh qua đời khác", cho nên nói ta là đúng, còn những kẻ khác là ngu si.

Có đạo nhân Bà-la-môn nói: "Cũng chẳng có mạng, cũng chẳng có thân. Đời này mạng dứt hẳn, đời sau cũng dứt hẳn", hoặc có đạo nhân Bà-la-môn nói lên quan điểm: "Người sanh ra từ cõi nào thì sau khi chết cũng sẽ sanh về cõi đó". Họ đều cho mình là đúng, còn những kẻ khác là ngu si. Vì ý kiến của họ là đời này có thân mạng, đời sau có thân mạng, cho nên nói mình là đúng, còn những kẻ khác là ngu si.

Hoặc có đạo nhân Bà-la-môn nêu ý kiến: "Không từ đâu sanh ra, sau khi chết cũng đến chỗ chẳng thấy ấy. Đời nay có mạng, cũng chẳng thấy đời sau không có mạng"; hoặc có đạo nhân Bà-la-môn nêu ý kiến: "Có người từ chỗ "không từ đâu sanh ra", nên khi chết cũng về chỗ đó", và cho mình là đúng, còn những kẻ khác là ngu si. Họ chẳng thấy đời này có thân mạng, cũng chẳng thấy đời sau có thân mạng.

Hoặc có đạo nhân Bà-la-môn nói: "Không phải có, cũng không phải không có chỗ từ đó sanh ra", và cho mình là đúng, còn những kẻ khác là ngu si. Đạo nhân ấy chẳng phải không thấy đời này có thân mạng, cũng không phải không thấy đời sau có thân mạng.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Ở đời quá khứ, có vị vua tên là Bất Hiện Diện. Bấy giờ nhà vua cho tập trung nhiều người mù đến và hỏi họ:

–Các ngươi đã từng biết loài voi chưa?

Những người mù tâu:

–Tâu Thiên vương, chẳng biết!

Vua hỏi:

–Các ngươi muốn biết loài voi chăng?

Tâu:

–Muốn biết.

Lúc ấy vua ra lệnh dắt voi đến, rồi lệnh cho những người mù kia sờ voi. Trong đó, có người mù sờ trúng vòi voi, có người mù sờ trúng ngà voi, có người mù sờ trúng tai voi, có người mù sờ trúng lưng voi, có người mù sờ trúng bụng voi, có người mù sờ trúng chân sau voi, có người mù sờ trúng đầu gối voi, có người mù sờ trúng chân trước voi, có người mù sờ trúng đuôi voi.

Khi ấy vua Bất Hiện Diện hỏi đám người mù kia:

–Voi có hình dạng thế nào?

Người mù sờ trúng vòi voi, tâu:

–Voi như cái càn xe cong.

Người sờ trúng ngà voi, tâu:

–Voi như cái chày.

Người sờ trúng tai voi, tâu:

–Voi như cái ky.

Người sờ trúng đầu voi, tâu:

–Voi như cái đảnh.

Người sờ trúng lưng voi, thưa:

–Voi như vật chứa.

Người sờ trúng bụng voi, thưa:

–Voi như bức vách.

Người sờ trúng bàn chân sau voi, thưa:

–Voi như cây trụ.

Người sờ trúng chân trước voi, thưa:

–Voi như cái cối.

Người sờ trúng đuôi voi, tâu:

–Voi như con rắn.

Rồi bọn họ cùng tranh cãi, chẳng tin nhau, cùng la lên cho mình là

đúng, voi là như vậy; còn người khác nói không phải như vậy. Vua đắc ý cười.

Phật dạy:

–Cũng như vậy, có các đạo nhân ngoại đạo, chẳng biết chỗ phát sanh của Khổ đế, cũng chẳng biết Khổ đế, Tập đế, Khổ tận đế (Diệt đế), Khổ diệt đạo đế (Đạo đế), họ cùng tranh cãi chẳng tin nhau, mạ lỵ nhau, tự cho mình là đúng.

Nếu có đạo nhân Sa-môn biết chỗ phát khởi của Khổ, Tập, Diệt, Đạo đế, liền cùng nhau hòa hợp, giống như sữa khi hòa hợp không còn phân biệt, chỉ nói về những lời dạy, việc làm của Phật đạt được an lạc.

Phật dạy:

–Tỳ-kheo, nên tu tập các sự thật là Khổ đế, Tập, Tận (Diệt), và Đạo đế.

M

Phẩm 7: CAO THIỆN SĨ 1

Phật dạy:

–Phàm phu có ba việc để biết về bậc cao sĩ, biết tâm niệm của vị ấy. Ba việc ấy là gì? Một là người tâm nghĩ việc thiện, miệng chí thành nói việc thiện, thân làm việc thiện. Giả như người ác tâm nghĩ việc bất thiện, miệng nói lời bất thiện, thân làm việc bất thiện; bậc cao nhân biết đó là bất thiện. Cho nên nói bậc cao sĩ là người như thế nào? Là người thân nghĩ việc thiện, miệng chí thành nói việc thiện, thân làm việc thiện. Bậc cao nhân ở trong thế gian có ba việc làm được phước. Ba việc ấy là gì? Một là cùng bậc kỳ lão ngồi đàm đạo, hoặc ở trong nhà, đi trong làng, đi giữa đường và cùng ngồi với bậc kỳ lão, cùng khen ngợi bậc cao sĩ hành thiện. Bậc cao sĩ nghĩ rằng: "Hãy làm cho mọi người cùng khen ngợi người ấy rằng: 'Lành thay! Đúng là có bậc cao nhân ấy'", tâm liền an định, lại nghe lời này, tâm cũng hoan hỷ, thân cũng an ổn. Có lần bậc cao nhân chứng kiến xử kẻ trộm cắp bị quan huyện bắt, tra khảo, trừng trị tàn khốc, lại dùng xích sắt xích lại, chặt đứt chân tay lìa ra từng khúc, xẻo tai, xẻo mũi, dùng lược tre cào da, rồi chặt ra từng tấc, từng tấc, đem ném cho cọp sói ăn; có kẻ bị để cho voi đạp chết; có kẻ bị bỏ vào trong giỏ đốt cháy; có kẻ bị nấu chết; có kẻ bị làm cho sinh lực hao mòn mà chết; có kẻ bị đem ra ngoài thành hành hình. Bậc cao sĩ chứng kiến những cảnh ấy nghĩ: "Ta không làm ác, nhà vua chỉ bắt người làm ác, ta đây có gì phải lo. Cho đến già, ta chẳng sợ gì quan huyện". Bậc cao sĩ ấy vì nghĩ như vậy, nên tâm hoan hỷ. Bậc cao nhân tâm nghĩ việc thiện, miệng nói việc thiện, thân làm việc thiện, nên dù khi có bệnh, nằm liệt giường thì các việc thiện lúc mạnh khỏe đã làm đều hiện ra trước mắt. Người ấy chẳng sát sanh, chẳng lấy của cải người khác, chẳng xúc phạm đến phụ nữ của người, chẳng gạt người, chẳng nói hai lưỡi, chẳng nói lời thô ác, chẳng nói dối, chẳng ganh ghét, chẳng tham của người khác; tin rằng làm thiện thì được thiện, làm ác thì bị ác, liền tự thấy người trên cõi trời Đao-lợi thứ hai; qua lại thấy Phật, thấy A-la-hán. Các việc thiện đã làm trong lúc khỏe mạnh, đều thấy trước mắt. Người ấy lúc bệnh tự nghĩ: "Khi khỏe mạnh, ta đã từng làm việc thiện, nên đến bây giờ khiến các việc thiện đều hiện ra trước ta; kết quả là khi chết ta sẽ tự sanh lên trời, ở với những người thiện". Do

làm ba việc đó, bậc cao sĩ tâm được vui vẻ, thân được an ổn.

Phật dạy:

–Giả sử bậc cao thiện sĩ tự biết làm việc thiện sẽ được thiện, lại chẳng sợ sanh tử, vì cho là qua nhanh, không tồn tại, cho nên bậc cao thiện sĩ thường tự nghĩ, muốn bỏ thân ác, vì trong thân ác thường có xương máu chẳng sạch, là nơi hôi thối; ý muốn sớm chết đi để hoàn thành thân thiện. Vì sao vậy? Vì thường nghĩ đến chốn vui vẻ, khả ái, nên một mình vui vẻ lên trời để hưởng sự vui vẻ rất đáng ưa thích.

Các Sa-môn hỏi Phật:

–Xin Thế Tôn vì chúng con mà nói sự vui lên trời là thế nào?

Phật bảo:

–Hãy lắng nghe! Ta sẽ nói.

Các Sa-môn thưa:

–Chúng con xin lắng nghe.

Phật dạy:

–Thí như vua Giá-ca-việt-la có bảy báu, có sẵn bốn việc mà người khác không có, lại có năm loại mà nghĩ tới, hoặc muốn được thì có trước mắt. Vua có bảy báu. Bảy báu đó là gì? Một là một bánh xe vàng tự nhiên sanh, hai là voi trắng, ba là ngựa màu xanh biếc, bốn là ngọc Ma-ni, năm là ngọc nữ quý, sáu là vị quan phụ tá giỏi, bảy là vị tướng quân chủ binh giỏi.

Phật dạy:

–Các vị muốn biết chủ của bánh xe vàng ấy chăng? Nhà vua, vào ngày rằm và ngày ba mươi, tắm rửa; tắm rửa xong, cùng ngồi với các phụ nữ ở chánh điện, thấy bánh xe vàng từ xa bay đến; bánh xe có ngàn tăm, trục tăm đều tốt, không gì sánh bằng, cách đất ba, bốn trượng. Vua thấy bánh xe vàng, liền khởi ý và nói: "Các bậc cao sĩ đã nói rằng vì phụng sự cho vua Giá-ca-việt-la, nên có bánh xe vàng bay đến; bánh xe bay ấy thường từ phương Đông tới, có ngàn tăm, trục tăm đều tốt. Có được bánh xe vàng đó sẽ thành vua Giá-ca-việt-la. Nay ta được hay không được làm vua Giá-ca-việt-la? Vua tự nghĩ muốn thử bánh xe vàng ấy. Vua đứng dậy, sửa lại y phục, quỳ thẳng, hướng về bánh xe vàng nói: "Như nay vì ta mà đến, thì nên đưa ta đi xem phép trị nước thời xưa của các nước". Vua vừa nói xong, bánh xe vàng liền bay về phương Đông. Vua cùng các vị đại thần thân cận và các quan đều bay theo. Bánh xe vàng đến chỗ, dừng lại, vua cùng các quan cũng

dừng theo. Bánh xe vàng bay tới các tiểu quốc, vua của các tiểu quốc đều đến, quỳ thẳng, cúi đầu, thưa: "Những cõi nước này đều là của đại vương". Lại bưng bát bạc đựng đầy cơm vàng, lại dùng bát vàng chứa đầy cơm bạc dâng lên. Vua các tiểu quốc đều tâu: "Ở trong các nước này, tài nguyên phong phú, lúa gạo vừa đủ, mưa gió thuận hòa, nhân dân vui vẻ. Xin đại vương tiếp nhận đất nước và lưu lại ở đây".

Vua nhân đó trả lời các vị tiểu vương: "Các ông hãy tự trị quốc, chỉ dùng chánh pháp, chớ làm mất phép xưa, cẩn thận đừng sát sanh, đừng dối lấy của cải người khác, đừng lừa gạt xúc phạm phụ nữ của người khác, không được lừa dối người, không được nói hai lưỡi, không được nói ác, không được nói dối, không được ganh ghét, không được tham của người khác, không được giận dữ, dấy tâm ác. Tất cả đều nên phụng hành mười điều này. Bất cứ ai phạm một điều trong mười điều, chớ để họ ở trong nước".

Vua theo bánh xe vàng đến phương Đông dạy bảo các vị tiểu vương của các nước nhỏ xong, lại theo bánh xe vàng bay đến phương Nam, bánh xe vàng đến chỗ, dừng lại. Vua cùng ngàn xe, vạn ngựa cũng dừng lại. Các vị tiểu vương của các nước nhỏ ở phương Nam đều đến cúi đầu, quỳ thẳng tâu xin dâng cõi nước, và dùng bát vàng bạc đựng đầy cơm vàng bạc, cùng dâng lên các lễ vật như các vua ở các nước phương Đông.

Bánh xe vàng lại bay đến phương Tây. Các vị đại thần thân cận và các quan đều cùng dừng lại theo bánh xe vàng. Vua của các tiểu quốc ở phương Tây đều đến cúi đầu, quỳ thẳng, tâu xin dâng cõi nước và dùng bát vàng bạc đựng đầy cơm vàng bạc, như nghi lễ của các vua ở cõi nước phương Nam đã làm.

Bánh xe vàng lại bay đến phương Bắc, bánh xe vàng dừng lại, vua và các quan cũng dừng lại nơi đó. Các vị tiểu vương của các nước nhỏ đều đến cúi đầu, quỳ thẳng tâu xin dâng cõi nước và thưa: "Ở đây nhân dân vui vẻ, lúa gạo vừa đủ, mưa gió thuận hòa. Xin đại vương nên ở lại đây cai trị". Ngay khi đó, các vị ấy lại dùng bát vàng bạc đựng đầy cơm vàng bạc dâng lên vua. Vua không nhận, nhân đó đáp lại lời các vị tiểu vương: "Các ông hãy tự dùng chánh tâm mà trị nước, chớ làm mất phép xưa, không được sát sanh, không được lấy của cải kẻ khác, không được xâm phạm phụ nữ của kẻ khác, không được gạt người, không được nói hai lưỡi, không được nói ác, không được nói dối, không được ganh ghét, không được tham lam của kẻ khác, không được giận

dữ, không được có tâm ác. Tất cả đều phải phụng hành mười điều này. Bất kỳ ai phạm một trong mười điều ấy, không nên để họ ở trong nước".

Vua đã đi khắp bốn biển, bốn phương xong, theo bánh xe vàng trở về nước mình, lên điện. Bánh xe vàng thường hiện ra trước nhà vua. Nhà vua đã có bánh xe báu như thế.

Nhà vua lại có voi báu. Voi báu là loại thế nào? Voi ấy rất trắng, không gì bằng. Thân, vòi, ngà, răng, móng, chân đều trắng, bóng đẹp; dây cương đều làm bằng vàng, cái chuông đeo ở ngực làm bằng vàng ròng, tấm đai choàng ở bụng làm bằng ngọc trắng; đi thì bay đi, muốn đến đâu tùy ý. Các vị quan thân cận tâu với vua: "Chúc mừng đại vương, trong nước có voi trắng báu. Voi ấy trắng, tuyệt đẹp, không gì sánh bằng. Thân, vòi, ngà, răng, móng chân đều trắng, bóng đẹp; dàm, dây cương, chuông đeo ở ngực đều làm bằng vàng ròng, tấm đai choàng ở ngực làm bằng ngọc trắng, đi thì bay đi, đến đâu cũng tự tại".

Vua thấy voi, rất vui vẻ nói: "Con voi có tướng khác thường, đẹp đẽ, nên tập luyện cho nó cách đi đứng, tới lui". Vua bèn giao cho vị thân cận chuyên môn để tập luyện, chỉ tập luyện trong thời gian vài ngày thì đã biết cách đi đứng. Vua khởi ý muốn cưỡi thử voi. Lúc mặt trời lên một sào, vua cưỡi thử voi. Khi ấy voi bay khắp bốn phương, bốn biển, rồi trở về cung ăn uống.

Vua Giá-ca-việt-la có ngựa báu. Ngựa báu ấy là loại thế nào? Đó là ngựa màu xanh biếc, bộ lông láng mướt, đẹp đẽ; trang trí trên đầu gồm đủ dàm và dây cương bằng vàng giống như đầu voi; cái lục lạc, đai choàng ở ngực bằng ngọc trắng. Đi thì bằng nước phi, tùy theo ý muốn, đến đâu cũng được. Bề tôi chung quanh tâu vua: "Chúc mừng đại vương, trong nước có ngựa báu ấy. Đó là ngựa màu xanh biếc, bộ lông láng mướt đẹp đẽ, trang trí trên đầu như voi, dàm và dây cương, lục lạc đeo và đai choàng đều bằng vàng ròng, tấm choàng ở bụng bằng ngọc trắng". Vua thấy rất vui vẻ, liền bảo quần thần huấn luyện nó vài ngày, ngựa đã biết cách đi lại. Vua có ý muốn thử ngựa. Khi mặt trời lên một sào, vua liền cưỡi ngựa, ngựa liền bay đi vòng khắp bốn phương, bốn biển, rồi trở về cung điện của mình để ăn uống.

Vua Giá-ca-việt-la có ngựa báu như thế.

Vua có ngọc minh nguyệt báu. Ngọc minh nguyệt báu là loại gì? Ngọc màu rất xanh, có tám góc nhọn, chiếu sáng khắp cung. Ánh sáng của nó tỏa ra chung quanh bốn mươi dặm, như ánh sáng mặt trời.

Vua có ý thử ngọc minh nguyệt. Sau khi mọi người yên nghỉ, trời tối đen như mực, vua lấy ngọc gắn lên đầu cây sào vàng, giữa đêm ra khỏi thành, đem theo vợ con, ngàn xe, vạn ngựa, đi cách xa cung và các dinh thự, để chỉ xem ánh sáng của ngọc, giống như mặt trời mọc chiếu sáng cả xe ngựa. Lại cách xa hơn nơi ngàn xe, vạn ngựa, ánh sáng tỏa chiếu chung quanh đến bốn mươi dặm. Cư dân chung quanh thành, thấy ánh sáng ngọc, đều gọi nhau: "Dậy! Dậy! Mặt trời lên cao đến như thế rồi, tất cả hãy đi chợ mua bán, tại sao lại còn nằm?"

Vua Giá-ca-việt-la có ngọc báu Ma-ni như thế.

Vua có ngọc nữ báu. Ngọc nữ ấy là loại như thế nào? Ngọc nữ có vóc người không cao, không thấp, không lớn, không nhỏ, không mập, không ốm, không trắng, không đen, rất cân đối, rất đoan chánh, không ai sánh bằng. Hơi từ miệng bay ra như hương xông, lỗ chân lông trên toàn thân đều tỏa mùi thơm, như mùi thơm Uất-kim, hầu hạ nhà vua sớm hôm, khi thức, lúc ngủ, không làm vua phật lòng; mùa đông thì thân ấm, mùa hạ thì thân mát, hầu vua chẳng kể đến thân mình, không để vua giận.

Vua Giá-ca-việt-la có ngọc nữ báu như thế.

Vua có vị quan giúp việc giỏi, từ rất cao, xa thấy người liền biết tánh tình; dùng mắt nhìn thiên hạ, biết trước thiên hạ có vật quý báu cất giấu, biết cái nào là có chủ, cái nào là vô chủ. Cái mà có chủ thì giữ gìn trông coi cho họ, cái không chủ thì lấy cấp phát cho quan dùng. Vị quan giúp việc giỏi đến trước tâu vua: "Xin ngài hãy yên lòng chớ nên âu lo, tiền tài, bảo vật thần sẽ tự cung cấp cho ngài". Vua tỏ ý nghi ngờ về lời nói ấy, không rõ có thể thực hiện được mọi yêu cầu không nên vua liền cùng với vị quan giúp việc giỏi ấy lên một chiếc thuyền ra giữa biển. Vua bảo vị đó: "Ta muốn được bảo vật ngay bây giờ và ngay tại đây, hãy trao cho ta". Vị quan giúp việc giỏi tâu: "Phải đợi thần đến đất liền mới có thể dâng cho ngài được". Vua bảo: "Ở đất liền, ta chẳng cần dùng, chỉ muốn có ngay ở tại đây". Vị quan giúp việc giỏi liền dùng tay khuấy trong nước lấy được vàng báu, to như bánh xe, đem lên trên thuyền nhiều không kể xiết. Vua bảo: "Thôi, thôi, dừng lại! Thuyền đầy thêm nặng".

Vị quan giúp việc giỏi của vua Giá-ca-việt-la là như vậy.

Vua có vị tướng cầm binh và huấn luyện giỏi là người như thế nào? Đó là người tài cao, dũng lược, khỏe mạnh, không có gì là không

biết. Nếu muốn huy động thì quân sĩ nhiều vô số, còn không muốn huy động thì quân sĩ không có. Vị tướng cầm binh và huấn luyện giỏi tâu với vua: "Nay vua cứ yên tâm, chớ lo lắng về việc nước. Vua cần người dụng binh, thần tự chiến đấu". Ý vua muốn thử vị tướng quân ấy, liền tập trung người, ngựa, voi trong nước và đều cho mang áo giáp, để xứng đáng là bộ binh mang áo giáp, khi lâm trận, đủ sức tự vệ. Vua thầm nghĩ: "Muốn cho đoàn binh sĩ này xuất phát thử, nhanh chăng?" Vua vừa nghĩ, thì binh sĩ liền hiện ra trước mặt. Vua nghĩ, muốn cho binh sĩ dừng lại, binh sĩ liền dừng. Vua nghĩ, muốn cho binh sĩ giải tán, binh sĩ liền giải tán.

Vị tướng chủ binh, huấn luyện giỏi của vua Giá-ca-việt-la là như thế.

Vua Giá-ca-việt-la có bảy báu như vậy.

Vua có bốn việc khác với người phàm. Bốn việc ấy là gì?

Một là tuổi thọ vô hạn lượng, trong loài người không ai có tuổi thọ như vua Giá-ca-việt-la.

Hai là thường an ổn, chưa từng có bệnh, ăn uống đều tiêu, thân thể nóng lạnh thích hợp với thời tiết. Trong loài người không có ai an ổn hơn vua Giá-ca-việt-la.

Ba là đẹp đẽ không ai bằng, hơn hẳn người thế gian, nhưng chẳng bằng chư Thiên.

Bốn là muôn họ đều thương vua, đều xem vua như cha mẹ; vua thương muôn họ như cha mẹ thương con. Mỗi khi vua xuất cung đi đến các dinh thự, biệt quán, muôn họ nói với người đánh xe cho vua: "Xin cho xe đi chầm chậm, chúng tôi muốn được chiêm ngưỡng vua, nhưng không đến gần được. Xin chúc vua sống lâu muôn tuổi". Vua bảo người đánh xe: "Hãy đi chầm chậm, ta muốn nhìn thấy nhân dân trong nước ta, chúc họ sống lâu vô kể".

Vua Giá-ca-việt-la có bốn việc như vậy, người phàm không có.

Vua có năm nguyện, những điều suy tư mong muốn luôn hiện ra trước mặt; niềm vui trong tâm, vị ngon ở lưỡi, sự thích thú của mắt, mọi điều ưa thích đều hiện hữu. Tai nghe các âm thanh êm dịu của lời ca, tiếng nhạc, mùi thơm mà mũi đã ngửi, gây niềm vui trong lòng, như mũi ngửi mùi phấn thơm, đều luôn hiện hữu. Các vị mặn, chua, ngọt, mà miệng đã nếm, các món ngon đều hiện hữu. Những cái trong sạch mịn màng, đẹp đẽ, dễ ưa đều hiện hữu.

Do năm điều ước muốn đó của vua Giá-ca-việt-la, nên mắt vua chưa từng thấy sắc xấu, tai chưa từng nghe tiếng dở, mũi chưa từng ngửi mùi hôi thối, miệng chưa từng ăn các món không ngon, thân chưa từng mặc áo thô xấu.

Phật bảo các Sa-môn:

–Vua Giá-ca-việt-la có bảy báu vật kỳ lạ, có bốn tướng đặc biệt, có năm điều ước muốn như vậy. Các vị cho rằng vua đối với các việc đó có vui vẻ chăng?

Các Sa-môn đáp:

–Vua chỉ có một báu, tâm đã vui vẻ, huống là có đủ bảy báu.

Phật cầm một viên đá nhỏ trong tay, hỏi các Sa-môn:

–Viên đá trong tay Ta là lớn hay ngọn núi là lớn?

Các Sa-môn đáp:

–Viên đá trong tay Phật là nhỏ, đã nhỏ thì làm sao so sánh với hòn núi? Dù có lớn gấp trăm lần, ngàn lần, ức lần, cũng chẳng bằng hòn núi lớn.

Phật dạy:

–Như viên đá nhỏ trong tay Ta lớn không bằng cái lớn của hòn núi, dù cho nó lớn gấp trăm lần, ngàn lần, vạn lần, ức lần, ngàn vạn lần, ức vạn lần, cũng chẳng bằng cái lớn của hòn núi. Vua Giá-ca-việt-la tuy có bảy báu, bốn tướng khác lạ, có năm điều ước muốn, nhưng không bằng cái vui trên cõi trời, gấp trăm lần, ngàn lần, vạn lần, ức lần, ngàn vạn ức lần. Giống như viên đá nhỏ trong tay Phật so với núi đá lớn.

Phật dạy:

–Bậc cao thiện sĩ ở thế gian, tâm nghĩ việc thiện, miệng nói việc thiện, rất thành thật, thân làm việc thiện. Lúc hết thọ mạng ở thế gian, sau khi chết, được sanh lên cõi trời Đao-lợi thứ hai, làm trời. Một trăm năm ở thế gian bằng một ngày một đêm trên cõi trời Đao-lợi; ba trăm năm ở thế gian là một tháng ở cõi trời Đao-lợi; ba vạn sáu ngàn năm ở thế gian là một năm ở cõi trời Đao-lợi. Theo sự tính đếm ở cõi trời thì người ở trên cõi trời Đao-lợi thứ hai, sống một ngàn năm.

Cửa ngoài của cung trời Đao-lợi rộng bảy trăm dặm, bức tường thành bên ngoài có bảy lớp, có bảy hào nước, trong nước đều có hoa sen bốn màu, dưới đáy nước đều là cát vàng, trên thành đều có lan

can làm bằng vàng, bạc, lưu ly, pha lê; bảy lớp đất đều có bảy lớp hàng cây: cây bằng vàng, cây bằng bạc, cây bằng lưu ly, cây bằng pha lê, cây bằng san hô, cây bằng hổ phách, cây bằng xa cừ. Cây bằng vàng, gốc bằng vàng, thân bằng vàng thì lá bằng bạc, hoa bằng bạc, quả bằng bạc; cây bằng bạc, gốc bằng bạc, thân bằng bạc thì lá bằng vàng, hoa bằng vàng, quả bằng vàng; cây bằng lưu ly, gốc bằng lưu ly, thân bằng lưu ly, thì lá bằng pha lê, hoa bằng pha lê, quả bằng pha lê; cây bằng pha lê, gốc bằng pha lê, thân cây bằng pha lê thì lá bằng lưu ly, hoa bằng lưu ly, quả bằng lưu ly; cây bằng san hô, gốc bằng san hô, thân bằng san hô thì lá bằng hổ phách, hoa bằng hổ phách, quả bằng hổ phách; cây bằng hổ phách, gốc bằng hổ phách, thân bằng hổ phách thì lá bằng xa cừ, hoa bằng xa cừ, quả bằng xa cừ; cây bằng xa cừ, gốc bằng xa cừ, thân bằng xa cừ thì lá bằng mã não, hoa bằng mã não, quả bằng mã não. Cửa thành rộng hai trăm tám mươi dặm, cao sáu trăm bốn mươi dặm, xà ngang và bức hoành treo trên cửa đều bằng bạc, hai cánh cửa đều làm bằng vàng. Có năm trăm con quỷ giữ cửa ngoài. Khoảng giữa cung là chỗ trời ở, cao rộng hai ngàn dặm, có vách đều bằng bảy báu vàng, bạc, pha lê, lưu ly, san hô, hổ phách, xa cừ; có bảy dòng nước chảy quanh vách, bảy lớp cây báu như ở cửa ngoài; thành cao sáu trăm bốn mươi dặm, rộng hai trăm tám mươi dặm, dùng bạc làm xà ngang và bức hoành, vàng làm hai cánh cửa, vàng làm then cài cửa, có năm trăm con quỷ cùng giữ cửa. Chỗ ở của trời, cao rộng hai ngàn dặm, có bảy lớp vách bằng bảy thứ báu, bảy lớp mương nước; các lan can, cây báu như cửa ngoài; thành cao, rộng, dày như ở cửa ngoài, số quỷ giữ cửa như cửa ngoài.

Đi về phía Đông của trời Đao-lợi, có chỗ để vui chơi, giải trí gọi là nhà Nan-đà-hoàn, chu vi bảy ức dặm, có bảy lớp vách; vách vàng, vách bạc, vách san hô, vách lưu ly, vách hổ phách, vách xa cừ, vách pha lê; có bảy hào nước, cát dưới đáy đều là vàng, có hoa sen bốn màu, trên thành có bảy lớp lan can báu, bảy lớp vách; mỗi nơi đều có bảy hàng cây báu: cây bằng vàng, gốc bằng vàng, thân bằng vàng thì lá bằng bạc, hoa bằng bạc, quả bằng bạc; cây bằng bạc, gốc bằng bạc, thân bằng bạc thì lá bằng vàng, hoa bằng vàng, quả bằng vàng; cây bằng pha lê, gốc bằng pha lê, thân bằng pha lê thì lá bằng lưu ly, hoa bằng lưu ly, quả bằng lưu ly; cây bằng lưu ly, gốc bằng lưu ly, thân bằng lưu ly thì lá bằng pha lê, hoa bằng pha lê, quả bằng pha lê; đường của nhà rộng sáu trăm bốn mươi dặm; bảy lớp vách hai bên đường đều

làm bằng vàng, bạc, pha lê, lưu ly, hổ phách, san hô, xa cừ; khoảng giữa của mỗi bức vách đều có hào nước; trong nước có hoa sen bốn màu, dưới đáy nước đều có cát vàng; trên vách có lan can đều làm bằng bảy báu như phía trong, có bảy loại cây báu: cây bằng vàng, cây bằng bạc, cây bằng pha lê, cây bằng lưu ly, cây bằng hổ phách, cây bằng san hô, cây bằng xa cừ. Trong nhà ấy có hai tảng đá, một tảng tên là Nan, một tảng tên là Nan-việt, mỗi tảng cao rộng bốn ngàn dặm, đá ấy mềm lại mịn như nhung lụa. Trong nhà có hai ao tắm, một ao tên là Nan-đà, một ao tên là Nan-đà-ni; mỗi ao sâu rộng bốn ngàn dặm; trong ao sanh hoa sen bốn màu: thứ nhất là màu xanh, thứ hai là màu hồng, thứ ba là màu tím, thứ tư là màu trắng; cát ở đáy ao đều là vàng. Trời Đao-lợi, khi muốn vui chơi giải trí liền cùng nhau dẫn đến nhà phía Đông, cùng vui chơi thỏa thích. Vì vậy gọi là nhà Nan-đà-hoàn.

Ra khỏi cửa thành phía Nam trời Đao-lợi có nhà tên là Chất-la-nại, chu vi bảy ức dặm, vách của nhà ấy có bảy lớp: vách bằng vàng, vách bằng bạc, vách bằng pha lê, vách bằng lưu ly, vách bằng hổ phách, vách bằng san hô, vách bằng xa cừ; ở khoảng giữa mỗi vách có một hào nước, trong nước có hoa sen bốn màu, cát ở đáy nước đều là vàng, có bảy loại cây báu: cây bằng vàng, cây bằng bạc, cây bằng lưu ly, cây bằng pha lê, cây bằng hổ phách, cây bằng san hô, cây bằng xa cừ; trên vách ấy đều có lan can bằng lưu ly, pha lê, san hô, hổ phách, xa cừ. Đường qua nhà Chất-la-nại rộng sáu trăm bốn mươi dặm, đều có bảy lớp vách; vách vàng, bạc, pha lê, lưu ly, san hô, hổ phách, xa cừ; ở khoảng giữa mỗi vách, có một hào nước, trong nước có hoa sen bốn màu: xanh, hồng, tím, trắng; cát ở đáy nước đều là vàng, có bảy thứ lan can báu: lan can bằng vàng, lan can bằng bạc, lan can bằng pha lê, lan can bằng lưu ly, lan can bằng san hô, lan can bằng hổ phách, lan can bằng xa cừ; có bảy loại cây báu: cây bằng vàng, cây bằng bạc, cây bằng lưu ly, cây bằng san hô, cây bằng hổ phách, cây bằng xa cừ. Trong nhà ấy có hai tảng đá, mỗi tảng cao rộng bốn ngàn dặm, mịn lại mềm như nhung lụa; tảng thứ nhất tên là Chất-la, tảng thứ hai tên Chất-đa-khoa-la. Trong nhà ấy lại có hai ao tắm: ao thứ nhất tên là Chất-đa, ao thứ hai tên là Chất; trong hai ao có hoa sen bốn màu: xanh, hồng, tím, trắng; ở đáy ao đều có cát vàng. Nhà ấy có bốn loại cây báu: cây bằng vàng, cây bằng bạc, cây bằng pha lê, cây bằng lưu ly. Trời Đao-lợi đi đến nhà Chất-đa-lợi cùng vui chơi giải trí, vui vẻ vô cùng; bốn thứ báu chiếu sáng chư Thiên, loài

người, khiến cho họ có màu sắc rực rỡ, đẹp đẽ. Vì vậy gọi là Chất-la-nại. Chất-la-nại là nhà cửa rực rỡ.

Phía Bắc trời Đao-lợi, ra khỏi cửa thành, có nhà gọi là Phả-loại, cao rộng bảy ức dặm, có bảy lớp vách báu, bảy hào nước, ở đáy nước đều là cát vàng, lan can như ở phương Nam. Đường của nhà ấy rộng sáu trăm bốn mươi dặm; trong nhà có hai tảng đá: tảng thứ nhất tên là Ca-la, tảng thứ hai tên là Ca-la-thi-la, mềm mịn như nhung lụa. Có hai ao tắm sâu, rộng bốn ngàn dặm, ao thứ nhất tên là Càn-đa, ao thứ hai tên là Càn-đà-khởi, có hoa sen bốn màu: xanh, hồng, tím, trắng. Trời Đao-lợi, khi muốn vui chơi ở nhà Phả-loại, thì thân thể liền cường tráng. Giống như người sau khi tắm xong, thân thể tươi nhuận, chư Thiên Đao-lợi vào nhà phía Bắc, thân thể đều tươi nhuận. Vì vậy gọi là nhà Phả-loại.

Từ phía Tây trời Đao-lợi đi ra, có nhà tên là Di-thi-da-viễn, cao rộng bảy ức dặm, có bảy lớp vách, bảy hào nước, bảy loại cây báu, bảy thứ lan can báu, hoa sen bốn màu, ở đáy nước đều là cát vàng, như ở phương Bắc. Đường qua nhà ấy rộng sáu trăm bốn mươi dặm, có bảy lớp vách báu, bảy hào nước, bảy loại cây báu, bảy thứ lan can báu, hoa sen bốn màu; ở đáy nước đều là cát vàng, như ở phương Bắc. Trong nhà có hai tảng đá đẹp, mỗi tảng cao rộng bốn ngàn dặm, mịn mềm như nhung lụa, tảng thứ nhất tên là Bắc-la, tảng thứ hai tên là Bắc-la-việt, có hai ao tắm, mỗi cái sâu rộng bốn ngàn dặm, trong ao ấy có hoa sen bốn màu: xanh, hồng, tím, trắng, ở đáy ao đều là cát vàng, ao thứ nhất tên là Ba-thi, ao thứ hai tên là Vân. Trời Đao-lợi, khi muốn đi đến nhà Di-thi-da-viễn để vui chơi, thì ở cõi trời Đao-lợi, bất kể lớn nhỏ, nghèo giàu, sang hèn, đều được vào nhà Di-thi-da-viễn. Vì vậy gọi là nhà Di-thi-da-viễn.

Trên trời Đao-lợi, trong cung trước sân giữa của điện vua, có bảo vật trăm màu, tự trải bày trên đất, trước cung vua. Trong cung, có bảy trăm nhà lầu, bậc thềm bằng vàng, bậc thềm bằng bạc, bậc thềm bằng lưu ly, bậc thềm bằng pha lê, dưới mỗi bậc thềm có mười sáu trụ lưu ly chiếu sáng. Trong cung, có bốn giường ngồi, giường bằng vàng, giường bằng bạc, giường bằng pha lê, giường bằng lưu ly, để trời ngồi trên đó, nghĩ về điều thiện của muôn họ, cũng nghĩ về điều thiện của chư Thiên. Cung điện chỗ Thiên vương ở gọi là Đề-diên. Trên điện ấy có trăm đại lộ, mỗi đại lộ có trăm nhà, mỗi nhà có bảy ngọc nữ, mỗi ngọc nữ có bảy người hầu; điện ấy màu lưu ly xanh, và chư Thiên đều vây

quanh cung điện. Phía Nam có cây gọi là cây Ba-chất-câu-kỳ-la, rễ ăn sâu xuống đất hai trăm dặm, cành ở trên tỏa ra bốn phía: Đông Tây hai ngàn dặm, Nam Bắc hai ngàn dặm, cây cao bốn ngàn dặm. Khi cây đang trổ hoa, gió từ trên thổi xuống, mùi thơm của hoa bay xuống bốn ngàn dặm, bay ngược chiều gió hai ngàn dặm. Vào mùa cây đang trổ hoa, chư Thiên ngồi dưới cây, vui chơi với nhau một trăm hai mươi ngày, một trăm hai mươi ngày trên trời là một vạn hai ngàn năm dưới thế. Chư Thiên muốn dùng voi trắng báu tên là Nghê-la-viễn để giải trí vui chơi, voi tự biến ra thành ba mươi hai cái đầu, mỗi đầu có bảy ngà, ngà hóa thành bảy ao tắm, trong mỗi ao tắm hiện bảy hoa sen; mỗi cành hoa sen có nghìn lá, trên mỗi lá có một ngọc nữ báu.

Những điều vua ước muốn, đều có đủ, hết sức vừa ý.

Người ở thế gian tuy làm việc thiện nhưng không thể làm nhiều: tâm nghĩ việc thiện ít, miệng nói lời thiện ít, thân làm việc thiện ít, nên tuy được sanh lên cõi trời Đao-lợi, nhưng chẳng được vào nhà Nan-đà-hoàn ở phía Đông; chẳng thể vào được nhà Chất-đa-lại; chẳng thể vào được nhà Phả-loại phía Bắc; chẳng thể vào được để thưởng thức hương hoa dưới cây Ba-chất-câu-kỳ-la, chỉ được ở xa mà trông, chẳng được vào phía trước. Giống như chỗ ăn uống của vua Giá-ca-việt-la, những người ở ngoài cung chẳng được lén vào; chư Thiên ở cõi trời chẳng được xem cây cũng như vậy.

Người ở thế gian làm việc thiện, tâm nghĩ việc thiện, miệng chí thành làm việc thiện, thân làm việc thiện, sau khi mạng chung, liền được sanh lên cõi trời Đao-lợi. Bậc cao thiện sĩ sanh lên cõi trời Đao-lợi sống rất lâu, sau khi chết, lại hạ sanh tại thế gian, làm thái tử trong gia đình vương hầu, phú quý nhiều vật báu, là người đoan chánh. Thí như niềm vui của người do dối gạt nên mới có được nhiều tiền, vàng, bạc, ngọc báu, nô tỳ, xe ngựa, vợ con, ruộng đất, nhà cửa, bỗng có danh tiếng. Người đó nghĩ rằng anh ta chẳng làm gì, chẳng mua bán, cũng chẳng cày ruộng, tự nhiên có được tài sản. Anh ta chỉ vui chơi thôi, thế mà cũng có được vàng, bạc, châu báu, nhà cửa, ruộng đất, lại có danh tiếng là người phú quý.

Phật dạy:

–Như đứa trẻ con ham chơi mà được lợi như vậy là ít, hay như vậy là nhiều? Điều ấy chẳng bằng tâm nghĩ việc thiện, miệng nói việc thiện, thân làm việc thiện, được lợi thù thắng hơn so với kẻ dối gạt. Vì sao vậy? Thực hành ba việc thiện ấy, sau khi chết, sanh lên cõi trời

Đao-lợi, là bậc cao sĩ.

Phật dạy các Sa-môn:

–Nay Ta vì các ông mà nói hai con đường, đó là con đường ngu si và con đường của bậc cao thiện sĩ. Nay các ông tự chọn con đường nào? Nay Ta là Phật vì các ông nói sự khó, dễ.

Phật dạy:

–Các ông nên ở trong núi, hoặc ở nơi gốc cây, trong nhà vắng, hoặc ở chỗ gò mả, nơi khe suối, chốn đồi cao, tự nghĩ về năm điều bên trong, sớm cầu đạo Niết-bàn.

Phật dạy:

–Đó là lời dạy của Ta.

Các Sa-môn đều chắp tay, nhận lời dạy bảo, lần lượt ra trước Phật đảnh lễ.

M

Phẩm 8: TỨ THIÊN VƯƠNG

Phật dạy các Tỳ-kheo:

–Phía Đông núi chúa Tu-di, cách núi Tu-di bốn vạn dặm có thành quách của Thiên vương Đề-đầu-loại, gọi là chốn Hiền thượng vương, rộng dài hai mươi bốn vạn dặm, dùng bảy báu làm bảy lớp vách, bảy lớp lan can, bảy lớp đường đi, bảy lớp hàng cây đẹp đẽ, bao bọc chung quanh. Vách bằng vàng, cửa bằng bạc, vách bằng bạc, cửa bằng vàng; vách bằng lưu ly, cửa bằng pha lê, vách bằng pha lê, cửa bằng lưu ly; vách bằng chơn châu đỏ, cửa bằng mã não; vách bằng mã não, cửa bằng chơn châu đỏ, vách bằng xa cừ, cửa bằng tất cả vật báu; lan can bằng vàng thì trụ bằng vàng, bậc thang bằng bạc; lan can bằng bạc, trụ bằng bạc thì bậc thang bằng vàng; lan can bằng lưu ly, trụ bằng lưu ly thì bậc thang bằng pha lê; lan can bằng pha lê, trụ bằng pha lê thì bậc thang bằng lưu ly, lan can bằng chơn châu đỏ, trụ bằng chơn châu đỏ thì bậc thang bằng mã não; lan can bằng mã não, trụ bằng mã não thì bậc thang bằng chơn châu đỏ; lan can bằng xa cừ, trụ bằng xa cừ thì bậc thang bằng tất cả vật báu. Đường bằng vàng, lề đường bằng bạc, đường bằng bạc, lề đường bằng vàng; đường bằng lưu ly, lề đường bằng pha lê; đường bằng pha lê, lề đường bằng lưu ly; đường bằng chơn châu đỏ, lề đường bằng mã não; đường bằng mã não, lề đường bằng chơn châu đỏ; đường bằng xa cừ, lề đường bằng tất cả vật báu; cây bằng vàng, thân, gốc bằng vàng thì cành, lá, hoa, quả bằng bạc; cây bằng bạc, thân gốc bằng bạc thì cành, lá, hoa, quả bằng vàng; cây bằng lưu ly, thân, gốc bằng lưu ly thì cành, lá, hoa, quả bằng pha lê; cây bằng pha lê, thân, gốc bằng pha lê thì cành, lá, hoa, quả bằng lưu ly; cây bằng chơn châu đỏ, thân, gốc bằng chơn châu đỏ thì cành, lá, hoa, quả bằng mã não; cây bằng mã não, thân, gốc bằng mã não thì cành, lá, hoa, quả bằng chơn châu đỏ; cây bằng xa cừ, thân, gốc bằng xa cừ thì cành, lá, hoa, quả bằng tất cả vật báu. Trên cửa có mái che, đường đi, phía dưới có vườn nhà, ao tắm, có các loại cây, các loại lá, các loại hoa, các loại quả, tỏa ra các thứ hương thơm, các loại chim bay cùng nhau vui hót.

Phía Nam núi chúa Tu-di, cách bốn vạn dặm có thành quách của Thiên vương Kỳ-lâu-lặc gọi là Thiện kiến, rộng dài hai mươi bốn vạn dặm. Nơi vua ở cũng có bảy lớp vách, bảy lớp lan can, bảy lớp đường đi, bảy lớp hàng cây bằng bảy báu bao bọc chung quanh tuyệt đẹp.

Trên cửa có mái che, đường đi; phía dưới có vườn nhà, ao tắm, cây cối, các loại chim bay cùng nhau vui hót.

Phía Tây núi chúa Tu-di, cách bốn vạn dặm có trời gọi là Tỳ-lưu-la, có thành quách, rộng dài hai mươi bốn vạn dặm. Nơi vua ở cũng có bảy lớp vách, bảy lớp lan can, bảy lớp đường đi, bảy lớp cây cối bằng bảy báu bao bọc chung quanh tuyệt đẹp. Trên cửa có mái che, đường đi; phía dưới có vườn nhà, ao tắm, cây cối, các loại chim bay cùng nhau vui hót.

Phía Bắc núi chúa Tu-di, cách bốn vạn dặm, có Thiên vương tên là Tỳ-sa-môn, có ba thành quách, rộng dài mỗi mặt hai mươi bốn vạn dặm. Có ba chỗ vua ở: chỗ thứ nhất tên là Sa-ma, chỗ thứ hai tên là Ba-ca-la-viết, chỗ thứ ba tên là A-ni-bàn, cũng có bảy báu làm bảy lớp vách, bảy lớp lan can, bảy lớp đường đi, bảy lớp hàng cây, bao bọc chung quanh, tuyệt đẹp. Trên cửa có mái che, đường đi; phía dưới có vườn nhà, ao tắm, cây cối, các loại chim bay cùng nhau vui hót. Phía Đông chỗ ở A-ni-bàn của Thiên vương Tỳ-sa-môn có núi tên là Ca-tỳ-diên, cao, rộng, dài bốn ngàn dặm, dùng bốn báu: vàng, bạc, pha lê, lưu ly tạo thành. Chung quanh núi có tường bao bọc, rộng, dài hai vạn dặm, dùng bảy báu làm bảy lớp vách, bảy lớp lan can, bảy lớp đường đi, bảy lớp cây cối, bao bọc chung quanh tuyệt đẹp. Bốn mặt đều có cửa, dùng bốn báu tạo thành. Trên cửa có mái che, đường đi; phía dưới có vườn, nhà, ao tắm, cây cối, các loại chim bay cùng nhau vui hót. Tại núi Ca-tỳ-diên, thuộc chỗ ở A-ni-bàn của vua có ao tắm của Đại thiên vương Tỳ-sa-môn, tên là Na-lợi, rộng dài hai ngàn dặm, có tường bao bọc chung quanh, ở đáy ao có cát bằng vàng, nước mát lại trong, dùng bốn báu tạo thành bốn lớp vách, lan can, đường đi, cây cối tuyệt đẹp chung quanh ao tắm. Trong ao mọc lên hoa sen xanh, hoa sen vàng, hoa sen trắng, hoa sen đỏ, ánh sáng của hoa chiếu hơn hai mươi bốn dặm, mùi thơm cũng tỏa ra hai mươi bốn dặm, chung quanh ao tắm có thềm. Thiên vương Tỳ-sa-môn muốn đến núi Ca-tỳ-diên vui chơi giải trí, ngay khi ấy liền nghĩ đến Thiên vương Đề-đầu-lại. Thiên vương Đề-đầu-lại liền nói:

–Thiên vương Tỳ-sa-môn đã nghĩ đến ta.

Lúc ấy vua chỉnh đốn y phục, khăn mũ, sửa sang xa giá, cùng vô số trăm ngàn Kiền-đạp-hòa vây bọc chung quanh, từ thành Hiền thượng đi ra, đến chỗ Thiên vương Tỳ-sa-môn, và dừng ngay phía trước.

Bấy giờ Thiên vương Tỳ-sa-môn mặc áo, đội mũ, choàng khăn,

sửa sang xa giá, cùng với các Thiên vương và vô số trăm ngàn các quỷ thần, cùng đi đến núi Ca-tỳ-diên. Khi ấy gió thổi quét sạch đất núi Ca-tỳ-diên, gió thổi hoa của cây cối trong núi rơi vãi khắp đất. Bốn Thiên vương cùng vào núi Ca-tỳ-diên, cùng nhau vui chơi, ăn uống thỏa thích trong một ngày, hai ngày cho đến bảy ngày. Sau đó mọi người có thể tự ra về.

❑

KINH ĐẠI LÂU THÁN

QUYỂN IV

Phẩm 9: ĐAO-LỢI THIÊN

Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Trên đỉnh núi chúa Tu-di, có trời Đao-lợi, mỗi bên rộng dài hai mươi vạn dặm; trên đó có thành quách của Thích-đề-hoàn-nhân, tên là Tu-đà-diên, mỗi mặt rộng dài hai mươi bốn vạn dặm, có bảy lớp vách, bảy lớp lan can, bảy lớp đường đi, bảy lớp hàng cây, bao bọc chung quanh tuyệt đẹp, đều dùng bảy báu: vàng, bạc, lưu ly, pha lê, chơn châu đỏ, xa cừ, mã não tạo thành; vách bằng vàng thì cửa bằng bạc, vách bằng bạc thì cửa bằng vàng, vách bằng lưu ly thì cửa bằng pha lê, vách bằng pha lê thì cửa bằng lưu ly, vách bằng chơn châu đỏ thì cửa bằng mã não, vách bằng mã não thì cửa bằng chơn châu đỏ, vách bằng xa cừ thì cửa bằng tất cả vật báu; lan can bằng vàng, trụ bằng vàng thì bậc thang bằng bạc; lan can bằng bạc, trụ bằng bạc thì bậc thang bằng vàng; lan can bằng lưu ly, trụ bằng lưu ly thì bậc thang bằng pha lê; lan can bằng pha lê, trụ bằng pha lê thì bậc thang bằng lưu ly; lan can bằng chơn châu đỏ, trụ bằng chơn châu đỏ thì bậc thang bằng mã não, lan can bằng mã não, trụ bằng mã não thì bậc thang bằng chơn châu đỏ; lan can bằng xa cừ, trụ bằng xa cừ thì bậc thang bằng tất cả vật báu; đường đi bằng vàng thì lề bằng đường bạc, đường đi bằng bạc thì lề đường bằng vàng; đường đi bằng lưu ly thì lề đường bằng pha lê; đường đi bằng pha lê thì lề đường bằng lưu ly; đường đi bằng chơn châu đỏ thì lề đường bằng mã não, đường đi bằng mã não thì lề đường bằng chơn châu đỏ; đường đi bằng xa cừ thì lề đường bằng bằng tất cả vật báu; cây bằng vàng. gốc, thân bằng vàng thì cành, lá, hoa, quả bằng bạc; cây bằng bạc, gốc, thân bằng bạc thì cành, lá, hoa, quả bằng vàng; cây bằng lưu

ly, gốc, thân bằng lưu ly thì cành, lá, hoa, quả bằng pha lê; cây bằng pha lê, gốc, thân bằng pha lê thì cành, lá, hoa, quả bằng lưu ly; cây bằng chơn châu đỏ, gốc, thân bằng chơn châu đỏ thì cành, lá, hoa, quả bằng mã não; cây bằng mã não, gốc, thân bằng mã não thì cành, lá, hoa, quả bằng chơn châu đỏ; cây bằng xa cừ, gốc, thân bằng xa cừ thì cành, lá, hoa, quả bằng tất cả vật báu. Vách ấy cao hai ngàn bốn trăm dặm, rộng một ngàn hai trăm dặm, cửa ấy cao một ngàn bốn trăm dặm, rộng một ngàn hai trăm dặm. Vách ấy, cứ cách hai vạn dặm thì có một cái cửa, mỗi cửa có năm trăm quỷ thần giữ cửa trời Đao-lợi. Trên cửa có mái che, nhà lầu, đường đi, dưới có vườn nhà, ao tắm, có các loại cây, cây có các loại hoa, quả, tỏa ra các thứ mùi thơm, các loại chim bay cùng nhau múa hót.

Trong thành Tu-đà-diên, có cung của Long vương Y-la-bồ, mỗi mặt rộng, dài hai mươi bốn vạn dặm; đều dùng bảy báu: vàng, bạc, pha lê, lưu ly, chơn châu đỏ, xa cừ, mã não tạo thành bảy lớp lan can, bảy lớp đường đi, bảy lớp hàng cây.

Trong thành Tu-đà-diên, có cung điện tham nghị của vua trời Đao-lợi, mỗi mặt rộng, dài hai vạn dặm, cao bốn ngàn dặm; dùng bảy báu tạo thành bảy lớp lan can, bảy lớp đường đi, bảy lớp hàng cây, bao bọc chung quanh hai vạn dặm. Trên cung điện có mái che, đường đi, nhà lầu; dùng pha lê, lưu ly làm mái che, vàng ròng làm đất; cột trụ trong cung điện vòng thân to bốn trăm tám mươi dặm, cửa cao bốn ngàn dặm, dùng bảy báu làm thành; bên trong có tòa ngồi của trời Đế-thích, mỗi bên rộng, dài bốn mươi dặm, đều dùng bảy báu làm thành, tòa ấy rất mềm mại, mịn màng, hai bên đều có mười sáu tòa.

Phía Bắc của cung điện, có hậu cung của trời Đế-thích, rộng, dài bốn vạn dặm, đều dùng bảy báu làm thành bảy lớp vách, bảy lớp lan can, bảy lớp đường đi, bảy lớp hàng cây, bao bọc chung quanh rất đẹp đẽ.

Phía Đông cung điện, có vườn của Đế-thích tên là Thô kiên, mỗi mặt rộng dài bốn vạn dặm, cũng dùng bảy báu làm thành bảy lớp vách, lan can, đường đi, cây cối bao bọc chung quanh rất đẹp đẽ. Cửa cao một ngàn hai trăm dặm, rộng dài tám trăm dặm, trên cửa có mái che, đường đi, nhà lầu, ở dưới có vườn, ao tắm; trong vườn có các loại cây, hoa, quả, các loại chim bay cùng nhau vui hót. Trong vườn Thô kiên có cây Cao hương cao bảy mươi dặm, đều sanh hoa quả, bổ ra thì tỏa ra các thứ mùi thơm, có cây cao hai mươi dặm, ba mươi dặm cho đến cao sáu mươi dặm, cây thấp nhất cao mười ba dặm một trăm hai mươi bộ. Kế đến có

cây Anh lạc, có cây cao bảy mươi dặm, có cây cao hai mươi dặm, ba mươi dặm cho đến sáu mươi dặm, cây thấp nhất cao mười ba dặm một trăm hai mươi bộ, đều sanh hoa quả, bổ ra thì hiện ra ngọc Anh lạc. Lại có cây áo, chăn, cây Bất tức, cây đồ dùng, cây âm nhạc, có cây cao bảy mươi dặm, có cây cao hai mươi dặm, ba mươi dặm cho đến sáu mươi dặm, cây thấp nhất cao mười ba dặm một trăm hai mươi bộ, đều sanh ra hoa quả, bổ ra thì hiện ra các loại áo, mền, anh lạc, tràng hoa, đồ dùng, âm nhạc. Trong vườn Thô kiên, có hai tảng đá, tảng thứ nhất tên là Hiền, tảng thứ nhì tên là Hiền thiện, dùng vàng trời tạo thành, đá rất đẹp đẽ.

Phía Nam cung điện, có vườn của trời Đế-thích tên là Lạc họa, mỗi mặt rộng dài bốn vạn dặm, đều dùng bảy báu tạo thành bảy lớp vách, lan can, đường, cây cối, có cửa cao một ngàn hai trăm dặm; trên cửa có mái che, đường đi, nhà lầu, ở dưới có vườn, ao tắm, có các loại cây, lá, hoa, quả, trong ao tắm có chim bay cùng nhau vui hót. Trong vườn Lạc họa có hai tảng đá, tảng thứ nhất tên là Họa, tảng thứ hai tên là Thiện họa, mỗi mặt rộng dài hai ngàn dặm, đá rất mềm, mịn. Trong vườn Lạc họa có cây Hương, lại có cây chăn áo, Anh lạc, cây Bất tức, cây âm nhạc, có cây cao bảy mươi dặm, có cây cao hai mươi dặm cho đến ba mươi dặm, sáu mươi dặm, cây thấp nhất bao mười ba dặm một trăm hai mươi bộ, đều sanh hoa quả, bổ ra thì tỏa ra các loại mùi thơm, hiện ra y phục, mền, anh lạc, tràng hoa, đồ dùng, âm nhạc.

Phía Đông điện Đao-lợi có vườn của trời Đế-thích tên là Quán loạn, mỗi mặt rộng dài bốn vạn dặm, dùng toàn bảy báu tạo thành bảy lớp vách, lan can, đường đi, cây cối bao bọc chung quanh; cửa cao một ngàn hai trăm dặm, rộng tám trăm dặm; ở trên có mái che, đường đi, nhà lầu; ở dưới có vườn, ao tắm, có các loại cây, lá, hoa, quả, tỏa ra các thứ hương thơm, các loài chim bay cùng nhau vui hót; các thứ mà các cây đã sanh ra cũng như ở phương Nam. Trong vườn Quán loạn có tảng đá vuông.

Phía Tây của cung điện trời Đao-lợi có vườn cây tên là Ca vũ, mỗi bên rộng dài bốn vạn dặm, cũng dùng bảy báu tạo thành bảy lớp vách, lan can, đường đi, cây cối, bao bọc chung quanh. Cửa cao một ngàn hai trăm dặm, rộng tám trăm dặm; ở trên có mái che, đường đi, nhà lầu, ở dưới có vườn, ao tắm, có các loại cây, lá, hoa, quả, các loại chim bay cùng nhau vui hót. Trong vườn Ca vũ có hai tảng đá, tảng thú nhất tên là Nan-đà, tảng thứ hai tên là Hòa-nan; mỗi tảng rộng dài hai

ngàn dặm, đều dùng lưu ly trời làm thành, rất mềm mịn.

Trong vườn Quán loạn, Lạc họa có ao tắm tên là Nan-đà, mỗi mặt rộng dài hai ngàn dặm, có bảy lớp bờ tường bao bọc chung quanh, nước trong ao phẳng lặng, đẹp đẽ, trong vắt, có các loại cây bao bọc chung quanh; cát ở đáy ao đều là vàng; dùng bảy báu tạo thành bảy lớp lan can, đường đi, hàng cây, bao bọc chung quanh, trên có mái che, đường đi, nhà lầu; dưới có vườn, ao tắm; ở trong có các loại cây, lá, hoa, quả, tỏa ra các loại hương thơm; các loại chim bay cùng nhau vui hót. Trong ao tắm Nan-đà có hoa sen xanh, hoa sen hồng, hoa sen trắng, hoa sen vàng lớn như bánh xe, cành như trục xe, chích vào nhựa chảy ra như sữa, ánh sáng chiếu ba mươi dặm, hương bay xa bốn mươi dặm. Trong vườn Ca vũ, Quán loạn có cây lớn tên là Trú quá độ, vòng thân hai trăm tám mươi dặm, cao bốn ngàn dặm, cành lá tỏa ra hai ngàn dặm.

Chư Thiên Đao-lợi có cung điện, rộng dài bốn mươi vạn dặm; dùng toàn bảy báu tạo thành bảy lớp lan can, đường đi, cây cối bao bọc chung quanh; có vườn, ao tắm, các loại chim bay, cùng nhau vui hót, các loại cây, lá, hoa, quả tỏa ra các loại hương thơm. Cung điện của chư Thiên Đao-lợi có cái rộng dài mỗi mặt ba vạn sáu ngàn dặm, có cung rộng dài ba vạn hai ngàn dặm, có cung rộng dài ba vạn bốn ngàn dặm, có cung rộng dài hai vạn bốn ngàn dặm, có cung rộng dài hai ngàn dặm, có cung rộng dài một vạn sáu ngàn dặm, có cung rộng dài một vạn hai ngàn dặm, có cung rộng dài tám ngàn dặm; cung nhỏ nhất rộng dài bốn ngàn dặm. Trong đó lại có cung rộng, dài ba ngàn sáu trăm dặm, có cái ba ngàn hai trăm dặm, nhỏ cho đến bốn trăm tám mươi dặm, dùng toàn bảy báu: vàng, bạc, pha lê, lưu ly, chơn châu đỏ, xa cừ, mã não tạo thành bảy lớp lan can, đường đi, cây cối; có vườn, ao tắm, các loại chim bay cùng nhau vui hót.

Trước cung điện trời Đao-lợi có hai con đường dẫn đến hậu cung trời Đế-thích, lại có hai con đường dẫn đến vườn Thô kiên; lại có hai con đường dẫn đến vườn Lạc họa; lại có hai con đường dẫn đến vườn Quán loạn; lại có hai con đường dẫn đến vườn Ca vũ; lại có hai con đường dẫn đến ao tắm Nan-đà; lại có hai con đường dẫn đến cây lớn Trú quá độ; lại có hai con đường dẫn đến cung chư Thiên; lại có hai con đường dẫn đến Long cung Y-la-mãn.

Trời Đế-thích khi muốn đến vườn Thô kiên để vui chơi giải trí thì nghĩ đến các Thiên vương. Bấy giờ các Thiên vương nói: "Trời Đế-thích đã nghĩ đến chúng ta", liền chỉnh đốn y phục, đội mũ, quấn khăn,

sửa sang xe ngựa, rồi cùng đến chỗ trời Đế-thích, dừng ngựa lại ở trước. Lúc ấy trời Đế-thích lại nghĩ đến trời Đao-lợi. Trời Đao-lợi nói với chư Thiên: "Trời Đế-thích đã nghĩ đến chúng ta", bèn mặc y phục, chuẩn bị các loại xe ngựa, đi đến chỗ trời Đế-thích, dừng lại ở trước. Khi ấy trời Đế-thích lại nghĩ đến Long vương Y-la-mãn. Bấy giờ Long vương Y-la-mãn nói: "Trời Đế-thích đã nghĩ đến chúng ta", liền hóa thành ba mươi sáu đầu voi, trên mỗi đầu hóa ra sáu ngà, trên mỗi ngà hóa ra bảy ao tắm, trên mỗi ao tắm hóa ra bảy hoa sen, trên mỗi hoa sen hóa ra bảy ngọc nữ đang chơi nhạc. Long vương Y-la-mãn đem các loại thần hóa ấy đến chỗ trời Đế-thích, dừng lại ở trước.

Lúc ấy trời Đế-thích chỉnh đốn y phục, đội mũ, quấn khăn, bước lên trên và ngồi xuống trên đầu Long vương, hai bên đều có mười sáu tiểu vương ngồi hầu. Trời Đế-thích liền đi đến trong vườn Thô kiên, gió mở cửa vườn Thô kiên; gió liền nổi lên quét dọn thổi sạch đất trong vườn; gió Y-la nổi dậy thổi vào vườn, bông hoa rơi xuống đất, ngập tới đầu gối người. Trời Đế-thích cùng chư Thiên đều vào trong vườn, ngồi trên tảng đá Hiền thiện, đều có mười sáu Tiểu thiên vương ngồi.

Bấy giờ trời Đế-thích muốn có được Anh lạc liền nghĩ đến Thiên tử Di-xá-bát. Khi ấy Thiên tử nói: "Trời Đế-thích đã nghĩ đến ta", liền biến hóa ra Anh lạc, đem dâng lên trời Đế-thích. Khi chư Thiên cõi trời Đao-lợi muốn có được Anh lạc, Thiên tử Di-xá-bát liền biến hóa ra Anh lạc, đem đến dâng lên chư Thiên Đao-lợi. Có chư Thiên chẳng thấy được vườn Thô kiên, cũng chẳng được vào bên trong, cũng chẳng được dùng nhạc trời vui chơi. Vì sao? Vì công đức đã làm đời trước ít. Có chư Thiên Đao-lợi chỉ được đứng xa mà nhìn chẳng được vào, cũng chẳng được dùng nhạc trời để vui chơi. Vì sao? Vì công đức đã làm đời trước còn ít. Trong đó, có chư Thiên được vào dùng nhạc trời cùng vui chơi giải trí. Vì sao vậy? Vì đời trước đã tạo công đức đầy đủ.

Bấy giờ trời Đế-thích cùng chư Thiên Đao-lợi ở trong vườn Thô kiên cùng nhau vui chơi, ăn uống một ngày, hai ngày cho đến bảy ngày, liền rời khỏi đấy đi ra đến vườn Lạc họa, cùng nhau vui chơi cũng như vậy. Lại đến vườn Quán loạn, Ca vũ cùng nhau ăn uống, vui chơi cũng như trên.

Vì sao gọi là Thiện đẳng? Vì chư Thiên khi vào cung trời Đao-lợi đều nghĩ: "Lành thay! An lạc!", vì vậy gọi là Thiện đẳng. Vì sao gọi là Thô kiên? Thân liền thô cứng, vì vậy gọi là Thô kiên. Vì sao gọi là Lạc họa? Chư Thiên Đao-lợi, khi vào trong vườn Lạc họa, tự nhiên thân có

các loại màu sắc như tranh vẽ, vì vậy gọi là Lạc họa. Vì sao gọi là Quán loạn? Chư Thiên Đao-lợi, khi vào trong vườn Quán loạn, vào ngày mồng tám, mười bốn, ngày rằm trong tháng, trời Đế-thích liền tự bỏ thể nữ, một mình dẫn phu nhân A-tu du hành. Khi ấy chư Thiên tử cùng với thể nữ chen nhau đi lại mất trật tự, vì vậy gọi là Quán loạn. Vì sao gọi là Ca vũ? Chư Thiên Đao-lợi, khi vào trong vườn Ca vũ, liền cùng nhau ca múa vui chơi, vì vậy gọi là Ca vũ. Vì sao gọi là cây lớn Trú quá độ? Có vị trời tên là Văn-đà ở trên cây ấy dùng năm thứ nhạc trời vui chơi thỏa thích, vì vậy gọi là Trú quá độ. Lại nữa, cây lớn Trú quá độ thường có hoa, quả giống như cây Gia-ni, vì vậy gọi là Trú quá độ. Bên cạnh trời Đế-thích thường có mười Thiên tử ủng hộ. Vị thứ nhất tên là Căn, vị thứ hai tên là Cụ Giới, vị thứ ba tên là Tỳ-lưu, vị thứ tư tên là Tỳ-lưu-tạng, vị thứ năm tên là A-lưu, vị thứ sáu tên là Ba-lưu, vị thư bảy tên là Lợi Hoàn, vị thứ tám tên là Lâu-hán, vị thứ chín tên là Câu-hòa-nan, vị thứ mười tên là Nan. Mười vị Thiên tử này thường theo ủng hộ trời Đế-thích.

Ở cõi người, trong nước có mọc hoa sen xanh, hoa sen vàng, hoa sen trắng, đẹp đẽ và rất thơm, trên đất cũng có hoa rất mềm mại, đẹp đẽ, tên là hoa A-đề-vật, hoa Danh-đà-ba-la-tu-giao-hòa-sư-đà-nô-mạt. Đất của người ở cõi Câu-da-ni, Uất-đơn-việt, đất của người ở cõi Phất-vu-đãi phương Đông cũng như vậy. Chỗ ở của rồng và Kim sí điểu, trong nước có mọc hoa sen xanh, hoa sen hồng, hoa sen vàng, hoa sen trắng, rất mềm mại, thơm tho, đẹp đẽ, và trên đất liền cũng có các loại hoa. Chỗ ở của A-tu-luân, trong nước cũng có hoa sen xanh, hồng, vàng, trắng, mềm mại, rất thơm tho, đẹp đẽ, trên đất liền cũng có hoa đẹp tên là Mạc, Đại mạc, Gia, Đại gia, Mạn-đà, Đại mạn-đà. Trên cõi trời Tứ thiên vương, trong nước có mọc hoa sen xanh, hồng, vàng, trắng, rất mềm mại, thơm tho, đẹp đẽ; trên đất liền sanh hoa cũng đẹp. Ở cõi trời Đao-lợi, trời Diệm, trời Đâu-suất, trời Vô cống cao, trời Tha hóa tự chuyển, trong nước cũng có hoa sen xanh, hồng, vàng, trắng, rất mềm mại, thơm tho, đẹp đẽ; hoa trên đất liền cũng đẹp. Người trong cõi ấy có bảy loại sắc: có người sắc đỏ, có người sắc vàng ròng, có người sắc xanh, có người sắc vàng, có người sắc tía, có người sắc trắng, có người sắc đen, đó là bảy loại sắc. Người cõi A-tu-luân cũng có bảy sắc như thế. Chư Thiên cũng đều có bảy sắc như vậy. Chư Thiên có mười việc. Mười việc ấy là gì? Một là bay đi cùng khắp, hai là qua lại tự do, ba là chư Thiên không có giặc trộm, bốn là không tự nói việc thiện của bản

thân, năm là không có sự xâm phạm nhau, sáu là răng của chư Thiên bằng nhau, bảy là tóc màu xanh biếc mượt mà, dài tám thước; tám là người cõi trời, ai mà tóc màu xanh thì thân cũng màu xanh, chín là ai muốn được trắng thì thân liền trắng, mười là ai muốn đẹp, thì thân liền đẹp. Đó là mười sự việc của chư Thiên.

Trong cõi người ấy, so sánh ánh sáng con đom đóm chẳng bằng ánh sáng ngọn đèn, ánh sáng ngọn đèn chẳng bằng ánh sáng ngọn đuốc, ánh sáng ngọn đuốc chẳng bằng ánh sáng đống lửa lớn, ánh sáng đống lửa lớn chẳng bằng ánh sáng ngôi sao, ánh sáng ngôi sao chẳng bằng ánh sáng mặt trăng, ánh sáng mặt trăng chẳng bằng ánh sáng mặt trời, ánh sáng mặt trời chẳng bằng ánh sáng của cung điện Tứ thiên vương, ánh sáng của cung điện Tứ thiên vương chẳng bằng ánh sáng của cung điện cõi trời Đao-lợi, ánh sáng của cung điện trời Đao-lợi chẳng bằng ánh sáng của cung điện trời Đế-thích, cứ như vậy, lần lượt chẳng bằng nhau, trên cho đến ánh sáng của cung trời A-ca-ni-trá; ánh sáng của cung trời A-ca-ni-trá chẳng bằng ánh sáng của Thiên tử Ma-y-phá; ánh sáng của Thiên tử Ma-y-phá chẳng bằng ánh sáng của Khổ đế, Tập, Tận, Đạo đế; ánh sáng của Khổ đế, Tập, Tận (Diệt), Đạo đế chẳng bằng ánh sáng của Phật.

Người ở cõi Diêm-phù-lợi, thân cao bảy thước, hoặc có người cao đến tám thước, áo rộng một trượng, dài sáu thước.

Người ở cõi Câu-da-ni, người ở cõi Phất-vu-đãi, thân cao bảy thước, hoặc có người cao đến tám thước, áo rộng một trượng, dài sáu thước.

Người ở cõi trời Uất-đơn-việt, thân cao một trượng bốn thước, áo rộng hai trượng tám thước, dài một trượng bốn thước, nặng hai lạng rưỡi.

Rồng và Kim sí điểu, thân cao bốn mươi dặm, áo rộng tám mươi dặm, dài bốn mươi dặm, nặng hai lạng rưỡi.

Các A-tu-luân, thân cao bốn mươi dặm, áo rộng tám mươi dặm, dài bốn mươi dặm, nặng hai lạng rưỡi.

Chư Thiên trên cõi trời Tứ thiên vương, thân cao hai mươi dặm, áo rộng bốn mươi dặm, dài hai mươi dặm, nặng hai lạng rưỡi.

Chư Thiên trên cõi trời Đao-lợi, thân cao bốn mươi dặm, áo rộng tám mươi dặm, dài bốn mươi dặm, nặng bảy thù rưỡi.

Người ở cõi trời Diệm, thân cao tám mươi dặm, áo rộng một trăm sáu mươi dặm, dài tám mươi dặm, nặng nửa lạng.

Người ở cõi trời Đâu-suất, thân cao một trăm sáu mươi dặm, áo rộng ba trăm hai mươi dặm, dài một trăm sáu mươi dặm, nặng hai thù.

Chư Thiên ở cõi trời Lạc vô cống cao, thân cao ba trăm hai mươi dặm, áo rộng sáu trăm bốn mươi dặm, dài ba trăm hai mươi dặm, nặng một thù.

Chư Thiên ở cõi trời Tha hóa tự chuyển, thân cao sáu trăm bốn mươi dặm, áo rộng một ngàn sáu trăm tám mươi dặm, dài sáu trăm bốn mươi dặm, nặng nửa thù.

Chư Thiên ở trên các cõi trời ấy, áo mặc vừa vặn với thân.

Người ở Diêm-phù-lợi sống lâu trên dưới một trăm tuổi. Người ở cõi Câu-da-ni sống lâu trên dưới hai trăm tuổi. Người ở cõi trời Phất-vu-đãi sống lâu trên dưới ba trăm tuổi. Người ở cõi Uất-đơn-việt đều sống một ngàn tuổi, không có ai chết yểu. Rồng và Kim sí điểu thọ một kiếp nhưng có con chết yểu. Người ở cõi A-tu-luân thọ một ngàn tuổi nhưng cũng có người chết yểu. Chư Thiên cõi Tứ thiên vương thọ năm trăm tuổi theo năm trời nhưng cũng có vị chết yểu. Chư Thiên cõi trời Đao-lợi thọ một ngàn tuổi theo năm trời nhưng lại cũng có vị chết yểu. Chư Thiên cõi trời Diệm thọ hai ngàn tuổi theo năm trời nhưng cũng có người chết yểu. Chư Thiên cõi trời Đâu-suất thọ bốn ngàn tuổi theo năm trời nhưng cũng có vị chết yểu. Chư Thiên cõi trời Lạc vô cống cao thọ tám ngàn tuổi theo năm trời nhưng cũng có vị chết yểu. Chư Thiên cõi trời Tha hóa tự chuyển thọ một vạn sáu ngàn tuổi theo năm trời nhưng cũng có vị chết yểu. Chư Thiên cõi trời Phạm-ca-di thọ một kiếp nhưng cũng có vị chết yểu. Chư Thiên cõi trời A-ba-la thọ hai kiếp nhưng cũng có vị chết yểu. Chư Thiên cõi trời Thủ-đà-hành thọ bốn kiếp nhưng cũng có người chết yểu. Chư Thiên cõi trời Di-hô-bát thọ tám kiếp theo kiếp của cõi trời nhưng cũng có vị chết yểu. Chư Thiên cõi trời Vô tưởng và ngạ quỷ thọ bảy kiếp theo kiếp của cõi trời nhưng cũng có vị chết yểu. Chư Thiên cõi trời A-tỳ-ba thọ mười kiếp nhưng cũng có người chết yểu. Chư Thiên cõi trời A-đáp-hòa thọ hai mươi kiếp nhưng cũng có người chết yểu. Chư Thiên cõi trời Tu-đà-chiên thọ bốn mươi kiếp nhưng cũng có người chết yểu. Chư Thiên cõi trời Tu-đà-chiên-ni thọ tám kiếp nhưng cũng có người chết yểu. Chư Thiên cõi trời A-ca-ni-trá thọ trăm kiếp nhưng cũng có vị chết yểu. Chư Thiên cõi trời Hư không tri thọ vạn kiếp nhưng cũng có người chết yểu. Chư Thiên cõi trời Thức tri thọ hai vạn kiếp nhưng cũng có người chết yểu. Chư Thiên cõi trời A-kiệt-nhược-nhiên thọ bốn vạn kiếp nhưng cũng có người chết

yểu. Chư Thiên cõi trời Không có tư tưởng cũng có tư tưởng thọ tám vạn kiếp không có ai chết yểu.

Phật dạy:

–Con người có bốn cách ăn để nuôi thân. Bốn cách đó là gì? Một là thấy, lấy ăn, hai là ăn bằng hơi ấm, ba là ăn bằng ý, bốn là ăn bằng thức. Đó là bốn cách ăn để nuôi thân.

Những loài nào thấy, lấy ăn? Người cõi Diêm-phù-lợi ăn cơm, gạo, xôi, nếp, thịt cá, mặc áo, tắm rửa, cho là ăn an ổn. Người ở cõi Câu-da-ni phương Tây và Phất-vu-đãi phương Đông cũng như vậy. Người ở cõi Uất-đơn-việt ăn gạo thơm tinh khiết, tự nhiên, đó là cách thấy, lấy ăn và tắm rửa. Rồng và Kim sí điểu ăn cá, ba ba và ăn đề mễ, đề lịch cá lớn, đó là thấy, lấy ăn và tắm rửa. Chư Thiên A-tu-luân ăn thức ăn tự nhiên và mặc áo tắm rửa. Chư Thiên ở cõi Tứ thiên vương ăn thức ăn tự nhiên, mặc áo và tắm rửa. Chư Thiên ở cõi Đao-lợi cũng ăn thức ăn tự nhiên, mặc áo và tắm rửa. Chư Thiên cõi trời Diệm, trời Đâu-suất, trời Vô cống cao, trời Tha hóa tự chuyển đều ăn thức ăn tự nhiên và mặc áo tắm rửa. Từ cõi trời Tha hóa tự chuyển trở lên, dùng niềm vui trong thiền làm thức ăn, lấy định ý làm thức ăn.

Những loài nào ăn bằng hơi ấm? Các loại trứng ăn bằng hơi ấm.

Loài nào lấy ý niệm làm thức ăn? Loài đó có ý tưởng nghĩ về món thịt, đó là dùng ý niệm làm thức ăn.

Loài nào dùng thức làm thức ăn? Người ở trong địa ngục và chư Thiên cõi trời Vô tưởng dùng thức làm thức ăn, đó là thức thực.

Đó là bốn loại thức ăn vì chúng sanh mà sanh ra để nuôi thân mạng.

Người ở cõi Diêm-phù-lợi dùng vàng, bạc, châu báu, gạo thóc, tiền của buôn bán đổi chác để nuôi sống. Người ở cõi Câu-da-ni dùng trâu ngựa, gạo thóc, châu ngọc buôn bán, đổi chác. Người ở cõi Phất-vu-đãi dùng vàng bạc, châu báu, gạo thóc, tiền của buôn bán, đổi chác để nuôi sống. Người ở cõi Uất-đơn-việt không buôn bán, đổi chác; chư Thiên cũng vậy. Cõi Diêm-phù-lợi có việc hôn nhân giữa nam và nữ. Người ở cõi Câu-da-ni, Phất-vu-đãi cũng có việc hôn nhân giữa nam và nữ.

Người ở cõi Uất-đơn-việt không có việc hôn nhân. Nếu người con trai khởi ý dâm dục, thì hướng đến người con gái, nhìn nhau rồi theo nhau đi, con trai đi trước, con gái đi sau. Có cây uốn cong đầu lại như đường đi, người ở cõi phía Bắc dừng lại trong đó, con trai, con gái có chỗ riêng biệt, liền cùng đến bên cây ấy, nếu cây rũ xuống che phủ trên người, thì cùng nhau giao hợp; nếu cây không phủ trên người thì không giao hợp, mỗi người đi mỗi ngã.

Rồng và Kim sí điểu có việc hôn nhân giữa con đực và con cái. A-tu-luân cũng có việc hôn nhân giữa nam và nữ. Từ đó trở lên không có việc hôn nhân.

Người ở Diêm-phù-lợi, nam nữ cùng ở một chỗ giao hợp. Người ở cõi Câu-da-ni, Phất-vu-đãi, Uất-đơn-việt, nam nữ cùng làm việc giao hợp. Rồng và Kim sí điểu, đực và cái cũng làm việc giao hợp. Các nam nữ của A-tu-luân cũng làm việc giao hợp. Chư Thiên cõi Tứ thiên vương, nam nữ cũng làm việc giao hợp. Chư Thiên cõi trời Đao-lợi, nam nữ dùng gió làm việc giao hợp. Chư Thiên cõi trời Diệm, nam nữ lấy việc gần nhau làm giao hợp. Chư Thiên cõi trời Đâu-suất, nam nữ dắt tay nhau liền thành việc giao hợp. Chư Thiên cõi trời Vô cống cao, nam nữ nhìn nhau liền thành việc giao hợp. Chư Thiên cõi trời Tha hóa tự chuyển, nam nữ nghĩ đến việc dâm dục, liền thành việc giao hợp. Từ cõi này trở lên, xa lìa dục.

Có người thân làm việc ác, miệng nói điều ác, tâm nghĩ điều ác, từ cõi nhân gian này, khi chết, đọa vào địa ngục, thọ nhận mạng sống và có danh sắc, có được lục nhập.

Có người thân làm việc ác, miệng nói điều ác, tâm nghĩ điều ác, từ cõi nhân gian này sau khi chết đọa vào súc sanh, thọ nhận mạng sống và có được danh sắc, từ danh sắc được lục nhập.

Có người thân làm việc ác, miệng nói điều ác, tâm nghĩ điều ác,

từ cõi nhân gian này, khi chết đọa vào ngạ quỷ, thọ nhận mạng sống, có danh sắc, có lục nhập.

Có người thân làm các việc thiện, miệng nói điều thiện, tâm nghĩ điều thiện, khi chết, liền sanh làm người, được danh sắc, từ danh sắc được lục nhập.

Có người thân làm việc thiện, miệng nói việc thiện, tâm nghĩ việc thiện, từ cõi nhân gian này, chết đi liền sanh lên cõi Tứ thiên vương, thọ mạng sống, được danh sắc, từ danh sắc được lục nhập; giống như đứa trẻ một tuổi hoặc một tuổi rưỡi ở cõi Diêm-phù-lợi, người mới sanh lên trời làm Thiên tử cũng như vậy. Các Thiên tử ấy nhớ lại thân nam, nữ của mình là như thế, vừa mới sanh lên trời, liền tự biết đời trước mình đã tạo nhân duyên gì mà nay được sanh lên đây, liền tự nói: "Ta thực hành ba sự thật nên được sanh lên đây". Ba sự thật ấy là gì? Một là bố thí, hai là trì giới, ba là bỏ ác. Đó là ba. Ta ở trên trời, khi chết đi, sẽ trở lại sanh trong nhân gian, thân cũng trở lại làm việc thiện, miệng nói điều thiện, tâm nghĩ việc thiện; sau khi chết, sẽ trở lại sanh làm Thiên tử trên trời". Nói như vậy rồi, liền nghĩ muốn được ăn, tự nhiên liền có thức ăn đựng đầy bát báu hiện ra trước mặt. Người phước đức ít, thì tự nhiên có cơm màu xanh hiện ra trước mặt; người phước đức bậc trung thì tự nhiên có cơm màu đỏ hiện ra trước mặt; người phước đức bậc cao thì tự nhiên có cơm trắng hiện ra trước mặt, chư Thiên liền lấy ăn. Khi ấy, cơm trong miệng tự nhiên tiêu hết. Giống như đề hồ hay dầu mè đặt lên lửa, liền tan ra, chư Thiên khi ăn cũng như vậy, cơm ở trong miệng liền tự tiêu hết. Khi khát tự nhiên có nước cam lộ đựng đầy bát báu hiện ra trước mặt. Người phước đức ít, thì tự nhiên có nước màu xanh hiện ra trước mặt; người phước đức bậc trung thì tự nhiên có nước màu đỏ hiện ra trước mặt; người phước đức bậc cao thì có nước màu trắng hiện ra trước mắt, liền lấy uống, nước vào trong miệng tự nhiên tiêu hết. Giống như đề hồ, dầu mè đặt trên lửa liền tan ra, chư Thiên khi uống nước cũng như vậy, nước vào miệng tự nhiên tiêu hết. Ăn uống xong rồi, liền lớn lên.

Như trên cõi trời Tứ thiên vương, chư Thiên đi đến trong ao tắm, tắm rửa tự vui chơi; từ ao tắm ra, đi đến bên cây Hương, lấy các thứ hương thơm xoa vào mình, đi đến bên cây Anh lạc, cây tự cúi xuống, lấy khăn mũ anh lạc đội lên; lại đến bên cây Y phục, Bất tức, cây tự cúi xuống, lấy y phục mặc vào, tràng hoa mang vào; lại đến bên cây Khí, Quả, cây Âm nhạc, cây tự cúi xuống, lấy đồ dùng và trái cây ăn,

lấy nước trong của nó để uống; lại lấy trống, âm nhạc để đánh, tự ý ca múa. Đi vào trong vườn, nhà cửa, thấy vô số trăm ngàn ngọc nữ chơi âm nhạc, ca múa vui chơi với nhau, hễ nhìn ngọc nữ phía Đông thì quên ngọc nữ phía Tây, nhìn ngọc nữ phía Tây, liền quên ngọc nữ phía Đông. Thiên tử tự nghĩ: "Ta đời trước đã tạo nhân duyên gì mà nay được sanh ở chốn này?". Ngay khi ấy liền quên việc đời trước, vì ngồi nhìn ngọc nữ, khởi dâm, thất ý. Ngọc nữ tên là Bất Niệm. Vì sao gọi là Bất Niệm? Vì có tác dụng là người nam nhìn thì thất ý.

Người nào mà thân làm việc thiện, miệng nói điều thiện, tâm nghĩ việc thiện, thì khi ở nhân gian này chết đi, liền sanh lên cõi trời Đao-lợi, thân cao lớn giống như đứa trẻ hai tuổi hoặc ba tuổi ở cõi Diêm-phù-lợi. Chư Thiên nhớ biết, thân nam của ta như thế, thân nữ của ta như thế. Thiên tử liền tự nhớ đời trước, vì sao được sanh ở cõi này, là do bố thí, trì giới, bỏ ác. Khi muốn được ăn uống thì tự nhiên có bát vàng đựng đầy đồ ăn uống hiện ra trước; tùy theo phước đức bậc cao, bậc trung hay bậc thấp mà sanh ra các thứ ăn uống trắng, đỏ, xanh, ở trước mặt liền lấy ăn uống, khi vào trong miệng tự nhiên tiêu hết; giống như đem váng dầu mè đặt lên trên lửa, liền tự tan ra, khi chư Thiên ăn uống cũng như vậy; ăn xong, thân liền cao lớn, giống như người trời Đao-lợi, liền đến trong ao tắm, tắm rửa vui chơi, rồi ra khỏi đến bên các cây Hương, cây Anh lạc, Y bị, Bất tức, Khí, Quả, Âm nhạc, cành cây tự cúi xuống, lấy hương xoa mình, lấy ngọc Anh lạc, tràng hoa đeo, áo quần mặc, lấy đồ dùng, ăn quả, lấy nhạc cụ, trống để hát múa, rồi vào vườn nhà, thấy vô số ngọc nữ, liền quên đi nhân đời trước, không thể nhớ lại.

Người nào mà thân làm việc thiện, miệng nói việc thiện, từ cõi nhân gian này trở đi, liền sanh lên cõi trời Diệm, khi vừa sanh, thân người ấy như đứa trẻ ba tuổi hoặc bốn tuổi ở cõi Diêm-phù-lợi. Thân Thiên tử tự nhiên cao lớn như vậy, cũng lại tự nhớ nghĩ đời trước vì đã bố thí, trì giới, bỏ ác, nên được sanh lên trời. Khi muốn ăn uống thì cũng tự nhiên bát báu đầy thức ăn uống hiện ra trước mặt, liền ăn uống, thức ăn vào miệng liền tiêu hết, giống như đem váng sữa, dầu mè đặt lên trên lửa liền tan hết; ăn xong vào ao tắm, tắm xong đi ra, đến dưới các cây, cành cây tự cúi xuống, lấy các thức ăn uống sẵn có, chơi âm nhạc, múa hát rồi vào nhà thấy vô số trăm ngàn ngọc nữ, tâm ý rối loạn, chẳng nhớ được việc đời trước.

Người nào mà thân làm việc thiện, miệng nói việc thiện, ý nghĩ

việc thiện, từ cõi nhân gian này chết đi, liền sanh lên cõi trời Đâu-suất, vừa sanh lên, thân thể cao lớn như đứa trẻ bốn tuổi, năm tuổi ở cõi Diêm-phù-lợi, cũng tự biết những việc đã làm đời trước như bố thí, trì giới, bỏ ác, cũng có thức ăn tự nhiên để ăn uống, thân liền cao lớn, như chư Thiên khác. Vị ấy đi đến ao tắm, tắm rửa rồi đi ra, đến dưới các cây, lấy các vật sở hữu, chơi nhạc, múa hát, rồi vào vườn nhà, thấy vô số trăm ngàn ngọc nữ, tâm ý rối loạn, không thể nhớ lại đời trước.

Người nào mà thân làm việc thiện, miệng nói điều thiện, ý nghĩ việc thiện, khi chết, sanh lên cõi trời Vô cống cao, vừa sanh lên thân đã cao lớn như đứa trẻ năm sáu tuổi ở cõi Diêm-phù-lợi, hoặc sanh lên cõi trời Tha hóa tự tại, thân cao lớn như đứa trẻ sáu bảy tuổi ở cõi Diêm-phù-lợi, thân liền cao lớn, tự biết đời trước đã bố thí, trì giới, bỏ ác, cũng có thức ăn tự nhiên để ăn uống. Họ vào ao tắm rửa rồi ra, đến chỗ các cây, cành cây tự cúi xuống, mỗi người tự lấy các vật sở hữu như áo quần, ngọc Anh lạc, tràng hoa để đeo, lấy đồ dùng, ăn trái cây, chơi âm nhạc, múa hát, rồi vào vườn nhà, thấy vô số trăm ngàn ngọc nữ, tâm ý rối loạn, chẳng thể nhớ lại đời trước.

Phật dạy:

–Trong mười lăm ngày có ba ngày chay. Ba ngày ấy là ngày nào? Mồng tám, mười bốn, rằm là ba ngày chay trong tháng. Vào ngày chay mồng tám trong tháng, Tứ thiên vương bảo với sứ giả: "Hãy đi xem xét bốn cõi, thị sát muôn dân để biết ở thế gian có người hiếu thuận với cha mẹ không, có người phụng sự Sa-môn, Bà-la-môn không, có người kính trọng bậc Trưởng lão không, có người ăn chay, trì giới, giữ đạo không, có người bố thí không, có người tin có đời này, có đời sau không?" Sứ giả vâng lệnh, đi khắp bốn cõi, trở về tâu đầy đủ: "Có người bất hiếu với cha mẹ, chẳng cung kính, phụng sự Sa-môn, Bà-la-môn. Đạo nhân, Trưởng lão chẳng giữ trai giới, chẳng bố thí". Tứ thiên vương nghe rồi, liền chẳng vui, nói: "Nay ta nghe lời ác, đó là tổn giảm chư Thiên mà tăng thêm dòng giống A-tu-luân". Nếu có người hiếu thuận với cha mẹ, Sa-môn, Bà-la-môn, Đạo nhân, Trưởng lão; có nhiều người trai giới, bố thí, tin có đời này, đời sau, vị sứ giả cũng tâu đầy đủ. Tứ thiên vương nghe rồi, rất vui, nói: "Nay ta nghe lời thiện, khiến cho nhiều người làm việc thiện, tăng thêm chư Thiên, tổn giảm dòng giống A-tu-luân". Đó là ngày chay mồng tám trong tháng.

Vì sao ngày mười bốn là ngày chay? Vào ngày chay mười bốn, Tứ thiên vương tự bảo thái tử: "Hãy đi xem xét khắp bốn cõi, thị sát muôn

dân". Khi thái tử trở về tâu đầy đủ, đại ý là có nhiều người làm ác. Tứ thiên vương nghe tâu chẳng vui, nói: "Con người có nhiều kẻ ác, làm tổn giảm chư Thiên, tăng thêm dòng giống A-tu-luân". Nếu có được nhiều người làm thiện, thì Tứ thiên vương hoan hỷ nói: Tăng thêm chư Thiên, làm tổn giảm giòng giống A-tu-luân". Đó là ý nghĩa của ngày mười bốn là ngày chay.

Vì sao ngày rằm là ngày chay? Vì vào ngày chay rằm, Tứ thiên vương tự đích thân đi xem xét khắp bốn cõi, thị sát trăm họ, có ai hiếu thuận với cha mẹ, Sa-môn, Đạo nhân, kính trọng Trưởng lão, trai giới, tin có đời này, đời sau chăng. Có nhiều người không thể làm được như vậy, liền khi ấy Tứ thiên vương vào trong trời Thiện đẳng chánh tâu với trời Đế-thích: "Ở thế gian có nhiều người bất hiếu với cha mẹ, Sa-môn, Đạo nhân; có nhiều người chẳng kính Trưởng lão, chẳng trai giới, bố thí, chẳng tin có đời này, đời sau". Trời Đế-thích nghe rồi nói: "Ta nghe nhiều người làm ác, chẳng làm thiện, nên làm tổn giảm chư Thiên, tăng thêm dòng giống A-tu-luân". Nếu có nhiều người làm thiện, Tứ thiên vương vào cõi trời Thiện đẳng chánh tâu đầy đủ với Đế-thích và chư Thiên Đao-lợi. Đế-thích và chư Thiên Đao-lợi rất hoan hỷ nói: "Ta nay nghe thế gian làm nhiều điều thiện, làm tăng thêm chư Thiên, tổn giảm A-tu-luân". Đó là ý nghĩa của ngày chay vào ngày rằm trong tháng.

Đó là ba ngày chay của mười lăm ngày đầu tháng.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Nếu có người ngoại đạo hỏi: "Tất cả con trai, con gái khi mới sinh ra có ai theo sau để ủng hộ chăng?" Nếu có người ngoại đạo hỏi như vậy, thì các ông nên trả lời: "Ở ngã tư đường, chợ búa, tất cả nơi giết chóc, chốn mồ mả đều có loài phi nhân, không chỗ nào không có, loài đó gọi là phi nhân. Tùy theo tên của nơi mà chúng thọ báo như quận, quốc, huyện, ấp, gò đống, như sông, ngòi, khe, núi đều có tên, loài phi nhân cũng lấy tên mình như vậy; như người đặt tên mình để phân biệt, loài phi nhân cũng lấy tên như vậy. Có cây nào cao bảy thước, to một thước, ở trên đó chắc chắn có thần.

Người nào ở cõi nhân gian này, thân làm việc ác, miệng nói điều ác, tâm nghĩ việc ác, làm mười điều ác, thì mười người, trăm người, có một vị thần theo dõi, giúp đỡ. Thí như trăm bầy trâu dê, hoặc là bầy trâu dê cả ngàn con mà chỉ có một người chăn giữ.

Phật dạy:

–Như vậy, người mà thân làm việc ác, miệng nói điều ác, tâm nghĩ việc ác, trăm người, ngàn người chỉ có một vị thần ủng hộ.

Người ở chốn nhân gian này, thân làm việc thiện, miệng nói điều thiện, tâm nghĩ việc thiện, làm theo mười điều thiện, là người làm theo pháp, có chánh kiến, là hạng người chẳng thoái chuyển, thì một người thường có trăm ngàn phi nhân ủng hộ, giống như một người, hoặc là vua, hay là đại thần thường có một trăm, hoặc ngàn người ở hai bên hộ vệ.

Phật dạy:

–Như vậy, người mà thân làm việc thiện, miệng nói điều thiện, tâm nghĩ việc thiện, làm theo mười điều thiện, là một người trong những người tôn trọng pháp, có chánh kiến, thường có trăm hoặc ngàn phi nhân theo sau hộ vệ. Đó gọi là người nam, người nữ thường có phi nhân ủng hộ.

Có ba việc mà người cõi Diêm-phù-lợi hơn người cõi Câu-da-ni. Ba việc ấy là gì? Một là ý chí mạnh mẽ trong khi tạo nhân, hai là người cõi này ý chí mạnh mẽ trong lúc tu phạm hạnh, ba là người cõi này dũng mãnh hướng đến quả Phật. Đó là ba việc.

Có ba việc mà người cõi Câu-da-ni hơn người cõi Diêm-phù-lợi. Ba việc ấy là gì? Trâu bò nhiều, dê nhiều, châu ngọc nhiều. Đó là ba việc người cõi Câu-da-ni hơn người cõi Diêm-phù-lợi.

Người cõi Diêm-phù-lợi có ba việc hơn người cõi Phất-vu-đãi. Ba việc ấy là gì? Một là người cõi này có ý chí mạnh mẽ trong khi tạo nhân, hai là người cõi này có ý chí mạnh mẽ trong lúc tu phạm hạnh, ba là người có ý chí dũng mãnh hướng đến quả Phật. Đó là ba việc.

Người cõi Phất-vu-đãi có ba việc hơn người cõi Diêm-phù-lợi. Ba việc ấy là gì? Một là đất đai rất rộng, hai là đất đai rất dày, ba là cõi ấy rất giàu có. Đó là ba việc người ở cõi Phất-vu-đãi hơn người cõi Diêm-phù-lợi.

Người cõi Diêm-phù-lợi có ba việc hơn người cõi Uất-đơn-việt. Ba việc ấy là gì? Một là luôn có ý chí mạnh mẽ, hai là ý chí mạnh mẽ trong khi tu phạm hạnh, ba là ý chí mạnh mẽ hướng đến quả Phật. Đó là ba việc.

Người cõi Uất-đơn-việt có ba việc hơn người cõi Diêm-phù-lợi. Ba việc ấy là gì? Một là không có sự ràng buộc, hai là không nuôi nô tỳ, ba là sống lâu đủ ngàn tuổi, không thiếu. Đó là ba việc.

Người cõi Diêm-phù-lợi có ba việc hơn A-tu-luân. Ba việc ấy là gì? Một là có ý chí mạnh mẽ, hai là có ý chí tinh tấn tu phạm hạnh, ba là có ý chí mạnh mẽ hướng đến quả Phật. Đó là ba việc.

Các A-tu-luân có ba việc hơn người cõi Diêm-phù-lợi. Ba việc ấy là gì? Một là thọ mạng lâu dài, hai là được tồn tại lâu dài, ba là nhiều an ổn. Đó là ba việc.

Người Diêm-phù-lợi có ba việc hơn người trên cõi trời Tứ thiên vương. Ba việc ấy là gì? Một là luôn luôn có ý chí mạnh mẽ, hai là có ý chí mạnh mẽ tu hành phạm hạnh, ba là có ý chí mạnh mẽ hướng đến quả Phật. Đó là ba việc.

Người cõi trời Tứ thiên vương có ba việc hơn người trên cõi Diêm-phù-lợi. Ba việc ấy là gì? Một là sống lâu, hai là được tồn tại lâu dài, ba là nhiều an ổn. Đó là ba việc.

Người Diêm-phù-lợi có ba việc hơn người trên cõi trời Đao-lợi. Ba việc ấy là gì? Một là ý chí luôn luôn mạnh mẽ, hai là ý chí mạnh mẽ khi tu phạm hạnh, ba là ý chí ý mạnh mẽ hướng đến quả Phật. Đó là ba việc.

Trời Đao-lợi, trời Diệm, trời Đâu-suất, trời Ni-ma-la, trời Bà-la-ni-mật-lợi-da khởi trí có ba việc hơn người Diêm-phù-lợi. Ba việc ấy là gì? Một là thọ mạng lâu dài, hai là tồn tại lâu dài, ba là nhiều an ổn. Đó là ba việc.

Cõi Dục có mười hai loại. Mười hai loại ấy là gì? Một là địa ngục, hai là cầm thú, ba là ngạ quỷ, bốn là người thế gian, năm là A-tu-luân, sáu là Tứ thiên vương, bảy là trời Đao-lợi, tám là trời Diệm, chín là trời Đâu-suất, mười là trời Vô cống cao, mười một là trời Tha hóa tự chuyển, mười hai là trời Ma. Đó là mười hai loại tạo thành cõi Dục.

Trời Sắc hành có mười tám. Mười tám cõi ấy là gì? Là trời Phạm-gia-di, trời Phạm-bất-số-lâu, trời Phạm-ba-lợi-sa, trời Đại phạm, trời A-duy-tỳ, trời Ba-lợi-đáp, trời A-ba-la-na, trời Ba-lợi-đa-thủ, trời A-ba-la, trời Ma thủ, trời A-phi-ba-la, trời Duy-a, trời Ba-lợi-đa-duy, trời A-ba-ma-duy-ha, trời Duy-ha, trời Duy-a-bát, trời A-đáp-hòa, trời Thiện kiến, trời Sắc, trời A-ca-ni-trá. Đó là mười tám trời Sắc hành.

Trời Vô sắc hành có bốn cõi. Bốn cõi ấy là gì? Một là trời Hư không trí, hai là trời Thức trí, ba là trời A-kiệt-nhiên, bốn là trời Không tư tưởng cũng có tư tưởng. Đó là bốn trời Vô sắc.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Ngày xưa, đại thiên thần giữ đất phát khởi ác kiến thế này: chỉ có đất, không có nước, cũng không có lửa, không có gió.

Phật dạy:

–Lúc ấy Ta đi đến chỗ của vị thần giữ đất, bảo với vị ấy: "Có phải thật ông phát khởi ác kiến, nói rằng không có nước, lửa, gió chăng?" Thiên thần đáp: "Bạch Thế Tôn, đúng vậy". Ta nói: "Thiên thần chớ nói là đất không có nước, lửa, gió. Vì sao? Vì nằm sâu trong đất vài dặm thì đất đó có nước, lửa, gió".

Phật dạy:

–Ta có thể biết vị đại thần giữ đất phát khởi ác kiến, liền dùng pháp khuyên giúp, khiến cho tâm ý khai thông hiểu biết, hoan hỷ, lập tức xa lìa mọi phiền não, phát sanh các pháp nhãn. Thí như lụa trắng sạch, tốt đem nhúng vào thuốc nhuộm, liền thấm màu tốt.

Phật dạy:

–Như vậy, đại thần giữ đất liền xa lìa phiền não, phát sanh các pháp nhãn. Bấy giờ đại thần giữ đất, hiện tại đạt được pháp hành, dứt hồ nghi, bạch Phật: "Con từ nay cho đến hết cuộc đời, đem thân mạng quay về với Phật, đem thân mạng quay về với Pháp, đem thân mạng quay về với Tỳ-kheo Tăng, thọ trì giới Ưu-bà-di, thường có lòng từ đối với người và các loài sâu bọ nhỏ bé nhất".

Phật bảo các vị Tỳ-kheo:

–Ngày xưa có vị đại thần giữ nước, phát khởi ác kiến, nói: "Chỉ có nước, không có đất, cũng không có lửa, gió". Lúc ấy Ta đi đến chỗ vị đại thần giữ nước hỏi vị đó: "Có phải thật ngươi phát khởi ác kiến nói: chỉ có nước, không có đất, gió chăng?" Vị thần thưa: "Bạch Thế Tôn, đúng vậy". Ta nói: "Đại thần chớ nên nói lời ấy. Vì sao? Chỉ xuống sâu trong nước vài dặm thì nước đó cũng có lửa, đất và gió'.

Thủy thần liền dứt bỏ ác kiến. Ta chỉ dùng pháp khuyên giúp, khiến tâm ý khai thông, hiểu biết, hoan hỷ, lập tức xa lìa phiền não, phát sanh các pháp nhãn. Thí như lụa trắng sạch tốt đem nhúng vào thuốc nhuộm, liền thấm màu tốt. Đại thần giữ nước cũng như vậy, hiện tại đạt được pháp hành, không có hồ nghi, liền bạch Phật: "Con từ nay cho đến mãn đời, đem thân mạng quay về với Phật, đem thân mạng quay về với Pháp, đem thân mạng quay về với Tỳ-kheo Tăng, thọ giới, thường đem lòng từ đối với người và các loài sâu bọ nhỏ bé

nhất".

Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Ngày xưa có vị đại thần giữ lửa phát khởi ác kiến, nói: "Trong lửa không có đất, nước, gió". Bấy giờ, Ta đi đến chỗ thần giữ lửa, hỏi: "Có phải thật ông phát khởi ác kiến, nói rằng trong lửa không có đất, nước, gió chăng?" Thần lửa bạch: "Bạch Thế Tôn, đúng vậy". Ta nói: "Thiện thần chớ nên nói lời ấy. Vì sao? Vì có lửa thì cũng có đất, nước, gió".

Lúc ấy đại thần giữ lửa liền dứt bỏ ác kiến. Ta liền dùng pháp khuyên giúp, khiến cho tâm ý khai thông, hiểu biết, hoan hỷ, lập tức xa lìa phiền não, phát sanh các pháp nhãn. Thí như lụa trắng sạch tốt đem nhúng vào thuốc nhuộm, thì liền thấm màu tốt. Đại thần giữ lửa cũng như vậy, hiện tại đắc pháp hành, không còn hồ nghi, bạch Phật: "Con từ nay cho đến mãn đời, xin đem thân mạng quay về với Phật, xin đem thân mạng quay về với Pháp, xin đem thân mạng quay về với Tỳ-kheo Tăng, thọ trì giới cấm, làm Ưu-bà-di, thường có lòng từ đối với người và các loài sâu bọ nhỏ bé nhất".

Phật dạy các Tỳ-kheo:

–Ngày xưa có vị đại thần giữ gió phát khởi ác kiến, nói: "Từ trong gió không có đất, nước, lửa". Bấy giờ Ta đi đến chỗ đại thần giữ gió hỏi: "Có phải thật ông phát khởi ác kiến nói rằng từ trong gió không có đất, nước, lửa chăng?" Thần gió bạch: "Bạch Thế Tôn, đúng vậy". Ta nói: "Chớ nên nói lời ấy. Vì sao? Vì chỉ vào sâu trong gió vài dặm thì gió đó cũng có đất, nước, lửa". Khi ấy vị đại thần giữ gió liền dứt bỏ ác kiến.

Phật nói:

–Ta dùng pháp khuyên giúp, khiến cho tâm ý vị ấy được khai thông, hiểu biết, hoan hỷ, lập tức xa lìa phiền não, phát sanh các pháp nhãn. Thí như lụa trắng sạch, tốt đem nhúng vào thuốc nhuộm thì liền sẫm màu tốt. Đại thần giữ gió cũng như vậy, hiện tại đắc pháp hành, không có hồ nghi, liền bạch Phật: "Con từ nay cho đến mãn đời, xin đem thân mạng quay về với Phật, xin đem thân mạng quay về với Pháp, xin đem thân mạng quay về với Tỳ-kheo Tăng, thọ giới, làm Ưu-bà-di, thường có lòng thương đối với người và các loài sâu bọ nhỏ bé nhất".

Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Mây có bốn màu. Bốn màu ấy là gì?

1. Có mây màu xanh.

2. Có mây màu đỏ.

3. Có mây màu vàng, trắng.

4. Có mây màu đen.

Loại mây có màu xanh thì trong đó nhiều nước, loại mây có màu đỏ thì trong đó có nhiều lửa, loại mây có màu vàng, trắng thì trong đó có nhiều đất, loại mây có màu đen thì trong đó có nhiều gió.

Sấm chớp có bốn thứ. Bốn thứ ấy là gì?

1. Sấm chớp ở phương Đông, gọi là Bách chủ.

2. Sấm chớp ở phương Nam, gọi là Thân vị.

3. Sấm chớp ở phương Tây, gọi là A-kiệt-la.

4. Sấm chớp ở phương Bắc, gọi là A-chúc-lam.

Vì sao trong hư không có sấm chớp phát ra tiếng. Có lúc sấm sét Thân vị cùng với sấm sét A-chúc-lam cãi vã, đánh nhau, vì vậy trong hư không phát ra tiếng; hoặc sấm chớp Thân vị cùng với sấm chớp Bách chủ cãi vã, đánh nhau, vì vậy trong mây phát ra tiếng. Có lúc sấm chớp A-chúc-lam cùng với sấm chớp Thân vị cãi vã, đánh nhau, vì vậy trong hư không phát ra tiếng. Vì sao trong mây trên hư không phát ra tiếng? Có lúc, các loại đất cùng với các loài nước cãi vã đánh nhau; các loại đất cùng với các loài lửa cãi vã, đánh nhau; các loài đất cùng với các loài gió cãi vã đánh nhau; thí như hai ngọn núi va chạm nhau làm xê dịch vị trí.

Phật dạy:

–Các loại đất cùng với các loài nước, lửa, gió cãi vã, đánh nhau cũng như thế. Vì vậy nên trong hư không phát ra tiếng. Do việc này mà mất mưa. Lại có năm việc làm mất mưa. Năm việc ấy là gì?

1. Ngay khi mây trời nổi lên sấm sét, khi ấy người cho là trời sắp mưa; có lúc gió nổi lên dữ dội, thổi mây đến vùng núi xa hay chỗ đồng ruộng, mưa xuống. Đó là việc mất mưa thứ nhất.

2. Lại nữa, mây trời nổi lên sấm chớp, khi ấy mọi người cho là trời sẽ mưa, nhưng có lúc lửa nổi lên đốt tiêu nước mưa. Đó là việc mất mưa thứ hai.

3. Lại nữa, mây trời nổi lên sấm chớp, lúc ấy mọi người cho là trời sẽ mưa, nhưng có lúc vua A-tu-luân dùng hai tay vốc nước mưa bỏ

vào trong biển lớn. Đó là việc mất mưa thứ ba.

4. Lại nữa, mây trời nổi lên sấm chớp, lúc ấy mọi người cho là trời sẽ mưa, nhưng khi ấy vị trông coi việc mưa lại lo dâm loạn, vì vậy trời mưa không đúng thời tiết. Đó là việc mất mưa thứ tư.

5. Lại nữa, quốc vương làm việc phi pháp, làm theo pháp ngu si, nhiều sân hận, độc ác, nên trời mưa không đúng thời tiết. Đó là việc mất mưa thứ năm.

❑

KINH ĐẠI LÂU THÁN

QUYỂN V

Phẩm 10: CHIẾN ĐẤU

Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Ngày xưa, chư Thiên muốn cùng đánh nhau với A-tu-luân, liền đứng xếp hàng bên doanh trại của mình. Khi ấy, trời Đế-thích bảo chư Thiên trời Đao-lợi: "Nếu chư Thiên chúng ta chiến thắng, A-tu-luân bại thì chúng ta sẽ dùng năm sợi dây trói A-tu-luân Duy-ma-chất". Trời Đế-thích ra lệnh cho các trời Lạc... Chư Thiên cõi trời Đao-lợi liền nhận lệnh của trời Đế-thích.

Khi ấy A-tu-luân Duy-ma-chất cũng bảo các A-tu-luân: "Nếu các A-tu-luân thắng, chư Thiên bại thì sẽ bắt trời Đế-thích, dùng năm sợi dây trói lại". Các A-tu-luân nhận lệnh.

Bấy giờ chư Thiên chiến đấu với A-tu-luân, chư Thiên đắc thắng. Chư Thiên Đao-lợi bắt A-tu-luân Duy-ma-chất, dùng năm sợi dây trói lại, dẫn đến trời Thiện đẳng để yết kiến trời Đế-thích. Nếu A-tu-luân Duy-ma-chất suy nghĩ: "Ta thích ở trên cõi trời", liền tự thấy dây trói đã mở, tự nhiên năm điều vui của trời hiện ra trước mặt. Nếu A-tu-luân Duy-ma-chất tự nghĩ muốn trở về, liền tự trở về, năm sợi dây trói mất đi trở thành năm điều vui của cõi trời.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

–A-tu-luân đã bị trói buộc như vậy mà sự trói buộc của ma lại kịch liệt hơn. Như vậy, nếu nghĩ là bị ma trói buộc thì chớ nghĩ là được ma mở trói. Đã có ngã mà nghĩ là ta có ngã thì sẽ bị đắm vào niệm không có ngã; do đó bị đắm vào niệm hữu sắc, do đó cũng bị đắm vào niệm vô hữu sắc; do đó cũng bị đắm vào niệm chẳng có sắc, cũng chẳng phải không có sắc; do đó cũng bị đắm vào niệm hữu tưởng; do đó

cũng bị đắm vào niệm vô tưởng; do đó cũng bị đắm vào niệm chẳng có tưởng cũng chẳng phải không có tưởng; do đó cũng bị đắm vào bệnh hoạn; do đó bị đắm vào sự lở lói; do đó bị đắm vào sự khổ đau. Đệ tử của bậc Hiền giả, nghe sự vướng mắc vào bệnh hoạn, vướng mắc vào sự lở lói, vướng mắc vào khổ đau như vậy, nên ưa hạnh dứt mọi tham đắm vướng mắc. Ngã ấy là bị đắm trước, là chẳng chuyên nhất, là loạn, là niệm hữu ngã trá hình, là bị đắm vào niệm không có ngã, là bị đắm vào niệm hữu sắc, là bị đắm vào niệm vô sắc, là bị đắm vào niệm chẳng có sắc cũng chẳng không có sắc, là bị đắm vào niệm hữu tưởng, là bị đắm vào niệm vô tưởng, là bị đắm vào niệm chẳng có tưởng cũng chẳng phải không có tưởng, là bị đắm vào sự vướng mắc nơi bệnh hoạn, lở lói, khổ đau. Đệ tử bậc Hiền giả nghe sự vướng mắc nơi bệnh hoạn, lở lói, khổ đau ấy liền ưa thích hạnh dứt mọi tham đắm vướng mắc.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Ngày xưa, A-tu-luân chiến đấu với chư Thiên. Thích-đề-hoàn-nhân bảo chư Thiên trời Đao-lợi: "Nếu chư Thiên thắng thì sẽ dùng năm sợi dây trói A-tu-luân Duy-ma-chất". Chư Thiên liền nhận lệnh.

Lúc ấy Duy-ma-chất cũng bảo các A-tu-luân: "Nếu chúng ta thắng thì sẽ cùng nhau bắt trời Đế-thích, dùng năm sợi dây trói lại". Sau đó, hai bên chiến đấu. Chư Thiên đắc thắng, liền bắt A-tu-luân Duy-ma-chất dùng năm sợi dây trói lại, dẫn đến trời Thiện đẳng để yết kiến Thiên vương Đế-thích. Khi A-tu-luân Duy-ma-chất đi đến, thấy trời Thiện đẳng, liền dùng lời hung ác chửi mắng.

Bấy giờ người hầu cận, ở trước trời Đế-thích liền nói kệ:

Trời Đế-thích sợ hãi chăng
Không có sức nên lặng thinh
Nghe Duy-ma-chất trước mặt
Miệng thốt ra lời thô ác?

Trời Đế-thích đáp:

Đâu vì sợ mà lặng thinh.
Sức ta chẳng kém Duy-ma
Vì sao người có trí tuệ
Lại cùng tranh với kẻ ngu?

Người hầu cận lại đọc kệ:

Nếu khi kẻ ngu đến đánh
Chẳng nên nhẫn nhịn việc này

Với họ phải dùng gậy gộc
Để đánh trả kẻ ngu si.

Trời Đế-thích đáp kệ:

Ta đã biết rõ điều này
Chẳng nên nói với kẻ ngu
Nếu kẻ ngu có nổi sân
Thì người trí không nên cãi.

Người hầu cận lại nói kệ:

Trời Đế-thích nên thấy nhân
Nên biết, yên lặng như vậy
Thì kẻ ngu cho bậc trí
Vì sợ hãi nên lặng thinh.
Người ngu si tự cho rằng
Ngài sợ hãi nên làm thinh
Do vậy nên hãy đến đánh.
Vua sợ hãi chạy như trâu.

Thích-đề-hoàn-nhân đáp lại, nói kệ:

Nghĩ: đến quấy nhiễu, hại ta
Cho là sợ nên im lặng
Lợi của thân, nghĩa bậc nhất
Là nhẫn nhục chẳng gì bằng.
Với bọn người xấu ác kia
Nếu có ý khởi sân hận
Chẳng nên thốt lời giận dữ
Cùng tranh cãi kẻ hận sân.

Thích-đề-hoàn-nhân một lần nữa nói kệ trả lời người hầu:

Việc xảy ra có hai nhân
Là vì mình và người khác
Nếu có người khởi tranh cãi
Người trí tuệ không cùng tranh.
Nếu có xảy việc đôi co
Là vì mình hay người khác
Người cho đó là ngu si
Vì với pháp không hiểu rõ.
Người không sức nói có sức
Người có sức bảo si mê

Người hành pháp, dùng sức họ
Không có ai hàng phục được.
Người mà có sức lực ấy
Đối kẻ yếu, họ lặng thinh
Ta biết nhẫn là rất khó
Càng khó hơn trước kẻ yếu.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Nên biết trời Đế-thích lúc bấy giờ là thân Ta. Ta đã nhẫn nhục như vậy, Ta nay cũng vẫn nhẫn nhục.

Phật nói với các Tỳ-kheo:

–Ngày xưa A-tu-luân cùng chiến đấu với chư Thiên đắc thắng, chư Thiên bị hại. Trời Đế-thích liền ngồi trên ngàn cỗ xe ngựa chạy về, chớp mắt ẩn vào cây lớn, thấy trên cây có các tổ chim, trong đó có hai quả trứng, liền tự nói kệ:

Này người hầu, chim sắp về
Nên lui xe ngựa, tránh đi
Thà A-tu phá hoại ta.
Chớ đừng phá hai trứng ấy.

Người hầu liền nhận lệnh của trời Đế-thích quay ngàn cỗ xe ngựa tránh đi. Các A-tu-luân thấy ngàn cổ xe ngựa của trời Đế-thích quay trở lại, liền nói: "Họ muốn trở lại chiến đấu với chúng ta", vì thế A-tu-luân hoảng sợ bỏ chạy, chư Thiên đắc thắng.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Các thầy muốn biết trời Đế-thích bấy giờ là ai chăng? Chính là thân Ta đó. Lúc ấy Ta thương xót nghĩ đến tất cả dân chúng và các loài sâu bọ nhỏ bé nhất.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Ngày xưa, chư Thiên chiến đấu với A-tu-luân, chư Thiên đắc thắng, A-tu-luân bại. Khi đó trời Đế-thích rất hoan hỷ, trở về cho tạo dựng một đại giảng đường đặt tên là Thắng. Vì sao đặt tên là Thắng? Vì thắng các A-tu-luân. Giảng đường có một trăm lớp lan can, giữa mỗi lớp lan can đều làm bảy trăm đường đi; giữa mỗi đường đi có bảy trăm ngọc nữ, mỗi ngọc nữ có bảy trăm người hầu. Trời Đế-thích khỏi phải lo về áo quần, thức ăn uống cho các ngọc nữ. Mỗi người như việc làm đời trước, tự nhiên được sanh ra trong giảng đường. Tất cả giảng đường trong ngàn thế giới, không có cái nào bằng giảng đường của trời Đế-

thích.

Vua A-tu-luân nghĩ: "Sức oai thần của ta rất tôn quý, thế mà các mặt trời, mặt trăng và trời Đao-lợi ở trên ta cứ qua lại trong hư không. Ta muốn lấy ánh sáng mặt trời, mặt trăng bỏ vào trong lỗ tai đi khắp mười phương". Nghĩ như vậy rồi, liền nổi giận không dằn lại được. Bấy giờ vua A-tu-luân nghĩ đến A-tu-luân Duy-ma-chất. A-tu-luân Duy-ma-chất biết việc ấy, liền mang các loại dụng cụ, trang bị các loại binh khí xe ngựa và vô số trăm ngàn A-tu-luân cùng kéo đến chỗ vua A-tu-luân, dừng lại ở trước.

Lúc ấy vua A-tu-luân lại nghĩ đến A-tu-luân Xá-ma-lợi. A-tu-luân Xá-ma-lợi biết việc ấy liền mang các loại dụng cụ, trang bị binh khí, ngựa xe cùng với vô số trăm ngàn A-tu-luân kéo đến chỗ vua A-tu-luân dừng lại ở trước.

Vua A-tu-luân lại nghĩ đến A-tu-luân Mãn-do, A-tu-luân Kỳ-la. Hai vị biết việc đó, liền mang các loại dụng cụ, trang bị binh khí, cùng với vô số trăm ngàn A-tu-luân kéo đến chỗ vua A-tu-luân dừng lại ở trước.

Bấy giờ vua A-tu-luân tự mang các loại dụng cụ, trang bị binh khí, ngựa xe, cùng với vô số trăm ngàn A-tu-luân vây quanh, từ thành xuất phát, kéo đi để chiến đấu với chư Thiên trời Đao-lợi.

Khi ấy Long vương Nan-đầu-hòa-nan dùng thân quấn quanh núi Tu-di bảy vòng, làm chấn động núi Tu-di, dùng đuôi đập xuống biển lớn, nước biển vọt lên bên núi Tu-di đến ba trăm ba mươi sáu vạn dặm. Trời Đao-lợi liền biết A-tu-luân muốn đến chiến đấu với chư Thiên. Lúc ấy các rồng trong biển mang các loại trang bị, binh trượng, ngựa xe, đến nghinh chiến với các A-tu-luân. Đánh mà đắc thắng thì đuổi các A-tu-luân về thành quách của chúng. Nhưng các vị rồng thất bại, không thắng được liền đi đến chỗ quỷ thần Câu-đề nói với các vị ấy: "Các A-tu-luân muốn chiến đấu với chư Thiên. Hãy cùng đến nghinh chiến". Chư quỷ thần Câu-đề nghe các vị rồng nói, liền mang các loại chiến y và đồ trang bị, binh trượng, ngựa xe, cùng đi đến chỗ A-tu-luân để chiến đấu, nếu đắc thắng thì đuổi các A-tu-luân về thành quách của chúng. Nhưng chẳng thắng được, liền đi chỗ quỷ thần Trì Hoa, nói với các quỷ thần Trì Hoa rằng A-tu-luân muốn chiến đấu với chư Thiên nên cùng đến nghinh chiến, đuổi đi. Quỷ thần Trì Hoa nghe lời nói đó của rồng và quỷ thần Câu-đề liền mang các loại binh trượng, trang bị ngựa, xe, cùng đến chỗ A-tu-luân để chiến đấu, nếu

đắc thắng sẽ đuổi các A-tu-luân về thành quách của chúng, nhưng không thắng được liền đến chỗ quỷ thần Thái-đà-mạt, nói với họ: "Các A-tu-luân muốn chiến đấu với chư Thiên, nên cùng đến nghinh chiến và đuổi đi". Quỷ thần Thái-đà-mạt nghe rồi, liền mang các loại binh trượng, ngựa xe, cùng đến nghinh chiến với A-tu-luân, nếu đắc thắng sẽ đuổi các A-tu-luân về thành quách của chúng, nhưng không thể thắng được, liền đi đến chỗ Tứ thiên vương, nói với Tứ thiên vương: "Các A-tu-luân muốn chiến đấu với chư Thiên, nên cùng đến nghinh chiến, đuổi đi". Chư Thiên nghe xong, Đại thiên vương Tỳ-sa-môn ngay khi ấy nghĩ đến chư Thiên Đề-đầu-lại, Thiên vương Đề-đầu-lại biết việc ấy, liền mang đầy đủ các đồ trang bị, binh trượng, xe ngựa, cùng với vô số trăm ngàn Đề-đầu-lại vây quanh sau trước, đi đến chỗ của Đại thiên vương Tỳ-sa-môn, dừng lại ở trước. Thiên vương Tỳ-sa-môn lại nghĩ đến Thiên vương Tất-lâu-lặc. Thiên vương Tất-lâu-lặc biết việc đó, liền mang đầy đủ các loại trang bị, binh trượng, ngựa xe, cùng với vô số chư Thiên lại cùng với vô số trăm ngàn binh sĩ, lại cùng với vô số trăm ngàn loài Rồng vây quanh trước sau, đi đến chỗ Đại thiên vương Tỳ-sa-môn, dừng lại ở trước.

Bấy giờ, Thiên vương Tỳ-sa-môn mang đầy đủ các loại trang bị, binh trượng, ngựa xe, cùng với vô số trăm ngàn loài quỷ thần vây quanh, cùng với chư Thiên vương đến chiến đấu với các A-tu-luân, nếu đắc thắng, sẽ đuổi các A-tu-luân về thành quách của chúng, nhưng chẳng thắng được, liền đi đến trời Thiện đẳng, tâu với trời Đế-thích và nói với chư Thiên cõi Đao-lợi: "Các A-tu-luân muốn chiến đấu với chư Thiên, nên cùng đến nghinh chiến, đuổi đi".

Lúc ấy trời Đế-thích bảo chư Thiên: "Hãy đến chỗ chư Thiên Tu-diệm, chư Thiên Đâu-suất, chư Thiên Ni-ma-la, chư Thiên Ba-la-ni-mật, nói rằng A-tu-luân muốn chiến đấu với chư Thiên, nên cùng đến nghinh chiến, đuổi đi".

Thiên tử Ba-la-ma liền nhận lệnh của trời Đế-thích đi đến nói với bốn vị trời trên như vậy. Các vị trời ấy liền mang đầy đủ các loại trang bị, binh trượng, ngựa xe, cùng vô số chư Thiên xuống cõi trời dưới.

Trời Diệm đến sườn phía Đông của núi Tu-di ủng hộ trời Đao-lợi. Trời Đâu-suất cùng với vô số chư Thiên đi đến trụ tại sườn phía Nam của núi Tu-di. Thiên tử Ni-ma-la cùng với vô số chư Thiên đi đến sườn

phía Tây của núi Tu-di để ủng hộ trời Đao-lợi. Thiên tử Ba-la-ni cùng với vô số chư Thiên đến trụ ở sườn phía Bắc núi Tu-di để ủng hộ trời Đao-lợi.

Trời Đế-thích nghĩ đến các quỷ thần Duy Mạn. Các quỷ thần Duy Mạn biết việc ấy, liền mang đầy đủ các thứ trang bị, binh trượng, ngựa xe, đi đến chỗ trời Đế-thích, dừng lại ở trước.

Trời Đế-thích nghĩ đến voi chúa Thiện trụ. Voi chúa Thiện trụ biết việc ấy, liền mang đầy đủ các đồ trang bị, binh trượng, xe ngựa, đi đến chỗ trời Đế-thích, dừng lại ở trước.

Trời Đế-thích lại nghĩ đến các Thiên vương. Các Thiên vương biết điều ấy, liền mang đầy đủ các đồ trang bị, binh trượng, ngựa xe, đi đến chỗ trời Đế-thích, dừng lại ở trước.

Trời Đế-thích lại nghĩ đến chư Thiên Đao-lợi. Chư Thiên Đao-lợi biết việc ấy, liền mang đầy đủ các đồ trang bị, binh trượng, ngựa xe, đi đến chỗ trời Đế-thích dừng lại ở trước.

Bấy giờ trời Đế-thích tự mang đầy đủ các loại trang bị, binh trượng, ngựa xe, ngồi trên lưng tượng vương Thiện trụ, cùng với vô số trăm ngàn vị trời vây quanh trước vua, ra khỏi thiên cung, đi đến chỗ các A-tu-luân, cùng chiến đấu, dùng dao, kiếm, mâu, tên, cung, nỏ đâm bắn. A-tu-luân bị thương, đau đớn chẳng kể xiết, tuy bị như vậy mà chẳng chết. Các A-tu-luân cũng thế, dùng dao, kiếm, mâu, tên, cung, nỏ bằng bảy báu đâm bắn làm chư Thiên bị thương, đau đớn không kể xiết, tuy bị như vậy nhưng chẳng chết. Trời ở cõi Dục chiến đấu với các A-tu-luân cũng như vậy. Vì dục là nhân ẩn tàng, vì nhân duyên là dục nên mới xảy ra như thế.

M

Phẩm 11: BA TIỂU KIẾP

Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Có ba tiểu kiếp. Ba tiểu kiếp ấy là gì? Một là kiếp đao kiếm, hai là kiếp lúa gạo quý hiếm, ba là kiếp tật bệnh. Đó là ba tiểu kiếp.

Thế nào là kiếp đao kiếm?

Khi ấy con người phần nhiều sống phi pháp, ngu si, tà kiến, làm mười điều ác. Vì người làm những việc ác như vậy, nên các thức ăn ngon như váng sữa, dầu mè, mật, đường cát, các thứ đó đều tiêu mất; các thứ y phục, gấm vóc, vải lông tốt đều mất hết. Đất ở cõi ấy tự nhiên phát sanh núi rừng, khe suối, hang hố, bờ vực. Các loại ngọc như lưu ly, pha lê... các thứ báu đều chìm trong đất, chỉ có bờ gai. Trong thời kiếp đao kiếm, dân chúng chẳng hiếu thuận với cha mẹ, chẳng nghe theo và phụng sự Sa-môn, Đạo nhân, chẳng kính bậc Tôn trưởng. Tiếng xấu ác ấy lan truyền khắp nơi.

Phật dạy:

–Thí như người đời nay, hiếu kính với cha mẹ, tôn kính, phụng sự Sa-môn, Đạo nhân, nghe theo lời của các bậc Trưởng lão. Tiếng tốt ấy đồn khắp nơi. Cũng như vậy, trong thời kỳ kiếp đao kiếm, dân chúng chẳng hiếu thuận với cha mẹ, chẳng nghe lời và phụng sự Sa-môn, Đạo nhân, chẳng kính bậc Trưởng lão, tiếng ác lan truyền khắp nơi. Trong thời kỳ kiếp đao kiếm hoàn toàn không có điều thiện, huống là có người làm việc thiện. Trong thời kỳ kiếp đao kiếm, người ở cõi này, không có hiện tượng mua bán đổi chác, các cây lớn đều ngã xuống đất, chỉ có hầm hố dơ bẩn, cao thấp chẳng bằng phẳng; nơi có nước thì sóng dậy mênh mông làm sụp lở bờ; nước sông cạn đến đáy; dân chúng thưa thớt, chỉ có sợ sệt, lông toàn thân dựng ngược. Trong thời kỳ kiếp đao kiếm, dân chúng gặp nhau thì chỉ muốn cướp bóc, giết hại nhau. Thí như loài chó sói ở chốn đầm hoang thấy bầy nai thì muốn giết hại, trong thời kỳ kiếp đao kiếm, dân chúng gặp nhau chỉ muốn cướp bóc, giết hại nhau, cũng như vậy. Tay nắm lấy cỏ cây, ngói đá thì đều hóa thành đao kiếm, giết hại lẫn nhau. Thời ấy, con người chỉ thọ mười tuổi. Trong đó, có người thông minh, trí tuệ, chạy trốn vào núi rừng, khe suối, hang hố, bờ sông sâu và nghĩ: "Không ai có thể giết ta được, ta cũng chẳng giết ai", bèn ở đó ăn trái, dưa, rễ cây. Trong thời kỳ kiếp đao kiếm, con người giết hại nhau

bảy ngày mới nghỉ. Người chết đều đọa vào địa ngục. Vì sao? Vì trong thời kỳ kiếp đao kiếm đó, mọi người đều ôm ý tưởng, hành động độc ác, khi chết chỉ nghĩ ác. Thời kỳ kiếp đao kiếm là như vậy.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Thế nào là thời kỳ kiếp lúa gạo quý hiếm?

Trong thời kỳ kiếp lúa gạo quý hiếm, con người phần nhiều sống phi pháp, ngu si, tà kiến, ganh ghét, tham lam keo kiệt, giữ của chẳng chịu bố thí. Vì vậy, trời mưa chẳng đúng thời tiết. Vì trời mưa chẳng đúng thời tiết, nên dân chúng cày cấy, gieo trồng nhưng lúa khô chết không mọc, chỉ còn thân cây khô, vì vậy lúa thóc quý hiếm. Người lượm lúa rơi trong ruộng để tự nuôi sống. Thời kỳ kiếp lúa gạo quý hiếm là như vậy.

Lại nữa, người ta phải đi quét đường sá, chợ búa, xóm làng để được chia thóc, để tự nuôi sống. Lại nữa, trong thời kỳ kiếp lúa gạo quý hiếm, lá cây rụng trên đất, người ta cào đất lượm lá cây, nấu ăn. Trong thời kỳ kiếp lúa gạo quý hiếm, dân chúng bị tai nạn khốn khổ như thế. Trong thời kỳ này, người bị đói khát chết nhiều năm, hài cốt tan rã trên đất. Người đói khát đi lượm hài cốt nơi chợ búa, xóm làng, đường phố để nấu ăn. Dân chúng đói khát mới như vậy. Thời kỳ kiếp lúa gạo quý hiếm, người chết bị đọa vào trong loài ngạ quỷ. Vì sao vậy? Vì thời kỳ ấy, dân chúng ganh ghét nhau và tham lam bỏn sẻn. Đó là kiếp lúa gạo quý hiếm.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Thế là thời kỳ kiếp tật bệnh?

Trong thời kỳ kiếp tật bệnh, con người phụng hành kinh, giới, theo chánh kiến, lìa tà kiến, làm mười điều thiện. Vì vậy, bấy giờ các quỷ thần ở thế giới phương khác, đến quấy nhiễu các người này, đánh ngã họ, nhiễu loạn tâm ý họ. Nơi này quỷ thần dâm loạn, vì vậy quỷ thần ở phương khác đến quấy nhiễu mọi người, đánh ngã làm rối loạn tâm ý. Thí như nhà vua, hoặc đại thần, ra lệnh binh lính giữ gìn cửa thành. Các binh lính này dâm loạn, nếu cường tặc của nước khác đến đánh úp thì cướp lấy đất nước, huyện ấp cũng như vậy. Thời kỳ kiếp tật bệnh, dân chúng phụng hành kinh giới, theo chánh kiến, lìa tà kiến, làm theo mười điều lành, quỷ thần ở phương khác đến xúc nhiễu người, đánh ngã, làm nhiễu loạn tâm ý. Ở thời kỳ kiếp tật bệnh, người chết đều được sanh lên trời. Vì sao vậy? Vì thời kỳ kiếp tật bệnh, dân

chúng đều lần lượt hỏi thăm sức khỏe của nhau: "Thế nào, được an ổn chăng? Chẳng hề gì chứ?" Đó là thời kỳ kiếp tật bệnh.

Đó là ba tiểu kiếp.

M

Phẩm 12: TAI BIẾN

Phật bảo các Tỳ-kheo: Trời đất có ba tai biến. Ba tai biến ấy là gì? Một là tai biến về lửa, hai là tai biến về nước, ba là tai biến về gió. Đó là ba tai biến.

Thời kỳ tai biến, con người tụ lại ba chỗ. Ba chỗ ấy là gì? Gặp thời kỳ tai biến về lửa, con người đều lên trên cõi trời A-vệ-hóa-la thứ mười lăm, tụ tập rất đông. Gặp thời kỳ tai biến về nước, mọi người đều lên trên cõi trời Thủ-bì-cân thứ mười chín, tụ tập rất đông. Gặp thời kỳ tai biến về gió, mọi người đều lên trên cõi trời Duy-xa-a-bát thứ mười ba tụ tập rất đông. Gặp thời kỳ tai biến về lửa, người trong thiên hạ đều làm việc phi pháp, tà kiến, không chánh kiến, phạm mười điều ác, vì dân chúng đều làm việc phi pháp, làm theo tà kiến, chẳng thấy chánh hạnh; vì làm mười điều ác, nên trời chẳng mưa đúng thời tiết. Sau thời gian trời không mưa, bao nhiêu cây cối, thảo dược, vạn vật trong cõi ấy đều khô chết, không sống lại được.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Đó là vô thường, không kiên cố, chẳng được trường cửu. Đó là quá suy đồi, cho nên phải sớm nhàm chán. Hãy vứt bỏ tất cả, tự cầu giải thoát.

Sau đó quá lâu, không thể tính đếm, đại loạn gió nổi lên thổi vào biển lớn ba trăm ba mươi sáu vạn dặm, đưa mặt trời đại thành quách lên trên triền núi Tu-di một trăm sáu mươi tám vạn dặm, bỏ mặt trời này vào trong quỹ đạo, vì thế nên thế gian có hai mặt trời xuất hiện. Sau khi mặt trời xuất hiện, nước trong các mương, sông nhỏ đều khô hết.

Phật dạy:

–Đó là vô thường, không kiên cố, chẳng được trường cửu. Đó là quá suy đồi, cho nên phải sớm nhàm chán, để đến được đạo giải thoát tự nhiên. Thời gian sau đó rất lâu, không thể tính đếm được, đại loạn gió nổi lên, thổi nước biển lớn nổi sóng ba trăm ba mươi sáu vạn dặm, đưa mặt trời đại thành quách, lên trên sườn núi chúa Tu-di một trăm sáu mươi tám vạn dặm, bỏ mặt trời thành quách trong quỹ đạo. Vì thế nên thế gian có ba mặt trời xuất hiện. Các dòng nước như sông lớn, sông nhỏ, các dòng sông ở Tà-viễn-a-di-việt-ma-hê, Hòa-xa-tín-tha

đều khô hết.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Vì vô thường không kiên cố mới như vậy. Đó là quá suy đồi, cho nên phải nhàm chán, xa lìa để được đạo giải thoát tự nhiên.

Lại về sau rất lâu, không thể tính đếm, có đại loạn gió nổi lên thổi nước biển, sóng dậy ba trăm ba mươi sáu vạn dặm, đưa mặt trời đại thành quách lên trên sườn núi chúa Tu-di một trăm sáu mươi tám vạn dặm, bỏ mặt trời trong quỹ đạo. Vì thế nên thế gian có bốn mặt trời xuất hiện. Các dòng suối, suối lớn và ao A-nậu-đạt, ao hoa sen hồng, ao hoa sen xanh, ao hoa sen trắng, ao hoa sen vàng, ao lớn Ma-na-nhai, ao lớn Na-lợi đều khô hết.

Phật bảo:

–Vì vô thường, không kiên cố mới như vậy, chẳng trường cửu. Đó là quá suy đồi, cho nên phải sớm nhàm chán, xa lìa để được đạo giải thoát tự nhiên.

Lại về sau rất lâu, không thể tính đếm, đại loạn gió nổi lên, thổi nước biển lớn, sóng dậy ba trăm sáu mươi sáu vạn dặm, đưa mặt trời đại thành quách lên trên sườn núi chúa Tu-di một trăm sáu mươi tám vạn dặm, bỏ mặt trời trong quỹ đạo. Vì thế nên thế gian có năm mặt trời xuất hiện. Nước biển lớn dần dần vơi đi bốn ngàn dặm, tám ngàn dặm, một vạn hai ngàn dặm cho đến vơi đi hai vạn tám ngàn dặm.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Vì vô thường, không kiên có mới như vậy, chẳng được trường cửu. Đó là quá suy đồi cho nên phải sớm nhàn chán, xa lìa, để được giải thoát tự nhiên. Khi năm mặt trời xuất hiện, làm khô cạn nước biển lớn, có chỗ đến hơn hai vạn tám ngàn dặm, một vạn tám ngàn dặm, một vạn bốn ngàn dặm, tám ngàn dặm, bốn ngàn dặm. Có lúc nước biển vơi dần đi, có nơi còn hơn bảy cây, sáu cây, năm cây, bốn cây, ba cây, hai cây, một cây. Sau đó vơi dần, độ sâu còn bằng tầm cao của bảy người, sáu người, năm người, bốn người, ba người, hai người, một người. Nước biển còn ngập một người, sau đấy, vơi dần đến lưng người, vơi dần đến đầu gối người; sau đó chỉ còn một ít nước, giống như nước mưa đọng trong dấu chân trâu. Sau đó ít lâu, nước trong biển lớn đều khô hết, chẳng thể làm ướt ngón chân người. Thí như thêm một giọt nước mỡ vào trong đống lửa lớn thì chẳng thấy khói.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Vì vô thường, không kiên cố mới như vậy. Cho nên sớm phải nhàm chán, xa lìa để được giải thoát tự nhiên.

Lại về sau rất lâu, chẳng thể tính đếm, đại loạn gió thổi nước biển lớn, sóng dây ba trăm ba mươi sáu vạn dặm, đưa mặt trời đại thành quách lên trên sườn núi chúa Tu-di một trăm sáu mươi tám vạn dặm, bỏ mặt trời trong quỹ đạo. Vì thế nên thế gian có sáu mặt trời xuất hiện. Bốn cõi lớn trong thiên hạ và tám vạn thành, núi lớn và núi chúa Tu-di, đều bị đốt cháy, bốc khói. Thí như hiện trạng bốc khói của lò gốm lớn khi mới nhen.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Như vậy, khi sáu mặt trời xuất hiện ở thế gian, thiêu đốt bốn cõi thiên hạ và tám vạn thành, các núi lớn, núi chúa Tu-di đều bốc khói. Thí như mỡ thấm vào trong đám lửa lớn liền cháy tan không khói.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Vì vô thường, không kiên cố, cho nên phải sớm chán bỏ, cần cầu giải thoát, đắc đạo tự nhiên.

Lại sau đó rất lâu, có đại loạn gió nổi lên, thổi nước biển lớn, sóng dậy ba trăm ba mươi sáu vạn dặm, đưa mặt trời thành quách lên trên sườn núi chúa Tu-di, bỏ mặt trời trong quỹ đạo. Vì vậy, thế gian có bảy mặt trời xuất hiện. Bốn cõi thiên hạ và tám vạn thành, các núi lớn, núi chúa Tu-di đều rung chuyển chao động. Thí như cái đảnh, cái vạc lớn đun lửa, nước sôi vọt lên. Khi bảy mặt trời xuất hiện cũng như vậy. Cung của các trời Tứ thiên vương, trời Đao-lợi, trời Diệm, trời Đâu-suất, trời Ni-ma-la, trời Ba-la-ni-mật, trời Phạm-ca-di đều rung chuyển lay động. Cung của chư Thiên Phong cao, trên đến trời A-vệ-hóa-la, các Thiên tử mới sanh ở cung trời đó thấy lửa đều sợ hãi. Các Thiên tử sanh trước nói với các Thiên tử mới sanh: “Các vị chớ nên sợ hãi. Ngày xưa khi ta thấy lửa thiêu, lửa chỉ lên tới đây, không cao hơn nữa. Bấy giờ, bốn cõi thiên hạ và tám vạn thành, các núi lớn và núi Tu-di đều rung chuyển lay động. Bốn ngàn dặm núi chúa Tu-di bị sụp đổ, rồi tám ngàn dặm, một vạn hai ngàn dặm, một vạn sáu ngàn dặm, hai vạn dặm, bốn ngàn dặm, ba vạn tám ngàn dặm đều sụp đổ. Thí như mỡ thấm vào trong đống lửa lớn, không có khói cũng không có gì khác.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Mọi sở hữu là vô thường, không kiên cố, là như thế. Đó là sự suy đồi cùng cực, cho nên phải sớm nhàm chán xa lìa, để được giải thoát tự nhiên.

Ai sẽ tin lúc thế gian có bảy mặt trời xuất hiện? Chỉ có người thấy mới tin. Ai sẽ tin bốn cõi thiên hạ và tám vạn thành, các núi lớn và núi chúa Tu-di bị rung chuyển lay động? Và Tứ thiên vương, trời Đao-lợi, trời Diệm, trời Đâu-suất, trời Vô cống cao, trời Tha hóa tự chuyển, trời Phạm-ca-di đều rung chuyển lay động? Hay gió cuốn các cung của chư Thiên lên đến trời A-vệ-hóa-la thứ mười lăm? Chỉ có người thấy mới tin. Ai sẽ tin núi chúa Tu-di bị hủy hoại hết, lại không còn chỗ núi đất nào mà không bị thiêu đốt, tất cả các địa ngục đều bị phá hủy hết sạch; sau đó súc sanh, cầm thú cũng bị tiêu diệt hết; kế đến ngạ quỷ cũng bị tiêu diệt; tiếp theo A-tu-luân cũng bị tiêu diệt; rồi tiếp đến loài người đều chết hết và Tứ thiên vương, trời Đao-lợi, trời Diệm, trời Đâu-suất, trời Vô cống cao, trời Tha hóa tự chuyển, trời Phạm-ca-di, chư Thiên đều chết hết; đó gọi là đất trời bị thiêu hủy. Con người dồn lại một chỗ. Nhưng sau đó rất lâu, có mây lớn nổi lên, đổ mưa to xuống, giọt mưa to như bánh xe đầy ngập các sông biển, nước dần dần dâng lên đến trời Phạm-ca-di, lại đến trời Quang minh thanh thứ mười lăm. Nước ấy bốn phía đều có gió cản lại. Gió thứ nhất tên là Trụ phong, thứ hai tên là Trợ phong, thứ ba là Bất động phong, thứ tư là Kiên phong. Đó là bốn thứ gió.

Sau đó rất lâu, khoảng một ngàn vạn năm, nước dần dần hạ xuống vô số trăm ngàn do-tuần. Có gió tên là Tăng kiệt bao bọc bốn phía, nổi lên thổi nước hạ xuống lần lần. Trên sóng nước, nổi lên một lớp bọt dày hóa thành đường đi bảy báu; cứ như vậy lên đến tầng trời thứ bảy tạo thành cung điện.

Sau đó rất lâu, vài ngàn vạn năm, nước dần dần hạ xuống hàng trăm do-tuần, hàng trăm ngàn do-tuần, gió loạn từ bốn phía nổi lên, thổi động mặt nước, sanh một lớp bọt dày, hóa thành bảy báu: vàng, bạc, lưu ly, pha lê, xa cừ, mã não, chơn châu đỏ làm thành đường đi. Kim phong lo việc tạo thành cõi Ba-la-ni-hòa-đa-việt thứ sáu, chỗ ở của chư Thiên.

Sau đó rất lâu, hàng ngàn vạn dặm, nước dần dần hạ xuống, có gió loạn tên là Thái kiệt từ bốn phía đến thổi trên mặt nước, sóng nổi dậy sanh ra một lớp bọt dày, hóa thành bảy báu: vàng, bạc, lưu ly, pha lê, chơn châu đỏ, xa cừ, mã não tạo thành đường đi, nhà cửa. Gió loạn

trông coi trên cõi trời thứ năm tạo thành cảnh cung điện của chư Thiên.

Lại sau đó rất lâu, hàng ngàn vạn năm, nước dần dần hạ xuống ngàn vạn do-tuần, gió loạn từ bốn phía đến thổi trên mặt nước, sóng nổi dậy, sanh một lớp bọt dày hóa thành bốn báu. Một là vàng ròng, hai là bạc trắng, ba là lưu ly, bốn là pha lê; gió loạn mang đến tại khoảng giữa trời và thế gian tạo thành núi chúa Tu-di cao ba trăm ba mươi sáu vạn dặm, rộng dài ba trăm ba mươi sáu vạn dặm. Vùng trời ở sườn phía Đông của núi là bạch ngân; vùng trời ở sườn phía Nam là lưu ly xanh, vùng trời ở sườn phía Tây là pha lê, vùng trời ở sườn phía Bắc là vàng ròng.

Lại sau đó rất lâu, hàng ngàn vạn năm, nước xuống dần dần, hàng ngàn vạn do-tuần, gió loạn từ bốn phía thổi đến làm xao động nước, trên mặt nước sanh một lớp bọt dày hóa thành bảy báu: vàng, bạc, lưu ly, pha lê, chơn châu đỏ, xa cừ, mã não làm thành giao lộ; gió loạn mang lên núi chúa Tu-di làm nên cảnh cung điện của trời Đao-lợi thứ hai.

Lại sau đó rất lâu, hàng ngàn vạn năm, nước hạ xuống dần dần hàng ngàn vạn do-tuần, gió loạn từ bốn phía thổi đến làm xao động nước, sóng nổi lên, sanh ra một lớp bọt dày hóa thành bảy báu, thành đường đi, gió loạn mang lên núi chúa Tu-di một trăm sáu mươi tám vạn dặm, ở giữa núi làm nên cảnh cung điện của chư Thiên ở cõi trời thứ nhất.

Lại sau đó rất lâu, hàng ngàn vạn năm, nước hạ xuống dần dần, gió loạn từ bốn phía thổi đến làm xao động nước, sóng nổi lên, sanh một lớp bọt dày hóa thành kim cương, gió loạn mang đến bốn cõi lớn trong thiên hạ, và tám vạn thành bên ngoài tạo thành núi cao sáu trăm tám mươi vạn do-tuần bao bọc bốn phía, gọi là núi Đại thiết vi.

Lại sau đó rất lâu, hàng ngàn vạn năm, nước dần dần hạ xuống, gió loạn từ bốn phía thổi đến làm xao động nước, sóng nổi lên làm sanh ra một lớp bọt dày hóa thành kim cương; gió loạn lại mang đến bốn cõi lớn trong thiên hạ và tám vạn thành bên ngoài bao bọc bốn phía và tạo thành núi lớn thứ hai, núi ấy cao sáu trăm tám mươi vạn do-tuần.

Sau đó, nước hạ xuống dần dần hàng mười vạn dặm, gió loạn từ bốn phía thổi đến làm xao động mặt nước, sóng nổi lên làm sanh ra một lớp bọt dày hóa thành bảy báu: vàng, bạc, lưu ly, pha lê, chơn châu đỏ,

xa cừ, mã não bao bọc chung quanh tạo thánh tám lớp núi cao một trăm sáu mươi tám vạn dặm, tên gọi là A-đa-lợi rất đẹp đẽ.

Nước ấy hạ xuống dần dần hàng mười vạn dặm, gió loạn từ bốn phía thổi đến làm xao động mặt nước, sóng nổi lên làm sanh ra một lớp bọt dày hóa thành bảy báu mang lên núi A-đa-lợi bao bọc chung quanh, làm thành núi thứ hai, tên là Y-sa-đa cao một trăm ba mươi bốn vạn dặm rất đẹp đẽ. Núi thứ ba tên là Dự-hán-đa cao bốn mươi tám vạn dặm, rộng cũng bốn mươi tám vạn dặm. Núi thứ tư tên là Thiện kiến, cao hai mươi bốn vạn dặm, rộng cũng hai mươi bốn vạn dặm. Núi báu thứ năm tên là A-ba-ni, cao mười hai vạn dặm, rộng cũng mười hai vạn dặm. Núi báu thứ sáu tên là Ni-di-đa-la cao bốn ngàn bốn vạn dặm, rộng cũng bốn ngàn bốn vạn dặm. Núi báu thứ bảy tên là Duy-na-đâu cao hai vạn hai ngàn dặm, rộng cũng hai vạn hai ngàn dặm. Núi báu thứ tám tên là Giá-ca-hòa cao một vạn hai ngàn dặm, rộng cũng một vạn hai ngàn dặm.

Sau đó, nước hạ xuống dần dần, gió loạn từ bốn phía thổi đến trên mặt nước sanh một lớp bọt dày, hóa thành lớp đất dày, từ đó sanh đại địa, dày sáu trăm tám mươi vạn do-tuần, biên giới vô hạn. Gió loạn nổi lên, thổi mạnh xoáy mòn đất rất sâu đến ba trăm ba mươi sáu vạn dặm, dài cũng ba trăm ba mươi sáu vạn dặm, các dòng nước trong thiên hạ đều chảy dồn vào đó đầy ắp, do đó thành biển lớn. Nước biển vì sao mặn? Vị mặn duy nhất ấy có ba nguyên nhân. Một là trong biển có đàn cá lớn, có con thân dài bốn ngàn dặm, có con dài tám ngàn dặm, có con dài một vạn hai ngàn dặm, có con dài một vạn sáu ngàn dặm, có con dài hai vạn dặm, có con dài hai vạn bốn ngàn dặm, có con dài hai vạn tám ngàn dặm dặm, có con dài ba vạn hai ngàn dặm, tất cả đều ngâm sâu trong biển, cho nên nước biển mặn.

Hai là mây nổi lên che phủ các biển, rồi đổ mưa to, mây ấy lên đến trời A-ca-ni-trá, đổ mưa hạt lớn như bánh xe, rửa sạch cung điện của trời Tu-di-đà-chiên, trời A-đáp-hòa, trời A-tỷ-ba, trời Thủ-bì-cân, trời Duy-ha-bát, trời A-bì-ba, trời Phạm-ca-di xuống đến Tứ thiên vương. Vì nước mặn ấy đều chảy vào biển lớn nên nước biển có vị mặn.

Lại nữa, được vị tiên nhân có khả năng làm phép khiến cho nước biển có vị mặn, cho nên nước biển mặn.

Đó là ba nguyên nhân.

Phật dạy:

–Trời đất khi cùng gặp tai biến về nước, người trong thiên hạ đều thực hành các điều thiện, vui mừng làm việc đạo đức. Sau khi chết, tinh thần, thể phách đều sanh lên cõi trời thứ mười sáu làm chư Thiên. Người trong địa ngục, các loài sinh vật, có hơi thở có sự cựa quậy, khi chết đều trở lại hình người; lại thực hành các điều thiện, vui làm đạo đức, chết đều sanh lên làm chư Thiên ở cõi trời thứ mười sáu. A-tu-luân, chư Thiên và chư Thiên trên cõi trời thứ nhất cho đến chư Thiên trên cõi trời thứ mười lăm, khi chết, tinh thần, thể phách đều đi xuống trở lại hình người, thực hành, tích tụ các điều thiện, ưa thích, vui vẻ làm việc đạo đức, khi chết đều trở lại lên cõi trời thứ mười sáu làm chư Thiên. Sau đó, chư Thiên chết hết.

Rất lâu, mây lớn lại nổi lên, bay lên đến tầng trời thứ mười lăm, mây ấy đổ mưa nước tro nóng rất lớn, hạt mưa lớn như bánh xe. Trời mưa nước tro nóng như vậy rất lâu, hàng trăm ngàn vạn dặm, bốn cõi thiên hạ tám vạn thành, các núi lớn và núi chúa Tu-di, từ trên cõi trời thứ mười lăm, xuống đến cõi Tứ thiên vương, tất cả đều tiêu diệt hết, không còn gì. Thí như dùng nước mỡ nhỏ vào đống lửa lớn, chẳng thấy bốc khói.

Ai sẽ tin lời này? Chỉ có người đắc đạo tự nhiên, mới tin mà thôi.

Đó gọi là thời kỳ trời đất gặp tai biến về nước, sự kiện trọng yếu hủy hoại tiêu tan hết.

Trời đất bị phá hủy tiêu tan hết, sau đó mới có được cách thức sanh khởi. Như thời kỳ gặp tai biến về nước, lại có cùng cách thức sanh khởi. Bắt đầu hình thành từ trên cõi trời thứ mười lăm, xuống cho đến cõi trời thứ nhất A-tu-luân, và tạo tác bốn cõi thiên hạ, tám vạn thành, các núi lớn, núi Tu-di, mặt trời, mặt trăng, tinh tú mới hiện ra, xuống cho đến vạn vật có trong thiên hạ, tạo ra cảnh núi lớn Thiết vi. Đó gọi là thời kỳ trời đất gặp tai biến về nước hủy hoại tiêu tan hết, sau đó mới bắt đầu lại từ đầu.

Phật dạy:

–Thời kỳ trời đất cùng gặp tai biến về gió lớn, người trong thiên hạ cùng thực hành và an trú trong điều thiện, nhân từ, hiếu thuận, thường ưa thích làm việc đạo đức. Khi chết, tinh thần đều lên cõi trời thứ mười bảy làm chư Thiên. Người trong địa ngục và các loài sinh vật, có hơi thở, có cử động, khi chết đều trở lại làm người, đều trở lại làm các hạnh lành, ưa thích làm việc đạo đức; khi chết, tinh thần, thể phách

lên cõi trời thứ mười bảy làm chư Thiên. Trời A-tu-luân và chư Thiên trên cõi trời thứ nhất cho đến cõi trời thứ mười sáu đều chết hết, tinh thần, thể phách lại quay xuống làm hình người, ban bố, thực hành, tích lũy các điều thiện, ưa thích làm việc đạo đức, khi chết đều được sanh lên cõi trời thứ mười bảy làm chư Thiên, tiếp đến thì người trong thiên hạ mới chết hết.

Sau đó rất lâu, gió lớn tên là Lai-kha-sa nổi lên, thổi đến cõi trời thứ mười sáu, thoáng chốc phá hoại, tiêu hủy hết, trên đó đều tiêu tan hết chẳng còn gì, không còn tiếng, không còn vang. Gió lớn thổi như vậy rất lâu, làm tiêu tan hết chỗ ở của chư Thiên trên cõi trời thứ mười sáu, xuống cho đến trời A-tu-luân, không còn gì. Thí như gió lớn thổi bột mịn, bột theo gió bay đi tiêu tan hết.

Bốn cõi thiên hạ và tám vạn thành, các núi lớn và núi Tu-di tiêu diệt hết; núi Thiết vi, Thái sơn đều cùng loạt tiêu diệt hết, không còn gì. Thí như gió lớn thổi bột mịn, bột theo gió bay đi tiêu tan hết.

Sau thời kỳ trời đất gặp tai biến về gió lớn một kiếp, lại bắt đầu phương thức sanh khởi như sau khi gặp tai biến về lửa, lại bắt đầu sanh khởi lại một kiếp mới.

Đó gọi là trời đất cùng gặp gió lớn, phá hoại tiêu tan hết là do ba thứ ấy, lại mới bắt đầu sanh khởi, cũng là do ba thứ ấy.

Ai sẽ là người tin lời này? Chỉ có người đắc đạo tự nhiên mới tin điều ấy mà thôi. Trời đất cùng bắt đầu sanh khởi, như khi gặp thời kỳ tai biến về lửa, sau đó lại tuần tự bắt đầu sanh khởi. Gió loạn lại nổi lên, sau khi tạo dựng xong, chư Thiên trên cõi trời thứ mười lăm, ai phước lộc mỏng, đều xuống ở đầy nơi cõi trời thứ mười một và tại chỗ người ở, xuống ở đó tràn đầy, và ở trời A-tu-luân, tại bốn phía núi Tu-di, nơi ở cũ của họ, đều tràn đầy.

❑

KINH ĐẠI LÂU THÁN

QUYỂN VI

Phẩm 13: TRỜI ĐẤT THÀNH HOẠI

Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Trời đất hoại diệt, sau đấy mới bắt đầu hình thành lại. Loài người đều ở trên cõi trời A-vệ-hóa-la thứ mười lăm. Người ở trên cõi trời đó dùng sự mừng vui làm thức ăn, mỗi người tự có ánh sáng, thần túc, sống rất lâu.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Khi nước ấy ngập khắp cõi thiên hạ, bấy giờ không có mặt trời, mặt trăng, không có tinh tú, không có ngày đêm, không có một tháng, nửa tháng cũng không có năm, tuổi, mờ mờ, mịt mịt, không thấy gì. Sau khi trời đất hình thành, chư Thiên trên đó, ai lộc phước đức mỏng, thì khi chết, từ trên cõi trời A-vệ-hóa-la đi xuống dạo chơi ở cõi này, cũng dùng sự vui mừng làm thức ăn. Ai cũng tự có ánh sáng, thần túc bay đi. Họ ở tại cõi nhân gian, sống rất lâu. Khi ấy, người trong thiên hạ rất đoan chánh, đẹp đẽ, chẳng phân biệt nam nữ, cũng chẳng phân biệt vua, dân, lớn, bé, chỉ cùng nhau tụ họp, qua lại.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Khi ấy, trên đất tự nhiên sanh hương vị đất. Thí như lớp dầu trên váng sữa, vị và đất ấy cũng như vậy, vị nó như mật. Rồi có một người ham thích mùi lạ, nghĩ rằng: "Ta muốn thử dùng ngón tay lấy vị đất nếm thử để biết là loại gì". Người ấy liền dùng ngón tay lấy vị đất nếm, rất vui thích, nếm như vậy đến ba lần, cảm thấy rất thích thú, sau đó liền hốt đầy tay để ăn. Những người khác thấy thế liền bắt chước dùng tay bốc vị đất mà ăn. Sau khi người ăn vị đất đó rồi, thân liền thô cứng, sắc mặt trở thành xấu, mất đi ánh sáng, thần túc, chẳng thể bay

lại lên trời. Thiên hạ trở lại như cũ, mờ mờ, mịt mịt. Theo phương thức cũ, có đại hắc phong nổi lên, thổi vào nước biển lớn, sâu đến ba trăm ba mươi sáu vạn dặm, đưa mặt trời, mặt trăng đại thành quách lên bên sườn núi Tu-di một trăm sáu mươi tám vạn dặm, bỏ mặt trời mặt trăng thành quách vào trong quỹ đạo. Do nhân duyên ấy, thiên hạ có mặt trời, mặt trăng. Bấy giờ, mặt trời đại thành quách từ phía Đông núi Tu-di mọc lên, vòng quanh núi chúa Tu-di, vòng đến hướng Tây rồi lặn. Lại từ phía Đông của núi mọc lên, vòng quanh núi Tu-di, rồi lặn về hướng Tây. Khi ấy, có người nói: "Đó là mặt trời ngày hôm qua", hoặc có người nói: "Đó chẳng phải là mặt trời ngày hôm qua". Mặt trời đại thành quách lại từ phía Đông núi Tu-di mọc lên như vậy ba lần, vòng quanh núi Tu-di rồi lặn về hướng Tây. Khi ấy có người nói: "Đó là mặt trời của hôm qua mọc lên". Vì vậy họ gọi đó là mặt trời. Mặt trời có hai việc. Một là mọc lên chiếu sáng hiện rõ thành quách, hai là lặn đi chẳng hiện ra cung điện, bốn phía vuông tròn. Ánh sáng của nó chiếu quanh khắp mọi nơi, vì vậy nên tròn. Dùng vàng, pha lê trời tinh khiết tạo thành thành quách. Thành quách ấy có hai phần: một phần là vàng ròng không tỳ vết, không dơ bẩn, ánh sáng chói lọi; một phần là pha lê không tỳ vết, không dơ bẩn, tỏa ánh sáng. Mặt trời đại thành quách rộng dài mỗi mặt hai ngàn ba mươi dặm, trên dưới đều bằng phẳng. Trong thành có lầu nhà, cung điện bằng vàng, tên là Diêm-phù, thanh tịnh, cao sáu trăm bốn mươi dặm, rộng cũng sáu trăm bốn mươi dặm. Trong lầu nhà, cung điện Diêm-phù, có tòa ngồi của Thiên tử mặt trời, mỗi mặt rộng dài hai mươi dặm, dùng bảy báu cõi trời: vàng, bạc, lưu ly, pha lê, chơn châu đỏ, xa cừ, mã não làm thành. Toàn thân của Thiên tử mặt trời phóng ánh sáng, chiếu khắp cung điện Diêm-phù. Ánh sáng của cung điện Diêm-phù chiếu sáng đại thành quách và chiếu xuống bốn phương. Thiên tử mặt trời chẳng nghĩ rằng ta đi hay là chẳng đi, thường dùng năm thứ dục lạc tự vui chơi, thỏa thích. Thiên tử mặt trời có vô số trời đi trước dẫn đường, vui sướng vô cùng, trước sau có dẫn đường, theo đó mà đi, vì vậy gọi là ngự.

Thành quách của Thiên tử mặt trời dùng bảy báu làm thành bảy lớp vách, bảy lớp lan can, bảy lớp đường đi, cây cối, vườn nhà, ao tắm, có hoa sen xanh, vàng, đỏ, trắng. Trong đó có các loại chim bay cùng nhau vui hót. Tuổi thọ của Thiên tử mặt trời là năm trăm năm của trời. Con cháu, cháu con truyền đời cho nhau, mức cuối cùng là một kiếp. Thiên tử mặt trời thành quách phóng xuống năm trăm ánh sáng, chung

quanh lại có năm trăm ánh sáng. Đó là ngàn ánh sáng do nhân duyên lành mà đạt được. Do nhân duyên gì mà được ngàn ánh sáng? Đạt được để làm gì? Để chiếu sáng thiên hạ, khiến cho dân chúng thấy ánh sáng đó mà có thể hoàn thành các việc. Vì sao dân chúng thấy ánh sáng đó có thể hoàn thành các việc? Nếu có người bố thí cho Sa-môn, Đạo nhân và kẻ bần cùng áo mền, thức ăn uống, xe ngựa, lục súc, hương xông, tràng hoa, giường nằm, phòng ốc, nhà cửa, đèn lửa, xin cái gì liền cho cái đó, không nghịch ý người, thường không ngừng nghỉ, bố thí hết mình, không mệt mỏi, thật lòng bố thí, sau không hối tiếc, khiến cho đạo nhân thanh tịnh, hoan hỷ phụng trì chơn pháp, vì vậy làm cho định ý, an ổn, thì người bố thí được vô số hạnh lành. Thí như Chuyển luân vương khi vừa mới lên ngôi, tâm ý hoan hỷ không kể xiết.

Phật dạy:

–Cũng như vậy, nếu có người bố thí cho Sa-môn, Đạo nhân và kẻ bần cùng áo mền, thức ăn uống, xe ngựa, lục súc, tràng hoa, giường nằm, phòng ốc, nhà cửa, đèn lửa; ai xin gì, không nghịch ý người xin, bố thí không dừng nghỉ, thật lòng bố thí, sau không hối tiếc, khiến cho đạo nhân thanh tịnh, phụng trì pháp tôn quý, do vậy hoan hỷ, khiến được định ý, an ổn, được vô số hạnh lành, thì người ấy khi chết được sanh vào chỗ an ổn, tức là sanh vào chỗ Thiên tử mặt trời, liền được giữ thành quách mặt trời, ánh sáng của người đó chiếu xuống khắp bốn phương.

Đó gọi là ngàn ánh sáng do nhân duyên lành mà đạt được.

Lại, do có mười nhân duyên gì mà được ngàn ánh sáng? Một là không sát sanh; hai là không trộm cắp; ba là không xâm phạm phụ nữ của người khác; bốn là không nói dối; năm là không uống rượu; sáu là không nói lời thô ác, mắng nhiếc; bảy là không nói hai lưỡi, thêu dệt; tám là không ganh ghét; chín là không sân hận; mười là chánh kiến. Vì tâm nghĩ về vô số điều thiện, điều nhân từ nên khi chết liền sanh về chỗ Thiên tử mặt trời, tự nhiên được giữ thành quách mặt trời. Đó là ngàn ánh sáng do nhân duyên lành đạt được.

Lại do từ nhân duyên lành gì mà đạt được ngàn ánh sáng? Một là không sát sanh, hai là không trộm cắp, ba là không xúc phạm phụ nữ người khác, bốn là không nói dối, năm là không uống rượu, ý luôn luôn nghĩ về điều lành, điều nhân từ. Thí như chỗ đất tốt, tại ngã tư đường có ao tắm, nước trong mát, êm ả, đẹp đẽ, các loại cây bao bọc chung quanh, nếu có người từ nơi nóng bức đến, rất đói khát vào trong ao tắm,

tắm rửa uống nước thì tâm ý người ấy vô cùng hoan hỷ.

Phật dạy:

–Cũng như vậy, nếu có người nào không trộm cắp, tà dâm, nói dối, uống rượu, ý nghĩ vô số điều thiện thì khi chết được sanh về chỗ Thiên tử mặt trời, liền được giữ thành quách mặt trời. Đó là nhân duyên lành đạt được ngàn ánh sáng rực rỡ. Vì sao mặt trời đại thành quách khiến cho thiên hạ có mùa thu, mùa đông lạnh lẽo? Vì do mười hai nhân duyên. Mười hai nhân duyên ấy là gì? Một là khoảng giữa núi Tu-di chừng ba trăm ba mươi sáu vạn dặm mọc lên hoa sen hồng, hoa sen xanh, hoa sen vàng, hoa sen trắng rất đẹp và nhiều hương thơm. Ánh sáng của mặt trời đại thành quách chiếu vào trong đó, bị hút. Vì nhân duyên ấy làm cho mặt trời đại thành quách lạnh vào mùa thu, mùa đông. Đó là việc thứ nhất.

Hai là khoảng giữa núi A-la-đà, dài một trăm sáu mươi tám vạn dặm, trong đó mọc hoa sen xanh, hồng, vàng, trắng rất đẹp và nhiều hương thơm, hút ánh sáng của mặt trời đại thành quách. Vì vậy, khiến cho mặt trời đại thành quách lạnh. Đó là việc thứ hai.

Lại nữa, khoảng giữa núi Du-an, dài tám mươi bốn vạn dặm, trong đó có mọc hoa sen xanh, hồng, vàng, trắng rất đẹp và nhiều hương thơm, lại hút ánh sáng mặt trời đại thành quách. Vì vậy thiên hạ lạnh. Đó là việc thứ ba.

Lại nữa, ở khoảng giữa núi Thiện kiến, dài bốn mươi tám vạn dặm, trong đó có mọc hoa sen xanh, hồng, vàng, trắng rất đẹp và nhiều hương thơm, hút ánh sáng mặt trời. Vì vậy khiến thiên hạ lạnh. Đó là việc thứ tư.

Ngoài núi Thiện kiến, kế đến có núi A-sao-ba, khoảng giữa dài hai mươi bốn vạn dặm; sau núi thứ năm là A-sao-ba, có núi Ni-di-đà, khoảng giữa dài mười hai vạn dặm; sau núi thứ sáu là Ni-di-đà, có núi Tỷ-na, khoảng giữa dài bốn vạn tám ngàn dặm; sau núi thứ bảy là Tỷ-na, có núi Thiết vi dài hai vạn bốn ngàn dặm, hút ánh sáng của mặt trời đại thành quách, vì vậy nên khiến cho thiên hạ lạnh vào mùa thu, đông. Đó là việc thứ tám.

Lại nữa, các dòng sông trong thiên hạ, hút ánh sáng của mặt trời đại thành quách, vì vậy nên mặt trời đại thành quách lạnh vào mùa thu, đông. Đó là việc thứ chín.

Lại nữa, nước của các dòng sông đó chảy về hướng đông, chảy về

hướng cõi Diêm-phù-đề ít, chảy về cõi Câu-da-ni nhiều, liền hút ánh sáng của mặt trời đại thành quách. Vì vậy mặt trời trong thiên hạ lạnh, đó là việc thứ mười.

Lại nữa, các dòng sông chảy về Câu-da-ni ít, chảy về Phất-vu-đãi nhiều, lại hút ánh sáng của mặt trời đại thành quách, cho nên thiên hạ lạnh. Đó là việc thứ mười một.

Lại nữa, các dòng sông chảy về Phất-vu-đãi ít, chảy về Uất-đơn-việt nhiều, lại hút ánh sáng của mặt trời đại thành quách. Nước biển lớn hút ánh sáng của mặt trời đại thành quách, vì vậy mặt trời trong thiên hạ lạnh, có mùa thu, đông. Đó là việc thứ mười hai.

Vì nhân duyên gì mà mặt trời đại thành quách nóng vào mùa xuân, mùa hạ? Có mười việc. Mười việc ấy là gì?

Bên núi chúa Tu-di có núi tên là A-đa, cao một trăm sáu mươi tám vạn dặm, rộng cũng một trăm sáu mươi tám vạn dặm, biên giới rộng vô cùng, rất đẹp đẽ, dùng bảy báu: vàng, bạc, lưu ly, pha lê, chơn châu đỏ, xa cừ, mã não làm thành. Núi ấy hút ánh sáng của mặt trời đại thành quách, vì vậy nên thiên hạ nóng. Đó là việc thứ nhất.

Lại nữa, ngoài núi A-đa, có núi tên là Y-sa-đa cao bốn mươi tám vạn dặm, rộng cũng bốn mươi tám vạn dặm, biên giới vô cùng, rất đẹp đẽ, dùng toàn bảy báu làm thành, hút ánh sáng của mặt trời đại thành quách, vì vậy nên thiên hạ nóng. Đó là việc thứ hai.

Lại nữa, ngoài núi Y-sa-đa, có núi tên là Du-an-đà, cao bốn mươi tám vạn dặm, rộng cũng bốn mươi tám vạn dặm, biên giới vô cùng, rất đẹp đẽ, dùng toàn bảy báu làm thành. Núi ấy lại hút ánh sáng của mặt trời đại thành quách nên thiên hạ nóng. Đó là việc thứ ba.

Lại nữa, ngoài núi Du-an-đà, có núi tên là Thiện kiến, cao hai mươi bốn vạn dặm, rộng cũng hai mươi bốn vạn dặm, biên giới vô cùng... Đó là việc thứ tư.

Lại nữa, có núi tên là A-sao-ni, cao mười hai vạn dặm, rộng cũng mười hai vạn dặm, biên giới vô cùng... Đó là việc thứ năm.

Lại nữa, có núi tên là Ni-di-đà, cao bốn vạn tám ngàn dặm, rộng cũng bốn vạn tám ngàn dặm, biên giới vô cùng... Đó là việc thứ sáu.

Sau núi Ni-di-đà, kế đến có núi tên là Tỷ-na-đầu, cao hai vạn bốn ngàn dặm, rộng cũng hai vạn bốn ngàn dặm, biên giới vô cùng... Đó là việc thứ bảy.

Ngoài ra, kế đến lại có núi tên là Thiết vi, cao hai vạn hai ngàn dặm, rộng cũng hai vạn hai ngàn dặm, biên giới vô cùng, dùng toàn bảy báu làm thành. Ánh sáng của mặt trời đại thành quách chiếu khắp trên đó vì vậy nên thiên hạ nóng, có mùa xuân, mùa hạ. Đó là việc thứ tám.

Lại nữa, từ đây cao lên bốn mươi vạn dặm, có nhà của thiên thần, dùng pha lê làm thành, ở giữa hư không, gió lớn khống chế lôi đi, giống như mây nổi. Người trong thiên hạ đều gọi là tinh tú; cái lớn chu vi bảy trăm hai mươi dặm, cái trung bình chu vi bốn trăm tám mươi dặm, cái nhỏ chu vi hai trăm bốn mươi dặm. Ánh sáng của mặt trời đại thành quách nhiều hơn những tinh tú đó, do nhân duyên ấy nên thiên hạ nóng. Đó là việc thứ chín.

Lại nữa, đất trong thiên hạ, hút ánh sáng của mặt trời đại thành quách, vì vậy nên thiên hạ nóng, thành mùa xuân, mùa hạ. Đó là việc thứ mười.

Mặt trời đại thành quách có năm thứ gió thường hộ trì. Một là Trì phong, hai là Trụ phong, ba là Trợ phong, bốn là Chuyển phong, năm là Hành phong. Đó là năm thứ gió cùng làm chuyển mặt trời đại thành quách đi, chưa từng có lúc dừng nghỉ.

Phật dạy:

–Bấy giờ mặt trăng đại thành quách mọc lên đi vòng núi Tu-di, từ hướng Đông lặn về hướng Tây, ánh sáng oai thần kém hơn, cho nên gọi là mặt trăng. Mặt trăng có hai việc: Ánh sáng đi vòng và chiếu khắp bốn phương. Đại thành quách của nó bốn bên đều tròn, ánh sáng bao quanh cũng tròn. Mặt trăng thành quách do bạc trời, lưu ly trời tạo thành. Mặt trăng đại thành quách rộng, dài mỗi mặt một ngàn chín trăm sáu mươi dặm, phần trên phần dưới bằng nhau. Trong thành có cung điện bằng lưu ly của Thiên tử mặt trăng. Cao sáu trăm dặm, rộng cũng sáu trăm dặm. Bên trong có tòa ngồi của Thiên tử mặt trăng, mỗi mặt rộng dài hai mươi dặm, dùng bảy báu: vàng, bạc, lưu ly, pha lê, chơn châu đỏ, xa cừ, mã não tạo thành. Toàn thân của Thiên tử mặt trăng đều phóng ra ánh sáng chiếu cung điện, ánh sáng của cung điện phóng ra chiếu đại thành quách, ánh sáng đại thành quách chiếu xuống khắp bốn phương. Thiên tử mặt trăng chẳng tự nghĩ là ta đi hay chẳng đi, thường dùng năm dục lạc của cõi trời vui chơi thỏa thích. Thiên tử mặt trăng dẫn theo vô số chư Thiên trước, sau đánh xe dạo chơi, thường vui vẻ thích thú, nên gọi là ngự. Tuổi thọ của Thiên tử mặt trăng theo tuổi trên trời là năm trăm tuổi. Con cháu, cháu con tiếp nối truyền cho nhau.

Vách của thành quách ấy dùng bảy báu tạo thành. Bảy lớp lan can, bảy lớp đường đi, bảy lớp hàng cây, cây cối bao bọc chung quanh, dùng toàn bảy báu tạo thành. Có vườn nhà, ao tắm, trong đó có đủ loại hoa sen xanh, vàng, đỏ trắng, các loài chim bay cùng nhau vui hót. Thiên tử mặt trăng có năm trăm ánh sáng phóng xuống, chung quanh lại có năm trăm ánh sáng gộp lại thành một ngàn ánh sáng, do nhân duyên lành mà đạt được. Do nhân duyên lành gì mà được ngàn ánh sáng? Nếu có người bố thí cho Sa-môn, Đạo nhân và kẻ bần cùng áo, mền, thức ăn uống, xe ngựa, lục súc, hương xông, tràng hoa, phòng ốc, nhà cửa, đèn lửa, cần gì cho nấy, không nghịch ý người xin, thật lòng bố thí, sau chẳng hối tiếc, khiến cho Đạo nhân thanh tịnh phụng trì chân pháp, khiến được an ổn thì được vô số hạnh lành. Thí như Chuyển luân vương khi mới lên ngôi, tâm ý vô cùng hoan hỷ.

Phật dạy:

–Cũng như vậy, nếu có người bố thí cho Sa-môn, Đạo nhân và kẻ bần cùng áo, mền, thức ăn uống, các thứ đồ dùng khiến được an ổn, hoan hỷ vô cùng, thì người ấy khi chết được sanh lên chỗ Thiên tử mặt trăng, liền được giữ đại thành quách mặt trăng. Vì vậy nên gọi là ngàn ánh sáng do nhân duyên lành đạt được.

Lại từ nhân duyên lành gì mà được ngàn ánh sáng? Nếu có người không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, nói thêu dệt, nói lời thô ác, mắng chửi, nói hai lưỡi, không có ý ganh ghét, không sân giận, ngu si, làm mười điều thiện thì tâm ý vô cùng hoan hỷ. Thí như vùng đất tốt, ở ngã tư đường có ao tắm, nước trong sạch, êm ả, đẹp đẽ, chung quanh có cây. Nếu có người đói khát từ chỗ nóng bức đến vào trong ao tắm, uống nước, tâm ý vô cùng hoan hỷ.

Phật dạy:

–Cũng như thế, nếu có người làm mười điều thiện, khi chết, liền sanh lên chỗ Thiên tử mặt trăng, được giữ đại thành quách mặt trăng. Đó gọi là nhân duyên lành mà đạt được ngàn ánh sáng ấy.

Lại do từ nhân duyên lành gì mà được ngàn ánh sáng? Nếu có người không sát sanh, không trộm cắp, không xâm phạm phụ nữ người khác, không nói dối, không uống rượu. Người ấy luôn hoan hỷ, thì khi chết liền sanh lên chỗ Thiên tử mặt trăng, được giữ thành quách mặt trăng. Đó gọi là do nhân duyên lành mà đạt được ngàn ánh sáng.

Trong khoảng sáu mươi lần búng ngón tay thì gấp được bảy thước

lụa. Gấp hai mươi mốt thước lụa là một giờ. Khoảng một trăm lần búng ngón tay thì gấp được mười thước. Mặt trời đại thành quách, trong một ngày, đi được sáu mươi dặm về hướng Nam; đi hết một trăm tám mười ngày, mới đi trở lại về hướng Bắc một trăm tám mươi ngày nữa. Mặt trời đi một trăm tám mươi ngày còn mặt trăng đi mười lăm ngày.

Vào giữa ngày ở cõi Diêm-phù-lợi thì ở cõi Phất-vu-đãi phương Đông là tối; ở cõi Câu-da-ni phương Tây thì mặt trời mới mọc, ở cõi Uất-đơn-việt phía Bắc vào nửa đêm. Ở cõi Câu-da-ni vào giữa ngày thì ở cõi Diêm-phù-lợi tối, ở cõi Uất-đơn-việt mặt trời mới mọc, ở cõi Phất-vu-đãi nửa đêm. Ở cõi Uất-đơn-việt vào giữa ngày thì cõi Câu-da-ni tối. Ở cõi Phất-vu-đãi mặt trời mới mọc thì cõi Diêm-phù-lợi nửa đêm. Ở cõi Phất-vu-đãi vào giữa ngày thì ở cõi Uất-đơn-việt là tối. Ở cõi Diêm-phù-lợi mặt trời mới mọc thì ở cõi Câu-da-ni là nửa đêm. Như vậy ở cõi Diêm-phù-lợi giữa ngày, thì cõi Phất-vu-đãi ở phương Đông tối. Cõi Câu-da-ni phương Tây mặt trời mọc thì ở cõi Uất-đơn-việt nửa đêm. Ở cõi Câu-da-ni giữa ngày thì ở cõi Diêm-phù-lợi tối. Ở cõi Uất-đơn-việt mặt trời mọc thì ở cõi Phất-vu-đãi nửa đêm.

Phật dạy:

–Do nhân duyên gì mà mặt trăng bị khuyết giảm dần dần? Vì có ba việc nên bị khuyết giảm. Ba việc ấy là gì?

Một là vì đi về một góc nên dần dần bị khuyết giảm. Đó là việc thứ nhất.

Hai là ở bên mặt trăng đại thành quách, có chư Thiên, y phục của họ màu xanh, ngọc anh lạc của họ cũng xanh, che khuất phía họ đứng nên phía ấy bị khuyết giảm. Đó là việc thứ hai.

Ba là mặt trời đại thành quách dùng sáu mươi ánh sáng, chiếu ngay nơi ánh sáng của mặt trăng đại thành quách chiếu, nên phía ấy bị khuyết giảm. Đó là việc thứ ba, mặt trời đoạt ánh sáng mặt trăng.

Vì nhân duyên gì mà mặt trăng hiện đầy? Có đầy đủ ba việc. Ba việc ấy là gì?

Một là mặt trăng dần dần đi ba phương. Vì vậy nên mặt trăng dần dần hiện ra tròn đầy. Đó là việc thứ nhất.

Hai là ngày rằm trong tháng, chư Thiên sắc xanh, mặc áo xanh vào trong thành mặt trăng cùng nhau vui chơi. Khi ấy mặt trăng dùng hết ánh sáng chiếu chư Thiên. Thí như ở chính giữa các ngọn đèn, đốt lên ngọn lửa lớn, thì ngọn lửa ấy chiếu khắp các ngọn đèn.

Phật dạy:

–Cũng như vậy, chư Thiên ở bên mặt trăng đại thành quách, sắc họ xanh và y phục cũng xanh. Vào ngày rằm trong tháng họ vào cùng vui chơi với Thiên tử mặt trăng, nên ánh sáng mặt trăng chiếu hư không. Vì vậy nên ngày rằm mặt trăng hiện ra tròn đầy. Đó là việc thứ hai.

Ba là vào ngày rằm trong tháng, mặt trời dùng sáu mươi ánh sáng chiếu khắp mặt trăng đại thành quách, mặt trăng không nhận. Vì vậy nên mặt trăng hiện ra tròn đầy. Đó là việc thứ ba.

Mặt trăng đại thành quách thường có năm thứ gió hộ trì. Năm thứ ấy là gì? Một là Trì phong, hai là Trụ phong, ba là Trợ phong, bốn là Chuyển phong, năm là Hành phong. Đó là năm thứ gió thường đi với mặt trăng thành quách, chưa từng có khi dừng nghỉ.

Vì nhân duyên gì mà trong mặt trăng hiện ra màu sữa? Vì có cội cây tên là Diêm-phù-lợi, do vậy tên của cõi này là Diêm-phù-lợi. Dưới cây ấy có núi, dùng toàn bảy báu làm thành, cao tám trăm dặm, chung quanh cũng tám trăm dặm. Cây ấy cao bốn ngàn dặm, bóng tỏa

ra hai ngàn dặm, thân to năm trăm sáu mươi dặm, rễ ăn sâu xuống tám trăm bốn mươi dặm, bóng của cây chiếu hiện trong mặt trăng, làm cho mặt trăng đại thành quách hiện ra màu sữa, chẳng sáng.

Phật bảo Tỳ-kheo:

–Tộc tánh tử khi hành sự nên như mặt trăng chiếu sáng thiên hạ, dứt bỏ thân kiêu mạn, vượt lên trên chủng tánh, thường giữ ý hổ thẹn. Quả trên cây lớn Diêm-phù-lợi giống như cái bình lớn, vị của nó ngọt như mật, sắc nó trắng như váng sữa. Phía Bắc cây lớn Diêm-phù-lợi có bảy lớp núi, bảy lớp cây cối; có bảy tinh xá của Tiên nhân Bà-la-môn.

Phật dạy:

–Bấy giờ dân chúng ăn vị đất trên đất đó, để tự sanh sống. Cứ như vậy, ăn vị đất ấy rất lâu, sống lâu vô cùng. Ai ăn vị đất nhiều thì sắc diện biến thành xấu; kẻ ăn ít thì sắc diện xinh đẹp. Người nhan sắc xinh đẹp thì tự kiêu ngạo, chê cười kẻ nhan sắc xấu. Vì sắc đẹp mà tự kiêu ngạo chê cười nhau, nên vị đất ấy liền biến mất, chẳng sinh lại. Lại tự nhiên sanh bánh mỏng, vị quả nó rất thơm ngon, nhưng không bằng vị đất khi trước. Dân chúng cùng hội họp bàn tán, tự đánh mình, kêu than, khóc lóc, tưởng nhớ vị đất rất ngon trước kia đã bị mất.

Phật dạy:

–Thí như người cõi này có vị ngon ngọt cùng người thưởng thức, liền nói: "Vị ấy ngon làm sao!" Họ nhớ mãi vị ấy không thôi. Lúc ấy dân chúng cũng như vậy, cùng hội họp bàn tán, buồn lo tự đánh mình, kêu la, khóc lóc, nhớ nghĩ vị đất trước kia. Khi đó dân chúng lại lấy bánh mỏng ăn để tự nuôi sống. Như vậy rất lâu, ai ăn bánh đất mỏng nhiều, thì nhan sắc liền biến thành xấu, ai ăn ít thì nhan sắc xinh đẹp. Người nhan sắc xinh đẹp thì chê cười kẻ nhan sắc xấu. Do nhan sắc mà tự kiêu ngạo chê cười nhau, nên bánh đất mỏng liền biến mất, không sanh lại. Lại sanh ra Ba-la, vị của nó cũng thơm ngon nhưng không bằng vị của bánh mỏng trước kia, giống như hoa Khô-gia-lam, vị của nó như mật. Lúc ấy dân chúng hội họp bàn tán, buồn lo, tự đánh mình, kêu la, khóc lóc, nhớ nghĩ bánh đất mỏng trước kia. Dân chúng liền lấy vị Ba-la ăn để tự sanh sống, mạng sống của họ rất lâu. Ai ăn vị Ba-la nhiều thì nhan sắc biến thành xấu, ai ăn ít thì nhan sắc xinh đẹp. Người nhan sắc xinh đẹp vì sắc đẹp mà kiêu ngạo chê cười nhau rất thậm tệ, nên Ba-la đất liền biến mất không sanh ra nữa. Lại tự nhiên sanh ra gạo thơm, vị nó cũng thơm ngon, đẹp đẽ; các loại gạo ấy đều tinh khiết, tỏa

ra tất cả hương vị nhưng không bằng vị Ba-la. Dân chúng cùng hội họp, bàn tán, lo sầu, kêu la, khóc lóc, nhớ nghĩ vị Ba-la trước kia, tự đánh mình. Giống như dân chúng cõi này, gặp phải sự việc quá đau khổ, kêu la, khóc lóc, dân chúng lúc ấy ở đó cũng như vậy.

Bấy giờ dân chúng lấy gạo thơm tự nhiên ăn. Sau khi ăn gạo thơm tự nhiên, con người biến thành kẻ nam, người nữ, hai phái nhìn nhau liền khởi ý dâm dục, đi đến chỗ vắng cùng nhau làm việc bất tịnh, là sự việc dơ uế. Người khác thấy liền nói: "Vì sao các ngươi làm việc phi pháp? Mọi người đâu có hướng đến nhau mà làm chuyện như vậy?" Rồi tránh xa họ, chẳng cùng chuyện trò. Hai, ba tháng sau mới gọi họ đến gặp và nói: "Xưa kia, người không tham đắm, ngày nay, người vừa có tham đắm". Sau đấy liền đem người con gái gả cho người con trai, ca múa, vui cười, chúc tụng, cầu cho vợ chồng thường được an ổn.

Lúc ấy người tham đắm việc dâm dục phi pháp, sau khi làm việc dâm dục phi pháp, liền tạo ra nhà cửa. Do vì việc phi pháp ấy, nên bắt đầu tạo dựng nhà cửa.

Phật nói kệ:

Ban đầu tạo nước Chiêm-ba
Tiếp xây thành Ba-la-nại
Vì vậy mặt trời chiếu sáng
Sau đó mới làm La-duyệt.

Bấy giờ dân chúng tham đắm việc dâm dục phi pháp. Chư Thiên trên cõi trời A-vệ-hóa-la thứ mười lăm, lộc phước đức của họ ít, khi chết, sanh xuống nhân gian vào trong bào thai nơi bụng mẹ, vì vậy nên nữ nhân bắt đầu mang thai, sanh ra con trai, con gái. Lúc ấy dân chúng cùng ăn gạo thơm thanh khiết, vào buổi chiều đi lấy gạo thơm thì sáng hôm sau gạo lại tiếp tục sanh như cũ. Buổi sáng đi lấy, đến chiều gạo thơm cũng sanh lại như cũ.

Phật dạy:

–Như vậy, dân chúng sáng, chiều thu hoạch gạo thơm, tùy theo đó mà sanh ra như cũ. Rồi ngay chỗ thu hoạch gạo thơm, bỗng nhiên có người nghĩ: "Ta sớm chiều đi lấy gạo thơm thanh khiết một cách mệt nhọc, chi bằng dồn lại lấy phần gạo thơm cho hai ngày", nghĩ rồi liền đi đến lấy. Gặp người khác, anh ta rủ cùng đi lấy gạo thơm. Anh ta bảo: "Tôi đã mang phần gạo thơm cho hai ngày về rồi. Anh hãy tự đến lấy đi". Bấy giờ người ấy khen hay, nói: "Hắn thật sung sướng, hóa ra hắn

đã đến lấy phần gạo thơm cho hai ngày rồi, ta nên trừ lại phần gạo thơm cho hai, ba ngày". Người khác lại thấy nói: "Để ta cùng đi lấy gạo thơm tinh khiết với". Người kia đáp: "Tôi đã lấy phần gạo thơm cho hai ba ngày rồi. Anh hãy tự đi lấy tùy ý". Người ấy nghe nói cho là phải, tự nghĩ nên đến lấy phần gạo thơm tinh khiết cho bốn, năm ngày, liền đi đến lấy phần gạo thơm tinh khiết cho bốn, năm ngày. Vì nhiều người cùng bắt chước đi lấy gạo thơm tinh khiết, nên sau đó mới sanh loại lúa thơm, chỗ nào đã lấy, thì ngay chỗ ấy không sanh lại. Lúc ấy dân chúng tụ tập cùng bàn tán sầu lo, chẳng vui, tự đánh mình, khóc lóc, kêu la, nói: "Xưa kia, ta dùng niềm vui làm thức ăn, thân có ánh sáng, dùng thần túc bay đi, đúng là thời gian an ổn. Nhưng đất tự nhiên sanh vị đất rất thơm ngon, sắc của nó giống như váng sữa trắng, vị của nó như mật. Kẻ ngu lấy vị đất kia ăn rồi liền bắt chước nhau lấy ăn, nên đều bị mất ánh sáng, thần túc. Ai ăn nhiều thì nhan sắc thô xấu, ai ăn ít thì nhan sắc xinh đẹp. Kẻ nhan sắc đẹp đẽ thì tự kiêu ngạo, chê cười kẻ nhan sắc xấu. Vì chê cười nhau nên vị đất biến mất, không sanh lại. Lại sanh một loại bánh mỏng, sau khi bánh mỏng biến mất, lại sanh Ba-la; Ba-la biến mất, lại sanh gạo thơm; vì kiêu ngạo chê cười nhau nên đến nỗi khiến cho ngay chỗ lấy gạo thơm tinh khiết không sanh lại nữa, nên phải cùng chia đất, đắp bờ làm ranh giới". Vì vậy người trong thiên hạ lại làm cái việc chưa từng có là cùng phân chia đất đai đắp bờ làm ranh giới, mỗi người tự cày cấy gieo trồng. Bấy giờ, có một người ngu đã có lúa thơm của mình rồi nhưng còn đi ăn trộm lúa gạo thơm của người khác. Người chủ bắt gặp liền nói: "Anh đã làm chuyện phi pháp. Đã có lúa thơm của mình mà không lấy dùng, lại đi ăn trộm lúa thơm của người khác sao? Sau, ngươi đừng làm chuyện như thế nữa". Nhưng ba lần như vậy, người ấy để dành gạo thơm của mình, đi ăn trộm gạo thơm nhà người khác. Người chủ lại bắt gặp, liền nói: "Ngươi đã phạm lỗi lớn là đã để dành gạo thơm của mình, lại đi ăn trộm gạo thơm của người khác, như vậy đến nay là lần thứ ba". Rồi dùng tay đánh, dẫn vào trong làng, cho ngồi trong đám đông người, trách cứ: "Người này để dành gạo thơm của mình, lại đi ăn trộm của người khác". Người ăn trộm đó nói với mọi người: "Người này dùng tay đánh đập tôi". Mọi người liền cùng nhau hội họp bàn tán, sầu lo chẳng vui, tự đánh mình, khóc lóc, kêu than, nói: "Nay thế gian đã nảy sanh điều ác, bất thiện, oán thù kết chặt lâu ngày tạo thành nỗi khổ ghê gớm. Một người đã thiêu, rồi lại thiêu hủy mạng mình, nên có các sự kiện lão, bệnh, tử và

đường ác. Con người hiện chịu sự bắt bớ, đánh đập nhau, đã vậy rồi lại tự gây ra sự kiện tụng". Mọi người liền cùng nhau bàn luận: "Bây giờ không biết ở đâu có người hiền để tôn lên làm người lãnh đạo, để trông coi công việc. Những việc chúng ta làm, do người đó quyết định. Nếu có người làm việc phi pháp thì phải trừng phạt. Gạo thơm mà chúng ta đã gieo trồng, mọi người đều cùng góp phần cung cấp y phục, thức ăn uống cho người ấy". Lúc ấy, trong đám đông đó, có một người tôn quý nhất, đoan chánh, đẹp đẽ, uy phong lẫm liệt. Mọi người liền thưa với người ấy: "Nên vì chúng tôi mà làm người lãnh đạo để trông coi công việc, chúng tôi sẽ tuân theo sự chỉ giáo của ngài. Nếu ai làm việc phi pháp thì nên trừng phạt họ, số gạo thơm mà chúng tôi đã gieo trồng và thu hoạch được, mọi người cùng cung cấp y phục, thức ăn uống cho ngài". Người ấy nói: "Đồng ý". Họ liền cùng nhau lập người ấy làm lãnh đạo trông coi tất cả công việc và tuân theo sự chỉ giáo của người ấy. Nếu có người làm việc sai lầm thì liền trừng phạt. Gạo thơm mà mọi người trồng được cùng góp cho người lãnh đạo. Dân chúng cùng tuân theo giáo lệnh và tôn xưng là đại vương. Theo phép mà thu thuế, cho nên gọi là Sát-lợi. Vì vậy nên thiên hạ mới có dòng dõi Sát-lợi; đất nước trong thiên hạ đều thuộc về đại vương.

Khi ấy cõi đất Diêm-phù-lợi, bằng phẳng không có núi gò, khe hang, gai góc; không có muỗi mòng, chấy rận, cũng không có gạch đá, đất rải đầy ngọc minh nguyệt, lưu ly, vàng, bạc. Khi vua cai trị cõi Diêm-phù-lợi, thiên hạ giàu có, yên vui, hưng thịnh, bình yên, ngũ cốc phong phú, dân chúng đông đúc, đất tốt, nước cũng dồi dào, giống như váng dầu mè rưới trên đất không có bụi bặm. Cỏ xanh mọc rất nhiều, bao bọc cùng khắp, sắc cỏ như đuôi chim Khổng tước, mùi thơm của nó như mùi thơm của hoa, mềm láng như nhung lụa, châm giẫm lên thì lún xuống đất bốn tấc, dỡ chân lên thì trở lại như cũ, đất không có chỗ bị lún xuống bốn tấc. Có cây Hương, cây Anh lạc, cây Y bị, cây Bất túc, cây Bão, cây Khí, cây Âm nhạc; cây sanh hoa quả, bổ ra, quả nào cũng hiện ra các thứ vật dụng. Trong đó, có cây cao bảy tầng âm thanh, có cây thấp đến sáu, năm, bốn, ba, hai, một tầng âm thanh, cây thấp nhất cao nửa tầng âm thanh. Khi đại vương trị vì thiên hạ, cõi Diêm-phù-lợi có tám vạn quận quốc. Dân chúng ở trong xóm làng, khi gà gáy, lần lượt cùng nghe. Thiên hạ không có bệnh, không nóng lắm, cũng không lạnh lắm, lại không có người đói khát. Nhà vua dùng chánh pháp cai trị, phụng hành mười điều thiện, dạy khắp dân chúng trong thiên hạ, khiến

thực hành mười điều thiện. Nhà vua nhớ nghĩ và thương dân chúng trong thiên hạ như cha thương con, dân chúng trong thiên hạ kính vua như con kính cha. Vị vua ấy có người con tên là Chơn, kế ngôi. Vua Chơn có con tên là Tề. Vua Tề có con tên là Đảnh Sanh. Vua Đảnh Sanh có con tên là Giá Lưu. Vua Giá Lưu có con tên là Hòa Hành. Vua Hòa Hành có con tên là Lưu Chí. Vua Lưu Chí có con tên là Nhật. Vua Nhật có con tên là Ba-na. Vua Ba-na có con tên là Đại Ba-na. Vua Đại Ba-na có con tên là Sa-kiệt. Vua Sa-kiệt có con tên là Đại Thiện Kiến. Vua Đại Thiện Kiến có con tên là Đề Nhiệm. Vua Đề Nhiệm có con tên là Nhiễm. Vua Nhiễm có con tên là Mê Lưu. Vua Mê Lưu có con tên là Ma-lưu. Vua Ma-lưu có con tên là Tinh Tấn Lực. Vua Tinh Tấn Lực có con tên là Kiên Tặc. Vua Kiên Tặc có con tên là Thập Xa. Vua Thập Xa có con tên là Xá-la. Vua Xá-la có con tên là Thập Trượng. Vua Thập Trượng có con tên là Bách Trượng. Vua Bách Trượng có con tên là Na-hòa-đàn. Vua Na-hòa-đàn có con tên là Chơn Xà. Vua Chơn Xà có con tên Ba-diên. Về sau các vua rất nhiều.

Các Chuyển luân vương có mười dòng họ. Một là họ Ca-nô-xa, hai là họ Đa-lư-đề, ba là A-ba, bốn là Kiền-đà-lợi, năm là Ca-lăng, sáu là Giá-ba, bảy là Câu Liệp, tám là Bát-xà, chín là Di-thi-lợi, mười là Ma-ni. Đó là mười dòng họ. Họ Ca-nô-xa có năm đời vua, họ Đa-lư-đề cũng có năm đời, họ A-ba có bảy đời, họ Kiền-đà-lợi cũng có bảy đời, họ Ca-lăng có chín đời, họ Giá-ba có mười bốn đời, họ Câu Liệp có ba mươi mốt đời, họ Bát-xà có ba mươi hai đời, họ Di-thi-lợi có tám vạn bốn ngàn đời, họ Ma-ni có một trăm lẻ một đời vua. Về sau có vua tên là Đại Thiện Sanh, mọi người gọi là Y-ma. Vua Y-ma có con, tự là Ô Lạp. Vua Ô Lạp có con tự là Bất Ni. Vua Bất Ni có con tên là Sư Tử. Vua Sư Tử có con tên là Duyệt-đầu-đàn. Vua Duyệt-đầu-đàn có con tên là Tất-đạt Bồ-tát. Tất-đạt Bồ-tát có con tên là La Vân.

Phật dạy:

–Do nhân duyên ấy từ xưa đến nay nên phát khởi dòng Sát-lợi. Bấy giờ có người suy nghĩ: “Chúng ta bị ràng buộc do tật bệnh, phù thũng, ghẻ lở. Nay muốn bỏ tất cả sự ràng buộc đó”. Họ liền đi vào ngồi trong nhà, chốn vắng vẻ, liền bỏ hết sự ràng buộc do tật bệnh, phù thũng, ghẻ lở. Họ vào trong chốn vắng, suy tư về đạo. Hôm nay dậy sớm, ngày mai dậy sớm, đi vào xóm làng hẻo lánh để khất thực, dân chúng trông thấy đều cùng hoan hỷ. Dân chúng liền nói: “Lành thay! Vị ấy đã bỏ tất cả sự ràng buộc của tật bệnh, phù thũng, ghẻ lở, đi vào

chốn vắng vẻ, ngồi suy tư về đạo".

Phật dạy:

–Nhưng những bọn người ấy chỉ làm việc ác, bất thiện, vì vậy gọi là Bà-la-môn. Lúc ấy những người đó không ngồi thiền suy tư về đạo, cũng chẳng thể đắc thiền. Vì chẳng thể ngồi thiền, đắc thiền, nên rời chỗ ngồi đứng dậy đi vào trong xóm làng khất thực, cầu đảo. Họ không thể ngồi thiền, cũng chẳng thể đắc thiền, cùng người tà hạnh vào nơi xóm làng hẻo lánh khất thực, cho nên gọi là "tụ", vì làm hạnh tà cho nên gọi là "hòa sa-la". Do vậy thế gian bắt đầu phát sinh chủng tộc Bà-la-môn. Khi ấy dân chúng đều phụng hành các pháp. Do vậy thế gian có chủng tộc Công sư. Khi ấy con người đều phạm tội sát sanh, nên gọi là chủng tộc Sát sanh. Do nhân duyên ấy, thế gian bắt đầu có sự sát sanh. Vì thế gian đã phát sanh bốn chủng tộc ấy, nên sau đó thế gian mới phát sanh chủng tộc thứ năm là Sa-môn. Nếu chủng tộc Sát-lợi, thân làm việc ác, miệng nói việc ác, tâm nghĩ việc ác, sau khi làm việc ác ấy thì thân chết đọa vào trong cảnh khổ đau vất vả. Các chủng tộc Bà-la-môn, Công sư và Sát sanh cũng như vậy. Nếu thân làm việc ác, miệng nói việc ác, tâm nghĩ việc ác thì thân chết đọa vào cảnh khổ đau vất vả. Chủng tộc Sát-lợi, nếu thân làm việc thiện, miệng nói việc thiện, tâm nghĩ việc thiện thì thân chết lại được sanh vào chốn an lạc. Các chủng tộc Bà-la-môn, Công sư, Sát sanh, thân họ làm việc thiện, miệng nói việc thiện, tâm nghĩ việc thiện thì thân chết sanh vào chốn an lạc. Chủng tộc Sát-lợi, chủng tộc Bà-la-môn, chủng tộc Công sư, chủng tộc Sát sanh nếu thân làm việc thiện, khẩu, ý hai việc thì khi chết thân rơi vào cảnh vừa khổ vừa vui.

Nếu có người trong chủng tộc Sát-lợi cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, tin đạo, bỏ nhà làm Sa-môn phụng hành ba mươi bảy phẩm kinh. Khi phụng hành như vậy rồi, thiện nam, thiện nữ, vì tin đạo nên bỏ nhà tu hạnh Sa-môn, làm việc thanh tịnh vô thượng, nên không bao lâu, trong hiện tại, nhờ công đức mà tự thành đạo, vượt khỏi sanh tử, đầy đủ phạm hạnh, việc làm đã xong, chẳng còn việc gì khác nữa.

Nếu có người trong các chủng tộc Bà-la-môn, Công sư, Sát sanh cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, tu hạnh Sa-môn, phụng hành ba mươi bảy phẩm kinh; do vì lòng tin của thiện nam tử, bỏ nhà làm hạnh Sa-môn, tu hành việc thanh tịnh vô thượng, thì chẳng bao lâu trong hiện tại, nhờ công đức mà tự thành đạo, vượt khỏi sanh tử, đầy đủ phạm hạnh, việc làm đã xong, chẳng còn việc gì khác nữa.

Bốn chủng tộc ấy, có người phát khởi hạnh hoàn thành trí tuệ được tôn xưng là bậc A-la-hán dứt hết mọi vướng chấp ràng buộc.

Bấy giờ trời Phạm-ma-tam-bát nói kệ:

Dòng Sát-lợi, người tôn quý
Các chủng tánh trong muôn dân
Do lòng tin thành tuệ hạnh
Bậc tôn quý của trời, người.

Vị trời Phạm-ma-tam-bát ấy thọ trì kệ này, không thọ trì điều ác, nói việc lành, chẳng nói lời ác.

Phật dạy:

–Để khuyến trợ điều đó, Ta, Như Lai, Vô Sở, Trước Đẳng Chánh Giác, cũng nói kệ nghĩa như vậy:

Các hàng chủng tánh trong dân
Dòng Sát-lợi, người tôn quý
Do lòng tin thành tuệ hạnh
Bậc tôn quý của trời, người.

Khi Phật nói kinh này xong, tám vạn bốn ngàn vị trời, người xa lìa mọi phiền não cấu nhiễm, đối các pháp sanh pháp nhãn, vô số Tỳ-kheo khởi chứng vô dư, không bị sanh tử, ý được giải thoát.

Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo hoan hỷ đến trước Phật, đảnh lễ, lui ra.

❑

KINH KHỞI THẾ

Hán dịch: Đời Tùy, Tam tạng Xà-na-quật-đa, người Thiên Trúc.

QUYỂN I

Phẩm 1: CHÂU DIÊM-PHÙ

Tôi nghe như vầy:

Một thuở nọ, Đức Bà-già-bà, ở thạch thất Ca-lợi-la tại thành Xá-bà-đề. Lúc ấy, các Tỳ-kheo, sau khi thọ trai, tập hợp tại giảng đường. Mọi người đồng ngồi, suy nghĩ và cùng bàn luận:

–Các Trưởng lão, thật chưa từng có! Nay, thế gian này, quốc độ, đất trời, chỗ ở của chúng sanh, thành lập như thế nào? Tan hoại như thế nào? Tan hoại rồi lại thành lập như thế nào? Thành lập rồi lại an trụ như thế nào?

Bấy giờ Đức Thế Tôn, một mình ở tại tịnh thất, do thiên nhĩ nghe pháp thanh tịnh hơn người, nghe các Tỳ-kheo sau khi thọ trai tập hợp tại giảng đường, cùng bàn luận chuyện hi hữu như vậy. Nghe xong, Thế Tôn sau buổi trưa xuất thiền, từ thạch thất đứng dậy, đi lên giảng đường, ở trước đại chúng Tỳ-kheo, theo lệ thường, trải tòa, ngồi thẳng tự nhiên. Đức Thế Tôn tuy biết nhưng vẫn hỏi:

–Các vị Tỳ-kheo, tập hợp tại đây để bàn luận chuyện gì?

Khi ấy các vị Tỳ-kheo đồng bạch Phật:

–Bạch Đại Đức Thế Tôn, Tỳ-kheo chúng con, sau khi thọ trai, cùng nhau tập hợp tại giảng đường này, bàn luận, nêu lên vấn đề: "Các Trưởng lão, thật chưa từng có! Thế gian thành lập như thế nào? Thế gian tan hoại như thế nào? Thế gian tan hoại rồi lại thành lập như thế nào? Thế gian thành lập rồi lại an trụ như thế nào?" Bạch Đại Đức Thế Tôn, chúng con tập hợp đến đây, ngồi bàn luận việc như vậy.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Hay thay! Tỳ-kheo các vị mới có khả năng tin và làm theo những điều đúng pháp như vậy. Các thiện nam tử, các vị vì lòng tin mà bỏ nhà xuất gia. Nếu các vị thường cùng nhau tập hợp một chỗ, bàn luận những điều đúng pháp như vậy, thì đó là việc chẳng thể nghĩ bàn.

Tỳ-kheo các vị, nếu khi tập hợp ngồi lại, thì nên tu hai Pháp hành này, mỗi người vì sự nghiệp của mình, chẳng sanh lười biếng kiêu mạn, đó là bàn luận pháp nghĩa và im lặng như bậc Thánh. Nếu có thể làm được điều đó, thì các vị nên nghe Như Lai nói về ý nghĩa và sự thành lập thế gian, sự tan hoại của thế gian, sự tan hoại rồi và thành lập lại của thế gian, thành lập rồi được an trụ như thế nào.

Các Tỳ-kheo đồng bạch Phật:

–Bạch Đại Đức Thế Tôn, nay đã đúng lúc. Nếu Phật Thế Tôn vì các Tỳ-kheo mà nói nghĩa này, thì Tỳ-kheo chúng con sau khi nghe Thế Tôn nói, sẽ như vậy mà phụng trì.

Bấy giờ Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Này các Tỳ-kheo, hãy lắng nghe, hãy lắng nghe, và suy nghĩ cho kỹ! Ta sẽ vì các vị lần lượt giảng nói.

Các Tỳ-kheo đồng bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, chúng con rất muốn được nghe.

Phật dạy:

–Tỳ-kheo, như chỗ vận hành của một mặt trời mặt trăng, chiếu sáng bốn cõi thiên hạ, cũng giống như vậy, bốn cõi thế giới, có ngàn chỗ mặt trời, mặt trăng chiếu đến, thì đấy gọi là một ngàn thế giới. Chư Tỳ-kheo, trong ngàn thế giới, có ngàn mặt trăng, ngàn mặt trời, ngàn núi chúa Tu-di, bốn ngàn châu nhỏ, bốn ngàn châu lớn, bốn ngàn biển nhỏ, bốn ngàn biển lớn, bốn ngàn giống loại rồng, bốn ngàn dòng giống rồng lớn, bốn ngàn giống loại Kim sí điểu (chim cánh vàng), bốn ngàn giống loại Kim sí điểu lớn, bốn ngàn giống loại ở chỗ cõi ác, bốn ngàn giống loại ở chỗ cõi ác lớn, bốn ngàn tiểu vương, bốn ngàn đại vương, bảy ngàn loại cây lớn, tám ngàn loại núi lớn, mười ngàn loại địa ngục lớn, ngàn vua Diêm-ma, ngàn châu Diêm-phù, ngàn Cù-đà-ni, ngàn Phất-bà-đề, ngàn Uất-đơn-việt, ngàn trời Tứ thiên vương, ngàn trời Tam thập tam, ngàn trời Dạ-ma, ngàn trời Đâu-suất-đà, ngàn trời Hóa lạc, ngàn trời Tha hóa tự tại, ngàn trời Ma-la, ngàn trời Phạm thế.

Chư Tỳ-kheo, ở trong cõi Phạm thế, có một Phạm vương, oai lực rất mạnh, không ai có thể hàng phục, thống lãnh cả ngàn Phạm tự tại vương, nói: “Ta có khả năng tạo tác, có khả năng biến hóa. Ta như cha trong các sự việc”. Vị ấy nói lên lời tự kiêu, tự đại như vậy rồi, liền sanh ngã mạn. Như Lai chẳng vậy. Vì sao vậy? Vì tất cả thế gian, mỗi cái tùy theo nghiệp lực mà hiện khởi và thành lập.

Chư Tỳ-kheo, ngàn thế giới này, giống như lưới phủ, gọi là tiểu thiên thế giới. Chư Tỳ-kheo, một ngàn thế giới phủ vây như lưới, đó là bậc thứ hai trung thiên thế giới. Chư Tỳ-kheo, như trung thiên thế giới bậc hai này hợp làm một đầy khắp đủ một ngàn cõi thì gọi là Tam thiên đại thiên thế giới. Chư Tỳ-kheo, Tam thiên đại thiên thế giới đồng thời thành lập; đồng thời thành lập rồi, thì lại tan hoại; đồng thời tan hoại rồi thì lại thành lập; đồng thời thành lập trở lại rồi, thì được an trụ. Thế giới như vậy bị thiêu đốt hết rồi, gọi là tan hoại. Tất cả sinh khởi lại, gọi là thành lập. Tất cả ổn định rồi gọi là an trụ. Đó là nơi ở của chúng sanh của một cõi Phật vô úy.

Chư Tỳ-kheo, đại địa này đây dày bốn mươi tám vạn do-tuần, chung quanh rộng vô cùng. Như vậy đại địa, trụ ở trên nước; nước trụ trên gió; gió nương hư không. Chư Tỳ-kheo, phía dưới đại địa này, có lớp nước, dày sáu mươi vạn do-tuần, chung quanh rộng vô cùng. Phía dưới lớp nước ấy, có lớp gió, dày ba mươi sáu vạn do-tuần, chung quanh rộng vô cùng. Chư Tỳ-kheo, nước biển lớn ấy sâu vô cùng, sâu đến tám vạn bốn ngàn do-tuần, chung quanh rộng vô cùng. Như vậy đại địa trụ ở trên nước; nước trụ trên gió; gió nương hư không. Chư Tỳ-kheo, núi chúa Tu-di, phần dưới chìm trong nước biển tám vạn bốn ngàn do-tuần, phần trên nhô lên khỏi mặt nước biển cũng tám vạn bốn ngàn do-tuần. Núi chúa Tu-di, phần đáy bằng phẳng, phần dưới bám chặt trên bánh xe vàng lớn. Chư Tỳ-kheo, núi chúa Tu-di ở trong biển lớn, dưới hẹp, bên trên càng lên càng rộng ra, ngay thẳng chẳng cong, thân lớn kiên cố, đẹp đẽ lạ thường, rất thích ngắm nhìn, bốn báu hiệp thành, đó là vàng, bạc, lưu ly, pha lê. Trên núi Tu-di, có sanh các loại cây; cây ấy sum suê tươi tốt, tỏa ra các mùi thơm, mùi thơm xông khắp cùng các núi, là chỗ dừng chân của nhiều chúng Thánh hiền, oai đức rất lớn, thiên thần thù thắng tuyệt đẹp.

Chư Tỳ-kheo, núi chúa Tu-di, phần trên có đỉnh, đỉnh nhô ra bốn phía uốn cong cách mặt biển, mỗi cái cao bảy trăm do-tuần, đẹp đẽ khả ái, do bảy báu hiệp thành, đó là nơi trang trí vàng, bạc, lưu ly, pha lê, chơn châu, xa cừ, mã não.

Chư Tỳ-kheo, phần dưới núi Tu-di, riêng có ba bậc, nơi ở của chư thần. Bậc cuối cùng cao rộng bằng phẳng sáu mươi do-tuần, có bảy lớp tường nhà, bảy lớp lan can, bảy lớp dây chuông; lại có bảy lớp cây Đa-la, bao bọc chung quanh, ngay ngắn ưa nhìn. Cây ấy đều do bảy báu tạo thành: vàng, bạc, lưu ly, pha lê, hồng ngọc, xa cừ, mã não. Mỗi bức

tường đều có bốn cửa, ở mỗi cửa, có các bờ lũy, nhà gác, đường đi; đối diện có lầu, chòi, đài, cung điện, phòng, hành lang, vườn, ao tắm, đầy đủ trang nghiêm. Trong mỗi ao, đều sanh hoa đẹp, phảng phất các mùi hương. có các rừng cây, các thứ thân, lá, các thứ hoa quả đều đầy đủ, cũng tỏa ra các thứ mùi thơm tuyệt diệu. Lại có các thứ chim hót lên âm thanh vi diệu, âm thanh hòa quyện vào nhau, hòa nhã thánh thót.

Bậc thứ hai của núi, cao rộng bằng phẳng bốn mươi do-tuần; có bảy lớp tường, bảy lớp lan can, bảy lớp dây chuông, hàng cây Đa-la cũng có bảy lớp, bao bọc chung quanh đều đặn bằng phẳng, ngay ngắn khả ái; cũng được trang trí bằng bảy báu: vàng, bạc, lưu ly, pha lê, hồng ngọc, xa cừ, mã não; các loại cửa, nhà, lầu, gác, đài, điện, vườn, ao, cây, quả, chim chóc đều đầy đủ trang nghiêm.

Bậc cao nhất của núi, cao rộng bằng phẳng hai mươi do-tuần; bảy lớp tường cho đến các loài chim, hót lên các âm thanh vi diệu, không thiếu thứ gì.

Chư Tỳ-kheo, trong bậc dưới có vị Dạ-xoa, tên là Bác Thủ ở. Trong bậc hai, có vị Dạ-xoa tên là Trì Man ở. Trong bậc cao, có vị Dạ-xoa tên là Thường Túy ở.

Chư Tỳ-kheo, lưng chừng núi Tu-di, cao bốn vạn hai ngàn do-tuần, có cung điện của Tứ đại thiên vương. Phần trên núi Tu-di, có cung điện của trời Tam thập tam là chỗ ở của trời Đế-thích. Trên cõi trời Tam thập tam một tầng, có cung điện của chư Thiên Dạ-ma. Trên cõi trời Dạ-ma một tầng, có cung điện của trời Đâu-suất-đà. Trên trời Đâu-suất một tầng, có cung điện của chư Thiên Hóa lạc. Trên trời Hóa lạc một tầng, có cung điện của chư Thiên Tha hóa tự tại. Trên trời Tha hóa một tầng, có cung điện của chư Thiên Phạm thiên. Trên trời Tha hóa, dưới trời Phạm thiên, ở khoảng giữa có cung điện của chư Thiên Ma-la Ba-tuần. Trên trời Phạm thiên lại có trời Quang âm; trên trời Quang âm lại có trời Biến tịnh; trên trời Biến tịnh, lại có trời Quảng quả; trên trời Quảng quả lại có trời Bất thô; trên trời Quảng quả dưới trời Bất thô, khoảng giữa có chỗ của cung điện chư Thiên tên là Vô tưởng chúng sanh. Trên trời Bất thô, có trời Bất não; trên trời Bất não, có trời Thiện kiến; trên trời Thiện kiến có trời Thiện hiện, có cung điện của A-ca-ni-trá.

Chư Tỳ-kheo, từ A-ca-ni-trá trở lên, lại có chư Thiên tên là Vô biên không xứ, Vô biên thức xứ, Vô sở hữu xứ, Phi tưởng phi phi tưởng xứ, các nơi này đều là tên gọi chỗ ở của chư Thiên.

Chư Tỳ-kheo, xứ sở như vậy, ranh giới như vậy, các chúng sanh cư trú trên đó. Các chúng sanh ấy, hoặc đến, hoặc đi, hoặc sanh, hoặc diệt, ở trong giới hạn đó, trong thế giới đó. Có các chúng sanh, có sanh, già, chết, đọa vào và sống trong đường sanh hóa như vậy, đến bây giờ chẳng ra khỏi, đó gọi là thế giới Ta-bà, cõi Vô úy. Tất cả các thế giới khác trong mười phương cũng lại như vậy.

Chư Tỳ-kheo, phía Bắc núi chúa Tu-di, có châu tên là Uất-đơn-việt. Cõi ấy dài rộng mười ngàn do-tuần, bốn phía bằng phẳng. Mặt người ở cõi ấy giống như hình trái đất.

Chư Tỳ-kheo, phía Đông núi chúa Tu-di, có châu tên là Phất-bà-đề. Cõi ấy dài rộng chín ngàn do-tuần, tròn như trăng đầy. Mặt người ở cõi ấy giống như hình trái đất.

Chư Tỳ-kheo, phía Tây núi chúa Tu-di, có châu tên là Cù-đà-ni. Cõi ấy rộng dài tám ngàn do-tuần, hình như bán nguyệt. Mặt người ở cõi ấy giống như hình trái đất.

Chư Tỳ-kheo, phía Nam núi chúa Tu-di, có châu tên là Diêm-phù-đề. Cõi ấy rộng dài bảy ngàn do-tuần. Bắc rộng, Nam hẹp, như xe của Bà-la-môn. Mặt người trong cõi ấy giống như hình trái đất.

Chư Tỳ-kheo, phía Bắc núi chúa Tu-di, do vàng trời tạo thành, chiếu sáng châu Uất-đơn-việt; phía Đông do bạc trời tạo thành, chiếu sáng châu Phất-bà-đề; phía Tây do pha lê trời tạo thành, chiếu sáng châu Cù-đà-ni; phía Nam do lưu ly trời màu xanh tạo thành, chiếu sáng châu Diêm-phù-đề.

Chư Tỳ-kheo, châu Uất-đơn-việt, có một đại thọ tên là Am-ba-la, thân to bảy do-tuần, phần ăn sâu dưới đất hai mươi mốt do-tuần, cao trăm do-tuần, cành lá phủ che năm mươi do-tuần.

Chư Tỳ-kheo, châu Phất-bà-đề, có một đại thọ tên là Ca-đàm-bà, thân to cũng bảy do-tuần, ăn sâu xuống đất hai mươi mốt do-tuần, cao một trăm do-tuần, cành lá phủ che năm mươi do-tuần.

Chư Tỳ-kheo, châu Cù-đà-ni có một đại thọ tên là Chấn-đầu-ca, thân to cũng bảy do-tuần, cho đến cành lá che phủ năm mươi do-tuần. Ở gốc cây ấy, có một con trâu đá, cao một do-tuần. Do nhân duyên này nên gọi là Cù-đà-ni.

Chư Tỳ-kheo, châu Diêm-phù ấy có một đại thọ tên là Diêm-phù, thân to cũng bảy do-tuần, cho đến cành lá che phủ năm mươi do-tuần. Ở gốc cây đó, có một đống vàng Diêm-phù-na-đàn, cao hai mươi do-

tuần. Vì vàng tốt này xuất hiện nơi cây Diêm-phù, nên gọi là Diêm-phù-na-đàn, và do đó có tên là vàng Diêm-phù-na-đàn.

Chư Tỳ-kheo, chỗ ở của loài Kim sí điểu, có một đại thọ tên là Câu-tra-dư-ma-lợi, thân lớn cũng bảy do-tuần, cho đến cành lá che phủ năm mươi do-tuần.

Chư Tỳ-kheo, chỗ ở của A-tu-la, có một đại thọ tên là Thiện trú hoa, thân lớn cũng bảy do-tuần, cho đến cành lá che phủ năm mươi do-tuần.

Chư Tỳ-kheo, cõi trời Tam thập tam có một đại thọ tên là Thiên du, thân lớn cũng bảy do-tuần, ăn sâu xuống đất hai mươi mốt do-tuần, cao một trăm do-tuần, cành lá che phủ năm mươi do-tuần.

Chư Tỳ-kheo, dưới núi Tu-di, kế đến có núi tên là Khư-đề-la, cao bốn vạn hai ngàn do-tuần, trên rộng cũng vậy, ngay ngắn, khả ái, do bảy báu hợp thành, đó là vàng, bạc, lưu ly, pha lê, hồng ngọc, xa cừ, mã não.

Chư Tỳ-kheo, khoảng giữa hai núi Tu-di và núi Khư-đề-la, rộng tám vạn bốn ngàn do-tuần, bao bọc do vô lượng các loài hoa: hoa Ưu-bát-la, hoa Bát-đầu-ma, hoa Câu-mâu-đầu, hoa Bôn-trà-lợi-ca..., là các thứ có mùi thơm vi diệu, lan tỏa khắp mặt nước.

Chư Tỳ-kheo, ngoài núi Khư-đề-la, có núi tên là Y-sa-đà-la, cao hai vạn một ngàn do-tuần, trên rộng cũng vậy, hùng vĩ khả ái..., *cho đến* do mã não..., bảy báu tạo thành. Khoảng giữa hai núi Khư-đề-la và Y-sa-đà-la, rộng bốn vạn hai ngàn do-tuần; bao bọc do vô lượng các loài hoa: hoa Ưu-bát-la, hoa Bát-đầu-ma, hoa Câu-mâu-đầu, hoa Bôn-trà-lợi-ca..., là các thứ có mùi thơm vi diệu, lan tỏa khắp mặt nước.

Ngoài núi Y-sa-đà-la, có núi tên là Du-càn-đà-la, cao một vạn hai ngàn do-tuần, trên rộng cũng vậy, hùng vĩ khả ái..., *cho đến* do mã não..., bảy báu tạo thành. Khoảng giữa hai núi Y-sa-đà-la và Du-càn-đà-la, rộng hai vạn một ngàn do-tuần, bao bọc do vô lượng các loài hoa: hoa Ưu-bát-la, hoa Bát-đầu-ma, hoa Câu-mâu-đầu, hoa Bôn-trà-lợi-ca..., là các thứ có mùi thơm vi diệu, lan tỏa khắp mặt nước.

Ngoài núi Du-càn-đà, có núi tên là Thiện kiến, cao sáu ngàn do-tuần, trên rộng cũng vậy, đẹp khả ái..., *cho đến* do mã não..., bảy báu tạo thành. Khoảng cách giữa núi Du-càn-đà-la và Thiện kiến là một vạn hai ngàn do-tuần, có vô lượng các loài hoa bao bọc chung quanh: hoa Ưu-bát-la, hoa Bát-đầu-ma, hoa Câu-mâu-đầu, hoa Bôn-trà-lợi-

ca..., là các thứ có mùi thơm vi diệu, lan tỏa khắp mặt nước.

Ngoài núi Thiện kiến, có núi tên là Mã bán đầu, cao ba ngàn do-tuần, trên rộng cũng vậy, đẹp đẽ khả ái..., *cho đến* do mã não... bảy báu tạo thành. Núi Thiện kiến cùng với núi Mã bán đầu, khoảng cách giữa hai núi, rộng sáu ngàn do-tuần, bao bọc chung quanh do vô lượng các loài hoa: hoa Ưu-bát-la, hoa Bát-đầu-ma, hoa Câu-mâu-đầu, hoa Bôn-trà-lợi-ca, là các loại hoa có mùi thơm vi diệu, lan tỏa khắp mặt nước.

Ngoài núi Mã bán đầu, có núi tên là Ni-dân-đà-la, cao một ngàn hai trăm do-tuần, trên rộng cũng vậy, đẹp đẽ khả ái..., *cho đến* do mã não..., bảy báu tạo thành. Núi Mã bán đầu, cùng với núi Ni-dân-đà-la, khoảng cách giữa hai núi, rộng hai ngàn bốn trăm do-tuần, bao bọc chung quanh do vô lượng các loài hoa: hoa Ưu-bát-la, hoa Bát-đầu-ma, hoa Câu-mâu-đầu, hoa Bôn-trà-lợi-ca..., là các thứ có mùi thơm vi diệu, lan tỏa khắp mặt nước.

Ngoài núi Ni-dân-đà-la, có núi tên là Tỳ-na-da-ca, cao sáu trăm do-tuần, trên rộng cũng vậy, đẹp đẽ khả ái..., *cho đến* do mã não..., bảy báu tạo thành. Núi Di-dân-đà-la và núi Tỳ-na-da-ca, khoảng cách giữa hai núi, rộng một ngàn hai trăm do-tuần, bao bọc chung quanh do các thứ hoa vô lượng nhiều màu..., cho đến các loại hoa có mùi thơm vi diệu, lan tỏa khắp mặt nước.

Ngoài núi Tỳ-na-da-ca, có núi tên là Chước-ca-la, cao ba trăm do-tuần, trên rộng cũng vậy, đẹp đẽ khả ái..., *cho đến* do mã não..., bảy báu tạo thành. Khoảng cách giữa núi Tỳ-na-da-ca và Chước-ca-la, rộng sáu trăm do-tuần, bao bọc chung quanh do vô lượng hoa, có bốn loại, nhiều màu sắc... cho đến các loại hoa có mùi thơm vi diệu, lan tỏa khắp mặt nước. Cách núi Chước-ca-la, một khoảng không xa là biển lớn, khoảng đất trống ở giữa, có cỏ xanh phủ khắp. Ở phía Bắc biển lớn, có Thọ vương tên là Diêm-phù, thân to bảy do-tuần, rễ ăn sâu xuống đất hai mươi mốt do-tuần, cao trăm do-tuần..., cho đến cành lá, che phủ bốn phía năm mươi do-tuần, bên cạnh có vùng đất trống, cỏ xanh phủ khắp. Kế đến có rừng cây Am-ba-la, rừng cây Diêm-phù, rừng cây Đa-la, rừng cây Na-đa, mỗi rừng cây ngang rộng năm mươi do-tuần. Giữa các rừng cây, có khoảng đất trống, sanh các loại cỏ xanh. Kế đến có rừng cây tên là Nam, rừng cây tên là Nữ, rừng San-đà-na, rừng Chơn-đà-na, mỗi khu rừng cũng rộng năm mươi do-tuần; bên cạnh có khoảng đất trống, cỏ xanh rậm rạp. Kế đến có rừng quả A-lê-lặc, rừng quả Tỳ-hê-lặc, rừng quả A-ma-lặc, rừng quả Am-ba-la-đa-ca; mỗi khu rừng cũng

rộng năm mươi do-tuần; bên cạnh có vùng đất trống, cỏ xanh rậm rạp. Kế đến có rừng cây Khả-thù-la, rừng quả Tỳ-la, rừng quả Bà-na-bà, rừng quả Thạch lựu; mỗi khu rừng cũng rộng năm mươi do-tuần; bên cạnh có vùng đất trống, cỏ xanh phủ đầy. Kế đến có rừng cây Điểu bột, rừng cây Nại, rừng cây Cam giá, rừng Trúc nhỏ, rừng Trúc lớn, mỗi khu rừng cũng rộng năm mươi do-tuần; bên cạnh có vùng đất trống, cỏ xanh phủ đầy. Kế đến có rừng Lau, rừng Sậy, rừng Cát-la, rừng Cát-la lớn, rừng Ca-sa-văn đà, mỗi khu rừng cũng rộng năm mươi do-tuần; bên cạnh có vùng đất trống, cỏ xanh phủ đầy. Kế đến có rừng hoa A-đề-mục-đa-ca, rừng hoa Chiêm-ba, rừng hoa Ba-tra-la, rừng hoa Tường vi, mỗi khu rừng cũng rộng năm mươi do-tuần; bên cạnh có vùng đất trống, cỏ xanh phủ khắp. Lại có các ao, trong các ao lại có hoa Ưu-bát-la, hoa Bát-đầu-ma, hoa Câu-mâu-đầu, hoa Bôn-trà-lợi-ca... phủ đầy. Lại có các ao, đầy ắp rắn độc; mỗi ao cũng rộng năm mươi do-tuần. Khoảng giữa các ao, có vùng đất trống, cỏ xanh phủ đầy. Kế đến có biển tên là Điểu-thiền-na-ca, rộng mười hai do-tuần, nước biển trong, mát, vị rất ngon ngọt, êm ả, trong vắt, có bảy lớp bờ lũy, nối liền bằng bảy báu, bảy lớp lan can, bảy lớp dây chuông; bên ngoài có bảy lớp hàng cây Đa-la, bao bọc chung quanh, trang nghiêm đẹp đẽ; dùng mã não..., bảy báu trang trí; bốn mặt chung quanh có các bậc thềm, đường đi, đẹp đẽ, cũng dùng vàng, bạc lưu ly, pha lê, xích châu, xa cừ, mã não... tạo thành. Lại có vô lượng hoa Ưu-bát-la, hoa Bát-đầu-ma, hoa Câu-mâu-đầu, hoa Bôn-trà-lợi-ca, che phủ mặt nước. Hoa nào màu lửa, thì hiện ánh sáng lửa; hoa nào màu vàng ròng, thì hiện ánh sáng vàng ròng; hoa nào màu xanh thì hiện ánh sáng xanh; hoa nào màu đỏ thì hiện ánh sáng đỏ; hoa nào màu trắng thì hiện ánh sáng trắng; hoa nào màu Ba-vô-đà thì hiện ánh sáng Ba-vô-đà; hoa như bánh xe, cọng như trục bánh xe; cọng tiết ra nhựa, sắc trắng như sữa, vị ngọt như mật.

Chư Tỳ-kheo, trong biển Điểu-thiền-na-ca, có đường đi của Chuyển luân thánh vương, rộng mười hai do-tuần. Trong cõi Diêm-phù, khi Chuyển luân thánh vương ra đời, thì trong biển, con đường này tự nhiên hiện lên, ngang bằng với mặt nước.

Chư Tỳ-kheo, kế biển Ô-thiền-na-ca, có núi tên là Ô-thừa-già-la. Chư Tỳ-kheo, núi Ô-thừa-già-la ấy trang nghiêm ngay thẳng, đẹp đẽ khả quan; tất cả cây, tất cả lá, tất cả hoa, tất cả quả, tất cả hương, các loài cỏ, các loài chim thú, xuất hiện trong thế gian đều ở trong núi ấy, không thiếu thứ gì. Chư Tỳ-kheo, núi Ô-thừa-già-la hùng vĩ, đẹp đẽ khả

quan như vậy, các vị nên biết rõ điều đó.

Chư Tỳ-kheo, kế đến, lại có núi tên là Kim hiệp. Ở trong núi đó, có tám vạn cái hang, có tám vạn long tượng cư trú, thân màu trắng như hoa Câu-mâu-đầu, bảy chi chống đất, đều có thần thông, nương trên không mà đi; đầu có màu đỏ giống như loài trùng Nhân-đà-la-cù-ba-ca; sáu ngà đầy đủ. Ngà nó nhọn hoắt, màu như vàng ròng.

Chư Tỳ-kheo, qua khỏi núi Kim hiệp, liền có núi Tuyết, cao năm trăm do-tuần, rộng, dày cũng vậy. Núi ấy đẹp đẽ, do bốn báu tạo thành, đó là vàng, bạc, lưu ly, pha lê. Bốn mặt của núi đó, có bốn ngọn bằng vàng, đỉnh nhô ra ngoài núi, mỗi cái cao hai mươi do-tuần. Lại có ngọn cao, các thứ báu xen nhau, cao vượt hẳn lên một trăm do-tuần. Trên đỉnh núi, có ao tên là A-nậu-đạt-đa. Ao ấy rộng dài năm mươi do-tuần. Nước ao mát lạnh, mùi vị ngon ngọt, trong trẻo chẳng đục; bảy lớp bờ lũy, bảy lớp thềm gỗ, bảy lớp lan can, bảy lớp dây chuông bao bọc chung quanh, ngay thẳng đẹp đẽ, *cho đến*... mã não..., bảy báu tạo thành. Lại có các loài hoa: hoa Ưu-bát-la, hoa Bát-đầu-ma, hoa Câu-mâu-đầu, hoa Bôn-trà-lợi-ca; hoa ấy có nhiều màu sắc: xanh, vàng, đỏ, trắng, lớn như bánh xe, dưới có củ, rễ lớn như trục xe, nhựa trắng như sữa, vị ngọt như mật.

Chư Tỳ-kheo, trong ao A-nậu-đạt-đa đó, có cung điện của Long vương A-nậu-đạt-đa. Điện này có năm trụ, đẹp đẽ khả ái. Long vương A-nậu-đạt-đa cùng với quyến thuộc vui chơi trong đó, hưởng năm dục của trời, vui thích tự tại.

Chư Tỳ-kheo, phía Đông ao A-nậu-đạt-đa, có sông Hằng-già, từ miệng voi phát ra, cùng với năm trăm sông đều chảy vào biển Đông. Phía Nam ao A-nậu-đạt-đa, có sông Tân-đầu, từ miệng trâu phát ra, cùng với năm trăm sông đều chảy vào biển Nam. Phía Tây ao A-nậu-đạt-đa, có sông Bạt-xoa, từ miệng ngựa phát ra, cùng với năm trăm sông, đều chảy vào biển Tây. Phía Bắc ao A-nậu-đạt-đa, có sông Tư-đà, từ miệng sư tử phát ra, cùng với năm trăm sông, đều chảy vào biển Bắc.

Chư Tỳ-kheo, do nhân duyên gì, mà Long vương này gọi là A-nậu-đạt-đa?

Chư Tỳ-kheo, có ba nhân duyên. Những gì là ba? Chư Tỳ-kheo, trong châu Diêm-phù, có chỗ ở của các rồng, chỉ trừ Long vương A-nậu-đạt, còn các rồng khác khi hưởng mọi sự vui thích, thân liền nóng bức. Lúc bấy giờ các rồng liền mất thiên hình, hiện ra hình rắn, các

rồng luôn luôn chịu các khổ này. Long vương A-nậu-đạt-đa, không có việc như vậy. Đó là nhân duyên thứ nhất.

Chư Tỳ-kheo, trong châu Diêm-phù, trừ Long vương A-nậu-đạt, còn các rồng khác, khi vui chơi hưởng mọi sự thích thú, có gió nóng thổi đến, thổi lên thân thể, liền mất thiên hình, hiện ra hình rắn, chịu khổ như vậy. Đó là nhân duyên thứ hai.

Chư Tỳ-kheo, trong châu Diêm-phù có các rồng, khi vui chơi hưởng mọi sự thích thú, Kim sí điểu vương bay vào cung; các rồng thấy Kim sí điểu vương thì tâm sanh sợ hãi; vì sợ hãi nên liền mất thiên hình, hiện ra hình rắn, đều chịu các khổ. Long vương A-nậu-đạt không có việc như vậy. Nếu Kim sí điểu vương sanh tâm thế này: "Ta nay muốn vào trong cung của Long vương A-nậu-đạt-đa", thì Kim sí điểu kia bị quả báo bại liệt, liền tự chịu khổ, vĩnh viễn chẳng thể vào được cung điện của Long vương A-nậu-đạt. Chư Tỳ-kheo, đây là nhân duyên thứ ba. Vì vậy gọi là A-nậu-đạt-đa.

Chư Tỳ-kheo, phía Nam núi Tuyết không xa, có thành tên là Tỳ-xá-ly. Phía Bắc Tỳ-xá-ly, có bảy núi đen. Phía Bắc bảy núi đen, có núi Hương; ở trong núi Hương có vô lượng vô biên Khẩn-na-la ở, thường có tiếng ca vũ, âm nhạc. Núi ấy có nhiều các giống cây. Cây ấy đều tỏa ra các thứ hương xông, là chỗ ở của vị thần đại công đức.

Chư Tỳ-kheo, trong núi Hương ấy, có hai hang báu: một là Tạp sắc, hai là Thiện tạp sắc, đẹp đẽ khả ái..., *cho đến* đều dùng mã não..., bảy báu tạo thành. Mỗi hang đều rộng, dài năm mươi do-tuần, mềm mại trơn láng, chạm vào giống như áo Ca-chiên-lân-đề-ca.

Chư Tỳ-kheo, có một Càn-thát-bà vương tên là Vô Tỷ Dụ, cùng với năm trăm Khẩn-na-la nữ, ở trong hai hang Tạp sắc và Thiện tạp sắc, cùng hưởng ngũ dục, đi, đứng, nằm, ngồi, vui chơi thỏa thích.

Chư Tỳ-kheo, phía Bắc của hai hang, có Thọ vương Đại-bà-la tên là Thiện trụ, riêng có tám rừng cây Bà-la, bao bọc chung quanh. Trong rừng Thiện trụ ấy, có một Long tượng cũng tên là Thiện trụ, dạo, chơi, dừng nghỉ trong đó, lông trắng như hoa Câu-mâu-đầu, bảy chi chấm đất, bay lên không mà đi; xương đầu nhô lên như con trùng Nhân-đà-la-cù-ba-ca; đầu nó màu đỏ, đầy đủ sáu ngà, ngà nhọn hoắt, như mạ cát vàng.

Lại có tám ngàn vị Long tượng khác, đều là quyến thuộc, lông chúng đều trắng như hoa Câu-mâu-đầu, bảy chi chấm đất, *cho đến*...

ngà chúng đều mạ vàng.

Phía Bắc rừng Ba-la thiện trụ, vì Đại long tượng vương Thiện trụ mà xuất hiện một cái ao, tên là Mạn-đà-cát-ni, dài rộng bằng phẳng, năm mươi do-tuần; nước ao mát lạnh, ngon ngọt trong trẻo, không có các uế trược, *cho đến*..., rễ, củ lớn như trục xe; cắt ra nhựa chảy, màu trắng như sữa, vị ngọt như mật.

Chư Tỳ-kheo, bên cạnh ao Mạn-đà-cát-ni, lại có tám ngàn ao bao bọc, bốn mặt vây quanh. Mỗi ao đều giống như ao Mạn-đà-cát-ni, không khác.

Chư Tỳ-kheo, Long tượng vương Thiện trụ ấy khi khởi ý muốn vào ao Mạn-đà-cát-ni để chơi, liền nghĩ đến tám ngàn vị Long tượng quyến thuộc. Khi ấy tám ngàn vị Long tượng, cũng khởi tâm thế này: "Tượng vương Thiện trụ đã nghĩ đến chúng ta, nay chúng ta nên đến chỗ của Thiện trụ vương". Các Long tượng đến rồi, đều dừng lại, và đứng cúi đầu trước Long tượng vương Thiện trụ.

Bấy giờ Đại long tượng vương Thiện trụ, biết các Long tượng đã tập hợp, liền dẫn đi đến ao Mạn-đà-cát-ni. Tám ngàn long tượng sau, trước vây quanh, thứ lớp mà đi. Tượng vương Thiện trụ đi ung dung, trong lúc các Long tượng, có con cầm lọng trắng che đầu, có con dùng vòi cầm quạt Ma-ni trắng quạt lưng; có các nhạc thần, nhảy múa hát xướng, đi trước dẫn đầu.

Đại long tượng vương Thiện trụ đến rồi, liền vào ao Mạn-đà-cát-ni, lặn hụp tắm gội, vui chơi giải trí, tùy theo ý thích, hưởng mọi sự thích thú. Trong đám Long tượng, có con rửa vòi, có con chà ngà, có con ngoáy tai, có con gội đầu, có con kỳ lưng, có con chà hông, có con rửa đùi, có con rửa chân, có con rửa đuôi, có con nhổ gốc sen, rửa sạch đưa vào miệng, có con nhổ hoa Ưu-bát-la, hoa Bát-đầu-ma, hoa Câu-mâu-đầu, hoa Bôn-trà-lợi-ca... kết lên đầu tượng vương Thiện trụ.

Khi ấy Đại long tượng vương Thiện trụ ở trong ao Mạn-đà-cát-ni, tắm rửa tùy thích, giỡn chơi vui vẻ, tự tại an lạc, ăn các củ sen do các long tượng dâng hiến; trên đầu trang sức các thứ hoa Ưu-bát-la... và các thứ hoa khác; tắm rửa xong rồi, tự ao ấy ra, lên đứng trên bờ. Tám ngàn long tượng, sau đó phân tán vào trong tám ngàn ao, tùy ý tắm rửa, giỡn chơi tự tại; hưởng mọi sự thích thú rồi, đều ăn củ sen; ăn xong cũng dùng hoa Ưu-bát-la và các thứ hoa khác kết lên đầu để tự trang nghiêm; rồi cùng nhau tập hợp đến chỗ Thiện trụ vương, vây quanh bốn phía, cung kính dừng lại.

Lúc ấy Đại tượng vương Thiện trụ cùng tám ngàn Long tượng kia, sau trước dẫn đi, trở về nơi rừng cây Ba-la thiện trụ. Khi tượng vương đi, các long tượng, hoặc cầm lọng trắng, hoặc cầm quạt trắng đi theo, như trước. Các thần trỗi nhạc, dẫn đường cũng như vậy.

Đại long tượng vương Thiện trụ đến rừng cây lớn Ba-la thiện trụ rồi, ở dưới cây Thọ vương, tùy ý nằm, đứng, hưởng mọi an lạc. Tám ngàn long tượng, cũng đều đi đến tám ngàn cây của chúng, đi, đứng, nằm, tự tại an lạc. Ở trong rừng ấy, hoặc có cây Ba-la, vòng gốc của nó lớn sáu tầm, hoặc có cây Ba-la, vòng gốc của nó lớn bảy tầm, tám tầm, chín tầm, mười tầm; có cây Ba-la, vòng gốc của nó lớn mười hai tầm, chỉ có cây Thọ vương Ba-la thiện trụ, vòng gốc của nó lớn mười sáu tầm. Trong rừng tám ngàn cây Ba-la ấy, nếu có lá úa vàng rụng xuống, thì liền có gió thổi bay ra ngoài, làm sạch rừng ấy. Tám ngàn long tượng, nếu có bài tiết vật ô uế, thì có các Dạ-xoa, quét dọn mang đổ.

Chư Tỳ-kheo, trong cõi Diêm-phù-đề, khi có Chuyển luân thánh vương ra đời, trong tám ngàn long tượng, có một con nhỏ nhất, sáng sớm mỗi ngày, đều đến trước Chuyển luân vương hầu hạ phụng sự, luyện tập thuần thục voi báu. Nhân đó được gọi là Đại long tượng vương Thiện trụ. Mỗi ngày rằm, vào lúc sáng sớm, đi đến chỗ trời Đế-thích, đứng ở phía trước, nhận sự sai bảo.

Chư Tỳ-kheo, Tượng vương Thiện trụ có thần thông, có oai đức như vậy, nên tự sanh vào loài voi nhưng là voi chúa mới có sức đại oai thần như thế. Các Tỳ-kheo, nên biết như vậy.

M

Phẩm 2: CHÂU UẤT-ĐƠN-VIỆT 1

Chư Tỳ-kheo, châu Uất-đơn-việt có vô lượng núi. Trong các núi, có các loại cây sum suê tươi tốt, tỏa ra các mùi hương; hương xông khắp nơi trong châu. Núi sanh các loại cỏ đều có màu xanh biếc, xoay về bên phải như lông Khổng tước, hương thơm giống như Bà-sư-ca, chạm vào mềm mại như áo Ca-chiên-lân-đề-ca, dài bốn ngón tay, chân giẫm lên thì nó nằm rạp xuống, dỡ chân lên thì trở lại như cũ. Núi ấy, đặc biệt có cây trái nhiều màu; cây có thân, lá, hoa, quả, tỏa ra các thứ mùi thơm, xông khắp; có các loài chim loài nào cũng hót, âm thanh hòa nhã, vi diệu. Trong các núi ấy, có các dòng sông, rẽ thành trăm nhánh, xuôi dòng chảy xuống từ từ êm ả, chẳng chậm, chẳng nhanh, không có sóng gợn. Ở bờ sông chẳng sâu; chẳng cạn, bằng phẳng, dễ lội. Nước sông trong vắt, các thứ hoa phủ ở trên, rộng nửa do-tuần, nước chảy đầy khắp. Hai bên bờ các dòng sông, có các khu rừng mọc dọc theo, cành lá rậm rạp; có các loại hoa thơm, các thứ quả, quả xanh phủ khắp; các loài chim cùng nhau ca hót. Lại ở các bờ sông ấy, có các thuyền đẹp, trang trí bằng đủ màu sắc, đẹp đẽ khả ái, toàn là vàng, bạc, lưu ly, pha lê, xích châu, xa cừ, mã não... bảy báu tạo thành.

Chư Tỳ-kheo, châu Uất-đơn-việt, đất đai bằng phẳng, không có các loại gai gốc, rừng rậm, hầm hố, nhà xí, phân uế bất tịnh, sỏi đá, ngói gạch, mà toàn bằng vàng bạc; thời tiết điều hòa, không lạnh, không nóng; đất thường nhuận ướt, cỏ cây phủ khắp. Các rừng cây, lá cành luôn tươi tốt, hoa quả đầy cành.

Chư Tỳ-kheo, châu Uất-đơn-việt, lại có rừng cây tên là An trụ. Cây cao sáu câu-lô-xá, lá dày chồng chất, thứ lớp nối nhau như tranh lợp nhà, giọt mưa không lọt. Người ở cõi ấy, cư trú dưới tàng cây. có các cây Hương cũng cao sáu câu-lô-xá, hoặc có cây cao năm câu-lô-xá, có cây cao bốn, ba, hai, một câu-lô-xá, cây thấp nhất cao nữa câu-lô-xá, tất cả đều có cành, lá hoa, quả. Các cây ấy, tùy theo ý muốn (của người) phát ra các thứ mùi thơm. Lại có cây Kiếp-ba-ta, cũng cao sáu câu-lô-xá, cho đến năm, bốn, ba, hai, một câu-lô-xá;

cây nhỏ nhất, cao nửa câu-lô-xá, tất cả đều có cành, lá hoa, quả. Từ hông của quả, tự nhiên trồi ra đủ các thứ y phục, treo nơi cây. Lại có các thứ cây Anh lạc; cây ấy cũng cao sáu câu-lô-xá, cho đến cây cao năm, bốn, ba, hai, một câu-lô-xá; cây nhỏ nhất cao nửa câu-lô-xá, tất cả đều có cành, lá, hoa, quả. Từ quả theo ý muốn của người, tuôn ra các thứ Anh lạc thòng xuống. Lại có cây Man cũng cao sáu câu-lô-xá, cho đến có cây cao năm, bốn, ba, hai, một câu-lô-xá, cây nhỏ nhất cao nửa câu-lô-xá, cũng có cành, lá, hoa, quả. Từ quả, tùy theo ý muốn của người, mọc ra các thứ tràng hoa treo ở nơi cây. Lại có cây Khí; cây ấy cũng cao sáu câu-lô-xá, cho đến có cây cao năm, bốn, ba, hai, một câu-lô-xá, cây nhỏ nhất cao nửa câu-lô-xá, cũng có cành, lá, hoa, quả; tùy theo ý người muốn mọc ra các thứ đồ dùng, treo ở nơi cây. Lại có đủ các loại cây ăn quả, cây ấy cũng cao sáu câu-lô-xá, cho đến cao năm, bốn, ba, hai, một câu-lô-xá, cây nhỏ nhất cao nửa câu-lô-xá, đều có cành, lá, hoa, quả. Từ nơi cành ấy, theo ý người muốn mọc ra đủ các loại quả. Lại có cây Nhạc; cây ấy cũng cao sáu câu-lô-xá, cho đến cây cao năm, bốn, ba, hai, một câu-lô-xá, cây nhỏ nhất cao nửa câu-lô-xá; cũng có cành, lá, hoa, quả. Từ hông của cây ấy, tùy theo ý người, hiện ra các thứ nhạc cụ, treo ở nơi cây. Đất ở cõi ấy, lại có gạo thơm tự nhiên, chẳng do cày bừa, gieo trồng; tinh khiết, trắng trẻo, không có vỏ. Khi muốn nấu ăn thì có các quả tên là Đôn trì, dùng làm chõ, vạc, đốt bằng lửa ngọc, chẳng cần than, củi, tự nhiên phát sức nóng, tùy theo ý muốn, làm chín các thức ăn; thức ăn đã chín rồi thì lửa ngọc mới tắt.

Chư Tỳ-kheo, châu Uất-đơn-việt, bốn mặt chung quanh có bốn ao nước. Ao ấy tên là A-nậu-đạt-đa, mỗi cái đều rộng, dài năm mươi do-tuần, nước ao mát lạnh, êm ả ngọt ngào, thơm, sạch, không đục. Có bảy lớp bờ lũy, bảy lớp thềm gỗ, bảy lớp lan can, bao bọc chung quanh, bảy lớp dây chuông treo rũ chung quanh, lại có bảy lớp hàng cây Đa-la, bao bọc bốn phía, nhiều màu khả ái. Tất cả đều do bảy báu: vàng, bạc, lưu ly, pha lê, xa cừ, mã não... tạo thành. Ở bốn phía của ao đều có bờ thềm, mỗi bờ thềm cũng do bảy báu tạo thành, hiện ra nhiều màu tươi đẹp. Lại có các loài hoa: hoa Ưu-bát-la, hoa Bát-đầu-ma, hoa Câu-mâu-đầu, hoa Bôn-trà-lợi-ca..., màu xanh,

vàng, đỏ, trắng và màu xanh ngọc bích. Mỗi hoa lớn như bánh xe, mùi thơm chan hòa vi diệu tuyệt vời. Lại có các cọng lớn như trục xe, bẻ ra nhựa chảy, màu như sữa, ăn thì ngon ngọt, vị nó như mật.

Chư Tỳ-kheo, bốn phía của ao A-nậu-đạt-đa, có bốn sông lớn, rộng một do-tuần, các thứ hoa phủ kín, nước sông bình lặng, chảy thẳng không uốn khúc, chẳng nhanh, chẳng chậm, chẳng có sóng gợn, từ từ chảy thẳng; bờ sông không cao, bằng cạn dễ vào. Hai bên bờ các sông, có các khu rừng, cành nhánh giao nhau che khuất ánh nắng, tỏa ra các mùi thơm vi diệu; có các loại cỏ mọc ở bên cạnh, màu xanh, mềm mại, xoay về bên phải... *Nói lược, cho đến* cao bằng bốn ngón tay; chân giẫm xuống thì nó rạp theo, giở chân lên thì trở lại như cũ; cũng có các loài chim phát ra các thứ âm thanh. Ở hai bên bờ sông, lại có các thuyền nhiều màu khả ái, cho đến dùng bảy báu: xa cừ, mã não... đóng thành, chạm vào mềm mại như áo Ca-chiên-lâu-đề-ca.

Chư Tỳ-kheo, châu Uất-đơn-việt, thường vào nửa đêm, từ trong bốn ao A-nậu-đạt-đa, khởi lên mây rất dày, che phủ khắp nơi; châu Uất-đơn-việt và các núi biển, đều bị che phủ, sau đó mới mưa nước tám công đức, như sữa Lê ngưu đổ xuống. Mưa ngập bốn ngón tay, ngay chỗ nước mưa rơi xuống, liền thấm vào đất, chẳng chảy lan ra. Vào nửa đêm hôm sau, mưa tạnh, mây tan, bầu trời trong vắt, từ biển nổi gió, thổi vào mát mẻ, trong lành êm diệu, chạm vào khỏe khoắn, thấm nhuận châu Uất-đơn-việt, khắp nơi được điều hòa màu mỡ tốt tươi. Như người xâu tràng hoa khéo tay và đệ tử ông ta, đã làm xong tràng hoa, dùng nước rảy lên, tràng hoa kia được tưới, tươi sáng rực rỡ. Chư Tỳ-kheo, châu Uất-đơn-việt, đất đai thường thấm nhuận, tươi sáng màu mỡ cũng lại như vậy, như thường có người dùng dầu tô thoa lên.

Chư Tỳ-kheo, châu Uất-đơn-việt, lại có một cái ao tên là Thiện hiện; lại có một khu vườn, cũng tên là Thiện hiện. Vườn ấy rộng dài một trăm do-tuần, có bảy lớp lan can, bảy lớp dây chuông; hàng cây Đa-la cũng có bảy lớp, bao bọc chung quanh, nhiều màu khả ái..., tạo thành. Mỗi hướng đều có các cửa, ở mỗi cửa đều có thành bảo vệ, nhiều màu khả ái, cũng dùng bảy báu: vàng, bạc, lưu ly, san hô, xích châu, xa cừ, mã não... tạo thành.

Chư Tỳ-kheo, vườn Thiện hiện ấy bằng phẳng đẹp đẽ, không có gai gốc, gò đống, hầm hố, sỏi đá, ngói gạch và các vật tạp uế..., chỉ có nhiều vàng, bạc, các thứ châu báu khác lạ; khí hậu điều hòa, không lạnh, không nóng, thường có suối chảy bốn phía tràn đầy; cây lá tốt tươi, hoa quả đầy cành, có các thứ hương theo gió ngát thơm. Lại có các loài chim lạ, thường phát ra âm thanh vi diệu, hòa nhã trong trẻo; có cỏ màu xanh, xoay về bên phải, mềm mại êm ái, như lông Khổng tước, mùi thơm giống như hoa Bà-lợi-sư, chạm vào như áo Ca-chiên-lân-đề-ca, dùng chân giẫm lên, theo chân rạp xuống, bung lên khi dở chân. Lại có loại cây có gốc, thân, hoa, lá, quả đều tỏa ra mùi thơm, xông khắp mọi nơi.

Chư Tỳ-kheo, trong vườn Thiện hiện, cũng có rừng cây tên là An trú; cây đều cao sáu câu-lô-xá, lá dày che kín, nước mưa không lọt, thứ lớp như vảy cá, như tranh lợp nhà. Mọi người đều cư trú dưới đó. Lại có cây Hương, cây Kiếp-ba-ta, cây Anh lạc, cây Man, cây Khí, cây quả. Lại có cơm chín bằng gạo thơm tự nhiên, thanh khiết, tuyệt ngon.

Chư Tỳ-kheo, vườn Thiện hiện ấy, không có ai là sở hữu chủ, cũng không canh gác bảo vệ. Người ở châu Uất-đơn-việt khi muốn vào vườn này, tự ý vui chơi, hưởng các thú vui, thì với bốn cửa ấy, tùy ý muốn vào cửa nào cũng được; vào vườn ấy rồi, vui chơi tắm rửa, thoải mái hưởng mọi sự vui thích, muốn đi thì đi, muốn ở thì ở, tự tại tùy ý.

Chư Tỳ-kheo, vì người Uất-đơn-việt, nên ở phía Nam ao Thiện hiện, lại có một cái vườn tên là Phổ hiền; vườn ấy dài rộng một trăm do-tuần, có bảy lớp lan can... bao bọc chung quanh, *cho đến*... Cơm chín tinh khiết, tuyệt ngon.

Chư Tỳ-kheo, vườn Phổ hiền ấy, cũng không canh gác bảo vệ; người ở châu Uất-đơn-việt nếu khi muốn vào vườn Phổ hiền tắm rửa, vui chơi hưởng mọi sự thích thú, thì theo bốn cửa của nó, tùy ý mà vào; vào rồi, tắm rửa, vui chơi thỏa thích; đã thỏa thích rồi, muốn đi thì đi, muốn ở thì ở.

Chư Tỳ-kheo, vì người Uất-đơn-việt nên phía Tây của ao Thiện hiện, lại có một khu vườn tên là Thiện hoa. Vườn ấy rộng, dài một

trăm do-tuần, bảy lớp lan can bao bọc chung quanh, *nói lược... cho đến* như vườn Thiện hiện, không có gì khác; cũng lại không có người canh gác bảo vệ. Người ở châu Uất-đơn-việt nếu khi muốn vào trong vườn Thiện hoa, tắm rửa, vui chơi, hưởng thọ khoái lạc, thì theo bốn cửa của nó, tùy ý mà vào; vào rồi tắm rửa, vui chơi hưởng lạc; hưởng lạc rồi, muốn đi thì đi, muốn ở thì ở, *nói lược...* như vườn Thiện hiện ở trước.

Chư Tỳ-kheo, vì người Uất-đơn-việt, nên ở phía Đông ao Thiện hiện, tiếp theo vườn Thiện hiện, ở khoảng đó, có sông tên Dị nhập đạo, từ từ xuôi dòng, không có sóng gợn, không chậm, không nhanh, các loại hoa phủ đầy, rộng hai mươi do-tuần rưỡi.

Chư Tỳ-kheo, sông Dị nhập đạo, ở trên hai bờ có các thứ cây, cành lá che khuất ánh nắng, tỏa ra các thứ mùi thơm, xông khắp vùng ấy; có các thứ cỏ mọc..., *lược nói... cho đến...* chạm vào mềm mại như áo Ca-chiên-lân-đề-ca, cao bằng bốn ngón tay, khi chân đạp lên, theo chân lên xuống. Lại có các thứ cây ăn trái nhiều màu; cành, lá, hoa, quả đều đầy đủ; cũng có các thứ mùi thơm xông khắp; các thứ chim lạ, cùng nhau ca hót. Hai bên bờ sông ấy, có các thuyền đẹp, nhiều màu khả ái, do bảy báu: vàng, bạc, lưu ly, pha lê, xích châu, xa cừ, mã não... tạo thành, trang nghiêm đẹp đẽ.

Chư Tỳ-kheo, vì người Uất-đơn-việt, nên ở phía Nam ao Thiện hiện, có một sông lớn tên là Thiện thể, từ từ xuôi dòng... *lược nói...* đều như sông Dị nhập đạo. Chỗ ấy có các thứ rừng cây, cùng với sông trên không khác, *cho đến...* các thuyền... các sắc tạo thành, mềm mại giống như áo Ca-chiên-lân-đề-ca.

Chư Tỳ-kheo, ở phía Tây ao Thiện hiện, vì người Uất-đơn-việt, nên có một sông lớn tên là Đẳng-xa, *cho đến... nói lược...* từ từ xuôi dòng.

Chư Tỳ-kheo, ở phía Bắc ao Thiện hiện, vì người Uất-đơn-việt, nên có một sông lớn tên là Oai chủ, từ từ xuôi dòng, *lược nói... cho đến...* hai bên bờ sông có thuyền do bảy báu trang sức, mềm mại giống như áo Ca-chiên-lân-đề-ca; trong đó có kệ Uất-đà-na:

Sông Thiện hiện, Phổ hiền
Thiện hoa và Hỷ lạc
Dị nhập cùng Thiện thể

Đẳng xa và oai chủ.

Chư Tỳ-kheo, người ở châu Uất-đơn-việt, nếu khi muốn vào sông Dị nhập đạo, sông Thiện thể, Đẳng xa, Oai chủ đó... để tắm gội, vui chơi, hưởng các sự thích thú, thì liền đến hai bên bờ sông ấy, cởi bỏ áo xiêm, ngồi lên các thuyền đậu bên bờ sông, bơi đến giữa dòng sông, tắm rửa thân thể, vui chơi thỏa thích; tắm rửa rồi, tùy ý, có người nào ra trước, thì liền lấy y phục ở trên mặc vào rồi đi, cũng chẳng cần tìm kiếm y phục của mình. Vì sao? Vì người Uất-đơn-việt, không có ngã và đối tượng chấp ngã, không canh gác, bảo vệ. Các người ấy, lại đi đến dưới các cây Hương; đến dưới cây rồi, cây ấy tự nhiên cong cành rũ xuống, vì các người ấy, tỏa ra các mùi thơm vi diệu, để cho họ đưa tay lên thì đụng tới. Những người ấy, lấy các thứ hương ở nơi cây, thoa lên thân hình rồi, lại cùng đi đến cây Kiến-ba-ta; đến rồi, cây ấy, cũng cong cành rũ xuống như cây trước, hiện ra các thứ y phục, để cho các người ấy dùng tay lấy tới. Những người ấy lại lấy các thứ y phục thượng diệu ở cây đó, mặc vào rồi đi. Lại đi đến dưới cây Anh lạc; đã đến đó rồi, cành cây Anh lạc cũng đều cong rũ xuống, vì các người ấy hiện ra các thứ Anh lạc thượng diệu, dùng tay lấy được. Những người ấy lấy các đồ trang sức bằng Anh lạc ở nơi cây, mang vào thân rồi, liền lại đi đến dưới các cây Man; đến nơi, cây Man tự nhiên vì các người ấy mà cong cành rũ xuống, hiện ra các tràng hoa báu thượng diệu, để cho các người ấy đưa tay lấy được. Họ liền lấy các tràng hoa đẹp ở đấy, đặt lên đầu, rồi đi đến các cây Khí vật; đến nơi, cây Khí cũng tự nhiên rũ cành xuống, để cho những người ấy đưa tay tới, tùy theo ý muốn, lấy các đồ dùng rồi, mang đến chỗ cây ăn quả; khi ấy cây ăn quả đó, cũng vì các người ấy, cành uốn cong rũ xuống, sanh ra các thứ trái ngọt tuyệt vời, để họ dùng tay lấy được. Những người ấy tùy theo ý muốn, lấy các thứ quả chín ở cây ấy, ăn rất ngon lành. Trong đó, có người lấy nhựa, đựng đầy đồ dùng mà uống. Ăn uống đã xong, họ lại đi đến rừng cây âm nhạc; đến rừng đó rồi, vì các người ấy, nên cành cây âm nhạc cũng rũ xuống, hiện ra các loại nhạc cụ, đưa tay lấy được. Những người ấy, tùy theo nhu cầu của mình, mà lấy các loại nhạc cụ ở trên cây ấy, hình dáng các thứ cụ khí đẹp đẽ, có âm thanh hòa nhã;

lấy rồi mang theo, dạo chơi khắp nơi, muốn đàn thì đàn, muốn múa thì múa, muốn ca thì ca, tùy theo sở thích, hưởng các thứ nhạc. Việc ấy đã xong, mỗi người theo ý thích, hoặc đi, hoặc ở.

❑

KINH KHỞI THẾ

QUYỂN II

Phẩm 2: CHÂU UẤT-ĐƠN-VIỆT 2

Này chư Tỳ-kheo, người Uất-đơn-việt tóc màu xanh biếc dài bằng tám ngón tay, người cùng một loại, một hình, một sắc, không có hình sắc riêng để có thể biết sự khác biệt của họ.

Chư Tỳ-kheo, người Uất-đơn-việt đều mặc y phục, không ai lõa thể, cho đến chỉ để lộ nửa thân; thân, sơ bình đẳng, không có sự thích hoặc không. Răng đều bằng khít, không khuyết, không thưa, đẹp đẽ sạch sẽ, sắc trắng như ngọc kha, sáng đẹp, khả ái.

Chư Tỳ-kheo, người Uất-đơn-việt, nếu có đói khát, khi cần ăn uống, liền tự có để sử dụng, không cày bừa, chẳng gieo trồng, có gạo thơm tự nhiên, tinh khiết trắng trẻo, không có mày, cám, lấy đựng đầy trong quả Đôn trì; lại lấy ngọc lửa để dưới quả Đôn trì; do phước lực của chúng sanh, khi ngọc lửa vừa để vào, tư nhiên phát ra sức nóng; thức ăn chín rồi, lửa lại tự tắt. Những người ấy được cơm, khi muốn ăn dọn đồ dùng ra, tập hợp lại ngồi ăn. Bấy giờ, nếu có người từ bốn phương đến muốn cùng ăn, họ liền vì các người ấy, dọn đủ cơm ra, ăn xong, cơm vẫn còn, cho đến người ăn, ngồi ăn chưa xong, đồ đựng thức ăn vẫn đầy. Khi những người ấy ăn cơm gạo thơm tự nhiên không mày cám, tinh khiết thơm ngon này, mùi vị của nó đầy đủ, chẳng cần gia vị. hình sắc của loại cơm ấy giống như vị Tô-đà của chư Thiên; lại như chùm hoa tinh khiết, trắng, tươi sáng. Những người ấy ăn xong, thân thể đầy đặn, không có khuyết giảm, cứ vậy không thay đổi, không già, không khác. Sự ăn uống đó còn giúp thêm cho những người ấy, sức lực sắc diện được an ổn, trọn vẹn, không gì là không đầy đủ.

Chư Tỳ-kheo, người Uất-đơn-việt, nếu đối với nữ nhân khi sanh

tâm mê đắm, tùy theo sự yêu mến trong lòng, đưa mắt ngắm nhìn, người con gái kia biết tình ý, liền đến đi theo. Hai người cùng đi tới nơi gốc cây; người con gái đi theo đó, nếu là thân thuộc như mẹ, dì, chị em của người này, thì cành cây không rủ xuống, mà ngay khi ấy lá của cây ấy héo vàng, khô, rụng, chẳng che kín, chẳng ra hoa quả, cũng chẳng chịu hiện ra giường chõng, đồ nằm... Nếu chẳng phải là mẹ, dì, chị, em... thì cây liền cong cành rũ nhánh che khuất, cành lá sum suê, hoa quả tươi tốt, cũng vì họ mà hiện ra trăm ngàn các thứ giường chõng, đồ nằm... Họ liền dắt nhau đi vào nơi gốc cây, làm theo ý muốn, vui vẻ hưởng mọi sự.

Chư Tỳ-kheo, người Uất-đơn-việt ở trong thai mẹ, chỉ trong bảy ngày, đến ngày thứ tám, thì sanh ra. Người mẹ sanh rồi, tùy đứa con sanh ra hoặc trai, hoặc gái, đều đem đặt ở ngã tư đường, bỏ đấy mà đi. Ở trên đường đó, người đi đường từ Đông, Tây, Nam, Bắc qua lại, thấy đứa con trai con gái ấy, lòng sanh thương mến, vì muốn nuôi nấng, ai cũng lấy ngón tay đưa vào trong miệng đứa bé, ngay nơi ngón tay ấy, tự nhiên chảy ra sữa ngọt tuyệt diệu. Đứa bé trai, gái, uống thứ nước đó, khiến được sống an toàn như là uống sữa. Trải qua bảy ngày, các đứa trẻ trai, gái ấy lại tự thành tựu một loại thân thể, cùng với vóc dáng của người xưa không khác; con trai lại theo con trai, con gái lại theo con gái, mỗi người đều theo bạn bè cùng nhau mà đi.

Chư Tỳ-kheo, người Uất-đơn-việt, thọ mạng đúng hạn, không có người chết yểu. Khi mạng chung, đều được sanh lên các cõi trên. Vì nhân duyên gì mà người Uất-đơn-việt được hạn định tuổi thọ này, sau khi mạng chung đều được sanh lên các cõi trên?

Chư Tỳ-kheo, ở đời, hoặc có người, chuyên làm việc sát sanh, trộm cắp, tà dâm, nói dối, nói hai lưỡi, nói thô ác, nói thêu dệt, tham, sân, tà kiến. Do nhân duyên ấy, khi thân hoại mạng chung, đọa vào cõi ác, sanh trong địa ngục. Hoặc lại có người chưa từng sát sanh, chẳng trộm cắp của người khác, chẳng làm việc tà dâm, chẳng nói dối, chẳng nói hai lưỡi, chẳng nói thô ác, chẳng nói thêu dệt, chẳng tham, chẳng sân, cũng chẳng tà kiến. Do nhân duyên ấy, khi thân hoại mạng chung, hướng đến đạo lành, sanh trong cõi trời, người. Do nhân duyên gì mà người bị sanh xuống? Vì sự sát sanh, tà kiến... của họ, có người khởi lên ý nghĩ thế này: "Ta nay nên thực hành mười điều thiện. Vì nhân duyên này, nên khi thân ta hoại, sẽ được vãng sanh vào cõi Uất-đơn-việt. Sanh vào cõi ấy, sống lâu ngàn năm chẳng tăng, chẳng giảm". Người ấy đã phát nguyện như

vậy rồi, thực hành mười điều thiện, khi thân hoại được sanh vào cõi Uất-đơn-việt; đã ở cõi ấy, lại được thọ mạng đúng hạn, đầy đủ ngàn năm, chẳng tăng chẳng giảm.

Chư Tỳ-kheo, do nhân duyên này mà người Uất-đơn-việt được thọ mạng đúng hạn.

Chư Tỳ-kheo, vì nhân duyên gì mà được sanh lên cõi trên? Chư Tỳ-kheo, người cõi Diêm-phù, khi ở cõi ấy, thọ mười điều thiện, vì vậy, nên khi mạng chung, liền được vãng sanh vào cõi Uất-đơn-việt. Người Uất-đơn-việt, vì do thân trước của họ có mười điều thiện, ở trong cõi Uất-đơn-việt, như pháp tu hành, nên khi thân hoại mạng chung đều được sanh lên cõi thiện của chư Thiên.

Chư Tỳ-kheo, do nhân duyên này, người Uất-đơn-việt, sanh lên chỗ tốt đẹp. Chư Tỳ-kheo, người Uất-đơn-việt, mạng sống đến lúc kết thúc, khi xả thọ, không có một người nào buồn thương, lưu luyến, khóc than, chỉ cùng nhau mang thi thể đến đặt ở ngã tư đường bỏ đó mà đi.

Chư Tỳ-kheo, người trong cõi Uất-đơn-việt có pháp như vầy. Nếu có chúng sanh, khi thọ mạng hết, liền có một con chim tên là Ưu-thừa-già-ma, từ trong núi lớn bay nhanh đến, ngậm tóc người chết, tha thi hài của người chết, bỏ trên bờ sông ở phương khác. Vì sao? Vì người Uất-đơn-việt hạnh nghiệp thanh tịnh, ưa sự tinh khiết, ưa sự vui vẻ, nên không thể cho gió thổi mùi xú uế bay đến chỗ ở của họ. Chư Tỳ-kheo, người Uất-đơn-việt, khi muốn đại tiểu tiện, thì vì người ấy, đất liền nứt ra; đại tiểu tiện xong rồi đất khép lại như cũ. Vì sao? Vì người Uất-đơn-việt ưa sự tinh khiết, ưa sự vui vẻ. Lại nữa, cõi đó có nhân duyên gì mà được gọi là châu Uất-đơn-việt? Chư Tỳ-kheo, châu Uất-đơn-việt đó, ở trong bốn châu thiên hạ, đối với ba châu kia, thì nó là tối thượng, tối diệu, tối cao, tối thắng, nên gọi châu này là Uất-đơn-việt.

M

Phẩm 3: CHUYỂN LUÂN THÁNH VƯƠNG

Này chư Tỳ-kheo, trong cõi Diêm-phù, khi Chuyển luân thánh vương ra đời, châu Diêm-phù này, tự nhiên có đủ bảy thứ quí báu. Tự thân Chuyển luân vương lại có bốn thứ thần thông, oai đức và sức mạnh. Bảy thứ báu là gì? Một là bánh xe vàng báu, hai là voi trắng báu, ba là ngựa màu xanh biếc báu, bốn là ngọc thần báu, năm là ngọc nữ báu, sáu là chủ kho tàng báu, bảy là tướng binh báu. Đó là bảy báu.

Chư Tỳ-kheo, Chuyển luân thánh vương có đầy đủ bánh xe báu là như thế nào?

Chư Tỳ-kheo, Chuyển luân thánh vương xuất hiện ở cõi Diêm-phù, lấy nước rưới đầu, làm chủ Sát-đế-lợi. Vào ngày rằm trăng tròn, sau khi thọ trai buổi sáng, ngài mặc áo lông trắng thẳng nếp, xõa tóc rũ xuống, trang sức bằng ngọc Ma-ni và các ngọc Anh lạc, ở trên lầu gác, thân thuộc, quần thần vây quanh sau trước. Khi ấy, trước vua, có bánh xe vàng báu, bỗng nhiên bay đến, đường kính bánh xe bằng bảy khuỷu tay, ngàn tăm, trục, vành, các thứ khớp nhau, đầy đủ, tự nhiên thành tựu, chẳng phải do thợ làm ra.

Lúc ấy Chuyển luân thánh vương quán đảnh Sát-đế-lợi, liền khởi lên ý nghĩ thế này: "Nếu vua Sát-lợi quán đảnh, vào ngày rằm, trăng tròn, sau khi thọ trai buổi sáng, tắm rửa sạch sẽ, thân mặc áo lông trắng thẳng nếp, đeo các Anh lạc, ở trên lầu gác, thân thuộc quần thần, trước sau vây quanh, khi đó, trước nhà vua, bỗng nhiên có bánh xe trời vàng báu, ngàn tăm, trục, vành đầy đủ khớp nhau, tự nhiên bay đến, chẳng phải do thợ làm ra, đường kính bánh xe bằng bảy khuỷu tay, trong, ngoài đều bằng sắc vàng ròng, khi có được điềm lành này, thì vị vua ấy thành tựu các đức của Chuyển luân vương. Ta nay, được vật này, nên cũng nhất định là Chuyển luân thánh vương".

Bấy giờ Chuyển luân thánh vương quán đảnh Sát-đế-lợi, ý muốn thử bánh xe trời báu ấy, nên ra lệnh trang bị đầy đủ bốn thứ binh lực, đó là tượng binh, mã binh, xa binh, bộ binh. Bốn thứ binh lực đã được trang bị đầy đủ rồi, vua liền đi đến chỗ bánh xe trời vàng, để lộ cánh tay phải, gối phải quỳ xuống đất, ở trước bánh xe vàng, đưa cánh tay phải sờ, vỗ bánh xe báu, nói như thế này: "Ngươi là bánh xe trời báu; ta nhất định là Chuyển luân vương. Nơi chưa hàng phục, hãy vì ta mà

hàng phục". Bánh xe trời báu ấy nghe lời, liền chuyển động, vì muốn hàng phục nơi chưa hàng phục.

Chư Tỳ-kheo, vua quán đảnh Sát-lợi, đã thấy bánh xe báu chuyển động như vậy rồi, liền ra lệnh xa giá đi về phương Đông. Khi ấy, bánh xe báu và bốn binh chủng cùng lúc đi theo.

Chư Tỳ-kheo, ở trước bánh xe báu, lại có bốn vị đại thiên dẫn dắt mà đi. Nơi dừng lại của bánh xe trời báu tại các chỗ đã đến, Chuyển luân thánh vương và bốn binh chủng đều dừng lại và nghỉ ngơi tại đó.

Lúc ấy các vua của tất cả các quốc độ ở phương Đông, liền lấy bát vàng đựng đầy cơm bạc, lại lấy bát bạc đựng đầy cơm vàng, xong xuôi, đầy đủ rồi, đều cùng đem đến trước Chuyển luân vương, tâu rằng: "Thiên vương đến đây thật vinh hạnh! Nay đây, xin dâng vật này lên Thiên vương. Dân chúng phương Đông giàu có, vui vẻ, an ổn, không có gì sợ sệt, dân chúng, nhà cửa đông đúc, rất dễ mến. Cúi xin đại vương tiếp nhận, luôn thương tưởng đến bọn thần là những vua nhỏ. Từ nay, chúng thần vâng lệnh phụng sự Thiên vương, một lòng không thay đổi".

Chuyển luân vương bảo các vua: "Các vị thành tâm, luôn luôn như vậy. Các vị phải tự ở trong cõi của mình, đúng như pháp mà cai trị, giáo hóa, thu phục, nuôi dưỡng quần sanh. Chớ để trong nước có điều bất như pháp. Vì sao? Các vị đều để trong nước ta có việc ác, phi pháp xuất hiện lưu hành, ta sẽ trị tội các vị không tha. Nay dạy các vị tự mình dứt sát sanh và dạy người khác chẳng sát sanh, chẳng trộm cắp, tà dâm, nói dối cho đến tà kiến chẳng nên làm. Các vị nếu đoạn trừ sát sanh, dạy người khác chẳng sát sanh, chẳng trộm cắp, chẳng hành tà dâm, nói lời chân thật, chánh kiến, thì ta tin tưởng nơi các vị, và đất nước đã được hàng phục".

Các quốc vương ở phương Đông, nghe Chuyển luân vương ban lệnh như vậy, cùng lúc đều thọ hạnh mười điều thiện; thọ rồi tuân hành theo. Mỗi vị ở nơi quốc độ đều như pháp cai trị, giáo hóa. Vì Chuyển luân vương có sức tự tại, nên vua hướng đến đâu, thì bánh xe báu đi theo đến đó. Bánh xe trời vàng báu của Thánh vương hàng phục tất cả các quốc độ ở phương Đông như vậy rồi, du hành cùng khắp cho giáp bờ biển phía Đông, sau đó mới quay về. Kế đến, lần lượt đi khắp phương Nam, phương Tây cho đến phương Bắc. Dựa theo đúng con đường của các bậc Chuyển luân thánh vương ngày xưa mà đi. Khi Chuyển luân thánh vương và bốn binh chủng tuần tự đi, thì trước họ lại có bốn vị đại thiên, đi trước bánh xe báu. Nếu bánh xe báu này dừng lại

chỗ nào, thì tùy theo chỗ ấy, Chuyển luân thánh vương và bốn binh chủng liền dừng lại nghỉ ngơi.

Bấy giờ các quốc vương ở tất cả cõi nước phương Bắc, cũng mang bát vàng trời đựng đầy cơm bạc, bát bạc trời đựng đầy cơm vàng, cùng đi đến Chuyển luân vương. đến rồi, quỳ thẳng, tâu thế này: "Vinh hạnh thay! Thiên vương đến! Vinh hạnh thay! Thiên vương đến! Phương Bắc chúng tôi, nhờ sức của thiên vương mà dân chúng hưng thịnh, giàu có, vui vẻ, an ổn, không có các điều sợ sệt, rất dễ mến. Xin thiên vương ở lại đây, thi hành việc cai trị, giáo hóa. Chúng thần xin tùy thuận, không dám hai lòng". Khi ấy Chuyển luân vương bảo các vua: "Nếu được như vậy, thì các vị tự cai trị, giáo hóa trong nước mình, nhất tề y theo lời dạy bảo. Chớ để trong nước có điều bất như pháp. Vì sao? Nếu để trong cõi nước của ta có người hành theo phi pháp và các việc ác, ta sẽ trị tội các vị. Lại nữa các vị chớ tự sát sanh, chẳng trộm cắp, tà dâm, nói dối cho đến tà kiến, các vị đều nên đoạn trừ. Nếu lìa sát sanh cho đến tự mình và người khác tu hành chánh kiến, nếu được như vậy thì ta tin rằng quốc độ của các vị hàng phục tốt".

Các vua đồng thanh tâu lên Chuyển luân vương: "Đúng như lời thiên vương răn dạy, bọn thần xin phụng hành!"

Lúc ấy các vua của các nước phương Bắc nghe Chuyển luân vương dạy bảo như vậy, ai nấy đều tuân thọ hạnh mười điều thiện; thọ rồi phụng trì, đúng như pháp; các vị ở tại nước mình y cứ vào luật để cai trị giáo hóa. Vì sức tự tại của Chuyển luân thánh vương, nên chỗ mà vua đi, bánh xe báu đi theo. Bánh xe vàng báu này, lần lượt như vậy, hàng phục phương Bắc. Khi đã đi khắp rồi, trở lại chỗ cũ.

Bấy giờ, bánh xe báu, mới lựa chọn một chỗ có địa hình hùng vĩ nhất, đẹp đẽ nhất ở trong cõi Diêm-phù để dừng lại ở đó; chỗ ấy Đông Tây rộng bảy do-tuần; Nam Bắc rộng mười hai do-tuần; đo đạc, quy hoạch phân chia ranh giới như vậy rồi, thì chư Thiên ngay đêm ấy, từ trên không hạ xuống, vì Chuyển luân vương, tạo lập cung điện, hoàn thành ngay tức thời. Khi đã hoàn thành rồi, màu sắc tuyệt vời đẹp đẽ, trang trí bằng bốn báu, đó là vàng trời, bạc trời, pha lê, lưu ly trời. Bánh xe vàng báu này, vì thánh vương sẽ trụ lơ lửng trên không, ở tại cửa trong cung, như bánh xe gắn liền trục xe, không lay, không động. Ngay lúc, Chuyển luân thánh vương, rất vui mừng, hân hoan vô cùng, nghĩ như thế này: Ta nay đã được bánh xe vàng báu rồi ư?

Chư Tỳ-kheo, Chuyển luân thánh vương có đầy đủ bánh xe vàng

trời báu tự nhiên là như vậy.

Chư Tỳ-kheo, Chuyển luân thánh vương lại có đầy đủ voi trắng báu là như thế nào?

Chư Tỳ-kheo, Chuyển luân vương, vào buổi sáng, khi ngồi trên chánh điện, thì ngay trước vua, xuất hiện voi báu, tên là Ô-bô-sa-tha, hình thể đẹp đẽ, lông nó toàn trắng như hoa Câu-vật-đầu, bảy nhánh chống đất, có đại thần lực, bay trên không mà đi, đầu màu hồng đỏ, như con trùng Nhân-đà-la-cù-ba-ca, có đủ sáu ngà, ngà đều nhọn hoắt; trên mỗi cái ngà, trang nghiêm đầy đủ như bông bèo, giống như cây lật vàng. Chuyển luân thánh vương thấy voi báu rồi, khởi lên ý nghĩ: "Voi trắng tuy xuất hiện, nhưng khi chưa biết điều phục để nhận lãnh các việc, thì có trở thành thuần thục để cưỡi được chăng?"

Bấy giờ, chỉ trong thời gian một ngày, voi liền được điều phục tốt, có thể kham nhận tất cả sự việc, giống như vô lượng con voi ngàn tuổi khác, đã được điều phục thuận hợp rồi, đẹp đẽ, hiền lành, tùy theo ý thích như thế, như thế. Voi trắng báu ấy, trong vòng một ngày, nhanh chóng chịu sự điều phục, nhận lãnh các việc, cũng lại như vậy.

Khi ấy Chuyển luân vương, vì muốn thử voi, nên vào buổi sáng sớm, khi mặt trời vừa mọc, cưỡi voi báu này, tuần du khắp nơi, đến các bờ biển, tận cùng biên thùy đại địa. Đã đi khắp rồi, Chuyển luân vương mới trở về cung, ăn điểm tâm. Do nhân duyên ấy, trong lòng nhà vua vui vẻ, mừng rỡ, nghĩ: "Vì ta nên voi báu xuất hiện như vậy".

Chư Tỳ-kheo, Chuyển luân thánh vương có đầy đủ voi trắng báu tự nhiên là như vậy.

Chư Tỳ-kheo, Chuyển luân thánh vương có ngựa báu hoàn hảo là như thế nào?

Chư Tỳ-kheo, Chuyển luân vương, vào lúc sáng sớm, ngồi trên chánh điện, ngay ở trước vua, ngựa báu màu xanh biếc tên là Bà-la-ha xuất hiện, sắc xanh, thân mướt, lông, đuôi óng ả, đầu đen, lông bờm bung ra, có sức thần thông bay trên không mà đi. Khi ấy Chuyển luân vương thấy ngựa báu rồi, khởi lên ý nghĩ thế này: "Ngựa này tuy đã xuất hiện, nhưng chưa biết điều phục để nhận lãnh các việc, thì có thể vì ta mà chuyên chở tốt chăng?" Khi ấy, ngựa báu, trong vòng một ngày, liền được điều phục tốt, có thể nhận lãnh các việc, giống như vô lượng ngựa ngàn tuổi khác, đã được điều phục thuần phục rồi, hiền lành tuân phục như thế, như thế. Khi điều phục ngựa này, trong vòng một

ngày, nhận lãnh thực hiện tất cả các việc, cũng lại như vậy.

Khi ấy Chuyển luân vương vì muốn thử ngựa, vào buổi sáng, khi mặt trời vừa mọc, cưỡi ngựa báu này đi khắp đại địa, rồi trở về cung, mới ăn điểm tâm. Do nhân duyên đó, vua rất vui mừng, hân hoan vô cùng, nghĩ: "Ta nay đã được ngựa báu màu xanh biếc".

Chư Tỳ-kheo, Chuyển luân thánh vương có ngựa báu hoàn hảo là như vậy.

Chư Tỳ-kheo, Chuyển luân thánh vương có ngọc báu hoàn hảo là như thế nào?

Chư Tỳ-kheo, Chuyển luân thánh vương có Ma-ni báu, sắc tỳ lưu ly, đầy đủ tám cạnh, chẳng phải do thợ làm ra, đẹp đẽ tuyệt vời, tự nhiên phát ra ánh sáng thanh tịnh. Khi ấy, Chuyển luân vương thấy ngọc báu rồi, nghĩ thế này: "Ma-ni báu này, các tướng đầy đủ, ta nay nên treo trong cung, để phát ra ánh sáng".

Chuyển luân vương, vì muốn thử Ma-ni báu ấy, bèn trang bị đầy đủ bốn binh chủng, đó là tượng binh, mã binh, xa binh, bộ binh. Khi đầy đủ bốn binh chủng rồi, ngay lúc nửa đêm, trời mưa lất phất, mây đùn đen nghịt, ánh chớp xuất hiện, Chuyển luân thánh vương lấy ngọc báu ấy treo lên ngọn cờ, ra dạo ngoài vườn. Vì sao? Vì ý muốn dạo chơi xem tính chất của ngọc báu.

Chư Tỳ-kheo, Ma-ni báu ấy, ở trên ngọn cờ chiếu khắp bốn phương cho đến bốn binh chủng đều được thấy rõ. Ánh sáng chiếu khắp như mặt trời chiếu nơi thế gian.

Lúc đó tất cả Bà-la-môn, Cư sĩ... trong cõi ấy đều tưởng là trời sáng, ánh sáng mặt trời đã lên, hoảng hốt tung dậy, làm các công việc. Do nhân duyên ấy, Chuyển luân thánh vương, rất hoan hỷ, nghĩ: "Ngọc báu này, đã vì ta xuất hiện".

Chư Tỳ-kheo, Chuyển luân thánh vương có ngọc báu hoàn hảo như vậy.

Chư Tỳ-kheo, Chuyển luân thánh vương có người nữ báu hoàn hảo là như thế nào?

Chư Tỳ-kheo, Chuyển luân thánh vương ra đời, thì có người nữ báu xuất hiện, chẳng thô, chẳng bé, chẳng cao, chẳng thấp, chẳng trắng, chẳng đen, đẹp đẽ tuyệt vời, đi đứng uyển chuyển, sắc mạo vẹn toàn, làm cho người thấy, ưa nhìn không chán. Lại người nữ báu ấy, khi trời nóng thì thân mát, khi trời lạnh thì thân ấm, trên thân phát ra mùi

thơm tuyệt diệu, giống như chiên đàn, miệng thường phát ra mùi thơm Ưu-bát-la, vì Chuyển luân vương, hôm sớm siêng năng, cẩn trọng cung kính phụng sự. Phàm làm việc gì, không phật ý vua. Trong ý của người nữ ấy không còn nghĩ ác, huống là thân, miệng của nàng có lỗi lầm. Do nhân duyên này nên Chuyển luân thánh vương rất hoan hỷ, hân hoan vô cùng, tự nghĩ rằng vì ta mà xuất hiện người nữ báu này.

Chư Tỳ-kheo, Chuyển luân thánh vương có người nữ báu hoàn toàn là như vậy.

Chư Tỳ-kheo, vị quan báu chủ kho tàng oai lực đầy đủ của Chuyển luân thánh vương là như thế nào?

Chư Tỳ-kheo, Chuyển luân vương ra đời có vị quan báu chủ kho tàng xuất hiện, rất giàu, nhiều của cải, lại có nhiều công đức, có được thiên nhãn, thấy suốt trong đất tất cả hầm mỏ bí mật, có chủ hay không chủ, đều được mắt của vị ấy thấy hết. Hoặc ở dưới nước, hoặc ở trên đất, hoặc ở xa, hoặc ở gần, ở trong đó có các vật báu, kỳ lạ, vị quan chủ kho tàng này đều giữ gìn, trông coi đúng cách, chẳng để bị hư hoại mất mát. Vật vô chủ thì kịp thời thu lấy, nghĩ là những vật cần dùng của Chuyển luân vương. Bấy giờ vị quan chủ kho tàng liền tự đến chỗ Chuyển luân vương, tâu: "Đại thánh thiên vương! Nếu thiên vương cần của cải, vật báu, xin ngài chớ lo, sức lực của thần có thể tự lo liệu được. Những cái thiên vương cần, đều cung cấp đầy đủ".

Khi ấy Chuyển luân vương muốn thử tài của vị quan báu chủ kho tàng, nên lên thuyền vào trong dòng nước, dừng lại, ra lệnh cho vị ấy: "Ngươi, quan chủ kho tàng, lại đây. Ta cần của báu, ngươi phải mau cung cấp đầy đủ!"

Vị quan chủ kho tàng tâu: "Cúi xin Đại thiên vương, chờ thần trong chốc lát, đợi thuyền đến bờ, ngay ở bên bờ, thu lấy của báu để dâng lên cho thiên vương dùng". Vua bảo vị quan chủ kho tàng: "Ta nay chẳng cần của cải bên bờ, ngay bây giờ, tại nơi đây, vì ta mà lo đầy đủ". Vị quan chủ kho tàng tâu: "Xin tuân lệnh thiên vương, chẳng dám trái lệnh".

Vị quan chủ kho tàng nhận lệnh vua rồi, trật áo vai phải, gối phải quỳ trên thuyền, tay quơ trong nước, ngón tay như càng cua, cào dồn vàng bạc, chứa đầy các đồ đựng, ngay ở trên thuyền, mang đến dâng vua: "Đại vương, các vàng bạc này đều là bạc trời, trời cho vật này, cung cấp cho đại vương, để làm của cải mà dùng".

Chuyển luân vương bảo vị quan chủ kho tàng: "Ta chẳng cần của cải, chỉ thử ngươi thôi".

Vị quan chủ kho tàng nghe lời vua rồi, bèn lấy vàng, bạc, bỏ xuống nước. Do nhân duyên này, nên Chuyển luân thánh vương rất hoan hỷ, phấn khởi không thôi, tâm tự nghĩ: "Ta nay đã được vị quan báu chủ kho tàng ư?"

Chư Tỳ-kheo, Chuyển luân thánh vương có vị quan chủ kho tàng hoàn hảo là như vậy.

Chư Tỳ-kheo, vị tướng báu chủ binh đầy đủ oai lực của Chuyển luân thánh vương là như thế nào?

Chư Tỳ-kheo, do sức từ phước đức của Chuyển luân vương, nên tự nhiên xuất hiện tướng binh báu, mưu trí, nhiều tài, giỏi các sách lược, biết rõ quân cơ, thành tựu thần tuệ. Chuyển luân thánh vương khi cần binh lực đều có khả năng cung cấp đầy đủ; muốn chạy liền chạy; muốn đi liền đi; muốn giải tán liền giải tán; muốn tập hợp liền tập hợp.

Bấy giờ vị tướng chủ binh liền đi đến chỗ Chuyển luân vương; đến rồi tâu rằng: "Nếu vua cần binh, được dạy dỗ, tập luyện, chịu đựng, xin ngài chớ lo, thần sẽ vì ngài mà dạy bảo, tập luyện binh mã, làm cho như ý, huấn luyện thuần thục, theo lệnh".

Khi ấy Chuyển luân vương vì muốn thử vị tướng binh báu ấy, liền ra lệnh cho các quan lo việc binh, trang bị bốn binh chủng, đó là tượng binh, mã binh, xa binh, bộ binh. Vua biết bốn binh chủng đã được trang bị rồi, bảo với vị tướng báu: "Binh tướng của ngươi đã đến, nên vì ta mà khéo thống lĩnh bốn binh chủng, dạy bảo cho biết vâng lệnh: khéo chạy, khéo đi, khéo tập hợp, khéo giải tán, đúng pháp, chớ sai trái". Tướng binh báu nghe Chuyển luân vương ra lệnh như vậy, tâu: "Đại vương, xin vâng lệnh thiên vương, thần chẳng dám trái lệnh", rồi liền thống lãnh bốn binh chủng, trang bị binh khí, dạy chạy, dạy đi, dạy tập hợp, dạy giải tán, như lệnh của vua; muốn chạy liền chạy; muốn đi liền đi; muốn tập hợp liền tập hợp; muốn giải tán liền giải tán; tùy ý tự tại. Do nhân duyên ấy, nên Chuyển luân thánh vương rất hoan hỷ, phấn khởi không thôi, tự nghĩ: "Ta nay đã được tướng báu chủ binh".

Chư Tỳ-kheo, Chuyển luân thánh vương có tướng báu chủ binh oai lực đầy đủ là như vậy.

Chư Tỳ-kheo, nếu có bảy thứ báu xuất hiện như vậy, thì hiển

nhiên được gọi là Chuyển luân thánh vương.

Chư Tỳ-kheo, Chuyển luân thánh vương có đầy đủ bốn thứ thần thông tự tại là những gì?

Chư Tỳ-kheo, Chuyển luân thánh vương thọ mạng lâu dài, sống lâu ở đời. Ở trong tất cả thời gian, tất cả thế gian, không có ai trong loài người có thể được an ổn, sống lâu so với thọ mạng của Chuyển luân thánh vương. Đó là thần thông thứ nhất, thọ mạng đầy đủ của Chuyển luân thánh vương.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, thân thể của Chuyển luân thánh vương ít bệnh, ít phiền, các tướng đầy đủ, bụng bằng, đầy, chẳng nhỏ, chẳng lớn; lạnh, nóng, mát, ấm thích hợp theo thời tiết, đi đứng nhẹ nhàng, ăn uống tiêu hóa, ổn định an lạc. Ở trong tất cả thời, tất cả thế gian, không có ai trong thế gian mà thân thể ít bệnh, ít phiền như vậy. Đó gọi là thần thông thứ hai, thần lực đầy đủ của Chuyển luân thánh vương.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, báo thân của Chuyển luân thánh vương hình mạo đoan chánh, đặc biệt; thường được thế gian ưa nhìn không chán, sắc thân thanh tịnh, trang nghiêm toàn vẹn, đẹp đẽ tuyệt vời, không ai sánh kịp. Ở trong tất cả thời, tất cả thế gian, người thọ sanh, không ai đoan chánh, đặc biệt, được thế gian ưa nhìn không chán như hình tướng đầy đủ của Chuyển luân thánh vương. Đó là thần thông thứ ba, sắc mạo đầy đủ của Chuyển luân thánh vương.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, do nhân duyên nghiệp lực, Chuyển luân thánh vương có phước báo lớn, nên tài sản phong phú, châu báu có nhiều, các thứ trong thế gian chẳng thiếu thứ gì. Ở trong tất cả thời, tất cả thế gian, người thọ sanh, không ai giàu có, an lạc, tự tại, của cải, y phục, đồ chơi, vật báu tuyệt vời, đầy ắp kho tàng như Chuyển luân thánh vương. Đó là thần thông thứ tư, quả báo đầy đủ của Chuyển luân thánh vương.

Chư Tỳ-kheo, nếu ai đầy đủ bốn thứ thần thông như vậy, không khuyết giảm, thì được gọi là Chuyển luân thánh vương.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, Chuyển luân thánh vương do phước đức dày mà được dân chúng ái kính, tâm thường vui vẻ, như con thương cha. Lại nữa, dân chúng cũng được Chuyển luân vương thương tưởng nghĩ đến, ý thường thương yêu chăm sóc, như cha thương con.

Chư Tỳ-kheo, Chuyển luân thánh vương, vào một hôm nọ, ngự

xe báu lớn, ra khỏi cung tuần du xem xét, qua các cảnh đẹp, rồi đến vườn cây. Ngay lúc ấy, tất cả dân chúng đều được thấy mặt Chuyển luân thánh vương, nên rất vui mừng, cùng nhau lên tiếng bảo người đánh xe của vua: "Này ông đánh xe! Xin ông buông cương, cho xe đi chầm chậm, chớ để đi mau. Vì sao? Vì nếu ông cho xe tiến lên chầm chậm thì chúng tôi có được nhiều thời gian để nhìn thấy Chuyển luân thánh vương". Bấy giờ, Chuyển luân vương nghe lời ấy rồi, lại cũng bảo người đánh xe như vậy: "Này người đánh xe! Hãy cho xe đi chậm lại, chớ để đi mau. Vì sao? Vì nếu ngươi cho xe đi tới từ từ, an ổn, thì ta có nhiều thì giờ tuần du khắp nơi, xem xét tất cả dân chúng".

Chư Tỳ-kheo, dân chúng lúc bấy giờ thấy Chuyển luân vương rồi, mọi người tự mang vật báu của mình, đến trước xe quỳ xuống, dâng lên Chuyển luân vương, tâu: "Tâu đại vương! Nay thần dân chúng tôi đem những thứ này, dâng lên thiên vương. Những vật này thuộc về thiên vương. Xin thiên vương thọ nhận, tùy ý sử dụng. Vì sao? Vì những bảo vật như thế này chỉ có thiên vương mới xứng đáng dùng".

Chư Tỳ-kheo, khi Chuyển luân vương ra đời, châu Diêm-phù này trong sạch, bằng phẳng, không có các thứ gai gốc và các rừng rậm, gò đống, hầm hố, nhà xí, đồ chơi dơ bẩn, nơi hôi hám bất tịnh, sỏi đá, ngói, gạch, cát, đất phèn... tất cả đều không có. Vàng, bạc..., bảy báu, tự nhiên đầy đủ; chẳng lạnh, chẳng nóng, thời tiết điều hòa.

Chư Tỳ-kheo, khi Chuyển luân vương ra đời, châu Diêm-phù này, tự nhiên hình thành ổn định tám vạn ấp, ở đó đều được an lạc, không có điều sợ hãi, muôn dân phát đạt, lúa gạo phong phú, xóm làng đông đúc, rất là dễ mến.

Chư Tỳ-kheo, khi Chuyển luân vương ra đời, châu Diêm-phù này, nơi vua cai trị, xóm làng thành ấp, nhà cửa san sát, thôn liền nhau, gà bay đến được; dân chúng an lạc, kể sao cho xiết.

Chư Tỳ-kheo, khi Chuyển luân thánh vương ra đời, châu Diêm-phù này, thường vào lúc nửa đêm, từ trong ao A-na-bà-đạt-đa, nổi lên đám mây lớn, bay phủ khắp châu Diêm-phù và các núi, biển; ngay khi ấy, mưa đổ xuống. Khắp cõi Diêm-phù như trong màng sữa trâu lê. Nước mưa ngập bốn ngón tay, nước mưa ngon ngọt, đủ tám công đức, chảy xuống chỗ thấp liền rút hết, xuống nữa thì lan ra thấm vào trong đất, nước thấm lan chẳng thấy. Đến cuối đêm, mây mù tan hết, có gió trong, mát từ biển lớn nổi lên, thổi hơi ẩm ướt bay đi khắp nơi; dân

chúng cõi Diêm-phù xúc chạm, đều được an lạc. Lại nữa, hơi ẩm của vị ngọt ấy thấm vào châu này, khiến khắp nơi được phì nhiêu, tươi tốt, quang đãng. Thí như người thợ giỏi làm tràng hoa và học trò của ông ta, làm tràng hoa xong rồi, lấy nước rưới lên, khiến được thấm ướt, sắc hoa tươi tốt, việc này cũng vậy.

Lại nữa, khi Chuyển luân vương ra đời, tất cả đất đai trong cõi Diêm-phù này, tự nhiên mầu mỡ, tốt tươi, thấm nhuận. Thí như có người lấy váng sữa, dầu thoa lên đồ vật. Đất ấy mầu mỡ, tốt tươi, thấm nhuận cũng lại như vậy.

Chư Tỳ-kheo, Chuyển luân thánh vương ra đời rồi, trụ thế lâu dài, trải qua vô số năm. Ở thời gian này, lại cũng chịu nhiều sự tiếp xúc với khổ trong cõi người. Thí như người đàn ông nhỏ bé, thân thể yếu đuối, ăn thức ăn ngon rồi, vận động, làm việc, chịu một ít mệt nhọc, mới được tiêu hóa. Như vậy, Chuyển luân vương kia ở đời lâu dài, ở trong sanh tử, tiếp xúc một ít sự khổ, cũng lại như vậy.

Chư Tỳ-kheo, khi Chuyển luân thánh vương, hết thọ mạng, xả thân này rồi, chắc chắn sanh lên trời, cùng sanh đồng chỗ với trời Ba mươi ba.

Chư Tỳ-kheo, ngay khi Chuyển luân thánh vương mạng chung, để cúng dường Chuyển luân thánh vương, ở trong không trung, tự nhiên mưa hoa Ưu-bát-la, hoa Bát-đầu-ma, hoa Câu-vật-đầu, hoa Phân-đà-lợi... các thứ hương hoa, rơi khắp; cũng mưa bột thiên trầm thủy, bột Đa-già-la, bột chiên đàn hương và các thứ hoa như thiên Mạn-đà-la... lại có thiên nhạc, âm thanh vi diệu, tự nhiên trỗi lên; cũng có âm thanh ca ngợi của chư Thiên trong hư không để cúng dường thân Chuyển luân vương ấy, vì làm phúc lợi.

Chư Tỳ-kheo, bấy giờ người nữ báu, vị quan báu chủ kho tàng, tướng báu chủ binh liền dùng các loại nước thơm tinh diệu rửa thân Chuyển luân vương; dùng nước hoa rửa rồi, trước hết lấy mền bông Liếp-ba-bà, quấn vào thân vua; sau đó mới lấy mền lông thẳng nếp quấn thêm một lớp nữa; kế đến, lại lấy đủ năm trăm tấm mền nhỏ đẹp đẽ, sắp lên hai lớp mền kia, lần lượt bó lại; quấn bó xong rồi, lại lấy kim quan tràn đầy váng dầu, đem thân Chuyển luân vương đặt vào trong kim quan. Lại lấy quách bạc, bọc kim quan này; bỏ vào trong quách bạc rồi, đóng đinh từ trên xuống dưới, để được an toàn. Lại tập trung tất cả cây thơm chất thành đống lớn; sau đó thiêu đốt thân Chuyển luân vương. Thiêu đốt xong rồi thu nhặt tro xương, đặt ở ngã ba

đường, xây một tháp cao một do-tuần, rộng nửa do-tuần, trang trí nhiều màu, dùng bốn báu tạo thành, đó là vàng, bạc, lưu ly, pha lê. Tháp ấy có bốn bức tường bao bọc, chu vi năm mươi do-tuần, có bảy lớp bờ tường, bảy lớp lan can... *lược nói... như trên... cho đến* các loài chim cùng nhau ca hót.

Khi ấy người nữ báu và chủ kho tàng báu, chủ binh báu vì Chuyển luân vương làm tháp đã xong xuôi rồi, sau đó bày biện đồ cúng thượng diệu; những người đến xin, cúng cấp các thứ, nghĩa là người cần ăn cho ăn, cần uống cho uống, cần xe cho xe, cần y phục cho y phục, cần của cải cho của cải, cần đồ báu cho đồ báu, cho khắp tất cả, đều được đầy đủ.

Chư Tỳ-kheo, sau khi Chuyển luân thánh vương mạng chung mới được bảy ngày, thì bánh xe báu, voi báu, ngựa báu, ngọc báu đều tự nhiên biến mất; người nữ báu, chủ kho tàng, chủ tướng binh cũng đều mạng chung; bốn loại thành báu, từ từ biến đổi, trở thành bờ đất; dân chúng trong cõi, đều tùy lúc dần dần suy giảm.

Chư Tỳ-kheo, tất cả các hành hữu vi, vô thường biến đổi như vậy, không có gì thường còn; hư hoại, lìa tan, chẳng được tự tại, là pháp bị tiêu diệt hủy hoại, tạm trong chốc lát, chẳng tồn tại lâu dài.

Chư Tỳ-kheo, nên xả bỏ các hành hữu vi, nên xa lìa, nên nhàm chán, mau cầu đạo giải thoát.

M

Phẩm 4: ĐỊA NGỤC 1

Chư Tỳ-kheo, ở bốn đại châu, tám vạn tiểu châu, ngoài các núi lớn khác và núi chúa Tu-di, riêng có một núi tên là Chước-ca-la, cao sáu trăm tám mươi vạn do-tuần, rộng dài cũng sáu trăm tám mươi vạn do-tuần, dày đặc kiên cố, do kim cương tạo thành, khó có thể phá hoại.

Chư Tỳ-kheo, ngoài núi Thiết vi ấy, lại có thêm một núi Đại thiết vi, cao rộng bằng phẳng, số do-tuần như trước. Khoảng giữa hai núi, rất tối tăm, không có ánh sáng. Mặt trời, mặt trăng có đại oai thần, đại lực, đại đức như vậy mà không thể chiếu đến đó để có ánh sáng.

Chư Tỳ-kheo, ở khoảng giữa hai núi có tám đại địa ngục. Những gì là tám? Đó là Hoạt đại địa ngục, Hắc đại địa ngục, Hiệp đại địa ngục, Khiếu hoán đại địa ngục, Đại khiếu hoán đại địa ngục, Nhiệt não đại địa ngục, Đại nhiệt não đại địa ngục, A-tỳ-chí đại địa ngục.

Chư Tỳ-kheo, tám đại địa ngục ấy, mỗi cái lại có mười sáu tiểu địa ngục quan hệ trực thuộc bao bọc chung quanh. Mười sáu ngục ấy tất cả đều rộng dài năm trăm do-tuần. Những gì là mười sáu? Đó là địa ngục Hắc vân sa, địa ngục Phẩn niệu nê, địa ngục Ngũ xoa, địa ngục Cơ ngạ, địa ngục Tiêu khát, địa ngục Nùng huyết, địa ngục Nhất đồng phủ, địa ngục Đa đồng phủ, địa ngục Thiết ngại, địa ngục Hàm lượng, địa ngục Kê, địa ngục Khôi hà, địa ngục Chước tiệt, địa ngục Kiếm diệp, địa ngục Cô lang, địa ngục Hàn băng.

Chư Tỳ-kheo, vì nhân duyên gì gọi là đại địa ngục Hoạt?

Chư Tỳ-kheo, chúng sanh trong đại địa ngục Hoạt này, có kẻ sanh ra, có kẻ có mặt, có kẻ ra khỏi, có kẻ đang ngụ, ngón tay tự nhiên đều mọc móng sắt dài nhỏ bén, như mũi nhọn. Các chúng sanh ấy, đã thấy nhau rồi, tâm ý dục loạn; vì tâm dục loạn, nên mỗi người dùng móng tay sắt, tự đâm vào thân, khiến cho da rách nát hết; hoặc tự rạch thân; rạch rồi lại rạch, cho đến rạch lớn ra, xẻo rồi lại xẻo, cho đến xẻo thật lớn; cắt rồi lại cắt, cho đến cắt thật lớn.

Chư Tỳ-kheo, các chúng sanh ấy tự mình cắt xẻo rồi, mới biết thế này: "Ta nay bị thương, ta nay đã chết". Vì nghiệp báo, nên ngay khi ấy, lại có gió lạnh thổi đến trên thân, khoảnh khắc sống lại, cơ thể da thịt, gân, xương, máu, tủy, sanh ra và hoạt động trở lại; đã được hoạt động lại rồi, vì nhân duyên nghiệp lực, lại khởi lên đủ thứ, bèn gọi

nhau bảo: "Chúng sanh các ngươi, ý muốn được sống, đã được sống rồi, thật là quý!"

Chư Tỳ-kheo, nên biết, vì trong đây, chỉ nói một phần nhỏ, nên gọi là Hoạt. Nhưng ở trong đó, lại có biệt nghiệp, chịu khổ rất nặng, đau đớn bức bách, khổ độc khó chịu đựng nổi, cho đến đời trước hoặc là thân người, hoặc chẳng phải là thân người, đã phát khởi, đã tạo tác các nghiệp ác bất thiện, chưa hết, chưa diệt, chưa trừ, chưa chuyển, chưa hiện ra một phần nhỏ, chưa hiện ra toàn phần, ở trong khoảng ấy, mạng báo chưa hết, cầu chết chẳng được.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, chúng sanh trong đại địa ngục Hoạt, có kẻ sanh ra, có kẻ có mặt, cho đến kẻ đang trụ, ngón tay họ lại biến thành nguyên một dao sắt, hoặc nửa cái dao sắt, rất dài, bén nhọn. Họ nhìn nhau, tâm ý dục loạn; đã dục loạn rồi,... *cho đến*... đâm, rạch, xẻo, cắt, phá hết mà chết. Gió lạnh thổi đến, khoảnh khắc sống trở lại.

Chư Tỳ-kheo, như vậy, như vậy, vì nói một phần nhỏ, nên gọi là Hoạt.

Chư Tỳ-kheo, lại vì có biệt nghiệp, nên ở trong đó, chịu rất nhiều khổ não; vì khổ chưa hết, nên cầu chết chẳng được, cho đến đời trước, hoặc là thân người, hoặc chẳng phải là thân người, đã tạo tác những nghiệp ác bất thiện, chưa hết, chưa diệt, chưa trừ, chưa lìa, nên tất cả nhận chịu đầy đủ như vậy.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, chúng sanh ở trong đại địa ngục Hoạt thời gian không kể xiết, khổ báo chưa hết, từ ngục này ra, chạy đi khắp nơi, lại cầu đến nơi khác, có phòng ốc nhà cửa, tìm chỗ cứu hộ, tìm chỗ nương tựa. Trong khi tìm cầu như vậy, vì nghiệp tội, nên liền tự đi vào trong tiểu địa ngục Hắc vân sa. Ngục ấy, rộng dài năm trăm do-tuần. Đã vào ngục rồi, ở trên hư không, nổi lên đám mây đen lớn, mưa cát bay, lửa phừng phực, sức nóng dữ dội. Thân của chúng sanh bị đọa vào trong địa ngục, lửa ấy chạm da thì cháy da, đụng thịt thì cháy thịt, đến gân thì cháy gân, đến xương thì cháy xương, đến tủy thì cháy tủy; phát ra khói rất nóng, bùng lên cùng khắp, chịu khổ não cùng cực. Vì khổ báo ấy chưa hoàn toàn hết, nên cầu chết chẳng được, *cho đến*... Ngày trước, là thân người, hoặc chẳng phải thân người đã tạo tác các nghiệp ác bất thiện, chẳng diệt, chẳng trừ, chẳng chuyển, chẳng biến, chẳng lìa, chẳng mất, lần lượt mà chịu, trải qua thời gian không cùng.

Chư Tỳ-kheo, các chúng sanh ấy chịu khổ như vậy, trải qua thời

gian không cùng rồi, từ địa ngục Hắc vân sa ra, lại chạy đi tìm cầu phòng xá nhà cửa, cầu cứu giúp, cầu che chở, cầu chỗ nương tựa. Trong khi tìm cầu như vậy, lại tự nhập vào trong tiểu địa ngục Nhiệt phẩn thỉ nê. Ngục ấy cũng rộng năm trăm do-tuần; tội nhân vào rồi, từ cổ trở xuống ở trong phân ướt; phân ấy nóng như nước sôi, khói nóng cũng bốc lên thiêu tay, chân, tay, mũi, đầu, mắt, thân thể của tội nhân ấy, trong giây lát chín nhừ, *cho đến*... Ngày trước, hoặc là người, chẳng phải người, đã khởi tạo các nghiệp ác bất thiện, chưa hết, chưa diệt, chưa trừ, chưa chuyển, chẳng lìa, chẳng mất, nên lần lượt nhận chịu.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, ở trong tiểu địa ngục Phẩn thỉ, có các thiết trùng, tên là Châm khẩu, ở trong phân ướt đục các chúng sanh, tất cả bộ phận trên thân đều bị đục thủng, trước hết đục da; đã đục phá da rồi, kế đến đục thịt; đã đục thịt rồi, kế đến đục gân; đã phá gân rồi, kế đến đục xương; đã phá xương rồi, nằm ở trong tủy, ăn tất cả tinh tủy của các chúng sanh, khiến khắp thân chịu khổ kịch liệt. Nhưng thọ mạng của chúng sanh kia cũng chưa dứt hẳn, *cho đến*... Người ấy làm việc ác bất thiện, chưa diệt, chưa hết, lần lượt nhận chịu như vậy.

Chư Tỳ-kheo, các chúng sanh trong địa ngục ấy ở trong thời gian vô lượng, chịu thống khổ rồi, từ nơi tiểu địa ngục Phẩn thỉ nê thoát ra, lại chạy đi tìm cầu nhà cửa phòng ốc, cầu giúp đỡ, cầu đất đai, cầu nơi nương tựa. Bấy giờ, liền nhập vào trong tiểu địa ngục Ngũ xoa. Ngục ấy rộng năm trăm do-tuần. Các tội nhân ấy, vào ngục này rồi, khi ấy ngục tốt giữ ngục chụp lấy tội nhân giơ cao lên, ném xuống rồi đặt trên sàn sắt nóng dữ dội, khói lửa bùng lên, tội nhân ở trong đó, hôn mê, nằm ngửa, ngục tốt bèn dùng hai đinh sắt nóng, đóng vào hai gót chân, sức nóng hực lên dữ dội; lại lấy hai đinh đóng vào hai tay, sức nóng cũng hực lên dữ dội; ở giữa rốn đóng một đinh sắt, sức nóng trở nên dữ dội. Khi ấy ngục tốt lại dùng năm cái xoa, xẻ năm bộ phận cơ thể, chịu đau đớn hết sức, cho đến nơi ấy, thọ mạng chưa dứt, nghiệp ác chưa hết... Xưa kia là người, chẳng phải là người, đã tạo tất cả nghiệp ác, ở trong ngục này, lần lượt nhận chịu.

Chư Tỳ-kheo, các chúng sanh ấy chịu sự đau đớn này, trải qua thời gian không cùng, từ nơi tiểu địa ngục Ngũ xoa ra, lại trở lại đi cầu cứu độ, cầu nhà cửa, cầu đất đai, cầu chỗ nương tựa, cầu che chở, cầu giúp đỡ, liền lại đi đến chỗ địa ngục đói khát. Ngục ấy cũng rộng năm trăm do-tuần, tội nhân vào rồi, khi ấy ngục tốt giữ ngục, từ xa thấy

những người ấy, từ ngoài đi vào, liền hỏi trước: "Các ngươi nay đi đến đây muốn việc gì?" Các chúng sanh ấy cùng trả lời: "Thưa ngài, chúng tôi đói khát". Ngục tốt nghe thế liền chụp tội nhân, xô nhào xuống nền sắt nóng hừng hực. Lúc ấy tội nhân hôn mê nằm ngửa, ngục tốt dùng kềm sắt cạy miệng họ ra, lấy hòn sắt nóng bỏ vào trong miệng. Môi miệng tội nhân ngay khi ấy cháy tiêu hết; đã đốt môi rồi, liền đốt lưỡi; đã đốt lưỡi rồi, liền đốt hàm ếch; đã đốt hàm ếch rồi, liền đốt yết hầu; đã đốt yết hầu rồi, liền đốt tim; đã đốt tim rồi, liền đốt ngực; đã đốt ngực rồi, liền đốt ruột già; đã đốt ruột già rồi, liền đốt bao tử; đã đốt bao tử rồi, qua đến ruột non, xuống tới bộ hạ, ra ngoài, hòn sắt ấy nóng hừng hực, vẫn còn đỏ như lúc ban đầu. Các chúng sanh ấy, ngay lúc đó, chịu khổ cùng cực mà mạng sống cũng chưa dứt, *nói lược... cho đến,* đời trước, hoặc là người, chẳng phải người, đã tạo... lần lượt như vậy. Trong địa ngục này, chịu đủ các thứ...

Chư Tỳ-kheo, các chúng sanh ấy trong thời gian vô cùng, thọ khổ ấy rồi, từ tiểu địa ngục đói khát này thoát ra, lại chạy đi cầu chỗ giúp đỡ, che chở... *nói lược như trước*. Sau đó lại đi đến địa ngục Tiêu khát; ngục ấy cũng rộng năm trăm do-tuần. Vào ngục này rồi, khi ấy, ngục tốt từ xa thấy những người ấy, từ ngoài đi vào, liền hỏi trước: "Nay đây các ngươi cần cầu việc gì?" Tội nhân đáp: "Thưa ngài, nay chúng tôi rất khát". Ngục tốt nghe nói liền chụp tội nhân xô ngã trên nền sắt nóng hừng hực; ở trong sức nóng mãnh liệt ấy, nằm ngửa, hôn mê; ngục tốt liền dùng kềm sắt cạy miệng họ ra, nấu đồng đỏ chảy, rồi đổ vào miệng. các chúng sanh ấy, ngay lúc đó, môi miệng đều cháy bỏng hết; môi miệng cháy bỏng rồi, kế đến đốt lửa; cứ như vậy, đốt hàm ếch, đốt yết hầu, đốt tim, đốt ngực, đốt ruột già, đốt bao tử, đi thẳng qua ruột non, xuống bộ hạ rồi chảy ra ngoài. Các chúng sanh ấy, ngay khi đó, đều chịu khổ cùng cực, chịu đau cùng cực, khổ ấy khác thường, khó thể nghĩ bàn. Nhưng thọ mạng của họ, chưa dứt, chưa hết... *cho đến*... hoặc là người, chẳng phải người tạo nghiệp ác chưa diệt, chưa lìa... *nói lược như trước*, lần lượt nhận chịu đầy đủ như vậy.

□

KINH KHỞI THẾ

QUYỂN III

Phẩm 4: ĐỊA NGỤC 2

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, các loài chúng sanh trong địa ngục ấy, trải qua thời gian vô lượng, chịu khổ cùng cực rồi, sau đó từ ngục Tiêu khát rộng năm trăm do-tuần ấy thoát ra, chạy đi... *như trước... lược nói cho đến câu...* cầu chỗ cứu hộ, liền lại đến địa ngục Nùng huyết. Địa ngục này cũng rộng năm trăm do-tuần, mủ máu lênh láng, ngập sâu đến cổ, đều sôi sùng sục. Chúng sanh ở địa ngục nhập vào trong đó rồi chạy qua chạy lại khắp Đông, Tây, Nam, Bắc. Trong khi chạy như vậy, các chúng sanh ấy bị thiêu tay, thiêu chân, thiêu tai, thiêu mũi. Tay, chân, tai, mũi đã bị thiêu rồi, tất cả chi tiết cũng bị thiêu luôn; khi chi tiết của thân thể đã bị thiêu rồi, các tội nhân ấy chịu khổ não kinh khủng, tàn khốc vô cùng, chẳng thể nghĩ bàn, cho đến khi nào mà nghiệp ác bất thiện đã tạo tác từ thân người, chẳng phải người chưa hết thì mạng cũng chưa dứt.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, địa ngục Nùng huyết lại có các loài trùng tên là Tối mãnh thắng. Các loài trùng ấy, vì chúng sanh thọ tội trong địa ngục kia mà gây ra sự khổ não lớn lao: Từ ngoài thân vào, trước hết cắn phá da họ; đã cắn phá da rồi, kế đến cắn phá thịt họ; đã cắn phá thịt rồi, kế đến cắn phá gân họ; đã cắn phá gân rồi, kế đến cắn phá xương họ; đã cắn phá xương rồi, hút tủy họ ra, theo đó mà ăn. Các chúng sanh kia, ngay trong lúc ấy, chịu các khổ cùng cực, cho đến các nghiệp ác bất thiện của người hoặc chẳng phải người đã tạo tác chưa hết, chưa diệt nên thọ mạng chẳng dứt, đều phải chịu đủ.

Lại nữa, các Tỳ-kheo, địa ngục Nùng huyết có các chúng sanh đói khát bức bách, khi ấy có kẻ dùng tay vốc lấy máu mủ sôi nóng ấy bỏ

vào miệng; bỏ vào miệng rồi, lập tức môi miệng kẻ ấy bị cháy bỏng, khi môi miệng bị cháy bỏng liền cháy đến các răng; răng lợi đã cháy rồi, liền cháy đến yết hầu. Cứ như vậy, thiêu cháy ngực, thiêu cháy tim, thiêu cháy ruột, thiêu cháy bao tử; bao tử đã cháy rồi, cháy thẳng đến ruột non, từ đó tuột xuống phần dưới rồi ra ngoài. Các chúng sanh ấy, ở trong địa ngục đó, chịu các khổ nặng nề dữ dội như vậy, mạng sống chưa dứt, cho đến khi nghiệp ác bất thiện của thân người, chẳng phải người đã từng tạo tác chưa dứt, cứ như vậy lần lượt chịu đựng.

Lại nữa, các Tỳ-kheo, các chúng sanh trong địa ngục ấy trải qua thời gian vô lượng chịu khổ ách cùng cực, rồi sau đó, từ địa ngục Nùng huyết rộng năm trăm do-tuần ấy thoát ra, chạy đi như trước, cho đến chạy cầu chỗ cứu hộ, liền lại nhập vào trong ngục Nhất đồng phủ. Ngục ấy cũng rộng năm trăm do-tuần. Tội nhân vào rồi, ngục tốt thấy họ, liền chụp lấy bỏ vào trong vạc, đầu chúc xuống, chân chỏng lên; các chúng sanh ấy, ngay trong khi bị khát, lửa dữ địa ngục đốt cháy dữ dội, khi nước sôi bùng lên cũng bị rim bị nấu, khi ở khoảng giữa cũng bị rim bị nấu; khi chuyển động dọc ngang qua lại cũng bị rim bị nấu; khi bỏ nước sôi phủ lên cũng bị rim bị nấu; hoặc thấy, chẳng thấy, tất cả các thời đều bị nấu. Thí như thế gian, hoặc nấu đậu nhỏ, đậu lớn, đậu oản, cho vào trong vạc, đổ ngập nước, ở dưới đun lửa, lúc ấy nước sôi trào lên, nước sôi với đậu trộn lẫn; khi đậu nổi lên, cũng bị rim bị nấu, khi chìm xuống cũng bị rim bị nấu, khi ở khoảng giữa cũng bị rim bị nấu, khi chuyển động qua lại cũng bị rim bị nấu, khi bọt phủ cũng bị rim bị nấu; hoặc thấy, hoặc chẳng thấy, lúc nào cũng bị nấu.

Chư Tỳ-kheo, cứ như vậy, như vậy, ở ngục Nhất đồng phủ, trong đó, ngục tốt nắm lấy tội nhân, cho đầu chúc xuống, cho thân chỏng lên, ném vào vạc đồng. Khi ở trong vạc, bị lửa địa ngục thiêu đốt bức bách. Khi nước sôi trào lên, tội nhân liền bị nổi lên hoặc chìm xuống, theo đó mà bị rim, bị nấu. *Nói lược... cho đến câu* hoặc thấy, hoặc chẳng thấy, lúc nào cũng bị nấu. Cũng lại như vậy, các chúng sanh ấy, ở trong ngục ấy, chịu khổ kịch liệt, cho đến những nghiệp ác do người, hoặc chẳng phải người, đã tạo tác từ xưa, cứ lần lượt như vậy, ở địa ngục ấy, phải nhận chịu đầy đủ.

Chư Tỳ-kheo, trong địa ngục ấy, các loại chúng sanh, trải qua thời gian vô lượng thọ khổ đó rồi, từ tiểu địa ngục Nhất đồng phủ rộng năm trăm do-tuần thoát ra, vội vàng chạy đi như trước,... *cho đến* muốn tìm cầu chỗ cứu hộ. Bấy giờ liền nhập vào trong tiểu địa ngục Đa đồng

phủ. Ngục này cũng rộng năm trăm do-tuần. Tội nhân vào rồi, kẻ giữ ngục khi ấy liền đến chụp bắt tội nhân đưa chân lên, chúc đầu xuống, ném vào trong nồi đồng. Lửa dữ địa ngục thiêu đốt bức bách. Khi nước sôi bùng lên cũng bị rim, bị nấu, khi nước sôi hạ xuống cũng bị rim bị nấu; khi ở khoảng giữa cũng bị rim, bị nấu; dọc ngang che khuất, hoặc thấy, hoặc chẳng thấy, tất cả đều bị rim, nấu. Giống như nấu đậu, đốt lửa thật nhiều, khi nước sôi trào lên, cũng bị rim bị nấu... *lược nói cho đến câu* hoặc thấy, chẳng thấy, tất cả đều bị rim, bị nấu.

Chư Tỳ-kheo, cứ như vậy, như vậy, ở trong tiểu địa ngục Đa đồng phủ rộng năm trăm do-tuần ấy, các loại chúng sanh bị kẻ giữ ngục, chụp hai chân, dựng ngược thân họ, chúc đầu xuống ném vào nồi đồng. Khi ấy tội nhân bị lửa địa ngục thiêu đốt dữ dội, hoặc trên, hoặc dưới, chuyển động dọc ngang... *lược nói... cho đến câu* hoặc thấy, hoặc chẳng thấy, tất cả đều bị rim nấu, cũng lại như vậy.

Chư Tỳ-kheo, trong tiểu địa ngục Đa đồng phủ rộng năm trăm do-tuần ấy, các loại chúng sanh lại bị ngục tốt dùng móng tay sắt bấu lấy tội nhân bỏ từ chỗ này qua chỗ khác, lần lượt mà nấu. Khi từ chỗ này ra, đến chỗ khác thì máu mủ da thịt khắp thân ràn rụa, tan nát chẳng còn gì, chỉ còn bộ xương. Khi ấy tội nhân chịu khổ cùng cực, nhưng mạng sống chưa dứt, cho đến khi tất cả nghiệp ác đã tạo từ thân của người hoặc chẳng phải người chưa hết, thì chẳng chấm dứt, ở trong ngục này, đều nhận chịu tất cả.

Chư Tỳ-kheo, trong địa ngục ấy, các loại chúng sanh, trải qua thời gian vô lượng, chịu khổ rồi, từ tiểu địa ngục Đa đồng phủ rộng năm trăm do-tuần ấy phát chạy ra... *như trước, cho đến câu* muốn tìm cầu nơi cứu hộ. Lúc ấy liền nhập vào địa ngục Thiết ngại (cối sắt). Ngục đó cũng rộng năm trăm do-tuần. Đã vào trong ấy rồi, kẻ giữ ngục liền xông đến chụp bắt chúng sanh thọ tội, xô ngã ngửa trên chày sắt, dùng lửa dữ thiêu đốt, một lúc sau nước đồng chảy ra. Khi ấy tội nhân nằm ngửa mê man. Ngục tốt mới lấy tảng đá lớn, từ trên ép xuống, ép đi ép lại, do vậy lại bị nghiền nát, nghiền đi nghiền lại, biến thành bụi nhỏ; thành bụi nhỏ rồi, lại nghiền nhỏ nữa, đã nhỏ rồi lại càng nhỏ hơn, biến thành bột mịn, lấy bột mịn ấy, nghiền nữa, nghiền đi nghiền lại, mới thành bột mịn hơn. Trong các thứ bột mịn, đó là bột mịn nhất. Ngay khi ấy, mỡ, máu, não, tủy của thân thể tội nhân, chảy qua một bên, chỉ còn dính lại bột xương mịn, nhưng do mạng báo chưa dứt, trong tất cả thời, chịu khổ cùng cực, cho đến khi nghiệp ác của thân người, chẳng phải người

đã tạo chưa mất, thì chưa dứt, cứ lần lượt như vậy mà thọ nhận đủ.

Chư Tỳ-kheo, trong địa ngục ấy, các loại chúng sanh, trải qua vô lượng thời gian, chịu khổ rồi, từ tiểu địa ngục Thiết ngại rộng năm trăm do-tuần ấy thoát ra, chạy đi... *như trước cho đến*, muốn cầu nhà cửa, muốn cầu chỗ nương tựa, chỗ che chở. Bấy giờ liền nhập vào địa ngục Hàm lượng. Ngục này cũng rộng năm trăm do-tuần. Đã vào trong ấy rồi, kẻ giữ ngục bèn chụp bắt tội nhân bỏ vào hòm sắt, làm cho lượng lửa mảnh liệt có sẵn trong hòm bùng cháy lên. Khi tội nhân địa ngục bị lửa ấy đốt tay, đốt chân, đốt tai, đốt mũi, đốt tất cả chi tiết, bộ phận trong cơ thể. Trong lúc bị đốt, các tội nhân này chịu mọi nỗi thống khổ cùng cực, nhưng mạng sống của họ chưa được kết thúc, cho đến khi tất cả nghiệp ác bất thiện đã tạo tác ngày xưa của thân người hoặc chẳng phải người chưa dứt thì chưa chết, chưa lìa, chưa mất, cứ lần lượt như vậy nhận chịu đầy đủ.

Chư Tỳ-kheo, trong địa ngục ấy, có các loại chúng sanh trải qua thời gian vô lượng, thọ khổ rồi, từ tiểu địa ngục Hàm lượng rộng năm trăm do-tuần được thoát ra, chạy đi *như trước*... cầu nhà cửa, cầu che chở, cầu cứu độ, cầu đất đai, cầu chỗ nương tựa. Khi ấy liền nhập vào tiểu địa ngục Kê. Ngục ấy cũng rộng năm trăm do-tuần. Trong ngục này, chỉ thuần sanh loài gà, tràn ngập cả địa ngục, từ trên thân của gà cho đến đầu gối, cổ, tất cả đều có sức nóng dữ dội, ánh lửa bùng cháy. Các chúng sanh ở trong đó, chạy khắp nơi, chân đạp lửa nóng, ngoái nhìn bốn phía không có chỗ tránh. Lửa lớn bùng cháy đốt tay, đốt chân, đốt tai, đốt mũi; lần lượt như vậy, đốt các chi tiết lớn nhỏ trên cơ thể, cùng lúc đốt hết. Lúc ấy tội nhân chịu khổ cùng cực, đau đớn khôn xiết, nhưng tại nơi đó, mạng báo chưa dứt, thì chưa chết; lần lượt như vậy, nhận đủ tất cả.

Chư Tỳ-kheo, trong địa ngục ấy, các loài chúng sanh trải qua thời gian vô lượng, chịu khổ rồi, từ địa ngục Kê ấy được thoát ra, chạy đi *như trước, cho đến* muốn cầu nơi cứu hộ. Lúc ấy liền nhập vào địa ngục Khôi hà (Sông tro). Ngục đó cũng rộng năm trăm do-tuần. Chư Tỳ-kheo, khi ấy dòng sông tro tuôn chảy cuồn cuộn, sóng lớn vọt cao, tiếng sóng vang động, nước tro sôi trào, tràn ngập hai bờ; tội nhân vào rồi, theo dòng mà nổi chìm; dưới đáy sông tro, toàn là gai sắt đầu nó rất bén nhọn, như là mới mài. Ở hai bên bờ sông, lại có rừng đao, đứng thẳng, dày đặc, thật đáng kinh sợ. Trong rừng đao, lại có loài chó, hình màu khói đen, lông, da, dơ bẩn; lại rất dễ sợ. Trên bờ, lại có ngục tốt

giữ địa ngục ấy. Hai bên bờ sông, đặc biệt có mọc vô số cây Xà-ma-la; cây ấy có nhiều mũi nhọn, đều nhỏ và dài; mũi nó như được mài. Bấy giờ các chúng sanh ở trong địa ngục đã vào trong sông, muốn đến bờ bên kia, ngay lúc ấy, bị sóng lớn nhận chìm đến dưới đáy sông, liền bị mũi gai nhọn bằng sắt dưới lòng sông đâm ngược lên cùng khắp thân thể, chẳng cựa quậy được. Tội nhân trong ấy chịu các khổ cùng cực, nghiêm trọng. Chịu khổ đã lâu, mới được nổi lên, thoát ra. Từ dòng sông tro, qua đến bờ kia; đã lên bờ rồi, lại vào rừng đao, rừng này rất rộng, thân cành rậm rạp, đi qua khu rừng, chạm vào dao bén, đi qua khắp nơi, đi mãi không dừng, bị cắt tay, cắt chân, cắt tai, cắt mũi, cắt hết chi tiết, cắt hết thân thể không chừa chỗ nào. Lúc ấy tội nhân chịu khổ tàn độc, chịu khổ cùng cực, cho đến khi tất cả nghiệp ác đã tạo ngày trước ở thân người, chẳng phải người chưa hết thì mạng sống cũng chưa dứt, ở trong rừng ấy, đều nhận chịu đủ.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, hai bên bờ sông tro ấy lại có các loại chó, thân chúng đen điu, dơ bẩn dễ sợ, trợn mắt gầm sủa, phát ra âm thanh chát chúa ghê rợn, đăm đăm nhìn vào từng phần của cơ thể chúng sanh trong địa ngục ấy; toàn bộ chi tiết trong cơ thể, chỗ nào có thịt thì xé ra từng miếng mà ăn, chẳng sót một chút nào. Những người ở trong ấy, chịu khổ hết sức, cho đến cùng cực, nhưng chưa được chết, cho đến khi chưa hết nghiệp ác bất thiện đã tạo ở đời trước từ thân người chẳng phải người thì còn phải chịu đủ tất cả.

Chư Tỳ-kheo, các chúng sanh trong địa ngục ấy bị bức bách do nước sôi trong sông như vậy. Lại còn bị khổ trong rừng đao kiếm bén nhọn, các tên giữ ngục, các loại chó đen đui, dơ bẩn, hung ác, các thứ ấy luôn là sự nguy cấp, không nơi trốn tránh, bèn trèo lên cây Xà-ma-la. Thân cành cây ấy, toàn thể là gai sắt, mũi nó rất nhọn giống như mới mài, đầu nhọn tỉa xuống, đâm vào thân họ. Khi muốn tuột xuống thì các gai sắt đầu nhọn chỉa lên. Các chúng sanh ấy, khi ở trên cây Xà-ma-la lại có các con quạ tên là Thiết sài, bay đến trên cây mổ tội nhân ấy, trước hết mổ đầu, làm vỡ xương sọ, hút não mà ăn. Bấy giờ những người ấy chịu khổ vô cùng, chịu khổ thống thiết, chẳng thể chịu nổi, liền rớt xuống lại trong nước tro sôi; lại bị sóng lớn nhận chìm xuống tận đáy sông, khi đến đáy sông rồi lại bị gai nhọn đâm chích, đã bị đâm chích rồi thì gai sắt dính cùng mình, chẳng thể đi lại, chỉ ở trong đó, chịu khổ vô cùng, chịu khổ quá tàn khốc, chẳng thể chịu nổi. Khi chịu khốn khổ hết mức, sức tàn được khởi, vượt qua khỏi sông tro, chạy đến

bờ này; chạy đến bờ này rồi, lại rơi vào rừng đao; khi rơi vào rừng đao lại bị dao nhọn cắt thân thể họ, cắt tay, cắt chân, cho đến cắt khắp tất cả chi tiết. Lại ở trong đó, chịu đủ các khổ, mạng cũng chưa dứt... *lược nói... cho đến* nghiệp ác đã tạo đời trước từ thân người, chẳng phải người chưa dứt chưa hết, phải lần lượt chịu đủ.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, hai bên bờ sông tro, các kẻ giữ ngục, thấy tội nhân ấy, liền đến trước hỏi: "Các ngươi nay vì sao từ xa đến đây, muốn được vật gì?" Các chúng sanh kia đều trả lời: "Chúng tôi quá khát". Khi đó, kẻ giữ ngục liền lại chụp bắt các chúng sanh ấy đặt lên nền đất nung nóng, rực cháy, lật nằm ngửa ra. Trong lúc nằm ngửa, trên thân kẻ ấy, ngọn lửa bùng lên. Ngục tốt liền dùng kềm sắt cạy miệng ra, dùng nước đồng sôi đổ vào miệng họ. Lúc ấy các chúng sanh trong địa ngục đã uống nước đồng liền bị đốt cháy môi, miệng cho đến ruột non, đi thẳng xuống hạ bộ rồi tuôn ra ngoài. Những tội nhân kia chịu khổ cùng cực, cho đến khi thọ mạng chưa hết, chưa dứt. Những kẻ ấy đối với các nghiệp ác đã tạo ra trong quá khứ của thân người, chẳng phải người chưa diệt hết, đều phải nhận chịu.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, trong địa ngục ấy, các loại chúng sanh chịu tội báo đó, trải qua thời gian vô lượng, khổ não lâu dài, có ngọn gió tên là Hòa hiệp thổi đến thổi các chúng sanh ở trong địa ngục đến ở bên bờ; lần lượt như vậy, liền từ ngục Khôi hà đó được thoát ra, ra rồi chạy đi, cho đến cầu chỗ cứu hộ. Bấy giờ liền rơi vào địa ngục Chước tiệt. Ngục này cũng rộng năm trăm do-tuần. Tội nhân vào rồi, kẻ giữ ngục liền bắt tội nhân đặt xuống nền đất đỏ rực, cho đến xô lật nằm ngửa trên đất, liền cầm một cái rựa sắt lớn rất nóng đỏ rực dễ sợ. Các chúng sanh thọ tội trong địa ngục ấy bị chặt tay, chặt chân, chặt cả tay chân; cắt tai, cắt mũi, cắt cả tai mũi; cắt chi, cắt tiết, cắt cả chi tiết, lần lượt như vậy, toàn thân đều bị cắt. Các chúng sanh ấy, ngay lúc đó, chịu khổ cùng cực; thọ mạng chưa dứt cho đến khi các nghiệp ác đã tạo tác của thân người chẳng phải người chưa hết thì cứ như vậy, lần lượt chịu tất cả.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, các chúng sanh ở trong địa ngục ấy, trải qua thời gian vô lượng chịu khổ rồi, từ tiểu địa ngục Chước tiệt được thoát ra, ra rồi chạy đi cầu chỗ nương tựa, cho đến cầu nhà cửa, cầu che chở, cầu đất đai, cầu nơi cứu hộ. Lúc ấy liền rơi vào địa ngục Kiếm diệp. Ngục này cũng rộng năm trăm do-tuần. Vào trong ấy rồi, do vì quả của nghiệp ác, nên bỗng nhiên có ngọn gió thổi đến, thổi các lá sắt

giống như kiếm bén, từ trên không rơi xuống cắt đứt tất cả bộ phận trên thân tội nhân; đó là cắt tay, cắt chân, cắt cả tay chân, cắt tai, cắt mũi, cắt cả tai mũi, cắt chi, cắt tiết, cắt cả chi tiết. Tội nhân chịu khổ cùng cực, chịu khổ ghê gớm, mạng sống cũng chưa dứt... *lược nói như trên*, cho đến nghiệp ác đã tạo của thân người, chẳng phải người chưa diệt, chưa tận, ở địa ngục này, chịu đủ tất cả.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, lại ở trong tiểu địa ngục Kiếm diệp ấy, các loại chúng sanh, vì quả của nghiệp ác nên có con quạ mỏ sắt bỗng nhiên bay đến đậu trên hai vai của chúng sanh ấy, chân đạp trên vai, cánh phủ trên đầu, rồi dùng mỏ sắt mổ hai tròng mắt của tội nhân, ngậm trong miệng bay đi. Khi ấy tội nhân chịu khổ cùng cực, đau đớn ghê gớm, chẳng thể nghĩ bàn, nhưng thọ mạng họ cũng chưa dứt hết... *lược nói như trên cho đến* các nghiệp ác đã tạo tác của thân người, chẳng phải người lần lượt như vậy đều nhận chịu tất cả.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, các loài chúng sanh, ở trong địa ngục ấy, trải qua thời gian vô lượng, chịu khổ rồi, từ tiểu địa ngục Kiếm diệp thoát ra, ra rồi chạy đi muốn cầu nhà cửa, cầu che chở, cầu đất, cầu nơi nương tựa, cầu nơi cứu hộ. Bấy giờ lại rơi vào địa ngục Hồ lang, cũng rộng năm trăm do-tuần. Các chúng sanh ấy vào ngục này rồi, vì quả của nghiệp ác, nên từ trong địa ngục xuất hiện loài lang sói dữ dằn, trợn mắt rống lên phát ra âm thanh rùng rợn, cắn xé thân các chúng sanh trong địa ngục, dùng chân đạp, miệng rứt, xé da thịt và gân mật mà ăn. Lúc ấy tội nhân chịu khổ cùng cực, đau đớn khôn cùng, mạng sống cũng chưa dứt... *lược nói như trước*... nghiệp ác đã tạo tác của thân người, chẳng phải người, lần lượt như vậy ở trong đó, chịu đủ tất cả.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, các loài chúng sanh ở trong địa ngục ấy trải qua thời gian vô lượng chịu khổ rồi, từ tiểu địa ngục Hồ lang được thoát ra, ra rồi chạy đi... *cho đến* cầu nhà cửa, cầu che chở, cầu đất đai, cầu chỗ cứu hộ, cầu chỗ nương tựa. Khi đó lại rơi vào địa ngục Hàn băng. Ngục này cũng rộng năm trăm do-tuần. Các tội nhân vào ngục đó rồi, vì quả của nghiệp ác, nên bỗng nhiên có luồng gió lạnh, từ bốn phía thổi đến, thổi hơi giá buốt tê cóng chạm vào thân thể chúng sanh ở địa ngục ấy, theo chỗ xúc chạm mà da liền bị xé rách; da bị xé rách rồi, kế đến xé rách thịt; thịt xé rách rồi, tiếp đến xé gân; xé gân rồi, kế đến phá xương; phá nát xương rồi, tiếp đến phá tủy; khi phá đến tủy, các chúng sanh ấy chịu khổ vô cùng, khổ quá sức, cho đến khổ quá lớn không thể chịu nổi, và chấm dứt mạng sống ở trong ấy.

Đó là đại địa ngục thứ nhất tên là Hoạt và mười sáu tiểu địa ngục.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, thứ hai là đại địa ngục Hắc thằng, cũng có mười sáu tiểu địa ngục rộng năm trăm do-tuần bao bọc chung quanh, từ ngục Hắc vân sa cho đến sau cùng là ngục thứ mười sáu tên là Hàn băng, cùng một loại như nhau.

Chư Tỳ-kheo, địa ngục ấy có nhân duyên gì mà gọi là đại địa ngục Hắc thằng? Đại địa ngục ấy có chúng sanh, sanh ra, có mặt, xuất hiện, và ở. Vì nghiệp bất thiện đời trước, nên bị quả báo, ở trên không trung bỗng nhiên sanh ra một dây leo to lớn nóng hừng hực, thí như mây đen từ trên không xuất hiện, phủ khắp mù mịt, xuống giáp mặt đất. Như vậy, như vậy, ở trong đại địa ngục Hắc thằng ấy, có các chúng sanh vì nghiệp bất thiện đời trước của họ nên bị quả báo, từ trên hư không xuất hiện một dây đen lớn nóng hừng hực, cũng lại như vậy. Các dây đen này rớt xuống trên thân của chúng sanh ở địa ngục ấy, khi rớt xuống trên thân, liền đốt tất cả thân thể tội nhân. Trước hết, đốt da; đã đốt da rồi, kế đến đốt thịt; đã đốt thịt rồi, kế đến đốt gân; đã đốt gân rồi, kế đến đốt xương. Khi đốt xương rồi, thì thấu đến tủy, tủy liền chảy ra, bị lửa thiêu đốt. Khi đốt tủy trong xương, phát ra lửa mạnh. Lúc ấy tội nhân chịu khổ cùng cực. Vì nghiệp của tội ác nên mạng cũng chưa dứt, *cho đến*... nghiệp ác bất thiện do thân của người, chẳng phải người đã tạo tác từ đời trước chưa diệt, chưa biến, chưa trừ, chưa hết nên ở trong ngục này nhận chịu tất cả.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, lại ở trong đại địa ngục Hắc thằng ấy, có các chúng sanh sanh ra, có mặt, ở và hóa thạch. Vì quả báo nơi nghiệp bất thiện đời trước của họ, các kẻ giữ ngục chụp bắt tội nhân đặt trên nền đất sắt nóng hừng hực, ánh lửa cực nóng, toàn thân bị thiêu đốt, lật nằm ngửa, dùng dây sắt nóng quấn khắp thân thể; quấn xong rồi, dùng rìu sắt nóng đỏ rực, chặt ngang chặt dọc thân thể chúng sanh ở trong địa ngục ấy, hoặc chặt làm hai phần, hoặc ba phần, bốn phần, năm phần cho đến mười phần, hoặc hai mươi phần, hoặc năm mươi phần, hoặc đến cả trăm phần. Giống như thợ mộc khéo tay ở thế gian, hoặc đệ tử của ông ta lấy các loại đồ dùng được để trên đất bằng, dùng dây mực ghi dấu đường ngang, dọc, ghi dấu đường xong rồi, liền dùng rìu bén theo đó mà chặt, hoặc chặt làm hai phần, hoặc ba phần, bốn phần, năm phần cho đến mười phần, hoặc hai mươi phần, hoặc đến trăm phần, như vậy, như vậy. Chư Tỳ-kheo, ở trong đại địa ngục Hắc thằng ấy có các chúng sanh cũng lại như vậy. Các kẻ giữ ngục chụp bắt tội nhân đặt trên nền sắt nóng, lật nằm ngửa dùng dây sắt đen quấn lại liền lấy rìu sắt chặt thân thể họ ra thành từng đoạn, cột lại như thế.

Lúc ấy tội nhân đau đớn khôn cùng, chịu khổ cùng cực nhưng mạng sống chưa dứt. Nếu chưa hết các nghiệp ác bất thiện đã tạo tác từ trước từ thân người, chẳng phải người, thì ở trong ngục phải nhận chịu

tất cả.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, ở trong địa ngục Hắc thằng ấy, có các chúng sanh có mặt, có hóa sanh đến ở. Các kẻ giữ ngục, nắm bắt tội nhân đặt trên nền đất sắt nóng, cho đến xô nằm ngửa trên đất, dùng dây sắt đen quấn quanh mình họ; quấn xong rồi, lại dùng cưa sắt đang rực đỏ, theo chỗ quấn đó, cưa thân thể ra, cưa đi cưa lại, cho đến cưa nát; kế đến bửa ra, bửa đi bửa lại, cho đến bửa nát, hoặc cắt, hoặc chặt; đã cắt chặt rồi, lại cắt chặt nữa, cắt chặt cho đến rất nhỏ. Thí như người thợ cưa khéo tay ở thế gian, hoặc là đệ tử của ông lấy các thứ cây gỗ để trên mặt đất, dùng dây mực ghi dấu ngang dọc, ghi dấu rồi thì dùng cưa bén theo đó mà cưa, cưa đi cưa lại, cho đến cưa nát; kế đến bửa nhỏ ra; bửa đi bửa lại cho đến bửa nát; lại cắt chặt, đã cắt chặt rồi, lại cắt chặt nữa, cắt chặt cho đến rất nhỏ như vậy, như vậy. Chư Tỳ-kheo, ở trong địa ngục Hắc thằng ấy có các chúng sanh sanh ra, có mặt cho đến ở, các ngục tốt giữ ngục chụp bắt tội nhân đặt trên nền đất sắt nóng rực, cho đến lật nằm ngửa trên đất, dùng dây sắt đen quấn quanh để phanh thây, liền dùng cưa sắt đỏ rực cưa sả thân họ, cưa đi cưa lại cho đến cưa nát; bửa đi bửa lại cho đến bửa nát; cắt đi cắt lại cho đến cắt nát; chặt đi chặt lại cho đến chặt nát. Lúc ấy tội nhân... *cho đến* chịu khổ cùng cực, mạng cũng chưa dứt... *lược nói như trên, cho đến* các nghiệp ác đã tạo tác từ thân người, chẳng phải người, ở trong đó chịu đủ.

Lại nữa, ở trong đại địa ngục Hắc thằng, có các chúng sanh sanh ra, có mặt *cho đến* ở các ngục tốt dùng dây sắt nóng ánh lửa đỏ rực giao cho các tội nhân, khiến chúng tự đánh nhau; trong lúc đánh nhau làm cháy tay, cháy chân, cháy hết tay chân; cháy tai, cháy mũi, cháy hết tai mũi, cháy chi cháy tiết, cháy hết chi tiết. Khi đó, tội nhân... *cho đến* chịu khổ cùng cực, mạng cũng chưa dứt... *lược nói như trên... cho đến* nghiệp tạo tác từ trước từ thân người chẳng phải người, phải chịu đủ tất cả.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, lại trong địa ngục Hắc thằng ấy có các chúng sanh, sanh ra, có mặt... cho đến ở. Vì quả của nghiệp ác, nên từ trên không có một dây đen lớn xuất hiện, lửa khói hừng hực, sức nóng vô cùng... rơi ngay trên thân của chúng sanh ở trong địa ngục. Khi dây đen chạm đến, theo đó mà trói cột thân thể tội nhân; cột đi cột lại cho đến cột thật chặt; trói đi trói lại cho đến trói thật chặt; đã trói cột rồi lại có gió thổi tới, thổi cho mở ra; khi dây mở ra, các chúng sanh ấy, da

trên thân đều bị bóc ra; da đã bị bóc rồi, thịt cũng bóc theo; thịt đã bị bóc rồi, kế đến móc gân ra, cho đến phá xương; gân xương bị phá rồi, thổi vào đến tinh tủy, tinh tủy theo gió bay đi. Bấy giờ tội nhân chịu khổ cùng cực, mạng cùng chưa dứt, *lược nói như trên... cho đến* nghiệp ác bất thiện chưa hết thì cứ như vậy lần lượt chịu đủ tất cả.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, các chúng sanh trong địa ngục ấy, trải qua thời gian vô lượng, chịu khổ lâu dài, mới từ đại địa ngục Hắc thằng thoát ra, ra rồi chạy đi... *cho đến* cầu nhà cửa, cầu che chở, cầu đất đai, cầu chỗ nương tựa, cầu nơi cứu hộ. Lúc ấy lại rơi vào địa ngục Hắc vân sa, ngục này rộng năm trăm do-tuần. Tội nhân đã vào rồi... *lược nói như trên... cho đến* lần lượt rơi vào địa ngục thứ mười sáu là Hàn băng; rơi vào các ngục ấy rồi cho đến khi mạng chung chịu các thứ khổ.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, đại địa ngục Hiệp cũng có mười sáu tiểu địa ngục rộng dài năm trăm do-tuần, bao bọc chung quanh, từ ngục Hắc vân sa... *nói lược cho đến*... địa ngục cuối cùng tên là địa ngục Hắc băng.

Chư Tỳ-kheo, do nhân duyên gì mà đại địa ngục ấy gọi là Hiệp?

Chư Tỳ-kheo, trong địa ngục ấy, có chúng sanh sanh ra, có mặt, xuất hiện và hóa sanh cho đến ở. Do quả báo từ nghiệp ác của chúng sanh ấy, nên có hai núi lớn tên là Bạch dương khẩu ánh lửa đỏ rực nóng bức vô cùng. Lúc bấy giờ tội nhân bị ép đuổi vào trong núi ấy. Vào khoảng giữa hai núi rồi, hai núi liền kẹp lại, lại chạm vào nhau, lại húc nhau, lại ma xát nhau; khi hai núi hiệp lại như vậy, chạm nhau, húc nhau, ma xát nhau rồi, trở về chỗ cũ. Thí như rồng Tỳ-khư-nâu cùng với rồng La-tỳ-khưu-nâu hiệp nhau, chạm nhau, húc nhau, ma xát nhau; chúng đã hiệp nhau, chạm nhau, húc mài nhau rồi, đều trở về chỗ cũ, như vậy, như vậy. Chư Tỳ-kheo, hai ngọn núi ấy hiệp nhau, chạm nhau, húc nhau, mài nhau, mài nhau dữ dội rồi đều trở về chỗ cũ, cũng lại như vậy. Các chúng sanh trong địa ngục ấy, khi bị hai núi hiệp, chạm, húc, mài thì tất cả máu mủ trong thân chảy ra lai láng, chỉ còn có xương bị nghiền nát. Tội nhân lúc bấy giờ... *cho đến* chịu khổ cùng cực, mạng cũng chưa dứt, *lược nói như trên*... lần lượt đều chịu, nên biết như vậy.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, trong các đại địa ngục Hiệp ấy có các chúng sanh sanh ra và ở. Ngục tốt giữ ngục ấy bắt các chúng sanh trong địa ngục ấy đặt trên nền sắt nóng, hừng hực; lửa ấy nóng dữ dội, đỏ rực, dễ sợ, xô lật nằm ngửa, lại thấy miếng sắt lớn cũng rất nóng đem phủ lên trên. Giống như cách mài nghiền ở thế gian, như thế mà mài, mài đi, mài lại, lại mài thật kỹ, làm mịn rồi mịn nữa, lại làm rất mịn;

nghiền đi nghiền lại, lại nghiền nhỏ nữa cho đến thành bụi; đã thành bụi rồi lại làm thành bụi nhỏ, lần lượt như vậy, biến thành bụi cực nhỏ, khi biến thành bụi nhỏ, tất cả bộ phận cơ thể đều thành mủ máu chảy ra hết, chỉ có bộ xương còn lại chỗ đó. Lúc ấy tội nhân... *cho đến* chịu khổ cùng cực, mạng cũng chưa hết, *lược nói như trên*... lần lượt nên biết.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, trong các đại địa ngục ấy, có các chúng sanh sanh ra, có mặt cho đến ở. Ngục tốt giữ ngục ấy bắt các chúng sanh đặt trong chậu sắt lớn rất nóng, chậu ấy hừng hực một màu đỏ rực; đặt vào trong chậu rồi ép lại giống như mía và vỏ gai ở thế gian, trong khi ép như vậy, ép đi ép lại, cho đến ép thật sát; đã bị ép rồi chỉ thấy máu mủ chảy ra một bên, hài cốt đều thành bột mịn. Bấy giờ tội nhân... *cho đến* chịu khổ cùng cực..., *lược nói như trên*... mạng cũng chưa dứt, tùy theo việc làm của họ mà chịu đủ tất cả.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, lại trong các đại địa ngục Hiệp ấy, có chúng sanh sanh ra, có mặt cho đến ở. Ngục tốt giữ ngục ấy bắt các chúng sanh bỏ vào cối sắt, cối ấy hừng hực, ánh lửa đỏ rực, lại cầm chày sắt, cũng rất nóng giữ tội nhân ấy, giã đi giã lại cho đến giã mạnh; nghiền lại rồi nghiền cho đến nghiền mạnh; đã giã nghiền rồi liền thành bột mịn; đã mịn như vậy rồi mà lại càng mịn nữa, cho đến rất mịn. Trong khi nghiền thành bột mịn, chỉ thấy máu mủ ràn rụa chảy về một bên, chỉ còn bột xương. Bấy giờ, tội nhân... *cho đến*... chịu khổ cùng cực... *lược nói như trên... cho đến*... lúc bấy giờ, mạng cũng chưa dứt, chịu đủ các khổ.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, lại trong các đại địa ngục Hiệp ấy, có các chúng sanh sanh ra, có mặt cho đến ở. Lúc bấy giờ, ở trên hư không, có một con voi sắt lớn, tự nhiên xuất hiện, hừng hực mạnh mẽ, cho đến ánh lửa một màu đỏ rực, dùng hai chân đạp thân các chúng sanh ở địa ngục ấy, lần lượt đạp từ đầu đến chân, trước hết đạp trên đầu, sau đạp các chỗ khác; đạp đi đạp lại cho đến đạp mạnh; khi bị voi đạp, phần thân chúng sanh trong địa ngục ấy, máu mủ ràn rụa chảy khắp các nơi, chỉ có bột xương còn lại một bên. Bấy giờ tội nhân chịu khổ cùng cực... *lược nói như trên*, mạng cũng chưa dứt, như vậy lần lượt, ở trong đó chịu đủ.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, lại trong các đại địa ngục Hiệp này, các chúng sanh trải qua thời gian vô lượng, chịu khổ lâu dài; khổ này dứt rồi, từ các đại địa ngục thoát ra, ra rồi một mạch chạy đi... *cho đến* cầu

nơi cứu hộ. Bấy giờ lại rơi vào trong tiểu địa ngục Hắc vân sa rộng năm trăm do-tuần ấy; rơi vào rồi, lại rơi vào tiểu địa ngục khác..., cứ như vậy cho đến địa ngục Hàn băng, chịu khổ đầy đủ.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, lại liền nhập vào địa ngục Khiếu hoán. Trong địa ngục đó cũng có mười sáu tiểu địa ngục; mỗi ngục rộng năm trăm do-tuần, bao bọc chung quanh. Từ ngục Hắc vân sa cho đến cuối cùng là địa ngục Hàn băng. Chư Tỳ-kheo, địa ngục ấy, có nhân duyên gì mà gọi là Khiếu hoán? Chư Tỳ-kheo, trong đại địa ngục Khiếu hoán ấy, có chúng sanh sanh ra, có mặt cho đến ở. Ngục tốt giữ ngục cùng một lúc đuổi ép các chúng sanh ấy khiến vào trong thành sắt. Thành ấy hừng hực, sắt nóng dữ dội, ánh lửa đỏ rực. Lúc ấy tội nhân ở trong thành sắt... *cho đến*... chịu khổ cùng cực. Vì các khổ bức bách, chẳng thể chịu đựng nổi nên thường kêu la, nên gọi là địa ngục Khiếu hoán. Lại trong ngục ấy, dùng sắt làm nhà, phòng xe cộ cũng đều bằng sắt. Lâu đài, vườn ao tất cả đều là lửa lớn dữ dội, ánh lửa rực sáng, trên dưới rỗng suốt. Ngục tốt dẫn chúng sanh chịu tội cho vào trong ấy, chịu khổ bức bách, chẳng thể chịu nổi, nên liền kêu la, vì vậy gọi là địa ngục Khiếu hoán. Tội nhân ở trong ấy, chịu khổ vô cùng. *Lược nói như trên*... mạng cũng chưa dứt. Nếu nghiệp ác bất thiện của họ chưa dứt, thì cứ lần lượt như vậy mà chịu đầy đủ. Chư Tỳ-kheo, trong địa ngục ấy, các loài chúng sanh chịu khổ lâu dài, trải qua thời gian vô lượng, từ địa ngục Khiếu hoán thoát ra, ra rồi chạy đi... *lược nói như trước... cho đến* cầu nơi cứu hộ, liền lại đến các tiểu địa ngục Hắc vân sa rộng năm trăm do-tuần, nhập vào rồi, chịu đủ các tội như trước... *lược nói... cho đến* sau cùng nhập vào địa ngục Hàn băng, thọ đủ các khổ mới được mạng chung.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, trong đại địa ngục Đại khiếu hoán ấy, cũng có mười sáu tiểu ngục vây chung quanh, đều rộng dài năm trăm do-tuần, từ ngục Hắc vân sa cho đến cuối cùng là địa ngục Hàn băng.

Chư Tỳ-kheo, địa ngục ấy có nhân duyên gì mà được gọi là Đại khiếu hoán?

Chư Tỳ-kheo, trong đại địa ngục Đại khiếu hoán ấy, có chúng sanh sanh ra, có mặt cho đến ở. Các ngục tốt giữ ngục bắt chúng sanh ấy cũng bỏ vào trong thành sắt nóng cháy dữ dội, cho đến trên dưới ánh lửa rực sáng cùng khắp. Tội nhân ở trong ấy chịu khổ cùng cực, vì các khổ não bức bách chẳng thể chịu nổi nên phải kêu la lớn tiếng. Do nhân duyên ấy nên gọi địa ngục đó là Đại khiếu hoán. Trong địa ngục

đó, cũng dùng sắt nóng mà làm nhà; phòng xá, xe cộ, lầu gác đều làm bằng sắt, lửa dữ hừng hực đỏ rực khắp nơi; tội nhân trong đó, chịu khổ cùng cực... *lược nói như trên*... mạng cũng chưa dứt... lần lượt như vậy, nhận chịu đầy đủ.

Chư Tỳ-kheo, lại các loại chúng sanh trong địa ngục ấy chịu khổ lâu dài, trải qua thời gian vô lượng, mới từ đại địa ngục Đại khiếu hoán được thoát ra, thoát ra rồi chạy đi... *cho đến*... n*ói lược*... cầu nơi cứu hộ. Lúc ấy, lại rơi vào trong các tiểu địa ngục Hắc vân sa; vào rồi chịu khổ... cho đến địa ngục cuối cùng là Hàn băng, chịu đủ các khổ, cho đến mạng chung.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, ở trong đại địa ngục Nhiệt não ấy, cũng có mười sáu tiểu địa ngục vây bọc chung quanh. Ngục ấy, mỗi cái đều giống như trước, rộng dài năm trăm do-tuần, từ Hắc vân sa cho đến cuối cùng là địa ngục Hàn băng.

Chư Tỳ-kheo, địa ngục ấy có nhân duyên gì mà gọi là đại địa ngục Nhiệt não?

Chư Tỳ-kheo, ở trong đại địa ngục Nhiệt não ấy chúng sanh sanh ra, có mặt cho đến ở; các ngục tốt giữ ngục bắt chúng sanh ấy chúc đầu xuống treo chân lên, bỏ vào trong nồi, nồi đó rất nóng, nước sôi sùng sục, lửa đỏ phừng phực phủ ngập tội nhân theo nước bùng lên hạ xuống. Ngay khi đó, tội nhân chịu nóng bức hết sức, nóng bức cùng cực..., vì vậy nên gọi là ngục Đại nhiệt não. Lại trong ngục ấy có vò sắt, chậu sắt, vạc sắt, đảnh sắt, nồi sắt, cũng đều rực đỏ, nóng vô cùng. Lại đem tội nhân bỏ vào trong đó. Lúc ấy tội nhân bị lửa địa ngục hoặc nấu, hoặc rim, chịu các khổ não; chịu khổ não rồi, lại chịu khổ não nữa; chịu khổ não cùng cực. Vì vậy gọi là địa ngục Nhiệt não rất nóng. Tội nhân ở trong đó, chịu khổ cùng cực... *Lược nói như trước*... cho đến mạng chung, lần lượt như vậy, chịu đủ các khổ. Chư Tỳ-kheo, các chúng sanh ở trong địa ngục ấy, trải qua thời gian vô lượng chịu các thứ khổ dài lâu trong ấy rồi, mới từ đại địa ngục đại địa ngục Nhiệt não vô cùng nóng bức ấy thoát ra, ra rồi chạy đi... *cho đến*... muốn cầu nơi cứu hộ, nơi nương tựa. Lúc ấy lại rơi vào các tiểu địa ngục Hắc vân sa cho đến địa ngục cuối cùng là địa ngục Hàn băng, nếu mạng chưa dứt thì lần lượt chịu các khổ não như trước.

❑

KINH KHỞI THẾ

QUYỂN IV

Phẩm 4: ĐỊA NGỤC 3

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, trong đại địa ngục A-tỳ-chí cũng có mười sáu loại địa ngục trực thuộc, bao bọc chung quanh. Mỗi ngục rộng năm trăm do-tuần, trước hết là địa ngục Hắc vân sa, cho đến cuối cùng là địa ngục Hàn băng.

Chư Tỳ-kheo, địa ngục ấy do nhân duyên gì mà gọi là A-tỳ-chí?

Chư Tỳ-kheo, trong đại địa ngục A-tỳ-chí ấy có các chúng sanh, sanh ra, có mặt, xuất hiện và ở đó. Các chúng sanh ấy do quả báo của các nghiệp ác, tự nhiên sanh ra. Các ngục tốt giữ ngục dùng hai tay chụp thân của chúng sanh trong địa ngục ấy, ném trên nền sắt nóng hừng hực, ánh lửa bốc thẳng lên một cách mãnh liệt, phủ khắp mặt đất, rồi cầm dao bén từ mắt cá xẻ gân ra. dùng tay lôi rút cho đến gân trên đầu, tất cả đều dính mắc nhau, xuyên thấu tim tủy, thống khổ khó bàn; lôi rút như vậy rồi, bỏ lên xe sắt, vội vàng kéo chạy. Xe ấy rất nóng, ánh lửa hừng hực mãnh liệt, kéo chạy qua vô lượng do-tuần. Chỗ đã đi qua toàn là đường sắt hiểm hóc lửa cháy đỏ rực, đi rồi, lại đi tùy theo ý của ngục tốt, không có thời gian dừng nghỉ, muốn đến phương nào theo ý liền đến, tùy chỗ đi, tùy chỗ đến, ngục tốt kéo đi, không hề rời xa. Khi đi như vậy, tùy chốn đi qua, thiêu tiêu thân tội nhân, máu thịt không còn lại chút nào. Do nhân duyên ấy chịu khổ vô cùng, chịu khổ kịch liệt, khổ chẳng chịu nổi, mạng sống cũng chưa dứt cho đến khi nghiệp ác bất thiện chưa hết, chưa diệt, chưa tan, chưa biến, chưa đổi thì những việc đã làm của thân người và chẳng phải người từ trước, đều chịu đủ tất cả.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, trong đại địa ngục A-tỳ-chí ấy, có các

chúng sanh sanh ra, có mặt, biến hóa và ở đó. Vì quả báo theo nghiệp bất thiện của họ, từ phía Đông, có một đống lửa lớn bỗng nhiên hiện ra, màu đỏ hừng hực, mãnh liệt vô cùng, rực đỏ về một phía. Lần lượt như vậy, phương Nam, Tây, Bắc, bốn góc, trên, dưới, đâu đâu cũng có đống lửa rất lớn phát ra ngọn lửa đỏ rực, sức nóng hừng hực. Lúc ấy tội nhân bị các đống lửa bốn phương này vây quanh dần dần áp sát, chạm vào thân thể nên chịu các thống khổ... *cho đến* chịu khổ cùng cực mà mạng cũng chưa dứt... *như trên*... ở trong các ngục ấy, chịu đủ tất cả.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, trong đại địa ngục A-tỳ-chí ấy, có các chúng sanh sanh ra, có mặt *cho đến*... ở đó. Do quả báo của nghiệp ác, nên từ tường phương Đông, phát ra ánh lửa lớn vọt thẳng tới tường phía Tây, đến rồi dừng lại. Từ tường phía Tây phát ra ngọn lửa lớn vọt thẳng xa qua tường phía Đông, đến rồi dừng lại. Từ tường phía Nam phát ra ngọn lửa lớn vọt thẳng tới tường phía Bắc. Từ tường phía Bắc phát ra ngọn lửa lớn vọt thẳng tới tường phía Nam, từ dưới vọt lên; từ trên vọt xuống; dọc ngang, trên dưới liên tục lao vào nhau. Ánh lửa rực đỏ, khối lửa chạm nhau. Lúc ấy ngục tốt bắt các tội nhân ném vào trong đống lửa lớn do sáu phương nhóm lại đó. Các tội nhân ấy... *cho đến* chịu khổ cùng cực và mạng cũng chưa dứt... *lược nói*... cho đến khi các nghiệp ác bất thiện của họ chưa dứt thì ở khoảng giữa đó, chịu đầy đủ tất cả.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, trong đại địa ngục A-tỳ-chí ấy, các chúng sanh sanh ra, có mặt... *cho đến* ở đó, do quả báo của nghiệp ác nên trải qua thời gian vô lượng, chịu khổ lâu dài. Bấy giờ, họ thấy ở cửa phía Đông của địa ngục bỗng nhiên tự mở. Các chúng sanh ấy đã nghe tiếng mở cửa, thấy cửa mở, liền chạy đến đó, chạy rồi, chạy lại rất nhanh. Họ nói: "Chúng ta đến nơi đó chắc chắn sẽ được thoát ra. Nay chúng ta nếu đến được chỗ ấy, chắc là được an lành". Các chúng sanh ấy khi chạy đi như vậy, chạy đi, chạy đi mãi, chạy đi rất nhanh, thân họ chuyển thành ánh lửa rực đỏ, giống như thế gian có người con trai tráng kiện cầm ngọn đuốc lớn chạy ngược gió, lửa của ngọn đuốc ấy chuyển thành rực đỏ, ánh lửa mãnh liệt... như thế, như thế. Các chúng sanh ấy chạy như vậy, gần đến cửa thì do nghiệp lực của tội báo, cửa lại tự đóng. Khi ấy tội nhân ở trong ngục đó, bị ngọn lửa rực cháy nung nóng nền sắt làm cho tội nhân mê man ngã xuống, úp mặt mà chịu; nằm úp xuống rồi, liền bị đốt da; đã bị đốt da rồi, kế đến bị đốt thịt; đã bị đốt thịt rồi, kế đến bị đốt gân; đã bị đốt gân rồi, kế đến bị đốt xương; đã bị đốt xương rồi, đốt thấu đến tủy. Khi đốt thấu đến tủy, chỉ thấy khói bay ra, bay ra

mãi; khói hết rồi, lửa phát ra; tội nhân ở trong đó, *cho đến*... lần lượt chịu khổ cùng cực mà mạng cũng chưa dứt... *lược nói như trước*... Nghiệp ác bất thiện của những kẻ ấy chưa hết cho đến những điều đã làm của thân người hay chẳng phải người từ trước, ở trong đó, chịu đủ.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, trong các đại địa ngục A-tỳ-chí ấy, các chúng sanh sanh ra, có mặt... *cho đến* ở đó. Do quả báo của các nghiệp ác bất thiện, nên trải qua thời gian vô lượng, ở trong đó chịu các khổ rồi, bốn cửa địa ngục lại mở ra lại. Khi cửa ngục mở, các chúng sanh trong địa ngục ấy nghe tiếng động, thấy cửa mở, nhắm theo cửa chạy ra, chạy mãi chạy mãi, cho đến chạy hết sức nhanh, khởi ý nghĩ thế này: "Chúng ta nay đây, đang ở nơi này, nhất định sẽ thoát được. Chúng ta nay đây, nhất định sẽ hết khổ". Các người ấy, khi đang cố sức chạy như vậy, thân họ lại chuyển thành lửa đỏ mãnh liệt. Giống như một người đàn ông mạnh khỏe cầm cây đuốc bằng cỏ khô chạy ngược gió. Cây đuốc ấy đã cháy, lại càng cháy mạnh hơn. Như vậy, như vậy, các chúng sanh ấy chạy rồi chạy mãi, chạy hết sức nhanh, trong lúc chạy, các chi phần nơi thân thể của họ chuyển thành lửa đỏ; khi muốn cất chân lên thì máu thịt đều tan ra, khi muốn đặt chân xuống thì máu thịt sanh lại, khi đến các cửa ngục thì các cửa ngục đều đóng. Các chúng sanh ấy ở trên nền sắt nóng hừng hực ấy, một mặt chạy đi nhưng chẳng ra được tâm họ hôn mê, té úp xuống đất. Té úp xuống đất rồi, bị đốt hết da trên thân; đã bị đốt da rồi, kế đến bị đốt thịt; đã bị đốt thịt rồi lại bị đốt xương, cho đến đốt thấu tủy, khói lửa phực lên, khói tỏa mịt mù, lửa bốc đỏ rực, khói lửa quyện nhau, sức nóng tăng gấp bội, các tội nhân trong ấy, chịu khổ cùng cực... *lược nói như trước cho đến* thọ mạng chưa được chấm dứt, nghiệp ác bất thiện chưa diệt, chưa lìa, chưa biến, chưa tan... *cho đến* các việc đã tạo tác của thân người hay chẳng phải người từ trước, tất cả đều chịu đủ.

Chư Tỳ-kheo, trong đại địa ngục A-tỳ-chí ấy, có các chúng sanh... *cho đến* ở đó, do vì sức quả báo của các nghiệp ác bất thiện, mà bị ngọn lửa bừng lên thiêu đốt. Bấy giờ sắc và mắt đã thấy đều là những cái không vừa ý; cái vừa ý đều chẳng hiện ra; chẳng phải là cái mà ý ưa thích như là sắc chẳng thể ưa, sắc chẳng đẹp thường gây bực bội. Âm thanh mà tai nghe, mùi mà mũi ngửi, vị mà lưỡi nếm, cái mà thân xúc chạm, điều mà ý nghĩ đến đều là những cái mà tâm ý chẳng ưa, chẳng phải là cái mà ý ưa, chẳng phải là điều mà ý thích thì thường hiện ra.

Hễ có cảnh giới đều là chẳng tốt, những tội nhân ở trong đó, do nhân duyên ấy nên thường chịu khổ não nặng nề; vì sắc kia xấu nên xúc kia cũng vậy, cho đến thọ mạng chưa được chấm dứt, nghiệp ác bất thiện chưa hết, chưa diệt; đối với tất cả các nghiệp ác đã tạo tác của thân người hay chẳng phải người đời trước thì phải chịu đủ.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, do duyên cớ gì mà ngục A-tỳ-chí gọi là A-tỳ-chí?

Chư Tỳ-kheo, trong đại địa ngục A-tỳ-chí ấy, vào tất cả thời gian, không có một khoảnh khắc nào tạm hưởng được sự an lạc, kể cả khoảng thời gian như búng ngón tay, vì vậy gọi tên đại địa ngục ấy là A-tỳ-chí. Lần lượt như vậy, chịu khổ liên tục.

Chư Tỳ-kheo, các chúng sanh trong đại địa ngục ấy, trải qua thời gian vô lượng, chịu khổ lâu dài cho đến khi từ đại địa ngục A-tỳ-chí này được thoát ra, ra rồi chạy đi; chạy rồi chạy mãi cho đến chạy thật nhanh, muốn cầu nhà cửa, cầu che chở, cầu đất đai, cầu nơi nương tựa, cầu chỗ cứu hộ. Bấy giờ, lại rơi vào các tiểu địa ngục rộng năm trăm do-tuần như Hắc vân sa...; rơi vào rồi... *cho đến lược nói* cuối cùng đến địa ngục thứ mười sáu tên là Hàn băng, chịu đủ các khổ. Sau đó, chính từ nơi ấy mới bỏ mạng. Đến đây, Đức Thế Tôn nói kệ:

Nếu người thân, khẩu, ý tạo nghiệp
Làm rồi rơi vào trong đường ác
Như thế sẽ sanh địa ngục Hoạt
Là nơi đáng sợ, lông dựng đứng
Trải qua vô số ngàn ức năm
Chết rồi khoảnh khắc sống trở lại
Oán thù mỗi mỗi vay trả nhau
Do chúng sanh ấy lại giết nhau
Đối với cha mẹ, khởi tâm ác
Hoặc Phật, Bồ-tát, chúng Thanh văn
Kẻ ấy đều đọa ngục Hắc thằng.
Chốn ấy chịu khổ thật vô cùng
Dạy người chánh hạnh làm tà vạy
Thấy kẻ làm lành quyết phá hoại
Kẻ ấy đều đọa ngục Hắc thằng.
Hai lưỡi, lời ác, nói dối nhiều.
Chẳng tu ba thứ mầm thiện căn
Kẻ ấy si mê sẽ phải vào

Đại địa ngục Hiệp, chịu khổ lâu
Hoặc giết dê, ngựa và trâu bò
Các loại thú gà heo vân vân
Và giết các loại trùng kiến khác
Kẻ ấy sẽ đọa địa ngục Hiệp.
Ở đời dùng đủ thứ khủng bố
Để mà bức bách hại chúng sanh
Sẽ đọa trong địa ngục Ngại sơn
Chịu các khổ ném, ép, đâm, giã
Vì tham dục, sân, si kết sử
Đảo lộn chánh lý khiến sai khác
Phải cho là quấy, trái pháp luật
Họ bị đao kiếm xoay đâm thủng
Ỷ vào sức mạnh cướp của người
Có sức hay không đều lấy sạch
Nếu làm việc bức não như vậy
Kẻ ấy sẽ sanh ngục Khiếu hoán.
Dùng mọi cách xúc não chúng sanh
Ở ngục Khiếu hoán bị thiêu nấu
Trong đó lại có Đại khiếu hoán
Là do tâm dua nịnh gian xảo
Tà kiến dày đặc che lấp hết
Dây ái buộc ràng chịu trầm luân
Thường tạo nghiệp thấp kém như vậy
Họ đều bị đọa Đại khiếu hoán.
Khi đến Đại khiếu hoán như vậy
Thành sắt cháy hừng, lông rụng ngược
Trong đó nhà sắt và phòng sắt
Người đến nhập vào đều bị thiêu
Nếu làm các việc ở thế gian
Thường gây não loạn cho chúng sanh
Kẻ ấy sẽ sanh ngục Nhiệt não
Trong vô lượng thời chịu nóng bức.
Sa-môn, Bà-la-môn, thế gian
Cha mẹ, tôn trưởng bậc kỳ cựu
Thường xúc não họ khiến chẳng vui
Kẻ ấy đều đọa ngục Nhiệt não.

Tịnh nghiệp sanh thiên, chẳng ưa tu
Thường chia rẽ người thương chí thân
Kẻ ưa làm các việc như vậy
Tất sẽ đọa vào ngục Nhiệt não.
Ác với Sa-môn, Bà-la-môn
Cùng các người hiền và cha mẹ
Hoặc lại làm hại các Tôn giả
Họ đọa nhiệt não bị thiêu đốt
Thường hay tạo tác nhiều nghiệp ác
Chưa từng phát khởi một niệm lành
Người ấy đọa thẳng ngục A-tỳ
Sẽ chịu vô lượng mọi khổ não.
Nếu bảo chánh pháp là phi pháp
Bảo các phi pháp là chánh pháp
Không lợi ích đối với việc lành
Người ấy sẽ đọa ngục A-tỳ.
Cùng hai ngục Hoạt và Hắc thằng
Hiệp và Khiếu hoán là năm ngục
Nhiệt não, đại nhiệt cọng thành bảy
Ngục A-tỳ-chí là thứ tám.
Đó là tên tám đại địa ngục
Nóng bức quá khổ không chịu nổi
Do nghiệp ác mà người tạo ra
Trong đó có mười sáu tiểu ngục.

Đức Thế Tôn thuyết kệ ấy xong, bảo các Tỳ-kheo:

–Này chư Tỳ-kheo, các vị nên biết khoảng giữa thế giới kia, lại riêng có mười địa ngục. Những gì là mười? Đó là địa ngục Át-phù-đà, địa ngục Nê-la-phù-đà, địa ngục A-hô, địa ngục Hô-hô-bà, địa ngục A-ca-ca, địa ngục Tao-kiền-đề-ca, địa ngục Ưu-bát-la, địa ngục Ba-đầu-ma, địa ngục Bôn-trà-lợi, địa ngục Câu-mâu-đầu. Chư Tỳ-kheo, trong khoảng giữa ấy, có mười loại địa ngục như vậy.

Chư Tỳ-kheo, vì nhân duyên gì mà địa ngục ấy gọi là Át-phù-đà? Chư Tỳ-kheo, các chúng sanh ở trong ngục Át-phù-đà có thân hình giống như bọt nước, vì vậy gọi là Át-phù-đà.

Lại nữa, ở trong đó có địa ngục Nê-la-phù-đà. Do nhân duyên gì mà gọi là Nê-la-phù-đà? Chư Tỳ-kheo, trong địa ngục Nê-la-phù-đà ấy, các chúng sanh có thân hình giống như cục thịt, vì vậy gọi đó là Nê-la-

phù-đà.

Lại nữa, ở trong đó, có địa ngục A-hô. Do nhân duyên gì mà gọi là A-hô? Chư Tỳ-kheo, các chúng sanh trong ngục A-hô chịu khổ cùng cực, trong khi bị bức bách kêu la: "A-hô! A-hô!" Thật là thảm thiết, vì vậy gọi đó là địa ngục A-hô.

Lại nữa, ở trong đó có địa ngục Hô-hô-bà. Do nhân duyên gì mà gọi là Hô-hô-bà? Chư Tỳ-kheo, trong địa ngục Hô-hô-bà ấy, các loại chúng sanh vì khi bị khổ bức bách liền kêu la: "Hô hô bà!" Vì vậy gọi đó là Hô-hô-bà.

Lại nữa, ở trong đó có địa ngục A-tra-tra. Do nhân duyên gì mà gọi là A-tra-tra. Chư Tỳ-kheo, trong địa ngục A-tra-tra ấy, các chúng sanh vì bị khổ não bức bách thân họ, chỉ kêu lên được: "A tra tra! A tra tra!" Nhưng âm vang nơi lưỡi chẳng thoát ra khỏi miệng, vì vậy gọi đó là A-tra-tra.

Lại nữa, ở trong đó có địa ngục Tao-kiền-đề-ca. Do nhân duyên gì mà gọi là Tao-kiền-đề-ca? Vì màu của ngọn lửa dữ giống như Tao-kiền-đề-ca, vì vậy gọi đó là Tao-kiền-đề-ca.

Lại nữa, ở trong đó có ngục Ưu-bát-la. Do nhân duyên gì mà gọi là Ưu-bát-la? Chư Tỳ-kheo, trong địa ngục Ưu-bát-la ấy, màu của lửa dữ như hoa Ưu-bát-la, vì vậy gọi đó là Ưu-bát-la.

Lại nữa, ở trong đó có ngục Câu-mâu-đầu. Do nhân duyên gì mà gọi là Câu-mâu-đầu? Chư Tỳ-kheo, trong địa ngục Câu-mâu-đầu ấy, màu của lửa dữ giống như hoa Câu-mâu-đầu, vì vậy gọi đó là Câu-mâu-đầu.

Lại nữa, ở trong đó có ngục Bôn-trà-lợi-ca. Do nhân duyên gì mà gọi là Bôn-trà-lợi-ca? Chư Tỳ-kheo, trong địa ngục Bôn-trà-lợi-ca, màu của lửa dữ như hoa Bôn-trà-lợi-ca, vì vậy gọi đó là Bôn-trà-lợi-ca.

Lại nữa, ở trong đó có ngục Ba-đầu-ma. Do nhân duyên gì mà gọi là Ba-đầu-ma? Chư Tỳ-kheo, trong địa ngục Ba-đầu-ma ấy, màu của lửa dữ như hoa Ba-đầu-ma, vì vậy gọi đó là Ba-đầu-ma.

Chư Tỳ-kheo, như cái hộc của nước Kiều-tất-la, đong đầy hai mươi hộc hạt mè như vậy, vun cao không khỏa khi ấy, có một người đàn ông, mãi một trăm năm lấy đi một hạt mè, lần lượt như vậy, cứ đúng một trăm năm lại lấy một hạt ném đi nơi khác. Chư Tỳ-kheo, cứ ném như vậy cho đến hai mươi hộc của nước Kiều-tất-la đựng đầy mè; thời gian như vậy, ta nói, thọ mạng của tội nhân ở ngục Át-phù-đà còn chưa dứt hẳn, chỉ dùng con số này mà nói đại khái. Hai mươi lần tuổi

thọ ở ngục Át-phù-đà như vậy bằng một lần tuổi thọ ở ngục Nê-la-phù-đà; hai mươi lần tuổi thọ ở ngục Nê-la-phù-đà bằng tuổi thọ ở ngục A-hô; hai mươi lần tuổi thọ ở ngục A-hô bằng một lần tuổi thọ ở ngục Hô-hô-bà; hai mươi lần tuổi thọ ở ngục Hô-hô-bà bằng một lần tuổi thọ ở ngục A-tra-tra; hai mươi lần tuổi thọ ở ngục A-tra-tra bằng một lần tuổi thọ ở ngục Tao-kiền-đề-ca; hai mươi lần tuổi thọ ở ngục Tao-kiền-đề-ca bằng một lần tuổi thọ ở ngục Ưu-bát-la; hai mươi lần tuổi thọ ở ngục Ưu-bát-la bằng một lần tuổi thọ ở ngục Câu-mâu-đầu; hai mươi lần tuổi thọ ở ngục Câu-mâu-đầu bằng một lần tuổi thọ ở ngục Bôn-trà-lợi-ca; hai mươi lần tuổi thọ ở ngục Bôn-trà-lợi-ca bằng một lần tuổi thọ ở ngục Ba-đầu-ma; hai mươi lần tuổi thọ ở ngục Ba-đầu-ma là một chung kiếp.

Chư Tỳ-kheo, tại chốn của địa ngục Ba-đầu-ma, nếu các chúng sanh ở cách xa nơi ấy một trăm do-tuần, liền bị ngọn lửa của ngục ấy táp đến; nếu chúng sanh ở cách xa năm mươi do-tuần thì bị lửa ấy xông đều đui không thấy; nếu chúng sanh ở cách xa hai mươi lăm do-tuần thì máu huyết trong thân thể bị nung nóng hư hoại.

Chư Tỳ-kheo, Tỳ-kheo Cù-ca-lê vì đối với Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên khởi tâm bài báng, tâm ô uế, tâm độc ác, nên sau khi chết liền đọa vào ngục Ba-đầu-ma. Sau khi đọa vào ngục ấy, từ trong miệng của ông ấy phát ra một ngọn lửa nóng lớn, dài hơn mười khuỷu tay; ở trên lưỡi của ông ta tự nhiên có năm trăm lưỡi cày sắt thường xuyên cày trên ấy. Chư Tỳ-kheo, Ta ở những nơi khác, chưa từng thấy một kẻ nào tự làm tổn hại như vậy, nghĩa là ở bên người phạm hạnh mà sanh tâm cấu uế, tâm tổn não, tâm độc ác, tâm chẳng lợi ích, tâm không tình thương, tâm bất tịnh. Chư Tỳ-kheo, vì vậy, các ông nên đối với tất cả những người phạm hạnh, khởi nghiệp thân, khẩu, ý từ bi. Như Ta đã thấy người ngày đêm khởi thân, khẩu, ý nghiệp từ bi thì thường được an lạc. Vì vậy cho nên, tất cả Tỳ-kheo các ông đều nên như điều Ta thấy, Ta nói, ngày đêm thường khởi tâm từ. Các ông thường nên học tập như vậy. Bấy giờ Đức Thế Tôn nói kệ:

Khi các người sống ở thế gian
Trên lưỡi tự nhiên sanh rìu búa
Nghĩa là miệng nói điều độc ác
Trở lại làm hại chính thân mình.
Người đáng khen ngợi lại không khen
Người chẳng nên khen thì lại khen

Như vậy gọi là miệng tranh cãi
Do sự tranh này nên không vui
Nếu người đánh bạc được tiền của
Đó là việc tranh nhỏ thế gian
Với người tịnh hạnh khởi tâm xấu
Gọi là từ miệng tranh cãi lớn
Như vậy ba mươi sáu trăm ngàn
Số địa ngục Nê-la-phù-đà
Năm chốn địa ngục Át-phù-đà
Cho đến địa ngục Ba-đầu-ma
Vì hủy Thánh nhân nên như vậy
Do nghiệp khẩu ý gây tội ác.

Chư Tỳ-kheo, ở khoảng giữa thế giới, lại có các thứ gió tên là Nhiệt não. Chư Tỳ-kheo, các thứ gió ấy nếu thổi đến châu này thì các chúng sanh sanh ra và ở trong bốn châu này, tất cả bộ phận trong thân đều hoại diệt, tiêu tan không còn gì hết. Thí như cỏ lau nếu bị cắt mà chẳng tưới nước thì sẽ khô héo, chẳng còn gì. Như vậy, như vậy, chư Tỳ-kheo, khoảng giữa thế giới có các thứ gió tên là Nhiệt não, nếu khi thổi đến bốn châu này thì ở đấy, chúng sanh đều bị khô chết, không còn gì hết, cũng lại như vậy. Nhưng vì hai núi Thiết vi và Đại thiết vi ở bên trong ngăn lại nên ngọn gió kia chẳng thổi đến đây được.

Chư Tỳ-kheo, núi Thiết vi và Đại thiết vi kia có đại lợi ích như vậy, vì các chúng sanh ở trong bốn thế giới, bốn châu này làm chỗ nương tựa.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, khoảng giữa thế giới có các thứ gió thổi vào địa ngục thiêu đốt chúng sanh, thịt mỡ, tủy trên thân và các thứ hơi hôi thối bất tịnh, thật đáng ghê sợ. Chư Tỳ-kheo, gió ấy, nếu thổi đến trong thế giới bốn châu này, thì chúng sanh ở đây cho đến ở đó, tất cả đều bị đui mù, không có mắt, do vì hơi hôi thối cực mạnh. Nhưng do vì hai núi Thiết vi và Đại thiết vi ngăn lại làm trở ngại nên mùi hôi thối đó chẳng bay đến được.

Chư Tỳ-kheo, hai ngọn núi lớn Thiết vi và Đại thiết vi đã có thể vì các chúng sanh ở trong thế giới bốn châu này làm việc lợi ích rất lớn như vậy, thành nơi nương tựa cho các chúng sanh.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, khoảng giữa thế giới, lại có gió lớn gọi là Tăng-già-đa. Chư Tỳ-kheo, gió ấy, nếu thổi đến thế giới này, thì bốn đại châu trong thế giới này cùng tám vạn bốn ngàn các tiểu châu khác, các núi lớn khác, núi chúa Tu-di đều có thể bị nhấc bổng lên, cách mặt đất hoặc cao một câu-lô-xá, nhấc lên rồi có thể làm cho vỡ ra tan đi... *cho đến* hoặc hai, ba, bốn, năm, sáu, bảy câu-lô-xá, đã nhấc lên rồi đều có thể làm cho tan vỡ tiêu mất..., cho đến nhấc lên cao một do-tuần, tan vỡ tiêu mất, cũng như trước đã nói, như vậy cho đến nhấc lên hai, ba, bốn, năm, sáu, bảy do-tuần phá hủy làm cho tiêu tan..., *cho đến* nhấc lên một trăm do-tuần, phá hủy làm cho tiêu tan... nhấc lên hai, ba, bốn, năm, sáu, bảy do-tuần rồi phá hoại tiêu tan cũng giống như trước..., *cho đến* nhấc lên một ngàn do-tuần, hai, ba, bốn, năm, sáu, bảy ngàn do-tuần rồi phá hủy tiêu tan. Thí như một người trai trẻ tay nắm bột mì, nắm rồi giơ cao lên bóp vụn ra, ở giữa hư không, ném vãi tứ tán, không

còn gì hết. Như vậy, như vậy, chư Tỳ-kheo, khoảng giữa thế giới ấy, có các thứ gió cực mạnh gọi là Tăng-già-đa, nếu gió ấy thổi đến bốn châu này thì khi ấy bốn châu trong thế giới này và tám vạn bốn ngàn các châu nhỏ khác, tất cả các núi và núi chúa Tu-di đều bị nhấc lên cao đến một câu-lô-xá, phá hủy, tiêu tan... *lược nói như trước... cho đến* nhấc cao lên bảy ngàn do-tuần, phá hoại tiêu tan, cũng lại như vậy. Chư Tỳ-kheo, nhưng vì do hai núi Thiết vi và Đại thiết vi trong đó ngăn lại nên gió chẳng thổi đến được. Chư Tỳ-kheo, do oai đức của hai núi Thiết vi và Đại thiết vi trong ấy có lợi ích lớn nên mới được như vậy, vì các loại chúng sanh ở trong thế giới bốn châu này làm chỗ nương tựa.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, ngay bên ngoài hai núi Thiết vi ở phía Nam châu Diêm-phù có trú xứ của cung điện vua Diêm-ma, bằng phẳng rộng dài sáu ngàn do-tuần, có bảy lớp tường vách, bảy lớp lan can, bảy lớp dây chuông. Bên ngoài có bảy lớp hàng cây Đa-la bao bọc chung quanh, có nhiều màu dễ xem, do bảy báu tạo thành. Đó là vàng, bạc, lưu ly, pha lê, hồng ngọc, xa cừ, mã não... tạo thành. Ở bốn phương đều có các cửa, mỗi cửa đều có hàng rào bảo vệ, lầu đài, cung điện, vườn cảnh, ao hoa, các ao hoa ấy và trong vườn cảnh có các thứ cây, các thứ cây ấy có các thứ lá, các thứ hoa thơm, các thứ quả đẹp dày đặc khắp nơi, các thứ mùi thơm theo gió lan ra, các loài chim đều cùng nhau ca hót.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, vua Diêm-ma ấy, vì quả báo của nghiệp ác bất thiện nên vào ban đêm ba lần và ban ngày ba lần, tự nhiên có nước đồng đỏ xuất hiện trước mặt. Ngay lúc ấy, cung điện của vua liền biến thành sắt, đầu tiên, công năng của năm dục ngay trước mắt đều biến mất. Nếu vua ở trong cung thì ngay trong cung cũng xuất hiện như vậy. Khi ấy vua Diêm-ma thấy việc như thế thì lo sợ bất an, tóc lông dựng ngược, liền chạy ra ngoài. Nếu vua ở ngoài cung, thì ở bên ngoài cũng lại xuất hiện như vậy. Lúc ấy vua Diêm-ma lòng sanh sợ sệt, run rẩy bất an, tóc lông trên thân cùng lúc dựng ngược liền chạy vào trong. Khi ấy kẻ giữ ngục chụp vua Diêm-ma, giơ cao lên, ném nằm xuống trên nền sắt nóng. Nền sắt bừng cháy dữ dội, ánh sáng đỏ rực. Khi ném nằm xuống rồi, liền lấy kềm sắt cạy miệng ra, lấy nước đồng sôi rót vào trong miệng, môi miệng bị bỏng rồi, kế đến lưỡi bỏng; lưỡi đã bị bỏng rồi, lại bỏng yết hầu; yết hầu đã bị bỏng rồi, lại bỏng đến ruột già, ruột non... lần lượt cháy bỏng hết, theo hạ bộ mà ra. Bấy giờ vua Diêm-ma nghĩ: "Tất cả chúng sanh vì ngày xưa, thân đã làm hạnh ác, miệng đã

nói lời ác, ý đã nghĩ điều ác, vì vậy bọn họ đều phải chịu các loại khổ não khác nhau, tâm chẳng được vui. Như các chúng sanh trong địa ngục, nay thân này của ta cùng các chúng sanh khác; vua Diêm-ma là người gây ra nghiệp cũng vậy thôi. Than ôi! Ta nguyện từ nay xả thân này rồi, khi thọ thân khác đều cùng với người ở nhân gian cùng nhau thọ sanh. Bấy giờ khiến ta ở trong pháp của Như Lai sẽ được tín giải. Khi được tín giải đầy đủ, ta sẽ cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, được tín giải chân chánh, bỏ nhà xuất gia. Khi ta xuất gia rồi, sống hòa hiệp chẳng bao lâu, đối với thân thiện nam đã làm việc gì mà được tín giải chân chánh? Bỏ nhà xuất gia, ở trong pháp thấy được chỗ cùng tột của phạm hạnh vô thượng nên tự thông đạt, chứng đắc; đã chứng đắc đầy đủ rồi, ta mong rằng: "Nay ta sanh tử đã hết, phạm hạnh đã lập, những điều cần làm đều đã làm xong, lại đối với đời sau chẳng thọ sanh nữa"."

Chư Tỳ-kheo, vua Diêm-ma, khi ấy phát khởi và huân tập những ý nghĩ tốt đẹp như vậy, nên ngay bấy giờ, cung điện của vua Diêm-ma trở lại thành bảy báu, các thứ xuất hiện giống như công năng nơi năm dục của chư Thiên hiện ra đầy đủ. Bấy giờ vua Diêm-ma lại khởi lên ý nghĩ: "Tất cả chúng sanh, vì thân làm thiện, miệng nói thiện, ý nghĩ thiện nên được sung sướng. Xin nguyện cho họ đều được hưởng an lạc như vậy. Thí như đám Dạ-xoa ở trên không, đó là thân ta cùng vua Diêm-ma khác và chúng sanh trong các cõi là những người cùng tạo nghiệp".

Chư Tỳ-kheo, có ba Thiên sứ ở trong thế gian. Những gì là ba? Đó là lão, bệnh, tử.

Chư Tỳ-kheo, có một hạng người vì tự buông lung, thân làm việc ác, miệng nói việc ác, ý nghĩ ác. Những người như vậy, thân, miệng, ý đều ác. Do nhân duyên ấy nên khi thân hoại mạng chung, đọa vào cõi ác sanh trong địa ngục. Những kẻ giữ ngục ngay khi ấy đến xua đuổi chúng sanh đó đến trước mặt vua Diêm-ma, tâu: "Tâu Thiên vương, những chúng sanh này xưa ở nhân gian, tự do phóng túng, hùa làm theo việc bất thiện, buông thả thân, miệng, ý làm các việc ác nên nay sanh lại ở đây, xin Thiên vương khéo chỉ dạy họ, khéo quở trách họ". Vua Diêm-ma hỏi tội nhân: "Này các ngươi, xưa ở nhân gian, vị đệ nhất Thiên sứ có khéo chỉ dạy các ngươi, có khéo quở trách các ngươi chăng? Thường thấy vị Thiên sứ ấy xuất hiện chăng?"

Đáp rằng: "Tâu Đại thiên, chúng tôi thật chẳng thấy". Vua Diêm-ma lại bảo: "Các ngươi thường thấy xưa kia khi ở thế gian làm thân

người, hoặc là đàn bà, hoặc là đàn ông, khi tướng già lão xuất hiện, răng rụng, tóc bạc, da dẻ nhăn nheo, đen điu biến thể, hiện tượng như hạt mè, tay co lưng còng, bước đi khập khểnh, chân chẳng theo mình, nghiêng ngã hai bên, cổ nhỏ da đùn, hai bên xệ xuống, giống như cổ bò, môi miệng khô khốc, họng lưỡi khô ngạt, thân thể yếu còm, khí lực mỏng manh, khò khè ra tiếng giống như kéo cưa, bước tới muốn ngã, chống gậy mà đi, tuổi cao suy tổn, thịt tiêu máu kiệt, gầy gò yếu đuối, qua lại đường đời, cử động chậm chạp không còn như trẻ, cho đến thân tâm thường hay run rẩy chẳng yên, tất cả chi tiết mệt mỏi khó điều khiển, ngươi có thấy chăng?"

Những kẻ ấy đáp: "Tâu Đại thiên, quả thật chúng tôi có thấy". Vua Diêm-ma lại bảo họ: "Các ngươi là người ngu si, ngày xưa đã thấy tướng mạo như vậy, vì sao không suy nghĩ như thế này: "Nay thân ta đây cũng có những hiện tượng ấy, cũng có những việc ấy; ta cũng chưa xa lìa những các hiện tượng ấy; ta nay có đủ hiện tượng già nua như vậy chưa xa lìa được. Ta sẽ đối với thân, khẩu, ý cũng có thể tạo tác các nghiệp lành vi diệu, khiến ta sẽ có quả báo lợi ích an lạc lâu dài"."

Những người ấy đáp lại: "Tâu Đại thiên, chúng tôi thật chẳng suy nghĩ như vậy. Vì sao? Vì tâm phóng túng nên làm những việc buông lung". Vua Diêm-ma lại bảo: "Các ngươi là người ngu si, nếu là như vậy thì các ngươi tự biếng nhác, làm việc phóng túng, chẳng tu nghiệp thiện nơi thân, khẩu và ý. Do nhân duyên ấy, các ngươi sẽ bị khổ não trong đêm dài, không có an lạc. Vì vậy, các ngươi sẽ phải chịu đầy đủ tội phóng dật này, bị quả báo của những nghiệp ác như vậy, cũng như những chúng sanh khác chịu tội báo này. Lại nữa, quả báo khổ não của những nghiệp ác này nơi các ngươi, chẳng phải do mẹ các ngươi tạo, chẳng phải do cha các ngươi tạo, chẳng phải do anh em các ngươi tạo, chẳng phải do chị em các ngươi tạo, chẳng phải quốc vương tạo, chẳng phải chư Thiên tạo, cũng chẳng phải tổ tiên ngày trước tạo, đó là do tự thân các ngươi tạo nghiệp ác này, nay tập hợp lại để chịu quả báo này".

Bấy giờ vua Diêm-ma trình bày đầy đủ đệ nhất Thiên sứ như vậy để khéo chỉ dẫn, quở trách họ rồi, lại đem đệ nhị Thiên sứ khéo chỉ dẫn, quở trách họ, bảo: "Này các ngươi, các ngươi đã bao giờ từng thấy đệ nhị Thiên sứ xuất hiện ở thế gian chăng?" Đáp: "Tâu Đại thiên, chúng tôi quả thật chẳng thấy". Vua lại bảo: "Các ngươi đâu chẳng thấy khi xưa làm thân người tại thế gian, hoặc làm thân đàn bà, hoặc làm thân đàn ông, tứ đại hòa hiệp, bỗng nhiên chống trái, bị bệnh khổ

xâm nhập, khốn đốn triền miên, hoặc nằm trên giường nhỏ, hoặc nằm trên giường lớn, vì tự phóng uế nên thân mình dơ bẩn, lăn lóc trên đó hết sức bực bội, nằm ngủ ngồi dậy đều nhờ người dìu đỡ, cho ăn, cho uống, tất cả đều nhờ người, các ngươi có thấy chăng?"

Những người ấy đáp: "Tâu Đại thiên, chúng tôi quả thật có thấy". Vua lại bảo: "Các kẻ ngu si kia, các ngươi thấy như vậy, nếu là người thông minh thì tại sao chẳng suy nghĩ như vầy: "Nay ta cũng có hiện tượng như vậy, nay ta cũng có việc như vậy, ta cũng chưa xa lìa hiện tượng hoạn nạn như vậy, chưa thoát khỏi được. Nên tự biết ta nay cũng có thể tạo các nghiệp thiện, hoặc nghiệp thiện của thân, hoặc khẩu, hoặc ý, khi ấy ta sẽ được đại lợi ích, được an lạc lâu dài"."

Những người ấy đáp: "Tâu Đại thiên, dạ không, chúng tôi quả thật chẳng suy nghĩ như vậy, vì tâm biếng nhác nên làm việc phóng túng".

Vua lại bảo: "Các người ngu si kia, nay các ngươi đã làm việc phóng dật như vậy, lười biếng nhác nhớm, chẳng làm việc thiện, hoặc nghiệp thiện của thân, hoặc khẩu, hoặc ý thì làm sao các ngươi có thể hưởng được quả báo lợi ích, an lạc lâu dài. Vì vậy các ngươi phải tu hành việc thiện. Nếu hành phóng dật, chạy theo sự phóng dật thì nghiệp ác này của các ngươi chẳng phải do cha mẹ tạo, chẳng phải do chị em tạo, chẳng phải vua, chẳng phải trời, cũng chẳng phải tổ tiên ngày trước tạo, chẳng phải các Sa-môn, Bà-la-môn... tạo. Nghiệp ác này các ngươi đã tự tạo, các ngươi tự trở lại nhận chịu quả báo này".

Khi ấy vua Diêm-ma đã đem đệ nhị Thiên sứ để khéo chỉ dẫn, quở trách bọn họ như vậy rồi, lại đem đệ tam Thiên sứ để khéo chỉ bày, khéo quở trách họ, nói: "Này bọn ngu si kia, các ngươi khi xưa làm thân người ở thế gian, đã từng thấy đệ tam Thiên sứ xuất hiện ở đó chăng?" Đáp: "Tâu Đại thiên, chúng tôi quả thật chẳng thấy". Vua Diêm-ma lại bảo: "Các người ngu si kia, khi ở thế gian đâu chẳng thấy, hoặc thân đàn bà, hoặc thân đàn ông, lúc mạng chung, đặt ở trên giường, lấy áo nhiều màu phủ kín trên thân, mang ra khỏi xóm làng, lại làm các thứ tràng phan, xe lọng bao bọc trang nghiêm, quyến thuộc vây quanh, vứt bỏ chuỗi báu, đưa tay xõa tóc, tro đất bôi đầu, vô cùng sầu khổ, kêu gào khóc lóc, hoặc kêu than ôi, hoặc kêu cha, hoặc kể công dưỡng dục, xót thương đấm ngực, nghẹn ngào đau đớn thảm thiết, các ngươi có thấy chăng?" Đáp: "Tâu Đại thiên, chúng tôi quả thật có thấy".

Vua Diêm-ma lại bảo: "Các người ngu si kia, các người ngày xưa

đã thấy những việc như vậy, thì tại sao chẳng suy nghĩ như vầy: "Ta nay cũng có hiện tượng như vậy, thân ta cũng có những việc như vậy, ta chưa thoát được những việc như vậy, ta cũng có chết, ta cũng có hiện tượng chết, chưa được thoát khỏi. Ta nay nên tạo các nghiệp thiện, nghiệp thiện hoặc của thân, hoặc của miệng, hoặc của ý, là vì để được lợi ích lớn, được an lạc lâu dài cho ta?" Những người ấy đáp: "Tâu Đại thiên, chúng tôi quả thật chẳng suy nghĩ như vậy. Vì sao? Vì do phóng dật".

Vua Diêm-ma lại bảo: "Các người ngu si kia, các ngươi đã là người làm việc phóng dật. Vì phóng dật nên chẳng tạo nghiệp thiện, cũng chẳng vì sự lợi ích lâu dài, sự an lạc lâu dài của các ngươi mà tu các điều thiện của thân, khẩu, ý. Vì vậy nay các ngươi có việc như vậy, gọi là việc làm phóng dật. Vì phóng dật nên các ngươi tự tạo các nghiệp ác bất thiện này. Nghiệp ác này của các ngươi, chẳng phải do cha mẹ tạo, chẳng phải do anh em tạo, chẳng phải do chị em tạo, chẳng phải vua, chẳng phải trời, cũng chẳng phải tổ tiên ngày trước tạo. Lại chẳng phải Sa-môn, Bà-la-môn tạo. Nghiệp ác này của các ngươi là do các ngươi tự tạo, tự tập hợp lại; bị quả báo này, các ngươi lại tự nhận chịu".

Khi ấy vua Diêm-ma đem đầy đủ việc của đệ tam Thiên sứ chỉ bày, quở trách các tội nhân ấy. Quở trách xong, ra lệnh dẫn đi. Khi ấy, kẻ giữ ngục liền chụp lấy hai tay, hai chân tội nhân, chúc đầu xuống, chỏng chân lên, ném ngược họ vào trong các địa ngục.

Bấy giờ Đức Thế Tôn nói kệ:

Chúng sanh tạo tác nghiệp ác rồi
Sau khi chết, đọa vào đường ác
Khi vua Diêm-ma thấy họ đến
Dùng tâm thương xót mà quở trách:
Khi xưa ngươi ở tại nhân gian
Há chẳng thấy lão, bệnh, tử sao?
Đó là Thiên sứ đến chỉ dạy
Tại sao phóng túng chẳng hay biết.
Buông thân, khẩu, ý nhiễm các trần
Chẳng hành ý, giới, tự điều phục
Như vậy làm sao gọi là biết?
Và chẳng tạo tác nhân lợi ích.
Bấy giờ vua Diêm-ma như pháp

Đã quở trách tội nhân như vậy.
Kẻ ấy ngạt thở, tâm sợ hãi
Toàn thân run rẩy tâu vua rằng:
Tôi xưa do theo bạn bè ác
Nghe các pháp lành tâm chẳng ưa
Bị tham dục sân hận buộc ràng
Chẳng làm tự lợi nên tổn thân.
Vua nói: ngươi chẳng tu nhân lành
Chỉ thuần tạo các thứ nghiệp ác
Người si, ngày nay phải gặt quả
Nhận chịu việc kia nên đến ngục.
Tất cả các nghiệp ác như thế
Chẳng phải cha và mẹ làm ra
Chẳng phải Sa-môn, Bà-la-môn
Lại chẳng phải Quốc vương, chư Thiên
Đó chính là ngươi tự tạo tác
Đủ các loại nghiệp ác bất tịnh
Đã tự tạo các nghiệp ác ấy
Nay phải nhận chịu quả ác này.
Vua kia cùng với ba Thiên sứ
Lần lượt dạy bảo quở trách xong
Khi ấy ngục chủ, vua Diêm-ma
Buông tha tội nhân khiến dẫn đi.
Kẻ ở trong chỗ vua Diêm-ma
Liền đến trước chụp bắt tội nhân
Dẫn dắt họ đến chỗ địa ngục
Là chốn đáng sợ, lông dựng ngược
Bốn bên đối nhau có bốn cửa
Bốn phương, bốn hướng đều sừng sững
Tường bọc chung quanh đều bằng sắt
Bốn bên lại dùng lan can sắt
Sắt nóng hừng hực dùng làm nền
Ánh lửa mãnh liệt, khói nghi ngút
Xa thấy khiếp sợ tâm phân tán
Hừng hực đỏ rực chẳng dám đến
Giống như trong vòng trăm do-tuần
Lửa lớn cháy bừng phủ dày đặc.

Chúng sanh trong đó đều bị thiêu
Đều do ngày trước tạo nhân ác
Lại bị ba Thiên sứ quở trách
Nhưng tâm phóng dật không quán sát
Bọn họ ngày nay hối hận mãi
Đều do tâm tội lỗi ngày xưa.
Các loại chúng sanh có trí tuệ
Nếu thấy Thiên sứ đến chỉ dẫn
Phải nên tinh cần chớ phóng dật
Vua khéo léo nói thánh pháp này
Đã thấy nghe rồi phải kinh sợ
Chốn cùng tận các cõi tử sinh
Tất cả không đâu hơn Niết-bàn
Các hoạn nạn hết không còn nữa.
Đến đó đạt an ổn diệu lạc
Như vậy, thấy pháp đạt tịch diệt
Đó là vượt qua các sợ hãi
Tự nhiên đắc Niết-bàn tịch tịnh.

❑

KINH KHỞI THẾ

QUYỂN V

Phẩm 5: CÁC RỒNG VÀ KIM SÍ ĐIỂU

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, tất cả loài Rồng có bốn cách thọ sanh. Những gì là bốn? Một là sanh từ trứng, hai là sanh từ bào thai, ba là sanh từ chỗ ẩm thấp, bốn là sanh từ sự biến hóa. Đó gọi là bốn cách thọ sanh của Rồng.

Chư Tỳ-kheo, loài Kim sí điểu cũng có bốn cách thọ sanh, đó là sanh từ trứng, sanh từ bào thai, sanh từ chỗ ẩm thấp, sanh từ sự biến hóa. Đó gọi là bốn cách thọ sanh.

Chư Tỳ-kheo, dưới nước của biển lớn, có cung điện của Long vương Sa-già-la, rộng dài bằng phẳng tám do-tuần, có bảy lớp bờ tường, bảy lớp lan can trang trí chung quanh, có bảy lớp dây ngọc, trong điện báo linh báu. Lại có bảy hàng cây Đa-la mọc thẳng che khuất ánh sáng, bao bọc chung quanh, màu sắc đẹp đẽ dễ xem; có các báu trang trí, đó là vàng, bạc, lưu ly, pha lê, chơn châu đỏ, xa cừ, mã não..., bảy báu tạo thành. Ở bốn phía cung điện đều có các cửa, mỗi cửa đều có các lâu đài, lầu quán, phòng vệ. Lại có vườn cảnh và suối, ao. Trong các ao vườn, ao nào cũng đủ các loại hoa, cỏ ngay hàng thẳng lối. Lại có các cây, với các thứ cành lá, các thứ hoa quả, các thứ hương thơm theo gió lan xa, các loài chim cùng cất giọng trong trẻo thánh thót.

Chư Tỳ-kheo, ở khoảng giữa hai núi: núi chúa Tu-di và núi Khư-đề-la, lại có cung điện của hai đại Long vương là Nan-đà và Ưu-ba-nan-đà tọa lạc. Nơi ấy dài rộng sáu ngàn do-tuần, có bảy lớp bờ tường, bảy lớp lan can... *lược nói... như trên... cho đến* các loài chim cùng nhau ca hót.

Chư Tỳ-kheo, phía Bắc của biển lớn có sanh một cội đại thọ cho

các Long vương và tất cả Điểu vương cánh vàng tên là Cư-tra-xà-ma-ly (Đời Tùy gọi là Lộc tự), chu vi cội cây ấy bảy do-tuần, phần ăn sâu xuống đất là hai mươi do-tuần, thân vươn cao một trăm do-tuần, cành lá che phủ năm mươi do-tuần. Ngoài phạm vi của cây, vườn cảnh dài rộng, bằng phẳng năm trăm do-tuần, có bảy lớp bờ tường... *cho đến*... các loài chim cùng nhau ca hót... *như trên*...

Chư Tỳ-kheo, phía Đông của đại thọ Cư-tra-xà-ma-ly có cung điện của loài Rồng sanh từ trứng và loài Kim sí điểu sanh từ trứng tọa lạc. Cung điện ấy, mỗi cái dài rộng sáu trăm do-tuần; có bảy lớp bờ tường... *cho đến*... các loài chim cùng nhau ca hót... *như trên*...

Phía Nam của đại thọ Cư-tra-xà-ma-ly có cung điện của loài Rồng sanh từ bào thai và loài Kim sí điểu sanh từ bào thai tọa lạc. Mỗi cái cũng dài rộng sáu trăm do-tuần; có bảy lớp bờ tường... *cho đến*... các loài chim cùng nhau ca hót... *như trên*...

Phía Tây của đại thọ Cư-tra-xà-ma-ly có cung điện của loài Rồng và Kim sí điểu sanh từ chỗ ẩm thấp tọa lạc. Mỗi cái cũng dài rộng sáu trăm do-tuần; có bảy lớp bờ tường... *cho đến*... các loài chim cùng nhau ca hót... *như trên*...

Phía Bắc của đại thọ Cư-tra-xà-ma-ly có cung điện của loài Rồng và Kim sí điểu sanh từ sự biến hóa tọa lạc. Mỗi cái cũng dài rộng sáu trăm do-tuần; có bảy lớp bờ tường... *cho đến* các loài chim cùng nhau ca hót... *như trên*...

Chư Tỳ-kheo, khi Điểu vương cánh vàng sanh từ trứng kia muốn bắt loài Rồng sanh từ trứng thì liền bay đến đậu trên cành phía Đông của đại thọ Cư-tra-xà-ma-ly xem xét biển lớn xong, rồi mới bay xuống, dùng hai cánh quạt nước biển lớn khiến nước tự rẽ ra hai trăm do-tuần. Ngay trong lúc ấy, nó ngậm loài Rồng sanh từ trứng bay ra khỏi biển, tùy ý mà ăn.

Chư Tỳ-kheo, Điểu vương cánh vàng sanh từ trứng chỉ có thể bắt được loài Rồng sanh từ trứng tùy ý mà ăn thịt, chứ chẳng thể bắt các loài Rồng sanh từ bào thai, sanh từ chỗ ẩm thấp, sanh từ chỗ biến hóa.

Chư Tỳ-kheo, Điểu vương cánh vàng sanh từ bào thai nếu muốn bắt loài Rồng sanh từ trứng liền bay đến đậu trên cành phía Đông của đại thọ Cư-tra-xà-ma-ly nhìn xuống biển lớn rồi mới bay xuống, dùng hai cánh quạt nước biển lớn, khiến nước tự rẽ ra hai trăm do-tuần, nhân đó mới ngậm lấy các loài Rồng sanh từ trứng bay ra khỏi biển, tùy ý ăn

thịt.

Lại nữa, Điểu vương cánh vàng sanh từ bào thai nếu muốn bắt loài Rồng sanh bào thai liền bay đến đậu trên cành ở phía Nam của đại thọ Cư-tra-xà-ma-ly nhìn xuống biển lớn, rồi dùng hai cánh quạt nước biển lớn, khiến nước rẽ ra bốn trăm do-tuần, liền ngay lúc ấy, bắt các loài Rồng sanh từ bào thai bay ra khỏi biển, tùy ý mà ăn.

Chư Tỳ-kheo, Điểu vương cánh vàng sanh từ bào thai ấy chỉ có thể bắt được loài Rồng sanh từ trứng và loài Rồng sanh từ bào thai, theo nhu cầu của chúng, chứ chẳng thể bắt hai loài Rồng sanh từ sự ẩm thấp và sanh từ sự biến hóa.

Chư Tỳ-kheo, Điểu vương cánh vàng sanh từ chỗ ẩm thấp nếu khi muốn bắt loài Rồng sanh từ trứng, liền bay đến đậu trên cành phía Đông của cây đại thọ Cư-tra-xà-ma-ly, dùng hai cánh quạt nước biển lớn, nước rẽ ra hai trăm do-tuần, xong ngậm lấy loài Rồng sanh từ trứng, tùy ý ăn thịt.

Lại nữa, Điểu vương cánh vàng sanh từ chỗ ẩm thấp, nếu khi muốn bắt loài Rồng sanh từ bào thai liền bay đến đậu trên cành phía Nam của đại thọ Cư-tra-xà-ma-ly, dùng hai cánh quạt nước biển lớn, nước rẽ ra bốn trăm do-tuần, xong ngậm lấy loài Rồng sanh từ bào thai sử dụng theo ý thích.

Lại nữa, Điểu vương cánh vàng sanh từ chỗ ẩm thấp, nếu muốn bắt loài Rồng sanh từ chỗ ẩm thấp, liền bay đến đậu trên cành phía Tây của đại thọ Cư-tra-xà-ma-ly, dùng hai cánh quạt nước biển lớn, nước rẽ ra tám trăm do-tuần, liền ngậm lấy loài Rồng sanh từ chỗ ẩm thấp, tùy ý ăn thịt.

Chư Tỳ-kheo, Điểu vương cánh vàng sanh từ chỗ ẩm thấp chỉ có thể bắt được loài Rồng sanh từ trứng, từ bào thai, từ ẩm thấp, tùy theo nhu cầu, tùy ý mà ăn, chứ chẳng thể bắt loài Rồng sanh từ sự biến hóa.

Chư Tỳ-kheo, Điểu vương cánh vàng sanh từ sự biến hóa ấy, nếu muốn bắt loài Rồng sanh từ trứng, ngay khi ấy bay đến đậu trên cành cây phía Đông của đại thọ Cư-tra-xà-ma-ly, dùng hai cánh quạt nước biển lớn, nước biển rẽ ra hai trăm do-tuần, liền ngậm lấy loài Rồng sanh từ trứng, tùy ý mà ăn.

Lại nữa, Điểu vương cánh vàng sanh từ sự biến hóa ấy, nếu muốn bắt loài Rồng sanh từ bào thai thì ngay khi ấy bay đến đậu trên cành phía Nam của đại thọ Cư-tra-xà-ma-ly, dùng cánh quạt biển, nước biển

rẽ ra bốn trăm do-tuần. Nước biển đã rẽ ra rồi, Điểu vương sanh từ sự biến hóa liền ngậm lấy các loài Rồng sanh từ bào thai, tùy ý mà ăn.

Lại nữa, Điểu vương cánh vàng sanh từ sự biến hóa nếu muốn bắt loài Rồng sanh từ chỗ ẩm thấp, liền bay đến đậu trên cành cây phía Tây của đại thọ Cư-tra-xà-ma-ly, dùng cánh quạt biển, nước biển rẽ ra tám trăm do-tuần, liền ngậm lấy các loài Rồng sanh từ ẩm thấp, tùy ý mà ăn.

Lại nữa, Điểu vương cánh vàng sanh từ sự biến hóa ấy, nếu muốn bắt loài Rồng sanh từ biến hóa, thì bay đến đậu trên cành phía Bắc của cây đại thọ Cư-tra-xà-ma-ly, nhìn xuống biển lớn, liền dùng hai cánh quạt nước biển lớn, nước biển rẽ ra một ngàn sáu trăm do-tuần, liền ngậm lấy các loài Rồng sanh từ sự biến hóa, tùy ý mà ăn.

Chư Tỳ-kheo, các loài Rồng ấy đều bị Điểu vương cánh vàng này ăn thịt hết. Thế nhưng, này chư Tỳ-kheo, đặc biệt có loài Rồng mà Kim sí điểu không thể bắt được, đó là Long vương Ta-già-la, chưa từng bị Điểu vương cánh vàng kia làm kinh động. Lại có Long vương Nan-đà, Long vương Ưu-ba-nan-đà, hai Long vương này cũng chẳng bị Điểu vương cánh vàng kia bắt được. Lại có Long vương Đề-đầu-lại-tra, Long vương A-na-bà-đạt-đa, Điểu vương cánh vàng cũng chẳng thể bắt được. Chư Tỳ-kheo, ngoài ra, cũng còn có các Long vương khác nữa, chẳng bị Điểu vương cánh vàng bắt ăn thịt, đó là Long vương Ma-đa-xa-ca, Long vương Đức-xoa-ca, Long vương Yết-lặc-noa-kiều-đa-ma-già, Long vương Xí-bà-đà-phất-tri-lê-ca, Long vương Quân sư Ba-đà-ca, Long vương Cam-bà-la, Long vương A-thấp-bà-đa-la... Chư Tỳ-kheo, lại có các loại Rồng khác ở trong cảnh giới mà họ ở, cũng chẳng bị các Kim sí điểu ăn thịt.

Chư Tỳ-kheo, các chúng sanh này có nhân duyên gì ở trong các cõi sanh làm loài Rồng như vậy? Chư Tỳ-kheo, có các chúng sanh huân tu nhân Rồng, thọ trì giới Rồng, phát khởi tâm Rồng, phân biệt ý Rồng, tạo nghiệp như vậy rồi, vì nhân duyên kia đã thành thục, nên sanh vào loài Rồng. Lại có chúng sanh huân tu nhân Kim sí điểu, thọ trì giới Kim sí điểu, phát khởi tâm Kim sí điểu, phân biệt ý Kim sí điểu, vì nhân duyên ấy mà khi thân hoại mạng hết, sanh vào loài Kim sí điểu như vậy. Lại có chúng sanh huân tu nhân dã thú, thọ trì giới dã thú, phát khởi tâm dã thú, làm theo nghiệp dã thú, phân biệt ý dã thú; vì huân tu các loại nhân, giới của các loài thú, phát khởi hành nghiệp, thành tựu tâm ý, do nhân duyên ấy mà thân hoại mạng hết, liền sanh vào các loài thú. Lại có chúng sanh

huân tu nhân trâu, bò; giới trâu bò, nghiệp trâu bò, tâm trâu bò, ý trâu bò... *cho đến* phân biệt... Vì nhân duyên ấy, nên sanh vào loài trâu bò. Lại có chúng sanh huân tu nhân gà, giới gà, nghiệp gà, tâm gà, ý gà... *cho đến* phân biệt... vì nhân duyên ấy nên sanh vào loài gà. Lại có chúng sanh tu nhân cú mèo, thọ giới cú mèo, phát tâm cú mèo, hành nghiệp cú mèo, phân biệt ý cú mèo, vì huân tu nghiệp cú mèo, thọ giới cú mèo, khởi tâm cú mèo, phân biệt ý cú mèo, nên xả thân này rồi sanh vào loài cú mèo.

Chư Tỳ-kheo, lại có chúng sanh huân tu giới mặt trăng, hoặc tu giới mặt trời, giới tinh tú, giới đại nhân, hoặc có kẻ huân tu giới mặc nhiên, hoặc có kẻ huân tu giới đại lực thiên, hoặc có kẻ huân tu giới đại trượng phu, hoặc có kẻ huân tu giới nhập thủy, hoặc có kẻ huân tu giới cúng dường mặt trời, hoặc có kẻ huân tu giới thờ hành hỏa, hoặc tu khổ hạnh. Tại các chỗ dơ bẩn, đã huân tu rồi, khởi lên ý nghĩ thế này: "Nguyện cho những giới mà ta đã tu này, đó là giới mặt trăng, giới mặt trời, giới sao mai, giới mặc nhiên, giới đại lực thiên, giới đại trượng phu, giới thủy, giới hỏa, khổ hạnh, dơ uế, các giới như vậy, khiến cho ta do nhân duyên này sẽ được làm trời, hoặc được quả báo của trời", phát ra những nguyện tư duy tà vạy như vậy. Chư Tỳ-kheo, phước của các trượng phu này đen tối, nên phát khởi tâm tà nguyện. Nay Ta bảo rằng chỗ hướng đến của những kẻ ấy chắc chắn có hai chốn là hoặc sanh vào địa ngục, hoặc sanh vào loài súc sanh.

Chư Tỳ-kheo, hoặc có một nhóm Sa-môn, Bà-la-môn... đưa ra kiến giải và nói: "Ngã và thế gian là thường còn. Đây mới là sự thật, ngoài ra là hư dối. Lại có một nhóm Sa-môn, Bà-la-môn đưa ra kiến giải và nói: "Ngã và thế gian là không thường còn. Đây mới là sự thật, ngoài ra là hư dối". Lại có một nhóm Sa-môn, Bà-la-môn đưa ra kiến giải và nói: "Ngã và thế gian cũng vừa thường còn vừa không thường còn. Đây mới là sự thật, ngoài ra là hư dối". Lại có một nhóm Sa-môn, Bà-la-môn đưa ra kiến giải và nói: "Ngã và thế gian chẳng phải thường còn, chẳng phải không thường còn. Đây mới là sự thật, ngoài ra là hư dối".

Chư Tỳ-kheo, hoặc có một nhóm Sa-môn, Bà-la-môn đưa ra kiến giải và nói: "Ngã và thế gian có biên giới. Đây mới là sự thật, ngoài ra là hư dối". Lại có một nhóm Sa-môn, Bà-la-môn đưa ra kiến giải và nói: "Ngã và thế gian không có biên giới. Đây mới là sự thật, ngoài ra là hư dối". Lại có nhóm Sa-môn, Bà-la-môn đưa ra kiến giải và nói: "Ngã và thế gian cũng vừa có biên giới, vừa không có biên giới. Đây mới là sự thật, ngoài ra là hư dối". Lại có một nhóm Sa-môn, Bà-la-môn đưa ra

kiến giải và nói: "Ngã và thế gian chẳng phải có biên giới, chẳng phải chẳng có biên giới. Đây mới là sự thật, ngoài ra là hư dối".

Chư Tỳ-kheo, hoặc có một nhóm Sa-môn, Bà-la-môn đưa ra kiến giải và nói: "Mạng tức là thân. Đây mới là sự thật, ngoài ra là hư dối". Lại có một nhóm Sa-môn, Bà-la-môn đưa ra kiến giải và nói: "Có mạng có thân. Đây mới là sự thật, ngoài ra đều hư dối". Lại có một nhóm Sa-môn, Bà-la-môn đưa ra kiến giải và nói: "Không có mạng, không có thân. Đây mới là sự thật, ngoài ra đều là hư dối". Lại có một nhóm Sa-môn, Bà-la-môn đưa ra kiến giải và nói: "Như Lai sau khi tịch còn hiện hữu. Đây mới là sự thật, ngoài ra đều là hư dối". Lại có một nhóm Sa-môn, Bà-la-môn đưa ra kiến giải và nói: "Như Lai sau khi tịch không còn hiện hữu. Đây mới là sự thật, ngoài ra đều là hư dối". Lại có một nhóm Sa-môn, Bà-la-môn đưa ra kiến giải và nói: "Như Lai sau khi tịch cũng vừa hiện hữu, cũng vừa không hiện hữu. Đây mới là sự thật, ngoài ra đều hư dối". Lại có một nhóm Sa-môn, Bà-la-môn đưa ra kiến giải và nói: 'Như Lai sau khi tịch chẳng phải hiện hữu, chẳng phải không hiện hữu. Đây mới là sự thật, ngoài ra đều là hư dối".

Chư Tỳ-kheo, trong số ấy, nhóm Sa-môn, Bà-la-môn đưa ra kiến giải và nói: " Ngã và thế gian là thường. Đây là sự thật, ngoài ra đều hư dối", là vì nhóm Sa-môn, Bà-la-môn ấy ở trong các hành, đang có kiến chấp về ngã, có kiến chấp về thế gian, lìa khỏi các hành cũng có kiến chấp về ngã, có kiến chấp về thế gian. Do ý nghĩa đó, đã đưa ra kiến giải và nói: "Ngã và thế gian là thường. Đây mới là sự thật, ngoài ra đều hư dối".

Chư Tỳ-kheo, trong số ấy, nhóm Sa-môn, Bà-la-môn đưa ra kiến giải và nói: "Ngã và thế gian là vô thường. Đây là sự thật, ngoài ra đều là hư dối", là vì nhóm Sa-môn, Bà-la-môn ấy ở trong các hành đang có kiến chấp về vô ngã, kiến chấp không có thế gian, rời khỏi các hành, cũng có kiến chấp về vô ngã, kiến chấp không có thế gian. Do ý nghĩa ấy, họ mới nói thế này: "Ngã và thế gian là vô thường. Đây mới là sự thật, ngoài ra đều là hư dối".

Chư Tỳ-kheo, trong số ấy, nhóm Sa-môn, Bà-la-môn đưa ra kiến giải và nói: "Ngã và thế gian cũng thường cũng vô thường. Đây là sự thật, ngoài ra là hư dối" là vì nhóm Sa-môn, Bà-la-môn ấy ở trong các hành, đang có kiến chấp về ngã, kiến chấp thế gian, rời khỏi các hành cũng có kiến chấp về ngã, và kiến chấp về thế gian. Do ý nghĩa ấy, họ mới nói thế này: "Ngã và thế gian cũng thường cũng vô thường. Đây là

sự thật, ngoài ra là hư dối".

Chư Tỳ-kheo, trong số ấy, nhóm Sa-môn, Bà-la-môn đưa ra kiến giải và nói: "Ngã và thế gian chẳng phải thường chẳng phải chẳng thường. Đây là sự thật, ngoài ra là hư dối", là vì nhóm Sa-môn, Bà-la-môn ấy ở trong các hành, đang có kiến chấp về ngã, kiến chấp về thế gian, rời khỏi các hành cũng có kiến chấp về ngã, kiến chấp về thế gian. Vì vậy nên họ nói: "Ngã và thế gian chẳng phải thường, chẳng phải chẳng thường. Đây là sự thật, ngoài ra là hư dối".

Chư Tỳ-kheo, trong số ấy, nhóm Sa-môn, Bà-la-môn đưa ra kiến giải và nói: "Ngã và thế gian là có biên giới. Đây là sự thật, ngoài ra là hư dối", là vì các Sa-môn, Bà-la-môn ấy đã lập thuyết thế này: "Mạng có biên giới, nhân có biên giới, từ khi mới nhập thai vào bụng mẹ mới gọi là mạng, đến sau khi chết chôn gọi là nhân. Trước giai đoạn nhân, tức là khi mới xuất sanh thọ thân bốn đại chủng đã trải qua bảy lần đọa lạc, bảy lần luân chuyển, bảy lần chạy, bảy lần đi mới thành tựu mạng và nhập vào nhóm mạng". Vì vậy nên họ nói thế này: "Ngã và thế gian là có biên giới, đây là sự thật, ngoài ra là hư dối".

Chư Tỳ-kheo, trong số ấy có nhóm Sa-môn, Bà-la-môn đưa ra kiến giải và nói: "Ngã và thế gian là không biên giới. Đây là sự thật, ngoài ra là hư dối", là vì các Sa-môn, Bà-la-môn ấy lập thuyết thế này: "Mạng không có biên giới, nhân không có biên giới, từ khi mới nhập thai vào bụng mẹ gọi là mạng, đến sau khi chết chôn cất gọi là nhân. Trước giai đoạn nhân, từ khi mới xuất sanh thọ nhân bốn đại chủng, đã bảy lần đọa lạc, bảy lần lưu chuyển, bảy lần chạy, bảy lần đi, mới thành tựu mạng và nhập vào nhóm mạng". Vì vậy nên họ mới nói thế này: "Ngã và thế gian không có biên giới. Đây là sự thật, ngoài ra là hư dối".

Chư Tỳ-kheo, trong số đó nhóm Sa-môn, Bà-la-môn đưa ra kiến giải và nói: "Ngã và thế gian cũng vừa có biên giới, vừa không có biên giới. Đây là sự thật, ngoài ra là hư dối", là vì nhóm Sa-môn, Bà-la-môn đó đã lập thuyết thế này: "Mạng cũng có biên giới, cũng không biên giới, gọi là người là từ khi thác sanh vào thai trong bụng mẹ đến khi chết. Trước giai đoạn người từ khi mới thọ thân bốn đại chủng, đã bảy lần đọa lạc, bảy lần lưu chuyển, bảy lần chạy, bảy lần đi, mới thành tựu mạng và nhập vào nhóm mạng". Vì vậy nên họ nói thế này: "Ngã và thế gian cũng có biên giới, cũng không biên giới. Đây là sự thật, ngoài ra là hư dối".

Chư Tỳ-kheo, trong số đó nhóm Sa-môn, Bà-la-môn đưa ra kiến giải và nói: "Ngã và thế gian chẳng phải có biên giới, chẳng phải không có biên giới. Đây là sự thật, ngoài ra là hư dối", là vì nhóm Sa-môn, Bà-la-môn ấy đã lập thuyết thế này: "Thế gian chẳng phải có biên giới, chẳng phải không biên giới, từ khi mới thọ thân bốn đại chủng, đã bảy lần đọa lạc, bảy lần lưu chuyển, bảy lần chạy, bảy lần đi, mới thành tựu và nhập vào nhóm mạng". Vì vậy nên họ nói thế này: "Ngã và thế gian chẳng phải có biên giới, chẳng phải không biên giới. Đây là sự thật, ngoài ra là hư dối".

Chư Tỳ-kheo, trong số đó, nhóm Sa-môn, Bà-la-môn đưa ra kiến giải và nói: "Mạng tức là thân. Đây là sự thật, ngoài ra là hư dối", là vì nhóm Sa-môn, Bà-la-môn ấy ở trong thân thấy có ngã và thấy có mạng, ở trong thân người khác cũng thấy có ngã và thấy có mạng. Vì vậy cho nên họ nói thế này: "Mạng tức là thân. Đây là sự thật, ngoài ra là hư dối".

Chư Tỳ-kheo, trong số đó, nhóm Sa-môn, Bà-la-môn đưa ra kiến giải và nói: "Mạng khác, thân khác. Đây là sự thật, ngoài ra là hư dối", là vì nhóm Sa-môn, Bà-la-môn ấy ở trong thân thấy có ngã và thấy có mạng, ở trong thân người khác cũng thấy có ngã và thấy có mạng. Vì vậy nên họ nói thế này: "Mạng khác, thân khác. Đây là sự thật, ngoài ra là hư dối".

Chư Tỳ-kheo, trong số ấy, nhóm Sa-môn, Bà-la-môn đưa ra kiến giải và nói: "Có mạng, có thân. Đây là sự thật, ngoài ra là hư dối", là vì nhóm Sa-môn, Bà-la-môn ấy ở trong thân thấy có ngã và thấy có mạng, ở trong thân người khác cũng thấy có ngã và thấy có mạng. Vì vậy nên họ nói thế này: "Có mạng, có thân. Đây là sự thật, ngoài ra là hư dối".

Chư Tỳ-kheo, trong số ấy, nhóm Sa-môn, Bà-la-môn đưa ra kiến giải và nói: "Chẳng phải mạng, chẳng phải thân. Đây là sự thật, ngoài ra là hư dối", là vì nhóm Sa-môn, Bà-la-môn ấy ở trong thân chẳng thấy có ngã, chẳng thấy có mạng, ở trong thân kẻ khác cũng chẳng thấy có ngã, chẳng thấy có mạng. Vì vậy nên họ nói thế này: "Chẳng phải mạng, chẳng phải thân. Đây là sự thật, ngoài ra là hư dối".

Chư Tỳ-kheo, trong số ấy, nhóm Sa-môn, Bà-la-môn đưa ra kiến giải và nói: "Sau khi Như Lai tịch diệt vẫn còn hiện hữu. Đây là sự thật, ngoài ra là hư dối", là vì nhóm Sa-môn, Bà-la-môn ấy đối với thế gian khởi lên kiến giải: "Từ thọ mạng này đến thọ mạng khác cũng sẽ

hướng vào nơi đến mà luân chuyển". Vì vậy nên họ nói thế này: "Như Lai sau khi tịch diệt vẫn còn hiện hữu". Đây là sự thật, ngoài ra là hư dối".

Chư Tỳ-kheo, trong số ấy, nhóm Sa-môn, Bà-la-môn đưa ra kiến giải và nói: " Như Lai sau khi tịch diệt không còn. Đây là sự thật, ngoài ra là hư dối", là vì, nhóm Sa-môn, Bà-la-môn ấy, đối với thế gian khởi lên kiến giải: "Đời này có thọ mạng, đến thọ mạng đời sau thì chấm dứt". Vì vậy nên họ nói thế này: "Như Lai sau khi tịch diệt không còn. Đây là sự thật, ngoài ra là hư dối".

Chư Tỳ-kheo, trong số đó, nhóm Sa-môn đưa ra kiến giải và nói: "Như Lai sau khi tịch diệt còn hiện hữu và cũng không còn hiện hữu. Đây là sự thật, ngoài ra là hư dối", là vì nhóm Sa-môn, Bà-la-môn ấy đối với thế gian đưa ra kiến giải: "Nơi này mạng chấm dứt, đi đến nơi khác, hướng vào nơi đến mà lưu chuyển". Vì vậy nên họ nói thế này: "Như Lai sau khi tịch diệt còn hiện hữu và cũng không còn hiện hữu. Đây là sự thật, ngoài ra là hư dối".

Chư Tỳ-kheo, trong số ấy, nhóm Sa-môn, Bà-la-môn ấy đưa ra kiến giải và nói: "Như Lai sau khi tịch diệt chẳng phải còn hiện hữu, cũng chẳng phải không còn hiện hữu. Đây là sự thật, ngoài ra là hư dối", là vì nhóm Sa-môn, Bà-la-môn ấy đối với thế gian đưa ra kiến giải: "Người ở nơi này mạng chấm dứt rồi, chuyển đến nơi khác mạng cũng chấm dứt". Vì vậy nên họ nói thế này: "Như Lai sau khi tịch diệt chẳng phải còn hiện hữu, cũng chẳng phải không còn hiện hữu. Đây là sự thật, ngoài ra là hư dối".

Bấy giờ Đức Phật bảo chư Tỳ-kheo:

–Chư Tỳ-kheo, Ta nhớ khi xưa, có một Quốc vương tên là Cảnh Diện. Vua Cảnh Diện lúc ấy muốn xem các người mù bẩm sinh để giải trí, liền truyền lệnh cho những người đàn ông mù bẩm sinh khắp trong nước đều phải tập hợp lại. Khi đã tập hợp xong, vua bảo với đám người mù ấy: "Các ông là những người mù bẩm sinh, có ai đã biết hình dáng của voi như thế nào chưa?" Các người mù bẩm sinh đồng thanh đáp: "Tâu Thiên vương, chúng tôi là những người mù bẩm sinh, thật chẳng biết hình dáng thật của voi". Vua lại bảo: "Các ông từ trước đến nay chưa được biết voi, nay đây muốn biết hình dáng của voi không?"

Khi ấy nhóm người mù bẩm sinh lại cùng đáp: "Tâu Thiên vương, chúng tôi thật chưa biết. Xin vua ban ơn để chúng tôi được biết hình dáng của voi".

Vua Cảnh Diện lập tức hạ lệnh gọi một quản tượng, bảo: "Khanh hãy mau đến chuồng voi của ta dắt một con voi đến đây để đứng trước mặt ta, chỉ cho những người mù".

Người quản tượng nhận lệnh của vua rồi liền dắt voi đến đứng trước điện của vua nói với các người mù: "Đây là voi".

Khi ấy những người mù ai cũng lấy tay sờ mó vào voi. Người quản tượng lại nói với các người mù: "Các ông đã sờ voi rồi, phải tâu thật với vua".

Khi đó, trong đám người mù, có người sờ đụng vòi, có người đụng ngà, có người sờ đụng tai, có người sờ đụng vào phần thân của voi như đầu, cổ, lưng, hông, đuôi, chân...

Nhà vua hỏi: "Những người mù bẩm sanh các ông đã biết hình dáng của voi chưa?" Các người mù bẩm sanh đồng đáp: "Tâu Thiên vương, chúng tôi đã biết hình dáng của voi rồi".

Nhà vua liền hỏi: "Các ông, nếu đã biết voi, thì hình tướng của voi như thế nào?"

Khi ấy trong đám người mù, người sờ trúng vòi liền tâu vua: "Tâu Thiên vương, hình dáng voi như cái dây to". Người sờ trúng ngà, tâu: "Tâu Thiên vương, hình dáng voi như cây cọc". Người sờ trúng tai voi, tâu: "Tâu Thiên vương, hình dáng voi như cái sàn". Người sờ trúng đầu voi, tâu: "Tâu Thiên vương, hình dáng voi như cái vò". Người sờ trúng cổ voi, tâu: "Tâu Thiên vương, hình dáng voi như cây đà nhà. Người sờ trúng lưng, tâu: "Tâu Thiên vương, hình dáng voi như sườn nhà". Người sờ trúng hông, tâu: "Tâu Thiên vương, hình dáng voi như tấm phên". Người sờ trúng đùi vế voi, tâu: "Tâu Thiên vương, hình dáng voi như cái cột". Người sờ trúng bàn chân voi, tâu: "Tâu Thiên vương, hình dáng voi như cây cối". Người sờ trúng đuôi voi, tâu: "Tâu Thiên vương, hình dáng voi như cây chổi".

Đám người mù đều tâu: "Tâu Thiên vương, hình dáng voi là như vậy! Hình dáng voi là như vậy!"

Nhà vua bảo đám người mù: "Các ông cũng chẳng biết đấy là voi hay chẳng phải voi, huống là biết được hình dáng của voi".

Lúc ấy đám người mù ai cũng tự cho mình là đúng, cùng tranh cãi nhau, đều lấy tay che mặt, cãi cọ, mắng nhiếc nhau ồn ào. Bọn họ tranh cãi xong rồi, lúc ấy vua Cảnh Diện thấy đám người mù cãi vã nhau như vậy thì vui vẻ cười lớn. Nhà vua liền nói kệ:

Những người mù bẩm sinh không thấy
Đối với việc này cùng nhau cãi
Nếu không có người nói cho biết
Làm sao có thể rõ hình voi.

Chư Tỳ-kheo, sự việc ấy là như vậy. Các Sa-môn, Bà-la-môn hiện có ở thế gian cũng như thế, đã chẳng hề biết như thật về Thánh đế khổ, về nguyên nhân của khổ, về sự diệt trừ khổ, và về con đường tu tập để diệt trừ khổ; đã chẳng thể biết nên họ luôn cùng nhau cãi cọ, tranh chấp, trôi dạt theo sanh tử, nhục mạ nhau; đã phát sanh sự tranh chấp cãi vã, nên tranh luận mãi không thôi, ai nấy đều dùng tay che mặt, giống như người mù kia, cùng nhau gây não loạn. Thế Tôn ở giữa chúng nói kệ:

Nếu chẳng thể biết Thánh đế khổ
Cũng lại chẳng biết nhân khổ tập
Các pháp khổ có trong thế gian
Khổ này diệt hết chẳng còn gì
Ở trong đạo ấy còn chẳng biết
Huống biết thực hành hạnh diệt khổ
Như vậy tâm ấy chưa giải thoát
Chưa đạt được trí tuệ giải thoát
Họ chẳng thể quán rõ chân lý
Chỉ biết hướng đến sanh, lão, tử
Chưa lìa được trói buộc của ma
Đâu đạt được đến chỗ vô hữu.

Chư Tỳ-kheo! Nếu có Sa-môn, Bà-la-môn nào có thể biết như thật về Thánh đế khổ, Thánh đế về nguyên nhân của khổ, về sự diệt trừ khổ, và về con đường tu tập để diệt trừ khổ, ai biết như thật thì nên tùy thuận mà tu học, thì chắc chắn sẽ mãi mãi cùng nhau hòa hợp tu hành, mọi người đều cùng nhau hoan hỷ không tranh luận, cùng hướng về sự học, giống như nước với sữa cùng hòa tan trong nhau, cùng ở một chỗ, thị hiện làm pháp sư để nói Thánh pháp, trụ nơi an lạc. Thế Tôn đối với việc này nói kệ:

Nếu biết được các hữu là khổ
Và nguyên nhân sanh ra các khổ
Đã biết tất cả đều là khổ
Nên nay diệt hết chẳng còn gì.

Nếu biết diệt này là do đạo
Thì liền đạt được chốn diệt khổ
Liền được đầy đủ tâm giải thoát
Và được trí tuệ nơi giải thoát.
Thì đạt được tận cùng các hữu
Như vậy chẳng còn sanh, lão, tử
Vĩnh viễn thoát ràng buộc của ma
Và lìa mọi hữu của nhân thế.

M

Phẩm 6: A-TU-LA 1

Bấy giờ Phật bảo chư Tỳ-kheo:

–Chư Tỳ-kheo, phía Đông của núi chúa Tu-di, cách núi hơn ngàn do-tuần, dưới biển lớn có quốc độ, là trú xứ của vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la, rộng dài tám vạn do-tuần, có bảy lớp tường thành bao bọc; bảy lớp lan can trang trí, cho đến bảy lớp dây chuông bằng vàng bạc trang trí chung quanh. Bên ngoài có bảy lớp hàng cây Đa-la nhiều màu đẹp đẽ, đều là bảy báu hợp thành là vàng, bạc, lưu ly, pha lê, xa cừ, xích châu, mã não. Mỗi bờ tường cao một trăm do-tuần, dày năm mươi do-tuần, bốn mặt bờ tường cứ cách nhau năm trăm do-tuần thì có một cái cửa, cửa ấy đều cao ba mươi do-tuần, rộng mười hai do-tuần. Ở mỗi cửa có các loại lầu gác phòng vệ, vườn cây, ao nước. Trong các vườn cây đều có các loại cây ăn trái. Cây ấy đều có các thứ lá, các thứ hoa, các thứ quả; quả ấy đều có các thứ mùi thơm đặc biệt, lan tỏa rất xa, lại có đủ các giống chim, cùng nhau ca hót, phát ra các loại âm thanh êm dịu.

Chư Tỳ-kheo, trong thành lớn của A-tu-la có cung điện riêng biệt của vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la. Cung ấy tên là Thiết-ma-bà-đế, rộng dài một vạn do-tuần, bảy lớp tường thành đều do bảy lớp báu hợp thành, cao một trăm do-tuần, dày năm mươi do-tuần; ở bốn mặt thành cứ cách năm mươi do-tuần thì có một cửa, mỗi cửa đều cao ba mươi do-tuần, rộng mười hai do-tuần, các cửa ấy cũng có lầu đài phòng vệ, vườn cây, ao nước, ao hoa..., lại có đủ các loại cây ăn quả. Cây ấy đều có các thứ lá, các thứ hoa, các thứ quả, các thứ hương thơm; hương thơm ấy lan tỏa khắp nơi, có các giống chim cùng nhau ca hót, phát ra các thứ âm thanh êm dịu.

Chư Tỳ-kheo, trong thành Thiết-ma-bà-đế, ngay chính giữa là nơi nhóm họp của vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la tên là Thất đầu. Chỗ ấy dài năm trăm do-tuần, bảy lớp lan can trang trí chung quanh, cũng có bảy lớp dây chuông vàng bạc. Bên ngoài chốn ấy, có bảy lớp hàng cây Đa-la nhiều màu đẹp đẽ bao bọc, rất dễ ưa thích, đều là vàng, bạc, pha lê, san hô, hồng ngọc, xa cừ, mã não..., bảy báu tạo

thành. Chốn ấy, bốn mặt đều có cửa, mỗi cửa đều có lầu gác, phòng vệ, cũng đều do bảy báu hợp thành, các màu xen lẫn khiến người thích nhìn. Đất chỗ ấy xanh biếc, lóng lánh, mềm mại, trơn mịn, chạm vào giống như áo Ca-chiên-lân-đề-ca.

Chư Tỳ-kheo, chốn tụ họp Thất đầu của vua A-tu-la ấy ngay ở giữa tự nhiên có một trụ báu cao hai mươi do-tuần, ở dưới trụ báu là bảo tòa dùng để ngồi của vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la cao một do-tuần, vuông vức nửa do-tuần, do bảy báu: xa cừ, mã não... tạo thành, nhiều màu xen lẫn rất dễ ưa thích, mềm mại, trơn mịn, chạm vào giống như áo Ca-chiên-lân-đề-ca. Hai bên tòa ấy, mỗi bên có mười sáu chỗ ngồi của Tiểu a-tu-la; cũng dùng bảy báu tạo thành, đó là vàng, bạc, cho đến mã não nhiều màu dễ xem, mềm mại, trơn mịn, chạm vào giống như áo Ca-chiên-lân-đề-ca.

Chư Tỳ-kheo, chỗ tụ họp Thất đầu của vua A-tu-la kia, phía Đông có cung điện của vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la, chỗ ấy rộng dài một ngàn do-tuần, có bảy lớp bờ tường, bảy lớp lan can, bảy lớp dây chuông, bên ngoài có bảy lớp hàng cây bao bọc, trang trí chung quanh, nhiều màu xen lẫn, rất dễ ưa thích; cũng đều do bảy báu tạo thành, gồm vàng, bạc, lưu ly, pha lê, xích châu, xa cừ, mã não. Ở bốn phía đều có cửa, mỗi cửa đều có lầu đài, phòng vệ, vườn cây, ao nước, ao hoa... Lại có các cây, cây ấy đều có các thứ hoa, các thứ quả, các thứ hương thơm, hương thơm ấy lan tỏa khắp nơi. Có các giống chim cùng nhau ca hót, phát ra các thứ âm thanh êm dịu.

Chư Tỳ-kheo, phía Nam, Tây, Bắc chỗ nhóm họp Thất đầu của vua A-tu-la kia đều có cung điện, là chỗ ở của các tiểu vương A-tu-la. Chỗ ấy rộng dài hoặc chín trăm do-tuần, hoặc tám trăm, bảy trăm, sáu trăm, năm trăm, bốn trăm, ba trăm, hai trăm do-tuần, cái nhỏ nhất còn rộng dài đến một trăm do-tuần, có bảy lớp bờ tường... *cho đến* các loài chim cùng nhau ca hót.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, ở bốn phía nơi tụ họp Thất đầu của A-tu-la kia, lại có cung điện của tất cả A-tu-la nhỏ nhất. Chỗ ấy rộng dài hoặc chín mươi do-tuần, hoặc tám mươi, bảy mươi, sáu mươi, năm mươi, bốn mươi, ba mươi, hai mươi do-tuần, cái nhỏ nhất rộng dài đến mười hai do-tuần, có bảy lớp bờ tường... *cho đến* có các loài

chim cùng nhau ca hót.

Chư Tỳ-kheo, ở phía Đông nơi tụ họp Thất đầu của A-tu-la kia có vườn của vua A-tu-la Tỳ-ma-la-chất-đa-la gọi là rừng Ta-la. Rừng ấy rộng dài một ngàn do-tuần, có bảy lớp bờ tường, bảy lớp lan can, bảy lớp dây chuông đều do mã não..., bảy báu tạo thành. Ở bốn phía đều có cửa, mỗi cửa đều có lầu gác, phòng vệ, nhiều màu dễ xem, cũng do bảy báu tạo thành vàng, bạc,... và mã não.

Chư Tỳ-kheo, phía Nam chỗ nhóm họp Thất đầu của A-tu-la kia lại có vườn của vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la gọi là rừng Xà-ma-lê. Rừng ấy rộng dài cũng một ngàn do-tuần, có bảy lớp bờ tường, bảy lớp lan can, bảy lớp dây chuông đều bằng bảy báu gồm mã não... tạo thành. Ở bốn phía đều có cửa, mỗi cửa đều có lầu gác, nhiều màu dễ xem, cũng đều do bảy báu tạo thành là vàng, bạc, ... và mã não.

Chư Tỳ-kheo, ở phía Bắc chỗ nhóm họp Thất đầu của A-tu-la kia cũng có vườn của A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la gọi là rừng Nan-đà-na. Rừng ấy cũng rộng dài một ngàn do-tuần, có bảy lớp bờ tường, bảy lớp lan can, bảy lớp dây chuông đều do bảy báu: mã não... tạo thành. Ở bốn phía đều có cửa, mỗi cửa đều có lầu gác, phòng vệ, nhiều màu dễ xem... *cho đến* đều do xa cừ, mã não, các vật quý báu tạo thành. Nhưng các cửa này, tuy không có đài gác mà tự có các sự trang nghiêm khác, cũng bằng như những cái ở trước.

Chư Tỳ-kheo, rừng Ta-la và rừng Xà-ma-lê ấy, giữa hai rừng có một ao lớn của vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la tên là Nan-đà. Ao ấy rộng dài năm trăm do-tuần. Nước ao rất mát, trong lặng êm ả, thường chẳng dấy bẩn. Có bảy lớp gạch báu lót xen kẽ bên trong; bảy lớp thềm gỗ, bảy lớp lan can, bảy lớp dây chuông treo rũ chung quanh. Bên ngoài ao có bảy lớp hàng cây Đa-la bao bọc bốn bên, nhiều màu dễ nhìn, đều do bảy báu: mã não... tạo thành. Ở bốn phía đều có tầng cấp nhiều màu xen lẫn, khiến người ưa nhìn, cũng do bảy báu tạo thành. Lại có các thứ hoa mọc khắp trong ao, đó là hoa Ưu-bát-la, hoa Bát-đầu-ma, hoa Câu-mâu-đầu, hoa Bôn-trà-lợi; thứ hình như lửa thì màu lửa, ánh sáng lửa; thứ hình như vàng thì màu vàng, ánh sáng vàng; thứ hình xanh thì màu xanh, ánh sánh xanh; thứ

hình đỏ thì màu đỏ, ánh sáng đỏ; thứ hình trắng thì màu trắng, ánh sáng trắng; thứ hình lục thì màu lục, ánh sáng lục tròn như bánh xe. Ánh sáng của hoa ấy chiếu một do-tuần, mùi thơm lan tỏa cũng một do-tuần. Trong ao lại xuất hiện vô lượng ngó sen lớn như bánh xe, cắt ra nhựa chảy màu trắng như sữa, vị nó ngon ngọt, giống như mật thượng hạng.

Chư Tỳ-kheo, giữa hai khu rừng Câu-tỳ-đà-la và Nan-đà-na có một cội đại thọ của vua A-tu-la Tỳ-đa-chất-đa-la tên là Tô-chất-đát-la-ba-tra-la, gốc to cả bảy do-tuần, rễ ăn sâu xuống đất hai mươi mốt do-tuần; thân phía trên cao một trăm do-tuần, cành lá che khuất năm trăm do-tuần.

Chu vi khu vực ấy năm trăm do-tuần, bên ngoài cũng có bảy lớp bờ tường... *cho đến* bao bọc chung quanh, nhiều màu dễ xem và do bảy báu: xa cừ, mã não... tạo thành. Ở bốn phía cũng có cửa, đều do bảy báu tạo thành. Mỗi cửa cũng có lầu gác phòng vệ... *cho đến* các loài chim cùng nhau ca hót...

❑

KINH KHỞI THẾ

QUYỂN VI

Phẩm 6: A-TU-LA 2

Chư Tỳ-kheo, chỗ nhóm họp Thất đầu của A-tu-la kia có hai con đường thông hành để nhà vua qua lại dạo chơi. Chỗ của vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la có hai con đường cũng giống như vậy. Chỗ cung điện của các vua Tiểu a-tu-la cũng có hai con đường; chỗ ở của các Tiểu a-tu-la cũng có hai con đường; khu vườn Ta-la cũng có hai con đường; khu vườn Xà-ma-lê cũng có hai con đường; khu vườn Cu-tỳ-đà-la cũng có hai con đường; khu vườn Nan-đà-na cũng có hai con đường; dưới đại thọ Tô-chất-đát-la-ba-tra-la cũng có hai con đường, tất cả đều như trước, cùng với chỗ nhóm họp Thất đầu qua lại thông nhau.

Chư Tỳ-kheo, nếu vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la muốn đến khu vườn Ta-la kia và các khu vườn Xà-ma-lê, Cu-tỳ-đà-la, Nan-đà-na... để tắm rửa vui chơi, du hành thỏa thích thì bấy giờ vua liền nghĩ đến các vua Tiểu a-tu-la, nghĩ đến các chúng Tiểu a-tu-la. Khi ấy các vua Tiểu a-tu-la và các Tiểu a-tu-la cũng nghĩ thế này: "Vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la đã nghĩ đến chúng ta". Biết như vậy rồi, họ liền dùng các loại chuỗi báu trang sức nơi thân. Trang sức xong, họ liền cưỡi các loại xe cùng đến ngoài cửa cung của vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la. Đến nơi, họ xuống xe đi tới trước cung điện vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la, đứng đợi.

Bấy giờ vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la thấy các vua Tiểu a-tu-la và các chúng Tiểu a-tu-la đó đến trước cung điện, cũng liền tự dùng các thứ chuỗi báu trang sức nơi thân. Trang sức xong, vua liền lên xe. Khi ấy các vua Tiểu a-tu-la và các chúng Tiểu a-tu-la hộ vệ hai bên,

vây bọc chung quanh, lớp trước lớp sau cùng nhau đi đến khu vườn Ta-la, khu vườn Xà-ma-lê, khu vườn Cu-tỳ-đà-la, khu vườn Nan-đà-na. Đến nơi ấy rồi, họ dừng lại trước khu vườn Nan-đà, xuống xe nghỉ ngơi.

Chư Tỳ-kheo, trong vườn Nan-đà có ba luồng gió tự nhiên thổi đến để tạo nên vẻ trang nghiêm cho vườn ấy. Những gì là ba? Đó là khai, tịnh và xuy. Thế nào là khai? Có luồng gió thổi đến mở các cánh cửa của khu vườn, đó là khai. Thế nào là tịnh? Có luồng gió thổi đến quét khu vườn, làm cho đất sạch sẽ, đó là tịch. Thế nào là xuy? Có luồng gió thổi đến làm chuyển động toàn khu vườn, các hoa trên cây rơi vãi khắp nơi, gọi đó là xuy.

Chư Tỳ-kheo, trong vườn Nan-đà gió thổi rơi các loại hoa tuyệt đẹp, ngập đến đầu gối, có các mùi hương, hương thơm ngào ngạt xông khắp khu vườn. Ngay lúc ấy, vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la cùng các vua Tiểu a-tu-la vây chung quanh cùng đi vào vườn Nan-đà tùy ý tắm rửa, ngắm xem, vui chơi. Các A-tu-la ở trong vườn ấy hoặc một tháng, hoặc hai tháng hoặc ba tháng, tắm rửa, dạo chơi, tùy theo ý thích dừng lại đây, mặc tình hưởng mọi vui thích.

Chư Tỳ-kheo, có năm A-tu-la luôn luôn ở bên vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la để phòng giữ những việc chẳng lành. Những ai là năm? Vị thứ nhất tên là Tùy Hỷ, vị thứ hai tên là Thường Hữu, vị thứ ba tên là Thường Túy, vị thứ tư tên là Mâu-chơn-lân-đà, vị thứ năm tên là Tỳ-kha-đa-la.

Chư Tỳ-kheo, vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la có năm vị A-tu-la như vậy, luôn luôn ở bên để giữ gìn, bảo vệ.

Chư Tỳ-kheo, trên cung điện của vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la kia có nước của biển lớn sâu một vạn do-tuần, trụ ở trên đó. Nhưng khối nước kia có bốn luồng gió tự nhiên giữ lại. Những gì là bốn? Một gọi là trụ, hai gọi là an trụ, ba gọi là bất đọa, bốn gọi là lao cố. Do gió ấy giữ nên nước thường trụ, chẳng động.

Chư Tỳ-kheo, phía Nam núi chúa Tu-di hơn một ngàn do-tuần, dưới biển lớn có trú xứ là cung điện của vua A-tu-la Dũng Dược. Chỗ ấy dài rộng tám vạn do-tuần, có bảy lớp tường thành... giống như trú xứ của vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la. Tất cả những cái có tại nơi đây cũng giống như đã nói ở trước, các ông nên biết, cho đến trên cung điện của vua này có một khối nước lớn, cũng được bốn thứ gió giữ gìn, đó là trụ, an trụ, bất đọa và lao cố.

Chư Tỳ-kheo, phía Tây núi chúa Tu-di cũng cách một ngàn do-tuần, dưới nước biển lớn có cung điện của vua A-tu-la Xà-ba-la, chỗ ấy dài rộng tám vạn do-tuần, có bảy lớp tường thành... cũng như trụ xứ của vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la. Tất cả những cái có tại nơi đây cũng giống như đã nói ở trước, các vị nên biết, cho đến trên cung điện của vua này cũng có một khối nước, cũng được bốn thứ gió giữ gìn, đó là trụ, an trụ, bất đọa và lao cố.

Chư Tỳ-kheo, phía Bắc núi chúa Tu-di cũng cách một ngàn do-tuần, dưới nước biển lớn có cung điện của vua A-tu-la La-hầu-la, chỗ ấy dài rộng tám vạn do-tuần, có bảy lớp tướng thành... các cửa có lầu đài phòng vệ, vườn cảnh, ao hoa, cho đến các loại cây, các loại cá, các loại hoa, các loại quả, các loại hương xông, có các giống chim cùng nhau ca hót như đã nói ở trên.

Chư Tỳ-kheo, ở trong thành ấy, có thành là nơi ở của vua A-tu-la La-hầu-la, thành tên là Ma-bà-đế, dài rộng, trang nghiêm, cũng giống như trước đã nói, có bảy lớp tường thành, bảy lớp lan can, bên ngoài là bảy lớp hàng cây Đa-la, bảy lớp dây chuông bao bọc, nhiều màu đẹp đẽ, đều là xa cừ, mã não... bảy báu tạo thành. Tường thành này dài rộng cao thấp cũng như đã nói ở trên. Bốn mặt thành cũng có các cửa, mỗi cửa cao thấp, dài rộng cũng giống như trước. Ở mỗi cửa ấy đều có lầu cao phòng vệ, đài gác, vườn hoa, các ao và các ao hoa... cũng có các cây, cây ấy có các thứ lá, các thứ hoa, các thứ quả, các thứ hương xông, cũng có đủ các giống chim cùng nhau ca hót.

Chư Tỳ-kheo, thành Ma-bà-đế, chỗ vua ở, có chỗ nhóm họp của vua A-tu-la La-hầu-la, cũng gọi là Thất đầu, chỗ ấy dài rộng như trước đã nói, bảy lớp lan can, dây chuông và hàng cây Đa-la bao bọc chung quanh, nhiều màu đẹp đẽ, *cho đến*... cũng được trang nghiêm bằng bảy báu: xa cừ, mã não... dùng xa cừ trời trải khắp mặt đất, mềm mại mịn trơn, chạm vào giống như áo Ca-chiên-lân-đề. Ở ngay chính giữa có một trụ báu cao thấp, dài rộng như trước đã nói. Ở dưới trụ ấy là nơi đặt một tòa cao cho vua A-tu-la La-hầu-la, sự cao thấp, dài rộng, trang trí của tòa ấy, tất cả đều như trước, nhiều màu đẹp đẽ do bảy báu tạo thành là xa cừ, mã não... mềm mại, mịn trơn, chạm vào giống như áo Ca-chiên-lân-đề. Bên trái của tòa ấy cũng là nơi đặt riêng các tòa cao tuyệt đẹp cho mười sáu Tiểu a-tu-la, do bảy báu tạo thành, nhiều màu đẹp đẽ; bên phải cũng đặt các tòa cao cho mười sáu vua Tiểu a-tu-la, như trước đã nói, mềm mại, mịn trơn, chạm vào như áo Ca-chiên-lân-

đề.

Chư Tỳ-kheo, phía Đông chỗ hội họp Thất đầu của vua A-tu-la kia là cung điện riêng biệt của vua A-tu-la La-hầu-la, bề dài rộng của nơi ấy tất cả đều như trước; có bảy lớp bờ tường, bảy lớp lan can, bảy lớp dây chuông, cho đến bảy lớp hàng cây Đa-la bao bọc chung quanh, nhiều màu đẹp đẽ... *cho đến* xa cừ, mã não... bảy lớp tạo thành. Ở bốn phía đều có các cửa, mỗi cửa ấy đều có lầu cao phòng ngự, đài gác, vườn cảnh, các hào, hoa, suối, ao; có các loại cây, cây ấy đều có các thứ lá, các thứ hoa, các thứ quả, các thứ hương xông thơm, lại có các giống chim lạ cùng nhau ca hót, âm thanh êm dịu thanh thoát.

Chư Tỳ-kheo, phía Tây, Nam, Bắc chỗ hội họp Thất đầu của vua A-tu-la kia đều có trú xứ là cung điện của các vua Tiểu a-tu-la. Các cung điện, hoặc có cái dài rộng chín trăm do-tuần, hoặc có cái tám trăm, hoặc có cái bảy trăm, cho đến sáu trăm, năm trăm, bốn trăm, ba trăm, hai trăm, cái nhỏ nhất là một trăm do-tuần. Tất cả đều có bảy lớp bờ tường, bảy lớp lan can... *cho đến* các loài chim cùng nhau ca hót.

Chư Tỳ-kheo, chỗ hội họp Thất đầu của vua A-tu-la kia, bốn mặt lại có trú xứ là cung điện của chúng Tiểu a-tu-la. Nơi ấy dài rộng hoặc chín mươi do-tuần, hoặc tám mươi, bảy mươi, sáu mươi, năm mươi, bốn mươi, ba mươi, hai mươi do-tuần, cái nhỏ nhất cũng còn rộng dài mười hai do-tuần, có bảy lớp bờ tường... *cho đến* đủ các giống chim cùng nhau ca hót.

Chư Tỳ-kheo, phía Đông chỗ hội họp Thất đầu của vua A-tu-la kia lại có vườn cảnh của vua A-tu-la La-hầu-la tên là rừng Ta-la. Rừng ấy dài rộng, tất cả đều như trước... có bảy lớp bờ tường, bảy lớp lan can, cho đến mã não... bảy lớp tạo thành. Ở bốn phía đều có các cửa, mỗi cửa ấy đều có lầu gác nhiều màu đẹp đẽ... *cho đến* cũng do bảy báu: xa cừ, mã não... tạo thành, rất dễ ưa thích.

Chư Tỳ-kheo, phía Nam chỗ hội họp Thất đầu của vua A-tu-la kia cũng có vườn cảnh của vua A-tu-la La-hầu-la tên là rừng Xà-ma-lê, dài rộng trang nghiêm đều như trước đã nói, có bảy lớp bờ tường cho đến bảy lớp hàng cây Đa-la, nhiều màu đẹp đẽ, cũng đều do bảy báu tạo thành là xa cừ, mã não... Ở bốn phía đều có các cửa, mỗi cửa đều có lầu gác, cũng do mã não... bảy báu tạo thành.

Chư Tỳ-kheo, phía Tây chỗ hội họp Thất đầu của vua A-tu-la kia cũng có vườn cảnh của vua A-tu-la La-hầu-la tên la rừng Cu-tỳ-đà-la dài rộng tất cả đều như trước đã nói, có bảy lớp bờ tường *cho đến* mã

não... tạo thành. Ở bốn phía đều có các cửa, tất cả cửa ấy đều có lầu gác, nhiều màu dễ xem, *cho đến* cũng đều là xa cừ, mã não... bảy báu tạo thành, rất dễ ưa thích.

Chư Tỳ-kheo, phía Bắc chỗ hội họp Thất đầu của vua A-tu-la kia có vườn cảnh của vua A-tu-la La-hầu-la, tên là rừng Nan-đà-na. Rừng ấy dài rộng như trước đã nói, có bảy lớp bờ tường... *cho đến* mã não... bảy báu tạo thành. Ở bốn phía đều có các cửa, tất cả cửa ấy cũng đều có lầu gác, các thứ trang trí, nhiều màu đẹp đẽ, *cho đến* xa cừ, mã não... bảy báu trang nghiêm, rất dễ ưa thích.

Chư Tỳ-kheo, khoảng giữa hai khu rừng Xà-ma-lê và Tu-la của vua A-tu-la La-hầu-la xuất hiện một ao nước tên là Nan-đà, ao ấy dài rộng như trước đã nói, nước ao trong mát mẻ, êm ả thơm ngọt, sạch sẽ không cáu bẩn, dùng bảy thứ gạch báu, bảy lớp bờ lũy, bảy lớp ván báu trang trí xen lẫn; có bảy lớp lan can, bảy lớp dây chuông, cũng có bảy lớp hàng cây Đa-la bao bọc chung quanh, nhiều màu đẹp đẽ *cho đến* do mã não... bảy báu tạo thành. Ở bốn phía ao, đều có bờ thềm rất dễ ưa thích cũng đều được trang trí bằng bảy báu. Trong ao có các thứ hoa, đó là hoa Ưu-bát-la, hoa Bát-đầu-ma, hoa Câu-mâu-đầu, hoa Bôn-trà-lợi. Hoa ấy thân hồng, sắc hồng, ánh sáng hồng... *như trước, cho đến* thân xanh, sắc xanh, ánh sáng xanh tỏa sáng bốn phương, hương xông ngào ngạt lan tỏa khắp nơi. Lại có cây sen, nhựa trắng vị ngọt, ăn vào thơm phức, giống như mật thượng hạng.

Chư Tỳ-kheo, khoảng giữa hai khu vườn Cu-tỳ-đà-la và Nan-đà-la vì vua A-tu-la La-hầu-la xuất hiện một đại thọ. Cây ấy cũng tên là Tô-chất-đát-la-ba-tra-la, độ cao to của thân cây, các thứ trang nghiêm... *như trước đã nói, cho đến* bảy lớp bờ tường, bảy lớp lan can đều là xa cừ, mã não... bảy báu tạo thành, rất dễ ưa thích... *cho đến*... đủ các giống chim cùng nhau ca hót, âm thanh êm dịu thanh thoát, khiến người nghe hoan hỷ.

Chư Tỳ-kheo, chỗ hội họp Thất đầu của vua A-tu-la kia tất cả đều trang nghiêm như trước đã nói, cũng có đường đi, tới lui bằng đường tắt để vua A-tu-la La-hầu-la đi đến cung điện. Lại cũng có một con đường cho các vua Tiểu a-tu-la và các chúng Tiểu a-tu-la qua lại hướng đến Xà-ma-lê và Cu-tỳ-đà-la, cũng có một con đường hướng đến ao Nan-đà-na và Nan-đà. Cây Tô-chất-đát-la-ba-tra-la đều có đường giao thông qua lại, vui chơi thỏa thích.

Chư Tỳ-kheo, vua A-tu-la La-hầu-la, nếu muốn đi đến rừng Ta-la

và rừng Nan-đà-na để tắm rửa dạo chơi, thì khi ấy xem xét tất cả, rồi nghĩ đến vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la. Lúc ấy vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la liền nghĩ: "Vua A-tu-la La-hầu-la có lòng nghĩ đến ta, muốn cùng ta vui chơi". Vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la nghĩ như thế rồi lại tự nghĩ đến các vua Tiểu a-tu-la và các chúng Tiểu a-tu-la của mình. Cùng lúc các vua Tiểu a-tu-la và các chúng Tiểu a-tu-la đều nghĩ: "Vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la rũ lòng thương nghĩ đến chúng ta, chúng ta nên đi", liền dùng các thứ chuỗi báu trang nghiêm nơi thân rồi đều cưỡi xe cùng đi đến chỗ vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la. Khi đã đến cửa cung tất cả đều đứng ngay hàng. Lúc ấy vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la thấy các vua Tiểu a-tu-la và các chúng Tiểu a-tu-la đều đã tụ hội, liền tự trang nghiêm nơi thân mình, đeo các chuỗi Anh lạc, cưỡi các thứ xe được các tiểu vương và các chúng A-tu-la hộ vệ hai bên, vây quanh sau trước đi đến chỗ vua A-tu-la La-hầu-la, đến rồi dừng lại. Bấy giờ vua A-tu-la La-hầu-la lại nghĩ đến hai vua A-tu-la là Dũng Dược và Xà-bà-la. Khi đó hai vua A-tu-la Dũng Dược và Xà-bà-la cũng nghĩ: "Vua A-tu-la La-hầu-la nay đã nghĩ đến chúng ta". Đã biết như vậy rồi hai vua liền nghĩ đến các vua Tiểu a-tu-la và các chúng Tiểu a-tu-la của họ. Khi hai vua nghĩ như vậy, thì các vua Tiểu a-tu-la và chúng Tiểu a-tu-la kia đều trang sức, tụ họp kéo đến chỗ hai đại vương Dũng Dược và Xà-bà-la. Đến rồi thì cũng lại trang nghiêm như thế bằng chuỗi Anh lạc, cưỡi xe, sau trước vây quanh dẫn nhau hướng đến trụ xứ của vua A-tu-la La-hầu-la, đến nơi ai nấy đều theo vị trí đứng về một bên. Bấy giờ vua A-tu-la La-hầu-la thấy vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la ... đều đã vân tập, liền nghĩ đến các vua Tiểu a-tu-la và các chúng Tiểu a-tu-la của mình. Họ biết rồi, cũng đều trang sức, cưỡi xe đi đến, tới trước chỗ vua A-tu-la La-hầu-la thì dừng lại, trang nghiêm chỉnh tề. Khi ấy vua A-tu-la La-hầu-la thấy họ tụ họp đông đủ rồi, liền mang các loại chuỗi Anh lạc báu tuyệt đẹp, trang nghiêm nơi thân, cưỡi các thứ xe, trước sau vây quanh, cùng với vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la, vua A-tu-la Dũng Dược, vua A-tu-la Xà-bà-la và các tiểu vương, chúng A-tu-la tất cả cùng vân tập, trước sau nối nhau kéo đến rừng Ta-la, rừng Xà-ma-lê, rừng Cu-tỳ-đà-la, rừng Nan-đà-na... đến rồi, chẳng mấy chốc đứng dồn lại. Chư Tỳ-kheo, trong vườn Nan-đà, tự nhiên có ba luồng gió. Những gì là ba? Đó là khai, tịnh và xuy. Trong ấy, có luồng gió thổi đến mở các cửa nơi khu vườn, nên gọi là khai. Có luồng gió thổi đến quét dọn đất vườn làm cho sạch sẽ, nên gọi là tịnh. Có luồng gió thổi đến rung chuyển các cây hoa

làm cho hoa bay khắp, nên gọi là xuy. Chư Tỳ-kheo, trong vườn Nan-đà, loại hoa tuyệt đẹp tung rơi khắp trên mặt đất, ngập tận đầu gối, hương thơm của các loài hoa ấy lan tỏa khắp vườn. Vườn ấy đủ các thứ trang nghiêm, thứ nào cũng dễ ưa.

Bấy giờ vua A-tu-la La-hầu-la và vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la, vua A-tu-la Dũng Dược, vua A-tu-la Xà-ba-la... cùng với các tiểu vương, đông đảo quyến thuộc Tiểu a-tu-la... lần lượt vào vườn Nan-đà-na. Vào rồi, tắm rửa, vui chơi, ngắm nhìn đủ các thứ; hoặc đi, hoặc đứng, hoặc nằm, hoặc ngồi, tùy theo ý muốn, dạo chơi thỏa thích. Chư Tỳ-kheo, vua A-tu-la La-hầu-la cũng có năm vị A-tu-la thường theo hộ vệ, phòng các việc chẳng lành, tên năm vị A-tu-la ấy như đã nói trước. Nước biển trên cung dài rộng, sâu cạn, với bốn thứ gió giữ gìn, khiến nước không chảy đi... đều như trước đã nói.

M

Phẩm 7: TỨ THIÊN VƯƠNG

Chư Tỳ-kheo, lưng chừng phía Đông núi chúa Tu-di có ngọn núi tên là Do-càn-đà; đỉnh núi cách đất bốn vạn hai ngàn do-tuần. Trên đỉnh núi ấy có trụ xứ là thành quách của Thiên vương Đề-đầu-lại-tra. Thành ấy tên là Hiền thượng, dài rộng bằng phẳng sáu trăm do-tuần, có bảy lớp bờ tường, bảy lớp lan can, bảy lớp dây chuông, lại có bảy lớp hàng cây Đa-la bao bọc chung quanh, nhiều màu đẹp đẽ, đều dùng bảy báu để trang trí, đó là vàng, bạc, lưu ly, xa cừ, xích châu, mã não... tạo thành. Ở bốn phía đều có các cửa, mỗi cửa đều có lầu cao phòng vệ, đài gác, vườn cảnh, ao hồ, có các vườn hoa, các thứ cây lạ, cây ấy có các thứ lá, các thứ hoa, các thứ quả, các thứ hương, hương ấy lan khắp, có các giống chim cùng nhau ca hót, âm thanh dịu dàng, thanh thoát, rất dễ say mê.

Chư Tỳ-kheo, lưng chừng phía Nam núi chúa Tu-di, cách mặt đất bốn vạn hai ngàn do-tuần, ở trên đỉnh núi Do-càn-đà có trú xứ là thành quách của Thiên vương Tỳ-lâu-lặc-ca, tên thành là Thiện hiện, dài rộng trang nghiêm giống như trú xứ của Thiên vương Đề-đầu-lại-tra đã nói ở trước, cho đến đủ các giống chim cùng nhau ca hót, âm thanh êm dịu thánh thót, rất dễ say mê.

Chư Tỳ-kheo, lưng chừng phía Tây núi chúa Tu-di, cách mặt đất bốn vạn hai ngàn do-tuần, trên đỉnh núi Do-càn-đà có trú xứ là thành quách của Thiên vương Tỳ-lâu-bác-xoa, tên thành là Thiện quán, rộng dài trang nghiêm, tất cả đều giống như trú xứ của Thiên vương Đề-đầu-lại-tra đã nói, cho đến các giống chim cùng nhau ca hót, âm thanh êm dịu thánh thót, rất dễ say mê.

Chư Tỳ-kheo, lưng chừng phía Bắc núi chúa Tu-di, cách mặt đất cũng bốn vạn hai ngàn do-tuần, trên đỉnh núi Do-càn-đà, là chỗ ở của Thiên vương Tỳ-sa-môn, có ba thành quách lớn. Một tên là Tỳ-xá-la-bà, hai tên là Già-bà-bát-đế, ba tên là A-trà-bàn-đa, cả ba đều dài rộng sáu trăm do-tuần, có bảy lớp bờ thành, bảy lớp lan can... *cho đến* các giống chim cùng nhau ca hót.

Chư Tỳ-kheo, chỉ trừ cung điện của Nguyệt thiên tử, bảy cung điện lớn của Nhật thiên tử, còn các cung điện trong đó, có cái dài rộng bằng phẳng bốn mươi do-tuần, có cái ba mươi, có cái hai mươi, cho đến có cái mười hai do-tuần, cái nhỏ nhất cũng dài rộng tới sáu do-tuần,

chỗ ở cũng có bảy lớp bờ thành, bảy lớp lan can... như trước, cho đến các giống chim cùng nhau ca hót.

Chư Tỳ-kheo, khoảng giữa hai cung điện của Tỳ-xá-la-bà và Già-bà-bát-đế, xuất hiện một cái ao cho Thiên vương Tỳ-sa-môn, tên là Na-trĩ-ni, dài rộng bằng phẳng bốn mươi do-tuần, nước ao điều hòa, trong mát êm ả, vị nước ngon ngọt, thơm sạch không bẩn, bốn phía bờ ao có bảy lớp bậc thềm gạch, bảy lớp gỗ báu xen lẫn phân minh, có bảy lớp lan can, bảy lớp dây chuông, cũng có bảy lớp hàng cây Đa-la bao bọc chung quanh, nhiều màu đẹp đẽ..., cho đến xa cừ, mã não... bảy báu tạo thành. Ở bốn phía đều có đường cấp, cũng dùng bảy báu trang nghiêm. Trong ao có nhiều loại hoa như hoa Ưu-bát-la, hoa Bát-đầu-ma, hoa Câu-mâu-đầu, hoa Bôn-trà-lợi... tự nhiên mọc lên. Hoa hình lửa thì màu lửa, ánh sáng lửa, cho đến hình nước thì có màu nước, ánh sáng nước. Hoa lớn hay nhỏ đều như bánh xe, ánh sáng tỏa chiếu đến nửa do-tuần, mùi thơm lan tỏa khắp một do-tuần. Có các ngó sen lớn như trục xe, cắt ra, nhựa chảy màu trắng như sữa, uống vào ngon ngọt, vị như mật hảo hạng.

Chư Tỳ-kheo, khoảng giữa hai cung điện Già-bà-bát-đế và A-trà-bàn-đa có thiết lập một cảnh vườn cho Thiên vương Tỳ-sa-môn, vườn ấy tên là Ca-tỳ-diên-đa, dài rộng bằng phẳng bốn mươi do-tuần, có bảy lớp bờ tường, bảy lớp lan can, cho đến bảy lớp hàng cây Đa-la bao bọc chung quanh, nhiều màu đẹp đẽ... *như trước... cho đến* bảy báu tạo thành.

Chư Tỳ-kheo, nơi trú xứ Hiền thượng của Thiên vương Đề-đầu-lại-tra, sự qua lại giữa các thành quách có hai con đường. Nơi trú xứ Thiện hiện của Thiên vương Tỳ-lâu-lặc-ca, sự qua lại giữa các thành quách cũng có hai con đường. Nơi trú xứ Thiện quán của Thiên vương Tỳ-lâu-bác-xoa, sự qua lại giữa các thành quách cũng có hai con đường. Nơi trú xứ là các thành quách A-trà-bàn-đa, Tỳ-xá-la-bà và Già-bà-bát-đế của Thiên vương Tỳ-sa-môn cũng đều có hai con đường. Nơi trú xứ là cung điện của các chúng tiểu thiên và quyến thuộc của trời Tứ thiên vương, sự qua lại cũng có hai con đường. Sự qua lại giữa ao Na-trĩ-ni và vườn Ca-tỳ-diên-đa... cũng có hai con đường.

Chư Tỳ-kheo, Thiên vương Tỳ-sa-môn nếu muốn đi vào trong vườn Ca-tỳ-diên-đa vui chơi, tắm rửa thì lúc ấy liền nghĩ đến thiên vương Đề-đầu-lại-tra, vị này liền phát sanh ý nghĩ: "Thiên vương Tỳ-sa-môn đã nghĩ đến ta". Biết như vậy rồi, vị ấy liền nghĩ đến phạm vi

sở thuộc của mình là chư Tiểu thiên vương và Tiểu Thiên chúng. Khi ấy các vua quyến thuộc và Thiên chúng ở phương Đông đều nghĩ: "Thiên vương Đề-đầu-lại-tra đã nghĩ đến chúng ta". Biết như vậy rồi, tất cả đều trang sức nơi thân, mang các chuỗi Anh lạc, cưỡi các thứ xe, lên xe đi đến chỗ Đại thiên vương Đề-đầu-lại-tra. Đến nơi thì dừng lại một bên ở trước. Lúc ấy, Thiên vương Đề-đầu-lại-tra cũng tự trang sức nơi thân mình, mang các chuỗi báu, cưỡi các thứ xe cùng các tiểu vương, Thiên chúng quyến thuộc vây quanh sau trước, cùng nhau đi đến chỗ Đại thiên vương Tỳ-sa-môn. Đến rồi, dừng lại một bên ở trước.

Bấy giờ Thiên vương Tỳ-sa-môn lại nghĩ đến hai vị Đại thiên vương là Tỳ-lâu-lặc-ca và Tỳ-lâu-bác-xoa. Cùng lúc hai vị vương kia cũng nghĩ: "Thiên vương Tỳ-sa-môn đã nghĩ đến chúng ta". Biết như vậy rồi, họ liền nghĩ đến các Tiểu thiên vương và các Thiên chúng dưới quyền thống lãnh của mình. Khi ấy các tiểu vương và các Thiên chúng cũng đều nghĩ là Đại thiên vương đã nghĩ đến chúng ta, chúng ta phải kịp thời đến nhanh. Biết như vậy rồi, họ liền dùng chuỗi báu trang sức nơi thân, cùng đi đến chỗ hai vị đại vương Tỳ-lâu-lặc-ca và Tỳ-lâu-bác-xoa. Lúc ấy hai vị Thiên vương biết các tiểu vương và Thiên chúng đều đã tụ hội, cũng tự trang sức nơi thân, đeo các thứ chuỗi Anh lạc, cưỡi các thứ xe đến trước cùng chúng vây quanh, cùng nhau đi đến chỗ Đại thiên vương Tỳ-sa-môn. Đến nơi rồi, theo chỗ thích hợp mà dừng lại phía trước.

Lúc đó Đại thiên vương Tỳ-sa-môn thấy hai vị Thiên vương và Thiên chúng của họ đều đã tụ hội, cũng tự nghĩ đến các tiểu vương và Thiên chúng dưới sự thống lãnh của mình. Lúc ấy các Tiểu thiên vương và Thiên chúng của họ ở phía Bắc liền nghĩ: "Đại thiên vương Tỳ-sa-môn nay đã nghĩ đến chúng ta". Biết như vậy rồi, tất cả đều mang các thứ chuỗi báu Anh lạc trang sức nơi thân, cùng nhau đi đến trước chỗ Đại thiên vương Tỳ-sa-môn, đứng im lặng.

Bấy giờ Đại thiên vương Tỳ-sa-môn cũng liền đeo các thứ chuỗi báu, trang nghiêm nơi thân rồi cưỡi các loại xe, cùng với các Đại thiên vương Đề-đầu-lại-tra, Tỳ-lâu-lặc-ca, Tỳ-lâu-bác-xoa... bốn vị Thiên vương, mỗi vị đều dẫn theo các Thiên vương, Thiên chúng sở thuộc vây quanh sau trước, cùng đi đến vườn cảnh Ca-tỳ-diên-đa. Đến rồi, tạm thời dừng lại ở trước cửa vườn. Chư Tỳ-kheo, trong vườn Ca-tỳ-diên-đa ấy, tự nhiên có ba luồng gió, đó là khai, tịnh và xuy. Khai là mở cửa vườn ấy,

khiến hoa tung bay; tịnh là làm sạch đất vườn ấy; xuy là thổi cây vườn ấy. Chư Tỳ-kheo, trong vườn Ca-tỳ-diên-đa, hoa rơi xuống ngập tới đầu gối, các thứ hương thơm lan tỏa khắp nơi.

Lúc ấy Đại thiên vương Tỳ-sa-môn, Thiên vương Đề-đầu-lại-tra, Thiên vương Tỳ-lâu-lặc-ca, Thiên vương Tỳ-lâu-bác-xoa... cùng các tiểu vương và các quyến thuộc vây quanh, cùng đi vào trong vườn Ca-tỳ-diên-đa tắm rửa, vui chơi tùy ý thỏa thích. Họ ở trong vườn ấy tắm rửa rồi, hoặc một tháng, hai tháng, ba tháng vui chơi tùy theo ý muốn, dạo chơi khắp chốn. Chư Tỳ-kheo, vua Tỳ-sa-môn có năm vị Dạ-xoa luôn luôn đi theo hộ vệ hai bên: vị thứ nhất tên là Ngũ Trượng, vị thứ hai tên là Khoáng Dã, vị thứ ba tên là Kim Sơn, vị thứ tư tên là Trường Thân, vị thứ năm tên là Châm Mao. Chư Tỳ-kheo, Thiên vương Tỳ-sa-môn khi qua lại dạo chơi thường được năm vị thần Dạ-xoa này hộ vệ.

M

Phẩm 8: TAM THẬP TAM THIÊN 1

Chư Tỳ-kheo, trên đỉnh núi chúa Tu-di có trú xứ là cung điện của trời Ba mươi ba. Nơi ấy dài rộng tám vạn do-tuần, có bảy lớp bờ tường, bảy lớp lan can, bảy lớp dây chuông, bên ngoài có bảy lớp hàng cây Đa-la bao bọc chung quanh, nhiều màu đẹp đẽ do bảy báu tạo thành, đó là vàng, bạc, lưu ly, pha lê, xích châu, xa cừ, mã não... Thành ấy cao bốn trăm do-tuần, dày năm mươi do-tuần, bốn mặt bờ tường cách nhau năm trăm do-tuần, ở khoảng giữa mở một cái cửa. Mỗi cửa của thành đều cao ba mươi do-tuần, rộng mười do-tuần. Hai bên cửa đều có lầu cao phòng vệ, đài gác, mái hiên, xe cộ, lại có ao, hoa, rừng, cây ăn quả; cây ấy có các thứ lá, các thứ hoa, các thứ quả, các thứ hương, mùi hương tỏa khắp, có các giống chim cùng nhau ca hót, âm thanh êm dịu thánh thót rất dễ say mê. Ở mỗi cửa ấy đều có năm trăm Dạ-xoa đêm ngày bảo vệ cho trời Ba mươi ba. Chư Tỳ-kheo, ở trong thành ấy, lại lập một thành cho trời Ba mươi ba gọi là Thiện kiến, thành ấy dài rộng sáu vạn do-tuần, có bảy lớp bờ tường, bảy lớp lan can, bảy lớp dây chuông, bên ngoài có bảy lớp hàng cây Đa-la bao bọc chung quanh, nhiều màu đẹp đẽ, cũng dùng bảy báu tạo thành, đó là vàng, bạc cho đến mã não... Thành ấy cũng cao bốn trăm do-tuần, dày năm mươi do-tuần. Bốn mặt thành cũng cách nhau năm trăm do-tuần; ở khoảng giữa mở một cái cửa. Các cửa cũng cao ba mươi do-tuần, rộng mười do-tuần. Ở mỗi cửa cũng đều có lầu cao phòng vệ, đài gác, ao nước, hoa, rừng, các loài cây lạ; cây ấy đều có các thứ lá, các thư hoa, các thứ quả, các thứ hương, mùi hương tỏa khắp, có các giống chim cùng nhau ca hót. Các cửa như vậy, mỗi cửa đều có năm trăm Dạ-xoa ngày đêm bảo vệ cho trời Ba mươi ba.

Chư Tỳ-kheo, bên cạnh thành Thiện kiến của trời Ba mươi ba có kiến tạo một cung điện cho Đại long tượng vương Y-la-bát-na. Cung ấy dài rộng sáu trăm do-tuần, có bảy lớp bờ tường, bảy lớp lan can... *cho đến* các giống chim cùng nhau ca hót.

Chư Tỳ-kheo, trong thành Thiện kiến, có chỗ nhóm họp của trời Ba mươi ba gọi là Thiện pháp đường. Chỗ ấy dài rộng năm trăm do-tuần, có bảy lớp lan can, bảy lớp dây chuông, bên ngoài có bảy lớp hàng cây Đa-la bao bọc chung quanh, nhiều màu đẹp đẽ, cho đến mã não... bảy báu tạo thành. Ở bốn phía đều có cửa, ở mỗi cửa đều có lầu

gác phòng vệ, đài, nhà, đủ loại màu sắc do bảy báu tạo thành. Đất chỗ ấy đều là lưu ly xanh quý báu, mềm mại mịn láng, chạm vào giống như áo Ca-chiên-lân-đề. Ngay chính giữa, có một trụ báu cao hai mươi do-tuần, ở dưới trụ báu đặt một tòa ngồi riêng cho trời Đế-thích, cao một do-tuần, vuông vắn nửa do-tuần, nhiều màu đẹp đẽ, cho đến xa cừ... bảy báu tạo thành, mềm mại mịn trơn, chạm vào... *như trước*... Hai bên tòa ấy, mỗi bên có mười sáu tòa ngồi của Tiểu thiên vương, áp sát hai bên, bảy báu tạo thành, nhiều màu đẹp đẽ, mềm mại mịn trơn, chạm vào... *như trước*.

Chư Tỳ-kheo, Thiện pháp đường ấy, nơi nhóm họp của chư Thiên, có cung điện của Đế-thích. Cung ấy dài rộng một ngàn do-tuần, có bảy lớp bờ tường *cho đến*... các giống chim cùng nhau ca hót.

Chư Tỳ-kheo, Thiện pháp đường ấy, nơi nhóm họp của chư Thiên, bốn phía Đông, Tây, Nam, Bắc đều có trú xứ là cung điện của các Tiểu thiên vương. Những cung ấy, hoặc rộng chín trăm do-tuần, hoặc dài rộng tám trăm do-tuần, hoặc bảy trăm, sáu trăm, năm trăm, bốn trăm, ba trăm, hai trăm do-tuần, cái nhỏ nhất còn dài rộng đến một trăm do-tuần; có bảy lớp bờ tường... *cho đến* các giống chim cùng nhau ca hót.

Lại nữa, Thiện pháp đường, nơi nhóm họp của chư Thiên, các phía Đông, Tây, Nam, Bắc, đều có trú xứ là cung điện của các tiểu Thiên chúng trời Ba mươi ba. Các cung ấy hoặc rộng chín mươi do-tuần, hoặc rộng dài tám mươi do-tuần, hoặc bảy mươi, sáu mươi, năm mươi, bốn mươi, ba mươi, hai mươi do-tuần; cái nhỏ nhất cũng dài rộng đến mười hai do-tuần; có bảy lớp bờ tường... *cho đến* các loài chim cùng nhau ca hót.

Chư Tỳ-kheo, Thiện pháp đường ấy, nơi nhóm họp của chư Thiên, phía Đông có vườn của trời Ba mươi ba tên là Ba-lâu-sa, rộng dài bằng phẳng một ngàn do-tuần... *cho đến* bảy lớp bờ tường đều do mã não... bảy báu tạo thành. Ở bốn phía đều có các cửa, mỗi cửa đều có lầu gác, nhiều màu đẹp đẽ... *cho đến* mã não... bảy báu tạo thành.

Chư Tỳ-kheo, trong vườn Ba-lâu-sa có hai tảng đá lớn: tảng thứ nhất tên là Hiền, tảng thứ hai Thiện hiền, đều do ngọc mã não trời tạo thành, cả hai đều rộng dài năm mươi do-tuần, mềm mại, mịn trơn, chạm vào giống như áo Ca-chiên-lân-đề.

Chư Tỳ-kheo, Thiện pháp đường ấy, nơi nhóm họp của chư Thiên, phía Nam cũng có vườn của vua trời Ba mươi ba tên là Tạp sắc xa.

Vườn ấy cũng rộng dài một ngàn do-tuần, có bảy lớp bờ tường... *cho đến* mã não... tạo thành. Ở bốn phía đều có các cửa, mỗi cửa đều có lầu gác, nhiều màu đẹp đẽ... *cho đến* mã não... bảy báu tạo thành. Ở trong vườn ấy cũng có hai tảng đá: tảng thứ nhất tên là Tạp sắc, tảng thứ hai tên là Thiện tạp sắc, do ngọc lưu ly trời màu xanh tạo thành; cả hai cùng rộng dài năm mươi do-tuần, mềm mại mịn trơn, chạm vào giống như áo Ca-chiên-lân-đề.

Chư Tỳ-kheo, Thiện pháp đường ấy, nơi nhóm họp của chư Thiên, phía Tây lại có vườn của vua trời Ba mươi ba tên là Tạp loạn. Vườn ấy cũng rộng dài một ngàn do-tuần, có bảy lớp bờ tường... *cho đến* bảy báu tạo thành. Các cửa bốn phía đều có lầu cao phòng vệ, đài gác, đều do bảy báu tạo thành. Trong vườn Tạp loạn ấy cũng có hai tảng đá: tảng thứ nhất tên là Thiện hiện, tảng thứ hai tên là Tiểu thiện hiện, đều do ngọc pha lê trời tạo thành; cả hai cũng rộng dài năm mươi do-tuần, mềm mại mịn trơn chạm vào giống như áo Ca-chiên-lân-đề.

Chư Tỳ-kheo, Thiện pháp đường ấy, nơi nhóm họp của chư Thiên, ở phía Bắc lại có vườn của vua trời Ba mươi ba tên là Hoan hỷ, vườn ấy cũng rộng dài một ngàn do-tuần, có bảy lớp bờ tường... *cho đến* mã não... bảy báu tạo thành. Các cửa bốn phía đều có lầu cao phòng vệ, đài gác cũng được trang trí bằng bảy báu.

Chư Tỳ-kheo, ở trong vườn Hoan hỷ cũng có hai tảng đá: tảng thứ nhất tên là Hoan hỷ; tảng thứ hai tên là Đại hoan hỷ do bạc trời tạo thành, cả hai cũng đều rộng dài năm mươi do-tuần, mềm mại mịn trơn, chạm vào giống như áo Ca-chiên-lân-đề.

Chư Tỳ-kheo, ở khoảng giữa hai vườn Ba-lâu-sa và Tạp sắc xa, có một cái ao lớn của vua trời Ba mươi ba tên là Hoan hỷ, bằng phẳng rộng dài năm mươi do-tuần, nước ao mát lạnh, êm dịu, ngọt ngon, trong trẻo, không bẩn, dùng bảy thứ gạch báu xây bờ lũy, bốn phía có bảy lớp thềm gỗ trang trí xen lẫn; có bảy lớp lan can... *cho đến* bảy lớp hàng cây Đa-la bao bọc chung quanh, nhiều màu đẹp đẽ. Bốn phía ao, đều có bậc thềm, đều dùng bảy báu trang trí. Trong ao có các thứ hoa là hoa Ưu-bát-la, hoa Bát-đầu-ma, hoa Câu-mâu-đầu, hoa Bôn-trà-lợi. Hoa hình lửa thì sắc lửa, ánh sáng lửa... *cho đến* hình nước thì sắc nước, ánh sáng nước; rộng dài, lớn nhỏ đều như bánh xe, ánh sáng tỏa chiếu đến một do-tuần, gió thổi mùi thơm lan tỏa đến một do-tuần. Có các ngó sen lớn như trục xe, cắt ra nhựa chảy màu trắng như sữa, vị nó ngọt ngon như mật thượng hạng.

Chư Tỳ-kheo, khoảng giữa vườn Tạp loạn và Hoan hỷ có một cội đại thọ của vua trời Ba mươi ba tên là Ba-lợi-dạ-đát-la-câu-tỳ-đà-la. Phần gốc của cây chu vi bảy do-tuần... *cho đến* cành lá che khắp bờ tường, rộng dài năm trăm do-tuần; có bảy lớp bờ tường... *cho đến* các loài chim cùng nhau ca hót.

Chư Tỳ-kheo, dưới cây Ba-lợi-da-đát-la-câu-tỳ-đà-la ấy có một tảng đá tên là Bát-đồ-cam-bà-la do vàng trời tạo thành. Tảng đá đó rộng dài năm mươi do-tuần, mềm mại trơn láng, chạm vào như áo Ca-chiên-lân-đề.

Chư Tỳ-kheo, vì duyên cớ gì mà Thiện pháp đường đó, nơi nhóm họp của chư Thiên gọi là Thiện pháp?

Chư Tỳ-kheo, Thiện pháp đường ấy, nơi nhóm họp của chư Thiên, khi vua trời Ba mươi ba tập hợp ở đó, chỉ bàn luận nghĩa lý sâu xa, chỉ dùng lời khéo léo, tế nhị, vi diệu, suy nghĩ chín chắn, cân nhắc, quan sát, đều là các pháp thù thắng trọng yếu của thế gian, chân thật đúng lý, vì vậy chư Thiên gọi nơi nhóm họp này là Thiện pháp đường.

Lại do nhân duyên gì gọi là vườn Ba-lâu-sa-ca?

Chư Tỳ-kheo, vua trời Ba mươi ba vào trong vườn Thô sáp rồi, ngồi trên hai tảng đá Hiền và Thiện hiền, chỉ bàn luận việc thô lậu của thế gian bằng lời đùa giỡn, bất thiện. Vì vậy gọi là vườn Ba-lâu-sa-ca.

Lại do nhân duyên gì mà gọi là vườn Tạp sắc xa?

Chư Tỳ-kheo, vua trời Ba mươi ba vào vườn Tạp sắc xa rồi, ngồi trên hai tảng đá Tạp sắc và Thiện tạp sắc chỉ bàn luận các thứ sắc tướng tạp loại của thế gian, vì vậy gọi là vườn Tạp sắc xa.

Lại vì nhân duyên gì mà gọi là vườn Tạp loạn?

Chư Tỳ-kheo, tại vườn Tạp loạn ấy, vua trời Ba mươi ba thường lấy ngày mồng tám, mười bốn, rằm trong tháng để cho tất cả thể nữ ở trong cung vào trong vườn đó cùng với chúng trời Ba mươi ba vui chơi, không có gì trở ngại, tự do vui hưởng năm thứ dục lạc ở cõi trời một cách đầy đủ, và dạo chơi thỏa thích. Vì vậy nên chư Thiên cùng gọi vườn ấy là vườn Tạp loạn.

❑

KINH KHỞI THẾ

QUYỂN VII

Phẩm 8: TAM THẬP TAM THIÊN 2

Chư Tỳ-kheo, lại do nhân duyên gì mà vị trời ấy có vườn gọi là Hoan hỷ?

Chư Tỳ-kheo, vua trời Ba mươi ba vào trong vườn Hoan hỷ ấy rồi, ngồi trên hai tảng đá Hoan hỷ và Thiện hoan hỷ, tâm cảm thấy vui vẻ, ý nghĩ về sự vui vẻ, nghĩ mãi nghĩ mãi, cảm thấy an lạc, cảm nhận an lạc rồi thì niềm an lạc ấy dâng lên cùng cực. Vì vậy chư Thiên đều khen ngợi vườn kia và cho đấy là vườn Hoan hỷ.

Chư Tỳ-kheo, lại cây trời kia, do nhân duyên gì mà gọi là Ba-lợi-dạ-đát-la-câu-tỳ-đa-la?

Chư Tỳ-kheo, dưới cây Ba-lợi-dạ-đát-la-câu-tỳ-đa-la kia, có một vị Thiên tử tên là Mạt-đa ở, ngày đêm thường lấy các sự vui thích nơi năm dục của cõi trời kia hòa hiệp vui chơi tận hưởng đầy đủ. Vì vậy chư Thiên bèn khen ngợi cây ấy gọi là Ba-lợi-dạ-đát-la-câu-tỳ-đa-la.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, trời Ba mươi ba dù có việc gấp nhưng chưa từng rời bỏ tảng đá Bát-đồ-cam-bà mà quyết phải thiết lễ cúng dường, tôn trọng, cung kính, xong rồi mới tùy ý mà đi. Vì sao? Vì tảng đá này là chỗ ngự của Đức Như Lai ngày xưa. Do vậy chư Thiên cho là chỗ tích tụ phước đức. Tất cả Trời, Người, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn... trong thế gian phải nên cúng dường.

Chư Tỳ-kheo, có hạng trời Ba mươi ba chỉ được nhìn thấy vườn Ba-lâu-sa-ca mà không thể vào được. Vì không vào được nên không thể được hưởng đầy đủ thú vui của năm dục lạc nơi ấy. Vì sao? Vì nghiệp của họ còn nặng, vì căn lành đời trước của họ cạn mỏng nên không thể vào được. Có hạng trời Ba mươi ba được thấy vườn Ba-lâu-sa-ca cũng

có thể vào được, đã vào được rồi, được hưởng đầy đủ các thứ vui thích của năm dục kết hợp tại chỗ ấy. Vì sao? Vì căn lành của họ vượt trội hơn. Chư Tỳ-kheo, có hạng trời Ba mươi ba, mắt chẳng thấy được vườn Tạp sắc xa, thân cũng không vào được, cũng không được dùng những thú vui kết hợp của năm dục tại vườn kia để hưởng thụ. Vì sao? Vì căn lành của họ có sự sai khác. Có hạng trời Ba mươi ba, tuy mắt thấy được vườn Tạp sắc xa, nhưng thân không vào được, cũng không được dùng những thú vui kết hợp của năm dục tại vườn ấy để hưởng thụ. Vì sao? Vì căn lành của họ yếu kém. Có hạng trời Ba mươi ba, mắt đã thấy được vườn Tạp sắc xa, thân cũng được vào; đã được vào rồi lại được cùng nhau hòa hợp hưởng thọ đầy đủ các thứ vui của năm dục. Vì sao? Vì căn lành của họ tăng trưởng vượt bậc. Chư Tỳ-kheo, phàm tất cả chư Thiên nơi trời Ba mươi ba như thế thì đều thấy vườn Tạp loạn và cũng đều được vào. Đã được vào rồi, cũng đều có được đầy đủ những thú vui hòa hiệp đồng thể của năm dục trong vườn ấy để thọ hưởng. Vì sao? Vì hạnh tu của họ bằng nhau; trong ấy, căn lành của họ không có sự sai khác.

Chư Tỳ-kheo, có hạng trời Ba mươi ba thân không được thấy vườn Hoan hỷ, cũng không được vào; vì không được vào nên không có được đầy đủ các thú vui của năm dục hòa hiệp đồng thể trong vườn ấy để thọ hưởng. Vì sao? Vì quả phước nơi ấy thù thắng mà tạo nghiệp đời trước của chư Thiên trời Ba mươi ba có sự sai khác. Có hạng trời Ba mươi ba thấy được vườn Hoan hỷ mà không thể vào, cũng chẳng thể có được các thú vui kết hợp đồng thể của năm dục trong vườn Hoan hỷ để hưởng thụ. Vì sao? Vì nghiệp của chư Thiên ấy có sự sai khác. Có hạng trời Ba mươi ba thấy được vườn Hoan hỷ, cũng được vào; đã vào rồi, được hưởng trọn đầy đủ các sự vui thích đồng thể của những thú vui hòa hợp năm dục ở vườn ấy. Vì sao? Vì các vị trời ấy ngày xưa đã tu nghiệp thiện, không có sự sai khác.

Chư Tỳ-kheo, Thiện pháp đường ấy, nơi nhóm họp của trời Ba mươi ba có hai con đường. Cung điện, nơi ở của trời Đế-thích cũng có hai con đường. Cung điện của các Tiểu thiên vương và các cung điện phụ thuộc khác của trời Ba mươi ba cũng có hai con đường. Cung điện của Đại long tượng vương Y-la-bà-na cũng có hai con đường. Vườn Ba-lâu-sa-ca cũng có hai con đường. Vườn Tạp sắc xa, vườn Tạp loạn, vườn Hoan hỷ, ao Hoan hỷ..., mỗi nơi đều có hai con đường. Dưới cây Ba-lợi-dạ-đát-la-câu-tỳ-đà-la cũng có hai con đường.

Chư Tỳ-kheo, vua trời Đế-thích nếu khi muốn đi đến vườn Ba-lâu-sa-ca, vườn Tạp sắc xa, vườn Hoan hỷ... để tắm rửa, dạo chơi, hưởng mọi sự thích thú thì bấy giờ liền nghĩ đến Đại long tượng vương Y-la-bà-na. Cùng lúc Đại long tượng vương Y-la-bà-na cũng nghĩ: "Vua trời Đế-thích đã nghĩ đến ta". Biết như vậy rồi, vị ấy liền đi ra khỏi cung, tự hóa thành ba mươi ba đầu, trên mỗi đầu đều có sáu ngà, trên mỗi ngà hóa ra bảy ao, trong mỗi ao có bảy hoa, trên mỗi hoa đều có bảy ngọc nữ, mỗi ngọc nữ lại tự có bảy người nữ hầu.

Lúc ấy Đại long tượng vương hiện các loại thần biến như vậy rồi, liền đi đến chỗ vua trời Đế-thích; khi đến nơi thì nghiêm trang dừng lại.

Bấy giờ vua trời Đế-thích lại nghĩ đến các tiểu vương và các tiểu Thiên chúng của trời Ba mươi ba. Khi ấy các tiểu vương và các Thiên chúng kia cũng nghĩ: "Vua trời Đế-thích nay đã nghĩ đến chúng ta". Biết như vậy rồi, họ liền dùng các thứ chuỗi Anh lạc đẹp nhất trang nghiêm nơi thân, lên xe, cùng đi đến chỗ trời Đế-thích. Đến rồi đều dừng lại phía trước. Trời Đế-thích nhận thấy chư Thiên đã tề tựu đông đủ thì cũng tự trang nghiêm nơi thân mình, mang các thứ chuỗi báu Anh lạc. Đông đảo Thiên chúng, sau trước, hai bên, vây bọc chung quanh, cùng với các tiểu vương, tất cả đều lên mình Long tượng vương Y-la-bà-na. Vua trời Đế-thích ngồi chính giữa, phía trên đầu voi, hai bên phải và trái có mười sáu vị Tiểu thiên vương ngồi trên những đầu biến hóa ra của Long tượng vương Y-la-bà-na. Khi tất cả đã an tọa xong, trời Đế-thích dẫn các Thiên chúng đi đến các vườn Ba-lâu-sa-ca, Tạp sắc xa, Tạp loạn, Tạp hoan hỷ... Đến nơi thì dừng lại. Trong bốn vườn Hoan hỷ... ấy, mỗi vườn đều có ba luồng gió, đó là khai, tịnh và xuy... *như trước*... mở cửa, làm cho sạch đất và thổi tung các hoa... Chư Tỳ-kheo, trong các vườn ấy, gió thổi hoa bay rải khắp mặt đất, dày ngập đến gối, hương thơm hoa ấy xông tỏa nơi nơi. Trời Đế-thích cùng với các Tiểu thiên vương và chúng trời Ba mươi ba vây quanh sau trước đi vào các vườn Tạp sắc xa, Hoan hỷ... vui chơi, tận hưởng mọi sự vui thú, tùy ý dạo chơi, hoặc ngồi, hoặc nằm. Trời Đế-thích muốn có chuỗi Anh lạc liền nghĩ đến Thiên tử Tỳ-thủ-yết-ma. Lúc đó vị Thiên tử ấy liền biến ra các loại Anh lạc báu dâng lên Thiên vương. Nếu trời Ba mươi ba và các quyến thuộc, vị nào muốn có chuỗi Anh lạc, Tỳ-thủ-yết-ma cũng đều biến hóa ra để cung cấp. Ai muốn nghe âm thanh kỹ nhạc thì có các loài chim hót phát ra âm thanh; âm thanh ấy luôn dịu dàng, hòa nhã khiến chư Thiên ưa nghe. Bấy giờ chư Thiên tận hưởng mọi sự vui thú

như vậy trong một ngày cho đến bảy ngày, một tháng cho đến ba tháng, đủ các thứ dạo chơi, tắm rửa, vui đùa, đi đứng, ngồi nằm ung dung, thỏa thích.

Chư Tỳ-kheo, vua trời Đế-thích có mười vị Thiên tử luôn theo hộ vệ: vị thứ nhất tên Nhân-đà-la-ca, vị thứ hai tên Cù-ba-ca, vị thứ ba tên Tần-đầu-ca, vị thứ tư tên Tần-đầu-bà-ca, vị thứ năm tên A-cu-tra-ca, vị thứ sáu tên Tra-đô-đa-ca, vị thứ bảy tên Thời-bà-ca, vị thứ tám tên Hồ-lô-kỳ-na, vị thứ chín tên Nan-trà-ca, vị thứ mười tên Hồ-lô-bà-ca. Chư Tỳ-kheo, vua trời Đế-thích có mười vị Thiên tử như vậy thường theo hai bên để hộ vệ chẳng hề rời xa.

Chư Tỳ-kheo, cõi Diêm-phù-đề, vì tất cả mọi người nên có các loài hoa sinh ra từ nước hết sức tinh khiết, đẹp đẽ, cực kỳ dễ ưa. Đó là hoa Ưu-bát-la, hoa Bát-đầu-ma, hoa Câu-mâu-đầu, hoa Bôn-trà-lợi. Các loại hoa này thơm ngát, mềm mại, đẹp đẽ. Có các loại hoa sinh từ đất liền cực kỳ đẹp đẽ là hoa Đề-mục-đa-ca, hoa Chiêm-bà-ca, hoa Ba-tra-la, hoa Tô-ma-na, hoa Bà-lợi-sư-ca, hoa Ma-lợi-ca, hoa Ma-đầu-kiền-đề-ca, hoa Tao-kiền-đề-ca, hoa Du-đề-ca, hoa Thù-đê-sa-ca-lợi-ca, hoa Đà-nô-sa-ca-nị-ca...

Chư Tỳ-kheo, người ở cõi Cù-đà-ni có các thứ hoa sinh từ nước cực kỳ xinh đẹp như hoa Câu-mâu-đầu, hoa Bôn-trà-lợi-ca, hương thơm ngào ngạt xông khắp mọi nơi. Có hoa sinh nơi đất, cực kỳ xinh đẹp là hoa A-đề-mục-đa-ca, hoa Chiêm-ba-ca, hoa Ba-tra-la, hoa Tô-ma-na, hoa Bà-lợi-sư-ca, hoa Ma-lợi-ca, hoa Ma-đầu-kiền-đề-ca, hoa Tao-kiền-đề-ca, hoa Du-đề-ca, hoa Thù-đê-sa-ca-lợi-ca, hoa Đà-nô-sa-ca-nị-ca...

Chư Tỳ-kheo, người ở cõi Phất-bà-đề có các loài hoa sinh từ nước hết sức tươi đẹp là hoa Ưu-bát-la, hoa Bát-đầu-ma, hoa Câu-mâu-đầu, hoa Bôn-trà-lợi-ca, màu sắc thật tươi sáng, trong lành, hương thơm ngào ngạt. Có các thứ hoa sinh từ đất cực kỳ xinh đẹp là hoa A-đề-mục-đa-ca, hoa Chiêm-ba-ca, hoa Ba-tra-la, hoa Tô-ma-na, hoa Bà-lợi-sư-ca, hoa Ma-lợi-ca, hoa Ma-đầu-kiền-đề-ca, hoa Tao-kiền-đề-ca, hoa Du-đề-ca, hoa Thù-đê-sa-ca-lợi-ca, hoa Đà-nô-sa-ca-nị-ca...

Chư Tỳ-kheo, người ở cõi Uất-đơn-việt, có các loài hoa sinh từ nước vô cùng tươi đẹp, đó là hoa Ưu-bát-la, hoa Bát-đầu-ma, hoa Câu-mâu-đầu, hoa Bôn-trà-lợi-ca, hương thơm êm dịu, xông tỏa khắp chốn. Có các thứ hóa sinh từ đất, cực kỳ đẹp tươi là hoa A-đề-mục-đa-ca, hoa Chiêm-ba-ca, hoa Ba-tra-la, hoa Tô-ma-na, hoa Bà-lợi-sư-ca, hoa Ma-

lợi-ca, hoa Ma-đầu-kiền-đề-ca, hoa Tao-kiền-đề-ca, hoa Du-đề-ca, hoa Thù-đê-sa-ca-lợi-ca, hoa Đà-nô-sa-ca-nị-ca...

Chư Tỳ-kheo, nơi ở của tất cả loài Rồng và Kim sí điểu đều có các loài hoa sinh ra từ trong nước cực kỳ xinh đẹp là hoa Ưu-bát-la, hoa Bát-đầu-ma, hoa Câu-mâu-đầu, hoa Bôn-trà-lợi-ca, hương thơm lan tỏa, êm dịu tuyệt vời. Có các thứ hoa sinh ra nơi đất liền cực kỳ xinh đẹp là hoa A-đề-mục-đa-ca, hoa Chiêm-bà-na, hoa Ba-tra-la, hoa Tô-ma-na, hoa Bà-lợi-sư-ca, hoa Ma-lợi-ca, hoa Ma-đầu-kiền-đề-ca, hoa Tao-kiền-đề-ca, hoa Du-đề-ca, hoa Thù-đê-sa-ca-lợi-ca, hoa Yết-ca-la-lợi-ca, hoa Ma-ha yết-ca-la-lợi-ca...

Chư Tỳ-kheo, loài A-tu-la cũng có các loài hoa sinh từ trong nước cực kỳ xinh đẹp là hoa Ưu-bát-la, hoa Bát-đầu-ma, hoa Câu-mâu-đầu, hoa Bôn-trà-lợi-ca, hương thơm xông khắp, rất dễ ưa thích. Có các thứ hoa sinh ra nơi đất liền cực kỳ xinh đẹp là hoa A-đề-mục-đa-ca, hoa Chiêm-ba-ca, hoa Ba-tra-la, hoa Tô-ma-na, hoa Bà-lợi-sư-ca, hoa Ma-lợi-ca, hoa Ma-đầu-kiền-đề-ca, hoa Tao-kiền-đề-ca, hoa Du-đề-ca, hoa Thù-đê-sa-ca-lợi-ca, hoa Đà-nô-sư-ca, hoa Yết-ca-la-lợi-ca, hoa Ma-ha yết-ca-la-lợi-ca, hoa Tần-lân-đàm, hoa Ma-ha tần-lân-đàm, hoa Mạn-đà-la-phạm, hoa Ma-ha mạn-đà-la-phạm...

Chư Tỳ-kheo, chư Thiên của cõi trời Tứ thiên vương có các thứ hoa sinh từ trong nước cực kỳ đẹp đẽ, rất dễ ưa thích là hoa Ưu-bát-la, hoa Bát-đầu-ma, hoa Câu-mâu-đầu, hoa Bôn-trà-lợi-ca, mùi hương rất thơm, chất rất mềm mại; có các thứ hoa sinh từ nơi đất liền xinh đẹp tuyệt vời là hoa A-đề-mục-đa-ca, hoa Chiêm-ba-ca, hoa Ba-tra-la, hoa Tô-ma-ca, hoa Bà-lợi-sư-ca, hoa Ma-lợi-ca, hoa Ma-đầu-kiền-đề-ca, hoa Tao-kiền-đề-ca, hoa Du-đề-ca, hoa Thù-đê-sa-ca-lợi-ca, hoa Đà-nô-sa-ca, hoa Yết-ca-la-lợi-ca, hoa Ma-ha yết-ca-la-lợi-ca, hoa Tần-lân-đàm, hoa Ma-ha tần-lân-đàm...

Chư Tỳ-kheo, trời Ba mươi ba có các loại hoa sinh từ trong nước cực kỳ xinh đẹp, rất dễ ưa thích là hoa Ưu-bát-la, hoa Bát-đầu-ma, hoa Câu-mâu-đầu, hoa Bôn-trà-lợi-ca, mùi hương thơm dịu, thân rất mềm mại. Có các thứ hoa sinh từ nơi đất liền xinh đẹp tuyệt vời là hoa A-đề-mục-đa-ca, hoa Chiêm-ba-ca, hoa Ba-tra-la, hoa Tô-ma-na, hoa Bà-lợi-sư-ca, hoa Ma-lợi-ca, hoa Ma-đầu-kiền-đề-ca, hoa Tao-kiền-đề-ca, hoa Du-đề-ca, hoa Thù-đê-sa-ca-lợi-ca, hoa Đà-nô-sa-ca-lợi-ca, hoa Yết-ca-la-lợi-ca, hoa Ma-ha yết-ca-la-lợi-ca, hoa Tần-lân-đàm, hoa Ma-ha tần-lân-đàm, hoa Mạn-đà-la-phạm, hoa Ma-ha mạn-đà-la-phạm...

Giống như trời Ba mươi ba có các thứ hoa, các cõi trời Dạ-ma, trời Đâu-suất-đà, trời Hóa lạc, trời Tha hóa tự tại, trời Ma thân... cũng có tất cả các loại hoa theo thứ lớp như vậy, không có sai khác.

Chư Tỳ-kheo, các loài hoa ở nhân gian có bảy màu. Đó là màu lửa tỏa ánh sáng lửa, màu vàng ròng tỏa ánh sáng vàng ròng, màu xanh tỏa ánh sáng xanh, màu đỏ tỏa ánh sáng đỏ, màu trắng tỏa ánh sáng trắng, màu vàng tỏa ánh sáng vàng, màu đen tỏa ánh sáng đen, ví như màu sắc thường hiện của Ma phạm.

Chư Tỳ-kheo, nhân gian có các loài hoa với bảy màu ấy, A-tu-la cũng có các loài hoa với bảy màu như vậy. Tất cả Thiên chúng cũng lại có bảy loại màu sắc ánh sáng ấy, ví như màu sắc thường hiện của Ma phạm.

Chư Tỳ-kheo, tất cả chư Thiên có mười pháp cá biệt. Chư Tỳ-kheo, một là khi chư Thiên đi, tới lui không giới hạn; hai là khi chư Thiên đi, tới lui không bị chướng ngại; ba là khi chư Thiên đi, không có mau chậm; bốn là khi chư Thiên đi không có dấu chân; năm là thể lực của chư Thiên không có bệnh hoạn; sáu là thân của chư Thiên có hình không bóng, bảy là tất cả chư Thiên không đại tiểu tiện; tám là tất cả chư Thiên không có hỉ mũi, khạc nhổ; chín là thân của chư Thiên trong sạch vi diệu, không da thịt, gân mạch, mỡ máu, xương tủy; mười là thân của chư Thiên tùy theo ý muốn hiện ra cao thấp, xanh, vàng, đỏ, trắng, lớn nhỏ, thô tế đều được, tất cả đều đẹp đẽ trang nghiêm tuyệt vời, khiến người ưa thích. Thân của tất cả chư Thiên đều có mười đặc tính bất khả tư nghì như vậy. Chư Tỳ-kheo, lại nữa, thân của chư Thiên đầy đặn to lớn, răng trắng vuông kín, tóc xanh đều đặc, mềm mại, óng ả, thân có ánh sáng và thần lực, bay đi trên không, mắt nhìn không chớp, có chuỗi báu Anh lạc tự nhiên, y phục không cáu bẩn.

Chư Tỳ-kheo, người ở cõi Diêm-phù-đề thọ mạng trăm năm, trong đó có người chết yểu. Người ở cõi Cù-đà-ni thọ mạng hai trăm tuổi, cũng có người chết yểu. Người ở cõi Phất-bà-đề thọ mạng ba trăm tuổi, cũng có người chết yểu. Người ở cõi Uất-đơn-việt thọ mạng nhất định là một ngàn năm, không có người chết yểu. Các chúng sanh ở cõi Diêm-ma-la, thọ bảy vạn hai ngàn năm, cũng có người chết yểu. Các Rồng và Kim sí điểu, thọ mạng một kiếp, cũng có chết yểu. Các A-tu-la thọ mạng một nghìn tuổi bằng với trời Ba mươi ba nhưng cũng có chết yểu. Trời Tứ thiên vương thọ năm trăm tuổi, cũng có chết yểu. Trời Ba mươi ba thọ một ngàn tuổi, chư Thiên Dạ-ma thọ hai ngàn tuổi, trời

Đâu-suất-đà thọ bốn ngàn tuổi, chư Thiên Hóa lạc thọ tám ngàn tuổi, trời Tha hóa tự tại thọ một vạn sáu ngàn tuổi, trời Ma thân thọ ba vạn hai ngàn tuổi, trời Phạm thiên thọ một kiếp, trời Quang ức niệm thọ hai kiếp, chư Thiên Biến tịnh thọ bốn kiếp, chư Thiên Quảng quả thọ tám kiếp, chư Thiên Vô tưởng thọ mười sáu kiếp, chư Thiên Bất thô thọ một ngàn kiếp, chư Thiên Vô não thọ hai ngàn kiếp, chư Thiên Thiện kiến thọ ba ngàn kiếp, chư Thiên Thiện hiện thọ bốn ngàn kiếp, trời Sắc cứu cánh thọ năm ngàn kiếp, trời Hư không xứ thọ mười ngàn kiếp, trời Thức xứ thọ hai vạn một ngàn kiếp, trời Vô sở hữu xứ thọ bốn vạn hai ngàn kiếp, trời Phi tưởng phi phi tưởng xứ thọ tám vạn bốn ngàn kiếp, chư Thiên ấy đều có sự chết yểu.

Chư Tỳ-kheo, người ở cõi Diêm-phù-đề, thân cao ba khuỷu rưỡi tay, áo dài bảy khuỷu tay, rộng ba khuỷu rưỡi tay. Người ở cõi Cù-đà-ni, người ở cõi Phất-bà-đề, thân và áo bằng với người ở cõi Diêm phù. Người cõi Uất-đơn-việt, thân cao bảy khuỷu tay, áo dài mười bốn khuỷu tay, phần trên và phần dưới bảy khuỷu tay. Thân A-tu-la cao một do-tuần, áo dài hai do-tuần, rộng một do-tuần, nặng nửa lạng. Trời Tứ thiên vương thân cao nửa do-tuần, áo dài một do-tuần, rộng nửa do-tuần, nặng một lạng. Trời Ba mươi ba, thân cao một do-tuần, áo dài hai do-tuần, rộng một do-tuần, nặng nửa lạng. Trời Dạ-ma, thân cao hai do-tuần, áo dài bốn do-tuần, rộng hai do-tuần, nặng một phần tư lạng. Trời Đâu-suất-đà, thân cao bốn do-tuần, áo dài tám do-tuần, rộng bốn do-tuần, nặng một phần tám lạng. Trời Hóa lạc, thân cao tám do-tuần, áo dài mười sáu do-tuần, rộng tám do-tuần, nặng một phần mười sáu lạng. Trời Tha hóa tự tại, thân cao mười sáu do-tuần, áo dài ba mươi hai do-tuần, rộng mười sáu do-tuần, nặng một phần ba mươi hai lạng. Chư Thiên Ma thân, thân cao ba mươi hai do-tuần, áo dài sáu mươi bốn do-tuần, rộng ba mươi hai do-tuần, nặng một phần sáu mươi bốn lạng. Chư Thiên từ đây trở lên, độ cao thấp của thân và áo bằng nhau không khác.

Chư Tỳ-kheo, người ở cõi Diêm-phù-đề có chợ, hoặc dùng tiền, vật báu, hoặc dùng ngũ cốc, lụa, hoặc dùng súc vật để trao đổi. Người ở cõi Cù-đà-ni có chợ, hoặc dùng trâu dê, hoặc dùng ngọc báu Ma-ni để trao đổi. Người cõi Phất-bà-đề có chợ, hoặc dùng của cải, lụa, hoặc dùng ngũ cốc, hoặc dùng ngọc báu Ma-ni để trao đổi. Người ở cõi Uất-đơn-việt không có chợ để trao đổi, theo nhu cầu tự nhiên có.

Chư Tỳ-kheo, người ở cõi Diêm-phù-đề, người ở cõi Cù-đà-ni, người ở cõi Phất-bà-đề đều có phép dựng vợ gả chồng giữa nam và nữ.

Người cõi Uất-đơn-việt không có ngã và đối tượng của ngã, cành cây nếu rũ xuống, nam nữ bèn giao hợp, không có việc hôn phối.

Chư Tỳ-kheo, các Rồng, Kim sí điểu, A-tu-la... đều có hôn phối, pháp thức giữa nam nữ, đại khái như nhân gian. Trời Tứ thiên vương, trời Ba mươi ba, trời Dạ-ma, trời Đâu-suất-đà, trời Hóa lạc, trời Tha hóa tự tại, trời Ma thân... đều có hôn phối... *như trên*. Từ cõi trời này trở lên, không có hôn phối, vì không có sự khác biệt giữa nam nữ.

Chư Tỳ-kheo, người ở cõi Diêm-phù-đề khi hành dục, hai căn giao nhau, lưu xuất bất tịnh. Người ở cõi Cù-đà-ni, người ở cõi Phất-bà-đề, người ở cõi Uất-đơn-việt cũng đều như vậy. Tất cả các Rồng, Kim sí điểu khi hành dục, hai căn cũng giao nhau, nhưng chỉ xuất ra hơi gió, liền đạt được khoái lạc, không có bất tịnh. Các A-tu-la, trời Tứ thiên vương, trời Ba mươi ba khi hành dục, căn được khoái lạc cũng xuất ra hơi gió, giống như các Rồng và Kim sí điểu không khác. Chư Thiên Dạ-ma nắm tay thành dục, trời Đâu-suất-đà nhớ nghĩ nhau thành dục, chư Thiên Hóa lạc nhìn kỹ nhau thành dục, trời Tha hóa tự tại cùng nói chuyện thành dục, chư Thiên Ma thân cùng nhìn nhau thành dục, tất cả đều được khoái lạc, xong việc hành dục.

Chư Tỳ-kheo, về ánh sáng ở nhân gian thì ánh sáng của đom đóm không bằng ánh sáng của lửa đèn, ánh sáng của lửa đèn lại không bằng ánh sáng của cây đuốc, ánh sáng của cây đuốc không bằng ánh sáng của đống lửa; ánh sáng của đống lửa không bằng ánh sáng của các vì sao, ánh sáng của vì sao không bằng ánh sáng của mặt trăng, ánh sáng của mặt trăng không bằng ánh sáng của mặt trời, ánh sáng của mặt trời chói lọi rực rỡ còn chẳng bằng ánh sáng từ chuỗi báu Anh lạc trên tường vách quanh cung điện của trời Tứ thiên vương. Ánh sáng của trời Tứ thiên vương lại chẳng bằng ánh sáng của trời Ba mươi ba. Ánh sáng của trời Ba mươi ba lại chẳng bằng ánh sáng từ chuỗi báu Anh lạc trên tường vách của cung điện chư Thiên Dạ-ma. Các ánh sáng có trong trời Dạ-ma chẳng bằng ánh sáng của trời Đâu-suất-đà. Các ánh sáng của trời Đâu-suất-đà chẳng bằng ánh sáng của trời Hóa lạc. Ánh sáng của trời Hóa lạc chẳng bằng ánh sáng của chư Thiên Tha hóa tự tại. Ánh sáng của trời Tha hóa tự tại chẳng bằng ánh sáng của trời Ma thân. Ánh sáng từ chuỗi báu Anh lạc trên tường vách cung điện của chư Thiên Ma thân so với các cõi trời dưới, rất thù thắng tuyệt diệu, đặc biệt không gì vượt qua được.

Chư Tỳ-kheo, tuy nhiên, ánh sáng của trời Ma thân này so với ánh

sáng của trời Phạm thiên lại chẳng bằng; ánh sáng của trời Phạm thiên kia so với ánh sáng của trời Ức niệm lại chẳng bằng; ánh sáng của trời Ức niệm so với ánh sáng của trời Biến tịnh thì chẳng bằng; trời Biến tịnh so với trời Quảng quả thì chẳng bằng... y như vậy, trời Vô não nhiệt, trời Thiện kiến, trời Thiện hiện, trời A-ca-nị-trá... chỉ trừ Anh lạc... ngoài ra đều như trước đã nói, nên biết như vậy.

Chư Tỳ-kheo, ánh sánh có trong thế gian, hoặc của thế giới chư Thiên, hoặc Ma, hoặc Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn, người... muốn so với hào quang của Như Lai, A-la-ha, Tam-miệu-tam-phật-đà thì dù với số trăm ngàn vạn ức hằng hà sa đi nữa cũng chẳng thể sánh được. Hào quang ấy của Như Lai rất thù thắng tuyệt diệu, đặc biệt bậc nhất. Vì sao? Chư Tỳ-kheo, vì thân của Như Lai là giới hạnh vô lượng, thiền định, trí tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến, thần thông và sự thể hiện thần thông, giáo hóa và sự chuyển biến của giáo hóa, nơi chốn thuyết giảng và sự chuyển biến của nơi chốn thuyết giảng đều vô lượng. Chư Tỳ-kheo, Như Lai có vô lượng công đức như vậy, tất cả các pháp đều đầy đủ. Do ý nghĩa ấy nên hào quang của Như Lai là tối thắng, vô thượng, cần phải hiểu rõ như thế.

Chư Tỳ-kheo, tất cả chúng sanh có bốn thứ thức ăn dùng nuôi các đại để tự tồn tại, có được các hữu, để gồm thâu, thọ nhận. Một là thô đoàn và vi tế thực, hai là xúc thực, ba là ý tư thực, bốn là thức thực. Nghĩa là:

1. Ăn bằng thức ăn thô cứng và nhỏ mịn.
2. Ăn bằng sự xúc chạm.
3. Ăn bằng sự tư duy.
4. Ăn bằng thức.

Những chúng sanh nào ăn bằng thức ăn thô cứng và nhỏ mịn? Chư Tỳ-kheo, người ở cõi Diêm-phù-đề ăn lúa gạo, đậu, cá thịt..., những thứ này gọi là thức ăn thô cứng. Đậy che, xoa sờ, tắm rửa lau chùi, phấn sáp thoa chà, những thứ này gọi là thức ăn vi tế. Người ở cõi Cù-đà-ni, ở cõi Phất-bà-đề, thức ăn thô cứng và vi tế đại khái như người ở cõi Diêm-phù-đề... Người ở cõi Uất-đơn-việt, thân không cày cấy, tự nhiên có loại gạo thơm chín làm thức ăn thô cứng, đậy che, tắm rửa và xoa sờ... làm thức ăn vi tế.

Chư Tỳ-kheo, tất cả loài Rồng và Kim sí điểu... dùng các giống cá, ba ba, cá sấu, tôm, mực, nòng nọc, rồng con, rắn, rái... làm thức ăn thô

cứng; các sự che đậy, tắm rửa... làm thức ăn vi tế. Các A-tu-la dùng vị cam lộ tuyệt ngon của trời làm thức ăn thô cứng, các sự che đậy... làm thức ăn vi tế. Trời Tứ thiên vương và Thiên chúng đều dùng vị cam lộ kia làm thức ăn thô cứng; các sự che đậy... làm thức ăn vi tế. Trời Ba mươi ba cũng dùng vị cam lộ của trời kia làm thức ăn thô cứng, các sự che đậy... làm thức ăn vi tế. Giống như trời Ba mươi ba, các cõi trời Dạ-ma, trời Đâu-suất-đà, trời Hóa lạc, trời Tha hóa tự tại... đều dùng vị cam lộ của trời ấy làm thức ăn thô cứng, các sự che đậy... làm thức ăn vi tế. Từ đây trở lên, chư Thiên đều dùng niềm vui trong định làm thức ăn, Tam-ma-bạt-đề làm thức ăn, không có thức ăn thô cứng và vi tế.

Chư Tỳ-kheo, những chúng sanh nào dùng sự xúc chạm làm thức ăn? Chư Tỳ-kheo, tất cả chúng sanh thọ sanh từ trứng như là ngỗng, chim ưng, chim hồng, chim hạc, gà, vịt, khổng tước, anh vũ, cù đục, tu hú, bồ câu, yến, se sẻ, trĩ, chim khách, quạ... và nhiều loại chúng sinh khác sanh từ trứng, vì chúng được thọ thân từ trứng nên tất cả dùng xúc chạm làm thức ăn.

Những chúng sanh nào dùng tư duy làm thức ăn? Nếu có chúng sanh dùng ý tư duy nuôi dưỡng các căn, tăng trưởng thân mạng như là cá, ba ba, rùa, rắn, tôm, mực, già-la, cù-đà... và nhiều loài chúng sanh khác dùng ý tư duy, nuôi lớn các căn, tăng trưởng thọ mạng, thì đó là chúng sanh dùng tư duy làm thức ăn.

Những chúng sanh nào dùng thức làm thức ăn? Đó là những chúng sanh ở địa ngục và cõi trời Vô biên thức xứ... Các chúng sanh ấy đều dùng sự duy trì thức làm thức ăn.

Chư Tỳ-kheo, bốn thứ thức ăn này duy trì các đại, giữ gìn sự sống cho các chúng sanh.

Ở đây có bài kệ:

Hoa, sắc và các pháp
Thọ mạng, áo, năm thứ
Chợ búa và cưới gả
Căn, quang, thực là mười.

Chư Tỳ-kheo, chúng sanh ở thế gian đều cùng có ba loại hành động ác là thân, khẩu và ý hành động ác.

Chư Tỳ-kheo, có các chúng sanh, thân làm hạnh ác, miệng nói hạnh ác và ý nghĩ hạnh ác. Do nhân duyên đó, khi thân hoại mạng chung đọa vào đường ác, sanh trong địa ngục. Họ ở trong ấy, sau cùng thức diệt.

Thức của địa ngục lúc mới tương tục sanh thì thức kia cùng sanh liền có danh sắc. Do duyên danh sắc liền có lục nhập.

Chư Tỳ-kheo, lại có chúng sanh, thân làm hạnh ác, miệng nói hạnh ác, ý nghĩ hạnh ác. Do nhân duyên ấy, khi thân hoại mạng chung đọa vào đường ác, sanh trong loài súc sanh. Họ ở nơi ấy, sau cùng thức diệt. Thức của loài súc sanh, lúc mới tương tục sanh, ngay khi thức ấy cùng sanh thì liền có danh sắc. Do duyên danh sắc, liền có lục nhập.

Chư Tỳ-kheo, lại có chúng sanh, thân làm hạnh ác, miệng nói hạnh ác, ý nghĩ hạnh ác. Do nhân duyên ấy, khi thân hoại mạng chung đọa vào đường ác, sanh cõi Diêm-ma. Họ ở nơi đấy, sau cùng thức diệt. Thức ở cõi Diêm-ma, lúc mới tương tục sanh, ngay lúc thức ấy mới sanh liền cùng với danh sắc cùng sanh một lần. Do duyên danh sắc liền có lục nhập.

Chư Tỳ-kheo, đó là ba loại hạnh ác cần phải xa lìa.

Chư Tỳ-kheo, thế gian lại có ba thứ hạnh lành. Đó là hạnh lành của thân, của miệng và của ý.

Chư Tỳ-kheo, nếu có chúng sanh, thân làm hạnh lành, miệng nói hạnh lành và ý nghĩ hạnh lành thì do nhân duyên ấy, khi thân hoại mạng chung được sanh vào loài người. Họ ở nơi đấy, sau cùng thức diệt, thức của người, lúc thức ấy vừa mới chuyển sanh liền cùng danh sắc đồng thời sanh ra. Do duyên danh sắc liền có lục nhập.

Chư Tỳ-kheo, lại có chúng sanh, thân làm hạnh lành, miệng nói hạnh lành, ý nghĩ hạnh lành. Do nhân duyên ấy, khi thân hoại mạng chung được sanh lên cõi trời. Họ ở nơi ấy, thức diệt. Thức của cõi trời ấy, ngay lúc chuyển sanh, khi thức ấy sanh liền cùng với danh sắc đồng thời sanh. Do có danh sắc liền có lục nhập.

Chư Tỳ-kheo, chư Thiên trong cõi trời, hoặc ngay nơi Thiên tử, hoặc ngay nơi Thiên nữ, hoặc ở chỗ ngồi, hoặc trong hai gối, hoặc giữa hai đùi vế, bỗng nhiên sanh ra. Khi vừa mới sanh, họ liền lớn như em bé mười hai tuổi ở nhân gian. Nếu là Thiên nam thì ngay tại chỗ ngồi của Thiên tử theo một bên đầu gối sanh ra. Nếu là Thiên nữ thì trong hai đùi vế của Thiên nữ sanh ra. Khi đã sanh ra, vị Thiên tử ấy liền gọi là con trai, con gái của ta. Chư Tỳ-kheo, như vậy nên biết, tu thiện thì sanh Thiên, có những pháp như thế, đó là Thiên tử hoặc Thiên nữ... Khi vừa sanh ra, do những nghiệp duyên của mình đã huân tập nên họ nhớ nghĩ được ba việc: một là tự biết chết ở chỗ nào, hai là tự biết chỗ sanh ra

trong hiện tại, ba là biết sự sanh ấy là do nghiệp quả ấy, là do phước báo ấy. Họ lại nghĩ: "Vì ta ở nơi ấy, thân mạng hoại rồi, sanh lại nơi này là do ta có ba nghiệp quả như thế. Ba loại nghiệp quả đã thuần thục thì được sanh lại nơi đây. Ba loại nghiệp quả ấy là gì? Đó là thân làm hạnh lành, miệng nói hạnh lành, ý nghĩ hạnh lành. Ba loại nghiệp này do quả báo thuần thục nên khi thân hoại mạng chung, sanh đến nơi này". Lại nghĩ: "Nguyện rằng, nếu ở nơi này sau khi chết, ta sẽ sanh vào nhân gian. Khi ta đã thọ sanh ở nhân gian, lại tu các hạnh lành về thân, miệng, ý... Do thân, miệng, ý tu các hạnh lành nên sau khi thân hoại rồi, thì sanh trở lại nơi này". Nghĩ như vậy xong họ liền nghĩ đến ăn. Khi họ nghĩ muốn ăn, thì ở ngay trước mặt liền có các đồ đựng báu tự nhiên tràn đầy vị cam lộ cõi trời nhiều màu khác nhau. Trong các Thiên tử, vị nào có nghiệp thù thắng thì vị cam lộ màu rất trắng trong; vị Thiên tử nào quả báo bậc trung thì vị cam lộ màu hơi đỏ; vị Thiên tử nào có phước đức bậc hạ thì vị cam lộ màu hơi đen. Khi ấy, các vị Thiên tử dùng tay bốc các vị cam lồ bỏ vào miệng. Vị cam lộ ấy khi đã vào miệng dần dần tự tiêu hóa. Giống như sữa hay váng sữa đem đặt trên lửa liền tự tiêu mất, không đông lại được. Cũng giống như thế, vị cam lộ trời bỏ vào miệng thì tự nhiên tiêu hóa. Ăn vị ấy rồi, nếu khi nào khát nước, thì liền ngay ở trước mặt có đồ chứa báu cõi trời đựng đầy rượu trời, tùy theo phước bậc thượng, trung, hạ mà hợp với màu trắng, đỏ, đen... *như trước*... khi uống vào miệng, cũng tự tiêu mất như vậy. Lúc ấy, các vị Thiên tử đó, ăn uống xong, thân liền to lớn; thô tế, cao thấp giống như các Thiên tử và Thiên nữ sanh trước.

Chư Tỳ-kheo, các Thiên tử, Thiên nữ ấy khi đã trưởng thành, ai nấy tùy theo ý mình đều có chỗ đi đến. Họ đi đến ao nước, lội vào trong ao, tắm rửa sạch sẽ, vui vẻ tận hưởng; xong ra khỏi ao, lại đến cây Hương, cành cây Hương kia tự nhiên uốn cong xuống, từ trong cành cây tuôn ra các thứ hương thơm, chảy vào trong tay. Các Thiên tử dùng thoa vào thân, thoa vào thân rồi, lại đến cây Y phục. Khi ấy cây Y phục cũng cúi xuống, ngay ở trong cành lại tuôn ra các thứ y phục tuyệt đẹp, thả xuống tận tay, các Thiên tử lấy mặc vào. Mặc y phục rồi, họ đến cây Anh lạc. Cây cúi xuống tới tay đeo vào khắp thân... *như trước*... Trang nghiêm nơi thân rồi, họ lại đến cây Tràng hoa. Cây ấy cúi xuống, tuôn ra các loại tràng hoa tuyệt diệu. Các vị trời ấy lấy cài lên đầu rồi lại đến cây Đồ dùng. Cây ấy tuôn ra các loại đồ dùng quý báu để họ tùy ý lấy dùng. Sau đó họ đi đến rừng quả, đựng đầy các loại trái

cây, hoặc ăn, hoặc vắt nước uống. Xong, họ lại đến các cây Âm nhạc, cây cũng cúi xuống, tự nhiên hiện hóa các loại nhạc khí, tùy ý mà lấy, hoặc đờn, hoặc gõ, hoặc ca, hoặc múa, âm thanh tuyệt vời, khiến người ưa nghe. Bấy giờ họ lại đi vào các khu vườn; đã vào vườn rồi liền thấy vô lượng vô biên trăm ngàn ức số thiên ngọc nữ. Các vị Thiên tử ấy khi chưa thấy Thiên nữ thì có sự thấy biết về nghiệp báo đời trước: "Ta từ chỗ ấy sanh đến nơi này. Thân ta nay thọ quả báo như thế, là vì nghiệp đã thuần thục". Ngay khi ấy họ hiểu rõ tất cả, nhớ việc đời trước như nhìn vào lòng bàn tay. Do thấy Thiên nữ, mê đắm sắc đẹp, tâm chánh niệm tỉnh thức ấy liền diệt, mất đi sự nhớ nghĩ về đời trước, vướng mắc vào ái dục hiện tại, nên miệng thốt lên: "Đây đều là Thiên ngọc nữ ư? Thiên ngọc nữ ư?" Đó gọi là bị dục ái trói buộc.

Chư Tỳ-kheo, đó gọi là ba thứ hạnh lành cần phải tu tập.

Chư Tỳ-kheo, trong mỗi tháng có sáu ngày Ô-bô-sa-tha (đời Tùy gọi là Tăng thượng, nghĩa là thọ trì phép chay tịnh tăng trưởng căn lành). Trong nửa tháng đầu có mười lăm ngày, trong nửa tháng sau cũng có mười lăm ngày. Hai lần nửa tháng đều có ba ngày chay. Ba ngày chay của nửa tháng đầu là gì? Đó là ngày mồng tám, mười bốn và ngày rằm trong tháng. Nửa tháng sau cũng có ba ngày chay như nửa tháng trước. Vì sao trong mỗi nửa tháng đều có ba ngày chay thọ trì trai giới? Chư Tỳ-kheo, hai lần nửa tháng đều có tám ngày, ngay trong những ngày ấy, bốn Đại thiên vương tập hợp những quyến thuộc, bảo với tất cả rằng: "Các ngươi đi xem khắp bốn phương ở trong thế gian, có người tu hành, hiếu thuận, phụng dưỡng mẹ cha, cung kính Sa-môn, Bà-la-môn chăng? Tôn trọng các bậc Tôn trưởng chăng? Tu hành bố thí, thọ trì giới cấm chăng? Giữ gìn bát quan trai giới và sáu ngày chay chăng?" Khi ấy, nghe Tứ thiên vương dạy như vậy rồi, các vị sứ giả kia phụng mệnh Thiên vương, liền xuống xem khắp nẻo nhân gian, ai hành hiếu hạnh phụng dưỡng mẹ cha? Ai cung kính Sa-môn và Bà-la-môn? Lại có con cái nhà ai cung kính phụng sự bậc Tôn trưởng; chăm sóc, tôn sùng, lễ phép, nhường nhịn? Ai hành bố thí, ai thực hiện sáu ngày chay? Ai trì tám giới cấm? Ai giữ giới hạnh? Lúc bấy giờ sứ giả lần lượt xem khắp thế gian, thấy trong loài người, ít ai thường xuyên hiếu thuận phụng dưỡng mẹ cha, ít ai thường xuyên vâng lời, tôn trọng Sa-môn; ít ai thường xuyên cung kính các Bà-la-môn kỳ cựu hữu đức; đối với các bậc Trưởng lão, ít ai cung kính; bố thí thì chút đỉnh, ăn chay thì thưa thớt, giữ giới thì bất toàn, điều răn cấm thì khiếm khuyết.

Lúc ấy Thiên sứ thấy đầy đủ rồi, ngay trong ngày ấy, trở về chỗ Tứ thiên vương tâu: "Đại vương thẩm xét, tất cả loài người trong thế gian, phần nhiều không hiếu dưỡng, phụng sự cha mẹ, phần nhiều cũng không cung kính Sa-môn, Bà-la-môn, phần nhiều không kính trọng các bậc Sư tăng, Tôn trưởng kỳ cựu có đức, phần nhiều cũng không có người tu hành bố thí, thọ trì lục trai, phần nhiều cũng không có người phụng hành giới cấm, giữ bát quan trai".

Bấy giờ Tứ thiên vương nghe các Thiên sứ tâu rồi, tâm ý buồn rầu chẳng vui, bảo các sứ giả: "Nếu quả các người ở thế gian như vậy, thì thật là điều chẳng lành. Vì sao? Vì tuổi thọ ở nhân gian rất là ngắn ngủi, ít thời gian ở tại cõi đời, nên phải tu các điều thiện để khi chuyển qua đời sau được an lạc. Nhưng tại sao nay số người ấy không có nhiều người làm điều hiếu dưỡng với mẹ cha... *cho đến* không thể giữ sáu ngày chay, phụng hành tám giới cấm, thọ trì thân khẩu? Điều này làm tổn giảm lớn các Thiên chúng của ta, lại làm tăng thêm dòng giống A-tu-la".

Chư Tỳ-kheo, còn nếu người thế gian phần nhiều thực hành hiếu thuận, phụng dưỡng cha mẹ, tôn trọng Sa-môn, Bà-la-môn, kính phụng bậc Kỳ cựu, chăm lo tu bồi lễ nghĩa, nhường nhịn, thực hành tốt việc bố thí, ưa thọ trì sáu ngày chay, siêng năng vun bồi phước nghiệp, thường giữ tám giới cấm, tu hành như vậy, tương tục không dứt thì lúc ấy Thiên sứ đi tuần sát thấy rồi, tâu với Tứ thiên vương: "Đại vương thẩm xét! Loài người ở thế gian, phần nhiều có hiếu thuận, phụng dưỡng mẹ cha, phần nhiều cung kính Sa-môn, Bà-la-môn và các bậc Tôn trưởng, ưa làm việc bố thí, siêng tu trai giới".

Lúc ấy Tứ đại thiên vương nghe lời tâu này của các Thiên sứ rồi tâm rất hoan hỷ, phấn chấn vô cùng, bảo: "Rất tốt! Rất tốt! Các người ở thế gian có thể tu như vậy là điều lành rất lớn. Vì sao? Vì số người ở thế gian kia, mạng sống ngắn ngủi, chẳng bao lâu sẽ chuyển đến một thế giới khác. Nay đây, tại cõi nhân gian ấy, họ luôn hiếu dưỡng với cha mẹ, phụng sự Sa-môn và Bà-la-môn, tôn kính bậc Kỳ lão, tu hành đức lễ phép, khiêm nhường; phần nhiều ưa bố thí, trì trai giới, như vậy sẽ tăng được vô lượng quyến thuộc cho chư Thiên, làm tổn giảm dòng giống A-tu-la".

Chư Tỳ-kheo, vì sao vào ngày mười bốn và ngày ba mươi của mỗi tháng thì có những ngày chay? Chư Tỳ-kheo, vào ngày mười bốn và ba mươi của mỗi tháng này cũng giống như trước, Tứ thiên vương gọi Thái

tử, sai xuống nhân gian quán sát việc thiện ác. Việc thiện ít thì buồn rầu, việc thiện nhiều thì vui mừng. *Đầy đủ như đoạn Thiên sứ đã nói trên, chỉ khác là Thái tử tự mình đi.*

Chư Tỳ-kheo, vì sao mười lăm ngày trong mỗi nửa tháng lại có những ngày chay? Chư Tỳ-kheo, vào những ngày ấy, Tứ thiên vương xuống thế gian đích thân quan sát việc thiện ác, biết nhiều hay ít rồi, liền đi đến Thiện pháp đường, nơi chư Thiên tụ tập bàn luận. Ở ngay trước pháp đường, mặt hướng về trời Đế-thích tâu đầy đủ các việc thiện ác, nhiều, ít, trái, thuận ở thế gian. Bấy giờ trời Đế-thích nghe nói người thế gian tu phước ít lại buồn rầu, bực tức chẳng vui. Vì sao như thế? Vì Thiên chúng giảm xuống, chúng A-tu-la lại nhiều thêm. Nếu nghe người nhân gian hành động đúng pháp nhiều thì tâm hoan hỷ, phấn chấn vô cùng, nói thế này: "Các Thiên chúng của ta dần dần sẽ tăng thêm, chúng A-tu-la dần dần sẽ giảm xuống".

Chư Tỳ-kheo, do vậy sáu ngày mà chư Thiên xuống xem thiện ác ở nhân gian nên tu trai giới, gọi đó là ngày chay.

❑

KINH KHỞI THẾ

QUYỂN VIII

Phẩm 8: TAM THẬP TAM THIÊN 3

Chư Tỳ-kheo, như khi các ngoại đạo, hoặc Ba-lợi-bà-la-xà-ca, hoặc những người khác đến chỗ các vị và hỏi: "Này các Trưởng lão, do nhân duyên gì có một hạng người bị các phi nhân khủng bố? Lại có hạng người chẳng bị các phi nhân khủng bố?" Nếu các ngoại đạo hỏi như vậy thì các vị nên trả lời như thế này: "Này các Trưởng lão, có nhân duyên này: Ở trong thế gian có hạng người làm điều phi pháp, bên trong có tà kiến và nhận thức điên đảo. Họ chuyên làm mười pháp bất thiện, nói việc bất thiện, nghĩ việc bất thiện, tà kiến, điên đảo. Vì gây mười điều bất thiện như vậy nên chư thần bảo hộ đời sống dần dần rời bỏ họ. Những hạng người như thế, nếu có trăm hoặc ngàn thần, chỉ lưu lại một vị bảo hộ một cách lơ là, như bầy dê, bầy trâu cả trăm ngàn con mà chỉ để một người chăn. Ở đây cũng vậy, vì thần bảo hộ ít, nên thường bị hàng phi nhân khủng bố. Còn có hạng người thực hành chánh pháp, chẳng hành tà kiến, không nhận thức điên đảo; vì họ làm mười điều thiện, chánh kiến, chánh ngữ, tu hành nghiệp thiện như vậy, nên từng người một đều có vô lượng, hoặc trăm, ngàn chư thần bảo hộ. Do nhân duyên ấy, những người này không bị hàng phi nhân khủng bố. Thí như nhà vua và đại thần của vua, tùy theo từng người mà có trăm, ngàn thần hộ sanh bảo vệ.

Chư Tỳ-kheo, ở nhân gian, nếu có những dòng họ thế nào thì trong hàng phi nhân cũng có tất cả dòng họ như thế.

Chư Tỳ-kheo, nhân gian có các nơi cư trú như núi, rừng, sông, hồ, quốc, ấp, thành quách, ao, đầm, thôn xóm, làng mạc, thì trong cõi phi nhân cũng có tên gọi núi rừng, thành ấp, nhà cửa như thế, kể cả những

nơi chốn đứng ngồi của vua, quan đại thần.

Chư Tỳ-kheo, tất cả ngã tư đường, nơi giao lộ, nơi bờ ruộng, đường làng quanh co, nơi làm thịt sinh vật, và các hang núi đều có các thần, không đâu là không có, và cũng là chỗ ở của các loài phi nhân. Lại nữa, hang hốc, gò cao, mồ mả, núi rừng, nơi vất tử thi, con đường mà tất cả loài thú dữ đi qua đều có phi nhân cư trú nơi ấy. Tất cả cây rừng cao đến một tầm, vòng thân một thước đều có chư thần ở trên đó, coi như nhà ở.

Chư Tỳ-kheo, tất cả nam nữ ở thế gian, từ khi sanh cho đến về sau, đều có chư thần luôn luôn đi theo, chẳng từng rời bỏ, chỉ trừ khi làm các điều ác và khi mạng sống sắp dứt mới bỏ mà đi... *như trên đã nói.*

Chư Tỳ-kheo, châu Diêm-phù-đề có năm việc hơn cõi Cù-đà-ni: Một là mạnh khỏe, hai là chánh niệm, ba là chỗ Phật xuất hiện ở đời, bốn là nơi tu tập các nghiệp, năm là chốn tu tập phạm hạnh. Châu Cù-đà-ni có ba việc hơn cõi Diêm-phù-đề: Một là nhiều trâu bò, hai là nhiều dê, ba là nhiều Ma-ni báu. Châu Diêm-phù-đề có năm việc hơn cõi Phất-bà-đề... *cũng như trên*. Châu Phất-bà-đề có ba việc hơn Diêm-phù-đề: Một là châu rất rộng lớn, hai là đâu đâu cũng có bãi sông, ba là châu rất đẹp đẽ. Châu Diêm-phù-đề có năm việc hơn cõi Uất-đơn-việt *như trên đã nói.* Châu Uất-đơn-việt có ba việc hơn cõi Diêm-phù-đề: Một là người cõi ấy không có ngã và đối tượng của ngã, hai là thọ mạng rất lâu, ba là người cõi ấy có hạnh thù thắng. Châu Diêm-phù-đề có năm việc hơn cõi Diêm-ma-thế... *như trên đã nói*... cõi Diêm-ma-thế có ba việc hơn châu Diêm-phù-đề: Một là thọ mạng lâu dài, hai là thân hình cao lớn, ba là có cơm áo tự nhiên. Người cõi Diêm-phù-đề có năm việc hơn tất cả Rồng, Kim sí điểu... *như trước đã nói*. Các Rồng và Kim sí điểu có ba việc hơn người cõi Diêm-phù-đề: Một là thọ mạng lâu dài, hai là thân hình to lớn, ba là cung điện rộng rãi. Người cõi Diêm-phù-đề có năm việc hơn A-tu-la... *như trên đã nói*. A-tu-la có ba việc hơn người cõi Diêm-phù-đề: Một là thọ mạng lâu dài, hai là hình sắc đẹp đẽ, ba là được hưởng sung sướng nhiều. Ba việc như vậy, rất là thù thắng.

Chư Tỳ-kheo, trời Tứ thiên vương có ba việc tốt đẹp: Một là cung điện cao, hai là cung điện tốt đẹp, ba là cung điện có ánh sáng rực rỡ. Trời Ba mươi ba có ba việc tốt đẹp: Một là sống lâu, hai là hình sắc đẹp đẽ, ba là nhiều thú vui. Giống như vậy, trời Dạ-ma, trời Đâu-suất-đà,

trời Hóa lạc, trời Tha hóa tự tại, trời Ma thân... nên biết đều có ba việc tốt đẹp như trời Ba mươi ba, hơn cõi Diêm-phù-đề, *như trên đã nói*. Châu Diêm-phù-đề có năm việc hơn chư Thiên, Rồng, *như trên đã nói*, các vị nên biết.

Chư Tỳ-kheo, ở trong ba cõi có ba mươi tám chủng loại chúng sanh. Chư Tỳ-kheo, trong cõi Dục có mười hai loại, trong cõi Sắc có hai mươi hai loại và trong cõi Vô sắc có bốn loại. Chư Tỳ-kheo, mười hai chủng loại trong cõi Dục là gì? Đó là Địa ngục, Súc sanh, Ngạ quỷ, Người, A-tu-la, trời Tứ thiên vương, trời Ba mươi ba, trời Dạ-ma, trời Đâu-suất-đà, trời Hóa lạc, trời Tha hóa tự tại, trời Ma thân. Hai mươi hai chủng loại trong cõi Sắc là gì? Đó là trời Phạm thân, trời Phạm phụ, trời Phạm chúng, trời Đại phạm, trời Quang, trời Thiểu quang, trời Vô lượng quang, trời Quang âm, trời Tịnh, trời Thiểu tịnh, trời Vô lượng tịnh, trời Biến tịnh, trời Quảng, trời Thiểu quảng, trời Vô lượng quảng, trời Quảng quả, trời Vô tưởng, trời Vô phiền, trời Vô não, trời Thiện kiến, trời Thiện hiện, trời A-ca-nị-tra. Trong cõi Vô sắc có bốn chủng loại là trời Không vô biên, trời Thức vô biên, trời Vô sở hữu, trời Phi tưởng phi phi tưởng.

Chư Tỳ-kheo, ở trong thế gian có bốn loại mây. Đó là mây trắng, mây đen, mây đỏ, mây vàng. Chư Tỳ-kheo, trong bốn loại mây này, nếu là loại sắc trắng thì có nhiều địa giới, nếu là loại sắc đen thì có nhiều thủy giới, nếu là loại sắc đỏ thì có nhiều hỏa giới, nếu là loại sắc vàng thì có nhiều phong giới. Các vị nên biết như thế.

Chư Tỳ-kheo, thế gian lại có bốn loại thần lớn. Đó là thần lớn địa đại, thần lớn thủy đại, thần lớn hỏa đại, thần lớn phong đại.

Chư Tỳ-kheo, đã từng có một thời, đại thần địa đại, khởi lên ác kiến, tâm tự nghĩ: "Ở trong địa giới không có thủy, hỏa, phong giới". Chư Tỳ-kheo, ngay khi ấy, Ta đến chỗ vị thần kia bảo: "Này địa thần, tâm ngươi thật có ác kiến cho rằng trong địa giới không có ba đại thủy, hỏa, phong chăng?" Vị thần kia trả lời với Ta: "Bạch Thế Tôn, đúng vậy". Ta lại bảo: "Này địa thần, chớ khởi ác kiến như thế. Vì sao? Vì trong địa giới này thật ra đều có đầy đủ thủy, hỏa, phong giới, nhưng ở trong đó địa giới nhiều hơn, vì vậy được gọi là địa đại".

Chư Tỳ-kheo, Ta có thể biết đại thần địa đại khởi lên ý nghĩ như vậy nên dứt trừ cái kiến thức thiên lệch kia, khiến vị thần ấy sanh tâm hoan hỷ, ngay trong các cấu uế đạt được pháp nhãn thanh tịnh, chứng quả ngộ đạo, không còn bị mê lầm trói buộc, vượt thoát nghi ngờ, chẳng còn

phiền não, không theo giáo pháp khác, thuận hành theo pháp. Vị ấy đã thưa với Ta: "Bạch Đại Đức Thế Tôn, nay con xin quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng. Bạch Đại Đức Thế Tôn, từ nay về sau, con luôn luôn phụng trì giới Ưu-bà-di cho đến mạng chung, không sát sanh, không trộm cắp và không làm điều phi pháp... Cúi xin Phật, Pháp, Tăng hộ trì cho con được thanh tịnh".

Chư Tỳ-kheo, lại vào một thời, đại thần thủy đại khởi lên ác kiến cũng nghĩ thế này: "Ở trong thủy giới không có địa giới, hỏa giới, phong giới". Ta biết ý nghĩ ấy liền đi đến bảo vị thần kia: "Có thật ngươi có ý nghĩ như vậy chăng?" Đáp: "Quả đúng như vậy". Ta lại bảo: "Ngươi chớ khởi lên ác kiến như thế. Ở trong thủy giới này có đầy đủ địa giới và hỏa, phong giới nhưng vì nước có nhiều hơn nên được gọi là thủy đại".

Cứ như vậy cho đến hỏa thần, phong thần đều có kiến chấp ấy. Phật đã biết hết, đều đến hỏi rõ. Họ đều đáp: "Bạch Thế Tôn, quả đúng như vậy". Phật khai thị ý nghĩa như trước. Họ đều được tỏ ngộ, quy y Tam bảo, thuận hành theo pháp... *như trên*. Đại thần địa đại dứt trừ nghi hoặc, đi đến chỗ Phật...

Chư Tỳ-kheo, đó là đại thần của bốn đại.

Chư Tỳ-kheo, thế gian có mây từ dưới đất bay lên không trung, có đám lên đến một câu-lô-xá thì dừng lại, hoặc có đám lên đến hai hoặc ba câu-lô-xá thì dừng lại, cho đến có đám lên tới sáu, bảy câu-lô-xá mới dừng. Chư Tỳ-kheo, hoặc có đám mây bay lên không trung đến một do-tuần thì dừng lại, hoặc hai, ba, bốn, năm, sáu, bảy do-tuần thì dừng lại. Chư Tỳ-kheo, hoặc lại có đám mây bay lên không trung một trăm do-tuần thì dừng lại, hoặc đến hai, ba, bốn, năm, sáu, bảy trăm do-tuần thì dừng lại, hoặc lại có đám mây từ đất bay lên không trung hàng ngàn do-tuần thì dừng lại, cho đến hai, ba, bốn, năm, sáu, bảy ngàn do-tuần thì dừng lại, cho đến khi kiếp tận.

Chư Tỳ-kheo, hoặc có lúc ngoại đạo Ba-lợi-bà-la-xà-ca đi đến chỗ các vị, hỏi thế này: "Thưa chư Trưởng lão, do nhân duyên gì trong mây trên hư không có âm thanh?" Này các Tỳ-kheo, các vị nên trả lời: "Có ba nhân duyên, vì va chạm nhau nên trong đám mây có âm thanh phát ra. Này các Trưởng lão, hoặc có lúc vì phong giới cùng với địa giới ở trong mây va chạm nhau nên phát ra âm thanh. Vì sao? Thí như hai cành cây cọ vào nhau liền có lửa phát ra. Chư Trưởng lão, đó là nhân duyên thứ nhất phát ra âm thanh. Hoặc có lúc phong giới cùng với thủy

giới ở trong mây va chạm nhau nên phát ra âm thanh, cũng như trên đã nói. Đó là nhân duyên thứ hai phát ra âm thanh. Lại nữa, chư Trưởng lão, hoặc có lúc phong giới cùng với hỏa giới ở trong mây va chạm nhau liền phát ra âm thanh... *cho đến* thí như hai cây cọ xát vào nhau thì phát ra lửa. Đó là nhân duyên thứ ba phát ra âm thanh". Nên trả lời như vậy. Chư Tỳ-kheo, các vị nên phân biệt rộng rãi như thế để biết.

Chư Tỳ-kheo, hoặc có lúc ngoại đạo Ba-lợi-bà-la-xà-ca đến chỗ các vị hỏi thế này: "Thưa các Trưởng lão, do nhân duyên gì mà trong mây trên hư không bỗng nhiên phát sanh ánh chớp?" Này chư Tỳ-kheo, các vị nên trả lời như vầy: "Này chư Trưởng lão, có hai nhân duyên trong mây nên trên hư không phát ra ánh chớp. Một là phương Đông có luồng điện tên là Kháng hậu, phương Nam có luồng điện tên là Thuận lưu, phương Tây có luồng điện tên là Đọa quang minh, phương Bắc có luồng điện tên là Bách sanh thọ. Chư Trưởng lão, hoặc có lúc phương Đông phát ra luồng điện lớn Kháng hậu cùng với luồng điện Đọa quang minh ở phương Tây chạm nhau, đối nhau, xát nhau, đánh nhau, vì vậy từ trong đám mây ở trên hư không kia phát ra ánh sáng lớn gọi là ánh chớp, đó là nhân duyên thứ nhất phát ra ánh chớp. Lại nữa, này chư Trưởng lão, hoặc là luồng điện lớn Thuận lưu ở phương Nam cùng với luồng điện lớn Bách sanh thọ ở phương Bắc chạm nhau, đối nhau, xát nhau, đánh nhau, vì vậy phát ra ánh sáng chớp. Thí như gió thổi hai cây cọ xát nhau bỗng nhiên xẹt lửa, rồi trở lại vị trí cũ. Đây là nhân duyên thứ hai từ trong đám mây phát ra ánh chớp.

Chư Tỳ-kheo, ở trong hư không, có năm nhân duyên có thể ngăn cản mưa, khiến cho nhà xem thiên văn chẳng lường biết được, càng thêm nghi hoặc, như là ghi nhận trời chắc chắn sẽ mưa nhưng lại không mưa. Năm nhân duyên ấy là gì? Chư Tỳ-kheo, hoặc có lúc ở trong hư không, mây đùn sấm động phát ra các thứ tiếng rền ầm ầm, hoặc phát ra ánh chớp, hoặc có gió thổi khí lạnh đến, các thứ như thế đều là hiện tượng sinh mưa. Các người đoán thời tiết và các nhà thiên văn đều tin chắc rằng lúc ấy nhất định phải mưa. Ngay lúc đó, vua A-tu-la La-hầu-la ra khỏi cung điện, liền dùng hai tay vốc đám mây có mưa kia ném vào trong biển. Chư Tỳ-kheo, đây là nhân duyên thứ nhất ngăn cản mưa mà nhà thiên văn và người đoán thời tiết chẳng thấy chẳng biết, tâm sanh nghi hoặc vì ghi nhận là trời chắc chắn mưa nhưng rốt cuộc không mưa.

Chư Tỳ-kheo, hoặc lại có lúc, hư không nổi mây, trong mây cũng

phát ra các tiếng ầm ầm rền vang... cũng phát ra ánh chớp, cũng có gió thổi khí lạnh đến, khi ấy, nhà thiên văn và người đoán thời tiết thấy hiện tượng ấy rồi tin chắc lúc ấy trời nhất định mưa. Ngay khi đó, sức tăng trưởng của hỏa giới phát sanh, nên trong tức khắc, mây tự nhiên tan hết. Đây là nhân duyên thứ hai cản mưa mà nhà thiên văn và người đoán thời tiết chẳng thấy, chẳng biết, tâm sanh nghi hoặc vì ghi nhận là trời chắc chắn mưa mà lại chẳng mưa.

Chư Tỳ-kheo, hoặc lại có lúc hư không nổi mây, trong mây cũng phát ra các thứ tiếng ầm ầm rền vang..., cũng phát ra ánh chớp, cũng có gió thổi khí lạnh đến. Lúc đó nhà thiên văn và người đoán thời tiết thấy hiện tượng ấy rồi, cho là trời chắc chắn sẽ mưa. Nhưng ngay khi ấy, vì sức tăng trưởng nhanh của phong giới phát sanh, đủ sức thổi mây đưa đến sa mạc Ca-lăng-già, hoặc đưa tới vùng sa mạc Đàn-trà-ca, hoặc đưa đến vùng sa mạc Ma-đăng-già, hoặc đưa đến vùng đồng trống, hoặc đưa đến vùng sa mạc Ma-liên-na. Đây là nhân duyên thứ ba ngăn cản mưa mà nhà thiên văn và người đoán thời tiết chẳng thấy, chẳng biết, tâm sanh nghi hoặc, vì cho là trời chắc chắn mưa mà lại không mưa.

Chư Tỳ-kheo, hoặc có lúc hư không nổi mây, trong mây cũng phát ra các tiếng ầm ầm vang rền... cũng phát ra ánh chớp và có gió thổi khí lạnh đến. Các nhà đoán thời tiết cho là trời chắc chắn mưa, nhưng các vị thần có trách nhiệm coi mưa, có lúc chểnh mảng, vì sự chểnh mảnh ấy nên mây kia không mưa xuống được đúng lúc, đã chẳng mưa xuống đúng lúc nên mây kia tự tan hết. Đây là nhân duyên thứ tư ngăn cản mưa, vì các lý do đó nên các nhà thiên văn tâm sanh nghi hoặc, vì cho là trời chắc chắn mưa nhưng lại không mưa.

Chư Tỳ-kheo, hoặc có lúc bầu trời nổi mây, trong mây cũng phát ra những tiếng rền ầm ầm... phát ra ánh chớp lớn, gió thổi khí lạnh đến. Các nhà thiên văn cho là chắc chắn sẽ mưa, nhưng tất cả dân chúng nơi cõi Diêm-phù này, trong đó có nhiều người không làm đúng như pháp, ưa đắm các thứ dục lạc, tham lam, keo kiệt, ganh ghét, tà kiến trói buộc. Các hạng người ấy, vì làm việc ác, vì quen làm điều phi pháp nên mê đắm dục lạc, vì tham lam, ganh ghét nên trời không mưa. Chư Tỳ-kheo, đây là nhân duyên thứ năm ngăn cản mưa.

Trong đây có bài kệ tự thuyết:

Hoa pháp sắc thọ mạng
Y phục và mua bán

Cưới gả, Tam-ma-đề
Và bốn loại ăn uống
Thực hành hai kỳ chay
Trên dưới gọi ba cõi
Sắc mây và chư Thiên
Câu-lô-xá, sấm dậy.

M

Phẩm 9: CHIẾN ĐẤU

Chư Tỳ-kheo, Ta nhớ thuở xưa có thời chư Thiên và A-tu-la đánh nhau kịch liệt. Bấy giờ trời Đế-thích bảo với các thủ lãnh trời Ba mươi ba rằng: "Chư Nhân giả, chư Thiên các ngươi, nếu cùng với A-tu-la đánh nhau thì nên trang bị và giữ gìn tốt vũ khí. Nếu chư Thiên thắng, A-tu-la bại, thì các ngươi phải bắt sống vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la, dùng năm sợi dây trói lại, dẫn đến trước Thiện pháp đường nơi chư Thiên hội họp". Chư Thiên trời Ba mươi ba nghe Đế-thích truyền lệnh đều tuân hành. Lúc ấy vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la cũng bảo các A-tu-la thế này: "Nếu khi chư Thiên cùng với A-tu-la đánh nhau, mà chư Thiên bại, thì các ngươi tức khắc bắt sống vua trời Đế-thích, dùng năm sợi dây trói lại, dẫn đến chỗ hội họp của các A-tu-la là Thất đầu để đứng trước ta". Các chúng A-tu-la cũng làm theo lời dặn bảo.

Chư Tỳ-kheo, vào thời ấy, vua trời Đế-thích đánh thắng, liền bắt sống vua A-tu-la, dùng năm sợi dây trói lại, dẫn đến trước Thiện pháp đường, nơi chư Thiên hội họp, đứng hướng mặt về trời Đế-thích.

Khi ấy nếu vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la khởi lên ý nghĩ thế này: "Cầu cho các A-tu-la đều được an lành. Ta nay không dùng các A-tu-la nữa. Ta sẽ ở lại đây, cùng một chỗ với trời Ba mươi ba, đồng hưởng vui thú, rất vừa ý ta". Vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la khi khởi lên ý nghĩ này liền thấy năm sợi dây cột thân tự mở ra, các thú vui năm dục ở cõi trời đều hiện ra trước. Nhưng nếu khi vua khởi lên ý nghĩ thế này: "Ta nay không dùng trời Ba mươi ba, cầu cho chư Thiên đều được an lành. Ta muốn trở về cung của A-tu-la". Khi khởi lên ý nghĩ như thế thì năm sợi dây trên thân liền siết chặt lại, các thú vui năm dục bỗng nhiên biến mất.

Chư Tỳ-kheo, vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la có các sự trói buộc vi tế như vậy, thì các sự trói buộc của Ma lại càng vi tế hơn thế. Vì sao? Chư Tỳ-kheo, khi tư duy tà vạy liền bị trói buộc, khi tư duy chân chánh liền được giải thoát. Vì sao? Chư Tỳ-kheo, tư duy có ngã là tư duy tà vạy, tư duy không có ngã cũng là tư duy tà vạy. Cho đến tư duy về ngã là thường còn, ngã là không thường còn; có sắc, không có sắc; có tưởng, không có tưởng và chẳng phải có tưởng, chẳng phải không có tưởng... đều là tư duy tà vạy.

Chư Tỳ-kheo, những tư duy tà vạy này là ung nhọt, là ghẻ lở,

giống như tên độc. Trong đó, nếu có người đa văn đạt trí tuệ của bậc Thánh thì biết tư duy tà vạy như bệnh, như ghẻ lở, như ung nhọt, như mũi tên; nghĩ như thế rồi, giữ vững tâm nơi sự nhớ nghĩ chân chánh, chẳng theo sự vận hành của tâm, khiến tâm chẳng động, được nhiều lợi ích.

Chư Tỳ-kheo, nếu nghĩ có ngã tức là nghĩ tà, tức là hữu vi, tức là hí luận; nếu nghĩ là không có ngã cũng là hí luận, cho đến có sắc, không sắc; có tưởng, không tưởng; chẳng phải có tưởng, chẳng phải không có tưởng đều là hí luận.

Chư Tỳ-kheo, đã có hí luận đều là bệnh, như ung nhọt, như ghẻ lở, giống như tên độc. Trong đó có người đa văn đạt đến trí tuệ bậc Thánh biết các tội lỗi của hí luận này rồi, thì ưa sự không hý luận, giữ tâm vắng lặng, được nhiều lợi ích.

Chư Tỳ-kheo, Ta nhớ thuở xưa, có vua trời Đế-thích, khi muốn đánh nhau với A-tu-la, trời Đế-thích bảo với chư Thiên trời Ba mươi ba chung quanh thế này: "Chư Tôn giả, các vị phải trang bị tốt binh khí nơi thân thể. Nay các A-tu-la muốn đến đánh. Nếu chư Thiên thắng thì phải bắt sống vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la, dùng năm sợi dây trói lại, dẫn đến trước Thiện pháp đường, nơi hội họp của chư Thiên khiến ra mắt ta". Chư Thiên trời Ba mươi ba nhận mệnh lệnh của trời Đế-thích, y theo lời dặn mà làm. Vua A-tu-la cũng ra lệnh như vậy.

Chư Tỳ-kheo, ở trận đánh ấy, chư Thiên đắc thắng, liền dùng năm sợi dây trói vua A-tu-la dẫn đến trước Thiện pháp đường. Lúc ấy, vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la đã bị năm sợi dây trói, đang ở trước chúng trời, thấy trời Đế-thích vào Thiện pháp đường, đến chỗ ngồi an tọa, liền thốt ra lời ác, mắng nhiếc hủy nhục vị Thiên chủ đủ lời. Lúc ấy có vị hầu cận trời Đế-thích tên là Ma-đa-ly, thấy vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la đứng trước chúng thốt lời hung ác, mắng nhiếc Thiên chủ liền dùng kệ bạch với Đế-thích:

Trời Đế-thích xấu hổ, sợ hãi
Vì không thế lực nên chịu nhịn
Nghe lời mắng thô ác như thế
Đều nhận lãnh hết không dám nói.

Đế-thích dùng kệ đáp lại Ma-đa-ly:

Chẳng phải xấu, sợ mà chịu nhịn
Chẳng phải không sức đối Tu-la

Ai có thể mưu cầu như ta
Đâu được đồng với kẻ vô trí.

Ma-đa-ly lại dùng kệ bạch Thiên chủ:

Nếu chẳng nghiêm khắc quở trách nặng
Kẻ ngu đầy dẫy lại tăng thêm
Nên phải bẻ dẹp kẻ vô trí
Giống như sợ roi bò bỏ chạy.
Nếu nay thả nó được bình yên
Trở về chốn cũ lại kiêu mạn
Vì vậy người trí phải ra oai
Biểu hiện sức mạnh chế ngu si.

Trời Đế-thích lại dùng kệ đáp Ma-đa-ly:

Việc này từ lâu ta đã biết
Vì để chế phục bọn ngu si
Nếu họ dùng sân hận mắng nhiếc
Ta nghe, chịu đựng tự chế tâm.

Ma-đa-ly lại dùng kệ bạch Đế-thích:

Vua trời Đế-thích xin nghĩ kỹ
Nhẫn nhục như thế là có hại
Vì kẻ ngu kia mắng như thế
Cho là vì sợ không dám đáp.

Đế-thích lại lần nữa dùng kệ đáp Ma-đa-ly:

Đám ngu si kia, theo ý họ
Cho là ta sợ nên làm thinh
Nếu mong thân luôn được lợi ích
Thì nên vì họ, thường nhẫn nhục.
Theo ý ta khi thấy họ mắng
Chẳng nên với sân lại khởi sân
Nếu dùng sân báo trả lại sân
Chiến đấu như vậy khó được thắng.
Nếu bị kẻ khác gây bực tức
Có chí nhẫn được thật là khó
Nên biết nhẫn này là sức mạnh
Người nhẫn như vậy đáng ngợi khen.
Hoặc ta, hoặc người phàm khởi tâm
Đều cầu mong lìa chỗ đáng sợ

Người khác nổi sân mắng nhiếc ta
Chẳng nên sanh oán đối với họ.
Đối với chính mình hoặc tha nhân
Cả hai đều nên làm lợi ích
Đã biết mình bị người sân mắng
Nên làm cho sân tự tiêu tan.
Như vậy hai bên, tâm lợi ích
Cả mình, lẫn người đều thành tựu
Ý niệm người kia là ngu si
Đó là do họ không biết pháp.
Như các trượng phu có sức lớn
Luôn vì kẻ vô lực nhẫn nhịn
Với người vô lực, nhẫn chẳng sân
Người nhẫn như vậy được khen ngợi.
Người kia không có sức trí tuệ
Lấy sức ngu si làm sức mạnh
Tâm ngu si nên vứt bỏ pháp
Những người như vậy hạnh không chánh.
Họ dùng ngu si cầu hơn ta
Sân giận mắng nhiếc phát lời thô
Nhẫn được ác kia, thì thường thắng
Nhẫn ấy tăng lên khó nói đủ.
Người thắng nói năng e chẳng xét
Với họ, sợ oán nên mới nhẫn
Nghe người dưới mắng mà nhẫn nhục
Nhẫn này được người trí ngợi khen.

Chư Tỳ-kheo, các vị nên biết, trời Đế-thích lúc bấy giờ chính là Ta. Vào thuở ấy, Ta làm vua trời Ba mươi ba, giáo hóa tự tại, thọ phước báo tốt đẹp, mặc dù hưởng mọi diệu lạc nhưng thường nhẫn nhục, cũng khen ngợi hạnh nhẫn, ưa hạnh ôn hòa mềm mỏng, lại không sân giận, cũng luôn ngợi khen người không sân giận. Chư Tỳ-kheo, các vị tự nói là trong sự tu hành có tâm tin hiểu, bỏ tục xuất gia, tinh cần chẳng biếng trễ. Nên các vị muốn đối với các chúng sanh khác, thân tu hành nhẫn nhục khen ngợi sự nhẫn nhục từ bi thuận hợp, thường hành an lạc, diệt trừ sân hận, khen người không sân thì các vị phải phát khởi sự tu học như vậy.

Chư Tỳ-kheo, Ta nhớ thuở xưa, chúng trời cùng với các A-tu-la,

mỗi bên đều trang bị binh khí muốn đánh nhau. Bấy giờ Đế-thích bảo với Thiên chúng: "Chư Nhân giả, nếu A-tu-la cùng chư Thiên đánh nhau, khi chư Thiên đắc thắng thì các ngươi nên dùng năm sợi dây trói vua A-tu-la lại... *như trước đã nói*...". Chư Thiên vâng lệnh. Vua A-tu-la cũng làm như vậy, ra lệnh cho chúng quân binh. Chư Tỳ-kheo, lúc giao chiến, vua A-tu-la thắng, vua trời Đế-thích không địch nổi phải lui về. Xe vua cưỡi khi ấy là chiếc ngự xa dễ điều khiển, bánh có ngàn căm, muốn hướng thẳng về cung trời, nhưng có một cây đại thọ tên là Cư-tra-xà-ma-lê chắn đường, Kim sí điểu lót ổ trên cây ấy đã sanh các trứng. Đế-thích thấy rồi bảo với Ma-đa-ly, người đánh xe:

Ma-đa-ly! Trên cây có trứng
Vì ta, quay xe lại tránh xa
Thà bị Tu-la làm mất mạng
Chứ đừng phá hoại tổ chim này.

Khi ấy Ma-đa-ly, người đánh xe giỏi, nghe vua trời Đế-thích dạy như vậy, liền quay chiếc ngự xa dễ điều khiển, bánh có ngàn căm, trở lại chạy thẳng đến cung A-tu-la.

Chư Tỳ-kheo, các chúng A-tu-la lúc bấy giờ thấy xe Đế-thích bỗng nhiên quay lại, đều cho là Đế-thích có mưu lược đặc biệt nên trở lại đánh nhau với mình. Chúng A-tu-la nhân đó rút lui toàn bộ, trở về cung mình.

Chư Tỳ-kheo, lúc ấy, do nhân duyên từ bi của Đế-thích mà chư Thiên chuyển bại thành thắng, A-tu-la phải thua.

Chư Tỳ-kheo, nên biết, trời Đế-thích thuở ấy chính là Ta. Chư Tỳ-kheo, thuở ấy Ta làm vị Đại thiên chủ, lãnh đạo trời Ba mươi ba, cai trị giáo hóa tự tại, hưởng phước báo tốt đẹp, vẫn luôn luôn thương yêu tất cả chúng sanh, vì sự sanh tồn của chúng mà khởi lòng từ bi, làm điều lợi ích. Tỳ-kheo các vị, vì lòng tin mà xuất gia, phải làm lợi ích cho tất cả chúng sanh.

Chư Tỳ-kheo, Ta nhớ thuở xưa, chư Thiên và A-tu-la muốn đánh nhau. Bấy giờ Đế-thích bảo với vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la: "Nhân giả, bây giờ chúng ta nên thu hết vũ khí. Trong chúng chư Thiên và A-tu-la đều có kẻ sáng suốt, trí tuệ, hai bên chúng ta nên nói về pháp nghĩa, hoặc thiện, hoặc ác. Nhưng ai dùng lời thiện nhiều hơn sẽ thắng". Khi ấy Thiên chủ và A-tu-la nhường cho nhau nói trước. Lúc đó vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la liền lên tiếng trước, hướng về trời Đế-

thích nói kệ:

Kẻ ngu si quá mức
Quyết phải quở trách nặng
Bẻ dẹp kẻ vô trí
Như bò sợ roi chạy
Ngu si không có trí
Thật khó chế ngự ngay
Vì vậy dùng roi mạnh
Mau dứt si, mạn kia.

Vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la hướng về trời Đế-thích nói kệ này xong, chúng A-tu-la và các quyến thuộc đều rất hoan hỷ, khen ngợi, phấn khởi. Đế-thích, chư Thiên và quyến thuộc đều đứng im lặng.

Vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la bảo Đế-thích: "Đại thiên vương nên nói kệ".

Bấy giờ Thiên vương hướng đến A-tu-la nói kệ:

Ta thấy rõ việc này
Không muốn giống người si
Người ngu tự khởi sân
Người trí ai tranh cùng?

Vua trời Đế-thích nói kệ ấy xong, chư Thiên trời Ba mươi ba và các quyến thuộc đều khen ngợi, vui mừng phấn khởi. Các A-tu-la và quyến thuộc đều đứng lặng thinh.

Đế-thích bảo vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la: "Nhân giả, hãy nói tiếp lời đi!" Khi ấy, A-tu-la hướng đến Thiên chủ nói kệ:

Im lặng, ý nhẫn nhục
Đế-thích! Ta cũng thế
Ngu si khi tranh thắng
Nói ta sợ nên nhẫn.

Vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la nói kệ ấy rồi, các A-tu-la và quyến thuộc đều hân hoan, vui mừng khen ngợi. Đế-thích, chư Thiên và quyến thuộc đều đứng lặng thinh. Vua A-tu-la cũng bảo Đế-thích: "Thưa Thiên chủ, đến lượt ngài biện thuyết về lời tốt đúng như pháp". Bấy giờ, trời Đế-thích hướng đến A-tu-la nói kệ:

Người ngu theo ý mình
Bảo nhẫn là sợ sệt

Cho đây cầu tự lợi
Còn kia chẳng lợi ích
Ta bảo kia làm ác
Chẳng nên sân với sân
Với sân nên làm thinh
Đánh vậy thì thường thắng.
Nếu bị người xúc não
Có sức thường nhẫn được
Nên biết người nhẫn này
Đứng trên các hạnh nhẫn.
Không kể mình hay người
Đều cầu lìa chỗ sợ
Nếu biết người ghét mình
Với họ không nên sân
Hai bên đều lợi ích
Cho là mình như người
Nếu người sân mắng nhiếc
Sân mình tự tiêu tan
Đối mình hoặc với người
Cả hai đều được lợi.
Ý người nghĩ ngu si
Là do không biết pháp
Nếu người có sức mạnh
Nhẫn được người yếu đuối
Nhẫn này là tối thắng
Không có nhẫn nào hơn.
Kẻ kia không trí tuệ
Chỉ có sức ngu si
Vì ngu si bỏ pháp
Nên tự mất chánh hạnh.
Ngu si tự khoe thắng
Sân hận phát lời ác
Nhẫn được xúc não ấy
Đó là được thắng lợi.
Sợ người mạnh mà nhẫn
Nhẫn ấy sợ sanh oán
Đối kẻ yếu nhẫn được

Nhẫn này người trí khen.

Vua trời Đế-thích thuyết kệ ấy xong, chư Thiên trời Ba mươi ba và các quyến thuộc khen ngợi, phấn khởi vô cùng. Chúng A-tu-la đều làm thinh. Khi ấy, trong hàng chư Thiên, những vị có trí tuệ, đều nhóm lại một chỗ bàn luận so sánh các bài kệ này, suy nghĩ tường tận, xem xét suy tầm, rồi cùng khen ngợi như thế này: "Chư Nhân giả, nay trời Đế-thích khéo nói ý nghĩa về sự cai trị giáo hóa, tất cả đều không có dao gậy, roi vọt, cũng không tranh cãi, đánh đấm, hủy nhục, oán thù, cũng không kiện cáo và mong cầu báo trả. Lại đối với sanh tử có sự nhàm chán, cầu xa lìa dục, vì sự tịch diệt, vì sự tĩnh lặng, vì chứng đắc thần thông, vì chứng đắc quả Sa-môn, vì thành tựu Chánh giác đắc Niết-bàn. Chư Nhân giả, những bài kệ của vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la đã nói không có lời tốt đẹp như thế. Tất cả những lời ấy chỉ có dao gậy, roi vọt, gai góc, độc địa, hủy nhục, tranh cãi, đánh đấm, kiện tụng, oán thù, mong cầu đáp trả. Lại trưởng dưỡng sanh tử, không có nhàm chán tham đắm ái dục, chẳng nghĩ về hạnh tĩnh lặng tịch diệt, chẳng cầu thần thông và quả Sa-môn, chẳng cầu Chánh giác và Đại Niết-bàn. Chư Nhân giả, những bài kệ của vua trời Đế-thích đã nói, gọi là lời nói thiện. Những bài kệ của vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la đã nói, chẳng phải là lời nói thiện. Chư Nhân giả, những bài kệ của vua trời Đế-thích đã nói là lời nói thiện, đúng là lời nói thiện. Những bài kệ của vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la đã nói chẳng phải là lời nói thiện, nhất định chẳng phải là lời nói thiện".

Chư Tỳ-kheo, các vị nên biết! Trời Đế-thích thời ấy chính là Ta. Chư Tỳ-kheo, lúc đó Ta là vua trời Đao-lợi cai trị giáo hóa tự tại, thọ hưởng phước lạc, còn nói lời thiện để làm dụng cụ chiến đấu. Vì do lời thiện nên chiến đấu thường thắng. Tỳ-kheo các thầy đã được ở trong giáo pháp nói lời thiện của Ta, lắng tâm lìa tục, bỏ nhà xuất gia, tu hạnh tinh tấn. Các vị nếu muốn tìm hiểu lời thiện, lời ác trong giáo pháp để nắm lấy nghĩa lý thì nên biết như thế.

Chư Tỳ-kheo, Ta nhớ thuở xưa, chư Thiên vương... và A-tu-la khi đánh nhau, vua trời Đế-thích đánh dẹp Tu-la, sau khi đã chiến thắng, tạo dựng cung điện đẹp đẽ, chiều Đông Tây rộng năm trăm do-tuần, chiều Nam Bắc hai trăm năm mươi do-tuần. Chư Tỳ-kheo, bên ngoài cung điện đẹp đẽ ấy, có một trăm nơi phòng ngự; ở mỗi nơi phòng ngự có bảy lầu gác, đều dùng bảy báu tạo thành; trong mỗi lầu gác, thiết trí bảy phòng; trong mỗi phòng đặt bảy cái giường; trên mỗi cái giường có

bảy ngọc nữ; mỗi ngọc nữ lại có riêng bảy người hầu gái. Vua trời Đế-thích cùng các ngọc nữ và người hầu nữ, chẳng có việc gì làm, chỉ tận hưởng mọi diệu lạc thù thắng. Đồ ăn uống, cần dùng như hương hoa, áo quần, tất cả mọi vật dụng để vui chơi, đều tùy theo nghiệp đời trước mà hưởng được phước báo. Chư Tỳ-kheo, trong cõi Tam thiên đại thiên thế giới, với các cung trời hiện có, không có cung điện nào bằng cung điện đẹp đẽ ấy của vua trời Đế-thích.

Lúc đó, vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la suy nghĩ: "Ta có sức mạnh và uy đức như thế, cung điện mặt trời, mặt trăng và trời Ba mươi ba, tuy ở trên ta, vận hành cùng khắp, nhưng sức của ta có thể nắm lấy làm vòng đeo tai, đi khắp các nơi, chẳng bị trở ngại". Đã có một lúc, vua A-tu-la La-hầu-la, trong lòng giận dữ, chứa đầy phiền não độc hại, ý chẳng vui vẻ, liền nghĩ đến vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la. Khi đó vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la nghĩ thế này: "Vua A-tu-la La-hầu-la nay nghĩ đến ta" và liền tự nghĩ đến các tiểu vương A-tu-la cùng các A-tu-la quyến thuộc dưới quyền thống lãnh của mình. Lúc đó các tiểu vương và các A-tu-la kia biết vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la nghĩ đến mình, ai nấy đều chuẩn bị các loại binh khí kéo đến chỗ vua. Đến nơi rồi, đứng yên ở phía trước. Bấy giờ, vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la tự mặc áo giáp, cầm gậy, vội vàng lên xe, cùng với các tiểu vương và quân sĩ, vây quanh sau trước kéo đến chỗ vua A-tu-la La-hầu-la. Vua A-tu-la La-hầu-la lại nghĩ đến hai vị vua A-tu-la là Dũng Dược và Huyễn Hóa. Cùng lúc, hai vua này biết được ý nghĩ ấy rồi, lại cũng nghĩ giống như vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la là nghĩ đến các tiểu vương của mình và chúng thuộc hạ. Ai nấy đều biết rồi, cũng khẩn trương chuẩn bị vũ khí, hướng đến chỗ hai vua. Đến nơi, tất cả đều cùng kéo tới chỗ vua A-tu-la La-hầu-la tự trang bị đủ các loại vũ khí tùy thân, cùng ba vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la, Dũng Dược, Huyễn Hóa và tiểu vương, quyến thuộc của ba vua ấy, vây quanh sau trước, từ thành A-tu-la lũ lượt ra đi, muốn cùng với chư Thiên Đao-lợi đánh nhau một trận quyết liệt.

Bấy giờ, hai vua Rồng lớn là Nan-đà và Ưu-ba-nan-đà từ cung đi ra, dùng thân quấn quanh núi Tu-di bảy vòng, tức thì làm núi rung động; động rồi lại động, động lớn, động khắp; rung rồi lại rung, rung lớn, rung khắp; phun rồi lại phun, phun lớn, phun khắp, dùng đuôi đập biển, làm cho một khối nước vọt lên hư không lên tận đỉnh Tu-di.

Chư Tỳ-kheo, liền ngay khi ấy, Thiên chủ Đế-thích bảo các Thiên chúng: "Chư vị Nhân giả, các vị có thấy đại địa này rung động như vậy

không? Hư không đen nghịt giống như mây có mưa, lại như sương mù dày đặc. Ta biết chắc rằng, nay A-tu-la muốn cùng với chư Thiên đánh nhau".

Lúc ấy, ở trong biển, các Rồng tại chỗ đều rời cung mình, cầm các loại gậy gộc, trang bị tề chỉnh, ra ngay trước A-tu-la cùng chúng chiến đấu. Nếu thắng thì đuổi chúng lui thẳng về cung. Nhưng không thắng nên sợ hãi chạy lui, rồi cùng đến gặp Dạ-xoa Địa Cư. Đến nơi, nói rằng: "Các vị nên biết, các A-tu-la muốn đánh chư Thiên. Nay, các ngươi nên cùng chúng ta đến chỗ ấy giúp nhau đánh phá". Dạ-xoa nghe xong liền chuẩn bị vũ khí cùng các Rồng kéo đi, cùng đánh nhau với A-tu-la. Nếu thắng thì đuổi chúng đi, nhưng không thắng nên sợ hãi chạy lui, rồi cùng đi đến ra mắt Dạ-xoa Bát thủ. Đến nơi, thưa rằng: "Các vị biết chăng? Các A-tu-la muốn đánh chư Thiên. Các ngài nên đến cùng chúng tôi tương trợ nghinh chiến". Bát thủ nghe xong, cũng chuẩn bị vũ khí, cùng kéo đi... *cho đến*... thua chạy, rồi lại cùng đến báo với Dạ-xoa Trì phát rồi cũng bỏ chạy như trên... đến báo với Dạ-xoa Thường túy, cũng chuẩn bị gậy gộc và cùng với Trì phát... hiệp lực chiến đấu. Nếu đắc thắng thì đuổi bọn chúng về cung, nhưng do thất bại nên sợ hãi rút lui, rồi đến yết kiến Tứ đại thiên vương. Đến nơi, tâu với Tứ thiên vương: "Tứ vương thẩm xét! Nay các A-tu-la muốn đánh với chư Thiên. Các ngài nên cùng với chúng tôi tương trợ đánh cho chúng tan tác". Khi ấy Tứ thiên vương nghe Thường túy nói liền vội vàng cầm các loại vũ khí lên xe mà đi... *cho đến*... chạy lui, chẳng thể hàng phục. Lúc đó Tứ thiên vương bèn cùng nhau lên Thiện pháp đường, nơi chư Thiên nhóm họp, bàn luận tâu với Đế-thích: "Thiên vương nên biết, các A-tu-la nay tụ tập muốn đánh chư Thiên, xin nên đến đó đánh nhau với chúng". Trời Đế-thích nghe Tứ thiên vương nói như vậy thì chấp thuận, liền triệu một vị trời Ma-na-bà bảo rằng: "Này Thiên tử, ngươi đến đây! Nay ngươi có thể đến trời Tu-dạ-ma rồi sang trời Đâu-suất-đà, trời Hóa lạc, trời Tha hóa tự tại. Đến nơi, vì ta mà tâu với các Thiên vương thế này: 'Chư Thiên các ngài, chắc các ngài đã biết, nay A-tu-la muốn đánh với chư Thiên, Thiên vương các ngài cần phải tương trợ, cùng đến chỗ ấy chiến đấu với chúng'". Ma-na-bà nghe lời của Đế-thích xong liền đi đến trời Tu-dạ-ma tâu đầy đủ sự việc.

Thiên vương Tu-dạ-ma nghe lời tâu của Thiên sứ trời Đế-thích là Ma-na-bà liền nghĩ đến tất cả Thiên chúng trong cõi trời Tu-dạ-ma. Khi ấy Thiên chúng biết ý nghĩ của Thiên vương rồi, đều khẩn trương mặc

áo giáp, mang vũ khí, nhảy lên loại xe ở cõi trời, cùng nhau kéo đến chỗ Thiên vương. Đến rồi, đứng yên ở trước. Cùng lúc, Thiên vương Tu-dạ-ma cũng tự thân mặc loại áo giáp báu đẹp ở cõi trời, cầm các gậy báu, cùng với đông đủ vô lượng trăm ngàn vạn các Thiên tử vây quanh, đi xuống, đến trên đỉnh núi chúa Tu-di, tại phía Đông núi, cắm cờ khó hàng phục toàn màu xanh, tựa vào đỉnh núi.

Lúc ấy Thiên sứ Ma-na-bà liền trở lên trời Đâu-suất-đà. Đến nơi, vị ấy tâu với Thiên vương cõi Đâu-suất: "Thiên vương nên biết! Thiên vương Đế-thích có lời báo trình: 'Các A-tu-la muốn đánh với chư Thiên, xin chư Thiên cùng đến tương trợ, góp sức chiến đấu, khiến chúng thối lui'". Trời Đâu-suất-đà nghe lời ấy rồi, liền nghĩ đến đại chúng chư Thiên của mình. Chư Thiên ấy biết rồi, liền tụ tập đến chỗ của Đại thiên vương. Đến nơi, ai nấy đều dốc sức cầm vũ khí, nhảy lên xe cùng với vô lượng trăm ngàn vạn Thiên chúng, kéo nhau đi xuống, cùng lúc vân tập ở đỉnh núi Tu-di, tại phía Nam, cắm cờ khó hàng phục toàn màu vàng, tựa vào đỉnh núi.

Thiên sứ Ma-na-bà lại đi đến trời Hóa lạc, tâu với vị trời ấy: "Thiên vương nên biết! Trời Đế-thích sai tôi đến báo với ngài rằng: 'Các A-tu-la muốn đánh chư Thiên... tâu đầy đủ như trước... *cho đến* trời ấy cùng với vô lượng trăm ngàn vạn chúng Thiên tử, đều trang bị vũ khí, nhảy lên các thứ xe, cùng nhau kéo xuống, đến đỉnh núi Tu-di, tại phía Tây núi, cắm cờ khó hàng phục, toàn một màu đỏ, tựa vào đỉnh núi.

Cũng như thế, lên báo với Thiên vương Tha hóa tự tại... *như trước đã nói*... Khi ấy Thiên chúng của vị trời kia trang bị vũ khí hơn trời Hóa lạc, cùng với vô lượng trăm Thiên tử, vô lượng ngàn Thiên tử, vô lượng trăm ngàn Thiên tử, vây quanh kéo xuống, đến núi Tu-di, tại phía Bắc, cắm cờ khó hàng phục toàn màu trắng, tựa vào đỉnh núi.

Bấy giờ trời Đế-thích thấy chư Thiên các cõi trên đều vân tập, liền nghĩ đến Dạ-xoa ở hư không. Khi ấy các chúng Dạ-xoa ở hư không đều nghĩ: "Thiên vương Đế-thích đã nghĩ đến chúng ta". Biết như vậy rồi, chúng Dạ-xoa liền bảo nhau cùng mặc giáp, cầm gậy, trang bị dụng cụ tùy thân, xong xuôi, nhảy lên các loại xe, đi đến trước Đế-thích đứng sang một bên. Trời Đế-thích lại nghĩ đến các Tiểu thiên vương cùng quyến thuộc của chư Thiên trời Ba mươi ba. Khi biết ý nghĩ ấy, họ đều mặc giáp, trang bị vũ khí, nhảy lên các loại xe, đến trước Thiên vương. Lúc ấy, Đế-thích mặc các loại áo giáp và trang bị vũ khí, nhảy lên các

loại xe, cùng với Dạ-xoa Hư không và các tiểu vương trời Ba mươi ba, vây quanh trước sau, ra khỏi thiên cung muốn cùng với A-tu-la đánh nhau một trận quyết liệt.

Chư Tỳ-kheo, khi đánh nhau với A-tu-la các Thiên chúng ấy sử dụng nhiều loại vũ khí như: đao, tên, giáo, côn, vồ, chày, tên nhọn kim cang, tên bắn đối mặt, tên như cái đục, tên nhọn bọc sắt, tên như răng trâu, tên nhọn như lá Ca-lăng-già, tên nhọn li ti, tên nổ. Những loại vũ khí ấy có nhiều màu sắc đẹp đẽ, đều là vàng, bạc, lưu ly, pha lê, xích châu, xa cừ, mã não... bảy báu tạo thành. Dùng những loại dao gậy này, từ xa phóng đến xuyên suốt thân A-tu-la mà chẳng bị hại, trên thân của chúng cũng lại chẳng thấy thương tích, chỉ do nhân duyên xúc chạm nên chịu thống khổ.

Chư Tỳ-kheo, các A-tu-la, khi đánh với chư Thiên có các loại vũ khí, sắc loại giống như của chư Thiên, cũng do bảy báu tạo thành, đâm vào thân chư Thiên, cũng đều xuyên qua, mà không có thương tích, chỉ do nhân duyên xúc chạm nên chịu thọ các thống khổ.

Chư Tỳ-kheo, khi chư Thiên ở cõi Dục cùng với chúng A-tu-la đánh nhau, còn có các loại vũ khí như vậy, huống hồ là vũ khí của loài người tại thế gian.

❑

KINH KHỞI THẾ

QUYỂN IX

Phẩm 10. KIẾP TRỤ

Chư Tỳ-kheo, thế gian đặc biệt có ba loại trung kiếp. Một là đao binh, hai là đói khát, ba là dịch bệnh. Thế nào gọi là trung kiếp đao binh? Chư Tỳ-kheo, kiếp đao binh là loài người lúc bấy giờ không có chánh hạnh, chẳng nói như pháp, tà kiến, điên đảo, cùng làm đầy đủ mười nghiệp bất thiện. Chúng sanh khi ấy chỉ thọ mười tuổi. Chư Tỳ-kheo, khi con người thọ mười tuổi như vậy, con gái sanh ra mới năm tháng là đã có chồng, giống như ngày nay mười lăm, mười sáu tuổi gả về nhà chồng. Bấy giờ, chất đất sanh tô du, sanh tô, đường tảng, đường cát thơm, đến khi ấy, tất cả đều biến mất chẳng hiện ra nữa. Lại nữa, dân chúng kia khi thọ mười tuổi, toàn dùng thứ lông thô của loài dê đen làm áo, giống như áo Ca-thi-ca-kiều-xa-da, áo Sô-ma-tăng, áo Độ-cứu-la, áo Câu-lộ-ma-ta, áo Kiếp bối, áo Cam-bà-la-bảo, ngày nay xem là rất tốt đẹp, áo thô bằng lông kia cũng được cho là như vậy. Thời bấy giờ, con người chỉ ăn hạt cỏ giống như người ngày nay ăn gạo thơm... cho là thức ăn ngon. Lại được cha mẹ thương yêu, cầu được mười tuổi, cho là thượng thọ, cũng như ngày nay cầu sống trăm tuổi.

Chư Tỳ-kheo, lúc con người thọ mười tuổi, có những chúng sanh bất hiếu với cha mẹ, chẳng kính Sa-môn, Bà-la-môn, chẳng kính bậc cao niên, nhưng những vị này cũng được người khác cúng dường, phụng sự, khen ngợi, tôn trọng giống như người tu hành giáo pháp ngày nay, danh dự không khác. Vì sao? Vì nghiệp của họ là như vậy.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, lúc con người thọ mười tuổi không có tiếng lành, cũng chẳng ai tu tập mười nẻo nghiệp thiện, phần nhiều tất cả đều tạo nghiệp bất thiện. Chúng sanh thấy nhau đều sanh tâm độc hại,

chém giết, không còn ý niệm thương yêu nhường nhịn. Như ngày nay, đám thợ săn ở những chỗ núi, đầm trống vắng trông thấy các loại cầm thú, chỉ khởi tâm độc ác, giết hại.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, vào thời ấy, dụng cụ trang sức của tất cả dân chúng đều là dao, gậy. Cũng như người đời nay dùng tràng hoa, bông tai, vòng cổ, xuyến, nhẫn, trâm để trang sức, người thời ấy dùng dao, gậy cũng lại như vậy.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, vào lúc trung kiếp sắp hết, trong vòng bảy ngày, tất cả dân chúng, tay chạm vào vật gì như là cỏ, cây đất cục, ngói đá, đều biến thành dao, gậy, mũi rất nhọn hơn người chế tạo. Ai nấy giành nhau giật lấy, giết hại lẫn nhau. Trong vòng bảy ngày, giết nhau chết hết, nhân đó mạng chung đều đọa vào đường ác, thọ khổ nơi địa ngục. Vì sao? Vì họ đối với nhau sanh tâm sát hại, tâm ô uế, tâm ác, tâm không lợi ích, tâm không từ bi, tâm không thanh tịnh.

Chư Tỳ-kheo, đó gọi là trung kiếp đao binh.

Chư Tỳ-kheo, thế nào gọi là trung kiếp đói khát? Chư Tỳ-kheo, vào thời kỳ kiếp đói khát, tất cả dân chúng không có người thực hành chánh pháp, chỉ theo tà kiến điên đảo, đều làm đủ mười nghiệp bất thiện. Do nhân duyên ấy, trời không mưa. Do không mưa nên bị đói khổ. Lại không có hạt giống, nhặt xương người làm nghề nghiệp, dùng các loại vỏ nuôi mạng. Thế nào gọi là nhặt xương người làm nghề nghiệp? Chư Tỳ-kheo, trong thời kỳ đói khát, dân chúng khi ấy đều đi khắp nơi, hoặc ngã tư đường, hoặc đường hẻm, thành quách, đại lộ, thâu nhặt xương người hầm lấy nước uống để sống, vì vậy gọi là nhặt xương người làm nghề nghiệp.

Thế nào gọi là dùng các loại vỏ nuôi mạng? Chư Tỳ-kheo, thời kỳ kiếp đói khát, dân chúng khi ấy vì quá đói nên lột các vỏ cây nấu nước uống để tự nuôi sống, vì vậy nên gọi là dùng các loại vỏ cây nuôi mạng.

Chư Tỳ-kheo, chúng sanh khi ấy, sau khi chết đói sẽ đều sanh vào các đường ác, đó là đọa vào cõi Diêm-ma-la, làm thân ngạ quỷ. Vì các chúng sanh kia tham lam ganh ghét, sợ ăn hết thức ăn nên giành nhau cất giấu.

Chư Tỳ-kheo, đó gọi là trung kiếp đói khát.

Chư Tỳ-kheo, thế nào gọi là trung kiếp dịch bệnh? Chư Tỳ-kheo,

dân chúng khi ấy muốn thực hành chánh pháp, muốn nói như pháp, cũng muốn thực hiện sự hiểu biết không điên đảo, cũng muốn thực hành đầy đủ mười nẻo nghiệp thiện. Nhưng vào thời ấy, những người làm đúng như pháp, do vì mười nghiệp bất thiện ở quá khứ của họ vượt hơn quả báo hiện thời nên liền khiến loài phi nhân phóng xả khí tai ương, dịch bệnh hoành hành, đến nỗi nhiều người bị bệnh chết.

Chư Tỳ-kheo, lại nữa, trong thời kỳ dịch bệnh như vậy, lại có vô lượng loài phi nhân ở thế giới khác đến gây các dịch bệnh cho dân chúng ở cõi này. Vì sao? Vì họ phóng dật, làm việc phi pháp, nên các loài phi nhân kia đoạt mất hồn họ, cho họ xúc chạm với điều xấu ác, khiến tâm họ hôn mê, rối loạn; trong đó có nhiều người phước mỏng nên mạng chung. Thí như nhà vua hoặc đại thần của vua, để bảo vệ cho dân ở địa đầu biên giới nên bố trí quân lính canh giữ. Có lúc bỗng nhiên đạo tặc ở phương khác đến, vì lính phòng vệ kia không canh phòng cẩn mật, do có sự chểnh mảng nên bị lũ giặc nhất thời chém giết, hoặc phá nhà cửa, hoặc phá thôn xóm, hoặc hủy làng mạc, dân chúng, thành quách... Vì do phóng dật nên phi nhân ở phương khác đến gây nên dịch bệnh, sinh mạng chết hết. Cũng như vậy, hoặc vào thời gian nọ, loài phi nhân ở phương khác đến gây dịch bệnh. Khi ấy các chúng sanh không làm chuyện phóng dật, nhưng loài quỷ kia quá mạnh đã cưỡng bức, đoạt linh hồn họ, cho họ xúc chạm với điều xấu ác, khiến tâm họ mê man bất loạn; trong đó có nhiều người bị bệnh chết. Thí như nhà vua và các đại thần của vua, vì để bảo vệ các làng mạc nên bố trí quân binh trấn giữ. Hoặc giả sau đó, giặc cướp phương khác đến quấy nhiễu, xâm phạm. Tuy là sự trấn giữ kia không có lơ là, chểnh mảng, vẫn siêng năng cẩn mật canh giữ, nhưng bọn giặc quá mạnh, cưỡng bức gây hại, cũng có thể cùng lúc giết hại nhiều người, hoặc phá nhà cửa của họ, hủy thôn xóm, làng mạc... *như trước*... Chư Tỳ-kheo, ở trong kiếp dịch bệnh, dân chúng bị bệnh, quá đau đớn, mạng chung cũng như vậy. Sau khi mạng chung, họ đều được sanh lên các cõi trời. Vì sao? Vì chúng sanh ấy không có tâm hại nhau, không có tâm não loạn, lại có tâm lợi ích, tâm từ bi, tâm thanh tịnh, cho đến khi sắp mạng chung lại hỏi thăm nhau: "Bệnh của ngươi có thể chịu đựng chăng, ít bị tổn hại chăng? Có ai thoát chăng, có ai khỏi chăng? Có ai có bệnh gì khác chăng?" Chư Tỳ-kheo, do nhân duyên ấy nên họ được sanh lên cõi trời. Đây gọi là trung kiếp dịch bệnh.

Chư Tỳ-kheo, như thế gọi là ba loại trung kiếp của thế gian.

M

Phẩm 11: THẾ TRỤ

Chư Tỳ-kheo, ở trong thế giới có bốn thứ vô lượng chẳng thể lường tính, chẳng thể nêu bày, chẳng thể nghĩ bàn. Hoặc trời, hoặc người, hoặc những vị toán số trong thế gian muốn nắm bắt số lượng ấy, dù trải qua một năm, hoặc trăm năm, ngàn năm, trăm ngàn năm, hoặc ức năm, trăm ngàn ức năm, chẳng bao giờ có thể nắm bắt được. Bốn thứ ấy là gì? Chư Tỳ-kheo, như sự tồn tại của thế giới, điều này chẳng thể tính đếm mà biết được, dù trải qua một năm, một trăm năm, một ngàn năm, trăm ngàn năm, hoặc ức năm, trăm ức năm, ngàn ức năm, trăm ngàn ức năm. Chư Tỳ-kheo, như sự hoại diệt của thế giới sau khi tồn tại cũng chẳng thể tính toán mà biết được, dù trải qua một năm, trăm năm, ngàn năm, trăm ngàn năm, một ức năm, hoặc trăm ức năm, hoặc ngàn ức năm, hoặc trăm ngàn ức năm. Chư Tỳ-kheo, như sự hình thành của thế giới, sau khi hoại diệt, điều này cũng chẳng thể tính toán mà biết được, dù trải qua một năm, trăm năm, ngàn năm, trăm ngàn năm, hoặc ức năm, trăm ức năm, ngàn ức năm, hoặc trăm ngàn ức năm. Chư Tỳ-kheo, như sự tồn tại của thế giới sau khi hình thành, điều này cũng chẳng thể tính toán mà biết được, dù trải qua một năm, trăm năm, ngàn năm, trăm ngàn năm, hoặc một ức năm, trăm ức năm, ngàn ức năm, hoặc trăm ngàn ức năm.

Chư Tỳ-kheo, đó là bốn thứ vô lượng chẳng thể lường tính, chẳng thể nêu bày, chẳng thể nghĩ bàn, hoặc trời, hoặc người, không ai tính toán mà có thể biết được, dù cho trải qua trăm ngàn vạn năm, trăm ngàn vạn ức năm.

Chư Tỳ-kheo, mọi thế giới hiện có ở phương Đông đều chuyển biến trụ rồi hoại, không có thời gian dừng nghỉ, hoặc có sự chuyển thành, hoặc có sự chuyển hoại. Chư Tỳ-kheo, các phương Nam, Tây, Bắc mọi thế giới hiện có đều chuyển biến thành, trụ, hoại cũng lại như thế. Chư Tỳ-kheo, như bánh xe có năm bộ phận, trừ trục ra, chúng xoay chuyển chẳng ngừng, không lúc nào tạm nghỉ, đại khái thế giới cũng như vậy. Lại như cơn mưa mùa hạ, hạt mưa to nối nhau rơi xuống, không dừng nghỉ, cũng thế, sự chuyển biến thành, trụ, hoại của các thế giới ở phương Đông, phương Nam, Tây, Bắc không khi nào dừng, cũng lại như vậy.

Chư Tỳ-kheo, ở trong khoảng thời gian ấy lại có ba tai họa. Một là

tai họa về nước, hai là tai họa về lửa, ba là tai họa về gió. Ở thời kỳ tai họa về lửa, chư Thiên ở cõi trời Quang âm khỏi bị tai họa ấy. Thời kỳ tai họa về nước, chư Thiên ở cõi trời Biến tịnh khỏi bị tai họa ấy. Thời kỳ tai họa về gió, chư Thiên ở cõi trời Quảng quả khỏi bị tai họa ấy. Thế nào là tai họa về lửa? Chư Tỳ-kheo, khi tai họa về lửa khởi lên, các chúng sanh đều có hạnh lành, nói lời như pháp, thành tựu năm kiến không có điên đảo, tu hành đầy đủ mười nẻo nghiệp thiện; đối với thiền vô giác quán, không dụng công tu, tự nhiên chứng đắc. Khi ấy chúng sanh kia dùng sức thần thông, trụ ở trên không, trụ nơi các cõi tiên, trụ nơi các cõi trời, trụ nơi cõi phạm hạnh. Trụ như vậy rồi, thọ cái vui vô giác quán của tầng thiền thứ hai. Chứng biết như vậy, thành tựu trọn vẹn, thân hoại mạng chung, liền sanh vào cõi trời Quang âm. Chúng sanh trong cõi Địa ngục, chúng sanh trong cõi Súc sanh, cõi Diêm-ma-la, cõi A-tu-la, cõi Tứ thiên vương, trời Ba mươi ba, trời Tu-dạ-ma, trời Đâu-suất-đà, trời Hóa lạc, trời Tha hóa tự tại, và trời Ma thân cho đến cõi Phạm, tất cả chúng sanh sanh ở nhân gian đều thành tựu vô giác vô quán, chứng tri mọi sự an lạc, thân hoại mạng chung, liền sanh cõi trời Quang âm. Tất cả sáu đường đều dứt tuyệt. Đây gọi là thế gian chuyển đổi chấm dứt.

Chư Tỳ-kheo, thế nào là thế gian trụ rồi chuyển sang hoại? Chư Tỳ-kheo, vào thời kỳ nọ, thời gian lâu xa vô lượng, thiên hạ bị khô hạn, lại không có mưa, tất cả cỏ cây đều khô cháy, không còn một loại nào. Thí như cỏ lau nhân khi còn non cắt đi, lại không được tưới nước sẽ khô cháy mục nát, chẳng còn lại gì... Chư Tỳ-kheo, trời lâu chẳng mưa, tất cả cỏ cây khô cháy cũng lại như vậy. Chư Tỳ-kheo, các hành cũng vậy, tất cả đều vô thường, chẳng tồn tại lâu dài, chẳng bền chắc, chẳng tự tại, là pháp hoại diệt cần phải nhàm chán, xả ly, mau cầu giải thoát.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, bấy giờ có luồng gió lớn Ca-lê-ca thổi khiến cho tám vạn bốn ngàn do-tuần nước biển lớn dạt ra bốn phía. Ở dưới liền có cung điện lớn mặt trời, lại thổi một mặt trời lên khỏi biển, đặt ở khoảng giữa lưng chừng núi chúa Tu-di, cách đất bốn vạn hai ngàn do-tuần trong quỹ đạo mặt trời. Chư Tỳ-kheo, đó gọi là mặt trời thứ hai của thế gian xuất hiện trên đời, các ao hồ, sông ngòi nhỏ đều khô cạn tất cả không còn cái nào. Chư Tỳ-kheo, tất cả các hành đều vô thường... *như trên đã nói*... nên cầu thoát khỏi.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, như trên đã nói, ngọn gió Ca-lê-ca thổi nước biển lớn, lại đưa cung điện mặt trời đặt trong quỹ đạo mặt trời. Đó

gọi là mặt trời thứ ba của thế giới xuất hiện ở đời. Có bao nhiêu hồ lớn, ao lớn, rạch lớn, sông lớn và vô số sông..., tất cả các sông đều khô cạn không còn cái nào. Các hành cũng thế, tất cả đều vô thường. Cứ lần lượt như vậy, thế gian lại có mặt trời thứ tư xuất hiện. Bấy giờ tất cả hồ lớn, sông lớn như là hồ lớn Thiện hiện, hồ lớn A-na-bà-đạt-đa, hồ lớn Mạn-đà-kỳ-ni, hồ lớn Xà mãn... đều khô kiệt hết, không còn hồ nào. Các hành cũng vậy, tất cả đều vô thường... Cứ lần lượt như vậy, thế gian lại có mặt trời thứ năm xuất hiện. Vào lúc ấy, nước biển lớn dần dần khô cạn, lúc đầu vơi dần ngang tới mắt cá chân, cho đến giảm xuống ngang bằng đầu gối, cho đến nửa thân, cho đến một thân, hai, ba, bốn, năm, sáu, bảy thân, đến đó là khô cạn.

Chư Tỳ-kheo, lúc năm mặt trời xuất hiện, nước biển lớn dần dần vơi xuống bằng nửa cây Đa-la, cho đến một cây Đa-la, hoặc hai, ba, bốn, năm, sáu, bảy cây Đa-la, dần dần lại đến nửa câu-lô-xá, vơi dần khô cạn cho đến nửa do-tuần, một do-tuần, hai, ba, bốn, năm, sáu, bảy do-tuần, dần dần vơi cạn cho đến một trăm do-tuần, ba, bốn, năm, sáu, bảy trăm do-tuần, cứ dần dần vơi...

Chư Tỳ-kheo, lúc năm mặt trời xuất hiện, nước biển lớn lại dần dần vơi một ngàn do-tuần, hai ngàn do-tuần, cho đến ba, bốn, năm, sáu, bảy ngàn do-tuần. Chư Tỳ-kheo, đang lúc thế gian xuất hiện năm mặt trời, nước biển lớn kia còn sót lại... *cho đến* bảy ngàn do-tuần, đến sáu ngàn do-tuần, như vậy cho đến bảy trăm do-tuần, sáu trăm do-tuần, năm, bốn, ba, hai, một trăm do-tuần. Nước còn đọng lại như vậy cho đến bảy do-tuần, hoặc sáu do-tuần, năm, bốn, ba, hai, một do-tuần; hoặc nước còn đọng lại giảm còn bảy câu-lô-xá, sáu câu-lô-xá, năm, bốn, ba, hai, một câu-lô-xá. Chư Tỳ-kheo, khi năm mặt trời xuất hiện trong thế gian, nước biển lớn ấy sâu còn đọng lại bảy cây Đa-la, hoặc sáu cây Đa-la, năm, bốn, ba, hai, một cây Đa-la; hoặc nước còn lại sâu bằng bảy người, hoặc sáu người, năm, bốn, ba, hai, một người, cho đến nửa người, hoặc còn từ gối xuống đến mắt cá. Lại khi năm mặt trời xuất hiện, ở trong biển lớn, hoặc có lúc phần nước còn lại ít ỏi, như mưa mùa thu đọng lại trong vết chân trâu, nước có rất ít. Như vậy, lúc năm mặt trời xuất hiện, nước trong biển lớn cũng ít như thế. Lại nữa, chư Tỳ-kheo, lúc năm mặt trời xuất hiện, trong biển lớn ấy, ở tất cả các nơi, nước khô cạn hết không còn giọt nào, như người bôi mỡ. Chư Tỳ-kheo, tất cả các hành cũng lại như vậy, vô thường chẳng bền lâu, khoảnh khắc tạm thời... *cho đến* nên nhàm chán, nên xả ly, nên cầu giải thoát.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo... *như trước... cho đến* lúc sáu mặt trời xuất hiện ở thế gian, bốn đại châu kia và tám vạn bốn ngàn tiểu châu, tất cả núi lớn, cho đến núi chúa Tu-di đều bốc khói, khói bốc liên tục, như khi người thợ gốm nung đồ dùng, trên đồ dùng, ngọn lửa cùng lúc phựt lên, phựt lên liên tục, ngọn lửa ấy liền bùng lên, phủ kín khắp cả. Như thế, như thế, bốn đại châu kia và các núi lớn bốc khói mãnh liệt, cũng lại như thế... *cho đến*... chư hành vô thường... nên cầu giải thoát.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo... *như trước... cho đến* lúc bảy mặt trời xuất hiện, bốn đại châu ấy, và tám vạn bốn ngàn tiểu châu, tất cả núi lớn cho đến núi Tu-di đều cháy rụi, dưới đất, mạch nước cũng đều khô cạn. Nước đã hết, gió cũng tiêu. Khi ngọn lửa bùng cháy như thế, bảy trăm do-tuần phần trên đỉnh núi chúa Tu-di nhất thời ngã đổ. Lửa ấy càng mạnh, gió thổi lên thiêu đốt cung điện Phạm thiên, nhưng không thể lên đến trời Quang âm. Lúc ấy các Thiên tử ở cõi trời Quang âm sanh sau có mặt ở thế gian, vì chưa biết kiếp thế gian có sự chuyển hoại, chuyển hoại rồi thành và chuyển trụ, nên đều sanh tâm khiếp hãi, kinh ngạc, run sợ, cùng nói với nhau: "Không bao lâu ngọn lửa ấy sẽ thiêu đốt cung điện Quang âm này". Khi ấy các Thiên tử nơi cõi trời Quang âm ở trước tại đó biết rõ sự hoại, thành, trụ của kiếp thế gian nên trấn an các Thiên tử hậu sanh: "Các vị chớ kinh sợ. Vì sao? Các vị nên biết, ngày xưa, có ngọn lửa cũng đến nơi đó". Các Thiên chúng nghe lời ấy rồi, liền nhớ nghĩ về ánh sáng lửa khi xưa, nhớ nghĩ ánh sáng kia chẳng lìa tâm, cho nên mới được tên này, đó là Quang thiên. Lửa kia như thế bùng cháy rất lớn, đỏ rực mãnh liệt, thiêu đốt thành tro không còn lại gì, phải nên ghi nhớ. Chư Tỳ-kheo, các hành cũng thế... *cho đến*... nên cầu thoát khỏi.

Chư Tỳ-kheo, thế gian hoại rồi thành như thế nào? Chư Tỳ-kheo, bấy giờ, lại trải qua thời gian ngày tháng lâu xa vô lượng chẳng thể tính bàn, nổi lên mây dày to lớn đến nỗi che khắp cõi Phạm thiên. Sau khi che khắp, mưa lớn đổ xuống, hạt mưa rất to, hoặc như trục xe, hoặc như cái chày, trải qua nhiều năm, trăm ngàn vạn năm, khối nước mưa kia, dần dần dâng lên, đến chỗ ở của Phạm thiên, nước lênh láng khắp nơi. Nhưng khối nước ấy, có bốn luồng gió giữ lại, một gọi là trụ, hai gọi là an trụ, ba gọi là bất đọa, bốn gọi là kiên cố. Lúc ấy, sau khi mưa dứt, khối nước đó lại tự hạ xuống vô lượng trăm ngàn vạn ức do-tuần. Ngay khi ấy, bốn phương, nhất thời có gió lớn nổi dậy. Gió ấy tên là A-na-tỳ-la, thổi khối nước kia làm sóng nước nổi dậy cuồn

cuộn chẳng dừng; trong nước tự nhiên sanh khối bọt lớn. Khi ấy, gió lớn A-na-tỳ-la thổi khối bọt kia ném lên không trung. Từ trên đó, tạo ra cung điện của các Phạm thiên, đẹp đẽ dễ ưa, do bảy báu xen lẫn tạo thành là vàng, bạc, lưu ly, pha lê, xích châu, xa cừ, mã não. Chư Tỳ-kheo, do nhân duyên ấy mới có cung điện, tường vách đẹp đẽ như thế. Chư Thiên cõi Phạm thân xuất hiện ở thế gian.

Chư Tỳ-kheo, tạo như vậy rồi, khối nước lớn ấy, lại hạ xuống trăm ngàn vạn ức do-tuần... *như trên*... Bốn phương gió nổi dậy, tên là A-na-tỳ-la. Do gió lớn này thổi ném bọt nước tạo thành cung điện nên ở cõi trời Ma thân, tường vách, trụ xứ như trời Phạm thân không có gì khác, chỉ có màu sắc của vật báu thô tế xê xích, sai khác chút ít thôi. Cùng cách ấy, tạo ra cung điện của chư Thiên cõi Tha hóa tự tại, cung điện của chư Thiên trời Hóa lạc; kế đến tạo ra cung điện của chư Thiên cõi Đâu-suất-đà; kế đến tạo ra cung điện của chư Thiên trời Dạ-ma. Cứ như vậy, lần lượt xuất hiện đầy đủ, đều giống như cung điện của chư Thiên cõi Phạm thân, nhưng màu sắc nơi báu vật có khác là dần dần ít thô đi.

Chư Tỳ-kheo, khi ấy, khối nước kia lại dần dần giảm thiểu và hạ xuống vô lượng trăm ngàn vạn ức do-tuần, bỗng nhiên dừng lại. Ở trong khối nước, bốn phía chung quanh tự nhiên sanh bọt, nổi lên mặt nước, dày sáu mươi tám ức do-tuần, rộng lớn vô cùng. Thí như trong suối, ao và hồ đầm, cùng khắp bốn phía đều có bọt nổi, che dày trên mặt nước, đứng yên tại chỗ. Như thế, như thế, này chư Tỳ-kheo, trong khối nước kia, cùng khắp bốn mặt, bọt nổi lên trên dày sáu mươi tám ức do-tuần, rộng lớn vô cùng, cũng lại như vậy.

Chư Tỳ-kheo, luồng gió lớn A-na-tỳ-la thổi bọt nước kia, tức khắc tạo tác núi chúa Tu-di, kế đến tạo thành quách, nhiều màu khả ái, bốn báu tạo thành, đó là vàng, bạc, lưu ly, pha lê. Chư Tỳ-kheo, do nhân duyên ấy, thế gian mới có núi chúa Tu-di xuất hiện rõ ràng. Chư Tỳ-kheo, lại vào thời ấy, gió lớn Tỳ-la thổi bọt nước kia lên đến núi chúa Tu-di, phân ra bốn phía, tạo bốn ngọn núi, mỗi ngọn cao bảy trăm do-tuần, nhiều màu đẹp đẽ, bảy báu hợp thành, đó là vàng, bạc... *cho đến* xa cừ, mã não. Do nhân duyên ấy, thế gian xuất hiện bốn ngọn núi lớn. Gió kia, lần lượt như vậy, thổi bọt nổi trên mặt nước tạo ra cung điện trời Ba mươi ba.

Lại nữa, ở khoảng lưng chừng phía Đông, Tây, Nam, Bắc núi chúa Tu-di, chỗ rộng bốn vạn hai ngàn do-tuần, tạo ra cung điện cho Tứ đại

thiên vương; vách tường, bờ thành đều bằng bảy báu, đẹp đẽ thẳng tắp, nhiều màu dễ xem. Như vậy xong rồi, lúc ấy ngọn gió kia lại thổi bọt nước lên khoảng lưng chừng núi chúa Tu-di, bốn vạn hai ngàn do-tuần, tạo thành cung điện cho Nguyệt Thiên tử; tường thành cao lớn, bảy báu tạo thành, nhiều màu đẹp đẽ. Tạo như vậy rồi, lại thổi nước lớn tạo thành đầy đủ bảy cung điện lớn cho Nhật Thiên tử; thành quách, lầu gác đều do bảy báu tạo thành, vạn phần đẹp đẽ, nhiều màu dễ xem. Do nhân duyên ấy, thế gian mới có cung điện mặt trời ở trong hiện tại. Lại nữa, chư Tỳ-kheo, gió ấy thổi bọt nước kia lên trên núi chúa Tu-di tạo thành ba chỗ thành quách, bảy báu trang nghiêm, nhiều màu đẹp đẽ là các báu: vàng, bạc... *cho đến* xa cừ, mã não. Do nhân duyên đó, thành quách như vậy xuất hiện nơi thế gian.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, gió lớn A-na-tỳ-la thổi bọt ở trên nước biển này cao một vạn do-tuần, tạo cung điện pha lê cho Dạ-xoa trên không; thành quách, lầu gác cũng bằng pha lê. Chư Tỳ-kheo, do nhân duyên ấy, thế gian mới có tường vách, cung điện của Dạ-xoa ở trên không xuất hiện đầy đủ.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, khi ấy, gió lớn A-na-tỳ-la lại thổi bọt nước ở phía Đông, Tây, Nam, Bắc núi chúa Tu-di, mỗi phía cách núi một ngàn do-tuần. Dưới biển lớn, tạo thành bốn mặt thành của A-tu-la, bảy báu trang nghiêm, đẹp đẽ khả ái... *cho đến*... thế gian có thành A-tu-la bốn mặt ấy xuất hiện như vậy.

Lại nữa, gió lớn A-tỳ-na-la thổi bọt nước kia đặt để bên ngoài núi chúa Tu-di, ngay chỗ ấy, lại tạo thành núi lớn, tên là Khư-đề-la-ca. Núi ấy cao rộng, mỗi mặt bốn vạn hai ngàn do-tuần, đều do bảy báu tạo thành, trang nghiêm, đẹp đẽ dễ xem. Chư Tỳ-kheo, do nhân duyên ấy, thế gian mới có núi Khư-đề-la-ca xuất hiện như thế.

Lại nữa, gió lớn A-tỳ-na-la thổi bọt nước kia, đặt ở bên ngoài núi Khư-đề-la-ca, ngay nơi ấy, tạo thành một núi tên là Y-sa-đà-la. Núi ấy cao rộng, mỗi mặt hai vạn một ngàn do-tuần, nhiều màu khả ái, bảy báu tạo thành... *cho đến* các báu như xa cừ, mã não... Chư Tỳ-kheo, do nhân duyên ấy, thế gian mới có núi Y-sa-đà-la xuất hiện như thế.

Lại nữa, gió lớn A-na-tỳ-la thổi bọt nước kia đặt để bên ngoài núi Y-sa-đà-la, cũng tạo thành một ngọn núi ở nơi ấy, tên là Do-càn-đà-la. Núi ấy cao rộng một vạn hai ngàn do-tuần, nhiều màu khả ái... *cho đến* do bảy báu xa cừ, mã não... tạo thành. Chư Tỳ-kheo, do nhân duyên đó, thế gian mới có núi chúa Do-càn-đà-la xuất hiện. Lần lượt như vậy, tạo

thành núi Thiện hiện, cao rộng bằng nhau, sáu ngàn do-tuần. Lại, kế đến tạo thành núi Mã phiến đầu, cao rộng bằng nhau ba ngàn do-tuần. Tiếp theo lại tạo thành núi Ni-dân-đà-la, cao rộng bằng nhau một ngàn hai trăm do-tuần. Kế đến lại tạo thành núi Chước-ca-la, cao rộng bằng nhau ba trăm do-tuần, nhiều màu khả ái, đều là vàng, bạc, lưu ly, pha lê, xa cừ, mã não... bảy thứ báu đẹp đẽ tạo thành, như trước đã nói đầy đủ về sự tạo tác núi Khư-đề-la-ca, không có gì khác. Chư Tỳ-kheo, do nhân duyên đó, thế gian mới có các núi Chước-ca-la... xuất hiện như vậy.

Lại nữa, gió lớn A-na-tỳ-la thổi bọt nước kia phân tán ra rồi đặt để ở bốn phía bên ngoài núi Chước-ca-la, tạo thành bốn châu lớn và tám vạn châu nhỏ, cùng các núi lớn khác. Lần lượt như vậy, tạo tác xong xuôi. Chư Tỳ-kheo, do nhân duyên đó, thế gian mới có bốn châu lớn, tám vạn châu nhỏ và các núi lớn lần lượt xuất hiện.

Lại nữa, gió lớn A-na-tỳ-la thổi bọt nước kia vượt ra ngoài bốn châu lớn, tám vạn châu nhỏ, núi chúa Tu-di và tất cả các núi lớn khác; đặt để vòng quanh, gọi là núi Đại luân vi, cao rộng bằng nhau sáu trăm tám mươi vạn ức do-tuần, thật vững chắc, do kim cương tạo thành, khó thể phá hoại. Chư Tỳ-kheo, do nhân duyên đó, núi Đại luân vi xuất hiện ở thế gian.

Lại nữa, gió lớn A-na-tỳ-la thổi làm xoáy mòn đại địa, dần dần sâu xuống, rồi ngay trong ấy, khối nước lớn bỗng nhiên dồn lại. Chư Tỳ-kheo, do nhân duyên đó, ở trong thế gian lại có biển lớn xuất hiện.

Lại, do nhân duyên gì mà nước biển lớn này mặn chát không thể dùng vào việc ăn uống? Chư Tỳ-kheo nên biết, việc này có ba nhân duyên. Một là từ sau nạn hỏa tai, trải qua thời gian lâu xa vô cùng, nổi mây lớn dày đặc, che kín đứng yên cho đến trời Phạm. Sau đó mưa xuống, hạt mưa rất lớn... *như trước đã nói kỹ*... Nước của cơn mưa lớn ấy rửa tất cả cung điện của trời Phạm thiên. Kế đến lại rửa khắp cung điện của trời Ma, cung điện trời Tha hóa tự tại, cung điện trời Hóa lạc, cung điện trời Đâu-suất-đà, cung điện trời Dạ-ma, rửa đi rửa lại, rửa mãi như thế. Khi rửa, các cung điện ấy có bao nhiêu vị cay, mặn, đắng đều chảy xuống hết. Kế đến lại rửa khắp núi chúa Tu-di, và bốn châu lớn, tám vạn châu nhỏ, các núi lớn khác, núi Luân vi... Khi rửa như vậy, nước ngâm, thấm, chảy, rửa các vị mặn, cay, đắng trong đó, nhất thời đều chảy vào trong biển lớn.

Chư Tỳ-kheo, đó là nhân duyên thứ nhất khiến nước biển lớn

mặn, không thể dùng trong ăn uống được.

Lại nữa, nước biển lớn ấy là chỗ ở của các đại thần, chúng sanh có thân to lớn. Đó là cá, ba ba, rồng, cá rái, giải, cá sấu, tôm, ếch nhái, cung-tỳ-la-đê, ma-da-đê, mị-li-da-đê, mị-đâu, la-đâu, la-kỳ-la... Trong số ấy, hoặc có loài thân một trăm do-tuần, hai trăm do-tuần, ba, bốn, năm, sáu, bảy trăm do-tuần; có những chúng sanh thân to lớn như vậy ở trong đó. Các loại phân tiểu của chúng lưu xuất đều ở trong biển, do nhân duyên này, nước biển mặn, không thể dùng trong ăn uống.

Chư Tỳ-kheo, đó là nhân duyên thứ hai khiến nước biển mặn.

Lại nữa, nước biển lớn ấy, khi xưa chư tiên nhóm họp lại để chú nguyện: "Nguyện cho mi thành vị mặn chẳng thể uống được! Nguyện cho mi thành vị mặn chẳng thể uống được!" Chư Tỳ-kheo, đây là nhân duyên thứ ba khiến nước biển lớn mặn chẳng thể ăn uống được.

Lại nữa, do có nhân duyên gì mà sức nóng khủng khiếp thiêu đốt thế gian? Chư Tỳ-kheo, ngay thời kỳ chuyển kiếp của kiếp sơ thế giới này, khi mới thành hình, gió lớn A-tỳ-na-la thổi dạt sáu cung điện lớn của mặt trời, đều đặt hết ở dưới nước của biển lớn. Đặt vào chỗ nào thì trong địa phận chỗ ấy, khối nước lớn kia tức tốc tiêu hết, chẳng chảy đâu được. Chư Tỳ-kheo, do nhân duyên đó trong thế gian mới có sức nóng kinh khiếp thiêu đốt xuất hiện. Như thế gọi là thế gian chuyển hoại rồi trụ.

Lại nữa, sao gọi là thế gian chuyển hoại thành trụ? Chư Tỳ-kheo, giống như hiện nay thế gian thành rồi trụ lập, nhưng có nạn lửa. Vì sao lại có nạn nước xuất hiện? Chư Tỳ-kheo, thời kỳ kiếp thủy tai, tất cả dân chúng có hạnh như pháp, nói lời như pháp, thành tựu chánh kiến, không có điên đảo, giữ mười hạnh lành. Những người này sẽ đạt được tầng thiền thứ ba Vô hỷ mà chẳng nhọc công sức, không có mệt mỏi, tự nhiên chứng đắc. Khi ấy chúng sanh đó được trụ trong con đường phạm hạnh của chư tiên, chư Thiên trên hư không; được trụ trong ấy rồi, đắc an lạc do lìa hỷ, liền tự khen: "Này chư Nhân giả, vui sướng quá! Vui sướng quá! Tầng thiền thứ ba này vui sướng như thế!"

Bấy giờ tất cả chúng sanh nơi ấy cùng hỏi những chúng sanh đắc thiền ấy. Họ liền đáp: "Lành thay Nhân giả! Đây là tầng thiền thứ ba Vô hỷ, nên biết như thế!" Các chúng sanh kia đã nghe và biết được rồi, lại thành tựu tầng thiền thứ ba Vô hỷ như vậy. Đã thành tựu rồi chứng đắc, chứng đắc rồi tư duy, tư duy rồi an trú, khi thân hoại mạng chung

sanh lên cõi trời Biến tịnh. Như thế, dưới từ cõi Địa ngục, cõi Diêm-ma-la, cõi A-tu-la, trời Tứ thiên vương, cho đến trên chư Thiên Phạm thế, Quang âm, từ đây trở xuống, tất cả chúng sanh, tất cả xứ, tất cả hữu đều dứt hết. Chư Tỳ-kheo, như vậy gọi là thế gian chuyển biến.

Lại nữa, thế nào là thế gian chuyển rồi lại hoại? Chư Tỳ-kheo, trải qua thời gian Tam-ma-da lâu xa vô lượng, mây lớn che khắp, đến nỗi đầy cả cõi trời Quang âm. Từ đây trở xuống, mưa nước tro nóng trải vô lượng năm. Chư Tỳ-kheo, khi nước tro nóng kia mưa xuống, làm tiêu cung điện của trời Quang âm, tất cả đều tiêu diệt hết, không còn hình bóng, mảy may vi trần, có thể nhận biết được. Thí như váng sữa bỏ vào lửa cháy tiêu hết, hoàn toàn không còn dấu vết có thể nghiệm biết được. Như thế, như thế, nước tro nóng kia, khi mưa xuống làm tiêu cung điện của chư Thiên trời Quang âm... cũng lại như vậy, không còn dấu vết gì để có thể biết. Chư Tỳ-kheo, các hành là vô thường, phá hoại ly tán, lưu chuyển tiêu diệt, khoảnh khắc chẳng ngừng cũng y như thế, đáng chán, đáng sợ, nên cầu thoát khỏi.

Chư Tỳ-kheo, các cung điện của chư Thiên, các cõi trời Phạm thân, Ma thân, Hóa lạc, Tha hóa tự tại, Đâu-suất, Dạ-ma... bị mưa tro nóng xối rửa tiêu diệt... *như trên*... giống như váng sữa ném vào lửa nóng tiêu tan hết không còn dấu vết... *cho đến*... tất cả các hành đều vô thường... nên cầu thoát khỏi.

Chư Tỳ-kheo, khi nước tro nóng kia mưa xuống, xối bốn châu lớn, tám vạn châu nhỏ và núi lớn khác, núi chúa Tu-di làm tiêu tan hết không còn vết tích gì có thể biết được... *như trước đã nói rõ*... phải nên nhàm chán. Sự biến đổi như vậy, chỉ riêng người thấy mới có thể tin thôi. Đó gọi là thế gian chuyển rồi để hoại.

Lại nữa, thế nào là chuyển hoại rồi thành? Chư Tỳ-kheo, bấy giờ nổi mây mưa lớn trải qua nhiều năm, nổi gió thổi bọt nước tạo thiên cung ở trên... *cho đến*... như sự việc về nạn lửa, đó là nạn nước.

Lại nữa, vì sao có nạn gió? Chư Tỳ-kheo, khi sắp có nạn gió, tất cả chúng sanh tu hành như pháp, thành tựu chánh niệm, sanh vào tầng thiền thứ tư, cảnh trời Quảng quả. Chúng sanh nơi địa ngục, bỏ thân địa ngục, sanh lại nhân gian, tu hạnh thanh tịnh, thành tựu Tứ thiền cũng y như thế. Các cõi Súc sanh, cõi Diêm-ma-la, cõi A-tu-la, trời Tứ thiên vương, trời Ba mươi ba, trời Dạ-ma, trời Đâu-suất-đà, trời Hóa lạc, trời Tha hóa tự tại, trời Ma thân, chư Thiên Phạm thế, Quang âm, Biến tịnh... đều tu hành thành tựu Tứ thiền... *như trên*... Chư Tỳ-kheo, đó gọi là

thế chuyển.

Vì sao chuyển hoại? Chư Tỳ-kheo, trải qua thời gian Tam-ma-da lâu xa vô lượng, có gió lớn nổi dậy; gió ấy tên là Tăng-già-đa. Chư Tỳ-kheo, gió ấy, trước hết thổi tất cả cung điện của chư Thiên trời Biến tịnh khiến va chạm nhau cho đến hoại diệt, không còn dấu vết có thể nhận biết. Thí như tráng sĩ lấy hai dụng cụ bằng đồng, hai tay nắm lấy chà xát vào nhau không thôi, hủy hoại tiêu diệt, không còn hình dáng vết tích nào có thể biết được. Gió hòa hiệp kia thổi làm tiêu mất cung điện trời Biến tịnh cũng y như vậy. Chư Tỳ-kheo, các hành vô thường, phá hoại, ly tán, khoảnh khắc chẳng lâu... *cho đến*... đáng chán, nên cầu thoát khỏi.

Lần lượt như thế, thổi cung điện của trời Quang âm, cung điện của chư Thiên trời Phạm thân, tất cả cung điện của trời Ma thân, trời Tha hóa tự tại, trời Hóa lạc, trời Dạ-ma, làm đụng nhau, va nhau, cọ nhau, khiến đều tan nát, không còn hình tướng, không còn bóng dáng, không mảy may để có thể nhận biết. Chư Tỳ-kheo, tất cả các hành cũng y như thế, mục nát chẳng bền, không chân thật, cần phải nhàm chán, xả ly, sớm cầu giải thoát.

Chư Tỳ-kheo, gió kia lại thổi bốn châu lớn, tám vạn châu nhỏ, núi chúa Tu-di và các núi lớn khác, làm cho nhấc cao lên một câu-lô-xá, rồi phân tán hủy hoại, hoặc hai, hoặc ba, bốn, năm, sáu, bảy câu-lô-xá rồi phân tán hủy hoại. Hoặc thổi nâng cao lên một do-tuần, hai, ba, bốn, năm, sáu bảy trăm do-tuần, rồi làm phân tán hủy hoại; hoặc thổi nâng cao lên ngàn do-tuần, hai, ba, bốn, năm, sáu, bảy ngàn do-tuần, hoặc thổi nâng cao lên trăm ngàn do-tuần, rồi làm phân tán hủy hoại. Gió kia như thế, thổi tan hoại tất cả, đều làm cho không còn hình, không còn tướng, không còn vi trần tàn tích nào có thể nhìn thấy. Thí như người đàn ông khỏe mạnh cầm cục bột bóp vụn tan nát, rải khắp lên trên không, gió thổi bay hết không còn hình, không còn ảnh. Như thế, như thế, gió kia thổi phá các cây, các núi... cũng y như vậy, chỉ trừ người thấy mới có thể tin. Đây gọi là thế gian chuyển trụ rồi hoại.

Lại nữa, thế gian hoại rồi chuyển thành như thế nào? Chư Tỳ-kheo, như thế rồi lại trải qua thời gian Tam-ma-da lâu xa vô lượng năm, mây đen lớn nổi lên, che khắp thế giới cho đến trời Biến tịnh; đã che khắp rồi, lại đổ mưa lớn, giọt mưa rất to, hoặc như trục xe, hoặc như cái chày liên tục đổ xuống, trải qua nhiều năm, trăm ngàn vạn năm, lượng nước chứa cao đến trời Biến tịnh, tất cả đều tràn ngập, được bốn thứ gió

giữ lại... *như đã nói ở trên... cho đến* thổi bọt nước tạo thành cung trời Biến tịnh, bảy báu nhiều màu hiện ra rõ ràng, tất cả đều như nạn lửa, nạn nước, trình bày theo thứ tự. Chư Tỳ-kheo, như thế gọi là thế gian hoại rồi chuyển thành.

Thế gian chuyển thành rồi trụ như thế nào?

Chư Tỳ-kheo, giống như hiện nay thế gian, trời, người chuyển thành rồi trụ. Chư Tỳ-kheo, cũng lần lượt đều do gió thổi như vậy, đó gọi là ba nạn của thế gian.

M

Phẩm 12: TỐI THẮNG 1

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, thế gian chuyển rồi, khi hình thành như vậy, các loài chúng sanh phần nhiều được sanh lên cõi trời Quang âm. Các chúng sanh ấy, khi sanh lên cõi trời kia, thân tâm thư thái, lấy sự vui mừng làm thức ăn, tự nhiên phát ánh sáng. Lại có thần thông đi trên hư không, được sắc đẹp thù thắng, tuổi thọ lâu dài, sống đời an lạc. Chư Tỳ-kheo, thế gian bấy giờ chuyển hoại rồi thành, rỗng không, không có vật gì. Trong cung của chư Phạm chưa có chúng sanh. Trên trời Quang âm, kẻ phước nghiệp hết lại sanh xuống trong cung điện Phạm, chẳng từ thai sanh, bỗng nhiên hóa hiện. Ban đầu, trời Phạm này, gọi là Sa-ha-ba-đế. Sa-ha là tên thế giới; Ba-đế là chủ, vì vậy cho nên có tên này xuất hiện.

Chư Tỳ-kheo, bấy giờ, lại có các chúng sanh khác phước thọ hết rồi, từ trời Quang âm, bỏ thân mạng xong cũng sanh xuống đây, thân hình đẹp đẽ, lấy niềm vui mừng làm thức ăn uống, tự nhiên phát ra ánh sáng, có sức thần thông bay trên hư không, thân sắc tươi đẹp, liền ở trong khoảng ấy, an trụ lâu dài. Các chúng sanh ấy, trong thời gian sinh sống, không có nam nữ, không có tốt xấu, chỉ có tên này: chúng sanh, chúng sanh mà thôi.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, ngay trong thời kỳ Tam-ma-da như thế, trên mặt đất này, sanh ra lớp mỡ đất, ngưng tụ khắp nơi. Thí như có người nấu chín nước sữa, trên sữa có màng mỏng đóng lại, giống như màng nước, kết trên mặt nước cũng như thế. Chư Tỳ-kheo, lại thời gian sau, trên mặt đất này đã sanh ra lớp mỡ đất, đứng yên tại chỗ, dần dần như kem, thành ra sanh tô, có các hình dáng màu sắc như vậy, mùi vị thơm ngon giống như mật thượng hạng. Lúc ấy chúng sanh ở trong đó, bỗng nhiên có kẻ tánh tham ăn, thích nghĩ thế này: "Nay ta cũng có thể dùng tay lấy thứ này nếm thử để biết được đây là vật gì". Chúng sanh kia nghĩ như vậy rồi liền dùng ngón tay chọt sâu xuống một lóng, chấm lấy vị đất mút để thưởng thức. Thưởng thức rồi thích ý, chấm mút, chấm mút như vậy cho đến ba lần, liền sanh tham đắm. Kế đến dùng tay bốc, dần dần dùng tay hốt, sau lại hốt nhiều, tự do mà ăn. Khi đó vị chúng sanh ấy tự do hốt ăn như vậy. Có vô số chúng sanh khác trông thấy cũng liền bắt chước, tranh nhau mà ăn. Chư Tỳ-kheo, các chúng sanh ấy lấy vị đất này ăn mãi không thôi, thân hình họ tự nhiên xấu đi, da dẻ

thô dày, nhan sắc phai mờ nhớp nhúa, hình mạo đổi khác, không còn ánh sáng, cũng không còn có thể bay lên hư không, vì lớp mỡ đất nên thần thông biến mất. Chư Tỳ-kheo, như trước đã nói, sau cũng như thế. Lúc đó thế gian trở thành tối tăm. Chư Tỳ-kheo, vì vậy nên thế gian mới có sự tối tăm lớn xuất hiện.

Lại nữa, tại sao ngay lúc ấy thế gian lại xuất hiện mặt trời, mặt trăng và các tinh tú, lại có tên gọi ngày đêm, một tháng, nửa tháng, năm, thời tiết... xuất hiện? Chư Tỳ-kheo, bấy giờ, cung điện mặt trời to lớn đẹp đẽ từ phương Đông xuất hiện, vận hành vòng quanh lưng chừng núi Tu-di rồi lặn ở phía Tây. Lặn ở phía Tây rồi, trở lại xuất hiện ở phương Đông. Khi ấy chúng sanh lại thấy mặt trời to lớn đẹp đẽ từ phương Đông xuất hiện, bảo với nhau: "Chư Nhân giả, lại là mặt trời chiếu sáng cung điện, sẽ từ phương Đông xuất hiện trở lại, vòng sang phía phải núi Tu-di và sẽ lặn mất ở phương Tây". Thấy ba lần rồi, họ vẫn bảo nhau: Chư Nhân giả, đó là ánh sáng lưu hành của trời kia, đấy là ánh sáng của trời kia lưu hành". Vì vậy, họ gọi mặt trời là Tu-lê-da (Tu-lê-da theo đời Tùy ý chỉ cái này là cái kia) cho nên có tên gọi như thế xuất hiện.

❑

KINH KHỞI THẾ

QUYỂN X

Phẩm 12: TỐI THẮNG 2

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, các vị nên biết! Cung điện mặt trời cao rộng bằng nhau năm mươi mốt do-tuần, trên dưới cũng vậy, có bảy lớp bờ tường, bảy lớp lan can, hàng cây Đa-la cũng có bảy lớp bao bọc chung quanh, nhiều màu xen kẽ, dùng để trang nghiêm. Các bờ tường kia đều do vàng, bạc, lưu ly, pha lê, xích châu, xa cừ, mã não tạo thành. Ở bốn phía đều có các cửa. Ở mỗi cửa đều có lầu gác canh phòng, đài quan sát và các rừng cây, ao, vườn. Ở trong ấy có đủ các loại cây, cây ấy có các loại lá, các loại hoa, các loại quả, các loại mùi thơm theo gió xông khắp. Lại có các loài chim cùng nhau ca hót.

Chư Tỳ-kheo, mặt trời kia dùng hai loại vật dụng tạo thành cung điện, vuông vắn như ngôi nhà, từ xa trông giống như tròn. Chư Tỳ-kheo, những gì là hai? Đó là vàng và pha lê. Cung điện mặt trời ấy do nhiều vàng trời và pha lê trời, hợp lại mà thành; một mặt hai phần đều là vàng trời trong sạch không dơ, lìa các cáu bẩn, sạch sẽ chói sáng; một mặt một phần là do pha lê trời tạo thành, sạch sẽ chói sáng, càng chà càng sáng, không có cấu uế.

Chư Tỳ-kheo, lại nữa, cung điện mặt trời đẹp đẽ to lớn kia, có năm loại gió thổi chuyển đi: một là Trì, hai là Trụ, ba Tùy thuận chuyển, bốn là Ba-la-ha-ca, năm là Tương hành.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, ở trước cung điện mặt trời kia, đặc biệt có vô lượng vị trời đi trước; vô lượng trăm vị trời, vô lượng ngàn vị trời, vô lương trăm ngàn vị trời đi trước. Khi đi, ai nấy đều luôn được an lạc, đều gọi là lao hành. Danh xưng chư Thiên Lao hành phát xuất từ đó.

Chư Tỳ-kheo, trong cung điện mặt trời, dùng vàng Diêm-phù-đàn làm xe, kiệu đẹp, cao mười sáu do-tuần, vuông tám do-tuần, trang nghiêm đẹp đẽ. Thiên tử mặt trời và quyến thuộc ở trong xe ấy, cùng nhau thọ hưởng thú vui năm dục của trời một cách đầy đủ, vui vẻ. Chư Tỳ-kheo, Thiên tử mặt trời thọ năm trăm tuổi, con cháu truyền nhau, đều cai trị ở đó. Cung điện tồn tại mãn một kiếp.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, trong các bộ phận nơi thân thể của Thiên tử mặt trời, ánh sáng phát ra, chiếu sáng xe Diêm-phù-đàn; ánh sáng xe Diêm-phù-đàn lại chiếu sáng cung điện kia. Từ trong đại cung điện mặt trời kia, ánh sáng liên tục phát ra chiếu sáng khắp cả bốn châu và các thế giới.

Chư Tỳ-kheo, xe và cung điện của Thiên tử mặt trời đều có đầy đủ một ngàn ánh sáng; năm trăm ánh sáng theo bên chiếu sáng, năm trăm ánh sáng hướng xuống chiếu sáng.

Lại nữa, vì nhân duyên gì mà chỗ ở của Thiên tử mặt trời, cung điện to lớn đẹp đẽ, chiếu sáng bốn đại châu và các thế giới?

Chư Tỳ-kheo, có một hạng người hay làm việc bố thí. Khi người ấy bố thí thì bố thí cho Sa-môn, Bà-la-môn và người bần cùng cô độc, từ xa đến xin, và bố thí các thức ăn uống, xe cộ, áo quần, tràng hoa, chuỗi Anh lạc, hương xoa, giường, nệm, phòng xá, đèn dầu, nói chung là vật cần thiết dưỡng thân nuôi mạng. Khi bố thí, bố thí nhanh chóng, bố thí chẳng dua nịnh; hoặc lại cúng dường cho chư Tiên trì giới, người hành thiện đầy đủ công đức, phụng sự đủ các thứ cần dùng. Do nhân duyên ấy, thân tâm vị ấy thọ vô lượng an lạc. Thí như ở chốn rừng núi hoang vu vắng vẻ, nơi sa mạc bát ngát xa xôi, bỗng nhiên có một ao nước, nước ao mát mẻ, trong sạch, ngọt ngon. Có đoàn lữ hành, đi xa mệt mỏi, nóng bức đói khát, chẳng được ăn uống, trải qua nhiều ngày, đến chỗ ao ấy, uống rồi tắm rửa không còn đói khát, nóng bức, ra khỏi ao, thân ý vui vẻ, sung sướng vô cùng, lấy làm hoan hỷ. Như thế, như thế, người kia bố thí, do tâm thanh tịnh nên khi thân hoại mạng chung, sanh làm Thiên tử ở trong cung điện mặt trời. Sanh trong ấy rồi, vị ấy được quả báo về cung điện, phi hành nhanh chóng vừa ý như thế. Do nhân duyên đó, cung điện mặt trời chiếu sáng bốn châu và các thế giới khác.

Chư Tỳ-kheo, lại có hạng người, chẳng sát sanh, chẳng trộm cắp, chẳng tà dâm, chẳng nói dối, chẳng uống rượu, chẳng phóng dật, cúng dường chư Tiên hiền có đầy đủ công đức trì giới, gần gũi người chỉ thuần làm pháp lành... *như trên*, khi thân hoại mạng chung, theo nguyện

vãng sanh lên cung điện mặt trời. Ở nơi ấy vị ấy liền hưởng thọ quả báo nhanh chóng. Vì vậy gọi là các nẻo nghiệp thiện. Do nhân duyên ấy, cung điện mặt trời đó chiếu sáng bốn châu và các thế giới khác.

Lại có một hạng người tu chẳng sát sanh cho đến tu chánh kiến, cũng từng cúng dường các vị tiên đầy đủ công đức trì giới, cũng từng gần gũi người chỉ thuần làm thiện. Vì gặp nhân duyên thanh tịnh ấy, nên liền được quả báo sanh lên cung điện mặt trời, thọ quả báo nhanh chóng. Do nhân duyên ấy, cung điện mặt trời chiếu sáng bốn đại châu và các thế giới khác... *như trên*...

Chư Tỳ-kheo, sáu mươi sát-na gọi là một la-bà, ba mươi la-bà gọi là mâu-hưu-đa. Chư Tỳ-kheo, cung điện mặt trời vận hành không ngừng nghỉ dù cho trong khoảng một mâu-hưu-đa, một la-bà hay một sát-na. Sáu tháng đi về hướng Bắc, trong một ngày chuyển dần về hướng Bắc sáu câu-lô-xá, chưa từng rời khỏi quỹ đạo mặt trời. Sáu tháng đi về phương Nam, cũng trong một ngày, chuyển dần về hướng Nam sáu câu-lô-xá, chẳng lệch khỏi quỹ đạo mặt trời.

Chư Tỳ-kheo, trong thời gian sáu tháng, thì vào ngày thứ mười lăm, cung điện mặt trăng cũng di chuyển như vậy.

Lại nữa, do nhân duyên gì, thường vào mùa hạ phát sanh nóng bức?

Chư Tỳ-kheo, cung điện mặt trời, trong khoảng thời gian sáu tháng đi về hướng Bắc, một ngày thường đi sáu câu-lô-xá, chưa từng rời khỏi quỹ đạo mặt trời. Nhưng trong thời gian ấy, có mười nhân duyên nên phát sanh nóng bức. Những gì là mười?

Chư Tỳ-kheo, ngoài núi Tu-di lại có một núi tên là Khư-đề-la-ca cao rộng bằng nhau bốn vạn hai ngàn do-tuần, nhiều màu đẹp đẽ, do bảy báu tạo thành. Trong thời gian ấy, ánh sáng của cung điện mặt trời chiếu đến núi kia, làm cho núi phát nóng, nên ở thời điểm ấy có sự nóng bức. Đây là nhân duyên thứ nhất gây nóng bức.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, ngoài núi Khư-đề-la-ca, lại có một ngọn núi tên là Y-sa-đà-la, cao rộng bằng nhau hai vạn một ngàn do-tuần. Trong thời gian ấy cung điện mặt trời chiếu sáng đến núi kia làm cho núi ấy phát nóng. Đây nhân duyên thứ hai gây ra sự nóng bức.

Lại có núi Do-càn-đà cao rộng bằng nhau, một vạn hai ngàn do-tuần... Đó là nhân duyên thứ ba.

Lại có núi Thiện hiện, cao rộng bằng nhau sáu ngàn do-tuần... Đó là nhân duyên thứ tư.

Lại có núi Mã phiến đầu, cao rộng bằng nhau ba ngàn do-tuần... Đó là nhân duyên thứ năm.

Lại có núi Ni-dân-đà-la, cao rộng bằng nhau một ngàn hai trăm do-tuần... Đó là nhân duyên thứ sáu.

Lại có núi Tỳ-na-da-ca cao rộng bằng nhau sáu trăm do-tuần... Đó là nhân duyên thứ bảy.

Lại có núi Luân vi cao rộng bằng nhau ba trăm do-tuần... Đó là nhân duyên thứ tám.

Lại từ đại địa này trở lên cao một vạn do-tuần, ở trong hư không, có trú xứ là cung điện của các Dạ-xoa do pha lê tạo thành... Đó là nhân duyên thứ chín.

Lại có bốn đại châu, tám vạn tiểu châu, trong các châu ấy, có các núi lớn khác ngoài núi chúa Tu-di... Đó là nhân duyên thứ mười. Tất cả đều như đã nói về núi Khư-đề-la-ca.

Đó là mười nhân duyên sanh nóng bức trong sáu tháng cung điện mặt trời đi trong quỹ đạo về hướng Bắc.

Lại nữa, do nhân duyên gì ở trong đó có sự lạnh lẽo?

Chư Tỳ-kheo, cung điện mặt trời, sáu tháng về sau, dần dần đi về hướng Nam. Bấy giờ lại có mười hai nhân duyên phát sanh lạnh lẽo. Chư Tỳ-kheo, khoảng giữa hai núi là núi Tu-di và núi Khư-đề-la-ca, có biển Tu-di-lưu rộng tám vạn bốn ngàn do-tuần, bao la bát ngát. Trong ấy có nhiều hoa Ưu-bát-la, hoa Bát-đầu-ma, hoa Câu-mâu-đầu, hoa Bôn-đồ-lê-ca... mọc khắp mọi nơi, hương thơm ngào ngạt. Ánh sáng của cung điện mặt trời ngang qua nơi ấy, chiếu xuống biển kia. Đây là nhân duyên thứ nhất có sự lạnh lẽo. Cứ lần lượt như vậy, núi Y-sa-đà-la là nhân duyên thứ hai, núi Do-càn-đà là nhân duyên thứ ba, núi Thiện hiện là nhân duyên thứ tư, núi Mã phiến đầu là nhân duyên thứ năm, núi Ni-dân-đà-la là nhân duyên thứ sáu, núi Tỳ-na-da-ca là nhân duyên thứ bảy, núi Đại luân vi là nhân duyên thứ tám... Trong các biển ấy có các loài hoa đầy đủ thứ lớp như trong núi Khư-đề-la-ca đã nói.

Lại nữa, trong châu Diêm-phù ở chỗ có các dòng sông chảy, ánh sáng của cung điện mặt trời chiếu đến, nên có sự lạnh lẽo... *lược nói cho đến*... Đây là nhân duyên thứ chín gây ra sự lạnh lẽo.

Lại nữa, như các dòng sông chảy của châu Diêm-phù, ở châu Cù-đà-ni, các dòng sông chảy nhiều gấp bội; ở đấy ánh sáng của cung điện mặt trời chiếu đến, sự lạnh lẽo càng tăng. Đây là nhân duyên thứ mười

gây ra sự lạnh lẽo.

Lại nữa, như các dòng sông chảy của châu Cù-đà-ni, ở châu Phất-bà-đề, các dòng sông chảy nhiều hơn nơi đây gấp bội. Đó là nhân duyên thứ mười một gây ra sự lạnh lẽo.

Lại nữa, như các dòng sông chảy của châu Phất-bà-đề, ở châu Uất-đơn-việt, các dòng sông chảy hơn nơi đây gấp bội. Ánh sáng của cung điện mặt trời chiếu đến nên sanh lạnh lẽo. Đây là nhân duyên thứ mười hai gây ra lạnh lẽo.

Chư Tỳ-kheo, cung điện mặt trời, trong khoảng thời gian sáu tháng đi về hướng Nam, mỗi ngày đi được sáu câu-lô-xá, không ngược quỹ đạo. Có mười hai nhân duyên như vậy nên có sự lạnh lẽo.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, do nhân duyên gì về thời kỳ mùa đông đêm dài ngày ngắn? Chư Tỳ-kheo, cung điện mặt trời, qua sáu tháng rồi, dần dần đi về hướng Nam, cứ mỗi ngày di chuyển sáu câu-lô-xá, không có sai lệch. Ngay lúc ấy, cung điện mặt trời ở tại mé cực Nam của châu Diêm-phù, địa hình nhỏ hẹp, nên mặt trời qua nhanh. Chư Tỳ-kheo, do nhân duyên này vào mùa đông ngày ngắn, đêm dài.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, do nhân duyên gì về mùa xuân, hạ, ngày dài đêm ngắn? Chư Tỳ-kheo, cung điện mặt trời, qua sáu tháng rồi dần dần đi về hướng Bắc, cứ trong mỗi ngày di chuyển sáu câu-lô-xá, không có sai lệch ngoài quỹ đạo cố định. Ngay lúc ấy, đang đi ở trong xứ châu Diêm-phù, đất rộng, đi lâu nên ngày dài. Chư Tỳ-kheo, vì nhân duyên này nên mùa xuân, hạ ngày dài đêm ngắn.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, nếu ở châu Diêm-phù, khi mặt trời giữa trưa, thì ở châu Phất-bà-đề mặt trời vừa lặn, ở châu Cù-đà-ni mặt trời mới mọc, ở châu Uất-đơn-việt chính là lúc nửa đêm. Nếu ở châu Cù-đà-ni khi mặt trời giữa trưa, thì ở châu Diêm-phù này mặt trời vừa lặn, ở châu Uất-đơn-việt mặt trời mới mọc, ở châu Phất-bà-đề nhằm lúc nửa đêm. Nếu ở châu Uất-đơn-việt mặt trời giữa trưa thì ở châu Cù-đà-ni mặt trời vừa lặn, ở châu Phất-bà-đề mặt trời mới mọc, ở châu Diêm-phù nhằm lúc nửa đêm. Nếu ở châu Phất-bà-đề mặt trời giữa trưa thì ở châu Uất-đơn-việt mặt trời vừa lặn, ở châu Diêm-phù mặt trời mới mọc, ở châu Cù-đà-ni nhằm lúc nửa đêm.

Chư Tỳ-kheo, nếu người châu Diêm-phù gọi là phương Tây thì người Cù-đà-ni cho là phương Đông; người Cù-đà-ni gọi là phương Tây thì người cõi Uất-đơn-việt cho là phương Đông; người cõi Uất-đơn-việt

gọi là phương Tây thì người cõi Phất-bà-đề cho là phương Đông; người cõi Phất-bà-đề gọi là phương Tây thì người châu Diêm-phù cho là phương Đông. Hai phương Nam, Bắc cũng lại như vậy.

Khi ấy Đức Thế Tôn tự thuyết kệ:

Chuyển biến trụ và hoại
Trời hiện và mỏng che
Mười hai loại gió thổi
Chư Thiên đi phía trước
Lầu gác và gió thổi
Thân thể ánh sáng chiếu
Nghiệp bố thí, trì giới
Qua sát-na, la-bà
Nóng thì có mười duyên
Lạnh có mười hai thứ
Ngày đêm và giữa trưa
Đông, Tây nói bốn hướng.

Chư Tỳ-kheo, cung điện của Thiên tử mặt trăng cao rộng bằng nhau bốn mươi chín do-tuần, bốn bên bao bọc gồm bảy lớp bờ tường, bảy lớp lan can, bảy lớp dây chuông. Lại có bảy lớp hàng cây Đa-la bao quanh nhiều màu dễ xem. Các bờ tường ấy đều do vàng, bạc... cho đến mã não, bảy báu tạo thành. Các cửa ở bốn mặt đều có lầu gác, trang trí đủ thứ... *cho đến* các loài chim cùng nhau ca hót, *như đã nói về cung điện mặt trời ở trước.*

Chư Tỳ-kheo, cung điện mặt trăng thuần bằng bạc cõi trời, lưu ly xanh cõi trời xen kẽ lẫn nhau; hai phần bạc cõi trời, trong sạch không dơ, không có cặn bẩn, thể nó trong sáng, ánh sáng chói lòa, còn phần kia là lưu ly xanh cõi trời, cũng rất trong sạch, trong ngoài trong suốt, ánh sáng chiếu xa.

Chư Tỳ-kheo, Thiên tử mặt trăng kia, cung điện rất đẹp đẽ, được năm loại gió hộ tống đưa đi: Một là Trì, hai là Trụ, ba là Thuận, bốn là Nhiếp, năm là Hành. Do năm loại gió này hộ tống nên cung điện mặt trăng theo hư không mà đi.

Chư Tỳ-kheo, trước cung điện mặt trăng cũng có vô lượng cung điện của chư Thiên dẫn đường đi trước; vô lượng trăm ngàn vạn số Thiên tử... cũng đi ở trước. Khi đi ở trước họ luôn luôn thọ hưởng vô lượng các thứ diệu lạc. Các Thiên tử ấy đều có tên gọi.

Chư Tỳ-kheo, ở trong đại cung điện mặt trăng ấy, có một cỗ xe lớn, tạo thành bằng lưu ly xanh. Xe ấy cao sáu do-tuần, rộng tám do-tuần. Thiên tử mặt trăng cùng với các Thiên nữ ở trong xe này dùng đủ các thứ vui của năm dục, cùng nhau thọ hưởng, vui vẻ thỏa thích, tùy ý mà đi.

Chư Tỳ-kheo, Thiên tử mặt trăng kia theo năm tháng trời thọ năm trăm tuổi, con cháu truyền nhau, ngự trị nơi ấy. Những cung điện ấy trụ một kiếp.

Chư Tỳ-kheo, trong các bộ phận nơi thân thể của Thiên tử mặt trăng phát ra ánh sáng chiếu khắp cỗ xe lưu ly xanh kia. Ánh sáng của xe ấy lại chiếu sáng cung điện mặt trăng. Ánh sáng của cung điện mặt trăng chiếu sáng bốn đại châu.

Chư Tỳ-kheo, Thiên tử mặt trăng kia có năm trăm luồng ánh sáng chiếu xuống phía dưới, năm trăm luồng ánh sáng chiếu chung quanh. Vì vậy mặt trăng gọi là ngàn ánh sáng, cũng gọi là ánh sáng mát lạnh.

Chư Tỳ-kheo, do nhân duyên gì cung điện mặt trăng chiếu sáng bốn đại châu? Vì trong quá khứ bố thí cho Sa-môn và Bà-la-môn, người bần cùng cô độc từ xa đến xin ăn; đều bố thí đồ ăn, thức uống, xe cộ, y phục, tràng hoa, các thứ hương thơm, giường, phòng, các vật dụng nuôi sống... Khi bố thí, kịp thời, nhanh chóng, không có tâm dối trá quanh co; hoặc lại cúng dường chư Tiên đầy đủ công đức trì giới, chánh trực, thuần thiện. do nhân duyên đó nên thọ vô lượng các thứ thân tâm an lạc. Thí như trong chốn núi đầm vắng vẻ, sa mạc hoang vu, có một ao nước, mát mẻ đẹp đẽ, không có cáu bẩn. Khi ấy có người, đường xa mỏi mệt, đói khát nóng bức, vào trong ao này tắm rửa, uống nước, trừ tất cả khổ, thọ vô lượng lạc. Như thế, như thế, do nhân duyên trên, sanh trong cung điện mặt trăng thọ quả báo an lạc, cũng lại như vậy.

Chư Tỳ-kheo, hoặc lại có người dứt bỏ sát sanh cho đến dứt bỏ uống rượu và các hạnh phóng dật, cúng dường, phụng sự chư Tiên có đức thì được sanh vào trong cung điện mặt trăng, chiếu sáng bốn châu; hoặc lại có người vì dứt trừ sát sanh cho đến có chánh kiến nên được cung điện đi trên hư không nhanh chóng. Đây gọi là các đạo nghiệp thiện.

Lại do nhân duyên gì cung điện mặt trăng dần dần hiện ra?

Chư Tỳ-kheo, việc này có ba nhân duyên: Một là di chuyển, xuất hiện trái nhau. Hai là thân chư Thiên màu xanh, hình mang Anh lạc, tất

cả đều xanh, thường trong nửa tháng, che khuất cung ấy, vì che khuất nên khi ấy hình mặt trăng dần dần hiện ra. Ba là từ cung điện mặt trời có sáu mươi luồng ánh sáng cùng loạt phát ra che vầng trăng kia, do nhân duyên ấy mặt trăng dần dần hiện ra.

Do nhân duyên gì cung điện mặt trăng ấy hiện ra tròn đầy như thế?

Chư Tỳ-kheo, cũng do ba nhân duyên nên có như vậy: Một là lúc bấy giờ cung điện mặt trăng chuyển xuất đối mặt nhau, do đó nên hiện ra tròn đầy. Lại nữa, chư Thiên màu xanh, y phục bằng Anh lạc, tất cả đều xanh, thường trong nửa tháng che khuất cung điện mặt trăng. Nhưng cung điện mặt trăng này, vào ngày trai nhật, ngày thứ mười lăm, hình rất tròn đầy, ánh sáng vằng vặc. Thí như thắp đuốc lớn nhiều dầu lên, thì ánh sáng các ngọn đèn nhỏ đều bị lu mờ. Như vậy, cung điện mặt trăng, vào ngày thứ mười lăm có thể che khuất các thứ ánh sáng, cũng lại như vậy.

Sáu mươi luồng ánh sáng của cung điện mặt trời cùng lúc phát ra che vầng trăng. Cung điện mặt trăng này vào này trai nhật, ngày thứ mười lăm tròn đầy, ở tất cả chỗ đều không bị che khuất, khi ấy ánh sáng mặt trời chẳng thể che khuất được.

Do nhân duyên gì cung điện mặt trăng vào ngày thứ mười lăm của phần hắc nguyệt cung điện mặt trăng hoàn toàn không hiện?

Chư Tỳ-kheo, cung điện mặt trăng ấy vào ngày thứ mười lăm của phần hắc nguyệt quá gần với cung điện mặt trời, do ánh sáng mặt trời kia che khuất nên hoàn toàn không hiện.

Có nhân duyên gì cung điện của mặt trăng gọi là mặt trăng?

Chư Tỳ-kheo, cung điện mặt trăng đó, ở phần trăng tối, một ngày qua đi cho đến hết tháng, ánh sáng vằng vặc dần dần giảm đi. Do nhân duyên này gọi là mặt trăng.

Do nhân duyên gì trong cung điện của mặt trăng có các ảnh lần lần hiện ra?

Chư Tỳ-kheo, trong đại châu này có cây Diêm-phù. Do cây này nên gọi là châu Diêm-phù. Cây ấy cao lớn, ảnh hiện trong vầng trăng. Do nhân duyên này nên có các ảnh hiện ra.

Do nhân duyên gì có các dòng sông chảy ở thế gian?

Chư Tỳ-kheo, vì có mặt trời nên có sức nóng; vì có sức nóng nên có sự thiêu đốt; vì có sự thiêu đốt nên có hơi bốc lên; vì có hơi bốc lên

nên có sự ẩm ướt; vì có sự ẩm ướt nên trong tất cả núi chất lỏng chảy thành nước rồi hình thành các sông. Chư Tỳ-kheo, do nhân duyên này nên trong thế gian có sông chảy.

Do nhân duyên gì năm loại hạt giống xuất hiện ở thế gian?

Chư Tỳ-kheo, hoặc ở phương Đông có các thế giới hoặc thành rồi hoại, hoặc hoại rồi thành, hoặc thành rồi trụ; các phương Nam, Tây, Bắc, thành hoại và trụ cũng lại như vậy. Lúc ấy có luồng gió lớn A-na-tỳ-la đặc biệt ở thế giới thành trụ khác, thổi năm loại hạt giống rải vào thế giới này, rải rồi rải nữa cho đến rải khắp; đó là hạt căn, hạt hành, hạt tiết, hạt tiếp, hạt tử. Đấy là năm loại hạt.

Chư Tỳ-kheo, quả của cây Diêm-phù lớn bằng cái chậu một hộc của nước Ma-già-đà. Khi hái quả ấy, nhựa chảy ra, sắc trắng như sữa, vị ngọt như mật. Chư Tỳ-kheo, quả của cây Diêm-phù, tùy chỗ sanh ra, có năm phần lợi ích; đó là phương Đông, Nam, Tây và trên dưới. Quả sanh ở phần phía Đông thì các Càn-thát-bà cùng ăn; quả sanh ở phần phía Nam là thức ăn của dân chúng trong bảy làng xóm. Những gì là bảy? Một là Bất chánh khiếu, hai là Khiếu hoán, ba là Chánh thể, bốn là Hiền, năm là Thiện, sáu là Lao, bảy là Thắng. Ở trong bảy thứ làng xóm ấy có bảy ngọn núi đen: Một là Thiên sương, hai là Nhất bác, ba là Tiểu cước, bốn là Hà phát, năm là Bách thiên đầu, sáu là Năng thắng, bảy là Tối thắng. Ở trong bảy núi kia có bảy cái hang là chỗ ở của Phạm tiên: Một là Thiện nhãn, hai là Thiện hiền, ba là Tiểu, bốn là Bách thiên đầu, năm là Lạn vật trì, sáu là Hắc nhập, bảy là Tăng trưởng. Khi phần phía Tây sanh quả thì Kim sí điểu cùng ăn; phần trên sanh quả thì Dạ-xoa hư không cùng ăn; phần dưới sanh quả thì các loài sâu trong biển đến ăn. Ở đây có bài kệ:

Mới nói mưa nhiều ít
Thị hiện trong cung điện
Hai việc có gió nhiều
Ở trước chư Thiên đi
Xe cộ và thọ mạng
Thân thể ánh sáng chiếu
Nghiệp bố thí, trì giới
Vầng trăng đầy và khắp
Trăng bị che không hiện
Có ảnh do duyên gì
Các sông, các hạt giống

Cây Diêm-phù sau cùng.

Chư Tỳ-kheo, chúng sanh thuở ban đầu khi ăn vị đất, được nhiều lợi ích, sống lâu ở đời. Nhưng các người này, nếu kẻ ăn nhiều thì nhan sắc giảm sút, nếu ăn ít thì nhan sắc đẹp đẽ. Ngay khi ấy vì hình sắc hiện rõ nên chúng sanh khinh chê nhau, cùng tranh hơn kém. Người đẹp thì sanh kiêu mạn, vì kiêu mạn, nên đất mất mùi vị, tiếp tục sanh lớp đất, sắc vị đầy đủ. Thí như hoa Yết-ni-ca-la có màu sắc như vậy. Lại như mật nguyên chất nấu lên bỏ cặn bọt có vị như thế. Các chúng sanh ấy cùng tụ tập lại, ưu sầu khổ não, đấm ngực kêu gào, mê loạn khốn đốn, nói thế này: "Ôi! Vị đất của ta. Ôi! Vị đất của ta!" Thí như người đời nay có các vị ngon, sau khi thưởng thức, biết rồi nói rằng: "Ôi tuyệt, đây là vị của ta!" Chấp trước tên cũ chẳng biết thật nghĩa. Các chúng sanh ấy cũng như thế. Khi ấy chúng sanh đó ăn lớp đất mỏng kia cũng sống lâu ở đời. Người ăn nhiều thì nhan sắc xấu, kẻ ăn ít thì hình dáng đẹp. Vì có đẹp xấu nên sinh ngã mạn, lăng nhục nhau. Lớp đất mỏng lại biến mất, sanh các loại dây bò, hình sắc trọn vẹn, hương vị đầy đủ. Thí như hoa Ca-lam-bà-ca nở có sắc như vậy, cắt ra thì nhựa chảy giống như mật nguyên... *cho đến như trước*..., tụ tập sầu não, lần lượt như vậy. Dây bò biến mất rồi, có lúa thơm mọc, chẳng cày chẳng gieo, tự nhiên mọc lên, không vỏ không cây, hạt gạo tinh khiết, hương vị đầy đủ. Lúc ấy chúng sanh ăn loại đó rồi thân thể liền có mỡ, tủy, da, thịt, gân, xương, máu, huyết, các mạch lưu thông và tướng mạo, các căn nam nữ hiện rõ. Sắc tướng đã sanh, tâm nhiễm liền khởi, vì có nhiễm nên luôn nhìn nhau; đã luôn nhìn nhau liền sanh ái dục. Vì ái dục nên ở chỗ vắng làm việc phi phạm hạnh bất tịnh. Khi đó lại có các chúng sanh khác chưa làm chuyện này, thấy rồi bảo rằng: "Các ngươi đã làm chuyện quá xấu hổ. Tại sao như vậy?" Lúc ấy chúng sanh kia liền sanh xấu hổ, đã rơi vào các điều ác bất thiện, mới có danh tự "Ba đế" như vậy. (Ba đế, đời Tùy dịch là đọa, tức là phu chủ). Bấy giờ chúng sanh kia vì đọa vào các pháp ác như vậy nên người cùng hành dục đem đồ ăn uống biếu tặng cho nhau, nói với người nữ kia rằng: "Ngươi có chồng rồi! Ngươi có chồng rồi!" Nhân đó đặt tên là Bà-lê-da. (Tùy dịch là Phạn thực, tức là vợ.)

Chư Tỳ-kheo, do nhân duyên đó, các vị Thắng nhân hạ sanh trước, thấy ở thế gian có chuyện vợ chồng xảy ra, lòng sanh chán ghét, dùng tay trái nắm lấy, tay phải xô đi, khiến rời bỏ xứ sở. Lúc đó đôi vợ chồng kia, hoặc hai tháng, hoặc ba tháng, đã đi rồi trở lại, liền bị những vị ấy dùng cây, gậy, đất cục, ngói, gạch ném quăng và nói: "Các ngươi

nên trốn đi! Các ngươi nên trốn đi!" Vì vậy ngày nay, khi các người con gái lấy chồng, được ném các thứ hoa, hoặc ném vàng bạc, y phục, la-xà (la-xà tức là lúa khô làm hoa) và nói lời chú nguyện: "Xin chúc cô dâu an ổn hạnh phúc!"

Chư Tỳ-kheo, lần lượt như vậy, việc người xưa cho là xấu, người đời này cũng làm như vậy lại cho là tốt đẹp. Do nhân duyên ấy, các chúng sanh ở trong cõi đời làm các hạnh ác, lần lượt như thế cho đến tạo dựng các kiểu nhà cửa, vì nghiệp xấu ác kia đã che khuất.

Kệ rằng:

Trước làm thành Chiêm-bà
Sau làm Ba-la-nại
Qua kiếp tàn sau cùng
Quy hoạch thành Vương xá.

Chư Tỳ-kheo, do nhân duyên đó các vị Thắng nhân ngày trước tạo lập thôn, thành, làng xóm, quốc ấp, kinh đô, cung thất, các trú xứ khác... làm đẹp thế gian, lần lượt xuất hiện.

Chư Tỳ-kheo, các chúng sanh như thế, khi càng tăng trưởng hạnh phi pháp thì có chúng sanh khác, phước mạng, nghiệp hết, từ trời Quang âm, bỏ thân xuống lại vào trong thai mẹ, thọ thai, sanh thân. Vì nhân duyên đó, người đời nhiều dần, việc phi pháp càng tăng.

Chư Tỳ-kheo, các Thắng nhân xưa sanh trước ở thế gian, các chúng sanh ấy vì phước lực có thừa nên chẳng cần cày gieo mà có gạo thơm tự nhiên sanh ra. Buổi sáng lấy phần thì phần buổi tối thấy sanh lại như cũ; buổi tối lấy phần thì buổi sáng sanh lại như nguyên không khác. Nếu người chưa lấy thì vẫn còn y. Chúng sanh sanh sau vì phước mỏng dần, trễ nhác, lười biếng, tâm sanh tham tiếc, nghĩ thế này: "Nay, gạo thơm này chẳng phải cày gieo mà có thì cần gì phải khổ công phân chia hai buổi sớm tối đi lấy, tự chuốc lấy sự mệt nhọc, nay ta có thể lấy luôn một lần", liền lấy hai phần gạo thơm một lần. Có chúng sanh khác đến kêu người kia nói: "Giờ ăn sắp đến, hãy cùng nhau đi lấy gạo thơm". Người kia đáp: "Tôi đã lấy luôn phần buổi sáng, buổi tối cùng một lúc đem về rồi. Ngươi muốn đi lấy thì cứ đi đi!" Người đó nghĩ: "Người này làm hay, khỏe khoắn quá. Hai phần sớm tối cùng lấy luôn! Ta nay cũng có thể lấy hai phần ăn của ba ngày". Nghĩ như thế xong vị ấy liền làm. Bấy giờ lại có các chúng sanh khác rủ người kia: "Chúng ta hãy cùng nhau đi lấy gạo thơm!" Người kia đáp: 'Tôi đã lấy trước

phần ăn ba ngày rồi! Các ngươi tự đi đi" Những người ấy nghe rồi lại nghĩ: "Người này khôn quá! Chúng ta nay cũng nên cùng lúc lấy luôn phần của bốn, năm ngày để dự trữ". Do nhân duyên đó, bấy giờ gạo thơm dần dần sanh lúa, bọc hạt gạo bên trong. Lại chỗ bị gặt, không còn mọc nữa, chỗ chưa gặt thì vẫn còn y nguyên. Khi ấy ruộng lúa mới có sự phân chia, cỏ cây mới mọc. Lúc đó chúng sanh mới cùng tụ tập lại sầu lo khóc lóc, tự bảo nhau: "Ta nhớ khi xưa, thân được sanh ra, dùng sự vui mừng làm thức ăn, tự nhiên phát sáng, bay trên không tự tại, thần sắc đẹp đẽ, thọ mạng lâu dài. Nhưng vì chúng ta bỗng sanh vị đất, sắc hương đầy đủ, ăn cũng sống lâu. Nếu ai ăn nhiều, hình sắc thô xấu, còn người ăn ít, nhan sắc vẫn đẹp. Vì tranh đẹp xấu nên sanh tâm kiêu mạn, trở thành sai biệt. Do sự việc này vị đất biến mất. Kế sanh lớp đất mỏng, tiếp sanh dây bò, rồi sanh gạo thơm, cho đến cây lúa, gặt rồi chẳng sanh, chưa gặt vẫn còn. Vì vậy nên thành có phân chia, cỏ cây mọc lên. Nay đây chúng ta nên chia khu vực, làm thành ranh giới, kia là phần anh, đây là phần tôi, và lập khế ước, người phạm bị phạt".

Chư Tỳ-kheo, do nhân duyên đó, thế gian mới có các danh từ ranh giới, trách phạt xuất hiện.

Bấy giờ trong bọn họ có một chúng sanh vì tiếc lúa của mình, trộm lấy lúa của kẻ khác. Có người phát hiện liền bảo: "Ôi! Ngươi đã làm việc thậm ác! Đã làm việc thậm ác! Tại sao mình có rồi, lại trộm lấy của người khác?", trách rồi thả đi và nói: "Chớ làm như vậy nữa!". Nhưng chúng sanh ấy lại làm nữa, cũng trách rồi thả đi. Như vậy ba lần, không chịu hối cải, nên nặng lời trách mắng, dùng tay đánh vào đầu, dắt đến đám đông bảo với mọi người: "Người này ăn trộm". Nhưng người ăn trộm kia ở trước đám đông, chống chế cãi lại nói với mọi người: "Nay chúng sanh này dùng lời thô ác, cố ý mạ nhục, dùng tay đánh đầu tôi". Khi ấy các chúng sanh kia cùng nhau tụ tập, ưu sầu than khóc, tự bảo nhau: "Ngày nay chúng ta đến tình trạng thế này thật là khốn khổ. Chúng ta đã làm nảy sanh pháp ác bất thiện, khởi các phiền não, làm tăng trưởng quả khổ sanh, già trong vị lai, sẽ hướng đến đường ác. Nay chúng ta chứng kiến việc dùng tay đánh nhau, rồi níu kéo, xua đuổi, trách mắng, mạ nhục. Nay chúng ta phải tìm một người đứng đắn, cùng lập lên làm chủ để làm người bảo hộ. Nếu người đáng quở trách thì chính thức quở trách, người đáng phạt thì chính thức phạt, người đáng xua đuổi thì chính thức xua đuổi. Chúng ta chia ruộng, thóc lúa sở hữu tự mỗi người thu hoạch. Vị chủ bảo hộ nếu có cần thứ gì thì bọn

chúng ta cùng nhau cung cấp". Mọi người bàn luận chu đáo như vậy rồi, liền cùng tìm kiếm người đứng đắn làm chủ thủ hộ. Bấy giờ ở trong số đông kia chỉ có một người, thân hình cao lớn, mười phần trang nghiêm, dung nghi đẹp đẽ lạ thường, nhìn không biết chán, sắc thân sáng chói, các căn đầy đủ. Khi ấy mọi người đến chỗ người kia nói như thế này: "Lành thay nhân giả! Xin ngài vì chúng tôi mà làm vị chánh thủ hộ. Chúng tôi ai nấy đều có ranh giới đất ruộng, ngài nên đến xem xét, đừng để xâm lấn nhau. Kẻ đáng mắng thì phải mắng, đáng trách thì phải trách, đáng phạt thì phải phạt, đáng đuổi thì phải đuổi. Lúa thóc chúng tôi thu hoạch được sẽ phân chia cho ngài, không để thiếu thốn". Người kia nghe rồi, liền chấp nhận làm người thủ hộ, mắng, trách, phạt, đuổi công bình chính trực, không có sự xâm lấn. Mọi người khi thu hoạch lúa gạo đem đến cung cấp không để gián đoạn, thiếu thốn. Cứ theo cách như vậy làm vị chánh chủ. Vì từ trong ruộng lúa của dân chúng lấy đất mà phân chia nên nhân đó gọi là Sát-đế-lợi (đời Tùy dịch là Điền chủ). Khi ấy, mọi người y theo lời chỉ dẫn làm theo. Vị Sát-đế-lợi kia trong việc phục vụ cho mọi người luôn khôn khéo, trí tuệ, ở trong mọi người, tướng tốt hơn hết, vì vậy lại được gọi là Yết-la-xà (đời Tùy dịch là Vương). Mọi người lập làm Đại Bình Đẳng vương, vì vậy lại gọi là Ma-ha Tam-ma-đa (Tùy dịch là Đại Bình Đẳng).

Chư Tỳ-kheo, vị Ma-ha Tam-ma-đa kia, khi làm vua thì tất cả mọi người mới có tên là Tát-đa-bà (Tùy dịch là Chúng sanh).

Chư Tỳ-kheo, vua Ma-ha Tam-ma-đa có người con tên là Hô-lô-giá (Tùy dịch là Ý Hỷ).

Chư Tỳ-kheo, khi vị Hô-lô-giá kia làm vua, mọi người cùng xưng là Ha-di-ma-ca (Tùy dịch là Xá Giả).

Chư Tỳ-kheo, vua Hô-lô-giá có người con tên là Ca-lê-da-na (Tùy dịch Chánh Chân).

Chư Tỳ-kheo, khi vị Ca-lê-da-na kia làm vua, mọi người cùng xưng là Đế-la-xà (Tùy dịch là Hồ-ma-sanh).

Chư Tỳ-kheo, vua Ca-lê-da-na có người con tên là Bà-la-ca-lê-gia-na (Tùy dịch là Tối Chánh Chân).

Chư Tỳ-kheo, khi vị Bà-la-ca-lê-da-na kia làm vua, mọi người cùng xưng là A-bạt-la-khiên-đà (Tùy dịch là Vân Phiến).

Chư Tỳ-kheo, vua Vân Phiến ấy có người con tên là Ô-bô-sa-tha (Tùy dịch là Trai Giới).

Chư Tỳ-kheo, vua Trai Giới ấy khi tại vị, mọi người cùng xưng là Đa-la-thừa-già (Tùy dịch là Mộc Hĩnh).

Chư Tỳ-kheo, trên đảnh của vua Trai Giới kia tự nhiên lồi lên một bọc thịt, bọc thịt ấy rách ra, sanh một đồng tử đẹp đẽ lạ thường, đầy đủ ba mươi hai tướng của bậc Đại nhân, vừa sanh ra đã nói: "Ma-đà-đa" (Tùy dịch là Trì Ngã). Vị vua sanh trên đảnh ấy đầy đủ thần thông, có oai lực lớn, thống lãnh cả bốn đại châu, cai trị và giáo hóa tự tại.

Chư Tỳ-kheo, sáu vị vua ấy thọ mạng vô lượng.

Chư Tỳ-kheo, đùi vế bên phải của vị vua sanh từ đảnh ấy, lồi lên một bọc thịt, sanh một đồng tử, đẹp đẽ lạ thường, thân cũng đầy đủ ba mươi hai tướng, tên là Hữu Bễ Sanh, có oai lực lớn, thống lãnh bốn đại châu.

Đùi vế bên trái của vua Hữu Bễ ấy lồi lên bọc thịt, sanh một đồng tử, thân cũng đầy đủ ba mươi hai tướng, tên là Tả Bễ Sanh, có đủ oai đức, cai trị ba đại châu.

Bọc thịt ở đầu gối bên phải của vua Tả Bễ ấy, sanh một đồng tử, oai đức như những vị tướng, cai trị hai đại châu.

Bọc thịt ở đùi vế bên trái của vua Hữu Tất ấy, sanh một đồng tử, oai đức như những vị tướng, cai trị một đại châu.

Chư Tỳ-kheo, từ đó về sau, có vua Chuyển luân, đều lãnh một châu, các vị nên biết.

Chư Tỳ-kheo, lần lượt như vậy, từ lúc ban đầu chúng sanh lập vua Đại Bình Đẳng, rồi kế đến vua Ý Hỷ, đến vua Chánh Chân, đến vua Tối Chánh Chân, đến vua Thọ Trai Giới, đến vua Đảnh Sanh, đến vua Hữu Bễ, đến vua Tả Bễ, đến vua Hữu Tất, đến vua Tả Tất, đến vua Dĩ Thoát, đến vua Dĩ Dĩ Thoát, đến vua Thể Giả, đến vua Thể Vị, đến vua Quả Báo Xa, đến vua Hải, đến vua Đại Hải, đến vua Xà-câu-lê, đến vua Đại Xà-câu-lê, đến vua Mao Thảo, đến vua Biệt Mao Thảo, đến vua Thiện Hiền, đến vua Đại Thiện Hiền, đến vua Tương Ái, đến vua Đại Tương Ái, đến vua Khiếu, đến vua Đại Khiếu, đến vua Ni-lê-ca, đến vua Na-cù-sa, đến vua Lang, đến vua Hải Phần, đến vua Kim Cang Tý, đến vua Sàng, đến vua Sư Tử Nguyệt, đến vua Na-da-đê, đến vua Biệt Giả, đến vua Thiện Phước Thủy, đến vua Xí Nhiệt, đến vua Tác Quang, đến vua Khoáng Dã, đến vua Tiểu Sơn, đến vua Sơn Giả, đến vua Diệm Giả, đến vua Xí Diệm.

Chư Tỳ-kheo, vua Xí Diệm ấy, con cháu truyền thừa có một trăm

lẻ một đời, đều ở thành Bô-đa-la cai trị giáo hóa thiên hạ. Vua sau cùng tên là Hàng Oán; vì thường hay hàng phục các giặc oán nên gọi là Hàng Oán.

Chư Tỳ-kheo, con cháu vua Hàng Oán nối nhau cai trị giáo hóa tại thành A-du-xà, có năm vạn bốn ngàn vua. Vị vua sau cùng tên là Nan Thắng.

Chư Tỳ-kheo, con cháu của vua Nan Thắng ấy kế tục nhau cai trị giáo hóa tại thành Ba-la-nại, gồm có sáu vạn ba ngàn vua. Vị vua sau cùng tên là Nan Khả Ý.

Chư Tỳ-kheo, con cháu của vua Nan Khả Ý kế tục nhau cai trị giáo hóa tại thành Ca-tỳ-la, gồm có tám vạn bốn ngàn vua. Vị vua sau cùng là vua Phạm Đức.

Chư Tỳ-kheo, con cháu vua Phạm Đức kế tục nhau cai trị giáo hóa tại thành Bạch tượng, gồm có ba vạn hai ngàn vua. Vị vua sau cùng tên là Tượng Đức.

Chư Tỳ-kheo, con cháu vua Tượng Đức kế tục nhau cai trị giáo hóa tại thành Câu-thi-na, gồm có ba vạn hai ngàn vua. Vị vua sau cùng tên là Hoắc Hương.

Chư Tỳ-kheo, con cháu vua Hoắc Hương kế tục nhau cai trị giáo hóa tại thành Ưu-la-xa, gồm có ba vạn hai ngàn vua. Vị vua sau cùng tên là Na-già-na-thị.

Chư Tỳ-kheo, con cháu vua Na-già-na-thị kế tục nhau cai trị giáo hóa tại thành Nan hàng phục; gồm có ba vạn hai ngàn vua. Vị vua sau cùng tên là Hàng Tha.

Chư Tỳ-kheo, con cháu vua Hàng Tha kế tục nhau cai trị giáo hóa tại thành Cát-na-cưu-già, gồm có một vạn hai ngàn vua. Vị vua sau cùng tên là Thắng Quân.

Chư Tỳ-kheo, con cháu vua Thắng Quân kế tục nhau cai trị giáo hóa tại thành Bỉ ba, có một vạn tám ngàn vua. Vị vua sau cùng là Thiên Long.

Chư Tỳ-kheo, con cháu vua Thiên Long kế tục nhau cai trị giáo hóa tại tthành Đa-ma-lê-xa, có hai vạn năm ngàn vua. Vị vua sau cùng tên là Hải Thiên.

Chư Tỳ-kheo, con cháu vua Hải Thiên kế tục nhau cai trị giáo hóa trở lại tại thành Đa-ma-lê-xa, có một vạn vua. Vị vua sau cùng cũng có tên là Hải Thiên.

Chư Tỳ-kheo, con cháu vua Hải Thiên kế tục nhau cai trị giáo hóa tại thành Đàn-đa-phú-la, có một vạn tám ngàn vua. Vị vua sau cùng tên là Thiện Ý.

Chư Tỳ-kheo, con cháu vua Thiện Ý kế tục nhau cai trị giáo hóa tại thành Ngọc xá đại, có hai vạn năm ngàn vua, vị vua sau cùng tên là Thiện Trị Hóa.

Chư Tỳ-kheo, con cháu vua Thiện Trị Hóa kế tục nhau trở lại cai trị giáo hóa tại thành Ba-la-nại, có một ngàn một trăm vua. Vị vua sau cùng là Đại Đế Quân.

Chư Tỳ-kheo, con cháu vua Đại Đế Quân kế tục nhau cai trị giáo hóa tại thành Mao chủ đại, có tám vạn bốn ngàn vua. Vị vua sau cùng lại có tên là Hải Thiên.

Chư Tỳ-kheo, con cháu vua Hải Thiên kế tục nhau, trở lại cai trị giáo hóa thành Bô-đa-la có một ngàn năm trăm vua. Vị vua sau cùng tên là Khổ Hạnh.

Chư Tỳ-kheo, con cháu vua Khổ Hạnh kế tục nhau trở lại cai trị giáo hóa tại thành Mao chủ đại, có tám vạn bốn ngàn vua. Vị vua sau cùng là Địa Diện.

Chư Tỳ-kheo, con cháu vua Địa Diện kế tục nhau, trở lại cai trị giáo hóa tại thành A-du-xà, có một ngàn vua. Vị vua sau cùng tên là Trì Địa.

Chư Tỳ-kheo, con cháu vua Trì Địa kế tục nhau, trở lại cai trị giáo hóa tại thành lớn Ba-la-nại, có tám vạn vua. Vị vua sau cùng tên là Địa Chủ.

Chư Tỳ-kheo, con cháu vua Địa Chủ kế tục nhau, cai trị giáo hóa tại thành Mị-tu-la, có tám vạn bốn ngàn vua. Vị vua sau cùng là Đại Thiên.

Chư Tỳ-kheo, con cháu của vua Đại Thiên cai trị giáo hóa tại thành lớn Mị-tu-la, có tám vạn bốn ngàn vua. Tám vạn bốn ngàn vị vua này đều ở tại thành lớn Mị-tu-la, tu hành phạm hạnh trong rừng Am-bà-la; vua sau cùng là vua Ni-mị, kế đến là vua Một, kế là vua Thụ Tê, rồi vua Ha-nô, vua Ưu-ba, vua Nô-ma, vua Thiện Kiến, vua Nguyệt Kiến, vua Văn Quân, vua Pháp Quân, vua Hàng Phục, vua Đại Hàng Phục, vua Cánh Hàng, vua Vô Ưu, vua Trừ Ưu, vua Kiên Tiết, vua Ma-la, vua Lâu-na, vua Phương Chủ, vua Trần Giả, vua Ca-la, vua Nan-đà, vua Cánh Diện, vua Sanh Giả, vua Hộc Lãnh, vua Thực Ẩm, vua Nhiêu Thực, vua Nan Hàng, vua Nan Thắng, vua An Trú, vua Thiện Trú, vua Đại Lực, vua Lực Đức,

vua Thụ Hành.

Chư Tỳ-kheo, con cháu vua Thụ Hành ấy kế tục nhau cai trị giáo hóa tại thành Ca-nhiếp-ba có bảy vạn năm ngàn vua. Vị vua sau cùng tên là Am-bà-lê-sa.

Chư Tỳ-kheo, vua Am-bà-lê-sa có con tên là Thiện Lập.

Chư Tỳ-kheo, vua Thiện Lập và con cháu nối nhau cai trị giáo hóa tại thành lớn Ba-la, có một ngàn một trăm vua. Vị vua sau cùng tên là Kê-lê-kỳ.

Chư Tỳ-kheo, bấy giờ, có Đức Ca-diếp Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Giác, xuất hiện ở đời. Bồ-tát khi ấy tu hành phạm hạnh sanh lên cõi trời Đâu-suất.

Vua Kê-lê-kỳ có người con tên là Thiện Sanh, con cháu nối nhau trở lại cai trị giáo hóa tại thành Bô-đa-la, có một trăm lẻ một vua, vua sau cùng tên là Nhĩ Giả. Vua Nhĩ Giả có hai người con, người con lớn là Cù-đàm, người con thứ hai Bà-la-đọa-xà. Vua Cù-đàm có một người con tên là Cam Giá Chủng.

Chư Tỳ-kheo, vua Cam Giá Chủng và con cháu nối nhau, trở lại cai trị giáo hóa tại thành Ba-đa-la, có một trăm lẻ một vua Cam Giá Chủng. Vị vua cuối cùng tên là Bất Thiện Trường.

Chư Tỳ-kheo, vua Thiện trường sanh bốn người con: Một là Ưu-mâu-khư, hai là Kim Sắc, ba là Tợ Bạch Tượng, bốn là Túc Cù. Túc Cù có người con tên là Thiên Thành. Thiên Thành có con tên là Ngưu Thành. Vua Ngưu Thành và con cháu nối nhau cai trị giáo hóa tại thành Ca-tỳ-la-bà, có bảy vạn bảy ngàn vị vua. Vị vua sau cùng là Quảng Xa, kế đến là vua Biệt Xa, vua Kiên Xa, vua Trụ Xa, vua Thập Xa, vua Bách Xa, vua Cửu Thập Xa, vua Tạp Sắc Xa, vua Trí Xa, vua Quảng Cung, vua Đa Cung, vua Kiêm Cung, vua Trụ Cung, vua Thập Cung, vua Bách Cung, vua Cửu Thập Cung, vua Tạp Sắc Cung, vua Trí Cung.

Chư Tỳ-kheo, vua Trí Cung sanh hai người con: một là Sư Tử giáp, hai là Sư Tử Túc.

Sư Tử Giáp nối ngôi vua, sanh bốn người con trai: một là Tịnh Phạn, hai là Bạch Phạn, ba là Hộc Phạn, bốn là Cam Lộ Phạn và sanh một người con gái tên là Cam Lộ.

Chư Tỳ-kheo, vua Tịnh Phạn sanh hai người con: Một tên là Tất-đạt-đa, hai tên là Nan-đà. Bạch Phạn có hai người con: Một là Đế-sa, hai là Nan-đề-ca. Hộc Phạn có hai người con: Một là A-nê-lâu-đà, hai là

Bạt-đề-lê-ca. Cam Lộ Phạn có hai người con: Một là A-nan-đà, hai là Đề-bà-đạt-đa. Còn bà Cam Lộ chỉ có một người con tên là Thế-bà-la.

Chư Tỳ-kheo, Bồ-tát Tất-đạt-đa có một người con tên là La-hầu-la.

Chư Tỳ-kheo, lần lượt như vậy, từ vua Đại Bình Đẳng về sau, con cháu nối tiếp nhau, là một chủng tộc tối thắng cho đến đồng tử La-hầu-la tự thân chứng A-la-hán, đoạn các phiền não, dứt đường sanh tử, không còn tái sanh nữa.

Chư Tỳ-kheo, do nhân duyên này nên vào thuở xa xưa có dòng Sát-đế-lợi hơn hết xuất hiện ở thế gian, theo đúng như pháp, chứ chẳng phải phi pháp.

Chư Tỳ-kheo, vì các pháp như vậy, nên chủng tộc Sát-đế-lợi trong thế gian sanh ra là trên hết.

Bấy giờ, lại có các chúng sanh khác nghĩ thế này: "Thế gian là hữu vi, là bệnh hoạn, là ung nhọt, là mũi tên độc". Suy nghĩ chính chắn rồi, họ xả bỏ hữu vi, vào trong rừng núi, tạo lập thảo am, tĩnh tọa tu thiền. Nếu có nhu cầu gì, hoặc vào buổi sáng, hoặc vào chiều tối, họ tạm rời thảo am, vào làng khất thực, mọi người trông thấy, cần gì cúng nấy, nhanh chóng thực hiện, rồi cùng khen ngợi: "Những chúng sanh này sớm tu nghiệp thiện, xả bỏ các pháp ác bất thiện, đang tồn tại trong thế gian, đó là Bà-la-môn". Vì Nhân duyên này dòng dõi Bà-la-môn xuất hiện ở thế gian. Trong số người ấy, hoặc có người thiền định bất thành, dựa vào thôn xóm, phần nhiều dạy về chú thuật. Do đây lại được gọi là hạng giáo hóa. Lại vì những người ấy vào thôn xóm nên gọi là hạng hướng tới thôn xóm. Lại vì thành tựu các pháp dục, nên gọi là hạng thành tựu dục. Do nhân duyên này, vào thuở xa xưa Bà-la-môn là thù thắng, là chủng tánh cao quý xuất hiện ở thế gian, theo đúng như pháp chẳng phải phi pháp.

Lại nữa, ngoài ra có một hạng chúng sanh làm đủ các thứ để cầu lợi như kỹ năng, công xảo, nghệ thuật, các ngành nghề sanh sống. Do nhân duyên này nên gọi là Tỳ-xá. Vì vậy cho nên ngày xưa dòng dõi Tỳ-xá xuất hiện ở thế gian. Họ cũng theo đúng như pháp chẳng phải phi pháp.

Chư Tỳ-kheo, ba dòng dõi này đã sanh ra ở thế gian rồi, về sau lại có giòng dõi thứ tư sanh ra ở thế gian.

Chư Tỳ-kheo, có một hạng người tự chê bai phép tắc vốn có của

gia tộc họ, cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, xả bỏ thế gian, xuất gia tu đạo, tự xưng: "Ta là Sa-môn". Nói như vậy rồi, liền thành tựu chánh nguyện. Dòng dõi Bà-la-môn, Tỳ-xá cũng vậy. Có một hạng người, cũng chê bai như trước, cũng bỏ nhà xuất gia, tự xưng: " Ta là Sa-môn", liền thành tựu chánh nguyện, vì họ đã có chánh nguyện về chủng loại.

Chư Tỳ-kheo, có hạng Sát-đế-lợi, nghiệp thân, khẩu, ý làm những hạnh ác; vì những hạnh ác, nên khi thân hoại mạng chung, chỉ nhận quả khổ. Bà-la-môn, Tỳ-xá cũng như vậy.

Lại có hạng Sát-đế-lợi, nghiệp thân, khẩu, ý làm các việc lành; vì làm việc lành nên khi thân hoại mạng chung chỉ thọ quả vui. Bà-la-môn, Tỳ-xá cũng giống như vậy.

Chư Tỳ-kheo, lại có hạng Sát-đế-lợi, nghiệp thân, khẩu, ý làm cả hai việc ác, thiện; vì làm cả hai nên khi thân hoại mạng chung, sẽ thọ quả khổ lẫn vui. Bà-la-môn, Tỳ-xá cũng như vậy.

Chư Tỳ-kheo, lại có hạng Sát-lợi chánh tín xuất gia, tu tập ba mươi bảy pháp trợ đạo, có khả năng dứt hết các lậu, tâm và trí được giải thoát, ngay hiện tại thấy pháp, chứng pháp, đắc các thần thông. Đã tác chứng rồi tự nêu rõ: "Sự sanh của ta đã chấm dứt, phạm hạnh đã lập, việc làm đã xong, về sau không còn thọ nhận thân sanh tử nữa". Bà-la-môn, Tỳ-xá cũng y như vậy.

Chư Tỳ-kheo, ba dòng dõi ấy ở trong đời sau, có khả năng thành tự đầy đủ minh, hạnh, đắc quả A-la-hán, gọi là tối thắng.

Chư Tỳ-kheo, Phạm vương Sa-ha-bà-để, xưa ở trước ta, nói bài kệ:

Sát-lợi giống hơn hết
Nếu rời các chủng tánh
Thành tựu đủ minh, hạnh
Thì hơn các trời, người.

Chư Tỳ-kheo, Phạm vương Sa-ha-bà-để khéo đọc bài kệ ấy, chẳng làm điều bất thiện. Ta đã ấn chứng.

Chư Tỳ-kheo, Ta, Như Lai, Ứng Chánh Đẳng Giác cũng nói nghĩa này.

Chư Tỳ-kheo, cứ lần lượt như vậy, Ta đã nói đủ về thế gian chuyển thành, thế gian chuyển hoại, thế gian chuyển trụ.

Chư Tỳ-kheo, có một vị thầy giáo hóa vì các Thanh văn làm điều nên làm, thương yêu lợi ích, hành hạnh từ bi. Ta đã làm xong, các vị

nên nương theo.

Chư Tỳ-kheo, hoặc ở nơi đồng trống, nơi rừng núi vắng vẻ, bên gốc cây, chốn phòng, thất tịch tĩnh, hoặc ở nơi hang hốc ven núi, gò mả, nơi đất thừa, xa lìa làng xóm, dùng các thứ cây cỏ kết tạm làm chỗ ở. Chư vị Tỳ-kheo nên ở các nơi ấy tu tập thiền định, chớ nên phóng dật khiến về sau phải hối hận.

Chư Tỳ-kheo, đó là lời huấn thị của Ta.

Phật thuyết kinh xong, chư Tỳ-kheo... hoan hỷ vâng làm.

❑

SỐ 25

KINH KHỞI THẾ NHÂN BỔN

Hán dịch: Sa-môn Đạt-ma-cấp-đa,
người Thiên Trúc, đời Tùy.

QUYỂN I

Phẩm 1: CHÂU DIÊM-PHÙ

Tôi nghe như vầy:

Một thuở nọ, Đức Bà-già-bà ở thạch thất Ca-lợi-la tại thành Xá-la-bà-tất-đế. Bấy giờ, tại nơi ấy, có số đông Tỳ-kheo, sau khi thọ trai, cùng đến tụ họp ở giảng đường Ca-lợi-la. Sau khi an tọa, mọi người đều suy nghĩ rồi cùng nhau bàn luận:

–Này các Trưởng lão, thật chưa từng có! Nay thế gian này, thiên địa, chúng sanh, chỗ ở, quốc độ, chuyển biến thành lập như thế nào? Và chuyển biến tan hoại như thế nào? Chuyển biến tan hoại rồi lại thành lập như thế nào? Chuyển biến thành lập rồi an trụ như thế nào?

Khi ấy Đức Thế Tôn, một mình ở trong thạch thất yên tĩnh, với thiên nhĩ nghe khắp, thanh tịnh hơn người, nghe các Tỳ-kheo, sau khi thọ trai, tụ họp tại giảng đường Ca-lợi-la cùng bàn luận việc hy hữu như vậy. Thế Tôn nghe rồi, ngay sau buổi trưa hôm ấy, xuất thiền, ra khỏi thạch thất Ca-lợi-la, đi đến giảng đường; đến giảng đường rồi ở trước đại chúng Tỳ-kheo, theo lệ thường, trải tòa, ngồi thẳng an nhiên.

Sau khi an tọa, Thế Tôn biết nhưng vẫn hỏi:

–Này các thầy Tỳ-kheo, vừa rồi, các thầy tụ tập nơi đây bàn luận việc gì?

Khi ấy các Tỳ-kheo đồng bạch Phật:

–Bạch Đại Đức Thế Tôn, sau khi thọ trai, Tỳ-kheo chúng con cùng đến giảng đường Ca-lợi-la này tụ họp, bàn luận thế này: "Này các Trưởng lão, thật chưa từng có! Thế gian chuyển biến thành lập như thế nào? Chuyển biến tan hoại như thế nào? Thế gian chuyển biến tan hoại rồi thành lập như thế nào? Thế gian chuyển biến thành lập rồi an trụ như thế nào?" Bạch Đại Đức Thế Tôn, vừa rồi chúng con tập họp đến đây để bàn luận việc như vậy.

Lúc bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Hay thay! Hay thay! Này các Tỳ-kheo, chỉ các thầy mới có khả năng tin và làm việc như pháp như vậy. Này chư Thiện nam tử, vì lòng tin, các thầy bỏ tục xuất gia, nếu các thầy thường tập trung ngồi lại với nhau và bàn luận việc như pháp như vậy, thì đó là việc bất khả tư nghì. Này các thầy Tỳ-kheo, khi các thầy ngồi lại với nhau, nên tu hai thứ pháp này để tự tạo sự nghiệp cho mình: hoặc là bàn luận pháp nghĩa, hoặc là Hiền thánh mật nhiên, chẳng sanh lười biếng, kiêu mạn. Nếu có thể làm được điều đó, thì các thầy mới nên nghe Như Lai nói về ý nghĩ: Thế gian chuyển biến thành lập, thế gian chuyển biến tan hoại, thế gian chuyển biến tan hoại rồi thành lập; thế gian chuyển biến thành lập rồi an trụ.

Khi Đức Phật dạy như vậy rồi, các Tỳ-kheo bạch:

–Bạch Đại Đức Thê Tôn, nay đã đúng lúc! Bạch Thiện Thệ, nay đã đúng lúc! Nếu Phật Thế Tôn vì Tỳ-kheo chúng con mà giảng thuyết nghĩa này thì sau khi nghe Thế Tôn dạy, chúng con sẽ theo đó mà phụng trì.

Lúc bấy giờ Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Này các thầy Tỳ-kheo, hãy lắng nghe! Hãy lắng nghe! Hãy suy nghĩ chính chắn! Ta sẽ vì các ông lần lượt giảng thuyết.

Khi ấy các Tỳ-kheo đồng bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, chúng con rất muốn nghe.

Phật dạy các Tỳ-kheo:

–Này các Tỳ-kheo, như mặt trời, mặt trăng ở tại một chỗ mà chiếu sáng bốn cõi thiên hạ, bấy giờ tại bốn chỗ thiên hạ đều có cả ngàn mặt trời, mặt trăng. Này chư Tỳ-kheo, đó gọi là một ngàn thế giới. Này chư Tỳ-kheo, trong ngàn thế giới, có ngàn mặt trăng, ngàn mặt trời, ngàn núi chúa Tu-di, bốn ngàn châu nhỏ, bốn ngàn châu lớn,

bốn ngàn biển nhỏ, bốn ngàn biển lớn, bốn ngàn dòng giống Rồng, bốn ngàn dòng giống Rồng lớn, bốn ngàn dòng giống Kim sí điểu, bốn ngàn dòng giống Kim sí điểu lớn, bốn ngàn dòng giống chốn ác đạo, bốn ngàn dòng giống chốn ác đạo lớn, bốn ngàn tiểu vương, bốn ngàn đại vương, bảy ngàn các giống cây lớn, tám ngàn các loại núi lớn, mười ngàn các loại địa ngục lớn, một ngàn vua Diêm-ma-la, ngàn châu Diêm-phù, ngàn Cù-đà-ni, ngàn Phất-bà Thiên vương, ngàn trời Tam thập tam, ngàn trời Dạ-ma, ngàn trời Đâu-suất-đà, ngàn trời Hóa lạc, ngàn trời Tha hóa tự tại, ngàn trời Chư-ma-la, ngàn trời Phạm thế.

Chư Tỳ-kheo, ở trong cõi Phạm thế kia, có một Phạm chủ, oai lực rất mạnh, không ai hàng phục được, thống nhiếp ngàn Phạm tự tại vương, nói: "Ta có khả năng tạo tác, gọi ta là cha, ta tự tạo ra các sự vật". Vị ấy nói những lời kiêu ngạo như vậy, rồi liền sanh ngã mạn. Như Lai không như vậy. Vì sao? Vì tất cả thế gian kia, mỗi pháp đều tùy theo nghiệp lực mà hiện khởi, thành lập.

Chư Tỳ-kheo, ngàn thế giới nhỏ này, giống như búi tóc, gọi là một tiểu thiên thế giới. Chư Tỳ-kheo, một tiểu thiên thế giới như búi tóc như vậy, gọi đó là bậc hai – trung thiên thế giới. Chư Tỳ-kheo, một ngàn trung thiên thế giới ở bậc hai như vậy, gọi là đại thiên thế giới. Ba ngàn lần thế giới như vậy, gọi là tam thiên đại thiên thế giới. Chư Tỳ-kheo, tam thiên đại thiên thế giới này đồng thời thành lập; đồng thời thành lập rồi thì lại tan hoại; đồng thời tan hoại rồi thì trở lại thành lập; đồng thời thành lập rồi thì an trụ. Như thế, thế giới xoay vần thiêu hủy gọi là bại hoại; xoay vần thành lập gọi là thành tựu; xoay vần an trụ, gọi là an lập. Đó là nơi ở của chúng sanh, một cõi Phật vô úy.

Chư Tỳ-kheo, đại địa ấy dày bốn mươi tám vạn do-tuần, chung quanh rộng vô biên. Chư Tỳ-kheo, đại địa ấy trụ ở trên nước; nước trụ trên gió, gió nương hư không. Chư Tỳ-kheo, phía dưới đại địa ấy, có một lớp nước, dày sáu mươi vạn do-tuần, chung quanh rộng vô biên. Dưới lớp nước ấy, có một lớp gió dày ba mươi sáu vạn do-tuần, chung quanh rộng vô biên. Chư Tỳ-kheo, nước biển lớn ấy sâu vô cùng, sâu tới tám vạn bốn ngàn do-tuần, chung quanh rộng vô biên. Chư Tỳ-kheo, núi chúa Tu-di phần chìm trong biển là tám vạn bốn ngàn do-tuần, phần nhô khỏi mặt biển cũng cao tám vạn bốn ngàn do-tuần. Chư Tỳ-kheo, núi chúa Tu-di, mặt đáy bằng phẳng, phần dưới bám chặt trên bánh xe vàng lớn. Chư Tỳ-kheo, núi chúa Tu-di ấy ở trong biển lớn, dưới hẹp, trên rộng, càng lên càng rộng ra, ngay thẳng chẳng lồi lõm, thân lớn,

vững chắc, đẹp đẽ lạ thường, lạ mắt, ưa xem, bốn báu hiệp thành, đó là vàng, bạc, lưu ly, pha lê; có các loại cây tốt tươi, tỏa ra các mùi thơm, mùi thơm bay xa, xông khắp các núi, là chốn dừng chân của nhiều chúng Thánh hiền, và chư Thiên thần đại oai đức thắng diệu.

Chư Tỳ-kheo, ở phần trên của núi chúa Tu-di, bốn phương có bốn ngọn, ngọn vươn cao ở bốn phía, mỗi ngọn cao bảy trăm do-tuần, đẹp đẽ khả ái, do bảy báu tạo thành, là nơi được trang trí bằng vàng, bạc, lưu ly, pha lê, hồng ngọc, xa cừ, mã não; núi uốn cong trên mặt biển.

Chư Tỳ-kheo, phía dưới núi Tu-di có ba bậc, trú xứ của chư thần. Tầng bậc thấp nhất cao rộng sáu mươi do-tuần; có bảy lớp tường thành, bảy lớp lan can, bảy lớp dây chuông, lại có bảy lớp cây Đa-la ngay ngắn khả ái, bao bọc chung quanh. Cây ấy được tạo thành bằng bảy báu: vàng, bạc, lưu ly, pha lê, hồng ngọc, xa cừ, mã não. Các tường vách đều có bốn cửa, mỗi cửa ấy đều có bờ lũy, lầu gác, mái hiên, tháp canh, cung điện, hành lang, vườn cây, cùng các ao hồ đầy đủ trang nghiêm. Trong ao có hoa đẹp, đủ loại hương thơm; có đủ tất cả các loại cây, đủ các loại cành lá, các loại hoa quả, cũng phát ra các mùi thơm ngào ngạt. Lại có các loài chim hót ca, âm thanh vi diệu hòa quyện vào nhau, hòa nhã thánh thót.

Tầng bậc kế tiếp của núi, cao rộng bốn mươi do-tuần, được trang nghiêm bằng bảy vòng tường thành, lan can, dây chuông, hàng cây Đa-la bằng phẳng, ngay ngắn, khả ái bao quanh, cũng được trang trí bằng bảy báu: vàng, bạc, lưu ly, pha lê, hồng ngọc, xa cừ, mã não; cũng có đầy đủ các thứ cửa ngõ, lầu gác, đài, điện, vườn, ao, cây có quả và các loài chim.

Tầng bậc trên cùng của núi, cao rộng hai mươi do-tuần, cũng có bảy lớp tường thành cho đến các loài chim, phát ra âm thanh vi diệu.

Chư Tỳ-kheo, ở tầng bậc dưới của núi, có vị Dạ-xoa tên là Bát thủ ở; tại tầng bậc giữa, có các vị Dạ-xoa tên là Trì phát; tầng trên có các vị Dạ-xoa tên là Thường túy.

Chư Tỳ-kheo, giữa triền núi Tu-di rộng bốn vạn hai ngàn do-tuần, có cung điện của Tứ đại thiên vương. Chư Tỳ-kheo, phần trên núi Tu-di có các cung điện của chư Thiên Tam thập tam, nơi ở của Đế-thích. Trên cõi trời Tam thập tam, có cung điện của chư Thiên Dạ-ma; trên trời Dạ-ma một tầng, có cung điện của chư Thiên Đâu-suất-đà; trên trời Đâu-suất-đà một tầng, có cung điện của chư Thiên Hóa lạc; trên trời Hóa lạc

một tầng, có cung điện của chư Thiên Tha hóa tự tại; trên trời Tha hóa tự tại một tầng, có cung điện của chư Thiên Phạm thân; ở khoảng giữa trời Tha hóa tự tại và Phạm thân, có các cung điện của ma Ba-tuần; ở phía trên trời Phạm thân, có trời Quang âm; phía trên trời Quang âm, có trời Biến tịnh; phía trên trời Biến tịnh, có trời Quảng quả; phía trên trời Quảng quả, có trời Bất thô; khoảng giữa trời Quảng quả và trời Bất thô, có các cung điện là chỗ ở của chúng sanh Vô tưởng; ở phía trên trời Bất thô, có trời Bất não; phía trên trời Bất não, có trời Thiện kiến; phía trên trời Thiện kiến, có trời Thiện hiện; phía trên trời Thiện hiện là cung điện của chư Thiên A-ca-ni-trá. Chư Tỳ-kheo, trên trời A-ca-ni-trá, lại có chư Thiên Vô biên hư không xứ, Vô biên thức xứ, Vô sở hữu xứ, Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Các nơi này đều được gọi là trú xứ của chư Thiên.

Chư Tỳ-kheo, nơi chốn như vậy, ranh giới như vậy là chỗ ở của chúng sanh. Chúng sanh ấy, hoặc đến, hoặc đi, hoặc sanh, hoặc diệt đều nằm trong giới hạn ấy. Trong thế giới đó, các loài chúng sanh có sanh, già, chết đều rơi vào đó. Chúng ở trong đường sanh hóa như vậy, đến bây giờ không ra khỏi. Cho nên gọi thế giới Ta-bà là cõi Vô úy. Ngoài ra, tất cả thế giới khác cũng giống như thế.

Chư Tỳ-kheo, phía Bắc của núi chúa Tu-di có châu tên là Uất-đa-la-cứu-lưu. Cõi ấy dài rộng mười ngàn do-tuần, bốn phía bằng phẳng; khuôn mặt của người ở cõi ấy giống như hình trái đất.

Chư Tỳ-kheo, phía Đông của núi chúa Tu-di, có châu tên là Phất-bà-tùy-đề-hạ. Cõi ấy dài rộng chín ngàn do-tuần, tròn như trăng tròn; khuôn mặt của người ở cõi ấy cũng giống như trái đất.

Chư Tỳ-kheo, phía Tây núi chúa Tu-di, có châu tên là Cù-đà-ni. Cõi ấy dài rộng tám ngàn do-tuần, hình dáng như nửa mặt trăng, khuôn mặt của người ở cõi ấy lại giống như trái đất.

Chư Tỳ-kheo, phía Nam núi chúa Tu-di, có châu là Diêm-phù-đề. Cõi ấy dài rộng bảy ngàn do-tuần, phía Bắc rộng, phía Nam hẹp, hình dạng như cái hòm xe. Khuôn mặt của người ở cõi ấy cũng giống như trái đất.

Chư Tỳ-kheo, mặt bắc núi chúa Tu-di do vàng trời tạo thành, chiếu sáng châu Uất-đa-la-cứu-lưu; mặt Đông do bạc trời tạo thành, chiếu sáng châu Phất-bà-tỳ-đề-ha; mặt Tây do pha lê trời tạo thành, chiếu sáng châu Cù-đà-ni; mặt Nam do lưu ly xanh cõi trời tạo thành, chiếu sáng châu Diêm-phù-đề này.

Chư Tỳ-kheo, châu Uất-đa-la-cứu-lưu có một đại thọ gọi là Am-bà-la, thân to bảy do-tuần, phần ăn sâu dưới đất là hai mươi mốt do-tuần, phần vượt lên cao là một trăm do-tuần, cành lá phủ che năm mươi do-tuần.

Chư Tỳ-kheo, châu Phất-bà-tỳ-đề-ha có một đại thọ gọi là Ca-đàm-bà-phất, thân to bảy do-tuần, phần ăn sâu dưới đất là hai mươi mốt do-tuần, phần vượt lên cao là một trăm do-tuần, cành lá che phủ năm mươi do-tuần.

Chư Tỳ-kheo, châu Cù-đà-ni có một đại thọ gọi là Chấn-đầu-ca, thân to bảy do-tuần... *cho đến* cành lá phủ năm mươi do-tuần. Dưới cây ấy có một con trâu đá, cao một do-tuần. Do nhân duyên này nên gọi là châu Cù-đà-ni.

Chư Tỳ-kheo, châu Diêm-phù-đề ấy có một đại thọ gọi là Diêm-phù, thân to bảy mươi do-tuần... *cho đến* cành lá bao phủ năm mươi do-tuần. Dưới cây ấy có khối vàng Diêm-phù-đàn cao hai mươi do-tuần; vì vàng sanh ra từ dưới cây Diêm-phù cho nên gọi là Diêm-phù-đàn; và do đó có tên là vàng Diêm-phù-đàn.

Chư Tỳ-kheo, chỗ ở của loài Rồng và loài Kim sí điểu có một đại thọ tên là Câu-tra-dư-ma-lợi-hòa, thân to bảy do-tuần... *cho đến* cành lá che phủ năm mươi do-tuần.

Chư Tỳ-kheo, chỗ ở của A-tu-la có một đại thọ tên là Tu-chất-đà-la-ba-tra-la, thân to bảy do-tuần... *cho đến* cành lá che phủ năm mươi do-tuần.

Chư Tỳ-kheo, trời Tam thập tam có một đại thọ tên là Ba-lợi-cù-tỷ-đà-la, thân to bảy do-tuần, phần ăn sâu xuống đất hai mươi mốt do-tuần, phần vượt lên cao là một trăm do-tuần, cành lá che phủ năm mươi do-tuần.

Chư Tỳ-kheo, dưới núi Tu-di, kế đến có núi tên là Khư-đề-la-ca, cao bốn vạn hai ngàn do-tuần, trên rộng cũng vậy, ngay thẳng khả ái, do bảy báu hợp thành, đó là vàng, bạc, lưu ly, pha lê, hồng ngọc, xa cừ, mã não.

Chư Tỳ-kheo, khoảng giữa hai núi Tu-di và Khư-đề-la-ca ấy rộng tám vạn bốn ngàn do-tuần, bao bọc chung quanh là vô số các loài hoa: Ưu-bát-la, Bát-đầu-ma, Câu-mâu-đầu, Bôn-trà-lợi-ca, Tao-kiền-đề-ca che phủ khắp sông hồ.

Chư Tỳ-kheo, ngoài núi Khư-đề-la-ca, kế đến có núi tên là Y-sa-

đà-la, cao hai vạn một ngàn do-tuần, trên cũng rộng như vậy, đẹp đẽ khả ái... *cho đến* mã não... bảy báu hợp thành. Khoảng giữa hai núi Khư-đề-la-ca và Y-sa-đà-la rộng bốn vạn hai ngàn do-tuần, chung quanh có vô số các loài hoa: Ưu-bát-la, Bát-đầu-ma, Câu-mâu-đầu, Bôn-trà-lợi-ca, Tao-kiền-đề-ca che phủ khắp sông hồ.

Ngoài núi Y-sa-đà-la, kế đến có núi tên là Du-kiền-đà-la, cao một vạn hai ngàn do-tuần, ở trên cũng rộng như vậy, đẹp đẽ khả ái... *cho đến* mã não... bảy báu hợp thành. Khoảng giữa hai núi Y-sa-đà-la và Du-kiền-đà-la rộng hai vạn một ngàn do-tuần, chung quanh có vô số các loài hoa: Ưu-bát-la, Bát-đầu-ma, Câu-mâu-đầu, Bôn-trà-lợi-ca, Tao-kiền-đề-ca che phủ khắp các sông hồ.

Ngoài núi Du-kiền-đà-la, kế đến có núi tên là Thiện kiến cao sáu ngàn do-tuần, ở trên cũng rộng như vậy, đẹp đẽ khả ái... *cho đến* mã não... bảy báu hợp thành. Khoảng giữa hai núi Du-kiền-đà-la và Thiện kiến rộng một vạn hai ngàn do-tuần, chung quanh có vô số các loài hoa: Ưu-bát-la, Bát-đầu-ma, Câu-mâu-đầu, Bôn-trà-lợi-ca, Tao-kiền-đề-ca che phủ khắp các sông hồ.

Ngoài núi Thiện kiến, kế đến có núi tên là Mã bán đầu, cao ba ngàn do-tuần, ở trên cũng rộng như vậy, đẹp đẽ khả ái... *cho đến* mã não... bảy báu hợp thành. Khoảng giữa hai núi Thiện kiến và Mã bán đầu rộng sáu ngàn do-tuần, chung quanh có vô số các loài hoa: Ưu-bát-la, Bát-đầu-ma, Câu-mâu-đầu, Bôn-trà-lợi-ca, Tao-kiền-đề-ca, phủ khắp sông hồ.

Ngoài núi Mã bán đầu, kế đến có núi tên là Ni-dân-đà-la, cao một ngàn hai trăm do-tuần, ở trên cũng rộng như vậy, đẹp đẽ khả ái... *cho đến* mã não... bảy báu hợp thành. Khoảng giữa hai núi Mã bán đầu và Ni-dân-đà-la rộng hai ngàn bốn trăm do-tuần, chung quanh có vô số các loài hoa: Ưu-bát-la, Bát-đầu-ma, Câu-mâu-đầu, Bôn-trà-lợi-ca, Tao-kiền-đề-ca che khắp các sông hồ.

Ngoài núi Ni-dân-đà-la, kế đến có núi tên là Tỳ-na-da-ca, cao sáu trăm do-tuần, ở trên cũng rộng như vậy, đẹp đẽ khả ái... *cho đến* mã não... bảy báu hợp thành. Khoảng giữa hai núi Ni-dân-đà-la và Tỳ-na-da-ca rộng một ngàn hai trăm do-tuần, chung quanh có vô số các loài hoa: Ưu-bát-la, Bát-đầu-ma, Câu-mâu-đầu, Bôn-trà-lợi-ca, Tao-kiền-đề-ca che khắp các sông hồ.

Ngoài núi Tỳ-na-da-ca, kế đến có núi tên là Chước-ca-la (Tùy dịch là Luân), cao ba trăm do-tuần, ở trên cũng rộng như vậy, đẹp đẽ

khả ái... *cho đến* mã não... bảy báu hợp thành. Khoảng giữa hai núi Tỳ-na-da-ca và Chước-ca-la ấy rộng sáu trăm do-tuần, chung quanh có vô số các loài hoa... *cho đến* hoa Tao-kiền-đề-ca che khắp các sông hồ. Cách núi Luân viên (Chước-ca-la) không xa, cạnh bên một khoảng đất trống cỏ xanh phủ khắp là biển lớn. Phía Bắc biển lớn có một cội cây lớn gọi là cây Diêm-phù, thân to bảy do-tuần, rễ cắm sâu xuống đất hai mươi mốt do-tuần, cao một trăm do-tuần... *cho đến* cành lá che phủ bốn phía năm mươi do-tuần; khoảng đất trống ở bên cỏ xanh phủ khắp. Kế đến có rừng cây Am-bà-la, rừng cây Diêm-phù, rừng cây Đa-la, rừng cây Na-đa, mỗi khu rừng rộng năm mươi do-tuần, khoảng đất trống ở giữa, cỏ xanh mọc đầy. Kế đến có rừng cây tên là Nam, rừng cây tên là Nữ, rừng San-đà-na, rừng Chơn-đà-na, mỗi khu rừng rộng năm mươi dặm; khoảng đất trống bên khu rừng, cỏ xanh phủ đầy. Kế đến có rừng quả Kha-lê-lặc, rừng quả Tỳ-hê-lặc, rừng quả Ma-lặc, rừng quả Am-bà-la-đa-ca; mỗi khu rừng rộng năm mươi do-tuần. Kế đến có rừng cây Khả-thù-la, rừng quả Tỳ-la, rừng quả Bà-na-bà, rừng quả Thạch lựu; mỗi khu rừng rộng năm mươi do-tuần. Kế đến có rừng Ô bột, rừng Nại, rừng Mía, rừng Trúc nhỏ, rừng Trúc lớn, mỗi khu rừng rộng năm mươi do-tuần. Kế đến có rừng Lau, rừng Sậy, rừng Cát-la, rừng Cát-la lớn, rừng Ca-sà-văn-đà; mỗi khu rừng rộng năm mươi do-tuần. Kế đến có rừng hoa A-đề-mục-đa-ca, rừng hoa Chiêm-bà, rừng hoa Ba-tra-la, rừng hoa Tường vi; mỗi khu rừng rộng năm mươi do-tuần; vùng đất trống bên cạnh, cỏ xanh phủ đầy.

Lại có các ao có các loại hoa Ưu-bát-la, Bát-đầu-ma, Câu-mâu-đầu, Bôn-trà-lợi-ca... phủ đầy. Lại có các ao đầy ắp rắn độc; mỗi ao rộng năm mươi do-tuần; khoảng đất trống ở giữa, cỏ xanh phủ đầy.

Kế đến có biển tên là Ô-thiền-na-ca rộng mười hai do-tuần; nước ao trong mát, vị rất ngọt ngon, êm ả trong veo, có bảy lớp bờ lũy, bảy lớp đá chắn, bảy lớp lan can, bảy lớp dây chuông; bên ngoài có bảy lớp hàng cây Đa-la bao bọc chung quanh, thẳng tắp đẹp đẽ; đều do mã não... bảy báu hợp thành, trang trí bốn phương chung quanh, đều có thềm bậc đẹp đẽ khả ái, cũng do bảy báu: vàng, bạc, lưu ly, pha lê, hồng ngọc, xa cừ, mã não hợp thành. Lại có hoa Ưu-bát-la, Bát-đầu-ma, Câu-mâu-đầu, Bôn-trà-lợi-ca. Hoa màu lửa thì hiện hình lửa; hoa màu vàng thì hiện hình vàng; hoa màu xanh thì hiện hình xanh; hoa màu đỏ thì hiện hình đỏ; hoa màu trắng thì hiện hình trắng; màu Bà-vô-đà thì hiện hình Bà-vô-đà. Hoa lớn như bánh xe, cộng như trục xe, tiết ra nhựa, màu trắng

như sữa, vị ngọt như mật.

Chư Tỳ-kheo, trong biển Ô-thiền-na-ca, có các đường đi của Chuyển luân thánh vương, mặt đường rộng mười hai do-tuần.

Chư Tỳ-kheo, trong cõi Diêm-phù-đề, khi Chuyển luân thánh vương xuất hiện thì các con đường dưới biển ấy tự nhiên hiện ra, mặt nước đứng lặng. Chư Tỳ-kheo, kế bên biển Ô-thiền-na-ca có ngọn núi tên là Ô-thiền-già-la. Chư Tỳ-kheo, núi Ô-thiền-già-la ấy đẹp đẽ khả ái, tươi tốt khả quan, có các thứ cây, các thứ lá, các thứ hoa, các thứ quả, các thứ hương và các loài dị thảo, đủ các loài chim, thú. Những vật có mặt trên thế gian, ở trong núi Ô-thiền-già-la kia, không thiếu thứ gì. Chư Tỳ-kheo, núi Ô-thiền-già-la kia đẹp đẽ khả ái, khả quan như vậy, các thầy nên giữ gìn tốt như thế. Chư Tỳ-kheo, kế núi Ô-thiền-già-la có núi tên là Kim hiếp. Chư Tỳ-kheo, trong núi Kim hiếp, có tám vạn cái hang; trong các hang kia đều có tám vạn long tượng toàn màu trắng cư trú trong đó, giống như hoa Câu-mâu-đầu, bảy chi chống đất, đều có thần thông, nương hư không mà đi. Đầu chúng màu đỏ giống như loài trùng Nhân-đà-la-cù-ba-ca, có sáu ngà; ngà chúng nhọn hoắt, màu như mạ vàng.

Chư Tỳ-kheo, qua khỏi núi Kim hiếp có núi tên là Tuyết sơn, cao năm trăm do-tuần, rộng dày cũng vậy. Núi ấy đẹp đẽ, do bốn báu hợp thành, đó là vành, bạc, lưu ly, và pha lê. Bốn mặt núi ấy có bốn ngọn bằng vàng, đỉnh vượt lên cao hai mươi do-tuần. Trên đỉnh núi ấy có ao A-nậu-đạt. Long vương A-nậu-đạt cư trú trong ấy. Ao rộng dài năm mươi do-tuần. Nước ao trong mát, mùi vị ngon ngọt, trong sạch không nhơ, có bảy lớp bờ lũy, bảy lớp thềm gỗ, bảy lớp lan can, bảy lớp dây chuông, bao bọc chung quanh đẹp đẽ khả ái... *cho đến* do mã não... bảy báu hợp thành. Lại có các loài hoa: Ưu-bát-la, Bát-đầu-ma, Câu-mâu-đầu, Bôn-trà-lợi-ca. Các hoa ấy có nhiều màu sắc: xanh, vàng, đỏ, trắng, lớn như bánh xe; lại có ngó, rễ lớn như trục xe, nhựa trắng như sữa, vị ngọt như mật.

Chư Tỳ-kheo, trong ao A-nậu-đạt ấy có cung điện của Long vương A-nậu-đạt-đa. Cung điện đó có năm trụ, đẹp đẽ khả ái. Long vương A-nậu-đạt-đa cùng quyến thuộc trong đó vui chơi, thọ hưởng năm dục của chư Thiên, đầy đủ khoái lạc.

Chư Tỳ-kheo, phía Đông ao A-nậu-đạt có con sông Hằng, từ miệng voi chảy ra, hòa nhập năm trăm sông, chảy vào biển Đông. Phía Nam ao A-nậu-đạt có sông Tân-đầu, từ miệng trâu chảy ra, hòa nhập

năm tăm sông, chảy vào biển Nam. Phía Tây ao A-nậu-đạt, có sông Bạc-xoa, từ miệng ngựa chảy ra, hòa nhập năm trăm sông, chảy vào biển Tây. Phía Bắc ao A-nậu-đạt có sông Tư-đà, từ miệng sư tử chảy ra, hòa nhập năm trăm sông, chảy vào biển Bắc.

Chư Tỳ-kheo, do nhân duyên gì mà vị Long vương ấy được gọi là A-nậu-đạt-đa?

Chư Tỳ-kheo, có ba nhân duyên. Ba nhân duyên ấy là gì? Chư Tỳ-kheo, trong châu Diêm-phù có chỗ ở của các rồng, chỉ trừ Long vương A-nậu-đạt-đa, còn các rồng khác, thì thọ hưởng khoái lạc, liền có các vật nóng rơi trên thân, các rồng ấy đều mất hình sắc loài trời, hiện hình sắc loài rắn. Các rồng chịu nỗi khổ đó còn Long vương A-nậu-đạt-đa không có việc như vậy. Đó là nhân duyên thứ nhất.

Chư Tỳ-kheo, trong châu Diêm-phù, chỉ trừ Long vương A-nậu-đạt-đa, còn các rồng khác khi du hí hưởng lạc, đều có gió nóng thổi đến chạm vào thân chúng, làm mất hình sắc loài trời, hiện hình sắc loài rắn, nên có khổ như vậy. Đó là nhân duyên tứ hai.

Chư Tỳ-kheo, trong châu Diêm-phù, khi các rồng có sự du hí hưởng lạc thì có vua của loài Kim sí điểu bay vào cung của chúng. Khi chúng thấy Kim sí điểu vương thì lòng sanh sợ hãi; vì sợ hãi nên liền mất hình sắc loài trời, hiện hình sắc loài rắn, chịu đầy đủ các khổ. Long vương A-nậu-đạt-đa không như vậy. Nếu Kim sí điểu vương phát sanh ý nghĩ thế này: "Nay ta muốn vào cung điện của Long vương A-nậu-đạt-đa, thì khi ấy Kim sí điểu kia bị quả báo bại liệt nên tự thọ khổ, không thể vào được cung điện của Long vương A-nậu-đạt-đa. Chư Tỳ-kheo, đó là nhân duyên thứ ba. Do nhân duyên ấy nên gọi là A-nậu-đạt-đa.

Chư Tỳ-kheo, về phía Nam núi Tuyết không xa, có thành tên là Tỳ-xá-ly. Phía Bắc của thành Tỳ-xá-ly, có bảy núi Đen; phía Bắc núi Đen lại có núi Hương. Trong núi Hương ấy, có vô số vị Khẩn-na-la. Ở đó thường có tiếng ca vũ âm nhạc. Núi ấy có nhiều các loại cây, cây tỏa ra các mùi hương, là chỗ ở của các thần đại oai đức.

Chư Tỳ-kheo, trong núi Hương đó có hai hang báu: Một là Tạp sắc, hai là Thiện tạp sắc, đẹp đẽ khả ái... *cho đến* do mã não... bảy báu hợp thành. Mỗi hang rộng dài năm mươi do-tuần, mềm mại trơn láng, chạm vào giống như áo Ca-chiên-lân-đề-ca.

Chư Tỳ-kheo, ở trong hai hang Tạp sắc và Thiện tạp sắc, có một vị Càn-thát-bà vương tên là Vô tỷ dụ cùng với năm trăm Khẩn-na-la nữ

ở trong đó thọ hưởng năm dục, đi, đứng, nằm, ngồi đùa giỡn vui chơi.

Chư Tỳ-kheo, phía Bắc của hai hang Tạp sắc và Thiện tạp sắc, có thọ vương Ta-la tên là Thiện trụ. Thọ vương Ta-la Thiện trụ này có riêng tám ngàn rừng cây Ta-la bao bọc chung quanh. Khi ấy, trong rừng Ta-la Thiện trụ kia có một Long tượng ở, cũng tên là Thiện trụ, lông toàn màu trắng như hoa Câu-mâu-đầu, bảy chi chấm đất, bay đi trên không, xương đầu nhô lên như con trùng Nhân-đà-la-cù-ba-ca. Đầu nó màu đỏ, đầy đủ sáu ngà; ngà nó nhọn hoắt, có cát vàng điểm trên ngà. Lại có tám ngàn các long tượng khác làm quyến thuộc. lông chúng đều trắng như hoa Câu-mâu-đầu, bảy chi chấm đất... *cho đến* ngà đều tô điểm bằng vàng.

Phía chánh Bắc rừng thọ vương Ta-la Thiện trụ kia, có xuất hiện một cái ao cho Đại long tượng Thiện trụ, tên là Mạn-đà-kiết-ni, rộng dài bằng phẳng năm mươi do-tuần. Nước ao mát mẻ ngon ngọt, trong xanh, không có cáu bẩn... *cho đến* ngó, rễ lớn như trục xe, cắt ra nhựa chảy, màu trắng như sữa, vị ngọt như mật.

Chư Tỳ-kheo, chung quanh ao Mạn-đà-kiết-ni ấy, lại có tám ngàn ao khác bao bọc. Tất cả tám ngàn ao ấy đều giống như ao Mạn-đà-kiết-ni, không có gì khác.

Chư Tỳ-kheo, Long tượng vương Thiện trụ khi muốn vào ao Mạn-đà-kiết-ni để du hí thì liền nghĩ ngay đến tám ngàn Long tượng quyến thuộc. Và ngay khi ấy, tám ngàn Long tượng kia cũng khởi ý nghĩ: "Long tượng vương Thiện trụ của chúng ta đang nghĩ đến chúng ta. Nay chúng ta nên đi đến bên Thiện trụ vương". Các Long tượng đến rồi, liền cúi đầu đứng trước Long tượng vương Thiện trụ.

Bấy giờ Long tượng đại vương Thiện trụ liền đi đến ao Mạn-đà-kiết-ni. Tám ngàn Long tượng kia hộ vệ chung quanh. Thiện trụ vương ung dung tiến bước. Các long tượng tùy tùng, có con cầm lọng trắng che đầu, có con dùng vòi cầm quạt ma-ni trắng quạt trên lưng; ở trước lại có các thần âm nhạc ca múa hát xướng dẫn đường. Khi Long tượng đại vương Thiện trụ đến nơi, liền vào ao Mạn-đà-kiết-ni kia lặn hụp, vui chơi, tắm rửa du hí, tự do thỏa thích thọ hưởng khoái lạc. Trong số long tượng tùy tùng, có con rửa vòi, có con chà ngà, có con ngoáy tai, có con gội đầu, có con kỳ lưng, có con chà hông, có con rửa đùi, có con rửa chân, có con rửa đuôi, hoặc có con dùng vòi nhổ ngó sen rửa sạch rồi đưa vào miệng Tượng vương Thiện trụ; hoặc có con dùng vòi nhổ các thứ hoa Ưu-bát-la, Bát-đầu-ma, Câu-mâu-đầu, Bôn-trà-lợi-ca... kết lên

đầu Tượng vương Thiện trụ.

Khi Long tượng đại vương Thiện trụ, ở trong ao Mạn-đà-kiết-ni, tự do theo ý thích, tắm rửa du hí, vui chơi thoải mái, thọ hưởng khoái lạc rồi, ăn ngó sen của các long tượng dâng hiến, trên đầu kết hoa Ưu-bát-la và các thứ hoa khác... trang sức rồi ra khỏi ao, lên đứng trên bờ. Khi ấy tám ngàn long tượng liền phân tán vào trong tám ngàn ao, tùy ý tắm rửa, tự do du hí, hưởng thọ khoái lạc, rồi cùng ăn ngó sen trong ao. Ăn xong, cũng dùng hoa Ưu-bát-la và các thứ hoa khác tự kết lên đầu rồi, cùng tụ họp, đến bên Long tượng vương Thiện trụ; đến nơi, vòng quanh bốn phía. Bấy giờ Đại long tượng vương Thiện trụ cùng với tám ngàn Long tượng vương kia trước sau dẫn đi trở về rừng thọ vương Ta-la Thiện trụ. Trên đường đi, các long tượng, hoặc cầm lọng trắng che, hoặc cầm quạt ma-ni trắng quạt; lại có chư thần chơi các loại âm nhạc đi trước mở đường.

Lúc bấy giờ, Đại long tượng vương Thiện trụ về đến đại lâm Ta-la Thiện trụ, ở dưới cây lớn tùy ý đứng nằm. Khi ấy tám ngàn Long tượng kia cũng đều đến dưới tám ngàn cây Ta-la khác, đi, đứng, nằm, ngồi tự tại an lạc. Ở trong rừng cây Ta-la ấy, có cây, gốc của nó có chu vi sáu tầm, hoặc có cây có chu vi bảy tầm, tám tầm, hoặc chín tầm, mười tầm; có cây gốc của nó tới mười hai tầm; còn cây thọ vương Ta-la Thiện trụ, gốc của nó chu vi tới mười sáu tầm. Tại rừng tám ngàn cây Ta-la ấy, nếu có lá úa vàng rụng xuống thì liền có gió thổi bay ra ngoài, làm sạch khu rừng. Khi tám ngàn Long tượng kia bài tiết phẩm uế thì có các Dạ-xoa quét dọn mang đổ.

Chư Tỳ-kheo, trong cõi Diêm-phù, nếu khi có Chuyển luân thánh vương xuất hiện thì trong tám ngàn long tượng ấy, có long tượng nhỏ nhất, hằng ngày cứ mỗi buổi sáng, đến trước Chuyển luân thánh vương hầu hạ phụng sự; nhân đó được gọi là Điều thiện tượng vương. Lại Đại vương long tượng Thiện trụ ấy vào ngày rằm sáng sớm thức dậy, đi đến chỗ Thiên Đế-thích, đứng ở trước cửa để nhận sự sai bảo.

Chư Tỳ-kheo, Đại vương long tượng Thiện trụ có thần thông như vậy, có oai đức như vậy, tuy sanh trong loài súc sanh nhưng cùng loại với loài Rồng nên có sức oai thần lớn như thế. Các thầy nên luôn nhớ như vậy.

M

Phẩm 2: CHÂU UẤT-ĐA-LA-CỨU-LƯU

Chư Tỳ-kheo, châu Uất-đa-la-cứu-lưu có vô lượng núi, những núi ấy có các loại cây, sum suê rậm rạp, tỏa ra các mùi hương xông khắp châu ấy. Lại có các loại cỏ toàn màu xanh biếc, uốn xoay về bên phải như lông khổng tước, hương thơm như hoa Bà-lợi-sư-ca, chạm vào mềm mại như áo Ca-chiên-lân-đề-ca, dài khoảng bốn ngón tay, giẫm chân lên thì rạp xuống, giở chân lên thì dựng đầu lên lại. Lại có các loại cây sanh ra các thứ cành lá, hoa quả, hương thơm; các loài chim đua nhau ca hót, âm thanh hòa nhã vi diệu. Trong những núi ấy, có các dòng sông, chia thành bốn ngã, xuôi dòng chảy xuống, bình lặng êm ả, không có sóng gợn, lại không chảy nhanh. Bờ sông không sâu, không cạn, bằng phẳng dễ lội. Nước sông trong sạch, các hoa che phủ, rộng nửa do-tuần, chảy đi cùng khắp. Hai bên bờ sông đều có rừng cây, theo dòng che nắng; đủ loại hoa thơm, cỏ xanh trải khắp, có nhiều loại trái, chim chóc hót vang. Hai bên bờ sông, có các thuyền đẹp, nhiều màu khả ái, toàn là vàng, bạc, lưu ly, pha lê, hồng ngọc, xa cừ, mã não... bảy báu hợp thành.

Chư Tỳ-kheo, châu Uất-đa-la-cứu-lưu, đất đai bằng phẳng, không có gai gốc, rừng rậm, hầm hố; cũng không nhà xí, phấn uế bất tịnh, sỏi đá, ngói gạch, toàn bằng vàng, bạc; không lạnh, không nóng, thời tiết điều hoà. Đất đai ở nơi ấy luôn luôn màu mỡ, cỏ xanh phủ khắp; các loại cây rừng, lá thường xanh tốt, hoa quả đầy cành.

Chư Tỳ-kheo, trong châu Uất-đa-la-cứu-lưu, có các rừng cây, tên là An trú; các cây đều cao sáu câu-lô-xá, lá dày đan khít, thứ lớp kế nhau như tranh lợp nhà, giọt mưa không lọt. Nhân dân cõi ấy, trú dưới tàng cây. Có các cây Hương cũng cao sáu câu-lô-xá, hoặc có cây cao năm câu-lô-xá; lại có cây cao bốn, ba, hai, một câu-lô-xá; cây nào nhỏ nhất cũng cao nửa câu-lô-xá; đều có các thứ lá, hoa và quả. Các thứ cây ấy, tùy tâm (người thích) phát ra các thứ hương thơm. Có cây Kiếp-ba cũng cao sáu câu-lô-xá... *cho đến* có cây cao năm, bốn, ba, hai, một câu-lô-xá; cây nhỏ nhất cao nửa câu-lô-xá; tất cả đều có lá, hoa và quả. Từ hông của quả, tự nhiên trồi ra các loại y phục, treo ở

trên cây. Lại có các cây Anh lạc, cây này cũng cao sáu câu-lô-xá… *cho đến* có cây cao năm, bốn, ba, hai, một câu-lô-xá; cây nhỏ nhất cao nửa câu-lô-xá; tất cả đều có lá, hoa, quả; hông của quả ấy, tùy tâm (người muốn) tuôn ra các thứ Anh lạc, treo thòng xuống đất. Lại có cây Man cũng cao sáu câu-lô-xá… *cho đến* cây cao năm, bốn, ba, hai, một câu-lô-xá; cây nhỏ nhất cao nửa câu-lô-xá; cũng có lá, hoa, quả; các quả ấy, tùy tâm (người muốn) tuôn ra các thứ tràng hoa, treo ở trên cây. Lại có các cây Khí cũng cao sáu câu-lô-xá… *cho đến* có cây cao năm, bốn, ba, hai, một câu-lô-xá; cây nhỏ nhất cao nửa câu-lô-xá, đều có lá, hoa và quả; các quả ấy, tùy tâm (người muốn), hiện ra các loại đồ dùng, treo ở trên cây. Lại có các loại cây ăn trái cũng cao sáu câu-lô-xá… *cho đến* có cây cao năm, bốn, ba, hai, một câu-lô-xá, đều có lá, hoa, quả; các quả ấy, tùy tâm (người muốn) hiện ra các loại quả ở trên cây. Kế đến, lại có cây âm nhạc cũng cao sáu câu-lô-xá… *cho đến* có cây cao năm, bốn, ba, hai, một câu-lô-xá; cây nhỏ nhất cao nửa câu-lô-xá, cũng có lá, hoa, quả; các quả ấy, tùy tâm (người muốn) hiện ra các thứ nhạc cụ, treo ở trên cây.

Đất ở cõi ấy, lại có gạo thơm tự nhiên không do cày bừa gieo trồng, tinh khiết trắng sạch, không có vỏ bọc. Khi muốn nấu chín, thì tự nhiên có các quả đôn trì dùng làm nồi, chõ, đun bằng ngọn lửa ngọc, không cần củi mà tự cháy, tùy theo ý muốn, làm chín thức ăn; thức ăn chín rồi, lửa ngọc tự tắt, không còn cháy nữa.

Chư Tỳ-kheo, châu Uất-đa-la-cứu-lưu ấy, bốn mặt chung quanh có bốn ao nước tên là A-nậu-đạt-đa. Mỗi ao rộng dài năm mươi do-tuần. Nước ao trong mát, ngọt ngào êm ả, thơm sạch không dơ; có bảy lớp bờ lũy, bảy lớp thềm gỗ, bảy lớp lan can, bao bọc chung quanh, nhiều màu khả ái; tất cả đều do vàng, bạc, lưu ly, pha lê, hồng ngọc, xa cừ, mã não… bảy báu hợp thành. Bốn phía ao đều có bờ thềm, nhiều màu khả ái… *cho đến* mã não… bảy báu hợp thành; có nhiều loài hoa: Ưu-bát-la, Bát-đầu-ma, Câu-mâu-đầu, bôn trà lợi… xanh, vàng, đỏ, trắng và màu xanh biếc… hình hoa tròn to, lớn như bánh xe, mùi thơm ngào ngạt, tỏa khắp mọi nơi; còn có các ngó sen lớn như trục xe, bẻ ra nhựa chảy, màu sắc như sữa, uống vào ngon ngọt, mùi vị như mật.

Chư Tỳ-kheo, bốn phía ao A-nậu-đạt-đa ấy, có bốn dòng sông lớn, xuôi dòng chảy, không có sóng gợn không nhanh, không chậm; bờ sông không cao, bằng, cạn dễ vào, nước không chảy xiết, nhiều hoa phủ khắp, rộng một do-tuần. Hai bên bờ sông lại có rừng cây, đan xen che nắng và tỏa ra mùi hương thơm ngát; có các thứ cỏ, tươi xanh mềm mại, xoay về bên phải... *lược nói cho đến* cao bằng bốn ngón tay, chân giẫm lên thì rạp xuống, giở chân thì dựng lên lại, và các loài chim chóc cùng âm thanh. Hai bên bờ sông lại có các thuyền nhiều màu khả ái... *cho đến* xa cừ, mã não... bảy báu hợp thành, chạm vào mềm mại như áo Ca-chiên-lân-đề-ca.

Chư Tỳ-kheo, châu Uất-đa-la-cứu-lưu, thường vào nửa đêm, từ trong bốn ao A-nậu-đạt nổi lên mây đen, che phủ khắp nơi. Châu Uất-đa-la-cứu-lưu và các núi, biển đều bị che phủ, sau đó mưa xuống nước tám công đức, giống như sữa bò đổ xuống, lượng nước mưa rơi xuống ngập bốn ngón tay, không chảy lan tràn thấm ngay xuống đất, ngay chỗ mưa rơi. Vào nửa đêm hôm sau, mây tan mưa dừng, bầu trời quang tạnh, gió biển nổi lên, thổi vào mát mẻ, êm dịu, trong lành điều hòa; chạm vào an lạc; làm thấm nhuận châu Uất-đa-la-cứu-lưu, khắp nơi đều tươi mát, trù mật, sung mãn. Như thợ xâu tràng hoa khéo tay và học trò làm tràng hoa xong, lấy nước rưới lên; rưới rồi, tràng hoa kia cũng lại như thế, tươi sáng rực rỡ.

Chư Tỳ-kheo, đất đai ở châu Uất-đa-la-cứu-lưu kia luôn luôn nhuận ướt phì nhiêu; giống như có người dùng dầu tô bôi lên, đất ấy nhuận ướt cũng lại như vậy.

Chư Tỳ-kheo, châu Uất-đa-la-cứu-lưu kia lại có một cái ao tên là Thiện hiện, dài rộng một trăm do-tuần, mát mẻ bình lặng, trong sạch không bẩn, thềm bờ bằng bảy báu... *lược nói cho đến* vị ngọt như mật.

Chư Tỳ-kheo, phía Đông ao Thiện hiện lại có một khu vườn, cũng tên là Thiện hiện, rộng dài một trăm do-tuần, có bảy lớp lan can, bảy lớp dây chuông, bảy lớp hàng cây Đa-la bao bọc chung quanh, nhiều màu khả ái, đều do bảy báu hợp thành... *cho đến* xa cừ, mã não...

Chư Tỳ-kheo, vườn Thiện hiện ấy bằng phẳng đẹp đẽ, không có gai góc, gò nổng, hầm hố, cũng không có nhà xí, sỏi đá, ngói

gạch, các loại nhơ bẩn tạp nhạp; có nhiều vàng, bạc, không lạnh, không nóng, khí hậu ôn hòa; thường có suối chảy, bốn phía tràn đầy, cây lá tốt tươi, hoa quả trĩu cành; có các loại hương xông ngát; có các loài chim thường phát ra âm thanh vi diệu, tiếng kêu hòa nhã; lại có các loại cỏ xanh tươi, xoay về bên phải, mềm mại như lông Khổng tước, thường có mùi thơm, như hoa Bà-lợi-sư-ca; chạm vào như áo Ca-chiên-lân-đề; khi châm giẫm lên, theo chân rạp xuống, khi chân giở lên, theo chân bung lên. Lại có các cây có gốc, thân, hoa, lá và quả, tỏa ra mùi thơm, xông khắp mọi nơi.

Chư Tỳ-kheo, vườn Thiện hiện ấy lại có rừng cây tên là An trú. Cây mọc sáu câu-lô-xá; lá cây dày đặc, mưa không lọt xuống; lá cây nối tiếp nhau như tranh lợp nhà. Nhân dân phần nhiều cư trú ở dưới đó. Lại có các cây Hương, các cây Kiếp-ba, các cây Anh lạc, các cây Man, các cây Khí vật, các cây có quả. Lại có cơm của loại gạo thơm, tự nhiên thanh khiết.

Chư Tỳ-kheo, vườn Thiện hiện ấy không có ai là sở hữu chủ, không có người canh giữ. Người ở châu Uất-đa-la-cứu-lưu muốn vào vườn Thiện hiện du hý, thọ hưởng các thú vui thì tùy ý mà vào, bằng các cửa Đông, Nam, Tây, Bắc; vào trong du hý tắm rửa thọ hưởng các thú vui rồi muốn đi tùy ý, đi đâu thì đi.

Chư Tỳ-kheo, phía Nam ao Thiện hiện có một khu vườn tên là Phổ hiền, dành cho người Uất-đa-la-cứu-lưu. Vườn rộng dài một trăm do-tuần, có bảy lớp lan can bao bọc chung quanh.

Chư Tỳ-kheo, vườn Phổ hiền ấy không có người canh giữ; chỉ có người Uất-đa-la-cứu-lưu muốn vào vườn Phổ hiền tắm rửa, du hý, hưởng lạc thì họ vào bằng các cửa Đông, Nam, Tây, Bắc. Vào tắm rửa, du hý, hưởng lạc rồi, theo ý thích muốn đi đâu thì đi.

Chư Tỳ-kheo, phía Tây ao Thiện hiện ấy, có khu vườn là Thiện hoa, dành cho người Uất-đa-la-cứu-lưu. Vườn đó rộng dài một trăm do-tuần, có bảy lớp lan can bao bọc chung quanh... *lược cho đến*... giống như vườn Thiện hiện, không có gì khác. Cũng không có người canh giữ; chỉ có người Uất-đa-la-cứu-lưu muốn vào vườn Thiện hoa tắm rửa, du hý, hưởng lạc thì vào bằng các cửa Đông, Nam, Tây, Bắc. Vào tắm rửa, du hý, hưởng lạc rồi, tùy ý muốn đi đâu thì đi.

Chư Tỳ-kheo, phía Bắc ao Thiện hiện ấy, có khu vườn tên là Hỷ lạc, dài rộng ngang nhau một trăm do-tuần... *cho đến* không có người canh giữ; chỉ có người Uất-đa-la-cứu-lưu muốn vào vườn Hỷ lạc tắm rửa, du hý, hưởng lạc thì theo các cửa Đông, Nam, Tây, Bắc mà vào. Tắm rửa, du hý, hưởng lạc rồi, tùy ý muốn đi đâu thì đi... *lược nói như vườn Thiện hiện ở trước.*

Chư Tỳ-kheo, phía Đông ao Thiện hiện, tiếp giáp với vườn Thiện hiện có một con sông lớn tên là Dịch nhập đạo, từ từ chảy xuống, không có sóng, không chảy nhanh; hoa phủ mặt nước, rộng hai do-tuần rưỡi.

Chư Tỳ-kheo, hai bên bờ sông Dịch nhập đạo có các loại cây che phủ, các loại hương xông, các thứ cỏ mọc... *lược cho đến* chạm vào mềm mại như áo Ca-chiên-lân-đề-ca, cao khoảng bốn ngón tay, khi chân giẫm lên thì rạp xuống, khi giở chân lên thì dựng lên. Có các thứ cây và các thứ lá, hoa, quả đầy đủ. Có các loại hương xông, có các loài chim, loài nào cũng ca hót. Hai bên bờ sông Dịch nhập đạo, có các thuyền đẹp, nhiều màu khả ái, do bảy báu: vàng, bạc, lưu ly, pha lê, hồng ngọc, xa cừ, mã não hiệp thành, trang hoàng rực rỡ.

Chư Tỳ-kheo, phía Nam ao Thiện hiện có con sông lớn tên là Thiện thể, dành cho người ở châu Uất-đa-la-cứu-lưu, từ từ chảy xuống... *lược nói*... giống như sông Dịch nhập đạo. Ở đó cũng có đủ các thứ như sông kia không khác... *cho đến* các thuyền, nhiều màu hợp thành... mềm mại như áo Ca-chiên-lân-đề-ca.

Chư Tỳ-kheo, phía Tây ao Thiện hiện có con sông lớn, tên là Như xa, dành cho người ở châu Uất-đa-la-cứu-lưu từ từ chảy xuống... *lược nói như trên...*

Chư Tỳ-kheo, phía Bắc ao Thiện hiện, có con sông lớn tên là Oai chủ, dành cho người ở châu Uất-đa-la-cứu-lưu, từ từ chảy xuống... *lược nói cho đến*... hai bên bờ sông có thuyền, trang hoàng bằng bảy báu, mềm mại như áo Ca-chiên-lân-đề-ca.

Tới đây có kệ Uất-đà-na:

Sông Thiện hiện, Phổ hiền
Thiện hoa và Hỷ lạc

Dịch nhập cùng Thiện thể
Như xa và Oai chủ

Chư Tỳ-kheo, người Uất-đa-la-cứu-lưu muốn vào các sông Dịch nhập đạo, Thiện thể, Như xa, Oai chủ... để tắm rửa, du hý, hưởng lạc thì đến hai bên bờ sông, cởi bỏ áo xiêm để trên bờ. Nếu muốn ra xa thì ngồi trên thuyền, bơi ra giữa dòng, tắm rửa thân thể, du hý, hưởng lạc. Trong bọn họ, ai lên bờ trước thì tự do lấy xiêm y mặc vào rồi đi, chẳng cần phải tìm xiêm y của mình. Vì sao vậy? Vì người ở châu Uất-đa-la-cứu-lưu không chấp ngã và ngã sở, không có người canh giữ. Họ đi đến cây Hương; đến nơi rồi, tức thì cành nhánh của cây Hương rũ xuống, tay có thể vịn tới, vì họ mà tỏa ra các mùi thơm vi diệu. Khi ấy họ lấy các loại hương trong cây ấy, dùng xoa lên thân, rồi lại đến dưới cây Kiếp-ba. Đến nơi rồi, cây này cũng như cây trước, rũ cành nhánh xuống, để họ đưa tay vịn tới và hiện ra các loại y phục. Những người này, tại cây ấy, lấy các loại y phục tuyệt đẹp mặc vào rồi đến dưới, cành cây Anh lạc cũng rũ xuống để người đưa tay vịn tới; cũng như những cây trước, cây Anh lạc ấy hiện ra các thứ Anh lạc cho những người ấy. Họ lấy Anh lạc đeo vào thân rồi đi đến cây Man; đến nơi rồi, cành cây Man cũng tự rũ xuống, đưa tay với tới được, tuôn ra các thứ tràng hoa cho họ. Họ lấy các tràng hoa mang vào cổ rồi đi đến cây Khí; đi đến nơi rồi, cành cây Khí cũng rũ thấp xuống, tay với tới được, cho họ tùy theo loại đồ dùng ưa thích mà lấy. Rồi họ đi đến cây ăn quả; đến nơi rồi, cành cây cũng rũ xuống, đưa tay với tới được. Cây ấy sanh ra các thứ quả cho họ. Họ ở dưới cây ấy, tùy theo sở thích quả nào vừa ý thì lấy; lấy xong, có người ăn luôn quả, có người vắt lấy nước uống; ăn uống xong, đi đến rừng cây âm nhạc. Đến nơi rồi, cành cây âm nhạc cũng rũ xuống, đưa tay với tới, rồi hiện ra các thứ nhạc cụ cho họ. Những người ấy, ở trong rừng cây, tùy theo nhu cầu của mình chọn lấy các nhạc cụ âm nhạc; hình dáng nhạc cụ đẹp đẽ, âm thanh hòa nhã; muốn đờn thì đờn, muốn múa thì múa, muốn ca thì ca. Hưởng các thú vui như vậy xong rồi, mỗi người theo sở thích, muốn đi đâu thì đi.

❑

KHỞI THẾ NHÂN BỔN

QUYỂN II

Phẩm 2: CHÂU UẤT-ĐA-LA-CỨU-LƯU 2

Chư Tỳ-kheo, người ở châu Uất-đa-la-cứu-lưu này, đầu tóc màu xanh, xỏa xuống bằng tám ngón tay. Người cõi ấy cùng một màu da, một dung mạo, một hình dáng, không có màu da riêng để có thể phân biệt sự khác nhau.

Chư Tỳ-kheo, người ở châu Uất-đa-la-cứu-lưu không có ai lõa thể, cũng không để lộ nữa thân, thuận theo đạo lý, không có lòng riêng tư; răng đều bằng khít, không sửa, không khuyết, trắng đẹp sạch sẽ, giống như ngọc kha, sáng trong khả ái.

Chư Tỳ-kheo, người ở châu Uất-đa-la-cứu-lưu, nếu có đói khát, khi cần ăn uống, thì họ liền lấy gạo thơm tự nhiên không do canh tác, tinh khiết trắng trẻo, không có mày cám bỏ vào trong quả đôn trì; rồi lấy viên ngọc lửa đặt ở dưới. Do phước lực của chúng sanh, viên ngọc ấy tự nhiên phát lửa. Khi cơm đã chín, ngọn lửa liền tắt. Bọn họ, ai muốn ăn cơm thì ngồi vào chỗ ngồi. Trong lúc ấy, người từ khắp bốn phương đến muốn ăn, thì dọn cho họ; ăn xong nhưng cơm không hết, cho đến khi những người được mời ăn ấy chưa đứng dậy thì cơm vẫn còn đầy. Người ở cõi ấy ăn loại gạo thơm tự nhiên, một thứ gạo khi nấu chín, không có mày cám, tinh khiết thơm ngon, chẳng cần gia vị; đầy đủ mùi vị, trắng như chùm bông, màu ấy giống như vị Tô-đà của chư Thiên. Nhân dân ở cõi ấy khi ăn cơm này, thân thể sung mãn, không gầy sút, không già nua, không biến đổi, y nhiên bất động... *cho đến* họ ăn cơm đó còn bổ ích cho họ như sắc thân, khí lực an lạc, đầy đủ biện tài.

Chư Tỳ-kheo, người ở cõi Uất-đa-la-cứu-lưu, nếu ai có dục ý, ở bên người nữ, sanh tâm đắm nhiễm, để ý đến nhau, thì người ấy liền

đưa mắt nhìn người nữ kia. Người nữ kia liền đi theo người ấy, đến dưới tàng cây. Nếu người nữ kia là mẹ, hoặc là dì, là chị, là em của người ấy thì tàng cây kia không rũ xuống cho họ, mà lá cây tức thì tàn úa không rụng, không che phủ, không ra hoa, cũng không bày giường ra. Nếu chẳng phải là mẹ, cũng chẳng phải là dì, là chị, là em thì tàng cây ấy liền rũ xuống che phủ, cành lá rậm rạp xanh tốt, xuất ra trăm ngàn loại giường; đồ trải nằm. Họ dẫn nhau vào nơi ấy, vui vẻ hưởng lạc, làm gì tùy ý.

Chư Tỳ-kheo, người ở cõi Uất-đa-la-cứu-lưu ở trong thai bảy ngày, đến ngày thứ tám, người mẹ mới sanh. Mẹ sanh con rồi, hoặc là trai hay gái, liền bồng con mình đặt ở ngã tư đường rồi bỏ đi. Khi ấy, ở nơi đó có người ở các phương Đông, Tây, Nam, Bắc đến, người nào muốn nuôi bé nam hoặc nữ ấy thì đưa ngón tay vào trong miệng của bé. Trên đầu ngón tay chảy ra loại sữa ngon ngọt cho bé trai hoặc gái ấy uống; đứa bé uống sữa rồi mạng sống được duy trì. Qua bảy ngày như vậy, đứa bé lại tự hình thành một loại vóc dáng giống như người lớn không sai khác. Nếu là con trai thì đi theo cùng nhóm con trai; nếu là con gái thì đi cùng nhóm con gái.

Chư Tỳ-kheo, người ở cõi Uất-đa-la-cứu-lưu thọ mạng nhất định, không có người chết yểu. Khi mạng chung thì sanh lên trời.

Lại nữa, ở đây, vì nhân duyên gì mà người ở cõi Uất-đa-la-cứu-lưu có được thọ mạng nhất định và sau khi chết đều sanh lên trời?

Chư Tỳ-kheo, ở trên đời, có người chuyên giết hại sanh mạng, trộm cắp của cải người khác, tà dâm, nói dối, nói hai lưỡi, nói lời hung dữ, nói thêu dệt, và tham, sân, tà kiến. Do nhân duyên ấy nên khi thân hoại mạng dứt sẽ đọa vào đường ác, ở trong địa ngục. Lại có người không hề sát sanh, không trộm cắp vật người khác, không tà dâm, không vọng ngữ, không nói hai lưỡi, không nói thêu dệt, không nói hung dữ, không tham, không sân, lại không tà kiến.

Do nhân duyên này, khi thân hoại mạng dứt sanh về đường thiện, sanh làm trời, người.

Lại vì nhân duyên gì mà bị đọa lạc? Vì do sát sanh và tà kiến... Còn được sanh lên? Vì không sát sanh lại có chánh kiến...

Lại có người nghĩ thế này: "Nay ta nên làm mười điều thiện. Do nhân duyên ấy, khi mạng chung sanh vào cõi Uất-đa-la-cứu-lưu; sanh vào cõi ấy rồi sống đúng ngàn năm, không tăng, không giảm". Người

đó phát khởi nguyện lành như vậy rồi, liền làm mười việc thiện, khi thân hoại sanh vào cõi Uất-đa-la-cứu-lưu. Sanh vào cõi ấy rồi, sống đủ ngàn năm, không tăng, không giảm.

Chư Tỳ-kheo, do nhân duyên này, người ở cõi Uất-đa-la-cứu-lưu có được thọ mạng nhất định.

Chư Tỳ-kheo, do nhân duyên gì mà họ được sanh lên cõi trên? Chư Tỳ-kheo, người ở châu Diêm-phù, khi ở nơi ấy, thọ mười nghiệp lành thì khi thân hoại sẽ sanh vào cõi Uất-đa-la-cứu-lưu. Người Uất-đa-la-cứu-lưu ấy nếu khi xưa có thực hành đầy đủ mười nghiệp thiện đúng như pháp rồi, khi thân hoại sẽ sanh lên cõi lành, vào hàng chư Thiên.

Chư Tỳ-kheo, do nhân duyên này, người Uất-đa-la-cứu-lưu sanh lên cõi tốt đẹp.

Chư Tỳ-kheo, người Uất-đa-la-cứu-lưu khi thọ mạng kết thúc thì không có người nào buồn rầu than khóc, chỉ chuẩn bị sẵn sàng rồi đem đặt ở ngã tư đường rồi bỏ đi.

Chư Tỳ-kheo, người Uất-đa-la-cứu-lưu có tục thế này: Nếu có chúng sanh nào đó, khi thọ mạng hết rồi, ngay khi ấy có một con chim bay đến, con chim ấy tên là Ưu-thiền-già-ma (đời Tùy âm là Cao hành). Bấy giờ chim Ưu-thiền-già-ma, từ hang núi lớn bay nhanh đến, ngậm tóc mang tử thi kia bỏ ở châu khác. Vì sao vậy? Vì nghiệp của người Uất-đa-la-cứu-lưu thanh tịnh, ý muốn vui vẻ, không để cho gió thổi lan mùi xú uế kia.

Chư Tỳ-kheo, người Uất-đa-la-cứu-lưu khi muốn đại tiểu tiện, thì đất nứt ra cho họ; đại tiểu tiện xong, đất khép lại như cũ. Vì sao? Vì người Uất-đa-la-cứu-lưu muốn thanh tịnh, ý muốn vui vẻ.

Lại nữa, ở đây, do nhân duyên gì mà gọi châu ấy là Uất-đa-la-cứu-lưu? Chư Tỳ-kheo, châu Uất-đa-la-cứu-lưu ấy, so với ba châu khác trong bốn cõi thiên hạ là tối thượng, tối diệu, tối thắng. Vì vậy gọi châu này là châu Uất-đa-la-cứu-lưu.

M

Phẩm 3: CHUYỂN LUÂN VƯƠNG

Chư Tỳ-kheo, trong châu Diêm-phù, khi Chuyển luân vương ra đời, thì ngay nơi cõi Diêm-phù ấy tự nhiên có đầy đủ bảy thứ quý báu. Vị Chuyển luân vương ấy lại có bốn thứ năng lực thần thông. Bảy thứ quý báu ấy là gì? Một là bánh xe vàng báu, hai là voi trắng báu, ba là ngựa báu màu xanh biếc, bốn là ngọc thần báu, năm là ngọc nữ báu, sáu là chủ kho tàng báu, bảy là tướng lĩnh báu. Đó là bảy thứ báu.

Chư Tỳ-kheo, thế nào là Chuyển luân thánh vương có đầy đủ bánh xe vàng báu?

Chư Tỳ-kheo, Chuyển luân thánh vương ấy xuất hiện ở cõi Diêm-phù-đề, dùng nước rưới đầu, làm Sát-đế-lợi. Vào ngày chay tịnh, ngày rằm trăng tròn, nhà vua gội đầu, mặc áo lông trắng thẳng nếp, xõa tóc rũ xuống, trang sức bằng ngọc Ma-ni và các Anh lạc; ở trên lầu gác, quyến thuộc quần thần, vây quanh sau trước. Khi ấy, trước vua, tự nhiên có bánh xe báu bằng vàng trời, có ngàn tăm, trục, vành, các bộ phận đầy đủ, hiện đến, chẳng phải do thợ làm thành; đường kính bánh xe bằng bảy khuỷu tay.

Bấy giờ Chuyển luân thánh vương quán đảnh Sát-đế-lợi nghĩ thế này: "Khi xưa ta từng nghe nói thế này: 'Nếu có vua quán đảnh Sát-đế-lợi vào ngày chay tịnh, ngày rằm trăng tròn, gội đầu, mặc y phục bằng lông trắng thẳng nếp, mang các Anh lạc, ở trên lầu gác, quyến thuộc, quần thân sau trước vây quanh thì khi ấy trước vua tự nhiên có bánh xe báu bằng vàng trời, có ngàn tăm, trục vành, các bộ phận đầy đủ, hiện đến, chẳng phải do công thợ, toàn bằng màu vàng, đường kính bằng bảy khuỷu tay. Khi có điềm này thì vua đã thành tựu đức của Chuyển luân vương'. Nay ta nhất định xứng đáng là Chuyển luân vương".

Bấy giờ Chuyển luân vương quán đảnh Sát-đế-lợi muốn thử bánh xe báu kia, liền ra lệnh trang bị bốn loại binh chủng là tượng binh, mã binh, xa binh, bộ binh. Bốn binh chủng đã trang bị xong, nhà vua liền đi đến bên bánh xe vàng. Đến nơi, để lộ cánh tay phải, đầu gối quỳ xuống đất, ở trước bánh xe vàng, dùng tay phải vỗ bánh xe báu và nói thế này: "Này bánh xe báu! Nay nếu ta là Chuyển luân vương thì hãy vì ta mà hàng phục những vùng đất chưa hàng phục". Bánh xe báu tức thời chuyển bánh để hàng phục các nơi chưa hàng phục.

Chư Tỳ-kheo, khi ấy, vua quán đảnh Sát-đế-lợi đã thấy bánh xe

vàng báu kia chuyển động, liền trang bị xa giá đi về hướng Đông. Bánh xe báu kia và bốn loại binh chủng: tượng, mã... cùng lúc đi theo.

Chư Tỳ-kheo, trước và sau bánh xe báu, lại có bốn vị đại thiên đi kèm. Địa phương nào mà bánh xe báu kia đến dừng nghỉ thì Chuyển luân vương và bốn loại binh chủng tượng, mã... cũng đều dừng lại nghỉ tại nơi ấy.

Lúc bấy giờ tất cả các vị Quốc vương ở phương Đông đều lấy bát vàng đựng đầy cơm bạc, hoặc lấy bát bạc đựng đầy cơm vàng. Làm như vậy đầy đủ rồi, cùng đi đến trước chỗ Chuyển luân vương. Đến nơi, họ tâu với Chuyển luân vương: "Tâu đại vương, ngài đến đây thật quí hóa! Đây là thiên vật (xin dâng ngài)! Nhân dân phương Đông này giàu có, an lạc, không có sợ sệt; nhân dân đông đúc, thật rất dễ thương. Cúi xin Đại thiên xót thương thọ nhận! Xin lân mẫn, chúng thần tuân mệnh phụng sự thiên vương, quyết không thay lòng đổi dạ".

Khi ấy Chuyển luân vương bảo các vua: "Các ông nếu đã thành tâm như vậy thì các ông ở trong quốc độ của mình hãy trị hóa đúng như pháp. Vì sao? Vì nếu các ông để cho trong quốc độ của mình có những điều ác phi pháp xảy ra thì ta sẽ trị tội các ông. Nay ta ra lệnh cho các ông phải chấm dứt sát sanh, và dạy cho dân chúng không sát sanh, không lấy vật không cho, không tà dâm, không nói dối... không tà kiến. Nếu các ông chấm dứt sát sanh, không lấy vật không cho, không tà dâm, nói lời chân thật, chánh kiến thì ta biết là các ông và đất nước các ông đã hàng phục".

Bấy giờ các Quốc vương ở phương Đông nghe Chuyển luân vương dạy như vậy rồi, cùng lúc đồng thọ nhận mười nghiệp thiện; thọ nhận rồi làm theo. Mỗi quốc độ đều như pháp trị hóa. Vì sự tự tại của Chuyển luân vương nên ngài đi đến chỗ nào, bánh xe báu đi theo đến đó. Bánh xe báu bằng vàng trời của Thánh vương đã hàng phục các quốc độ phương Đông như vậy rồi, đến bờ biển phương Đông du hành cùng khắp rồi quay về. Kế đến, lần lượt đi đến phương Nam, phương Tây, cho đến phương Bắc, y theo con đường Chuyển luân vương ngày xưa đã đi mà đi. Chuyển luân vương và bốn loại binh chủng khi dẫn nhau đi thì bánh xe báu này dừng lại chỗ nào thì ở ngay chỗ ấy, Chuyển luân vương và bốn loại binh chủng liền dừng lại chỗ đó.

Bấy giờ tất cả các Quốc vương ở phương Bắc cũng đều mang bát bằng vàng trời đựng đầy cơm bạc; hoặc bát bằng bạc trời đựng đầy cơm vàng. đến nơi, quỳ thẳng, thưa: "Thiên vương đến đây, thật là vinh

hạnh! Thiên vương đến đây, thật là vinh hạnh! Chúng tôi ở phương Bắc này trông chờ Thiên vương. Ở đây, nhân dân đông đúc, giàu có, an lạc, không gì lo sợ, thật là dễ mến. Xin Thiên vương ở lại trị hóa. Chúng tôi xin thần phục".

Chuyển luân vương liền dạy: "Nếu quả như vậy, các ông hãy tự trị hóa quốc độ của mình, nhất mực y theo giáo lệnh, đừng làm trái pháp. Vì sao? Vì đừng để cho trong quốc độ của ta có người phi pháp và kẻ làm ác. Lại nữa, các ông đừng sát sanh và dạy người không sát sanh, không lấy vật không cho, và việc tà dâm, nói dối cho đến tà kiến, các ông phải đoạn trừ. Nếu lìa sát sanh cho đến nếu thực hành chánh kiến, làm được như vậy thì ta biết là quốc độ của các ông đều đã hàng phục".

Các vị vua ấy cùng tâu với Chuyển luân vương: "Chúng tôi sẽ phụng hành đúng như lời Thiên vương dạy".

Bấy giờ các Quốc vương ở các phương Bắc nghe Chuyển luân vương dạy như vậy rồi đều tuân theo, thọ mười nghiệp thiện; thọ rồi thực hành, giữ đúng như pháp, y luật trị hóa. Do sức tự tại nên Chuyển luân vương đi đến chỗ nào, bánh xe báu theo đến nơi ấy. Bánh xe vàng này cứ như thế lần lượt hàng phục phương Bắc rồi, qua tới bờ biển Bắc, có bao quốc độ đều đi khắp biên giới, xong rồi trở về.

Bấy giờ, ở trong cõi Diêm-phù-đề, vua chọn lựa một địa điểm hùng vĩ nhất, đẹp đẽ nhất, sạch sẽ nhất cho bánh xe báu dừng lại chỗ đó. Chỗ ấy từ Đông sang Tây rộng bảy do-tuần; Nam sang Bắc ước chừng mười hai do-tuần. Đi được như vậy rồi, bấy giờ, vào ban đêm, chư Thiên đi xuống, tự nhiên vì Chuyển luân thánh vương tạo lập cung điện, hoàn thành tức thời. Khi đã hoàn thành, cung điện ấy rực rỡ, trang nghiêm, do bốn báu tạo thành, đó là vàng, bạc, pha lê, lưu ly cõi trời.

Khi ấy bánh xe báu bằng vàng ròng cõi trời vì Thánh vương, đang ở cửa trong của cung điện vọt lên hư không, ung dung dừng lại như dính vào trục xe, không lay, không động. Ngay khi ấy Chuyển luân vương rất vui mừng, vô cùng phấn khởi nghĩ thế này: "Nay ta đã được bánh xe báu cõi trời rồi ư?"

Chư Tỳ-kheo, Chuyển luân thánh vương ấy có bánh xe báu bằng vàng trời, hoàn hảo tự nhiên, hình dáng là như thế.

Chư Tỳ-kheo, Chuyển luân vương lại có voi báu màu trắng hoàn hảo như thế nào?

Chư Tỳ-kheo, Chuyển luân vương vào buổi sáng sớm, khi đang

ngồi trong cung quan sát liền có voi báu xuất hiện, màu lông đẹp đẽ, hình thể toàn trắng như hoa Câu-vật-đầu, bảy chi chấm đất, có đại thần lực, bay đi trên không. Đầu nó màu đỏ, như con trùng Đà-la-cù-ba-ca. Voi có sáu ngà nhọn hoắt, rất đẹp, trang nghiêm nhiều màu, giống như lúa vàng. Voi tên là Ô-bô-sa-tha. Chuyển luân thánh vương thấy voi báu rồi nghĩ như thế này: "Voi này đã xuất hiện, nếu khi được điều phục thì có thể đảm nhận các việc, trở thành thuần phục để cưỡi chăng?"

Bấy giờ, trong vòng một ngày, con voi báu ấy liền được điều phục, có thể đảm nhận việc kéo xe cho vua và tất cả việc khác. Giống như con voi đã được điều phục qua vô lượng trăm ngàn năm đến nay, nghiêm trang, hiền lành, tùy thuận, thích ý, con voi báu kia trong vòng một ngày, chịu sự điều phục, đảm nhận các việc cũng giống như thế. Khi ấy Chuyển luân vương muốn thử voi báu, vào buổi sáng sớm, khi mặt trời vừa mọc cưỡi voi báu kia chu du cùng khắp, đến tận bờ biển, thấu chốn biên thùy. Chu du khắp nơi rồi, trở về đến chỗ cung điện cũ, Chuyển luân vương kia mới ăn điểm tâm. Do nhân duyên ấy, bấy giờ nhà vua, trong lòng vô cùng hoan hỷ, cho rằng vì mình nên mới sanh voi báu như vậy.

Chư Tỳ-kheo, Chuyển luân vương ấy có voi báu trắng, tự nhiên, hoàn hảo là như vậy.

Chư Tỳ-kheo, Chuyển luân thánh vương có ngựa báu hoàn hảo như thế nào?

Chư Tỳ-kheo, Chuyển luân vương ấy, vào buổi sáng sớm, ngồi trên cung điện, thì ngay trước mặt vua, ngựa báu màu xanh biếc xuất hiện, thân thể xanh mướt, sắc lông óng ả, đầu đen, lông bờm bung ra, có sức thần thông, bay đi trên không, tên nó là Bà-la-la-ha. Chuyển luân vương thấy ngựa rồi, nghĩ thế này: "Ngựa này đã xuất hiện, nếu khi đã điều phục thì có thể nhận lãnh các việc, có thể vì ta làm tốt việc chuyên chở chăng?"

Khi ấy, trong vòng một ngày, ngựa báu kia liền được điều phục, đảm nhận các việc. Giống như con ngựa đã được điều phục từ vô lượng năm đến nay, hiền lành vô cùng, con ngựa này cũng vậy, khi điều phục chỉ trong vòng một ngày, có thể đảm nhận tất cả mọi việc. Khi ấy Chuyển luân vương muốn thử ngựa báu vào buổi sáng sớm, khi mặt trời vừa mọc, cưỡi lên ngựa báu đi khắp cõi nước, trở về cung điện, Chuyển luân vương mới dùng sáng. Vì nhân duyên ấy nên sanh hoan hỷ, phấn

khởi vô cùng: "Nay ta đã có ngựa báu màu xanh biếc".

Chư Tỳ-kheo, Chuyển luân vương ấy có ngựa báu hoàn hảo là như vậy.

Chư Tỳ-kheo, Chuyển luân vương có ngọc báu hoàn hảo là như thế nào?

Chư Tỳ-kheo, Chuyển luân vương ấy có ngọc Ma-ni báu, sắc tỳ lưu ly, có tám cạnh đẹp đẽ, chẳng phải do thợ làm ra, tự nhiên phát ra ánh sáng trong suốt. Chuyển luân vương thấy ngọc ấy rồi, nghĩ như thế này: "Ngọc Ma-ni báu này đầy đủ các tướng, phải treo nó ở trong cung để phát ánh sáng". Khi ấy Chuyển luân vương muốn thử ngọc báu Ma-ni nên trang bị bốn binh chủng là tượng binh, mã binh, xa binh và bộ binh. Đủ bốn binh chủng rồi, vào nửa đêm, mây đen dày đặc, sấm chớp nổi lên, mưa rơi lất phất, khi ấy Chuyển luân vương lấy viên ngọc báu treo trên ngọn cờ đi ra ngoài vườn, ý muốn dạo chơi thử xem tính chất của ngọc. Chư Tỳ-kheo, ngọc báu Ma-ni ở trên đầu ngọn cờ, ánh sáng tỏa khắp, chiếu cả bốn phương, thân của bốn binh chủng cũng đều chiếu sáng, như mặt trời chiếu sáng thế gian.

Lúc bấy giờ, tất cả Bà-la-môn, Cư sĩ... cư trú ở cõi ấy đều thức dậy, làm các công việc vì tưởng là đã sáng, mặt trời đã mọc. Do nhân duyên ấy, Chuyển luân vương cảm thấy vui mừng, vô cùng phấn khởi, tự nghĩ: "Ngọc báu này vì ta mà xuất hiện chăng?"

Chư Tỳ-kheo, Chuyển luân vương có ngọc báu hoàn hảo là như vậy.

Chư Tỳ-kheo, thế nào gọi là ngọc nữ báu hoàn hảo của Chuyển luân thánh vương?

Chư Tỳ-kheo, ngọc nữ báu của Chuyển luân vương xuất hiện, không lùn, không cao, không to, không bé, chẳng trắng, chẳng đen, đoan trang thùy mị, trông thật đáng yêu, đẹp đẽ vô cùng, dung mạo hoàn hảo. Khi trời nóng thì thân ngọc nữ mát; khi trời lạnh thì thân ấm; trên thân tiết ra mùi hương Chiên đàn, miệng luôn thơm mùi thơm hoa sen xanh, vì Chuyển luân vương ngủ trễ dậy sớm, cần mẫn cung kính phụng sự; phàm làm việc gì cũng không phật ý vua. Tâm của nàng còn không khởi ác niệm, huống là thân, khẩu. Do nhân duyên ấy, Chuyển luân thánh vương cảm thấy hoan hỷ, phấn khởi vô cùng, trong lòng tự nghĩ: "Ngọc nữ báu này vì ta mà xuất hiện chăng?"

Chư Tỳ-kheo, Chuyển luân vương ấy, có ngọc nữ báu hoàn hảo là

như vậy.

Chư Tỳ-kheo, thế nào gọi là bề tôi báu chủ kho tàng, đầy đủ oai thần của Chuyển luân thánh vương?

Chư Tỳ-kheo, Chuyển luân vương ấy có vị quan báu chủ kho tàng xuất hiện, rất giàu có nhiều của, có nhiều công quả. Vị quan ấy do nghiệp báo nên sanh ra có thiên nhãn, thấy rõ trong lòng đất; hoặc kho tàng có chủ, hoặc kho tàng vô chủ đều bị đôi mắt của vị ấy phát hiện. Lại nữa, hoặc ở dưới nước, trên bờ, hoặc xa, hoặc gần, hễ chỗ nào có thì vị quan chủ kho tàng ấy đều vì vua mà giữ gìn đúng như pháp. Nếu là vật vô chủ thì vị ấy liền thu lấy bỏ vào vàng, bạc của mình, khi Chuyển luân vương có việc cần dùng về tài bảo thì kịp thời cung cấp đầy đủ. Khi ấy, vị quan chủ kho tàng kia liền đi đến chỗ Chuyển luân vương thưa: "Tâu Đại thánh thiên vương, nếu Thiên vương cần dùng tài bảo gì thì xin Thiên vương chớ lo. Thần sẽ vì Thiên vương cung cấp đầy đủ theo nhu cầu".

Khi ấy Chuyển luân vương muốn thử vị quan báu chủ kho tàng nên đi đến bên bờ nước, ngồi lên trên thuyền, ra giữa dòng sông, bảo vị quan chủ kho tàng: "Ông là vị quan chủ kho tàng; ta cần dùng tài bảo. Hãy mau cung cấp đầy đủ. Hãy mau cung cấp đầy đủ!". Vị quan chủ kho tàng tâu: "Cúi xin Đại thiên vương, hãy đợi giây lát, thuyền này đến bờ, ngay tại nơi ấy, thần sẽ lấy tài bảo để cung cấp cho Thiên vương sử dụng". Nhà vua bảo: "Nay ta không muốn lên bờ lấy tài bảo, chỉ ở ngay đây, hãy cung cấp đầy đủ cho ta!"

Vị quan chủ kho tàng liền tâu: "Xin tuân thánh chỉ, chẳng dám trái lệnh!"

Khi ấy, vị quan chủ kho tàng, nhận thánh chỉ rồi, liền vén tay áo bên phải, gối phải quỳ trên thuyền, đưa tay quơ trong nước, ngón tay như càng cua, cào dồn nhiều vàng bạc, chứa đầy đồ đựng, đặt ở trên thuyền, dâng lên Chuyển luân vương, tâu: "Đây là vàng bạc cõi trời. Chư Thiên đem của báu này dâng lên Thiên vương để ngài sử dụng". Khi ấy Chuyển luân vương bảo với vị quan chủ kho tàng: "Ta không cần tài bảo, chỉ thử ngươi thôi".

Vị quan chủ kho tàng nghe vua nói vậy, thu lại vàng bạc bỏ vào trong nước. Do nhân duyên ấy, Chuyển luân vương cảm thấy hoan hỷ, phấn khởi vô cùng, tự nghĩ: "Ta nay đã có vị quan báu chủ kho tàng rồi chăng?'

Chư Tỳ-kheo, Chuyển luân vương ấy có vị quan báu hoàn hảo chủ kho tàng là như vậy.

Chư Tỳ-kheo, thế nào gọi là vị tướng giỏi lãnh đạo quân đội của Chuyển luân vương?

Chư Tỳ-kheo, do sức phước đức, Chuyển luân vương ấy tự nhiên có vị tướng báu xuất hiện. Vị ấy thông minh, có nhiều mưu lược, hiểu rõ quân cơ, đầy đủ thân tuệ. Nếu Chuyển luân vương cần binh lực, thì ông có thể chuẩn bị đầy đủ: Nếu muốn binh lính chạy thì liền chạy, muốn giải tán liền giải tán, muốn đứng yên liền đứng yên.

Khi ấy vị tướng lãnh báu liền đi đến chỗ Chuyển luân vương. Đến nơi, tâu với Chuyển luân vương: "Nếu nhà vua muốn huấn luyện quân lính, xin nhà vua đừng lo. Thần sẽ huấn luyện quân lính cho ngài, khiến cho chúng thuần phục, tùy thuận như ý muốn".

Khi ấy Chuyển luân vương muốn thử vị tướng lãnh báu kia nên liền ra lệnh điều động đủ bốn binh chủng là tượng binh, mã binh, xa binh và bộ binh, tất cả đều như nhau. Hạ lệnh điều động đủ bốn loại binh chủng xong, khi ấy vua ra lệnh cho vị tướng lãnh báu kia: "Ông là tướng lãnh, hãy vì ta mà khéo léo chuẩn bị quân lính, huấn luyện khiến chúng tùy thuận: chạy tốt, đi tốt, tập hợp tốt, giải tán tốt, đúng như pháp, chớ sai trái". Vị tướng lãnh ấy nghe Chuyển luân vương ra lệnh như vậy liền tâu với vua: "Như lời Thiên vương dạy bảo, thần không dám trái lệnh".

Bốn binh chủng ấy, sau khi đã chuẩn bị rồi, y theo sắc lệnh của vua, bảo chạy thì chạy, bảo giải tán thì giải tán,... *cho đến* muốn đứng yên thì đứng yên. Do nhân duyên ấy, Chuyển luân vương rất hoan hỷ, phấn khởi vô cùng, nghĩ rằng ta nay đã có tướng lãnh báu.

Chư Tỳ-kheo, Chuyển luân vương ấy có vị tướng lãnh báu, đầy đủ oai lực là như vậy.

Chư Tỳ-kheo, nếu có bảy thứ báu xuất hiện như thế thì sau đó chắc chắn được gọi là Chuyển luân thánh vương.

Chư Tỳ-kheo, Chuyển luân vương ấy tuổi tác thọ mạng rất lâu dài. Trong tất cả thời gian, tất cả thế gian, không có người nào có được sự an ổn lâu dài như Chuyển luân vương. Sinh mạng tồn tại lâu dài, đó là thần thông thứ nhất – thọ mạng đầy đủ của Chuyển luân vương.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, thân thể mà vị Chuyển luân vương ấy bẩm thọ không bệnh, ít não, các tướng đầy đủ. Lại nữa, bụng của vua không

lớn, không nhỏ; lạnh, ấm, mát, nóng, điều hòa theo thời tiết; tới lui nhẹ nhàng, ăn uống tiêu hóa, an ổn khoái lạc. Trong tất cả mọi thời, không có người nào khác ở thế gian sanh ra mà được như vậy, ít bệnh, không có các nỗi buồn rầu như thánh vương kia. Đó là thần thông thứ hai – thần lực đầy đủ của Chuyển luân thánh vương.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, báo thân có được của Chuyển luân kia đoan chánh khả ái, thường được thế gian ưa nhìn ngắm, đẹp đẽ tuyệt vời, sắc thân thanh tịnh, trang nghiêm trọn vẹn. Ở trong tất cả thời gian, trong loài người, không có ai thọ sanh mà có được như thế, đoan chánh, khả ái, được thế gian ngắm nhìn hình tướng hoàn hảo của Chuyển luân vương ấy. Đó là thần thông thứ ba – sắc mạo đầy đủ của Chuyển luân thánh vương.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, do nhân duyên nghiệp báo, Chuyển luân vương kia có đại phước đức; đó là đầy đủ các loại của cải, đầy đủ các loại châu báu trân kỳ của thế gian. Trong mọi thời, không có ai thọ sanh trong loài người mà có sự giàu có như thế, có tài sản như thế, có nhiều y phục, đồ chơi, báu vật tràn đầy bằng với vị vua Chuyển luân ấy. Đó là thần thông thứ tư - quả báo đầy đủ của Chuyển luân thánh vương.

Chư Tỳ-kheo, nếu người có đầy đủ bốn loại thần thông như thế, thì sau đó mới được gọi là Chuyển luân thánh vương.

Chư Tỳ-kheo, lại nữa, vị Chuyển luân thánh vương có phước đức được nhân dân yêu mến, kính trọng, tâm thường hoan hỷ an vui, giống như con thương kính cha mình. Nhân dân được Chuyển luân vương thương yêu, lòng luôn nhớ nghĩ như cha thương con.

Chư Tỳ-kheo, Chuyển luân vương ấy ngồi trong xe cực kỳ lộng lẫy muốn du lịch nhìn xem vườn rừng và các cảnh đẹp. Khi ấy, nhân dân được thấy Chuyển luân vương đều rất vui mừng, nói với người đánh xe: “Xin ông khéo điều khiển xe. Xin hãy ghì cương lại, đi chậm chậm, từ từ, chớ đi quá nhanh. Vì sao? Vì nếu ông đi từ từ, cho xe đi chậm rãi, thì chúng tôi có nhiều thời gian để được chiêm ngưỡng Chuyển luân thánh vương”. Chuyển luân vương nghe lời nói ấy, cũng bảo người đánh xe như thế: “Ngươi hãy khéo điều khiển xe. Hãy cho xe đi từ từ chậm rãi, cẩn thận, chớ vội vàng! Vì sao? Vì nếu ngươi khéo điều khiển xe cho đi thong thả thì ta có nhiều thời gian để xem xét khắp nhân dân”.

Chư Tỳ-kheo! Nhân dân nơi ấy thấy Luân vương rồi, đều tự mang

trân bảo của mình đến trước để dâng hiến lên Chuyển luân thánh vương. Đến nơi rồi, họ tâu: "Chúng thần xin dâng lên Thiên vương! Những vật này thuộc về của ngài. Xin ngài thọ nhận, tùy ngài sử dụng. Những vật này chỉ có ngài mới xứng đáng sử dụng".

Chư Tỳ-kheo, Chuyển luân vương ấy khi xuất hiện ở thế gian thì châu Diêm-phù này sạch sẽ bằng phẳng, không có gai gốc và rừng rậm, gò nổng, nhà xí, đồ dơ bẩn, chỗ hôi hám, sỏi đá, ngói gạch, cát, đất, phèn..., tự nhiên đầy đủ bảy báu: vàng, bạc..., thời tiết điều hòa, không lạnh, không nóng.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, khi Chuyển luân vương xuất hiện thế gian thì châu Diêm-phù này tự nhiên hình thành tám vạn thành ấp, đều sung sướng an lạc, không có sự sợ hãi, lúa gạo dư dã, xóm làng đông đúc, nhân dân phát đạt, thật đáng yêu.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, khi Chuyển luân vương xuất hiện ở thế gian thì ở châu Diêm-phù này, xóm làng, thành ấp, chốn vua cai trị, nhà cửa san sát, gà bay đụng nhau, nhân dân sung sướng an lạc không thể nghĩ bàn.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, khi Chuyển luân vương xuất hiện thế gian ở châu Diêm-phù này, thường vào nửa đêm, từ trong ao A-na-bà-đạt-đa, nổi lên đám mây lớn trùm khắp châu Diêm-phù cùng các núi biển, rồi mưa liền trút xuống, giống như một màng sữa trải. Nước mưa đầy đủ mùi vị tám công đức. Nước thấm sâu bốn ngón tay, không chảy tràn lan, ngay khi rơi xuống, liền thấm vào lòng đất, mất hút không thấy. Vào cuối đêm, mây mù tan hết, lại từ trong biển, gió mát nổi lên thổi tan khí ẩm, nhân dân xúc chạm, cảm thấy an lạc. Lại nữa, khí ẩm ngọt ngào kia thấm nhuận châu Diêm-phù, làm cho khắp nơi đều phù nhiêu tươi tốt. Giống như ở đời, người thợ giỏi làm tràng hoa, hoặc đệ tử của người thợ ấy, làm thành tràng hoa rồi, dùng nước tưới lên, làm cho hoa thấm nhuận, màu hoa tươi thắm cũng giống như vậy.

Lại nữa, khi Chuyển luân vương xuất hiện ở đời thì đất đai cõi Diêm-phù-đề này luôn luôn màu mỡ, tốt tươi. Giống như có người dùng dầu thoa lên đất. Loại nước thấm ướt màu mỡ tốt tươi ấy cũng giống như thế.

Chư Tỳ-kheo, Chuyển luân vương xuất hiện ở đời, tuy trải qua số năm lâu xa vô lượng nhưng cũng có và cũng chịu những xúc giác như người thế gian. Giống như người có thân thể ốm yếu, ăn thức ăn ngon, phải vận động làm việc, tiếp xúc với sự mệt nhọc chút đỉnh mới mau

tiêu hóa. Chuyển luân vương khi đã sống lâu ở thế gian, tiếp xúc với sự sanh tử cũng giống như thế.

Chư Tỳ-kheo, khi Chuyển luân vương kia mạng chung, xả thân mạng rồi, sanh lên cõi trời, cùng ở cảnh trời Ba mươi ba.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, ngay khi Chuyển luân vương mạng chung, ở trên không trung, mưa các loại hoa: hoa sen xanh, hoa sen hồng, hoa sen vàng, hoa sen trắng và các loại hoa khác để cúng dường Chuyển luân vương. Lại mưa bột Thiên trầm thủy, bột Đa-già-la, bột hương Chiên đàn, và các loại hoa Mạn-đà-la trời. Lại có các loại âm nhạc vi diệu cõi trời không đánh mà tự tấu, cũng có tiếng vi diệu cõi trời ca hát tán thán cúng dường thân Chuyển luân vương để tạo phước lợi.

Chư Tỳ-kheo, khi ấy ngọc nữ báu, chủ kho tàng báu, tướng lãnh báu... liền dùng các thứ nước thơm, tắm rửa thân Chuyển luân vương. Dùng nước thơm tắm rửa xong, trước hết dùng vải Kiếp-ba-ta quấn lại, sau đó mới dùng áo lông thẳng nếp mặc vào. Tiếp đến lại dùng đủ năm trăm tấm mền tinh tế đẹp đẽ theo thứ lớp đắp lên rồi buộc lại. Làm như vậy xong rồi dùng kim quan đã đựng đầy dầu tô, đặt thân Chuyển luân vương vào; đặt yên vào kim quan rồi, lại đặt kim quan vào trong quách bạc; đặt vào quách bạc rồi, dùng đinh đóng lại. Lại tập trung tất cả các loại cây Hương lại, chất thành đống lớn, sau đó thiêu đốt. Thiêu đốt xong, đem để tại ngã tư đường, kiến tạo một ngôi tháp báu, cao một do-tuần, rộng nửa do-tuần, trang trí nhiều màu, dùng bốn báu tạo nên đó là vàng, bạc, lưu ly và pha lê. Tháp có bốn bờ tường, chung quanh rộng năm mươi do-tuần, có bảy lớp bờ tường, bảy lớp lan can,... *như trên lược nói... cho đến* các loại chim đều tự ca hót.

Khi ấy ngọc nữ báu, chủ kho tàng báu và tướng lãnh báu dựng tháp báu cho Chuyển luân vương hoàn thành xong, sau đó bày biện đủ thứ đồ cúng dường thượng hạng; đủ mọi hạng người đến xin, cần thức ăn cho thức ăn, cần thức uống cho thức uống, cần xe cho xe, cần y phục cho y phục, cần của cải cho của cải, cần báu vật cho báu vật, cấp phát hết, ai cũng đầy đủ.

Chư Tỳ-kheo, sau khi Chuyển luân vương mạng chung bảy ngày, bánh xe báu, voi báu, ngựa báu và ngọc Ma-ni báu kia tự nhiên tất cả đều biến mất. Ngọc nữ báu, chủ kho tàng báu và tướng lãnh báu cũng đều mạng chung. Bốn thành báu kia cũng đều biến đổi, trở thành thành đất. Nhân dân cõi ấy cũng lần lượt theo đó mà giảm.

Chư Tỳ-kheo, Tất cả các hành hữu vi vô thường, chuyển biến như thế, không có gì thường trụ, rã tan ly tán, không được tự tại là pháp ma, diệt, tan trong giây lát, chẳng tồn tại lâu.

Chư Tỳ-kheo, vì thế các vị phải bỏ các hành, phải nên viễn ly, phải nên chán ghét, cần phải mau cầu con đường giải thoát.

M

Phẩm 4: ĐỊA NGỤC

Chư Tỳ-kheo, ngoài bốn châu lớn và tám vạn châu nhỏ cùng các núi lớn khác và núi chúa Tu-di, còn có một núi chúa tên là Luân viên (cựu dịch là núi Thiết vi) cao sáu trăm tám mươi vạn do-tuần, dài rộng cũng sáu trăm tám mươi vạn do-tuần, dày đặc kiên cố, do kim cang tạo thành, khó có thể phá hoại.

Chư Tỳ-kheo, ngoài núi Luân viên này, lại có một núi Đại luân viên nữa, chiều cao, rộng, cũng giống như số do-tuần trên. Khoảng giữa hai núi ấy vô cùng tối tăm, không có ánh sáng. Mặt trời, mặt trăng có đại oai thần, đại lực, đại đức như thế mà không thể chiếu ánh sáng đến nơi ấy được.

Chư Tỳ-kheo, ở giữa hai núi ấy có tám đại địa ngục. Tám đại địa ngục ấy là gì? Đó là đại địa ngục Hoạt, đại địa ngục Hắc, đại địa ngục Chúng hợp, đại địa ngục Khiếu hoán, đại địa ngục Đại khiếu hoán, đại địa ngục Nhiệt não, đại địa ngục Đại nhiệt não, đại địa ngục A-tỳ-chỉ.

Chư Tỳ-kheo, tám đại địa ngục ấy, mỗi ngục lại có mười sáu địa ngục nhỏ trực thuộc bao bọc chung quanh. Mười sáu ngục ấy đều cao rộng năm trăm do-tuần. Mười sáu ngục ấy là gì? Đó là địa ngục Hắc vân sa, địa ngục Phấn thỉ nê, địa ngục Ngũ xoa, địa ngục Cơ, địa ngục Khát, địa ngục Nùng huyết, địa ngục Nhất đồng phủ, địa ngục Đa đồng phủ, địa ngục Điệp ngai, địa ngục Hộc lượng, địa ngục Kê, địa ngục Khôi hà, địa ngục Chước bảng, địa ngục Đao diệp, địa ngục Hồ lang, địa ngục Hàn băng.

Chư Tỳ-kheo, do nhân duyên gì mà gọi là đại địa ngục hoạt?

Chư Tỳ-kheo, ở đại địa ngục Hoạt kia, các loài chúng sanh khi thác sinh, có mặt, xuất hiện và tồn tại thì các ngón tay tự nhiên có móng tay sắc mọc lên, nhỏ dài bén nhọn giống như mũi nhọn. Các chúng sanh ấy khi thấy nhau, tâm ý rối loạn; tâm ý rối loạn rồi thì dùng móng tay sắc bấu rách thân, hoặc tự rạch thân, rạch đi rạch lại, rồi lại rạch lớn ra; xẻo đi xẻo lại, rồi xẻo to ra; cắt đi cắt lại, rồi cắt to ra.

Chư Tỳ-kheo, các chúng sanh ấy, ngay trong lúc đó biết rằng mình bị thương, mình đã chết. Nhưng cũng ngay lúc ấy, do nghiệp báo nên lại sanh gió mát, thổi đến thân họ, khoảnh khắc sống lại, thân thể da thịt, gân xương máu huyết trở lại như trước. Đã sống lại rồi, vì do

nghiệp lực, khởi lên đủ thứ, bảo với nhau: "Chúng sanhcác ngươi ước muốn được sống, sống rồi hơn không".

Chư Tỳ-kheo, ở trong ngục ấy, còn biết chút ít nên gọi là Hoạt. Nhưng ở trong ấy lại có biệt nghiệp, chịu khổ vô cùng, bức xúc cùng cực, đau đớn khó nhẫn. Và ở trong ấy, mạng chưa chấm dứt, cho đến khi nào nghiệp ác bất thiện đã móng khởi, tạo tác ở đời trước khi còn làm thân người, hoặc thân phi nhân chưa hết, chưa diệt, chưa trừ, chưa chuyển, chưa hiện phần nhỏ, chưa hiện toàn thân.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, trong đại địa ngục Hoạt ấy, các loài chúng sanh khi thác sanh, có mặt, xuất hiện và tồn tại, ngón tay chúng biến thành dao sắc, hoặc nửa dao sắc, rất dài, rất nhọn. Bọn họ nhìn nhau, tâm ý rối loạn... *cho đến* bấu, rạch, xẻ, cứa, cắt đứt... chết rồi, gió mát thổi đến, khoảnh khắc sống lại.

Chư Tỳ-kheo,... *lược nói... như trên...* còn biết chút ít nên gọi là hoạt.

Chư Tỳ-kheo, lại vì biệt nghiệp nên ở trong ấy chịu khổ vô cùng; vì khổ chưa hết nên cầu chết không được, cho đến khi nghiệp ác bất thiện đã mống khởi, tạo tác như xưa; lúc còn làm thân người hay thân phi nhân chưa hết, chưa diệt, chưa trừ thì tất cả việc ấy lần lượt thọ lãnh đủ.

Lại nữa, các loại chúng sanh ở trong đại địa ngục kia thời gian vô lượng; khi khổ báo đã hết, thoát khỏi đại địa ngục Hoạt; thoát rồi lai chạy tìm cầu nơi có nhà cửa, nơi cứu hộ, nơi nương tựa. Trong khi tìm cầu như vậy, vì nghiệp tội nên liền rơi vào tiểu địa ngục Hắc vân sa. Ngục ấy rộng năm trăm do-tuần. Vào ngục ấy rồi, trên không trung, mây đen lớn nổi lên, mưa xuống như cát; hạt mưa đỏ rực, sức nóng mãnh liệt, rơi xuống trên thân chúng sanh ở trong ngục ấy. Rơi trên da thì phỏng da, rơi đúng thịt thì cháy thịt... *cho đến* rơi nhằm gân thì đốt gân, đến xương thì rụi xương, đến tủy thì khô tủy, bốc khói phát lửa bùng cháy tràn lan, chịu khổ vô cùng. Vì chịu khổ ấy chưa xong nên cầu chết không được, cho đến khi nào nghiệp ác bất thiện mà khi xưa đã tạo lúc còn làm thân người hoặc phi nhân đến nay chưa hết, chưa diệt, chưa trừ, chưa chuyển, chưa đổi, chưa lìa, chưa mất thì vẫn lần lượt chịu khổ trong thời gian vô lượng.

Chư Tỳ-kheo, các chúng sanh ấy trải qua thời gian lâu xa vô lượng, thoát khỏi địa ngục Hắc vân sa, thoát khỏi rồi lại chạy tìm phòng

ốc, cầu cứu độ, cầu che chở, cầu nơi nương tựa. Trong khi tìm cầu như vậy thì lại rơi vào tiểu địa ngục Phấn thỉ nhiệt nê. Ngục ấy rộng năm trăm do-tuần. Bọn họ vào rồi, từ yết hầu trở xuống chìm trong nước phân sôi; chìm vào rồi bị sức nóng thiêu tay, thiêu chân, tai, mũi, thân thể, đồng loạt cháy rụi, cho đến khi nghiệp ác bất thiện mà khi xưa lúc còn làm thân người hay phi nhân đã gây ra đến nay chưa hết, chưa diệt, chưa trừ, chưa chuyển, chưa lìa, chưa mất.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, trong tiểu địa ngục Phấn thỉ nê kia, có các trùng sắt, tên là Châm khẩu, đục khoét khắp thân thể chúng sanh trong ngục làm cho xuyên thủng hết. trước hết đục khoét da; đục khoét da rồi tiếp đến đục khoét thịt; đục khoét thịt rồi tiếp đến đục khoét gân; đục khoét gân rồi sau đó đục khoét xương; đã đục khoét xương rồi, dừng lại ở tủy và ăn tủy. Chúng sanh kia chịu khổ khốc liệt cho đến khi nào thọ mạng chưa chấm dứt; mà thọ mạng chưa chấm dứt thì nghiệp ác bất thiện kia cũng không diệt và vì vậy lần lượt thọ đủ.

Chư Tỳ-kheo, các chúng sanh ở trong địa ngục ấy trong thời gian lâu xa, rồi từ tiểu địa ngục Phấn thỉ nê kia thoát ra; ra rồi tự đi tìm cầu nhà cửa, cầu sự bảo hộ, cầu chỗ cư ngụ, cầu chỗ nương tựa, liền vào tiểu địa ngục Ngũ xoa. Ngục này cũng rộng năm trăm do-tuần. Bọn họ vừa vào ngục Ngũ xoa, ngục tốt liền nắm lấy tội nhân địa ngục ấy xô nằm xuống nền sắt rực lửa, lửa đỏ hừng hực. Khi đó các tội nhân nằm ngửa trên nền; để nằm như vậy rồi, đóng hai đinh sắt đỏ rực vào hai chân; rồi đóng hai đinh sắt nóng đỏ vào hai bàn tay và ngay giữa rốn cũng đóng một đinh sắt nóng đỏ. Bấy giờ ngục tốt dùng năm cái xoa xẻ ra, đau đớn vô cùng cho đến khi thọ mạng ở đó chưa hết, ác nghiệp đã tạo khi xưa lúc còn làm thân người hoặc phi nhân chưa hết, thì với những nghiệp đã tạo ấy, lần lượt thọ khổ ở địa ngục kia.

Chư Tỳ-kheo, các chúng sanh ấy, trong thời gian lâu xa, thoát khỏi tiểu địa ngục Ngũ xoa, lại chạy cầu cứu hộ, cầu nhà cửa, cầu chỗ cư ngụ, cầu nương tựa, cầu che chở và nơi thủ hộ, lại chạy vào trong tiểu địa ngục Cơ ngạ (đói khát), rộng năm trăm do-tuần. Vào chốn ấy rồi, lúc đó người giữ ngục từ xa thấy bọn chúng sanh kia đến, liền tới trước hỏi: "Nay các ngươi đến đây muốn điều gì?". Bọn họ đồng đáp: "Thưa ngài, chúng tôi đói khát". Người giữ ngục liền nắm lấy chúng sanh địa ngục kia, xô nằm ngửa trên nền sắt đỏ hừng hực, rồi lấy kềm sắt cạy miệng ra, dùng hòn sắt nóng bỏ vào. Lúc bấy giờ môi miệng của chúng sanh địa ngục kia tức thời bị thiêu cháy; thiêu môi rồi thiêu

lưỡi; thiêu lưỡi rồi thiêu hàm ếch; thiêu hàm ếch rồi thiêu yết hầu; thiêu yết hầu rồi thiêu tim; thiêu tim rồi thiêu ngực; thiêu ngực rồi thiêu ruột già; thiêu ruột già rồi thiêu bao tử; thiêu bao tử rồi tiếp qua ruột non, xuống dưới ra ngoài và hòn sắt vẫn còn đỏ. Cứ như thế, chúng sanh địa ngục ấy, trong thời gian đó, chịu khổ cùng cực vì thọ mạng chưa hết... *lược nói cho đến* những việc tạo tác ở đời trước khi còn thân người, hoặc phi nhân... Như vậy, lần lượt họ ở trong địa ngục thọ đủ các khổ.

Chư Tỳ-kheo, các chúng sanh ấy, trong thời gian lâu xa vô lượng, thoát ra khỏi địa ngục Cơ ngạ rồi, lại rong ruỗi chạy đi... *nói lược như trên*, cầu chỗ thủ hộ, bèn đi vào trong tiểu ngục Tiêu khát. Ngục này rộng năm trăm do-tuần. Vào chốn ấy rồi, khi ấy người giữ ngục từ xa trông thấy chúng sanh địa ngục kia liền đi tới, hỏi: "Các ngươi nay mong cầu điều gì?" Bọn họ đáp: "Thưa ngài, chúng tôi rất khát!" Khi ấy người giữ ngục liền nắm bắt các chúng sanh địa ngục ấy, xô ngã xuống nền sắt cháy nóng, nằm ngữa trong ngọn lửa bừng cháy, rồi lấy kềm sắt cạy miệng ra, đổ nước đồng sôi vào. Bấy giờ chúng sanh địa ngục kia, môi miệng bị thiêu cháy; thiêu môi miệng rồi thiêu lưỡi; thiêu lưỡi rồi thiêu hàm ếch; thiêu hàm ếch rồi thiêu yết hầu; thiêu yết hầu rồi thiêu tim; thiêu tim rồi thiêu ngực; thiêu ngực rồi thiêu ruột già; thiêu ruột già rồi thiêu bao tử; thiêu bao tử rồi phá đến ruột non, xuống dưới ra ngoài. Các chúng sanh ấy, trong thời gian đó, chịu khổ vô cùng, cực kỳ đau đớn, chịu các khổ ác. Bọn họ chịu khổ cho đến khi nào thọ mạng chưa hết, hoặc nghiệp ác bất thiện kia chưa hết... *lược nói như trên cho đến* việc tạo tác khi còn làm người hoặc phi nhân, cứ như vậy lần lượt lãnh thọ đủ.

❑

KHỞI THẾ NHÂN BỔN

QUYỂN III

Phẩm 4: ĐỊA NGỤC 2

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, các loài chúng sanh địa ngục ấy trong thời gian lâu xa vô lượng ở trong đó, rồi từ tiểu địa ngục Tiêu khát năm trăm do-tuần ấy được ra, ra rồi bôn tẩu... *cho đến* cầu nơi cứu hộ, liền đi thẳng vào địa ngục Nùng huyết năm trăm do-tuần; vào địa ngục ấy rồi, tại nơi ấy tức khắc máu từ yết hầu trở xuống bị nấu sôi. Các loại chúng sanh địa ngục kia vào rồi, chạy đi chạy lại khắp nơi, khi bọn họ chạy đi như vậy thì bị thiêu tay, thiêu chân, hoặc thiêu tai, mũi; thiêu tai, mũi rồi đến các bộ phận trong thân đều bị thiêu cháy. Các bộ phận khác bị thiêu rồi, các tội nhân ấy chịu khổ vô cùng khốc liệt, không thể nghĩ bàn; nhưng mạng chưa dứt được cho đến khi nào mà nghiệp ác bất thiện đã tạo tác khi còn làm thân người chưa hết.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, ở trong địa ngục Nùng huyết có loài trùng tên là Tối mãnh thắng. Loài trùng này gây nhiều tổn hại cho chúng sanh địa ngục ấy. Nó ở trong thân, trước hết cắn phá da; cắn phá da rồi cắn thịt; cắn thịt rồi cắn gân; cắn gân rồi phá xương; phá xương rồi hút tủy để ăn. Các chúng sanh ấy ở trong đó chịu khổ khốc liệt mà mạng chưa dứt được cho đến khi nào nghiệp ác bất thiện đã tạo ra khi còn làm thân người chưa hết, thì vẫn chịu đầy đủ.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, các chúng sanh có mặt trong địa ngục Nùng huyết đó khi đói khát liền dùng hai tay vốc lấy máu mủ sôi bỏ vào trong miệng; vừa bỏ vào miệng tức thì môi miệng liền bị cháy bỏng; môi miệng bị cháy bỏng rồi cháy hàm dưới; cháy hàm dưới rồi cháy đến yết hầu; cháy yết hầu rồi cháy đến ngực; cháy ngực rồi cháy đến tim; cháy tim rồi cháy đến ruột già; cháy ruột già rồi cháy đến bao tử;

cháy bao tử rồi cháy thẳng đến ruột non, rồi cháy xuống dưới, ra ngoài. Các chúng sanh ấy ở trong địa ngục đó chịu các khổ khốc liệt vô cùng mà mạng chưa dứt, cho đến khi nào nghiệp ác bất thiện đã tạo tác khi còn làm thân người chưa hết thì cứ lần lượt chịu đủ như vậy.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, các loài chúng sanh ở trong địa ngục ấy, trải qua thời gian lâu xa vô lượng, rồi từ trong tiểu địa ngục Nùng huyết năm trăm do-tuần ấy được thoát ra; ra rồi rong ruỗi... *cho đến*... cầu nơi cứu giúp, liền chạy thẳng vào trong tiểu địa ngục Nhất đồng phũ rộng năm trăm do-tuần. Vào nơi ấy rồi, khi ấy họ bị ngục tốt nắm lấy ném vào trong chõ, đầu chúc xuống, chân chổng lên. Bọn chúng sanh ở trong ấy, dùng lửa địa ngục thiêu đốt nhau, nước sôi trào lên liền bị nấu, bị nung; nước sôi hạ xuống cũng bị nấu bị nung; hoặc qua hoặc lại cũng bị nấu, bị nung; hoặc bị bọt phủ cũng bị nấu, bị nung; hoặc thấy, hoặc không thấy tất cả đều bị nấu bị nung. Thí như thế gian nấu đậu hoặc đậu nhỏ, đậu lớn, hay đậu oản... bỏ vào trong chõ, đổ ngập nước, phía dưới đun lửa. Như thế cho đến khi nước sôi, trào lên, nước và đậu trộn lẫn, nổi lên cũng bị đun nấu, hạ xuống cũng bị đun nấu, ở giữa cũng bị đun nấu, chuyển động qua lại cũng bị đun nấu, hoặc bọt phủ lên cũng bị nung nấu, hoặc thấy, không thấy, tất cả mọi lúc đều bị đun nấu.

Chư Tỳ-kheo, cũng như vậy, ở trong tiểu địa ngục Nhất đồng phủ ấy có người giữ ngục nắm những chúng sanh địa ngục cho chổng chân lên và chúc đầu xuống, rồi từ xa, ném vào trong chõ, cho lửa địa ngục thiêu đốt. Khi nước sôi dâng lên thì các tội nhân theo nước đi lên liền bị đun nấu... *cho đến* hoặc thấy, hoặc không thấy cũng bị đun nấu. Bọn họ ở trong đó, chịu khổ cùng cực... *cho đến* những việc đã gây ra khi còn làm người, chẳng phải người, cứ lần lượt như thế, ở tại địa ngục kia nhận đủ.

Chư Tỳ-kheo, các chúng sanh ở trong địa ngục ấy, trải qua thời gian lâu xa vô lượng, rồi từ tiểu địa ngục Nhất đồng phủ năm trăm do-tuần thoát ra; ra rồi, rong ruỗi... *cho đến* muốn tìm cầu chỗ cứu hộ liền hướng vào tiểu địa ngục Đa đồng phủ rộng năm trăm do-tuần. Vào chốn ấy rồi, họ bị ngục tốt nắm lấy bọn chúng sanh địa ngục kia dựng chân chổng lên trên, đầu chúc xuống, ném vào trong chõ, bị lửa dữ địa ngục thiêu đốt dữ dội. Khi nước dâng lên liền bị đun nấu, nước hạ xuống cũng bị đun nấu, hoặc ở giữa cũng bị đun nấu hoặc qua lại, che phủ, thấy cùng không thấy đều bị đun nấu. Thí như các loại đậu bị nấu trong chõ, bị lửa thiêu đốt, nước sôi trào lên cũng bị đun nấu,... *cho đến*

hoặc thấy, không thấy đều bị đun nấu.

Chư Tỳ-kheo, cũng như thế, các loài chúng sanh ở trong tiểu địa ngục Đa đồng phủ rộng năm trăm do-tuần, bị ngục tốt nắm hai chân dựng ngược lên, đầu chúc xuống, ném vào trong chõ. Bọn họ ở trong đó bị lửa địa ngục thiêu đốt, hoặc khi nước sôi trào lên, hoặc qua lại, đều bị đun nấu... *cho đến* hoặc thấy, không thấy đều bị đun nấu.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, các loài chúng sanh ở trong tiểu địa ngục Đa đồng phũ rộng năm trăm do-tuần kia, bị ngục tốt dùng móng tay sắt như càng cua chụp vào thân đưa từ chỗ này đến chỗ khác; khi đưa bọn họ từ chõ này sang chõ kia thì thịt, da, máu, mủ đều tan hết, chỉ còn bộ xương. Bọn họ ở trong đó chịu khổ cùng cực nhưng chưa chết được, cho đến khi nghiệp bất thiện đã tạo ra khi còn làm người chưa hết, thì tất cả đều nhận đủ.

Chư Tỳ-kheo, các chúng sanh trong địa ngục ấy trải qua thời gian lâu xa vô lượng rồi từ tiểu địa ngục Đa đồng phủ rộng năm trăm do-tuần ấy được ra, ra rồi rong ruổi... *cho đến* khi muốn tìm cầu chỗ cứu hộ liền chạy vào trong tiểu ngục Ngại điệp rộng năm trăm do-tuần. Vào chốn ấy rồi, ngục tốt chụp nắm các chúng sanh bị tội ấy, vật nằm ngửa trên cối sắt, đốt đỏ rực lên. Khi tội nhân nằm ngữa như thế, ngục tốt dùng một hòn đá đè lên trên; đè lên rồi, hình thể biến dạng, kế đó xay nhỏ ra, xay đi xay lại cho đến khi nát nhuyễn; đã nát nhuyễn rồi lại xay cho nhuyễn hơn nữa; phần nát nhuyễn sau cùng để riêng một chỗ, rồi tiếp tục xay nữa, xay đi xay lại cho đến khi hết sức nhuyễn, làm cho thân thể nát nhừ, máu huyết lan chảy, chỉ còn xương cốt nhỏ. Khi ấy bọn họ chịu khổ vô cùng, nhưng chưa chết được, cho đến khi nghiệp bất thiện đã tạo ra khi còn làm người chưa hết, thì phải lần lượt chịu đầy đủ như thế.

Chư Tỳ-kheo, các chúng sanh ở trong địa ngục ấy trải qua thời gian lâu xa vô lượng, rồi từ tiểu địa ngục Ngại điệp rộng năm trăm do-tuần đó được ra; ra rồi rong ruỗi, muốn tìm kiếm nhà cửa, muốn tìm chỗ nương tựa, che chở, liền chạy vào trong tiểu địa ngục Hộc lượng rộng năm trăm do-tuần. Vào nơi ấy rồi, ngục tốt tóm lấy các chúng sanh địa ngục ấy lấy hộc sắt nóng đang cháy đỏ mãnh liệt, đưa cho họ đong lửa. Khi bọn họ đong lửa thì tay bị cháy chân bị cháy, tai bị cháy, mũi bị cháy, các bộ phận lớn bị cháy, các bộ phận nhỏ bị cháy. Các bộ phận thân thể bị cháy rồi, bọn họ ở đó chịu khổ vô cùng nhưng vẫn chưa chết, cho đến khi nào mà nghiệp ác bất thiện chưa hết thì chẳng diệt,

chẳng chết, chẳng lìa, chẳng mất; cho đến những việc đã gây ra trong đời quá khứ, hoặc những việc tạo ra khi làm người, cứ lần lượt chịu đủ như thế.

Chư Tỳ-kheo, các chúng sanh trong địa ngục ấy trải qua thời gian sâu xa vô lượng ở trong đó, rồi từ tiểu địa ngục Hộc lượng rộng năm trăm do-tuần kia được thoát ra; ra rồi rong ruổi tìm cầu nhà cửa, tìm cầu sự che chở, tìm cầu sự cứu hộ, tìm cầu nơi nương náu, tìm cầu chỗ quy y, liền chạy vào trong tiểu địa ngục Kê rộng năm trăm do-tuần. Vào chốn ấy rồi, nơi ấy sản sinh đầy gà, cho đến ngập gối, lửa cháy hừng hực vô cùng mãnh liệt. Các chúng sanh kia đi đứng trong đó, bị thiêu đốt theo từng bước, chạy trốn khắp nơi, ngoái nhìn bốn hướng không chỗ nương tựa. Lửa dữ thiêu đốt: đốt tay, đốt chân, đốt tai, đốt mũi, đốt tai mũi xong, đốt các bộ phận lớn nhỏ cùng một lúc, đều đỏ rực lên. Bọn họ ở trong đó chịu khổ vô cùng, cho đến chịu đau đớn càng lúc càng nặng nhưng vẫn chưa chết, vì chưa hết nghiệp ác bất thiện mà khi làm thân người đã tạo tác, nay đây theo thứ lớp chịu đủ tất cả.

Chư Tỳ-kheo, các chúng sanh trong địa ngục ấy trải qua thời gian lâu xa vô lượng ở trong đó, rồi từ tiểu địa ngục Kê ấy được ra, ra rồi cứ mãi rong ruổi chạy tìm... *cho đến* muốn cầu chỗ cứu hộ, liền chạy vào tiểu địa ngục Khôi hà (Sông tro) cũng rộng năm trăm do-tuần. Chư Tỳ-kheo, tội nhân vào rồi, dòng sông tro ấy chảy rất nhanh, sóng dâng cao, tiếng sóng vỗ vang động, nước tro sục sôi, đầy ngập tới bờ. Phần dưới đáy sông tro ấy có loại gai sắt mũi nhọn như mài, hai bên bờ sông lại có rừng dao cạo. Trong rừng dao ở hai bên bờ sông ấy lại có các con chó màu đen dơ bẩn đáng sợ. Ở hai bên bờ, lại có ngục tốt; hai bên bờ lại mọc cây Xa-ma-la; cây ấy có gai nhỏ dài sắc bén, mũi nhọn như mài. Bấy giờ bọn họ, chúng sanh trong địa ngục, xuống sông đó, muốn lội qua bên kia bờ. Trong khi đang lội, họ bị sóng lớn nhận chìm, trong khi chìm xuống nửa chừng, bị gai sắt đâm chích thân hình; bị đâm liền dừng lại, bọn họ chịu khổ vô cùng, chịu khổ quá nặng. Khi nổi lên, họ lội đến bờ bên kia của dòng sông tro. Đến bờ rồi, liền vào rừng dao cạo kia; rừng đó rất rộng. Trải qua thời gian dài, họ lội trên dao bén. Bọn họ lội cùng khắp ở trong đó, vào rồi, lại vào nữa, chịu khổ vô cùng, hoặc bị cắt tay, hoặc có lúc bị cắt chân, cắt tai, cắt mũi; cắt tai mũi rồi, lại cắt các bộ phận khác. Bọn họ ở trong đó chịu khổ vô cùng nặng nhưng chưa chết được, vì nghiệp ác bất thiện chưa hết và những điều đã tạo ra trong quá khứ xa xưa, hoặc trong khi làm người, ở trong đó, đều

chịu hết. Lại nữa, ở hai bên bờ của dòng sông tro kia có các ngục tốt thấy các chúng sanh thọ tội kia đến liền hỏi: "Nay các ngươi muốn được vật gì?" Các chúng sanh ấy liền đồng thanh đáp: "Chúng tôi rất đói". Khi ấy ngục tốt tóm lấy các chúng sanh địa ngục ấy vật ngã trên đất đang cháy hừng hực, nóng bức vô cùng... *cho đến* vật nằm ngửa, dùng kìm sắt cạy miệng họ ra, cầm hòn sắt nóng bỏ vào. Ngay khi ấy họ bị đốt cháy, môi miệng chúng sanh địa ngục ấy bị cháy lỡ... *cho đến* từ yết hầu trở xuống đến ruột non, đi thẳng không có trở ngại. Bọn họ ở trong đó chịu khổ vô cùng, nhưng vẫn chưa chết, cho đến khi nào mà nghiệp bất thiện của họ, và những điều gây ra ngày trước khi làm người chưa hết thì đều chịu đủ.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, hai bên bờ của dòng sông tro sôi sục ấy có các con chó thân màu nâu sậm, dơ dáy, dễ sợ cắn thân chúng sanh địa ngục kia; xé từng miếng thịt trên các bộ phận cơ thể mà ăn, chúng gầm gừ hoặc nhe răng sủa vang. Bọn họ ở trong đó chịu khổ vô cùng, chịu khổ không kể xiết nhưng vẫn chưa chết, cho đến khi nào mà nghiệp bất thiện và điều gây ra ngày xưa khi còn làm người chưa hết thì phải chịu đủ tất cả.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, các chúng sanh địa ngục đó, khi bị nước tro rất nóng của sông tro vọt lên làm khốn khổ, họ lại bị gai sắt nhọn bén làm khốn đốn. Họ sợ hãi rừng dao cạo, bọn ngục tốt và cùng nhau trốn tránh lũ chó màu nâu dơ bẩn vì tất cả đều bức bách nên các chúng sanh địa ngục kia liền trèo lên cây Xa-ma-la. Khi leo lên cây thì cành nhánh của cây ấy toàn là gai nhọn rất sắt bén, đều chỉa đầu xuống, đầu nhọn như mài. Khi bọn chúng sanh địa ngục kia leo lên cây Xa-ma-la rồi, liền có các con quạ tên là "Mỏ sắt" bay tới mổ trên đầu bọn chúng sanh địa ngục kia; mổ bể đầu rồi hút não mà ăn. Bọn họ ở trong đó, chịu khổ vô cùng, chịu khổ không kể xiết, không thể chịu đựng, liền rơi vào sông tro sôi. Họ ở trong đó lại bị sóng lớn vùi dập chìm tới tận đáy; đến đáy rồi, lại bị mũi nhọn đâm chích; thân thể bị đâm chích rồi không thể đi đâu được, liền ở tại đó chịu khổ, nỗi khổ cùng cực chẳng thể chịu nổi, nên lại vùng dậy chạy đi, lội qua sông tro, qua rồi trở lại, đến ở bờ bên này. Bọn họ lại vào rừng dao cạo; vào rồi vào nữa, khi vào bọn họ bị cắt tay, cắt chân... *cho đến* cắt tiệt các bộ phận cơ thể. Ở trong đó, chịu đủ các loại cực khổ nhưng vẫn chưa chết cho đến những điều ác đã tạo thuở xa xưa khi còn làm người hoặc làm phi nhân chưa hết thì lần lượt chịu đủ.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, ở bờ bên này của dòng sông tro sôi ấy, có các ngục tốt, bọn họ từ xa thấy các chúng sanh thọ tội địa ngục đến, liền hỏi: "Bọn ngươi từ xa đến có việc gì? Muốn được vật gì?" Các chúng sanh ấy đồng thanh đáp: "Chúng tôi khát nước". Khi ấy ngục tốt tóm lấy chúng sanh kia vật nằm ngữa trên nền sắt đỏ rực. Khi các chúng sanh ấy đã nằm rồi, ngọn lửa bốc cháy, ngục tốt liền dùng kềm sắt cạy miệng bọn họ, đổ nước đồng sôi vào trong miệng. Các chúng sanh địa ngục kia uống nước đồng sôi rồi, nước ấy làm phỏng môi miệng... *cho đến* ruột non, rồi chạy thẳng ra ngoài. Bọn họ ở trong đó chịu khổ vô cùng nhưng thọ mạng chưa tan, chưa diệt, chưa hết. Nhưng nghiệp bất thiện và những điều đã gây ra khi còn làm người đều chịu hết.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, các chúng sanh địa ngục ấy nhận chịu tội báo ở trong đó trải qua thời gian lâu xa vô lượng, rồi có làn gió lớn thổi đến. Làn gió này tên là Hòa hiệp thổi bọn chúng sanh địa ngục ấy tới bên bờ... cứ tuần tự như thế, từ trong địa ngục Khôi hà được ra, họ lại rong ruỗi... *cho đến* tìm cầu nơi cứu hộ, dẫn đến tiểu địa ngục Chước bản rộng năm trăm do-tuần. Vào địa ngục ấy, họ bị bọn ngục tốt tóm lấy vật nằm ngữa trên nền sắt nóng đỏ rực, rồi dùng rìu sắt nóng đỏ chặt tay, chặt chân, chặt cả tay chân, xẻo tai xẻo mũi, xẻo cả tai mũi, xẻo từng bộ phận, xẻo hết các bộ phận của bọn chúng sanh địa ngục kia. Họ ở trong đó chịu khổ cùng cực nhưng vẫn chưa chết, cho đến khi nào mà nghiệp bất thiện và những điều đã tạo ra khi còn làm người chưa hết thì cứ tuần tự chịu đủ hết tất cả.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, các chúng sanh địa ngục kia ở trong đó trải qua thời gian lâu xa vô lượng, rồi từ tiểu địa ngục Chước bản được thoát ra; ra rồi rong ruỗi tìm cầu nhà cửa, tìm cầu sự che chở, tìm cầu chỗ nương náu, tìm cầu chỗ quay về, tìm cầu chỗ cứu hộ, lại rơi vào tiểu địa ngục Đao diệp (lá dao) rộng năm trăm do-tuần. Vào trong ấy rồi, vì không có các quả báo của nghiệp lành nên bỗng nhiên từ không trung gió nổi lên, rừng lá dao bằng sắt rơi xuống. Rừng lá dao ấy chém tay chém chân, chém cả tay chân, xẻo tai xẻo mũi, xẻo cả tai mũi, xẻo từng bộ phận, xẻo hết các bộ phận của bọn chúng sanh địa ngục kia. Bọn họ ở trong đó chịu khổ cùng cực nhưng vẫn chưa chết... *cho đến* những điều ác gây ra khi còn làm người, chịu đủ hết tất cả ở trong đó.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, trong tiểu địa ngục rừng lá dao kia vì không có quả báo của nghiệp lành nên có quạ mỏ sắt bỗng nhiên sanh ra bay

đến đậu trên hai vai của bọn chúng sanh địa ngục kia. Sau khi đứng yên, nó liền dùng mỏ sắt mổ vào hai mắt của tội nhân ấy rồi bay đi. Khi đó tội nhân chịu khổ cùng cực nhưng vẫn chưa chết,... *cho đến* khi những việc ác gây ra khi còn làm người chưa hết, thì cứ lần lượt như vậy, chịu đủ tất cả.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, ở trong địa ngục ấy bọn chúng sanh đó trải qua thời gian lâu xa vô lượng, rồi từ trong địa ngục rừng lá dao được thoát ra; rồi rong ruổi muốn tìm cầu nhà cửa, tìm cầu sự che chở, tìm cầu nơi nương náu, tìm cầu chỗ quay về, tìm cầu nơi cứu hộ, lại vào trong tiểu địa ngục Hồ lang (Chó sói) rộng năm trăm do-tuần. Vào trong đó rồi, do quả báo của nghiệp bất thiện nên ở trong ngục ấy, sanh ra loại chó sói rất nóng hung dữ, nhe răng dễ sợ, ngoạm thịt nơi thân của các chúng sanh địa ngục ấy, chân đạp, miệng xé nát nhừ để ăn, và phát ra tiếng kêu gầm gừ rất lớn. Họ ở trong đó chịu khổ cùng cực nhưng vẫn chưa chết... *lược nói cho đến* những việc ác đã gây ra khi còn làm người, phi nhân cứ tuần tự như thế đều chịu đủ tất cả ở trong đó.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, các chúng sanh ở trong địa ngục ấy trải qua thời gian vô lượng, rồi từ tiểu địa ngục Hồ lang ấy được thoát ra; ra rồi rong ruổi tìm cầu nhà cửa, tìm cầu nơi nương náu, tìm cầu sự che chở, tìm cầu sự cứu hộ, tìm cầu chỗ quay về, lại lọt vào tiểu địa ngục Hàn băng rộng năm trăm do-tuần. vào trong ấy rồi, vì quả báo của nghiệp bất thiện nên bỗng nhiên có làn gió lạnh nổi lên, một cái lạnh vô cùng tàn khốc chạm vào thân của chúng sanh địa ngục kia. Da dẻ họ bị phá nát; phá nát da rồi kế đến phá nát thịt; phá nát thịt rồi tiếp phá nát gân; phá nát gân rồi tiếp phá nát xương; phá nát xương rồi kế phá tan tủy; khi phá tan tủy rồi bọn họ ở trong đó chịu khổ cùng cực, đến nổi không thể chịu đựng được, ngay ở trong đó, mạng chung.

Đó là địa ngục đầu tiên rất lớn tên là địa ngục Hoạt và mười sáu tiểu địa ngục khác.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, đại địa ngục Hắc thằng thứ hai cũng có mười sáu tiểu địa ngục rộng năm trăm do-tuần vây quanh, từ địa ngục Hắc vân sa cho đến cho đến địa ngục thứ mười sáu sau cùng là Hàn băng đều trực thuộc nhau.

Chư Tỳ-kheo, ở trong đó do nhân duyên gì mà địa ngục lớn này tên là Hắc thằng.

Chư Tỳ-kheo, các chúng sanh ở trong đại địa ngục Hắc thằng ấy khi sanh ra, khi có mặt, khi xuất hiện, khi tồn tại vì quả báo của nghiệp bất thiện nên ở trên không trung, bỗng nhiên xuất hiện dây đen lớn thô, đỏ hừng hực, toàn là lửa nóng dường như từ dưới đất vọt lên. Ở khoảng giữa có một đám mây đen lớn, lan ra cùng khắp. Cũng như thế, các chúng sanh trong đại địa ngục Hắc thằng do quả báo của các nghiệp bất thiện, nên ở trên không trung, xuất hiện dây đen lớn đỏ rực rơi trên thân của bọn chúng sanh địa ngục kia; rơi trên thân rồi, liền đốt cháy da của các chúng sanh địa ngục; đốt da rồi đốt thịt; đốt thịt rồi đốt gân; đốt gân rồi đốt xương; đốt xương rồi thấu đến tủy; tủy vọt ra bốc cháy; tủy bốc cháy rồi lại phát ra ngọn lửa lớn. Bọn họ ở trong đó, chịu khổ vô cùng. Họ vì nghiệp tội nên vẫn chưa chết, cho đến khi nào mà nghiệp ác bất thiện chưa hết, hoặc những việc đã gây ra thuở trước khi còn làm người hoặc phi nhân, chưa diệt, chưa chuyển, chưa trừ, chưa xong thì chịu đủ tất cả.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, có chúng sanh ở trong đại địa ngục Hắc thằng kia khi sanh ra, khi có mặt, khi tồn tại, khi biến đổi vì quả báo của các nghiệp bất thiện nên khi ấy ngục tốt tóm lấy bọn chúng sanh địa ngục vật ngã trên nền sắt nóng hực, một cái nóng vô cùng mãnh liệt; vật nằm ngửa rồi, dùng dây sắt nóng quấn lại; đã quấn rồi, dùng rìu sắt cháy đỏ rực chặt ngang thân các chúng sanh địa ngục, phân làm hai phần, hoặc làm ba phần, bốn phần, năm phần, cho đến mười phần, hai mươi phần, hoặc năm mươi phần, hoặc một trăm phần. Giống như thợ mộc hoặc đệ tử của thợ mộc lành nghề ở thế gian, lấy các cây gỗ đặt trên đất rồi dùng dây mực kẻ qua; khi kẻ qua rồi, dùng rìu bén chặt làm hai phần, hoặc ba, bốn, năm phần hoặc mười phần, hai mươi phần, hoặc một trăm phần, cũng giống như thế.

Chư Tỳ-kheo, các chúng sanh trong đại địa ngục Hắc thằng cũng lại như thế. Ngục tốt tóm lấy chúng sanh ấy vật ngã nằm ngửa trên nền sắt nóng hực, dùng dây sắt đen kẻ qua làm dấu, rồi dùng rìu chặt thân ra thành các đoạn ngắn cũng lại như thế. Bọn họ ở trong đó chịu đau

đơn, khổ cực vô cùng, nhưng vẫn chưa chết, cho đến khi nào mà các nghiệp ác bất thiện chưa hết, và những việc ác đã tạo ra thuở xưa khi còn làm thân người, thì chịu đủ tất cả.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, các chúng sanh có trong đại địa ngục Hắc thằng khi có mặt, khi đổi khác cho đến khi tồn tại đều bị ngục tốt tóm lấy, vật ngã trên nền sắt nóng đỏ. Khi vật tội nhân nằm ngửa trên nền rồi, ngục tốt dùng dây sắt đen làm dấu trên thân, rồi dùng cưa sắt cháy đỏ cưa đứt thân của chúng sanh địa ngục kia; đứt rồi đứt nữa, cho đến đứt hết; kế đến xẻo, xẻo rồi xẻo nữa, cho đến xẻo hết, hoặc cắt, hoặc băm; đã cắt băm rồi, lại cắt băm nữa, hoặc cắt băm hết. Thí như người thợ cưa hoặc đệ tử của người thợ cưa lành nghề ở thế gian lấy các khúc gỗ đặt trên đất, dùng dây mực kẻ thành đường, rồi dùng cưa sắt bén cưa đứt ra, đứt rồi đứt nữa, cho đến đứt hết; kế đến lại đẽo; đẽo đi đẽo lại, cho đến đẽo hết; rồi lại bào gọt, đã bào gọt rồi, lại bào gọt nữa, cho đến bào gọt hết. Cũng như thế, chư Tỳ-kheo, các chúng sanh ở trong đại địa ngục Hắc thằng kia, khi sanh ra, khi có mặt, cho đến khi tồn tại, bị bọn ngục tốt tóm lấy, vật nằm trên nền sắt nóng hực. Khi đã vật tội nhân nằm ngửa rồi, ngục tốt dùng dây sắt đen quấn qua làm dấu rồi dùng cưa sắt đang cháy đỏ cưa thân họ; rồi lại mổ ra cho đến mổ hết; xẻo rồi xẻo nữa cho đến xẻo hết; cắt rồi cắt nữa cho đến cắt hết; băm rồi lại băm cho đến băm hết. Bọn họ ở trong đó, chịu đủ nỗi khổ cùng cực nhưng vẫn chưa chết,... *cho đến* những việc ác đã làm khi còn làm người, ở trong đó chịu đủ.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, các chúng sanh trong đại địa ngục Hắc thằng khi sanh ra, khi có mặt cho đến khi tồn tại, bị ngục tốt tóm lấy, dùng chày sắt nóng đang cháy đỏ khiến bọn họ đánh nhau. Khi họ đánh nhau thì cháy tay, cháy chân, cháy cả tay chân; cháy tai cháy mũi, cháy cả tai mũi; cháy từng bộ phận, cháy hết các bộ phận. Bọn họ ở trong đó, chịu khổ cùng cực nhưng vẫn chưa chết... *nói lượt như trên cho đến* những việc ác đã tạo khi còn làm thân người đều chịu đủ tất cả.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, các chúng sanh ở trong đại địa ngục Hắc thằng kia... khi còn tồn tại, từ trên không trung có một dây đen to lớn xuất hiện, đang bốc cháy mãnh liệt rơi thẳng trên thân của chúng sanh địa ngục kia. Khi dây đen rơi tới quấn vào thân của các chúng sanh địa ngục; quấn đi quấn lại cho đến quấn chặc; siết đi siết lại cho đến siết chặc; đã quấn, siết rồi lại bị một làn gió thổi bung ra. Khi gió thổi bung ra, da trên thân của bọn chúng sanh địa ngục kia bị loét ra; da loét rồi kế đến loét

thịt; thịt đã loét rồi kế đến rút gân... *cho đến* nát xương; xương nát rồi thổi tủy bay đi. Bấy giờ bọn họ ở trong đó chịu khổ cùng cực, nhưng vẫn chưa chết... *lược nói như trên cho đến* nghiệp ác bất thiện chưa hết thì cứ lần lượt như thế, chịu đủ tất cả.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, các chúng sanh ở trong địa ngục ấy trải qua thời gian lâu xa vô lượng, rồi từ đại địa ngục Hắc thằng được ra; ra rồi rong ruỗi tìm cầu sự che chở, tìm cầu nhà cửa, tìm cầu nơi nương náu, tìm cầu chỗ quay về, tìm cầu chỗ cứu hộ, lại lọt vào tiểu địa ngục Hắc vân sa rộng năm trăm do-tuần. Vào trong ngục rồi... *nói lược như trên cho đến* địa ngục thứ mười sáu là Hàn băng; vào ngục rồi... *cho đến* mạng chung, chịu đủ các loại khổ.

Lại nữa, Chư Tỳ-kheo, đại địa ngục Chúng hiệp cũng có mười sáu tiểu địa ngục hệ thuộc vây quanh. Mỗi ngục ngang dọc năm mươi do-tuần, từ tiểu địa ngục Hắc vân sa cho đến địa ngục cuối cùng là Hàn băng.

Chư Tỳ-kheo, do nhân duyên gì mà gọi đại địa ngục ấy là Chúng hiệp?

Chư Tỳ-kheo, chúng sanh trong đại địa ngục ấy khi sanh ra, khi có mặt, khi xuất hiện, khi đổi khác, cho đến khi tồn tại, vì bọn họ mà có hai ngọn núi xuất hiện tên là Bạch dương và Khẩu thực, lửa cháy dữ dội. Bấy giờ các chúng sanh địa ngục kia vào trong núi ấy. Khi họ vào rồi, hai ngọn núi ma sát nhau, va chạm nhau, cọ vào nhau. Hai ngọn núi ấy ép lại rồi, ma sát rồi, va chạm, cọ vào nhau xong; đứng lại chỗ cũ. Thí như hai tia chớp hiệp nhau, ma xát nhau, va chạm nhau, cọ vào nhau; khi đã hiệp nhau, ma xát nhau, va chạm nhau rồi đều về vị trí cũ. Này chư Tỳ-kheo, cũng giống như thế, hai ngọn núi kia ép nhau, ma xát nhau, cọ vào nhau, va chạm nhau, dính mắt rồi, đều rơi ra trở về chỗ cũ, cũng như thế. Nhưng ở trong đó, các chúng sanh hiện hữu trong địa ngục khi bị núi ép lại, cọ xát, va chạm, toàn thân máu mủ chảy ra, chỉ còn lại xương cốt. Khi ấy bọn họ chịu khổ cùng cực, nhưng vẫn chưa chết... *cho đến tuần tự như trên,* nên biết như thế.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, chúng sanh hiện có trong đại địa ngục Chúng hiệp ấy khi sanh, khi tồn tại, bị ngục tốt tóm lấy vật ngã trên nền đất nóng, cho nằm ngữa trên một tảng đá sắt lớn đang bốc cháy dữ dội, rồi lấy một tảng đá khác đè lên trên, như cái cối ở thế gian. Như vậy xong liền lấy chày giã; giã đi giã lại, giã mãi cho đến nát nhỏ; đã nát nhỏ rồi, lại giã cho nhuyễn. Khi giã xong lại nghiền,

nghiền đi nghiền lại, nghiền mãi thành bột; đã thành bột rồi, lại làm cho thành bột mịn. Khi làm thành bột mịn như thế chỉ thấy máu mủ chảy ra, không thấy còn xương cốt nhỏ. Bọn họ ở trong đó chịu khổ cùng cực, nhưng vẫn chưa chết... *nói lượt như trên,* theo đó mà biết.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, trong đại địa ngục Chúng hiệp kia, có bọn chúng sanh địa ngục sanh ra, hiện hữu, cho đến tồn tại, bị ngục tốt tóm lấy chúng sanh ấy vật nằm trong một cái máng lớn bằng sắt nóng, máng ấy đang cháy đỏ dữ dội. Ném tội nhân nằm trong máng rồi, giống như thế gian ép mía ép mè, ngục tốt ép chặc lại; ép đi ép lại, ép mãi như vậy. Khi bọn họ bị ép, một bên chỉ thấy máu mủ chảy ra, một bên chỉ có xương cốt, cặn bả còn ở trong; chịu khổ cùng cực... *nói lược như trên*... khi chưa mạng chung thì ở trong đó chịu đủ mọi sự thống khổ.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, trong đại địa ngục Chúng hiệp ấy, có bọn chúng sanh địa ngục, sanh ra hiện hữu, cho đến tồn tại, ngục tốt tóm lấy, ném vào trong một cái cối sắt đang đỏ hừng hực, dùng chày sắt để giã, giã đi giã lại, cho đến giã mãi; quếch đi quếch lại, cho đến quếch mãi. Đã giã quếch rồi, lại nghiền nhỏ, nghiền nhỏ mãi. Bọn họ khi bị giã quếch nghiền thành bột như thế chỉ còn có máu mủ chảy ra một bên, một bên còn lại xương cốt nát vụn. Bọn họ ở trong đó chịu khổ cùng cực... *nói lược như trên, cho đến* ở trong đó khi thọ mạng chưa dứt thì còn chịu đủ các khổ.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, trong đại địa ngục Chúng hiệp ấy, có các chúng sanh địa ngục sanh ra, có mặt, cho đến tồn tại. Khi ấy, ở trên không trung, có con voi sắt lớn tự nhiên xuất hiện, rực cháy dữ dội giống như thuần một khối lửa đỏ rực, voi ấy dùng hai chân giẫm lên đầu lâu của bọn chúng sanh địa ngục kia, rồi giẫm xuống tới chân; giẫm tới giẫm lui, cho đến giẫm mãi. Khi ấy voi đó giẫm làm cho chúng sanh địa ngục kia máu mủ ở thân chảy về một bên; một bên chỉ còn lại xương cốt. Bọn họ ở trong đó, chịu khổ cùng cực... *nói lược như trên* thọ mạng chưa dứt, lần lượt chịu đủ như vậy.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, các chúng sanh trong đại địa ngục Chúng hiệp ấy trải qua thời gian lâu xa vô lượng, rồi từ trong đại địa ngục Chúng hiệp được thoát ra; ra rồi rong rỗi chạy đi... *cho đến* cầu chỗ cứu hộ, lại lọt vào tiểu địa ngục Hắc vân sa rộng năm trăm do-tuần. Nhập vào rồi... *cho đến* địa ngục Hàn băng, chịu đủ các khổ.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, trong đại địa ngục Khiếu hoán kia cũng có mười sáu tiểu địa ngục rộng năm trăm do-tuần; từ địa ngục Hắc vân sa

cho đến địa ngục cuối cùng là Hàn băng.

Chư Tỳ-kheo, trong ngục ấy do nhân duyên gì mà gọi là ngục Khiếu hoán?

Chư Tỳ-kheo, trong đại địa ngục Khiếu hoán, các chúng sanh sanh ra, có mặt, cho đến tồn tại, bị ngục tốt xua đuổi, đưa họ vào trong các thành sắt, thành ấy đang bốc cháy dữ dội, màu lửa đỏ rực. Bọn họ ở trong đó chịu khổ cùng cực, bị não hại bức bách, cùng nhau chịu đựng, luôn luôn kêu lớn, nên gọi là ngục Đại khiếu hoán. Ở trong ngục ấy, dùng sắt làm phòng ốc, nhà cửa, xe cộ; dùng sắt làm lầu quán, vườn ao, tất cả đều nóng hực, cháy bỏng chói chang, rỗng suốt. Ngục tốt xua đuổi bọn chúng sanh thọ tội, ném họ vào trong đó, khổ não bức bách, không thể chịu được, liền kêu rống lên, cho nên gọi là địa ngục Khiếu hoán. Bọn họ ở trong đó, chịu khổ vô cùng... *nói lược như trên*, nhưng vẫn chưa chết, vì nghiệp ác bất thiện chưa hết nên lần lượt chịu đủ như thế.

Chư Tỳ-kheo, các chúng sanh địa ngục ấy trải qua thời gian lâu xa vô lượng ở trong đó, rồi từ đại địa ngục Khiếu hoán ấy được thoát ra; ra rồi từ rong ruỗi,... *nói lược như trên,... cho đến* cầu chỗ cứu hộ, lại lọt vào tiểu địa ngục Hắc vân sa rộng năm trăm do-tuần. Vào rồi,... *nói lược như trên,... cho đến* tuần tự vào ngục cuối cùng là Hàn băng. Ở đó chịu đủ các khổ rồi mạng chung.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, trong đại địa ngục Đại khiếu hoán ấy cũng có mười sáu tiểu địa ngục trực thuộc, đều rộng năm trăm do-tuần, từ địa ngục Hắc vân sa cho đến địa ngục cuối cùng là Hàn băng.

Chư Tỳ-kheo, ở trong ấy do nhân duyên gì mà gọi là đại địa ngục Đại khiếu hoán?

Chư Tỳ-kheo, trong địa ngục Đại khiếu hoán ấy có chúng sanh sanh ra, tồn tại. Khi ấy ngục tốt tóm lấy các chúng sanh đó ném vào trong nhà sắt đang hực cháy rất nóng... *cho đến* ngọn lửa rực sáng mãnh liệt. Bọn họ ở trong đó chịu khổ cùng cực, đau đớn khó nhẫn, khổ não chất chồng bèn kêu lớn lên. Vì nhân duyên đó nên gọi địa ngục ấy là Đại khiếu hoán. Ở trong địa ngục ấy, có nhà sắt, phòng sắt, xe sắt, gác sắt, lầu sắt; trong đó lửa than vọt trào lên đầy ắp. Bọn họ ở trong đó, chịu khổ cùng cực,... *nói lược như trên*... khi thọ mạng chưa chấm dứt thì tuần tự như vậy, chịu đầy đủ hết.

Chư Tỳ-kheo, các chúng sanh địa ngục ấy trải qua thời gian lâu xa

vô lượng ở trong đó, rồi từ đại địa ngục Đại khiếu hoán ấy được thoát ra; ra rồi rong ruỗi... *nói lược, cho đến* tìm cầu chỗ cứu hộ lại lọt vào trong tiểu địa ngục Hắc vân sa. Vào rồi,... *cho đến* địa ngục thứ mười sáu cuối cùng là Hàn băng. Ở đấy, chịu đủ các khổ rồi mạng chung.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, trong đại địa ngục Nhiệt não cũng có mười sáu tiểu địa ngục trực thuộc, từng địa ngục một cũng như trước, ngang dọc năm trăm do-tuần, từ địa ngục Hắc vân sa cho đến địa ngục cuối cùng là Hàn băng.

Chư Tỳ-kheo, ở trong đó, do nhân duyên gì mà gọi là đại địa ngục Nhiệt não?

Chư Tỳ-kheo, trong đại địa ngục Nhiệt não ấy, các chúng sanh sanh ra, có mặt, cho đến tồn tại, bọn ngục tốt tóm lấy chúng sanh địa ngục ấy ném vào trong vạc sắt, đầu chúc thẳng xuống, chân ngược lên, rồi đốt lửa bùng lên, chỉ toàn là ngọn lửa nóng hực. Bọn họ ở trong đó bị đốt nướng, cho nên gọi là địa ngục Nhiệt não. Ở trong ngục ấy, có các chõ sắt, vò sắt, hũ sắt, lu sắt, chậu sắt, lò sắt, đảnh sắt đều đỏ rực, toàn một màu lửa dữ dội. Bọn họ ở trong đó, hoặc bị thiêu, hoặc bị nấu, nên gọi là Nhiệt não... *cho đến* chịu khổ cùng cực, nhưng vẫn chưa chết vì nghiệp ác bất thiện của họ chưa hết, lần lượt như vậy, chịu tất cả.

Chư Tỳ-kheo, trong địa ngục ấy, các chúng sanh kia trải qua thời gian lâu xa vô lượng; rồi từ đại địa ngục Đại nhiệt não được thoát ra; ra rồi rong ruỗi chạy đi muốn tìm cầu chỗ cứu hộ, chỗ quay về, lại hướng đến tiểu địa ngục Hắc vân sa... *nói lược cho đến* địa ngục Hàn băng. Ở đó, chịu đủ các khổ rồi mạng chung.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, trong đại địa ngục Đại nhiệt não, cũng có mười sáu tiểu địa ngục, mỗi ngục ngang dọc năm trăm do-tuần: từ tiểu địa ngục Hắc vân sa cho đến địa ngục cuối cùng là Hàn băng. Ở trong ngục ấy do nhân duyên gì mà gọi là đại địa ngục Đại nhiệt não?

Chư Tỳ-kheo, trong đại địa ngục Đại nhiệt não, có các chúng sanh sanh ra, có mặt cho đến tồn tại đều bị ngục tốt tóm lấy, nắm đầu ném xuống, cầm chân giơ lên, đặt vào trong chõ sắt đốt lửa rất mạnh, đến nổi chỉ toàn là lửa lan tràn. Bọn họ ở trong đó chịu nóng bức, quá nóng bức rồi, lại nóng bức hơn nữa. Vì vậy gọi là địa ngục Đại nhiệt não nóng bức. Bọn họ ở trong vò, trong hũ, trong vạc, trong đảnh, trong chảo sắt nóng kia, nóng bức vô cùng, khổ não vô tận. Bị ném vào rồi, bọn họ ở trong đó bị lửa địa ngục hoặc thiêu, hoặc nấu, hoặc nướng,

hoặc chặt, chịu các khổ não, khổ não rồi khổ não nữa. Vì vậy gọi là địa ngục Cực kỳ khổ não. Bọn họ ở trong đó, chịu khổ cùng cực... *nói lược như trên* cứ tuần tự ở trong đó chịu khổ như vậy cho đến mạng chung.

Chư Tỳ-kheo, các chúng sanh trong địa ngục ấy trải qua thời gian lâu xa vô lượng, rồi từ địa ngục vô cùng khổ não nóng bức ấy được thoát ra rồi, rong ruỗi chạy đi... *nói lược cho đến* tìm cầu chỗ cứu hộ, chỗ nương về, lại lọt vào trong tiểu địa ngục Hắc vân sa, rồi sau cùng là địa ngục Hàn băng, chịu các khổ não nhưng mạng sống chưa dứt, tuần tự như trước.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, trong đại địa ngục A-tỳ-chỉ cũng có mười sáu tiểu địa ngục trực thuộc vây bọc chung quanh, các ngục đều rộng năm trăm do-tuần. Địa ngục đầu tiên là Hắc vân sa, địa ngục cuối cùng là Hàn băng.

Chư Tỳ-kheo, ở trong ngục ấy do nhân duyên gì mà gọi là đại địa ngục A-tỳ-chỉ?

Chư Tỳ-kheo, trong đại địa ngục A-tỳ-chỉ, các chúng sanh sanh ra, có mặt, xuất hiện, tồn tại. Các chúng sanh ấy vì quả báo của nghiệp ác bất thiện nên ngục tốt tự nhiên sanh ra, rồi mỗi ngục tốt dùng tay tóm lấy thân các chúng sanh địa ngục vật ngã trên nền sắt nóng đỏ rực, ngọn lửa bốc thẳng lên thật mãnh liệt. Vật tội nhân nằm xuống đất rồi, ngục tốt liền cầm đao bén cắt từ mắt cá chân rút gân ra, cho đến trên đầu đều bị kéo theo, thấu đến tim tủy, thống khổ khó bàn. Rút như vậy xong, lệnh cho tội nhân leo lên xe sắt đang bốc cháy dữ dội mà đi, dẫn qua vô lượng vô số do-tuần trên đường sắt, những con đường ở những nơi đi qua đều toàn đường sắt nóng nguy hiểm; đi qua rồi đi lại, tùy theo tâm ý họ không lúc nào dừng; muốn đến chỗ nào thì theo ý mà đi, tùy chỗ mà đến. Khi bị dẫn đi, khi muốn dẫn đi, khi ý muốn đi tức thì máu thịt trên thân họ tiêu mất không còn thứ gì. Vì nhân duyên ấy nên chịu khổ vô cùng, chịu khổ kịch liệt nhưng vẫn còn sống vì nghiệp ác bất thiện chưa hết nên chưa diệt, chưa tan, chưa biến, chưa đổi, hoặc những việc ác đã tạo xưa kia còn làm người, phi nhân, đều chịu tất cả.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, trong đại địa ngục A-tỳ-chỉ kia, các chúng sanh sanh ra có mặt, biến đổi, tồn tại, vì quả báo của nghiệp ác bất thiện nên ở phía Đông có một khối lửa lớn bỗng nhiên xuất hiện, cháy đỏ hừng hực vô cùng mãnh liệt, toàn là một màu đỏ. Lần lượt như vậy, phía Nam, phía Tây, phía Bắc... các phương đều có một khối lửa lớn

xuất hiện cháy đỏ hừng hực, toàn một màu đỏ. Bọn họ ở trong đó, vì bị bao vây bởi bốn khối lửa lớn ở bốn phía, dần dần áp gần và hiệp lại với nhau, nên khiến cho họ chịu khổ vô cùng... *cho đến* chịu khổ cùng cực, nhưng vẫn còn sống... *nói lược như trên.* Họ ở trong đó, chịu đủ tất cả khổ.

❑

KHỞI THẾ NHÂN BỔN

QUYỂN IV

Phẩm 4: ĐỊA NGỤC 3

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, trong đại địa ngục A-tỳ-chỉ ấy, các chúng sanh sanh ra, có mặt, cho đến tồn tại, vì quả báo của nghiệp ác bất thiện nên từ tường phía Đông, ngọn lửa xuất hiện rồi phóng thẳng về tường phía Tây, đến rồi dừng lại; ngọn lửa từ tường phía Tây xuất hiện rồi phóng thẳng tới tường phía Đông, đến rồi dừng lại; ngọn lửa từ tường phía Nam xuất hiện rồi phóng thẳng đến tường phía Bắc; ngọn lửa từ tường phía Bắc xuất hiện rồi phóng thẳng đến tường phía Nam, rồi từ dưới hướng lên, từ trên xẹt xuống, dọc ngang giao tiếp, trên dưới đan xen, ngọn lửa đỏ rực bay vọt chạm nhau. Bọn ngục tốt ở trong đó dùng sáu loại khối lửa cực mạnh ấy ném vào các chúng sanh ở trong đó... *cho đến* chịu khổ cùng cực nhưng vẫn chưa chết... *nói lược, cho đến* nghiệp bất thiện kia chưa xong, chưa hết thì vẫn còn ở trong đó chịu đủ.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, trong đại địa ngục A-tỳ-chỉ ấy, các chúng sanh sanh ra, có mặt, cho đến tồn tại, vì quả báo của nghiệp ác bất thiện nên trải qua thời gian lâu xa vô lượng ở trong đó, rồi thấy cửa phía Đông của ngục bỗng nhiên tự mở. Khi ấy các chúng sanh địa ngục ấy vì nghe tiếng mở cửa nên chạy đến đó, đinh ninh là sẽ được thoát, nghĩ rằng: "Nay chúng ta đến nơi ấy sẽ được đại an lạc". Khi các chúng sanh ấy chạy, chạy mãi, chạy mãi, chạy nhanh như thế, thân hình họ lại càng bốc cháy dữ dội. Thí như thế gian có vị lực sĩ cầm đuốc lớn chạy ngược gió, thì ngọn đuốc kia lại càng cháy mạnh hơn lên. Cũng như vậy, khi bọn họ chạy, chạy mãi, chạy mãi như thế, các bộ phận nơi thân lại càng bùng cháy. Khi giở chân lên máu thịt lìa tan, khi hạ chân xuống thịt sanh trở lại. Lại nữa, bọn họ chạy như thế khi gần đến cửa

thì cửa tự nhiên đóng lại. Bấy giờ chúng sanh ở trong ngục ấy, ngã úp mặt ở trên nền sắt nóng hừng hực mê man bất tỉnh . Khi bọn họ ngã úp mặt xuống liền bị đốt da; đốt da rồi tiếp đến đốt thịt; đốt thịt rồi đốt gân; đốt gân rồi đốt xương; đốt xương rồi đốt tủy; tủy vọt ra rồi, tức thời khói tuôn ra, khói tuôn ra rồi, cứ tuôn ra mãi, tuôn ra mãi. Bọn họ ở trong đó... *cho đến* lần lượt chịu khổ cùng cực, nhưng vẫn chưa chết... *nói lược như trên*... nghiệp ác bất thiện của họ chưa hết, cho đến những ác việc đã gây ra tự thuở xưa đến nay khi còn làm thân người, phi nhân, ở trong đó chịu đủ.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, ở trong đại địa ngục A-tỳ-chỉ kia, các chúng sanh sanh ra, có mặt, cho đến tồn tại vì quả báo của các nghiệp bất thiện nên trải qua thời gian lâu xa vô lượng ở trong đó. Khi ấy, cửa Nam, cửa Tây, cho đến cửa bắc của ngục kia lại mở ra như trước. Bấy giờ các chúng sanh địa ngục nghe tiếng mở cửa, liền nhắm đến cửa mà chạy, chạy mãi, chạy mãi, cho đến chạy hết mức, nghĩ thế này: "Ngay đây, ở chỗ này, chúng ta chắc chắn sẽ được thoát khỏi. Bây giờ nhất định chúng ta sẽ thoát khỏi". Trong khi bọn họ chạy nhanh như thế, thân họ càng bốc cháy mãnh liệt. Thí như lực sĩ cầm bó đuốc cỏ khô trong tay chạy ngược gió, lại càng cháy mạnh. Cũng như vậy, các chúng sanh kia chạy mãi, chạy mãi... *cho đến* chạy rất nhanh. Khi chạy như thế các bộ phận trong cơ thể họ càng bốc cháy; khi giở chân lên máu thịt đều tan, khi hạ chân xuống máu thịt lại sanh. Khi đã đến cửa, cửa đó đóng lại. Bọn họ ở trong đó, chỉ chuyên chạy thôi nhưng không được ra, tâm ý mê loạn ngã nằm úp trên nền sắt nóng đang bốc cháy mãnh liệt. Bọn họ trong đó ngã xuống rồi liền bị đốt da; đã đốt da rồi lại đốt xương, cho đến thấu tủy. Bỗng nhiên khói tuôn ra; khói ấy nóng bỏng, lại phát ra ánh sáng đỏ, khói quyện vào nhau càng thêm nóng bức. Bọn họ ở trong đó chịu khổ cùng cực,... *nói lược như trên cho đến* thọ mạng chưa chấm dứt vì nghiệp ác bất thiện chưa diệt, chưa lìa, chưa biến, chưa tan... *cho đến* những việc ác đã gây từ thuở xưa khi làm người, phi nhân, tất cả đều chịu đủ.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, trong đại địa ngục A-tỳ-chỉ kia có chúng sanh... *cho đến*... tồn tại; vì các quả báo của các nghiệp bất thiện nên khi bị lửa địa ngục ấy thiêu thì cảnh mà mắt thấy đều chẳng phải là cảnh ưa thích của ý; còn cảnh mà ý ưa thích thì không hiện tiền. Đó chẳng phải cảnh mà ý ưa, chẳng phải cảnh tốt đẹp; là cảnh chẳng ưa, cảnh bất thiện thường bức não. Tiếng mà tai nghe, hương mà mũi ngửi, vị mà

lưỡi nếm, xúc chạm mà thân biết, pháp mà ý đã nghĩ đến đều là điều mà ý không ưa thích. Nếu chẳng phải là điều ý ưa thích thì chẳng phải là điều đáng ưa nhưng cứ hiện ra trước. Hễ có cảnh giới đều là bất thiện. Bọn họ ở trong đó, do nhân duyên ấy nên luôn chịu khổ nảo thô rít cùng cực; vì cảnh xấu xí nên xúc chạm cũng vậy... *cho đến* thọ mạng chưa hết vì nghiệp ác bất thiện chưa hết chưa diệt. Nếu vào thuở xưa khi làm người, phi nhân tạo tác tất cả các nghiệp ác thì đều chịu đủ.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, lại do nhân duyên gì mà đại địa ngục A-tỳ-chỉ kia gọi là đại địa ngục A-tỳ-chỉ?

Chư Tỳ-kheo, trong đại địa ngục A-tỳ-chỉ ấy, vào tất cả thời, không có khoảnh khắc nào được tạm nghỉ hưởng sự an ổn, cho dù khoảng thời gian khảy móng tay. Vì vậy gọi đại địa ngục kia là A-tỳ-chỉ, và cứ tuần tự như thế, chịu đủ khổ.

Chư Tỳ-kheo, các chúng sanh ở đại địa ngục ấy trải qua thời gian lâu xa vô lượng ở trong đó, cho đến từ đại địa ngục A-tỳ-chỉ ấy được thoát ra; ra rồi rong ruỗi, chạy đi chạy lại cho đến chạy mãi để tìm cầu nhà cửa, tìm cầu sự che chở, tìm cầu chỗ nương náu, tìm cầu chỗ quay về, tìm cầu chỗ cứu hộ, lại lọt vào trong tiểu địa ngục Hắc vân sa rộng năm trăm do-tuần; vào rồi... *nói lược cho đến* ... cuối cùng đến địa ngục mười sáu là Hàn băng chịu đủ các khổ, rồi ở đó mạng chung.

Đến đây, Thế Tôn thuyết kệ:

Nếu người tạo nghiệp thân, khẩu ý
Tạo rồi hướng vào trong đường ác
Như vậy sanh vào địa ngục Hoạt
Trong ấy sợ hãi lông dựng đứng
Trải qua vô số ngàn ức năm
Chết rồi khoảnh khắc sống trở lại
Oán thù hết thảy đều báo ứng
Bởi vì chúng sanh giết hại nhau.
Nếu đối cha mẹ khởi ác tâm
Với Phật, Bồ-tát, chúng Thanh văn
Tất cả đều sẽ đọa Hắc thằng
Nơi ấy chịu khổ vô cùng tận
Dạy người chánh hạnh thành tà vạy
Thấy người bạn lành quyết phá hại
Bọn ấy đều đọa ngục Hắc thằng.
Hai lưỡi, ác khẩu, thường nói dối

Và tạo ba loại nghiệp ác nặng
Chẳng tu ba mầm giống thiện căn
Bọn ngu này đọa địa ngục Hiệp
Ở lâu trong đó chịu khổ não.
Hoặc hại dê, ngựa và trâu bò
Gà, heo và các loài động vật
Cùng giết các loài trùng kiến khác
Bọn họ đọa vào địa ngục Hiệp.
Tại thế gian nhiều nỗi kinh hoàng
Do bức bách não hại chúng sanh
Kẻ ấy bị đọa ngục cối xay...
Khổ não bị chày cối ép giã.
Do tham dục, nhuế si sai sử
Chuyển đổi chánh lý thành sai khác
Cho phải là trái, ngược pháp luật
Họ bị đao kiếm xoay vần chém.
Hoặc dựa thế mạnh cướp của người
Có sức không sức đều lấy hết
Đã gây những việc bức thiết ấy
Bọn họ bị voi sắt dày đạp.
Hoặc ưa giết hại các chúng sanh
Thân tay vấy máu tâm độc ác
Thường gây nghiệp bất tịnh như thế
Bọn họ sanh vào ngục Khiếu hoán.
Vì nhiều cách xúc não chúng sanh
Ở ngục Khiếu hoán bị thiêu nấu
Trong đó lại có Đại khiếu hoán
Đây do tâm siểm khúc gian manh
Bị kiến chấp mịt mù che khuất
Lưới ái kín dày nhận chìm đắm
Thường gây nghiệp hạ liệt như thế
Họ bị đọa vào Đại khiếu hoán.
Hoặc vào đến Đại khiếu hoán này
Chốn kinh khủng thành sắt cháy bỏng
Trong đó nhà sắt và phòng sắt
Người vào trong đó đều bị đốt.
Hoặc làm các việc trong thế gian

Phần nhiều não loạn các chúng sanh
Bọn họ sanh vào ngục Nhiệt não
Chịu sự nóng bức vô thời hạn.
Sa-môn, Bà-la-môn thế gian
Cha mẹ, tôn trưởng bậc kỳ cựu
Thường xúc não họ khiến chẳng vui
Thì đều đọa vào ngục Nhiệt não.
Sanh thiên, tịnh nghiệp chẳng chịu tu
Chia lìa người thân thích yêu thương
Người ưa làm những việc như thế
Họ đều đọa vào ngục Nhiệt não.
Ác với Sa-môn, Bà-la-môn
Các bậc hiền nhân và cha mẹ
Hoặc làm hại bậc tôn kính khác
Đọa vào Nhiệt não thường bị nấu
Luôn luôn tạo tác nhiều ác nghiệp
Chẳng từng phát khởi chút thiện tâm
Người như vậy đọa A-tỳ-chỉ
Sẽ chịu vô lượng các khổ não.
Hoặc nói chánh pháp là phi pháp
Nói các phi pháp là chánh pháp
Đã không tăng thêm các điều thiện
Bọn họ đều đọa vào A-tỳ.
Hai ngục Hoạt và Hắc thằng này
Cùng ba: Hiệp, Hội, Khiếu là năm
Nhiệt não, Đại nhiệt não là bảy
Cùng với A-tỳ-chỉ là tám.
Trong tám đại địa ngục như thế
Đốt thiêu ác liệt khổ khôn lường
Những kẻ gây nên các ác nghiệp
Trong đó có mười sáu ngục nhỏ.

Bấy giờ Thế Tôn nói kệ ấy xong, bảo các Tỳ-kheo rằng:

–Này các Thầy Tỳ-kheo, nay các vị nên biết, ở giữa hai thế giới ấy, riêng có mười địa ngục tọa lạc. Mười địa ngục ấy là gì? Đó là địa ngục Át-phù-đà, địa ngục Nê-la-phù-đà, địa ngục A-hô, địa ngục Hô-hô-bà, địa ngục A-tra-tra, địa ngục Tao-kiền-đề-ca, địa ngục Ưu-bát-la, địa ngục Ba-đầu-ma, địa ngục Bôn-trà-lợi, địa ngục Cứu-mâu-đà.

Chư Tỳ-kheo, ở khoảng giữa thế giới đó có mười loại địa ngục như thế.

Chư Tỳ-kheo, vì nhân duyên gì mà địa ngục Át-phù-đà ấy gọi là Át-phù-đà?

Chư Tỳ-kheo, các chúng sanh trong địa ngục Át-phù-đà ấy có hình thể giống như bọt nước, vì vậy gọi là Át-phù-đà.

Lại nữa, do nhân duyên gì mà địa ngục Nê-la-phù-đà ấy gọi là Nê-la-phù-đà?

Chư Tỳ-kheo, các chúng sanh trong đại địa ngục Nê-la-phù-đà kia có hình thể giống như miếng thịt, vì vậy gọi là Nê-la-phù-đà.

Lại nữa, do nhân duyên gì mà địa ngục A-hô ấy gọi là A-hô?

Chư Tỳ-kheo, trong đại địa ngục A-hô kia, các chúng sanh khi chịu khổ não bức bách dữ dội kêu lên: "Ôi cha, ôi cha!" đau khổ, vì vậy gọi là A-hô.

Lại nữa, vì nhân duyên gì mà ngục Hô-hô-bà gọi là Hô-hô-bà?

Chư Tỳ-kheo, trong địa ngục Hô-hô-bà kia, các chúng sanh khi bị bức bách khổ não cùng cực bèn kêu lên "Hô-hô-bà", vì vậy gọi là Hô-hô-bà.

Lại nữa, vì nhân duyên gì mà địa ngục A-tra-tra ấy gọi là A-tra-tra?

Chư Tỳ-kheo, trong địa ngục A-tra-tra ấy, các chúng sanh khi chịu khổ bách bèn kêu lên "A-tra-tra" mà chẳng thể thè lưỡi ra khỏi miệng, vì vậy gọi là A-tra-tra.

Lại nữa, vì nhân duyên gì mà địa ngục Tao-kiền-đề-ca được gọi là Tao-kiền-đề-ca?

Chư Tỳ-kheo, trong địa ngục Tao-kiền-đề-ca ấy, lửa có màu sắc giống như hoa Tao-kiền-đề-ca, vì vậy gọi là Tao-kiền-đề-ca.

Lại nữa, vì nhân duyên gì mà ngục Ưu-bát-la được gọi là Ưu-bát-la?

Chư Tỳ-kheo, trong địa ngục Ưu-bát-la ấy, lửa có màu sắc giống như hoa Ưu-bát-la, vì vậy gọi là Ưu-bát-la.

Lại nữa, vì nhân duyên gì mà ngục Cứu-mâu-đà ấy được gọi là Cứu-mâu-đà?

Chư Tỳ-kheo, trong địa ngục Cứu-mâu-đà, lửa có màu sắc giống như hoa Cứu-mâu-đà,vì vậy gọi là Cứu-mâu-đà.

Lại nữa, vì nhân duyên gì mà địa ngục Bôn-trà-lê-ca được gọi là Bôn-trà-lê-ca?

Chư Tỳ-kheo, trong địa ngục Bôn-trà-lê-ca ấy, lửa có màu sắc giống như hoa Bôn-trà-lê-ca, vì vậy gọi là Bôn-trà-lê-ca.

Lại nữa, vì nhân duyên gì mà ngục Ba-đầu-ma được gọi là Ba-đầu-ma?

Chư Tỳ-kheo, trong địa ngục Ba-đầu-ma ấy, lửa có màu sắc giống như hoa Ba-đầu-ma, vì vậy gọi là Ba-đầu-ma.

Chư Tỳ-kheo, thí như cái hộc của nước Kiều-tát-la, đong hai mươi hộc mè đầy vun, không gạt bằng; trong khi đó, có một người cứ một trăm năm lấy một hột, cứ lần lượt như vậy, sau một trăm năm lại lấy ra một hột. Này chư Tỳ-kheo, lấy xong hai mươi hộc đầy mè nước Kiều-tát-la, thì thời gian như thế, Ta nói là thời gian sống trong ngục Át-phù-đà vẫn chưa hết. Dùng con số này tính chung thì hai mươi lần tuổi thọ ở Át-phù-đà bằng một lần ở Nê-la-phù-đà; hai mươi lần ở Nê-la-phù-đà bằng một lần ở A-hô; hai mươi lần ở A-hô bằng một lần ở Hô-hô-bà; hai mươi lần ở Hô-hô-bà bằng một lần ở A-tra-tra; hai mươi lần ở A-tra-tra bằng một lần ở Tao-kiền-đề-ca; hai mươi lần ở Tao-kiền-đề-ca bằng một lần ở Ưu-bát-la; hai mươi lần ở Ưu-bát-la bằng một lần ở Cứu-mâu-đà; hai mươi lần ở Cứu-mâu-đà bằng một lần ở Bôn-trà-lê-ca; hai mươi lần ở Bôn-trà-lê-ca bằng một lần ở Ba-đầu-ma; hai mươi lần ở Ba-đầu-ma bằng một trung kiếp.

Chư Tỳ-kheo, chốn địa ngục Ba-đầu-ma, nếu các chúng sanh ở cách đó một trăm do-tuần thì bị ngọn lửa thiêu đốt; nếu các chúng sanh ở cách đó năm mươi do-tuần đều bị đui mù; các chúng sanh ở cách đó hai mươi lăm do-tuần thì máu thịt trên thân tự nhiên khô kiệt lở loét.

Chư Tỳ-kheo, Tỳ-kheo Cù-ca-lê kia ở bên Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên khởi tâm hủy báng, tâm ô trược nên sau khi chết liền sanh vào địa ngục Ba-đầu-ma. Sau khi sanh vào chốn ấy, từ miệng vị ấy phát ra ngọn lửa, lưỡi thè ra dài mười khuỷu tay. Ở trên lưỡi, tự nhiên có năm trăm lưỡi cày, luôn cày trên đó.

Chư Tỳ-kheo, Ta ở các nơi khác, chưa từng thấy có loại màu sắc nào mà tự bị tổn hại như thế. Đó là đối với người phạm hạnh mà tâm sạch uế trược, tự làm tổn hại, vì tâm ghen ghét, tâm ích kỷ, tâm không từ bi, tâm không trong sạch.

Chư Tỳ-kheo, vì vậy, các thầy cần phải đối với các vị phạm hạnh

nên khởi nghiệp thân, khẩu, ý thương yêu. Như chỗ Ta thấy, người ngày đêm khởi nghiệp thân, khẩu, ý thương yêu thì được an lạc. Vì vậy, Tỳ-kheo các thầy nên như điều ta đã thấy, đã nói, ngày đêm thường khởi tâm từ. Các thầy nên học tập như thế.

Bấy giờ Thế Tôn nói kệ:

Khi người thế gian sanh ra đời
Đầu lưỡi tự nhiên hiện búa rìu
Đó là trong miệng nói điều ác
Trở lại tự hại, cắt thân mình.
Người nên tán thán, chẳng khen ngợi
Kẻ đáng chê bai, lại ngợi khen
Như thế gọi là miệng cải tranh
Vì tranh cãi nên không vui vẻ
Nếu người vui nhiều được tài lợi
Thì thế gian này ít cãi tranh
Bên người thanh tịnh, khởi tâm trược
Như vậy gọi là miệng đấu tranh
Ba mươi sáu trăm ngàn như thế
Số địa ngục Nê-la-phù-đà
Và năm địa ngục Át-phù-đà
Đọa vào ngục Ba-đầu-ma kia
Vì chê thánh nhân nên như thế
Do nghiệp khẩu ý tạo ác vậy.

Chư Tỳ-kheo, ở khoảng giữa nơi ấy lại có các thứ gió gọi là Nhiệt não.

Chư Tỳ-kheo, các thứ gió đó nếu thổi đến bốn thế giới này thì bọn chúng sanh hiện có ở bốn châu thế giới này sanh ra, tồn tại, tất cả đều tan, đều diệt, đều hoại, đều không. Giống như lau sậy khi bị cắt mà không có nước, khô héo không còn. Cũng như vậy, này chư Tỳ-kheo, ở giữa thế giới ấy có các thứ gió, tên là Nhiệt não, nếu khi chúng thổi đến bốn cõi này thì chúng sanh có mặt ở bốn cõi này đồng thời khô cháy không còn. Vì bị hai ngọn núi Luân viên và Đại luân viên ở trong ngăn lại, cho nên gió kia không thổi đến đây được.

Chư Tỳ-kheo, núi Luân viên và Đại luân viên có thể làm việc vô cùng lợi ích như vậy, làm chỗ nương tựa cho các chúng sanh trong bốn châu, bốn thế giới này.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, ở khoảng giữa thế giới kia có các ngọn gió thổi đến địa ngục thiêu đốt thịt, mỡ, tủy của chúng sanh, đồ xú uế bốc cháy xông lên các mùi bất tịnh.

Chư Tỳ-kheo, ngọn gió đó nếu khi thổi đến thế giới của bốn châu này thì bấy giờ, chúng sanh hiện hữu... *cho đến* tồn tại trong thế giới bốn châu này đều bị đui, không trông thấy, vì hơi xú uế ở nơi ấy mãnh liệt. Nhưng nhờ hai núi Luân viên và Đại luân viên ngăn cản, do đó nên gió không thổi đến đây được.

Chư Tỳ-kheo, hai núi Luân viên và Đại luân viên trong ấy có thể vì các chúng sanh ở thế giới bốn châu này mà làm việc vô cùng lợi ích như thế, làm chỗ nương tựa cho các chúng sanh.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, trong thế giới kia lại có gió lớn gọi là Tăng-già-đa. Ngọn gió kia nếu thổi đến thế giới này thì bốn đại châu và tám vạn bốn ngàn tiểu châu, cùng các núi lớn khác, và núi chúa Tu-di-lưu đều bị nhất bổng lên cao cách đất một câu-lô-xá, nhấc lên rồi có thể phá tan nát; cho đến có thể nhấc lên hai, ba, bốn, năm, sáu, bảy câu-lô-xá. Khi đã nhấc lên khỏi mặt đất rồi, có thể phá tan nát; cho đến nhấc lên khỏi đất cao một do-tuần rồi phá tan nát như trước. Như thế, có thể nhấc lên khỏi mặt đất hai, ba, bốn, năm, sáu, bảy do-tuần phá tan nát; cho đến nhấc lên khỏi mặt đất một trăm do-tuần rồi phá tan nát, nhấc lên khỏi mặt đất hai, ba, bốn, năm, sáu, bảy trăm do-tuần rồi phá tan thành bột, cũng như trước; cho đến nhấc lên khỏi mặt đất một ngàn do-tuần rồi phá tan thành bụi; cho đến nhấc lên khỏi mặt đất hai, ba, bốn, năm, sáu, bảy ngàn do-tuần rồi phá tan nát.

Chư Tỳ-kheo, thí như một lực sĩ cường tráng dùng tay nắm một cục bột giơ cao lên không trung bóp tan nát rồi vải tung ra.

Chư Tỳ-kheo, cũng như vậy, ngọn gió Tăng-già-đa trong thế giới ấy thổi cực mạnh nếu đến thế giới bốn châu này thì bấy giờ bốn đại châu ở thế giới này và tám vạn bốn ngàn tiểu châu, cùng các núi lớn và núi chúa Tu-di-lưu đều bị nhấc lên khỏi mặt đất cao một câu-lô-xá rồi phá tan nát... *nói lược như trên, cho đến* nhấc lên khỏi mặt đất bảy ngàn do-tuần rồi phá tan thành bụi.

Chư Tỳ-kheo, nhưng nhờ được hai ngọn núi Luân viên và Đại luân viên ngăn che nên gió kia không đến nơi đây.

Chư Tỳ-kheo, hai ngọn núi Luân viên và Đại luân viên có oai đức, thế lực như thế, có thể làm việc lợi ích lớn, làm chỗ nương nhờ cho

các chúng sanh trong thế giới bốn đại châu này.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, ở ngoài khoảng giữa của thế giới ấy, phía Nam châu Diêm-phù có cung điện, trụ xứ của vua Diêm-ma, ngang dọc sáu ngàn do-tuần, dưới có bảy lớp bờ tường, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới chuông bên ngoài, bảy lớp hàng cây Đa-la nhiều màu đẹp đẽ, bao bọc chung quanh, do bảy báu tạo thành; đó là vàng, bạc, tỳ lưu ly, pha-trú-ca, hồng ngọc, xa cừ, mã não. Ở bốn phương đều có các cửa; các cửa ấy đều có lầu gác canh phòng, điện, đài, vườn, ao hoa đều do bảy báu tạo thành. Trong các hoa và vườn cảnh có các loại cây, cây đều có các loại lá và các loại hoa cùng các loại quả trĩu cành; các loại hương thơm xông ngát, các loài chim ca hót.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, riêng có một thời gian, vua Diêm-ma ấy, vì quả báo của nghiệp ác bất thiện cho nên trong ba thời ban đêm và ba thời ban ngày, tự nhiên có nước đồng đỏ xuất hiện ở trước mặt. Ngay khi ấy, cung điện của vua liền biến thành sắt. Trước tiên, thú vui năm dục đã hiện ra trước đây nay đều biến mất. Cũng như ở ngoài cung, ngay trong cung cũng xuất hiện như thế. Khi ấy vua Diêm-ma thấy việc này rồi, sợ hãi bất an, lông tóc dựng đứng, liền chạy ra ngoài; khi ra ngoài cung, bên ngoài cũng xuất hiện như thế. Bấy giờ vua Diêm-ma, lòng sanh sợ sệt run rẩy bất an, tóc lông trên thân đều đồng thời dựng đứng, liền chạy vào trong. Ngay lúc ấy, ngục tốt nắm lấy vua Diêm-ma vật nằm trên nền sắt nóng đang hừng hực đỏ; vật nằm ngữa rồi, liền dùng kìm sắt cạy miệng ra, lấy nước đồng sôi rót vào. Khi ấy vua Diêm-ma miệng bị cháy bỏng; miệng bị cháy bỏng rồi kế đến lưỡi; lưỡi đã cháy rồi liền cháy yết hầu; yết hầu cháy rồi liền cháy ruột già và ruột non..., kế đến thiêu cháy hết và tuột xuống dưới ra ngoài. Ngay thời điểm ấy vua Diêm-ma nghĩ như thế này: "Có chúng sanh vì thuở xưa, thân làm việc ác, miệng nói lời ác, ý nghĩ điều ác, nên bọn họ đều chịu đủ các loại khổ não về thân xác như thế, nên tâm chẳng vui. Giống như bọn chúng sanh địa ngục, ta nay cũng vậy. Và hơn nữa, nếu Diêm-ma vương ta đồng như bọn chúng sanh tạo nghiệp thì than ôi, ta nguyện từ đây xả bỏ thân này, đoạ vào ngục Hòa hiệp, rồi cùng gặp nhau thọ sanh ở nhân gian. Bấy giờ, ở trong giáo pháp Như Lai, ta sẽ được tin hiểu, và ngay nơi chốn ấy, ta sẽ được tin hiểu. Khi đã tin hiểu đầy đủ rồi, ta cạo bỏ đầu tóc, mặc áo ca-sa, bỏ nhà xuất gia, được tín giải chân chánh. Khi ta xuất gia rồi, sống hòa hiệp chưa bao lâu, nếu có thiện nam tử vì lý do gì mà được tin hiểu chân chánh, bỏ nhà xuất gia, thì vị ấy đối với

phạm hạnh vô thượng, bất cứ ở đâu, sống trong chánh pháp, tự chứng được thần thông. Làm những việc đầy đủ rồi, ta sẽ ra đi. Ta nay, sanh tử đã hết, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa".

Chư Tỳ-kheo, vua Diêm-ma ấy, khi phát niệm cầu tu tập, với những thiện niệm như thế, thì ngay lúc ấy trong cung điện của vua Diêm-ma ở lại xuất hiện đủ các loại bảy báu, và thú vui năm dục cõi trời hiện ra trước, thảy đều đầy đủ. Khi ấy vua Diêm-ma lại nghĩ thế này: "Tất cả chúng sanh có mặt vì thân làm việc lành, miệng nói lời lành, và ý nghĩ đều lành. Nguyện cho bọn họ đều thọ hưởng sự an lạc như thế, giống như chúng Dạ-xoa ở trên không. Như nay ta và các vua Diêm-ma khác, có cùng một nghiệp như chúng sanh".

Chư Tỳ-kheo, thế gian có ba loại thiên sứ. Những gì là ba? Đó là già suy, bệnh và chết.

Chư Tỳ-kheo, có hạng người vì tự phóng túng, nên thân làm việc ác, miệng nói lời ác và ý nghĩ đều ác. Người ấy, thân khẩu ý làm ác rồi, do nhân duyên ấy, thân hoại mạng chung, hướng đến đường ác, sanh vào địa ngục. Ngục tốt lập tức điệu chúng sanh kia đến bên vua Diêm-ma tâu: " Tâu Thiên vương, gã này khi xưa ở cõi người phóng túng tự do, theo điều bất thiện, thân khẩu ý tự do làm điều ác. Vì do thân khẩu ý làm điều ác nên nay sanh đến đây. Vì vậy xin Thiên vương khéo dạy bảo, khéo quở trách". Khi ấy, vua Diêm-ma hỏi gã kia: "Này gã kia, khi xưa ở nhân gian, Thiên sứ thứ nhất khéo dạy bảo, khéo quở trách; ngươi không thấy vị Thiên sứ ấy xuất hiện ở đời sao?" Người ấy trả lời: "Tâu Thiên vương, con thật không thấy". Vua Diêm-ma lại hỏi: "Này gã kia, xưa kia khi làm thân người ở thế gian, hoặc làm thân nam, hoặc làm thân nữ, người không thấy tướng già nua hiện ra sao? Khi già nua, răng rụng, tóc bạc, da nhăn, tàn nhan đầy người giống như mè đen, lưng còng lụm khụm, bước đi khập khiểng, chân chẳng theo thân, luôn luôn nghiêng ngã, da cổ dùn nhăn, như trâu cúi đầu, môi miệng khô nứt; lưỡi nhám hầu khan; thân thể còng gãy, khí lực mong manh, hơi thở khò khè giống như kéo cửa; muốn bước tới trước nương gậy mà đi. Tuổi trẻ đã qua, máu thịt khô kiệt, ốm yếu, cái chết gần kề, cử động yếu đuối; thời trai trẻ đã qua... *cho đến* thân tâm luôn run rẩy. Tất cả bộ phận trong cơ thể đều rả rời, phải không?" Người ấy đáp: "Tâu Thiên vương, con thật có thấy điều đó". Vua Diêm-ma lại bảo: "Ngươi là kẻ ngu si, không có trí tuệ. Khi xưa ngươi đã thấy tướng mạo như thế,

nhưng tại sao không tự suy nghĩ là thân ta đây cũng có điều như thế, sự việc như thế? Nay ta cũng chưa khỏi việc như thế; nay ta cũng có đủ việc già nua như thế. Đã chưa khỏi được thì ta nên tạo nghiệp thiện tốt đẹp cho thân khẩu ý, khiến ta sẽ có quả báo lợi ích an lạc lâu dài?" Gã kia đáp: "Tâu Thiên vương, con thật sự không nghĩ như thế. Vì sao? Vì tâm con phóng đảng làm việc buông lung". Vua Diêm-ma lại bảo: "Gã ngu si kia, nếu như vậy thì ngươi tự biếng nhác, làm việc phóng dật cho nên chẳng tu nghiệp lành về thân khẩu ý. Vì nhân duyên ấy ngươi sẽ bị khổ não lâu dài, không có an lạc. Vì vậy, ngươi phải chịu đủ tội vì việc phóng dật ấy, sẽ bị quả báo của nghiệp ác như thế, giống như những điều mà gã phóng dật kia phải chịu. Lại nữa, này gã kia, quả báo khổ đau về hành nghiệp ác này của ngươi, chẳng phải mẹ ngươi làm, chẳng phải cha ngươi làm, chẳng phải anh, em của ngươi làm, chẳng phải chị, em của ngươi làm, chẳng phải nhà vua làm, chẳng phải chư Thiên làm, cũng chẳng phải khi xưa tiền nhân làm, mà chính nơi thân ngươi tự gây ác nghiệp ấy, nay tự tập hợp lại, và ngươi lại tự mình lãnh thọ quả báo đó".

Bấy giờ vua Diêm-ma-la kia đem đầy đủ Thiên sứ thứ nhất như vậy để khéo léo dạy bảo, quở trách kẻ kia rồi, lại lần lượt đem Thiên sứ thứ hai khéo léo dạy bảo, quở trách: "Gã kia, ngươi há chẳng thấy Thiên sứ thứ hai, xuất hiện ở thế gian sao?" Kẻ kia đáp: "Tâu Thiên vương, con thật chẳng thấy". Vua lại bảo: "Này gã kia, ngươi há chẳng thấy khi xưa làm thân người ở thế gian, bốn đại hòa hợp, bỗng dưng chống trái, hoặc thân phụ nữ, hoặc thân đàn ông, bệnh khổ khốn cùng, hoặc nằm trên giường nhỏ, hoặc trên giường lớn, tự động phóng uế, nhơ nhớp thân hình, lăn lộn trên phân uế, chẳng tự chủ được, nằm dậy đi ngồi đều nhờ người dìu đỡ, hoặc người lau rửa, hoặc người ẩm ra, hoặc người cho uống, hoặc người cho ăn sao?" Gã kia đáp: "Tâu Thiên vương, quả thật con có thấy".Vua lại bảo: "Gã kia, ngươi đã thấy như thế, nếu là người khôn lanh, sao ngươi không nghĩ rằng ta cũng sẽ có những hiện tượng như thế; ta cũng sẽ có những sự việc như thế; ta chưa thoát khỏi tình trạng bệnh hoạn như thế; ta cũng tự có những việc bệnh hoạn như thế. Đã chưa thoát khỏi thì phải tự biết là ta nay cũng có thể tạo các nghiệp lành như nghiệp lành của thân, của miệng, của ý; vì tương lai lâu dài của ta, ta sẽ làm điều lợi ích lớn, đưa tới chỗ an lạc lớn?" Gã kia đáp: "Tâu Thiên vương, quả thật con không nghĩ như thế, vì tâm lười biếng, làm điều phóng dật". Vua lại

bảo: "Gã kia, ngươi nay đã làm điều phóng dật, biếng nhác giải đãi, chẳng làm việc lành, là việc lành về thân, về miệng, về ý, thì làm sao ngươi có thể được quả báo lợi ích an lạc lâu dài được. Vì vậy, ngươi nên tu hành việc thiện. Nếu hành phóng dật thì sẽ theo phóng dật. Nghiệp ác này của ngươi chẳng phải cha mẹ làm, chẳng phải anh em làm, chẳng phải chị em làm, chẳng phải nhà vua, chẳng phải trời, cũng chẳng phải tiên nhân khi xưa làm, chẳng phải các Sa-môn và Bà-la-môn... làm. Những ác nghiệp này là do ngươi đã tự gây ra, ngươi phải tự chịu quả báo này".

Khi ấy, vua Diêm-ma theo thứ tự đem Thiên sứ thứ hai này khéo léo chỉ dạy, quở trách kẻ kia rồi, lại theo thứ tự đem Thiên sứ thứ ba chỉ dạy, quở trách gã kia: "Gã ngu si kia, khi ngươi làm người ở nhân gian há chẳng thấy Thiên sứ thứ ba xuất hiện sao?" Gã kia đáp: "Tâu Thiên vương, con thật chẳng thấy. Khi ấy vua Diêm-ma lại bảo: "Gã kia, khi ở thế gian ngươi há chẳng thấy hoặc đàn bà, hoặc đàn ông theo thời mạng chung, đặt ở trên giường, đem ra bên ngoài, dùng áo nhiều màu phủ lên trên; lại làm các loại màn che bao bọc chung quanh, quyến thuộc vây quanh cởi bỏ trang sức, đưa tay xõa tóc, hoặc lấy tro bôi trên đầu, ảo não vô cùng, khóc kêu thảm thiết; hoặc có người kêu "than ôi"; có người kêu "cha ôi"; hoặc có người kể công dưỡng dục; cất tiếng kêu lớn, đấm ngực khóc kêu thảm thiết, đủ các lời nức nở bi thương. Ngươi có thấy hết không?" Người kia đáp: "Tâu Thiên vương, con thật thấy hết". Vua Diêm-ma lại bảo: "Gã kia, khi xưa ngươi đã thấy sự việc như vậy, sao không tự suy nghĩ rằng ta đây cũng có những hiện tượng như vậy; thân ta cũng có những sự việc như vậy; ta chưa thoát khỏi những sự việc như vậy. Ta cũng có chết, cũng có hiện tượng chết chưa thoát ly được. Ta nay cũng có thể làm các việc thiện, như các việc thiện về thân, về miệng, về ý. Ta sẽ làm những việc lợi ích lớn, an lạc lâu dài?" Kẻ kia đáp: "Tâu Thiên vương, quả thật con chẳng làm. Vì sao? Vì con buông lung vậy". Vua Diêm-ma lại bảo: "Gã kia, nay ngươi đã buông lung, vì ngươi làm việc buông lung thì không làm việc thiện, cũng không dồn chứa các điều thiện khác, nghĩa là thân miệng ý của ngươi làm việc lợi ích lâu dài thì sẽ được an lạc. Vì vậy, nay ngươi có quả báo như vậy là do làm việc phóng dật, vì phóng dật nên ngươi tự chuốc lấy nghiệp ác bất thiện này. Nghiệp ác này của ngươi chẳng phải cha mẹ làm, chẳng phải anh em làm, chẳng phải chị em làm, chẳng phải vua làm, chẳng

phải trời, cũng chẳng phải khi xưa tiền nhân làm; lại chẳng phải Sa-môn, Bà-la-môn làm. Hỡi gã kia! Nghiệp ác này của ngươi chính là tự ngươi làm, tự ngươi chứa chất nên quả báo này, ngươi phải tự chịu". Khi ấy vua Diêm-ma dùng Thiên sứ thứ ba ấy chỉ dạy, quở trách đầy đủ, sai bảo gã kia xong xuôi, liền bỏ đi. Bấy giờ ngục tốt, bằng đủ mọi cách nắm tay gã kia chúc đầu xuống, đưa chân ngược lên, ném vào trong ngục.

Bấy giờ Thế Tôn nói kệ:

Chúng sanh tạo ra nghiệp ác rồi
Sau chết đọa vào trong cõi ác
Vua Diêm-ma thấy kẻ ác ấy
Dùng tâm từ bi mà quở trách
Khi xưa ngươi ở tại nhân gian
Há chẳng thấy già bệnh chết sao?
Đó là Thiên sứ đến chỉ bảo
Tại sao phóng dật chẳng biết chi
Nếu thân, khẩu, ý nhiễm các trần
Không hành thí, giới tự điều phục
Như vậy làm sao gọi có trí.
Và rồi chẳng tạo nhân lợi ích
Bấy giờ vua Diêm-la như pháp
Quở trách tội nhân như thế xong
Người kia hồi hợp tâm sợ hãi
Run rẩy lo âu nói thế này:
Vì con xưa kia cùng bạn ác
Nghe thiện, trong lòng chẳng ưa làm
Tham dục sân nhuế đã cột che
Chẳng làm lợi ích nên hại thân.
Ngươi đã chẳng tu các nhân thiện
Chỉ tạo đủ loại các nghiệp ác
Ngu si, hôm nay phải gặt quả
Thọ nghiệp kia nên vào địa ngục
Như tất cả các nghiệp ác này
Chẳng phải cha hay mẹ đã tạo
Chẳng phải Sa-môn, Bà-la-môn
Chẳng phải nhà vua hay chư Thiên
Đây chính là ngươi tự tạo lấy

Các hạt giống nghiệp ác chẳng tịnh
Tự mình gây ra ác nghiệp này
Nay lẽ đương nhiên chịu quả ác
Nhà vua dùng ba Thiên sứ ấy
Lần lượt quở trách tội nhân rồi
Ngay khi ấy vua Diêm-ma-la
Bỏ tội nhân lại, liền ra đi.
Khi đó ngục tốt ở chỗ kia
Liền nắm lấy gã tội nhân ấy
Dắt dẫn vào trong chỗ địa ngục
Vô cùng sợ hãi lông dựng đứng
Bốn bên bốn cửa hướng vào nhau
Bốn phương, bốn hướng đều nghiêm mật
Các nhà, tường vách đều bằng sắt
Dùng sắt bao quanh làm lan can
Sắt nóng rực đỏ làm tường thành
Ngọn lửa cháy bừng, khói lửa un
Xa thấy dễ sợ tâm kinh hãi
Lửa hừng hực đỏ khó thể đến
Giống như trong vòng trăm do-tuần
Lửa lớn rực cháy lan cùng khắp
Trong đó thiêu đốt bọn chúng sanh
Đều do khi xưa gây tội ác
Đã bị Thiên sứ quở trách rồi
Mà tâm phóng dật không tỉnh giác
Bọn họ ngày nay luôn hối hận
Đều do khi xưa tâm hạ liệt
Những ai là người có trí tuệ
Nếu thấy Thiên sứ đến chỉ dẫn
Thì nên chuyên cần chớ phóng dật
Chư Thánh Pháp vương khéo léo nói
Đã thấy nghe rồi phải biết sợ
Chỗ chấm dứt các hữu sanh tử
Tất cả không đâu bằng Niết-bàn
Các thứ họa hoạn không còn nữa
Đến đó rồi an ổn khoái lạc
Thấy pháp như thế được tịch diệt

Gọi là các oán đều đã qua
Tự nhiên thanh tịnh đắc tịch diệt.

❑

KHỞI THẾ NHÂN BỔN

QUYỂN V

Phẩm 5: CÁC RỒNG, KIM SÍ ĐIỂU

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, tất cả các loài Rồng có bốn hình thái sanh sản. Những gì là bốn? Một là sanh từ trứng, hai là sanh từ bào thai, ba là sanh từ chỗ ẩm thấp, bốn là sanh do biến hóa. Đó là bốn hình thái sanh sản của loài Rồng.

Chư Tỳ-kheo, Kim sí điểu cũng có bốn hình thái sanh sản. Đó là sanh từ trứng, sanh từ bào thai, sanh từ chỗ ẩm thấp, và sanh do biến hóa. Đó gọi là Kim sí điểu có bốn hình thái sanh sản.

Chư Tỳ-kheo, dưới đáy biển cả có cung điện của Long vương Ta-già-la, ngang dọc bằng nhau tám vạn do-tuần, có bảy lớp bờ tường, bảy lớp lan can, chung quanh trang nghiêm bằng bảy lớp linh báu, lưới đỏ đan xen. Lại có bảy lớp hàng cây Đa-la liên tiếp nhau che ánh nắng, bao bọc chung quanh, màu sắc đẹp đẽ; các báu trang nghiêm, đó là vàng, bạc, lưu ly, pha lê, hồng ngọc, xa cừ, mã não bảy báu tạo thành. Ở bốn phương có các cửa; tại các cửa có lầu gác, đài quan sát phòng ngự, lại có các vườn cảnh và suối, ao; ở trên bờ và trong ao đều có các thứ cỏ hoa, hàng lối bằng nhau. Lại có các cây đủ các loại hoa lá, đủ các loại quả, đủ các loại hương thơm, đủ các loài chim cùng ca hót.

Chư Tỳ-kheo, ở giữa hai núi Tu-di-lưu và Khư-đê-la có cung điện của hai đại Long vương là Nan-đà và Ưu-ba-nan-đà tọa lạc. Chốn ấy ngang dọc sáu ngàn do-tuần, có bảy lớp bờ tường, bảy lớp lan can... *nói lược như trên, cho đến* chim chóc cùng ca hót.

Chư Tỳ-kheo, phía Bắc biển lớn ấy là trú xứ của các Long vương và tất cả các loài Kim sí điểu vương, có một đại thọ, tên là Cư-tra-xà-ma-ly.

Cội đại thọ ấy, vòng thân của cây bảy do-tuần, ăn sâu xuống lòng đất hai mươi do-tuần, vươn cao một trăm do-tuần, cành lá che phủ năm mươi do-tuần. Chốn ấy ngang dọc năm trăm do-tuần, có bảy lớp tường lũy... *nói lược như trên, cho đến* chim chóc cùng ca hót.

Chư Tỳ-kheo, phía Đông đại thọ Cư-tra-xà-ma-ly có các cung điện của loài Rồng và loài Kim sí điểu sanh từ trứng. Mỗi cung điện ngang dọc sáu trăm do-tuần, có bảy lớp bờ tường,... *nói lược như trên, cho đến* các loài chim cùng ca hót.

Phía Nam của cội đại thọ Cư-tra-xà-ma-ly, có cung điện của loài Rồng và Kim sí điểu sanh từ bào thai. Mỗi cung điện cũng ngang dọc sáu trăm do-tuần, có bảy lớp bờ tường... *nói lược như trên, cho đến*... các loài chim cùng ca hót.

Phía Tây của cội đại thọ Cư-tra-xà-ma-ly, có cung điện của loài Rồng và Kim sí điểu sanh từ chỗ ẩm thấp. Mỗi cung điện ngang dọc cũng sáu trăm do-tuần, có bảy lớp bờ tường... *nói lược như trên, cho đến* các loài chim cùng ca hót.

Phía Bắc của cội đại thọ Cư-tra-xà-ma-ly, có cung điện của loài Rồng và Kim sí điểu hóa sanh. Mỗi cung điện ngang dọc cũng sáu trăm do-tuần, có bảy lớp bờ tường... *nói lược như trên, cho đến* các loài chim cùng ca hót.

Chư Tỳ-kheo, Kim sí điểu vương sanh từ trứng ấy khi muốn bắt loài Rồng sanh từ trứng, liền bay đến đậu trên cành phía Đông của cội đại thọ Cư-tra-xà-ma-ly, nhìn xuống biển, rồi dùng đôi cánh quạt nước biển lớn; nước biển rẽ ra hai trăm do-tuần. Nước biển rẽ ra rồi, chim liền bắt rồng sanh từ trứng ra, tùy ý sử dụng, tùy ý mà ăn.

Chư Tỳ-kheo, Kim sí điểu vương sanh từ trứng ấy chỉ có thể bắt được loài Rồng sanh từ trứng để ăn, tùy ý sử dụng, nhưng không thể bắt được loài Rồng sanh từ bào thai và loài Rồng sanh từ chỗ ẩm thấp, hóa sanh...

Chư Tỳ-kheo, các Kim sí điểu vương sanh từ bào thai nếu muốn bắt rồng sanh từ trứng thì liền bay đến đậu trên cành phía Đông của cội đại thọ Cư-tra-xà-ma-ly kia, nhìn xuống biển lớn, rồi dùng đôi cánh quạt biển lớn; nước biển rẽ ra hai trăm do-tuần. Nhân đó, chim bắt rồng sanh từ trứng, tùy ý ăn thịt.

Lại nữa, Kim sí điểu vương sanh từ bào thai nếu muốn bắt rồng sanh từ bào thai thì bay đến đậu trên cành phía Nam của cội đại thọ Cư-

tra-xà-ma-ly, rồi nhìn xuống biển lớn, dùng hai cánh quạt biển lớn, nước biển rẽ ra bốn trăm do-tuần, liền bắt rồng sanh từ bào thai, tùy ý ăn thịt.

Chư Tỳ-kheo, các Kim sí điểu vương sanh từ bào thai ấy chỉ có thể bắt được loài Rồng sanh từ trứng và từ bào thai, tùy ý sử dụng, chứ không thể bắt được loài Rồng sanh từ chỗ ẩm thấp và hóa sanh...

Chư Tỳ-kheo, các Kim sí điểu vương sanh từ chỗ ẩm thấp nếu muốn bắt loài Rồng sanh từ trứng thì khi ấy bay đến đậu trên cành phía Đông của cội đại thọ Cư-tra-xà-ma-ly, dùng đôi cánh quạt biển lớn, nước biển rẽ ra hai trăm do-tuần. Nước rẽ ra rồi, chim bắt rồng sanh từ trứng, tùy ý dùng ăn thịt.

Lại nữa, Kim sí điểu sanh từ chỗ ẩm thấp nếu muốn bắt rồng sanh từ bào thai thì bay đến đậu trên cành phía Nam của cội đại thọ Cư-tra-xà-ma-ly, dùng cánh quạt biển lớn, nước biển rẽ ra bốn trăm do-tuần, rồi bắt rồng sanh từ bào thai mà ăn, sử dụng tùy ý.

Lại nữa, Kim sí điểu sanh từ chỗ ẩm thấp nếu muốn bắt loài Rồng sanh từ chỗ ẩm thấp thì khi ấy, bay đến đậu trên cành phía Tây của cội đại thọ Cư-tra-xà-ma-ly, dùng cánh quạt biển lớn, nước biển rẽ ra tám trăm do-tuần, bèn bắt rồng sanh từ chỗ ẩm thấp dùng để ăn thịt.

Chư Tỳ-kheo, các Kim sí điểu sanh từ chỗ ẩm thấp chỉ có thể bắt được các loài Rồng sanh từ trứng, sanh từ bào thai, sanh từ chỗ ẩm thấp... tùy ý sử dụng, tùy ý ăn thịt, nhưng không thể bắt được các rồng hóa sanh.

Chư Tỳ-kheo, các Kim sí điểu hóa sanh nếu muốn bắt được rồng sanh từ trứng thì khi ấy, bay đến đậu trên cành phía Đông của cội đại thọ Cư-tra-xà-ma-ly, dùng cánh quạt biển lớn, nước biển rẽ ra hai trăm do-tuần, bèn bắt rồng sanh từ trứng ăn thịt, tùy ý sử dụng.

Lại nữa, Kim sí điểu hóa sanh nếu muốn bắt rồng sanh từ bào thai thì khi ấy, bay đến đậu trên cành phía Nam của cội đại thọ Cư-tra-xà-ma-ly, dùng cánh quạt biển lớn, nước biển rẽ ra bốn trăm do-tuần. Khi ấy Kim sí điểu hóa sanh kia liền bắt rồng sanh từ bào thai ăn thịt, tùy ý sử dụng.

Lại nữa, Kim sí điểu hóa sanh nếu muốn bắt được rồng sanh từ chỗ ẩm thấp thì khi ấy, liền bay đến đậu trên cành phía Tây của cội đại thọ Cư-tra-xà-ma-ly, dùng cánh quạt biển lớn, nước biển rẽ ra tám trăm do-tuần, liền bắt rồng sanh từ ẩm thấp ăn thịt, tùy ý sử dụng.

Lại nữa, Kim sí điểu vương hóa sanh nếu muốn bắt rồng hóa sanh thì khi ấy, liền bay đến đậu trên cành phía Bắc của cội đại thọ Cư-tra-xà-ma-ly, nhìn xuống dưới biển, rồi dùng đôi cánh quạt biển lớn. Nước biển rẽ ra một ngàn sáu trăm do-tuần, chim liền bắt rồng hóa sanh ăn thịt, tùy ý sử dụng.

Chư Tỳ-kheo, các loài Rồng này đều bị Kim sí điểu kia ăn thịt.

Chư Tỳ-kheo, đặc biệt có các rồng mà Kim sí điểu kia không thể bắt được. Đó là Long vương Bà-già-la, chưa hề bị Kim sí điểu vương kia làm kinh động. Lại có Long vương Nan-đà, Long vương Ưu-ba-nan-đà, các Long vương này cũng không bị loài Kim sí điểu bắt. Lại còn có Long vương Đề-đầu-lại-tra, Long vương A-na-bà-đạt-đa... cũng chẳng bị Kim sí điểu vương bắt.

Chư Tỳ-kheo, ngoài ra, lại có các Long vương khác cũng không bị Kim sí điểu bắt. Đó là Ma-đa-xa-ca, Đức-xoa-ca, Yết-lặc-nô-kiêu-đa-ma-ca, Xí-bà-đà-phất-tri-lợi-ca, Thương-cư-ba-đa-ca, và hai Long vương Cam-bà-la, A-thấp-bà-đa-la...

Chư Tỳ-kheo, lại còn có các Long vương cùng ở trong cảnh giới của những Long vương đó cũng không bị các Kim sí điểu ăn thịt.

Chư Tỳ-kheo, do nhân duyên gì mà chúng sanh ở trong cõi ấy sanh vào loài Rồng?

Chư Tỳ-kheo, có các chúng sanh tu tập nhân rồng, thọ trì giới rồng, phát khởi tâm rồng, phân biệt ý rồng; tạo nghiệp như vậy rồi khi nhân duyên kia được thành thục cho nên sanh vào loài Rồng... Lại có một loại huân tu nhân Kim sí điểu, thọ trì giới Kim sí điểu, phát khởi tâm Kim sí điểu, phân biệt ý Kim sí điểu. Do nhân duyên ấy, khi thân hoại mang chung, liền sanh vào trong loài Kim sí điểu kia. Lại có một loại huân tu nhân các thú, thọ trì giới các thú, phát khởi tâm các thú, tập hạnh nghiệp các thú, phân biệt ý các thú, do vì huân tu các loại nhân giới ác thú như thế, rồi phát khởi hạnh nghiệp, thành tựu tâm ý. Do các nhân duyên ấy, nên khi thân hoại mạng chung họ liền sanh vào trong các loài thú. Lại có một loài huân tu nhân trâu, giới trâu, nghiệp trâu, tâm trâu, ý trâu... *nói lược như trên, cho đến* phân biệt... Do nhân duyên ấy sanh vào loài trâu. Lại có một loài huân tu nhân gà, giới gà, nghiệp gà, tâm gà, ý gà... nói lược như trước, cho đến phân biệt tâm gà, nghiệp gà. Do nhân duyên ấy sẽ sanh vào trong loài gà. Lại có một loài huân tu nhân cú mèo, thọ giới cú mèo, phát khởi tâm cú mèo, hành nghiệp cú mèo, phân biệt ý cú mèo. Vì họ huân tu nghiệp cú mèo, thọ

giới cú mèo, khởi tâm cú mèo, phân biệt ý cú mèo, nên do nhân duyên ấy, khi xả thân, sẽ sanh vào loài cú mèo.

Chư Tỳ-kheo, lại có một loài huân tu giới mặt trăng, hoặc huân tu giới mặt trời, giới tinh tú, giới đại nhân, hoặc lại huân tu giới mặc nhiên, hoặc huân tu giới đại lực thiên, hoặc huân tu giới đại trượng phu, hoặc huân tu giới vào nước, hoặc huân tu giới cúng dường mặt trời, hoặc lại huân tu, thờ phụng giới lửa, hoặc tu khổ hạnh ở những nơi uế trược. Họ huân tu rồi, nghĩ như thế này: "Tôi nguyện tu những giới này: giới mặt trăng, giới mặt trời, các giới tinh tú, thời gian... và các giới mặc nhiên, giới đại lực thiên, giới đại trượng phu, giới nước, giới lửa, giới khổ hạnh uế trược. Tu các giới như thế, tôi sẽ làm trời, hoặc được quả báo cõi trời". Họ phát tà nguyện như thế.

Chư Tỳ-kheo, lại có một loài chúng sanh khởi tà nguyện: "Nay tôi nói kẽ kia sẽ sanh vào hai chốn là hoặc sanh vào địa ngục, hoặc sanh vàp súc sanh".

Chư Tỳ-kheo, lại có một hạng Sa-môn, Bà-la-môn khởi kiến chấp thế này và tuyên bố thế này: "Ngã và thế gian là thường. Điều này đúng, ngoài ra đều là hư vọng".

Lại có một hạng Sa-môn, Bà-la-môn khởi kiến chấp thế này và tuyên bố thế này: "Ngã và thế gian đều là vô thường. Điều này đúng, ngoài ra đều là hư vọng".

Lại có một hạng Sa-môn, Bà-la-môn khởi kiến chấp thế này và tuyên bố thế này: "Ngã và thế gian vừa thường vừa vô thường. Điều này đúng, ngoài ra đều là hư vọng".

Lại có một hạng Sa-môn, Bà-la-môn khởi kiến chấp thế này và tuyên bố thế này: "Ngã và thế gian chẳng phải thường, chẳng phải vô thường. Điều này đúng, ngoài ra đều là hư vọng".

Chư Tỳ-kheo, lại có một hạng Sa-môn, Bà-la-môn khởi lên kiến chấp thế này và tuyên bố thế này: "Ngã và thế gian có giới hạn. Điều này đúng, ngoài ra đều là hư vọng".

Lại có một hạng Sa-môn, Bà-la-môn khởi kiến chấp thế này và tuyên bố thế này: "Ngã và thế gian không có giới hạn. Điều này đúng, ngoài ra đều là hư vọng".

Lại có một hạng Sa-môn, Bà-la-môn khởi kiến chấp thế này và tuyên bố thế này: "Ngã và thế gian hoặc có giới hạn, hoặc không có giới hạn. Điều này đúng, ngoài ra đều là hư vọng".

Lại có một hạng Sa-môn, Bà-la-môn khởi kiến chấp thế này và tuyên bố thế này: "Ngã và thế gian chẳng phải có giới hạn, chẳng phải không có giới hạn. Điều này đúng, ngoài ra đều là hư vọng".

Chư Tỳ-kheo, lại có một hạng Sa-môn, Bà-la-môn khởi kiến chấp thế này và tuyên bố thế này: "Mạng tức là thân. Điều này đúng, ngoài ra đều là hư vọng".

Lại một hạng Sa-môn, Bà-la-môn khởi kiến chấp thế này và tuyên bố thế này: "Mạng khác, thân khác. Điều này đúng, ngoài ra đều là hư vọng".

Lại có một hạng Sa-môn, Bà-la-môn khởi kiến chấp thế này và tuyên bố thế này: "Có mạng có thân. Điều này đúng, ngoài ra đều là hư vọng".

Lại có một hạng Sa-môn, Bà-la-môn khởi kiến chấp thế này và tuyên bố thế này: "Không có mạng, không có thân. Điều này đúng, ngoài ra đều là hư vọng".

Lại có một hạng Sa-môn, Bà-la-môn khởi kiến chấp thế này và tuyên bố thế này: "Như Lai sau khi tịch diệt có hiện hữu. Điều này đúng, ngoài ra đều là hư vọng".

Lại có một hạng Sa-môn, Bà-la-môn khởi kiến chấp thế này và tuyên bố thế này: "Như Lai sau khi tịch diệt không có hiện hữu. Điều này đúng, ngoài ra đều là hư vọng".

Lại có một hạng Sa-môn, Bà-la-môn khởi kiến chấp thế này và tuyên bố thế này: "Như Lai sau khi tịch diệt vừa có hiện hữu, vừa không có hiện hữu. Điều này đúng, ngoài ra đều là hư vọng".

Lại có một hạng Sa-môn, Bà-la-môn khởi kiến chấp thế này và tuyên bố thế này: "Như Lai sau khi tịch diệt chẳng phải có hiện hữu, chẳng phải không có hiện hữu. Điều này đúng, ngoài ra đều là hư vọng".

Chư Tỳ-kheo, ở trong đó, số Sa-môn, Bà-la-môn mà khởi kiến chấp thế này và tuyên bố thế này: "Ngã và thế gian là thường. Điều này đúng, ngoài ra đều là hư vọng", thì đối với các hành họ khởi kiến chấp ngã, khởi kiến chấp thế gian; lìa các hành, cũng khởi kiến chấp ngã, khởi kiến chấp thế gian. Vì ý nghĩa đó nên họ khởi kiến chấp thế này, tuyên bố thế này: "Ngã và thế gian là thường. Điều này đúng, ngoài ra đều là hư vọng".

Chư Tỳ-kheo, ở trong đó, số Sa-môn, Bà-la-môn mà khởi kiến chấp thế này, tuyên bố thế này: "Ngã và thế gian là vô thường. Điều

này đúng, ngoài ra đều là hư vọng", thì đối với các hành họ khởi kiến chấp không có ngã, kiến chấp không có thế gian; lìa các hành cũng có kiến chấp không có ngã, kiến chấp không có thế gian. Vì ý nghĩa ấy, họ tuyên bố thế này: "Ngã và thế gian là vô thường. Điều này đúng, ngoài ra đều là hư vọng".

Chư Tỳ-kheo, ở trong đó, số Sa-môn, Bà-la-môn mà khởi kiến chấp thế này và tuyên bố thế này: "Ngã và thế gian vừa thường vừa chẳng phải thường. Điều này đúng, ngoài ra đều là hư vọng", thì đối với các hành họ có kiến chấp ngã và kiến chấp thế gian; lìa các hành, cũng có kiến chấp ngã và kiến chấp thế gian. Vì ý nghĩa đó nên họ tuyên bố thế này: "Ngã và thế gian vừa thường, vừa chẳng phải thường. Điều này đúng, ngoài ra đều là hư vọng".

Chư Tỳ-kheo, ở trong đó, số Sa-môn, Bà-la-môn mà khởi kiến chấp thế này và tuyên bố thế này: "Ngã và thế gian chẳng phải thường, chẳng phải thường. Điều này đúng, ngoài ra đều là hư vọng", thì đối với các hành họ có kiến chấp ngã và kiến chấp thế gian, lìa các hành cũng có kiến chấp ngã và kiến chấp thế gian. Vì vậy, họ tuyên bố thế này: "Ngã và thế gian chẳng phải thường, chẳng phải chẳng thường. Điều này đúng, ngoài ra đều là hư vọng".

Chư Tỳ-kheo, ở trong đó, số Sa-môn, Bà-la-môn mà khởi lên kiến chấp thế này và tuyên bố thế này: "Ngã và thế gian có giới hạn. Điều nầy đúng, ngoài ra đều là hư vọng", thì họ tuyên bố thế này: "Mạng có giới hạn, người có giới hạn, từ khi mới gá vào trong thai mẹ cho đến mạng ấy sau khi chết tẩn táng chôn cất, đó là người trong loài người; từ khi ra đời thọ thân bốn đại, bảy lần đọa lạc, bảy lần lưu chuyển, bảy lần chạy, bảy lần đi, sẽ thành tựu mạng và nhập vào nhóm mạng". Vì vậy, họ tuyên bố thế này: "Ngã và thế gian có giới hạn. Điều này đúng, ngoài ra đều là hư vọng".

Chư Tỳ-kheo, ở trong đó, số Sa-môn, Bà-la-môn mà khởi kiến chấp thế này và tuyên bố thế này: "Ngã và thế gian không có giới hạn. Điều này đúng, ngoài ra đều là hư vọng", thì họ tuyên bố thế này: "Mạng không có giới hạn, người không có giới hạn. Từ khi mới gá vào thai mẹ, cho đến mạng ấy sau khi chết, tẩn táng chôn cất, đó là người trên loài người; từ khi ra đời thọ thân bốn đại bảy lần đọa lạc, bảy lần luân chuyển, bảy lần chạy, bảy lần đi sẽ thành tựu mạng và nhập vào nhóm mạng". Vì vậy, họ tuyên bố thế này: "Ngã và thế gian không có giới hạn. Điều này đúng, ngoài ra đều là hư vọng".

Chư Tỳ-kheo, ở trong đó, số Sa-môn, Bà-la-môn mà khởi kiến chấp thế này, tuyên bố thế này: "Ngã và thế gian chẳng phải có giới hạn, chẳng phải không có giới hạn. Điều này đúng, ngoài ra đều là hư vọng", thì họ tuyên bố thế này: "Mạng chẳng phải có giới hạn, chẳng phải không giới hạn. Con người từ khi mới gá vào thai mẹ cho đến sau khi chết, tẩn táng chôn cất, người đó từ khi mới thọ thân bốn đại, bảy lần đọa lạc, bảy lần lưu chuyển, bảy lần chạy, bảy lần đi mới thành tựu mạng và nhập vào nhóm mạng". Vì vậy, họ tuyên bố thế này: "Ngã và thế gian chẳng phải có giới hạn, chẳng phải không giới hạn. Điều này đúng, ngoài ra đều là hư vọng".

Chư Tỳ-kheo, ở trong đó, số Sa-môn, Bà-la-môn mà khởi kiến chấp thế này, tuyên bố thế này: "Ngã và thế gian chẳng phải không có giới hạn, chẳng phải chẳng không có giới hạn. Điều này đúng, ngoài ra đều là hư vọng", thì họ tuyên bố thế này: "Thế gian chẳng phải không có giới hạn, chẳng phải chẳng không có giới hạn. Từ khi thọ thân bốn đại, bảy lần đoạ lạc, bảy lần lưu chuyển, bảy lần chạy, bảy lần đi và sẽ thành tựu mạng và nhập vào nhóm mạng". Vì vậy, họ tuyên bố thế này: "Ngã và thế gian chẳng phải không có giới hạn, chẳng phải chẳng không có giới hạn. Điều này đúng, ngoài ra đều là hư vọng".

Chư Tỳ-kheo, ở trong đó, số Sa-môn, Bà-la-môn mà khởi kiến chấp thế này, tuyên bố thế này: "Mạng kia tức thân kia. Điều này đúng, ngoài ra đều là hư vọng", thì đối với tự thân họ thấy có ngã và thấy có mạng; đối với thân khác cũng thấy có ngã, cũng thấy có mạng. Vì vậy họ tuyên bố thế này: "Chính mạng tức là thân kia. Điều này đúng, ngoài ra đều là hư vọng".

Chư Tỳ-kheo, ở trong đó, số Sa-môn, Bà-la-môn mà khởi kiến chấp thế này, tuyên bố thế này: "Mạng khác, thân khác. Điều này đúng, ngoài ra đều là hư vọng", thì đối với thân, họ thấy có ngã và thấy có mạng, ở thân khác cũng thấy có ngã và thấy có mạng. Vì vậy, họ tuyên bố thế này: "Mạng khác, thân khác. Điều này đúng, ngoài ra đều là hư vọng".

Chư Tỳ-kheo, ở trong đó, số Sa-môn, Bà-la-môn mà khởi kiến chấp thế này, tuyên bố thế này: "Có mạng và thân. Điều này đúng, ngoài ra đều là hư vọng", thì đối với thân, họ thấy có ngã và có mạng; thân kẻ khác cũng thấy có ngã và thấy có mạng. Vì vậy họ tuyên bố thế này: "Có mạng và thân. Điều này đúng, ngoài ra đều là hư vọng".

Chư Tỳ-kheo, ở trong đó, số Sa-môn, Bà-la-môn mà khởi kiến

chấp thế này, tuyên bố thế này: "Chẳng phải mạng, chẳng phải thân. Điều này đúng, ngoài ra đều là hư vọng", thì đối với thân họ chẳng thấy có ngã, chẳng thấy có mạng, đối với thân khác cũng chẳng thấy có ngã, cũng chẳng thấy có mạng. Vì vậy, họ tuyên bố thế này: "Chẳng phải mạng, chẳng phải thân. Điều này đúng, ngoài ra đều là hư vọng".

Chư Tỳ-kheo, ở trong đó, số Sa-môn, Bà-la-môn mà khởi kiến chấp thế này, tuyên bố thế này: "Như Lai sau khi tịch diệt còn có hiện hữu. Điều này đúng, ngoài ra đều là hư vọng", thì đối với thế gian, họ khởi kiến chấp thế này: "Thọ mạng cũng sẽ đến, thọ mạng cũng sẽ đi, hướng đến lưu chuyển". Vì vậy họ tuyên bố thế này: "Như Lai sau khi tịch diệt sẽ còn có hiện hữu. Điều này đúng, ngoài ra đều là hư vọng".

Chư Tỳ-kheo, ở trong đó, số Sa-môn, Bà-la-môn mà khởi kiến chấp thế này, tuyên bố thế này: "Như Lai sau khi tịch diệt không còn có hiện hữu. Điều này đúng, ngoài ra đều là hư vọng", thì đối với thế gian, họ tuyên bố thế này: "Nơi này có thọ mạng đến, nơi kia có thọ mạng dứt". Vì vậy, họ tuyên bố: "Như Lai sau khi tịch diệt không còn có hiện hữu. Điều này đúng, ngoài ra đều là hư vọng".

Chư Tỳ-kheo, ở trong đó, có Sa-môn, Bà-la-môn mà khởi kiến chấp thế này, tuyên bố thế này: "Như Lai sau khi tịch diệt hoặc có hiện hữu, hoặc không còn có hiện hữu. Điều này đúng, ngoài ra đều là hư vọng", thì với sở kiến của họ, họ tuyên bố thế này: "Nơi này mạng dứt chạy đến nơi khác, hướng đến lưu chuyển". Vì vậy, họ tuyên bố thế này: "Như Lai sau khi tịch diệt, vừa có hiện hữu, vừa không còn có hiện hữu. Điều này đúng, ngoài ra đều là hư vọng".

Chư Tỳ-kheo, ở trong đó, có Sa-môn, Bà-la-môn mà khởi kiến chấp thế này, tuyên bố thế này: "Như Lai sau khi diệt độ, chẳng phải còn có hiện hữu, chẳng phải không còn có hiện hữu. Điều này đúng, ngoài ra đều là hư vọng", thì đối với thế gian, họ tuyên bố thế này: "Con người ở nơi đây mạng dứt rồi, sẽ di chuyển đến nơi kia, mạng cũng đoạn hoại". Vì vậy họ tuyên bố thế này: "Như Lai sau khi tịch diệt chẳng phải còn có hiện hữu, chẳng phải không còn có hiện hữu. Điều này đúng, ngoài ra đều là hư vọng".

Bấy giờ Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Chư Tỳ-kheo, Ta nhớ khi xưa có một quốc vương tên là Cảnh Diện. Bấy giờ, vua Cảnh Diện, có một lần, muốn cùng các người mù bẩm sanh đùa giỡn vui chơi, liền hạ lệnh tập trung nhiều người mù bẩm

sanh. Sau khi bọn người mù tập trung, vua bảo: "Các ngươi là người mù bẩm sanh, vậy các ngươi có biết hình dáng của con voi như thế nào chăng?"

Khi ấy, các người mù đồng đáp: "Tâu Thiên vương, chúng thần sanh ra đã mù, thật chưa từng biết hình dáng của voi".

Vua lại bảo: "Các ngươi từ trước đến nay chưa biết voi. Nay muốn biết hình dáng của voi chăng?"

Khi ấy bọn người mù đồng thanh đáp: "Tâu Thiên vương, chúng thần thật chưa biết. Mong vua ban ân! Chúng thần muốn biết hình dáng của voi".

Khi ấy vua Cảnh Diện liền hạ lệnh gọi quản tượng đến, bảo: "Khanh hãy mau đến chuồng voi dắt một con voi đến đây, để trước ta, rồi chỉ cho các người mù".

Bấy giờ quản tượng lãnh hội ý của vua rồi, liền dẫn một con voi đến trước điện vua.

Vua nói với những người mù kia: "Đây chính là con voi".

Khi ấy các người mù, ai cũng dùng tay sờ vào voi ấy.

Người quản tượng nói với các người mù: "Các người sờ voi, cứ đúng sự thật tâu lên vua".

Khi ấy bọn người mù, có người sờ đúng vòi voi, có người sờ đúng ngà voi, hoặc có người sờ đúng tai voi, đầu, cổ, lưng, hông, đùi, móng chân, đuôi... Họ sờ như vậy xong khi ấy Quốc vương hỏi: 'Các người đui mù kia! Các ngươi đã biết voi có hình dáng chưa?"

Bọn người mù đồng thanh đáp: "Tâu Thiên vương, chúng thần nay đã biết hình dáng của voi".

Bấy giờ nhà vua liền hỏi lại: "Này các người mù, các ngươi nói đã biết voi rồi. Nếu đã biết rồi thì voi có hình dáng như thế nào?"

Lúc đó, trong đám người mù ấy, người mà đã dùng tay sờ đụng vòi thì đáp: "Tâu Thiên vương, hình voi giống như sợi dây". Người sờ đụng ngà thì đáp: "Tâu Thiên vương, hình voi giống như cái chày". Người sờ đụng tai voi thì đáp: "Tâu Thiên vương, hình voi giống như cái nia". Người sờ đụng cái đầu thì đáp: "Tâu Thiên vương, hình voi giống như cái đỉnh". Người sờ đụng cái cổ thì đáp: "Tâu Thiên vương, hình voi giống như cái sườn nhà". Người đụng cái lưng thì đáp: "Tâu Thiên vương, voi giống như cái nóc nhà". Người sờ đụng hông thì đáp: "Tâu Thiên vương, voi giống như cái bồ". Người sờ đụng đùi vế thì

đáp: "Tâu Thiên vương, voi giống như cái cây". Người sờ đụng bàn chân thì đáp: "Tâu Thiên vương, voi giống như cái cối". Người sờ đụng cái đuôi thì đáp: "Tâu Thiên vương, voi giống như cái chổi".

Các người mù, mỗi người đều tâu như này: "Tâu Thiên vương, hình voi như thế!" Rồi tâu thêm: "Tâu Thiên vương, thần đã biết con voi là như thế".

Khi ấy nhà vua bảo các người mù: "Các ngươi chẳng biết là voi hay chẳng phải là voi, huống là có thể biết được hình dáng của voi!"

Khi ấy các người mù ai cũng giữ ý kiến mình, cùng nhau tranh cãi, ẩu đả, dùng tay che mặt, cãi vã, hủy nhục nhau.

Bấy giờ vua Cảnh Diện thấy bọn người mù tranh cải ẩu đã nhau như vậy, cười to vui vẻ. Khi ấy vua liền nói kệ:

Bọn người mù này không mắt
Chưa từng có thầy dạy bảo cho
Hình dáng của voi như thế nào
Nên cùng nhau tranh chấp lung tung.

Chư Tỳ-kheo, cũng như thế. Các Sa-môn, Bà-la-môn ở thế gian cũng lại như thế, đã chẳng thể biết như thật Thánh đế khổ, Thánh đế khổ tập, Thánh đế khổ diệt, Thánh đế khổ diệt đạo. Đã chẳng như thật biết, điều nên biết nên bọn họ mới cùng nhau tranh cãi lâu dài, mãi mãi lưu chuyển, cùng hủy hoại nhau, cùng nhục mạ nhau, đã sanh ra sự tranh chấp cãi vã không ngừng, ai cũng dùng tay che mặt như bọn mù kia, cùng nhau não loạn.

Khi ấy Thế Tôn nói kệ:

Nếu chẳng biết Thánh đế khổ kia
Cũng chẳng thể biết Tập, Nhân khổ
Các chốn khổ não trong thế gian
Đã diệt trừ hết không còn gì
Đây là thánh đạo, đã chẳng biết
Huống là biết cách diệt trừ khổ
Tâm họ như vậy chưa giải thoát
Chưa đạt trí tuệ, cảnh giải thoát
Họ chẳng thể quán rõ thánh đế
Chỉ hướng đến sanh, lão, tử
Chưa thoát khỏi vòng trói buộc
Thì đâu có thể đến tịch diệt.

Chư Tỳ-kheo, nếu có Sa-môn, Bà-la-môn có thể biết như thật Thánh đế khổ, Thánh đế khổ tập, Khổ diệt, Khổ diệt đạo. Biết như thế rồi, họ phải tùy thuận tu học thì họ sẽ hòa hiệp lâu dài, cùng nhau hoan hỷ không còn tranh chấp, đồng hướng đến một việc tu học, giống như nước với sữa, cùng hòa hợp, ở chung một chỗ, trụ chỗ an lạc, biểu hiện Thánh pháp mà Bậc Thầy đã thuyết.

Khi ấy Đức Phật nói kệ:

Nếu biết như thế đều có khổ
Và chỗ sanh ra các khổ họa
Đã biết tất cả đều là khổ
Nên khiến trừ diệt không còn gì
Đã biết đắc Diệt là do Đạo
Thì liền đạt đến chỗ diệt khổ
Tức là đầy đủ tâm giải thoát
Và đắc trí tuệ, cảnh giải thoát
Có thể đạt đến chỗ cuối cùng
Như vậy chẳng còn sanh, lão, tử
Vĩnh viễn thoát khỏi lưới của ma
Xa lìa các Hữu của trần thế.

M

Phẩm 6: A-Tu-La 1

Bấy giờ, Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Cách núi chúa Tu-di-lưu hơn một ngàn do-tuần về phía Đông, ở dưới biển lớn có cung điện của vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la. Nơi ấy ngang dọc tám vạn do-tuần, có bảy lớp bờ tường bao bọc chung quanh; bảy lớp lan can trang hoàng vòng quanh. Cho đến bảy lớp lưới chông bằng vàng bạc, bên ngoài có bảy lớp hàng cây Đa-la bao bọc khắp cả, nhiều màu đẹp đẽ đều do bảy báu tạo thành, đó là vàng, bạc, lưu ly, pha-trí-ca, hồng ngọc, xa cừ, mã não. Bờ tường của thành ấy cao một trăm do-tuần, rộng năm mươi do-tuần. Những bờ tường đó đều cách nhau năm trăm do-tuần, ở khoảng giữa đặt một cái cửa; cửa đó cao ba mươi do-tuần, rộng hai mươi do-tuần. Các cửa ấy đều có các loại lầu gác, vườn tược, ao hồ. Trong các khu vườn, hồ ao đều có các loại cây; cây có các loại lá; lá có các loại hoa; hoa có các loại quả; quả có các loại hương, mùi hương xông tỏa rất xa; lại có các loài chim, đều cùng ca hót, âm thanh hòa nhã, đủ các các thứ tiếng.

Chư Tỳ-kheo, trong vòng thành lớn của A-tu-la kia, có lập riêng một cung điện cho vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la. Cung này tên là Thiết-ma-bà-đế, thành ấy ngang dọc sáu vạn do-tuần, có bảy lớp bờ tường... *cho đến* xa cừ... bảy báu tạo thành. Bờ tường của thành ấy cao một trăm do-tuần, rộng năm mươi do-tuần. Bờ tường của thành ấy cách nhau năm trăm do-tuần, ở khoảng giữa đặt cái cửa; các cửa cao ba mươi do-tuần, rộng mười hai do-tuần. Các cửa ấy cũng có lầu cao canh giữ, có đài gác, có vườn cảnh và hồ nước, các ao hoa...; có các loại cây và các loại lá, các loài hoa và các thứ quả, các thứ hương, có các loài chim cùng nhau ca hót, âm thanh hòa nhã, đủ các thứ tiếng.

Chư Tỳ-kheo, trong thành Thiết-ma-bà-đế ấy chỗ ở của vua nằm ngay trung ương, còn thiết trí một hội trường cho vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la, tên là Thất đầu. Nơi ấy ngang dọc năm trăm do-tuần, có bảy lớp lan can trang hoàng đẹp đẽ. Lại có bảy lớp lưới chuông bằng vàng, bạc; bên ngoài có bảy lớp hàng cây Đa-la vây bọc chung quanh bốn phía, nhiều màu đẹp đẽ, rất khả ái. Tất cả đều do bảy báu tạo thành là xa cừ, mã não... Khắp bốn mặt đều có các cửa. Tại mỗi cửa, có lầu cao canh gác, nhiều màu đẹp đẽ, đều do bảy báu tạo thành là xa cừ, mã não... Còn phía dưới thì dùng tỳ lưu ly xanh trang trí xen kẽ, mền mại

trơn láng, chạm vào giống như áo Ca-chiên-lân-đề-ca.

Chư Tỳ-kheo, chính giữa hội trường Thất đầu của A-tu-la tự nhiên có một trụ báu cao hai mươi do-tuần. Dưới trụ báu ấy có thiết lập một tòa báu cho vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la cao một do-tuần, rộng nửa do-tuần, nhiều màu đẹp đẽ, rất dễ ưa thích, do bảy báu tạo thành là xa cừ, mã não..., mềm mại trơn láng, chạm vào giống như áo Ca-chiên-lân-đề-ca. Hai bên tòa ấy, mỗi bên có mười sáu chỗ đứng cho các Tiểu a-tu-la, nhiều màu đẹp đẽ, cũng do bảy báu tạo thành là xa cừ, mã não... mềm mại dễ ưa, chạm vào giống như áo Ca-chiên-lân-đề-ca.

Chư Tỳ-kheo, phía Đông hội trường Thất đầu của A-tu-la, có cung điện của vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la. Nơi ấy ngang dọc một ngàn do-tuần, có bảy lớp bờ tường, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới chuông; bên ngoài có bảy lớp hàng cây Đa-la bao bọc chung quanh, nhiều màu đẹp đẽ, rất khả ái, cũng bằng bảy báu tạo thành, là vàng, bạc, tỳ lưu ly, pha-trí-ca... *cho đến* xa cừ, mã não. Khắp bốn phía đều có các cửa; tại các cửa ấy, có các lầu cao canh gác, có đài gác, vườn cảnh hồ nước, ao hoa...; các loại cây cùng các loại lá và các loài hoa, các thứ quả, các thứ hương; có các loài chim cùng nhau ca hót, âm thanh hòa nhã, đủ các thứ tiếng.

Chư Tỳ-kheo, phía Nam, phía Tây, Bắc... hội trường Thất đầu của A-tu-la, có các cung điện của các tiểu vương A-tu-la. Chốn ấy ngang dọc chín trăm do-tuần, hoặc tám trăm, bảy trăm, sáu trăm, năm trăm, bốn, ba, hai trăm do-tuần, chỗ nhỏ nhất ngang dọc cũng tới một trăm do-tuần, có bảy lớp bờ tường... *nói lược cho đến* các loài chim cùng ca hót.

Chư Tỳ-kheo, phía Đông, phía Nam, Tây, Bắc hội trường Thất đầu của A-tu-la, lại có các cung điện của các Tiểu a-tu-la. Nơi ấy ngang dọc chín mươi do-tuần, hoặc có chỗ tám mươi, bảy mươi, sáu mươi, năm mươi, bốn mươi, ba mươi, hai mươi do-tuần, chỗ nhỏ nhất ngang dọc cũng tới mười hai do-tuần, có bảy lớp bờ tường... *nói lược cho đến* các loài chim cùng ca hót.

Chư Tỳ-kheo, phía Đông hội trường Thất đầu của A-tu-la có vườn của vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la, tên là vườn Ta-la. Khu vườn này ngang dọc một ngàn do-tuần, có bảy lớp bờ tường, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới chuông, do bảy báu tạo thành như mã não... Khắp bốn phía đều có các cửa. Tại các cửa ấy, có các lầu cao nhiều màu đẹp đẽ, cũng do bảy báu tạo thành, đó là xa cừ, mã não...

Chư Tỳ-kheo, phía Nam hội trường Thất đầu của A-tu-la, có khu vườn của vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la, tên là vườn Xà-ma-lê. Vườn ấy ngang dọc một ngàn do-tuần, có bảy lớp bờ tường, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới chuông, đều do bảy báu tạo thành, như mã não... Khắp bốn phía đều có các cửa. Tại các cửa đều có các lầu cao, nhiều màu đẹp đẽ, cũng do bảy báu tạo thành là xa cừ, mã não...

Chư Tỳ-kheo, phía Tây hội trường Thất đầu của A-tu-la có khu vườn của vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la, tên là vườn Câu-tỳ-đà-la. Vườn ấy ngang dọc một ngàn do-tuần, có bảy lớp bờ tường, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới chuông đều do bảy báu tạo thành, như mã não... Khắp bốn phía đều có các cửa. Tại các cửa, có các lầu cao, nhiều màu đẹp đẽ, cũng bằng bảy báu tạo thành là xa cừ, mã não...

Chư Tỳ-kheo, phía Bắc hội trường Thất đầu của A-tu-la, có vườn của vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la tên là vườn Nan-đà-ma. Vườn ấy ngang dọc một ngàn do-tuần, có bảy lớp bờ tường, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới chuông đều do bảy báu tạo thành là mã não... Khắp bốn phía đều có các cửa. Tại các cửa đều có các lầu cao, nhiều màu đẹp đẽ, đều do bảy báu tạo thành là xa cừ, mã não... Các cửa này chỉ khác là không có các đài gác, ngoài ra đều giống nhau.

Chư Tỳ-kheo, ở khoảng giữa hai khu vườn Ta-la và Xà-ma-lê ấy có một ao lớn của vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la, tên là Nan-đà. Ao ấy ngang dọc năm trăm do-tuần. Nước ao mát lạnh, nhẹ đẹp, không đục, lắng trong tinh khiết; có bảy lớp gạch báu dùng trang trí đan xen, có bảy lớp thềm ván, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới chuông; bên ngoài có bảy lớp hàng cây Đa-la, bao bọc chung quanh, nhiều màu đẹp đẽ, đều do bảy báu tạo thành là xa cừ, mã não... Khắp bốn mặt đều có đường cấp, nhiều màu đẹp đẽ, cũng do bảy báu tạo thành là mã não... Lại có các loài hoa sanh ra như hoa sen xanh, hoa sen hồng, hoa sen vàng, hoa sen trắng. Có loại như lửa thì màu lửa, hình lửa, ánh sáng lửa; loại vàng thì màu vàng, hình vàng, ánh sáng vàng; loại xanh thì màu xanh, hình xanh, ánh sáng xanh; loại đỏ thì màu đỏ, hình đỏ, ánh sáng đỏ; loại trắng thì màu trắng, hình trắng, ánh sáng trắng; loại lục thì màu xanh lục, hình xanh lục; ánh sáng xanh lục. Hoa hình tròn như bánh xe, ánh sáng chiếu đến một do-tuần. Hương của hoa lan tỏa cũng một do-tuần. Ở trong ao ấy lại sanh các ngó sen, lớn như bánh xe, cắt ra nhựa chảy màu trắng như sữa, vị ngọt như mật ong.

Chư Tỳ-kheo, ở khoảng giữa hai khu vườn Câu-tỳ-đà-la và Nan-

đà-na có một đại thọ của vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la, tên là Vô-chất-đa-la-ba-tra-la, vòng gốc bảy do-tuần, rễ ăn sâu xuống đất hai mươi do-tuần. Cây vươn cao một trăm do-tuần, cành lá che mát năm mươi do-tuần, vòng đai ngang dọc năm trăm do-tuần. Bên ngoài cũng có bảy lớp bờ tường... *nói lược cho đến* bao bọc chung quanh, nhiều màu đẹp đẽ, đều do bảy báu tạo thành là xa cừ, mã não... Khắp bốn phía cũng có dựng cửa bằng bảy báu. Lại các cửa ấy cũng có các lầu cao canh phòng, đài gác... *nói lược cho đến* đủ các loài chim cùng ca hót.

❑

KHỞI THẾ NHÂN BỔN

QUYỂN VI

Phẩm 6: A-TU-LA 2

Chư Tỳ-kheo, hội trường Thất đầu của A-tu-la kia, có hai con đường thông nhau để nhà vua qua lại du hý. Chỗ cung điện của vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la cũng có hai con đường giống như vậy. Chỗ cung điện của các tiểu vương A-tu-la cũng có hai con đường. Chỗ ở của các Tiểu a-tu-la cũng có hai con đường. Khu vườn Ta-la cũng có hai con đường. Khu vườn Xà-ma-lê cũng có hai con đường. Khu vườn Câu-tỳ-đà-la cũng có hai con đường. Khu vườn Nan-đà-na cũng có hai con đường. Bên cạnh ao Nan-đà cũng có hai con đường. Ở dưới đại thọ Tô-chất-đa-la-ba-tra-la cũng có hai con đường. Tất cả đều như trước, cùng qua lại thông nhau với hội trường Thất đầu.

Chư Tỳ-kheo, nếu vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la muốn đến khu vườn Ta-la, khu vườn Xà-ma-lê, Câu-tỳ-đà-la, Nan-đà-na... để tắm rửa vui chơi, du hành hưởng lạc thì khi ấy, vua liền nghĩ đến các tiểu vương A-tu-la và nghĩ đến các chúng Tiểu a-tu-la.

Khi ấy các tiểu vương A-tu-la và các Tiểu a-tu-la nghĩ thế này: "Vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la đã nghĩ đến chúng ta". Biết vậy rồi, họ liền dùng các loại Anh lạc báu trang điểm thân thể; trang điểm rồi, cưỡi các loại xe, cùng đến ngoài cửa cung điện của vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la. Đến nơi, họ xuống xe đi bộ đến trước cung điện vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la và đứng lại.

Lúc bấy giờ vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la thấy các tiểu vương A-tu-la và các chúng Tiểu a-tu-la đã đến trước cung điện, cũng liền tự dùng các thứ Anh lạc trang điểm thân thể. Trang điểm xong, vua liền lên xe. Khi ấy các tiểu vương A-tu-la và các chúng Tiểu a-tu-la vây

quanh hai bên, trước sau, theo nhau, cùng kéo đến vườn Ta-la và vườn Xà-ma-lê, vườn Câu-tỳ-đà-la, vườn Nan-đà-na... Đến nơi, họ dừng lại trước vườn Nan-đà.

Chư Tỳ-kheo, vườn Nan-đà có ba ngọn gió tự nhiên thổi đến, tô điểm cho cảnh vườn. Ba ngọn gió đó là gì? Đó là nhọn gió khai, ngọn gió tịnh và ngọn gió xuy. Thế nào gọi là khai? Đó là ngọn gió thổi đến mở các cánh cửa. Thế nào là tịnh? Đó là ngọn gió thổi đến quét khu vườn, làm cho mặt đất sạch sẽ. Thế nào là xuy? Đó là ngọn gió thổi đến lay động các cây trong vườn làm các hoa rơi vãi khắp nơi.

Chư Tỳ-kheo, trong vườn Nan-đà-na, gió thổi rơi các loài hoa tuyệt đẹp ngập đến đầu gối; có đủ mùi hương, hương thơm ngào ngạt, lan tỏa khắp vườn. Ngay khi ấy vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-ma-la cùng các tiểu vương A-tu-la và các chúng Tiểu a-tu-la liền vào vườn Nan-đà-na. Vào rồi, tắm rửa, ngắm xem, du hý, tùy ý lưu lại. Các A-tu-la ở lại trong vườn ấy, hoặc một tháng, hai tháng, ba tháng để tắm rửa, du hý tùy ý, rồi ai muốn đi đâu thì đi.

Chư Tỳ-kheo, vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la thường có riêng năm vị A-tu-la luôn luôn ở bên cạnh để bảo vệ đề phòng các sự cố chẳng lành. Những ai là năm? Một tên là Tùy hỷ, hai tên là Hữu, ba tên là Túy, bốn tên là Mâu-chơn-lân-đà, năm tên là Tỳ-kha-đa-la.

Chư Tỳ-kheo, vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la có năm vị A-tu-la như thế luôn luôn ở bên vua để bảo vệ.

Chư Tỳ-kheo, trên cung điện của vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la có một vạn do-tuần nước biển. Khối nước ấy tự nhiên có bốn ngọn gió giữ lại. Những gì là bốn? Một là trụ, hai là an trụ, ba là bất đọa, bốn là lao cố. Được bốn ngọn gió này giữ nên luôn đứng vững, không động.

Chư Tỳ-kheo, về phía Nam của núi chúa Tu-di-lưu, cách một ngàn do-tuần, dưới biển lớn, có cung điện của vua A-tu-la Dũng Dược. Nơi ấy ngang dọc tám vạn do-tuần, có bảy lớp bờ tường... giống như các sở hữu của vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la. Trong đó, tất cả cũng như đã nói ở trước, các ông nên biết... *cho đến* trên cung điện của vua này, cũng có một khối nước, cũng được bốn ngọn gió giữ lại: một là trụ, hai là an trụ, ba là bất đọa, bốn là lao cố chủ.

Chư Tỳ-kheo, cách một ngàn do-tuần về phía Tây núi chúa Tu-di-lưu, dưới biển lớn, có cung điện của vua A-tu-la Xà-bà-la. Nơi ấy ngang dọc tám vạn do-tuần, có bảy lớp bờ tường... giống như các sở hữu của

vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la. Ở đó, tất cả cũng như đã nói trước, các ông nên biết,... *cho đến* trên cung điện của vua này, có một khối nước cũng được bốn ngọn gió giữ gìn: một là trụ, hai là an trụ, ba là bất đọa, bốn là lao cố chủ.

Chư Tỳ-kheo, cũng cùng khoảng cách như trên, về phía Bắc núi chúa Tu-di-lưu, dưới biển lớn, có cung điện của vua A-tu-la La-hầu-la. Nơi ấy ngang dọc như trên; có các tường vách cho đến... cửa lầu, đài gác canh phòng, vườn cảnh, các ao, có các thứ cây và các thứ lá, các thứ hoa quả, các thứ hương xông, có các loài chim cùng nhau ca hót.

Chư Tỳ-kheo, nơi ấy có thành của vua A-tu-la La-hầu-la, vua trú trong ấy. Thành tên là Ma-bà-đế, ngang dọc, trang nghiêm cũng như trước đã nói, có bảy lớp tường vách, bảy lớp lan can, bảy lớp hàng cây Đa-la, bảy lớp lưới chuông, vây bọc chung quanh, nhiều màu đẹp đẽ, đều do bảy báu là xa cừ, mã não... tạo thành. Tường vách ấy cao thấp, ngang dọc cũng như trước đã nói. Tường vách ấy cũng có các cửa cao thấp, ngang dọc, tất cả đều như trên. Tại các cửa ấy đều có lầu cao, đài gác canh phòng, vườn cảnh, hồ nước và các ao hoa..., cũng có các cây cùng các thứ lá, các thứ hoa quả, các thứ hương xông; cũng có các thứ chim chóc, cùng nhau ca hót.

Chư Tỳ-kheo, thành Ma-bà-đế, trú xứ của vua, có hội trường của vua A-tu-la La-hầu-la, cũng có tên là Thất đầu. Nơi ấy ngang dọc như trước đã nói, có bảy lớp lan can và các lưới chuông, bảy hàng cây Đa-la bao bọc chung quanh, nhiều màu đẹp đẽ, cũng trang nghiêm bằng bảy báu là xa cừ, mã não... Khắp bốn phía đều có các cửa. Các cửa ấy cũng có lầu gác nhiều màu đẹp đẽ, do bảy báu là xa cừ, mã não... tạo thành. Ở dưới các cửa dùng xa cừ cõi trời để rải; mặt đất mềm mại, chạm vào giống như áo Ca-chiên-lân-đề.

Trong chỗ ấy có một trụ báu, cao thấp, ngang dọc như trước đã nói. Ở dưới trụ ấy có thiết trí một tòa cao cho vua A-tu-la La-hầu-la. Tòa ấy cao thấp, ngang dọc, sự trang trí, tất cả đều như trước, nhiều màu đẹp đẽ, do bảy báu là xa cừ, mã não... tạo thành *cho đến* ... mềm mại trơn mịn, chạm vào như áo Ca-chiên-lân-đề. Bên trái tòa ấy cũng thiết trí riêng biệt các tòa cao tuyệt đẹp cho mười sáu vị Tiểu vương A-tu-la, nhiều màu đẹp đẽ, do bảy báu là xa cừ, mã não... tạo thành.

Bên phải cũng vậy, có các tòa cao cho mười sáu tiểu vương A-tu-la, *như trên đã nói*... mềm mại, chạm vào như áo Ca-chiên-lân-đề.

Chư Tỳ-kheo, phía Đông hội trường Thất đầu của vua A-tu-la kia,

lại thiết trí riêng một cung điện cho vua A-tu-la La-hầu-la. Nơi ấy ngang dọc đều như trước, có bảy lớp bờ tường, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới chuông... *cho đến* bảy lớp hàng cây Đa-la, bao bọc chung quanh, nhiều màu đẹp đẽ, bảy báu là xa cừ, mã não... tạo thành. Bốn mặt đều có các cửa. Các cửa đều có lầu đài canh phòng, gác cao vườn cảnh, ao nước, suối hồ các hoa, có các loại cây, cùng các loại lá, các loại hoa quả, các loại hương xông. Lại có các loài chim lạ, cùng nhau ca hót âm thanh hòa nhã, rất khả ái.

Chư Tỳ-kheo, phía Đông, Tây, Nam, Bắc hội trường Thất đầu của vua A-tu-la có cung điện của các Tiểu vương A-tu-la. Nơi ấy ngang dọc chín trăm do-tuần, hoặc có chỗ tám trăm, hoặc có chỗ bảy trăm, cho đến sáu trăm, năm bốn ba hai trăm; chỗ nhỏ nhất là một trăm do-tuần, đều có bảy lớp bờ tường, lan can... *cho đến* các loài chim cùng nhau ca hót.

Chư Tỳ-kheo, phía Đông, Tây, Nam, Bắc hội trường của vua A-tu-la cũng có các cung điện riêng của các Tiểu a-tu-la. Nơi ấy ngang dọc chín mươi do-tuần, hoặc có nơi tám mươi, bảy mươi, sáu mươi, năm, bốn, ba, hai mươi, nơi nhỏ nhất ngang dọc cũng tới mười hai do-tuần, có bảy lớp bờ tường..., *cho đến* các loài chim cùng ca hót.

Chư Tỳ-kheo, phía Đông hội trường Thất đầu của vua A-tu-la La-hầu-la có khu vườn tên là vườn Ta-la. Vườn ấy ngang dọc, trang trí, như trước đã nói, có bảy lớp bờ tường, bảy lớp hàng cây Đa-la, nhiều màu đẹp đẽ, cũng do bảy báu là xa cừ, mã não... tạo thành. Khắp bốn phía đều có các cửa. Tại các cửa ấy, có các lầu đài... *cho đến* mã não... bảy báu tạo thành.

Chư Tỳ-kheo, phía Nam hội trường Thất đầu của vua A-tu-la có một thượng uyển của vua A-tu-la La-hầu-la gọi là Xà-ma-lê, ngang dọc, trang nghiêm đều như trước đã nói; có bảy lớp bờ tường, bảy lớp hàng cây Đa-la, nhiều màu đẹp đẽ, cũng do bảy báu là xa cừ, mã não... tạo thành. Khắp bốn phía đều có các cửa. Các cửa ấy có các lầu cao..., *cho đến* mã não... bảy báu tạo thành.

Chư Tỳ-kheo, phía Tây hội trường Thất đầu của vua A-tu-la kia có vườn của vua A-tu-la La-hầu-la tên là vườn Câu-tỳ-đa-la, ngang dọc đều như trước đã nói, có bảy lớp bờ tường... *cho đến* mã não... bảy báu tạo thành. Khắp bốn phía đều có các cửa. Tại các cửa ấy cũng có lầu gác, các loại trang trí, nhiều màu đẹp đẽ... *cho đến* xa cừ, mã não... các báu trang trí, rất khả ái.

Chư Tỳ-kheo, phía Bắc hội trường Thất đầu của vua A-tu-la kia có vườn cảnh của vua A-tu-la La-hầu-la tên là vườn Nan-đà-na. Vườn ấy ngang dọc, như trước đã nói, có bảy lớp bờ tường... *cho đến* mã não... bảy báu tạo thành. Khắp bốn phía đều có các cửa. Tại các cửa ấy cũng có lầu gác, các thứ trang trí, nhiều màu đẹp đẽ... *cho đến* xa cừ, mã não... trang trí bằng các báu, rất khả ái.

Chư Tỳ-kheo, giữa hai khu vườn Xà-ma-lê và Ta-la, có một ao nước của vua A-tu-la La-hầu-la tên là Nan-đà. Ao ấy ngang dọc như trước đã nói. Nước ao mát lạnh, ngon ngọt nhẹ nhàng, trong sạch không bẩn; dùng bảy loại gạch báu, bảy lớp bờ lũy, bảy lớp ván báu trang trí xen lẫn; có bảy lớp lan can, bảy lớp lưới chuông; cũng có bảy lớp hàng cây Đa-la bao bọc chung quanh, nhiều màu đẹp đẽ... *cho đến* mã não... bảy báu tạo thành. Lại ở bốn phía ao đều có bờ thềm rất khả ái, cũng do bảy báu tạo thành. Ao sanh các loại hoa; hoa sen xanh, hoa sen hồng, hoa sen vàng, hoa sen trắng. Hoa ấy màu lửa, hình lửa, ánh sáng lửa... *như trên đã nói, cho đến* màu nước, hình nước, ánh sáng nước, chiếu khắp bốn phương, mùi hương ngào ngạt, lan tỏa khắp nơi. Lại có ngó sen nhựa trắng, vị ngọt; ăn vào ngon ngọt như mật ong.

Chư Tỳ-kheo, khoảng giữa hai khu vườn Câu-tỳ-đà-la và Nan-đà-na có một đại thọ của vua A-tu-la La-hầu-la tên là Tô-chất-đa-la-ba-tra-la. Cây ấy ngang dọc, các loại trang trí đều như trước đã nói... *cho đến* bảy lớp bờ tường, lan can, xa cừ, mã não... bảy báu tạo thành, rất khả ái... *và cho đến* các loài chim cùng nhau ca hót, âm thanh hòa nhã, người nghe hoan hỷ.

Chư Tỳ-kheo, sự trang trí hội trường Thất đầu của vua A-tu-la như trước đã nói, cũng có bảy đường đi, có đường tắt đi, về để vua A-tu-la La-hầu-la đi dạo cung điện. Lại cũng có đường đi cho các tiểu vương A-tu-la và các Tiểu a-tu-la, qua lại thông thương, hướng đến vườn Xà-ma-lê và Câu-tỳ-đà-la; cũng có đường đi, hướng đến vườn Nan-đà-na và ao Nan-đà, cây Tô-chất-đa-la-ba-tra-la... Tất cả đều có đường đi thông thương qua lại du hý vui chơi.

Chư Tỳ-kheo, vua A-tu-la La-hầu-la khi muốn đến vườn Ta-la và vườn Nan-đà-na để tắm rửa du hý, ngoạn cảnh thì bấy giờ, vua nghĩ đến vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la. Khi ấy vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la nghĩ thế này: "Vua A-tu-la La-hầu-la đang nghĩ đến ta, muốn cùng ta du hý". Vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la nghĩ như thế rồi, lại nghĩ đến các tiểu vương A-tu-la và các chúng Tiểu a-tu-la. Bấy giờ các tiểu vương A-

tu-la và các Tiểu a-tu-la liền nghĩ: "Vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la đang nghĩ đến chúng ta. Chúng ta nên đi đến đó". Họ liền dùng các Anh lạc báu trang điểm thân thể. Trang điểm thân thể rồi, đều cưỡi xe đi đến chỗ vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la. Đến cửa cung điện của vua, tất cả đứng lại chỉnh tề. Bấy giờ vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la đã thấy các tiểu vương A-tu-la và các chúng Tiểu a-tu-la đều đã tụ tập, liền tự trang điểm thân thể, mang các Anh lạc, cưỡi các loại xe cùng các Tiểu vương và chúng A-tu-la tả hữu vây quanh, sau trước lên đường, hướng đến chỗ vua A-tu-la La-hầu-la; đến nơi dừng lại.

Bấy giờ vua A-tu-la La-hầu-la lại nghĩ đến hai vua A-tu-la là Dũng Dược và Xà-bà-la. Khi ấy hai vua A-tu-la Dũng Dược và Xà-bà-la cũng nghĩ: "Vua A-tu-la La-hầu-la đang nghĩ đến chúng ta". Biết như vậy rồi, họ lại nghĩ đến các tiểu vương A-tu-la và các chúng A-tu-la. Chúng ấy biết rồi liền cùng tụ tập lại trang điểm, rồi đi đến bên hai vị vua A-tu-la là Dũng Dược và Xà-bà-la. Đến nơi, tất cả đều trang điểm thân thể bằng Anh lạc, cưỡi xe, vây quanh cùng đến bên vua A-tu-la La-hầu-la. Đến nơi, mọi người đều đứng vào vị trí của mình.

Chúng ấy vân tập xong, vua liền nghĩ đến các tiểu vương A-tu-la và chúng A-tu-la của mình. Bọn họ biết rồi, cũng đều trang điểm, cưỡi xe ra đi, đến trước vua A-tu-la La-hầu-la, nghiễm nhiên dừng lại.

Khi ấy vua A-tu-la La-hầu-la thấy xong, liền tự mang các thứ Anh lạc trang điểm thân thể, cưỡi các loại xe, vây quanh sau trước, cùng vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la và vua A-tu-la Dũng Dược, Xà-bà-la, và các tiểu vương, các chúng A-tu-la vân tập tháp tùng hướng đến các khu lâm viên Ta-la, Xà-ma-lê, Câu-tỳ-đà-la, Nan-đà-na. Sau khi đến nơi, đầu tiên, họ dừng lại nghỉ tại khu lâm viên Nan-đà.

Chư Tỳ-kheo, trong khu lâm viên Nan-đà-na tự nhiên có ba ngọn gió. Những gì là ba? Đó là gió khai, gió tịnh và gió xuy. Ở trong đó, gió khai là luồng gió mở toang các cửa. Gió tịnh là luồng gió quét sạch mặt đất. Gió xuy là luồng gió thổi các bông hoa.

Chư Tỳ-kheo, trong vườn Nan-đà-na, có loại hoa thượng hảo hạng rải đầy khắp mặt đất. Hương thơm của hoa ấy xông khắp khu lâm viên, trang trí đầy đủ, tất cả đều đẹp đẽ.

Ngay lúc đó vua A-tu-la La-hầu-la và vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la, vua A-tu-la Dũng Dược, vua A-tu-la Xà-bà-la... cùng các tiểu vương, quần chúng quyến thuộc, bọn Tiểu a-tu-la vây quanh kéo vào khu lâm

viên Nan-đà-na. Vào rồi, họ tắm rửa, du ngoạn, vui đùa tùy theo ý thích. Các chúng A-tu-la ở trong khu lâm viên đó trong một tháng, hai tháng, ba tháng, tắm rửa, du ngoạn, vui đùa, tùy ý mà đi, đứng, mỗi người tùy theo ý muốn của mình muốn đi đâu thì đi.

Chư Tỳ-kheo, vua A-tu-la La-hầu-la cũng thường có năm A-tu-la luôn theo bên cạnh để phòng vệ việc chẳng lành. Năm vị ấy là những ai? Một tên là Tùy hỷ, hai tên là Hữu, ba tên là Túy, bốn tên là Mâu-chân-lân-đà, năm tên là Tỳ-ha-đa-la.

Chư Tỳ-kheo, vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la ấy có năm vị A-tu-la như thế luôn luôn theo vua để bảo vệ.

Chư Tỳ-kheo, phía trên cung điện của vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la là một khối nước biển cao vạn do-tuần ở trên đó. Khối nước ấy tự nhiên được bốn loại gió giữ gìn. Bốn loại gió ấy là gì? Một là trụ, hai là an trụ, ba là bất tùy, bốn là lao cố chủ. Đó là bốn loại gió giữ gìn, thường trụ, không động.

Chư Tỳ-kheo, cách một ngàn do-tuần về phía Nam của núi chúa Tu-di-lưu, dưới biển rộng có trú xứ, cung điện của vua A-tu-la Dũng Dược. Cung điện ấy dài, rộng tám vạn do-tuần, bảy lớp tường vách... nói lược cũng như các loại sở hữu của vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la. Mỗi chi tiết trong cung ấy cũng như trên đã nói, các vị cần nên biết. Cho đến phía trên cung điện của vua ấy cũng có khối nước, có bốn loại gió giữ gìn gồm: Một là trụ, hai là an trụ, ba là bất tùy, bốn là lao cố chủ.

Chư Tỳ-kheo, cách một ngàn do-tuần về phía Tây của núi chúa Tu-di-lưu, dưới biển rộng có trú xứ, cung điện của vua A-tu-la Xà-bà-la (Tùy dịch là Huyễn hóa). Cung điện đó dài, rộng tám vạn do-tuần, bảy lớp tường vách... nói lược cũng như các loại sở hữu của vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la. Mỗi chi tiết trong cung ấy cũng như trên đã nói, các vị cần nên biết. Cho đến phía trên cung điện của vua ấy cũng có khối nước, cũng có bốn loại gió giữ gìn gồm: Một là trụ, hai là an trụ, ba là bất tùy, bốn là lao cố chủ.

Chư Tỳ-kheo, về phía Bắc của núi chúa Tu-di-lưu, khoảng cách xa cũng như trên, dưới biển rộng có trú xứ, cung điện của vua A-tu-la La-hầu-la. Cung điện ấy dài, rộng cũng như trên đã nói, cũng có các tường vách, lầu gác, đài canh, vườn, ao, các loại cây, các loại lá, các loại hoa quả, các loại hương xông ướp và cũng có các loại chim, mỗi loài đều tự kêu hót.

Chư Tỳ-kheo, trong chỗ đó mà có tòa thành. Vua trụ trong tòa thành đó. Thành có tên là Ma-bà-đế (Tùy dịch là Tịch chủ), dài, rộng trang nghiêm cũng như nói ở trên, có bảy lớp tường, bảy lớp lan can, bảy hàng cây Đa-la, bảy lớp lưới chuông bao bọc xung quanh, nhiều sắc màu khả ái do bảy báu: vàng,... *cho đến* xa cừ, mã não tạo thành. Các tường vách ấy cao, thấp, dài, rộng cũng như trên đã nói. Các tường vách ấy cũng có các cửa. Các cửa đó, mỗi cửa cao, thấp, dài, rộng cũng như trên. Ở mỗi cửa cũng có lầu gác, đài canh, vườn, ao; trong ao cũng có các cây và các loại lá, các loại hoa quả, các loại hương xông ướp, cũng có nhiều giống loại chim tự kêu hót.

Chư Tỳ-kheo, tòa thành Ma-bà-đế, nơi trụ của vua A-tu-la La-hầu-la có chỗ hội tụ cũng có tên là Thất đầu. Nơi ấy dài, rộng như đã nói ở trên, bảy lớp lan can, các mành lưới chuông, các hàng cây Đa-la bao bọc chung quanh, nhiều màu đẹp mắt, cũng được trang nghiêm bằng bảy báu... *cho đến* xa cừ, mã não... Khắp bốn phương đều có cửa. Các cửa đó cũng có lầu gác nhiều màu đẹp mắt do bảy báu: vàng... *cho đến* xa cừ, mã não tạo thành. Dưới đất cũng dùng xa cừ cõi trời để rải khắp. Đất ấy mềm mịn, chạm vào như y Ca-chiên-lân-đề. Trong chỗ ấy có một cột báu cao thấp, dài rộng trang nghiêm, mỗi mỗi đều như ở trên đã nói, nhiều màu đẹp mắt, do bảy báu vàng..., xa cừ, mã não tạo thành, mềm mịn, trơn láng, chạm vào như y Ca-chiên-lân-đề. Bên phải của tòa ấy, (các A-tu-la) cũng vì mười sáu vị tiểu vương A-tu-la thiết trí riêng cho mỗi vị các tòa ngồi cao đẹp, nhiều màu, đẹp mắt, do bảy báu vàng..., xa cừ, mã não tạo thành. Bên trái cũng thế, có các tòa cao cho mười sáu vị tiểu vương A-tu-la cũng như trên đã nói, chạm vào mềm mịn như y Ca-chiên lân-đề.

Chư Tỳ-kheo, phía Đông nơi tụ hội Thất đầu của vua A-tu-la, tức trú xứ của vua A-tu-la La-hầu-la lại thiết trí riêng một cung điện. Cung điện ấy dài, rộng... tất cả đều giống như trên, bảy lớp tường vách, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới chuông cho đến bảy hàng cây Đa-la, đều bao bọc chung quanh khắp bốn mặt, nhiều màu đẹp mắt, do bảy báu vàng... xa cừ, mã não tạo thành. Bốn phương, mỗi hướng đều có các cửa. Các cửa ấy, mỗi cửa đều có lầu gác, đài canh phòng vệ, vườn, các ao, suối, các hoa, có các loại cây, các loại lá, các loại hoa quả, các loại hương xông ướp; lại có các loài chim kỳ lạ đều tự kêu hót âm thanh hòa nhã, thật đáng yêu.

Chư Tỳ-kheo, nơi tụ hội Thất đầu, trú xứ của vua A-tu-la, bốn

phương Đông, Tây, Nam, Bắc đều có trú xứ, cung điện của các vị tiểu vương A-tu-la. Nơi ấy dài, rộng chín trăm do-tuần, hoặc có tòa tám trăm, hoặc có tòa bảy trăm cho đến sáu trăm, năm, bốn, ba, hai trăm do-tuần. Tòa cung điện nhỏ nhất cũng là một trăm do-tuần. Tất cả đều có bảy lớp tường vách, lan can... *nói lược cho đến* các loài chim tự kêu hót.

Chư Tỳ-kheo, Đông, Tây, Nam, Bắc trú xứ của vua A-tu-la, nơi tụ hội Thất đầu, mỗi phương đều có cung điện để ở của các tiểu vương A-tu-la. Nơi ấy dài, rộng chín mươi do-tuần, hoặc có cái tám mươi, bảy mươi cho đến sáu mươi, năm, bốn, ba, hai mươi do-tuần. Tòa cung điện nhỏ nhất cũng là một hai do-tuần, có bảy lớp tường vách,... *nói lược cho đến* các loài chim tự kêu hót.

Chư Tỳ-kheo, phía Đông của nơi tụ hội Thất đầu, trú xứ của vua A-tu-la La-hầu-la đó, có khu lâm viên tên là Sa-la. Khu lâm viên ấy dài, rộng nhất nhất giống như trên, có bảy lớp tường vách, bảy lớp lan can, cho đến do bảy báu vàng,... mã não tạo thành. Khắp bốn phương, mỗi hướng đều có các cửa. Các cửa đó đều có lầu gác nhiều màu, đẹp mắt,... cho đến cũng dùng bảy báu... xa cừ, mã não làm thành, thật rất đáng ưa thích.

Chư Tỳ-kheo, phía Nam của nơi tụ hội Thất đầu, trú xứ của vua A-tu-la La-hầu-la kia, có khu lâm viên tên là Xà-ma-lê dài, rộng trang nghiêm đều như trên đã nói, có bảy lớp tường vách, bảy hàng cây Đa-la, nhiều màu đẹp mắt, cũng do bảy báu vàng,... xa cừ, mã não đan xen tạo thành. Khắp bốn phương, mỗi hướng đều có các cửa. Các cửa đó đều có lầu gác,... cho đến do mã não bảy báu tạo thành.

Chư Tỳ-kheo, phía Tây của nơi tụ hội Thất đầu của vua A-tu-la ấy có khu lâm viên của vua A-tu-la La-hầu-la đó, tên là Câu-tỳ-đà-la, dài, rộng nhất nhất đều như trên đã nói, có bảy lớp tường vách... cho đến do mã não bảy báu tạo thành. Khắp bốn phương, mỗi hướng đều có các cửa. Các cửa ấy cũng có lầu gác, các loại báu đan xen trang hoàng, nhiều màu đẹp mắt,... cho đến được dùng xa cừ, mã não bảy báu để trang nghiêm, thật rất đáng ưa thích.

Chư Tỳ-kheo, phía Bắc của nơi tụ hội Thất đầu của vua A-tu-la ấy có khu lâm viên của vua A-tu-la La-hầu-la đó, tên là Nan-đà-na. Khu lâm viên ấy dài, rộng như trên đã nói, có bảy lớp tường vách... cho đến do mã não bảy báu tạo thành. Khắp bốn phương đều có các cửa. Các cửa đó cũng có lầu gác, các loại báu đan xen trang hoàng, nhiều màu

đẹp mắt,... cho đến được dùng xa cừ, mã não bảy báu để trang nghiêm, thật rất đáng ưa thích.

Chư Tỳ-kheo, giữa hai khu lâm viên Xà-ma-lê và Sa-la, có một cái ao nước của vua A-tu-la La-hầu-la đó, tên là Nan-đà. Ao ấy dài, rộng như trên đã nói. Nước trong ao mát lạnh, êm ả, ngon ngọt, trong sạch không cáu bẩn, dùng bảy báu để làm bảy lớp gạch bao bọc, dùng bảy báu để lót ở giữa rất trang nghiêm, có bảy lớp lan can, bảy lớp lưới chuông, còn có bảy hàng cây Đa-la vây bọc chung quanh, nhiều màu đẹp mắt... *cho đến* do mã não bảy báu tạo thành. Lại nữa, bốn hướng của ao đều có các con đường bằng bậc thềm, thật đáng ưa thích; còn được dùng bảy báu đan xen tạo thành. Trong ao sanh các loại hoa: Ưu-bát-la, Bát-đà-ma, Cứu-mâu-đà, Bôn-trà-lợi-ca. Hoa màu lửa thì hình lửa, ánh sáng lửa,... *nói lược như trên, cho đến* hoa màu nước thì hình nước, ánh sáng nước; ánh sáng chiếu khắp bốn phương, hương xông tỏa ngào ngạt nơi nơi. Lại nữa, ngó rễ của hoa ấy cắt vào chảy ra nước màu trắng, vị ngon ngọt như mật ong không sáp.

Chư Tỳ-kheo, giữa hai khu lâm viên Câu-tỳ-đà-la và Nan-đà-na, có một cội đại thọ của vua A-tu-la La-hầu-la, tên là Tô-chất-đa-la-ba-tra-la. Cội cây ấy dài, rộng, các loại trang nghiêm đều như trên đã nói, ... *cho đến* bảy lớp tường vách, lan can, do bảy báu... xa cừ, mã não tạo thành, thật đàng ưa thích. *Nói lược cho đến* các loài chim đều tự kêu hót âm thanh hòa nhã khiến người nghe hoan hỷ.

Chư Tỳ-kheo, nơi hội tụ Thất đầu của vị vua A-tu-la đó được trang hoàng như đã nói ở trên. Cũng có các con đường rẽ nhánh, đường đi qua lại tiện lợi để cho vua A-tu-la du ngoạn ngoài cung điện. Lại cũng có các con đường rẽ nhánh để cho các tiểu vương A-tu-la và chúng Tiểu a-tu-la qua lại thông thương. Xà-ma-lê và Câu-tỳ-đà-la cũng có đường rẽ. Nan-đà-na và ao Nan-đà, đại thọ Tô-chất-đa-la-ba-tra-la đều có đường rẽ qua lại thông thương để dạo chơi vui vẻ.

Chư Tỳ-kheo, vua A-tu-la La-hầu-la muốn đến khu lâm viên Sa-la, khu lâm viên Nan-đà-na để tắm gội, dạo chơi, ngoạn cảnh thì khi ấy tâm vua nghĩ đến vua A-tu la Tỳ-ma-chất-đa-la. Bấy giờ vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la nghĩ thế này: "Vua A-tu-la La-hầu-la đang nghĩ đến ta, muốn cùng ta dạo chơi". Lúc đó vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la suy nghĩ xong, lại tự nghĩ đến các tiểu vương A-tu-la và chúng Tiểu a-tu-la của mình. Khi đó các vị tiểu vương A-tu-la và chúng Tiểu a-tu-la lập tức khởi niệm nghĩ: "Vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la đang nghĩ đến

chúng ta. Chúng ta phải đến đó". Họ liền lấy các loại châu báu, Anh lạc trang điểm trên thân mình. Trang điểm xong, tất cả đều cưỡi xe đến chỗ vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la. Khi đến trước cửa cung, họ đều đứng lại một cách nghiêm trang. Lúc bấy giờ vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la thấy các vị tiểu vương A-tu-la và chúng Tiểu a-tu-la đều đã tụ tập, liền tự trang nghiêm thân, đeo các ngọc Anh lạc, rồi cưỡi các loại xe cùng các tiểu vương và chúng A-tu-la vây quanh theo hầu hai bên phải trái và trước sau đến chỗ vua A-tu-la La-hầu-la; đến nơi liền dừng lại.

Bấy giờ vua A-tu-la La-hầu-la lại nghĩ đến hai vị A-tu-la Dũng Dược và Xà-bà-la. Khi đó hai vị A-tu-la Dũng Dược và Xà-bà-la cũng nghĩ thế này: "Vua A-tu-la La-hầu-la nay nghĩ đến chúng ta". Họ biết như thế rồi mỗi người lại nghĩ đến các tiểu vương A-tu-la và các chúng A-tu-la của mình. Các vị ấy sau khi biết xong cũng đều tụ tập, trang điểm xong liền đi tới chỗ hai vua A-tu-la Dũng Dược và Xà-bà-la. Khi hai vị đến nơi, hai vua cũng trang điểm ngọc Anh lạc trên thân, cưỡi xe cùng chúng A-tu-la vây quanh đi đến chỗ vua A-tu-la La-hầu-la. Đến nói, tất cả đều đứng theo chỗ của mình.

Khi ấy vua A-tu-la La-hầu-la thấy các vị vua như Tỳ-ma-chất-đa-la... đều đã tụ tập, liền tự nghĩ đến các vị tiểu vương A-tu-la và chúng A-tu-la của mình. Các vị ấy biết xong, mỗi vị cũng tự trang điểm, cưỡi xe đến trước vua A-tu-la La-hầu-la, đứng trang nghiêm. Lúc đó vua A-tu-la La-hầu-la thấy thế, tự đeo các loại ngọc Anh lạc... trang điểm thân mình, ngự trên các loại xe cùng các vị vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la, Dũng Dược, Xà-bà-la và các vị tiểu vương A-tu-la, chúng A-tu-la tụ hội, vây quanh sau trước lên đường hướng đến khu rừng Sa-la, rừng Xà-ma-lê, rừng Câu-tỳ-đà-la, rừng Nan-đà-na. Sau khi đến nơi, họ dừng nghỉ một lát trước khu rừng Nan-đà-na.

Chư Tỳ-kheo, trong khu lâm viên Nan-đà-na ấy tự nhiên có ba loại gió thổi lên. Ba loại gió ấy là gì? Đó là gió khai, gió tịnh và gió xuy. Trong đó, gió khai là loại gió mở toang các cửa; gió tịnh quét sạch mặt đất; gió xuy là loại gió thổi các hoa trên cây. Chư Tỳ-kheo, trong khu lâm viên Nan-đà-na ấy, các loại hoa đẹp thượng diệu rơi đầy ngập đất, hương của hoa tỏa khắp khu lâm viên, vô cùng trang nghiêm, đầy đủ các thứ đẹp mắt.

Bấy giờ vua A-tu-la La-hầu-la cùng các vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la, Dũng Dược, Xà-bà-la, các vị tiểu vương, chúng quyến thuộc Tiểu a-tu-la đang vây quanh đi vào vườn Nan-đà-na. Sau khi vào rồi, họ tắm

gội, dạo chơi, hưởng lạc, thưởng ngoạn; hoặc đi, hoặc đứng, hoặc nằm, hoặc ngồi, tùy theo ước muốn, ý thích.

Chư Tỳ-kheo, vị vua A-tu-la La-hầu-la ấy luôn có năm vị A-tu-la theo hộ vệ, phòng các điều chẳng lành; tên của họ giống như trên. Phía trên cung có khối nước biển dài rộng, sâu cạn, có bốn loại gió giữ gìn khiến không để đổ xuống *đều như trên đã nói.*

M

Phẩm 7: TỨ THIÊN VƯƠNG

Chư Tỳ-kheo, lưng chừng phía Đông núi chúa Tu-di-lưu, cách đất bốn vạn hai ngàn do-tuần, trên đỉnh núi Do-càn-đà, có thành quách của Thiên vương Đề-đầu-lại-tra. Thành ấy tên là Hiền thượng, ngang dọc sáu trăm do-tuần; có bảy lớp bờ tường, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới chuông. Lại có bảy lớp hàng cây bao bọc chung quanh, nhiều màu đẹp đẽ, đều dùng bảy báu là vàng, bạc, tỳ lưu ly, pha-trí-ca, hồng ngọc, xa cừ, mã não để trang trí. Khắp bốn phía đều có các cửa. Tại các cửa ấy, có các lầu gác canh phòng, đài, vườn, ao; các vườn hoa có các thứ cây và các thứ lá, các thứ hoa quả, các thứ hương xông; có các loài chim cùng nhau ca hót, âm thanh hòa nhã, rất dễ ưa thích.

Chư Tỳ-kheo, lưng chừng phía Nam núi chúa Tu-di-lưu, cách đất cũng bốn vạn hai ngàn do-tuần, trên đỉnh núi Do-càn-đà, có thành quách của Thiên vương Tỳ-lâu-lặc-ca. Thành ấy tên là Thiện hiện, ngang dọc, trang trí nhất nhất đều giống như trú xứ của Thiên vương Đề-đầu-lại-tra ở trên... *cho đến* các loài chim cùng nhau ca hót.

Chư Tỳ-kheo, lưng chừng phía Tây núi chúa Tu-di-lưu, cách đất cũng bốn vạn hai ngàn do-tuần, trên đỉnh núi Do-càn-đà, có thành quách của Thiên vương Tỳ-lâu-bác-xoa. Tên thành là Thiện quán, ngang dọc, trang trí, nhất nhất giống như trú xứ của Thiên vương Đề-đầu-lại-tra ở trên... *cho đến* các loài chim, cùng nhau ca hót, âm thanh hòa nhã, rất dễ ưa thích.

Chư Tỳ-kheo, lưng chừng phía Bắc núi chúa Tu-di-lưu, cách đất cũng bốn vạn hai ngàn do-tuần, trên đỉnh núi Do-càn-đà, có ba thành quách của Thiên vương Tỳ-sa-môn. Ba thành ấy là gì? Một là Tỳ-xá-la-bà, hai là Già-bà-bát-đế, ba là A-trà-bàn-đa. Mỗi thành ngang dọc sáu trăm do-tuần; có bảy lớp bờ tường bảy lớp lan can... *cho đến* các loài chim, cùng nhau ca hót.

Chư Tỳ-kheo, chỉ trừ cung điện Nguyệt thiên tử, bảy tòa cung điện lớn của Nhật thiên tử, ngoài ra trong đó, có các cung điện của Tứ thiên vương, chư Thiên quyến thuộc. Có cái ngang dọc bốn mươi do-tuần, hoặc có cái ba mươi, hai mươi, mười hai do-tuần; cái nhỏ nhất, ngang dọc cũng sáu do-tuần, cũng đều có bảy lớp bờ tường, lan can như trên,... *cho đến* các loài chim cùng nhau ca hót.

Chư Tỳ-kheo, khoảng giữa hai cung điện Tỳ-xá-la-bà và Già-bà-bát-đế, có một ao nước của Thiên vương Tỳ-sa-môn. Ao ấy tên là Na-trĩ-ni, ngang dọc bốn mươi do-tuần. Nước ao điều hòa, trong mát nhẹ nhàng; vị nước ngon ngọt thơm tho, tinh khiết không bẩn. Bốn bên bờ ao có bảy lớp thềm gạch, bảy lớp ván báu xen lẫn phân minh; có bảy lớp lan can, bảy lớp lưới chuông, cũng có bảy lớp hàng cây Đa-la bao bọc chung quanh, nhiều màu đẹp đẽ, đều do bảy báu tạo thành, đó là xa cừ, mã não... Ở bốn phía đều có đường cấp cũng được trang trí bằng bảy báu. Ở trong ao, có các thứ hoa sen xanh, hoa sen hồng, hoa sen vàng, hoa sen trắng tự nhiên mọc lên. Hoa ấy màu lửa, hình lửa, ánh sáng lửa... *cho đến* màu nước, hình nước, ánh sáng nước. Hoa nở lớn như bánh xe; ánh sáng của hoa chiếu đến nửa do-tuần, hương thơm tỏa ngát một do-tuần; có các ngó sen lớn như trục bánh xe, cắt ra nhựa chảy, màu trắng như sữa ăn vào ngon ngọt, mùi vị như mật.

Chư Tỳ-kheo, khoảng giữa hai cung điện Già-bà-bát-đế và A-trà-bàn-đa có vườn ngự uyển của Thiên vương Tỳ-sa-môn. Vườn ấy tên là Ca-tỳ-diên-đa, ngang dọc bằng nhau bốn mươi do-tuần; có bảy lớp bờ tường; bảy lớp lan can... *cho đến* bảy lớp hàng cây Đa-la bao bọc chung quanh, nhiều màu đẹp đẽ... *như trên đã nói cho đến* đều do bảy báu tạo thành.

Trú xứ Hiền thượng của Thiên vương Đề-đầu-lại-tra có hai con đường qua lại trong thành quách. Trú xứ Thiện hiện của Thiên vương Tỳ-lâu-lặc-ca cũng có hai con đường qua lại trong thành quách. Trú xứ Thiện quán của Thiên vương Tỳ-lâu-bát-xoa cũng có hai con đường qua lại trong thành quách. Thành A-trà-bàn-đa của Thiên vương Tỳ-sa-môn có hai con đường. Thành Tỳ-xá-la-bà và Già-bát-đế... cũng đều có hai con đường. Cung điện của các chúng Tiểu thiên và quyến thuộc của Tứ thiên vương cũng có hai con đường qua lại. Ao Na-trĩ-ni và vườn Ca-tỳ-diên-đa cũng có hai con đường qua lại.

Chư Tỳ-kheo, Thiên vương Tỳ-sa-môn khi muốn đến vườn Ca-tỳ-diên-đa du hý tắm rửa thì trong lòng liền nghĩ đến Thiên vương Đề-đầu-lại-tra. Bấy giờ Thiên vương Đề-đầu-lại-tra cũng khởi sanh ý nghĩ: "Thiên vương Tỳ-sa-môn đã nghĩ đến ta". Biết như vậy rồi, vị ấy liền nghĩ đến các Tiểu thiên vương và Thiên chúng quyến thuộc. Khi ấy các Thiên vương và Thiên chúng thân thuộc ở phương Đông đều nghĩ thế này: "Thiên vương Đề-đầu-lại-tra đã nghĩ đến chúng ta". Biết như vậy rồi, họ đều trang điểm thân thể bằng các thứ Anh lạc, cưỡi các loại xe

đi đến bên Thiên vương Đề-đầu-lại-tra. Đến trước mặt rồi, đứng sang một bên. Bấy giờ Thiên vương Đề-đầu-lại-tra liền tự trang điểm, mang các Anh lạc. Rồi lên xa giá cùng các chúng Tiểu thiên vương quyến thuộc vây quanh sau trước, dẫn nhau đến bên Đại thiên vương Tỳ-sa-môn. Đến rồi, họ đứng trước mặt Thiên vương Tỳ-sa-môn.

Bấy giờ Thiên vương Tỳ-sa-môn lại nghĩ đến hai vị Thiên vương là Tỳ-lâu-lặc-ca và Tỳ-lâu-bát-xoa. Khi ấy hai vị Thiên vương kia nghĩ thế này: "Thiên vương Tỳ-sa-môn nghĩ đến chúng ta". Biết như thế rồi, họ liền nghĩ đến các Tiểu thiên vương và các chúng Thiên vương do họ thống lãnh. Khi ấy các tiểu vương và chúng Thiên kia cũng nghĩ: "Đại vương chúng ta đang nghĩ đến chúng ta. Ngay bây giờ phải đi nhanh đến đó". Nghĩ như vậy rồi, họ liền trang điểm Anh lạc trên thân, cùng kéo đến chỗ hai Thiên vương Tỳ-lâu-lặc-ca và Tỳ-lâu-bát-xoa; đến rồi, dừng lại. Khi ấy hai vị Thiên vương biết các tiểu vương và chúng Thiên vương tụ tập đến rồi, liền tự trang điểm thân thể, mang các Anh lạc, rồi lên xe, có Thiên chúng vây quanh, cùng nhau đi đến cung Đại thiên vương Tỳ-sa-môn. Đến nơi, tất cả đều dừng lại ở trước.

Bấy giờ Thiên vương Tỳ-sa-môn biết các chúng của hai vị Thiên vương vân tập rồi, lại nghĩ đến các Tiểu thiên vương và quần chúng do mình lãnh đạo. Khi ấy các Tiểu thiên vương và Thiên chúng phương Bắc nghĩ thế này: "Thiên vương Tỳ-sa-môn đang nghĩ đến chúng ta". Biết như vậy rồi, ai nấy đều mang các thứ báu, Anh lạc trang điểm thân thể, đi đến trước Thiên vương Tỳ-sa-môn, đứng lại.

Bấy giờ Thiên vương Tỳ-sa-môn tự mang các thứ báu, anh lạc, trang điểm thân thể, rồi lên các thứ xe, cùng bốn Đại thiên vương Đề-đầu-lại-tra, Tỳ-lâu-lặc-ca, Tỳ-lâu-bát-xoa...; ai cũng cùng các chúng chư Thiên sở thuộc, vây quanh sau trước, cùng đi đến vườn Ca-tỳ-diên-đa. Đến rồi đứng lại trước vườn.

Chư Tỳ-kheo, trong vườn Ca-tỳ-diên-đa, tự nhiên có ba làn gió thổi đến: một là khai, hai là tịnh, ba là xuy. Khai là mở cửa vườn; tịnh là làm sạch đất vườn; xuy là thổi cây trong vườn, các hoa rơi rụng tung bay.

Chư Tỳ-kheo, các hoa trong vườn Ca-tỳ-diên-đa, ngập tới đầu gối, các thứ mùi thơm phảng phất khắp nơi.

Bấy giờ Thiên vương Tỳ-sa-môn, Thiên vương Đề-đầu-lại-tra, Thiên vương Tỳ-lâu-lặc-ca, Thiên vương Tỳ-lâu-bát-xoa... với các Tiểu

thiên vương và quyến thuộc vây quanh, cùng đi vào vườn Ca-tỳ-diên-đa, tắm rửa, du hý, hưởng thụ các thứ khoái lạc. Ở trong vườn ấy, hoặc một tháng, hai tháng, ba tháng, tắm rửa, du hý, hưởng lạc xong, muốn đi đâu tùy ý.

Chư Tỳ-kheo, Thiên vương Tỳ-sa-môn cũng có năm thần vương Dạ-xoa luôn luôn theo hầu hai bên tả hữu để bảo vệ. Những ai là năm? Một tên là Ngũ trượng, hai tên Khoáng dã, ba tên Kim sơn, bốn tên Trường thân, năm tên Chân mao.

Chư Tỳ-kheo, Thiên vương Tỳ-sa-môn qua lại du hý, thường được năm thần Dạ-xoa này hộ vệ.

M

Phẩm 8: TAM THẬP TAM THIÊN 1

Chư Tỳ-kheo, trên đỉnh núi Tu-di-lưu có trú xứ, cung điện của chư Thiên cõi Ba mươi ba. Nơi ấy ngang dọc tám vạn do-tuần; có bảy lớp bờ tường, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới chuông, bảy lớp hàng cây Đa-la bao bọc chung quanh, nhiều màu đẹp đẽ, do bảy báu là vàng, bạc, tỳ lưu ly, pha-trí-ca, hồng ngọc, xa cừ, mã não... tạo thành. Bờ tường cao bốn trăm do-tuần, rộng năm mươi do-tuần. Các bờ tường cách nhau năm trăm do-tuần, ở giữa có các cửa. Các cửa ấy cao ba mươi do-tuần, rộng mười do-tuần. Hai bên cửa có các lầu canh phòng; đài gác và xe cộ... Lại có các ao và vườn hoa, có các loại cây, các loại lá, các loại hoa quả, các thứ hương xông tỏa, có các loài chim cùng nhau ca hót, âm thanh hòa nhã, rất dễ ưa thích. Lại nữa, ở các cửa ấy luôn luôn có năm trăm Dạ-xoa bảo vệ cho Tam thập tam thiên.

Chư Tỳ-kheo, trong bờ tường ấy có một thành quách tên là Thiện kiến của vua Tam thập tam thiên. Thành ấy ngang dọc sáu vạn do-tuần; có bảy lớp bờ tường, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới chuông, bảy lớp hàng cây Đa-la bao bọc chung quanh, nhiều màu đẹp đẽ, cũng trang trí bằng bảy báu là xa cừ, mã não... Tường của thành ấy cao một trăm do-tuần, ở trên rộng năm mươi do-tuần. Bờ tường của thành cũng cách nhau năm trăm do-tuần. Ở khoảng giữa đều có các cửa. Mỗi cửa cao ba mươi do-tuần, rộng mười do-tuần. Các cửa ấy cũng có lầu canh phòng; đài gác, các ao nước, vườn hoa, có các loại cây, các loại lá, các loại hoa quả, các loại hương thơm, các loài chim, cùng nhau ca hót. Ở các cửa ấy, mỗi cửa có năm trăm Dạ-xoa thủ hộ cho Tam thập tam thiên.

Chư Tỳ-kheo, gần bên thành Thiên cung Thiện kiến có cung điện của Đại long tượng vương Y-la-bát-na. Cung điện ấy ngang dọc sáu trăm do-tuần, cũng có bảy lớp tường vách, lan can... *cho đến* các loài chim cùng nhau ca hót.

Chư Tỳ-kheo, ở trong bờ tường lớn của thành Thiện kiến có hội trường của Tam thập tam thiên, tên là Thiện pháp đường. Nơi ấy ngang dọc năm trăm do-tuần, có bảy lớp lan can, bảy lớp lưới chuông, bảy lớp hàng cây Đa-la bao bọc chung quanh, nhiều màu đẹp đẽ, do bảy báu là xa cừ, mã não... tạo thành. Khắp bốn phía đều có các cửa, đều có lầu cao canh phòng, đài nhà, đủ loại màu sắc, do bảy báu tạo thành. Đất nơi ấy toàn là lưu ly xanh báu, mềm mại trơn láng, chạm vào giống như

áo Ca-chiên-lân-đề. Ngay ở giữa có một trụ báu, cao hai mươi do-tuần. Ở dưới trụ báu có đặt một tòa ngồi cho trời Đế-thích, cao một do-tuần, rộng nửa do-tuần, nhiều màu đẹp đẽ... *cho đến* xa cừ, mã não... bảy báu tạo thành, mềm mại mịn láng, chạm vào... *như trên*. Hai bên tòa đều có mười sáu tòa cho Tiểu thiên vương để thị vệ, bằng bảy báu tạo thành, nhiều màu đẹp đẽ, mịn láng, sờ vào... *như trên không khác.*

Chư Tỳ-kheo, nơi hội trường Thiện pháp đường của chư Thiên lại lập một cung điện cho trời Đế-thích. Cung ấy rộng một ngàn do-tuần, có bảy lớp bờ tường... *cho đến* các loài chim cùng nhau ca hót.

Chư Tỳ-kheo, phía Đông, Nam, Tây, Bắc hội trường Thiện pháp đường của chư Thiên, có cung điện của các tiểu vương, ngang dọc chín trăm do-tuần, hoặc có cái tám, hoặc bảy, sáu, năm, bốn, ba, hai trăm do-tuần, cái nhỏ nhất rộng một trăm do-tuần; có bảy lớp bờ tường... *cho đến* các loài chim cùng nhau ca hót. Phía Đông, Nam, Tây, Bắc hội trường Thiện pháp đường của chư Thiên là cung điện của các Tiểu thiên ở cõi Tam thập tam thiên, ngang dọc chín mươi do-tuần, hoặc tám mươi, bảy mươi, sáu mươi, năm mươi, bốn mươi, ba mươi, hai mươi do-tuần, cái nhỏ nhất rộng mười hai do-tuần; có bảy lớp bờ tường... *cho đến* các loài chim cùng nhau ca hót.

Chư Tỳ-kheo, phía Đông của hội trường Thiện pháp đường của chư Thiên có vườn thượng uyển của Thiên vương Tam thập tam thiên, tên là Ba-lâu-sa, ngang dọc một ngàn do-tuần... *cho đến* bảy lớp bờ tường, do mã não... bảy báu tạo thành. Khắp bốn phía đều có các cửa. Tại các cửa ấy, có các lầu gác, nhiều màu đẹp đẽ... *cho đến* mã não... bảy báu tạo thành.

Chư Tỳ-kheo, trong vườn thượng uyển Ba-lâu-sa, có hai tảng đá lớn: Một tên là Hiền, hai tên là Thiện hiền, do mã não trời tạo thành. Mỗi tảng đá ngang dọc đều năm mươi do-tuần, mềm mại mịn láng, chạm vào giống như áo Ca-chiên-lân-đề.

Chư Tỳ-kheo, phía Nam hội trường Thiện pháp đường của chư Thiên có một vườn thượng uyển của Thiên vương Tam thập tam thiên tên là Tạp sắc xa, ngang dọc một ngàn do-tuần, có bảy lớp bờ tường... *cho đến* mã não tạo thành. Khắp bốn phía đều có các cửa. Ở các cửa đều có lầu gác nhiều màu đẹp đẽ... *cho đến* mã não tạo thành. Ở trong vườn ấy cũng có hai tảng đá: Một tên Tạp sắc, hai tên là Thiện tạp sắc, toàn dùng lưu ly xanh trời tạo thành. Mỗi tảng ngang dọc cũng năm mươi do-tuần, mềm mại mịn láng, chạm vào giống như áo Ca-chiên-

lân-đà.

Chư Tỳ-kheo, phía Tây hội trường Thiện pháp đường của chư Thiên cũng có một thượng uyển của Thiên vương Tam thập tam thiên tên là Tạp loạn, ngang dọc một ngàn do-tuần, có bảy lớp bờ tường... *cho đến* do bảy báu tạo thành. Bốn phía đều có cửa và có lầu gác canh phòng, đài gác đều do bảy báu tạo thành. Vườn Tạp loạn ấy cũng có hai tảng đá: Một tên Thiện hiện, hai tên Tiểu thiện hiện, do pha-trí-ca trời tạo thành, mỗi tảng ngang dọc cũng năm mươi do-tuần, mềm mại mịn láng, chạm vào giống như áo Ca-chiên-lân-đà.

Chư Tỳ-kheo, phía Bắc hội trường Thiện pháp đường của chư Thiên lại có một thượng uyển của Thiên vương Tam thập tam thiên, tên là Hoan hỷ, ngang dọc một ngàn do-tuần, có bảy lớp bờ tường... *cho đến* mã não... bảy báu tạo thành. Bốn phía đều có cửa, mỗi cửa đều có lầu cao, đài gác canh phòng, cũng trang trí bằng bảy báu.

Chư Tỳ-kheo, trong vườn Hoan hỷ cũng có hai tảng đá: Một tên Hoan hỷ, hai tên Thiện hoan hỷ, do bạc trời tạo thành. Mỗi tảng ngang dọc cũng năm mươi do-tuần, mềm mại mịn láng, chạm vào giống như áo Ca-chiên-lân-đề.

Chư Tỳ-kheo, giữa hai khu vườn Ba-lâu-sa và Tạp sắc xa, có một ao nước của Thiên vương Tam thập tam thiên tên là Hoan hỷ, ngang dọc năm trăm do-tuần. Nước ao mát lạnh, ngon ngọt, nhẹ nhàng, thanh khiết không bẩn. Bốn mặt bờ bằng gạch bảy báu, có bảy lớp ván báu xen lẫn; có bảy lớp lan can... *cho đến* bảy lớp hàng cây Đa-la, bao bọc chung quanh, nhiều màu đẹp đẽ. Bốn phía ao đều có đường cấp, trang trí toàn bằng bảy báu. Trong ao có các loài hoa sen xanh, hoa sen hồng, hoa sen vàng, hoa sen trắng... Hoa màu lửa thì hình lửa, ánh sáng lửa, cho đến màu nước thì hình nước, ánh sáng nước, ngang dọc lớn nhỏ đều như bánh xe. Ánh sáng của hoa chiếu sáng một do-tuần. Gió thổi mùi hương lan tỏa một do-tuần; có các ngó sen lớn như trục xe, cắt ra nhựa chảy, màu trắng như sữa, mùi vị ngon ngọt như mật ong.

Chư Tỳ-kheo, giữa hai vườn Tạp loạn và Hoan hỷ có một cội đại thọ của Thiên vương Tam thập tam thiên, tên là Ba-lợi-dạ-đa-la-câu-tỳ-đà-la. Vòng gốc bảy do-tuần... *cho đến* cành lá che phủ bờ tường, ngang dọc năm trăm do-tuần; có bảy lớp bờ tường... *cho đến* các loài chim cùng ca hót.

Chư Tỳ-kheo, dưới đại thọ Ba-lợi-dạ-đa-la-câu-tỳ-đà-la có một

tảng đá tên là Bàn-trà-cam-bà-la, do bạc trời tạo thành, ngang dọc năm mươi do-tuần, mềm mại trơn láng, chạm vào như áo Ca-chiên-lân-đề.

Chư Tỳ-kheo, ở đây, vì sao hội trường Thiện pháp đường của chư Thiên gọi là Thiện pháp? Chư Tỳ-kheo, vì tại hội trường Thiện pháp đường của chư Thiên, khi Thiên vương Tam thập tam thiên tụ hội an tọa rồi, ở đó chỉ bàn luận các ý nghĩa vi diệu bí áo; thẩm xét, tư duy, cân nhắc, quán sát phần nhiều là sự việc quan trọng, chân thật chánh lý của thế gian. Vì vậy gọi là hội trường Thiện pháp đường.

Còn vì sao gọi là vườn Ba-lâu-sa-ca? Chư Tỳ-kheo, khi Thiên vương Tam thập tam thiên vào trong vườn Thô sáp rồi, ngồi trên hai tảng đá Hiền, Thiện hiền, chỉ bàn luận ngôn ngữ thô ác bất thiện của thế gian. Vì vậy gọi là Ba-lâu-sa-ca.

Còn nhân duyên gì mà gọi là vườn Tạp sắc xa? Chư Tỳ-kheo, khi Thiên vương Tam thập tam thiên vào trong vườn Tạp sắc xa rồi, ngồi trên hai tảng đá Tạp sắc và Thiện tạp sắc bàn luận các loại hình thái ngôn ngữ đủ loại của thế gian. Vì vậy gọi là vườn Tạp sắc xa.

Còn nhân duyên gì mà gọi là vườn Tạp loạn? Chư Tỳ-kheo, ở vườn Tạp loạn, Thiên vương Tam thập tam thiên thường lấy ngày mồng tám, ngày mười bốn, ngày mười lăm trong tháng, cho tất cả thể nữ ở trong cung vào vườn, để cùng với Thiên chúng Tam thập tam thiên qua lại vui chơi không gì ngăn cách, tự do vui hưởng năm thứ dục lạc cõi trời, một cách đầy đủ, và du hành hưởng lạc. Vì vậy chư Thiên ở chốn ấy cùng gọi vườn kia là vườn Tạp loạn.

❑

KHỞI THẾ NHÂN BỔN

QUYỂN VII

Phẩm 8: TAM THẬP TAM THIÊN 2

Chư Tỳ-kheo, vì nhân duyên gì mà vườn ấy được gọi là vườn Hoan hỷ? Chư Tỳ-kheo, Thiên vương Tam thập tam thiên khi vào vườn ấy rồi, ngồi trên hai tảng đá, tâm cảm thấy vui mừng, ý nghĩ vui mừng; ý nghĩ này qua ý nghĩ khác, tâm cảm thấy an vui và niềm vui cứ tiếp nối liên tục. Vì vậy họ gọi vườn ấy là vườn Hoan hỷ.

Chư Tỳ-kheo, còn cây ấy vì nhân duyên gì mà được gọi là cây Ba-lợi-dạ-đa-la-câu-tỳ-đà-la? Chư Tỳ-kheo, dưới cây Ba-lợi-dạ-đa-la-câu-tỳ-đà-la có vị Thiên tử tên là Mạt-đa trú ngụ, ngày đêm thường dùng đủ mọi thú vui ngũ dục cõi trời pha trộn du hý hưởng lạc. Vì vậy chư Thiên gọi cây ấy là cây Ba-lợi-dạ-đa-la-câu-tỳ-đà-la.

Chư Tỳ-kheo, Tam thập tam thiên dù khi có việc gấp cũng chưa từng rời tảng đá Bàn-trà-cam-bà kia, chỉ khi thiết lễ cúng dường tôn trọng cung kính rồi, tùy theo ý muốn đi đâu mới đi. Vì sao? Vì tảng đá này là trú xứ của Như Lai khi xưa, nên chư Thiên cho là chỗ tích tụ công đức. Tất cả Trời, Người, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn trong thế gian đều cúng dường.

Chư Tỳ-kheo, có hạng trời Tam thập tam chỉ có mắt thấy được vườn Ba-lâu-sa-ca nhưng thân không vào được. Do thân không vào được nên không được hưởng đầy đủ các thú vui ngũ dục ở nơi ấy. Vì sao? Vì nơi ấy nghiệp quả tốt đẹp mà thiện căn đời trước của họ lại yếu kém nên không được vào. Cũng có hạng trời Tam thập tam được nhìn thấy vườn Ba-lâu-sa-ca, thân cũng được vào; đã được vào rồi thì được hưởng đầy đủ các thứ khoái lạc cùng tính chất của thú vui năm dục hòa hợp cõi trời. Vì sao? Vì thiện căn của họ tăng trưởng tốt đẹp.

Chư Tỳ-kheo, có hạng trời Tam thập tam mắt chẳng thấy được vườn Tạp sắc xa, thân cũng chẳng vào được, cũng chẳng được hưởng đầy đủ các thứ khoái lạc cùng tính chất của thú vui năm dục hòa hợp. Vì sao? Vì thiện căn của họ có sự sai biệt.

Lại có hạng trời Tam thập tam, mắt tuy thấy được vườn Tạp sắc xa nhưng thân không vào được, cũng không được hưởng đầy đủ các thứ khoái lạc cùng tính chất của thú vui năm dục kết hợp. Vì sao? Vì thiện căn họ có ưu, có liệt.

Lại có hạng trời Tam thập tam, mắt đã được thấy vườn Tạp sắc xa, thân cũng được vào. Đã được vào rồi, được hưởng đầy đủ các thứ khoái lạc cùng tính chất của các thú vui năm dục. Vì sao? Vì thiện căn họ tăng trưởng tốt đẹp.

Chư Tỳ-kheo, tất cả trời Tam thập tam đều được thấy vườn Tạp loạn, cũng đều được vào; đã được vào rồi đều được thọ hưởng đầy đủ các thứ khoái lạc cùng tính chất của thú vui năm dục hòa hiệp trong khu vườn ấy. Vì sao? Vì nơi ấy không có sự phân biệt khác nhau về thiện căn tu hành.

Chư Tỳ-kheo, có hạng trời Tam thập tam chẳng được thấy vườn Hoan hỷ, cũng chẳng được vào, cũng chẳng được hưởng đầy đủ các thứ khoái lạc cùng tính chất của thú vui năm dục hòa hợp trong khu vườn ấy. Vì sao? Vì nơi ấy, quả báo cho sự tạo nghiệp đời trước của họ có sự sai khác.

Lai có hạng trời Tam thập tam được thấy vườn Hoan hỷ, nhưng chẳng được vào, cũng chẳng được thọ hưởng đầy đủ các thứ khoái lạc cùng tính chất của thú vui năm dục hòa hiệp. Vì sao? Vì đối với nơi ấy, nghiệp của họ khác nhau.

Lại có hạng trời Tam thập tam được thấy vườn Hoan hỷ, thân họ cũng vào được; đã vào rồi, được thọ hưởng đầy đủ các thứ khoái lạc cùng tính chất của thú vui năm dục hòa hiệp. Vì sao? Vì đối với nơi ấy, khi họ huân tu và tạo các thiện nghiệp, không có sai biệt.

Chư Tỳ-kheo, Thiện pháp đường, hội trường của Tam thập tam thiên, có hai con đường; nơi cung điện của vua trời Đế-thích có hai con đường; nơi cung điện của các Tiểu thiên vương và quyến thuộc Tam thập tam thiên cũng có hai con đường; nơi cung điện của Đại long tượng vương Y-la-bà-na cũng có hai con đường; vườn Ba-lâu-sa-ca cũng có hai con đường; vườn Tạp sắc xa, vườn Tạp loạn và vườn Hoan hỷ, ao...

mỗi nơi đều có hai con đường; đại thọ Ba-lợi-dạ-đa-la-câu-tỳ-đà-la cũng có hai con đường.

Chư Tỳ-kheo, vua trời Đế-thích khi muốn đến vườn Ba-lâu-sa-ca và các vườn Tạp sắc xa, Hoan hỷ... để tắm rửa vui chơi giải trí, bấy giờ vua nghĩ đến Đại long tượng vương Y-la-bà-na. Đại long tượng vương cũng nghĩ thế này: "Vua trời Đế-thích đã nghĩ đến ta". Biết như thế rồi, vị ấy liền ra khỏi cung, tự biến hóa thành ba mươi ba cái đầu, trên mỗi đầu hóa ra sáu ngà; trên mỗi ngà hóa ra bảy cái ao; trong mỗi cái ao có bảy đóa hoa; trên mỗi đóa hoa đều có bảy ngọc nữ; mỗi ngọc nữ lại có bảy nữ nhân hầu cận. Bấy giờ Đại long tượng vương hiện làm các loại thần biến như thế rồi liền đi đến chỗ vua trời Đế-thích. Đến nơi, vị ấy dừng lại trước Đế-thích.

Bấy giờ vua trời Đế-thích nghĩ đến các Tiểu thiên vương cõi Tam thập tam thiên và ba mươi hai chúng chư Thiên... Khi ấy các tiểu vương và chư Thiên cũng nghĩ thế này: "Vua trời Đế-thích đang nghĩ đến chúng ta. Biết như vậy rồi, họ dùng các thứ Anh lạc tuyệt đẹp trang điểm thân thể, rồi đều cưỡi trên các thứ xe đi đến bên trời Đế-thích. Đến nơi rồi, họ đều dừng lại phía trước. Khi ấy trời Đế-thích thấy rồi, liền tự trang điểm thân thể, mang các loại Anh lạc, rồi cùng với chúng chư Thiên hai bên sau trước vây quanh cưỡi lên Long tượng vương Y-la-bà-na. Vua trời Đế-thích ngồi trên đầu ở chính giữa, hai bên tả hữu có mười sáu Tiểu thiên vương đều cưỡi trên đầu biến hóa của Long tượng vương Y-la-bà-na. Tất cả ngồi yên rồi, khi ấy trời Đế-thích dẫn Thiên chúng đến các khu vườn Ba-lâu-sa-ca, Tạp sắc xa, Tạp loạn và Hoan hỷ... đến rồi, dừng lại.trong bốn khu vườn Hoan hỷ... đều có ba thứ gió giữ gìn, đó là khai, tịnh, xuy: khai mở cửa, tịnh làm sạch đất, và xuy thổi hoa, *nói lược như trên*...

Chư Tỳ-kheo, trong các vườn ấy, gió thổi hoa rơi khắp mặt đất, ngập tới đầu gối; mùi thơm của hoa lan tỏa khắp mọi nơi. Khi ấy, Đế-thích cùng với Tiểu thiên vương Tam thập tam thiên, quyến thuộc vây quanh, đi vào các vườn Tạp sắc xa, Hoan hỷ... vui chơi hưởng lạc, tùy ý du hành, hoặc nằm, hoặc ngồi. Khi ấy vua trời Đế-thích muốn được Anh lạc liền nghĩ đến Thiên tử Tỳ-thủ-yết-ma. Thiên tử ấy liền biến hóa ra các Anh lạc báu dâng lên Thiên vương. Nếu chư Thiên Tam thập tam thiên và quyến thuộc..., ai cần Anh lạc, Tỳ-thủ-yết-ma đều biến hóa ra mà cung cấp. Ai muốn nghe âm thanh, kỹ nhạc thì có các loài chim phát ra đủ loại âm thanh, rất hòa nhã, khiến chư Thiên thích nghe. Bấy giờ

chư Thiên hưởng lạc như thế một ngày cho đến bảy ngày, một tháng cho đến ba tháng; đủ các loại giải trí, tắm rửa vui đùa, đi đứng ngồi nằm, tự do thoải mái.

Chư Tỳ-kheo, Thiên vương Đế-thích có mười vị Thiên tử luôn luôn hộ vệ: Một là Nhân-đà-la-ca, hai là Cù-ba-ca, ba là Tần-đầu-ca, bốn là Tần-đầu-bà-ca, năm là A-câu-tra-ca, sáu là Tra-đô-đa-ca, bảy là Thời-bà-ca, tám là Hồ-lô-kỳ-na, chín là Nan-trà-ca, mười là Hồ-lô-bà-ca. Chư Tỳ-kheo, trời Đế-thích luôn luôn được mười vị Thiên tử ấy theo hai bên tả hữu để hộ vệ, chưa từng rời xa.

Chư Tỳ-kheo, đất Diêm-phù-đề, vì mọi người, có loài hoa sanh trong nước cực kỳ tinh diệu, rất khả ái. Đó là hoa sen xanh, hoa sen hồng, hoa sen vàng, hoa sen trắng. Mùi hương của các hoa ấy lan tỏa êm dịu. Trên đất sanh các loài hoa cực kỳ xinh đẹp là hoa A-đề-mục-đa-ca, Chiêm-ba-ca, Ba-tra-la, Tô-ma-na, Bà-lợi-sư-ca, Ma-lợi-ca, Ma-đầu-kiền-đề-ca, Tao-kiền-đề-ca, Du-đề-ca, Thù-đê-sa-ca-lợi-ca, Đà-nô-sa-ca-nị-ca...

Chư Tỳ-kheo, người ở cõi Cù-đa-ni có các loài hoa sanh trong nước cực kỳ xinh đẹp, là hoa sen xanh, hoa sen hồng, hoa sen vàng, hoa sen trắng, mùi thơm ngào ngạt, lan tỏa khắp nơi. Trên đất sanh các loài hoa cực kỳ xinh đẹp là hoa A-đề-mục-đa-ca, Chiêm-ba-ca, Ba-tra-la, Tô-ma-na, Bà-lợi-sư-ca, Ma-lợi-ca, Ma-đầu-kiền-đề-ca, Tao-kiền-đề-ca, Du-đề-ca, Thù-đê-sa-ca-lợi-ca, Đà-nô-sa-ca-nị-ca,...

Chư Tỳ-kheo, người ở cõi Phất-bà-đề có các loài hoa sanh trong nước vô cùng đẹp đẽ, đó là hoa sen xanh, hoa sen hồng, hoa sen vàng, hoa sen trắng, màu rất tươi thắm, mùi hương lan tỏa. Trên đất sanh các loài hoa cực kỳ xinh đẹp là hoa A-đề-mục-đa-ca, Chiêm-ba-ca, Ba-tra-la, Tô-ma-na, Bà-lợi-sư-ca, Ma-lợi-ca, Ma-đầu-kiền-đề-ca, Tao-kiền-đề-ca, Du-đề-ca, Thù-đê-sa-ca-lợi-ca, Đà-nô-sa-ca-nị-ca...

Chư Tỳ-kheo, người ở cõi Uất-đa-la-cứu-lưu có các loài hoa cực kỳ xinh đẹp sanh trong nước là hoa sen xanh, hoa sen hồng, hoa sen vàng, hoa sen trắng, mùi thơm êm dịu. Trên đất sanh các loài hoa cực kỳ xinh đẹp là hoa A-đề-mục-đa-ca, Chiêm-ba-ca, Ba-tra-la, Tô-ma-na, Bà-lợi-sư-ca, Ma-lợi-ca, Ma-đầu-kiền-đề-ca, Tao-kiền-đề-ca, Du-đề-ca, Thù-đê-sa-ca-lợi-ca, Đà-nô-sa-ca-nị-ca...

Chư Tỳ-kheo, các loài Rồng và Kim sí điểu cũng đều có các loài hoa cực kỳ xinh đẹp sanh trong nước là hoa sen xanh, hoa sen hồng, hoa

sen vàng, hoa sen trắng, mùi thơm lan tỏa, êm dịu tuyệt vời. Trên đất sanh các loài hoa cực kỳ xinh đẹp là hoa A-đề-mục-đa-ca, Chiêm-ba-ca, Ba-tra-la, Tô-ma-na, Bà-lợi-sư-ca, Ma-lợi-ca, Ma-đầu-kiền-đề-ca, Tao-kiền-đề-ca, Du-đề-ca, Thù-đê-sa-ca-lợi-ca, Yết-ca-la-lợi-ca, Ma-ha yết-ca-la-lợi-ca...

Chư Tỳ-kheo, loài A-tu-la cũng đều có các loài hoa cực kỳ xinh đẹp sanh trong nước là hoa sen xanh, hoa sen hồng, hoa sen vàng, hoa sen trắng, mùi hương lan khắp, rất dễ ưa thích. Trên đất sanh các loại hoa cực kỳ xinh đẹp, là hoa A-đề-mục-đa-ca, Chiêm-ba-ca, Ba-tra-la, Tô-ma-na, Bà-lợi-sư-ca, Ma-lợi-ca, Ma-đầu-kiền-đề-ca, Tao-kiền-đề-ca, Du-đề-ca, Thù-đề-sa-ca-lợi-ca, Đà-nô-sư-ca, Yết-ca-la-lợi-ca, Ma-ha yết-ca-la-lợi-ca, Tần-lân-đàm, Ma-ha tần-lân-đàm, Mạn-đà-la-phạm, Ma-ha mạn-đà-la-phạm...

Chư Tỳ-kheo, Tứ thiên vương và chư Thiên có các loài hoa cực kỳ xinh đẹp, vi diệu, khả ái sanh trong nước là hoa sen xanh, hoa sen hồng, hoa sen vàng, hoa sen trắng, mùi hương rất thơm, tính chất êm dịu. Trên đất sanh các loại hoa cực kỳ xinh đẹp là hoa A-đề-mục-đa-ca, Chiêm-ba-ca, Ba-tra-la, Tô-ma-na, Bà-lợi-sư-ca, Ma-lợi-ca, Ma-đầu-kiền-đề-ca, Tao-kiền-đề-ca, Du-đề-ca, Thù-đê-sa-ca-lợi-ca, Đà-nô-sa-ca, Yết-ca-la-lợi-ca, Ma-ha yết-ca-la-lợi-ca, Tần-lân-đàm, Ma-ha tần-lân-đàm...

Chư Tỳ-kheo, Tam thập tam thiên có các loài hoa cực kỳ xinh đẹp, vi diệu, khả ái sanh trong nước là hoa sen xanh, hoa sen hồng, hoa sen vàng, hoa sen trắng, mùi rất thơm, tính chất êm dịu. Trên đất sanh các loại hoa, vi diệu khả ái là hoa A-đề-mục-đa-ca, Chiêm-ba-ca, Ba-tra-la, Tô-ma-na, Bà-lợi-sư-ca, Ma-lợi-ca, Ma-đầu-kiền-đề-ca, Tao-kiền-đề-ca, Du-đề-ca, Thù-đê-sa-ca-lợi-ca, Đà-nô-sa-ca-ni-ca, Yết-ca-la-lợi-ca, Ma-ha yết-ca-la-lợi-ca, Tần-lân-đàm, Ma-ha tần-lân-đàm, Mạn-đà-la-phạm, Ma-ha mạn-đà-la-phạm...

Giống như các loại hoa mà trời Tam thập tam đã có, trời Dạ-ma, trời Đâu-suất-đà, trời Hóa lạc, trời Tha hóa tự tại và trời Ma thân, theo thứ lớp, cũng có hoa như thế không khác. Nên biết tất cả.

Chư Tỳ-kheo, người thế gian có bảy màu. Những gì là bảy? Chư Tỳ-kheo, đó là màu lửa hình lửa, màu vàng hình vàng, màu xanh hình xanh, màu đỏ hình đỏ, màu trắng hình trắng, màu vàng hình vàng, màu đen hình đen. Giống như thường sắc của Ma, Phạm.

Chư Tỳ-kheo, người thế gian có bảy loại màu ấy, các A-tu-la cũng như thế, có bảy màu đó. Chúng chư Thiên cũng có bảy màu ấy, giống

như thường sắc của Ma, Phạm.

Chư Tỳ-kheo, chư Thiên có mười pháp riêng biệt. Những gì là mười? Chư Tỳ-kheo, một là chư Thiên đến đi, tới lui, không giới hạn; hai là chư Thiên đi, tới lui không chướng ngại; ba là chư Thiên đi, không có mau, chậm; bốn là chư Thiên đi, không có dấu chân; năm là thân chư Thiên không bệnh hoạn, mệt mỏi; sáu là thân chư Thiên có hình không bóng; bảy là chư Thiên không đại tiểu tiện; tám là chư Thiên không khạc nhổ; chín là thân chư Thiên thanh tịnh vi diệu, không có mỡ, tủy, da, thịt, và máu, gân, xương, mạch...; mười là thân chư Thiên muốn hiện cao, thấp, xanh, vàng, đỏ, trắng, lớn, nhỏ, thô, tế đều được như ý và đều đẹp đẽ tuyệt vời, dễ mến, khiến người ưa thích.

Thân của chư Thiên có mười điều chẳng thể nghĩ bàn như thế.

Chư Tỳ-kheo, lại thân chư Thiên có thật không hư, thảy đều đầy đặn; răng trắng mà khít, tóc xanh bằng thẳng, mềm mại bóng mượt, thân tự nhiên sáng, có sức thần thông, bay đi trên không, mắt nhìn không nháy, anh lạc tự nhiên, y phục không bẩn.

Chư Tỳ-kheo, người ở châu Diêm-phù-đề thọ một trăm tuổi, trong đó có người chết yểu. Người ở châu Cù-đà-ni thọ hai trăm tuổi, trong đó cũng có người chết yểu. Người ở châu Phất-bà-đề thọ ba trăm tuổi, trong đó cũng có người chết yểu. Người ở châu Uất-đa-cứu-lưu thọ một ngàn tuổi, không có người chết yểu. Các chúng sanh cõi Diêm-ma-la thọ bảy vạn hai ngàn tuổi, trong đó cũng có loại chết yểu. Các Rồng và Kim sí điểu thọ một kiếp, trong đó cũng có con chết yểu. A-tu-la thọ một ngàn tuổi bằng trời, trong đó cũng có loại chết yểu. Tứ thiên vương thọ năm trăm tuổi, trong đó cũng có chết yểu. Tam thập tam thiên thọ một ngàn tuổi. Chư Thiên Dạ-ma thọ hai ngàn tuổi. Trời Đâu-suất-đà thọ bốn ngàn tuổi. Chư Thiên Hóa lạc thọ tám ngàn tuổi. Trời Tha hóa tự tại thọ mười sáu ngàn tuổi. Trời Ma thân thọ ba vạn hai ngàn tuổi. Trời Phạm thân thọ một kiếp. Trời Quang ức niệm thọ hai kiếp. Chư Thiên Biến tịnh thọ bốn kiếp, chư Thiên Quảng quả thọ tám kiếp, chư Thiên Vô tưởng thọ mười sáu kiếp. Chư Thiên Bất nhiệt thọ ngàn kiếp. Chư Thiên Vô phiền thọ hai ngàn kiếp. Chư Thiên Thiện kiến thọ ba ngàn kiếp. Chư Thiên Thiện hiện thọ bốn ngàn kiếp. Trời Sắc cứu cánh thọ năm ngàn kiếp. Trời Hư không xứ thọ mười ngàn kiếp. Trời Thức xứ thọ hai vạn một ngàn kiếp. Trời Vô sở hữu xứ thọ bốn vạn hai ngàn kiếp. Trời Phi tưởng phi phi tưởng xứ thọ tám vạn bốn ngàn kiếp. Trong các hàng chư Thiên đó, đều có hạng chết yểu.

Chư Tỳ-kheo, thân người Diêm-phù-đề cao ba khuỷu rưỡi tay, áo rộng khoảng bảy khuỷu tay, trên dưới ba khuỷu rưỡi tay. Người Cù-đà-ni, người Phất-bà-đề, kích cỡ thân và áo bằng với người Diêm-phù. Thân người Uất-đa-la-cứu-lưu cao bảy khuỷu tay, áo rộng khoảng mười bốn khuỷu tay, trên dưới bảy khuỷu tay. Thân A-tu-la cao một do-tuần, áo rộng khoảng hai do-tuần, trên dưới một do-tuần, nặng nửa lạng. Thân Tứ thiên vương cao nửa do-tuần, áo rộng một do-tuần, trên dưới nửa do-tuần, nặng một lạng. Thân Tam thập tam thiên cao một do-tuần, áo rộng khoảng hai do-tuần, trên dưới một do-tuần, nặng nửa lạng. Thân Dạ-ma thiên cao hai do-tuần, áo rộng khoảng bốn do-tuần, trên dưới hai do-tuần, nặng một phần tư lạng. Thân Đâu-suất-đà thiên cao bốn do-tuần, áo rộng khoảng tám do-tuần, trên dưới bốn do-tuần, nặng một phần tám lạng. Thân Hóa lạc thiên cao tám do-tuần, áo rộng mười sáu do-tuần, trên dưới tám do-tuần, nặng một phần mười sáu lạng. Thân Tha hóa tự tại thiên cao mười sáu do-tuần, áo rộng ba mươi hai do-tuần, trên dưới mười sáu do-tuần, nặng một phần ba mươi hai lạng. Thân chư Thiên Ma thân cao ba mươi hai do-tuần, áo rộng sáu mươi tư do-tuần, trên dưới ba mươi hai do-tuần, nặng một phần sáu mươi tư lạng. Từ đây trở lên, thân chư Thiên, kích cỡ cao thấp và y phục bằng nhau không khác.

Chư Tỳ-kheo, người Diêm-phù-đề có chợ búa buôn bán, hoặc dùng tiền của, hoặc dùng ngũ cốc, lụa là, hoặc dùng súc vật. Người Cù-đà-ni muốn mua bán, hoặc dùng trâu dê, hoặc dùng ngọc báu Ma-ni. Người Phất-bà-đề, nếu họp chợ đổi chác, thì hoặc dùng của cải, tơ lụa, hoặc dùng ngũ cốc, hoặc ngọc báu Ma-ni. Người Uất-đa-la-cứu-lưu không có các chợ búa mua bán, theo nhu cầu tự nhiên có.

Chư Tỳ-kheo, người Diêm-phù-đề, người Cù-đà-ni, người Phất-bà-đề đều có phép cưới gả giữa nam và nữ. Người Uất-đa-la-cứu-lưu không có ngã và ngã sở, nếu cành cây rũ xuống, nam nữ bèn giao hợp, không có việc hôn phối.

Chư Tỳ-kheo, Rồng, Kim sí điểu và A-tu-la, việc giá thú đều giống nhân gian. Trời Tứ thiên vương, trời Tam thập tam, chư Thiên Dạ-ma, trời Đâu-suất-đà, chư Thiên Hóa lạc, chư Thiên Tha hóa tự tại, trời Phạm thân... đều có giá thú... *lược nói như trên*. Từ đây trở lên, về hôn thú giữa nam và nữ không có sự sai khác.

Chư Tỳ-kheo, người Diêm-phù-đề khi hành dục, hai căn giao nhau, lưu xuất bất tịnh. Người Cù-đà-ni, người Phất-bà-đề và người Uất-đa-la-cứu-lưu, đều như người Diêm-phù-đề. Tất cả loài Rồng, Kim sí điểu... khi hành dục, hai căn cũng giao nhau nhưng chỉ phát ra hơi gió, liền được thỏa mãn, không xuất bất tịnh. Các A-tu-la, trời Tứ thiên vương, trời Tam thập tam khi hành dâm, hai căn giao nhau, thỏa mãn phát ra hơi như các Long vương và Kim sí điểu vương, cùng loại không khác. Chư Thiên Dạ-ma cầm tay nhau thành dục. Trời Đâu-suất-đà nghĩ đến thành dục. Chư Thiên Hóa lạc nhìn kỹ thành dục. Trời Tha hóa tự tại nói chuyện với nhau thành dục. Chư Thiên Ma thân nhìn nhau thành dục. Tất cả đều thấy thỏa mãn là thành dục.

Chư Tỳ-kheo, ở nhân gian, ánh sáng đom đóm thì không bằng ánh sáng của đèn; ánh sáng của đèn lại không bằng ánh sáng của đuốc; ánh sáng của đuốc lại không bằng ánh sáng của đống lửa; ánh sáng của đống lửa không bằng ánh sáng tinh tú; ánh sáng tinh tú lại không bằng ánh sáng mặt trăng; ánh sáng mặt trăng lại không bằng ánh sáng mặt trời; ánh sáng mặt trời chói lọi lại không bằng ánh sáng Anh lạc trên tường vách cung điện của trời Tứ thiên vương; ánh sáng của trời Tứ thiên vương lại không bằng ánh sáng của trời Tam thập tam; ánh sáng của trời Tam thập tam lại không bằng ánh sáng Anh lạc nơi tường vách cung điện của chư Thiên Dạ-ma; ánh sáng của chư Thiên Dạ-ma không bằng ánh sáng của trời Đâu-suất-đà; ánh sáng của trời Đâu-suất-đà lại không bằng ánh

sáng trời Hóa lạc; ánh sáng của trời Hóa lạc lại không bằng ánh sáng của chư Thiên Tha hóa tự tại; ánh sáng của chư Thiên Tha hóa tự tại lại không bằng ánh sáng trời Ma thân; ánh sáng Anh lạc nơi tường vách cung điện của trời Ma thân so với các cõi dưới, rất thắng diệu, thù đặc không gì vượt qua được.

Chư Tỳ-kheo, ánh sáng trời Ma thân so với ánh sáng trời Phạm thân thì lại không bằng; ánh sáng trời Phạm thân so với trời Quang ức niệm thì không bằng; ánh sáng trời Quang ức niệm so với trời Biến tịnh thì không bằng; ánh sáng trời Biến tịnh so với ánh sáng trời Quảng quả thì không bằng; ánh sáng trời Quảng quả kia... *cũng như thế cho đến* trời Vô não nhiệt, Thiện kiến, Thiện hiện, A-ca-nị-tra..., chỉ trừ Anh lạc, ngoài ra, như trước đã nói, nên biết như vậy.

Chư Tỳ-kheo, nếu ánh sáng chung của thế giới chư Thiên, chư Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn và người đời trong thế gian có được đem so với hào quang của Như Lai, A-la-hán, Chánh Biến Tri... thì dù có gấp trăm ngàn vạn ức hằng hà số cũng không thể sánh bằng. Hào quang của Như Lai là tối thắng, tối diệu, thù đặc đệ nhất. Vì sao? Chư Tỳ-kheo, vì thân của Như Lai giới hạnh vô lượng; thiền định, trí tuệ, giải thoát tri kiến, thần thông và thần thông hạnh, giáo hóa và giáo hóa luân, thuyết xứ và thuyết xứ luận... đều vô lượng vô biên.

Chư Tỳ-kheo, Như Lai có vô lượng công đức như thế, tất cả các pháp đều đầy đủ. Vì vậy nên hào quang của Như Lai tối thắng, vô thượng. Nên biết rõ như thế.

Chư Tỳ-kheo, tất cả chúng sanh có bốn thức ăn để nuôi các đại được tồn tại, thành tựu các Hữu, nhiếp thọ lẫn nhau. Những gì là bốn? Một là thức ăn thô và vi tế, hai là thức ăn xúc chạm, ba là thức ăn suy nghĩ, bốn là thức ăn thức. Chúng sanh nào phải ăn thức ăn thô và vi tế? Chư Tỳ-kheo, người Diêm-phù-đề ăn lúa đậu, cá thịt... đó gọi là thức ăn thô. Còn che đậy, xoa sờ, tắm rửa, lau chùi, xoa phấn sáp..., gọi đó là thức ăn vi tế. Người Cù-đà-ni, người Phất-bà-đề cũng dùng thức ăn thô và vi tế như người Diêm-phù-đề. Người Uất-đa-la-cứu-lưu, thân không cày cấy, tự nhiên có loại lúa thơm chín sẵn dùng làm thức ăn thô. Còn che đậy, tắm rửa, và xoa sờ... làm thức ăn vi tế.

Chư Tỳ-kheo, tất cả các Rồng và Kim sí điểu dùng các loài cá, ba ba, giải, cá sấu, tôm, mọt, nòng nọc, rồng con, rắn, rái, tỳ-la vàng... làm thức ăn thô, còn các sự che đậy... làm thức ăn vi tế. Các A-tu-la dùng mùi vị cam lộ tuyệt ngon cõi trời làm thức ăn thô, còn các sự che đậy...

làm thức ăn vi tế. Trời Tứ thiên vương và chư Thiên đều dùng mùi vị cam lộ cõi trời làm thức ăn thô, còn các sự che đậy... làm thức ăn vi tế. Trời Tam thập tam dùng mùi vị cam lộ làm thức ăn thô, còn các sự che đậy... làm thức ăn vi tế... cũng giống như trời Tam thập tam. trời Dạ-ma, trời Đâu-suất-đà, chư Thiên Hóa lạc, trời Tha hóa tự tại... đều dùng vị cam lộ cõi trời làm thức ăn thô, còn các sự che đậy... làm thức ăn vi tế. Từ đây trở lên, chúng chư Thiên đều dùng Thiền duyệt và Pháp hỷ làm thức ăn, tam-ma-đề làm thức ăn, Tam-ma-bạt-đề làm thức ăn, không có thức ăn thô và tế.

Chư Tỳ-kheo, còn loại chúng sanh nào dùng xúc chạm làm thức ăn? Chư Tỳ-kheo, là các chúng sanh thọ sanh từ trứng như ngỗng, chim ưng, chim hồng, chim hạc, gà, vịt, khổng tước, anh võ, cù dục, tu hú, bồ câu, yến, se sẻ, trĩ, quạ... Ngoài ra, còn các loại chúng sanh khác sanh từ trứng, vì chúng do trứng mà có thân nên tất cả đều dùng xúc chạm làm thức ăn.

Còn loại chúng sanh nào dùng tư duy làm thức ăn? Có loại chúng sanh dùng ý tư duy nuôi dưỡng các căn, tăng trưởng thân mạng như là cá, ba ba, rùa, rắn, tôm, mọt, và già-la, cù-đà... Ngoài ra, còn các loại chúng sanh nào khác dùng ý tư duy, nuôi dưỡng các căn, tăng trưởng thân mạng thì những chúng sanh ấy đều dùng tư duy làm thức ăn.

Còn loại chúng sanh nào dùng thức làm thức ăn? Đó là các chúng sanh địa ngục và chư Thiên Thức vô biên. Những chúng sanh này đều dùng thức làm thức ăn.

Chư Tỳ-kheo, bốn loại thức ăn này duy trì các đại, giữ gìn sự sống cho các chúng sanh.

Ở đây, có bài kệ:

Hoa, sắc và các pháp
Thọ mạng, y là năm
Chợ, buôn và cưới gả
Hai căn, thực là mười.

Chư Tỳ-kheo, chúng sanh trong thế gian đều có ba thứ hạnh ác. Những gì là ba? Đó là thân ác, miệng ác và ý ác.

Chư Tỳ-kheo, có một hạng chúng sanh thân làm việc ác, miệng nói lời ác, và ý nghĩ việc ác. Đã tạo tác như thế rồi, do nhân duyên đó, khi thân hoại mạng chung, họ sẽ đọa vào đường ác, sanh trong địa ngục. Họ ở trong đó, sau cùng thức diệt, thức ở trong địa ngục mới

tương tục sanh. Khi thức ấy cùng sanh liền có danh sắc; do duyên danh sắc liền sanh lục nhập.

Chư Tỳ-kheo, lại có một hạng do thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác. Tạo tác như thế rồi, do nhân duyên ấy khi thân hoại mạng chung, đọa vào đường ác, sanh trong súc sanh. Họ ở trong đó cuối cùng thức diệt, thức trong súc sanh mới tương tục sanh. Khi thức ấy cùng sanh liền có danh sắc; do duyên danh sắc nên sanh lục nhập.

Chư Tỳ-kheo, lại có một hạng do thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác. Tạo tác như thế rồi, do nhân duyên ấy, khi thân hoại mạng chung, đọa vào đường ác, sanh vào cõi Diêm-ma. Họ ở trong cõi ấy, cuối cùng thức diệt, thức ở cõi Diêm-ma mới tương tục sanh. Khi thức ấy mới sanh liền cùng với danh sắc cùng lúc phát sanh; do duyên với danh sắc nên lục nhập sanh.

Chư Tỳ-kheo, những thứ này gọi là ba hạnh ác, phải nên xa lìa.

Chư Tỳ-kheo, ở thế gian có ba thứ hạnh lành. Những gì là ba? Đó là thân làm việc lành, miệng nói việc lành và ý nghĩ việc lành.

Chư Tỳ-kheo, có một hạng chúng sanh thân làm việc lành, miệng nói việc lành, ý nghĩ việc lành. Tu tập như thế rồi, do nhân duyên ấy nên khi thân hoại mạng chung, sanh vào loài người. Họ ở nơi đấy, sau cùng thức diệt, thức ở cõi người mới tương tục sanh. Ngay khi thức này mới khởi liền cùng với danh sắc sanh, cùng lúc đồng sanh; do duyên danh sắc, lục nhập liền sanh.

Chư Tỳ-kheo, lại có hạng chúng sanh, thân làm việc lành, miệng nói việc lành, ý nghĩ việc lành. Tạo tác như thế rồi, do nhân duyên ấy, khi thân hoại mạng chung, sanh lên cõi trời. Ở nơi này thức diệt, thức cõi trời mới tương tục sanh. Khi thức ấy sanh, liền cùng với danh sắc cùng lúc đồng sanh; do có danh sắc liền sanh lục nhập.

Chư Tỳ-kheo, họ ở cõi trời, hoặc nơi Thiên tử, hoặc nơi Thiên nữ ngồi kiết già mà sanh ra, hoặc sanh từ trong hai đầu gối, hoặc giữa hai đùi vế. Khi mới sanh ra, giống như em bé mười hai tuổi ở nhân gian. Nếu là Thiên nam, thì ngay nơi tư thế ngồi của Thiên tử, sanh ra từ bên đầu gối; nếu là Thiên nữ, thì liền sanh từ trong đùi vế của ngọc nữ. Sanh như thế rồi, vị trời ấy liền gọi là con gái của ta. Nên biết như thế.

Chư Tỳ-kheo, tu thiện thì sanh thiên, có pháp như thế. Nếu khi vừa sanh ra là Thiên tử hoặc Thiên nữ thì vì do nghiệp nhân đã huân tập nên sanh ba loại nhớ nghĩ: Một là tự biết chết ở nơi nào; hai là tự biết nay

sanh nơi nào; ba là tự biết việc thọ sanh này là do nghiệp quả gì, là phước báo gì mà ta ở nơi kia thân hoại mạng chung sanh đến chốn này. Lại nghĩ thế này: "Ta nhờ có ba loại nghiệp quả mà ba loại nghiệp quả ấy đã thành thục nên được sanh chốn này. Những gì là ba? Đó là thân làm việc lành, miệng nói việc lành, ý nghĩ việc lành. Do quả báo của ba nghiệp này thành thục nên khi thân hoại mạng chung, sanh đến chốn này". Lại nghĩ thế này: "Nay ta nguyện, ở nơi này sau khi chết, sẽ sanh vào nhân gian. Khi ta đã thọ sanh ở chốn ấy như thế rồi, lại tu hạnh lành về thân, khẩu, ý. Vì thân, khẩu, ý hành hạnh lành, nên khi thân hoại diệt rồi, sanh lại nơi đây". Nghĩ như thế rồi, liền nghĩ đến thức ăn; khi nghĩ đến thức ăn, liền có các đồ đựng báu hiện ngay ở trước, tự nhiên đầy ắp vị cam lộ trời, đủ các chủng loại hiện ra. Trong các Thiên tử, vị nào có quả báo thù thắng thì màu sắc của vị cam lộ kia rất trắng, vị Thiên tử nào có quả báo bậc trung thì màu sắc của vị cam lộ kia đỏ, còn vị Thiên tử nào có phước đức bậc hạ thì màu sắc của vị cam lộ kia hiện đen. Khi ấy, Thiên tử liền dùng tay bốc vị cam lộ trời bỏ vào miệng. Vị cam lộ kia đã vào miệng rồi, dần dần tự tan biến. Giống như váng sữa hoặc sữa đen đặt trên lửa liền tự tan ra, không còn nguyên dạng. Cũng như thế, vị cam lộ trời, bỏ vào miệng, tự nhiên tiêu hóa. Ăn vị cam lộ rồi, nếu khát, liền có đồ đựng báu cõi trời đựng đầy Thiên tửu hiện ra trước mặt tùy theo phước đức thượng, trung, hạ mà có màu trắng, đỏ hoặc đen *như trên đã nói*... bỏ vào miệng cũng tiêu hóa như thế. Khi vị Thiên tử kia ăn uống xong, thân thể cao thấp, lớn nhỏ, giống như các Thiên tử, Thiên nữ sanh trước.

Chư Tỳ-kheo, các Thiên tử, các Thiên nữ khi thân thể đã sung mãn rồi, tùy ý mình đi đến bên ao; đến bên ao rồi, vào trong ao, tắm rửa sạch sẽ, vui vẻ hưởng lạc. Khi lên khỏi ao, họ đến bên cây Hương; khi ấy, cành cây tự nhiên cong xuống, từ trong cành cây tuôn ra các loại diệu hương, chảy vào trong tay, liền dùng thoa thân. Họ lại đến cây y phục, đến nơi, cành cây cũng cong xuống như trước, từ trong cây tuôn ra các loại y phục đẹp đẽ; khi đến tay rồi, liền lấy mặc vào. Họ mặc y phục rồi đi đến cây Anh lạc, cành cây tự cong xuống như trước, tuôn (Anh lạc) vào tay, hoặc buộc hoặc mang để trang điểm thân thể. Kế đến cây Tràng hoa, cành cây cong xuống như trên, tuôn ra các loại tràng hoa đẹp đẽ, họ cầm lấy trang điểm trên đầu rồi liền hướng đến cây Đồ dùng, từ cây tuôn ra các loại đồ đựng bằng các loại báu, tùy ý cầm lấy, đi đến rừng quả, đầy các loại quả, hoặc nuốt ăn, hoặc lấy nước uống. Rồi tiếp đi đến bên cây Âm nhạc, cây cũng cong xuống, tự

nhiên tuôn ra các loại nhạc khí, tùy ý mà lấy, hoặc đờn hoặc đánh, hoặc ca hoặc vũ, âm thanh vi diệu. Sau đó họ đi vào trong vườn cây; vào trong vườn rồi, liền thấy nơi ấy có vô lượng vô biên số trăm, số ngàn, số vô lượng trăm, ngàn vạn ức chư Thiên ngọc nữ. Khi chưa thấy ngọc nữ thì có tri kiến về nghiệp báo đời trước là mình từ nơi nào sinh tới đây, như thân này của ta nay thọ báo này là do nghiệp quả đã thành thục. Khi ấy phân biệt rõ ràng, nhớ nghĩ việc đời trước, giống như thấy ngón tay trên bàn tay. Khi thấy Thiên nữ vì mê đắm sắc đẹp, nên tâm trí tỉnh thức chánh niệm liền diệt, mất đi sự nhớ nghĩ đời trước mê dục hiện tại, miệng chỉ thốt lên: "Ôi! Ngọc nữ cõi trời. Ôi! Ngọc nữ cõi trời!" Như thế gọi là sự ràng buộc của ái dục.

Chư Tỳ-kheo, đây gọi là ba hạnh lành.

Chư Tỳ-kheo, trong một tháng có sáu ngày chay tịnh. Nửa tháng đầu có mười lăm ngày, nửa tháng sau cũng có mười lăm ngày. Như vậy, hai nửa tháng, mỗi nửa tháng có ba ngày chay tịnh. Ba ngày chay tịnh của nửa tháng đầu là ngày nào? Đó là ngày mồng tám, ngày mười bốn và ngày mười lăm trong tháng. Nửa tháng sau cũng có ba ngày chay tịnh như nửa tháng đầu. Vì sao trong mỗi nửa tháng đều có ba ngày thọ trì trai giới? Chư Tỳ-kheo, hai lần nửa tháng đều có tám ngày, vào những ngày ấy, Tứ đại thiên vương tập họp quyến thuộc và bảo họ rằng, các người hãy đi xem khắp bốn phương xem có ai trong thế gian ăn ở hiếu thuận, cung dưỡng cha mẹ, cung kính Sa-môn, Bà-la-môn chăng? Tôn trọng các bậc Tôn trưởng chăng? Tu hành bố thí, thọ trì cấm giới chăng? Giữ bát quan trai và sáu ngày chay chăng?

Khi ấy Tứ thiên vương ra lệnh cho sứ giả như thế. Sứ giả liền y lệnh Thiên vương, phụng mạng ra đi, liền xuống xem xét khắp tất cả nhân gian, ai là người trong gia đình hiếu dưỡng cha mẹ, tên họ là gì? Ai thực hiện sáu ngày chay? Ai trì tám cấm giới? Ai giữ giới đức? Bấy giờ sứ giả quán sát khắp nhân gian thấy trong loài người, người hiếu thuận cung phụng cha mẹ thì ít, kẻ tôn trọng phụng sự Sa-môn cũng ít, cung kính Bà-la-môn kỳ cựu, kính trọng các người lớn cũng ít; bố thí thì nhỏ giọt, ăn chay thì lơ thơ, hộ giới thì không trọn vẹn, sự giữ gìn phần nhiều khiếm khuyết. Khi ấy Thiên sứ thấy như thế rồi, liền đến chỗ Tứ đại thiên vương tâu rằng: "Thiên vương tường tri! Tất cả mọi người ở thế gian không có nhiều người hiếu dưỡng phụng sự cha mẹ, không có nhiều người cung kính Sa-môn, Bà-la-môn; không có nhiều người kính trọng bậc Tôn trưởng kỳ cựu đạo đức, không có nhiều người tu hành bố

thí, trì giới, lục trai, cũng không có nhiều người phụng trì cấm giới, giữ bát quan trai".

Bấy giờ Tứ đại thiên vương nghe các sứ giả tâu trình như thế rồi, trong lòng buồn bã không vui, bảo với sứ giả rằng: "Ở thế gian nếu quả thật có bọn người như thế thì quả là điều chẳng lành. Vì sao? Vì tuổi thọ của con người rất ngắn ngủi, chỉ sống một thời gian ngắn đáng lẽ phải tu các điều lành để đến đời sau có thể được an lạc, nhưng tại sao nay người thế gian kia, không có nhiều người hiếu dưỡng cha mẹ... *cho đến* không tu trì sáu ngày chay và tám cấm giới để giữ gìn thân khẩu. Điều này là sự tổn giảm lớn các Thiên chúng của ta; lần lượt tăng thêm dòng giống A-tu-la".

Chư Tỳ-kheo, còn nếu thế gian nhiều người cung kính hiếu thuận cha mẹ, tôn trọng Sa-môn, Bà-la-môn và các bậc Kỳ túc; tu hành bố thí, ưa thọ trì sáu ngày chay, siêng năng bồi đắp phước nghiệp, thường giữ tám cấm giới, tương tục như thế, thì khi ấy Thiên sứ tuần tra xem xét thấy rồi, tâu lên Tứ thiên vương rằng: "Đại vương tường tri! Người thế gian kia, có nhiều người hiếu thuận với cha mẹ, có nhiều người cung kính Sa-môn, Bà-la-môn và các bậc Tôn trưởng, ưa hành bố thí, siêng tu trai giới, phước nghiệp."

Bấy giờ Tứ đại thiên vương nghe lời tâu trình này của các Thiên sứ xong, tâm rất hoan hỷ, phấn khởi vô cùng, nói như thế này: "Rất tốt! Rất tốt! Người thế gian có thể tu hành như thế là điều lành rất lớn. Vì sao? Vì thọ mạng của bọn người ấy ngắn ngủi, chẳng bao lâu sẽ chuyển đến thế giới khác. Nay đây, ngay tại chốn nhân gian ấy, họ luôn hiếu dưỡng cha mẹ, kính thờ Sa-môn, Bà-la-môn và các bậc Kỳ cựu..., phần nhiều ưa bố thí, giữ gìn trai giới. Như thế thì sẽ làm tăng trưởng vô lượng quyến thuộc cho chư Thiên, làm tổn giảm dòng giống A-tu-la".

Chư Tỳ-kheo, vì sao vào ngày mười bốn của hai lần nửa tháng là ngày chay tịnh?

Chư Tỳ-kheo, vào ngày mười bốn của hai lần nửa tháng ấy, Tứ đại thiên vương, cũng như trước, triệu bốn Thái tử sai xuống nhân gian xem xét việc thiện ác; ít hay nhiều, rồi hoan hỷ hay buồn rầu... đều giống như Thiên sứ đã nói ở trên, chỉ có khác là Thái tử đích thân xuống.

Chư Tỳ-kheo, vào kỳ chay tịnh ngày mười lăm của hai lần nửa tháng, Tứ đại thiên vương đích thân xuống thế gian quan sát việc thiện ác, biết nhiều hay ít rồi, liền đi đến Thiện pháp đường, hội trường của

chư Thiên. Đến trước pháp đường rồi, chư vị mặt hướng về Đế-thích tâu trình các việc thiện ác, nhiều ít, thuận nghịch của nhân gian. Bấy giờ Đế-thích nghe ở nhân gian, người tu phước ít thì buồn rầu bực tức chẳng vui. Vì sao như vậy? Vì Thiên chúng tổn giảm, A-tu-la thêm nhiều. Còn nếu nghe nhân gian, người làm như pháp nhiều thì vô cùng hoan hỷ, phấn khởi, nói thế này: "Nay Thiên chúng của ta sẽ tăng lên dần".

Vì lẽ ấy, sáu ngày của hai lần nửa tháng, chư Thiên xuống xem xét việc thiện ác của nhân gian nên gọi là ngày chay tịnh.

❑

KHỞI THẾ NHÂN BỔN

QUYỂN VIII

Phẩm 8: TAM THẬP TAM THIÊN 3

Chư Tỳ-kheo, hoặc sẽ có lúc các ngoại đạo hay Ba-lợi-bà-la-xà-ca, đến chỗ các ông hỏi các ông: "Các Trưởng lão, do nhân duyên gì có một hạng người bị phi nhân khủng bố, có một hạng người không bị phi nhân khủng bố?" Nếu các ngoại đạo hỏi như thế, thì các ông nên trả lời thế này: "Các trưởng lão, việc này có nhân duyên. Vì sao? Trong thế gian có một hạng người làm việc phi pháp, có tà kiến, có điên đảo kiến. Họ đã làm mười điều bất thiện, nói điều bất thiện, nghĩ điều bất thiện, tà kiến điên đảo. Vì làm mười điều bất thiện này nên thần bảo hộ đời sống dần dần bỏ đi. Các vị thần như thế, hoặc trăm, hoặc ngàn, chỉ ở lại một vị để bảo vệ. Thí như bầy trâu, hoặc bầy dê cả trăm con, ngàn con mà chỉ có một người chăn. Ở đây cũng thế, vì thần bảo vệ ít nên thường bị phi nhân khủng bố. Lại có một hạng người, nói đúng như pháp, không hành tà kiến, điên đảo kiến. Họ đã hành mười việc thiện như thế, có chánh kiến, chánh ngữ, tu tập thiện nghiệp, thì những người ấy có vô lượng trăm ngàn thần đến hộ vệ.vì nhân duyên đó, những người ấy không bị phi nhân khủng bố. Giống như vua hoặc đại thần của vua, người nào cũng có trăm hoặc ngàn người bảo vệ".

Chư Tỳ-kheo, người thế gian có họ tên như thế nào thì ở cõi phi nhân cũng có các họ tên như thế.

Chư Tỳ-kheo, nhân gian có các nơi chốn như núi rừng, sông hồ, quốc ấp, thành quách, thôn xóm, làng mạc thì trong cõi phi nhân cũng có tên nhà cửa... như thế.

Chư Tỳ-kheo, các chỗ của vua ngồi, tất cả ngã đường, ngã tư đường, nơi bờ ruộng quanh co, hoặc chỗ làm thịt, hoặc các hang trống,

chắc chắn rằng đều có các thần và các phi nhân nương ở. Lại nữa, trong chỗ bỏ tử thi và con đường đi của các ác thú đều có phi nhân. Trên tất cả cây cao một tầm, to một thước đều có chư thần cư ngụ, coi như nhà ở.

Chư Tỳ-kheo, tất cả người thế gian, hoặc nam hay nữ, từ khi sanh ra đều có chư thần thường thường đi theo, chẳng hề rời xa, chỉ trừ khi làm việc ác và lúc mạng chung mới bỏ đi... *nói lược như trên*...

Chư Tỳ-kheo, người Diêm-phù-đề có năm việc hơn người Cù-đà-ni. Những gì là năm? Một là mạnh khỏe, hai là chánh niệm, ba là chỗ Phật xuất thế, bốn là nơi tu nghiệp, năm là chỗ hành phạm hạnh. Cù-đà-ni có ba việc hơn Diêm-phù-đề. Những gì là ba? Một là nhiều trâu bò, hai là nhiều dê, ba là nhiều Ma-ni báu. Diêm-phù-đề có năm việc hơn Phất-bà-đề... *như trước đã nói*. Phất-bà-đề có ba việc hơn Diêm-phù-đề. Những gì là ba? Một là châu ấy rất to lớn, hai là châu ấy gồm nhiều bãi sông, ba là châu ấy rất đẹp. Diêm-phù-đề có năm việc hơn Uất-đa-la-cứu-lưu... *giống như trên*. Uất-đa-la-cứu-lưu có ba việc hơn Diêm-phù-đề. Những gì là ba? Một là người cõi ấy không có ngã và ngã sở, hai là thọ mạng vô cùng dài lâu, ba là người cõi ấy có hạnh thù thắng. Diêm-phù-đề có năm việc hơn các chúng sanh cõi Diêm-ma... *như trước đã nói*. Cõi Diêm-ma có ba việc hơn người Diêm-phù-đề. Những gì là ba? Một là thọ mạng lâu dài, hai là thân hình to lớn, ba là có y phục, thức ăn tự nhiên nuôi mạng. Người Diêm-phù-đề có năm việc hơn các Rồng và Kim sí điểu, *như trước đã nói*. Rồng và Kim sí điểu có ba việc hơn người Diêm-phù-đề. Những gì là ba? Một là thọ mạng lâu dài, hai là thân hình to lớn, ba là cung điện rộng rãi. Người Diêm-phù-đề có năm việc hơn A-tu-la *như trên đã nói*. A-tu-la có ba việc hơn Diêm-phù-đề. Những gì là ba? Một là sống lâu, hai là sắc đẹp, ba là hưởng lạc nhiều. Ba việc như thế rất là thù thắng.

Chư Tỳ-kheo, trời Tứ thiên vương có ba việc thù thắng. Một là cung điện cao, hai là cung điện đẹp, ba là cung điện vô cùng sáng chói. Trời Tam thập tam cũng có ba việc thù thắng. Những gì là ba? Một là sống lâu, hai là sắc đẹp, ba là nhiều lạc thú. Cũng như trời Tam thập tam, trời Dạ-ma, trời Đâu-suất-đà, trời Hóa lạc, trời Tha hóa tự tại, trời Ma thân..., nên biết, đều có ba việc thù thắng như trời Đao-lợi hơn người Diêm-phù-đề. Diêm-phù-đề có năm việc hơn chư Thiên, *như trên đã nói*.

Các ngươi nên biết và trả lời như thế.

Chư Tỳ-kheo, trong ba cõi này có ba mươi tám loài chúng sanh.

Ba mươi tám loài ấy là gì?

Chư Tỳ-kheo, trong cõi Dục có mười hai loài, trong cõi Sắc có hai mươi hai loài, trong cõi Vô sắc có bốn loài.

Chư Tỳ-kheo, mười hai loài trong cõi Dục là gì? Đó là Địa ngục, Súc sanh, Ngạ quỉ, Người, A-tu-la, trời Tứ thiên vương, trời Tam thập tam, trời Dạ-ma, trời Đâu-suất-đà, trời Hóa lạc, trời Tha hóa Tự tại, trời Ma thân. Đó là mười hai loài.

Hai mươi hai loài trong cõi Sắc là gì? Đó là trời Phạm thân, trời Phạm phụ, trời Phạm chúng, trời Đại phạm, trời Quang, trời Thiểu quang, trời Vô lượng quang, trời Quang âm, trời Tịnh, trời Thiểu tịnh, trời Vô lượng tịnh, trời Biến tịnh, trời Quảng, trời Thiểu quảng, trời Vô lượng quảng, trời Quảng quả, trời Vô tưởng, trời Vô phiền, trời Vô não, trời Thiện kiến, trời Thiện hiện, trời A-ca-nị-trá. Đó là hai mươi hai loài thuộc cõi Sắc.

Còn bốn loài trong cõi Vô sắc là trời Không vô biên, trời Thức vô biên, trời Vô sở hữu, trời Phi tưởng phi phi tưởng. Bốn loài này thuộc cõi Vô sắc.

Chư Tỳ-kheo, trong thế gian có bốn loại mây. Đó là mây trắng, mây đen, mây đỏ, mây vàng.

Chư Tỳ-kheo, trong bốn loại mây này, mây sắc trắng thì có nhiều địa giới, mây sắc đen thì có nhiều thủy giới, mây sắc đỏ thì có nhiều hỏa giới, mây sắc vàng thì có nhiều phong giới. Các ông nên biết như thế.

Chư Tỳ-kheo, thế gian lại có bốn loại đại thiên. Những gì là bốn? Đó là đại thiên Địa đa, đại thiên Thủy đa, đại thiên Hỏa đa, đại thiên Phong đa.

Chư Tỳ-kheo, đã từng có một thời, đại thần Địa đa khởi lên ác kiến, tâm tự nghĩ: "Ở trong địa giới, không có thủy, hỏa và phong giới."

Chư Tỳ-kheo, bấy giờ Ta đi đến bên đại thần Địa đa kia, bảo: "Ngươi quả thật có ác kiến rằng trong địa giới không có ba đại giới thủy, hỏa, phong phải chăng?" Vị thần kia trả lời với Ta: "Đúng vậy! Bạch Thế Tôn". Ta lại bảo: "Ngươi chớ khởi ác kiến như thế. Vì sao? Vì trong địa giới kia, thật có thủy, hỏa, phong giới, nhưng ở trong đó, địa giới nhiều hơn, vì vậy được gọi là địa giới".

Chư Tỳ-kheo, Ta có thể biết đại thần Địa đa kia khởi ý nghĩ như thế nên dứt trừ ác kiến ấy, khiến vị thần ấy hoan hỷ, ngay trong các

cấu, đắc pháp nhãn thanh tịnh, chứng quả ngộ đạo, không còn kiết hoặc, vượt qua nghi ngờ, không còn phiền não, không theo pháp khác, tùy thuận pháp hành, rồi thưa với Ta rằng: "Bạch Đại Đức Thế Tôn, nay con xin quy y Phật, Pháp, Thánh tăng. Bạch Đại Đức Thế Tôn, từ nay về sau, con sẽ phụng trì giới Ưu-bà-di cho đến mạng chung, không sát sanh, không trộm cắp và không làm điều phi pháp... cúi xin Phật Pháp Tăng hộ trì cho con được thanh tịnh".

Chư Tỳ-kheo, lại có một thời, thiên thần Thủy đại cũng nghĩ như thế, rồi sanh ác kiến: "Trong thủy giới, không có địa giới và hỏa, phong giới". Ta biết được ý nghĩ ấy, đi đến bên vị thủy thần kia hỏi: "Ngươi thật có nghĩ như vậy chăng?" Đáp: "Thật có nghĩ như vậy". Ta lại bảo: "Ngươi chớ khởi lên ác kiến như thế. Trong thủy giới kia, có cả địa, hỏa và phong giới..." cho đến thần hỏa, thần phong cũng vậy, đều có ác kiến này. Phật đã biết rồi, đều đến hỏi họ. Tất cả đều trả lời Phật: "Bạch Thế Tôn, đúng vậy". Phật khai mở ý tâm họ, tất cả đều được hiểu rõ, quy y Tam bảo; tùy thuận làm theo; giống như thiên thần Địa đa hết nghi ngờ, đến bên Ta... *nói lược như trên*...

Đó gọi là thiên thần bốn đại.

Chư Tỳ-kheo, thế gian có mây, từ đất bay lên trên hư không, hoặc có đám bay đến một câu-lô-xá thì dừng lại, hoặc hai, hoặc ba câu-lô-xá thì dừng lại, cho đến sáu, bảy câu-lô-xá thì dừng lại.

Chư Tỳ-kheo hoặc có đám mây bay lên hư không một do-tuần, hoặc hai, ba, bốn đến năm, sáu, bảy do-tuần thì dừng lại.

Chư Tỳ-kheo, hoặc có đám mây bay lên hư không một trăm do-tuần, cho đến hai, ba, bốn, năm, sáu, bảy, tám trăm do-tuần thì dừng và đứng yên. Hoặc có đám mây từ đất bay lên không cả ngàn do-tuần, hai, ba, bốn, năm, sáu, bảy ngàn do-tuần thì dừng lại, cho đến khi kiếp tận.

Chư Tỳ-kheo, hoặc có lúc ngoại đạo Ba-lợi-bà-la-xà-ca đi đến bên các thầy hỏi như thế này: "Này các Trưởng lão, có nhân duyên gì mà mây trong hư không có tiếng động?", thì này các Tỳ-kheo, các thầy nên trả lời thế này: "Có ba nhân duyên cùng xúc chạm nhau nên trong đám mây trên không có tiếng phát ra. Những gì là ba? Các Trưởng lão, hoặc có lúc phong giới trong mây cùng địa giới va chạm nhau nên tự nhiên phát ra tiếng. Vì sao? Thí như hai cành cây cọ xát nhau phát lửa. Này các Trưởng lão, cũng như vậy. Đây là nhân duyên thứ nhất phát ra tiếng. Lại nữa, này Trưởng lão, hoặc lại có lúc phong giới trong mây cùng với thủy giới va chạm nhau nên tự nhiên phát ra tiếng, cũng như

trên đã nói. Đây là nhân duyên thứ hai phát ra tiếng. Lại nữa, này Trưởng lão, hoặc lại có lúc phong giới trong mây cùng với hỏa giới va chạm nhau nên tự nhiên phát ra tiếng, *nói lược cho đến* thí như hai cây cọ xát nhau phát lửa. Đây là nhân duyên thứ ba phát ra tiếng". Chư Tỳ-kheo, nên trả lời như thế, và cũng nên phân biệt rộng rãi để biết như thế.

Chư Tỳ-kheo, hoặc có khi ngoại đạo Ba-lợi-bà-la-xà-ca đến bên các thầy hỏi thế này: "Này các Trưởng lão, do nhân duyên gì mà trong mây, trên hư không bỗng nhiên phát sanh ánh chớp?", thì này chư Tỳ-kheo, các thầy nên trả lời thế này: "Này các Trưởng lão, có hai nhân duyên trong mây từ trên hư không phát sanh ánh chớp. Những gì là hai? Một là luồng điện phương Đông tên là Vô hậu; phương Nam có luồng điện tên là Thuận lưu; phương Tây có luồng điện tên là Đọa quang minh; phương Bắc có luồng điện tên là Bách sanh thọ. Các Trưởng lão, lại có lúc, hoặc luồng điện Vô hậu ở phương Đông cùng luồng điện Đọa quang minh ở phương Tây, chạm nhau, dính nhau, cọ nhau, xát nhau, vì vậy nên từ trong đám mây trên hư không phát ra ánh sáng, gọi là ánh chớp. Đây là nhân duyên thứ nhất phát sanh ánh chớp. Lại nữa, các Trưởng lão, hoặc luồng điện thuận lưu ở phương Nam cùng với luồng điện Bách sanh thọ ở phương Bắc, chạm nhau, dính nhau, cọ nhau, xát nhau, vì vậy nên phát sanh ánh sáng. Giống như hai cây, gió thổi cọ nhau, tự nhiên phát lửa, rồi trở lại vị trí cũ. Đây là nhân duyên thứ hai phát sanh ánh chớp, từ trong đám mây có ánh sáng phát ra.

Chư Tỳ-kheo, ở trong hư không, có năm nhân duyên có khả năng ngăn cản mưa, khiến cho thấy đoán thời tiết chẳng lường biết được, càng thêm mê hoặc, như đoán chắc là sẽ mưa nhưng trời không mưa. Những gì là năm?

Chư Tỳ-kheo, hoặc có lúc, trên hư không mây ùn sấm động tạo ra tiếng ầm ầm vang rền, hoặc phát ra ánh chớp, hoặc có gió thổi khí lạnh đến, tất cả như thế đều là hiện tượng của mưa. Các người đoán xem và các nhà thiên văn đều quyết chắc là lúc này nhất định sẽ mưa. Bấy giờ vua A-tu-la La-hầu-la từ trong cung đi ra, dùng hai tay hốt đám mây có mưa kia ném xuống biển.

Chư Tỳ-kheo, đó là nhân duyên thứ nhất ngăn cản mưa, mà các nhà đoán thời tiết chẳng thấy, chẳng biết, tâm sanh nghi hoặc, vì cho rằng chắc chắn trời mưa nhưng lại không mưa.

Chư Tỳ-kheo, hoặc có lúc, trên hư không nổi mây, trong mây cũng

phát ra tiếng ầm ầm rền vang, cũng phát ánh chớp, cũng có gió thổi không khí lạnh đến. Khi ấy nhà thiên văn và các người đoán thời tiết, thấy hiện tượng này cho rằng lúc ấy, trời chắc chắn sẽ mưa. Bấy giờ sức tăng trưởng của hỏa giới phát sanh. Ngay trong lúc đó mây có mưa bị đốt tiêu. Đây là nhân duyên thứ hai ngăn cản mưa mà các nhà thiên văn không thấy, không biết, tâm sanh nghi hoặc, vì cho là trời nhất định mưa nhưng lại không mưa.

Chư Tỳ-kheo, hoặc có lúc, trong hư không nổi mây, cũng phát ra tiếng ầm ầm rền vang, cũng phát ra ánh chớp, lại cũng có gió thổi không khí lạnh đến. Khi ấy các nhà thiên văn và người đoán thời tiết thấy hiện tượng như thế đều cho là lúc ấy trời nhất định sẽ mưa. Nhưng vì sức tăng trưởng của phong giới phát sanh thổi mây kia trôi đến vùng sa mạc Ca-lăng-ca hoặc trôi đến vùng sa mạc Đàn-trà-ca, hoặc trôi đến vùng sa mạc Ma-đăng-già, hoặc trôi đến vùng đồng trống, hoặc trôi đến vùng sa mạc Ma-liên-na. Đây là nhân duyên thứ ba ngăn cản mưa mà các nhà thiên văn không thấy không biết, tâm sanh mê hoặc vì cho rằng trời chắc chắn mưa nhưng lại không mưa.

Chư Tỳ-kheo, lại có lúc trên hư không nổi mây, rồi trong mây ấy cũng phát ra tiếng ầm ầm vang rền, phát ra ánh chớp, thổi khí lạnh đến. Người đoán thời tiết cho là trời chắc chắn mưa. Nhưng các Thiên tử làm mưa có lúc chểnh mảng, do sự chểnh mảng ấy nên mây kia không mưa xuống đúng lúc; đã không đúng lúc nên mây tự tan. Đây là nhân duyên thứ tư ngăn cản mưa. Do vậy mà các nhà thiên văn tâm sanh mê hoặc, vì cho là chắc chắn mưa mà lại không mưa.

Chư Tỳ-kheo, lại có lúc trên không nổi mây, trời cũng phát ra tiếng ầm ầm rền vang, cũng phát ra ánh chớp, gió lạnh thổi tới. Những nhà thiên văn cho rằng chắc chắn sẽ mưa. Nhưng vì trong cõi Diêm-phù-đề này, có nhiều người không hành như pháp, tham đắm các dục, xan tham, tật đố, tà kiến trói buộc. Bọn họ vì làm ác, nên tập theo điều phi pháp, vì mê đắm dục, tham lam, tật đố, cạnh tranh nên trời không mưa.

Chư Tỳ-kheo, đây là nhân duyên thứ năm ngăn cản mưa mà người xem thiên văn và người đoán thời tiết không thấy không biết, tâm sanh mê hoặc, cho là trời chắc chắn mưa, nhưng lại không mưa.

Chư Tỳ-kheo, đó là năm nhân duyên ngăn cản trời mưa.

Trong ấy, có kệ rằng:

Hoa, pháp, sắc, thọ mạng
Y phục và buôn bán
Cưới gả, Tam-ma-đề
Đủ bốn món ăn uống.
Thực hành hai kỳ chay
Tên ba cõi trên dưới
Sắc mây và chư Thiên
Câu-lô-xá, sấm vang.

M

Phẩm 9: CHIẾN ĐẤU

Chư Tỳ-kheo, Ta nhớ thuở xưa, có hàng chư Thiên khi cùng với A-tu-la khởi sự đánh nhau, vua trời Đế-thích bảo trời Tam thập tam: "Chư Nhân giả, chư Thiên các ông nếu khi đánh nhau với A-tu-la thì nên trang bị và giữ gìn tốt vũ khí. Nếu chư Thiên thắng, A-tu-la bại thì các ông phải bắt sống vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la, dùng năm sợi dây trói lại, dẫn đến trước Thiện pháp đường là hội trường của chư Thiên, để đó". Trời Tam thập tam nghe Đế-thích ra lệnh, đều y lệnh phụng hành. Bấy giờ vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la cũng bảo với các A-tu-la: "Nếu chư Thiên cùng A-tu-la đánh nhau mà chư Thiên thua, thì phải bắt sống vua trời Đế-thích, dùng năm sợi dây trói lại, dẫn đến chỗ hội trường Thất đầu của A-tu-la, để đứng trước ta". Khi ấy, các A-tu-la cũng nhận lệnh thi hành.

Chư Tỳ-kheo, lúc ấy, vì vua trời Đế-thích đánh thắng nên bắt sống A-tu-la, dùng năm sợi dây trói lại, dẫn đến hội trường Thiện pháp đường của chư Thiên, để đứng trước Đế-thích. Ngay khi ấy vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la nghĩ thế này: "Cầu nguyện cho các A-tu-la đều được an lành. Ta nay chẳng dùng các A-tu-la nữa. Nay ta ở đây cùng ở một chỗ với chư Thiên Tam thập tam, đồng hưởng vui thú, rất là vừa ý". Ngay khi vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la khởi ý nghĩ này tức thì thấy thân mình, năm sợi dây đều mở. Các thú vui năm dục của chư Thiên đều hiện ra trước. Lại có lúc nghĩ như thế này: "Ta nay chẳng ở cùng trời Tam thập tam. Cầu cho chư Thiên đều được an lành. Ta sẽ trở về cung điện A-tu-la". Khi khởi nghĩ như thế, thân thể của ông liền bị năm dây trói trở lại, thú vui năm dục bỗng nhiên tiêu mất.

Chư Tỳ-kheo, vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la có sự trói buộc vi tế như thế. Sự trói buộc của các ma lại càng vi tế hơn. Vì sao? Chư Tỳ-kheo, khi tư duy tà vạy liền bị trói buộc, khi nhớ nghĩ chân chánh liền được giải thoát. Vì sao? Chư Tỳ-kheo, tư duy có ngã là tư duy tà, tư duy vô ngã cũng là tư duy tà. Cho đến tư duy ngã thường còn, ngã không thường còn, có sắc, không sắc, có tưởng, không tưởng, và chẳng phải có tưởng, chẳng phải không tưởng... đều là tư duy tà.

Chư Tỳ-kheo, tư duy tà ấy là ung nhọt, là ghẻ lở, giống như tên độc. Trong đó, nếu có bậc Thánh đa văn, người có trí tuệ thì biết đó là tư duy tà, như bệnh, như ghẻ lở, như ung nhọt, như mũi tên. Nghĩ như

thế rồi, buộc tâm vào việc nhớ nghĩ chân chánh, không theo tâm hành, khiến tâm không động, được nhiều lợi ích.

Chư Tỳ-kheo, nếu nghĩ có ngã tức là nghĩ tà, tức là hữu vi, tức là hý luận; nếu nghĩ không có ngã, cũng là hý luận... *cho đến* có sắc không sắc, có tưởng không tưởng, chẳng phải có tưởng, chẳng phải không tưởng đều là hý luận.

Chư Tỳ-kheo, đã có hý luận, đều là bệnh, như ung nhọt, như ghẻ lở, như tên độc. Trong đó, có bậc Thánh đa văn, người có trí tuệ biết hý luận này là tội lỗi rồi, ưa không hý luận, giữ tâm vắng lặng, tu hành nhiều hơn.

Chư Tỳ-kheo, Ta nhớ thuở xưa, có các Thiên vương cùng A-tu-la khi muốn đánh nhau, vua trời Đế-thích bảo với chư Thiên tam thập tam ở chung quanh như thế này: "Chư Nhân giả, các ông phải trang bị tốt cho tự thân bằng những vũ khí. Nay, các A-tu-la muốn đến đánh nhau. Nếu chư Thiên thắng thì nên bắt sống vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la, dùng năm sợi dây trói lại, dẫn đến trước Thiện pháp đường, nơi hội trường của chư Thiên, để gặp ta". Trời Tam thập tam vâng nhận lệnh Đế-thích, theo đó mà làm. Còn A-tu-la cũng ra lệnh như thế.

Chư Tỳ-kheo, đến khi đánh nhau thì chư Thiên thắng, liền dùng năm sợi dây trói A-tu-la, dẫn đến trước Thiện pháp đường.

Bấy giờ vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la đã bị năm sợi dây trói lại, ở trước Thiên chúng thấy vua Đế-thích đến, vào ngồi trong Thiện pháp đường, liền thốt ra lời ác, dùng đủ các lời hủy nhục mắng nhiếc Thiên chủ. Khi ấy có vị hộ vệ trời Đế-thích tên là Ma-đa-ly thấy A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la ở trước số đông dùng lời ác mắng nhiếc Thiên chủ, liền dùng kệ, tâu với Đế-thích:

Trời Đế-thích xấu hổ, sợ hãi
Vì không thế lực nên chịu nhịn
Nghe lời mắng nhiếc thô ác đó
Thảy đều nhận lãnh, không dám nói.

Bấy giờ Đế-thích dùng kệ đáp lời Ma-đa-ly:

Nhịn, không vì xấu hổ sợ hãi
Chẳng vì yếu thế trước Tu-la
Ai có mưu thần giống như ta
Sao lại hạ mình đồng vô trí.

Ma-đa-ly lại dùng kệ tâu Thiên chủ:

Nếu chẳng nghiêm khắc quở trách nặng
Kẻ ngu phấn chí lại làm già
Phải nên bẻ dẹp kẻ vô trí
Giống như sợ roi, trâu bỏ chạy.
Như nay thả nó được bình yên
Trở về chốn cũ lại tự cao
Vì vậy người trí phải ra uy
Biểu hiện sức mạnh trừ si ám.

Đế-thích lại dùng kệ đáp Ma-đa-ly:

Việc này từ lâu ta đã biết
Vì để chế phục bọn ngu si
Họ đem hiềm hận để chửi mắng
Ta nghe, chịu đựng tự chế tâm.

Ma-đa-ly lại dùng kệ tâu Đế-thích:

Thiên vương Đế-thích xin nghĩ kỹ
Nhẫn nhục như vậy là có hại
Kẻ ngu si kia mắng như thế
Tưởng khiếp sợ xấu hổ, không nói.

Đế-thích lại dùng kệ đáp Ma-đa-ly:

Bọn ngu si tùy theo tâm ý
Cho ta sợ họ nên làm thinh
Nếu muốn lợi thân cầu an lạc
Đối với họ phải nên nhẫn nhục
Theo ý ta khi thấy họ mắng.
Chẳng nên dùng sân đối chọi sân
Với người sân đáp trả lại sân
Chiến đấu như vậy khó thắng được.
Nếu bị kẻ ác gây bực tức
Có sức nhẫn được mới là khó
Nên biết nhẫn này là sức mạnh
Như vậy phải thời nên ngợi khen.
Hoặc ta hoặc người hễ khởi tâm
Đều cầu cứu vớt chỗ đáng sợ
Đã bị người sân mắng nhiếc ta
Chẳng nên oán ghét đối với họ
Đối với tự kỷ hoặc tha nhân

Cả hai như vậy nên làm lợi
Đã biết người sân mắng nhiếc ta
Thì khiến sân kia tự tiêu tan
Như thế hai bên, tâm lợi ích
Hoặc mình, hoặc người đều phải làm
Ý niệm người kia là ngu si
Đó là do họ không biết pháp
Nếu có các trượng phu đại lực
Thường vì vô lực mà nhẫn chịu
Nhẫn nhục như thế, người khen ngợi
Với người vô lực, nhẫn chẳng sân
Vì họ không có sức trí tuệ
Chỉ dùng ngu si làm sức mạnh
Vì ngu si nên xả bỏ pháp
Bọn người như thế không chánh hạnh
Tâm ngu si sanh, nghĩ thắng ta
Sân si mắng nhiếc thốt lời thô
Nhẫn được ác kia mới thường thắng
Nhẫn ấy tăng trưởng khó nói đủ
Cái thắng nói ra e chẳng hết
Với họ sợ oán cho nên nhẫn
Nghe người dưới chê mà nhẫn được
Nhẫn này được người trí ngợi khen.

Chư Tỳ-kheo, các thầy nên biết, Đế-thích khi ấy chính là Ta. Bấy giờ Ta làm vua cõi trời Tam thập tam, trị hóa tự tại, hưởng phước báo thù thắng, tự do hưởng lạc, luôn luôn nhẫn nhục, cũng khen ngợi nhẫn, thích hạnh nhu thuận, không có sân nhuế, luôn luôn khen ngợi người không sân nhuế.

Chư Tỳ-kheo, nay các thầy tự nói là đối với sự tu hành có tâm tín giải, bỏ tục xuất gia siêng năng không lười. Các thầy nếu đối với chúng sanh khác có thể hành nhẫn nhục, khen ngợi nhẫn nhục, nhu thuận từ bi, thường hành an lạc, diệt trừ sân nhuế, khen người không sân. Chư Tỳ-kheo, các thầy nên học như thế.

Chư Tỳ-kheo, Ta nhớ thuở xưa, chúng chư Thiên và A-tu-la chuẩn bị binh trượng, muốn đánh nhau. Bấy giờ Đế-thích bảo với Thiên chúng: "Chư Nhân giả, nếu A-tu-la cùng chư Thiên chiến đấu mà chư Thiên đắc thắng thì các ngươi có thể dùng năm sợi dây trói họ lại, *như*

trên đã nói..." Chư Thiên vâng lệnh. Vua A-tu-la cũng ra lệnh cho binh lính.

Chư Tỳ-kheo, khi đánh nhau, A-tu-la thắng. Vua trời Đế-thích địch không nổi, sợ hãi chạy về. Khi ấy xe vua cưỡi chạy về là chiếc xe ngàn căm dễ điều khiển, muốn hướng thẳng đến Thiên cung. Bấy giờ có một cây tên là Cư-tra Xà-ma-lê chắn ngang, trên cây có Kim sí điểu vương, trong ổ chim có các trứng. Đế-thích thấy vậy, bảo với người đánh xe Ma-đa-ly:

Ma-đa-ly, trên cây có trứng
Hãy quay xe này lại cho ta
Thà bị Tu-la làm mất mạng
Chớ đừng phá hủy các tổ chim.

Khi ấy Ma-đa-ly, người đánh xe giỏi, nghe vua trời Đế-thích ra lệnh như vậy rồi, liền cho chiếc xe ngàn căm dễ điều khiển quay lại theo con đường hướng đến cung A-tu-la.

Chư Tỳ-kheo, các A-tu-la, lúc bấy giờ thấy xe Đế-thích bỗng nhiên quay lại, cho rằng Đế-thích có kế sách chiến đấu đặc biệt, nên trở lại muốn đánh nhau. A-tu-la bèn thối lui, ai về cung nấy.

Lúc đó do Đế-thích dùng lòng từ, nên chư Thiên lại thắng, A-tu-la bại.

Chư Tỳ-kheo muốn biết trời Đế-thích bấy giờ chăng? Nay là thân Ta đó.

Chư Tỳ-kheo, lúc ấy Ta làm chủ cõi trời, lãnh đạo trời Tam thập tam, trị hóa tự tại, hưởng phước báo tốt đẹp, vẫn thương yêu tất cả chúng sanh, vì thọ mạng của họ mà làm điều lợi ích, khởi tâm từ bi. Tỳ-kheo các thầy vì lòng tin mà bỏ nhà, nên làm lợi ích cho tất cả chúng sanh.

Chư Tỳ-kheo, Ta nhớ thuở xưa, khi chư Thiên và A-tu-la sắp đánh nhau, bấy giờ, Đế-thích bảo với vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la rằng: "Này Nhân giả, chúng ta hãy ngưng dùng các loại vũ khí. Trong chúng chư Thiên và A-tu-la đều có người có trí tuệ. Quý vị đều biết chúng tôi là thiện hay ác. Hãy nói về các nghĩa pháp. Ai dùng lời thiện dài hơn sẽ thắng."

Khi ấy chư Thiên và A-tu-la nhường nhau nói trước. Vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la liền hướng đến trời Đế-thích nói trước với bài kệ:

Kẻ ngu si quá mức

Quyết phải quở trách nặng
Bẻ, dẹp kẻ vô trí
Như trâu sợ roi, chạy
Ngu si không có ưa
Khó chế phục tại chỗ
Vì vậy dùng roi vọt
Mau dứt trừ mạn si.

Bấy giờ vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la hướng đến trời Đế-thích nói kệ ấy xong, A-tu-la quyến thuộc đều rất vui mừng, khen ngợi phấn khởi. Đế-thích, chư Thiên và quyến thuộc đều im lặng. Khi ấy, vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la bảo Đế-thích: "Đại thiên vương, ngài hãy nói kệ đi" Bấy giờ Thiên chủ hướng đến A-tu-la nói kệ:

Ta thấy rõ việc này
Không muốn đồng người si
Kẻ ngu tự khởi sân
Người trí ai tranh cùng!

Bấy giờ vua trời Đế-thích thuyết kệ ấy xong, trời Tam thập tam và quyến thuộc đều rất khen ngợi, nhảy nhót vui mừng. Các A-tu-la quyến thuộc đều im lặng. Khi ấy Đế-thích bảo vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la: "Nhân giả, hãy nói lên lời lành". A-tu-la liền hướng đến Thiên chủ nói kệ:

Im lặng, ý nhẫn nhục
Đế-thích, Ta cũng biết
Người ngu si khi thắng
Nói ta sợ nên nhẫn.

Bấy giờ vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la nói kệ xong, các A-tu-la và quyến thuộc đều nhảy nhót, vui mừng, khen ngợi. Đế-thích, chư Thiên và quyến thuộc đều im lặng. Khi ấy A-tu-la bảo Đế-thích: "Nhân giả, Thiên chủ hãy nói lời thiện pháp như thế".

Bấy giờ vua trời Đế-thích hướng đến chúng A-tu-la nói kệ rằng:

Người ngu theo ý mình
Bảo nhẫn là sợ sệt
Cho đây cầu tư lợi
Người kia chẳng ích gì.
Ta cho kia làm ác
Chẳng nên sân đối sân

Với sân, nên làm thinh
Đánh vậy mới thường thắng
Nếu bị người xúc não
Người có sức nhẫn được
Nên biết nhẫn như thế
Đứng trên các hạnh nhẫn
Không kể mình hay người
Cầu lìa chỗ sợ hãi
Nếu biết người giận mình
Đối họ, chẳng sanh ghét
Hai bên đều lợi ích
Cho mình và cả người
Người sân ghét mắng nhiếc
Mình sân tự tiêu diệt
Hai bên đều lợi ích
Cho mình và cả người
Ý người nghĩ ngu si
Là do chẳng biết pháp
Nếu người có sức mạnh
Nhẫn kẻ không có sức
Nhẫn này là tối thắng
Các nhẫn khác không bằng
Kẻ kia không trí tuệ
Chỉ có sức ngu si
Vì ngu si bỏ pháp
Tự nhiên mất chánh hạnh
Ngu si tự khoe thắng
Sân nhuế phát lời ác
Nhẫn được nhục mạ này
Người ấy thường thắng lợi.
Nghe trên áp đảo, nhẫn vì sợ
Ngang nhau mà nhẫn, vì sợ oán
Kẻ dưới mắng nhiếc mà nhẫn được
Nhẫn này người trí đều khen ngợi.

Bấy giờ vua trời Đế-thích nói kệ xong, trời Tam thập tam và quyến thuộc vui mừng khen ngợi, phấn khởi vô cùng. Còn chúng A-tu-la đều im lặng. Khi ấy, các trời trí tuệ trong hàng chư Thiên, và các A-tu-la trí tuệ

trong hàng A-tu-la đều tập trung lại một chỗ, cùng bàn luận lượng định những bài kệ đó, suy tư tường tận, quán sát kỹ lưỡng và cùng khen ngợi, bèn nói thế này: "Thưa chư Nhân giả, nay trời Đế-thích khéo sử dụng ngôn từ, chỉ dùng chúng trị hóa, tất cả đều không có đao gậy, roi vọt, cũng không tranh cãi, đánh đấm, hủy nhục, oán thù, cũng không kiện cáo và mong cầu báo trả. Lại ở trong sinh tử, có họa hoạn đáng chán cầu xa lìa dục vì sự tịch diệt, vì sự tĩnh lặng, vì đắc thần thông, vì đắc Sa-môn, thành tựu Chánh giác, vì đắc Niết-bàn. Chư Nhân giả, kệ mà vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la nói ra không có thứ ngôn ngữ vi diệu tốt đẹp như vậy mà những lời ấy tất cả chỉ có đao gậy, roi vọt, đánh đấm, cãi vã, hủy nhục, tranh tụng oán thù, cầu có sự báo trả, trưởng dưỡng sanh tử, không chán họa hoạn, tham trước các dục, không cầu hạnh tĩnh lặng tịch diệt, chẳng mong thần thông và quả Sa-môn, chẳng mong Chánh giác và Niết-bàn. Chư Nhân giả, kệ mà vua trời Đế-thích đã nói gọi là khéo nói. Còn kệ mà vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la nói chẳng phải khéo nói. Chư Nhân giả, kệ mà Thiên chủ Đế-thích đã nói là khéo nói, khéo nói. Còn kệ mà vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la đã nói chẳng phải khéo nói, chẳng phải khéo nói".

Chư Tỳ-kheo, các thầy nên biết, Đế-thích khi đó tức là thân Ta.

Chư Tỳ-kheo, có khi Ta làm vua trời Đao-lợi, trị hóa tự tại, thọ hưởng phước lạc, vẫn nói lời tốt đẹp để làm vũ khí chiến đấu. Do lời nói tốt đẹp nên chiến đấu thắng lợi. Giống như Tỳ-kheo các thầy hôm nay, đối với giáo pháp mà Ta đã khéo nói, tịnh tâm lìa tục, bỏ nhà xuất gia, có hạnh tinh tấn. Các thầy nếu tìm cầu lời thiện lời ác trong chánh pháp, muốn nắm lấy ý nghĩa thì nên biết như thế.

Chư Tỳ-kheo, Ta nhớ thuở xưa, khi chư Thiên và A-tu-la cùng đánh nhau. Vua trời Đế-thích đánh thắng, đuổi A-tu-la, rồi tạo lập một thắng điện, Đông – Tây ngang dọc năm trăm do-tuần, Nam – Bắc ngang dọc hai trăm năm chục do-tuần.

Chư Tỳ-kheo, bên ngoài thắng điện ấy, có một trăm nơi phòng ngự; trong mỗi nơi phòng ngự ấy lại có bảy lầu gác, đều do bảy báu tạo thành. Trong mỗi lầu gác đều thiết trí bảy phòng; trong mỗi phòng đặt bảy cái giường; trên mỗi giường có bảy ngọc nữ; mỗi ngọc nữ lại có bảy người hầu gái. Thiên vương Đế-thích và các ngọc nữ hầu cận chẳng làm gì. Đồ ăn uống, các thứ cần dùng như hương hoa, y phục, trang sức, tất cả nhạc cụ đều tùy theo quả báo của nghiệp đời trước mà thọ hưởng.

Chư Tỳ-kheo, các Thiên cung trong cõi Tam thiên đại thiên thế

giới không có cái nào sánh bằng thắng điện ấy của vua trời Đế-thích.

Bấy giờ vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la nghĩ như thế này: "Ta có thần đức oai lực như thế, mặt trời, mặt trăng và trời Tam thập tam tuy vận hành ở trên ta, nhưng sức ta có thể nắm lấy, làm vòng đeo tai đi khắp các nơi". Đã có một thời vua A-tu-la La-hầu-la trong lòng giận dữ, chứa đầy phiền não độc hại, tâm ý chẳng vui, liền nghĩ đến vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la. Bấy giờ vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la nghĩ thế này: "Vua A-tu-la La-hầu-la đang nghĩ đến ta" và tự nghĩ đến các tiểu vương A-tu-la và các quyến thuộc dưới sự thống lãnh của mình. Khi ấy các tiểu vương và các A-tu-la biết vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la nghĩ đến mình, liền trang bị các loại binh khí, dẫn đến bên vua. Đến nơi, tất cả đều dừng lại ở trước. Bấy giờ vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la, mặc áo giáp cầm gậy lên xe cùng với các tiểu vương và các quân binh vây quanh, kéo đến bên A-tu-la La-hầu-la; đến nơi dừng lại. Bấy giờ vua A-tu-la La-hầu-la lại nghĩ đến hai vua A-tu-la là Dũng Dược và Huyễn Hóa. Khi ấy hai vị ấy biết vua kia nghĩ đến mình, lại nghĩ như vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la đã nghĩ. Các tiểu vương và thuộc hạ biết rồi, ai cũng trang bị vũ khí, đi đến bên vua. Đến rồi, lại kéo đến bên vua A-tu-la La-hầu-la. Bấy giờ vua A-tu-la La-hầu-la tự trang bị các loại binh khí cùng với ba vua A-tu-la là Tỳ-ma-chất-đa-la, Dũng Dược và Huyễn Hóa, và các tiểu vương cùng quyến thuộc của ba vua, sau trước vây quanh, từ thành A-tu-la, dẫn nhau ra đi, muốn cùng chư Thiên Đao-lợi đánh nhau.

Bấy giờ hai Đại long vương là Nan-đà và Ưu-ba-nan-đà ra khỏi cung, dùng thân quấn quanh núi Tu-di-lưu bảy vòng, làm núi rung động; động rồi động nữa, động lớn, động khắp; rung rồi lại rung, rung lớn, rung khắp; phun rồi lại phun, phun lớn, phun khắp, dùng đuôi đập xuống biển, làm cho một khối nước vọt lên đến đỉnh núi Tu-di-lưu.

Chư Tỳ-kheo, bấy giờ, Thiên chủ Đế-thích suy nghĩ rồi, bảo với Thiên chúng: "Các vị Nhân giả, có thấy đại địa này rung động chăng? Không trung mây đen kịt như mây có mưa, lại giống sương mù, biết chắc là A-tu-la muốn cùng chư Thiên đánh nhau". Khi ấy, các Rồng ở trong biển đều cầm đủ loại binh khí ra khỏi cung, hướng đến trước A-tu-la, cùng A-tu-la đánh nhau. Nếu thắng thì đuổi chúng lui về cung. Còn chẳng thắng thì sợ hãi chạy lui đến bên Dạ-xoa Địa Cư. Đến nơi, nói rằng: "Quý vị nên biết, các A-tu-la muốn giao đấu với chư Thiên. Nay quý vị có thể cùng chúng tôi trợ lực đánh phá". Dạ-xoa nghe rồi, chuẩn

bị giáp trượng, hiệp lực rồng đi đánh. Giả sử thắng thì truy đuổi; còn không thắng thì lui, sợ hãi bỏ chạy đến chỗ Dạ-xoa Bát Túc. Đến nơi, nói rằng: "Dạ-xoa Bát Túc, quý vị có biết không? Các A-tu-la muốn đánh chư Thiên. Qúi vị nên đến cùng chúng tôi trợ lực để đánh chúng". Bát Túc nghe xong, trang bị, cầm trượng, dẫn nhau đi... *cho đến* thua chạy... đến nói với các Dạ-xoa Trì Man... *như trước*... không thắng nổi chạy lui, đến nơi với Dạ-xoa Thường Túy. Thường Túy nghe xong, lại trang bị gậy gộc cùng Trì Man... cùng hiệp lực chiến đấu. Nếu thắng được thì đuổi A-tu-la về cung; còn thất bại thì sợ hãi chạy lui, đi đến bên Tứ đại thiên vương. Đến nơi, tâu với Tứ đại thiên vương rằng: Tâu Tứ thiên vương, quý ngài nên biết! Các A-tu-la nay muốn đến cùng chư Thiên giao đấu. Các ngài nên cùng chúng tôi trợ lực đánh họ khiến cho tan tác". Tứ thiên vương nghe Thường túy nói, liền trang bị, cầm các loại binh khí, cưỡi xe ra đi... *cho đến* thua chạy, không thể hàng phục. Khi ấy Tứ thiên vương liền đến hội trường Thiện pháp đường của chư Thiên, tâu trình với Đế-thích thế này: "Thiên vương nên biết, các A-tu-la nay đã tụ tập muốn cùng chư Thiên giao chiến. Cần phải đến đó đánh chúng". Khi ấy trời Đế-thích nghe Tứ thiên vương nói vậy rồi, chấp thuận, bèn gọi một vị trời tên Ma-na-bà bảo: "Thiên tử, hãy đến đây! Nay ngươi đi đến các Thiên vương Dạ-ma, sang Đâu-suất-đà, Hóa lạc, Tha hóa tự tại...; đến nơi rồi, thay lời ta tâu rằng: "Chư Thiên quý ngài, chắc quí ngài đã biết, các A-tu-la muốn đánh chư Thiên. Quý ngài nên trợ giúp chúng tôi, cùng chúng tôi đến đánh A-tu-la". Khi ấy Ma-na-bà nghe lời Đế-thích rồi, liền đến các trời Dạ-ma... tâu trình đầy đủ sự việc. Bấy giờ Thiên vương Dạ-ma nghe Thiên sứ Ma-na-bà của Đế-thích nói xong, trong lòng liền nghĩ đến chúng chư Thiên Dạ-ma. Khi ấy, Thiên chúng biết Thiên vương nghĩ đến mình rồi, họ liền mang các loại áo giáp, binh khí, cưỡi lên các loại xe trời sẵn có, cùng đi đến chỗ Thiên vương. Đến nơi, tất cả đều dừng lại ở trước. Khi ấy Thiên vương Dạ-ma thân mang các thứ áo giáp cõi trời, tay cầm binh khí báu cùng vô lượng trăm ngàn vạn các Thiên tử vây quanh nhắm đến phía Đông đỉnh núi chúa Tu-di-lưu hạ xuống, dựng cờ "nan hàng" thuần một màu xanh trên ngọn núi. Bấy giờ Thiên sứ Ma-na-bà lại đi đến chỗ Thiên vương Đâu-suất-đà. Đến nơi, tâu với Thiên vương Đâu-suất-đà thế này: "Xin ngài biết cho, Thiên vương Đế-thích có lời tâu bày rằng: "Bọn A-tu-la muốn đánh chư Thiên. Xin ngài đến hỗ trợ chúng tôi đến đó ra sức chiến đấu". Thiên vương Đâu-suất-đà nghe rồi, liền nghĩ đến các chúng Thiên tử. Họ biết rồi đều đến hết, tụ tập bên Đại

thiên vương Đâu-suất-đà. Đến nơi, liền chuẩn bị, cầm binh khí, cưỡi các thứ xe, cùng vây quanh, hạ xuống ở phía Nam núi chúa Tu-di-lưu, với vô lượng trăm nghìn vạn chúng tụ hội, dựng cờ "nan hàng" màu vàng ở trên ngọn núi. Bấy giờ Thiên sứ Ma-na-bà lại đến Thiên vương Hóa lạc tâu rằng: "Tâu Thiên vương Hóa lạc, xin ngài biết cho, vua Đế-thích có lời thế này: "Bọn A-tu-la muốn đánh chư Thiên"... *tâu trình như trước... cho đến* Thiên vương ấy cùng với vô lượng số trăm ngàn vạn chư Thiên tử đến, ai cũng trang bị áo giáp, cưỡi đủ các loại xe, xuống đến phía Tây núi Tu-di-lưu, dựng cờ "nan hàng" màu đỏ, ở trên ngọn núi. Cũng như thế, lên tâu với chư Thiên tử Tha hóa tự tại... *tất cả đều như trên*... Khi ấy Thiên chúng trang bị cầm binh khí, gấp đôi trời Hóa lạc, cùng vô lượng trăm Thiên tử, vô lượng ngàn Thiên tử, vô lượng trăm ngàn Thiên tử vây quanh, hạ xuống phía Bắc núi chúa Tu-di-lưu, dựng cờ "nan hàng" màu trắng ở trên ngọn núi.

Bấy giờ Đế-thích thấy chư Thiên đã vân tập đông đủ, tâm nghĩ đến các Dạ-xoa trên không trung. Khi ấy chúng Dạ-xoa trên hư không đều nói: "Thiên vương Đế-thích đã nghĩ đến chúng ta". Biết như vậy rồi, họ liền bảo nhau mặc giáp, cầm trượng, trang bị đầy đủ; đã trang bị rồi, cưỡi lên các thứ xe, đi đến trước trời Đế-thích, đứng sang một bên. Khi ấy trời Đế-thích lại nghĩ đến các Tiểu thiên vương và quyến thuộc trời Tam thập tam. Khi biết như vậy rồi, tất cả đều mặc giáp, trang bị vũ khí, cưỡi các loại xe đến trước Thiên vương. Khi ấy Đế-thích tự mặc các loại áo giáp và cầm binh khí, cưỡi các thứ xe, cùng Dạ-xoa trên không và các tiểu vương Tam thập tam thiên, sau trước vây quanh, ra khỏi thiên cung cùng A-tu-la đánh nhau.

Chư Tỳ-kheo, bấy giờ, khi chư Thiên cùng A-tu-la đánh nhau, có những loại vũ khí màu sắc như thế này, đó là đao, tên, giáo, côn, vồ, chày, tên nhọn kim cang, tên diện, tên tạc, tên thốc, tên độc xỉ, tên ca-lăng-già diệp thốc, tên vi tế thốc, tên nỗ, những vũ khí như thế nhiều màu đẹp đẽ, do bảy báu tạo thành, đó là vàng, bạc, lưu ly, pha lê, hồng ngọc, xa cừ, mã não... dùng những cây trượng ấy, từ xa phóng đến thân A-tu-la, không dính, không hại, lơ lững lướt qua thân bọn chúng, lại cũng chẳng thấy thương tích, chỉ có xúc chạm vào là chịu thống khổ.

Chư Tỳ-kheo, khí giới mà A-tu-la có trong khi cùng trời đánh nhau, sắc loại cũng tương tợ, cùng một loại bảy báu tạo thành, khi dính phải, lướt qua cũng không có dấu vết, chỉ do nhân duyên xúc chạm là chịu thống khổ.

Chư Tỳ-kheo, chư Thiên cõi Dục khi cùng với A-tu-la đánh nhau, còn có các loại vũ khí màu sắc như thế, huống là bọn người thế gian.

❑

KHỞI THẾ NHÂN BỔN

QUYỂN IX

Phẩm 10: KIẾP TRỤ

Chư Tỳ-kheo, thế gian có ba loại trung kiếp. Những gì là ba? Một là trung kiếp đao trượng, hai là trung kiếp cơ cẩn, ba là trung kiếp tật dịch. Thế nào gọi là trung kiếp đao trượng?

Chư Tỳ-kheo, trung kiếp đao trượng là con người thời ấy, không có chánh hạnh, chẳng nói như pháp, tà kiến điên đảo, làm đủ mười nghiệp bất thiện. Chúng sanh khi ấy chỉ thọ mười tuổi.

Chư Tỳ-kheo, khi con người thọ mười tuổi thì con gái sanh ra năm tháng đã lấy chồng, giống như ngày nay mười lăm tuổi đã lấy chồng. Chất đất ngày nay có tô du, sanh tô, đường tảng, đường cát, gạo thơm. Nhưng đến thời ấy, tất cả đều tiêu mất, chẳng sanh ra nữa. Khi con người thọ mười tuổi, dùng toàn loại lông thô của loài dê đen làm y phục, giống như loại áo Ca-thi-ca-kiều-xà-da, áo Sô-ma-tăng, áo Độ-cứu-la, áo Câu-lộ-ma-ta, áo Kiếp bối, áo Cam-bà-la bảo ngày nay, rất đẹp đẽ. Loại áo lông thô đó, cũng giống như vậy. Vào lúc ấy, con người chỉ ăn hạt cỏ, giống như gạo thơm ngày nay. Lại được cha mẹ thương yêu chỉ nguyện được mười tuổi, cho đó là thượng thọ. Như con người thời nay mong sống một trăm tuổi.

Chư Tỳ-kheo, lúc con người thọ mười tuổi, có chúng sanh bất hiếu cha mẹ, không kính Sa-môn và Bà-la-môn, chẳng kính bậc Trưởng thượng. Nhưng những bậc này cũng được người khác cúng dường, khen ngợi, tôn trọng, giống như danh dự của người tu hành giáo pháp ngày nay không khác. Vì sao? Vì nghiệp của họ là như vậy.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, lúc con người thọ mười tuổi, không có tên thiện, cũng không có người tu hành mười điều thiện, phần nhiều, hầu

hết đều làm điều ác. Chúng sanh thấy nhau, ai cũng sanh tâm giết hại, không còn lòng thương yêu, giống như thợ săn ngày nay ở trên núi, hoặc đầm vắng thấy các loài cầm thú chỉ khởi tâm giết hại.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, ở vào thời ấy, đồ trang sức Anh lạc đeo trên thân người đều là đao trượng, giống như tràng hoa, bông tai, vòng cổ, xuyến, nhẫn, trâm trang điểm trên thân ngày nay, cùng loại không khác.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, vào thời ấy, trung kiếp sắp hết, trong vòng bảy ngày, tay chạm vào bất cứ vật gì, hoặc cỏ, hoặc cây, đất cục, ngói, đá, tất cả vật ấy đều biến thành đao trượng, mũi rất bén nhọn, hơn người chế tạo. Trong vòng bảy ngày, mọi người giành lấy để giết hại nhau. Tất cả đều tàn sát nhau, khi mạng chung đều rơi vào các đường ác, chịu khổ địa ngục. Vì sao? Vì họ đối với nhau sanh tâm sát hại, tâm ô trược, tâm ác, tâm không lợi ích, tâm không từ bi, tâm không trong sạch. Chư Tỳ-kheo, như vậy gọi là trung kiếp đao trượng.

Chư Tỳ-kheo, thế nào gọi là trung kiếp cơ cẩn (đói khát)?

Chư Tỳ-kheo, vào thời kỳ trung kiếp đói khát, mọi người đều không có pháp tu hành, tà kiến, điên đảo, làm đủ mười nghiệp bất thiện. Vì vậy, trời không mưa. Vì không có mưa nên đời đói khát, không có hạt giống, nhặt xương để sinh sống; lấy vỏ cây nuôi mạng.

Thế nào gọi là nhặt xương để sinh sống?

Chư Tỳ-kheo, lúc đói khát, mọi người, hoặc ra ngã tư đường, hoặc đường hẻm, thành quách, khắp các đạo lộ, thâu nhặt xương người, đổ nước đun sôi, lấy nước mà uống để nuôi sống. Vì vậy gọi là nhặt xương để sinh sống. Thế nào gọi là bóc vỏ nuôi mạng?

Chư Tỳ-kheo, vào thời kỳ đói khát, mọi người vì quá đói nên bóc lấy vỏ cây, đổ nước đun sôi mà uống để nuôi mạng. Vì vậy gọi là bóc vỏ nuôi mạng.

Chư Tỳ-kheo, chúng sanh khi ấy bị đói khát chết rồi đều sanh vào các đường ác, hoặc đọa vào trong chốn Diêm-la, gọi là ngạ quỷ, vì bọn họ xan tham tật đố, sợ các vật hết, giành nhau cất giấu. Chư Tỳ-kheo, vì vậy cho nên gọi là trung kiếp đói khát.

Chư Tỳ-kheo, thế nào gọi là trung kiếp dịch bệnh?

Chư Tỳ-kheo, con người khi ấy cũng muốn thực hành pháp, muốn nói như pháp, cũng muốn thực hiện sự hiểu biết không điên đảo, muốn thực hành đầy đủ mười điều thiện. Nhưng vào thời ấy, các người làm

như pháp vì quá khứ không làm mười nghiệp thiện để vượt thắng quả báo nên đến nổi khiến loài phi nhân phóng, xả khí tai ương, dịch bệnh hoành hành. Lúc đó có nhiều người mạng chung.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, trong thời kỳ dịch bệnh, lại có loài phi nhân ở thế giới khác đến nơi này gây dịch bệnh. Vì sao? Vì họ phóng dật, làm việc phóng dật, cũng lại tiếp xúc với điều ác cho nên tâm họ bị não loạn, họ bị đoạt mất oai lực. Trong đó, có nhiều người phước mỏng, bị bệnh mạng chung. Thí như quốc vương, hoặc đại thần của vua giữ gìn thần dân, ở địa đầu đất nước, bố trí quân lính tuần canh. Bấy giờ phương khác có đạo tặc đến, vì lính tuần canh không cẩn thận, vì chểnh mảng nên bị giặc cướp nhất thời chém giết, hoặc phá nhà cửa, hoặc hủy thôn xóm, hoặc phá làng mạc, hoặc hủy quốc thành. Cũng giống như vậy, con người lúc ấy phóng dật nên phi nhân phương khác đến gây dịch bệnh, mạng chung hết cả, cũng lại như vậy. Lại nữa, vào lúc ấy, phi nhân phương khác khi đến gây dịch bệnh, tuy các chúng sanh không hành phóng dật nhưng loài quỷ ấy quá mạnh, cưỡng hại bức bách, cho họ tiếp xúc cái xấu ác, làm tâm họ bấn loạn, đoạt mất oai lực; trong đó có nhiều người ngộ bệnh mạng chung. Thí như nhà vua hoặc đại thần của vua vì để bảo vệ các tụ lạc nên bố trí, trấn giữ. Trong khi đó, giặc cướp phương khác đến xâm phạm quấy nhiễu. Tuy sự trấn giữ không chểnh mảng, phòng hộ cẩn trọng nhưng giặc kia quá mạnh, cưỡng hại bức bách, người ở đó cùng lúc bị giết hại, hoặc bị phá hủy nhà cửa thôn xóm làng mạc... *nói lược như trên*, cũng như thế.

Chư Tỳ-kheo, ở trong kiếp dịch bệnh, con người ngộ bệnh, đau đớn mạng chung cũng như vậy. Sau khi mạng chung, họ đều được sanh lên các cõi trời. Vì sao? Vì họ không có tâm hại nhau, tâm không loạn động, tâm có lợi ích, tâm từ, tâm tịnh; khi sắp mạng chung họ hỏi thăm nhau: "Bệnh của bạn có thể chịu đựng chăng? Ít bị tổn hại chứ? Có ai thoát chăng? Có ai khỏi chăng? Có ai bị bệnh gì khác chăng?" Chư Tỳ-kheo, do ý nghĩa đó, họ được sanh lên cõi trời. Vì vậy gọi là trung kiếp dịch bệnh.

Chư Tỳ-kheo, đó là ba thứ trung kiếp của thế gian.

M

PHẨM 11: TRỤ THẾ

Chư Tỳ-kheo, trong thế gian, có bốn cái vô lượng chẳng thể lường được, chẳng thể cân được, chẳng thể nghĩ bàn được. Hoặc trời, hoặc người, những vị toán số trong đời, muốn nắm được số lượng ấy là bao nhiêu năm, bao nhiêu trăm năm, bao nhiêu ngàn năm, bao nhiêu trăm ngàn năm, bao nhiêu ức năm, bao nhiêu trăm ức năm, bao nhiêu ngàn ức năm, bao nhiêu trăm ngàn ức năm, cũng không bao giờ được. Bốn điều ấy là gì

Chư Tỳ-kheo, đó là sự tồn tại của thế giới. Điều này chẳng thể tính toán mà biết được là bao nhiêu năm, bao nhiêu trăm năm, bao nhiêu ngàn năm, bao nhiêu trăm ngàn năm, bao nhiêu ức năm, bao nhiêu trăm ức năm, bao nhiêu ngàn ức năm, bao nhiêu trăm ngàn ức năm.

Chư Tỳ-kheo, sự hoại diệt của thế giới sau khi tồn tại cũng chẳng thể tính đếm mà biết được là bao nhiêu năm, bao nhiêu trăm năm, bao nhiêu ngàn năm, bao nhiêu trăm ngàn năm, bao nhiêu ức năm, bao nhiêu trăm ức năm, bao nhiêu ngàn ức năm, bao nhiêu trăm ngàn ức năm.

Chư Tỳ-kheo, sự hình thành của thế giới sau khi hoại diệt, điều này cũng chẳng thể tính toán mà biết được là bao nhiêu năm, bao nhiêu trăm năm, bao nhiêu ngàn năm, bao nhiêu trăm ngàn năm, bao nhiêu ức năm, bao nhiêu trăm ức năm, bao nhiêu ngàn ức năm, bao nhiêu trăm ngàn ức năm.

Chư Tỳ-kheo, thế giới tồn tại sau khi hình thành, điều này cũng chẳng thể tính đếm mà biết được là bao nhiêu năm, bao nhiêu trăm năm, bao nhiêu trăm ngàn năm, bao nhiêu ức năm, bao nhiêu trăm ức năm, bao nhiêu ngàn ức năm, bao nhiêu trăm ngàn ức năm.

Chư Tỳ-kheo, đây gọi là bốn thứ vô lượng, chẳng thể lường được, chẳng thể cân được, chẳng thể nghĩ bàn được, chẳng thể tính đếm được, hoặc trời hoặc người, không có ai tính đếm mà có thể biết được là bao nhiêu trăm ngàn vạn năm, bao nhiêu trăm ngàn vạn ức năm.

Chư Tỳ-kheo, ở phương Đông cõi này, có các thế giới chuyển biến trụ và hoại, không có thời gian ngừng nghỉ; hoặc có thế giới chuyển thành, chuyển trụ, chuyển hoại.

Chư Tỳ-kheo, phương Nam, Tây Bắc, việc chuyển thành, chuyển trụ, chuyển hoại, cũng lại như vậy.

Chư Tỳ-kheo, thí như bánh xe có năm bộ phận, trừ trục ra, xoay chuyển không ngừng, không có thời gian tạm nghỉ, *nói lược như trên*. Lại như cơn mưa mùa hạ, hạt mưa to, nối nhau rơi xuống không có gián đoạn. Cũng như phương Đông, sự chuyển thành, trụ, hoại của các phương Nam, Tây, Bắc không có lúc dừng nghỉ, cũng lại như thế.

Chư Tỳ-kheo, ở trong khoảng thời gian ấy, lại có ba tai họa. Ba họa ấy là gì? Một là tai họa về lửa, hai là tai họa về nước, ba là tai họa về gió. Trong thời gian bị tai họa về lửa, chư Thiên Quang âm khỏi bị tai họa ấy; thời kỳ tai họa về nước, chư Thiên Biến tịnh khỏi bị tai họa ấy. Thời kỳ tai họa về gió, chư Thiên Quảng quả khỏi bị tai họa ấy.

Thế nào là tai họa về lửa? Chư Tỳ-kheo, thời kỳ tai họa về lửa, các chúng sanh có làm việc lành, nói năng như pháp, thành tựu chánh kiến không có điên đảo, thực hiện đầy đủ mười nghiệp thiện, đắc tầng thiền thứ hai Vô giác quán mà không dụng công tu, tự nhiên chứng đắc. Bấy giờ bọn chúng sanh ấy dùng sức thần thông, trụ trên hư không, trụ các cõi tiên, trụ các cõi trời, trụ cõi phạm hạnh. Trụ như vậy rồi, họ hưởng thọ cái vui Vô giác quán của tầng thiền thứ hai, chứng biết như vậy, thành tựu đầy đủ, thân hoại liền sanh cõi trời Quang âm. Chúng sanh cõi Địa ngục, chúng sanh cõi Súc sanh, cõi Diêm-ma-la, cõi A-tu-la, cõi Tứ thiên vương, trời Tam thập tam, trời Dạ-ma, trời Đâu-suất, trời Hóa lạc, trời Tha hóa tự tại và trời Ma thân cho đến Phạm thế, các chúng sanh sanh vào Nhân gian đều thành tựu Vô giác vô quán, chứng biết an lạc. Khi thân hoại, liền sanh cõi trời Quang âm. Tất cả sáu đường đều chấm dứt. Đó gọi là thế gian chuyển tận.

Chư Tỳ-kheo, thế nào gọi là thế gian trụ rồi chuyển hoại?

Chư Tỳ-kheo, vào thuở đó, thời gian lâu xa vô lượng, thiên hạ hạn hán, không mưa. Tất cả cỏ cây đều khô cháy chẳng mọc lại. Thí như cỏ lau cắt khi còn non, không có nước mưa, khô cháy mục nát, không thể mọc lại. Cũng như vậy, chư Tỳ-kheo, trời lâu không mưa, tất cả cỏ cây đều khô cháy.

Chư Tỳ-kheo, tất cả các hành cũng vậy, vô thường, chẳng tồn tại lâu dài, không bền chắc, không tự tại, là pháp phá hoại, nên chán bỏ, nên cầu giải thoát.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, vào thời ấy, có gió lớn Ca-lê-ca thổi tám vạn

bốn ngàn do-tuần nước biển lớn giạt ra, rồi ở dưới liền xuất hiện cung điện mặt trời, thổi mặt trời lên khỏi biển đặt ở lưng chừng núi chúa Tu-di-lưu, cách bốn vạn hai ngàn do-tuần, trong quỹ đạo mặt trời.

Chư Tỳ-kheo, đây gọi là mặt trời thứ hai xuất hiện ở thế gian. Các ao, hồ, sông, ngòi nhỏ, tất cả đều khô cạn, không còn cái nào.

Chư Tỳ-kheo, tất cả các hành đều vô thường... *nói lược như trên*... cầu thoát khỏi.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo,... *nói lược như trên*... gió lớn thổi nước biển, xuất hiện cung điện mặt trời, đặt ở quỹ đạo mặt trời. Đó là mặt trời thứ ba xuất hiện ở thế gian. Tất cả các ao lớn, hồ lớn, sông lớn và vô số tất cả sông lớn đề khô cạn, không còn cái nào. Các hành cũng vậy...

Và như thế, mặt trời thứ tư xuất hiện ở thế gian, các sông và ao hồ lớn như ao lớn Thiện hiện, ao lớn A-na-bà-đạt-đa, ao lớn Mạn-đà-kỳ-ni, ao lớn Xà mãn thảy đều khô cạn, không còn cái nào. Các hành cũng thế...

Và cũng như thế, mặt trời thứ năm xuất hiện ở thế gian, nước biển lớn dần dần khô cạn, lúc đầu độ vơi bằng mắt cá, rồi vơi dần cho đến độ vơi bằng tới đầu gối, rồi vơi nữa cho đến nửa thân, rồi một thân, rồi hai, ba, bốn, năm, sáu, bảy thân... rồi vơi đến khô cạn.

Chư Tỳ-kheo, lúc năm mặt trời xuất hiện, nước biển lớn vơi dần... từ nửa cây Đa-la, cho đến một cây Đa-la, hoặc hai, ba, bốn, năm, sáu, bảy cây Đa-la,... vơi đến nửa câu-lô-xá, hoặc một, hai, ba, bốn, năm, sáu, bảy câu-lô-xá, cho đến vơi nửa do-tuần, hoặc hai, ba, bốn, năm, sáu, bảy do-tuần, cho đến một trăm do-tuần, hoặc hai, ba, bốn, năm, sáu, bảy trăm do-tuần...

Chư Tỳ-kheo, lúc mặt trời xuất hiện, nước biển lớn vơi một ngàn do-tuần, cho đến hai, ba, bốn, năm, sáu, bảy ngàn do-tuần...

Chư Tỳ-kheo, lúc mặt trời xuất hiện ở thế gian, nước biển lớn vơi cho đến lúc còn lại bảy ngàn do-tuần, hoặc xuống còn sáu, năm, bốn, ba, hai, một ngàn do-tuần. Cứ như vậy cho đến lúc mực nước còn lại bảy trăm do-tuần, hoặc xuống còn sáu, năm, bốn, ba, hai, một trăm do-tuần, hoặc mực nước còn bảy do-tuần, hoặc còn lại sáu, năm, bốn, ba, hai, một do-tuần. Rồi mặt nước vơi dần, còn lại bảy câu-lô-xá, cho đến mực nước còn lại cho đến sáu, năm, bốn, ba, hai, một câu-lô-xá.

Chư Tỳ-kheo, trong thời kỳ năm mặt trời xuất hiện ở thế gian, nước biển lớn kia, sâu còn bảy cây Đa-la, hoặc còn lại sáu, năm, bốn,

ba, hai, một cây Đa-la; hoặc mức nước còn lại độ sâu bằng bảy người, hoặc mức nước còn lại sáu, năm, bốn, ba, hai, một người, hoặc nửa người, hoặc đến đầu gối, cho đến mắt cá. Lại trong thời kỳ năm mặt trời, nước trong biển lớn còn sót lại chút ít như chút ít nước trong dấu chân trâu khi mưa thu không khác. Thời kỳ năm mặt trời, nước trong biển lớn kia cũng lại như thế.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, trong thời kỳ năm mặt trời, trong biển lớn kia, ở tất cả nơi, cho đến nước bùn cũng không còn.

Chư Tỳ-kheo, tất cả các hành cũng lại như thế, vô thường không dài lâu, tạm thời thoáng chốc... *nói lược cho đến*, đáng nhàm chán, đáng xa lìa, nên cầu ra khỏi.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo,... *nói lược như trên, cho đến* khi sáu mặt trời xuất hiện ở thế gian, bốn châu lớn và tám vạn bốn ngàn châu nhỏ, các núi lớn, núi chúa Tu-di-lưu, thảy đều bốc khói, bốc mãi bốc mãi, giống như người thợ gốm khi muốn nung đồ đất; trên đồ đất, ngọn lửa cùng lúc phát khởi, lửa đó rất mạnh, phủ kín khắp cả. Bốn châu lớn và các núi bốc khói mãnh liệt, cũng lại như thế,... *nói lược cho đến* các hành vô thường, nên cầu ra khỏi.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, *lược nói như trên*, khi bảy mặt trời xuất hiện, bốn châu lớn và tám vạn bốn ngàn châu nhỏ, các núi lớn khác và núi chúa Tu-di-lưu thảy đều cháy trụi, nước mạch dưới đất cũng đều khô cạn; địa đại đã hết thì phong đại cũng hết. Khi hỏa đại bốc cháy như thế, phần trên núi chúa Tu-di-lưu bảy trăm do-tuần, ngọn núi ngã đổ; ngọn lửa ấy bốc cháy, gió thổi thiêu cháy cung điện Phạm thiên, cho đến trời Quang âm. Trong đó có các Thiên tử sanh sau ở dưới cung điện Quang âm chẳng biết kiếp thế gian chuyển hoại, chuyển thành và chuyển trụ nên sanh sợ hãi, kinh khiếp run rẩy, nói với nhau: "Chẳng lâu nữa ngọn lửa sẽ thiêu đốt các cung điện Quang âm". Khi ấy các Thiên tử ở tại cõi trời Quang âm từ trước biết rõ sự hoại, thành, trụ của kiếp thế gian, trấn an các Thiên tử hậu sanh: "Quý vị đừng sợ, đừng sợ! Vì sao? Này quý vị, khi xưa có ngọn lửa đỏ cũng đến nơi ấy". Khi đó các Thiên tử nghe lời ấy rồi, liền nhớ lại ánh sáng thuở xưa, nhớ nghĩ rằng ánh sáng kia chẳng lìa tâm, cho nên có tên là Quang thiên. Lửa kia như thế, bùng cháy rất lớn, rực đỏ mãnh liệt, thiêu đốt thành tro bụi, chẳng còn lại gì; nên biết phân biệt như thế.

Chư Tỳ-kheo, các hành cũng thế, *nói lược... cho đến* nên cầu thoát khỏi.

Chư Tỳ-kheo, thế gian hoại rồi lại thành như thế nào?

Chư Tỳ-kheo, vào thuở ấy, lâu xa vô cùng, thời gian chẳng thể tính đếm, mây ùn ùn nổi lên cho đến che khắp cả thế giới Phạm thiên. Che như thế rồi, mưa lớn trút xuống, hạt mưa rất to, giống như trục bánh xe, hoặc như cái chày, trải qua nhiều năm, trăm ngàn vạn năm, khối nước mưa kia dần dần tăng lên cho đến thế giới Phạm thiên thì dừng lại, nước ấy đầy khắp. Khối nước ấy có bốn luồng gió giữ lại. Những gì là bốn? Một là trụ, hai là an trụ, ba là bất đọa, bốn là lao chủ. Sau khi cơn mưa chấm dứt, bấy giờ khối nước ấy tự hạ xuống vô lượng trăm ngàn do-tuần. Vào lúc ấy, bốn phương cùng lúc, có bốn ngọn gió lớn thổi lên. Gió ấy tên là A-na-tỳ-la, thổi khối nước kia làm ba đào nổi dậy cuồn cuộn không dừng; ở giữa tự nhiên sanh ra khối bọt, nhưng bọt ấy bị ngọn gió lớn A-na-tỳ-la thổi ném lên trên không, tạo ra các cung điện đẹp đẽ khả ái bằng bảy báu xen lẫn, đó là vàng, bạc, lưu ly, pha lê, hồng ngọc, xa cừ, mã não...

Chư Tỳ-kheo, do nhân duyên ấy, chư Thiên Phạm thân có cung điện với các tường vách xuất sanh ở thế gian.

Chư Tỳ-kheo, tạo như thế rồi, khi ấy, khối nước kia liền hạ xuống vô lượng trăm ngàn vạn do-tuần... *nói lược như trên*, gió bốn phương nổi dậy, tên là gió lớn A-na-tỳ-la, thổi ném khối bọt thành cung điện tên là Ma thiên thân; tường vách chỗ ở như trời Phạm thân, không khác, chỉ có màu sắc, báu vật, tinh diệu sai khác chút ít. Cứ như thế, tạo tác cung điện tường vách chư Thiên Tha hóa tự tại, chư Thiên Hóa lạc. Kế đến, tạo tác cung điện chư Thiên Đâu-suất-đà, tiếp là cung điện chư Thiên Dạ-ma. Cứ như vậy, theo thứ tự xuất hiện đầy đủ đều giống như chư Thiên Phạm thân.

Chư Tỳ-kheo, khi ấy khối nước kia dần dần hạ xuống vô lượng trăm ngàn vạn do-tuần, nhỏ lại dần, rồi dừng lại. Từ khối nước ấy, quanh bốn phía, tự nhiên nổi bọt, dừng trên mặt nước, dày sáu mươi tám trăm ngàn do-tuần, rộng vô cùng. Giống như trong ao suối và đầm hồ, khắp bốn phía, có bọt nổi lên phủ trên mặt nước, đứng yên. Cũng như thế, chư Tỳ-kheo, trong khối nước kia, khắp bốn phía, bọt nước nổi lên, đứng yên, dày sáu mươi tám trăm ngàn do-tuần, rộng vô lượng, cũng lại như thế.

Chư Tỳ-kheo, khi ấy, gió lớn A-na-tỳ-la kia thổi bọt nước ấy liền tạo thành hình dáng núi chúa Tu-di-lưu, kế đến tạo thành quách, nhiều màu đẹp đẽ, do bốn báu tạo thành, đó là các loại báu vi diệu vàng, bạc,

lưu ly, pha lê ...

Chư Tỳ-kheo, do nhân duyên ấy, thế gian này mới có núi chúa Tu-di-lưu xuất hiện như vậy.

Chư Tỳ-kheo, lại vào lúc ấy, gió lớn Tỳ-la thổi bọt nước kia lên phần trên núi chúa Tu-di-lưu, bốn phía tạo thành tất cả ngọn núi, mỗi ngọn cao bảy trăm do-tuần, nhiều màu đẹp đẽ, bảy báu tạo thành, đó là các loại báu xa cừ, mã não... do nhân duyên ấy, thế gian xuất hiện các ngọn núi cao. Cứ như thế, ngọn gió kia, tiếp đến thổi bọt nước, tạo tác cung điện cho chúng chư Thiên tam thập tam. Kế đến, phía Đông, Tây, Nam, Bắc ở lưng chừng núi chúa Tu-di-lưu, cách bốn vạn hai ngàn do-tuần, tạo tác các cung điện cho bốn Đại thiên vương, dựng thành, tường vách nhiều màu bằng bảy báu, đẹp đẽ khả ái. Tạo dựng như vậy xong rồi, bấy giờ ngọn núi kia lại thổi bọt nước tới nửa sườn núi chúa Tu-di-lưu, cách bốn vạn bốn ngàn do-tuần, tạo thành cung điện lớn cho Nguyệt thiên tử, nhiều màu bằng bảy báu, hoàn hảo trang nghiêm. Tạo tác như thế rồi, gió kia lại thổi bọt bảy ngày tạo cung điện thành quách, lầu gác cho Nhật thiên tử, nhiều màu bằng bảy báu, vạn phần đẹp đẽ. Do nhân duyên ấy, thế gian mới có bảy cung điện mặt trời hiện diện.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, ngọn gió kia thổi khối nước ấy lên núi chúa Tu-di-lưu, tạo ba thành quách đẹp đẽ, nhiều màu bằng bảy báu, cho đến... đó là xa cừ, mã não... do đó có thành quách xuất hiện ở thế gian.

Chư Tỳ-kheo, khi ấy, ngọn gió lớn A-na-tỳ-la, kế đến thổi bọt nước đến trên mặt biển cao một vạn do-tuần, tạo cung điện thành quách pha lê cho các Dạ-xoa hư không.

Chư Tỳ-kheo, do nhân duyên ấy, thế gian mới có cung điện thành quách Dạ-xoa hư không xuất hiện như thế.

Chư Tỳ-kheo, khi đó ngọn gió lớn A-na-tỳ-la, tiếp theo, thổi bọt nước đến phía Đông, Tây, Nam, Bắc núi chúa Tu-di-lưu, mỗi bên cách núi một ngàn do-tuần, ở dưới biển lớn, tạo ra thành quách A-tu-la ở bốn phía, nhiều màu bằng bảy báu, đẹp đẽ khả ái. Do đó thế gian mới có thành quách A-tu-la ở bốn phía xuất hiện như thế.

Lại nữa, gió lớn A-na-tỳ-la thổi khối bọt nước kia đặt một nơi bên ngoài núi chúa Tu-di-lưu, tạo một núi khác tên là Khư-đề-la-ca. Núi ấy cao rộng mỗi mặt đều bốn vạn hai ngàn do-tuần, nhiều màu bằng bảy báu, hoàn hảo trang nghiêm, đẹp đẽ khả quan.

Chư Tỳ-kheo, do nhân duyên ấy, thế gian mới có núi Khư-đề-la-

ca xuất hiện như thế.

Lại nữa, ngọn gió lớn A-na-tỳ-la thổi bọt nước ấy ra ngoài núi Khư-đề-la-ca, đặt ở một chỗ, tạo một núi tên là Y-sa-đà-la. Núi ấy cao, rộng mỗi chiều hai vạn một ngàn do-tuần, nhiều màu khả ái, do bảy báu là xa cừ mã não... tạo thành.

Chư Tỳ-kheo, do nhân duyên đó nên thế gian mới có núi Y-sa-đà-la xuất hiện như thế.

Lại nữa, ngọn gió lớn A-na-tỳ-la thổi bọt nước kia ném ở ngoài núi Y-sa-đà-la, ngay nơi ấy tạo một núi tên là Do-càn-đà-la. Núi ấy cao, rộng mỗi chiều một vạn hai ngàn do-tuần, nhiều màu khả ái. Cho đến được tạo thành bằng bảy báu như xa cừ, mã não...

Chư Tỳ-kheo, do nhân duyên ấy, thế gian mới có tên núi chúa Do-càn-đà-la xuất hiện.

Cứ như thế, tiếp đến tạo núi Thiện hiện, cao rộng bằng nhau sáu ngàn do-tuần; tiếp theo, tạo núi Mã phiến đầu, cao rộng bằng nhau ba ngàn do-tuần. Lại tạo núi Vi-dân-đà-la, cao rộng một ngàn hai trăm do-tuần. Tiếp đến, tạo núi Tỳ-na-da-ca, cao rộng bằng nhau sáu trăm do-tuần. Kế đến, tạo núi Luân viên, cao rộng bằng nhau ba trăm do-tuần, nhiều màu khả ái, đó là vàng, bạc, lưu ly, pha lê, hồng ngọc, xa cừ, mã não... là bảy báu tạo thành, nói đủ như trên, như sự tạo tác núi Khư-đề-la-ca không khác.

Chư Tỳ-kheo, do nhân duyên ấy, thế gian mới có núi Luân viên xuất hiện.

Lại nữa, ngọn gió lớn A-na-tỳ-la thổi bọt nước ấy tan ra, đặt ngoài bốn phía núi Luân viên, làm thành bốn châu lớn và tám vạn châu nhỏ; các núi lớn...theo thứ tự xuất hiện.

Chư Tỳ-kheo, do nhân duyên ấy, thế gian mới có bốn châu lớn và tám vạn châu nhỏ, và núi lớn, theo thứ tự xuất hiện.

Lại nữa, ngọn gió lớn A-na-tỳ-la thổi bọt nước kia đặt ngoài bốn châu lớn, và tám vạn châu nhỏ, núi chúa Tu-di-lưu và các núi lớn khác, đứng yên một chỗ, gọi là núi Đại luân viên, cao rộng bằng nhau, sáu trăm tám mươi vạn do-tuần, thật vững chắc, do kim cương tạo thành, khó hư hoại.

Chư Tỳ-kheo, do nhân duyên ấy, núi Đại luân viên xuất hiện ở thế gian.

Lại nữa, ngọn gió lớn A-na-tỳ-la thổi xoáy đại địa, dần dần sâu

xuống, ngay tại chỗ ấy, khối nước lớn, bỗng nhiên dồn lại.

Chư Tỳ-kheo, do nhân duyên đó, trong thế gian mới có biển lớn như thế xuất hiện.

Lại vì nhân duyên gì nước biển lớn mặn không dùng trong ăn uống được?

Chư Tỳ-kheo, điều này có ba duyên. Những gì là ba? Một là từ sau trận hỏa tai, trong thời gian lâu xa vô lượng, có đám mây lớn dày đặc nổi lên, đứng yên che kín cho đến Phạm thiên. Rồi sau đó mưa xuống, hạt mưa to, *nói đủ như trên*. Nước mưa lớn ấy tẩy rửa các cung điện của trời Phạm thân, rồi kế đến rửa cung điện của chư Thiên Ma thân, cung điện chư Thiên Tha hóa tự tại, cung điện Dạ-ma, rửa đi rửa lại, rửa mãi như thế. Khi rửa những cung điện ấy, các vị mặn, cay, đắng đều chảy xuống hết. Kế đến rửa thân núi chúa Tu-di-lưu và bốn châu lớn, tám vạn châu nhỏ, các núi lớn khác và núi Luân viên... Khi tẩy rửa như thế, nước chảy rửa thấm những vị mặn, đắng, cay có ở trong đó nhất thời đều chảy xuống, rơi vào trong biển.

Chư Tỳ-kheo, đây là nhân duyên thứ nhất, khiến nước biển lớn mặn không uống được.

Lại nữa, nước biển lớn là chỗ cư trú của các đại thần, chúng sanh có thân to lớn. Những chúng sanh nào có thân to lớn? Đó là cá, ba ba, ểnh ương, cá rái, rồng có sừng, cung-tỳ-la-đê-ma-da-đê-mị-di-la-đê, mị-đâu-la-đâu-la-kỳ-la... Trong số đó có loài thân một trăm do-tuần, hoặc có loài hai trăm, ba, bốn, năm, sáu, bảy trăm do-tuần; thân lớn như thế, ở tại trong biển; các loại phân tiểu của chúng lưu xuất đều ở trong biển. Do nhân duyên ấy, nước biển mặn đắng, không uống được.

Chư Tỳ-kheo, đây là nhân duyên thứ hai làm cho nước biển mặn đắng.

Lại nữa, nước biển lớn, thuở xưa bị các tiên nhơn chú nguyện. Tiên nhơn chú nguyện rằng: "Nguyện cho ngươi thành vị mặn, chẳng thể uống được!"

Chư Tỳ-kheo, đây là nhân duyên thứ ba khiến nước biển lớn mặn không uống được.

Lại nữa, do nhân duyên gì mà sự nóng bức thiêu đốt thế gian xuất hiện?

Chư Tỳ-kheo, nếu thế giới này, khi kiếp sơ chuyển biến, thì vào thời kỳ ấy, ngọn gió lớn A-na-tỳ-la dồn lại thổi sáu thành quách cung

điện mặt trời đặt vào dưới nước biển lớn; chỗ đặt mặt trời ấy, khối nước lớn ngay chỗ ấy đều tiêu hết, chẳng chảy đâu được.

Chư Tỳ-kheo, do nhân duyên ấy thế gian mới có sức nóng thiêu đốt xuất hiện. Đó gọi là thế gian chuyển hoại rồi trụ.

Lại nữa, thế nào gọi là thế gian chuyển hoại rồi thành trụ?

Chư Tỳ-kheo, thí như hiện nay thế gian thành rồi, trụ lập như vậy, có hỏa tai, ở trong đó, tại sao lại có thủy tai?

Chư Tỳ-kheo, trong thời kỳ kiếp thủy tai, loài người hành như pháp, nói lời như pháp, thành tựu chánh kiến, không có điên đảo, giữ mười hạnh lành. Các người ấy thường đắc tầng thiền thứ ba là Vô hỷ mà chẳng nhọc công sức, không có mệt mỏi, tự nhiên chứng đắc. Khi ấy các chúng sanh kia được trụ trong đạo phạm hạnh của chư Thiên, chư Tiên trên hư không; được trụ trong ấy rồi, đắc "ly hỷ khoái lạc", liền tự nói: "Chư vị, thật vui sướng! Tầng thiền thứ ba này vui sướng như thế". Bấy giờ các chúng sanh ở nơi ấy đồng hỏi chúng sanh đắc thiền kia. Bọn họ đáp: "Lành thay, chư vị, đây là tầng thiền thứ ba là Vô hỷ, nên biết như thế". Các chúng sanh ấy biết đã thành tựu tầng thiền thứ ba là Vô hỷ như vậy; thành tựu rồi chứng, chứng rồi tư duy; tư duy rồi an trú; khi thân hoại mạng chung, sanh lên cõi trời Biến tịnh. Như vậy, chúng sanh từ dưới địa ngục, trong cõi Diêm-la, trong cõi A-tu-la, trời Tứ thiên vương lên đến trời Phạm thế, và các chúng sanh từ trời Quang âm trở xuống, ở tất cả nơi, tất cả cõi đều dứt hết. Chư Tỳ-kheo, như vậy gọi là thế chuyển.

Lại nữa, thế nào gọi là thế gian chuyển rồi hoại?

Chư Tỳ-kheo, có một thuở, thời gian lâu xa vô lượng, mây giăng cùng khắp cho đến chư Thiên Quang âm, rồi mưa nước tro nóng xuống, trải vô lượng năm... *nói lược... cho đến* trăm ngàn ức năm.

Chư Tỳ-kheo, nước tro nóng ấy, lúc mưa xuống, các cung điện trên trời Quang âm đều tiêu rụi hết, không còn hình bóng vi trần có thể biết được. Thí như lấy váng sữa, kem sữa... bỏ vào trong lửa, cháy tiêu hết, không còn hình dạng để có thể nghiệm biết được, cũng như thế. Loại nước tro nóng kia khi mưa xuống làm tiêu các cung điện của chư Thiên Quang âm, cũng lại như thế, không còn hình dáng có thể biết.

Chư Tỳ-kheo, các hành vô thường, phá hoại ly tán, lưu chuyển tiêu diệt, chỉ trong khoảnh khắc, cũng lại như vậy, đáng chán, đáng sợ, nên cầu thoát khỏi.

Chư Tỳ-kheo, cũng vậy, các cung điện của chư Thiên Phạm thân, Ma thân, Hóa lạc, Tha hóa tự tại, Đâu-suất, Dạ-ma đều bị mưa tro nóng tiêu diệt, *nói lược như trên*, giống như váng sữa bỏ vào lửa cháy tiêu mất dạng, không còn hình tướng, cũng lại như vậy... *cho đến* tất cả các hành vô thường, nên cầu thoát ly.

Chư Tỳ-kheo, nước tro nóng ấy khi mưa xuống bốn châu lớn, tám vạn châu nhỏ, các núi khác, núi Tu-di-lưu, đều tiêu hủy hết, không còn hình tướng để có thể ghi nhận được, *nói đủ như trên*, phải nên nhàm chán. Sự biến đổi như thế chỉ có người chứng kiến mới tin thôi. Đó gọi là thế gian chuyển trụ rồi chuyển hoại.

Lại nữa, thế nào gọi là chuyển hoại rồi thành?

Chư Tỳ-kheo, vào thuở ấy, mây nổi lên, mưa lớn xuống, trải qua nhiều năm, nổi gió thổi bọt nước lên tạo cung điện chư Thiên, nói đủ như sự việc của hỏa tai... *cho đến* như vậy là thủy tai.

Lại nữa, thế nào là phong tai?

Chư Tỳ-kheo, trong thời kỳ phong tai, các chúng sanh tu hành như pháp, thành tựu chánh niệm, sanh vào tầng thiền thứ tư, trời Quảng quả. Chúng sanh ở địa ngục bỏ thân, trở lại nhân gian, tu hạnh thanh tịnh, thành tựu Tứ thiền. Cũng giống như thế, loài Súc sanh, cõi Diêm-ma, cõi A-tu-la, trời Tứ thiên vương, trời Tam thập tam, Dạ-ma, Đâu-suất, Hóa lạc, Tha hóa và Ma thân, Phạm thế, Quang âm, Biến tịnh, Thiểu quang... thành tựu Tứ thiền, nói đủ như trước.

Chư Tỳ-kheo, đó gọi là thế gian chuyển thành. Thế nào là chuyển hoại?

Chư Tỳ-kheo, vào thuở nọ, thời gian lâu xa vô lượng, có gió lớn nổi lên; gió lớn ấy gọi là Tăng-già-đa (dịch là Hòa hiệp).

Chư Tỳ-kheo, gió Hòa hiệp ấy thổi cung điện chư Thiên Biến tịnh, làm cho chúng va chạm nhau mà hoại diệt, không còn hình dạng có thể nhận biết. Thí như tráng sĩ nắm hai dụng cụ bằng đồng ở trong hai tay cọ xát nhau phá hủy hoại diệt, không còn hình dạng có thể biết được, gió hòa hiệp kia thổi cung điện trời Biến tịnh ma xát, hoại diệt, cũng giống như vậy.

Chư Tỳ-kheo, tất cả các hành đều vô thường, hoại diệt, giây lát, không dài lâu... *cho đến* đáng chán, nên cầu thoát khỏi.

Lần lượt như thế, thổi cung điện chư Thiên Quang âm, thổi cung điện trời Phạm thân, cung điện chư Thiên Ma thân, Tha hóa tự tại, Hóa

lạc, Dạ-ma, đụng nhau, va nhau, cọ nhau, diệt nhau, không còn hình, không còn tướng, không còn bóng, không còn mảy bụi, để có thể thấy dạng.

Chư Tỳ-kheo, tất cả các hành, cũng giống như thế, hư hoại không bền, không có chân thật, phải nên nhàm chán xa lìa, sớm cầu thoát khỏi.

Chư Tỳ-kheo, gió lớn Tăng-già-đa kia thổi bốn châu lớn, tám vạn châu nhỏ và các núi lớn, núi chúa Tu-di-lưu, nhấc bổng lên một câu-lô-xá, rồi phân tán, hoại diệt; hoặc cao hai, ba, bốn, năm, sáu, bảy câu-lô-xá, rồi phân tán hoại diệt; hoặc thổi nhấc cao một do-tuần, hai, ba, bốn, năm, sáu, bảy do-tuần, hoặc thổi nhấc cao trăm do-tuần, hai, ba, bốn, năm, sáu, bảy trăm do-tuần, rồi phân tán hoại diệt; hoặc thổi nhấc cao một ngàn do-tuần, hai, ba, bốn, năm, sáu, bảy ngàn do-tuần; hoặc lại nhấc cao trăm ngàn do-tuần rồi phân tán phá hoại. Như thế, gió ấy thổi phá hủy tan hoại không còn hình, không còn dáng, không còn lại hạt vi trần nào để có thể biết được. Thí như có một người đàn ông khoẻ mạnh, tay nắm một cục bột bóp nát, ném vào hư không, bay tứ tán, không còn hình, không còn ảnh cũng như thế. Gió kia thổi phá các châu, các núi cũng lại như thế. Chỉ có người thấy mới có thể tin. Đây gọi là thế gian chuyển trụ rồi hoại.

Lại nữa, thế gian hoại rồi chuyển thành như thế nào?

Chư Tỳ-kheo, vào thuở nọ, trải qua nhiều năm lâu xa vô lượng, mây đen nổi lên, che khắp thế gian, cho đến chỗ ở của chư Thiên Biến tịnh. Che phủ như thế rồi, mưa lớn liền đổ xuống. Giọt mưa to lớn giống như trục xe, hoặc như cái chày, liên tục đổ xuống. Trải qua nhiều trăm ngàn vạn năm như thế, lượng nước mưa kia sâu rộng to lớn, cho đến trời Biến tịnh. Lượng nước đầy ắp đó, có bốn thứ gió giữ lại... *như trên đã nói... cho đến* thổi bọt nước tạo cung điện Biến tịnh, nhiều màu, bằng bảy báu hiện ra rõ ràng; tất cả đều như hỏa tai, thủy tai, *thứ lớp như đã nói*.

Chư Tỳ-kheo, đó gọi là thế gian hoại rồi chuyển thành.

Thế nào là thế gian chuyển thành rồi trụ?

Chư Tỳ-kheo, thí như ngày nay, thế gian trời người chuyển thành rồi trụ. Chư Tỳ-kheo, tuần tự như thế, có gió thổi...

Đây gọi là tam tai của thế gian.

M

Phẩm 12: TỐI THẮNG 1

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, qua thời gian, thế gian chuyển rồi, khi thành như thế, chúng sanh phần nhiều được sanh lên cõi trời Quang âm. Khi sanh lên cõi trời ấy, thân tâm họ an vui, dùng niềm hoan hỷ làm thức ăn, tự nhiên có ánh sáng; lại có thần thông, đi trên hư không, có sắc đẹp thù thắng, tuổi thọ dài lâu, sống trong an lạc.

Chư Tỳ-kheo, thời ấy thế gian chuyển hoại; khi nó chuyển hoại, hư không trống rỗng; ở trong cung Phạm, có một chúng sanh trên trời Quang âm phước nghiệp đã hết, từ trời Quang âm xuống, sanh vào trong cung điện Phạm, không do bào thai, bỗng nhiên hóa có. Vị trời Phạm ấy tên là Sa-bà-ba-đế. Vì vậy, có tên này xuất hiện.

Chư Tỳ-kheo, khi đó lại có các chúng sanh khác, phước nghiệp và tuổi thọ hết, từ cõi trời Quang âm bỏ thân rồi, sanh ở nơi đó, thân hình đẹp đẽ, cũng dùng hoan hỷ làm thức ăn, tự nhiên có ánh sáng, có sức thần thông, bay đi trên không, sắc thân tối thắng, tồn tại lâu dài ngay nơi chốn này.

Khi họ sống ở đây như vậy, không có nam nữ, không có tốt xấu, chỉ có chúng sanh và tên chúng sanh, chỉ có tên như vậy.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, ở thời kỳ ấy, trên đại địa đó, xuất hiện lớp mỡ đất, ngưng đọng lại. Thí như có người nấu sữa xong, trên mặt sữa có một lớp màng mỏng đóng lại, hoặc trên mặt nước có lớp màng mỏng đóng lại, cũng như thế.

Chư Tỳ-kheo, hoặc lại thời kỳ ấy, trên đại địa đó xuất hiện một loại mỡ đất, ngưng đọng lại. Thí như váng sữa tụ lại, rồi thành ra kem có hình sắc, tướng mạo như vậy, vị nó giống như mật không có sáp. Bấy giờ các chúng sanh ở nơi ấy, trong đó có chúng sanh có tánh tham, nghĩ như thế này: "Nay ta cũng có thể dùng ngón tay lấy vị này nếm thử để biết đây là vật gì". Chúng sanh ấy nghĩ như thế rồi, liền dùng ngón tay chọt sâu xuống một lóng, lấy vị đất kia bỏ vào miệng nếm. Nếm rồi thích ý, cứ nếm như thế qua một lần, hai lần, ba lần, liền sanh tham đắm. Kế đến dùng tay bốc, dần dần dùng

tay hốt, sau lại bốc hốt tùy ý mà ăn. Khi chúng sanh dùng tay bốc hốt ăn, lại có bọn người khác thấy các chúng sanh kia ăn như thế liền bắt chước tranh nhau lấy ăn.

Chư Tỳ-kheo, khi các chúng sanh ấy dùng tay bốc hốt vị đất kia ăn như vậy thì thân hình chúng tự nhiên rít rắm, da dẻ thô dày, thân thể dơ bẩn hắc ám, nhan sắc biến đổi, không còn ánh sáng, cũng chẳng thể bay đi trên hư không. Vì lớp mỡ đất nên thần thông biến mất.

Chư Tỳ-kheo, như trước đã nói, sau cũng như thế. Trong thời kỳ ấy, thế gian trở thành tối tăm. Chư Tỳ-kheo, vì vậy thế gian mới có sự tối tăm lâu dài xuất hiện.

Lại nữa, tại sao ngay thời gian ấy, thế gian tự nhiên xuất hiện mặt trời, mặt trăng? Rồi cũng trong thời ấy xuất hiện tinh tú? Rồi có danh từ ngày đêm, một tháng, nửa tháng, một năm, thời tiết xuất hiện?

Chư Tỳ-kheo, bấy giờ, cung điện mặt trời đẹp đẽ to lớn từ phương Đông xuất hiện, vòng quanh lưng chừng núi chúa Tu-di-lưu, rồi lặn ở phương Tây; lặn ở phương Tây rồi lại mọc ở phương Đông. Bấy giờ chúng sanh thấy cung điện mặt trời to lớn, cùng bảo nhau: "Chư Nhân giả, lại là cung điện mặt trời chiếu sáng, từ phương Đông xuất hiện, rồi vòng phía phải lưng chừng núi chúa Tu-di-lưu, lặn ở phương Tây". Thấy ba lần như vậy rồi bảo nhau: "Chư Nhân giả, đây là ánh sáng của trời kia lưu hành; ánh sáng của trời ấy lưu hành thế gian vậy". Vì vậy gọi là "Đây kia, đây kia". Cho nên có danh tự như thế xuất hiện.

❑

KHỞI THẾ NHÂN BỔN

QUYỂN X

Phẩm 12: TỐI THẮNG 2

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, cung điện mặt trời to lớn chiếu sáng đó ngang dọc năm mươi mốt do-tuần, trên dưới, bốn phía chung quanh bằng nhau. Có bảy lớp bờ tường, bảy lớp lan can, bảy lớp hàng cây Đa-la bao bọc chung quanh, nhiều màu đan xen, dùng để trang nghiêm. Các bờ tường đều do bảy báu là vàng, bạc, lưu ly, pha lê, hồng ngọc, xa cừ, mã não... tạo thành. Khắp bốn phía đều có cửa. Tại các cửa đều có lầu gác, đài quan sát canh phòng và các rừng cây, ao hồ, vườn cảnh. Trong vườn đều có các giống cây, các loại lá, các loại hoa và các loại quả, các loại hương thơm; lại có tiếng hót của các loài chim.

Chư Tỳ-kheo, trong cung điện mặt trời to lớn ấy có hai vật dựng lập thành cung điện, vuông như ngôi nhà, trông xa như hình tròn.

Chư Tỳ-kheo, cung điện mặt trời to lớn ấy có nhiều vàng trời và pha lê trời, xen kẽ tạo thành; hai phần là vàng trời trong sạch không dơ, không các cáu bẩn, sạch sẽ chói sáng; còn một phần thì dùng pha lê trời tạo thành, sạch sẽ chói sáng, càng mài càng sáng, không có cáu bẩn.

Chư Tỳ-kheo, trong cung điện mặt trời to lớn ấy, có năm thứ gió thổi để chuyển đi. Những gì là năm? Đó là: một trì, hai trụ, ba tùy thuận chuyển, bốn ba-la-ha-ca, năm tương hành.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, phía trước cung điện mặt trời to lớn kia, đặc biệt có vô lượng chư Thiên đi trước. Khi có vô lượng trăm, vô lượng ngàn, vô lượng trăm ngàn chư Thiên đi trước, tất cả đều luôn được hưởng bước đi an lạc vững chắc, nên có tên là "lao hành".

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, trong cung điện mặt trời to lớn kia, có xe

đẹp Diêm-phù-đàn xuất hiện. Xe cao mười sáu do-tuần, rộng tám do-tuần. Thiên tử mặt trời và quyến thuộc vào trong xe ấy dùng thú vui năm dục cõi trời, cùng nhau thọ hưởng trọn vẹn, vui vẻ rồi đi.

Chư Tỳ-kheo, số tuổi thọ mạng của Thiên tử mặt trời là tròn năm trăm năm, con cháu truyền nhau để cai trị. Cung điện ấy tồn tại tròn một kiếp.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, trong các bộ phận của Thiên tử mặt trời ánh sáng phát ra chiếu sáng xe Diêm-phù-đàn. Rồi ánh sáng trong xe Diêm-phù-đàn ấy phát ra chiếu sáng cung điện mặt trời to lớn kia. Ánh sáng từ cung điện mặt trời to lớn kia liên tục phát ra chiếu sáng bốn châu lớn và thế gian.

Chư Tỳ-kheo, Thiên tử mặt trời có đầy đủ cả ngàn ánh sáng; năm trăm ánh sáng chiếu một bên để đi, còn năm trăm ánh sáng chiếu xuống.

Lại nữa, vì nhân duyên gì mà cung điện to lớn đẹp đẽ của Thiên tử mặt trời chiếu bốn châu lớn và các thế giới?

Chư Tỳ-kheo, có một hạng người chuyên hành bố thí; trong khi bố thí, họ bố thí cho Sa-môn, Bà-la-môn và kẻ bần cùng cô độc từ xa đến xin như là đồ ăn uống, xe cộ, y phục, tràng hoa, anh lạc, hương xoa, giường, nệm, phòng, nhà, đèn, dầu... nói chung là những vật để nuôi sống thân mạng. Khi bố thí, họ bố thí nhanh chóng, chẳng bố thí vì dua nịnh; hoặc lại cúng dường cho các vị tiên trì giới, người hành thiện pháp đầy đủ công đức; phụng sự đủ thứ. Do nhân duyên đó, thâm tâm họ hưởng vô lượng các thứ an lạc. Thí như chốn rừng núi hoang vu vắng vẻ, hoặc nơi sa mạc mênh mông mà có ao nước; nước ao mát lạnh, trong sạch ngon ngọt. Khi ấy có một đàn ông, đi xa mệt mỏi, nóng bức khát nước, từ nhiều ngày qua chẳng ăn uống gì, đến chỗ cao ấy, uống nước, tắm rửa, dứt trừ tất cả sự khát và nóng bức. Ra khỏi ao, thâm tâm sảng khoái, hưởng vô lượng niềm hoan hỷ khoái lạc. Cũng như thế, khi người kia bố thí, vì tâm thanh tịnh nên khi thân hoại mạng chung sanh vào trong cung điện của Thiên tử mặt trời. Họ đã sanh vào trong đó rồi, được quả báo cung điện phi hành nhanh chóng vừa ý như thế. Do nhân duyên ấy cung điện mặt trời to lớn chiếu sáng bốn châu lớn và các thế giới khác.

Chư Tỳ-kheo, lại có một hạng người đoạn trừ việc sát sanh, không trộm cắp của người khác, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu, thân không phóng dật, cúng dường các vị tiên, hiền trì giới, đầy

đủ công đức, gần gũi người thuần hậu ngay thẳng thực hành pháp lành... *nói đủ như trên.* Khi thân hoại mạng chung, họ theo ý muốn sanh vào cung điện mặt trời; ở nơi ấy, sẽ thọ quả báo nhanh chóng. Vì vậy gọi đó là con đường của các thiện nghiệp. Do nhân duyên ấy, cung điện mặt trời chiếu bốn châu lớn và thế giới khác.

Lại có một hạng người tu không sát sanh... *cho đến* chánh kiến, họ từng cúng dường các vị tiên trì giới, đầy đủ công đức, người làm lành ngay thẳng thuần hậu; từng gặp những nhân duyên thanh tịnh ấy, cũng sẽ sanh vào cung điện mặt trời, thọ quả báo nhanh chóng. Do nhân duyên đó, cung điện mặt trời chiếu sáng bốn châu lớn... *nói đủ như trên.*

Chư Tỳ-kheo, sáu mươi sát-na là một la-bà, ba mươi la-bà là một mâu-hưu-đa. Cung điện mặt trời sáu tháng đi về phương Bắc, mỗi ngày đi được sáu câu-lô-xá, chưa từng xa rời quỹ đạo mặt trời dù cho trong khoảng một sát-na, một la-bà hay một mâu-hưu-đa; sáu tháng đi về phương Nam, một ngày cũng đi được sáu câu-lô-xá, không lệch quỹ đạo mặt trời.

Chư Tỳ-kheo, thời gian sáu tháng mà cung điện mặt trời di chuyển, thì vào ngày mười lăm cung điện mặt trăng cũng di chuyển như vậy.

Chư Tỳ-kheo, do nhân duyên gì mà trong đó phát sanh nóng bức?

Chư Tỳ-kheo, trong sáu tháng cung điện mặt trời di chuyển về hướng Bắc, trong một ngày đi được sáu câu-lô-xá, chẳng từng rời khỏi quỹ đạo mặt trời. Nhưng trong đó, có mười nhân duyên phát sanh nóng bức. Những gì là mười?

Chư Tỳ-kheo, ngoài núi chúa Tu-di-lưu, kế đến có núi tên là Khư-đề-la-ca, cao rộng bằng nhau, bốn vạn hai ngàn do-tuần, nhiều màu đẹp đẽ, do bảy báu tạo thành. Ở khoảng giữa có ánh sáng của cung điện mặt trời to lớn chiếu sáng chạm vào núi ấy phát sanh sức nóng cho nên vào thời gian ấy có sự nóng bức. Đây là nhân duyên thứ nhất phát sinh nóng bức.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, ngoài núi Khư-đề-la-ca, tiếp theo có núi tên là Y-sa-đà-la, cao rộng bằng nhau hai vạn một ngàn do-tuần. Ở khoảng giữa có ánh sáng của cung điện mặt trời to lớn chiếu sáng, chạm vào núi ấy. Đây là nhân duyên nóng bức thứ hai.

Kế đến là núi Do-càn-đà, cao rộng một vạn hai ngàn do-tuần... Đó là nhân duyên thứ ba.

Tiếp theo là núi Thiện hiện, cao rộng sáu ngàn do-tuần... Đó là nhân duyên thứ tư.

Tiếp đến là núi Mã phiến đầu, cao rộng ba ngàn do-tuần... Đó là nhân duyên thứ năm.

Kế đến là núi Vi-dân-đà-la, cao rộng một ngàn hai trăm do-tuần... Đó là nhân duyên thứ sáu.

Tiếp theo là núi Tỳ-na-da-ca, cao rộng sáu trăm do-tuần... Đó là nhân duyên thứ bảy.

Kế đó là núi Luân viên, cao rộng ba trăm do-tuần... Đó là nhân duyên thứ tám.

Kế đến, từ đại địa này trở lên hư không, cao một vạn do-tuần. Ở đó, có các cung điện của Dạ-xoa, do pha lê tạo thành... Đấy là nhân duyên thứ chín.

Tiếp theo là trong bốn châu lớn và trong tám vạn châu nhỏ, các núi lớn khác, núi chúa Tu-di-lưu... Đó là nhân duyên thứ mười. Tất cả đều đầy đủ như đã nói ở núi Khư-đề-la-ca.

Đây là mười nhân duyên nóng bức của cung điện mặt trời trong sáu tháng đi về hướng Bắc.

Lại nữa, trong đó, do nhân duyên gì mà có sự lạnh lẽo?

Chư Tỳ-kheo, sau sáu tháng rồi, cung điện mặt trời to lớn đi về hướng Nam. Ở đây có mười hai nhân duyên nên sanh ra lạnh. Những gì là mười hai?

Chư Tỳ-kheo, khoảng giữa hai ngọn núi Tu-di-lưu và Khư-đề-la-ca là biển tu di lưu rộng tám vạn bốn ngàn do-tuần, bao la vô cùng; có các thứ hoa sen xanh, hoa sen hồng, hoa sen vàng, hoa sen trắng ở khắp mọi nơi, có mùi hương rất thơm. Ở trong đó, có ánh sáng của cung điện mặt trời to lớn chiếu đến xúc chạm. Đây là nhân duyên thứ nhất của sự lạnh lẽo. Cứ lần lượt như thế, núi Y-sa-đà là nhân duyên thứ hai; núi Do-càn-đà là nhân duyên thứ ba; núi Thiện hiện là nhân duyên thứ tư; núi Mã phiến đầu là nhân duyên thứ năm; núi Vi-dân-đà-la là nhân duyên thứ sáu; núi Tỳ-na-da-ca là nhân duyên thứ bảy; núi Luân viên là nhân duyên thứ tám. Các loại hoa ở trong đó... đầy đủ theo thứ lớp như đã nói đủ ở trong núi Khư-đề-la-ca.

Lại nữa, trong Diêm-phù-đề, nơi có các dòng sông chảy, có ánh sáng của cung điện mặt trời to lớn chiếu đến xúc chạm nên có sự lạnh lẽo... *nói lược cho đến*... Đó là nhân duyên thứ chín của sự lạnh lẽo.

Lại nữa, như trong châu Diêm-phù có các dòng sông chảy, trong châu Cù-đa-ni có các dòng sông chảy nhiều gấp bội, ánh sáng của cung điện mặt trời to lớn chiếu đến xúc chạm. Đấy là nhân duyên thứ mười của sự lạnh lẽo.

Lại nữa, như trong châu Cù-đà-ni, có các dòng sông chảy, trong châu Phất-bà-đề, cũng có các dòng sông chảy nhiều hơn gấp bội... Đấy là nhân duyên thứ mười một của sự lạnh lẽo.

Lại nữa, như trong châu Phất-bà-đề có các dòng sông chảy, trong châu Uất-đa-la-cứu-lưu có các dòng sông chảy nhiều gấp bội. Ánh sáng của cung điện mặt trời chiếu vào xúc chạm. Đấy là nhân duyên thứ mười hai của sự lạnh lẽo.

Đấy là mười hai nhân duyên.

Chư Tỳ-kheo, cung điện mặt trời to lớn, sáu tháng đi về hướng Nam, mỗi ngày đi được sáu câu-lô-xá, chẳng rời xa quỹ đạo; trong đó, có mười hai nhân duyên này, nên lạnh lẽo.

Lại nữa, do nhân duyên gì mà về mùa đông đêm dài ngày ngắn?

Chư Tỳ-kheo, qua sáu tháng rồi, mặt trời đi về hướng Nam, mỗi ngày đi được sáu câu-lô-xá, cũng chẳng sai lệch. Nhưng ở vào thời điểm ấy, mặt trời ở tại mé Nam của châu Diêm-phù, nơi mà địa hình nhỏ hẹp, nên mặt trời qua nhanh. Chư Tỳ-kheo, do nhân duyên này mà về mùa đông, ngày ngắn đêm dài.

Lại nữa, do nhân duyên gì mà mùa xuân, mùa hạ, ngày dài, đêm ngắn?

Chư Tỳ-kheo, qua sáu tháng rồi, cung điện mặt trời đi về hướng Bắc, mỗi ngày đi được sáu câu-lô-xá, cũng chẳng sai lệch với quỹ đạo thường đi. Nhưng vào thời điểm ấy, đi ngay giữa cõi Diêm-phù, địa hình nơi đây rộng nên đi lâu. Vì vậy nên ngày dài.

Chư Tỳ-kheo, do nhân duyên ấy, mùa xuân, mùa hạ ngày dài, đêm ngắn.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, nếu ở châu Diêm-phù-đề mặt trời giữa ngày thì ở châu Phất-bà-đề mặt trời lặn; ở châu Cù-đa-ni, mặt trời mọc thì ở châu Uất-đa-la-cứu-lưu là nửa đêm. Nếu châu Cù-đa-ni giữa trưa, thì ở châu Diêm-phù-đề mặt trời lặn. Ở châu Uất-đa-la-cứu-lưu mặt trời mọc thì ở châu Phất-bà-đề nửa đêm. Nếu ở châu Uất-đa-la-cứu-lưu giữa trưa thì ở châu Cù-đa-ni mặt trời lặn. Ở châu Phất-bà-đề mặt trời mọc thì ở châu Diêm-phù-đề nửa đêm. Nếu ở châu Phất-bà-đề giữa

trưa thì ở châu Uất-đa-la-cứu-lưu mặt trời lặn. Ở châu Diêm-phù-đề mặt trời mọc thì ở châu Cù-đa-ni nửa đêm.

Chư Tỳ-kheo, người châu Diêm-phù-đề cho là phương Tây thì người châu Cù-đa-ni cho là phương Đông. Người châu Cù-đa-ni cho là phương Tây thì người châu Uất-đa-la-cứu-lưu cho là phương Đông. Người châu Uất-đa-la-cứu-lưu cho là phương Tây thì người châu Phất-bà-đề cho là phương Đông. Người châu Phất-bà-đề cho là phương Tây thì người châu Diêm-phù-đề cho là phương Đông. Hai phương Nam, Bắc cũng giống như thế.

Tới đây, Phật nói kệ:

Chuyển trụ và chuyển hoại
Trời hiện và mỏng che
Mười hai lớp gió thổi
Ở trước, chư Thiên đi
Lầu gác và gió thổi
Ánh sáng của thân chiếu
Nghiệp bố thí trì giới
Quán sát-na, la bà
Nói nhiệt có mười duyên
Nói lạnh có mười hai
Ngày đêm và giữa trưa
Nói Đông, Tây bốn hướng.

Chư Tỳ-kheo, cung điện rất lớn của Thiên tử mặt trăng cao rộng bằng nhau bốn mươi chín do-tuần, chung quanh, trên dưới có bảy lớp bờ tường, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới chuông; lại có bảy hàng cây Đa-la bao bọc chung quanh, nhiều màu đẹp đẽ. Các bờ tường ấy đều dùng bảy báu như vàng, bạc..., mã não tạo thành. Các cửa ở bốn phía đều có lầu gác, trang trí đủ loại... nói đủ như cung điện mặt trời ở trên... *cho đến* các loài chim đều ca hót.

Chư Tỳ-kheo, cung điện mặt trăng, dùng toàn vàng bạc trời, lưu ly trời màu xanh để trang trí xen kẽ; hai phần bạc, trong sạch không cáu bẩn, không có các cặn dơ, thể của nó trong suốt, rất sáng; một phần là lưu ly trời màu xanh, cũng trong sạch, trong ngoài trong suốt, ánh sáng chói xa.

Chư Tỳ-kheo, cung điện rất đẹp của Thiên tử mặt trăng có năm thứ gió giữ gìn cho sự vận hành. Những gì là năm? Một là trì, hai là trụ,

ba là thuận, bốn là nhiếp, năm là hành. Vì được năm loại nhân duyên này giữ gìn nên cung điện mặt trăng nương hư không mà đi.

Chư Tỳ-kheo, cung điện mặt trăng lại có vô lượng cung điện chư Thiên đi ở trước, vô lượng trăm ngàn vạn chư Thiên đi ở trước. Khi đi, họ hưởng thụ vô lượng các thứ khoái lạc. Số chư Thiên đó đều có tên gọi.

Chư Tỳ-kheo, trong cung điện to lớn của Thiên tử mặt trăng, lại đặc biệt có xe lưu ly xanh; xe ấy cao mười sáu do-tuần, rộng tám do-tuần. Thiên tử mặt trăng và các Thiên nữ vào trong xe, dùng các thú vui năm dục cùng nhau thọ lạc, vui vẻ thoả thích, tùy ý mà đi.

Chư Tỳ-kheo, số tuổi thọ cõi trời của Thiên tử mặt trăng là năm trăm tuổi, con cháu nối tiếp đều cai trị ở đó. Nhưng cung điện đó chỉ tồn tại một kiếp.

Chư Tỳ-kheo, ánh sáng trong các bộ phận thân thể của Thiên tử mặt trăng phát ra liền chiếu sáng xe lưu ly xanh kia; ánh sáng của xe ấy chiếu sáng cung điện mặt trăng to lớn; ánh sáng cung điện mặt trăng chiếu sáng bốn châu lớn.

Chư Tỳ-kheo, Thiên tử mặt trăng có năm trăm luồng ánh sáng chiếu xuống, có năm trăm luồng ánh sáng chiếu một bên để đi. Vì vậy gọi là mặt trăng ngàn ánh sáng chiếu, cũng gọi là ánh sáng mát lạnh.

Chư Tỳ-kheo, do nhân duyên gì cung điện mặt trăng to lớn chiếu sáng bốn châu lớn? Do trong đời quá khứ bố thí cho Sa-môn, Bà-la-môn, kẻ bần cùng cô độc từ xa đến xin, như là đồ ăn thức uống, xe cộ, y phục, tràng hoa, hương thơm, giường, chiếu, phòng nhà, các thứ giúp cho sự sống... Khi bố thí, kịp thời nhanh chóng, không có lòng dua nịnh; hoặc lại cúng dường các tiên trì giới, người đầy đủ công đức, ngay thẳng, thuần thiện, do nhân duyên ấy thọ hưởng vô lượng các loại khoái lạc về thân tâm. Thí như chốn rừng núi vắng vẻ, đồng trống, đầm hoang, sa mạc, có một ao nước mát mẻ trong đẹp, không có cáu bẩn. Khi ấy có người đi đường xa mệt mỏi, đói khát nóng bức, vào trong ao kia, tắm rửa uống nước, hết tất cả khổ, cảm thấy sung sướng vô cùng. Cũng giống như thế, do nhân duyên đó, sanh trong cung điện của Thiên tử mặt trăng, hưởng quả báo vui sướng.

Chư Tỳ-kheo, lại có một hạng người từ bỏ sát sanh... *cho đến* từ bỏ uống rượu và phóng dật, cúng dường phụng sự các tiên nhân... cũng sanh trong cung điện mặt trăng ấy, chiếu sáng bốn châu.

Lại có người từ bỏ sát sanh... *cho đến* có chánh kiến nên nhanh chóng được sanh lên cung điện đi trên không. Đây gọi là những con đường của thiện nghiệp.

Lại do nhân duyên gì mà cung điện mặt trăng hiện ra dần dần? Có ba nhân duyên. Những gì là ba? Một là xuất hiện không đúng hướng; hai là thân chư Thiên màu xanh, hình mang Anh lạc, tất cả đều xanh, thường che khuất cung điện trong nửa tháng. Vì che khuất nên vào thời gian đó, hình mặt trăng dần dần xuất hiện; ba là từ trong cung điện mặt trời to lớn kia, đặc biệt có sáu mươi luồng ánh sáng xuất hiện rồi che khuất vầng trăng kia. Vì vậy, (mặt trăng) dần dần xuất hiện.

Lại nữa, do nhân duyên gì mà cung điện mặt trăng tròn đầy, hiện rõ như vậy?

Chư Tỳ-kheo, về điều này có ba nhân duyên nên khiến như thế. Một là lúc ấy cung điện mặt trăng to lớn, xuất hiện đúng hướng. Vì vậy mặt trăng hiện ra tròn đầy.

Lại nữa, chư Thiên màu xanh, y phục, Anh lạc, tất cả đều xanh, thường trong nửa tháng che khuất cung điện mặt trăng. Nhưng cung điện mặt trăng, vào thời kỳ trai nhật, ngày mười lăm, ánh sáng tròn đầy, chiếu soi vằng vặc. Thí như có nhiều các thứ dầu mỡ đổ vào ngọn đuốc lớn đang cháy thì tất cả các loại đèn khác đều bị lu mờ. Cũng như vậy, cung điện mặt trăng to lớn, vào ngày mười lăm đều luôn luôn như thế.

Lại nữa, sáu mươi luồng ánh sáng của cung điện mặt trời xuất hiện rồi che vầng trăng mát mẽ kia. Nhưng cung điện mặt trăng, vào kỳ trai nhật, ngày mười lăm, tròn đầy, ở tất cả nơi chốn đều ra khỏi sự che khuất. Ánh sáng mặt trời khi đó, không thể ngăn che được.

Lại nữa, do nhân duyên gì mà cung điện mặt trăng vào ngày thứ mười lăm của kỳ trăng tối, hoàn toàn không hiện?

Chư Tỳ-kheo, cung điện mặt trăng, vào ngày thứ mười lăm của kỳ trăng tối đi gần cung điện mặt trời, vì bị ánh sáng mặt trời che khuất nên hoàn toàn không thấy.

Lại nữa, vì nhân duyên gì mà đại cung điện mặt trăng, được gọi là mặt trăng?

Chư Tỳ-kheo, cung điện mặt trăng vào ngày thứ nhất của kỳ trăng tối trở đi vì màu sắc, ánh sáng, oai đức khiếm khuyết mà giảm dần, vì nhân duyên ấy nên được gọi là mặt trăng.

Lại nữa, do nhân duyên gì mà trong cung điện mặt trăng có hình ảnh?

Chư Tỳ-kheo, có cây Diêm-phù, nhân đó nên gọi là châu Diêm-phù. Hình ảnh của nó hiện ra trong ánh sáng của vầng trăng mát mẽ. Do nhân duyên này mà có hình ảnh hiện ra.

Lại do nhân duyên gì mà có các dòng sông chảy ở thế gian?

Chư Tỳ-kheo, vì có mặt trời nên có nhiệt; vì có nhiệt nên có não; vì có não nên có thiêu đốt; vì có thiêu đốt nên có ẩm thấp; vì có ẩm thấp nên trong các núi có dòng nước chảy ra.

Chư Tỳ-kheo, do nhân duyên này nên thế gian có các dòng sông.

Lại do nhân duyên gì mà có năm loại hạt giống xuất hiện ở thế gian?

Chư Tỳ-kheo, hoặc ở phương Đông, có thế giới chuyển thành rồi hoại, hoại rồi thành, hoặc thành rồi trụ; phương Nam, Tây, Bắc thành, hoại và trụ cũng giống như thế. Bấy giờ có ngọn gió lớn A-na-tỳ-la ở thế giới khác, chỗ đã chuyển thành và trụ, thổi năm loại hạt giống rải vào thế giới này, rải rồi rải nữa, cho đến rải khắp, đó là hạt căn, hạt hành, hạt tiết, hạt hiệp, hạt tử. Đây là năm loại hạt.

Chư Tỳ-kheo, đại thọ Diêm-phù có quả giống như cái hộc lường Ma-ni của nước Ma-già-đà. Quả ấy hái xuống, mủ nó chảy ra, màu như sữa, vị ngọt như mật.

Chư Tỳ-kheo, quả cây Diêm-phù có năm phần phát sanh lợi ích, đó là Đông, Nam, Tây, trên, dưới. Phần phương Đông thì các Càn-thát-bà ăn; phần phương Nam thì có nhân dân trong bảy tụ lạc lớn ăn: một là Bất chánh khiếu, hai là Khiếu, ba là Bất chánh thể, bốn là Hiền, năm là Thiện hiền, sáu là Lao, bảy là Thắng. Trong bảy loại tụ lạc lớn đó, có bảy ngọn núi đen: một là Thiên sương, hai là Nhất bát, ba là Tiểu cước, bốn là Hà phát, năm là Bách thiên đầu, sáu là Năng thắng, bảy là Tối thắng. Trong bảy ngọn núi ấy có bảy cái hang của bảy phạm tiên: một là Thiện nhãn, hai là Thiện hiền, ba là Tiểu, bốn là Bách thiên đầu, năm là Lãn vật trì, sáu là Hắc nhập, bảy là Tăng trưởng thời. Trong phần phía Tây thì Kim sí điểu ăn; phần trên thì các Dạ-xoa hư không ăn; phần dưới trong biển thì các trùng ăn.

Đến đây, có bài kệ tụng:

Đầu nói mưa nhiều ít
Thị hiện trong cung điện

Hai việc có gió nhiều
Ở trước, các trời đi
Xe cộ và thọ mạng
Ánh sáng thân thể chiếu
Nghiệp bố thí trì giới.
Vầng trăng đầy và khắp
Ánh trăng lại không hiện
Có bóng do nhân gì
Các sông, các hạt giống
Cây Diêm-phù sau cùng.

Chư Tỳ-kheo, chúng sanh thuở ban đầu, khi ăn vị đất đã giúp cho mình sống lâu ở đời. Nhưng trong bọn họ, nếu người nào ăn nhiều thì nhan sắc xấu đi, còn nếu người nào ăn ít thì sáng láng đẹp đẽ. Ngay khi ấy, hình sắc hiện rõ nên chúng sanh khinh chê nhau, tranh cãi đẹp xấu. Người đẹp thì sanh kiêu mạn; vì ngã mạn nên vị đất biến mất, rồi sanh màng đất sắc vị đầy đủ. Thí như hoa Yết-ni-ca-la nở, có màu sắc như vậy, lại như mật nguyên không lộn sáp, có mùi vị như vậy.

Các chúng sanh đó tụ tập lại, lo buồn khổ não, đấm ngực kêu gào, mê loạn khốn đốn, than rằng: "Than ôi! Vị đất của ta. Than ôi! Vị đất của ta". Thí như nay đây có vị ngon đã nếm biết rồi, khen rằng: "Ôi! Đây là vị của ta". Chấp trước tên cũ, chẳng biết chân nghĩa. Bọn chúng sanh ấy, cũng giống như thế. Khi ấy, chúng sanh đó ăn màng đất, sống lâu ở đời. Người ăn nhiều thì nhan sắc xấu, kẻ ăn ít thì thân hình đẹp. Vì có đẹp, xấu, sinh ngã mạn lăng nhục nhau; màng đất biến mất, liền sanh dây bò, hình sắc trọn vẹn, hương vị đầy đủ. Giống như hoa Ca-lam-bà-ha nở, có sắc như vậy; cắt ra nhựa chảy, giống như mật ong không sáp... *cho đến như trước*, cùng nhau tụ họp, sầu não... cứ diễn tiến như vậy, rồi loại dây bò đó biến mất; gạo tẻ xuất hiện, chẳng do cày cấy, tự nhiên mọc lên, không có cỏ, không có vỏ, hạt gạo trong sạch, hương vị đầy đủ. Khi ấy chúng sanh ăn gạo ấy rồi, thân thể liền có mỡ, tủy, da, thịt, gân cốt, máu mủ, các mạch và hiện rõ tướng nam căn, nữ căn; tướng căn đã sanh, nhiễm tâm liền khởi; vì có nhiễm tâm nên luôn nhìn nhau; đã nhìn nhau rồi liền sanh ái dục; vì ái dục sanh nên ở chỗ vắng vẻ, làm việc phi phạm hạnh. Khi làm việc bất tịnh như thế, lại có các chúng sanh khác chưa làm việc như vậy thấy bảo rằng: "Các ngươi đã làm việc rất xấu xa. Tại sao làm như vậy?" Chúng sanh kia liền sanh xấu hổ, rơi vào trong các điều ác bất thiện, nên mới có danh từ "phu chủ". Khi ấy chúng sanh kia, vì rơi vào các điều ác như thế nên đem cơm đến cho người cùng hành dâm, nói: "Có chồng rồi, có chồng rồi". Do đó mới đặt tên là vợ.

Chư Tỳ-kheo, do nhân duyên đó, các vị thắng nhân hạ sanh trước thấy thế gian nảy sinh việc vợ chồng cho nên họ dùng tay trái nắm lấy, dùng tay phải xô đẩy khiến rời bỏ xứ sở. Nhưng chúng sanh kia đi được hai hoặc ba tháng rồi quay về lại. Khi ấy các người còn ở đó thấy họ trở về liền dùng gậy gộc, đất gạch, ngói đá đánh ném, nói thế này: "Các ngươi hãy đi cho khuất! Các ngươi hãy đi cho khuất!" Giống như ngày nay, khi các người con gái đi lấy chồng được ném hoa, vàng bạc, y phục

và ném hoa lúa khô. Và nói lời cầu nguyện: "Xin chúc cô dâu bình an, hạnh phúc".

Chư Tỳ-kheo, cứ lần lượt như vậy, người xưa đã làm ác như thế, thấy người đời nay cũng làm như thế. Do nhân duyên ấy, các chúng sanh ở trong cõi đời làm các việc ác. Lần lượt như thế, tạo dựng nhà cửa, để che giấu việc làm ác.

Cho nên có kệ rằng:

Trước làm thành Chiêm bà
Sau tạo Ba-la-nại
Qua kiếp tàn sau cùng
Qui hoạch thành Vương xá.

Chư Tỳ-kheo, do nhân duyên ấy, các vị thắng nhân ngày trước tạo lập các chốn thôn thành, tụ lạc, quốc ấp, vương cung, các trú xứ làm đẹp thế gian xuất hiện. Các chúng sanh đó khi làm tăng trưởng việc phi pháp thì có chúng sanh khác, phước nghiệp hết, từ trời Quang âm xả thân xuống, nhập vào thai mẹ.

Chư Tỳ-kheo, do nhân duyên này, những vị Thánh nhân thuở trước sanh trước ở thế gian, phước lực của họ còn dư nên không cần cày cấy mà tự nhiên có gạo tẻ xuất hiện. Nếu cần dùng, vào buổi sáng lấy, thì buổi chiều liền sanh lại; buổi chiều lấy thì sáng sanh lại, cùng một giống lúa chín. Nếu không lấy thì vẫn còn như cũ. Khi ấy chúng sanh, vì phước mỏng dần lười biếng, nhác nhớm, sanh tâm tham lam, nghĩ như thế này: "Loại gạo tẻ này đây không cần phải cày cấy, có khó nhọc gì đâu mà vào buổi sáng, buổi chiều đều lấy riêng rẻ thì chỉ thêm mệt. Nay ta nên lấy luôn một lần". Nghĩ thế, bèn lấy luôn một lần. Khi ấy các chúng sanh khác rủ người kia: "Giờ ăn đã đến, hãy cùng đi lấy gạo tẻ". Người kia đáp: "Tôi đã lấy một lần cho cả buổi sáng buổi chiều rồi, lấy để dành cho bữa đến. Các ngươi muốn đi thì có thể tự đi đi". Các người kia nghĩ: "Bọn chúng sanh này làm hay, gọn nhẹ, cùng lấy một lúc cả hai bữa sáng chiều. Ta nay cũng có thể lấy luôn một lần cho cả hai, ba ngày". Nghĩ rồi, làm liền. Bấy giờ lại có chúng sanh khác đến rủ chúng sanh đó: "Chúng ta hãy cùng đi lấy gạo tẻ!" Chúng sanh đó đáp: "Tôi đã lấy trước đủ phần ăn cho ba ngày rồi. Các ngươi đi đi!" Chúng sanh ấy nghe rồi lại nghĩ: "Người này rất khôn. Ta cũng nên lấy cùng một lúc phần ăn của bốn, năm ngày". Vì do tích trử, nên khi ấy gạo tẻ liền sanh vỏ trấu, bọc hạt gạo bên trong. Khi bị cắt thì không

mọc lại nữa, chỗ chưa cắt thì vẫn còn nguyên. Ruộng lúa lúc đó liền được phân chia, cây cỏ mới mọc. Khi ấy chúng sanh tụ tập lại, sầu than khóc lóc, họ bảo nhau: "Ta nhớ thuở xưa, thân sanh do ý, dùng niềm vui làm thức ăn, có ánh sáng tự nhiên, bay đi trên không tự tại, thần sắc đẹp đẽ, thọ mạng lâu dài. Nhưng vì chúng ta mà bỗng sanh vị đất, sắc hương vị đầy đủ, ăn vào sống lâu. Người nào ăn nhiều thì thân thể thô xấu, người ăn ít thì nhan sắc vẫn đẹp. Vì tranh đẹp xấu nên khởi tâm kiêu mạn, trở nên khác biệt. Vì lẽ đó mà vị đất diệt mất. Kế sanh loại màng đất, tiếp sanh loại dây bò, rồi sanh gạo tẻ, cho đến lúa, cắt rồi chẳng mọc, không cắt còn nguyên. Vì vậy cho nên thành ra cỏ cây mọc có sự phân chia. Nay đây, chúng ta cần phải chia thành khu vực, phân ra ranh giới và đặt ra hình phạt. Phần kia là của anh; đây là phần của tôi. Ai xâm lấn thì bị phạt".

Chư Tỳ-kheo, do nhân duyên này, thế gian mới có danh từ ranh giới, hình phạt xuất hiện.

Bấy giờ riêng có một chúng sanh tiếc lúa của mình, trộm lúa kẻ khác. Các người khác thấy liền bảo người ấy rằng: "Người kia, người làm ác! Người làm ác! Tại sao có lúa rồi lại lấy trộm lúa người khác? Đừng làm như thế nữa!", trách rồi thả đi. Nhưng chúng sanh kia lại tái phạm, cũng trách rồi thả đi. Đến ba lần như vậy, vẫn không hối cải, nên bị nói nặng lời quở trách, dùng tay đánh vào đầu, dẫn đến chỗ đám đông, nói với mọi người: "Người này lấy trộm của người khác". Nhưng chúng sanh ấy, ở trước đám đông, chống chế cãi lại, nói với mọi người: "Chúng sanh này dùng lời thô ác mạ nhục tôi, dùng tay đánh tôi". Khi ấy mọi người tụ tập lo sầu, buồn khóc kêu la: "Chúng ta ngày nay, đến tình trạng này là bị rơi vào chỗ ác. Chúng ta đã làm phát sanh pháp ác bất thiện, gây ra các phiền não, làm tăng trưởng khổ quả sanh, già ở đời vị lai, sẽ hướng đến đường ác. Hiện tại chứng kiến việc dùng tay níu kéo, xua đuổi nhau, trách mắng nhau. Nay chúng ta nên tìm cầu người thủ hộ công minh, tôn làm chủ để ai đáng bị quở trách thì chính thức quở trách; đáng bị phạt thì chính thức phạt; đáng bị xua đuổi thì chính thức xua đuổi. Lúa gạo trên phần ruộng mà chúng ta sở hữu, ai tự thu hoạch lấy. Vị chủ thủ hộ ấy cần bao nhiêu, chúng ta cung cấp". Mọi người cùng bàn luận với nhau như thế rồi, họ liền cùng nhau suy cử một vị thủ hộ chính thức. Bấy giờ, trong đại chúng ở nơi ấy, đặc biệt có một người cao to đẹp đẽ, đoan chánh khả ái, hình dung kỳ đặc, vi diệu khả quan, thân sắc chói sáng, mọi điều hoàn hảo. Khi ấy mọi người đến bên

người ấy, nói như thế này: "Quý hóa thay! Thưa ngài, xin ngài hãy vì chúng tôi mà làm thủ hộ chính thức. Ở đây, chúng tôi đều có ranh giới ruộng đất, ngài đừng để xâm lấn nhau. Ai đáng la mắng thì chính thức la mắng, đáng trách thì chính thức trách... *cho đến* phạt... đáng đuổi thì chính thức đuổi. Ngài khỏi phải cày cấy. Lúa gạo mà chúng tôi thu hoạch được sẽ chia cho ngài, không để ngài bị thiếu". Người kia nghe rồi, liền nhận lời, làm chủ chính thức; mắng, trách, phạt, xua đuổi công bình chính trực, không có sự xâm lấn. Mọi người thu hoạch lúa, đem đến cung cấp, không để gián đoạn, thiếu hụt. Cứ theo cách thức như thế, tôn làm điền chủ. Vì lấy phần đất từ trong ruộng lúa của dân chúng nên nhân đó đặt tên là Sát-đế-lợi (đời Tùy dịch là Điền chủ). Khi ấy dân chúng đều vui mừng, y theo lời răn bảo mà làm. Vị Sát-đế-lợi kia, trong việc phụng sự cho mọi người, khôn ngoan khéo léo; ở giữa mọi người, tướng tốt hơn hết, vì vậy được gọi là vua. Mọi người tôn là vua Đại Bình Đẳng, vì vậy gọi là Ma-ha Tam-ma-đa (Tùy gọi là vua Đại Chúng Bình Đẳng).

Chư Tỳ-kheo, khi vị Đại Bình Đẳng này làm vua thì mọi người nhân đó mới có tên là Tát-đa-bà (Tùy gọi là Chúng sanh).

Chư Tỳ-kheo, vua Đại Bình Đẳng có con tên là Hô-lô-giá (Tùy dịch là Ý Hỷ).

Chư Tỳ-kheo, khi Ý Hỷ làm vua, mọi người tôn xưng là Hà-di-ma-ha (Tùy dịch là Kim Giả).

Chư Tỳ-kheo, vua Ý Hỷ có con tên là Ha-lê-da (Tùy dịch là Chánh Chân).

Chư Tỳ-kheo, khi Chánh Chân làm vua, mọi người tôn xưng là Đế-la-xà (Tùy dịch là Ô-ma-sanh).

Chư Tỳ-kheo, vua Chánh Chân có con tên là Bà-la-ha-lê-da-na (Tùy dịch là Tối Chánh Chân).

Chư Tỳ-kheo, khi Tối Chánh Chân làm vua, mọi người tôn xưng là Vân Phiến.

Chư Tỳ-kheo, vua Vân Phiến có con tên là Trai Giới.

Chư Tỳ-kheo, khi Trai Giới làm vua, mọi người tôn xưng là Mộc Hĩnh.

Chư Tỳ-kheo, trên đỉnh đầu của vua Trai Giới tự nhiên mọc lên một bọc thịt; bọc thịt ấy sanh ra một đồng tử đẹp đẽ, đầy đủ ba mươi hai tướng. Vừa sanh ra đã nói: "Trì giới". Vị vua sanh ra từ đỉnh đầu

ấy, đầy đủ thần thông, rất có oai lực, thống lãnh bốn châu, trị hóa tự tại.

Chư Tỳ-kheo, sáu vị vua này thọ mạng vô lượng.

Chư Tỳ-kheo, từ đùi vế bên phải của vị vua sanh từ đỉnh đầu ấy, mọc ra một bọc thịt, rồi sanh một đồng tử đẹp đẽ hoàn toàn cũng có ba mươi hai tướng, tên là Hữu Bễ Sanh, cũng có oai lực thống trị bốn châu lớn. Bên đùi vế trái của vua Hữu Bễ mọc ra một bọc thịt, sanh một đồng tử, cũng có ba mươi hai tướng, tên là Tả Bễ Sanh đầy đủ oai lực cai trị ba châu lớn. Từ bọc thịt ở đầu gối bên phải của vua Tả Bễ ấy sanh một đồng tử, oai đức và tướng tốt như trên, cai trị hai đại châu. Từ đầu gối bên trái của vua Hữu Tất ấy sanh một đồng tử, oai đức và tướng tốt như trước, thống lĩnh một châu lớn.

Chư Tỳ-kheo, từ đây về sau, có vua Chuyển luân đều thống lãnh một châu.

Chư Tỳ-kheo, tuần tự như thế, lúc ban đầu dân chúng tôn lập vua Đại Bình Đẳng, kế đến là vua Ý Hỷ; tiếp theo là vua Chánh Chân; kế tiếp là vua Tối Chánh Chân, vua Trai Giới, vua Đảnh Sanh, vua Hữu Bễ, vua Tả Bễ, vua Hữu Tất, vua Tả Tất, vua Dĩ Thoát, vua Dĩ Dĩ Thoát, vua Thể Giả, vua Thể Vị, vua Quả Báo Xa, vua Hải, vua Đại Hải, vua Xà-câu-lê, vua Đại Xà-câu-lê, vua Mâu Thảo, vua Biệt Mâu Thảo, vua Thiện Hiền, vua Đại Thiện Hiền, vua Tương Ái, vua Đại Tương Ái, vua Khiếu, vua Đại Khiếu, vua Ni-lê-ca, vua Na-cù-sa, vua Lang, vua Hải Phần, vua Kim Cang Tý, vua Sàng, vua Sư Tử Nguyệt, vua Na-gia-đê, vua Biệt Giả, vua Thiện Phước Thủy, vua Nhiệt Não, vua Tác Quang, vua Khoáng Giả, vua Tiểu Sơn, vua Sơn Giả, vua Diệm Giả, vua Xí Diệm.

Chư Tỳ-kheo, từ vua Xí Diệm ấy, con cháu nối nhau, có một trăm lẻ một đời, đều ở thành Bô-đa-la trị hóa thiên hạ. Vua cuối cùng tên là Hàng Oán; vì có thể hàng phục các giặc oán nên gọi là Hàng Oán.

Chư Tỳ-kheo, con cháu của vua Hàng Oán đó nối tiếp nhau, ở trong thành A-du-xà trị hóa, gồm có năm vạn bốn ngàn vua. Vua cuối cùng tên là Nan Thắng.

Chư Tỳ-kheo, con cháu vua Nan Thắng nối tiếp nhau ở thành Ba-la-nại trị hóa, gồm có sáu vạn ba ngàn vua. Vua sau cùng tên là Nan Khả Ý.

Chư Tỳ-kheo, con cháu vua Nan Khả Ý nối tiếp nhau ở thành Ca-

tỳ-la trị hóa, gồm có tám vạn bốn ngàn vua. Vua sau cùng tên là Phạm Đức.

Chư Tỳ-kheo, con cháu vua Phạm Đức nối tiếp nhau ở thành Bạch tượng trị hóa, gồm có ba vạn hai ngàn vua. Vua sau cùng tên là Tượng Đức.

Chư Tỳ-kheo, con cháu vua Tượng Đức ở thành Câu-thi-na trị hóa, gồm có ba vạn hai ngàn vua. Vua sau cùng tên là Hoắc Hương.

Chư Tỳ-kheo, con cháu vua Hoắc Hương nối tiếp nhau ở thành Ưu-la-xà trị hóa, gồm có ba vạn hai ngàn vua. Vua cuối cùng tên là Na-già-na-thị.

Chư Tỳ-kheo, con cháu vua Na-thị nối tiếp nhau ở thành Nan hàng phục trị hóa, gồm có ba vạn hai ngàn vua. Vua sau cùng tên là Hàng Giả.

Chư Tỳ-kheo, con cháu vua Hàng Giả nối tiếp nhau ở thành Cát-na-cưu-già trị hóa, gồm có một vạn hai ngàn vua. Vua sau cùng tên là Thắng Quân.

Chư Tỳ-kheo, con cháu vua Thắng Quân nối tiếp nhau ở thành Ba-ba trị hóa thiên hạ, gồm có một vạn tám ngàn vua. Vua sau cùng tên là Thiên Long.

Chư Tỳ-kheo, con cháu vua Thiên Long nối tiếp nhau ở thành Đa-ma-lê-xà trị hóa, gồm có hai vạn năm ngàn vua. Vua cuối cùng tên là Hải Thiên.

Chư Tỳ-kheo, con cháu vua Hải Thiên tiếp nối nhau ở lại thành Đa-ma-lê-xà trị hóa, gồm có một vạn vua. Vua cuối cùng cũng tên là Hải Thiên.

Chư Tỳ-kheo, sau đó, con cháu vua Hải Thiên nối tiếp nhau ở lại thành Đàn-đa-phú-la trị hóa, gồm có một vạn tám ngàn vua. Vua cuối cùng tên là Thiện ý; con cháu nối tiếp nhau ở thành lớn Vương xá trị hóa, gồm có hai vạn năm ngàn vua. Vua sau cùng tên là Thiện Trị Hóa.

Chư Tỳ-kheo, con cháu vua Thiện Trị Hóa nối tiếp nhau trở lại ở thành Ba-la-nại trị hóa, gồm có một ngàn một trăm vua. Vua sau cùng tên là Đại Đế Quân.

Chư Tỳ-kheo, con cháu vua Đại Đế Quân nối tiếp nhau ở thành lớn Mao chủ trị hóa, gồm có tám vạn bốn ngàn vua. Vua sau cùng lại có tên là Hải Thiên.

Chư Tỳ-kheo, con cháu vua Hải Thiên nối tiếp nhau trở lại ở

thành Bô-đa-la trị hóa, gồm có một ngàn năm trăm vua. Vua sau cùng tên là Khổ Hạnh.

Chư Tỳ-kheo, con cháu vua Khổ Hạnh nối tiếp nhau trở lại thành lớn Mao chủ trị hóa, gồm có tám vạn bốn ngàn vua. Vua sau cùng tên là Địa Diện.

Chư Tỳ-kheo, con cháu vua Địa Diện tiếp nối nhau trở lại thành A-du-xà trị hóa, gồm có một ngàn vua. Vua sau cùng tên là Trì Địa.

Chư Tỳ-kheo, con cháu vua Trì Địa nối tiếp nhau trở lại thành lớn Ba-la-nại trị hóa, gồm có tám vạn vua. Vua sau cùng tên là Địa Chủ.

Chư Tỳ-kheo, con cháu vua Địa Chủ nối tiếp nhau ở thành Mị-di-la trị hóa, gồm có tám vạn bốn ngàn vua. Vua sau cùng tên là Đại Thiên.

Chư Tỳ-kheo, con cháu vua Đại Thiên nối tiếp nhau ở thành lớn Mị-di-la trị hóa, gồm có tám vạn bốn ngàn vua Sát-đế-lợi. Tất cả vua đó đều ở trong rừng Am-bà-la thuộc thành Mị-di-la kia tu hành phạm hạnh. Vua sau cùng tên là vua Ni-mị, kế đến là vua Một, rồi đến vua Kiên Tề, vua Kha-nô, vua Ưu-ba, vua Nô-ma, vua Thiện Kiến, vua Nguyệt Kiến, vua Văn Quân, vua Pháp Quân, vua Hàng Phục, vua Đại Hàng Phục, vua Cánh Hàng, vua Vô Ưu, vua Trừ Ưu, vua Kiên Tiết, vua Vương Tiết, vua Ma-la, vua Lâu-na, vua Phương Chủ, vua Trần Giả, vua Ca-la, vua Nan-đà, vua Cảnh Diện, vua Sanh Giả, vua Hộc Lãnh, vua Thực Ẩm, vua Khiêu Thực, vua Nan Hàng, vua Nan Thắng, vua An Trú, vua Thiện Trú, vua Đại Lực, vua Lực Đức, vua Kiên Hành.

Chư Tỳ-kheo, con cháu vua Kiên Hành nối tiếp nhau ở thành Ca-xà-bà-ba trị hóa, gồm có bảy vạn năm ngàn vua. Vua sau cùng tên là Am-bà-lê-sa.

Chư Tỳ-kheo, con của vua Lê-sa tên là Thiện Lập.

Chư Tỳ-kheo, con cháu vua Thiện Lập tiếp nối nhau ở thành lớn Ba-la trị hóa, gồm có một ngàn một trăm vua. Vua sau cùng tên là Chỉ-lê-kỳ.

Chư Tỳ-kheo, bấy giờ có Đức Ca-diếp Như Lai, A-la-hán, Chánh Đẳng Giác xuất hiện thế gian. Khi ấy Bồ-tát tu hành phạm hạnh sanh lên cõi trời Đâu-suất.

Con của vua Chỉ-lê-kỳ tên là Thiện Sanh, con cháu nối tiếp nhau trở lại thành Bô-đa-la trị hóa, gồm có một trăm lẻ một vua. Vua sau cùng tên là Nhĩ. Vua Nhĩ có hai người con, một tên là Cù-đàm, hai tên

là Bà-la-đọa-xà. Vua ấy có một người con tên là Cam Giá Chủng.

Chư Tỳ-kheo, con cháu của Cam Giá Chủng nối tiếp nhau trở lại thành Bô-đa-la trị hóa, gồm có một trăm lẻ một vua Cam Giá Chủng. Vua sau cùng tên là Bất Thiện Trường Cam Giá Chủng.

Chư Tỳ-kheo, vua Bất Thiện Trường sanh bốn người con: Một tên là Ưu-mâu-khư, hai tên là Kim Sắc, ba tên là Tợ Bạch Tượng, bốn tên là Túc Cự. Con của Túc Cự tên là Thiên Thành. Con cháu của Thiên Thành tiếp nối nhau ở thành Ca-tỳ-la-bà-tô-đô trị hóa, gồm có bảy vạn bảy ngàn vua. Vua sau cùng tên là vua Quảng Xa, tiếp đến là vua Biệt Xa, rồi tiếp theo là vua Kiên Xa, vua Trụ Xa, vua Thập Xa, vua Bách Xa, vua Cửu Thập Xa, vua Tạp Sắc Xa, vua Trí Xa, vua Quảng Cung, vua Đa Cung, vua Kiêm Cung, vua Trụ Cung, vua Thập Cung, vua Bách Cung, vua Cửu Thập Cung, vua Tạp Sắc Cung, vua Trí Cung.

Chư Tỳ-kheo, vua Trí Cung sanh hai người con: Một tên là Sư Tử Giáp, hai tên là Sư Tử Túc. Sư Tử Giáp nối ngôi, sanh bốn người con: Một tên là Tịnh Phạn, hai tên là Bạch Phạn, ba tên là Hộc Phạn, bốn tên là Cam Lộ Phạn. Và sanh một người con gái tên là Bất Tử.

Chư Tỳ-kheo, vua Tịnh Phạn sanh hai người con: Một tên là Tất-đạt-đa, hai là Nan-đà. Bạch phạn có hai con: Một là Đế-sa-đồng, hai là Nan-đề-ca. Hộc phạn có hai con: Một là A-nê-lâu-đà, hai là Bạt-đề-lê-ca. Vua Cam Lộ Phạn cũng sanh hai con: Một là A-nan-đà, hai là Đề-bà-đạt-đa. Người con gái tên là Bất Tử ấy chỉ có một con, tên là Thế-bà-la. Bồ-tát (Tất-đạt-đa) có một con, tên là La-hầu-la.

Chư Tỳ-kheo, cứ tuần tự như thế, từ vua Đại Chúng Bình Đẳng về sau, con cháu nối tiếp nhau là một chủng tộc tối thắng. Đến đồng tử La-hầu-la, ngay bản thân chứng A-la-hán, đoạn trừ phiền não, thoát khỏi sanh tử, không còn tái sanh.

Chư Tỳ-kheo, do nhân duyên ấy nên vào thuở xa xưa, có giòng Sát-lợi hơn hết xuất hiện thế gian, theo đúng như pháp, chẳng phải là bất như pháp.

Chư Tỳ-kheo, vì có pháp như thế nên dòng Sát-lợi ở thế gian là dòng tối thắng.

Bấy giờ các chúng sanh khác nghĩ thế này: "Thế gian hữu vi là bệnh hoạn, là ung nhọt, là mũi tên độc. Tư duy chín chắn rồi, xả bỏ hữu vi, ở núi đầm thanh vắng, tạo lập thảo am, tịch tĩnh thiền định; có nhu cầu gì thì vào buổi sáng, hoặc sau buổi trưa, ra khỏi thảo am, vào thôn

khất thực. Mọi người trông thấy, cần gì cho nấy, rồi sắm sửa lại. Hoặc có người khen là những chúng sanh này làm thiện rất tốt, xả bỏ thế gian và các pháp ác bất thiện trong vòng luân chuyển, gọi họ là Bà-la-môn. Do nhân duyên đó, dòng Bà-la-môn xuất hiện ở thế gian. Hoặc có chúng sanh, thiền định không thành, dựa vào xóm làng, dạy nhiều chú thuật. Nhân đó được gọi là người chỉ vẽ, lại vì hay đi vào thôn xá, nên gọi là hướng tụ lạc. Lại vì thành tựu các pháp dục nên gọi là thành tựu dục. Do nhân duyên ấy nên vào thuở xa xưa, Bà-la-môn là hơn hết, dòng dõi cao quí, xuất hiện thế gian, theo đúng như pháp, chẳng phải không như pháp.

Lại có các chúng sanh khác làm đủ các thứ để kiếm lợi như các nghề kỹ năng, công xảo, nghệ thuật. Vì vậy có tên là Tỳ-xá. Do nhân duyên ấy, vào thuở xa xưa, dòng họ Tỳ-xá xuất hiện thế gian. Họ cũng như pháp, chẳng phải không như pháp.

Chư Tỳ-kheo, ba chủng tánh này sanh ở thế gian rồi, về sau lại có chủng tánh thứ tư xuất hiện ở thế gian.

Chư Tỳ-kheo, lại có một hạng người tự chán chê sự bó buộc của gia đình, cắt bỏ râu tóc, thân khoát ca-sa, xả bỏ thế gian, xuất gia tu đạo, tự xưng "Ta là Sa-môn". Họ tự xưng như thế rồi liền thành chánh nguyện Bà-la-môn.

Trong dòng dõi Tỳ-xá cũng vậy, lại có hạng người, cũng chán chê như trước, bỏ nhà xuất gia, tự xưng "Ta sẽ làm Sa-môn", vì họ có chánh nguyện như thế.

Chư Tỳ-kheo, lại có một hạng người trong dòng dõi Sát-lợi, thân khẩu ý làm việc ác; vì làm ác, khi thân hoại mạng chung hoàn toàn chịu khổ. Dòng Bà-la-môn và Tỳ-xá... cũng như vậy.

Lại có người trong dòng Sát-lợi, vì thân, khẩu, ý làm hạnh lành, nên khi thân hoại mạng chung, hoàn toàn hưởng sự an vui. Dòng Bà-la-môn và Tỳ-xá cũng vậy.

Chư Tỳ-kheo, lại có người trong dòng Sát-lợi, vì thân, khẩu, ý làm hai hạnh nên khi thân hoại mạng chung, thọ khổ và vui, Bà-la-môn, Tỳ-xá cũng vậy.

Chư Tỳ-kheo, lại có người dòng Sát-lợi, chánh tín xuất gia tu tập, chứng ba mươi bảy phẩm trợ đạo, dứt hết các lậu, tâm giải thoát, tuệ giải thoát, hiện tại thấy pháp chứng pháp, đắc các thần thông. Đã tác chứng rồi, tự xướng lên: "Ta, sự sanh đã hết, phạm hạnh đã lập, việc làm đã

xong, không thọ sanh nữa". Dòng Bà-la-môn, Tỳ-xá cũng vậy.

Chư Tỳ-kheo, hạng người sanh trong ba chủng tánh này cũng có khả năng thành tựu minh, hạnh đầy đủ, đắc A-la-hán, gọi là tối thắng.

Chư Tỳ-kheo, Phạm vương Ta-ha-ba-để, khi xưa ở nước ta, nói kệ thế này:

Sát-lợi dòng hơn hết
Nếu rời các chủng tánh
Thành tựu đủ minh, hạnh
Họ hơn trời và người.

Chư Tỳ-kheo, Phạm vương Ta-ha-ba-để khéo tụng kệ ấy, chẳng phải là chẳng khéo. Ta đã ấn khả.

Chư Tỳ-kheo, Ta, Như Lai, Ứng Chánh Đẳng Giác cũng nói nghĩa này.

Chư Tỳ-kheo, cứ lần lượt như vậy, Ta nói đủ về sự chuyển thành, chuyển hoại, chuyển trụ của thế gian.

Chư Tỳ-kheo, nếu có vị thầy vì các Thanh văn, dạy điều cần làm, thương yêu, lợi ích, thực hiện từ bi, thì Ta đã làm xong. Các thầy nên nương theo.

Chư Tỳ-kheo, các thầy, tại nơi núi rừng thanh vắng, dưới gốc cây, nơi phòng trống, chốn tịnh thất, chỗ hang núi, hoặc bãi tha ma, dùng cỏ tranh... làm am thất cư trú; rời bỏ thôn xóm, làng mạc, ở tại những chỗ như thế. Các thầy phải tu tập thiền định, chớ rơi vào phóng dật, đừng để về sau phải hối hận.

Chư Tỳ-kheo, đó là lời giáo huấn của Ta.

Phật thuyết kinh xong, các Tỳ-kheo... hoan hỷ phụng thành.

❑

1. KINH THIỆN PHÁP[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Thế Tôn du hóa tại nước Xá-vệ, ở trong Thắng lâm vườn Cấp cô độc[2].

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo rằng:

"Nếu có Tỳ-kheo thành tựu bảy pháp tất được hoan hỷ an lạc trong pháp Hiền thánh[3], thẳng tiến đến lậu tận. Bảy pháp đó là gì? Đó là biết pháp, biết nghĩa, biết thời, biết tiết độ, biết mình, biết chúng hội và biết sự hơn kém của người[4].

"Thế nào gọi là Tỳ-kheo biết pháp? Nghĩa là Tỳ-kheo biết chánh kinh, ca vịnh, ký thuyết, kệ tha, nhân duyên, soạn lục, bản khởi, thử thuyết, sanh xứ, quảng giải, vị tằng hữu và thuyết nghĩa[5]. Ấy là Tỳ-kheo biết pháp. Nếu Tỳ-kheo không biết pháp, tức không biết chánh kinh, ca vịnh, ký thuyết, kệ tha, nhân duyên, soạn lục, bản khởi, thử thuyết, sanh xứ, quảng giải, vị tằng hữu và thuyết nghĩa. Tỳ-kheo như vầy là không biết pháp. Nếu có Tỳ-kheo khéo biết rõ pháp, đó là biết chánh kinh, ca vịnh, ký thuyết, kệ tha, nhân duyên, soạn lục, bản khởi, thử thuyết, sanh xứ, quảng giải, vị tằng hữu và thuyết nghĩa. Ấy là Tỳ-kheo khéo biết rõ pháp.

"Thế nào gọi là Tỳ-kheo biết nghĩa? Nghĩa là Tỳ-kheo biết nghĩa của giáo thuyết này hay giáo thuyết kia, biết điều này có nghĩa như thế kia, biết điều kia có nghĩa như thế này[6]. Đó là Tỳ-kheo biết nghĩa. Nếu Tỳ-kheo không biết nghĩa tức là Tỳ-kheo không biết nghĩa của giáo thuyết này hay giáo thuyết kia; không biết điều này có nghĩa như thế kia, điều kia có nghĩa như thế này. Tỳ-kheo như vậy là không biết nghĩa. Nếu có Tỳ-kheo khéo biết rõ nghĩa, đó là biết nghĩa của giáo thuyết này hay giáo thuyết kia, biết điều này

---

1. Tương đương Pāli: A. VII.64 Dammaññū-sutta; biệt dịch: No.27 Thất Tri Kinh, 1 quyển, Ngô Chi Khiêm dịch (Đại 1, tr.810); No.125 (39.1) Tăng Nhất, "Đẳng Pháp Phẩm" (Đại 2, tr.728).

2. Hán: *Xá-vệ quốc, Thắng lâm, Cấp cô độc viên* ——————L——t-W園-C Pāli: sāvatthiyam... Jetavāne Anathapiṇḍikassa ārāme.

3. Hán: *Ư Hiền thánh trung đắc hoan hỷ lạc*———t——o-w———C No.27: *Hiện thế an ổn, hân duyệt đa hạnh* -{-@-w——Y——h——C No.125 (39.1): *ư hiện pháp trung thọ lạc vô cùng* ——{-k——— ——L -a-C Cả hai bản đều có nghĩa: "Được an ổn ngay trong đời hiện tại".

4. *Tri pháp, tri nghĩa, tri thời, tri tiết, tri chúng, tri nhân thắng như* ——k-A——q-A ————A——`-A————A——H——p-C Pāli: dhammaññū ca hoti atthaññū ca attaññū ca mattaññū ca kālaññū ca parisaññū ca puggalaparoparaññū ca.

5. *Chánh kinh, ca vịnh, ký thuyết, kệ tha, nhân duyên, soạn lục, bản khởi, thử thuyết, sanh xứ, quảng giải, vị tằng hữu, thuyết nghĩa* ——g-A-q——A -0——A-U-L-A-]-t-A————A——_-A————A——B-A-s——A————A——q-C Cả ba bản đều liệt kê mười hai bộ. Pāli chỉ có chín: suttaṃ geyyaṃ veyyākaraṇaṃ gāthaṃ udānaṃ ittivuttakaṃ jātakaṃ abbhutadhammaṃ vedallaṃ.

6. Hán: *tri bỉ bỉ thuyết nghĩa, thị bỉ nghĩa, thị thử nghĩa* ——————q-0——-q-0——q-C Pāli: ayaṃ imassa bhāsitassa attho, ayaṃ imassa bhāsitassa, "Đây là ý nghĩa của điều được nói này. Đây là ý nghĩa của điều được nói này."

có nghĩa như thế kia, biết điều kia có nghĩa như thế này. Đó là Tỳ-kheo khéo biết rõ nghĩa.

"Thế nào gọi là Tỳ-kheo biết thời? Đó là Tỳ-kheo biết thời nào nên tu phương pháp thấp, thời nào nên tu phương pháp cao, thời nào nên tu phương pháp xả[7]. Ấy là Tỳ-kheo biết thời. Nếu có Tỳ-kheo không biết thời tức là không biết thời nào nên tu phương pháp thấp, thời nào nên tu phương pháp cao, thời nào nên tu phương pháp xả. Tỳ-kheo như vậy là không biết thời. Nếu có Tỳ-kheo khéo biết rõ thời, đó là biết thời nào nên tu phương pháp thấp, thời nào nên tu phương pháp cao, thời nào nên tu phương pháp xả. Ấy là Tỳ-kheo khéo biết rõ thời.

"Thế nào là Tỳ-kheo biết tiết độ? Đó là Tỳ-kheo biết tiết độ trong việc ăn, uống, đi, đứng, ngồi, nằm, nói năng, im lặng, giảm bớt ngủ nghỉ, tu tập chánh trí. Ấy là Tỳ-kheo biết tiết độ. Nếu có Tỳ-kheo không biết tiết độ tức là Tỳ-kheo không biết tiết độ trong việc ăn, uống, đi, đứng, ngồi, nằm, nói năng, im lặng, đại tiểu tiện, giảm bớt ngủ nghỉ, tu tập chánh trí. Tỳ-kheo như vậy là không biết tiết độ. Nếu có Tỳ-kheo khéo biết rõ sự tiết độ, đó là biết tiết độ trong việc ăn, uống, đi, đứng, ngồi, nằm, nói năng, im lặng, giảm bớt ngủ nghỉ, tu tập chánh trí. Ấy là Tỳ-kheo khéo biết rõ sự tiết độ.

"Thế nào là Tỳ-kheo biết mình? Tỳ-kheo tự biết mình có mức độ ấy tín, giới thí, tuệ, biện, a-hàm và sở đắc[8]. Tỳ-kheo như vậy là biết mình. Nếu có Tỳ-kheo không biết mình tức là không tự biết mình có mức độ ấy tín, giới, văn, thí, tuệ, biện, a-hàm và sở đắc. Tỳ-kheo như vậy là không biết mình. Nếu có Tỳ-kheo khéo tự biết rõ mình, đó là biết mình có mức độ ấy tín, giới thí, tuệ, biện, a-hàm và sở đắc. Tỳ-kheo như vậy là khéo biết rõ mình.

"Thế nào là Tỳ-kheo biết chúng hội? Tỳ-kheo biết đây là chúng hội Sát-lợi, đây là Phạm chí, đây là chúng hội Cư sĩ, đây là chúng hội Sa-môn. Ở nơi các chúng hội ấy, ta nên đi như vậy, đứng như vậy, ngồi như vậy, nói như vậy, im lặng như vậy. Ấy là Tỳ-kheo biết chúng hội. Nếu có Tỳ-kheo không biết chúng hội tức là không biết đây là chúng hội Sát-lợi, đây là chúng hội Phạm chí, đây là chúng hội Cư sĩ, đây là chúng hội Sa-môn. Ở nơi các chúng hội ấy, ta nên đi như vậy, đứng như vậy, ngồi như vậy, nói như vậy, im lặng như vậy. Tỳ-kheo như vậy là không biết chúng hội. Nếu có Tỳ-kheo khéo biết rõ chúng hội, đó là biết đây là chúng hội Sát-lợi, đây là Phạm chí, đây là chúng hội Cư sĩ, đây là chúng hội Sa-môn. Ở nơi các chúng hội ấy, ta nên đi như vậy, đứng như vậy, ngồi như vậy, nói như vậy, im lặng như vậy. Ấy là Tỳ-kheo khéo biết rõ chúng hội.

"Thế nào là Tỳ-kheo biết sự hơn kém của người[9]? Đó là Tỳ-kheo biết có hai hạng người: có tín và có bất tín[10], người có tín là hơn, người bất tín là kém. Người có tín lại có hai hạng: Thường đến gặp Tỳ-kheo và không thường đến gặp Tỳ-kheo. Người đến gặp thấy Tỳ-kheo là hơn, người không thường đến gặp Tỳ-kheo là kém. Người thường đến gặp

---

7. Hán: *hạ tướng, cao tướng, xả tướng* -U———————C *Tập dị* 17 (Đại 26, tr.457b): tu chỉ tướng, tu cử tướng, tu xả tướng. Pāli: ayaṃ kālo uḍessa, ayaṃ kālo paripucchāya, ayaṃ kālo yogassa, ayaṃ kālo paṭisallānassā. "Đây là thời để giảng thuyết; đây là thời để chất vấn; đây là thời để tu tập, đây là thời để tĩnh chỉ". Trong bản Hán, đọc uddha(?) hay ucca (cao), thay vì uddesa (giảng giải).

8. Hán: *tín, giới, văn, thí, tuệ, biện, a-hàm, sở đắc* -H——D-I-z-G——t——o-C Tập dị 17 (Đại 26, tr.457c): *tín, giới, văn, xả, tuệ, giáo, chứng, niệm, tộc tánh, biện tài* -H——D——z————————m-G-~-C Pāli: saddha (tín), sīla (giới), suta (văn), cāga, (thí xả), paññā (tuệ), paṭibhāna (biện tài).

9. Hán: *tri nhân thắng như* ——H——p-C Tập dị 17, đã dẫn: *tri nhân thắng liệt* ——H——H-C

10. Hán: *hữu tín, hữu bất tín* ——H————H-C Tập dị 17, đã dẫn: hơn kém về đức hạnh.

Tỳ-kheo lại có hai hạng: có lễ kính và không lễ kính. Người có lễ kính là hơn; người không lễ kính là kém. Người có lễ kính lại có hai hạng: có hỏi kinh và không hỏi kinh. Người có hỏi kinh là hơn, người không hỏi kinh là kém. Người có hỏi kinh lại có hai hạng: nhất tâm nghe kinh và không nhất tâm nghe kinh. Người nhất tâm nghe kinh là hơn, người không nhất tâm nghe kinh là kém. Người nhất tâm nghe kinh có hai hạng: nghe rồi thọ trì pháp và nghe rồi không thọ trì pháp. Người nghe rồi thọ trì pháp là hơn, người nghe rồi không thọ trì pháp là kém. Người nghe rồi thọ trì pháp lại có hai hạng: nghe pháp có quán sát nghĩa và nghe pháp không quán sát nghĩa. Người nghe pháp có quán sát nghĩa là hơn, người nghe pháp không quán sát nghĩa là kém. Hạng nghe pháp quán sát nghĩa lại có hai: biết pháp, biết nghĩa, hướng về pháp và thứ pháp, tùy thuận pháp, thực hành đúng như pháp[11]; và hạng không biết pháp, không biết nghĩa, không hướng về pháp và thứ pháp, tùy thuận pháp và thực hành đúng như pháp. Người biết pháp, biết nghĩa, hướng về pháp và thứ pháp, tùy thuận pháp, thực hành đúng như pháp là hơn; người không biết pháp, không biết nghĩa, không hướng về pháp và thứ pháp, không tùy thuận pháp, không thực hành đúng như pháp là thấp kém. Hạng biết pháp, biết nghĩa, hướng về pháp và thứ pháp, tùy thuận pháp, thực hành như pháp lại có hai hạng: Tự làm ích lợi cho mình và cũng làm ích lợi cho người khác, làm ích lợi cho mọi người, xót thương thế gian, cầu nghĩa và lợi, an ổn khoái lạc cho trời và người; và hạng không tự làm lợi ích cho mình và cũng không làm lợi ích cho người, không xót thương thế gian không cầu nghĩa và lợi, an ổn khoái lạc cho trời và người. Nếu người nào tự làm lợi ích, cũng làm lợi ích cho người, làm lợi ích cho mọi người, xót thương thế gian, cầu nghĩa và lợi, an ổn và khoái lạc cho trời người. Người ấy là bậc nhất là lớn, là trên, là tối cao, là hơn hết, là tôn quí, là tuyệt diệu giữa mọi người khác. Ví như từ bò có sữa, từ sữa có lạc, từ lạc có sinh tô, từ sinh tô có thục tô, từ thục tô có tô tinh[12]. Tô tinh là thứ bậc nhất, là lớn, là trên, là tối cao, là hơn hết, là tôn quí, là tuyệt diệu đối với những loại kia. Cũng vậy, nếu người nào tự làm lợi ích cho mọi người, xót thương thế gian, cầu nghĩa và lợi, an ổn khoái lạc cho trời người, thì trong hai hạng người như trên đã nói, đã phân biệt, đã thi thiết, người ấy là bậc nhất, là lớn, là trên, là tối cao, là hơn hết, là tôn quí, là tuyệt diệu. Ấy là Tỳ-kheo biết sự hơn kém của người.

Phật thuyết như vậy. Các vị Tỳ-kheo sau khi nghe những điều Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

❑

---

11. Hán: *Tri pháp, tri nghĩa, hướng pháp, thứ pháp, tùy thuận ư pháp, như pháp hành chi.*——k-A——q-A-V-k-A——k-A-H————k-A-p-k————CPāli: atthamaññāya dhammamaññāya dhammānudhammappaṭipanno, "sau khi tư duy về nghĩa, tư duy về pháp, rồi thực hành pháp và tùy pháp".

12. Hán: *nhũ, lạc, sinh tô, thục tô, tô tinh* ——T——p——p-p——FPāli: khīra (sữa), dadhi (sữa đông hay sữa chua), takka (bơ lỏng, ¼ nước), navanīta (bơ đặc), sappi (dầu bơ hay bơ tinh, đề hồ). Bản Pāli tương đương không có thí dụ này.

2. KINH TRÚ ĐẠC THỌ[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật du hóa tại nước Xá-vệ, ở tại Thắng lâm trong vườn Cấp cô độc.

Lúc bấy giờ Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Nếu lá cây Trú đạc[2] Tam thập tam thiên úa vàng[3], lúc đó thiên chúng ở Tam thập thiên vui mừng hớn hở, cho rằng lá cây Trú đạc chẳng bao lâu nữa sẽ rụng. Rồi thì lá cây ở Tam thập tam thiên đã rụng. Lúc đó chư Thiên ở Tam thập tam thiên vui mừng hớn hở cho rằng lá cây Trú đạc chẳng bao lâu nữa sẽ mọc lại. Rồi thì lá cây Trú đạc ở Tam thập tam thiên đã mọc lại, lúc đó chư Thiên ở Tam thập tam thiên vui mừng hớn hở cho rằng cây Trú đạc chẳng bao lâu nữa sẽ kết ra mạng lưới[4]. Rồi thì cây Trú đạc ở Tam thập tam thiên đã kết mạng lưới.

Lúc đó chư Thiên ở Tam thập tam thiên vui mừng hớn hở cho rằng cây Trú đạc chẳng bao lâu nữa sẽ nở nụ giống như mỏ chim[5]. Rồi thì cây Trú đạc ở Tam thập tam thiên đã nở nụ giống như mỏ chim. Lúc đó chư Thiên ở Tam thập tam thiên cho rằng cây Trú đạc chẳng bao lâu nữa sẽ nở hoa giống như cái bát[6]. Rồi thì cây Trú đạc ở Tam thập tam thiên đã nở hoa như cái bát. Lúc đó chư Thiên ở Tam thập tam thiên hớn hở cho rằng cây Trú đạc chẳng bao lâu hoa sẽ nở tròn trịa. Nếu cây Trú đạc nở hoa tròn trịa thì nó chiếu ra ánh sáng, màu sắc và tỏa ra mùi thơm trong chu vi trăm do-diên[7]. Lúc bấy giờ vào tháng tư mùa hạ, các vị Tam thập tam thiên vui đùa với năm món dục lạc cõi trời. Đó là Tam thập tam thiên tập trung dưới cây Trú đạc mà hưởng thọ sự hoan lạc.

"Theo ý nghĩa như thế, vị Thánh đệ tử cũng vậy. Khi suy nghĩ đến việc xuất gia,

---

1. Tương đương Pāli: A. VII.65 Pārichattaka-sutta. Biệt dịch No.28 Phật Thuyết Viên Sinh Thọ Kinh, 1 quyển, Tống Thi Hộ dịch (Đại 2, tr.810); No.125 (39.2) Tăng Nhất 33, "Đẳng Pháp Phẩm" (Đại 2, tr.729).

2. Hán: *trú đạc (độ) thọ* ━━━C Pāli: pārichattaka (Skt. pārijāta: *viên sinh thọ* ━━━). Cây san hô (Erythmia Indica) trên trời Đao-lợi (Pl. Tāvatiṃsa), làm chuẩn để tính ngày; đồng hồ của trời Đao-lợi. No.125 (39.2) mô tả: gốc cây lớn năm mươi do tuần, cao một trăm do tuần, bóng mát phủ bốn phía, mỗi phía năm mươi do tuần. Các Thiên thần cõi trời Tam thập tam thiên, vào tiết tháng tư thường tụ tập đến đó thưởng ngoạn. No.28 cũng mô tả tương tự.

3. No.28: cây ấy tức sinh ra *bán nổ bát la xá* ━b━V━━━━F Pāli: paṇḍupālasa: (lá cây) héo úa.

4. Hán: *sinh võng* ━━━C Pāli: jālakajāta: nảy mầm chồi non. Bản Hán phân tích: jālaka: màng lưới + jāta: đã sinh. No. 28: *bảo võng* ━_━━F phân tích: jālaka, lưới; + jāta = jātarūpa (?): vàng (hoàng kim).

5. Hán: *điểu trác* ━━━C Pāli: khāraka, chồi hay lộc.

6. No.28, hai giai đoạn: *câu-châm-ma-la-ca* ━━z━━━{ (Pāli: kuḍumalaka, nụ hoa vừa lú); và *ca-ca-tả* ━{━{━g (Pāli, koraka, nụ hoa).

7. Pāli: samantā paññāsayojanāni ābhāya phuṭaṃ hoti, anuvātaṃ yojanasataṃ gandho gacchati, "hương thơm tỏa ra trùm khắp năm mươi yojana (do-tuần, hay do-diên); thuận gió, bay đến một trăm yojana.

lúc đó vị Thánh đệ tử như là chiếc lá úa vàng, cũng giống như lá cây Trú đạc ở cõi Tam thập tam thiên vàng úa.

"Lại nữa, khi vị Thánh đệ tử cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, với chí tín, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, học đạo; lúc đó vị Thánh đệ tử được gọi là lá rụng, như lá cây Trú đạc ở Tam thập tam thiên rụng xuống.

"Lại nữa, khi vị Thánh đệ tử ly dục, ly pháp ác bất thiện, có giác có quán[8], có hỷ và lạc phát sinh do viễn ly[9], thành tựu và an trụ[10] Sơ thiền; lúc đó vị Thánh đệ tử được gọi là sanh trở lại như lá cây ở Tam thập tam thiên sanh trở lại.

"Lại nữa, khi vị Thánh đệ tử giác và quán đã dứt, nội tâm tịch tịnh, không giác không quán, có hỷ lạc do định sanh[11] thành tựu và an trụ Nhị thiền. Lúc đó Thánh đệ tử được gọi là sanh màng lưới như cây Trú đạc ở Tam thập tam thiên sanh mạng lưới.

"Lại nữa, khi vị Thánh đệ tử lìa hỷ dục, an trụ xả, vô cầu[12], chánh niệm chánh trí, thân cảm giác lạc, điều mà bậc Thánh gọi là được xả bởi Thánh, có niệm và lạc, an trụ không[13], thành tựu an trụ Tam thiền. Lúc đó Thánh đệ tử được gọi là nở nụ như mỏ chim, cũng như cây Trú đạc ở Tam thập tam thiên nở nụ như mỏ chim.

"Lại nữa, khi vị Thánh đệ tử diệt lạc, diệt khổ; ưu và hỷ từ trước cũng đã diệt, không khổ không lạc, xả và niệm thanh tịnh[14] thành tựu an trụ Tứ thiền. Vị Thánh đệ tử lúc đó được gọi là nở hoa như cái bát vậy. cũng như cây Trú đạc ở Tam thập tam thiên nở hoa như cái bát.

"Lại nữa, khi vị Thánh đệ tử các lậu đã tận, tâm giải thoát, tuệ giải thoát ngay trong đời này[15] mà tự tri, tự giác, tự tác chứng, thành tựu an trụ; vị ấy biết một cách như thật rằng 'Sanh đã hết, phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã xong, không còn tái sanh nữa'. Lúc đó vị Thánh đệ tử được gọi là hoa nở tròn trịa, cũng giống như cây Trú đạc ở Tam thập tam thiên nở hoa tròn trịa. Đó là vị Tỳ-kheo lậu tận A-la-hán, được Tam thập tam thiên tập hội tại chánh điện Thiện pháp hỏi han khen ngợi rằng: 'Vị Thánh đệ tử tôn quý đó, cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, học đạo, các lậu đã hết, tâm giải thoát, tuệ giải thoát, ngay trong đời này tự tri, tự giác, tự tác chứng, thành tựu an trụ, biết một cách như thật rằng, sự sanh đã hết, phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa'. Đó là sự tập hội của các A-la-hán lậu tận, như Tam thập tam thiên cùng tập hội dưới cây Trú đạc vậy".

Phật thuyết như vậy, các vị Tỳ-kheo sau khi nghe những điều Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành. ❑

---

8. Hán: *hữu giác hữu quán* ————[-C Pāli: sa vitakkaṃ savicāraṃ, câu hữu với tầm (suy tầm) và câu hữu với tứ (tư sát).
9. Hán: *ly sanh hỷ lạc* ————CPāli: vivekajaṃ pītisukhaṃ, hỷ và lạc phát sinh từ sự ẩn cư.
10. Hán: *thành tựu du* ——N-C-C Pāli: upasampajja viharati, sau khi chứng nhập, vị ấy an trụ (sống trong trạng thái).
11. Hán: *định sanh hỷ lạc* -w————C Pāli: samādhijaṃ pītisukhaṃ.
12. Hán*: ly ư hỷ dục, xả, vô cầu du* ————————L-D-C-C Pāli: pītiyā ca virāgā ca uppekkako ca viharati: vị ấy sống (an trú) trong trạng thái xả, không còn hỷ.
13. Hán: *Thánh sở thuyết Thánh sở xả, niệm, lạc, trụ không* -t———t———————C Pāli: yan taṃ ariyā ācikkhanti: "upekkako satimā sukha-vihārī": điều mà các bậc Thánh tuyên bố là: có xả, có niệm, an trú lạc.
14. Hán: *xả niệm thanh tịnh* ———M-b-C Pháp Uẩn 7 (Đại 26, tr.485a): "Lúc bấy giờ, hoặc xả, hoặc niệm, thảy đều được thanh tịnh". Pāli: upekkā-sati-parisuddhiṃ.
15. Hán: *ư hiện pháp trung* ——{-k——C Pāli: diṭṭhe dhamme.

3. KINH THÀNH DỤ[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật du hành nước Xá-vệ, ở trong Thắng lâm vườn Cấp cô độc.

Bấy giờ Đức Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Như Vương thành ở biên giới có bảy việc đầy đủ[2] và bốn thứ lương thực sung túc dễ tìm không khó; do đó Vương thành không bị ngoại địch đánh phá, ngoại trừ tự phá hoại từ bên trong.

"Những gì là bảy việc mà Vương thành có đầy đủ? Đó là Vương thành ở biên giới xây cất vọng gác[3], đắp đất cho chắc không thể phá vỡ, để bên trong được an ổn, chế ngự oán địch bên ngoài. Đó là việc đầy đủ thứ nhất của Vương thành.

"Lại nữa, Vương thành ở biên giới, đào hào vét ao cho thật sâu rộng, sửa sang cụ bị để có thể nương tựa, làm cho bên trong được an ổn, chế ngự oán địch bên ngoài. Đó là việc đầy đủ thứ hai của Vương thành.

"Lại nữa, như đường giao thông chung quanh Vương thành ở biên giới được dọn dẹp cho bằng phẳng, rộng rãi, để bên trong được an ổn, chế ngự oán địch bên ngoài. Đó là việc làm đầy đủ thứ ba của Vương thành.

"Lại nữa, như ở Vương thành biên giới tập trung bốn binh quân: quân voi, quân ngựa, quân xe, quân bộ, để bên trong được an ổn, chế ngự oán địch bên ngoài, đó là việc làm đầy đủ thứ tư của Vương thành.

"Lại nữa, như Vương thành ở biên giới dự bị binh khí, cung, tên, mâu, kích, để bên trong được an ổn, chế ngự oán địch ở bên ngoài. Đó là việc làm đầy đủ thứ năm của Vương thành.

"Lại nữa, như Vương thành ở biên giới lập vị Đại tướng trấn thủ, sáng suốt, thao lược, cơ trí, tháo vác, dũng mãnh, cương nghị, giỏi mưu chước, người lành thì cho vào, kẻ không lương thiện thì ngăn cấm, để bên trong được an ổn, chế ngự oán địch bên ngoài. Đó là việc làm đầy đủ thứ sáu của Vương thành.

"Lại nữa, như Vương thành ở biên giới xây đắp tường cao cho thật kiên cố, trét bùn, tô đất, để bên trong được an ổn, chế ngự oán địch bên ngoài. Đó là việc làm đầy đủ thứ bảy của Vương thành.

"Bốn thứ lương thực[4] dễ tìm không khó là gì? Đó là Vương thành ở biên giới nước, cỏ, củi, gỗ có sẵn, có dự bị để bên trong được an ổn và chế ngự oán địch bên ngoài. Đó là loại lương thực thứ nhất sung túc, dễ tìm không khó ở Vương thành.

---

1. Tương đương Pāli: A. VII.6 43, Nagara-sutta. Biệt dịch, No.125 (39.4) Tăng Nhất 33 "Đẳng Pháp Phẩm" (Đại 2, tr.730).
2. Hán: *thất sự cụ túc* ▪C▬▬▬C Pāli: sattehi nagaraparikkārehi, với bảy tư cụ bảo vệ thành trì.
3. Hán: *lâu lỗ* ▬▬r▪FPāli: esika, cột trụ bằng đá, thạch trụ.
4. Hán: *thực* ▬▬FPāli: āhāra. Các bản Tống, Nguyên, Minh: *sự* ▬▬C

"Lại nữa, như Vương thành ở biên giới thu nạp nhiều lúa gạo và chứa cất lúa mạch, để bên trong được an ổn và chế ngự oán địch ở bên ngoài. Đó là loại lương thực đầy đủ, dễ kiếm không khó ở Vương thành.

"Lại nữa, như Vương thành ở biên giới chứa nhiều đậu niêm, đại đậu, tiểu đậu[5] để bên trong được an ổn và chế ngự oán địch bên ngoài. Đó là loại lương thực thứ ba sung túc, dễ tìm không khó ở Vương thành.

"Lại nữa, như Vương thành ở biên giới, chứa để dầu bơ, mật, mía đường, cá, muối, thịt khô, tất cả đầy đủ, để bên trong được an ổn và chế ngự oán địch bên ngoài. Đó là loại lương thực thứ tư sung túc, dễ tìm không khó ở Vương thành.

"Như vậy, Vương thành bảy việc đầy đủ, bốn thứ lương thực sung túc, dễ tìm không khó, nên không bị ngoại địch đánh phá, chỉ trừ bên trong tự phá hoại.

"Cũng vậy, nếu Thánh đệ tử cũng được bảy thiện pháp và bốn tăng thượng tâm[6], dễ được không khó, vì thế Thánh đệ tử không bị ma vương lung lạc[7] cũng không theo pháp ác bất thiện, không bị ô nhiễm bởi phiền não, không còn thọ sanh trở lại.

"Bảy thiện pháp mà Thánh đệ tử có được là những gì? Đó là Thánh đệ tử có tín kiên cố, tin sâu nơi Như Lai[8], tín căn đã vững, trọn không tin theo Sa-môn, Phạm chí, ngoại đạo, cũng như Thiên ma, Phạm thiên, và các hạng thế gian khác. Đó là Thánh đệ tử được thiện pháp thứ nhất.

"Lại nữa, Thánh đệ tử thường thực hành tàm sỉ[9], điều đáng xấu hổ thì biết xấu hổ, xấu hổ pháp ác bất thiện, phiền não ô ế, là thứ khiến thọ các ác báo, gây nên gốc rễ sanh tử. Đó là thiện pháp thứ hai mà Thánh đệ tử có được.

"Lại nữa, Thánh đệ tử thường thực hành xấu thẹn[10], điều đáng xấu thẹn biết xấu thẹn, xấu thẹn pháp ác bất thiện, phiền não ô uế là thứ khiến thọ các ác báo, tạo gốc sanh tử. Đó là thiện pháp thứ ba mà Thánh đệ tử có được.

"Lại nữa, Thánh đệ tử thường thực hành tinh tiến[11], đoạn trừ các ác bất thiện pháp, tu các thiện pháp, luôn gắng sức bền chí[12], chuyên nhất kiên cố[13], làm các điều thiện, không bỏ phương tiện[14]. Đó là thiện pháp thứ tư mà Thánh đệ tử có được.

"Lại nữa, Thánh đệ tử học rộng nghe nhiều, ghi nhớ không quên, tích lũy sự học rộng. Các pháp nào là toàn thiện ở khoảng đầu, toàn thiện ở khoảng giữa, toàn thiện ở khoảng cuối, có nghĩa có văn, thanh tịnh trọn đủ, phạm hạnh hiển hiện[15], học rộng nghe

---

5. Hán: *niêm đậu, đại tiểu đậu* -H——j-p——FPāli: tila-mugga-māsāparaṇaṃ, mè (vừng), đậu đỏ, và các loại đậu khác.
6. Bảy thiện pháp và bốn tăng thượng tâm -C——k-|-W-W——CPāli: satta-saḍhamma (bảy pháp vi diệu), và catu-jhāna-abhicetasika (bốn Thiền tăng thượng tâm).
7. Hán: *bất vi Ma vương chi sở đắc tiện* ————]————o-K-C Pāli: akaraṇīyo marassa, không bị Ma vương chinh phục.
8. Hán: *thâm trước Như Lai* -`——p——C Pāli: saddahati Tathāgatassa bodhiṃ, tin tưởng sâu sắc sự giác ngộ của Như Lai.
9. Hán: *tàm sỉ* -F——A tức tàm, hổ thẹn. Pāli: hirīmā.
10. Hán: *tu quỷ* ——\-CPāli: ottappī.
11. Pāli: āraddha-viriya, nỗ lực tinh cần.
12. Hán: *hằng tự khởi ý* ————_-N-CPāli: thāmavā, có sức mạnh.
13. Hán: *chuyên nhất kiên cố* -M-@——T-C Pāli: dalhaparakamma, năng lực bền bĩ.
14. Pāli: anikkhittadhuro kusalesu dhammesu, không từ bỏ gánh nặng trong các thiện pháp.
15. Hán: *cụ túc thanh tịnh, hiển hiện phạm hạnh* ————M-b——{————CPāli: kevalaparipuṇṇaṃ parisuddhaṃ brahacariyaụ abhivadanti, (các pháp ấy) tán thán phạm hạnh viên mãn và thanh tịnh.

nhiều các pháp như vậy; học đến cả ngàn lần, chú ý chuyên tâm quán sát[16], thấy rõ hiểu sâu[17]. Đó là thiện pháp thứ năm mà Thánh đệ tử có được.

"Lại nữa, Thánh đệ tử thường thực hành nơi niệm, thành tựu chánh niệm; những điều đã học tập từ lâu, đã từng nghe từ lâu[18], nhớ luôn không quên. Đó là thiện pháp thứ sáu mà Thánh đệ tử có được.

"Lại nữa, Thánh đệ tử tu hành trí tuệ, quán sát pháp hưng suy[19]. Do có trí như vậy, có thánh tuệ, có sự thấu hiểu, phân biệt rõ ràng, mà diệt tận hoàn toàn sự khổ. Đó là thiện pháp thứ bảy mà Thánh đệ tử có được.

"Những gì là bốn tăng thượng tâm, dễ được không khó mà Thánh đệ tử đạt được? Đó là Thánh đệ tử ly dục[20], ly pháp ác bất thiện, có giác có quán, có hỷ và lạc phát sinh do viễn ly, thành tựu và an trụ Sơ thiền. Đó là tăng thượng tâm thứ nhất dễ được không khó mà Thánh đệ tử đạt đến.

"Lại nữa, Thánh đệ tử giác và quán đã dứt, nội tâm tịch tịnh, không giác không quán, có hỷ lạc do định sanh thành tựu và an trụ Nhị thiền. Đó là tăng thượng tâm thứ hai dễ được không khó mà Thánh đệ tử đạt đến.

"Lại nữa, Thánh đệ tử lìa hỷ dục, an trụ xả, vô cầu, chánh niệm chánh trí, thân cảm giác lạc, điều mà Thánh gọi là được xả bởi Thánh, có niệm và lạc, an trụ không, thành tựu an trụ tâm. Đó là tăng thượng tâm thứ ba dễ được không khó mà Thánh đệ tử đạt đến.

"Lại nữa, Thánh đệ tử diệt lạc, diệt khổ; ưu và hỷ từ trước cũng đã diệt, không khổ không lạc, xả và niệm thanh tịnh thành tựu an trụ Tứ thiền. Đó là tăng thượng tâm thứ tư dễ được không khó mà Thánh đệ tử đạt đến.

"Như vậy, Thánh đệ tử được bảy thiện pháp, đạt đến bốn tâm tăng thượng dễ được không khó, không bị ma vương lung lạc, cũng không theo pháp ác bất thiện, không bị nhiễm bởi nhiễm ô, không còn thọ sanh trở lại.

"Như Vương thành ở biên giới xây cất vọng gác, đắp đất cho chắc không thể phá vỡ, để bên trong được an ổn và chế ngự oán địch bên ngoài. Cũng vậy, Thánh đệ tử có tín kiên cố, tin sâu nơi Như Lai, tín căn đã lập, trọn không theo Sa-môn, Phạm chí, Ngoại đạo, cũng như Thiên ma, Phạm thiên và các hạng thế gian khác. Đó là Thánh đệ tử có vọng gác tín tâm để trừ ác và bất thiện, tu các thiện pháp.

"Như Vương thành ở biên giới đào hào vét ao thật sâu rộng, sửa sang thật vững chắc, để có thể nương tựa, làm cho bên trong được an ổn, và chế ngự oán địch bên ngoài. Cũng thế, Thánh đệ tử thực hành tàm sỉ, điều đáng xấu hổ biết xấu hổ, xấu hổ pháp ác, bất thiện, phiền não ô uế, là thứ khiến thọ các ác báo, tạo gốc rễ sanh tử. Đó là Thánh đệ tử có hồ ao tàm sỉ, trừ ác và bất thiện, tu các thiện pháp.

"Như Vương thành ở biên giới dọn dẹp những con đường nối liền chung quanh cho bằng thẳng rộng rãi để bên trong được an ổn và chế ngự oán địch bên ngoài. Cũng vậy, Thánh đệ tử thực hành xấu thẹn điều đáng thẹn biết thẹn, thẹn pháp ác, bất thiện, phiền não ô uế là thứ khiến thọ các ác báo, tạo gốc rễ sanh tử. Đó là Thánh đệ tử có con đường bằng thẳng hổ thẹn

---

16. Hán: *ý sở duy quán* -N———[-C Pāli: manasānupekkhatà, được quán sát một cách có ý thức.
17. Hán: *minh kiến thâm đạt* ———` -F-C Pāli: diṭṭhiyā suppaṭividhā, lãnh hội bằng kiến giải.
18. Hán: *cửu sở tằng tập, cửu sở tằng văn* -[————[———D-C Pāli: cirakataṃ pi cirabhāsitaṃ, những điều được làm từ lâu, được nói từ lâu.
19. Hán: *quán hưng suy pháp* -[——j-k-C Pāli: udayatthagātaminiyā paññāya samannāgato, thành tựu trí tuệ về sự sinh khởi và hoại diệt (của các pháp).
20. Về bốn Thiền, xem các cht. 8-14 (kinh Thành Dụ) trên.

để trừ ác và bất thiện, tu các thiện pháp.

"Như Vương thành ở biên giới tập trung bốn binh chủng: tượng quân, mã quân, xa quân, bộ quân, để bên trong được an ổn và chế ngự địch quân ở bên ngoài. Cũng vậy, Thánh đệ tử thường thực hành hạnh tinh tấn, đoạn trừ ác bất thiện, tu các thiện pháp, luôn gắng sức bền chí, chuyên nhất kiên cố, làm các điều thiện, không bỏ phương tiện đoạn trừ ác bất thiện tu các thiện pháp, luôn tự khởi ý, chuyên nhất, kiên cố, làm các gốc rễ thiện, không bỏ phương tiện. Đó là Thánh đệ tử có quân lực tinh tấn để trừ ác và bất thiện, tu các thiện pháp.

"Như Vương thành ở biên giới, chuẩn bị binh khí, cung tên, mâu kích, để bên trong được an ổn, và chế ngự oán địch bên ngoài. Cũng vậy, Thánh đệ tử học rộng nghe nhiều, ghi nhớ không quên, tích lũy sự nghe rộng. Các pháp nào là toàn thiện ở khoảng đầu, toàn thiện ở khoảng giữa, toàn thiện ở khoảng cuối, có nghĩa có văn, thanh tịnh trọn đủ, phạm hạnh hiển hiện, học rộng nghe nhiều các pháp như vậy; học đến cả ngàn lần, chú ý chuyên tâm quán sát, thấy rõ hiểu sâu. Đó là Thánh đệ tử có binh khí đa văn, để trừ ác và bất thiện, tu các thiện pháp.

"Như Vương thành ở biên giới lập vị Đại tướng trấn thủ sáng suốt, thao lược, cơ trí, tháo vác, dũng mãnh, cương nghị, giỏi mưu chước, người hiền thì cho vào, kẻ bất lương thì ngăn cấm, để bên trong được an ổn và chế ngự oán địch bên ngoài. Cũng vậy, Thánh đệ tử thường thực hành nơi niệm, thành tựu chánh niệm, những gì đã từng thực tập từ lâu, đã từng nghe từ lâu, nhớ luôn không quên. Đó là Thánh đệ tử có Đại tướng trấn thủ niệm để trừ ác và bất thiện, tu các thiện pháp.

"Như Vương thành ở biên giới xây đắp tường cao cho thật kiên cố, trét bùn tô đất, để bên trong được an ổn, và chế ngự oán địch bên ngoài. Cũng vậy Thánh đệ tử tu hành trí tuệ, quán pháp hưng suy. Nhờ đó Thánh tuệ có thể thấu hiểu, phân biệt rõ ràng mà hoàn toàn diệt tận khổ. Đó là Thánh đệ tử có bức tường trí tuệ, để trừ ác và bất thiện, tu các thiện pháp.

"Như Vương thành ở biên giới có chuẩn bị sẵn nước, cỏ, củi, gỗ, để bên trong được an ổn và chế ngự oán địch bên ngoài. Cũng vậy, Thánh đệ tử ly dục và ác bất thiện pháp, có giác có quán, có hỷ lạc do viễn ly, thành tựu an trụ Sơ thiền, lạc trụ không thiếu thốn, an ổn khoái lạc, tự mình đi đến Niết-bàn.

"Như Vương thành ở biên giới thu nạp nhiều lúa gạo và chứa nhiều cây lúa mạch, để bên trong được an ổn và chế ngự oán địch bên ngoài. Cũng vậy, Thánh đệ tử đã dứt giác quán, nội tỉnh nhất tâm, không giác không quán, hỷ lạc do định sanh, thành tựu an trụ Nhị thiền, lạc trụ không thiếu thốn, an ổn, khoái lạc, tự mình đi đến Niết-bàn.

"Như Vương thành ở biên giới chứa nhiều niêm đậu, đại đậu, và tiểu đậu, để bên trong dược an ổn và chế ngự oán địch bên ngoài. Cũng vậy, Thánh đệ tử lìa hỷ dục, an trụ xả, vô cầu[21], chánh niệm chánh trí, thân cảm giác lạc, điều mà bậc Thánh gọi là được xả bởi Thánh, có niệm và lạc, an trụ không, thành tựu an trụ Tam thiền, lạc trụ không thiếu thốn, an ổn khoái lạc, tự mình đi đến Niết-bàn.

"Như Vương thành ở biên giới chứa cất bơ, dầu, mía, đường, cá, muối, thịt khô, tất cả đầy đủ. Để bên trong được an ổn và chế ngự oán địch bên ngoài. Cũng vậy, Thánh đệ tử diệt lạc, diệt khổ; ưu và hỷ từ trước cũng đã diệt, không khổ không lạc, xả và niệm

---

21. Hán*: ly ư hỷ dục, xả, vô cầu du* ——————L-D-C-C Pāli: pītiyā ca virāgā ca uppekkako ca viharati: vị ấy sống (an trú) trong trạng thái xả, không còn hỷ.

thanh tịnh, thành tựu an trụ Tứ thiền, lạc trụ không thiếu thốn, an ổn khoái lạc, tự mình đi đến Niết-bàn".

Phật thuyết như vậy. Các Thầy Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

❑

4. KINH THỦY DỤ[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật du hóa tại nước Xá-vệ, ở trong Thắng lâm vườn Cấp cô độc.

Bấy giờ Đức Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Ta sẽ giảng cho các ngươi nghe về bảy hạng người ở dưới nước. Các ngươi hãy lắng nghe, lắng nghe, và khéo suy nghĩ".

Bấy giờ các Tỳ-kheo vâng lời lắng nghe.

Đức Phật dạy:

"Những gì là bảy? Hoặc có người nằm mãi dưới nước. Hoặc có một hạng người ra khỏi nước rồi chìm trở lại. Hoặc có người ra khỏi nước rồi đứng, đứng rồi nhìn quanh. Hoặc có người ra khỏi nước rồi đứng, đứng rồi nhìn quanh, nhìn rồi lội qua[2]. Hoặc có người ra khỏi nước rồi đứng; đứng rồi nhìn quanh; nhìn rồi lội qua; lội qua rồi đến bờ bên kia. Hoặc lại có người ra khỏi nước rồi đứng; đứng rồi nhìn quanh; nhìn rồi lội qua; lội qua đến bờ bên kia; đến bờ bên kia rồi được gọi là người đứng trên bờ[3].

"Cũng vậy, Ta sẽ giảng cho các ngươi nghe về bảy hạng người như ví dụ về nước. Các ngươi hãy lắng nghe, và khéo suy nghĩ".

Bấy giờ các Tỳ-kheo vâng lời lắng nghe.

Phật nói:

"Những gì là bảy? Hoặc có người nằm mãi dưới nước. Hoặc có một hạng người ra khỏi nước rồi chìm trở lại. Hoặc có người ra khỏi nước rồi đứng. Hoặc có người ra khỏi nước rồi đứng, đứng rồi nhìn quanh. Hoặc có người ra khỏi nước rồi đứng, đứng rồi nhìn quanh, nhìn rồi lội qua. Hoặc có người ra khỏi nước rồi đứng; đứng rồi nhìn quanh; nhìn rồi lội qua; lội qua rồi đến bờ bên kia. Hoặc lại có người ra khỏi nước rồi đứng; đứng rồi nhìn quanh; nhìn rồi lội qua; lội qua rồi đến bờ bên kia; đến bờ bên kia rồi được gọi là Phạm chí đứng trên bờ[4]. Đó là Ta nói vắn tắt về bảy hạng người theo ví dụ về nước. Như đã nói, đã giảng giải trên, các ngươi có biết ý nghĩa gì? Phân biệt gì? Có nhân duyên gì?

Bấy giờ các Tỳ-kheo bạch Thế Tôn rằng:

"Thế Tôn là gốc của pháp. Thế Tôn là Pháp chủ[5], pháp do Thế Tôn. Kính mong Thế Tôn nói ra, để chúng con sau khi nghe rồi sẽ hiểu biết rộng rãi ý nghĩa".

Phật dạy:

---

1. Tương đương Pāli: A. VII.15 Udakūpamā. Biệt dịch, No.29 Diêm Thủy Dụ Kinh, thất dịch, Đại 1 tr.811c; No.125 (39. 3) Tăng Nhất, "Đẳng Pháp Phẩm, kinh số 3 (Đại 2, tr.729c).
2. Hán: *độ* — "lội qua sông". Các bản Tống-Nguyên-Minh —"vượt qua". Pāli: patarati: lội qua.
3. Hán: *trú ngạn nhân* ———H-C Pāli: pārangato.
4. Hán: *trụ ngạn phạm chí* — ————C Pāli: pārangato thale tithati bramano, "người Bà-la-môn đã sang bờ bên kia, đứng trên đất liền".
5. *Pháp chủ* -k-D-A Tống-Nguyên-Minh: *Pháp vương* -k—C

"Các ngươi hãy lắng nghe, lắng nghe, và khéo suy nghĩ. Ta sẽ phân biệt ý nghĩa ấy cho các ngươi".

Bấy giờ các Tỳ-kheo vâng lời lắng nghe.

Phật nói:

"Thế nào là hạng người nằm mãi[6]? Hoặc có những người bị pháp bất thiện che lấp, bị nhiễm bởi nhiễm ô, thọ quả báo của ác pháp, tạo gốc rễ sanh tử. Đó là hạng người nằm mãi dưới nước. Cũng như người chìm lỉm, nằm luôn dưới nước, Ta nói người kia cũng giống như vậy. Đó là hạng người thứ nhất của ví dụ về nước, thế gian quả thực có hạng người như vậy.

"Thế nào là hạng người ra khỏi nước rồi chìm lại? Đó là người đã làm trỗi lên tín tâm nơi thiện pháp, trì giới, bố thí, đa văn, trí tuệ, tu tập thiện pháp. Người ấy sau đó lại mất tín tâm, không kiên cố, mất sự trì giới, bố thí, đa văn, trí tuệ, không kiên cố. Đó là hạng người ra rồi chìm lại. Như người chìm trong nước, đã ra được rồi lại chìm. Ta nói người kia cũng lại như vậy. Đó là hạng người thứ hai của thí dụ về nước. Thế gian quả thực có hạng người như vậy.

"Thế nào là hạng người ra rồi đứng? Đó là người đã trỗi tín tâm nơi thiện pháp, trì giới, bố thí, đa văn, trí tuệ, tu tập thiện pháp. Người đó về sau tín tâm vẫn kiên cố, chắc chắn không mất, trì giới, bố thí đa văn, trí tuệ đều kiên cố, không mất. Đó là hạng người ra khỏi nước rồi đứng. Như người chìm trong nước, ra khỏi nước rồi đứng. Ta nói người kia cũng lại như vậy. Đó là hạng người thứ ba của thí dụ về nước. Thế gian quả thực có hạng người như vậy.

"Thế nào là hạng người ra rồi đứng; đứng rồi nhìn quanh? Đó là người làm trỗi dậy tín tâm nơi thiện pháp, trì giới, bố thí, đa văn, trí tuệ, tu tập thiện pháp. Người đó về sau tín tâm kiên cố vẫn không mất, trì giới, bố thí đa văn, trí tuệ vẫn kiên cố không mất; trụ trong thiện pháp; biết như thật về Khổ, biết như thật về Khổ tập, Khổ diệt và Khổ diệt đạo. Người kia biết như vậy, thấy như vậy, ba kiết liền dứt sạch, đó là thân kiến, giới thủ và nghi. Ba kiết đã dứt sạch liền chứng Tu-đà-hoàn, không đọa ác pháp, quyết định thẳng đến chánh giác, đời sau thọ sanh tối đa bảy lần, qua lại bảy lần trong nhân gian, thiên thượng; rồi chứng đắc biên tế của sự khổ[7]. Đó là hạng người ra rồi lại đứng, đứng rồi nhìn quanh. Ta nói người kia cũng lại như vậy. Đó là hạng người thứ tư của thí dụ về nước. Thế gian quả thực có hạng người như vậy.

"Thế nào là người ra rồi đứng; đứng rồi nhìn quanh; nhìn quanh rồi lội qua. Đó là người trỗi được tín tâm nơi thiện pháp, trì giới, bố thí, đa văn, trí tuệ, tu tập thiện pháp. Người đó về sau tín tâm vẫn chắc chắn không mất, trì giới, bố thí, đa văn, trí tuệ đều đã kiên cố không mất, trú trong thiện pháp. Biết như thật về Khổ, về Khổ tập, về Khổ diệt, về Khổ diệt đạo. Biết như vậy, thấy như vậy, ba kiết liền dứt sạch. Đó là, thân kiến, giới thủ, nghi; ba kiết đã dứt sạch. Dâm, nộ, si[8] vơi mỏng. Còn phải một lần vãng lai trong nhân gian, thiên thượng[9]. Sau khi qua lại một lần đó rồi liền chứng đắc Khổ đế. Đó là người ra rồi đứng, đứng rồi nhìn quanh, nhìn rồi lội qua. Như người chìm trong nước, ra rồi đứng, đứng rồi nhìn quanh, nhìn rồi đi qua; Ta nói người kia cũng lại như vậy. Đó là hạng người thứ năm của ví dụ về nước. Thế gian quả thực có hạng người như vậy.

---

6. Hán: *thường ngọa* ━` ──C Pāli: sakiṃ nimuggo nimuggo, một lần chìm là chìm luôn.
7. Hán: *đắc khổ biên tế* ━o━W━──C Pāli: dukkhass' antaṃ karoti, chấm dứt sự khổ.
8. Tức tham, sân, si.
9. Chỉ vị Tư-đà-hàm, hay Nhất lai, "trở lại đây một lần nữa".

“Thế nào là người ra rồi đứng, đứng rồi nhìn quanh, nhìn quanh rồi lội qua, qua rồi đến bờ bên kia? Đó là người đã làm trỗi dậy được tín tâm nơi thiện pháp, trì giới, bố thí, đa văn, trí tuệ, tu tập thiện pháp. Người đó về sau tín tâm vẫn chắc chắn, không mất. Trì giới, bố thí, đa văn, trí tuệ đều vẫn kiên cố, không mất, trụ trong thiện pháp. Biết như thế, thấy như thế, năm hạ phần kiết [10] dứt sạch. Đó là tham dục, sân nhuế, thân kiến, giới thủ, nghi. Năm hạ phần kiết dứt sạch rồi, sanh vào cõi ấy[11], rồi nhập Niết-bàn, chứng pháp bất thối, không trở lại thế gian này nữa[12]. Đó là người ra rồi đứng; đứng rồi nhìn quanh; nhìn rồi lội qua; lội qua rồi đến bờ bên kia. Như người chìm trong nước ra rồi đứng, đứng rồi nhìn quanh, nhìn quanh rồi đi qua, đi qua rồi đến bờ bên kia; Ta nói người kia cũng lại như vậy. Đó là hạng người thứ sáu của ví dụ về nước. Thế gian quả thực có hạng người như vậy.

‘Thế nào là người ra rồi đứng, đứng rồi nhìn quanh, nhìn quanh rồi lội qua, qua rồi đến bờ bên kia. Đến bờ bên kia rồi được gọi là người Phạm chí đứng trên bờ? Đó là người đã làm trỗi dậy được tín tâm nơi thiện pháp, trì giới, bố thí, đa văn, trí tuệ, tu tập thiện pháp. Người đó về sau tín tâm vẫn chắc chắn không mất, trì giới, bố thí, đa văn, trí tuệ, tu tập thiện pháp, biết như thật về Khổ, về Khổ tập, về Khổ diệt, về Khổ diệt đạo. Biết như vậy, thấy như vậy. Tâm giải thoát khỏi dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu. Giải thoát rồi liền biết mình đã giải thoát và biết một cách như thật rằng: Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa. Đó là người ra khỏi nước rồi đứng, đứng rồi nhìn quanh, nhìn rồi đi qua, qua rồi đến bờ bên kia, đến bờ bên kia rồi được gọi là vị Phạm chí đứng trên bờ. Như người chìm trong nước, ra rồi đứng lên, đứng rồi nhìn quanh, nhìn rồi đi qua, qua rồi đến bờ bên kia, đến bờ bên kia rồi gọi là người đứng trên bờ; Ta nói người kia cũng lại như vậy. Đó là hạng người thứ bảy của thí dụ về nước. Thế gian quả thực có hạng người như vậy.

“Ta trước có nói sẽ giảng về bảy hạng người chìm trong nước cho các ngươi nghe. Vì vậy, Ta đã nói xong”.

Phật thuyết như vậy, các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết hoan hỷ phụng hành.

❑

---

10. Hạ phần kiết, hay thuận hạ phần kiết; những trói buộc dẫn tái sinh Dục giới. Pāli: pañcannaṃ orambhāgiyānaṃ saṃyojanānaṃ.

11. Hán: *thử gian* ━━━Fchỉ các năm cõi trời Tịnh cư (Pāli: suddhāvāsa), thuộc cõi thiền thứ tư Sắc giới.

12. Chỉ Thánh giả A-na-hàm, hay Bất hoàn.

5. KINH MỘC TÍCH DỤ[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở Câu-tát-la[2], du hành giữa nhân gian và có đại chúng Tỳ-kheo đi theo.

Bấy giờ Đức Thế Tôn đang đi giữa đường, chợt thấy có đống cây lớn[3] ở một nơi kia đang bùng cháy dữ dội. Thế Tôn thấy vậy, liền bước xuống bên đường, đi đến một cây khác, trải Ni-sư-đàn[4], kiết già mà ngồi. Đức Thế Tôn ngồi rồi bảo các Tỳ-kheo:

"Các ngươi có thấy đống cây lớn đằng kia bùng cháy không?"

Khi đó các Tỳ-kheo trả lời:

"Bạch Thế Tôn, chúng con có thấy".

Đức Thế Tôn lại bảo các Tỳ-kheo:

"Các ngươi nghĩ sao, với đống cây lớn phựt cháy hừng hẫy đó mà hoặc ôm, hoặc ngồi, hoặc nằm; hay là, với người con gái của dòng Sát-lợi, Phạm chí, cư sĩ, hay thợ thuyền, đang độ tuổi cường thạnh, tắm gội, xông hương thơm, mặc y phục sạch sẽ, dùng tràng hoa chuỗi ngọc, trang sức thân thể, hoặc ôm, hoặc ngồi, hoặc nằm; việc nào vui sướng hơn?"

Lúc ấy các Tỳ-kheo thưa rằng:

"Bạch Thế Tôn, với đống cây lớn đang phựt cháy hừng hẫy hoặc ôm, hoặc ngồi, hoặc nằm thì rất khổ. Bạch Thế Tôn, hoặc có người con gái dòng Sát-lợi, Phạm chí, cư sĩ hay thợ thuyền, đang độ tuổi cường thạnh, tắm gội, xông hương thơm, mặc y phục sạch sẽ, dùng tràng hoa chuỗi ngọc, trang sức thân thể mà tới hoặc ôm, hoặc ngồi, hoặc nằm thì rất vui sướng. Thế Tôn!"

Đức Thế Tôn bảo:

"Ta sẽ nói cho các ngươi biết, không để cho các ngươi – Sa-môn mà lại mất đạo Sa-môn. Các ngươi nếu muốn thành tựu phạm hạnh vô thượng thì thà ôm đống cây lớn đang phừng cháy hừng hẫy, hoặc ngồi, hoặc nằm. Việc ấy mặc dù vì thế mà phải chịu khổ sở, hoặc chết. Nhưng không phải do đó mà thân hoại mạng chung phải thẳng đến ác xứ hay sanh vào địa ngục. Nếu người ngu si phạm giới và không tinh tấn, sanh ra ác pháp bất thiện; không phải là phạm hạnh mà gọi là phạm hạnh, không phải là Sa-môn mà gọi là Sa-môn, hoặc ôm người con gái dòng Sát-lợi, Phạm chí, cư sĩ hoặc thợ thuyền, đang độ tuổi cường thạnh, tắm gội, xông hương thơm, mặc y phục sạch sẽ, dùng tràng hoa chuỗi

---

1. Tương đương Pāli: A. VII. 68 Aggi (Lửa). Biệt dịch, No.125 (33.10) Tăng Nhất "Ngũ Vương Phẩm, kinh số 10".
2. *Câu-tát-la* ————C Pāli: Kosala.
3. Hán: *mộc tích* ——n–A"đống gỗ". Pāli: aggikkhandhaṃ, đống lửa.
4. Hán: *ni-sư-đàn* ——v—(Pāli: nisīdana): chỉ tọa cụ, dụng cụ trải để ngồi, hay nằm. Pāli: paññatte āsane nisīdi, ngồi trên chỗ ngồi dọn sẵn.

ngọc trang sức thân thể, hoặc ngồi, hoặc nằm; người ngu si kia vì vậy mà lâu dài không thiện, không nghĩa[5], thọ quả báo ác pháp, khi thân hoại mạng chung thẳng đến cõi xấu, sanh vào địa ngục. Do đó, các ngươi hãy quán sát nghĩa này, quán sát nghĩa kia, quán sát cả hai nghĩa, và hãy suy nghĩ như thế này: 'Ta xuất gia học đạo không phải vô ích, không phải luống không, mà có quả, có báo, có sự an lạc cùng cực, được sanh vào các thiện xứ để được trường thọ; tiếp nhận áo chăn, đồ ăn uống, giường nệm, thuốc thang của người tín thí, làm cho các thí chủ được phước đức, đại quả báo, đại quang minh. Hãy nên học như vậy".

Thế Tôn lại bảo các Tỳ-kheo rằng:

"Các ngươi nghĩ sao, như có lực sĩ lấy sợi dây thừng bằng lông bền chắc cột siết bắp tay[6] cho đến bứt da; bứt da rồi bứt thịt; bứt thịt rồi bứt gân; bứt gân rồi bứt xương; bứt xương cho tới tủy mới thôi. Hoặc nếu từ những người Sát-lợi, Phạm chí, cư sĩ hay thợ thuyền mà nhận sự tín thí, rồi sờ mó thân thể, chi tiết, tay chân. Điều nào vui sướng hơn?"

Bấy giờ các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, nếu có lực sĩ lấy sợi dây thừng bằng lông bền chắc cột siết bắp tay cho đến bứt da; bứt da rồi bứt thịt; bứt thịt rồi bứt gân; bứt gân rồi bứt xương; bứt xương cho tới tủy mới thôi. Rất khổ, bạch Thế Tôn, nếu từ người dòng Sát-lợi, Phạm chí, cư sĩ, thợ thuyền mà được cúng thí, rờ rẫm thân thể, chi tiết, tay chân; thì rất vui sướng, Thế Tôn!"

Thế Tôn bảo rằng:

"Ta sẽ nói cho các ngươi biết, không để cho các ngươi học Sa-môn lại mất đạo Sa-môn. Các ngươi nếu muốn thành tựu vô thượng phạm hạnh thì thà để cho lực sĩ đem sợi dây thừng bằng lông, cột siết bắp tay cho tới bứt da, bứt da rồi bứt thịt, bứt thịt rồi bứt gân, bứt gân rồi bứt xương, bứt xương tới tủy mới thôi. Việc ấy mặc dù như vậy mà các ngươi thọ khổ hoặc chết, nhưng không do đó mà thân hoại mạng chung đi đến ác xứ hay sanh vào địa ngục. Nếu người ngu si phạm giới, không tinh tấn, sanh ra pháp ác và bất thiện, không phải phạm hạnh mà xưng là phạm hạnh, không phải Sa-môn mà xưng là Sa-môn; từ người dòng Sát-lợi, Phạm chí, cư sĩ, thợ thuyền thọ nhận sự tín thí, rồi rờ rẫm thân thể, các chi tiết và tay chân. Người ngu si đó vì vậy vĩnh viễn không thiện, không nghĩa, thọ quả báo ác pháp, khi thân hoại mạng chung thẳng đến ác xứ, sanh vào địa ngục. Vì thế các ngươi hãy quán sát nghĩa này, quán sát nghĩa kia, quán sát cả hai nghĩa. Hãy suy nghĩ thế này: Ta xuất gia học đạo không vô ích, không luống không, mà có quả, có báo, có sự an lạc cùng cực, sanh vào các thiện xứ, để được trường thọ, tiếp nhận áo chăn, đồ ẩm thực, giường nệm, thuốc thang của người tín thí, làm cho các thí chủ được phước đức lớn, được quả báo lớn, được quang minh lớn. Nên học như vậy".

Phật lại bảo các Tỳ-kheo rằng:

"Các ngươi nghĩ sao, nếu có lực sĩ đem con dao đã mài giũa sắc bén chặt đứt ngang đùi; hay là từ nơi người dòng Sát-lợi, Phạm chí, cư sĩ, thợ thuyền, để thọ nhận sự tín thí, lễ bái, cung kính, đón rước; điều nào sung sướng hơn?"

Bấy giờ các Tỳ-kheo bạch rằng:

"Bạch Thế Tôn, nếu có lực sĩ đem con dao đã mài giũa sắc bén chặt đứt ngang đùi,

---

5. Hán: *bất thiện bất nghĩa* ————q-Atức bất hạnh và không đạt được mục đích gì.

6. Hán: *bác* -i-A(bộ *thủ*): đánh; có lẽ bộ *nhục* -K-Rbắp tay. Tống-Nguyên-Minh: *thoan*: bắp chân. Pāli: jaṅghā: bắp chân.

thì rất khổ. Thế Tôn, còn từ người Sát-lợi, Phạm chí, cư sĩ, hay thợ thuyền để thọ nhận sự tín thí, lễ bái, cung kính, đón rước thì rất vui sướng".

Thế Tôn bảo rằng:

"Ta sẽ nói cho các ngươi biết, không để cho các ngươi học Sa-môn mà mất đạo Sa-môn. Các ngươi nếu muốn thành tựu phạm hạnh vô thượng thì thà để cho lực sĩ đem dao bén đã mài giũa chặt đứt ngang đùi. Việc ấy dù do đó mà chịu sự đau khổ, hoặc chết, nhưng không vì vậy mà khi thân hoại mạng chung đi thẳng đến ác xứ, sanh vào địa ngục. Nếu người ngu si phạm giới không tinh tấn, sanh ra ác pháp bất thiện, chẳng phải phạm hạnh xưng là phạm hạnh, chẳng phải Sa-môn xưng là Sa-môn; rồi từ người Sát-lợi, Phạm chí, cư sĩ hay thợ thuyền, mà thọ nhận sự tín thí, lễ bái, cung kính, tiếp đón. Người ngu si kia vì thế vĩnh viễn không được thiện, không được nghĩa, thọ quả báo ác pháp, sau khi thân hoại mạng chung thẳng đến ác xứ, sanh vào địa ngục. Do đó, các ngươi nên quán sát nghĩa này, quán sát nghĩa kia, quán sát cả hai nghĩa. Nên nghĩ thế này: Ta xuất gia học đạo không phải vô ích, không luống không, mà có quả, có báo, có sự an lạc cùng cực, sanh đến các thiện xứ, để được trường thọ, tiếp nhận áo chăn, thực phẩm, giường chiếu của người tín thí, làm cho các thí chủ được phước đức lớn, được quả báo lớn, được quang vinh lớn, nên học như vậy".

Thế Tôn lại bảo các Tỳ-kheo rằng:

"Các ngươi nghĩ sao? Hoặc có lực sĩ đem lá đồng sắt đốt cháy hừng hực, rồi quấn quanh thân thể; hoặc từ người Sát-lợi, Phạm chí, cư sĩ, thợ thuyền, để nhận sự tín thí y phục của người; cái nào vui sướng hơn?"

Các Tỳ-kheo bạch rằng:

"Bạch Thế Tôn, nếu có lực sĩ đem lá đồng sắt đốt cháy hừng hực rồi quấn quanh thân thể thì rất khổ. Nếu từ người Sát-lợi, Phạm chí, cư sĩ, thợ thuyền để thọ lãnh tín thí, y phục của người, thì rất vui sướng".

Thế Tôn bảo rằng:

"Ta sẽ nói các ngươi biết, không để các ngươi học Sa-môn mà mất đạo Sa-môn. Các ngươi nếu muốn thành tựu phạm hạnh vô thượng thì thà để cho lực sĩ đem lá đồng sắt đốt cháy hừng hực rồi quấn quanh thân thể. Dù việc đó vì thế sẽ chịu sự khổ, nhưng không do vậy mà khi thân hoại mạng chung phải thẳng đến ác xứ, sanh trong địa ngục. Nếu người ngu si, phạm giới, không tinh tấn, sanh ra pháp ác bất thiện, chẳng phải phạm hạnh xưng là phạm hạnh, chẳng phải Sa-môn xưng là Sa-môn; rồi từ người Sát-lợi, Phạm chí, cư sĩ, thợ thuyền thọ lãnh sự tín thí, y phục của người. Người ngu si kia, vì thế vĩnh viễn không thiện, không nghĩa, thọ quả báo ác pháp. Sau khi thân hoại mạng chung thẳng đến ác xứ, sanh vào địa ngục. Do đó, các ngươi quán sát nghĩa này, quán sát nghĩa kia, quán sát cả hai nghĩa. Nên nghĩ thế này: Ta xuất gia học đạo không phải vô ích, không luống không, mà có quả có báo, có sự an lạc cùng cực, sanh đến các thiện xứ để được trường thọ. Nhận lãnh y phục, chăn mền, đồ ẩm thực, giường chiếu, thuốc thang của người tín thí là làm cho các thí chủ được phước đức lớn, được quả báo lớn, được quang minh lớn. Nên học như vậy".

Thế Tôn lại bảo các Tỳ-kheo rằng:

"Các ngươi nghĩ sao, hoặc có lực sĩ đem kềm sắt nóng, kéo cho hả miệng ra rồi lấy viên sắt đốt cháy hừng hực quăng vào trong miệng. Viên sắt nóng đó đốt môi; đốt cháy môi rồi đốt cháy lưỡi; đốt lưỡi rồi đốt lợi; đốt lợi rồi đốt cổ; đốt cổ rồi đốt tim; đốt tim rồi đốt bao tử và ruột; đốt bao tử và ruột rồi rơi xuống dưới. Hoặc từ người Sát-lợi, Phạm chí,

cư sĩ, thợ thuyền, thọ nhận sự tín thí, đồ ăn, vô lượng mùi vị. Việc nào vui sướng hơn?"

Các Tỳ-kheo bạch rằng:

"Bạch Thế Tôn, nếu có lực sĩ đem kềm sắt nóng kéo cho hả miệng, rồi lấy viên sắt đã cháy hừng hực bỏ vào miệng. Viên sắt nóng ấy đốt môi, đốt môi rồi đốt lưỡi, đốt lưỡi rồi đốt lợi, đốt lợi rồi đốt cổ, đốt cổ rồi đốt tim, đốt tim rồi đốt bao tử và ruột, đốt bao tử và ruột rồi rơi xuống dưới. Việc ấy rất khổ, bạch Thế Tôn, nếu từ người Sát-lợi, Phạm chí, cư sĩ, thợ thuyền để lãnh thọ sự tín thí, đồ ăn, vô lượng mùi vị; việc ấy rất vui sướng".

Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo rằng:

"Ta sẽ nói cho các ngươi biết, không để các ngươi học Sa-môn mà để mất đạo Sa-môn. Các ngươi nếu muốn thành tựu phạm hạnh vô thượng thà để lực sĩ đem kềm sắt nóng kéo cho hả miệng ra rồi đem viên sắt đã đốt cháy hừng hực quăng vào trong miệng, viên sắt nóng ấy đốt môi, đốt môi rồi đốt lưỡi, đốt lưỡi rồi đốt lợi, đốt lợi rồi đốt cổ, đốt cổ rồi đốt tim, đốt tim rồi đốt bao tử và ruột, đốt bao tử và ruột rồi rơi xuống đất. Điều ấy dù do vậy mà phải chịu đau khổ, hoặc chết, nhưng không vì thế mà khi thân hoại mạng chung thẳng đến ác xứ hay sanh vào địa ngục. Nếu người ngu si phạm giới, không tinh tấn, sanh ra ác pháp bất thiện, chẳng có phạm hạnh xưng là phạm hạnh, chẳng phải Sa-môn xưng là Sa-môn. Từ người Sát-lợi, Phạm chí, cư sĩ, thợ thuyền để nhận lãnh sự tín thí, đồ ăn, vô lượng mùi vị. Người ngu si đó vì thế mà vĩnh viễn không thiện, không nghĩa, chịu quả báo ác pháp, sau khi thân hoại mạng chung thẳng đến ác xứ, sanh vào địa ngục. Vì thế các ngươi nên quán sát nghĩa này, quán sát nghĩa kia, quán sát cả hai nghĩa. Nên nghĩ thế này: Ta xuất gia học đạo không phải vô ích, không luống không, mà có quả có báo, có sự an lạc cùng cực, sanh đến các thiện xứ để được trường thọ. Nhận lãnh sự tín thí, y phục, chăn mền, đồ ẩm thực, giường chiếu, thuốc thang của người là làm cho các thí chủ được phước đức lớn, được quả báo lớn, được quang minh lớn. Nên học như vậy".

Thế Tôn lại bảo các Tỳ-kheo rằng:

"Các ngươi nghĩ sao, nếu có lực sĩ đem giường sắt hay đồng đốt cháy hừng hực, rồi cưỡng bức người kia phải nằm ngồi trong đó hoặc là từ các người Sát-lợi, Phạm chí, cư sĩ, thợ thuyền để thọ lãnh sự tín thí, giường chõng hay ngọa cụ của người; việc nào vui sướng hơn?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật rằng:

"Bạch Thế Tôn, nếu có lực sĩ đem giường sắt hay đồng đốt cháy hừng hực rồi cưỡng bức người kia phải nằm ngồi trên đó thì rất khổ. Bạch Thế Tôn, nếu theo các người Sát-lợi, Phạm chí, cư sĩ, thợ thuyền để thọ lãnh sự tín thí, giường chõng, ngọa cụ của người; thì rất vui sướng".

Thế Tôn bảo rằng:

"Ta sẽ nói cho các ngươi biết, không để các ngươi học Sa-môn mà mất đạo Sa-môn. Nếu các ngươi muốn thành tựu phạm hạnh vô thượng, thì thà để cho lực sĩ đem giường đồng hay sắt đốt cháy hừng hực rồi cưỡng bức phải nằm ngồi trên đó, việc đó vì thế mà chịu sự khổ sở hoặc chết. Nhưng không vì thế mà khi thân hoại mạng chung thẳng đến ác xứ hay sanh vào địa ngục. Nếu người ngu si phạm giới, không tinh tấn, sanh ra ác pháp bất thiện, chẳng phải phạm hạnh xưng là phạm hạnh, chẳng phải Sa-môn xưng làm Sa-môn, rồi từ những người Sát-lợi, Phạm chí, cư sĩ, thợ thuyền để thọ lãnh sự tín thí, ngọa cụ, giường chõng của người; người ngu si đó vì thế vĩnh viễn không thiện, không nghĩa, thọ quả báo ác, sau khi thân hoại mạng chung thẳng đến ác xứ, sanh vào địa ngục. Vì thế các ngươi nên quán sát nghĩa này, quán sát nghĩa kia, quán sát cả hai nghĩa. Nên nghĩ thế này:

Ta xuất gia học đạo không phải vô ích, không phải luống không, mà có quả báo, có sự an lạc vô cùng, sanh đến các thiện xứ để được trường thọ. Nhận lãnh sự tín thí, áo mền, đồ ăn uống, giường nằm, thuốc thang của người là làm cho các thí chủ được phước đức lớn, được quả báo lớn, được quang minh lớn. Nên học như vậy".

Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo rằng:

"Các ngươi nghĩ sao, nếu có lực sĩ đem cái nồi lớn bằng sắt hay đồng đốt cháy hừng hực, rồi túm lấy người kia ném ngược vào trong đó; hoặc là từ các người Sát-lợi, Phạm chí, cư sĩ, thợ thuyền để thọ lãnh sự tín thí, nhà cửa được tô trét đất bùn, cửa sổ và cửa lớn kín và chặt; có lò sưởi ấm áp. Đằng nào vui sướng hơn?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật rằng:

"Bạch Thế Tôn, nếu có lực sĩ đem cái nồi lớn bằng sắt hay đồng đốt cháy hừng hực, rồi túm lấy người kia ném ngược vào trong đó; thế thì rất khổ. Bạch Thế Tôn, nếu từ các người Sát-lợi, Phạm chí, cư sĩ, thợ thuyền để thọ lãnh sự tín thí, nhà cửa được tô trét đất bùn, cửa sổ và cửa lớn kín và chặt; có lò sưởi ấm áp; thế thì rất vui sướng".

Thế Tôn bảo rằng:

"Ta sẽ nói cho các ngươi biết, không để cho các ngươi học Sa-môn mà mất đạo Sa-môn. Các ngươi nếu muốn thành tựu phạm hạnh vô thượng thì thà để cho lực sĩ đem nồi lớn bằng đồng hay sắt đốt cháy hừng hực rồi tóm giở ngược lên quăng vào trong nồi, mặc dù vì như thế mà chịu đau khổ hoặc chết, nhưng không vì vậy mà khi thân hoại mạng chung thẳng đến ác xứ hay sanh vào địa ngục. Nếu người ngu si phạm giới, không tinh tấn, sanh ra ác pháp bất thiện, chẳng có phạm hạnh xưng là phạm hạnh, chẳng phải Sa-môn xưng là Sa-môn, rồi từ người Sát-lợi, Phạm chí, cư sĩ thợ thuyền để nhận lãnh sự tín thí, nhà cửa được tô trét đất bùn, cửa sổ và cửa lớn kín và chặt; có lò sưởi ấm áp của người. Người ngu si đó vì thế mà vĩnh viễn không thiện, không nghĩa, thọ quả báo ác, sau khi thân hoại mạng chung, thẳng đến ác xứ, hay sanh vào địa ngục. Vì thế các ngươi nên quán sát nghĩa này, quán sát nghĩa kia, quán sát cả hai nghĩa. Nên nghĩ thế này: Ta xuất gia học đạo không phải vô ích, không phải luống không mà có quả có báo, có sự an lạc cùng cực, sinh đến thiện xứ, được trường thọ, nhận lãnh sự tín thí, áo mền, đồ ẩm thực, giường nệm, thuốc thang của người, là làm cho các thí chủ được phước đức lớn, được quả báo lớn, được quang minh lớn. Nên học như thế".

Khi dạy bài pháp này, sáu mươi vị Tỳ-kheo dứt sạch các lậu, giải thoát kiết sử. Sáu mươi Tỳ-kheo xả giới hoàn tục. Sao vậy? Vì sự giáo huấn của Đức Thế Tôn rất sâu, rất khó, sự học đạo lại rất sâu rất khó.

Phật dạy như thế, các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

❑

6. KINH THIỆN NHÂN VÃNG[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật du hành tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng lâm, vườn Cấp cô độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Ta sẽ nói cho các ngươi biết về bảy nơi mà bậc thiện nhân đi đến và Vô dư Niết-bàn[2]. Các ngươi hãy lắng nghe và hãy suy nghĩ kỹ".

Bấy giờ các Tỳ-kheo vâng lời lắng nghe.

Phật dạy:

"Những gì là bảy? Tỳ-kheo nên thực hành như vầy: 'Ta không có ta, cũng không có cái của ta[3]. Trong tương lai không có ta, cũng không có cái của ta. Cái đã có thì đoạn[4]'. Sau khi đoạn, chứng đắc xả. Có lạc mà không nhiễm, hiệp hội mà không đắm trước[5]. Thực hành như thế, sẽ do tuệ mà thấy được đạo lộ tịch tĩnh vô thượng[6], nhưng vẫn chưa được chứng ngộ[7]. Tỳ-kheo thực hành như thế sẽ đi đến đâu? Ví như đốt trấu, vừa nhen đã tắt. Nên biết, Tỳ-kheo kia cũng thế, chút ít mạn chưa trừ hết[8], nhưng năm hạ phần kết[9] đã đoạn hết, chứng Trung Bát-niết-bàn[10]. Đó là nơi đi đến của bậc thiện nhân thứ nhất, thế gian quả thực có người như vậy.

---

1. Bản Hán, bắt đầu quyển 2. Tương đương Pāli: A. VII.52 Purisagati. Đề kinh theo Tống-Nguyên-Minh: "Thiện Nhân Vãng Lai Kinh" Câu-xá 24 (Đại 29, tr.124b, 125a): *thiện sĩ thú* ▬▬h▬▬C

2. *Vô dư Niết-bàn*, hoặc dịch là *Vô dư y Niết-bàn* ▬▬l▬▬I▬n▬A(Pāli: anupādisesa-nibbāna), trái với Hữu dư y Niết-bàn là sự chứng Niết-bàn với sự tồn tại của ngũ uẩn.

3. Hán: ngã giả vô ngã, diệc vô ngã sở ▬▬▬L▬▬▬L▬▬▬C Pāli: no cassa no ca me siyā, "nó không hiện hữu, và nó không phải là của ta". Bản Hán hiểu ***no*** là đại từ ngôi thứ nhất.

4. Hán: *dĩ hữu tiện đoạn* ▬w▬▬K▬_▬C Pāli: yadatthi yaṃ bhūtaṃ taṃ pahajāmi, "Với cái gì đã hiện hữu, ta đoạn trừ cái đó".

5. Hán: *hữu lạc bất nhiễm, hiệp hội bất trước* ▬▬▬▬V▬X▬|▬▬▬C Pāli: so bhave na rajjati, sambahave na rajjati, "vị ấy không đắm trước hữu (không hoan lạc trong cái đang hiện hữu), không đắm trước sinh (không hoan lạc trong cái đang xuất sinh)".

6. Hán: *vô thượng tức tích* ▬L▬W▬▬▬C Pāli: atthuttariṃ padaṃ santaṃ sammapaññāya passati, "bằng chánh trí, vị ấy thấy con đường tịch tĩnh dẫn đến mục đích tối thượng".

7. Pāli: taṃ ca khvassa padaṃ na sabbena sabbaṃ sacchikataṃ hoti, "Nhưng không hoàn toàn thực chứng đạo lộ ấy".

8. Hán: *thiểu mạn vị tận* ▬▬C▬▬▬C Pāli: na sabbena sabbaṃ mānānusayo pahīno hoti, na sabbena sabbaṃ bhavarāgānusayo pahīno hoti, na sabbena sabbaṃ avijjānusayo pahīno hoti, "chưa hoàn toàn đoạn trừ mạn tùy miên; chưa hoàn toàn đoạn trừ hữu ái tùy miên; chưa hoàn toàn đoạn trừ vô minh tùy miên".

9. Hán: *ngũ hạ phần kiết* ▬▬U▬▬▬C Pāli: pañca orambhāgiya saṃyojana.

10. *Trung Bát-niết-bàn* ▬▬▬I▬n▬A trường hợp Thánh giả A-na-hàm, sau khi chết ở Dục giới, trước khi tái sinh Sắc giới, nhập Niết-bàn ở khoảng trung gian. Xem *Câu-xá* quyển 24 (Đại 29, tr.124b). Pāli: antarā-parinibbāna.

"Lại nữa, Tỳ-kheo nên thực hành như vậy: 'Ta không có ta, cũng không có cái của ta. Trong tương lai không có ta, cũng không có cái của ta. Cái đã có thì đoạn'. Sau khi đoạn, chứng đắc xả. Có lạc mà không nhiễm, hiệp hội mà không đắm trước. Thực hành như thế, sẽ do tuệ mà thấy được đạo lộ tịch tĩnh vô thượng, nhưng vẫn chưa được chứng ngộ. Tỳ-kheo thực hành như thế sẽ đi đến đâu? Ví như đem sắt đốt cháy hừng hực rồi lấy búa đập, lửa đóm tung lên không; vừa lên liền tắt. Nên biết, Tỳ-kheo kia cũng lại như vậy; còn chút mạn chưa trừ hết, nhưng năm hạ phần kết đã đoạn hết, chứng Trung Bát-niết-bàn. Đó là chỗ đi đến của bậc thiện nhân thứ hai, thế gian quả thực có người như vậy.

"Lại nữa, Tỳ-kheo nên thực hành như vầy: 'Ta không có ta, cũng không có cái của ta. Trong tương lai không có ta, cũng không có cái của ta. Cái đã có thì đoạn'. Sau khi đoạn, chứng đắc xả. Có lạc mà không nhiễm, hiệp hội mà không đắm trước. Thực hành như thế, sẽ do tuệ mà thấy được đạo lộ tịch tĩnh vô thượng, nhưng vẫn chưa được chứng ngộ. Tỳ-kheo thực hành như thế sẽ đi đến đâu? Ví như đem sắt đốt cháy hừng hực rồi lấy búa đập, lửa đóm tung lên không, rồi từ không rơi trở lại; rơi chưa đến đất liền tắt. Nên biết, Tỳ-kheo kia cũng giống như thế, còn chút mạn chưa đoạn hết, nhưng năm hạ phần kết đã đoạn hết, chứng Trung Bát-niết-bàn. Đó là chỗ đi đến của bậc thiện nhân thứ ba, thế gian quả thực có người như vậy.[11]

"Lại nữa, Tỳ-kheo nên thực hành như vầy: 'Ta không có ta, cũng không có cái của ta. Trong tương lai không có ta, cũng không có cái của ta. Cái đã có thì đoạn'. Sau khi đoạn, chứng đắc xả. Có lạc mà không nhiễm, hiệp hội mà không đắm trước. Thực hành như thế, sẽ do tuệ mà thấy được đạo lộ tịch tĩnh vô thượng, nhưng vẫn chưa được chứng ngộ. Tỳ-kheo thực hành như thế sẽ đi đến đâu? Ví như đem sắt đốt cháy hừng hực rồi lấy búa đập, lửa đóm tung lên không, rồi rơi xuống, tới đất thì tắt. Nên biết, Tỳ-kheo kia cũng giống như thế, còn chút mạn chưa đoạn hết, nhưng năm hạ phần kết đã đoạn hết, chứng Sanh Bát-niết-bàn[12]. Đó là chỗ đi đến của bậc thiện nhân thứ tư, thế gian quả thực có người như vậy.

"Lại nữa, Tỳ-kheo nên thực hành như vầy: 'Ta không có ta, cũng không có cái của ta. Trong tương lai không có ta, cũng không có cái của ta. Cái đã có thì đoạn'. Sau khi đoạn, chứng đắc xả. Có lạc mà không nhiễm, hiệp hội mà không đắm trước. Thực hành như thế, sẽ do tuệ mà thấy được đạo lộ tịch tĩnh vô thượng, nhưng vẫn chưa được chứng ngộ. Tỳ-kheo thực hành như thế sẽ đi đến đâu? Ví như đem sắt đốt cháy hừng hực rồi lấy búa đập, lửa đóm tung lên không, rồi rơi xuống trên nhúm cỏ, liền bốc khói hoặc phụt cháy; cháy hết mới tắt. Nên biết, Tỳ-kheo kia cũng giống như thế, còn chút mạn chưa đoạn hết, nhưng năm hạ phần kết đã đoạn hết, chứng Hành Bát-niết-bàn[13]. Đó là chỗ đi đến của bậc thiện nhân thứ năm, thế gian quả thực có người như vậy.

---

11. Ba ví dụ trên tương ứng với ba cấp Trung Bát-niết-bàn: *tốc, phi tốc* và *kinh cửu* (nhanh, không nhanh và lâu); xem *Câu-xá* 24 (Đại 29, tr.125a).

12. *Sanh Bát-niết-bàn* ———I-n-F vị A-na-hàm sau khi tái sanh Sắc giới một thời gian không lâu liền nhập Vô dư y Niết-bàn. Xem *Tập dị* 14 (Đại 26, tr.426a); *Câu-xá* 24 (Đại 29, tr.124b). Pāli: upahacca-parinibbāna, nhập Niết-bàn do rút ngắn tuổi thọ sau khi sanh Sắc giới. Từ Pāli upahacca có nghĩa là "làm tổn hại". Bản Hán, theo từ gốc Skt. là upapadya (Pāli: upapajja) có nghĩa là "sanh".

13. *Hành Bát-niết-bàn*, hay *Hữu hành Bát-niết-bàn*————I-n-Fvị A-na-hàm sau khi sanh Sắc giới, trải qua một thời gian nỗ lực tu tập nữa rồi mới nhập Niết-bàn. Pāli: sasaṃkhāra-parinibbāna. *Câu-xá* 24 (Đại 29, tr.124b), *Tập dị* 14 (Đại 26, tr.426b).

"Lại nữa, Tỳ-kheo nên thực hành như vầy: 'Ta không có ta, cũng không có cái của ta. Trong tương lai không có ta, cũng không có cái của ta. Cái đã có thì đoạn'. Sau khi đoạn, chứng đắc xả. Có lạc mà không nhiễm, hiệp hội mà không đắm trước. Thực hành như thế, sẽ do tuệ mà thấy được đạo lộ tịch tĩnh vô thượng, nhưng vẫn chưa được chứng ngộ. Tỳ-kheo thực hành như thế sẽ đi đến đâu? Ví như đem sắt đốt cháy hừng hực rồi lấy búa đập, lửa đóm tung lên không, rồi rơi xuống trên nhiều đám cỏ, liền bốc khói hoặc phụt cháy, cháy hết mới tắt. Nên biết, Tỳ-kheo kia cũng giống như thế, còn chút mạn chưa đoạn hết, nhưng năm hạ phần kiết đã đoạn hết, chứng Vô hành Bát-niết-bàn[14]. Đó là chỗ đi đến của bậc thiện nhân thứ sáu, thế gian quả thực có người như vậy.

"Lại nữa, Tỳ-kheo nên thực hành như vầy: 'Ta không có ta, cũng không có cái của ta. Trong tương lai không có ta, cũng không có cái của ta. Cái đã có thì đoạn'. Sau khi đoạn, chứng đắc xả. Có lạc mà không nhiễm, hiệp hội mà không đắm trước. Thực hành như thế, sẽ do tuệ mà thấy được đạo lộ tịch tĩnh vô thượng, nhưng vẫn chưa được chứng ngộ. Tỳ-kheo thực hành như thế sẽ đi đến đâu? Ví như đem sắt đốt cháy hừng hực rồi lấy búa đập, lửa đóm tung lên không, rồi rơi xuống trên nhiều đám cỏ, liền bốc khói hoặc phụt cháy, cháy luôn cả thôn ấp, thành quách, rừng núi, đồng nội, hoặc đến đường đi, hoặc mé nước, cho đến đất bằng thì tắt. Nên biết, Tỳ-kheo kia cũng giống như thế, còn chút mạn chưa đoạn hết, nhưng năm hạ phần kết đã đoạn hết, chứng Thượng lưu A-ca-ni-trá Niết-bàn[15]. Đó là chỗ đi đến của bậc thiện nhân thứ bảy, thế gian quả thực có người như vậy.

"Vô dư Niết-bàn là gì? Tỳ-kheo nên thực hành như vầy: 'Ta không có ta, cũng không có cái của ta. Trong tương lai không có ta, cũng không có cái của ta. Cái đã có thì đoạn'. Sau khi đoạn, chứng đắc xả. Có lạc mà không nhiễm, hiệp hội mà không đắm trước. Thực hành như thế, sẽ do tuệ mà thấy được đạo lộ tịch tĩnh vô thượng, và đã được chứng ngộ. Ta nói rằng Tỳ-kheo kia không đi đến phía Đông, không đi đến phía Tây, Nam, Bắc, tứ duy hay thượng, hạ, mà ngay trong đời này[16] chứng được đạo lộ tịch tĩnh, diệt độ[17].

"Ta đã nói về nơi đi đến của bảy bậc thiện nhân và Vô dư Niết-bàn xong. Nhân đó mà nói".

Phật thuyết như thế. Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

❑

---

14. *Vô hành Bát-niết-bàn* -L———I-n-A sau khi tái sanh Sắc giới, không do nỗ lực tu tập mà nhập Niết-bàn. *Câu-xá* 24 (Đại 26, tr.124b) cho rằng, trong Kinh tạng, Vô hành được kể trước Hữu hành, như vậy hợp lý hơn. Xem thêm *Tập dị 14* (Đại 26, tr.426b). Pāli cũng kể Vô hành trước Hữu hành. Pāli: asaṃkhāra-parinibbāna.

15. *Thượng lưu A-ca-ni-trá Niết-bàn* -W-y——{——\-I-n-Ahay *thượng lưu sắc cứu cánh Niết-bàn* -W-y——s——I-n lần lượt tái sanh (trôi lên) từ các cõi Sơ thiền, cho đến cao nhất của Tứ thiền, rồi nhập Niết-bàn trong trạng thái đó. *Câu-xá* 24 (Đại 29, tr.124c), *Tập dị* 14 (Đại 26, tr.416b). Pāli: uddhaṃsoto akaniṭṭhagāmin.

16. Hán: *ư hiện pháp trung* ——{-k——C Pāli: diṭṭtheva dhamme.

17. Hán: *tức tích diệt độ* ————C

7. KINH THẾ GIAN PHƯỚC[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật du hóa Câu-xá-di[2], ở tại vườn Cù-sa-la[3].

Bấy giờ vào lúc xế chiều[4], Tôn giả Ma-ha Châu-na[5], rời khỏi nơi tĩnh tọa[6] đứng dậy, đi đến chỗ Phật; đến rồi đảnh lễ, lui ngồi một bên, bạch rằng:

"Bạch Thế Tôn, có thể thi thiết thế gian phước được chăng?"

Thế Tôn nói:

"Có thể, này Châu-na, có bảy loại phước thế gian, có phước hựu lớn, có quả báo lớn, có danh dự lớn, có công đức lớn. Những gì là bảy?

"Này Châu-na, có tộc tánh nam hay tộc tánh nữ[7] có tín tâm cúng thí phòng xá, nhà gác cho đại chúng Tỳ-kheo. Đó là loại phước thế gian thứ nhất, có phước hựu lớn, có quả báo lớn, có danh dự lớn, có công đức lớn.

"Lại nữa, Châu-na, có tộc tánh nam hay tộc tánh nữ có tín tâm, ở trong các phòng xá, cúng thí giường nằm, đồ ngồi, đệm lông, thảm dệt, chăn len, ngọa cụ trong các phòng xá. Châu-na, đó là loại thế gian phước thứ hai, có phước hựu lớn, có quả báo lớn, có danh dự lớn, có công đức lớn.

"Lại nữa, Châu-na, có tộc tánh nam hay tộc tánh nữ có tín tâm, ở trong các phòng xá, cúng thí y phục mới mẽ, sạch sẽ, đẹp đẽ. Châu-na, đó là loại thế gian phước thứ ba, có phước hựu lớn, có quả báo lớn, có danh dự lớn, có công đức lớn.

"Lại nữa, Châu-na, có tộc tánh nam hay tộc tánh nữ có tín tâm, ở trong các phòng xá, thường xuyên cúng thí chúng tăng cháo buổi sáng, thức ăn buổi trưa, lại cung cấp người làm vườn[8] để sai bảo; hoặc gió, mưa, tuyết, lạnh, tự mình thân đến khu vườn mà cúng thí chu cấp thêm. Các Tỳ-kheo sau khi ăn, không lo gió, mưa, tuyết lạnh khiến y phục bị ướt át, mà ngày đêm yên vui, tư duy thiền tọa vắng lặng[9]. Châu-na, đó là loại thế gian phước thứ bảy, có phước hựu lớn, có quả báo lớn, có danh dự lớn, có công đức lớn.

"Châu-na, có tộc tánh nam hay tộc tánh nữ có tín tâm, nếu đã tạo được bảy loại

---

1. Không thấy tương đương với Pāli. Biệt dịch, No.125(40.7) Tăng Nhất 34, "Thất Nhật Phẩm, kinh số 7" (Đại 2, tr.741).
2. Câu-xá-di ————A hoặc phiên âm là Kiêu-thưởng-di ————CPāli: Kosambī.
3. Cù-sa-la viên ——F———Akhu vườn do Trưởng giả Cù-sa-la cúng dường Phật. Pāli: Ghositārāma.
4. Hán: *bô thời* ————Atheo cách tính giờ cổ của Trung quốc, vào khoảng giờ thân.
5. Ma-ha Châu-na ——F—P——A tên Tỳ-kheo. Pāli: Mahācunda.
6. Hán: *yển tọa* —b——Angồi nghỉ ngơi một mình và tập thiền; thiền tọa độc cư. Pāli: paṭisallāna.
7. Hán: *tộc tánh nam, tộc tánh nữ* —— —m—k — —m—k—Athường nói là thiện gia nam tử/ nữ nhân, hoặc thiện nam tử, thiện nữ nhân ——k—l——k—H—Fnhững người sinh vào một trong bốn giai cấp. Pāli: kulaputta, kuladuhitā.
8. Hán: *viên dân* ————C
9. Đoạn này kể chung có bốn thứ: hai bữa ăn, người làm vườn, và chu cấp khi mưa gió.

phước thế gian này rồi, hoặc đi, hoặc đến, hoặc đứng, hoặc ngồi, hoặc ngủ, hoặc thức, hoặc ngày, hoặc đêm, phước đức ấy thường xuyên phát sinh, càng lúc càng thêm, càng lúc càng rộng.

"Châu-na, ví như nước sông Hằng-già[10] từ nguồn chảy ra, tuôn vào đại hải, ở vào khoảng giữa càng lúc càng sâu, càng lúc càng rộng. Cũng vậy, Châu-na, tộc tánh nam hay tộc tánh nữ có tín tâm ấy, đã tạo được bảy loại phước thế gian này rồi thì hoặc đi, hoặc đến, hoặc ngồi, hoặc ngủ, hoặc thức, hoặc ngày, hoặc đêm, phước đức ấy càng sinh, càng lúc càng thêm, càng lúc càng rộng".

Bấy giờ, Tôn giả Ma-ha Châu-na từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch vai áo bên hữu, gối phải sát đất, quỳ dài, chắp tay, bạch rằng:

"Bạch Thế Tôn, có thể thi thiết phước xuất thế gian được chăng?

Thế Tôn bảo rằng:

"Có thể được Châu-na, lại có bảy loại phước xuất thế gian, có phước hựu lớn, có quả báo lớn, có danh dự lớn, có công đức lớn. Những gì là bảy? Châu-na, có tộc tánh nam hay tộc tánh nữ có tín tâm, nghe Như Lai hoặc đệ tử Như Lai đang trú ở nơi nào đó. Sau khi nghe, liền hoan hỷ, trong lòng rất phấn khởi. Châu-na, đó là loại phước xuất thế gian thứ nhất, có phước hựu lớn, có quả báo lớn, có danh dự lớn, có công đức lớn.

"Lại nữa, Châu-na, có tộc tánh nam hay tộc tánh nữ có tín tâm, nghe Như Lai hoặc đệ tử Như Lai sẽ từ nơi kia đến đây, nghe rồi vui vẻ, trong lòng rất phấn khởi. Châu-na, đó là loại phước xuất thế gian thứ hai, có phước hựu lớn, có quả báo lớn, có danh dự lớn, có công đức lớn.

"Lại nữa, Châu-na, có tộc tánh nam hay tộc tánh nữ có tín tâm, nghe Như Lai hoặc đệ tử Như Lai sẽ từ nơi kia đến đây, nghe rồi vui vẻ, trong lòng rất phấn khởi. Với tâm thanh tịnh, đích thân tới thăm viếng, lễ kính, cúng dường. Sau khi cúng dường, thọ pháp ba tự quy, đối với Phật, Pháp và Chúng Tỳ-kheo mà thọ giới cấm[11]. Châu-na, đó là loại phước xuất thế gian thứ bảy, có phước hựu lớn, có quả báo lớn, có danh dự lớn, có công đức lớn.

"Châu-na, tộc tánh nam hay tộc tánh nữ có tín tâm, nếu tạo được bảy loại phước thế gian này và lại có bảy loại phước xuất thế gian, thì phước của người kia không thể tính được, có chừng ấy phước, có chừng ấy kết quả của phước, có chừng ấy phước báo. Chỉ có thể nói là không thể hạn, không thể lượng, và không thể biết được con số đại phước.

"Châu-na, ví như từ châu Diêm-phù có năm con sông: Một là Hằng-già, hai là Dao-vưu-a, ba là Xá-lao-phù, bốn là A-di-la-bà-đề và năm là Ma-xí[12], đều chảy về đại hải. Ở khoảng giữa của chúng, không thể tính được số nước của bao nhiêu thăng hộc. Chỉ có thể nói là số nước nhiều không thể hạn, không thể lượng, và không thể biết được.

"Cũng vậy, Châu-na, tộc tánh nam hay tộc tánh nữ có tín tâm, nếu tạo được bảy loại phước thế gian này và lại có bảy loại phước xuất thế gian, thì phước của người kia không thể tính được, có chừng ấy phước, có chừng ấy kết quả của phước, có chừng ấy phước báo. Chỉ có thể nói là không thể hạn, không thể lượng, và không thể biết được con số đại phước".

---

10. *Hằng-già* ———Athường nói là sông Hằng. Pāli: Gaṃgā.

11. Đoạn này kể chung cả năm thứ: thăm viếng, lễ bái, cúng dường, thọ tam quy, thọ ngũ giới.

12. *Ngũ hà lưu* ——e–y–FHằng-già ——(Pāli: Gaṃga), Dao-vưu-na –n—— (Pāli: Yamunā), Xá-lao-phu ———B(Pāli: Sarabhū), A-di-la-bà-đề ——i— –C—(Pāli:Aciravatī), Ma-xí —— (Pāli: Mahī).

Bấy giờ Thế Tôn nói bài tụng rằng:

Con sông Hằng-già
Trong sạch, dễ qua.
Biển nhiều báu quý,
Là vua các sông.
Cũng như nước sông,
Người đời kính phụng;
Mọi nơi chảy về,
Tuôn về biển cả.
Cũng vậy, người nào
Cúng y, thực phẩm,
Giường chõng, đệm chăn,
Và những tọa cụ;
Phước báo không lường,
Đưa đến cõi lành,
Cũng như nước sông
Tuôn về biển rộng.

Phật thuyết như vậy. Tôn giả Ma-ha Châu-na và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

❑

8. KINH THẤT NHẬT[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật du hóa tại nước Bệ-xá-li[2], trong rừng cây Nại thị[3].

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo rằng:

"Tất cả các hành đều vô thường, là pháp không vĩnh cửu, pháp chóng đổi thay, pháp không thể nương tựa[4]. Các hành như vậy không nên tham đắm mà phải ghê sợ nhờm tởm, nên tìm sự xả ly, nên tìm giải thoát. Vì sao thế, vì có lúc không mưa[5]. Ngay khi không mưa ấy tất cả cây cối, trăm thứ lúa, thảy đều khô héo, đổ nát, chết cả, không thể thường trụ. Vì thế tất cả các hành đều vô thường, là pháp không vĩnh cửu, pháp chóng đổi thay, pháp không thể nương tựa. Các hành như vậy không nên tham đắm mà phải nhờm tởm, ghê sợ, nên tìm sự xả ly, nên tìm giải thoát.

"Lại nữa, có lúc hai mặt trời cùng xuất hiện. Khi hai mặt trời xuất hiện, các rãnh ngòi, sông lạch, thảy đều khô cạn, không thể thường trụ. Vì thế tất cả các hành đều vô thường, là pháp không vĩnh cửu, pháp chóng thay đổi, pháp không thể nương tựa. Các hành như vậy không nên tham đắm mà phải nhờm tởm, ghê sợ, nên tìm sự xả ly, nên tìm giải thoát.

"Lại nữa, lúc có ba mặt trời cùng xuất hiện. Khi ba mặt trời xuất hiện, tất cả dòng sông lớn[6] đều khô cạn, không thể thường trụ. Do đó, tất cả các hành đều vô thường, là pháp không vĩnh cửu, pháp chóng đổi thay, pháp không thể nương tựa. Các hành như vậy không nên tham đắm, mà phải nhờm tởm ghê sợ, nên tìm sự xả ly, nên tìm sự giải thoát.

"Lại nữa, có lúc bốn mặt trời cùng xuất hiện. Khi bốn mặt trời xuất hiện, các dòng suối lớn, từ đó phát nguyên năm con sông lớn của châu Diêm-phù: Một là Hằng-già; hai là Dao-vưu-na; ba là Xá-lao-phu; bốn là A-di-la-bà-đề và năm là Ma-xí[7], các dòng cuối nguồn

---

1. Về bảy mặt trời xuất hiện. Tương đương Pāli: A. VII. 62 Suriya (Satta-suriya). Biệt dịch, No.30 Phật Thuyết Tát-bát-đa tô-rị-du-nại-dã Kinh, Tống, Pháp hiền dịch (Đại 1, tr.811); No.125 (40.1) Tăng Nhất 34, "Thất Nhật Phẩm, kinh số 1".

2. Bệ-xá-li; Pāli: Vesali. Thủ phủ của bộ tộc Licchava.

3. Nại thị thọ viên -U— ——Avườn cây của họ Nại, tức vườn xoài, Pāli: Ambapālivāna, do kỹ nữ Ambapāli cúng dường Phật.

4. Hán: *vô thường* -L-`-A*bất cửu trụ pháp* ——[——k-A*tốc biến dịch pháp* -t — ——k-A *bất khả ỷ pháp* — -i ——k-C Pāli: anicca, adhuva, anassāsika.

5. Hán: *hữu thời bất vũ* ————B-Fđây chỉ đại hạn vào lúc tận thế. Pāli: hoti kho so, bhikkhave, samayo yaṃ kadāci karahaci dīghassa addhuno accayena bahūni vassāni bahūni vassatāni bahūni vassasahassāni bahūni vassasatasahassāni devo na vassati, "Này các Tỳ-kheo, có một thời gian nhiều năm, nhiều trăm năm, nhiều nghìn năm, trời không mưa".

6. Bản Pāli liệt kê bốn sông lớn: Gaṃgā, Yamunā, Aciravatī, Sarabhū.

7. *Diêm-phù châu ngũ hà* -F-B-w——e-R Hằng-già ——(Pāli: Gaṃga), Dao-vưu-na -n——(Pāli: Yamunā),

nước lớn ấy đều khô cạn cả, không thể thường trụ. Do đó các hành đều vô thường, là pháp không vĩnh cửu, pháp chóng đổi thay, pháp không thể nương tựa, các hành như vậy không nên tham đắm, mà phải nhờm tởm, ghê sợ, nên tìm sự xả ly, nên tìm giải thoát.

"Lại nữa, có lúc năm mặt trời cùng xuất hiện. Khi năm mặt trời cùng xuất hiện, nước trong biển lớn sụt xuống một trăm do-diên[8]; sụt dần đến bảy trăm do-diên. Khi năm mặt trời xuất hiện như vậy, biển có mực nước bảy trăm do-diên sụt dần đến một trăm do-diên. Khi năm mặt trời cùng xuất hiện, nước trong biển lớn sụt một cây Đa-la; sụt dần đến bảy cây Đa-la[9]. Khi năm mặt trời cùng xuất hiện, những biển có mực nước bảy cây Đa-la sụt dần cho đến một cây Đa-la. Khi năm mặt trời cùng xuất hiện, nước biển giảm sụt đến mười người[10]; sụt dần cho đến bảy người. Khi năm mặt trời cùng xuất hiện, những biển có mực nước bảy người giảm dần đến vai, đến lưng, đến háng, đến đầu gối, đến mắt cá; cho đến lúc nước biển ráo hết không đủ chìm một ngón chân. Cho nên, tất cả các hành đều vô thường, là pháp không vĩnh cửu, pháp chóng thay đổi, pháp chẳng thể nương tựa. Các hành như vậy không nên tham đắm, mà phải nhờm tởm, ghê sợ, tìm sự xả ly, tìm sự giải thoát.

"Lại nữa, có lúc sáu mặt trời xuất hiện. Khi sáu mặt trời cùng xuất hiện, tất cả đại địa, núi chúa Tu di[11], thảy đều bốc khói, tạo thành một đám khói. Ví như thợ gốm lúc mới nhen bếp, tất cả đều bốc khói, tạo thành một đám khói. Cho nên tất cả các hành đều vô thường, là pháp không vĩnh cửu, pháp chóng thay đổi, pháp không thể nương tựa. Các hành như vậy không nên tham đắm mà phải nhờm tởm, ghê sợ, nên tìm sự xả ly, tìm sự giải thoát.

"Lại nữa, có lúc bảy mặt trời xuất hiện. Khi bảy mặt trời xuất hiện, tất cả đại địa, núi chúa Tu di thảy đều phụt cháy bừng bừng, tạo thành một ngọn lửa rực rỡ. Như vậy, khi bảy mặt trời cùng xuất hiện, thì tất cả đại địa và núi chúa Tu di thảy đều phụt cháy bừng bừng tạo thành một ngọn lửa. Gió thổi ngọn lửa ấy vươn cho đến trời Phạm thiên[12]. Lúc đó các vị trời Hoảng dục[13] vừa mới sanh lên cõi này, không rõ thành bại của thế gian. Vì không biết sự thành bại của thế gian, khi thấy ngọn lửa vĩ đại, đều sợ hãi dựng lông mà suy nghĩ như thế này 'Lửa không đến đây được chăng? Lửa không đến đây được chăng?' Các vị trời sinh trước đều biết rõ sự thành bại của thế gian, đều đã thấy việc thành bại của thế gian. Do biết sự thành bại của thế gian, khi thấy ngọn lửa vĩ đại, liền an ủi các vị trời kia rằng: 'Chớ nên sợ hãi. Lửa cháy chỉ ngang đó, không thể lên đến đây được'.

"Khi bảy mặt trời cùng xuất hiện, núi chúa Tu di sụp lở, tán hoại, diệt tận, một trăm do-diên, hai trăm do-diên, ba trăm do-diên, cho đến bảy trăm do-diên. Khi bảy mặt trời cùng xuất hiện, núi chúa Tu di và đại địa này cháy tan, hủy diệt, không còn tro than gì cả.

Xá-lao-phu ———B (Pāli: Sarabhū), A-di-la-bà-đề ——i ——C— (Pāli: Aciravatī), Ma-xí —— (Pāli: Mahī). Bản Pāli liệt kê các hồ lớn, phát nguyên của các sông lớn. Các hồ lớn: Anotattā, Sihapapātā, Rathakārā, Kannamunda, Kunalā, Chaḍantā, Mandakinī.

8. Hán: *do-diên* ——cũng nói là *do-tuần* ———CPāli: yojana, dài khoảng bảy dặm Anh.

9. Hán: *đa-la thọ* —h——. Cùng loại cây thốt nốt hay cây cọ, dùng làm đơn vị đo chiều cao.

10. Các bản Tống-Nguyên-Minh: *thập nhân* —Q——Fbản Cao-ly: *nhất nhân* —@ —H—C Nghĩa là bằng chiều cao một người trung bình.

11. Hán: *Tu di sơn vương* ———s——C Pāli: Sineru pabbatarājā.

12. Hán: *Phạm thiên* ———A tầng thứ nhất thuộc Sơ thiền. Pāli: Brāhma-loka, Phạm thiên giới. No.30: Lửa đốt cháy cả cõi trời sơ thiền, ngọn lửa ngang đến cõi trời Nhị thiền.

13. Hán: *Hoảng dục chư thiên* ——R———Acũng gọi là *Quang âm thiên* ———, hay *Cực quang thiên*———CTầng thứ ba thuộc Nhị thiền. Pāli: Ābhassarā.

Cũng như đốt dầu bơ, cháy cho tiêu hết không còn khói đen[14]. Cũng vậy, khi bảy mặt trời cùng xuất hiện, núi chúa Tu di và cõi đại địa này cháy không còn tro than. Cho nên, tất cả các hành đều vô thường, là pháp không vĩnh cửu, pháp chóng thay đổi, pháp không thể nương tựa. Các hành như vậy không nên tham đắm mà phải nhờm tởm, ghê sợ, tìm sự xả ly, tìm cầu giải thoát.

"Nay Ta nói cho các ngươi biết, ai có thể tin được rằng: 'Núi chúa Tu di sẽ sụp đổ?' Chỉ có những người thấy được sự thật[15]. Nay Ta nói cho các ngươi biết, ai có thể tin được rằng: 'Nước trong đại hải sẽ khô cạn tất cả?' Chỉ có những người đã thấy sự thật. Nay Ta nói cho các ngươi biết ai có thể tin rằng: 'Tất cả đại địa đều cháy sạch?' Chỉ có những người đã thấy sự thật. Vì sao vậy?

"Này các Tỳ-kheo, xưa có vị đại sư tên là Thiện Nhãn[16] được các tiên nhân ngoại đạo tôn làm bậc thầy[17], đã xả ly dục ái[18], chứng như ý túc[19]. Đại sư Thiện Nhãn có vô lượng trăm ngàn đệ tử. Đại sư Thiện Nhãn dạy Phạm thế pháp cho các đệ tử[20]. Khi đại sư Thiện Nhãn dạy Phạm thế pháp cho các đệ tử, trong số các đệ tử có người phụng hành không đầy đủ pháp ấy. Người ấy sau khi mạng chung hoặc sanh lên cõi trời Tứ vương hoặc trời Tam thập tam, hoặc trời Diệm-ma, hoặc trời Đâu-suất-đà hoặc sanh lên trời Tha hóa, hoặc sanh lên trời Tha hóa lạc[21].

"Khi đại sư Thiện Nhãn dạy Phạm thế pháp, nếu có người phụng hành đầy đủ pháp ấy, người ấy tu bốn Phạm thất[22], xả ly các dục, sau khi mạng chung người ấy sanh lên trời Phạm thiên. Lúc ấy đại sư Thiện Nhãn nghĩ như vầy: 'Ta không nên cùng với các đệ tử cùng sanh chung một nơi nào vào đời sau. Nay ta hãy tu thêm tăng thượng từ[23], sau khi tu tăng thượng từ rồi, mạng chung sẽ được sanh lên trời Hoảng dục[24] '.

"Đại sư Thiện Nhãn liền sau đó tu thêm tăng thượng từ. Sau khi tu tăng thượng từ, mạng chung sanh lên trời Hoảng dục. Đại sư Thiện Nhãn và các đệ tử học đạo không uổng công, đạt được quả báo lớn.

"Này các Tỳ-kheo, các ngươi nghĩ sao? Xưa kia đại sư Thiện Nhãn được hàng tiên nhân ngoại đạo tôn kính là bậc thầy, xả ly dục ái, chứng như ý túc, các ngươi cho là người nào khác chăng? Chớ nghĩ như vậy. Nên biết, đó là Ta vậy. Vào thời đó, Ta là Thiện Nhãn đại sư, được tiên nhân ngoại đạo tôn kính là bậc thầy, xả ly dục ái, chứng như ý túc; lúc đó ta có vô lượng trăm ngàn đệ tử. Ta dạy Phạm thế pháp cho các đệ tử. Khi Ta dạy Phạm thế pháp, trong số các đệ tử có người phụng hành không đầy đủ pháp ấy. Người ấy

---

14. Hán: *yên mặc* ——C Các bản Tống-Nguyên-Minh: *yên diệm* ——K—C No.30: Đốt đèn bằng dầu tô (bơ), cháy đến hết; đèn tắt thì dầu cũng cạn sạch.
15. Hán: *duy kiến đế giả* ————C Pāli: aññatra diṭṭhapadehi, ngoại trừ những người nhìn thấy tận mắt.
16. Thiện Nhãn ——C Pāli: Sunetta.
17. Pāli: satthā... titthakaro, vị Đạo sư thuộc ngoại đạo.
18. Pāli: kāmesu vītarāgo, không còn ham muốn trong các tình dục.
19. Tức có phép thần thông. Pāli không có chi tiết này.
20. Pāli: Brahmalokasahavyatāya dhammaṃ desesi, "giảng dạy pháp về sự cộng trú với Phạm thiên giới".
21. Tứ vương thiên —|——(Pāli: Cātummahārājikā devā), Tam thập tam thiên —T—Q—T— (Tāvatiṃsa), Diệm-ma thiên —F——(Pāli: Yāma), Đâu-suất-đà thiên ——v—h—(Tusita), Tha hóa thiên —L——(Nimmānarati), Tha hóa lạc thiên —L———(Paranimmita-vasavatin).
22. Hán: (tứ) *Phạm thất* ———A cũng gọi là Phạm trụ ——hay Phạm đường ——, tức bốn vô lượng tâm: từ, bi, hỷ và xả. Pāli: Brahmavihāra.
23. Hán: *tăng thượng từ* —W—W—O—C Pāli: uttari mettā, từ cao hơn.
24. Xem cht.13.

sau khi mạng chung hoặc sanh lên cõi trời Tứ vương hoặc trời Tam thập tam, hoặc trời Diệm-ma, hoặc trời Đâu-suất-đà, hoặc sanh lên trời Tha hóa. Khi Ta dạy Phạm thế pháp, nếu có người phụng hành đầy đủ pháp ấy, người ấy tu bốn Phạm thất, xả ly các dục, sau khi mạng chung người ấy sanh lên trời Phạm thiên. Lúc đó Ta nghĩ như vầy: 'Ta không nên cùng với các đệ tử cùng sanh chung một nơi nào vào đời sau. Nay ta hãy tu thêm tăng thượng từ. Sau khi tu tăng thượng từ, mạng chung sẽ được sanh lên trời Hoảng dục'. Sau đó, Ta lại tu thêm tăng thượng. Sau khi tu tăng thượng từ, mạng chung được sanh lên trời Hoảng dục. Thời ấy Ta và các đệ tử học đạo không hư uổng, được quả báo lớn.

"Thời ấy Ta thân hành đạo này để lợi ích cho mình và lợi ích kẻ khác, làm lợi ích cho mọi người, cảm thương thế gian, vì trời và người mà tìm cầu nghĩa, và sự lợi ích, tìm sự an ổn và khoái lạc. Lúc bấy giờ Ta nói pháp chưa đến chỗ rốt ráo; không rốt ráo bạch tịnh, không rốt ráo phạm hạnh. Vì không rốt ráo phạm hạnh, nên bấy giờ Ta không xa lìa được, sanh, lão, bệnh, tử, than khóc, buồn rầu; cũng chưa thể thoát được tất cả khổ não.

"Này các Tỳ-kheo, Ta nay xuất hiện ở đời, là Như Lai, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiên Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự[25], Thiên Nhân Sư, gọi là Phật, là Đấng Chúng Hựu[26].

"Ta nay đã làm lợi ích cho chính mình, cũng làm lợi ích cho kẻ khác, làm lợi cho mọi người, cảm thương thế gian, vì trời và người mà tìm nghĩa và sự lợi ích, tìm sự an ổn khoái lạc. Nay Ta thuyết pháp đã đạt được chỗ rốt ráo, rốt ráo bạch tịnh, rốt ráo phạm hạnh. Do rốt ráo phạm hạnh, Ta nay đã lìa khỏi sanh, lão, bệnh, tử, khóc than, buồn rầu. Nay Ta đã được giải thoát mọi khổ não".

Đức Phật thuyết giảng như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

❑

---

25. Hán: *Đạo Pháp Ngự* -D-k-s-Athường nói là "*Điều Ngự Trượng Phu* ---s -V--". Pāli: purisadammasārathi.

26. Hán: *Chúng Hựu* ----A tức Thế Tôn. Pāli: Bhagavant.

9. KINH THẤT XA[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật du hóa tại thành Vương xá[2], trong tinh xá Trúc lâm[3], cùng an cư mùa mưa với chúng Đại Tỳ-kheo.

Tôn giả Mãn Từ Tử[4] cũng an cư mùa mưa tại sinh quán mình. Lúc bấy giờ các Tỳ-kheo địa phương, sau khi đã trải qua ba tháng an cư mùa mưa[5], khâu vá lại các y đã xong, xếp y, cầm bát từ sinh quán đi về phía thành Vương xá. Lần lượt đi về phía trước, đến thành Vương xá, trú ở tinh xá Trúc lâm, tại thành Vương xá.

Bấy giờ các Tỳ-kheo địa phương tới trước Đức Thế Tôn, cúi đầu lễ bái rồi ngồi sang một bên. Đức Thế Tôn hỏi rằng:

"Các Tỳ-kheo, các ngươi từ đâu đến đây? An cư mùa mưa ở đâu?"

Các Tỳ-kheo địa phương ấy thưa rằng:

"Bạch Thế Tôn, chúng con từ sinh quán tới đây và an cư mùa mưa tại sinh quán".

Thế Tôn hỏi:

"Trong các Tỳ-kheo địa phương, Tỳ-kheo nào được các Tỳ-kheo khen ngợi rằng: 'Tự mình thiểu dục, tri túc và khen ngợi thiểu dục, tri túc[6]; tự mình nhàn cư[7] và khen ngợi nhàn cư; tự mình tinh tấn và khen ngợi tinh tấn; tự mình chánh niệm và khen ngợi chánh niệm; tự mình nhất tâm và khen ngợi nhất tâm; tự mình có trí tuệ và khen ngợi trí tuệ; tự mình lậu tận và khen ngợi lậu tận; tự mình khuyến phát, khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ[8] và khen ngợi khuyến phát, khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ' chăng?"

---

1. Tương đương Pāli: M.24 Rathavinīta-suttam. Biệt dịch, No.125 (39.10) Tăng Nhất 33 "Đẳng Pháp Phẩm, kinh số 10" (Đại 2, tr.733).
2. Vương xá thành ━━━━FPāli: Rājagaha. Phiên âm: La-duyệt (-kỳ) ━━\━N━A thủ phủ của nước Magadha (Ma-kiệt-đà).
3. Trúc lâm tinh xá ━━L━━━CPāli: Veluvana; khu vườn gần Vương xá (Rājagaha), mà vua Bimbisara (Tần-bà-sa-la) cúng dường cho Phật, lần đầu tiên khi Ngài đến thăm vua, sau khi vừa đắc đạo. Ngài Xá-lợi và Mục-kiền-liên xuất gia vào lúc này. Chi tiết trong bản Pāli: Rājagahe viharati Veluvane Kalandakanivāpe, "trú ở Vương xá, trong Trúc viên, chỗ nuôi sóc (Hán thường nói: Ca-lan-đà Trúc viên)".
4. Mãn Từ Tử ━━0━l━CPāli: Puṇṇa Mantāṇiputta.
5. Pāli: sambahulā jātibhūmakā bhikkhū jātibhūmiyaṃ vassaṃ vutthā, "số đông các Tỳ-kheo địa phương sau khi trải qua mùa an cư tại địa phương".
6. Pāli: attanā appiccho appicchakathañ ca bhikkūnaṃ kattā, "tự mình ít ham muốn, và giảng cho các Tỳ-kheo về sự ít ham muốn..."
7. Hán: *nhàn cư* ━~━~. Pāli: pavivitta, (sống) độc cư, ẩn dật.
8. Hán: *tự khuyến phát, khát ngưỡng, thành tựu hoan* hỷ ━━U━o━━━━N━w━━C Pāli: ovādako viññāpako sandassako samādapako samuttejako sampahaṃsako sabrahmacārīnan: vị giáo giới, vị giáo thọ, vị khai thị, vị khích kệ (sách tấn), vị làm cho các đồng phạm hạnh hoan hỷ.

Các Tỳ-kheo địa phương bạch rằng:

"Bạch Thế Tôn, Tôn giả Mãn Từ Tử ở nơi sinh quán của mình, được các Tỳ-kheo khen ngợi rằng: 'Tự mình thiểu dục, tri túc và khen ngợi thiểu dục tri túc; tự mình nhàn cư và khen ngợi nhàn cư; tự mình tinh tấn và khen ngợi tinh tấn; tự mình chánh niệm và khen ngợi chánh niệm; tự mình nhất tâm và khen ngợi nhất tâm; tự mình có trí tuệ và khen ngợi trí tuệ; tự mình lậu tận và khen ngợi lậu tận; tự mình khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ và khen ngợi khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ'."

Lúc bấy giờ Tôn giả Xá-lê Tử[9] đang ngồi giữa đại chúng. Tôn giả Xá-lê Tử suy nghĩ như vầy: "Thế Tôn theo sự thật mà hỏi các Tỳ-kheo địa phương kia. Các Tỳ-kheo địa phương vô cùng khen ngợi Hiền giả Mãn Từ Tử, là người 'Tự mình thiểu dục, tri túc và khen ngợi thiểu dục, tri túc; tự mình nhàn cư và khen ngợi nhàn cư; tự mình tinh tấn và khen ngợi tinh tấn; tự mình chánh niệm và khen ngợi chánh niệm; tự mình nhất tâm và khen ngợi nhất tâm; tự mình có trí tuệ và khen ngợi trí tuệ; tự mình lậu tận và khen ngợi lậu tận; tự mình khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ và khen ngợi khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ'."

Tôn giả Xá-lê Tử lại suy nghĩ: "Biết lúc nào tôi mới gặp Hiền giả Mãn Từ Tử để hỏi một vài nghĩa lý? Hiền giả ấy hoặc có thể nghe và trả lời những điều tôi hỏi".

Bấy giờ Đức Thế Tôn, sau khi trải qua ba tháng an cư mùa mưa ở thành Vương xá, khâu vá y xong, Ngài xếp y, ôm bát, từ thành Vương xá đi đến nước Xá-vệ, lần lượt tiến về phía trước, đến nước Xá-vệ, trú trong rừng Thắng lâm, vườn Cấp cô độc.

Tôn giả Xá-lê Tử và các Tỳ-kheo địa phương cùng ở lại Vương xá vài ngày, rồi xếp y, ôm bát, đi đến nước Xá-vệ, lần lượt tiến về phía trước, đến nước Xá -vệ, cùng ở tại rừng Thắng lâm, vườn Cấp cô độc.

Lúc bấy giờ Tôn giả Mãn Từ Tử ở tại sinh quán mình, sau khi đã trải qua ba tháng an cư mùa mưa, đã khâu vá lại các y, rồi xếp y, ôm bát, từ quê quán mình đi đến nước Xá-vệ, lần lượt tiến về phía trước, đến nước Xá-vệ, cùng ở trong rừng Thắng lâm, vườn Cấp cô độc.

Tôn giả Mãn Từ Tử đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu làm lễ, rồi trải Ni-sư-đàn phía trước Như Lai mà ngồi kiết già.

Bấy giờ Tôn giả Xá-lê Tử hỏi các Tỳ-kheo rằng:

"Này chư Hiền, vị nào là Hiền giả Mãn Từ Tử?"

Các Tỳ-kheo bạch Tôn giả Xá-lê Tử:

"Xin thưa, vị ngồi trước Như Lai, trắng trẻo, mũi cao như mỏ chim Oanh vũ, là vị ấy".

Tôn giả Xá-lê Tử đã biết đúng mặt Mãn Từ Tử, liền ghi nhớ kỹ. Tôn giả Mãn Từ Tử sau khi qua đêm, trời hừng sáng, xếp y, cầm bát, đi vào Xá-vệ để khất thực. Sau khi ăn trưa xong lại, thâu dọn y bát, rửa tay chân, vắt Ni-sư-đàn lên vai, đến rừng An-đà[10], chỗ đi kinh hành. Tôn giả Xá-lê Tử cũng sau khi qua đêm, trời hừng sáng, xếp y, cầm bát, đi vào Xá-vệ để khất thực. Sau khi ăn trưa xong lại, thâu dọn y bát, rửa tay chân, vắt Ni-sư-đàn lên vai, đến rừng An-đà, chỗ đi kinh hành.

Bấy giờ Tôn giả Mãn Từ Tử đến rừng An-đà, trải Ni-sư-đàn dưới một gốc cây, ngồi kiết già. Tôn giả Xá-lê Tử cũng đến rừng An-đà, cách Tôn giả Mãn Từ Tử không xa, trải

---

9. Tôn giả Xá-lê Tử -L----l-Atức Tôn giả Xá-lợi-phất -L---Q--CPāli: Sāriputta.

10. An-đà lâm -w--L-C Pāli: Andhavana.

Ni-sư-đàn dưới một gốc cây ngồi kiết già.

Tôn giả Xá-lê Tử vào lúc xế chiều, rời chỗ thiền tọa, đi đến chỗ Mãn Từ Tử, cùng chào hỏi nhau rồi ngồi sang một bên, và hỏi Tôn giả Mãn Từ Tử rằng:

"Này Hiền giả, phải chăng Hiền giả theo Sa-môn Cù-đàm tu phạm hạnh?"

Đáp rằng:

"Đúng vậy"

"Này Hiền giả, vì lý do gì, có phải vì giới thanh tịnh[11] nên ngài theo Sa-môn Cù-đàm tu phạm hạnh chăng?"

Đáp rằng:

"Thưa, không phải vậy".

"Vì tâm thanh tịnh[12], vì kiến thanh tịnh[13], vì nghi thanh tịnh[14], vì phi đạo tri kiến thanh tịnh[15], vì đạo tích tri kiến[16] thanh tịnh, vì đạo tích đoạn trí thanh tịnh[17] nên Hiền giả theo Sa-môn Cù-đàm tu phạm hạnh chăng?"

Đáp: "Không phải vậy"

Lại hỏi:

"Tôi vừa hỏi Hiền giả rằng: 'Phải chăng Hiền giả theo Sa-môn Cù-đàm tu phạm hạnh?' Hiền giả đáp: 'Đúng vậy'. Rồi tôi hỏi Hiền giả: 'Có phải vì giới thanh tịnh nên Hiền giả theo Sa-môn Cù-đàm tu phạm hạnh chăng?' thì Hiền giả đáp: 'Không phải vậy'; 'Có phải vì tâm thanh tịnh, vì kiến thanh tịnh, vì nghi thanh tịnh, vì phi đạo tri kiến thanh tịnh, vì đạo tích tri kiến thanh tịnh, vì đạo tích đoạn trí thanh tịnh nên Hiền giả theo Sa-môn Cù-đàm tu phạm hạnh chăng?' thì Hiền giả cũng lại đáp rằng 'Không phải vậy'. Nhưng theo ý nghĩa nào[18] mà Hiền giả theo Sa-môn Cù-đàm tu phạm hạnh?"

Đáp: "Này Hiền giả, vì Vô dư Niết-bàn vậy[19]".

Lại hỏi:

"Thế nào, này Hiền giả, có phải vì giới thanh tịnh nên Sa-môn Cù-đàm thi thiết Vô dư Niết-bàn chăng?"

"Đáp: "Không phải vậy".

Lại hỏi:

"Vì tâm thanh tịnh, vì kiến thanh tịnh, vì nghi thanh tịnh, vì đạo phi đạo tri kiến thanh tịnh, vì đạo tích tri kiến thanh tịnh, vì đạo tích đoạn trí thanh tịnh nên Hiền giả theo Sa-môn Cù-đàm thi thiết Vô dư Niết-bàn chăng?"

"Đáp: "Không phải vậy".

Lại hỏi:

---

11. Hán: *giới tịnh cố* ——b-G-C Pāli: sīlavisuddhattham: mục đích là sự thanh tịnh của giới đức.
12. Hán: *tâm tịnh* ——b-C Pāli: cittavisuddha.
13. Hán: *kiến tịnh* ——b-C Pāli: diṭṭhivisuddha.
14. Hán: *nghi cái tịnh* ——\-b-C Pāli: kaṅkhāvitaraṇavisuddha, trừ nghi tịnh: "thanh tịnh do vượt qua sự hoài nghi". Bản Hán đọc là kaṅkhāvaraṇavisuddha, "thanh tịnh đối với sự bao trùm của hoài nghi".
15. Hán: *đạo phi đạo tri kiến tịnh* -D-D-D———b-C Pāli: maggāmaggañāṇa-dassanavisuḍha, thanh tịnh do thấy và biết về đạo và phi đạo.
16. Hán: *đạo tích tri kiến tịnh* -D————b-C Pāli: paṭipadāñāṇadassanavisuddha, thanh tịnh do tri kiến về phương pháp hành trì (đạo tích).
17. Hán: *đạo tích đoạn trí tịnh* -D——_——b-Rsự thanh tịnh do nhận thức toàn diện về đường lối hành trì. Pāli: ñāṇadassanavisuddha, thanh tịnh do tri kiến.
18. Hán: *dĩ hà nghĩa* -H——q-C Pāli: kim attham, có mục đích gì?
19. Hán: *Vô dư Niết-bàn* -L-l-I-n-C Pāli: anupādā nparinibbāna, Niết-bàn không còn chấp thủ.

"Tôi vừa hỏi Hiền giả, 'Thế nào, này Hiền giả, có phải vì giới thanh tịnh nên Sa-môn Cù-đàm thi thiết Vô dư Niết-bàn chăng[20]?' Hiền giả đáp: 'Không phải vậy'. 'Vì tâm thanh tịnh, vì kiến thanh tịnh, vì nghi thanh tịnh, vì đạo phi đạo tri kiến thanh tịnh, vì đạo tích tri kiến thanh tịnh, vì đạo tích đoạn trí thanh tịnh nên Sa-môn Cù-đàm thi thiết Vô dư Niết-bàn chăng?' Vậy những điều Hiền giả nói có ý nghĩa gì? Làm thế nào để biết được?"

Đáp rằng:

"Này Hiền giả: Nếu vì giới thanh tịnh mà Thế Tôn, Sa-môn Cù-đàm thi thiết Vô dư Niết-bàn, thì đó là lấy hữu dư mà gọi vô dư. Nếu vì tâm thanh tịnh, vì tri kiến thanh tịnh, vì nghi cái thanh tịnh, vì đạo phi đạo tri kiến thanh tịnh, vì đạo tích tri kiến thanh tịnh, vì đạo tích đoạn trí thanh tịnh mà Đức Thế Tôn Sa-môn Cù-đàm thi thiết Vô dư Niết-bàn, thì tức là lấy hữu dư mà gọi là vô dư[21].

"Này Hiền giả, nếu lìa pháp đó[22] mà Đức Thế Tôn thi thiết Vô dư Niết-bàn thì phàm phu cũng sẽ Bát-niết-bàn, bởi vì phàm phu cũng lìa pháp đó[23].

"Này Hiền giả, nhưng vì giới thanh tịnh, nên tâm thanh tịnh; vì tâm thanh tịnh nên kiến thanh tịnh; vì kiến thanh tịnh nên nghi cái thanh tịnh; vì nghi cái thanh tịnh nên đạo phi đạo tri kiến thanh tịnh; vì đạo phi đạo tri kiến thanh tịnh nên đạo tích tri kiến thanh tịnh; vì đạo tích tri kiến thanh tịnh nên đạo tích đoạn trí thanh tịnh, nên Đức Thế Tôn Sa-môn Cù-đàm thi thiết Vô dư Niết-bàn.

"Hiền giả, xin hãy nghe thêm. Xưa, vua xứ Câu-tát-la là Ba-tư-nặc[24] ở nước Xá-vệ, có việc ở Sa-kê-đế[25]. Nhà vua suy nghĩ như vầy: 'Dùng phương tiện gì để trong một ngày đi từ Xá-vệ đến Sa-kê-đế được?' Lại suy nghĩ như vầy: 'Nay ta nên từ Xá-vệ đến Sa-kê-đế, ở giữa đường đó, bố trí bảy cỗ xe'. Rồi thì, từ Xá-vệ đến Sa-kê-đế, ở giữa đường đó, vua bố trí bảy cỗ xe. Bố trí bảy cỗ xe xong, từ Xá-vệ nhà vua đi đến cỗ xe thứ nhất, ngồi trên cỗ xe thứ nhất đi đến cỗ xe thứ hai. Rồi bỏ cỗ xe thứ nhất cỡi cỗ xe thứ hai đến xe thứ ba; bỏ cỗ xe thứ hai ngồi trên cỗ xe thứ ba đến cỗ xe thứ tư; bỏ cỗ xe thứ ba ngồi trên cỗ xe thứ tư đến cỗ xe thứ năm; bỏ cỗ xe thứ tư ngồi trên cỗ xe thứ năm đến cỗ xe thứ sáu; bỏ cỗ xe thứ năm ngồi trên cỗ xe thứ sáu đến cỗ xe thứ bảy; bỏ cỗ xe thứ sáu ngồi trên cỗ xe thứ bảy; trong một ngày là đến Sa-kê-đế.

"Sau khi làm việc xong ở Sa-kê-đế, ngồi trong chánh điện của nhà vua, với các đại thần vây quanh. Quần thần tâu rằng:

"Tâu Thiên vương, phải chăng chỉ trong một ngày mà Thiên vương đi từ Xá-vệ đến Sa-kê-đế?

"Vua nói: Đúng vậy.

"Tâu Thiên vương, có phải Thiên vương cỡi cỗ xe thứ nhất mà trong một ngày đi từ Xá-vệ đến Sa-kê-đế?

---

20. Bản Hán nhảy một đoạn so với bản Pāli: kin nu kho āvuso sīlavisuddhi anupādā parinibbānan ti, "Này Hiền giả, phải chăng giới thanh tịnh là Niết-bàn không thủ trước (Vô dư Niết-bàn)?"

21. So sánh bản Pāli: sīlavisuddhiñ ce āvuso Bhagavā anupādā parinibbānaṃ paññāpessa, sa-upādānaṃ yeva samānaṃ anupādā parinibbānaṃ paññāpessa, ... "Nếu Thế Tôn thiết lập (*thi thiết*) giới thanh tịnh là Vô dư Niết-bàn thì Ngài cũng thiết lập Vô dư Niết-bàn bình đẳng với Hữu dư..."

22. Tức ngoài những pháp đã kể: giới tịnh, cho đến, tri kiến tịnh.

23. Nghĩa là, phàm phu không có giới tịnh, cho đến, tri kiến tịnh.

24. Câu-tát-la vương Ba-tư-nặc ━━━━━C━━C Pāli: rajā Pasenadi Kosalo.

25. Sa-kê-đế ━P━━Fcác bản Hán đều viết Bà-kê-đế ━C ━━C Nay theo âm Pāli tương đương sửa lại. Pāli: Sakēta, một thành phố ở phía Bắc Kosala.

"Vua nói:

"Không phải vậy.

"Có phải Ngài cỡi cỗ xe thứ hai, cỗ xe thứ ba cho đến cỗ xe thứ bảy từ Xá-vệ đến Sa-kê-đế?

"Không phải vậy.

"Thế nào, này Hiền giả, nếu quần thần lại hỏi nữa, Ba-tư-nặc quốc vương xứ Câu-tát-la sẽ đáp thế nào? Có phải vua trả lời cho quần thần rằng:

"Ta ở Xá-vệ có việc ở Sa-kê-đế, ta nghĩ thế này: 'Dùng phương tiện gì để trong một ngày đi từ Xá-vệ đến Sa-kê-đế được?' Lại suy nghĩ như vầy: 'Nay ta nên từ Xá-vệ đến Sa-kê-đế, ở giữa đường đó, bố trí bảy cỗ xe'. Rồi thì, từ Xá-vệ đến Sa-kê-đế, ở giữa đường đó, ta bố trí bảy cỗ xe. Bố trí bảy cỗ xe xong, từ Xá-vệ ta đi đến cỗ xe thứ nhất, ngồi trên cỗ xe thứ nhất đi đến cỗ xe thứ hai. Rồi bỏ cỗ xe thứ nhất cỡi cỗ xe thứ hai đến cỗ xe thứ ba; bỏ cỗ xe thứ hai ngồi trên cỗ xe thứ ba đến cỗ xe thứ tư; bỏ cỗ xe thứ ba ngồi trên cỗ xe thứ tư đến cỗ xe thứ năm; bỏ cỗ xe thứ tư ngồi trên cỗ xe thứ năm đến cỗ xe thứ sáu; bỏ cỗ xe thứ năm ngồi trên cỗ xe thứ sáu đến cỗ xe thứ bảy; bỏ cỗ xe thứ sáu ngồi trên cỗ xe thứ bảy; trong một ngày là đến Sa-kê-đế.

"Như vậy! Thưa Hiền giả, Ba-tư-nặc, vua xứ Câu-tát-la, trả lời câu hỏi của quần thần như vậy.

"Cũng vậy, thưa Hiền giả, vì giới thanh tịnh mà tâm thanh tịnh, vì tâm thanh tịnh nên tri kiến thanh tịnh, vì tri kiến thanh tịnh nên nghi cái thanh tịnh, vì nghi cái thanh tịnh, nên đạo phi đạo tri kiến thanh tịnh, vì đạo phi đạo tri kiến thanh tịnh nên đạo tri kiến thanh tịnh, vì đạo tích tri kiến thanh tịnh nên đạo tích đoạn trí thanh tịnh, vì đạo tích đoạn trí thanh tịnh nên Thế Tôn thi thiết Vô dư Niết-bàn".

Bấy giờ Tôn giả Xá-lê Tử hỏi Tôn giả Mãn Từ Tử:

"Hiền giả tên là gì? Các vị phạm hạnh[26] gọi Hiền giả như thế nào?"

Tôn giả Mãn Từ Tử trả lời rằng:

"Hiền giả, tôi hiệu[27] là Mãn. Thân mẫu tôi tên Từ, do đó các vị phạm hạnh gọi tôi là Mãn Từ Tử".

Tôn giả Xá-lê Tử tán thán rằng:

"Lành thay! Lành thay! Tôn giả Mãn Từ Tử! Là đệ tử của Đức Như Lai, trí biện hoàn hảo[28], thông minh, quyết định, an lạc vô úy, thành tựu sự chế ngự, đạt đến đại biện tài, được phướn cam lồ[29], ở trong cam lồ giới[30] tự mình đã chứng ngộ, thành tựu và an trụ. Vì khi hỏi Hiền giả những ý nghĩa vô cùng sâu xa thảy đều được trả lời. Hiền giả Mãn Từ Tử, những người phạm hạnh sẽ được nhiều lợi ích, nếu gặp được Tôn giả Mãn Từ Tử, tùy thời mà thăm viếng, tùy thời mà lễ bái. Nay tôi cũng được lợi ích, tùy thời mà thăm viếng, tùy thời mà lễ bái. Những người phạm hạnh nên quấn y trên đầu để đội Hiền giả Mãn Từ Tử, vì để được nhiều lợi ích. Nay tôi cũng được nhiều lợi ích, tùy thời mà thăm viếng, tùy thời mà lễ bái".

Tôn giả Mãn Từ Tử hỏi Tôn giả Xá-lê Tử:

---

26. Hán: *phạm hạnh nhân* ——H-CPāli: Sabrahmacarī, đồng phạm hạnh, bạn đồng tu.

27. Hán: *ngã hiệu* ——, bản Tống: *ngã phụ hiệu* ————A tên cha. Pāli: Puṇṇo... me... Nāmaṃ, tên tôi là Puṇṇa.

28. Hán: *sở tác trí biện* ——@——G-C

29. Hán: *cam lộ tràng* ——S-l-A Pāli: amataketu (?); từ điển Pāli không có từ này.

30. Hán: *cam lộ giới* ——S——A chỉ cõi bất tử; đồng nghĩa với Niết-bàn giới. Pāli: amatadhātu.

“Hiền giả tên gọi là gì? Các vị phạm hạnh gọi Hiền giả như thế nào?”

Tôn giả Xá-lê Tử trả lời rằng:

“Tôi tự là Ưu-ba-đề-xá[31]. Thân mẫu tôi là Xá-lê[32], nên những người phạm hạnh gọi tôi là Xá-lê Tử”.

Hiền giả Mãn Từ Tử tán thán rằng:

“Hôm nay tôi đã bàn luận với vị đệ tử ngang hàng Đức Thế Tôn[33] mà không biết, cùng với bậc Đệ nhị tôn[34] luận bàn mà không biết, cùng với bậc Đệ nhị tôn[35] luận bàn mà không biết, cùng luận bàn với vị đệ tử tiếp tục vận chuyển pháp luân đã được vận chuyển[36] mà không biết. Nếu tôi biết ngài là Xá-lê Tử thì tôi đã không trả lời nổi một câu, huống chi lại luận bàn sâu xa như thế. Lành thay! Lành thay! Tôn giả Xá-lê Tử, là đệ tử của Đức Như Lai, trí biện hoàn hảo, thông minh, quyết định, an lạc vô úy, thành tựu sự chế ngự, đạt đến đại biện tài, được phướn cam lồ, ở trong cam lồ giới tự mình đã chứng ngộ, thành tựu và an trụ. Vì Hiền giả đã hỏi những ý nghĩa vô cùng sâu xa. Hiền giả Xá-lê Tử, những người phạm hạnh sẽ được nhiều lợi ích, nếu gặp được Tôn giả Xá-lê Tử, tùy thời mà thăm viếng, tùy thời mà lễ bái. Nay tôi cũng được lợi ích, tùy thời mà thăm viếng, tùy thời mà lễ bái. Những người phạm hạnh nên quấn y trên đầu để đội Hiền giả Xá-lê Tử, vì để được nhiều lợi ích. Nay tôi cũng được nhiều lợi ích, tùy thời mà thăm viếng, tùy thời mà lễ bái”.

Hai vị Hiền giả khen ngợi nhau như vậy. Cùng khen ngợi nhau như vậy rồi, hoan hỷ phụng hành, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trở về chỗ nghỉ của mình.

❑

---

31. Ưu-ba-đề-xá ▪u▪i ▪z▬▬C Pāli: Upatissa.
32. Xá-lê ▬▬C Pāli: Sāri.
33. Các bản Tống-Nguyên-Minh đều in: *Thế Tôn đẳng đệ tử* ▪@▪L▬▬▪l▪C Pāli: satthukappena vata kira bho sāvakena, (cùng với) vị đệ tử được xem là ngang hàng với Đạo Sư.
34. Đệ nhị tôn ▬▪G▪L▪C Nói như vậy, vì Ngài Xá-lợi-phất được kính trọng dưới Đức Phật chỉ một bậc.
35. Pháp tướng ▪k▪N▪A vị tướng quân của Chánh pháp. Pāli: dhammasnapāti.
36. Hán: *chuyển pháp luân phục chuyển đệ tử* ▬▪k▬▪_▬▬▪l▪A nghĩa là hỗ trợ Phật chuyển pháp luân.

10. KINH LẬU TẬN[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật du hóa ở Câu-lâu-sấu[2], tại đô ấp Kiếm-ma-sắt-đàm, đô ấp của Câu-lâu[3].

Bấy giờ Đức Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Do tri, do kiến[4] mà các lậu bị tận diệt chớ không phải do không tri, không kiến.

"Sao gọi là do tri, do kiến mà các lậu bị tận diệt? Đó là do có chánh tư duy và không chánh tư duy[5]. Nếu không chánh tư duy thì dục lậu chưa sanh sẽ sanh; đã phát sanh liền tăng trưởng; hữu lậu, vô minh lậu chưa sanh sẽ phát sanh; đã phát sanh liền tăng trưởng[6]. Nếu có chánh tư duy thì dục lậu chưa sanh sẽ không sanh, đã sanh liền tiêu diệt. Hữu lậu và vô minh lậu chưa sanh sẽ không sanh; đã sanh liền tiêu diệt.

"Những người phàm phu ngu si, không được nghe chánh pháp, không được gặp bậc chơn tri thức, không biết thánh pháp, không điều ngự thánh pháp[7] không biết pháp như thật. Nếu không có chánh tư duy, dục lậu chưa sanh sẽ phát sanh, đã phát sanh liền tăng trưởng; hữu lậu và vô minh lậu chưa sanh sẽ phát sanh; đã phát sanh liền tăng trưởng. Nếu có chánh tư duy, dục lậu chưa sanh sẽ không phát sanh, đã phát sanh liền tiêu diệt; hữu lậu và vô minh lậu chưa sanh sẽ không phát sanh; đã phát sanh liền tiêu diệt. Vì không biết pháp như thật do đó pháp không nên niệm lại niệm, pháp nên niệm lại không niệm. Vì pháp không nên niệm lại niệm, pháp nên niệm lại không niệm, nên dục lậu chưa sanh sẽ phát sanh, đã sanh liền tăng trưởng; hữu lậu và vô minh lậu chưa sanh liền phát sanh,

---

1. Tương đương Pāli: M.2. Sabbāsava-sutta (kinh Nhất thiết lậu). Biệt dịch: No.31. Phật Thuyết Nhất Thiết Lưu Nhiếp Thủ Nhân Kinh, Hậu Hán, An Thế Cao dịch, Đại 1 tr.813; No.125(40.6) Tăng Nhất "Thất Nhật Phẩm, kinh số 6".

2. Câu-lâu-sấu ━━━G-A tức Pāli: Kurusu, giữa những người (nước) Kuru. Nhưng, Pāli, M.2: Sāvatthiyaṃ viharati Jetavane..., trú ở Xá-vệ, trong rừng Jeta... No.1 25 (40.6) cũng vậy, Xá-vệ Kỳ thọ Cấp cô độc viên. No.31, Phật tại Câu-lưu, Tu hội pháp nghị tư duy.

3. Kiếm-ma-sắt-đàm Câu-lâu đô ấp -C-i ━━━━━━━C Pāli: Kammāsa-dhamma, thủ phủ của những người Kurū. Xem thêm cht.2.

4. *Dĩ tri, dĩ kiến cố* -H━━H━━G-C Pāli: jānato... passato āsavānaṃ khayaṃ vadāmi, "Ta nói sự diệt tận của các lậu là do biết, do thấy".

5. *Chánh tư duy bất chánh tư duy* ━━━━━━━━━━━C No.31. *Bổn quán, phi bổn quán* ━━[-D━━[-Asuy niệm đúng đắn và suy niệm không đứng đắn. Pāli: yoniso ca manasikāraṃ ayoniso ca manasikāraṃ, có như lý tác ý và không như lý tác ý (tư niệm có phương pháp và không có phương pháp).

6. Ba lậu: *Dục lậu* ━━| (Pāli: kāmāsava): Tất cả phiền não ở cõi Dục, trừ vô minh. *Hữu lậu* ━━| (Pāli: bhavāsava): Tất cả phiền não ở cõi Sắc trừ vô minh. *Vô minh lậu* -L━━| (Pāli: avijjāsava): Vô minh trong ba cõi. Bản Pāli chỉ nêu tổng quát: anuppannā c'eva āsavā... các lậu chưa sanh.

7. Hán: *bất điều ngự Thánh pháp* ━━━s-t-k-Anghĩa là, không được huấn luyện, hay điều phục, theo Thánh pháp.

đã sanh liền tăng trưởng.

"Thánh đệ tử đa văn được nghe Thánh pháp, được gặp bậc chơn tri thức, được điều ngự theo Thánh pháp, biết pháp như thật, nhưng nếu không có chánh tư duy, thì dục lậu chưa sanh sẽ phát sanh, đã sanh liền tăng trưởng; hữu lậu và vô minh lậu chưa sanh liền phát sanh, đã sanh liền tăng trưởng. Nếu có chánh tư duy, dục lậu chưa sanh sẽ không sanh, đã sanh liền tiêu diệt; hữu lậu và vô minh lậu chưa sanh sẽ không phát sanh, đã sanh liền tiêu diệt. Sau khi biết pháp như thật, pháp không nên niệm thì không niệm, pháp nên niệm liền niệm. Vì không niệm pháp không nên niệm và pháp nên niệm liền niệm, nên dục lậu chưa sanh sẽ không phát sanh, đã sanh liền tiêu diệt; hữu lậu và vô minh lậu chưa sanh sẽ không phát sanh, đã sanh liền tiêu diệt.

"Có bảy sự đoạn trừ lậu, phiền não, pháp ưu sầu. Những gì là bảy? Có lậu được đoạn do kiến, có lậu được đoạn do hộ, có lậu được đoạn do ly, có lậu được đoạn do dụng, có lậu được đoạn do nhẫn, có lậu được đoạn do trừ, có lậu được đoạn do tư duy.

"Thế nào là lậu được đoạn do kiến[8]? Kẻ phàm phu không được nghe chánh pháp, không gặp bậc chơn trí thức, không biết Thánh pháp, không điều ngự Thánh pháp, không biết như thật về pháp, không có chánh tư duy nên suy nghĩ thế này: 'Ta có đời quá khứ?[9] Ta không có đời quá khứ ? Do nhân duyên gì ta có đời quá khứ? Đời quá khứ ta như thế nào? Ta có đời vị lai? Ta không có đời vị lai? Do nhân duyên gì ta có đời vị lai? Ta có đời vị lai như thế nào?' Người ấy hoài nghi về mình rằng[10]: "Thân ta là gì, nó là thế nào?[11] Nay chúng sanh này từ đâu đến, và sẽ đi về đâu? Trước kia do nhân gì mà có, và sẽ do nhân gì mà có?' Người kia khởi tư duy không chánh như vậy rồi, trong sáu tà kiến, một tà kiến khởi lên cho rằng 'Quả thật có thần ngã[12]'. Hoặc một tà kiến khởi lên cho rằng 'Quả thật không có thần ngã'. Hoặc một tà kiến khởi lên cho rằng 'Thần ngã thấy là thần ngã[13]'. Hoặc một tà kiến khởi lên cho rằng 'Thần ngã thấy là phi thần ngã[14]'. Hoặc một tà kiến khởi lên cho rằng 'Chính thần ngã ấy có thể thấy, có thể biết, có thể hành động, có thể sai khiến hành động, có thể đứng dậy, có thể sai khiến đứng dậy, sanh vào nơi này, nơi kia, thọ lãnh thiện báo, ác báo; quyết không từ đâu đến, quyết không phải đã có, quyết không phải sẽ có[15]'. Đó tệ của kiến[16]; bị kiến lay động, bị kết sử của kiến buộc chặt. Kẻ phàm phu ngu si vì thế mà

---

8. *Lậu tùng kiến đoạn* -|-q——_-C Pāli: āsavā dassanā pahātabbā.
9. Pāli: ahosiṃ nu kho ahaṃ atītam addhānaṃ, "Ta đã hiện hữu trong đời qua khứ?"
10. Hán: *tự nghi* ———A ở đây, hoài nghi về sự hiện hữu của mình trong đời hiện tại. Pāli: paccupānnaṃ addhānaṃ kathaṃkathī hoti.
11. Hán: *kỷ thân hà vị thị, vân hà thị* -v————0———0-C Pāli: kin nu kho 'smi, kathan nu kho 'smi, "Tại sao ta hiện hữu? Ta hiện hữu như thế nào?"
12. Hán: *chân hữu thần* -u———A tự ngã được biết như là linh hồn hay thần hồn. Pāli: atthi me attā ti, "Ta có tự ngã".
13. *Thần kiến thần* ————C No.31: *Tự kế thân thân kiến* ——p————C Pāli: attanā vā attānaṃ saṃjānāmīti, "do tự mình, tôi biết có tự ngã".
14. Hán: *thần kiến phi thần* ———D——C Pāli: attanā va anattānaṃ saṃjānāmīti, "Không do tự mình, tôi biết có tự ngã."
15. Hán: *định vô sở tùng lai*..., -w-L——q——F Pāli: so kho pana me ayaṃ attā nicco dhuvo sassato avipariṇāmadhammo sassatisamaṃ tath'eva ṭhassatīti, "Tự ngã của ta ấy thường trụ, kiên cố, vĩnh hằng, không biến dịch, tồn tại vĩnh cửu".
16. Hán: *kiến chi tệ* ———... Pāli: Idaṃ vuccati... Diṭṭhigataṃ diṭṭhigahanaṃ diṭṭhikantāraṃ diṭṭhivisūkaṃ diṭṭhivipphanditaṃ diṭṭhisaṃyojanaṃ, "Đó được gọi là sở hành của tà kiến, rừng rậm của tà kiến, đường

phải chịu cái khổ của sanh, lão, bệnh, tử.

"Đa văn Thánh đệ tử được nghe Thánh pháp, gặp bậc chơn tri thức, được chế ngự theo Thánh pháp, biết pháp như thật, biết như thật về Khổ, biết Khổ tập, biết Khổ diệt và biết như thật Khổ diệt đạo. Biết như thật như thế rồi, ba kết tận trừ. Khi ba kết là thân kiến, giới thủ, và nghi đã trừ hết, chứng quả Tu-đà-hoàn, không còn đọa lạc ác pháp, chắc chắn thăng tiến đến chánh giác, thọ sanh tối đa bảy đời trong thiên thượng và nhân gian. Sau bảy lần qua lại liền chứng đắc Khổ đế. Nếu không có tri kiến thì phát sanh phiền não, ưu sầu, có tri kiến thì không phát sanh phiền não, ưu sầu. Đó là lậu được đoạn trừ do kiến.

"Có lậu được đoạn trừ do hộ[17] là gì? Tỳ-kheo khi mắt thấy sắc, nếu có phòng hộ nhãn căn thì sẽ do chánh tư duy mà quán bất tịnh vậy; nếu không phòng hộ nhãn căn thì sẽ do không chánh tư duy mà quán là tịnh. Nếu không phòng hộ thì sanh phiền não, ưu buồn. Nếu có phòng hộ thì không sanh phiền não, ưu buồn. Cũng vậy, tai, mũi, lưỡi, thân và ý biết pháp mà có phòng hộ ý căn, thì sẽ do chánh tư duy mà quán bất tịnh, nếu không phòng hộ ý căn thì sẽ do không chánh tư duy mà quán là tịnh. Nếu không phòng hộ thì sanh phiền não, ưu buồn, nếu có phòng hộ thì không sanh phiền não, ưu buồn. Đó là có lậu được đoạn trừ do hộ.

"Có lậu được đoạn trừ do ly[18] là gì? Tỳ-kheo khi thấy voi dữ thì nên xa lánh, ngựa dữ, trâu dữ, chó dữ, rắn độc, đường hiểm, nhà tiểu, hầm hố, sông ngòi, suối sâu, vách núi, ác tri thức, ác bằng hữu, ác dị đạo, chòm xóm xấu, nơi cư trú xấu, hoặc Tỳ-kheo ở chung một chỗ với các người phạm hạnh, người không nghi ngờ mà khiến nghi ngờ, là những trường hợp phải nên xa lánh[19]. Hãy nên xa lánh tất cả ác tri thức, ác bằng hữu, ác ngoại đạo, ác dị đạo, chòm xóm xấu, nơi cư trú xấu, hoặc Tỳ-kheo ở chung một chỗ với các người phạm hạnh, người không nghi ngờ mà khiến nghi ngờ. Nếu không xa lánh thì khởi sanh phiền não, ưu sầu. Nếu xa lánh thì không phát sanh phiền não, ưu sầu. Đó là lậu được đoạn trừ do ly.

"Có lậu được đoạn trừ do dụng[20] là gì? Tỳ-kheo khi thọ dụng y phục, chẳng phải để cầu lợi, chẳng phải để kiêu hãnh, chẳng phải để trang sức, mà vì muỗi mòng, gió mưa, lạnh nóng và vì hổ thẹn. Khi thọ dụng đồ ăn uống chẳng phải vì mưu lợi, chẳng phải để trang sức, chẳng phải để mập béo mà vì để làm thân thể ở đời lâu dài, trừ phiền não, ưu buồn, vì để thực hành phạm hạnh, vì muốn để bệnh cũ tiêu trừ đừng sanh bệnh mới, và vì để sống lâu, an ổn, không bệnh hoạn. Khi thọ dụng nhà cửa, phòng xá, giường nệm, ngọa cụ, không phải để kiêu hãnh, chẳng phải để trang sức, mà vì để lúc mệt mỏi có nơi an nghỉ, để được tĩnh tọa. Khi thọ dụng thuốc thang không phải để mưu lợi, không phải để kiêu hãnh, không phải để mập béo, mà chỉ để trừ bệnh hoạn, để điều hòa mạng căn, để an ổn không bệnh. Nếu không thọ dụng những thứ ấy thì sẽ sanh phiền não, sầu lo, còn thọ dụng thì không sanh phiền não sầu lo. Đó là hữu lậu được đoạn trừ do dụng.

"Có lậu được đoạn trừ do nhẫn[21] là gì? Tỳ-kheo tinh tấn đoạn trừ ác, bất thiện, tu tập

---

hiểm của tà kiến, tranh chấp của tà kiến, sự náo động của tà kiến, sự trói buộc của tà kiến".

17. Hán: *lậu tùng hộ đoạn* ▪|▪q▪@▪_▪C Pāli: āsavā saṃvarā pahātabbā, các lậu được đoạn trừ do phòng hộ.

18. Hán: *lậu tùng ly đoạn*▪|▪q▪▪▪_▪C Pāli: āsavā parivajjanā pahātabbā, các lậu được đoạn trừ do bởi sự tránh xa.

19. Nghĩa là, tránh xa những Tỳ-kheo nào giao du bạn xấu, v.v..., khiến các bạn đồng tu phải nghi ngờ.

20. Hán: *lậu tùng dụng đoạn* ▪|▪q▪▪▪_▪C Pāli: āsavā paṭisevanā pahātabbā, các lậu được đoạn trừ do thọ dụng.

21. Hán: *lậu tùng nhẫn đoạn* ▪|▪q▪▪▪_▪C Pāli: āsavā adhivāsanā pahātabbā, các lậu được đoạn trừ do sức

thiện pháp, nên luôn luôn có ý tưởng trỗi dậy[22], chuyên tâm tinh tấn; thân thể, da, thịt, gân, xương, máu, tủy, thà để khô kiệt tất cả chớ không bỏ tinh tấn. Phải đạt được mục đích mong muốn mới xả sự tinh tấn. Tỳ-kheo lại phải chịu đựng sự đói khát, lạnh nóng, muỗi mòng, ruồi, bọ chét, chấy, dù gió hay nắng bức bách, bị lời dữ, bị đánh đập, cũng đều có thể nhẫn chịu được. Dù thân mạng bệnh tật rất là đau đớn đến nỗi gần muốn tuyệt mạng, và những điều không thể ưa vui được, tất cả đều chịu đựng được. Nếu không nhẫn chịu thì sanh phiền não, ưu buồn, còn nhẫn chịu được thì không sanh phiền não ưu buồn. Đó là lậu được đoạn trừ do nhẫn.

"Có lậu được đoạn trừ do trừ[23] là gì? Tỳ-kheo nếu sanh khởi dục niệm mà không đoạn trừ, hay xả ly; sanh nhuế niệm, hại niệm mà không đoạn trừ xả ly. Nếu không trừ diệt thì sanh khởi phiền não, ưu buồn; còn nếu trừ diệt thì không sanh phiền não, ưu buồn. Đó là lậu được đoạn trừ do trừ.

"Có lậu được đoạn trừ do tư duy[24] là gì? Tỳ-kheo tư duy về giác chi thứ nhất là niệm, y viễn ly, y vô dục, y diệt tận, thẳng đến xuất yếu; trạch pháp, tinh tấn, hỷ, tức[25], định, cho đến tư duy về giác chi thứ bảy là xả, y viễn ly, y vô dục, y diệt tận, thẳng đến xuất yếu; nếu không tư duy thì sanh phiền não, ưu sầu, còn có tư duy thì không sanh phiền não ưu sầu. Đó là lậu được đoạn trừ do tư duy.

"Nếu có Tỳ-kheo nào do kiến mà đoạn trừ các lậu được đoạn trừ bởi kiến; do hộ mà đoạn trừ các lậu được đoạn trừ bởi hộ; do ly mà đoạn trừ các lậu được đoạn trừ bởi ly; do dụng mà đoạn trừ các lậu được đoạn trừ bởi dụng; do nhẫn mà đoạn trừ các lậu được đoạn trừ bởi nhẫn; do trừ mà đoạn trừ các lậu được đoạn trừ bởi trừ; do tư duy mà đoạn trừ các lậu được đoạn trừ bởi tư duy. Đó gọi là Tỳ-kheo đã đoạn trừ tất cả lậu, đã giải trừ các kết phược, có thể bằng chánh trí mà chứng đắc Khổ đế".

Đức Phật thuyết như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

❑

---

chịu đựng.

22. Hán: *thường hữu khởi tưởng* ─` ──_─Q─A luôn luôn có ý tưởng tỉnh thức, không ham ngủ nghỉ.

23. Hán: *lậu tùng trừ đoạn* ─|─q──_─C Pāli: āsavā vinodā pahātabbā.

24. Hán: *lậu tùng tư duy đoạn* ─|─q───_─C Pāli: āsavā bhāvanā pahātabbā, các lậu được đoạn trừ do tu tập.

25. Hán: *tức* ──A*sự nghỉ ngơi*; nhưng thường nói là khinh an. Pāli: passaddhi.

12. KINH HÒA-PHÁ[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật du hóa tại Thích-ki-sấu[2] nước Ca-duy-la-vệ[3], trong vườn Ni-câu-loại[4].

Bấy giờ Tôn giả Đại Mục-kiền-liên[5] cùng với chúng Đại Tỳ-kheo sau giờ ăn trưa[6], vì có việc nên tập họp ngồi tại giảng đường. Lúc bấy giờ Ni-kiền[7] có một người đệ tử thuộc dòng họ Thích tên Hòa-phá[8], sau giờ ăn trưa, thong thả đi đến chỗ Tôn giả Đại Mục-kiền-liên; cùng chào hỏi nhau rồi ngồi sang một bên.

Bấy giờ Tôn giả Đại Mục-kiền-liên hỏi sự việc như thế này:

"Này Hòa-phá, ý ông nghĩ sao? Giả sử có Tỳ-kheo thủ hộ thân, miệng, ý; trong trường hợp này, ông có thấy vị ấy nhân đó mà sanh khởi lậu bất thiện, khiến cho đến đời sau chăng[9]?"

Hòa-phá trả lời rằng:

"Này Đại Mục-kiền-liên, giả sử có vị Tỳ-kheo thủ hộ thân, miệng, ý; trong trường hợp này tôi thấy rằng nhân đó mà sanh khởi lậu bất thiện, khiến cho đến đời sau. Này Đại Mục-kiền-liên, giả sử có ai ở đời trước hành bất thiện hạnh, người ấy do đó mà sanh khởi lậu bất thiện khiến cho đến đời sau[10]".

Lúc đó[11] Đức Thế Tôn đang tĩnh tọa ở chỗ vắng vẻ; bằng thiên nhĩ thanh tịnh siêu việt loài người, nghe Tôn giả Đại Mục-kiền-liên và Thích Hòa-phá đệ tử của Ni-kiền cùng bàn luận như thế.

---

1. Tương đương Pāli: A.IV. 195 Vappa-sutta.
2. Thích-ki-sấu ———G-C Pāli: Sakkesu, "Giữa chúng những người Thích-ca.
3. Ca-duy-la-vệ -{————Acũng gọi là Ca-tì-la-vệ -{-s———CPāli: Kapilavatthu, thủ phủ của người Thích-ca; quê hương của Đức Thích Tôn.
4. Ni-câu-loại viên ————————C Pāli: Nigrodhārāma, khu rừng gần Kappilavathu (Ca-tỳ-la-vệ) của một người bộ tộc Thích-ca tên là Nigrodha, được cúng cho Phật khi ngài trở về sanh quán ngay khi Ngài thành Đạo trong năm đầu tiên.
5. Đại Mục-kiền-liên -j———s-C Pāli: Mahā-Moggallāna.
6. Hán: *trung thực hậu* ————C
7. Ni-kiền, tức Ni-kiền Tử, hay Ni-kiền Thân Tử ————l-APāli: Nagaṇṭhā Nātaputta.
8. Hòa-phá 和-}-CPāli: Vappa, trùng tên với một trong năm đệ tử đầu tiên của Phật.
9. Pāli: Idha assa Vappa kāyena saṃvutto vācāya saṃvutto manasā saṃvutto avijjāvirāgā vijjuppādā passasi no tvaṃ Vappa taṃ ṭhānāṃ yatonidānaṃ purisaṃ dukkhavedaniyā āsavā assaveyyuṃ abhisamparāyam ti, "Này Vappa, ở đây có người phòng hộ thân, phòng hộ miệng, phòng hộ ý, xa lìa vô minh, sanh khởi minh; do nhân duyên nào đó mà người trong đời vị lai có thể khởi lên các lậu dẫn đến thọ khổ ấy. Này Vappa, ông có thấy trường hợp ấy chăng?"
10. Pāli: pubbe pāpakammaṃ kataṃ avipakkavipākaṃ, tatonidānaṃ purisaṃ dukkhavedaniyā āsavā assaveyyuṃ abhisamparāyaṃ, "ác nghiệp được làm trong quá khứ nhưng quả dị thục chưa chín do nhân duyên đó người ấy trong tương lai có thể khởi lên lậu hoặc dẫn đến cảm thọ khổ.
11. Bản Tống-Nguyên-Minh: *bỉ thời* ———Fbản Cao-ly*: hậu thời* ———Asau đó.

Đức Thế Tôn nghe xong, vào lúc xế chiều, rời chỗ tĩnh tọa, đi đến giảng đường, trải chỗ và ngồi trước chúng Tỳ-kheo. Sau khi ngồi, Đức Thế Tôn hỏi rằng:

"Này Đại Mục-kiền-liên, vừa rồi ông cùng đệ tử của Ni-kiền Thích Hòa-phá bàn luận về việc gì? Lại có việc gì mà tập họp ngồi tại giảng đường?"

Tôn giả Đại Mục-kiền-liên bạch rằng:

"Bạch Thế Tôn, hôm nay con cùng với chúng Đại Tỳ-kheo sau giờ ăn trưa, vì có việc nên tập họp ngồi tại giảng đường. Lúc bấy giờ đệ tử Ni-kiền thuộc Thích Hòa-phá này, sau giờ ăn trưa, thong thả đi đến chỗ con; cùng chào hỏi nhau rồi ngồi sang một bên. Con hỏi như vầy: 'Này Hòa-phá, ý ông nghĩ sao? Giả sử có Tỳ-kheo thủ hộ thân, miệng, ý; trong trường hợp này, ông có thấy vị ấy nhân đó mà sanh khởi lậu bất thiện, khiến cho đến đời sau chăng?' Hòa-phá trả lời con rằng: 'Này Đại Mục-kiền-liên, giả sử có Tỳ-kheo thủ hộ thân, miệng, ý; trong trường hợp này tôi thấy rằng nhân thế mà sanh khởi lậu bất thiện, khiến cho đến đời sau. Này Đại Mục-kiền-liên, giả sử có ai ở đời trước hành bất thiện hạnh, người ấy do đó mà sanh khởi lậu bất thiện khiến cho đến đời sau'. Bạch Thế Tôn, vừa rồi con cùng Thích Hòa-phá đệ tử Ni-kiền bàn luận như vậy. Vì việc đó mà ngồi tập họp tại giảng đường".

Lúc đó Đức Thế Tôn bảo Thích Hòa-phá, đệ tử của Ni-kiền rằng:

"Nếu những gì ta nói là đúng, ông trả lời là đúng; nếu không đúng ông nên trả lời là không đúng. Ông có điều gì nghi ngờ thì nên hỏi ta như vầy: 'Sa-môn Cù-đàm, cái này có sự gì? Cái này có ý nghĩa gì?' Tùy những điều Ta nói mà ông có thể tiếp nhận được thì Ta với ông có thể bàn luận điều ấy".

Hòa-phá trả lời rằng:

"Sa-môn Cù-đàm, nếu điều Ngài nói là đúng, tôi sẽ nói là đúng. Nếu không đúng tôi sẽ nói là không đúng. Nếu có điều nào nghi ngờ tôi sẽ hỏi Cù-đàm: 'Thưa Cù-đàm, điều này có sự gì? Điều này có nghĩa gì?' Tùy theo những điều Sa-môn Cù-đàm nói, tôi tiếp nhận. Vậy, Sa-môn Cù-đàm hãy cùng tôi bàn luận việc ấy".

Đức Thế Tôn hỏi rằng:

"Ý Hòa-phá nghĩ sao? Giả sử có Tỳ-kheo sanh khởi thân hành bất thiện, lậu, nóng bức, ưu sầu[12]. Vị ấy sau đó thân hành bất thiện được diệt trừ, không tạo thêm những nghiệp mới, vứt bỏ nghiệp cũ, tức thời ngay trong đời hiện tại liền đạt đến cứu cánh, không còn bị nóng bức, thường trụ bất biến, tức điều được nói là được thấy bởi Thánh tuệ, được biết bởi Thánh tuệ. Nếu thân hành bất thiện, khẩu hành bất thiện, ý hành bất thiện, vô minh hành, lậu, nóng bức và ưu sầu[13], người ấy sau đó diệt trừ vô minh hành bất thiện, không tạo thêm những nghiệp mới, vứt bỏ nghiệp cũ, ngay trong đời này liền chứng được cứu cánh, không còn nóng bức, thường trú bất biến, tức điều được nói là được thấy bởi Thánh tuệ, được biết bởi Thánh tuệ. Thế nào, này Hòa-phá Tỳ-kheo thủ hộ thân, miệng, ý như vậy, trong trường hợp này ông có thấy vị đó nhân mà sanh khởi lậu bất thiện, khiến cho đến đời sau chăng?"

Hòa-phá trả lời rằng:

"Thưa Cù-đàm, giả sử có vị Tỳ-kheo thủ hộ thân, miệng, ý như vậy, trong trường

---

12. Hán: *lậu phiền nhiệt ưu thích* ━|━━━~━━C Pāli: kāyasamārambhapaccayā uppajjanti āsavā vighātaparilāhā, "do duyên là sự hoạt động của thân mà phát sinh các lậu, (là những thứ) gây tàn hại, nóng bức".

13. *Vô minh hành... ưu sầu*, Pāli: avijjāpaccayā uppajjanti āsavā..., "do duyên là vô minh mà sinh khởi các lậu..."

hợp này tôi không thấy vị ấy do đó mà sanh khởi lậu bất thiện khiến cho đến đời sau".

Đức Thế Tôn khen rằng:

"Lành thay, Hòa-phá, thế nào, này Hòa-phá, nếu có Tỳ-kheo vô minh đã dứt hết, minh đã sanh khởi. Vị ấy vô minh đã dứt hết, minh đã sanh khởi; cảm giác về hậu thân[14] sanh khởi thì biết là cảm giác về hậu thân sanh khởi; khi cảm giác về hậu mạng[15] sanh khởi thì biết là cảm giác về hậu mạng sanh khởi. Khi thân hoại mạng chung, tuổi thọ đã kết thúc, ngay trong đời này, tất cả mọi cảm giác đã ngưng bặt, tự thân mình biết sẽ đi đến chỗ lãnh đạm hoàn toàn[16].

"Này Hòa-phá, cũng như nhân cây mà có bóng. Giả sử có người mang búa thật bén đến chặt đứt rễ cây, chặt nát ra thành nhiều khúc, phá làm mười phần, hoặc trăm phần, đốt cháy thành tro, rồi hoặc để gió thổi bay đi, hoặc mang bỏ vào trong nước. Ý Hòa-phá nghĩ sao? Bóng nhân cây mà có; bóng ấy do đó mà mất hẳn cái nhân của nó, nên tuyệt diệt không còn sanh nữa chăng?"

Hòa-phá trả lời rằng:

"Đúng như thế, thưa Cù-đàm".

"Này Hòa-phá, nên biết vị Tỳ-kheo kia lại cũng như vậy. Vô minh đã dứt hết, minh đã sanh khởi. Vị kia vô minh đã dứt hết, minh đã sanh khởi; cảm giác về hậu thân sanh khởi thì biết là cảm giác về hậu thân sanh khởi; khi cảm giác về hậu mạng sanh khởi thì biết là cảm giác về hậu mạng sanh khởi. Khi thân hoại mạng chung, tuổi thọ đã kết thúc, ngay trong đời này, tất cả mọi cảm giác đã ngưng bặt, tự thân mình biết sẽ đi đến chỗ lãnh đạm hoàn toàn. Này Hòa-phá, vị Tỳ-kheo với tâm giải thoát chơn chánh[17] như vậy, liền được sáu trụ xứ thiện[18]. Sáu trụ xứ đó là gì? Này Hòa-phá, Tỳ-kheo mắt thấy sắc mà không hỷ, không ưu, xả cầu, vô vi, chánh niệm, chánh trí. Này Hòa-phá, vị Tỳ-kheo chánh tâm giải thoát như vậy, đó gọi là được trú xứ thiện thứ nhất. Cũng vậy, tai, mũi, lưỡi, thân, ý biết pháp mà không hỷ không ưu, xả cầu, vô vi, chánh niệm, chánh trí. Này Hòa-phá, vị Tỳ-kheo chánh tâm giải thoát như vậy, đó gọi là được trụ xứ thứ sáu.

Hòa-phá bạch rằng:

"Đúng như vậy, thưa Sa-môn Cù-đàm!"

"Đa văn Thánh đệ tử chánh tâm giải thoát như vậy, được sáu trụ xứ thiện. Sáu trụ xứ thiện là những gì?"

"Thưa Cù-đàm, Đa văn Thánh đệ tử khi mắt thấy sắc, không hỷ, không ưu, xả cầu[19], vô vi, chánh niệm, chánh trí".

"Này Hòa-phá, Tỳ-kheo với tâm giải thoát chơn chánh như vậy, được nói là đạt được trụ xứ thiện thứ nhất. Cũng vậy, tai, mũi, lưỡi, thân, ý biết pháp mà không hỷ, không ưu, xả cầu, vô vi, chánh niệm, chánh trí. Này Hòa-phá, Tỳ-kheo với tâm giải thoát chơn chánh như vậy được nói là đạt được trụ xứ thiện thứ sáu. Này Hòa-phá, Tỳ-kheo với tâm giải thoát chơn chánh như vậy, được sáu trú xứ thiện này".

Hòa-phá bạch rằng:

---

14. Hán: *hậu thân giác* ————C Pāli: kāyapariyantikaṃ vedanaṃ vediyamāno, khi có cảm giác về cảm thọ của thân tối hậu.
15. Hán: *hậu mạng giác* ——R——C Pāli: jīvapariyantikaṃ vedanaṃ, cảm thọ của sinh mạng tối hậu.
16. Hán: *cứu cánh lãnh* —s——N—C Pāli: sīti, lạnh lùng.
17. Hán: *chánh tâm giải thoát* —— ————C Pāli: sammāvimuttacitta, tâm được giải thoát hoàn toàn.
18. Hán: *lục thiện trú xứ* ————B—C Pāli: cha satatavihārā, sáu hằng trú, an trú thường hằng.
19. Hán: *xả cầu* ——D—C Pāli: upekkhako viharati, vị ấy sống với trạng thái xả.

"Đúng như thế, thưa Cù-đàm, Đa văn Thánh đệ tử với tâm giải thoát chơn chánh như vậy, được sáu trú xứ thiện. Thưa Cù-đàm, Đa văn Thánh đệ tử khi mắt thấy sắc, không hỷ, không ưu, xả cầu, vô vi, chánh niệm, chánh trí. Thưa Cù-đàm, Đa văn Thánh đệ tử với tâm giải thoát chơn chánh như vậy, được nói là đạt được trụ xứ thiện thứ nhất. Cũng vậy, tai, mũi, lưỡi, thân, ý biết pháp mà không hỷ, không ưu, xả cầu, vô vi, chánh niệm, chánh trí. Thưa Cù-đàm, Đa văn Thánh đệ tử với tâm giải thoát chơn chánh như vậy được nói là đạt được trụ xứ thiện thứ sáu. Như vậy, Thưa Cù-đàm, Đa văn Thánh đệ tử với tâm giải thoát chơn chánh như vậy, được sáu trụ xứ thiện này".

Rồi thì, Hòa-phá bạch Thế Tôn rằng:

"Bạch đức Cù-đàm, con đã biết. Bạch Đức Thiện Thệ, con đã hiểu. Bạch Đức Cù-đàm, cũng như người có mắt sáng, cái gì bị úp thì lật lên; cái gì bị che đậy thì giở ra; đối với người mê thì chỉ đường cho; trong tối tăm thì cho ánh sáng để ai có mắt thì thấy ánh sáng màu sắc. Sa-môn Cù-đàm cũng giống như vậy, vì con mà dùng vô lượng phương tiện thuyết pháp và hiển hiện nghĩa lý, theo đạo thậm thâm[20].

"Bạch Thế Tôn, hôm nay con xin tự quy y với Phật, Pháp và Chúng Tỳ-kheo, duy nguyện Thế Tôn nhận cho con làm Ưu-bà-tắc; kể từ hôm nay trọn đời xin tự quy y, cho đến mạng chung.

"Bạch Thế Tôn, cũng như người nuôi con ngựa dở mà mong có lợi ích. Bạch Thế Tôn, con cũng như vậy. Ni-kiền ngu si kia không khéo hiểu rõ, không thể giải biết, không biết được ruộng tốt, không suy xét mà cung kính, lễ bái, phụng sự trong một thời gian dài, mong được lợi ích, nhưng chỉ luống nhọc khổ, vô ích. Bạch Thế Tôn, con nay lần nữa xin tự quy y Phật, Pháp và Chúng Tỳ-kheo, duy nguyện Thế Tôn nhận cho con làm Ưu-bà-tắc; kể từ hôm nay, trọn đời xin tự quy y, cho đến mạng chung.

"Bạch Thế Tôn, con vốn không biết nên đối với Ni-kiền ngu si kia mà có tín, có kính, từ nay dứt hẳn. Vì sao thế? Vì phỉnh gạt con vậy. Bạch Thế Tôn, nay lần thứ ba xin tự quy y với Phật, Pháp và Chúng Tỳ-kheo, duy nguyện Thế Tôn nhận lời cho con làm Ưu-bà-tắc; hôm nay, trọn đời xin tự quy y, cho đến khi mạng chung".

Phật thuyết như vậy. Thích Hòa-phá và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

❑

---

20. Bản Cao-ly: *tùy kỳ chư đạo* ▬▬▬▬ Các bản Tống-Nguyên-Minh: *tùy thậm thâm đạo* ▬▬▬▬

13. KINH ĐỘ[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật du hóa tại nước Xá-vệ, ở tại Thắng lâm trong vườn Cấp cô độc.

Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Có ba độ xứ[2] khác chủng tánh, khác danh xưng, khác tông chỉ, khác học thuyết, mà dù cho người có trí tuệ khéo nhận lãnh, khéo ghi nhớ[3] để nói cho người khác[4], nhưng cũng không thu hoạch được lợi ích[5].

"Những gì là ba? Hoặc có Sa-môn, Phạm chí thấy như vậy, nói như vậy: Tất cả hành vi của con người đều nhân túc mạng định sẵn[6].

"Lại có Sa-môn, Phạm chí thấy như vậy, nói như vậy: Tất cả hành vi của con người đều do Đấng Tôn Hựu[7] định sẵn.

"Lại có Sa-môn, Phạm chí thấy như vậy, nói như vậy: Tất cả hành vi của con người đều vô nhân, vô duyên[8].

"Ở trong đây, nếu có Sa-môn, Phạm chí nào thấy như vầy, nói như vầy: 'Tất cả hành vi của con người đều nhân túc mạng định đoạt', Ta liền đến nơi người kia; đến rồi liền hỏi: 'Này Hiền giả, có thật Hiền giả thấy như vầy, nói như vầy: Tất cả hành vi của con người đều nhân túc mạng định đoạt chăng? Người kia trả lời rằng: 'Thật vậy'. Ta lại nói với người kia rằng: 'Nếu quả thật như vậy, các Hiền giả đều là những kẻ sát sanh cả. Vì sao thế? Bởi vì tất cả đều nhân túc mạng định đoạt sẵn[9]. Cũng vậy, chư Hiền là những kẻ trộm cắp, tà dâm, nói láo cho đến tà kiến. Tại sao thế? Bởi vì tất cả đều nhân túc mạng định đoạt sẵn. Này chư Hiền, đối với kiến chấp rằng: Tất cả đều nhân túc mạng định đoạt sẵn, mà cho là như thật, thì ở bên trong, nhân bên trong[10], những điều nên hay không nên

---

1. Tương đương Pāli: A.II. 61 Tittha (hoặc Titthāyatana-sutta).
2. Hán: độ xứ ▬▬B▬CPāli: titthāyatana, chỗ vượt qua sông. Tittha cũng chỉ tông phái hay giáo phái, do đó, Titthāyatana cũng chỉ căn cứ hay nền tảng lập thuyết của các giáo phái.
3. Pāli: paṇḍitehi samanuyuñjayamānāni samanugāhiyamānāni samanubhassiya-mānāni, "bị các nhà thông thái nạn vấn, chất vấn, khuyến cáo".
4. Pāli: paraṃ gantvā, "sau khi đến với người khác". Tức là, có thể giảng giải lại cho người khác.
5. Pāli: akiriyāya saṇṭhahanti, "chúng (các học thuyết ấy) không mang lại hữu ích gì".
6. Hán: *nhất thiết giai nhân túc mạng tạo* ▬@▬▬▬▬]▬J▬R▬y▬A"Tất cả đều do nhân túc mạng", nguyên nhân đã định sẵn từ đời trước. Pāli: taṃ sabbaṃ pubbekatahetū.
7. Hán: *Tôn Hựu* ▬L▬▬AThượng đế. Pāli: Issaranimanahetū, nguyên nhân do Thượng đế biến hóa ra hay sáng tạo.
8. Hán: *vô nhân vô duyên* ▬L▬]▬L▬t▬Athuyết tự nhiên, không có nguyên nhân và điều kiện. Pāli: ahetu-appaccayā.
9. Bản Pāli: pāṇātipātino bhavissanti pubbekatahetu, "họ sẽ (được coi như) là những kẻ sát sanh, do hành động đời trước".
10. Hán: *ư nội nhân nội* ▬▬▬▬▬]▬▬C Pāli, không tìm ra ý nghĩa tương đương.

làm, hoàn toàn không có ý dục, không có phương tiện[11]. Này chư Hiền, nếu đối với điều nên làm và không nên làm mà không biết đúng như thật thì sẽ mất chánh niệm, không có chánh trí[12], thì không có cách nào giáo hóa đúng theo pháp của Sa-môn được[13]'. Nói như vậy mới có thể dùng lý để khuất phục các Sa-môn, Phạm chí kia.

"Ở đây, nếu có Sa-môn, Phạm chí nào, thấy như vầy, nói như vầy: 'Tất cả hành vi đều nhân Đấng Thiên Hựu định đoạt'. Ta liền đi đến chỗ người kia, đến rồi liền hỏi: 'Này Hiền giả, có thật Hiền giả thấy như vầy, nói như vầy: Tất cả hành vi của con người đều nhân Thiên Hựu định đoạt chăng? Người kia trả lời rằng: 'Thật vậy'. Ta lại nói với người kia rằng: 'Nếu quả thật như vậy, các Hiền giả đều là những kẻ sát sanh cả. Vì sao thế? Bởi vì tất cả đều nhân Thiên Hựu định đoạt sẵn. Cũng vậy, này chư Hiền là những kẻ trộm cắp, tà dâm, nói láo cho đến tà kiến. Tại sao thế? Bởi vì tất cả đều nhân Thiên Hựu định đoạt sẵn. Này chư Hiền, đối với kiến chấp rằng: Tất cả đều nhân Thiên Hựu định đoạt sẵn, mà cho là như thật, thì ở bên trong, nhân bên trong, những điều nên hay không nên làm, hoàn toàn không có ý dục, không có phương tiện. Này chư Hiền, nếu đối với điều nên làm và không nên làm mà không biết đúng như thật thì sẽ mất chánh niệm, không có chánh trí, không có cách nào giáo hóa đúng theo pháp của Sa-môn được'. Nói như vậy mới có thể dùng lý để khuất phục các Sa-môn, Phạm chí kia.

"Ở đây, nếu có Sa-môn, Phạm chí nào thấy như vầy, nói như vầy: 'Tất cả hành vi của con người đều vô nhân vô duyên'. Ta liền đi đến chỗ người kia, đến rồi liền hỏi: 'Này Hiền giả, có thật Hiền giả thấy như vầy, nói như vầy: Tất cả hành vi của con người đều vô nhân vô duyên? Người kia trả lời rằng: 'Thật vậy'. Ta lại nói với người kia rằng: 'Nếu quả thật như vậy, các Hiền giả đều là những kẻ sát sanh cả. Vì sao thế? Bởi vì tất cả đều vô nhân vô duyên. Cũng vậy, chư Hiền là những kẻ trộm cắp, tà dâm, nói láo cho đến tà kiến. Tại sao thế? Bởi vì tất cả đều vô nhân vô duyên. Này chư Hiền, đối với kiến chấp rằng: Tất cả đều vô nhân vô duyên, mà cho là như thật, thì ở bên trong, nhân bên trong, những điều nên hay không nên làm, hoàn toàn không có ý dục, không có phương tiện. Này chư Hiền, nếu đối với điều nên làm và không nên làm mà không biết đúng như thật thì sẽ mất chánh niệm, không có chánh trí, thì không có cách nào giáo hóa đúng theo pháp của Sa-môn được'. Nói như vậy mới có thể dùng lý để khuất phục các Sa-môn, Phạm chí kia.

"Những pháp mà ta tự mình biết, tự mình giác ngộ, thuyết giảng cho các ngươi; dù là Sa-môn, Phạm chí, Thiên, Ma, Phạm và các loài thế gian khác đều không thể khuất phục được, không thể làm cho ô uế được, không thể chế phục được. Thế nào là những pháp mà ta tự mình biết, tự mình giác ngộ, thuyết giảng cho các ngươi; dù là Sa-môn, Phạm chí, Thiên, Ma, Phạm và các loài thế gian khác đều không thể khuất phục được, không thể làm cho ô uế được, không thể chế phục? Đó là pháp sáu xứ mà ta tự mình biết, tự mình giác ngộ, thuyết giảng cho các ngươi; dù là Sa-môn, Phạm chí, Thiên, Ma, Phạm và các loài thế gian khác đều không thể khuất phục được, không thể làm cho ô uế được, không thể chế phục.

"Lại có pháp sáu giới mà ta tự mình biết, tự mình giác ngộ, thuyết giảng cho các

---

11. Hán: *vô dục vô phương tiện* -L——L——K-CPāli: na hoti chando vā vāyāmo, không có ước muốn, không có nỗ lực.

12. Pāli: mujṭṭhassatīnaṃ anārakkhānaṃ viharataṃ, sống xao lãng, không giữ gìn (các căn).

13. Pāli: na hoti paccattaṃ sahadhammiko samaṇavādo, không thể tự gọi mình là Sa-môn một cách chân chánh.

ngươi; dù là Sa-môn, Phạm chí, Thiên, Ma, Phạm và các loài thế gian khác đều không thể khuất phục được, không thể làm cho ô uế được, không thể chế phục.

"Thế nào là pháp sáu xứ mà ta tự mình biết, tự mình giác ngộ, thuyết giảng cho các ngươi? Đó là nhãn xứ, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ. Đó là pháp sáu xứ ta đã tự tri, tự giác, ta nói cho các ngươi biết.

"Thế nào là pháp sáu giới mà ta tự mình biết, tự mình giác ngộ, thuyết giảng cho các ngươi? Đó là địa giới, thủy, hỏa, phong, không và thức giới. Đó là pháp sáu giới mà ta đã tự tri tự giác, đã nói cho các ngươi biết.

"Do hòa hiệp của sáu giới[14] nên sanh thai mẹ. Nhân sáu giới mà có sáu xứ[15]; nhân sáu xứ có xúc[16], nhân xúc mà có thọ[17].

"Này các Tỳ-kheo, nếu ai có cảm thọ liền biết như thật về Khổ, biết về Khổ tập, biết về Khổ diệt, biết như thật về Khổ diệt đạo. Thế nào là biết như thật về khổ? Là sanh khổ, già khổ, bệnh khổ, chết khổ, thù nghịch gặp nhau là khổ, yêu thương mà chia ly là khổ, mong muốn mà không được là khổ. Tóm lại, năm ấm xí thạnh là khổ.

"Thế nào là biết như thật về Khổ tập? Do Ái mà thọ Hữu trong tương lai cùng với lạc dục, mong cầu hữu nơi này hay nơi kia[18]. Đó là biết như thật về Khổ tập.

"Thế nào là biết như thật về Khổ diệt? Do Ái này mà thọ Hữu trong tương lai cùng với lạc dục, mong cầu hữu nơi này hay nơi kia, tất cả như vậy đã đoạn trừ không còn dư tàn, đã xả ly, diệt tận, vô dục, tịch tĩnh, tịch diệt. Đó gọi là biết như thật về Khổ diệt[19].

"Thế nào là biết như thật về Khổ diệt đạo? Đó là tám chi thánh đạo, từ chánh kiến cho đến chánh định là tám. Đó là biết như thật về Khổ diệt đạo.

"Tỳ-kheo nên biết như thật về Khổ, nên đoạn Khổ tập, nên thực chứng Khổ diệt, nên tu Khổ diệt đạo. Nếu Tỳ-kheo nào biết như thật về Khổ, đoạn Khổ tập, thực chứng Khổ diệt, tu Khổ diệt đạo, thì đó là Tỳ-kheo đã tận trừ tất cả lậu, đã giải trừ các kết, có thể bằng chánh trí chứng đắc Khổ đế".

Phật thuyết như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

❑

---

14. Hán: *lục giới hiệp* ———X—C Pāli: channaṃ dhātūnaṃ upādāya gabbhassāvavakkanti hoti, do chấp thủ (y trên) sáu giới mà có sự nhập thai.
15. Bản Pāli: nhân nhập thai mà có danh sắc... xúc... thọ.
16. Nguyên Hán: *canh lạc* ———C
17. Nguyên Hán: *giác* ——C
18. Bản Pāli: vô minh duyên hành, hành duyên thức, cho đến, sanh duyên già...
19. Bản Pāli: do vô minh diệt không dư tàn nên hành diệt...

14. KINH LA-VÂN[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật du hóa tại thành Vương xá, trong rừng Trúc lâm, vườn Ca-lan-đa[2].

Bấy giờ Tôn giả La-vân[3] cũng ở tại thành Vương xá, trong rừng Ôn tuyền[4]. Lúc đó, Đức Thế Tôn sau khi đêm đã qua, vào buổi sáng sớm, khoác y, cầm bát, đi vào thành Vương xá để khất thực. Khất thực xong, Ngài đi đến rừng Ôn tuyền, trú xứ của Tôn giả La-vân. Tôn giả La-vân từ đàng xa thấy Đức Thế Tôn đến, lập tức đến rước, cầm y bát của Phật, trải tọa cụ và múc nước rửa chân. Đức Phật rửa chân xong, ngồi trên chỗ ngồi của La-vân.

Khi đó Đức Thế Tôn liền lấy chậu nước đổ đi, chỉ lưu lại một ít, rồi hỏi:

"La-vân, ngươi nay có thấy Ta cầm chậu nước này đổ đi, chỉ lưu lại một ít không?"

La-vân đáp:

"Bạch Thế Tôn, con có thấy".

Phật bảo:

"Ta nói đạo của người kia cũng ít như vậy, nghĩa là đã biết rồi còn nói dối mà không xấu hổ, không ăn năn, không tàm không quý. Này La-vân, người kia cũng không có điều ác nào là không làm. Do đó, này La-vân nên học như thế này, không đùa giỡn và nói dối".

Đức Thế Tôn lại lấy cái chậu còn lại một ít nước đổ hết ra rồi hỏi rằng:

"Này La-vân, ngươi lại có thấy Ta cầm cái chậu còn một ít nước ấy đổ ra hết không?"

La-vân trả lời rằng:

"Con có thấy, bạch Thế Tôn".

Phật bảo rằng:

"Này La-vân, Ta nói rằng đạo của người kia cũng mất hết như vậy. Nghĩa là đã biết rồi còn nói dối, mà không xấu hổ, không ăn năn, không tàm, không quý. Này La-vân, người ấy cũng không có việc ác nào mà không làm. Do đấy, này La-vân nên học như thế này: Không được đùa giỡn và nói dối".

Đức Thế Tôn lại cầm chậu trống không ấy úp xuống đất rồi hỏi rằng:

"Này La-vân, ngươi lại có thấy Ta cầm chậu không này úp xuống đất không?"

La-vân trả lời:

---

1. Tương đương Pāli: M.61. Ambataṭṭhikā-Rāhulovādasuttaṃ.
2. Vương xá thành Trúc lâm Ca-lan-đa viên ▬▬▬▬▬L▬{▬▬G▬▬CPāli: Rājagahe... Veluvāne Kalandakanivāpe.
3. Tôn giả La-vân ▬L▬▬▬tức La-hầu-la ▬睺▬▬FPāli: Āyasmant Rahula.
4. Ôn tuyền lâm ▬▬u▬L▬C Pāli: Tapodārāma, tinh xá Ôn tuyền hay Suối nước nóng, ở phụ cận thành Vương xá. Bản Pāli, bấy giờ Rāhula ở rừng Ambalaṭṭhikā.

"Con có thấy, bạch Thế Tôn".

Phật bảo rằng:

"Này La-vân, Ta nói rằng đạo của người kia cũng bị lật úp như vậy, nghĩa là đã biết rồi còn nói dối mà không biết xấu hổ, không ăn năn, không tàm, không quý. Này La-vân, người ấy cũng không có việc ác nào mà không làm. Do đó, này La-vân nên học như thế này, không được đùa giỡn và nói dối".

Đức Thế Tôn lại cầm chậu úp lật ngửa lên rồi hỏi rằng:

"Này La-vân, ngươi có thấy Ta cầm cái chậu úp này giở ngửa lên không?"

La-vân trả lời rằng:

"Con có thấy, bạch Thế Tôn!"

Đức Phật bảo La-vân rằng:

"Ta nói rằng đạo của người kia bị lật ngửa, cũng lại như vậy. Nghĩa là đã biết rồi còn nói dối mà vẫn không xấu hổ, không ăn năn, không tàm, không quý. Này La-vân, người ấy cũng không có việc ác nào mà không làm. Do đó này La-vân, nên học như thế này: Không được đùa giỡn và nói dối.

"Này La-vân, cũng như nhà vua có thớt voi lớn, khi xông vào trận chiến đấu thì dùng chân trước, chân sau, đuôi, bộ chân, xương sống, hông, đầu, trán, tai, ngà, tất cả đều dùng, chỉ giữ gìn chiếc vòi. Tượng sư thấy vậy, rồi suy nghĩ như thế này: 'Thớt voi lớn này của nhà vua vẫn còn tiếc mạng sống. Vì sao thế? Vì thớt voi lớn của nhà vua này khi xông vào trận giặc chiến đấu, thì dùng cả chân trước, chân sau, đuôi, bộ xương, xương sống, hông, đầu, trán, tai, ngà, tất cả đều dùng, chỉ gìn giữ chiếc vòi'. Này La-vân, nếu thớt voi lớn của nhà vua khi xông vào trận giặc chiến đấu dùng cả chân trước, chân sau, đuôi, bộ xương, xương sống, hông, đầu, trán, tai, vòi đều dùng tất cả. Tượng sư thấy vậy rồi liền suy nghĩ như thế này: 'Thớt voi lớn của nhà vua này không còn tiếc mạng sống nữa. Vì sao thế? Thớt voi lớn của nhà vua này khi xông vào trận giặc chiến đấu, dùng cả chân trước, chân sau, đuôi, bộ xương, hông, đầu, ngà, vòi, tất cả đều đem dùng'. Này La-vân, nếu thớt voi lớn khi xông vào trận giặc chiến đấu mà dùng cả chân trước, chân sau, đuôi, bộ xương, xương sống, hông, đầu, ngà, vòi, tất cả đều đem dùng. Này La-vân, Ta nói thớt voi lớn của nhà vua khi xông vào trận giặc, chiến đấu, không có việc dữ nào mà không làm, không ăn năn, không tàm, không quý. Này La-vân, Ta nói rằng: Người kia cũng không có việc ác nào mà không làm. Do đó, này La-vân, nên học như thế này: Không được đùa giỡn và nói dối".

Rồi thì Đức Thế Tôn nói bài tụng rằng:

Kẻ nào phạm một pháp,
Pháp đó là nói dối:
Nó không sợ đời sau;
Không chừa sự dữ nào.
Thà nuốt viên sắt cháy,
Nó nóng như lửa đỏ;
Chứ không nên phạm giới
Mà nhận đời cúng thí.
Nếu biết sợ khổ sở,
Không thích nghĩ tưởng đến;
Chỗ sáng, hay kín đáo
Chớ tạo tác nghiệp ác.

Nếu tạo nghiệp bất thiện,
Đã làm, nay đang làm,
Trọn không giải thoát được
Cũng không có chỗ tránh.

Đức Phật nói bài tụng rồi, lại hỏi rằng:

"Này La-vân, ngươi nghĩ thế nào, người ta dùng gương để làm gì?"

La-vân trả lời rằng:

"Bạch Thế Tôn, để nhìn xem khuôn mặt sạch hay không sạch".

"Cũng vậy, này La-vân, nếu ngươi sắp hành động với thân nghiệp thì hãy quán sát thân nghiệp ấy rằng: 'Ta sắp làm thân nghiệp; thân nghiệp ấy tịnh hay bất tịnh? Vì mình mà làm hay vì người khác?' Này La-vân, nếu khi quán sát như vậy, mà biết rằng: 'Ta sắp làm thân nghiệp, vì mình mà làm hay vì người khác. Đó là thân nghiệp bất thiện, nó sẽ đưa đến khổ quả và phải thọ lấy khổ báo'. Này La-vân, ngươi nên bỏ thân nghiệp bất thiện sắp được làm ấy đi. Này La-vân, nếu khi quán sát như vậy mà biết rằng: 'Ta sắp làm thân nghiệp, vì mình mà làm hay vì người khác. Đó là thân nghiệp thiện, nó sẽ đưa đến lạc quả và sẽ thọ lấy lạc báo'. Này La-vân, ngươi hãy thực hiện thân nghiệp sẽ làm ấy.

"Này La-vân, ngươi hiện đang hành động với thân nghiệp, hãy quán sát thân nghiệp ấy rằng: 'Ta đang làm thân nghiệp; thân nghiệp ấy tịnh hay bất tịnh? Vì mình làm hay vì người khác?' Này La-vân, khi quán sát như vậy mà biết rằng: 'Ta đang làm thân nghiệp; thân nghiệp này tịnh, vì mình làm hay vì người khác. Đó là thân nghiệp bất thiện sẽ đưa đến khổ quả và thọ lấy khổ báo'. Này La-vân, ngươi nên bỏ thân nghiệp đang làm ấy đi. Này La-vân, nếu khi quán sát như vậy, mà biết rằng: 'Ta đang làm thân nghiệp; thân nghiệp ấy bất tịnh, vì mình làm hay vì người khác. Nghiệp ấy thiện, sẽ đưa đến lạc quả và thọ lấy lạc báo'. Này La-vân, ngươi hãy nên thực hiện thân nghiệp đang làm ấy.

"Này La-vân, nếu ngươi đã hành động với thân nghiệp, hãy quán sát thân nghiệp ấy rằng: 'Ta đã làm thân nghiệp; thân nghiệp ấy đã quá khứ, đã diệt tận, đã biến dịch. Nó là tịnh hay bất tịnh? Vì mình hay vì người khác?' Này La-vân, nếu khi quán sát như vậy mà biết rằng: 'Ta đã làm thân nghiệp; thân nghiệp ấy đã quá khứ, diệt tận, biến dịch, thân nghiệp ấy tịnh hay bất tịnh, vì mình làm hay vì người khác. Nghiệp ấy là bất thiện, sẽ đưa đến khổ quả và phải thọ lấy khổ báo'. Này La-vân, ngươi hãy đến nơi người phạm hạnh, thiện tri thức, chí tâm phát lộ thân nghiệp đã tạo ra, xin ăn năn lỗi lầm, cẩn thận không giấu giếm, rồi phải khéo léo giữ gìn.

"Này La-vân, nếu khi quán sát như vậy, mà rằng: 'Ta đã làm thân nghiệp. Thân nghiệp ấy đã quá khứ, diệt tận, biến dịch, thân nghiệp ấy tịnh hay bất tịnh, vì mình làm hay vì người khác. Nghiệp ấy thiện, sẽ đưa đến lạc quả và thọ lấy lạc báo'. Này La-vân, ngươi nên ngày đêm vui mừng, an trụ chánh niệm, chánh trí.

"Với khẩu nghiệp cũng lại như vậy.

"Này La-vân, nếu nhân việc làm trong quá khứ nên đã sanh ý nghiệp, hãy quán sát ý nghiệp ấy rằng: 'Nếu nhân việc làm trong quá khứ đã sanh ý nghiệp, ý nghiệp ấy tịnh hay bất tịnh, là vì mình làm hay vì người khác?' Này La-vân, nếu khi quán như vậy, mà biết nhân việc làm trong quá khứ mà sanh ra ý nghiệp; ý nghiệp đã quá khứ, diệt tận, biến dịch. Ý nghiệp ấy tịnh hay bất tịnh, tự mình làm hay vì người khác. Nếu ý nghiệp ấy là bất thiện sẽ đưa đến khổ quả và phải thọ lấy khổ báo. Này La-vân, ngươi nên bỏ ý nghiệp trong quá khứ ấy đi. Này La-vân, nếu khi quán như vậy, mà rằng nhân việc làm trong quá

khứ mà đã sanh ra ý nghiệp; ý nghiệp ấy đã quá khứ, diệt tận, biến dịch; ý nghiệp ấy tịnh hay bất tịnh, vì mình hay vì người khác. Nếu ý nghiệp ấy là thiện sẽ đưa đến lạc quả và thọ lấy lạc báo. Này La-vân, ngươi đến thọ nhận ý nghiệp quá khứ ấy.

"Này La-vân, nhân việc làm trong vị lai nên sẽ sanh khởi ý nghiệp, hãy quán sát ý nghiệp ấy rằng: 'Nếu nhân việc làm trong vị lai sẽ sanh ý nghiệp; ý nghiệp ấy là tịnh hay bất tịnh, tự mình làm hay vì người khác?' Này La-vân, nếu khi quán như vậy, mà biết rằng 'Nhân việc làm trong vị lai mà sẽ sinh ý nghiệp; ý nghiệp ấy tịnh hay bất tịnh, vì mình làm hay vì người khác. Nếu ý nghiệp ấy là bất thiện sẽ đưa đến khổ quả và phải thọ lấy khổ báo'. Này La-vân, ngươi nên xả bỏ ý nghiệp trong vị lai đó đi. Này La-vân, nếu khi quán sát như vậy, liền biết rằng: 'Nhân việc làm trong vị lai mà sanh ý nghiệp; ý nghiệp đó tịnh hay bất tịnh, vì mình làm hay vì người khác. Nếu ý nghiệp ấy là thiện, sẽ đưa đến lạc quả và thọ lấy lạc báo. Này La-vân, ngươi nên nhận lãnh ý nghiệp trong vị lai ấy.

"Này La-vân, nhân việc làm trong hiện tại nên đang sanh khởi ý nghiệp, hãy nên quán sát ý nghiệp ấy rằng: 'Nếu nhân việc đang làm trong hiện tại nên sanh khởi ý nghiệp, ý nghiệp ấy tịnh hay bất tịnh, vì mình làm hay vì người khác?' Này La-vân, nếu khi quán sát như vậy, mà biết rằng: 'Nhân việc đang làm trong hiện tại nên đang sanh khởi ý nghiệp; ý nghiệp ấy tịnh hay bất tịnh, vì mình làm hay vì người khác. Nếu nghiệp ấy là bất thiện, sẽ đưa đến khổ quả và sẽ thọ lấy khổ báo'. Này La-vân, ngươi nên xả bỏ ý nghiệp trong hiện tại ấy đi. Này La-vân, nếu khi quán sát như vậy, mà biết rằng: 'Nhân có việc đang làm trong hiện tại nên đang sanh khởi ý nghiệp; ý nghiệp ấy tịnh hay bất tịnh, vì mình làm hay vì người khác. Nếu ý nghiệp ấy là thiện sẽ đưa đến lạc quả và thọ lấy lạc báo'. Này La-vân, ngươi nên nhận lãnh ý nghiệp hiện tại ấy.

"Này La-vân, nếu trong quá khứ đã có những vị Sa-môn, Phạm chí tạo nghiệp thân, khẩu, ý; đã quán sát rồi, lại quán sát nữa; đã thanh tịnh, lại thanh tịnh nữa. Tất cả những vị ấy, ngay nơi nghiệp thân, khẩu, ý của mình, quán rồi lại quán nữa, đã tịnh rồi lại tịnh hơn nữa.

Này La-vân, nếu trong vị lai sẽ có những vị Sa-môn, Phạm chí tạo nghiệp thân, khẩu, ý, sẽ quán rồi lại quán nữa, sẽ thanh tịnh rồi lại thanh tịnh hơn. Tất cả những vị ấy ngay nơi thân nghiệp, khẩu, ý nghiệp của mình, quán rồi lại quán nữa, sẽ thanh tịnh rồi lại thanh tịnh hơn.

"Này La-vân, nếu trong hiện tại có những Sa-môn, Phạm chí tạo nghiệp thân, khẩu, ý; đang quán rồi lại quán nữa, đang thanh tịnh rồi lại thanh tịnh hơn. Tất cả những vị ấy ngay nơi nghiệp thân, khẩu, ý của mình, đang quán rồi lại quán nữa, đang thanh tịnh rồi lại thanh tịnh hơn.

"Này La-vân, ngươi nên học như thế. Chính Ta cũng ngay nơi nghiệp thân, khẩu, ý của Ta, đang quán rồi lại sẽ quán, đang thanh tịnh rồi lại thanh tịnh hơn".

Rồi thì, Đức Thế Tôn lại nói bài tụng rằng:

Thân nghiệp và khẩu nghiệp,
Ý nghiệp, này La-vân!
Pháp thiện hay bất thiện;
Ngươi hãy thường quán sát.
Đã biết còn nói dối,
Này La-vân đừng nói.
Tai hại do nói dối,
Sao lại dám nói dối?

Pháp Sa-môn bị úp,
Trống không, không chơn thật;
Đó chính là nói dối,
Không giữ gìn miệng mình.
Cho nên không nói dối,
Là con bậc Chánh giác.
Đó là pháp Sa-môn,
La-vân hãy nên học.
Nơi nơi vui sung túc,
An ổn, không sợ hãi,
La-vân muốn đến đó,
Đừng làm hại người khác.

Phật thuyết như vậy. Tôn giả La-vân và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

❑

15. KINH TƯ[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng lâm, vườn Cấp cô độc.

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo rằng.

"Nếu kẻ nào cố ý tạo nghiệp[2], Ta nói rằng kẻ ấy phải thọ lấy quả báo. Hoặc thọ ngay trong đời hiện tại, hoặc thọ vào đời sau. Nếu tạo nghiệp mà không cố ý, Ta nói rằng người ấy không nhất thiết phải thọ quả báo.

"Ở đây, thân cố ý tạo ba nghiệp bất thiện, đưa đến khổ quả, thọ khổ quả. Miệng có bốn nghiệp, ý có ba nghiệp bất thiện, đưa đến khổ báo, thọ khổ quả.

"Những gì là ba nghiệp do thân cố ý tạo bất thiện, đưa đến khổ quả, phải thọ khổ báo? Một là sát sanh, quá hung dữ, uống máu, cứ muốn sát hại, không thương xót chúng sanh, cho đến loài côn trùng. Hai là lấy của không được cho, đắm trước tài vật của kẻ khác, chiếm lấy với ý muốn trộm cắp. Ba là tà dâm; người kia chính mình xâm phạm tới người nữ có cha giữ gìn, hoặc có mẹ gìn giữ, hoặc được cả cha và mẹ giữ gìn, hoặc được chị em giữ gìn, hoặc được anh em gìn giữ, hoặc được cha mẹ vợ[3] gìn giữ, hoặc được người thân thuộc gìn giữ, hoặc được người cùng dòng họ gìn giữ; hoặc được bảo vệ bằng đe dọa hình phạt hay roi vọt[4], hoặc đã được thuê, hoặc đã được hứa hôn, cho đến chỉ mới nhận tràng hoa làm tin. Đó là ba nghiệp do thân cố ý tạo bất thiện, đưa đến khổ quả, thọ lấy khổ báo.

"Những gì là bốn nghiệp do miệng cố ý tạo bất thiện, đưa đến khổ quả, thọ lấy khổ báo? Một là nói dối; người kia hoặc ở giữa đám đông, hoặc trong quyến thuộc, hoặc ở tại vương gia, nếu có ai kêu mà hỏi rằng: 'Ngươi có biết thì nói'. Nhưng nó không biết mà nói là biết, biết nói là không biết; không thấy nói là thấy, thấy nói không thấy. Vì mình, vì người, hoặc vì của cải, biết rồi mà lại nói dối. Hai là nói hai lưỡi; muốn ly gián người khác nên nghe nơi người này đem nói với người kia vì muốn phá hoại người này. Nghe nơi người kia đem nói với này vì muốn phá hoại người kia. Những kẻ hợp nhau muốn tạo ly tán; những kẻ đã ly tán lại muốn cho xa rời để kết bè đảng, vui thích bè đảng, khen ngợi bè đảng. Ba là nói thô ác; người ấy nếu có nói năng gì thì lời lẽ thô tục, hung bạo, tiếng dữ trái tai, không ai mến nổi, làm cho người khác phải khổ não, khiến cho không được định tâm. Bốn là nói lời thêu dệt; người ấy nói không đúng lúc, nói không thành thật, nói lời không đúng nghĩa, nói lời không đúng pháp, nói không tịch tĩnh[5], lại còn khen ngợi sự không tịch tĩnh, trái ngược thời gian mà lại không khéo dạy dỗ, không khéo la mắng. Đó

---

1. Không có Pāli tương đương, chỉ một ít điểm tương đồng, A.X 207 Cetanā, X. 208 Karaja-kāya.
2. Hán: *cố tác nghiệp* ━G━@━~━C Pāli: sañcetanika kamma.
3. Hán: *phụ phụ mẫu* ━━━━RCó lẽ muốn nói "cha mẹ của nàng dâu" tức cha mẹ chồng.
4. Nghĩa là, được pháp luật bảo vệ.
5. Hán: *bất chỉ tức thuyết* ━━━━━C

là bốn nghiệp do miệng cố ý tạo, bất thiện, đưa đến khổ quả, thọ lấy khổ báo.

"Những gì ba nghiệp của ý cố ý tạo bất thiện, đưa đến khổ quả, thọ lấy khổ báo? Một, tham lam; thấy tài vật và các tư cụ sinh sống của người khác thường tham lam ước muốn sao cho được về của mình. Hai là sân nhuế; trong ý ôm ấp oán ghét, nghĩ rằng: chúng sanh kia đáng giết, đáng trói, đáng bắt, đáng loại bỏ, đáng đuổi đi, mong cho kẻ kia thọ khổ vô lượng. Ba là tà kiến; sở kiến điên đảo, thấy như vầy, nói như vầy: 'Không có bố thí, không có trai phước, không có chú thuyết, không có nghiệp thiện ác, không có nghiệp báo thiện ác, không có đời này, đời sau; không có cha mẹ, trên đời không có bậc chân nhân đi đến chỗ chí thiện, khéo vượt qua, khéo hướng đến, ở đời này và đời sau mà tự chứng tri, tự giác ngộ, tự thân tác chứng, thành tựu và an trú. Đó là ba nghiệp do ý cố tạo bất thiện, đưa đến khổ quả, thọ lấy khổ báo.

"Đa văn Thánh đệ tử xả bỏ nghiệp bất thiện của thân, tu thân thiện nghiệp, xả bỏ nghiệp bất thiện của miệng và ý, tu thiện nghiệp miệng và ý. Đa văn Thánh đệ tử đầy đủ giới đức tinh tấn như vậy, thành tựu tịnh nghiệp nơi thân, thành tựu tịnh nghiệp nơi miệng và ý, lìa sân nhuế, lìa não hại, từ bỏ ngủ nghỉ, không trạo cử và cống cao, đoạn nghi, vượt kiêu mạn, chánh niệm, chánh trí, không còn ngu si, tâm vị ấy đi đôi với từ, biến mãn một phương thành tựu và an trú. Cũng vậy, với hai, ba, bốn phương và tứ duy, thượng, hạ, biến mãn, tâm đi đôi với từ, không thù không oán, không sân nhuế, không não hại, quảng đại vô biên vô lượng, khéo tu tập biến mãn tất cả thế gian, thành tựu và an trụ. Người kia suy nghĩ rằng: 'Tâm ta xưa kia vốn nhỏ hẹp, không khéo tu. Tâm ta nay đây khéo tu, quảng đại vô lượng'. Đa văn Thánh đệ tử đối với tâm vô lường, khéo tu tập như vậy, nếu trước kia nhân có ác tri thức, vì đã phóng dật mà tạo nghiệp bất thiện, nay những thứ ấy không thể lôi kéo, không thể làm ô uế, không còn đi theo nữa. Giả sử có một trẻ thơ hoặc trai hay gái được sanh ra, liền có thể tu hành từ tâm giải thoát[6], về sau thân, miệng và ý có còn tạo những nghiệp bất thiện nữa chăng?"

Các Tỳ-kheo thưa rằng:

"Bạch Thế Tôn, không thể".

"Vì sao vậy? Tự mình không làm nghiệp ác thì nghiệp ác ấy do đâu mà sanh? Do đó, người tại gia hay xuất gia, nam hay nữ, thường phải siêng tu từ tâm giải thoát. Nếu người tại gia hay xuất gia, nam hay nữ ấy, tu từ tâm giải thoát, thì không còn mang thân này đi đến đời sau mà chỉ theo tâm đi khỏi cõi này. Tỳ-kheo nên nghĩ như vầy: 'Ta vốn vì buông lung mà tạo nghiệp bất thiện. Tất cả nghiệp ấy có thể thọ báo trong đời này, chớ không thể đi đến đời sau nữa'. Nếu có người thực hành từ tâm giải thoát rộng lớn vô lượng, khéo tu tập như vậy, chắc chắn chứng quả A-na-hàm, hoặc chứng cao hơn nữa.

"Cũng vậy, tâm bi và hỷ; tâm câu hữu với xả, không kết, không oán, không sân nhuế, không não hại, quảng đại vô lượng, khéo tu tập, biến mãn tất cả thế gian, thành tựu và an trụ. Người ấy suy nghĩ như vầy: 'Tâm ta trước vốn nhỏ hẹp, không khéo tu tập. Tâm ta nay đây rộng lớn vô lượng, được khéo tu tập'. Đa văn Thánh đệ tử đối với tâm vô lượng, khéo tu tập như vậy, nếu trước kia nhân có ác tri thức, vì đã phóng dật mà tạo nghiệp bất thiện, nay những thứ ấy không thể lôi kéo, không thể làm ô uế, không còn đi theo nữa. Giả sử có một trẻ thơ hoặc trai hay gái được sanh ra, liền có thể tu hành xả tâm giải thoát, về sau thân, miệng và ý có còn tạo những nghiệp bất thiện nữa chăng?"

Các Tỳ-kheo thưa rằng:

---

6. Hán: *từ tâm giải thoát* -0----C Pāli: mettaṃ cetovimuttiṃ, tâm giải thoát với từ.

“Bạch Thế Tôn, không thể”.

“Vì sao vậy? Tự mình không làm nghiệp ác thì nghiệp ác ấy do đâu mà sanh? Do đó, người tại gia hay xuất gia, nam hay nữ, thường phải siêng tu xả tâm giải thoát. Nếu người tại gia hay xuất gia, nam hay nữ ấy, tu xả tâm giải thoát, thì không còn mang thân này đi đến đời sau mà chỉ theo tâm đi khỏi cõi này. Tỳ-kheo nên nghĩ như vầy: ‘Ta vốn vì buông lung mà tạo nghiệp bất thiện. Tất cả nghiệp ấy có thể thọ báo trong đời này, chớ không thể đi đến đời sau nữa’. Nếu có người thực hành xả tâm giải thoát rộng lớn vô lượng, khéo tu tập như vậy, chắc chắn chứng quả A-na-hàm, hoặc chứng cao hơn nữa”.

Phật thuyết như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

❑

16. KINH GIÀ-LAM[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật du hóa tại Già-lam viên[2], cùng đại chúng Tỳ-kheo, đến Ki-xá tử[3], trụ trong vườn Thi-nhiếp-hòa[4], phía Bắc thôn Ki-xá tử.

Bấy giờ những người Già-lam ở Ki-xá tử nghe đồn Sa-môn Cù-đàm thuộc dòng họ Thích[5], đã từ bỏ dòng họ Thích, xuất gia học đạo, đang du hóa tại Già-lam viên cùng chúng Đại Tỳ-kheo đến Ki-xá tử này, trụ trong rừng Thi-nhiếp-hòa ở phía Bắc thôn Ki-xá tử. Vị Sa-môn Cù-đàm ấy có tiếng tăm lớn, truyền khắp mười phương rằng: 'Sa-môn Cù-đàm là Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự[6], Thiên Nhân Sư, Phật, Chúng Hựu. Vị ấy ở trong thế gian này giữa chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Phạm chí, từ loài người cho đến loài trời, tự tri tự giác, tự tác chứng, thành tựu và an trụ. Pháp mà vị ấy thuyết, khoảng đầu thiện, khoảng giữa thiện, cứu cánh cũng thiện, có nghĩa, có văn, hiển hiện phạm hạnh thanh tịnh trọn đủ[7]'. Nếu gặp được Đức Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác để tôn trọng, lễ bái cúng dường, thừa sự, thì sẽ được nhiều thiện lợi. Chúng ta hãy cùng nhau đến gặp Sa-môn Cù-đàm để lễ bái, cúng đường".

Những người Già-lam ở Ki-xá tử, nghe như vậy rồi, mỗi người cùng với quyến thuộc của mình kéo nhau ra khỏi Ki-xá tử, đi về phía Bắc, tới rừng Thi-nhiếp-hòa, họ muốn gặp Đức Thế Tôn để lễ bái cúng dường.

Đi đến chỗ Phật ngụ, những người Già-lam ấy hoặc có người lễ bái cúi đầu dưới chân Phật rồi ngồi sang một bên, hoặc có người chào hỏi Đức Phật rồi ngồi sang một bên, hoặc có người chắp tay hướng đến Phật rồi ngồi sang một bên, hoặc có người từ đàng xa thấy Đức Phật rồi im lặng ngồi xuống.

Lúc đó, những người Già-lam đều ngồi yên. Đức Phật thuyết pháp cho họ, khuyến phát, khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ[8]. Sau khi bằng vô lượng phương tiện thuyết pháp, khuyến phát, khát ngưỡng thành tựu hoan hỷ, Ngài ngồi im lặng.

Bấy giờ những người Già-lam sau khi được Đức Phật thuyết pháp, khuyến phát, khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ, họ đều từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa áo trịch vai bên hữu, chắp tay đến hướng Đức Phật, rồi bạch Đức Thế Tôn rằng:

"Thưa Cù-đàm, có một vị Sa-môn, Phạm chí đi đến Già-lam chỉ tự khen ngợi tri kiến của mình mà chê bai tri kiến của người khác. Thưa Cù-đàm, lại có một vị Sa-môn, Phạm chí đi đến Già-lam cũng chỉ tự khen ngợi tri kiến của mình mà chê bai tri kiến của kẻ khác. Thưa Cù-đàm, chúng tôi nghe vậy liền sanh ngờ vực: Những vị Sa-môn, Phạm chí ấy, vị nào thật? Vị nào hư?"

---

1. Tương đương Pāli: A.III 65 Kesaputtiyā.
2. Già-lam viên ▬▬▬C Pāli: Kesaputtaṃ nāma Kālānaṃ nigamo, thị trấn của những người Kālāma tên là Kesaputta, ở Kosala.
3. Ki-xá tử ▬▬▬l▬F Pāli: Kesaputta, xem cht. trên.
4. Thi-nhiếp-hòa lâm ▬r▬想▬L▬C Pāli: Siṃsapā.
5. Hán: Thích tông tộc ▬▬v▬▬C Pāli: Sakya-kula.
6. Đạo pháp ngự. Pāli: Damma-sārathi, Điều ngự trượng phu. Bản Hán đọc là dhamma-(đạo pháp), thay vì là damma- (huấn luyện, điều ngự).
7. Hán: *cụ túc thanh tịnh hiển hiện phạm hạnh* ▬▬▬M▬b▬C Pāli: kevala-paripuṇṇaṃ pari-suddhaṃ brahmacariyaṃ pakāseti, hiển bày đời sống phạm hạnh thanh tịnh và hoàn hảo tuyệt đối.
8. Hán: *khuyến phát, khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ* ▬U▬o▬▬▬▬N▬w▬▬C Pāli: sandassetvā samādapetvā samuttejetvā sampahaṃsetvā, chỉ bày, khuyên bảo, khích lệ, làm cho hoan hỷ.

Đức Thế Tôn nói rằng:

"Này các người Già-lam, các người chớ sanh lòng ngờ vực. Vì sao vậy? Vì nhân có ngờ vực liền sanh ra do dự [9]. Này các người Già-lam, các ngươi tự mình không có tịnh trí để biết có đời sau hay không có đời sau. Này các người Già-lam, các người cũng không có tịnh trí để biết điều đã làm có tội hay không có tội. Này các người Già-lam, nên biết các nghiệp vốn sẵn có ba tập nhân[10]. Những gì là ba? Này các người Già-lam, tham là tập nhân sẵn có của các nghiệp. Này các người Già-lam, nhuế và si là tập nhân sẵn có của các nghiệp.

"Này các người Già-lam, người có tham bị tham che lấp, tâm không nhàm đủ, hoặc sát sanh, hoặc lấy của không cho, hoặc hành tà dâm, hoặc biết mà nói dối, hoặc lại uống rượu. Này các người Già-lam, người có nhuế bị nhuế che lấp, tâm không nhàm đủ, hoặc sát sanh, hoặc lấy của không cho, hoặc hành tà dâm, hoặc biết mà nói dối, hoặc lại uống rượu. Này các người Già-lam, người có si bị si che lấp, tâm không nhàm đủ, hoặc sát sanh, hoặc lấy của không cho, hoặc hành tà dâm, hoặc biết mà nói dối, hoặc lại uống rượu.

"Này các người Già-lam, Đa văn Thánh đệ tử xa lìa việc giết hại, dứt bỏ sự giết hại, dẹp bỏ dao gậy; có tàm, có quý, có tâm từ bi, làm lợi ích cho tất cả, cho đến côn trùng. Vị ấy đối với sự sát sanh, tâm đã trừ sạch.

"Này các người Già-lam, Đa văn Thánh đệ tử xa lìa việc lấy của không cho, đoạn trừ việc lấy của không cho; vui thích trong việc lấy của đã cho, thường ưa sự bố thí, vui vẻ không keo kiệt, không mong người kia đền trả. Vị ấy đối với việc lấy của không cho, tâm đã trừ sạch.

"Này các người Già-lam, Đa văn Thánh đệ tử xa lìa việc phi phạm hạnh, đoạn trừ việc phi phạm hạnh; siêng tu phạm hạnh, siêng tu diệu hạnh, thanh tịnh, không uế, ly dục, đoạn dâm. Vị ấy đối với việc việc phi phạm hạnh, tâm đã trừ sạch.

"Này các người Già-lam, Đa văn Thánh đệ tử xa lìa việc nói dối, đoạn trừ sự nói dối; nói lời chân thật, ưa thích sự chân thật, an trụ nơi chân thật không di động, tất cả những điều vị ấy nói đều đáng tin, không lừa gạt thế gian. Vị ấy đối với việc nói dối, tâm đã trừ sạch.

"Này các người Già-lam, Đa văn Thánh đệ tử xa lìa sự nói hai lưỡi, đoạn trừ việc nói hai lưỡi, không phá hoại kẻ khác, không nghe nơi người này nói lại người kia muốn phá hoại người này, không nghe nơi người kia nói lại với người này muốn phá hoại người kia; những người xa lìa nhau thì muốn kết hợp lại, thấy người kết hợp lại thì vui vẻ, không kết bè đảng, không khen việc kết bè đảng. Vị ấy đối với việc việc nói hai lưỡi, tâm đã trừ sạch.

"Này các người Già-lam, Đa văn Thánh đệ tử xa lìa việc nói thô ác, đoạn trừ việc nói thô ác. Nếu có những lời mà từ khí thô bạo, âm thanh hung dữ trái tai, mọi người không vui, mọi người không ưa, làm cho người khác khổ não, làm cho họ không được an ổn, vị ấy đoạn trừ những lời nói như vậy. Nếu có những lời hòa nhã dịu dàng, xuôi tai, đi sâu vào lòng người, đáng thích, đáng yêu, làm cho người kia an lạc, âm thành vừa đủ rõ ràng, không làm cho người kia sợ sệt, làm cho người kia được an ổn, vị ấy nói những lời như vậy. Vị ấy đối với việc nói lời thô ác, tâm đã tịnh trừ.

---

9. Hán: *nghi hoặc... sanh do dự*. Pāli: kaṅkhāniye...ṭhāne vicikicchā uppannā, trong trường hợp nghi hoặc, do dự phát sanh.

10. Hán: *tập nhân bản hữu* -]————Fbản Pāli không có chi tiết này.

"Này các người Già-lam, Đa văn Thánh đệ tử xa lìa lời nói thêu dệt[11], đoạn trừ lời nói thêu dệt; nói đúng lúc, đúng sự thật, nói về pháp, nói về nghĩa, nói về tịch tĩnh, ưa nói về tịch tĩnh, hợp việc, hợp thời, thích nghi, khéo dạy dỗ, khéo quở rầy. Vị ấy đối với việc nói lời thêu dệt, tâm đã tịnh trừ.

"Này các người Già-lam, Đa văn Thánh đệ tử xa lìa tham lam, đoạn trừ tham lam, không ôm lòng não hại, thấy của cải và các nhu cầu sinh sống của người khác không móng lòng tham lam, muốn cho được trở về mình. Vị ấy đối với việc tham lam tâm đã tịnh trừ.

"Này các người Già-lam, Đa văn Thánh đệ tử xa lìa giận dữ, đoạn trừ giận dữ, có tàm, có quý, có tâm từ bi, làm lợi ích cho tất cả, cho đến loài côn trùng. Vị ấy đối với sự giận dữ tâm đã tịnh trừ.

"Này các người Già-lam, Đa văn Thánh đệ tử xa lìa tà kiến, đoạn trừ tà kiến, thực hành chánh kiến, không điên đảo; thấy như vậy, nói như vậy: 'Có sự bố thí, có sự trai phước, và cũng có chú thuyết, có nghiệp thiện ác, có nghiệp báo thiện ác. Có đời này và đời sau. Có cha, có mẹ, trên đời có những bậc chân nhân đi đến thiện xứ, khéo vượt qua, khéo hướng đến, trong đời này và đời sau mà tự tri tự giác, tự tác chứng thành tựu và an trụ. Vị ấy đối với việc tà kiến, tâm đã tịnh trừ.

"Này các người Già-lam, Đa văn Thánh đệ tử thành tựu tịnh nghiệp nơi thân, thành tựu tịnh nghiệp nơi khẩu và ý. Xa lìa nhuế, xa lìa não hại, trừ bỏ thùy miên, không trạo cử, cống cao, đoạn trừ nghi, vượt qua mạn, chánh niệm, chánh trí, không có ngu si; tâm vị ấy tương ứng với từ, biến mãn một phương, thành tựu và an trụ. Cũng vậy, trong hai, ba, bốn phương, tứ duy, thượng, hạ, cùng khắp tất cả, tâm tương ứng với từ, không thù, không oán, không sân nhuế, không não hại, rất rộng lớn, vô lượng, khéo tu tập, biến mãn tất cả thế gian, thành tựu và an trụ. Cũng vậy, tâm bi, hỷ; tâm tương ứng với xả, không thù không oán, không sân nhuế, không não hại, rộng lớn vô lượng, khéo tu tập, biến mãn tất cả thế gian, thành tựu và an trụ. Cũng vậy, này các người Già-lam, Đa văn Thánh đệ tử tâm không thù, không oán, không sân nhuế, không não hại, liền được bốn trụ xứ an ổn[12]. Những gì là bốn?

"'Nếu có đời này đời sau, có quả báo của nghiệp thiện và ác. Khi ta đã được nghiệp tương ứng với chánh kiến này rồi, ta thọ trì đầy đủ, thân hoại mạng chung chắc chắn sanh đến thiện xứ cho đến sanh lên các cõi trời'. Như vậy, này các người Già-lam, Đa văn Thánh đệ tử tâm không kết, không oán, không sân nhuế, không não hại; đó là trụ xứ an ổn thứ nhất.

"Lại nữa, này các người Già-lam, 'Nếu không có đời này và đời sau, không có quả báo của nghiệp thiện và ác. Như vậy, ta ở ngay trong đời này không phải do cớ ấy mà bị người khác bài bác; nhưng lại được bậc chánh trí khen ngợi, người tinh tấn, người có chánh kiến nói là có'. Như vậy, này các người Già-lam, Đa văn Thánh đệ tử tâm không kết, không oán, không não hại, đó là được trụ xứ an ổn thứ hai.

"Lại nữa, này các người Già-lam, 'Nếu có tạo tác gì, chắc chắn ta không có tạo ác, ta không niệm ác. Vì sao vậy? Vì tự mình không tạo ác, khổ do đâu mà sanh?' Như vậy, này các người Già-lam, Đa văn Thánh đệ tử tâm không kết, không oán, không não hại; đó là trụ xứ an ổn thứ ba.

---

11. Hán: *ỷ ngữ* ━━y━C Pāli: samphappalāpa, hư ngữ, tạp uế ngữ; nói bậy bạ.

12. Hán: *an ổn trú xứ* ━w━━━B━C Pāli: assāsa, sự nghỉ ngơi (lấy lại hơi thở quân bình), sự bình an.

"Lại nữa, này các người Già-lam, 'Nếu có tạo tác, chắc chắn ta không tạo ác, ta không phạm đời sợ hay không sợ, luôn luôn nên thương xót tất cả thế gian, tâm ta không tranh chấp với tất cả thế gian, không vẩn đục, nhưng hân hoan'. Như vậy, này các người Già-lam, Đa văn Thánh đệ tử tâm không kết, không oán, không não hại; đó là trụ xứ an ổn thứ tư.

"Như vậy, này các người Già-lam, Đa văn Thánh đệ tử tâm không kết, không oán, không sân hận, không não hại; đó là được bốn trụ xứ an ổn".

Những người Già-lam bạch Phật:

"Thưa Cù-đàm, đúng vậy, Đa văn Thánh đệ tử tâm không thù, không oán, không sân nhuế, không não hại, liền được bốn trụ xứ an ổn. Những gì là bốn?

"'Nếu có đời này đời sau, có quả báo của nghiệp thiện và ác. Khi ta đã được nghiệp tương ứng với chánh kiến này rồi, ta thọ trì đầy đủ, thân hoại mạng chung chắc chắn sanh đến thiện xứ cho đến sanh lên các cõi trời'. Như vậy, thưa Cù-đàm, Đa văn Thánh đệ tử tâm không kết, không oán, không sân nhuế, không não hại; đó là trụ xứ an ổn thứ nhất.

"Lại nữa, thưa Cù-đàm, 'Nếu không có đời này và đời sau, không có quả báo của nghiệp thiện và ác. Như vậy, ta ở ngay trong đời này không phải do cớ ấy mà bị người khác bài bác; nhưng lại được bậc chánh trí khen ngợi, người tinh tấn, người có chánh kiến nói là có'. Như vậy, thưa Cù-đàm, Đa văn Thánh đệ tử tâm không kết, không oán, không não hại, đó là được trụ xứ an ổn thứ hai.

"Lại nữa, thưa Cù-đàm, 'Nếu có tạo tác gì, chắc chắn ta không có tạo ác, ta không niệm ác. Vì sao vậy? Vì tự mình không tạo ác, khổ do đâu mà sanh?' Như vậy, thưa Cù-đàm, Đa văn Thánh đệ tử tâm không kết, không oán, không não hại; đó là trụ xứ an ổn thứ ba.

"Lại nữa, thưa Cù-đàm, 'Nếu có tạo tác, chắc chắn ta không tạo ác, ta không phạm đời sợ hay không sợ, luôn luôn nên thương xót tất cả thế gian, tâm ta không tranh chấp với tất cả thế gian, không vẩn đục, nhưng hân hoan'. Như vậy, thưa Cù-đàm, Đa văn Thánh đệ tử tâm không kết, không oán, không não hại; đó là trụ xứ an ổn thứ tư.

"Như vậy, thưa Cù-đàm, Đa văn Thánh đệ tử tâm không kết, không oán, không sân hận, không não hại; đó là được bốn trụ xứ an ổn.

"Thưa Cù-đàm, chúng con đã biết. Bạch Thiện Thệ, chúng con đã hiểu. Bạch Thế Tôn, chúng con trọn đời tự quy y với Phật, Pháp và Chúng Tỳ-kheo. Duy nguyện Thế Tôn chấp nhận cho chúng con làm Ưu-bà-tắc, bắt đầu từ hôm nay, trọn đời tự quy y, cho đến lúc mạng chung".

Phật thuyết như vậy. Tất cả những người Già-lam và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

❑

17. KINH GIÀ-DI-NI[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật du hóa tại Na-lan-đà[2], ở xóm Tường, rừng Nại[3].

Bấy giờ A-tư-la thiên có người con là Già-di-ni[4], sắc tướng uy nghi, chói sáng rực rỡ, lúc đêm gần về sáng, đi đến nơi Đức Phật, cúi lạy dưới chân Phật rồi ngồi sang một bên.

Già-di-ni, con trời A-tư-la bạch Phật rằng:

"Bạch Thế Tôn, các người Phạm chí cao ngạo tự cho ngang bằng trời[5]. Họ cho rằng, nếu có chúng sanh nào mạng chung, họ có thể làm cho tự do qua lại các thiện xứ, sanh lên cõi trời[6]. Thế Tôn là Pháp chủ, mong Thế Tôn làm cho chúng sanh khi mạng chung đi đến thiện xứ, sanh lên cõi trời".

Thế Tôn bảo rằng:

"Này Già-di-ni, nay ta hỏi ông, tùy theo sự hiểu biết mà trả lời. Này Già-di-ni, ý ông nghĩ thế nào? Nếu ở trong thôn ấp, hoặc có kẻ nam, người nữ biếng nhác, không tinh tấn, lại hành ác pháp, thành tựu mười loại nghiệp đạo bất thiện, là sát sanh, lấy của không cho, tà dâm, nói dối, cho đến tà kiến. Người ấy khi mạng chung, nếu có số đông người đến, thảy đều chắp tay hướng về người đó kêu gọi, van lơn, nói như thế này: 'Các người, nam hoặc nữ, biếng nhác, không siêng năng, lại hành ác pháp, thành tựu mười loại nghiệp đạo bất thiện là sát sanh, lấy của không cho, tà dâm nói dối, cho đến tà kiến. Các người nhân việc này, duyên việc này, khi thân hoại mạng chung chắc chắn đi đến thiện xứ, sanh lên cõi trời'. Như vậy, này Già-di-ni, những người nam hay nữ biếng nhác kia, không siêng năng, lại hành ác pháp, thành tựu mười loại nghiệp đạo bất thiện là sát sanh, lấy của không cho, tà dâm, nói dối, cho đến tà kiến; có thể nào vì được số đông người đều đến chắp tay hướng về chúng mà kêu gọi, van lơn, nhân việc ấy, duyên việc ấy mà lúc thân hoại mạng chung lại được đi đến thiện xứ, sanh lên cõi trời không?"

Già-di-ni thưa rằng:

"Không thể được, bạch Thế Tôn".

Phật khen rằng:

---

1. Tương đương Pāli: S.2.4.6. Pacchabhūmana-sutta (người phương Tây) hay Mataka-sutta (người đã chết). Chi tiết này không phù hợp với Pāli.
2. Bản Cao-li: Na-nan-đà viên ——————F Tống-Nguyên-Minh: Na-nan-đà quốc ——————F Pāli: Nālandā, một thị trấn gần Rāhagaha.
3. Tường thôn Nại lâm ———U-L-C Pāli: Pāvarika-ambavana, là một vườn xoài của Pavārika, một phú hào người Kosambi. Trong vườn xoài tại thị trấn Nālanda, ông dựng một tịnh xá cúng dường Phật.
4. Hán: *A-tư-la thiên – Già-di-ni* ——p——-————C Pāli: Asibandakaputta-Gāmaṇi, thôn trưởng Asibandakaputta. Bản Hán hiểu *gāmaṇi* (thôn trưởng) là từ riêng.
5. Hán: *sự nhược can thiên* ——Y-z——C
6. Bản Pāli nói, theo tập quán các Bà-la-môn phương Đông (Pacchābhūmaka), nếu có những người chết họ chỉ cần gọi tên là những người này được sanh lên cõi trời.

"Lành thay, Già-di-ni, vì sao thế? Những người nam hay nữ kia, biếng nhác, không siêng năng, lại thực hành ác pháp, thành tựu mười loại nghiệp đạo bất thiện là sát sanh, lấy của không cho, tà dâm, nói dối, cho đến tà kiến. Nếu được số đông người đến chắp tay hướng về chúng, mà kêu gọi, van lơn, nhân việc ấy, duyên việc ấy khi thân hoại mạng chung lại được đi đến thiện xứ sanh lên cõi trời. Việc đó không thể có.

"Này Già-di-ni, cũng như cách thôn không bao xa, có vực nước sâu, nơi đó có một người ôm tảng đá lớn và nặng ném vào trong nước. Nếu có số đông người đến đều chắp tay hướng về tảng đá mà kêu gọi van lơn, nói như thế này: 'Mong tảng đá nổi lên, mong tảng đá nổi lên'. Này Già-di-ni, ông nghĩ thế nào? Tảng đá lớn nặng ấy có thể nào vì được số đông người đến đều chắp tay hướng về nó và kêu gọi van lơn, nhân việc đó, duyên việc đó mà sẽ nổi lên không?"

Già-di-ni trả lời rằng:

"Không thể được, bạch Thế Tôn!"

"Cũng vậy, này Già-di-ni, những người nam hay nữ kia biếng nhác, không tinh tấn, lại thực hành ác pháp, thành tựu mười loại nghiệp đạo bất thiện là sát sanh, lấy của không cho, tà dâm, nói dối, cho đến tà kiến, nếu được số đông người đều đến chắp tay hướng về chúng mà kêu gọi, van lơn, nhân việc đó, duyên việc đó mà lúc thân hoại mạng chung, được đi đến thiện xứ, sanh lên cõi trời; điều đó không thể có được.

"Vì sao thế? Bởi vì mười loại nghiệp đạo bất thiện này vốn đen, có quả báo đen, tự nhiên đi thẳng xuống, chắc chắn đi đến ác xứ.

Này Già-di-ni, ông nghĩ thế nào? Nếu như trong thôn ấp hoặc có người nam hay nữ, tinh tấn siêng tu, lại thực hành diệu pháp thành tựu mười nghiệp đạo thiện là xa lìa việc giết, đoạn trừ việc giết, xa lìa lấy của không cho, tà dâm, nói dối, cho đến xa lìa tà kiến, được chánh kiến. Người ấy khi mạng chung nếu có số đông người đến đều chắp tay hướng về người đó mà kêu gọi van lơn, nói như thế này: 'Này các người, nam hoặc nữ, các người đã tinh tấn siêng tu, lại thực hành diệu pháp, thành tựu mười nghiệp đạo thiện là xa lìa việc giết, đoạn trừ việc giết, lấy của không cho, tà dâm, nói dối, cho đến tà kiến cũng đều xa lìa, đoạn trừ tà kiến, được chánh kiến. Các người nhân việc đó, duyên việc đó mà khi thân hoại mạng chung, hãy đi đến ác xứ, sanh vào địa ngục'. Này Già-di-ni, ông nghĩ thế nào? Các người nam nữ kia, tinh tấn siêng tu lại thực hành diệu pháp, thành tựu mười nghiệp đạo thiện là xa lìa việc giết, đoạn trừ việc giết, lấy của không cho, tà dâm, nói dối, cho đến tà kiến, đoạn trừ tà kiến, được chánh kiến. Có thể nào vì bị số đông người đến chắp tay hướng về người đó mà ca ngợi cầu xin, nhân việc đó, duyên việc đó, mà khi thân hoại mạng chung sẽ đi đến ác xứ, sanh vào địa ngục không?"

Già-di-ni trả lời rằng:

"Không thể được, bạch Thế Tôn!"

Thế Tôn khen rằng.

"Lành thay, Già-di-ni! Vì sao vậy? Này Già-di-ni, những người nam hay nữ kia siêng năng tinh tấn, lại thực hành diệu pháp, thành tựu mười nghiệp thiện đạo là xa lìa việc giết, đoạn trừ việc giết, lấy của không cho, tà dâm, nói dối, cho đến tà kiến đều xa lìa, được chánh kiến. Nếu được số đông người đến chắp tay hướng về người đó mà kêu gọi van lơn, nhân việc đó, duyên việc đó mà khi thân hoại mạng chung sẽ đi đến ác xứ, sanh vào địa ngục. Điều này không thể có. Vì sao vậy? Này Già-di-ni, bởi vì mười nghiệp đạo thiện là trắng, có quả báo trắng, tự nhiên thăng lên, chắc chắn đến

thiện xứ.

"Này Già-di-ni, cũng như cách thôn không xa có vực nước sâu, nơi đó có người đem hủ dầu ném vào nước; hủ bị vỡ, sành cặn chìm xuống, dầu bơ nổi lên trên. Cũng vậy, này Già-di-ni, những người nam hay nữ kia tinh tấn siêng tu, lại thực hành diệu pháp, thành tựu mười nghiệp đạo thiện là xa lìa việc giết, đoạn trừ việc giết, lấy của không cho, tà dâm, nói dối, cho đến xa lìa tà kiến, đoạn trừ tà kiến, được chánh kiến. Người ấy khi mạng chung, thân thể là sắc thô nặng, thuộc về bốn đại, do cha mẹ sanh, nuôi lớn bằng cơm áo, chống dựa khi ngồi nằm, chăm sóc bằng tắm gội, là pháp phá hoại, là pháp diệt tận, là pháp ly tán. Sau khi mạng chung, hoặc chim quạ rỉa mổ, hoặc hùm sói ăn, hoặc bị đốt, hoặc bị chôn. Tất cả trở thành cát bụi. Tâm ý thức của người ấy thường được huân tập bởi tín, tinh tấn, đa văn, bố thí, trí tuệ. Người ấy, nhân việc ấy, duyên việc ấy mà tự nhiên thăng lên cao, sanh đến thiện xứ.

"Này Già-di-ni, người ấy đối với việc sát sanh, đã xa lìa việc giết, đoạn trừ việc giết. Đó là con đường vườn hoa[7], con đường thăng tấn, con đường thiện xứ.

"Này Già-di-ni, cũng vậy đối với sự lấy của không cho, tà dâm, nói dối, cho đến tà kiến, xa lìa tà kiến, được chánh kiến. Đó là con đường vườn hoa, con đường thăng tấn, con đường thiện xứ.

"Này Già-di-ni, lại có con đường vườn hoa, con đường thăng tấn, con đường thiện xứ. Thế nào là lại có con đường vườn hoa, con đường thăng tấn, con đường thiện xứ? Đó là tám chi thánh đạo. Từ chánh kiến cho đến chánh định; đó là tám. Này Già-di-ni, đó là lại có con đường vườn hoa, con đường thăng tấn, con đường thiện xứ".

Đức Phật thuyết như vậy. Già-di-ni và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

❑

7. Hán: *viên quán chi đạo* ▬▬[▬▬D▬A có lẽ uyyāna (Pāli, vườn hoa) được do gốc động từ uyyāti: xuất phát. Sanskrti: udyāna: vườn hoa, cũng có nghĩa "tiên lên" (ud + YĀ).

18. KINH SƯ TỬ[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật du hóa tại nước Bệ-xá-li[2], bên bờ ao Di hầu[3], Cao lâu đài quán[4].

Bấy giờ một số đông bộ tộc Lệ-xế[5] ở Bệ-xá-li vân tập nơi thính đường[6], nhiều lần tán thán Phật, nhiều lần tán thán Pháp và Chúng Tỳ-kheo. Lúc ấy đại thần Sư Tử, đệ tử Ni-kiền[7], cũng ở trong chúng đó. Bấy giờ đại thần Sư Tử muốn đến thăm viếng Đức Phật để cúng dường lễ bái. Đại thần Sư Tử trước hết đi đến chỗ các Ni-kiền, thưa với các Ni-kiền rằng:

"Thưa chư Tôn, tôi muốn thăm viếng Sa-môn Cù-đàm".

Khi ấy các Ni-kiền quở Sư Tử rằng:

"Ông chớ đến thăm Sa-môn Cù-đàm. Vì sao vậy? Sa-môn Cù-đàm có tông chỉ bất khả tác[8], và cũng giảng cho mọi người về pháp bất khả tác[9]. Này Sư Tử, nếu thăm viếng người có tông chỉ bất khả tác sẽ không được may mắn; cúng dường lễ bái cũng sẽ không được may mắn".

Số đông Lệ-xế ở Bệ-xá-li ba lần vân tập nơi thính đường, nhiều lần tán thán Phật, nhiều lần tán thán Pháp và Chúng Tỳ-kheo. Lúc ấy đại thần Sư Tử, đệ tử Ni-kiền, cũng ba lần ở trong chúng đó. Bấy giờ đại thần Sư Tử cũng lại ba lần muốn đến thăm viếng Đức Phật, cúng dường, lễ bái.

Rồi đại thần Sư Tử không cáo từ các Ni-kiền nữa, mà đi thẳng đến chỗ Phật, cùng chào hỏi rồi ngồi xuống một bên và nói như vầy:

"Tôi nghe rằng Sa-môn Cù-đàm có tông chỉ bất khả tác, và cũng đem pháp bất khả tác giảng cho người khác. Thưa Cù-đàm, nếu có người nói như vầy: 'Sa-môn Cù-đàm có tông chỉ bất khả tác; cũng đem pháp bất khả tác giảng cho người khác'. Người

---

1. Bản Hán, quyển 4. Tương đương Pāli: A. VIII. 12. Sīha-sutta. Tham chiếu, Tứ Phần Luật 42 (Đại 22 tr.871); Pāli: Mahāvagga VI.31. 10-11.
2. Bệ-xá-li ▪@▬▬▬Fphiên âm quen thuộc là *Tì-da-li* ▪s▪C▬▬C Pāli: Vesālī, thủ phủ của bộ tộc Licchavi, phía Bắc sông Hằng, đối ngạn với Magadha.
3. Hán: Di hầu thủy biên ▬▬ ▪U▬▬▬C Không thấy địa danh này trọng Pāli. Bản Pāli: Vesāliyaṃ viharati Mahāvane Kūṭāgārasālāyaṃ, trú ở Vesālī, giảng đường Trùng các, trong rừng Mahāvana (Đại lâm).
4. Hán: *Cao lâu đài quán* ▬▬O▪O▪[▪C Pāli: kūīagārasāla, ngôi nhà lầu, thường gọi là "*Trùng các giảng đường* ▬▬▬▬".
5. Lệ-xế ▪R▪w▪Acũng phiên âm là Li-xa ▬▬▬hoặc Lê-xa ▬▬▬C Pāli: Licchavi.
6. Hán: *thính đường* ▬▬▬Asảnh đường. Pāli: santhāgāra, tập hội đường, hội trường, nhà hội nghị.
7. Hán: Ni-kiền đệ tử Sư Tử đại thần▬▬▬▬l▪v▪l▪j ▬▬CPāli: Sīho senāpati Nigaṇṭha - sāvaka.
8. Hán: *tông bổn bất khả tác* ▪v▬▬▬i ▪@▪CPāli: akiriyavāda, chủ trương phi tác nghiệp, không hành động hay không thực tiễn. Trong kinh, hàm ý "điều không nên làm" hay "không có tác dụng", tức chủ trương không hành động.
9. Hán: *bất khả tác pháp* ▬▬i ▪@▪k▪CPāli: akiriyāya dhammam.

đó há không hủy báng Sa-môn Cù-đàm chăng? Người ấy có nói đúng sự thật không? Người ấy nói có đúng pháp chăng? Người ấy nói đúng pháp và như pháp[10] chăng? Đối với như pháp, không có sai lầm và không bị chỉ trích chăng?"

Đức Thế Tôn đáp:

"Này Sư Tử, nếu có ai nói như vầy: 'Sa-môn Cù-đàm có tông chỉ bất khả tác, và cũng đem bất khả tác giảng cho mọi người', người ấy không hủy báng Sa-môn Cù-đàm, người ấy nói sự thật, người ấy nói đúng pháp, người ấy nói pháp như pháp, đối với như pháp không có sai lầm, cũng không bị chỉ trích. Vì sao vậy, này Sư Tử, có một sự kiện mà, nhân sự kiện đó[11], đối với pháp như thật, không thể hủy báng, khi nói rằng: 'Sa-môn Cù-đàm có tông chỉ bất khả tác, và cũng đem pháp bất khả tác ấy nói cho người khác'.

"Này Sư Tử, lại có một sự kiện nữa mà nhân sự kiện đó, đối với pháp như thật, không thể hủy báng, khi nói rằng: 'Sa-môn Cù-đàm có tông chỉ khả tác[12] và cũng đem pháp khả tác ấy nói cho người khác'.

"Này Sư Tử, lại có một sự kiện nữa mà nhân sự kiện đó, đối với pháp như thật, không thể hủy báng, khi nói rằng: 'Sa-môn Cù-đàm có tông chỉ đoạn diệt[13] và cũng đem pháp kinh tởm ấy nói cho người khác'.

"Này Sư Tử, lại có một sự kiện nữa mà nhân sự kiện đó, đối với pháp như thật, không thể hủy báng, khi nói rằng: 'Sa-môn Cù-đàm có tông chỉ kinh tởm[14] và cũng đem pháp kinh tởm ấy nói cho người khác'.

"Này Sư Tử, lại có một sự kiện nữa mà nhân sự kiện đó, đối với pháp như thật, không thể hủy báng, khi nói rằng: 'Sa-môn Cù-đàm có tông chỉ pháp luật[15] và cũng đem pháp về pháp luật ấy nói cho người khác'.

"Này Sư Tử, lại có một sự kiện nữa mà nhân sự kiện đó, đối với pháp như thật, không thể hủy báng, khi nói rằng: 'Sa-môn Cù-đàm có tông chỉ khổ hành[16] và cũng đem pháp khổ hành ấy nói cho người khác'.

"Này Sư Tử, lại có một sự kiện nữa mà nhân sự kiện đó, đối với pháp như thật, không thể hủy báng, khi nói rằng: 'Sa-môn Cù-đàm có tông chỉ không nhập thai[17] và cũng đem pháp không nhập thai ấy nói cho người khác'.

"Này Sư Tử, lại có một sự kiện nữa mà nhân sự kiện đó, đối với pháp như thật, không thể hủy báng, khi nói rằng: 'Sa-môn Cù-đàm có tông chỉ an ổn[18] và cũng đem pháp an ổn ấy nói cho người khác'.

"Này Sư Tử, thế nào là 'Có một sự kiện mà nhân sự kiện đó, đối với pháp như thật, không thể hủy báng, khi nói rằng: 'Sa-môn Cù-đàm có tông chỉ bất khả tác, và cũng đem pháp bất khả tác ấy nói cho người khác'? Này Sư Tử, Ta nói thân ác hạnh là không nên làm, khẩu và ý ác hạnh cũng không nên làm. Này Sư Tử, nếu có vô

---

10. Hán: *pháp như pháp* -k-p-k-CPāli: dhammassa cānudhamma, và tùy pháp của pháp, chỉ những vấn đề liên hệ đến pháp.
11. Pāli: atthi ... Pariyāyo, yena... pariyāyena: có pháp môn, do bởi pháp môn đó...
12. Hán: *tông bổn khả tác* -v——i-@-C Pāli: kiriyavāda.
13. Hán: *tông bổn đoạn diệt* -v——_——C Pāli: ucchedavāda.
14. Hán: *tông bổn khả (tắng) ố* -v——i(—)-c-C Pāli: jigucchavāda, tức chủ trương khổ hạnh.
15. Hán: *tông bổn pháp luật* -v——k——C Pāli: venayika, sự chế ngự.
16. Hán: *tông bổn khổ hành* -v——W——C Pāli: tapassī.
17. Hán: *tông bổn bất nhập thai* -v———J-L-C Pāli: không rõ.
18. Hán: *tông bổn an ổn* -v——w——C Pāli: assattha, sự nghỉ ngơi.

lượng pháp ô uế bất thiện tương tự như vậy, làm cội gốc cho chư hữu trong tương lai, làm nhân cho quả báo khổ, nóng bức, và làm nhân cho sanh, già, bệnh, chết, này Sư Tử, Ta nói pháp ấy hết thảy không nên làm. Này Sư Tử, đó là 'Có một sự kiện mà nhân sự kiện đó, đối với pháp như thật, không thể hủy báng, khi nói rằng: 'Sa-môn Cù-đàm có tông chỉ bất khả tác, và cũng đem pháp bất khả tác ấy nói cho người khác'.

"Này Sư Tử, thế nào là 'Có một sự kiện mà nhân sự kiện đó, đối với pháp như thật, không thể hủy báng rằng: 'Sa-môn Cù-đàm có tông chỉ khả tác và cũng đem tông chỉ khả tác ấy nói cho người khác'? Này Sư Tử, Ta nói thân diệu hạnh là nên làm, khẩu và ý diệu hạnh là nên làm. Này Sư Tử, nếu có vô lượng pháp thiện tương ứng như vậy, sẽ mang lại lạc quả, được thọ lạc báo, sanh về thiện xứ để được trường thọ. Này Sư Tử, Ta nói, tất cả những pháp này đều nên làm. Này Sư Tử, đó là 'Có một sự kiện mà nhân sự kiện đó, đối với pháp như thật không thể hủy báng rằng: 'Sa-môn Cù-đàm có tông chỉ khả tác và cũng đem pháp khả tác ấy nói cho người khác'.

"Này Sư Tử, thế nào là 'Có một sự kiện mà nhân sự kiện đó, đối với pháp như thật không thể hủy báng rằng: 'Sa-môn Cù-đàm có tông chỉ đoạn diệt và cũng đem pháp đoạn diệt ấy nói cho người khác'? Này Sư Tử, Ta nói thân ác hạnh nên đoạn diệt; khẩu, ý ác hạnh nên đoạn diệt. Này Sư Tử, nếu có vô lượng pháp ô uế, bất thiện như vậy, làm cội gốc cho cội hữu trong tương lai, làm nhân cho khổ báo phiền nhiệt, và cho sanh, già, bệnh, chết. Này Sư Tử, Ta nói tất cả các pháp ấy nên đoạn diệt. Này Sư Tử, đó là 'Có một sự kiện mà, nhân sự kiện đó, đối với pháp như thật, không thể hủy báng rằng: Sa-môn Cù-đàm có tông chỉ đoạn diệt, và cũng đem pháp đoạn diệt ấy nói cho người khác'.

"Này Sư Tử, thế nào là 'Có một sự kiện mà nhân sự kiện ấy, đối với pháp như thật không thể hủy báng rằng: 'Sa-môn Cù-đàm có tông chỉ kinh tởm và cũng đem pháp kinh tởm ấy nói cho người khác'? Này Sư Tử, Ta nói thân ác hạnh, nên kinh tởm; khẩu, ý ác hạnh nên kinh tởm. Này Sư Tử, nếu có vô lượng pháp ô uế bất thiện tương tự như vậy, làm cội gốc cho hữu trong tương lai, làm nhân cho khổ báo, phiền nhiệt, và cho sanh, già, bệnh, chết. Này Sư Tử, Ta nói những pháp ấy đều nên kinh tởm. Này Sư Tử, đó là 'Có một sự kiện mà nhân sự kiện đó, đối với pháp như thật không thể hủy báng rằng: 'Sa-môn Cù-đàm có tông chỉ kinh tởm, và cũng đem pháp kinh tởm ấy nói cho người khác'.

"Này Sư Tử, thế nào là 'Có một sự kiện, nhân sự kiện đó, đối với pháp như thật, không thể hủy báng rằng: 'Sa-môn Cù-đàm có tông chỉ pháp luật cũng đem pháp luật ấy nói cho người khác'? Này Sư Tử, vì mục đích đoạn tham dâm mà Ta nói pháp luật. Vì mục đích đoạn sân nhuế và ngu si mà Ta nói là pháp luật. Này Sư Tử, nếu vô lượng pháp ô uế bất thiện, tương tự như vậy, làm cội gốc cho hữu trong tương lai, làm nhân cho khổ báo, phiền nhiệt, và cho sanh, già, bệnh, chết, này Sư Tử, vì mục đích đoạn trừ những sự kiện ấy mà Ta nói pháp luật. Này Sư Tử, đó là 'Có một sự kiện mà nhân sự kiện ấy, đối với pháp như thật, không thể hủy báng rằng: 'Sa-môn Cù-đàm có tông chỉ pháp luật, cũng đem tông chỉ pháp luật ấy nói cho người khác'.

"Này Sư Tử, thế nào là 'Có một sự kiện mà nhân sự kiện đó, đối với pháp như thật, không thể hủy báng rằng: 'Sa-môn Cù-đàm có tông chỉ khổ hành và cũng đem pháp khổ hành ấy nói cho người khác'? Này Sư Tử, hoặc có Phạm chí Sa-môn

lõa hình, không y phục[19] hoặc dùng tay làm y phục, hoặc lấy lá làm y phục, hoặc lấy hạt châu làm y phục; hoặc không múc nước bằng bình, hoặc không múc nước bằng gáo; không ăn đồ ăn xốc xỉa bằng dao gậy, không ăn đồ ăn lừa dối, không tự mình đến, không làm khách được mời[20], không làm khách được chào đón[21], không làm khách được lưu[22], không ăn từ giữa hai người đang ăn, không ăn tại nhà có thai[23], không ăn từ nhà có nuôi chó, không ăn từ nhà có lằng xanh bay đến; không ăn cá, không ăn thịt, không uống rượu, không uống nước dấm[24], hoặc không uống gì cả, học tập hạnh không uống; hoặc ăn một miếng, cho một miếng là đủ[25], hoặc ăn hai, ba, bốn, cho đến bảy miếng, và cho bảy miếng là đủ, hoặc ăn bởi một lần nhận được[26], và cho đến một lần nhận được là đủ, hoặc ăn bởi hai, ba bốn cho đến bảy lần nhận được và cho bảy lần nhận được là đủ, hoặc ăn ngày một lần và cho một lần là đủ, hoặc hai, ba, bốn, năm, sáu, bảy ngày, nửa tháng, hay một tháng, ăn một lần và cho một lần là đủ; hoặc ăn cỏ[27], hoặc ăn lúa cỏ[28], hoặc ăn nếp tuế, hoặc ăn cám, hoặc ăn gạo đầu-đầu-la[29], hoặc ăn đồ ăn thô; hoặc đến chỗ vô sự[30], y nơi vô sự; hoặc ăn rễ, hoặc ăn trái, hoặc ăn quả tự rụng; hoặc mặc áo khâu đủ thứ vải[31], hoặc mặc áo lông, hoặc mặc áo vải đầu-xá[32], hoặc mặc áo vải đầu-xá bằng lông, hoặc mặc bằng da nguyên, hoặc mặc da có xoi lỗ, hoặc mặc da toàn xoi lỗ; hoặc để tóc xõa, hoặc để tóc bện, hoặc để tóc vừa xõa vừa bện, hoặc chỉ cạo tóc, hoặc chỉ cạo râu, hoặc cạo cả râu tóc, hoặc nhổ tóc, hoặc nhổ râu, hoặc nhổ cả râu tóc, hoặc chỉ đứng thẳng không hề ngồi, hoặc đi chồm hổm, hoặc nằm gai, lấy gai làm giường; hoặc nằm trái[33], lấy trái làm giường; hoặc thờ nước, ngày đêm lấy tay vọc; hoặc thờ lửa, ngày đêm đốt lên; hoặc thờ mặt trời, mặt trăng, thờ Đấng Tôn Hựu Đại Đức, chắp tay hướng về. So như vậy thời phải chịu vô lượng khổ, học hạnh phiền lao.

"Này Sư Tử, có những khổ hạnh như vậy, chứ Ta chẳng nói là không có. Này Sư Tử, nhưng những khổ hạnh như vậy là những nghiệp hạ tiện, rất khổ, rất khốn, là sự thực hành của người phàm phu, không phải Thánh đạo. Này Sư Tử, nếu có Sa-môn, Phạm chí đối với các pháp khổ hạnh ấy mà biết rõ, đoạn trừ, diệt tận và nhổ sạch gốc rễ

---

19. Đoạn trình bày các lối khổ hạnh này giống kinh 104 ở sau. Bản Pāli tương đương không có đoạn này. Các chú thích dưới đây tham chiếu D.xxv Udumbarika-sīhanāda-suttanta.
20. Hán: *bất lai tôn* ▬▬▬L▬C Pāli: na-ehi-bhadantika, "không là Tôn giả được gọi: *Mời đến đây*!"
21. Hán: *bất thiện tôn* ▬▬ ▬▬L▬C Không thấy có Pāli tương đương. Có lẽ: na-sādhu-bhadantika, "không là Tôn giả được chào đón: *Lành thay, Tôn giả*!"
22. Hán: *bất trụ tôn* ▬▬ ▬▬L▬C Pāli: na-tiṭṭha-bhadantika, "không là Tôn giả được mời mọc: *Hãy ở lại đây, Tôn giả!*"
23. Hán: *bất hoài nhâm gia thực* ▬▬h▬▬a▬▬CPāli: na gabbhiniyā (paṭiganṇhāti), không (nhận thức ăn) từ người đàn bà mang thai.
24. Hán: *ác thủy* ▬c▬▬CPāli: thusodaka, nước lên men.
25. Pāli: ekāgāriko vā hoti ekālopiko, mỗi nhà chỉ nhận một miếng ăn.
26. Hán: *thực nhất đắc* ▬▬@▬o▬CPāli: ekissāpi dattiyā yāpeti, chỉ sống bằng một vật được cho.
27. Hán: *thái như* ▬▬▬CPāli: sāka-bhakkho.
28. Hán: *bại tử* ▬▬l▬A loại cỏ giống như lúa. Pāli: sāmāka.
29. Hán: *đầu-đầu-la* ▬Y▬Y▬▬C Pāli: daddula.
30. Hán: *chí vô sự xứ* ▬▬L▬▬B▬Ađến nơi rừng vắng? Không thấy Pāli tương đương. Tham chiếu: vana-mūla-palāhāro yāpeti.
31. Hán: *liên hiệp y* ▬s▬X▬▬C Pāli: masāṇāni, vải gai lẫn các vải khác.
32. Hán: *đầu-xá y* ▬Y▬▬▬C Pāli: dussa, vải thô chưa nhuộm màu.
33. Hán: *ngọa quả* ▬▬▬G▬CPāli: phalaka, (nằm trên) tấm ván. Bản Hán hiểu phala(ka) là *trái cây*.

của chúng đến rốt cùng, không cho sanh ra, Ta nói rằng những người kia là khổ hạnh[34]. Này Sư Tử, Đức Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, đối với các pháp khổ hạnh ấy đã biết rõ, đã đoạn trừ, diệt tận, nhổ tất cả gốc rễ của chúng đến rốt cùng không cho sanh ra nữa, do đó Ta là người khổ hạnh. Này Sư Tử, đó là sự kiện mà nhân sự kiện đó, đối với pháp như thật, không thể hủy báng rằng: 'Sa-môn Cù-đàm có tông chỉ khổ hạnh, và cũng đem pháp khổ hạnh ấy nói cho người khác'.

"Này Sư Tử, thế nào là có một sự kiện mà nhân sự kiện đó, đối vời pháp như thật, không thể hủy báng khi nói rằng: 'Sa-môn Cù-đàm có tông chỉ không nhập thai, và cũng đem pháp không nhập thai ấy nói cho người khác?' Này Sư Tử, nếu có Sa-môn, Phạm chí nào đối với sự thai sanh trong tương lai mà biết rõ, đoạn trừ, diệt tận, nhổ tuyệt gốc rễ của nó, cho đến rốt cùng không cho sanh ra nữa, Ta nói rằng người kia không còn vào thai. Này Sư Tử, Đức Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, đối với thai sanh trong tương lai đã biết rõ, đã đoạn trừ, diệt tận, nhổ tuyệt gốc rễ của nó, cho đến rốt cùng không cho sanh ra nữa, do đó Ta không còn vào thai nữa. Này Sư Tử, đó là một sự kiện mà nhân sự kiện đó, đối với pháp như thật, không thể hủy báng khi nói rằng: 'Sa-môn Cù-đàm có tông chỉ không nhập thai và cũng đem pháp không nhập thai đó nói cho người khác'.

"Này Sư Tử, thế nào là có một sự kiện, mà nhân sự kiện đó đối với pháp như thật, không thể hủy báng khi nói rằng: 'Sa-môn Cù-đàm có tông chỉ an ổn và cũng đem pháp an ổn đó nói cho người khác'? Này Sư Tử, có một thiện nam tử nào đó cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo, chỉ vì mục đích thành tựu phạm hạnh vô thượng, ở ngay trong đời mà tự tri, tự giác, tự tác chứng, thành tựu và an trụ, biết như thật rằng: 'Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa'. Ta tự an ổn và cũng an ổn cho các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di khác. Ta đã an ổn và làm cho chúng sanh lệ thuộc vào sự sanh giải thoát sự sanh ấy; chúng sanh lệ thuộc vào già, tật bệnh, sự chết, ưu sầu, ô nhiễm, được sự giải thoát khỏi ưu sầu nhiễm ô ấy. Này Sư Tử, đó là có một sự kiện mà nhân sự kiện đó không thể hủy báng đối với pháp như thật rằng: 'Sa-môn Cù-đàm có tông chỉ an ổn và cũng đem pháp an ổn ấy nói cho người khác'."

Đại thần Sư Tử bạch Thế Tôn rằng:

"Bạch Cù-đàm, con đã biết. Bạch Thiện Thệ, con đã hiểu. Bạch Cù-đàm, cũng như người có mắt tỏ, cái gì úp thì giở lên, cái gì che kín thì mở ra, chỉ đường cho người mê, đem ánh sáng đến chỗ tối, để cho ai có mắt sáng liền thấy màu sắc. Sa-môn Cù-đàm cũng lại như vậy, bằng vô lượng phương tiện, để thuyết pháp cho con, bày tỏ nghĩa lý, tùy theo các đạo[35].

"Bạch Cù-đàm, nay con xin quy y Phật, quy y Pháp và Chúng Tỳ-kheo, cúi mong Thế Tôn nhận con làm Ưu-bà-tắc; kể từ hôm nay, trọn đời tự quy y, cho đến khi mạng chung.

"Bạch Thế Tôn, cũng như có người nuôi một con ngựa bất lương, mà mong được sự lợi ích, chỉ uổng công nhọc nhằn mà chẳng được sự lợi ích gì cả. Thế Tôn, con cũng như vậy. Các Ni-kiền ngu si kia, con không khéo hiểu biết, không thể tự biết, không nhận được đâu là ruộng tốt, mà lại không tự suy xét, mãi thờ kính, cúng dường, lễ bái

---

34. Pāli: yassa... Tapaniyā pāpakā akusalā dhammā pahīnā... tam ahaṃ 'tapassī' ti vadāmi, "những ai bằng khổ hạnh mà đoạn trừ các pháp ác bất thiện, Ta nói người ấy là 'người khổ hạnh'."

35. Hán: *tùy kỳ chư đạo* 隨其諸道 Pāli: không rõ.

để trông được lợi ích, chỉ nhọc mà vô ích. Bạch Thế Tôn, nay con một lần nữa xin tự quy Phật, Pháp và Chúng Tỳ-kheo. Cúi mong Đức Thế Tôn nhận con làm Ưu-bà-tắc, kể từ hôm nay, trọn đời tự quy y, cho đến mạng chung.

"Bạch Thế Tôn, con vốn không hiểu nên đối với các Ni-kiền ngu si kia có sự tin tưởng và kính trọng, và từ nay chấm dứt. Vì sao thế? Vì họ lừa dối con. Bạch Thế Tôn, nay con lần thứ ba, xin tự quy y nơi Phật, quy y Pháp, và Chúng Tỳ-kheo. Cúi mong Thế Tôn nhận con làm Ưu-bà-tắc, kể từ hôm nay, trọn đời tự quy y, cho đến mạng chung".

Phật thuyết như vậy. Đại thần Sư Tử và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

❑

19. KINH NI-KIỀN[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật du hóa tại Thích-ki-sấu[2], trong Thiên ấp[3].

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo rằng:

"Các Ni-kiền[4] thấy như vậy, nói như vậy: 'Những gì mà con người cảm thọ[5] đều do nhân đã tạo tác từ trước[6]. Nếu những nghiệp cũ của chúng do nhân khổ hạnh mà diệt và không tạo tác cái mới nữa, thì các nghiệp ấy dứt sạch. Các nghiệp đã dứt sạch thì các khổ được dứt sạch. Các khổ đã được dứt sạch thì đã đạt đến khổ biên[7]'.

"Ta liền đến các vị ấy; đến rồi liền hỏi:

"– Này các Ni-kiền, phải chăng các vị thấy như vầy, nói như vầy: 'Những gì mà con người cảm thọ đều do nhân đã tạo tác từ trước. Nếu những nghiệp cũ của chúng do nhân khổ hạnh mà diệt và không tạo tác cái mới nữa, thì các nghiệp ấy dứt sạch. Các nghiệp đã dứt sạch thì các khổ được dứt sạch. Các khổ đã được dứt sạch thì đã đạt đến khổ biên?'

"Họ trả lời rằng:

"– Đúng như vậy, Cù-đàm.

"Ta lại hỏi các vị Ni-kiền kia rằng:

"– Các vị tự có tịnh trí hay không, để biết rằng, trước kia ta có hay không có? Trước kia ta tạo ác hay không tạo ác? Ta chừng ấy khổ đã diệt tận, hay chừng ấy khổ chưa diệt tận; và nếu đã diệt tận thì sẽ được đã diệt tận vĩnh viễn[8]? Chính ngay trong đời này mà đoạn các pháp bất thiện và tạo tác các thiện pháp, tu tập và tác chứng chăng?'

"Họ trả lời rằng:

"– Không phải vậy, Cù-đàm!

"Ta lại hỏi các Ni-kiền kia rằng:

---

1. Tương đương Pāli: M.101. Devadaha-sutta.
2. Thích-ki-sấu, xem cht.192, kinh số 12.
3. Thiên ấp ━━A sinh quán thân mẫu của Đức Thích Tôn; vườn Lâm-tỳ-ni cũng gần đó. Pāli: Devadahaṃ nāma Sakyānaṃ nigamo, trong một tụ lạc tên là Devadaha (*Thiên tí*, cánh tay trời) của người họ Thích.
4. Ni-kiền, Pāli: Nigaṇṭha, xem chú thích? Bản Pāli: santi... eke samaṇabrāhmaṇā evaṃvādino evaṃdiṭṭhino... evaṃvādino... Nigaṇṭhā, "Có một số Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương như vầy, kiến giải như vầy... Những người Nigantha chủ trương như vậy".
5. Pāli: yaṃ kiñcāyaṃ purisapuggalo paṭisaṃvedeti sukhaṃ vā dukkhaṃ vā adukkham asukhaṃ vā, những gì mà con người cảm thọ như khổ, lạc, phi khổ phi lạc.
6. Nhân bổn tác ━]━━@━CPāli: pubbekatahetu, nguyên nhân được làm đời trước.
7. Pāli: dukkhakkhayā vedanākkhayo; vedanākkhayā sabbaṃ dukkhaṃ nijjiṇṇaṃ bhavisatī ti, "do khổ diệt tận nên thọ diệt tận; do thọ diệt tận nên hết thảy khổ tuyệt diệt".
8. Hán: *nhược tận dĩ, tiện đắc tận* ━Y━━w━K━o━━RVới sự diệt tận khổ mức độ như thế này, tất cả khổ sẽ được diệt tận.

"– Các vị tự mình không có tịnh trí để biết rằng: 'Trước kia ta có hay không có? Trước kia ta tạo ác hay không tạo ác? Ta chừng ấy khổ đã diệt tận, hay chừng ấy khổ chưa diệt tận; và nếu đã diệt tận thì sẽ được đã diệt tận vĩnh viễn? Chính ngay trong đời này mà đoạn các pháp bất thiện và tạo tác các thiện pháp, tu tập và tác chứng chăng?' Nhưng các vị lại nói rằng: 'Những gì mà con người cảm thọ đều do nhân đã tạo tác từ trước. Nếu những nghiệp cũ của chúng do nhân khổ hạnh mà diệt và không tạo tác cái mới nữa, thì các nghiệp ấy dứt sạch. Các nghiệp đã dứt sạch thì các khổ được dứt sạch. Các khổ đã được dứt sạch thì đã đạt đến khổ biên'.

"– Này các vị Ni-kiền, nếu các vị tự có tịnh trí để biết rằng: 'Trước kia ta có hay không có? Trước kia ta tạo ác hay không tạo ác? Ta chừng ấy khổ đã diệt tận, hay chừng ấy khổ chưa diệt tận; và nếu đã diệt tận thì sẽ được đã diệt tận vĩnh viễn? Chính ngay trong đời này mà đoạn các pháp bất thiện và tạo tác các thiện pháp, tu tập và tác chứng chăng?' Thì này các Ni-kiền, các vị mới có thể nói như vầy: 'Những gì mà con người cảm thọ đều do nhân đã tạo tác từ trước. Nếu những nghiệp cũ của chúng do nhân khổ hạnh mà diệt và không tạo tác cái mới nữa, thì các nghiệp ấy dứt sạch. Các nghiệp đã dứt sạch thì các khổ được dứt sạch. Các khổ đã được dứt sạch thì đã đạt đến khổ biên'.

"– Này Ni-kiền, cũng như có người mà thân thể bị trúng tên độc. Vì trúng tên độc nên rất đau đớn. Người ấy được quyến thuộc yêu mến xót thương, muốn đem lại sự thiện ích, an ổn, nên lập tức mời vị y sư nhổ tên đến[9]. Vị y sư liền lấy dao bén để giải phẫu vết thương; do sự phẫu thuật vết thương nên lại rất đau đớn. Sau khi giải phẫu vết thương, liền tìm mũi tên[10]; khi tìm mũi tên, lại càng rất đau đớn. Tìm được mũi tên, liền lập tức nhổ ra; lúc nhổ ra y lại càng đau đớn thêm. Nhổ mũi tên ra rồi, đậy vết thương lại và băng bó. Khi băng bó vết thương, lại càng đau đớn hơn. Sau khi nhổ được mũi tên ra, người ấy khỏe mạnh, không bệnh hoạn, các căn không hư hoại, bình phục như cũ.

"– Này các Ni-kiền, người ấy có sẵn khôn ngoan nên liền suy nghĩ như vầy: 'Ta trước kia bị trúng tên độc. Vì trúng tên độc nên rất đau đớn. Ta được quyến thuộc yêu mến xót thương, muốn đem lại sự thiện ích, an ổn, nên lập tức mời vị y sư nhổ tên đến. Vị y sư liền lấy dao bén để giải phẫu vết thương; do sự phẫu thuật vết thương nên lại rất đau đớn. Sau khi giải phẫu vết thương, liền tìm mũi tên; khi tìm mũi tên, lại càng rất đau đớn. Tìm được mũi tên, liền lập tức nhổ ra; lúc nhổ ra lại càng đau đớn thêm. Nhổ mũi tên ra rồi, đậy vết thương lại và băng bó. Khi băng bó vết thương, lại càng đau đớn hơn. Ta sau khi mổ mũi tên ra rồi, được khỏe mạnh, không bệnh hoạn, các căn không hư hoại, trở lại bình thường như cũ'.

"– Cũng vậy, này Ni-kiền, nếu các vị có tịnh trí, vậy có biết rằng: 'Trước kia ta có hay không có, trước kia ta tạo ác hay không tạo ác? Ta bị chừng ấy khổ là hết hay bị chừng ấy khổ vẫn chưa hết. Nếu hết rồi sẽ được hết khổ vĩnh viễn? Chính ngay trong đời này mà đoạn các pháp bất thiện và tạo được các thiện pháp tu tập và tác chứng chăng?' Thì này các Ni-kiền, các vị mới có thể nói rằng: 'Những gì mà con người cảm thọ đều do nhân đã tạo tác từ trước. Nếu những nghiệp cũ của chúng do nhân khổ hạnh diệt mà không tạo nghiệp mới nữa, thì các nghiệp ấy sẽ chấm dứt. Các nghiệp đã chấm dứt thì các khổ sẽ chấm dứt, các khổ đã được chấm dứt thì đã đạt đến khổ biên'.

"Ta hỏi như vậy mà không thấy các Ni-kiền có thể trả lời Ta rằng: 'Này Cù-đàm,

---

9. Hán: *bạt tiễn kim y* ━━b━━━C Pāli: bhisakko sallakatto, y sĩ nhổ tên, hay y sĩ giải phẫu.

10. Hán: *tiễn kim* ━b━━C

đúng như vậy' hay 'không đúng như vậy'.

"Lại nữa, Ta hỏi các Ni-kiền rằng:

"– Nếu các vị Ni-kiền có sự tinh cần bậc thượng, có sự khổ hành bậc thượng[11]; bấy giờ các Ni-kiền có phát sanh sự khổ bậc thượng[12] chăng?

"Họ trả lời Ta rằng:

"– Đúng vậy, Cù-đàm.

"– Nếu có sự tinh cần bậc trung, có sự khổ hành bậc trung; bấy giờ các Ni-kiền có phát sanh sự khổ bậc trung chăng?

"Họ trả lời Ta rằng:

"– Đúng vậy, Cù-đàm.

"– Nếu có sự tinh cần bậc hạ, có sự khổ hành bậc hạ; bấy giờ các Ni-kiền có phát sanh sự khổ bậc hạ chăng?

"Họ trả lời Ta rằng:

"– Đúng vậy, Cù-đàm.

"– Như vậy là, nếu các vị Ni-kiền có sự tinh cần bậc thượng, có sự khổ hành bậc thượng; bấy giờ các Ni-kiền có phát sanh sự khổ bậc thượng. Nếu có sự tinh cần bậc trung, có sự khổ hành bậc trung; bấy giờ các Ni-kiền có phát sanh sự khổ bậc trung. Nếu có sự tinh cần bậc hạ, có sự khổ hành bậc hạ; bấy giờ các Ni-kiền có phát sanh sự khổ bậc hạ.

"Nếu giả sử các Ni-kiền có sự tinh cần bậc thượng và khổ hành bậc thượng, bấy giờ các Ni-kiền ấy dập tắt sự khổ bậc thượng. Có sự tinh cần bậc trung và khổ hành bậc trung, bấy giờ các Ni-kiền ấy dập tắt sự khổ bậc trung. Có sự tinh cần bậc hạ và khổ hành bậc hạ, bấy giờ các Ni-kiền ấy dập tắt sự khổ bậc hạ. Hoặc làm như vậy, hoặc không làm như vậy, mà dập tắt khổ cùng cực và các nỗi khổ rất nặng nề, thì nên biết các Ni-kiền ngay trong đời này mà gây ra khổ. Nhưng các Ni-kiền bị si mê che lấp, bị si mê trói buộc, nên nói thế này: 'Những gì mà con người cảm thọ đều do nhân đã tạo tác từ trước. Nếu những nghiệp cũ của chúng do nhân khổ hạnh diệt mà không tạo nghiệp mới nữa, thì các nghiệp ấy sẽ chấm dứt. Các nghiệp đã chấm dứt thì các khổ sẽ chấm dứt, các khổ đã được chấm dứt thì đã đạt đến khổ biên'.

"Ta hỏi như vậy mà không thấy các Ni-kiền có thể trả lời Ta rằng: 'Này Cù-đàm, đúng như vậy' hay 'không đúng như vậy'.

"Lại nữa, Ta hỏi các Ni-kiền rằng:

"– Các vị Ni-kiền, nếu có nghiệp mang lại lạc báo[13] thì nghiệp ấy có thể nào nhân sự tinh cần và nhân sự khổ hành mà chuyển thành khổ báo chăng? Họ trả lời Ta rằng:

"– Không thể, thưa Cù-đàm!

"– Các vị Ni-kiền, nếu có nghiệp mang lại khổ báo[14] thì nghiệp ấy có thể nào nhân sự tinh cần và nhân sự khổ hạnh mà chuyển thành lạc báo chăng?

"Họ trả lời Ta rằng:

"– Không thể, thưa Cù-đàm!

---

11. Hán: *thượng đoạn thượng khổ hành* -W-_-W-W--R*đoạn* ở đây được hiểu là tinh cần. Pāli: tibbo uppakkamo, tibbaṃ padhānaṃ, "tiến hành một cách căng thẳng, tinh cần một cách căng thẳng". Trong bản Hán, padhāna (*tinh cần*) được đọc là pahāna (*đoạn*).

12. *Sanh thượng khổ* --W-W-Rlãnh thọ cảm thọ tối thượng khổ. Pāli: tibbā opakkamikā dukkhā, những (cảm giác) khổ đột nhiên và kịch liệt.

13. Hán: *lạc báo nghiệp* ----~-CPāli: kammaṃ sukhavedanīyaṃ, nghiệp dẫn đến cảm thọ lạc.

14. Hán: *khổ báo nghiệp* -W---~-C Pāli: kammaṃ dukkhavedanīyaṃ.

"– Các vị Ni-kiền, nếu có nghiệp báo trong đời hiện tại[15], thì nghiệp ấy có thể nào nhân sự tinh cần và nhân sự khổ hành ấy mà chuyển thành quả báo đời sau chăng?

"Họ trả lời Ta rằng:

"– Không thể, thưa Cù-đàm!

"– Các vị Ni-kiền, nếu có nghiệp báo đời sau[16] thì nghiệp ấy có thể nào nhân sự tinh cần và nhân sự khổ hành mà chuyển thành quả báo đời hiện tại chăng?

"Họ trả lời Ta rằng:

"– Không thể, thưa Cù-đàm!

"– Các vị Ni-kiền, nếu có nghiệp báo không chín[17], nghiệp ấy có thể nào nhân sự tinh cần và nhân sự khổ hạnh mà chuyển thành quả báo chín[18] chăng?

"Họ trả lời Ta rằng:

"– Không thể, thưa Cù-đàm!

"– Các vị Ni-kiền, đó là lạc nghiệp báo, nghiệp ấy không thể nhân sự tinh cần và nhân sự khổ hành, mà chuyển thành khổ báo được. Này các Ni-kiền, khổ báo nghiệp; nghiệp ấy không thể nhân sự tinh cần hay nhân sự khổ hành mà chuyển thành lạc báo được. Này các Ni-kiền, hiện báo nghiệp; nghiệp ấy không thể nhân sự tinh tấn và nhân sự khổ hạnh mà chuyển thành hậu báo được. Này các Ni-kiền, sanh nghiệp báo; nghiệp ấy không thể nhân sự tinh cần và nhân sự khổ hạnh mà chuyển thành hiện báo được. Này các Ni-kiền, nghiệp không chín, nghiệp ấy không thể nhân sự tinh cần và nhân sự khổ hạnh mà chuyển thành quả báo chín. Này các Ni-kiền, nghiệp báo chín; nghiệp ấy không thể nhân sự tinh cần và nhân sự khổ hạnh mà chuyển đổi thành khác đi được. Vì vậy, này các Ni-kiền, sự nỗ lực của quý vị là hư vọng[19], sự tinh cần ấy là trống rỗng, chẳng đạt được gì cả[20].

"Các Ni-kiền ấy liền trả lời Ta rằng:

"Thưa Cù-đàm, chúng tôi có tôn sư tên là Thân Tử Ni-kiền[21] có nói thế này: 'Các Ni-kiền, nếu các ngươi trước kia đã tạo tác ác nghiệp; những nghiệp ấy đều có thể nhân sự khổ hành này mà bị diệt tận. Nếu nay hộ trì thân, khẩu, ý; nhân đó không còn tạo ác nghiệp nữa'.

"Ta lại hỏi các Ni-kiền kia rằng:

"– Các vị tin tôn sư Thân Tử Ni-kiền, mà không chút nghi ngờ sao?

"Họ trả lời ta rằng:

"– Cù-đàm, chúng tôi tin tôn sư Thân Tử Ni-kiền, không hề có nghi hoặc.

"Ta lại hỏi các Ni-kiền kia rằng:

"– Có năm pháp đem lại hai quả báo trong đời này. Đó là tín, lạc, văn, niệm, kiến thiện quán[22]. Các Ni-kiền, có phải chăng người ta tự có sự hư dối mà nói rằng: 'Điều này

---

15. Hán: *hiện pháp báo nghiệp* -{-k——~-C Pāli: diṭṭhadhammavedanīya kamma.
16. Hán: *hậu sanh báo nghiệp* ————~-C Pāli: samparāyavedanṭya kamma.
17. Hán: *bất thục báo nghiệp* ————~-C Pāli: aparipakkavedanīya kamma.
18. Hán: *thục báo nghiệp* ———~-C Pāli: paripakkavedanīya kamma.
19. Hán: *hư vọng phương tiện* ——k——K-CPāli: aphalo upakkamo, nỗ lực không kết quả.
20. Hán: *không đoạn vô hoạch* ——_-L——CPāli: aphalaṃ padhānaṃ, sự chuyên cần không kết quả.
21. Thân Tử Ni-kiền ——l———CPāli: Nigaṇṭha Nātaputta.
22. *Tín* -H(saddhā), *lạc* —(ruci: hoan hỷ), *văn* -D (anussava: tùy văn, nghe tường thuật), *niệm* —(ākārāparivitakka: tướng tĩnh lự, suy xét các dấu hiệu hay điều kiện hay lý do), và *kiến thiện quán* ———[(diṭṭhinijhānakhanti: nhẫn thọ tà kiến).

đáng tin, đáng nghe theo, đáng suy ngẫm, đáng chiêm nghiệm kỹ[23]?' Họ trả lời Ta rằng:

"– Đúng như vậy, thưa Cù-đàm!

"Ta lại bảo các Ni-kiền kia rằng:

"– Đó là lời dối trá, sao đáng tin, sao đáng nghe theo, sao đáng suy ngẫm, sao đáng chiêm nghiệm? Nghĩa là, người ta tự có sự hư dối mà nói rằng: 'Điều này đáng tin, đáng nghe theo, đáng suy ngẫm, đáng chiêm nghiệm kỹ'.

"Nếu các Ni-kiền nói như thế thì đối với pháp như thật có năm điều đáng khiển trách[24], chất vấn, là đáng ghê tởm[25]. Những gì là năm?

"Nay những điều khổ, lạc mà chúng sanh này cảm thọ đều do sự tạo tác trước kia[26]. Nếu đúng như vậy thì các Ni-kiền trước kia tạo các ác nghiệp. Bởi thế nên nay các Ni-kiền phải thọ khổ cực trọng đại. Đó là điều đáng ghê tởm thứ nhất của các Ni-kiền.

"Lại nữa, chúng sanh lãnh thọ sự khổ vui đều do sự hội hợp[27]. Nếu đúng như vậy thì các vị vốn hội hợp các điều ác. Bởi thế nên nay các Ni-kiền phải thọ khổ cực trọng đại. Đó là điều đáng ghê tởm thứ hai của các Ni-kiền.

"Lại nữa, chúng sanh lãnh thọ sự khổ vui đều do định mạng[28]. Nếu đúng như vậy thì các Ni-kiền có định mạng ác. Bởi vậy cho nên nay các Ni-kiền phải thọ khổ cực trọng đại. Đó là điều đáng ghê tởm thứ ba của các Ni-kiền.

"Lại nữa, chúng sanh lãnh thọ sự khổ vui đều do kiến[29]. Nếu đúng như vậy thì các Ni-kiền vốn có ác kiến. Bởi vậy cho nên nay các Ni-kiền phải thọ khổ cực trọng đại. Đó là điều đáng ghê tởm thứ tư của các Ni-kiền.

"Lại nữa, chúng sanh lãnh thọ sự khổ vui đều do Tôn hựu tạo[30]. Nếu đúng như vậy thì các Ni-kiền vốn có một Tôn hựu hung ác. Bởi vậy cho nên nay các Ni-kiền phải thọ khổ cùng cực. Đó là điều đáng ghê tởm thứ năm của các Ni-kiền.

"Nếu các Ni-kiền vốn do tạo tác nghiệp ác hội hợp, ác định mạng, ác kiến, ác Tôn hựu, vì thế mà các Ni-kiền nay phải lãnh thọ khổ cực trọng đại. Đó là vì những việc ấy nên các Ni-kiền là những người đáng ghê tởm.

"Pháp mà ta tự tri, tự giác và nói cho các vị, dù là Sa-môn, Phạm chí, hoặc Thiên, Ma, Phạm và những kẻ khác trên thế gian đều không thể hàng phục được, đều không thể chế ngự được.

"Thế nào là pháp mà ta tự tri, tự giác và nói cho các vị, không thể bị Sa-môn, Phạm chí, hoặc Thiên, Ma, Phạm và những kẻ khác trên thế gian có thể khuất phục được? Có thể làm cho ô uế được, và có thể chế ngự được?

"Nếu có Tỳ-kheo xả bỏ thân nghiệp bất thiện để tu thiện nghiệp nơi thân; xả bỏ

---

23. Hán: năm điều, *tín, lạc, văn, niệm, kiến thiện quán*. Bản Pāli: "Lòng tin của các Tôn giả Niganṭha đối với Tôn sư quá khứ như là thế nào? Sự hoan hỷ, tùy văn, thẩn sấn và nhẫn thọ như thế nào?" (diễn giải về năm pháp nói trên).

24. Hán: ngũ trách cật. Pāli: dasa vādānuvādā, mười luận đề (của các học thuyết).

25. Hán: *khả tắng ố* –i——c–C

26. Hán: *nhân bản tác* –]——@–C Pāli: pubbekatahetu.

27. Hán: *nhân hiệp hội* –]–X–|–C Pāli: saṅgātibhava.

28. Hán: *nhân vi mạng* –]——R–C Pāli: abhijātihetu, nhân là chủng loại thọ sanh. Tức do sự khác biệt da màu hay huyết thống.

29. Hán: *nhân kiến* –]——C Pāli: diṭṭhadhammupakkamahetu, nguyên nhân là sự nỗ lực trong đời hiện tại. Bản Hán hình như chỉ đọc: diṭṭha-hetu.

30. Hán: *Tôn hựu tạo* –L——y–C Pāli: Issaranimmānahetu, nguyên nhân là sự sáng tạo của Thượng đế (Tự tại thiên).

khẩu, ý nghiệp bất thiện, tu thiện nghiệp nơi khẩu, ý. Vị đó đối với sự khổ đời vị lai liền tự biết ta không có khổ đời vị lai, được sự an lạc như pháp mà không xả bỏ[31]. Vị ấy hoặc muốn đoạn trừ đối với nguyên nhân của khổ do sự tập hành bằng dục, hoặc muốn nỗ lực đoạn trừ đối với nguyên nhân của khổ do sự tập hành bằng xả dục[32]. Vị ấy nếu muốn nỗ lực đoạn trừ đối với nguyên nhân của khổ do tập hành bằng dục, vị ấy tu tập sự tập hành bởi dục ấy[33] và sau khi đã nỗ lực thành tựu[34], sự khổ liền chấm dứt. Vị ấy nếu muốn đoạn trừ đối với nguyên nhân của khổ bằng sự tập hành bởi xả dục, tức tu tập sự tập hành bởi xả dục ấy, và sau khi nỗ lực đã thành tựu, sự khổ liền chấm dứt.

"Bấy giờ nếu Tỳ-kheo ấy suy nghĩ như thế này: 'Tùy theo sự tạo tác, tùy theo sự thực hành mà pháp bất thiện sanh khởi, thiện pháp bị tiêu diệt. Nếu tự tinh cần khổ hạnh[35] mà pháp bất thiện bị tiêu diệt, thiện pháp sinh khởi, thì ta hãy tự tinh cần khổ hạnh ấy[36]'. Rồi vị ấy tự tinh cần khổ hạnh. Sau khi đã tinh cần khổ hạnh, pháp bất thiện bị tiêu diệt, thiện pháp sanh khởi. Bấy giờ vị ấy không còn tinh cần khổ hạnh nữa. Vì sao thế? Này các Tỳ-kheo, những gì cần phải làm trước đó, nay mục đích đã thành tựu, nếu còn tinh cần khổ hạnh, việc ấy không xảy ra.

"Này Tỳ-kheo, cũng như người thợ làm tên, dùng kềm để uốn tên[37]. Khi cây tên đã thẳng thì không còn dùng kềm nữa. Vì sao thế? Vì việc phải làm trước đó nay đã xong rồi, nếu còn dùng kềm nữa, việc ấy không đúng.

"Cũng vậy, Tỳ-kheo suy nghĩ như thế này: 'Tùy theo sự tạo tác, tùy theo sự thực hành mà pháp bất thiện sanh khởi, thiện pháp bị tiêu diệt. Nếu tự tinh cần khổ hạnh mà pháp bất thiện bị tiêu diệt, thiện pháp sinh khởi, thì ta hãy tự tinh cần khổ hạnh ấy'. Rồi vị ấy tự tinh cần khổ hạnh. Sau khi đã tinh cần khổ hạnh, pháp bất thiện bị tiêu diệt, thiện pháp sanh khởi. Bấy giờ vị ấy không còn tinh cần khổ hạnh nữa. Vì sao thế? Này các Tỳ-kheo, những gì cần phải làm trước đó, nay mục đích đã thành tựu, nếu còn tinh cần khổ hạnh việc ấy không đúng.

"Này Tỳ-kheo, cũng như có người thương nhớ, say đắm, trông chờ săn đón một người nữ kia, nhưng người nữ ấy lại nói chuyện với một người khác, thăm hỏi lẫn nhau,

---

31. Pāli: dhammikaṃ ca sukhaṃ na pariccajati, tasmiṃ ca sukhe anadhimucchito, vị ấy không từ bỏ lạc thọ phù hợp chánh pháp, nhưng cũng không bị buộc chặt vào lạc thọ đó.

32. Hán: *Bỉ hoặc dục đoạn khổ nhân hành dục, hoặc dục đoạn khổ nhân hành xả dục* ━━━━━_━W━]━━━━━━_━W━]━━━━━CDục đoạn hành tức khát vọng đoạn trừ bất thiện bằng tinh cần trong khổ hạnh. Dục đoạn này được phát triển trong tinh tấn, khinh an, niệm, chánh tri, và do tư duy xả. Trong bản Hán này có hai phương pháp tu tập, hoặc bằng dục đoạn hành thuần tuý, hoặc dục đoạn hành đi đôi với xả. Pāli: imassa kho me dukkhanidānassa saṃkhāraṃ padahato saṃkhātappadhānā virāgo hoti; imassa pana me dukkha-nidānassa ajjhupekkhato upekhaṃ bhāvayato virago hoti, ta đối với nguyên nhân đau khổ này tinh cần hành; do tinh cần hành mà ly nhiễm; lại nữa, ta đối với nguyên nhân đau khổ này mà xả (không quan tâm); do tu tập xả mà ly nhiễm. (Nghĩa là, không cần đến sự tinh cần khổ hạnh nữa; Tự đoạn khổ).

33. Hán: *tu kỳ hành dục* ━━━━━━CPāli: saṃkhāraṃ tattha padahati, ở đây vị ấy tập trung nỗ lực trên hành.

34. Hán: *dĩ đoạn* ━w━_━Rtinh cần tới mức tuyệt đỉnh.

35. Hán: *tự đoạn khổ* ━━━_━W━CPāli: dukkhāya attānaṃ padahato, tập trung tự ngã để hành trì khổ.

36. Đại ý đoạn này theo Pāli: vị Tỳ-kheo trong khi sống với cảm thọ lạc, nhận thấy pháp thiện suy giảm và bất thiện tăng trưởng, bèn áp dụng sự thực hành với cảm thọ khổ (tức áp dụng lối khổ tu), khi ấy pháp thiện tăng trưởng và pháp bất thiện suy giảm.

37. Hán: *dụng kiểm (*sic*) nạo tiễn* ━━━━━b━CPāli: tejanaṃ dvisu alātesu ātāpitaṃ, hơ nóng cây tên giữa hai ngọn lửa.

qua lại chung chạ. Người ấy do đó mà thân tâm phát sinh khổ não, buồn rầu không?"

Tỳ-kheo đáp:

"Thật như vậy, bạch Thế Tôn!"

"Vì sao thế? Vì người kia thương nhớ say đắm và hết sức trông chờ săn đón nữ nhân mà nữ nhân ấy lại nói chuyện với người khác, thăm hỏi lẫn nhau, qua lại chung chạ, thân tâm người ấy làm sao khỏi sanh ra khổ não buồn rầu.

"Này Tỳ-kheo, giả sử người kia suy nghĩ thế này: Ta thương nhớ săn đón suông người nữ kia, nhưng người nữ ấy lại nói chuyện với người khác, thăm hỏi lẫn nhau, qua lại chung chạ. Nay ta có nên vì việc ấy tự gây khổ não và tự gây ưu phiền mà dứt trừ sự thương nhớ say đắm người nữ kia chăng?' Người ấy sau đó vì sự tự gây khổ, tự gây sầu não liền dứt trừ sự thương nhớ say đắm người nữ ấy? Nếu người nữ kia vẫn còn nói chuyện với người khác, thăm hỏi lẫn nhau, qua lại chung chạ, người ấy sau đó có thể nào sẽ còn sanh ra khổ não, rất buồn rầu chăng?"

Tỳ-kheo đáp:

"Không còn nữa, bạch Thế Tôn".

"Vì sao thế? Vì người ấy đối với nữ nhân kia không còn tình thương nhớ say đắm nữa. Giả sử nữ nhân kia vẫn còn nói chuyện với người khác, thăm hỏi lẫn nhau, qua lại chung chạ; nếu cho rằng người kia vì thế mà thân tâm lại còn sanh khởi khổ não, rất buồn rầu, điều ấy không đúng.

"Cũng thế, bấy giờ Tỳ-kheo suy nghĩ thế này: 'Tùy theo sự tạo tác, tùy theo sự thực hành mà pháp bất thiện sanh khởi, thiện pháp bị tiêu diệt. Nếu tự tinh cần khổ hạnh mà pháp bất thiện bị tiêu diệt, thiện pháp sinh khởi, thì ta hãy tự tinh cần khổ hạnh ấy'. Rồi vị ấy tự tinh cần khổ hạnh. Sau khi đã tinh cần khổ hạnh, pháp bất thiện bị tiêu diệt, thiện pháp sanh khởi. Bấy giờ vị ấy không còn tinh cần khổ hạnh nữa. Vì sao thế? Này các Tỳ-kheo những gì cần phải làm trước đó, nay mục đích đã thành tựu, nếu còn tinh cần khổ hạnh việc ấy không đúng.

"Vị ấy lại nghĩ như thế này: 'Nếu có những nguyên nhân để đoạn trừ các khổ não kia, ta liền đã đoạn trừ rồi, nhưng đối với dục ta vẫn còn như cũ chớ chưa đoạn được. Nay ta hãy tìm cách đoạn được dục. Vị ấy vì để đoạn dục, bèn sống cô độc, ẩn dật nơi rừng vắng, hoặc đến dưới bóng cây, nơi vắng vẻ, sườn núi, động đá, đất trống, lùm cây, hoặc đi vào rừng sâu, hoặc ở giữa bãi tha ma. Khi vị ấy đã sống nơi rừng vắng rồi, hoặc là đến dưới bóng cây, nơi vắng vẻ yên lặng, trải Ni-sư-đàn, ngồi kiết già, dựng thân ngay thẳng, phản tỉnh không hướng ý niệm ra ngoài[38] đoạn trừ tham lam[39], tâm không còn não hại[40]; thấy của cải và tư cụ sinh sống của người khác, không còn móng khởi tham lam, muốn sao cho được về mình. Vị ấy đối với tham lam đã tịnh trừ tâm ý. Cũng vậy, đối với sân nhuế, tùy miên, trạo hối, đoạn trừ nghi, vượt qua hoặc, không còn do dự đối với các thiện pháp, vị ấy đối với nghi đã tịnh trừ tâm ý.

"Vị ấy đã đoạn trừ năm triền cái[41] vốn làm tâm ô uế, tuệ yếu kém, ly dục, ly ác bất thiện pháp, cho đến chứng đệ Tứ thiền, thành tựu và an trụ.

"Vị ấy đạt được tịnh tâm thanh tịnh, không nhơ uế và không phiền nhọc như vậy,

---

38. Hán: *phản niệm bất hướng* ————V-C Pāli: parimukhaṃ satiṃ upaṭṭhapetvā, sau khi đặt niệm tưởng ngay trước mặt (hệ niệm tại tiền).

39. Hán: *tham tứ* -g——FPāli: abhijjhaṃ loke, ham muốn trần tục.

40. Hán: *tâm vô hữu tránh* ——L———C

41. Hán: *ngũ cái* ——\-A vừa kể đoạn trên. Pāli: pañca nivāraṇā.

nhu nhuyến và khéo léo an trụ, chứng đắc tâm bất động, hướng thẳng đến lậu tận trí thông. Vị ấy biết như thật rằng: 'Đây là Khổ', 'đây là Khổ tập', 'đây là Khổ diệt', và biết như thật 'đây là Khổ diệt đạo'. Cũng biết như thật rằng: Đây là lậu, đây là lậu tập, đây là lậu diệt, biết như thật đây là lậu diệt đạo. Vị ấy biết như vậy, thấy như vậy thì tâm giải thoát khỏi dục lậu, hữu lậu, tâm giải thoát vô minh lậu. Giải thoát rồi liền biết là giải thoát, biết như thật rằng: 'Sự sanh đã hết, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa'.

"Đức Như Lai với chánh tâm giải thoát như vậy thành tựu được năm điều tán thán như pháp, không tranh cãi, khả ái, khả kính. Những gì là năm?

"Chúng sanh kia thọ lãnh khổ vui đều do sự tạo tác trước kia. Nếu đúng như vậy thì Như Lai vốn có nghiệp vi diệu từ trước. Bởi vậy nên nay Như Lai mới có sự an lạc vô lậu của bậc Thánh, tịch tịnh, tĩnh chỉ, cảm thọ lạc. Đó là điều xưng tán thứ nhất mà Như Lai đạt được.

"Lại nữa, chúng sanh thọ lãnh khổ vui đều do hiệp hội. Nếu đúng như vậy thì Như Lai vốn có sự nghiệp hội vi diệu. Bởi vậy, nên nay Như Lai mới có sự hiệp hội vi diệu, sự an lạc vô lậu của bậc Thánh, tịch tịnh, tĩnh chỉ, cảm thọ lạc. Đó là điều xưng tán thứ hai mà Đức Như Lai đạt được.

"Lại nữa, chúng sanh thọ lãnh khổ vui đều do định mạng. Nếu đúng như vậy thì Như Lai vốn có định mạng vi diệu. Bởi vậy, nên nay Như Lai mới có sự an lạc vô lậu của bậc Thánh, tịch tịnh, tĩnh chỉ, cảm thọ lạc. Đó là điều xưng tán thứ ba mà Đức Như Lai đạt được.

"Lại nữa, chúng sanh thọ lãnh khổ vui đều do kiến. Nếu đúng như vậy thì Như Lai vốn có kiến vị diệu. Bởi vậy, nên nay Như Lai mới có sự an lạc vô lậu của bậc Thánh, tịch tịnh, tĩnh chỉ, cảm thọ lạc. Đó là điều xưng tán thứ tư mà Đức Như Lai đạt được.

"Lại nữa, chúng sanh thọ lãnh khổ vui đều do Đấng Tôn Hựu tạo tác. Nếu đúng như vậy thì Như Lai vốn có Tôn Hựu vi diệu. Bởi vậy, nên nay Như Lai mới có sự an lạc vô lậu của bậc Thánh, tịch tịnh, tĩnh chỉ, cảm thọ lạc. Đó là điều xưng tán thứ năm mà Đức Như Lai đạt được.

"Đó là Như Lai vốn có từ trước nghiệp vi diệu, sự hội họp vi diệu, định mạng vi diệu, kiến vi diệu và Tôn Hựu vi diệu và tạo tác vi diệu của Tôn Hựu. Do đó mà Như Lai được năm điều tán thán.

"Có năm nhân duyên làm cho tâm sanh ưu khổ. Những gì là năm? Đó là dâm dục triền, do dâm dục quấn chặt nên tâm sanh ưu khổ. Cũng vậy, đối với sân nhuế, thụy miên, trạo hối, nghi hoặc. Do nghi hoặc quấn chặt, nên tâm sanh ưu khổ. Đó là năm nhân duyên làm tâm sanh ưu khổ.

"Có năm nhân duyên để tâm diệt ưu khổ. Những gì là năm? Như do dâm dục triền nên tâm sinh ưu khổ, trừ dâm dục triền rồi thì ưu khổ liền bị tiêu diệt. Vì dâm dục triền nên tâm sanh ra ưu khổ, ngay trong đời hiện tại mà chứng đắc cứu cánh, không phiền, không nhiệt và thường trụ bất biến; đó là sở tri của bậc Thánh, sở kiến của bậc Thánh. Cũng vậy, với sân nhuế, thùy miên, nghi hoặc triền; do nghi hoặc quấn chặt nên tâm sanh ra ưu khổ. Nếu trừ được nghi hoặc triền rồi thì ưu khổ liền bị tiêu diệt. Vì nghi hoặc quấn chặt nên tâm sanh ra ưu khổ, trong đời hiện tại mà chứng đắc cứu cánh, không phiền, không nhiệt, thường trụ bất biến. Đó là sở tri của bậc Thánh, sở kiến của bậc Thánh. Ấy là năm nhân duyên để tâm diệt trừ ưu khổ.

"Lại nữa, còn có pháp khác ngay trong đời hiện tại mà chứng đắc cứu cánh, không

phiền, không nhiệt, thường trụ và bất biến, là sở tri của bậc Thánh, là sở kiến của bậc Thánh. Thế nào là còn có pháp khác ngay trong đời hiện tại mà chứng đắc cứu cánh không phiền, không nhiệt, thường trụ và bất biến, là sở tri của bậc Thánh, sở kiến của Bậc Thánh? Đó là tám chi thánh đạo, tức từ chánh kiến đến chánh định. Ấy là còn có pháp ngay trong đời hiện tại mà chứng đắc cứu cánh, không phiền, không nhiệt, thường trú và bất biến, là sở tri của bậc Thánh, sở kiến của bậc Thánh.

Phật thuyết như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

❑

20. KINH BA-LA-LAO[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật du hóa ở Câu-lệ-sấu[2], cùng với chúng Đại Tỳ-kheo, đi đến Bắc thôn[3], trú ở phía Bắc của thôn trong rừng Thi-nhiếp-hòa[4].

Bấy giờ Ba-la-lao Già-di-ni[5] nghe rằng: "Sa-môn Cù-đàm thuộc dòng họ Thích, đã từ bỏ dòng họ Thích, xuất gia học đạo, đang du hóa tại Câu-lệ-sấu cùng chúng Đại Tỳ-kheo đi đến Bắc thôn, trú ở phía Bắc của thôn trong rừng Thi-nhiếp-hòa. Vị Sa-môn Cù-đàm ấy có tiếng tăm lớn, truyền khắp mười phương rằng: 'Sa-môn Cù-đàm là Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, Phật, Chúng Hựu. Vị ấy ở trong thế gian này giữa chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Phạm chí, từ loài người cho đến loài trời, tự tri tự giác, tự tác chứng, thành tựu và an trụ. Pháp mà vị ấy thuyết, khoảng đầu thiện, khoảng giữa thiện, cứu cánh cũng thiện, có nghĩa, có văn, hiển hiện phạm hạnh thanh tịnh trọn đủ'. Nếu gặp được Đức Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, để tôn trọng, lễ bái cúng dường, thừa sự, thì sẽ được nhiều thiện lợi". Người kia suy nghĩ rằng: "Ta nên đến yết kiến Sa-môn Cù-đàm để lễ bái, cúng dường".

Ba-la-lao Già-di-ni nghe vậy rồi, ra khỏi Bắc thôn, đi về hướng Bắc, đến rừng Thi-nhiếp-hòa, muốn yết kiết Thế Tôn để lễ bái cúng dường. Ba-la-lao Già-di-ni từ xa trông thấy Thế Tôn ở trong rừng cây, đoan nghiêm đẹp đẽ, như mặt trăng giữa đám tinh tú sáng ngời chói lọi, rực rỡ như tòa núi vàng, đầy đủ tướng hảo, uy thần vời vợi, các căn tịch tịnh, không gì ngăn che, thành tựu sự điều ngự, tâm yên tĩnh lặng. Ba-la-lao Già-di-ni từ xa trông thấy Đức Thế Tôn rồi, đến trước chỗ Thế Tôn, cùng chào hỏi rồi ngồi xuống một phía, thưa với Thế Tôn rằng:

"Tôi nghe Sa-môn Cù-đàm biết huyễn thuật, là nhà huyễn thuật[6]. Thưa Cù-đàm, nếu ai nói như vậy: 'Sa-môn Cù-đàm biết huyễn thuật, là nhà huyễn thuật', người ấy không hủy báng Sa-môn Cù-đàm chăng? Người ấy có nói đúng sự thật không? Người ấy nói có đúng pháp chăng? Người ấy nói đúng pháp và như pháp[7] chăng? Đối với như pháp, không

---

1. Tương đương Pāli: S.42.13. Pāṭali-sutta.
2. Câu-lệ-sấu ——R-G-C Pāli: Koliyesu, giữa những người Koliyā, một bộ tộc theo thể chế cộng hòa trong thời Phật, cư ngụ tại làng Rāmagama trên bờ sông Hằng, và phần khác sống tại Devadaha, lãnh thổ của họ và của giòng Sakya được chia đôi bằng sông Rohinin và một cuộc chiến đẫm máu sắp xảy ra, nếu không có sự can thiệp của Đức Phật.
3. Bắc thôn -_—. Pāli: Uttara, tên thôn ở trong Koliyā.
4. Thi-nhiếp-hòa lâm -r—恕-L-C Pāli: Simsapavana.
5. Ba-la-lao Già-di-ni -i——c———C Pāli: Pātaliya-gāminī thôn trưởng Pātaliya.
6. Hán: *tri huyễn thị huyễn*———0——C Pāli: (...) māyaṃ jānatī ti (...) māyavī ti, (Sa-môn Gotama) biết huyễn thuật, (vậy Gotama là) nhà huyễn thuật.
7. Hán: *pháp như pháp* -k-p-k-C Pāli: dhammassa cānudhamma, và tùy pháp của pháp, chỉ những vấn đề

có sai lầm và không bị chỉ trích chăng?"

Đức Thế Tôn đáp:

"Này Già-di-ni, nếu có ai nói như vầy, 'Sa-môn Cù-đàm biết huyễn thuật, là nhà huyễn thuật', thì người ấy không hủy báng Sa-môn Cù-đàm, người ấy nói chân thật, ngươi ấy nói đúng pháp, người ấy nói pháp như pháp, đối với pháp không có lỗi lầm, không bị chỉ trích. Vì sao thế? Này Già-di-ni, Ta biết huyễn thuật ấy, nhưng chính Ta không phải là nhà huyễn thuật".

Già-di-ni nói rằng:

"Những điều các Sa-môn, Phạm chí kia nói là chân thật, nhưng tôi không tin họ nói rằng 'Sa-môn Cù-đàm biết huyễn thuật và là nhà huyễn thuật".

Thế Tôn nói:

"Này Già-di-ni, nếu người nào biết huyễn thuật thì người đó là nhà huyễn thuật chăng?"

Già-di-ni thưa rằng:

"Quả thật vậy, Thế Tôn. Quả thật vậy, Thiện Thệ".

Thế Tôn bảo rằng:

"Này Già-di-ni, ông đừng tự lầm lẫn mà hủy báng Ta. Nếu hủy báng Ta thì chỉ tự gây tổn hại, có sự não hại, có xúc phạm, điều mà Hiền Thánh ghét bỏ, và bị tội lớn. Vì sao thế? Này Già-di-ni, điều ấy thật ra không đúng như lời ông nói. Này Già-di-ni, ông có nghe Câu-lệ-sấu có binh tốt[8] chăng?

Già-di-ni đáp rằng:

"Tôi nghe rằng có".

"Này Già-di-ni, ông nghĩ thế nào, Câu-lệ-sấu có binh tốt ấy để làm gì?"

Già-di-ni đáp:

"Thưa Cù-đàm, để làm thông sứ và giết giặc cướp. Vì việc đó nên Câu-lệ-sấu nuôi các binh tốt ấy".

"Này Già-di-ni, ông nghĩ thế nào, binh tốt Câu-lệ-sấu có giữ giới cấm hay không giữ giới cấm?"

Già-di-ni đáp:

"Thưa Cù-đàm, nếu trên thế gian này có những người không giữ giới cấm, vẫn không thể quá hơn binh tốt Câu-lệ-sấu. Vì sao thế? Vì binh tốt Câu-lệ-sấu phạm rất nhiều giới cấm, chỉ làm các ác pháp".

Lại hỏi:

"Ông thấy như vậy, biết như vậy, ta không hỏi ông. Nếu có người khác hỏi ông, 'Vì Già-di-ni biết rằng binh tốt Câu-lệ-sấu phạm rất nhiều những giới cấm, chỉ làm những ác pháp; nhân việc đó nên Già-di-ni cũng phạm rất nhiều cấm giới, chỉ làm các ác pháp'. Nên nói như vậy, là lời nói đúng sự thật chăng?"

Già-di-ni đáp:

"Không phải vậy, thưa Cù-đàm. Vì sao thế? Vì binh tốt Câu-lệ-sấu có tri kiến khác, có sở nguyện khác, nên binh tốt Câu-lệ-sấu phạm rất nhiều cấm giới, chỉ làm các ác pháp. Còn tôi thì rất trì giới, không làm các ác pháp".

Lại hỏi:

---

liên hệ đến pháp.

8. Hán: *tốt* —C Pāli: lambacūlake bhaṭṭe, người làm thuê có lọn tóc buông thõng.

"Già-di-ni, ông biết binh tốt Câu-lệ-sấu phạm rất nhiều cấm giới, chỉ làm các ác pháp, nhưng ông không do đó mà phạm cấm giới, chỉ làm các ác pháp. Vậy thì vì sao không thể rằng Như Lai biết huyễn thuật, trong khi chính mình không phải là nhà huyễn thuật. Vì sao thế? Ta biết huyễn thuật, biết người huyễn thuật, biết quả báo của huyễn thuật, biết đoạn trừ huyễn thuật.

"Này Già-di-ni, Ta cũng biết sát sanh, biết người sát sanh, biết sự đoạn trừ sát sanh. Này Già-di-ni, Ta biết việc lấy của không cho, biết người lấy của không cho, biết quả báo việc lấy của không cho, biết sự đoạn trừ việc lấy của không cho. Này Già-di-ni, Ta biết việc nói dối, biết người nói dối, biết quả báo việc nói dối, biết đoạn trừ sự nói dối. Này Già-di-ni, Ta biết như vậy, thấy như vậy. Ai nói như vầy: 'Sa-môn Cù-đàm biết huyễn thuật tức là nhà huyễn thuật', nếu người ấy chưa đoạn trừ lời nói này, mà nghe tâm ấy, dục ấy, nguyện ấy, văn ấy, niệm ấy, quán ấy, thì trong khoảnh khắc như co duỗi cánh tay, mạng chung sanh vào địa ngục".

Già-di-ni nghe vậy, kinh hãi khủng khiếp, lông trên mình dựng đứng lên, liền từ chỗ ngồi đứng dậy đảnh lễ chân Phật, quỳ mọp, chắp tay hướng về Thế Tôn mà bạch rằng:

"Cù-đàm, tôi ăn năn tội lỗi. Thiện Thệ, tôi tự thú[9]. Tôi như ngu, như si, như bất định, như bất thiện. Vì sao thế? Vì tôi nói quấy rằng Sa-môn Cù-đàm là nhà huyễn thuật. Mong Thiện Thệ cho tôi được ăn năn tội lỗi, thấy tội thì bày tỏ. Tôi đã ăn năn tội rồi, sẽ giữ gìn không để tái phạm nữa".

Thế Tôn bảo rằng:

"Thật như vậy, Già-di-ni, ông quả thật ngu, như si, như bất định, như bất thiện. Vì sao thế? Vì ông đối với Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, mà nói quấy là nhà huyễn thuật. Nhưng ông có thể ăn năn tội lỗi, thấy tội thì nên bày tỏ, giữ gìn không để tái phạm nữa. Như vậy, này Già-di-ni, nếu có người ăn năn tội lỗi, thấy tội nên bày tỏ, hộ trì mà không tạo lại nữa, thì trưởng dưỡng Thánh pháp, không còn có sự sai lầm nữa".

Lúc đó Già-di-ni chắp tay hướng về Đức Thế Tôn mà bạch rằng:

"Thưa Cù-đàm, có Sa-môn, Phạm chí, thấy thế này, nói thế này: 'Nếu kẻ nào sát sanh, kẻ ấy nhất thiết thọ báo ngay trong đời này; nhân đó mà sanh ra ưu khổ. Nếu kẻ nào lấy của không cho, nói dối, kẻ ấy nhất thiết thọ báo; nhân đó mà sanh ra ưu khổ'. Thưa Sa-môn Cù-đàm, ý Ngài nghĩ sao?"

Đức Thế Tôn bảo rằng:

Này Già-di-ni, nay Ta hỏi ông, tùy sự hiểu biết mà trả lời. Này Già-di-ni, ý ông nghĩ sao? Nếu trong thôn ấp, hoặc có một người đầu đội tràng hoa, dùng nhiều loại hương xoa vào thân, rồi xướng nhạc, ca vũ, tự mình thỏa thích, vui cười nữ sắc, hoan lạc như vua. Nếu có người hỏi rằng: 'Người này trước kia làm những gì mà nay đầu đội tràng hoa, hoặc dùng nhiều loại hương xoa vào thân rồi xướng nhạc, ca vũ, tự mình thỏa thích, vui cười nữ sắc, hoan lạc như vua?' Hoặc có người trả lời rằng: 'Người ấy vì Quốc vương mà giết hại kẻ thù. Quốc vương sau khi vui vẻ liền ban thưởng cho. Do đó người ấy đầu đội tràng hoa, dùng nhiều loại hương xoa vào thân, rồi xướng nhạc, ca vũ, tự mình thỏa thích, vui cười nữ sắc, hoan lạc như vua. "Này Già-di-ni, ông có thấy như vậy, nghe như vậy chăng?"

Già-di-ni đáp:

"Tôi có thấy như vậy, nghe như vậy, Cù-đàm. Tôi đã nghe và sẽ được nghe nữa".

"Già-di-ni, rồi lại thấy Quốc vương bắt bớ tội nhân, trói quặt hai tay lại, đánh trống,

---

9. Hán: *tự thú* ——CBản Cao-li: *tự tích* ——(từ trước).

xướng lệnh, kéo ra cửa thành phía Nam, để ngồi dưới cây nêu cao, rồi chém bêu đầu. Nếu có người hỏi rằng: 'Người này phạm tội gì mà bị Quốc vương giết nhỉ?' Hoặc có người trả lời rằng: 'Người này giết lầm người vô tội trong Vương gia, do đó Quốc vương ra lệnh hành hình như vậy'. Này Già-di-ni, ông có thấy như vậy, nghe như vậy chăng?"

Già-di-ni trả lời:

"Tôi có thấy như vậy, Cù-đàm, tôi đã nghe và sẽ được nghe nữa".

"Này Già-di-ni, nếu có Sa-môn, Phạm chí, thấy như vậy, nói như vậy: 'Nếu có người nào sát sanh người ấy nhất thiết phải thọ báo ngay trong hiện tại này; nhân đó mà sanh ra ưu khổ', thì đó là lời nói chân thật hay lời nói hư dối?"

Già-di-ni đáp:

"Đó là lời nói hư dối, thưa Cù-đàm".

"Nếu người ấy nói hư vọng, ông có tin chăng?"

Già-di-ni đáp:

"Tôi không tin, thưa Cù-đàm".

Đức Thế Tôn khen rằng:

"Lành thay, Già-di-ni, Ta lại hỏi ông, ông nghĩ thế nào? Nếu trong thôn ấp, hoặc có người đầu đội tràng hoa, dùng nhiều thứ hương xoa vào thân, rồi xướng nhạc, ca vũ, tự mình thỏa thích, vui chơi nữ sắc, hoan lạc như vua. Nếu có người hỏi rằng: 'Người này trước kia đã làm những việc gì mà nay đầu đội tràng hoa, dùng nhiều thứ hương xoa vào thân, rồi xướng nhạc, ca vũ, tự mình thỏa thích vui chơi nữ sắc, hoan lạc như vua?' Hoặc có người trả lời rằng, "Người ấy ở nước khác, vì lấy của không cho, do đó người ấy đầu đội tràng hoa, dùng nhiều thứ hương xoa vào thân, rồi xướng nhạc, ca vũ, tự mình thỏa thích vui chơi nữ sắc, hoan lạc như vua'. Này Già-di-ni, ông có thấy như vậy, nghe như vậy chăng?"

Già-di-ni thưa:

"Tôi có thấy như vậy, thưa Cù-đàm, tôi đã nghe và sẽ được nghe nữa".

"Này Già-di-ni, rồi lại thấy Quốc vương bắt bớ tội nhân trói quặt hai tay ra sau, đánh trống, xướng lệnh kéo ra cửa phía Nam, để ngồi dưới gốc cây nêu cao rồi chém bêu đầu. Nếu có người hỏi rằng: 'Người này mắc tội gì mà bị Quốc vương giết chết?' Hoặc có người trả lời rằng: 'Người ấy lấy của không cho trong Vương gia, do đó Quốc vương ra lệnh hành hình như vậy'. Này Già-di-ni, ông có thấy như vậy, nghe như vậy chăng?"

Già-di-ni trả lời rằng:

"Tôi có thấy như vậy, Cù-đàm, tôi đã nghe và sẽ được nghe nữa".

"Này Già-di-ni, nếu có Sa-môn, Phạm chí thấy và nói như vậy: 'Nếu có kẻ nào lấy của không cho, kẻ ấy nhất thiết phải thọ báo ngay trong đời hiện tại này, nhân đó mà sanh ra ưu khổ', thì lời nói đó chân thật hay lời nói hư dối?"

Già-di-ni đáp:

"Đó là lời nói hư dối, thưa Cù-đàm".

"Nếu người ấy nói hư vọng, ông có tin chăng?"

Già-di-ni đáp:

"Tôi không tin, thưa Cù-đàm!"

Đức Thế Tôn khen rằng.

"Lành thay! Lành thay! Già-di-ni!"

Lại hỏi Già-di-ni:

"Già-di-ni, ông nghĩ thế nào, nếu trong thôn ấp hoặc có người đầu đội tràng hoa,

dùng nhiều thứ hương xoa vào thân, rồi xướng nhạc, ca vũ, tự mình thỏa thích vui chơi nữ sắc, hoan lạc như vua. Nếu có người hỏi rằng: 'Người ấy trước kia làm những việc gì mà nay đầu đội tràng hoa, dùng nhiều thứ hương xoa vào thân, rồi xướng nhạc ca vũ, tự mình thỏa thích vui chơi nữ sắc, hoan lạc như vua?' Hoặc có người trả lời rằng: 'Người ấy ca múa để vui giỡn, cười đùa. Người ấy bằng lời nói dối làm cho Quốc vương vui vẻ. Sau khi Quốc vương vui vẻ liền ban thưởng cho, do đó người ấy đầu đội tràng hoa, dùng nhiều thứ hương xoa vào thân, rồi xướng nhạc, ca vũ, tự mình thỏa thích vui chơi nữ sắc, hoan lạc như vua'. Này Già-di-ni, ông có thấy như vậy, nghe như vậy chăng?"

Già-di-ni trả lời rằng:

"Tôi có thấy như vậy, Cù-đàm, tôi đã nghe và sẽ được nghe nữa".

"Này Già-di-ni, rồi lại thấy Quốc vương bắt bớ tội nhân, dùng gậy đánh đến chết, rồi bỏ vào cũi cây, chở trên xe trống đi ra cửa thành phía Bắc, vất vào trong rãnh nước, nếu có người hỏi rằng: 'Người ấy mắc tội gì mà bị quốc vương giết chết đi?' Hoặc có người trả lời rằng: 'Người ấy ở trước Quốc vương nói dối là có chứng đắc, người ấy do lừa gạt Quốc vương bằng lời nói dối nên bị Quốc vương ra lệnh bắt làm như thế'. Này Già-di-ni, ông có thấy như vậy, nghe như vậy không?"

Già-di-ni trả lời rằng:

"Tôi có thấy vậy, Cù-đàm, tôi đã nghe và sẽ nghe nữa".

"Này Già-di-ni, ông nghĩ thế nào, nếu có Sa-môn, Phạm chí thấy như vậy, nói như vậy: 'Nếu có người nào nói dối, người ấy nhất thiết phải thọ báo ngay trong đời hiện tại này, nhân đó mà sanh ra ưu khổ', thì lời nói đó là lời nói chân thật hay hư dối?"

Già-di-ni đáp:

"Đó là lời nói hư dối, thưa Cù-đàm".

"Nếu người ấy nói hư vọng, ông có tin chăng?"

Già-di-ni đáp:

"Tôi không tin, thưa Cù-đàm".

Đức Thế Tôn khen rằng:

"Lành thay! Lành thay! Già-di-ni!"

Lúc đó, Già-di-ni liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch vai sửa áo chắp tay hướng về Thế Tôn mà thưa rằng:

"Kỳ diệu thay, những điều Cù-đàm nói rất vi diệu, khéo ví dụ, khéo dẫn chứng. Bạch Cù-đàm, tôi ở trong Bắc thôn có xây dựng một ngôi nhà cao lớn, sắp đặt giường nệm, để sẵn đồ chứa nước thắp sáng những ngọn đèn lớn. Nếu có vị Sa-môn, Phạm chí tinh tấn nào đến nghỉ ở ngôi nhà cao lớn ấy, tôi sẽ tùy khả năng mà cung cấp những gì vị ấy cần thiết. Có bốn vị luận sĩ mà sở kiến khác nhau, cùng đến tập hợp tại ngôi nhà cao lớn ấy. Trong đó có một vị luận sĩ thấy như vầy, nói như vầy[10]: 'Không có bố thí, không có trai tế, không có chú thuyết, không có nghiệp thiện, nghiệp ác, không có nghiệp báo thiện ác, không có đời này đời sau, không có cha, không có mẹ, trên đời không có bậc chân nhân đi đến thiện xứ, khéo đi, khéo hướng[11], tự tri, tự giác, tự chứng ngộ đời này và đời khác[12], thành tựu và an trụ'.

---

10. Thuyết đoạn diệt (uccheda-vāda) của Ajita Kesa-kambāli. Xem D.2 Sāmaññaphala-sutta; No.1(21), *Trường A-hàm* "Kinh số 14, Phạm Động), Đại 1, tr.88.

11. Hán: *thiện khứ thiện hướng*▬▬h▬▬V▬C Pāli: sammagata, sammā-paṭippanna, chân chánh hành trì (tám Thánh đạo), chân chánh thú hướng (nhắm đến Niết-bàn).

12. Pāli: na (...) ye imañ ca lokaṃ parañ ca lokaṃ sayaṃ abhiññā saccchikatvā pavedenti, "không có những

"Vị luận sư thứ hai lại có sở kiến trái ngược với sở kiến của vị luận sư thứ nhất. Vị ấy cũng thấy như vầy, nói như vầy: 'Có bố thí, có trai tế, có chú thuyết, có nghiệp thiện ác, có nghiệp báo thiện ác, có đời này đời sau, có cha có mẹ có bậc chân nhân trên đời này đi đến thiện xứ, khéo đi, khéo hướng, tự tri, tự giác, tự chứng ngộ đời này và đời khác, thành tựu và an trụ'.

"Vị luận sư thứ ba[13] thấy như vầy, nói như vầy: 'Tự mình làm và sai bảo người khác làm, tự mình chém giết và sai bảo người khác chém giết, tự mình nấu và sai bảo người khác nấu; ưu sầu[14], phiền muộn, lo lắng, đấm ngực, áo não, khóc lóc, ngu si; sát sanh, lấy của không cho, tà dâm, nói dối, uống rượu; đào vách, mở kho, đến ngõ hẻm khác để ăn cướp[15], phá làng hại xóm, phá thành, diệt nước; làm như thế không phải là làm ác. Lại dùng vòng sắt bén như dao cạo, người ấy đối với tất cả chúng sanh ở trên cõi đời này, trong vòng một ngày mà bửa, mà cắt, mà chém, mà chặt, mà lột da, mà lóc xẻ từng mảng thịt, lách từng phần từng khối; do vậy vẫn không có nghiệp ác, do vậy vẫn không có nghiệp báo ác. Ở bờ sông Hằng-già phía Nam, giết rồi cắt, rồi khiến nấu'; và ở bờ sông Hằng-già phía Bắc mà bố thí, trai tế, chú thuyết. Không do đó mà có tội hay có phước; không do đó mà có quả báo tội phước. Cấp thí, tự chế ngự, thủ hộ, nhiếp trì, tán thán, nhiêu ích, ái ngữ lợi hành, không do đó mà có phước, không do đó mà có quả báo của phước'.

Luận sĩ thứ tư lại có sở kiến trái ngược sở kiến vị luận chủ thứ ba. Vị ấy thấy như vầy, nói như vầy: 'Tự mình làm và sai bảo người khác làm, tự mình chém giết và sai bảo người khác chém giết, tự mình nấu và sai bảo người khác nấu; ưu sầu, phiền muộn, lo lắng, đấm ngực, áo não, khóc lóc, ngu si; sát sanh, lấy của không cho, tà dâm, nói dối, uống rượu; đào vách, mở kho, đến ngõ hẻm khác để ăn cướp, phá làng hại xóm, phá thành, diệt nước; làm như thế chính là làm ác. Lại dùng vòng sắt bén như dao cạo, người ấy đối với tất cả chúng sanh ở trên cõi đất này, trong vòng một ngày mà bửa, mà cắt, mà chém, mà chặt, mà lột da, mà lóc xẻ từng mảng thịt, lách từng phần từng khối; do vậy vẫn không có nghiệp ác, do vậy vẫn không có nghiệp báo ác. Ở bờ sông Hằng-già phía Nam, giết rồi cắt, rồi khiến nấu'; và ở bờ sông Hằng-già phía Bắc mà bố thí, trai tế, chú thuyết. Do đó có tội có phước; do đó mà có quả báo tội phước. Cấp thí, tự chế, thủ hộ, nhiếp trì, tán thán, nhiêu ích, ái ngữ, lợi hành, do đó mà có quả báo tội phước.

"Thưa Cù-đàm, tôi nghe như vậy liền sanh nghi hoặc: 'Những vị Sa-môn, Phạm chí đó, ai nói chân thật, ai nói hư dối?'."

Đức Thế Tôn trả lời:

"Này Già-di-ni, ông chớ sanh nghi hoặc. Vì sao thế? Vì do có nghi hoặc mà sanh ra do dự. Này Già-di-ni, ông tự mình không có tịnh trí, để biết là có đời sau hay không có đời sau. Này Già-di-ni, ông lại cũng không có tịnh trí để biết điều được làm là ác hay điều được làm là thiện? Này Già-di-ni, có một pháp định[16] được gọi là "Viễn ly". Ông nhờ định ấy sẽ có thể được chánh niệm, có thể đạt tới nhất tâm; như vậy, ở trong đời hiện

---

vị sau khi tự mình thực chứng về thế giới này và thế giới khác rồi thuyết minh lại".

13. Thuyết vô tác dụng (akiriya-vāda) của Pūrana Kassapa, Pāli, D. 2. Sāmaññaphala-sutta; No.1(21), *Trường A-hàm* "Kinh số 14, Phạm Động), Đại 1, tr.88.

14. Tự mình hay khiến người khác; đoạn sau, văn nghĩa tương tợ.

15. Hán: *chí tha hạng mạch* ——L——(bản Cao-li: kiếp-T). Có lẽ Pāli: paripanthe (Hán đọc: parapanthe) tiṭihato, chận đường ăn cướp.

16. Hán: *hữu pháp chi định* ——k——w—C Pāli: atthi... Dhammasamādhi.

tại ông sẽ đoạn trừ sự nghi hoặc, và được thăng tấn[17]".

Lúc đó Già-di-ni từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch vai sửa áo, chắp tay hướng về Đức Thế Tôn mà bạch rằng:

"Thưa Cù-đàm, thế nào là có một pháp định được gọi là "Viễn ly". Tôi nhờ định ấy sẽ có thể được chánh niệm, có thể đạt tới nhất tâm; như vậy, ở trong đời hiện tại tôi có thể đoạn trừ sự nghi hoặc, và được thăng tấn[18]?"

Đức Thế Tôn bảo rằng:

"Thánh đệ tử đa văn xa lìa sự giết, đoạn trừ sự giết; đoạn trừ sự lấy của không cho, tà dâm, nói dối, cho đến đoạn trừ tà kiến và được chánh kiến. Vị ấy ban ngày cày ruộng, và gieo giống; đến chiều nghỉ ngơi và vào nhà ngồi thiền định; qua đêm, lúc hừng sáng suy nghĩ như vầy: 'Ta xa lìa sự giết, đoạn trừ sự giết; đoạn trừ sự lấy của không cho, tà dâm, nói dối, cho đến đoạn trừ tà kiến và được chánh kiến. Vị ấy liền tự thấy: 'Ta đã đoạn trừ mười nghiệp đạo ác và niệm mười nghiệp đạo thiện'. Vị ấy sau khi tự thấy: 'Ta đã đoạn trừ mười nghiệp đạo ác và niệm mười nghiệp đạo thiện', liền sanh ra hân hoan. Sau khi sanh ra hân hoan liền phát sanh hỷ; sau khi phát sanh hỷ, thân liền an định; sau khi thân được an định, thân liền cảm giác lạc. Sau khi thân cảm giác lạc thì được nhất tâm. Này Già-di-ni, sau khi Thánh đệ tử Đa văn được nhất tâm rồi thì tâm câu hữu với từ, biến khắp một phương, thành tựu và an trụ. Cũng thế hai, ba, bốn phương, tứ duy, thượng hạ, biến khắp tất cả, tâm câu hữu với từ, không kết không oán, không sân, không nhuế, không não hại, quảng đại vô biên, vô lượng, khéo tu tập biến mãn tất cả thế gian, thành tựu và an trụ.

"Vị ấy suy nghĩ như vầy: "Nếu có Sa-môn, Phạm chí nào thấy như vầy, nói như vầy: 'Không có sự bố thí, không có trai tế, không có chú thuyết, không có nghiệp thiện ác, không có nghiệp báo thiện ác, không có đời này đời sau, không có cha, không có mẹ trên đời, không có bậc thiện nhân đi đến thiện xứ, khéo đi, khéo hướng, tự tri, tự giác, tự chứng ngộ đời này và đời khác, thành tựu và an trụ'. Nếu điều vị Sa-môn, Phạm chí kia nói ra là chân thật, ta không xâm phạm đời, dù sợ hãi hay không sợ hãi[19], thường thương mến tất cả thế gian. Tâm ta không cùng thế gian tranh cãi, cũng không có sự hân hoan thô trược. Nay ta được pháp của bậc Vô thượng, thăng tấn đến trú xứ an lạc. Đó là pháp định viễn ly. Những gì Sa-môn, Phạm chí kia nói, không cho là đúng, không cho là sai. Sau khi không cho là đúng, không cho là sai, liền được nội tâm tĩnh chỉ.

"Này Già-di-ni, đó là pháp định, được gọi là viễn ly. Ông có thể nhân định này mà được chánh niệm, mà được nhất tâm. Như vậy, ông có thể đoạn hết nghi hoặc trong đời hiện tại mà được thăng tiến.

"Lại nữa Già-di-ni: Thánh đệ tử đa văn xa lìa sự giết, đoạn trừ sự giết; đoạn trừ sự lấy của không cho, tà dâm, nói dối, cho đến đoạn trừ tà kiến và được chánh kiến. Vị ấy ban ngày cày ruộng, và gieo giống; đến chiều nghỉ ngơi và vào nhà ngồi thiền định; qua đêm, lúc hừng sáng suy nghĩ như vầy: 'Ta xa lìa sự giết, đoạn trừ sự giết; đoạn trừ sự lấy của không cho, tà dâm, nói dối, cho đến đoạn trừ tà kiến và được chánh kiến. Vị ấy liền tự

---

17. Tham chiếu Pāli: atthi gāmaṇi dhammasamādhi tatra ce tvaṃ cittasamādhiṃ paṭilabeyyāsi evaṃ tvaṃ imaṃ kaṅkhādhammam pajaheyyāsi, "Này thôn trưởng, có pháp định (pháp tam-muội), mà nếu trong đó ngươi có thể đạt được tâm định như vậy ngươi có thể đoạn trừ pháp nghi hoặc".

18. Hán: *thăng tấn* ━@━i━C Pāli: sagga, sanh lên trên; sanh thiên.

19. Hán: *bố dữ bất bố* ━━P━━━Achỉ người run sợ tức kẻ yếu, và người vững vàng tức kẻ mạnh. Pāli: tasaṃ vā thāvaraṃ.

thấy: 'Ta đã đoạn trừ mười nghiệp đạo ác và niệm mười nghiệp đạo thiện'. Vị ấy sau khi tự thấy: 'Ta đã đoạn trừ mười nghiệp đạo ác và niệm mười nghiệp đạo thiện', liền sanh ra hân hoan. Sau khi sanh ra hân hoan liền phát sanh hỷ; sau khi phát sanh hỷ, thân liền an định; sau khi thân được an định, thân liền cảm giác lạc. Sau khi thân cảm giác lạc thì được nhất tâm. Này Già-di-ni, sau khi Thánh đệ tử đa văn được nhất tâm rồi thì tâm câu hữu với bi, biến khắp một phương thành tựu và an trụ; cũng thế hai, ba, bốn phương, tứ duy, thượng hạ, biến khắp tất cả. Tâm câu với bi, không kết, không oán không sân nhuế, không não hại, quảng đại, vô lượng vô biên, khéo tu tập, biến mãn tất cả thế gian, thành tựu và an trụ.

"Vị ấy suy nghĩ như vậy: "Nếu có Sa-môn, Phạm chí nào thấy như vầy, nói như vầy: 'Có sự bố thí, có trai tế, có chú thuyết, có nghiệp thiện ác, có nghiệp báo thiện ác, có đời này đời sau, có cha, có mẹ trên đời, có bậc thiện nhân đi đến thiện xứ, khéo đi, khéo hướng, tự tri, tự giác, tự chứng ngộ đời này và đời khác, thành tựu và an trụ'. Nếu điều vị Sa-môn, Phạm chí kia nói ra là chân thật, ta không xâm phạm đời, dù sợ hãi hay không sợ hãi, thường thương mến tất cả thế gian. Tâm ta không cùng thế gian tranh cãi, cũng không có sự hân hoan thô trược. Nay ta được pháp của bậc Vô thượng, thăng tấn đến trú xứ an lạc. Đó là pháp định viễn ly. Những gì Sa-môn, Phạm chí kia nói, không cho là đúng, không cho là sai. Sau khi không cho là đúng, không cho là sai, liền được nội tâm tĩnh chỉ.

"Này Già-di-ni, đó là pháp định, được gọi là viễn ly. Ông có thể nhân định này mà được chánh niệm, mà được nhất tâm; như vậy, ông có thể đoạn hết nghi hoặc trong đời hiện tại mà được thăng tiến.

"Lại nữa Già-di-ni, Thánh đệ tử đa văn xa lìa sự giết, đoạn trừ sự giết; đoạn trừ sự lấy của không cho, tà dâm, nói dối, cho đến đoạn trừ tà kiến và được chánh kiến. Vị ấy ban ngày cày ruộng, và gieo giống; đến chiều nghỉ ngơi và vào nhà ngồi thiền định; qua đêm, lúc hừng sáng suy nghĩ như vầy: 'Ta xa lìa sự giết, đoạn trừ sự giết; đoạn trừ sự lấy của không cho, tà dâm, nói dối, cho đến đoạn trừ tà kiến và được chánh kiến. Vị ấy liền tự thấy: 'Ta đã đoạn trừ mười nghiệp đạo ác và niệm mười nghiệp đạo thiện'. Vị ấy sau khi tự thấy: 'Ta đã đoạn trừ mười nghiệp đạo ác và niệm mười nghiệp đạo thiện', liền sanh ra hân hoan. Sau khi sanh ra hân hoan liền phát sanh hỷ; sau khi phát sanh hỷ, thân liền an định; sau khi thân được an định, thân liền cảm giác lạc. Sau khi thân cảm giác lạc thì được nhất tâm. Này Già-di-ni, sau khi Thánh đệ tử đa văn được nhất tâm rồi thì tâm câu hữu với hỷ, biến khắp một phương thành tựu và an trụ; cũng thế hai, ba, bốn phương, tứ duy, thượng hạ, biến khắp tất cả. Tâm câu với hỷ, không kết, không oán, không sân nhuế, không não hại, quảng đại, vô lượng vô biên, khéo tu tập, biến mãn tất cả thế gian, thành tựu và an trụ.

"Vị ấy suy nghĩ như vầy: 'Tự mình làm và sai bảo người khác làm, tự mình chém giết và sai bảo người khác chém giết, tự mình nấu và sai bảo người khác nấu; ưu sầu, phiền muộn, lo lắng, đấm ngực, áo não, khóc lóc, ngu si; sát sanh, lấy của không cho, tà dâm, nói dối, uống rượu; đào vách, mở kho, đến ngõ hẻm khác để ăn cướp, phá làng hại xóm, phá thành, diệt nước; làm như thế không phải là làm ác. Lại dùng vòng sắt bén như dao cạo, người ấy đối với tất cả chúng sanh ở trên cõi đất này, trong vòng một ngày mà bửa, mà cắt, mà chém, mà chặt, mà lột da, mà lóc xẻ từng mảng thịt, lách từng phần từng khối; do vậy vẫn không có nghiệp ác, do vậy vẫn không có nghiệp báo ác. Ở bờ sông Hằng-già phía Nam, giết rồi cắt, rồi khiến nấu'; và ở bờ sông Hằng-già phía Bắc mà bố thí, trai tế, chú thuyết. Không do đó mà có tội hay có phước; không do đó mà có quả báo

tội phước. Cấp thí, tự chế ngự, thủ hộ, nhiếp trì, tán thán, nhiêu ích, ái ngữ lợi hành, không do đó mà có phước, không do đó mà có quả báo của phước'. Nếu điều vị Sa-môn, Phạm chí kia nói ra là chân thật, ta không xâm phạm đời, dù sợ hãi hay không sợ hãi, thường thương mến tất cả thế gian. Tâm ta không cùng thế gian tranh cãi, cũng không có sự hân hoan thô trược. Nay ta được pháp của bậc Vô thượng, thăng tấn đến trú xứ an lạc. Đó là pháp định viễn ly. Những gì Sa-môn, Phạm chí kia nói, không cho là đúng, không cho là sai. Sau khi không cho là đúng, không cho là sai, liền được nội tâm tĩnh chỉ.

"Này Già-di-ni, đó là pháp định, được gọi là viễn ly. Ông có thể nhân định này mà được chánh niệm, mà được nhất tâm. Như vậy, ông có thể đoạn hết nghi hoặc trong đời hiện tại mà được thăng tiến.

"Lại nữa Già-di-ni, Thánh đệ tử đa văn xa lìa sự giết, đoạn trừ sự giết; đoạn trừ sự lấy của không cho, tà dâm, nói dối, cho đến đoạn trừ tà kiến và được chánh kiến. Vị ấy ban ngày cày ruộng, và gieo giống; đến chiều nghỉ ngơi và vào nhà ngồi thiền định; qua đêm, lúc hừng sáng suy nghĩ như vầy: 'Ta xa lìa sự giết, đoạn trừ sự giết; đoạn trừ sự lấy của không cho, tà dâm, nói dối, cho đến đoạn trừ tà kiến và được chánh kiến. Vị ấy liền tự thấy: 'Ta đã đoạn trừ mười nghiệp đạo ác và niệm mười nghiệp đạo thiện'. Vị ấy sau khi tự thấy: 'Ta đã đoạn trừ mười nghiệp đạo ác và niệm mười nghiệp đạo thiện', liền sanh ra hân hoan. Sau khi sanh ra hân hoan liền phát sanh hỷ; sau khi phát sanh hỷ, thân liền an định; sau khi thân được an định, thân liền cảm giác lạc. Sau khi thân cảm giác lạc thì được nhất tâm. Này Già-di-ni, sau khi Thánh đệ tử đa văn được nhất tâm rồi thì tâm câu hữu với xả, biến khắp một phương thành tựu và an trụ; cũng thế hai, ba, bốn phương, tứ duy, thượng hạ, biến khắp tất cả. Tâm câu với xả, không kết, không oán, không sân nhuế, không não hại, quảng đại, vô lượng vô biên, khéo tu tập, biến mãn tất cả thế gian, thành tựu và an trụ.

"Vị ấy suy nghĩ như vầy: 'Tự mình làm và sai bảo người khác làm, tự mình chém giết và sai bảo người khác chém giết, tự mình nấu và sai bảo người khác nấu; ưu sầu, phiền muộn, lo lắng, đấm ngực, áo não, khóc lóc, ngu si; sát sanh, lấy của không cho, tà dâm, nói dối, uống rượu; đào vách, mở kho, đến ngõ hẻm khác để ăn cướp, phá làng hại xóm, phá thành, diệt nước; làm như thế thật sự là làm ác. Lại dùng vòng sắt bén như dao cạo, người ấy đối với tất cả chúng sanh ở trên cõi đất này, trong vòng một ngày mà bửa, mà cắt, mà chém, mà chặt, mà lột da, mà lóc xẻ từng mảng thịt, lách từng phần từng khối; do vậy có nghiệp ác, do vậy có nghiệp báo ác. Ở bờ sông Hằng-già phía Nam, giết rồi cắt, rồi khiến nấu; và ở bờ sông Hằng-già phía Bắc mà bố thí, trai tế, chú thuyết. Do đó mà có tội hay có phước; do đó mà có quả báo tội phước. Cấp thí, tự chế ngự, thủ hộ, nhiếp trì, tán thán, nhiêu ích, ái ngữ, lợi hành; do đó mà có phước, do đó mà có quả báo của phước'. Nếu điều vị Sa-môn, Phạm chí kia nói ra là chân thật, ta không xâm phạm đời, dù sợ hãi hay không sợ hãi, thường thương mến tất cả thế gian. Tâm ta không cùng thế gian tranh cãi, cũng không có sự hân hoan thô trược. Nay ta được pháp của bậc Vô thượng, thăng tấn đến trú xứ an lạc. Đó là pháp định viễn ly. Những gì Sa-môn, Phạm chí kia nói, không cho là đúng, không cho là sai. Sau khi không cho là đúng, không cho là sai, liền được nội tâm tĩnh chỉ.

"Này Già-di-ni, đó là pháp định, được gọi là viễn ly. Ông có thể nhân định này mà được chánh niệm, mà được nhất tâm. Như vậy, ông có thể đoạn hết nghi hoặc trong đời hiện tại mà được thăng tiến".

Khi Phật nói bài pháp ấy xong, Già-di-ni viễn ly trần cấu, phát sanh con mắt thanh

tịnh thấy rõ các pháp. Lúc đó, Già-di-ni thấy pháp, chứng pháp, giác ngộ pháp bạch tịnh, đoạn nghi, vượt qua hoặc[20], không còn tôn sùng ai khác, không còn do ai khác, không còn do dự, đã trụ nói quả chứng đạt, được vô sở úy đối với giáo pháp của Thế Tôn, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, cúi đầu lễ dưới chân Phật mà bạch rằng.

"Bạch Đức Thế Tôn, con từ nay xin quy y Phật, quy y Pháp và Chúng Tỳ-kheo; cúi mong Đức Thế Tôn nhận con làm Ưu-bà-tắc; bắt đầu từ hôm nay, trọn đời quy y cho đến khi mạng chung".

Phật thuyết như vậy. Ba-la-lao Già-di-ni và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

---

20. Hán: *đoạn nghi độ hoặc* ‑_ ━━‑b‑CPāli: tiṇṇa-vicikiccho vigata-kathaṃkatho, vượt qua hoài nghi, dứt trừ do dự.

21. KINH ĐẲNG TÂM[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật du hóa tại nước Xá-vệ, ở trong rừng Thắng lâm, vườn Cấp cô độc.

Bấy giờ Tôn giả Xá-lê Tử[2] cùng chúng Tỳ-kheo vân tập tại giảng đường[3] vào ban đêm, nhân đem các nội kết sử[4] và ngoại kết sử[5] mà phân biệt nghĩa lý cho các Tỳ-kheo.

"Này chư Hiền, trên đời quả thật có hai hạng người. Những gì là hai? Đó là người có nội kết sử, bậc A-na-hàm, không trở lại thế gian này, và người có ngoại kiết sử, không phải là bậc A-na-hàm, sẽ còn trở lại thế gian này.

"Này chư Hiền, thế nào là người có nội kết sử, bậc A-na-hàm, không còn trở lại thế gian này?

Nếu có người tu tập các giới cấm, không bị thủng, không sứt mẻ, không ô uế, không vẩn đục, hoàn toàn không thể chỉ trích, được bậc Thánh khen ngợi, khéo tu, khéo đầy đủ. Vị ấy nhân tu tập giới cấm, không bị thủng, không sứt mẻ, không ô uế, không vẩn đục, hoàn toàn không thể chỉ trích, được bậc Thánh khen ngợi, khéo tu, khéo đầy đủ, nên lại học nhàm tởm dục, không dục và đoạn dục. Nhân học nhàm tởm dục, không dục và đoạn dục mà chứng được tịch tịnh tâm giải thoát[6]. Sau khi chứng đắc như vậy, trong cảm thọ lạc mà mến tiếc, không chịu xa lìa, trong đời hiện tại không được cứu cánh trí, khi thân hoại mạng chung vượt qua các cõi trời Đoàn thực[7] sanh về các cõi ý sanh khác[8]. Khi sanh về các nơi ấy rồi, vị ấy suy nghĩ thế này: 'Ta trước kia còn làm người[9], lúc ấy tu tập các giới cấm, không bị thủng, không sứt mẻ, không ô uế, không vẩn đục, hoàn toàn không thể chỉ trích, được bậc Thánh khen ngợi, khéo tu, khéo đầy đủ. Nhân tu tập giới cấm, không bị thủng, không sứt mẻ, không ô uế, không vẩn đục, hoàn toàn không thể chỉ trích, được bậc Thánh khen ngợi, khéo tu, khéo đầy đủ, nên lại học nhàm tởm dục, không dục và đoạn dục. Nhân học nhàm tởm dục, không dục và đoạn dục mà chứng được tịch tịnh tâm giải thoát. Sau khi chứng đắc như vậy, trong cảm thọ lạc mà mến tiếc, không chịu xa lìa, trong đời hiện tại không được cứu cánh trí, khi thân hoại mạng chung

---

1. Bản Hán, quyển 5. Tương đương Pāli: A.II. 46. Samacittā.
2. Xá-lê Tử ━━━l━C Pāli: Sāriputta.
3. Bản Pāli: Pubbārāme Migāramātupāsāde, trong giảng đường của bà Migāramātu, khu vườn phía Đông (Đông viên Lộc Tử Mẫu giảng đường).
4. Hán: *nội kết* ━━C Pāli: ajjhattasaṃyojana, sự ràng buộc nội tâm.
5. Hán: *ngoại kết* ━~━C Pāli: bahiddhāsaṃyojana.
6. Hán: *tức tâm giải thoát* ━━━━C Pāli: santacitovimutti, tâm tịch tĩnh (vắng lặng) giải thoát.
7. Hán: *Đoàn thực thiên* ━━━C Pāli: Kabaliṃkārahārabhakkha-deva. Chỉ các cõi trời thuộc về Dục giới, ở đây còn phải nuôi sống bằng thực phẩm vật chất.
8. Ý sanh thiên ━N━━Acõi trời ý sanh, chỉ cho các trời Sắc giới mà một vị A-na-hàm thác sinh. Nhưng, bản Pāli tương đương: aññataraṃ devanikāyaṃ upajjati, vị ấy sinh một cõi trời khác.
9. Nghĩa là còn ở Dục giới.

vượt qua các cõi trời Đoàn thực, sanh về các cõi ý sanh khác, và đang ở nơi đây[10].

"Này chư Hiền, lại có một hạng người tu tập giới cấm không rách nát, không bị thủng, không sứt mẻ, không ô uế, không vẩn đục, hoàn toàn không thể chỉ trích, được bậc Thánh khen ngợi, khéo tu, khéo đầy đủ. Vị ấy nhân tu tập giới cấm, không bị thủng, không sứt mẻ, không ô uế, không vẩn đục, hoàn toàn không thể chỉ trích, được bậc Thánh khen ngợi, khéo tu, khéo đầy đủ, nên lại học tập nghiệp đoạn trừ sắc hữu, đoạn trừ tham[11], học xả ly dục. Nhân học tập nghiệp đoạn trừ sắc hữu, đoạn trừ tham, học xả ly dục, mà chứng được tịch tịnh tâm giải thoát. Sau khi chứng đắc như vậy, trong cảm thọ lạc mà mến tiếc, không chịu xa lìa, trong đời hiện tại không được cứu cánh trí, khi thân hoại mạng chung vượt qua các cõi trời Đoàn thực, sanh về các cõi ý sanh khác. Khi sanh về các nơi ấy rồi, vị ấy suy nghĩ thế này: 'Ta trước kia còn làm người, lúc ấy tu tập các giới cấm, không bị thủng, không sứt mẻ, không ô uế, không vẩn đục, hoàn toàn không thể chỉ trích, được bậc Thánh khen ngợi, khéo tu, khéo đầy đủ. Nhân tu tập giới cấm, không bị thủng, không sứt mẻ, không ô uế, không vẩn đục, hoàn toàn không thể chỉ trích, được bậc Thánh khen ngợi, khéo tu, khéo đầy đủ, nên lại học tập nghiệp đoạn trừ sắc hữu, đoạn trừ tham; học tập xả ly dục. Nhân học tập nghiệp đoạn trừ sắc hữu, đoạn trừ tham, học xả ly dục, mà chứng được tịch tịnh tâm giải thoát. Sau khi chứng đắc như vậy, trong cảm thọ lạc mà mến tiếc, không chịu xa lìa, trong đời hiện tại không được cứu cánh trí, khi thân hoại mạng chung vượt qua các cõi trời Đoàn thực, sanh về các cõi ý sanh khác, và đang ở nơi đây.

"Này chư Hiền, thế nào là người có ngoại kết sử, không phải A-na-hàm, còn trở lại thế gian này? Nếu có người tu tập các giới cấm, thủ hộ biệt giải thoát luật nghi[12], lại còn khéo thâu nhiếp các oai nghi lễ tiết[13], thấy những tội lỗi nhỏ nhặt cũng thường sanh tâm lo sợ, thọ trì học giới. Này chư Hiền, đó là người có ngoại kết sử, không phải A-na-hàm, sẽ còn trở lại thế gian này".

Bấy giờ, một số đông thiên chúng Đẳng tâm[14], sắc tượng vời vợi, ánh sáng rực rỡ, lúc đêm gần tàn, đi đến chỗ Phật, cúi đầu làm lễ rồi đứng sang một bên, bạch rằng:

"Bạch Thế Tôn, Tôn giả Xá-lê Tử, đêm qua cùng chúng Tỳ-kheo vân tập tại giảng đường, nhân đem nội kết sử và ngoại kết sử mà phân biệt nghĩa lý cho các Tỳ-kheo nghe như vầy: 'Này chư Hiền, trên đời quả thật có hai hạng người: người có nội kết sử và người có ngoại kết sử.' Bạch Thế Tôn, Đại chúng đã hoan hỷ, cúi mong Thế Tôn từ bi thương xót mà đến nơi giảng đường."

Lúc đó Thế Tôn im lặng nhận lời chư Thiên Đẳng tâm. Chư Thiên Đẳng tâm biết Thế Tôn đã im lặng nhận lời, cúi đầu đảnh lễ sát chân Phật, nhiễu quanh ba vòng rồi biến mất khỏi chỗ đó.

Không bao lâu, sau khi chư Thiên Đẳng tâm đi khỏi, Đức Thế Tôn đi đến giảng

---

10. Một vị thượng lưu A-na-hàm, sau khi đã đoạn trừ năm hạ phần kết, nhưng do vị ngọt trong cảm thọ lạc của các sắc giới tịnh lự vị ấy lần lượt thác sanh từ cõi trời Phạm thiên của Sơ thiền, cho tới khi thác sanh đến Sắc cứu cánh của Tứ thiền ở đó mà nhập Niết-bàn (Xem *Đại Tỳ-bà-sa 17*, Đại 27, tr, 875c).

11. Chỉ đoạn trừ tham ái dẫn tái sanh Sắc giới.

12. Hán: *thủ hộ tùng giải thoát* -u-@-q———Athường được nói là *biệt giải thoát luật nghi*. Pāli: pātimokkhasaṃsarasaṃvuto, được thủ hộ bằng sự phòng hộ của Pātimokkha.

13. Hán: *thiện nhiếp oai nghi lễ tiết* ———————`-CPāli: ācāragocarasampanno, đầy đủ oai nghi chánh hạnh.

14. Đẳng tâm thiên ———CPāli: Samacittādevartā.

đường, trải chỗ ngồi mà ngồi trước chúng Tỳ-kheo. Sau khi ngồi xong, Đức Thế Tôn khen rằng:

"Lành thay, lành thay! Xá-lê Tử, thầy thật rất khéo léo. Vì sao thế? Vì đêm qua, thầy và chúng Tỳ-kheo vân tập tại giảng đường, nhân đem nội kết sử và ngoại kết sử mà phân biệt nghĩa lý cho các Tỳ-kheo nghe như vầy: 'Này chư Hiền, trên đời quả thật có hai hạng người, người có nội kết sử và người có ngoại kết sử'.

"Xá-lê Tử, lúc đêm gần tàn, chư Thiên Đẳng tâm đi đến chỗ Ta, cúi đầu làm lễ rồi đứng sang một bên, bạch rằng:

"– Bạch Thế Tôn, Tôn giả Xá-lê Tử, đêm qua cùng chúng Tỳ-kheo vân tập tại giảng đường, nhân đem nội kết sử và ngoại kết sử mà phân biệt nghĩa lý cho các Tỳ-kheo nghe như vầy: 'Này chư Hiền, trên đời quả thật có hai hạng người: người có nội kết sử và người có ngoại kết sử'. Bạch Thế Tôn, Đại chúng đã hoan hỷ, cúi mong Thế Tôn từ bi thương xót mà đến nơi giảng đường.

"Xá-lê Tử, Ta im lặng nhận lời chư Thiên Đẳng tâm. Chư Thiên Đẳng tâm biết Ta đã im lặng nhận lời, cúi đầu đảnh lễ sát chân Ta, nhiễu quanh ba vòng rồi biến mất khỏi chỗ đó.

"Xá-lê Tử, chư Thiên Đẳng tâm kia hoặc có mười hay hai mươi vị, hoặc ba mươi hay bốn mươi vị, hoặc năm mươi hay sáu mươi vị, cùng đứng trên đầu mũi dùi vẫn chẳng ngại chướng ngại lẫn nhau. Này Xá-lê Tử, chư Thiên Đẳng tâm chẳng phải sanh ra trong cõi ấy, nhưng do tụ tập thiện tâm rất rộng rất lớn cho nên chư Thiên Đẳng tâm hoặc có mười hay hai mươi vị hoặc ba mươi hay bốn mươi vị, hoặc năm mươi hay sáu mươi vị, cùng đứng trên đầu mũi dùi vẫn chẳng ngại lẫn nhau. Này Xá-lê Tử, chư Thiên Đẳng tâm không phải sanh trong cõi trời này rồi mới bắt đầu tu thiện tâm, với tâm cực kỳ rộng lớn, khiến cho chư thiên Đẳng tâm cùng đứng trên đầu mũi dùi vẫn chẳng ngại lẫn nhau. Này Xá-lê Tử, chư Thiên Đẳng tâm trước kia khi còn là loài người đã tu tập thiện tâm rất rộng, rất lớn, do đó nên khiến chư Thiên Đẳng tâm hoặc có mười hay hai mươi vị, hoặc ba mươi hay bốn mươi vị, hoặc năm mươi hay sáu mươi vị, cùng đứng trên đầu mũi dùi vẫn chẳng chướng ngại lẫn nhau.

"Do đó, này Xá-lê Tử, nên học pháp tịch tĩnh, các căn tịch tĩnh, tâm ý tịch tĩnh, ba nghiệp thân, khẩu ý tịch tĩnh, hướng về Đấng Thế Tôn và các vị phạm hạnh có trí. Này Xá-lê Tử, các hàng dị học dối trá, luôn luôn suy tổn, vĩnh viễn lầm lạc. Vì sao vậy? Vì không được nghe diệu pháp như thế này".

Phật thuyết như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

❑

22. KINH THÀNH TỰU GIỚI[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng lâm, vườn Cấp cô độc.

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lê Tử nói với các Tỳ-kheo rằng:

"Nếu Tỳ-kheo thành tựu giới, thành tựu định, thành tựu tuệ thì ngay trong đời hiện tại mà ra vào định tưởng tri diệt[2]; tất có trường hợp này. Nếu ngay trong đời hiện tại mà không chứng được cứu cánh trí[3], khi thân hoại mạng chung, vượt qua khỏi trời Đoàn thực[4], sanh lên các cõi trời Ý sanh[5], tại các cõi ấy mà ra vào định tưởng tri diệt; tất có trường hợp này".

Lúc đó Tôn giả Ô-đà-di[6] cũng hiện diện trong đại chúng. Tôn giả Ô-đà-di nói rằng:

"Thưa Tôn giả Xá-lê Tử, nếu Tỳ-kheo sanh lên các cõi trời Ý sanh khác, mà ra vào định tưởng tri diệt; hoàn toàn không có trường hợp ấy".

Tôn giả Xá-lê Tử ba lần lặp lại, nói với các Tỳ-kheo rằng:

"Nếu Tỳ-kheo thành tựu giới, thành tựu định, thành tựu tuệ thì ngay trong đời hiện tại mà ra vào định tưởng tri diệt; tất có trường hợp này. Nếu ngay trong đời hiện tại mà không chứng được cứu cánh trí, khi thân hoại mạng chung, vượt qua khỏi trời Đoàn thực, sanh lên các cõi trời Ý sanh, tại các cõi ấy mà ra vào định tưởng tri diệt; tất có trường hợp này".

Tôn giả Ô-đà-di cũng ba lần lặp lại, thưa rằng:

"Thưa Tôn giả Xá-lê Tử, nếu Tỳ-kheo sanh lên các cõi trời Ý sanh khác, mà ra vào định tưởng tri diệt; hoàn toàn không có trường hợp ấy".

Lúc đó Tôn giả Xá-lê Tử liền suy nghĩ như thế này: "Thầy Tỳ-kheo này cho đến ba lần bác lời ta nói, và cũng không có vị Tỳ-kheo nào tán thán lời ta nói. Vậy ta hãy đi đến Đức Thế Tôn".

Rồi Tôn giả Xá-lê Tử đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ rồi ngồi xuống một bên.

Sau khi Tôn giả Xá-lê Tử ra đi chẳng bao lâu, Tôn giả Ô-đà-di cũng đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ rồi ngồi xuống một bên.

Nơi đây, Tôn giả Xá-lê Tử lại nói với các Tỳ-kheo rằng:

"Nếu Tỳ-kheo thành tựu giới, thành tựu định, thành tựu tuệ thì ngay trong đời hiện tại mà ra vào định tưởng tri diệt; tất có trường hợp này. Nếu ngay trong đời hiện tại mà

---

1. Tương đương Pāli: A. V.166 Nirodha.
2. *Tưởng tri diệt định* ▪Q▬▬▪w▪C Pāli: saññāvedayitanirodha-samāpatti. Cũng nói là *tưởng thọ diệt tận định*, hay *diệt tận định*.
3. Hán: *đắc cứu cánh trí* ▪o▪s▬▬▪Achỉ chứng đắc A-la-hán quả. Pāli: aññā-ārādhānā.
4. Đoàn thực thiên ▬▬▬▪C Pāli: Kabalīkārāhārabhakkha-devatā.
5. Ý sanh thiên ▪N▬▬▪C Pāli: manomaya-kāya-devatā.
6. Ô-đà-di ▪Q▬▪i▪C Pāli: Udayī.

không chứng được cứu cánh trí, khi thân hoại mạng chung, vượt qua khỏi trời Đoàn thực, sanh lên các cõi trời Ý sanh, tại các cõi ấy mà ra vào định tưởng tri diệt; tất có trường hợp này".

Tôn giả Ô-đà-di lại thưa rằng:

"Thưa Tôn giả Xá-lê Tử, nếu Tỳ-kheo sanh lên các cõi trời Ý sanh khác, mà ra vào định tưởng tri diệt; hoàn toàn không có trường hợp ấy".

Tôn giả Xá-lê Tử ba lần lặp lại, nói với các Tỳ-kheo rằng:

"Nếu Tỳ-kheo thành tựu giới, thành tựu định, thành tựu tuệ thì ngay trong đời hiện tại mà ra vào định tưởng tri diệt; tất có trường hợp này. Nếu ngay trong đời hiện tại mà không chứng được cứu cánh trí, khi thân hoại mạng chung, vượt qua khỏi trời Đoàn thực, sanh lên các cõi trời Ý sanh, tại các cõi ấy mà ra vào định tưởng tri diệt; tất có trường hợp này".

Tôn giả Ô-đà-di cũng ba lần lặp lại, thưa rằng:

"Thưa Tôn giả Xá-lê Tử, nếu Tỳ-kheo sanh lên các cõi trời Ý sanh khác, mà ra vào định tưởng tri diệt; hoàn toàn không có trường hợp ấy".

Tôn giả Xá-lê Tử suy nghĩ thế này: "Thầy Tỳ-kheo này ở trước Đức Thế Tôn, lặp lại ba lần bác lời ta nói, cũng không có vị Tỳ-kheo nào tán thán lời ta nói; vậy ta nên im lặng".

Lúc ấy Đức Thế Tôn hỏi rằng:

"Này Ô-đà-di, ngươi cho Ý sanh thiên là sắc chăng?[7]"

Tôn giả Ô-đà-di bạch Đức Thế Tôn rằng:

"Quả thật như vậy, bạch Thế Tôn".

Đức Thế Tôn liền khiển trách:

"Ngươi là người ngu si mờ tối, không có mắt, bằng vào những gì mà có thể luận bàn về A-tỳ-đàm thâm sâu[8]?"

Bấy giờ Tôn giả Ô-đà-di sau khi bị Thế Tôn quở mắng lòng dạ u sầu, cúi đầu im lặng, không còn lời lẽ để biện luận, như có điều suy nghĩ.

Đức Thế Tôn sau khi quở mắng Tôn giả Ô-đà-di rồi, nói Tôn giả A-nan rằng:

"Khi một Tỳ-kheo trưởng lão là bậc danh đức thượng tôn mà bị người khác cật vấn, tại sao ngươi bỏ mặc, không chiếu cố? Ngươi, là người ngu si, không có lòng từ, quay lưng lại với bậc trưởng lão thượng tôn danh đức".

Bấy giờ, Đức Thế Tôn sau khi quở mắng Tôn giả Ô-đà-di và Tôn giả A-nan, bèn nói với các Tỳ-kheo rằng:

"Nếu Tỳ-kheo thành tựu giới, thành tựu định, thành tựu tuệ thì ngay trong đời hiện tại mà ra vào định tưởng tri diệt; tất có trường hợp này. Nếu ngay trong đời hiện tại mà không chứng được cứu cánh trí, khi thân hoại mạng chung, vượt qua khỏi trời Đoàn thực, sanh lên các cõi trời Ý sanh, tại các cõi ấy mà ra vào định tưởng tri diệt; tất có trường hợp này".

Đức Thế Tôn nói như vậy xong liền vào tịnh thất im lặng tĩnh tọa. Bấy giờ Tôn giả Bạch Tịnh[9] đang hiện diện trong đại chúng. Tôn giả A-nan thưa với Tôn giả Bạch Tịnh

---

7. Pāli: Bhagavā (...): kaṃ pana tvaṃ Udāyi manomayaṃ kāyaṃ paccesī ti? Ye te bhante devā ārupino saññāmayā ti, Thế Tôn hỏi: 'Này Udāyi, ngươi muốn hiểu thân do ý thức tạo thành là cái gì?' – 'Bạch Thế Tôn, Đó là chư Thiên thuộc Vô sắc do tưởng tạo thành'.

8. *Thậm thâm A-tì-đàm* ——` ——s——Fbản Pāli tương đương không đề cập ý tưởng này.

9. Bạch Tịnh ——b–C Pāli: Upavāṇa.

rằng:

"Đó là việc làm của vị khác mà tôi bị quở mắng. Thưa Tôn giả Bạch Tịnh, vào xế chiều Thế Tôn rời khỏi tịnh thất mà đến trước chúng Tỳ-kheo, trải tòa ngồi, để cùng thảo luận vấn đề này. Tôn giả Bạch Tịnh, ngài nên trả lời việc này. Tôi rất thẹn với Đức Thế Tôn và các vị phạm hạnh".

Bấy giờ vào lúc xế chiều, Đức Thế Tôn từ thiền thất đi ra, đến trước chúng Tỳ-kheo, trải chỗ mà ngồi, rồi Ngài bảo rằng:

"Này Bạch Tịnh, Tỳ-kheo trưởng lão có mấy pháp để được các vị phạm hạnh kính mến, tôn trọng?"

Tôn giả Bạch Tịnh thưa rằng:

"Bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo trưởng lão nếu có năm pháp sẽ được các vị phạm hạnh khác tôn trọng, kính mến.

"Những gì là năm?

"Bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo trưởng lão tu tập các giới cấm, thủ hộ biệt giải thoát luật nghi[10], lại còn khéo thâu nhiếp các oai nghi lễ tiết[11], thấy những tội lỗi nhỏ nhặt cũng thường sanh tâm lo sợ, thọ trì học giới. Bạch Thế Tôn, vị Tỳ-kheo trưởng lão thượng tôn có cấm giới ấy sẽ được các vị phạm hạnh kính mến tôn trọng.

Lại nữa, bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo trưởng lão học rộng, nghe nhiều, ghi nhớ không quên, tích lũy kiến thức rộng rãi; những pháp nào mà khoảng đầu hoàn hảo, khoảng giữa hoàn hảo, khoảng cuối cùng hoàn hảo, có nghĩa lý, có văn từ, hiển hiện phạm hạnh, thanh tịnh trọn đủ, vị ấy học rộng nghe nhiều các pháp như vậy, học tập nhuần nhuyễn cả ngàn lần, tâm ý tư duy quán sát, thấy rõ ràng và hiểu thấu sâu xa. Bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo trưởng lão thượng tôn đa văn ấy sẽ được các vị phạm hạnh kính mến tôn trọng.

"Lại nữa, bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo trưởng lão thượng tôn có bốn tâm tăng thượng[12], sống an lạc trong đời hiện tại[13], dễ được chớ không khó. Bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo trưởng lão thượng tôn có thiền tư ấy sẽ được các vị phạm hạnh kính mến tôn trọng.

"Lại nữa, bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo trưởng lão tu hành trí tuệ, quán sát sự hưng khởi và suy tàn của các pháp[14], chứng đắc như thật trí[15], được sự sáng suốt của Thánh tuệ, phân biệt rõ ràng, chân chánh dứt hết khổ. Bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo trưởng lão thượng tôn có trí tuệ sẽ được các vị phạm hạnh kính mến tôn trọng.

"Lại nữa, bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo trưởng lão đã dứt sạch các lậu, không còn kết sử, tâm giải thoát, tuệ giải thoát, ngay trong đời hiện tại tự tri, tự giác, tự tác chứng, thành tựu và an trụ, 'Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa'. Bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo trưởng lão thượng tôn đã lậu tận ấy sẽ được các vị phạm hạnh kính mến tôn trọng".

Đức Thế Tôn hỏi rằng:

"Này Bạch Tịnh, nếu vị Tỳ-kheo trưởng lão thượng tôn không có năm pháp này,

---

10. Xem cht.12 kinh 21.

11. Hán: *thiện nhiếp oai nghi lễ tiết* ▬▬▬▬▬▬▬`▬CPāli: ācāragocarasampanno, đầy đủ oai nghi chánh hạnh.

12. Tứ tăng thượng tâm ▬|▬W▬W▬▬C Pāli: catunnaṃ jhānānaṃabhicetasikānaṃ, bốn thiền, thuộc tăng thượng tâm.

13. Hán: *hiện pháp lạc cư* (=trú) ▬{▬k▬▬▬~▬C Pāli: diṭṭhadhammasukhavihāra.

14. Hán: *quán hưng suy pháp* ▬[▬▬I▬k▬C

15. Hán: *đắc như thị trí* ▬o▬p▬0▬▬C

thì do nghĩa nào để cho các vị phạm hạnh kính mến tôn trọng?"

Tôn giả Bạch Tịnh thưa:

"Bạch Thế Tôn, nếu vị Tỳ-kheo trưởng lão thượng tôn không có pháp này, thì thật không còn điều nào khác hơn để cho các vị phạm hạnh kính mến tôn trọng. Chỉ còn lấy sự già nua, tóc bạc, răng rụng, sức khỏe ngày càng suy tàn, thân còm chân vẹo, cơ thể nặng nề, hơi thở đưa lên, chống gậy mà đi, thịt teo, da nhăn, xù xì như cây gai, các căn rời rụng, nhan sắc xấu xí. Vị ấy nhân những điều này được các vị phạm hạnh kính mến, tôn trọng".

Đức Thế Tôn bảo rằng:

"Quả thật như vậy, quả thật như vậy, nếu Tỳ-kheo trưởng lão thượng tôn mà không có năm pháp này, thì thật không còn điều kiện nào khác hơn để cho các vị phạm hạnh kính mến tôn trọng. Chỉ còn lấy sự già nua, tóc bạc, răng rụng, sức khỏe ngày càng suy tàn, thân còm chân vẹo, cơ thể nặng nề, hơi thở đưa lên, chống gậy mà đi, thịt teo, da nhăn, xù xì như cây gai, các căn rời rụng, nhan sắc xấu xí. Vị ấy nhân những điều này được các vị phạm hạnh kính mến, tôn trọng.

"Này Bạch Tịnh, Tỳ-kheo Xá-lê Tử có đủ năm pháp này, các ngươi phải kính mến tôn trọng. Vì sao thế?

"Này Bạch Tịnh, Tỳ-kheo Xá-lê Tử tu tập các giới cấm, thủ hộ biệt giải thoát luật nghi, lại còn khéo thâu nhiếp các oai nghi lễ tiết, thấy những tội lỗi nhỏ nhặt cũng thường sanh tâm lo sợ, thọ trì học giới.

"Lại nữa, này Bạch Tịnh, Tỳ-kheo Xá-lê Tử học rộng, nghe nhiều, ghi nhớ không quên, tích lũy kiến thức rộng rãi; những pháp nào mà khoảng đầu hoàn hảo, khoảng giữa hoàn hảo, khoảng cuối cùng hoàn hảo, có nghĩa lý, có văn từ, hiển hiện phạm hạnh, thanh tịnh trọn đủ; học rộng nghe nhiều các pháp như vậy, học tập nhuần nhuyễn cả ngàn lần, tâm ý tư duy quán sát, thấy rõ ràng và hiểu thấu sâu xa.

"Lại nữa, này Bạch Tịnh, Tỳ-kheo Xá-lê Tử có bốn tâm tăng thượng, sống an lạc trong đời hiện tại, dễ được chớ không khó.

"Lại nữa, này Bạch Tịnh, Tỳ-kheo Xá-lê Tử tu hành trí tuệ, quán sát sự hưng khởi và suy tàn của các pháp, chứng đắc như thật trí, được sự sáng suốt của Thánh tuệ, phân biệt rõ ràng, chân chánh dứt hết khổ.

"Lại nữa, này Bạch Tịnh, Tỳ-kheo Xá-lê Tử đã dứt sạch các lậu, không còn kết sử, tâm giải thoát, tuệ giải thoát, ngay trong đời hiện tại tự tri, tự giác, tự tác chứng, thành tựu và an trụ, 'Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa'.

"Này Bạch Tịnh, Tỳ-kheo Xá-lê Tử thành tựu năm pháp này, các ngươi nên kính mến tôn trọng".

Đức Phật thuyết như vậy. Tôn giả Bạch Tịnh và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

❑

23. KINH TRÍ[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng lâm, vườn Cấp cô độc.

Bấy giờ Tỳ-kheo Mâu-lợi-phá-quần-nậu[2] xả giới, bỏ đạo. Tỳ-kheo Hắc Xỉ[3] nghe Tỳ-kheo Mâu-lợi-phá-quần-nậu, xả giới, bỏ đạo, liền đến chỗ Tôn giả Xá-lê Tử, cúi đầu lạy dưới chân rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xong, thưa rằng:

"Thưa Tôn giả Xá-lê Tử, ngài nên biết Tỳ-kheo Mâu-lợi-phá-quần-nậu, xả giới, bỏ đạo".

Tôn giả Xá-lê Tử nói rằng:

"Tỳ-kheo Mâu-lợi-phá-quần-nậu ở trong giáo pháp này mà có sự ái lạc chăng?"

Tôn giả Hắc Xỉ hỏi lại rằng:

"Tôn giả Xá-lê Tử ở trong giáo pháp này có sự ái lạc chăng?"

Tôn giả Xá-lê Tử trả lời rằng:

"Này Hắc Xỉ, ta không hề có sự nghi hoặc đối với giáo pháp này".

Tỳ-kheo Hắc Xỉ lại hỏi rằng:

"Tôn giả Xá-lê Tử đối với những việc trong tương lai thì như thế nào?"

Tôn giả Xá-lê Tử trả lời rằng:

"Ta đối với những việc trong tương lai thì cũng không có gì do dự".

Tỳ-kheo Hắc Xỉ nghe vậy rồi, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đi đến chỗ Phật cúi đầu lễ dưới chân Phật, rồi ngồi xuống một bên, bạch rằng:

"Bạch Thế Tôn, Tôn giả Xá-lê Tử vừa rồi tự tuyên bố là chứng đắc trí[4], biết như thật rằng: 'Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sinh nữa'."

Đức Thế Tôn nghe xong bảo một vị Tỳ-kheo:

"Ngươi hãy đến chỗ Xá-lê Tử nói rằng 'Đức Thế Tôn muốn gọi ngài.'"

Tỳ-kheo ấy vâng lời Phật dạy, liền từ chỗ ngồi đứng dậy lạy Phật rồi đi đến chỗ Tôn giả Xá-lê Tử thưa rằng:

"Đức Thế Tôn gọi Tôn giả Xá-lê Tử".

Tôn giả Xá-lê Tử nghe rồi liền đi đến trước Phật, cúi đầu lễ rồi ngồi xuống một bên. Đức Thế Tôn hỏi rằng:

"Này Xá-lợi-phất, có thật vừa rồi thầy tự tuyên bố là chứng đắc trí, biết như thật, rằng 'Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa' chăng?"

---

1. Tương đương Pāli: S, XII.32, Kalāra-suttam.
2. Mâu-lợi-phá-quần-nậu ▬▬Q▬}▬s▬Ý▬C Pāli: Moliyaphagguna.
3. Hắc Xỉ ▬▬▬C Pāli: Kalārakhattiya.
4. Pāli: aññā vyākatā, tuyên bố về cứu cánh trí.

Tôn giả Xá-lê Tử bạch rằng:

"Bạch Thế Tôn, không phải với lời văn ấy, không phải đi với câu ấy mà con nói về nghĩa ấy".

Đức Thế Tôn bảo:

"Này Xá-lê Tử, một thiện nam tử tùy phương tiện[5] mà tuyên thuyết, hễ có chứng đắc trí, thì tuyên bố chứng đắc trí".

Tôn giả Xá-lê Tử bạch rằng:

"Bạch Thế Tôn, con vừa nói không phải với lời ấy, không phải với câu ấy mà con nói về nghĩa ấy".

Đức Thế Tôn hỏi:

"Này Xá-lê Tử nếu có vị phạm hạnh nào đến hỏi thầy thế này: 'Thưa Tôn giả Xá-lê Tử, biết thế nào, thấy thế nào, để có thể tự tuyên bố là chứng đắc trí, biết như thật rằng: 'Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa?' Này Xá-lê Tử nghe như vậy thầy sẽ trả lời sao?"

Tôn giả Xá-lê Tử trả lời rằng:

"Bạch Thế Tôn, nếu có vị phạm hạnh đến hỏi con rằng: 'Thưa Tôn giả Xá-lê Tử, biết thế nào, thấy thế nào, để có thể tự tuyên bố là chứng đắc trí, biết như thật rằng: 'Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa?' Bạch Thế Tôn, nếu có người phạm hạnh đến hỏi con như vậy, con sẽ trả lời như vầy: 'Chư Hiền, sanh có nhân. Nhân của sự sanh ấy diệt tận, thì biết nhân của sự sanh diệt tận; tôi tự tuyên bố là chứng đắc trí, biết như thật rằng: 'Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa?' Bạch Thế Tôn nếu có người phạm hạnh đến hỏi con như vậy, con sẽ trả lời như thế".

Đức Thế Tôn khen rằng:

"Hay thay! Hay thay! Nếu các vị phạm hạnh đến hỏi như thế, thầy nên trả lời như vậy. Vì sao thế? Vì nói như thế nên biết đó là nghĩa".

Đức Thế Tôn hỏi rằng:

"Này Xá-lê Tử, nếu có vị phạm hạnh đến hỏi thầy thế này: 'Thưa Tôn giả Xá-lê Tử, sự sanh do nhân gì, do duyên gì, từ đâu mà sanh, lấy gì làm gốc[6]?" Thầy nghe những câu hỏi đó, trả lời như thế nào?"

Tôn giả Xá-lê Tử thưa:

"Bạch Thế Tôn, nếu các vị phạm hạnh đến hỏi con rằng: 'Thưa Tôn giả Xá-lê Tử, sự sanh do nhân gì, do duyên gì, từ đâu mà sanh, lấy gì làm gốc?" Con nghe như vậy sẽ trả lời rằng: 'Này chư Hiền, sự sanh lấy hữu làm nhân, lấy hữu làm duyên, từ hữu mà sanh, lấy hữu làm gốc'. Bạch Thế Tôn, nếu các vị phạm hạnh đến hỏi con như thế, con sẽ trả lời như vậy".

Đức Thế Tôn khen:

"Hay thay! Hay thay! Xá-lê Tử, nếu các vị phạm hạnh đến hỏi thầy như thế, thầy nên trả lời như thế. Vì sao thế? Vì nói như vậy nên biết đó là nghĩa".

Đức Thế Tôn hỏi rằng:

"Này Xá-lê Tử, nếu các vị phạm hạnh đến hỏi thầy thế này: 'Thưa Tôn giả Xá-lê Tử, hữu do nhân gì, do duyên gì, từ đâu mà sanh, lấy gì làm gốc?' Thầy nghe những lời ấy

---

5. Hán: *tùy kỳ phương tiện* -H———K-C Pāli: yena kenaci pariyāyena, bằng pháp môn (phương pháp) nào.

6. Pāli: kiṃ-nidānā kiṃ-samudayā kiṃ-jātikā kiṃ-bhavā, nguyên nhân gì, tập khởi gì, chủng loại gì, tự thể gì?

sẽ trả lời thế nào?"

Tôn giả Xá-lê Tử thưa rằng:

"Bạch Thế Tôn, nếu các vị phạm hạnh đến hỏi con rằng 'Thưa Tôn giả Xá-lê Tử, hữu do nhân gì, do duyên gì, từ đâu mà sanh, lấy gì làm gốc?' Bạch Thế Tôn con nghe như vậy, con sẽ trả lời thế này: 'Này chư Hiền, hữu lấy thủ[7] làm nhân, lấy thủ làm duyên, từ thủ mà sanh, lấy thủ làm gốc.' Bạch Thế Tôn, nếu các vị phạm hạnh đến hỏi con như thế, con sẽ trả lời như vậy."

Đức Thế Tôn khen rằng:

"Hay thay! Hay thay! Xá-lê Tử, nếu các vị phạm hạnh đến hỏi thầy như thế, thầy nên trả lời như thế. Vì sao thế? Vì nói như vậy nên biết đó là nghĩa".

Đức Thế Tôn hỏi rằng:

"Này Xá-lê Tử, nếu các vị phạm hạnh đến hỏi thầy thế này: 'Thưa Tôn giả Xá-lê Tử, thủ do nhân gì, do duyên gì, từ đâu mà sanh, lấy gì làm gốc?' Thầy nghe những lời ấy sẽ trả lời thế nào?"

Tôn giả Xá-lê Tử thưa rằng:

"Bạch Thế Tôn, nếu các vị phạm hạnh đến hỏi con rằng 'Thưa Tôn giả Xá-lê Tử, thủ do nhân gì, do duyên gì, từ đâu mà sanh, lấy gì làm gốc?" Bạch Thế Tôn, con nghe như vậy, con sẽ trả lời thế này: 'Này chư Hiền, thủ lấy ái làm nhân, lấy ái làm duyên, từ ái mà sanh, lấy ái làm gốc'. Bạch Thế Tôn, nếu các vị phạm hạnh đến hỏi con như thế, con sẽ trả lời như vậy".

Đức Thế Tôn khen rằng:

"Hay thay! Hay thay! Xá-lê Tử, nếu các vị phạm hạnh đến hỏi thầy như thế, thầy nên trả lời như thế. Vì sao thế? Vì nói như vậy nên biết đó là nghĩa".

Đức Thế Tôn hỏi rằng:

"Này Xá-lê Tử, nếu các vị phạm hạnh đến hỏi thầy thế này: 'Thưa Tôn giả Xá-lê Tử, thế nào là ái?' Thầy nghe những lời ấy sẽ trả lời thế nào?"

Tôn giả Xá-lê Tử thưa rằng:

"Bạch Thế Tôn, nếu các vị phạm hạnh đến hỏi con rằng 'Thưa Tôn giả Xá-lê Tử, thế nào là ái?" Bạch Thế Tôn, con nghe như vậy, con sẽ trả lời thế này: 'Này chư Hiền, có ba cảm thọ[8]; cảm thọ lạc, cảm thọ khổ, cảm thọ không lạc không khổ. Ở trong đó mà ham muốn, đắm trước, đó gọi là ái'. Bạch Thế Tôn, nếu các vị phạm hạnh đến hỏi con như thế, con sẽ trả lời như vậy".

Đức Thế Tôn khen rằng:

"Hay thay! Hay thay! Xá-lê Tử, nếu các vị phạm hạnh đến hỏi thầy như thế, thầy nên trả lời như thế. Vì sao thế? Vì nói như vậy nên biết đó là nghĩa".

Đức Thế Tôn hỏi rằng:

"Này Xá-lê Tử, nếu các vị phạm hạnh đến hỏi thầy thế này: 'Thưa Tôn giả Xá-lê Tử, biết thế nào, thấy thế nào để đối với ba thọ không ham muốn, đắm trước?" Thầy nghe vậy rồi trả lời thế nào?"

Tôn giả Xá-lê Tử thưa rằng:

"Bạch Thế Tôn, nếu các vị phạm hạnh đến hỏi rằng: 'Thưa Tôn giả Xá-lê Tử, biết thế nào, thấy thế nào để đối với ba thọ không ham muốn, đắm trước?' Nghe vậy rồi, con

---

7. Hán: *thọ* —Adịch ngữ thông dụng là thủ. Pāli: upādāna.

8. Hán: *giác* —Atừ ngữ thông dụng là *thọ*. Pāli: vedāna.

sẽ trả lời rằng: 'Này chư Hiền, ba thọ này là pháp vô thường pháp khổ, pháp diệt. Pháp vô thường tức là khổ; thấy khổ rồi liền không còn ham muốn, đắm trước đối với ba thọ'. Bạch Thế Tôn, nếu các vị phạm hạnh đến hỏi như thế, con sẽ trả lời như vậy".

Đức Thế Tôn khen rằng:

"Hay thay! Hay thay! Xá-lê Tử, nếu các vị phạm hạnh đến hỏi thầy như thế, thầy nên trả lời như thế. Vì sao thế? Vì nói như vậy nên biết đó là nghĩa".

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo rằng:

"Này Xá-lê Tử, lời nói này còn có ý nghĩa nữa để lời nói ấy có thể trả lời vắn tắt. Này Xá-lê Tử, những gì được cảm thọ, những gì được tạo tác, thảy đều là khổ[9]. Này Xá-lê Tử, đó gọi là còn một ý nghĩa nữa để lời nói ấy có thể được trả lời vắn tắt".

Đức Thế Tôn hỏi rằng:

"Này Xá-lê Tử, nếu các vị phạm hạnh đến hỏi thầy thế này: 'Thưa Tôn giả Xá-lê Tử, bội xả[10] thế nào để tự tuyên bố là chứng đắc trí, biết như thật, rằng 'Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa?'"

Tôn giả Xá-lợi-phất thưa rằng: "Bạch Thế Tôn, nếu có vị phạm hạnh đến hỏi con thế này: 'Thưa Tôn giả Xá-lê Tử, bội xả thế nào để tự tuyên bố là chứng đắc trí, biết như thật, rằng 'Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa?' Con nghe như vậy sẽ trả lời thế này: 'Này chư Hiền, tôi do bội xả bên trong[11] mà diệt tận các ái[12], không kinh hãi, không sợ sệt, không nghi, không hoặc, thực hành sự thủ hộ như vậy. Thủ hộ như thế rồi không sanh ra lậu bất thiện[13]'. Bạch Thế Tôn, nếu các vị phạm hạnh hỏi con như thế, con sẽ trả lời như vậy.

Đức Thế Tôn khen rằng:

"Hay thay! Hay thay! Xá-lê Tử, nếu các vị phạm hạnh đến hỏi thầy như thế, thầy nên trả lời như thế. Vì sao thế? Vì nói như vậy nên biết đó là nghĩa".

Đức Phật bảo rằng:

"Này Xá-lê Tử, lời nói này còn có ý nghĩa nữa để lời nói ấy có thể trả lời vắn tắt. 'Đối với những kết sử mà Sa-môn nói đến[14], những kiết sử ấy không tồn tại nơi ta, thực hành sự thủ hộ như vậy; thủ hộ như thế rồi không còn sanh ra lậu bất thiện nữa'. Này Xá-lê Tử, đó gọi là còn có ý nghĩa nữa để lời nói ấy có thể trả lời vắn tắt".

Đức Thế Tôn nói như vậy rồi, liền từ chỗ ngồi đứng dậy đi vào tịnh thất tĩnh tọa. Sau khi Đức Thế Tôn đi vào tịnh thất chẳng bao lâu, Tôn giả Xá-lê Tử bảo các Tỳ-kheo rằng:

"Này chư Hiền, thoạt tiên tôi chưa kịp gợi ý mà Đức Thế Tôn lại hỏi ý nghĩa đó, tôi đã nghĩ rằng sợ không trả lời được. Này chư Hiền, khi tôi nói ra ý nghĩa thứ nhất liền được Đức Thế Tôn tán thán, tôi lại nghĩ thế này: 'Nếu Đức Thế Tôn trong một ngày một đêm, với những lời khác với những câu khác, mà hỏi tôi về nghĩa này, thì

---

9. Pāli: yaṃ kiñci vedayitaṃ taṃ dukkhasmiṃ ti, cái gì được cảm thọ, cái ấy ở trong khổ.
10. Hán: *bối nhi bất hướng* 背而不向 cũng nói là bối xả. Thông thường nói là *giải thoát;* có tâm môn, mà diệt thọ tưởng định là cao nhất. Pāli: vimokkha.
11. Hán: *nội bối nhi bất hướng* 內背而不向 Pāli: ajjhattaṃ vimokkhā, sự giải thoát bên trong (hay nội tâm).
12. Pāli: sabbupādānakkhayā, tất cả chấp thủ diệt tận.
13. Pāli: yathā sataṃ viharantaṃ āsavā ānussavanti, do sống chánh niệm như thế các lậu không còn rỉ chảy.
14. Pāli: ye āsavā samanena vuttā, những lậu hoặc mà Sa-môn nói đến.

tôi vẫn có thể trong một ngày một đêm, với những lời khác, câu khác mà trả lời Đức Thế Tôn về nghĩa ấy. Nếu Đức Thế Tôn trong hai, ba, bốn ngày cho đến bảy ngày bảy đêm với những lời khác câu khác mà hỏi tôi về nghĩa này, thì tôi vẫn có thể trong hai, ba, bốn cho đến bảy ngày bảy đêm với những lời khác, câu khác mà trả lời Đức Thế Tôn về nghĩa ấy'."

Tỳ-kheo Hắc Xỉ nghe Tôn giả Xá-lê Tử nói những lời ấy rồi, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, vội đến chỗ Phật bạch rằng:

"Sau khi Thế Tôn vào tịnh thất chẳng bao lâu, Tôn giả Xá-lê Tử nói rất to chẳng thua gì tiếng rống của sư tử, rằng: 'Này chư Hiền, thoạt tiên tôi chưa kịp gợi ý mà Đức Thế Tôn lại hỏi ý nghĩa đó, tôi đã nghĩ rằng sợ không trả lời được. Này chư Hiền, khi tôi nói ra ý nghĩa thứ nhất liền được Đức Thế Tôn tán thán, tôi lại nghĩ thế này: Nếu Đức Thế Tôn trong một ngày một đêm, với những lời khác với những câu khác, mà hỏi tôi về nghĩa này, thì tôi vẫn có thể trong một ngày một đêm, với những lời khác, câu khác mà trả lời Đức Thế Tôn về nghĩa ấy. Nếu Đức Thế Tôn trong hai, ba, bốn ngày cho đến bảy ngày bảy đêm với những lời khác câu khác mà hỏi tôi về nghĩa này, thì tôi vẫn có thể trong hai, ba, bốn cho đến bảy ngày bảy đêm với những lời khác, câu khác mà trả lời Đức Thế Tôn về nghĩa ấy'."

Đức Thế Tôn bảo rằng:

"Này Hắc Xỉ, thật như vậy! Thật như vậy! Nếu Ta trong một ngày một đêm, với những lời khác với những câu khác, mà hỏi Tỳ-kheo Xá-lê Tử về nghĩa này, thì Tỳ-kheo Xá-lê Tử vẫn có thể trong một ngày một đêm, với những lời khác, câu khác mà trả lời Ta về nghĩa ấy. Này Hắc Xỉ, nếu Ta trong hai, ba, bốn ngày cho đến bảy ngày bảy đêm với những lời khác câu khác mà hỏi Tỳ-kheo Xá-lê Tử về nghĩa này, thì Tỳ-kheo Xá-lê Tử vẫn có thể trong hai, ba, bốn cho đến bảy ngày bảy đêm với những lời khác, câu khác mà trả lời Ta về nghĩa ấy. Vì sao thế? Này Hắc Xỉ, Tỳ-kheo Xá-lê Tử đã thấu đạt sâu xa về pháp giới[15] vậy".

Phật thuyết như vậy, Tôn giả Xá-lê Tử và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

❑

15. Hán: *thâm đạt pháp giới* −` −F−k——C Pāli: Dhammadhātu-suppaṭividha, lý giải sâu sắc về Pháp giới.

24. KINH SƯ TỬ HỐNG[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật du hóa tại nước Xá-vệ trong rừng Thắng lâm vườn Cấp cô độc.

Bấy giờ, Thế Tôn cùng với chúng Đại Tỳ-kheo an cư mùa mưa tại nước Xá-vệ. Tôn giả Xá-lê Tử cũng an cư mùa mưa tại nước Xá-vệ. Lúc ấy Tôn giả Xá-lê Tử an cư mùa mưa tại nước Xá-vệ xong, đã trải qua ba tháng, sau khi vá sửa các y rồi, liền xếp y ôm bát đến chỗ Đức Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật, lui qua một bên rồi thưa rằng:

"Bạch Thế Tôn, con an cư mùa mưa ở nước Xá-vệ vừa xong. Bạch Thế Tôn, bây giờ con muốn du hành trong nhân gian".

Đức Phật nói rằng:

"Này Xá-lê Tử, Thầy hãy đi đến nơi nào theo ý muốn. Những người nào chưa được hóa độ hãy khiến cho được hóa độ. Những người nào chưa được giải thoát hãy khiến cho họ được giải thoát. Những người nào chưa chứng Niết-bàn hãy cho chứng đắc Niết-bàn. Này Xá-lê Tử, Thầy hãy đi đến nơi nào theo ý muốn".

Rồi thì, Tôn giả Xá-lê Tử sau khi nghe những lời Phật nói, ghi nhớ kỹ, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật, đi quanh ba vòng, rồi lui ra, trở về phòng riêng, dọn dẹp giường ghế, xếp y, ôm bát, ra đi du hành trong nhân gian.

Sau khi Tôn giả Xá-lê Tử ra đi chẳng bao lâu, có một vị phạm hạnh ở trước Đức Phật phạm vào pháp tương vi[2], vị ấy bạch Thế Tôn:

"Hôm nay Tôn giả Xá-lê Tử sau khi khinh mạn con rồi đi du hành trong nhân gian".

Đức Thế Tôn nghe rồi, bảo một vị Tỳ-kheo rằng:

'Ngươi hãy tìm đến chỗ Xá-lê Tử, bảo với Xá-lê Tử rằng: 'Đức Thế Tôn gọi thầy rằng, sau khi thầy đi không bao lâu có một vị phạm hạnh ở trước Ta phạm pháp tương vi, nói thế này: Bạch Thế Tôn, hôm nay Tôn giả Xá-lê Tử sau khi khinh mạn con, rồi đi du hành trong nhân gian'."

Vị Tỳ-kheo kia sau khi vâng lời Đức Phật dậy, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ Đức Phật rồi ra đi. Bấy giờ Tôn giả A-nan đứng sau Đức Thế Tôn, đang cầm quạt hầu Đức Phật.

Sau khi vị Tỳ-kheo kia đi chẳng bao lâu, Tôn giả A-nan liền cầm chìa khóa cửa, đi đến khắp các phòng, gặp các vị Tỳ-kheo nào cũng nói như thế này:

"Lành thay, chư tôn mau đến giảng đường. Vì hôm nay Tôn giả Xá-lê Tử sẽ đứng trước Đức Phật mà rống tiếng sư tử. Những gì mà Tôn giả Xá-lê Tử nói ra đều sâu xa, tịch tịnh ở trong tịch tĩnh, vi diệu ở trong vi diệu. Những lời như vậy sau khi các vị và tôi nghe được rồi, nên khéo tụng tập, nên khéo ghi nhớ".

---

1. Tương đương Pāli: A.IX.11. Vūttha (Sīhanāḍa-Sutta đề theo ấn bản Devanagari).
2. Hán: *phạm tương vi pháp* ―――H-k-C Có lẽ Pāli: khīyadhammaṃ āpanna (āpajjati): rơi vào trạng thái ưu uất; đang cơn bất bình. Đây chỉ Tỳ-kheo kia đang có điều bất mãn hay oán hận ngài Sāriputta.

Lúc ấy, các Tỳ-kheo nghe Tôn giả A-nan nói như vậy, tất cả đều đến giảng đường.

Bấy giờ vị Tỳ-kheo kia đến chỗ Tôn giả Xá-lê Tử thưa rằng:

"Đức Thế Tôn gọi thầy rằng, sau khi thầy đi không bao lâu có một vị phạm hạnh ở trước Đức Thế Tôn, phạm pháp tương vi, nói thế này: 'Bạch Thế Tôn, hôm nay Tôn giả Xá-lê Tử sau khi khinh mạn con, rồi đi du hành trong nhân gian'."

Bấy giờ Tôn giả Xá-lê Tử sau khi nghe như vậy, liền từ chỗ ngồi đứng dậy đi đến chỗ Đức Phật, cúi đầu đảnh lễ rồi lui sang một bên. Đức Phật liền bảo rằng:

"Này Xá-lê Tử, sau khi thầy đi không bao lâu có một vị phạm hạnh ở trước Ta, phạm pháp tương vi, nói thế này: 'Bạch Thế Tôn hôm nay Tôn giả Xá-lê Tử sau khi khinh mạn con, rồi đi du hành trong nhân gian'. Này Xá-lê Tử, có thật sau khi khinh mạn một vị phạm hạnh rồi thầy đi du hành trong nhân gian chăng?"

Tôn giả Xá-lê Tử bạch rằng:

"Bạch Thế Tôn, nếu người nào không có niệm thân trên thân[3] thì người ấy mới khinh mạn một vị phạm hạnh rồi đi du hành trong nhân gian. Bạch Thế Tôn, con khéo có niệm thân trên thân, vì sao con lại khinh mạn một vị phạm hạnh rồi đi du hành trong nhân gian?

"Bạch Thế Tôn, như một con trâu gãy sừng[4], rất nhường nhịn, hiền lành, dễ sai khiến, dễ chế ngự. Nó từ thôn này đi đến thôn khác, từ xóm này đi đến xóm khác; những nơi nó đi qua, không có gì bị xâm phạm. Bạch Thế Tôn, con cũng vậy. Tâm con như con trâu gãy sừng, không kết, không oán, không sân nhuế, không não hại, rộng lớn, vô biên, khéo tu tập, biến mãn tất cả thế gian, thành tựu và an trụ. Bạch Thế Tôn, nếu ai không có niệm thân trên thân thì người ấy mới khinh mạn một vị phạm hạnh rồi đi du hành trong nhân gian. Bạch Thế Tôn, con khéo có niệm thân trên thân, vì sao con lại khinh mạn một vị phạm hạnh rồi đi du hành trong nhân gian?

"Bạch Thế Tôn, như con của một người Chiên-đà-la[5] bị chặt hai tay, tâm ý rất thấp hèn. Nó từ thôn này đi đến thôn khác, từ xóm này đi đến xóm khác, những nơi nó đi ngang qua không có gì bị xâm phạm. Bạch Thế Tôn con cũng như thế. Tâm con như con của một người Chiên-đà-la bị chặt hai tay, không kết, không oán, không sân nhuế, không não hại, rộng lớn, vô biên, khéo tu tập, biến mãn tất cả thế gian, thành tựu và an trụ. Bạch Thế Tôn, nếu ai không có niệm thân trên thân thì người ấy mới khinh mạn một vị phạm hạnh rồi đi du hành trong nhân gian. Bạch Thế Tôn, con khéo có niệm thân trên thân, vì sao con lại khinh mạn một vị phạm hạnh rồi đi du hành trong nhân gian?

"Bạch Thế Tôn, cũng như mặt đất dung nạp tất cả đồ sạch, đồ dơ, đại tiện, tiểu tiện, nước mũi, nước miếng. Đất không phải vì thế mà khởi sự thương ghét, không lấy làm sỉ nhục, xấu xa, không hổ, cũng không thẹn. Bạch Thế Tôn, con cũng như vậy. Tâm con như mặt đất kia, không ghét, không oán, cũng không sân nhuế, không não hại, rộng lớn, vô biên, khéo tu tập, biến mãn tất cả thế gian, thành tựu và an trụ. Bạch Thế Tôn, nếu ai không có niệm thân trên thân thì người ấy mới khinh mạn một vị phạm hạnh rồi đi du hành trong nhân gian. Bạch Thế Tôn, con khéo có niệm thân trên thân, vì sao con lại khinh mạn một vị phạm hạnh rồi đi du hành trong nhân gian?

"Bạch Thế Tôn, cũng như dòng nước rửa sạch tất cả các đồ sạch, đồ dơ, đại tiện,

---

3. Hán: *thân thân niệm* ————C Pāli: kāye kāyagatā-sati anupaṭṭhitā, chánh niệm về thân hành (các động thái của thân) được xác lập trên thân.

4. Hán: *tiệt giác ngưu* ————C Pāli: usabho chinnavisāṇo, con trâu chúa (trâu đực) mà cặp sừng đã bị cắt.

5. Hán: Chiên-đà-la ————A người thuộc giai cấp cùng đinh. Pāli: caṇḍāla.

tiểu tiện, nước mũi, nước miếng. Nước ấy không vì thế mà có sự yêu ghét, không lấy làm sỉ nhục, xấu xa, không hổ, cũng không thẹn. Bạch Thế Tôn, con cũng như vậy. Tâm con như nước kia, không ghét, không oán, cũng không sân nhuế, không não hại, rộng lớn, vô biên, khéo tu tập, biến mãn tất cả thế gian, thành tựu và an trụ. Bạch Thế Tôn, nếu ai không có niệm thân trên thân thì người ấy mới khinh mạn một vị phạm hạnh rồi đi du hành trong nhân gian. Bạch Thế Tôn, con khéo có niệm thân trên thân, vì sao con lại khinh mạn một vị phạm hạnh rồi đi du hành trong nhân gian?

"Bạch Thế Tôn, cũng như ngọn lửa đốt cháy tất cả các đồ sạch, đồ dơ, đại tiện, tiểu tiện, nước mũi, nước miếng. Lửa không vì thế mà có sự yêu ghét, không lấy làm sỉ nhục, xấu xa, không hổ, cũng không thẹn. Bạch Thế Tôn, con cũng như vậy. Tâm con như lửa kia, không ghét, không oán, cũng không sân nhuế, không não hại, rộng lớn, vô biên, khéo tu tập, biến mãn tất cả thế gian, thành tựu và an trụ. Bạch Thế Tôn, nếu ai không có niệm thân trên thân thì người ấy mới khinh mạn một vị phạm hạnh rồi đi du hành trong nhân gian. Bạch Thế Tôn, con khéo có niệm thân trên thân, vì sao con lại khinh mạn một vị phạm hạnh rồi đi du hành trong nhân gian?

"Bạch Thế Tôn, cũng như ngọn gió thổi bay đi đồ sạch đồ dơ, đại tiện, tiểu tiện, nước mũi, nước miếng. Gió cũng không vì thế mà có sự yêu ghét, không lấy làm sỉ nhục, xấu xa, không hổ, cũng không thẹn. Bạch Thế Tôn, con cũng như vậy. Tâm con như gió kia, không ghét, không oán, cũng không sân nhuế, không não hại, rộng lớn, vô biên, khéo tu tập, biến mãn tất cả thế gian, thành tựu và an trụ. Bạch Thế Tôn, nếu ai không có niệm thân trên thân thì người ấy mới khinh mạn một vị phạm hạnh rồi đi du hành trong nhân gian. Bạch Thế Tôn, con khéo có niệm thân trên thân, vì sao con lại khinh mạn một vị phạm hạnh rồi đi du hành trong nhân gian?

"Bạch Thế Tôn, cũng như cây chổi quét sạch đồ dơ, đồ sạch, đại tiện, tiểu tiện, nước mũi, nước miếng. Chổi vẫn không vì thế mà có sự yêu ghét, không lấy làm sỉ nhục, xấu xa, không hổ, cũng không thẹn. Bạch Thế Tôn, con cũng như vậy. Tâm con như cây chổi kia, không ghét, không oán, cũng không sân nhuế, không não hại, rộng lớn, vô biên, khéo tu tập, biến mãn tất cả thế gian, thành tựu và an trụ. Bạch Thế Tôn, nếu ai không có niệm thân trên thân thì người ấy mới khinh mạn một vị phạm hạnh rồi đi du hành trong nhân gian. Bạch Thế Tôn, con khéo có niệm thân trên thân, vì sao con lại khinh mạn một vị phạm hạnh rồi đi du hành trong nhân gian?

"Bạch Thế Tôn, cũng như cái Bô-chiên-ni[6], chùi lau tất cả các đồ dơ đồ sạch, đại tiện tiểu tiện, nước mũi nước miếng, cái Bô-chiên-ni cũng không vì thế mà có sự yêu ghét, không lấy làm sỉ nhục, xấu xa, không hổ, cũng không thẹn. Bạch Thế Tôn, con cũng như vậy. Tâm con như Bô-chiên-ni kia, không ghét, không oán, cũng không sân nhuế, không não hại, rộng lớn, vô biên, khéo tu tập, biến mãn tất cả thế gian, thành tựu và an trụ. Bạch Thế Tôn, nếu ai không có niệm thân trên thân thì người ấy mới khinh mạn một vị phạm hạnh rồi đi du hành trong nhân gian. Bạch Thế Tôn, con khéo có niệm thân trên thân, vì sao con lại khinh mạn một vị phạm hạnh rồi đi du hành trong nhân gian?

"Bạch Thế Tôn, cũng như cái bình đựng dầu[7] nứt nẻ nhiều chỗ, đựng đầy mỡ rồi để dưới ánh mặt trời, chảy rỉ khắp, thấm ướt tất cả. Nếu người có mắt đứng bất cứ nơi nào, sẽ thấy bình mỡ, nứt nẻ nhiều chỗ, đựng đầy mỡ rồi để dưới ánh mặt trời, chảy rỉ khắp, thấm

---

6. Hán: *bô-chiên-ni* ━━━C Pāli: puñchanī, cái giẻ lau.

7. Hán: *cao bình* ━I━~━C Pāli: medakathālikaṃ; bình (hủ) đựng dầu hay mỡ để nấu ăn.

ướt tất cả. Bạch Thế Tôn, con cũng như thế. Con thường quán sát thân này có chín lỗ, đồ bất tịnh chảy rỉ khắp, thấm ướt khắp. Bạch Thế Tôn, nếu ai không có niệm thân trên thân thì người ấy mới khinh mạn một vị phạm hạnh rồi đi du hành trong nhân gian. Bạch Thế Tôn, con khéo có niệm thân trên thân, vì sao con lại khinh mạn một vị phạm hạnh rồi đi du hành trong nhân gian?

"Bạch Thế Tôn, cũng như một người ưa thích tuổi thiếu niên của mình, tắm gội sạch sẽ, xông thân thể bằng hương thoa, mặc áo trắng, đeo vòng ngọc để trang sức; cạo râu, sửa tóc, đầu đội tràng hoa; nếu đem ba xác chết mà quấn quanh nơi cổ họng; xác rắn chết, xác người chết, xác chó chết, máu ứ bầm xanh, sình trướng to lên, rất thối tha, rửa nát, nước nhớp chảy tràn. Người ấy sẽ ôm lòng hổ thẹn, rất ghét đồ dơ uế đó. Bạch Thế Tôn, con cũng như thế; thường quán sát những chỗ thối tha không sạch sẽ trong thân này, tâm ôm lòng hổ thẹn, rất ghét vật nhơ uế đó. Bạch Thế Tôn, nếu ai không có niệm thân trên thân thì người ấy mới khinh mạn một vị phạm hạnh rồi đi du hành trong nhân gian. Bạch Thế Tôn, con khéo có niệm thân trên thân, vì sao con lại khinh mạn một vị phạm hạnh rồi đi du hành trong nhân gian?"

Lúc bấy giờ vị Tỳ-kheo kia liền từ chỗ ngồi đứng dậy, cúi đầu lễ sát chân Phật bạch rằng:

"Bạch Thế Tôn, con xin sám hối. Bạch Thiện Thệ, con xin sám hối. Con như ngu, như si, như người bất định, như người bất thiện. Vì sao thế? Vì con đã đem lời dối trá để vu khống Tỳ-kheo Xá-lê Tử, là bậc phạm hạnh thanh tịnh. Bạch Thế Tôn, con nay xin sám hối tội lỗi, mong Ngài chấp nhận cho, nếu con đã phát lồ rồi thì sẽ không còn tạo tội nữa".

Đức Thế Tôn bảo rằng:

"Quả thật vậy, này Tỳ-kheo. Ngươi thật như ngu, như si, như người bất định, như người bất thiện. Vì sao thế? Vì ngươi đã đem lời dối trá hoàn toàn không chân thật để vu khống Tỳ-kheo Xá-lê Tử phạm hạnh thanh tịnh. Ngươi có thể sám hối tội lỗi, đã phát lồ rồi sau này sẽ không còn tạo tội nữa. Nếu có người nào sám hối tội lỗi đã phát lồ rồi, sau này không còn tạo tội nữa, như thế sẽ được trưởng thành trong Thánh pháp luật mà chẳng bị suy giảm".

Thế rồi Đức Thế Tôn bảo Tôn giả Xá-lê Tử rằng:

"Thầy nên mau nhận sự sám hối tội lỗi của người ngu si kia, chớ để Tỳ-kheo ấy lập tức ở trước thầy mà đầu bị vỡ thành bảy mảnh".

Tôn giả Xá-lê Tử vì thương xót Tỳ-kheo kia nên liền nhận sự sám hối tội lỗi.

Đức Phật thuyết như vậy. Tôn giả Xá-lê Tử và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

❑

25. KINH THỦY DỤ[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng lâm, vườn Cấp cô độc.

Bấy giờ Tôn giả Xá-lê Tử bảo các Tỳ-kheo rằng:

"Này chư Hiền, hôm nay tôi sẽ nói năm pháp trừ não[2] cho các vị, hãy lắng nghe, hãy khéo suy nghĩ".

Các vị Tỳ-kheo vâng lời lắng nghe.

Tôn giả Xá-lê Tử nói rằng:

"Những gì là năm? Này chư Hiền, hoặc có một người thân hành không thanh tịnh, nhưng khẩu hành thanh tịnh[3]. Nếu người có trí thấy, giả sử sanh hờn giận, phải nên trừ bỏ[4].

"Lại nữa, này chư Hiền, hoặc một người hoặc khẩu hành không thanh tịnh nhưng thân hành thanh tịnh. Nếu người có trí thấy, giả sử sanh hờn giận, phải nên trừ bỏ.

"Lại nữa, này chư Hiền, hoặc một người thân hành không thanh tịnh, khẩu hành không thanh tịnh, nhưng tâm có chút thanh tịnh. Nếu người có trí thấy, giả sử sanh hờn giận, phải nên trừ bỏ.

"Lại nữa, này chư Hiền, hoặc một người thân hành không thanh tịnh, khẩu và ý hành không thanh tịnh. Nếu người có trí thấy, giả sử sanh hờn giận, phải nên trừ bỏ.

"Lại nữa, này chư Hiền, hoặc một người thân hành thanh tịnh, khẩu và ý hành thanh tịnh. Nếu người có trí thấy, giả sử sanh hờn giận, phải nên trừ bỏ.

"Này chư Hiền, hoặc có một người thân hành không thanh tịnh, nhưng khẩu hành thanh tịnh. Nếu người có trí thấy, giả sử sanh hờn giận, phải nên trừ bỏ như thế nào?[5] Này chư Hiền, cũng như Tỳ-kheo A-luyện-nhã[6] thọ trì y áo phấn tảo[7], thấy vải xấu vất trong đống rác, dơ dáy hoặc vì bị đại tiện; hoặc tiểu tiện, nước mũi, nước miếng và các đồ bất tịnh khác thấm dơ. Thấy rồi, tay trái cầm lên; tay phải căng rộng ra; nếu chẳng phải bị đại tiện, tiểu tiện, nước mũi, nước miếng và các đồ bất tịnh khác thấm dơ, lại không có rách lủng, liền xếp cất lấy. Cũng vậy, này chư Hiền, hoặc một người thân hành không thanh tịnh, nhưng khẩu hành thanh tịnh, chớ nghĩ thân hành không thanh tịnh của người kia, chỉ nghĩ đến khẩu hành thanh tịnh của người kia. Nếu người có trí thấy, giả sử sanh hờn giận,

---

1. Thí dụ về nước. Tương đương Pāli: A. V.162. Āghātavinaya (kềm chế sự hờn giận).
2. *Ngũ trừ não pháp* ▬▬▬o▬k▬C Pāli: pañca āghātapaṭivinayā, năm yếu tố kềm chế sự hờn giận.
3. Hán: *thân hành bất tịnh khẩu hành tịnh* ▬▬▬▬b▬f▬▬b▬CPāli: aprisuḍhakāyasamācāro hoti parisuddhavacīsamācāro, có hành vi của thân không trong sạch nhưng hành vi của miệng trong sạch.
4. Pāli: evārupe... puggale āghāto paṭivinetabbo, sự hờn giận cần được kềm chế đối với người như vậy.
5. Nghĩa là, làm cách nào để không khởi tâm hơn giận đối với con người như vậy.
6. A-luyện-nhã Tỳ-kheo ▬▬m▬Y▬s▬C▬C Pāli: araññaka-bhikkhu, Tỳ-kheo sống trong rừng vắng; không sống trong các tinh xá.
7. Hán: *trì phấn tảo y*▬▬T▬▬▬C Pāli: paṃsakulika, người tu theo hạnh chỉ mặc y phục từ vải đã bị liệng bỏ như là rác.

phải nên trừ bỏ như vậy.

"Này chư Hiền, hoặc một người hoặc khẩu hành không thanh tịnh nhưng thân hành thanh tịnh. Nếu người có trí thấy, giả sử sanh hờn giận; nên trừ bỏ như thế nào? Này chư Hiền, cũng như cách thôn xóm không xa, có hồ nước rất sâu, rêu cỏ che lấp; nếu có người đi đến, rất nóng bức, phiền muộn, đói khát, mệt mỏi, bị gió nóng bức bách. Người ấy đến hồ rồi, cởi áo để trên bờ, liền nhảy xuống hồ, hai tay khoát rêu ra, khoan khoái mặc tình tắm rửa, trừ bỏ nóng bức, phiền muộn, đói khát, mệt mỏi. Cũng vậy, này chư Hiền, hoặc một người khẩu không tịnh hạnh, nhưng thân tịnh hạnh. Đừng nghĩ về khẩu hành không thanh tịnh nhưng thân hành thanh tịnh. Nếu người có trí thấy, giả sử sanh hờn giận; nên đoạn trừ như vậy.

"Này chư Hiền, hoặc một người thân hành không thanh tịnh, khẩu hành không thanh tịnh, nhưng tâm có chút thanh tịnh. Nếu người có trí thấy, giả sử sanh hờn giận, phải nên trừ bỏ như thế nào? Này chư Hiền, như trên con đường ngã tư có nước trong dấu chân trâu. Nếu có người đi đến, vì quá nóng bức, phiền muộn, đói khát, mệt mỏi, gió nóng bức bách. Người ấy nghĩ thế này: 'Mặc dù nước trong lổ chân trâu ở ngã tư đường này ít, nếu ta dùng tay hoặc lá cây múc lấy, thì sẽ quậy thành đục ngầu, không thể trừ bỏ sự nóng bức vô cùng, phiền muộn, đói khát, mệt mỏi, cho ta. Ta hãy nên quỳ xuống, tay và đầu gối áp sát mặt đất, dùng miệng uống nước'. Người ấy liền quỳ dài xuống, tay và đầu gối áp sát mặt đất, dùng miệng uống nước. Người ấy liền trừ được sự nóng bức vô cùng, phiền muộn, đói khát, mệt mỏi. Cũng vậy, này chư Hiền, hoặc có người thân hành không thanh tịnh, khẩu hành không thanh tịnh, nhưng tâm có chút thanh tịnh, chớ nên nghĩ đến thân hành không thanh tịnh, khẩu hành không thanh tịnh, chỉ nên nghĩ đến tâm có chút thanh tịnh của người ấy. Này chư Hiền, nếu người có trí thấy, giả sử sanh hờn giận; nên đoạn trừ như vậy.

"Này chư Hiền, hoặc một người thân hành không thanh tịnh, khẩu và ý hành không thanh tịnh. Nếu người có trí thấy, giả sử sanh hờn giận, phải nên trừ bỏ như thế nào? Này chư Hiền, cũng như có người đi xa trên con đường dài; nửa đường mắc bệnh rất là khốn đốn, héo hắt, cô độc, không bạn bè; thôn xóm phía sau càng lúc càng xa mà thôn xóm phía trước lại chưa đến. Nếu có người đi đến, đứng bên cạnh, thấy người bộ hành này đi xa trên con đường dài, nửa đường mắc bệnh rất là khốn đốn, héo hắt, cô độc, không bạn bè, thôn xóm phía sau càng lúc càng xa mà thôn xóm phía trước thì chưa đến. Người kia nếu được người chăm sóc, từ giữa cánh đồng xa xôi dắt đến thôn ấp, cho uống thang thuốc hay, bồi dưỡng bằng đồ ngon mỹ diệu, được chăm sóc kỹ lưỡng; như vậy người ấy chắc chắn được lành bớt. Đó là người kia có lòng thương xót, có từ niệm đối với người bệnh này. Cũng vậy, này chư Hiền, hoặc một người thân hành không thanh tịnh, khẩu và ý hành không thanh tịnh. Nếu người có trí thấy, nên nghĩ thế này: 'Vị này thân hành không thanh tịnh, khẩu và ý hành không thanh tịnh, đừng để cho vị này do bởi thân hành không thanh tịnh, khẩu và ý hành không thanh tịnh, mà khi thân hoại mạng chung thẳng đến ác xứ, sanh vào địa ngục. Nếu vị này gặp thiện tri thức, sẽ bỏ thân hành không thanh tịnh để tu thân hành thanh tịnh; trừ bỏ khẩu và ý hành không thanh tịnh để tu khẩu và ý hành thanh tịnh. Do vậy, vị này sẽ do thân hành thanh tịnh, khẩu và ý hành thanh tịnh, nên khi thân hoại mạng chung chắc chắn sanh đến thiện xứ, cho đến sanh thiên giới'. Đó là vị kia có lòng thương xót, có từ niệm đối với vị này. Nếu người có trí mà sanh lòng hờn giận, nên đoạn trừ như vậy.

Này chư Hiền, hoặc có một người thân hành thanh tịnh, khẩu và ý hành thanh tịnh.

Nếu người có trí thấy, giả sử sanh hờn giận, phải nên trừ bỏ như thế nào? Này chư Hiền, cũng như ngoài thôn xóm không xa, có hồ nước tốt, đã trong lại ngọt, đáy sâu bằng phẳng, đầy đặn, cỏ biếc ngập bờ, bốn phía có cây cỏ. Nếu có người đến, rất nóng bức, phiền muộn, đói khát, mệt mỏi, gió nóng bức bách. Người kia đến bờ rồi, cởi áo để trên bờ, nhảy xuống hồ, khoan khoái mặc tình tắm rửa, trừ bỏ sự nóng bức, phiền muộn, đói khát, mệt mỏi. Cũng vậy, này chư Hiền, hoặc có một người thân hành thanh tịnh, khẩu và ý hành thanh tịnh, hãy thường nên nghĩ đến thân hành thanh tịnh, khẩu và ý hành thanh tịnh của người đó. Nếu người có trí thấy mà sanh hờn giận, nên trừ bỏ như vậy.

"Này chư Hiền năm pháp trừ não mà tôi vừa nói, chính do vậy mà được nói".

Tôn giả Xá-lê Tử thuyết như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe Tôn giả thuyết, hoan hỷ phụng hành.

❑

26. KINH CÙ-NI-SƯ[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật du hóa tại thành Vương xá, trong rừng Trúc lâm, vườn Ca-lan-đa[2].

Bấy giờ Tỳ-kheo Cù-ni-sư [3]cũng trú tại thành Vương xá, ở tại Vô sự thất[4], cười đùa kiêu ngạo, tháo động, không chánh niệm như khỉ vượn[5]. Tỳ-kheo Cù-ni-sư vì có chút việc nên đến thành Vương xá.

Bấy giờ Tôn giả Xá-lê Tử cùng với chúng Tỳ-kheo sau giờ ngọ thực, vì có chút việc nên vân tập tại giảng đường. Tỳ-kheo Cù-ni-sư sau khi đã làm xong việc trong thành Vương xá, đi đến giảng đường. Tôn giả Xá-lê Tử từ đằng xa trong thấy Cù-ni-sư đi đến. Nhân Cù-ni-sư mà bảo các Tỳ-kheo rằng:

"Này chư Hiền, thầy Tỳ-kheo vô sự[6], sống ở nơi vô sự, phải học sự kính trọng và biết tùy thuận quán sát[7]. Này chư Hiền, nếu Tỳ-kheo vô sự, sống ở nơi vô sự mà phần nhiều không kính trọng, không biết tùy thuận quán sát, thì sẽ bị các Tỳ-kheo thường hay chỉ trích cật vấn: 'Vị Hiền giả này sống ở nơi vô sự mà làm gì? Vì sao thế? Vị Hiền giả này sống ở nơi vô sự nhưng phần nhiều lại không biết kính trọng, không biết tùy thuận quán sát'. Nếu đến ở trong đại chúng, cũng bị các Tỳ-kheo thường hay chỉ trích, cật vấn. Do đó, này chư Hiền, thầy Tỳ-kheo vô sự, sống ở nơi vô sự, nên học kính trọng và biết tùy thuận quán.

"Này chư Hiền, thầy Tỳ-kheo vô sự, sống ở nơi vô sự, nên học hạnh không cười giỡn, không tháo động[8]. Này chư Hiền, nếu Tỳ-kheo vô sự, sống ở nơi vô sự mà hay cười giỡn, tháo động, thì sẽ bị các Tỳ-kheo thường hay chỉ trích cật vấn: 'Vị Hiền giả này sống ở nơi vô sự mà làm gì? Vì sao thế? Vị Hiền giả này sống ở nơi vô sự nhưng hay cười giỡn, tháo động'. Nếu đến ở trong đại chúng, cũng bị các Tỳ-kheo thường hay chỉ trích, cật vấn. Do đó, này chư Hiền, Tỳ-kheo vô sự, sống ở nơi vô sự, nên học hạnh không cười giỡn, không tháo động.

"Này chư Hiền, Tỳ-kheo vô sự, sống ở nơi vô sự, nên học hạnh không nói những đề

---

1. Bản Hán, quyển 6. Tương đương Pāli: M. 69 Gulissāni-suttaṃ (bản Devanagari, Goliyānisuttaṃ).
2. Trúc lâm Ca-lan-đa viên ▬▬L▬{▬▬h▬▬C Pāli: Veluvāne Kanlandakanivāpe.
3. Cù-ni-sư ▬▬▬v▬C Pāli: Gulissāni (Goliyāni).
4. Hán: *tại vô sự thất* ▬b▬L▬▬▬C Pāli: (gulissāni nāma bhikkhu) āraññ iko, (Tỳ-kheo Gulissāni) là người sống trong rừng (ẩn cư).
5. Pāli: (āraññiko) padasamācāro, (là ẩn sĩ sống trong rừng, nhưng) là người có hành vi thô tháo.
6. Vô sự Tỳ-kheo ▬L▬▬s▬C▬C Pāli: āraññaka-bhikku, Tỳ-kheo sống (ẩn cư) trong rừng.
7. Pāli: āraññkena... Bhikkhunā saṃghagatena saughe viharante sabrahmacārisu sagāravena bhavitabbaṃ sappatussena, "Tỳ-kheo tu hạnh sống ở rừng, khi đến sống giữa Tăng, cần phải tôn trọng, cung kính các đồng phạm hạnh".
8. Hán: *bất điệu tiếu, bất táo nhiễu* ▬▬▬▬▬▬Z▬C Pāli: anuddhata, không trạo cử, acapala, không náo động.

tài súc sanh[9]. Này chư Hiền, nếu Tỳ-kheo vô sự, sống ở nơi vô sự mà hay nói những vấn đề súc sanh, sẽ bị các Tỳ-kheo chỉ trích cật vấn: 'Vị Hiền giả này sống ở nơi vô sự mà làm gì? Vì sao thế? Vị Hiền giả này sống ở nơi vô sự nhưng hay nói những đề tài súc sanh'. Nếu đến ở trong đại chúng, cũng bị các Tỳ-kheo thường hay chỉ trích, cật vấn. Do đó, này chư Hiền, Tỳ-kheo vô sự, sống ở nơi vô sự, nên học không nói những đề tài súc sanh.

"Này chư Hiền, Tỳ-kheo vô sự, sống ở nơi vô sự, nên học không kiêu ngạo và ít nói năng. Này chư Hiền, nếu Tỳ-kheo vô sự, sống ở nơi vô sự mà hay kiêu ngạo và nói năng nhiều sẽ bị các Tỳ-kheo chỉ trích cật vấn: 'Vị Hiền giả này sống ở nơi vô sự mà làm gì? Vì sao thế? Vị Hiền giả này sống ở nơi vô sự mà lại hay kiêu ngạo và nói năng nhiều'. Nếu đến ở trong đại chúng, cũng bị các Tỳ-kheo thường hay chỉ trích, cật vấn. Do đó, này chư Hiền, Tỳ-kheo vô sự, sống ở nơi vô sự nên học không kiêu ngạo và ít nói năng.

"Này chư Hiền, Tỳ-kheo vô sự, sống ở nơi vô sự, nên học thủ hộ các căn. Này chư Hiền, nếu Tỳ-kheo vô sự, sống ở nơi vô sự mà phần nhiều không chịu thủ hộ các căn, sẽ bị các Tỳ-kheo chỉ trích cật vấn: 'Vị Hiền giả này sống ở nơi vô sự mà làm gì? Vì sao thế? Vị Hiền giả này sống ở nơi vô sự mà phần nhiều không chịu thủ hộ các căn. Nếu đến ở trong đại chúng, cũng bị các Tỳ-kheo thường hay chỉ trích, cật vấn. Do đó, này chư Hiền, Tỳ-kheo vô sự, sống ở nơi vô sự nên học thủ hộ các căn.

"Này chư Hiền, thầy Tỳ-kheo vô sự, sống ở nơi vô sự, nên học biết đủ trong sự ăn uống. Này chư Hiền, nếu Tỳ-kheo vô sự, sống ở nơi vô sự mà ham ăn quá dư, quá nhiều, không biết đủ, sẽ bị các Tỳ-kheo chỉ trích cật vấn: 'Vị Hiền giả này sống ở nơi vô sự mà làm gì? Vì sao thế? Vị Hiền giả này sống ở nơi vô sự mà mà ham ăn quá dư, quá nhiều, không biết đủ'. Nếu đến ở trong đại chúng, cũng bị các Tỳ-kheo thường hay chỉ trích, cật vấn. Do đó, này chư Hiền, Tỳ-kheo vô sự, sống ở nơi vô sự nên học biết đủ trong sự ăn uống.

"Này chư Hiền, thầy Tỳ-kheo vô sự, sống ở nơi vô sự, nên học tinh tấn không giải đãi. Này chư Hiền, nếu Tỳ-kheo vô sự, sống ở nơi vô sự mà lại thường không tinh tấn, hay giải đãi, sẽ bị các Tỳ-kheo chỉ trích cật vấn: 'Vị Hiền giả này sống ở nơi vô sự mà làm gì? Vì sao thế? Vị Hiền giả này sống ở nơi vô sự mà thường không tinh tấn, trái lại còn giải đãi'. Nếu đến ở trong đại chúng, cũng bị các Tỳ-kheo thường hay chỉ trích, cật vấn. Do đó, này chư Hiền, Tỳ-kheo vô sự, sống ở nơi vô sự nên học tinh tấn, không giải đãi.

"Này chư Hiền, Tỳ-kheo vô sự, sống ở nơi vô sự, nên học chánh niệm và chánh trí. Này chư Hiền, nếu Tỳ-kheo vô sự, sống ở nơi vô sự mà không học chánh niệm chánh trí, sẽ bị các Tỳ-kheo chỉ trích cật vấn: 'Vị Hiền giả này sống ở nơi vô sự mà làm gì? Vì sao thế? Vị Hiền giả này sống ở nơi vô sự mà thường không có chánh niệm chánh trí'. Nếu đến ở trong đại chúng, cũng bị các Tỳ-kheo thường hay chỉ trích, cật vấn. Do đó, này chư Hiền, Tỳ-kheo vô sự, sống ở nơi vô sự nên học chánh niệm chánh trí.

"Này chư Hiền, Tỳ-kheo vô sự, sống ở nơi vô sự, nên học biết thời và đúng thời; không đi vào thôn khất thực quá sớm, cũng chẳng trở về quá trễ. Này chư Hiền, nếu Tỳ-kheo vô sự, sống ở nơi vô sự mà vào thôn khất thực quá sớm và trở về quá trễ, sẽ bị các Tỳ-kheo chỉ trích cật vấn: 'Vị Hiền giả này sống ở nơi vô sự mà làm gì? Vì sao thế? Vị Hiền giả này sống ở nơi vô sự mà vào thôn khất thực quá sớm và trở về quá trễ'. Nếu đến

9. Hán: súc sanh luận 畜生論 Pāli: tiracchāna-kathā, câu chuyện về thú vật; chuyện vô ích, trở ngại sự tu tập. Nhưng, đoạn này, trong bản Pāli tương đương: amukhararena bhavitabbaṃ avikiṇṇavācena, không nên lắm lời, không nên nói tạp nhạp.

ở trong đại chúng, cũng bị các Tỳ-kheo thường hay chỉ trích, cật vấn. Do đó, này chư Hiền, Tỳ-kheo vô sự, sống ở nơi vô sự nên học biết thời và đúng thời.

"Này chư Hiền, Tỳ-kheo vô sự, sống ở nơi vô sự, nên học biết ngồi và ngồi đúng chỗ; không lấn chỗ ngồi của vị Trưởng lão, bị Tỳ-kheo nhỏ khiển trách[10]. Này chư Hiền, nếu Tỳ-kheo vô sự, sống ở nơi vô sự mà chiếm chỗ ngồi của bậc trưởng lão, bị các Tỳ-kheo nhỏ quở trách, sẽ bị các Tỳ-kheo chỉ trích cật vấn: 'Vị Hiền giả này sống ở nơi vô sự mà làm gì? Vì sao thế? Vị Hiền giả này sống ở nơi vô sự mà chiếm chỗ ngồi của các bậc trưởng lão, bị các Tỳ-kheo nhỏ quở trách'. Nếu đến ở trong đại chúng, cũng bị các Tỳ-kheo thường hay chỉ trích, cật vấn. Do đó, này chư Hiền, Tỳ-kheo vô sự, sống ở nơi vô sự nên học biết ngồi và ngồi đúng chỗ.

"Này chư Hiền, Tỳ-kheo vô sự, sống ở nơi vô sự, nên học thảo luận về Luật và A-tì-đàm[11]. Vì sao thế. Này chư Hiền, khi Tỳ-kheo vô sự sống ở nơi vô sự, hoặc có người đến hỏi về Luật và A-tì-đàm. Này chư Hiền, nếu Tỳ-kheo vô sự sống ở nơi vô sự mà không biết trả lời về Luật và A-tì-đàm, thì làm cho các Tỳ-kheo khác thường quở trách cật vấn: 'Vị Hiền giả này sống ở nơi vô sự mà làm gì? Vì sao thế? Vị Hiền giả vô sự này sống ở nơi vô sự nhưng không biết trả lời về Luật và A-tì-đàm'. Nếu đến ở giữa đại chúng cũng làm cho các Tỳ-kheo thường chỉ trích cật vấn. Do đó, này chư Hiền, Tỳ-kheo vô sự sống ở nơi vô sự nên học thảo luận về Luật và A-tì-đàm.

"Này chư Hiền, thầy Tỳ-kheo vô sự, sống ở nơi vô sự, nên học thảo luận về tịch tĩnh giải thoát[12] và ly sắc[13] cho đến vô sắc định[14]. Vì sao thế? Này chư Hiền, khi Tỳ-kheo vô sự sống ở nơi vô sự, hoặc có người đến hỏi về tịch tĩnh giải thoát và ly sắc cho đến vô sắc định. Này chư Hiền, nếu Tỳ-kheo vô sự sống ở nơi vô sự mà không biết trả lời về tịch tĩnh giải thoát và ly sắc cho đến vô sắc định thì làm cho các Tỳ-kheo khác thường quở trách cật vấn: 'Vị Hiền giả này sống ở nơi vô sự này mà làm gì? Vì sao thế? Vị Hiền giả vô sự này sống ở nơi vô sự nhưng không biết trả lời về tịch tĩnh giải thoát và ly sắc cho đến vô sắc định'. Nếu đến ở giữa đại chúng cũng làm cho các Tỳ-kheo thường chỉ trích cật vấn. Do đó, này chư Hiền, Tỳ-kheo vô sự sống ở nơi vô sự nên học thảo luận về tịch tĩnh giải thoát và ly sắc cho đến vô sắc định.

"Này chư Hiền, thầy Tỳ-kheo vô sự, sống ở nơi vô sự, nên học thảo luận về lậu tận trí thông. Vì sao thế. Này chư Hiền, khi Tỳ-kheo vô sự sống ở nơi vô sự, hoặc có người đến hỏi về lậu tận trí thông. Này chư Hiền, nếu Tỳ-kheo vô sự sống ở nơi vô sự mà không biết trả lời về lậu tận trí thông, thì làm cho các Tỳ-kheo khác thường quở trách cật vấn: 'Vị Hiền giả này sống ở nơi vô sự này mà làm gì? Vì sao thế? Vị Hiền giả vô sự này sống ở nơi vô sự nhưng không biết trả lời về lậu tận trí thông'. Nếu đến ở giữa đại chúng cũng làm cho các Tỳ-kheo thường chỉ trích cật vấn. Do đó, này chư Hiền, Tỳ-kheo vô sự sống ở nơi vô sự nên học thảo luận về lậu tận trí thông".

Lúc ấy, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên cũng hiện diện trong đại chúng. Tôn giả Đại Mục-kiền-liên thưa rằng:

---

10. Pāli: there ca bhikkhū nānupakhajja nisīdissāmi nave ca bhikkhū na āsanena paṭibāhissāmi, không chiếm chỗ ngồi của các Tỳ-kheo Thượng tọa; không đuổi các vị tân Tỳ-kheo khỏi chỗ ngồi.

11. Luật, A-tì-đàm ———s——C Pāli: abhivinaya, abhidhamma, chỉ phần tinh nghĩa của luật (vinaya) và pháp (dhamma); không phải A-tì-đàm của Luận tạng.

12. Hán: *tức giải thoát* ————C Pāli: santa-vimokka.

13. Hán: *ly sắc* ———C Pāli: atikkamma rūpe, vượt qua sắc pháp.

14. Hán: *nãi chí vô sắc định* -D——L——w-C Pāli: āruppā tattha yogo karaṇīyo, tu tập về các vô sắc.

"Thưa Tôn giả Xá-lê Tử, chỉ những Tỳ-kheo vô sự sống ở nơi vô sự mới nên học những pháp như vậy, chứ không phải là những Tỳ-kheo ở giữa người đời[15] sao?"

Tôn giả Xá-lê Tử trả lời rằng:

"Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, Tỳ-kheo vô sự sống ở nơi vô sự còn nên học những pháp như vậy huống gì là Tỳ-kheo sống giữa nhân gian?"

Như vậy hai vị Tôn giả cùng khen tán lẫn nhau, tán thán "Lành thay!" Sau khi nghe những điều được nói, từ chỗ ngồi đứng dậy mà đi.

Kính trọng, không cười cợt,
Không phiếm luận, kiêu ngạo,
Hộ căn, ăn biết đủ,
Tinh tấn, chánh niệm, trí,
Biết thời, ngồi đúng chỗ,
Thảo luận Luật, Tỳ-đàm,
Và tịch tĩnh giải thoát,
Lậu tận thông cũng vậy.

❑

15. Hán: *nhân gian Tỳ-kheo* -H——s-C-C Pāli: gāmantavihārin, (Tỳ-kheo) sống tại các thôn xóm.

27. KINH PHẠM CHÍ ĐÀ-NHIÊN[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật du hóa tại thành Vương xá trong rừng Trúc, vườn Ca-lan-đa, cùng chúng Đại Tỳ-kheo an cư mùa mưa.

Bấy giờ Tôn giả Xá-lê Tử đang ở nước Xá-vệ cũng an cư mùa mưa.

Lúc ấy, có một Tỳ-kheo ở thành Vương xá, sau khi trải qua ba tháng an cư mùa mưa xong, vá sửa lại các y, rồi xếp y, ôm bát từ thành Vương xá đi đến nước Xá-vệ, ở trong rừng Thắng lâm, vườn Cấp cô độc.

Tỳ-kheo ấy đi đến chỗ Tôn giả Xá-lê Tử, cúi đầu đảnh lễ dưới chân rồi ngồi sang một bên.

Tôn giả Xá-lê Tử hỏi:

"Này Hiền giả, Thế Tôn an cư tại thành Vương xá. Thánh thể có được an khang khỏe mạnh, không bệnh tật, đi lại thoải mái, khí lực bình thường không?"

Vị Tỳ-kheo đáp:

"Thật vậy, bạch Tôn giả Xá-lê Tử. Thế Tôn an cư tại thành Vương xá. Thánh thể được an khang khỏe mạnh, không bệnh tật, đi lại thoải mái và khí lực bình thường".

Lại hỏi:

"Này Hiền giả, đại chúng Tỳ-kheo và đại chúng Tỳ-kheo-ni an cư mùa mưa tại thành Vương xá; Thánh thể có được an khang khỏe mạnh, không bệnh tật, đi lại thoải mái, khí lực bình thường không? Có thường xuyên thăm viếng Đức Phật và mong muốn được nghe pháp không?"

Đáp:

"Thật vậy, bạch Tôn giả Xá-lê Tử. Đại chúng Tỳ-kheo và đại chúng Tỳ-kheo-ni an cư mùa mưa tại thành Vương xá; Thánh thể an khang khỏe mạnh, không bệnh tật, đi lại thoải mái, khí lực bình thường. Có thường xuyên thăm viếng Đức Phật và mong muốn được nghe pháp".

Lại hỏi:

"Này Hiền giả, chúng Ưu-bà-tắc và chúng Ưu-bà-di trú tại thành Vương xá, thân thể có được an khang khỏe mạnh, không bệnh tật, đi lại thoải mái, khí lực bình thường không? Có thường xuyên thăm viếng Đức Phật và mong muốn được nghe pháp không?"

Đáp:

"Thật vậy, thưa Tôn giả Xá-lê Tử. Chúng Ưu-bà-tắc và chúng Ưu-bà-di trú tại thành Vương xá, thân thể có được an khang khỏe mạnh, không bệnh tật, đi lại thoải mái, khí lực bình thường. Có thường xuyên thăm viếng Đức Phật và mong muốn được nghe pháp".

Lại hỏi:

---

1. Tương đương Pāli: M.97. Dhānañjāni-suttam.

"Này Hiền giả, tất cả các Sa-môn, Phạm chí dị học an cư mùa mưa tại thành Vương xá, thân thể có được an khang khỏe mạnh, không bệnh tật, đi lại thoải mái, khí lực bình thường không? Có thường xuyên thăm viếng Đức Phật và mong muốn được nghe pháp không?"

Trả lời rằng:

"Thật vậy, thưa Tôn giả Xá-lê Tử, tất cả các Sa-môn, Phạm chí dị học an cư mùa mưa tại thành Vương xá, thân thể có được an khang khỏe mạnh, không bệnh tật, đi lại thoải mái, khí lực bình thường. Có thường xuyên thăm viếng Đức Phật và mong muốn được nghe pháp".

Lại hỏi rằng:

"Này Hiền giả, tại thành Vương xá có một Phạm chí tên là Đà-nhiên[2], vốn là bạn của tôi trước kia tôi chưa xuất gia[3]; Hiền giả có biết vị ấy không?"

Trả lời rằng:

"Thưa có biết".

Lại hỏi rằng:

"Hiền giả, Phạm chí Đà-nhiên ở thành Vương xá, thân thể có được an khang khỏe mạnh, không bệnh tật, đi lại thoải mái, khí lực bình thường không? Có thường xuyên thăm viếng Đức Phật và mong muốn được nghe pháp không?"

Đáp:

"Tôn giả Xá-lê Tử, Phạm chí Đà-nhiên ở thành Vương xá thân thể an khang khỏe mạnh, không bệnh tật, đi lại thoải mái, khí lực bình thường, nhưng không muốn thăm viếng Đức Phật và không ưa nghe pháp".

"Vì sao thế?"

"Tôn giả Xá-lê Tử, Phạm chí Đà-nhiên không tinh tấn, phạm vào các cấm giới. Ông ấy dựa thế vua để dối gạt[4] các Phạm chí, cư sĩ; dựa thế các Phạm chí, cư sĩ để dối gạt vua[5]".

Tôn giả Xá-lê Tử nghe rồi, và ba tháng an cư mùa mưa ở nước Xá-vệ đã qua, sau khi vá sửa các y, ngài xếp y, ôm bát từ nước Xá-vệ đi đến thành Vương xá, ở trong rừng Trúc, vườn Ca-lan-đa.

Bấy giờ đêm đã qua, vào lúc sáng sớm, Tôn giả Xá-lê Tử, khoác y, ôm bát vào thành Xá-vệ lần lượt đi khất thực. Sau khi khất thực xong, ngài đi đến nhà của Phạm chí Đà-nhiên.

Lúc ấy, Phạm chí Đà-nhiên từ nhà đi ra, đến bên bờ suối, đang hành hạ cư dân[6]. Phạm chí Đà-nhiên từ xa trông thấy Tôn giả Xá-lê Tử, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch vai sửa áo, chắp tay hướng đến Tôn giả giả Xá-lê Tử mà tán thán rằng:

---

2. Đà-nhiên □□□□ Pāli: Dhānañjāna (cũng viết, Dhanañjāni).

3. Pāli: Taṇḍulapālidvārāya Dhānañjāni nāma brahmaṇo atthi, "ở Taṇḍulapālidvāra có một người Bà-la-môn tên là Dhānañjāni"; không nói sự kiện là bạn cũ.

4. Hán: *khi cuống* □□□□ Pāli: rājānaṃ nissāya brāhmaṇagahapatike vilumpati, "dựa thế vua cướp bóc các Bà-la-môn và gia chủ".

5. Pāli thêm chi tiết: Vợ trước của ông là người có tín tâm, từ gia đình có tín tâm (saddhā saddhākulā ātītā), còn bà vợ sau thì không.

6. Hán: *khổ trị cư dân* □□□□□□□□ Pāli: tena kho pana samayena Dhanañjāni brāhmaṇo bahinagare gāvo goṭṭhe dohapeti, "Lúc bấy giờ Bà-la-môn Dhanañjāni đang sai người vắt sữa bò trong chuồng bò ở ngoài thành".

"Kính chào Xá-lê Tử, đã lâu lắm rồi Xá-lê Tử không đến đây".

Rồi Phạm chí Đà-nhiên, với lòng cung kính, ôm Tôn giả Xá-lê Tử dìu vào nhà, trải giường đẹp mà mời ngồi. Tôn giả Xá-lê Tử liền ngồi trên giường đó. Phạm chí Đà-nhiên thấy Tôn giả Xá-lê Tử đã ngồi xuống, liền bưng một cái chậu sữa bằng vàng[7] mời Tôn giả Xá-lê Tử ăn. Tôn giả Xá-lê Tử nói:

"Thôi, thôi, Đà-nhiên, chỉ trong lòng vui là đủ".

Phạm chí Đà-nhiên lặp lại ba lần mời ăn. Tôn giả Xá-lê Tử cũng ba lần nói rằng:

"Thôi, thôi, Đà-nhiên, chỉ trong lòng vui là đủ".

Lúc đó Phạm chí Đà-nhiên nói rằng:

"Xá-lê Tử, cớ gì vào nhà như thế này mà chẳng chịu ăn?"

Đáp:

"Này Đà-nhiên, ông không tinh tấn lại phạm vào các giới cấm. Dựa thế vào vua để dối gạt Phạm chí, Cư sĩ; dựa thế Phạm chí, Cư sĩ để dối gạt vua".

Phạm chí Đà-nhiên trả lời rằng:

"Xá-lê Tử, nên biết, nay tôi còn sống tại gia, lấy gia nghiệp làm bổn phận. Tôi còn phải lo cho mình được an ổn, cung cấp cha mẹ, săn sóc vợ con, cung cấp nô tỳ, phải nộp thuế cho vua, thờ tự thiên thần, cúng tế tổ tiên, và còn phải bố thí cho các Sa-môn, Phạm chí để sau này còn được sanh lên các cõi trời, mong được trường thọ, được quả báo an lạc. Xá-lê Tử, các việc ấy không thể nào bỏ đi, một mực theo đúng pháp".

Bấy giờ Tôn giả Xá-lê Tử bảo rằng:

"Này Đà-nhiên, nay tôi hỏi ông, tùy theo sự hiểu biết mà trả lời. Phạm chí Đà-nhiên, ông nghĩ thế nào? Nếu có người vì cha mẹ mà tạo các việc ác; vì tạo ác nên khi thân hoại mạng chung, đi thẳng vào cõi ác, sanh vào địa ngục. Sanh vào địa ngục rồi, khi ngục tốt bắt trói hành hạ rất khổ sở, người ấy hướng về phía ngục tốt mà nói thế này: 'Ngục tốt, hãy biết cho, chớ hành hạ tôi. Vì sao thế? Tôi đã vì cha mẹ tạo các nghiệp ác'. Thế nào, Đà-nhiên, người ấy có thể nào từ ngục tốt mà thoát khỏi sự khổ sở ấy không?"

Phạm chí Đà-nhiên trả lời rằng:

"Không thể".

Lại hỏi:

"Này Đà-nhiên, ông nghĩ thế nào? Nếu có người vì vợ con mà tạo các việc ác, vì tạo ác nên khi thân hoại mạng chung, đi thẳng vào cõi ác, sanh vào địa ngục. Sanh vào địa ngục rồi, khi ngục tốt bắt trói hành hạ rất khổ sở, người ấy hướng về phía ngục tốt mà nói thế này: 'Ngục tốt, hãy biết cho, chớ hành hạ tôi. Vì sao thế? Tôi đã vì vợ con tạo các nghiệp ác'. Thế nào, Đà-nhiên, người ấy có thể nào từ ngục tốt mà thoát khỏi sự khổ sở ấy không?"

Phạm chí Đà-nhiên trả lời rằng:

"Không thể".

Lại hỏi:

"Này Đà-nhiên, ông nghĩ thế nào? Nếu có người vì nô tỳ mà tạo các việc ác, vì tạo ác nên khi thân hoại mạng chung, đi thẳng vào cõi ác, sanh vào địa ngục. Sanh vào địa ngục rồi, khi ngục tốt bắt trói hành hạ rất khổ sở, người ấy hướng về phía ngục tốt mà nói thế này: 'Ngục tốt, hãy biết cho, chớ hành hạ tôi. Vì sao thế? Tôi đã vì nô tỳ tạo các

---

7. Hán: *kim táo quán* ———C Pāli: chỉ nói mời uống sữa.

nghiệp ác'. Thế nào, Đà-nhiên, người ấy có thể nào từ ngục tốt mà thoát khỏi sự khổ sở ấy không?"

Phạm chí Đà-nhiên trả lời rằng:

"Không thể".

Lại hỏi:

"Này Đà-nhiên, ông nghĩ thế nào? Nếu có người vì quốc vương, vì thiên thần, vì tổ tiên, vì Sa-môn, Phạm chí mà tạo các việc ác, vì tạo ác nên khi thân hoại mạng chung, đi thẳng vào cõi ác, sanh vào địa ngục. Sanh vào địa ngục rồi, khi ngục tốt bắt trói hành hạ rất khổ sở, người ấy hướng về phía ngục tốt mà nói thế này: 'Ngục tốt, hãy biết cho, chớ hành hạ tôi. Vì sao thế? Tôi đã vì quốc vương, vì thiên thần, vì tổ tiên, vì Sa-môn, Phạm chí mà tạo các nghiệp ác'. Thế nào, Đà-nhiên, người ấy có thể nào từ ngục tốt mà thoát khỏi sự khổ sở ấy không?"

Phạm chí Đà-nhiên trả lời rằng:

"Không thể".

"Này Đà-nhiên, một tộc tánh tử[8], vẫn có thể như pháp, như nghiệp, như công đức[9] mà làm ra tiền của, để tôn trọng kính phụng, hiếu dưỡng cha mẹ, làm các việc phước đức chớ chẳng gây nghiệp ác.

Này Đà-nhiên, nếu một tộc tánh tử như pháp, như nghiệp, như công đức, mà làm ra tiền của, để tôn trọng, kính phụng, hiếu dưỡng cha mẹ, làm các việc phước đức chớ chẳng gây nghiệp ác. Đà-nhiên, nếu một tộc tánh tử như pháp, như nghiệp, như công đức mà làm ra tiền của, để tôn trọng kính phụng, hiếu dưỡng cha mẹ, làm các việc phước đức chớ chẳng gây nghiệp ác, người ấy được cha mẹ thương yêu và nói thế này: 'Mong cho con được mạnh khỏe, sống lâu vô cùng. Vì sao thế? Vì ta nhờ con nên được an ổn khoái lạc'. Này Đà-nhiên, nếu người nào được cha mẹ thương yêu rất mực, đức người đó ngày càng tăng thêm, không bao giờ suy giảm.

"Này Đà-nhiên, một tộc tánh tử, vẫn có thể như pháp, như nghiệp, như công đức mà làm ra tiền của, yêu thương và săn sóc vợ con, làm các nghiệp phước đức chớ chẳng gây nghiệp ác.

"Này Đà-nhiên, nếu một tộc tánh tử như pháp, như nghiệp, như công đức, mà làm ra tiền của, yêu thương và săn sóc vợ con, làm các nghiệp phước đức chớ chẳng gây nghiệp ác, thì người ấy được vợ con tôn trọng, và nói thế này: 'Mong cho tôn trưởng được mạnh khỏe, sống lâu vô cùng. Vì sao thế? Vì chúng tôi nhờ tôn trưởng nên được an ổn khoái lạc'. Này Đà-nhiên, nếu người nào được vợ con tôn trọng rất mực, đức người đó ngày càng tăng thêm, không bao giờ suy giảm.

"Này Đà-nhiên, một tộc tánh tử, vẫn có thể như pháp, như nghiệp, như công đức mà làm ra tiền của, yêu thương, chu cấp và săn sóc nô tỳ, làm các nghiệp phước đức chớ chẳng gây nghiệp ác.

"Này Đà-nhiên, nếu một tộc tánh tử như pháp, như nghiệp, như công đức, mà làm ra tiền của, yêu thương, chu cấp và săn sóc nô tỳ, làm các nghiệp phước đức chớ chẳng gây nghiệp ác, thì người ấy được nô tỳ tôn trọng, và nói thế này: 'Mong cho đại gia được mạnh khỏe, sống lâu vô cùng. Vì sao thế? Vì chúng tôi nhờ đại gia nên được an ổn'. Này Đà-

---

8. Hán: *tộc tánh tử* ▬▬m▬l▬C Pāli: kulaputta, thiện gia nam tử, hay thiện nam tử, người thuộc một trong bốn giai cấp.

9. Hán: *như pháp như nghiệp như công đức* ▬p▬k▬p▬~▬p▬\▬w▬C Pāli: Sahetukā dhammikā kammantā: những nghề nghiệp đúng pháp, có nhân.

nhiên, nếu người nào được nô tỳ tôn trọng rất mực, đức người đó ngày càng tăng thêm, không bao giờ suy giảm.

"Này Đà-nhiên, một tộc tánh tử, vẫn có thể như pháp, như nghiệp, như công đức mà làm ra tiền của, tôn trọng cúng dường các vị Sa-môn, Phạm chí, làm các nghiệp phước đức chớ chẳng gây nghiệp ác.

"Này Đà-nhiên, nếu một tộc tánh tử như pháp, như nghiệp, như công đức, mà làm ra tiền của, tôn trọng cúng dường các vị Sa-môn, Phạm chí, làm các nghiệp phước đức chớ chẳng gây nghiệp ác, thì người ấy được các Sa-môn, Phạm chí yêu mến rất mực, và nói thế này: 'Mong cho thí chủ được mạnh khỏe, sống lâu vô cùng. Vì sao thế? Vì chúng tôi nhờ thí chủ nên được an hưởng khoái lạc'. Này Đà-nhiên, nếu người nào được các Sa-môn, Phạm chí yêu mến rất mực, đức người đó ngày càng tăng thêm, không bao giờ suy giảm".

Bấy giờ Phạm chí Đà-nhiên liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch vai sửa áo, chắp tay hướng về phía Xá-lê Tử thưa rằng:

"Thưa Tôn giả Xá-lê Tử, tôi có người vợ yêu tên là Đoan Chánh[10]. Tôi vì say mê nó nên đã buông lung, tạo quá nhiều ác nghiệp tội lỗi. Thưa Tôn giả Xá-lê Tử, bắt đầu từ đây tôi bỏ người vợ Đoan Chánh kia, xin quy y với Tôn giả Xá-lê Tử".

Tôn giả Xá-lê Tử trả lời rằng:

"Này Đà-nhiên, ông chớ quy y tôi. Ông nên quy y nơi Phật là Đấng mà tôi quy y".

Phạm chí Đà-nhiên thưa rằng:

"Thưa Tôn giả Xá-lê Tử, từ hôm nay tôi xin quy y Phật, Pháp và Chúng Tỳ-kheo. Cúi mong Tôn giả Xá-lê Tử nhận tôi làm Ưu-bà-tắc của Phật; trọn đời xin tự quy y cho đến mạng chung".

Thế rồi Tôn giả Xá-lê Tử thuyết pháp cho Phạm chí Đà-nhiên, khuyên bảo, khích lệ, thành tựu hoan hỷ. Sau khi dùng vô lượng phương tiện để thuyết pháp khuyên bảo, khích lệ, thành tựu hoan hỷ. Ngài liền từ chỗ ngồi đứng dậy đi đến thành Vương xá.

Ở đây được vài ngày, ngài xếp y, ôm bát rời thành Vương xá ra đi, đến Nam sơn[11], trụ trong rừng Thi-nhiếp-hòa[12], thuộc phía Bắc thôn Nam sơn.

Bấy giờ có một vị Tỳ-kheo đi đến thành Vương xá. Ở đây được vài ngày, xếp y ôm bát từ thành Vương xá ra đi, đến Nam sơn cũng trụ trong rừng Thi-nhiếp-hòa, thuộc phía Bắc thôn Nam sơn.

Rồi vị Tỳ-kheo ấy đi đến chỗ Tôn giả Xá-lê Tử, cúi đầu đảnh lễ dưới chân rồi ngồi sang một bên. Tôn giả Xá-lê Tử hỏi rằng:

"Hiền giả từ nơi nào tới đây và du hành ở đâu?"

Tỳ-kheo ấy trả lời rằng:

"Bạch Tôn giả Xá-lê Tử, tôi từ thành Vương xá đi đến đây và du hành ở thành Vương xá".

Lại hỏi rằng:

"Hiền giả ngài có biết Phạm chí Đà-nhiên ở thành Vương xá, vốn là bạn của tôi xưa kia lúc tôi chưa xuất gia không?"

---

10. Bản Pāli không nói tên người vợ. Sự mê hoặc này, trong bản Pāli, là lời tường thuật của vị Tỳ-kheo mà ngài Xá-lợi-phất hỏi thăm các tin tức chứ không phải là lời tự thú của Đà-nhiên.
11. Nam sơn -n-s-C Pāli: Dakkhiṇagiri, một ngọn núi ở phía Nam thành Vương xá.
12. Rừng cây siṃsapa; xem các cht. trên. Nam sơn Bắc thôn và Thi-nhiếp-hòa lâm: không rõ các địa danh này.

"Thưa có biết".

Lại hỏi rằng:

"Này hiền giả, Phạm chí Đà-nhiên ở thành Vương xá, thân thể có được an khang khỏe mạnh, không bệnh tật, đi lại thoải mái, khí lực bình thường và có thường thăm viếng Đức Phật và mong muốn được nghe pháp không?"

Trả lời rằng:

"Bạch Tôn giả Xá-lợi-phất, Phạm chí Đà-nhiên thường đến thăm viếng Đức Phật và mong muốn được nghe pháp; nhưng không được khỏe mạnh, khí lực dần dần suy yếu. Vì sao vậy? Bạch Tôn giả Xá-lê Tử, hiện giờ Phạm chí Đà-nhiên mang tật bệnh rất khốn khổ, nguy hiểm khôn chừng, do đó có thể mạng chung".

Tôn giả Xá-lê Tử nghe xong lời ấy, liền xếp y ôm bát rời Nam sơn ra đi, đến thành Vương xá, trú trong rừng Trúc, vườn Ca-lan-đa. Bấy giờ đêm đã qua, vào lúc sáng sớm, Tôn giả Xá-lê Tử khoác y, ôm bát đi đến nhà Phạm chí Đà-nhiên. Phạm chí Đà-nhiên từ đằng xa trông thấy Tôn giả Xá-lê Tử đi đến, muốn rời giường đứng dậy. Tôn giả Xá-lê Tử thấy Phạm chí Đà-nhiên muốn rời giường đứng dậy, liền ngăn ông ấy rằng:

"Này Phạm chí Đà-nhiên, ông cứ nằm, đừng đứng dậy. Đã có giường khác đây, rồi tôi sẽ ngồi riêng".

Bấy giờ Tôn giả Xá-lê Tử liền ngồi xuống giường ấy, rồi bảo rằng:

"Hôm nay bệnh tình ra sao? Ăn uống được nhiều ít? Sự đau đớn bớt dần, không đến nỗi tăng thêm chăng?"

Đà-nhiên trả lời rằng:

"Bệnh tình con rất là khốn đốn, ăn uống chẳng được gì cả; đau đớn chỉ tăng thêm mà không thấy giảm bớt tí nào. Thưa Tôn giả Xá-lê Tử, giống như người lực sĩ đem con dao bén nhọn đâm vào đầu, chỉ sanh sự khốn khổ quá mức thôi. Đầu con hôm nay cũng nhức nhối giống như vậy. Thưa Tôn giả Xá-lê Tử, cũng như lực sĩ lấy sợi dây thừng chắt đem quấn riết chung quanh đầu, chỉ sanh sự khốn khổ quá mức. Đầu con hôm nay cũng nhức nhối giống như vậy. Thưa Tôn giả Xá-lê Tử, cũng như người mổ trâu, đem con dao bén mổ bụng trâu, chỉ sanh sự đau đớn quá mức. Bụng con hôm nay cũng quặn đau giống như vậy. Thưa Tôn giả Xá-lê Tử, cũng như hai lực sĩ bắt một người ốm yếu đem nướng trên ngọn lửa, chỉ sanh ra sự đau khổ đến cùng cực. Thân thể con hôm nay đau đớn, cả mình sanh ra khổ sở, chỉ tăng thêm chớ không giảm bớt; cũng giống như vậy".

Tôn giả Xá-lê Tử bảo rằng:

"Này Đà-nhiên, bây giờ tôi hỏi ông, tùy sự hiểu biết mà ông trả lời. Này Phạm chí Đà-nhiên, địa ngục và súc sanh, nơi nào tốt đẹp hơn?"

Đà-nhiên trả lời rằng:

"Súc sanh tốt đẹp hơn".

Lại hỏi rằng:

"Này Đà-nhiên, súc sanh và ngạ quỉ, loài nào tốt đẹp hơn?"

Đà-nhiên trả lời rằng:

"Ngạ quỉ tốt đẹp hơn".

Lại hỏi rằng:

"Này Đà-nhiên, ngạ quỉ và loài người, loài nào tốt đẹp hơn?"

Đà-nhiên trả lời rằng:

"Loài người tốt đẹp hơn".

Lại hỏi rằng:

"Này Đà-nhiên, người và Tứ vương thiên, cõi nào tốt đẹp hơn?"
Đà-nhiên trả lời rằng:
"Tứ thiên vương tốt đẹp hơn".
Lại hỏi rằng:
Này Đà-nhiên, Tứ vương thiên và Tam thập tam thiên, cõi nào tốt đẹp?
Đà-nhiên trả lời rằng:
"Tam thập tam thiên tốt đẹp hơn".
Lại hỏi rằng:
"Tam thập tam thiên với Diệm ma thiên cõi nào tốt đẹp hơn?"
Đà-nhiên trả lời rằng:
"Diệm ma thiên tốt đẹp hơn."
Lại hỏi rằng:
"Này Đà-nhiên, Diệm ma thiên với Đâu-suất-đà thiên, cõi nào tốt đẹp hơn?"
Đà-nhiên trả lời rằng:
"Đâu-suất-đà thiên tốt đẹp hơn".
Lại hỏi rằng:
"Này Đà-nhiên, Đâu-suất-đà thiên với Hóa lạc thiên cõi nào tốt đẹp hơn?"
Đà-nhiên trả lời rằng:
"Hóa lạc thiên tốt đẹp hơn".
Lại hỏi rằng:
"Này Đà-nhiên, Hóa lạc thiên với Tha hóa lạc thiên, cõi nào tốt đẹp hơn?"
Đà-nhiên trả lời rằng:
"Này Đà-nhiên, Tha hóa lạc thiên với Phạm thiên cõi nào tốt đẹp hơn?"
Đà-nhiên trả lời rằng:
"Phạm thiên là tốt đẹp hơn cả. Phạm thiên là tối thắng".
Tôn giả Xá-lê Tử bảo rằng:

"Đức Thế Tôn là bậc tri kiến, là Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, có nói về bốn Phạm thất[13]. Nếu một tộc tánh nam tử hay một tộc tánh nữ nào tu tập nhiều, đoạn dục, xả niệm tưởng về dục, khi thân hoại mạng chung sẽ sanh lên cõi Phạm thiên. Những gì là bốn?

"Này Đà-nhiên, Thánh đệ tử đa văn có tâm câu hữu với từ, biến mãn một phương, thành tựu và an trụ. Cũng vậy, với hai, ba bốn phương, tứ duy và thượng hạ, thấu khắp tất cả, tâm câu hữu với từ, không kết, không oán, không sân hận, không não hại, bao la, quảng đại, vô lượng, khéo tu tập, biến mãn khắp tất cả thế gian, thành tựu và an trụ. Cũng vậy, tâm câu hữu với bi, hỷ; với xả, biến mãn một phương, thành tựu và an trụ. Cũng vậy, với hai, ba bốn phương, tứ duy và thượng hạ, thấu khắp tất cả, tâm câu hữu với từ, không kết, không oán, không sân hận, không não hại, bao la, quảng đại, vô lượng, khéo tu tập, biến mãn khắp tất cả thế gian, thành tựu và an trụ. Đà-nhiên, đó là Đức Thế Tôn, là Bậc Tri Kiến, là Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, có nói về bốn Phạm thất. Nếu một tộc tánh nam tử hay một tộc tánh nữ nào tu tập nhiều, đoạn dục, xả niệm tưởng về dục, khi thân hoại mạng chung sẽ sanh lên cõi

13. Phạm thất ———A hay Phạm trú ———FPāli: Brahmavihāra, đời sống (có phẩm tính) như Phạm thiên, hay sống chung với Phạm thiên. Bản Pāli: Brahmāṇaṃ... Sahavyatāya maggaṃ desessāmi, "Ta sẽ nói về con đường dẫn đến cọng trú với Phạm thiên".

Phạm thiên".

Bấy giờ, sau khi giáo hóa cho Đà-nhiên, nói về pháp Phạm thiên, Tôn giả Xá-lê Tử từ chỗ ngồi đứng dậy mà đi. Tôn giả Xá-lê Tử từ thành Vương xá đi, chưa đến Trúc lâm vườn Ca-lan-đa, đang nửa đường ấy, Phạm chí Đà-nhiên do tu tập bốn Phạm thất, đoạn dục, xả dục niệm, thân hoại mạng chung sanh lên cõi Phạm thiên.

Bấy giờ Đức Thế Tôn đang thuyết pháp cho vô lượng đại chúng đang vây quanh trước sau. Đức Thế Tôn thấy Tôn giả Xá-lê Tử từ đàng xa đi tới, nói với các thầy Tỳ-kheo rằng:

"Tỳ-kheo Xá-lê Tử là bậc thông tuệ, tốc tuệ, tiệp tuệ, lợi tuệ, quảng tuệ, thâm tuệ, xuất yếu tuệ, minh đạt tuệ, biện tài tuệ[14]; Tỳ-kheo Xá-lê Tử đã thành tựu thật tuệ. Tỳ-kheo Xá-lê Tử đã giáo hóa Phạm chí Đà-nhiên, nói về Phạm thiên rồi mới về đây. Nếu lại giáo hóa cao hơn nữa thì người kia mau biết pháp, như pháp[15]".

Bấy giờ Tôn giả Xá-lê Tử đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân rồi ngồi sang một bên. Đức Thế Tôn bảo rằng:

"Này Xá-lê Tử, vì sao ông không giáo hóa Phạm chí Đà-nhiên bằng một pháp cao hơn Phạm thiên? Nếu ông giáo hóa cao hơn thì người kia sẽ mau biết pháp, như pháp".

Tôn giả Xá-lê Tử thưa rằng:

"Bạch Thế Tôn, các Phạm chí từ lâu đời ái trước Phạm thiên, ưa thích Phạm thiên, cho Phạm thiên là rốt ráo, Phạm thiên là tôn quý, thật có Phạm thiên là Phạm thiên của ta. Do đó, bạch Thế Tôn, nên con đã giáo hóa như vậy".

Phật thuyết như vậy. Tôn giả Xá-lê Tử và vô lượng trăm nghìn đại chúng, sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

❑

14. Hán: *thông tuệ, tốc tuệ, tiệp tuệ, lợi tuệ, quảng tuệ, thâm tuệ, xuất yếu tuệ, minh đạt tuệ, biện tài tuệ* -o-z -t-z——z-Q-z-s-z-`-z-X-n-z——F-z-G -~-z-CBản Pāli ở đây không nói các đặc điểm trí tuệ của ngài Xá-lợi-phất, nhưng có thể tìm thấy đoạn tương đương M.iii, tr, 25: Paṇḍito (tuệ thông bác), mahāpāñno (đại tuệ), javanapāñno (tuệ nhạy bén), tikkhapāñno (tuệ sắc bén), nibbedhikapāñno (tuệ sâu sắc).

15. Hán: *tri pháp như pháp* ——k-p-k-Fthường gặp trong bản Hán dịch này, mà tương đương Pāli thường là dhamma-anudhamma, pháp và tùy pháp tức những yếu tố phụ thuộc pháp. Đoạn văn này, Pāli tương đương: (...) sati uttarikaraṇīye hine Brahmaloke patiṭṭhāpetvā ..., "trong khi có pháp cao hơn nữa cần chứng, nhưng lại xác lập ở Phạm thiên giới..."

28. KINH GIÁO HÓA BỆNH[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng lâm, vườn Cấp cô độc[2].

Bấy giờ Trưởng giả Cấp Cô Độc[3] mang bệnh hiểm nghèo. Lúc ấy Trưởng giả Cấp Cô Độc bảo sứ giả rằng:

"Ngươi hãy đi đến chỗ Đức Phật, vì ta mà đảnh lễ dưới chân Đức Thế Tôn hỏi thăm sức khỏe, xem Thánh thể có được an khang, khỏe mạnh, không bệnh tật, đi đứng thoải mái, khí lực có được bình thường không? Rồi nói như vầy: 'Trưởng giả Cấp Cô Độc cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật, thăm hỏi Đức Thế Tôn Thánh thể có được an khang, khỏe mạnh, không bệnh tật, đi đứng thoải mái, khí lực có được bình thường không?' Sau khi ngươi đã vì ta mà thăm hỏi Đức Thế Tôn rồi hãy đi đến chỗ Tôn giả Xá-lê Tử, hãy vì ta mà đảnh lễ dưới chân ngài rồi hỏi thăm Tôn giả xem Thánh thể có được an khang, khỏe mạnh, không bệnh tật, đi đứng thoải mái, khí lực có được bình thường không? Rồi nói như vầy: 'Trưởng giả Cấp Cô Độc cúi đầu đảnh lễ dưới chân Tôn giả Xá-lê Tử, thăm hỏi Thánh thể có được an khang, khỏe mạnh, không bệnh tật, đi đứng thoải mái, khí lực có được bình thường không? Bạch Tôn giả Xá-lê Tử, Trưởng giả Cấp Cô Độc đang mang bệnh tật rất hiểm nghèo, nay đã đến hồi nguy kịch. Trưởng giả Cấp Cô Độc với tâm chí thiết rất muốn được gặp Tôn giả Xá-lê Tử, nhưng cơ thể quá yếu đuối không còn chút khí lực để đi đến chỗ Tôn giả Xá-lê Tử được. Lành thay, Tôn giả Xá-lê Tử, xin ngài hãy vì lòng từ, mong ngài đến nhà Trưởng giả Cấp Cô Độc'."

Bấy giờ, sau khi vâng lời dạy của Trưởng giả Cấp Cô Độc, sứ giả liền đi đến chỗ Đức Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Đức Phật rồi đứng sang một bên thưa rằng:

"Bạch Thế Tôn, Trưởng giả Cấp Cô Độc cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật, thăm hỏi Đức Thế Tôn Thánh thể có được an khang, khỏe mạnh, không bệnh tật, đi đứng thoải mái, khí lực có được bình thường không?

Đức Thế Tôn bảo sứ giả rằng:

"Mong cho Trưởng giả Cấp Cô Độc an hưởng khoái lạc. Mong cho chư Thiên, A-tu-la, Kiền-tháp-hòa, La-sát[4] và các chủng lại khác, thân thể được an ổn khoái lạc".

Bấy giờ sứ giả nghe Phật dạy như thế, ghi nhớ kỹ, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật, đi quanh ba vòng, rồi đi đến Tôn giả Xá-lê Tử, cúi đầu đảnh lễ rồi ngồi sang một bên và

---

1. Tương đương Pāli, M.143. Ānathapiṇḍikovāda-sutta. Biệt dịch No.125(51.8), Tăng Nhất 49, "phẩm Phi Thường, kinh số 8" (Đại 2, tr.819).
2. Xá-vệ quốc, Thắng lâm, Cấp cô độc viên ━━━━━L━━t-W━━CPāli: Sāvatthiyaṃ Jetavane Anāthapiṇḍikassa ārame.
3. Trưởng giả Cấp Cô Độc ━━━━t-W-FPāli, Ānathapiṇḍika, đại phú hộ đã dựng một tịnh xá tại rừng Thắng lâm (Jetavana) để cúng dường Phật.
4. A-tu-la, Kiền-tháp-hòa, La-sát━━━━A━━想-A━━b-CPāli: asura, gandhabba, rakkhasa.

thưa rằng:

"Bạch Tôn giả Xá-lê Tử, Trưởng giả Cấp Cô Độc cúi đầu đảnh lễ dưới chân ngài, xin thăm hỏi Tôn giả Thánh thể có được an khang, khỏe mạnh, không bệnh tật, đi đứng thoải mái, khí lực có được bình thường không? Bạch Tôn giả Xá-lê Tử, Trưởng giả Cấp Cô Độc đang mang bệnh tật rất hiểm nghèo, nay đã đến hồi nguy kịch. Trưởng giả Cấp Cô Độc với tâm chí thiết rất muốn được gặp Tôn giả Xá-lê Tử, nhưng cơ thể quá yếu đuối, không còn chút khí lực để đi đến chỗ Tôn giả Xá-lê Tử được. Lành thay, Tôn giả Xá-lê Tử, xin ngài hãy vì lòng từ, mong ngài đến nhà Trưởng giả Cấp Cô Độc".

Tôn giả Xá-lê Tử liền im lặng nhận lời. Bấy giờ sứ giả biết Tôn giả Xá-lê Tử đã im lặng nhận lời, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đi quanh ba vòng rồi ra về.

Sau khi đêm đã qua, vào lúc sáng sớm, Tôn giả Xá-lê Tử khoác y, ôm bát đi đến nhà Trưởng giả Cấp Cô Độc. Trưởng giả Cấp Cô Độc thấy Tôn giả Xá-lê Tử từ đàng xa đi đến, muốn từ giường ngồi dậy. Tôn giả Xá-lê Tử thấy Trưởng giả Cấp Cô Độc muốn từ giường ngồi dậy, liền cản lại rằng:

"Này Trưởng giả, chớ ngồi dậy. Còn giường khác đây, tôi sẽ ngồi riêng".

Tôn giả Xá-lê Tử liền ngồi lên giường ấy, rồi hỏi rằng:

"Bệnh trạng của Trưởng giả hôm nay thế nào? Ăn uống được nhiều ít? Sự đau đớn giảm dần không đến nỗi tăng thêm chăng?"

Trưởng giả Cấp Cô Độc trả lời rằng:

"Bệnh tình của con rất nguy kịch, ăn uống chẳng được gì cả. Sự đau đớn chỉ tăng thêm chứ không thấy giảm bớt chút nào".

Tôn giả Xá-lê Tử bảo rằng:

"Này Trưởng giả chớ sợ[5]. Vì sao vậy? Vì nếu là kẻ phàm phu ngu si, thành tựu bất tín, thì khi thân hoại mạng chung sẽ đi thẳng đến ác xứ, sanh vào địa ngục. Còn Trưởng giả ngày nay không hề có sự bất tín, mà chỉ có sự thượng tín. Do thượng tín ấy Trưởng giả sẽ diệt được sự đau nhức khổ sở, lại sanh ra khoái lạc vô cùng; hoặc do thượng tín ấy sẽ chứng quả Tư-đà-hàm hay quả A-na-hàm vì Trưởng giả vốn đã chứng quả Tu-đà-hoàn.

"Trưởng giả chớ sợ. Vì sao vậy? Vì nếu là kẻ phàm phu ngu si do ác giới, thì khi thân hoại mạng chung sẽ đi thẳng đến ác xứ, sanh vào địa ngục. Còn Trưởng giả không hề có ác giới, mà Trưởng giả chỉ có thiện giới. Do thiện giới ấy Trưởng giả sẽ diệt được sự đau nhức khổ sở, lại sanh ra khoái lạc vô cùng; hoặc do thiện giới ấy sẽ chứng quả Tư-đà-hàm hay quả A-na-hàm vì trưởng giả vốn đã chứng quả Tu-đà-hoàn.

"Trưởng giả chớ sợ. Vì sao vậy? Vì nếu là kẻ phàm phu ngu si không có đa văn, thì khi thân hoại mạng chung sẽ đi thẳng đến ác xứ, sanh vào địa ngục. Còn Trưởng giả không hề có sự không đa văn. Do đa văn ấy Trưởng giả sẽ diệt được sự đau nhức khổ sở, lại sanh ra khoái lạc vô cùng; hoặc do đa văn ấy sẽ chứng quả Tư-đà-hàm hay quả A-na-hàm vì Trưởng giả vốn đã chứng quả Tu-đà-hoàn.

"Trưởng giả chớ sợ. Vì sao vậy? Vì nếu là kẻ phàm phu ngu si nhân có sự xan tham, thì khi thân hoại mạng chung sẽ đi thẳng đến ác xứ, sanh vào địa ngục. Còn Trưởng giả không hề có xan tham mà chỉ có huệ thí. Do huệ thí ấy Trưởng giả sẽ diệt được sự đau nhức khổ sở, lại sanh ra khoái lạc vô cùng; hoặc do huệ thí ấy sẽ chứng quả Tư-đà-hàm hay quả A-na-hàm vì Trưởng giả vốn đã chứng quả Tu-đà-hoàn.

"Trưởng giả chớ sợ. Vì sao vậy? Vì nếu là kẻ phàm phu ngu si nhân có ác tuệ, thì

---

5. Nội dung bài thuyết pháp sau đây không đồng nhất với bản Pāli tương đương.

khi thân hoại mạng chung sẽ đi thẳng đến ác xứ, sanh vào địa ngục. Còn Trưởng giả không hề có ác tuệ mà chỉ có thiện tuệ. Do thiện tuệ ấy Trưởng giả sẽ diệt được sự đau nhức khổ sở, lại sanh ra khoái lạc vô cùng; hoặc do thiện tuệ ấy sẽ chứng quả Tư-đà-hàm hay quả A-na-hàm vì Trưởng giả vốn đã chứng quả Tu-đà-hoàn.

"Này Trưởng giả chớ sợ. Vì sao vậy? Vì nếu là kẻ phàm phu ngu si nhân có tà kiến, thì khi thân hoại mạng chung sẽ đi thẳng đến ác xứ, sanh vào địa ngục. Còn Trưởng giả không hề có tà kiến mà chỉ có chánh kiến. Do chánh kiến ấy Trưởng giả sẽ diệt được sự đau nhức khổ sở, lại sanh ra khoái lạc vô cùng; hoặc do chánh kiến ấy sẽ chứng quả Tư-đà-hàm hay quả A-na-hàm vì Trưởng giả vốn đã chứng quả Tu-đà-hoàn.

"Trưởng giả chớ sợ. Vì sao vậy? Vì nếu là kẻ phàm phu ngu si nhân có tà chí[6], thì khi thân hoại mạng chung sẽ đi thẳng đến ác xứ, sanh vào địa ngục. Còn Trưởng giả không hề có tà chí mà chỉ có chánh chí. Do chánh chí ấy Trưởng giả sẽ diệt được sự đau nhức khổ sở, lại sanh ra khoái lạc vô cùng; hoặc do chánh chí ấy sẽ chứng quả Tư-đà-hàm hay quả A-na-hàm vì Trưởng giả vốn đã chứng quả Tu-đà-hoàn.

"Trưởng giả chớ sợ. Vì sao vậy? Vì nếu là kẻ phàm phu ngu si nhân có tà giải, thì khi thân hoại mạng chung sẽ đi thẳng đến ác xứ, sanh vào địa ngục. Còn Trưởng giả không hề có tà giải mà chỉ có chánh giải. Do chánh giải ấy Trưởng giả sẽ diệt được sự đau nhức khổ sở, lại sanh ra khoái lạc vô cùng; hoặc do chánh giải ấy sẽ chứng quả Tư-đà-hàm hay quả A-na-hàm vì Trưởng giả vốn đã chứng quả Tu-đà-hoàn.

"Trưởng giả chớ sợ. Vì sao vậy? Vì nếu là kẻ phàm phu ngu si nhân có tà thoát, thì khi thân hoại mạng chung sẽ đi thẳng đến ác xứ, sanh vào địa ngục. Còn Trưởng giả không hề có tà thoát mà chỉ có chánh thoát. Do chánh thoát ấy Trưởng giả sẽ diệt được sự đau nhức khổ sở, lại sanh ra khoái lạc vô cùng; hoặc do chánh thoát ấy sẽ chứng quả Tư-đà-hàm hay quả A-na-hàm vì Trưởng giả vốn đã chứng quả Tu-đà-hoàn.

"Trưởng giả chớ sợ. Vì sao vậy? Vì nếu là kẻ phàm phu ngu si nhân có tà trí, thì khi thân hoại mạng chung sẽ đi thẳng đến ác xứ, sanh vào địa ngục. Còn Trưởng giả không hề có tà trí mà chỉ có chánh trí. Do chánh trí ấy Trưởng giả sẽ diệt được sự đau nhức khổ sở, lại sanh ra khoái lạc vô cùng; hoặc do chánh trí ấy sẽ chứng quả Tư-đà-hàm hay quả A-na-hàm vì trưởng giả vốn đã chứng quả Tu-đà-hoàn".

Bấy giờ bệnh trạng của Trưởng giả Cấp Cô Độc liền được thuyên giảm, bình phục như cũ[7], từ chỗ nằm ngồi dậy, khen Tôn giả Xá-lê Tử rằng:

"Lành thay! Lành thay! Ngài thuyết pháp cho bệnh nhân, thật kỳ diệu, thật hy hữu. Thưa Tôn giả Xá-lê Tử, khi con nghe xong bài pháp giáo hóa cho bệnh nhân ấy liền chấm dứt thống khổ, lại sanh khoái lạc vô cùng. Bạch Tôn giả Xá-lê Tử, bây giờ bệnh con đã thuyên giảm hẳn, bình phục như cũ. Bạch Tôn giả Xá-lê Tử, trước kia nhân có chút việc cần làm, con đi đến thành Vương xá, tạm trú trong nhà một Trưởng giả[8]. Lúc ấy vị Trưởng giả kia buổi sáng hôm sau sẽ cúng dường cơm cho Đức Phật và Chúng Tỳ-kheo. Bấy giờ qua đêm ấy, lúc trời gần sáng, vị Trưởng giả kia sai con cháu, nô tỳ, sứ giả và quyến thuộc: 'Các ngươi hãy dậy sớm, cùng nhau bày biện, trang hoàng'. Những người kia đều vâng lời, cùng nhau xếp việc bếp núc, bày biện cỗ bàn với những loại ngon đẹp. Còn Trưởng giả đích thân trải bày một chỗ ngồi cao, trang nghiêm vô lượng.

"Thưa Tôn giả Xá-lê Tử, sau khi thấy vậy, con liền nghĩ thế này: 'Hôm nay vị

---

6. *Tà chí*——Atức *tà tư duy*, đối lập với *chánh tư duy* trong Thánh đạo tám chi.

7. Bản Pāli, sau đó, khi Sāriputta đi khỏi, Trưởng giả Cấp Cô Độc mạng chung.

8. Từ đây trở xuống, nội dung tương đương được tìm thấy trong luật bộ Pāli.

Trưởng giả này có việc hôn nhân hay lễ hội rước dâu, hay việc thỉnh Quốc vương hay việc mời Đại thần, mà lại sắm sửa tiệc cơm, mở cuộc đãi đằng lớn như vậy?'

"Bạch Tôn giả Xá-lê Tử, suy nghĩ như vậy rồi, con liền hỏi vị Trưởng giả kia rằng:

"– Ông vì việc hôn nhân hay vì lễ hội rước dâu, việc thỉnh Quốc vương hay việc mời Đại thần, mà lại sắm sửa tiệc cơm, mở cuộc đãi đằng lớn như vậy?

"Lúc ấy vị Trưởng giả kia liền trả lời con rằng:

"– Tôi không phải vì việc hôn nhân, việc thỉnh Quốc vương hay việc mời Đại thần, nhưng tôi sắm sửa tiệc cơm, thi thiết cuộc đại thí, vì sáng nay tôi sẽ cúng cơm cho Đức Phật và chúng Tỳ-kheo.

"Bạch Tôn giả Xá-lê Tử, vì con chưa từng được nghe danh hiệu Đức Phật, nên khi nghe rồi toàn thân lông dựng ngược. Con lại hỏi rằng:

"– Trưởng giả nói Phật, vậy thế nào là Phật?

"Lúc ấy vị Trưởng giả kia trả lời con rằng:

"– Ông chưa được nghe sao? Có vị dòng dõi họ Thích, từ giã dòng họ Thích, cạo bỏ râu tóc, khoác y ca-sa, với lòng tin chí thiết, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo, chứng quả Vô thượng Chánh đẳng chánh giác. Vị ấy được gọi là Phật.

"Con lại hỏi rằng:

"– Trưởng giả vừa nói chúng[9]. Vậy thế nào là đại chúng?

"Bấy giờ vị Trưởng giả kia trả lời con rằng:

"– Còn có rất nhiều vị, có dòng họ và tông tộc khác nhau, cạo bỏ râu tóc, khoác y ca-sa, với lòng tin chí thiết, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, để theo Phật đạo. Đó gọi là Chúng. Đức Phật và chúng ấy, tôi sắp thỉnh đến.

"Bạch Tôn giả Xá-lê Tử, con lại hỏi vị Trưởng giả ấy rằng:

"– Đức Thế Tôn bây giờ đang ở nơi nào? Tôi muốn đi đến thăm.

"Bấy giờ vị Trưởng giả kia trả lời con rằng:

"– Đức Thế Tôn hiện đang ở thành Vương xá, trong rừng Trúc, vườn Ca-lan-đa. Ông có muốn đến đó thì tùy ý.

"Bạch Tôn giả Xá-lê Tử, lúc ấy con nghĩ thế này: "Mong cho mau sáng để nhanh chóng đi đến thăm Phật. Bạch Tôn giả Xá-lê Tử, bấy giờ với tâm chí thành, con muốn đến thăm Phật, nên lúc đang đêm ấy mà tưởng đã sáng rồi, liền từ nhà vị Trưởng giả kia ra đi, đến trạm dừng nơi cổng thành[10]. Bấy giờ tại trạm dừng nơi cổng thành có hai người lính gác, một người gác đầu hôm thì cho hành khách bên ngoài vào thành, không làm trở ngại gì, một người gác cuối đêm thì cho hành khách ở trong thành đi ra cũng không làm trở ngại gì. Thưa Tôn giả Xá-lê Tử, con lại nghĩ thế này: 'Đêm hãy còn chưa sáng lắm. Vì sao vậy? Vì ở tại cổng thành có hai người lính gác; một người gác đầu hôm thì cho hành khách bên ngoài vào thành, không làm trở ngại gì; một người gác cuối đêm thì cho hành khách ở trong thành đi ra cũng không làm trở ngại gì'. Thưa Tôn giả Xá-lê Tử, con vượt qua trạm dừng chân ở cửa thành để đi ra bên ngoài không lâu, ánh sáng biến mất và trời tối hẳn lại. Bạch Tôn giả Xá-lê Tử, toàn thân lông dựng ngược, con liền sợ hãi, mong sao đừng có người nào hay loài phi nhân đến xúc nhiễu con. Bấy giờ, tại trại dừng chân ở cửa thành có một vị trời[11], từ thành Vương xá đến Trúc lâm, vườn Ca-lan-đà, ánh sáng tỏa chiếu khắp nơi, đến bảo con rằng: 'Này Trưởng giả, chớ sợ. Vì sao vậy? Tôi kiếp trước

9. Chúng ═══ tức tăng(-già), Pāli: saṃgha.

10. Hán: *Thành tức môn* ═══ Pāli: Sivakadvāra.

11. Pāli, đã dẫn, một Dạ-xoa tên là Sīvaka.

đây vốn là bằng hữu của ông, tên thật là Mật Khí[12], vào lúc còn trẻ tuổi chúng ta rất yêu mến nhau. Này Trưởng giả, thuở xưa ấy, tôi đi đến chỗ Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, cúi đầu đảnh lễ dưới chân rồi ngồi sang một bên. Tôn giả Đại Mục-kiền-liên thuyết pháp cho tôi, khuyên bảo, khích lệ, thành tựu hoan hỷ. Sau khi dùng vô lượng phương tiện để thuyết pháp, khuyên bảo, khích lệ, thành tựu hoan hỷ cho tôi rồi, ngài ban cho tôi pháp ba tự quy, và trao cho năm giới. Này Trưởng giả, tôi do ba tự quy y và thọ trì năm giới, nên khi thân hoại mạng chung sanh lên trời Tứ vương thiên, sống ở trong trạm dừng tại cổng thành này. Trưởng giả hãy đi mau lên, Trưởng giả hãy đi vội lên, quả thật đi tốt hơn là đứng lại.

"Vị trời ấy nói lên bài kệ để khuyên con như sau:

"Được trăm ngựa, nữ tỳ,
Trăm xe đầy châu báu;
Không bằng phần mười sáu
Một bước đi đến Phật.
Trăm voi trắng tối thượng,
Thắng yên cương vàng bạc;
Không bằng phần mười sáu
Một bước đi đến Phật.
Trăm nữ nhân đẹp đẽ,
Đeo chuỗi ngọc tràng hoa;
Không bằng phần mười sáu,
Một bước đi đến Phật.
Chuyển luân vương kính trọng
Báu ngọc nữ bậc nhất;
Không bằng phần mười sáu,
Một bước đi đến Phật.

"Vị trời nói tụng xong, rồi khuyên con rằng:

"– Này Trưởng giả, đi nhanh lên. Này Trưởng giả, đi nhanh lên. Quả thật đi tốt hơn đứng lại.

"Bạch Tôn giả Xá-lê Tử, con lại nghĩ thế này: 'Đức Phật có ân đức che chở bao trùm. Pháp và Chúng Tỳ-kheo cũng có ân đức bao trùm. Vì sao vậy, cho đến bậc trời cũng muốn ta đến yết kiến'. Bạch Tôn giả Xá-lê Tử, con do ánh sáng ấy mà đi đến Trúc lâm, vườn Ca-lan-đa. Bấy giờ đêm còn chưa sáng tỏ, Đức Thế Tôn từ thiền thất đi ra, kinh hành ở khoảng đất trống để chờ con. Bạch Tôn giả Xá-lê Tử, từ xa con trông thấy Đức Thế Tôn đẹp đẽ trang nghiêm như mặt trăng giữa các vì tinh tú, ánh sáng chói lọi rực rỡ, sáng rực như tòa núi toàn vàng, đầy đủ tướng tốt, oai thần vời vợi, các căn tịch tĩnh, chẳng có gì che khuất, thành tựu điều ngự, tức tâm tĩnh mặc. Con thấy rồi liền hoan hỷ đi đến trước Đức Phật, đảnh lễ sát dưới chân, rồi kinh hành theo Ngài, theo pháp của bậc Trưởng giả mà nói bài tụng thăm hỏi rằng:

"Thế Tôn ngủ an ổn,
Đến trọn đêm khỏe chăng?
Như Phạm chí diệt độ,
Vì không nhiễm trước dục.

---

12. Mật khí – e (– K) —— C

Xả ly tất cả nguyện,
Được an ổn vô cùng.
Tâm trừ không nóng bức
Ngủ an lạc vui vẻ.

"Bấy giờ Đức Thế Tôn vừa đi đến cuối đường kinh hành, liền trải Ni-sư-đàn, ngồi kiết già. Bạch Tôn giả Xá-lê Tử. Lúc ấy, con đảnh lễ dưới chân Phật rồi ngồi sang một bên. Đức Thế Tôn thuyết pháp cho con, khuyên bảo, khích lệ, thành tựu hoan hỷ cho con rồi, như pháp thông lệ của chư Phật, trước nói pháp đoan chánh, để người nghe hoan hỷ. Đó là nói thí, nói giới, nói pháp sanh thiên, chê dục vọng là tai họa, sanh tử là nhơ uế; ngợi khen vô dục là đạo phẩm vi diệu, bạch tịnh. Đức Thế Tôn nói những pháp như vậy cho con nghe rồi, Đức Phật biết con có tâm hoan hỷ, tâm cụ túc, tâm nhu nhuyến, tâm kham nhẫn, tâm vươn lên, tâm chuyên nhất, tâm không nghi, tâm không che lấp, có khả năng kham thọ chánh pháp, nghĩa là những điều chánh yếu nào mà chư Phật nói ra; Thế Tôn liền nói: Khổ, Tập, Diệt, Đạo cho con. Bạch Tôn giả Xá-lê Tử, ngay khi con ngồi đấy đã thấy được bốn Thánh đế: Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Cũng như tấm vải trắng dễ nhuộm thành màu sắc, con cũng như vậy, ngay trên chỗ đang ngồi đã thấy bốn Thánh đế: Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Thưa Tôn giả Xá-lê Tử, con đã thấy pháp, đắc pháp, giác ngộ pháp bạch tịnh, đoạn nghi, độ hoặc, không còn tôn sùng ai, cũng chẳng theo người khác, không còn do dự, đã trụ nơi quả chứng, được sự không sợ hãi đối với giáo pháp Đức Thế Tôn, liền từ chỗ ngồi đứng dậy đảnh lễ Đức Thế Tôn bạch rằng:

"– Bạch Thế Tôn, con hôm nay tự quy y Phật, Pháp và Chúng Tỳ-kheo. Xin nguyện Thế Tôn chấp nhận cho con làm Ưu-bà-tắc; bắt đầu từ hôm nay sẽ trọn đời tự quy y, cho đến lúc mạng chung.

"Bạch Tôn giả Xá-lê Tử, con liền chắp tay thưa rằng:

"Bạch Thế Tôn, ngưỡng mong Thế Tôn nhận lời mời của con cùng Chúng Tỳ-kheo đến nước Xá-vệ để an cư mùa mưa.

"Lúc ấy Đức Thế Tôn hỏi con rằng:

"– Ông tên là gì, nhân dân nước Xá-vệ gọi ông là gì?

"Con liền trả lời rằng:

"– Con tên là Tu-đạt-đa[13]. Vì con thường cung cấp cho những người cô độc, do đó nhân dân nước Xá-vệ gọi con là Cấp Cô Độc[14].

"Bấy giờ Đức Thế Tôn lại hỏi con rằng:

"– Tại nước Xá-vệ, ông đã có phòng xá gì chưa?

"Con trả lời rằng:

"– Tại nước Xá-vệ con chưa có phòng xá gì cả.

"Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo con rằng:

"– Nếu có phòng xá thì các Tỳ-kheo mới có thể vãng lai, mới có thể trú ngụ được.

"Con lại thưa rằng:

"– Thật vậy, bạch Thế Tôn. Vì thế con sẽ xây cất phòng xá để các thầy Tỳ-kheo có thể vãng lai, và có thể trú ngụ nước Xá-vệ. Mong Đức Thế Tôn cho một vị đến giúp con.

"Bấy giờ Đức Thế Tôn liền sai Tôn giả Xá-lê Tử; khiến Tôn giả Xá-lê Tử đến giúp

---

13. Tu-đạt-đa — -F -h-CPāli, VI. đã dẫn, chép ngay khi vừa trong thấy Trưởng giả, Phật gọi ngay tên "Sudatta, hãy đến đây, Sudattā", sự kiện này khiến ông phấn khởi.

14. Cấp Cô Độc —-t -W-C Pāli: Anāthapiṇḍika.

đỡ[15].

"Bấy giờ sau khi nghe Đức Phật dạy xong, con khéo léo ghi nhớ, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ Phật, đi quanh ba vòng rồi ra về.

"Khi công việc cần làm tại thành Vương xá đã hoàn tất, con cùng Tôn giả Xá-lê Tử đi đến nước Xá-vệ. Nhưng không vào nước Xá-vệ, cũng chẳng trở về nhà mà lập tức đi dạo khắp nơi bên ngoài thành để xem chỗ nào có thể đi lại tốt nhất, ban ngày không ồn ào, ban đêm thì tịch tĩnh, không có muỗi mòng, cũng không ruồi bọ, không lạnh, không nóng, có thể xây phòng xá để cúng dường Đức Phật và đại chúng.

"Bạch Tôn giả Xá-lê Tử, bấy giờ con chỉ thấy vườn của Thắng Đồng tử[16] là đi lại tốt nhất, ban ngày không ồn ào, ban đêm thì tịch tĩnh, không có muỗi mòng, cũng không ruồi bọ, không lạnh, không nóng. Con thấy rồi liền suy nghĩ thế này: 'Chỉ có chỗ này là tốt nhất để xây cất phòng xá để cúng dường Phật và đại chúng'. Bạch Tôn giả Xá-lê Tử, lúc ấy con vào nước Xá-vệ, nhưng cũng chưa về nhà, liền đi đến chỗ Thắng Đồng tử thưa rằng:

"– Thưa Đồng tử, ngài có thể bán khu vườn kia lại cho tôi không?

"Bấy giờ Đồng tử bảo con rằng:

"– Trưởng giả nên biết, tôi không bán khu vườn đâu.

"Cứ như vậy lần hai rồi lần ba, con thưa rằng:

"– Thưa Đồng tử, ngài có thể bán khu vườn kia lại cho tôi không?

"Bấy giờ Đồng tử cũng lại lần thứ hai, lần thứ ba bảo rằng:

"– Tôi không bán khu vườn đâu. Chỉ khi nào ức ức[17] trải đầy.

"Con liền thưa rằng:

"– Này Đồng tử, ngài đã quyết định giá cả, chỉ còn việc trao tiền nữa thôi.

"Bạch Tôn giả Xá-lê Tử, người thì nói đã quyết định giá cả, người thì nói chưa quyết định giá cả, cùng nhau tranh tụng lớn. Rồi dắt nhau đến pháp đình[18] nước Xá-vệ để phán quyết về việc này. Bấy giờ vị pháp quan[19] nước Xá-vệ bảo Thắng Đồng tử rằng:

"– Này Đồng tử, thế là ngươi đã quyết định giá cả rồi, chỉ còn việc nhận tiền nữa thôi.

"Thưa Tôn giả Xá-lê Tử, con liền vào nước Xá-vệ, trở về nhà lấy tiền, dùng voi ngựa và xe cộ để chuyên chở các kho lẫm đem đến, đã xuất ra tới ức ức để trải khắp mặt đất, nhưng còn vài chỗ chưa khắp đến. Bạch Tôn giả Xá-lê Tử, con nghĩ như vầy: Nên xuất ở kho nào nữa để đem đến trải khắp chỗ dư này, không thừa cũng không thiếu? Bấy giờ Thắng Đồng tử liền bảo con rằng:

"– Này Trưởng giả, nếu có ăn năn về số tiền này thì hãy tự mang trở về, khu vườn trả lại cho tôi.

"Con bảo với Đồng tử rằng:

"– Quả thật tôi không có ăn năn; mà tôi còn suy nghĩ xem nên lấy ở kho nào nữa để mang trải khắp chỗ dư này không thừa cũng không thiếu.

---

15. Các chi tiết liên hệ luật tạng. Luật Pāli và bản hán khác nhau.

16. Thắng Đồng tử ━━━l━C Vin.ii.154ff. Jetakomara, con trai vua Pasenadi (Ba-tư-nặc), về sau bị vua Vidudabha người em trai cùng cha khác mẹ giết vì khước từ tham gia cuộc chiến tàn sát dòng họ Thích. Các phiên âm quen thuộc khác: Kỳ-đà Thái tử ━N━━━l━A Thê-đa ━u ━h━C

17. Cả Vin.ii. đã dẫn, cũng không nói loại tiền gì.

18. Hán: *đại quyết đoán xứ* ━j ━M━_ ━B━C

19. Hán: *đại quyết đoán nhân* ━j ━M━_ ━H━R Biện lý đại thần.

"Bấy giờ Thắng đồng tử liền suy nghĩ như vầy: 'Đức Thế Tôn hẳn là một bậc cao cả, có đức hựu lớn. Pháp và Đại chúng Tỳ-kheo hẳn cũng là rất cao cả, có đức hựu lớn. Vì sao thế? Vì có vậy mới làm cho Trưởng giả thi thiết sự cúng dường vĩ đại, coi rẻ của cải đến thế. Nay ta có lẽ xây cất nhà cổng ngay nơi này để cúng dường Đức Phật và Đại chúng Tỳ-kheo'. Rồi Thắng Đồng tử liền bảo với con rằng:

"– Này Trưởng giả, hãy thôi đi, đừng xuất tiền để trả khoảng đất còn lại nữa. Vì ngay chỗ này tôi sẽ cất cất nhà cổng cúng dường Đức Phật và đại chúng Tỳ-kheo.

"Bạch Tôn giả Xá-lê Tử, vì lòng từ mẫn nên con đồng ý để lại chỗ ấy cho Thắng Đồng tử.

"Bạch Tôn giả Xá-lê Tử, rồi ngay trong mùa hạ ấy, con cho xây mười sáu dãy nhà lớn[20], sáu mươi câu-hi[21]. Tôn giả Xá-lê Tử giúp đỡ con việc ấy. Thế nhưng Tôn giả Xá-lê Tử thuyết pháp để giáo hóa người bệnh, còn rất kỳ diệu, hy hữu hơn. Con nghe bài pháp giáo hóa người bệnh này rồi, bệnh khổ quá nặng nề ấy liền được giảm bớt, lại phát sanh ra sự an lạc vô cùng.

"Bạch Tôn giả Xá-lê Tử, bây giờ con không còn bệnh nữa, và được an ổn. Mong Tôn giả Xá-lê Tử ở lại đây thọ trai".

Bấy giờ Tôn giả Xá-lê Tử im lặng nhận lời. Lúc ấy Trưởng giả biết Tôn giả Xá-lê Tử đã im lặng nhận lời, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, tự mình lấy nước rửa, đem tất cả các thứ đồ ăn ngon, tinh khiết, dồi dào, các loại nhai và nuốt[22], tự tay dọn sớt, cho đến khi Tôn giả được no đủ. Ăn xong, dọn dẹp và lấy nước rửa tay xong, ông trải một chỗ ngồi nhỏ, ngồi riêng để nghe pháp.

Sau khi Trưởng giả ngồi xong, Tôn giả Xá-lê Tử thuyết pháp cho ông khuyên bảo, khích lệ, thành tựu hoan hỷ. Sau khi dùng vô lượng phương tiện thuyết pháp, khuyên bảo, khích lệ, thành tựu hoan hỷ cho Trưởng giả rồi, Ngài từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

Bấy giờ Đức Thế Tôn đang thuyết pháp cho vô lượng đại chúng vây quanh trước sau. Từ đàng xa Đức Thế Tôn thấy Tôn giả Xá-lê Tử đi lại, liền bảo các Tỳ-kheo rằng:

"Tỳ-kheo Xá-lợi-phất là bậc thông tuệ, tốc tuệ, tiệp tuệ, lợi tuệ, quảng tuệ, thâm tuệ, xuất yếu tuệ, minh đạt tuệ, biện tài tuệ, Tỳ-kheo Xá-lợi-phất đã thành tựu thật tuệ[23]. Vì sao vậy? Vì về bốn hạng Tu-đà-hoàn[24] mà ta đã nói sơ lược, thì Tỳ-kheo Xá-lợi-phất triển khai thành mười hạng để nói cho Trưởng giả Cấp Cô Độc.

Đức Phật thuyết như vậy, các Tỳ-kheo nghe Phật nói xong hoan hỷ phụng hành.

❑

---

20. Hán: *đại ốc* -j —Atức Pāli: vihāra (tinh xá).
21. Hán: *câu-hi* ——]-Atức Pāli: koṭṭhaka, chỉ nhà kho, phòng hay phòng kín.
22. Hán: *thực đạm hàm tiêu* ———t —Aloại thực phẩm cần phải cắn, và loại ngậm cho tiêu.
23. Xem cht.14, kinh số 27.
24. Có lẽ là bốn Dự lưu chi: 1/ Thân cận thiện xứ, 2/ Kiến văn chánh pháp, 3/ Như lý tác ý, 4/ Pháp tùy pháp hành, mà ngài Xá-lợi-phất đã quảng diễn thành mười, như trong kinh: 1/ Tín, 2/ Giới, 3/ Đa văn, 4/ Huệ thí, 5/ Thiện tuệ, 6/ Chánh kiến, 7/ Chánh trí, 8/ Chánh giải, 9/ Chánh thoát, 10/ Chánh trí. Chỉ bốn "Nhập lưu phần", Tạp A-hàm 30. Đại 30, tr.843.

29. KINH ĐẠI CÂU-HI-LA[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật du hóa tại thành Vương xá, trong rừng Trúc, vườn Ca-lan-đa.

Bấy giờ, vào lúc xế chiều, Tôn giả Xá-lê Tử từ chỗ tĩnh tọa đứng dậy, đi đến chỗ Tôn giả Đại Câu-hi-la[2], chào hỏi lẫn nhau, rồi ngồi xuống một bên.

Tôn giả Xá-lê Tử nói với Tôn giả Đại Câu-hi-la như vầy:

"Tôi có điều muốn hỏi, mong ngài nghe cho chăng?"

Tôn giả Đại Câu-hi-la trả lời rằng:

"Thưa Tôn giả Xá-lê Tử, ngài muốn hỏi điều gì xin cứ hỏi, tôi nghe rồi sẽ suy nghĩ".

Tôn giả Xá-lê Tử hỏi rằng:

"Này Hiền giả Đại Câu-hi-la, có điều kiện nào mà nhân điều kiện đó mà Tỳ-kheo thành tựu kiến, được chánh kiến, đối với pháp được bất hoại tịnh[3] và thể nhập chánh pháp không?"

Tôn giả Đại Câu-hi-la trả lời rằng:

"Có vậy, thưa Tôn giả Xá-lê Tử. Đó là có Tỳ-kheo biết bất thiện và biết căn của bất thiện.

"Thế nào là biết bất thiện? Ác hành của thân là bất thiện, ác hành của khẩu là bất thiện, và ác hành của ý là bất thiện. Đó là biết bất thiện.

"Thế nào là biết bất thiện căn? Tham là căn của bất thiện, nhuế, và si là căn của bất thiện. Đó là biết căn của bất thiện.

"Này Tôn giả Xá-lê Tử. Nếu có Tỳ-kheo biết bất thiện và biết căn của bất thiện như vậy, đó là Tỳ-kheo đã thành tựu kiến, được chánh kiến, đối với pháp được bất hoại tịnh, và thể nhập chánh pháp.

Tôn giả Xá-lê Tử nghe rồi khen rằng:

"Lành thay, lành thay, Hiền giả Đại Câu-hi-la!"

Tôn giả Xá-lê Tử khen ngợi rồi hoan hỷ phụng hành.

Tôn giả Xá-lê Tử lại hỏi rằng:

"Hiền giả Đại Câu-hi-la, lại còn có điều kiện nào mà nhân điều kiện đó Tỳ-kheo thành tựu kiến, được chánh kiến, đối với pháp được bất hoại tịnh, và thể nhập chánh pháp chăng?

"Có vậy, thưa Tôn giả Xá-lê Tử. Đó là có Tỳ-kheo biết thiện và biết căn của thiện.

---

1. Bản Hán, quyển 7. Tương đương Pāli, không tìm thấy tương đương chính xác; A. IX. 13 Koṭihita, A.IV. 174 Koṭṭhika, ghi giữa cuộc thảo luận giữa ngài Mahākoṭṭhika và Sāriputta với nội dung không hoàn toàn đồng nhất với bản Hán này.

2. Đại Câu-hi-la [illegible] Pāli: Mahākoṭṭhita, hoặc Mahākoṭṭhika.

3. Bất hoại tịnh [illegible] Pāli: avecca-pasāda, cũng nói là bất động tín, bất hoại tín, hay chứng tịnh; tín tâm không thể bị lay chuyển; đức tin trong sáng. Có bốn bất hoại tín (chứng tịnh): tin Phật, tin Pháp, tin Tăng, tin Thánh giới.

"Thế nào là biết thiện? Diệu hành của thân là thiện. Diệu hành của ý và khẩu là thiện. Đó là biết thiện.

"Thế nào là biết căn của thiện? Vô tham là căn của thiện, vô nhuế và vô si là căn của thiện. Đó là biết căn của thiện.

"Này Tôn giả Xá-lê Tử. Nếu có Tỳ-kheo biết thiện và biết thiện căn như vậy, đó là Tỳ-kheo đã thành tựu kiến, được chánh kiến, đối với pháp được bất hoại tịnh, và thể nhập chánh pháp.

Tôn giả Xá-lê Tử nghe rồi khen rằng:

"Lành thay, lành thay, Hiền giả Đại Câu-hi-la!"

Tôn giả Xá-lê Tử khen ngợi rồi hoan hỷ phụng hành.

Tôn giả Xá-lê Tử lại hỏi rằng:

"Hiền giả Đại Câu-hi-la, lại còn có điều nào mà nhân điều đó Tỳ-kheo thành tựu kiến, được chánh kiến, đối với pháp được bất hoại tịnh, và thể nhập chánh pháp chăng?"

Tôn giả Đại Câu-hi-la trả lời rằng:

"Có, thưa Tôn giả Xá-lê Tử. Nghĩa là Tỳ-kheo biết như thật về thức ăn, biết như thật về tập của thức ăn, thực diệt và thực diệt đạo của thức ăn[4].

"Thế nào là biết như thật về thức ăn? Có bốn loại thức ăn: Một là đoàn thực, thô và tế[5]; hai là xúc thực[6]; ba là ý tư thực[7]; bốn là thức thực[8]. Đó là biết như thật về thức ăn.

"Thế nào là biết như thật về tập của thức ăn[9]? Do ái mới có thức ăn. Đó là biết như thật về tập của thức ăn.

"Thế nào là biết như thật về diệt của thức ăn? Ái diệt tức là thức ăn diệt. Đó là biết như thật về diệt của thức ăn.

"Thế nào là biết như thật về diệt đạo của thức ăn[10]? Tám chi Thánh đạo, từ chánh kiến cho tới chánh định là tám. Đó là biết như thật về diệt đạo của thức ăn.

"Tôn giả Xá-lê Tử. Nếu có Tỳ-kheo biết như thật về thức ăn, biết như thật về tập của thức ăn, thực diệt và thực diệt đạo của thức ăn như vậy; đó là Tỳ-kheo đã thành tựu kiến, được chánh kiến, đối với pháp được bất hoại tịnh, và thể nhập chánh pháp.

Tôn giả Xá-lê Tử nghe rồi khen rằng:

"Lành thay, lành thay, Hiền giả Đại Câu-hi-la!"

Tôn giả Xá-lê Tử khen ngợi rồi hoan hỷ phụng hành.

Tôn giả Xá-lê Tử lại hỏi rằng:

"Hiền giả Đại Câu-hi-la, lại còn có điều nào mà nhân điều đó Tỳ-kheo thành tựu kiến, được chánh kiến, đối với pháp được bất hoại tịnh, và thể nhập chánh pháp chăng?

"Có, thưa Tôn giả Xá-lê Tử. Đó là có Tỳ-kheo biết như thật về lậu, biết như thật về lậu tập của lậu, diệt của lậu và diệt đạo của lậu.

---

4. Thực — Pāli: āhāra. Có bốn loại thức ăn; xem các cht. dưới.

5. *Đoàn thực thô tế* — Thức ăn được nắn lại hay vo tròn (theo tục ăn bốc); thức ăn vật chất, gồm loại cứng và loại mềm tức cố thể và chất lỏng; Pāli: kabaliṅkāro āhāro oḷāriko vā sukkumo.

6. Nguyên-Hán: *canh lạc thực* — hay xúc thực, thức ăn là sự xúc chạm, chỉ sự tiếp xúc giữa căn và cảnh. Pāli: phasso āhāro.

7. *Ý tư thực* — hay tư niệm thực, thức ăn là tư duy của ý thức. Pāli: manosañcetanā-āhāro.

8. *Thức thực* — thức ăn là sự nhận thức, phân biệt. Pāli: viññāṇaṃ āhāro.

9. Hán: *thực tập* — Pāli: āhāra-samudaya, sự tập khởi hay khởi nguyên của thức ăn.

10. Hán: *thực diệt đạo* — Pāli: āhāra-nirodha-gāminipaṭipadā, sự thực hành dẫn đến chỗ diệt trừ thức ăn.

"Thế nào là biết như thật về lậu? Có ba lậu là dục lậu, hữu lậu và vô minh lậu[11]. Đó là biết như thật về lậu.

"Thế nào là biết như thật về tập của lậu? Do vô minh mới có lậu. Đó là biết như thật về tập của lậu.

Thế nào là biết như thật về diệt của lậu? Do vô minh diệt thì lậu diệt. Đó là biết như thật về diệt của lậu.

"Thế nào là biết như thật về diệt đạo của lậu? Tám chi Thánh đạo từ chánh kiến cho tới chánh định là tám. Đó là biết như thật về diệt đạo của lậu.

"Này Tôn giả Xá-lê Tử. Nếu có Tỳ-kheo biết như thật về lậu, biết như thật về lậu tập của lậu, diệt của lậu và diệt đạo của lậu như vậy; đó là Tỳ-kheo đã thành tựu kiến, được chánh kiến, đối với pháp được bất hoại tịnh và thể nhập chánh pháp.

Tôn giả Xá-lê Tử nghe rồi khen rằng:

"Lành thay, lành thay, Hiền giả Đại Câu-hi-la!"

Tôn giả Xá-lê Tử khen ngợi rồi hoan hỷ phụng hành.

Tôn giả Xá-lê Tử lại hỏi rằng:

"Hiền giả Đại Câu-hi-la, lại có điều nào mà nhân điều đó Tỳ-kheo thành tựu kiến, được chánh kiến, đối với pháp được bất hoại tịnh, và thể nhập chánh pháp chăng?"

"Có, thưa Tôn giả Xá-lê Tử. Đó là có Tỳ-kheo biết như thật về khổ, biết như thật về khổ tập, khổ diệt và khổ diệt đạo.

"Thế nào là biết như thật về khổ? Sinh khổ, lão khổ, bệnh khổ, tử khổ, oán tắng hội khổ, ái biệt ly khổ, sở cầu bất đắc khổ, nói tóm lại ngũ thạnh ấm khổ. Đó là biết như thật về khổ.

"Thế nào là biết như thật về khổ tập? Do lão tử mới có khổ. Đó là biết như thật về khổ tập.

"Thế nào là biết như thật về khổ diệt? Lão tử diệt tức khổ diệt. Đó là biết như về khổ diệt.

"Thế nào là biết như thật về khổ diệt đạo? Tám chi Thánh đạo từ chánh kiến cho đến chánh định là tám. Đó là biết như thật về khổ diệt đạo.

"Này Tôn giả Xá-lê Tử. Nếu có Tỳ-kheo biết như thật về khổ. Biết như thật về khổ tập, khổ diệt và khổ diệt đạo như vậy. Đó là Tỳ-kheo đã thành tựu kiến, được chánh kiến, đối với pháp được bất hoại tịnh và thể nhập chánh pháp.

Tôn giả Xá-lê Tử nghe rồi khen rằng:

"Lành thay, lành thay, Hiền giả Đại Câu-hi-la!"

Tôn giả Xá-lê Tử khen ngợi rồi hoan hỷ phụng hành.

Tôn giả Xá-lê Tử lại hỏi rằng:

"Hiền giả Đại Câu-hi-la, lại còn có điều nào mà nhân điều đó Tỳ-kheo thành tựu kiến, được chánh kiến, đối với pháp được bất hoại tịnh, và thể nhập chánh pháp chăng?"

"Có, thưa Tôn giả Xá-lê Tử. Đó là có Tỳ-kheo biết như thật về già chết, biết như thật về tập khởi của già chết, diệt của già chết và diệt đạo của già chết.

"Thế nào là biết như thật về già? Đó là, người kia già cả, đầu bạc, răng rụng, sự cường tráng càng ngày càng suy giảm, thân còng, chân vẹo, cơ thể nặng nề, hơi thở đưa lên, chống gậy mà đi, thịt teo rút, da nhăn như cây gai, các căn rụng rời, nhan sắc xấu xí.

---

[11]. Ba lậu: *dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu* ▬▬|▬A▬▬|▬A▬L▬▬|▬CPāli: kāma-āsavā, bhava-āsavā, avijjā-āsavā.

Đó là biết như thật về già.

"Thế nào là biết như thật về chết? Đó là, chúng sanh kia và tất cả chủng loại sai biệt của chúng sanh kia, khi mạng chung, cơn vô thường đến, thì chết rồi chôn và tan rã, tuổi thọ chấm dứt và bị phá hoại, mạng căn bế tắc; đó là của chết. Trước kia là nói về già, đây là nói về chết. Đó gọi là lão tử. Đó là biết như thật về lão tử.

"Thế nào là biết như thật về tập của già chết? Đó là, do sanh mà có già chết. Đó là biết như thật về tập của già chết.

"Thế nào là biết như thật về diệt của già chết? Đó là, sanh diệt tức già chết diệt. Đó là biết như thật về diệt của già chết.

"Thế nào là biết như thật về diệt đạo của già chết? Tám chi Thánh đạo từ chánh kiến cho đến chánh định là tám. Đó là biết như thật về diệt đạo của già chết.

"Này Tôn giả Xá-lê Tử. Nếu có Tỳ-kheo biết như thật về già chết. Biết như thật về tập của già chết, lão tử diệt của già chết và diệt đạo của già chết như vậy; đó là Tỳ-kheo đã thành tựu kiến được chánh kiến, đối với pháp được bất hoại tịnh và thể nhập chánh pháp.

Tôn giả Xá-lê Tử nghe rồi khen rằng:

"Lành thay, lành thay, Hiền giả Đại Câu-hi-la!"

Tôn giả Xá-lê Tử khen ngợi rồi hoan hỷ phụng hành.

Tôn giả Xá-lê Tử lại hỏi rằng:

"Hiền giả Đại Câu-hi-la, lại còn có điều nào mà nhân điều đó Tỳ-kheo thành tựu kiến, được chánh kiến, đối với pháp được bất hoại tịnh, và thể nhập chánh pháp chăng?"

"Có, thưa Tôn giả Xá-lê Tử. Đó là có Tỳ-kheo biết như thật về sanh, biết như thật về tập của sanh, diệt của sanh và diệt đạo của sanh.

"Thế nào là biết như thật về sanh? Đó là, chúng sanh kia và tất cả chủng loại sai biệt của chúng sanh kia, đến lúc sanh thì sanh, đến lúc xuất thì xuất, đến lúc thành thì thành; khi phát khởi năm ấm liền có mạng căn. Đó là biết như thật về sanh.

"Thế nào là biết như thật về tập của sanh? Do hữu mà có sanh. Đó là biết như thật về tập của sanh.

"Thế nào là biết như thật về diệt của sanh? Hữu diệt tức sanh diệt. Đó là biết như thật về diệt của sanh.

"Thế nào là biết như thật về diệt đạo của sanh? Tám chi Thánh đạo từ chánh kiến cho đến chánh định là tám. Đó là biết như thật về diệt đạo của sanh.

"Này Tôn giả Xá-lê Tử. Nếu có Tỳ-kheo biết như thật về sanh. Biết như thật về tập của sanh, diệt của sanh và diệt đạo của sanh như vậy; đó là Tỳ-kheo đã thành tựu kiến, được chánh kiến, đối với pháp được bất hoại tịnh và thể nhập chánh pháp.

Tôn giả Xá-lê Tử nghe rồi khen rằng:

"Lành thay, lành thay, Hiền giả Đại Câu-hi-la!"

Tôn giả Xá-lê Tử khen ngợi rồi hoan hỷ phụng hành.

Tôn giả Xá-lê Tử lại hỏi rằng:

"Hiền giả Đại Câu-hi-la, lại còn có điều nào mà nhân điều đó Tỳ-kheo thành tựu kiến, được chánh kiến, đối với pháp được bất hoại tịnh, và thể nhập chánh pháp chăng?"

"Có, thưa Tôn giả Xá-lê Tử. Đó là có Tỳ-kheo biết như thật về hữu, biết như thật về tập của hữu, diệt của hữu và diệt đạo của hữu.

"Thế nào là biết như thật về hữu? Có ba hữu: Dục hữu, sắc hữu và vô sắc hữu[12]. Đó là biết như thật về hữu.

Thế nào là biết như thật về tập của hữu? Do thủ[13] mà có hữu. Đó là biết như thật về hữu tập.

Thế nào là biết như thật về hữu diệt? Thủ diệt tức hữu diệt. Đó là biết như thật về hữu diệt.

Thế nào là biết như thật về hữu diệt đạo? Tám chi Thánh đạo, từ chánh kiến cho đến chánh định là tám. Đó là biết như thật về hữu diệt đạo?

Này Tôn giả Xá-lê Tử. Nếu có Tỳ-kheo biết như thật về hữu, biết như thật về hữu tập, hữu diệt và hữu diệt đạo như vậy. Đó là Tỳ-kheo đã thành tựu kiến, được chánh kiến, đối với pháp được bất hoại tịnh và thể nhập chánh pháp.

Tôn giả Xá-lê Tử nghe rồi khen rằng:

"Lành thay, lành thay, Hiền giả Đại Câu-hi-la!"

Tôn giả Xá-lê Tử khen ngợi rồi hoan hỷ phụng hành.

Tôn giả Xá-lê Tử lại hỏi rằng:

"Hiền giả Đại Câu-hi-la, lại còn có điều nào mà nhân điều đó Tỳ-kheo thành tựu kiến, được chánh kiến, đối với pháp được bất hoại tịnh, và thể nhập chánh pháp chăng?"

"Có, thưa Tôn giả Xá-lê Tử. Đó là có Tỳ-kheo biết như thật về thủ, biết như thật về thủ tập, thủ diệt và thủ diệt đạo.

"Thế nào là biết như thật về thủ? Đó là bốn thủ[14]: dục thủ, giới thủ, kiến thủ và ngã thủ. Đó là biết như thật về thủ.

"Thế nào là biết như thật về tập của thủ? Do ái mà có thủ. Đó là biết như thật về tập của thủ.

"Thế nào là biết như thật về diệt của thủ? Nghĩa là ái diệt thì thủ diệt. Đó là biết như thật về diệt của thủ.

"Thế nào là biết như thật về diệt đạo của thủ? Tám chi Thánh đạo, từ chánh kiến cho đến chánh định là tám. Đó là biết như thật về diệt đạo của thủ.

"Này Tôn giả Xá-lê Tử. Nếu có Tỳ-kheo biết như thật về thủ, biết như thật về tập của thủ, diệt của thủ và diệt đạo của thủ như vậy; đó là Tỳ-kheo đã thành tựu kiến, được chánh kiến, đối với pháp được bất hoại tịnh và thể nhập chánh pháp.

Tôn giả Xá-lê Tử nghe rồi khen rằng:

"Lành thay, lành thay, Hiền giả Đại Câu-hi-la!"

Tôn giả Xá-lê Tử khen ngợi rồi hoan hỷ phụng hành.

Tôn giả Xá-lê Tử lại hỏi rằng:

"Hiền giả Đại Câu-hi-la, lại còn có điều nào mà nhân điều đó Tỳ-kheo thành tựu kiến, được chánh kiến, đối với pháp được bất hoại tịnh, và thể nhập chánh pháp chăng?"

"Có, thưa Tôn giả Xá-lê Tử. Đó là có Tỳ-kheo biết như thật về ái, biết như thật về tập của ái, diệt của ái và diệt đạo của ái.

---

12. Ba hữu: *dục hữu, sắc hữu, vô sắc hữu* ——A——A-L——CPāli: kāma-bhava, rūpa-bhava, ārūpa-kāma.

13. Nguyên-Hán: *thọ* —C Pāli: upādāna.

14. Hán: *tứ thọ* -|—CBốn thọ hay bốn thủ: *dục thủ* ——A*giới (cấm) thủ* —(-T)—A*kiến thủ* ——A*ngã (ngữ) thủ* —(-y)—CPāli: cattārimāni upādānāni, kāmupādānaṃ diṭṭhupādānaṃ sīlabbatupādanaṃ attavādupādānaṃ.

"Thế nào là biết như thật về ái? Có ba ái: dục ái, sắc ái và vô sắc ái[15]. Đó là biết như thật về ái.

"Thế nào là biết như thật về tập của ái? Do thọ[16] mà có ái. Đó là biết như thật về tập của ái.

"Thế nào là biết như thật về diệt của ái? Thọ diệt tức ái diệt. Đó là biết như thật về diệt của ái.

"Thế nào là biết như thật về diệt đạo của ái? Tám chi Thánh đạo từ chánh kiến cho đến chánh định là tám. Đó là biết như thật về diệt đạo của ái.

"Này Tôn giả Xá-lê Tử. Nếu có Tỳ-kheo biết như thật về ái, biết như thật về tập của ái, diệt của ái và diệt đạo của ái như vậy; đó là Tỳ-kheo đã thành tựu kiến, được chánh kiến, đối với pháp được bất hoại tịnh và thể nhập chánh pháp.

Tôn giả Xá-lê Tử nghe rồi khen rằng:

"Lành thay, lành thay, Hiền giả Đại Câu-hi-la!"

Tôn giả Xá-lê Tử khen ngợi rồi hoan hỷ phụng hành.

Tôn giả Xá-lê Tử lại hỏi rằng:

"Hiền giả Đại Câu-hi-la, lại còn có điều nào mà nhân điều đó Tỳ-kheo thành tựu kiến, được chánh kiến, đối với pháp được bất hoại tịnh, và thể nhập chánh pháp chăng?"

"Có, thưa Tôn giả Xá-lê Tử. Đó là có Tỳ-kheo biết như thật về thọ, biết như thật về tập của thọ, diệt của thọ và diệt đạo của thọ.

"Thế nào là biết như thật về thọ? Có ba thọ: lạc thọ[17], khổ thọ và bất lạc bất khổ thọ. Đó là biết như thật về thọ.

"Thế nào là biết như thật về tập của thọ? Do xúc[18] mà có thọ. Đó là biết như thật về tập của thọ.

"Thế nào là biết như thật về diệt của thọ? Do xúc diệt nên thọ diệt. Đó là biết như thật về diệt của thọ.

"Thế nào là biết như thật về diệt đạo của thọ? Tám chi Thánh đạo từ chánh kiến cho đến chánh định. Đó là biết như thật về diệt đạo của thọ.

"Này Tôn giả Xá-lê Tử, nếu có Tỳ-kheo biết như thật về thọ, biết như thật về tập của thọ, diệt của thọ và diệt đạo của thọ như vậy; đó là Tỳ-kheo đã thành tựu kiến, được chánh kiến, đối với pháp được bất hoại tịnh và thể nhập chánh pháp.

Tôn giả Xá-lê Tử nghe rồi khen rằng:

"Lành thay, lành thay, Hiền giả Đại Câu-hi-la!"

Tôn giả Xá-lê Tử khen ngợi rồi hoan hỷ phụng hành.

Tôn giả Xá-lê Tử lại hỏi rằng:

"Hiền giả Đại Câu-hi-la, lại còn có điều nào mà nhân điều đó Tỳ-kheo thành tựu kiến, được chánh kiến, đối với pháp được bất hoại tịnh, và thể nhập chánh pháp chăng?"

"Có, thưa Tôn giả Xá-lê Tử. Đó là có Tỳ-kheo biết như thật về xúc, biết như thật về tập của xúc, diệt của xúc và diệt đạo của xúc.

"Thế nào là biết như thật về xúc? Có ba xúc[19]: lạc xúc, khổ xúc và bất lạc bất khổ

---

15. Ba ái: *dục ái, sắc ái, vô sắc ái* ——R-A——R-A-L——R-CPāli: kāma-taṇhā, rūpa-taihā, arūpa-taṇhā.
16. Nguyên-Hán: *giác* ——FPāli: vedanā.
17. Hán: ba giác, tức ba thọ: *khổ thọ*-W—, *lạc thọ* — ——A*bất khổ bất lạc thọ* ——W————CPāli: tisso vedanā, sukhā vedanā dukkhā vedanā adukkhamasukhā vedanā.
18. Hán: *canh lạc* ————C Pāli: phassa.
19. Hán: ba canh lạc: *lạc canh lạc*————, *khổ canh lạc*-W————A *bất lạc bất khổ canh lạc* ————W————C

xúc. Đó là biết như thật về xúc.

"Thế nào là biết như thật về tập của xúc? Do sáu xứ mà có xúc. Đó là biết như thật về tập của xúc.

"Thế nào là biết như thật về diệt của xúc? Sáu xứ diệt tức xúc diệt. Đó là biết như thật về diệt của xúc.

"Thế nào là biết như thật về diệt đạo của xúc? Tám chi Thánh đạo từ chánh kiến đến chánh định là tám. Đó là biết như thật về diệt đạo của xúc.

"Này Tôn giả Xá-lê Tử, nếu có Tỳ-kheo biết như thật về xúc, biết như thật về tập của xúc, diệt của xúc và diệt đạo của xúc như vậy; đó là Tỳ-kheo đã thành tựu kiến, được chánh kiến, đối với pháp được bất hoại tịnh và thể nhập chánh pháp.

Tôn giả Xá-lê Tử nghe rồi khen rằng:

"Lành thay, lành thay, Hiền giả Đại Câu-hi-la!"

Tôn giả Xá-lê Tử khen ngợi rồi hoan hỷ phụng hành.

Tôn giả Xá-lê Tử lại hỏi rằng:

"Hiền giả Đại Câu-hi-la, lại còn có điều nào mà nhân điều đó Tỳ-kheo thành tựu kiến, được chánh kiến, đối với pháp được bất hoại tịnh, và thể nhập chánh pháp chăng?"

"Có, thưa Tôn giả Xá-lê Tử. Đó là có Tỳ-kheo biết như thật về sáu xứ[20], biết như thật về tập của sáu xứ, diệt của sáu xứ và diệt đạo của sáu xứ.

"Thế nào là biết như thật về sáu xứ? Nhãn xứ, nhĩ xứ, tỷ xứ, thiệt xứ, thân xứ, ý xứ. Đó là biết như thật về sáu xứ.

"Thế nào là biết như thật về tập của sáu xứ? Do danh sắc mà có sáu xứ. Đó là biết như thật về tập của sáu xứ.

"Thế nào là biết như thật về diệt của sáu xứ? Danh sắc diệt tức sáu xứ diệt. Đó là biết như thật về diệt của sáu xứ.

"Thế nào là biết như thật về diệt đạo của sáu xứ? Tám chi Thánh đạo từ chánh kiến cho đến chánh định là tám. Đó là biết như thật về diệt đạo của sáu xứ.

"Này Tôn giả Xá-lê Tử, nếu có Tỳ-kheo biết như thật về sáu xứ, biết như thật về tập của sáu xứ, diệt của sáu xứ và diệt đạo của sáu xứ như vậy; đó là Tỳ-kheo đã thành tựu kiến, được chánh kiến, đối với pháp được bất hoại tịnh và thể nhập chánh pháp.

Tôn giả Xá-lê Tử nghe rồi khen rằng:

"Lành thay, lành thay, Hiền giả Đại Câu-hi-la!"

Tôn giả Xá-lê Tử khen ngợi rồi hoan hỷ phụng hành.

Tôn giả Xá-lê Tử lại hỏi rằng:

"Hiền giả Đại Câu-hi-la, lại còn có điều nào mà nhân điều đó Tỳ-kheo thành tựu kiến, được chánh kiến, đối với pháp được bất hoại tịnh, và thể nhập chánh pháp chăng?"

"Có, thưa Tôn giả Xá-lê Tử, đó là có Tỳ-kheo biết như thật về danh sắc[21], biết như thật về tập của danh sắc, diệt của danh sắc và diệt đạo của danh sắc.

"Thế nào là biết như thật về danh sắc? Đó là bốn ấm phi sắc[22] là danh. Thế nào là biết về sắc? Bốn đại[23] và sắc do bốn đại tạo[24]. Đây là nói về sắc, trước đó nói về danh, đó là danh sắc. Đó là biết như thật về danh sắc.

---

20. Lục xứ —B—C Pāli: cha ayātana.
21. Danh sắc —W——C Pāli: nāma-rūpa.
22. Tứ phi sắc ấm (hay *uẩn*) —|—D———C Pāli: cattāro arūpakkhandhā, gồm thọ, tưởng, hành và thức.
23. Tứ đại —|—j—C Pāli: cattāro mahābhūtā.
24. Tứ đại tạo vi sắc —|—j—y———C Pāli: catumaṃ mahābhūtānaṃ upādāya rūpaṃ.

Thế nào là biết như thật về tập của danh sắc? Do thức mà có danh sắc. Đó là biết như thật về tập của danh sắc.

"Thế nào là biết như thật về diệt của danh sắc? Thức diệt tức danh sắc diệt? Đó là biết như thật về diệt của danh sắc.

Thế nào là biết như thật về diệt đạo của danh sắc? Tám chi Thánh đạo từ chánh kiến cho đến chánh định là tám. Đó là biết như thật về diệt đạo của danh sắc.

"Này Tôn giả Xá-lê Tử, nếu có Tỳ-kheo biết như thật về danh sắc, biết như thật về tập của danh sắc, diệt của danh sắc và diệt đạo của danh sắc như vậy. Đó là Tỳ-kheo đã thành tựu kiến được chánh kiến, đối với pháp được bất hoại tịnh và thể nhập chánh pháp.

Tôn giả Xá-lợi-phất nghe rồi khen rằng:

"Lành thay, lành thay, Hiền giả Đại Câu-hi-la!"

Tôn giả Xá-lê Tử khen ngợi rồi hoan hỷ phụng hành.

Tôn giả Xá-lê Tử lại hỏi rằng:

"Hiền giả Đại Câu-hi-la, lại còn có điều nào mà nhân điều đó Tỳ-kheo thành tựu kiến, được chánh kiến, đối với pháp được bất hoại tịnh, và thể nhập chánh pháp chăng?"

"Có, thưa Tôn giả Xá-lê Tử. Đó là có Tỳ-kheo biết như thật về thức[25], biết như thật về tập của thức, diệt của thức và diệt đạo của thức.

"Thế nào là biết như thật về thức? Có sáu thức: nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức và ý thức. Đó là biết như thật về thức.

"Thế nào là biết như thật về tập của thức? Do hành mà có thức. Đó là biết như thật về tập của thức.

"Thế nào là biết như thật về diệt của thức? Hành diệt tức thức diệt. Đó là biết như thật về diệt của thức.

"Thế nào là biết như thật về diệt đạo của thức? Tám chi Thánh đạo từ chánh kiến cho đến chánh định là tám. Đó là biết như thật về diệt đạo của thức.

"Này Tôn giả Xá-lê Tử, nếu có Tỳ-kheo biết như thật về thức, biết như thật về tập của thức, diệt của thức và diệt đạo của thức như vậy, đó là Tỳ-kheo đã thành tựu kiến, được chánh kiến, đối với pháp được bất hoại tịnh và thể nhập chánh pháp

Tôn giả Xá-lê Tử nghe rồi khen rằng:

"Lành thay, lành thay, Hiền giả Đại Câu-hi-la!"

Tôn giả Xá-lê Tử khen ngợi rồi hoan hỷ phụng hành.

Tôn giả Xá-lê Tử lại hỏi rằng:

"Hiền giả Đại Câu-hi-la, lại còn có điều nào mà nhân điều đó Tỳ-kheo thành tựu kiến, được chánh kiến, đối với pháp được bất hoại tịnh, và thể nhập chánh pháp chăng?"

"Có, thưa Tôn giả Xá-lê Tử. Đó là có Tỳ-kheo biết như thật về hành[26], biết như thật về tập của hành, diệt của hành và diệt đạo của hành.

"Thế nào là biết như thật về hành? Có ba hành[27]: thân hành, khẩu hành và ý hành. Đó là biết như thật về hành.

"Thế nào là biết như thật về tập của hành? Do vô minh mà có hành. Đó là biết như thật về tập của hành.

"Thế nào là biết như thật về diệt của hành? Vô minh diệt tức hành diệt. Đó là biết

---

25. Thức — Pāli: viññāṇa.

26. Hành — Pāli: saṃkhāra.

27. Ba hành: thân hành — khẩu hành — ý hành — Pāli: tayo saṃkhāra, kāyasaṃkhāro vacīsaṃkhāro cittasaṃkhāro.

như thật về diệt của hành.

"Thế nào là biết như thật về diệt đạo của hành? Tám chi Thánh đạo từ chánh kiến cho đến chánh định là tám. Đó là biết như thật về diệt đạo của hành.

"Này Tôn giả Xá-lê Tử, nếu có Tỳ-kheo biết như thật về hành, biết như thật về tập của hành, diệt của hành và diệt đạo của hành như vậy, đó là Tỳ-kheo đã thành tựu kiến, được chánh kiến, đối với pháp được bất hoại tịnh và thể nhập chánh pháp

Tôn giả Xá-lê Tử nghe rồi khen rằng:

"Lành thay, lành thay, Hiền giả Đại Câu-hi-la!"

Tôn giả Xá-lê Tử khen ngợi rồi hoan hỷ phụng hành.

Tôn giả Xá-lê Tử lại hỏi rằng:

"Hiền giả Đại Câu-hi-la, nếu có Tỳ-kheo mà vô minh đã dứt, minh đã phát sanh, thì vị ấy còn phải làm những gì nữa?"

Tôn giả Đại Câu-hi-la trả lời rằng:

"Thưa Tôn giả Xá-lê Tử, nếu có thầy Tỳ-kheo mà vô minh đã dứt, minh đã phát sanh, thì vị ấy không còn gì phải làm nữa".

Tôn giả Xá-lê Tử nghe rồi khen rằng:

"Lành thay, lành thay, Hiền giả Đại Câu-hi-la!"

Tôn giả Xá-lê Tử khen ngợi rồi hoan hỷ phụng hành.

Hai vị Tôn giả cùng nhau nói về nghĩa như vậy, thảy đều hoan hỷ phụng hành, từ chỗ ngồi đứng dậy mà đi.

❑

30. KINH TƯỢNG TÍCH DỤ[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng lâm, vườn Cấp cô độc.

Bấy giờ Tôn giả Xá-lê Tử nói với các Tỳ-kheo rằng:

"Này chư Hiền, nếu có vô lượng thiện pháp, thì tất cả các thiện pháp ấy đều thu nhiếp vào bốn Thánh đế, đi vào trong bốn Thánh đế[2]. Nghĩa là, trong tất cả pháp, bốn Thánh đế là tối thượng bậc nhất. Vì sao thế? Vì nhiếp thọ tất cả các thiện pháp.

"Này chư Hiền, cũng như trong các dấu chân của loài thú vật, dấu chân voi là bậc nhất. Vì sao thế? Vì dấu chân voi rất là to lớn vậy.

"Cũng vậy, này chư Hiền, có vô lượng thiện pháp, thì tất cả các thiện pháp ấy đều thu nhiếp vào bốn Thánh đế, đi vào trong bốn Thánh đế. Nghĩa là trong tất cả pháp, bốn Thánh đế là tối thượng bậc nhất.

"Những gì là bốn? Đó là Khổ Thánh đế, Khổ tập, Khổ diệt và Khổ diệt đạo Thánh đế.

"Này chư Hiền, thế nào là Khổ Thánh đế[3]? Đó là, sanh khổ, già khổ, bệnh khổ, chết khổ, oán ghét mà tự hội là khổ, thương yêu mà biệt ly là khổ, mong cầu mà không được là khổ, nói tóm lược năm thủ uẩn là khổ[4].

"Này chư Hiền, những gì là năm thủ uẩn? Đó là sắc thủ uẩn, thọ, tưởng hành và thức thủ uẩn.

"Này chư Hiền, cái gì là sắc thủ uẩn? Những gì có sắc, tất cả đều là bốn đại và bốn đại tạo[5].

"Này chư Hiền, những gì là bốn đại? Đó là địa giới, thủy giới, hỏa giới và phong giới[6].

"Này chư Hiền, cái gì là địa giới? Chư Hiền, địa giới có hai, có nội địa giới và có ngoại địa giới.

"Này chư Hiền, những gì là nội địa giới[7]? Đó là, những gì ở trong thân, được thâu nhiếp trong thân như vật cứng, có tính chất cứng, được chấp thọ bên trong[8]. Đó là

---

1. Thí dụ về dấu chân voi. Tương đương Pāli: M. 28 Mahāhatthipadopama-suttaṃ.
2. Tứ Thánh đế -|-t--C Pāli: cattāri ariyasaccāni.
3. Khổ Thánh đế -W-t--C Pāli: dukkhaṃ ariyasaccaṃ.
4. Hán: *ngũ thạnh ấm khổ* -----W-C Pāli: upādānakkihandhā dukkhā.
5. Tứ đại -|-j và tứ đại tạo -|-j-y-C Pāli: cattāri ca mahābhūtāni catunnañ ca mahā- bhuātānaṃ upādāya rūpaṃ.
6. Địa, thủy, hỏa, phong giới -a-----C Pāli: cattāro mahābhūtā: paṭhavīdhātu āpodhātu tejodhātu vāyodhātu.
7. Nội địa giới --a--C Pāli: ajjhattikā paṭhavīdhātu.
8. Hán: *nội thân trung, tại nội sở nhiếp kiên, kiên tánh trụ, nội chi sở thọ* -----A-b-----A-----A-----C So sánh Pāli: yaṃ ajjhattaṃ paccataṃ kakkhaḷaṃ kharigataṃ upādiṇṇaṃ, "cái gì thuộc nội thân, cá biệt, thô cứng, thuộc thể rắn, được chấp thủ."

những gì? Đó là tóc, lông, móng, răng, da thô và mịn, thịt, gân, xương, tim, thận, gan, phổi, lá lách, ruột, bao tử, phẩn và những thứ khác tương tự như vậy ở trong thân, được thâu nhiếp bên trong, có tính chất cứng, bị chấp thủ bên trong. Đó là nội địa giới.

"Này chư Hiền, ngoại địa giới, đó là lớn, là tịnh, là không đáng tởm[9]. "Này chư Hiền, có lúc bị thủy tai, khi ấy ngoại địa giới tiêu diệt[10].

"Này chư Hiền, ngoại địa giới này cực kỳ lớn, cực kỳ tịnh, cực kỳ không đáng tởm. Đó là pháp vô thường, pháp cùng tận, pháp suy vong, pháp biến dịch, huống là xác thân tạm thời đình trú, được duy trì chấp thủ bởi tham ái này. Nghĩa là kẻ phàm phu ngu si, không đa văn, suy nghĩ như vầy: 'Đây là ta, đây là của ta, ta là của cái kia'. Đa văn Thánh đệ tử không nghĩ như vậy: 'Đây là ta, đây là của ta, ta là của cái kia'. Vị ấy vì sao nghĩ như vậy? Nếu có người khác mắng chửi, đánh đập, giận giữ, quở trách, thì vị ấy nghĩ như vầy: 'Ta sanh ra khổ này là từ nhân duyên, chứ không phải không có nhân duyên. Cái gì là duyên? Duyên vào khổ xúc'. Vị ấy quán xúc là vô thường; rồi quán thọ, tưởng, hành, thức cũng là vô thường. Tâm vị ấy duyên nơi giới mà trụ, mà chỉ, mà hiệp, mà nhất tâm, mà định, mà không lay động. Sau đó có người đến nói với vị ấy bằng lời lẽ dịu dàng, vị ấy suy nghĩ như vầy: 'Ta sanh ra sự lạc này là từ nhân duyên chớ không phải không nhân duyên. Cái gì là duyên? Duyên vào lạc xúc'. Vị ấy quán xúc là vô thường, rồi quán thọ, tưởng, hành, thức cũng là vô thường. Tâm vị ấy duyên nơi giới mà trụ, mà chỉ, mà hiệp, mà nhất tâm, mà định, mà không lay động. Sau đó hoặc có người thơ ấu, niên thiếu, trung niên hay trưởng lão đến làm việc không xứng ý với vị ấy; hoặc nắm tay thoi, hoặc lấy đá ném, hoặc dao, hoặc gậy đập. Vị ấy suy nghĩ thế này: 'Ta thọ thân này vốn là sắc pháp, thô chất, thuộc bốn đại chủng, do cha mẹ sanh, được nuôi lớn bằng ăn uống, được che kín bởi y phục, được chăm sóc bằng tắm rửa, nằm ngồi bồng bế; nó là pháp phá hoại, pháp diệt tận, pháp ly tán. Ta vì thân này mà đến nỗi bị tay thoi, đá ném, dao gậy đập'. Do lẽ đó vị kia rất siêng năng, không biếng nhác, chánh thân, chánh niệm, không nhuế, không si, nhất tâm an định. Vị ấy nghĩ như vầy: 'Ta rất siêng năng, không biếng nhác, chánh thân, chánh niệm, không nhuế, không si, nhất tâm an định. Ta thọ thân này đáng để cho tay thoi, đá ném, dao gậy đập, chỉ nên siêng năng học giáo pháp của Đức Thế Tôn'.

"Này chư Hiền, Đức Thế Tôn cũng nói như vầy: 'Giả sử có giặc cướp đến cầm cưa hay dao bén, xẻ manh mún thân thể ra. Nếu ngươi khi bị giặc cướp cầm cưa hay dao bén, xẻ manh mún thân thể ra, mà tâm ngươi hoặc biến dịch, hoặc nói năng hung dữ, tức các ngươi đã suy thối. Các ngươi nên nghĩ như vầy: giả sử có kẻ giặc cầm cưa hay dao bén, xẻ manh mún thân thể ta ra, mong sao nhân đó mà tâm ta không biến dịch, không nói năng hung dữ, sẽ khởi tâm thương xót đối với người đến xẻ manh mún thân thể ta ra; vì người đó mà tâm ta câu hữu với từ, biến mãn một phương, thành tựu và an trụ. Cũng thế với hai, ba, bốn phương, tứ duy, thượng hạ, biến mãn tất cả, tâm câu hữu với từ, không kết, không oán, không nhuế, không tránh, quảng đại, vô biên, vô lượng, kéo tu tập, biến mãn tất cả thế gian, thành tựu và an trụ'.

"Này chư Hiền, Tỳ-kheo kia, nếu do Phật, Pháp và Chúng, mà vẫn không an trú nơi xả tương ứng với thiện, thì này chư Hiền, Tỳ-kheo ấy nên hổ thẹn, nên xấu hổ rằng: 'Ta ở trong sự lợi mà không có lợi, ở trong đức mà không có đức; nghĩa là ta nhân nơi Phật,

---

9. *Đại, tịnh, bất tắng ố* -j-A-b-A----c-C*Đại* vì kích thước lớn hay phổ biến. Nói *tịnh* và *bất tắng ố*, vì không phải là đối tượng để quán bất tịnh.

10. Pāli: hoti... samayo yam bāhirā āpodhātu pakuppati, antarahitā tasmiṃ samaye bāhirā paṭhavīdhatu, có một thời ngoại thủy giới bị chấn động (thịnh nộ), khi ấy ngoại địa giới biến mất.

Pháp và Chúng mà vẫn không an trụ nơi xả tương ứng với thiện'.

"Này chư Hiền, như người dâu lúc mới rước về, gặp mặt cha mẹ chồng, hay gặp người chồng của mình thì xấu hổ, thẹn thùng. Này chư Hiền, nên biết, Tỳ-kheo kia cũng lại như vậy, nên xấu hổ thẹn thùng rằng: 'Ta ở trong sự lợi mà không có lợi, ở trong đức mà không có đức; nghĩa là ta nhân nơi Phật, Pháp và Chúng mà vẫn không an trụ nơi xả tương ứng với thiện'. Người ấy do hổ thẹn xấu hổ, nên liền an trú nơi xả tương ứng với thiện. Đó là diệu, là tịnh, là tịch diệt, nghĩa là xả tất cả hữu[11], lìa ái, vô dục, diệt tận hoàn toàn. Này chư Hiền, đó là Tỳ-kheo học tất cả đại.

"Này chư Hiền, cái gì là thủy giới[12]? Chư Hiền, thủy giới có hai; có nội thủy giới và có ngoại thủy giới. Chư Hiền, cái gì là nội thủy giới? Đó là ở trong thân, được thâu nhiếp bên trong thân, những gì là nước, thuộc về nước, ẩm ướt, bị chấp thủ bên trong. Đó là những gì? Đó là mỡ, óc[13], nước mắt, mồ hôi, nước mũi, nước miếng, mủ, máu, tủy, nước dãi, nước tiểu, tất cả những chất khác tương tự như vậy ở trong thân, được thâu nhiếp bên trong thân, những gì là nước, thuộc về nước, ẩm ướt, bị chấp thủ bên trong. Này chư Hiền, đó là nội thủy giới.

"Này chư Hiền, ngoại thủy giới, đó là lớn, là tịnh, là không đáng tởm. "Này chư Hiền, có lúc bị hỏa tai, khi ấy ngoại thủy giới tiêu diệt[14].

"Này chư Hiền, ngoại địa giới này cực kỳ lớn, cực kỳ tịnh, cực kỳ không đáng tởm. Đó là pháp vô thường, pháp cùng tận, pháp suy vong, pháp biến dịch[15], huống là xác thân tạm thời đình trú, được duy trì chấp thủ bởi tham ái này[16]. Nghĩa là kẻ phàm phu ngu si, không đa văn, suy nghĩ như vầy: 'Đây là ta, đây là của ta, ta là của cái kia[17]'. Đa văn Thánh đệ tử không nghĩ như vậy: 'Đây là ta, đây là của ta, ta là của cái kia'. Vị ấy vì sao nghĩ như vậy? Nếu có người khác mắng chửi, đánh đập, giận dữ, quở trách, thì vị ấy nghĩ như vầy: 'Ta sanh ra khổ này là từ nhân duyên, chứ không phải không có nhân duyên'. Cái gì là duyên? Duyên vào khổ xúc. Vị ấy quán xúc là vô thường; rồi quán thọ, tưởng, hành, thức cũng là vô thường. Tâm vị ấy duyên nơi giới mà trụ, mà chỉ, mà hiệp, mà nhất tâm, mà định, mà không lay động. Sau đó có người đến nói với vị ấy bằng lời lẽ dịu dàng, vị ấy suy nghĩ như vầy: 'Ta sanh ra sự lạc này là từ nhân duyên chớ không phải không nhân duyên'. Cái gì là duyên? Duyên vào lạc xúc. Vị ấy quán xúc là vô thường, rồi quán thọ, tưởng, hành, thức cũng là vô thường. Tâm vị ấy duyên nơi giới mà trụ, mà chỉ, mà hiệp, mà nhất tâm, mà định, mà không lay động. Sau đó hoặc có người thơ ấu, niên thếu, trung niên hay trưởng lão đến làm việc không xứng ý với vị ấy; hoặc nắm tay thoi, hoặc lấy đá ném, hoặc dao, hoặc gậy đập. Vị ấy suy nghĩ thế này: 'Ta thọ thân này vốn là sắc pháp, thô

---

11. Hán: *diệu, tức tịch, xả, ly*———I——Atức diệt, tịnh, diệu, ly, bốn hành tướng của diệt đế theo Hữu bộ; xem Câu-xá 23 (Đại, tr.119b).
12. Thủy giới ———CPāli: āpodhātu.
13. Hán: *não căn* ——(chỉ tủy sống); bản Nguyên-Minh: *chi nhãn* ——(con mắt có mỡ, hay mỡ nơi con mắt). Không tìm thấy tương đương trong bản liệt kê của Pāli.
14. Pāli: hoti... samayo yam bāhirā āpodhātu pakuppati, sā gamaṃ pi vahati, nigamaṃ pi vahati, có một thời ngoại thủy giới bị chấn động (cuồng nộ), nó cuốn đi làng mạc, thị trấn...
15. Vô thường pháp, tận pháp, suy pháp, biến dịch pháp -L-`-k-A——k-A-I-k-A——法-CPāli: aniccatā, khayadhammatā, vayadhammatā, vipariṇāmadhammatā, tính vô thường, pháp tánh diệt tận, pháp tánh băng hoại, pháp tánh biến dịch.
16. Hán: *ái sở thọ* -R———CPāli: taṇhupādiṇṇassa...
17. Hán: *thị ngã, thị ngã sở, ngã thị bỉ sở* -0——A-0———A——0———CPāli: ahan ti vā maman ti vā asmī ti, "tôi, của tôi, tôi hiện hữu".

chất, thuộc bốn đại chủng, do cha mẹ sanh, được nuôi lớn bằng ăn uống, được che kín bởi y phục, được chăm sóc bằng tắm rửa, nằm ngồi bồng bế; nó là pháp phá hoại, pháp diệt tận, pháp ly tán. Ta vì thân này mà đến nỗi bị tay thoi, đá ném, dao gậy đập'. Do lẽ đó vị kia rất siêng năng, không biếng nhác, chánh thân, chánh niệm, không nhuế, không si, nhất tâm an định. Vị ấy nghĩ như vầy: 'Ta rất siêng năng, không biếng nhác, chánh thân, chánh niệm, không nhuế, không si, nhất tâm an định. Ta thọ thân này đáng để cho tay thoi, đá ném, dao gậy đập, chỉ nên siêng năng học giáo pháp của Đức Thế Tôn'.

"Này chư Hiền, Đức Thế Tôn cũng nói như vầy: 'Giả sử có giặc cướp đến cầm cưa hay dao bén, xẻ manh mún thân thể ra. Nếu ngươi khi bị giặc cướp cầm cưa hay dao bén, xẻ manh mún thân thể ra, mà tâm ngươi hoặc biến dịch, hoặc nói năng hung dữ, tức các ngươi đã suy thối. Các ngươi nên nghĩ như vầy: giả sử có kẻ giặc cầm cưa hay dao bén, xẻ manh mún thân thể ta ra, mong sao nhân đó mà tâm ta không biến dịch, không nói năng hung dữ, sẽ khởi tâm thương xót đối với người đến xẻ manh mún thân thể ta ra; vì người đó mà tâm ta câu hữu với từ, biến mãn một phương, thành tựu và an trụ. Cũng thế với hai, ba, bốn phương, tứ duy, thượng hạ, biến mãn tất cả, tâm câu hữu với từ, không kết, không oán, không nhuế, không tránh, quảng đại, vô biên, vô lượng, khéo tu tập, biến mãn tất cả thế gian, thành tựu và an trụ'.

"Này chư Hiền, Tỳ-kheo kia, nếu do Phật, Pháp và Chúng, mà vẫn không an trú nơi xả tương ứng với thiện, thì này chư Hiền, Tỳ-kheo ấy nên hổ thẹn, nên xấu hổ rằng: 'Ta ở trong sự lợi mà không có lợi, ở trong đức mà không có đức; nghĩa là ta nhân nơi Phật, Pháp và Chúng mà vẫn không an trụ nơi xả tương ứng với thiện'.

"Này chư Hiền, như người dâu lúc mới rước về, gặp mặt cha mẹ chồng, hay gặp người chồng của mình thì xấu hổ, thẹn thùng. Này chư Hiền, nên biết, Tỳ-kheo kia cũng lại như vậy, nên xấu hổ thẹn thùng rằng: 'Ta ở trong sự lợi mà không có lợi, ở trong đức mà không có đức; nghĩa là ta nhân nơi Phật, Pháp và Chúng mà vẫn không an trụ nơi xả tương ứng với thiện'. Người ấy do hổ thẹn, xấu hổ, nên liền an trú nơi xả tương ứng với thiện. Đó là diệu, là tịnh, là tịch diệt, nghĩa là xả tất cả hữu, lìa ái, vô dục, diệt tận hoàn toàn. Này chư Hiền, đó là Tỳ-kheo học tất cả Đại.

"Này chư Hiền, thế nào là hỏa giới? Này chư Hiền, hỏa giới có hai; có nội hỏa giới và có ngoại hỏa giới. Này chư Hiền, thế nào là nội hỏa giới? Đó là ở trong thân, được thâu nhiếp ở trong thân, những gì là lửa, có tính chất nóng, được chấp thủ trong thân. Đó là những gì? Đó là, thân nóng hấp, thân nóng bức, bức rức, ấm áp, và sự tiêu hóa ẩm thực, tất cả những chất khác tương tự như vậy ở trong thân, được thâu nhiếp bên trong thân, thuộc tính nóng, được chấp thủ bên trong. Này chư Hiền, đó là nội hỏa giới.

"Này chư Hiền, ngoại hỏa giới, đó là lớn, là tịnh, là không đáng tởm.

"Này chư Hiền, có lúc khi ngoại hỏa giới phát khởi, nó đốt cháy thôn ấp, thành quách, núi rừng, đồng ruộng; cháy như vậy rồi lan đến đường cái, đến sông nước, cho đến khi không còn gì cháy mới tắt. Chư Hiền, sau khi ngoại hỏa giới diệt, nhân dân muốn lấy lửa hoặc dùng gỗ hay tre cọ vào nhau, hoặc dùng đá lửa bằng châu ngọc[18].

"Này chư Hiền, ngoại hỏa giới này cực kỳ lớn, cực kỳ tịnh, cực kỳ không đáng tởm. Đó là pháp vô thường, pháp cùng tận, pháp suy vong, pháp biến dịch, huống là xác thân tạm thời đình trú, được duy trì chấp thủ bởi tham ái này. Nghĩa là kẻ phàm phu ngu si,

---

18. Hán: *hoặc dĩ châu toại* ——H-]——C Pāli: kukkuṭapattena pi nahārudaḍulena, bằng lông cánh gà, hoặc bằng dây gân.

không đa văn, suy nghĩ như vầy: 'Đây là ta, đây là của ta, ta là của cái kia'. Đa văn Thánh đệ tử không nghĩ như vậy: 'Đây là ta, đây là của ta, ta là của cái kia'. Vị ấy vì sao nghĩ như vậy? Nếu có người khác mắng chửi, đánh đập, giận dữ, quở trách, thì vị ấy nghĩ như vầy: 'Ta sanh ra khổ này là từ nhân duyên, chứ không phải không có nhân duyên'. Cái gì là duyên? Duyên vào khổ xúc. Vị ấy quán xúc là vô thường; rồi quán thọ, tưởng, hành, thức cũng là vô thường. Tâm vị ấy duyên nơi giới mà trụ, mà chỉ, mà hiệp, mà nhất tâm, mà định, mà không lay động. Sau đó có người đến nói với vị ấy bằng lời lẽ dịu dàng, vị ấy suy nghĩ như vầy: 'Ta sanh ra sự lạc này là từ nhân duyên chớ không phải không nhân duyên'. Cái gì là duyên? Duyên vào lạc xúc. Vị ấy quán xúc là vô thường, rồi quán thọ, tưởng, hành, thức cũng là vô thường. Tâm vị ấy duyên nơi giới mà trụ, mà chỉ, mà hiệp, mà nhất tâm, mà định, mà không lay động. Sau đó hoặc có người thơ ấu, niên thiếu, trung niên hay trưởng lão đến làm việc không xứng ý với vị ấy; hoặc nắm tay thoi, hoặc lấy đá ném, hoặc dao, hoặc gậy đập. Vị ấy suy nghĩ thế này: 'Ta thọ thân này vốn là sắc pháp, thô chất, thuộc bốn đại chủng, do cha mẹ sanh, được nuôi lớn bằng ăn uống, được che kín bởi y phục, được chăm sóc bằng tắm rửa, nằm ngồi bồng bế; nó là pháp phá hoại, pháp diệt tận, pháp ly tán. Ta vì thân này mà đến nỗi bị tay thoi, đá ném, dao gậy đập'. Do lẽ đó vị kia rất siêng năng, không biếng nhác, chánh thân, chánh niệm, không nhuế, không si, nhất tâm an định. Vị ấy nghĩ như vầy: 'Ta rất siêng năng, không biếng nhác, chánh thân, chánh niệm, không nhuế, không si, nhất tâm an định. Ta thọ thân này đáng để cho tay thoi, đá ném, dao gậy đập, chỉ nên siêng năng học giáo pháp của Đức Thế Tôn'.

"Này chư Hiền, Đức Thế Tôn cũng nói như vầy: 'Giả sử có giặc cướp đến cầm cưa hay dao bén, xẻ manh mún thân thể ra. Nếu ngươi khi bị giặc cướp cầm cưa hay dao bén, xẻ manh mún thân thể ra, mà tâm ngươi hoặc biến dịch, hoặc nói năng hung dữ, tức các ngươi đã suy thối. Các ngươi nên nghĩ như vầy: Giả sử có kẻ giặc cầm cưa hay dao bén, xẻ manh mún thân thể ta ra, mong sao nhân đó mà tâm ta không biến dịch, không nói năng hung dữ, sẽ khởi tâm thương xót đối với người đến xẻ manh mún thân thể ta ra; vì người đó mà tâm ta câu hữu với từ, biến mãn một phương, thành tựu và an trụ. Cũng thế với hai, ba, bốn phương, tứ duy, thượng hạ, biến mãn tất cả, tâm câu hữu với từ, không kết, không oán, không nhuế, không tránh, quảng đại, vô biên, vô lượng, khéo tu tập, biến mãn tất cả thế gian, thành tựu và an trụ'.

"Này chư Hiền, Tỳ-kheo kia, nếu do Phật, Pháp và Chúng, mà vẫn không an trú nơi xả tương ứng với thiện, thì này chư Hiền, Tỳ-kheo ấy nên hổ thẹn, nên xấu hổ rằng: 'Ta ở trong sự lợi mà không có lợi, ở trong đức mà không có đức; nghĩa là ta nhân nơi Phật, Pháp và Chúng mà vẫn không an trụ nơi xả tương ứng với thiện'.

"Này chư Hiền, như người dâu lúc mới rước về, gặp mặt cha mẹ chồng, hay gặp người chồng của mình thì xấu hổ, thẹn thùng. Này chư Hiền, nên biết, Tỳ-kheo kia cũng lại như vậy, nên xấu hổ thẹn thùng rằng: 'Ta ở trong sự lợi mà không có lợi, ở trong đức mà không có đức; nghĩa là ta nhân nơi Phật, Pháp và Chúng mà vẫn không an trụ nơi xả tương ứng với thiện'. Người ấy do hổ thẹn xấu hổ, nên liền an trú nơi xả tương ứng với thiện. Đó là diệu, là tịnh, là tịch diệt, nghĩa là xả tất cả hữu, lìa ái, vô dục, diệt tận hoàn toàn. Này chư Hiền, đó là Tỳ-kheo học tất cả Đại.

"Này chư Hiền, thế nào là phong giới? Này chư Hiền, ở đây phong giới có hai; có nội phong giới và ngoại phong giới. Này chư Hiền, thế nào là nội phong giới? Đó là ở trong thân, được thâu nhiếp ở trong thân những gì là gió, thuộc tính chuyển động của gió, bị chấp thủ bên trong. Đó là những gì? Đó là gió đi lên, gió đi xuống, gió trong bụng, gió

ngang[19], gió co thắt lại, gió như dao cắt[20], gió nhảy lên, gió phi đạo, gió thổi qua tay chân, gió của hơi thở ra, gió của hơi thở vào, tất cả những chất khác tương tự như vậy ở trong thân, được thâu nhiếp bên trong thân, những gì là gió, thuộc tính chuyển động của gió, được chấp thủ bên trong. Này chư Hiền, đó là nội phong giới.

"Này chư Hiền, ngoại phong giới, đó là lớn, là tịnh, là không đáng tởm.

"Này chư Hiền, có lúc ngoại phong giới phát khởi lên. Khi ngoại phong giới phát khởi thì nhà sập, cây bị tróc, núi lở; khi núi non đã lở rồi, gió liền dừng lại, mảy lông cũng chẳng lay động. Này chư Hiền, sau khi ngoại phong giới dừng lại, nhân dân tìm kiếm gió, hoặc dùng quạt, hặc dùng lá đa, hoặc dùng áo tìm gió.

"Này chư Hiền, ngoại phong giới này cực kỳ lớn, cực kỳ tịnh, cực kỳ không đáng tởm. Đó là pháp vô thường, pháp cùng tận, pháp suy vong, pháp biến dịch, huống là xác thân tạm thời đình trú, được duy trì chấp thủ bởi tham ái này. Nghĩa là kẻ phàm phu ngu si, không đa văn, suy nghĩ như vầy: 'Đây là ta, đây là của ta, ta là của cái kia'. Đa văn Thánh đệ tử không nghĩ như vậy: 'Đây là ta, đây là của ta, ta là của cái kia'. Vị ấy vì sao nghĩ như vậy? Nếu có người khác mắng chửi, đánh đập, giận giữ, quở trách, thì vị ấy nghĩ như vầy: 'Ta sanh ra khổ này là từ nhân duyên, chứ không phải không có nhân duyên'. Cái gì là duyên? Duyên vào khổ xúc. Vị ấy quán xúc là vô thường; rồi quán thọ, tưởng, hành, thức cũng là vô thường. Tâm vị ấy duyên nơi giới mà trụ, mà chỉ, mà hiệp, mà nhất tâm, mà định, mà không lay động. Sau đó có người đến nói với vị ấy bằng lời lẽ dịu dàng, vị ấy suy nghĩ như vầy: 'Ta sanh ra sự lạc này là từ nhân duyên chớ không phải không nhân duyên'. Cái gì là duyên? Duyên vào lạc xúc. Vị ấy quán xúc là vô thường, rồi quán thọ, tưởng, hành, thức cũng là vô thường. Tâm vị ấy duyên nơi giới mà trụ, mà chỉ, mà hiệp, mà nhất tâm, mà định, mà không lay động. Sau đó hoặc có người thơ ấu, niên thiếu, trung niên hay trưởng lão đến làm việc không xứng ý với vị ấy; hoặc nắm tay thoi, hoặc lấy đá ném, hoặc dao, hoặc gậy đập. Vị ấy suy nghĩ thế này: 'Ta thọ thân này vốn là sắc pháp, thô chất, thuộc bốn đại chủng, do cha mẹ sanh, được nuôi lớn bằng ăn uống, được che kín bởi y phục, được chăm sóc bằng tắm rửa, nằm ngồi bồng bế; nó là pháp phá hoại, pháp diệt tận, pháp ly tán. Ta vì thân này mà đến nỗi bị tay thoi, đá ném, dao gậy đập'. Do lẽ đó vị kia rất siêng năng, không biếng nhác, chánh thân, chánh niệm, không nhuế, không si, nhất tâm an định. Vị ấy nghĩ như vầy: 'Ta rất siêng năng, không biếng nhác, chánh thân, chánh niệm, không nhuế, không si, nhất tâm an định. Ta thọ thân này đáng để cho tay thoi, đá ném, dao gậy đập, chỉ nên siêng năng học giáo pháp của Đức Thế Tôn'.

"Này chư Hiền, Đức Thế Tôn cũng nói như vầy: 'Giả sử có giặc cướp đến cầm cưa hay dao bén, xẻ manh mún thân thể ra. Nếu ngươi khi bị giặc cướp cầm cưa hay dao bén, xẻ manh mún thân thể ra, mà tâm ngươi hoặc biến dịch, hoặc nói năng hung dữ, tức các ngươi đã suy thối. Các ngươi nên nghĩ như vầy: giả sử có kẻ giặc cầm cưa hay dao bén, xẻ manh mún thân thể ta ra, mong sao nhân đó mà tâm ta không biến dịch, không nói năng hung dữ, sẽ khởi tâm thương xót đối với người đến xẻ manh mún thân thể ta ra; vì người đó mà tâm ta câu hữu với từ, biến mãn một phương, thành tựu và an trụ. Cũng thế với hai, ba, bốn phương, tứ duy, thượng hạ, biến mãn tất cả, tâm câu hữu với từ, không kết, không oán, không nhuế, không tránh, quảng đại, vô biên, vô lượng, khéo tu tập, biến mãn tất cả thế gian, thành tựu và an trụ'.

---

19. *Hành phong* 行風 Kinh 162 nói: *hiếp phong. Pháp uẩn 21* (Đại 26, tr.503) cũng nói vậy.

20. *Đao phong* 刀風 gió lúc chết, rát như dao cắt.

"Này chư Hiền, Tỳ-kheo kia, nếu do Phật, Pháp và Chúng, mà vẫn không an trú nơi xả tương ứng với thiện, thì này chư Hiền, Tỳ-kheo ấy nên hổ thẹn, nên xấu hổ rằng: 'Ta ở trong sự lợi mà không có lợi, ở trong đức mà không có đức; nghĩa là ta nhân nơi Phật, Pháp và Chúng mà vẫn không an trụ nơi xả tương ứng với thiện'.

"Này chư Hiền, như người dâu lúc mới rước về, gặp mặt cha mẹ chồng, hay gặp người chồng của mình thì xấu hổ, thẹn thùng. Này chư Hiền, nên biết, Tỳ-kheo kia cũng lại như vậy, nên xấu hổ thẹn thùng rằng: 'Ta ở trong sự lợi mà không có lợi, ở trong đức mà không có đức; nghĩa là ta nhân nơi Phật, Pháp và Chúng mà vẫn không an trụ nơi xả tương ứng với thiện'. Người ấy do hổ thẹn xấu hổ, nên liền an trú nơi xả tương ứng với thiện. Đó là diệu, là tịnh, là tịch diệt, nghĩa là xả tất cả hữu, lìa ái, vô dục, diệt tận hoàn toàn. Này chư Hiền, đó là Tỳ-kheo học tất cả Đại.

"Này chư Hiền, cũng như nhờ cây gỗ, nhờ bùn đất, nhờ cỏ và nước, che kín trong một khoảng không nên sanh ra cái tên gọi là 'nhà'. Chư Hiền, nên biết, thân này cũng lại như vậy, nhờ gân cốt, nhờ da dẻ, nhờ thịt, máu bao bọc một khoảng không nên sanh ra cái tên gọi là 'thân'.

"Này chư Hiền, như có người bị hư nhãn xứ bên trong, nên ngoại sắc không được ánh sáng rọi đến, thành ra không có niệm và nhãn thức không phát sanh. Này chư Hiền, nếu nội nhãn xứ không bị hư hoại thì ngoại sắc sẽ được ánh sáng rọi đến và liền có niệm, nên sanh ra nhãn thức.

"Này chư Hiền, nhãn xứ bên trong và sắc, cùng với nhãn thức biết ngoại sắc, đó thuộc về sắc uẩn. Nếu có thọ, đó là thọ uẩn. Nếu có tưởng thì đó là tưởng uẩn. Nếu có tư thì đó là tư uẩn. Nếu có thức thì đó là thức uẩn. Như vậy quán sát sự hội hợp của các uẩn.

"Này chư Hiền, Đức Thế Tôn cũng nói như vầy: 'Nếu ai thấy duyên khởi tức thấy pháp; nếu thấy pháp tức thấy duyên khởi[21]'. Vì sao thế? Này chư Hiền, Đức Thế Tôn nói năm thủ uẩn từ nhân duyên mà sanh. Sắc thủ uẩn; thọ, tưởng, hành, thức thủ uẩn cũng vậy.

"Này chư Hiền, nếu nhĩ, tỷ, thiệt, thân và ý xứ bên trong bị hư hoại thì các pháp bên ngoài sẽ không được ánh sáng rọi đến nên không có niệm, do đó ý thức không sanh khởi được. Này chư Hiền, nếu nội ý xứ không bị hư hoại thì pháp bên ngoài sẽ được ánh sáng rọi đến và liền có niệm nên sanh ra ý thức[22].

"Này chư Hiền, ý thức bên trong và pháp cùng với ý thức biết sắc pháp bên ngoài, đó thuộc về sắc uẩn. Nếu có thọ, đó là thọ uẩn. Nếu có tưởng thì đó là tưởng uẩn. Nếu có tư thì đó là tư uẩn. Nếu có thức thì đó là thức uẩn. Như vậy quán sát sự hội hợp của các uẩn.

"Này chư Hiền, Đức Thế Tôn cũng nói như vầy: 'Nếu ai thấy duyên khởi tức thấy pháp; nếu thấy pháp tức thấy duyên khởi'. Vì sao thế? Này chư Hiền, Đức Thế Tôn nói năm thủ uẩn từ nhân duyên mà sanh. Sắc thủ uẩn; thọ, tưởng, hành, thức thủ uẩn cũng vậy. Vị ấy nhàm tởm năm thủ uẩn này, thuộc trong ba đời quá khứ, hiện tại và vị lai này, do nhàm tởm nên vô dục, vô dục liền giải thoát, giải thoát rồi liền biết giải thoát, biết một cách như thật rằng: 'Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa'.

---

21. Pāli: Yo paticcasamuppādani passati so dhamman passati, yo dhamman passati so paticcasamuppādani passati.

22. Dẫn chứng của *Đại Tỳ-bà-sa 12*, (Đại 27, tr, 58c). Nhược hữu nội ý xứ bất hoại, ngoại pháp hiện tiền, cập năng sanh tác ý chánh khởi, nhĩ thời ý thức sanh.

"Này chư Hiền, đó là Tỳ-kheo đã học tất cả về Đại".

Tôn giả Xá-lê Tử thuyết như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe Tôn giả Xá-lê Tử thuyết xong, hoan hỷ phụng hành.

❑

31. KINH PHÂN BIỆT THÁNH ĐẾ[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng lâm, vườn Cấp cô độc[2].

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo rằng:

"Đây là sự công bố chánh pháp tối thượng[3], tức là bốn Thánh đế, được thâu nhiếp toàn diện, được quán chiếu toàn diện, được phân biệt, được phơi mở, được mở bày, được thi thiết, được hiển thị, được thú hướng[4].

"Trong quá khứ, các Đức Như Lai, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, cũng có sự công bố chánh pháp tối thượng này, tức là bốn Thánh đế, được thâu nhiếp toàn diện, được quán chiếu toàn diện, được phân biệt, được phơi mở, được mở bày, được thi thiết, được hiển thị, được thú hướng.

"Trong đời vị lai, các Đức Như Lai, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, cũng có sự công bố chánh pháp tối thượng này, tức là bốn Thánh đế, được thâu nhiếp toàn diện, được quán chiếu toàn diện, được phân biệt, được phơi mở, được mở bày, được thi thiết, được hiển thị, được thú hướng.

"Trong đời hiện tại, Ta là Như Lai, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, cũng có sự công bố chánh pháp tối thượng này, tức là bốn Thánh đế, được thâu nhiếp toàn diện, được quán chiếu toàn diện, được phân biệt, được phơi mở, được mở bày, được thi thiết, được hiển thị, được thú hướng.

"Tỳ-kheo Xá-lê Tử[5] là bậc thông tuệ[6], tốc tuệ, tiệp tuệ, lợi tuệ, quảng tuệ, thâm tuệ, xuất yếu tuệ, minh đạt tuệ, biện tài tuệ. Tỳ-kheo Xá-lê Tử thành tựu thật tuệ. Vì sao vậy? Vì ta nói sơ lược về bốn Thánh đế thế này, thì Tỳ-kheo Xá-lê Tử có thể vì người khác mà giáo hóa toàn diện, quán chiếu toàn diện, phân biệt, phơi mở, mở bày, thi thiết hiển thị,

---

1. Tương đương Pāli: M. 141. Saccavibhaṅga-suttaṃ. Biệt dịch, No.32 Phật Thuyết Tứ Đế Kinh, An Thế Cao dịch, Đại 1 tr.814b; No.25(27.1) Tăng Nhất 19 "phẩm Đẳng Thú Tứ Đế, kinh số 1" Đại 2 tr.643a. Tham chiếu, Thập Tụng Luật 60, Đại 23 tr. 445c; D.22. Mahā-satipaṭṭhāna-suttanta.

2. Các bản Hán đều nói Phật tại Xá-vệ. Bản Pāli tương đương: Bārāṇasiyaṃ viharati Isipatane Migadāye, trú tại Ba-la-nại, trong Chư tiên đọa xứ, Lộc dã uyển.

3. *Chánh hành thuyết pháp* ————k-FNo.32: *Chơn chánh thuyết pháp* -u ———k-CBản Pāli: anuttaraṃ dhammacakkaṃ pavattitaṃ, Vô thượng Pháp luân được vận chuyển.

4. Hán: *quảng nhiếp* -s——A*quảng quán* -s-[-A*phân biệt* ——O-A*phát lộ* -o-S-A *khai ngưỡng* -}——A*thi thiết* -I-]-A*hiển thị*———A*thú hướng* ——V-C Pāli: ācikkhanā (khai thị), desanā (tuyên thuyết), paññāpanā (thi thiết), paṭṭhapanā (an lập), vivaraṇā (khai hiển), vibhajanā (phân biệt), uttānīkammaṃ (hiển phát).

5. Bản Pāli: Các Tỳ-kheo hãy gần gũi Sāriputta (Xá-lợi-phất) và Moggallāna (Mục-kiền-liên), là những Tỳ-kheo thông tuệ...

6. Tán thán trí tuệ của ngài Xá-lợi-phất, bản này và No.32 giống nhau, chỉ khác về dịch ngữ, về mười loại trí tuệ được kể ở đây, các bản Pāli chỉ kể có bảy (xem M. 111). Bản Pāli tương đương không tán thán riêng Xá-lợi-phất với mười trí. Xem cht.24, kinh 28.

thú hướng.

"Khi Tỳ-kheo Xá-lê Tử giáo hóa toàn diện, quán sát toàn diện, phân biệt, phơi mở, mở bày, thi thiết, hiển thị, thú hướng, làm cho vô lượng người đạt đến chánh quán. Tỳ-kheo Xá-lê Tử có khả năng hướng dẫn bằng chánh kiến vậy.

"Tỳ-kheo Mục-kiền-liên có khả năng làm cho đứng vững nơi chân tế tối thượng[7], nghĩa là cứu cánh lậu tận. Tỳ-kheo Xá-lê Tử sanh ra các bậc phạm hạnh, cũng như sanh mẫu; Tỳ-kheo Mục-kiền-liên trưởng dưỡng các bậc phạm hạnh cũng như dưỡng mẫu. Do đó các bậc phạm hạnh nên phụng sự, cung kính cúng dường, lễ bái Tỳ-kheo Xá-lê Tử và Mục-kiền-liên. Vì sao vậy? Vì Tỳ-kheo Xá-lê Tử và Đại Mục-kiền-liên mong cầu phước lợi và thiện ích, cũng cầu sự an ổn và khoái lạc cho các vị phạm hạnh".

Sau khi Đức Thế Tôn nói như vậy rồi, liền từ chỗ ngồi đứng dậy đi vào tịnh thất tĩnh tọa. Lúc đó, Tôn giả Xá-lê Tử nói với các Tỳ-kheo:

"Này chư Hiền, Đức Thế Tôn vì chúng ta mà xuất hiện thế gian, vì mọi người mà giáo hóa, khai thị toàn diện, phân biệt, phơi mở, mở bày, thi thiết, hiển thị, thú hướng bốn Thánh đế này.

"Những gì là bốn? Đó là Khổ Thánh đế, Khổ tập, Khổ diệt, Khổ diệt đạo Thánh đế[8].

"Này chư Hiền, thế nào là Khổ Thánh đế? Đó là sanh khổ, già khổ, bệnh khổ, chết khổ, oắn tắng hội khổ, ái biệt ly khổ, cầu bất đắc khổ, tóm lại ngũ thủ uẩn là khổ[9].

"Này chư Hiền, nói sanh là khổ; nói thế là vì lẽ gì? Này chư Hiền, sanh là chúng sanh kia, với chủng loại sai biệt của chúng sanh kia, sanh thì sanh[10], xuất hiện thì xuất hiện, thành hình thì thành hình, hiện khởi[11] năm uẩn rồi liền có mạng căn. Như vậy gọi là sanh.

"Này chư Hiền, sanh là khổ, đó là chúng sanh khi sanh thân cảm nghiệm khổ, cảm nghiệm toàn diện; cảm giác toàn diện[12]. Tâm cảm nghiệm khổ, cảm nghiệm toàn diện; cảm giác khổ, cảm giác toàn diện. Thân tâm cảm nghiệm khổ, cảm nghiệm toàn diện; cảm giác khổ, cảm giác toàn diện. Thân cảm nghiệm nóng, cảm nghiệm toàn diện; cảm giác nóng, cảm giác toàn diện. Tâm cảm nghiệm nóng, cảm nghiệm toàn diện; cảm giác nóng, cảm giác toàn diện. Thân tâm cảm nghiệm nóng, cảm nghiệm toàn diện; cảm giác nóng, cảm giác toàn diện. Thân cảm nghiệm sự nóng hực[13], sự bức rức, ưu sầu buồn bã, cảm nghiệm toàn diện; cảm giác sự nóng hực, sự bức rức, ưu sầu buồn bã, cảm giác toàn diện. Tâm cảm nghiệm sự nóng hực, sự bức rức, ưu sầu buồn bã, cảm nghiệm toàn diện; cảm giác

---

7. Hán: *tối thượng chân tế* ▬▬W▬u▬▬C Pāli: uttamattha, chân lý tối thượng.

8. Khổ Thánh đế ▬W▬t▬▬AKhổ tập Thánh đế ▬W▬▬t▬▬AKhổ diệt Thánh đế ▬W▬▬t▬▬ Khổ diệt đạo Thánh đế ▬W▬▬D▬t▬▬CPāli: dukkha ariyasacca, dukkhasamudaya ariyasacca, dukkhanirodha ariyasacca, dukkhanirodagāminiyā paṭipada ariyasacca.

9. Hán: *ngũ thạnh ấm khổ* ▬▬▬▬W▬C Pāli: pañcupādānakkhandhā dukkhā.

10. Nghĩa là, khi sanh thì sanh ra trong một chủng loại nào đó.

11. Hán: *sanh* ▬▬A*xuất* ▬X▬A*thành* ▬▬A*hưng khởi* ▬▬_▬CPāli: jāti (sanh), sañjāti (xuất sanh), okkanti (xuất hiện), abhinibbatti (sanh khởi), khandhanānaṃ pātubhāvo (hiển hiện năm uẩn). Bản Hán, có tám khổ; bản Pāli chỉ kể năm khổ: jāti (sanh), jarà (già), maraṇaṃ (chết), soka-parideva-dukkha-domanassupayāsā (sầu bi khổ ưu não), picchaṃ na labhati (không đạt được mong cầu), saṅkhittena pañcupādānakkhandhā dukkhā.

12. Hán: *thân thọ khổ, thọ, biến thọ; giác, biến giác*▬▬▬W▬▬M▬▬▬M▬▬C Tham chiếu *Pháp uẩn 6* (Đại 26, tr.480a): *Lãnh nạp nhiếp thọ, chủng chủng thân khổ sự* ▬▬▬▬▬▬▬▬▬W▬▬Alãnh nạp và nhiếp thọ mọi hình thái khổ khác nhau.

13. Hán: *thân tráng nhiệt, phiền não, ưu thích thọ,...* ▬▬▬▬A▬▬o▬A▬~▬▬▬C

sự nóng hực, sự bức rức, ưu sầu buồn bã, cảm giác toàn diện. Thân tâm cảm nghiệm sự nóng hực, sự bức rức, ưu sầu buồn bã, cảm nghiệm toàn diện; cảm giác sự nóng hực, sự bức rức, ưu sầu buồn bã, cảm giác toàn diện. Này chư Hiền, vì lẽ ấy mà nói sanh là khổ.

"Này chư Hiền, nói già là khổ; nói thế là vì lẽ gì? Này chư Hiền, già nghĩa là chúng sanh kia, với chủng loại sai biệt của chúng sanh kia, kẻ kia trở nên già yếu, đầu bạc răng rụng, sự cường tráng ngày càng suy yếu, thân còng, chân vẹo, cơ thể nặng nề, hơi thở đưa lên, phải chống gậy mà đi, thịt rút, da nhăn, xù xì như cây gai, các căn hư hoại, nhan sắc xấu xí. Như vậy gọi là già.

"Này chư Hiền, già là khổ, là chúng sanh khi già thì thân cảm nghiệm khổ, cảm nghiệm toàn diện; cảm giác, cảm giác toàn diện. Tâm cảm nghiệm khổ, cảm nghiệm toàn diện; cảm giác khổ, cảm giác toàn diện. Thân tâm cảm nghiệm khổ, cảm nghiệm toàn diện; cảm giác khổ, cảm giác toàn diện. Thân cảm nghiệm nóng, cảm nghiệm toàn diện; cảm giác nóng, cảm giác toàn diện. Tâm cảm nghiệm nóng, cảm nghiệm toàn diện; cảm giác nóng, cảm giác toàn diện. Thân tâm cảm nghiệm nóng, cảm nghiệm toàn diện; cảm giác nóng, cảm giác toàn diện. Thân cảm nghiệm sự nóng hực, sự bức rức, ưu sầu buồn bã, cảm nghiệm toàn diện; cảm giác sự nóng hực, sự bức rức, ưu sầu buồn bã, cảm giác toàn diện. Tâm cảm nghiệm sự nóng hực, sự bức rức, ưu sầu buồn bã, cảm nghiệm toàn diện; cảm giác sự nóng hực, sự bức rức, ưu sầu buồn bã, cảm giác toàn diện. Thân tâm cảm nghiệm sự nóng hực, sự bức rức, ưu sầu buồn bã, cảm nghiệm toàn diện; cảm giác sự nóng hực, sự bức rức, ưu sầu buồn bã, cảm giác toàn diện. Này chư Hiền, vì lẽ ấy mà nói già là khổ.

"Này chư Hiền, nói bệnh là khổ; nói thế là vì lẽ gì? Này chư Hiền, bệnh là đầu đau, mắt đau, tai đau, mũi đau, mặt đau, môi đau, răng đau, lưỡi đau, nướu đau, cổ đau, phong suyễn, ho hen, ói mữa, cứng họng, bệnh điên, bệnh động kinh, ung thư, mọc bướu, kinh nguyệt tràn, viêm đỏ, nóng hực, khô héo, bệnh trĩ, mụn nhọt, kiết lỵ, và tất cả những bệnh tương tự như vậy, từ xúc mà sanh ra, không rời khỏi tâm, ở ngay trong thân. Như vậy gọi là bệnh. Này chư Hiền, bệnh khổ là: Chúng sanh khi bệnh thì thân cảm nghiệm khổ, cảm nghiệm toàn diện; cảm giác, cảm giác toàn diện. Tâm cảm nghiệm khổ, cảm nghiệm toàn diện; cảm giác khổ, cảm giác toàn diện. Thân tâm cảm nghiệm khổ, cảm nghiệm toàn diện; cảm giác khổ, cảm giác toàn diện. Thân cảm nghiệm nóng, cảm nghiệm toàn diện; cảm giác nóng, cảm giác toàn diện. Tâm cảm nghiệm nóng, cảm nghiệm toàn diện; cảm giác nóng, cảm giác toàn diện. Thân tâm cảm nghiệm nóng, cảm nghiệm toàn diện; cảm giác nóng, cảm giác toàn diện. Thân cảm nghiệm sự nóng hực, sự bức rức, ưu sầu buồn bã, cảm nghiệm toàn diện; cảm giác sự nóng hực, sự bức rức, ưu sầu buồn bã, cảm giác toàn diện. Tâm cảm nghiệm sự nóng hực, sự bức rức, ưu sầu buồn bã, cảm nghiệm toàn diện; cảm giác sự nóng hực, sự bức rức, ưu sầu buồn bã, cảm giác toàn diện. Thân tâm cảm nghiệm sự nóng hực, sự bức rức, ưu sầu buồn bã, cảm nghiệm toàn diện; cảm giác sự nóng hực, sự bức rức, ưu sầu buồn bã, cảm giác toàn diện. Này chư Hiền, vì lẽ ấy nói bệnh là khổ.

"Này chư Hiền, nói chết là khổ; nói thế là vì lẽ gì? Này chư Hiền, chết là chúng sanh kia, với chủng loại sai biệt của chúng sanh kia, mạng chung, vô thường, chết chôn, tan rã, tuổi thọ chấm dứt, hủy hoại, mạng căn bế tắc, như vậy gọi là chết. Này chư Hiền, chết là khổ. Đó là chúng sanh khi chết, thân cảm nghiệm khổ, cảm nghiệm toàn diện; cảm giác, cảm giác toàn diện. Tâm cảm nghiệm khổ, cảm nghiệm toàn diện; cảm giác khổ, cảm giác toàn diện. Thân tâm cảm nghiệm khổ, cảm nghiệm toàn diện; cảm giác khổ, cảm giác toàn diện. Thân cảm nghiệm nóng, cảm nghiệm toàn diện; cảm giác nóng,

cảm giác toàn diện. Tâm cảm nghiệm nóng, cảm nghiệm toàn diện; cảm giác nóng, cảm giác toàn diện. Thân tâm cảm nghiệm nóng, cảm nghiệm toàn diện; cảm giác nóng, cảm giác toàn diện. Thân cảm nghiệm sự nóng hực, sự bức rức, ưu sầu buồn bã, cảm nghiệm toàn diện; cảm giác sự nóng hực, sự bức rức, ưu sầu buồn bã, cảm giác toàn diện. Tâm cảm nghiệm sự nóng hực, sự bức rức, ưu sầu buồn bã, cảm nghiệm toàn diện; cảm giác sự nóng hực, sự bức rức, ưu sầu buồn bã, cảm giác toàn diện. Thân tâm cảm nghiệm sự nóng hực, sự bức rức, ưu sầu buồn bã, cảm nghiệm toàn diện; cảm giác sự nóng hực, sự bức rức, ưu sầu buồn bã, cảm giác toàn diện. Này chư Hiền, vì lẽ ấy mà nói chết là khổ.

"Này chư Hiền, nói oán tắng hội là khổ[14]; nói thế là vì lẽ gì? Này chư Hiền, oán tắng hội, nghĩa là, chúng sanh thật có sáu nội xứ[15]: Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý xứ vốn không khả ái mà chúng cùng tụ hội ở một chỗ, có sự gắn bó, hòa hợp, tập hợp. Sự hòa hợp ấy là khổ. Cũng vậy các ngoại xứ: xúc, thọ, tưởng, hành, ái[16], cũng lại như vậy. Này chư Hiền, chúng sanh thật có sáu giới: đất, nước, lửa, gió, hư không và thức giới vốn không khả ái mà chúng cùng tụ hội ở một chỗ, có sự gắn bó, hòa hợp, tập hợp. Sự hòa hợp ấy là khổ. Như vậy gọi là oán tắng hội khổ. Này chư Hiền, oán tắng hội là khổ, đó là chúng sanh khi có sự tụ hội của những thứ oán ghét, thân cảm nghiệm khổ, cảm nghiệm toàn diện; cảm giác khổ, cảm giác toàn diện. Tâm cảm nghiệm khổ, cảm nghiệm toàn diện; cảm giác khổ, cảm giác toàn diện. Thân tâm cảm nghiệm khổ, cảm nghiệm toàn diện; cảm giác khổ, cảm giác toàn diện. Này chư Hiền, vì lẽ ấy mà nói oán tắng hội là khổ.

"Này chư Hiền, nói ái biệt ly khổ[17]; nói thế là vì lẽ gì? Này chư Hiền, ái biệt ly khổ, đó là chúng sanh thật có sáu xứ bên trong: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý xứ vốn khả ái, nhưng chúng phân tán thành khác biệt, không tương ứng, biệt ly không tụ hội, không gắn bó, không tập hợp, không hòa hợp, đó là khổ. Cũng vậy, các ngoại xứ: xúc, thọ, tưởng, hành, ái, cũng lại như vậy. Này chư Hiền, chúng sanh quả thực có sáu giới: đất, nước, lửa, gió, hư không và thức giới vốn nhưng chúng phân tán thành khác biệt, không tương ứng, không gắn bó, không hòa hợp, không tập hợp, đó là khổ. Như vậy gọi là ái biệt ly. Này chư Hiền, ái biệt ly là khổ nghĩa là chúng sanh khi xa cách nhau, thân cảm nghiệm khổ, cảm nghiệm toàn diện; cảm giác khổ, cảm giác toàn diện. Tâm cảm nghiệm khổ, cảm nghiệm toàn diện; cảm giác khổ, cảm giác toàn diện. Thân tâm cảm nghiệm khổ, cảm nghiệm toàn diện; cảm giác khổ, cảm giác toàn diện. Này chư Hiền, vì lẽ ấy mà nói ái biệt ly khổ là khổ.

"Này chư Hiền, nói sở cầu bất đắc là khổ[18]; nói thế là vì lẽ gì? Này chư Hiền, nghĩa là chúng sanh lệ thuộc vào sanh pháp[19], không thể lìa xa sanh pháp, ước muốn rằng: 'Mong tôi không sanh ra', điều ấy quả thật không thể muốn mà được. Với sự già, sự chết, sự ưu sầu, buồn lo mà ước muốn rằng: 'Mong tôi không có buồn lo'. Điều ấy không thể muốn mà được. Này chư Hiền chúng sanh quả thật sanh là khổ, không đáng vui, không đáng yêu, không đáng nghĩ nhớ, người ấy nghĩ thế này: 'Nếu ta sanh khổ, không đáng vui, không đáng yêu, không đáng nghĩ nhớ, mong sao được đổi thành đáng yêu, đáng nghĩ nhớ'. Điều đó không thể muốn mà được. Này chư Hiền, chúng sanh nào quả thật sanh lạc

14. Thù ghét mà tụ hội. Bản Pāli không đề cập.
15. Lục nội xứ ———B-C Pāli: cha ajjhattāyatana.
16. Hán: *canh lạc, giác, tưởng, tư, ái* ————Q——R-C
17. Bản Pāli không đề cập.
18. Pāli: piccham na labhati.
19. Hán: *chúng sanh sanh pháp* ————k-CPāli: jātidhammānaṃ sattānaṃ (...).

đáng yêu, đáng nghĩ nhớ, người ấy nghĩ như vầy: 'Nếu ta sanh ra lạc, đáng yêu, đáng nghĩ nhớ, mong sao nó là pháp thường hằng, vĩnh cữu và không biến dịch'. Điều ấy không thể muốn mà được.

"Này chư Hiền, chúng sanh nào quả thật sanh ra tư tưởng mà không đáng vui, không đáng yêu, không đáng nghĩ nhớ, người ấy suy nghĩ thế này: 'Nếu ta sanh tư tưởng mà không đáng vui, không đáng yêu, không đáng nghĩ nhớ, mong sao nó đổi thành mà đáng yêu, đáng nghĩ nhớ'. Điều ấy không thể muốn mà được. Này chư Hiền, chúng sanh nào quả thật sanh ra tư tưởng, đáng yêu, đáng nghĩ nhớ, người ấy nghĩ như vầy: 'Nếu tư tưởng ta sanh ra đáng yêu, đáng nghĩ nhớ, mong sao nó là pháp thường hằng, vĩnh cửu và không biến dịch'. Điều ấy không thể muốn mà được. Này chư Hiền, vì lẽ ấy mà nói sở cầu bất đắc là khổ.

"Này chư Hiền, nói lược năm thủ uẩn là khổ; nói thế là vì lẽ gì? Đó là sắc thủ uẩn; thọ, tưởng, hành, thức thủ uẩn. Này chư Hiền, vì lẽ ấy mà nói năm thủ uẩn là khổ.

"Này chư Hiền, thời quá khứ là Khổ Thánh đế; thời vị lai và hiện tại là Khổ Thánh đế. Đó là điều chắc thật không hư đối, không xa rời sự thật, cũng chẳng phải điên đảo, được thẩm sát một cách chắc thật. Những gì hợp với sự chắc thật như vậy, là sở hữu của Thánh, được nhận thức bởi Thánh, được thấu suốt bởi Thánh, được thấy bởi Thánh, là sự giác ngộ tối thượng chân chánh của bậc Thánh. Do đó nói là Khổ Thánh đế.

"Cái gì là ái tập Khổ tập Thánh đế? Nghĩa là chúng sanh thật có sáu xứ tham ái bên trong: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân ý xứ. Trong đó nếu có ái, có cấu bẩn, có ô nhiễm, có đắm trước thì gọi là tập.

"Này chư Hiền, Đa văn Thánh đệ tử biết rằng: 'Ta biết pháp như vậy, thấy như vậy, hiểu như vậy, nhận định như vậy và tri giác như vậy, đó là ái tập Khổ tập Thánh đế.

"Biết như vậy là biết như thế nào? Nếu có người tham ái vợ con, nô tỳ, kẻ sai bảo, quyến thuộc, ruộng đất, nhà cửa, quán xá, tài vật xuất vốn và lời lãi, tạo tác những nghiệp có ái, có cấu bẩn, có nhiễm, có trước, đó gọi là tập. Người kia biết ái tập Khổ tập Thánh đế này. Cũng vậy, ngoại xứ xúc, thọ, tưởng, hành, ái, cũng lại như vậy.

"Này chư Hiền, chúng sanh quả thực có sáu giới tham ái: đất, nước, lửa, gió, hư không, thức giới, trong đó nếu có ái, có cấu bẩn, có nhiễm, có trước, đó gọi là tập.

"Này chư Hiền, Đa văn Thánh đệ tử biết rằng 'Ta biết pháp như vậy, thấy như vậy, hiểu như vậy, nhận định như vậy và tri giác như vậy, đó là ái tập Khổ tập Thánh đế.'

"Biết như vậy là biết như thế nào? Nếu có người tham ái vợ con, nô tỳ, kẻ sai bảo, quyến thuộc, ruộng đất, nhà cửa, quán xá, tài vật xuất vốn và lời lãi, tạo tác những nghiệp có ái, có cấu bẩn, có nhiễm, có trước, đó gọi là tập. Người kia biết ái tập Khổ tập Thánh đế này. Thời quá khứ là khổ Thánh đế; thời vị lai và hiện tại là Khổ Thánh đế. Đó là điều chắc thật không hư đối, không xa rời sự thật, cũng chẳng phải điên đảo, được thẩm sát một cách chắc thật. Những gì hợp với sự chắc thật như vậy, là sở hữu của Thánh, được nhận thức bởi Thánh, được thấu suốt bởi Thánh, được thấy bởi Thánh, là sự giác ngộ tối thượng chân chánh của bậc Thánh. Do đó nói là Khổ Thánh đế.

Này chư Hiền, thế nào là ái diệt Khổ diệt Thánh đế? Nghĩa là chúng sanh thực có sáu xứ tham ái bên trong: Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý xứ. Chúng sanh ấy giải thoát, không nhiễm, không đắm trước, đoạn bỏ hoàn toàn, vô dục, diệt tận, tĩnh tịch; đó gọi là Khổ diệt.

"Này chư Hiền, Đa văn Thánh đệ tử biết rằng 'Ta biết pháp như vậy, thấy như vậy, hiểu như vậy, nhận định như vậy và tri giác như vậy, đó là ái diệt Khổ diệt Thánh đế.'

"Biết như vậy là biết như thế nào? Nếu có người nào không tham ái vợ con, nô tỳ, kẻ sai bảo, quyến thuộc, ruộng đất, nhà cửa, quán xá, tài vật xuất vốn và lời lãi, đó không phải là tạo tác nghiệp, người ấy nếu giải thoát, không nhiễm, không đắm trước, đoạn bỏ hoàn toàn, vô dục, diệt tận, tĩnh tịch; đó gọi là ái diệt, Khổ diệt Thánh đế. Cũng thế, ngoại xứ xúc, thọ, tưởng, tư, ái, cũng lại như vậy.

"Này chư Hiền, chúng sanh quả thật có sáu giới tham ái: Đất, nước, lửa, gió, hư không, thức giới; người ấy nếu giải thoát, không nhiễm, không đắm trước, đoạn bỏ hoàn toàn, vô dục, diệt tận, tĩnh tịch; đó gọi là ái diệt, Khổ diệt Thánh đế.

"Này chư Hiền, Đa văn Thánh đệ tử biết rằng 'Ta biết pháp như vậy, thấy như vậy, hiểu như vậy, nhận định như vậy và tri giác như vậy, đó là ái diệt Khổ diệt Thánh đế.'

"Biết như vậy là biết như thế nào? Nếu có người nào không tham ái vợ con, nô tỳ, kẻ sai bảo, quyến thuộc, ruộng đất, nhà cửa, quán xá, tài vật xuất vốn và lời lãi, đó không phải là tạo tác nghiệp, người ấy nếu giải thoát, không nhiễm, không đắm trước, đoạn bỏ hoàn toàn, vô dục, diệt tận, tĩnh tịch; đó gọi là ái diệt, Khổ diệt Thánh đế. Thời quá khứ là khổ Thánh đế; thời vị lai và hiện tại là Khổ Thánh đế. Đó là điều chắc thật không hư đối, không xa rời sự thật, cũng chẳng phải điên đảo, được thẩm sát một cách chắc thật. Những gì hợp với sự chắc thật như vậy, là sở hữu của Thánh, được nhận thức bởi Thánh, được thấu suốt bởi Thánh, được thấy bởi Thánh, là sự giác ngộ tối thượng chân chánh của bậc Thánh. Do đó nói là ái diệt Khổ diệt Thánh đế.

"Này chư Hiền, thế nào là Khổ diệt đạo Thánh đế? Đó là chánh kiến, chánh tư duy[20], chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn[21], chánh niệm và chánh định.

"Này chư Hiền, thế nào là chánh kiến? Đó là khi vị Thánh đệ tử khi suy niệm về khổ là khổ, tập là tập, diệt là diệt, đạo là đạo; hoặc quán sát về sự tạo tác trước kia của mình, hoặc suy niệm về các hành, hoặc thấy các hành là tai họa, hoặc thấy Niết-bàn là tịch tĩnh. Hoặc khi bằng suy niệm không nhiễm trước mà quán sát[22] tâm hoàn toàn giải thoát, trong đó là sự giản trạch, giản trạch toàn diện, giản trạch quyết định, giản trạch pháp, nhận định, toàn diện nhận định, quán sát minh đạt. Đó là chánh kiến[23].

"Này chư Hiền, thế nào là chánh tư duy? Đó là khi vị Thánh đệ tử suy niệm về khổ là khổ, tập là tập, diệt là diệt, đạo là đạo; hoặc quán sát về sự tạo tác trước kia của mình, hoặc học suy niệm về các hành, hoặc thấy các hành là tai họa, hoặc thấy Niết-bàn là tịch tĩnh; hoặc khi bằng suy niệm không nhiễm trước mà quán sát tâm hoàn toàn giải thoát, trong đó là sự tư sát, tư sát toàn diện, tùy thuận tư sát, điều nào nên niệm thì niệm, điều nào nên hy vọng thì hy vọng[24]. Đó là chánh tư duy.

"Này chư Hiền, thế nào là chánh ngữ? Đó là khi vị Thánh đệ tử suy niệm về khổ là

---

20. Nguyên-Hán: *chánh chí* ———C

21. Nguyên-Hán: *chánh phương tiện* ———K-C

22. Vô trước niệm quán thiện tâm giải thoát -L———[————RTham chiếu Pháp Uẩn 6 (Đại 26, tr.481c): *Vô lậu tác ý tương ưng* (ư pháp giản trạch), (sự giản trạch pháp) tương ưng với tác ý vô lậu.

23. Hán: trạch, biến trạch, quyết *trạch, trạch pháp; thị, biến thị, quán sát minh đạt* ——A-M——A-M——A——k-F——A-M——A-[———F-CTham chiếu Pháp Uẩn 6 (Đại 26, tr.481c): (ư pháp) *giản trạch, cực giản trạch, tối cực giản trạch; liễu, biến liễu, cận liễu; cơ hiệt, thông đạt, thẩm sát, thông duệ, giác minh tuệ hành,* ——k-A———A————A————F-F-A-M-F-A——F-F——\-A-q-F, -f—, -o——A———z——C

24. Hán: *tứ, biến tứ, tùy thuận tứ... khả niệm... khả vọng* ——M——H——-i——i——CTham chiếu Pháp Uẩn 6 đd trên: *Tư duy... Tầm cầu... Suy mịch... Linh tâm ư pháp thô động nhi chuyển* ———M-D——V-O———k————C

khổ, tập là tập, diệt là diệt, đạo là đạo; hoặc quán sát về sự tạo tác trước kia của mình, hoặc học suy niệm về các hành, hoặc thấy các hành là tai họa, hoặc thấy Niết-bàn là tịch tĩnh; hoặc khi bằng suy niệm không nhiễm trước mà quán sát tâm hoàn toàn giải thoát, trong đó ngoài bốn diệu hành thuộc miệng, còn các ác hành khác nơi miệng đều viễn ly, đoạn trừ, không hành, không tạo tác, không tập hợp và không tụ hội. Đó là chánh ngữ.

"Này chư Hiền, thế nào là chánh nghiệp? Đó là khi vị Thánh đệ tử suy niệm về khổ là khổ, tập là tập, diệt là diệt, đạo là đạo; hoặc quán sát về sự tạo tác trước kia của mình, hoặc học suy niệm về các hành, hoặc thấy các hành là tai họa, hoặc thấy Niết-bàn là tịch tĩnh; hoặc khi bằng suy niệm không nhiễm trước mà quán sát tâm hoàn toàn giải thoát, trong đó ngoài ba diệu hành thuộc thân, còn các ác hành khác nơi thân đều viễn ly, đoạn trừ, không hành, không tạo tác, không tập hợp và không tụ hội. Đó là chánh nghiệp.

"Này chư Hiền, thế nào là chánh mạng? Đó là khi vị Thánh đệ tử suy niệm về khổ là khổ, tập là tập, diệt là diệt, đạo là đạo; hoặc quán sát về sự tạo tác trước kia của mình, hoặc học suy niệm về các hành, hoặc thấy các hành là tai họa, hoặc thấy Niết-bàn là tịch tĩnh; hoặc khi bằng suy niệm không nhiễm trước mà quán sát tâm hoàn toàn giải thoát, trong đó phải là mong cầu vô lý, không do nhiều tham dục mà không biết vừa đủ, không làm các thứ xảo quyệt bùa chú, để sinh sống bằng tà mạng. Chỉ theo chánh pháp mà mong cầu y phục, chớ không phải với phi pháp, cũng theo chánh pháp để mong cầu thực phẩm, giường chõng, chớ không phải với phi pháp. Đó là chánh mạng.

"Này chư Hiền, thế nào là chánh tinh tấn? Đó là khi vị Thánh đệ tử suy niệm về khổ là khổ, tập là tập, diệt là diệt, đạo là đạo; hoặc quán sát về sự tạo tác trước kia của mình, hoặc học suy niệm về các hành, hoặc thấy các hành là tai họa, hoặc thấy Niết-bàn là tịch tĩnh; hoặc khi bằng suy niệm không nhiễm trước mà quán sát tâm hoàn toàn giải thoát, trong đó, nếu có phương tiện tinh tấn thì quả quyết, tinh cần để mong cầu, có khả năng để thú hướng, chuyên chú không xả bỏ, cũng không suy thối, quyết định hàng phục tâm mình. Đó là chánh tinh tấn.

"Này chư Hiền, thế nào là chánh niệm? Đó là khi vị Thánh đệ tử suy niệm về khổ là khổ, tập là tập, diệt là diệt, đạo là đạo; hoặc quán sát về sự tạo tác trước kia của mình, hoặc học suy niệm về các hành, hoặc thấy các hành là tai họa, hoặc thấy Niết-bàn là tịch tĩnh; hoặc khi bằng suy niệm không nhiễm trước mà quán sát tâm hoàn toàn giải thoát, trong đó, nếu tâm tùy thuận niệm, phản chiếu giải thoát niệm[25], suy niệm, biến mãn suy niệm, liên tục ức niệm, tâm niệm không xao lãng. Đó là chánh niệm.

"Này chư Hiền, thế nào là chánh định? Đó là khi vị Thánh đệ tử suy niệm về khổ là khổ, tập là tập, diệt là diệt, đạo là đạo; hoặc quán sát về sự tạo tác trước kia của mình, hoặc học suy niệm về các hành, hoặc thấy các hành là tai họa, hoặc thấy Niết-bàn là tịch tĩnh; hoặc khi bằng suy niệm không nhiễm trước mà quán sát tâm hoàn toàn giải thoát, trong đó, nếu tâm trụ, thiền trụ, thuận trụ, không loạn, không tán, chuyên nhất[26]. Đó là chánh định.

"Này chư Hiền, thời quá khứ là Khổ diệt đạo Thánh đế; thời vị lai và hiện tại là Khổ diệt đạo Thánh đế. Đó là điều chắc thật không hư dối, không xa rời sự thật, cũng chẳng phải điên đảo, được thẩm sát một cách chắc thật. Những gì hợp với sự chắc thật như vậy,

---

25. Hán: *bối bất hướng niệm* 背不向念 chánh niệm liên hệ đến tám bối xả hay tám giải thoát.

26. *Nhiếp chỉ* 攝止 được hiểu là *tâm nhất cảnh tánh*: tâm và cảnh là một.

là sở hữu của Thánh, được nhận thức bởi Thánh, được thấu suốt bởi Thánh, được thấy bởi Thánh, là sự giác ngộ tối thượng chân chánh của bậc Thánh. Do đó nói Khổ diệt đạo Thánh đế".

Rồi ngài nói bài tụng rằng:

Phật thấu triệt các pháp,
Thấy vô lượng thiện đức,
Khổ, tập, diệt, đạo đế,
Khéo hiển hiện phân biệt.

Tôn giả Xá-lê Tử thuyết như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe Tôn giả Xá-lê Tử thuyết, hoan hỷ phụng hành.

❑

32. KINH VỊ TẰNG HỮU PHÁP[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng lâm vườn Cấp cô độc.

Bấy giờ, vào lúc xế chiều[2], Tôn giả A-nan[3] rời tĩnh tọa đứng dậy, đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ chân Phật, rồi đứng qua một bên, thưa rằng:

"Bạch Thế Tôn, con nghe rằng, Đức Thế Tôn vào thời Phật Ca-diệp[4] bắt đầu phát nguyện Phật đạo, tu hành phạm hạnh. Nếu Thế Tôn vào thời Phật Ca-diệp bắt đầu phát nguyện Phật đạo, tu hành phạm hạnh; con xin thọ trì pháp vị tằng hữu ấy của Thế Tôn.

"Con nghe rằng[5], Đức Thế Tôn vào thời Phật Ca-diệp bắt đầu phát nguyện Phật đạo, tu hành phạm hạnh và sinh lên cõi trời Đâu-suất[6]. Nếu Đức Thế Tôn vào thời Phật Ca-diệp bắt đầu phát nguyện Phật đạo, tu hành phạm hạnh và sinh lên cõi trời Đâu-suất; con xin thọ trì pháp vị tằng hữu ấy của Đức Thế Tôn.

"Con nghe rằng, Đức Thế Tôn vào thời Phật Ca-diệp bắt đầu phát nguyện Phật đạo, tu hành phạm hạnh và sinh lên cõi trời Đâu-suất. Thế Tôn sinh lên sau nhưng có ba việc thù thắng hơn các vị trời sinh trước. Đó là thọ mạng, dung sắc và vinh dự nhà trời[7]. Do đó nên các vị trời Đâu-suất vui mừng hớn hở, tán thán rằng: 'Kỳ diệu thay, hy hữu thay, vị thiên tử này có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai thần. Vì sao vậy? Vì vị ấy sinh đến đây sau nhưng có ba việc thù thắng hơn những vị trời Đâu-suất đã sinh đến trước; đó là thọ mạng, dung sắc và vinh dự nhà trời. Nếu Đức Thế Tôn vào thời Phật Ca-diệp bắt đầu phát nguyện Phật đạo, tu hành phạm hạnh và sinh lên cõi trời Đâu-suất. Thế Tôn sinh lên sau nhưng có ba việc thù thắng hơn các vị trời sinh trước. Đó là thọ mạng, dung sắc và vinh dự nhà trời. Do đó nên các vị trời Đâu-suất vui mừng hớn hở, tán thán rằng: 'Kỳ diệu thay, hy hữu thay, vị thiên tử này có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai thần. Vì sao vậy? Vì vị ấy sinh đến đây sau nhưng có ba việc thù thắng hơn những vị trời Đâu-suất đã sinh đến trước; đó là thọ mạng, dung sắc và vinh dự nhà trời. Thế thì con xin thọ trì pháp vị tằng hữu ấy của Đức Thế Tôn.

---

1. Tương đương Pāli: M.123. Acchariyabbhutadhamma-suttam.
2. Bản-Hán: *bô thời*━━━Fbản Pāli: pacchābhattaṃ piṇḍapāṭikkantānaṃ, sau bữa ăn, sau khi khất thực về.
3. Bản Pāli: sambahulānṃ bhikkhūnaṃ...upaṭṭhānasālāyaṃ sannisinnānai..., số đông Tỳ-kheo tự tập tại ngôi nhà của thị giả..
4. Ca-diệp ━{━(ta quen đọc là Ca-diếp). Pāli: Kassapa. Bản Pāli không đề cập.
5. Bản Pāli: Bhagavato sutaṃ sammukhā paṭiggahitaṃ, nghe, trực tiếp ghi nhớ từ Thế Tôn.
6. Bản Hán: Đâu-sắt (Tống-Nguyên-Minh: *suất*) -đá thiên ━━(━v)━G━Fta quen với phiên âm *Đâu-suất* hơn. Pāli: Tusita, tầng thứ nhất thuộc Dục giới thiên.
7. Bản Pāli: yāvatāyukaṃ Bodhisatto Tusike kāye aṭṭhāsi, Đức Bồ-tát tồn tại giữa thiên chúng Tusita cho đến hết tuổi thọ.

"Con nghe rằng, Đức Thế Tôn mạng chung ở trời Đâu-suất, biết sẽ vào thai mẹ[8], lúc ấy chấn động tất cả đất trời, có ánh sáng vi diệu quảng đại chiếu khắp thế gian cho đến chỗ u tối, cũng không có gì ngăn che được; nghĩa là nơi nào mặt trời, mặt trăng này dù có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai thần, cũng không chiếu rọi ánh sáng đến được, thì tất cả nơi ấy đều được chiếu ngời. Chúng sanh ở các nơi ấy do thấy ánh sáng nhiệm mầu này đều mỗi mỗi phát sanh nhận thức rằng: 'Có một chúng sanh kỳ diệu, hy hữu ra đời! Có một chúng sanh kỳ diệu, hy hữu ra đời!' Nếu Đức Thế Tôn mạng chung ở trời Đâu-suất, biết sẽ vào thai mẹ, lúc ấy chấn động tất cả đất trời, có ánh sáng vi diệu quảng đại chiếu khắp thế gian cho đến chỗ u tối, cũng không có gì ngăn che được; nghĩa là nơi nào mặt trời, mặt trăng này dù có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai thần, cũng không chiếu rọi ánh sáng đến được, thì tất cả nơi ấy đều được chiếu ngời. Chúng sanh ở các nơi ấy do thấy ánh sáng nhiệm mầu này đều mỗi mỗi phát sanh nhận thức rằng: 'Có một chúng sanh kỳ diệu, hy hữu ra đời! Có một chúng sanh kỳ diệu, hy hữu ra đời![9]' Thì con xin thọ trì pháp vị tằng hữu ấy của Đức Thế Tôn.

"Con nghe rằng, Đức Thế Tôn biết mình trụ trong thai mẹ[10], tựa vào hông bên phải. Nếu Đức Thế Tôn biết mình trụ trong thai mẹ, tựa vào hông bên phải, thì con xin thọ trì pháp vị tằng hữu này của Đức Thế Tôn.

"Con nghe rằng, Đức Thế Tôn hình thể duỗi dài[11] trụ trong thai mẹ. Nếu Đức Thế Tôn hình thể duỗi dài trụ trong thai mẹ, thì con xin thọ trì pháp vị tằng hữu ấy của Đức Thế Tôn.

"Con nghe rằng, Đức Thế Tôn, được bao che, trụ trong thai mẹ, không bị máu dơ làm cho ô uế, cũng không bị tinh khí các thứ bất tịnh khác làm cho ô uế. Nếu Đức Thế Tôn, được bao che, trụ trong thai mẹ, không bị máu dơ làm cho ô uế, cũng không bị tinh khí bất tịnh khác làm cho ô uế; thì con xin thọ trì pháp vị tằng hữu ấy của Đức Thế Tôn.

"Con nghe rằng, Đức Thế Tôn biết[12] mình ra khỏi thai mẹ, lúc ấy chấn động tất cả đất trời, có ánh sáng vi diệu quảng đại chiếu khắp thế gian cho đến chỗ u tối, cũng không có gì ngăn che được; nghĩa là nơi nào mặt trời, mặt trăng này dù có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai thần, cũng không chiếu rọi ánh sáng đến được, thì tất cả nơi ấy đều được chiếu ngời. Chúng sanh ở các nơi ấy do thấy ánh sáng nhiệm mầu này đều mỗi mỗi phát sanh nhận thức rằng: 'Có một chúng sanh kỳ diệu, hy hữu ra đời! Có một chúng sanh kỳ diệu, hy hữu ra đời!' Nếu Đức Thế Tôn biết mình ra khỏi thai mẹ, lúc ấy chấn động tất cả đất trời, có ánh sáng vi diệu quảng đại chiếu khắp thế gian cho đến chỗ u tối, cũng không có gì ngăn che được; nghĩa là nơi nào mặt trời, mặt trăng này dù có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai thần, cũng không chiếu rọi ánh sáng đến được, thì tất cả nơi ấy đều được chiếu ngời. Chúng sanh ở các nơi ấy do thấy ánh sáng nhiệm mầu này đều mỗi mỗi phát sanh nhận thức rằng: 'Có một chúng sanh kỳ diệu, hy hữu ra đời! Có một chúng sanh kỳ diệu, hy hữu ra đời!' Thì con xin thọ trì pháp vị tằng

---

8. Bản Hán: *tri nhập mẫu thai* ——J——L—CBản Pāli: sato sammapajāno... Mātukucchiṃ okkami, chánh niệm, chánh tri, nhập vào thai mẹ.

9. Pāli: aññe pi kira, bho, santi sattā idhūpapannā ti, "Này bạn, có những chúng sanh khác xuất hiện ở đây".

10. Xem cht.8 trên.

11. Hán: *thư thể* ————Ahình thể duỗi dài, hay thư thới? Không tìm thấy ý nghĩa tương đương trong bản Pāli.

12. Xem cht.8 trên.

hữu ấy của Đức Thế Tôn.

"Con nghe rằng, Đức Thế Tôn thân thể duỗi dài[13] mà ra khỏi thai mẹ. Nếu Đức Thế Tôn thân thể duỗi dài mà ra khỏi thai mẹ thì con xin thọ trì pháp vị tằng hữu này của Đức Thế Tôn.

"Con nghe rằng, Đức Thế Tôn được bao che khi ra khỏi thai mẹ, không bị máu dơ làm cho ô uế, cũng không bị tinh khí và các vật bất tịnh khác làm cho ô uế. Nếu Đức Thế Tôn được bao che khi ra khỏi thai mẹ, không bị máu dơ làm cho ô uế, cũng không bị tinh khí và các thứ bất tịnh khác làm cho ô uế; thì con xin thọ trì pháp vị tằng hữu này của Đức Thế Tôn.

"Con nghe rằng, khi Đức Thế Tôn mới sanh ra, có bốn vị thiên tử, tay cầm tấm vải rất mịn đứng trước thai mẹ, làm cho người mẹ hoan hỷ, tán thán rằng: "Đồng tử này rất kỳ diệu, rất hy hữu, có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hữu, có đại oai thần'. Nếu như Đức Thế Tôn mới sanh ra, có bốn vị thiên tử, tay cầm tấm vải rất mịn đứng trước thai mẹ, làm cho người mẹ hoan hỷ, tán thán rằng: "Đồng tử này rất kỳ diệu, rất hy hữu, có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hữu, có đại oai thần'. Thì con xin thọ trì pháp vị tằng hữu này của Đức Thế Tôn.

"Con nghe rằng, khi Đức Thế Tôn vừa mới sanh ra, liền đi bảy bước không khiếp sợ, không kinh hãi, quan sát các phương. Nếu Thế Tôn vừa mới sanh ra, liền đi bảy bước không khiếp sợ, không kinh hãi, quan sát các phương; thì con xin thọ trì pháp vị tằng hữu này của Đức Thế Tôn.

"Con nghe rằng, khi Đức Thế Tôn vừa mới sanh ra, thì ngay phía trước người mẹ bỗng hiện một hồ nước lớn, nước đầy tràn bờ, làm cho người mẹ ở nơi ấy được thọ dụng thanh tịnh. Nếu Thế Tôn vừa mới sanh ra, thì ngay phía trước người mẹ bỗng hiện một hồ nước lớn, nước đầy tràn bờ, làm cho người mẹ ở nơi ấy được thọ dụng thanh tịnh; con xin thọ trì pháp vị tằng hữu ấy của Đức Thế Tôn.

"Con nghe rằng, khi Đức Thế Tôn vừa mới sanh ra, từ trên hư không nước mưa rưới xuống, một ấm, một lạnh, để tắm thân thể của Thế Tôn. Nếu khi Đức Thế Tôn vừa mới sanh ra, từ trên hư không nước mưa rưới xuống, một ấm, một lạnh, để tắm thân thể của Thế Tôn; con xin thọ trì pháp vị tằng hữu ấy của Đức Thế Tôn.

"Con nghe rằng, khi Đức Thế Tôn vừa mới sanh ra, chư Thiên ở trên hư không tấu lên âm nhạc của trời; hoa sen xanh, hoa sen hồng, hoa sen đỏ, hoa sen trắng và hoa Văn-đà-la[14] của trời, và bột hương chiên-đàn được rải lên Đức Thế Tôn. Nếu khi Đức Thế Tôn vừa mới sanh ra, chư Thiên ở trên hư không tấu lên âm nhạc của trời; hoa sen xanh, hoa sen hồng, hoa sen đỏ, hoa sen trắng và hoa Văn-đà-la của cõi trời, và bột hương chiên-đàn được rải lên Đức Thế Tôn; con xin thọ trì pháp vị tằng hữu ấy của Đức Thế Tôn.

"Con nghe rằng, Đức Thế Tôn, ở tại nhà của cha là Bạch Tịnh vương, vào một ngày đi dự lễ hạ điền, ngồi dưới gốc cây Diêm-phù[15], ly dục, ly ác bất thiện pháp, có giác có quán, có lạc phát sanh do viễn ly, nhập Sơ thiền, thành tựu và an trụ. Bấy giờ là buổi xế, tất cả bóng của các cây khác đều đã ngả dần, chỉ có cây Diêm-phù là bóng cây không ngả, che mát thân của Đức Thế Tôn. Lúc đó, Thích Bạch Tịnh đến quan sát công tác hạ

---

13. Xem cht.11 trên.

14. *Văn-đà-la hoa* ————Ata thường quen với phiên âm là *Mạn-đà-la hoa* ————Adịch là *viên hoa* ——A*thích ý hoa* -A-N—CPāli: mandārava.

15. *Diêm-phù thọ*-F-B—C Pāli: jambu. Từ đây trở xuống, bản Hán không đồng với bản Pāli. Nhưng sự kiện bóng cây Diêm-phù này có thể đọc, M.36 Mahāsaccakasuttam, tr.246.

điền, đi đến chỗ người làm ruộng hỏi rằng: 'Này nông phu[16], Vương tử ở chỗ nào?'

Người ấy trả lời rằng: 'Vương tử[17] hiện đang ở dưới gốc cây Diêm-phù." Rồi Thích Bạch Tịnh đi đến cây Diêm-phù, bấy giờ là xế trưa, Thích Bạch Tịnh thấy bóng của tất cả các cây khác đều đã ngả, chỉ có bóng cây Diêm-phù là không ngả, để che mát thân thể của Thế Tôn, liền nghĩ như vầy: 'Vương tử này thật là kỳ diệu, rất hy hữu, có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai thần. Vì sao thế? Vì vào lúc xế trưa tất cả các bóng cây đều ngả, chỉ có bóng cây Diêm-phù là không ngả, để che mát thân của vương tử'. Nếu vào buổi xế trưa tất cả cây đều ngả bóng, chỉ có bóng cây Diêm-phù không ngả, để che mát thân thể của Đức Thế Tôn; con xin thọ trì pháp vị tằng hữu ấy của Đức Thế Tôn.

"Con nghe rằng có một thời Đức Thế Tôn du hóa tại Bệ-xá-li, trong Đại lâm[18]. Bấy giờ, khi đêm đã qua, vào lúc sáng sớm, Đức Thế Tôn khoác y cầm bát vào thành Bệ-xá-li khất thực. Sau khi khất thực xong, xếp y, cất bát, rửa tay chân, vắt Ni-sư-đàn lên vai, đi vào rừng, đến dưới một gốc cây Đa-la, trải Ni-sư-đàn, ngồi kiết-già. Bấy giờ là lúc xế bóng[19], tất cả các bóng cây khác đều ngả, chỉ có bóng cây Đa-la là không ngả để che mát thân thể của Đức Thế Tôn. Bấy giờ vào lúc xế bóng, Thích Ma-ha-nam[20] ung dung đi đến Đại lâm. Thích Ma-ha-nam thấy rằng, vào buổi xế, tất cả bóng cây đều ngả chỉ trừ bóng cây Đa-la là không ngả để che mát thân thể của Đức Thế Tôn, liền nghĩ như vầy: 'Sa-môn Cù-đàm rất là kỳ diệu, rất là hy hữu, có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai thần. Vì sao vậy? Vì vào buổi xế, tất cả bóng cây đều ngả, chỉ có bóng cây Đa-la là không ngả để che mát thân thể Cù-đàm'. Nếu lúc xế bóng, tất cả các bóng cây khác đều ngả, chỉ có bóng cây Đa-la là không ngả để che mát thân thể của Đức Thế Tôn; con xin thọ trì pháp vị tằng hữu ấy của Đức Thế Tôn.

"Con nghe rằng, một thời Thế Tôn du hóa tại nước Bệ-xá-li, trong Đại lâm. Bấy giờ các Tỳ-kheo để bát ngoài chỗ đất trống, bát của Thế Tôn cũng có trong số ấy, có một con khỉ ôm bát của Thế Tôn mà đi. Các thầy Tỳ-kheo la ó, sợ nó làm bể bát của Thế Tôn. Nhưng Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo rằng: 'Hãy để yên. Hãy để yên. Đừng la. Nó không làm bể bát đâu'. Thế rồi khỉ ôm bát của Thế Tôn mà đi, đến một cây Sa-la, chậm rãi leo lên, lấy đầy bát mật nơi cây Sa-la, rồi chậm rãi leo xuống, trở về chỗ Đức Phật, đem dâng bát mật ấy lên Đức Phật. Đức Thế Tôn không thọ nhận. Lúc ấy khỉ liền ôm bát qua một bên, dùng đũa gắp bỏ sâu. Sau khi nhặt bỏ sâu, nó ôm bát trở lại dâng lên Thế Tôn. Thế Tôn lại không nhận. Khỉ lại ôm qua một bên, múc nước đổ vào trong mật, rồi ôm trở lại dâng lên Thế Tôn. Thế Tôn liền thọ nhận. Khỉ thấy Thế Tôn lấy bát mật rồi liền vui mừng hớn hở, múa may nhảy nhót rồi bỏ đi. Nếu Đức Thế Tôn khiến con khỉ kia, khi thấy Đức Thế Tôn lấy bát mật rồi vui mừng hớn hở múa may nhảy nhót, rồi đi; con xin thọ trì pháp vị tằng hữu ấy của Đức Thế Tôn.

"Con nghe rằng một thời Đức Thế Tôn du hóa Bệ-xá-li, ở tại ngôi lầu cao[21], bên bờ

---

16. Hán: *tác nhân* ━@━H━C

17. Hán: *thiên đồng tử* ━━━━l━C

18. *Bệ-xá-li* ━@━━━(Pāli: Vesāli), *Đại lâm* ━j━L(Mahāvana).

19. Hán: *trung hậu* ━━━C

20. *Thích Ma-ha-nam* ━━━━F━n━CCó lẽ đây là Mahānāma của dòng họ Licchavi ở Vesāli, chứ không phải Mahānāma dòng họ Thích ở Kapilavatthu, con trai Amitodāna (Cam Lộ Phạn vương). Tham khảo Pāli, A. iii 75ff.

21. Cao lâu đài quán ━━━━0━[━CPāli: Kūṭāgārasālā, ngôi nhà sàn, giảng đường Trùng các, trong Đại lâm

ao Di hầu. Bấy giờ Thế Tôn đang phơi tọa cụ, rũ bụi, phủi đất. Lúc ấy có một đám mây đến trái thời che kín khắp hư không muốn mưa nhưng dừng lại chờ Đức Thế Tôn phơi tọa cụ, rũ bụi, phủi đất, xếp cất một nơi, rồi mang cất chổi; vào đứng trong nền nhà. Bấy giờ đám mây lớn ấy thấy Đức Thế Tôn xếp cất tọa cụ rồi mới đổ mưa xuống rất lớn, từ cao cho đến thấp, nước ngập tràn lai láng. Nếu Đức Thế Tôn làm cho đám mây lớn kia thấy Thế Tôn xếp cất tọa cụ rồi, mới mưa xuống thật to và từ đất cho đến thấp nước ngập tràn lai láng; con xin thọ trì pháp vị tằng hữu ấy của Đức Thế Tôn.

"Con nghe một thời Đức Thế Tôn du hóa tại Bạt-kỳ[22], ngồi dưới cây Sa-la thọ vương, trong rừng Ôn tuyền. Bấy giờ là buổi xế trưa, tất cả bóng cây khác đều ngả, chỉ trừ bóng cây Sa-la thọ vương là không ngả, để che mát thân thể Đức Thế Tôn. Khi ấy chủ vườn La-ma đi dạo xem vườn, thấy rằng vào buổi xế, tất cả bóng cây khác đều ngả, chỉ trừ bóng cây Sa-la thọ vương là không ngả để che mát thân thể của Thế Tôn, liền nghĩ như vầy: 'Sa-môn Cù-đàm thật là kỳ diệu, thật là hy hữu, có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai thần. Vì sao vậy? Vì sao buổi xế tất cả bóng cây khác đều ngả, chỉ trừ cây Sa-la thọ vương là không ngả bóng để che mát thân thể của Sa-môn Cù-đàm. Nếu Đức Thế Tôn vào buổi xế tất cả bóng cây khác đều ngả, chỉ trừ bóng cây Sa-la thọ vương là không ngả để che mát thân thể của Thế Tôn; con xin thọ trì pháp vị tằng hữu ấy của Đức Thế Tôn.

"Con nghe rằng có một thời Đức Thế Tôn ở trong miếu thần A-phù[23]. Bấy giờ khi đêm đã tàn, vào lúc sáng sớm, Đức Thế Tôn khoác y ôm bát vào thôn A-phù để khất thực. Sau khi khất thực xong, xếp y, cất bát, rửa chân tay xong, Ngài vắt Ni-sư-đàn lên vai, vào miếu thần ngồi thiền tịnh. Bấy giờ trời mưa đá rất to; sấm sét đánh chết bốn con trâu và hai người cày. Lúc chôn cất hai người chết ấy, đám đông ồn ào, âm thanh cao và to, tiếng dội chấn động. Bấy giờ vào lúc xế chiều, Đức Thế Tôn rời chỗ ngồi tĩnh tọa đứng dậy, từ trong miếu thần đi ra, đến chỗ đất trống để kinh hành. Trong đám đông có một người thấy Đức Thế Tôn vào lúc xế trưa rời chỗ tĩnh tọa đứng dậy, ở trong miếu thần đi ra, đến chỗ đất trống để kinh hành, liền đi đến chỗ Phật cúi đầu làm lễ rồi đi kinh hành theo sau Đức Phật. Đức Phật thấy người ấy ở phía sau nên hỏi rằng: 'Vì cớ gì mà đám đông ồn ào, âm thanh cao và to, tiếng dội chấn động vậy?' Người ấy thưa rằng: 'Bạch Thế Tôn khi trưa, trời mưa đá rất to; sấm sét đánh chết bốn con trâu và hai người cày. Lúc chôn cất hai người chết ấy, đám đông ồn ào, âm thanh cao và to, tiếng dội chấn động. Bạch Thế Tôn vừa rồi Ngài không nghe gì hết sao?

"Thế Tôn trả lời rằng: 'Ta không nghe các âm thanh ấy'.

"Lại hỏi rằng: 'Vừa rồi Ngài ngủ hay sao?'

"Thế Tôn trả lời: 'Không phải'.

"Lại hỏi Đức Thế Tôn: 'Lúc ấy Ngài tỉnh mà không nghe các âm thanh ấy sao?'

"Thế Tôn đáp: 'Quả thật vậy'.

"Bấy giờ người kia liền suy nghĩ rằng: 'Rất là kỳ diệu, rất là hy hữu, sở hành của Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, rất là vắng lặng, rất là tịch tĩnh. Vì sao vậy? Vì lúc tỉnh mà vẫn không nghe các âm thanh to lớn ấy. Nếu Đức Thế Tôn tỉnh thức mà vẫn không nghe các âm thanh to lớn ấy; con xin thọ trì pháp vị tằng hữu ấy của Đức Thế Tôn.

(Mahāvana), Vesāli.

22. Bạt-kỳ -[——Atên chủng tộc và cũng là tên nước. Pāli: Vajji.

23. A-phù ——B-CPāli: Ātumā. Từ đoạn này trở xuống, tham chiếu, No.1(2)Trường A-hàm, "Kinh số 2, Du Hành".

"Con nghe rằng, một thời Đức Phật trú tại Uất-bệ-la[24] bên bờ sông Ni-liên-nhiên[25], ngồi dưới cây A-xà-hòa-la Ni-câu-loại[26], lúc mới chứng đắc Phật đạo. Bấy giờ mưa lớn đến bảy ngày, từ cao đến thấp đều bị ngập nước, từng luồng nước lớn chảy xoáy ngang dọc, trong vùng đất trống đó, Đức Thế Tôn đi kinh hành, đến nơi nào thì nơi đấy có bụi bay lên. Nếu Đức Thế Tôn ở trong vùng có luồng nước xoáy ngang dọc, mà đi kinh hành, đến chỗ nào thì chỗ ấy có bụi bay lên; con xin thọ trì pháp vị tằng hữu ấy của Đức Thế Tôn.

"Con nghe rằng Ma vương trong suốt sáu năm theo Phật để tìm chỗ sơ suất mà không được, liền chán nản nên bỏ về. Nếu Đức Thế Tôn bị Ma vương trong suốt sáu năm theo tìm chỗ sơ suất mà không được, liền chán nản nên bỏ về; con xin thọ trì pháp vị tằng hữu ấy của Đức Thế Tôn.

"Con nghe rằng Đức Thế Tôn, trong suốt bảy năm suy niệm về thân, luôn luôn suy niệm không gián đoạn. Nếu Đức Thế Tôn trong suốt bảy năm suy niệm về thân, luôn luôn không gián đoạn; con xin thọ trì pháp vị tằng hữu ấy của Đức Thế Tôn."

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo rằng:

"Này A-nan, ngươi hãy nghe Như Lai nói mà thọ trì thêm pháp vị tằng hữu này nữa. Này A-nan, Như Lai biết thọ sanh, biết trụ, biết diệt, luôn luôn biết, chẳng có lúc nào chẳng biết. Này A-nan, Như Lai biết tư và tưởng sanh, biết trụ, biết diệt, luôn luôn biết. Không lúc không biết. Cho nên, này A-nan hãy nên từ nơi Như Lai mà thọ trì thêm pháp vị tằng hữu này."

Đức Thế Tôn thuyết như vậy. Tôn giả A-nan và các Tỳ-kheo, sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

24. Uất-bệ-la ━{ 鞞━. Pāli: Uruvelā.
25. Ni-liên-nhiên ━━s━M. Pāli: Nerañjarā.
26. A-xà-hòa-la Ni-câu-loại ━━G━M━━━━. Pāli: Ajapāla-Nigrodha.

33. KINH THỊ GIẢ[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật du hóa tại thành Vương xá.

Bấy giờ, có các đại đệ tử, là các Tỳ-kheo trưởng lão thượng tôn danh đức, được nhiều người biết đến; đó là Tôn giả Câu-lân-nhã[2], A-nhiếp-bối[3], Tôn giả Thích-ca Vương Bạt-đề[4], Tôn giả Ma-ha-nam Câu-lệ[5], Tôn giả Hòa-phá[6], Tôn giả Da-xá[7], Tôn giả Bân-nậu[8], Tôn giả Duy-ma-la[9], Tôn giả Già-hòa-ba-đề[10], Tôn giả Tu-đà-da[11], Tôn giả Xá-lê Tử[12], Tôn giả A-na-luật-đà[13], Tôn giả Nan-đề[14], Tôn giả Kim-tì-la[15], Tôn giả Lệ-ba-đá[16], Tôn giả Đại Mục-kiền-liên[17], Tôn giả Đại Ca-diếp[18], Tôn giả Đại Câu-hi-la[19], Tôn giả Đại Châu-na[20], Tôn giả Đại Ca-chiên-diên[21], Tôn giả Bân-nậu-da-nậu-tả trưởng lão[22], Tôn giả Da-xá Hành Trù trưởng lão[23], rất nhiều các vị Tỳ-kheo trưởng lão thượng tôn danh đức, đại đệ tử, được mọi người biết đến, tương tự như vậy, cũng ở thành Vương xá, tất cả đều trú gần ngôi nhà lá của Phật.

Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo rằng:

"Hiện nay tuổi của Ta đã già; thân thể ngày càng suy yếu, tuổi thọ đã quá già rồi, nên Ta cần có thị giả. Các thầy hãy cử cho Ta một thị giả, làm sao để chăm sóc Ta, xứng

---

1. Không có Pāli tương đương. Tham chiếu, Thag. 1018-1050.
2. Câu-lân-nhã ——F-Y (Aññā-Koṇḍañña).
3. A-nhiếp-bối ———(Assaji).
4. Thích-ca Vương Bạt-đề ——{——[—(Bhaddiya), vua họ Thích-ca.
5. Ma-ha-nam Câu-lệ——F-k——(Mahānāma Kolita).
6. Hòa-phá 恕-}(Vappa).
7. Da-xá-C—(Yasa).
8. Bân-nậu ——(Puṇṇa).
9. Duy-ma-la ———(Vimala).
10. Già-hòa-ba-đề—恕-i —(Gavampati).
11. Tu-đà-da———C.
12. Xá-lê Tử ———l (Sāriputta).
13. A-na-luật-đà ——————(Anurudha).
14. Nan-đề ——(Nandiya).
15. Kim-tì-la ——i —(Kimbila).
16. Lệ-ba-đá ——C 哆(Revata).
17. Đại Mục-kiền-liên -j ———s (Mahā-Moggallāna).
18. Đại Ca-diếp -j -{ —(Mahā-Kassapa).
19. Đại Câu-hi-la -j ——]—(Mahā-Koṭṭhita).
20. Đại Châu-na -j -P—(Mahā-Cunda).
21. Đại Ca-chiên-diên -j -{ ——(Mahā-Kaccāyana).
22. Bân-nậu-da-nậu-tả trưởng lão ———C-Y-g———C
23. Da-xá Hành Trù trưởng lão -C———w———C

ý chớ không phải không xứng ý, ghi nhớ lời Ta nói mà không quên mất ý nghĩa[24]."

Lúc ấy Tôn giả Câu-lân-nhã liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch vai sửa y, chắp tay hướng về Đức Phật thưa rằng:

"Bạch Thế Tôn, con xin nguyện hầu hạ, xứng ý chớ không phải không xứng ý, ghi nhớ những lời Ngài nói mà không quên mất ý nghĩa."

Đức Thế Tôn bảo rằng:

"Này Câu-lân-nhã, thầy cũng tuổi đã già, thân thể ngày càng suy yếu, tuổi thọ đã qua dài rồi. Chính thầy cũng cần có thị giả. Này Câu-lân-nhã, thầy nên lui về chỗ ngồi đi."

Bấy giờ Tôn giả Câu-lân-nhã đảnh lễ chân Phật rồi lui về chỗ ngồi.

Cũng như vậy, lần lượt Tôn giả A-nhiếp-bối, Tôn giả Thích-ca Vương Bạt-đề, Tôn giả Ma-ha-nam Câu-lệ, Tôn giả Hòa-phá, Tôn giả Da-xá, Tôn giả Bân-nậu, Tôn giả Duy-ma-la, Tôn giả Già-hòa-ba-đề, Tôn giả Tu-đà-da, Tôn giả Xá-lê Tử, Tôn giả A-na-luật-đà, Tôn giả Nan-đề, Tôn giả Kim-tì-la, Tôn giả Lệ-ba-đá, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, Tôn giả Đại Ca-diếp, Tôn giả Đại Câu-hi-la, Tôn giả Đại Châu-na, Tôn giả Đại Ca-chiên-diên, Tôn giả Bân-nậu-da-nậu-tả trưởng lão.

Tôn giả Da-xá Hành Trù trưởng lão, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch vai sửa áo, chắp tay hướng về Đức Phật thưa rằng:

"Bạch Thế Tôn, con xin nguyện hầu hạ xứng ý chớ không phải không xứng ý, ghi nhớ những lời Ngài dạy mà không quên ý nghĩa."

Đức Thế Tôn bảo rằng:

"Này Da-xá, thầy cũng tuổi đã già, thân thể ngày càng suy yếu, tuổi thọ đã qua dài rồi. Chính thầy cũng cần có thị giả. Này Da-xá, thầy nên lui về chỗ ngồi đi."

Bấy giờ, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên đang ở trong đại chúng ấy, liền suy nghĩ như vầy: 'Đức Thế Tôn muốn tìm vị nào làm thị giả? Ý nghĩ đặt vào Tỳ-kheo nào? Muốn cho ai chăm sóc Ngài, xứng ý chớ không phải không xứng ý, và ghi nhớ những lời Ngài dạy mà không quên mất nghĩa? Có lẽ ta nên nhập định có hình tượng như thế[25], quan sát tâm của chúng Tỳ-kheo'. Tôn giả Đại Mục-kiền-liên liền nhập định có hình tượng như thế, biết Thế Tôn muốn chọn Hiền giả A-nan làm thị giả, ý Ngài đặt vào A-nan, muốn A-nan chăm sóc, xứng ý chớ không phải không xứng ý, ghi nhớ lời dạy mà không quên ý nghĩa.

Bấy giờ Tôn giả Đại Mục-kiền-liên liền xuất định, thưa với chúng Tỳ-kheo rằng:

"Chư Hiền biết không, Đức Thế Tôn muốn chọn Hiền giả A-nan làm thị giả. Ý Ngài đặt vào A-nan; muốn A-nan chăm sóc, xứng ý chớ không phải là không xứng ý, ghi nhớ lời dạy mà không quên ý nghĩa. Bây giờ chúng ta nên cùng nhau đến chỗ Hiền giả A-nan khuyến dụ thầy ấy làm thị giả của Thế Tôn."

Bấy giờ Tôn giả Đại Mục-kiền-liên cùng các Tỳ-kheo cùng nhau đến chỗ Tôn giả A-nan, chào hỏi nhau rồi ngồi sang một bên. Lúc ấy Tôn giả Đại Mục-kiền-liên ngồi xong, nói rằng:

"Hiền giả A-nan, thầy có biết không, Đức Thế Tôn muốn chọn thầy làm thị giả; ý Ngài đặt vào A-nan, muốn A-nan chăm sóc Ngài, vì thầy xứng ý Ngài chớ không phải

---

24. Suốt trong khi hai mươi năm đầu, kể từ khi thành đạo Đức Phật không có thị giả riêng. Vị này hoặc vị kia thay nhau thị giả Ngài. Nhưng những vị này không xứng ý Ngài, đôi khi không vâng lời Ngài, có lúc ôm y bát của Ngài đi mất.

25. Hán: *như kỳ tượng định* –p———w–FPāli: tathā-rūpaṃ samādhiṃ samāpajji, nhập vào tam-muội có hình thức như thế.

không xứng ý, ghi nhớ lời dạy của Ngài mà không quên mất ý nghĩa. A-nan, cũng như ngoài thôn xóm không bao xa, có một tòa lâu đài to lớn, cửa sổ mở ra ở phía Đông, thì khi mặt trời mọc lên, ánh sáng sẽ rọi thẳng vào vách phía Tây. Này Hiền giả A-nan, Đức Thế Tôn cũng vậy, muốn chọn A-nan làm thị giả, ý Ngài đặt vào A-nan, muốn A-nan chăm sóc Ngài, xứng ý chớ không phải không xứng ý, ghi nhớ lời dạy của Ngài mà không quên mất ý nghĩa. Này Hiền giả A-nan, bây giờ thầy nên làm thị giả Đức Thế Tôn."

Tôn giả A-nan thưa rằng:

"Bạch Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, tôi không thể lãnh trách nhiệm hầu hạ Đức Thế Tôn nổi. Vì sao thế? Vì với các Đức Phật Thế Tôn khó xứng ý, khó hầu hạ; nghĩa là khó làm thị giả. Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, cũng như đối với một con voi rất hùng mạnh, đã hơn sáu mươi tuổi, kiêu ngạo, sức mạnh cường thạnh, đủ ngà, đủ vóc, khó làm xứng ý, khó gần gũi; nghĩa là khó coi sóc.

Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, với Đức Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, cũng lại như vậy, khó xứng ý, khó gần gũi; nghĩa là khó làm thị giả. Thưa Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, vì vậy tôi không thể lãnh trách nhiệm làm thị giả được."

Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, nói rằng:

"Này Hiền giả A-nan, thầy hãy nghe tôi nói ví dụ, người có trí nghe ví dụ liền hiểu ý nghĩa của nó. Này Hiền giả A-nan, cũng như hoa Ưu-đàm-bát-la đúng thời mới xuất hiện thế gian. Này Hiền giả A-nan, Đức Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác cũng lại như vậy. Đúng thời mới xuất thế. Này Hiền giả A-nan, thầy nên mau làm thị giả Đức Thế Tôn rồi sẽ được kết quả lớn."

Tôn giả A-nan lại bạch:

"Thưa Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, nếu Đức Thế Tôn chấp thuận ba điều nguyện của tôi thì tôi mới có thể làm thị giả. Những gì là ba? Tôi nguyện không đắp y của Thế Tôn, dù cũ hay mới; nguyện không ăn thực phẩm biệt thỉnh của Phật; nguyện không gặp Thế Tôn phi thời. Thưa Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, nếu Đức Thế Tôn cho phép tôi nguyện ba điều ấy, tôi mới làm thị giả Đức Thế Tôn."

Bấy giờ, sau khi khuyên Tôn giả A-nan làm thị giả rồi, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên đứng dậy đi quanh Tôn giả A-nan rồi trở về; đến chỗ Đức Phật, cúi đầu đảnh lễ chân Phật rồi ngồi sang một bên, bạch rằng:

"Bạch Thế Tôn, con đã khuyến dụ Hiền giả A-nan làm thị giả Phật. Bạch Thế Tôn, Hiền giả A-nan, xin nơi Phật ba lời nguyện, nói rằng: 'Những gì là ba? Nguyện không đắp y của Thế Tôn, dù cũ hay mới; nguyện không ăn thực phẩm biệt thỉnh của Phật; nguyện không gặp Thế Tôn phi thời. Thưa Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, nếu Đức Thế Tôn cho phép tôi nguyện ba điều ấy, tôi mới làm thị giả Đức Thế Tôn'."

Đức Thế Tôn nói:

"Này Đại Mục-kiền-liên, Tỳ-kheo A-nan thông minh trí tuệ, biết trước sẽ có những lời hiềm tỵ, hoặc có vị đồng phạm hạnh sẽ nói như vầy: 'Tỳ-kheo A-nan vì y áo nên hầu hạ Đức Thế Tôn'. Này Đại Mục-kiền-liên, nếu Tỳ-kheo A-nan thông minh trí tuệ, biết trước sẽ có những lời hiềm tỵ hoặc các đồng phạm hạnh, nói như vầy: 'Tỳ-kheo A-nan vì y áo nên hầu hạ Đức Thế Tôn'. Thì đó là pháp vị tằng hữu của Tỳ-kheo A-nan.

"Này Đại Mục-kiền-liên, Tỳ-kheo A-nan thông minh trí tuệ, biết trước sẽ có những lời hiềm tỵ, hoặc có vị đồng phạm hạnh sẽ nói như vầy: 'Tỳ-kheo A-nan vì đồ ăn nên hầu hạ Đức Thế Tôn'. Này Đại Mục-kiền-liên, nếu Tỳ-kheo A-nan thông minh trí tuệ, dự

đoán sẽ có những lời hiềm tỵ hoặc các đồng phạm hạnh nói như vầy: 'Tỳ-kheo A-nan vì đồ ăn nên hầu hạ Đức Thế Tôn'. Thì đó là pháp vị tằng hữu của Tỳ-kheo A-nan.

"Này Đại Mục-kiền-liên, Tỳ-kheo A-nan khéo biết thời, khéo phân biệt được thời, biết lúc nào là thời nên đến gặp Như Lai, lúc nào không phải là thời đến gặp Như Lai; biết lúc nào là thời chúng Tỳ-kheo và chúng Tỳ-kheo-ni nên đến gặp Như Lai, lúc nào không phải là thời chúng Tỳ-kheo và chúng Tỳ-kheo-ni nên đến gặp Như Lai; biết lúc nào là thời chúng Ưu-bà-tắc và chúng Ưu-bà-di nên đến gặp Như Lai, lúc nào không phải là thời chúng Ưu-bà-tắc và chúng Ưu-bà-di nên đến gặp Như Lai; biết lúc nào các hàng Sa-môn, Phạm chí dị học nên đến gặp Như Lai, biết lúc nào các hàng Sa-môn, Phạm chí dị học không nên đến gặp Như Lai; biết lúc nào các hàng Sa-môn, Phạm chí dị học không nên đến gặp Như Lai; biết các hàng Sa-môn, Phạm chí dị học nào có thể bàn luận với Như Lai; biết các hàng Sa-môn, Phạm chí dị học nào không thể bàn luận với Như Lai; biết thức ăn loại cứng hay loại mềm nào Đức Như Lai dùng rồi sẽ an ổn, có lợi ích, loại cứng hay loại mềm nào Đức Như Lai dùng rồi sẽ không được an ổn, có lợi ích; thức ăn loại cứng hay loại mềm nào Đức Như Lai dùng rồi sẽ được biện tài thuyết pháp. Biết thức ăn loại cứng hay loại mềm nào Đức Như Lai dùng rồi sẽ không được biện tài thuyết pháp; đó là pháp vị tằng hữu của Tỳ-kheo A-nan.

"Này Đại Mục-kiền-liên, mặc dù Tỳ-kheo A-nan không có tha tâm trí, nhưng có thể khéo biết trước được Đức Như Lai sẽ thuyết pháp cho ai khi Như Lai rời tĩnh tọa đứng dậy vào buổi xế, hôm nay Đức Như Lai sẽ làm như vậy, sẽ hiện pháp lạc trụ như vậy, nhận xét đúng lời Ngài nói, chắc thật không thể sai khác. Đó là pháp vị tằng hữu của Tỳ-kheo A-nan.

Khi Tôn giả A-nan nói như vầy[26]: 'Thưa chư Hiền, tôi đã hầu Đức Thế Tôn đã hai mươi lăm năm, nếu do đó mà khởi tâm cống cao, không thể có sự kiện như vậy'. Nếu Tôn giả A-nan nói như thế, thì đó là pháp vị tằng hữu của Tỳ-kheo A-nan.

Tôn giả A-nan lại nói như vầy: "Thưa chư Hiền, tôi đã hầu Đức Thế Tôn trong hai mươi lăm năm, cho đến nay chưa hề gặp Đức Thế Tôn phi thời." Nếu Tôn giả A-nan nói như thế, thì đó là pháp vị tằng hữu của Tỳ-kheo A-nan.

Tôn giả A-nan lại nói như vầy: "Thưa chư Hiền, tôi đã hầu Đức Thế Tôn trong hai mươi lăm năm, chưa từng một lần bị Phật khiển trách, trừ có một lỗi, lỗi đó cũng vì người khác[27]." Nếu Tôn giả A-nan nói như vậy thì đó là pháp vị tằng hữu của Tỳ-kheo A-nan.

Tôn giả A-nan lại nói như vầy: "Thưa chư Hiền, tôi thọ tám văn pháp tụ[28] từ Đức Như Lai, thọ trì không quên; nếu nhân điều đó mà khởi cống cao, sự kiện như vậy không thể có." Nếu Tôn giả A-nan nói như vậy thì đó là pháp vị tằng hữu của Tỳ-kheo A-nan.

Tôn giả A-nan lại nói như vầy: "Thưa chư Hiền, tôi thọ tám văn pháp tụ từ Đức Như Lai, chưa hỏi lần thứ hai, trừ có một câu, câu ấy như vậy cũng không dễ. Nếu Tôn giả A-nan nói như vậy thì đó là pháp vị tằng hữu của Tỳ-kheo A-nan.

Tôn giả A-nan lại nói như vầy: "Thưa chư Hiền, tôi thọ tám văn pháp tụ từ Đức Như Lai, chưa hề thọ pháp từ người khác." Nếu Tôn giả A-nan nói như vậy thì đó là pháp vị tằng hữu của Tỳ-kheo A-nan.

---

26. Lưu ý trong bản Hán, văn khí thay đổi từ lời ghi nhận của Phật chuyển sang lối thuật sự.

27. Một lần Thế Tôn bệnh, A-nan nấu cháo nhưng phạm phải một điều luật do đó bị Phật khiển trách. Luật Thập Tụng, Đại 23, tr.187a.

28. Pháp tụ, hay Pháp uẩn, thể tài hay ý nghĩa được đề cập trong giáo pháp của Phật. Pāli: dhamakkhandha.

Tôn giả A-nan lại nói như vầy: "Thưa chư Hiền, tôi thọ tám văn pháp tụ từ Đức Như Lai, khởi đầu chưa có tâm này, rằng 'Tôi thọ trì pháp ấy để dạy lại người khác'. Này chư Hiền, tôi chỉ muốn tự chế ngự, tự tịch tịnh, tự Bát-niết-bàn thôi." Nếu Tôn giả A-nan nói như vậy thì đó là pháp vị tằng hữu của Tỳ-kheo A-nan.

Tôn giả A-nan lại nói như vầy: "Thưa chư Hiền, có điều rất kỳ lạ này. Đó là có bốn bộ chúng đi đến chỗ tôi để nghe pháp. Nếu tôi vì thế mà khởi cống cao, điều ấy không thể có được. Tôi cũng không hề tác ý trước rằng: 'Nếu có ai đến hỏi, ta sẽ trả lời như vầy'. Này chư Hiền, tôi ngay trên chỗ ngồi tùy theo nghĩa người kia hỏi mà trả lời." Nếu Tôn giả A-nan nói như vậy thì đó là pháp vị tằng hữu của Tỳ-kheo A-nan.

Tôn giả A-nan lại nói như vầy: "Thưa chư Hiền, có điều rất kỳ lạ này. Đó là có số đông Sa-môn, Phạm chí dị học đến hỏi tôi sự việc gì, nếu vì thế mà tôi sợ sệt, hãi hùng, lông tóc dựng đứng; không thể có sự kiện ấy. Tôi cũng không hề tác ý trước rằng: 'Nếu có ai đến hỏi, ta sẽ trả lời như vầy'. Này chư Hiền, tôi ngay trên chỗ ngồi tùy theo nghĩa người kia hỏi mà trả lời." Nếu Tôn giả A-nan nói như vậy thì đó là pháp vị tằng hữu của Tỳ-kheo A-nan.

Lại nữa, có một thời, Tôn giả Xá-lê Tử, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, Tôn giả A-nan trú tại nước Xá-vệ, trong núi Bà-la-la. Bấy giờ Tôn giả Xá-lê Tử hỏi rằng: Này Hiền giả A-nan, thầy hầu hạ Đức Phật cho đến nay là hai mươi lăm năm, thầy nhớ có lần nào khởi dục tâm không?"

Tôn giả A-nan thưa rằng:

"Thưa Tôn giả Xá-lê Tử, tôi còn là hàng hữu học chưa ly dục."

Tôn giả Xá-lê Tử lại hỏi rằng:

"Này Hiền giả A-nan, tôi không hỏi thầy là bậc hữu học hay vô học. Tôi chỉ hỏi, trong hai mươi lăm năm qua hầu hạ Đức Thế Tôn, thầy nhớ có lần nào khởi dục tâm không?"

Tôn giả Xá-lê Tử ba lần lặp lại câu hỏi:

"Này Hiền giả A-nan, hai mươi lăm năm qua thầy hầu hạ Đức Thế Tôn, thầy nhớ có lần nào khởi dục tâm không?"

Tôn giả A-nan cũng ba lần lặp lại câu trả lời rằng:

"Thưa Tôn giả Xá-lê Tử, tôi còn là hàng hữu học chưa ly dục."

Tôn giả Xá-lê Tử lại hỏi rằng:

"Này Hiền giả A-nan, tôi không hỏi thầy là bậc hữu học hay vô học. Tôi chỉ hỏi, trong hai mươi lăm năm qua hầu hạ Đức Thế Tôn, thầy nhớ có lần nào khởi dục tâm không?"

Bấy giờ Tôn giả Đại Mục-kiền-liên nói rằng:

"Này Hiền giả A-nan, đáp nhanh đi, đáp nhanh đi, này A-nan, thầy đừng xúc nhiễu đến bậc thượng tôn trưởng lão."

Lúc đó Tôn giả A-nan trả lời rằng:

"Thưa Tôn giả Xá-lê Tử, hai mươi lăm năm qua, tôi đã hầu hạ Đức Phật, tôi nhớ lại chưa hề có lần nào phát khởi dục tâm. Vì sao vậy? Vì tôi thường hướng đến Thế Tôn và các vị đồng phạm hạnh với tâm niệm hổ thẹn." Nếu Tôn giả A-nan nói như thế, thì đó là pháp vị tăng hữu của Tôn giả A-nan.

Lại nữa, có một thời Đức Thế Tôn du hóa thành Vương xá, trú trong Nham sơn. Bấy giờ Thế Tôn bảo rằng:

"Này A-nan, ngươi nên nằm như cách nằm của sư tử."

Tôn giả A-nan bạch rằng:

"Bạch Thế Tôn, sư tử, chúa tể của loài thú, nằm theo cách nào?"

Đức Thế Tôn đáp:

"Này A-nan, sư tử, chúa tể của loài thú, ban ngày đi tìm ăn, xong rồi vào hang; khi muốn ngủ, bốn chân xếp chồng lên nhau, ngay đuôi ra sau, nằm bằng hông bên phải; qua đêm đến sáng hôm sau, quay lại sau nhìn thân thể. Nếu sư tử chúa tể của loài thú, mà thân thể không ngay thẳng, thì khi thấy rồi, nó không vui. Nếu sư tử chúa tể của loài thú, mà thân thể được ngay ngắn khắp mọi phía, thì khi thấy rồi nó liền vui mừng. Nó từ chỗ nằm đứng dậy, ở trong hang đi ra; đi ra rồi gầm gừ; gầm gừ rồi tự ngắm thân thể; tự ngắm thân thể rồi nhìn khắp bốn hướng, xoay nhìn khắp bốn hướng rồi liền rống lên ba lần, rống ba lần rồi liền đi tìm ăn. Cách thức nằm của sư tử chúa là như vậy."

Tôn giả A-nan bạch rằng:

"Bạch Thế Tôn, cách thức nằm của sư tử, chúa tể của loài thú, là như vậy. Còn cách nằm của Tỳ-kheo phải như thế nào?"

Đức Thế Tôn đáp rằng:

"Này A-nan, nếu Tỳ-kheo sống nơi thôn ấp, khi đêm đã qua, vào lúc sáng sớm, khoác y ôm bát, đi vào thôn khất thực, khéo hộ trì thân thể, nhiếp thủ các căn, trụ với chánh niệm. Vị ấy từ thôn ấp khất thực xong, xếp y cất bát, rửa sạch tay chân, vắt Ni-sư-đàn lên vai đi đến chỗ rừng vắng, hoặc đến dưới bóng cây, hoặc vào trong nhà trống, hoặc kinh hành, hoặc tọa thiền, tịnh trừ những pháp chướng ngại trong tâm. Ban ngày hoặc kinh hành hoặc tọa thiền để tịnh trừ những pháp chướng ngại trong tâm rồi. Lại vào đầu hôm hoặc kinh hành, hoặc tọa thiền, để tịnh trừ những pháp chướng ngại trong tâm. Sau khi hoặc kinh hành, hoặc tọa thiền để tịnh trừ những pháp chướng ngại trong tâm vào lúc đầu hôm rồi, đến nửa đêm đi vào tĩnh thất để nằm, xếp làm tư Ưu-đa-la-tăng[29], trải lên giường, gấp y tăng-già-lê[30] làm gối, nằm xuống phía hông bên phải, hai chân xếp chồng lên nhau, buộc ý vào ấn tượng ánh sáng[31], chánh niệm, chánh trí, hằng hướng tâm niệm đến ý tưởng sẽ trỗi dậy. Sau đêm ấy liền nhanh chóng ngồi dậy, hoặc kinh hành, hoặc tọa thiền, để tịnh trừ những pháp chướng ngại trong tâm. Như thế là pháp nằm như sư tử của Tỳ-kheo."

Tôn giả A-nan bạch rằng:

"Bạch Thế Tôn, cách nằm như sư tử của Tỳ-kheo là như vậy."

Tôn giả A-nan lại nói như vầy:

"Này chư Hiền, Đức Thế Tôn dạy tôi cách nằm giống như sư tử; từ đó trở đi chưa hề có lần nào tôi nằm nghiêng về bên hông trái." Nếu Tôn giả A-nan nói như thế thì đó là pháp vị tằng hữu của Tỳ-kheo A-nan.

Lại nữa, có thời Đức Thế Tôn du hóa Câu-thi-na-kiệt[32], trụ trong rừng Sa-la của Hòa-bạt-đan lực sĩ[33]. Bấy giờ là lúc tối hậu, Thế Tôn sắp nhập Bát-niết-bàn, Ngài bảo

---

29. *Ưu-đa-la-tăng* -u-h———Ahay *Uất-đa-la-tăng*; Pāli: uttarāsaṅga, dịch là thượng y, áo khoác phần trên thân thể. Thường thì nói là "gấp tư tăng-già-lê"; Pāli: catugguṇam saṅghāṭiṃ paññāpetvā.

30. *Tăng-già-lê* ————FPāli: saṅghāṭi, áo choàng, áo khoác hay trùm bên ngoài.

31. *Minh tưởng*, hay *quang minh tưởng* ———Q-Asuy tưởng về ánh sáng; Pāli: āloka-saññā.

32. Câu-thi-na-kiệt ——r———A Pāli: Kusināra, thị trấn nơi Phật sẽ nhập Niết-bàn.

33. Hòa-bạt-đan lực sĩ Sa-la lâm 恕-[——0-h———L-F No.1(2) *Trường*, kinh số 2 "Du Hành": Bản sanh xứ Mạt-la song thọ gian. Pāli: rừng Upavattana, rừng cây sāla, ở bên bờ sông Hiraññavati, của dòng họ

rằng: 'Này A-nan, ngươi hãy đi đến giữa hai cây Song thọ, trải giường đầu quay về hướng Bắc, cho Như Lai. Nửa khuya đêm nay Như Lai sẽ Bát-niết-bàn."

Tôn giả A-nan vâng lời dạy của Như Lai, liền đến giữa hai cây Song thọ trải giường nằm, đầu quay về hướng Bắc cho Đức Như Lai. Trải giường rồi trở về nơi Đức Phật, cúi đầu lễ chân Phật, đứng sang một bên, thưa rằng:

"Bạch Thế Tôn, con đã trải giường nằm, đầu quay hướng Bắc, cho Đức Như Lai, ở giữa hai cây Song thọ. Kính mong Đức Thế Tôn tự nên biết thời."

Bấy giờ Đức Thế Tôn dẫn Tôn giả A-nan đến giữa hai cây Song thọ, xếp làm tư Ưu-đà-la-tăng trải lên giường, gấp y tăng-già-lê làm gối, nằm về hướng hông bên phải, hai chân xếp chồng lên nhau. Lúc tối hậu sắp Bát-niết-bàn, Tôn giả A-nan quạt hầu Phật, đưa tay gạt nước mắt, rồi nghĩ như vầy: 'Trước kia, có chúng Tỳ-kheo ở các nơi muốn đến thăm viếng Đức Thế Tôn để cúng dường lễ bái, thì đều có thể tùy lúc mà được thăm viếng Đức Thế Tôn để lễ bái cúng dường. Nếu họ nghe Đức Thế Tôn đã Bát-niết-bàn thì họ sẽ không còn đến để được thăm viếng Đức Thế Tôn mà cúng dường lễ bái. Ta cũng không còn tùy lúc mà thăm viếng Đức Thế Tôn để cúng dường lễ bái'.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn hỏi các Tỳ-kheo rằng:

"Tỳ-kheo A-nan bây giờ ở đâu?"

Lúc ấy các Tỳ-kheo bạch rằng:

"Bạch Thế Tôn, Tôn giả A-nan đang cầm quạt hầu Phật, đưa tay gạt nước mắt rồi nghĩ thế này: 'Trước kia, có chúng Tỳ-kheo ở các nơi muốn đến thăm viếng Đức Thế Tôn để cúng dường lễ bái, thì đều có thể tùy lúc mà được thăm viếng Đức Thế Tôn để lễ bái cúng dường. Nếu họ nghe Đức Thế Tôn đã Bát-niết-bàn thì họ sẽ không còn đến để được thăm viếng Đức Thế Tôn mà cúng dường lễ bái. Ta cũng không còn tùy lúc mà thăm viếng Đức Thế Tôn để cúng dường lễ bái'."

Bấy giờ Thế Tôn bảo rằng:

"Này A-nan, ngươi chớ khóc lóc, cũng chớ buồn rầu. Vì sao vậy? Này A-nan, ngươi hầu hạ Ta, thân hành từ hòa, khẩu và ý hành từ hòa, chưa từng có hai lòng, an lạc vô lường, vô biên, vô hạn. Này A-nan, nếu các Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, trong đời quá khứ, có người thị giả nào hầu hạ cũng không thể hơn ngươi được. Này A-nan, nếu các Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, trong đời vị lai, có người thị giả nào hầu hạ cũng không thể hơn ngươi được. Này A-nan, Ta, Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, trong đời hiện tại, nếu có người nào làm thị giả, cũng không thể hơn ngươi được. Vì sao vậy? A-nan khéo biết thời, khéo phân biệt được thời, biết lúc nào là thời nên đến gặp Như Lai, lúc nào không phải là thời đến gặp Như Lai; biết lúc nào là thời chúng Tỳ-kheo và chúng Tỳ-kheo-ni nên đến gặp Như Lai, lúc nào không phải là thời chúng Tỳ-kheo và chúng Tỳ-kheo-ni nên đến gặp Như Lai; biết lúc nào là thời chúng Ưu-bà-tắc và chúng Ưu-bà-di nên đến gặp Như Lai, lúc nào không phải là thời chúng Ưu-bà-tắc và chúng Ưu-bà-di nên đến gặp Như Lai; biết lúc nào các hàng Sa-môn, Phạm chí dị học nên đến gặp Như Lai, biết lúc nào các hàng Sa-môn, Phạm chí dị học không nên đến gặp Như Lai; biết lúc nào các hàng Sa-môn, Phạm chí dị học không nên đến gặp Như Lai; biết các hàng Sa-môn, Phạm chí dị học nào có thể bàn luận với Như Lai; biết các hàng Sa-môn, Phạm chí dị học nào không thể bàn luận với Như Lai; biết thức ăn loại cứng hay loại mềm

---

Malla ở Kusinarā. Đức Thích Tôn sẽ nhập Niết-bàn trong rừng này.

nào Đức Như Lai dùng rồi sẽ an ổn, có lợi ích loại cứng hay loại mềm nào Đức Như Lai dùng rồi sẽ không được an ổn, có lợi ích; thức ăn loại cứng hay loại mềm nào Đức Như Lai dùng rồi sẽ được biện tài thuyết pháp. Biết thức ăn loại cứng hay loại mềm nào Đức Như Lai dùng rồi sẽ không được biện tài thuyết pháp.

"Lại nữa, này A-nan, ngươi tuy không có tha tâm trí, nhưng có thể khéo biết trước được Đức Như Lai sẽ thuyết pháp cho ai khi Như Lai rời tĩnh tọa đứng dậy vào buổi xế, hôm nay Đức Như Lai sẽ làm như vậy, sẽ hiện pháp lạc trụ như vậy, nhận xét đúng lời Ngài nói, chắc thật không thể sai khác."

Bấy giờ Đức Thế Tôn muốn làm cho A-nan vui vẻ, bảo với các thầy Tỳ-kheo ấy rằng:

"Vị Chuyển luân Thánh vương có bốn pháp vị tằng hữu. Những gì là bốn? Đó là chúng Sát-lợi đến yết kiến Chuyển luân vương, nếu lúc ấy im lặng, họ thấy vậy liền vui vẻ, nếu lúc ấy có nói gì, họ nghe rồi liền vui vẻ. Tỳ-kheo A-nan cũng giống như vậy, nghĩa là có bốn pháp vị tằng hữu. Những gì là bốn? Đó là chúng Tỳ-kheo khi đến gặp A-nan, nếu lúc ấy im lặng, thấy vậy liền vui vẻ, nếu lúc ấy có nói gì, họ nghe rồi liền hoan hỷ. Chúng Tỳ-kheo-ni, chúng Ưu-bà-tắc, chúng Ưu-bà-di, nếu gặp A-nan, gặp lúc im lặng, thấy vậy liền hoan hỷ, nếu lúc ấy có nói gì, nghe rồi liền hoan hỷ.

"Lại nữa, A-nan thuyết pháp cho đại chúng, có bốn pháp vị tằng hữu. Những gì là bốn? Tỳ-kheo thuyết pháp cho chúng Tỳ-kheo bằng chí tâm, không phải không chí tâm. Chúng Tỳ-kheo kia cũng nghĩ như vầy: 'Mong Tôn giả A-nan thường thuyết pháp, không dừng lại nửa chừng. Chúng Tỳ-kheo kia nghe Tôn giả A-nan thuyết pháp, hoàn toàn không chán nản. Nhưng Tỳ-kheo A-nan tự nhiên ngồi im lặng'. Tỳ kheo A-nan thuyết pháp cho chúng Tỳ-kheo-ni, chúng Ưu-bà-tắc, chúng Ưu-bà-di, bằng chí tâm, không phải không chí tâm. Chúng Ưu-bà-di ấy cũng nghĩ như vầy: 'Mong Tôn giả A-nan thường thuyết pháp, không dừng lại nửa chừng. Chúng Ưu-bà-di kia nghe Tôn giả A-nan thuyết pháp, hoàn toàn không chán nản. Nhưng Tỳ-kheo A-nan tự nhiên ngồi im lặng'."[34]

Lại nữa, một thời sau khi Thế Tôn Bát-niết-bàn không bao lâu, Tôn giả A-nan du hóa tại Kim cang[35], trú ở thôn Kim cang. Bấy giờ Tôn giả A-nan thuyết pháp cho vô lượng trăm ngàn đại chúng vây quanh trước sau. Bấy giờ, Tôn giả Kim Cang Tử[36] cũng đang ở trong đại chúng ấy. Tôn giả Kim Cang Tử trong tâm suy nghĩ như vầy: 'Tôn giả A-nan này vẫn còn là bậc hữu học chưa ly dục sao? Ta nên như vậy, và bằng định ấy mà quan sát tâm của Tôn giả A-nan'. Thế rồi Tôn giả Kim Cang Tử nhập định, và bằng định như vậy mà quan sát tâm của Tôn giả A-nan. Tôn giả Kim Cang Tử biết Tôn giả A-nan vẫn còn là hữu học nên chưa ly dục. Bấy giờ Tôn giả ra khỏi tam muội, hướng về Tôn giả A-nan nói bài tụng rằng:

Núi rừng vắng tư duy,
Khiến tâm trụ Niết-bàn,
Cù-đàm Thiền không loạn,
Sẽ sớm chứng tịch tĩnh.

---

34. Nguyên đoạn dài này, xem No.16, Đại 1, tr.137, 143 - 6 của bản Hán tương đương; No.1(2) *Trường*, kinh "Du Hành".

35. Kim cang ——A Pāli có lẽ là Vajjī (tên dòng họ cũng là tên nước; Hán: Bạt-kỳ) được đọc là Vajira (kim cang).

36. Kim Cang Tử, Pāli, có lẽ chính xác là Vajjiputta (thay vì Vajiraputta), sự kiện được đề cập trong Thag. kệ 119.

Bấy giờ Tôn giả A-nan vâng theo lời của Tôn giả Kim Cang Tử, rời bỏ chỗ đông mà sống một mình, tinh tấn, không tán loạn. Tôn giả rời bỏ chỗ đông, sống một mình, tinh tấn, không tán loạn, để đạt mục đích vì đó là một thiện nam tử đã cạo bỏ râu tóc, khoác áo ca-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo; chỉ vì mục đích là thành tựu phạm hạnh vô thượng, ngay trong đời hiện tại, tự tri tự giác, tự chứng nghiệm, thành tựu và an trụ, biết như thật rằng: 'Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã xong, không còn tái sanh nữa'.

Tôn giả A-nan biết pháp rồi, cho đến, chứng đắc A-la-hán[37]. Tôn giả A-nan nói vầy:

"Này chư Hiền, tôi ngồi trên giường, ngả đầu chưa đụng gối, liền đoạn tất cả lậu, chứng tâm giải thoát." Nếu Tôn giả A-nan nói như thế; thì đó là pháp vị tằng hữu của Tỳ-kheo A-nan.

Tôn giả A-nan lại nói:

"Này chư Hiền, tôi sẽ ngồi kiết già để Bát-niết-bàn." Tôn giả A-nan liền ngồi kiết già mà Bát-niết-bàn.

Nếu Tôn giả A-nan ngồi kiết già mà Bát-niết-bàn; thì đó là pháp vị tằng hữu của Tỳ-kheo A-nan.

Đức Phật thuyết như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

❑

37. Trong bản: A-la-ha ———F.

34. KINH BẠC-CÂU-LA[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, sau khi Phật nhập Niết-bàn không bao lâu, Tôn giả Bạc-câu-la[2] du hóa[3] tại thành Vương xá, trong Trúc lâm vườn Ca-lan-đa.

Bấy giờ có một người dị học[4], vốn là bằng hữu thân thiết với Tôn giả Bạc-câu-la khi ngài chưa xuất gia, vào buổi xế, loanh quanh đi đến chỗ Tôn giả Bạc-câu-la, chào hỏi rồi ngồi sang một bên. Dị học nói rằng:

"Hiền giả Bạc-câu-la, tôi có điều muốn hỏi; có thể cho tôi được hỏi chăng?"

Tôn giả Bạc-câu-la trả lời:

"Này dị học, tùy điều ông hỏi, tôi nghe rồi suy nghĩ."

Dị học hỏi:

"Hiền giả Bạc-câu-la, ngài đã theo học trong chánh pháp luật này được bao lâu?"

Tôn giả Bạc-câu-la trả lời:

"Này dị học, tôi theo học trong chánh pháp luật này đến nay đã là tám mươi năm."

Dị học hỏi rằng:

"Hiền giả Bạc-câu-la, ngài đã theo học trong chánh pháp luật này đến nay là tám mươi năm; Ngài nhớ có lần nào ngài làm việc dâm dục chăng?"

Tôn giả Bạc-câu-la bảo dị học rằng:

"Ông đừng hỏi như vậy, mà hãy hỏi một cách khác: 'Hiền giả Bạc-câu-la, ngài học đạo trong chánh pháp luật này được tám mươi năm, ngài nhớ có lần nào khởi lên dục tưởng[5] chăng?' Ông nên hỏi như vậy."

Bấy giờ dị học liền nói như vầy:

"Tôi nay lại hỏi rằng: 'Hiền giả Bạc-câu-la, ngài học đạo trong chánh pháp luật này được tám mươi năm, ngài nhớ có lần nào khởi lên dục tưởng chăng?'"

Bấy giờ Tôn giả Bạc-câu-la nhân người dị học hỏi như vậy, liền nói với các Tỳ-kheo rằng:

"Này chư Hiền, tôi đã học đạo trong chánh pháp luật này đến nay là tám mươi năm, nếu nhân đó khởi cống cao, ý tưởng đó hoàn toàn không có."

Nếu Tôn giả Bạc-câu-la nói như vậy; đó là pháp vị tằng hữu của Tôn giả Bạc-câu-la.

---

1. Tương đương Pāli: M.124 Bakkulasuttam.
2. Bạc-câu-la ——C Pāli: Bakkula, Bākula, hay Vakkula; nguyên quán ở Kosambi, một trong bốn đệ tử có đại trí thông (abhiñña). Ngài được coi là vị đệ tử khổ hạnh, không thuyết pháp.
3. Xem cht.1 kinh số 1.
4. Dị học ——C Pāli: acela-Kassapa, một tu sĩ lõa thể tên là Kassapa.
5. Hán: *dục tưởng* —Q—C Pāli: kāma-saññā.

Lại nữa, Tôn giả Bạc-câu-la nói như vầy:

"Này chư Hiền, tôi đã học đạo trong chánh pháp luật này đến nay là tám mươi năm, chưa từng khởi dục tưởng."

Nếu Tôn giả Bạc-câu-la nói như vậy; đó là pháp vị tằng hữu của Tôn giả Bạc-câu-la.

Lại nữa, Tôn giả Bạc-câu-la nói như vầy:

"Này chư Hiền, tôi thọ trì y phấn tảo[6] đến nay là tám mươi năm. Nếu tôi nhân đó mà khởi tâm cống cao, ý tưởng đó hoàn toàn không có."

Nếu Tôn giả Bạc-câu-la nói như vậy; đó là pháp vị tằng hữu của Tôn giả Bạc-câu-la.

Lại nữa, Tôn giả Bạc-câu-la nói như vầy:

"Này chư Hiền, tôi thọ trì y phấn tảo đến nay là tám mươi năm; tôi nhớ chưa từng thọ y của người cư sĩ[7], chưa từng cắt may y, chưa từng nhờ người khác may hộ y, chưa từng dùng kim khâu y, chưa từng dùng kim khâu túi, dù là một sợi chỉ."

Nếu Tôn giả Bạc-câu-la nói như vậy; đó là pháp vị tằng hữu của Tôn giả Bạc-câu-la.

Lại nữa, Tôn giả Bạc-câu-la nói như vầy:

"Này chư Hiền, tôi khất thực đến nay là tám mươi năm; nếu tôi nhân đó mà khởi tâm cống cao, ý tưởng đó hoàn toàn không có."

Nếu Tôn giả Bạc-câu-la nói như vậy; đó là pháp vị tằng hữu của Tôn giả Bạc-câu-la.

Lại nữa, Tôn giả Bạc-câu-la nói như vầy:

"Này chư Hiền, tôi khất thực đến nay là tám mươi năm; tôi nhớ, chưa hề nhận lời mời của cư sĩ, chưa hề khất thực vượt thứ tự[8], chưa hề khất thực nơi các nhà lớn để nhận các thứ đồ ăn loại cứng, loại mềm[9] rất dồi dào, rất tinh khiết và mỹ vị; chưa hề nhìn ngắm người nữ; chưa hề vào khu vực Tỳ-kheo-ni, chưa hề cùng Tỳ-kheo-ni hỏi chuyện, cho đến cũng chưa hề nói chuyện giữa đường."

Nếu Tôn giả Bạc-câu-la nói như vậy; đó là pháp vị tằng hữu của Tôn giả Bạc-câu-la.

Lại nữa, Tôn giả Bạc-câu-la nói như vầy:

"Này chư Hiền, tôi ở trong chánh pháp luật này học đạo đã tám mươi năm, chưa hề nuôi Sa-di, chưa hề thuyết pháp cho bạch y; cho đến chưa hề nói cho họ chỉ bốn câu tụng."

Nếu Tôn giả Bạc-câu-la nói như vậy; đó là pháp vị tằng hữu của Tôn giả Bạc-câu-la.

Lại nữa, Tôn giả Bạc-câu-la nói như vầy:

"Này chư Hiền, tôi ở trong chánh pháp luật này học đạo đã tám mươi năm, chưa hề có bệnh, cho đến dù chỉ nhức đầu trong khoảng búng ngón tay; chưa hề uống thuốc, cho

---

6. Phấn tảo y -T———C Pāli: paṃsulaku, y may bằng vải lượm từ các đống rác. Bakkula tu hạnh đầu-đà, chỉ mặc y phấn tảo (Paṃsukulika).

7. Tức nhận vải từ cư sĩ để may y.

8. Hán: *siêu việt khất thực* -W-V-^ ——C Theo phép, khất thực phải đi lần lượt từng nhà, bất luận giàu hay nghèo.

9. Hán: *thực đạm hàm tiêu* ———t ——F thức ăn cần phải nhai, và loại chỉ ngậm cho tiêu.

đến dù chỉ một Ha-lê-lặc[10].”

Nếu Tôn giả Bạc-câu-la nói như vậy; đó là pháp vị tằng hữu của Tôn giả Bạc-câu-la.

Lại nữa, Tôn giả Bạc-câu-la nói như vầy:

“Này chư Hiền, trong tám mươi năm qua, khi tôi ngồi kiết già, chưa từng dựa vào vách hay dựa vào cây.”

Nếu Tôn giả Bạc-câu-la nói như vậy; đó là pháp vị tằng hữu của Tôn giả Bạc-câu-la.

Lại nữa, Tôn giả Bạc-câu-la nói như vầy:

“Này chư Hiền, trong vòng ba ngày ba đêm, tôi chứng đắc ba minh đạt[11].”

Nếu Tôn giả Bạc-câu-la nói như vậy; đó là pháp vị tằng hữu của Tôn giả Bạc-câu-la.

Lại nữa, Tôn giả Bạc-câu-la nói như vầy:

“Này chư Hiền, tôi sẽ ngồi kiết già để vào Niết-bàn.”

Nếu Tôn giả Bạc-câu-la nói như vậy; đó là pháp vị tằng hữu của Tôn giả Bạc-câu-la.

Tôn giả Bạc-câu-la thuyết như vầy. Các Tỳ-kheo và người dị học sau khi nghe Tôn giả Bạc-câu-la thuyết, hoan hỷ phụng hành.

10. Ha-lê-lặc ─F──C Pāli: harītaka, loại quả dùng lam thuốc (Terminalia citrina).

11. Hán: *tam đạt chứng* ─T─F──CTức sự chứng đắc ba minh: túc mạng minh, thiên nhãn minh và lậu tận minh. Pāli: tisso vijjā: pubbenivāsānussati-ñāṇa-vijjā, cutūapāte-ñāṇa-vijjā, āsavā-khaya-ñāṇa-vijjā.

35. KINH A-TU-LA[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật du hóa tại Bệ-lan-nhã[2], trong vườn Hoàng lô[3].

Bấy giờ vua A-tu-la là Bà-la-la[4] con trai của Mâu-lê-già A-tu-la[5], sắc tướng uy nghi, ánh sáng chói rực, vào lúc đêm gần sáng, đi đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân Thế Tôn rồi ngồi sang một bên.

Đức Thế Tôn hỏi rằng:

"Này Bà-la-la, phải chăng trong đại hải, A-tu-la không bị các sự suy thối này, là tuổi thọ của A-tu-la sắc tướng của A-tu-la, sự hoan lạc của A-tu-la, sức mạnh của A-tu-la? Các A-tu-la cũng thích sống trong đại hải chăng?"

Vua A-tu-la là Bà-la-la con trai của Mâu-lê-già A-tu-la trả lời rằng:

"Bạch Thế Tôn. Các A-tu-la của con ở trong đại hải không bị các sự suy thối này, là tuổi thọ của A-tu-la, sắc tướng của A-tu-la, sự hoan lạc của A-tu-la, sức mạnh của A-tu-la. Các A-tu-la thích sống trong đại hải."

Thế Tôn lại hỏi:

"Này Bà-la-la, trong đại hải có mấy pháp vị tằng hữu, khiến cho các A-tu-la thấy vậy nên thích sống trong ấy?"

Bà-la-la trả lời rằng:

"Trong đại hải của con có tám pháp vị tằng hữu, khiến cho các A-tu-la thấy vậy nên thích sống trong ấy. Những gì là tám?

"Bạch Thế Tôn, đại hải của con từ đáy lên trên, chu vi dần dần rộng hơn, nghiêng chênh chếch lên dần mãi tạo thành bờ biển. Nước trong ấy luôn luôn đầy, chưa từng chảy ra ngoài. Bạch Thế Tôn, đại hải của con từ đáy lên trên, chu vi dần dần rộng hơn, nghiêng chênh chếch lên dần mãi tạo thành bờ biển. Nước trong ấy luôn luôn đầy, chưa từng chảy ra ngoài; đó là pháp vị tằng hữu thứ nhất trong đại hải của con. Các A-tu-la thấy vậy bèn thích sống ở trong đó.

"Lại nữa, bạch Thế Tôn, thủy triều trong đại hải của con chưa từng sai thời. Bạch Thế Tôn, nếu thủy triều trong đại hải của con chưa từng sai thời, thì đó là pháp vị tằng hữu thứ hai trong đại hải của con. Các A-tu-la thấy vậy bèn thích sống trong đó.

---

1. Tương đương Pāli: A. Viii.19 Pahārāda. Biệt dịch: No.125(42.4), Tăng Nhất 36, "phẩm 42 Bát Nạn" kinh số 4, Đại 2 tr.752.
2. Bệ-lan-nhã [illegible] Pāli: Verañjā, tên một thị trấn gần Sāvatthi.
3. Hoàng lô viên [illegible] Pāli: Naḷerupucīmaṇḍa, khu rừng gần thị trấn Verañjà, phần lớn toàn cây pucimanda, một loại lao? (Azdirachta Indica).
4. Bà-la-la A-tu-la vương [illegible] Pāli: Pahārāda-asurinda.
5. Mâu-lê-già A-tu-la tử [illegible] con trai của A-tu-la Mâu-lê-già(?); No.125(42.4) Mâu-đề-luân thiên tử [illegible]

"Lại nữa, bạch Thế Tôn, nước trong đại hải của con rất sâu không có đáy, rất rộng không thấy bờ. Bạch Thế Tôn, nếu nước trong đại hải của con rất không sâu có đáy, rất rộng không thấy bờ; thì đó là pháp vị tằng hữu thứ ba trong đại hải của con, các A-tu-la thấy vậy bèn thích sống trong đó.

"Lại nữa, bạch Thế Tôn, nước trong đại hải của con đều cùng một vị. Bạch Thế Tôn, nếu nước trong đại hải của con cùng một vị; thì đó là pháp vị tằng hữu thứ tư trong đại hải của con, các A-tu-la thấy vậy bèn thích sống trong đó.

"Lại nữa, bạch Thế Tôn, trong đại hải của con có rất nhiều trân bảo, vô lượng đồ quí báu lạ mắt; đủ các loại đồ trân kỳ được chứa đầy trong đó. Tên của các trân bảo đó là vàng, bạc, thủy tinh, lưu ly, ma ni, trân châu, bích ngọc, bạch kha, loa bích, san hô, hổ phách, mã não, đồi mồi, đá đỏ, tuyền châu. Bạch Thế Tôn, nếu trong đại hải của con có rất nhiều trân bảo, vô lượng đồ quí báu lạ mắt; đủ các loại đồ trân kỳ được chứa đầy trong đó. Tên của các trân bảo đó là vàng, bạc, thủy tinh, lưu ly, ma ni, trân châu, bích ngọc, bạch kha, loa bích, san hô, hổ phách, mã não, đồi mồi, đá đỏ, tuyền châu; thì đó là pháp vị tằng hữu thứ năm trong đại hải của con, các A-tu-la thấy vậy bèn thích sống trong đó.

"Lại nữa, bạch Thế Tôn, đại hải là chỗ cư trú của các vị thần lớn[6]. Những vị thần đó tên là A-tu-la, Kiền-thấp-hòa[7], La-sát[8], cá kình[9], rùa, cá sấu[10], Bà-lưu-nê[11], Đế-nghê[12], Đế-nghê-già-la[13], Đề-đế-nghê-già-la[14]. Lại nữa, trong đại hải, rất kỳ lạ, rất đặc biệt, có chúng sanh thân thể tới một trăm do-diên, hai trăm do-diên, cho đến ba trăm do-diên, bảy trăm do-diên mà thân vẫn ở trong đại hải. Bạch Thế Tôn, nếu có những vị thần cư trú trong đại hải của con; những vị thần đó tên là A-tu-la, Kiền-thấp-hòa, La-sát, cá kình, rùa, cá sấu, Bà-lưu-nê, Đế-nghê, Đế-nghê-già-la, Đề-đế-nghê-già-la. Lại nữa, trong đại hải, rất kỳ lạ, rất đặc biệt, có chúng sanh thân thể tới một trăm do-diên, hai trăm do-diên, cho đến ba trăm do-diên, bảy trăm do-diên mà thân vẫn ở trong đại hải; thì đó là pháp vị tằng hữu thứ sáu trong đại hải của con, các A-tu-la thấy vậy bèn thích sống trong đó.

"Lại nữa, bạch Thế Tôn, đại hải của con thanh tịnh không dung chứa tử thi. Nếu có người nào mạng chung thì qua một đêm gió liền thổi tấp vào bờ. Bạch Thế Tôn, nếu đại hải của con thanh tịnh không dung chứa tử thi. Nếu có người nào mạng chung thì qua một đêm gió liền thổi tấp vào bờ; thì đó là pháp vị tằng hữu thứ bảy trong đại hải của con, các A-tu-la thấy vậy bèn thích sống trong đó.

"Lại nữa, bạch Thế Tôn, trong đại hải của con thuộc về châu Diêm-phù có năm sông lớn, là Hằng-già, Diêu-vưu-na, Xa-lao-phù, A-di-la-ba-đề, Ma-xí[15]. Tất cả đều chảy vào đại hải. Chảy vào đó rồi, thảy đều bỏ tên cũ, gọi chung là đại hải. Bạch Thế Tôn, nếu trong đại hải của con thuộc về châu Diêm-phù có năm sông lớn, là Hằng-già, Diêu-vưu-na, Xa-lao-phù, A-di-la-ba-đề, Ma-xí. Tất cả đều chảy vào đại hải. Chảy vào đó rồi, thảy

---

6. Pāli: mahataṃ bhūtanaṃ āvāso, trú xứ của các sinh vật to lớn.
7. Kiền-thấp-hòa ——恕–CPāli: gandhabba.
8. La-sát ——b–C Pāli: Rakkha.
9. Ngư ma-kiệt ————C Pāli: makara, một loại cá voi.
10. Đà –e–Fmột loại cá sấu. Pāli: (?).
11. Bà-lưu-nê –C–d–d–CPāli: Vaguni, thị nữ của Long vương Vaguna (?).
12. Đế-nghê ———CPāli: timi, một loại cá lớn.
13. Đế-nghê-già-la ——————CPāli: timiṅgala, một loại cá lớn có thể nuốt cả một chiếc thuyền.
14. Đề-đế-nghê-già-la ——————CPāli: timiramiṅgala, một loại cá lớn có thể nuốt cả một chiếc thuyền.
15. Hằng-già ———ADiêu-vưu-na –n———AXa-lao-phù ——c–B–AA-di-la-ba-đề ——i——C——AMa-xí ———CPāli, theo thứ tự: Gaṅgā, Yamunā, Sarabhū, Aciravatī, Mahī.

đều bỏ tên cũ, gọi chung là đại hải; thì đó là pháp vị tằng hữu thứ tám trong đại hải của con, các A-tu-la thấy vậy bèn thích sống trong đó.

"Bạch Thế Tôn, đó là tám vị tằng hữu trong đại hải của con. Các A-tu-la thấy vậy nên thích sống trong ấy.

"Bạch Thế Tôn, trong Chánh pháp luật của Thế Tôn có mấy pháp vị tằng hữu, khiến cho các Tỳ-kheo thấy được bèn hoan lạc trong đó?"

Thế Tôn đáp:

"Này Bà-la-la, trong Chánh pháp luật của ta cũng có tám pháp vị tằng hữu, khiến cho các Tỳ-kheo thấy được bèn hoan lạc trong đó. Những gì là tám?

"Này Bà-la-la, giống như đại hải, từ đáy lên trên, chu vi dần dần rộng hơn, nghiêng chênh chếch lên dần mãi tạo thành bờ biển. Nước trong ấy luôn luôn đầy, chưa từng chảy ra ngoài. Này Bà-la-la, Chánh pháp luật của Ta cũng giống như vậy, dần dần thực hành, dần dần học tập, dần dần đoạn trừ và dần dần giáo hóa. Này Bà-la-la, nếu trong chánh pháp Ta dần dần thực hành, dần dần học, dần dần đoạn trừ và dần dần giáo hóa, thì đó là pháp vị tằng hữu thứ nhất trong Chánh pháp luật của Ta, khiến cho các Tỳ-kheo thấy rồi thích trụ trong đó.

"Lại nữa, này Bà-la-la, giống như thủy triều trong đại hải chưa từng sai thời. Này Bà-la-la, Chánh pháp luật của Ta cũng giống như vậy, những cấm giới được thi thiết cho Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di; các thiện nam tử ấy dù cho đến mạng chung cũng không phạm giới. Này Bà-la-la, nếu trong Chánh pháp luật của Ta những cấm giới được thi thiết cho Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di; các thiện nam tử ấy dù cho đến mạng chung cũng không phạm giới; thì đó là pháp vị tằng hữu thứ hai trong Chánh pháp luật của Ta, khiến cho các Tỳ-kheo thấy rồi thích trú trong đó.

"Lại nữa, này Bà-la-la, giống như nước trong đại hải rất sâu không đáy, rộng không thấy bờ. Này Bà-la-la, Chánh pháp luật của Ta cũng giống như vậy, các pháp rất sâu không đáy, rất rộng không thấy bờ. Này Bà-la-la, nếu Chánh pháp luật của Ta rất sâu không có đáy, rất rộng không thấy bờ; thì đó là pháp vị tằng hữu thứ ba trong Chánh pháp luật của Ta, khiến cho các Tỳ-kheo thấy rồi thích sống trong đó.

"Lại nữa, này Bà-la-la, giống như nước trong đại hải cùng một vị mặn. Này Bà-la-la, Chánh pháp của ta cũng giống như vậy, chỉ có một vị là vị vô dục, vị giác, vị tịch tĩnh và vị đạo. Này Bà-la-la, nếu Chánh pháp luật của Ta chỉ có một vị là vị vô dục, vị giác, vị tịch tĩnh và vị đạo; thì đó là pháp vị tằng hữu thứ tư trong Chánh pháp luật của Ta, khiến các Tỳ-kheo thấy rồi thích sống trong đó.

"Lại nữa, này Bà-la-la, giống như đại hải có rất nhiều trân bảo, vô lượng đồ quí báu lạ mắt; đủ các loại đồ trân kỳ được chứa đầy trong đó. Tên của các trân bảo đó là vàng, bạc, thủy tinh, lưu ly, ma ni, trân châu, bích ngọc, bạch kha, loa bích, san hô, hổ phách, mã não, đồi mồi, đá đỏ, tuyền châu. Này Bà-la-la, Chánh pháp luật của Ta cũng giống như vậy, có rất nhiều trân bảo, vô lượng đồ quí báu lạ mắt; đủ các loại đồ trân kỳ được chứa đầy trong đó. Những pháp trân bảo đó là: bốn niệm xứ, bốn chánh cần, bốn như ý túc, năm căn, năm lực, bảy giác chi, Thánh đạo tám chi. Này Bà-la-la, nếu trong Chánh pháp luật của Ta cũng có rất nhiều trân bảo, vô lượng đồ quí báu lạ mắt; đủ các loại đồ trân kỳ được chứa đầy trong đó. Những pháp trân bảo đó là: bốn niệm xứ, bốn chánh cần, bốn như ý túc, năm căn, năm lực, bảy giác chi, Thánh đạo tám chi; thì đó là pháp vị tằng hữu thứ năm trong Chánh pháp luật của Ta. Khiến cho các Tỳ-kheo thấy rồi thích trú trong đó.

"Lại nữa, này Bà-la-la, giống như đại hải là chỗ cư trú của các vị thần lớn. Những vị

thần đó tên là A-tu-la, Kiền-thấp-hòa, La-sát, cá kình, rùa, cá sấu, Bà-lưu-nê, Đế-nghê, Đế-nghê-già-la, Đề-đế-nghê-già-la. Lại nữa, trong đại hải, rất kỳ lạ, rất đặc biệt, có chúng sanh thân thể tới một trăm do-diên, hai trăm do-diên, cho đến ba trăm do-diên, bảy trăm do-diên mà thân vẫn ở trong trong đại hải. Này Bà-la-la, Chánh pháp luật của Ta cũng giống như vậy, có các thần to lớn, là Thánh chúng, đều cư trú trong đó. Tên của các thần to lớn đó là: A-la-hán, Hướng A-la-hán, A-na-hàm, Hướng A-na-hàm, Tư-đà-hàm, Hướng Tư-đà-hàm, Tu-đà-hoàn, Hướng Tu-đà-hoàn. Này Bà-la-la, nếu trong Chánh pháp luật của Ta, có các thần to lớn, là Thánh chúng, đều cư trú trong đó. Tên của các thần to lớn đó là: A-la-hán, Hướng A-la-hán, A-na-hàm, Hướng A-na-hàm, Tư-đà-hàm, Hướng Tư-đà-hàm, Tu-đà-hoàn, Hướng Tu-đà-hoàn; thì đó là pháp vị tằng hữu thứ sáu trong Chánh pháp luật của Ta, khiến các Tỳ-kheo thích trú trong đó.

"Lại nữa, này Bà-la-la, giống như đại hải thanh tịnh không dung chứa tử thi, nếu có người mạng chung trong biển, thì qua một đêm, gió sẽ thổi tấp vào bờ. Này Bà-la-la, Chánh pháp luật của ta cũng giống như vậy, Thánh chúng thanh tịnh không dung chứa tử thi. Nếu có người nào không tinh tấn, sanh ra điều ác, phi phạm hạnh mà xưng là phạm hạnh, phi Sa-môn mà xưng là Sa-môn; người ấy dù ở trong Thánh chúng, nhưng cách Thánh chúng rất xa; Thánh chúng cũng lại cách người ấy rất xa. Này Bà-la-la, nếu trong Chánh pháp luật của Ta cũng giống như vậy, Thánh chúng thanh tịnh không dung chứa tử thi. Nếu có người nào không tinh tấn, sanh ra điều ác, phi phạm hạnh mà xưng là phạm hạnh, phi Sa-môn mà xưng là Sa-môn; người ấy dù ở trong Thánh chúng, nhưng cách Thánh chúng rất xa; Thánh chúng cũng lại cách người ấy rất xa; đó là pháp vị tằng hữu thứ bảy trong Chánh pháp luật của Ta, khiến cho các Tỳ-kheo thấy rồi thích trú trong đó.

"Lại nữa, này Bà-la-la, giống như đại hải thuộc về châu Diêm-phù có năm sông lớn, là Hằng-già, Diêu-vưu-na, Xa-lao-phù, A-di-la-ba-đề, Ma-xí. Tất cả đều chảy vào đại hải. Này Bà-la-la, Chánh pháp luật của Ta cũng giống như thế; thiện nam tử, thuộc dòng Sát-lợi, cạo bỏ râu tóc, khoác áo ca-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo; người ấy bỏ tên cũ, có tên chung là Sa-môn. Thiện nam tử thuộc dòng Phạm chí, dòng cư sĩ, dòng thợ thuyền, cạo bỏ râu tóc, khoác áo ca-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo; người ấy bỏ tên cũ, có tên chung là Sa-môn. Này Bà-la-la, Chánh pháp luật của ta cũng giống như thế; thiện nam tử, thuộc dòng Sát-lợi, cạo bỏ râu tóc, khoác áo ca-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo; người ấy bỏ tên cũ, có tên chung là Sa-môn. Thiện nam tử thuộc dòng Phạm chí, dòng cư sĩ, dòng thợ thuyền, cạo bỏ râu tóc, khoác áo ca-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo; người ấy bỏ tên cũ, có tên chung là Sa-môn; thì đó là pháp vị tằng hữu thứ tám trong Chánh pháp luật của Ta, khiến cho các Tỳ-kheo thấy rồi ưa thích trú trong đó.

"Này Bà-la-la, đó là tám pháp vị tằng hữu trong Chánh pháp luật của Ta, khiến cho các Tỳ-kheo thấy rồi ưa thích trú trong đó.

"Này Bà-la-la, ý ông nghĩ thế nào? Trong Chánh pháp luật của Ta có tám pháp vị tằng hữu, trong đại hải của ông cũng có tám pháp vị tằng hữu; hai loại vị tằng hữu ấy, loại nào thù thắng hơn? Vi diệu, tối thượng hơn?

Bà-la-la thưa rằng:

"Bạch Thế Tôn, tám pháp vị tằng hữu có trong đại hải của con không bằng tám pháp vị tằng hữu của Như Lai; không bằng một phần ngàn, một phần vạn; không thể so sánh, không thể ví dụ, không thể đếm, không thể kể, chỉ có tám pháp vị tằng hữu của Thế

Tôn là cao hơn cả, là tối thắng, là vi diệu, là tối thượng.

"Hôm nay con xin tự quy y Phật, quy y Pháp và Chúng Tỳ-kheo; cúi mong Thế Tôn chấp nhận cho con làm Ưu-bà-tắc; bắt đầu từ hôm nay, con thân tự quy y, cho đến mạng chung."

Đức Phật thuyết như vậy. A-tu-la vương Bà-la-la và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

❑

36. KINH ĐỊA ĐỘNG[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật du hóa tại nước Kim cang[2], thành Viết-địa[3].

Bấy giờ cõi đất kia bị chấn động mạnh[4]. Khi cõi đất bị chấn động mạnh, bốn mặt gió lớn nổi lên, bốn phương sao chổi mọc; nhà cửa, tường vách, tất cả đều sụp đổ.

Lúc đó, Tôn giả A-nan thấy cõi đất bị chấn động mạnh. Khi cõi đất bị chấn động mạnh, bốn mặt gió lớn nổi lên, bốn phương sao chổi mọc; nhà cửa, tường vách, tất cả đều sụp đổ. A-nan thấy rồi sợ hãi, toàn thân lông dựng đứng; đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, đứng sang một bên, rồi thưa rằng:

"Bạch Thế Tôn, hôm nay cõi đất bị chấn động mạnh. Khi cõi đất bị chấn động mạnh, bốn mặt gió lớn nổi lên, bốn phương sao chổi mọc; nhà cửa, tường vách, tất cả đều sụp đổ."

Bấy giờ, Thế Tôn bảo A-nan rằng:

"Thật vậy, A-nan, nay đất bị chấn động mạnh. Thật vậy, A-nan, khi cõi đất bị chấn động mạnh, bốn mặt gió lớn nổi lên, bốn phương sao chổi mọc; nhà cửa, tường vách, tất cả đều sụp đổ."

A-nan bạch rằng:

"Thế Tôn, có mấy nguyên nhân cõi đất bị chấn động mạnh. Khi cõi đất bị chấn động mạnh, bốn mặt gió lớn nổi lên, bốn phương sao chổi mọc; nhà cửa, tường vách, tất cả đều sụp đổ?"

Thế Tôn đáp:

"Này A-nan, có ba nguyên nhân khiến cõi đất bị chấn động mạnh. Khi cõi đất bị chấn động mạnh, bốn mặt gió lớn nổi lên, bốn phương sao chổi mọc; nhà cửa, tường vách, tất cả đều sụp đổ. Những gì là ba?

"Này A-nan, cõi đất này y chỉ trên nước; nước y chỉ trên gió; gió y vào hư không. A-nan, có khi trong hư không nổi lên gió lớn. Gió nổi lên thì nước bị khuấy động. Nước bị khuấy động thì xảy ra động đất. Đó là nguyên nhân thứ nhất khiến cõi đất bị chấn động mạnh. Khi cõi đất bị chấn động mạnh, bốn mặt gió lớn nổi lên, bốn phương sao chổi mọc;

---

1. Bản Hán, quyển 9. Tương đương Pāli, A. VIII. Bhūmicāla; tham chiếu, một phần D.16 Mahā-Parinibbāna-suttanta. Biệt dịch, No.125 (42.5) Tăng Nhất 37 "Phẩm 8 Bát Nạn" kinh số 5; tham chiếu, No.1(2) Trường, "Kinh Du Hành I".

2. Kim cang ——Pāli: Vajirā, không thấy địa danh này trong Pāli. Có lẽ là Vajjī. No.125(42-5), tại Xá-vệ. Bản Pāli: tại Vesali.

3. Viết địa ——a-Pāli, có lẽ phiên âm của Vajjī (cũng dịch là *Bạt-kỳ*), tên chủng tộc, cũng là tên Vương quốc; nhưng không tìm thấy tên thành tương đương.

4. Tham chiếu, D.16, biến cố xãy ra tại Cāpāla, sau khi Thế Tôn chấp thuận lời thỉnh cầu của Ma vương, Ngài xả bỏ thọ hành. Tham chiếu No.1(2), tr.15b và tt.

nhà cửa, tường vách, tất cả đều sụp đổ.

"Lại nữa, A-nan, Tỳ-kheo có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai thần, tâm tự tại như ý túc. Vị ấy khởi lên ý tưởng nhỏ đối với đất, khởi ý tưởng vô lượng tưởng đối với nước[5]. Do nguyên nhân ấy nên đất tùy theo sở dục, tùy theo ý tưởng của vị ấy mà bị xoáy rồi lại xoáy, chấn động rồi lại chấn động. Vị trời theo hộ vệ vị Tỳ-kheo ấy cũng lại như vậy, có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai thần, tâm tự tại như ý túc. Vị ấy khởi lên ý tưởng nhỏ đối với đất, khởi ý tưởng vô lượng tưởng đối với nước. Do nguyên nhân ấy nên đất tùy theo sở dục, tùy theo ý tưởng của vị ấy mà bị xoáy rồi lại xoáy, chấn động rồi lại chấn động. Đó là nguyên nhân thứ hai, khiến cõi đất bị chấn động mạnh. Khi cõi đất bị chấn động mạnh, bốn mặt gió lớn nổi lên, bốn phương sao chổi mọc; nhà cửa, tường vách, tất cả đều sụp đổ.

"Lại nữa, A-nan, nếu còn không đầy ba tháng nữa, Như Lai sẽ nhập Niết-bàn. Do cớ ấy khiến cõi đất bị chấn động mạnh. Khi cõi đất bị chấn động mạnh, bốn mặt gió lớn nổi lên, bốn phương sao chổi mọc; nhà cửa, tường vách, tất cả đều sụp đổ. Đó là nguyên nhân thứ ba khiến cõi đất bị chấn động mạnh. Khi cõi đất bị chấn động mạnh, bốn mặt gió lớn nổi lên, bốn phương sao chổi mọc; nhà cửa, tường vách, tất cả đều sụp đổ.

Bấy giờ, sau khi nghe xong, Tôn giả A-nan buồn rầu khóc lóc, nước mắt đầm đìa, chắp tay hướng về Phật mà bạch rằng:

"Bạch Thế Tôn, thật là kỳ diệu, thật là hy hữu, Đức Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, thành tựu công đức, có nhiều pháp vị tằng hữu. Vì sao thế? Vì không bao lâu nữa, sau ba tháng, Như Lai sẽ nhập Niết-bàn; bấy giờ khiến cõi đất bị chấn động mạnh. Khi cõi đất bị chấn động mạnh, bốn mặt gió lớn nổi lên, bốn phương sao chổi mọc; nhà cửa, tường vách, tất cả đều sụp đổ."

Thế Tôn nói với Tôn giả A-nan rằng:

"Thật vậy, A-nan! Thật vậy, A-nan! Thật là kỳ diệu, thật là hy hữu, Đức Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, thành tựu công đức, có nhiều pháp vị tằng hữu. Vì sao thế? Vì không bao lâu nữa, sau ba tháng, Như Lai sẽ nhập Niết-bàn; bấy giờ khiến cõi đất bị chấn động mạnh. Khi cõi đất bị chấn động mạnh, bốn mặt gió lớn nổi lên, bốn phương sao chổi mọc; nhà cửa, tường vách, tất cả đều sụp đổ[6]."

"Lại nữa, này A-nan, Ta đi đến vô lượng trăm ngàn chúng Sát-lợi, cùng đàm luận khiến cho họ hài lòng. Sau khi cùng ngồi xuống ổn định, giống như sắc tướng của họ, sắc tướng Ta cũng vậy; giống như âm thanh của họ, âm thanh của Ta cũng như vậy; giống như oai nghi lễ tiết của họ, oai nghi lễ tiết của Ta cũng như vậy. Nếu họ có hỏi về ý nghĩa gì, Ta sẽ trả lời họ về ý nghĩa ấy. Lại nữa, Ta thuyết pháp cho họ, khuyến phát, khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ. Sau khi dùng vô lượng phương tiện, khuyến phát, khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ cho họ rồi, Ta biến mất khỏi nơi ấy. Khi Ta biến mất rồi, họ không biết Ta là ai, là người hay phi nhân. Này A-nan, như vậy thật là kỳ diệu, thật là hy hữu, Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, thành tựu công đức, có được pháp vị tằng hữu. Cũng như vậy, đối với các chúng Phạm chí, Sa-môn và cư sĩ.

"Này A-nan, Ta đi đến vô lượng trăm ngàn thiên chúng trời Tứ vương, cùng đàm luận khiến cho họ hài lòng. Sau khi cùng ngồi xuống ổn định, giống như sắc tướng của họ,

---

5. Có bốn tưởng: tiểu tưởng, đại tưởng, vô lượng tưởng, vô sở hữu tưởng (Tập Dị 6. Đại 26, tr.492 a).

6. Các bản kia, có tám trường hợp khiến động đất, như trên, và kể thêm lúc Bồ-tát giáng thần, lúc Bồ-tát đản sanh, lúc Như Lai thành đạo, lúc Như Lai chuyển pháp luân, lúc Như Lai xả bỏ thọ hành và lúc Như Lai nhập Niết-bàn.

sắc tướng Ta cũng vậy; giống như âm thanh của họ, âm thanh của Ta cũng như vậy; giống như oai nghi lễ tiết của họ, oai nghi lễ tiết của Ta cũng như vậy. Nếu họ có hỏi về ý nghĩa gì, Ta sẽ trả lời họ về ý nghĩa ấy. Lại nữa, Ta thuyết pháp cho họ, khuyến phát, khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ. Sau khi dùng vô lượng phương tiện, khuyến phát, khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ cho họ rồi, Ta biến mất khỏi nơi ấy. Khi Ta biến mất rồi, họ không biết Ta là ai, là người hay phi nhân. Này A-nan, như vậy thật là kỳ diệu, thật là hy hữu, Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, thành tựu công đức, có được pháp vị tằng hữu. Cũng vậy, đối với thiên chúng Tam thập tam thiên, Diệm-ma thiên, Đâu-suất-đà thiên, Hóa lạc thiên, Tha hóa lạc thiên, Phạm thân thiên, Phạm-phú-lâu thiên, Thiểu quang thiên, Vô lượng quang thiên, Hoảng dục thiên, Thiểu tịnh thiên, Vô lượng tịnh thiên, Biến tịnh thiên, Vô quái ngại thiên, Thọ phước thiên, Quả thật thiên, Vô phiền thiên, Vô nhiệt thiên, Thiện kiến thiên, và Thiên hiện thiên[7].

"Này A-nan, Ta đến ngồi giữa vô lượng trăm ngàn thiên chúng trời Sắc cứu cánh[8], cùng đàm luận khiến cho họ hài lòng. Sau khi cùng ngồi xuống ổn định, giống như sắc tướng của họ, sắc tướng Ta cũng vậy; giống như âm thanh của họ, âm thanh của Ta cũng như vậy; giống như oai nghi lễ tiết của họ, oai nghi lễ tiết của Ta cũng như vậy. Nếu họ có hỏi về ý nghĩa gì, Ta sẽ trả lời họ về ý nghĩa ấy. Lại nữa, Ta thuyết pháp cho họ, khuyến phát, khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ. Sau khi dùng vô lượng phương tiện, khuyến phát, khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ cho họ rồi, Ta biến mất khỏi nơi ấy. Khi Ta biến mất rồi, họ không biết Ta là ai, là người hay phi nhân. Này A-nan, như vậy thật là kỳ diệu, thật là hy hữu, Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, thành tựu công đức, có được pháp vị tằng hữu."

Đức Phật thuyết như vậy. Tôn giả A-nan và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

❑

---

7. Tứ vương thiên -|——(Pāli: Catummahārājikā devā), Tam thập tam thiên -T-Q-T—(Tāvatiṃsā), Diệm-ma thiên -K——(Yāmā), Đâu-suất-đà thiên ——v-G—(Tusitā), Hóa lạc thiên ———(Nimmānarati), Tha hóa lạc thiên -L———(Paranimmitavasavatti), Phạm thân thiên ———(Brahmakāyikā), Phạm-phú-lâu thiên ——I——(Brahmapurohītā), Thiểu quang thiên ———(Parittābhā), Vô lượng quang thiên -L-q——(Appamāṇābhā), Hoảng dục thiên ——R—(Ābhassarā), Thiểu tịnh thiên ——b—(Parittasubhā), Vô lượng tịnh thiên -L-q-b—(Appamāṇasubhā), Biến tịnh thiên -M-b—(Subhakiṇṇā), Vô quái ngại thiên -L-h——(Anabhrakā), Thọ phước thiên ———(Puṇyaprasavā), Quả thật thiên -G——(Vehapphalā), Vô phiền thiên -L——(Avihā), Vô nhiệt thiên -L——(Atappā), Thiện kiến thiên ———(Sudassā), và Thiện hiện thiên ——{—(Sudassī). Pāli: Tám chúng (aṭṭha parisā), Biểu hiện tám pháp vi tăng hữu của Đức Như Lai giữa các loài trời và loài người: Sát-lợi, Bà-la-môn, cư sĩ, Sa-môn, Tứ thiên vương, Tam thập tam thiên, chúng Ma và Phạm thiên.

8. Sắc cứu cánh ——s—, cao nhất tầng thứ tư của Sắc giới.

37. KINH CHIÊM-BA[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật du hóa tại Chiêm-ba, ở bên hồ Hằng-già[2].

Bấy giờ là ngày mười lăm trong tháng, là ngày Thế Tôn thuyết Tùng giải thoát[3], trải tọa ngồi trước chúng Tỳ-kheo. Khi Đức Thế Tôn ngồi xong, liền nhập định và bằng tha tâm trí Ngài quan sát tâm đại chúng. Khi quan sát tâm đại chúng rồi, cho đến lúc hết buổi đầu hôm, Ngài vẫn ngồi im lặng.

Bấy giờ có một Tỳ-kheo[4] từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch vai, sửa y chắp tay hướng về Đức Phật thưa rằng:

"Bạch Thế Tôn, đã hết buổi đầu hôm, Phật và chúng Tỳ-kheo tập trung ngồi đây đã lâu, mong Đức Thế Tôn nói thuyết Tùng giải thoát."

Bấy giờ, Đức Thế Tôn im lặng không trả lời.

Thế rồi, cho đến phần giữa đêm, Đức Thế Tôn vẫn ngồi im lặng. Tỳ-kheo kia lại lần nữa, từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch vai sửa y, chắp tay hướng về Đức Phật và thưa rằng:

"Bạch Thế Tôn, buổi đầu hôm đã qua, phần giữa đêm cũng sắp hết; Phật và chúng Tỳ-kheo tập trung ngồi đây đã lâu, mong Đức Thế Tôn nói thuyết Tùng giải thoát."

Đức Thế Tôn lại một lần nữa không trả lời.

Thế rồi, cho đến phần cuối đêm, Đức Thế Tôn vẫn ngồi im lặng. Tỳ-kheo kia lại lần thứ ba từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch vai sửa y, chắp tay hướng về Đức Thế Tôn mà thưa rằng:

"Bạch Thế Tôn, buổi đầu hôm đã qua, phần giữa đêm cũng chấm dứt, rồi buổi cuối đêm cũng sắp hết, trời gần về sáng, không bao lâu nữa, mặt trời sẽ mọc; Phật và chúng Tỳ-kheo tập trung ngồi đây đã quá lâu, mong Đức Thế Tôn thuyết pháp Tùng giải thoát."

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo vị Tỳ-kheo kia rằng:

---

1. Tham chiếu Pāli: A. VIII.20 Uposatha, *Vin. Cv.* IX.1. Tham chiếu Hán: No.1421 Ngũ Phần Luật 28 (Đại 22, tr.180); No.1428 Tứ Phần Luật 47 (Đại 22. tr.914c - 15). No.33 Hằng Thủy Kinh, Pháp Cự dịch (Đại 1, tr.817); No.34 Pháp Hải Kinh, Pháp Cự dịch (Đại 1 tr.818); No.34 Hải Bát Đức Kinh, Cưu-ma-la-thập dịch (Đại 1 tr.819).

2. Chiêm-ba, Hằng-già trì ▬▬i▬▬▬APāli: hồ sen Gaggarā ở Campā. *Ngũ Phần Luật 28* (Đại 22 tr.180c): Chiêm-ba quốc, Hằng thủy biên. *Tứ Phần Luật 36* (Đại 22, tr.824a): Chiêm-ba quốc Già-già hà trắc. Nhưng, A. Viii. 20: Sāvatthiyaṃ viharati Pubbārame Migāramātupāsāde, trú tại Sāvatthi, trong giảng đường của bà Migāramātu (Visakhā), khu vườn phía Đông.

3. Trong bản Hán: *nguyệt thập ngũ nhật thuyết tùng giải thoát* ▬▬Q▬▬▬▬q▬▬▬C Ba-la-đề-mộc-xoa (Pāṭimokkha), đây dịch là *tùng giải thoát*, phổ thông dịch là *biệt giải thoát*, chỉ các loại giới mà Phật chế cho các chúng đệ tử. Bản Pāli: tena samayena... tadahuposathe, nhân ngày trai giới.

4. Các bản Hán đều nói Tôn giả A-nan. A. Vii.20 cũng vậy.

"Trong chúng này có một thầy Tỳ-kheo làm đã việc bất tịnh[5]."

Lúc đó Tôn giả Đại Mục-kiền-liên cũng đang ở trong chúng. Rồi Tôn giả Đại Mục-kiền-liên liền suy nghĩ thế này: "Vì Tỳ-kheo nào mà Đức Thế Tôn nói trong chúng này có một thầy Tỳ-kheo đã làm việc bất tịnh? Ta nên nhập định có hình thức như thế[6], nhân trong định có hình thức như thế, bằng tha tâm trí mà quan sát tâm niệm đại chúng."

Tôn giả Đại Mục-kiền-liên nhập định có hình thức như thế, nhân trong định có hình thức như thế, bằng tha tâm trí mà quan sát tâm niệm đại chúng.

Tôn giả Đại Mục-kiền-liên liền biết vị Tỳ-kheo mà vì vị ấy Đức Thế Tôn nói trong chúng này có một thầy Tỳ-kheo đã làm việc bất tịnh.

Rồi thì, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên xuất định, đi đến trước vị Tỳ-kheo ấy, nắm tay kéo đi, mở cửa lôi ra bên ngoài mà nói:

"Này người ngu si, hãy đi xa đi, đừng sống ở đây[7], không được trở lại hội họp với đại chúng Tỳ-kheo, từ nay trở đi ông không phải là Tỳ-kheo nữa."

Ngài đóng cửa, gài chốt then lại, rồi trở về chỗ Đức Phật, cúi đầu sát lạy chân Phật, rồi ngồi sang một bên mà thưa rằng:

"Vị Tỳ-kheo mà vì vị ấy Đức Thế Tôn nói trong chúng này có một Tỳ-kheo đã làm việc bất tịnh; con đã đuổi vị ấy đi rồi. Bạch Thế Tôn, buổi đầu hôm đã qua, phần giữa đêm cũng chấm dứt, rồi buổi cuối đêm cũng sắp hết, trời gần về sáng, không bao lâu nữa, mặt trời sẽ mọc; Phật và chúng Tỳ-kheo tập trung ngồi đây đã quá lâu, mong Đức Thế Tôn thuyết pháp Tùng giải thoát[8]."

Đức Thế Tôn nói:

"Này Đại Mục-kiền-liên, kẻ ngu si sẽ mắc đại tội nếu gây phiền nhiễu cho Đức Thế Tôn và chúng Tỳ-kheo. Này Đại Mục-kiền-liên, nếu Đức Như Lai ở giữa chúng bất tịnh mà thuyết Tùng giải thoát thì đầu người kia sẽ vỡ thành bảy mảnh. Do đó, này Đại Mục-kiền-liên, từ nay về sau các thầy hãy thuyết Tùng giải thoát, Đức Như Lai không thuyết Tùng giải thoát nữa[9]. Vì sao như thế[10]?

"Này Đại Mục-kiền-liên, giống như đại hải, từ đáy lên trên, chu vi dần dần rộng hơn, nghiêng chênh chếch lên dần mãi tạo thành bờ biển. Nước trong ấy luôn luôn đầy, chưa từng chảy ra ngoài. Này Đại Mục-kiền-liên, Chánh pháp luật của Ta cũng giống như vậy, dần dần thực hành, dần dần học tập, dần dần đoạn trừ và dần dần giáo hóa. Này Đại Mục-kiền-liên, nếu trong chánh pháp Ta dần dần thực hành, dần dần học, dần dần đoạn trừ và dần dần giáo hóa, thì đó là pháp vị tằng hữu thứ nhất trong Chánh pháp luật của Ta.

"Lại nữa, này Đại Mục-kiền-liên, giống như thủy triều trong đại hải chưa từng sai thời. Này Đại Mục-kiền-liên, Chánh pháp luật của Ta cũng giống như vậy, những cấm

---

5. Tứ Phần Luật, đã dẫn: "Giữa một đại chúng không thanh tịnh mà muốn Đức Như Lai yết-ma thuyết giới thì không có trường hợp đó".

6. Hán: *như kỳ tượng định*. xem cht.25, kinh số 33.

7. Hán: *mạc ư thử trụ* ——————CTứ Phần Luật 28 đd. tr.181a: *nhữ xuất khứ, diệt khứ, mạc thử trung trụ* ——X—h——h——————. Pāli: natthi te bhikkhūhi saddhiṃ saṃvāso, "ông không còn sống chung với các Tỳ-kheo". Tham chiếu các bản, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên trục xuất Tỳ-kheo này ra khỏi tăng. Bản Pāli: saṃvāso (sống chung, sinh hoạt chung), trong các bản Hán: *trú*.

8. *Tứ Phần Luật 36* (Đại 22, tr.824b): "Đại chúng đã thanh tịnh, mong Thế Tôn thuyết giới.

9. *Tứ Phần Luật 36* (Đại 22, tr.824b): Đức Phật khiển trách Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, và thiết lập một trong bảy pháp Diệt tránh là "Tự ngôn trị".

10. Từ đây trở xuống, tán thán sự hy hữu của đại hải như kinh 35 trên.

giới được thi thiết cho Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di; các thiện nam tử ấy dù cho đến mạng chung cũng không phạm giới. Này Đại Mục-kiền-liên, nếu trong Chánh pháp luật của Ta những cấm giới được thi thiết cho Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di; các thiện nam tử ấy dù cho đến mạng chung cũng không phạm giới; thì đó là pháp vị tằng hữu thứ hai trong Chánh pháp luật của Ta.

"Lại nữa, này Đại Mục-kiền-liên, giống như nước trong đại hải rất sâu không đáy, rộng không thấy bờ. Này Đại Mục-kiền-liên, Chánh pháp luật của Ta cũng giống như vậy, các pháp rất sâu không đáy, rất rộng không thấy bờ. Này Đại Mục-kiền-liên, nếu Chánh pháp luật của Ta rất sâu không có đáy, rất rộng không thấy bờ; thì đó là pháp vị tằng hữu thứ ba trong Chánh pháp luật của Ta.

"Lại nữa, này Đại Mục-kiền-liên, giống như nước trong đại hải cùng một vị mặn. Này Đại Mục-kiền-liên, Chánh pháp của Ta cũng giống như vậy, chỉ có một vị là vị vô dục, vị giác, vị tịch tĩnh và vị đạo. Này Đại Mục-kiền-liên, nếu Chánh pháp luật của Ta chỉ có một vị là vị vô dục, vị giác, vị tịch tĩnh và vị đạo; thì đó là pháp vị tằng hữu thứ tư trong Chánh pháp luật của Ta.

"Lại nữa, này Đại Mục-kiền-liên, giống như đại hải có rất nhiều trân bảo, vô lượng đồ quí báu lạ mắt; đủ các loại đồ trân kỳ được chứa đầy trong đó. Tên của các trân bảo đó là vàng, bạc, thủy tinh, lưu ly, ma ni, trân châu, bích ngọc, bạch kha, loa bích, san hô, hổ phách, mã não, đồi mồi, đá đỏ, tuyền châu. Này Đại Mục-kiền-liên, Chánh pháp luật của Ta cũng giống như vậy, có rất nhiều trân bảo, vô lượng đồ quí báu lạ mắt; đủ các loại đồ trân kỳ được chứa đầy trong đó. Những pháp trân bảo đó là: Bốn niệm xứ, bốn chánh cần, bốn như ý túc, năm căn, năm lực, bảy giác chi, Thánh đạo tám chi. Này Bà-la-la, nếu trong Chánh pháp luật của Ta cũng có rất nhiều trân bảo, vô lượng đồ quí báu lạ mắt; đủ các loại đồ trân kỳ được chứa đầy trong đó. Những pháp trân bảo đó là: Bốn niệm xứ, bốn chánh cần, bốn như ý túc, năm căn, năm lực, bảy giác chi, Thánh đạo tám chi; thì đó là pháp vị tằng hữu thứ năm trong Chánh pháp luật của Ta.

"Lại nữa, này Đại Mục-kiền-liên, giống như đại hải là chỗ cư trú của các vị thần lớn. Những vị thần đó tên là A-tu-la, Kiền-thấp-hòa, La-sát, cá kình, rùa, cá sấu, Bà-lưu-nê, Đế-nghê, Đế-nghê-già-la, Đề-đế-nghê-già-la. Lại nữa, trong đại hải, rất kỳ lạ, rất đặc biệt, có chúng sanh thân thể tới một trăm do-diên, hai trăm do-diên, cho đến ba trăm do-diên, bảy trăm do-diên mà thân vẫn ở trong trong đại hải. Này Đại Mục-kiền-liên, Chánh pháp luật của Ta cũng giống như vậy, có các thần to lớn, là Thánh chúng, đều cư trú trong đó. Tên của các thần to lớn đó là: A-la-hán, Hướng A-la-hán, A-na-hàm, Hướng A-na-hàm, Tư-đa-hàm, Hướng Tư-đa-hàm, Tu-đà-hoàn, Hướng Tu-đà-hoàn. Này Đại Mục-kiền-liên, nếu trong Chánh pháp luật của Ta, có các thần to lớn, là Thánh chúng, đều cư trú trong đó. Tên của các thần to lớn đó là: A-la-hán, Hướng A-la-hán, A-na-hàm, Hướng A-na-hàm, Tư-đà-hàm, Hướng Tư-đà-hàm, Tu-đà-hoàn, Hướng Tu-đà-hoàn; thì đó là pháp vị tằng hữu thứ sáu trong Chánh pháp luật của Ta.

"Lại nữa, này Đại Mục-kiền-liên, giống như đại hải thanh tịnh không dung chứa tử thi, nếu có người mạng chung trong biển, thì qua một đêm, gió sẽ thổi tấp vào bờ. Này Đại Mục-kiền-liên, Chánh pháp luật của Ta cũng giống như vậy, Thánh chúng thanh tịnh không dung chứa tử thi. Nếu có người nào không tinh tấn, sanh ra điều ác, phi phạm hạnh mà xưng là phạm hạnh, phi Sa-môn mà xưng là Sa-môn; người ấy dù ở trong Thánh chúng, nhưng cách Thánh chúng rất xa; Thánh chúng cũng lại cách người ấy rất xa. Này Đại Mục-kiền-liên, nếu trong Chánh pháp luật của Ta cũng giống như vậy, Thánh chúng

thanh tịnh không dung chứa tử thi. Nếu có người nào không tinh tấn, sanh ra điều ác, phi phạm hạnh mà xưng là phạm hạnh, phi Sa-môn mà xưng là Sa-môn; người ấy dù ở trong Thánh chúng, nhưng cách Thánh chúng rất xa; Thánh chúng cũng lại cách người ấy rất xa; đó là pháp vị tằng hữu thứ bảy trong Chánh pháp luật của Ta.

"Lại nữa, này Đại Mục-kiền-liên, giống như đại hải thuộc về châu Diêm-phù có năm sông lớn, là Hằng-già, Diêu-vưu-na, Xa-lao-phù, A-di-la-ba-đề, Ma-xí. Tất cả đều chảy vào đại hải. Và trong đại hải nước do rồng tuôn từ trời đổ xuống, giọt nước lớn bằng cái bánh xe. Tất nhiên, nước ấy không thể khiến cho đại hải có tăng có giảm. Này Đại Mục-kiền-liên, trong Chánh pháp luật của Ta cũng lại như vậy. Tộc tánh tử thuộc dòng Sát-lợi, cạo bỏ râu tóc, khoác áo cà xa, chí tín, lìa bỏ gia đình, xuất gia học đạo, bất động tâm giải thoát[11] được tự tác chứng, thành tựu và an trụ. Này Đại Mục-kiền-liên, bất động tâm giải thoát trong Chánh pháp luật của Ta không tăng không giảm. Cũng như vậy, đối với tộc tánh tử thuộc dòng Phạm chí, dòng cư sĩ, dòng thợ thuyền, cạo bỏ râu tóc, khoác áo ca-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo, bất động tâm giải thoát được tự tác chứng thành tựu an trụ. Này Đại Mục-kiền-liên, bất động tâm giải thoát trong Chánh pháp luật của Ta không tăng không giảm. Này Đại Mục-kiền-liên, nếu trong Chánh pháp luật của Ta, tộc tánh tử thuộc gòng Sát-lợi, cạo bỏ râu tóc, khoác áo cà xa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình xuất gia học đạo, bất động tâm giải thoát, tự tác chứng, thành tựu an trụ. Cũng vậy đối với với tộc tánh tử thuộc dòng Phạm chí, cư sĩ, thợ thuyền, cạo bỏ râu tóc, khoác áo ca-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo, bất động tâm giải thoát được tự tác chứng thành tựu và an trụ. Này Đại Mục-kiền-liên, bất động tâm giải thoát trong Chánh pháp luật của Ta không tăng không giảm; đó là pháp vị tằng hữu trong Chánh pháp luật của Ta."

Đức Phật thuyết như vậy. Tôn giả Đại Mục-kiền-liên và các Tỳ-kheo, sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

❑

11. Bất di động tâm giải thoát ——————C Pāli: akuppā cetovimutti, sự giải thoát của tâm, không còn dao động.

38. KINH ÚC-GIÀ TRƯỞNG GIẢ (I)[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật du hóa tại Bệ-xá-li, trong Đại lâm[2].

Bấy giờ Trưởng giả Úc-già[3], chỉ có một số phụ nữ theo hầu hạ và ông đang ở trước các phụ nữ ấy, từ Bệ-xá-li ra đi. Ở khoảng giữa Đại lâm và Bệ-xá-li[4], chỉ để hoan lạc với các kỹ nữ, như vị quốc vương.

Rồi thì, Trưởng giả Úc-già, uống rượu say túy lúy, bỏ các phụ nữ kia ở lại đó, đi vào trong Đại lâm. Đang lúc Trưởng giả Úc-già say rượu lúy túy, từ đàng xa trông thấy Đức Thế Tôn ở giữa rừng cây, đoan chánh đẹp đẽ như vầng trăng giữa đám sao, ánh sáng chói lọi rực rỡ, ánh sáng như tòa núi vàng, đầy đủ tướng tốt, oai thần nguy nga, các căn tịch tĩnh, không bị ngăn che, thành tựu sự điều ngự, tâm vắng lặng tịch mặc. Trưởng giả thấy Đức Phật rồi, lập tức tỉnh rượu. Sau khi tỉnh rượu, Trưởng giả Úc-già liền đến chỗ Đức Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật rồi ngồi sang một bên.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn thuyết pháp cho ông, khuyến giáo, khích lệ, làm cho hoan hỷ. Sau khi bằng vô lượng phương tiện thuyết pháp cho ông, khuyến giáo, khích lệ, làm cho hoan hỷ rồi, như thông lệ của chư Phật, trước hết nói về pháp đoan chánh cho người nghe hoan duyệt; tức là nói về thí, về giới, nói pháp sanh thiên, chê bai dục là tai hoạn, sanh tử là ô uế, khen ngợi vô dục là vi diệu, đạo phẩm thanh tịnh trong trắng. Sau khi Đức Thế Tôn nói những pháp ấy cho ông rồi, ngài biết ông có tâm hoan hỷ, tâm cụ túc, tâm nhu nhuyến, tâm nhẫn nại, tâm thăng tấn, tâm chuyên nhất, tâm không nghi, tâm không bị che lấp, có khả năng, có sức mạnh, có thể kham thọ Chánh pháp. Rồi như thông lệ của chư Phật, Ngài nói về pháp yếu chân chánh[5], Đức Thế Tôn thuyết cho ông nghe về Khổ, Tập, Diệt, Đạo.

Lúc ấy Trưởng giả Úc-già, ngay trên chỗ ngồi, thấy được bốn Thánh đế: Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Cũng như vải trắng dễ nhuộm thành màu. Trưởng giả Úc-già, cũng giống như vậy, ngay nơi chỗ ngồi thấy được bốn Thánh đế, là Khổ, Tập, Diệt, Đạo.

Rồi thì, Trưởng giả Úc-già thấy pháp và đắc pháp, giác ngộ pháp bạch tịnh, đoạn trừ

---

1. Tương đương Pāli: A. Viii, 21-22 Ugga. Úc-già Trưởng giả: Ugga gahapati. Có hai vị cùng tên. Vị Trưởng giả ở Vesali (Pāli: Ugga-gahapati Vesālika), được tán thán trong kinh 39 sau. Theo nội dung, vị Ugga (Pāli: Ugga-gahapati Hatthigāmaka) của kinh này tại làng Hatthigāma, thuộc xứ Vajji và là người thuộc bộ tộc Vajji.
2. *Du Bệ-xá-li, trú Đại lâm trung* -C-@-----j-L--CPāli: Vesāliyaṃ viharati Mahānava Kūṭāgārasālāyaṃ, trú ở Vesāli, trong giảng đường Trùng các, trong rừng Đại lâm. Nhưng theo nội dung, có lẽ Phật đang trú tại làng Hatthi giữa những người Vajji.
3. Úc-già Trưởng giả ------C Pāli: Ugga-gahapati.
4. Bản Pāli: Tại Nāgavana, nơi hưởng lạc của ông gần Hatthigama.
5. Hán: chư *Phật thuyết Chánh pháp yếu* -----k-n-CPāli: Buddhānaṃ sāmukkaṃsikā dhammadesanā, sự thuyết pháp rất đặc sắc của chư Phật.

nghi, vượt qua hoặc, không còn tôn sùng ai khác, không còn theo ai khác, không còn do dự, đã trụ nơi quả chứng, được vô sở úy đối với giáo pháp của Thế Tôn, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ và thưa rằng:

"Bạch Thế Tôn, con nay tự thân xin quy y Phật, Pháp và Chúng Tỳ-kheo, cúi mong Đức Thế Tôn chấp nhận cho con làm Ưu-bà-tắc; bắt đầu từ hôm nay trọn đời, xin tự quy y cho đến mạng chung. Bạch Thế Tôn, từ ngày hôm nay, con xin theo Đức Thế Tôn, trọn đời lấy phạm hạnh làm đầu[6], thọ trì năm giới."

Sau khi Trưởng giả Úc-già xin theo Đức Thế Tôn, trọn đời lấy phạm hạnh làm đầu, thọ trì năm giới, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật nhiễu quanh ba vòng rồi ra đi.

Ông liền trở về nhà, triệu tập các người vợ[7] lại nói rằng:

"Các ngươi biết không? Ta đã theo Đức Thế Tôn trọn đời lấy phạm hạnh làm đầu, thọ trì năm giới. Các ngươi nếu còn muốn được sống ở nơi đây thì có thể ở và làm việc bố thí tạo phước. Nếu không muốn ở, ai về nhà nấy. Nếu các ngươi muốn có chồng thì ta sẽ gả chồng cho."

Bấy giờ người vợ cả thưa Trưởng giả Úc-già rằng:

"Nếu tôn ông đã theo Đức Phật, trọn đời lấy phạm hạnh làm đầu, thọ trì năm giới, thì nên đem tôi gả cho người đàn ông kia."

Trưởng giả Úc-già liền gọi người đàn ông kia đến, tay trái cầm tay người vợ cả, tay phải bưng chậu nước bằng vàng, bảo người kia rằng:

"Nay ta đem người vợ cả này cho ngươi làm vợ."

Người ấy nghe rồi, liền vì quá sợ hãi, nên lông trong thân đều dựng đứng, thưa Trưởng giả Úc-già rằng:

"Thưa Trưởng giả, ngài muốn giết tôi chăng? Ngài muốn giết tôi chăng?"

Trưởng giả trả lời rằng:

"Ta không giết ngươi đâu. Vì ta đã theo Phật trọn đời lấy phạm hạnh làm đầu, thọ trì năm giới, do đó ta sẽ đem người vợ cả này cho ông làm vợ.

Trưởng giả Úc-già khi đã cho người vợ cả này và ngay trong khi đó, hoàn toàn không có lòng hối tiếc.

Bấy giờ, với vô lượng trăm ngàn đại chúng vây quanh, Đức Thế Tôn ở trong đó tán thán khen ngợi Trưởng giả Úc-già rằng Trưởng giả Úc-già có tám pháp vị tằng hữu.

Rồi thì, có một vị Tỳ-kheo, khi đêm đã qua, vào lúc hừng sáng, khoác y ôm bát, đi đến nhà Trưởng giả Úc-già.

Trưởng giả Úc-già từ đàng xa trông thấy Tỳ-kheo đi đến, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch vai sửa áo, chắp tay hướng về Tỳ-kheo mà thưa rằng:

"Kính chào Tôn giả. Tôn giả đã từ lâu không đến đây. Mời ngồi nơi giường này.

Bấy giờ Tỳ-kheo ngồi xuống giường ấy. Trưởng giả Úc-già đảnh lễ dưới chân Tỳ-kheo rồi ngồi sang một bên. Tỳ-kheo bảo rằng:

"Này Trưởng giả. Ông có điều thiện lợi, có công đức lớn. Vì sao vậy? Đức Thế Tôn, với vô lượng trăm ngàn đại chúng vây quanh, ở trong đó tán thán khen ngợi Trưởng giả Úc-già rằng Trưởng giả Úc-già có tám pháp vị tằng hữu. Này trưởng giả, ông có những pháp gì?"

Trưởng giả Úc-già trả lời Tỳ-kheo rằng:

---

6. Ông phát nguyện tuyệt dục. Bản Hán: *phạm hạnh vi thủ, thọ trì ngũ* giới ——————Bản Pāli: brahmacariyapañcamāni ca sikkhāpādāni samādiyiṃ, và thọ trì học xứ thứ năm là (?) phạm hạnh.

7. Hán: *chư phụ nhân* ———Pāli: catasso komāriyo pajāpatiyo, bốn người vợ trẻ.

"Đức Thế Tôn không hề nói sai, nhưng con không biết Đức Thế Tôn vì lẽ gì nói như vậy. Nhưng mong Tôn giả nghe cho, về những pháp gì mà con có.

"Một thời Phật du hóa tại Bệ-xá-li, trong Đại lâm. Bấy giờ con chỉ có một số phụ nữ theo hầu hạ và đang ở trước các phụ nữ ấy, từ Bệ-xá-li ra đi. Con đi đến khoảng giữa Đại lâm và Bệ-xá-li, chỉ để hoan lạc với các kỹ nữ, như vị quốc vương. Rồi thì, thưa Tôn giả, con lúc bấy giờ uống rượu say lúy túy, bỏ các phụ nữ kia ở lại đó, đi vào trong Đại lâm. Thưa Tôn giả, con đang lúc say rượu lúy túy, từ đàng xa trông thấy Đức Thế Tôn ở giữa rừng cây, đoan chánh đẹp đẽ như vầng trăng giữa đám sao, ánh sáng chói lọi rực rỡ, ánh sáng như tòa núi vàng, đầy đủ tướng tốt, oai thần nguy nga, các căn tịch tĩnh, không bị ngăn che, thành tựu sự điều ngự, tâm vắng lặng tịch mặc. Con thấy Đức Phật rồi, lập tức tỉnh rượu. Bạch Tôn giả, con có pháp ấy."

Thầy Tỳ-kheo khen rằng:

"Này Trưởng giả, nếu có pháp ấy thì thật là kỳ diệu, thật là hy hữu."

"Bạch Tôn giả, con không phải chỉ có pháp này mà thôi. Lại nữa, bạch Tôn giả,

Sau khi tỉnh rượu, con liền đến chỗ Đức Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật rồi ngồi sang một bên. Bấy giờ Đức Thế Tôn thuyết pháp cho con, khuyến giáo, khích lệ, làm cho hoan hỷ. Sau khi bằng vô lượng phương tiện thuyết pháp cho con, khuyến giáo, khích lệ, làm cho hoan hỷ rồi, như thông lệ của chư Phật, trước hết nói về pháp đoan chánh cho người nghe hoan duyệt; tức là nói về thí, về giới, nói pháp sanh thiên, chê bai dục là tai hoạn, sanh tử là ô uế, khen ngợi vô dục là vi diệu, đạo phẩm thanh tịnh trong trắng. Sau khi Đức Thế Tôn nói những pháp ấy cho con rồi, Phật biết con có tâm hoan hỷ, tâm cụ túc, tâm nhu nhuyến, tâm nhẫn nại, tâm thăng tấn, tâm chuyên nhất, tâm không nghi, tâm không bị che lấp, có khả năng, có sức mạnh, có thể kham thọ Chánh pháp. Rồi như thông lệ của chư Phật, ngài nói về pháp yếu chân chánh, Đức Thế Tôn thuyết cho con nghe về Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Lúc ấy con, ngay trên chỗ ngồi, thấy được bốn Thánh đế, là Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Cũng như vải trắng dễ nhuộm thành màu, con cũng giống như vậy, ngay nơi chỗ ngồi thấy được bốn Thánh đế, là Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Bạch Tôn giả, con có pháp ấy."

Thầy Tỳ-kheo khen rằng:

"Này Trưởng giả, nếu có pháp ấy thì thật là kỳ diệu, thật là hy hữu."

"Bạch Tôn giả, con không phải chỉ có pháp này mà thôi. Lại nữa, bạch Tôn giả, con thấy pháp, giác ngộ pháp, đắc pháp bạch tịnh, đoạn trừ nghi, vượt qua hoặc, không còn tôn sùng người khác, không còn theo người khác, không còn do dự, đã trụ nơi quả chứng, được vô sở úy đối với giáo pháp của Đức Thế Tôn. Bạch Tôn giả, lúc ấy, con liền từ chỗ ngồi đứng dậy, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật thưa rằng: 'Bạch Thế Tôn, hôm nay con tự thân xin quy y Phật, quy y Pháp và Chúng Tỳ-kheo, mong Đức Thế Tôn nhận con là Ưu-bà-tắc, bắt đầu từ hôm nay cho đến trọn đời, xin tự thân quy y cho đến khi mạng chung. Bạch Thế Tôn, từ nay con xin theo Đức Thế Tôn trọn đời, lấy phạm hạnh làm đầu, thọ trì năm giới'. Bạch Tôn giả, từ khi con theo Đức Thế Tôn, trọn đời lấy phạm hạnh làm đầu, thọ trì năm giới, chưa từng biết mình đã phạm giới. Bạch Tôn giả, con có pháp ấy.

Thầy Tỳ-kheo khen rằng:

"Này Trưởng giả, nếu có pháp ấy thì thật là kỳ diệu, thật là hy hữu."

"Bạch Tôn giả, con không phải chỉ có pháp này mà thôi. Lại nữa, bạch Tôn giả, bấy giờ sau khi con theo Đức Thế Tôn, trọn đời lấy phạm hạnh làm đầu, thọ trì năm giới rồi, cúi đầu nhiễu quanh Phật ba vòng rồi ra về. Trở về nhà, con liền tập trung các phụ nữ, rồi

nói rằng:

"– Các ngươi biết không? Ta đã theo Đức Thế Tôn trọn đời lấy phạm hạnh làm đầu, thọ trì năm giới. Các ngươi nếu còn muốn được sống ở nơi đây thì có thể ở và làm việc bố thí tạo phước. Nếu không muốn ở, ai về nhà nấy. Nếu các ngươi muốn có chồng thì ta sẽ gả chồng cho.

"Bấy giờ người vợ cả thưa với con rằng:

"– Nếu tôn ông đã theo Đức Phật, trọn đời lấy phạm hạnh làm đầu, thọ trì năm giới, thì nên đem tôi gả cho người đàn ông kia.

"Con bấy giờ gọi người đàn ông kia đến, tay trái cầm tay người vợ cả, tay phải bưng chậu nước bằng vàng, bảo người kia rằng:

"– Nay ta đem người vợ cả này cho ngươi làm vợ.

"Người ấy nghe rồi, liền vì quá sợ hãi, nên lông trong thân đều dựng đứng, thưa với con rằng:

"– Thưa Trưởng giả, ngài muốn giết tôi chăng? Ngài muốn giết tôi chăng?"

"Con nói với người ấy rằng:

"– Ta không giết ngươi đâu. Vì ta đã theo Phật trọn đời lấy phạm hạnh làm đầu, thọ trì năm giới, do đó ta sẽ đem người vợ cả này cho ông làm vợ.

"Thưa Tôn giả, con đã cho người vợ cả này và ngay trong khi cho đó, hoàn toàn không có lòng hối tiếc."

Thầy Tỳ-kheo khen rằng:

"Này Trưởng giả, nếu có pháp ấy thì thật là kỳ diệu, thật là hy hữu."

"Bạch Tôn giả, con không phải chỉ có pháp này mà thôi. Lại nữa, bạch Tôn giả, khi con đến chúng viên[8], nếu trước hết mà gặp một vị Tỳ-kheo nào, con liền đảnh lễ. Nếu vị Tỳ-kheo ấy kinh hành, thì con cũng kinh hành. Nếu vị ấy ngồi, con cũng ngồi theo một bên, ngồi rồi nghe pháp. Vị Tôn giả ấy thuyết pháp cho con nghe; con cũng thuyết pháp cho vị Tôn giả ấy nghe. Vị Tôn giả ấy vấn sự con, con cũng vấn sự vị Tôn giả ấy. Vị Tôn giả ấy trả lời câu hỏi của con, con cũng trả lời vị Tôn giả ấy. Con nhớ chưa từng có lần nào con khinh mạn các vị Tỳ-kheo thượng tôn trưởng lão, trung hay hạ. Bạch Tôn giả, con có pháp ấy.

Thầy Tỳ-kheo khen rằng:

"Này Trưởng giả, nếu có pháp ấy thì thật là kỳ diệu, thật là hy hữu."

"Bạch Tôn giả, con không phải chỉ có pháp này mà thôi. Lại nữa, bạch Tôn giả, khi con ở giữa chúng Tỳ-kheo, hành sự bố thí, thì có chư Thiên trụ giữa hư không bảo con rằng: 'Này Trưởng giả, đây là vị A-la-hán, đây là vị Hướng A-la-hán, đây là vị A-na-hàm, đây là vị Hướng A-na-hàm, đây là vị Tư-đà-hàm, đây là vị Hướng Tư-đà-hàm, đây là vị Tu-đà-hoàn, đây là vị Hướng Tu-đà-hoàn. Vị này tinh tấn, vị này không tinh tấn'. Bạch Tôn giả, khi con cúng thí cho đại chúng Tỳ-kheo, con nhớ chưa từng có ý phân biệt. Bạch Tôn giả, con có pháp ấy."

Thầy Tỳ-kheo khen rằng:

"Này Trưởng giả, nếu có pháp ấy thì thật là kỳ diệu, thật là hy hữu."

"Bạch Tôn giả, con không phải chỉ có pháp này mà thôi. Lại nữa, bạch Tôn giả, khi con hành sự bố thí ở trong chúng Tỳ-kheo, có chư Thiên trên hư không bảo con rằng: 'Này Trưởng giả, có Đức Như Lai, vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, pháp được Thế Tôn khéo

8. Hán: *chúng viên* ——C Pāli: saṃghārama, công viên hay tịnh viên của Tăng.

thuyết, và Thánh chúng của Như Lai khéo thú hướng'. Bạch Tôn giả, con không do vi trời kia mà có tín, không do vị trời kia mà dục lạc, không nghe theo vị kia, nhưng con tự có tịnh trí để biết Đức Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Pháp được Thế Tôn khéo thuyết, và Thánh chúng của Như Lai khéo thú hướng. Bạch Tôn giả, con có pháp ấy."

Thầy Tỳ-kheo khen rằng:

"Này Trưởng giả, nếu có pháp ấy thì thật là kỳ diệu, thật là hy hữu."

"Bạch Tôn giả, con không phải chỉ có pháp này mà thôi. Lại nữa, bạch Tôn giả, Đức Phật có nói về năm hạ phần kiết, tức tham dục, sân nhuế, thân kiến, giới thủ, và nghi. Con thấy năm kiết sử ấy, hoàn toàn không có một kiết sử nào còn trói buộc con thác sanh vào bào thai, trở lại thế gian này. Bạch Tôn giả con có pháp ấy.

Thầy Tỳ-kheo khen rằng:

"Này Trưởng giả, nếu có pháp ấy thì thật là kỳ diệu, thật là hy hữu."

Trưởng giả liền thưa với thầy Tỳ-kheo rằng:

"Mong Tôn giả ở lại đây thọ thực. Tỳ-kheo im lặng nhận lời. Sau khi biết Tỳ-kheo đã im lặng nhận lời, Trưởng giả Úc-già liền từ chỗ ngồi đứng dậy, tự mình múc nước rửa tay, rồi đem tất cả rất nhiều món ăn cứng và mềm rất mỹ diệu tinh khiết, ngon lành, tự tay hầu sớt, để cho Tỳ-kheo ăn được no đủ. Ăn xong, dọn cất đồ đạc và dùng nước rồi, lấy một giường nhỏ ngồi riêng để nghe pháp.

Thầy Tỳ-kheo thuyết pháp cho Trưởng giả, khuyến giáo, khích lệ, làm cho hoan hỷ. Sau khi bằng vô lượng phương tiện thuyết pháp cho ông, khuyến giáo, khích lệ, làm cho hoan hỷ rồi, Tỳ-kheo liền từ chỗ ngồi đứng dậy mà đi. Đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật rồi ngồi sang một bên, rồi đem trình bày đầy đủ lại cuộc thảo luận giữa thầy và Trưởng giả Úc-già lên Đức Phật.

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các thầy Tỳ-kheo rằng:

"Ta vì lẽ ấy mà khen ngợi tán thán Trưởng giả Úc-già có tám pháp vị tằng hữu."

Phật thuyết như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

❑

39. KINH ÚC-GIÀ TRƯỞNG GIẢ (II)[9]

Tôi nghe như vầy:

Một thời sau khi Phật nhập Niết-bàn không bao lâu, có một số đông Tỳ-kheo thượng tôn trưởng lão du hóa tại Bệ-xá-li, ở bên dòng sông Di hầu, tại ngôi lầu cao.

Bấy giờ Trưởng giả Úc-già[10] tổ chức đại bố thí như sau: Đãi ăn cho những khách từ phương xa đến, đãi ăn cho các hành khách, các bệnh nhân và các người nuôi bệnh; thường dọn cháo, thường dọn cơm, cung cấp cho người trông nom tăng viện; thường mời đại

9. Không thấy Pāli tương đương. Xem cht.1, kinh số 38 trên.

10. Có lẽ Pāli: Ugga-gahapi Vesālika, gia chủ Ugga, người Vesāli.

chúng gồm hai mươi vị Tỳ-kheo đến thọ thực, cứ mỗi năm ngày đều có mời chúng Tỳ-kheo đến ăn. Ông tổ chức đại bố thí như vậy.

Trên biển lại còn có một chiếc tàu buồm lớn chở đầy hàng hóa trở về, giá trị đến trăm ngàn, vừa bị chìm mất.

Số đông Tỳ-kheo thượng tôn trưởng lão nghe Trưởng giả Úc-già tổ chức đại bố thí như sau: Đãi ăn cho những khách từ phương xa đến, đãi ăn cho các hành khách, các bệnh nhân và các người nuôi bệnh; thường dọn cháo, thường dọn cơm, cung cấp cho người trông nom tăng viện; thường mời đại chúng gồm hai mươi vị Tỳ-kheo đến thọ thực, cứ mỗi năm ngày đều có mời chúng Tỳ-kheo đến ăn.

Các vị ấy nghe rồi bàn luận với nhau rằng:

"Này chư Hiền, vị nào có thể đến nói với với Trưởng giả Úc-già rằng: 'Này Trưởng giả, nên thôi, chớ bố thí nữa. Sau này Trưởng giả sẽ tự biết'?"

Rồi các vị ấy nghĩ như vầy: "Tôn giả A-nan là thị giả của Phật, nhận được sự chỉ giáo của Đức Thế Tôn; được Phật và các vị đồng phạm hạnh có trí khen ngợi. Tôn giả A-nan có thể đến nói với Trưởng giả Úc-già rằng: 'Này Trưởng giả, nên thôi, chớ bố thí nữa. Sau này Trưởng giả sẽ tự biết'."

"– Này chư Hiền, chúng ta nên cùng nhau đến Tôn giả A-nan trình bày sự việc như thế." Bấy giờ số đông Tỳ-kheo thượng tôn trưởng lão đi đến chỗ Tôn giả A-nan, cùng nhau chào hỏi, rồi ngồi sang một bên thưa rằng:

"Thưa Hiền giả A-nan, ngài có biết không? Trưởng giả Úc-già tổ chức đại bố thí như sau: đãi ăn cho những khách từ phương xa đến, đãi ăn cho các hành khách, các bệnh nhân và các người nuôi bệnh; thường dọn cháo, thường dọn cơm, cung cấp cho người trông nom tăng viện; thường mời đại chúng gồm hai mươi vị Tỳ-kheo đến thọ thực, cứ mỗi năm ngày đều có mời chúng Tỳ-kheo đến ăn. Ông tổ chức đại bố thí như vậy. Trên biển lại còn có một chiếc tàu buồm lớn chở đầy hàng hóa trở về, giá trị đến trăm ngàn, vừa bị chìm mất. Chúng tôi cùng bàn luận với nhau như thế này: vị nào có thể đến nói với với Trưởng giả Úc-già rằng 'Này Trưởng giả, nên thôi, chớ bố thí nữa. Sau này Trưởng giả sẽ tự biết'? Lại nghĩ như vầy: Tôn giả A-nan là thị giả của Phật, nhận được sự chỉ giáo của Đức Thế Tôn; được Phật và các vị đồng phạm hạnh có trí khen ngợi. Tôn giả A-nan có thể đến nói với Trưởng giả Úc-già rằng 'Này Trưởng giả, nên thôi, chớ bố thí nữa. Sau này Trưởng giả sẽ tự biết'. Này Hiền giả A-nan, ngài có thể đến bảo với Trưởng giả Úc-già rằng 'Này Trưởng giả, nên thôi, chớ bố thí nữa. Sau này Trưởng giả sẽ tự biết Trưởng giả'."

Tôn giả A-nan thưa với các Tỳ-kheo thượng tôn trưởng lão rằng:

"Thưa các Tôn giả, Trưởng giả Úc-già tính tình nghiêm nghị; nếu tôi tự tiện nói thì biết đâu làm Trưởng giả không vui. Thưa các ngài, tôi đại diện cho ai để nói đây?"

Các Tỳ-kheo thượng tôn trưởng lão trả lời rằng:

"Hiền giả nên xưng là chúng Tỳ-kheo bảo như vậy. Sau khi ngài xưng là chúng Tỳ-kheo bảo vậy, ông ấy sẽ không còn nói gì nữa."

Tôn giả A-nan liền im lặng nhận lời các vị Tỳ-kheo thượng tôn trưởng lão. Bấy giờ các Tỳ-kheo thượng tôn trưởng lão biết Tôn giả A-nan im lặng nhận lời rồi, liền từ chỗ ngồi đứng dậy đi quanh Tôn giả A-nan rồi ai về chỗ ấy. Sau khi đêm qua vào lúc hừng sáng, Tôn giả A-nan khoác y, cầm bát đi đến nhà Trưởng giả Úc-già. Trưởng giả Úc-già thấy Tôn giả A-nan từ xa đi lại, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch vai sửa áo chắp tay hướng về Tôn giả A-nan thưa rằng:

"Kính chào Tôn giả A-nan, Tôn giả từ lâu không đến đây. Mời ngồi lên giường

này."

Tôn giả A-nan liền ngồi lên giường ấy. Trưởng giả Úc-già đảnh lễ dưới chân Tôn giả A-nan, rồi ngồi sang một bên. Tôn giả A-nan bảo rằng:

"Trưởng giả có biết không? Trưởng giả đã tổ chức đại bố thí như sau: đãi ăn cho những khách từ phương xa đến, đãi ăn cho các hành khách, các bệnh nhân và các người nuôi bệnh; thường dọn cháo, thường dọn cơm, cung cấp cho người trông nom tăng viện; thường mời đại chúng gồm hai mươi vị Tỳ-kheo đến thọ thực, cứ mỗi năm ngày đều có mời chúng Tỳ-kheo đến ăn. Trưởng giả tổ chức đại bố thí như vậy. Trên biển lại còn có một chiếc tàu buồm lớn chở đầy hàng hóa trở về, giá trị đến trăm ngàn, vừa bị chìm mất. Này Trưởng giả, nên thôi, chớ bố thí nữa. Sau này Trưởng giả sẽ tự biết."

Trưởng giả thưa rằng:

"Bạch Tôn giả A-nan, đây là lời nói của ai vậy?"

Tôn giả A-nan đáp rằng:

"Này Trưởng giả, tôi truyền lại lời của chúng Tỳ-kheo."

Trưởng giả thưa rằng:

"Nếu Tôn giả A-nan truyền lại lời của chúng Tỳ-kheo, thì không có gì phải luận. Còn nếu tự mình nói như vậy thì có thể làm cho con rất không được vừa lòng. Bạch Tôn giả A-nan, nếu con có thí xả như thế, có huệ thí như thế, dù tất cả tài vật đều khô cạn, cũng chỉ làm cho con mãn nguyện thôi. Giống như ý nguyện của Chuyển luân vương vậy.

Tôn giả A-nan hỏi rằng:

"Này Trưởng giả, thế nào là ý nguyện của Chuyển luân vương?"

Trưởng giả đáp:

"Bạch Tôn giả A-nan, người nghèo trong thôn nghĩ như vầy: 'Mong sao ta trở nên giàu nhất trong thôn'. Đó là ý nguyện của người ấy. Người giàu trong thôn nghĩ như vầy: 'Mong sao ta trở nên giàu nhất trong ấp'. Đó là ý nguyện của người đó. Người giàu trong ấp suy nghĩ như vầy: 'Mong sao ta giàu nhất trong thành'. Đó là ý nguyện của người ấy. Người giàu trong thành nghĩ như vầy: 'Mong sao ta làm được chức tông chánh trong thành'. Đó là ý nguyện của người ấy. Vị tông chánh trong thành nghĩ như vầy: 'Mong sao ta làm được quan quốc tướng. Đó là ý nguyện của người ấy. Quan quốc tướng suy nghĩ như vầy: 'Mong sao ta làm được vị tiểu vương'. Đó là ý nguyện của người ấy. Vị tiểu vương suy nghĩ như vầy: 'Mong sao ta làm được Chuyển luân vương'. Đó là ý nguyện của người ấy. Vị Chuyển luân vương suy nghĩ như vầy: 'Mong sao ta làm được điều mà một thiện nam tử[11] có thể làm, cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo để thành tựu phạm hạnh vô thượng, tự tri, tự giác, tự tác chứng, thành tựu và an trụ, biết như thật rằng: 'Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa'. Đó là ý nguyện Chuyển luân vương.

"Bạch Tôn giả A-nan, nếu con có thí xả như thế, có huệ thí như thế, dù cho tất cả tài vật đều khô cạn, cũng chỉ làm cho con mãn nguyện thôi, như thế là ý nguyện của vị Chuyển luân vương. Bạch Tôn giả A-nan, con có pháp ấy."

Tôn giả A-nan khen rằng:

"Này Trưởng giả, nếu có pháp ấy thì thật là kỳ diệu, thật là hy hữu."

"Bạch Tôn giả, con không phải chỉ có pháp này mà thôi. Lại nữa, bạch Tôn giả A-nan, khi con đến chúng viên, nếu trước hết mà gặp một vị Tỳ-kheo nào, con liền đảnh lễ.

---

11. Hán: *tộc tánh tử* ——m-l-c Pāli: kulaputta.

Nếu vị Tỳ-kheo ấy kinh hành, thì con cũng kinh hành. Nếu vị ấy ngồi, con cũng ngồi theo một bên, ngồi rồi nghe pháp. Vị Tôn giả ấy thuyết pháp cho con nghe; con cũng thuyết pháp cho vị Tôn giả ấy nghe. Vị Tôn giả ấy vấn sự con, con cũng vấn sự vị Tôn giả ấy. Vị Tôn giả ấy trả lời câu hỏi của con, con cũng trả lời vị Tôn giả ấy. Con nhớ chưa từng có lần nào con khinh mạn các vị Tỳ-kheo thượng tôn trưởng lão, trung hay hạ. Bạch Tôn giả A-nan, con có pháp ấy."

Tôn giả A-nan khen rằng:

"Này Trưởng giả, nếu có pháp ấy thì thật là kỳ diệu, thật là hy hữu."

"Bạch Tôn giả A-nan, con không phải chỉ có pháp này mà thôi. Lại nữa, bạch Tôn giả A-nan, khi con ở giữa chúng Tỳ-kheo, hành sự bố thí, thì có chư Thiên trụ giữa hư không bảo con rằng: 'Này Trưởng giả, đây là vị A-la-hán, đây là vị Hướng A-la-hán, đây là vị A-na-hàm, đây là vị Hướng A-na-hàm, đây là vị Tư-đà-hàm, đây là vị Hướng Tư-đà-hàm, đây là vị Tu-đà-hoàn, đây là vị Hướng Tu-đà-hoàn. Vị này tinh tấn, vị này không tinh tấn'. Bạch Tôn giả, khi con cúng thí cho đại chúng Tỳ-kheo, con nhớ chưa từng có ý phân biệt. Bạch Tôn giả A-nan, con có pháp ấy."

Tôn giả A-nan khen rằng:

"Này Trưởng giả, nếu có pháp ấy thì thật là kỳ diệu, thật là hy hữu."

"Bạch Tôn giả A-nan, con không phải chỉ có pháp này mà thôi. Lại nữa, bạch Tôn giả, khi con hành sự bố thí ở trong chúng Tỳ-kheo, có chư Thiên trên hư không bảo con rằng: 'Này Trưởng giả, có Đức Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Pháp được Thế Tôn khéo thuyết, và Thánh chúng của Như Lai khéo thú hướng'. Bạch Tôn giả, con không do vị trời kia mà có tín, không do vị trời kia mà dục lạc, không nghe theo vị kia, nhưng con tự có tịnh trí để biết Đức Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Pháp được Thế Tôn khéo thuyết, và Thánh chúng của Như Lai khéo thú hướng. Bạch Tôn giả, con có pháp ấy."

Tôn giả A-nan khen rằng:

"Này Trưởng giả, nếu có pháp ấy thì thật là kỳ diệu, thật là hy hữu."

"Bạch Tôn giả A-nan, con không phải chỉ có pháp này mà thôi. Lại nữa, bạch Tôn giả A-nan, con ly dục, ly ác bất thiện pháp, v.v..., cho đến, thành tựu và an trụ[12]. Bạch Tôn giả A-nan, con có pháp ấy."

Tôn giả A-nan khen rằng:

"Này Trưởng giả, nếu ông có pháp ấy thì thật là kỳ diệu, thật là hy hữu."

Rồi thì, Trưởng giả Úc-già liền thưa với Tôn giả A-nan rằng:

"Tôn giả A-nan, mời ở lại đây thọ thực."

Tôn giả A-nan im lặng nhận lời mời của Trưởng giả Úc-già. Sau khi biết Tôn giả A-nan đã im lặng nhận lời, Trưởng giả Úc-già liền từ chỗ ngồi đứng dậy, tự mình múc nước rửa tay, rồi đem tất cả rất nhiều món ăn cứng và mềm rất mỹ diệu tinh khiết, ngon lành, tự tay hầu sớt, để cho Tôn giả ăn được no đủ. Ăn xong, dọn cất đồ đạc và dùng nước rồi, lấy một giường nhỏ ngồi riêng để nghe pháp.

Tôn giả A-nan thuyết pháp cho Trưởng giả, khuyến giáo, khích lệ, làm cho hoan hỷ. Sau khi bằng vô lượng phương tiện thuyết pháp cho ông, khuyến giáo, khích lệ, làm cho hoan hỷ rồi, Tôn giả liền từ chỗ ngồi đứng dậy mà đi.

Tôn giả A-nan thuyết pháp như vậy. Trưởng giả Úc-già sau khi nghe Tôn giả A-nan

---

12. Tóm tắt sự chứng đắc bốn Thiền; tiết lược trong bản Hán.

thuyết pháp, hoan hỷ phụng hành.

❑

40. KINH THỦ TRƯỞNG GIẢ (I)[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật du hóa tại A-la-bệ Già-la[2], trong Hòa lâm.

Bấy giờ Thủ Trưởng giả[3], cùng với năm trăm Đại trưởng giả đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật rồi ngồi sang một bên. Năm trăm Trưởng giả cũng cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật rồi ngồi sang một bên.

Đức Thế Tôn bảo rằng:

"Này Thủ Trưởng giả, nay ông có một chúng rất đông này, Trưởng giả, ông dùng phương pháp gì để nhiếp hóa đại chúng này?"

Bấy giờ Thủ Trưởng giả thưa rằng:

"Bạch Thế Tôn, có bốn sự nhiếp[4], như Đức Thế Tôn đã dạy. Một là huệ thí, hai là ái ngôn, ba là dĩ lợi, bốn là đẳng lợi[5]. Bạch Thế Tôn, con dùng bốn phương pháp ấy để nhiếp hóa đồ chúng này, hoặc là dùng bố thí, hoặc là dùng ái ngôn, hoặc là dùng lợi, hoặc là dùng đẳng lợi.

---

1. Tương đương Pāli: A. viii. 24 Hatthaka.

2. A-la-bệ Già-la ———@———CPāli: Āḷaviyaṃ viharati Aggaḷave cetiye, trú ở Āḷavi, trong miếu Aggaḷava. Aggaḷava, một ngôi miếu tại Āḷavi, Phật thường dừng chân tại đây, và cũng tại đây Phật thiết lập một số điều khoản trong giới bổn Tỳ-kheo. Āḷavi là một thị trấn cách Sāvatthi 30 do-tuần.

3. Thủ Trưởng giả ————CPāli: Hattaka, cũng gọi là Āḷavaka, con trai của vua xứ Āḷavi.

4. *Tứ sự nhiếp* -|———Ahay Tứ nhiếp pháp -|——k-CPāli: Cattāri saṅgahavatthūni: dānaṃ, peyyavajjaṃ, atthacariyā, samānattatā.

5. *Huệ thí, ái ngôn, dĩ lợi, đẳng lợi* -f-I-R——H-Q——Q-CThường nói là: Bố thí, ái ngữ, lợi hành, đồng sự. Xem giải thích Tập Dị 9 (DTK. 1536, tr.402c).

Đức Thế Tôn khen rằng:

"Lành thay! Lành thay! Này Thủ Trưởng giả, ông có thể bằng như pháp ấy mà nhiếp hóa đại chúng, lại bằng như môn ấy mà nhiếp hóa đại chúng, lại bằng như nhân duyên mà nhiếp hóa đại chúng[6]. Này Thủ Trưởng giả, nếu trong quá khứ có Sa-môn, Phạm chí nào[7], bằng như pháp mà nhiếp hóa đại chúng, tất cả những sự nhiếp hóa đấy đều hoàn toàn[8] ở trong bốn sự nhiếp này. Này Thủ Trưởng giả, nếu trong vị lai có Sa-môn, Phạm chí nào bằng như pháp nhiếp hóa đại chúng, tất cả những sự nhiếp hóa ấy hoàn toàn ở trong bốn sự nhiếp này. Này Thủ Trưởng giả, nếu trong hiện tại có Sa-môn, Phạm chí nào bằng như pháp nhiếp hóa đại chúng, tất cả những pháp ấy đều hoàn toàn ở trong bốn sự nhiếp này.

Bấy giờ Đức Thế Tôn thuyết pháp cho Thủ Trưởng giả, khuyến giáo, khích lệ, làm cho hoan hỷ. Sau khi bằng vô lượng phương tiện thuyết pháp cho ông, khuyến giáo, khích lệ, làm cho hoan hỷ rồi, Ngài ngồi im lặng.

Bấy giờ, sau khi được Đức Thế Tôn thuyết pháp cho, khuyến giáo, khích lệ, làm cho hoan hỷ rồi, Thủ Trưởng giả liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ Đức Phật, nhiễu quanh ba vòng rồi ra đi.

Trở về nhà, khi từ cổng ngoài, nếu có gặp người nào, ông đều thuyết pháp cho, khuyến giáo, khích lệ, làm cho hoan hỷ. Khi đến trong cổng ngõ giữa, cổng nhỏ trong nhà và đến bên trong nhà, nếu gặp người nào ông đều thuyết pháp cho, khuyến giáo, khích lệ, làm cho hoan hỷ. Sau khi vào nhà, trải giường, ngồi kiết già, tâm câu hữu với từ, biến mãn một phương, thành tựu và an trụ. Cũng vậy, hai, ba, bốn phương, tứ duy, thượng hạ, biến khắp tất cả, tâm câu hữu với từ, không kết, không nhuế, không oán, không tránh, rộng lớn bao la vô lượng, khéo tu tập, biến mãn tất cả thế gian, thành tựu và an trụ. Cũng vậy, với bi và hỷ; tâm câu hữu với xả, không kết, không oán, không nhuế, không tránh, rộng lớn bao la, khéo tu tập biến mãn tất cả thế gian thành tựu và an trụ.

---

6. Hán: *như pháp, như môn, như nhân duyên* -p-k-p——p-]-t-C
7. Pāli: ye hi keci… bất cứ ai…
8. Hán: *hoặc hữu dư*———l-C

Bấy giờ chư Thiên ở cõi Tam thập tam thiên tập trung tại pháp đường xuýt xoa khen ngợi Thủ Trưởng giả.

"Này chư Hiền, Thủ Trưởng giả có đại thiện lợi, đại công đức. Vì sao thế? Này chư Hiền, Thủ Trưởng giả ấy, sau khi được Đức Phật thuyết pháp, khuyến giáo, khích lệ, làm cho hoan hỷ rồi, ông liền từ chỗ ngồi đứng dậy đảnh lễ Phật, nhiễu quanh ba vòng rồi ra đi. Trở về nhà, khi từ cổng ngoài, nếu có gặp người nào, ông đều thuyết pháp cho, khuyến giáo, khích lệ, làm cho hoan hỷ. Khi đến trong cổng ngõ giữa, cổng nhỏ trong nhà và đến bên trong nhà, nếu gặp người nào ông đều thuyết pháp cho, khuyến giáo, khích lệ, làm cho hoan hỷ. Sau khi vào nhà, trải giường, ngồi kiết già, tâm câu hữu với từ, biến mãn một phương, thành tựu và an trụ. Cũng vậy, hai, ba, bốn phương, tứ duy, thượng hạ, biến khắp tất cả, tâm câu hữu với từ, không kết, không nhuế, không oán, không tránh, rộng lớn bao la vô lượng, khéo tu tập, biến mãn tất cả thế gian, thành tựu và an trụ. Cũng vậy, với bi và hỷ; tâm câu hữu với xả, không kết, không oán, không nhuế, không tránh, rộng lớn bao la, khéo tu tập, biến mãn tất cả thế gian thành tựu và an trụ."

Bấy giờ, Tỳ-sa-môn Đại thiên vương, sắc tượng nguy nga, ánh sáng rực rỡ, lúc đêm gần về sáng, đi đến nhà Thủ Trưởng giả, nói rằng:

"Này Trưởng giả, ông có đại thiện lợi, có đại công đức. Vì sao thế? Hôm nay ở cõi Tam thập tam thiên vì Trưởng giả mà tập trung tại pháp đường xuýt xoa khen ngợi: 'Thủ Trưởng giả ấy có đại thiện lợi, có đại công đức. Vì sao thế? Này chư Hiền, vì Thủ Trưởng giả ấy, sau khi được Đức Phật thuyết pháp, khuyến giáo, khích lệ, làm cho hoan hỷ rồi, ông liền từ chỗ ngồi đứng dậy đảnh lễ Phật, nhiễu quanh ba vòng rồi ra đi. Trở về nhà, khi từ cổng ngoài, nếu có gặp người nào, ông đều thuyết pháp cho, khuyến giáo, khích lệ, làm cho hoan hỷ. Khi đến trong cổng ngõ giữa, cổng nhỏ trong nhà và đến bên trong nhà, nếu gặp người nào ông đều thuyết pháp cho, khuyến giáo, khích lệ, làm cho hoan hỷ. Sau khi vào nhà, trải giường, ngồi kiết già, tâm câu hữu với từ, biến mãn một phương, thành tựu và an trụ. Cũng vậy, hai, ba, bốn phương, tứ duy, thượng hạ, biến khắp tất cả, tâm câu hữu với từ, không kết, không nhuế, không oán, không tránh, rộng lớn bao la vô

lượng, khéo tu tập, biến mãn tất cả thế gian, thành tựu và an trụ. Cũng vậy, với bi và hỷ; tâm câu hữu với xả, không kết, không oán, không nhuế, không tránh, rộng lớn bao la, khéo tu tập biến mãn tất cả thế gian thành tựu và an trụ'."

Bấy giờ Thủ Trưởng giả im lặng không nói gì cả; không ngắm, không nhìn Tỳ-sa-môn Đại thiên vương. Vì sao thế? Vì tôn trọng định tâm và để thủ hộ định tâm của mình.

Bấy giờ Đức Thế Tôn ở giữa vô lượng trăm nghìn đại chúng, khen ngợi Thủ Trưởng giả:

"Thủ Trưởng giả có bảy pháp vị tằng hữu. Sau khi Ta thuyết pháp cho Thủ Trưởng giả ấy, khuyến giáo, khích lệ, làm cho hoan hỷ rồi, ông liền từ chỗ ngồi đứng dậy đảnh lễ Ta, nhiễu quanh ba vòng rồi ra đi. Trở về nhà, khi từ cổng ngoài, nếu có gặp người nào, ông đều thuyết pháp cho, khuyến giáo, khích lệ, làm cho hoan hỷ. Khi đến trong cổng ngõ giữa, cổng nhỏ trong nhà và đến bên trong nhà, nếu gặp người nào ông đều thuyết pháp cho, khuyến giáo, khích lệ, làm cho hoan hỷ. Sau khi vào nhà, trải giường, ngồi kiết già, tâm câu hữu với từ, biến mãn một phương, thành tựu và an trụ. Cũng vậy, hai, ba, bốn phương, tứ duy, thượng hạ, biến khắp tất cả, tâm câu hữu với từ, không kết, không nhuế, không oán, không tránh, rộng lớn bao la vô lượng, khéo tu tập, biến mãn tất cả thế gian, thành tựu và an trụ. Cũng vậy, với bi và hỷ; tâm câu hữu với xả, không kết, không oán, không nhuế, không tránh, rộng lớn bao la, khéo tu tập biến mãn tất cả thế gian thành tựu và an trụ.

"Hôm nay chư Thiên ở Tam thập tam thiên vì Trưởng giả ấy mà tập trung ở pháp đường để khen ngợi: 'Thủ Trưởng giả có đại thiện lợi, đại công đức. Vì sao thế? Này chư Hiền, Thủ Trưởng giả ấy, sau khi được Đức Phật thuyết pháp, khuyến giáo, khích lệ, làm cho hoan hỷ rồi, ông liền từ chỗ ngồi dứng dậy đảnh lễ Phật, nhiễu quanh ba vòng rồi ra đi. Trở về nhà, khi từ cổng ngoài, nếu có gặp người nào, ông đều thuyết pháp cho, khuyến giáo, khích lệ, làm cho hoan hỷ. Khi đến trong cổng ngõ giữa, cổng nhỏ trong nhà và đến bên trong nhà, nếu gặp người nào ông đều thuyết pháp cho, khuyến giáo, khích lệ, làm cho hoan hỷ. Sau khi vào nhà, trải giường, ngồi kiết già, tâm câu hữu với từ, biến mãn một phương, thành tựu và an trụ. Cũng vậy, hai,

ba, bốn phương, tứ duy, thượng hạ, biến khắp tất cả, tâm câu hữu với từ, không kết, không nhuế, không oán, không tránh, rộng lớn bao la vô lượng, khéo tu tập, biến mãn tất cả thế gian, thành tựu và an trụ. Cũng vậy, với bi và hỷ; tâm câu hữu với xả, không kết, không oán, không nhuế, không tránh, rộng lớn bao la, khéo tu tập biến mãn tất cả thế gian thành tựu và an trụ'.

"Hôm nay Tỳ-sa-môn Đại thiên vương, sắc tượng nguy nga, ánh sáng rực rỡ, lúc đêm gần về sáng, đi đến nhà Thủ Trưởng giả, nói:

"– Này Trưởng giả, ông có đại thiện lợi, có đại công đức. Vì sao thế? Hôm nay ở cõi Tam thập tam thiên vì Trưởng giả mà tập trung tại pháp đường xuýt xoa khen ngợi: 'Thủ Trưởng giả ấy có đại thiện lợi, có đại công đức. Vì sao thế? Này chư Hiền, vì Thủ Trưởng giả ấy, sau khi được Đức Phật thuyết pháp, khuyến giáo, khích lệ, làm cho hoan hỷ rồi, ông liền từ chỗ ngồi đứng dậy đảnh lễ Phật, nhiễu quanh ba vòng rồi ra đi. Trở về nhà, khi từ cổng ngoài, nếu có gặp người nào, ông đều thuyết pháp cho, khuyến giáo, khích lệ, làm cho hoan hỷ. Khi đến trong cổng ngõ giữa, cổng nhỏ trong nhà và đến bên trong nhà, nếu gặp người nào ông đều thuyết pháp cho, khuyến giáo, khích lệ, làm cho hoan hỷ. Sau khi vào nhà, trải giường, ngồi kiết già, tâm câu hữu với từ, biến mãn một phương, thành tựu và an trụ. Cũng vậy, hai, ba, bốn phương, tứ duy, thượng hạ, biến khắp tất cả, tâm câu hữu với từ, không kết, không nhuế, không oán, không tránh, rộng lớn bao la vô lượng, khéo tu tập, biến mãn tất cả thế gian, thành tựu và an trụ. Cũng vậy, với bi và hỷ; tâm câu hữu với xả, không kết, không oán, không nhuế, không tránh, rộng lớn bao la, khéo tu tập biến mãn tất cả thế gian thành tựu và an trụ'."

Bấy giờ có một Tỳ-kheo, sau khi đêm đã qua, vào lúc sáng sớm, khoác y ôm bát đến nhà Thủ Trưởng giả. Thủ Trưởng giả từ xa trông thấy Tỳ-kheo, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, chắp tay hướng về thầy Tỳ-kheo mà thưa:

"Kính chào Tôn giả! Tôn giả đã lâu không đến đây. Mời ngồi trên giường này."

Lúc đó Tỳ-kheo liền ngồi trên giường đó. Thủ Trưởng giả đảnh lễ dưới chân Tỳ-kheo, rồi ngồi sang một bên. Tỳ-kheo nói:

"Này Trưởng giả, ông có đại thiện lợi, đại công đức. Vì sao thế?

Đức Thế Tôn vì ông ở giữa vô lượng trăm ngàn đại chúng mà khen ngợi Thủ Trưởng giả: 'Thủ Trưởng giả có bảy pháp vị tằng hữu. Sau khi Ta thuyết pháp cho Thủ Trưởng giả ấy, khuyến giáo, khích lệ, làm cho hoan hỷ rồi, ông liền từ chỗ ngồi đứng dậy đảnh lễ Ta, nhiễu quanh ba vòng rồi ra đi. Trở về nhà, khi từ cổng ngoài, nếu có gặp người nào, ông đều thuyết pháp cho, khuyến giáo, khích lệ, làm cho hoan hỷ. Khi đến trong cổng ngõ giữa, cổng nhỏ trong nhà và đến bên trong nhà, nếu gặp người nào ông đều thuyết pháp cho, khuyến giáo, khích lệ, làm cho hoan hỷ. Sau khi vào nhà, trải giường, ngồi kiết già, tâm câu hữu với từ, biến mãn một phương, thành tựu và an trụ. Cũng vậy, hai, ba, bốn phương, tứ duy, thượng hạ, biến khắp tất cả, tâm câu hữu với từ, không kết, không nhuế, không oán, không tránh, rộng lớn bao la vô lượng, khéo tu tập, biến mãn tất cả thế gian, thành tựu và an trụ. Cũng vậy, với bi và hỷ; tâm câu hữu với xả, không kết, không oán, không nhuế, không tránh, rộng lớn bao la, khéo tu tập biến mãn tất cả thế gian thành tựu và an trụ.

"Hôm nay chư Thiên ở Tam thập tam thiên vì Trưởng giả ấy mà tập trung ở pháp đường để khen ngợi: 'Thủ Trưởng giả có đại thiện lợi, đại công đức. Vì sao thế? Này chư Hiền, Thủ Trưởng giả ấy, sau khi được Đức Phật thuyết pháp, khuyến giáo, khích lệ, làm cho cho hoan hỷ rồi, ông liền từ chỗ ngồi đứng dậy đảnh lễ Phật, nhiễu quanh ba vòng rồi ra đi. Trở về nhà, khi từ cổng ngoài, nếu có gặp người nào, ông đều thuyết pháp cho, khuyến giáo, khích lệ, làm cho hoan hỷ. Khi đến trong cổng ngõ giữa, cổng nhỏ trong nhà và đến bên trong nhà, nếu gặp người nào ông đều thuyết pháp cho, khuyến giáo, khích lệ, làm cho hoan hỷ. Sau khi vào nhà, trải giường, ngồi kiết già, tâm câu hữu với từ, biến mãn một phương, thành tựu và an trụ. Cũng vậy, hai, ba, bốn phương, tứ duy, thượng hạ, biến khắp tất cả, tâm câu hữu với từ, không kết, không nhuế, không oán, không tránh, rộng lớn bao la vô lượng, khéo tu tập, biến mãn tất cả thế gian, thành tựu và an trụ. Cũng vậy, với bi và hỷ; tâm câu hữu với xả, không kết, không oán, không nhuế, không tránh, rộng lớn bao la, khéo tu tập biến mãn tất cả thế gian thành tựu và an trụ'.

"Hôm nay Tỳ-sa-môn Đại thiên vương, sắc tượng nguy nga, ánh sáng rực rỡ, lúc đêm gần về sáng, đi đến nhà Thủ Trưởng giả, nói:

"– Này Trưởng giả, ông có đại thiện lợi, có đại công đức. Vì sao thế? Hôm nay ở cõi Tam thập tam thiên vì Trưởng giả mà tập trung tại pháp đường xuýt xoa khen ngợi: 'Thủ Trưởng giả ấy có đại thiện lợi, có đại công đức. Vì sao thế? Này chư Hiền, vì Thủ Trưởng giả ấy, sau khi được Đức Phật thuyết pháp, khuyến giáo, khích lệ, làm cho hoan hỷ rồi, ông liền từ chỗ ngồi đứng dậy đảnh lễ Phật, nhiễu quanh ba vòng rồi ra đi. Trở về nhà, khi từ cổng ngoài, nếu có gặp người nào, ông đều thuyết pháp cho, khuyến giáo, khích lệ, làm cho hoan hỷ. Khi đến trong cổng ngõ giữa, cổng nhỏ trong nhà và đến bên trong nhà, nếu gặp người nào ông đều thuyết pháp cho, khuyến giáo, khích lệ, làm cho hoan hỷ. Sau khi vào nhà, trải giường, ngồi kiết già, tâm câu hữu với từ, biến mãn một phương, thành tựu và an trụ. Cũng vậy, hai, ba, bốn phương, tứ duy, thượng hạ, biến khắp tất cả, tâm câu hữu với từ, không kết, không nhuế, không oán, không tránh, rộng lớn bao la vô lượng, khéo tu tập, biến mãn tất cả thế gian, thành tựu và an trụ. Cũng vậy, với bi và hỷ; tâm câu hữu với xả, không kết, không oán, không nhuế, không tránh, rộng lớn bao la, khéo tu tập biến mãn tất cả thế gian thành tựu và an trụ.

"Bấy giờ Thủ Trưởng giả im lặng không nói gì cả, không ngắm, không nhìn Tỳ-sa-môn Đại thiên vương. Vì sao thế? Vì tôn trọng định tâm và để thủ hộ định tâm của mình."

Bấy giờ Thủ Trưởng giả thưa với thầy Tỳ-kheo rằng:

"Bạch Tôn giả lúc bấy giờ không có người bạch y nào chăng?"

Tỳ-kheo đáp:

"Không có người bạch y nào."

Và hỏi lại:

"Nếu có người bạch y thì sẽ có sai lầm gì?"

Trưởng giả đáp:

"Bạch Tôn giả, hoặc có người không tin lời của Đức Thế Tôn; người ấy sẽ ấy sẽ vĩnh viễn bất nghĩa, bất nhẫn[9], sanh vào chỗ cực ác, thọ vô lượng khổ. Nếu kẻ nào tin lời Đức Thế Tôn người ấy do việc đó sẽ cung kính lễ bái con. Bạch Tôn giả, con cũng không thích được

9. Hán: bất nghĩa, bất nhẫn; có lẽ phải hiểu là: không được lợi ích, không được an ổn; Pāli: na attha, na khema.

như vậy. Bạch Tôn giả, mời ở lại đây thọ thực."

Tỳ-kheo ấy im lặng nhận lời. Sau khi biết Tỳ-kheo đã im lặng nhận lời, Trưởng giả Úc-già liền từ chỗ ngồi đứng dậy, tự mình múc nước rửa tay, rồi đem tất cả rất nhiều món ăn cứng và mềm rất mỹ diệu tinh khiết, ngon lành, tự tay hầu sớt, để cho Tỳ-kheo ăn được no đủ. Ăn xong, dọn cất đồ đạc và dùng nước rồi, lấy một giường nhỏ ngồi riêng để nghe pháp.

Thầy Tỳ-kheo thuyết pháp cho Trưởng giả, khuyến giáo, khích lệ, làm cho hoan hỷ. Sau khi bằng vô lượng phương tiện thuyết pháp cho ông, khuyến giáo, khích lệ, làm cho hoan hỷ rồi, Tỳ-kheo liền từ chỗ ngồi đứng dậy mà đi. Đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật rồi ngồi sang một bên, rồi đem trình bày đầy đủ lại cuộc thảo luận giữa thầy và Thủ Trưởng giả lên Đức Phật.

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các thầy Tỳ-kheo rằng:

"Ta vì cớ ấy mà khen Thủ Trưởng giả có bảy pháp vị tằng hữu. Lại nữa, Thủ Trưởng giả có pháp vị tằng hữu thứ tám là Thủ Trưởng giả vô cầu, vô dục.

Phật thuyết như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

❑

41. KINH THỦ TRƯỞNG GIẢ (II)[10]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật du hóa tại A-la-bệ Già-la, trong Hòa lâm.

Bấy giờ Đức Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo rằng:

"Thủ Trưởng giả có tám pháp vị tằng hữu. Những gì là tám? Thủ Trưởng giả có thiểu dục, có tín, có tàm, có quý, có tinh tấn, có niệm, có định, có tuệ.

"Nói Thủ Trưởng giả có thiểu dục, là do nhân gì? Thủ Trưởng giả tự thân thiểu dục, không muốn để cho người khác biết mình có thiểu dục, có tín, có tàm, có quý, có tinh tấn, có niệm, có tuệ. Thủ Trưởng giả tự có tuệ, không muốn cho người khác biết mình có tuệ. Nói Thủ Trưởng giả có thiểu dục, là nhân đó mà nói.

"Nói Thủ Trưởng giả có tín, là do nhân gì? Thủ Trưởng giả có lòng tin kiên cố, tin tưởng thâm sâu nơi Như Lai, tín căn đã xác lập, hoàn toàn không theo Sa-môn, Phạm chí, Ngoại đạo, hoặc Thiên, Ma, Phạm và tất cả những người khác trong thế gian. Nói Thủ Trưởng giả có tín, là nhân đó mà nói.

"Nói Thủ Trưởng giả có tàm, là do nhân gì? Thủ Trưởng giả thường hành xấu hổ, điều gì đáng xấu hổ thì biết xấu hổ, xấu hổ đối với pháp ác bất thiện, phiền não ô uế đưa đến thọ các ác báo, tạo gốc sanh tử. Nói Thủ Trưởng giả có tàm, là nhân đó mà nói.

"Nói Thủ Trưởng giả có quý, là do nhân gì? Thủ Trưởng giả thường thực hành sự hổ thẹn, điều nào đáng thẹn thì biết thẹn, thẹn các pháp ác bất thiện và phiền não ô uế đưa đến thọ các ác báo, tạo gốc sanh tử. Nói Thủ Trưởng giả có quý, là nhân đó mà nói.

"Nói Thủ Trưởng giả có tinh tấn, là do nhân gì? Thủ Trưởng giả thường thực hành sự tinh tấn, trừ ác và bất thiện, tu các thiện pháp, có ý tưởng ngồi dậy[11], chuyên nhất và kiên cố, tạo gốc rễ thiện, không hề từ bỏ sự tinh cần[12]. Nói Thủ Trưởng giả có tinh tấn, là nhân đó mà nói.

"Nói Thủ Trưởng giả có niệm, là do nhân gì? Thủ Trưởng giả quán nội thân như thân, quán nội giác, nội tâm, nội pháp như pháp[13]. Nói Thủ Trưởng giả có niệm, là nhân đó mà nói.

"Nói Thủ Trưởng giả có định, là do nhân gì? Thủ Trưởng giả ly dục, ly ác bất thiện pháp, cho đến chứng đắc đệ Tứ thiền, thành tựu và an trụ. Nói Thủ Trưởng giả có định, là nhân đó mà nói.

"Nói Thủ Trưởng giả có tuệ, là do nhân gì? Thủ Trưởng giả tu hành trí tuệ, quán sát

---

10. Tương đương Pāli: A. Viii.23. Hatthaka. Tham chiếu kinh 40 trên.

11. Tu tập quang minh tưởng.

12. Hán: *bất xả phương tiện* ————K-C

13. Quán bốn niệm xứ: *quán thân, quán thọ, quán tâm, quán pháp*. Pāli: kāye kayānupasī viharati, vedanāsu vedanānupassī viharati, citte cittanupassī viharati, dhammesu dhammānupassī viharati, sống quán thân trên thân, sống quán thọ trên thọ, sống quán tâm trên tâm, sống quán pháp trên pháp.

sự hưng thịnh và suy tàn của các pháp; đạt được trí tuệ như vậy, Thánh tuệ minh đặt, phân biệt rõ ràng để hoàn toàn thoát khổ. Nói Thủ Trưởng giả có tuệ, là nhân đó mà nói.

"Nói Thủ Trưởng giả có tám pháp vị tằng hữu, là nhân đó mà nói.

Phật thuyết như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

❑

42. KINH HÀ NGHĨA[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng, vườn Cấp cô độc.

Bấy giờ vào lúc xế chiều, Tôn giả A-nan từ chỗ độc cư tĩnh tọa[2] đứng dậy, đến trước Đức Phật, đảnh lễ dưới chân rồi ngồi sang một bên, thưa rằng:

"Bạch Thế Tôn, giữ giới có ý nghĩa gì?[3]".

Đức Thế Tôn đáp:

"Này A-nan, giữ giới có ý nghĩa là khiến cho không hối hận[4]. Này A-nan, nếu ai giữ giới, người ấy được sự không hối hận".

"Bạch Thế Tôn, không hối hận thì có ý nghĩa gì?"

"Này A-nan, không hối hận thì có ý nghĩa khiến cho được hân hoan[5]. A-nan, nếu ai không hối hận, người ấy được sự hân hoan".

"Bạch Thế Tôn, hân hoan có ý nghĩa gì?"

"Này A-nan, hân hoan có ý nghĩa là khiến cho có hỷ[6]. Này A-nan, nếu ai hân hoan, người ấy có hỷ".

"Bạch Thế Tôn, hỷ có ý nghĩa gì?"

"Này A-nan, hỷ có ý nghĩa là khiến cho tĩnh chỉ[7]. Này A-nan, nếu ai có hỷ, người ấy có tĩnh chỉ của thân".

"Bạch Thế Tôn, tĩnh chỉ có ý nghĩa gì?"

"Này A-nan, tĩnh chỉ có ý nghĩa là khiến cho lạc[8]. A-nan, nếu ai tĩnh chỉ người ấy có cảm thọ lạc.

"Bạch Thế Tôn, lạc có ý nghĩa gì?"

"Này A-nan, lạc có nghĩa khiến cho có định[9]. A-nan, nếu ai có lạc người ấy có định.

"Bạch Thế Tôn, định có ý nghĩa gì?"

"Này A-nan, định có ý nghĩa là khiến cho thấy như thật, biết như chơn[10]. A-nan, nếu ai có định người ấy thấy như thật, biết như chơn.

"Bạch Thế Tôn, thấy như thật, biết như chơn có ý nghĩa gì?"

---

1. Tương đương Pāli: A.x. 1. Kimatthiya.
2. Hán: *yến tọa* ━(có bản viết: ━P) ━━C Pāli: patisallāna hoặc paṭisallāna.
3. Pāli: kimatthiya, có ý nghĩa gì, mục đích gì, ích lợi gì?
4. Hán: *bất hối* ━━━C Pāli: avippaṭisāra, không hối hận.
5. Hán: *hoan duyệt* ━w━━C Pāli: pāmojja, hân hoan, thích thú, vui vẻ.
6. Hán: *hỷ* ━━C Pāli: pīti, trạng thái hỷ giống như xuất thần.
7. Hán: *chỉ* ━━C Pāli: passaddhi, khinh an.
8. Hán: *lạc* ━━C Pāli: sukha, an lạc, an ổn khoái lạc.
9. Định ━w━C Pāli: samādhi.
10. Hán: *kiến như thật, tri như chân* ━━p━━━p━u━CPāli: yathābhūtaññaṇadassana, tri kiến như thật.

"Này A-nan, thấy như thật, biết như chơn có ý nghĩa là khiến cho yếm ly[11]. Này A-nan, thấy như thật, biết như chơn người ấy có sự yếm ly.

"Bạch Thế Tôn, yếm ly có ý nghĩa gì?"

"Này A-nan, yếm ly có ý nghĩa là khiến cho vô dục[12]. A-nan, nếu ai yếm ly người ấy được vô dục.

"Bạch Thế Tôn, vô dục có ý nghĩa gì?"

"Này A-nan, vô dục có ý nghĩa là khiến cho giải thoát. Này A-nan, nếu ai vô dục thì người ấy được giải thoát hết thảy dâm, nộ, si.

"Cho nên, này A-nan, nhân trì giới mà được không hối hận, nhân không hối hận mà được hân hoan, nhân hân hoan mà được hỷ, nhân hỷ mà được chỉ, nhân chỉ mà được lạc, nhân lạc mà được định.

"Này A-nan, Đa văn Thánh đệ tử nhân định mà có tri kiến như thật, nhân có tri kiến như thật mà có yếm ly, nhân có yếm ly mà được vô dục, nhân vô dục mà được giải thoát, nhân giải thoát mà có giải thoát tri kiến, biết đúng như thật rằng: 'Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa'.

"Này A-nan, đó chính là các pháp hỗ trợ lẫn nhau, làm nhân cho nhau. Như vậy, giới này đưa đến chỗ cao tột, tức là đưa từ bờ này đến tận bờ kia[13].

Phật thuyết như vậy. Tôn giả A-nan và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

❑

11. Hán: yếm ——C Pāli: nibbidā, sự chán ghét, nhàm tởm.

12. Hán: *vô dục* –L——C Pāli: virāga, ly dục, ly tham; không còn tham dục.

13. Pāli: iti kho Ananda kusalāni sīlāni anupubbena aggāya parentī ti, đó là các thiện giới lần lượt dẫn đến chỗ cao tột.

43. KINH BẤT TƯ[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng, vườn Cấp cô độc.

Bấy giờ Đức Thế Tôn nói rằng:

"Này A-nan, người giữ giới không nên nghĩ rằng: 'Mong sao tôi không có sự hối hận'. Này A-nan, bởi vì pháp tánh vốn vậy[2] ai giữ giới, người ấy được sự không hối hận.

"Này A-nan, người đã được sự không hối hận, không nên nghĩ rằng: 'Mong sao tôi được hân hoan. Này A-nan, bởi vì pháp tánh vốn như vậy, ai không hối hận người ấy được hân hoan.

"Này A-nan, người đã được sự hân hoan không nên nghĩ rằng: 'Mong sao tôi được hỷ'. Này A-nan, bởi vì pháp tánh vốn vậy, ai có hân hoan, người ấy được hỷ.

"Này A-nan, người đã có hỷ không nên nghĩ rằng: 'Mong sao tôi được tĩnh chỉ'. Này A-nan, bởi vì pháp tánh vốn như vậy, ai có hỷ, người ấy được tĩnh chỉ.

"Này A-nan, người đã được tĩnh chỉ không nên nghĩ rằng: 'Mong sao tôi có lạc'. Này A-nan, bởi vì pháp tánh vốn vậy, ai đã có tĩnh chỉ, người ấy được cảm thọ lạc.

"Này A-nan, người đã có lạc không nên nghĩ rằng: 'Mong sao tôi có định'. Này A-nan, bởi vì pháp tánh vốn vậy, ai có lạc, người ấy có định.

"Này A-nan, người đã có định không nên nghĩ rằng: 'Mong sao tôi thấy như thật, biết như chân'. Này A-nan, bởi vì pháp tánh vốn vậy, ai có định, người ấy thấy như thật, biết như chân.

"Này A-nan, người thấy như thật, biết như chân không nên nghĩ rằng: 'Mong sao tôi có sự yếm ly'. Này A-nan, bởi vì pháp tánh vốn như vậy, ai thấy như thật, biết như chân, người ấy có sự yếm ly.

"Này A-nan, người đã có sự yếm ly không nên nghĩ rằng: 'Mong sao tôi được vô dục'. Này A-nan, bởi vì pháp tánh vốn như vậy, ai có sự yếm ly người ấy được vô dục.

"Này A-nan, người đã vô dục không nên nghĩ rằng: 'Mong sao tôi được giải thoát'. Này A-nan, bởi vì pháp tánh vốn như vậy, ai đã vô dục người ấy được giải thoát hết thảy dâm, nộ, si.

"Này A-nan, đấy là nhân trì giới mà được không hối hận, nhân không hối hận mà được hân hoan, nhân hân hoan mà được hỷ, nhân hỷ mà được chỉ, nhân chỉ mà được lạc, nhân lạc mà được định.

"Này A-nan, Đa văn Thánh đệ tử nhân định mà có tri kiến như thật, nhân có tri kiến như thật mà có yếm ly, nhân có yếm ly mà được vô dục, nhân vô dục mà được giải thoát, nhân giải thoát mà có giải thoát tri kiến, biết đúng như thật rằng: 'Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa'.

---

1. Tương đương Pāli: A.x.2. Cetanā, *tư*, không có nghĩa *bất* như bản Hán.
2. Hán: *pháp tự nhiên* ■k■■M■CPāli: dhammatā esā, pháp tánh là như thế.

"Này A-nan, đó chính là các pháp hỗ trợ lẫn nhau, làm nhân cho nhau. Như vậy, giới này đưa đến chỗ cao tột, tức là đưa từ bờ này đến tận bờ kia.

Phật thuyết như vậy. Tôn giả A-nan và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

❑

44. KINH NIỆM[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng, vườn Cấp cô độc.

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo rằng:

"Nếu các Tỳ-kheo nào thường lãng quên, không chánh trí thì làm tổn hại chánh niệm, chánh trí. Nếu không chánh niệm, chánh trí thì làm tổn hại các việc gìn giữ[2] các căn, gìn giữ giới, không hối hận, hân hoan, hỷ, lạc, định, tri kiến như thật, yếm ly, vô dục, giải thoát. Nếu không giải thoát thì làm tổn hại Niết-bàn[3].

"Nếu Tỳ-kheo nào không thường hay lãng quên, có chánh trí thì thường xuyên có[4] chánh niệm chánh trí. Nếu có chánh niệm chánh trí thì thường giữ gìn các căn, giữ giới, không hối hận, hân hoan, hỷ, chỉ, lạc, định, tri kiến như thật, yếm ly, vô dục, giải thoát. Nếu đã giải thoát liền chứng đắc Niết-bàn.

Phật thuyết như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

❑

---

1. Tương đương Pāli: A. viii. 81. Sati.
2. Tham chiếu Pāli: Không chánh niệm sẽ mất tàm quý; mất tàm quý sẽ mất sự hộ trì các căn; mất hộ các căn sẽ mất hộ giới…
3. Tham chiếu Pāli: nibbidāvirāge asati…hatūpanisaṃ hoti vimuttiñāṇadassanaṃ, trong khi không có yếm ly, ly dục, thì có sự tổn hại đối với giải thoát tri kiến.
4. Hán: *tập* ——C Pāli: upanisasammpanno hoti.

45. KINH TÀM QUÝ (I)[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng, vườn Cấp cô độc.

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo rằng:

"Nếu có Tỳ-kheo nào không tàm không quý thì làm tổn hại ái và kỉnh[2]. Nếu không có ái và kỉnh thì làm tổn hại tín. Nếu không có tín thì làm tổn hại chánh tư duy. Nếu không có chánh tư duy thì làm tổn hại chánh niệm chánh trí. Nếu không có chánh niệm chánh trí thì làm tổn hại gìn giữ các căn, giữ giới, không hối hận, hân hoan, hỷ, tĩnh chỉ, lạc, định, tri kiến như thật, yếm ly, vô dục, giải thoát. Nếu không giải thoát thì làm tổn hại Niết-bàn.

"Nếu Tỳ-kheo nào biết hổ thẹn thì có ái và kỉnh. Nếu có ái và kỉnh thì thường có tín. Nếu có tín thì thường có chánh tư duy. Nếu có chánh tư duy thì thường có chánh niệm chánh trí. Nếu có chánh niệm chánh trí thì thường giữ các căn, giữ giới, không hối hận, hân hoan, hỷ, tĩnh chỉ, lạc, định, tri kiến như thật, yếm ly, vô dục, giải thoát. Nếu giải thoát thì liền được Niết-bàn.

Phật thuyết như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

❑

46. KINH TÀM QUÝ (II)[3]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng, vườn Cấp cô độc.

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lê Tử bảo các Tỳ-kheo rằng:

"Này các Hiền giả, nếu Tỳ-kheo nào không tàm không quý thì làm tổn hại ái và kỉnh. Nếu không có tín thì làm tổn hại chánh tư duy. Nếu không có chánh tư duy thì làm tổn hại chánh niệm, chánh trí. Nếu không có chánh niệm, chánh trí thì làm tổn hại gìn

---

1. Tương đương Pāli: A. Vii. Hiri. Tham chiếu kinh số 44 trên.
2. Hán: *ái cung kỉnh* ‑R——q‑CTham chiếu Pāli: hirottappeasati… hatūpanisaṃ indriyasaṃvaro, trong khi không có tàm và quý, sự thủ hộ các căn bị tổn hại.
3. Tham chiếu kinh 45 trên.

giữ các căn, giữ giới, không hối hận, hân hoan, hỷ, tĩnh chỉ, lạc, định, tri kiến như thật, yếm ly, vô dục, giải thoát. Nếu không giải thoát thì làm tổn hại Niết-bàn.

"Này chư Hiền, cũng như cây nào mà lớp vỏ ngoài tổn hại thì lớp vỏ trong cũng hư. Vỏ trong hư, nên thân, lõi, nhánh, cành, hoa, lá chắc chắn thảy đều tàn rụi.

"Chư Hiền nên biết, Tỳ-kheo cũng như vậy. Nếu không tàm không quý thì làm tổn hại ái và kỉnh. Nếu không ái và kính thì làm tổn hại tín. Nếu không có tín thì làm tổn hại chánh tư duy. Nếu không có chánh tư duy thì làm tổn hại chánh niệm, chánh trí. Nếu không có chánh niệm, chánh trí thì làm tổn hại gìn giữ các căn, giữ giới, không hối hận, hân hoan, hỷ, tĩnh chỉ, lạc, định, tri kiến như thật, yếm ly, vô dục, giải thoát. Nếu không giải thoát thì làm tổn hại Niết-bàn.

"Này chư Hiền, Tỳ-kheo biết tàm biết quý thì thường có ái và kỉnh. Nếu có ái và kỉnh thì thường có tín. Nếu có tín thì thường có chánh tư duy. Nếu có chánh tư duy thì có chánh niệm, chánh trí. Nếu có chánh niệm, chánh trí thì thường gìn giữ các căn, giữ giới, không hối hận, hân hoan, hỷ, tĩnh chỉ, lạc, định, tri kiến như thật, yếm ly, vô dục, giải thoát. Nếu đã giải thoát liền được Niết-bàn.

"Này chư Hiền, giống như cây nào mà vỏ ngoài không bị hư tổn thì vỏ trong không bị hư hại. Vỏ trong không hư, nên thân, lõi, cành, nhánh, hoa, lá chắc chắn thảy đều thành tựu.

"Chư Hiền nên biết, Tỳ-kheo cũng như vậy. Nên biết tàm biết quý thì thường có ái và kỉnh. Nếu có ái kỉnh thì thường có tín. Nếu có tín thì thường có chánh tư duy. Nếu có chánh tư duy thì thường có chánh niệm, chánh trí. Nếu có chánh niệm, chánh trí thì thường giữ các căn, giữ giới, không hối hận, hân hoan, hỷ, tĩnh chỉ, lạc, định, tri kiến như thật, yếm ly, vô dục, giải thoát. Nếu đã giải thoát liền đắc Niết-bàn.

Tôn giả Xá-lê Tử thuyết như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe Tôn giả Xá-lê Tử thuyết, hoan hỷ phụng hành.

❑

47. KINH GIỚI (I)[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng, vườn Cấp cô độc.

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Nếu Tỳ-kheo nào phạm giới thì làm tổn hại gìn giữ các căn. Giữ giới thì không hối hận, hân hoan, hỷ, tĩnh chỉ, lạc, định, tri kiến như thật, yếm ly, vô dục, giải thoát. Nếu không giải thoát thì làm tổn hại Niết-bàn.

"Nếu Tỳ-kheo nào giữ giới thì thường không có sự hối hận, hân hoan, hỷ, tĩnh chỉ, lạc, định, tri kiến như thật, yếm ly, vô dục, giải thoát. Nếu đã giải thoát thì liền đắc Niết-bàn.

Phật thuyết như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

❑

1. Tương đương Pāli: A.x.3 Sīla. Tham chiếu kinh 44 và các kinh tiếp theo trên.

48. KINH GIỚI (II)[2]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng, vườn Cấp cô độc.

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lê Tử nói với các Tỳ-kheo rằng:

"Này chư Hiền, nếu Tỳ-kheo nào phạm giới thì làm tổn hại gìn giữ các căn. Giữ giới thì không hối hận, hân hoan, hỷ, tĩnh chỉ, lạc, định, tri kiến như thật, yếm ly, vô dục, giải thoát. Nếu không giải thoát thì làm tổn hại Niết-bàn.

"Này chư Hiền, giống như cây nào mà rễ bị tổn hại thì thân, lõi, nhánh, cành, hoa, lá không thể thành được. Chư Hiền nên biết, Tỳ-kheo cũng lại như vậy. Nếu ai phạm giới thì làm tổn hại gìn giữ các căn, giữ giới, không hối hận, hân hoan, hỷ, tĩnh chỉ, lạc, định, tri kiến như thật, yếm ly, vô dục, giải thoát. Nếu không giải thoát thì làm tổn hại Niết-bàn.

"Này chư Hiền, nếu Tỳ-kheo nào giữ giới thì thường không có sự hối hận, hân hoan, hỷ, tĩnh chỉ, lạc, định, tri kiến như thật, yếm ly, vô dục, giải thoát. Nếu đã giải thoát thì liền đắc Niết-bàn.

"Này chư Hiền, giống như cây nào mà rễ không hư thì thân, lõi, nhánh, cành, hoa, lá đều thành tựu. Chư Hiền nên biết, Tỳ-kheo cũng như vậy. Nếu ai giữ giới thì thường không hối hận, hân hoan, hỷ, tĩnh chỉ, lạc, định, tri kiến như thật, yếm ly, vô dục, giải thoát. Nếu đã giải thoát thì liền đắc Niết-bàn.

Tôn giả Xá-lê Tử thuyết như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe Tôn giả Xá-lê Tử thuyết, hoan hỷ phụng hành.

❑

2. Tương đương Pāli: A. x. 4 Upanisā; tham chiếu, A. x. 5 Ānanda.

49. KINH CUNG KÍNH (I)[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng, vườn Cấp cô độc.

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Tỳ-kheo nên thực hành hạnh cung kính và khéo quán sát, kính trọng các bậc phạm hạnh. Nếu Tỳ-kheo nào không thực hành hạnh cung kính, không khéo quán sát[2], không kính trọng[3] các bậc phạm hạnh, mà pháp oai nghi[4] đầy đủ, điều đó không thể xảy ra. Pháp oai nghi không đầy đủ mà học pháp đầy đủ, điều đó không thể xảy ra. Học pháp không đầy đủ mà giới thân đầy đủ, điều đó không thể xảy ra. Giới thân không đầy đủ mà định thân đầy đủ[5], điều đó không thể xảy ra. Định thân không đầy đủ mà tuệ thân đầy đủ, điều đó không thể xảy ra. Tuệ thân không đầy đủ mà giải thoát thân đầy đủ, điều đó không thể xảy ra. Giải thoát thân không đầy đủ mà giải thoát tri kiến thân đầy đủ, điều đó không thể xảy ra. Giải thoát tri kiến thân không đầy đủ mà Niết-bàn đầy đủ, điều đó không thể xảy ra.

"Nếu Tỳ-kheo nào thực hành hạnh cung kính và khéo quán sát, kính trọng các bậc phạm hạnh nên pháp oai nghi đầy đủ, điều đó chắc

---

1. Tương đương Pāli: A. V. 21-22 Agārava (không cung kính).
2. Hán: *bất thiện quán* ———[–CPāli: appatissa, không thuận tùng, không phục tùng, hay gây gổ.
3. Hán: *bất kính trọng* ——q——C Pāli: asabhāgavuttika, không có lễ nghi, vô lễ.
4. Hán: *oai nghi pháp* ————k–C Pāli: ābhisamācarikaṃ dhammaṃ, hành nghi lễ tiết.
5. Bản Pāli: sīlāni aparipūretvā sammādiṭṭhi paripūressati, các giới không viên mãn mà chánh kiến viên mãn.

chắn xảy ra. Pháp oai nghi đầy đủ nên học pháp đầy đủ, điều đó chắc chắn xảy ra. Học pháp đầy đủ nên giới thân đầy đủ, điều đó chắc chắn xảy ra. Giới thân đầy đủ nên định thân đầy đủ, điều đó chắc chắn xảy ra. Định thân đầy đủ nên tuệ thân đầy đủ, điều đó chắc chắn xảy ra. Tuệ thân đầy đủ nên giải thoát thân đầy đủ, điều đó chắc chắn xảy ra. Giải thoát thân đầy đủ nên giải thoát tri kiến thân đầy đủ, điều đó chắc chắn xảy ra. Giải thoát tri kiến thân đầy đủ nên Niết-bàn đầy đủ, điều đó chắc chắn xảy ra".

Phật thuyết như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

❑

50. KINH CUNG KÍNH (II)[6]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng, vườn Cấp cô độc.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo rằng:

"Tỳ-kheo nên thực hành hạnh cung kính và khéo quán sát, kính trọng các bậc phạm hạnh.

"Nếu Tỳ-kheo nào không thực hành hạnh cung kính, không khéo quán sát, không kính trọng các bậc phạm hạnh mà pháp oai nghi đầy đủ, điều đó không thể xảy ra. Pháp oai nghi không đầy đủ mà học pháp đầy đủ, điều đó không thể xảy ra. Học pháp không đầy đủ mà giữ gìn các căn, giữ giới, không hối hận, hân hoan, hỷ, tĩnh chỉ, lạc, định, tri kiến như thật, yếm ly, vô dục, giải thoát đầy đủ, điều đó không thể xảy ra. Giải thoát không đầy đủ mà Niết-bàn đầy đủ, điều đó không thể xảy ra.

"Nếu Tỳ-kheo nào thực hành hạnh cung kính và khéo quán sát, kính trọng các bậc phạm hạnh nên pháp oai nghi đầy đủ, điều đó chắc chắn xảy ra. Pháp oai nghi đầy đủ nên học pháp đầy đủ, điều đó chắc chắc xảy ra. Học pháp đầy đủ nên giữ gìn các căn, giữ giới, không hối hận, hân hoan, hỷ, tĩnh chỉ, lạc, định, tri kiến như thật, yếm ly, vô dục, giải thoát đầy đủ nên Niết-bàn đầy đủ, điều đó chắc chắn xảy ra.

Phật thuyết như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

❑

6. Tham chiếu kinh số 49 trên.

51. KINH BỔN TẾ[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng, vườn Cấp cô độc. Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo rằng:

"Không thể biết biên tế[2] cùng cực của hữu ái[3]. Trước vốn không có hữu ái, nhưng nay sanh ra hữu ái, do đó mới có thể biết được nhân của hữu ái[4].

"Hữu ái có tập[5] chứ không phải không tập. Tập của hữu ái là gì? Vô minh là tập.

"Vô minh cũng có tập chứ không phải không tập. Tập của vô minh là gì? Năm triền cái[6] là tập.

"Năm triền cái cũng có tập chứ không phải không tập. Tập của năm triền cái là gì? Ba ác hành là tập.

"Ba ác hành cũng có tập chứ không phải không tập. Tập của ba ác hành là gì? Không thủ hộ các căn là tập.

"Không thủ hộ các căn cũng có tập chứ không phải không tập. Tập của không thủ hộ các căn là gì? Không chánh niệm chánh trí là tập.

"Không chánh niệm chánh trí cũng có tập chứ không phải không tập. Tập của không chánh niệm chánh trí là gì? Không chánh tư duy[7] là tập.

"Không chánh tư duy cũng có tập chứ không phải không tập. Tập của không chánh tư duy là gì? Không có tín là tập.

"Không có tín cũng có tập chứ không phải không tập. Tập của không có tín là gì? Nghe pháp ác[8] là tập.

"Nghe pháp ác cũng có tập chứ không phải không tập. Tập của nghe điều ác là gì? Gần gũi ác tri thức[9] là tập.

---

1. Tham chiếu Pāli A.x. 61-62 Āhāra. Đối chiếu biệt dịch No. 36. Phật Thuyết Bản Tướng Ỷ Trí Kinh, An Thế Cao dịch; No. 37 Phật Thuyết Duyên Bản Trí Kinh, khuyết danh người dịch. (Bản Hán dịch này khá kỳ, khó hiểu).
2. Hán: *bổn tế* ——C Pāli: purimā koṭi, biên tế tối sơ, giới hạn thời gian về trước.
3. Hán: *hữu ái* ——R-CPāli: bhava-taṇhā: khao khát hiện hữu hay khát vọng sinh tồn.
4. Hán: *tiện đắc khả tri sở nhân hữu ái*. Pāli: atha ca pana paññāyati 'idappaccayā bhavataṇhā ti.
5. Lưu ý chữ Hán: *tập* —theo nghĩa *tập quán* hay *tập nhân,* chứ không phải *tập* —theo nghĩa *tập khởi* (tập hợp). Chỉ tìm thấy một từ Pāli (āhāra: thức ăn) tương đồng với hai từ Hán dịch trong kinh này và các kinh sau: *tập* và *thực*. Như vậy, phải có hai từ Sanskrit hay Pāli khác nhau. Hiện chưa suy ra được. No.36 và 37 dịch là *hữu bản* ——Ahay *tùng trí hữu bản* -q -P——C
6. Hán: *ngũ cái* ——\-C Pāli: pañca nīvaraṇā.
7. Hán: *bất chánh tư duy* ————C Pāli: ayoniso manasikāraṃ, không như lý tác ý, tư duy không phương pháp.
8. Hán: *ác pháp* -c-k-CPāli: asaddhamma, pháp không vi diệu, không chân chánh.
9. Hán: *ác tri thức* -c——A xem cht. dưới.

"Gần gũi ác tri thức cũng có tập chứ không phải không tập. Tập của gần gũi ác tri thức là gì? Người ác[10] là tập.

"Như thế, có đủ người ác liền có đủ sự gần gũi ác tri thức. Có đủ sự gần gũi ác tri thức rồi liền có đủ sự nghe pháp ác. Có đủ sự nghe pháp ác rồi, liền có đủ sự sanh lòng bất tín. Có đủ sự sanh lòng bất tín rồi, liền không chánh tư duy. Có đủ sự không chánh tư duy rồi, liền có đủ sự không chánh niệm chánh trí. Có đủ sự không chánh niệm chánh trí rồi, liền có đủ sự không thủ hộ các căn. Có đủ sự không thủ hộ các căn rồi, liền có đủ ba ác hành. Đủ ba ác hành rồi, liền có đủ năm triền cái. Đủ năm triền cái rồi, liền có đủ vô minh. Có đủ vô minh rồi, liền đầy đủ hữu ái.

"Như vậy, hữu ái này lần lượt được tựu thành trọn vẹn.

"Minh giải thoát[11] cũng có tập, chứ không phải không tập. Tập của minh giải thoát là gì? Bảy giác chi là tập. Bảy giác chi cũng có tập chứ không phải không tập. Tập của bảy giác chi là gì? Bốn niệm xứ là tập. Bốn niệm xứ có tập chứ không phải không tập. Tập của bốn niệm xứ là gì? Ba diệu hành là tập. Ba diệu hành cũng có tập chứ không phải không tập. Tập của ba diệu hành là gì? Thủ hộ các căn là tập. Thủ hộ các căn cũng có tập chứ không phải không tập. Tập của sự thủ hộ các căn là gì? Chánh niệm chánh trí là tập. Chánh niệm chánh trí cũng có tập chứ không phải không tập. Tập của chánh niệm chánh trí là gì? Chánh tư duy là tập. Chánh tư duy cũng có tập chứ không phải không tập. Tập của chánh tư duy là gì? Tín là tập. Tín cũng có tập chứ không phải không tập. Tập của tín là gì? Nghe pháp thiện[12] là tập. Nghe pháp thiện cũng có tập chứ không phải không tập. Tập của nghe pháp thiện là gì? Gần gũi thiện tri thức là tập. Gần gũi thiện tri thức cũng có tập chứ không phải không tập. Tập của sự gần gũi thiện tri thức là gì? Người thiện[13] là tập.

"Đó là, có đủ người thiện liền có đủ sự gần gũi thiện tri thức. Đủ sự gần gũi thiện tri thức liền có đủ sự nghe điều thiện. Có đủ sự nghe điều thiện liền có đủ tín. Có đủ tín liền có đủ chánh tư duy. Có đủ chánh tư duy liền có đủ chánh niệm chánh trí. Có đủ chánh niệm chánh trí mới có đủ sự thủ hộ các căn. Có đủ sự thủ hộ các căn liền có đủ ba diệu hành. Có đủ ba diệu hành liền có đủ bốn niệm xứ. Có đủ bốn niệm xứ liền có đủ bảy giác chi. Có đủ bảy giác chi liền đầy đủ minh giải thoát. Như vậy, minh giải thoát này lần lượt được thành tựu toàn vẹn".

Phật thuyết như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

❑

---

10. Bản Hán đề cập ác thiện tri thức và ác nhân. Bản Pāli chỉ đề cập asappurisa, không phải thiện nhân.
11. Minh giải thoát ———C Pāli: vijjā-vimutti.
12. Pāli: saddhamma, diệu pháp, chánh pháp.
13. Hán: *thiện nhân* ——H—C Pāli: sappurisa, người lỗi lạc, siêu việt; chân nhân, thượng nhân, thiện sĩ.

52. KINH THỰC (I)[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng, vườn Cấp cô độc. Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo rằng:

"Không thể biết biên tế[2] cùng cực của hữu ái. Trước vốn không có hữu ái, nhưng nay sanh ra hữu ái, do đó mới có thể biết được nhân của hữu ái.

"Hữu ái có thức ăn[3] chứ không phải không thức ăn. Thức ăn của hữu ái là gì? Vô minh là thức ăn.

"Vô minh cũng có thức ăn chứ không phải không thức ăn. Thức ăn của vô minh là gì? Năm triền cái[4] là thức ăn.

"Năm triền cái cũng có thức ăn chứ không phải không thức ăn. Thức ăn của năm triền cái là gì? Ba ác hành là thức ăn.

"Ba ác hành cũng có thức ăn chứ không phải không thức ăn. Thức ăn của ba ác hành là gì? Không thủ hộ các căn là thức ăn.

"Không thủ hộ các căn cũng có thức ăn chứ không phải không thức ăn. Thức ăn của không thủ hộ các căn là gì? Không chánh niệm chánh trí là thức ăn.

"Không chánh niệm chánh trí cũng có thức ăn chứ không phải

---

1. Tham chiếu Pāli: A.x. 61-62 Āhāra. Tham chiếu thêm kinh số 51 trên.
2. Phần lớn nội dung giống như kinh 51 trên, chỉ khác ở chỗ kinh 51 nói là *tập* (nguyên nhân tập khởi) thì kinh này nói là *thực* (thức ăn).
3. Hán: *hữu ái giả tắc hữu thực* ——R——h———CPāli: bhavataṇhaṃ pāhaṃ, bhikkhave, sāhāraṃ vadāmi, "Ta nói, này các Tỳ-kheo, hữu ái có thức ăn." Kinh số 51: *tập*, chỉ cho nguyên nhân tập khởi. Bản Pāli: āhāra (thức ăn) đồng nghĩa paccāya (duyên).
4. Xem cht.6 kinh 51.

không thức ăn. Thức ăn của không chánh niệm chánh trí là gì? Không chánh tư duy là thức ăn.

"Không chánh tư duy cũng có thức ăn chứ không phải không thức ăn. Thức ăn của không chánh tư duy là gì? Không có tín là thức ăn.

"Không có tín cũng có thức ăn chứ không phải không thức ăn. Thức ăn của không có tín là gì? Nghe pháp ác là thức ăn.

"Nghe pháp ác cũng có thức ăn chứ không phải không thức ăn. Thức ăn của nghe pháp ác là gì? Gần gũi ác tri thức là thức ăn.

"Gần gũi ác tri thức cũng có thức ăn chứ không phải không thức ăn. Thức ăn của gần gũi ác tri thức là gì? Người ác là thức ăn.

"Như thế, có đủ người ác liền có đủ sự gần gũi ác tri thức. Có đủ sự gần gũi ác tri thức rồi liền có đủ sự nghe pháp ác. Có đủ sự nghe pháp ác rồi, liền có đủ sự sanh lòng bất tín. Có đủ sự sanh lòng bất tín rồi, liền không chánh tư duy. Có đủ sự không chánh tư duy rồi, liền có đủ sự không chánh niệm chánh trí. Có đủ sự không chánh niệm chánh trí rồi, liền có đủ sự không thủ hộ các căn. Có đủ sự không thủ hộ các căn rồi, liền có đủ ba ác hành. Đủ ba ác hành rồi, liền có đủ năm triền cái. Đủ năm triền cái rồi, liền có đủ vô minh. Có đủ vô minh rồi, liền đầy đủ hữu ái.

"Như vậy, hữu ái này lần lượt được tựu thành trọn vẹn.

"Biển cả cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của biển cả là gì? Sông lớn là thức ăn.

"Sông lớn cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của sông lớn là gì? Sông nhỏ là thức ăn.

"Sông nhỏ cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của sông nhỏ là gì? Lạch lớn[5] là thức ăn.

"Lạch lớn cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của lạch lớn là gì? Lạch nhỏ là thức ăn.

"Lạch nhỏ cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của lạch nhỏ là gì? Suối, chằm trong các sườn núi là thức ăn.

"Suối, chằm trong các sườn núi cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của suối, chằm trong các sườn núi là gì?

---

5. Hán: *đại xuyên* -j -t-C Pāli: mahāsobbha, hồ lớn.

Mưa là thức ăn.

"Có lúc mưa lớn. Mưa lớn rồi thì suối, chằm trong các sườn núi tràn đầy. Suối, chằm trong các sườn núi tràn đầy rồi thì lạch nhỏ tràn đầy. Lạch nhỏ tràn đầy rồi thì lạch lớn tràn đầy. Lạch lớn tràn đầy thì sông nhỏ tràn đầy. Sông nhỏ tràn đầy thì sông lớn tràn đầy. Sông lớn tràn đầy thì biển cả tràn đầy. Như vậy, biển cả kia lần hồi tràn đầy trọn vẹn.

"Giống như vậy, hữu ái cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của hữu ái là gì? Vô minh là thức ăn.

"Vô minh cũng có thức ăn chứ không phải không thức ăn. Thức ăn của vô minh là gì? Năm triền cái là thức ăn.

"Năm triền cái cũng có thức ăn chứ không phải không thức ăn. Thức ăn của năm triền cái là gì? Ba ác hành là thức ăn.

"Ba ác hành cũng có thức ăn chứ không phải không thức ăn. Thức ăn của ba ác hành là gì? Không thủ hộ các căn là thức ăn.

"Không thủ hộ các căn cũng có thức ăn chứ không phải không thức ăn. Thức ăn của không thủ hộ các căn là gì? Không chánh niệm chánh trí là thức ăn.

"Không chánh niệm chánh trí cũng có thức ăn chứ không phải không thức ăn. Thức ăn của không chánh niệm chánh trí là gì? Không chánh tư duy là thức ăn.

"Không chánh tư duy cũng có thức ăn chứ không phải không thức ăn. Thức ăn của không chánh tư duy là gì? Không có tín là thức ăn.

"Không có tín cũng có thức ăn chứ không phải không thức ăn. Thức ăn của không có tín là gì? Nghe pháp ác là thức ăn.

"Nghe pháp ác cũng có thức ăn chứ không phải không thức ăn. Thức ăn của nghe pháp ác là gì? Gần gũi ác tri thức là thức ăn.

"Gần gũi ác tri thức cũng có thức ăn chứ không phải không thức ăn. Thức ăn của gần gũi ác tri thức là gì? Người ác là thức ăn.

"Như thế, có đủ người ác liền có đủ sự gần gũi ác tri thức. Có đủ sự gần gũi ác tri thức rồi liền có đủ sự nghe pháp ác. Có đủ sự nghe pháp ác rồi, liền có đủ sự sanh lòng bất tín. Có đủ sự sanh lòng bất tín rồi, liền không chánh tư duy. Có đủ sự không chánh tư duy rồi, liền có đủ sự không chánh niệm chánh trí. Có đủ sự không chánh niệm chánh

trí rồi, liền có đủ sự không thủ hộ các căn. Có đủ sự không thủ hộ các căn rồi, liền có đủ ba ác hành. Đủ ba ác hành rồi, liền có đủ năm triền cái. Đủ năm triền cái rồi, liền có đủ vô minh. Có đủ vô minh rồi, liền đầy đủ hữu ái.

"Như vậy, hữu ái này lần lượt được tựu thành trọn vẹn.

"Minh giải thoát cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của minh giải thoát là gì? Bảy giác chi là thức ăn.

"Bảy giác chi cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của bảy giác chi là gì? Bốn niệm xứ là thức ăn.

"Bốn niệm xứ cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của bốn niệm xứ là gì? Ba diệu hạnh là thức ăn.

"Ba diệu hạnh cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của ba diệu hạnh là gì? Thủ hộ các căn là thức ăn.

"Thủ hộ các căn cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của gìn giữ các căn là gì? Chánh niệm chánh trí là thức ăn.

"Chánh niệm chánh trí cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của chánh niệm chánh trí là gì? Chánh tư duy là thức ăn.

"Chánh tư duy cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của chánh tư duy là gì? Tín là thức ăn.

"Tín cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của tín là gì? Nghe điều thiện là thức ăn.

"Nghe điều thiện cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của nghe điều thiện là gì? Gần gũi thiện tri thức là thức ăn.

"Gần gũi thiện tri thức cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của gần gũi thiện tri thức là gì? Người thiện là thức ăn.

"Đó là, có đủ người thiện liền có đủ sự gần gũi thiện tri thức. Đủ sự gần gũi thiện tri thức liền có đủ sự nghe điều thiện. Có đủ sự nghe điều thiện liền có đủ tín. Có đủ tín liền có đủ chánh tư duy. Có đủ chánh tư duy liền có đủ chánh niệm chánh trí. Có đủ chánh niệm chánh trí mới có đủ sự thủ hộ các căn. Có đủ sự thủ hộ các căn liền có đủ ba diệu hành. Có đủ ba diệu hành liền có đủ bốn

niệm xứ. Có đủ bốn niệm xứ liền có đủ bảy giác chi. Có đủ bảy giác chi liền đầy đủ minh giải thoát. Như vậy, minh giải thoát này lần lượt được thành tựu toàn vẹn".

"Biển cả cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của biển cả là gì? Sông lớn là thức ăn.

"Sông lớn cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của sông lớn là gì? Sông nhỏ là thức ăn.

"Sông nhỏ cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của sông nhỏ là gì? Lạch lớn là thức ăn.

"Lạch lớn cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của lạch lớn là gì? Lạch nhỏ là thức ăn.

"Lạch nhỏ cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của lạch nhỏ là gì? Suối, chằm trong các sườn núi là thức ăn.

"Suối, chằm trong các sườn núi cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của suối, chằm trong các sườn núi là gì? Mưa là thức ăn.

"Có lúc mưa lớn. Mưa lớn rồi thì suối, chằm trong các sườn núi tràn đầy. Suối, chằm trong các sườn núi tràn đầy rồi thì lạch nhỏ tràn đầy. Lạch nhỏ tràn đầy rồi thì lạch lớn tràn đầy. Lạch lớn tràn đầy thì sông nhỏ tràn đầy. Sông nhỏ tràn đầy thì sông lớn tràn đầy. Sông lớn tràn đầy thì biển cả tràn đầy. Như vậy, biển cả kia lần hồi tràn đầy trọn vẹn.

"Cũng vậy, minh giải thoát cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của minh giải thoát là gì? Bảy giác chi là thức ăn.

"Bảy giác chi cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của bảy giác chi là gì? Bốn niệm xứ là thức ăn.

"Bốn niệm xứ cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của bốn niệm xứ là gì? Ba diệu hạnh là thức ăn.

"Ba diệu hạnh cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của ba diệu hạnh là gì? Thủ hộ các căn là thức ăn.

"Thủ hộ các căn cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của gìn giữ các căn là gì? Chánh niệm chánh trí là thức ăn.

"Chánh niệm chánh trí cũng có thức ăn chứ không phải không

có thức ăn. Thức ăn của chánh niệm chánh trí là gì? Chánh tư duy là thức ăn.

"Chánh tư duy cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của chánh tư duy là gì? Tín là thức ăn.

"Tín cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của tín là gì? Nghe điều thiện là thức ăn.

"Nghe điều thiện cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của nghe điều thiện là gì? Gần gũi thiện tri thức là thức ăn.

"Gần gũi thiện tri thức cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của gần gũi thiện tri thức là gì? Người thiện là thức ăn.

"Đó là, có đủ người thiện liền có đủ sự gần gũi thiện tri thức. Đủ sự gần gũi thiện tri thức liền có đủ sự nghe điều thiện. Có đủ sự nghe điều thiện liền có đủ tín. Có đủ tín liền có đủ chánh tư duy. Có đủ chánh tư duy liền có đủ chánh niệm chánh trí. Có đủ chánh niệm chánh trí mới có đủ sự thủ hộ các căn. Có đủ sự thủ hộ các căn liền có đủ ba diệu hành. Có đủ ba diệu hành liền có đủ bốn niệm xứ. Có đủ bốn niệm xứ liền có đủ bảy giác chi. Có đủ bảy giác chi liền đầy đủ minh giải thoát. Như vậy, minh giải thoát này lần lượt được thành tựu toàn vẹn". Phật thuyết như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

❑

53. KINH THỰC (II)[6]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng, vườn Cấp cô độc. Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo rằng:

"Không thể biết biên tế cùng cực của hữu ái. Trước vốn không có hữu ái, nhưng nay sanh ra hữu ái, do đó mới có thể biết được nhân của hữu ái.

"Hữu ái có thức ăn chứ không phải không thức ăn. Thức ăn của hữu ái là gì? Vô minh là thức ăn.

"Vô minh cũng có thức ăn chứ không phải không thức ăn. Thức ăn của vô minh là gì? Năm triền cái là thức ăn.

"Năm triền cái cũng có thức ăn chứ không phải không thức ăn. Thức ăn của năm triền cái là gì? Ba ác hành là thức ăn.

"Ba ác hành cũng có thức ăn chứ không phải không thức ăn. Thức ăn của ba ác hành là gì? Không thủ hộ các căn là thức ăn.

"Không thủ hộ các căn cũng có thức ăn chứ không phải không thức ăn. Thức ăn của không thủ hộ các căn là gì? Không chánh niệm chánh trí là thức ăn.

"Không chánh niệm chánh trí cũng có thức ăn chứ không phải không thức ăn. Thức ăn của không chánh niệm chánh trí là gì? Không chánh tư duy là thức ăn.

"Không chánh tư duy cũng có thức ăn chứ không phải không thức ăn. Thức ăn của không chánh tư duy là gì? Không có tín là thức ăn.

"Không có tín cũng có thức ăn chứ không phải không thức ăn. Thức ăn của không có tín là gì? Nghe pháp ác là thức ăn.

"Nghe pháp ác cũng có thức ăn chứ không phải không thức ăn. Thức ăn của nghe pháp ác là gì? Gần gũi ác tri thức là thức ăn.

"Gần gũi ác tri thức cũng có thức ăn chứ không phải không thức ăn. Thức ăn của gần gũi ác tri thức là gì? Người ác là thức ăn.

"Như thế, có đủ người ác liền có đủ sự gần gũi ác tri thức. Có đủ sự gần gũi ác tri thức rồi liền có đủ sự nghe pháp ác. Có đủ sự nghe pháp ác rồi, liền có đủ sự sanh lòng bất tín. Có đủ sự sanh lòng bất tín rồi, liền không chánh tư duy. Có đủ sự không chánh tư duy rồi, liền có đủ sự không chánh niệm chánh trí. Có đủ sự không chánh niệm chánh trí rồi, liền có đủ sự không thủ hộ các căn. Có đủ sự không thủ hộ các căn rồi, liền có đủ ba ác hành. Đủ ba ác hạnh rồi, liền có đủ năm triền cái. Đủ năm triền cái rồi, liền có đủ vô minh. Có đủ vô minh rồi, liền đầy đủ hữu ái.

"Như vậy, hữu ái này lần lượt được tựu thành trọn vẹn.

"Biển cả cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của biển cả là

6. Tham chiếu kinh 52 trên.

gì? Mưa là thức ăn.

"Có lúc mưa lớn. Mưa lớn rồi thì suối, chằm trong các sườn núi tràn đầy. Suối, chằm trong các sườn núi tràn đầy rồi thì lạch nhỏ tràn đầy. Lạch nhỏ tràn đầy rồi thì lạch lớn tràn đầy. Lạch lớn tràn đầy thì sông nhỏ tràn đầy. Sông nhỏ tràn đầy thì sông lớn tràn đầy. Sông lớn tràn đầy thì biển cả tràn đầy. Như vậy, biển cả kia lần hồi tràn đầy trọn vẹn.

"Cũng giống như vậy, có đủ người ác liền có đủ sự gần gũi ác tri thức. Có đủ sự gần gũi ác tri thức rồi liền có đủ sự nghe pháp ác. Có đủ sự nghe pháp ác rồi, liền có đủ sự sanh lòng bất tín. Có đủ sự sanh lòng bất tín rồi, liền không chánh tư duy. Có đủ sự không chánh tư duy rồi, liền có đủ sự không chánh niệm chánh trí. Có đủ sự không chánh niệm chánh trí rồi, liền có đủ sự không thủ hộ các căn. Có đủ sự không thủ hộ các căn rồi, liền có đủ ba ác hành. Đủ ba ác hành rồi, liền có đủ năm triền cái. Đủ năm triền cái rồi, liền có đủ vô minh. Có đủ vô minh rồi, liền đầy đủ hữu ái.

"Như vậy, hữu ái này lần lượt được tựu thành trọn vẹn.

"Minh giải thoát cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của minh giải thoát là gì? Bảy giác chi là thức ăn.

"Bảy giác chi cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của bảy giác chi là gì? Bốn niệm xứ là thức ăn.

"Bốn niệm xứ cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của bốn niệm xứ là gì? Ba diệu hạnh là thức ăn.

"Ba diệu hạnh cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của ba diệu hạnh là gì? Thủ hộ các căn là thức ăn.

"Thủ hộ các căn cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của gìn giữ các căn là gì? Chánh niệm chánh trí là thức ăn.

"Chánh niệm chánh trí cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của chánh niệm chánh trí là gì? Chánh tư duy là thức ăn.

"Chánh tư duy cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của chánh tư duy là gì? Tín là thức ăn.

"Tín cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của tín là gì? Nghe điều thiện là thức ăn.

"Nghe điều thiện cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của nghe điều thiện là gì? Gần gũi thiện tri thức là thức ăn.

"Gần gũi thiện tri thức cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của gần gũi thiện tri thức là gì? Người thiện là thức ăn.

"Biển cả cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của biển cả là gì? Mưa là thức ăn.

"Có lúc mưa lớn. Mưa lớn rồi thì suối, chằm trong các sườn núi tràn đầy. Suối, chằm trong các sườn núi tràn đầy rồi thì lạch nhỏ tràn đầy. Lạch nhỏ tràn đầy rồi thì lạch lớn tràn đầy. Lạch lớn tràn đầy thì sông nhỏ tràn đầy. Sông nhỏ tràn đầy thì sông lớn tràn đầy. Sông lớn tràn đầy thì biển cả tràn đầy. Như vậy, biển cả kia lần hồi tràn đầy trọn vẹn.

"Cũng giống như vậy, có đủ người thiện liền có đủ sự gần gũi thiện tri thức. Đủ sự gần gũi thiện tri thức liền có đủ sự nghe điều thiện. Có đủ sự nghe điều thiện liền có đủ tín. Có đủ tín liền có đủ chánh tư duy. Có đủ chánh tư duy liền có đủ chánh niệm chánh trí. Có đủ chánh niệm chánh trí mới có đủ sự thủ hộ các căn. Có đủ sự thủ hộ các căn liền có đủ ba diệu hành. Có đủ ba diệu hành liền có đủ bốn niệm xứ. Có đủ bốn niệm xứ liền có đủ bảy giác chi. Có đủ bảy giác chi liền đầy đủ minh giải thoát. Như vậy, minh giải

thoát này lần lượt được thành tựu toàn vẹn".

Phật thuyết như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

❑

54. KINH TẬN TRÍ[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật du hóa tại nước Câu-lâu-sấu[2], trú trong Kiếm-ma-sắt-đàm[3], đô ấp của Câu-lâu.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo rằng:

"Có tri, có kiến, mới có chứng đắc lậu tận, chứ không phải không tri, không kiến.

"Thế nào là có tri, có kiến mới chứng đắc lậu tận? Tri kiến như thật về sự Khổ liền chứng đắc lậu tận. Tri kiến như thật về Khổ tập, tri kiến như thật về Khổ diệt và tri kiến như thật về Khổ diệt đạo liền chứng đắc lậu tận.

"Tận trí có tập[4] chứ không phải không tập. Tập của tận trí là gì? Giải thoát là tập.

"Giải thoát cũng có tập chứ không phải không tập. Tập của giải thoát là gì? Vô dục là nhân.

"Vô dục cũng có tập chứ không phải không tập. Tập của vô dục là gì? Yếm ly là tập.

"Yếm ly cũng có tập chứ không phải không tập. Tập của yểm ly là gì? Thấy như thật, biết như chơn.

"Thấy như thật, biết như chơn cũng có tập chứ không phải không tập. Tập của thấy như thật, biết như chơn là gì? Định là tập.

"Định cũng có tập chứ không phải không tập. Tập của định là gì? Lạc là tập.

"Lạc cũng có tập chứ không phải không tập. Tập của lạc là gì? Chỉ là tập.

"Chỉ cũng có tập chứ không phải không tập. Tập của chỉ là gì? Hỷ là tập.

"Hỷ cũng có tập chứ không phải không tập. Tập của hỷ là gì? Hân hoan là tập.

"Hân hoan cũng có tập chứ không phải không tập. Tập của hân hoan là gì? Không hối hận là tập.

"Không hối hận cũng có tập chứ không phải không tập. Tập của không hối hận là gì? Thủ hộ giới là tập.

"Thủ hộ giới cũng có tập chứ không phải không tập. Tập của thủ hộ giới là gì? Thủ hộ các căn là tập.

"Thủ hộ các căn cũng có tập chứ không phải không tập. Tập của thủ hộ các căn là gì? Chánh niệm chánh trí là tập.

"Chánh niệm chánh trí cũng có tập chứ không phải không tập. Tập của chánh niệm chánh trí là gì? Chánh tư duy là tập.

"Chánh tư duy cũng có tập chứ không phải không tập. Tập của chánh tư duy là gì?

---

1. Không thấy Pāli tương đương. Tham chiếu các kinh 42, 51-53.
2. Câu-lâu-sấu ———G—CPāli: Kurusu, giữa những người Kuru, tên bộ tộc, cũng là tên nước.
3. Kiếm-ma-sắt-đàm —C————C Pāli: Kammāsadhamma.
4. Xem cht.5, kinh 51 trên.

Tín là tập.

"Tín cũng có tập chứ không phải không tập. Tập của tín là gì? Quán pháp nhẫn là tập.

"Quán pháp nhẫn cũng có tập chứ không phải không tập. Tập của quán pháp nhẫn là gì? Tụng đọc pháp là tập.

"Tụng đọc pháp cũng có tập chứ không phải không tập. Tập của tụng đọc pháp là gì? Thọ trì pháp là tập.

"Thọ trì pháp cũng có tập chứ không phải không tập. Tập của thọ trì pháp là gì? Quán nghĩa của pháp là tập.

"Quán nghĩa của pháp cũng có tập chứ không phải không tập. Tập của quán nghĩa của pháp là gì? Lỗ tai[5] là tập.

"Lỗ tai cũng có tập chứ không phải không tập. Tập của lỗ tai là gì? Nghe pháp thiện[6] là tập.

"Nghe pháp thiện cũng có tập chứ không phải không tập. Tập của nghe pháp thiện là gì? Đi đến[7] là tập.

"Đi đến cũng có tập chứ không phải không tập. Tập của đi đến là gì? Phụng sự[8] là tập.

"Nếu ai phụng sự thiện tri thức, điều gì chưa nghe liền được nghe, điều gì đã nghe liền được bổ ích.

"Như vậy, nếu ai không phụng sự thiện tri thức thì làm tổn hại tập của phụng sự. Nếu không phụng sự thì làm tổn hại tập của sự đi đến. Nếu không đi đến thì làm tổn hại tập của sự nghe pháp thiện. Nếu không nghe pháp thiện thì làm tổn hại tập của lỗ tai. Nếu không có lỗ tai thì làm tổn hại tập của sự quán nghĩa của pháp. Nếu không quán nghĩa của pháp thì làm tổn hại tập của thọ trì pháp. Nếu không thọ trì pháp thì làm tổn hại tập của tụng đọc pháp. Nếu không tụng đọc pháp thì làm tổn hại cái nhân quán pháp nhẫn. Nếu không quán pháp nhẫn thì làm tổn hại tập của của tín. Nếu không có tín thì làm tổn hại tập của chánh tư duy. Nếu không chánh tư duy thì làm tổn hại tập của chánh niệm chánh trí. Nếu không chánh niệm chánh trí thì làm tổn hại tập của sự thủ hộ các căn. Nếu không thủ hộ các căn thì làm tổn hại tập của sự thủ hộ giới, sự không hối hận, hân hoan, hỷ, chỉ, lạc, định, thấy như thật, biết như chơn, yếm ly, vô dục, giải thoát. Nếu không giải thoát thì làm tổn hại tập của tận trí.

"Nếu ai phụng sự thiện tri thức thì điều gì chưa nghe liền được nghe, điều gì đã nghe liền được bổ ích.

"Như vậy, nếu ai phụng sự thiện tri thức thì có tập[9] phụng sự. Nếu đã phụng sự thì có tập đi đến. Nếu đã đi đến thì có tập nghe pháp thiện. Nếu đã nghe pháp thiện thì có tập lỗ tai. Nếu có lỗ tai thì có tập quán nghĩa của pháp. Nếu đã quán nghĩa của pháp thì có tập thọ trì pháp. Nếu đã thọ trì pháp thì có tập tụng đọc pháp. Nếu đã đọc tụng pháp thì có tập quán pháp nhẫn. Nếu đã quán pháp nhẫn thì có tập tín. Nếu đã có tín thì có tập chánh tư duy. Nếu đã có chánh tư duy thì có tập chánh niệm chánh trí. Nếu đã chánh niệm chánh trí thì có tập thủ hộ các căn, thủ hộ giới, không hối hận, hân hoan, hỷ, chỉ, lạc, định, tri kiến

---

5. Nhĩ giới ▬▬C
6. Thiện pháp ▬▬k▬A đây muốn nói là diệu pháp hay chánh pháp.
7. Hán: *vãng nghệ* ▬▬C Pāli: không rõ.
8. Phụng sự ▬^▬C Pāli: sevanā, thân cận, phụng sự.
9. *Tập*, đây được hiểu là *duyên*, tức *dẫn đến*, hay làm *điều kiện cho.* Tham chiếu kinh 55 dưới.

như thật, yếm ly, vô dục, giải thoát. Nếu đã giải thoát thì có tập tận trí".

Phật thuyết như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

❑

55. KINH NIẾT-BÀN[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng, vườn Cấp cô độc.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo rằng:

"Niết-bàn có tập[2] chứ không phải không tập. Tập của Niết-bàn là gì? -Giải thoát là tập.

"Giải thoát cũng có tập chứ không phải không tập. Tập của giải thoát là gì? Vô dục là tập.

"Vô dục cũng có tập chứ không phải không tập. Tập của vô dục là gì? Yếm ly là tập.

"Yếm ly cũng có tập chứ không phải không tập. Tập của yếm ly là gì? Thấy như thật, biết như chơn là tập.

"Thấy như thật, biết như chơn cũng có tập chứ không phải không tập. Tập của thấy như thật, biết như chơn là gì? Định là tập.

"Định cũng có tập chứ không phải không tập. Tập của định là gì? Lạc là tập.

"Lạc cũng có tập chứ không phải không tập. Tập của lạc là gì? Chỉ là tập.

"Chỉ cũng có tập chứ không phải không tập. Tập của chỉ là gì? Hỷ là tập.

"Hỷ cũng có tập chứ không phải không tập. Tập của hỷ là gì? Hân hoan là tập.

"Hân hoan cũng có tập chứ không phải không tập. Tập của hân hoan là gì? Không hối hận là tập.

"Không hối hận cũng có tập chứ không phải không tập. Tập của không hối hận là gì? Hộ giới là tập.

"Hộ giới cũng có tập chứ không phải không tập. Tập của hộ giới là gì? Thủ hộ các căn là tập.

"Thủ hộ các căn cũng có tập chứ không phải không tập. Tập của thủ hộ các căn là gì? Chánh niệm chánh trí là tập.

"Chánh niệm chánh trí cũng có tập chứ không phải không tập. Tập của chánh niệm chánh trí là gì? Chánh tư duy là tập.

"Chánh tư duy cũng có tập chứ không phải không tập. Tập của chánh tư duy là gì? Tín là tập.

"Tín cũng có tập chứ không phải không tập. Tập của tín là gì? Khổ là tập.

"Khổ cũng có tập chứ không phải không tập. Tập của khổ là gì? Già chết là tập.

"Già chết cũng có tập chứ không phải không tập. Tập của già chết là gì? Sanh là tập.

"Sanh cũng có tập chứ không phải không tập. Tập của sanh là gì? Hữu là tập.

---

1. Không thấy Pāli tương đương.
2. Xem cht.5, kinh 51 trên. Tham chiếu kinh 42 trên.

"Hữu cũng có tập chứ không phải không tập. Tập của hữu là gì? Thủ[3] là tập.

"Thủ cũng có tập chứ không phải không tập. Tập của thủ là gì? Thọ[4] là tập.

"Thọ cũng có tập chứ không phải không tập. Tập của thọ là gì? Xúc[5] là tập.

"Xúc cũng có tập chứ không phải không tập. Tập của xúc là gì? Sáu xứ là tập.

"Sáu xứ cũng có tập chứ không phải không tập. Tập của sáu xứ là gì? Danh sắc là tập.

"Danh sắc cũng có tập chứ không phải không tập. Tập của danh sắc là gì? Thức là tập.

"Thức cũng có tập chứ không phải không tập. Tập của thức là gì? Hành là tập.

"Hành cũng có tập chứ không phải không tập. Tập của hành là gì? Vô minh là tập.

"Như vậy, duyên[6] vô minh có hành; duyên hành có thức; duyên thức có danh sắc; duyên danh sắc có sáu xứ; duyên sáu xứ có xúc; duyên xúc có thọ; duyên thọ có ái; duyên ái có thủ; duyên thủ có hữu; duyên hữu có sanh; duyên sanh có già chết; duyên già chết có khổ. Tập khổ mới có tín; tập tín mới có chánh tư duy; tập chánh tư duy mới có chánh niệm chánh trí; tập chánh niệm chánh trí mới có thủ hộ các căn, hộ trì giới, không hối hận, hân hoan, hỷ, lạc, định, tri kiến như thật, yếm ly, vô dục, giải thoát. Có tập giải thoát mới chứng đắc Niết-bàn".

Phật thuyết như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

❑

3. Hán: *thọ* 受 thường nói là thủ. Pāli: upādāna.
4. Hán: *giác* 覺 thường nói là thọ. Pāli: vedanā.
5. Hán: *canh lạc* 更樂 thường nói là xúc. Pāli: phassa.
6. Tham chiếu cht.9 kinh 54 trên.

56. KINH DI-HÊ[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật du hóa tại nước Ma-kiệt-đà, trong một cái hang trong rừng Mãng nại[2], thôn Xà-đấu[3].

Bấy giờ Tôn giả Di-hê[4] làm thị giả Phật.

Vào buổi sáng sớm, Tôn giả Di-hê mang y cầm bát vào thôn Xà-đấu khất thực. Khất thực xong, Tôn giả Di-hê đến bờ sông Kim-bệ[5], thấy một khu đất bằng phẳng gọi là rừng xoài khả ái[6]. Nước sông Kim-bệ rất tuyệt, thật là đáng ưa. Dòng nước trong[7] chảy chầm chậm; nóng lạnh ôn hòa, dễ chịu. Thấy xong, Tôn giả hoan hỷ, thầm nghĩ: "Khu đất này bằng phẳng gọi là rừng xoài khả ái. Nước sông Kim-bệ rất tuyệt, thật là đáng ưa. Dòng nước trong chảy chầm chậm; nóng lạnh ôn hòa, dễ chịu. Nếu tộc tánh tử[8] nào muốn tu pháp đoạn trừ [9] thì nên ở chỗ này. Ta cũng có điều phải đoạn trừ[10], có nên ở chỗ yên tĩnh này để tu pháp đoạn trừ chăng?"

Liền đó, sau khi ăn xong, Di-hê thu xếp y bát, rửa tay chân, vắt Ni-sư-đàn[11] lên vai, đi đến chỗ Đức Phật, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi sang một bên mà bạch rằng:

"Bạch Thế Tôn, sáng sớm hôm nay con mang y cầm bát vào thôn Xà-đấu khất thực. Khất thực xong, con đến bờ sông Kim-bệ, thấy một khu đất bằng phẳng gọi là rừng xoài khả ái. Nước sông Kim-bệ rất tuyệt, thật là đáng ưa. Dòng nước trong chảy chầm chậm; nóng lạnh ôn hòa, dễ chịu. Thấy xong, con hoan hỷ, thầm nghĩ: 'Khu đất này bằng phẳng gọi là rừng xoài khả ái. Nước sông Kim-bệ rất tuyệt, thật là đáng ưa. Dòng nước trong chảy chầm chậm; nóng lạnh ôn hòa, dễ chịu. Nếu tộc tánh tử nào muốn tu pháp đoạn trừ thì nên ở chỗ này. Ta cũng có điều phải đoạn trừ, có nên ở chỗ yên tĩnh này để tu pháp

---

1. Tương đương Pāli: A. ix.3. Meghiya.
2. Mãng nại lâm ▪▪U▪L▪A tức khu rừng xoài. Pāli: ambavana.
3. Xà-đấu thôn ▪G▪▪▪▪CPāli: Jantugāma, gần làng Calikā. Pāli: cālikāyaṃ viharati cālikāpabbate, trú ở làng Calikā, trên núi Cālikapabbata. Phật an cư vào mùa mưa ở đây vào các năm thứ 13, 18 và 19, sau khi thành đạo. Calikapabbata là một ngọn đồi màu trắng nên vào những đêm tối người ta thấy nó hình như chuyển động.
4. Di-hê. Pāli: Meghiya.
5. Kim-bệ ▪▪@▪C Pāli: Kimikālā.
6. Hán: *danh hảo nại lâm* ▪W▪n▪U▪L▪CPāli: addasā… ambavanaṃ pāsādikaṃ ramaṇyaṃ, thấy khu rừng xoài xinh đẹp, đáng ưa.
7. Hán: *tuyền thủy* ▪u▪▪C
8. Tộc tánh tử ▪▪m▪l▪Acũng thường nói *thiện nam tử* hay *thiện gia nam tử*, Pāli: kulaputta.
9. Hán: *học đoạn*. Pāli: (…) padhānatthikassa padhānāya, để (tu tập) tinh cần cho ai tinh cần. Bản Hán, đọc pahāna (đoạn trừ) thay vì padhāna (tinh cần).
10. Hán: *hữu sở đoạn* ▪▪▪▪_▪C Xem cht. trên.
11. Ni-sư-đàn ▪▪v▪▪C Pāli: nisīdana, tọa cụ, khăn trải ngồi.

đoạn trừ chăng?' Bạch Thế Tôn, nay con muốn đến chỗ yên tĩnh, khu rừng xoài kia, để học pháp đoạn trừ".

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo:

"Này Di-hê, ngươi nay có biết chăng? Ta một mình không có ai, không có thị giả. Ngươi có thể ở lại ít lâu, đợi có Tỳ-kheo khác đến làm thị giả cho Ta rồi ngươi có thể đến chỗ yên tĩnh khu rừng xoài kia mà học pháp đoạn trừ".

Tôn giả Di-hê lặp lại ba lần bạch:

"Bạch Thế Tôn, nay con muốn đến chỗ yên tĩnh, khu rừng xoài kia, để học pháp đoạn trừ".

Đức Thế Tôn cũng ba lần nói rằng:

"Này Di-hê, ngươi nay có biết chăng? Ta một mình không có ai, không có thị giả. Ngươi có thể ở lại ít lâu, đợi có Tỳ-kheo khác đến làm thị giả cho Ta rồi ngươi có thể đến chỗ yên tĩnh khu rừng xoài kia mà học pháp đoạn trừ".

Di-hê lại bạch rằng:

"Thế Tôn không có việc cần làm, không có phận sự cần hoàn tất, không có điều gì cần phải quán sát[12] Con còn có những bổn phận, những điều phải làm, những điều phải quán sát. Bạch Thế Tôn, con đến chỗ yên tĩnh, khu rừng xoài kia, để học pháp đoạn trừ".

Đức Thế Tôn bảo:

"Này Di-hê, ngươi mong cầu sự đoạn trừ[13], Ta có gì để nói thêm nữa? Di-hê, ngươi cứ đi, làm theo những gì mà ngươi muốn".

Bấy giờ Di-hê sau khi nghe lời Đức Phật dạy, khéo lãnh thọ, khéo ghi nhớ và khéo tụng tập. Tôn giả liền đảnh lễ sát chân Đức Phật, đi quanh ba vòng, rồi đi.

Sau khi đến rừng xoài, vào rừng, Tôn giả đi đến một gốc cây, trải Ni-sư-đàn mà ngồi kết già. Tôn giả Di-hê sống trong rừng xoài, sanh khởi lên ba tâm niệm ác bất thiện là tâm niệm dục, tâm niệm nhuế và tâm niệm hại[14]. Do đó, Tôn giả liền nghĩ đến Đức Thế Tôn.

Bấy giờ vào lúc xế chiều, Tôn giả từ chỗ tĩnh tọa đứng dậy, đến trước Đức Thế Tôn, đảnh lễ chân Ngài, ngồi sang một bên và bạch rằng:

"Bạch Thế Tôn, con đến rừng xoài kia, ngồi ở chỗ yên tĩnh, liền sanh khởi ba tâm niệm ác bất thiện là tâm niệm dục, tâm niệm nhuế và tâm niệm hại. Do đó, con liền nghĩ đến Thế Tôn".

Đức Thế Tôn bảo:

"Này Di-hê, tâm giải thoát chưa thuần thục mà muốn cho thuần thục, có năm pháp để tu tập. Những gì là năm?

"Di-hê, Tỳ-kheo tự mình là thiện tri thức, cùng sống chung với thiện tri thức và cùng hòa hợp với thiện tri thức[15]. Này Di-hê, với ai tâm giải thoát chưa thuần thục mà muốn cho thuần thục thì đó là pháp tu tập thứ nhất.

---

12. Hán: *vô vi, vô tác, diệc vô sở quán* -L---L-@--L---[-C Pāli: natthi kiñci uttari karanīyaṃ, natthi katassa paṭicayo, không có phận sự gì thêm nữa, không có việc làm thêm đối với điều đã làm.

13. Nghĩa là, "muốn tinh cần".

14. Dục niệm nhuế niệm hại niệm ----CPāli: kāma-vitakka, vyāpāda-vitakka, vihiusā-vitakka, suy cầu tham dục, suy cầu sân hận, suy cầu bức hại.

15. Pāli: kayāṇamitto hoti kalyāṇasahāyo kalyāṇasampavaṅko, là bạn tốt, người đồng hành tốt, thân hữu tốt.

"Lại nữa, này Di-hê, Tỳ-kheo phải tu tập cấm giới, thủ hộ tùng giải thoát[16], lại phải khéo thâu nhiếp oai nghi lễ tiết, thấy tội lỗi nhỏ nhặt cũng thường sanh lòng lo sợ, thọ trì học giới. Này Di-hê, với tâm giải thoát chưa thuần thục mà muốn cho thuần thục thì đó là pháp tu tập thứ hai.

"Lại nữa, này Di-hê, Tỳ-kheo nên nói điều đáng nói, phù hợp nghĩa của bậc Thánh, khiến tâm nhu nhuyến, làm cho tâm không bị che lấp, tức là nói về giới, nói về định, nói về tuệ, nói về giải thoát, nói về giải thoát tri kiến, nói về sự tổn giảm lần lần, nói về việc không ưa tụ họp, nói về thiểu dục, nói về tri túc, nói về pháp đoạn trừ, nói về vô dục, nói về pháp diệt, nói về tĩnh tọa, nói về duyên khởi. Có được những điều được nói như vậy của Sa-môn, được trọn đủ, dễ được chứ không khó. Này Di-hê, với ai tâm giải thoát chưa thuần thục mà muốn cho thuần thục thì đó là pháp tu tập thứ ba.

"Lại nữa, này Di-hê, Tỳ-kheo thường tu hành tinh tấn, đoạn trừ pháp ác bất thiện, tu các pháp thiện, thường tự khởi ý, chuyên nhất kiên cố; vì mục đích tìm cầu gốc rễ thiện mà không xả bỏ phương tiện[17]. Này Di-hê, với ai tâm giải thoát chưa thuần thục mà muốn cho thuần thục thì đó là pháp tu tập thứ tư.

"Lại nữa, này Di-hê, Tỳ-kheo tu hành về trí tuệ, quán sát sự hưng thịnh và suy vi của các pháp; chứng trí như vậy, bằng Thánh tuệ minh đạt[18], phân biệt thấu hiểu, mà chân chánh diệt tận khổ đau. Này Di-hê, với ai tâm giải thoát chưa thuần thục mà muốn cho thuần thục thì đó là pháp tu tập thứ năm.

"Vị ấy khi đã có năm pháp tu tập như vậy rồi, lại phải tu bốn pháp khác nữa. Những gì là bốn? Tu ố lộ[19] để đoạn trừ dục. Tu từ để đoạn trừ sân nhuế. Tu sổ tức để đoạn trừ tâm niệm tán loạn. Tu vô thường để đoạn trừ ngã mạn.

"Này Di-hê, nếu Tỳ-kheo nào tự mình là thiện tri thức, cùng sống chung với thiện tri thức và cùng hòa hợp với thiện tri thức, thì nên biết vị ấy chắc chắn tu tập cấm giới, thủ hộ tùng giải thoát, lại khéo thâu nhiếp các oai nghi, lễ tiết, thấy tội nhỏ cũng sanh lòng lo sợ, thọ trì học giới.

"Này Di-hê, nếu Tỳ-kheo nào tự mình là thiện tri thức, cùng sống chung với thiện tri thức và cùng hòa hợp với thiện tri thức, thì nên biết, vị ấy nói điều đáng nói, đúng theo nghĩa của bậc Thánh, khiến tâm nhu nhuyến, làm cho tâm chẳng bị ngăn che, tức là nói về giới, nói về định, nói về tuệ, nói về giải thoát, nói về giải thoát tri kiến, nói về sự tổn giảm dần dần, nói về việc không ưa tụ họp, nói về thiểu dục, nói về tri túc, nói về pháp đoạn, nói về pháp diệt, nói về vô dục, nói về tĩnh tọa, nói về duyên khởi. Có được những điều được nói như vậy của Sa-môn, được trọn đủ, dễ được chứ không khó.

"Này Di-hê, nếu Tỳ-kheo tự mình là thiện tri thức, cùng sống chung với thiện tri thức và cùng hòa hợp với thiện tri thức, thì nên biết rằng, vị ấy chắc chắn thường tu hành tinh tấn, đoạn các pháp ác bất thiện, thường khởi tâm chuyên nhất kiên cố, vì mục đích tìm cầu gốc rễ thiện mà không xả bỏ phương tiện.

"Này Di-hê, nếu Tỳ-kheo nào tự mình là thiện tri thức, cùng sống chung với thiện tri thức và cùng hòa hợp với thiện tri thức, thì nên biết rằng, vị ấy chắc chắn tu hành về trí tuệ, quán sát sự hưng thịnh và suy vi của các pháp; chứng trí như vậy, bằng Thánh tuệ

---

16. *Tùng giải thoát*, tức biệt giải thoát, hay Ba-la-đề-mộc-xoa.
17. Pāli: anikkhittadhuro kusalesu dhammesu, không trút bỏ gánh nặng trong các pháp thiện.
18. *Thánh tuệ minh đạt* ▪t▪z▬▬F▪A Pāli: ariyanibbedhikapaññā, trí tuệ quyết trạch của Thánh.
19. *Ố* (hay *ác*) *lộ* ▪c▪S▪C Pāli: asubha, bất tịnh.

minh đạt, phân biệt thấu hiểu, mà chân chánh diệt tận khổ đau.

"Này Di-hê, nếu Tỳ-kheo nào tự mình là thiện tri thức, cùng sống chung với thiện tri thức và cùng hòa hợp với thiện tri thức, thì nên biết rằng, vị ấy chắc chắn tu ố lộ để đoạn trừ dục. Tu từ để đoạn trừ sân nhuế. Tu sổ tức để đoạn trừ tâm niệm tán loạn. Tu vô thường để đoạn trừ ngã mạn.

"Này Di-hê, nếu Tỳ-kheo nào đắc vô thường tưởng, chắc chắn đắc vô ngã tưởng.

"Này Di-hê, nếu Tỳ-kheo nào đắc vô ngã tưởng thì ngay trong đời hiện tại đoạn hết thảy ngã mạn, chứng đắc tịch tĩnh, diệt tận, vô vi, Niết-bàn".

Phật thuyết như vậy. Tôn giả Di-hê và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

❑

57. KINH TỨC VỊ TỲ-KHEO THUYẾT[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng, vườn Cấp cô độc.

Bấy giờ, Thế Tôn nói các Tỳ-kheo rằng:

"Tâm giải thoát chưa thuần thục mà muốn cho thuần thục, có năm pháp để tu tập. Những gì là năm?

"Tỳ-kheo, tự mình là thiện tri thức, cùng sống chung với thiện tri thức và cùng hòa hợp với thiện tri thức. Tâm giải thoát chưa thuần thục mà muốn cho thuần thục thì đó là pháp tu tập thứ nhất.

"Lại nữa, Tỳ-kheo, tu tập cấm giới, thủ hộ tùng giải thoát, lại phải khéo thâu nhiếp oai nghi lễ tiết, thấy tội lỗi nhỏ nhặt cũng thường sanh lòng lo sợ, thọ trì học giới. Tâm giải thoát chưa thuần thục mà muốn cho thuần thục thì đó là pháp tu tập thứ hai.

"Lại nữa, Tỳ-kheo, nên nói điều đáng nói, phù hợp nghĩa của bậc Thánh, khiến tâm nhu nhuyến, làm cho tâm không bị che lấp, tức là nói về giới, nói về định, nói về tuệ, nói về giải thoát, nói về giải thoát tri kiến, nói về sự tổn giảm lần lần, nói về việc không ưa tụ họp, nói về thiểu dục, nói về tri túc, nói về pháp đoạn trừ, nói về vô dục, nói về pháp diệt, nói về tĩnh tọa, nói về duyên khởi. Có được những điều được nói như vậy của Sa-môn, được trọn đủ, dễ được chứ không khó. Tâm giải thoát chưa thuần thục mà muốn cho thuần thục thì đó là pháp tu tập thứ ba.

"Lại nữa, Tỳ-kheo, thường tu hành tinh tấn, đoạn trừ pháp ác bất thiện, tu các pháp thiện, thường tự khởi ý, chuyên nhất kiên cố; vì mục đích tìm cầu gốc rễ thiện mà không xả bỏ phương tiện. Tâm giải thoát chưa thuần thục mà muốn cho thuần thục thì đó là pháp tu tập thứ tư.

"Lại nữa, Tỳ-kheo, tu hành về trí tuệ, quán sát sự hưng thịnh và suy vi của các pháp; chứng trí như vậy, bằng Thánh tuệ minh đạt, phân biệt thấu hiểu, mà chân chánh diệt tận khổ đau. Tâm giải thoát chưa thuần thục mà muốn cho thuần thục thì đó là pháp tu tập thứ năm.

"Vị ấy khi đã có năm pháp tu tập như vậy rồi, lại phải tu bốn pháp khác nữa. Những gì là bốn? Tu ố lộ để đoạn trừ dục. Tu từ để đoạn trừ sân nhuế. Tu sổ tức để đoạn trừ tâm niệm tán loạn. Tu vô thường để đoạn trừ ngã mạn.

"Nếu Tỳ-kheo nào tự mình là thiện tri thức, cùng sống chung với thiện tri thức và cùng hòa hợp với thiện tri thức, thì nên biết vị ấy chắc chắn tu tập cấm giới, thủ hộ tùng giải thoát, lại khéo thâu nhiếp các oai nghi, lễ tiết, thấy tội nhỏ cũng sanh lòng lo sợ, thọ trì học giới.

---

1. Tương đương Pāli: A.ix.1 Sambodhi. Tham chiếu kinh 56 trên.

"Nếu Tỳ-kheo tự mình là thiện tri thức, cùng sống chung với thiện tri thức và cùng hòa hợp với thiện tri thức, thì nên biết, vị ấy nói điều đáng nói, đúng theo nghĩa của bậc thánh, khiến tâm nhu nhuyến, làm cho tâm chẳng bị ngăn che, tức là nói về giới, nói về định, nói về tuệ, nói về giải thoát, nói về giải thoát tri kiến, nói về sự tổn giảm dần dần, nói về việc không ưa tụ họp, nói về thiểu dục, nói về tri túc, nói về pháp đoạn, nói về pháp diệt, nói về vô dục, nói về tĩnh tọa, nói về duyên khởi. Có được những điều được nói như vậy của Sa-môn, được trọn đủ, dễ được chứ không khó.

"Nếu Tỳ-kheo tự mình là thiện tri thức, cùng sống chung với thiện tri thức và cùng hòa hợp với thiện tri thức, thì nên biết rằng, vị ấy chắc chắn thường tu hành tinh tấn, đoạn các pháp ác bất thiện, thường khởi tâm chuyên nhất kiên cố, vì mục đích tìm cầu gốc rễ thiện mà không xả bỏ phương tiện.

"Nếu Tỳ-kheo nào tự mình là thiện tri thức, cùng sống chung với thiện tri thức và cùng hòa hợp với thiện tri thức, thì nên biết rằng, vị ấy chắc chắn tu hành về trí tuệ, quán sát sự hưng thịnh và suy vi của các pháp; chứng trí như vậy, bằng Thánh tuệ minh đạt, phân biệt thấu hiểu, mà chân chánh diệt tận khổ đau.

"Nếu Tỳ-kheo nào tự mình là thiện tri thức, cùng sống chung với thiện tri thức và cùng hòa hợp với thiện tri thức, thì nên biết rằng, vị ấy chắc chắn tu ố lộ để đoạn trừ dục. Tu từ để đoạn trừ sân nhuế. Tu sổ tức để đoạn trừ tâm niệm tán loạn. Tu vô thường để đoạn trừ ngã mạn.

"Nếu Tỳ-kheo nào đắc vô thường tưởng, chắc chắn đắc vô ngã tưởng. Nếu Tỳ-kheo nào đắc vô ngã tưởng thì ngay trong đời hiện tại đoạn hết thảy ngã mạn, chứng đắc tịch tĩnh, diệt tận, vô vi, Niết-bàn".

Phật thuyết như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

❑

58. KINH THẤT BẢO[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng, vườn Cấp cô độc.

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Nếu lúc Chuyển luân vương ra đời thì nên biết rằng liền có bảy báu xuất hiện ở đời. Những gì là bảy? Xe báu, voi báu, ngựa báu, ngọc báu, nữ báu, cư sĩ báu và tướng quân báu. Đó là bảy báu. Nếu lúc Chuyển luân vương ra đời thì nên biết rằng liền có bảy báu này xuất hiện ở đời. Giống như vậy, lúc Như Lai, Bậc Vô Sở Trước, Chánh Đẳng Chánh Giác ra đời, thì nên biết rằng cũng có bảy báu giác chi xuất hiện ở thế gian. Những gì là bảy? Niệm giác chi, trạch pháp giác chi, tinh tấn giác chi, hỷ giác chi, tức giác chi[2], định giác chi và xả giác chi. Đó là bảy. Lúc Như Lai, Bậc Vô Sở Trước, Chánh Đẳng Chánh Giác ra đời, thì nên biết rằng, có bảy báu giác chi ấy xuất hiện ở thế gian."

Đức Phật thuyết giảng như vậy, sau khi các Tỳ-kheo ấy nghe xong, hoan hỷ phụng hành.

❑

1. Bản Hán quyển 11. Tương đương Pāli: S.46.42. Cakkavatti. Hán biệt dịch, No.38 Phật Thuyết Luân Vương Thất Bảo Kinh, Tống Thí Hộ dịch; No.99(721) Tạp 27 kinh số 721; No.125(39.7) Tăng Nhất phẩm 39 kinh số 7. Tham chiếu Pāli: D.17. Mahā-Sudassana-Suttanta.

2. *Tức giác chi*, cũng thường nói là *khinh an giác* chi (Pāli: passadhi-bojjhaṅga).

59. KINH TAM THẬP NHỊ TƯỚNG[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng, vườn Cấp cô độc.

Bấy giờ các Tỳ-kheo sau khi ăn trưa xong, tụ tập ngồi tại giảng đường, cùng luận bàn như sau:

"Này chư Hiền, kỳ diệu thay, hy hữu thay! Bậc Đại nhân thành tựu ba mươi hai tướng thì chắc chắn có hai trường hợp, chân thật, không hư dối. Nếu ở tại gia thì chắc chắn vị ấy làm Chuyển luân vương, thông minh trí tuệ, có bốn loại quân, chỉnh trị thiên hạ, tự do tự tại, là pháp vương hành động theo Chánh pháp, thành tựu bảy báu. Bảy báu ấy là xe báu, voi báu, ngựa báu, ngọc báu, nữ báu, cư sĩ báu, tướng quân báu. Vị ấy có đủ một ngàn con trai dung mạo đẹp đẽ, dõng mãnh, không sợ, nhiếp phục được địch quân. Vị ấy thống lãnh toàn thể cõi đất này cho đến biển cả; không dùng đao gậy mà dùng pháp giáo hóa khiến cho an lạc. Nếu vị ấy cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, học đạo, thì chắc chắn chứng đắc quả Như Lai, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, tiếng tăm vang dội, mười phương đều nghe."

Bấy giờ Đức Thế Tôn đang ở chỗ nhàn tĩnh, với thiên nhĩ thanh tịnh, vượt xa người thường, Ngài nghe các Tỳ-kheo, sau bữa ăn trưa tụ tập ngồi tại giảng đường, cùng bàn luận về sự kiện này: "Này chư Hiền, kỳ diệu thay, hy hữu thay! Bậc Đại nhân thành tựu ba mươi hai tướng thì chắc chắn có hai trường hợp, chân thật, không hư dối. Nếu ở tại gia thì chắc chắn vị ấy làm Chuyển luân vương, thông minh trí tuệ, có bốn loại quân, chỉnh trị thiên hạ, tự do tự tại, là pháp vương hành động theo Chánh pháp, thành tựu bảy báu. Bảy báu ấy là xe báu, voi báu, ngựa báu, ngọc báu, nữ báu, cư sĩ báu, tướng quân báu. Vị ấy có đủ một ngàn con trai dung mạo đẹp đẽ, dõng mãnh, không sợ, nhiếp phục được địch quân. Vị ấy thống lãnh toàn thể cõi đất này cho đến biển cả; không dùng đao gậy mà dùng pháp giáo hóa khiến cho an lạc. Nếu vị ấy cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, học đạo, thì chắc chắn chứng đắc quả Như Lai, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, tiếng tăm vang dội, mười phương đều nghe."

Đức Thế Tôn sau khi nghe như vậy xong, vào lúc xế trưa, Ngài từ chỗ nghỉ ngơi đứng dậy, đi đến giảng đường, trải tọa mà ngồi trước chúng Tỳ-kheo. Ngài hỏi các Tỳ-kheo:

"Hôm nay, các ngươi tụ họp tại giảng đường cùng nhau bàn luận việc gì?"

Bấy giờ các Tỳ-kheo đáp:

"Bạch Đức Thế Tôn, hôm nay tụ tập tại giảng đường, chúng con cùng nhau bàn luận thế này: 'Này chư Hiền, kỳ diệu thay, hy hữu thay! Bậc Đại nhân thành tựu ba mươi hai

---

1. Kinh nói về 32 tướng tốt; tham chiếu Pāli, D.30. Lakkhaṇa-Suttanta.

tướng thì chắc chắn có hai trường hợp, chân thật, không hư dối. Nếu ở tại gia thì chắc chắn vị ấy làm Chuyển luân vương, thông minh trí tuệ, có bốn loại quân, chỉnh trị thiên hạ, tự do tự tại, là pháp vương hành động theo Chánh pháp, thành tựu bảy báu. Bảy báu ấy là xe báu, voi báu, ngựa báu, ngọc báu, nữ báu, cư sĩ báu, tướng quân báu. Vị ấy có đủ một ngàn con trai dung mạo đẹp đẽ, dõng mãnh, không sợ, nhiếp phục được địch quân. Vị ấy thống lãnh toàn thể cõi đất này cho đến biển cả; không dùng đao gậy mà dùng pháp giáo hóa khiến cho an lạc. Nếu vị ấy cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, học đạo, thì chắc chắn chứng đắc quả Như Lai, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, tiếng tăm vang dội, mười phương đều nghe'. Bạch Đức Thế Tôn, chúng con cùng nhau bàn luận việc như vậy, nên tụ tập ngồi tại giảng đường."

Bấy giờ Đức Thế Tôn dạy:

"Này các Tỳ-kheo, các ngươi muốn Như Lai nói về ba mươi hai tướng không? Bậc Đại nhân mà thành tựu ba mươi hai tướng thì chắc chắn có hai trường hợp, chân thật, không hư dối. Nếu ở tại gia thì chắc chắn vị ấy làm Chuyển luân vương, thông minh trí tuệ, có bốn loại quân, chỉnh trị thiên hạ, tự do tự tại, là pháp vương hành động theo Chánh pháp, thành tựu bảy báu. Bảy báu ấy là xe báu, voi báu, ngựa báu, ngọc báu, nữ báu, cư sĩ báu, tướng quân báu. Vị ấy có đủ một ngàn con trai dung mạo đẹp đẽ, dõng mãnh, không sợ, nhiếp phục được địch quân. Vị ấy thống lãnh toàn thể cõi đất này cho đến biển cả; không dùng đao gậy mà dùng pháp giáo hóa khiến cho an lạc. Nếu vị ấy cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, học đạo, thì chắc chắn chứng đắc quả Như Lai, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, tiếng tăm vang dội, mười phương đều nghe."

Sau khi nghe xong, các Tỳ-kheo bạch:

"Bạch Thế Tôn, nay quả là đúng lúc. Bạch Thiện Thệ, nay quả là đúng lúc. Nếu Thế Tôn nói cho các Tỳ-kheo về ba mươi hai tướng, thì sau khi nghe xong, các Tỳ-kheo sẽ khéo ghi nhớ."

Đức Thế Tôn bảo:

"Này các Tỳ-kheo, hãy lắng nghe, hãy lắng nghe, khéo suy nghĩ, ghi nhớ, Ta sẽ giảng giải, phân biệt rộng rãi cho các ngươi rõ."

Bấy giờ các Tỳ-kheo vâng lời, lắng nghe Thế Tôn dạy.

Phật nói:

"Bậc Đại nhân có lòng bàn chân bằng phẳng[2]. Đó là tướng của Đại nhân.

"Lại nữa, lòng bàn chân của Đại nhân có hình bánh xe[3]. Bánh xe có đầy đủ ngàn tăm. Đó là tướng của bậc Đại nhân.

"Lại nữa, ngón chân của Đại nhân thon dài[4]. Đó là tướng của bậc Đại nhân.

"Lại nữa, mu bàn chân Đại nhân thì ngay ngắn[5]. Đó là tướng của bậc Đại nhân.

"Lại nữa, ở phía sau hai bên mắt cá của gót chân Đại nhân thì đầy đặn bằng phẳng[6].

---

2. *Túc an bình lập* ——w———APāli: suppatiṭṭhitapāda, lòng bàn chân đầy đặn; khi đứng, tiếp xúc hoàn toàn với mặt đất.
3. *Túc hạ sinh luân* ——U———APāli: pāda-talesu cakkāni jātāni.
4. *Túc chỉ tiêm trường* ——————APāli: dīghaṅgulin.
5. *Túc châu chánh trực* ——P———APāli thay bằng brahmujju-gatta, thân hình ngay thẳng như của Phạm thiên.
6. *Túc ngấn… bình mãn* ——————A Pāli: āyatapaṇhī, *Pāligo-Bukyô-jiten* (Shuzen Kumoi's *Dictionary of Pāli*

Đó là tướng của bậc Đại nhân.

"Lại nữa, hai mắt cá nơi bàn chân thì nhô cao và đầy[7]. Đó là tướng của bậc Đại nhân.

"Lại nữa, lông trên thân thể của Đại nhân mọc hướng lên. Đó là tướng của bậc Đại nhân.

"Lại nữa, ở chân tay Đại nhân có màng lưới giống như của chim nhạn chúa. Đó là tướng của bậc Đại nhân.

"Lại nữa, chân tay Đại nhân rất đẹp, mềm mại, xòe ra như hoa Đâu-la[8]. Đó là tướng của bậc Đại nhân.

"Lại nữa, da thịt của Đại nhân mịn màng, bụi nước không dính được. Đó là tướng của bậc Đại nhân.

"Lại nữa, từng sợi lông trên thân của Đại nhân, từng sợi lông một mọc ở lỗ chân lông, màu xanh lóng lánh như màu của ốc, xoay tròn về hướng phải. Đó là tướng của bậc Đại nhân.

"Lại nữa, bắp đùi như bắp đùi của nai chúa. Đó là tướng của bậc Đại nhân.

"Lại nữa, âm mã tàng[9] của Đại nhân giống như của ngựa chúa tốt. Đó là tướng của bậc Đại nhân.

"Lại nữa, thân hình Đại nhân cân xứng đẹp đẽ, giống như cây Ni-câu-loại[10], trên dưới tương xứng hoàn toàn. Đó là tướng của bậc Đại nhân.

"Lại nữa, thân thể của Đại nhân không gù còng. Thân không còng nghĩa là đứng thẳng mà duỗi tay, sờ tận đầu gối. Đó là tướng của bậc Đại nhân.

"Lại nữa, thân của Đại nhân màu hoàng kim giống như vàng ròng tía[11]. Đó là tướng của bậc Đại nhân.

"Lại nữa, thân của Đại nhân có bảy chỗ đầy đặn. Bảy chỗ đầy đặn là hai bàn tay, hai bàn chân, hai vai và cổ. Đó là tướng của bậc Đại nhân.

"Lại nữa, thân của Đại nhân phần trên lớn giống như thân sư tử. Đó là tướng của bậc Đại nhân.

"Lại nữa, quai hàm của Đại nhân như sư tử[12]. Đó là tướng của bậc Đại nhân.

"Lại nữa, xương sống thẳng bằng. Đó là tướng của bậc Đại nhân.

"Lại nữa, trên hai vai liên tiếp qua cổ đầy đặn bằng phẳng. Đó là tướng của bậc Đại nhân,

"Lại nữa, Đại nhân có bốn mươi cái răng. Răng đều đầy đặn, không khuyết lở, trắng, trong, láng bậc nhất. Đó là tướng của bậc Đại nhân.

"Lại nữa, tiếng nói đáng ưa như tiếng trời Phạm thiên, âm thanh như tiếng chim Gia-la-tỳ-già[13]. Đó là tướng của bậc Đại nhân.

Buddhism) định nghĩa là "*gót chân rộng và dài*". Nhưng, The Pāli Text Society's *Pāli-English Dictionary* định nghĩa "*having long eye-lashes*" (có lông mi dài).

7. *Túc lưỡng khỏa sung* ▬▬▬▬F Pāli: usaṅkhapāda.
8. *Đâu-la hoa* ▬▬▬A Pāli: tūla, bông gòn.
9. *Âm mã tàng* ▬▬▬A Pāli: kosohita-guhya.
10. *Ni-câu-loại thọ* ▬▬▬▬A Pāli: nigrodha, cây đa, hay một loại cây sung Ấn độ (Ficus Indica).
11. *Tử ma kim* ▬▬i ▬A Pāli: suvaṇṇa-vaṇṇa.
12. *Sư tử giáp xa* ▬v▬l▬U▬A Pāli: sīha-hanu.
13. *Gia-la-tỳ-già* ▬[▬▬s ▬A phiên âm thông dụng là ca-lăng-tần-già ▬{ ▬▬W ▬A Pāli: karavīka, giống chim cu gáy, đặc biệt trên Tuyết sơn.

"Lại nữa, Đại nhân có lưỡi rộng dài. Lưỡi rộng dài là lưỡi khi lè ra trùm khắp cả mặt. Đó là tướng của bậc Đại nhân.

"Lại nữa, mí mắt[14] của Đại nhân rộng như của trâu chúa. Đó là tướng của bậc Đại nhân.

"Lại nữa, mắt Đại nhân màu xanh biếc[15]. Đó là tướng của bậc Đại nhân.

"Lại nữa, đỉnh đầu Đại nhân có nhục kế[16] tròn cân đối, tóc xoáy ốc về hướng phải. Đó là tướng của bậc Đại nhân.

"Lại nữa, giữa hai lông mày của Đại nhân có sợi lông trắng mọc xoáy tròn về hướng phải[17]. Đó là tướng của bậc Đại nhân.

"Này các Tỳ-kheo, Đại nhân thành tựu ba mươi hai tướng này, chắc chắn có hai trường hợp, chân thật không hư dối. Nếu ở tại gia thì chắc chắn vị ấy làm Chuyển luân vương, thông minh trí tuệ, có bốn loại quân, chỉnh trị thiên hạ, tự do tự tại, là pháp vương hành động theo Chánh pháp, thành tựu bảy báu. Bảy báu ấy là xe báu, voi báu, ngựa báu, ngọc báu, nữ báu, cư sĩ báu, tướng quân báu. Vị ấy có đủ một ngàn con trai dung mạo đẹp đẽ, dõng mãnh, không sợ, nhiếp phục được địch quân. Vị ấy thống lãnh toàn thể cõi đất này cho đến biển cả; không dùng đao gậy mà dùng pháp giáo hóa khiến cho an lạc. Nếu vị ấy cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, học đạo, thì chắc chắn chứng đắc quả Như Lai, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, tiếng tăm vang dội, mười phương đều nghe."

Đức Phật thuyết như vậy, sau khi các Tỳ-kheo ấy nghe xong, hoan hỷ phụng hành.

❑

14. Mí mắt, mi dưới, hay khóe mắt; Hán: *thừa lệ xứ* ——\—B—APāli: pakhuma.
15. Hán: *cám thanh* ——C—Amàu xanh sẫm đỏ; Pāli: abhinīla.
16. N*hục kế* ——g—Achỏm thịt trên đỉnh đầu. Pāli: uṇhīsa-sīsa.
17. Thường gọi là *bạch hào tướng* ——@——C

60. KINH TỨ CHÂU[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng, vườn Cấp cô độc.

Bấy giờ Tôn giả A-nan ở nơi nhàn tĩnh, ngồi trầm lặng tư duy và suy nghĩ như vầy: "Người đời thật hiếm, ít ai có thể thỏa mãn đối với dục; ít ai có sự nhờm tởm, ghê sợ dục cho đến chết. Người đời mà đối với dục có sự thỏa mãn, nhàm tởm, ghê sợ cho đến chết, quả là quá khó kiếm."

Rồi Tôn giả A-nan, vào lúc xế chiều, từ chỗ yên nghỉ đứng dậy, đi đến trước Phật, đảnh lễ, rồi ngồi qua một bên và thưa:

"Bạch Đức Thế Tôn, hôm nay con ở chỗ nhàn tĩnh, ngồi trầm lặng tư duy, đã suy nghĩ như vầy: "Người đời thật hiếm, ít ai có thể thỏa mãn đối với dục; ít ai có sự nhờm tởm, ghê sợ dục cho đến chết. Người đời mà đối với dục có sự thỏa mãn, nhàm tởm, ghê sợ cho đến chết, quả là quá khó kiếm!"

Phật bảo A-nan:

"Đúng như vậy, đúng như vậy! Người đời thật hiếm, ít ai có thể thỏa mãn đối với dục; ít ai có sự nhờm tởm, ghê sợ dục cho đến chết. Người đời mà đối với dục có sự thỏa mãn, nhàm tởm, ghê sợ cho đến chết, quả là quá khó kiếm!

"Nhưng này A-nan, trong thế gian, những người đối với dục mà không thỏa mãn, không nhờm tởm, ghê sợ cho đến chết thì thật quá nhiều! Thật quá nhiều! Vì sao? Này A-nan, trong đời quá khứ, có nhà vua tên là Đảnh Sanh[2] làm Chuyển luân vương, thông minh trí tuệ, có bốn loại quân, ngự trị thiên hạ, tự do tự tại, là pháp vương hành động theo chánh pháp, thành tựu bảy báu. Bảy báu ấy là: xe báu, voi báu, ngựa báu, ngọc báu, nữ báu, cư sĩ báu và tướng quân báu. Đó là bảy báu. Vị ấy có đủ một ngàn người con trai, mặt mày khôi ngô, dõng mãnh, không khiếp sợ, nhiếp phục được người khác. Vị ấy thống lãnh khắp cả cõi đất này cho đến biển cả, không dùng đao gậy, chỉ dùng pháp giáo hóa, khiến cho an lạc.

"Này A-nan, một thời gian hết sức lâu xa về sau, vua Đảnh Sanh ấy nghĩ rằng: 'Ta có châu Diêm-phù giàu có, hoan lạc cùng cực, nhân dân đông đúc. Ta có bảy báu; đầy đủ một ngàn người con. Ta muốn ngay ở cung điện này mưa báu bảy ngày, dâng đến tận đầu gối'. Này A-nan, vua Đảnh Sanh có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai thần, nên vừa khởi tâm ưa thích như vậy, tức thì ở trong cung mưa báu bảy ngày, dâng đến đầu gối.

---

1. Không thấy Pāli tương đương. Tham chiếu Divy. tr.210-226. Hán biệt dịch, No.39. Phật Thuyết Đảnh Sanh Vương Cố Sự Kinh, Tây Tấn Pháp Cự dịch; No.40. Văn-đà-kiệt Vương Kinh, Bắc Lương Đàm-vô-sấm dịch; No.125 (17.7) Tăng Nhất, phẩm 17 kinh số 7.

2. Đảnh Sanh ———C Pāli: Muddhāvasitta; No.40 âm là Văn-đà-kiệt. Thường gọi là Quán đảnh vương, vua được truyền ngôi bằng phép quán đảnh.

"Này A-nan, một thời gian hết sức lâu xa về sau, vua Đảnh Sanh kia lại nghĩ rằng: 'Ta có châu Diêm-phù giàu có, hoan lạc cùng cực, nhân dân đông đúc. Ta có bảy báu, đầy đủ một ngàn đứa con, và ở trong cung này, mưa báu bảy ngày, dâng đến đầu gối. Ta nhớ đã từng nghe nơi người xưa nói rằng, ở phương Tây có châu tên là Cù-đà-ni[3], giàu có, hoan lạc cùng cực, nhân dân đông đúc. Nay ta muốn đến xem châu Cù-đà-ni. Sau khi đến, ta sẽ thống trị'. Này A-nan, vua Đảnh Sanh có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai thần, nên vừa khởi tâm ưa thích như vậy, liền dùng như ý túc cưỡi lên hư không mà đi, cùng với bốn loại quân. Này A-nan, vua Đảnh Sanh trong phút chốc liền đến trú ở châu Cù-đà-ni kia.

"Này A-nan, sau khi đến ở, nhà vua đã ngự trị châu Cù-đà-ni suốt vô lượng trăm ngàn vạn năm.

"Này A-nan, một thời gian hết sức lâu xa về sau nữa, vua Đảnh Sanh kia lại nghĩ: 'Ta có châu Diêm-phù giàu có, hoan lạc cùng cực, nhân dân đông đúc. Ta có bảy báu, đầy đủ một ngàn đứa con, và ở trong cung này, mưa báu bảy ngày, dâng đến đầu gối. Ta lại có thêm châu Cù-đà-ni. Ta đã từng nghe người xưa có nói rằng, ở phương Đông có châu tên là Phất-bà-bệ-đà-đề[4] giàu có, hoan lạc cùng cực, nhân dân đông đúc. Nay ta muốn đến xem châu Phất-bà-bệ-đà-đề. Sau khi đến, ta sẽ thống trị'. Này A-nan, vua Đảnh Sanh có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai thần, nên vừa khởi tâm ưa thích như vậy, liền dùng như ý túc cưỡi lên hư không mà đi, cùng với bốn loại quân. Này A-nan, vua Đảnh Sanh trong phút chốc liền đến trú ở châu Phất-bà-bệ-đà-đề kia. Này A-nan, sau khi đến ở, nhà vua ngự trị châu Phất-bà-bệ-đà-đề suốt vô lượng trăm ngàn vạn năm.

"Này A-nan, một thời gian hết sức lâu xa về sau nữa, vua Đảnh Sanh kia lại nghĩ: 'Ta có châu Diêm-phù giàu có, hoan lạc cùng cực, nhân dân đông đúc. Ta có bảy báu, đầy đủ một ngàn người con, và ở trong cung mưa báu bảy ngày dâng đến đầu gối. Ta lại có thêm châu Cù-đà-ni, có thêm châu Phất-bà-bệ-đà-đề. Ta lại từng nghe người xưa có nói rằng, ở phương Bắc có châu tên là Uất-đơn-viết[5], giàu có, hoan lạc cùng cực, nhân dân đông đúc, họ tuy không có ngã tưởng, không có thọ dụng riêng[6], nhưng ta muốn cùng quyến thuộc đi xem châu Uất-đơn-viết, để thống trị'. Này A-nan, vua Đảnh Sanh có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai thần, nên vừa khởi tâm ưa thích như vậy, liền dùng như ý túc cưỡi hư không mà đi cùng với bốn loại quân. Này A-nan, nhà vua thấy đất trắng bằng phẳng từ xa, bảo các cận thần:

"– Các khanh có thấy đất trắng bằng phẳng của châu Uất-đơn-viết này không?

"Các cận thần đáp:

"– Dạ thấy, tâu Thiên vương.

"Nhà vua lại bảo:

"– Các khanh biết không? Đó là lúa tự nhiên của người xứ Uất-đơn-viết. Người Uất-đơn-viết thường ăn loại thức ăn đó. Các khanh cũng nên ăn loại thức ăn đó.

"Này A-nan, xa xa, vua Đảnh Sanh lại thấy tại châu Uất-đơn-viết có biết bao loại cây quí báu, khoe đủ màu sắc ở trong lan can, liền bảo cận thần:

"– Các khanh có thấy biết bao nhiêu loại cây quí báu, khoe đủ màu sắc ở trong lan

---

3. Cù-đà-ni ————Atức Tây ngưu hóa châu (đại lục phía tây, nơi lấy bò làm vật ngang giá để trao đổi hàng hóa).

4. Phất-bà-bệ-đà-đề ——C–@———CPāli: pubbavideha, châu Thắng thân ở phương Đông.

5. Uất-đơn-viết –{———Fphiên âm khác: Bắc Câu-lô châu. Pāli: Uttara-kura.

6. Nghĩa là, không có ý tưởng về tự ngã hay linh hồn và không có tư hữu hay sở hữu cá nhân.

can tại châu Uất-đơn-viết không?

"Các cận thần đáp:

"– Dạ thấy, tâu Thiên vương.

"Vua lại đáp:

"– Các khanh biết không? Đó là thứ cây áo[7] của người xứ Uất-đơn-viết. Người Uất-đơn-viết dùng thứ ấy mà mặc. Các khanh cũng nên dùng thứ ấy mà mặc.

"Này A-nan, trong phút chốc, nhà vua đến trú ở châu Uất-đơn-viết. Này A-nan, sau khi cùng quyến thuộc đến đó, vua Đảnh Sanh thống trị châu Uất-đơn-viết suốt cả trăm ngàn vạn năm.

"Này A-nan, một thời gian hết sức lâu xa về sau nữa, vua Đảnh Sanh kia lại nghĩ: 'Ta có châu Diêm-phù giàu có vô cùng, nhân dân đông đúc. Ta có bảy báu, đầy đủ một ngàn người con và ở trong cung mưa báu bảy ngày, dâng đến đầu gối. Ta cũng có châu Cù-đà-ni, cũng có châu Phất-bà-bệ-đà-đề lại có thêm châu Uất-đơn-viết. Ta lại từng nghe người xưa nói rằng, có cõi trời tên là Tam thập tam thiên. Nay ta muốn đến thấy Tam thập tam thiên'.

"Này A-nan, vua Đảnh Sanh có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai thần, nên vừa khởi tâm ưa thích như vậy, liền dùng như ý túc cưỡi hư không cùng với bốn loại quân, hướng theo ánh sáng mặt trời mà đi. Này A-nan, từ xa, vua Đảnh Sanh đã thấy ở trong Tam thập tam thiên, trên đỉnh núi chúa Tu di, có một vật lớn như một đám mây lớn, liền bảo các cận thần:

"– Các khanh có thấy ở trên đỉnh núi chúa Tu di trong cõi trời Tam thập tam (có một vật) như một đám mây lớn ấy chăng?

"Các cận thần đáp:

"– Dạ thấy, tâu Thiên vương.

"Nhà vua lại bảo:

"– Các khanh biết chăng? Đó là cây Trú đạc[8] của trời Tam thập tam thiên vậy. Dưới gốc cây này, vào mùa hạ tháng tư, các vị Trời ở Tam thập tam thiên vui chơi với đầy đủ năm thứ dục lạc.

"Này A-nan, từ xa, vua Đảnh Sanh thấy ở trong trời Tam thập tam thiên, trên đỉnh núi chúa Tu di, gần về hướng Nam có một vật giống như đám mây lớn, liền bảo các cận thần:

"– Các khanh có thấy ở trong trời Tam thập tam thiên, trên đỉnh núi Tu di, gần về mé Nam, có một vật giống như đám mây lớn không?

"– Có thấy, tâu Thiên vương.

"Nhà vua lại bảo:

"– Các khanh biết không? Đó là nhà Chánh pháp[9] của Tam thập tam thiên. Vị Trời Tam thập tam thiên ở trong nhà ấy, vào những ngày mồng tám, mười bốn hoặc mười lăm, vì loài trời, vì loài người mà tư duy về pháp, tư duy về nghĩa.

"Này A-nan, vua Đảnh Sanh liền đến cõi Tam thập tam thiên. Đến nơi, nhà vua đi vào nhà Chánh pháp. Ở đó, Thiên Đế-thích nhường một nửa chỗ ngồi cho vua Đảnh Sanh và mời ngồi. Vua Đảnh Sanh liền ngồi xuống trên nửa chỗ ngồi của Thiên Đế-thích. Bấy giờ, nhà vua và Thiên Đế-thích hoàn toàn không khác gì nhau; ánh sáng và ánh sáng

---

7. Y thọ ——C Người ở đây dùng vỏ cây làm y phục.

8. Trú đạc thọ ———A "cây đo bóng ngày". Pāli: pāricchattaka, cũng dịch là *san hô thọ, viên sanh thọ*.

9. Chánh pháp đường ——k——F Pāli: Dhammasabhā, hội trường của chư Thiên.

không khác, màu sắc và màu sắc không khác, hình dung và hình dung không khác, oai nghi lễ tiết và y phục cũng không khác nhau; chỉ có con mắt nháy là khác nhau.

"Này A-nan, vua Đảnh Sanh kia một thời gian hết sức lâu xa về sau nữa, lại nghĩ: 'Ta có châu Diêm-phù giàu có, hoan lạc cùng cực, nhân dân đông đúc. Ta có bảy báu, đầy đủ một ngàn người con, và ở trong cung mưa báu bảy ngày dâng đến đầu gối. Ta lại có châu Cù-đà-ni, có châu Phất-bà-bệ-đà-đề, có châu Uất-đơn-viết. Ta cũng đã thấy Tam thập tam thiên vân tập đại hội. Ta đã được vào nhà Chánh pháp của chư Thiên, lại được Thiên Đế-thích nhường cho một nửa chỗ ngồi, và ta đã ngồi trên một nửa chỗ ngồi của Thiên Đế-thích. Ta với Thiên Đế-thích hoàn toàn không khác gì nhau; ánh sáng không khác, màu sắc không khác, hình dung không khác, oai nghi lễ tiết cho đến y phục cũng không sai khác, chỉ có con mắt nháy là khác nhau mà thôi. Nay có lẽ ta đuổi Thiên Đế-thích đi, cướp lấy phân nửa chỗ ngồi ấy mà làm vua loài Trời và loài Người, tự do tự tại.

"Này A-nan, vua Đảnh Sanh vừa khởi ý niệm như vậy, bất giác rơi xuống châu Diêm-phù, liền mất như ý túc, nhuốm bệnh, đau nguy kịch. Đến lúc sắp chết, các cận thần đến bên nhà vua hỏi rằng:

"– Tâu Thiên vương, nếu có vị Phạm chí, Cư sĩ và kẻ bày tôi hay thần dân nào đến hỏi các hạ thần rằng: 'Lúc băng hà Đảnh Sanh vương chỉ bảo những gì?' Tâu Thiên vương, các hạ thần trả lời thế nào cho Phạm chí, Cư sĩ hay thần dân ấy?

"Nhà vua bảo cận thần:

"– Nếu có Phạm chí, Cư sĩ, hay thần dân nào đến hỏi các khanh rằng: 'Lúc băng hà, nhà vua đã nói những gì?' Thì các khanh nên đáp như thế này: 'Vua Đảnh Sanh đã được châu Diêm-phù, nhưng khi chết vẫn chưa thỏa mãn. Vua Đảnh Sanh đã được bảy báu, nhưng khi chết vẫn chưa được thỏa mãn. Vua Đảnh Sanh đã đầy đủ một ngàn người con, nhưng khi chết vẫn chưa thỏa mãn. Vua Đảnh Sanh đã có bảy ngày mưa báu, nhưng khi chết vẫn chưa thỏa mãn. Vua Đảnh Sanh đã được châu Cù-đà-ni, nhưng khi chết vẫn chưa thỏa mãn. Vua Đảnh Sanh đã được châu Phất-bà-bệ-đà-đề, nhưng khi chết vẫn chưa thỏa mãn. Vua Đảnh Sanh đã được châu Uất-đơn-viết, nhưng khi chết vẫn chưa thỏa mãn. Vua Đảnh Sanh đã thấy chư Thiên tụ hội, nhưng khi chết vẫn chưa thỏa mãn. Vua Đảnh Sanh đã hưởng đầy đủ các đặc tính của năm thứ dục lạc, sắc, thanh, hương, vị, xúc; nhưng khi chết vẫn chưa thỏa mãn'. Nếu có vị Phạm chí, hay thần dân nào đến hỏi các khanh rằng: 'Lúc băng hà vua Đảnh Sanh đã nói những gì?' Thì các khanh nên trả lời đúng như thế."

Bấy giờ Đức Thế Tôn đọc bài tụng:

Trời mưa trân bảo quí,
Chưa thỏa lòng kẻ dục;
Ham muốn, khổ nào vui
Kẻ trí cần phải biết.
Giả sử được đống vàng
Cao như núi Hy-mã,
Vẫn chưa đủ mảy may
Kẻ trí nghĩ như vậy.
Được ngũ dục trên trời,
Chẳng cho đó là vui;
Dứt ái, không đắm dục
Là đệ tử Chánh giác.

Rồi Đức Thế Tôn bảo:

"Này A-nan, vua Đảnh Sanh ngày xưa ấy, Ông cho là ai khác chăng? Chớ nghĩ như vậy. Nên biết rằng, vị ấy chính là Ta vậy. Này A-nan, lúc bấy giờ ta được lợi ích, cũng làm lợi ích cho người khác, cho mọi người, thương xót thế gian, vì trời và vì loài người mà cầu nghĩa và lợi ích, cầu an ổn khoái lạc. Lúc bấy giờ, Ta nói pháp không đến chỗ rốt ráo, không rốt ráo bạch tịnh, không rốt ráo phạm hạnh. Vì không rốt ráo phạm hạnh hoàn toàn, lúc ấy Ta không lìa khỏi sự sanh, già, bệnh, chết, khóc than, ảo não, cũng chưa thể thoát ra ngoài mọi khổ đau. Này A-nan, hôm nay Ta xuất hiện ở thế gian, là Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành Tựu, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, hiệu là Phật, là Chúng Hựu. Nay Ta đã làm lợi ích cho mình, cũng làm lợi ích cho người khác, cho mọi người, thương xót thế gian, vì trời và vì người mà cầu nghĩa và lợi ích, cầu an ổn khoái lạc.

"Nay Ta thuyết pháp đã đến chỗ rốt ráo, rốt ráo bạch tịnh, rốt ráo phạm hạnh. Khi đã rốt ráo phạm hạnh; Ta lìa khỏi sự sanh, già, bệnh, chết, khóc than, ảo não. Ta đã thoát khỏi mọi khổ đau."

Đức Phật thuyết giảng như vậy, Tôn giả A-nan và các Tỳ-kheo sau khi nghe thuyết giảng, hoan hỷ phụng hành.

❑

61. KINH NGƯU PHẤN DỤ[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng, vườn Cấp cô độc.

Bấy giờ có một vị Tỳ-kheo ở chỗ nhàn tĩnh, ngồi tư duy, suy nghĩ như vầy: "Có sắc nào thường trú, bất biến, hoàn toàn chỉ có lạc, tồn tại vĩnh viễn chăng? Có thọ, tưởng, hành, thức nào thường trú, bất biến, chỉ có lạc, tồn tại vĩnh viễn chăng?"

Vào lúc xế chiều, vị Tỳ-kheo ấy từ chỗ ngồi yên tĩnh đứng dậy, đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ rồi ngồi qua một bên và bạch:

"Bạch Đức Thế Tôn, hôm nay ở chỗ nhàn tĩnh, con ngồi tư duy, suy nghĩ như vầy: 'Có sắc nào thường trú, bất biến, hoàn toàn chỉ có lạc, tồn tại vĩnh viễn chăng? Có thọ, tưởng, hành, thức nào thường trú, bất biến, chỉ có lạc, tồn tại vĩnh viễn chăng?'"

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Không có một sắc nào thường trú, bất biến, hoàn toàn chỉ có lạc, tồn tại vĩnh viễn; không có thọ, tưởng, hành, thức nào thường trú, bất biến, hoàn toàn chỉ có lạc, tồn tại vĩnh viễn."

Bấy giờ Đức Thế Tôn dùng móng tay khơi ít phân bò, bảo Tỳ-kheo:

"Này Tỳ-kheo, nay ngươi có thấy Ta dùng móng tay khơi chút ít phân bò chăng?"

Tỳ-kheo đáp:

"Bạch Thế Tôn, con có thấy."

Phật bảo:

"Này Tỳ-kheo, cũng vậy, không có một tí sắc nào thường trụ, bất biến, chỉ toàn có lạc, tồn tại vĩnh viễn; cũng như vậy, không có một tí giác, tưởng, hành, thức nào thường trụ, bất biến, chỉ toàn có lạc, tồn tại vĩnh viễn. Vì sao? Này Tỳ-kheo, nhớ lại xưa kia, trong một thời gian dài, Ta thường làm phúc. Sau một thời gian dài làm phúc ấy, Ta thọ quả báo an lạc. Vào thuở xưa đó, Ta tu hành về từ tâm trong bảy năm; trải qua bảy kiếp thành hoại[2] vẫn không trở lại thế gian này. Vào thời kiếp hoại, Ta sanh vào cõi trời Hoảng dục[3]. Vào thời kiếp thành, Ta sanh vào trong cung điện trống không của Phạm thiên[4], ở trong cõi Phạm kia, làm Đại Phạm thiên; và qua một ngàn lần tái sanh vào những nơi khác, Ta làm Thiên vương trời Tự tại; ba mươi sáu lần tái sinh làm Thiên Đế-thích, rồi lại vô lượng lần tái sinh làm Sát-lợi Đảnh Sanh vương[5].

"Này Tỳ-kheo, lúc làm vua Sát-lợi Đảnh Sanh, Ta có tám vạn bốn ngàn thớt voi lớn

---

1. Thí dụ về phân bò. Tương đương Pāli: S.22.96. Gomayam. Tham chiếu, No.99(264).
2. *Thất phản thành bại* [illegible] bảy lần thành rồi hoại của thế giới.
3. *Hoảng dục thiên* [illegible] Hán dịch khác: *Quang âm thiên*, *Cực quang thiên*. Pāli: Ābhassara.
4. Không Phạm cung điện [illegible] Pāli: suññaṃ Brahma-vimānaṃ; tham chiếu D.1. Brahmajāla-sutta.
5. Pāli: Khattiya-muddhāvasitta, vua Quán Đảnh xuất thân dòng Sát-lợi.

được phủ những đồ cưỡi rất đẹp; dùng các báu bạch châu lạc[6] trang sức, phủ lên voi chúa đầu đàn Vu-sa-hạ[7].

"Này Tỳ-kheo, lúc Ta làm vua Sát-lợi Đảnh Sanh, có tám vạn bốn ngàn con ngựa được phủ lên các thứ đồ cưỡi đẹp. Dùng các báu vàng, bạc, dao lạc để trang sức cho ngựa đầu đàn là ngựa Mao[8].

"Này Tỳ-kheo, lúc Ta làm vua Sát-lợi Đảnh Sanh, có tám vạn bốn ngàn cỗ xe, trang sức bằng bốn cánh, dùng da vằn quý báu đủ màu của các thú như sư tử, cọp, beo, dệt thành đủ loại màu sắc xen lẫn trang sức cho cỗ xe dẫn đầu chạy rất nhanh chóng tên là xe Nhạc thanh[9].

"Này Tỳ-kheo, lúc Ta làm vua Sát-lợi Đảnh Sanh, có tám vạn bốn ngàn thành lớn, giàu có cùng cực, dân chúng đông đúc, lấy vương thành Câu-xá-hòa-đề[10] làm đầu.

"Này Tỳ-kheo, lúc làm vua Sát-lợi Đảnh Sanh, Ta có tám vạn bốn ngàn ngôi lầu; có bốn loại lầu báu, làm bằng vàng, bạc, lưu ly và thủy tinh; đứng đầu là Chánh pháp điện[11].

"Này Tỳ-kheo, lúc làm vua Sát-lợi Đảnh Sanh, Ta có tám vạn bốn ngàn ngự tòa; bốn loại tòa báu, bằng vàng, bạc, lưu ly và thủy tinh; trải lên bằng các thứ nệm, chiếu dệt bằng lông năm sắc, phủ lên bằng những gấm, the, sa trun, lụa là; có chăn nệm lót, hai đầu để gối, trải thảm quý bằng da sơn dương[12].

"Này Tỳ-kheo, lúc làm vua Sát-lợi Đảnh Sanh, Ta có tám vạn bốn ngàn chiếc áo song y, áo sơ-ma[13], áo gấm, áo lụa, áo kiếp bối, áo gia-lăng-già-ba-hòa-la.

"Này Tỳ-kheo, lúc làm vua Sát-lợi Đảnh Sanh, Ta có tám vạn bốn ngàn người nữ, thân thể nõn nà, sạch sẽ, sáng sủa, sắc đẹp hơn người, không thua Thiên nữ, tư dung đoan chánh, ai nhìn cũng sinh ưa thích, trang điểm bằng các thứ vật báu, anh lạc; tất cả đều thuộc dòng Sát-lợi. Ngoài ra, những người thuộc dòng khác thì nhiều vô số.

"Này Tỳ-kheo, lúc làm vua Sát-lợi Đảnh Sanh, Ta có tám vạn bốn ngàn món ăn, ngày đêm[14] thường dọn ra cho Ta ăn.

"Này Tỳ-kheo, trong tám vạn bốn ngàn món ăn kia, có một món hết sức ngon, sạch sẽ, có vô lượng mùi vị, là món Ta thường ăn.

"Này Tỳ-kheo, trong tám vạn bốn ngàn người nữ kia có một người thuộc dòng Sát-lợi, đoan chánh đẹp đẽ khác thường, hầu hạ Ta.

"Này Tỳ-kheo, trong tám vạn bốn ngàn song y kia có một chiếc áo song y, hoặc là áo sơ-ma, hoặc áo gấm, hoặc áo lụa, hoặc áo kiếp-bối[15], hoặc áo gia-lăng-già-ba-hòa-la là Ta thường mặc.

"Này Tỳ-kheo, trong tám vạn bốn ngàn ngự tòa kia, có một ngự tòa làm bằng vàng, hoặc bạc, hoặc lưu ly, hoặc thủy tinh; đồ trải lên thì dùng những tấm nệm, những chiếc chiếu dệt bằng lông năm sắc; đồ phủ lên thì dùng gấm, the, sa trun, lụa là, có chăn nệm

---

6. Bạch châu lạc ━━]━_━FTống-Nguyên-Minh: ━━C
7. Vu-sa-hạ tượng vương ━_━P━P━CPāli: Uposathanāgarāja.
8. Mao mã vương ━━━━C Pāli: Valāhaka-assarāja.
9. Nhạc thanh xa ━━n━━CPāli: Vejayanta ratha, cỗ xe (=cung điện) Chiến thắng.
10. Câu-xá-hòa-đề ━━和━━C Pāli: Kusāvati.
11. Chánh pháp điện ━━k━━C Pāli: Dhammapāsāda.
12. Hán dịch: *gia-lăng-già-ba-hòa-la ba-giá-tất-đa-la-na* ━[━━━i 和━━i ━B ━x ━h ━━━C Pāli: kadalimigapavara-pacchattharaṇa, thảm lông bằng da sơn dương cực quý.
13. *Sơ-ma y* ━━━FNguyên-Minh: *sô* ━━C Pāli: khoma-pilotikā, vải lanh.
14. Trong bản Đại chánh đọc là *tận dạ* ━━]━R suốt đêm. Đây đọc là *trú dạ* ━━]━C
15. Kiếp-bối y ━T━━━C Pāli: kappāsika, vải bông (gòn).

lót, hai đầu để gối, có trải thảm quý bằng da sơn dương, là Ta thường nằm.

"Này Tỳ-kheo, trong tám vạn bốn ngàn lầu quán kia, có một lầu quán làm bằng vàng, hoặc bạc, hoặc lưu ly, hoặc thủy tinh, tên là Chánh pháp điện, là nơi Ta thường ở.

"Này Tỳ-kheo, trong tám vạn bốn ngàn thành lớn kia, có một thành giàu có cùng cực, dân chúng đông đúc, gọi là thành Câu-xá-hòa-đề là chỗ ta thường ở.

"Này Tỳ-kheo, trong tám vạn bốn ngàn cỗ xe kia, có một cỗ được dùng da đủ màu của các thú như sư tử, cọp, beo dệt thành, màu sắc xen kẽ để trang hoàng, chạy rất nhanh chóng, tên là xe Nhạc thanh, Ta thường ngồi lên, đi đến các lầu quán để ngắm nhìn các vườn tược.

"Này Tỳ-kheo, trong tám vạn bốn ngàn con ngựa kia có một con màu xanh biếc, đầu như chim, gọi là ngựa Mao, là Ta thường cưỡi, đi đến các lầu quán để ngắm các vườn tược.

"Này Tỳ-kheo, trong tám vạn bốn ngàn thớt voi lớn kia, có một thớt toàn thân trắng toát, bảy chi thảy đều ngay thẳng, gọi là voi chúa Vu-sa-hạ, là Ta thường cưỡi đi đến các lầu quán để ngắm các vườn tược.

"Này Tỳ-kheo, bấy giờ Ta nghĩ rằng: 'Đó là nghiệp quả gì, là nghiệp báo gì, mà ngày nay Ta có đại như ý túc, đại oai đức, đại phước hựu, đại oai thần?'

"Này Tỳ-kheo, Ta lại nghĩ: 'Đó là ba nghiệp quả, là ba nghiệp báo, khiến Ta ngày nay có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai thần: một là bố thí, hai là điều phục, ba là thủ hộ'.

"Này Tỳ-kheo, ngươi hãy quán sát rằng, tất cả những gì sở hữu[16] đều phải tiêu diệt, cả đến như ý túc cũng phải mất. Này Tỳ-kheo, ngươi nghĩ thế nào? Sắc là thường hay vô thường?"

Đáp:

"Bạch Thế Tôn, vô thường."

Lại hỏi:

"Vô thường là khổ hay không phải khổ?"

Đáp:

"Bạch Thế Tôn, là khổ và biến dịch."

Lại hỏi:

"Nếu là pháp vô thường, khổ, biến dịch, thì Đa văn Thánh đệ tử có nên cho rằng: 'Cái này là ta, cái này là sở hữu của ta; ta là sở hữu của cái kia' chăng?"

Đáp:

"Bạch Thế Tôn, không."

Lại hỏi:

"Này Tỳ-kheo, ngươi nghĩ sao, thọ, tưởng, hành, thức là thường hay vô thường?"

Đáp:

"Bạch Thế Tôn, vô thường."

Lại hỏi:

"Vô thường là khổ hay không phải khổ?"

Đáp:

"Bạch Thế Tôn, là khổ và biến dịch."

Lại hỏi:

---

16. *Nhất thiết sở hữu* -@———F Tống-Nguyên-Minh: *sở hành* ———C

"Nếu là pháp vô thường, khổ, biến dịch, thì Đa văn Thánh đệ tử có nên cho rằng: 'Cái này là ta, cái này là sở hữu của ta; ta là sở hữu của cái kia' chăng?"

Đáp:

"Bạch Thế Tôn, không."

"Vậy thì, này Tỳ-kheo, ngươi nên học như vầy: 'Những gì có sắc, hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại, hoặc trong, hoặc ngoài, hoặc thô hoặc tế, hoặc đẹp, hoặc xấu, hoặc gần hoặc xa; tất cả những cái ấy chẳng phải là ta, chẳng phải là sở hữu của ta, ta phải là sở hữu của cái kia'. Hãy dùng trí tuệ quán sát, biết đúng như thật. 'Những gì có giác, tưởng, hành, thức, hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại, hoặc trong, hoặc ngoài, hoặc thô, hoặc tế, hoặc đẹp, hoặc xấu, hoặc xa, hoặc gần; tất cả những cái ấy chẳng phải là ta, chẳng phải là sở hữu của ta, ta phải là sở hữu của cái kia'. Hãy dùng trí tuệ qaún sát, biết đúng như thật.

"Này Tỳ-kheo, nếu Đa văn Thánh đệ tử quán như thế thì liền nhàm chán sắc, nhàm chán giác, tưởng, hành, thức. Do nhàm chán mà vô dục; do vô dục nên giải thoát; sau khi giải thoát thì biết là giải thoát, biết đúng như thật rằng: Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa."

Sau khi, nghe Phật dạy như vậy xong, Tỳ-kheo ấy khéo ghi nhận, khéo ghi nhớ, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ dưới chân Phật, đi quanh ba vòng rồi lui.

Tỳ-kheo ấy sau khi thọ nhận lời giáo hóa của Đức Phật, liền sống một mình, viễn ly, tâm không buông lung, tu hành tinh tấn. Vị ấy đã sống một mình, viễn ly, tâm không buông lung, tu hành tinh tấn, đạt đến mục đích mà vì đó thiện nam tử đã cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo; đó là chỉ cầu vô thượng phạm hạnh, ngay trong đời hiện tại, tự biết, tự ngộ, tự thân chứng, thành tựu an trú, biết đúng như thật rằng: "Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa." Như vậy, Tỳ-kheo ấy, sau khi đã biết pháp, cho đến chứng đắc A-la-hán.

Phật thuyết giảng như vậy. Tỳ-kheo ấy sau khi nghe Phật thuyết giảng, hoan hỷ phụng hành.

❑

62. KINH TẦN-BỆ-SA-LA VƯƠNG NGHINH PHẬT[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật du hóa tại nước Ma-kiệt-đà, cùng với chúng Đại Tỳ-kheo gồm một nghìn vị, đều là những bậc Vô trước, Chí chân[2], trước vốn là những đạo sĩ bện tóc[3]. Ngài đi đến ấp Ma-kiệt-đà ở thành Vương xá.

Bấy giờ vua xứ Ma-kiệt-đà là Tần-bệ-sa-la[4] nghe Đức Thế Tôn du hóa tại nước Ma-kiệt-đà cùng với chúng đại Tỳ-kheo, gồm một nghìn vị, đều là những bậc Vô trước, Chí chân, trước vốn là những đạo sĩ bện tóc, đến ấp Ma-kiệt-đà ở thành Vương xá này. Sau khi nghe vậy, vua Tần-bệ-sa-la nước Ma-kiệt-đà liền cho sắp đặt bốn loại quân, là quân voi, quân ngựa, quân xe, và bộ quân. Sau khi sắp đặt bốn loại quân xong, nhà vua với đông đủ vô số thuộc hạ, kéo dài trên một do-diên, cùng đi đến chỗ Phật.

Bấy giờ từ xa, Đức Phật thấy vua Tần-bệ-sa-la nước Ma-kiệt-đà đi đến, bèn theo đường tắt đến dưới gốc cây chúa Thiện trụ Ni-câu-loại[5], trải Ni-sư-đàn ngồi kiết già cùng với chúng Tỳ-kheo.

Từ xa, vua Tần-bệ-sa-la nước Ma-kiệt-đà thấy Thế Tôn ở giữa cây rừng, trang nghiêm đẹp đẽ như vầng trăng ở giữa vòm sao, chói lọi, sáng ngời như núi vàng, tướng tốt vẹn toàn, oai thần lồng lộng, các căn vắng lặng, không bị ngăn che, thành tựu tự chế ngự, tâm tư yên tĩnh. Sau khi thấy Phật, vua cùng tùy tùng xuống xe.

Nếu các vua Sát-lợi được rưới nước lên đỉnh đầu để làm bậc Nhân chủ, chỉnh trị cõi đất, có năm loại nghi trượng, một là kiếm, hai là lọng, ba là mũ thiên quan, bốn là phất trần cán ngọc, năm là giầy thêu. Nhưng đến đây nhà vua cởi bỏ tất cả, cùng với bốn loại quân. Vua đi bộ đến trước Phật, đảnh lễ rồi tự xưng danh tánh ba lần rằng:

"Bạch Đức Thế Tôn, tôi là Tẩy-ni Tần-bệ-sa-la[6], vua nước Ma-kiệt-đà."

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo:

---

1. Bản kinh tường thuật lần đầu tiên vua Tần-bà-sa-la (Bimbisāra) gặp Phật và trở thành đệ tử của Phật. Tương đương Pāli: Luật tạng, Mv. I. 22. Hán biệt dịch: No.41 Phật Thuyết Tần-bà-sa-la Vương Kinh, Tống Pháp Hiền dịch; No.99 (1074) Tạp 38, kinh 1074; No.100(13) Biệt Dịch Tạp A-hàm, kinh số 13. Tham chiếu, No.200 Soạn Tập Bách Duyên Kinh quyển 2; No.1421 Ngũ Phần Luật quyển 16; No.1428 Tứ Phần Luật quyển 33; No.1435 Thập Tụng Luật quyển 24.
2. Tất cả đều là A-la-hán.
3. Biên phát ▪s▪v▪C Pāli: jaṭilaka, đây chỉ ba anh em Uruvelakassapa cùng với các đệ tử, sau khi quy y Phật.
4. Ma-kiệt-đà vương Tần-bệ-sa-la ▬▬▬▬▪W▪@▪P▬▬C Pāli: Bimbisāra Magadha-rāja.
5. Thiện trụ Ni-câu-loại thọ vương ▬▬▬▬▬▬▬▬C
6. Tẩy-ni Tần-bệ-sa-la ▪~▬▬▪W▪@▪P▬▬C Pāli: Seniya Bimbisāra.

"Này Đại vương, đúng vậy, đúng vậy. Đại vương là Tẩy-ni Tần-bệ-sa-la, vua nước Ma-kiệt-đà."

Sau khi vua Tẩy-ni Tần-bệ-sa-la nước Ma-kiệt-đà ba lần tự xưng danh tánh rồi, đảnh lễ Phật và ngồi qua một bên. Có người chào hỏi Phật rồi ngồi qua một bên. Có người chắp tay hướng về Phật rồi ngồi qua một bên. Có người ở xa thấy Phật rồi lặng lẽ ngồi xuống.

Bấy giờ Tôn giả Uất-tỳ-la Ca-diếp[7] cùng ngồi trong chúng. Tôn giả là vị mà những người nước Ma-kiệt-đà đều chú ý đến và cho rằng, đó là bậc Đại tôn sư, bậc Chân nhân vô trước. Bấy giờ những người xứ Ma-kiệt-đà đều nghĩ rằng: "Sa-môn Cù-đàm theo Uất-tỳ-la Ca-diếp học phạm hạnh chăng? Hay là Uất-tỳ-la Ca-diếp theo Sa-môn Cù-đàm học phạm hạnh?"

Bấy giờ Đức Thế Tôn biết ý nghĩ trong tâm người xứ Ma-kiệt-đà, liền hướng về Tôn giả Uất-tỳ-la Ca-diếp mà nói bài tụng:

Ca-diếp, thấy những gì,
Bỏ lửa mà đến đây?
Ca-diếp, nói Ta biết,
Lý do không thờ lửa?
Ăn uống đủ các vị,
Do dục nên thờ lửa;
Trong đời thấy như vậy,
Cho nên không ưa thờ.
Ý Ca-diếp không ưa,
Ăn uống đủ các vị,
Sao không ưa Trời, Người?
Ca-diếp, nói Ta rõ.
Thấy tịch tĩnh, diệt tận,
Vô vi, không dục hữu;
Không thấy Trời cao quý,
Cho nên không thờ lửa.
Thế Tôn là tối thắng;
Thế Tôn không tà tư;
Thấy các pháp rõ ràng,
Con nhận pháp tối thắng.

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo:

"Này Ca-diếp, ông hãy hiển hiện như ý túc cho chúng hội này được vui lòng và tin tưởng."

Lúc đó Tôn giả Uất-tỳ-la Ca-diếp, bằng như ý túc như thế, biến mất khỏi chỗ đang ngồi, từ phương Đông xuất hiện, bay lên hư không, hiện bốn oai nghi: đi, đứng, nằm, ngồi. Tôn giả lại nhập hỏa định. Sau khi Tôn giả Uất-tỳ-la Ca-diếp nhập hỏa định, trong thân liền phát ra vô số tia lửa đủ màu: xanh, vàng, đỏ, trắng, màu hòa hợp, màu thủy tinh. Phần thân dưới phóng ra lửa thì phần thân trên phóng ra nước; phần thân trên phóng ra lửa thì phần thân dưới phun ra nước. Cũng vậy, từ các phương Nam, Tây, Bắc bay lên hư không, hiện ra bốn oai nghi: đi, đứng, nằm, ngồi. Tôn giả lại nhập hỏa định. Sau khi Tôn giả Uất-

7. Uất-tỳ-la Ca-diếp -{-s---{---CPāli: Uruvela-Kassapa, anh cả trong ba anh em, thuộc hàng tông sư của ngoại đạo bện tóc.

tỳ-la Ca-diếp nhập hỏa định, trong thân liền phát ra vô số tia lửa đủ màu: xanh, vàng, đỏ, trắng, màu hòa hợp, màu thủy tinh. Phần thân dưới phóng ra lửa thì phần thân trên phóng ra nước; phần thân trên phóng ra lửa thì phần thân dưới phun ra nước. Sau khi hiển hiện như ý túc, Tôn giả Uất-tỳ-la Ca-diếp đảnh lễ dưới chân Phật và bạch rằng:

"Bạch Thế Tôn, Phật là Thầy của con; con là đệ tử của Phật. Phật có đủ nhất thiết trí; con không có nhất thiết trí."

Đức Thế Tôn bảo:

"Đúng vậy, Ca-diếp, đúng vậy, Ca-diếp. Ta có nhất thiết trí, ông không có nhất thiết trí."

Bấy giờ Tôn giả Uất-tỳ-la Ca-diếp vì chính mình mà nói bài tụng:

Ngày xưa, lúc chưa rõ,
Thờ lửa, cầu giải thoát,
Tuy già vẫn đui mù,
Tà, không thấy chân tế.
Nay con thấy Thượng Tích,
Rồng Vô Thượng đã dạy:
Vô vi, thoát hết khổ,
Thấy rồi, sanh tử dứt.

Những người xứ Ma-kiệt-đà, sau khi thấy như vậy, liền nghĩ: "Không phải Sa-môn Cù-đàm theo Uất-tỳ-la Ca-diếp học phạm hạnh mà chính Uất-tỳ-la Ca-diếp theo Sa-môn Cù-đàm để học phạm hạnh." Đức Thế Tôn biết ý nghĩ trong tâm của người xứ Ma-kiệt-đà, liền thuyết pháp cho Tẩy-ni Tần-bệ-sa-la, vua nước Ma-kiệt-đà nghe, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ. Sau khi ngài đã dùng vô lượng phương tiện thuyết pháp cho vua nghe, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ. Ngài theo đúng pháp của chư Phật, trước tiên thuyết pháp đoan chánh, khiến người nghe vui mừng, ấy là thuyết về bố thí, thuyết về trì giới, thuyết về pháp sanh thiên, chỉ trích dục là tai họa, sanh tử là ô uế, khen ngợi vô dục là diệu đạo phẩm, bạch tịnh.

Đức Thế Tôn đã nói cho vị đại vương ấy nghe những pháp như vậy. Ngài biết nhà vua có tâm hoan hỷ, tâm cụ túc, tâm nhu nhuyến, tâm kham nhẫn, tâm tăng thượng, tâm chuyên nhất, tâm vô nghi, tâm vô tận, có khả năng, có sức lực thọ nhận Chánh pháp. Tức là, như các pháp yếu mà chư Phật đã giảng thuyết, Đức Thế Tôn nói cho nhà vua nghe về Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Ngài dạy:

"Này Đại vương, sắc là pháp sanh diệt. Đại vương nên biết, sắc là pháp sanh diệt. Này Đại vương, giác, tưởng, hành, thức là pháp sanh diệt. Đại vương nên biết, thức là pháp sanh diệt.

"Này Đại vương, giống như mưa lớn thì bọt trên mặt nước hoặc sanh hoặc diệt. Này Đại vương, sắc sanh diệt cũng như vậy. Đại vương nên biết sắc là pháp sanh diệt. Này Đại vương, giác, tưởng, hành, thức là pháp sanh diệt. Đại vương nên biết, thức là pháp sanh diệt.

"Này Đại vương, nếu một thiện nam tử biết sắc sanh diệt thì biết rằng sắc không sanh lại ở tương lai. Này Đại vương, nếu một thiện nam tử nào biết giác, tưởng, hành, thức sanh diệt thì liền biết rằng thức không sanh lại ở tương lai. Này Đại vương, nếu một thiện nam tử biết sắc đúng như thật thì không trước sắc, không kế sắc, không nhiễm sắc, không trụ nơi sắc, không hoan lạc rằng 'sắc là ta'. Này Đại vương, nếu một thiện nam tử biết giác, tưởng, hành, thức đúng như thật thì không trước thức, không kế thức, không nhiễm

thức, không trụ nơi thức, không hoan lạc rằng 'thức là ta'. Này Đại vương, nếu một thiện nam tử không trước sắc, không kế sắc, không nhiễm sắc, không an trụ nơi sắc, không hoan lạc cho rằng 'sắc là ta', thì người ấy không thọ nhận sắc tương lai. Này Đại vương, nếu một thiện nam tử nào không trước giác, tưởng, hành, thức, không kế thức, không nhiễm thức, không trụ thức, không hoan lạc rằng 'thức là ta', thì người ấy không thọ nhận thức tương lai. Này Đại vương, thiện nam tử ấy vô lượng, không thể kể xiết, vô hạn, chứng đắc tịch tịnh, nếu xả bỏ thân ngũ ấm này thì không còn thọ ấm thân khác nữa."

Bấy giờ, những người xứ Ma-kiệt-đà nghĩ rằng: "Nếu như sắc là vô thường; giác, tưởng, hành, thức là vô thường, thì ai làm, ai thọ nhận khổ, lạc?"

Đức Thế Tôn biết ý nghĩ của những người xứ Ma-kiệt-đà, liền bảo các Tỳ-kheo rằng:

"Hàng phàm phu ngu si không học, thấy ngã là ngã mà đắm trước nơi ngã, nhưng thực ra không có ngã, không có ngã sở. Ngã vốn không, ngã sở vốn không; pháp sanh thì sanh, pháp diệt thì diệt; thảy đều do nhân duyên hội tụ mà sanh khổ. Nếu không có nhân duyên thì các khổ liền diệt. Chúng sanh do duyên tụ hội liên tục mà sanh các pháp. Như Lai sau khi thấy chúng sanh liên tục sanh ra nên nói 'có sanh có tử'. Ta dùng thiên nhãn thanh tịnh hơn hẳn người thường, thấy đúng như thật về chúng sanh này, lúc tử lúc sanh, hoặc đẹp hoặc xấu, hoặc diệu hoặc bất diệu, qua lại thiện xứ, hoặc bất thiện xứ, đều tùy theo nghiệp mà chúng sanh ấy đã tạo, và thấy đúng như thật.

"Nếu chúng sanh nào thành tựu ác hạnh nơi thân, ác hạnh nơi khẩu, ý, phỉ báng Thánh nhân, tà kiến và thành tựu nghiệp tà kiến, thì do nhân duyên kia, khi thân này hoại diệt, mạng chung, chúng sanh ấy chắc chắn đi đến chỗ ác, sanh vào địa ngục. Nếu chúng sanh nào thành tựu thiện hạnh nơi thân, thiện hạnh nơi khẩu, ý, không phỉ báng Thánh nhân, có chánh kiến, thành tựu nghiệp chánh kiến; thì do nhân duyên đó, khi thân này hoại diệt, mạng chung, chúng sanh ấy chắc chắn đi lên chỗ thiện, cho đến cõi trời. Ta biết chúng sanh kia như vậy nhưng không nói rằng: Đó là ngã, có thể cảm giác, có thể nói năng, làm và sai làm, đứng dậy và khiến đứng dậy, ở nơi này hay nơi kia thọ nhận nghiệp báo thiện ác. Ở đây, hoặc có suy nghĩ như vầy: Điều đó không hợp lý, điều đó không đứng vững, việc làm ấy đúng như pháp; nhân cái này mà cái kia sanh, nếu không nhân cái này thì cái kia không sanh; cái này có thì cái kia có, cái này diệt thì cái kia diệt. Tức là duyên vô minh có hành cho đến duyên sanh mà có già, chết. Nếu vô minh diệt thì hành diệt, cho đến sanh diệt thì già, chết diệt.

"Này Đại vương, Đại vương nghĩ sao, sắc là vô thường hay thường?"

Nhà vua đáp:

"Bạch Thế Tôn, là vô thường."

Lại hỏi:

"Nếu vô thường thì khổ hay không khổ?

"Bạch Thế Tôn, là khổ, là biến dịch."

"Nếu pháp là vô thường, khổ, biến dịch, thì Đa văn Thánh đệ tử có nên cho rằng: 'Cái này là ta, cái này là sở hữu của ta; ta là sở hữu của cái kia'?"

"Bạch Thế Tôn, không nên."

Lại hỏi:

"Nếu vô thường thì khổ hay không khổ?

"Bạch Thế Tôn, là khổ, là biến dịch."

"Nếu pháp là vô thường, khổ, biến dịch, thì Đa văn Thánh đệ tử có nên cho rằng:

'Cái này là ta, cái này là sở hữu của ta; ta là sở hữu của cái kia'?"

"Bạch Thế Tôn, không nên."

"Này Đại vương, Đại vương nên học như vầy: Những gì có sắc, hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại, hoặc trong, hoặc ngoài, hoặc thô hoặc tế, hoặc đẹp hoặc xấu, hoặc gần, hoặc xa; tất cả đều chẳng phải là ta, chẳng phải là sở hữu của ta; ta chẳng phải là sở hữu của kia. Nên dùng trí tuệ quán biết như thật.

"Này Đại vương, những gì có giác, tưởng, hành, thức nào, hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại, hoặc trong, hoặc ngoài, hoặc thô hoặc tế, hoặc đẹp hoặc xấu, hoặc gần, hoặc xa; tất cả đều chẳng phải là ta, chẳng phải là sở hữu của ta; ta chẳng phải là sở hữu của kia. Nên dùng trí tuệ quán biết như thật. Ngã của ta, chẳng phải là của ta. Nên dùng trí tuệ quán biết đúng như thật.

"Này Đại vương, nếu Đa văn Thánh đệ tử quán đúng như vậy, thì liền nhàm chán sắc, nhàm chán giác, tưởng, hành, thức. Nhàm chán rồi liền vô dục, vô dục rồi, liền được giải thoát, đã giải thoát liền có tri kiến giải thoát, biết như thật rằng: Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa".

Lúc Đức Phật nói pháp này xong, Tẩy-ni Tần-bệ-sa-la, vua nước Ma-kiệt-đà xa lìa trần cấu, pháp nhãn về các pháp sanh khởi và tám vạn chư thiên, một vạn hai ngàn người xứ Ma-kiệt-đà xa lìa trần cấu, pháp nhãn về các pháp sanh khởi. Bấy giờ Tẩy-ni Tần-bệ-sa-la, vua nước Ma-kiệt-đà thấy pháp, đắc pháp, giác ngộ pháp bạch tịnh, đoạn nghi, vượt khỏi mê hoặc, không còn tôn thờ ai, không theo ai nữa, không còn do dự, đã an trụ nơi quả chứng, đối với pháp của Thế Tôn mà chứng đắc vô sở úy; liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ dưới chân Phật và bạch:

"Bạch Thế Tôn, hôm nay con xin tự quy y Phật, Pháp và Chúng Tỳ-kheo. Cúi mong Thế Tôn nhận con làm Ưu-bà-tắc, bắt đầu từ hôm nay, trọn đời con xin tự quy y cho đến lúc mạng chung."

Đức Phật thuyết như vậy. Tẩy-ni Tần-bệ-sa-la, vua nước Ma-kiệt-đà và tám vạn chư Thiên, và một vạn hai ngàn người xứ Ma-kiệt-đà cùng một ngàn Tỳ-kheo, sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

❑

63. KINH BỆ-BÀ-LĂNG-KỲ[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật du hóa tại nước Câu-tát-la[2].

Bấy giờ Đức Thế Tôn và đại chúng Tỳ-kheo cùng đi trên đường; giữa đường, Ngài mỉm cười rạng rỡ. Tôn giả A-nan thấy Thế Tôn mỉm cười, liền chắp tay hướng về Thế Tôn và bạch:

"Bạch Thế Tôn, do nhân duyên gì Thế Tôn mỉm cười? Các Đức Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, nếu không có nhân duyên gì, thì không bao giờ cười suông. Con mong nghe được ý nghĩa ấy."

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo:

"Này A-nan, chính trong xứ sở này, Đức Ca-diếp Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, ngồi tại nơi đây mà nói pháp cho các đệ tử."

Lúc đó Tôn giả A-nan, ngay tại chỗ ấy, liền nhanh chóng trải chỗ ngồi, chắp tay hướng về Thế Tôn và bạch:

"Bạch Thế Tôn, cúi mong Thế Tôn cũng ngồi nơi đây mà nói pháp cho các đệ tử. Như vậy, chỗ này là sở hành của hai Đức Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác."

Bấy giờ Đức Thế Tôn ngồi xuống trên chỗ mà Tôn giả A-nan đã trải. Sau khi ngồi xuống Ngài bảo:

"A-nan, ở trong xứ sở này, Đức Ca-diếp Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, có giảng đường. Đức Ca-diếp Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, sau khi ngồi ở trong đó, bèn giảng pháp cho các đệ tử nghe. Này A-nan, trong xứ sở này, xưa kia có thôn ấp, tên là Bệ-bà-lăng-kỳ[3], giàu có cùng cực, dân chúng đông đúc. Này A-nan, trong thôn ấp Bệ-bà-lăng-kỳ, có Phạm chí đại trưởng giả tên là Vô Nhuế, giàu có tột đỉnh, của cải vô lượng, sản nghiệp chăn nuôi, không thể tính toán, phong hộ, thực ấp đầy đủ mọi thứ.

"Này A-nan, Phạm chí đại trưởng giả Vô Nhuế có người con tên là Ưu đa-la Ma-nạp[4], được cha mẹ nuông chìu, thọ sanh thanh tịnh, cho đến bảy đời cha mẹ, chủng tộc không tuyệt, đời đời không ác, học rộng, nghe nhiều, đọc hết bốn điển kinh[5], thấu triệt nhân duyên, chánh văn, hí là năm, cùng với cú pháp và thuyết văn[6].

---

1. Bản Hán, quyển 12. Tham chiếu Pāli, M. 81. Ghaṭīkāra-sutta, kinh Thợ Gốm.
2. Câu-tát-la ————C Pāli: Kosala.
3. Bệ-bà-lăng-kỳ –@–C——C Pāli: Vebhaḷinga.
4. Ưu-đa-la Ma-nạp –u–h————CPāli theo đây là Uttramāṇava, thay vì là Jotipāla-māṇāva trong bản Pāli tham chiếu.
5. Tứ điển kinh –|——g–Achỉ bốn bộ Veda. Bản Pāli: tiṇṇaṃ vedānaṃ pāragū, thông suốt ba bộ Veda.
6. Hán: *thâm đạt nhân duyên chánh văn hý ngũ cú thuyết* –`–F–]–t————y——CPāli: sanighaṇḍu-keṭubhānaṃ sākkharappabhedānaṃ itihāsa-pañcamānaṃ padako veyyākaraṇo, tinh thông ngữ vựng, nghi quỹ, phân tích âm vận, và thứ năm (kể luôn cả tinh thông Thánh điển Veda) là truyền thuyết lục, giỏi ngữ cú, văn pháp. Tham chiếu, No.99 (600) Tạp 23, kinh

"Này A-nan, đồng tử Ưu-đa-la có người bạn lành làm thợ đồ gốm tên là Nan-đề-bà-la[7] thường được đồng tử Ưu-đa-la yêu thương, tưởng nhớ, ưa gặp gỡ không chán. Này A-nan, thợ đồ gốm Nan-đề-bà-la quy y Phật, Pháp và Chúng Tỳ-kheo, không nghi ngờ Ba ngôi tôn quý[8], không nghi hoặc Khổ, Tập, Diệt, Đạo; có tín, có giới, học rộng, ưa bố thí, thành tựu trí tuệ; xa lìa sát sanh, đoạn trừ sự sát sanh, xả bỏ đao gậy, biết hổ, biết thẹn, có tâm từ bi, làm lợi ích tất cả cho đến loài côn trùng; đối với tâm niệm sát sanh, vị ấy đã tịnh trừ.

"Này A-nan, thợ gốm Nan-đề-bà-la xa lìa lấy của không cho, đoạn trừ việc không cho mà lấy, cái gì cho mới lấy, vui lòng nhận những gì được cho; thường thích bố thí, hoan hỷ không bỏn sẻn, không mong báo đáp; đối với tâm niệm không cho mà lấy, vị ấy đã tịnh trừ.

"Này A-nan, thợ gốm Nan-đề-bà-la xa lìa phi phạm hạnh, đoạn trừ phi phạm hạnh, siêng tu phạm hạnh, tinh tấn tu diệu hạnh, thanh tịnh, không ô uế, lìa dục, đoạn dâm; đối với tâm niệm phi phạm hạnh, vị ấy đã tịnh trừ.

"Này A-nan, thợ đồ gốm Nan-đề-bà-la xa lìa nói dối, đoạn trừ nói dối, nói chân thật, ưa chân thật, an trú nơi sự chân thật không chút di động, hoàn toàn đáng tin cậy, không lừa dối thế gian; đối với tâm niệm nói dối, vị ấy đã tịnh trừ.

"Này A-nan, thợ gốm Nan-đề-bà-la xa lìa nói hai lưỡi, đoạn trừ nói hai lưỡi, tu hạnh không nói hai lưỡi, không phá hoại ai, không nghe chuyện người này rồi mách lại người kia, xúi dục phá hoại người này, không nghe chuyện người kia, rồi mách lại người này, xúi dục phá hoại người kia, ai chia lìa thì làm cho hòa hợp, ai hòa hợp thì làm cho hoan hỷ, không lập bè đảng, không ưa bè đảng, không khen ngợi bè đảng; đối với tâm niệm nói hai lưỡi, vị ấy đã tịnh trừ.

"Này A-nan, thợ gốm Nan-đề-bà-la xa lìa lời nói thô ác, đoạn trừ lời nói thô ác. Nếu có những lời thô bạo, hung ác, trái tai, khiến mọi người không hoan hỷ, mọi người không thương mến, khiến người khác khổ não, không được định tĩnh, vị ấy đoạn trừ lời nói như vậy. Nếu có những lời hòa nhã, nhu thuận, lọt tai, vừa lòng, khiến được hoan hỷ, được mến thương, khiến người khác an lạc, âm thanh rõ ràng, không làm người sợ, khiến người khác định tĩnh, vị ấy nói những lời như vậy; đối với tâm niệm ưa nói thô ác, vị ấy đã tịnh trừ.

"Này A-nan, thợ gốm Nan-đề-bà-la xa lìa lời nói thêu dệt, đoạn trừ lời nói thêu dệt, nói đúng lúc, nói chân thật, nói về pháp, nói về nghĩa, nói về chỉ tức, nói về việc ưa chỉ tức, nói việc thuận thời, thích hợp, khéo dạy, khéo quở trách; đối với tâm niệm ưa nói thêu dệt, vị ấy đã tịnh trừ.

"Này A-nan, thợ gốm Nan-đề-bà-la xa lìa việc kinh doanh buôn bán, đoạn trừ việc kinh doanh buôn bán, xả bỏ đong lường và đấu hộc, xả bỏ việc nhận hàng hóa, không cột trói người, không trông mong sự đo lường tà vạy, không vì chút lợi nhỏ mà lấn lướt, lừa dối người; đối với tâm niệm kinh doanh buôn bán, vị ấy đã tịnh trừ.

600: tụng thuộc các kinh điển, danh tự của vật loại, phẩm loại sai biệt của vạn vật, phân tích và kết hợp tự loại, và thứ năm là lịch thế bản mạt. Trong bản Hán, nighaṇḍu (ngữ vựng) được hiểu là nidāna (nhân duyên). Pāli: keṭubha: sách về nghi quỹ, hay nghi thức; trong bản Hán: *chánh văn*. Pāli: itihāsa, truyền thuyết lục, hay truyện truyền kỳ; bản Hán: *hý* (chuyện cười).

7. Nan-đề-bà-la đào sư ▬▬▬i▬▬▬v▬Atheo đây Pāli là Nandipāla. Nhưng bản Pāli tham chiếu: Ghaṭīkāra (thợ gốm).

8. Hán: *tam tôn* ▬T▬L▬C

"Này A-nan, thợ gốm Nan-đề-bà-la xa lìa nhận đàn bà góa, đồng nữ, đoạn trừ việc nhận đàn bà góa, đồng nữ; đối với tâm niệm nhận đàn bà góa, đồng nữ, vị ấy đã tịnh trừ.

"Này A-nan, thợ gốm Nan-đề-bà-la xa lìa việc nhận nô tỳ, đoạn trừ việc nhận nô tỳ; đối với tâm niệm nhận nô tỳ, vị ấy đã tịnh trừ.

"Này A-nan, thợ gốm Nan-đề-bà-la xa lìa việc nhận voi, ngựa, trâu, dê, đoạn trừ việc nhận voi, ngựa, trâu, dê; đối với tâm niệm nhận voi, ngựa, trâu, dê vị ấy đã tịnh trừ.

"Này A-nan, thợ gốm Nan-đề-bà-la xa lìa việc nhận gà, heo, đoạn trừ việc nhận gà, heo; đối với tâm niệm nhận gà, heo, vị ấy đã tịnh trừ.

"Này A-nan, thợ gốm Nan-đề-bà-la xa lìa việc nhận ruộng đất, quán xá, đoạn trừ việc nhận ruộng đất, quán xá; đối với tâm niệm nhận ruộng đất, quán xá, vị ấy đã tịnh trừ.

"Này A-nan, thợ gốm Nan-đề-bà-la xa lìa việc nhận nếp, lúa, đậu sống, đoạn trừ việc nhận nếp, lúa, đậu sống; đối với tâm niệm nhận nếp, lúa, đậu sống, vị ấy đã tịnh trừ.

"Này A-nan, thợ gốm Nan-đề-bà-la xa lìa việc uống rượu, đoạn trừ việc uống rượu; đối với tâm niệm uống rượu, vị ấy đã tịnh trừ.

"Này A-nan, thợ gốm Nan-đề-bà-la xa lìa việc dùng giường sang, cao rộng, đoạn trừ việc dùng giường sang, cao rộng; đối với tâm niệm dùng giường sang, cao rộng, vị ấy đã tịnh trừ.

"Này A-nan, thợ gốm Nan-đề-bà-la xa lìa việc đeo vòng hoa, đeo chuỗi ngọc, thoa hương, đánh phấn, đoạn trừ việc đeo vòng hoa, chuỗi ngọc, thoa hương, đánh phấn; đối với tâm niệm đeo vòng hoa, chuỗi ngọc, thoa hương, đánh phấn, vị ấy đã tịnh trừ.

"Này A-nan, thợ gốm Nan-đề-bà-la xa lìa việc ca múa, xướng hát hoặc đến nghe, xem, đoạn trừ việc ca múa, xướng hát hoặc đến nghe, xem; đối với tâm niệm ca múa, xướng hát và đến xem, nghe, vị ấy đã tịnh trừ.

"Này A-nan, thợ gốm Nan-đề-bà-la xa lìa việc nhận vàng, bạc, châu báu, đoạn trừ việc nhận vàng, bạc, châu báu; đối với tâm niệm nhận vàng, bạc, châu báu, vị ấy đã tịnh trừ.

"Này A-nan, thợ gốm Nan-đề-bà-la lìa việc ăn quá ngọ, đoạn trừ việc ăn quá ngọ, thường ăn một bữa, không ăn ban đêm, học hạnh ăn đúng thời; đối với tâm niệm ăn quá ngọ, vị ấy đã tịnh trừ.

"Này A-nan, thợ gốm Nan-đề-bà-la trọn đời tay không cầm cuốc, không tự tay đào đất, cũng không bảo người khác đào; nếu đất ở đê chận nước lở ra, hoặc đất do chuột đào lên thì lấy làm đồ gốm đưa lên và nói với người mua rằng: 'Các ngài, nếu có đậu oản[9], gạo giẻ, lúa mạch, đậu ma lớn nhỏ, đậu bệ và hạt cải, sau khi trút xuống rồi, ngài cứ mang gốm này mà đi, tùy theo ý muốn[10]'.

"Này A-nan, thợ gốm Nan-đề-bà-la trọn đời hầu hạ cha mẹ, cha mẹ mù lòa chỉ trông cậy vào vị ấy; cho nên vị ấy phải hầu hạ.

"Này A-nan, thợ gốm Nan-đề-bà-la vào một sáng sớm, đi đến trước Đức Ca-diếp Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác; sau khi đến, vị ấy đảnh lễ Ngài, rồi ngồi qua một bên. Đức Ca-diếp Như Lai, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác thuyết pháp cho vị ấy, khuyến khích phát khởi lòng ngưỡng mộ, thành tựu tâm hoan hỷ. Sau khi bằng vô

---

9. Hán: oản đậu ——A giống đậu Hà-lan.

10. Hình thức kinh tế trao đổi. Pāli: ettha yo icchati taṇḍulapabhivattāni (-pavibhattāni, paṭivibhattāni) vā muggapabhivattāni va kāḷāyapabhivattāni vā nikkhipitvā yaṃ icchati taṃ haratū'ti, "ai cần cái gì (đồ gốm), sau khi để lại đây những thứ dư thừa như gạo, đậu xanh, đậu oản, hãy lấy thứ cần (đồ gốm) ấy đi".

lượng phương tiện thuyết pháp cho vị ấy, khuyến khích phát khởi lòng ngưỡng mộ, thành tựu tâm hoan hỷ xong, Đức Ca-diếp Như Lai, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác ngồi im lặng.

"Này A-nan, sau khi được Đức Ca-diếp Như Lai, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác thuyết pháp, khuyến khích phát khởi lòng ngưỡng mộ, thành tựu tâm hoan hỷ rồi, thợ gốm Nan-đề-bà-la từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ dưới chân Ngài, đi quanh ba vòng, rồi lui ra.

"Bấy giờ đồng tử Ưu-đa-la cưỡi xe ngựa trắng, cùng với năm trăm đồng tử nữa, vào lúc vừa sáng, từ thôn ấp Bệ-bà-lăng-kỳ ra đi, đến một chỗ vô sự[11], muốn giáo hóa các đệ tử từ nhiều nước đến, dạy chúng đọc sách Phạm chí[12]. Bấy giờ đồng tử Ưu-đa-la từ xa trông thấy thợ gốm Nan-đề-bà-la đi đến; thấy rồi liền hỏi:

"– Nan-đề-bà-la, anh từ đâu đến?"

"Nan-đề-bà-la đáp:

"– Hôm nay tôi từ chỗ Đức Ca-diếp Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, sau khi cúng dường lễ bái Ngài xong thì đến đây. Này Ưu-đa-la, bạn có thể cùng với tôi đến chỗ Đức Ca-diếp Như Lai, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác để cúng dường, lễ bái Ngài?

"Khi ấy, đồng tử Ưu-đa-la đáp:

"– Này anh Nan-đề-bà-la, tôi không muốn thấy Sa-môn trọc đầu. Sa-môn trọc đầu không thể đắc đạo, vì đạo khó chứng đắc.

"Rồi thì, thợ gốm Nan-đề-bà-la túm lấy chỏm tóc của đồng tử Ưu-đa-la kéo xuống xe. Lúc đó đồng tử Ưu-đa-la nghĩ: 'Anh thợ gốm Nan-đề-bà-la này không bờm cợt, không khùng, không si, nay kéo tóc mình chắc có điều gì?' Nghĩ xong liền bảo:

"– Này anh Nan-đề-bà-la, tôi đi theo anh, tôi đi theo anh!

"Bấy giờ Nan-đề-bà-la hoan hỷ nói rằng:

"– Lành thay, chúng ta đi.

"Thợ gốm Nan-đề-bà-la và đồng tử Ưu-đa-la cùng nhau đến chỗ Đức Ca-diếp Như Lai, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác. Đến nơi, hai người đảnh lễ rồi ngồi qua một bên. Thợ gốm Nan-đề-bà-la bạch Đức Ca-diếp Như Lai, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác rằng:

"– Bạch Thế Tôn, đồng tử Ưu-đa-la này là bạn của con. Bạn này thường ưa đến thăm, thường thích đến thăm con, không hề nhàm chán, nhưng không có lòng tin và cung kính đối với Thế Tôn. Mong Thế Tôn khéo léo thuyết pháp cho bạn con, hoan hỷ, khởi lòng tin và cung kính."

"Bấy giờ Đức Ca-diếp Như Lai, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác thuyết pháp cho thợ gốm Nan-đề-bà-la và đồng tử Ưu-đa-la, khuyến khích, phát khởi lòng ngưỡng mộ, thành tựu tâm hoan hỷ. Sau khi bằng vô lượng phương tiện thuyết pháp cho hai vị ấy, khuyến khích phát khởi lòng ngưỡng mộ, thành tựu tâm hoan hỷ xong, Đức Thế Tôn ngồi im lặng. Bấy giờ, sau khi được Đức Ca-diếp Như Lai, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác thuyết pháp, khuyến khích phát khởi lòng ngưỡng mộ, thành tựu tâm hoan hỷ, hai vị liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ dưới chân Ngài, đi quanh ba vòng, rồi lui ra.

"Lúc trở về, đi chưa bao xa, đồng tử Ưu-đa-la lại hỏi:

---

11. Hán: *vô sự xứ*—L——B—Achỉ khu rừng yên tĩnh. Pāli: araññā.

12. Phạm chí thư ————Asách của Bà-la-môn.

"– Này anh Nan-đề-bà-la, anh đã được nghe pháp vi diệu như thế từ Đức Như Lai, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, tại sao anh còn ở nhà, không thể lìa bỏ để học Thánh đạo?

"Bấy giờ thợ gốm Nan-đề-bà-la đáp:

"– Này Ưu-đa-la, chính bạn đã biết tôi phải trọn đời hầu hạ, nuôi nấng cha mẹ; vì cha mẹ tôi mù lòa, chỉ trông cậy ở mình tôi. Tôi vì hầu hạ phụng dưỡng cha mẹ vậy.

"Bấy giờ đồng tử Ưu-đa-la hỏi:

"– Này Nan-đề-bà-la, tôi có thể theo Đức Ca-diếp Như Lai, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác xuất gia học đạo, thọ giới cụ túc, làm Tỳ-kheo, tu hành phạm hạnh được chăng?

"Lúc đó, thợ gốm Nan-đề-bà-la và đồng tử Ưu-đa-la từ nơi ấy quay trở lại chỗ Đức Ca-diếp Như Lai, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, đến nơi, đảnh lễ Ngài, rồi ngồi qua một bên. Thợ gốm Nan-đề-bà-la bạch Đức Ca-diếp Như Lai, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác rằng:

"– Bạch Thế Tôn, đồng tử Ưu-đa-la này trở về chưa bao xa, lại hỏi con rằng: 'Này anh Nan-đề-bà-la, từ Đức Ca-diếp Như Lai, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, anh được nghe pháp vi diệu như thế; tại sao anh còn ở nhà, không thể lìa bỏ để học Thánh đạo?' Bạch Thế Tôn, con đã trả lời rằng: 'Chính bạn đã rõ, tôi phải trọn đời hầu hạ, phụng dưỡng cha mẹ. Cha mẹ tôi mù lòa, chỉ trông cậy vào một mình tôi. Như vậy, tôi phải hầu hạ, phụng dưỡng cha mẹ'. Ưu-đa-la lại hỏi: 'Này anh Nan-đề-bà-la, tôi có thể theo Đức Ca-diếp Như Lai, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, xuất gia học đạo, thọ cụ túc giới, làm Tỳ-kheo, tu hành phạm hạnh được không?' Bạch Thế Tôn, mong Ngài độ cho bạn con xuất gia, học đạo, truyền trao giới cụ túc cho bạn con được làm Tỳ-kheo.

"Đức Ca-diếp Như Lai, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác im lặng nhận lời của Nan-đề-bà-la. Sau khi biết Đức Ca-diếp Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác im lặng nhận lời, thợ gốm Nan-đề-bà-la từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ dưới chân Ngài, đi quanh ba vòng rồi lui ra.

"Sau khi Nan-đề-bà-la đi chưa bao lâu, Đức Ca-diếp Như Lai, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác độ cho đồng tử Ưu-đa-la xuất gia, học đạo, truyền trao giới cụ túc. Sau khi cho Ưu-đa-la xuất gia, cho thọ cụ túc xong, Ngài ở thôn ấp Bệ-bà-lăng-kỳ vài ngày, rồi mang y, cầm bát cùng với đại chúng Tỳ-kheo du hành, muốn đến ấp Ba-la-nại, nước Ca-tư[13]. Đến Ba-la-nại, Ngài trú trong vườn Lộc dã tại Tiên nhân trú xứ[14].

"Bấy giờ, vua Giáp-bệ[15] nghe Đức Ca-diếp Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, đang du hành trong nước Ca-tư, cùng với đại chúng Tỳ-kheo, đến Ba-la-nại, trú trong vườn Lộc dã tại Tiên nhân xứ. Nghe rồi, vua bảo người đánh xe:

"– Ngươi hãy sửa soạn xe, hôm nay ta muốn đi đến chỗ Đức Ca-diếp Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác.

"Người đánh xe kia vâng lời vua bảo liền sửa soạn xa giá, sửa soạn xong, tâu với vua rằng:

"– Con đã sửa soạn xe đẹp, xin tùy ý Thiên vương.

"Vua Giáp-bệ, ngồi xe đẹp, từ Ba-la-nại ra đi, đến vườn Lộc dã, chỗ trú xứ Tiên nhân. Từ xa, vua Giáp-bệ thấy, giữa rừng cây, Đức Ca-diếp Như Lai, Bậc Vô Sở Trước,

---

13. Ba-la-nại Ca-tư quốc ấp -i——`-{-p———CPāli: Bārāṇasī, thủ phủ của nước Kāsī đương thời.

14. Tiên nhân trú xứ Lộc dã viên -P-H——B————CPāli: Isipatana-migadāya.

15. Giáp-bệ -U-@-FTống-Nguyên-Minh: tần-bệ -W-@-CPāli: Kikin.

Đẳng Chánh Giác trang nghiêm đẹp đẽ như vầng trăng giữa vòm sao, chói lọi sáng ngời như núi vàng, tướng tốt vẹn toàn, oai nghi lồng lộng, các căn vắng lặng, không bị ngăn che, hoàn toàn tự chế ngự, lắng tâm tĩnh mặc. Sau khi thấy, vua xuống xe, đi đến chỗ Đức Ca-diếp Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, đảnh lễ, rồi ngồi qua một bên. Sau khi nhà vua ngồi xuống, Đức Ca-diếp Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác thuyết pháp, khuyến khích phát khởi lòng ngưỡng mộ, thành tựu tâm hoan hỷ. Sau khi bằng vô lượng phương tiện thuyết pháp cho nhà vua, khuyến khích phát khởi lòng ngưỡng mộ, thành tựu hoan hỷ rồi, Ngài ngồi im lặng. Sau khi được Đức Ca-diếp Như Lai, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, khuyến khích phát khởi lòng ngưỡng mộ, thành tựu hoan hỷ rồi, nhà vua liền đứng dậy, kéo lệch vai áo đang mặc, chắp tay hướng về Phật và bạch:

"– Mong Thế Tôn cùng với đại chúng Tỳ-kheo ngày mai nhận lời mời của con!

"Đức Ca-diếp Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, im lặng nhận lời mời của vua Giáp-bệ. Sau khi biết Đức Như Lai đã im lặng nhận lời, nhà vua cúi đầu đảnh lễ, đi quanh ba vòng rồi lui ra, trở về nhà.

"Đêm ấy, vua hạ lệnh sắp sửa đủ các món ăn, thức uống ngon lành, sạch sẽ, mỹ diệu, với đủ các thức ăn loại cứng, loại mềm. Việc bày biện đã xong ngay đêm ấy. Lúc tảng sáng, vua trải giường ngồi, rồi sai người đến bạch Phật rằng: 'Bạch Thế Tôn, nay giờ đã đến, thức ăn đã sẵn sàng, mong Thế Tôn đến đúng thời'.

"Bấy giờ, vào lúc sáng sớm, Đức Ca-diếp Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác mang y, cầm bát và có chúng Tỳ-kheo theo sau, đi đến nhà của vua Giáp-bệ, ngồi vào chỗ ngồi phía trên chúng Tỳ-kheo. Vua Giáp-bệ thấy Phật và chúng Tỳ-kheo ngồi xong, tự tay múc nước rửa, tự tay bưng hầu các thức ăn, thức uống, đầy đủ các món ngon, sạch, mỹ diệu, khiến các Ngài ăn no. Ăn rồi dọn bát, lấy nước rửa xong, nhà vua lấy ghế nhỏ ngồi riêng một bên để nghe pháp. Vua Giáp-bệ ngồi xong, Đức Ca-diếp Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác thuyết pháp cho vua, khuyến khích phát khởi lòng ngưỡng mộ, thành tựu tâm hoan hỷ. Sau khi bằng vô lượng phương tiện thuyết pháp cho vua, khuyến khích phát khởi lòng ngưỡng mộ, thành tựu tâm hoan hỷ xong rồi, Ngài ngồi im lặng. Sau khi được Đức Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác thuyết pháp, khuyến khích phát khởi lòng ngưỡng mộ, thành tựu tâm hoan hỷ rồi, vua Giáp-bệ từ chỗ ngồi đứng dậy, kéo lệch vai áo đang mặc, chắp tay hướng về Đức Như Lai và bạch:

"– Mong Thế Tôn và chúng Tỳ-kheo nhận lời của con mà an cư mùa mưa tại Ba-la-nại này. Con xin xây cất năm trăm gian phòng, năm trăm giường nệm và cúng thí các vật dụng[16], cung cấp nếp trắng và đủ các món thực phẩm của vua, để cúng dường Ngài và chúng Tỳ-kheo.

"Đức Ca-diếp Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác bảo nhà vua:

"– Thôi, thôi, Đại vương, chỉ cần có tâm hoan hỷ là đủ.

"Ba lần như thế, vua Giáp-bệ chắp tay hướng về Đức Ca-diếp Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác thưa:

"– Mong Thế Tôn và chúng Tỳ-kheo nhận lời mời của con mà an cư mùa mưa tại Ba-la-nại này. Con xin xây cất năm trăm gian phòng, năm trăm giường nệm, và cúng thí các vật dụng, cung cấp nếp trắng và các món ăn thực phẩm của vua để cúng dường Phật và chúng Tỳ-kheo.

"Đức Ca-diếp Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác cũng ba lần bảo:

---

16. Hán: *thí câu chấp* 施具執 ——không rõ thí vật gì.

"– Thôi, thôi, Đại vương, chỉ cần có tâm hoan hỷ là đủ.

"Bấy giờ vua Giáp-bệ không nhẫn được, không vừa ý, tâm rất ưu sầu, nghĩ rằng: 'Đức Ca-diếp Như Lai, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác không nhận lời mời của ta mà an cư mùa mưa tại Ba-la-nại này cùng với chúng Tỳ-kheo'. Nghĩ xong, nhà vua bạch Ca-diếp Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác:

"– Bạch Thế Tôn, có kẻ bạch y tại gia nào phụng sự Thế Tôn giống con chăng?

"Đức Ca-diếp Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác đáp:

"– Có, và ở tại thôn Bệ-bà-lăng-kỳ giàu có, hoan lạc tột cùng, nhân dân đông đúc, thuộc lãnh thổ của Đại vương. Này Đại vương, ở trong thôn Bệ-bà-lăng-kỳ ấy có thợ gốm Nan-đề-bà-la; này Đại vương, thợ gốm Nan-đề-bà-la quy y Phật, Pháp và chúng Tỳ-kheo, không hoài nghi Ba ngôi báu, không nghi hoặc Khổ, Tập, Diệt, Đạo, có tín, trì giới, học rộng, ưa bố thí, thành tựu trí tuệ, xa lìa sát sanh, đoạn trừ sát sanh, xả bỏ dao gậy, biết hổ thẹn, có tâm từ bi, làm lợi ích cho đến cả tất cả loài côn trùng. Đối với tâm niệm sát sanh vị ấy đã tịnh trừ.

"Này Đại vương, thợ gốm Nan-đề-bà-la xa lìa lấy của không cho, đoạn trừ việc không cho mà lấy, cái gì cho mới lấy, vui lòng nhận những gì được cho; thường thích bố thí, hoan hỷ không bỏn sẻn, không mong báo đáp; đối với tâm niệm không cho mà lấy, vị ấy đã tịnh trừ.

"Này Đại vương, thợ gốm Nan-đề-bà-la xa lìa phi phạm hạnh, đoạn trừ phi phạm hạnh, siêng tu phạm hạnh, tinh tấn tu diệu hạnh, thanh tịnh, không ô uế, lìa dục, đoạn dâm; đối với tâm niệm phi phạm hạnh, vị ấy đã tịnh trừ.

"Này Đại vương, thợ đồ gốm Nan-đề-bà-la xa lìa nói dối, đoạn trừ nói dối, nói chân thật, ưa chân thật, an trú nơi sự chân thật không chút di động, hoàn toàn đáng tin cậy, không lừa dối thế gian; đối với tâm niệm nói dối, vị ấy đã tịnh trừ.

"Này Đại vương, thợ gốm Nan-đề-bà-la xa lìa nói hai lưỡi, đoạn trừ nói hai lưỡi, tu hạnh không nói hai lưỡi, không phá hoại ai, không nghe chuyện người này rồi mách lại người kia, xúi dục phá hoại người này, không nghe chuyện người kia, rồi mách lại người này, xúi dục phá hoại người kia, ai chia lìa thì làm cho hòa hợp, ai hòa hợp thì làm cho hoan hỷ, không lập bè đảng, không ưa bè đảng, không khen ngợi bè đảng; đối với tâm niệm nói hai lưỡi, vị ấy đã tịnh trừ.

"Này Đại vương, thợ gốm Nan-đề-bà-la xa lìa lời nói thô ác, đoạn trừ lời nói thô ác. Nếu có những lời thô bạo, hung ác, trái tai, khiến mọi người không hoan hỷ, mọi người không thương mến, khiến người khác khổ não, không được định tĩnh, vị ấy đoạn trừ lời nói như vậy. Nếu có những lời hòa nhã, nhu thuận, lọt tai, vừa lòng, khiến được hoan hỷ, được mến thương, khiến người khác an lạc, âm thanh rõ ràng, không làm người sợ, khiến người khác định tĩnh, vị ấy nói những lời như vậy; đối với tâm niệm ưa nói thô ác, vị ấy đã tịnh trừ.

"Này Đại vương, thợ gốm Nan-đề-bà-la xa lìa lời nói thêu dệt, đoạn trừ lời nói thêu dệt, nói đúng lúc, nói chân thật, nói về pháp, nói về nghĩa, nói về chỉ tức, nói về việc ưa chỉ tức, nói việc thuận thời, thích hợp, khéo dạy, khéo quở trách; đối với tâm niệm ưa nói thêu dệt, vị ấy đã tịnh trừ.

"Này Đại vương, thợ gốm Nan-đề-bà-la xa lìa việc kinh doanh buôn bán, đoạn trừ việc kinh doanh buôn bán, xả bỏ đong lường và đấu hộc, xả bỏ việc nhận hàng hóa, không cột trói người, không trông mong sự đo lường tà vạy, không vì chút lợi nhỏ mà lấn lướt, lừa dối người; đối với tâm niệm kinh doanh buôn bán, vị ấy đã tịnh trừ.

"Này Đại vương, thợ gốm Nan-đề-bà-la xa lìa nhận đàn bà góa, đồng nữ, đoạn trừ việc nhận đàn bà góa, đồng nữ; đối với tâm niệm nhận đàn bà góa, đồng nữ, vị ấy đã tịnh trừ.

"Này Đại vương, thợ gốm Nan-đề-bà-la xa lìa việc nhận nô tỳ, đoạn trừ việc nhận nô tỳ; đối với tâm niệm nhận nô tỳ, vị ấy đã tịnh trừ.

"Này Đại vương, thợ gốm Nan-đề-bà-la xa lìa việc nhận voi, ngựa, trâu, dê, đoạn trừ việc nhận voi, ngựa, trâu, dê; đối với tâm niệm nhận voi, ngựa, trâu, dê vị ấy đã tịnh trừ.

"Này Đại vương, thợ gốm Nan-đề-bà-la xa lìa việc nhận gà, heo, đoạn trừ việc nhận gà, heo; đối với tâm niệm nhận gà, heo, vị ấy đã tịnh trừ.

"Này Đại vương, thợ gốm Nan-đề-bà-la xa lìa việc nhận ruộng đất, quán xá, đoạn trừ việc nhận ruộng đất, quán xá; đối với tâm niệm nhận ruộng đất, quán xá, vị ấy đã tịnh trừ.

"Này Đại vương, thợ gốm Nan-đề-bà-la xa lìa việc nhận nếp, lúa, đậu sống, đoạn trừ việc nhận nếp, lúa, đậu sống; đối với tâm niệm nhận nếp, lúa, đậu sống, vị ấy đã tịnh trừ.

"Này Đại vương, thợ gốm Nan-đề-bà-la xa lìa việc uống rượu, đoạn trừ việc uống rượu; đối với tâm niệm uống rượu, vị ấy đã tịnh trừ.

"Này Đại vương, thợ gốm Nan-đề-bà-la xa lìa việc dùng giường sang, cao rộng, đoạn trừ việc dùng giường sang, cao rộng; đối với tâm niệm dùng giường sang, cao rộng, vị ấy đã tịnh trừ.

"Này Đại vương, thợ gốm Nan-đề-bà-la xa lìa việc đeo vòng hoa, đeo chuỗi ngọc, thoa hương, đánh phấn, đoạn trừ việc đeo vòng hoa, chuỗi ngọc, thoa hương, đánh phấn; đối với tâm niệm đeo vòng hoa, chuỗi ngọc, thoa hương, đánh phấn, vị ấy đã tịnh trừ.

"Này Đại vương, thợ gốm Nan-đề-bà-la xa lìa việc ca múa, xướng hát hoặc đến nghe, xem, đoạn trừ việc ca múa, xướng hát hoặc đến nghe, xem; đối với tâm niệm ca múa, xướng hát và đến xem, nghe, vị ấy đã tịnh trừ.

"Này Đại vương, thợ gốm Nan-đề-bà-la xa lìa việc nhận vàng, bạc, châu báu, đoạn trừ việc nhận vàng, bạc, châu báu; đối với tâm niệm nhận vàng, bạc, châu báu, vị ấy đã tịnh trừ.

"Này Đại vương, thợ gốm Nan-đề-bà-la lìa việc ăn quá ngọ, đoạn trừ việc ăn quá ngọ, thường ăn một bữa, không ăn ban đêm, học hạnh ăn đúng thời; đối với tâm niệm ăn quá ngọ, vị ấy đã tịnh trừ.

"Này Đại vương, thợ gốm Nan-đề-bà-la trọn đời tay không cầm cuốc, không tự tay đào đất, cũng không bảo người khác đào; nếu đất ở đê chận nước lở ra, hoặc đất do chuột đào lên thì lấy làm đồ gốm đưa lên và nói với người mua rằng: 'Các ngài, nếu có đậu oản, gạo giẻ, lúa mạch, đậu ma lớn nhỏ, đậu bệ và hạt cải, sau khi trút xuống rồi, ngài cứ mang gốm này mà đi, tùy theo ý muốn'.

"Này Đại vương, thợ gốm Nan-đề-bà-la trọn đời hầu hạ cha mẹ, cha mẹ mù lòa chỉ trông cậy vào vị ấy; cho nên vị ấy phải hầu hạ.

"Này Đại vương, Ta nhớ lúc xưa có lần du hành tại thôn ấp Bệ-bà-lăng-kỳ. Này Đại vương, bấy giờ vào lúc sáng sớm, Ta mang y, cầm bát vào thôn ấp Bệ-bà-lăng-kỳ khất thực; khất thực theo thứ tự, Ta đến nhà thợ gốm Nan-đề-bà-la. Lúc đó, vì bận chút việc, nên Nan-đề-bà-la đi vắng. Đại vương, Ta hỏi cha mẹ Nan-đề-bà-la rằng:

"'– Này Trưởng lão, thợ gốm bây giờ ở đâu?'

"Cha mẹ người ấy đáp:

"'– Bạch Thế Tôn, đứa hầu vì bận chút việc nên tạm thời đi khỏi, không ở nhà. Bạch Thiện Thệ, đứa hầu ấy vì bận chút việc nên tạm thời đi khỏi nhà, không có ở nhà. Bạch Thế Tôn, trong rá có cơm gạo tẻ, trong chảo có canh đậu. Mong Thế Tôn thương xót chúng con, lấy dùng theo ý Ngài'.

"Này Đại vương, Ta liền thọ nhận pháp Uất-đơn-viết[17], lấy cơm canh ở trong rá rồi đi. Thợ gốm Nan-đề-bà-la, sau khi trở về nhà, thấy cơm trong rá còn ít, canh trong chảo giảm bớt, hỏi cha mẹ rằng:

"'– Ai lấy bớt cơm canh?'

"Cha mẹ đáp:

"'Này con, hôm nay Đức Ca-diếp Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác đến đây khất thực. Ngài lấy cơm và canh trong rá, trong chảo rồi đi'.

"Thợ gốm Nan-đề-bà-la nghe xong liền nghĩ rằng: 'Ta có lợi ích lớn lao, có công đức lớn lao. Đức Ca-diếp Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, đối với nhà ta, Ngài tùy ý tự tại'. Nhờ đó vị ấy hoan hỷ, ngồi kiết già lắng tâm tịnh mặc suốt bảy ngày, mười lăm ngày sau vẫn còn hoan lạc. Cha mẹ trong gia đình ấy suốt bảy ngày cũng được hoan hỷ.

"Lại nữa, này Đại vương, Ta nhớ xưa có lần du hành tại thôn ấp Bệ-bà-lăng-kỳ, bấy giờ vào lúc sáng sớm, ta mang y, cầm bát vào thôn Bệ-bà-lăng-kỳ khất thực. Khất thực theo thứ tự, ta đến nhà thợ gốm Nan-đề-bà-la. Bấy giờ Nan-đề-bà-la vì bận chút việc nên đi vắng. Này Đại vương, ta hỏi cha mẹ Nan-đề-bà-la rằng:

"'– Này Trưởng lão, thợ gốm bấy giờ ở đâu?'

Hai người ấy đáp:

"'– Bạch Đức Thế Tôn, đứa hầu ấy vì bận chút việc nên tạm thời đi khỏi, không ở nhà. Bạch Đức Thiện Thệ, đứa hầu ấy, vì bận chút việc, đi khỏi một lát, không có ở đây. Bạch Đức Thế Tôn, trong chảo lớn có cơm nếp, trong chảo nhỏ có canh; mong Đức Thế Tôn thương xót chúng con, lấy dùng theo ý của Ngài'.

"Này Đại vương, Ta liền thọ nhận pháp Uất-đơn-viết, lấy cơm canh trong chảo lớn và chảo nhỏ rồi đi. Sau khi trở về nhà, thợ gốm Nan-đề-bà-la thấy cơm trong chảo lớn còn ít, canh trong chảo nhỏ giảm bớt, hỏi cha mẹ rằng:

"'– Ai lấy cơm trong chảo lớn, lấy canh trong chảo nhỏ?'

"Cha mẹ đáp:

"'– Này con, hôm nay Đức Ca-diếp Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác đến đây khất thực. Ngài lấy cơm trong chảo lớn và chảo nhỏ rồi đi.'

"Nghe xong, thợ gốm Nan-đề-bà-la nghĩ rằng: 'Ta có lợi ích lớn lao, có công đức lớn lao. Đức Ca-diếp Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác đối với nhà ta, đã tùy ý tự tại'. Nhờ đó, vị ấy hoan hỷ, ngồi kiết già lắng tâm tịnh mặc suốt bảy ngày, mười lăm ngày sau vẫn còn hoan lạc; cha mẹ trong gia đình ấy suốt bảy ngày cũng được hoan lạc.

"Lại nữa, này Đại vương, Ta nhớ xưa kia có lần an cư mùa mưa tại thôn Bệ-bà-lăng-kỳ. Bấy giờ Ta mới làm nhà chưa kịp lợp. Nhà làm gốm cũ của thợ gốm Nan-đề-bà-la vừa mới lợp. Này Đại vương, Ta bảo các Tỳ-kheo đang đứng hầu rằng: 'Các ông hãy đến dỡ nhà cũ làm đồ gốm của thợ gốm Nan-đề-bà-la đem về lợp nhà Ta'. Tỳ-kheo hầu hạ vâng lời Ta dạy, liền đến nhà của Nan-đề-bà-la và dỡ nhà cũ làm đồ gốm, bó lại rồi mang về

17. *Viết* —F bản Minh: *việt* –V–C

lợp nhà của Ta. Cha mẹ thợ gốm Nan-đề-bà-la nghe dở nhà cũ làm đồ gốm liền hỏi:

"'– Ai dở nhà cũ làm đồ gốm của Nan-đề-bà-la đó?'

"Các Tỳ-kheo đáp:

"'– Trưởng lão, chúng tôi là các Tỳ-kheo hầu Đức Ca-diếp Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, đến dở nhà cũ làm đồ gốm của Nan-đề-bà-la bó lại, mang về lợp nhà của Ngài'.

"Cha mẹ của thợ gốm bảo:

"'– Chư Hiền, chư Hiền hãy đem đi theo ý muốn, không có ai ngăn cản đâu'.

"Sau khi trở về, thợ gốm Nan-đề-bà-la thấy nhà cũ làm đồ gốm bị dở, liền hỏi cha mẹ:

"'– Ai dở nhà cũ làm đồ gốm của mình vậy?'

"Cha mẹ đáp:

"'– Này con, hôm nay các Tỳ-kheo hầu Đức Ca-diếp Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, đến dở nhà cũ làm đồ gốm, bó lại, đem về lợp nhà của Ngài'.

"Nghe xong, Nan-đề-bà-la nghĩ: 'Ta có lợi ích lớn, có công đức lớn lao. Đức Ca-diếp Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác đối với trong nhà ta, đã tùy ý tự tại'.

"Vì việc ấy, vị ấy hoan hỷ, ngồi kiết già lắng tâm tĩnh mặc suốt bảy ngày; mười lăm ngày sau vẫn còn hoan lạc. Cha mẹ trong gia đình ấy suốt bảy ngày cũng được hoan lạc.

"Này Đại vương, nhà cũ làm đồ gốm của thợ gốm Nan-đề-bà-la suốt bốn tháng mùa mưa hoàn toàn không bị dột. Vì sao như vậy? Vì nhờ oai thần của Phật. Này Đại vương, thợ gốm Nan-đề-bà-la không có điều gì không nhẫn được, không có điều gì không thích thú, nên tâm không ưu sầu, đã nghĩ rằng: 'Đức Ca-diếp Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác đối với gia đình ta đã được tùy ý tự tại'.

"Này Đại vương, Đại vương có điều không nhẫn được, có điều không thích thú, nên tâm quá ưu sầu, đã nghĩ rằng: 'Đức Ca-diếp Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác và chúng Tỳ-kheo không nhận lời mời của ta mà an cư mùa mưa tại Ba-la-nại này'.

"Bấy giờ Đức Ca-diếp Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác thuyết pháp cho vua Giáp-bệ, khuyến khích phát lòng ngưỡng mộ, thành tựu tâm hoan hỷ. Sau khi bằng vô lượng phương tiện thuyết pháp cho vua, khuyến khích phát khởi lòng ngưỡng mộ, thành tựu tâm hoan hỷ xong, Ngài từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi.

"Khi Đức Ca-diếp Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác ra đi chưa bao lâu, vua Giáp-bệ hạ lệnh cho người hầu cận: 'Các ngươi dùng năm trăm cỗ xe chất đầy gạo, nếp và đủ các món thực phẩm của vua, chở đến nhà thợ gốm Nan-đề-bà-la và nói với Nan-đề-bà-la rằng: 'Này Nan-đề-bà-la, năm trăm cỗ xe này chất đầy gạo trắng, và đủ các món thực phẩm mà vua thường dùng, do vua Giáp-bệ bảo chở đến tặng cho ông. Mong ông thương xót; hôm nay xin ông nhận cho'. Lúc đó, người hầu cận vâng lời vua, dùng năm trăm cỗ xe chất đầy gạo trắng, và đủ các món thực phẩm của vua, chở đến nhà thợ gốm Nan-đề-bà-la. Đến nơi, vị ấy nói:

"– Thưa thợ gốm Nan-đề-bà-la, năm trăm cỗ xe này chất đầy gạo trắng, và đủ các món thực phẩm của nhà vua dùng, do vua Giáp-bệ bảo chở đến biếu tặng ông. Mong ông thương xót; hôm nay, xin ông nhận cho.

"Bấy giờ thợ gốm Nan-đề-bà-la từ chối, không nhận và nói với các người hầu vua rằng:

"– Chư Hiền, vua Giáp-bệ phải lo đại sự cho nước nhà nên chi phí nhiều. Tôi biết như vậy, nên không thọ nhận."

Đến đây, Đức Phật bảo A-nan:

"Này A-nan, ý ông nghĩ thế nào? Đồng tử Ưu-đa-la lúc bấy giờ, ông cho là người nào chăng? Chớ nghĩ vậy. Nên biết rằng chính là Ta vậy. Này A-nan, Ta lúc bấy giờ đã làm lợi ích cho chính mình, cũng làm lợi ích cho người khác, làm lợi ích cho mọi người, thương xót thế gian. Vì loài trời và loài người mà Ta đã cầu nghĩa, cầu sự lợi ích, an ổn khoái lạc. Lúc bấy giờ ta thuyết pháp không được rốt ráo, không rốt ráo bạch tịnh, không rốt ráo phạm hạnh. Không rốt ráo phạm hạnh, nên bấy giờ ta không xa lìa được sanh, già, bệnh, chết, ưu sầu, khóc lóc, cũng không thoát được mọi khổ đau. Này A-nan, nay Ta xuất hiện ở đời, là Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, hiệu là Phật, Chúng Hựu. Hôm nay ta đã làm lợi ích cho chính mình, cũng làm lợi ích cho người khác, lợi ích cho nhiều người, thương xót thế gian. Vì trời và người mà Ta tìm cầu nghĩa, tìm cầu sự an ổn khoái lạc. Nay Ta thuyết pháp được rốt ráo, rốt ráo bạch tịnh, rốt ráo phạm hạnh. Do rốt ráo phạm hạnh, Ta đã lìa khỏi sanh, già, bệnh, chết, ưu sầu, khóc lóc. Nay ta đã thoát được mọi khổ đau."

Phật thuyết như vậy. Tôn giả A-nan và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

❑

64. KINH THIÊN SỨ[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trú trong rừng Thắng, vườn Cấp cô độc.

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Ta dùng thiên nhãn thanh tịnh, thấy xa hơn người, nhìn thấy chúng sinh này lúc sinh lúc tử, sắc đẹp hoặc xấu, thiện hoặc bất thiện, qua lại chỗ lành hoặc chỗ chẳng lành, tùy theo nghiệp mà chúng sinh ấy đã tạo. Ta thấy sự kiện ấy đúng như thật. Nếu chúng sinh nào thành tựu thân ác hành, khẩu, ý ác hành, phỉ báng Thánh nhân, tà kiến, thì do nhân duyên đó, khi thân hoại mạng chung, chúng sinh này chắc chắn đi đến chỗ ác, sanh vào địa ngục. Còn nếu chúng sinh nào thành tựu thân thiện hành, khẩu, ý thiện hành, không phỉ báng Thánh nhân, có chánh kiến, thành tựu nghiệp chánh kiến, thì do nhân duyên đó, khi thân hoại mạng chung, chúng sinh này chắc chắn đi đến chỗ lành, sanh vào cõi trời.

"Cũng như lúc mưa lớn, bọt nước sanh ra rồi diệt. Nếu ai có mắt đứng yên một nơi mà quán sát bọt nước khi sinh, khi diệt. Ta cũng như vậy, bằng thiên nhãn thanh tịnh, thấy xa hơn người, nhìn thấy chúng sinh này lúc sinh lúc tử, sắc đẹp hoặc xấu, thiện hoặc bất thiện, qua lại chỗ lành hoặc chỗ chẳng lành, tùy theo nghiệp mà chúng sinh ấy đã tạo. Ta thấy sự kiện ấy đúng như thật. Nếu chúng sinh nào thành tựu thân ác hành, khẩu, ý ác hành, phỉ báng Thánh nhân, tà kiến, thì do nhân duyên đó, khi thân hoại mạng chung, chúng sinh này chắc chắn đi đến chỗ ác, sanh vào địa ngục. Còn nếu chúng sinh nào thành tựu thân thiện hành, khẩu, ý thiện hành, không phỉ báng Thánh nhân, có chánh kiến, thành tựu nghiệp chánh kiến, thì do nhân duyên đó, khi thân hoại mạng chung, chúng sinh này chắc chắn đi đến chỗ lành, sanh vào cõi trời.

"Cũng như mưa lớn, giọt nước rơi xuống hoặc chỗ cao, hoặc ở chỗ thấp; nếu ai có mắt, đứng yên một nơi mà quán sát nước lúc giọt chỗ cao, lúc giọt chỗ thấp. Ta cũng như vậy, bằng thiên nhãn thanh tịnh, thấy xa hơn người, nhìn thấy chúng sinh này lúc sinh lúc tử, sắc đẹp hoặc xấu, thiện hoặc bất thiện, qua lại chỗ lành hoặc chỗ chẳng lành, tùy theo nghiệp mà chúng sinh ấy đã tạo. Ta thấy sự kiện ấy đúng như thật. Nếu chúng sinh nào thành tựu thân ác hành, khẩu, ý ác hành, phỉ báng Thánh nhân, tà kiến, thì do nhân duyên đó, khi thân hoại mạng chung, chúng sinh này chắc chắn đi đến chỗ ác, sanh vào địa ngục. Còn nếu chúng sinh nào thành tựu thân thiện hành, khẩu, ý thiện hành, không phỉ báng Thánh nhân, có chánh kiến, thành tựu nghiệp chánh kiến, thì do nhân duyên đó, khi thân hoại mạng chung, chúng sinh này

---

1. Tương đương Pāli: M.130 Devadūta-suttaṃ; A. 3. 35. Devadūta. Hán biệt dịch, No.42 Phật Thuyết Thiết Thành Nê-lê Kinh, Đông Tấn Trúc Đàm-vô-lan dịch; No.43 Phật Thuyết Diêm-la Vương Ngũ Thiên Sứ Giả Kinh, Lưu Tống, Tuệ Giản dịch; No.86 Phật Thuyết Nê-lê Kinh, Đông Tấn Trúc Đàm-vô-lan dịch; 125 (32.4) Tăng Nhất, phẩm 32 kinh số 4.

chắc chắn đi đến chỗ lành, sanh vào cõi trời.

"Cũng như ngọc lưu ly, thanh tịnh tự nhiên, sanh ra không có tỳ vết, ô uế, tám góc khéo trau chuốt, được xâu qua bằng sợi dây đẹp hoặc xanh, hoặc vàng, hoặc đỏ, hoặc đen, trắng; người nào có mắt, đứng yên một chỗ mà quán sát ngọc lưu ly này thanh tịnh tự nhiên, sanh ra không có tỳ vết, ô uế, tám góc khéo trau chuốt, được xâu qua bằng sợi dây đẹp hoặc xanh, hoặc vàng, hoặc đỏ, đen, trắng. Ta cũng như vậy, bằng thiên nhãn thanh tịnh, thấy xa hơn người, nhìn thấy chúng sinh này lúc sinh lúc tử, sắc đẹp hoặc xấu, thiện hoặc bất thiện, qua lại chỗ lành hoặc chỗ chẳng lành, tùy theo nghiệp mà chúng sinh ấy đã tạo. Ta thấy sự kiện ấy đúng như thật. Nếu chúng sinh nào thành tựu thân ác hành, khẩu, ý ác hành, phỉ báng Thánh nhân, tà kiến, thì do nhân duyên đó, khi thân hoại mạng chung, chúng sinh này chắc chắn đi đến chỗ ác, sanh vào địa ngục. Còn nếu chúng sinh nào thành tựu thân thiện hành, khẩu, ý thiện hành, không phỉ báng Thánh nhân, có chánh kiến, thành tựu nghiệp chánh kiến, thì do nhân duyên đó, khi thân hoại mạng chung, chúng sinh này chắc chắn đi đến chỗ lành, sanh vào cõi trời.

"Cũng như hai nhà có chung cửa ngõ, nhiều người ra vào; nếu ai có mắt, đứng yên một chỗ thì thấy người ra, kẻ vào. Ta cũng như vậy, bằng thiên nhãn thanh tịnh, thấy xa hơn người, nhìn thấy chúng sinh này lúc sinh lúc tử, sắc đẹp hoặc xấu, thiện hoặc bất thiện, qua lại chỗ lành hoặc chỗ chẳng lành, tùy theo nghiệp mà chúng sinh ấy đã tạo. Ta thấy sự kiện ấy đúng như thật. Nếu chúng sinh nào thành tựu thân ác hành, khẩu, ý ác hành, phỉ báng Thánh nhân, tà kiến, thì do nhân duyên đó, khi thân hoại mạng chung, chúng sinh này chắc chắn đi đến chỗ ác, sanh vào địa ngục. Còn nếu chúng sinh nào thành tựu thân thiện hành, khẩu, ý thiện hành, không phỉ báng Thánh nhân, có chánh kiến, thành tựu nghiệp chánh kiến, thì do nhân duyên đó, khi thân hoại mạng chung, chúng sinh này chắc chắn đi đến chỗ lành, sanh vào cõi trời.

"Nếu ai có mắt, đứng yên trên lầu cao nhìn người dưới thấp qua lại, đổi thay đủ cách, ngồi, nằm, chạy, nhảy. Ta cũng như vậy, bằng thiên nhãn thanh tịnh, thấy xa hơn người, nhìn thấy chúng sinh này lúc sinh lúc tử, sắc đẹp hoặc xấu, thiện hoặc bất thiện, qua lại chỗ lành hoặc chỗ chẳng lành, tùy theo nghiệp mà chúng sinh ấy đã tạo. Ta thấy sự kiện ấy đúng như thật. Nếu chúng sinh nào thành tựu thân ác hành, khẩu, ý ác hành, phỉ báng Thánh nhân, tà kiến, thì do nhân duyên đó, khi thân hoại mạng chung, chúng sinh này chắc chắn đi đến chỗ ác, sanh vào địa ngục. Còn nếu chúng sinh nào thành tựu thân thiện hành, khẩu, ý thiện hành, không phỉ báng Thánh nhân, có chánh kiến, thành tựu nghiệp chánh kiến, thì do nhân duyên đó, khi thân hoại mạng chung, chúng sinh này chắc chắn đi đến chỗ lành, sanh vào cõi trời.

"Nếu chúng sinh nào sinh ở nhân gian, không hiếu thảo với cha mẹ, không biết kính trọng Sa-môn, Phạm chí, không làm đúng như thật, không tạo phước nghiệp, không sợ tội đời sau, thì do nhân duyên ấy, khi thân hoại mạng chung, chúng sinh ấy sanh vào cảnh giới của Diêm vương. Người của Diêm vương bắt đưa đến chỗ vua và thưa rằng:

"– Tâu Thiên vương, chúng sinh này lúc còn làm người, không hiếu thảo cha mẹ, không biết kính trọng Sa-môn, Phạm chí, không làm đúng như thật, không tạo phước nghiệp, không sợ tội đời sau. Mong Thiên vương trừng phạt đúng theo tội trạng của nó.

"Bấy giờ, Thiên vương dẫn Thiên sứ thứ nhất ra mà tra hỏi kỹ, kiểm xét kỹ, khéo dạy, khéo quở trách chúng sinh kia rằng:

"– Người có thấy Thiên sứ thứ nhất đến không?

"Chúng sinh đáp:

"– Tâu Thiên vương, không thấy.

"Diêm vương lại hỏi:

"– Ở trong một thôn ấp có hài nhi bé nhỏ hoặc nam hoặc nữ thân thể yếu đuối, nằm ngửa giữa phẩn và nước tiểu, không thể kêu cha mẹ; cha mẹ bồng khỏi chỗ bất tịnh, tắm rửa thân nó cho được sạch sẽ. Người có thấy cảnh tượng đó không?

"Chúng sinh ấy đáp:

"– Tâu Thiên vương, có thấy.

Diêm vương lại bảo:

"– Từ đó về sau, lúc ngươi đã hiểu biết, tại sao ngươi không nghĩ rằng: 'Chính ta lệ thuộc sự sanh[2], không lìa khỏi sinh; ta nên làm nghiệp thiện với thân, khẩu và ý?'

"Chúng sinh ấy hỏi:

"– Tâu Thiên vương, tôi là kẻ bại hoại, suy vi lâu dài, vĩnh viễn mất mát chăng?

"Diêm vương đáp:

"– Ngươi quả là kẻ bại hoại, suy vi lâu dài, vĩnh viễn mất mát. Nay ta sẽ tra khảo ngươi như trị kẻ phóng dật, làm hạnh phóng dật. Ác nghiệp của ngươi không phải do cha mẹ làm, không phải do vua, không phải do Trời, cũng không phải do Sa-môn, Phạm chí làm. Chính ngươi tự tạo nghiệp ác bất thiện, cho nên hôm nay chắc chắn ngươi phải thọ báo.

"Sau khi dẫn Thiên sứ thứ nhất này ra để hỏi kỹ, kiểm xét kỹ, khéo dạy, khéo quở trách xong, lại dẫn Thiên sứ thứ hai ra để hỏi kỹ, kiểm xét kỹ, khéo dạy, khéo quở trách chúng sinh kia rằng:

"– Người có thấy Thiên sứ thứ hai đến không?

"Chúng sinh kia đáp:

"– Tâu Thiên vương, không thấy.

"Diêm vương lại hỏi:

"– Trước kia ở trong một thôn ấp, ngươi há không thấy người đàn bà hoặc đàn ông, tuổi quá già nua, sức sống rũ liệt gần tàn, răng rụng, tóc bạc, lưng còm, chống gậy mà đi, thân thể run rẩy?

"Chúng sinh ấy đáp:

"– Tâu Thiên vương, có thấy.

"Diêm vương lại bảo:

"– Ngươi từ đó về sau, khi đã có hiểu biết, tại sao không nghĩ rằng: 'Chính ta lệ thuộc sự già, không lìa khỏi sự già; ta nên làm điều thiện về thân, khẩu, ý?'

"Chúng sanh kia hỏi:

"– Tâu Thiên vương, tôi là kẻ bại hoại, suy vi lâu dài, vĩnh viễn mất mát chăng?

"Diêm vương đáp:

"– Ngươi quả là kẻ bại hoại, suy vi lâu dài, vĩnh viễn mất mát. Nay ta sẽ tra khảo ngươi như trị kẻ phóng dật, làm hạnh phóng dật. Ác nghiệp của ngươi không phải do cha mẹ làm, không phải do vua, không phải do trời, cũng không phải do Sa-môn, Phạm chí làm. Chính ngươi tự tạo nghiệp ác bất thiện, cho nên hôm nay chắc chắn ngươi phải thọ báo.

"Sau khi dẫn Thiên sứ thứ hai này ra để hỏi kỹ, kiểm xét kỹ, khéo dạy, khéo quở trách xong, lại dẫn Thiên sứ thứ ba ra để hỏi kỹ, kiểm xét kỹ, khéo dạy, khéo quở trách

---

2. Hán: *ngã tự hữu sanh pháp* ————k–Rta tự mình có pháp sanh. Pāli: ahampi khomhi jātidhammo.

chúng sinh kia rằng:

"– Người có thấy Thiên sứ thứ ba đến không?

"Chúng sinh kia đáp:

"– Tâu Thiên vương, không thấy.

"Diêm vương lại hỏi:

"– Trước kia trong một thôn ấp, ngươi há không thấy người đàn ông hoặc đàn bà bệnh tật nguy khốn, hoặc nằm ngồi trên giường, hoặc nằm ngồi trên chõng, hoặc nằm ngồi dưới đất, thân thể rất đau đớn, đau đớn cùng cực, không thể ái niệm, để cho rút ngắn mạng sống chăng?

"Chúng sanh ấy đáp:

"– Tâu Thiên vương, có thấy.

Diêm vương lại bảo:

"– Từ đó về sau, khi ngươi đã có hiểu biết, nhưng tại sao ngươi không nghĩ: 'Chính ta lệ thuộc sự tật bệnh, không lìa khỏi bệnh. Ta nên làm điều thiện về thân, khẩu, ý?'

"Chúng sanh ấy hỏi:

"– Tâu Thiên vương, tôi là kẻ bại hoại, suy vi lâu dài, vĩnh viễn mất mát chăng?

"Diêm vương đáp:

"– Ngươi quả là kẻ bại hoại, suy vi lâu, vĩnh viễn mất mát. Nay ta sẽ tra khảo ngươi như trị kẻ phóng dật, làm hạnh phóng dật. Ác nghiệp của ngươi không phải do cha mẹ làm, không phải do vua, không phải do trời, cũng không phải do Sa-môn, Phạm chí làm. Chính ngươi tự tạo nghiệp ác bất thiện, cho nên hôm nay chắc chắn ngươi phải thọ báo.

"Sau khi dẫn Thiên sứ thứ ba này ra để hỏi kỹ, kiểm xét kỹ, khéo dạy, khéo quở trách xong, lại dẫn Thiên sứ thứ tư ra để hỏi kỹ, kiểm xét kỹ, khéo dạy, khéo quở trách chúng sinh kia rằng:

"– Người có thấy Thiên sứ thứ tư đến không?

"Chúng sinh kia đáp:

"– Tâu Thiên vương, không thấy.

"Diêm vương lại hỏi:

"– Trước kia, trong một thôn ấp, ngươi có thấy người đàn ông hay đàn bà lúc chết rồi qua một hai ngày cho đến sáu bảy ngày bị quạ mổ, chó ăn, hoặc lửa đốt, hoặc chôn xuống đất, hoặc vữa nát tan?

Chúng sanh ấy đáp:

"– Tâu Thiên vương, có thấy.

"Diêm vương lại bảo:

"– Từ đó về sau, lúc ngươi đã có hiểu biết, tại sao ngươi không nghĩ: 'Chính ta lệ thuộc sự chết, ta không lìa khỏi sự chết. Ta nên làm điều thiện về thân, khẩu, ý?'

"Chúng sanh ấy hỏi:

"– Tâu Thiên vương, tôi là kẻ bại hoại, suy vi lâu dài, vĩnh viễn mất mát chăng?

"Diêm vương đáp:

"– Ngươi quả là kẻ bại hoại, suy vi lâu dài, vĩnh viễn mất mát. Nay ta sẽ tra khảo ngươi như trị kẻ phóng dật, làm hạnh phóng dật. Ác nghiệp của ngươi không phải do cha mẹ làm, không phải do vua, không phải do trời, cũng không phải do Sa-môn, Phạm chí làm. Chính ngươi tự tạo nghiệp ác bất thiện, cho nên hôm nay chắc chắn ngươi phải thọ báo.

"Sau khi dẫn Thiên sứ thứ tư này ra để hỏi kỹ, kiểm xét kỹ, khéo dạy, khéo quở trách xong, lại dẫn Thiên sứ thứ năm ra để hỏi kỹ, kiểm xét kỹ, khéo dạy, khéo quở trách chúng sinh kia rằng:

"– Người có thấy Thiên sứ thứ năm đến không?

"Chúng sinh kia đáp:

"– Tâu Thiên vương, không thấy.

"Diêm vương lại hỏi:

"– Ngươi trước đây không thấy chăng, người của vua tróc nã kẻ phạm tội, tra khảo, trừng trị đủ cách, như chặt tay, chặt chân, hoặc chặt cả tay chân; xẻo tai, xẻo mũi, hoặc xẻo cả mũi tai; hoặc thái hoặc cắt; nhổ râu, nhổ tóc, hoặc nhổ cả râu tóc; hoặc bỏ vào trong cũi, quấn trong vải mà đốt; hoặc dùng cát lấp kín, dùng cỏ quấn lại mà đốt; hoặc bỏ vào trong bụng con lừa bằng sắt, hoặc bỏ vào trong miệng con heo bằng sắt, hoặc đặt vào trong miệng cọp bằng sắt mà đốt; hoặc bỏ vào trong chảo bằng đồng, hoặc bỏ vào trong chảo bằng sắt mà nấu; hoặc chặt ra từng đoạn; hoặc dùng chĩa nhọn mà đâm, hoặc dùng móc mà móc; hoặc bắt nằm trên giường sắt mà dội nước sôi; hoặc cho người vào cối sắt, dùng chày sắt mà giã; hoặc cho rắn rít mổ; hoặc dùng roi da mà quất, hoặc dùng gậy mà đánh, hoặc dùng hèo mà phang; hoặc treo sống lên ngọn nêu cao, hoặc chặt đầu đem bêu?

"Chúng sanh ấy đáp:

"– Tâu Thiên vương, có thấy.

Diêm vương lại bảo:

"– Từ đó về sau, khi ngươi đã hiểu biết, tại sao không nghĩ: 'Nay ta hiện thấy điều ác, bất thiện'?

"Chúng sanh ấy hỏi:

"– Tâu Thiên vương, tôi là kẻ bại hoại, suy vi lâu dài, vĩnh viễn mất mát chăng?

"Diêm vương đáp:

"– Ngươi quả là kẻ bại hoại, suy vi lâu dài, vĩnh viễn mất mát. Nay ta sẽ tra khảo ngươi như trị kẻ phóng dật, làm hạnh phóng dật. Ác nghiệp của ngươi không phải do cha mẹ làm, không phải do vua, không phải do trời, cũng không phải do Sa-môn, Phạm chí làm. Chính ngươi tự tạo nghiệp ác bất thiện, cho nên hôm nay chắc chắn ngươi phải thọ báo.

"Diêm vương đã dẫn Thiên sứ thứ năm này ra để khéo tra hỏi, khéo kiểm xét, khéo giáo hóa, khéo quở trách xong, liền giao phó chúng sanh ấy cho ngục tốt. Ngục tốt liền dẫn y giam vào trong đại địa ngục có bốn cửa.

"Ở đây có bài tụng rằng:

Bốn trụ có bốn cửa,
Vách vuông mười hai góc,
Dùng sắt làm tường rào,
Ở trên đậy nắp sắt.
Trong ngục đất bằng sắt,
Hừng hực lửa sắt nung,
Suốt vô lượng do-diên,
Cho đến tận đáy đất.
Cực ác không chịu nổi,
Sắc lửa khó nhìn thấy,
Thấy rồi, lông dựng đứng,

Khủng khiếp, sợ, rất khổ.
Chúng sanh đọa địa ngục,
Chân treo, đầu chúc xuống,
Do phỉ báng Thánh nhân,
Điều ngự thiện, Thánh thiện.

"Một thời gian thật lâu xa về sau, trong bốn cửa của đại địa ngục, cửa phía Đông liền mở cho chúng sanh kia. Sau khi cửa mở, các chúng sanh ấy nhắm chạy đến, muốn tìm nơi an ổn, tìm chỗ nương tựa. Nếu khi các chúng sanh ấy tụ tập khoảng vô lượng trăm ngàn, thì cửa phương Đông của địa ngục liền tự đóng lại. Chúng sanh ở trong đó chịu đựng khổ đau cùng cực, khóc lóc kêu gào, sầu muộn, nằm lăn xuống đất, vẫn không thể chết được, cốt làm cho nghiệp ác bất thiện của các chúng sanh ấy sạch hết. Một thời gian lâu xa nữa, cửa Nam, cửa Tây, cửa Bắc lại mở. Khi cửa Bắc đã mở, các chúng sanh kia liền nhắm chạy đến, muốn tìm nơi an ổn, tìm chỗ nương tựa. Các chúng sanh kia nếu khi tụ tập đến số vô lượng trăm ngàn, thì cửa Bắc của địa ngục tự nhiên đóng lại. Những chúng sanh ở trong đó chịu khổ đau cùng cực, khóc lóc, kêu gào, sầu muộn, nằm lăn xuống đất, vẫn không thể chết được, cốt làm cho nghiệp ác bất thiện của các chúng sanh ấy sạch hết.

"Một thời gian hết sức lâu xa về sau nữa, các chúng sanh kia ra khỏi đại địa ngục Bốn cửa. Tiếp theo đại địa ngục Bốn cửa, các chúng sanh ấy lại sanh vào đại địa ngục Phong nham[3], lửa đầy bên trong, không khói, không lửa ngọn, khiến các chúng sanh ấy đi trên lửa, qua lại khắp nơi, da thịt, máu huyết ở đôi bàn chân, bước xuống thì cháy sạch mà dở lên thì sanh lại như cũ. Địa ngục ấy hành hạ các chúng sanh ấy như vậy cho đến vô lượng trăm ngàn năm, chịu khổ đau cùng tột vẫn không chết được, cốt làm cho nghiệp ác bất thiện của các chúng sanh ấy sạch hết.

"Một thời gian thật lâu xa về sau, các chúng sanh ấy ra khỏi địa ngục Phong nham. Tiếp theo địa ngục Phong nham, lại sanh vào đại địa ngục Phấn thỉ[4], bên trong đầy dẫy phân, sâu đến vô lượng trăm trượng. Các chúng sanh kia đọa hết vào trong đó. Trong đại địa ngục Phấn thỉ ấy có rất nhiều sâu. Sâu tên là Lăng-cù-lai[5], thân trắng đầu đen, mỏ nhọn như kim. Loại trùng này rúc rỉa, đục phá chân của chúng sanh kia; sau khi đục phá chân, lại đục phá xương đùi; sau khi đục phá xương đùi, lại đục phá xương bắp vế; sau khi phá xương bắp vế, lại đục phá xương bàn tọa; đục phá xương bàn tọa xong, lại đục phá xương sống; đục phá xương sống xong, lại đục phá xương vai, xương cổ, xương đầu; đục phá xương đầu xong, lại ăn sạch não. Các chúng sanh kia chịu bức bách vô lượng trăm ngàn năm như thế, chịu đau khổ cùng tột, vẫn không chết được, để cho nghiệp ác bất thiện của các chúng sanh ấy sạch hết.

"Một thời gian rất lâu về sau, các chúng sanh kia ra khỏi địa ngục Phấn thỉ. Tiếp theo địa ngục Phấn thỉ, lại sanh vào đại địa ngục Thiết diệp lâm[6]. Các chúng sanh kia thấy rồi tưởng là mát mẻ, nghĩ rằng: 'Chúng ta qua nơi khoái lạc ấy để được mát mẻ'. Các chúng sanh ấy nhắm chạy đến, muốn tìm nơi an ổn, muốn tìm chỗ nương tựa. Nếu tụ tập được vô lượng trăm ngàn, thì các chúng sanh ấy liền vào trong đại địa ngục rừng

3. Phong nham địa ngục -p——a——A địa ngục vách núi. Pāli: không rõ.
4. Phấn thỉ địa ngục -T——a——A địa ngục bằng phân cứt. Pāli: Gūtha-nirya.
5. Lăng-cù-lai ————C Pāli: không rõ.
6. Thiết diệp lâm -K——L-Arừng cây là sắt. Pāli: Asipattavana-niraya, địa ngục rừng là gươm (kiếm diệp lâm).

cây lá sắt. Trong đại địa ngục Thiết diệp lâm đó, bốn bề có gió nóng lớn thổi đến; gió nóng thổi đến thì lá cây bằng sắt rụng xuống. Lá sắt rụng cắt lìa tay, cắt lìa chân, hoặc cắt lìa cả tay chân; cắt lìa tai, cắt lìa mũi hoặc cắt lìa cả tai lẫn mũi và các bộ phận còn lại; cắt thân máu chảy vô lượng trăm ngàn năm, chịu khổ đau cùng tột, vẫn không chết được, để cho nghiệp ác bất thiện của các chúng sanh ấy sạch hết. Lại nữa, trong đại địa ngục Thiết diệp lâm ấy có chó rất lớn xuất hiện, răng dài thườn thượt, ngoạm cả chúng sanh kia, lột da từ chân đến đầu mà ăn. Các chúng sanh ấy chịu bức bách vô lượng trăm ngàn năm như thế, chịu khổ đau cùng tột vẫn không thể chết được, để cho nghiệp ác bất thiện của chúng dứt sạch. Lại nữa, trong đại địa ngục Thiết diệp lâm ấy có con chim đen lớn, có hai đầu, mỏ sắt, đứng trên trán chúng sanh, mổ sống con mắt mà nuốt; mổ vỡ sọ lấy não mà ăn. Các chúng sanh ấy chịu bức bách như vậy suốt vô lượng trăm ngàn năm, chịu đau khổ cùng tột, cuối cùng vẫn không chết được, để cho nghiệp ác bất thiện của các chúng sanh ấy sạch hết.

"Sau một thời gian hết sức lâu dài, các chúng sanh ấy ra khỏi đại địa ngục Thiết diệp lâm. Tiếp theo đại địa ngục Thiết diệp lâm, các chúng sanh ấy lại sanh vào đại địa ngục Thiết kiếm thọ[7]. Đại kiếm thọ cao một do-diên, mũi nhọn dài một thước sáu, chúng sanh kia bị bắt trèo lên tuột xuống. Lúc mới từ dưới leo lên cây thì mũi nhọn chúc xuống; lúc trên cây tuột xuống thì mũi nhọn lại dựng lên; mũi nhọn của kiếm thọ đâm suốt thân chúng sanh, đâm tay, đâm chân hoặc đâm cả tay chân; đâm tai, đâm mũi, hoặc đâm cả tai mũi và các bộ phận khác nữa; đâm thân máu đổ suốt vô lượng trăm ngàn năm, chịu đau khổ cùng cực, rốt cuộc vẫn không chết được, để cho nghiệp ác bất thiện của các chúng sanh ấy sạch hết.

"Một thời gian lâu dài về sau, các chúng sanh ấy ra khỏi đại địa ngục Thiết kiếm thọ. Tiếp theo đại địa ngục Thiết kiếm thọ, các chúng sanh ấy lại sanh vào địa ngục Hôi hà[8], có hai bờ rất cao bao quanh tạo thành mũi nhọn. Trong sông có nước tro sôi và tối om. Các chúng sanh kia thấy rồi tưởng là nước mát, nghĩ rằng 'sẽ có[9] mát'. Sau khi tưởng như vậy, các chúng sanh ấy liền nghĩ: 'Chúng ta đến đó tắm rửa, tha hồ uống no, được mát mẻ khoái lạc'. Các chúng sanh ấy tranh nhau chạy đến mà vào trong đó, muốn tìm nơi hoan lạc, tìm chỗ nương tựa. Nếu các chúng sanh ấy tụ tập chừng vô lượng trăm ngàn, thì liền rớt xuống sông tro. Sau khi rơi vào sông tro, có chúng sanh trôi ngược rồi lại trôi xuôi. Lúc các chúng sanh trôi xuôi, trôi ngược, trôi cả ngược xuôi thì da chín rã xuống, chỉ còn lại xương tủy. Hai bên bờ sông tro có lính địa ngục, tay cầm đao kiếm hoặc chĩa sắt lớn. Các chúng sanh ấy muốn leo lên bờ, tức thì lính ngục đẩy nhận xuống. Lại nữa, hai bên bờ sông tro có lính địa ngục tay cầm móc câu liệng xuống, móc chúng sanh từ sông tro lên bỏ vào nơi sắt nóng, lửa cháy hừng hực, móc chúng sanh ấy đưa lên rồi quật mạnh xuống đất. Rơi xuống, chúng sanh ấy đang quằn quại, bị cật vấn:

"– Ngươi từ đâu lại?

"Các chúng sanh ấy cùng đáp:

"– Chúng tôi không biết từ đâu đến, nhưng hiện giờ chúng tôi chỉ sợ đói lắm.

"Lính địa ngục ấy liền xách chúng sanh liệng lên giường sắt nóng, lửa cháy hừng hực, bắt ngồi trên đó, dùng kẹp sắt nóng kẹp vạch miệng ra, dùng hòn sắt nóng đang cháy hừng hực, bỏ vào. Hoàn sắt nóng ấy đốt cháy môi; cháy môi xong, đốt cháy lưỡi;

---

7. Thiết kiếm thọ -K-C——Acây bằng gươm sắt. Pāli: simbalivana (châm thọ lâm), rừng cây kim.

8. *Hôi hà* ——e-A sông tro. Pāli: Khārodakā nadī, sông đá vôi.

9. *Thường hữu* -` ——FTống-Nguyên-Minh: *đương hữu* ———A sẽ có.

cháy lưỡi xong, đốt lợi răng; lợi cháy xong, đốt cuống họng; cuống họng cháy xong, đốt tim; tim cháy xong, đốt ruột già; ruột già cháy xong, đốt dạ dày; dạ dày cháy xong hoàn sắt từ thân rơi xuống. Các chúng sanh ấy bị bức bách như vậy suốt vô lượng trăm ngàn năm, chịu khổ đau cùng cực, rốt cuộc không chết được, để cho nghiệp ác bất thiện của các chúng sanh ấy sạch hết.

"Lại nữa, lính địa ngục ấy hỏi chúng sanh:

"– Ngươi muốn đi đâu?

"Chúng sanh đáp:

"– Chúng tôi chẳng biết muốn đi đâu, chỉ sợ khát lắm.

"Ngục tốt liền xách chúng sanh ném lên giường sắt nóng đang cháy đỏ rực, bắt buộc ngồi trên đó, dùng kẹp sắt nóng, kẹp vạch miệng ra, lấy nước đồng sôi rót vào. Nước đồng sôi đó đốt môi, đốt môi rồi đốt lưỡi, đốt lưỡi rồi đốt lợi răng, đốt lợi răng rồi đốt cuống họng, đốt cuống họng rồi đốt tim, đốt tim rồi đốt ruột già, đốt ruột già rồi đốt ruột non, đốt ruột non rồi đốt dạ dày, đốt dạ dày rồi nước ấy từ thân chảy xuống. Các chúng sanh ấy chịu bức bách như vậy suốt vô lượng trăm ngàn năm, chịu khổ đau cùng tột, cuối cùng vẫn không chết được, để cho nghiệp ác bất thiện của các chúng sanh ấy sạch hết.

"Nếu nghiệp ác bất thiện mà những chúng sanh ở địa ngục kia không dứt sạch, không dứt sạch tất cả, không dứt sạch đến mức không còn lưu dư thì những chúng sanh ấy lại rơi vào đại địa ngục Sông tro, lại chịu cảnh trèo lên tuột xuống ở đại địa ngục Rừng cây kiếm sắt, lại vào đại địa ngục Rừng cây lá sắt, lại rớt xuống đại địa ngục Phấn thỉ, lại qua đại địa ngục Phong nham, lại vào Bốn cửa đại địa ngục.

"Nếu nghiệp ác bất thiện của những chúng sanh kia dứt sạch, dứt sạch tất cả, dứt sạch đến mức không còn lưu dư, thì những chúng sanh ấy từ đó về sau hoặc đọa vào loài súc sanh, hoặc đọa vào loài ngạ quỷ, hoặc sanh vào cõi trời. Nếu lúc ấy chúng sanh đó vốn là người mà bất hiếu với cha mẹ, không biết tôn kính Sa-môn, Phạm chí, không làm đúng như thật, không tạo phước nghiệp, không sợ tội đời sau thì phải thọ khổ báo không khả ái, không khả niệm, không khả hỷ như vậy, giống như trong địa ngục kia. Nếu chúng sanh kia vốn là người mà hiếu thuận với cha mẹ, biết tôn kính Sa-môn, Phạm chí, làm đúng như thật, tạo nghiệp phước đức, sợ tội đời sau, thì được thọ lạc báu khả ái, khả niệm, khả hỷ như thế, giống như trong cung điện của thần Hư không.

"Thuở xưa, Diêm vương ở tại viên quán mà nguyện rằng: 'Thân mạng này mất, ta được sanh vào loài người. Nếu có dòng họ nào giàu có tột cùng, của cải vô lượng, sản nghiệp chăn nuôi, không thể tính được, phong hộ thực ấp đầy đủ mọi thứ; dòng họ ấy là gì? Tức là Đại trưởng giả thuộc dòng Sát-lợi, Đại trưởng giả thuộc dòng Phạm chí, Đại trưởng giả thuộc dòng Cư sĩ. Nếu có dòng họ giàu có tột cùng, của cải vô lượng, sản nghiệp chăn nuôi không thể tính được, phong hộ thực ấp đầy đủ mọi thứ như thế, thì ta mong sanh vào nhà ấy. Sau khi sanh vào thì giác căn thành tựu, mong được tịnh tín pháp luật chân chánh do Đức Như Lai nói ra. Được tịnh tín rồi thì cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống đời sống không gia đình mà học đạo. Con nhà quý tộc đã cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống đời sống không gia đình mà học đạo thì chỉ mong cầu vô thượng phạm hạnh, trong đời hiện tại, tự biết, tự giác, tự thân tác chứng, thành tựu an trú, biết như thật rằng: 'Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa'.'

"Thuở xưa, Diêm vương ở trong viên quán đã nguyện như thế."

Bấy giờ có bài tụng rằng:

Bị Thiên sứ quở trách,
Người vẫn cứ phóng dật,
Chuốc sầu não mãi hoài,
Tệ ấy do dục che.
Bị Thiên sứ quở trách,
Quả thật có thượng nhân,
Không còn phóng dật nữa,
Khéo nói diệu Thánh pháp.
Thấy thọ là khiếp sợ,
Mong cầu sanh, lão dứt,
Không thọ, diệt không còn,
Thế là sanh lão hết.
Là an ổn khoái lạc,
Đắc diệt độ đời này,
Vượt khỏi mọi khiếp sợ,
Cũng vượt dòng thế gian.

Phật dạy như vậy. Sau khi nghe xong điều Đức Phật dạy, các Tỳ-kheo hoan hỷ phụng hành.

❑

65. KINH Ô ĐIỂU DỤ[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật du hóa tại thành Vương xá, trong rừng Trúc, vườn Ca-lan-đa.

Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Thuở xưa, khi Chuyển luân vương muốn thử châu báu, liền cho tập trung bốn loại quân là quân voi, quân ngựa, quân xe và quân bộ. Sau khi tập trung xong, vào lúc đêm tối, cho dựng cây tràng phan cao và đặt hạt châu trên đó. Ra đến ngoài viên quán, ánh sáng của minh châu soi sáng cả bốn loại quân. Ánh sáng ấy chiếu xa nửa do-diên.

"Bấy giờ có Phạm chí nghĩ rằng: 'Ta nên đến xem Chuyển luân vương và bốn loại quân, nhìn ngắm hạt châu lưu ly'. Phạm chí lại nghĩ: 'Thôi, hãy bỏ qua việc muốn thấy Chuyển luân vương và bốn loại quân, nhìn ngắm hạt châu lưu ly, ta nên đến khoảng rừng kia'.

"Nghĩ xong, Phạm chí liền đến khu rừng. Sau khi đến nơi, vào trong rừng, Phạm chí đến ngồi dưới một gốc cây. Ngồi chưa bao lâu, có một con rái cá[2] đi đến. Phạm chí trông thấy, hỏi:

"Xin chào Rái cá! Ngươi từ đâu đến và muốn đi đâu?"

Đáp:

"Thưa Phạm chí, hồ ấy trước kia tràn đầy mạch nước trong, có nhiều ngó sen, hoa và cá, rùa. Trước đây tôi ở đó; nhưng nay nó khô rang. Phạm chí nên biết, tôi muốn bỏ đi, vào sông lớn kia. Tôi nay muốn đi; chỉ sợ loài người."

Con rái cá kia sau khi chuyện trò với Phạm chí xong, liền bỏ đi. Phạm chí vẫn ngồi như cũ.

Lại có chim cứu-mộ[3] đến. Phạm chí trông thấy, liền nói:

"Xin chào, Cứu-mộ! Ngươi từ đâu đến và muốn đi đâu?"

Đáp:

"Thưa Phạm chí, hồ ấy trước kia tràn đầy mạch nước trong, có nhiều ngó sen, hoa và cá, rùa. Trước đây tôi ở đó; nhưng nay nó khô rang. Phạm chí nên biết, tôi muốn bỏ đi, đến trú ngụ ở chỗ có nhiều xác trâu chết kia, hoặc ở chỗ có lừa chết, nhiều xác người chết. Hôm nay tôi muốn đi, nhưng chỉ sợ loài người."

Chim cứu-mộ ấy nói chuyện với Phạm chí như vậy rồi bỏ đi. Phạm chí vẫn ngồi như cũ.

Lại có kên kên[4] đến. Phạm chí trông thấy, liền hỏi:

"Xin chào Kên kên! Ngươi từ đâu lại và muốn đi đâu?"

---

1. Bản Hán, quyển 13. Không thấy Pāli tương đương.
2. Thát thú ━━~━C
3. Cứu-mộ điểu ━s ━━━Akhông rõ chim gì.
4. Thứu điểu ━l ━━C

Đáp:

"Thưa Phạm chí, tôi từ mộ lớn này đến mộ lớn khác, giết hại xong rồi đến đây. Nay tôi muốn ăn thịt voi chết, ngựa chết, trâu chết, người chết. Tôi nay muốn đi; nhưng chỉ sợ loài người."

Kên kên nói chuyện với Phạm chí như vậy rồi bỏ đi. Phạm chí vẫn ngồi như cũ.

Lại có chim ăn bã[5] lại đến. Phạm chí trông thấy liền hỏi:

"Xin chào Ăn bã. Ngươi từ đâu đến và muốn đi đâu?"

Đáp:

"Thưa Phạm chí, ông có thấy Kên kên vừa đi đến đây không? Tôi ăn cái mà nó nhả ra. Nay tôi muốn đi nhưng chỉ sợ loài người.

Chim ăn bã ấy nói chuyện với Phạm chí như vậy rồi bỏ đi. Phạm chí vẫn ngồi như cũ.

Lại có con sói[6] đến. Phạm chí trông thấy rồi lại hỏi:

"Xin chào Sói! Ngươi từ đâu lại và muốn đi đâu?"

Đáp:

"Thưa Phạm chí, tôi từ suối sâu này đến suối sâu khác, từ bụi rậm này đến bụi rậm khác, từ chỗ hẻo lánh này đến chỗ hẻo lánh khác. Nay tôi muốn ăn thịt voi chết, thịt ngựa chết, thịt trâu chết. Bây giờ tôi muốn đi nhưng chỉ sợ loài người.

Sói nói chuyện với Phạm chí như vậy rồi bỏ đi. Phạm chí vẫn ngồi như cũ.

Lại có con quạ[7] đến, trông thấy, Phạm chí liền hỏi:

"Xin chào Quạ. Ngươi từ đâu đến và muốn đi đâu?"

Đáp:

"Này Phạm chí, ông trán cứng, si cuồng; sao lại hỏi tôi từ đâu đến và muốn đi đâu?"

Con quạ mắng vào mặt Phạm chí rồi bỏ đi. Phạm chí vẫn ngồi như cũ.

Lại có con đười ươi[8] đến, Phạm chí trông thấy liền hỏi:

"Xin chào Đười ươi! Ngươi từ đâu đến và muốn đi đâu?"

Đáp:

"Thưa Phạm chí, tôi từ vườn này đến vườn khác, từ đền miếu[9] này đến đền miếu khác, từ rừng này đến rừng khác; uống nước suối trong, ăn trái cây tốt, rồi đến đây. Nay tôi muốn đi, không sợ loài người.

Đười ươi nói chuyện cùng Phạm chí như vậy rồi bỏ đi.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Ta nói các thí dụ ấy là muốn các ngươi hiểu rõ nghĩa. Các ngươi nên biết, nói các thứ dụ ấy như thế, có nghĩa của nó.

"Bây giờ, con thú rái cá nói chuyện với Phạm chí như vậy rồi bỏ đi, Ta nói thí dụ này có nghĩa như thế nào? – Giả sử có Tỳ-kheo nào nương vào thôn ấp mà sống[10]. Vào buổi sáng sớm, Tỳ-kheo mang y ôm bát vào thôn khất thực mà không thủ hộ thân, không thủ hộ các căn, không an trụ chánh niệm, nhưng vị ấy lại thuyết pháp; những pháp hoặc

---

5. Thực thổ điểu ——R——Achim ăn đồ (do thú khác) ói ra.
6. Sài thú –[–~–C
7. Ô điểu –Q——C
8. Tinh tinh thú –V–V–~–C
9. Nguyên Hán: *quán* –[–C
10. *Y thôn ấp hành* ————Atrái với *hành ư vô sự* — ——L——CXem cht.15, kinh số 26. Pāli, có lẽ gāmantaviharī.

do Phật thuyết, hoặc do Thanh văn thuyết. Nhờ đó vị ấy được lợi, như được áo chăn, đồ ăn, thức uống, giường nệm, thuốc thang, đầy đủ các nhu cầu cho sự sống. Sau khi được lợi, vị ấy càng đắm trước xúc chạm mềm mại[11], không thấy tai họa, không thể xả bỏ, mặc tình sử dụng. Tỳ-kheo ấy thực hành ác giới, thành tựu ác pháp, đứng sát bờ mé, trở nên tệ mạt, hủ bại, không phải phạm hạnh mà tự xưng là phạm hạnh, không phải Sa-môn mà tự xưng là Sa-môn. Cũng như Phạm chí thấy rái cá rồi hỏi: 'Xin chào Rái cá! Ngươi từ đâu lại và muốn đi đâu?' Đáp: 'Thưa Phạm chí, hồ ấy trước kia tràn đầy mạch nước trong, có nhiều ngó sen, nhiều hoa và cá, rùa. Trước tôi ở đó nhưng nay khô rang. Phạm chí nên biết, tôi muốn bỏ đi vào sông lớn kia. Giờ tôi muốn đi, chỉ sợ loài người'. Ta nói, Tỳ-kheo ấy cũng lại như thế, rơi vào trong pháp ác, bất thiện, ô uế, tạo gốc rễ của sự hữu trong tương lai, tạo nhân khổ báo, phiền nhiệt của sanh, già, bệnh, chết. Cho nên, Tỳ-kheo chớ sống như con rái cá, chớ nương vào phi pháp để bảo tồn sự sống. Hãy tịnh hóa thân hành, tịnh hóa khẩu hành và tịnh hóa ý hành, an trú nơi vô sự, khoác y phấn tảo, thường hành khất thực, thứ lớp khất thực, thiểu dục tri túc, ưa sống viễn ly mà tu tập tinh cần, an trụ nơi chánh niệm, chánh trí, chánh định, chánh tuệ, thường nên viễn ly. Nên học như vậy.

"Lúc chim cứu-mộ đến nói chuyện với Phạm chí như vậy rồi bỏ đi. Ta nói thí dụ này có nghĩa như thế nào? Giả sử có Tỳ-kheo nào nương vào thôn ấp mà sống. Vào buổi sáng sớm, Tỳ-kheo mang y ôm bát vào thôn khất thực mà không thủ hộ thân, không thủ hộ các căn, không an trú chánh niệm, nhưng vị ấy lại vào nhà người mà thuyết pháp; những pháp hoặc do Phật thuyết, hoặc do Thanh văn thuyết. Nhờ đó vị ấy được lợi, như được áo chăn, đồ ăn, thức uống, giường nệm, thuốc thang, đầy đủ các nhu cầu cho sự sống. Sau khi được lợi, vị ấy càng đắm trước xúc chạm mềm mại, không thấy tai họa, không thể xả bỏ, mặc tình xử dụng. Tỳ-kheo ấy thực hành ác giới, thành tựu ác pháp, đứng sát bờ mé, trở nên tệ mạt, hủ bại, không phải phạm hạnh mà tự xưng là phạm hạnh, không phải Sa-môn mà tự xưng là Sa-môn. Cũng như Phạm chí thấy cứu-mộ rồi hỏi: 'Xin chào Cứu-mộ! Ngươi từ đâu lại và muốn đi đâu?' Đáp: 'Thưa Phạm chí, hồ ấy trước kia tràn đầy mạch nước trong, có nhiều ngó sen, hoa và cá, rùa. Trước đây tôi ở đó; nhưng nay nó khô rang. Phạm chí nên biết, tôi muốn bỏ đi, đến trú ngụ ở chỗ có nhiều xác trâu chết kia, hoặc ở chỗ có lừa chết, nhiều xác người chết. Hôm nay tôi muốn đi, nhưng chỉ sợ loài người'. Ta nói, Tỳ-kheo ấy cũng lại như thế, rơi vào trong pháp ác, bất thiện, ô uế, tạo gốc rễ của sự hữu trong tương lai, tạo nhân khổ báo, phiền nhiệt của sanh, già, bệnh, chết. Cho nên, Tỳ-kheo chớ sống như con cứu-mộ, chớ nương vào phi pháp để bảo tồn sự sống. Hãy tịnh hóa thân hành, tịnh hóa khẩu hành và tịnh hóa ý hành, an trú nơi vô sự, khoác y phấn tảo, thường hành khất thực, thứ lớp khất thực, thiểu dục tri túc, ưa sống viễn ly mà tu tập tinh cần, an trụ nơi chánh niệm, chánh trí, chánh định, chánh tuệ, thường nên viễn ly. Nên học như vậy.

"Bầy kên kên nói chuyện với Phạm chí rồi bỏ đi. Ta nói thí dụ có nghĩa như thế nào? Giả sử có Tỳ-kheo nào nương vào thôn ấp mà sống. Vào buổi sáng sớm, Tỳ-kheo mang y ôm bát vào thôn khất thực mà không thủ hộ thân, không thủ hộ các căn, không an trú chánh niệm, nhưng vị ấy lại vào nhà người mà thuyết pháp; những pháp hoặc do Phật thuyết, hoặc do Thanh văn thuyết. Nhờ đó vị ấy được lợi, như được áo chăn, đồ ăn, thức uống, giường nệm, thuốc thang, đầy đủ các nhu cầu cho sự sống. Sau khi được lợi, vị ấy càng đắm trước xúc chạm mềm mại, không thấy tai họa, không thể xả bỏ, mặc tình xử

11. Hán: *xúc y* ——a-C

dụng. Tỳ-kheo ấy thực hành ác giới, thành tựu ác pháp, đứng sát bờ mé, trở nên tệ mạt, hủ bại, không phải phạm hạnh mà tự xưng là phạm hạnh, không phải Sa-môn mà tự xưng là Sa-môn. Giống như Phạm chí thấy kên kên rồi hỏi: 'Xin chào Kên kên, ngươi từ đâu lại và muốn đi đâu?' Đáp: "Thưa Phạm chí, tôi từ mộ lớn này đến mộ lớn khác, sát hại rồi đến đây. Nay tôi muốn ăn thịt voi chết, thịt ngựa chết, thịt trâu chết, thịt người chết. Bây giờ tôi muốn đi nhưng chỉ sợ loài người'. Ta nói thí dụ ấy cũng lại như vậy. Cho nên Tỳ-kheo chớ sống như kên kên, chớ nương vào phi pháp để bảo tồn sự sống. Hãy tịnh hóa thân hành, tịnh hóa khẩu hành và ý hành, an trụ nơi vô sự, mang phấn tảo y, thường hành khất thực, thứ lớp khất thực, thiểu dục tri túc, ưa sống viễn ly mà tu tập tinh cần, trụ lập chánh niệm, chánh trí, chánh định, chánh tuệ, thường nên viễn ly. Nên học như thế.

"Bầy chim ăn bã kia nói chuyện với Phạm chí rồi bỏ đi. Ta nói thí dụ ấy có nghĩa như thế nào? Giả sử có thầy Tỳ-kheo nào nương vào thôn ấp để sống. Vào lúc sáng sớm, Tỳ-kheo ấy mang y cầm bát vào thôn xóm khất thực mà không thủ hộ thân, không thủ hộ ý, không giữ gìn các căn, không an trú chánh niệm. Vị ấy vào phòng Tỳ-kheo-ni giáo hóa, thuyết pháp; những pháp hoặc do Phật thuyết, hoặc do Thanh văn thuyết. Tỳ-kheo-ni kia vào bao nhiêu nhà khác nói tốt nói xấu, thọ nhận phẩm vật của tín thí rồi mang về cho vị Tỳ-kheo ấy. Nhân đó vị Tỳ-kheo ấy được lợi, như được áo chăn, đồ ăn thức uống, giường nệm, thuốc thang, đầy đủ các nhu cầu cho sự sống. Sau khi được lợi, vị ấy đắm trước sự xúc chạm mềm mại, không thấy tai họa, không thể xả bỏ, mặc tình xử dụng. Vị Tỳ-kheo ấy thực hành ác giới, thành tựu ác pháp, đứng sát bờ mé, trở nên tệ mạt hủ bại, không phải phạm hạnh mà tự xưng là phạm hạnh, không phải Sa-môn mà tự xưng là Sa-môn. Giống như Phạm chí thấy chim ăn bã rồi hỏi: 'Xin chào Ăn bã! Ngươi từ đâu lại và muốn đi đâu?' Đáp: 'Thưa Phạm chí, ông thấy con kên kên vừa đi đó không? Tôi ăn cái mà nó nhả ra. Bây giờ tôi muốn đi nhưng chỉ sợ loài người'. Ta nói Tỳ-kheo ấy cũng lại như vậy. Cho nên Tỳ-kheo chớ sống như con chim ăn bã, chớ nương vào phi pháp để bảo tồn sự sống. Hãy tịnh hóa thân hành và tịnh hóa khẩu hành, ý hành, an trú nơi vô sự, mang y phấn tảo, thường hành khất thực, thứ lớp khất thực, thiểu dục tri túc, ưa sống viễn ly mà tu tập tinh cần, trú lập chánh niệm, chánh trí, chánh định, chánh tuệ, thường phải viễn ly. Nên học như thế.

"Bầy con sói nói chuyện với Phạm chí rồi bỏ đi. Ta nói ví dụ này có nghĩa như thế nào? Giả sử có một Tỳ-kheo sống tại một thôn nghèo. Nếu Tỳ-kheo biết trong thôn ấp có nhiều bậc trí tuệ tinh tấn phạm hạnh thì liền tránh đi. Nếu biết trong thôn ấp và thành quách không có bậc trí tuệ tinh tấn phạm hạnh nào thì đến ở, suốt chín tháng hoặc mười tháng. Các Tỳ-kheo khác thấy liền hỏi: 'Hiền giả du hành xứ nào?' Tỳ-kheo ấy đáp: 'Tôi sống tại thôn nghèo kia'. Các Tỳ-kheo nghe xong liền nghĩ: Hiền giả này làm việc khó làm. Lý do vì sao? Vì Hiền giả này có thể sống tại thôn nghèo ấy'. Các Tỳ-kheo ấy liền cùng cung kính, đảnh lễ, cúng dường. Nhân đó vị Tỳ-kheo ấy được lợi ích, như được áo chăn, đồ ăn thức uống, giường nệm, thuốc thang, đầy đủ các nhu cầu cho sự sống. Sau khi được lợi, vị ấy lại đắm trước thêm, không thấy tai họa, không thể xả bỏ, mặc tình xử dụng. Tỳ-kheo ấy thực hành ác giới, thành tựu ác pháp, đứng sát bờ mé, trở thành tệ mạt, hủ bại, không phải phạm hạnh mà tự xưng là phạm hạnh, không phải Sa-môn mà tự xưng là Sa-môn. Giống như Phạm chí thấy con sói rồi hỏi: 'Xin chào Sói! Ngươi từ đâu lại và đi về đâu?' Đáp: 'Thưa Phạm chí, tôi từ suối sâu này đến suối sâu khác, từ bụi rậm này đến bụi rậm khác, từ chốn hẻo lánh này đến chốn hẻo lánh khác rồi đến đây. Nay tôi muốn ăn thịt voi chết, thịt ngựa chết, thịt trâu chết, thịt người chết. Giờ tôi muốn đi nhưng chỉ sợ

loài người'. Ta nói Tỳ-kheo ấy lại cũng như vậy. Cho nên Tỳ-kheo chớ sống như con sói, chớ nên nương theo phi pháp để bảo tồn mạng sống. Hãy tịnh hóa thân hành, tịnh hóa khẩu hành và ý hành, an trú nơi vô sự, mang y phấn tảo, thường hành khất thực, thứ lớp khất thực, thường hành thiểu dục tri túc, ưa sống viễn ly mà tu tập tinh cần, trụ lập chánh niệm chánh trí, chánh định, chánh tuệ, thường phải viễn ly. Nên tu học như vậy.

"Lúc chim quạ mắng vào mặt Phạm chí rồi bỏ đi; Ta nói ví dụ ấy có nghĩa thế nào? Giả sử có Tỳ-kheo nào nương nơi vô sự xứ nghèo nàn mà an cư tọa hạ. Nếu Tỳ-kheo ấy biết trong thôn ấp và thành quách có nhiều bậc trí tuệ tinh tấn phạm hạnh thì liền tránh đi. Nếu biết trong thôn ấp và thành quách không có bậc trí tuệ, tinh tấn phạm hạnh nào thì đến ở hai, ba tháng. Các Tỳ-kheo khác thấy, liền hỏi: 'Hiền giả tọa hạ nơi nào?' Đáp rằng: 'Chư Hiền, hiện giờ tôi nương nơi vô sự xứ nghèo nàn kia mà an cư tọa hạ. Tôi không giống như bọn ngu si kia, làm sẵn giường chõng, rồi sống trong đó với năm sự đầy đủ[12], buổi sáng rồi buổi chiều, buổi chiều rồi buổi sáng, miệng chạy theo vị, vị trôi theo miệng, cầu rồi lại cầu, xin rồi lại xin'. Lúc các Tỳ-kheo nghe xong, liền nghĩ: "Hiền giả này làm những việc khó làm. Lý do vì sao? Hiền giả này có thể nương nơi vô sự xứ nghèo nàn kia mà an cư tọa hạ'. Các Tỳ-kheo ấy liền cùng cung kính, lễ bái, cúng dường. Nhân đó vị Tỳ-kheo ấy được lợi, như được áo chăn, đồ ăn thức uống, giường nệm thuốc thang, đầy đủ các nhu cầu cần cho sự sống. Sau khi được lợi, vị Tỳ-kheo ấy lại đắm trước sự xúc chạm mềm mại, không thấy tai họa, không thể xả bỏ, mặc tình sử dụng. Tỳ-kheo ấy thực hành ác giới, thành tựu ác pháp, đứng sát bờ mé, trở thành tệ mạt hủ bại, không phải phạm hạnh mà tự xưng là phạm hạnh, không phải Sa-môn mà tự xưng là Sa-môn. Giống như Phạm chí thấy chim quạ rồi hỏi: 'Xin chào Quạ! Ngươi từ đâu đến và muốn đi về đâu?' Đáp: 'Này Phạm chí, ông là kẻ trán cứng, cuồng si, làm sao hỏi tôi rằng: 'Ngươi từ đâu lại và muốn đi về đâu?'.' Ta nói Tỳ-kheo ấy lại cũng như vậy. Cho nên Tỳ-kheo chớ sống như con quạ, chớ nương theo phi pháp để bảo tồn sự sống. Hãy tịnh hóa thân hành, tịnh hóa khẩu hành và ý hành, an trú nơi vô sự, mang y phấn tảo, thường hành khất thực, thứ lớp khất thực, thiểu dục tri túc, ưa sống viễn ly mà tu tập tinh cần, trú lập chánh niệm, chánh trí, chánh định, chánh tuệ, thường viễn ly. Nên học như thế.

"Con đười ươi kia nói chuyện với Phạm chí rồi bỏ đi, Ta nói ví dụ ấy có nghĩa thế nào? Giả sử có Tỳ-kheo nương vào thôn ấp mà sống. Vào buổi sáng sớm, Tỳ-kheo ấy mang y cầm bát vào thôn khất thực, khéo thủ hộ thân, gìn giữ các căn, vững vàng chánh niệm. Từ thôn ấp khất thực rồi, ăn xong. Sau khi thu xếp y bát, rửa tay chân xong vắt Ni-sư-đàn lên vai, đi đến nơi vô sự, hoặc đến dưới gốc cây, hoặc vào nhà trống, trải Ni-sư-đàn mà ngồi kiết già, chánh thân, chánh nguyện, chuyên niệm hướng nội, đoạn trừ tham lam, muốn cho mình được tâm không não hại; thấy của cải và vật dụng sinh tồn của người khác không móng khởi tâm tham lam mong sẽ được về mình. Đối với tâm tham lam vị ấy đã tịnh trừ. Cũng vậy, đối với sân nhuế, thùy miên, trạo hối, đoạn nghi, độ hoặc, ở trong thiện pháp không còn do dự. Đối với tâm nghi hoặc, vị ấy đã tịnh trừ. Vị ấy đã tịnh trừ năm triền cái này, chúng làm cho tâm ô uế, trí yếu kém; ly dục, ly pháp ác bất thiện, cho đến, chứng đắc quả thiền thứ tư, thành tựu và an trụ. Vị ấy chứng đắc định tâm như vậy, thanh tịnh không uế, không phiền, nhu nhuyến, bất động, hướng đến chứng ngộ lậu tận trí thông, rồi vị ấy liền biết như thật rằng: 'Đây là khổ, đây là khổ tập, đây là khổ diệt và

---

[12] Năm sự, tham chiếu No.125 (51.3) Tăng Nhất 49, Đại 2, tr.817b: 1. Lười biếng, 2. Ngủ nhiều, 3. Tâm loạn, 4. Các căn bất định, 5. Thích ở chợ hơn chỗ vắng vẻ.

đây là khổ diệt đạo'. Biết như thật rằng: 'Đây là lậu, đây là lậu tập, đây là lậu diệt và đây là lậu diệt đạo'. Sau khi đã biết như vậy, đã thấy như vậy, tâm giải thoát dục lậu, tâm giải thoát hữu lậu, tâm giải thoát vô minh lậu. Sau khi giải thoát, biết như thật rằng: 'Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa'. Giống như Phạm chí thấy đười ươi rồi hỏi: 'Xin chào Đười ươi! Ngươi từ đâu lại và đi về đâu?' Đáp: 'Thưa Phạm chí, tôi từ vườn này đến vườn khác, từ đền miếu này đến đền miếu khác, từ rừng này đến rừng khác, uống nước suối trong, ăn trái cây tốt. Nay tôi muốn đi, chẳng sợ loài người'. Ta nói Tỳ-kheo kia lại cũng như vậy. Cho nên Tỳ-kheo chớ sống như loài rái cá, chớ sống như chim cứu-mộ, chớ sống như kên kên, chớ sống như chim ăn bã, chớ sống như con sói, chớ sống như quạ, mà nên sống như đười ươi. Lý do vì sao? Bởi vì bậc Vô trước chân nhân trong thế gian giống như đười ươi.

Phật thuyết như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

❑

66. KINH THUYẾT BỔN[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật du hóa tại Ba-la-nại, trú ở Tiên nhân đọa xứ, trong vườn Lộc dã.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo sau bữa ăn trưa, vì một nhân duyên nhỏ nên tụ tập ngồi tại giảng đường cùng bàn luận vấn đề này:

"Thế nào chư Hiền, trong hàng cư sĩ tại gia, ai là người thù thắng? Phải chăng là người có các Tỳ-kheo trì giới diệu pháp, thành tựu oai nghi đến nhà thọ thực? Hay là người mà lợi lộc cứ tăng lên mỗi ngày, gấp trăm ngàn vạn lần?"

Hoặc có Tỳ-kheo nói rằng:

"Này chư Hiền, lợi lộc gấp trăm ngàn vạn lần thì có nghĩa lý gì! Chỉ có điều này là chí yếu; nếu có một Tỳ-kheo trì giới diệu pháp, thành tựu oai nghi mà đến nhà thọ thực, chứ không phải là ngày ngày được lợi lộc gấp trăm ngàn vạn lần."

Lúc đó, Tôn giả A-na-luật cùng ngồi trong chúng. Bấy giờ Tôn giả A-na-luật nói với các Tỳ-kheo rằng:

"Này chư Hiền, lợi lộc gấp trăm ngàn vạn lần thì có nghĩa gì? Giả sử có nhiều hơn nữa thì chỉ có điều này là chí yếu; nếu có một Tỳ-kheo trì giới diệu pháp, thành tựu oai nghi đến nhà thọ thực, chứ không phải ngày ngày lợi lộc càng tăng gấp trăm ngàn vạn lần. Vì sao? Tôi nhớ, thuở xưa, ta là một người nghèo khổ ở nước Ba-la-nại này, chỉ nhờ lượm mót gánh của khách mà sống[2]. Lúc ấy nước Ba-la-nại bị hạn hán, sương móc và trùng hoàng làm cho ngũ cốc không thể chín được. Nhân dân túng thiếu, kiếm xin khó được. Bấy giờ có một vị Bích-chi-phật hiệu là Vô Hoạn[3], trú tại Ba-la-nại này. Lúc ấy, vào buổi sáng sớm, Bích-chi-phật Vô Hoạn mang y cầm bát vào Ba-la-nại khất thực. Bấy giờ tôi đi ra khỏi Ba-la-nại vào lúc sớm để đi lượm mót. Này chư Hiền, khi đang đi ra, tôi thấy từ xa Bích-chi-phật Vô Hoạn đi vào thành. Lúc Bích-chi-phật Vô Hoạn cầm tịnh bát đi vào thế nào thì lúc đi ra tịnh bát vẫn y như cũ.

"Này chư Hiền, khi tôi lượm mót rồi trở về Ba-la-nại, tôi lại thấy Bích-chi-phật Vô Hoạn đi ra. Ngài thấy tôi liền nghĩ: 'Sáng sớm, lúc Ta đi vào thì thấy người này đi ra. Bấy giờ ta trở ra lại thấy người này trở vào. Người này có thể chưa ăn. Nay ta hãy đi theo người này'. Rồi Bích-chi-phật đi theo tôi như bóng theo hình.

"Này chư Hiền, khi ta mang đồ lượm mót về đến nhà, bỏ gánh xuống và quay lại nhìn thì thấy Bích-chi-phật Vô Hoạn đi đến, theo sau tôi bén gót, như bóng theo hình. Tôi thấy ngài, liền nghĩ: 'Sáng sớm, lúc đi ra, mình thấy vị Tiên nhân này đi vào thành khất thực. Bây giờ vị Tiên nhân này có lẽ chưa có gì ăn. Ta hãy sớt bớt phần ăn của mình cho

---

1. Biệt dịch, No.44 Phật Thuyết Cổ Lai Trì Thế Kinh, khuyết danh dịch. Pāli, tham chiếu Thag.910-919.
2. Hán: *quân thập* ---B-CNo.44: "Gánh cỏ đi bán mà tự nuôi sống". Pāli: ghāsa-hāraka, người thâu nhặt thức ăn (của gia súc).
3. Vô Hoạn -L-w-CNo.44: "Có vị Duyên giác hiệu là Hòa-lý -M--C" Pāli: Upariccha.

Tiên nhân này'. Nghĩ như vậy xong, tôi liền mang phần cơm bố thí cho Đức Bích-chi-phật và bạch rằng: 'Mong Tiên nhân biết cho, cơm này là phần ăn của con. Vì lòng từ mẫn, mong ngài thương xót nhận cho'. Bấy giờ, vị Bích-chi-phật tức thì trả lời tôi rằng: 'Cư sĩ nên biết, năm nay hạn hán, sương móc và trùng hoàng làm cho ngũ cốc không thể chín được. Nhân dân túng thiếu, kiếm xin khó được. Thí chủ có thể bớt phân nửa bỏ vào trong bát của ta và dùng phân nửa kia, cả hai cùng được sống còn. Như vậy đã là tốt rồi'. Tôi lại thưa rằng: 'Tiên nhân, xin biết cho, trong nhà con sẵn có chảo, có bếp, có củi, có thóc gạo, ăn uống sớm muộn cũng chẳng cần đúng giờ giấc. Tiên nhân, xin hãy thương xót con mà nhận hết thức ăn này'. Bấy giờ Tiên nhân vì lòng từ mẫn mà nhận hết.

"Này chư Hiền, tôi nhân phước bố thí cho Tiên nhân kia một bát cơm mà bảy lần tái sanh vào cõi trời, được làm Thiên vương; bảy lần tái sanh vào loài người lại làm bậc Nhân chủ.

"Này chư Hiền, tôi nhân phước bố thí cho Tiên nhân kia một bát cơm mà được sanh vào dòng họ Thích như thế này[4], giàu có cùng tột, súc vật chăn nuôi vô số, phòng hộ, thực ấp, của cải vô lượng, châu báu đầy đủ.

"Này chư Hiền, tôi nhân phước bố thí cho Tiên nhân kia một bát cơm nên xả bỏ được địa vị chủ nhân của trăm ngàn thể nữ[5], vàng bạc và vô số những tài vật khác nữa, xuất gia học đạo.

"Này chư Hiền, ta nhân bố thí cho Tiên nhân kia một bát cơm mà được vua chúa, vương thần, Phạm chí, Cư sĩ và tất cả nhân dân thấy là tiếp đãi; bốn chúng Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc và Ưu-bà-di thấy thì kính trọng.

"Này chư Hiền, tôi nhân bố thí một bát cơm kia mà thường được người thỉnh cầu thọ nhận đồ ăn thức uống, áo chăn, đệm lông, thảm dệt, giường nệm, thuốc thang trị bệnh và các dụng cụ cần cho sự sống; không gì là không được thỉnh cầu. Lúc bấy giờ ta biết vị Sa-môn ấy là bậc Vô sở trước chân nhân thì phước báo được thu hoạch chắc chắn gấp bội, thọ nhận đại quả báo công đức cực diệu, ánh sáng soi chiếu, thấu suốt rất rộng, rất lớn, cùng khắp."

Bấy giờ Tôn giả A-na-luật, bậc Vô sở trước chân nhân[6], được chánh giải thoát, nói bài tụng rằng:

Tôi nhớ, xưa nghèo nàn,
Chỉ nhặt cỏ mà sống.
Bớt phần, cúng Sa-môn
Vô Hoạn tối thượng đức.
Nhân đó sanh dòng Thích,
Tên là A-na-luật.
Hiểu rành về ca vũ;
Làm nhạc, thường hoan hỷ.
Tôi được gặp Thế Tôn
Chánh giác, như cam lồ.
Đã gặp, sanh tín tâm,
Bỏ nhà đi học đạo.

4. Vì Tôn giả là anh em chú bác ruột với Đức Thích Tôn, con của Amitodana (Cam Lộ Phạn vương).
5. Vì trước đó đời sống vương tử của Ngài rất phong lưu và Mahānāma - anh ruột của Ngài - đã khó khăn lắm mới thuyết phục được Ngài đi xuất gia.
6. Tức, một vị A-la-hán.

Tôi biết được đời trước,
Biết chỗ sanh trước kia;
Sanh Tam thập tam thiên,
Bảy lần trú ở đó.
Đó bảy, đây cũng bảy;
Thọ sanh mười bốn lần,
Nhân gian và thiên thượng,
Chưa từng đọa ác đạo.
Nay biết rõ sanh tử,
Nơi chúng sanh qua lại;
Biết tâm người thị phi;
Hiền thánh, năm lạc thú;
Chứng năm chi thiền định[7],
Thường định, tâm tĩnh mặc[8].
Đã chứng đắc tịch tịnh
Liền đắc tịnh thiên nhãn.
Mục đích là học đạo;
Viễn ly, bỏ gia đình;
Nay ta đạt nghĩa ấy
Được vào cảnh giới Phật.
Ta không ưa sự chết,
Cũng chẳng mong sự sanh;
Thời nào cũng tự tại,
Kiến lập chánh niệm trí.
Tỳ-da-ly, Trúc lâm[9],
Ở đây, mạng ta dứt;
Ngay dưới rừng trúc này,
Nhập Vô dư Niết-bàn.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn ở chỗ tĩnh tọa, bằng thiên nhĩ thanh tịnh vượt xa hơn người thường, nghe các Tỳ-kheo sau bữa ăn trưa tụ tập tại giảng đường cùng bàn luận về vấn đề ấy. Nghe xong, vào buổi xế chiều, Đức Thế Tôn rời chỗ tĩnh tọa đứng dậy, đi đến giảng đường, trải chỗ ngồi trước chúng Tỳ-kheo mà ngồi, rồi hỏi rằng:

"Này các Tỳ-kheo, hôm nay các ngươi vì chuyện gì mà tụ tập tại giảng đường?"

Các Tỳ-kheo đáp:

"Bạch Thế Tôn, hôm nay vì Tôn giả A-na-luật nhân chuyện quá khứ mà thuyết pháp nên chúng con tụ tập tại giảng đường."

Rồi thì, Đức Thế Tôn nói:

"Bây giờ các ngươi có muốn nghe nhân chuyện vị lai mà Phật thuyết pháp chăng?"

Các Tỳ-kheo thưa rằng:

---

7. Ngũ chi thiền định ———I-w-AThiền định năm chi (Pāli: pañcaṅgika-samādhi): tức bốn cấp thiền trong đó Sơ thiền chia làm hai do sự khác biệt tầm (Pl. vitakka) và tứ (Pal. vicāra).

8. Pāli: sante ekodibhāvite, tịch tĩnh, chuyên nhất.

9. Tì-da-li Trúc lâm -i-C———L-CPāli: Vajjīnaṃ Veluvagāme, trong Vajji-Veluvagāma, một ngôi làng ở Vesali, xứ Vajjì (Bạt Kỳ); Anuruddha sẽ nhập Niết-bàn ở đó.

"Bạch Thế Tôn, nay thật đúng thời. Bạch Thiện Thệ, nay thật đúng thời. Nếu Thế Tôn nhân chuyện vị lai mà thuyết pháp cho các Tỳ-kheo, thì các Tỳ-kheo sau khi nghe sẽ khéo thọ trì."

Đức Thế Tôn nói:

"Này các Tỳ-kheo, hãy lắng nghe và khéo mà thọ trì, suy nghĩ, ghi nhớ, Ta phân biệt diễn thuyết rộng rãi cho các ngươi."

Bấy giờ các Tỳ-kheo vâng lời ngồi nghe. Đức Thế Tôn nói:

"Này các Tỳ-kheo, một thời gian lâu xa ở vị lai, sẽ có lúc mà nhân dân thọ đến tám vạn tuổi. Lúc con người thọ đến tám vạn tuổi thì châu Diêm-phù này giàu có cùng tột, an lạc cùng tột, dân chúng đông đúc, thôn ấp gần nhau bằng khoảng cách của con gà bay.

"Này các Tỳ-kheo, lúc con người thọ đến tám vạn tuổi thì con gái đến năm trăm tuổi mới lấy chồng.

"Này các Tỳ-kheo, lúc con người thọ tám vạn tuổi[10] thì chỉ những bệnh như thế này: nóng, lạnh, đại tiểu tiện, tham dục, ăn uống, già[11] và ngoài ra không có tai họa nào khác.

Này các Tỳ-kheo, lúc con người thọ tám vạn tuổi có vua tên là Loa[12], là Chuyển luân vương, thông minh trí tuệ, có bốn loại quân chỉnh trị thiên hạ, tự do tự tại, là pháp vương theo đúng như pháp, thành tựu bảy báu. Bảy báu là: xe báu, voi báu, ngựa báu, ngọc báu, nữ báu, cư sĩ báu, tướng quân báu. Đó là bảy báu. Nhà vua có đầy đủ một ngàn người con trai, dung mạo khôi ngô, dũng mãnh, không khiếp sợ, hàng phục được địch quân. Nhà vua thống lĩnh quả đất này cho đến bờ biển, không dùng đao gậy mà chỉ đem pháp mà giáo hóa, khiến dân chúng được an lạc. Có cây phướn bằng vàng lớn, được trang hoàng bằng các thứ châu báu, treo cao một ngàn khuỷu tay, chu vi mười tám khuỷu tay, sẽ do nhà vua dựng lên. Sau khi dựng xong, ngay phía dưới tổ chức bố thí cho Sa-môn, Phạm chí, người nghèo khổ cô độc từ các phương xa lại xin, đem đồ ăn thức uống, áo chăn, xe cộ, tràng hoa, bột hoa, bột hương, nhà cửa, giường nệm, đệm lông, khăn quấn và cung cấp dầu đèn... Sau khi bố thí như vậy, nhà vua cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo. Mục đích mà tộc tánh tử kia cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo, duy chỉ cầu đắc vô thượng phạm hạnh, ngay trong đời này mà tự tri tự giác, tự thân chứng ngộ, thành tựu và an trú, biết như thật rằng: 'Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa.'

"Bấy giờ có Tôn giả A-di-đa[13] đang ngồi trong chúng. Tôn giả A-di-đa từ chỗ ngồi đứng dậy, kéo lệch tay áo đang mặc, chắp tay hướng về Đức Phật mà bạch rằng:

"Bạch Thế Tôn! Một thời gian lâu dài ở vị lai, lúc con người thọ đến tám vạn tuổi, con có thể được làm vua, hiệu là Loa, là Chuyển luân vương, thông minh trí tuệ, có bốn loại quân chỉnh trị thiên hạ, tự do tự tại, là vị pháp vương theo đúng như pháp, thành tựu bảy báu. Bảy báu là xe báu, ngọc báu, nữ báu, cư sĩ báu, tướng quân báu, đó là bảy báu. Con có đủ một ngàn người con dung mạo khôi ngô, dũng mãnh không khiếp sợ, hàng phục được địch quân. Con thống lĩnh trọn quả đất này cho đến biển cả, không dùng dao gậy, chỉ đem pháp giáo hóa, khiến cho nhân dân an lạc. Con có cây phướn lớn bằng vàng, được

---

10. Từ đây trở xuống, tham chiếu kinh 70 phần sau. Tham chiếu, Pāli, D. 26 Cakkacattī-sīhanā-suttanta.

11. Pāli (D.26), chỉ có ba chứng bệnh: ham muốn (icchā), đói bụng (anasana) và già (jāra).

12. Loa ━━C Pāli: Saṅkha (vỏ sò).

13. A-di-đa ━━i ━h━C Pāli: Ajita. Trong bản kinh này, A-di-đa (Ajita) và Di-lặc (Mettaya) là hai nhân vật được thọ ký, một người làm vua và một người làm Phật.

trang hoàng bằng các loại châu báu, treo cao một ngàn khuỷu tay, do con dựng lên. Sau khi dựng xong, ngay bên dưới, tổ chức bố thí cho hàng Sa-môn, Phạm chí, kẻ khốn khổ cô độc từ phương xa lại xin, đem đồ ăn thức uống, áo chăn, xe cộ, tràng hoa, bột hương, nhà cửa, giường nệm, nệm lông, khăn quấn và cung cấp đèn dầu. Sau khi bố thí xong, con liền cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín, từ bỏ gia đình, xuất gia học đạo. Con vì mục đích mà tộc tánh tử cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo, duy chỉ cầu đắc vô thượng phạm hạnh, ngay trong đời này mà tự tri tự giác, tự thân chứng ngộ, thành tựu và an trú, biết như thật rằng: 'Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa'."

Bấy giờ Đức Thế Tôn quở Tôn giả A-di-đa rằng:

"Ngươi là kẻ ngu si, chỉ nên chết thêm một lần, sao lại mong một lần tái sanh nữa? Vì sao như thế? Vì ngươi nghĩ rằng: Bạch Thế Tôn! Một thời gian lâu dài ở vị lai, lúc con người thọ đến tám vạn tuổi, con có thể được làm vua, hiệu là Loa, là Chuyển luân vương, thông minh trí tuệ, có bốn loại quân chỉnh trị thiên hạ, tự do tự tại, là vị pháp vương theo đúng như pháp, thành tựu bảy báu. Bảy báu là xe báu, ngọc báu, nữ báu, cư sĩ báu, tướng quân báu, đó là bảy báu. Con có đủ một ngàn người con dung mạo khôi ngô, dũng mãnh không khiếp sợ, hàng phục được địch quân. Con thống lĩnh trọn quả đất này cho đến biển cả, không dùng dao gậy, chỉ đem pháp giáo hóa, khiến cho nhân dân an lạc. Con có cây phướn lớn bằng vàng, được trang hoàng bằng các loại châu báu, treo cao một ngàn khuỷu tay, do con dựng lên. Sau khi dựng xong, ngay bên dưới, tổ chức bố thí cho hàng Sa-môn, Phạm chí, kẻ khốn khổ cô độc từ phương xa lại xin, đem đồ ăn thức uống, áo chăn, xe cộ, tràng hoa, bột hương, nhà cửa, giường nệm, nệm lông, khăn quấn và cung cấp đèn dầu. Sau khi bố thí xong, con liền cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín, từ bỏ gia đình, xuất gia học đạo. Con vì mục đích mà tộc tánh tử cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo, duy chỉ cầu đắc vô thượng phạm hạnh, ngay trong đời này mà tự tri tự giác, tự thân chứng ngộ, thành tựu và an trú, biết như thật rằng: 'Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa'."

Đức Thế Tôn bảo rằng:

"Này A-di-đa! Một thời gian lâu dài ở vị lai, ngươi sẽ làm vua hiệu là Loa, một vị Chuyển luân vương, thông minh trí tuệ, có bốn loại quân chỉnh trị thiên hạ, tự do tự tại, là vị Pháp vương theo đúng như pháp, thành tựu bảy báu. Bảy báu đó là xe báu, voi báu, ngựa báu, ngọc báu, nữ báu, cư sĩ báu và tướng quân báu, đó là bảy báu. Ngươi sẽ có đủ một ngàn người con dung mạo khôi ngô, dũng mãnh không khiếp sợ, hàng phục được địch quân. Ngươi sẽ thống lĩnh toàn quả đất này cho đến biển cả, không dùng dao gậy, chỉ đem pháp giáo hóa khiến cho nhân dân an lạc. Ngươi sẽ có một cây phướn lớn bằng vàng, được trang hoàng bằng các loại châu báu, dựng cao một ngàn khuỷu tay, do ngươi dựng lên. Sau khi dựng lên, ngay bên dưới, tổ chức bố thí cho hàng Sa-môn, Phạm chí, kẻ cùng khổ, cô độc từ các phương xa lại xin; đem đồ ăn, thức uống, áo chăn, xe cộ, tràng hoa, bột hoa, bột hương, nhà cửa, giường nệm, nệm lông, khăn quấn, cung cấp đèn dầu... Sau khi bố thí xong, thầy liền cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo. Ngươi vì mục đích mà tộc tánh tử cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo, chỉ vì cầu vô thượng phạm hạnh, ngay trong đời hiện tại mà tự tri, tự giác, tự thân chứng đắc, thành tựu và an trú, biết như thật rằng: 'Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn

tái sanh nữa'."

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Một thời gian lâu dài ở thời vị lai, lúc con người thọ tám vạn tuổi sẽ có Đức Phật hiệu là Di-lặc[14], Như Lai Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, Phật, Chúng Hựu; cũng như hôm nay Ta đã thành vị Như Lai Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, Phật, Chúng Hựu.

"Đức Phật ấy ở trong đời này gồm chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Phạm chí, từ người cho đến trời, mà tự tri tự giác, tự thân chứng đắc, thành tựu và an trụ. Cũng như hôm nay Ta ở trong đời này gồm chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Phạm chí, từ người cho đến trời, mà tự tri tự giác, tự thân chứng đắc, thành tựu và an trụ.

"Đức Phật ấy sẽ thuyết pháp, phần đầu vi diệu, phần giữa vi diệu và phần sau cũng vi diệu, có nghĩa, có văn, hiển hiện phạm hạnh đầy đủ thanh tịnh. Cũng như Ta hôm nay, thuyết pháp phần đầu vi diệu, phần giữa vi diệu và phần sau cũng vi diệu, có nghĩa, có văn, hiển hiện phạm hạnh đầy đủ thanh tịnh.

"Đức Phật ấy sẽ quảng diễn, lưu bố phạm hạnh với những đại hội vô lượng, từ người cho đến trời, khéo phát khởi, hiển hiện. Cũng như Ta hôm nay quảng diễn, lưu bố phạm hạnh với những đại hội vô lượng, từ người cho đến trời, khéo phát khởi hiển hiện.

"Đức Phật ấy sẽ có vô lượng trăm ngàn chúng Tỳ-kheo, cũng như Ta hôm nay có vô lượng trăm ngàn chúng Tỳ-kheo[15]."

Bấy giờ Tôn giả Di-lặc đang ở trong chúng ấy, từ chỗ ngồi đứng dậy, kéo lệch áo đang mặc, vòng tay hướng về Đức Phật, thưa rằng:

"Bạch Thế Tôn! Một thời gian lâu dài ở thời vị lai, lúc con người thọ mạng đến tám vạn tuổi, con sẽ thành Phật hiệu là Di-lặc Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, Phật, Chúng Hựu. Cũng như bây giờ Đức Thế Tôn là Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, Phật, Chúng Hựu.

"Con ở trong đời này gồm chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Phạm chí, từ người cho đến trời, mà tự tri tự giác, tự thân chứng đắc, thành tựu và an trụ. Cũng như hôm nay Thế Tôn ở trong đời này gồm chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Phạm chí, từ người cho đến trời, mà tự tri tự giác, tự thân chứng đắc, thành tựu và an trụ.

"Con thuyết pháp, phần đầu vi diệu, phần giữa vi diệu và phần sau cũng vi diệu, có nghĩa, có văn, hiển hiện phạm hạnh đầy đủ thanh tịnh. Cũng như Thế Tôn hôm nay, thuyết pháp phần đầu vi diệu, phần giữa vi diệu và phần sau cũng vi diệu, có nghĩa, có văn, hiển hiện phạm hạnh đầy đủ thanh tịnh.

"Con sẽ quảng diễn, lưu bố phạm hạnh với những đại hội vô lượng, từ người cho đến trời, khéo phát khởi, hiển hiện. Cũng như Thế Tôn hôm nay quảng diễn, lưu bố phạm hạnh với những đại hội vô lượng, từ người cho đến trời, khéo phát khởi hiển hiện.

"Con sẽ có vô lượng trăm ngàn chúng Tỳ-kheo, cũng như hiện giờ Thế Tôn có vô lượng trăm ngàn chúng Tỳ-kheo."

---

14. Di-lặc – j — C Pāli: Mettayya.

15. Pāli: so anekasahassam… (seyyathā pi'ham) anekasatam… vị ấy có vài nghìn… (cũng như Ta) có vài trăm…

Bấy giờ Đức Thế Tôn tán thán Tôn giả Di-lặc rằng:

"Lành thay! Lành thay! Di-lặc, ngươi phát tâm cực diệu là lãnh đạo đại chúng. Lý do vì sao? Vì ngươi đã nghĩ:

"– Bạch Thế Tôn! Một thời gian lâu dài ở thời vị lai, lúc con người thọ mạng đến tám vạn tuổi, con sẽ thành Phật hiệu là Di-lặc Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, Phật, Chúng Hựu. Cũng như bây giờ Đức Thế Tôn là Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, Phật, Chúng Hựu. Con ở trong đời này gồm chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Phạm chí, từ người cho đến trời, mà tự tri tự giác, tự thân chứng đắc, thành tựu và an trụ. Cũng như hôm nay Thế Tôn ở trong đời này gồm chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Phạm chí, từ người cho đến trời, mà tự tri tự giác, tự thân chứng đắc, thành tựu và an trụ. Con thuyết pháp, phần đầu vi diệu, phần giữa vi diệu và phần sau cũng vi diệu, có nghĩa, có văn, hiển hiện phạm hạnh đầy đủ thanh tịnh. Cũng như Thế Tôn hôm nay, thuyết pháp phần đầu vi diệu, phần giữa vi diệu và phần sau cũng vi diệu, có nghĩa, có văn, hiển hiện phạm hạnh đầy đủ thanh tịnh. Con sẽ quảng diễn, lưu bố phạm hạnh với những đại hội vô lượng, từ người cho đến trời, khéo phát khởi, hiển hiện. Cũng như Thế Tôn hôm nay quảng diễn, lưu bố phạm hạnh với những đại hội vô lượng, từ người cho đến trời, khéo phát khởi hiển hiện."

Đức Phật lại nói:

"Này Di-lặc, vào một thời gian lâu dài ở thời vị lai, lúc con người thọ đến tám vạn tuổi, ngươi sẽ thành Phật hiệu là Di-lặc Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, Phật, Chúng Hựu. Giống như Ta hiện nay là Như Lai Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, Phật, Chúng Hựu.

"Ngươi ở trong đời này gồm chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Phạm chí, từ người cho đến trời, mà tự tri tự giác, tự thân chứng đắc, thành tựu và an trụ. Cũng như hôm nay Ta ở trong đời này gồm chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Phạm chí, từ người cho đến trời, mà tự tri tự giác, tự thân chứng đắc, thành tựu và an trụ.

"Ngươi thuyết pháp, phần đầu vi diệu, phần giữa vi diệu và phần sau cũng vi diệu, có nghĩa, có văn, hiển hiện phạm hạnh đầy đủ thanh tịnh. Cũng như Ta hôm nay, thuyết pháp phần đầu vi diệu, phần giữa vi diệu và phần sau cũng vi diệu, có nghĩa, có văn, hiển hiện phạm hạnh đầy đủ thanh tịnh.

"Ngươi sẽ quảng diễn, lưu bố phạm hạnh với những đại hội vô lượng, từ người cho đến trời, khéo phát khởi, hiển hiện. Cũng như Ta hôm nay quảng diễn, lưu bố phạm hạnh với những đại hội vô lượng, từ người cho đến trời, khéo phát khởi hiển hiện.

"Ngươi sẽ có vô lượng trăm ngàn chúng Tỳ-kheo, cũng như hiện giờ Ta có vô lượng trăm ngàn chúng Tỳ-kheo."

Bấy giờ, Tôn giả A-nan cầm quạt đứng hầu Phật. Lúc đó, Đức Thế Tôn quay lại bảo:

"Này A-nan, ngươi hãy lấy tấm y được dệt bằng sợi tơ vàng dệt mang lại đây. Nay Ta muốn cho Tỳ-kheo Di-lặc."

Bấy giờ Tôn giả A-nan vâng lời Đức Thế Tôn, liền lấy tấm y được dệt bằng sợi tơ vàng dệt mang lại trao cho Đức Thế Tôn. Sau khi Đức Thế Tôn nhận tấm y được dệt bằng

chỉ vàng từ Tôn giả A-nan, Ngài bảo:

"Này Di-lặc, ngươi hãy nhận tấm y được dệt bằng chỉ vàng này từ Như Lai mà bố thí cho Phật, Pháp và Đại chúng. Lý do vì sao? Này Di-lặc, các Đức Như Lai Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác vì muốn cứu hộ thế gian và mong cầu thiện lợi và hữu ích, mong an ổn khoái lạc."

Bấy giờ Tôn giả Di-lặc nhận lấy tấm y dệt bằng chỉ vàng từ Đức Như Lai xong, liền dâng cúng cho Phật, Pháp và Đại chúng.

Lúc ấy ma Ba-tuần liền nghĩ: "Sa-môn Cù-đàm này đang du hành tại Ba-la-nại, ở trong vườn Lộc dã, Tiên nhân trú xứ. Vị ấy nhân chuyện vị lai mà thuyết pháp cho các đệ tử. Ta hãy đến đấy để gây nhiễu loạn."

Rồi ma Ba-tuần đi đến chỗ Đức Phật, hướng về Ngài và nói bài tụng rằng:

Người ấy tất sẽ được
Dung mạo diệu đệ nhất;
Thân tràng hoa anh lạc,
Ngọc sáng đeo cánh tay.
Nếu ở thành Kê-đầu[16]*,*
Trong cảnh giới vua Loa.

Bấy giờ Đức Thế Tôn nghĩ rằng: "Ma Ba-tuần này đến chỗ Ta muốn gây nhiễu loạn." Đức Thế Tôn sau khi đã biết là ma Ba-tuần liền nói bài tụng:

Người ấy tất sẽ được
Tối Thắng[17] *không nghi ngại*
Dứt sanh, lão, bệnh, tử;
Vô lậu, việc làm xong.
Ai tu hành phạm hạnh,
Sẽ ở cõi Di-lặc.

Ma Ba-tuần lại nói bài kệ:

Người ấy tất sẽ được
Y phục tối thượng diệu;
Thân ướp trầm chiên-đàn,
Tay chân đầy châu ngọc;
Nếu ở thành Kê-đầu
Sẽ ở cõi Loa vương.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn lại nói bài tụng:

Người ấy tất sẽ được
Vô chủ và vô gia;
Tay không cầm vàng ngọc,
Vô vi, không sầu não;
Nếu tu hành phạm hạnh,
Sẽ ở cõi Di-lặc.

Lúc đó ma Ba-tuần lại nói bài tụng:

Người kia tất sẽ được

---

16. Kê-đầu thành ——Y——A Pāli: Ketumatī nơi mà Sankha là Chuyển luân vương.
17. Nguyên Hán: Vô phục, dịch nghĩa của A-dật-da (Pāli: Ajjta), cũng dịch nghĩa là Vô Năng Thắng.

Danh, tài, ẩm thực diệu;
Khéo hiểu rành ca vũ,
Tạo nhạc, thường hoan hỷ;
Sẽ ở cõi Loa vương.

Bấy giờ Đức Thế Tôn lại nói bài tụng:

Người ấy tất qua bờ;
Như chim phá lưới ra;
Chứng trụ thiền tự tại;
Đủ lạc, thường hoan hỷ.
Này Ma, ngươi nên biết,
Ta đã hàng phục ngươi.

Lúc đó Ma vương lại nghĩ: "Thế Tôn biết ta. Thiện Thệ biết ta." Nghĩ vậy, nó buồn bã, sầu não, không thể ở lại, liền biến mất, không thấy ở chỗ ấy nữa.

Phật thuyết như vậy. Tôn giả Di-lặc, A-di-đa, A-nan và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

❑

67. KINH ĐẠI THIÊN NẠI LÂM[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật du hóa tại nước Bệ-đà-đề cùng với chúng đại Tỳ-kheo, đi đến Di-tát-la, trú trong rừng xoài của Đại Thiên[2].

Bấy giờ đang giữa đường đi, Đức Thế Tôn mỉm cười rạng rỡ. Tôn giả A-nan thấy Đức Thế Tôn mỉm cười liền chắp tay hướng về Phật, thưa rằng:

"Bạch Thế Tôn, vì nhân duyên gì mà Ngài mỉm cười? Các Đức Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, nếu không có nhân duyên gì thì không bao giờ mỉm cười. Mong Ngài nói cho con được biết ý đó."

Đức Thế Tôn bảo:

"Này A-nan, thuở xưa, trong rừng xoài, thuộc xứ Di-tát-la này, ở đây có nhà vua tên là Đại Thiên[3], là vị Chuyển luân vương, thông minh trí tuệ, có bốn loại quân chỉnh trị thiên hạ, tự do tự tại, là vị Pháp vương như pháp, thành tựu bảy báu, được bốn đức như ý của loài người.

"Này A-nan, vua Đại Thiên ấy thành tựu bảy báu là những gì? Đó là, bánh xe báu, voi báu, ngọc báu, nữ báu, ngựa báu, cư sĩ báu, tướng quân báu. Đó là bảy báu.

"Này A-nan, vua Đại Thiên thành tựu bánh xe báu là như thế nào?

"Này A-nan! Bấy giờ vào ngày rằm, là lúc thuyết Tùng giải thoát[4], sau khi tắm gội, vua Đại Thiên ngự trên chánh điện. Từ phương Đông có thiên luân bảo[5] hiện đến. Thiên luân có đủ một ngàn căm và đầy đủ tất cả bộ phận, thanh tịnh tự nhiên, chẳng phải do người tạo ra, màu sắc như ánh lửa, chói lọi sáng ngời. Vua Đại Thiên trông thấy liền hoan hỷ, nghĩ thầm: 'Luân bảo cao quý[6] đã xuất hiện, luân bảo vi diệu đã xuất hiện. Ta cũng từng nghe người xưa bảo rằng: Vào ngày rằm, sau khi đã tắm gội và ngự trên chánh điện, lúc vua Đảnh Sanh Sát-lợi[7] thuyết Tùng giải thoát thì có thiên luân bảo từ phương Đông hiện đến. Thiên luân có đủ tất cả một ngàn căm và đầy đủ tất cả bộ phận, thanh tịnh tự nhiên chứ không do người tạo ra, màu sắc như ánh lửa, chói lọi sáng ngời. Vì vậy tất sẽ là

---

1. Bản Hán, quyển 14. Pāli, M.83 Makhādeva-suttanta; tham chiếu Bản sanh, J.9. Makhādeva-Jātaka. Hán, No.125(1) Tăng Nhất 1, Tựa, Đại 2 tr.549; No.125 (50.4) Tăng Nhất 48, Đại 2 tr.806c.
2. Bệ-đà-đề -@———CPāli: Videha, mà thủ phủ là Mithilā (Di-tát-la ———o). Đại thiên Nại lâm -j——U-Llà khu rừng xoài của Mahādeva, một vị vua trong thời quá khứ mà triều đại tiếp theo thuộc về Okkāka, tổ phụ của dòng họ Thích.
3. Đại Thiên -j——CPāli: Makhādeva.
4. Thuyết Tùng giải thoát — -q———Atức đọc giới bổn của Tỳ-kheo (Ba-la-đề-mộc-xoa hay Biệt giải thoát). Bản Pāli, vào các ngày 14, 15, mồng 8 mỗi nửa tháng, vua hành lễ Bố-tát (Pāli: uposatha).
5. Thiên luân bảo ———-_-CPāli: dibba-cakka-ratna, bảo vật là bánh xe trời.
6. Hiền luân bảo ———-_-CPāli: bhavam cakka-ratnam.
7. Đảnh Sanh Sát-lợi vương ———b-Q——CPāli: rājā khattiyo muddhāvasitto, một vị vua dòng Sát-lợi đã được làm lễ quán đảnh (rưới nước lên đỉnh đầu), lễ tức vị. Vị này chưa phải Chuyển luân vương.

Chuyển luân vương. Ta há không là Chuyển luân vương sao?'

"Này A-nan, thuở xưa, vua Đại Thiên muốn đích thân thí nghiệm Thiên bảo luân. Bấy giờ vua cho tụ tập bốn loại quân là quân voi, quân ngựa, quân xe và quân bộ. Sau khi cho tụ tập bốn loại quân xong, nhà vua đi đến chỗ thiên luân bảo, dùng tay trái vỗ về, dùng tay phải lăn thiên luân mà nói rằng: 'Hãy theo thiên luân bảo; hãy theo đến nơi nào thiên luân bảo lăn đến'.

"Này A-nan, thiên luân bảo ấy khi đã chuyển động liền lăn về hướng Đông. Lúc đó vua Đại Thiên và bốn loại quân cũng đi theo sau. Nếu thiên luân bảo ngừng lại chỗ nào thì vua Đại Thiên và bốn loại quân dừng lại chỗ ấy.

"Bấy giờ, các tiểu quốc vương ở phương Đông đều đi đến chỗ vua Đại Thiên, tâu rằng:

"– Kính chào Thiên vương. Tâu Thiên vương, các nước này rất giàu có và an lạc, nhân dân đông đúc, đều hoàn toàn thuộc về Thiên vương. Mong Thiên vương đem pháp giáo hóa. Chúng tôi sẽ phụ tá Thiên vương.

"Bấy giờ, vua Đại Thiên bảo các tiểu vương:

"– Các khanh, mỗi vị hãy tự quản lãnh lấy lãnh thổ của mình. Hãy áp dụng pháp, chớ áp dụng phi pháp. Đừng để trong nước mình có những người tạo ác nghiệp và phi phạm hạnh.

"Này A-nan, thiên luân bảo ấy qua khỏi phương Đông, vượt qua biển lớn ở phương Đông, quay về phương Nam, phương Tây và phương Bắc.

"Này A-nan, lúc thiên luân bảo lăn chuyển xung quanh cùng khắp thì vua Đại Thiên cùng bốn loại quân cũng đều đi theo sau. Nếu thiên luân bảo ngừng lại chỗ nào thì vua Đại Thiên và bốn loại quân đóng lại ở chỗ ấy.

"Bấy giờ, các tiểu quốc vương ở phương Bắc đều đi đến chỗ vua Đại Thiên, tâu rằng:

"– Kính chào Thiên vương. Tâu Thiên vương, các nước này rất giàu có và an lạc, nhân dân đông đúc, đều hoàn toàn thuộc về Thiên vương. Mong Thiên vương đem pháp giáo hóa. Chúng tôi sẽ phụ tá Thiên vương.

"Bấy giờ, vua Đại Thiên bảo các tiểu vương:

"– Các khanh, mỗi vị hãy tự quản lãnh lấy lãnh thổ của mình. Hãy áp dụng pháp, chớ áp dụng phi pháp. Đừng để trong nước mình có những người tạo ác nghiệp và phi phạm hạnh.

"Này A-nan, thiên luân bảo ấy qua phương Bắc, vượt qua biển lớn phương Bắc rồi trở lại bản thành của vua. Lúc vua Đại Thiên ngự trên chánh điện đoán lý tài vật[8] thì Thiên luân bảo ngừng giữa hư không. Đó là vua Đại Thiên thành tựu Thiên luân báu như thế.

"Này A-nan, Vua Đại Thiên thành tựu voi báu như thế nào?

"Này A-nan, bấy giờ, vua Đại Thiên có voi báu sanh ra. Voi ấy trắng toát, có bảy chi, tên là Vu-sa-hạ[9]. Sau khi trông thấy, vua Đại Thiên hoan hỷ, phấn khởi, nghĩ rằng: 'Nếu được huấn luyện thì nó hết sức khôn'.

"Này A-nan, sau đó vua Đại Thiên bảo tượng sư rằng: 'Ngươi hãy mau huấn luyện con voi này cho hết sức thuần thiện. Nếu voi đã thuần thì đến cho ta hay'. Bấy giờ tượng

8. *Đoán lý* -_-z-Acác bản Tống-Nguyên-Minh: *liệu lý* —-z-Ftức xử lý tài vật hay tài sản.

9. Vu-sa-hạ -_—-P-CPāli: Uposatha (Bố-tát).

sư vâng lệnh vua, đến chỗ voi báu, nhanh chóng huấn luyện, khiến nó trở nên hết sức thuần thiện. Khi voi báu được chế ngự và huấn luyện rất kỹ, nó nhanh chóng trở nên thuần thiện. Cũng như thuở xưa voi tốt sống vô lượng trăm ngàn năm, đã trải qua vô lượng trăm ngàn năm được chế ngự và huấn luyện rất kỹ, nhanh chóng trở nên thuần thiện. Voi báu này cũng giống như vậy, được chế ngự và huấn luyện rất kỹ, nó nhanh chóng trở nên thuần thiện.

"Này A-nan, bấy giờ tượng sư nhanh chóng huấn luyện voi báu, khiến nó trở nên thuần thiện. Sau khi voi báu đã được huấn luyện, tượng sư liền đến chỗ nhà vua tâu rằng: 'Tâu Thiên vương, mong Thiên vương biết cho, tôi đã chế ngự và huấn luyện; voi báu đã thuần, nay tùy theo ý của Thiên vương'.

"Này A-nan, thuở ấy, khi vua Đại Thiên thí nghiệm voi báu, vào buổi sáng mai mặt trời mọc, liền đến chỗ voi, cỡi voi báu ấy và đi cùng khắp cả cõi đất cho đến đại hải, rồi nhanh chóng trở lại bản thành của vua. Đó là vua Đại Thiên thành tựu voi trắng báu như thế.

"Này A-nan, vua Đại Thiên thành tựu ngựa báu như thế nào?

"Này A-nan, bấy giờ, vua Đại Thiên có ngựa báu sanh ra. Ngựa báu ấy có sắc xanh mướt, đầu đen như quạ. Vì ngựa được trang nghiêm bằng bộ lông nên gọi là Mao mã vương[10]. Sau khi trông thấy, vua Đại Thiên hoan hỷ, phấn khởi, nghĩ rằng: 'Nếu được huấn luyện thì nó hết sức khôn'.

"Này A-nan, sau đó vua Đại Thiên bảo mã sư rằng: 'Ngươi hãy mau huấn luyện con ngựa này cho hết sức thuần thiện. Nếu ngựa đã thuần thì đến cho ta hay'. Bấy giờ mã sư vâng lệnh vua, đến chỗ ngựa báu, nhanh chóng huấn luyện, khiến nó trở nên hết sức thuần thiện. Khi ngựa báu được chế ngự và huấn luyện rất kỹ, nó nhanh chóng trở nên thuần thiện. Cũng như thuở xưa ngựa tốt sống vô lượng trăm ngàn năm, đã trải qua vô lượng trăm ngàn năm được chế ngự và huấn luyện rất kỹ, nhanh chóng trở nên thuần thiện. Ngựa báu này cũng giống như vậy, được chế ngự và huấn luyện rất kỹ, nó nhanh chóng trở nên thuần thiện.

"Này A-nan, bấy giờ mã sư nhanh chóng huấn luyện ngựa báu, khiến nó trở nên thuần thiện. Sau khi ngựa báu đã được huấn luyện, mã sư liền đến chỗ nhà vua tâu rằng: 'Tâu Thiên vương, mong Thiên vương biết cho, tôi đã chế ngự và huấn luyện; ngựa báu đã thuần, nay tùy theo ý của Thiên vương'.

"Này A-nan, thuở ấy, khi vua Đại Thiên thí nghiệm ngựa báu, vào buổi sáng mai mặt trời mọc, liền đến chỗ ngựa, cỡi ngựa báu ấy và đi cùng khắp cả cõi đất cho đến đại hải, rồi nhanh chóng trở lại bản thành của vua. Đó là vua Đại Thiên thành tựu ngựa báu sắc xanh như thế.

"Này A-nan, Vua Đại Thiên thành tựu ngọc báu như thế nào?

"Này A-nan, bấy giờ, vua Đại Thiên có châu báu sanh ra. Hạt châu ấy trong suốt tự nhiên, không do ai tạo, tám cạnh không bẩn, được mài dũa cực đẹp, được xâu qua bằng sợi dây ngũ sắc: xanh, vàng, đỏ, trắng, đen.

"Này A-nan, lúc vua Đại Thiên ở trong cung điện, muốn có ánh sáng của đèn, tức thì sử dụng hạt minh châu.

"Này A-nan, thuở xưa, khi vua Đại Thiên muốn thử châu báu, bèn cho tụ tập bốn loại quân lại là quân voi, quân ngựa, quân xe và quân bộ. Sau khi tụ tập bốn loại quân

---

10. Mao mã vương ———AMã vương có bờm. Pāli: Valāhaka (Vân mã vương).

xong, vào lúc đêm tối, vua cho dựng một cây phướn cao, cho đặt hạt châu trên ấy, rồi đến công viên để nhìn. Ánh sáng của ngọc chiếu khắp bốn loại quân, soi đến nửa do-diên. Đó là vua Đại Thiên thành tựu ngọc báu là như thế.

"Này A-nan, vua Đại Thiên thành tựu nữ báu là như thế nào?

"Này A-nan, bấy giờ, vua Đại Thiên có nữ báu sanh ra. Nữ báu ấy có thân thể trong trắng, tinh khiết, nõn nà, sắc đẹp hơn người, không nhường thiên nữ, tư dung đoan chánh, ai nhìn cũng thấy khoan khoái; miệng tỏa mùi hương hoa sen xanh thơm phức; từ các lỗ chân lông trên người toát mùi hương chiên-đàn. Về mùa đông thì thân ấm áp, về mùa hè thì thân mát mẻ. Nữ báu ấy hết lòng hầu hạ nhà vua, nói năng hòa nhã, làm việc nhanh chóng, thông minh trí tuệ, hoan hỷ thích làm việc lành; luôn nghĩ đến nhà vua, tâm thường không rời, huống nữa thân và miệng. Đó là vua Đại Thiên thành tựu nữ báu vậy.

"Này A-nan, vua Đại Thiên thành tựu cư sĩ báu là như thế nào?

"Này A-nan, bấy giờ, vua Đại Thiên có cư sĩ báu sanh ra. Cư sĩ báu ấy giàu có cùng tột, của cải vô lượng, có nhiều súc vật chăn nuôi; phòng hộ, thực ấp đầy đủ mọi thứ; có phước báo nên được thiên nhãn, thấy các kho báu, đầy hay trống đều thấy rõ; thấy có người thủ hộ hay không có người thủ hộ. Mỏ vàng, mỏ bạc, mỏ quặng hay không phải quặng[11]; đều thấy rõ cả.

"Này A-nan, cư sĩ báu ấy đến trước vua Đại Thiên tâu rằng: 'Tâu Thiên vương, nếu Thiên vương muốn được vàng, và tiền bạc, thì Thiên vương chớ có lo buồn, vì hạ thần tự biết đúng thời'.

"Này A-nan, thuở xưa, khi vua Đại Thiên muốn thí nghiệm cư sĩ báu, vua chèo thuyền ra giữa sông Hằng, bảo rằng:

"– Này cư sĩ, ta muốn được vàng, và tiền bạc.

"Cư sĩ tâu:

"– Tâu Thiên vương, hãy cho thuyền cập bến.

"Khi ấy, vua Đại Thiên bảo:

"– Này cư sĩ, ta muốn được ở chính giữa sông này.

"Cư sĩ tâu rằng:

"– Tâu Thiên vương, hãy cho thuyền ngừng lại.

"Này A-nan, bấy giờ cư sĩ báu đến trước mũi thuyền, thọc tay vào trong nước, lấy lên bốn kho tàng, là mỏ vàng, mỏ bạc, mỏ quặng hay không phải quặng, tâu rằng:

"– Tâu Thiên vương, xin tùy ý muốn, Thiên vương tha hồ sử dụng, còn bao nhiêu thì trả lại dưới sông.

"Đó là vua Đại Thiên thành tựu cư sĩ báu.

"Này A-nan, vua Đại Thiên thành tựu tướng quân báu là như thế nào?

"Này A-nan, bấy giờ, vua Đại Thiên có tướng quân báu. Tướng quân ấy thông minh, trí tuệ, biện tài, nói hay, hiểu rộng. Tướng quân báu sẽ thay vua Đại Thiên thực hiện những mục đích đời này, khuyến cáo và an lập; thực hiện mục đích cho đời sau, khuyến cáo và an lập; thực hiện mục đích đời này, mục đích đời sau, khuyến cáo và an lập. Tướng quân báu sẽ vì vua Đại Thiên, nếu muốn tập hợp các quân là tập hợp được; nếu muốn giải tán là giải tán ngay; muốn cho binh lính thuộc bốn loại quân không mệt mỏi và khuyến khích giúp đỡ. Đối với các cận thần khác cũng vậy. Đó là vua Đại Thiên thành

---

11. Hán: *tác tạng, bất tác tạng* –@———@——C Có lẽ Pāli: ākara, mỏ khoáng hay quặng. Hán hiểu kara là *làm*.

tựu tướng quân báu.

“Này A-nan, đó là vua Đại Thiên thành tựu bảy báu.

“Này A-nan, vua Đại Thiên thành tựu bốn như ý túc[12] là như thế nào?

“Này A-nan, vua Đại Thiên ấy sống thật lâu, đến tám vạn bốn ngàn năm; thời con nít vui đùa đến tám vạn bốn ngàn năm; làm Tiểu quốc vương đến tám vạn bốn ngàn năm; làm Đại quốc vương đến tám vạn bốn ngàn năm; rồi cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình sống không gia đình, xuất gia học đạo, học Tiên nhân vương[13], tu hành phạm hạnh tại Di-tát-la này, trú trong rừng xoài Đại Thiên. Này A-nan, nếu vua Đại Thiên sống thật lâu, đến tám vạn bốn ngàn năm; thời con nít vui đùa đến tám vạn bốn ngàn năm; làm Tiểu quốc vương đến tám vạn bốn ngàn năm; làm Đại quốc vương đến tám vạn bốn ngàn năm; rồi cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình sống không gia đình, xuất gia học đạo, học Tiên nhân vương, tu hành phạm hạnh tại Di-tát-la này, trú trong rừng xoài Đại Thiên, thì chính đó là đức như ý túc thứ nhất của vua Đại Thiên.

“Lại nữa, A-nan, vua Đại Thiên không có bệnh tật, thành tựu sự điều hòa của thực đạo[14], không lạnh, không nóng, an ổn, không bị bứt rứt. Do đó, đồ ăn thức uống được tiêu hóa dễ dàng. Này A-nan, vua Đại Thiên không có bệnh tật, thành tựu sự điều hòa của thực đạo, không lạnh, không nóng, an ổn, không bứt rứt; do đó đồ ăn thức uống tiêu hóa dễ dàng, thì chính đó là đức như ý túc thứ hai của vua Đại Thiên.

“Lại nữa, A-nan, vua Đại Thiên thân thể trắng trẻo, sạch sẽ, trong sáng, sắc đẹp hơn người, không kém gì thiên thần, đoan chánh, đẹp đẽ, ai nhìn cũng thấy khoan khoái. Này A-nan, nếu vua Đại Thiên thân thể trắng trẻo, sạch sẽ, trong sáng, sắc đẹp hơn người, không kém gì thiên thần, đoan chánh, đẹp đẽ, ai nhìn cũng thấy khoan khoái, thì chính đó chính là đức như ý túc thứ ba của vua Đại Thiên.

“Lại nữa, A-nan, vua Đại Thiên thường ái niệm các Phạm chí, Cư sĩ, như cha nghĩ đến con. Phạm chí, Cư sĩ lại cũng kính trọng vua Đại Thiên như con kính cha. Này A-nan, thuở xưa, vua Đại Thiên ở trong công viên, bảo người đánh xe rằng: ‘Hãy đánh xe đi chầm chậm. Ta muốn nhìn kỹ các Phạm chí, Cư sĩ’. Phạm chí, Cư sĩ cũng bảo người đánh xe: ‘Hãy đánh xe đi chầm chậm. Chúng tôi muốn nhìn kỹ đức vua Đại Thiên’. Này A-nan, nếu vua Đại Thiên thường ái niệm các Phạm chí, Cư sĩ như cha nghĩ đến con; còn các Phạm chí, Cư sĩ lại kính trọng vua Đại Thiên như con kính cha thì chính đó là đức như ý túc thứ tư của vua Đại Thiên.

“Này A-nan, đó là vua Đại Thiên được bốn đức như ý túc.

“Này A-nan, một thời gian sau, vua Đại Thiên bảo thợ hớt tóc rằng:

“– Nếu ngươi thấy đầu ta mọc tóc bạc thì cho ta hay.

“Bấy giờ thợ hớt tóc vâng lời vua bảo. Một thời gian sau đó, gội đầu cho vua, thấy mọc tóc bạc, liền tâu:

“– Tâu Thiên vương, mong Thiên vương biết cho, Thiên sứ đã đến[15]; đầu mọc tóc bạc.

---

12. Bốn *như ý túc* –|–p–N––FNo.1(2): bốn *thần đức* –– –w–C Pāli: catasso iddhiyo, bốn tiềm lực hay năng lực phi thường.
13. Tiên nhân vương –P–H––C Pāli: rājisi, vị ẩn nguyên là vua.
14. *Bình đẳng thực vị chi đạo* ––––––––D–C Pāli: samavepākin, tiêu hóa dễ dàng (ăn uống dễ tiêu hóa). Xem D.28 Saṅgīti-suttanta, về pañca padhāniyaṅgāni (năm cần chi).
15. Xem kinh số 64.

"Vua Đại Thiên lại bảo thợ hớt tóc:

"– Ngươi hãy lấy nhíp bằng vàng, từ từ nhổ tóc bạc bỏ vào bàn tay ta.

"Lúc ấy, thợ hớt tóc vâng lệnh vua bảo, liền lấy cái nhíp bằng vàng, từ từ nhổ tóc bạc bỏ vào bàn tay vua.

"Này A-nan, vua Đại Thiên tay bưng tóc bạc, nói bài tụng:

Đầu ta mọc tóc bạc;
Thọ mạng đến hồi suy.
Thiên sứ đã đến rồi,
Nay lúc ta học đạo.

"Này A-nan, sau khi thấy tóc bạc, vua Đại Thiên bảo thái tử:

"– Này thái tử, hãy biết rằng Thiên sứ đã đến, đầu mọc tóc bạc. Này thái tử, ta đã hưởng lạc dục thế gian, nay lại muốn cầu dục lạc thiên thượng. Này thái tử, nay ta muốn cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo. Này thái tử, nay ta muốn đem bốn châu thiên hạ này phó thác cho con. Con hãy trị vì, giáo hóa đúng như pháp, chớ dùng phi pháp; không để cho trong nước có những người tạo ác nghiệp, phi phạm hạnh. Này thái tử, về sau nếu con thấy Thiên sứ đến, đầu mọc tóc bạc, thì con nên đem việc quốc chính của nước này trao lại cho thái tử của con, khéo dạy bảo nó và trao đất nước lại cho nó, rồi con cũng nên cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo. Này thái tử, nay ta chuyển giao pháp kế thừa[16] này cho con. Con cũng phải chuyển giao lại pháp kế thừa này, chớ để cho nhân dân trở thành cực biên[17]. Này thái tử, tại sao nay ta chuyển trao pháp kế thừa này cho con, bảo con cũng phải chuyển trao pháp kế thừa này, chớ để cho nhân dân trở thành cực biên địa. Này thái tử, nếu trong nước này sự truyền trao bị dứt tuyệt, không được tiếp nối, thì đó là nhân dân trở thành cực biên. Vì thế cho nên, này thái tử, nay ta chuyển trao cho con. Này thái tử, ta đã chuyển trao pháp kế thừa này cho con thì con phải chuyển trao pháp kế thừa ấy lại, chớ để cho nhân dân trở thành cực biên.

"Này A-nan, vua Đại Thiên ấy đem việc quốc chánh của nước này phó thác cho thái tử. Sau khi dạy bảo cặn kẽ xong liền cạo bỏ râu tóc, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo, học Tiên nhân vương, tu hành phạm hạnh tại Di-tát-ta này, trú trong rừng xoài Đại thiên.

"Thái tử cũng là Chuyển luân vương thành tựu bảy báu, được phước đức có bốn đức như ý của loài người như vua cha; như bảy báu và bốn đức như ý của loài người đã được nói trên.

"Này A-nan, vị Chuyển luân vương ấy về sau cũng bảo thợ hớt tóc rằng:

"– Nếu ngươi thấy đầu ta mọc tóc bạc thì cho ta hay.

"Bấy giờ thợ hớt tóc vâng lời vua bảo. Một thời gian sau đó, gội đầu cho vua, thấy mọc tóc bạc, liền tâu:

"– Tâu Thiên vương, mong Thiên vương biết cho, Thiên sứ đã đến; đầu mọc tóc bạc.

"Vị Chuyển luân vương kia lại bảo thợ hớt tóc:

"– Ngươi hãy lấy nhíp bằng vàng, từ từ nhổ tóc bạc bỏ vào bàn tay ta.

"Lúc ấy, thợ hớt tóc vâng lệnh vua bảo, liền lấy cái nhíp bằng vàng, từ từ nhổ tóc

---

16. *Tương kế chi pháp* ▬▬~▬▬k▬C No.125 (50-4): *tương thiệu* ▬▬▬C

17. Pāli: mā kho me tvaṃ antimapuriso ahosi, "con chớ trở thành là người (kế thừa) cuối cùng của ta".

bạc bỏ vào bàn tay vua.

"Này A-nan, Chuyển luân vương kia tay bưng tóc bạc, nói bài tụng:

"Đầu ta mọc tóc bạc;
Thọ mạng đến hồi suy.
Thiên sứ đã đến rồi,
Nay lúc ta học đạo.

"Này A-nan, sau khi thấy tóc bạc, Chuyển luân vương kia bảo thái tử:

"– Này thái tử, hãy biết rằng Thiên sứ đã đến, đầu mọc tóc bạc. Này thái tử, ta đã hưởng lạc dục thế gian, nay lại muốn cầu dục lạc thiên thượng. Này thái tử, nay ta muốn cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo. Này thái tử, nay ta muốn đem bốn châu thiên hạ này phó thác cho con. Con hãy trị vì, giáo hóa đúng như pháp, chớ dùng phi pháp; không để cho trong nước có những người tạo ác nghiệp, phi phạm hạnh. Này thái tử, về sau nếu con thấy Thiên sứ đến, đầu mọc tóc bạc, thì con nên đem việc quốc chính của nước này trao lại cho thái tử của con, khéo dạy bảo nó và trao đất nước lại cho nó, rồi con cũng nên cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo. Này thái tử, nay ta chuyển giao pháp kế thừa này cho con. Con cũng phải chuyển giao lại pháp kế thừa này, chớ để cho nhân dân trở thành cực biên. Này thái tử, tại sao nay ta chuyển trao pháp kế thừa này cho con, bảo con cũng phải chuyển trao pháp kế thừa này, chớ để cho nhân dân trở thành cực biên địa? Này thái tử, nếu trong nước này sự truyền trao bị dứt tuyệt, không được tiếp nối, thì đó là nhân dân trở thành cực biên. Vì thế cho nên, này thái tử, nay ta chuyển trao cho con. Này thái tử, ta đã chuyển trao pháp kế thừa này cho con thì con phải chuyển trao pháp kế thừa ấy lại, chớ để cho nhân dân trở thành cực biên.

"Này A-nan, Chuyển luân vương kia đem việc quốc chánh của nước này phó thác cho thái tử. Sau khi dạy bảo cặn kẽ xong liền cạo bỏ râu tóc, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo, học Tiên nhân vương, tu hành phạm hạnh tại Di-tát-ta này, trú trong rừng xoài Đại thiên.

"Này A-nan, đó là từ con đến con, từ cháu đến cháu, từ dòng họ đến dòng họ, từ kiến đến kiến[18], lần lượt đến tám vạn bốn ngàn vị Chuyển luân vương, cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo, học Tiên nhân vương, tu hành phạm hạnh tại Di-tát-la này, trú trong rừng xoài Đại thiên.

"Vị vua sau cùng tên là Ni-di[19], là một Pháp vương như pháp, thực hành pháp đúng như pháp; là vị vua vì thái tử, hậu phi, thể nữ và các thần dân, Sa-môn, Phạm chí cho đến côn trùng mà phụng trì trai giới vào những ngày mồng tám, mười bốn, mười lăm; tu hạnh bố thí, cho những kẻ nghèo khổ, Sa-môn, Phạm chí, cho đến những người cô độc từ các phương xa đến xin, đem đồ ăn thức uống, áo chăn, xe cộ, tràng hoa, bột hoa, bột hương, nhà cửa, giường nệm, đệm lông, khăn quấn, cung cấp đèn dầu...

"Bấy giờ chư Thiên ở cõi trời Tam thập tam thiên tụ tập ngồi tại Thiện pháp giảng đường[20] hết lời xưng tán vua Ni-di như thế này: 'Chư Hiền, người xứ Bệ-đà-đề có đại

---

18. Tùng kiến chí kiến ▬q▬▬▬(?).

19. Ni-di ▬▬C Pāli: Nimi.

20. Thiện pháp giảng đường ▬▬k▬▬CPāli: Sudhamma-sabhā, phòng hội của chư Thiên Tam thập tam (Pl. Tāvatiṃsa).

thiện lợi, có đại công đức. Vì sao? – Vì vua cuối cùng của họ là Ni-di, một Pháp vương như pháp, thực hành pháp đúng như pháp, là người đã vì thái tử, hậu phi, thể nữ và các thần dân, Sa-môn, Phạm chí cho đến côn trùng mà phụng trì trai giới vào những ngày mồng tám, mười bốn, mười lăm; tu hạnh bố thí, cho những người nghèo khổ, Sa-môn, Phạm chí, cho những người cô độc từ các phương xa đến xin, đem các đồ ăn thức uống, áo chăn, xe cộ, tràng hoa, bột hoa, bột hương, nhà cửa, giường nệm, đệm lông, cung cấp khăn quấn và đèn dầu...'

"Bấy giờ trời Thiên Đế-thích cũng có trong chúng, bảo chư Thiên Tam thập tam thiên rằng:

"– Chư Hiền, các vị có muốn thấy vua Ni-di ngay tại nơi này không?

"Chư Thiên Tam thập tam thiên đáp:

"– Thưa Câu-dực[21], chúng tôi muốn được đến ngay nơi ấy để yết kiến vua Ni-di.

"Bấy giờ, trong khoảnh khắc, như lực sĩ co duỗi cánh tay, Đế-thích ở cõi Tam thập tam thiên bỗng nhiên biến mất không thấy và hiện ra ở cung điện vua Ni-di.

"Lúc ấy, vua Ni-di thấy Thiên Đế-thích, liền hỏi:

"– Ông là ai?

"Thiên Đế-thích đáp:

"– Đại vương có nghe đến Thiên Đế-thích không?

"Đáp:

"– Nghe nói có Đế-thích.

"– Đó chính là tôi vậy. Đại vương có đại thiện lợi, có đại công đức. Vì sao? – Vì chư Thiên ở cõi Tam thập tam thiên tụ tập tại Thiện pháp giảng đường, hết lời xưng tán Đại vương thế này: 'Chư Hiền, người xứ Bệ-đà-đề có đại thiện lợi, có đại công đức. Vì sao? – Vì vua cuối cùng của họ là Ni-di, một Pháp vương như pháp, thực hành pháp đúng như pháp, là người đã vì thái tử, hậu phi, thể nữ và các thần dân, Sa-môn, Phạm chí cho đến côn trùng mà phụng trì trai giới vào những ngày mồng tám, mười bốn, mười lăm; tu hạnh bố thí, cho những người nghèo khổ, Sa-môn, Phạm chí, cho những người cô độc từ các phương xa đến xin, đem các đồ ăn thức uống, áo chăn, xe cộ, tràng hoa, bột hoa, bột hương, nhà cửa, giường nệm, đệm lông, cung cấp khăn quấn và đèn dầu...' Đại vương có muốn thấy Tam thập tam thiên không?

"Vua đáp:

"– Muốn thấy.

"Đế-thích lại bảo vua Ni-di:

"– Tôi trở về cõi trời, sẽ ra lệnh trang nghiêm xa giá với một ngàn voi kéo đến. Đại vương cỡi xe dạo chơi, lên du lãm cõi trời.

"Bấy giờ, vua Ni-di im lặng nhận lời. Đế-thích biết vua Ni-di đã nhận lời; trong khoảnh khắc, như thời gian lực sĩ co duỗi cánh tay, biến mất khỏi cung điện vua Ni-di mà trở về cõi Tam thập tam thiên.

"Sau khi trở về, Đế-thích bảo người đánh xe:

"– Ngươi hãy nhanh chóng trang nghiêm giá với một ngàn voi kéo, đến đón vua Ni-di. Sau khi đến nơi, hãy tâu vua rằng: 'Đại vương, nên biết, Đế-thích sai đánh cỗ xe có nghìn voi kéo này đến đón Đại vương. Đại vương hãy cỡi xe này dạo chơi, lên du lãm cõi trời'. Sau khi vua đã lên xe, lại hỏi vua rằng: 'Đại vương muốn tôi đánh xe đi đường nào?

---

21. Câu-dực ——l (= Kiều-thi-ca——r–{). Pāli: Kosika hoặc Kosiya, hiệu của Thiên Đế-thích.

Đi theo đường ác thọ ác báo? Hay diệu thọ diệu báo?'

"Người đánh xe vâng lệnh Đế-thích, tức thì trang nghiêm cỗ xe nghìn voi, đi đến vua Ni-di. Đến nơi, tâu vua rằng:

"– Đại vương, nên biết, Đế-thích sai đánh cỗ xe có nghìn voi kéo này đến đón Đại vương. Đại vương hãy cỡi xe này dạo chơi, lên du lãm cõi trời.

"Sau khi vua Ni-di đã lên xe, người đánh xe lại hỏi rằng:

"– Đại vương muốn tôi đánh xe đi đường nào? Đi theo đường ác thọ ác báo? Hay diệu thọ diệu báo?'

"Bấy giờ vua Ni-di bảo người đánh xe rằng:

"– Hãy đưa tôi đi giữa hai đường ác thọ ác báo và diệu thọ diệu báo.

"Người đánh xe liền đưa vua đi giữa hai đường ấy, giữa ác thọ ác báo và diệu thọ diệu báo. Từ xa, chư Thiên Tam thập tam thiên trông thấy vua Ni-di đi đến, sau khi trông thấy liền chúc lành rằng:

"– Kính chào Đại vương! Kính chào Đại vương! Đại vương có thể cùng sống chung hưởng lạc với Tam thập tam thiên chúng tôi.

"Lúc ấy, vua Ni-di nói bài tụng cho chư Thiên Tam thập tam thiên:

Giống như kẻ cỡi nhờ,
Nhất thời tạm mượn xe;
Nơi đây cũng như vậy.
Vì là của kẻ khác.
Tôi về Di-tát-la,
Sẽ làm vô lượng thiện.
Nhân đó sanh cõi trời,
Tạo phước làm tư lương.

"Này A-nan, vua Đại Thiên thuở xưa ấy ông cho là ai khác chăng? Chớ nghĩ như vậy. Nên biết vị ấy chính là Ta.

"Này A-nan, thuở xưa, Ta từ đời con đến đời con, từ đời cháu đến đời cháu, từ dòng họ đến dòng họ, lần lượt có đến tám vạn bốn ngàn Chuyển luân vương, từng cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo, học Tiên nhân vương, tu hành phạm hạnh, tại Di-tát-la này trú trong rừng xoài Đại Thiên. Bấy giờ Ta tự làm lợi ích cho mình, cũng làm lợi ích cho kẻ khác, làm lợi ích cho mọi người. Ta thương xót thế gian, vì trời và vì người mà cầu nghĩa, lợi ích và an ổn khoái lạc. Khi ấy, Ta thuyết pháp không đến chỗ rốt ráo, không rốt ráo bạch tịnh, không rốt ráo phạm hạnh. Vì không rốt ráo phạm hạnh, lúc ấy Ta không thoát ly khỏi sự sanh, tuổi già, bệnh tật, sự chết, khóc than, áo não; cũng chưa thể thoát ra ngoài mọi khổ đau.

"Này A-nan, nay Ta xuất hiện ở đời, là Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành[22], Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, gọi là Phật[23], Chúng Hựu. Nay Ta làm lợi ích cho mình, cũng làm lợi ích cho người khác, làm lợi ích cho mọi người. Ta thương xót thế gian, vì trời và người mà cầu nghĩa và lợi ích, cầu an ổn khoái lạc. Nay Ta thuyết pháp đã đến chỗ rốt ráo bạch tịnh, rốt ráo phạm hạnh. Vì đã rốt ráo phạm hạnh, nay Ta lìa khỏi sự sanh, tuổi già, bệnh tật, sự

---

22. Trong bản Hán: *Minh hành thành vi*——Có lẽ thừa chữ *vi*. Thường nói là Minh hành túc. Pāli: vijjā-caraṇa-sampanna.

23. Trong bản Hán: *hiệu Phật*——C

chết, khóc than, áo não. Nay Ta đã thoát mọi khổ đau.

"Này A-nan, nay Ta chuyển trao pháp kế thừa này cho ông, ông cũng phải chuyển trao pháp kế thừa này lại, chớ để cho Phật pháp dứt đoạn.

"Này A-nan, thế nào là pháp kế thừa mà nay Ta chuyển trao cho ông và bảo ông cũng phải chuyển trao lại pháp kế thừa ấy, chớ để cho Phật pháp dứt đoạn? Đó chính là Thánh đạo tám chi, từ chánh kiến cho đến chánh định là tám. Này A-nan, đó chính là pháp kế thừa mà nay Ta đã chuyển trao cho ông, và ông cũng phải chuyển trao lại pháp kế thừa ấy, chớ để cho Phật chủng đứt đoạn."

Phật thuyết như vậy. Tôn giả A-nan và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

❑

68. KINH ĐẠI THIỆN KIẾN VƯƠNG[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật du hóa tại thành Câu-thi[2], trú trong rừng Sa-la của Hòa bạt đơn lực sĩ[3].

Bấy giờ, vào lúc tối hậu, sắp nhập Niết-bàn, Đức Thế Tôn bảo:

"Này A-nan, hãy đến giữa hai cây Sa-la song thọ[4] trải chỗ nằm cho Như Lai, đầu quay về hướng Bắc. Như Lai vào giữa đêm nay sẽ nhập Niết-bàn."

Tôn giả A-nan vâng lời Đức Như Lai, liền đến giữa hai cây song thọ trải chỗ nằm cho Như Lai, đầu quay về hướng Bắc. Sau khi trải chỗ nằm xong, trở lại chỗ Đức Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Ngài rồi đứng sang một bên, bạch rằng:

"Bạch Thế Tôn, con đã trải chỗ nằm cho Như Lai, đầu quay về hướng Bắc. Cúi mong Thế Tôn tự biết thời."

Bấy giờ Thế Tôn cùng Tôn giả A-nan đến giữa hai cây song thọ, xếp tư y uất-đa-la-tăng trải lên chỗ nằm, gấp y tăng-già-lê làm gối. Ngài nằm nghiêng về hông bên phải, hai chân chồng lên nhau. Đây là lúc tối hậu, Phật sắp Niết-bàn.

Lúc ấy Tôn giả A-nan đang cầm quạt hầu Phật. Tôn giả chắp tay hướng về Đức Phật thưa rằng:

"Bạch Thế Tôn, còn có những thành lớn khác. Một là Chiêm-bà, hai là Xá-vệ, ba là Bệ-xá-ly, bốn là Vương xá, năm là Ba-la-nại, sáu là Ca-tỳ-la-vệ[5]. Sao Thế Tôn không nhập Niết-bàn ở các nơi ấy, mà quyết định tại thành bằng đất nhỏ hẹp này, một thành nhỏ hẹp nhất trong các thành?"

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo:

"Này A-nan, ngươi chớ nói rằng đây là thành đất nhỏ hẹp, là thành nhỏ nhất trong các thành. Vì sao? Vì thuở quá khứ, thành Câu-thi-na này tên là Câu-thi vương thành[6], giàu có cùng tột, dân chúng đông đúc.

"A-nan, Câu-thi vương thành dài mười hai do-diên, rộng bảy do-diên.

"A-nan, ở đây dựng tháp canh cao bằng một người, hoặc hai, ba, bốn..., cho đến bảy người.

---

1. Pāli: D.17. Mahā-Sudassana-suttanta. Tham chiếu, No.1(2) "Kinh Du hành"; No.5 Phật Bát-nê-hoàn Kinh, quyển hạ, Bạch Pháp Tổ dịch; No.6 Bát-nê-hoàn kinh, khuyết danh dịch; No.7 Đại Bát-niết-bàn kinh, Nghĩa Tịnh dịch; No.1451 Căn Bản Thuyết Nhất Thiết Hữu Bộ Tì-nại-da Tạp Sự quyển 37, Nghĩa Tịnh dịch.
2. Câu-thi thành ▬▬r▬▬CPāli: Kusinārā, thủ phủ của bộ tộc Mallā; Đức Phật nhập Niết-bàn tại đây.
3. Hòa-bạt-đơn Lực sĩ ▬▬[▬▬0▬h▬APāli: Upavattana-Mallā, bộ tộc Mallā ở Upavattana.
4. Song Sa-la thọ▬▬▬▬▬CPāli: yamaka-sālā, cây Sa-la sinh đôi, mọc thành cặp; Sa-la song thọ.
5. Chiêm-bà (Pāli: Campā). Xá-vệ (Sāvatthi), Bệ-xá-ly (Vesali), Vương xá (Rājagaha), Ba-la-nại (Bārānasi), Ca-duy-la-vệ (Kapilavatthu). Bản Pāli kể hơi khác, thay Bệ-xa-ly và Ca-duy-la-vệ bằng Sāketa và Kosambī.
6. Câu-thi vương thành ▬▬r▬▬▬CPāli: Kūsavati. No.1 (2) Câu-xá-bà-đề.

"A-nan, ở chung quanh bên ngoài Câu-thi vương thành, có bảy lớp hào. Hào ấy được xây bằng gạch bốn báu là vàng, bạc, lưu ly và thủy tinh. Đáy hào cũng trải cát bằng bốn loại báu là vàng, bạc, lưu ly và thủy tinh.

"Này A-nan, Câu-thi vương thành có bảy lớp tường thành bao bọc bên ngoài. Những lớp tường thành ấy cũng được xây bằng gạch bốn báu là vàng, bạc, lưu ly và thủy tinh.

"Này A-nan, Câu-thi vương thành có bảy lớp hàng cây Đa-la[7] bằng bốn báu là vàng, bạc, lưu ly và thủy tinh bao bọc xung quanh. Cây Đa-la bằng vàng thì hoa, lá và trái bằng bạc. Cây Đa-la bằng bạc thì hoa, lá và trái bằng vàng. Cây Đa-la bằng lưu ly thì hoa, lá và trái bằng thủy tinh. Cây Đa-la bằng thủy tinh thì hoa, lá và trái bằng lưu ly.

"Này A-nan, ở giữa những cây Đa-la có đào nhiều hồ sen; hồ sen xanh, hồ sen hồng, hồ sen đỏ và hồ hoa sen trắng.

"Này A-nan, bờ hồ hoa ấy được đắp bằng bốn báu là vàng, bạc, lưu ly và thủy tinh. Ở đáy hồ thì rải cát bằng bốn báu là vàng, bạc, lưu ly và thủy tinh. Trong thành hồ ấy có thềm cấp bằng bốn báu là vàng, bạc, lưu ly, thủy tinh. Thềm cấp bằng vàng thì bậc chân[8] bằng bạc, thềm cấp bằng bạc thì có bậc chân bằng vàng. Thềm cấp bằng lưu ly thì có bậc chân bằng thủy tinh. Thềm cấp bằng thủy tinh thì có bậc chân bằng lưu ly.

"Này A-nan, xung quanh hồ ấy có câu lan[9] bằng bốn báu, lưới câu là vàng bạc, lưu ly, thủy tinh. Lan can bằng vàng thì lưới câu bằng bạc. Lan can bằng bạc thì lưới câu bằng vàng. Lan can bằng lưu ly thì lưới câu bằng thủy tinh. Lan can bằng thủy tinh thì lưới câu bằng lưu ly.

"Này A-nan, hồ ấy được trùm bởi màn lưới có chuông treo ở giữa. Chuông ấy làm bằng bốn báu là vàng, bạc, lưu ly và thủy tinh. Chuông bằng vàng thì quả lắc bằng bạc. Chuông bằng bạc thì quả lắc bằng vàng. Chuông bằng lưu ly thì quả lắc bằng thủy tinh. Chuông bằng thủy tinh thì quả lắc bằng lưu ly.

"Này A-nan, trong hồ ấy trồng nhiều loại hoa dưới nước như hoa sen xanh, hoa sen hồng, hoa sen đỏ, hoa sen trắng; thường có nước, có hoa, không có người trông giữ ngăn cấm vì thuộc về tất cả mọi người.

"Này A-nan, ở bờ hồ ấy có trồng nhiều loại hoa như hoa Tu-ma-na, hoa Bà-sư, hoa Chiêm-bặc, hoa Kiện-đề, hoa Ma-đầu-kiện-đề, hoa A-đề-mâu-đa, hoa Ba-la đầu[10].

"Này A-nan, bên các bờ hồ sen ấy, có nhiều người nữ thân thể nõn nà, sạch sẽ, trong sáng, sắc đẹp hơn người, chẳng kém thiên nữ, tư dung đoan chánh, ai nhìn cũng thấy vui thích, được trang sức đầy đủ các loại ngọc báu; những người nữ ấy bố thí tùy theo nhu cầu của mọi người như đồ ăn thức uống, áo, chăn, xe cộ, nhà cửa, giường nệm, đệm lông ngũ sắc, tôi tớ, đèn dầu... đem cung cấp đầy đủ.

"Này A-nan, lá cây Đa-la ấy lúc gió thổi thì phát ra âm thanh cực kỳ vi diệu, cũng

---

7. Đa-la thọ ▪h▬▬▬CPāli: tāla, một giống cây cọ, tên khoa học Borassus flabelliformis.

8. Hán: *đặng* ▬▬Fbản Tống: *tranh* ▬▬CCó lẽ là ▪E▪C

9. Hán: *câu lan* ▪_ ▬▬Rlan can theo hình thế nhà, cao thấp, quanh co (*Từ nguyên*). Pāli không đề cập chi tiết nay, nhưng từ Pāli tương đương là vedikā: lan can, lan thuẫn hay câu lan.

10. Các loại hoa: hoa *Tu-ma-na* ▬▬▬(Pāli: sumanā, thiện ý), loại hoa lài cánh lớn; hoa *Bà-sư* ▪C▪v(vassikā: hạ sinh hoa), một loại hoa lài rất thơm (Jasminum Sambac); hoa *Chiêm-bặc* ▬▬(campaka: tố hinh hoa), hoa Chăm-pa, rất thơm, có màu trắng và vàng; hoa *Tu-kiện-đề* ▬▬▬(sogandhika: hảo hương), thụy liên trắng, súng trắng; hoa *Ma-đầu-kiện-đề* ▬▬Y▬▬(madhu-gandhika: mật hương); hoa *A-đề-mâu-đa* ▬▬Y▬▬G(adhimuttaka: tăng thượng tín), hoa *Ba-la-đầu* ▪i ▬▬Y▪C

như năm loại kỹ nhạc được nhạc sư tài ba tấu lên thì có âm thanh hết sức hài hòa, tuyệt diệu. Này A-nan, lá cây ấy lúc gió thổi cũng lại như vậy.

"Này A-nan, trong thành Câu-thi ấy giả sử có người tồi tệ thấp hèn hạ, muốn được thưởng thức năm loại kỹ nhạc, nếu cùng đến giữa những cây Đa-la thì đều được thưởng thức thỏa thích.

"Này A-nan, Câu-thi vương thành thường có mười hai loại tiếng không bao giờ gián đoạn, là tiếng voi, tiếng ngựa, tiếng xe, tiếng đi bộ, tiếng tù và, tiếng trống, tiếng trống bạc lạc[11], tiếng trống kỷ[12], tiếng ca, tiếng vũ, tiếng ăn, tiếng bố thí.

"Này A-nan, trong thành Câu-thi có vua tên là Đại Thiện Kiến[13], là vị Chuyển luân vương thông minh trí tuệ, có bốn loại quân chỉnh trị thiên hạ, tự do tự tại; là vị Pháp vương như pháp, thành tựu bảy báu, được bốn đức như ý của con người.

"Này A-nan, bấy giờ các Phạm chí, Cư sĩ trong Câu-thi vương thành mang các loại châu báu, kiềm-bà-la báu[14], chở đến chỗ vua Đại Thiện Kiến, thưa rằng:

"– Tâu Thiên vương, các loại châu báu, kiềm-bà-la báu này, mong Thiên vương vì lòng từ mẫn mà nạp thọ.

"Đại Thiện Kiến vương nói với các Phạm chí:

"– Này các khanh, các khanh hiến dâng nhưng ta thấy chưa cần thiết, vì ta đã có đủ.

"Này A-nan, lại có tám vạn bốn ngàn vị Tiểu quốc vương, đến thưa vua Đại Thiện Kiến rằng:

"– Tâu Thiên vương, chúng tôi muốn xây chánh điện cho Thiên vương.

"Đại Thiện Kiến vương nói với các Tiểu quốc vương:

"– Các khanh muốn xây chánh điện cho ta, nhưng ta thấy chưa cần thiết, vì chánh điện ta đã có.

"Tám vạn bốn ngàn vị Tiểu quốc vương đều chắp tay hướng về Đại Thiện Kiến vương, lặp lại ba lần rằng:

"– Tâu Thiên vương, chúng tôi muốn xây chánh điện cho Thiên vương. Chúng tôi muốn xây chánh điện cho Thiên vương.

"Bấy giờ, Đại Thiện Kiến vương im lặng nhận lời của tám vạn bốn ngàn vua các tiểu quốc. Khi biết vua đã im lặng nhận lời, các Tiểu quốc vương liền bái biệt, đi quanh ba vòng rồi lui ra. Vua nước nào trở về nước ấy, dùng tám vạn bốn ngàn cỗ xe chất đầy những vàng và các loại tiền, bằng vàng tinh luyện hay chưa tinh luyện[15]. Lại lấy các trụ đều bằng ngọc lớn chở đến thành Câu-thi, cách thành không xa xây đại chánh điện.

"Này A-nan, đại chánh điện ấy dài một do-diên, rộng một do-diên. Đại chánh điện ấy được xây bằng gạch làm bằng bốn báu là vàng, bạc, lưu ly và thủy tinh.

"Này A-nan, thềm cấp của đại chánh điện ấy làm bằng bốn loại báu là vàng, bạc, lưu ly và thủy tinh. Thềm cấp bằng vàng thì trụ bằng bạc. Tam cấp bằng bạc thì trụ bằng vàng. Thềm cấp bằng lưu ly thì trụ bằng thủy tinh. Thềm cấp bằng thủy tinh thì trụ bằng lưu ly.

"Này A-nan, trong đại chánh điện có tám vạn bốn ngàn cột trụ làm bằng bốn báu là: Vàng, bạc, lưu ly và thủy tinh. Cột bằng vàng thì đá tảng bằng bạc. Cột bằng bạc thì đá

---

11. Hán: bạc lạc cổ ━━━━Akhông rõ loại trống gì.
12. Hán: kỹ cổ ━━━C
13. Đại Thiện Kiến━j ━━━C Pāli: Mahāsudassana.
14. Kiềm-bà-la bảo ━X━C━━━_━Avải lông, áo lông.
15. Tác dĩ bất tác ━@━H━━━@━R Những người thợ (làm và không làm)?

tảng bằng vàng. Cột bằng lưu ly thì đá tảng bằng thủy tinh. Cột bằng thủy tinh thì đá tảng bằng lưu ly.

"Này A-nan, bên trong chánh điện lại xây tám vạn bốn ngàn lầu làm bằng bốn báu là: Vàng, bạc, lưu ly, thủy tinh. Lầu bằng vàng thì mái lợp bằng bạc. Lầu bằng bạc thì mái lợp bằng vàng. Lầu bằng lưu ly thì mái lợp bằng thủy tinh. Lầu bằng thủy tinh thì mái lợp bằng lưu ly.

"Này A-nan, trong đại chánh điện có thiết trí tám vạn bốn ngàn ngự tòa, cũng làm bằng bốn báu: vàng, bạc, lưu ly và thủy tinh. Lầu bằng vàng thì thiết trí ngự tòa bằng bạc, trải lên trên các thứ nệm chiếu, đệm lông năm sắc, phủ lên trên bằng những thứ gấm, the, lụa, sa trun, có chăn đệm lót hai đầu để gối, trải thảm quý bằng da sơn dương. Cũng vậy, lầu bằng bạc thì thiết trí ngự tòa bằng vàng. Lầu bằng lưu ly thì thiết trí ngự tòa bằng thủy tinh. Lầu bằng thủy tinh thì thiết trí ngự tòa bằng lưu ly, trải lên bằng các thứ nệm chiếu, đệm lông năm sắc, phủ lên bằng các thứ gấm, the, lụa, sa trun, có chăn đệm lót hai đầu để gối và trải thảm quý bằng da sơn dương.

"Này A-nan, đại chánh điện ấy xung quanh có câu lan bằng bốn báu, vàng, bạc, lưu ly và thủy tinh. Lan can bằng vàng thì lưỡi câu bằng bạc. Lan can bằng bạc thì lưỡi câu bằng vàng. Lan can bằng lưu ly thì lưỡi câu bằng thủy tinh. Lan can bằng thủy tinh thì lưỡi câu bằng lưu ly.

"Này A-nan, đại chánh điện ấy được che bằng màn lưới, trong đó treo các thứ chuông lắc. Chuông ấy làm bằng bốn báu là vàng, bạc, lưu ly và thủy tinh. Chuông bằng vàng thì quả lắc bằng bạc. Chuông làm bằng bạc thì quả lắc bằng vàng. Chuông bằng lưu ly thì quả lắc bằng thủy tinh. Chuông bằng thủy tinh thì quả lắc bằng lưu ly.

"Này A-nan, đại chánh điện ấy sau khi được kiến trúc đầy đủ, bốn vạn tám ngàn vua các tiểu quốc đi ra cách đại chánh điện không xa, xây ao sen lớn.

"Này A-nan, ao sen lớn ấy dài một do-diên; rộng một do-diên.

"Này A-nan, ao sen lớn ấy được đắp gạch bằng bốn báu là vàng, bạc, lưu ly và thủy tinh. Đáy ao được rải cát bốn thứ báu là vàng, bạc, lưu ly và thủy tinh.

"Này Na-nan, ao sen lớn ấy có thềm cấp bằng bốn thứ báu là vàng, bạc, lưu ly và thủy tinh. Tầng cấp bằng vàng thì thềm bằng bạc. Tầng cấp bằng bạc thì thềm bằng vàng. Tầng cấp bằng lưu ly thì thềm bằng thủy tinh. Tầng cấp bằng thủy tinh thì thềm bằng lưu ly.

"Này A-nan, chung quanh ao sen lớn có câu lan bằng bốn báu là vàng, bạc, lưu ly và thủy tinh. Lan can bằng vàng thì lưỡi câu bằng bạc. Lan can bằng bạc thì lưỡi câu bằng vàng. Lan can bằng lưu ly thì lưỡi câu bằng thủy tinh. Lan can bằng thủy tinh thì lưỡi câu bằng lưu ly.

"Này A-nan, ao sen lớn ấy được che bởi màn lưới, trong đó treo các thứ chuông lắc. Chuông ấy làm bằng bốn báu là vàng, bạc, lưu ly và thủy tinh. Chuông bằng vàng thì quả lắc bằng bạc. Chuông bằng bạc thì quả lắc bằng vàng. Chuông bằng lưu ly thì quả lắc bằng thủy tinh. Chuông bằng thủy tinh thì quả lắc bằng lưu ly.

"Này A-nan, trong ao sen lớn ấy có nhiều loại thủy hoa như hoa sen xanh, hoa sen hồng, hoa sen trắng, hoa sen đỏ, thường có nước ở hoa, có người gìn giữ, không thuộc về tất cả mọi người.

"Này A-nan, trong ao sen lớn ấy có nhiều loại lục hoa, như hoa Tu-ma-na, hoa Bà-sư, hoa Chiêm-bặc, hoa Tu-kiền-đề, hoa Ma-đầu-kiện-đề, hoa A-đề-mâu-đa, hoa Ba-la-lại.

"Này A-nan, sau khi kiến trúc đại điện và hồ hoa lớn đầy đủ như thế, tám vạn bốn ngàn vua các tiểu quốc đi ra cách điện không xa, thiết lập vườn Đa-la[16].

"Này A-nan, vườn Đa-la ấy dài một do-diên, rộng một do-diên. Trong vườn Đa-la trồng tám vạn bốn ngàn cây Đa-la, đều dùng bốn báu là vàng, bạc, lưu ly và thủy tinh. Cây Đa-la bằng vàng thì lá, hoa, quả bằng bạc. Cây Đa-la bằng bạc thì lá, hoa, quả bằng vàng. Cây Đa-la bằng lưu ly thì lá, hoa, quả bằng thủy tinh. Cây Đa-la bằng thủy tinh thì lá, hoa, quả bằng lưu ly.

"Này A-nan, chung quanh vườn Đa-la ấy có lan can lưới câu bằng bốn báu là vàng, bạc, lưu ly và thủy tinh. Lan can bằng vàng thì lưới câu bằng bạc. Lan can bằng bạc thì lưới câu bằng vàng. Lan can bằng lưu ly thì lưới câu bằng thủy tinh. Lan can bằng thủy tinh thì lưới câu bằng lưu ly.

"Này A-nan, vườn Đa-la ấy được che bằng lưới báu, có chuông treo lơ lửng ở khoảng giữa. Chuông ấy làm bằng bốn báu là vàng, bạc, lưu ly và thủy tinh. Chuông bằng vàng thì quả lắc bằng bạc. Chuông bằng bạc thì quả lắc bằng vàng. Chuông bằng lưu ly thì quả lắc bằng thủy tinh. Chuông bằng thủy tinh thì quả lắc bằng lưu ly.

"Này A-nan, sau khi kiến trúc đại điện, ao hoa và vườn Đa-la đầy đủ như thế, tám vạn bốn ngàn Tiểu quốc vương cùng đến chỗ vua Đại Thiện Kiến thưa rằng:

"– Tâu Thiên vương, xin biết cho rằng, đại điện, ao hoa và vườn cây Đa-la, tất cả đã kiến trúc đầy đủ. Mong Thiên vương sử dụng tùy thích.

"Này A-nan, bấy giờ vua Đại Thiện Kiến nghĩ rằng: 'Ta không nên lên đại điện này trước. Nếu có bậc Thượng tôn Sa-môn, Phạm chí ở thành Câu-thi vương này, ta nên mời tất cả tụ tập ngồi ở đại điện này, soạn các thức ăn ngon lành, mỹ diệu, đầy đủ thức nhai và nuốt, tự tay bưng hầu khiến các ngài ăn no. Ăn xong, dọn bát và dùng nước rửa, rồi mời các ngài trở về'.

"Này A-nan, sau khi vua Đại Thiện Kiến nghĩ như vậy, liền mời tất cả các bậc Thượng tôn Sa-môn, Phạm chí đang trú tại thành Câu-thi vương ấy tụ tập trên đại chánh điện. Tất cả tụ tập và an tọa xong, vua thân hành lấy nước rửa rồi đem các thức ăn ngon lành, mỹ diệu, đầy đủ các thức nhai và nuốt, tự tay bưng hầu khiến các ngài ăn no. Sau khi ăn, dọn bát, đem nước rửa và nhận lời cầu chúc, rồi vua mời các ngài trở về.

"Này A-nan, vua Đại Thiện Kiến lại nghĩ: 'Nay ta không nên vào đại chánh điện để hưởng dục lạc. Ta nên đem độc nhất một người hầu lên ở tại đại chánh điện'.

"Này A-nan, sau đó vua Đại Thiện Kiến đem người hầu lên đại chánh điện, đi vào lầu bằng vàng, ngồi ở ngự tòa bằng bạc, được trải lên bằng những thứ nệm chăn, đệm lông năm sắc, được phủ lên bằng những thứ gấm, the, lụa, sa trun, có chăn đệm lót hai đầu để gối và trải thảm quý bằng da sơn dương. Ngồi xong, nhà vua ly dục, ly các pháp ác bất thiện; có giác, có quán, hỷ và lạc do ly dục sanh, tiến vào Sơ thiền, thành tựu và an trú.

"Từ lầu bằng vàng đi ra, lại đi vào lầu bằng bạc, ngồi vào ngự sàng bằng vàng được trải các thứ nệm chăn, đệm lông năm sắc, được phủ lên bằng những thứ gấm, the, lụa, sa trun, có chăn đệm lót hai đầu để gối và trải thảm quý bằng da sơn dương. Ngồi xong, nhà vua ly dục, ly pháp ác bất thiện, có giác, có quán, hỷ và lạc do ly dục sanh, tiến vào Sơ thiền, thành tựu và an trú.

"Từ lầu bằng bạc đi ra, lại đi vào lầu bằng lưu ly, ngồi vào ngự sàng bằng tủy tinh được trải các thứ nệm chăn, đệm lông năm sắc, được phủ lên bằng những thứ gấm, the,

16. Đa-la viên [illegible]. Pāli: Tālavana.

lụa, sa trun, có chăn đệm lót hai đầu để gối và trải thảm quý bằng da sơn dương. Ngồi xong, nhà vua ly dục, ly pháp ác bất thiện, có giác, có quán, hỷ và lạc do ly dục sanh, tiến vào Sơ thiền, thành tựu và an trú.

"Từ lầu bằng lưu ly đi ra, lại vào lầu bằng thủy tinh, ngồi vào ngự sàng bằng lưu ly được trải các thứ nệm chăn, đệm lông năm sắc, được phủ lên bằng những thứ gấm, the, lụa, sa trun, có chăn đệm lót hai đầu để gối và trải thảm quý bằng da sơn dương. Ngồi xong, nhà vua ly dục, ly pháp ác bất thiện, có giác, có quán, hỷ và lạc do ly dục sanh, tiến vào Sơ thiền, thành tựu và an trú.

"Này A-nan, bấy giờ tám vạn bốn ngàn phu nhân và nữ báu quá lâu không thấy vua Đại Thiện Kiến, ai cũng nhớ mong, khao khát muốn thấy. Lúc đó, tám vạn bốn ngàn phu nhân cùng nhau đi đến nữ báu thưa thỉnh rằng:

"– Thiên hậu, nên biết rằng, từ lâu không được hầu cận Thiên vương. Thiên hậu, chúng tôi nay muốn cùng nhân dân đến yết kiến Thiên vương.

"Nữ báu nghe xong, liền bảo Tướng quân:

"– Ngươi nay nên biết rằng, chúng tôi từ lâu không được hầu cận Thiên vương, nay muốn đến yết kiến Thiên vương.

"Tướng quân nghe vậy, liền đưa tám vạn bốn ngàn phu nhân và nữ báu đến đại chánh điện. Tám vạn bốn ngàn thớt voi, tám vạn bốn ngàn con ngựa, tám vạn bốn ngàn cỗ xe, tám vạn bốn ngàn lính bộ, tám vạn bốn ngàn tiểu vương cũng cùng hộ tống, đi đến đại chánh điện. Lúc cả đoàn đang đi, âm thanh ấy vang dội chấn động mạnh mẽ. Vua Đại Thiện Kiến nghe được âm thanh vang dội chấn động mạnh mẽ ấy. Nghe xong, nhà vua liền hỏi người đứng hầu bên cạnh:

"– Đó là tiếng gì mà vang dội chấn động mạnh mẽ thế?

"Người hầu thưa:

"– Tâu Thiên vương, đó là do tám vạn bốn ngàn phu nhân và nữ báu, hôm nay tất cả cùng đến đại chánh điện; tám vạn bốn ngàn thớt voi, tám vạn bốn ngàn con ngựa, tám vạn bốn ngàn cỗ xe, tám vạn bốn ngàn lính bộ, tám vạn bốn ngàn Tiểu vương lại cùng nhau đến chánh điện, cho nên âm thanh ấy vang dội, chấn động mạnh mẽ.

"Nghe xong, vua Đại Thiện Kiến bảo người hầu cận:

"– Ngươi mau xuống khỏi đại điện, đến chỗ đất trống, trải nhanh giường bằng vàng rồi trở lại cho ta hay.

"Người hầu cận vâng lời, liền từ điện đi xuống, đến chỗ đất trống, trải giường bằng vàng một cách nhanh chóng, liền trở lại thưa rằng:

"– Con đã trải giường bằng vàng ở chỗ đất trống cho Thiên vương, xin tùy ý Thiên vương.

"Này A-nan, vua Đại Thiện Kiến cùng với người hầu từ điện đi xuống, ngự trên giường bằng vàng và ngồi kiết già.

"Này A-nan, bấy giờ tám vạn bốn ngàn phu nhân và nữ báu cùng nhau đến trước vua Đại Thiện Kiến.

"Này A-nan, từ xa, vua Đại Thiện Kiến trông thấy tám vạn bốn ngàn phu nhân và nữ báu, liền đóng kín các căn. Tám vạn bốn ngàn phu nhân và nữ báu thấy vua đóng kín các căn, liền nghĩ: 'Thiên vương nay chắc không dùng đến chúng ta nữa. Vì sao? Vì Thiên vương vừa thấy chúng ta, liền đóng kín các căn'.

"Này A-nan, khi đó nữ báu đi đến trước vua Đại Thiện Kiến. Đến rồi thưa rằng:

"– Tâu Thiên vương, xin biết cho, tám vạn bốn ngàn phu nhân và nữ báu này hoàn

toàn thuộc về Thiên vương. Mong Thiên vương thương tưởng đến chúng tôi cho đến lúc mạng chung và tám vạn bốn ngàn thớt voi, tám vạn bốn ngàn con ngựa, tám vạn bốn ngàn cỗ xe, tám vạn bốn ngàn lính bộ, tám vạn bốn ngàn tiểu vương cũng hoàn toàn thuộc về Thiên vương, mong Thiên vương tưởng đến tất cả cho đến lúc mạng chung.

"Bấy giờ vua Đại Thiện Kiến nghe những lời ấy xong, bảo nữ báu rằng:

"– Này hiền muội, các người luôn luôn xúi dục ta làm ác, mà không khuyến khích ta làm lành. Này hiền muội, từ nay về sau nên khuyến khích ta làm lành, chớ xúi dục ta làm ác.

"Này A-nan, tám vạn bốn ngàn phu nhân và nữ báu ấy liền ngồi qua một bên, nước mắt tràn ra, khóc lóc bi thảm, thưa rằng:

"– Chúng tôi chẳng phải là em của Thiên vương, mà nay Thiên vương gọi chúng tôi là hiền muội.

"Này A-nan, tám vạn bốn ngàn phu nhân và nữ báu ấy, mỗi người dùng áo lau nước mắt, lại đến trước vua Đại Thiện Kiến thưa rằng:

"– Tâu Thiên vương, chúng tôi làm thế nào để khuyến khích Thiên vương làm lành, không làm ác?

"Vua Đại Thiện Kiến đáp:

"– Các hiền muội, hãy nói với ta như thế này: 'Tâu Thiên vương, ngài biết không, mạng người ngắn ngũi, rồi sẽ đi qua đời sau, nên phải tu phạm hạnh. Do đó sự sanh không thể chấm dứt. Thiên vương nên biết, pháp ấy chắc chắn đến, không thể ái niệm, không thể hoan hỷ, hoại diệt tất cả, người đời gọi là 'sự chết'. Cho nên, tâu Thiên vương, đối với tám vạn bốn ngàn phu nhân và nữ báu, nếu có ái niệm, có dục thì mong Thiên vương đoạn trừ, xả ly tất cả, cho đến lúc mạng chung vẫn chớ niệm tưởng. Đối với tám vạn bốn ngàn thớt voi, tám vạn bốn ngàn con ngựa, tám vạn bốn ngàn cỗ xe, tám vạn bốn ngàn lính bộ, tám vạn bốn ngàn tiểu vương, tâu Thiên vương, nếu có ái niệm, có dục thì mong Thiên vương đoạn trừ, xả ly tất cả, cho đến lúc mạng chung vẫn chớ niệm tưởng'. Này các hiền muội, các hiền muội hãy khuyến khích ta làm lành, chớ xúi dục ta làm ác, đúng như thế.

"Này A-nan, tám vạn bốn ngàn phu nhân và nữ báu ấy thưa rằng:

"– Tâu Thiên vương, chúng tôi từ nay về sau sẽ khuyến khích Thiên vương làm lành, chớ không xúi dục Thiên vương làm ác, như thế này: 'Tâu Thiên vương, mạng người ngắn ngũi, rồi sẽ đi qua đời sau. Pháp ấy chắc chắn đến, cũng không thể ái niệm, cũng không thể hoan hỷ, hoại diệt tất cả, người đời gọi là 'sự chết', cho nên, tâu Thiên vương, đối với tám vạn bốn ngàn phu nhân và nữ báu, nếu có niệm có dục thì mong Thiên vương hãy đoạn trừ, xả ly tất cả, cho đến lúc mạng chung cũng không niệm tưởng'.

"Này A-nan, vua Đại Thiện Kiến thuyết pháp cho tám vạn bốn ngàn phu nhân và nữ báu, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ. Sau khi dùng vô lượng phương tiện thuyết pháp cho những người ấy, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ xong, nhà vua bảo họ trở về.

"Này A-nan, biết vua đã ra lệnh, tám vạn bốn ngàn phu nhân và nữ báu mỗi người đều đến bái biệt nhà vua rồi trở về.

"Này A-nan, tám vạn bốn ngàn phu nhân và nữ báu ấy trở về chưa bao lâu, vua Đại Thiện Kiến cùng người hầu cận trở lên đại điện, vào lầu bằng vàng, ngồi trên ngự sàng bằng bạc, được trải bằng các thứ nệm, chăn, đệm lông năm sắc, được phủ lên bằng các thứ gấm, lụa, the, sa trun, có chăn đệm lót hai đầu để gối và trải thảm quý bằng da sơn dương. Ngồi xong, quán như thế này: 'Ta đến đây là cuối cùng. Niệm dục, niệm nhuế,

niệm hại, đấu tranh, ghét nhau, dua siễm, dối trá, lừa gạt, nói láo, vô lượng các pháp ác bất thiện đến đây là cuối cùng. Tâm cùng với từ tương ưng, biến mãn một phương, thành tựu và an trú. Cũng như thế, hai, ba, bốn phương trên và dưới phổ biến cùng khắp, không kết không oán, không nhuế, không tranh, bao la rộng lớn, vô lượng, khéo tu tập, biến mãn cùng khắp thế gian, thành tựu và an trú'.

"Từ lầu bằng vàng đi ra, nhà vua lại vào lầu bằng bạc, ngồi trên ngự sàng bằng vàng, được trải lên bằng các chăn nệm, đệm lông năm sắc, được trải lên bằng các thứ gấm, the, lụa, sa trun, có chăn đệm lót hai đầu để gối và trải thảm quý bằng da sơn dương. Ngồi xong, quán tưởng rằng: 'Ta đến đây là cuối cùng. Niệm dục, niệm nhuế, niệm hại, đấu tranh, ghét nhau, dua siễm, dối trá, lừa gạt, nói láo,... vô lượng các pháp ác bất thiện, đến đây là cuối cùng, tâm cùng với bi tương ưng, biến mãn một phương, thành tựu và an trú. Cũng như thế, hai, ba, bốn phương, tứ duy, phương trên và phương dưới, phổ biến cùng khắp, không kết không oán, không nhuế, không tranh, rộng rãi bao la vô lượng, khéo tu tập, biến mãn cùng khắp thế gian, thành tựu an trú'.

"Từ lầu bằng bạc đi ra, nhà vua lại vào lầu bằng lưu ly, ngồi trên ngự tòa bằng thủy tinh, được trải bằng các thứ chăn nệm, đệm lông năm sắc, được phủ lên bằng các thứ gấm, the, lụa, sa trun, có chăn nệm lót hai đầu để gối và trải thảm quý bằng da sơn dương. Ngồi xong, quán thế này: 'Ta đến đây là cuối cùng. Niệm dục, niệm nhuế, niệm hại, đấu tranh, ghét nhau, dua siễm, dối trá, lừa gạt, nói láo, vô lượng các pháp ác bất thiện, đến đây là cuối cùng, tâm cùng với hỷ tương ưng, biến mãn một phương, thành tựu và an trú. Cũng như thế, hai, ba, bốn phương, tứ duy, phương trên và phương dưới, phổ biến cùng khắp, không kết không oán, không nhuế, không tranh, rộng rãi bao la vô lượng, khéo tu tập, biến mãn cùng khắp thế gian, thành tựu và an trú'.

"Từ lầu bằng lưu ly đi ra, nhà vua vào lầu bằng thủy tinh, ngồi trên ngự tòa bằng lưu ly, được trải lên bằng các thứ chăn nệm, đệm lông năm sắc, được phủ lên bằng các thứ gấm, the, lụa, sa trun, có chăn nệm lót hai đầu để gối và trải thảm quý bằng da sơn dương. Ngồi xong, quán thế này: "Ta đến đây là cuối cùng. Niệm dục, niệm nhuế, niệm hại, đấu tranh, ghét nhau, dua siễm, dối trá, lừa gạt, nói láo,... vô lượng các pháp ác bất thiện, đến đây là cuối cùng, tâm cùng với xả tương ưng, biến mãn một phương, thành tựu và an trú. Cũng như thế, hai, ba, bốn phương, tứ duy, phương trên và phương dưới, phổ biến cùng khắp, không kết không oán, không nhuế, không tranh, rộng rãi bao la vô lượng, khéo tu tập, biến mãn cùng khắp thế gian, thành tựu và an trú."

"Này A-nan, Vua Đại Thiện Kiến vào giờ phút cuối cùng, chết với một cảm giác đau phơn phớt.

"Cũng giống như cư sĩ hoặc con của cư sĩ, ăn món ăn mỹ diệu, cảm thấy một chút khó chịu.

"Này A-nan, vua Đại Thiện Kiến vào giờ phút cuối cùng chết với một cảm giác đau phơn phớt cũng lại như vậy.

"Này A-nan, bấy giờ vua Đại Thiện Kiến tu bốn Phạm thất[17], sau khi xả niệm dục, nhờ đó khi mạng chung, sanh vào cõi Phạm thiên.

"Này A-nan, vua Đại Thiện Kiến thuở xưa ấy ông cho là ai khác chăng? Chớ nghĩ như vậy, nên biết rằng vị ấy chính là Ta vậy.

---

[17]. Bốn phạm thất ——hay phạm trụ ——C Pāli: cattāri brahmavihārā. Cũng thường nói là bốn Vô lượng tâm. Pāli: catasso appamaññāyo.

"Này A-nan, lúc bấy giờ Ta làm lợi ích cho mình, cũng làm lợi ích cho kẻ khác, làm lợi ích cho mọi người. Ta thương xót thế gian, mong cầu thiện lợi và hữu ích, mong cầu an ổn và khoái lạc cho trời và người. Bấy giờ Ta thuyết pháp không đến chỗ rốt ráo, không rốt ráo bạch tịnh, không rốt ráo phạm hạnh. Vì không rốt ráo phạm hạnh nên khi ấy không lìa khỏi sự sanh, tuổi già, bệnh tật, sự chết, khóc lóc, áo não, cũng chưa thoát khỏi mọi khổ đau.

"Này A-nan, nay Ta xuất hiện ở đời là Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành Tựu, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, Phật, Chúng Hựu. Nay Ta đã làm lợi ích cho mình, cũng làm lợi ích cho kẻ khác, làm lợi ích cho mọi người. Ta thương xót thế gian, mong cầu sự thiện lợi và hữu ích, cầu sự an ổn và khoái lạc cho trời và người. Nay Ta thuyết pháp đến chỗ rốt ráo, rốt ráo bạch tịnh, rốt ráo phạm hạnh. Rốt ráo phạm hạnh nên nay Ta lìa khỏi sự sanh, tuổi già, tật bệnh, sự chết, khóc lóc, áo não. Ta nay đã thoát khỏi mọi sự đau khổ.

"Này A-nan, từ thành Câu-thi-la, từ rừng Sa-la của Hòa-bạt-đơn Lực sĩ, từ sông Ni-liên-nhiên[18], từ sông Bà-cầu[19], từ Thiên quang tự, từ chỗ trải chỗ nằm cho Ta hôm nay, trong khoảng thời gian giữa đó, Ta đã bảy lần xả thân. Trong bảy lần ấy, sáu lần làm Chuyển luân vương, nay là lần thứ bảy thành Như Lai, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác. Này A-nan, Ta không thấy ở đâu trong thế gian này, Trời hay Ma, Phạm, Sa-môn, Phạm chí, từ trời đến người mà Ta sẽ xả thân thêm lần nữa, vì điều đó không có thể có.

"Này A-nan, nay đây là sự sanh cuối cùng của Ta, là sự hữu cuối cùng, là thân cuối cùng, là bẩm hình cuối cùng. Ta nói đây là chỗ tận cùng của khổ.

Đức Phật thuyết như vậy, Tôn giả A-nan và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết xong, hoan hỷ phụng hành.

❑

---

18. Ni-liên-nhiên ━━s━M━APāli: Nerañjarā, con sông gần chỗ Phật thành đạo. Đây chính xác phải là Hiraññāvati, âm là *Hê* (hay *hi*) *-liên-thiền* ━Q(━hay ━) ━s━I━Acon sông gần chỗ Phật nhập Niết-bàn.

19. Bà-cầu ━C━D━CPāli: Kakutthā, con sông gần Kusinārā. Đức Phật tắm tại đây trước khi đến Kusinārā để nhập Niết-bàn.

69. KINH TAM THẬP DỤ[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật du hóa tại thành Vương xá, trong vườn Ca-lan-đa, rừng Trúc, cùng với chúng Đại Tỳ-kheo an cư mùa mưa.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn vào ngày rằm thuyết Tùng giải thoát[2], trải chỗ ngồi trước chúng Tỳ-kheo. Ngồi xong, Thế Tôn nhập định quán tâm các Tỳ-kheo. Lúc đó Thế Tôn thấy chúng Tỳ-kheo tĩnh tọa im lặng, rất im lặng, không có thụy miên vì đã dứt trừ ấm cái. Chúng Tỳ-kheo ngồi thậm thâm, rất thậm thâm; tịch tĩnh, rất tịch tĩnh; vi diệu, rất vi diệu.

Khi ấy Tôn giả Xá-lê Tử cũng ở trong chúng. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo:

"Này Xá-lê Tử, chúng Tỳ-kheo tĩnh tọa, im lặng, rất im lặng, không có thụy miên vì đã dứt trừ ấm cái. Chúng Tỳ-kheo ngồi thậm thâm, rất thậm thâm; tịch tĩnh, rất tịch tĩnh; vi diệu, rất vi diệu. Ai là người có thể kính trọng, phụng sự chúng Tỳ-kheo?"

Tôn giả Xá-lê Tử từ chỗ ngồi đứng dậy, kéo lệch vai áo đang mặc, chắp tay hướng về Đức Phật, bạch rằng:

"Bạch Thế Tôn, chúng Tỳ-kheo tĩnh tọa, im lặng, rất im lặng, không có thụy miên vì đã trừ ấm cái. Chúng Tỳ-kheo ngồi thậm thâm, rất thậm thâm; tịch tĩnh, rất tịch tĩnh; vi diệu, rất vi diệu như thế. Bạch Thế Tôn, không ai là người có thể kính trọng, phụng sự chúng Tỳ-kheo, chỉ có Đức Thế Tôn mới có thể phụng sự, kính trọng Pháp và chúng Tỳ-kheo cùng với giới, bất phóng dật, bố thí và định. Chỉ có Đức Thế Tôn mới có thể kính trọng, phụng sự mà thôi."

Đức Thế Tôn nói:

"Này Xá-lê Tử, đúng như vậy. Không ai có thể kính trọng, phụng sự pháp và chúng Tỳ-kheo cùng với giới, bất phóng dật, bố thí và định. Chỉ có Thế Tôn mới có thể kính trọng, phụng sự mà thôi.

"Này Xá-lê Tử, cũng giống như vua và đại thần có đầy đủ các thứ trang sức, lụa, tơ, gấm, len, nhẫn tay, xuyến cườm tay, chuỗi ngọc khuỷu tay, kiềng đeo cổ, vàng bạc[3], châu ngọc cài mái tóc. Xá-lê Tử, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni cũng giống như thế, dùng giới đức để làm đồ trang sức. Này Xá-lê Tử, nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nào thành tựu giới đức để dùng làm đồ trang sức thì đều có thể xả bỏ điều ác, tu tập điều thiện.

"Này Xá-lê Tử, cũng như vua và đại thần có năm nghi trượng, kiếm, lọng, thiên

---

1. Bản Hán, quyển 15.

2. Tùng giải thoát -q———Ahay Biệt giải thoát, hay Ba-la-đề-mộc-xoa, chỉ giới bổn của Tỳ-kheo. Pāli: Pāṭimokkha.

3. Sanh sắc ———F bản Tống-Nguyên-Minh: sắc tượng ———C Pāli: jātarūpa, chỉ vàng ròng (nghĩa đen: sắc nguyên sinh).

quan, phất trần cán bằng ngọc và giày cẩn ngọc[4] để bảo vệ thân cho được an ổn. Xá-lê Tử, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni dùng sự giữ gìn cấm giới để bảo vệ phạm hạnh, cũng giống như thế. Này Xá-lê Tử, nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nào thành tựu cấm giới để bảo vệ phạm hạnh thì liền xả bỏ điều ác, tu tập điều thiện.

"Này Xá-lê Tử, cũng như vua và đại thần có người giữ cửa[5]. Xá-lê Tử, Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni lấy sự thủ hộ sáu căn làm người giữ cửa cũng giống như thế. Này Xá-lê Tử, nếu Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni nào thành tựu sự thủ hộ sáu căn thì liền xả được điều ác, tu tập điều thiện.

"Này Xá-lê Tử, cũng giống như vua và đại thần có tướng giữ cổng thành thông minh, có trí tuệ, có sự phân biệt rõ ràng. Xá-lê Tử, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni dùng chánh niệm làm tướng giữ cổng cũng giống như thế. Này Xá-lê Tử, nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nào thành tựu chánh niệm thì liền xả được điều ác, tu tập điều thiện.

"Này Xá-lê Tử, cũng như vua và đại thần có hồ tắm đẹp, trong mát, tràn đầy. Xá-lê Tử, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni cũng dùng tĩnh tâm làm hồ tắm mát, cũng giống như thế. Này Xá-lê Tử, nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nào thành tựu tĩnh tâm làm hồ tắm mát thì xả được điều ác, tu tập điều thiện.

"Này Xá-lê Tử, cũng giống như vua và đại thần có người hầu tắm, thường phục vụ tắm rửa. Xá-lê Tử, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni lấy thiện tri thức làm người hầu tắm cũng giống như thế. Này Xá-lê Tử, nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nào thành tựu việc lấy thiện tri thức làm người hầu tắm, thì có thể xả được điều ác, tu tập điều thiện.

"Này Xá-lê Tử, cũng giống như vua và đại thần có bột hương thoa thân, mộc cây[6], trầm thủy, chiên đàn, tô hợp[7], kê thiệt[8], đô lương[9]. Xá-lê Tử, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni dùng giới đức làm bột hương cũng lại như vậy. Này Xá-lê Tử, nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nào thành tựu giới đức để làm bột hương thì xả bỏ được điều ác, tu tập điều thiện.

"Này Xá-lê Tử, cũng như vua và đại thần có y phục tốt đẹp, như áo sơ-ma[10], áo gấm lụa, áo bạch điệp[11], áo da sơn dương[12]. Xá-lê Tử, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni dùng sự hổ thẹn làm y phục cũng giống như thế. Này Xá-lê Tử, nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nào thành tựu sự hổ thẹn làm y phục thì xả bỏ được điều ác, tu tập điều thiện.

"Này Xá-lê Tử, cũng như vua và đại thần có giường ghế rất rộng, cao lớn. Xá-lê Tử, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni dùng Tứ thiền làm giường ghế cũng giống như vậy. Này Xá-lê Tử, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nào thành tựu Tứ thiền thì liền xả bỏ được điều ác, tu tập điều thiện.

"Này Xá-lê Tử, cũng như vua và đại thần có thợ hớt tóc rành nghề, thường phục vụ tắm gội, thì này Xá-lê Tử, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni dùng chánh niệm làm thợ hớt tóc cũng giống như thế. Này Xá-lê Tử, nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nào dùng chánh niệm làm thợ hớt tóc thì có thể xả bỏ được điều ác, tu tập điều thiện.

"Này Xá-lê Tử, cũng giống như vua và đại thần có đồ ăn ngon lành mỹ diệu, đủ các

---

4. Nghiêm sức tỷ -Y---C
5. Thủ cáp nhân -u--H-C
6. Mộc mật --e-C Loại gỗ hương, dùng làm hương liệu.
7. Tô hợp --X-A một loại hương liệu do tổng hợp nhiều hương liệu nấu thành.
8. Kê thiệt ---A loại hương liệu nấu từ cỏ úa.
9. Đô lương ---A một loại lan rừng; tên chỉ chung các loại lan.
10. Sơ-ma y ----A Pāli: khoma, áo vải, vải lanh.
11. Bạch điệp y ----F vải bông sợi rất mịn.
12. Trong bản Hán: *gia-lăng-già-ba-hòa-la* -[---i ---C Xem cht.12 kinh 61.

mùi vị đặc biệt; này Xá-lê Tử, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni dùng hỷ làm thức ăn, cũng giống như thế. Này Xá-lê Tử, nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nào thành tựu hỷ làm thức ăn thì có thể tiêu diệt được điều ác, tu tập thiện pháp.

"Này Xá-lê Tử, cũng giống như vua và đại thần có các thức uống như nước trái xoài[13], nước chiêm-ba[14], nước mía, nước nho, nước mạt-ta-đề[15]; này Xá-lê Tử, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni cũng dùng pháp vị làm thức uống, cũng như vậy. Này Xá-lê Tử, nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nào thành tựu pháp vị dùng làm thức uống thì liền xả bỏ được điều ác, tu tập điều thiện.

"Này Xá-lê Tử, cũng giống như vua và đại thần có tràng hoa đẹp, như tràng hoa sen xanh, tràng hoa Chiêm-bặc, tràng hoa Tu-ma-na, tràng hoa Bà-sư, tràng hoa A-đề-mâu-đa, thì này Xá-lê Tử, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni dùng ba định là Không, Vô nguyện, Vô tướng[16] làm tràng hoa cũng giống như thế. Này Xá-lê Tử, nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nào thành tựu ba định Không, Vô nguyện, Vô tướng làm tràng hoa thì liền xả bỏ điều ác, tu tập điều thiện.

"Này Xá-lê Tử, cũng giống như vua và đại thần có phòng ốc, nhà cửa, lầu quán, thì này Xá-lê Tử, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni dùng ba thất là Thiên thất, Phạm thất và Thánh thất[17] làm nhà cửa, cũng giống như thế. Xá-lê Tử, nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nào thành tựu ba thất dùng làm nhà cửa thì liền xả bỏ được điều ác, tu tập điều thiện.

"Này Xá-lê Tử, cũng như vua và đại thần có người điển thủ[18], tức người giữ nhà[19], thì này Xá-lê Tử, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni dùng trí tuệ làm người giữ nhà cũng giống như thế. Này Xá-lê Tử, nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nào dùng trí tuệ làm người giữ nhà thì liền xả bỏ được điều ác, tu tập điều thiện.

"Này Xá-lê Tử, cũng như vua và đại thần có bốn loại thuế của các quốc ấp. Phần thứ nhất để cung cấp vua và hoàng hậu, cùng các thể nữ trong cung. Phần thứ hai cung cấp cho thái tử và quần thần. Phần thứ ba cung cấp cho toàn dân. Phần thứ tư cung cấp cho Sa-môn, Phạm chí. Xá-lê Tử, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni cũng dùng bốn niệm làm tô thuế, giống như vậy. Này Xá-lê Tử, nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nào thành tựu bốn niệm xứ dùng làm thuế thì liền xả bỏ điều ác, tu tập điều thiện.

"Này Xá-lê Tử, cũng như vua và đại thần có bốn loại quân là tượng quân, mã quân, xa quân và bộ quân; này Xá-lê Tử, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni dùng bốn chánh đoạn[20] làm bốn loại quân cũng giống như thế. Này Xá-lê Tử, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nào thành tựu bốn chánh đoạn làm bốn loại quân thì liền xả bỏ điều ác, tu tập điều thiện.

"Này Xá-lê Tử, cũng như vua và đại thần có bốn loại xe tải, như xe tải bằng voi, xe

---

13. Nại ẩm ——A Pāli: amba-pāna.
14. Chiêm-ba ẩm —-i —F có lẽ nước trái cây diêm-phù (Pāli: jambu-pāna).
15. Mạt-ta-đề ẩm —-R———F một loại rượu (Pāli: majja-pāna).
16. Pāli: tayo samādhī, suññato samādhi, animitto samādhi, appaṇihito samādhi. D.33 Saṅgīti.
17. Tam thất -T— hay *tam trụ* -T— (Pāli: tayo vihārā); thiên thất —— hay *thiên trụ* (Pāli: dibbo vihāro), tu bốn tĩnh lự từ Sơ thiền đến Tứ thiền. Phạm thất ——hay *phạm trụ* (brahma-vihāro): tu bốn Vô lượng tâm: từ, bi, hỷ, xả. Thánh thất -t— hay *Thánh trụ* (Pāli: ariyo vihāro) tu bốn niệm xứ, bốn như ý túc, bốn chánh cần, năm căn, năm lực, thất bồ đề phần, bát chánh đạo phần (xem *Tập dị môn* 6, Đại 26, trang 239 a).
18. Điển thủ —-u-Fngười quản lý hồ sơ hay văn khố.
19. Thủ thất -u——C
20. Bốn chánh đoạn —-_-Atức bốn chánh cần. Pāli: sammappadhānā. Bản Hán, hiểu là pahāna, thay vì padhāna.

tải bằng ngựa, xe tải bằng xe, xe tải bằng người; này Xá-lê Tử, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni dùng bốn như ý túc làm xe tải cũng giống như vậy. Này Xá-lê Tử, nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nào thành tựu bốn như ý túc dùng làm xe tải, thì liền xả bỏ điều ác, tu tập điều thiện.

"Này Xá-lê Tử, cũng giống như vua và đại thần có các loại xe trang hoàng bằng các loại da vằn tốt của sư tử, cọp, beo dệt thành những thứ màu sắc lẫn lộn; thì này Xá-lê Tử, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni dùng chỉ quán làm xe cũng giống như vậy. Này Xá-lê Tử, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nào thành tựu chỉ quán dùng làm xe có thể xả bỏ điều ác, tu tập điều thiện.

"Này Xá-lê Tử, cũng như vua và đại thần có giá ngự, tức là người đánh xe, thì này Xá-lê Tử, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni dùng chánh niệm làm kẻ giá ngự cũng lại như vậy. Này Xá-lê Tử, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nào thành tựu chánh niệm dùng làm giá ngự thì liền xả bỏ điều ác, tu tập điều thiện.

"Này Xá-lê Tử, cũng như vua và đại thần có cây phướn cực cao, thì này Xá-lê Tử, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni đem tâm mình làm cây phướn cao, cũng giống như vậy. Này Xá-lê Tử, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nào đem tâm mình làm cây phướn cao thì liền có thể xả bỏ điều ác, tu tập điều thiện.

"Này Xá-lê Tử, cũng như vua và đại thần có đường đi tốt đẹp, bằng phẳng, ngay ngắn, trực chỉ đến các công viên, thì này Xá-lê Tử, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni dùng Thánh đạo tám chi làm con đường bằng phẳng, ngay ngắn, trực chỉ Niết-bàn cũng giống như thế. Này Xá-lê Tử, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nào thành tựu Thánh đạo tám chi dùng làm con đường bằng phẳng, ngay ngắn, trực chỉ Niết-bàn, thì liền xả bỏ điều ác, tu tập điều thiện.

"Này Xá-lê Tử, cũng như vua và đại thần có tướng quân thông minh, trí tuệ, có sự phân biệt rõ ràng, thì này Xá-lê Tử, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni dùng trí tuệ làm tướng quân cũng giống như vậy. Này Xá-lê Tử, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nào thành tựu trí tuệ dùng làm tướng quân thì liền xả bỏ điều ác, tu tập điều thiện.

"Này Xá-lê Tử, cũng như vua và đại thần có đại chánh điện cao rộng, sáng sủa, thì này Xá-lê Tử, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni dùng trí tuệ làm đại chánh điện cũng giống như thế. Này Xá-lê Tử, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nào thành tựu trí tuệ làm đại chánh điện thì liền xả bỏ điều ác, tu tập điều thiện.

"Này Xá-lê Tử, cũng như vua và đại thần bước lên trên điện cao, quán sát những người dưới thấp qua lại, chạy nhảy, đi, đứng, ngồi, nằm, thì này Xá-lê Tử, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni đem vô lượng trí tuệ thăng lên cao điện để quán sát tâm mình, làm cho tâm trùm khắp, nhu nhuyến, hoan hỷ, viễn ly. này Xá-lê Tử, nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nào thành tựu vô lượng trí tuệ làm cao điện để tự quán tâm mình, làm cho trùm khắp, nhu nhuyến, hoan hỷ, viễn ly, thì liền xả bỏ điều ác, tu tập điều thiện.

"Này Xá-lê Tử, cũng như vua và đại thần có Tông chánh khanh, thành am hiểu tông tộc, thì này Xá-lê Tử, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni khi dùng bốn Thánh chủng làm Tông chánh khanh cũng giống như vậy. Này Xá-lê Tử, nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nào thành tựu bốn thánh chủng dùng làm Tông chánh khanh thì liền xả bỏ điều ác, tu tập điều thiện.

"Này Xá-lê Tử, cũng như vua và đại thần có lương y danh tiếng trị được các bệnh, thì này Xá-lê Tử, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni dùng chánh niệm làm lương y cũng giống như thế. Này Xá-lê Tử, nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nào thành tựu chánh niệm dùng làm lương y thì liền xả bỏ điều ác, tu tập điều thiện.

"Này Xá-lê Tử, cũng như vua và đại thần có chánh ngự sàng, trải lên bằng các thứ chăn nệm, đệm lông năm sắc, phủ lên bằng các thứ gấm, the, lụa, sa trun, có chăn đệm lót hai đầu để gối và trải thảm quý bằng da sơn dương, thì này Xá-lê Tử, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-

ni dùng vô ngại định làm chánh ngự sàng cũng giống như thế. Này Xá-lê Tử, nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nào thành tựu vô ngại định làm chánh ngự sàng thì liền xả bỏ điều ác, tu tập điều thiện.

"Này Xá-lê Tử, cũng như vua và đại thần có ngọc báu danh tiếng, thì này Xá-lê Tử, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni dùng bất động tâm giải thoát làm ngọc báu danh tiếng cũng giống như thế. Này Xá-lê Tử, nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nào thành tựu bất động tâm giải thoát làm ngọc báu danh tiếng thì liền xả bỏ điều ác, tu tập điều thiện.

"Này Xá-lê Tử, cũng như vua và đại thần tắm nước trong mát, thoa bột hương tốt khiến thân thể thơm sạch, thì này Xá-lê Tử, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni tự quán tâm mình, khiến cho thân tịch tịnh, cũng giống như thế. Này Xá-lê Tử, nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nào thành tựu việc quán tâm mình, khiến cho thân tịch tịnh thì có thể kính trọng, phụng sự Thế Tôn, Pháp và chúng Tỳ-kheo, cùng với giới, bất phóng dật, bố thí và định."

Phật thuyết như vậy. Tôn giả Xá-lê Tử và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

❑

70. KINH CHUYỂN LUÂN VƯƠNG[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật du hóa tại Ma-đâu-lệ Sát-lợi[2], trong rừng xoài, trên bờ sông Sử hà[3].

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo rằng:

"Này các Tỳ-kheo, hãy tự mình thắp lên ngọn đèn Chánh pháp. Hãy nương tựa nơi pháp của chính mình, chớ đừng thắp lên ngọn đèn khác, đừng nương tựa một pháp khác[4].

"Này chư Tỳ-kheo, nếu ai tự mình thắp lên ngọn đèn chánh pháp, tự nương tựa nơi pháp của chính mình, không thắp lên ngọn đèn khác, không nương tựa một pháp khác, thì có thể cầu học, được lợi và phước vô lượng. Vì sao?

"Này Tỳ-kheo, thuở xưa có vua tên là Kiên Niệm[5] làm Chuyển luân vương, thông minh trí tuệ, có bốn loại quân chỉnh trị thiên hạ, tự do tự tại, là vị Pháp vương như pháp, thành tựu bảy báu, được bốn đức như ý của con người.

"Thành tựu bảy báu và được thành tựu bảy báu, được bốn đức như ý của con người là như thế nào? Đã nói trước đây[6] về sự thành tựu bảy báu, được bốn đức như ý của con người.

"Bấy giờ vua Kiên Niệm, vào một thời gian sau, thiên luân báu[7] di chuyển, bỗng rời khỏi chỗ cũ. Có người trông thấy, đến chỗ vua Kiên Niệm tâu rằng:

"– Tâu Thiên vương, nên biết rằng thiên luân báu di chuyển, rời khỏi chỗ cũ.

"Vua Kiên Niệm nghe xong, bảo rằng:

"– Này thái tử, thiên luân báu của ta di chuyển, rời khỏi chỗ cũ. Thái tử, chính ta từng nghe cổ nhân nói rằng 'Nếu thiên luân báu của Chuyển luân vương di chuyển, rời khỏi chỗ cũ, thì vua ấy chắc chắn không còn sống lâu, mạng vua không tồn tại lâu nữa. Này thái tử, ta đã hưởng dục lạc nhân gian, nay ta sẽ cầu dục lạc thiên thượng. Này thái tử, ta muốn cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín từ bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất

---

1. Tương đương Pāli, D.26. Cakkavatti-Sīhanāda-Suttanta. Tham chiếu, Hán: No.1(6).
2. Ma-đâu-lệ Sát-lợi ———R–b–Q–Abản Pāli nói ở Mātula, một ngôi làng tại Magadha. N.1 (6) nói là Ma-la-hê-sấu. Chữ *Sát-lợi* trong bản Hán này không rõ. Có thể là phiên âm tương đương với khetta, một *cánh đồng*.
3. Sử hà –p–e hay Sử lưu, con sông chảy ngang qua Nam và Bắc Kosala.
4. Đương tự nhiên pháp đăng, tự quy kỷ pháp. Mạc nhiên dư đăng, mạc quy dư pháp———M–k–O–A——k已–k–C——M–l–O–A——k–l–k–CSo sánh DTK.1(6): Đương tự xí nhiên, xí nhiên ư pháp, vật tha xí nhiên, đương tự quy y, quy y Ứng Chánh Đẳng Giác Pháp, Vật Tha Quy Y. Pāli: Attadīpā bhikkhāve viharatha atta-saraṇā anañña-saraṇā. Dhammadīpā dhamma-saraṇā anañña-saraṇā. Dīpā: có nghĩa là ngọn đèn, hay hòn đảo.
5. Kiên Niệm ——CNo.1(6): Kiên Cố Niệm. Pāli: Dalhameni.
6. Xem kinh số 67.
7. Thiên luân báu ———_–CPāli: Dibbam cakka-ratanam. Xem mô tả nơi kinh số 67.

gia học đạo. Này thái tử, nay ta đem bốn châu thiên hạ này giao phó cho con, con hãy chỉnh trị giáo hóa đúng như pháp, chớ dùng phi pháp, không để trong nước có người tạo ác nghiệp và phi phạm hạnh. Này thái tử, về sau nếu con thấy thiên luân báu rời khỏi chỗ cũ một ít thì con cũng phải đem việc quốc chính của nước này giao phó cho con của con, khéo dạy bảo và ủy thác giang sơn lại cho nó, rồi con cũng phải cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín từ bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo.

"Bấy giờ vua Kiên Niệm giao phó đất nước lại cho thái tử. Khéo dạy bảo xong, vua liền cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín từ bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo. Sau khi vua Kiên Niệm xuất gia học đạo bảy ngày, thiên luân báu ấy biến mất, không thấy.

"Lúc mất thiên luân, vua Sát-lợi Đảnh Sanh[8] quá ưu sầu áo não, không hoan lạc. Vua Sát-lợi Đảnh Sanh liền đến chỗ Tiên nhân, tức vua cha Kiên Niệm, thưa rằng:

"– Tâu Thiên vương, nên biết rằng, sau khi Thiên vương học đạo mới bảy ngày thì thiên luân báu biến mất, không thấy nữa.

"Cha là Tiên nhân, vua Kiên Niệm bảo con rằng:

"– Con chớ vì mất thiên luân báu mà nhớ tiếc, ưu sầu. Vì sao? Vì con không được thiên luân báu này từ nơi cha.

"Vua Sát-lợi Đảnh Sanh thưa vua cha rằng:

"– Tâu Thiên vương, vậy con phải làm gì.

"Cha là Tiên nhân tức vua Kiên Niệm bảo con rằng:

"– Con phải học pháp tương thừa[9]. Nếu học pháp tương thừa thì vào ngày rằm thuyết Tùng giải thoát, sau khi tắm rửa và đi lên chánh điện, thiên luân báu ấy chắc chắn sẽ từ phương Đông hiện đến, có ngàn căm và đầy đủ các bộ phận, thanh tịnh tự nhiên, chẳng phải do người tạo, màu sắc như ánh lửa, chói lọi sáng ngời.

"Vua Sát-lợi Đảnh Sanh lại thưa cha rằng:

"– Tâu Thiên vương, pháp tương thừa như thế nào mà Thiên vương muốn bảo con học, để lúc học rồi, vào ngày rằm, thuyết Tùng giải thoát, sau khi tắm rửa và lên chánh điện, thiên luân báu ấy sẽ từ phương Đông hiện đến, có ngàn căm và đầy đủ các bộ phận, thanh tịnh tự nhiên, chẳng phải do người tạo, màu sắc như ánh lửa, chói lọi sáng ngời?

"Vua Kiên Niệm bảo con rằng:

"– Con hãy quán pháp như pháp, thực hành pháp đúng như pháp. Hãy vì thái tử, hậu phi, thể nữ và các thần dân, Sa-môn, Phạm chí, cho đến loài côn trùng mà phụng trì trai giới vào những ngày mồng tám, mười bốn, mười lăm, tu hạnh bố thí. Bố thí cho những người nghèo khốn, Sa-môn, Phạm chí, kẻ bần cùng, người cô độc từ các phương xa lại xin; đem đồ ăn thức uống, áo chăn, xe cộ, tràng hoa, bột hoa, bột hương, nhà cửa, giường nệm, đệm lông, khăn quấn và cung cấp đèn dầu đầy đủ. Nếu trong nước con có các bậc Thượng tôn danh đức, Sa-môn, Phạm chí, thì con phải tùy thời đi đến chỗ của các vị đó để hỏi pháp, thọ pháp như thế này: 'Thưa chư tôn, thế nào là pháp thiện, thế nào là pháp bất thiện? Thế nào là tội, thế nào là phước? Thế nào là diệu, thế nào là phi diệu? Thế nào là hắc, thế nào là bạch? Pháp hắc bạch từ đâu sanh? Thế nào là mục đích[10] của cuộc đời

---

8. Sát-lợi Đảnh Sanh vương. Pāli: rājākhattiyo maddāvasatto, người dòng Sát-lợi, được truyền ngôi bằng nghi thức quán đảnh.

9. Tương kế chi pháp. Xem kinh số 67.

10. Hán: *nghĩa*. Ý nghĩa hoặc mục đích.

này? Thế nào là mục đích của đời sau? Làm thế nào để thọ thiện, không thọ ác?' Khi được nghe xong, phải thực hành đúng như lời các vị đã dạy. Nếu trong nước của con có kẻ bần cùng thì hãy lấy của cải cung cấp đầy đủ. Này con, đó là pháp tương thừa, con nên khéo học. Con đã khéo học thì vào ngày rằm, thuyết Tùng giải thoát, sau khi tắm rửa và lên chánh điện, chắc chắn Thiên luân báu ấy sẽ từ phương Đông hiện đến, có ngàn căm và đầy đủ các bộ phận, thanh tịnh tự nhiên, chẳng phải do người tạo, màu sắc như ánh lửa, chói lọi sáng ngời.

"Vua Sát-lợi Đảnh Sanh sau đó liền quán pháp đúng như pháp, thực hành pháp đúng như pháp, đã vì thái tử, hậu phi, thể nữ và các thần dân, Sa-môn, Phạm chí, cho đến loài côn trùng mà phụng trì trai giới vào các ngày mồng tám, mười bốn và mười lăm, tu hạnh bố thí. Bố thí cho những người nghèo khốn, Sa-môn, Phạm chí, kẻ bần cùng, người cô độc từ các phương xa lại xin; đã đem cho đồ ăn thức uống, y, mền, xe cộ, tràng hoa, bột hoa, bột hương, nhà cửa, giường nệm, đệm lông, khăn quấn và cung cấp dầu đèn đầy đủ. Nếu trong nước của vua có các bậc Thượng tôn danh đức, Sa-môn, Phạm chí thì vua tùy thời đích thân đến chỗ các vị hỏi pháp, thọ pháp thế này:

"– Thưa chư tôn, thế nào là pháp thiện, thế nào là pháp bất thiện? Thế nào là tội, thế nào là phước? Thế nào là diệu, thế nào là phi diệu? Thế nào là hắc, thế nào là bạch? Pháp hắc bạch từ đâu sanh? Thế nào là mục đích của đời này? Thế nào là mục đích của đời sau? Làm thế nào để thọ thiện mà không thọ ác?

"Nghe xong, nhà vua thực hành đúng như pháp những lời các vị đã dạy. Nếu trong nước của vua có kẻ bần cùng, nhà vua liền lấy của cải tùy thời cung cấp đầy đủ. Sau đó, vua Sát-lợi Đảnh Sanh vào ngày rằm, thuyết Tùng giải thoát; sau khi tắm rửa và lên chánh điện, Thiên luân bảo ấy từ phương Đông hiện đến, có ngàn căm và đầy đủ các bộ phận, thanh tịnh tự nhiên, chẳng phải do người tạo, màu sắc như ánh lửa, chói lọi sáng ngời. Nhà vua đã được làm Chuyển luân vương, cũng thành tựu bảy báu, cũng được bốn đức như ý của con người.

"Thành tựu bảy báu và được bốn đức như ý của con người như thế nào? Điều này đã nói ở trước.

"Vua Chuyển luân vương ấy, vào một thời gian sau, thiên luân báu bỗng nhiên rời khỏi chỗ cũ một ít, có người trông thấy, liền đến chỗ vua Chuyển luân vương tâu rằng:

"– Tâu Thiên vương, nên biết cho rằng thiên luân báu đã rời khỏi chỗ cũ một ít.

"Chuyển luân vương nghe xong liền bảo thái tử:

"– Này thái tử, thiên luân báu của ta đã rời khỏi chỗ cũ. Này thái tử, ta từng nghe từ phụ vương ta là vua Kiên Niệm nói như thế này: 'Nếu thiên luân báu của vua Chuyển luân vương rời khỏi chỗ cũ thì vua ấy chắc chắn không còn sống lâu, mạng vua không còn tồn tại bao lâu nữa'. Này thái tử, ta đã hưởng dục lạc của thế gian, nay ta cầu dục lạc thiên thượng. Này thái tử, ta muốn cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín từ bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo. Này thái tử, con hãy chỉnh trị giáo hóa đúng như pháp, chớ đừng phi pháp, không để cho trong nước có những người tạo ác nghiệp và phi phạm hạnh. Này thái tử, về sau nếu con thấy thiên luân báu rời khỏi chỗ cũ, thì con cũng phải đem việc quốc chính của nước này giao phó lại cho con của con, khéo dạy bảo và ủy thác giang sơn lại cho nó, rồi con cũng cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín từ bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo.

"Bấy giờ, vua Chuyển luân vương ấy giao phó đất nước cho thái tử, khéo dạy bảo xong, liền cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín từ bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất

gia học đạo. Sau khi vua Chuyển luân vương ấy xuất gia học đạo được bảy ngày thì thiên luân báu ấy biến mất không thấy.

"Lúc mất thiên luân, vua Sát-lợi Đảnh Sanh không ưu sầu mà lại nhiễm dục, trước dục, tham dục, không nhàm tởm, bị dục trói buộc, bị lệ thuộc vào dục, không thấy tai họa của dục, không biết sự xuất ly khỏi dục, tự cai trị đất nước theo ý của mình nên đất nước suy vong, không phục hưng nổi. Cũng như các vị Chuyển luân vương thuở xưa học pháp tương thừa, nên đất nước nhân dân càng hưng thịnh thêm mãi, không hề suy giảm; vua Sát-lợi Đảnh Sanh cũng lại như thế, tự cai trị đất nước theo ý mình. Vì tự cai trị đất nước theo ý mình nên đất nước suy vong, không phục hưng nổi.

"Bấy giờ, Phạm chí quốc sư đi quan sát tình cảnh đất nước, thấy đất nước nhân dân đã suy vong, không phục hưng nổi, liền nghĩ rằng: 'Vua Sát-lợi Đảnh Sanh tự cai trị đất nước theo ý của vua. Vì cai trị đất nước theo ý của vua nên đất nước nhân dân đã suy vong, không phục hưng nổi. Cũng như các bậc Chuyển luân vương thuở xưa học pháp tương thừa nên đất nước nhân dân càng hưng thịnh thêm mãi, không hề suy giảm; vua Sát-lợi Đảnh Sanh này cũng lại như thế, tự cai trị đất nước theo ý của vua. Vì cai trị đất nước theo ý của vua nên nhân dân đất nước đã suy vong, không phục hưng nổi. Phạm chí quốc sư liền đến vua Sát-lợi Đảnh Sanh thưa rằng:

"– Tâu Thiên vương, nên biết rằng, Thiên vương đã tự cai trị đất nước theo ý của Thiên vương. Vì đã cai trị đất nước theo ý của Thiên vương nên đất nước nhân dân đã suy giảm, không phục hưng nổi. Cũng như các vị Chuyển luân vương thuở xưa học pháp tương thừa nên đất nước nhân dân càng hưng thịnh mãi, không hề suy giảm. Nay Thiên vương cũng lại như thế, cai trị đất nước theo ý của Thiên vương nên đất nước nhân dân đã suy vong, không phục hưng nổi.

"Nghe xong, vua Sát-lợi Đảnh Sanh bảo rằng:

"– Này Phạm chí, ta phải làm thế nào?

Phạm chí trả lời:

"– Tâu Thiên vương, trong nước có người thông minh trí tuệ, am tường toán số. Trong nước có đại thần và quyến thuộc học kinh, hiểu rõ kinh, tụng tập, thọ trì pháp tương thừa. Khi đã học pháp tương thừa thì vào ngày rằm thuyết Tùng giải thoát, Thiên vương tắm rửa, lên chánh điện, thiên luân báu ấy chắc chắn từ phương Đông hiện đến, có ngàn căm và đầy đủ các bộ phận, thanh tịnh tự nhiên, chẳng phải do người tạo, màu sắc như ánh lửa, chói lọi sáng ngời.

"Vua Sát-lợi Đảnh Sanh lại hỏi:

"– Này Phạm chí, pháp tương thừa như thế nào mà Phạm chí muốn ta học, để lúc học rồi, vào ngày rằm, thuyết Tùng giải thoát, sau khi tắm rửa và lên chánh điện, thiên luân báu từ phương Đông hiện đến, có một ngàn căm, đầy đủ các bộ phận, thanh tịnh tự nhiên, chẳng phải do người làm, màu sắc tự như ánh lửa, chói lọi sáng ngời?

"Phạm chí quốc sư thưa rằng:

"– Tâu Thiên vương, Thiên vương hãy quán pháp đúng như pháp, thực hành pháp đúng như pháp. Hãy vì thái tử, hậu phi, thể nữ và các thần dân, Sa-môn, Phạm chí cho đến loài côn trùng mà phụng trì trai giới. Vào những ngày mồng tám, mười bốn và ngày rằm tu hạnh bố thí. Bố thí cho những người nghèo khốn, Sa-môn, Phạm chí, kẻ bần cùng, người cô độc từ các phương xa lại xin, đem cho đồ ăn thức uống, y, mền, xe cộ, tràng hoa, bột hoa, bột hương, nhà cửa, giường nằm, đệm lông, chăn quấn và cung cấp đèn dầu đầy đủ. Nếu ở trong nước có những bậc thượng tôn danh đức, Sa-môn, Phạm chí thì Thiên vương

hãy tùy thời, đi đến chỗ của các ngài để hỏi pháp, thọ pháp như thế này: 'Thưa chư tôn, thế nào là pháp thiện, thế nào là pháp bất thiện? Thế nào là tội, thế nào là phước? Thế nào là diệu, thế nào là phi diệu? Thế nào là hắc, thế nào là bạch? Pháp hắc bạch từ đâu sanh? Thế nào là mục đích của đời này? Thế nào là mục đích của đời sau làm thế nào để thọ thiện mà không thọ ác?' Khi đã được nghe xong, Thiên vương nên thực hành đúng như lời các ngài đã dạy. Nếu trong nước của Thiên vương có kẻ bần cùng thì nên lấy của cải trong cung để cung cấp đầy đủ. Tâu Thiên vương, đó là pháp tương thừa, Thiên vương nên khéo học và ghi nhớ, rồi vào ngày rằm thuyết Tùng giải thoát, sau khi tắm rửa và lên chánh điện, Thiên vương, thiên luân báu ấy chắc chắn sẽ từ phương Đông hiện đến, có một ngàn căm và đủ các bộ phận, thanh tịnh tự nhiên, chẳng phải do người tạo, màu sắc như ánh lửa, chói lọi sáng ngời.

"Sau đó, vua Sát-lợi Đảnh Sanh liền quán pháp đúng như pháp, thực hành đúng như pháp, vì thể nữ, hậu phi và các thần dân, Sa-môn, Phạm chí cho đến loài côn trùng mà phụng trì trai giới vào ngày mồng tám, mười bốn và ngày rằm, tu hành bố thí, bố thí cho những người nghèo khốn, Sa-môn, Phạm chí, kẻ bần cùng, người cô độc từ các phương xa lại xin, đem cho đồ ăn, thức uống, y, mền, xe cộ, tràng hoa, bột hoa, bột hương, nhà cửa, giường nệm, đệm lông, khăn quấn và cung cấp đèn dầu đầy đủ. Nếu trong nước có các bậc Thượng tôn danh đức, Sa-môn, Phạm chí thì vua đã đích thân tùy thời đến chỗ các vị ấy để hỏi pháp, thọ pháp như thế này:

"– Thưa chư tôn, thế nào là pháp thiện, thế nào là pháp bất thiện? Thế nào là tội, thế nào là phước? Thế nào là diệu, thế nào là phi diệu? Thế nào hắc, thế nào là bạch? Pháp hắc bạch từ đâu sanh? Thế nào là mục đích của đời này? Thế nào là mục đích của đời sau? Làm thế nào để thọ thiện mà không thọ ác?

"Khi đã nghe xong, nhà vua đã thực hành đúng như lời các ngài đã chỉ bảo. Nhưng trong nước có người bần cùng, vua không đem vật dụng cấp phát. Do đó kẻ nghèo khốn không có của cải, đã nghèo khổ lại càng nghèo khổ hơn. Vì nghèo khốn nên ăn trộm vật dụng của kẻ khác, vì ăn trộm nên bị chủ nhân bắt trói đem đến vua Sát-lợi Đảnh Sanh, thưa rằng:

"– Tâu Thiên vương, người này ăn trộm vật dụng của con, xin Thiên vương trừng trị.

"Vua Sát-lợi Đảnh Sanh hỏi tội nhân:

"– Quả thật ngươi có ăn trộm?

Người ấy đáp:

"– Tâu Thiên vương, quả thật con có ăn trộm. Vì sao? Tâu Thiên vương, vì nghèo khốn. Nếu không ăn trộm thì không có gì để sống.

"Vua Sát-lợi Đảnh Sanh liền đem của cải cấp phát cho và nói với người ăn trộm rằng:

"– Ngươi hãy trở về và sau này chớ trái phạm.

"Lúc đó, dân chúng trong nước nghe nói về vua Sát-lợi Đảnh Sanh như thế này: 'Nếu trong nước có ai trộm cắp thì nhà vua liền đem của cải cấp phát cho,' Do đó, có người nghĩ rằng: 'Chúng ta cũng nên ăn cắp của cải kẻ khác'. Từ đó, dân chúng trong nước ai cũng tranh nhau trộm cắp của cải kẻ khác. Vì thế, người nghèo khốn không có của cải, không được cấp phát, càng trở nên nghèo khốn hơn, nên nạn trộm cắp càng lan tràn. Vì trộm cắp lan tràn nên tuổi thọ con người giảm xuống, hình sắc trở nên thô xấu.

"Này Tỳ-kheo, sau khi tuổi thọ của con người giảm xuống, hình sắc trở nên thô xấu thì người cha thọ tám vạn tuổi, con thọ bốn vạn tuổi.

"Này Tỳ-kheo, lúc loài người thọ bốn vạn tuổi, có người trộm cắp vật dụng của kẻ khác, chủ nhân bắt trói đem đến vua Sát-lợi Đảnh Sanh, thưa rằng:

"– Tâu thiên vương, người này trộm cắp vật dụng của con, xin Thiên vương trừng trị.

"Vua Sát-lợi Đảnh Sanh hỏi người lấy trộm:

"– Quả thiệt ngươi có ăn trộm phải không?

Người ấy đáp:

"– Tâu Thiên vương, quả con có ăn trộm.

Vì sao? – Vì nghèo khốn. Nếu không ăn trộm, con không có gì để sống.

"Nghe xong, vua Sát-lợi Đảnh Sanh nghĩ rằng: 'Nếu trong nước ta có nạn trộm cắp mà ta lại đem của cải cấp phát đầy đủ, như vậy chỉ làm cho kho tàng của quốc gia khô kiệt, dung túng cho nạn trộm cắp lan tràn. Ta nên rèn dao thật bén, nếu trong nước ta có ai trộm cắp thì bắt trói ngay dưới gốc cây nêu cao và chém đầu nó'.

"Sau đó, vua Sát-lợi Đảnh Sanh hạ lệnh rèn dao thật bén. Nếu trong nước có ai trộm cắp vật dụng của kẻ khác thì cho bắt trói dưới cây nêu cao mà chém đầu.

"Người trong nước bấy giờ nghe vua Sát-lợi Đảnh Sanh ra lệnh rèn dao thật bén, nếu trong nước có ai ăn trộm vật dụng của kẻ khác thì cho bắt trói dưới cây nêu cao và chém đầu, dân chúng bèn nghĩ rằng: 'Ta cũng nên bắt chước rèn dao thật bén, mang đi ăn trộm vật dụng. Nếu lấy vật dụng của ai thì bắt chủ nhân của vật ấy mà chém đầu'.

"Từ đó về sau, những người ăn trộm thi nhau rèn dao bén mang đi ăn trộm vật dụng, bắt các chủ nhân mà chém đầu. Do đó, kẻ nghèo khốn không của cải, không được cấp phát, càng nghèo khốn hơn. Vì càng nghèo khốn hơn nên nạn trộm cắp càng lan tràn. Vì nạn trộm cắp càng lan tràn nên sự chém giết càng tăng lên. Do đó tuổi thọ của loài người giảm xuống, hình sắc trở nên thô xấu.

"Này Tỳ-kheo, sau khi tuổi thọ giảm xuống, hình sắc trở nên thô xấu thì người cha chỉ còn bốn vạn tuổi và con thọ hai vạn tuổi.

"Này Tỳ-kheo, lúc loài người thọ hai vạn tuổi, có người ăn trộm vật dụng của kẻ khác, chủ nhân bắt trói dẫn tới vua Sát-lợi Đảnh Sanh, thưa rằng:

"– Tâu Thiên vương, người này ăn trộm vật dụng của con, xin Thiên vương trừng trị.

"Vua Sát-lợi Đảnh Sanh hỏi tội nhân:

"– Quả thật ngươi có ăn trộm phải không?

"Bấy giờ, người ăn trộm nghĩ rằng: 'Vua Sát-lợi Đảnh Sanh nếu biết sự thật này thì sẽ trói và đánh mình, hoặc vứt ném, hoặc tẩn xuất, hoặc phạt tiền của, hoặc trừng trị đau đớn đủ cách, hoặc treo lên cây rồi bêu đầu mình. Có lẽ mình dùng lời nói dối, lừa gạt vua Sát-lợi Đảnh Sanh chăng?'

"Nghĩ xong, thưa rằng:

"– Tâu Thiên vương, tôi không lấy trộm.

"Do đó kẻ nghèo khốn không có của cải, không được cấp phát, càng nghèo khốn hơn. Vì càng nghèo khốn hơn nên nạn trộm cắp càng lan tràn mãi. Vì sự trộm cắp càng lan tràn nên sự chém giết gia tăng. Vì sự chém giết gia tăng nên sự nói dối, nói hai lưỡi nhiều hơn. Vì sự nói dối, nói hai lưỡi nhiều hơn nên tuổi thọ của loài người càng giảm xuống, hình sắc trở nên thô xấu.

"Này Tỳ-kheo, lúc tuổi thọ giảm xuống, hình sắc trở nên thô xấu thì người cha chỉ thọ hai vạn tuổi, người con chỉ thọ một vạn tuổi.

"Này Tỳ-kheo, lúc loài người thọ một vạn tuổi thì trong nhân dân có người có đức,

có người vô đức. Nếu ai vô đức thì ghen ghét người có đức và phạm tà hạnh với vợ của người. Do đó kẻ nghèo khốn không có của cải, không được cấp phát, càng nghèo khốn hơn. Vì càng nghèo khốn nên nạn trộm cắp càng lan tràn. Vì trộm cắp lan tràn nên chém giết gia tăng. Vì chém giết gia tăng nên nói dối, nói hai lưỡi gia tăng. Vì nói dối, nói hai lưỡi gia tăng nên tật đố, tà dâm gia tăng. Vì tật đố, tà dâm gia tăng nên tuổi thọ của loài người giảm xuống, hình sắc trở nên thô xấu.

"Này Tỳ-kheo, lúc tuổi thọ giảm xuống, hình sắc trở nên thô xấu thì người cha chỉ thọ một vạn tuổi, người con chỉ thọ năm ngàn tuổi.

"Này Tỳ-kheo, lúc loài người thọ hai ngàn năm trăm tuổi thì ba pháp khác lại hưng thịnh; đó là, lưỡng thiệt, thô ngữ và ỷ ngữ. Vì ba pháp này hưng thịnh nên tuổi thọ của loài người giảm xuống, hình sắc trở nên thô xấu.

"Này Tỳ-kheo, lúc tuổi thọ loài người giảm xuống, hình sắc trở nên thô xấu thì người cha chỉ thọ hai ngàn năm trăm tuổi, người con chỉ thọ một ngàn tuổi.

"Này Tỳ-kheo, lúc loài người thọ một ngàn tuổi thì một pháp hưng thịnh, đó là tà kiến. Vì pháp này hưng thịnh nên tuổi thọ loài người giảm xuống, hình sắc trở nên thô xấu.

"Này Tỳ-kheo, lúc tuổi thọ loài người giảm xuống, hình sắc trở nên thô xấu, thì người cha chỉ thọ một ngàn tuổi, người con chỉ thọ năm trăm tuổi.

"Này Tỳ-kheo, khi loài người thọ năm trăm tuổi thì con người lúc ấy hoàn toàn[11] không hiếu thảo với cha mẹ, không kính trọng Sa-môn, Phạm chí, không làm việc thuận lợi, không tạo phước nghiệp, không thấy tội đời sau. Lúc loài người không hiếu thảo với cha mẹ, không kính trọng Sa-môn, Phạm chí, không làm việc thuận lợi, không tạo phước nghiệp, không thấy tội đời sau, cho nên này Tỳ-kheo, lúc đó người cha chỉ thọ năm trăm tuổi, người con chỉ thọ hai trăm năm mươi tuổi, hoặc hai trăm tuổi.

"Này Tỳ-kheo, hiện giờ nếu có ai được trường thọ thì được một trăm tuổi và có thể là không chừng."

Đức Phật lại bảo:

"– Một thời gian lâu xa về đời vị lai, sẽ có lúc con người chỉ thọ mười tuổi, thì con gái sanh ra mới năm tháng đã lấy chồng.

"Này Tỳ-kheo, lúc con người thọ mười tuổi, có một giống lúa tên là bại tử[12], là thức ăn ngon nhất. Cũng như lúa gạo[13] là thức ăn ngon nhất của loài người hôm nay. Này Tỳ-kheo, cũng giống như thế, lúc con người thọ mười tuổi thì có loại lúa tên là bại tử, là món ăn ngon nhất.

"Này Tỳ-kheo, lúc con người thọ mười tuổi, những thứ mỹ vị mà ngày nay hiện có như tô-du, muối, mật[14], đường mía thì thời ấy những thứ này sẽ biến mất tất.

"Này Tỳ-kheo, lúc con người thọ mười tuổi, nếu ai tạo mười ác nghiệp đạo thì kẻ ấy sẽ được người khác kính trọng. Cũng như hiện giờ, nếu ai tạo mười thiện nghiệp đạo thì kẻ ấy được người khác kính trọng. Này Tỳ-kheo, lúc con người thọ mười tuổi, cũng như vậy, nếu ai tạo mười ác nghiệp đạo thì kẻ ấy được người khác kính trọng.

"Này Tỳ-kheo, lúc con người thọ mười tuổi thì hoàn toàn không có một danh từ "thiện", huống nữa là có tạo mười thiện nghiệp đạo.

---

11. Trong để bản: tận thọ ——— (suốt đời). Có lẽ dư chữ *thọ*. Ba bản Tống-Nguyên-Minh không có.

12. Bại tử ———l—Floại cỏ giống như lúa. Pāli: hột kudrūsa.

13. Canh lương —e ——FPāli: sāli-mamsodana.

14. Trong bản: diêm, mật —Q—e—CTheo liệt kê thông thường thi chỗ này là *thạch mật* tức *đường phèn*.

"Này Tỳ-kheo, lúc con người thọ mười tuổi, có người tên là Đàn Phạt[15], đi đến khắp mọi nhà mà đàn phạt.

"Này Tỳ-kheo, lúc con người thọ mười tuổi, thì mẹ đối với con có tâm giết hại rất mãnh liệt, con đối với mẹ cũng có tâm giết hại rất mãnh liệt. Cha con, anh em, chị em thân thuộc đối với nhau đều có tâm giết hại lẫn nhau. Cũng như người thợ săn trông thấy con nai thì có tâm giết hại rất mãnh liệt. Này Tỳ-kheo, lúc con người thọ mười tuổi cũng lại như thế, mẹ đối với con có tâm giết hại rất mãnh liệt. Cha con, anh em, chị em quyến thuộc đối với nhau đều có tâm giết hại lẫn nhau.

"Này Tỳ-kheo, lúc con người thọ mười tuổi, có nạn đao binh bảy ngày[16]. Nếu ai có nắm cỏ thì cỏ biến thành dao. Nếu nắm cây củi thì cây củi cũng biến thành dao. Ai cũng dùng dao ấy để giết hại lẫn nhau. Qua bảy ngày, nạn đao binh chấm dứt.

"Bấy giờ cũng có người biết thẹn thùng, xấu hổ, nhờm tởm, chán ghét, không ưa những sự hung ác kia. Lúc có nạn đao binh bảy ngày, họ đi vào núi non hoặc đồng nội, ẩn náu ở nơi yên ổn. Sau bảy ngày ấy, thì từ núi non đồng nội, nơi yên ổn đi ra, trông thấy nhau sanh lòng thương mến, quyến luyến nhau vô cùng. Cũng như mẹ hiền chỉ có một đứa con đã xa cách lâu ngày, nay từ phương xa trở lại gia đình yên ổn, mẹ con thấy nhau hoan hỷ, sanh lòng thương mến nhau vô cùng. Những người kia, sau bảy ngày từ núi non đồng nội, nơi yên ổn đi ra, trông thấy nhau sanh lòng thương mến, quyến luyến nhau vô cùng, cũng giống như thế. Trông thấy nhau rồi, liền nói rằng: 'Chư Hiền, ta nay thấy nhau còn được yên ổn. Chúng ta vì tạo pháp bất thiện nên gặp gỡ nơi đây, thân thuộc chết sạch. Chúng ta hãy cùng nhau thực hành thiện pháp. Làm thế nào để chúng ta cùng thực hành thiện pháp? Chúng ta đều là kẻ sát nhân, nay nên xa lìa sát sanh, đoạn trừ sát sanh, chúng ta nên thực hành thiện pháp ấy'.

"Những người kia cùng nhau thực hành thiện pháp, tuổi thọ liền tăng lên, hình sắc trở nên đẹp đẽ. Này Tỳ-kheo, lúc tuổi thọ đã tăng lên, hình sắc trở nên đẹp đẽ thì người thọ mười tuổi sanh ra con thọ hai mươi tuổi.

"Này Tỳ-kheo, người thọ hai mươi tuổi lại nghĩ rằng: 'Nếu cầu học điều thiện thì tuổi thọ tăng lên, hình sắc trở nên đẹp đẽ. Chúng ta nên cùng nhau làm điều thiện nhiều hơn. Làm thế nào để chúng ta cùng làm điều thiện nhiều hơn? Chúng ta hãy xa lìa sát sanh, đoạn trừ sát sanh nhưng vẫn còn lấy của không cho. Chúng ta nên xa lìa việc lấy của không cho, đoạn trừ việc lấy của không cho. Chúng ta nên cùng nhau làm điều thiện ấy'.

"Những người kia cùng nhau làm điều thiện như thế. Khi đã làm điều thiện ấy, tuổi thọ lại tăng lên, hình sắc trở nên đẹp đẽ thì người thọ hai mươi tuổi sanh con thọ bốn mươi tuổi.

"Này Tỳ-kheo, người thọ bốn mươi tuổi cũng nghĩ như thế này: 'Nếu cầu học điều thiện thì tuổi thọ tăng lên, hình sắc trở nên đẹp đẽ. Chúng ta nên làm việc thiện nhiều hơn nữa. Làm thế nào để chúng ta làm việc thiện nhiều hơn nữa? Chúng ta đã xa lìa sát sanh, đoạn trừ sát sanh, xa lìa việc lấy của không cho, nhưng vẫn còn tà dâm. Chúng ta nên xa lìa tà dâm, đoạn trừ tà dâm. Chúng ta nên làm việc thiện ấy'.

"Những người kia cùng nhau làm điều thiện như thế. Khi đã làm điều thiện ấy, tuổi thọ lại tăng lên, hình sắc trở nên đẹp đẽ. Này Tỳ-kheo, lúc tuổi thọ loài người đã tăng lên, hình sắc trở nên đẹp đẽ thì người thọ bốn mươi tuổi sanh con thọ tám mươi tuổi.

---

15. Đàn phạt -u-@-Fđàn hạch và trừng phạt? Không rõ Pāli.

16. Đao binh kiếp-M-L-T-C Pāli: satthantara-kappa.

"Này Tỳ-kheo, người thọ tám mươi tuổi cũng nghĩ thế này: 'Nếu cầu học điều thiện thì tuổi thọ tăng lên, hình sắc trở nên đẹp đẽ. Chúng ta cùng nhau làm điều thiện nhiều hơn nữa. Làm thế nào để chúng ta cùng nhau làm điều thiện nhiều hơn? Chúng ta đã xa lìa sát sanh, đoạn trừ sát sanh, xa lìa việc lấy của không cho, đoạn trừ việc lấy của không cho, xa lìa tà dâm, đoạn trừ tà dâm, nhưng vẫn còn nói dối. Chúng ta nên xa lìa nói dối, đoạn trừ nói dối. Chúng ta nên làm việc thiện ấy'.

"Những người kia cùng nhau làm việc thiện ấy. Khi đã làm việc thiện ấy thì tuổi thọ tăng lên, hình sắc trở nên đẹp đẽ. Này Tỳ-kheo, khi loài người tuổi thọ tăng lên, hình sắc trở nên đẹp đẽ thì người thọ tám mươi tuổi sanh con thọ một trăm sáu mươi tuổi.

"Này Tỳ-kheo, người thọ một trăm sáu mươi tuổi cũng nghĩ như thế này: 'Nếu cầu học điều thiện thì tuổi thọ tăng lên, hình sắc trở nên đẹp đẽ, chúng ta nên cùng nhau học điều thiện nhiều hơn nữa. Làm thế nào để chúng ta cùng làm việc thiện nhiều hơn nữa? Chúng ta đã xa lìa sát sanh, đoạn trừ sát sanh; đã xa lìa trộm cắp, đoạn trừ trộm cắp; xa lìa tà dâm, đoạn trừ tà dâm; xa lìa nói dối, đoạn trừ nói dối, nhưng chúng ta vẫn còn nói hai lưỡi. Chúng ta nên xa lìa nói hai lưỡi đoạn trừ nói hai lưỡi. Chúng ta nên cùng nhau làm việc thiện ấy'.

"Những người kia cùng nhau làm việc thiện như thế. Khi làm việc thiện ấy, tuổi thọ tăng lên, hình sắc trở nên đẹp đẽ. Này Tỳ-kheo, lúc tuổi thọ của loài người tăng lên, hình sắc trở nên đẹp đẽ thì người thọ một trăm sáu mươi tuổi sanh con thọ ba trăm hai mươi tuổi.

"Này Tỳ-kheo, người thọ ba trăm hai mươi tuổi cũng nghĩ rằng: 'Nếu cầu học điều thiện thì tuổi thọ tăng lên, hình sắc trở nên đẹp đẽ, chúng ta nên cùng nhau học điều thiện nhiều hơn nữa. Làm thế nào để chúng ta cùng làm việc thiện nhiều hơn nữa? Chúng ta đã xa lìa sát sanh, đoạn trừ sát sanh; đã xa lìa trộm cắp, đoạn trừ trộm cắp; xa lìa tà dâm, đoạn trừ tà dâm; xa lìa nói dối, đoạn trừ nói dối; xa lìa nói hai lưỡi, đoạn trừ nói hai lưỡi, nhưng vẫn còn nói thô ác. Chúng ta nên xa lìa lời nói thô ác, đoạn trừ lời nói thô ác. Chúng ta nên làm việc thiện ấy'.

"Những người kia cùng nhau làm việc thiện như thế. Khi làm việc thiện ấy, tuổi thọ tăng lên, hình sắc trở nên đẹp đẽ. Này Tỳ-kheo, lúc tuổi thọ của loài người tăng lên, hình sắc trở nên đẹp đẽ thì người thọ ba trăm hai mươi tuổi sanh con thọ sáu trăm bốn mươi tuổi.

"Này Tỳ-kheo, người thọ sáu trăm bốn mươi tuổi cũng nghĩ rằng: 'Nếu cầu học điều thiện thì tuổi thọ tăng lên, hình sắc trở nên đẹp đẽ, chúng ta nên cùng nhau học điều thiện nhiều hơn nữa. Làm thế nào để chúng ta cùng làm việc thiện nhiều hơn? Chúng ta đã xa lìa sát sanh, đoạn trừ sát sanh; đã xa lìa trộm cắp, đoạn trừ trộm cắp; xa lìa tà dâm, đoạn trừ tà dâm; xa lìa nói dối, đoạn trừ nói dối, xa lìa nói hai lưỡi, đoạn trừ nói hai lưỡi; xa lìa nói thô ác, đoạn trừ nói thô ác, nhưng chúng ta vẫn còn nói thêu dệt. Chúng ta nên xa lìa nói thêu dệt, đoạn trừ nói thêu dệt. Chúng ta nên cùng nhau làm việc thiện ấy'.

"Những người kia cùng nhau làm việc thiện như thế. Khi đã làm việc thiện ấy, tuổi thọ liền tăng lên, hình sắc trở nên đẹp đẽ. Này Tỳ-kheo, lúc tuổi thọ của loài người tăng lên, hình sắc trở nên đẹp đẽ thì người thọ sáu trăm bốn mươi tuổi sanh con thọ hai ngàn năm trăm tuổi.

"Này Tỳ-kheo, người thọ hai ngàn năm trăm tuổi cũng nghĩ rằng: 'Nếu cầu học điều thiện thì tuổi thọ tăng lên, hình sắc trở nên đẹp đẽ. Chúng ta nên cùng nhau làm việc thiện nhiều hơn nữa. Làm thế nào để chúng ta làm việc thiện nhiều hơn? Chúng ta đã xa

lìa sát sanh, đoạn trừ sát sanh; đã xa lìa trộm cắp, đoạn trừ trộm cắp; xa lìa tà dâm, đoạn trừ tà dâm; xa lìa nói dối, đoạn trừ nói dối, xa lìa nói hai lưỡi, đoạn trừ nói hai lưỡi; xa lìa nói thô ác, đoạn trừ nói thô ác, xa lìa lời nói thêu dệt, đoạn trừ lời nói thêu dệt, nhưng còn tham lam tật đố. Chúng ta nên xa lìa tham lam tật đố, đoạn trừ tham lam tật đố. Chúng ta nên cùng nhau làm việc thiện ấy'.

"Những người kia cùng nhau làm việc thiện như thế. Khi đã làm việc thiện ấy, tuổi thọ liền tăng lên, hình sắc trở nên đẹp đẽ. Này Tỳ-kheo, lúc tuổi thọ của loài người tăng lên, hình sắc trở nên đẹp đẽ thì người thọ hai ngàn năm trăm tuổi sanh con thọ năm ngàn tuổi.

"Này Tỳ-kheo, người thọ năm ngàn tuổi cũng nghĩ rằng: 'Nếu cầu học điều thiện thì tuổi thọ tăng lên, hình sắc trở nên đẹp đẽ. Chúng ta nên cùng nhau làm việc thiện nhiều hơn nữa. Làm thế nào để chúng ta làm việc thiện nhiều hơn? Chúng ta đã xa lìa sát sanh, đoạn trừ sát sanh; xa lìa việc lấy của không cho, đoạn trừ việc lấy của không cho; xa lìa tà dâm, đoạn trừ tà dâm; xa lìa lời nói dối, đoạn trừ lời nói dối, xa lìa nói hai lưỡi, đoạn trừ nói hai lưỡi; xa lìa nói thô ác, đoạn trừ nói thô ác, xa lìa lời nói thêu dệt, đoạn trừ lời nói thêu dệt, xa lìa tham lam tật đố, đoạn trừ tham lam tật đố, nhưng vẫn còn sân hận. Chúng ta nên xa lìa sân nhuế, đoạn trừ sân nhuế. Chúng ta nên cùng nhau làm việc thiện ấy'.

"Những người kia cùng nhau làm việc thiện như thế. Khi đã làm việc thiện ấy, tuổi thọ liền tăng lên, hình sắc trở nên đẹp đẽ. Này Tỳ-kheo, lúc tuổi thọ của loài người tăng lên, hình sắc trở nên đẹp đẽ thì người thọ năm ngàn tuổi sanh con thọ một vạn tuổi.

"Này Tỳ-kheo, người thọ một vạn tuổi cũng nghĩ rằng: 'Nếu cầu học điều thiện thì tuổi thọ tăng lên, hình sắc trở nên đẹp đẽ. Chúng ta nên cùng nhau làm việc thiện nhiều hơn nữa. Làm thế nào để chúng ta làm việc thiện nhiều hơn? Chúng ta đã xa lìa sát sanh, đoạn trừ sát sanh; xa lìa việc lấy của không cho, đoạn trừ việc lấy của không cho; xa lìa tà dâm, đoạn trừ tà dâm; xa lìa nói dối, đoạn trừ nói dối, xa lìa nói hai lưỡi, đoạn trừ nói hai lưỡi; xa lìa lời nói thô ác, đoạn trừ lời nói thô ác, xa lìa lời nói thêu dệt, đoạn trừ lời nói thêu dệt, xa lìa tham lam tật đố, đoạn trừ tham lam tật đố, xa lìa sân nhuế, đoạn trừ sân nhuế, nhưng vẫn còn tà kiến. Chúng ta nên xa lìa tà kiến, đoạn trừ tà kiến. Chúng ta nên cùng nhau tu học việc thiện này'.

"Những người kia cùng nhau làm việc thiện như thế. Khi đã làm việc thiện ấy, tuổi thọ liền tăng lên, hình sắc trở nên đẹp đẽ. Này Tỳ-kheo, lúc tuổi thọ của loài người đã tăng lên, hình sắc trở nên đẹp đẽ thì người thọ một vạn tuổi sanh con thọ hai vạn tuổi.

"Này Tỳ-kheo, người thọ hai vạn tuổi cũng nghĩ rằng: 'Nếu cầu học điều thiện thì tuổi thọ tăng lên, hình sắc trở nên đẹp đẽ. Chúng ta nên cùng nhau làm việc thiện nhiều hơn nữa. Làm thế nào để chúng ta làm việc thiện nhiều hơn? Chúng ta đã xa lìa sát sanh, đoạn trừ sát sanh; xa lìa việc lấy của không cho, đoạn trừ việc lấy của không cho; xa lìa tà dâm, đoạn trừ tà dâm; xa lìa nói dối, đoạn trừ nói dối, xa lìa nói hai lưỡi, đoạn trừ nói hai lưỡi; xa lìa lời nói thô ác, đoạn trừ lời nói thô ác, xa lìa lời nói thêu dệt, đoạn trừ lời nói thêu dệt, xa lìa tham lam tật đố, đoạn trừ tham lam tật đố, xa lìa sân nhuế, đoạn trừ sân nhuế, xa lìa tà kiến, đoạn trừ tà kiến, nhưng vẫn còn có phi pháp dục, ác tham hạnh và tà pháp. Chúng ta nên xa lìa ba pháp ác bất thiện này, đoạn trừ ba pháp ác bất thiện này. Chúng ta nên cùng nhau làm việc thiện ấy'.

"Những người kia cùng nhau làm việc thiện như thế. Khi đã làm việc thiện ấy, tuổi thọ liền tăng lên, hình sắc trở nên đẹp đẽ. Này Tỳ-kheo, lúc tuổi thọ của loài người đã tăng lên, hình sắc trở nên đẹp đẽ thì người thọ hai vạn tuổi sanh con thọ bốn vạn tuổi.

"Này Tỳ-kheo, lúc loài người thọ bốn vạn tuổi thì biết hiếu thuận với cha mẹ, tôn trọng cung kính Sa-môn, Phạm chí, làm việc thuận lợi, tu tập phước nghiệp, thấy tội lỗi đời sau. Loài người nhân vì hiếu thuận với cha mẹ, cung kính tôn trọng Sa-môn, Phạm chí, làm việc thuận lợi, tu tập phước nghiệp, thấy tội đời sau, cho nên này Tỳ-kheo, người thọ bốn vạn tuổi sanh con thọ tám vạn tuổi.

"Này Tỳ-kheo, lúc người thọ tám vạn tuổi, châu Diêm-phù này giàu có cùng tột, nhân dân đông đúc, thôn ấp gần nhau bằng khoảng cách con gà bay.

"Này Tỳ-kheo, lúc con người thọ tám vạn tuổi, con gái đến năm trăm tuổi mới có thể lấy chồng. Này Tỳ-kheo, lúc con người thọ tám vạn tuổi thì chỉ có những chứng bệnh như đại tiểu tiện, nóng, lạnh, muốn ăn uống và già. Ngoài ra, không còn tai họa nào nữa.

"Này Tỳ-kheo, lúc loài người thọ tám vạn tuổi, có một vị vua tên là Loa[17] làm Chuyển luân vương, thông minh trí tuệ, có bốn loại quân chỉnh trị thiên hạ, tự do tự tại, là vị Pháp vương như pháp, thành tựu bảy báu, bảy báu đó là luân báu, voi báu, ngựa báu, ngọc báu, nữ báu, cư sĩ báu, tướng quân báu, đó là bảy báu. Nhà vua có đủ ngàn người con thông minh trí tuệ, dung mạo khôi ngô, dũng mãnh không sợ, hàng phục được địch quân. Nhà vua thống lĩnh quả đất này cho đến bể cả, không dùng dao gậy, chỉ dùng pháp giáo hóa, khiến nhân dân an lạc.

"Này Tỳ-kheo, các vua Sát-lợi Đảnh Sanh làm nhân chủ chỉnh trị thiên hạ, đi lại trong cảnh giới của chính mình mà phụ vương đã truyền lại nên tuổi thọ không giảm xuống, hình sắc không thô xấu, chưa từng mất hoan lạc, sức lực cũng không suy.

"Này Tỳ-kheo, các ngươi cũng phải như vậy, cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo, đi lại trong cảnh giới của chính mình mà phụ vương đã truyền lại, nên tuổi thọ không giảm xuống, hình sắc không thô xấu, chưa từng mất an lạc, thế lực cũng không suy.

"Thế nào gọi là Tỳ-kheo đi lại trong cảnh giới của chính mình mà phụ vương đã truyền lại? Đó là Tỳ-kheo quán nội thân như thân, nội giác, nội tâm, nội pháp như pháp[18]. Như thế gọi là Tỳ-kheo đi lại trong cảnh giới của chính mình mà phụ vương đã truyền lại.

"Thế nào gọi là tuổi thọ của thầy Tỳ-kheo? Tỳ-kheo ấy tu dục định như ý túc, y viễn ly, y vô dục, y diệt tận, hướng dẫn đến xuất yếu, tu tinh tấn định, tu tâm định, tu tư duy định, như ý túc, y viễn ly, y vô dục, y diệt tận, hướng đến xuất yếu. Đó là tuổi thọ của Tỳ-kheo.

"Thế nào là sắc của Tỳ-kheo? Đó là Tỳ-kheo tu tập cấm giới, thủ hộ giải thoát giới, lại khéo thu nhiếp các oai nghi lễ tiết, thấy tội nhỏ cũng thường canh cánh lo sợ, thọ trì học giới. Đó là sắc của Tỳ-kheo.

"Thế nào là lạc của Tỳ-kheo? Đó là Tỳ-kheo ly dục, ly pháp ác bất thiện, cho đến chứng đắc cảnh thiền thứ tư, thành tựu và an trú. Đó là lạc của Tỳ-kheo.

"Thế nào là lực của Tỳ-kheo? Đó là Tỳ-kheo diệt sạch các lậu, chứng đắc vô lậu, tâm giải thoát, tuệ giải thoát, trong đời hiện tại tự tri tự giác, tự thân tác chứng, thành tựu và an trú, biết như thật rằng: 'Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa'. Đó là lực của Tỳ-kheo.

"Này Tỳ-kheo, Ta không thấy có lực nào không thể hàng phục được như lực của Ma vương, cho nên lậu tận Tỳ-kheo phải dùng lực của vô thượng trí tuệ mới hàng phục được."

---

17. Loa — Pāli: Saṅkha.

18. Xem kinh số 89.

Phật thuyết như thế. Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

❑

71. KINH BỆ-TỨ[1]

Tôi nghe như vầy.

Một thời Tôn giả Cưu-ma-la Ca-diếp[2] du hóa tại nước Câu-tát-la cùng với đại chúng Tỳ-kheo, đi đến Tư-hòa-đề[3], trú trong rừng Thi-nhiếp-hòa[4] về phía Bắc một ngôi làng của thị trấn này.

Bấy giờ trong ấp Tư-hòa-đề có vua tên là Bệ-tứ[5], giàu có cùng tột, của cải vô lượng, sản nghiệp chăn nuôi không thể tính toán, phòng hộ, thực ấp đầy đủ mọi thứ. Tất cả suối, hồ, cỏ cây ở ấp Tư-hòa-đề đều thuộc về nhà vua, là phong ấp do vua Ba-tư-nặc, nước Câu-tát-la cấp cho.

Bấy giờ, các Phạm chí, Cư sĩ ở Tư-hòa-đề nghe đồn rằng, "Có Sa-môn tên là Cưu-ma-la Ca-diếp, du hóa tại nước Câu-tát-la, cùng với đại chúng Tỳ-kheo đi đến thị trấn Tư-hòa-đề, trú tại rừng Thi-nhiếp-hòa về phía Bắc một ngôi làng của thị trấn này. Sa-môn Cưu-ma-la Ca-diếp có danh tiếng lớn lao, mười phương đều nghe. Cưu-ma-la Ca-diếp là bậc biện tài vô ngại, lời nói vi diệu, là bậc đa văn, là A-la-hán[6]. Nếu ai yết kiến vị A-la-hán này, cung kính lễ bái thì được thiện lợi. Chúng ta có thể đi đến yết kiến Sa-môn Cưu-ma-la Ca-diếp này."

Nghe thế, các Phạm chí, Cư sĩ ở Tư-hòa-đề lên hướng Bắc, đến rừng Thi-nhiếp-hòa.

Bấy giờ, vua Bệ-tứ ở trên chánh điện, trông thấy từ xa các Phạm chí, Cư sĩ ở Tư-hòa-đề, mỗi người cùng với nhóm của mình, theo nhau đi từ Tư-hòa-đề lên hướng Bắc, đến rừng Thi-nhiếp-hòa. Vua Bệ-tứ thấy vậy, hỏi người hầu rằng:

"Hôm nay vì cớ gì các Phạm chí, Cư sĩ ở Tư-hòa-đề này mỗi người cùng với nhóm của mình, theo nhau đi từ Tư-hòa-đề lên hướng Bắc, đến rừng Thi-nhiếp-hòa?

Người hầu thưa rằng:

"Tâu Thiên vương, các Phạm chí, Cư sĩ ở Tư-hòa-đề kia nghe rằng "Có Sa-môn Cưu-ma-la Ca-diếp du hóa tại nước Câu-tát-la cùng với đại chúng Tỳ-kheo, đến thị trấn Tư-hòa-đề này, trú tại rừng Thi-nhiếp-hòa, về phía Bắc một ngôi làng của thị trấn này. Tâu Thiên vương, Sa-môn Cưu-ma-la Ca-diếp có danh tiếng lớn lao, mười phương đều nghe. Ngài là bậc biện tài vô ngại, lời nói vi diệu, là bậc đa văn, là A-la-hán. Nếu ai

---

1. Tương đương Pāli D.23 Pāyāsi-suttanta. Biệt dịch DTK.1 (7).
2. Cưu-ma-la Ca-diếp ————{——C Pāli: Kumāra-kassapa, nổi danh xuất sắc về biện luận. Ngài được gọi là Kumāra, vương tử hay đồng tử, vì được vua nuôi, xuất gia mới lên bảy. No.1 (7) nói là: Đồng *nữ* Ca-diếp.
3. Tư-hòa-đề —想—; Pāli: Setavyā, thị trấn của Kosala.
4. Thi-nhiếp-hòa lâm -r—想-L-F Pāli: Siṃsapavana. Có một khu rừng Siṃsapavana ở Ālavi và một khu ở Kosambi.
5. Bệ-tứ -@-v-F No.1 (7): Tệ Túc. Pāli: Pavāsi, thủ trưởng thị trấn Setavyā.
6. Bản văn nói *A-la-ha* nhưng đây gọi theo dịch ngữ thông dụng nhất.

yết kiến vị A-la-hán này, cung kính lễ bái thì được thiện lợi. Chúng ta có thể đến yết kiến Sa-môn Cưu-ma-la Ca-diếp ấy." Tâu Thiên vương, do đó các Phạm chí, Cư sĩ cùng với nhóm của mình theo nhau đi từ Tư-hòa-đề lên hướng Bắc, đến rừng Thi-nhiếp-hòa.

Vua Bệ-tứ nghe xong, liền bảo người hầu:

"Ngươi hãy đến các Phạm chí, Cư sĩ ở Tư-hòa-đề ấy, nói rằng 'Vua Bệ-tứ bảo các Phạm chí, Cư sĩ xứ Tư-hòa-đề: 'Này các ngươi hãy đợi, ta sẽ cùng các ngươi đến yết kiến Cưu-ma-la Ca-diếp ấy. Các người ngu si đừng để Sa-môn ấy lừa gạt nói rằng có đời sau, có chúng sanh hóa sanh[7]. Ta thấy như vầy, chủ trương như vầy: 'Không có đời sau, không có chúng sanh hóa sanh'.'

Người hầu vâng lời, liền đến chỗ các Phạm chí, Cư sĩ ở Tư-hòa-đề nói rằng:

"Vua Bệ-tứ bảo các Phạm chí, Cư sĩ ở Tư-hòa-đề như thế này: 'Các ngươi hãy đợi. Ta sẽ cùng với các ngươi đi đến yết kiến Sa-môn Cưu-ma-la Ca-diếp. Các người ngu si đừng để Sa-môn ấy lừa gạt nói rằng 'Có đời sau, có chúng sanh hóa sanh'. Ta quan niệm như thế này, chủ trương như thế này: 'Không có đời sau, không có chúng sanh hóa sanh'."

Các Phạm chí, Cư sĩ ở Tư-hòa-đề nghe lệnh ấy, bảo người hầu:

"Xin tuân theo lệnh truyền'.

Người hầu trở lại tâu với vua:

"Tôi đã công bố mệnh lệnh của vua rồi. Các Phạm chí, Cư sĩ Tư-hòa-đề ấy đang đợi Thiên vương; mong Thiên vương biết cho, đã đến thời."

Bấy giờ vua Bệ-tứ bảo người đánh xe:

"Ngươi mau sửa soạn xa giá. Ta nay muốn đi."

Người đánh xe vâng lời, sửa soạn xa giá xong, liền trở lại tâu với vua rằng:

"Tâu Thiên vương, xa giá đã sửa soạn xong, chờ ý Thiên vương."

Lúc đó vua Bệ-tứ liền cỡi xe đi đến chỗ các Phạm chí, Cư sĩ ở Tư-hòa-đề, rồi cùng nhau đến rừng Thi-nhiếp-hòa. Khi vua Bệ-tứ từ xa trông thấy Tôn giả Cưu-ma-la Ca-diếp ở giữa rừng cây, liền xuống xe đi đến chỗ Tôn giả Cưu-ma-la Ca-diếp, chào hỏi nhau rồi ngồi qua một bên, thưa rằng:

"Này Ca-diếp, tôi nay muốn hỏi, thầy có nghe chăng?"

Tôn giả Cưu-ma-la Ca-diếp đáp:

"Vua Bệ-tứ, muốn hỏi điều gì thì cứ hỏi. Tôi nghe xong sẽ suy nghĩ."

Bấy giờ vua Bệ-tứ liền hỏi:

"Này Ca-diếp, tôi quan niệm thế này, chủ trương thế này: 'Không có đời sau, không có chúng sanh sanh'. Ý Sa-môn Cưu-ma-la Ca-diếp nghĩ sao?"

Tôn giả Cưu-ma-la Ca-diếp đáp:

"Vua Bệ-tứ, tôi nay hỏi vua, vua hiểu thế nào trả lời thế ấy. Ý vua thế nào, mặt trời, mặt trăng này thuộc về thế giới này hay thế giới khác[8]?"

Vua Bệ-tứ đáp:

"Sa-môn Cưu-ma-la Ca-diếp, tuy Sa-môn nói như thế nhưng tôi vẫn quan niệm như thế này, chủ trương như thế này: 'Không có đời sau, không có chúng sanh hóa sanh'."

---

7. Hữu hậu thế, hữu chúng sanh sanh ———@————C No.1 (7): Hữu hậu thế, hữu cánh sanh. Pāli: atthi paraloko, atthi sattā opapātikā: Có đời sau, có hóa sanh hữu tình.

8. Paro loko, Hán thường dịch là *hậu thế* (đời sau); nhưng trong tiếng Phạn, cũng có nghĩa là *thế giới* (hay *thế gian*) *khác*. Cho nên câu trả lời có ví dụ như thế.

Tôn giả Cưu-ma-la Ca-diếp đáp rằng:

"Vua Bệ-tứ, còn có sự ác nào mà qua cái này chăng?" [9]

Vua Bệ-tứ đáp ;

"Đúng như vậy, Ca-diếp, còn có sự ác. Này Ca-diếp, tôi có người thân bị bệnh trầm trọng. Tôi đi đến chỗ bệnh nhân; đến nơi, nói rằng: 'Bạn nên biết, ta quan niệm như thế này, chủ trương như thế này: 'Không có đời sau, không có chúng sanh hóa sanh'. Này bạn, trái lại có Sa-môn, Phạm chí quan niệm như thế này, chủ trương như thế này: 'Có đời sau, có chúng sanh hóa sanh'. Ta thường không tin chủ trương của những kẻ ấy. Những kẻ ấy lại bảo rằng: 'Nếu có kẻ nam nữ làm việc ác, không tinh tấn, lười biếng, ganh ghét, bỏn sẻn, tham lam, không đại lượng, không thi ân, đắm trước của cải; do nhân duyên ấy, khi thân hoại mạng chung, kẻ ấy chắc chắn đi vào ác xứ, sanh vào địa ngục'. Này bạn, nếu Sa-môn, Phạm chí ấy nói như vậy mà đúng thì bạn là người ruột thịt của ta, đã làm việc ác, không tinh tấn, biếng nhác, ganh ghét, bỏn sẻn, tham lam, không đại lượng, không thi ân, đắm trước của cải; nếu thân hoại mạng chung, bạn chắc chắn sẽ sanh đến ác xứ, sanh vào địa ngục, thì bạn hãy trở lại tin cho ta hay thế này: 'Này Bệ-tứ, trong địa ngục ấy khổ như thế này, đúng như bấy giờ tôi đã chứng kiến'. Này Ca-diếp, người thân ấy nghe tôi nói đã nhận lời, thế mà không bao giờ trở lại nói tin cho tôi hay như thế này: 'Này vua Bệ-tứ, trong địa ngục kia, khổ như thế này'. Ca-diếp, nhân sự kiện này nên tôi nghĩ rằng: 'Không có đời sau, không có chúng sanh hóa sanh'."

Tôn giả Cưu-ma-la Ca-diếp bảo:

"Vua Bệ-tứ, tôi lại hỏi vua. Vua hiểu thế nào trả lời thế ấy. Nếu có thuộc hạ của vua bắt trói một tội nhân, đem đến trước vua, thưa rằng: 'Tâu Thiên vương, người này có tội, xin Thiên vương trừng trị'. Vua bảo, 'Các khanh hãy đem trói chặt hai tay ra đằng sau, bỏ nó lên lừa chở đi, đánh trống lớn tiếng như tiếng lừa kêu, tuyên bố cho khắp nơi biết, rồi đưa ra cổng thành phía Nam, bắt ngồi dưới cây nêu cao rồi chém đầu nó'. Thuộc hạ vâng lời, liền trói tay tội nhân ra đằng sau, bỏ lên lừa chở đi, đánh trống lớn tiếng như lừa kêu, tuyên bố cho khắp nơi biết xong, đưa ra cổng thành hướng Nam, bắt ngồi dưới cây nêu cao, muốn chém đầu nó. Tội nhân sắp chết nói với đao phủ rằng: 'Ông hãy hoãn cho tôi một lúc. Tôi muốn gặp cha mẹ, vợ con, tớ gái, người đưa tin. Hãy để tôi tạm thời ra đi'. Ý vua nghĩ sao? Người đao phủ có thể để cho tội nhân ấy tạm thời ra đi ít lâu không?"

Vua Bệ-tứ đáp:

"Không thể, Ca-diếp."

Tôn giả Cưu-ma-la Ca-diếp lại bảo:

"Người thân của vua cũng lại như thế, đã làm việc ác, không tinh tấn, biếng nhác, ganh ghét, bỏn sẻn, tham lam, không thi ân, không đại lượng, đắm trước của cải. Do nhân duyên ấy, khi thân hoại mạng chung, chắc chắn đi đến ác xứ, sanh vào địa ngục. Lúc ngục tốt bắt ra hành hạ đau đớn, người thân của vua nói với ngục tốt rằng: 'Này các ngục tốt, các ông hãy khoan một lúc, chớ hành hạ ta đau đớn. Ta muốn tạm thời đi đến vua Bệ-tứ để báo cho vua hay rằng 'Trong ngục tốt kia khổ như thế này, như thế này, mà tôi đã chứng kiến'.' Ý vua thế nào? Ngục tốt kia có thể thả cho người thân của vua tạm thời ra đi không?"

---

9. Dịch sát nguyên văn Hán, có thể hiểu: "Vua có sự kiện phi lý nào để trình bày rõ hơn không?" Nhưng, tham khảo bản Pāli: atthi pana Rājañña pariyāyo yena te pariyāyena evaṃ hoti, iti pi n'atthi paraloko, n'atthi sattā opapātikā, n'atthi sukaṭadukkaṭānaṃ, "Đại vương, còn có lý do nào để nói không có thế giới khác, không có chúng sanh hóa sanh, không có quả báo thiện ác".

Vua Bệ-tứ đáp:

"Không thể, Ca-diếp."

Tôn giả Cưu-ma-la Ca-diếp bảo rằng:

"Vua hãy quán sát về đời sau cũng lại như vậy, chớ đừng giống như cái thấy của con mắt thịt. Này Bệ-tứ, nếu có Sa-môn, Phạm chí nào đoạn tuyệt dục, thú hướng ly dục; đoạn tuyệt nhuế, thú hướng ly nhuế; đoạn tuyệt si, thú hướng ly si; vị ấy dùng thiên nhãn thanh tịnh, hơn hẳn người thường, thấy chúng sanh này lúc sanh lúc tử, khi đẹp khi xấu, hoặc diệu hoặc bất diệu, qua lại thiện xứ hay bất thiện xứ, tùy theo nghiệp mà chúng sanh ấy đã tạo, vị ấy đã thấy hiện tượng ấy đúng như thật."

Vua Bệ-tứ lại nói:

"Sa-môn Cưu-ma-la Ca-diếp, tuy Sa-môn nói như thế nhưng tôi vẫn quan niệm như thế này, chủ trương như thế này: 'Không có đời sau, không có chúng sanh hóa sanh'."

Tôn giả Cưu-ma-la Ca-diếp đáp rằng:

"Vua Bệ-tứ, còn có sự ác nào mà qua cái này chăng?"

Vua Bệ-tứ đáp:

"Đúng như vậy, Ca-diếp, lại còn có sự ác này. Này Ca-diếp, tôi có người thân lâm bệnh trầm trọng, tôi đến chỗ bệnh nhân; đến rồi nói rằng: 'Bạn nên biết, tôi quan niệm thế này, chủ trương thế này: 'Không có đời sau, không có chúng sanh hóa sanh'. Này bạn thân yêu, trái lại có Sa-môn, Phạm chí quan niệm thế này, chủ trương như thế này: 'Có đời sau, có chúng sanh hóa sanh'. Tôi thường không tin những kẻ kia về chủ trương của họ. Họ cho rằng: 'Nếu có kẻ nam người nữ nào có diệu hạnh, tinh tấn, tinh cần, không biếng nhác, không ganh ghét, không bỏn sẻn, không tham lam, có đại lượng, có thi ân, cởi mở, phóng xả, cung cấp cho người cô độc, kẻ bần cùng, làm cho họ thường an lạc, bố thí, không tham đắm của cải; kẻ kia do nhân duyên ấy, khi thân hoại mạng chung, chắc chắn đi đến thiện xứ, sanh lên cõi trời'. Này bạn thân yêu, nếu Sa-môn, Phạm chí nói như vậy mà đúng thì bạn là người thân ruột thịt của tôi, có diệu hạnh, tinh tấn, tinh cần, không biếng nhác, không ganh ghét, không bỏn sẻn, tham lam, có đại lượng, có thi ân, sống cởi mở, phóng xả, chu cấp cho người cô độc, kẻ bần cùng, làm cho họ được an lạc, bố thí, không đắm trước của cải. Nếu khi thân hoại mạng chung, chắc chắn đi đến thiện xứ, sanh lên cõi trời thì bạn hãy trở lại tin cho ta hay như thế này: 'Này vua Bệ-tứ, trên cõi trời hoan lạc như thế này, như thế này, đúng như bấy giờ tôi đã chứng kiến'.' Này Sa-môn, người thân ấy nghe tôi nói và đã nhận lời, thế mà không bao giờ trở lại tin cho tôi hay, 'Này vua Bệ-tứ, trên cõi trời hoan lạc như thế này, như thế này'. Ca-diếp, nhân sự kiện đó cho nên tôi nghĩ rằng: 'Không có đời sau, không có chúng sanh hóa sanh'."

Tôn giả Ca-diếp bảo:

"Vua Bệ-tứ, hãy nghe tôi nói thí dụ. Người trí nghe thí dụ này thì hiểu được nghĩa. Này vua Bệ-tứ, ví như ngoài thôn ấp kia có một hầm xí công cộng, sâu quá đầu người, đầy phẩn ở trong. Có một người rơi xuống, chìm tận đáy hầm ấy. Nếu có người khác thương xót, mong cầu sự phước lợi và hữu ích, sự an ổn khoái lạc cho người mắc nạn, liền thong thả kéo nạn nhân từ hầm xí lên; gạt phẩn bằng thanh tre, chùi bằng lá cây, tắm bằng nước ấm. Sau khi tắm rửa sạch sẽ, đem bột hương thoa khắp thân thể, mời lên chánh điện cho vui hưởng ngũ dục. Ý vua nghĩ sao? Há kẻ nạn nhân ấy lại tưởng nhớ hầm xí trước đây, hoan hỷ ngợi khen và muốn trở lại hay sao?"

Vua Bệ-tứ trả lời:

"Không thể, Ca-diếp. Nếu có một kẻ nào khác tưởng tới hầm xí kia, hoan hỷ ngợi

khen và muốn thấy thì nạn nhân kia cũng không thể ưa kẻ này, huống là chính nạn nhân lại tưởng nhớ hầm xí trước đây, hoan hỷ ngợi khen, muốn thấy lần nữa. Điều đó không thể xảy ra."

"Vua Bệ-tứ, nếu vua có người thân có diệu hạnh, có tinh tấn, tinh cần, không biếng nhác, không ganh ghét, không bỏn sẻn, không tham lam, có đại lượng, có thi ân, cởi mở, phóng xả, chu cấp cho người cô độc, kẻ bần cùng, khiến cho họ được an lạc, bố thí, không đắm trước của cải; người ấy do nhân duyên đó, khi thân hoại mạnh chung, chắc chắn đi đến thiện xứ, sanh lên cõi trời. Sau khi sanh lên cõi trời được vui hưởng ngũ dục ở đó. Ý vua nghĩ sao? Há lại thiên tử ở cõi trời kia bỏ ngũ dục ở đó, tưởng nhớ ngũ dục ở nhân gian này? Hoan hỷ ngợi khen, muốn thấy lại nữa sao?"

Vua Bệ-tứ đáp:

"Không thể, Ca-diếp. Vì sao? Vì ngũ dục nhân gian xú uế, ở nơi bất tịnh, rất đáng ghét, không thể hướng đến, không thể ưa thích, thô sáp bất tịnh. Này Ca-diếp, so với ngũ dục nhân gian thì ngũ dục cõi trời là hơn, là tối thắng, là tối hảo, là tối thượng. Nếu thiên tử cõi trời kia, xả bỏ ngũ dục ở đó, tưởng đến ngũ dục nhân gian, hoan hỷ ngợi khen, muốn thấy lại; điều đó không thể xảy ra."

"Vua Bệ-tứ, vua nên quán sát về đời sau cũng giống như thế, chứ đừng giống như cái thấy của con mắt thịt. Này vua Bệ-tứ, nếu có Sa-môn, Phạm chí nào đoạn dục, ly dục, thú hướng ly dục; đoạn tuyệt nhuế, ly nhuế, thú hướng ly nhuế; đoạn tuyệt si, ly si, thú hướng ly si; vị ấy dùng thiên nhãn thanh tịnh, hơn hẳn người thường, thấy chúng sanh này lúc sanh lúc tử, khi đẹp khi xấu, hoặc diệu hoặc bất diệu, qua lại thiện xứ hoặc bất thiện xứ, tùy theo nghiệp mà chúng sanh ấy đã tạo. Vị ấy đã thấy sự kiện ấy đúng như sự thật."

Vua Bệ-tứ lại nói:

"Sa-môn Cưu-ma-la Ca-diếp, tuy Sa-môn nói như thế nhưng tôi vẫn quan niệm như thế này, chủ trương như thế này: 'Không có đời sau, không có chúng sanh sanh'."

Tôn giả Cưu-ma-la Ca-diếp đáp rằng:

"Vua Bệ-tứ, còn có sự ác nào mà qua cái này chăng?"

Vua Bệ-tứ đáp:

"Đúng như vậy, Ca-diếp, còn có sự ác này. Này Ca-diếp, tôi có người bạn thân lâm bệnh trầm trọng. Tôi đến chỗ bệnh nhân, đến xong, liền bảo: 'Bạn nên biết rằng, ta quan niệm như thế này, chủ trương như thế này: 'Không có đời sau, không có chúng sanh hóa sanh'. Này bạn thân yêu, trái lại có Sa-môn, Phạm chí quan niệm thế này: 'Có đời sau, có chúng sanh hóa sanh'. Ta thường không tin những chủ trương ấy. Họ lại bảo: 'Nếu có người nam kẻ nữ nào có diệu hạnh, tinh tấn, tinh cần, không biếng nhác, không ganh ghét, không bỏn sẻn, tham lam, có học, thi ân, cởi mở, phóng xả, cung cấp cho người cô độc, kẻ bần cùng, khiến cho họ được an lạc, bố thí, không đắm trước của cải; do nhân duyên ấy, khi thân hoại mạng chung, người ấy chắc chắn đi đến thiện xứ, sanh lên cói trời'. Này bạn, nếu Sa-môn, Phạm chí ấy nói đúng thì bạn là người thân ruột thịt của ta, có diệu hạnh, tinh tấn, tinh cần, không biếng nhác, không ganh ghét, không bỏn sẻn tham lam, có đại lượng, có thi ân, cởi mở, phóng xả, chu cấp cho người cô độc, kẻ bần cùng, khiến họ được an lạc, bố thí, không đắm trước của cải. Nếu khi thân hoại mạng chung, chắc chắn đi đến thiện xứ, sanh lên cõi trời, thì bạn hãy trở lại cho ta hay như thế này: ' Này vua Bệ-tứ! Ở cõi trời hoan lạc như thế này, như thế này'. Nếu bạn ở cõi trời nghĩ rằng: 'Nếu ta trở lại thì sẽ được những gì?' 'Bệ-tứ vương gia có nhiều của cải, ta sẽ cho bạn'. Này Ca-diếp, người thân ấy nghe tôi nói và đã nhận lời, thế mà không bao giờ trở lại cho tôi hay như

thế này: 'Này vua Bệ-tứ, ở cõi trời hoan lạc như thế này, như thế này'. Này Ca-diếp, nhân sự kiện đó nên tôi nghĩ rằng: 'Không có đời sau, không có chúng sanh hóa sanh'."

Tôn giả Cưu-ma-la Ca-diếp bảo:

"Này vua Bệ-tứ, tuổi thọ cõi trời thì lâu dài, còn mạng sống ở nhân gian thì ngắn ngủi. Một trăm năm ở nhân gian bằng một ngày một đêm ở Tam thập tam thiên. Một ngày một đêm như vậy, một tháng có ba mươi ngày, một năm có mười hai tháng, mà tuổi thọ của chư Thiên Tam thập tam thiên đến một ngàn năm, thì ý vua nghĩ sao? Nếu vua có người thân có diệu hạnh, tinh tấn, tinh cần, không biếng nhác, không ganh ghét, không bỏn sẻn tham lam, có đại lượng, có thi ân, cởi mở, phóng xả, chu cấp cho người cô độc, kẻ bần cùng, khiến họ được an lạc, bố thí, không đắm trước của cải. Do nhân duyên đó, khi thân hoại mạng chung, chắc chắn đi đến thiện xứ, sanh lên cõi trời. Sau khi sanh lên cõi trời, người thân của vua liền nghĩ: 'Trước tiên, ta hãy vui hưởng ngũ dục cõi trời một ngày một đêm, hay là ta hãy vui hưởng ngũ dục hai, ba, bốn cho đến bảy ngày, nhiên hậu sẽ đi đến tin cho vua Bệ-tứ hay rằng: 'Ở cõi trời hoan lạc như thế này, như thế này để cho nhà vua rõ'. Ý vua nghĩ sao? Bấy giờ vua còn sống chăng?"

Vua Bệ-tứ hỏi lại:

"Này Ca-diếp, người nào sau khi chết, đến nói rằng: 'Này Sa-môn Ca-diếp, tuổi thọ ở cõi trời thì lâu dài, còn mạng sống ở nhân gian thì ngắn ngủi; một trăm năm ở nhân gian bằng một ngày một đêm ở Tam thập tam thiên; một ngày một đêm như vậy, một tháng có ba mươi ngày, một năm có mười hai tháng, mà tuổi thọ của chư Thiên ở Tam thập tam thiên đến một ngàn năm?"

Tôn giả Cưu-ma-la Ca-diếp đáp rằng:

"Này vua Bệ-tứ, hãy nghe tôi nói ví dụ này. Người có trí nghe ví dụ thì hiểu được ý nghĩa. Này vua Bệ-tứ, cũng như người mù kia nói rằng: 'Không có sắc đen trắng, cũng không thấy sắc đen trắng; không có sắc dài ngắn, cũng không thấy sắc dài ngắn; không có sắc xa gần, cũng không thấy có sắc xa gần; không có sắc thô tế, cũng không thấy có sắc thô tế. Vì sao? Vì ban đầu ta không thấy, không biết, cho nên không có sắc'. Này vua Bệ-tứ, người mù kia nói như vậy có đúng không?"

Vua Bệ-tứ đáp:

"Không đúng, Ca-diếp. Vì sao? Ca-diếp, có sắc đen trắng, cũng có thấy sắc đen trắng. Có sắc dài ngắn, cũng có thấy sắc dài ngắn. Có sắc gần xa, cũng có thấy sắc gần xa. Có sắc thô tế, cũng có thấy sắc thô tế. Nếu người mù bảo rằng: 'Vì ta không thấy, không biết cho nên không có sắc', thì người ấy nói không đúng."

Tôn giả Cưu-ma-la Ca-diếp lại bảo:

"Này vua Bệ-tứ, vua cũng như người mù ấy, nếu vua bảo như thế này: 'Người nào sau khi chết đến nói rằng: 'Này Sa-môn Ca-diếp, tuổi thọ ở cõi trời thì lâu dài, còn mạng sống nhân gian thì ngắn ngủi. Một trăm năm ở nhân gian bằng một ngày một đêm ở cõi Tam thập tam thiên. Một ngày một đêm như vậy, một tháng có ba mươi ngày, một năm có mười hai tháng mà tuổi thọ ở cõi Tam thập tam thiên thì đến một ngàn năm'?"

Vua Bệ-tứ nói:

"Này Sa-môn Ca-diếp, thực là không nên, không nên nói như vậy. Vì sao? Vì Sa-môn Cưu-ma-la Ca-diếp đã cố tình so sánh tôi giống như kẻ mù kia. Này Ca-diếp, nếu biết tôi, biết thân thuộc của tôi có diệu hạnh, tinh tấn, tinh cần, không biếng nhác, không ganh ghét, không bỏn sẻn, tham lam, có đại lượng, có thi ân, cởi mở, phóng xả, chu cấp cho người cô độc, kẻ bần cùng khiến họ được an lạc, bố thí, không đắm trước của cải. Do

nhân duyên đó, khi thân hoại mạng chung chắc chắn đi đến thiện xứ, sanh lên cõi trời, thì này Ca-diếp, ngay bây giờ, sau khi thực hành bố thí, tu các phước thiện, phụng trì trai giới, tôi dùng dao tự sát, hoặc uống thuốc độc, hoặc nhảy xuống giếng, hoặc thắt cổ mà chết. Này Ca-diếp! Không nên cố tình so sánh tôi như người mù kia."

Tôn giả Ca-diếp đáp:

"Này vua Bệ-tứ, hãy nghe tôi nói ví dụ khác. Người có trí nghe ví dụ này liền hiểu ý nghĩa. Này vua Bệ-tứ, cũng giống như một Phạm chí có người vợ trẻ, vừa mới mang thai, người vợ cả đã có một đứa con trai. Trong thời gian ấy, Phạm chí kia bỗng nhiên mạng chung. Sau khi mạng chung, con của bà vợ cả nói với bà mẹ kế như thế này: 'Tiểu mẫu nên biết, nay của cải trong gia đình này hoàn toàn phải thuộc về tôi, không ai được dự phần vào'. Bà mẹ kế đáp: 'Ta nay đang có thai, nếu sanh con trai thì nó phải được phần. Nếu sanh con gái thì của cải ấy mới hoàn toàn của cậu'. Con của bà vợ cả nói với bà mẹ kế ba lần như thế này: "Tiểu mẫu nên biết, nay của cải trong gia đình này hoàn toàn thuộc về tôi, không ai được dự phần vào'. Bà mẹ kế cũng trả lời ba lần như thế này: 'Nay ta đang có thai, nếu sanh con trai thì phải được chia phần. Nếu sanh con gái thì của cải ấy mới hoàn toàn thuộc về cậu'. Bấy giờ bà mẹ kế ngu si, không thông suốt, không hiểu rõ ràng, không có trí tuệ, muốn bảo toàn sự sống mà trở lại hại mình. Bà vào trong phòng lấy dao bén mổ bụng xem là trai hay gái. Bà ấy ngu si, không thông suốt, không hiểu rõ, không có trí tuệ, muốn bảo vệ sự sống mà lại tự hại mình và đứa con trong bụng. Nên biết, này vua Bệ-tứ, nhà vua cũng lại như vậy, ngu si không thông suốt, không hiểu rõ ràng, không có trí tuệ, muốn bảo tồn sự sống mà lại nghĩ như thế này: 'Này Ca-diếp, nếu biết tôi, biết người thân thích của tôi có diệu hạnh, tinh tấn, tinh cần, không biếng nhác, không ganh ghét, không bỏn sẻn, tham lam, có đại lượng, có thi ân, cởi mở, phóng xả, chu cấp cho người cô độc, kẻ bần cùng, khiến họ được an lạc, bố thí, không đắm trước của cải. Do nhân duyên đó, khi thân hoại mạng chung, chắc chắn đi đến thiện xứ, sanh lên cõi trời, thì tôi, ngay bây giờ, sau khi thực hành bố thí, tu các thiện nghiệp, phụng trì trai giới, tôi dùng dao tự sát, hoặc uống thuốc độc, hoặc nhảy xuống giếng, hoặc thắt cổ mà chết. Này Sa-môn Ca-diếp, không nên cố tình so sánh tôi với người mù kia'. Này vua Bệ-tứ, nếu người tinh tấn mà sống lâu thì được phước lớn. Nếu được phước lớn thì sanh lên cõi trời và sống lâu. Này vua Bệ-tứ, vua nên quán sát đời sau như vậy, chớ đừng giống như cái thấy của con mắt thịt. Này vua Bệ-tứ, nếu có Sa-môn, Phạm chí nào đoạn tuyệt dục, ly dục, thú hướng ly dục; đoạn tuyệt nhuế, ly nhuế, thú hướng ly nhuế; đoạn tuyệt si, ly si, thú hướng ly si, thì vị ấy bằng thiên nhãn thanh tịnh hơn hẳn người thường, thấy chúng sanh lúc sanh lúc tử, hoặc đẹp hoặc xấu, hoặc diệu hoặc bất diệu, qua lại thiện xứ hay bất thiện xứ, tùy theo nghiệp mà chúng sanh ấy đã tạo. Vị ấy thấy sự kiện ấy đúng như sự thật."

Vua Bệ-tứ lại nói:

"Sa-môn Cưu-ma-la Ca-diếp, tuy Sa-môn nói như thế nhưng tôi vẫn quan niệm như thế này, chủ trương như thế này: 'Không có đời sau, không có chúng sanh hóa sanh'."

Tôn giả Cưu-ma-la Ca-diếp đáp rằng:

"Vua Bệ-tứ, còn có sự ác nào mà qua cái này chăng?"

Vua Bệ-tứ đáp:

"Đúng như vậy, Ca-diếp, còn có sự ác này. Này Ca-diếp, tôi có người thân mang bệnh trầm trọng. Tôi đến chỗ bệnh nhân hỏi han, thăm viếng, bệnh nhân cũng hỏi han và nhìn tôi. Lúc bệnh nhân chết, tôi lại đến hỏi han thăm viếng người chết, nhưng người chết không hỏi han, không nhìn tôi. Sau đó tôi cũng không còn trở lại hỏi han thăm viếng người

thân ấy nữa. Này Ca-diếp, do sự kiện đó, tôi nghĩ rằng: 'Không có chúng sanh sanh'."

Tôn giả Cưu-ma-la Ca-diếp bảo rằng:

"Này vua Bệ-tứ, hãy nghe tôi nói thí dụ, người có trí nghe thí dụ này thì liền hiểu được nghĩa. Này vua Bệ-tứ, cũng như có người thổi tù và giỏi. Nếu ở xứ kia chưa từng nghe tiếng tù và, người đó đến xứ ấy, vào một đêm tối, trèo lên núi cao, tận lực thổi tù và. Mọi người ở xứ ấy chưa từng nghe tiếng tù và, nay được nghe, liền nghĩ: 'Tiếng gì mà vi diệu, rất kỳ lạ, thật đáng ưa thích, đáng xem nghe, khiến tâm hoan duyệt như thế?' Bấy giờ những người ấy bèn cùng nhau đi đến chỗ người thổi tù và giỏi. Sau khi đến, hỏi rằng: 'Đó là tiếng gì mà vi diệu, rất kỳ lạ, thật đáng ưa thích, đáng đến xem nghe, khiến tâm hoan duyệt như thế?' Người thổi tù và giỏi đem liệng cái tù và xuống đất, bảo mọi người rằng: 'Các vị nên biết, chính đó là tiếng tù và'. Lúc đó, mọi người lấy chân đá tù và rồi nói rằng: 'Tù và hãy kêu đi! Tù và hãy kêu đi!' Nhưng nó im lìm không âm hưởng. Người thổi tù và giỏi liền nghĩ: 'Nay những người này ngu si, không thông suốt, không hiểu rõ, không có trí tuệ. Vì sao? Vì muốn tìm âm thanh từ một vật vô tri'. Bấy giờ người thổi tù và giỏi nhặt tù và lên, dùng nước rửa sạch, đưa lên miệng mà tận lực thổi. Khi ấy mọi người nghe xong, liền nghĩ: 'Tù và thật kỳ diệu'. Vì sao? 'Vì nhờ tay, nhờ nước, nhờ miệng, hơi thổi mới phát ra tiếng hay, vang khắp bốn phương'. Này vua Bệ-tứ, cũng như vậy, nếu người còn sống mới có thể nói năng, hỏi han nhau được. Nếu khi chết thì không thể nói năng, hỏi han được nữa. Này vua Bệ-tứ, vua nên quán chúng sanh sanh ra lại cũng như vậy, chớ đừng giống cái thấy của con mắt thịt. Này vua Bệ-tứ, nếu có vị Sa-môn, Phạm chí nào đoạn tuyệt dục, ly dục, thú hướng ly dục; đoạn tuyệt nhuế, ly nhuế, thú hướng ly nhuế; đoạn tuyệt si, ly si, thú hướng ly si thì vị ấy bằng thiên nhãn thanh tịnh hơn người thường, thấy chúng sanh này lúc sanh lúc tử, khi đẹp khi xấu, hoặc diệu hoặc bất diệu, qua lại thiện xứ hay bất thiện xứ, tùy theo nghiệp mà chúng sanh ấy đã tạo, vị ấy thấy sự kiện ấy đúng như thật."

Vua Bệ-tứ lại hỏi:

"Sa-môn Cưu-ma-la Ca-diếp, tuy Sa-môn nói như thế nhưng tôi vẫn quan niệm như thế này, chủ trương như thế này: 'Không có đời sau, không có chúng sanh sanh'."

Tôn giả Cưu-ma-la Ca-diếp đáp rằng:

"Vua Bệ-tứ, còn có sự ác nào mà qua cái này chăng?"

Vua Bệ-tứ đáp:

"Đúng như vậy, Ca-diếp, còn có sự kiện phi lý này. Tôi có quan hữu ty bắt một tội nhân, đem đến chỗ của tôi. Đến rồi, thưa rằng: 'Tâu Thiên vương, kẻ này có tội, xin Thiên vương trừng trị'. Tôi bảo: 'Hãy đem tội nhân này cân sống. Cân sống xong, vật xuống đất, dùng dây thắt cổ giết chết. Giết xong, đem cân lại, ta mới biết người này lúc nào thì nhẹ cân, mềm mại, tươi nhuận, đẹp đẽ hơn, đó là lúc sống hay là lúc chết?' Vị quan ấy vâng lời tôi, đem tội nhân ấy cân sống, rồi vật xuống đất, dùng dây thắt cổ giết chết. Giết xong, đem cân lại, thấy rằng tội nhân lúc sống thì nhẹ, mềm mại, sắc tươi nhuận, đẹp đẽ hơn, còn lúc chết thì nặng, cứng, không mềm mại và sắc không tươi nhuận. Này Ca-diếp, nhân sự kiện ấy, cho nên tôi nghĩ rằng: 'Không có chúng sanh sanh'."

Tôn giả Cưu-ma-la Ca-diếp bảo:

"Này vua Bệ-tứ, hãy nghe tôi nói ví dụ. Người có trí nghe ví dụ này liền hiểu được ý nghĩa. Này vua Bệ-tứ, cũng như thanh sắt hay lưỡi cày sắt được đốt cháy suốt ngày, vật bằng sắt ấy lúc bấy giờ thì nhẹ, mềm, sắc tươi nhuận và đẹp hơn. Nếu lửa tắt, nó dần dần trở nên nguội lạnh, nặng hơn, cứng, không mềm và sắc không tươi. Cũng vậy, này vua

Bệ-tứ, nếu người lúc còn sống thì thân thể nhẹ, mềm mại, sắc tươi nhuận, đẹp đẽ. Nếu lúc chết thì nặng hơn, cứng, không mềm mại và sắc không tươi nữa. Này vua Bệ-tứ, vua nên quán chúng sanh sanh cũng như thế, chớ đừng giống như cái thấy của con mắt thịt. Này vua Bệ-tứ, nếu có Sa-môn, Phạm chí nào đoạn tuyệt dục, ly dục, thú hướng ly dục; đoạn tuyệt nhuế, ly nhuế, thú hướng ly nhuế; đoạn tuyệt si, ly si, thú hướng ly si thì vị ấy bằng thiên nhãn thanh tịnh hơn người thường, thấy chúng sanh lúc sanh lúc tử, khi đẹp khi xấu, qua lại thiện xứ hay bất thiện xứ, tùy theo nghiệp mà chúng sanh ấy đã tạo. Vị ấy thấy hiện tượng đó đúng như thật."

Vua Bệ-tứ lại nói:

"Sa-môn Cưu-ma-la Ca-diếp, tuy Sa-môn nói như thế nhưng tôi vẫn quan niệm như thế này, chủ trương như thế này: 'Không có đời sau, không có chúng sanh sanh'."

Tôn giả Cưu-ma-la Ca-diếp đáp rằng:

"Vua Bệ-tứ, còn có sự ác nào mà qua cái này chăng?"

Vua Bệ-tứ đáp:

"Đúng như vậy, Ca-diếp, còn có sự ác này. Này Ca-diếp, tôi có quan hữu ty bắt một tội nhân, đem đến chỗ tôi, thưa rằng: 'Tâu Thiên vương, người này có tội, xin Thiên vương trừng trị'. Tôi bảo: 'Hãy đem tội nhân ấy bỏ vào nồi sắt hoặc bỏ vào nồi đồng, đậy kín miệng lại và đốt lửa ở dưới. Khi đã đốt lửa rồi, hãy quan sát cùng khắp, xem chúng sanh ấy lúc vào lúc ra, qua lại chỗ nào?' Vị quan ấy vâng lời tôi, đem tội nhân ấy bỏ vào nồi sắt hoặc bỏ vào nồi đồng, đậy kín miệng lại và đốt lửa ở dưới. Khi đã đốt lửa, quan sát cùng khắp để xem chúng sanh ấy lúc ra lúc vào qua lại chỗ nào. Nhưng này Ca-diếp, tôi làm phương thức như vậy mà chẳng thấy chúng sanh hóa sanh. Này Ca-diếp, nhân sự kiện ấy nên tôi nghĩ rằng: 'Không có chúng sanh hóa sanh'."

Tôn giả Cưu-ma-la Ca-diếp bảo:

"Này vua Bệ-tứ, nay tôi hỏi vua, vua hiểu thế nào trả lời thế ấy. Vua nghĩ sao, nếu vào ban ngày, vua ăn thức ăn mỹ diệu ngon lành, rồi lên giường nằm ngủ. Vua nhớ lại đã từng ở trong mộng, có lần thấy vườn tược, hồ tắm, rừng cây, hoa trái, suối trong, sông dài, qua lại cùng khắp chăng?"

Vua Bệ-tứ đáp:

"Tôi nhớ lại đã từng có như vậy."

Tôn giả Ca-diếp hỏi tiếp:

"Ngày đó, sau khi ăn những thức ăn ngon lành mỹ diệu xong, vua lên giường nằm ngủ. Bấy giờ có ai đứng hầu bên cạnh chăng?"

Vua Bệ-tứ đáp:

"Có."

Tôn giả Ca-diếp hỏi tiếp:

"Ngày đó, sau khi ăn những thức ăn ngon lành mỹ diệu xong, lên giường nằm ngủ. Lúc ấy, những người hầu hai bên tả hữu có thấy được khi vua ra vào, qua lại cùng khắp chăng?"

71b. KINH BỆ-TƯ tt

Vua Bệ-tứ đáp:

"Dù cho có ai khác cũng không thể thấy, huống nữa là bạn hầu hạ hai bên."

"Này vua Bệ-tứ, vua cũng quán chúng sanh hóa sanh cũng giống như thế, chứ đừng giống như cái thấy của con mắt thịt. Này vua Bệ-tứ, nếu có vị Sa-môn, Phạm chí nào đoạn tuyệt dục, ly dục, thú hướng ly dục; đoạn tuyệt nhuế, ly nhuế, thú hướng ly nhuế; đoạn tuyệt si, ly si, thú hướng ly si; vị ấy dùng thiên nhãn thanh tịnh hơn hẳn người thường, thấy chúng sanh lúc sanh lúc tử, lúc đẹp lúc xấu, hoặc diệu hoặc bất diệu, qua lại thiện xứ hoặc bất thiện xứ tùy theo nghiệp mà chúng sanh ấy đã tạo. Vị ấy thấy sự kiện ấy đúng như thật."

Vua Bệ-tứ lại nói:

"Sa-môn Cưu-ma-la Ca-diếp, tuy Sa-môn nói như thế nhưng tôi vẫn quan niệm như thế này, chủ trương như thế này: 'Không có đời sau, không có chúng sanh sanh'."

Tôn giả Cưu-ma-la Ca-diếp đáp rằng:

"Vua Bệ-tứ, còn có sự ác nào mà qua cái này chăng?"

Vua Bệ-tứ đáp:

"Đúng như vậy, Ca-diếp, còn có sự ác này. Này Ca-diếp, tôi có quan hữu ty bắt một tội nhân đem đến trước tôi, thưa rằng: 'Tâu Thiên vương, người này có tội, xin Thiên vương trừng trị'. Tôi bảo: 'Hãy đem tội nhân này lóc da, xẻo thịt, chặt gân, đục xương đến tận tủy để tìm chúng sanh hóa sanh'. Này Ca-diếp, tôi đã làm phương cách như thế mà rốt cuộc cũng chẳng thấy chúng sanh sanh. Này Ca-diếp, nhân sự kiện đó nên tôi nghĩ rằng: 'Không có chúng sanh hóa sanh'."

Tôn giả Ca-diếp bảo:

"Này vua Bệ-tứ, hãy nghe tôi nói ví dụ này. Người có trí nghe ví dụ này thì liền hiểu ý nghĩa. Này vua Bệ-tứ, cũng như Phạm chí bện tóc thờ lửa, ở gần bên đường. Cách đó không xa có những người khách buôn tá túc. Vào lúc sáng sớm, những người khách buôn ấy vội vã ra đi, bỏ quên một đứa bé. Lúc đó, Phạm chí bện tóc thờ lửa dậy sớm, đi đến nơi khách buôn tạm trú, xem thấy đứa bé đứng một mình, không có chủ nhân. Thấy xong, vị ấy nghĩ: 'Nay thằng bé con này không có nơi nương tựa, nếu ta không nuôi thì chắc nó sẽ chết'. Nghĩ như thế, Phạm chí liền bồng đem về nuôi. Thời gian sau, đứa bé lớn khôn, bấy giờ Phạm chí thờ lửa bện tóc bận chút việc ở thôn xóm khác. Lúc đó, Phạm chí bện tóc thờ lửa bảo thiếu niên rằng: 'Ta bận chút việc phải xuống thôn xóm một thời gian. Con phải giữ lửa cẩn thận, chớ để nó tắt. Nếu lửa tắt con phải dùng cái cọ lửa này mà nhen lại'. Bấy giờ Phạm chí bện tóc thờ lửa căn dặn cẩn thận xong, liền xuống thôn xóm. Sau đó, thiếu niên ấy ra ngoài rong chơi, lửa tắt hết. Sau khi trở về nó muốn nhen lửa, liền dùng cái cọ lửa đánh xuống đất, bảo rằng: 'Lửa hãy cháy lên!' Nhưng lửa vẫn không cháy. Lửa không cháy, nó phá cái cọ lửa ấy ra thành từng mảnh, một trăm mảnh vứt đi,

ngồi bệt xuống đất sầu não mà nói rằng: 'Không tìm được lửa, phải làm sao đây?' Bấy giờ Phạm chí bện tóc thờ lửa đã làm xong công việc ở thôn xóm, liền trở về nhà. Về đến nơi, hỏi thiếu niên ấy rằng: 'Con không vui chơi mà chăm sóc ngọn lửa, không để nó tắt chăng?' Nó trả lời: 'Thưa Tôn giả, con đi ra ngoài chơi nên sau đó lửa đã tắt. Khi trở về con muốn nhen lửa, liền lấy cái cọ lửa đánh xuống đất, bảo rằng: 'Lửa hãy cháy lên! Lửa hãy cháy lên!' mà cuối cùng lửa vẫn không cháy. Con lại đặt lên phiến đá, ra sức đánh mà bảo: 'Lửa hãy cháy lên! Lửa hãy cháy lên!', nhưng lửa vẫn không cháy. Con liền phá cái cọ ấy ra thành mười mảnh, một trăm mảnh vứt đi, rồi ngồi bệt xuống đất. Thưa Tôn giả, con đã tìm kiếm như thế mà không có lửa, không biết làm sao!' Lúc đó, Phạm chí bện tóc thờ lửa nghĩ rằng: 'Cậu thiếu niên này quá ngu si, không thông suốt, không rõ ràng, không có trí tuệ. Vì sao? Vì từ cái cọ lửa vô tri mà nghĩ cách lấy lửa như vậy'. Khi ấy, Phạm chí bện tóc thờ lửa đem cọ lửa và vật mồi lửa đặt xuống đất mà cọ xát thì bật lửa và cháy bùng lên, liền bảo thiếu niên rằng: 'Này con, phương pháp lấy lửa phải như vậy, chớ không phải như con ngu si, không thông suốt, không có trí tuệ, từ cái cọ lửa vô tri mà nghĩ cách lấy lửa như con đã làm'.

"Cũng vậy, nên biết, này vua Bệ-tứ, vua cũng lại như vậy, ngu si, không thông suốt, không hiểu rõ, không trí tuệ, đối với xác thịt chết cho đến xương tủy vô tri mà muốn thấy chúng sanh hóa sanh. Này vua Bệ-tứ, vua nên quán chúng sanh sanh như thế, chứ đừng giống như cái thấy của con mắt thịt. Này vua Bệ-tứ, nếu có vị Sa-môn, Phạm chí nào đoạn tuyệt dục, ly dục, thú hướng ly dục; đoạn tuyệt nhuế, ly nhuế, thú hướng ly nhuế; đoạn tuyệt si, ly si, thú hướng ly si, vị ấy dùng thiên nhãn thanh tịnh hơn hẳn người thường, thấy chúng sanh này lúc sanh lúc tử, khi đẹp khi xấu, hoặc diệu hoặc bất diệu, qua lại thiện xứ hay bất thiện xứ tùy theo nghiệp mà chúng sanh ấy đã tạo. Vị ấy thấy sự kiện đó đúng như thật."

Vua Bệ-tứ lại nói:

"Tuy Sa-môn Ca-diếp nói như thế, nhưng tôi đối với quan niệm này, bảo thủ vì dục, bảo thủ vì sân nhuế, bảo thủ vì sợ hãi, bảo thủ vì ngu si, trọn không thể xả bỏ. Vì sao? Nếu có người ở nước khác nghe được, liền bảo rằng: 'Vua Bệ-tứ có quan niệm đã thọ trì lâu dài, nay bị Sa-môn Ca-diếp hàng phục, sửa sai nên đoạn trừ và xả bỏ'. Này Ca-diếp, vì thế, tôi đối với quan niệm này bảo thủ vì dục, bảo thủ vì nhuế, bảo thủ vì sợ hãi, bảo thủ vì si, trọn không thể xả bỏ."

Tôn giả Ca-diếp bảo:

"Này vua Bệ-tứ, hãy nghe tôi nói ví dụ này. Người có trí nghe ví dụ này liền hiểu ý nghĩa. Này vua Bệ-tứ, ví như hai người bạn bỏ nhà đi tìm kế sinh nhai. Trên đường đi, ban đầu họ thấy có rất nhiều cây gai không chủ. Một người trông thấy, bảo bạn rằng: 'Bạn nên biết, ở đây có rất nhiều cây gai không chủ. Tôi muốn bạn cùng lấy, bó lại đem về, có thể làm vật dụng được'. Hai người liền lấy bó lại để gánh đi."

"Trên đường đi họ lại thấy rất nhiều tơ lụa kiếp-bối, vải kiếp-bối không chủ, lại thấy rất nhiều bạc cũng không chủ. Thấy xong, một người vất bỏ cây gai đang gánh, lấy bạc gói lại.

"Trên đường đi lại thấy nhiều đống vàng cũng không có chủ. Bấy giờ người gánh bạc bàn với người gánh gai: 'Này bạn nên biết! Vàng này quá nhiều mà không có chủ, bạn nên vứt bỏ cây gai, tôi thì vứt bỏ bạc đang gánh. Tôi muốn cùng với bạn đồng lấy vàng này gánh trở về, có thể chi dụng được hơn'. Người gánh gai bảo người gánh bạc: 'Tôi gánh gai này sau khi đã sắp xếp gọn gàng, bó lại chắc chắn, từ xa gánh tới đây, tôi

không thể bỏ được, nên bạn biết đấy, chớ lo cho tôi'. Khi ấy người gánh bạc giật gánh gai quăng xuống đất rồi xổ tung ra. Người gánh gai bảo người gánh bạc rằng: 'Bạn đã xổ tung gánh gai của tôi như vậy, tôi đã mất công bó lại chắc chắn, gánh từ xa tới đây, nên tôi dứt khoát gánh cây gai này về, không thể bỏ được. Bạn hãy tự biết, chớ lo cho tôi'. Người gánh bạc liền bỏ gánh bạc, lấy vàng gánh về.

"Người gánh vàng trở về, từ xa, cha mẹ trông thấy con gánh vàng về, thấy rồi khen rằng: 'Lành thay, lành thay! Hãy đến đây con. Con nhờ vàng này sống được sung sướng, phụng dưỡng cha mẹ, cung cấp cho vợ con, tớ gái và người sai bảo, lại có thể bố thí cho các Sa-môn, Phạm chí, tạo phước tăng thượng, thiện quả, thiện báo, sanh vào cõi trời, sống lâu'.

"Người gánh cây gai trở về nhà, từ xa, cha mẹ trông thấy con gánh cây gai trở về, thấy vậy mắng rằng: 'Ngươi là người có tội trở về, là người vô đức trở về. Vì bó gai này ngươi không sống được, không thể phụng dưỡng cha mẹ, không thể chu cấp cho vợ con, tớ gái và người sai bảo, lại cũng không thể bố thí cho các Sa-môn, Phạm chí, không thể tạo phước tăng thượng, không được thiện quả, thiện báo, không thể sanh vào cõi trời để được sống lâu'.

"Cũng vậy, nên biết, này vua Bệ-tứ, vua cũng như thế. Nếu đối với quan niệm ấy, vua bảo thủ vì dục, bảo thủ vì nhuế, bảo thủ vì sợ hãi, bảo thủ vì ngu si, không bao giờ xả bỏ, thì vua sẽ thọ lãnh vô lượng sự dữ, lại bị mọi người chê ghét."

Vua Bệ-tứ lại nói rằng:

"Tuy Sa-môn Ca-diếp nói như thế, nhưng đối với quan niệm này tôi bảo thủ vì dục, bảo thủ vì nhuế, bảo thủ vì sợ hãi bảo thủ vì ngu si, nên không bao giờ xả bỏ. Vì sao? Nếu người khác nghe được, liền bảo rằng: 'Vua Bệ-tứ quan niệm thọ trì từ lâu, nay bị Sa-môn Ca-diếp hàng phục, sửa sai nên đã đoạn trừ xả bỏ'. Vì thế, này Ca-diếp, nên đối với quan niệm này tôi bảo thủ vì dục, bảo thủ vì nhuế, bảo thủ vì sợ hãi, bảo thủ vì ngu si, nên không bao giờ xả bỏ."

Tôn giả Ca-diếp lại bảo:

"Này vua Bệ-tứ, Hãy nghe tôi nói ví dụ này. Người có trí nghe ví dụ này liền hiểu ý nghĩa. Này vua Bệ-tứ, cũng như một khách buôn, cùng với đoàn khách buôn đông đảo, có một ngàn cỗ xe đi vào con đường nguy hiểm. Trong đoàn khách buôn ấy có hai vị thương chủ. Hai vị ấy nghĩ rằng: 'Chúng ta làm sao thoát khỏi nạn này?' Họ lại nghĩ: 'Đoàn của chúng ta nên chia làm hai, mỗi toán năm trăm'.

"Đoàn khách buôn ấy liền chia ra hai toán, mỗi toán năm trăm, một thương chủ dẫn năm trăm cỗ xe, tiến vào con đường nguy hiểm. Người thương chủ ấy thường đi dẫn đường ở phía trước, thấy một người từ mé đường đi ra, quần áo ướt sũng, chân đen, đầu vàng, đôi mắt đỏ lòm, đeo tràng hoa cỏ thơm[1], đi xe lừa, hai bánh dính bùn. Vị thương chủ trông thấy liền hỏi: 'Phía trong con đường bí hiểm này, trời có mưa chăng? Có nước trong, củi và cỏ chăng?' Người ấy đáp: 'Phía trong con đường nguy hiểm này trời mưa lớn, có nhiều nước trong và nhiều củi, cỏ. Này các bạn, các bạn hãy vứt bỏ nước cũ, củi, cỏ, chớ để nặng xe. Đi không bao lâu nữa, các bạn sẽ được nước trong và củi với cỏ tốt'.

"Vị thương chủ ấy nghe xong, liền trở lại đến toán của mình, thuật lại rằng: 'Ta đi trước, thấy một người từ bên đường đi ra, áo quần ướt sũng, thân đen, đầu vàng, đôi mắt

1. Trước hành hoa man ——Phoành tức đổ hành, loại cỏ hoa thơm, lấy cỏ làm tràng hoa, chỉ cho sự dữ tợn.

đỏ lòm, mang tràng hoa cỏ thơm, cỡi xe lừa, hai bánh dính bùn. Ta hỏi người ấy: 'Phía trong con đường nguy hiểm này trời có mưa không? Có nước trong, củi, cỏ chăng?' Người ấy đáp rằng: 'Phía trong con đường nguy hiểm này trời mưa lớn, có nhiều nước trong, củi và cỏ tốt. Này các bạn, các bạn hãy vứt bỏ nước cũ, củi và cỏ, chớ để nặng xe. Đi không bao lâu nữa, các bạn sẽ được nước trong, củi và cỏ tốt'. Này các bạn, chúng ta hãy vứt bỏ nước cũ, củi và cỏ. Như vậy không bao lâu nữa chúng ta sẽ có nước trong cùng củi và cỏ, chớ để nặng xe'.

"Các khách buôn vứt bỏ nước cũ, củi và cỏ. Đi một ngày đường, họ không thấy nước trong, củi và cỏ. Sau bảy ngày, toán khách buôn ấy bị quỷ ăn thịt người sát hại.

"Người thương chủ thứ hai nghĩ rằng: 'Vị thương chủ trước đã qua khỏi tai nạn nguy hiểm. Chúng ta phải dùng phương cách nào để thoát nạn?' Nghĩ xong, vị ấy cho năm trăm cỗ xe cùng tiến vào con đường nguy hiểm. Cũng đi trước dẫn đường, vị thương chủ thứ hai thấy có một người từ mé đường đi ra, áo quần ướt sũng, thân đen đầu vàng, đôi mắt đỏ lòm, mang tràng hoa cỏ thơm, cỡi xe lừa, hai bánh dính bùn. Vị thương chủ thứ hai này trông thấy liền hỏi: 'Phía trong con đường nguy hiểm này trời có mưa không? Có nước trong, củi và cỏ không?' Người lạ đáp: 'Phía trong con đường nguy hiểm này trời mưa lớn lắm, có rất nhiều nước trong, củi và cỏ rất tốt. Này các bạn, các bạn hãy vứt bỏ nước cũ, củi và cỏ đi, chớ để nặng xe. Đi không bao lâu nữa các bạn sẽ được nước trong, củi và cỏ tốt'.

"Người thương chủ thứ hai nghe xong, trở lại với toán, thuật rằng: 'Ta đi đàng trước, thấy có một người từ bên mé đường đi ra, áo quần ướt sũng, thân đen đầu vàng, đôi mắt đỏ lòm, mang tràng hoa cỏ thơm, cỡi xe lừa, hai bánh dính bùn. Ta hỏi: 'Phía trong con đường nguy hiểm này trời có mưa không? Có nước trong, củi và cỏ không?' Người ấy đáp: 'Phía trong con đường nguy hiểm này trời thường mưa lớn, có nhiều nước trong, củi và cỏ tốt. Này các bạn, các bạn hãy vứt bỏ nước cũ, củi và cỏ đi, chớ để nặng xe. Đi không bao lâu nữa, các bạn sẽ thấy được nước trong, củi và cỏ tốt'. Này các bạn, chúng ta chưa thể vứt bỏ nước cũ, củi và cỏ được. Nếu lấy được nước, củi và cỏ mới, sau đó chúng ta mới bỏ'.

"Toán khách buôn ấy không vứt bỏ nước cũ, củi và cỏ. Đi một ngày đường, không lấy được nước, củi và cỏ mới. Họ đi hai ngày, ba ngày cho đến bảy ngày mà vẫn không lấy được.

"Lúc người thương chủ thứ hai đi trước, trông thấy người thương chủ thứ nhất và toán khách buôn đi trước đã bị quỷ ăn thịt người sát hại; thấy rồi, bảo toán của mình rằng: 'Này các bạn, các bạn hãy xem người thương chủ đi trước ấy ngu si, không thông suốt, không hiểu rõ, không có trí tuệ; đã tự giết mình, lại giết đồng bọn nữa. Các bạn, nếu muốn lấy hàng hóa của người khách buôn toán trước thì tự tiện mà lấy'.

"Này vua Bệ-tứ, nên biết rằng vua cũng lại như vậy. Nếu với quan niệm ấy, vua bảo thủ vì dục, bảo thủ vì nhuế, bảo thủ vì sợ hãi, bảo thủ vì ngu si, không bao giờ xả bỏ, thì vua sẽ thọ vô lượng sự dữ, lại bị mọi người chê ghét nữa. Cũng như người thương chủ thứ nhất và đồng bọn thuộc nhóm thứ nhất."

Vua Bệ-tứ lại nói:

"Tuy Sa-môn Ca-diếp nói như thế nhưng với quan niệm ấy, tôi bảo thủ vì dục, bảo thủ vì nhuế, bảo thủ vì sợ hãi, bảo thủ vì ngu si, không bao giờ bỏ. Vì sao? Nếu những người ở nước khác nghe đến, liền bảo rằng: 'Vua Bệ-tứ có một quan niệm thọ trì đã từ lâu, nay bị Sa-môn Ca-diếp hàng phục, sửa sai nên đã đoạn trừ, xả bỏ'. Vì thế, này Ca-

diếp, đối với quan niệm đó tôi bảo thủ vì dục, bảo thủ vì nhuế, bảo thủ vì sợ hãi, bảo thủ vì ngu si, không bao giờ xả bỏ."

Tôn giả Ca-diếp bảo:

"Này vua Bệ-tứ, hãy nghe tôi nói ví dụ này. Người có trí nghe ví dụ này liền hiểu ý nghĩa. Này vua Bệ-tứ, cũng như hai người hẹn nhau chơi đổ súc sắc. Người thứ nhất thường lén trộm con súc sắc mà ngậm[2], ngậm một lần, hai lần, ba lần cho đến nhiều lần. Người thứ hai liền nghĩ: 'Cùng chơi với người này, nó luôn luôn gạt mình, trộm con súc sắc mà ngậm một, hai, ba lần cho đến nhiều lần'. Nghĩ thế, người ấy nói với bạn: 'Ta muốn nghỉ, sau đó sẽ chơi lại'. Bấy giờ người thứ hai rời khỏi chỗ ấy, dùng thuốc tẩm vào con súc sắc rồi trở lại cùng chơi. Người thứ nhất lại lén trộm con súc sắc mà ngậm, một lần, hai, ba hoặc đến nhiều lần. Ngậm xong, liền trợn mắt, sùi bọt mép gần chết. Bấy giờ người thứ hai hướng về người thứ nhất nói bài tụng:

Xúc xắc này tẩm độc
Người tham ăn không biết
Trước ngồi chơi, gạt ta
Sau phải mang họa khổ.

"Này vua Bệ-tứ, nên biết, vua cũng lại như vậy. Nếu quan niệm ấy vua bảo thủ vì dục, bảo thủ vì nhuế, bảo thủ vì sợ hãi, bảo thủ vì ngu si không bao giờ xả bỏ thì vua sẽ thọ vô lượng sự dữ. Lại bị mọi người chê ghét. Cũng như người chơi súc sắc, vì lừa gạt mà bị mang họa."

Vua Bệ-tứ lại nói:

"Tuy Sa-môn Ca-diếp nói như thế nhưng với quan niệm ấy, tôi bảo thủ vì dục, bảo thủ vì nhuế, bảo thủ vì sợ hãi, bảo thủ vì ngu si, không bao giờ bỏ."

Tôn giả Ca-diếp bảo:

"Này vua Bệ-tứ, hãy nghe tôi nói ví dụ này. Người có trí nghe ví dụ liền hiểu nghĩa. Này vua Bệ-tứ, cũng như người nuôi heo, lúc đang đi trên đường thấy có rất nhiều phân khô không chủ, liền nghĩ rằng: 'Phân này có thể nuôi no đủ cho nhiều con heo, ta nên lấy gói lại mang đi'. Người ấy liền đội phân mà đi, giữa đường gặp trời mưa lớn, phân chảy ra, chảy xuống vấy phẩn cùng thân nhưng người ấy vẫn đội đi không vứt bỏ. Người ấy thọ vô lượng sự xấu, lại bị mọi người chê ghét. Này vua Bệ-tứ, nên biết rằng vua cũng như thế. Nếu đối với quan niệm ấy vua bảo thủ vì dục, bảo thủ vì nhuế, bảo thủ vì sợ hãi, bảo thủ vì ngu si, không bao giờ xả bỏ thì vua sẽ thọ vô lượng sự dữ, lại bị mọi người chê ghét, cũng như người nuôi heo kia."

Vua Bệ-tứ lại nói:

"Tuy Sa-môn Ca-diếp nói như thế nhưng với quan niệm ấy, tôi bảo thủ vì dục, bảo thủ vì nhuế, bảo thủ vì sợ hãi, bảo thủ vì ngu si, không bao giờ xả bỏ. Vì sao? Nếu những người ở các nước khác nghe sẽ bảo rằng: 'Vua Bệ-tứ có một quan niệm đã thọ trì từ lâu, nay bị Sa-môn Ca-diếp hàng phục, sửa sai, đã đoạn trừ, xả bỏ'. Này Ca-diếp, vì thế nên tôi đối với quan niệm này muốn bảo thủ vì nhuế, bảo thủ vì dục, bảo thủ vì sợ hãi, bảo thủ vì ngu si, không bao giờ xả bỏ."

Tôn giả Ca-diếp bảo:

"Này vua Bệ-tứ, hãy nghe tôi nói ví dụ cuối cùng. Nếu vua biết thì tốt, nếu vua không biết thì tôi cũng không thuyết pháp nữa. Này vua Bệ-tứ, cũng như con heo lớn, thủ

---

2. Trong bản Hán nói là *thiết thực* ——Rlén mà ăn, nuốt.

lãnh của đàn heo năm trăm con, đi vào con đường nguy hiểm, nó gặp một con cọp. Khi con heo đã trông thấy con cọp, liền nghĩ: 'Nếu đấu với cọp thì cọp sẽ giết mình. Nếu sợ bỏ chạy thì thân tộc sẽ khinh mình, không biết phải dùng phương cách nào để thoát nạn?' Nghĩ xong, nó nói với cọp rằng: 'Nếu muốn đấu thì hãy đấu, nếu không thì hãy tránh đường cho ta qua'. Cọp nghe liền bảo rằng: 'Ta chấp nhận đấu với ngươi, chớ không tránh đường cho ngươi'. Heo lại nói rằng: 'Này cọp, ngươi hãy đợi chốc lát, ta mặc áo giáp của tổ phụ xong rồi hãy trở lại cùng đấu'. Cọp nghe vậy liền nghĩ: 'Nó chẳng phải địch thủ của ta, huống là áo giáp của tổ phụ nó'. Nghĩ xong, bảo heo: 'Cho tùy ý ngươi'. Heo liền trở về chuồng, lăn trong đống phân, làm lấp phân đến tận mắt rồi trở lại chỗ cọp, nói rằng: 'Ngươi muốn đấu thì hãy đấu, nếu không thì hãy tránh đường cho ta đi qua'. Sau khi thấy heo, cọp nghĩ: 'Ta thường không ăn sâu bọ tạp nhạp vì uổng hàm răng, huống là phải gần con heo hôi hám này'. Con cọp nghĩ xong, liền bảo heo: 'Ta tránh đường cho ngươi chớ không đấu với ngươi nữa'. Heo đi qua rồi hướng về phía cọp nói bài tụng:

Này cọp, ngươi bốn chân,
Ta cũng có bốn chân.
Hãy đến đấu cùng ta,
Sợ gì mà bỏ chạy?"

"Bấy giờ cọp nghe xong, nói bài tụng trả lời heo rằng:

Ngươi lông mọc như rừng;
Hèn nhất trong loài vật.
Này heo, hãy cút mau;
Phân thối chịu không nổi."

"Lúc ấy, heo tự khoe, nói bài tụng rằng:

Hai nước Ma-kiệt, Ương[3]
Nghe ta đấu với ngươi.
Hãy đến đấu với ta'
Sợ gì mà bỏ chạy?"

"Cọp nghe vậy, lại nói bài tụng:

Toàn thân, lông đều nhơ
Ngươi làm ta lây thối
Ngươi đánh muốn cầu thắng
Ta nay cho ngươi thắng[4]*."*

Tôn giả Ca-diếp bảo rằng:

"Này vua Bệ-tứ, tôi cũng như thế, nếu với quan niệm ấy, vua bảo trì vì dục, bảo trì vì sân nhuế, bảo trì vì sợ hãi, bảo trì vì ngu si, không bao giờ bỏ thì vua sẽ thọ vô lượng sự dữ, lại bị mọi người chê ghét, cũng giống như cọp để cho heo thắng."

Vua Bệ-tứ nghe xong, nói rằng:

"Thưa Tôn giả, ngay từ đầu Tôn giả nói ví dụ mặt trời và mặt trăng. Lúc nghe xong, tôi hiểu ngay, hoan hỷ thọ trì, nhưng tôi muốn được nghe những biện tài càng lúc càng cao siêu của bậc thượng diệu trí ở nơi Tôn giả nên tôi hỏi đi hỏi lại mãi. Tôi

---

3. Tức Ma-kiệt-đà (Magadha) và Ương-già (Aṅga), cách nhau bởi con sông Campā, trong thời Đức Phật, cả hai đều ở dưới sự cai trị của vua Pasenadi.

4. Bản Pāli và Trường A-hàm không có thí dụ chót này. Nó châm biếm thái độ ngoan cố của Pāyāsi.

nay đem mình quy y Tôn giả Ca-diếp."

Tôn giả Ca-diếp bảo:

"Này vua Bệ-tứ, vua chớ quy y tôi. Tôi đã quy y Phật, vua cũng nên quy y theo Ngài."

Vua Bệ-tứ nói[5]:

"Thưa Tôn giả, con nay đem mình quy y Phật, Pháp và Chúng Tỳ-kheo. Mong Tôn giả thay Phật nhận con làm Ưu-bà-tắc. Bắt đầu từ ngày hôm nay và trọn đời, con đem mình quy y cho đến lúc mạng chung. Thưa Tôn giả Ca-diếp, con từ hôm nay bắt đầu thực hành bố thí, tu phước."

Tôn giả Ca-diếp hỏi:

"Này vua Bệ-tứ, vua muốn thực hành bố thí, tu phước. Vậy sẽ bố thí cho bao nhiêu người và thời gian bao lâu?"

Vua Bệ-tứ đáp:

"Bố thí cho trăm người hoặc đến ngàn người. Một ngày, hai ngày hoặc đến bảy ngày.

Tôn giả Ca-diếp bảo:

"Nếu vua thực hành bố thí, tu phước. Bố thí cho một trăm người hoặc đến một ngàn người; một ngày, hai ngày hoặc đến bảy ngày thì các Sa-môn, Phạm chí ở khắp nơi đều có nghe vua Bệ-tứ có một quan niệm thọ trì lâu dài, nay bị Sa-môn Ca-diếp hàng phục, sửa sai nên đã đoạn trừ, xả bỏ. Các vị ấy nghe xong đều sẽ từ phương xa đến, trong bảy ngày sẽ không đủ thời gian để vua bố thí. Nếu có ai không nhận được phẩm vật do nhà vua bố thí, vua không được phước, không được thọ an lạc lâu dài. Này vua Bệ-tứ, cũng như hạt giống không nát, không hư, không nứt, không bể, không bị tổn thương bởi gió, bởi ánh nắng, bởi nước, được cất giấu chu đáo vào tiết thu. Nếu cư sĩ kia cày sâu, ruộng tốt, làm đất thuần thục xong, gieo giống đúng thời nhưng mưa không kịp lúc thì ý vua nghĩ sao? Hạt giống kia có sanh trưởng được chăng?"

Đáp rằng:

"Dạ không."

Tôn giả Cưu-ma-la Ca-diếp bảo:

"Này vua Bệ-tứ, vua cũng như thế. Nếu thực hành bố thí, tu phước. Bố thí cho một trăm người hoặc một ngàn người, từ một ngày cho đến bảy ngày. Những Sa-môn, Phạm chí ở các phương xa đều nghe rằng vua Bệ-tứ có một quan niệm thọ trì đã lâu dài, nay bị Sa-môn Ca-diếp hàng phục, sửa sai nên đã đoạn trừ, xả bỏ. Các vị ấy nghe xong liền từ phương xa đến, thí trong bảy ngày không đủ thời gian để vua bố thí. Nếu có vị nào không nhận được thực phẩm do vua bố thí thì vua không được phước, không được thọ an lạc lâu dài."

Vua Bệ-tứ lại hỏi:

"Thưa Tôn giả, tôi phải làm thế nào?"

Tôn giả Ca-diếp đáp:

"Này vua Bệ-tứ, nếu vua thực hành bố thí, tu phước thì phải thường cung cấp trường trai[6]. Nếu vua thực hành bố thí, tu phước mà không thường cung cấp trường trai thì các vị

---

5. No.1 (7): Tệ-tú hỏi: Tôn sư Tôn giả ở đâu? Tôn giả đáp: Tôn sư của tôi diệt độ chưa bao lâu.

6. *Trường trai* chỉ cho cuộc lễ thí kéo dài, không phải ăn chay trường. Bản Pāli và No.1(7) nói hơi khác: vua muốn mở cuộc đại thí (yañña), nhưng Tôn giả cản, nếu trong cuộc đại thí ấy có súc vật bị giết, tôi tớ bị sai khiến mệt nhọc, bị đánh đập.

Sa-môn, Phạm chí ở khắp nơi nghe rằng: vua Bệ-tứ có một quan niệm thọ trì đã lâu, nay bị Sa-môn Ca-diếp hàng phục, sửa sai nên đã đoạn trừ, xả bỏ. Nghe xong, từ các phương xa các vị đều đến, đều có thể được vua bố thí, nên vua có phước, được an lạc lâu dài. Này vua Bệ-tứ, cũng như hạt giống không hư, không nát, không nứt, không bể, không bị thương tổn bởi gió, bởi ánh nắng, bởi nước, đã cất giấu chu đáo vào tiết thu. Nếu cư sĩ cày sâu, ruộng tốt, làm đất thuần thục xong, gieo giống đúng thời, mưa kịp lúc, ý vua nghĩ sao? Hạt giống kia có thể sanh trưởng được chăng?"

Vua đáp:

"Sanh trưởng được."

Tôn giả Ca-diếp lại bảo:

"Này vua Bệ-tứ, vua cũng như vậy. Nếu thực hành bố thí, tu phước mà thường cung cấp trường trai thì các Sa-môn, Phạm chí ở các nơi nghe vua Bệ-tứ có một quan niệm đã thọ trì lâu dài, nay bị Sa-môn Ca-diếp hàng phục sửa sai nên đã đoạn trừ, xả bỏ. Nghe xong, từ các phương xa, các vị đều đến, đều có thể được vua bố thí nên vua được phước, được hưởng an lạc lâu dài."

Bấy giờ vua Bệ-tứ nói:

"Con từ nay bắt đầu thực hành bố thí, tu phước và thường cung cấp trường trai."

Lúc đó, Tôn giả Ca-diếp thuyết pháp cho vua Bệ-tứ và các Phạm chí, Cư sĩ Tư-hòa-đề, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ. Sau khi bằng vô lượng phương tiện thuyết pháp, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ cho những vị ấy rồi, Tôn giả ngồi im lặng.

Bấy giờ vua Bệ-tứ và các Phạm chí, Cư sĩ Tư-hòa-đề được Tôn giả Ca-diếp thuyết pháp, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ dưới chân Tôn giả, nhiễu quanh ba vòng rồi lui ra.

Sau đó, vua Bệ-tứ tuy thực hành bố thí, tu phước, nhưng bố thí quá thậm tệ, như canh đậu xấu, rau thối, chỉ có một miếng gừng; lại bố thí áo gai thô xấu. Bấy giờ người cai bếp tên là Ưu-đa-la[7], lúc nhà vua bố thí, tu phước, liền xin Thượng tọa chú nguyện cho nhà vua thế này: 'Nếu cuộc bố thí này có phước báo gì, chớ để cho vua Bệ-tứ hưởng thọ trong đời này và đời sau'. Vua Bệ-tứ nghe Ưu-đa-la lúc vua bố thí tu phước lại xin Thượng tọa chú nguyện rằng: 'Nếu cuộc bố thí này có phước báo gì, chớ để cho vua Bệ-tứ hưởng thọ trong đời này và đời sau'. Nghe vậy, vua kêu cai bếp lại hỏi:

"Này Ưu-đa-la, lúc ta bố thí, tu phước, ngươi xin Thượng tọa chú nguyện cho ta rằng: 'Nếu cuộc bố thí này có phước báo gì, chớ để cho vua Bệ-tứ hưởng thọ trong đời này và đời sau'. Có quả thật như vậy chăng?"

Ưu-đa-la đáp:

"Quả thật vậy, tâu Thiên vương. Vì sao? Thiên vương tuy bố thí tu phước nhưng quá thậm tệ: Bố thí canh đậu xấu, rau thối, chỉ có một miếng gừng. Tâu Thiên vương, thức ăn ấy không đáng để đưa tay vọc, huống là để ăn. Thiên vương bố thí áo gai xấu, tâu Thiên vương, áo ấy không đáng để dùng chân dậm lên huống là để mặc. Con kính Thiên vương nhưng không trọng sự bố thí ấy, cho nên, tâu Thiên vương, con không mong phước báo của cuộc bố thí tệ mạt này để Thiên vương được hưởng."

Vua Bệ-tứ nghe xong, liền bảo:

---

7. Giám trù Ưu-đa-la. No.1 (7): một niên thiếu Bà-la-môn (không nói tên). Pāli: Uttāra mānava, niên thiếu Bà-la-môn Uttāra bất mãn và nói ngạo bị bỏ qua.

"Này Ưu-đa-la, ngươi từ nay bắt đầu đem thức ăn như ta đã ăn mà bố thí. Con đem áo như áo ta đã mặc mà bố thí."

Từ đó về sau, Ưu-đa-la đem thức ăn giống như thức ăn của vua mà bố thí, đem áo giống như áo vua đã mặc mà bố thí. Bấy giờ Ưu-đa-la nhờ coi sóc việc bố thí cho vua Bệ-tứ nên sau khi thân hoại mạng chung, sanh vào cõi trời Tứ thiên vương. Còn vua Bệ-tứ thì không chí tâm bố thí nên thân hoại mạng chung sanh vào cung điện trống không rừng Tòng thọ[8].

Tôn giả Kiều-diệm-bát-đề[9] thường du hành trong Tòng thọ lâm không cung điện, từ xa trông thấy vua Bệ-tứ, liền hỏi rằng:

"Ông là ai?"

Vua Bệ-tứ đáp:

"Thưa Tôn giả Kiều-diệm-bát-đề, Tôn giả có nghe trong châu Diêm-phù có vua xứ Tư-hòa-đề tên là Bệ-tứ chăng?"

Tôn giả Kiều-diệm-bát-đề đáp ;

"Tôi nghe trong châu Diêm-phù-đề, ở xứ Tư-hòa-đề có vua tên là Bệ-tứ."

Vua Bệ-tứ nói:

"Thưa Tôn giả Kiều-diệm-bát-đề, con chính là vua ấy, vốn tên là Bệ-tứ."

Tôn giả Kiều-diệm-bát-đề lại hỏi:

"Này vua Bệ-tứ, vua đã quan niệm như thế này, chủ trương như thế này: 'Không có đời sau, không có chúng sanh hóa sanh', thế thì do đâu vua sanh vào đây, trú trong vào cung điện trống không rừng Tòng thọ, ở Tứ thiên vương nhỏ hẹp này?

Vua Bệ-tứ lại thưa:

"Thưa Tôn giả Kiều-diệm-bát-đề, con vốn có quan niệm ấy nhưng bị Sa-môn Ca-diếp hàng phục, sửa sai nên đã đoạn trừ xả bỏ. Nếu Tôn giả Kiều-diệm-bát-đề có xuống châu Diêm-phù thì xin báo cùng khắp cho mọi người ở châu Diêm-phù hay rằng: Nếu có bố thí, tu phước thì hãy chí tâm bố thí, tự tay bố thí, tự mình đến bố thí, chí tín bố thí, biết có nghiệp báo bố thí. Vì sao? Vì muốn đừng để cho một ai hưởng phước báo như vua Bệ-tứ xứ Tư-hòa-đề nữa. Vua Bệ-tứ là vua bố thí vì không chí tâm bố thí nên sanh vào vào cung điện trống không rừng Tòng thọ ở cõi Tứ thiên vương nhỏ hẹp."

Bấy giờ Tôn giả Kiều-diệm-bát-đề im lặng nhận lời. Sau đó, lúc Tôn giả Kiều-diệm-bát-đề xuống châu Diêm-phù, rao cùng khắp cho mọi người ở châu Diêm-phù biết: phải chí tâm bố thí, tự tay bố thí, tự mình đến bố thí, chí tín bố thí, biết có nghiệp, có nghiệp báo bố thí. Vì sao? Vì muốn đừng để cho một ai hưởng phước báo bố thí như vua Bệ-tứ, xứ Tư-hòa-đề nữa. Vua Bệ-tứ là vua bố thí mà vì không chí tâm bố thí nên sanh vào vào cung điện trống không rừng Tòng thọ, ở cõi Tứ thiên vương nhỏ hẹp."

Tôn giả Cưu-ma-la Ca-diếp thuyết như vậy. Vua Bệ-tứ và các cư sĩ xứ Tư-hòa-đề nghe xong, hoan hỷ phụng hành.

❑

8. Nhiếp (hay Tòng) thọ lâm Không cung điện; cung điện trong cõi Catummahārājākadevā, và các thiên thần ở đây được coi là Yakkha (Dạ-xoa). Trước cung điện có một cây serīsa, năm mươi năm nẩy trái một lần.

9. Kiều-diệm-bát-đề, Pāli: Gavampati: một vị A-la-hán, nguyên là con một nhà đại phú ở Ba-la-nại.

72. KINH TRƯỜNG THỌ VƯƠNG BỔN KHỞI[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật du hóa tại Câu-xá-di[2], trong vườn Cù-sư-la[3]. Bấy giờ các Tỳ-kheo ở Câu-xá-di đã nhiều lần cãi vã nhau. Do đó Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo ở Câu-xá-di rằng:

"Này các Tỳ-kheo, các ngươi chớ cãi vã nhau. Vì sao?

Nếu lấy tranh dứt tranh[4]*,*
Đời nào dứt cho xong.
Nhẫn nhục dứt hận thù,
Đó là pháp tối thượng[5].

"Vì sao? Này các Tỳ-kheo, thuở xưa có vua nước Câu-sa-la, tên là Trường Thọ[6]. Lại có vua nước Gia-xá tên là Phạm-ma-đạt-đa[7]. Hai vị quốc vương này đã nhiều lần gây chiến với nhau. Rồi quốc vương Phạm-ma-đạt-đa dấy quân với bốn loại quân là tượng quân, mã quân, xa quân và bộ quân. Sau khi dấy quân, vua Phạm-ma-đạt-đa đích thân kéo quân đi muốn gây chiến với vua Trường Thọ, nước Câu-sa-la.

"Vua Trường Thọ nước Câu-sa-la nghe tin vua Phạm-ma-đạt-đa nước Gia-xá vừa dấy quân với bốn loại quân là tượng quân, mã quân, xa quân và bộ quân. Sau khi bổ sung quân số cho bốn loại quân ấy, lại muốn giao chiến với mình, vua Trường Thọ nước Câu-sa-la nghe vậy cũng dấy quân với bốn loại quân là tượng quân, mã quân, xa quân và bộ quân. Sau khi dấy bốn loại quân, vua Trường Thọ nước Câu-sa-la đích thân xuất quân dẫn

---

1. Bản Hán, quyển 17. Tương đương Pāli M. 128. Upakkilessa-suttaṃ. Hán, biệt dịch No.125 (24.8). Một cuộc tranh chấp lớn đã xảy ra giữa Tăng chúng tại Kosambī, mà Phật đích thân giải quyết nhưng vô hiệu, và Ngài đã phải từ bỏ Tăng chúng, vào sống trong núi một mình cho đến khi cuộc tranh chấp phải chấm dứt. Vụ tranh chấp này trở thành một số lớn điển hình của Luật tạng, được ghi thành chương mục hẳn hòi. Tứ Phần Luật gọi là *"Câu-diệm-di Kiền-độ"* (No.1428, trang 879 - 885). Thập Tụng Luật gọi là *"Câu-xá-di pháp"* (DTK.1435, trang 214 - 218). Mahāvagga ghi thành chương Kosambakakkhanda. Kinh này là một cách Phật dùng để chấm dứt sự tranh chấp ấy.

2. Câu-xá-di ————C No.1428: Câu-diệm-di, Pāli: Kosambī, một trong 16 nước lớn thời Phật, thủ phủ là Vaṃsā, ở phía Bắc Kosala.

3. Cù-sư-la viên ——v———C Pāli: Ghositārāma, một tinh xá được dựng do Ghosita.

4. Tránh ——Rcãi lộn, tranh chấp. Pāli: Dham. vera, oán hận, thù nghịch.

5. Xem Pháp cú (Dham.5). Bản Pāli đối chiếu không ghi bài kệ này và câu chuyện tiền thân dưới đây cũng không.

6. Câu-sa-la Quốc vương Trường Thọ ——P————————C Chuyện tiền thân này cũng được tìm thấy trong bản *Trường Thọ Vương kinh* (No.161, trang 386 - 388). Pāli: Dīghīti.

7. Gia-xá Quốc vương danh Phạm-ma-đạt-đa–[–j ———W———F–G–C Pāli: Kāsī, Brahmadatta.

đến tận biên giới, dàn trận giao chiến, tức thời đánh tan quân đối phương. Bấy giờ vua Trường Thọ nước Câu-sa-la bắt trọn bốn loại quân của Phạm-ma-đạt-đa là tượng quân, mã quân xa quân và bộ quân, lại bắt sống vua Phạm-ma-đạt-đa nước Gia-xá. Bắt được liền phóng thích và nói với Phạm-ma-đạt-đa rằng:

"– Ông là nạn nhân cùng đường, nay ta tha cho, sau này chớ gây chiến nữa".

"Vua Phạm-ma-đạt-đa, nước Gia-xá lại ba lần dấy quân với bốn loại quân là tượng quân, mã quân, xa quân và bộ quân. Sau mỗi lần dấy quân với bốn loại quân, lại đích thân dẫn quân qua gây chiến với vua Trường Thọ, nước Câu-sa-la.

"Vua Trường Thọ nước Câu-sa-la nghe tin vua Phạm-ma-đạt-đa nước Gia-xá vừa dấy quân với bốn loại quân là tượng quân, mã quân, xa quân và bộ quân. Sau khi dấy quân, lại kéo đến gây chiến với mình. vua Trường Thọ nghe tin như vậy liền nghĩ: 'Ta đánh bại nó, cần gì đánh bại nữa. Ta đã hàng phục nó, nó đâu đủ sức để hàng phục ta. Ta đã hại nó, cần gì phải hại nữa. Ta chỉ cần với một cây cung không cũng đủ hàng phục nó'.

"Vua Trường Thọ, nước Câu-sa-la nghĩ như thế nên an nhiên không cần dấy quân với bốn loại quân là tượng quân, mã quân, xa quân và bộ quân, và tự mình cũng không ra mặt trận.

"Bấy giờ, vua Phạm-ma-đạt-đa nước Gia-xá tiến quân đánh phá, bắt trọn bốn loại quân của vua Trường Thọ nước Câu-sa-la là tượng quân, mã quân, xa quân và bộ quân. Vua Trường Thọ nghe tin Phạm-ma-đạt-đa vua nước Gia-xá đã tiến quân bắt trọn bốn loại quân của mình là tượng quân, mã quân, xa quân và bộ quân, lại nghĩ rằng: 'Chiến tranh là kỳ quái, chiến tranh là tàn bạo. Vì sao? Vì chiến thắng sẽ bị chiến thắng; chế phục sẽ bị chế phục; tàn hại sẽ bị tàn hại. Vậy ta nay hãy đơn thân dẫn một người vợ cùng đi một cỗ xe, chạy đến Ba-la-nại'.

"Rồi vua Trường Thọ nước Câu-sa-la đơn thân dẫn một người vợ cùng đi trên một cỗ xe, chạy đến Ba-la-nại. Vua Trường Thọ lại nghĩ: 'Ta nay có lẽ nên từ thôn này qua thôn kia, từ ấp này qua ấp nọ để cầu học rộng nghe nhiều'. Nghĩ vậy, vua Trường Thọ liền từ thôn này qua thôn khác, từ ấp này qua ấp nọ cầu học rộng nghe nhiều. Vì học rộng nghe nhiều nên vua đổi tên là Trường Thọ Bác sĩ.

"Trường Thọ Bác sĩ lại nghĩ: 'Những gì đáng học ta đã học rồi. Ta nên vào đô ấp Ba-la-nại, đến ở đường này hẻm kia với vẻ mặt tươi cười, tấu lên âm thanh vi diệu. Như vậy, các nhà hào quý ở Ba-la-nại nghe được sẽ vô cùng hoan hỷ và thấy vui thích'. Nghĩ xong, Trường Thọ Bác sĩ vào đô ấp Ba-la-nại, đứng ở đường này hẻm nọ với vẻ mặt tươi cười, tấu lên âm thanh vi diệu nên các nhà hào quý ở Ba-la-nại nghe được đều rất hoan hỷ và lấy làm thỏa thích.

"Lúc ấy, các quyến thuộc của vua Phạm-ma-đạt-đa nước Gia-xá, từ quyến thuộc ngoài xa đến quyến thuộc ở giữa, rồi đến quyến thuộc bên trong và đến Phạm chí quốc sư, tất cả đều nghe. Khi được nghe, Phạm chí quốc sư cho gọi Trường Thọ Bác sĩ đến diện kiến.

"Bấy giờ Trường Thọ Bác sĩ đi đến chỗ Phạm chí quốc sư, đứng quay mặt về phía quốc sư, với vẻ mặt vui tươi, tấu lên âm thanh vi diệu. Sau khi nghe, Phạm chí quốc sư rất hoan hỷ và lấy làm thỏa thích. Phạm chí quốc sư nói với Trường Thọ Bác sĩ:

"– Từ nay ông có thể nương tựa vào ta. Ta sẽ cung cấp cho đầy đủ.

"Trường Thọ Bác sĩ thưa rằng:

"– Thưa Tôn giả, tôi còn có một người vợ, phải làm thế nào?

"Phạm chí quốc sư nói với Bác sĩ:

"– Bác sĩ, ông có thể đem đến ở nhà ta. Ta sẽ cung cấp cho đầy đủ.

"Thế rồi Trường Thọ Bác sĩ dẫn vợ mình đến trú tại nhà Phạm chí quốc sư. Phạm chí quốc sư liền chu cấp đầy đủ.

"Một thời gian sau, vợ của Trường Thọ Bác sĩ trong lòng rầu rĩ[8] nghĩ rằng: 'Ước gì có bốn loại quân trận với lớp lớp tấm thuẫn[9], tuốt gươm sáng loáng, từ từ đi qua. Ta muốn xem khắp và cũng muốn uống nước mài gươm đao'.

"Vợ của Trường Thọ Bác sĩ nghĩ như vậy rồi, liền nói với Trường Thọ Bác sĩ rằng:

"– Tôi cảm thấy trong lòng rầu rĩ, đang nghĩ thế này: 'Ước gì có bốn loại quân trận với lớp lớp tấm thuẫn, tuốt gươm sáng loáng từ từ đi qua. Ta muốn xem cùng khắp, lại cũng muốn uống nước mài dao.'

"Trường Thọ Bác sĩ nói với vợ rằng:

"– Nàng chớ nghĩ như vậy. Vì sao? Chúng ta đã bị vua Phạm-ma-đạt-đa đánh bại, nàng nhờ đâu mà thấy được bốn loại quân trận với lớp lớp tấm thuẫn, tuốt gươm sáng loáng từ từ đi qua để nàng xem cùng khắp và nàng lại được uống nước mài dao?

"Bà vợ lại nói:

"– Thưa tôn quân, nếu được như thế thì tôi còn hy vọng sống. Nếu không, chắc chắn phải chết chớ không có gì nghi ngờ nữa[10].

"Trường Thọ Bác sĩ liền đến chỗ Phạm chí quốc sư, đứng quay mặt về phía quốc sư, vẻ mặt sầu thảm, bằng tiếng nói ai oán mà tấu lên các khúc nhạc. Phạm chí quốc sư nghe mà không được hoan hỷ. Bấy giờ Phạm chí quốc sư hỏi rằng:

"– Này Bác sĩ, trước kia, ông đứng quay mặt về phía ta, với vẻ mặt vui tươi mà tấu lên âm thanh vi diệu. Nghe xong ta rất hoan hỷ, lấy làm vui thích. Nay ông vì sao lại đứng quay về phía ta với vẻ mặt sầu thảm, bằng âm thanh ai oán mà tấu lên khúc nhạc, ta nghe không được hoan hỷ. Này Trường Thọ Bác sĩ, thân ông không bệnh hoạn, ý ông không sầu não chứ?

"Trường Thọ Bác sĩ thưa:

"– Thưa Tôn giả, thân tôi không bệnh hoạn nhưng ý tôi sầu não. Tôn giả, vợ tôi trong lòng rầu rĩ, đã nghĩ thế này: 'Ta muốn bốn loại quân trận với lớp lớp tấm thuẫn, tuốt gươm sáng loáng từ từ đi qua. Ta muốn xem cùng khắp, lại cũng muốn uống nước mài dao'. Tôi liền bảo rằng: 'Nàng chớ nghĩ như thế. Vì sao? Ta nay thế này, nàng nhờ đâu mà được bốn loại quân trận với lớp lớp tấm thuẫn, tuốt gươm sáng loáng từ từ đi qua để nàng xem cùng khắp và lại cũng được uống nước mài dao?' Vợ tôi lại nói rằng: 'Thưa tôn quân, nếu được như thế thì tôi còn hy vọng sống. Nếu không thì chắc chắn sẽ chết, không nghi ngờ gì nữa'. Thưa Tôn giả, nếu vợ tôi mà không toàn mạng thì sao nỡ!

"Phạm chí quốc sư bảo rằng:

"– Này Bác sĩ, vợ ông, ta có thể gặp được không?

"– Thưa Tôn giả, có thể được.

"Thế rồi Phạm chí quốc sư cùng với Trường Thọ Bác sĩ đi đến chỗ bà vợ của Bác sĩ. Bấy giờ vợ của Trường Thọ Bác sĩ mang thai đứa con có đức. Phạm chí quốc sư thấy vợ của Trường Thọ Bác sĩ mang thai đứa con có đức nên quỳ gối bên phải xuống đất, chắp tay hướng về phía vợ của Bác sĩ khen ba lần rằng:

---

8. No.125 (24.8) nói có thai.

9. Lổ bạc——Floại thuẫn lớn khi vua xuất trận.

10. No.125 (24.8): bà có thai và chiêm bao thấy như vậy. Trong vòng bảy ngày sẽ sanh, nếu không thấy đúng như chiêm bao nhất định phải chết.

"– Sẽ sanh vua nước Câu-sa-la. Sẽ sanh vua nước Câu-sa-la.

"Rồi lại ra lệnh cho tả hữu không ai được phép tiết lộ cho người ngoài biết.

"Phạm chí quốc sư nói tiếp:

"– Này Bác sĩ, ông chớ ưu sầu. Ta sẽ cho vợ ông được thấy bốn loại quân trận với lớp lớp tấm thuẫn, tuốt gươm sáng loáng từ từ đi qua và cũng được uống nước mài dao.

"Rồi Phạm chí quốc sư đi đến chỗ Phạm-ma-đạt-đa, vua nước Gia-xá, thưa rằng:

"– Tâu Thiên vương, nên biết cho rằng, có vì sao hữu đức xuất hiện. Mong Thiên vương cho dàn bốn loại quân trận với lớp lớp tấm thuẫn, tuốt gươm sáng loáng từ từ diễn hành và biểu dương quân uy bằng nước mài dao. Mong Thiên vương đích thân thị sát. Tâu Thiên vương, nếu làm được như vậy thì chắc chắn có báo ứng tốt.

"Vua Phạm-ma-đạt-đa nước Gia-xá liền ra lệnh cho tướng quân:

"– Các khanh nên biết, có vì sao hữu đức xuất hiện, các khanh hãy tức khắc dàn bốn loại quân trận với lớp lớp tấm thuẫn, tuốt gươm sáng loáng từ từ diễn hành, biểu dương quân uy bằng nước mài dao. Ta sẽ đích thân quan sát. Nếu làm được như vậy thì chắc chắc có báo ứng tốt.

"Bấy giờ tướng quân tuân lệnh vua, dàn bốn loại quân trận với lớp lớp tấm thuẫn, tuốt gươm sáng loáng từ từ diễn hành, biểu dương quân uy bằng nước mài dao. Vua Phạm-ma-đạt-đa liền đích thân thị sát. Nhờ đó, vợ của Trường Thọ Bác sĩ thấy được bốn loại quân trận với lớp lớp tấm thuẫn, tuốt gươm sáng loáng từ từ đi qua để biểu dương và cũng được uống nước mài dao. Sau khi uống nước mài dao, lòng sầu muộn liền tiêu, tiếp đến hạ sanh người con có đức, đặt tên tự là Trường Sanh Đồng tử[11], gởi cho người khác bí mật nuôi nấng và lần hồi lớn khôn.

"Nếu có các vị vua Sát-lợi Đảnh Sanh chỉnh trị thiên hạ với một quốc độ lớn, có đủ các tài nghệ như cỡi voi, chế ngự, dong xe, chơi bắn cung, đánh bằng tay, ném dây, ném móc câu, dong xe, ngồi kiệu, các thứ tài nghệ tuyệt diệu như thế, Trường Sanh Đồng tử đều biết đầy đủ. Với tất cả các loại xảo diệu nào, nếu đụng đến là vượt hẳn mọi người, dũng mãnh và cương nghị hơn đời, thông minh xuất chúng. Bao nhiêu điều bí ẩn sâu xa, không có điều gì là không thông suốt tinh tường.

"Lúc ấy, Phạm-ma-đạt-đa nghe tin Trường Thọ vua nước Câu-sa-la đổi tên là Bác sĩ và đang ở tại Ba-la-nại liền ra lệnh cho tả hữu:

"– Các khanh hãy cấp tốc đến bắt Trường Thọ, vua nước Câu-sa-la, trói thúc ké hai tay, bỏ lên lừa chở đi, đánh trống lớn tiếng như tiếng lừa kêu, tuyên bố cho khắp nơi biết rồi dẫn ra khỏi cửa thành hướng Nam, bắt ngồi dưới cây nêu cao mà cật vấn.

"Cận thần tả hữu vâng lệnh, liền đến bắt Trường Thọ, vua nước Câu-sa-la, trói hai tay ra đằng sau, bỏ lên lừa chở đi, đánh trống lớn tiếng như lừa kêu, tuyên bố cho khắp nơi biết rồi dẫn ra cửa thành phía Nam, bắt ngồi dưới cây nêu cao rồi cật vấn. Lúc ấy, Trường Sanh Đồng tử đi theo cha, lúc bên tả, lúc bên hữu, thưa với cha rằng:

"– Thiên vương chớ sợ. Thiên vương chớ sợ! Con ở đây, chắc chắn cứu được, chắc chắn cứu được.

"Trường Thọ vua nước Câu-sa-la bảo con:

"– Đồng tử nên nhẫn, Đồng tử nên nhẫn! Chớ khởi oán kết mà phải thực hành nhân từ.

"Mọi người nghe vua Trường Thọ nói như vậy liền hỏi:

---

11. Trường Sanh Đồng tử ————I–CPāli: Dīghāyu, hay là Dīghāvu.

"– Như vậy nhà vua muốn nói những gì?

"Nhà vua nói:

"– Đồng tử này thông minh, chắc chắn hiểu lời ta nói.

"Thế rồi Trường Sanh Đồng tử khuyên những người hào quý trong thành Ba-la-nại rằng:

"– Chư vị, hãy bố thí tu phước mà chú nguyện cho vua Trường Thọ nước Câu-sa-la. Đem phước thí ấy cầu nguyện cho vua Trường Thọ nước Câu-sa-la được an ổn, giải thoát.

"Bấy giờ các nhà hào quý trong thành Ba-la-nại, theo lời khuyến khích của Trường Sanh Đồng tử, bố thí, tu phước, chú nguyện cho vua Trường Thọ nước Câu-sa-la, đem phước thí ấy cầu nguyện cho vua Trường Thọ an ổn giải thoát.

"Vua Phạm-ma-đạt-đa nước Gia-xá nghe các nhà hào quý trong thành Ba-la-nại này bố thí, tu phước, chú nguyện cho vua Trường Thọ nước Câu-sa-la, đem phước thí ấy cầu nguyện cho vua Trường Thọ được an ổn, giải thoát thì vô cùng sợ hãi, tóc lông dựng đứng, nghĩ rằng: 'Mong những nhà hào quý trong thành Ba-la-nại này không phản lại ta chăng? Nhưng hãy gác lại việc kia, nay ta trước hết phải cấp tốc tiêu diệt sự việc này'.

"Rồi vua Phạm-ma-đạt-đa nước Gia-xá hạ lệnh cho tả hữu:

"– Các khanh hãy cấp tốc đi giết vua Trường Thọ nước Câu-sa-la, chặt ra làm bảy đoạn.

"Cận thần tả hữu vâng lệnh, liền đi giết vua Trường Thọ, chặt thành bảy đoạn. Bấy giờ Trường Sanh Đồng tử nói với các nhà hào quý trong thành Ba-la-nại rằng:

"– Các vị xem đấy, vua nước Gia-xá Phạm-ma-đạt-đa tàn ác vô đạo. Nó chặt cha ta, vua Trường Thọ nước Câu-sa-la là người vô tội. Nó cướp đoạt kho tàng, tài sản của nước ta. Vì thù hận cay độc mà giết người, chặt thành bảy đoạn một cách oan uổng. Các vị nên đến dùng lụa mới, quấn nhiều lớp, bọc kín thi hài bảy đoạn, liệm cho cha ta; dùng tất cả các cây hương thơm chất đống để hỏa táng và lập miếu đường để thờ. Phải vì cha ta mà gởi thơ cho Phạm-ma-đạt-đa, nói rằng, Trường Sanh Đồng tử con vua nước Câu-sa-la báo cho vua biết, ngươi không sợ sau này con cháu gieo họa cho chăng?'

"Rồi thì những nhà hào quý ở thành Ba-la-nại theo lời khuyên của Trường Sanh Đồng tử, dùng lụa mới xếp nhiều lớp liệm lấy thi hài bảy đoạn ấy, dùng các loại hương thơm chất đống hỏa táng rồi lập miếu mà thờ, và cũng viết thơ gởi cho Phạm-ma-đạt-đa, nói rằng: 'Trường Sanh Đồng tử, con vua nước Câu-sa-la bảo rằng, ngươi không sợ sau này bị con cháu gieo họa cho chăng?'

"Bấy giờ vợ của vua Trường Thọ nói với Trường Sanh Đồng tử:

"– Con nên biết, vua nước Gia-xá là Phạm-ma-đạt-đa, là kẻ tàn bạo, vô đạo, bắt cha con là vua Trường Thọ nước Câu-sa-la là người vô tội, cướp đoạt kho tàng, tài sản của nước con, lại vì thù hận cay độc giết người, chặt ra bảy đoạn một cách oan uổng. Này Đồng tử, con hãy đến đây cùng ta, dong một chiếc xe chạy ra khỏi Ba-la-nại này. Nếu không đi thì tai họa sẽ đến với con.

"– Thế rồi vợ của Trường Thọ cùng với Đồng tử cùng dong một chiếc xe chạy ra khỏi Ba-la-nại. Bấy giờ Trường Sanh Đồng tử nghĩ rằng: 'Ta nên đến thôn này, qua thôn kia để cầu học rộng nghe nhiều'.

"Nghĩ xong, Trường Sanh Đồng tử liền đi từ thôn này qua thôn nọ để cầu học rộng nghe nhiều. Vì học rộng nghe nhiều, nên đổi tên khác là Trường Sanh Bác sĩ.

"Trường Sanh Bác sĩ lại nghĩ: 'Điều cầu học ta đã học xong, có lẽ ta nên vào đô ấp Ba-la-nại, đứng ở đường này hẻm nọ với vẻ mặt tươi cười, tấu lên âm thanh vi diệu. Như

vậy các nhà hào quý ở Ba-la-nại nghe được sẽ hoan hỷ và cảm thấy vui thích'.

"Nghĩ vậy, Trường Sanh Bác sĩ liền vào đô ấp Ba-la-nại đứng ở đường này hẻm nọ với vẻ mặt vui tươi, tấu lên âm thanh vi diệu. Các nhà hào quý ở Ba-la-nại nghe được, hoan hỷ vô cùng và cảm thấy vui thích.

"Bấy giờ các quyến thuộc của vua Phạm-ma-đạt-đa nước Gia-xá, từ quyến thuộc ngoài xa đến quyến thuộc khoảng giữa và quyến thuộc bên trong, Phạm chí quốc sư, lần hồi thấu đến tai vua Phạm-ma-đạt-đa nước Gia-xá. Sau khi nghe đến, vua liền gọi vào diện kiến.

"Thế rồi Trường Sanh Bác sĩ đi đến chỗ vua Phạm-ma-đạt-đa nước Gia-xá, đứng quay về phía nhà vua với vẻ mặt tươi cười, tấu lên bằng âm thanh vi diệu. Vua Phạm-ma-đạt-đa nước Gia-xá nghe như thế hoan hỷ vô cùng, lấy làm vui thích, rồi vua Phạm-ma-đạt-đa nói với Bác sĩ rằng:

"– Khanh từ nay có thể nương tựa vào ta. Ta sẽ cung cấp cho đầy đủ.

"Khi ấy, Trường Sanh Bác sĩ nương tựa vào nhà vua và được cung cấp đầy đủ. Về sau nhà vua lại hết lòng tín nhiệm, giao phó công việc, đem kiếm hộ thân trao cho Trường Sanh Bác sĩ.

"Bấy giờ vua Phạm-ma-đạt-đa nước Gia-xá bảo người đánh xe:

"– Ngươi hãy sửa soạn xa giá. Ta muốn đi săn bắn.

"Người đánh xe vâng lời, sửa soạn xa giá xong, trở lại tâu rằng:

"– Con đã sửa soạn xa giá xong, xin theo ý Thiên vương.

"Thế rồi vua Phạm-ma-đạt-đa nước Gia-xá và Trường Sanh Bác sĩ cùng ngồi vào cỗ xe ra đi. Trường Sanh Bác sĩ nghĩ rằng: 'Phạm-ma-đạt-đa vua nước Gia-xá tàn bạo, vô đạo. Nó bắt cha ta là vua Trường Thọ nước Câu-sa-la là người vô tội, lại cướp đoạt kho tàng, tài sản của ta, và vì thù hận cay độc mà giết người, chặt ra bảy đoạn một cách oan uổng. Ta nay nên đánh xe tách ra khỏi bốn loại quân, đi đến một nơi khác'.

"Bấy giờ vua Phạm-ma-đạt-đa nước Gia-xá vì vất vả trải qua con đường lầy lội, gió nóng bức bách nên cảm thấy khát nước, mệt nhọc quá đổi, muốn nằm, liền xuống xe, gối vào đầu gối của Trường Sanh Bác sĩ mà ngủ. Trường Sanh Bác sĩ nghĩ rằng: 'Phạm-ma-đạt-đa vua nước Gia-xá này vô đạo, tàn bạo. Nó bắt cha ta là vua Trường Thọ nước Câu-sa-la là người vô tội, lại cướp đoạt kho tàng, tài sản của nước ta và vì thù hận cay độc mà giết người chặt ra bảy đoạn một cách oan uổng. Thế mà ngày nay nó đã nằm trong tay ta, ta phải báo oán'. Trường Sanh Bác sĩ nghĩ như vậy, liền tuốt gươm báu, dí vào cổ Phạm-ma-đạt-đa vua nước Gia-xá mà nói rằng:

"– Nay ta giết ngươi! Nay ta giết ngươi!

"Trường Sanh Bác sĩ lại nghĩ: 'Ta không làm đúng. Vì sao? Nhớ lại ngày trước, ngồi dưới cây nêu cao, vào phút sắp lâm chung, cha ta đã bảo ta rằng: 'Đồng tử hãy nhẫn, Đồng tử hãy nhẫn. Chớ khởi oán kết mà phải thực hành nhân từ'.' Nhớ lại như vậy, Bác sĩ bèn thu gươm, tra vào vỏ.

"Trong lúc đó, vua Phạm-ma-đạt-đa nước Gia-xá mộng thấy Trường Sanh Đồng tử, con vua Trường Thọ nước Câu-sa-la tay cầm gươm bén dí vào cổ mình mà nói rằng: 'Nay ta giết ngươi! Nay ta giết ngươi'. Thấy vậy, vua sợ hãi, tóc lông dựng đứng, liền kinh hoàng chợt tỉnh, nói với Trường Sanh Bác sĩ:

"– Ngươi nay nên biết, ta ở trong mộng, thấy Trường Sanh Đồng tử, con vua Trường Thọ nước Câu-sa-la tay cầm kiếm bén dí vào cổ ta, nói rằng: 'Nay ta giết ngươi! Nay ta giết ngươi!' Nghe xong, Trường Sanh Đồng tử thưa rằng:

"– Thiên vương chớ sợ. Thiên vương chớ sợ. Vì sao? Trường Sanh Đồng tử, con vua Trường Thọ nước Câu-sa-la chính là thần đây. Thiên vương, thần nghĩ rằng: 'Phạm-ma-đạt-đa, vua nước Gia-xá tàn bạo, vô đạo, bắt cha ta, một người vô tội, lại cướp đoạt kho tàng, tài sản của nước ta, và vì thù hận cay độc mà giết cha ta, chặt người ra làm bảy đoạn một cách oan uổng, mà nay chính nó đã nằm trong tay ta, ta nghĩ phải báo oán'. Tâu Thiên vương, thần liền rút gươm dí vào cổ Thiên vương mà nói rằng: 'Nay ta giết ngươi! Nay ta giết ngươi!' Thiên vương, thần lại nghĩ: 'Ta làm không đúng. Vì sao? Nhớ ngày trước, ngồi dưới cây nêu cao, vào phút sắp lâm chung, cha ta đã bảo rằng: 'Đồng tử hãy nhẫn, Đồng tử hãy nhẫn! Chớ khởi oán kết mà phải thực hành nhân từ'.' Nhớ lại như vậy nên thần thu gươm tra vào vỏ'.

"Vua Phạm-ma-đạt-đa nước Gia-xá nói rằng:

"– Này Đồng tử, khanh nói rằng: 'Đồng tử hãy nhẫn, Đồng tử hãy nhẫn", ta đã rõ nghĩa ấy. Nhưng Đồng tử lại nói: 'Chớ khởi oán kết, mà phải thực hành nhân từ', là nghĩa thế nào?

"Trường Sanh Đồng tử đáp:

"– Tâu Thiên vương, chớ khởi oán kết mà phải thực hành nhân từ, chính là việc làm này vậy.

"Nghe xong, vua Phạm-ma-đạt-đa nước Gia-xá nói rằng:

"– Này Đồng tử, từ ngày hôm nay ta đem đất nước mà ta đang chỉnh lãnh trao hết cho khanh. Vì sao? Vì khanh đã làm một việc quá khó là đã ban ân huệ cho mạng sống của ta.

"Trường Sanh Đồng tử nghe vậy liền thưa:

"– Bổn quốc của Thiên vương thì thuộc về Thiên vương. Bổn quốc của thân phụ hạ thần thì mới có thể giao hoàn lại cho hạ thần.

"Bấy giờ, vua Phạm-ma-đạt-đa nước Gia-xá cùng với Trường Sanh Đồng tử lên xe trở về, vào thành Ba-la-nại, ngồi trên chánh điện, vua bảo các cận thần:

"– Này các khanh, nếu bắt gặp Trường Sanh Đồng tử, con vua Trường Thọ nước Câu-sa-la thì các khanh sẽ xử sự như thế nào?

"Cận thần nghe vậy, có người tâu rằng:

"– Tâu thiên vương, nếu bắt gặp nó thì sẽ chặt tay.

"Có người lại tâu:

"– Tâu Thiên vương, nếu bắt gặp nó thì chặt chân.

"Có người tâu:

"– Tâu Thiên vương, nếu bắt gặp nó thì giết.

"Vua Phạm-ma-đạt-đa nước Gia-xá nói rằng:

"– Các khanh, muốn gặp Trường Sanh Đồng tử, con vua Trường Thọ nước Câu-sa-la thì ở đây này. Các khanh chớ khởi ác ý với Đồng tử này. Vì sao? Vì Đồng tử đã làm một việc rất khó là đã tha mạng sống cho ta.

"Thế rồi vua Phạm-ma-đạt-đa nước Gia-xá dùng nước tắm của vua tắm gội cho Trường Sanh Đồng tử, cho thoa bằng bột hương của vua, cho mặc y phục của vua, mời ngồi lên ngự sàng bằng vàng, đích thân vua Phạm-ma-đạt-đa và vợ con trở về bổn quốc.

"Này Tỳ-kheo, các quốc vương Sát-lợi Đảnh Sanh ấy làm chủ đại quốc, chỉnh trị thiên hạ mà tự thực hành hạnh nhẫn nhục; tự thực hành từ tâm, lại xưng tán từ tâm; tự ban ân huệ, lại xưng tán ân huệ. Này chư Tỳ-kheo, các Tỳ-kheo cũng nên làm như vậy, chí tín, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo; nên thực hành hạnh nhẫn nhục,

lại xưng tán nhẫn nhục; tự thực hành từ tâm, lại xưng tán từ tâm; tự ban ân huệ, lại xưng tán ân huệ".

"Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Đức Phật thuyết như vậy, có vị bạch rằng:

"Thế Tôn là Pháp chủ. Nay mong Thế Tôn cứ ở yên vậy. Vị ấy nói hành con, con làm sao không nói hành vị ấy được[12]". Lúc đó, Đức Thế Tôn không vui vì việc làm của các Tỳ-kheo Câu-xá-di, với những oai nghi, lễ tiết mà họ đã học, đã tập. Ngài từ chỗ ngồi đứng dậy, nói bài kệ tụng:

[12.] No.125 (24.8): "Thế Tôn tuy có nói như vậy nhưng thực tế lại không thể như vậy. Rồi Thế Tôn bỏ đi sang Bạt-kỳ".

72. KINH TRƯỜNG THỌ VƯƠNG BỔN KHỞI

Với bao nhiêu lời nói,
Phá hoại chúng tối tôn.
Khi phá hoại Thánh Chúng,
Không ai can dứt nổi.
Nát thân và mất mạng,
Kẻ cướp đoạt ngựa trâu,
Tài sản, và quốc gia,
Họ còn hay hòa thuận;
Huống ngươi vài tiếng cãi
Sao không chịu thuận hòa?
Không suy chân nghĩa xa,
Oán kết làm sao giải?
Mạ ly, trách nhau mãi
Mà biết chế, thuận hòa;
Nếu suy chân nghĩa xa
Oán kết tất giải được.
Thù hận dứt hận thù,
Đời nào dứt cho xong.
Nhẫn nhục dứt hận thù,
Đó là pháp tối thượng.
Sân với bậc thượng trí,
Nói toàn lời vô lại,
Phỉ báng Thánh Mâu-ni,
Thấp hèn không chút tuệ.
Người khác không rõ nghĩa,
Riêng ta biết mà thôi.
Người rõ nghĩa là ai?
Người này dứt sân nhuế.
Ai đắc định làm bạn,
Kẻ trí, thiện cùng tu;
Xả ý chấp xưa kia
Hoan hỷ thường theo đến.
Không đắc định làm bạn,
Kẻ trí thiện riêng tu;

Như vua nghiêm trị nước;
Như voi lẻ rừng vắng.
Độc hành, chớ làm ác,
Như voi lẻ rừng vắng.
Độc hành trên nẻo cao,
Đừng hội kẻ vô đức.
Học: "Không gặp bạn tốt,
Không cùng ai ngang mình;
Hãy cô độc chuyên tinh
Đừng hội kẻ vô đức."[1]

Lúc Đức Thế Tôn thuyết bài tụng này xong, Ngài dùng như ý túc cỡi hư không mà đi đến thôn Bà-la-lâu-la[2]. Ở thôn Bà-la-lâu-la có Tôn giả Bà-cửu Thích Gia Tử[3], ngày đêm không ngủ, tinh cần hành đạo, chí thành thường định tĩnh, an trú trong đạo phẩm. Tôn giả Thích Gia Tử từ xa trông thấy Đức Thế Tôn đi đến, khi đã trông thấy liền nghinh tiếp, đỡ lấy y bát của Ngài, trải giường, múc nước rửa chân. Đức Phật rửa chân xong, Ngài lên chỗ ngồi của Thích Gia Tử Bà-cửu. Ngồi xong, Ngài nói:

"Tỳ-kheo Bà-cửu, ngươi thường an ổn, không hề thiếu thốn chăng?"

Tôn giả Bà-cửu trả lời:

"Bạch Thế Tôn, con thường an ổn, không có thiếu thốn".

Đức Thế Tôn lại hỏi:

"Thế nào là an ổn, không có thiếu thốn?"

Tôn giả Bà-cửu đáp:

"Bạch Thế Tôn, con ngày đêm không ngủ, tinh tấn hành đạo, chí hành thường định tĩnh, an ổn vào đạo phẩm. Bạch Thế Tôn, như vậy con thường an ổn, không có thiếu thốn".

Đức Thế Tôn lại nghĩ: "Thiện nam tử này sống cuộc đời an lạc. Ta nên thuyết pháp cho y". Nghĩ vậy, Ngài liền thuyết pháp cho Tôn giả Bà-cửu, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ.

Sau khi bằng vô lượng phương tiện thuyết pháp, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ cho vị ấy, Ngài từ chỗ ngồi đứng dậy, đi đến rừng Hộ tự[4]. Vào rừng Hộ tự, đến dưới gốc cây Ngài trải Ni-sư-đàn ngồi kiết già. Lúc ấy, Đức Thế Tôn lại nghĩ rằng: "Ta đã thoát được nhóm Tỳ-kheo ở Câu-xá-di, một nhóm luôn luôn tranh chấp nhau, chèn ép nhau, thù nghịch nhau, giận hờn nhau, cãi vã nhau. Ta không hoan hỷ nghĩ đến phương ấy, nơi mà nhóm Tỳ-kheo Câu-xá-di đang trú".

---

1. Các tụng này cũng được tìm thấy trong Dhammapada và được dẫn trong bản sớ giải Dhammapada: sau khi không hòa giải được, Phật một mình đi vào rừng Pārilleyya. Tại đây, Ngài sống với một con voi chúa cũng cô độc bỏ đàn mà đi. Đến lúc cuộc tranh chấp phải chấm dứt, ngài A-nan lên thỉnh Phật trở về. Voi chúa tiễn Ngài ra khỏi khu rừng và đã khóc vì nó không thể xuống đồng bằng. Phật nói các câu tụng trên vào lúc này, với ý nghĩa: trong đời, nếu không có bạn lành, thà sống một mình cô độc trong rừng vắng còn hơn.
2. Bà-la-lâu-la thôn -C————CPāli: Bālakaloṇakāragama.
3. Bà-cửu -C-S-CPāli: Bhagu, dòng họ Thích, xuất gia một lần với các ngài Anuruddha và Kimbila. Một hôm vừa bước khỏi giường, ngài cảm thấy hỏng chân, cố gượng và do đó chợt chứng quả A-la-hán.
4. Rừng Hộ tự-@-x-L-CPāli: Rakkhitavanasaṇḍa. Sớ giải Dhammapada: từ Ghositārāma, Phật đi thẳng vào Parrileyya. Xem thêm cht.13 trên.

Ngay lúc đó có một con voi, chúa của đàn voi, tách rời đàn, du hành một mình, cũng đến rừng Hộ tự. Vào rừng Hộ tự, đến đứng dưới cây Hiền-sa-la[5]. Khi ấy, voi chúa nghĩ rằng: "Ta đã thoát được bọn voi kia, voi cha, voi mẹ, voi con lớn nhỏ. Bọn voi ấy thường đi trước dẫm lên cỏ và làm vấy bẩn nước. Ta bấy giờ ăn cỏ bị dẫm đạp ấy, uống nước vẫn đục kia. Ta nay ăn cỏ mới, uống nước trong".

Lúc ấy, Đức Thế Tôn bằng tha tâm trí biết ý nghĩ trong lòng voi lớn kia, liền nói bài tụng:

Một voi với đàn voi,
Cũng vóc, ngà, chân đủ.
Tâm này như tâm kia,
Rừng sâu vui độc trú.

Khi ấy, Đức Thế Tôn từ rừng Hộ tự mang y cầm bát đi đến rừng Ban-na-mạn-xà-tự[6]. Bấy giờ có ba thiện nam tử trú trong rừng Ban-na-mạn-xà-tự, là: Tôn giả A-na-luật-đà, Tôn giả Nan-đề, Tôn giả Kim-tì-la[7]. Các Tôn giả ấy sống như vầy: Nếu ai khất thực trở về trước, thì trải giường, múc nước để rửa chân, để sẵn chậu, đặt sẵn đòn rửa chân và khăn lau chân, lu nước uống. Nếu những gì khất thực có thể dùng hết thì dùng hết, nếu còn dư thì đổ vào hủ đậy kín cất. Ăn xong, dọn bát, cất, rửa tay chân, lấy Ni-sư-đàn vắt lên vai, vào thất tĩnh tọa. Ai khất thực về sau, nếu dùng hết thì dùng, nếu thiếu thì lấy đồ ăn khất thực được của người trước dùng cho đủ. Nếu dư thì đổ vào đất sạch hay nước không có trùng, rồi đem bình bát rửa sạch, lau khô và cất vào một góc, thu dọn giường chiếu, dẹp đòn rửa chân và lu nước uống, ghè nước rửa tay và quét dọn nhà ăn. Sau khi tẩy sạch những nhơ nhớp ấy thì thu xếp y bát, rửa tay chân, lấy Ni-sư-đàn vắt lên vai, vào thất tĩnh tọa. Đến lúc xế, các Tôn giả ấy, nếu có vị nào từ chỗ tĩnh tọa dậy trước, thấy lu nước uống và ghè nước rửa tay trống rỗng, không có nước, thì mang đi lấy. Nếu xách về nổi thì xách đến để một góc, nếu xách không nổi thì lấy tay vẫy một Tỳ-kheo nữa, mỗi người khiêng một bên, không ai nói chuyện với nhau. Các Tôn giả ấy cứ năm ngày tụ tập lại một lần, cùng nhau bàn về pháp và im lặng theo pháp bậc Thánh.

Bấy giờ, người giữ rừng trông thấy Đức Thế Tôn từ xa đi đến, bèn đón và quở ngăn rằng:

"Sa-môn! Sa-môn chớ vào rừng này. Vì sao? Nay trong rừng này có ba thiện nam tử, đó là Tôn giả A-na-luật-đà, Tôn giả Nan-đề và Tôn giả Kim-tì-la. Các vị ấy trông thấy Sa-môn, chắc họ không vừa ý".

Đức Thế Tôn bảo rằng:

"Này người giữ rừng, các vị kia nếu thấy Ta, chắc chắn không có gì không vừa ý".

Ngay lúc đó, Tôn giả A-na-luật-đà, từ xa trông thấy Đức Thế Tôn đi đến, liền quở trách người kia:

"Này người giữ rừng, chớ ngăn cản Đức Thế Tôn. Này người giữ rừng, chớ ngăn cản Đức Thiện Thệ đang đi đến. Vì sao? Vì đó là Tôn Sư của tôi đến! Là Đức Thiện Thệ của tôi đến!"

Tôn giả A-na-luật-đà ra nghênh đón Đức Thế Tôn, đỡ y bát của Ngài. Tôn giả Nan-

---

5. Hiền-sa-la ——P——CPāli: bhaddasāla.

6. Ban-na-mạn-xà-tự lâm ————G-x-L-CPāli: Pācīnavaṃsadāya.

7. Xem kinh số 185.

đề trải giường cho Đức Phật. Tôn giả Kim-tù-la lấy nước cho Ngài. Khi ấy, Đức Thế Tôn sau khi rửa chân xong, ngồi lên chỗ mà Tôn giả ấy đã trải. Ngồi xong, Ngài hỏi:

"Này A-na-luật-đà, ngươi thường an ổn, không có gì thiếu thốn chăng?

Tôn giả A-na-luật-đà đáp:

"Bạch Thế Tôn, con thường an ổn, không có gì thiếu thốn".

Đức Thế Tôn lại hỏi:

"Như thế nào là an ổn, không có gì thiếu thốn?"

Tôn giả A-na-luật-đà đáp:

"Bạch Thế Tôn, con nghĩ rằng, con có thiện lợi, có đại công đức, nghĩa là con được cùng tu hành với các vị đồng phạm hạnh như thế. Bạch Thế Tôn, con thường hướng về các vị đồng phạm hạnh ấy, thực hành hạnh từ nơi thân nghiệp, trước mặt hay vắng mặt đều như nhau; thực hành hạnh từ nơi khẩu nghiệp, hạnh từ nơi ý nghiệp, trước mặt hay vắng mặt đều như nhau không khác. Bạch Thế Tôn, con nay có thể tự nghĩ rằng: 'Tự xả bỏ tâm con, tùy thuận tâm chư Hiền'. Bạch Thế Tôn, con liền xả bỏ tâm con, tùy thuận tâm chư Hiền. Bạch Thế Tôn, con chưa từng có một điều nào là không vừa lòng. Bạch Thế Tôn, con thường an ổn, không có gì thiếu thốn là như thế".

Đức Thế Tôn hỏi Tôn giả Nan-đề, Tôn giả cũng đáp như thế.

Đức Thế Tôn lại hỏi Tôn giả Kim-tù-la:

"Ngươi thường an ổn, không có gì thiếu thốn chăng?"

Tôn giả Kim-tù-la đáp:

"Bạch Thế Tôn, con thường an ổn, không có gì thiếu thốn".

Đức Thế Tôn lại hỏi:

"Này Kim-tù-la, thế nào là thường an ổn, không có gì thiếu thốn?"

Tôn giả Kim-tù-la đáp:

"Bạch Thế Tôn, con nghĩ rằng, con có thiện lợi, có đại công đức, nghĩa là con được cùng tu hành với các vị đồng phạm hạnh như thế. Bạch Thế Tôn, con thường hướng về các vị đồng phạm hạnh ấy, thực hành hạnh từ nơi thân nghiệp, trước mặt hay vắng mặt đều như nhau; thực hành hạnh từ nơi khẩu nghiệp, hạnh từ nơi ý nghiệp, trước mặt hay vắng mặt đều như nhau không khác. Bạch Thế Tôn, con nay có thể tự nghĩ rằng: 'Tự xả bỏ tâm con, tùy thuận tâm chư Hiền'. Bạch Thế Tôn, con liền xả bỏ tâm con, tùy thuận tâm chư Hiền. Bạch Thế Tôn, con chưa từng có một điều nào là không vừa lòng. Bạch Thế Tôn, con thường an ổn, không có gì thiếu thốn là như thế".

Đức Thế Tôn tán thán:

"Lành thay! Lành thay! A-na-luật-đà, như thế các ngươi thường cùng nhau hòa hợp, an lạc, không tranh, cùng hiệp nhất trong một tâm, một Thầy, như nước với sữa, và có chứng đắc pháp thượng nhân mà sống an lạc thoải mái chăng[8]?"

Tôn giả A-na-luật-đà bạch rằng:

"Bạch Thế Tôn, chúng con cùng nhau hòa hợp không tranh, cùng hợp nhất trong một tâm, chung một Thầy, như nước với sữa, và có chứng đắc pháp thượng nhân mà sống an lạc thoải mái. Bạch Thế Tôn, chúng con nhận được ánh sáng liền thấy sắc[9]. Giây lát, sắc

---

8. Nguyên văn Hán: *phả đắc nhân thượng chi pháp nhi hữu sai giáng an lạc trụ chỉ da* ——o—H—W——k————t——w————CPāli: alamariyañāṇadassanaviseso adhigato phāsuvihāro ti, chứng đắc tri kiến tối thắng của bậc Thánh và sống an lạc thoải mái.

9. Hán: đắc quang minh tiện kiến sắc. Đối chiếu nghĩa Pāli: obhāsañ ceva saṃjānāma dassanañ ca rūpānaṃ, chúng con cảm nhận ánh sáng và sự hiện diện của các sắc.

được thấy kia và ánh sáng liền biến mất".[10]

Đức Thế Tôn nói:

"Này A-na-luật-đà, các ngươi không thấu triệt được tướng ấy; nghĩa là tướng nhận được ánh sáng mà thấy sắc; giây lát, sắc được thấy kia và ánh sáng liền biến mất.

"Này A-na-luật-đà, thuở xưa lúc Ta chưa đắc đạo giác ngộ vô thượng chánh chân, cũng nhận được ánh sáng mà thấy sắc. Giây lát, sắc được thấy kia và ánh sáng liền biến mất. A-na-luật-đà, Ta nghĩ: 'Trong tâm Ta có tai hoạn nào khiến cho Ta mất định mà con mắt diệt; con mắt diệt rồi thì ánh sáng mà Ta nhận được để thấy sắc, giây lát sắc được thấy sắc và ánh sáng ấy liền diệt?' A-na-luật-đà, Ta hành tinh tấn, không biếng nhác, thân tĩnh chỉ an trú, có chánh niệm chánh trí, không có ngu si, được tĩnh chỉ nhất tâm. Này A-na-luật-đà, Ta nghĩ rằng: 'Ta hành tinh tấn, không biếng nhác, tĩnh chỉ nơi thân, có chánh niệm chánh trí, an trú, không có si, được định tĩnh nhất tâm. Phải chăng trong đời không có gì[11] để Ta thấy, để Ta biết chăng?' Trong tâm Ta sanh tai hoạn về hoài nghi ấy. Nhân tai hoạn của hoài nghi ấy nên mất định mà con mắt diệt. Con mắt diệt rồi thì ánh sáng mà Ta nhận được để thấy sắc; giây lát sắc được thấy sắc và ánh sáng ấy liền diệt. A-na-luật-đà, nay Ta nên nghĩ rằng: 'Trong tâm Ta không sanh tai hoạn của hoài nghi'. A-na-luật-đà, vì Ta muốn không sanh tai hoạn này nên sống cô độc viễn ly, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn. Nhân sống cô độc tại nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn nên nhận được ánh sáng mà thấy sắc; giây lát, sắc dược thấy kia và ánh sáng liền biến mất.

"Này A-na-luật-đà, Ta lại nghĩ: 'Trong tâm Ta có tai hoạn nào khiến cho Ta mất định mà con mắt diệt; con mắt diệt rồi thì ánh sáng mà Ta nhận được để thấy sắc, giây lát sắc được thấy sắc và ánh sáng ấy liền diệt?' A-na-luật-đà, Ta lại nghĩ: 'Trong tâm Ta sanh tai hoạn về vô niệm. Nhân tai hoạn của vô niệm này nên mất định mà con mắt diệt; con mắt diệt rồi thì ánh sáng mà Ta nhận được để thấy sắc, giây lát sắc được thấy sắc và ánh sáng ấy liền diệt'. A-na-luật-đà, Ta nay cần phải nghĩ rằng: 'Trong tâm Ta không sanh tai hoạn về hoài nghi, cũng không sanh tai hoạn về vô niệm'. A-na-luật-đà, Ta muốn không móng khởi tai hoạn này nên sống cô độc tại nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn. Nhân sống cô độc tại nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn nên nhận được để thấy sắc, giây lát sắc được thấy sắc và ánh sáng ấy liền diệt.

"Này A-na-luật-đà, Ta lại nghĩ: 'Trong tâm Ta có tai hoạn nào khiến cho Ta mất định mà con mắt diệt; con mắt diệt rồi thì ánh sáng mà Ta nhận được để thấy sắc, giây lát sắc được thấy sắc và ánh sáng ấy liền diệt?'A-na-luật-đà, Ta lại nghĩ: 'Trong tâm Ta sanh tai hoạn về thân bệnh tưởng. Nhân tai hoạn của thân bệnh tưởng này nên mất định mà con mắt diệt; con mắt diệt rồi thì ánh sáng mà Ta nhận được để thấy sắc, giây lát sắc được thấy sắc và ánh sáng ấy liền diệt'. A-na-luật-đà, Ta nay cần phải nghĩ rằng: 'Trong tâm Ta không sanh tai hoạn về hoài nghi, không sanh tai hoạn về vô niệm, cũng không sanh tai hoạn về thân bệnh tưởng'. A-na-luật-đà, Ta muốn không móng khởi tai hoạn này nên sống cô độc tại nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn. Nhân sống cô độc tại nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn nên nhận được để thấy sắc, giây lát sắc được thấy sắc và ánh sáng ấy liền diệt.

"Này A-na-luật-đà, Ta lại nghĩ: 'Trong tâm Ta có tai hoạn nào khiến cho Ta mất

---

10. Trong bản Pāli còn có câu hỏi của Anaruddha: "Không biết đó là dấu hiệu (taṅ ca nimittaṃ) gì?"

11. Để bản: vô đạo -L-D-CTống-Nguyên-Minh: vô thị -L-O-C

định mà con mắt diệt; con mắt diệt rồi thì ánh sáng mà Ta nhận được để thấy sắc, giây lát sắc được thấy sắc và ánh sáng ấy liền diệt?' A-na-luật-đà, Ta lại nghĩ: 'Trong tâm Ta sanh tai hoạn về thụy miên. Nhân tai hoạn của thụy miên này nên mất định mà con mắt diệt; con mắt diệt rồi thì ánh sáng mà Ta nhận được để thấy sắc, giây lát sắc được thấy sắc và ánh sáng ấy liền diệt'. A-na-luật-đà, Ta nay cần phải nghĩ rằng: 'Trong tâm Ta không sanh tai hoạn về hoài nghi, không sanh tai hoạn về vô niệm, không sanh tai hoạn về thân bệnh tưởng, cũng không sanh tai hoạn về thụy miên'. A-na-luật-đà, Ta muốn không móng khởi tai hoạn này nên sống cô độc tại nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn. Nhân sống cô độc tại nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn nên nhận được để thấy sắc, giây lát sắc được thấy sắc và ánh sáng ấy liền diệt.

"Này A-na-luật-đà, Ta lại nghĩ: 'Trong tâm Ta có tai hoạn nào khiến cho Ta mất định mà con mắt diệt; con mắt diệt rồi thì ánh sáng mà Ta nhận được để thấy sắc, giây lát sắc được thấy sắc và ánh sáng ấy liền diệt?' A-na-luật-đà, Ta lại nghĩ: 'Trong tâm Ta sanh tai hoạn về tinh cần thái quá. Nhân tai hoạn của tinh cần thái quá này nên mất định mà con mắt diệt; con mắt diệt rồi thì ánh sáng mà Ta nhận được để thấy sắc, giây lát sắc được thấy sắc và ánh sáng ấy liền diệt'. A-na-luật-đà, cũng như lực sĩ bắt con ruồi quá ngặt, con ruồi liền chết. Cũng vậy, A-na-luật-đà, trong tâm Ta sanh tai hoạn về tinh cần thái quá. Nhân tai hoạn của tinh cần thái quá này nên mất định mà con mắt diệt; con mắt diệt rồi thì ánh sáng mà Ta nhận được để thấy sắc, giây lát sắc được thấy sắc và ánh sáng ấy liền diệt. A-na-luật-đà, Ta nay cần phải nghĩ rằng: 'Trong tâm Ta không sanh tai hoạn về hoài nghi, không sanh tai hoạn về vô niệm, không sanh tai hoạn về thân bệnh tưởng, không sanh tai hoạn về thụy miên, cũng không sanh tai hoạn về tinh cần thái quá'. A-na-luật-đà, Ta muốn không móng khởi tai hoạn này nên sống cô độc tại nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn. Nhân sống cô độc tại nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn nên nhận được để thấy sắc, giây lát sắc được thấy sắc và ánh sáng ấy liền diệt.

"Này A-na-luật-đà, Ta lại nghĩ: 'Trong tâm Ta có tai hoạn nào khiến cho Ta mất định mà con mắt diệt; con mắt diệt rồi thì ánh sáng mà Ta nhận được để thấy sắc, giây lát sắc được thấy sắc và ánh sáng ấy liền diệt?' A-na-luật-đà, Ta lại nghĩ: 'Trong tâm Ta sanh tai hoạn về giải đãi thái quá. Nhân tai hoạn của giải đãi thái quá này nên mất định mà con mắt diệt; con mắt diệt rồi thì ánh sáng mà Ta nhận được để thấy sắc, giây lát sắc được thấy sắc và ánh sáng ấy liền diệt'. A-na-luật-đà, cũng như lực sĩ bắt con ruồi quá hoãn, con ruồi bèn bay mất. Cũng vậy, A-na-luật-đà, trong tâm Ta sanh tai hoạn về giải đãi thái quá. Nhân tai hoạn của giải đãi thái quá này nên mất định mà con mắt diệt; con mắt diệt rồi thì ánh sáng mà Ta nhận được để thấy sắc, giây lát sắc được thấy sắc và ánh sáng ấy liền diệt. A-na-luật-đà, Ta nay cần phải nghĩ rằng: 'Trong tâm Ta không sanh tai hoạn về hoài nghi, không sanh tai hoạn về vô niệm, không sanh tai hoạn về thân bệnh tưởng, không sanh tai hoạn về thụy miên, không sanh tai hoạn về tinh cần thái quá, cũng không sanh tai hoạn về giải đãi thái quá'. A-na-luật-đà, Ta muốn không móng khởi tai hoạn này nên sống cô độc tại nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn. Nhân sống cô độc tại nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn nên nhận được để thấy sắc, giây lát sắc được thấy sắc và ánh sáng ấy liền diệt.

"Này A-na-luật-đà, Ta lại nghĩ: 'Trong tâm Ta có tai hoạn nào khiến cho Ta mất định mà con mắt diệt; con mắt diệt rồi thì ánh sáng mà Ta nhận được để thấy sắc, giây lát sắc được thấy sắc và ánh sáng ấy liền diệt?' A-na-luật-đà, Ta lại nghĩ: 'Trong tâm Ta sanh

tai hoạn về sợ hãi. Nhân tai hoạn của sợ hãi này nên mất định mà con mắt diệt; con mắt diệt rồi thì ánh sáng mà Ta nhận được để thấy sắc, giây lát sắc được thấy sắc và ánh sáng ấy liền diệt'. A-na-luật-đà, cũng như một người đang đi đường, kẻ thù từ bốn phía kéo đến; người kia thấy vậy, kinh khủng sợ hãi, toàn thân lông tóc dựng đứng. Cũng vậy, A-na-luật-đà, trong tâm Ta sanh tai hoạn về sợ hãi. Nhân tai hoạn của sợ hãi này nên mất định mà con mắt diệt; con mắt diệt rồi thì ánh sáng mà Ta nhận được để thấy sắc, giây lát sắc được thấy sắc và ánh sáng ấy liền diệt. A-na-luật-đà, Ta nay cần phải nghĩ rằng: 'Trong tâm Ta không sanh tai hoạn về hoài nghi, không sanh tai hoạn về vô niệm, không sanh tai hoạn về thân bệnh tưởng, không sanh tai hoạn về thụy miên, không sanh tai hoạn về tinh cần thái quá, không sanh tai hoạn về giải đãi thái quá, cũng không sanh tai hoạn về sợ hãi'. A-na-luật-đà, Ta muốn không móng khởi tai hoạn này nên sống cô độc tại nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn. Nhân sống cô độc tại nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn nên nhận được để thấy sắc, giây lát sắc được thấy sắc và ánh sáng ấy liền diệt.

"Này A-na-luật-đà, Ta lại nghĩ: 'Trong tâm Ta có tai hoạn nào khiến cho Ta mất định mà con mắt diệt; con mắt diệt rồi thì ánh sáng mà Ta nhận được để thấy sắc, giây lát sắc được thấy sắc và ánh sáng ấy liền diệt?' A-na-luật-đà, Ta lại nghĩ: 'Trong tâm Ta sanh tai hoạn về hỷ duyệt. Nhân tai hoạn của hỷ duyệt này nên mất định mà con mắt diệt; con mắt diệt rồi thì ánh sáng mà Ta nhận được để thấy sắc, giây lát sắc được thấy sắc và ánh sáng ấy liền diệt'. A-na-luật-đà, cũng như người đi tìm một kho báu; bỗng nhiên được cả bốn kho báu; thấy như vậy rồi, người ấy sanh hỷ duyệt. Cũng vậy, A-na-luật-đà, trong tâm Ta sanh tai hoạn về hỷ duyệt. Nhân tai hoạn của hỷ duyệt này nên mất định mà con mắt diệt; con mắt diệt rồi thì ánh sáng mà Ta nhận được để thấy sắc, giây lát sắc được thấy sắc và ánh sáng ấy liền diệt. A-na-luật-đà, Ta nay cần phải nghĩ rằng: 'Trong tâm Ta không sanh tai hoạn về hoài nghi, không sanh tai hoạn về vô niệm, không sanh tai hoạn về thân bệnh tưởng, không sanh tai hoạn về thụy miên, không sanh tai hoạn về tinh cần thái quá, không sanh tai hoạn về giải đãi thái quá, không sanh tai hoạn về sợ hãi, cũng không sanh tai hoạn về hỷ duyệt'. A-na-luật-đà, Ta muốn không móng khởi tai hoạn này nên sống cô độc tại nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn. Nhân sống cô độc tại nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn nên nhận được để thấy sắc, giây lát sắc được thấy sắc và ánh sáng ấy liền diệt.

"Này A-na-luật-đà, Ta lại nghĩ: 'Trong tâm Ta có tai hoạn nào khiến cho Ta mất định mà con mắt diệt; con mắt diệt rồi thì ánh sáng mà Ta nhận được để thấy sắc, giây lát sắc được thấy sắc và ánh sáng ấy liền diệt?' A-na-luật-đà, Ta lại nghĩ: 'Trong tâm Ta sanh tai hoạn về tâm tự cao. Nhân tai hoạn của tâm tự cao này nên mất định mà con mắt diệt; con mắt diệt rồi thì ánh sáng mà Ta nhận được để thấy sắc, giây lát sắc được thấy sắc và ánh sáng ấy liền diệt'. A-na-luật-đà, Ta nay cần phải nghĩ rằng: 'Trong tâm Ta không sanh tai hoạn về hoài nghi, không sanh tai hoạn về vô niệm, không sanh tai hoạn về thân bệnh tưởng, không sanh tai hoạn về thụy miên, không sanh tai hoạn về tinh cần thái quá, không sanh tai hoạn về giải đãi thái quá, không sanh tai hoạn về sợ hãi, không sanh tai hoạn về hỷ duyệt, cũng không sanh tai hoạn về tâm tự cao'. A-na-luật-đà, Ta muốn không móng khởi tai hoạn này nên sống cô độc tại nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn. Nhân sống cô độc tại nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn nên nhận được để thấy sắc, giây lát sắc được thấy sắc và ánh sáng ấy liền diệt.

"Này A-na-luật-đà, Ta lại nghĩ: 'Trong tâm Ta có tai hoạn nào khiến cho Ta mất

định mà con mắt diệt; con mắt diệt rồi thì ánh sáng mà Ta nhận được để thấy sắc, giây lát sắc được thấy sắc và ánh sáng ấy liền diệt?' A-na-luật-đà, Ta lại nghĩ: 'Trong tâm Ta sanh tai hoạn về đa dạng tưởng[12]. Nhân tai hoạn của đa dạng tưởng này nên mất định mà con mắt diệt; con mắt diệt rồi thì ánh sáng mà Ta nhận được để thấy sắc, giây lát sắc được thấy sắc và ánh sáng ấy liền diệt'. A-na-luật-đà, Ta nay cần phải nghĩ rằng: 'Trong tâm Ta không sanh tai hoạn về hoài nghi, không sanh tai hoạn về vô niệm, không sanh tai hoạn về thân bệnh tưởng, không sanh tai hoạn về thụy miên, không sanh tai hoạn về tinh cần thái quá, không sanh tai hoạn về giải đãi thái quá, không sanh tai hoạn về sợ hãi, không sanh tai hoạn về hỷ duyệt, không sanh tai hoạn về tâm tự cao, cũng không sanh tai hoạn về đa dạng tưởng'. A-na-luật-đà, Ta muốn không móng khởi tai hoạn này nên sống cô độc tại nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn. Nhân sống cô độc tại nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn nên nhận được để thấy sắc, giây lát sắc được thấy sắc và ánh sáng ấy liền diệt.

"Này A-na-luật-đà, Ta lại nghĩ: 'Trong tâm Ta có tai hoạn nào khiến cho Ta mất định mà con mắt diệt; con mắt diệt rồi thì ánh sáng mà Ta nhận được để thấy sắc, giây lát sắc được thấy sắc và ánh sáng ấy liền diệt?' A-na-luật-đà, Ta lại nghĩ: 'Trong tâm Ta sanh tai hoạn về không quán sắc. Nhân tai hoạn của không quán sắc này nên mất định mà con mắt diệt; con mắt diệt rồi thì ánh sáng mà Ta nhận được để thấy sắc, giây lát sắc được thấy sắc và ánh sáng ấy liền diệt'. A-na-luật-đà, Ta nay cần phải nghĩ rằng: 'Trong tâm Ta không sanh tai hoạn về hoài nghi, không sanh tai hoạn về vô niệm, không sanh tai hoạn về thân bệnh tưởng, không sanh tai hoạn về thụy miên, không sanh tai hoạn về tinh cần thái quá, không sanh tai hoạn về giải đãi thái quá, không sanh tai hoạn về sợ hãi, cũng không sanh tai hoạn về hỷ duyệt, cũng không sanh tai hoạn về tâm tự cao, cũng không sanh tai hoạn về đa dạng tưởng, cũng không sanh tai hoạn về không quán sắc'. A-na-luật-đà, Ta muốn không móng khởi tai hoạn này nên sống cô độc tại nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn. Nhân sống cô độc tại nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn nên nhận được để thấy sắc, giây lát sắc được thấy sắc và ánh sáng ấy liền diệt.

"Này A-na-luật-đà, nếu tâm Ta sanh tai hoạn về nghi, đối với tai hoạn đó, tâm được thanh tịnh. Nếu sanh tai hoạn về vô niệm, về bệnh tưởng của thân, về thụy miên, về tinh cần thái quá, giải đãi thái quá, về sợ hãi, về hỷ duyệt, về tâm tự cao, về đa dạng tưởng, về tâm không quán sắc, đối với những tai hoạn đó, tâm được thanh tịnh.

"Này A-na-luật-đà, Ta lại nghĩ rằng: 'Ta phải tu học về ba định, là tu học về định có giác có quán, tu học về định không giác ít quán[13], tu học về định không giác không quán'. A-na-luật-đà, Ta liền tu học ba định ấy, là tu học về định có giác có quán, tu học về định không giác ít quán, tu học về định không giác không quán. Nếu Ta tu học về định có giác có quán thì tâm liền thuận hướng đến định không giác ít quán, như vậy Ta chắc chắn không mất trí và kiến này. Như vậy, khi Ta đã biết như thế rồi, suốt ngày suốt đêm, rồi suốt đêm suốt ngày, Ta tu học về định có giác có quán. A-na-luật-đà, Ta lúc bấy giờ thực hành trụ chỉ này. Nếu Ta tu học về định có giác có quán, tâm liền thuận hướng đến định không giác không quán. Như vậy, chắc chắn Ta không mất trí và kiến này. Này A-na-luật-đà, như vậy, ta đã biết như thế rồi nên suốt ngày suốt đêm, rồi suốt đêm suốt ngày, tu học

12. Nguyên Hán: nhược can tưởng 若干想

13. Nguyên văn: vô giác *thiểu* quán; nhưng thông thường: vô tầm *duy* từ, tức không giác *duy chỉ* có quán.

về định có giác có quán. Này A-na-luật-đà, bấy giờ Ta thực hành an trú tĩnh chỉ này.

"Này A-na-luật-đà, nếu Ta tu học về định không giác ít quán, tâm liền thuận hướng định có giác có quán. Như vậy, ta chắc chắn không mất trí kiến này. Này A-na-luật-đà, Ta biết như thế rồi, nên suốt ngày suốt đêm, suốt ngày lẫn đêm tu học về định không giác ít quán. Này A-na-luật-đà, Ta bấy giờ thực hành hạnh tĩnh chỉ này. Nếu Ta tu học về định không giác ít quán, tâm liền thuận hướng đến định không giác, không quán. Như thế, Ta chắc chắn không mất trí và kiến này. Này A-na-luật-đà, do đó Ta biết như thế rồi nên suốt ngày suốt đêm tu học về định không giác ít quán. Này A-na-luật-đà, bấy giờ Ta thực hành hạnh an trú tĩnh chỉ này.

"Này A-na-luật-đà, nếu Ta tu học về định không giác không quán, tâm liền thuận hướng đến định có giác có quán. Như thế, Ta chắc chắn không mất trí kiến này. Do Ta đã biết như thế, nên suốt ngày suốt đêm, suốt ngày lẫn đêm tu học về định không giác không quán. Này A-na-luật-đà, Ta bấy giờ thực hành hạnh an trú tĩnh chỉ này. Này A-na-luật-đà, nếu Ta tu học về định không giác không quán thì tâm liền thuận hướng đến định không giác ít quán. Như thế, Ta không mất trí và kiến này. Này A-na-luật-đà, do Ta đã biết như thế rồi nên suốt ngày suốt đêm, suốt ngày lẫn đêm tu học về định không giác không quán. Này A-na-luật-đà, Ta bấy giờ thực hành hạnh an trú tĩnh chỉ này.

"Này A-na-luật-đà, có lúc Ta biết ánh sáng mà không thấy sắc. A-na-luật-đà, Ta nghĩ rằng: 'Do nhân nào, do duyên nào Ta biết ánh sáng mà không thấy sắc?' A-na-luật-đà, Ta lại nghĩ rằng: 'Nếu Ta niệm tướng của ánh sáng, không niệm tướng của sắc thì bấy giờ Ta biết ánh sáng mà không thấy sắc'. Như vậy, Ta biết như thế rồi nên suốt ngày suốt đêm, suốt ngày lẫn đêm biết ánh sáng mà không thấy sắc. Này A-na-luật-đà, Ta bấy giờ thực hành hạnh an trú tĩnh chỉ này.

"Này A-na-luật-đà, có lúc Ta thấy sắc mà không biết ánh sáng. A-na-luật-đà, Ta nghĩ rằng: 'Do nhân nào, do duyên nào Ta thấy sắc mà không biết ánh sáng?' A-na-luật-đà, Ta lại nghĩ rằng: 'Nếu Ta niệm tướng của sắc mà không niệm tướng của ánh sáng thì bấy giờ Ta biết sắc mà không biết ánh sáng'. Này A-na-luật-đà, Ta biết như thế rồi nên suốt ngày suốt đêm, suốt ngày lẫn đêm Ta biết sắc mà không biết ánh sáng. Này A-na-luật-đà, bấy giờ Ta thực hành hạnh an trú tĩnh chỉ này.

"Này A-na-luật-đà, có lúc Ta biết một phần ánh sáng ít, cũng thấy một phần sắc. A-na-luật-đà, Ta liền nghĩ: 'Do nhân nào, do duyên nào Ta biết được một phần ánh sáng, cũng thấy một phần sắc?' Ta lại nghĩ: 'Nếu Ta nhập định một phần ít; Ta nhập định một phần nên nhãn căn thanh tịnh một phần ít. Vì nhãn căn thanh tịnh một phần ít nên Ta biết ánh sáng một phần, cũng thấy sắc một phần ít". A-na-luật-đà, Ta biết như thế rồi nên suốt ngày suốt đêm, suốt ngày lẫn đêm, biết ánh sáng một phần ít và thấy sắc một phần ít. Này A-na-luật-đà, bấy giờ Ta thực hành hạnh an trú tĩnh chỉ này.

"Này A-na-luật-đà, có lúc Ta biết ánh sáng rộng rãi, cũng thấy sắc rộng rãi. A-na-luật-đà, Ta nghĩ rằng: 'Do duyên nào, do nhân nào Ta biết ánh sáng rộng rãi, cũng thấy ánh sáng rộng rãi'. Ta lại nghĩ: 'Nếu Ta nhập định rộng rãi, nhờ nhập định rộng rãi nên nhãn căn thanh tịnh rộng rãi. Nhờ nhãn căn thanh tịnh rộng rãi nên Ta biết ánh sáng rộng rãi, cũng thấy sắc rộng rãi'. A-na-luật-đà, Ta biết như thế rồi nên suốt ngày suốt đêm, suốt ngày lẫn đêm biết ánh sáng rộng rãi, cũng thấy sắc rộng rãi. Này A-na-luật-đà, bấy giờ Ta thực hành hạnh an trú tĩnh chỉ này.

"Này A-na-luật-đà, nếu trong tâm ta sanh tai hoạn về nghi, đối với tai hoạn ấy trong tâm Ta đã đoạn trừ, được thanh tịnh. Với vô niệm, thân bệnh tưởng, thụy miên, tinh cần

thái quá, giải đãi thái quá, sợ hãi, hỷ duyệt, tâm tự cao, đa dạng tưởng, và sanh tai hoạn về không quán sắc, đối với những tai hoạn ấy tâm được thanh tịnh. Tu học, cực tu học về định có giác có quán; tu học, cực tu học về định không giác ít quán; tu học, cực tu học về định không giác không quán; tu học, cực tu học về định thuần nhất; tu học, cực tu học về định hỗn hợp[14]; tu học, cực tu học về định một phần ít; tu học, cực tu học về định quảng vô lượng[15]. Ta có trí và kiến thanh tịnh, sáng suốt vô cùng, hướng đến an trú vào định, tinh cần tu tập đạo phẩm, biết như thật rằng: 'Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa'. Này A-na-luật-đà, bấy giờ Ta thực hành trụ chỉ ấy".

Phật thuyết như vậy. Tôn giả A-na-luật-đà, Tôn giả Nan-đề, Tôn giả Kim-tì-la sau khi nghe những lời Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

❑

14. Tạp định, từ lúc nhập cho đến lúc xuất, lần lượt đi từ định này sang định khác. Khác với Nhất hướng định, định thuần túy, từ lúc nhập cho đến lúc xuất chỉ một loại định.

15. Có bốn giới hạn về đối tượng của định: giới hạn nhỏ, giới hạn lớn, giới hạn vô hạn và hoàn toàn ra ngoài giới hạn. Thường nói Tứ tưởng, xem *Tập Dị 6* (No.1536, Đại 26, trang 292 a).

73. KINH THIÊN[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật du hóa tại Chi-đề-sấu, trong rừng Thủy chử[2].

Bấy giờ Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Thuở xưa, lúc Ta chưa đắc đạo giác ngộ vô thượng chánh chân, bấy giờ Ta nghĩ rằng: 'Ta làm sao để được ánh sáng, nhân ánh sáng ấy mà thấy hình sắc. Như vậy, trí và kiến của ta sẽ cực kỳ minh tịnh'. Vì để có trí và cực kỳ minh tịnh ấy mà Ta sống cô độc tại một nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh cần. Ta nhân sống cô độc tại nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh cần nên chứng đắc ánh sáng, liền thấy sắc. Nhưng Ta chưa cùng với chư Thiên kia tụ hội, cùng chào hỏi, cùng luận thuyết, cùng đối đáp.

"Ta lại nghĩ rằng: 'Ta làm sao để đắc được ánh sáng. Nhân ánh sáng ấy mà hấy hình sắc và cùng chư Thiên kia tụ hội, cùng chào hỏi, cùng luận thuyết, cùng đối đáp. Như vậy trí và kiến của Ta sẽ cực kỳ minh tịnh. Vì để có trí và kiến cực kỳ minh tịnh này mà Ta sống tại nơi xa vắng, cô độc, tâm không phóng dật, tu hành tinh cần. Ta nhân sống cô độc tại nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh cần nên được ánh sáng, liền thấy hình sắc, cùng chư Thiên kia tụ hội, cùng chào hỏi nhau, cùng luận thuyết, cùng đối đáp, nhưng Ta không biết chư Thiên kia có họ như thế nào, tên như thế nào, sanh như thế nào.

"Ta lại nghĩ rằng: 'Ta làm sao để được ánh sáng. Nhân ánh sáng ấy mà thấy hình sắc và cùng chư Thiên kia tụ hội, cùng chào hỏi nhau, cùng luận thuyết, cùng đối đáp và cũng biết chư Thiên kia có họ như vậy, tên như vậy và sanh như vậy. Như thế, trí và kiến của Ta cực kỳ minh tịnh'. Vì để có trí và kiến cực kỳ minh tịnh này mà Ta sống cô độc tại nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh cần. Nhân sống cô độc tại nơi xa vắng, tu hành tinh cần, liền thấy được ánh sáng và cùng chư Thiên kia tụ hội, chào hỏi nhau, cùng luận thuyết, cùng đối đáp và cũng biết được chư Thiên ấy danh tánh như vậy, tên tự như vậy và sanh như vậy. Nhưng Ta không biết chư Thiên kia ăn như thế nào, thọ khổ lạc như thế nào.

"Ta lại nghĩ rằng: 'Ta làm sao để được ánh sáng, nhân ánh sáng ấy mà thấy hình sắc và cùng chư Thiên tụ hội, chào hỏi nhau, cùng luận thuyết, cùng đối đáp, biết chư Thiên ấy có họ như vậy, tên như vậy, sanh như vậy và cũng biết chư Thiên ấy ăn như vậy, thọ khổ lạc như vậy. Như thế trí và kiến của Ta sẽ cực kỳ minh tịnh'. Vì để có trí và kiến cực kỳ minh tịnh này mà Ta sống cô độc tại nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh cần. Nhân sống cô độc tại nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh cần, Ta được ánh sáng, liền thấy hình sắc và cùng chư Thiên tụ hội, cùng chào hỏi nhau, cùng luận

---

1. Bản Hán, quyển 18. Tương đương Pāli, A. 8. 64. Gayā.
2. Chi-đề-sấu, Thủy chử lâm -K——G——Z-L-C Bản Pāli: gayāyaṃ vaharati gayāsīse, trú tại thôn Gayā, trong núi Gayāsīsa.

thuyết, cùng đối đáp, cũng biết chư Thiên ấy có họ như vậy, tên như vậy và sanh như vậy; và cũng biết chư Thiên ấy ăn như vậy, thọ khổ lạc như vậy. Nhưng Ta không biết chư Thiên ấy trường thọ như thế nào, tồn tại lâu như thế nào, mạng tận như thế nào.

"Ta lại nghĩ rằng: 'Ta làm sao để được ánh sáng, nhân ánh sáng ấy mà thấy hình sắc và cùng chư Thiên tụ hội, cùng chào hỏi nhau, cùng luận thuyết, cùng đối đáp, biết chư Thiên ấy có họ như vậy, tên như vậy, sanh như vậy, cũng biết chư Thiên ấy ăn như vậy, thọ khổ lạc như vậy; cũng biết chư Thiên ấy trường thọ như thế, tồn tại lâu như thế, mạng tận như thế. Như thế trí và kiến của Ta sẽ cực kỳ minh tịnh'. Vì để có trí và kiến cực kỳ minh tịnh này mà Ta sống cô độc tại nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh cần. Nhân sống cô độc tại nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh cần, Ta được ánh sáng, liền thấy hình sắc và cùng chư Thiên tụ hội, cùng chào hỏi nhau, cùng luận thuyết, cùng đối đáp, cũng biết chư Thiên ấy có họ như vậy, tên như vậy, sanh như vậy; biết chư Thiên ấy ăn như vậy, thọ khổ lạc như vậy; và cũng biết chư Thiên ấy trường thọ như vậy, tồn tại lâu như vậy, mạng tận như vậy. Nhưng Ta không biết chư Thiên ấy tạo nghiệp như thế nào, đã chết nơi này và sanh nơi kia như thế nào.

"Ta lại nghĩ rằng: 'Ta làm sao để được ánh sáng, nhân ánh sáng ấy mà thấy hình sắc và cùng chư Thiên kia tụ hội, cùng chào hỏi nhau, cùng luận thuyết, cùng đối đáp, biết chư Thiên ấy có họ như vậy, tên như vậy, sanh như vậy, biết chư Thiên ấy ăn như vậy, thọ khổ lạc như vậy; biết chư Thiên ấy trường thọ như vậy, tồn tại lâu như vậy, mạng tận như vậy; và cũng biết chư Thiên ấy tạo nghiệp như vậy, chết nơi này và sanh nơi kia như vậy. Như thế trí và kiến của Ta sẽ cực kỳ minh tịnh'. Vì để có trí và kiến cực kỳ minh tịnh này mà Ta sống cô độc tại nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh cần. Nhân sống cô độc tại nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh cần, Ta được ánh sáng, liền thấy hình sắc và cùng chư Thiên kia tụ hội, cùng chào hỏi nhau, cùng luận thuyết, cùng đối đáp, biết chư Thiên ấy có họ như vậy, tên như vậy, sanh như vậy; biết chư Thiên ấy ăn như vậy, thọ khổ lạc như vậy; biết chư Thiên ấy trường thọ như vậy, tồn tại lâu như vậy, mạng tận như vậy; và cũng biết chư Thiên ấy tạo nghiệp như vậy, chết nơi này và sanh nơi kia như vậy. Nhưng Ta không biết chư Thiên ấy ở trong những cõi trời nào.

"Ta lại nghĩ rằng: 'Ta làm sao để được ánh sáng, nhân ánh sáng ấy mà thấy hình sắc và cùng chư Thiên tụ hội, cùng chào hỏi nhau, cùng luận thuyết, cùng đối đáp, biết chư Thiên ấy có họ như vậy, tên như vậy, sanh như vậy, biết chư Thiên ấy ăn như vậy, thọ khổ lạc như vậy; biết chư Thiên ấy trường thọ như vậy, tồn tại lâu như vậy, mạng tận như vậy; biết chư Thiên ấy tạo nghiệp như vậy, chết nơi này và sanh nơi kia như vậy; và cũng biết chư Thiên ở trong các cõi trời ấy. Như thế trí và kiến của Ta sẽ cực kỳ minh tịnh'. Vì để có trí và kiến cực kỳ minh tịnh này mà Ta sống cô độc tại nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh cần. Ta nhân sống cô độc tại nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh cần, nên được ánh sáng, liền thấy hình sắc và cùng chư Thiên kia tụ hội, cùng chào hỏi nhau, cùng luận thuyết, cùng đối đáp, biết chư Thiên ấy có họ như vậy, tên như vậy, sanh như vậy; biết chư Thiên ấy ăn như vậy, thọ khổ lạc như vậy; biết chư Thiên ấy trường thọ như vậy, tồn tại lâu như vậy, mạng tận như vậy; biết chư Thiên ấy tạo nghiệp như vậy, chết nơi này và sanh nơi kia như vậy; và cũng biết chư Thiên ở trong những cõi trời ấy. Nhưng Ta không biết Ta đã từng sanh vào cõi đó hay chưa từng sanh vào cõi đó.

"Ta lại nghĩ rằng: 'Ta làm sao để được ánh sáng, nhân ánh sáng ấy mà thấy hình sắc và cùng chư Thiên tụ hội, cùng chào hỏi nhau, cùng luận thuyết, cùng đối đáp, biết chư

Thiên ấy có họ như vậy, tự như vậy, sanh như vậy, biết chư Thiên ấy ăn như vậy, thọ khổ lạc như vậy; biết chư Thiên ấy trường thọ như vậy, tồn tại lâu như vậy, mạng tận như vậy; biết chư Thiên ấy tạo nghiệp như vậy, chết nơi này và sanh nơi kia như vậy; biết chư Thiên ở trong các cõi trời ấy; và cũng biết ở cõi trời ấy Ta đã từng sanh vào hay chưa từng sanh vào. Như thế trí và kiến của Ta sẽ cực kỳ minh tịnh". Vì để có trí và kiến cực kỳ minh tịnh này mà Ta sống cô độc tại nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh cần. Ta nhân sống cô độc tại nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh cần, nên được ánh sáng, liền thấy hình sắc và cùng chư Thiên kia tụ hội, cùng chào hỏi nhau, cùng luận thuyết, cùng đối đáp, biết chư Thiên ấy có họ như vậy, tên như vậy, sanh như vậy; biết chư Thiên ấy ăn như vậy, thọ khổ lạc như vậy; biết chư Thiên ấy trường thọ như vậy, tồn tại lâu như vậy, mạng tận như vậy; biết chư Thiên ấy tạo nghiệp như vậy, đã chết nơi này và sanh nơi kia như vậy; biết chư Thiên ở trong những cõi trời ấy; và cũng biết ở cõi trời ấy Ta đã từng sanh vào.

"Nếu Ta không biết một cách chân chánh tám hành[3] này thì không thể nói được một cách xác định, cũng không biết Ta đắc đạo giác ngộ vô thượng chánh chân; đối với chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Phạm chí ở thế gian này Ta không thể siêu việt lên trên; Ta cũng không đắc giải thoát với những sự giải thoát sai biệt. Ta cũng chưa lìa các đảo điên, chưa biết như thật rằng 'Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa'.

"Nếu Ta biết được một cách chân chánh tám hành này thì mới có thể nói được một cách xác định, cũng biết rằng Ta đã đắc đạo giác ngộ vô thượng chánh chân, đối với chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Phạm chí, Ta siêu việt lên trên. Ta cũng chứng đắc giải thoát với những sự giải thoát sai biệt; tâm Ta đã xa lìa các điên đảo, biết như thật rằng 'Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa'."

Phật thuyết như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

❑

3. Bát hành 八行 Pāli: aṭṭhaparivaṭṭaṃ adhidevañaṇadassanaṃ, tri kiến về chư Thiên với tám sự lưu chuyển.

74. KINH BÁT NIỆM[1]

Tôi nghe như vầy.

Một thời Đức Phật du hóa tại nước Bà-kì-sấu[2], ở rừng Bố trong núi Ngạc, trong vườn Lộc dã[3].

Bấy giờ Tôn giả A-na-luật-đà ở tại Chi-đề-sấu, trong rừng Thủy chử[4]. Tôn giả A-na-luật-đà ở chỗ yên tĩnh, tĩnh tọa tư duy, tâm nghĩ rằng: "Đạo chứng đắc từ vô dục, chứ chẳng phải từ hữu dục. Đạo chứng đắc từ tri túc, chứ không phải là không nhàm chán. Đạo chứng đắc từ viễn ly, chứ không phải từ sự ưa tụ hội, không phải từ sự sống tụ hội, không phải từ sự hội hợp tụ hội. Đạo chứng đắc từ sự tinh cần, chứ không phải từ sự biếng nhác. Đạo chứng đắc từ chánh niệm, chứ không phải từ tà niệm. Đạo chứng đắc từ định ý, chứ không phải từ loạn ý. Đạo chứng đắc từ trí tuệ, chứ không phải từ ngu si".

Lúc ấy, Đức Thế Tôn bằng tha tâm trí biết Tôn giả A-na-luật-đà đang niệm gì, đang tư gì, đang hành gì. Sau khi đã biết, Đức Thế Tôn nhập định có hình thái như thế [5]. Với định có hình thái như thế, trong khoảnh khắc như người lực sĩ co duỗi cánh tay, cũng thế, Đức Thế Tôn từ Bà-kì-sấu, từ rừng Bố trong núi Ngạc, trong vườn Lộc dã, bỗng biến mất, liền xuất hiện trước mặt Tôn giả A-na-luật-đà tại Chi-đề-sấu. Bấy giờ, Đức Thế Tôn xuất định, tán thán Tôn giả A-na-luật-đà rằng:

"Lành thay! Lành thay! A-na-luật-đà, ngươi ở chỗ yên tĩnh, ngồi tĩnh tọa tư duy, tâm đã nghĩ thế này: 'Đạo chứng đắc từ vô dục, chứ chẳng phải từ hữu dục. Đạo chứng đắc từ tri túc, chứ không phải là không nhàm chán. Đạo chứng đắc từ viễn ly, chứ không phải từ sự ưa tụ hội, không phải từ sự sống tụ hội, không phải từ sự hội hợp tụ hội. Đạo chứng đắc từ sự tinh cần, chứ không phải từ sự biếng nhác. Đạo chứng đắc từ chánh niệm, chứ không phải từ tà niệm. Đạo chứng đắc từ định ý, chứ không phải từ loạn ý. Đạo chứng đắc từ trí tuệ, chứ không phải từ ngu si'.

"Này A-na-luật-đà, ngươi hãy nghe Như Lai, lãnh thọ thêm suy niệm thứ tám của bậc Đại nhân[6]. Sau khi lãnh thọ liền tư duy rằng: 'Đạo chứng đắc từ chỗ không hý luận[7], ưa sự không hý luận, hành sự không hý luận, chứ không phải từ chỗ hý luận, không phải

---

1. Tương đương Pāli: A.8.30. Anurudha. Hán, biệt dịch No.46, No.125 (43.6).
2. Bà-kì-sấu -C-_-G-C Pāli: Bhaggesu, giữa những người Bhagga.
3. Ngạc sơn Bố lâm Lộc dã viên -s-s--L-----C Pāli: Suṃsumāragire bhesakāḷāvane migadāye, trong núi Cá sấu, rừng Khủng bố, chỗ nuôi hươu.
4. Chi-đề-sấu Thủy chử lâm -K--G--Z-L-C Pāli: Cetīsu Pācīnavaṃsadāye, giữa những người Cetī, trong rừng Đông trúc. No.125 (42.6): Tôn giả ở tại Tứ Phật sở cư chi xứ. No.46: Phật ở tại Mục sơn, dưới gốc cây Cầu sư.
5. Như kỳ tượng định -p----w-C Pāli: tathārūpaṃ samādhi.
6. Đại nhân chi niệm -j-H----C Pāli: mahāpurisavitakka.
7. Hán: đạo tùng bất hý ... đắc. Pāli: nippapañcārāmassāyaṃ dhammo, đây là pháp của người không ưa hý luận.

từ chỗ ưa hý luận, không phải từ chỗ hành hý luận'.

"Này A-na-luật-đà, nếu ngươi thành tựu tám suy niệm của bậc Đại nhân, chắc chắn ngươi có thể ly dục, ly ác, ly bất thiện pháp, cho đến chứng đắc Tứ thiền, thành tựu an trụ.

"Này A-na-luật-đà, nếu ngươi thành tựu tám suy niệm của bậc Đại nhân này, lại chứng đắc bốn tăng thượng tâm này, sống an lạc ngay trong hiện tại, dễ được chứ không khó, thì cũng như vua và đại thần có hòm đẹp đựng đầy các loại y phục đẹp, buổi sáng muốn mặc liền lấy mặc; buổi trưa, buổi chiều, muốn mặc liền lấy mặc, tùy ý tự tại, này A-na-luật-đà, ngươi cũng vậy, được y phấn tảo, làm y phục bậc nhất, tâm ngươi vô dục, sống với trụ chỉ hành này.

"Này A-na-luật-đà, nếu ngươi thành tựu tám suy niệm của bậc Đại nhân, lại chứng đắc bốn tăng thượng tâm này nữa, sống an lạc ngay trong đời hiện tại, dễ được không khó, thì cũng như vua và vương thần có cai bếp làm các thức ăn ngon lành mỹ diệu, này A-na-luật-đà, ngươi cũng vậy, thường sống bằng món ăn khất thực làm món ăn độc nhất, tâm ngươi vô dục, sống với trụ chỉ hành này.

"Này A-na-luật-đà, nếu ngươi thành tựu tám suy niệm của bậc Đại nhân, lại cũng chứng đắc bốn tăng thượng tâm này nữa, sống an lạc ngay trong đời hiện tại này, dễ được chứ không khó, thì cũng như vua và vương thần có nhà cửa đẹp, hoặc có lầu các, cung điện, này A-na-luật-đà, ngươi cũng như thế, ngồi dưới gốc cây, lấy sự tịch tĩnh làm ngôi nhà bậc nhất, tâm ngươi vô dục, sống với trụ chỉ hành này.

"Này A-na-luật-đà, nếu ngươi thành tựu tám suy niệm của bậc Đại nhân, lại cũng chứng đắc bốn tăng thượng tâm này nữa, sống an lạc ngay trong đời hiện tại này, dễ được chứ không khó, thì cũng như vua và vương thần có giường đẹp, trải lên bằng chăn nệm, đệm bông, phủ lên bằng gấm, the, lụa, sa trun, có chăn đệm ở hai đầu để gối, trải thảm quý bằng da sơn dương[8]; này A-na-luật-đà, ngươi cũng như vậy, chỗ ngồi trải bằng cỏ, bằng lá cây, là chỗ ngồi bậc nhất. Tâm ngươi vô dục, sống với trụ chỉ hành này.

"Này A-na-luật-đà, nếu ngươi thành tựu tám suy niệm của bậc Đại nhân, lại cũng chứng đắc bốn tăng thượng tâm này nữa, sống an lạc ngay trong đời hiện tại này, dễ được chứ không khó, thì cũng như thế, nếu ngươi an trú phương Đông, chắc chắn được an lạc, không có các tai hoạn đau khổ. Nếu an trú phương Tây, phương Nam, phương Bắc, chắc chắn được an lạc, không có các tai hoạn đau khổ.

"Này A-na-luật-đà, nếu ngươi thành tựu tám suy niệm của bậc Đại nhân, lại cũng chứng đắc bốn tăng thượng tâm này nữa, sống an lạc ngay trong đời hiện tại này, dễ được chứ không khó, đối với các pháp thiện, ngươi đã an trú, Ta không nói đến, huống nữa là nói đến sự suy thoái. Các thiện pháp cứ ngày đêm tăng trưởng chứ không suy thoái.

"Này A-na-luật-đà, nếu ngươi thành tựu tám suy niệm của bậc Đại nhân, lại cũng chứng đắc bốn tăng thượng tâm này nữa, sống an lạc ngay trong đời hiện tại này, dễ được chứ không khó, thì đối với hai quả, chắc chắn ngươi đắc được một, hoặc trong đời này đắc cứu cánh trí, hoặc nếu còn hữu dư thì đắc A-na-hàm.

"Này A-na-luật-đà, ngươi hãy thành tựu tám suy niệm này của bậc Đại nhân, và cũng nên chứng đắc bốn tăng thượng tâm này nữa, sống an lạc ngay trong đời hiện tại này, dễ được chứ không khó; sau đó mới an cư mùa mưa tại Chi-đề-sấu, trong rừng Thủy chử vậy".

Bấy giờ Đức Thế Tôn thuyết pháp cho Tôn giả A-na-luật-đà, khuyến phát khát

8. Trong bản Hán: gia-lăng-già-ba-hòa-la ba-giá-tất-đa-la-na. Pāli: kadalimigapavara- paccattharaṇo.

ngưỡng, thành tựu hoan hỷ. Sau khi bằng vô lượng phương tiện, thuyết pháp, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ, Đức Thế Tôn liền như vậy mà nhập định, trong khoảnh khắc, như người lực sĩ co duỗi cánh tay, cũng vậy, Đức Thế Tôn từ Chi-đề-sấu, trong rừng Thủy chử, bỗng nhiên biến mất, không thấy, rồi hiện ra ở Bà-kì-sấu, núi Ngạc rừng Bố, trong vườn Lộc dã.

Lúc ấy Tôn giả A-nan cầm quạt đứng hầu Đức Phật, Đức Phật liền xuất định, quay lại bảo A-nan rằng:

"Này A-nan, nếu có Tỳ-kheo nào đến núi Ngạc rừng Bố, trong vườn Lộc dã thì bảo tất cả tụ tập tại giảng đường. Sau khi tụ tập tại giảng đường xong, trở lại cho Ta hay".

Tôn giả A-nan vâng lời Đức Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Ngài, liền đi tuyên bố rằng: "Đức Thế Tôn dạy: nếu có Tỳ-kheo nào đến núi Ngạc rừng Bố, trong vườn Lộc dã thì tất cả hãy tụ tập tại giảng đường".

Sau khi các Tỳ-kheo tụ tập tại giảng đường, Tôn giả A-nan trở lại chỗ Đức Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân rồi đứng qua một bên, bạch rằng:

"Bạch Đức Thế Tôn, các Tỳ-kheo đến núi Ngạc rừng Bố, trong vườn Lộc dã, tất cả đã tụ tập tại giảng đường. Mong Đức Thế Tôn biết cho, nay đã đến thời".

Lúc ấy, Đức Thế Tôn đến giảng đường, trải chỗ ngồi trước chúng Tỳ-kheo và nói:

"Này chư Tỳ-kheo, Ta nói cho các ngươi nghe về tám suy niệm của bậc Đại nhân. Các ngươi hãy lắng nghe và khéo suy tư, ghi nhớ.

Bấy giờ các Tỳ-kheo vâng lời lắng nghe. Đức Thế Tôn nói rằng:

"Đây là tám pháp suy niệm của bậc Đại nhân:

1. Đạo từ vô dục chứ không phải từ hữu dục mà chứng đắc.
2. Đạo từ tri túc chứ không phải từ không nhàm tởm mà chứng đắc.
3. Đạo từ viễn ly chứ không phải từ chỗ ưa tụ hội, không phải từ sự sống chỗ tụ hội, không phải từ sự sống hội hợp tụ hội mà chứng đắc.
4. Đạo từ tinh cần chứ không phải từ biếng nhác mà chứng đắc.
5. Đạo từ chánh niệm, chứ không phải từ tà niệm mà chứng đắc.
6. Đạo từ chỗ định ý chứ không phải từ loạn ý mà chứng đắc.
7. Đạo từ trí tuệ chứ không phải từ ngu si mà chứng đắc.
8. Đạo từ chỗ không hý luận, ưa sự không hý luận, hành sự không hý luận; chứ không phải từ hý luận, không phải từ sự ưa hý luận, không phải từ sự hành hý luận, mà chứng đắc.

"Thế nào là đạo từ vô dục mà chứng đắc, chứ không phải từ hữu dục? Tỳ-kheo đạt được vô dục, tự biết đạt được vô dục, không tỏ cho kẻ khác biết mình vô dục; đạt được tri túc, đạt được viễn ly, đạt được tinh cần, đạt được chánh niệm, đạt được định ý, đạt được trí tuệ, đạt được không hý luận, tự biết đạt được không hý luận, không muốn tỏ cho người khác biết mình vô dục. Như vậy gọi là đạo từ vô dục chứ không phải từ hữu dục mà chứng đắc.

"Thế nào là đạo từ tri túc chứ không phải từ không nhàm tởm mà chứng đắc? Tỳ-kheo hành tri túc, áo dùng để che thân, ăn đủ nuôi thân. Đó là đạo từ tri túc chứ không phải từ không nhàm tởm mà chứng đắc.

"Thế nào là đạo từ viễn ly chứ không phải từ ưa tụ hội, sống chỗ tụ hội, hội hộp nơi tụ hội mà chứng đắc? Tỳ-kheo thực hành hạnh viễn ly, thực hành hai hạnh viễn ly là thân và tâm đều viễn ly. Đó là đạo từ viễn ly chứ không phải từ sự ưa tụ hội, sống ở chỗ tụ hội, hội hộp nơi tụ hội mà chứng đắc.

"Thế nào là đạo từ tinh tấn chứ không phải từ biếng nhác mà chứng đắc? Tỳ-kheo thường hành tinh tấn, đoạn ác bất thiện, tu các thiện pháp, thường tự khởi ý, chuyên nhất kiên cố, vì các gốc rễ thiện mà không hề từ bỏ khó nhọc. Đó gọi là đạo từ tinh tấn, chứ không phải từ biếng nhác mà chứng đắc.

"Thế nào là đạo từ chánh niệm chứ không phải từ tà niệm mà chứng đắc? Tỳ-kheo quán nội thân như thân, quán nội thọ, nội tâm, nội pháp như pháp. Đó gọi là đạo từ chánh niệm chứ không phải từ tà niệm mà chứng đắc.

"Thế nào là đạo từ định ý chứ không phải từ loạn ý mà chứng đắc? Tỳ-kheo ly dục, ly pháp ác bất thiện, cho đến chứng đắc đệ Tứ thiền, thành tựu và an trụ. Đó gọi là đạo từ định ý chứ không phải từ loạn ý mà chứng đắc.

"Thế nào là đạo từ trí tuệ chứ không phải từ ngu si mà chứng đắc? Tỳ-kheo tu hạnh trí tuệ, quán pháp hưng suy, chứng đắc trí như thật, thánh tuệ minh đạt, phân biệt rõ ràng để dứt sạch khổ một cách chính đáng. Đó gọi là đạo từ trí tuệ chứ không phải từ ngu si mà chứng đắc.

"Thế nào là đạo từ không hý luận, ưa không hý luận, hành không hý luận; chứ không phải từ hý luận, không phải từ ưa hý luận, không phải từ hành hý luận mà chứng đắc? Tỳ-kheo tâm ý thường diệt hý luận, an lạc, trú trong Vô dư Niết-bàn, tâm thường lạc trú, hoan hỷ, ý giải. Đó gọi là đạo từ không hý luận, ưa không hý luận, hành không hý luận; chứ không phải từ hý luận, không phải từ ưa hý luận, không phải từ hành hý luận mà chứng đắc.

"Này các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo A-na-luật-đà đã tành tựu tám suy niệm của bậc Đại nhân này, sau đó mới an cư mùa mưa tại Chi-đề-sấu, trong rừng Thủy chử. Ta đem những điều này nói ra, vị ấy sống cô độc tại nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh cần. Vị ấy khi sống cô độc tại nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh cần, đã đạt đến cứu cánh mà một thiện nam tử vì cứu cánh ấy đã cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo, duy chỉ cầu đắc vô thượng phạm hạnh ngay trong đời này, tự tri, tự giác, tự thân chứng đắc, thành tựu và an trú, biết một cách như thật rằng 'Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa'."

Ngay lúc ấy, Tôn giả A-na-luật-đà chứng đắc A-la-hán, tâm chánh giải thoát, xứng đáng bậc Trưởng lão Thượng tôn, rồi nói bài tụng:

Vô thượng thế gian sư
Xa biết con tư niệm,
Chánh thân tâm nhập định
Nương không, chợt đến đây.
Biết con tâm niệm này ,
Thuyết pháp vượt lên nữa.
Chư Phật không hý luận;
Hý luận đã xa lìa.
Đã biết pháp Như Lai,
Ưa trú trong chánh pháp.
Rồi tam muội chứng ngay,
Pháp Phật đã thành đạt.
Con chẳng ưa sự chết,
Cũng không nguyện nơi sanh;

Tùy thời, tùy sở thích,
Niệm, chánh trí vững vàng.
Tỳ-da-ly, trú lâm,
Nơi đó mạng con dứt;
Ở ngay dưới khóm trúc,
Nhập Vô dư Niết-bàn.

Phật thuyết như vậy. Tôn giả A-na-luật-đà và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

❑

75. KINH TỊNH BẤT ĐỘNG ĐẠO[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật du hóa tại Câu-lâu-sấu, ở Kiếm-ma-sắt-đàm, một đô ấp của Câu-lâu[2].

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo rằng:

"Dục là vô thường, hư ngụy, giả dối[3]. Đã là pháp giả dối thì huyễn hóa, khi cuống, ngu si[4]. Dầu là dục của đời nay hay là dục của đời sau[5], tất cả đều là cảnh giới của ma, là miếng mồi của ma. Nhân những thứ ấy mới sanh ra vô lượng pháp ác bất thiện, tham lam[6], sân nhuế và đấu tranh[7], làm chướng ngại cho sự tu học của Thánh đệ tử.

"Đa văn Thánh đệ tử nên quán như vầy, 'Thế Tôn nói rằng dục là vô thường, hư ngụy, giả dối, huyễn hóa, khi cuống, ngu si. Dù là dục của đời này hay dục của đời sau, dù là sắc của đời này hay sắc của đời sau, tất cả đều là cảnh giới của ma, là miếng mồi của ma. Nhân những thứ ấy, tâm mới sanh ra vô lượng pháp ác bất thiện, tham lam, sân nhuế và đấu tranh, làm chướng ngại sự tu học của Thánh đệ tử'.

"Rồi vị ấy có thể suy nghĩ như vầy: 'Ta có thể chứng đắc đại tâm, thành tựu và an trú, nhiếp phục thế gian, nhiếp trì tâm ấy. Nếu ta chứng đắc đại tâm, thành tựu và an trú, nhiếp phục thế gian, nhiếp trì tâm ấy thì tâm như thế không sanh ra vô lượng pháp ác bất thiện, tham lam, sân nhuế và đấu tranh, làm chướng ngại sự tu học của Thánh đệ tử'.

"Vị ấy bằng sự hành này, bằng sự học này, như vậy mà tu tập để phát triển rộng lớn, liền ở nơi xứ mà tâm được minh tịnh. Sau khi tâm đã minh tịnh ở nơi xứ, Tỳ-kheo ấy, hoặc nhờ đó mà nhập vào bất động[8], hoặc do tuệ mà giải thoát[9]. Về sau, khi thân hoại mạng chung, nhân tâm ý đã có sẵn ấy[10], chắc chắn đạt đến bất động. Đó gọi là thuyết Tịnh bất

---

1. Tương đương Pāli M.106 Āneñjasappāya-suttam.
2. Kiếm-ma-sắt-đàm Câu-lâu. Pāli: Kammāsadhammaṃ nāma kurūnaṃ nigamo, tại thị trấn Kammāsadhamma của người Kuru. Xem cht.3, kinh số 10.
3. Hán: Dục... vọng ngôn. Pāli: aniccā... Kāmā tucchā musā mosadhammā, dục là pháp trống rỗng, giả dối, ngu si.
4. Thị huyễn ngôn... ngu si. Pāli: mayākataṃ etaṃ... bālalāpanaṃ, đó là phiếm luận của người ngu được tạo ra bằng sự hư huyễn.
5. Dục, và sắc. Pāli: kāmā, kāmasaññā: dục và dục tưởng.
6. Hán: tăng tứ ─W──C Pāli; abhijjhā, tham lam, thường chỉ ham muốn, dòm ngó của người khác.
7. Đấu tránh ───C Pāli: sārambha, nóng tính, hay phẫn nộ, hay gây gổ.
8. Nhập bất động ─J───C Pāli: āneñjaṃ samāpajjati, nhập định với trạng thái bất động.
9. Dĩ tuệ vi giải ─H─z───C Pāli: paññāya adhimuccati, do tuệ mà có quyết định. Cũng có thể hiểu, do tuệ mà quyết định giải thoát.
10. Nhân bản ý ─]──N─C Pāli: saṃvattanikaṃ viññaṇaṃ, thức đã được định hướng.

động đạo[11] thứ nhất.

"Lại nữa, Đa văn Thánh đệ tử nên quán như thế này: 'Những gì là sắc, tất cả những sắc ấy là bốn đại và bốn đại tạo thành. Bốn đại ấy là pháp vô thường, khổ và diệt'. Vị ấy bằng sự hành này, bằng sự học này, như vậy mà tu tập để phát triển rộng lớn, liền ở nơi xứ mà tâm được minh tịnh. Sau khi tâm đã minh tịnh ở nơi xứ, Tỳ-kheo ấy, hoặc nhờ đó mà nhập vào bất động, hoặc do tuệ mà giải thoát. Về sau, khi thân hoại mạng chung, nhân tâm ý đã có sẵn ấy, chắc chắn đạt đến bất động. Đó gọi là thuyết Tịnh bất động đạo thứ hai.

"Lại nữa, Đa văn Thánh đệ tử nên quán như thế này: 'Dù là dục của đời này hay dục của đời sau, dù là sắc đời này hay sắc đời sau, dù là dục tưởng của đời này hay dục tưởng của đời sau, dù là sắc tưởng của đời này hay sắc tưởng của đời sau, tất cả tưởng ấy đều là pháp vô thường, khổ và diệt'. Vị ấy bằng sự hành này, bằng sự học này, như vậy mà tu tập để phát triển rộng lớn, liền ở nơi xứ mà tâm được minh tịnh. Sau khi tâm đã minh tịnh ở nơi xứ, Tỳ-kheo ấy, hoặc nhờ đó mà nhập vào bất động, hoặc do tuệ mà giải thoát. Về sau, khi thân hoại mạng chung, nhân tâm ý đã có sẵn ấy, chắc chắn đạt đến bất động. Đó gọi là thuyết Tịnh bất động đạo thứ ba.

"Lại nữa, Đa văn Thánh đệ tử nên quán thế này: 'Dù là dục tưởng của đời này hay dục tưởng của đời sau, dù là sắc tưởng của đời này hay sắc tưởng của đời sau, và bất động tưởng, tất cả tưởng đều là pháp vô thường, khổ và diệt'. Vị ấy bấy giờ đắc Vô sở hữu xứ tưởng. Vị ấy bằng sự hành này, bằng sự học này, như vậy mà tu tập để phát triển rộng lớn, liền ở nơi xứ mà tâm được minh tịnh. Sau khi tâm đã minh tịnh ở nơi xứ, Tỳ-kheo ấy, hoặc nhờ đó mà nhập vào bất động, hoặc do tuệ mà giải thoát. Về sau, khi thân hoại mạng chung, nhân tâm ý đã có sẵn ấy, chắc chắn đạt đến bất động. Đó là gọi là thuyết Tịnh vô sở hữu xứ đạo thứ nhất[12].

"Lại nữa, Đa văn Thánh đệ tử nên quán như thế này: 'Thế gian này là không, quỷ thần không, sở hữu của quỷ thần không, cái hữu thường không, cái hữu hằng không, cái trường tồn không, cái không biến dịch không'. Vị ấy hành như vậy, học như vậy, tu tập và phát triển như vậy thì ở nơi xứ mà tâm được minh tịnh. Sau khi ở nơi xứ mà tâm được minh tịnh, Tỳ-kheo ấy hoặc nhờ đó mà tâm nhập Vô sở hữu xứ, hoặc do tuệ mà giải thoát. Về sau, khi thân hoại mạng chung, nhân tâm ý đã có sẵn ấy, chắc chắn đạt đến Vô sở hữu xứ. Đó là trường hợp thứ hai được gọi là Tịnh vô sở hữu xứ đạo.

"Lại nữa, Đa văn Thánh đệ tử nên quán như thế này: 'Ta không phải được tạo ra vì cái khác, cũng không phải được tạo ra vi chính mình[13]'. Vị ấy hành như vậy, học như vậy, tu tập và phát triển như vậy, thì ở nơi xứ mà tâm được minh tịnh. Sau khi ở nơi xứ mà tâm được minh tịnh, Tỳ-kheo ấy hoặc nhờ đó mà nhập Vô sở hữu xứ, hoặc do tuệ mà giải thoát. Về sau, khi thân hoại mạng chung, nhân tâm ý đã có sẵn ấy, chắc chắn đạt đến vô sở hữu xứ. Đó là trường hợp thứ ba được gọi là Tịnh vô sở hữu xứ đạo.

"Lại nữa, Đa văn Thánh đệ tử nên quán như thế này: 'Dù là dục của đời này hay

---

11. Tịnh bất động đạo -b———D-CPāli: āneñjasappayā paṭipadā, sự thực hành đưa đến lợi ích của bất động.

12. Tịnh vô sở hữu xứ đạo. Pāli: ākiñcaññāyatanasappayā paṭipadā, sự thực hành đưa đến lợi ích của Vô sở hữu xứ.

13. Phi vị tha... Phi vị tự nhi hữu sở vi. Pāli: nāhaṃ kvacani kassaci kiñcanatasmiṃ, na mama kvacani kismiñci kiñcanaṃ natthī'ti, tôi không hiện hữu bất cứ ở đâu, cho bất cứ ai, trong bất cứ cái gì. Sở hữu của tôi không hiện hữu bất cứ ở đâu, cho bất cứ ai, trong bất cứ cái gì.

dục của đời sau, dù là sắc của đời này hay sắc của đời sau, dù là dục tưởng của đời này hay dục tưởng của đời sau, dù là sắc tưởng của đời này hay sắc tưởng của đời sau và bất động tưởng, vô sở hữu xứ tưởng, tất cả tưởng ấy đều là pháp vô thường, khổ và diệt'. Bấy giờ vị ấy đắc Vô tưởng. Vị ấy hành như vậy, học như vậy, tu tập và phát triển như vậy, thì ở nơi xứ mà tâm được minh tịnh. Sau khi ở nơi xứ mà tâm được minh tịnh, Tỳ-kheo ấy hoặc nhờ đó mà nhập vô tưởng, hoặc do tuệ mà giải thoát. Về sau, khi thân hoại mạng chung, nhân tâm ý đã có sẵn ấy, chắc chắn đạt đến vô tưởng xứ. Đó là nói về tịnh vô tưởng đạo[14]".

Bấy giờ, Tôn giả A-nan đang cầm quạt đứng hầu Đức Phật. Tôn giả hướng về Phật mà bạch rằng:

"Bạch Đức Thế Tôn, nếu có Tỳ-kheo nào thực hành như vầy, 'Không có ta, không có sở hữu của ta; ta sẽ không tồn tại, sở hữu của ta sẽ không tồn tại; những gì có trước kia, bèn được xả sạch'. Bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo ấy thực hành như thế, có chứng đắc cứu cánh Niết-bàn chăng?"

Đức Phật nói rằng:

"Này A-nan, sự kiện ấy không nhất định. Hoặc có người chứng đắc, hoặc có người không chứng đắc".

Tôn giả A-nan lại thưa:

"Bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo ấy hành như thế nào mà không chứng đắc Niết-bàn?"

Đức Thế Tôn đáp:

"Này A-nan, Tỳ-kheo nào hành như vầy, 'Không có ta, không có sở hữu của ta; ta sẽ không tồn tại, sở hữu của ta sẽ không tồn tại; những gì có trước kia, bèn được xả sạch'. Nhưng này A-nan, nếu Tỳ-kheo ấy vui thích với sự xả bỏ ấy, đắm trước nơi sự xả bỏ ấy, trú vào sự xả bỏ ấy, Tỳ-kheo như thế chắc chắn không chứng đắc Niết-bàn".

Tôn giả A-nan bạch rằng:

"Bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo nào nếu có chỗ chấp thủ sẽ không đắc Niết-bàn chăng?"

Đức Thế Tôn đáp:

"Này A-nan, nếu Tỳ-kheo nào có chỗ chấp thủ thì chắc chắn không đắc Niết-bàn".

Tôn giả A-nan bạch rằng:

"Bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo ấy bị chấp thủ bởi những gì?"

Đức Thế Tôn đáp:

-Này A-nan, còn hữu dư ở trong hành[15] đó là hữu tưởng vô tưởng xứ, bậc nhất trong các hữu mà Tỳ-kheo ấy chấp thủ".

Tôn giả A-nan bạch rằng:

"Bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo ấy còn chấp thủ vào hành nào khác nữa chăng?"

Đức Thế Tôn đáp:

"Đúng như thế, Tỳ-kheo ấy còn chấp thủ vào hành khác nữa".

Tôn giả A-nan bạch rằng:

"Bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo phải hành như thế nào thì chắc chắn đắc Niết-bàn?"

Đức Thế Tôn đáp:

"Này A-nan, Tỳ-kheo nào hành như vầy, 'Không có ta, không có sở hữu của ta; ta sẽ không tồn tại, sở hữu của ta sẽ không tồn tại; những gì có trước kia, bèn được xả sạch'. Và

---

14. Tịnh vô tưởng đạo. Pāli: nevasaññānāsaññāyatanasappayā paṭipadā, sự thực hành đưa đến lợi ích của Phi tưởng phi phi tưởng xứ.

15. Hành trung hữu dư; Hữu ở đây được kể trong 12 nhân duyên.

này A-nan, nếu Tỳ-kheo ấy không vui thích với sự xả bỏ ấy, không đắm trước sự xả bỏ ấy, không trú vào sự xả bỏ ấy, thì này A-nan, Tỳ-kheo thực hành như thế, chắc chắn chứng đắc Niết-bàn".

Tôn gả A-nan hỏi rằng:

"Bạch Thế Tôn, nếu Tỳ-kheo nào không chấp thủ vào đâu cả thì chắc chắn chứng đắc Niết-bàn chăng?"

Đức Thế Tôn đáp:

"Này A-nan, nếu Tỳ-kheo nào không chấp thủ vào đâu cả thì chắc chắn chứng đắc Niết-bàn".

Bấy giờ Tôn giả A-nan chấp tay hướng về Phật, bạch rằng:

"Bạch Thế Tôn, Thế Tôn đã thuyết về Tịnh bất động đạo, đã thuyết về Tịnh vô sở hữu xứ đạo, đã thuyết về Tịnh vô tưởng xứ đạo, đã thuyết về Vô dư Niết-bàn. Bạch Thế Tôn, thế nào là sự giải thoát của bậc Thánh? "

Đức Thế Tôn đáp:

"Này A-nan, Đa văn Thánh đệ tử nên quán như thế này: 'Dù là dục của đời này hay dục của đời sau, dù là sắc của đời này hay là sắc của đời sau, dù là dục tưởng của đời này hay là dục tưởng của đời sau, dù là sắc tưởng của đời này hay là sắc tưởng của đời sau và bất động tưởng, vô sở hữu tưởng, vô tưởng tưởng, tất cả các tưởng ấy đều là pháp vô thường, khổ và diệt, đó là hữu thân[16]. Nếu là hữu thân thì đó là sanh, đó là già, đó là bệnh, đó là chết.

"Này A-nan, nếu có pháp này thì diệt trừ tất cả, không để lưu dư, không để có trở lại. Như vậy thì không sanh, không già, không bệnh, không chết.

"Bậc Thánh quán như vậy. Nếu có thì chắc chắn đó là pháp giải thoát. Nếu có Vô dư Niết-bàn thì gọi là cam lộ[17]. Vị nào quán như vậy, chắc chắn tâm giải thoát dục lậu, tâm giải thoát hữu lậu và vô minh lậu. Đã giải thoát liền biết đã giải thoát, biết như thật rằng 'Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa'.

"Này A-nan, Ta nay đã nói cho ngươi nghe về Tịnh bất động đạo, về Tịnh vô sở hữu xứ đạo, về Tịnh vô tưởng đạo, về Vô dư Niết-bàn, về sự giải thoát của bậc Thánh. Như bậc Tôn sư với tâm đại bi, đoái tưởng, thương xót, mong cầu phước lợi và thiện ích, cầu an ổn và khoái lạc cho đệ tử, những điều ấy Ta nay đã làm xong. Các ngươi hãy tự mình làm. Hãy đi đến nơi rừng vắng, đến dưới gốc cây, chỗ yên tĩnh, trống vắng, ngồi tĩnh tọa mà tư duy, chớ có phóng dật, đừng để về sau phải hối hận. Đó là lời khuyến giáo của Ta, đó là huấn thị của Ta".

Phật thuyết như vậy. Tôn giả A-nan và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

❑

16. Tự kỷ hữu, cũng nói là *tự thân*, hay *hữu thân*, về sự chắc thật của năm uẩn. Pāli: sakkāya.

17. Cam lộ, cũng hiểu là bất tử. Pāli: amata.

76. KINH ÚC-GIÀ-CHI-LA[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật du hóa tại Úc-già-chi-la[2], ở bên bờ hồ Hằng thủy. Bấy giờ, một Tỳ-kheo vào lúc xế, từ chỗ tĩnh tọa đứng dậy, đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, bạch rằng:

"Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn khéo léo thuyết pháp ngắn gọn cho con. Được nghe pháp Đức Thế Tôn dạy, con sẽ sống cô độc tại nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh cần. Nhân sống cô độc tại nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh cần để đạt đến cứu cánh mà một thiện nam tử đã cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo là để đạt được vô thượng phạm hạnh, ngay trong đời này tự tri tự giác, tự thân tác chứng, thành tựu an trú, biết một cách như thật rằng 'Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa".

Đức Thế Tôn bảo:

"Tỳ-kheo hãy tu học như vậy, để khiến được an trú bên trong, bất động, vô lượng, khéo tu tập. Lại quán nội thân như thân, thực hành hết sức tinh cần, vững chánh niệm chánh trí, khéo tự chế ngự tâm, khiến lìa bỏn sẻn tham lam, ý không sầu não. Lại quán ngoại thân như thân, thực hành hết sức tinh cần, vững chánh niệm chánh trí, khéo tự chế ngự tâm, khiến xa lìa bỏn sẻn tham lam, ý không sầu não. Lại quán nội ngoại thân như thân, thực hành hết sức tinh cần, vững chánh niệm chánh trí, khéo tự chế ngự tâm, khiến cho xa lìa bỏn sẻn tham lam, ý không sầu não. Này Tỳ-kheo, với định như vậy, khi tới, khi lui, hãy khéo tu tập; lúc đứng, lúc ngồi, lúc nằm, lúc ngủ, lúc thức, lúc tỉnh dậy, cũng đều tu tập như vậy.

"Lại nữa, cũng nên tu tập định có giác có quán, định không giác ít quán, tu tập định không giác không quán; cũng nên tu tập về định câu hữu với hỷ, định câu hữu với lạc, định câu hữu với định, định câu hữu với xả.

"Này Tỳ-kheo, nếu tu tập các định này, tu một cách khéo léo thì này Tỳ-kheo, phải tu thêm quán nội thọ như thọ, thực hành hết sức tinh cần, giữ vững chánh niệm chánh trí, khéo tự chế ngự tâm, khiến xa lìa bỏn sẻn tham lam, ý không sầu não. Lại quán ngoại thọ như thọ, thực hành hết sức tinh cần, giữ vững chánh niệm chánh trí, khéo tự chế ngự tâm, khiến lìa bỏn sẻn tham lam, ý không sầu não. Lại quán nội ngoại thọ như thọ, thực hành hết sức tinh cần, giữ vững chánh niệm chánh trí, khéo tự chế ngự tâm, khiến xa lìa bỏn

---

1. Tương đương Pāli: S.47. 13 Bhikkhu-sutta.

2. Úc-già-chi-la. Pāli: Ukkācelā, một ngôi làng trong xứ Vajji, trên bờ sông Gaṅgā, trên con đường từ Vương xá đến Xá-vệ. Sau khi Tôn giả Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên thị tịch, trong khoảng 15 ngày, Đức Phật trên đường đi về Vesāli, Ngài ghé lại Ukkācelā thuyết kinh Ukkācelā-sutta (S.47.14). Ngài nói: "Này các Tỳ-kheo, khi Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên Bát-niết-bàn, Ta thấy chúng hội này giống như trống không". Bản Hán không đề cập đến sự kiện này.

sẻn tham lam, ý không sầu não. Này Tỳ-kheo, với định như thế, lúc đi, lúc đến, hãy khéo tu tập. Lúc đứng, lúc ngồi, lúc nằm, lúc ngủ, lúc thức, lúc tỉnh dậy, cũng đều tu tập như thế.

"Lại nữa, cũng nên tu tập định câu hữu với hỷ, định câu hữu với lạc, định câu hữu với định, định câu hữu với xả. Này Tỳ-kheo, nếu tu tập các định này, tu tập một cách khéo léo thì nên tu thêm quán nội tâm như tâm, thực hành hết sức tinh cần, giữ vững chánh niệm chánh trí, khéo chế ngự tâm, khiến xa lìa bỏn sẻn tham lam, ý không sầu não. Lại nên quán ngoại tâm như tâm, thực hành hết sức tinh cần, giữ vững chánh niệm chánh trí, khéo chế ngự tâm, khiến xa lìa bỏn sẻn tham lam, ý không sầu não. Lại nên quán nội ngoại tâm như tâm, thực hành hết sức tinh cần, giữ vững chánh niệm chánh trí, khéo chế ngự tâm, khiến xa lìa bỏn sẻn tham lam, ý không sầu não. Này Tỳ-kheo, với định như thế, lúc đi, lúc đến hãy khéo tu tập. Lúc đứng, lúc ngồi, lúc nằm, lúc ngủ, lúc thức, lúc tỉnh dậy, cũng đều tu tập như vậy.

"Lại nữa, cũng nên tu tập định có giác có quán, định không giác ít quán, định không giác không quán. Cũng nên tu tập định câu hữu với hỷ, định câu hữu với lạc, định câu hữu với xả.

"Này Tỳ-kheo, nếu tu tập các định này, tu một cách khéo léo thì nên tu thêm quán nội pháp như pháp, thực hành hết sức tinh cần, giữ vững chánh niệm chánh trí, khéo chế ngự tâm, khiến xa lìa bỏn sẻn tham lam, ý không sầu não. Lại quán ngoại pháp như pháp, thực hành hết sức tinh cần, giữ vững chánh niệm chánh trí, khéo chế ngự tâm, khiến xa lìa bỏn sẻn tham lam, ý không sầu não. Lại quán nội ngoại pháp như pháp, thực hành hết sức tinh cần, giữ vững chánh niệm chánh trí, khéo chế ngự tâm, khiến xa lìa bỏn sẻn tham lam, ý không sầu não. Này Tỳ-kheo, với định như thế, lúc đi lúc đến, hãy khéo tu tập. Lúc đứng, lúc ngồi, lúc nằm, lúc ngủ, lúc thức, lúc tỉnh dậy, cũng đều tu tập như vậy.

"Lại nữa, nên tu tập định có giác có quán, định không giác ít quán, định không giác không quán, cũng nên tu tập định câu hữu với hỷ, định câu hữu với lạc, định câu hữu với định, định câu hữu với xả. Này Tỳ-kheo, nếu tu tập các định này, tu tập một cách khéo léo thì này Tỳ-kheo, tâm hãy cùng với từ tương ưng, biến mãn một phương, thành tựu và an trú. Cũng như vậy, hai, ba bốn phương, phương trên, phương dưới, châu biến cùng khắp, tâm cùng với từ tương ưng, không kết, không oán, không nhuế, không tranh, rộng rãi bao la, vô lượng, khéo tu tập, biến mãn cùng khắp thế gian, thành tựu và an trú. Này Tỳ-kheo, nếu ngươi tu tập các định này, tu một cách khéo léo thì nên an trụ phương Đông, chắc chắn được an lạc, không có các tai hoạn đau khổ. Nếu an trụ phương Nam, phương Tây và phương Bắc, chắc chắn an lạc, không có các tai hoạn đau khổ.

"Này Tỳ-kheo, nếu ngươi tu tập các định này một cách khéo léo, đối với các thiện mà ngươi đã an trú, Ta không còn nói đến, huống là sự suy thoái. Các pháp thiện cứ ngày đêm tăng trưởng, chứ không suy thoái.

"Này Tỳ-kheo, nếu ngươi tu tập các định này, tu một cách khéo léo thì trong hai quả, chắc chắn sẽ đắc một, hoặc ngay trong đời này đắc cứu cánh trí. Hoặc nếu còn hữu dư thì chứng đắc A-na-hàm".

Bấy giờ vị Tỳ-kheo ấy nghe những lời Đức Phật dạy, khéo léo thọ trì, liền từ chỗ ngồi đứng dậy cúi đầu đảnh lễ dưới chân Đức Phật, đi quanh ba vòng rồi lui ra. Vị ấy thọ trì pháp của Phật, sống cô độc tại nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh cần. Nhân sống tại nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh cần, đạt đến cứu cánh mà một thiện nam tử đã cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín, từ bỏ gia đình, sống không gia

đình, xuất gia học đạo là duy chỉ cầu đắc vô thượng phạm hạnh, ngay trong đời hiện tại tự tri, tự giác, tự thân chứng đắc, thành tựu an trú, biết một cách như thật rằng 'Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa'. Tôn giả đã biết pháp, đắc A-la-hán.

Phật thuyết như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

❑

77. KINH SA-KÊ-ĐẾ TAM TỘC TÁNH TỬ[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật du hóa tại Sa-kê-đế[2] trong rừng Thanh[3].

Bấy giờ ở Sa-kê-đế có ba thiện gia nam tử là Tôn giả A-na-luật-đà, Tôn giả Nan-đề và Tôn giả Kim-tì-la[4] đều là thiếu niên mới xuất gia học đạo, cùng đến nhập Chánh pháp này không lâu.

Lúc ấy Đức Thế Tôn hỏi các Tỳ-kheo:

"Ba thiện gia nam tử này đều là thiếu niên mới xuất gia học đạo, cùng đến nhập Chánh pháp này không lâu; ba thiện nam tử ấy có vui thích ở trong Chánh pháp luật này hành phạm hạnh chăng?"

Khi đó các vị Tỳ-kheo im lặng, không trả lời.

Đức Thế Tôn ba lần hỏi các Tỳ-kheo rằng:

"Ba thiện gia nam tử này đều là thiếu niên mới xuất gia học đạo, cùng đến nhập Chánh pháp này không lâu; ba thiện nam tử ấy có vui thích ở trong Chánh pháp luật này hành phạm hạnh chăng?"

Khi ấy các Tỳ-kheo cũng ba lần im lặng, không đáp. Thế rồi Đức Thế Tôn hỏi thẳng ba thiện nam tử ấy, Ngài nói với Tôn giả A-na-luật-đà rằng:

"Các ngươi, ba thiện gia nam tử, đều ở tuổi thiếu niên, mới xuất gia học đạo, cùng đến nhập Chánh pháp không lâu. Này A-na-luật-đà, các ngươi có vui thích ở trong Pháp luật chân chánh này mà thực hành phạm hạnh chăng?

Tôn giả A-na-luật-đà thưa rằng:

"Bạch Thế Tôn, quả thật như vậy, chúng con vui thích ở trong Chánh pháp luật này hành phạm hạnh.

Đức Thế Tôn lại hỏi:

"Này A-na-luật-đà, các ngươi lúc còn nhỏ, là những đồng tử ấu thơ, trong trắng, tóc đen, thân thể thạnh trắng, vui thích trong du hý, vui thích trong tắm gội, săn sóc nâng niu thân thể. Về sau, bà con thân thích và cha mẹ đều cùng lưu luyến, thương yêu, khóc lóc thảm thiết, không muốn cho các ngươi xuất gia học đạo. Các ngươi đã quyết chí cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo, không phải vì sợ giặc cướp, không phải vì sợ nợ nần, không phải vì sợ khủng bố, không phải vì sợ bần cùng, cũng không phải vì sợ không sống được mà phải xuất gia học đạo, mà chỉ vì nhờm tởm sự sanh, sự già, bệnh tật, sự chết, khóc lóc, sầu khổ, hoặc vì muốn đạt đến tận

---

1. Tương đương Pāli M.68. Naḷakapāna-suttaṃ.
2. Sa-kê-đế [illegible] Pāli: Sāketa, một thị trấn lớn của Kosala, cách Sāvatthi chừng bảy dặm.
3. Thanh lâm [illegible] Pāli, có lẽ: Palāsavana. Bản Pāli: Kosalesu, Naḷakapāne Palāsavane, trú Kosala, thôn Nalapāna, rừng Palāsa.
4. Xem kinh số 72 ở trước và kinh số 185 ở sau.

cùng của khối khổ đau vĩ đại này nên xuất gia học đạo. Này A-na-luật-đà, các ngươi vì những tâm niệm này mà xuất gia học đạo chăng?"

Tôn giả A-na-luật-đà đáp rằng:

"Bạch Thế Tôn, quả thật như vậy".

Phật liền nói:

"A-na-luật-đà, nếu thiện gia nam tử nào với tâm niệm như thế mà xuất gia học đạo, nhưng có biết do đâu mà chứng đắc vô lượng thiện pháp chăng?"

Tôn giả bạch rằng:

"Bạch Thế Tôn, Thế Tôn là gốc của pháp, là chủ của pháp, pháp do Thế Tôn nói. Mong Thế Tôn giảng giải cho chúng con. Sau khi nghe, chúng con sẽ biết được nghĩa một cách rộng rãi".

Đức Thế Tôn liền bảo:

"Này A-na-luật-đà, các ngươi hãy lắng nghe, khéo tư duy và ghi nhớ. Ta sẽ phân biệt nghĩa ấy cho các ngươi".

Các Tôn giả A-na-luật-đà, Tôn giả Nan-đề, Tôn giả Kim-tì-la vâng lời lắng nghe. Đức Thế Tôn bảo:

"A-na-luật-đà, nếu ai bị dục phủ kín, bị ác pháp quấn chặt, không được xả lạc, vô thượng tịch tĩnh, thì với người ấy tâm sanh ra tham lam, sân hận, thụy miên, tâm sanh không an lạc, thân sanh ra dã dượi, ăn nhiều, tâm ưu sầu. Tỳ-kheo ấy không nhẫn nại được đói khát, nóng lạnh, muỗi mòng, ruồi nhặng, gió nắng bức bách, nghe tiếng thô ác hay bị đánh đập cũng không thể nhẫn nại được. Thân mắc phải các bệnh tật thống khổ đến mức muốn chết và gặp những cảnh ngộ không vừa lòng đều không thể nhẫn chịu được. Vì sao? Vì bị dục phủ kín, bị ác pháp quấn chặt, không được xả lạc, vô thượng tịch tịnh. Trái lại, nếu ly dục, không bị ác pháp quấn chặt, chắc chắn sẽ đạt đến xả ly, an lạc vô thượng tịch tịnh. Tâm vị ấy không sanh ra tham lam, sân nhuế, thụy miên, tâm được an lạc. Thân không sanh ra dã dượi, cũng không ăn nhiều, tâm không sầu não. Tỳ-kheo ấy nhẫn nại được đói khát, lạnh nóng, muỗi mòng, ruồi nhặng, gió nắng bức bách, nghe tiếng thô ác hay bị đánh đập cũng đều nhẫn nại được. Thân dù mắc những chứng bệnh hiểm nghèo rất thống khổ đến mức chết được, hay gặp những cảnh ngộ không thể vừa lòng, đều nhẫn nại được. Vì sao? Vì không bị dục phủ kín, không bị ác pháp quấn chặt, lại đạt đến xả ly, an lạc vô thượng tịch tịnh.

Đức Thế Tôn hỏi:

"Này A-na-luật-đà, Như Lai vì ý nghĩa gì mà có cái hoặc phải đoạn trừ, hoặc có cái phải thọ dụng, hoặc có cái phải kham nhẫn, hoặc có cái phải đình chỉ, hoặc có cái phải nhả bỏ[5]?"

A-na-luật-đà bạch rằng:

"Thế Tôn là gốc của pháp, là chủ của pháp, pháp do Thế Tôn nói. Mong Thế Tôn giảng giải cho chúng con. Sau khi nghe xong, chúng con sẽ biết được những nghĩa ấy một cách rộng rãi".

Đức Thế Tôn lại bảo:

"Này A-na-luật-đà, các ngươi hãy lắng nghe, khéo tư duy và ghi nhớ. Ta sẽ phân biệt những thiện lợi ấy cho các ngươi".

---

5. Hữu sở trừ, sở dụng, sở kham, sở chỉ, sở thổ. Pāli: saṅkhāyekaṃ paṭisevati saṅkhāyekaṃ adhivāsati saṅkhāyekaṃ parivajjati saṅkhāyekaṃ vinodeti: sau kki tư duy, thọ dụng một pháp; sau khi tư duy, nhẫn thọ (chấp nhận) một pháp; sau khi tư duy, xả ly một pháp; sau khi tư duy, bài trừ một pháp.

Tôn giả A-na-luật-đà, Tôn giả Nan-đề, Tôn giả Kim-tù-la vâng lời lắng nghe.

Đức Thế Tôn bảo:

"Này A-na-luật-đà, các lậu ô uế là gốc của sự hữu trong tương lai, là sự phiền nhiệt, là nhân của khổ báo, của sanh, già, bệnh, chết; Như Lai không phải vì không diệt tận, không phải vì không biến tri mà có cái phải đoạn trừ, có cái phải thọ dụng, có cái phải kham nhẫn, có cái phải đình chỉ, có cái phải nhả bỏ. Này A-na-luật-đà, Như Lai chỉ vì nhân nơi thân này, nhân nơi sáu xứ, nhân nơi thọ mạng mà có cái phải đoạn trừ, có cái phải thọ dụng, có cái phải kham nhẫn, có cái phải đình chỉ, có cái phải nhả bỏ. Này A-na-luật-đà, Như Lai vì những nghĩa này mà có cái phải đoạn trừ, có cái phải thọ dụng, có cái phải kham nhẫn, có cái phải đình chỉ, có cái phải nhả bỏ".

Đức Thế Tôn hỏi:

"Này A-na-luật-đà, Như Lai vì những ý nghĩa nào mà sống nơi rừng vắng, trong núi sâu, dưới gốc cây, ưa sống nơi vách núi cao, vắng vẻ không tiếng động, viễn ly, không có sự ác, không có bóng người, tùy thuận tĩnh tọa như thế?"

Tôn giả A-na-luật-đà thưa rằng:

"Bạch Thế Tôn, Thế Tôn là gốc của pháp, Thế Tôn là chủ của pháp, pháp do Thế Tôn nói. Mong Thế Tôn giảng giải cho chúng con. Sau khi nghe xong, chúng con sẽ được những thiện lợi ấy một cách rộng rãi".

Đức Thế Tôn bảo rằng:

"Này A-na-luật-đà, các ngươi hãy lắng nghe và khéo tư duy, ghi nhớ. Ta sẽ phân biệt những thiện lợi ấy cho các ngươi".

Các Tôn giả vâng lời lắng nghe.

Đức Thế Tôn bảo:

"Này A-na-luật-đà, không phải vì muốn đạt được những gì chưa đạt đến, vì muốn thu hoạch những gì chưa thu hoạch, vì muốn chứng ngộ những gì chưa chứng ngộ mà Như Lai sống nơi rừng vắng, trong núi sâu, dưới gốc cây, thích ở non cao, vắng bặt tiếng tăm, xa lánh, không sự dữ, không có bóng người, tùy thuận tĩnh tọa. Này A-na-luật-đà, Như Lai chỉ vì hai mục đích sau đây nên mới sống nơi rừng vắng, trong núi sâu, dưới gốc cây, thích ở non cao, vắng bặt tiếng tăm, xa lánh, không sự dữ, không có bóng người, tùy thuận tĩnh tọa. Một là, sống an lạc ngay trong đời hiện tại. Hai là, vì thương xót chúng sanh đời sau. Đời sau hoặc có chúng sanh học theo Như Lai, sống nơi rừng vắng, trong núi sâu, dưới gốc cây, thích ở non cao, vắng bặt tiếng người, tùy thuận tĩnh tọa. Này A-na-luật-đà, vì những mục đích ấy mà Như Lai sống nơi rừng vắng, trong núi sâu, dưới gốc cây, thích ở non cao, vắng bặt tiếng tăm, xa lánh, không sự dữ, không có bóng người, tùy thuận tĩnh tọa".

Đức Thế Tôn hỏi:

"Bạch Thế Tôn, Thế Tôn là gốc của pháp, Thế Tôn là chủ của pháp, pháp do Thế Tôn nói. Mong Thế Tôn giảng giải cho chúng con. Sau khi nghe xong, chúng con sẽ được những thiện lợi ấy một cách rộng rãi".

Đức Thế Tôn bảo rằng:

"Này A-na-luật-đà, các ngươi hãy lắng nghe và khéo tư duy, ghi nhớ. Ta sẽ phân biệt những ý nghĩa ấy cho các ngươi".

Các Tôn giả vâng lời lắng nghe.

Đức Thế Tôn bảo:

"Này A-na-luật-đà, không phải vì xu hướng của người mà nói, cũng chẳng phải vì lừa gạt người, cũng chẳng phải vì muốn vui lòng người mà khi đệ tử lâm chung, Như Lai ghi

nhận vị này sẽ sanh chỗ này, vị kia sanh chỗ kia. Này A-na-luật-đà, chỉ vì những thanh tín thiện nam hay thanh tín thiện nữ với tín tâm nhiệt thành, với ái lạc cao độ, với hỷ duyệt cùng cực, sau khi đã nghe Chánh pháp luật, tâm nguyện tu tập theo như vậy, cho nên lúc lâm chung của các đệ tử, Như Lai đã ghi nhận vị này sanh chỗ này, vị kia sanh chỗ kia. Nếu Tỳ-kheo nào nghe Tôn giả ấy lâm chung nơi ấy, được Phật ghi nhận đã đắc cứu cánh trí, biết như thật rằng: 'Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa'. Hoặc nhiều lần trông thấy, hoặc nhiều lần nghe người khác kể lại rằng: 'Tôn giả ấy có tín tâm như vậy, trì giới như vậy, học rộng như vậy, bố thí như vậy, trí tuệ như vậy'. Tỳ-kheo kia nghe xong nhớ rằng Tôn giả kia có tín tâm như vậy, trì giới như vậy, học rộng như vậy, trí tuệ như vậy. Sau khi nghe Chánh pháp luật này, Tỳ-kheo kia có thể tâm nguyện tu tập như vậy, như vậy. Này A-na-luật-đà, Tỳ-kheo ấy chắn chắc được phần nào sống trong sự an lạc thoải mái [6].

"Này A-na-luật-đà, nếu Tỳ-kheo nào nghe Tôn giả ấy lâm chung ở chỗ ấy, được Phật ghi nhận đã dứt sạch năm hạ phần kiết, sanh vào nơi kia mà nhập Niết-bàn, chứng đắc pháp bất thối, không còn trở lại thế gian này nữa. Hoặc chính mắt trông thấy, hoặc nhiều lần nghe người khác kể lại rằng 'Tôn giả ấy có tín tâm như vậy, trì giới như vậy, học rộng như vậy, bố thí như vậy, trí tuệ như vậy'. Tỳ-kheo kia nghe xong nhớ rằng Tôn giả kia có tín tâm như vậy, trì giới như vậy, học rộng như vậy, trí tuệ như vậy. Sau khi nghe Pháp luật chân chánh này, Tỳ-kheo đó tâm nguyện tu tập theo như vậy, như vậy. Này A-na-luật-đà, Tỳ-kheo đó chắc chắn được phần nào sống trong sự an lạc thoải mái.

"Này A-na-luật-đà, lại nữa, Tỳ-kheo nào nghe rằng: 'Tôn giả ấy lâm chung ở chỗ ấy, được Phật ghi nhận dứt sạch ba kiết sử, đã làm mỏng dâm, nộ, si, chỉ một lần qua lại thiên thượng, nhân gian; sau một lần qua lại thì đạt đến tận cùng sự khổ'. Hoặc tận mắt trông thấy, hoặc nhiều lần nghe người khác kể lại rằng: 'Tôn giả ấy có tín tâm như vậy, trì giới như vậy, học rộng như vậy, bố thí như vậy, trí tuệ như vậy'. Sau khi nghe xong, Tỳ-kheo kia nhớ rằng: 'Tôn giả kia có tín tâm như vậy, trì giới như vậy, học rộng như vậy, trí tuệ như vậy. Nghe Pháp luật chân chánh này rồi, Tỳ-kheo đó có thể tâm nguyện tu tập theo như vậy, như vậy...' Này A-na-luật-đà, Tỳ-kheo đó chắc chắn được phần nào sống trong sự an lạc.

"Lại nữa, này A-na-luật-đà, Tỳ-kheo nào nghe Tôn giả ấy lâm chung ở nơi ấy, được Phật ghi nhận đã dứt sạch ba kiết sử, đắc Tu-đà-hoàn, không còn đọa ác pháp, nhất định sẽ đạt đến chánh giác, nhiều lắm là bảy lần thọ sanh. Sau bảy lần qua lại nhân gian, thiên thượng thì đạt đến tận cùng sự khổ. Hoặc tận mắt trông thấy, hoặc nhiều lần nghe người khác kể lại rằng: 'Tôn giả ấy có tín tâm như vậy, trì giới như vậy, học rộng như vậy, bố thí như vậy, trí tuệ như vậy'. Sau khi nghe xong, Tỳ-kheo kia nhớ rằng: 'Tôn giả kia có tín tâm như vậy, trì giới như vậy, học rộng như vậy, bố thí như vậy, trí tuệ như vậy. Sau khi nghe Pháp luật chân chánh này, Tỳ-kheo đó có thể tâm nguyện tu tập theo như vậy, như vậy'. Này A-na-luật-đà, Tỳ-kheo đó chắc chắn được phần nào sống trong sự an lạc thoải mái.

"Này A-na-luật-đà, nếu Tỳ-kheo-ni nào nghe rằng: "Tỳ-kheo-ni ấy được Phật ghi nhận đã đắc Cứu cánh trí, biết như thật 'Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa'. Hoặc tận mắt trông thấy Tỳ-kheo-ni ấy, hoặc nhiều lần nghe người khác kể lại rằng: 'Tỳ-kheo-ni ấy có tín tâm như vậy, có trì giới như vậy,

6. Hán: sai giáng an lạc trụ chỉ. Xem cht.20, kinh số 72.

học rộng như vậy, bố thí như vậy, trí tuệ như vậy'. Sau khi nghe xong, nhớ rằng Tỳ-kheo-ni ấy có tín tâm như vậy, trì giới như vậy, học rộng như vậy, bố thí như vậy, trí tuệ như vậy. Sau khi nghe Pháp luật chân chánh này, Tỳ-kheo-ni đó có thể tâm nguyện tu tập theo như vậy, như vậy. Này A-na-luật-đà, Tỳ-kheo-ni đó chắc chắn được phần nào sống trong sự an lạc thoải mái.

"Lại nữa, này A-na-luật-đà, Tỳ-kheo-ni nào nghe rằng: 'Tỳ-kheo-ni ấy lâm chung nơi ấy, được Đức Thế Tôn ghi nhận đã dứt sạch năm hạ phần kiết, sanh vào nơi kia mà nhập Niết-bàn, đắc pháp bất thối, không còn trở lại cõi này nữa'. Hoặc tận mắt trông thấy, hoặc nhiều lần nghe người khác nói lại rằng: 'Tỳ-kheo ấy có tín tâm như vậy, trì giới như vậy học rộng như vậy, bố thí như vậy, trí tuệ như vậy'. Sau khi nghe Pháp luật chân chánh này, Tỳ-kheo-ni ấy có thể tâm nguyện tu tập theo như vậy, như vậy. Này A-na-luật-đà, như vậy, Tỳ-kheo-ni đó chắc chắn được phần nào sống trong sự an lạc thoải mái.

"Lại nữa, này A-na-luật-đà, Tỳ-kheo-ni nào nghe rằng: 'Tỳ-kheo-ni ấy lâm chung nơi ấy, được Đức Phật ghi nhận rằng đã dứt sạch ba kiết sử, đã mỏng dâm, nộ, si; chỉ một lần qua lại thiên thượng, nhân gian. Sau khi một lần qua lại ấy thì đạt đến tận cùng sự khổ'. Hoặc tận mắt trông thấy, hoặc nhiều lần nghe người khác kể lại rằng: 'Tỳ-kheo-ni ấy có tín tâm như vậy, trì giới như vậy học rộng như vậy, bố thí như vậy, trí tuệ như vậy'. Nghe xong, nhớ rằng: Tỳ-kheo-ni ấy có tín tâm như vậy, trì giới như vậy, học rộng như vậy, bố thí như vậy, trí tuệ như vậy. Sau khi nghe Pháp luật chân chánh này, vị ấy có thể tâm nguyện tu tập theo như vậy, như vậy. Này A-na-luật-đà, như vậy, Tỳ-kheo-ni đó chắc chắn được phần nào sống trong sự an lạc.

"Lại nữa, này A-na-luật-đà, Tỳ-kheo-ni nào nghe rằng 'Tỳ-kheo-ni ấy lâm chung nơi ấy, được Đức Phật ghi nhận đã dứt sạch ba kiết sử, đắc Tu-đà-hoàn, không đọa vào ác pháp, nhất định đã đạt đến chánh giác, nhiều lắm là bảy lần thọ sanh. Sau bảy lần qua lại thiên thượng, nhân gian thì đạt đến tận cùng sự khổ'. Hoặc tận mắt trông thấy, hoặc nhiều lần nghe người khác kể lại rằng: 'Tỳ-kheo-ni ấy có tín tâm như vậy, trì giới như vậy, học rộng như vậy, bố thí như vậy, trí tuệ như vậy'. Nghe xong, Tỳ-kheo-ni kia nhớ rằng: Tỳ-kheo-ni ấy có tín tâm như vậy, trì giới như vậy, học rộng như vậy, bố thí như vậy, trí tuệ như vậy. Sau khi nghe Pháp luật chân chánh này rồi, Tỳ-kheo-ni kia có thể tâm nguyện tu tập theo như vậy, như vậy. Này A-na-luật-đà, Tỳ-kheo-ni đó chắc chắn có sự sai giáng an lạc trụ chỉ.

"Này A-na-luật-đà, nếu vị Ưu-bà-tắc nào nghe vị Ưu-bà-tắc ấy lâm chung ở chỗ ấy, được Phật ghi nhận đã dứt sạch năm hạ phần kiết, sanh vào chỗ kia mà nhập Niết-bàn, đắc pháp bất thối, không còn trở lại thế gian này nữa. Hoặc tận mắt trông thấy, hoặc nhiều lần nghe người khác kể lại rằng: 'Ưu-bà-tắc ấy có tín tâm như vậy, trì giới như vậy, học rộng như vậy, bố thí như vậy, trí tuệ như vậy'. Nghe xong, vị Ưu-bà-tắc kia nhớ rằng: Vị Ưu-bà-tắc ấy có tín tâm như vậy, trì giới như vậy, học rộng như vậy, bố thí như vậy, trí tuệ như vậy. Sau khi nghe Pháp luật chân chánh này, vị Ưu-bà-tắc kia có thể tâm nguyện tu tập theo như vậy, như vậy. Này A-na-luật-đà, như vậy vị Ưu-bà-tắc kia chắc chắc được phần nào sống trong sự an lạc.

"Lại nữa, này A-na-luật-đà, Ưu-bà-tắc nào nghe vị Ưu-bà-tắc ấy lâm chung ở chỗ ấy, được Phật ghi nhận dứt sạch ba kiết, đã làm mỏng dâm, nộ, si; chỉ một lần qua lại thiên thượng, nhân gian. Sau một lần qua lại ấy thì đạt đến tận cùng sự khổ. Hoặc tận mắt trông thấy, hoặc nhiều lần nghe người khác kể lại rằng 'Ưu-bà-tắc ấy có tín tâm như vậy, trì giới như vậy, học rộng như vậy, bố thí như vậy, trí tuệ như vậy'. Nghe xong, Ưu-bà-tắc

kia nhớ rằng: Vị Ưu-bà-tắc ấy có tín tâm như vậy, trì giới như vậy, học rộng như vậy, bố thí như vậy, trí tuệ như vậy. Sau khi nghe Pháp luật chân chánh này, vị Ưu-bà-tắc kia có thể tâm nguyện tu tập theo như vậy, như vậy. Này A-na-luật-đà, vị Ưu-bà-tắc đó chắc chắn được phần nào sống trong sự an lạc.

"Lại nữa, này A-na-luật-đà, Ưu-bà-tắc nào nghe Ưu-bà-tắc kia lâm chung ở chỗ ấy, được Phật ghi nhận đã dứt sạch ba kiết sử, đắc Tu-đà-hoàn, đã đoạn ác pháp, nhất định sẽ đạt đến chánh giác, nhiều lắm là bảy lần thọ sanh nữa. Sau bảy lần qua lại thiên thượng, nhân gian thì đạt đến tận cùng sự khổ. Hoặc tận mắt trông thấy, hoặc nhiều lần nghe người khác kể lại rằng: 'Ưu-bà-tắc ấy có tín tâm như vậy, trì giới như vậy, học rộng như vậy, bố thí như vậy, trí tuệ như vậy'. Nghe xong, Ưu-bà-tắc kia nhớ lại rằng: Vị Ưu-bà-tắc ấy có tín tâm như vậy, trì giới như vậy, học rộng như vậy, bố thí như vậy, trí tuệ như vậy. Sau khi nghe Pháp luật chân chánh này, vị Ưu-bà-tắc kia có thể tâm nguyện tu tập theo như vậy, như vậy... Này A-na-luật-đà, vị Ưu-bà-tắc đó chắc chắn được phần nào sống trong sự an lạc.

"Này A-na-luật-đà, nếu Ưu-bà-tư nào nghe vị Ưu-bà-tư ấy lâm chung nơi ấy, được Phật ghi nhận dứt sạch năm hạ phần kiết, sanh vào nơi kia mà nhập Niết-bàn, đắc pháp bất thối, không còn trở lại thế gian này nữa. Hoặc tận mắt trông thấy, hoặc nhiều lần nghe người khác kể lại rằng: 'Ưu-bà-tư ấy có tín tâm như vậy, trì giới như vậy, học rộng như vậy, bố thí như vậy, trí tuệ như vậy'. Nghe xong, Ưu-bà-tư đó nhớ lại rằng: Vị Ưu-bà-tư ấy có tín tâm như vậy, trì giới như vậy, học rộng như vậy, bố thí như vậy, trí tuệ như vậy. Sau khi nghe Pháp luật chân chánh này, vị Ưu-bà-tư đó có thể tâm nguyện tu tập theo như vậy, như vậy... Này A-na-luật-đà, vị Ưu-bà-tư đó chắc chắn được phần nào sống trong sự an lạc.

"Lại nữa, này A-na-luật-đà, Ưu-bà-tư nào nghe Ưu-bà-tư đó lâm chung ở nơi ấy, được Phật ghi nhận đã dứt sạch ba phần kiết, làm mỏng dâm, nộ, si; chỉ một lần qua lại thiên thượng, nhân gian. Sau một lần qua lại ấy thì đạt đến tận cùng sự khổ. Hoặc tận mắt trông thấy, hoặc nghe người khác kể lại rằng: 'Ưu-bà-tư ấy có tín tâm như vậy, trì giới như vậy, học rộng như vậy, bố thí như vậy, trí tuệ như vậy'. Nghe xong, Ưu-bà-tư kia nhớ rằng: Ưu-bà-tư ấy có tín tâm như vậy, trì giới như vậy, học rộng như vậy, bố thí như vậy, trí tuệ như vậy. Sau khi nghe Pháp luật chân chánh này, Ưu-bà-tư đó có thể tâm nguyện tu tập theo như vậy, như vậy... Này A-na-luật-đà, vị Ưu-bà-tư đó chắc chắn được phần nào sống trong sự an lạc.

"Lại nữa, này A-na-luật-đà, vị Ưu-bà-tư nào nghe vị Ưu-bà-tư đó lâm chung ở nơi ấy, được Phật ghi nhận đã dứt sạch ba kiết, chứng Tu-đà-hoàn, không còn đọa vào ác pháp, nhất định sẽ đến chánh giác, nhiều lắm là bảy lần thọ sanh. Sau bảy lần qua lại thiên thượng, nhân gian thì đạt đến tận cùng sự khổ. Hoặc tận mắt trông thấy, hoặc nhiều lần nghe người khác kể lại rằng: 'Ưu-bà-tư ấy có tín tâm như vậy, trì giới như vậy, học rộng như vậy, bố thí như vậy, trí tuệ như vậy'. Nghe xong, Ưu-bà-tư ấy nhớ lại rằng: Ưu-bà-tư ấy có tín tâm như vậy, trì giới như vậy, học rộng như vậy, bố thí như vậy, trí tuệ như vậy. Sau khi nghe Pháp luật chân chánh này, Ưu-bà-tư ấy có thể tâm nguyện tu tập theo như vậy, như vậy... Này A-na-luật-đà, vị Ưu-bà-tư ấy chắc chắn được phần nào sống trong sự an lạc.

"Này A-na-luật-đà, Như Lai vì những thiện lợi ấy nên khi đệ tử lâm chung ghi nhận vị này sẽ sanh vào chỗ này, vị kia sẽ sanh vào chỗ kia".

Phật thuyết như vậy Tôn giả A-na-luật-đà và các Tỳ-kheo sau khi nghe lời Phật

thuyết, hoan hỷ phụng hành.

❑

78. KINH PHẠM THIÊN THỈNH PHẬT[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng, vườn Cấp cô độc.

Bấy giờ có một Phạm thiên[2] ở cõi trời Phạm thiên, sanh khởi tà kiến như thế này: "Chỗ này là hằng hữu, chỗ này là thường hữu, chỗ này là trường tồn, chỗ này quan yếu[3], chỗ này pháp không hoại diệt[4], chỗ này là xuất yếu[5], ngoài xuất yếu này không còn xuất yếu nào khác nữa mà có đấng Tối thắng, Tối diệu, Tối thượng".

Bấy giờ Đức Thế Tôn bằng tha tâm trí, biết rõ tâm niệm của Phạm thiên đang nghĩ, liền như vậy mà nhập định[6]. Với định như vậy, chỉ trong khoảnh khắc ví như người lực sĩ co duỗi cánh tay Ngài biến mất khỏi vườn Cấp cô độc, trong rừng Thắng tại nước Xá-vệ, đi lên cõi trời Phạm.

Lúc ấy, Phạm thiên trông thấy Đức Thế Tôn đi đến, liền chào hỏi:

"Kính chào Đại Tiên Nhân, chỗ này là thường hữu, chỗ này là hằng hữu, chỗ này là trường tồn, chỗ này là quan yếu, chỗ này là pháp không hoại diệt, chỗ này là xuất yếu, và ngoài xuất yếu này không còn xuất yếu nào hơn nữa mà có bậc Tối thắng, Tối diệu, Tối thượng".

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo:

"Này Phạm thiên, cái không thường, ông bảo là thường; cái không hằng, ông bảo là hằng; cái không trường tồn, ông bảo là trường tồn; cái không quan yếu, ông bảo là quan yếu; cái hoại diệt, ông bảo là không hoại diệt; cái không xuất yếu, ông bảo là xuất yếu mà ngoài sự xuất yếu ấy, không còn xuất yếu nào khác nữa để có đấng Tối thắng, Tối diệu, Tối thượng. Phạm thiên, ông có cái vô minh ấy! Phạm thiên, ông có cái vô minh ấy!"

Lúc đó, có ma Ba-tuần[7] ở trong chúng, ma Ba-tuần nói với Đức Thế Tôn rằng:

"Này Tỳ-kheo, chớ nên trái điều Phạm thiên nói, chớ nên nghịch điều Phạm thiên nói. Tỳ-kheo, nếu ông trái điều Phạm thiên nói, nghịch điều Phạm thiên nói thì, Tỳ-kheo, cũng như người gặp vận may mà lại xua đuổi đi. Lời Tỳ-kheo nói ra, lại cũng như vậy. Cho nên, Tỳ-kheo, tôi bảo ông rằng ông chớ trái điều Phạm thiên nói, chớ nên nghịch điều Phạm thiên nói. Này Tỳ-kheo, nếu ông trái lời Phạm thiên, chống đối thuyết của Phạm thiên thì, Tỳ-kheo, cũng như người từ núi cao rơi xuống, tuy dang tay

---

1. Bản Hán, quyển 19. Tương đương Pāli M.49. Brahmanimantaṇika-suttaṃ.
2. Bản Pāli nói vị này tên là Baka.
3. Hán: thử xứ thị yếu —B—O—n—C Pāli: idaṃ kevalam, cái này là tuyệt đối, độc nhất, toàn nhất.
4. Hán: thử xứ bất chung pháp —B———k—C Pāli: idaṃ acavadhammaṃ, cái này là pháp bất diệt.
5. Hán: xuất yếu —X—n—C Pāli: nissaraṇa, sự thoát ly, giải thoát, sự cứu rỗi.
6. Như kỳ tượng định —p———w—C
7. Ma Ba-tuần —]—i ——C Pāli: Māra Papiman.

chân quờ quạng hư không nhưng không bám víu được gì. Lời Tỳ-kheo nói ra lại cũng như vậy. Cho nên, Tỳ-kheo, tôi bảo ông rằng ông chớ trái điều Phạm thiên nói, chớ nên nghịch điều Phạm thiên nói. Này Tỳ-kheo, nếu ông trái điều Phạm thiên nói, nghịch điều Phạm thiên nói thì, Tỳ-kheo, cũng như người từ trên cây cao rơi xuống, tuy dang tay chân quờ quạng lá cành nhưng chẳng bám víu được gì. Lời Tỳ-kheo nói ra lại cũng như vậy. Cho nên, này Tỳ-kheo, tôi bảo ông rằng ông chớ nên trái điều Phạm thiên nói, chớ nên nghịch điều Phạm thiên nói. Vì sao? Vì Phạm thiên là đấng Phước hựu, là Hóa công, là đấng Tối tôn, là đấng Năng tác, là đấng Sáng tạo, là Tổ phụ của tất cả chúng sanh đã sanh và sẽ sanh. Tất cả đều do ngài sanh ra. Những gì ngài biết là trọn biết, những gì ngài thấy là trọn thấy[8].

"Đại Tiên Nhân, nếu có Sa-môn, Phạm chí nào ghét đất, chê bai đất, thì sau khi thân hoại mạng chung, chắc chắn sanh làm thần kỹ nhạc trong chốn hạ tiện nhất. Cũng thế, đối với nước, lửa, gió, quỷ thần[9], chư Thiên, Sanh chủ, Phạm thiên, nếu ai ghét Phạm thiên, chê bai Phạm thiên, thì sau khi thân hoại mạng chung, chắc chắn sanh làm thần kỹ nhạc trong chốn hạ tiện nhất. Đại Tiên Nhân, nếu có Sa-môn, Phạm chí nào ưa thích đất, ca ngợi đất thì sau khi thân hoại mạng chung, chắc chắn sanh làm bậc Tối thượng tôn trong cõi trời Phạm thiên. Cũng thế, đối với nước, lửa, gió, quỷ thần, chư Thiên, Sanh chủ, Phạm thiên, nếu ai ưa thích Phạm thiên, tán thán Phạm thiên, thì sau khi thân hoại mạng chung, chắc chắn sanh làm bậc Tối thượng tôn trong cõi trời Phạm thiên. Đại Tiên Nhân, ông há không thấy đại quyến thuộc của Phạm thiên ấy, chẳng hạn như bọn chúng tôi đang ngồi đây chăng?"

Ma Ba-tuần chẳng phải là Phạm thiên, chẳng phải quyến thuộc của Phạm thiên, nhưng lại xưng mình là Phạm thiên. Bấy giờ Đức Thế Tôn nghĩ rằng: "Ma Ba-tuần chẳng phải là Phạm thiên, cũng chẳng phải quyến thuộc của Phạm thiên, lại tự xưng là Phạm thiên. Nếu nói rằng có ma Ba-tuần thì đây chính là ma Ba-tuần".

Biết rõ như vậy, Đức Thế Tôn bảo:

"Này ma Ba-tuần, ngươi chẳng phải Phạm thiên, cũng chẳng phải quyến thuộc của Phạm thiên, nhưng ngươi tự xưng rằng 'Ta là Phạm thiên'. Nếu nói rằng có ma Ba-tuần, thì chính ngươi là ma Ba-tuần".

Lúc ấy, ma Ba-tuần liền nghĩ: "Thế Tôn đã biết ta! Thiện Thệ đã biết ta!" Biết như thế nên rất đổi ưu sầu, vụt biến mất nơi ấy.

Bấy giờ, Phạm thiên ấy lại ba lần thưa thỉnh Đức Thế Tôn rằng:

"Kính chào Đại Tiên Nhân, chỗ này là thường hữu, chỗ này là trường tồn, chỗ này là quan yếu, chỗ này là pháp không hoại diệt, chỗ này là xuất yếu, ngoài xuất yếu này không còn xuất yếu nào hơn nữa mà có đấng Tối thắng, Tối diệu, Tối tôn?!

Đức Thế Tôn cũng ba lần bảo Phạm Thiên rằng:

"Này Phạm thiên, cái không thường, ông bảo là thường; cái không hằng, ông bảo là hằng; cái không trường tồn, ông bảo là trường tồn; cái không quan yếu, ông bảo là quan yếu; cái hoại diệt, ông bảo là không hoại diệt; cái không xuất yếu, ông bảo là xuất yếu mà ngoài sự xuất yếu ấy, không còn xuất yếu nào khác nữa để có đấng Tối thắng, Tối

---

8. Pāli: eso hi bhikkhu brahmā mahābrahmā abhibhū anabhibhūto aññud-atthu-daso vasavattī issaro kattā nimmātā seṭṭho sañjitā vasī pitā bhūtabhavyānaṃ, Tỳ-kheo, vị Brahmā này thật sự là Mahā-brahmā, là Đại Phạm thiên, là đấng Chiến thắng, Toàn thắng, Toàn kiến, Toàn năng, Tự tại, là đấng Sáng tác, Sáng tạo, Tối tôn, Chúa tể, Quyền năng, là Tổ phụ của những gì đã sanh và sẽ sanh.

9. Hán: thần ——đây chỉ quỷ thần; Pāli: bhūta.

diệu, Tối thượng. Phạm thiên, ông có cái vô minh ấy! Phạm thiên, ông có cái vô minh ấy!"

Rồi thì, Phạm thiên bạch Thế Tôn rằng:

"Đại Tiên Nhân, thuở xưa có Sa-môn, Phạm chí thọ mạng rất lâu dài. Đại Tiên Nhân, thọ mạng của Ông ngắn quá, không bằng một khoảnh khắc ngồi yên của Sa-môn, Phạm chí kia. Vì sao? Vì những gì các vị ấy biết là trọn biết, những gì các vị ấy thấy là trọn thấy. Nếu thật có sự xuất yếu, ngoài sự xuất yếu ra không còn xuất yếu nào hơn nữa mà có bậc Tối thắng, Tối diệu, Tối thượng thì các vị ấy biết ngay rằng có; và ngoài xuất yếu ấy ra, không còn sự xuất yếu nào hơn nữa mà có bậc Tối thắng, Tối diệu, Tối thượng. Nếu thật không có sự xuất yếu, lại không có ngoài xuất yếu nào hơn nữa mà có bậc Tối thắng, Tối diệu, Tối thượng thì các vị ấy biết ngay là không có. Đại Tiên Nhân, đối với chỗ xuất yếu Ông nghĩ là không xuất yếu. Trái lại, đối với chỗ không phải là xuất yếu, Ông nghĩ là xuất yếu. Như vậy, Ông không đạt được chỗ xuất yếu và trở thành kẻ đại si. Vì sao? Vì sẽ không bao giờ có cảnh giới ấy cho Ông.

"Đại Tiên Nhân, nếu có Sa-môn, Phạm chí nào ưa thích đất, ca ngợi đất, thì vị ấy tùy theo sự tự tại của ta, làm theo ý ta muốn, vâng theo mệnh lệnh ta sai. Cũng thế, đối với nước, lửa, gió, quỷ thần, chư Thiên, Sanh chủ, Phạm thiên; nếu ai ưa thích Phạm thiên, ca ngợi Phạm thiên thì vị ấy tùy theo sự tự tại của ta, làm theo ý muốn của ta, vâng theo mệnh lệnh ta sai. Đại Tiên Nhân, nếu Ông ưa thích đất, ca ngợi đất, thì Ông cũng tùy theo sự tự tại của ta, làm theo ý ta muốn, vâng theo mệnh lệnh ta sai. Cũng thế, với nước, lửa, gió, quỷ thần, chư Thiên, Sanh chủ, Phạm thiên; nếu Ông ưa thích Phạm thiên, ca ngợi Phạm thiên thì Ông cũng tùy theo sự tự tại của ta, làm theo ý ta muốn, vâng theo mệnh lệnh ta sai".

Bấy giờ Đức Thế Tôn nói rằng:

"Phạm thiên, điều Phạm thiên nói sự thật. Nếu có Sa-môn, Phạm chí nào ưa thích đất, ca ngợi đất, vị ấy tùy theo sự tự tại của ông, làm theo ý ông muốn, vâng theo mệnh lệnh ông sai. Cũng vậy, đối với nước, lửa, gió, quỷ thần, chư Thiên, Sanh chủ, Phạm thiên; nếu ai ưa thích Phạm thiên, ca ngợi Phạm thiên thì vị ấy tùy theo sự tự tại của ông, làm theo ý ông muốn, vâng theo mệnh lệnh của ông sai. Và này Phạm thiên, nếu Ta ưa thích đất, ca ngợi đất thì Ta cũng tùy theo sự tự tại của ông, làm theo ý ông muốn và vâng theo mệnh lệnh của ông sai. Cũng thế, đối với nước, lửa, gió, quỷ thần, chư Thiên, Sanh chủ, Phạm thiên; nếu Ta ưa thích Phạm thiên, ca ngợi Phạm thiên thì Ta cũng tùy theo sự tự tại của ông, làm theo ý ông muốn, vâng theo mệnh lệnh ông sai.

"Nhưng này Phạm thiên, nếu tám sự kiện này[10], Ta tùy theo mỗi sự mà ưa thích, mà ca ngợi, thì những điều ấy cũng vẫn như thế. Này Phạm thiên, Ta biết rõ ông từ đâu đến và sẽ đi đâu, tùy nơi ông đang sống, tùy chỗ ông mất, và tùy chốn ông tái sanh. Nếu có Phạm thiên thì Phạm thiên ấy có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai thần".

Nghe vậy, Phạm thiên bạch Thế Tôn rằng:

"Đại Tiên Nhân, làm thế nào Ông biết được điều ta biết, thấy được điều ta thấy? Làm sao Ông biết rõ ta như mặt trời, tự tại soi sáng khắp nơi, bao trùm cả một ngàn thế giới? Ông có tự tại không, trong một ngàn thế giới ấy? Ông có biết nơi này và nơi kia, nơi

---

[10]. Tám sự kể trên: bốn đại: đất, nước, lửa, gió, và quỷ thần, chư Thiên, Sanh chủ, Phạm thiên. Pāli: paihavī, āpa, tejo, vāyo, bhūta, deva, pajāpati, brahmā.

nào không có ngày đêm không? Này Đại Tiên Nhân, Ông có lần nào qua lại các nơi ấy chưa? Hay đã nhiều lần qua lại các nơi ấy rồi?"

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo:

"Này Phạm thiên, như mặt trời tự tại, soi sáng khắp nơi, bao trùm cả một ngàn thế giới. Trong ngàn thế giới ấy, Ta được tự tại và cũng biết này hay nơi kia, không có ngày đêm. Này Phạm thiên, Ta đã từng qua lại những nơi ấy và qua lại rất nhiều lần. Này Phạm thiên, có ba loại trời, đó là Quang thiên, Tịnh quang thiên và Biến tịnh quang thiên[11]. Nếu những gì mà ba loại trời ấy có biết và có thấy, thì Ta cũng có biết và có thấy. Phạm thiên, những gì mà ba loại trời đó không có biết, không có thấy, thì riêng Ta vẫn có biết, có thấy. Này Phạm thiên, nếu những gì mà ba loại trời ấy và quyến thuộc của họ có biết và có thấy thì Ta cũng có biết và có thấy. Những gì mà ba loại trời ấy và quyến thuộc họ không biết, không thấy, thì riêng Ta vẫn có biết, có thấy. Này Phạm thiên, những gì mà ông có biết, có thấy, Ta cũng có biết, có thấy. Những gì mà ông không có biết, có thấy, thì riêng Ta vẫn có biết, có thấy. Này Phạm thiên, nếu những gì mà ông và những quyến thuộc của ông có biết, có thấy, thì Ta cũng có biết, có thấy. Những gì mà ông và quyến thuộc của ông không có biết, có thấy, thì riêng Ta vẫn có biết, có thấy. Này Phạm thiên, ông không thể ngang hàng Ta về tất cả, ông không thể ngang hàng Ta suốt hết. Nhưng đối với ông, Ta là Tối thắng, Ta là Tối thượng.

Nghe vậy, Phạm thiên thưa Đức Thế Tôn rằng:

"Này Đại Tiên Nhân, do đâu mà nếu những gì mà ba loại trời ấy có biết và có thấy, thì Ông cũng có biết và có thấy; những gì mà ba loại trời đó không có biết, không có thấy, thì riêng Ông vẫn có biết, có thấy? Nếu những gì mà ba loại trời ấy và quyến thuộc của họ có biết và có thấy thì Ông cũng có biết và có thấy; những gì mà ba loại trời ấy và quyến thuộc họ không biết, không thấy, thì riêng Ông vẫn có biết, có thấy? Nếu những gì mà ta có biết, có thấy, Ông cũng có biết, có thấy; những gì mà ta không có biết, có thấy, thì riêng Ông vẫn có biết, có thấy? Nếu những gì mà ta và những quyến thuộc của ta có biết, có thấy, thì Ông cũng có biết, có thấy; những gì mà ta và quyến thuộc của ta không có biết, có thấy, thì riêng ông vẫn có biết, có thấy? Đại Tiên Nhân đó không phải là lời nói khoác chăng? Sau khi hỏi xong, không biết có tăng thêm sự ngu si chăng? Vì sao? Vì nếu biết vô lượng cảnh giới nên có vô lượng biết, vô lượng thấy, vô lượng chủng loại phân biệt. Trái lại, ta thì biết riêng rẽ từng cái. Là đất, ta biết đó là đất. Là nước, lửa, gió, quỷ thần, chư Thiên, Sanh chủ, Phạm thiên, cũng giống như thế. Là Phạm thiên, ta biết đó là Phạm thiên".

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo rằng:

"Này Phạm thiên, nếu có Sa-môn, Phạm chí nào đối với đất mà có tưởng về đất rằng: 'Đất là ta, đất là sở hữu của ta, ta là sở hữu của đất', thì khi chấp đất là ta tức không biết rõ đất. Cũng thế, đối với nước, lửa, gió, quỷ thần, chư Thiên, Sanh chủ, Phạm thiên, Vô phiền thiên, Vô nhiệt và Tịnh[12]; nếu nghĩ rằng: 'Tịnh là ta, Tịnh là sở hữu của ta, ta là sở hữu của Tịnh', khi chấp nhận Tịnh là ta rồi, vị ấy không thực biết về Tịnh. Phạm thiên,

---

11. Quang thiên ▬▬ (Pāli: Parittābhā); Tịnh quang thiên ▬b▬▬ (Pāli: Apramāṇābhā) Biến tịnh quang thiên ▬M▬b▬▬ (Pāli: Ābhassara), cả ba thuộc thiền thứ hai Sắc giới. Bản Pāli kể: Ābhassara (Quang âm thiên, cao nhất trong Nhị thiền), Subhakiṇṇa (Biến tịnh quang thiên, cao nhất trong Tam thiền) và Vehapphala (Quảng quả thiên thấp nhất trong Tứ thiền). Phạm thiên thuộc Sơ thiền.

12. Vô phiền, Vô nhiệt và Tịnh, nên hiểu là Vô phiền thiên, Vô nhiệt thiên, và Tịnh cư thiên. Xem cht.5 kinh 106.

nếu có Sa-môn, Phạm chí nào đối với đất mà biết là đất, 'Đất không phải là ta, đất không phải là sở hữu của ta, ta không phải là sở hữu của đất,' do không chấp đất là ta nên vị ấy mới thực biết về đất. Cũng thế, đối với nước, lửa, gió, quỷ thần, Sanh chủ, chư Thiên, Phạm thiên, Vô phiền, Vô nhiệt, Tịnh mà nghĩ rằng 'Tịnh chẳng phải là ta, Tịnh chẳng phải là sở hữu của ta, ta chẳng phải là sở hữu của Tịnh,' do không chấp Tịnh là ta nên vị ấy mới thật sự biết về Tịnh.

Nghe vậy, Phạm thiên thưa với Đức Thế Tôn rằng:

"Chúng sanh này, ai cũng ái trước hữu, ưa thích hữu, tập quán hữu. Chỉ có Ông đã nhổ tận gốc rễ hữu. Vì sao? Vì Ông là Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác".

Phạm thiên liền nói bài kệ:

Nơi hữu thấy sợ hãi;
Không hữu thấy sợ gì?
Cho nên đừng ưa hữu;
Hữu làm sao chẳng dứt?[13]

"Này Đại Tiên Nhân, tôi nay muốn ẩn hình".

Đức Thế Tôn bảo:

"Này Phạm thiên, nếu ông muốn ẩn mình thì cứ tùy tiện".

Phạm thiên liền ẩn hình ngay nơi đó. Đức Thế Tôn thấy rõ, liền nói:

"Phạm thiên, ông ở chỗ này. Ông đến chỗ kia. Ông lại ở giữa".

Phạm thiên vận dụng hết như ý túc, muốn tự ẩn hình mà không thể tự ẩn, nên hiện hình trở lại giữa cõi trời Phạm thiên.

Bấy giờ Đức Thế Tôn mới bảo:

"Này Phạm thiên, Ta cũng muốn ẩn mình".

Phạm thiên thưa rằng:

"Đại Tiên Nhân, nếu muốn ẩn mình, xin cứ tùy tiện".

Lúc ấy, Đức Phật nghĩ rằng: "Ta hãy như vậy mà hóa hiện như ý túc[14], phóng hào quang cực sáng, chiếu rọi cùng khắp cõi trời Phạm thiên, rồi ẩn hình trong đó, khiến cho Phạm thiên và quyến thuộc của Phạm thiên chỉ nghe tiếng mà không thấy hình Ta".

Nghĩ xong, Đức Thế Tôn hiện như ý túc như vậy, phóng hào quang cực sáng, chiếu rọi khắp cõi trời Phạm thiên. Phạm thiên và quyến thuộc chỉ nghe tiếng mà không thấy hình Ngài. Bấy giờ Phạm thiên và quyến thuộc mới nghĩ rằng: "Sa-môn Cù-đàm thật là kỳ diệu, thật là hy hữu, có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai thần. Vì sao? Vì đã phóng hào quang chiếu sáng, chiếu rọi khắp cả trời Phạm thiên, rồi tự ẩn hình trong đó, khiến cho chúng ta chỉ được nghe tiếng mà không thấy hình".

"Lúc ấy, Đức Thế Tôn lại nghĩ rằng: "Ta đã giáo hóa Phạm thiên này và quyến thuộc của Phạm thiên. Nay Ta hãy thu hồi như ý túc".

"Đức Thế Tôn liền thu hồi như ý túc, hiện ra giữa cõi trời Phạm thiên. Khi ấy Ma vương cũng liền xuất hiện trong chúng Phạm thiên. Bấy giờ Ma vương liền bạch Thế Tôn rằng:

"Đại Tiên Nhân, Ông thật khéo thấy, khéo biết, khéo thông suốt, nhưng Ông chớ nên giáo huấn, chớ nên dìu dắt đệ tử, chớ nói pháp cho đệ tử nghe, chớ luyến ái đệ tử. Chớ vì luyến ái đệ tử mà khi thân hoại mạng chung sẽ sanh vào nơi thấp kém, sanh trong

---

13. Trong bản Pāli, bài kệ này do Phật nói.

14. Như kỳ tượng như ý túc -p———p-N—C

loại thần kỹ nhạc. Hãy sống vô vi mà hưởng thụ an ổn khoái lạc trong đời hiện tại. Vì sao? Đại Tiên Nhân, vì đó là tự gây phiền nhiệt vô ích. Đại Tiên Nhân, xưa có Sa-môn, Phạm chí giáo huấn đệ tử, dìu dắt đệ tử, nói pháp cho đệ tử nghe, luyến ái đệ tử. Vì luyến ái đệ tử nên khi thân hoại mạng chung, vị ấy đã sanh vào những nơi thấp kém, sanh làm thần kỹ nhạc. Đại Tiên Nhân, vì thế tôi bảo ông chớ nên giáo huấn đệ tử và dìu dắt đệ tử, cũng đừng nói pháp cho đệ tử nghe, chớ luyến ái đệ tử. Vì luyến ái đệ tử, sau khi thân hoại mạng chung sẽ sanh vào nơi thấp kém, làm thần kỹ nhạc. Hãy sống vô vi mà hưởng thụ khoái lạc trong đời hiện tại. Vì sao? Vì đó là tự gây phiền nhọc vô ích mà thôi".

Khi ấy, Phật bảo rằng:

"Ma Ba-tuần, ngươi chẳng phải vì mong cầu nghĩa lợi cho Ta, chẳng phải vì mong cầu sự hữu ích, chẳng phải vì mưu cầu hoan lạc, cũng chẳng phải mưu cầu sự an ổn cho Ta mà nói với Ta rằng: 'Đừng giáo huấn, dìu dắt đệ tử, đừng nói pháp cho đệ tử nghe, đừng luyến ái đệ tử. Vì sao? Vì luyến ái đệ tử thì sau khi thân hoại mạng chung, sẽ sanh vào nơi thấp kém, sanh làm thần kỹ nhạc. Hãy sống mà hưởng thụ khoái lạc ngay trong đời hiện tại. Vì sao vậy? Đại Tiên Nhân, vì đó là sự gây phiền nhọc vô ích mà thôi'. Ma Ba-tuần, Ta biết ngươi đang nghĩ rằng 'Sa-môn Cù-đàm này nói pháp cho đệ tử nghe, sau khi nghe xong, các đệ tử ấy sẽ ra khỏi cảnh giới của ta'. Này ma Ba-tuần, vì thế cho nên ngươi nói với Ta rằng: 'Đừng giáo huấn, dìu dắt đệ tử, đừng nói pháp cho đệ tử nghe, cũng đừng luyến ái đệ tử, thì sau khi thân hoại mạng chung sẽ sanh vào cảnh giới thấp kém, sanh làm thần kỹ nhạc. Hãy sống vô vi mà hưởng thụ khoái lạc an ổn ngay trong đời hiện tại. Vì sao vậy? –Này Đại Tiên Nhân, vì đó là sự gây phiền nhiệt vô ích mà thôi'.

"Ma Ba-tuần, nếu quả có Sa-môn, Phạm chí nào đã giáo huấn đệ tử, dìu dắt đệ tử, nói pháp cho đệ tử nghe và luyến ái đệ tử; vì luyến ái đệ tử nên thân hoại mạng chung đã sanh vào nơi thấp kém, làm thần kỹ nhạc thì Sa-môn, Phạm chí ấy chẳng phải là Sa-môn mà tự xưng là Sa-môn, chẳng phải là Phạm chí mà tự xưng là Phạm chí, chẳng phải A-la-hán mà tự xưng là A-la-hán, chẳng phải Đẳng chánh giác mà tự xưng Đẳng chánh giác.

"Này ma Ba-tuần, Ta là Sa-môn thực nên mới xưng là Sa-môn, thực là Phạm chí nên mới xưng là Phạm chí, thực là A-la-hán nên mới xưng là A-la-hán, thực là Đẳng chánh giác nên mới xưng là Đẳng chánh giác. Này ma Ba-tuần, nếu Ta có nói pháp hay không nói pháp cho đệ tử nghe thì ngươi cũng nên đi đi. Nay Ta tự biết nên nói pháp cho đệ tử nghe hay không nên nói pháp cho đệ tử nghe.

"Đó là sự thỉnh cầu Phạm thiên, sự chống đối của ma Ba-tuần, sự tùy thuận thuyết pháp của Đức Thế Tôn, cho nên kinh này gọi là "Phạm thiên thỉnh Phật".

Phật thuyết như vậy. Phạm thiên và quyến thuộc của Phạm thiên sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

❑

79. KINH HỮU THẮNG THIÊN[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng, vườn Cấp cô độc.

Bấy giờ, Tiên Dư Tài Chủ [2] bảo một người sứ:

"Ngươi hãy đến chỗ Đức Phật, thay ta cúi đầu đảnh lễ dưới chân Đức Thế Tôn và thưa hỏi Ngài: Thánh thể có khang cường, an vui, không bệnh, đi đứng dễ dàng, khí lực bình thường chăng? Hãy nói như vầy: 'Tiên Dư Tài Chủ cúi lạy dưới chân Phật, thưa hỏi Thế Tôn: Thánh thể có khang cường, an vui, không bệnh, đi đứng dễ dàng, khí lực bình thường chăng?' Ngươi đã thay ta thăm hỏi Phật rồi, hãy đến chỗ Tôn giả A-na-luật-đà[3], cũng thay mặt ta cúi lạy dưới chân Tôn giả, rồi thăm hỏi rằng: 'Tiên Dư Tài Chủ cúi lạy dưới chân Tôn giả A-na-luật-đà và thưa hỏi Tôn giả: Thánh thể có khang kiện, an vui, không bệnh, đi đứng dễ dàng, thoải mái, nhẹ nhàng, khí lực bình thường chăng? Tiên Dư Tài Chủ cung thỉnh Tôn giả A-na-luật-đà, tất cả bốn vị, ngày mai cùng đến thọ trai'. Nếu ngài nhận lời, thưa thêm rằng: 'Bạch Tôn giả, Tiên Dư Tài Chủ nhiều công việc, nhiều bổn phận, làm các việc cho vua, giải quyết việc thần tá[4]. Cúi xin Tôn giả vì lòng thương xót, cùng tất cả bốn vị nữa, ngày mai đến nhà Tiên Dư Tài Chủ'."

Lúc ấy người sứ nghe lời Tiên Dư Tài Chủ dạy xong, đi đến chỗ Phật, cúi lạy dưới chân Ngài, đứng qua một bên mà bạch rằng:

"Bạch Đức Thế Tôn, Tiên Dư Tài Chủ cúi lạy dưới chân Phật, thăm hỏi Thế Tôn: Thánh thể có khang kiện, an vui, không bệnh, đi đứng thoải mái nhẹ nhàng, khí lực bình thường chăng?"

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo người sứ:

"Mong rằng Tiên Dư Tài Chủ an ổn, khoái lạc. Mong rằng trời, người, A-tu-la, Càn-thát-bà, La-sát và tất cả loài khác an ổn khoái lạc.

Khi ấy, người sứ nghe lời Phật dạy, khéo ghi nhớ, cúi lạy dưới chân Phật, nhiễu quanh ba vòng rồi lui ra. Đi đến chỗ Tôn giả A-na-luật-đà cúi lạy dưới chân, ngồi qua một bên và bạch rằng:

"Bạch Tôn giả A-na-luật-đà, Tiên Dư Tài Chủ cúi lạy dưới chân ngài, thăm hỏi Tôn giả: Thánh thể có khang kiện, an vui, không bệnh, đi đứng thoải mái nhẹ nhàng, khí lực bình thường chăng? Tiên Dư Tài Chủ cung thỉnh Tôn giả cùng bốn vị ngày mai cùng đến thọ trai".

---

1. Tương đương Pāli M.127. Anuruddha-suttaṃ.
2. Tiên Dư Tài Chủ −P−l−]−D−F Pāli có thể là Isidatta dhanapati (thương gia), nhưng không đồng với Pāli: Pañcakaṅga thapati (Ngũ Chi vật chủ, xem kinh 179), một người thợ mộc của Pasenadi, vua xứ Kosala.
3. Xem các kinh 72,74, 77.
4. Đoán lý thần tá −_−z——C

Lúc ấy, cách Tôn giả A-na-luật-đà không xa, Tôn giả Chân Ca-chiên-diên [5] đang ngồi nghỉ. Tôn giả A-na-luật-đà liền nói:

"Hiền giả Chân Ca-chiên-diên, tôi đã nói ngày mai chúng ta đến Xá-vệ để khất thực chính là vậy. Hôm nay Tiên Dư Tài Chủ sai người thỉnh chúng ta bốn người cùng thọ trai ngày mai".

Tôn giả Chân Ca-chiên-diên lập tức bạch rằng:

"Mong Tôn giả A-na-luật-đà vì người ấy mà nhận lời mời. Ngày mai chúng ta ra khỏi khu rừng này để vào thành Xá-vệ khất thực."

Tôn giả A-na-luật-đà vì người ấy mà im lặng nhận lời. Lúc đó người sứ biết Tôn giả im lặng nhận lời, liền thưa thêm rằng:

"Tiên Dư Tài Chủ bạch Tôn giả rằng: "Tiên Dư Tài Chủ có nhiều công việc, nhiều bổn phận, làm các việc cho vua, giải quyết việc thần tá. Mong Tôn giả vì thương xót, tất cả bốn vị, ngày mai đến sớm nhà Tiên Dư Tài Chủ'."

Tôn giả A-na-luật-đà bảo người sứ rằng:

"Ông cứ trở về, tôi tự biết thời".

Lúc ấy, người sứ liền từ chỗ ngồi đứng dậy, cúi đầu đảnh lễ, nhiễu ba vòng rồi lui ra.

Đêm tàn, trời sáng, Tôn giả A-na-luật-đà mang y cầm bát và tất cả bốn vị cùng đến nhà Tiên Dư Tài Chủ. Bấy giờ Tiên Dư Tài Chủ với thể nữ vây quanh, đứng ở giữa cửa, chờ Tôn giả A-na-luật-đà.

Tiên Dư Tài Chủ thấy Tôn giả A-na-luật-đà từ xa đi đến. Sau khi thấy, Tiên Dư Tài Chủ chắp tay hướng về Tôn giả A-na-luật-đà tán thán:

"Kính chào Tôn giả A-na-luật-đà, đã lâu rồi ngài không đến đây".

Với lòng tôn kính, Tiên Dư Tài Chủ dìu Tôn giả A-na-luật-đà vào trong nhà, mời ngồi trên giường tốt đẹp đã bày sẵn. Tôn giả liền ngồi trên giường ấy, Tiên Dư Tài Chủ cúi lạy dưới chân Tôn giả A-na-luật-đà, ngồi qua một bên mà bạch rằng:

"Kính bạch Tôn giả A-na-luật-đà, con có điều muốn hỏi, xin ngài nghe cho".

Tôn giả bảo:

"Tài Chủ, tùy theo ông hỏi. Nghe rồi tôi sẽ suy nghĩ".

Tiên Dư Tài Chủ hỏi Tôn giả A-na-luật-đà rằng:

"Hoặc có Sa-môn, Phạm chí đi đến chỗ con, bảo con: 'Tài Chủ, ông nên tu đại tâm giải thoát[6].' Bạch Tôn giả, lại có Sa-môn, Phạm chí đến chỗ con, bảo con: 'Tài Chủ, ông nên tu vô lượng tâm giải thoát[7].' Bạch Tôn giả, đại tâm giải thoát và vô lượng tâm giải thoát, hai giải thoát này khác văn khác nghĩa, hay một nghĩa nhưng khác văn?"

Tôn giả A-na-luật-đà bảo:

"Tài Chủ, ông hỏi điều này trước, vậy ông hãy tự trả lời trước, rồi tôi sẽ trả lời sau".

Tài Chủ thưa:

"Bạch Tôn giả, đại tâm giải thoát và vô lượng tâm giải thoát này đồng nghĩa nhưng khác văn".

Tiên Dư Tài Chủ không thể trả lời việc này[8].

Tôn giả A-na-luật-đà bảo rằng:

---

5. Chân Ca-chiên-diên -u-{———C Pāli: Sabhiya Kaccāna.
6. Đại tâm giải thoát -j————C Pāli: mahaggatā cetovimutti.
7. Vô lượng tâm giải thoát -L-q————C Pāli: appamāṇā cetovimutti.
8. Có lẽ bản Hán sót một câu của ngài A-na-luật-đà. Theo Pāli, ngài không thừa nhận cả hai đồng nghĩa.

"Tài chủ, hãy lắng nghe. Tôi sẽ nói cho ông nghe về đại tâm giải thoát và vô lượng tâm giải thoát.

"Thế nào là đại tâm giải thoát? Nếu có Sa-môn, Phạm chí nào ở chỗ vô sự hoặc đến gốc cây, chỗ yên tịnh, y trên một gốc cây, ý cởi mở, đại tâm giải thoát biến mãn, thành tựu an trụ, chỉ với giới hạn bằng chừng đó, tâm giải thoát không vượt hơn chỗ đó[9]. Nếu không y trên một cây, thì hãy y trên hai, hay ba gốc cây, ý cởi mở, đại tâm giải thoát biến mãn, thành tựu an trụ, với giới hạn bằng chừng đó, tâm giải thoát không vượt hơn chỗ đó. Nếu không y trên hai, hay ba gốc cây thì hoặc y trên một khu rừng. Nếu không y trên một khu rừng thì hoặc y trên hai, ba khu rừng. Nếu không y trên hai, ba khu rừng, nên y trên một thôn. Nếu không y trên một thôn thì nên y trên hai, ba thôn. Nếu không y trên hai, ba thôn thì hoặc y trên một nước. Nếu không y trên một nước, thì nên y trên hai, ba nước. Nếu không y trên hai, ba nước thì hoặc y vào đại địa, cho đến đại hải, ý cởi mở, đại tâm giải thoát biến mãn, thành tựu an trú, với giới hạn bằng đó, tâm giải thoát không vượt hơn chỗ đó. Đó là đại tâm giải thoát.

"Tài Chủ, thế nào là vô lượng tâm giải thoát? Nếu có Sa-môn, Phạm chí nào ở chỗ vô sự, hoặc đến gốc cây, chỗ yên tịnh trống trải, tâm đi đôi với từ, biến mãn một phương, thành tựu và an trú. Như vậy, hai, ba, bốn phương, trên dưới cùng khắp nơi, tâm đi đôi với từ, không kết không oán, không giận không tranh, rất rộng, rất lớn, vô lượng, khéo tu tập, biến mãn tất cả thế gian. Cũng như vậy, tâm đi đôi với hỷ, bi, xả, không kết không oán, không giận không tranh, rất rộng, rất lớn, vô lượng, khéo tu tập, biến mãn tất cả thế gian. Đó là vô lượng tâm giải thoát".

Tôn giả hỏi:

"Tài Chủ, đại tâm giải thoát và vô lượng tâm giải thoát, hai giải thoát này khác nghĩa, khác văn, hay đồng nghĩa đồng văn?"

Tiên Dư Tài Chủ bạch rằng:

"Từ chỗ tôi nghe Tôn giả thì tôi hiểu được nghĩa ấy. Hai giải thoát ấy, nghĩa đã khác nhau mà văn cũng khác".

Tôn giả A-na-luật-đà bảo rằng:

"Tài Chủ, có ba loài trời: Quang thiên, Tịnh quang thiên và Biến tịnh thiên[10]. Trong đó, chư Thiên trong cõi Quang thiên sanh tại một chỗ, không nghĩ rằng: 'Đây là sở hữu của ta, kia là sở hữu của ta'. Nhưng Quang thiên kia tùy chỗ họ đến nơi nào thì liền vui say nơi đó.

"Tài Chủ, ví như con ruồi ở nơi miếng thịt, không nghĩ rằng: 'Đây là sở hữu của ta, kia là sở hữu của ta', nhưng con ruồi tùy theo miếng thịt ở đâu mà vui say chỗ đó. Cũng vậy, chư Thiên cõi Quang thiên không nghĩ rằng: 'Đây là sở hữu của ta, kia là sở hữu của ta', nhưng Quang thiên tùy chỗ họ đến nơi nào thì liền vui say trong đó.

"Có thời, chư Thiên cõi Quang thiên họp lại một chỗ, tuy thân có khác nhau nhưng ánh sáng không khác.

"Tài Chủ, ví như có người thắp vô số cây đèn, đặt ở trong một cái nhà; các cây đèn kia tuy khác nhau nhưng ánh sáng của các cây đèn thì không khác. Cũng vậy, chư Thiên cõi Quang thiên họp lại một chỗ, tuy thân có khác nhau, nhưng ánh sáng không khác.

"Có lúc Quang thiên kia đều tự tản mác; lúc họ tự tản mác thì thân của họ đã khác

---

9. Bản Pāli: yāvatā ekaṃ rukkhamūlaṃ mahaggan ti pharitvā adhimuccitvā viharati, vị ấy an trú sau khi làm sung mãn và xác định rằng "lớn đến mức bằng một gốc cây".

10. Xem cht.11, kinh 78 và cht.2 trên.

nhau mà ánh sáng cũng khác.

"Tài Chủ, ví như có người từ trong một cái nhà đem ra nhiều cây đèn, phân chia đặt các nơi trong nhà. Những cây đèn đó đã khác mà ánh sáng cũng khác. Cũng vậy, Quang thiên kia có khi tự tản mác; lúc họ tản mác thì thân của họ đã khác mà ánh sáng cũng khác".

Lúc ấy, Tôn giả Chân Ca-chiên-diên bạch rằng:

"Bạch Tôn giả A-na-luật-đà, các vị Quang thiên sanh ở một chỗ, có thể biết có sự hơn, bằng, vi diệu và không vi diệu chăng?"

Tôn giả A-na-luật-đà đáp rằng:

"Hiền giả Ca-chiên-diên, có thể nói Quang thiên kia sanh ở một chỗ, mà biết có sự hơn, bằng, vi diệu và không vi diệu".

Tôn giả Chân Ca-chiên-diên lại hỏi:

"Tôn giả A-na-luật-đà, Quang thiên kia sanh tại một chỗ, do nhân gì, duyên gì mà biết được có sự hơn, bằng, vi diệu và không vi diệu?"

Tôn giả A-na-luật-đà đáp:

"Hiền giả Chân Ca-chiên-diên, nếu có Sa-môn, Phạm chí ở chỗ vô sự, hoặc đến gốc cây, chỗ an tịnh, trống vắng, y trên một gốc cây, ý cởi mở, suy tưởng về ánh sáng, thành tựu an trụ. Tâm suy tưởng về ánh sáng cực thịnh, với giới hạn bằng chừng đó, tâm giải thoát không vượt hơn chỗ đó. Nếu không y trên một cây, thì hoặc y trên hai, ba cây, cởi mở, suy tưởng về ánh sáng, tâm suy tưởng ánh sáng cực thịnh, với giới hạn bằng chừng đó, tâm giải thoát không vượt hơn chỗ đó. Này Hiền giả Chân Ca-chiên-diên, hai tâm giải thoát này, giải thoát nào là trên, là hơn, là vi diệu, là tối cao?"

Tôn giả Chân Ca-chiên-diên đáp:

"Tôn giả A-na-luật-đà, nếu có Sa-môn, Phạm chí không y trên một cây, mà y trên hai, ba cây, ý cởi mở, suy tưởng về ánh sáng, thành tựu và an trú. Tâm suy tưởng về ánh sáng cực thịnh, với giới hạn bằng chừng đó, tâm giải thoát không vượt hơn chỗ đó. Tôn giả A-na-luật-đà, trong hai loại giải thoát, giải thoát này là trên, là hơn, là vi diệu, là tối cao".

Tôn giả A-na-luật-đà lại nói:

"Hiền giả Chân Ca-chiên-diên, nếu không y trên hai, ba cây thì hoặc y trên một rừng. Nếu không y trên một rừng thì hoặc y trên hai, ba rừng. Nếu không y trên hai, ba rừng thì hoặc y trên một thôn. Nếu không y trên một thôn, thì hoặc y trên hai, ba thôn. Nếu không y trên hai, ba thôn, thì hoặc y trên một nước. Nếu không y trên một nước thì hoặc y trên hai, ba nước. Nếu không y trên hai, ba nước thì hoặc y trên một đại địa này, cho đến đại hải, ý cởi mở, suy tưởng về ánh sáng. Tâm suy tưởng ánh sáng cực thịnh, với giới hạn bằng chừng đó, tâm giải thoát không vượt hơn chỗ đó. Hiền giả Chân Ca-chiên-diên, trong hai giải thoát đó, giải thoát nào là hơn, là trên, là vi diệu, là tối cao?"

Tôn giả Chân Ca-chiên-diên đáp:

"Tôn giả A-na-luật-đà, nếu có Sa-môn, Phạm chí không y trên hai, ba cây thì hoặc y trên một rừng. Nếu không y trên một rừng thì hoặc y trên hai, ba rừng. Nếu không y trên hai, ba rừng thì hoặc y trên một thôn. Nếu không y trên một thôn, thì hoặc y trên hai, ba thôn. Nếu không y trên hai, ba thôn, thì hoặc y trên một nước. Nếu không y trên một nước thì hoặc y trên hai, ba nước. Nếu không y trên hai, ba nước thì hoặc y trên một đại địa này, cho đến đại hải, ý cởi mở, suy tưởng về ánh sáng. Tâm suy tưởng ánh sáng cực thịnh, với giới hạn bằng chừng đó, tâm giải thoát không vượt hơn chỗ đó. Tôn giả A-na-

luật-đà, trong hai loại giải thoát, giải thoát này là trên, là hơn, là vi diệu, là tối thắng".

Tôn giả A-na-luật-đà bảo rằng:

"Này Chân Ca-chiên-diên, do nhân ấy, duyên ấy, Quang thiên kia sanh ở một chỗ mà biết có hơn, có bằng, có vi diệu và không vi diệu. Vì sao? Vì do tâm người có hơn, có bằng, nên sự tu có tinh, có thô. Do sự tu có tinh, có thô nên người chứng đắc có hơn, có bằng. Này Hiền giả Chân Ca-chiên-diên, Đức Thế Tôn cũng nói như vậy, con người có hơn, có bằng nhau".

Tôn giả Chân Ca-chiên-diên lại hỏi:

"Tôn giả A-na-luật-đà, Tịnh quang thiên kia sanh một chỗ có thể biết có sự hơn, bằng, vi diệu và không vi diệu chăng?"

Tôn giả A-na-luật-đà đáp:

"Này Hiền giả, có thể nói, Tịnh quang thiên kia sanh tại một chỗ mà biết có sự hơn, bằng, vi diệu và không vi diệu".

Tôn giả Chân Ca-chiên-diên lại hỏi:

"Tôn giả A-na-luật-đà, Tịnh quang thiên kia sanh tại một chỗ, vì nhân gì, duyên gì mà biết có sự hơn, bằng, vi diệu và không vi diệu?"

Tôn giả A-na-luật-đà đáp:

"Này Hiền giả Chân Ca-chiên-diên, nếu có Sa-môn, Phạm chí nào ở chỗ vô sự, hoặc đến dưới gốc cây, chỗ an tịnh không nhàn, ý cởi mở, Tịnh quang thiên biến mãn, thành tựu an trú; vị ấy định này không tu, không tập, không phát triển, không cực kỳ thành tựu. Vị ấy sau đó, khi thân hoại mạng chung, sanh lên Tịnh quang thiên, sanh rồi không được cực kỳ tĩnh chỉ, không được cực kỳ tịch tịnh, cũng không sống trọn tuổi thọ.

"Này Hiền giả Chân Ca-chiên-diên, ví như hoa sen màu xanh, vàng, đỏ, trắng, sanh ra và lớn lên đều ở dưới đáy nước. Khi ấy, rễ, cọng, lá, hoa, tất cả đều bị thấm nước, ngập nước, không gì là không bị thấm nước. Này Hiền giả Chân Ca-chiên-diên, cũng như vậy, nếu có Sa-môn, Phạm chí ở chỗ vô sự, hoặc đến dưới gốc cây, nơi an tĩnh không nhàn, ý cởi mở, Tịnh quang thiên biến mãn thành tựu an trụ; vị ấy định này không tu, không tập, không làm rộng lớn, không cực kỳ thành tựu. Vị ấy thân hoại mạng chung, sanh lên Tịnh quang thiên, sanh rồi không cực kỳ tĩnh chỉ, không cực kỳ tịch tịnh, cũng không sống trọn tuổi thọ.

"Này Hiền giả Chân Ca-chiên-diên, lại có Sa-môn, Phạm chí, ý cởi mở, Tịnh quang thiên biến mãn, thành tựu an trụ; vị ấy định này nhiều lần tu, nhiều lần tập, nhiều lần làm rộng lớn, cực kỳ thành tựu. Vị ấy thân hoại mạng chung, sanh lên Tịnh quang thiên. Sau khi sanh, được cực kỳ tĩnh chỉ, cực kỳ tịch tịnh, cũng được sống trọn tuổi thọ.

"Này Hiền giả Ca-chiên-diên, ví như hoa sen xanh, vàng, đỏ, trắng sanh dưới nước, lớn dưới nước, vượt lên trên nước, nước không thể thấm ngập được. Hiền giả Ca-chiên-diên, cũng như vậy, nếu lại có Sa-môn, Phạm chí ở chỗ vô sự, hoặc đến dưới gốc cây, nơi an tĩnh không nhàn, ý cởi mở, Tịnh quang thiên biến mãn, thành tựu an trụ; vị ấy định này nhiều lần tu, nhiều lần tập, nhiều lần làm rộng lớn, cực kỳ thành tựu. Vị ấy khi thân hoại mạng chung, sanh lên Tịnh quang thiên. Sanh lên rồi, được cực kỳ tĩnh chỉ, cực kỳ tịch tịnh, và cũng được sống trọn tuổi thọ.

"Này Hiền giả Ca-chiên-diên, do nhân ấy, duyên ấy, chư Thiên cõi Tịnh quang thiên, sanh ở một chỗ, biết có sự hơn, bằng, vi diệu và không vi diệu. Vì sao? Bởi do tâm người có hơn, có bằng, nên sự tu có tinh, có thô. Do sự tu có tinh, có thô nên người chứng đắc có hơn, có bằng. Này Hiền giả Ca-chiên-diên, Đức Thế Tôn cũng nói như vậy, con

người có hơn, có bằng nhau".

Tôn giả Chân Ca-chiên-diên lại hỏi:

"Tôn giả A-na-luật-đà, Biến tịnh quang thiên kia, sanh ở một chỗ, biết có sự hơn, bằng, vi diệu và không vi diệu chăng?"

Tôn giả A-na-luật-đà đáp:

"Này Hiền giả Chân Ca-chiên-diên, có thể nói Biến tịnh quang thiên kia sanh ở một chỗ, mà biết có sự hơn, bằng, vi diệu và không vi diệu".

Tôn giả Chân Ca-chiên-diên lại hỏi:

"Tôn giả A-na-luật-đà, Biến tịnh quang thiên kia, sanh tại một chỗ, do nhân gì, duyên gì mà biết có sự hơn, bằng, vi diệu và không vi diệu?"

Tôn giả A-na-luật-đà đáp:

"Này Hiền giả Chân Ca-chiên-diên, nếu có Sa-môn, Phạm chí ở chỗ vô sự, hoặc đến dưới gốc cây, chỗ an tịnh không nhàn, ý cởi mở, Biến tịnh quang thiên biến mãn, thành tựu an trú. Vị ấy không cực kỳ đình chỉ được thụy miên, không chấm dứt trạo hối một cách khéo léo. Sau đó, khi thân hoại mạng chung, sanh lên Biến tịnh quang thiên. Vị ấy sanh rồi, ánh sáng không cực kỳ minh tịnh.

"Này Hiền giả Chân Ca-chiên-diên, ví như đèn cháy là nhờ nơi dầu và tim đèn. Nếu dầu có cặn, tim lại không sạch, do đó ánh sáng của đèn phát ra không sáng tỏ. Này Hiền giả Ca-chiên-diên, cũng vậy, nếu có Sa-môn, Phạm chí nào ở nơi vô sự, hoặc đến dưới gốc cây, chỗ an tĩnh không nhàn, ý cởi mở, Biến tịnh quang thiên biến mãn, thành tựu an trụ. Vị ấy không cực kỳ đình chỉ được thụy miên, không chấm dứt khéo léo trạo hối. Khi thân hoại mạng chung, sanh lên Biến tịnh quang thiên. Vị ấy sanh rồi, ánh sáng không cực kỳ minh tịnh.

"Này Hiền giả Chân Ca-chiên-diên, lại có Sa-môn, Phạm chí ở chỗ vô sự, hoặc đến dưới gốc cây, chỗ an tĩnh không nhàn, ý cởi mở, Biến tịnh quang thiên biến mãn, thành tựu an trụ. Vị ấy cực kỳ đình chỉ được thụy miên, chấm dứt khéo léo trạo hối. Khi thân hoại mạng chung sanh lên Biến tịnh quang thiên. Vị ấy sanh rồi, ánh sáng cực kỳ minh tịnh.

"Này Hiền giả Ca-chiên-diên, cũng như vậy, đèn do dầu và do tim. Nếu dầu rất sạch và tim rất sạch, nhờ đó ánh sáng phát ra rất trong sáng. Cũng vậy, nếu có Sa-môn, Phạm chí ở chỗ nhàn tịnh, vô sự, đến dưới gốc cây, ý cởi mở, Biến tịnh quang thiên biến mãn, thành tựu an trụ. Vị ấy cực kỳ đình chỉ được thụy miên, chấm dứt khéo léo được trạo hối. Khi thân hoại mạng chung, sanh lên Biến tịnh quang thiên. Vị ấy sanh rồi, ánh sáng cực kỳ minh tịnh.

"Này Hiền giả Chân Ca-chiên-diên, do nhân ấy, duyên ấy, chư Thiên cõi Biến tịnh quang thiên sanh ở một chỗ mà biết có hơn, bằng, vi diệu và không vi diệu. Vì sao? Bởi do tâm người có hơn, có bằng nên sự tu có tinh có thô. Do sự tu có tinh, có thô, nên khi người chứng đắc có hơn, có bằng. Này Hiền giả Chân Ca-chiên-diên, Đức Thế Tôn cũng nói như vậy, loài người có hơn, có bằng nhau".

Bấy giờ Tôn giả Chân Ca-chiên-diên khen Tiên Dư Tài Chủ:

"Lành thay! Lành thay! Tài Chủ, ông đã làm cho chúng tôi được nhiều lợi ích. Vì sao? Vì trước hết ông hỏi Tôn giả A-na-luật-đà về việc cõi trời thù thắng[11]. Chúng tôi chưa từng nghe Tôn giả A-na-luật-đà nói về nghĩa như vậy. Tức là, cõi trời kia, có cõi trời kia,

---

[11] Hán: hữu thắng thiên ——C Tên kinh cũng do đó.

cõi trời kia như vậy".

Lúc ấy, Tôn giả A-na-luật-đà bảo rằng:

"Này Hiền giả Chân Ca-chiên-diên, có nhiều cõi trời kia, mà mặt trời và mặt trăng này có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai thần như vậy nhưng ánh sáng này không kịp ánh sáng kia. Các vị kia cùng ta tụ họp, cùng hỏi han, cùng có những điều luận thuyết, có những điều để đối đáp, nhưng ta không như vầy, rằng: "Cõi trời kia, có cõi trời kia, cõi trời kia như vậy".

Khi đó Tiên Dư Tài Chủ biết Tôn giả A-na-luật-đà đã nói xong, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, tự tay đi lấy nước rửa, dùng các thức ăn hết sức trong sạch, tốt tươi, đầy dẫy các loại nhai, loại nuốt, tự tay săn sóc thức ăn, rót nước, liền cho ăn uống no đủ.

Ăn xong, dọn dẹp đồ dùng, rửa nước, rồi Tài Chủ lấy một cái ghế nhỏ, ngồi một bên nghe pháp. Tiên Dư Tài Chủ ngồi xong, Tôn giả A-na-luật-đà thuyết pháp cho Tài chủ nghe, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ. Dùng vô lượng phương tiện thuyết pháp cho Tài chủ nghe, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ, rồi Tôn giả từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

Tôn giả A-na-luật-đà thuyết như vậy. Tiên Dư Tài Chủ và các Tỳ-kheo sau khi nghe xong, hoan hỷ phụng hành.

❑

80. KINH CA-HI-NA[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật trú tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng, vườn Cấp cô độc.

Bấy giờ, A-na-luật-đà cũng ở tại nước Xá-vệ, trong núi Sa-la-la nham[2]. Lúc ấy đêm đã qua, trời sáng, Tôn giả A-na-luật-đà mang y, cầm bát vào thành Xá-vệ khất thực. Tôn giả A-nan cũng vào buổi sáng đắp y mang bát vào thành Xá-vệ khất thực. Tôn giả A-na-luật-đà gặp Tôn giả A-nan cùng đi khất thực. Sau khi gặp, Tôn giả A-na-luật-đà hỏi:

"Này Hiền giả A-nan, nên biết, ba y của tôi đã rách nát hết. Này Hiền giả, nay đây có thể nhờ các Tỳ-kheo may y hộ cho tôi không?"

Tôn giả A-nan im lặng nhận lời Tôn giả A-na-luật-đà, hứa sẽ nhờ.

Bấy giờ, Tôn giả A-nan khất thực, sau khi vào Xá-vệ, ăn xong, sau buổi trưa, rửa tay chân, lấy Ni-sư-đàn vắt lên vai, tay cầm chìa khóa cửa, đến khắp các phòng gặp các Tỳ-kheo, liền nói rằng:

"Thưa các thầy, hôm nay qua núi Sa-la-la nham may y cho Tôn giả A-na-luật-đà".

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe lời Tôn giả A-nan, thảy đều đến Sa-la-la nham để may y cho Tôn giả A-na-luật-đà.

Lúc ấy, Đức Thế Tôn gặp Tôn giả A-nan tay cầm chìa khóa cửa, đến khắp các phòng. Sau khi gặp, Ngài hỏi:

"A-nan, ông vì việc gì tay cầm chìa khóa cửa, đến khắp các phòng?"

Tôn giả A-nan bạch rằng:

"Bạch Thế Tôn, con nay nhờ các Tỳ-kheo may y cho Tôn giả A-na-luật-đà".

Đức Thế Tôn bảo rằng:

"A-nan, sao ông không thỉnh Như Lai may y cho A-na-luật-đà?"

Khi ấy, Tôn giả A-nan liền chắp tay hướng về Đức Thế Tôn bạch rằng:

"Cúi mong Thế Tôn qua núi Sa-la-la nham may y cho Tôn giả A-na-luật-đà".

Đức Thế Tôn im lặng nhận lời.

Bấy giờ Đức Thế Tôn dẫn Tôn giả A-nan qua núi Sa-la-la nham, ngồi trước mặt chúng Tỳ-kheo. Lúc ấy trong núi Sa-la-la nham có tám trăm Tỳ-kheo và Đức Thế Tôn cũng ngồi chung may y cho Tôn giả A-na-luật-đà.

Lúc đó, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên cũng có trong chúng. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo:

"Đại Mục-kiền-liên, Ta có thể vì A-na-luật-đà trải rộng khuôn khổ tấm y, cắt rọc rồi khâu may lại thành y".

Lúc đó, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch vai hữu, chắp tay hướng về Đức Thế Tôn mà bạch rằng:

---

1. Ca-hi-na, theo âm Pāli hay Sanskrit, kaṭṭhina, thì nên đọc là ca-thi-na, nhưng đây đọc theo thói quen.
2. Sa-la-la nham sơn -P————s-C Chưa rõ địa danh này.

"Cúi mong Đức Thế Tôn trải rộng khuôn khổ tấm y, các vị Tỳ-kheo sẽ cùng nhau cắt rọc, khâu vá, may chung lại thành y".

Bấy giờ Đức Thế Tôn liền vì Tôn giả A-na-luật-đà trải rộng khuôn khổ tấm y, các vị Tỳ-kheo cùng nhau cắt rọc, khâu vá, may chung lại. Ngay trong ngày hôm ấy may xong ba y cho Tôn giả A-na-luật-đà. Đức Thế Tôn lúc ấy biết ba y của Tôn giả A-na-luật-đà đã may xong, liền bảo rằng:

"A-na-luật-đà, ông hãy nói pháp Ca-hi-na cho các Tỳ-kheo nghe. Ta đang đau lưng muốn nghỉ một lúc".

Tôn giả A-na-luật-đà bạch rằng:

"Xin vâng, bạch Thế Tôn".

Khi ấy, Đức Thế Tôn xếp chồng bốn lớp y Uất-đa-la-tăng để trải lên giường, gấp y Tăng-già-lê làm gối, nằm hông bên phải, hai chân chồng lên nhau, khởi quang minh tưởng, thường tác khởi tư tưởng nơi chánh niệm chánh trí.

Lúc đó Tôn giả A-na-luật-đà bảo các Tỳ-kheo:

"Này chư Hiền, xưa kia, lúc tôi chưa xuất gia học đạo, nhàm tởm cảnh sanh, già, bệnh, chết, khóc than, áo não, buồn tủi, lo lắng, muốn đoạn trừ cái khối đau khổ lớn lao này.

"Này chư Hiền, khi đã nhàm tởm, tôi quán sát như vầy: 'Đời sống tại gia hết sức chật hẹp, đầy bụi bặm. Xuất gia học đạo, rộng rãi bao la. Ta nay sống tại gia bị kềm tỏa trong sự xiềng xích, không được trọn đời tu các phạm hạnh. Ta hãy từ bỏ những tài vật ít, và tài vật nhiều, từ bỏ thân tộc ít và thân tộc nhiều, cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo.

"Này chư Hiền, sau đó tôi từ bỏ những tài vật ít, và tài vật nhiều, từ bỏ thân tộc ít và thân tộc nhiều, cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo.

"Này chư Hiền, khi tôi đã xuất gia học đạo, từ bỏ dòng họ rồi, thọ pháp Tỳ-kheo, tu hành cấm giới, thủ hộ Tùng giải thoát. Tôi lại khéo léo nhiếp phục các oai nghi lễ tiết, thấy tội nhỏ nhặt thường ôm lòng lo sợ, thọ trì thập giới.

"Này chư Hiền, tôi xa lìa sát hại, đoạn trừ sát hại, vất bỏ dao gậy, có tàm có quý, có tâm từ bi, lợi ích tất cả, ngay đến cả côn trùng nhỏ nhặt. Với việc sát sanh, tôi đã đoạn trừ tâm đó.

"Này chư Hiền, tôi đã xa lìa sự lấy của không cho, đoạn trừ sự lấy của không cho, chỉ lấy những gì được cho, vui nơi việc lấy vật đã đuộc cho, thường ưa bố thí, hoan hỷ không keo kiết, không mong cầu báo đáp. Với sự lấy của không cho, tâm tôi đã đoạn trừ.

"Này chư Hiền, tôi đã xa lìa phi phạm hạnh, siêng năng tu phạm hạnh, tinh cần tịnh diệu, thanh tịnh không ô uế, lìa dục, đoạn dâm. Với việc phi phạm hạnh, tâm tôi đã đoạn trừ.

"Này chư Hiền, tôi xa lìa nói láo, nói lời chân thật, thích sự chân thật, an trụ nơi chân thật không di động, thay đổi, mọi người đều tin theo, không dối gạt thế gian. Với lời nói láo, tâm tôi đã đoạn trừ.

"Này chư Hiền, tôi xa lìa lời nói hai lưỡi, đoạn trừ lời nói hai lưỡi, thực hành không nói hai lưỡi, không phá hoại người khác; không nghe lời người này đem nói lại với người kia để phá hoại người này; không nghe lời người kia đem nói lại với người này để phá hoại người kia. Ai chia rẽ thì muốn làm cho hòa hiệp, ai hòa hiệp thì làm cho hoan hỷ; không bè đảng, không ham thích bè đảng, không rêu rao bè đảng. Với lời nói hai lưỡi, tâm

tôi đã đoạn trừ.

"Này chư Hiền, tôi xa lìa lời nói thô ác, đoạn trừ lời nói thô ác. Nếu có lời nói mà ngôn từ thô ác, hung hăng, tiếng dữ trái tai, mọi người không vui, mọi người không mến, khiến cho người khác khổ não, không được an định, thì tôi đoạn trừ lời nói ấy. Nếu có lời nói mà trong trẻo, hòa thuận, mềm mỏng, xuôi tai, đáng mến, khiến cho người khác an lạc, ngôn từ đầy đủ rõ ràng, không làm người sợ, khiến họ được an tịnh; nói những lời như vậy. Với lời nói thô ác, tâm tôi đã đoạn trừ.

"Này chư Hiền, tôi xa lìa lời nói thêu dệt, đoạn trừ lời nói thêu dệt, nói lời hợp thời, lời chân thật, đúng pháp, đúng nghĩa, nói lời tịch tĩnh và ưa nói lời tịch tĩnh, hợp theo việc, hợp theo thời, dạy dỗ khéo léo, quở trách khéo léo. Với lời nói thêu dệt, tâm tôi đã đoạn trừ.

"Này chư Hiền, tôi xa lìa sự buôn bán, đoạn trừ sự buôn bán, vất bỏ dụng cụ đong lường, cái đấu, cái hộc; không nhận lãnh hàng hóa, không buộc trói người, không mong bẻ đấu đong lường, không vì lợi nhỏ mà xâm lấn dối gạt người khác. Với sự buôn bán, tâm tôi đã đoạn trừ.

"Này chư Hiền, tôi xa lìa việc nhận lãnh quả phụ, đồng nữ, đoạn trừ việc nhận lãnh quả phụ, đồng nữ. Với việc nhận lãnh quả phụ, đồng nữ, tâm tôi đã đoạn trừ.

"Này chư Hiền, tôi xa lìa việc nhận lãnh tôi tớ, đoạn trừ việc nhận lãnh tôi tớ. Với việc nhận lãnh tôi tớ, tâm tôi đã đoạn trừ.

"Này chư Hiền, tôi xa lìa việc nhận lãnh voi, ngựa, bò, dê; đoạn trừ việc nhận lãnh voi, ngựa, bò, dê. Với việc nhận lãnh voi, ngựa, trâu, dê, tâm tôi đã đoạn trừ.

"Này chư Hiền, tôi xa lìa việc nhận lãnh gà, heo, đoạn trừ việc nhận lãnh gà, heo. Đối với việc nhận lãnh gà, heo, tâm tôi đã đoạn trừ.

"Này chư Hiền, tôi xa lìa việc nhận lãnh ruộng vườn, tiệm quán, đoạn trừ việc nhận lãnh ruộng vườn, tiệm quán. Với việc nhận lãnh ruộng vườn, tiệm quán, tâm tôi đã đoạn trừ.

"Này chư Hiền, tôi xa lìa việc nhận lãnh lúa, mè, đậu còn sống chưa chín; đoạn trừ việc nhận lãnh lúa, mè, đậu còn sống chưa chín. Với việc nhận lãnh lúa, mè, đậu còn sống chưa chín, tâm tôi đã đoạn trừ.

"Này chư Hiền, tôi xa lìa rượu, đoạn trừ rượu. Với việc uống rượu, tâm tôi đã đoạn trừ.

"Này chư Hiền, tôi xa lìa giường lớn, cao rộng; đoạn trừ giường lớn cao rộng. Với việc giường cao lớn rộng, tâm tôi đã đoạn trừ.

"Này chư Hiền, tôi xa lìa tràng hoa, anh lạc, phấn sáp, thơm tho, bôi xoa thân thể; đoạn trừ tràng hoa, anh lạc, phấn sáp, thơm tho, bôi xoa thân thể. Với tràng hoa, anh lạc, phấn sáp, bôi xoa, thơm tho thân thể, tâm tôi đã đoạn trừ.

"Này chư Hiền, tôi xa lìa ca múa, xướng hát, xem nghe; đoạn trừ ca múa, hát xướng, xem nghe. Với việc ca múa, hát xướng, xem nghe, tâm tôi đã đoạn trừ.

"Này chư Hiền, tôi xa lìa việc nhận lãnh vàng bạc quý báu, đoạn trừ việc nhận lãnh vàng bạc quý báu. Với việc nhận lãnh vàng bạc quý báu, tâm tôi đã đoạn trừ.

"Này chư Hiền, tôi xa lìa việc ăn quá giờ ngọ, đoạn trừ việc ăn quá giờ ngọ; ăn một lần, không ăn đêm, học ăn đúng thời. Với việc ăn quá giờ ngọ, tâm tôi đã đoạn trừ.

"Này chư Hiền, tôi đã thành tựu thánh giới tụ này, lại học theo hạnh hết sức tri túc, y chỉ đủ để che thân, ăn chỉ đủ để nuôi thân, đi đến đâu đều mang theo y bát, đi không luyến nhớ, như chim ưng mang theo đôi cánh bay lượn trên không trung. Này chư Hiền, tôi

cũng vậy, đi đến đâu đều mang theo y bát, không luyến nhớ.

"Này chư Hiền, tôi đã thành tựu thánh giới tụ này và hết sức tri túc. Tôi lại học giữ gìn các căn, thường niệm sự khép kín, niệm tưởng muốn minh đạt, thủ hộ niệm tâm mà được thành tựu, hằng muốn khởi ý. Khi mắt thấy sắc, không chấp thủ sắc tướng, không đắm sắc vị; vì sự phẫn tránh[3] mà thủ hộ căn con mắt, trong tâm không sanh tham lam, ưu não, ác bất thiện pháp, vì thú hướng đến kia[4], nên thủ hộ căn con mắt. Cũng vậy, tai, mũi, lưỡi, thân, khi ý biết pháp không chấp thủ pháp tướng, không đắm pháp vị; vì sự phẫn tránh mà thủ hộ ý căn, trong tâm không sanh tham lam, ưu não, ác bất thiện pháp, vì thú hướng đến kia, nên thủ hộ ý căn.

"Này chư Hiền, tôi đã thành tựu thánh giới tụ này, hết sức tri túc và giữ gìn các căn. Tôi lại học chánh tri khi ra, khi vào[5], khéo quán sát phân biệt[6]; co duỗi, cúi ngước, nghi dung chững chạc; khéo mang Tăng-già-lê và các y bát; đi, đứng, ngồi, nằm, ngủ, thức, nói năng hay im lặng đều có chánh tri.

"Này chư Hiền, khi tôi đã thành tựu thánh giới tụ này và hết sức tri túc, gìn giữ các căn, chánh trí xuất nhập. Tôi lại học hạnh viễn ly, cô độc một mình, ở chỗ vô sự, hoặc đến dưới gốc cây, nơi an tĩnh trống vắng, núi sâu, hốc đá, đất trống, hoặc ở trong núi rừng, hoặc ở nơi gò trũng.

"Này chư Hiền, khi tôi đã đến chỗ vô sự, hoặc dưới gốc cây, nơi an tĩnh không nhàn, trải Ni-sư-đàn, ngồi kiết già, chánh thân chánh nguyện[7], hướng niệm nội tâm[8], đoạn trừ tâm tham lam, tâm không tranh cãi[9], thấy tài vật và các nhu dụng sinh sống của người khác mà không khởi lòng tham muốn, muốn khiến về mình. Tôi đối với sự tham lam, tâm đã tịnh trừ. Cũng vậy, sân nhuế, thụy miên, trạo hối, đoạn nghi trừ hoặc, đối với các thiện pháp không có do dự. Tôi đối với sự nghi hoặc, tâm đã tịnh trừ.

"Này chư Hiền, tôi đã đoạn trừ năm triền cái làm cho tâm ô uế, tuệ yếu kém; ly dục, ly ác bất thiện cho đến chứng đắc Tứ thiền, thành tựu và an trụ.

"Này chư Hiền, tôi đã được định tâm như vậy, thanh tịnh không ô uế, không buồn phiền, nhu nhuyến, khéo an trụ, được tâm bất động, học chứng nghiệm Như ý túc trí thông.

"Này chư Hiền, tôi đã được vô lượng Như ý túc; đó là, phân một thành nhiều, hợp nhiều thành một, một thời trụ một, có tri có kiến, không trở ngại bởi vách đá, chẳng khác nào đi giữa hư không, vào đất như vào nước, đi trên nước như đi trên đất, ngồi kiết già mà bay lên không trung như chim bay. Ngay mặt trời này, mặt trăng này có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai thần, tôi sờ bắt được, thân tôi cao đến Phạm thiên.

---

3. Vị phẫn tránh cố ■■■■G■F vì sự phẫn nộ và tranh cãi. Pāli: yatvādhikaraṇam enam…, do nguyên nhân gì mà… Trong bản Hán, adhikaraṇa, nguyên nhân, được hiểu là sự tranh cãi.

4. Thú hướng bỉ cố ■■V■■G■F Pāli: (akusalā dhammā) anvāssaveyyṃ, (các pháp bất thiện) có thể khởi lên (trôi chảy vào tâm).

5. Chánh tri xuất nhập ■■■■X■J■F Pāli: abhikkante paṭikkante saṃpajānakārī, tỉnh giác (biết mình đang làm gì) khi đi tới đi lui.

6. Thiện quán phân biệt; Pāli: ālokite vilokite saupajānakārī, tỉnh giác khi nhìn trước nhìn sau.

7. Chánh thân chánh nguyện ■■■■■@■F Pāli: ujuṃ kāyaṃ paṇidhāya, ngồi thẳng lưng. Bản Hán, paṇidhāya, sau khi đặt để, được hiểu là paṇidhāna: ước nguyện.

8. Phản niệm bất hướng ■■■■V■F Pāli: parimukhaṃ satiṃ upaṭṭhapetvā, dựng chánh niệm ngay trước mặt (*hệ niệm tại tiền*).

9. Tâm vô hữu tránh ■■L■■■F Pāli: vigatābhijjhena cetasā vharati, sống với tâm tư không tham lam.

"Này chư Hiền, khi tôi đã được định tâm như vậy, thanh tịnh, không tạp uế, không buồn phiền, nhu nhuyến, khéo an trụ, được tâm bất động, tôi học chứng nghiệm Thiên nhĩ trí thông. Này chư Hiền, tôi dùng thiên nhĩ nghe âm thanh loài người và không phải loài người, gần xa, hay và không hay.

"Này chư Hiền, khi tôi đã được định tâm như vậy, thanh tịnh không ô uế, nhu nhuyến, khéo an trụ, được bất động tâm, tôi học chứng nghiệm Tha tâm trí thông. Này chư Hiền, chúng sanh khác suy nghĩ, hành động, tôi dùng tha tâm trí biết được tâm của họ đúng như thật. Tâm có dục, tôi biết đúng như thật là tâm có dục. Tâm không dục, tôi cũng biết đúng như thật là tâm không dục. Nếu có giận, có nghi, không giận, không nghi, có uế, không uế, định tâm, tán loạn, cao thấp, lớn nhỏ, tu hay không tu, định hay không định, tôi đều biết đúng như thật. Không có tâm giải thoát, tôi biết không có tâm giải thoát. Có tâm giải thoát tôi cũng biết đúng như thật có tâm giải thoát.

"Này chư Hiền, tôi đã được định tâm như vậy, thanh tịnh không ô uế, không buồn phiền, nhu nhuyến, khéo an trụ, được tâm bất động, tôi học Ức túc mạng trí thông. Này chư Hiền, có hạnh nghiệp, có tướng mạo, tôi đều nhớ xưa kia trải qua vô lượng, nào là một đời, hai đời, trăm đời, ngàn đời, thành kiếp, hoại kiếp, vô số thành hoại kiếp. Chúng sanh đến đó, đã từng sanh chỗ đó, tên họ như vậy, danh tự như vậy, sống như vậy, ăn uống như vậy, chịu khổ được vui như vậy, sống lâu như vậy, sống lâu rồi chết như vậy, chết đây sanh kia, chết kia sanh đây. Tôi sanh chỗ này, họ như vậy, tên như vậy, sống như vậy, ăn uống như vậy, chịu khổ như vậy, vui sướng như vậy, sống lâu như vậy, sống lâu rồi chết như vậy.

"Này chư Hiền, tôi đã được định tâm như vậy, thanh tịnh không ô uế, không buồn phiền, nhu nhuyến, khéo an trụ, được tâm bất động, tôi học Sanh tử trí thông. Này chư Hiền, tôi dùng thiên nhãn thanh tịnh, nhìn xa hơn người, thấy chúng sanh này lúc chết lúc sanh, sắc đẹp sắc xấu, vi diệu hoặc không vi diệu, qua lại chỗ thiện, chỗ bất thiện, tùy chỗ tạo nghiệp của chúng sanh này mà thấy họ đúng như thật. Nếu chúng sanh nào thành tựu ác hạnh về thân, ác hạnh về khẩu, ác hạnh về ý, phỉ báng Thánh nhân, tà kiến, thành tựu nghiệp tà kiến, thì chúng sanh ấy, bởi nhân duyên này, khi thân hoại mạng chung, chắc chắn đến chỗ ác, sanh vào địa ngục. Nếu chúng sanh nào thành tựu diệu hạnh về thân, diệu hạnh về khẩu và diệu hạnh về ý, không phỉ báng Thánh nhân, chánh kiến, thành tựu nghiệp chánh kiến, thì chúng sanh ấy, bởi nhân duyên này, khi thân hoại mạng chung, chắc chắn sanh lên cõi thiện, sanh lên thiên giới.

"Này chư Hiền, tôi với định tâm như vậy, thanh tịnh, không ô uế, không phiền nhiệt, nhu nhuyến, khéo an trụ, chứng đắc tâm bất động, bèn hướng đến sự tác chứng lậu tận trí thông. Tôi liền biết như thật rằng: 'Đây là Khổ', 'Đây là Khổ tập', 'Đây là Khổ diệt', 'Đây là Khổ diệt đạo'. Cũng biết như thật: 'Đây là lậu', 'Đây là lậu tập', 'Đây là lậu diệt', 'Đây là lậu diệt đạo'. Tôi đã biết như vậy, thấy như vậy rồi, tâm giải thoát dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu. Giải thoát rồi liền biết là mình đã giải thoát, biết như thật rằng 'Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa'.

"Này chư Hiền, nếu Tỳ-kheo nào phạm giới, giới bị vỡ, giới bị khuyết, giới bị thủng, giới tạp uế, giới đen, mà muốn nương tựa nơi giới, an lập nơi giới, lấy giới làm thang leo lên tòa nhà vô thượng tuệ, lên lầu gác chánh pháp, nhất định không có điều đó.

"Này chư Hiền, ví như cách thôn không xa, nhà lớn, nhà nhỏ, lầu cao, lầu thấp, trong đó có một cái thang, nếu người nào đến cầu xin, leo lên nhà gác đó, nhưng nếu không leo lên nấc thang thứ nhất mà muốn leo lên nấc thang thứ hai thì không thể được. Nếu không

leo lên nấc thang thứ hai, thứ ba, thứ tư mà lên đến nhà gác cũng không thể được. Này chư Hiền, cũng như thế, nếu có Tỳ-kheo nào phạm giới, giới bị vỡ, giới bị khuyết, giới bị thủng, giới tạp uế, giới đen, mà muốn nương tựa nơi giới, an lập nơi giới, lấy giới làm thang leo lên tòa nhà vô thượng tuệ, lầu gác chánh pháp, nhất định không có điều đó.

"Này chư Hiền, nếu có Tỳ-kheo nào không phạm giới, giới không bị vỡ, giới không bị khuyết, giới không bị thủng, giới không tạp uế, giới không đen, nếu muốn nương tựa nơi giới, an lập nơi giới, lấy giới làm thang leo lên tòa nhà vô thượng tuệ, lầu gác chánh pháp, điều đó chắc chắn có.

"Này chư Hiền, như cách thôn không xa có ngôi nhà gác, trong đó có một cái thang, hoặc có mười nấc thang hay mười hai nấc thang. Nếu có người muốn cầu xin, muốn được leo lên nhà gác đó, nếu leo lên nấc thứ nhất của thang ấy rồi, muốn leo lên nấc thứ hai thì chắc chắn có thể được. Nếu leo lên nấc thứ hai, rồi muốn leo lên nấc thức ba, thứ tư thì chắc chắn có thể được. Này chư Hiền, cũng như thế, nếu có Tỳ-kheo nào không phạm giới, giới không bị vỡ, giới không bị khuyết, giới không bị thủng, giới không tạp uế, giới không đen, muốn nương tựa nơi giới, an lập nơi giới, lấy giới làm thang leo lên tòa nhà vô thượng tuệ, lầu gác chánh pháp, chắc chắn có điều đó.

"Này chư Hiền, tôi nương tựa nơi giới, an lập nơi giới, lấy giới làm thang leo lên tòa nhà vô thượng tuệ, lầu gác chánh pháp, với phương tiện như quán sát ngàn thế giới.

"Này chư Hiền, như người có mắt đứng trên lầu cao, với phương tiện nhỏ, nhìn khoảng đất trống phía dưới, thấy ngàn ụ đất. Này chư Hiền, tôi cũng như vậy, nương tựa nơi giới, an lập nơi giới, lấy giới làm thang leo lên tòa nhà vô thượng tuệ, lầu gác chánh pháp, với phương tiện nhỏ thấy ngàn thế giới.

"Này chư Hiền, như con voi lớn của vua, hoặc có bảy báu, hoặc giảm tám, lấy lá đa-la mà che đi, như tôi che phủ nơi lục thông này.

"Này chư Hiền, đối với sự chứng đắc của tôi về Như ý túc trí thông, nếu có gì nghi ngờ thì cứ hỏi tôi, tôi sẽ trả lời.

"Này chư Hiền, đối với Thiên nhĩ thông của tôi, nếu có điều gì nghi ngờ thì cứ hỏi tôi, tôi sẽ trả lời.

"Này chư Hiền, đối với Tha tâm trí thông của tôi, nếu có điều gì nghi ngờ thì cứ hỏi tôi, tôi sẽ trả lời.

"Này chư Hiền, đối với Túc mạng ý thông của tôi, nếu có điều gì nghi ngờ thì cứ hỏi tôi, tôi sẽ trả lời.

"Này chư Hiền, đối với Sanh tử trí thông của tôi, nếu có điều gì nghi ngờ thì cứ hỏi tôi, tôi sẽ trả lời.

"Này chư Hiền, đối với Lậu tận trí thông của tôi, nếu có điều gì nghi ngờ thì cứ hỏi tôi, tôi sẽ trả lời".

Bấy giờ Tôn giả A-nan bạch rằng:

"Bạch Tôn giả A-na-luật-đà, nay đây đang tập hợp ngồi trong núi Sa-la-la nham gồm có tám trăm Tỳ-kheo và Đức Thế Tôn để may y cho Tôn giả A-na-luật-đà. Nếu đối với Tôn giả A-na-luật-đà có điều gì nghi ngờ về sự chứng đắc Như ý túc trí thông thì vị ấy cứ hỏi, Tôn giả A-na-luật-đà sẽ trả lời. Nếu đối với Tôn giả A-na-luật-đà có điều gì nghi ngờ về sự chứng đắc Thiên nhãn trí thông thì vị ấy cứ hỏi, Tôn giả A-na-luật-đà sẽ trả lời. Nếu đối với Tôn giả A-na-luật-đà có điều gì nghi ngờ về Tha tâm trí thông thì vị ấy cứ hỏi, Tôn giả A-na-luật-đà sẽ trả lời. Nếu đối với Tôn giả A-na-luật-đà có điều gì nghi ngờ về Túc mạng trí thông thì vị ấy cứ hỏi, Tôn giả A-na-luật-đà sẽ trả lời. Nếu đối với Sanh

tử trí thông, có điều gì nghi ngờ thì cứ hỏi, Tôn giả A-na-luật-đà sẽ trả lời. Có điều gì nghi ngờ về Lậu tận trí thông thì cứ hỏi, Tôn giả A-na-luật-đà sẽ trả lời. Nhưng trong một thời gian dài, chúng tôi đã dùng tâm biết được tâm của Tôn giả A-na-luật-đà đúng như Tôn giả A-na-luật-đà nói: Ngài có đại Như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai thần". Khi ấy Đức Thế Tôn chỗ đau đã bớt và được an ổn, Ngài liền trở dậy ngồi kiết già. Sau khi ngồi, Đức Thế Tôn khen Tôn giả A-na-luật-đà:

"Lành thay! Lành thay! A-na-luật-đà, ông đã nói pháp Ca-hi-na cho các Tỳ-kheo nghe. Này A-na-luật-đà, ông lại nói pháp Ca-hi-na cho các Tỳ-kheo nghe. Này A-na-luật-đà, ông thường nói pháp Ca-hi-na cho các Tỳ-kheo nghe".

Khi ấy Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Này các Tỳ-kheo, các ông hãy vâng thọ Ca-hi-na pháp, đọc tụng, tu tập Ca-hi-na pháp, khéo giữ Ca-hi-na pháp. Vì sao? Vì Ca-hi-na pháp cùng tương ưng với pháp, là căn bản phạm hạnh, đưa đến sự thông suốt, đưa đến giác ngộ, đưa đến Niết-bàn. Nếu có người con nhà dòng dõi, cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo thì hãy chí tâm vâng thọ Ca-hi-na pháp. Vì sao? Vì Ta không thấy trong quá khứ các Tỳ-kheo may y như vậy, như A-na-luật-đà Tỳ-kheo. Cũng như trong vị lai và hiện tại các Tỳ-kheo may y như vậy, như Tỳ-kheo A-na-luật-đà. Vì sao? Vì hôm nay tám trăm Tỳ-kheo cùng ngồi nơi núi Sa-la-la nham và Thế Tôn cũng có trong đó, may y cho Tỳ-kheo A-na-luật-đà. Như vậy, Tỳ-kheo A-na-luật-đà có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai thần".

Phật thuyết như vậy. Tôn giả A-na-luật-đà và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

❑

81. KINH NIỆM THÂN[1]

Tôi nghe như vầy.

Một thời Đức Phật du hóa tại nước Ương-kì[2], cùng với đại chúng Tỳ-kheo đi qua A-hòa-na[3], trú xứ của Kiền-ni[4].

Bấy giờ đêm tàn, trời sáng, Đức Thế Tôn đắp y ôm bát vào A-hòa-na để khất thực. Sau buổi ăn trưa, Đức Thế Tôn thu cất y bát, rửa tay chân, vắt Ni-sư-đàn lên vai, đi đến một khu rừng, vào trong rừng đó, đến dưới một gốc cây, trải Ni-sư-đàn và ngồi kiết già.

Lúc bấy giờ một số đông các Tỳ-kheo sau giờ ăn trưa, tụ họp tại giảng đường, cùng thảo luận vấn đề này:

"Này chư Hiền, Đức Thế Tôn thật kỳ diệu thay, hy hữu thay! Sự tu tập niệm thân[5] được phân biệt, được quảng bá, được hiểu biết tột cùng, được quán sát tột cùng, được tu tập tột cùng, được thủ hộ và đối trị tột cùng, khéo sung mãn, khéo thực hành, ở trong một tâm. Phật tuyên bố niệm thân có đại quả báo, được con mắt, có con mắt thấy đệ nhất nghĩa".

Bấy giờ, Đức Thế Tôn từ chỗ tĩnh tọa, bằng thiên nhĩ thanh tịnh, nghe xa hơn người, Ngài biết các Tỳ-kheo sau giờ ăn trưa tụ họp tại giảng đường, cùng bàn luận vấn đề này, "Này chư Hiền, Đức Thế Tôn thật kỳ diệu thay, hy hữu thay! Sự tu tập niệm thân được phân biệt, được quảng bá, được hiểu biết tột cùng, được quán sát tột cùng, được tu tập tột cùng, được thủ hộ và đối trị tột cùng, khéo sung mãn, khéo thực hành, ở trong một tâm. Phật tuyên bố niệm thân có đại quả báo, được con mắt, có con mắt thấy đệ nhất nghĩa".

Sau khi Đức Thế Tôn nghe như vậy, vào lúc xế, từ chỗ tĩnh tọa đứng dậy, Ngài đến giảng đường, trải chỗ ngồi trước chúng Tỳ-kheo.

Bấy giờ Đức Thế Tôn hỏi các Tỳ-kheo:

"Các ngươi cùng nhau vừa bàn luận việc gì? Vì việc gì mà tụ tập tại giảng đường?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo chúng con sau giờ ăn trưa, tụ họp tại giảng đường, cùng bàn luận về vấn đề này: 'Này chư Hiền, Đức Thế Tôn thật kỳ diệu thay, hy hữu thay! Sự tu tập niệm thân được phân biệt, được quảng bá, được hiểu biết tột cùng, được quán sát tột cùng, được tu tập tột cùng, được thủ hộ và đối trị tột cùng, khéo sung mãn, khéo thực hành, ở trong một tâm. Phật tuyên bố niệm thân có đại quả báo, được con mắt, có con mắt

---

1. Tương đương Pāli M.119 Kāyagatāsati-suttaṃ.
2. Ương-kỳ ━m━━C Pāli: Aṅga.
3. A-hòa-na ━恕━ Có lẽ Pāli là Āpaṇa, một ngôi làng Bà-la-môn, một thị trấn trong xứ Anguttarāpa thuộc vương quốc Aṅga (Ương-kỳ).
4. Kiền ni ━━ có lẽ Pāli là Kaniya, một đạo sĩ bện tóc (Jatila) ở tại Āpaṇa, được nói đến trong M.9: Sela-sutta. Bản Pāli nói: Phật tại Sāvatthi.
5. Niệm thân ━━━C Pāli: kāyagatāsati, thân hành niệm.

thấy đệ nhất nghĩa'. Bạch Thế Tôn, chúng con vừa cùng nhau bàn luận vấn đề vấn đề như vậy. Vì vấn đề này mà tụ họp tại giảng đường".

Đức Thế Tôn lại hỏi các Tỳ-kheo:

"Ta đã nói như thế nào về tu tập niệm thân, phân biệt, quảng bá, được đại quả báo?"

Lúc ấy các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, Thế Tôn là gốc của pháp, là chủ của pháp, pháp do Thế Tôn. Kính mong Thế Tôn giảng thuyết. Chúng con sau khi nghe xong sẽ được hiểu biết nghĩa lý rộng rãi".

Đức Phật nói:

"Các ngươi hãy lắng nghe, hãy khéo suy nghĩ. Ta sẽ phân biệt nghĩa ấy cho các ngươi nghe".

Các Tỳ-kheo vâng lời Phật dạy, lắng nghe.

Đức Phật nói[6]:

"Tỳ-kheo tu tập niệm thân như thế nào? Tỳ-kheo khi đi thì biết mình đang đi, đứng thì biết mình đang đứng, ngồi thì biết mình đang ngồi, nằm thì biết mình đang nằm, ngủ thì biết mình đang ngủ. Như vậy, Tỳ-kheo tùy thân hành mà biết đúng như thật như vậy. Tỳ-kheo như thế, sống cô độc, viễn ly, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn, đoạn trừ các tai hoạn của tâm và được định tâm[7]. Được định tâm rồi thì biết trên như thật[8]. Ấy là Tỳ-kheo tu tập niệm thân.

"Lại nữa, Tỳ-kheo tu tập niệm thân như sau. Tỳ-kheo biết rõ mình[9] khi vào, khi ra, khéo quán sát phân biệt, khi co, lúc duỗi, khi cúi, lúc ngước; nghi dung chững chạc, khoác Tăng-già-lê ngay ngắn và ôm bát chỉnh tề; đi đứng, ngồi, nằm, ngủ, thức, nói năng, im lặng, đều biết rõ như thực. Như vậy, Tỳ-kheo tùy thân hành mà biết đúng như thật như vậy. Tỳ-kheo như thế, sống cô độc, viễn ly, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn, đoạn trừ các tai hoạn của tâm và được định tâm. Được định tâm rồi thì biết trên như thật. Ấy là Tỳ-kheo tu tập niệm thân.

"Lại nữa, Tỳ-kheo tu tập niệm thân như sau. Tỳ-kheo khi sanh niệm ác, bất thiện, liền bằng niệm thiện pháp để đối trị, đoạn trừ, tiêu diệt, tĩnh chỉ. Như người thợ mộc hoặc học trò thợ mộc kéo thẳng dây mực, búng thẳng lên thân cây, rồi dùng búa bén mà đẽo cho thẳng. Cũng vậy, Tỳ-kheo khi sanh niệm ác bất thiện, liền niệm thiện pháp để đối trị, đoạn trừ, tiêu diệt, tĩnh chỉ. Như vậy, Tỳ-kheo tùy theo thân hành mà biết trên như thật. Tỳ-kheo như thế, sống cô độc, viễn ly, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn, đoạn trừ các tai hoạn của tâm và được định tâm. Được định tâm rồi thì biết trên như thật. Ấy là Tỳ-kheo tu tập niệm thân.

"Lại nữa, Tỳ-kheo tu tập niệm thân như sau. Tỳ-kheo răng ngậm khít lại, lưỡi ấn lên trên khẩu cái, dùng tâm trị tâm, đối trị, đoạn trừ, tiêu diệt, tĩnh chỉ. Như hai lực sĩ bắt một người yếu mang đi khắp nơi, tự do đánh đập; cũng vậy, Tỳ-kheo răng ngậm khít lại, lưỡi ấn lên khẩu cái, dùng tâm trị tâm, đối trị, đoạn trừ, tiêu diệt, tĩnh chỉ. Như vậy, Tỳ-kheo

---

6. Từ đây trở xuống, như kinh số 98. Xem các chú thích ở kinh đó.

7. Pāli: ye gehasitā sarasaṃkappā te pahīyanti... ajjhattam eva cittaṃ santiṭṭhati sannisīdati ekodi hoti samādhīyati; đoạn những niệm tưởng tư duy liên hệ thế tục... nội tâm an lập, an trụ, chuyên nhất, nhập định.

8. Tri thượng như chân ——W-p-u-F không rõ ý.

9. Nguyên Hán: chánh tri ———C Pāli: saṃpajāna, nhận thức cụ thể (mình đang làm gì).

tùy theo thân hành mà biết trên như thật. Tỳ-kheo như thế, sống cô độc, viễn ly, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn, đoạn trừ các tai hoạn của tâm và được định tâm. Được định tâm rồi thì biết trên như thật. Ấy là Tỳ-kheo tu tập niệm thân.

"Lại nữa, Tỳ-kheo tu tập niệm thân như sau. Tỳ-kheo-niệm hơi thở vào thì biết niệm hơi thở vào; niệm hơi thở ra thì biết niệm hơi thở ra; thở vào dài thì biết thở vào dài, thở ra dài thì biết thở ra dài; thở vào ngắn thì biết thở vào ngắn, thở ra ngắn thì biết thở ra ngắn. Học toàn thân thở vào, học toàn thân thở ra. Học thở vào thân hành tĩnh chỉ, học thở ra khẩu hành tĩnh chỉ. Như vậy, Tỳ-kheo tùy theo thân hành mà biết trên như thật. Tỳ-kheo như thế, sống cô độc, viễn ly, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn, đoạn trừ các tai hoạn của tâm và được định tâm. Được định tâm rồi thì biết trên như thật. Ấy là Tỳ-kheo tu tập niệm thân.

"Lại nữa, Tỳ-kheo tu tập niệm thân như sau. Tỳ-kheo có hỷ lạc do ly dục nhuần thấm thân, phổ biến sung mãn. Khắp trong thân thể, hỷ lạc sanh do ly dục, không đâu không có. Như người hầu tắm, bỏ bột tắm[10] đầy chậu, nước hòa thành bọt, nước thấm vào thân, phổ biến sung mãn, không đâu không có. Cũng vậy, Tỳ-kheo có hỷ lạc do ly dục nhuần thấm vào thân, phổ biến sung mãn, khắp trong thân thể hỷ lạc sanh do ly dục, không đâu không có. Như vậy, Tỳ-kheo tùy theo thân hành mà biết trên như thật. Tỳ-kheo như thế, sống cô độc, viễn ly, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn, đoạn trừ các tai hoạn của tâm và được định tâm. Được định tâm rồi thì biết trên như thật. Ấy là Tỳ-kheo tu tập niệm thân.

"Lại nữa, Tỳ-kheo tu tập niệm thân như sau. Tỳ-kheo có hỷ lạc do định sanh nhuần thấm thân, phổ biến sung mãn. Khắp trong thân thể, hỷ lạc do định sanh không đâu không có. Cũng như suối trên núi trong sạch không nhơ, nước từ bốn phương chảy đến, đổ vào một cách tự nhiên, tức thì đáy suối nước tự phun lên, chảy tràn ra ngoài, thấm ướt cả núi, phổ biến sung mãn, không đâu không có. Cũng vậy, Tỳ-kheo có hỷ lạc do định sanh nhuần thấm thân, phổ biến sung mãn. Khắp trong thân thể, hỷ lạc do định sanh không đâu không có. Như vậy, Tỳ-kheo tùy theo thân hành mà biết trên như thật. Tỳ-kheo như thế, sống cô độc, viễn ly, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn, đoạn trừ các tai hoạn của tâm và được định tâm. Được định tâm rồi thì biết trên như thật. Ấy là Tỳ-kheo tu tập niệm thân.

"Lại nữa, Tỳ-kheo tu tập niệm thân như sau. Tỳ-kheo có lạc do ly hỷ thấm nhuần thân, phổ biến sung mãn. Khắp trong thân thể, lạc do ly hỷ không đâu không có. Như các thứ sen xanh, hồng, đỏ, trắng sanh ra từ nước, lớn lên trong nước, ở dưới đáy nước, rễ, cọng, hoa, lá đều nhuần thấm, phổ biến sung mãn, không đâu không có. Cũng vậy, Tỳ-kheo có lạc do ly hỷ nhuần thấm vào thân, phổ biến sung mãn; khắp trong thân thể, lạc do ly hỷ không đâu không có. Như vậy, Tỳ-kheo tùy theo thân hành mà biết trên như thật. Tỳ-kheo như thế, sống cô độc, viễn ly, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn, đoạn trừ các tai hoạn của tâm và được định tâm. Được định tâm rồi thì biết trên như thật. Ấy là Tỳ-kheo tu tập niệm thân.

"Lại nữa, Tỳ-kheo tu tập niệm thân như sau. Tỳ-kheo ở trong thân này biến mãn với tâm thanh tịnh[11], ý cởi mở, thành tựu an trụ; ở trong thân này với tâm thanh tịnh,

---

10. Hán: tháo đậu ——Angười Trung Quốc thời cổ nghiền đậu thành bột, trộn với thuốc, làm bột tắm. Từ này dùng để chỉ bột tắm trong kinh Phật. Pāli: nahāniya-cuṇṇa.

11. Thanh tịnh tâm -M-b——Achỉ xả niệm thanh tịnh (Pāli: upekkhā-sati-pārisuddhiṃ); ở đây nói về thiền thứ tư. Pāli: so imam eva kāyaṃ parisuddhena cetasā pariyodātena pharitvā, vị ấy làm thấm nhuần thân

không chỗ nào là không biến mãn. Như có một người trùm một cái áo dài bảy hay tám khuỷu tay, từ đầu đến chân, không chỗ nào là không phủ kín; cũng vậy, Tỳ-kheo ở trong thân này, biến mãn với tâm thanh tịnh, ý cởi mở, thành tựu an trụ; ở trong thân này với tâm thanh tịnh, không chỗ nào là không biến mãn. Như vậy, Tỳ-kheo tùy theo thân hành mà biết trên như thật. Tỳ-kheo như thế, sống cô độc, viễn ly, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn, đoạn trừ các tai hoạn của tâm và được định tâm. Được định tâm rồi thì biết trên như thật. Ấy là Tỳ-kheo tu tập niệm thân.

"Lại nữa, Tỳ-kheo tu tập niệm thân như sau. Tỳ-kheo niệm quang minh tưởng[12], khéo thọ, khéo trì, nhớ rõ điều niệm; như phía trước, phía sau cũng vậy; như phía sau, phía trước cũng vậy[13]; ngày cũng như đêm, đêm cũng như ngày; dưới cũng như trên, trên cũng như dưới. Như vậy, tâm không điên đảo, tâm không bị ràng buộc, tâm tu quang minh, không khi nào còn bị bóng đen che lấp. Như vậy, Tỳ-kheo tùy theo thân hành mà biết trên như thật. Tỳ-kheo như thế, sống cô độc, viễn ly, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn, đoạn trừ các tai hoạn của tâm và được định tâm. Được định tâm rồi thì biết trên như thật. Ấy là Tỳ-kheo tu tập niệm thân.

"Lại nữa, Tỳ-kheo tu tập niệm thân như sau. Tỳ-kheo quán sát tướng[14], khéo tiếp thu, khéo ghi nhớ, khéo được tư niệm bởi ý. Như người ngồi quán sát kẻ nằm, người nằm quán sát kẻ ngồi. Cũng vậy, Tỳ-kheo quán sát tướng[15], khéo tiếp thu, khéo ghi nhớ, khéo được tư niệm bởi ý. Như vậy, Tỳ-kheo tùy theo thân hành mà biết trên như thật. Tỳ-kheo như thế, sống cô độc, viễn ly, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn, đoạn trừ các tai hoạn của tâm và được định tâm. Được định tâm rồi thì biết trên như thật. Ấy là Tỳ-kheo tu tập niệm thân.

"Lại nữa, Tỳ-kheo tu tập niệm thân như sau. Tỳ-kheo tùy theo những chỗ trong thân, tùy theo tính chất tốt xấu, từ đầu đến chân, quán thấy thảy đều đầy dẫy bất tịnh. Tức là, trong thân này có tóc, lông, móng, răng, da dày, da non, thịt, gân, xương, tim, thận, gan, phổi, ruột già, ruột non, lá lách, dạ dày, phân[16], não và não căn, nước mắt, mồ hôi, nước mũi, nước miếng, mủ, máu, mỡ, tủy, đờm giải, nước tiểu. Như một cái bồn chứa đủ loại hạt giống, ai có mắt sáng thì thấy rõ ràng, 'Đây là hạt lúa, gạo; kia là hạt cải, cỏ, rau'. Cũng vậy, Tỳ-kheo tùy theo những chỗ trong thân, tùy theo tính chất tốt xấu, từ đầu đến chân, quán thấy thảy đều đầy dẫy bất tịnh. Tức là, trong thân này có tóc, lông, móng, răng, da dày, da non, thịt, gân, xương, tim, thận, gan, phổi, ruột già, ruột non, lá lách, dạ dày, phân, não và não bộ, nước mắt, mồ hôi, nước mũi, nước miếng, mủ, máu, mỡ, tủy, đờm giải, nước tiểu. Như vậy, Tỳ-kheo tùy theo thân hành mà biết trên như thật. Tỳ-kheo như thế, sống cô độc, viễn ly, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn, đoạn trừ các tai hoạn của tâm và được định tâm. Được định tâm rồi thì biết trên như thật. Ấy là Tỳ-kheo tu tập niệm thân.

"Lại nữa, Tỳ-kheo tu tập niệm thân như sau. Tỳ-kheo quán các giới trong thân rằng 'Trong thân này của ta có địa giới, thủy giới, hỏa giới, phong giới, không giới, thức giới'. Như gã đồ tể mổ bò, lột hết bộ da, trải lên mặt đất, phân thành sáu đoạn. Cũng vậy, Tỳ-

---

nay với tâm thuần tịnh trong sáng.

12. Quang minh tưởng ———Q-Fniệm tưởng về ánh sáng. Bản Pāli không đề cập.

13. Nghĩa là quán trước mặt thấy như là sau lưng và ngược lại. Xem kinh số 85.

14. Quán tướng -[—CBản Pāli không đề cập.

15. Quán tướng -[—CBản Pāli không đề cập.

16. Đoàn phấn ——T-Fbản Tống-Minh —Fbản Nguyên —C

kheo quán các giới trong thân rằng: 'Trong thân này của ta có địa giới, thủy giới, hỏa giới, phong giới, không giới, thức giới'. Như vậy, Tỳ-kheo tùy theo thân hành mà biết trên như thật. Tỳ-kheo như thế, sống cô độc, viễn ly, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn, đoạn trừ các tai hoạn của tâm và được định tâm. Được định tâm rồi thì biết trên như thật. Ấy là Tỳ-kheo tu tập niệm thân.

"Lại nữa, Tỳ-kheo tu tập niệm thân như sau. Tỳ-kheo quán xác chết mới chết, từ một, hai ngày đến sáu, bảy ngày, đang bị quạ, diều bươi mổ, sài lang cấu xé; hoặc đã được hỏa thiêu hay đã được chôn lấp, đang bị rữa nát hư hoại. Quán sát rồi, tự so sánh: 'Thân ta cũng thế, đều có những trường hợp này, không sao tránh khỏi'. Như vậy, Tỳ-kheo tùy theo thân hành mà biết trên như thật. Tỳ-kheo như thế, sống cô độc, viễn ly, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn, đoạn trừ các tai hoạn của tâm và được định tâm. Được định tâm rồi thì biết trên như thật. Ấy là Tỳ-kheo tu tập niệm thân.

"Lại nữa, Tỳ-kheo tu tập niệm thân như sau. Tỳ-kheo như đã từng thấy trong nghĩa địa, hài cốt sắc xanh, rửa nát, bị chim thú ăn một nửa, xương cốt nằm rải rác trên mặt đất. Tỳ-kheo thấy rồi, tự so sánh, 'Thân ta cũng thế, đều có những trường hợp này, không sao tránh khỏi'. Như vậy, Tỳ-kheo tùy theo thân hành mà biết trên như thật. Tỳ-kheo như thế, sống cô độc, viễn ly, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn, đoạn trừ các tai hoạn của tâm và được định tâm. Được định tâm rồi thì biết trên như thật. Ấy là Tỳ-kheo tu tập niệm thân.

"Lại nữa, Tỳ-kheo tu tập niệm thân như sau. Tỳ-kheo như đã từng thấy ở trong nghĩa địa, thây chết không còn da thịt, máu, mà chỉ còn gân nối liền với xương. Thấy rồi, tự so sánh, 'Thân ta cũng thế, đều có những trường hợp này, không sao tránh khỏi'. Như vậy, Tỳ-kheo tùy theo thân hành mà biết trên như thật. Tỳ-kheo như thế, sống cô độc, viễn ly, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn, đoạn trừ các tai hoạn của tâm và được định tâm. Được định tâm rồi thì biết trên như thật. Ấy là Tỳ-kheo tu tập niệm thân.

"Lại nữa, Tỳ-kheo tu tập niệm thân như sau. Tỳ-kheo như đã từng thấy trong nghĩa địa, xương rời từng đốt, tản mác khắp nơi, xương chân, xương đùi, xương đầu gối, xương bắp vế, xương sống, xương vai, xương cổ, xương sọ, mỗi thứ một nơi. Thấy rồi tự so sánh, 'Thân ta cũng thế, đều có những trường hợp này, không sao tránh khỏi'. Như vậy, Tỳ-kheo tùy theo thân hành mà biết trên như thật. Tỳ-kheo như thế, sống cô độc, viễn ly, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn, đoạn trừ các tai hoạn của tâm và được định tâm. Được định tâm rồi thì biết trên như thật. Ấy là Tỳ-kheo tu tập niệm thân.

"Lại nữa, Tỳ-kheo tu tập niệm thân như sau. Tỳ-kheo như đã từng thấy ở trong nghĩa địa, xương trắng như vỏ ốc, xanh như lông chim bồ câu, đỏ như màu máu, mục nát, bể vụn. Thấy rồi tự so sánh, 'Thân ta cũng thế, đều có những trường hợp này, không sao tránh khỏi'. Như vậy, Tỳ-kheo tùy theo thân hành mà biết trên như thật. Tỳ-kheo như thế, sống cô độc, viễn ly, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn, đoạn trừ các tai hoạn của tâm và được định tâm. Được định tâm rồi thì biết trên như thật. Ấy là Tỳ-kheo tu tập niệm thân.

"Nếu có vị nào tu tập niệm thân như vậy, quảng bá như vậy, các thiện pháp kia toàn bộ đều ở trong đó, gọi là Đạo phẩm pháp[17]. Nếu Vị ấy có tâm biến mãn, ý cởi mở, giống như đại hải, các con sông nhỏ kia đều đổ vào biển. Nếu tu tập niệm thân như vậy, quảng bá như vậy, các thiện pháp kia toàn bộ đều ở trong đó, gọi là Đạo phẩm pháp.

---

17. Đạo phẩm pháp [illegible] không phải 37 phẩm trợ đạo. Pāli: Dhamma-vijjābhāgiyā .

"Nếu có Sa-môn, Phạm chí nào không chánh lập an trụ niệm thân, sống với tâm nhỏ hẹp[18], vị ấy nếu Ma Ba-tuần muốn lợi dụng thì có thể lợi dụng được. Vì sao? Vì Sa-môn, Phạm chí kia trống không, không có niệm thân. Giống như một cái bình, bên trong trống không, không có nước, đặt ngay ngắn trên mặt đất, nếu có người đem nước đến đổ vào trong bình thì Tỳ-kheo nghĩ sao? Bình ấy như vậy có chứa nước được hay không?"

Tỳ-kheo đáp:

"Bạch Thế Tôn, có thể được. Vì sao? Vì bình trống không, không có nước, đặt ngay ngắn trên mặt đất cho nên chứa nước được".

"Cũng vậy, nếu có Sa-môn, Phạm chí nào không chánh lập an trụ niệm thân, sống với tâm nhỏ hẹp, vị ấy nếu ma Ba-tuần muốn lợi dụng thì có thể lợi dụng được. Vì sao? Vì Sa-môn, Phạm chí kia trống không, không có niệm thân.

"Nếu có Sa-môn, Phạm chí nào chánh lập an trụ niệm thân, sống với tâm vô lượng, vị ấy nếu ma Ba-tuần muốn lợi dụng, nhất định không thể được. Vì sao? Vì Sa-môn, Phạm chí kia không trống không, có niệm thân. Giống như có một cái bình, bên trong chứa đầy nước, đặt ngay ngắn trên mặt đất, nếu có người đem nước đến đổ vào trong bình, thì Tỳ-kheo nghĩ sao? Bình ấy như vậy có chứa nước nữa không?"

Tỳ-kheo đáp:

"Bạch Thế Tôn, không thể được. Vì sao? Vì bình ấy nước đã đầy rồi, đặt ngay ngắn trên mặt đất, cho nên không chứa nước được nữa".

"Cũng vậy, nếu có Sa-môn, Phạm chí nào chánh lập an trụ niệm thân, sống với tâm vô lượng, vị ấy nếu ma Ba-tuần muốn lợi dụng, nhất định không thể được. Vì sao? Vì Sa-môn, Phạm chí kia không trống không, có niệm thân.

"Nếu có Sa-môn, Phạm chí nào không chánh lập an trụ niệm thân, sống với tâm nhỏ hẹp, vị ấy nếu Ma Ba-tuần muốn lợi dụng thì có thể lợi dụng được. Vì sao? Vì Sa-môn, Phạm chí kia trống không, không có niệm thân. Giống như người lực sĩ khiêng hòn đá to, nặng, quăng vào trong vũng bùn thì Tỳ-kheo nghĩ sao? Hòn đá có bị lún vào bùn không?"

Tỳ-kheo đáp:

"Bạch Thế Tôn, hòn đá bị lún vào bùn. Vì sao? Vì bùn lầy mà đá nặng, cho nên chắc chắn phải lún vào".

"Cũng vậy, nếu có Sa-môn, Phạm chí nào không chánh lập an trụ niệm thân, sống với tâm nhỏ hẹp, vị ấy nếu ma Ba-tuần muốn lợi dụng thì có thể lợi dụng được. Vì sao? Vì Sa-môn, Phạm chí kia trống không, không có niệm thân.

"Nếu có Sa-môn, Phạm chí nào chánh lập an trụ niệm thân, sống với tâm vô lượng, vị ấy nếu ma Ba-tuần muốn lợi dụng, nhất định không thể được. Vì sao? Vì Sa-môn, Phạm chí kia không trống không, có niệm thân. Giống như người lực sĩ cầm một trái cầu nhẹ bằng lông, ném vào một cánh cửa đóng kín, thì Tỳ-kheo nghĩ sao? Cánh cửa kia có nhận cầu chăng?"

Tỳ-kheo đáp:

"Bạch Thế Tôn, không thể nhận. Vì sao? Vì trái cầu thì nhẹ mà cánh cửa đứng thẳng, không thể nhận được".

"Cũng vậy, nếu có Sa-môn, Phạm chí nào chánh lập an trụ niệm thân, tâm vô lượng, vị ấy nếu ma Ba-tuần muốn lợi dụng, nhất định không thể được. Vì sao? Vì Sa-môn, Phạm chí kia không trống không, có niệm thân.

---

18. Du hành thiểu tâm -C———Fđược hiểu là sống với tâm không biến mãn bởi thân hành niệm.

"Nếu có Sa-môn, Phạm chí nào không chánh lập an trụ niệm thân, sống với tâm nhỏ hẹp, vị ấy nếu Ma Ba-tuần muốn lợi dụng thì có thể lợi dụng được. Vì sao? Vì Sa-môn, Phạm chí kia trống không, không có niệm thân. Giống như người tìm lửa, lấy củi khô làm mồi, rồi dùng dùi khô mà dùi thì Tỳ-kheo nghĩ sao? Người kia làm như vậy có tìm thấy lửa không?"

Tỳ-kheo đáp:

"Bạch Thế Tôn, người kia tìm thấy lửa. Vì sao? Vì người kia lấy dùi khô mà dùi củi khô, cho nên chắc chắn tìm thấy lửa".

"Cũng vậy, nếu có Sa-môn, Phạm chí nào không chánh lập an trụ niệm thân, tâm nhỏ hẹp, vị ấy nếu ma Ba-tuần muốn lợi dụng thì có thể lợi dụng được. Vì sao? Vì Sa-môn, Phạm chí kia trống không, không có niệm thân.

"Nếu có Sa-môn, Phạm chí nào chánh lập an trụ niệm thân, sống với tâm vô lượng, vị ấy nếu ma Ba-tuần muốn lợi dụng, nhất định không thể được. Vì sao? Vì Sa-môn, Phạm chí kia không trống không, có niệm thân. Giống như người tìm lửa, lấy củi ướt làm mồi, rồi dùng dùi ướt mà dùi, thì Tỳ-kheo nghĩ sao? Người kia làm vậy có tìm thấy lửa không?"

Tỳ-kheo đáp:

"Bạch Thế Tôn, người kia không tìm thấy lửa. Vì sao? Vì người kia lấy cái dùi ướt mà dùi gỗ ướt, cho nên không tìm thấy lửa".

"Cũng vậy, nếu có Sa-môn, Phạm chí nào chánh lập an trụ niệm thân, tâm vô lượng, vị ấy nếu ma Ba-tuần muốn lợi dụng, nhất định không thể được. Vì sao? Vì Sa-môn, Phạm chí kia không trống không, có niệm thân.

"Tu tập niệm thân như vậy, quảng bá như vậy, nên biết có mười tám công đức[19]. Những gì là mười tám công đức?

"Tỳ-kheo có thể nhẫn nại những sự đói, khát, nóng, lạnh, muỗi mòng, ruồi nhặng, gió nắng bức bách, hay gậy đánh, tiếng dữ cũng có thể nhẫn nại. Thân bị bệnh tật hết sức đau đớn, gần như tuyệt vọng, những điều không xứng ý đều có thể kham nhẫn. Đây là đức tánh thứ nhất khi tu tập niệm thân như vậy, quảng bá như vậy.

"Lại nữa, Tỳ-kheo kham nhẫn điều không vui thích hoan lạc. Nếu sanh điều không hoan lạc thì tâm nhất định không dính trước. Đây là đức tánh thứ hai khi tu tập niệm thân như vậy, quảng bá như vậy.

"Lại nữa, Tỳ-kheo kham nhẫn sự sợ hãi. Nếu sợ hãi phát sanh thì tâm nhất định không dính trước. Đây là đức tánh thứ ba khi tu tập niệm thân như vậy.

"Lại nữa, Tỳ-kheo sanh ba ác niệm: dục niệm, nhuế niệm, hại niệm. Nếu ba ác niệm phát sanh, tâm nhất định không dính trước. Đây là đức tánh thứ tư, thứ năm, thứ sáu và thứ bảy[20] khi tu tập niệm thân như vậy, quảng bá như vậy.

"Lại nữa Tỳ-kheo ly dục, ly pháp ác bất thiện, cho đến chứng đắc đệ Tứ thiền, thành tựu an trụ. Đây là đức tánh thứ tám khi tu tập niệm thân như vậy, quảng bá như vậy.

"Lại nữa, Tỳ-kheo đã diệt tận ba kết sử, chứng quả Tu-đà-hoàn, không còn đọa vào ác pháp, nhất định đến chánh giác, chỉ còn thọ sanh tối đa bảy đời nữa. Sau bảy lần qua lại thiên thượng, nhân gian sẽ chứng đắc khổ biên. Đây là đức tánh thứ chín khi tu tập niệm thân như vậy, quảng bá như vậy.

"Lại nữa, Tỳ-kheo đã diệt tận ba kết sử, dâm, nộ, si đã mỏng, chỉ còn qua lại một

---

19. Bản Pāli nói có mười: dasānisaṃsā, mười điều lợi ích.

20. Bản Cao-li ghi các số năm, sáu, bảy. Bản Minh, sau thứ tư, không ghi các số này.

lần thiên thượng nhân gian. Sau một lần qua lại sẽ chứng đắc khổ biên. Đây là đức tánh thứ mười khi tu tập niệm thân như vậy, quảng bá như vậy.

"Lại nữa, Tỳ-kheo đã diệt tận năm hạ phần kết sử, sanh vào nơi kia rồi nhập Niết-bàn, được pháp bất thối, không trở lại đời này. Đây là đức tánh thứ mười một khi tu tập niệm thân như vậy, quảng bá như vậy.

"Lại nữa, Tỳ-kheo nếu có tịch tĩnh giải thoát[21], ly sắc, chứng đắc vô sắc, định như vậy[22], tự thân tác chứng, thành tựu an trụ, rồi bằng trí tuệ và quán sát để vĩnh viễn đoạn trừ các lậu. Đây là đức tánh thứ mười hai, mười ba, mười bốn, mười lăm, mười sáu, mười bảy[23] khi tu tập niệm thân như vậy, quảng bá như vậy.

"Lại nữa, Tỳ-kheo chứng đắc Như ý túc, Thiên nhĩ, Tha tâm trí, Túc mạng trí, Sanh tử trí, các lậu đã tận diệt, chứng đắc vô lậu, tâm giải thoát, tuệ giải thoát. Ngay trong đời này mà tự tri, tự giác, tự tác chứng, thành tựu an trụ; biết một cách như thật rằng 'Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã thành, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa'. Đây là đức tánh thứ mười tám khi tu tập niệm thân như vậy, quảng bá như vậy.

"Tu tập niệm thân như vậy, quảng bá như vậy, nên biết, có mười tám công đức này[24]."

Phật thuyết như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

❑

---

21. Nguyên Hán: tức giải thoát ————F (Pāli: santa-vimokkha); chỉ định từ sắc giới vượt qua sắc để nhập vô sắc, an trụ nơi tịch tĩnh giải thoát. Xem các kinh 26, 51. Bản Pāli không đề cập.

22. Như kỳ tượng định.

23. Các số này kể theo bản Cao-li. Bản Minh chỉ nêu số mười hai.

24 Thực sự chỉ có 10, bằng con số trong bản Pāli, chỉ khác chi tiết.

82. KINH CHI-LY-DI-LÊ[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật du hóa tại thành Vương xá, trong rừng Trúc, vườn Ca-lan-đa.

Bấy giờ một số đông các Tỳ-kheo sau giờ ăn trưa, có ít việc cần làm nên tụ họp ngồi ở giảng đường để quyết định sự tranh luận. Tức là bàn luận những vấn đề về pháp luật, về lời Phật dạy[2]. Lúc bấy giờ Tỳ-kheo Chất-đa-la Tượng Tử [3] cũng hiện diện trong chúng.

Trong khi một số đông các Tỳ-kheo đang bàn luận những vấn đề về Pháp Luật, về lời Phật dạy, thì ngay trong lúc đang bàn luận ấy, Tỳ-kheo Chất-đa-la Tượng Tử không đợi cho các Tỳ-kheo nói pháp xong, mà cứ nói xen ào vào, lại không có thái độ cung kính, không quan sát cẩn thận để thưa hỏi các bậc Tỳ-kheo Thượng tôn Trưởng lão.

Bấy giờ, Tôn giả Đại Câu-hi-la[4] cũng có mặt trong chúng, nói với Tỳ-kheo Chất-đa-la Tượng Tử rằng:

"Hiền giả nên biết, trong khi một số đông Tỳ-kheo đang nói những vấn đề về Pháp luật và về lời Phật dạy này, thì Hiền giả chớ nói xen vào ở khoảng giữa. Đợi các Tỳ-kheo nói xong, sau đó Hiền giả mới nói. Hiền giả hãy có thái độ cung kính và quán sát cẩn thận để thưa hỏi các bậc Tỳ-kheo Thượng tôn Trưởng lão. Chớ đem sự không cung kính, không khéo quán sát để thưa hỏi các ngài".

Khi đó, bạn bè quen thân của Tỳ-kheo Chất-đa-la Tượng Tử hiện có trong chúng, nói với Tôn giả Đại Câu-hi-la rằng:

"Này Hiền giả Đại Câu-hi-la, ngài chớ nặng lời quở trách Tỳ-kheo Chất-đa-la Tượng Tử. Lý do vì sao? Vì Tỳ-kheo Chất-đa-la Tượng Tử có giới đức, đa văn, trông giống như người giải đãi nhưng không cống cao, ngã mạn. Này Hiền giả Đại Câu-hi-la, bất cứ lúc nào, các Tỳ-kheo làm việc gì, thì Tỳ-kheo Chất-đa-la Tượng Tử đều có thể giúp đỡ cả".

Tôn giả Đại Câu-hi-la khi ấy nói với bạn bè quen thuộc của Tỳ-kheo Chất-đa-la Tượng Tử rằng:

"Này chư Hiền, nếu không biết tâm của kẻ khác thì đừng vội nói là người ấy xứng đáng hay không xứng đáng. Lý do vì sao? Vì hoặc có một người lúc ở trước Đức Thế Tôn và trước các bậc phạm hạnh Thượng tôn Trưởng lão, khả tàm, khả quý, khả ái, khả kính, thì người ấy khéo léo thủ hộ, nhưng sau đó, khi không còn ở trước Đức Thế Tôn và trước các bậc phạm hạnh Thượng tôn Trưởng lão khả tàm, khả quý, khả ái, khả kính, thì người

---

1. Tương đương Pāli A .6.60. Hatthīariputta-sutta.
2. Bản Pāli: abhidhammakatha, đề tài Abhidhamma.
3. Chất-đa-la Tượng Tử ---h---H-l-C Pāli: Citta-Hathisāriputta.
4. Đại Câu-hi-la -j---]---C Pāli: Mahā-koṭṭhika, một trong số các đại đệ tử xuất sắc nhất của Phật, có khả năng phân tích (paṭissambhidappattānam). Ngài sinh trong một gia đình Bà-la-môn giàu có ở Sāvathi.

ấy thường cùng với bạch y tụ họp, cười cợt, cống cao, bàn tán ồn ào đủ chuyện. Người ấy thường cùng với bạch y tụ họp, cười cợt, cống cao, bàn tán ồn ào đủ chuyện, rồi tâm sanh tham dục. Tâm sanh tham dục rồi thì thân nhiệt, tâm nhiệt[5]. Thân nhiệt, tâm nhiệt rồi thì xả giới, bỏ đạo.

"Này chư Hiền, giống như con bò vào trong ruộng lúa của người, người giữ ruộng bắt được, hoặc lấy tay cột, hoặc nhốt trong chuồng. Này chư Hiền, nếu có người nói rằng: 'Con bò này không vào ruộng lúa của người khác nữa đâu'. Người kia nói như vậy có đúng chăng?"

"Không đúng. Vì sao? Vì nếu con bò bị trói kia, hoặc làm đứt, hoặc làm sút sợi dây trói, hoặc nhảy ra khỏi chuồng, nó cũng lại vào trong ruộng lúa của người khác như trước, chứ không khác gì cả".

"Này chư Hiền, hoặc có một người lúc ở trước Đức Thế Tôn và trước các bậc phạm hạnh Thượng tôn Trưởng lão khả tàm, khả quý, khả ái, khả kính thì người ấy khéo léo thủ hộ. Nhưng sau đó, khi không còn ở trước Đức Thế Tôn và trước các bậc phạm hạnh Thượng tôn Trưởng lão khả tàm, khả quý, khả ái, khả kính, thì người ấy thường cùng với bạch y tụ họp, cười cợt, cống cao, bàn tán ồn ào đủ chuyện, rồi thì tâm sanh tham dục, tâm sanh ham muốn, rồi thì thân nhiệt, tâm nhiệt. Thân nhiệt tâm nhiệt rồi thì xả giới, bỏ đạo. Này chư Hiền, đó gọi là có một người.

"Lại nữa, này chư Hiền, hoặc có một người vừa được Sơ thiền; được Sơ thiền rồi, người ấy liền an trú chứ không mong cầu thêm, không mong được những gì chưa được, không mong thu hoạch những gì chưa thu hoạch, không mong tác chứng những gì chưa tác chứng. Người ấy, sau đó thường cùng với bạch y tụ họp, cười cợt, cống cao, bàn tán ồn ào đủ chuyện. Người ấy thường cùng với bạch y tụ họp, cười cợt, cống cao, bàn tán ồn ào đủ chuyện rồi thì tâm sanh tham dục. Tâm sanh tham dục rồi thì thân nhiệt, tâm nhiệt. Thân nhiệt tâm nhiệt rồi thì xả giới, bỏ đạo.

"Này chư Hiền, như lúc mưa to, hồ ao trong thôn xóm đều đầy nước. Có người trước khi chưa mưa, thấy trong hồ ao đó có cát, đá, cỏ cây, một vài loại giáp trùng, cá, rùa, ểnh ương và các loài thủy tánh khác, lúc bơi qua, lúc bơi lại, lúc rượt chạy, lúc đứng yên. Nhưng sau khi trời mưa, ao hồ đầy nước, người đó không còn thấy như thế nữa. Chư Hiền, nếu người kia nói như thế này: 'Trong hồ ao kia nhất định không thể nào thấy lại được cát, đá, cỏ cây, một vài loại giáp trùng, cá, rùa, ểnh ương và các loài thủy tánh khác, lúc bơi qua, lúc bơi lại, lúc rượt chạy, lúc đứng yên'. Người ấy nói như vậy có đúng chăng?"

"Không đúng. Vì sao? Vì hồ ao đầy nước kia, hoặc voi uống, ngựa uống, lạc đà, bò, lừa, heo, nai, trâu uống, hoặc người lấy dùng, gió thổi, mặt trời rọi, thì nước sẽ cạn. Người kia khi nước đầy hồ ao không thấy cát, đá, cỏ cây, một vài loại giáp trùng, cá, rùa, ểnh ương và các loài thủy tánh khác, lúc bơi qua, lúc bơi lại, lúc rượt chạy, lúc đứng yên, nhưng sau khi nước đã cạn rồi thì vẫn thấy như cũ".

"Cũng vậy, này chư Hiền, hoặc có một người vừa được Sơ thiền; được Sơ thiền rồi, người ấy liền an trụ chứ không mong cầu thêm, không mong được những gì chưa được, thu hoạch những gì chưa thu hoạch, tác chứng những gì chưa tác chứng. Sau đó người ấy thường cùng với bạch y tụ họp, cười cợt, cống cao, bàn tán ồn ào đủ chuyện. Người ấy thường cùng với bạch y tụ họp, cười cợt, cống cao, bàn tán ồn ào đủ chuyện rồi thì tâm sanh tham dục. Tâm sanh tham dục rồi thì thân nhiệt, tâm nhiệt. Thân nhiệt, tâm nhiệt rồi

5. Pāli: rāgo cittam anuddhaṃsati, tham dục làm bại hoại tâm.

thì xả giới, bỏ đạo. Này chư Hiền, đó gọi là có một người.

"Lại nữa, này chư Hiền, hoặc có một người được đệ Nhị thiền; được đệ Nhị thiền rồi, người ấy liền an trụ chứ không mong cầu thêm, không mong được những gì chưa được, thu hoạch những gì chưa thu hoạch, tác chứng những gì chưa tác chứng. Sau đó người ấy thường cùng với bạch y tụ họp, cười cợt, cống cao, bàn tán ồn ào đủ chuyện, rồi thì sanh tâm tham dục. Tâm sanh tham dục rồi thì thân nhiệt, tâm nhiệt. Thân nhiệt, tâm nhiệt rồi liền xả giới bỏ đạo.

"Này chư Hiền, như lúc mưa to, đất bụi ở nơi ngã tư đường đều thành bùn. Này chư Hiền, nếu có người nói như thế này: 'Bùn ở nơi ngã tư đường này nhất định không khô ráo, không thể trở lại thành bụi đất được nữa'. Người ấy nói như vậy có đúng chăng?"

"Không đúng. Vì sao? Vì ngã tư đường này hoặc voi đi, ngựa đi, lạc đà, bò, lừa, heo, nai, trâu và người đi, gió thổi, mặt trời rọi, thì con đường kia bùn sẽ khô và khô rồi sẽ trở thành đất bụi trở lại".

"Cũng như vậy, này chư Hiền, hoặc có người được đệ Nhị thiền; được đệ Nhị thiền rồi, người ấy liền an trụ không mong cầu thêm, không mong được những gì chưa được, thu hoạch những gì chưa thu hoạch, tác chứng những gì chưa tác chứng. Sau đó người ấy thường cùng với bạch y tụ họp, cười cợt, cống cao, bàn tán ồn ào đủ chuyện. Người ấy thường cùng với bạch y tụ họp, cười cợt, cống cao, bàn tán ồn ào đủ chuyện rồi thì tâm sanh tham dục. Tâm sanh tham dục rồi thì thân nhiệt, tâm nhiệt. Thân nhiệt, tâm nhiệt rồi thì xả giới, bỏ đạo. Này chư Hiền, đó gọi là có một người.

"Này chư Hiền, lại nữa, hoặc có một người được đệ Tam thiền; được đệ Tam thiền rồi, người ấy liền an trụ chứ không mong cầu thêm, không mong được những gì chưa được, thu hoạch những gì chưa thu hoạch, tác chứng những gì chưa tác chứng. Sau đó người ấy thường cùng với bạch y tụ họp, cười cợt, cống cao, bàn tán ồn ào đủ chuyện. Người ấy thường cùng với bạch y tụ họp, cười cợt, cống cao, bàn tán ồn ào đủ chuyện rồi thì tâm sanh tham dục. Tâm sanh tham dục rồi thì thân nhiệt, tâm nhiệt. Thân nhiệt, tâm nhiệt rồi thì xả giới, bỏ đạo.

"Này chư Hiền, như nước suối, nước hồ lặng trong, ngang bờ đứng yên, không xao động và cũng không có sóng. Này chư Hiền, nếu có người nói như thế này: 'Nước suối, nước hồ kia nhất định không bao giờ xao động và nổi sóng nữa'. Người ấy nói như vậy có đúng chăng?"

"Không đúng. Vì sao? Vì hoặc ở phương Đông gió lớn chợt thổi đến làm cho nước trong hồ xao động nổi sóng. Cũng vậy, phương Nam, phương Tây, phương Bắc, gió lớn chợt thổi đến làm cho nước trong hồ xao động nổi sóng".

"Cũng như vậy, này chư Hiền, hoặc có một người được đệ Tam thiền; được đệ Tam thiền rồi, người ấy liền an trụ chứ không mong cầu thêm, không mong được những gì chưa được, thu hoạch những gì chưa thu hoạch, tác chứng những gì chưa tác chứng. Sau đó người ấy thường cùng với bạch y tụ họp, cười cợt, cống cao, bàn tán ồn ào đủ chuyện. Người ấy thường cùng với bạch y tụ họp, cười cợt, cống cao, bàn tán ồn ào đủ chuyện rồi thì tâm sanh tham dục. Tâm sanh tham dục rồi thì thân nhiệt, tâm nhiệt. Thân nhiệt, tâm nhiệt rồi thì xả giới, bỏ đạo. Này chư Hiền, đó gọi là có một người.

"Lại nữa, này chư Hiền, hoặc có một người được đệ Tứ thiền; được đệ Tứ thiền rồi, người ấy liền an trụ chứ không mong cầu thêm, không mong được những gì chưa được, thu hoạch những gì chưa thu hoạch, tác chứng những gì chưa tác chứng. Sau đó người ấy thường cùng với bạch y tụ họp, cười cợt, cống cao, bàn tán ồn ào đủ chuyện. Người ấy

thường cùng với bạch y tụ họp, cười cợt, cống cao, bàn tán ồn ào đủ chuyện rồi thì tâm sanh tham dục. Tâm sanh tham dục rồi thì thân nhiệt, tâm nhiệt. Thân nhiệt, tâm nhiệt rồi thì xả giới, bỏ đạo.

"Này chư Hiền, ví như cư sĩ hoặc con cư sĩ ăn đồ ăn vi diệu, sau khi ăn uống no nê đầy bụng rồi thì những món ăn mà họ đã ăn trước kia, bây giờ không còn muốn ăn nữa. Này chư Hiền, nếu có lời nói như thế này: 'Cư sĩ hoặc con của cư sĩ nhất định không bao giờ muốn ăn lại nữa'. Người ấy nói như vậy có đúng chăng?"

"Không đúng. Vì sao? Vì cư sĩ hoặc con của cư sĩ kia qua một đêm đã thấy đói, thì những gì khi no bụng họ không muốn ăn, bây giờ lại có thể ăn như trước".

"Cũng vậy, này chư Hiền, hoặc có một người được đệ Tứ thiền; được đệ Tứ thiền rồi, người ấy liền an trụ chứ không mong cầu thêm, không mong được những gì chưa được, thu hoạch những gì chưa thu hoạch, tác chứng những gì chưa tác chứng. Sau đó người ấy thường cùng với bạch y tụ họp, cười cợt, cống cao, bàn tán ồn ào đủ chuyện. Người ấy thường cùng với bạch y tụ họp, cười cợt, cống cao, bàn tán ồn ào đủ chuyện rồi thì tâm sanh tham dục. Tâm sanh tham dục rồi thì thân nhiệt, tâm nhiệt. Thân nhiệt, tâm nhiệt rồi thì xả giới, bỏ đạo. Này chư Hiền, đó gọi là có một người.

"Lại nữa, này chư Hiền, hoặc có một người được Vô tưởng tâm định[6]; được vô tưởng tâm định rồi thì người ấy liền an trụ, không mong cầu thêm, không mong được những gì chưa được, thu hoạch những gì chưa thu hoạch, tác chứng những gì chưa tác chứng. Sau đó người ấy thường cùng với bạch y tụ họp, cười cợt, cống cao, bàn tán ồn ào đủ chuyện. Người ấy thường cùng với bạch y tụ họp, cười cợt, cống cao, bàn tán ồn ào đủ chuyện rồi thì tâm sanh tham dục. Tâm sanh tham dục rồi thì thân nhiệt, tâm nhiệt. Thân nhiệt, tâm nhiệt rồi thì xả giới, bỏ đạo.

"Này chư Hiền, ví như ở một khu rừng vắng, người ta nghe tiếng dế kêu[7]. Khi vua hoặc đại thần ngủ đêm tại khu rừng vắng đó, bấy giờ người ta nghe nào là tiếng voi, tiếng ngựa, tiếng xe cộ, tiếng đi bộ, tiếng trống, tiếng trống cơm, tiếng trống múa, tiếng múa, tiếng hát, tiếng đàn cầm, tiếng ăn uống, chứ không nghe tiếng dế kêu như trước tại khu rừng này nữa. Này chư Hiền, nếu có lời nói như thế này: 'Khu rừng kia nhất định không bao giờ nghe được tiếng dế kêu nữa'. Người ấy nói như vậy có đúng chăng?"

"Không đúng. Vì sao? Vì vua hoặc đại thần ấy qua đêm, trời sáng rồi đều trở về. Nếu chỗ đó vì nghe các tiếng voi, ngựa, xe cộ, đi bộ, tiếng ốc, tiếng trống, trống cơm, trống múa, tiếng múa, ca, tiếng đàn, ăn uống nên không nghe tiếng dế kêu, nhưng khi họ đã đi rồi thì nghe lại như cũ".

"Cũng vậy, này chư Hiền, có một người được Vô tưởng tâm định; được Vô tưởng tâm định rồi liền an trụ chứ không mong cầu thêm, không mong được những gì chưa được, thu hoạch những gì chưa thu hoạch, tác chứng những gì chưa tác chứng. Sau đó người ấy thường cùng với bạch y tụ họp, cười cợt, cống cao, bàn tán ồn ào đủ chuyện. Người ấy thường cùng với bạch y tụ họp, cười cợt, cống cao, bàn tán ồn ào đủ chuyện rồi thì tâm sanh tham dục. Tâm sanh tham dục rồi thì thân nhiệt, tâm nhiệt. Thân nhiệt, tâm nhiệt rồi thì xả giới, bỏ đạo. Này chư Hiền, đó gọi là có một người".

Bấy giờ Tỳ-kheo Chất-đa-la Tượng Tử sau đó chẳng bao lâu xả giới, bỏ đạo. Bạn bè

---

6. Vô tưởng tâm định ▪L▪Q▬▬w▪F đây chỉ vô tướng tâm định. Bản Tống chép là tướng ▬. Pāli: animitta cetosamādhi.

7. Nguyên Hán: Chi-ly-di-lê trùng ▬▬▬▬▬▬C Pāli: cīrika-sadda (hoặc cīriḷika-sadda, tên kinh bản Hán âm từ từ này), tiếng dế kêu.

quen thân của Tỳ-kheo Chất-đa-la Tượng Tử nghe ông xả giới bỏ đạo, qua đến chỗ Tôn giả Đại Câu-hi-la, đến nơi rồi, bạch rằng:

"Bạch Tôn giả Đại Câu-hi-la, ngài biết rõ tâm của Tỳ-kheo Chất-đa-la Tượng Tử hay nhờ các việc khác mà biết? Lý do vì sao? Vì nay Tỳ-kheo Chất-đa-la Tượng Tử đã xả giới bỏ đạo".

Tôn giả Đại Câu-hi-la bảo các bạn bè quen thân kia rằng:

"Này chư Hiền, việc ấy phải như vậy. Lý do vì sao? Vì do không biết như thật, không thấy như chân nên xảy ra như vậy".

Tôn giả Đại Câu-hi-la thuyết như vậy, các Tỳ-kheo nghe Tôn giả dạy xong, hoan hỷ phụng hành[8].

❑

8. Bản Pāli còn có đoạn kết: Phật tiên đoán Tượng Tử sẽ xuất gia trở lại và sẽ đắc quả A-la-hán. Lời tiên đoán đúng.

83. KINH TRƯỞNG LÃO THƯỢNG TÔN THỤY MIÊN[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật du hóa tại nước Bà-kì-sấu[2], ở rừng Bố trong núi Ngạc, trong vườn Lộc dã[3].

Bấy giờ Tôn giả Đại Mục-kiền-liên ở tại nước Ma-kiệt-đà, trong làng Thiện tri thức [4]. Lúc ấy, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên sống riêng một mình nơi yên tĩnh, ngồi tĩnh tọa tư duy nhưng mắc phải chứng buồn ngủ. Đức Thế Tôn ở xa biết Tôn giả Đại Mục-kiền-liên sống riêng một mình nơi yên tĩnh, ngồi tĩnh tọa tư duy và mắc phải chứng buồn ngủ. Đức Thế Tôn biết như vậy, Ngài liền như vậy mà nhập định[5]. Do định như vậy, trong khoảnh khắc, như người lực sĩ co duỗi cánh tay, từ Bà-kì-sấu, rừng Bố trong núi Ngạc, trong vườn Lộc dã, Đức Thế Tôn bỗng biến mất khỏi chỗ đó, qua đến nước Ma-kiệt-đà, thôn Thiện tri thức, trước mặt Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, rồi Đức Thế Tôn xuất định và nói rằng:

"Này Đại Mục-kiền-liên, ngươi đang đắm trước thụy miên. Này Đại Mục-kiền-liên, ngươi đang đắm trước thụy miên[6]."

Tôn giả Đại Mục-kiền-liên bạch Thế Tôn:

"Quả thật vậy, bạch Đức Thế Tôn".

Phật lại nói:

"Này Đại Mục-kiền-liên, nếu như sở tướng[7] nào gây buồn ngủ, ngươi chớ tu tập tướng ấy và cũng đừng phát triển[8] nó. Như vậy, thụy miên mới có thể được diệt trừ.

"Nếu thụy miên của ngươi không diệt trừ, thì này Đại Mục-kiền-liên, hãy theo giáo pháp đã được nghe, tùy theo đó mà thọ trì, quảng bá và tụng đọc. Như vậy thụy miên mới có thể được diệt trừ.

"Nếu thụy miên của ngươi không diệt trừ, thì này Đại Mục-kiền-liên, hãy theo giáo pháp đã được nghe, tùy theo đó mà thọ trì, rồi diễn rộng ra cho người khác nghe. Như vậy thụy miên mới có thể được diệt trừ.

---

1. Tương đương Pāli A.7.58 Pacalāyamāna-sutta. Biệt dịch DTK.47.
2. Bà-kì-sấu -C-_-G-C Pāli: Bhaggesu, giữa những người Bhagga.
3. Ngạc sơn Bố lâm Lộc dã viên -s-s--L----C Pāli: Suṃsumāragire bhesakāḷāvane migadāye, trong núi Cá sấu, rừng Khủng bố, chỗ nuôi hươu.
4. Thiện tri thức thôn ------C Pāli: Kallavāḷamuttagāma. Ngài Đại Mục-kiền-liên ở đây ngay sau khi vừa xuất gia. Kinh này được nói vào lúc này. Bảy ngày sau đó, Ngài đắc quả A-la-hán.
5. Như kỳ tượng định.
6. Pāli: pacalāyati, ngủ gật.
7. Sở tướng ---A ở đây, đề mục thiền định. Pāli: saññà, tưởng.
8. Quảng bá -s--C Pāli: bahulīkaroti, tu tập nhiều.

"Nếu thụy miên của ngươi không diệt trừ, thì này Đại Mục-kiền-liên, hãy theo giáo pháp đã được nghe, tùy theo đó mà thọ trì, tâm suy niệm, tâm suy tư. Như vậy, thụy miên mới có thể được diệt trừ.

"Nếu thụy miên của ngươi không diệt trừ, thì này Đại Mục-kiền-liên, hãy dùng hai tay day[9] hai lỗ tai. Như vậy, thụy miên mới có thể được diệt trừ.

"Nếu thụy miên của ngươi không diệt trừ, thì này Đại Mục-kiền-liên, hãy lấy nước lạnh rửa mặt và dội ướt thân thể. Như vậy, thụy miên mới có thể được diệt trừ.

"Nếu thụy miên của ngươi không diệt trừ, thì này Đại Mục-kiền-liên, hãy đi ra ngoài thất, xem khắp bốn phương, ngước nhìn các vì sao. Như vậy, thụy miên mới có thể được diệt trừ.

"Nếu thụy miên của ngươi không diệt trừ, thì này Đại Mục-kiền-liên, hãy đi ra ngoài thất, đến khoảng đất trống phía đầu thất mà kinh hành, thủ hộ các căn, tâm an trụ bên trong, khởi hậu tiền tưởng[10]. Như vậy, thụy miên mới có thể được diệt trừ.

"Nếu thụy miên của ngươi không diệt trừ, thì này Đại Mục-kiền-liên, hãy bỏ con đường đang kinh hành, đến đầu con đường ấy, trải Ni-sư-đàn, ngồi kiết già. Như vậy, thụy miên mới có thể được diệt trừ.

"Nếu thụy miên của ngươi không diệt trừ, thì này Đại Mục-kiền-liên, hãy trở vào thất, gấp tư y Ưu-đa-la-tăng, trải trên giường, gấp Tăng-già-lê làm gối, nằm hông bên phải, hai chân chồng lên nhau, khởi minh tưởng[11], lập chánh niệm chánh trí và luôn luôn khởi ý tưởng muốn trỗi dậy[12]. Này Đại Mục-kiền-liên, đừng ham lạc thú giường nệm, đừng ham lạc thú ngủ nghỉ, đừng ham tài lợi, đừng đắm trước danh dự[13]. Lý do vì sao? Vì Ta nói: 'Tất cả pháp không thể hợp hội', và cũng nói, 'Có thể hợp hội'.

"Này Đại Mục-kiền-liên, Ta nói pháp gì không thể hợp hội? Này Đại Mục-kiền-liên, nếu pháp đạo và tục mà cùng hợp hội thì Ta nói pháp này không thể hợp hội. Này Đại Mục-kiền-liên, nếu pháp đạo và tục mà cùng hợp hội thì có nhiều điều phải nói. Nếu có nhiều điều phải nói thì có trạo cử[14]. Nếu có trạo cử thì tâm không tịch tĩnh. Này Đại Mục-kiền-liên, nếu tâm không tịch tĩnh thì tâm rời xa định. Này Đại Mục-kiền-liên, do đó Ta nói là không thể hợp hội.

"Này Đại Mục-kiền-liên, Ta nói pháp gì có thể cùng hợp hội? Này Đại Mục-kiền-liên, ở nơi rừng vắng kia[15], Ta nói pháp này có thể cùng hợp hội: núi rừng, dưới cây, chỗ an tĩnh không nhàn, núi cao, hang đá, vắng bặt âm thanh, viễn ly, không ác, không người, có thể tùy thuận mà tĩnh tọa. Này Đại Mục-kiền-liên, Ta nói pháp này có thể cùng hợp hội.

"Này Đại Mục-kiền-liên, nếu ngươi đi vào làng khất thực, hãy nhàm tởm sự lợi lộc, nhàm tởm sự cúng dường, cung kính. Đối với lợi lộc, cúng dường, cung kính, tâm ngươi đã phát khởi sự nhàm tởm rồi mới vào làng khất thực.

---

9. Hán: môn mô ▬▬N(mằn mò). Pāli: ubho kaṇṇasotāni āviñcheyyasi, ngươi hãy *vặn* (hay *kéo*?) hai lỗ tai.
10. Hậu tiền tưởng ▬▬e▬Q▬A quán tưởng sau lưng như là trước mặt. Pāli: Pacchāpuresaññī.
11. Minh tưởng ▬▬Q hay quang minh tưởng, lấy các loại ánh sáng để làm đề mục, tập trung tư tưởng trên đó. Pāli: Ālokasaññā, đề cập đến sau khi ngắm các ngôi sao không thành công.
12. Dục khởi tưởng ▬▬_▬Q▬C Pāli: uṭṭhānasaññā.
13. Trong bản Pāli, câu này dành cho hành giả tự tâm niệm lúc nằm, tức những điều suy niệm của phép dục khởi tưởng.
14. Điệu ▬▬A ở đây cử chỉ thấy máy không yên. Pāli: uddhacca.
15. Vô sự xứ.

"Này Đại Mục-kiền-liên, đừng đem ý cao đại mà vào làng khất thực. Vì sao? Vì nhà trưởng giả có công việc gì đó, Tỳ-kheo đến khất thực khiến trưởng giả không chú ý. Tỳ-kheo liền nghĩ rằng: 'Ai phá hoại ta ở nhà trưởng giả[16]? Vì sao? Vì ta vào nhà trưởng giả khất thực mà trưởng giả không chú ý". Nhân đó sanh ưu sầu, nhân ưu sầu mà sanh trạo cử, nhân trạo cử mà tâm không tịch tĩnh, nhân tâm không tịch tĩnh nên tâm rời xa định.

"Này Đại Mục-kiền-liên, khi ngươi thuyết pháp, đừng vì tranh luận. Nếu có tranh luận thì có nhiều lời, nhân nhiều lời mà có trạo cử, nhân trạo cử mà tâm không tịch tĩnh, nhân tâm không tịch tĩnh nên tâm rời xa định.

"Này Đại Mục-kiền-liên, khi ngươi thuyết pháp đừng nói to, nói mạnh, như sư tử. Này Đại Mục-kiền-liên, khi ngươi thuyết pháp hãy hạ ý mà thuyết pháp, không ráng sức, tiêu diệt sức, dẹp bỏ sức, hãy thuyết pháp bằng sự không dùng cường lực, như sư tử[17].

"Này Đại Mục-kiền-liên, hãy học như vậy".

Bấy giờ Tôn giả Đại Mục-kiền-liên từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch áo vai phải, chắp tay hướng Phật, bạch rằng:

"Bạch Đức Thế Tôn, thế nào là vị Tỳ-kheo đến chỗ cứu cánh, cứu cánh bạch tịnh, cứu cánh phạm hạnh và cứu cánh phạm hạnh cùng tột?"

Đức Thế Tôn bảo:

"Này Đại Mục-kiền-liên, Tỳ-kheo khi đã thọ lạc, cảm thọ khổ, cảm thọ không lạc không khổ, vị ấy ở nơi các cảm thọ này mà quán vô thường, quán hưng suy, quán đoạn, quán vô dục, quán diệt, quán xả. Sau khi ở nơi các cảm thọ này mà quán vô thường, quán hưng suy, quán đoạn, quán vô dục, quán diệt, quán xả, vị ấy không chấp thủ đời này[18], do không chấp thủ đời này mà không bị nhọc nhằn, do không bị nhọc nhằn nên nhập Niết-bàn, biết một cách như thật rằng: 'Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, điều đáng làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa'.

"Này Đại Mục-kiền-liên, như vậy là Tỳ-kheo được đến chỗ cứu cánh, cứu cánh bạch tịnh, cứu cánh phạm hạnh và cứu cánh phạm hạnh cùng tột".

Phật thuyết như vậy. Tôn giả Đại Mục-kiền-liên nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

❑

16. No.47: ai đã nói gì với cư sĩ đó? Bởi vì ta vào nhà mà cư sĩ đó không chịu nói chuyện với ta.
17. No.47: hãy như sư tử luận.
18. Bất thọ thử thế ————@=CPāli: na kiñci loke upādiyati, không chấp thủ bất cứ cái gì ở trên đời.

84. KINH VÔ THÍCH[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật du hóa Bệ-xá-li, ở tại Câu lâu đài quán, bên bờ ao Di hầu[2].

Các đệ tử danh đức Trưởng lão Thượng tôn như các ngài Già-la, Ưu-bệ Giá-na, Hiền Thiện, Hiền Hoạn, Da-xá, Thượng Xứng[3]; các Tỳ-kheo danh đức Trưởng lão Thượng tôn như vậy cũng tựu tại Bệ-xá-li, ở Cao lâu đài quán, bên ao Di hầu và đều ở bên cạnh nhà lá của Phật. Các người Lệ-xế[4] ở thành Bệ-xá-li nghe Đức Thế Tôn trụ tại Bệ-xá-li, nơi Cao lâu đài quán, bên bờ ao Di hầu, liền nghĩ rằng, "Chúng ta hãy phát đại như ý túc, khởi oai đức của bậc vua chúa, lớn tiếng rao truyền rồi ra khỏi thành Bệ-xá-li, qua đến chỗ Phật cúng dường kính lễ".

Lúc bấy giờ các đại đệ tử danh đức Trưởng lão Thượng tôn nghe người Lệ-xế thành Bệ-xá-li phát đại như ý túc, khởi oai đức của bậc vua chúa, lớn tiếng rao truyền rồi ra khỏi thành Bệ-xá-li, qua đến chỗ Phật cúng dường kính lễ, liền nghĩ rằng: 'Âm thanh là gai nhọn đối với thiền'. Đức Thế Tôn cũng nói rằng: 'Âm thanh là gai nhọn đối với thiền'. Chúng ta hãy qua rừng Ngưu giác Sa-la[5], nơi ấy không náo loạn, sống viễn ly cô độc, ẩn dật nơi thanh vắng mà tĩnh tọa".

Rồi các đại đệ tử danh đức Trưởng lão Thượng tôn đi qua rừng Ngưu giác Sa-la, nơi ấy không não loạn, sống viễn ly cô độc, ẩn dật nơi thanh vắng mà tĩnh tọa để tư duy.

Bấy giờ, rất nhiều người Lệ-xế thành Bệ-xá-li phát đại như ý túc, khởi oai đức của bậc vua chúa, lớn tiếng rao truyền, rồi ra khỏi thành Bệ-xá-li, qua đến chỗ Phật cúng dường kính lễ. Hoặc có người Lệ-xế thành Bệ-xá-li cúi lạy chân Phật rồi ngồi xuống một bên, hoặc có người chào hỏi Phật rồi ngồi xuống một bên, hoặc có người chắp tay hướng về Phật rồi ngồi xuống một bên, hoặc có người ở xa thấy Phật rồi im lặng ngồi xuống.

Khi những người Lệ-xế thành Bệ-xá-li đã ngồi xong đâu đấy, Đức Thế Tôn thuyết pháp cho họ nghe, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ. Sau khi bằng vô lượng phương tiện thuyết pháp cho họ nghe, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ rồi, Đức Thế Tôn ngồi im lặng.

Những người Lệ-xế thành Bệ-xá-li, sau khi đã được Đức Thế Tôn thuyết pháp, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, cúi lạy chân Phật, nhiễu quanh ba vòng rồi ra về.

---

1. Bản Hán, quyển 21, Tương đương Pāli A. 10.72 Kantaka-suttaṃ.
2. Xem cht.4 kinh 217. Pāli: Mahāvane kuṭāgārasālāyam.
3. Già-la -B--A Ưu-bá -u--A Già-la -B--A Hiền Thiện ---A Hiền Hoạn --w-A Da-xá -C--A Thượng Xứng -W--C Pāli: Cāla, Upacāla, Kukkuṭa, Kaḷimbha, Nikaṭa, Kaṭissa.
4. Lệ xế -R-w-C Pāli: Licchavī, một bộ tộc rất có thế lực trong thời Phật, là những người Khattiya, và tướng mạo khá đẹp nên có lần Đức Phật so sánh với chư Thiên Tāvatiṃsa (Tam thập tam).
5. Xem cht.3 kinh 184.

Sau khi những người Lệ-xế thành Bệ-xá-li đi chẳng bao lâu, bấy giờ Đức Thế Tôn hỏi các Tỳ-kheo rằng:

"Các Trưởng lão Thượng tôn đại đệ tử đã đến nơi nào?"

Các Tỳ-kheo bạch:

"Bạch Thế Tôn, các Trưởng lão Thượng tôn đại đệ tử khi nghe những người Lệ-xế thành Bệ-xá-li phát đại như ý túc, khởi oai đức của bậc vua chúa, lớn tiếng rao truyền rồi ra khỏi thành Bệ-xá-li, qua đến chỗ Phật cúng dường kính lễ. Các ngài nghĩ rằng: 'Âm thanh là gai nhọn đối với thiền', Đức Thế Tôn cũng nói rằng: 'Âm thanh là gai nhọn đối với thiền'. Chúng ta hãy đi qua rừng Ngưu giác Sa-la, ở đó không náo loạn, sống viễn ly cô độc, ẩn dật nơi thanh vắng mà tĩnh tọa tư duy. Bạch Thế Tôn, các Trưởng lão Thượng tôn đại đệ tử đều đi đến nơi đó".

Bấy giờ Đức Thế Tôn nghe xong, khen rằng:

"Lành thay! Lành thay! Nếu là Trưởng lão Thượng tôn đại đệ tử, nên nói như thế này: 'Âm thanh là gai nhọn đối với thiền'. Đức Thế Tôn cũng nói: 'Âm thanh là gai nhọn đối với thiền'. Vì sao? Vì quả thật Ta có nói như vậy: 'Âm thanh là gai nhọn đối với thiền. Phạm giới là gai nhọn đối với trì giới. Trang sức thân thể là gai nhọn đối với thủ hộ các căn. Tịnh tướng là gai nhọn đối với tu tập bất tịnh[6]. Sân nhuế là gai nhọn đối với tu tập từ tâm. Uống rượu là gai nhọn đối với xa lìa uống rượu. Thấy nữ sắc là gai nhọn đối với phạm hạnh. Âm thanh là gai nhọn đối với nhập Sơ thiền. Giác quán là gai đối với nhập đệ Nhị thiền. Hỷ là gai nhọn đối với nhập đệ Tam thiền. Hơi thở ra, hơi thở vào là gai nhọn đối với nhập đệ Tứ thiền. Sắc tưởng là gai nhọn đối với nhập Không xứ. Không tưởng là gai nhọn đối với nhập Thức xứ. Thức tưởng là gai nhọn đối với nhập Vô sở hữu xứ. Tưởng tri là gai nhọn đối với nhập Tưởng tri diệt định.

Lại cũng có ba loại gai nhọn khác; gai nhọn dục, gai nhọn nhuế và gai nhọn ngu si. Với ba loại gai này, bậc lậu tận A-la-hán đã đoạn trừ, đã biết rõ, đã nhổ sạch cội rễ, tuyệt diệt không còn sanh, ấy là bậc A-la-hán không bị gai chích, bậc A-la-hán xa lìa gai chích, bậc A-la-hán không gai, lìa gai".

Phật thuyết như vậy. Các vị Tỳ-kheo nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

❑

6. Nguyên Hán: ố lộ -c-S-C

85. KINH CHÂN NHÂN[1]

Tôi nghe như vầy.

Một thời Đức Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng, vườn Cấp cô độc.

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Ta sẽ nói cho các ngươi nghe về pháp chân nhân, và pháp không phải chân nhân[2]. Hãy lắng nghe, hãy khéo tư niệm".

Các Tỳ-kheo thọ giáo lắng nghe.

Phật nói:

"Thế nào là pháp không phải chân nhân? Ở đây có một người thuộc dòng dõi hào quý, xuất gia học đạo và những người khác thì không như vậy. Người ấy nhân vì dòng dõi hào quý mà quý mình khinh người. Đó gọi là pháp không phải chân nhân. Pháp chân nhân xét nghĩ như thế này: 'Ta không phải nhân bởi dòng dõi hào quý mà đoạn trừ được dâm, nộ, si. Hoặc có người nào đó không phải dòng dõi hào quý mà xuất gia học đạo, thực hành pháp như pháp, tùy thuận pháp, hướng đến pháp và thứ pháp[3], do đó mà được cúng dường, cung kính'. Như vậy, vị này thú hướng sự chứng đắc pháp chân đế nhưng không quý mình, không khinh người. Đó gọi là pháp chân nhân.

"Lại nữa, hoặc có người đoan chánh, khả ái, những người khác không được như vậy. Người kia nhân vì mình đoan chánh, khả ái mà quý mình khinh người. Đó gọi là pháp không phải chân nhân. Pháp chân nhân xét nghĩ như thế này: 'Ta không phải do vẻ đoan chánh khả ái này mà đoạn trừ được dâm, nộ, si. Hoặc có người nào đó không đoan chánh khả ái nhưng thực hành pháp như pháp, tùy thuận pháp, hướng pháp, thứ pháp, do đó được cúng dường cung kính'. Như vậy vị này thú hướng sự chứng đắc pháp chân đế, nhưng không quý mình khinh người. Đó gọi là pháp chân nhân.

"Lại nữa, hoặc có một người hùng biện, luận giỏi, những người khác không được như vậy. Người kia nhân vì hùng biện, luận giỏi mà quý mình khinh người. Đó gọi là điều của kẻ không phải chân nhân. Pháp chân nhân xét nghĩ như thế này: 'Ta không phải do tài hùng biện, luận giỏi này mà đoạn trừ được dâm, nộ, si. Hoặc có người nào đó không có tài hùng biện, luận giỏi, nhưng người ấy thực hành pháp như pháp, tùy thuận pháp, hướng pháp, thứ pháp, do đó mà được cúng dường cung kính'. Như vậy, vị này thú hướng sự chứng đắc pháp chân đế, nhưng không quý mình, không khinh người.

---

1. Tương đương Pāli M. 113. Sappurisa-suttaṃ. Biệt dịch, No.48.
2. Chân nhân pháp ▪u▪H▪k▪F No.18: hiền giả. Pāli: Sappurisa-dhamma, chân nhân pháp, thiện nhân pháp thiện sĩ pháp.
3. Hành pháp như pháp, tùy thuận ư pháp, hướng pháp thứ pháp ▪▪k▪p▪k▪H▪▪▪▪k▪V▪k▪▪k▪C Pāli: dhammānudhamma-paṭṭpanno sāmicīpaṭṭipannoanudhammacāri; là người thực hành pháp và tùy pháp, thực hành chân chính, có hành vi tùy thuận pháp.

Đó gọi là pháp chân nhân.

"Lại nữa, hoặc có người thuộc hàng Trưởng lão, quen biết với vua, nổi tiếng với mọi người và có đại phước, những người khác không được như vậy. Người kia nhân vì là Trưởng lão, vì quen biết với vua, vì nổi tiếng với mọi người và có đại phước mà quý mình khinh người. Đó gọi là pháp không phải chân nhân. Pháp chân nhân xét nghĩ như thế này: 'Ta không phải do Trưởng lão, không phải do quen biết với vua, nổi tiếng với mọi người và có đại phước mà đoạn trừ được dâm, nộ, si. Hoặc có người nào đó không phải là Trưởng lão, không quen biết với vua, không nổi tiếng với mọi người và cũng không có đại phước, nhưng người ấy thực hành pháp như pháp, tùy thuận pháp, hướng pháp, thứ pháp, do đó mà được cúng dường cung kính'. Như vậy, vị này thú hướng sự chứng đắc pháp chân đế, nhưng không quý mình, không khinh người. Đó gọi là pháp chân nhân.

"Lại nữa, hoặc có người tụng kinh, trì luật, học A-tỳ-đàm[4], thuộc lầu A-hàm[5], học nhiều kinh sách, người khác không được như vậy. Người kia nhân vì thuộc lầu A-hàm, học nhiều kinh sách nên quý mình khinh người. Đó gọi là pháp không phải chân nhân. Pháp chân nhân xét nghĩ như thế này: 'Ta không phải do thuộc lầu A-hàm, học nhiều kinh sách mà đoạn trừ được dâm, nộ, si. Hoặc có người nào đó không thuộc lầu A-hàm, cũng không học nhiều kinh sách, nhưng người ấy thực hành pháp như pháp, tùy thuận pháp, hướng pháp, thứ pháp, do đó mà được cúng dường cung kính'. Như vậy, vị này thú hướng sự chứng đắc pháp chân đế, nhưng không quý mình, không khinh người. Đó gọi là pháp chân nhân.

"Lại nữa, hoặc có người mặc y phấn tảo, nhiếp ba pháp phục, trì y bất mạn[6], người khác không được như vậy. Người kia nhân vì trì y bất mạn nên quý mình khinh người. Đó gọi là pháp không phải chân nhân. Pháp chân nhân xét nghĩ như thế này: 'Ta không phải do trì y bất mạn này mà đoạn trừ được dâm, nộ, si. Hoặc có người nào đó không trì y bất mạn nhưng thực hành pháp như pháp, tùy thuận pháp, hướng pháp, thứ pháp, do đó mà được cúng dường cung kính'. Như vậy, vị này thú hướng sự chứng đắc pháp chân đế, nhưng không quý mình, không khinh người. Đó gọi là pháp chân nhân.

"Lại nữa, hoặc có người thường đi khất thực, cơm chỉ ngang bằng năm thăng, chỉ khất thực hạn cuộc nơi bảy nhà, chỉ ăn một bữa, quá giờ ngọ không uống nước trái cây[7], người khác không được như vậy. Người kia nhân vì quá giờ ngọ không uống nước trái cây mà quý mình khinh người. Đó gọi là pháp không phải chân nhân. Pháp thượng nhân xét nghĩ như thế này: 'Ta không phải do sự quá giờ ngọ không uống nước trái cây này mà đoạn trừ được dâm, nộ, si. Hoặc có người nào đó không dứt bỏ sự quá giờ ngọ uống nước trái cây, nhưng người ấy thực hành pháp như pháp, tùy thuận pháp, hướng pháp, thứ pháp, do đó mà được cúng dường cung kính'. Như vậy, vị này thú hướng sự chứng đắc pháp chân đế, nhưng không quý mình, không khinh người. Đó gọi là pháp chân nhân.

"Lại nữa, hoặc có người ở chỗ rừng vắng sơn lâm, dưới gốc cây, hoặc ở núi cao hay nơi đất trống, hoặc nơi gò mả, hoặc có thể biết thời; người khác không được như vậy. Người kia nhân vì biết thời mà quý mình khinh người. Đó không phải là pháp chân

---

4. A-tỳ-đàm ▬▬s▬▬F thường chỉ Luận tạng. Pāli: abhidhamma.
5. Nguyên trong bản: A-hàm-mộ ▬▬t▬}▬A thường chỉ Kinh tạng. Pāli: āgama.
6. Bất mạn y ▬▬C▬▬C Pāli: amāna-cīvara, y không kiêu mạn, hay amanāpa-cīvara, y xấu xí?
7. Bất ẩm tương ▬▬▬▬C

nhân. Pháp chân nhân xét nghĩ như thế này: 'Ta không phải do sự biết thời này mà đoạn trừ được dâm, nộ, si. Hoặc có người nào đó không biết thời nhưng người ấy thực hành pháp như pháp, tùy thuận pháp, hướng pháp, thứ pháp, do đó mà được cúng dường cung kính'. Như vậy, vị này thú hướng sự chứng đắc pháp chân đế, nhưng không quý mình, không khinh người. Đó gọi là pháp chân nhân.

"Lại nữa, hoặc có người vừa được Sơ thiền; người kia nhân vì được Sơ thiền mà quý mình khinh người. Đó gọi là pháp không phải chân nhân. Pháp chân nhân xét nghĩ như thế này: 'Về Sơ thiền, Đức Thế Tôn nói là vô lượng chủng loại, nếu có kế chấp thì gọi là ái[8] vậy. Do đó người ấy được cúng dường cung kính'. Như vậy, vị này thú hướng sự chứng đắc pháp chân đế, nhưng không quý mình, không khinh người. Đó gọi là pháp chân nhân.

"Lại nữa, hoặc có người được đệ Nhị, đệ Tam, đệ Tứ thiền; được Không xứ, Thức xứ, Vô sở hữu xứ, Phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ, người khác không được như vậy. Người kia nhân vì được phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ nên quý mình khinh người. Đó gọi là pháp không phải chân nhân. Pháp chân nhân xét nghĩ như thế này: 'Phi hữu tưởng phi vô tưởng, Đức Thế Tôn nói là vô lượng chủng loại, nếu có kế chấp thì gọi đó là ái, do đó người ấy được cúng dường cung kính'. Như vậy, vị này thú hướng sự chứng đắc pháp chân đế, nhưng không quý mình, không khinh người. Đó gọi là pháp chân nhân.

"Các ngươi hãy nhận biết pháp chân nhân và pháp không phải chân nhân. Sau khi biết được pháp thượng nhân và pháp không phải chân nhân rồi, hãy dứt bỏ pháp không phải chân nhân và hãy học pháp chân nhân".

Giàu, đẹp trai, nói giỏi,
Trưởng lão, tụng nhiều kinh,
Y, thực, tu núi, thiền,
Sau cùng bố vô sắc.
"Các ngươi nên học như vậy".

Phật thuyết như vậy, các Tỳ-kheo nghe Đức Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

❑

8. Ái 愛 Tống-Nguyên-Minh: thọ (chấp thủ). Pāli: paṭhamajjhānasamāpattiyā pi kho atammayatā, sự chứng đạt Sơ thiền được nói là có tánh không tham luyến.

"A-nan, trước kia Ta đã nói cho ông nghe về năm căn, tín, tinh tấn, niệm, định và tuệ căn. A-nan, năm căn này, ông hãy nói để dạy cho các Tỳ-kheo niên thiếu. Nếu nói và dạy cho các Tỳ-kheo niên thiếu về năm căn này, họ sẽ được an ổn, được sức lực, được an lạc, thân tâm không phiền nhiệt, trọn đời tu hành phạm hạnh.

"A-nan, trước kia Ta đã nói cho ông nghe về năm lực, tín, tinh tấn, niệm, định, tuệ lực. A-nan, năm lực này, ông hãy nói để dạy cho các Tỳ-kheo niên thiếu. Nếu nói và dạy cho các Tỳ-kheo niên thiếu về năm lực này, họ sẽ được an ổn, được sức lực, được an lạc, thân tâm không phiền nhiệt, trọn đời tu hành phạm hạnh.

"A-nan, trước kia Ta đã nói cho ông nghe về năm xuất yếu giới[1]. Những gì là năm? A-nan, Đa văn Thánh đệ tử quán sát dục một cách cực kỳ mãnh liệt. Vị ấy do cực kỳ mãnh liệt quán sát dục nên tâm không hướng theo dục, không vui say dục, không gần gũi với dục, không quyết tâm[2] nơi dục. Khi tâm dục vừa sanh, tức thì bị cháy tiêu, khô héo, co rút lại, bị cuốn tròn lại chứ không được mở rộng ra, bị vứt bỏ đi, không trụ nơi dục, chán ghét, nhàm tởm. A-nan, giống như lông và gân của con gà bị đem quăng vào trong lửa, tức khắc cháy tiêu, khô héo, co rút lại, bị cuốn tròn lại chứ không được mở rộng ra. A-nan, Đa văn Thánh đệ tử cũng vậy, cực kỳ mãnh liệt quán sát dục. Vị ấy do cực kỳ mãnh liệt quán sát dục nên tâm không hướng theo dục, không vui say trong dục, không gần gũi với dục, không quyết tâm nơi dục. Khi tâm dục vừa sanh, tức thì bị cháy tiêu, khô héo, co rút lại, bị cuốn tròn lại chứ không được mở rộng ra. Vị ấy vứt bỏ, không trụ nơi dục, chán ghét, nhàm tởm, chế ngự dục. Vị ấy quán sát vô dục, tâm hướng về vô dục, vui say vô dục, gần gũi vô dục, quyết tâm nơi vô dục, tâm không bị chướng ngại, không ô trược, tâm được an lạc, rất an lạc, viễn ly tất cả dục, viễn ly các lậu và các thứ phiền nhọc, ưu sầu do dục mà có, giải chúng, thoát chúng và lại giải thoát khỏi chúng. Vị ấy không còn nhận lãnh các cảm thọ ấy nữa, tức các cảm thọ sanh ra bởi dục. Như vậy, đó là sự xuất ly khỏi dục. A-nan, đó là xuất yếu giới thứ nhất. A-nan, Đa văn Thánh đệ tử quán sát sân nhuế cực kỳ mãnh liệt. Vị ấy do cực kỳ mãnh liệt quán sát sân nhuế nên tâm không hướng theo sân nhuế, không vui say trong sân nhuế, không gần gũi với sân nhuế, không quyết tâm nơi sân nhuế. Khi tâm sân nhuế vừa sanh, tức khắc bị cháy tiêu, bị khô héo, co rút lại, bị cuốn tròn lại chứ không được nở rộng ra, bị vứt bỏ di. Vị ấy không trụ nơi sân nhuế, chán ghét, nhàm tởm, chế ngự sân nhuế. A-nan, giống như lông và gân của con gà bị đem quăng vào trong lửa, tức khắc bị cháy tiêu, bị khô rút lại, bị cuốn tròn lại chứ không được nở rộng ra. A-nan, Đa văn Thánh đệ tử cũng vậy, cực kỳ mãnh liệt quán sát sân nhuế. Vị ấy do cực kỳ mãnh liệt quán sát sân nhuế nên tâm không hướng theo nhuế, không vui say nhuế, không quyết định nơi nhuế. Tâm nhuế vừa sanh, tức khắc bị cháy tiêu, bị khô rút, bị cuốn tròn chứ không nở rộng ra được, bị vứt bỏ đi, vị ấy không an trụ nơi nhuế, chán ghét, nhàm tởm, chế ngự nhuế. Vị ấy quán sát vô nhuế, tâm hướng về vô nhuế, vui say vô nhuế, gần gũi vô nhuế, quyết định nơi vô nhuế, tâm không bị chướng ngại, không ô trược, tâm được an lạc, rất an lạc, viễn ly dục nhuế, viễn ly các lậu và các thứ phiền nhọc, ưu sầu do nhuế mà có, thoát chúng, giải chúng và lại giải thoát khỏi chúng. Vị ấy không còn nhận lãnh cảm thọ này nữa, tức cảm thọ sanh ra bởi nhuế. Như vậy, đó là sự xuất ly khỏi nhuế. A-nan, đó là xuất yếu giới thứ hai. Lại nữa, A-nan, Đa văn Thánh đệ tử quán sát một cách

---

1. Năm xuất yếu hay xuất ly giới ◘⦸ ·⑤ ·✚■☞ Pāli: pañca nissāraṇiyā dhātuyo, năm giới hạn cần phải thoát ly; xem D. 33 Saṅgīti.

2. Nguyên Hán: bất tín giải ◘□ ·✌ ◊✕■✍ *Tập Dị Môn,* sđd. tr.427c: vô thắng giải; Pāli (D 33) na vimuccati.

cực kỳ mãnh liệt não hại. Vị ấy do cực kỳ mãnh liệt quán sát hại nên tâm không hướng theo hại, không vui say hại, không gần gũi với hại, không quyết định nơi hại. Khi tâm hại vừa sanh, tức khắc bị cháy tiêu, bị khô héo, co rút lại, bị cuốn tròn lại chứ không được nở rộng ra, bị vứt bỏ đi. Vị ấy không trụ nơi hại, chán ghét, nhàm tởm, chế ngự não hại. A-nan, giống như lông và gân của con gà bị đem quăng vào trong lửa, tức khắc bị cháy tiêu, bị khô, bị cuốn tròn lại chứ không được nở rộng ra. A-nan, Đa văn Thánh đệ tử cũng vậy, cực kỳ mãnh liệt quán sát não hại. Vị ấy do cực kỳ quán sát não hại nên tâm không hướng theo hại, không vui say hại, không gần gũi với hại, không quyết định nơi hại. tâm hại vừa sanh, tức khắc bị cháy tiêu, bị khô rút, bị cuốn tròn chứ không nở rộng ra được, bị vứt bỏ đi. Vị ấy không an trụ nơi hại, chán ghét, nhàm tởm, chế ngự hại. Vị ấy quán sát vô hại, tâm hướng về vô hại, vui say vô hại, gần gũi vô hại, quyết định nơi vô hại, tâm không bị chướng ngại, không ô trược, tâm được an lạc, rất an lạc, viễn ly dục hại, viễn ly các lậu và các thứ phiền nhọc, ưu sầu do hại mà có, thoát chúng, giải chúng và lại giải thoát khỏi chúng. Vị ấy không còn nhận lãnh cảm thọ này nữa, tức cảm thọ sanh ra bởi hại. Như vậy, đó là sự xuất ly khỏi hại. A-nan, đó là xuất yếu giới thứ ba. Lại nữa, A-nan, Đa văn Thánh đệ tử quán sát sắc cực kỳ mãnh liệt. Vị ấy do cực kỳ mãnh liệt quán sát sắc nên tâm không hướng theo sắc, không vui say trong sắc, không gần gũi với sắc, không quyết định nơi sắc. Khi tâm sắc vừa sanh, tức thì bị cháy tiêu, bị khô héo, co rút lại, bị cuốn tròn lại chứ không được nở rộng ra, bị vứt bỏ đi. Vị ấy không trụ nơi sắc, chán ghét, nhàm tởm, chế ngự sắc. A-nan, giống như lông và gân của con gà bị đem quăng vào trong lửa, tức khắc bị cháy tiêu, bị khô, bị cuốn tròn lại chứ không được nở rộng ra. A-nan, Đa văn Thánh đệ tử cũng vậy, cực kỳ mãnh liệt quán sát sắc. Vị ấy do cực kỳ quán sát sắc nên tâm không hướng theo sắc, không vui say sắc, không gần gũi với sắc, không quyết định nơi sắc. Tâm sắc vừa sanh, tức khắc bị cháy tiêu, bị khô rút, bị cuốn tròn chứ không nở rộng ra được, bị vứt bỏ đi. Vị ấy không an trụ nơi sắc, chán ghét, nhàm tởm, chế ngự sắc. Vị ấy quán sát vô sắc, tâm hướng về vô sắc, vui say vô sắc, gần gũi vô sắc, quyết định nơi vô sắc, tâm không bị chướng ngại, không ô trược, tâm được an lạc, rất an lạc, viễn ly dục sắc, viễn ly các lậu và các thứ phiền nhọc, ưu sầu do sắc mà có, thoát chúng, giải chúng và lại giải thoát khỏi chúng. Vị ấy không còn nhận lãnh cảm thọ này nữa, tức cảm thọ sanh ra bởi sắc. Như vậy, đó là sự xuất ly khỏi sắc. A-nan, đó là xuất yếu giới thứ tư. Lại nữa, A-nan, Đa văn Thánh đệ tử hết sức thận trọng khéo léo, quán sát tự thân một cách cực kỳ mãnh liệt. Vị ấy do cực kỳ mãnh liệt quán sát tự thân nên tâm không hướng theo tự thân, không vui say trong tự thân, không gần gũi với tự thân, không quyết định nơi tự thân. Khi tự thân vừa sanh, tức khắc bị cháy tiêu, bị khô héo, co rút lại, bị cuốn tròn lại chứ không được nở rộng ra, bị vứt bỏ đi. Vị ấy không trụ nơi thân, chán ghét, nhàm tởm, chế ngự tự thân. A-nan, giống như lông và gân của con gà bị đem quăng vào trong lửa, tức khắc bị cháy tiêu, bị khô, bị cuốn tròn lại chứ không được nở rộng ra. A-nan, Đa văn Thánh đệ tử cũng vậy, cực kỳ mãnh liệt quán sát tự thân. Vị ấy do cực kỳ mãnh liệt quán sát tự thân nên tâm không hướng theo thân, không vui say thân, không quyết định nơi thân. Tự thân vừa sanh, tức khắc bị cháy tiêu, bị khô rút, bị cuốn tròn chứ không nở rộng ra được, bị vứt bỏ đi. Vị ấy không an trụ nơi thân, chán ghét, nhàm tởm, chế ngự thân. Vị ấy quán sát vô thân, tâm hướng về vô thân, vui say vô thân, gần gũi vô thân, quyết định vô thân, tâm không bị chướng ngại, không ô trược, tâm được an lạc, rất an lạc; viễn ly dục thân, viễn ly các lậu và các thứ phiền nhọc, ưu sầu do thân mà có, thoát chúng, giải chúng và lại giải thoát khỏi chúng. Vị ấy không còn nhận lãnh cảm thọ này nữa, tức cảm thọ

sanh ra bởi thân. Như vậy, đó là sự xuất ly khỏi thân. A-nan, đó là xuất yếu giới thứ năm. A-nan, năm xuất yếu giới này, ông hãy nói để dạy cho các Tỳ-kheo niên thiếu. Nếu nói và dạy cho các Tỳ-kheo niên thiếu về năm xuất yếu giới này, họ sẽ được an ổn, được sức lực, được an lạc, thân tâm không phiền nhiệt, trọn đời tu hành phạm hạnh.

"A-nan, trước kia Ta đã nói cho ông nghe về bảy tài sản, tín, giới, tàm, quý, văn, thí và tuệ tài. A-nan, bảy tài sản này, ông hãy nói để dạy cho các Tỳ-kheo niên thiếu. Nếu nói và dạy bảy tài sản này cho các Tỳ-kheo niên thiếu, họ sẽ được an ổn, được sức lực, được an lạc, thân tâm không phiền nhiệt, trọn đời tu phạm hạnh.

"A-nan, trước kia Ta đã nói cho ông nghe về bảy lực, tín, tinh tấn, tàm, quý, niệm, định, tuệ lực. A-nan, bảy lực này, ông hãy nói để dạy cho các Tỳ-kheo niên thiếu. Nếu nói và dạy bảy lực này cho các Tỳ-kheo niên thiếu, họ sẽ được an ổn, được sức lực, được an lạc, thân tâm không phiền nhiệt, trọn đời tu hành phạm hạnh.

"A-nan, trước kia Ta đã nói cho ông nghe về bảy giác chi, niệm, trạch pháp, tinh tấn, hỷ, khinh an[3], định, xả giác chi. A-nan, bảy giác chi này, ông hãy nói để dạy cho các Tỳ-kheo niên thiếu. Nếu nói và dạy bảy giác chi này cho các Tỳ-kheo niên thiếu, họ sẽ được an ổn, được sức lực, được an lạc, thân tâm không phiền nhiệt, trọn đời tu hành phạm hạnh.

"A-nan, trước kia Ta đã nói cho ông nghe về Thánh đạo tám chi, chánh kiến, chánh tư duy[4], chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn[5], chánh niệm, chánh định. Đó là tám. A-nan, Thánh đạo tám chi này, ông hãy nói để dạy cho các Tỳ-kheo niên thiếu. Nếu nói và dạy tám chi Thánh đạo này cho các Tỳ-kheo niên thiếu, họ sẽ được an ổn, được sức lực, được an lạc, thân tâm không phiền nhiệt, trọn đời tu hành phạm hạnh".

Lúc ấy, Tôn giả A-nan chắp tay hướng về Phật, bạch rằng:

"Bạch Thế Tôn, thật là kỳ diệu, thật là hy hữu! Đức Thế Tôn đã nói về xứ và dạy về xứ cho các Tỳ-kheo niên thiếu".

Đức Thế Tôn bảo:

"Này A-nan, thật vậy, thật vậy! Thật là kỳ diệu, thật là hy hữu, Ta nói về xứ và dạy về xứ cho các Tỳ-kheo niên thiếu. Này A-nan, nếu ông lại hỏi về đảnh pháp và đảnh pháp thối [6] từ nơi Như Lai thì ông hết sức tin tưởng, hoan hỷ đối với Như Lai".

Bấy giờ Tôn giả A-nan chắp tay hướng về Phật, bạch rằng:

"Bạch Thế Tôn, nay thật đúng thời. Bạch Thiện Thệ, nay thật đúng thời. Nếu Thế Tôn nói và dạy về đảnh pháp và đảnh pháp thối cho các Tỳ-kheo niên thiếu thì con và các Tỳ-kheo niên thiếu từ Đức Thế Tôn nghe xong sẽ khéo léo thọ trì".

Đức Thế Tôn bảo:

"Này A-nan, các ông hãy lắng nghe. Hãy khéo tự niệm. Ta sẽ nói về đảnh pháp và đảnh pháp thối cho ông và các Tỳ-kheo niên thiếu nghe".

Tôn giả A-nan và các Tỳ-kheo niên thiếu thọ trì lắng nghe.

Đức Thế Tôn bảo rằng[7]:

"A-nan, Đa văn Thánh đệ tử chân thật, nhân nơi tâm tư niệm[8], tư lương, khéo quán

---

3. Nguyên Hán: tức ◆⊡■☞

4. Nguyên Hán: chánh chí ◘◆ ⊡✖■☞

5. Nguyên Hán: chánh phương tiện ◘◆ ◘✦ ·✌■☞

6. Đảnh pháp đảnh pháp thối ◈◗ ▣② ◈◗ ▣② ◇☜■☞ Pāli không có. Tham khảo, Tì-bà-sa 6 (No.1545, Đại 27, trang 25 c): "Ví như đỉnh núi".

7. Đoạn này, về đảnh pháp được dẫn trong Tì-bà-sa 6 (Đại 27, trang 26 c) với một ít dị biệt. Xem các chú thích dưới.

sát, phân biệt về vô thường, khổ, không, phi ngã. Vị ấy khi tư niệm như vậy, tư lương như vậy, khéo quán sát, phân biệt như vậy, liền phát sanh nhẫn, phát sanh lạc, phát sanh dục, tức mong cầu nghe, mong cầu niệm, mong cầu quán[9]. Này A-nan, ấy gọi là đảnh pháp.

"A-nan, nếu được đảnh pháp này nhưng lại mất đi, suy thoái, không tu thủ hộ, không tập tinh tấn, này A-nan, ấy gọi là đảnh pháp thối [10]. Cũng vậy, đối với thức nội xứ, thức ngoại xứ, xúc, thọ, tưởng, tư, ái, giới, nhân duyên khởi và nhân duyên khởi pháp[11] cũng như vậy.

"A-nan, Đa văn Thánh đệ tử đối với nhân duyên khởi và nhân duyên khởi pháp này mà tư niệm, tư lương, khéo quán sát, phân biệt về vô thường, khổ, không, phi ngã, vị ấy khi tư niệm như vậy, tư lương như vậy, khéo quán sát, phân biệt như vậy nên phát sanh nhẫn, phát sanh lạc, phát sanh dục, tức mong cầu nghe, mong cầu niệm, mong cầu quán. A-nan, đó gọi là đảnh pháp.

"A-nan, nếu được đảnh pháp này nhưng lại mất đi, suy thoái, không tu thủ hộ, không tập tinh tấn, này A-nan, ấy gọi là đảnh pháp thối. A-nan, đảnh pháp và đảnh pháp thối này, ông hãy nói để dạy cho các Tỳ-kheo niên thiếu. Nếu nói và dạy đảnh pháp và đảnh pháp thối này cho các Tỳ-kheo niên thiếu, họ sẽ được an ổn, được sức lực, được an lạc, thân tâm không phiền nhiệt, trọn đời tu phạm hạnh.

"A-nan, Ta đã nói về xứ, dạy về xứ, về đảnh pháp, đảnh pháp thối cho các ông nghe, như vị Tôn sư vì đệ tử nên khởi lòng đại từ ái, lân niệm, mẫn thương mà mong cầu sự thiện lợi và hữu ích, mong cầu an ổn, khoái lạc. Ta đã thực hiện như vậy, các ông cũng nên tự chính mình thực hiện. Hãy đến nơi rừng vắng, nơi núi rừng, dưới gốc cây, chỗ an tĩnh không nhàn, tĩnh tọa tư duy, không được phóng dật, siêng năng tinh tấn, đừng để ân hận về sau. Đây là lời giáo sắc của Ta, là lời huấn thị của Ta".

Phật thuyết như vậy. Tôn giả A-nan và các Tỳ-kheo niên thiếu nghe lời Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

Uẩn, nội, ngoại, thức, xúc,
Thọ, tưởng, tư, ái, giới;
Nhân duyên, niệm, chánh đoạn,
Như ý, thiền, đế tưởng,
Vô lượng, vô sắc chủng,
Sa-môn quả, giải thoát,
Xứ, căn, lực, xuất yếu,
Tài, lực, giác, đạo, danh[12].

❑

8. Tì-bà-sa đd. nt.: "đối với năm thủ uẩn, trong pháp duyên sanh..."

9. Sđd: "... có nhẫn, có kiến, có dục lạc, có hành giải..." về nhẫn pháp, *Câu-xá 23* (No.1558, Đại 29, trang 119 c): "đối với bốn Diệu đế có khả năng chấp nhận".

10. *Phát trí 1* (No.1554, Đại 26, trang 918 c) Tỳ-bà-sa 6 (Đại 27, trang 27 a-b): đảnh đọa do ba nguyên nhân sau khi đã đạt đến đảnh: Không thân cận thiện sĩ, không thính văn chánh pháp, không như lý tác ý.

11. Bản Hán, văn mạch không chặt chẽ, nên hiểu là "cũng như đối với năm thủ uẩn ở trên, thức... cũng vậy".

12. Bài tụng này tóm tắt các vấn đề được nói đến trong kinh.

"A-nan, trước kia Ta đã nói cho ông nghe về năm căn, tín, tinh tấn, niệm, định và tuệ căn. A-nan, năm căn này, ông hãy nói để dạy cho các Tỳ-kheo niên thiếu. Nếu nói và dạy cho các Tỳ-kheo niên thiếu về năm căn này, họ sẽ được an ổn, được sức lực, được an lạc, thân tâm không phiền nhiệt, trọn đời tu hành phạm hạnh.

"A-nan, trước kia Ta đã nói cho ông nghe về năm lực, tín, tinh tấn, niệm, định, tuệ lực. A-nan, năm lực này, ông hãy nói để dạy cho các Tỳ-kheo niên thiếu. Nếu nói và dạy cho các Tỳ-kheo niên thiếu về năm lực này, họ sẽ được an ổn, được sức lực, được an lạc, thân tâm không phiền nhiệt, trọn đời tu hành phạm hạnh.

"A-nan, trước kia Ta đã nói cho ông nghe về năm xuất yếu giới[13]. Những gì là năm? A-nan, Đa văn Thánh đệ tử quán sát dục một cách cực kỳ mãnh liệt. Vị ấy do cực kỳ mãnh liệt quán sát dục nên tâm không hướng theo dục, không vui say dục, không gần gũi với dục, không quyết tâm[14] nơi dục. Khi tâm dục vừa sanh, tức thì bị cháy tiêu, khô héo, co rút lại, bị cuốn tròn lại chứ không được mở rộng ra, bị vứt bỏ đi, không trụ nơi dục, chán ghét, nhàm tởm. A-nan, giống như lông và gân của con gà bị đem quăng vào trong lửa, tức khắc cháy tiêu, khô héo, co rút lại, bị cuốn tròn lại chứ không được mở rộng ra. A-nan, Đa văn Thánh đệ tử cũng vậy, cực kỳ mãnh liệt quán sát dục. Vị ấy do cực kỳ mãnh liệt quán sát dục nên tâm không hướng theo dục, không vui say trong dục, không gần gũi với dục, không quyết tâm nơi dục. Khi tâm dục vừa sanh, tức thì bị cháy tiêu, khô héo, co rút lại, bị cuốn tròn lại chứ không được mở rộng ra. Vị ấy vứt bỏ, không trụ nơi dục, chán ghét, nhàm tởm, chế ngự dục. Vị ấy quán sát vô dục, tâm hướng về vô dục, vui say vô dục, gần gũi vô dục, quyết tâm nơi vô dục, tâm không bị chướng ngại, không ô trược, tâm được an lạc, rất an lạc, viễn ly tất cả dục, viễn ly các lậu và các thứ phiền nhọc, ưu sầu do dục mà có, giải chúng, thoát chúng và lại giải thoát khỏi chúng. Vị ấy không còn nhận lãnh các cảm thọ ấy nữa, tức các cảm thọ sanh ra bởi dục. Như vậy, đó là sự xuất ly khỏi dục. A-nan, đó là xuất yếu giới thứ nhất. A-nan, Đa văn Thánh đệ tử quán sát sân nhuế cực kỳ mãnh liệt. Vị ấy do cực kỳ mãnh liệt quán sát sân nhuế nên tâm không hướng theo sân nhuế, không vui say trong sân nhuế, không gần gũi với sân nhuế, không quyết tâm nơi sân nhuế. Khi tâm sân nhuế vừa sanh, tức khắc bị cháy tiêu, bị khô héo, co rút lại, bị cuốn tròn lại chứ không được nở rộng ra, bị vứt bỏ di. Vị ấy không trụ nơi sân nhuế, chán ghét, nhàm tởm, chế ngự sân nhuế. A-nan, giống như lông và gân của con gà bị đem quăng vào trong lửa, tức khắc bị cháy tiêu, bị khô rút lại, bị cuốn tròn lại chứ không được nở rộng ra. A-nan, Đa văn Thánh đệ tử cũng vậy, cực kỳ mãnh liệt quán sát sân nhuế. Vị ấy do cực kỳ mãnh liệt quán sát sân nhuế nên tâm không hướng theo nhuế, không vui say nhuế, không quyết định nơi nhuế. Tâm nhuế vừa sanh, tức khắc bị cháy tiêu, bị khô rút, bị cuốn tròn chứ không nở rộng ra được, bị vứt bỏ đi, vị ấy không an trụ nơi nhuế, chán ghét, nhàm tởm, chế ngự nhuế. Vị ấy quán sát vô nhuế, tâm hướng về vô nhuế, vui say vô nhuế, gần gũi vô nhuế, quyết định nơi vô nhuế, tâm không bị chướng ngại, không ô trược, tâm được an lạc, rất an lạc, viễn ly dục nhuế, viễn ly các lậu và các thứ phiền nhọc, ưu sầu do nhuế mà có, thoát chúng, giải chúng và lại giải thoát khỏi chúng. Vị ấy không còn nhận lãnh cảm thọ này nữa, tức cảm thọ sanh ra bởi nhuế. Như vậy, đó là sự xuất ly khỏi nhuế. A-nan, đó là xuất yếu giới thứ hai. Lại nữa, A-nan, Đa văn Thánh đệ tử quán sát một cách

---

13. Năm xuất yếu hay xuất ly giới ◘⦸ ·⑤ ·✚■☞ Pāli: pañca nissāraṇiyā dhātuyo, năm giới hạn cần phải thoát ly; xem D. 33 Saṅgīti.

14. Nguyên Hán: bất tín giải ◘□ ·✌ ◊✕■✍ *Tập Dị Môn,* sđd. tr.427c: vô thắng giải; Pāli (D 33) na vimuccati.

cực kỳ mãnh liệt não hại. Vị ấy do cực kỳ mãnh liệt quán sát hại nên tâm không hướng theo hại, không vui say hại, không gần gũi với hại, không quyết định nơi hại. Khi tâm hại vừa sanh, tức khắc bị cháy tiêu, bị khô héo, co rút lại, bị cuốn tròn lại chứ không được nở rộng ra, bị vứt bỏ đi. Vị ấy không trụ nơi hại, chán ghét, nhàm tởm, chế ngự não hại. A-nan, giống như lông và gân của con gà bị đem quăng vào trong lửa, tức khắc bị cháy tiêu, bị khô, bị cuốn tròn lại chứ không được nở rộng ra. A-nan, Đa văn Thánh đệ tử cũng vậy, cực kỳ mãnh liệt quán sát não hại. Vị ấy do cực kỳ quán sát não hại nên tâm không hướng theo hại, không vui say hại, không gần gũi với hại, không quyết định nơi hại. tâm hại vừa sanh, tức khắc bị cháy tiêu, bị khô rút, bị cuốn tròn chứ không nở rộng ra được, bị vứt bỏ đi. Vị ấy không an trụ nơi hại, chán ghét, nhàm tởm, chế ngự hại. Vị ấy quán sát vô hại, tâm hướng về vô hại, vui say vô hại, gần gũi vô hại, quyết định nơi vô hại, tâm không bị chướng ngại, không ô trược, tâm được an lạc, rất an lạc, viễn ly dục hại, viễn ly các lậu và các thứ phiền nhọc, ưu sầu do hại mà có, thoát chúng, giải chúng và lại giải thoát khỏi chúng. Vị ấy không còn nhận lãnh cảm thọ này nữa, tức cảm thọ sanh ra bởi hại. Như vậy, đó là sự xuất ly khỏi hại. A-nan, đó là xuất yếu giới thứ ba. Lại nữa, A-nan, Đa văn Thánh đệ tử quán sát sắc cực kỳ mãnh liệt. Vị ấy do cực kỳ mãnh liệt quán sát sắc nên tâm không hướng theo sắc, không vui say trong sắc, không gần gũi với sắc, không quyết định nơi sắc. Khi tâm sắc vừa sanh, tức thì bị cháy tiêu, bị khô héo, co rút lại, bị cuốn tròn lại chứ không được nở rộng ra, bị vứt bỏ đi. Vị ấy không trụ nơi sắc, chán ghét, nhàm tởm, chế ngự sắc. A-nan, giống như lông và gân của con gà bị đem quăng vào trong lửa, tức khắc bị cháy tiêu, bị khô, bị cuốn tròn lại chứ không được nở rộng ra. A-nan, Đa văn Thánh đệ tử cũng vậy, cực kỳ mãnh liệt quán sát sắc. Vị ấy do cực kỳ quán sát sắc nên tâm không hướng theo sắc, không vui say sắc, không gần gũi với sắc, không quyết định nơi sắc. Tâm sắc vừa sanh, tức khắc bị cháy tiêu, bị khô rút, bị cuốn tròn chứ không nở rộng ra được, bị vứt bỏ đi. Vị ấy không an trụ nơi sắc, chán ghét, nhàm tởm, chế ngự sắc. Vị ấy quán sát vô sắc, tâm hướng về vô sắc, vui say vô sắc, gần gũi vô sắc, quyết định nơi vô sắc, tâm không bị chướng ngại, không ô trược, tâm được an lạc, rất an lạc, viễn ly dục sắc, viễn ly các lậu và các thứ phiền nhọc, ưu sầu do sắc mà có, thoát chúng, giải chúng và lại giải thoát khỏi chúng. Vị ấy không còn nhận lãnh cảm thọ này nữa, tức cảm thọ sanh ra bởi sắc. Như vậy, đó là sự xuất ly khỏi sắc. A-nan, đó là xuất yếu giới thứ tư. Lại nữa, A-nan, Đa văn Thánh đệ tử hết sức thận trọng khéo léo, quán sát tự thân một cách cực kỳ mãnh liệt. Vị ấy do cực kỳ mãnh liệt quán sát tự thân nên tâm không hướng theo tự thân, không vui say trong tự thân, không gần gũi với tự thân, không quyết định nơi tự thân. Khi tự thân vừa sanh, tức khắc bị cháy tiêu, bị khô héo, co rút lại, bị cuốn tròn lại chứ không được nở rộng ra, bị vứt bỏ đi. Vị ấy không trụ nơi thân, chán ghét, nhàm tởm, chế ngự tự thân. A-nan, giống như lông và gân của con gà bị đem quăng vào trong lửa, tức khắc bị cháy tiêu, bị khô, bị cuốn tròn lại chứ không được nở rộng ra. A-nan, Đa văn Thánh đệ tử cũng vậy, cực kỳ mãnh liệt quán sát tự thân. Vị ấy do cực kỳ mãnh liệt quán sát tự thân nên tâm không hướng theo thân, không vui say thân, không quyết định nơi thân. Tự thân vừa sanh, tức khắc bị cháy tiêu, bị khô rút, bị cuốn tròn chứ không nở rộng ra được, bị vứt bỏ đi. Vị ấy không an trụ nơi thân, chán ghét, nhàm tởm, chế ngự thân. Vị ấy quán sát vô thân, tâm hướng về vô thân, vui say vô thân, gần gũi vô thân, quyết định vô thân, tâm không bị chướng ngại, không ô trược, tâm được an lạc, rất an lạc; viễn ly dục thân, viễn ly các lậu và các thứ phiền nhọc, ưu sầu do thân mà có, thoát chúng, giải chúng và lại giải thoát khỏi chúng. Vị ấy không còn nhận lãnh cảm thọ này nữa, tức cảm thọ

sanh ra bởi thân. Như vậy, đó là sự xuất ly khỏi thân. A-nan, đó là xuất yếu giới thứ năm. A-nan, năm xuất yếu giới này, ông hãy nói để dạy cho các Tỳ-kheo niên thiếu. Nếu nói và dạy cho các Tỳ-kheo niên thiếu về năm xuất yếu giới này, họ sẽ được an ổn, được sức lực, được an lạc, thân tâm không phiền nhiệt, trọn đời tu hành phạm hạnh.

"A-nan, trước kia Ta đã nói cho ông nghe về bảy tài sản, tín, giới, tàm, quý, văn, thí và tuệ tài. A-nan, bảy tài sản này, ông hãy nói để dạy cho các Tỳ-kheo niên thiếu. Nếu nói và dạy bảy tài sản này cho các Tỳ-kheo niên thiếu, họ sẽ được an ổn, được sức lực, được an lạc, thân tâm không phiền nhiệt, trọn đời tu phạm hạnh.

"A-nan, trước kia Ta đã nói cho ông nghe về bảy lực, tín, tinh tấn, tàm, quý, niệm, định, tuệ lực. A-nan, bảy lực này, ông hãy nói để dạy cho các Tỳ-kheo niên thiếu. Nếu nói và dạy bảy lực này cho các Tỳ-kheo niên thiếu, họ sẽ được an ổn, được sức lực, được an lạc, thân tâm không phiền nhiệt, trọn đời tu hành phạm hạnh.

"A-nan, trước kia Ta đã nói cho ông nghe về bảy giác chi, niệm, trạch pháp, tinh tấn, hỷ, khinh an[15], định, xả giác chi. A-nan, bảy giác chi này, ông hãy nói để dạy cho các Tỳ-kheo niên thiếu. Nếu nói và dạy bảy giác chi này cho các Tỳ-kheo niên thiếu, họ sẽ được an ổn, được sức lực, được an lạc, thân tâm không phiền nhiệt, trọn đời tu hành phạm hạnh.

"A-nan, trước kia Ta đã nói cho ông nghe về Thánh đạo tám chi, chánh kiến, chánh tư duy[16], chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn[17], chánh niệm, chánh định. Đó là tám. A-nan, Thánh đạo tám chi này, ông hãy nói để dạy cho các Tỳ-kheo niên thiếu. Nếu nói và dạy tám chi Thánh đạo này cho các Tỳ-kheo niên thiếu, họ sẽ được an ổn, được sức lực, được an lạc, thân tâm không phiền nhiệt, trọn đời tu hành phạm hạnh".

Lúc ấy, Tôn giả A-nan chắp tay hướng về Phật, bạch rằng:

"Bạch Thế Tôn, thật là kỳ diệu, thật là hy hữu! Đức Thế Tôn đã nói về xứ và dạy về xứ cho các Tỳ-kheo niên thiếu".

Đức Thế Tôn bảo:

"Này A-nan, thật vậy, thật vậy! Thật là kỳ diệu, thật là hy hữu, Ta nói về xứ và dạy về xứ cho các Tỳ-kheo niên thiếu. Này A-nan, nếu ông lại hỏi về đảnh pháp và đảnh pháp thối [18] từ nơi Như Lai thì ông hết sức tin tưởng, hoan hỷ đối với Như Lai".

Bấy giờ Tôn giả A-nan chắp tay hướng về Phật, bạch rằng:

"Bạch Thế Tôn, nay thật đúng thời. Bạch Thiện Thệ, nay thật đúng thời. Nếu Thế Tôn nói và dạy về đảnh pháp và đảnh pháp thối cho các Tỳ-kheo niên thiếu thì con và các Tỳ-kheo niên thiếu từ Đức Thế Tôn nghe xong sẽ khéo léo thọ trì".

Đức Thế Tôn bảo:

"Này A-nan, các ông hãy lắng nghe. Hãy khéo tự niệm. Ta sẽ nói về đảnh pháp và đảnh pháp thối cho ông và các Tỳ-kheo niên thiếu nghe".

Tôn giả A-nan và các Tỳ-kheo niên thiếu thọ trì lắng nghe.

Đức Thế Tôn bảo rằng[19]:

"A-nan, Đa văn Thánh đệ tử chân thật, nhân nơi tâm tư niệm[20], tư lương, khéo

---

15. Nguyên Hán: tức ◆⊡■☞

16. Nguyên Hán: chánh chí ◘◆ ⊡✖■☞

17. Nguyên Hán: chánh phương tiện ◘◆ ◘✦ ·♢■☞

18. Đảnh pháp đảnh pháp thối ◈◗ ▣② ◈◗ ▣② ◇☙■☞ Pāli không có. Tham khảo, Tì-bà-sa 6 (No.1545, Đại 27, trang 25 c): "Ví như đỉnh núi".

19. Đoạn này, về đảnh pháp được dẫn trong Tì-bà-sa 6 (Đại 27, trang 26 c) với một ít dị biệt. Xem các chú thích dưới.

quán sát, phân biệt về vô thường, khổ, không, phi ngã. Vị ấy khi tư niệm như vậy, tư lương như vậy, khéo quán sát, phân biệt như vậy, liền phát sanh nhẫn, phát sanh lạc, phát sanh dục, tức mong cầu nghe, mong cầu niệm, mong cầu quán[21]. Này A-nan, ấy gọi là đảnh pháp.

"A-nan, nếu được đảnh pháp này nhưng lại mất đi, suy thoái, không tu thủ hộ, không tập tinh tấn, này A-nan, ấy gọi là đảnh pháp thối [22]. Cũng vậy, đối với thức nội xứ, thức ngoại xứ, xúc, thọ, tưởng, tư, ái, giới, nhân duyên khởi và nhân duyên khởi pháp[23] cũng như vậy.

"A-nan, Đa văn Thánh đệ tử đối với nhân duyên khởi và nhân duyên khởi pháp này mà tư niệm, tư lương, khéo quán sát, phân biệt về vô thường, khổ, không, phi ngã, vị ấy khi tư niệm như vậy, tư lương như vậy, khéo quán sát, phân biệt như vậy nên phát sanh nhẫn, phát sanh lạc, phát sanh dục, tức mong cầu nghe, mong cầu niệm, mong cầu quán. A-nan, đó gọi là đảnh pháp.

"A-nan, nếu được đảnh pháp này nhưng lại mất đi, suy thoái, không tu thủ hộ, không tập tinh tấn, này A-nan, ấy gọi là đảnh pháp thối. A-nan, đảnh pháp và đảnh pháp thối này, ông hãy nói để dạy cho các Tỳ-kheo niên thiếu. Nếu nói và dạy đảnh pháp và đảnh pháp thối này cho các Tỳ-kheo niên thiếu, họ sẽ được an ổn, được sức lực, được an lạc, thân tâm không phiền nhiệt, trọn đời tu phạm hạnh.

"A-nan, Ta đã nói về xứ, dạy về xứ, về đảnh pháp, đảnh pháp thối cho các ông nghe, như vị Tôn sư vì đệ tử nên khởi lòng đại từ ái, lân niệm, mẫn thương mà mong cầu sự thiện lợi và hữu ích, mong cầu an ổn, khoái lạc. Ta đã thực hiện như vậy, các ông cũng nên tự chính mình thực hiện. Hãy đến nơi rừng vắng, nơi núi rừng, dưới gốc cây, chỗ an tĩnh không nhàn, tĩnh tọa tư duy, không được phóng dật, siêng năng tinh tấn, đừng để ân hận về sau. Đây là lời giáo sắc của Ta, là lời huấn thị của Ta".

Phật thuyết như vậy. Tôn giả A-nan và các Tỳ-kheo niên thiếu nghe lời Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

Uẩn, nội, ngoại, thức, xúc,
Thọ, tưởng, tư, ái, giới;
Nhân duyên, niệm, chánh đoạn,
Như ý, thiền, đế tưởng,
Vô lượng, vô sắc chủng,
Sa-môn quả, giải thoát,
Xứ, căn, lực, xuất yếu,
Tài, lực, giác, đạo, danh[24].

❑

[20] Tì-bà-sa đd. nt.: "đối với năm thủ uẩn, trong pháp duyên sanh..."

[21] Sđd: "... có nhẫn, có kiến, có dục lạc, có hành giải..." về nhẫn pháp, *Câu-xá 23* (No.1558, Đại 29, trang 119 c): "đối với bốn Diệu đế có khả năng chấp nhận".

[22] *Phát trí 1* (No.1554, Đại 26, trang 918 c) Tỳ-bà-sa 6 (Đại 27, trang 27 a-b): đảnh đọa do ba nguyên nhân sau khi đã đạt đến đảnh: Không thân cận thiện sĩ, không thính văn chánh pháp, không như lý tác ý.

[23] Bản Hán, văn mạch không chặt chẽ, nên hiểu là "cũng như đối với năm thủ uẩn ở trên, thức... cũng vậy".

[24] Bài tụng này tóm tắt các vấn đề được nói đến trong kinh.

87. KINH UẾ PHẨM[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật đến Bà-kì-sấu, ở trong núi Ngạc rừng Bố, vườn Lộc dã[2].

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lê Tử nói với các thầy Tỳ-kheo:

"Này chư Hiền, thế gian có bốn hạng người. Những gì là bốn? Hoặc có một hạng người bên trong thật có ô uế[3] mà không tự biết, không biết như thật bên trong có ô uế. Hoặc có một hạng người bên trong thật có ô uế nhưng tự biết, biết như thật bên trong có ô uế. Hoặc có một hạng người bên trong thật không có ô uế mà không tự biết, không tự biết bên trong thật không có ô uế. Hoặc có một hạng người bên trong thật không có ô uế và tự biết, biết như thật bên trong thật không có ô uế.

"Chư Hiền, nếu một người bên trong thật có ô uế mà không tự biết, không biết như thật bên trong có ô uế, thì trong loài người, người này là tối hạ tiện.

Nếu một người bên trong thật có ô uế nhưng tự biết như thật, biết như thật bên trong thật có ô uế, thì trong loài người, người này là tối thắng. Nếu có một người bên trong thật không có ô uế mà không tự biết, không biết như thật bên trong thật không có ô uế, thì trong loài người, người này là tối hạ tiện.

Nếu có một người bên trong thật không có ô uế mà tự biết, biết như thật bên trong thật không có ô uế, thì trong loài người, người này là tối thắng".

Lúc ấy, có một thầy Tỳ-kheo[4] liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch áo vai phải, chắp tay hướng về Tôn giả Xá-lê Tử bạch rằng:

"Bạch Tôn giả Xá-lê Tử, vì nhân gì, duyên gì mà hai hạng người trước đều có ô uế, tâm ô uế, mà một người được nói là tối hạ tiện và một người được coi là tối thắng? Và do nhân gì, duyên gì mà hai hạng người sau không có ô uế, không làm ô uế tâm, nhưng một người được nói là tối hạ tiện và một người được coi là tối thắng?"

Khi đó, Tôn giả Xá-lê Tử trả lời vị Tỳ-kheo kia rằng:

"Hiền giả, nếu có một người bên trong thật có ô uế mà không tự biết, không biết như thật bên trong thật có ô uế, thì nên biết, người ấy không muốn đoạn trừ ô uế, không cầu phương tiện, không tinh cần học. Người ấy khi mạng chung, với ô uế làm ô uế tâm, do mạng chung với ô uế làm ô uế tâm, nó chết không an lành, sanh vào chỗ bất thiện. Vì sao? Vì người ấy do mạng chung với ô uế làm ô uế tâm.

"Này Hiền giả, cũng như có một người từ chợ, quán, hoặc từ nhà làm đồ đồng mua về một cái mâm đồng bị bụi dơ làm dơ. Người ấy mang về nhưng không năng rửa bụi, không năng lau chùi, cũng không phơi nắng, lại để chỗ nhiều bụi bặm nên đồng càng dính

---

1. Tương đương Pāli M.5 Anaṅgaṇa-suttaṃ. Hán, biệt dịch, No.49, No.125 (25.6).
2. Xem cht.2 và 3, kinh 74.
3. Hán: uế —C Pāli: aṅgaṇa, vết bẩn, bụi bẩn, nước dơ.
4. Bản Pāli: Tôn giả Mahāmoggallāna (Đại Mục-kiền-liên). No.125 (25-6) cũng vậy.

thêm bụi bặm dơ bẩn. Hiền giả, cũng vậy, nếu có một người bên trong thật có ô uế mà không tự biết, không biết như thật bên trong thật có ô uế, thì nên biết, người ấy không muốn đoạn trừ ô uế, không cần phương tiện, không tinh cần học, nó mạng chung với sự ô uế làm ô uế tâm. Do mạng chung với sự ô uế làm ô uế tâm, nó chết không an lành, sanh vào chỗ bất thiện. Vì sao? Bởi vì nó mạng chung với ô uế làm ô uế tâm.

"Này Hiền giả, nếu có một người biết như thật rằng: 'Trong ta có ô uế, trong ta quả thật có ô uế này', thì nên biết, người ấy muốn đoạn trừ ô uế đó, cầu phương tiện và tinh cần học. Người ấy mạng chung mà không có ô uế, không làm ô uế tâm. Do mạng chung không có ô uế, không làm ô uế tâm, người ấy chết an lành, sanh vào cõi thiện. Vì sao? Vì người ấy mạng chung mà không có ô uế, không làm ô uế tâm.

"Này Hiền giả, cũng như có người từ chợ, quán, hoặc từ nhà người làm đồ đồng mua về một cái mâm đồng bị bụi bặm làm dơ bẩn. Người ấy mang mâm về, thường năng rửa bụi bặm, thường năng lau chùi, thường năng phơi nắng và không để chỗ nhiều bụi bặm. Như vậy, mâm đồng hết sức sạch bóng. Hiền giả, cũng vậy, nếu có một người biết như thật rằng: 'Trong ta có ô uế; trong ta quả thật có ô uế này', thì nên biết, người ấy muốn đoạn trừ ô uế đó, cầu phương tiện và tinh cần học. Người ấy mạng chung mà không có ô uế, không làm ô uế tâm. Do mạng chung không có ô uế, không làm ô uế tâm, người ấy chết an lành, sanh vào cõi thiện. Vì sao? Vì người ấy mạng chung mà không có ô uế, không làm ô uế tâm.

"Hiền giả, nếu một người không biết như thật rằng: 'Trong ta không có ô uế; trong ta quả thật không có ô uế này', thì nên biết người ấy không giữ gìn được những pháp mắt thấy tai nghe. Do không giữ gìn được những pháp mắt thấy tai nghe, nó bị dục tâm ràng buộc. Nó sẽ mạng chung với dục tâm, với ô uế làm ô uế tâm. Do mạng chung với dục tâm, với ô uế làm ô uế tâm, nó chết không an lành, sanh vào cõi bất thiện. Vì sao? Vì nó mạng chung với dục tâm, với ô uế làm ô uế tâm.

"Hiền giả, cũng như có một người từ chợ, quán, hoặc từ nhà làm đồ đồng, mua về một cái mâm đồng không có bụi dơ. Người ấy mang mâm về nhưng không năng rửa bụi, không năng lau chùi, không thường phơi nắng, để chỗ nhiều bụi bặm. Như vậy, mâm đồng chắc chắn dính bụi bặm dơ bẩn. Hiền giả, cũng vậy, nếu một người không biết như thật rằng: 'Trong ta không có ô uế; trong ta thật không có ô uế này', thì nên biết, người kia không giữ gìn được những pháp mắt thấy tai nghe. Do không giữ gìn được những pháp mắt thấy tai nghe, nó bị dục tâm ràng buộc. Nó sẽ mạng chung với dục tâm, với ô uế làm ô uế tâm. Nó chết không an lành, sanh vào cõi bất thiện. Vì sao? Vì nó mạng chung với dục tâm, với ô uế làm ô uế tâm.

"Hiền giả, nếu một người biết như thật rằng: 'Trong ta không có ô uế; trong ta quả thật không có ô uế này', thì nên biết, người ấy giữ gìn được những pháp mắt thấy tai nghe. Do vì giữ gìn được những pháp mắt thấy tai nghe nên người ấy không bị dục tâm ràng buộc. Người ấy mạng chung mà không có dục tâm, không có ô uế, không làm ô uế tâm. Do mạng chung mà không có dục tâm, không có ô uế, không làm ô uế tâm, người ấy chết an lành, sanh vào nẻo thiện. Vì sao? Vì người ấy không có dục tâm, không có ô uế, không làm ô uế tâm.

"Hiền giả, cũng như có người hoặc từ chợ, quán, hoặc từ nhà làm đồ đồng mua về một cái mâm đồng không có bụi dơ, sạch bóng. Người ấy mang mâm về, thường năng rửa bụi, thường năng lau chùi, thường năng phơi nắng, không để chỗ bụi bặm. Như vậy, cái mâm đồng hết sức sạch bóng. Hiền giả, cũng vậy, nếu một người biết như thật rằng:

'Trong ta không có ô uế; trong ta quả thật không có ô uế này', thì nên biết người ấy giữ gìn được những pháp mắt thấy tai nghe. Do vì giữ gìn được những pháp mắt thấy tai nghe nên người ấy không bị dục tâm ràng buộc. Người ấy mạng chung mà không có dục tâm, không có ô uế, không làm ô uế tâm. Do mạng chung mà không có dục tâm, không có ô uế, không làm ô uế tâm, người ấy chết an lành, sanh vào cõi thiện. Vì sao? Vì người ấy không có dục tâm, không có ô uế, không làm ô uế tâm.

"Hiền giả, do nhân này, duyên này mà hai hạng người trước mặc dù đều có ô uế làm ô uế tâm, nhưng một người được nói là tối hạ tiện, và một người được coi là tối thắng. Và cũng do nhân này, duyên này mà hai hạng người sau mặc dù đều không có ô uế, không làm ô uế tâm, nhưng một người được nói là tối hạ tiện, và một người được coi là tối thắng".

Bấy giờ lại có một thầy Tỳ-kheo khác, từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch áo vai hữu, chắp tay hướng về Tôn giả Xá-lê Tử, bạch rằng:

"Bạch Tôn giả Xá-lê Tử, Ngài nói ô uế; những gì là ô uế?"

Tôn giả Xá-lê Tử đáp rằng:

"Này Hiền giả, vô lượng pháp ác bất thiện từ dục mà sanh, đó là ô uế[5]. Vì sao? giả sử có một người tâm sanh ước muốn như vầy, 'Ta đã phạm giới, mong rằng người khác đừng biết ta phạm giới'. Hiền giả, nhưng có người khác biết nó phạm giới, bởi vì người khác biết nó phạm giới, nên người ấy tâm sanh ác[6]. Nếu người ấy tâm sanh ác và tâm sanh dục thì cả hai đều là bất thiện[7].

"Hiền giả, giả sử có người tâm sanh ước muốn như vầy, 'Ta đã phạm giới, mong người khác quở trách ta ở chỗ kín đáo, chứ đừng quở trách ta phạm giới ở trong chúng'. Hiền giả, nhưng có người khác quở trách nó ở trong chúng chứ không ở chỗ kín đáo. Do bởi người khác quở trách nó ở trong chúng, chứ không ở chỗ kín đáo, nên người ấy tâm sanh ác. Nếu người ấy tâm sanh ác và tâm sanh dục thì cả hai đều là bất thiện.

"Hiền giả, giả sử có người tâm sanh ước muốn như vầy, 'Ta đã phạm giới, mong rằng bị người hơn mình trách mắng, chứ đừng bị người kém mình trách mắng ta phạm giới'. Này Hiền giả, nhưng người kém nó chứ không phải người hơn, trách mắng nó phạm giới. Do bị người kém mình chứ không phải người hơn trách mắng, nên tâm sanh ác. Nếu người ấy tâm sanh ác và tâm sanh dục thì cả hai đều là bất thiện.

"Hiền giả, giả sử có người tâm sanh ước muốn như vầy: 'Mong rằng ta ngồi trước mặt Đức Thế Tôn, thưa hỏi Đức Thế Tôn về giáo pháp để Ngài nói cho các Tỳ-kheo nghe, chứ không phải vị Tỳ-kheo khác ngồi trước mặt Đức Thế Tôn thưa hỏi Đức Thế Tôn về giáo pháp để Ngài nói cho các Tỳ-kheo nghe'. Này Hiền giả, nhưng có Tỳ-kheo khác ngồi trước mặt Đức Thế Tôn thưa hỏi Đức Thế Tôn về giáo pháp để Ngài nói cho các Tỳ-kheo nghe. Do vì có vị Tỳ-kheo khác ngồi trước mặt Đức Thế Tôn, thưa hỏi Đức Thế Tôn về giáo pháp để Ngài nói cho các Tỳ-kheo nghe, nên người ấy tâm sanh ác. Nếu người ấy tâm sanh ác và tâm sanh dục thì cả hai đều là bất thiện.

"Hiền giả, giả sử có người tâm sanh ước muốn như vầy: 'Lúc các Tỳ-kheo vào làng[8], mong rằng ta đi trước nhất, các Tỳ-kheo theo sau ta mà vào làng, đừng để một Tỳ-kheo

---

5. So sánh Pāli: pāpakānaṃ kho etaṃ akusalānaṃ icchāvacarānaṃ adhivacanaṃ yadidaṃ aṅgaṇaṃ, các pháp ác bất thiện, cảnh giới của dục, là đồng nghĩa của uế.

6. Pāli: so kupito hoti appatīto, nó phẫn nộ và bất mãn.

7. Pāli: kopo yo ca appaccayo ubhayam etaṃ aṅgaṇaṃ, phẫn nộ và bất mãn, cả hai cái này là ô uế.

8. Hán: nhập nội thời ⌐J ——C Pāli: gāmaṃ bhattāya paviseyyuṃ, vào làng để ăn cơm.

nào khác mà khi các Tỳ-kheo vào làng đi trước nhất, và các Tỳ-kheo đi theo sau mà vào'. Này Hiền giả, nhưng có Tỳ-kheo, khi các Tỳ-kheo vào làng, đã đi trước nhất, và các Tỳ-kheo theo sau vị ấy để vào làng. Do bởi có Tỳ-kheo khác, khi các Tỳ-kheo vào làng, đã đi trước nhất và các Tỳ-kheo theo sau để vào làng, nên người ấy tâm sanh ác. Nếu người ấy tâm sanh ác và tâm sanh dục thì cả hai đều là bất thiện.

"Hiền giả, giả sử có người tâm sanh ước muốn như vầy, 'Khi các Tỳ-kheo đã vào trong[9], thì mong rằng ta ngồi chỗ cao hơn hết, được chỗ ngồi bậc nhất, được nước rửa bậc nhất, được thức ăn bậc nhất, chứ đừng có vị Tỳ-kheo nào khác mà khi các Tỳ-kheo đã vào trong lại ngồi chỗ cao hơn hết, được chỗ ngồi bậc nhất, được nước rửa bậc nhất, được thức ăn bậc nhất'. Này Hiền giả nhưng có Tỳ-kheo khác, khi các Tỳ-kheo đã vào trong, ngồi chỗ cao hơn hết, được chỗ ngồi bậc nhất, được nước rửa bậc nhất, được thức ăn bậc nhất. Do bởi có Tỳ-kheo khác, khi các Tỳ-kheo đã vào trong, ngồi ghế cao hơn hết, được chỗ ngồi bậc nhất, được thức ăn bậc nhất, nên người ấy tâm sanh ác. Nếu người ấy tâm sanh ác và tâm sanh dục thì cả hai đều là bất thiện.

"Hiền giả, giả sử có người tâm sanh ước muốn như vầy: 'Các Tỳ-kheo ăn xong, sau khi thu dọn đồ ăn, lau rửa rồi, mong ta nói pháp cho cư sĩ nghe để khuyến phát khát ngưỡng và thành tựu hoan hỷ; đừng có Tỳ-kheo nào khác sau khi các Tỳ-kheo ăn xong thu dọn đồ ăn, lau rửa rồi, nói pháp cho cư sĩ nghe để khuyến phát khát ngưỡng và thành tựu hoan hỷ'. Này Hiền giả, nhưng có Tỳ-kheo khác, sau khi Tỳ-kheo ăn xong, thu dọn đồ ăn, lau rửa rồi, nói pháp cho cư sĩ nghe để khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ. Do bởi có Tỳ-kheo khác, sau khi các Tỳ-kheo ăn xong, thu dọn đồ ăn, lau rửa rồi nói pháp cho cư sĩ nghe để khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ, nên người ấy tâm sanh ác. Nếu người ấy sanh tâm ác và tâm dục thì cả hai đều bất thiện.

"Hiền giả, giả sử có người tâm sanh ước muốn như vầy: 'Khi các cư sĩ đi đến chúng viên[10], mong rằng ta với họ cùng tụ hội, cùng tụ tập, cùng ngồi, cùng đàm luận, đừng có Tỳ-kheo nào khác khi các cư sĩ đi đến chúng viên cùng tụ hội, cùng tụ tập, cùng ngồi, cùng đàm luận với họ'. Này Hiền giả nhưng có Tỳ-kheo khác, khi các cư sĩ đi đến chúng viên, cùng tụ hội, cùng tụ tập, cùng ngồi, cùng đàm luận với họ. Do bởi có Tỳ-kheo khác khi các cư sĩ đi đến chúng viên cùng tụ hội, cùng tụ tập, cùng ngồi, cùng đàm luận với họ nên người ấy tâm sanh ác. Nếu người ấy tâm sanh ác và tâm sanh dục thì cả hai đều là bất thiện.

"Hiền giả, giả sử có người tâm sanh ước muốn như vầy: 'Mong rằng ta được nhà vua quen biết, được các Đại thần, Phạm chí, cư sĩ và nhân dân trong nước biết đến và kính trọng'. Này Hiền giả, nhưng có vị Tỳ-kheo khác được vua quen biết, được các Đại thần, Phạm chí, cư sĩ và nhân dân trong nước biết đến và kính trọng. Do bởi có vị Tỳ-kheo khác được vua quen biết, được các Đại thần, Phạm chí, cư sĩ và nhân dân trong nước biết đến và kính trọng nên người ấy tâm sanh ác. Nếu người ấy tâm sanh ác và tâm sanh dục thì cả hai đều là bất thiện.

"Hiền giả, giả sử có người tâm sanh ước muốn như vầy: 'Mong rằng ta được bốn chúng Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc và Ưu-bà-di kính trọng, đừng có Tỳ-kheo nào khác được bốn chúng Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di kính trọng'. Này Hiền giả, nhưng có Tỳ-kheo khác được bốn chúng Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di kính

9. Hán: dĩ nhập nội ―w―J ――C Pāli: bhattagge, tại nhà ăn.

10. Bản Hán: "cư sĩ... chúng viên..."; Pāli: ārāmagatānaṃ bhikkhūnaṃ dhammaṃ deseyyaṃ, mong ta thuyết pháp cho các Tỳ-kheo tập họp tại tinh xá.

trọng. Do bởi có Tỳ-kheo khác được bốn chúng Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di kính trọng nên người ấy tâm sanh tâm ác. Nếu người ấy tâm sanh ác và tâm sanh dục thì cả hai đều bất thiện.

"Hiền giả, giả sử có người tâm sanh ước muốn như vầy: 'Mong ta được các dụng cụ sinh hoạt như quần áo, đồ ăn uống, giường nệm, thuốc thang, đừng có Tỳ-kheo nào được các dụng cụ sinh hoạt như quần áo, đồ ăn uống, giường nệm, thuốc thang'. Này Hiền giả, nhưng có Tỳ-kheo khác được các dụng cụ sinh hoạt như quần áo, đồ ăn uống, giường nệm, thuốc thang. Do bởi có Tỳ-kheo khác được các dụng cụ sinh hoạt như: quần áo, đồ ăn uống, giường nệm, thuốc thang, nên người ấy tâm sanh ác. Nếu người ấy tâm sanh ác và tâm sanh dục thì cả hai đều là bất thiện.

"Này Hiền giả, như vậy nếu có các vị phạm hạnh có trí, vì không biết người ấy sanh tâm ham muốn vô lượng ác bất thiện như vậy, nên mặc dù người ấy như thế không phải Sa-môn nhưng các vị tưởng là Sa-môn, không phải là Sa-môn có trí mà tưởng là Sa-môn có trí, không phải là chánh trí mà tưởng là chánh trí, không phải là chánh niệm mà tưởng là chánh niệm, không phải thanh tịnh mà tưởng là thanh tịnh. Hiền giả, người ấy như vậy mà nếu các vị phạm hạnh có trí, do biết người ấy sanh tâm ham muốn vô lượng ác bất thiện như vậy, người ấy như thế không phải Sa-môn thì không cho là Sa-môn, không phải là Sa-môn có trí thì không cho là Sa-môn có trí, không phải chánh trí thì không cho là chánh trí, không phải chánh niệm thì không cho là chánh niệm, không phải thanh tịnh thì không cho là thanh tịnh.

"Này Hiền giả, cũng như có người hoặc từ chợ, quán, hoặc từ nhà làm đồ đồng mua một cái mâm đồng đựng đầy phẩn bên trong, có nắp đậy phía trên, rồi bưng đi. Qua các phố xá, gần chỗ đông người qua lại; những người kia thấy mâm đồng ấy đều muốn được ăn, tỏ ý rất ưa thích, không chán ghét và nghĩ lầm cái mâm đồng là sạch. Người ấy bưng mâm đồng đi rồi dừng chân tại một chỗ nào đó và giở nó ra. Mọi người thấy vậy đều không muốn ăn, không có ý ưa thích, rất chán ghét và cho là đồ bất tịnh. Dù cho người đã muốn ăn cũng không thèm dùng, huống chi người vốn không muốn ăn. Hiền giả, cũng vậy, người ấy như vậy, nếu các phạm hạnh có trí, vì không biết người ấy sanh tâm ham muốn vô lượng bất thiện như vậy, nên mặc dù người ấy như thế, không phải Sa-môn mà các vị kia cứ tưởng là Sa-môn, không phải Sa-môn có trí mà cứ tưởng là Sa-môn có trí, không phải chánh trí mà tưởng là chánh trí, không phải chánh niệm mà tưởng là chánh niệm, không phải là thanh tịnh mà tưởng là thanh tịnh. Này Hiền giả, người ấy như vậy, nếu các vị phạm hạnh có trí, do biết người ấy sanh tâm ham muốn vô lượng ác bất thiện như vậy, nên người ấy như thế không phải là Sa-môn thì các vị kia không cho nó là Sa-môn, không phải Sa-môn có trí thì không cho là Sa-môn có trí, không phải chánh trí thì không cho là chánh trí, không phải chánh niệm thì không cho là chánh niệm, không phải thanh tịnh thì không cho là thanh tịnh.

"Này Hiền giả, phải biết, người như vậy không nên gần gũi, không nên cung kính, lễ bái. Nếu Tỳ-kheo nào không đáng gần gũi mà gần gũi, không đáng cung kính lễ bái mà cung kính lễ bái thì người thân cận cung kính lễ bái ấy mãi mãi không được thiện lợi, không được hữu ích, không lợi ích, không an ổn khoái lạc, sanh ra đau khổ buồn lo.

"Hiền giả, giả sử có người tâm không sanh ước muốn như vầy: 'Ta đã phạm giới, mong người khác đừng biết ta phạm giới'. Này Hiền giả, hoặc có người biết người ấy phạm giới, người ấy nhân vì người khác biết mình phạm giới, tâm không sanh ác. Nếu người ấy tâm không sanh ác, tâm không sanh ham muốn thì cả hai đều là thiện.

"Hiền giả, giả sử có người tâm không sanh ước muốn như vầy, 'Ta đã phạm giới, mong người khác quở tránh ở chỗ kín đáo chứ đừng quở trách là ta phạm giới ở trước công chúng'. Này Hiền giả, hoặc có người khác quở trách người ấy ở trước công chúng chứ không ở chỗ kín đáo, người ấy nhân vì người khác quở trách ở trước công chúng chứ không ở chỗ kín đáo, tâm không sanh ác. Nếu người ấy tâm không sanh ác, tâm không sanh ham muốn thì cả hai đều là thiện.

"Hiền giả, giả sử có người tâm không sanh ước muốn như vầy, 'Ta đã phạm giới, mong người hơn mình la rầy chứ đừng có người không bằng mình la rầy ta đã phạm giới'. Này Hiền giả, hoặc có người không bằng, chứ không phải người hơn la rầy người ấy phạm giới, người ấy nhân vì người không bằng mình chứ không phải người hơn la rầy, tâm không sanh ác. Nếu người ấy tâm không sanh ác, tâm không sanh ham muốn thì cả hai đều là thiện.

"Hiền giả, giả sử có người tâm không sanh ước muốn như vầy, 'Mong ta ngồi trước mặt Đức Thế Tôn, thưa hỏi Đức Thế Tôn về giáo pháp để Ngài nói cho các Tỳ-kheo nghe'. Này Hiền giả, hoặc có vị Tỳ-kheo khác ngồi trước mặt Đức Thế Tôn, thưa hỏi Đức Thế Tôn về giáo pháp để Ngài nói cho các Tỳ-kheo nghe. Người ấy nhân vì có vị Tỳ-kheo khác ngồi trước mặt Đức Thế Tôn, thưa hỏi Đức Thế Tôn về giáo pháp để Ngài nói cho các Tỳ-kheo nghe, tâm không sanh ác. Nếu người ấy tâm không sanh ác, tâm không sanh ham muốn thì cả hai đều là thiện.

"Hiền giả, giả sử có người tâm không sanh ước muốn như vầy, 'Lúc các Tỳ-kheo vào làng mong rằng ta đi trước nhất và các Tỳ-kheo theo sau ta để vào, chứ đừng có vị Tỳ-kheo nào đi trước nhất khi các Tỳ-kheo vào trong và các Tỳ-kheo theo sau vị ấy vào'. Này Hiền giả, hoặc có vị Tỳ-kheo, khi các Tỳ-kheo vào trong, đi trước nhất và các Tỳ-kheo theo sau vị ấy vào trong. Người ấy nhân vì có Tỳ-kheo khác, khi các Tỳ-kheo vào trong, đi trước nhất, các Tỳ-kheo theo sau vào trong nhưng không sanh tâm ác. Nếu người ấy tâm không sanh ác, tâm không sanh ham muốn thì cả hai đều là thiện.

"Hiền giả, giả sử có người tâm không sanh ước muốn như vầy, 'Khi các Tỳ-kheo đã vào trong, mong ta ngồi trên ghế cao hơn hết, được ngồi chỗ bậc nhất, được nước rửa bậc nhất, được thức ăn bậc nhất'. Này Hiền giả, hoặc có vị Tỳ-kheo khác, khi các Tỳ-kheo đã vào trong, ngồi ghế cao hơn hết, được chỗ ngồi bậc nhất, được nước rửa bậc nhất, được thức ăn bậc nhất. Người ấy nhân vì có Tỳ-kheo khác, khi các Tỳ-kheo đã vào trong, ngồi ghế cao hơn hết, được chỗ ngồi bậc nhất, được nước rửa bậc nhất, không sanh tâm ác. Nếu người ấy không sanh tâm ác, không sanh tâm ham muốn thì cả hai đều là thiện.

"Hiền giả, giả sử có người tâm không sanh ước muốn như vầy, 'Sau khi các Tỳ-kheo ăn xong, thu dọn đồ ăn, lau rửa rồi mong ta nói pháp cho cư sĩ nghe để khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ, đừng có Tỳ-kheo nào khác, sau khi các Tỳ-kheo ăn xong, thu dọn đồ ăn, lau rửa rồi nói pháp cho cư sĩ nghe để khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ'. Này Hiền giả, hoặc có vị Tỳ-kheo khác, sau khi các Tỳ-kheo ăn xong, thu dọn đồ ăn, lau rửa rồi nói pháp cho cư sĩ nghe để khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ. Người ấy nhân vì có Tỳ-kheo khác, sau khi các Tỳ-kheo ăn xong, thu dọn đồ ăn, lau rửa rồi nói pháp cho cư sĩ nghe để khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ, nhưng không sanh tâm ác. Nếu người ấy tâm không sanh tâm ác, tâm không sanh ham muốn thì cả hai đều là thiện.

"Hiền giả, giả sử có người tâm không sanh ước muốn như vầy, 'Khi các cư sĩ đi đến chúng viên, mong ta với họ cùng tụ hội, cùng tụ tập, cùng ngồi, cùng đàm luận, chứ đừng

có Tỳ-kheo nào khác khi các cư sĩ đi đến chúng viên, cùng tụ hội, cùng tụ tập, cùng ngồi, cùng đàm luận với họ'. Này Hiền giả, hoặc có Tỳ-kheo khác, khi các cư sĩ đi đến chúng viên cùng tụ hội, cùng tụ tập, cùng ngồi, cùng đàm luận với họ. Người ấy nhân vì có Tỳ-kheo khác, khi các cư sĩ đến chúng viên cùng tụ hội, cùng tụ tập, cùng ngồi, cùng đàm luận với họ, không sanh tâm ác. Nếu người ấy tâm không sanh ác, tâm không sanh ham muốn thì cả hai đều là thiện.

"Hiền giả, giả sử có người tâm không sanh ước muốn như vầy, 'Mong ta được vua biết đến, được các Đại thần, Phạm chí, cư sĩ, nhân dân trong nước biết đến và kính trọng; đừng có Tỳ-kheo nào khác được vua biết đến, được các Đại thần, Phạm chí, cư sĩ, nhân dân trong nước biết đến và kính trọng'. Này Hiền giả, hoặc có vị Tỳ-kheo khác được vua biết đến, được các Đại thần, Phạm chí, cư sĩ, nhân dân trong nước biết đến và kính trọng. Nhân vì có Tỳ-kheo khác được vua biết đến, được các Đại thần, Phạm chí, cư sĩ, nhân dân trong nước biết đến và kính trọng, người ấy tâm không sanh ác. Nếu người ấy tâm không sanh ác, tâm không sanh ham muốn thì cả hai đều là thiện.

"Hiền giả, giả sử có người tâm không sanh ước muốn như vầy, 'Mong ta được bốn chúng Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di kính trọng, đừng có Tỳ-kheo nào khác được bốn chúng Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di kính trọng'. Này Hiền giả, hoặc có Tỳ-kheo khác được bốn chúng Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di kính trọng. Nhân vì có Tỳ-kheo khác được bốn chúng Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di kính trọng, người ấy không sanh tâm ác. Nếu người ấy tâm không sanh ác, tâm không sanh ham muốn, thì cả hai đều là thiện.

"Hiền giả, giả sử có người tâm không sanh ước muốn như vầy, 'Mong ta được các dụng cụ sinh hoạt như quần áo, đồ ăn uống, giường nệm, thuốc thang, đừng có Tỳ-kheo nào khác được các dụng cụ sinh hoạt như quần áo, đồ ăn uống, giường nệm, thuốc thang'. Này Hiền giả, hoặc có Tỳ-kheo khác được các dụng cụ sinh hoạt như quần áo, đồ ăn uống, giường nệm, thuốc thang, người ấy không sanh tâm ác. Nếu người ấy tâm không sanh ác, tâm không sanh ham muốn thì cả hai đều là thiện.

"Hiền giả, người ấy như vậy, nếu các vị phạm hạnh có trí, vì không biết người ấy sanh tâm ham muốn vô lượng thiện như vậy nên người ấy như thế chính là Sa-môn, mà các vị kia tưởng không phải là Sa-môn, chính là Sa-môn có trí mà tưởng không phải là Sa-môn có trí, chính là chánh trí mà tưởng không phải là chánh trí, chính là chánh niệm mà tưởng không phải là chánh niệm, chính là thanh tịnh mà tưởng không phải là thanh tịnh. Này Hiền giả, người ấy như vậy, nếu các vị phạm hạnh có trí, do biết người này sanh tâm ham muốn vô lượng thiện như vậy, nên người ấy như vậy chính là Sa-môn, các vị kia cho là Sa-môn, chính là Sa-môn có trí thì cho là Sa-môn có trí, chính là chánh trí thì cho là chánh trí, chính là chánh niệm thì cho là chánh niệm, chính là thanh tịnh thì cho là thanh tịnh.

"Này Hiền giả, cũng như có người, hoặc từ chợ, quán, hoặc từ nhà làm đồ đồng mua về một cái mâm đồng đựng đầy đủ thứ đồ ăn uống trong sạch, ngon lành, đậy nắp lên trên rồi bưng đi. Ngang qua phố xá, gần chỗ đông người qua lại, những người kia thấy được mâm đồng đều không muốn ăn, không có ý ưa thích, hết sức chán ghét và nghĩ rằng mâm đồng này không trong sạch và nói như vầy, 'Phẩn dơ kia, hãy đem đi lập tức! Phẩn dơ kia, hãy đem đi lập tức!' Người kia bưng mâm đồng đi, rồi dừng chân lại một chỗ và giở nó ra. Sau khi thấy giở ra rồi, những người kia đều muốn ăn, ý hết sức ưa thích, không còn chán ghét và nghĩ rằng đó là đồ trong sạch. Dù cho những người đã không muốn ăn, thấy rồi

cũng muốn ăn, huống chi những người đã có ý muốn ăn. Hiền giả, cũng vậy, người ấy như vậy, nếu các vị phạm hạnh có trí không biết người ấy sanh tâm ham muốn vô lượng thiện như vậy thì người ấy như thế chính là Sa-môn mà các vị kia tưởng không phải là Sa-môn, chính là Sa-môn có trí mà tưởng không phải là Sa-môn có trí, chính là chánh trí mà tưởng không phải là chánh trí, chính là chánh niệm mà tưởng không phải là chánh niệm, chính là thanh tịnh mà tưởng không phải là thanh tịnh.

"Này Hiền giả, người ấy như vậy, nếu có vị phạm hạnh có trí, do biết người này sanh tâm ham muốn vô lượng thiện như vậy nên người ấy như vậy, chính là Sa-môn các vị kia cho là Sa-môn, chính là Sa-môn có trí thì cho là Sa-môn có trí, chính là chánh trí thì cho là chánh trí, chính là chánh niệm thì cho là chánh niệm, chính là thanh tịnh thì cho là thanh tịnh.

"Này Hiền giả, phải biết người như vậy nên gần gũi, nên cung kính lễ bái. Nếu Tỳ-kheo nào đáng gần gũi, đáng cung kính lễ bái mà cung kính lễ bái thì người gần gũi, cung kính lễ bái ấy mãi mãi được thiện lợi, được hữu ích, an ổn khoái lạc và cũng được không khổ, không buồn lo".

Bấy giờ Tôn giả Đại Mục-kiền-liên cũng có mặt trong chúng, ngài bạch rằng:

"Tôn giả Xá-lê Tử, nay tôi muốn nói một thí dụ cho các Tỳ-kheo nghe, ngài cho phép chăng?"

Tôn giả Xá-lê Tử đáp:

"Hiền giả Đại Mục-kiền-liên, ngài muốn nói thí dụ, xin cứ nói".

Tôn giả Đại Mục-kiền-liên bạch rằng:

"Tôn giả Xá-lê Tử, tôi nhớ một thời đến thành Vương xá, ở trong nham sơn. Bấy giờ, đêm đã qua, trời vừa sáng, tôi đắp y, ôm bát vào thành Vương xá để khất thực, đến nhà Vô Y Mãn Tử, trước kia là một thợ xe[11]. Lúc ấy ngang nhà ông lại có một người thợ đang đẽo trục xe. Vô Y Mãn Tử, một thợ xe cũ, đi đến nhà đó. Rồi Vô Y Mãn Tử, một thợ xe cũ, thấy người kia đang đục đẽo trục xe, tâm sanh ý nghĩ như vầy, 'Nếu người thợ này cầm búa đẽo trục, đẽo gọt chỗ xấu này, chỗ xấu kia, như thế thì cái trục ấy mới tuyệt đẹp'. Bấy giờ, người thợ kia đúng như điều suy nghĩ của Vô Y Mãn Tử, một thợ xe cũ, liền cầm búa đẽo gọt chỗ xấu này, chỗ xấu kia. Khi ấy, Vô Y Mãn tử, một thợ xe cũ, hết sức hoan hỷ, nói như thế này:

"– Này con ông thợ xe, tâm ông như vậy tức là biết tâm tôi rồi. Vì sao? Vì đúng theo ý nghĩ của tôi, ông cầm búa đẽo gọt chỗ xấu này, chỗ xấu kia.

"Cũng như thế, Tôn giả Xá-lê Tử, nếu như có kẻ dua nịnh, dối trá, ganh tị, không tín, giải đãi, không chánh niệm, không chánh trí, không định, không tuệ, tâm nó cuồng mê, không giữ các căn, không tu hạnh Sa-môn, không hiểu biết phân biệt; Tôn giả Xá-lê Tử vì biết tâm của nó nên nói pháp này.

"Tôn giả Xá-lê Tử, nếu có người không dua nịnh, không dối trá, không ganh tị, có tín, có tấn, không giải đãi, có chánh niệm, chánh trí, tu định, tu tuệ, tâm không cuồng mê, giữ gìn các căn, tu tập rộng rãi hạnh Sa-môn và phân biệt khéo léo thì người ấy nghe Tôn giả Xá-lê Tử nói pháp giống như kẻ đói muốn được ăn, khát muốn được uống, tức thì được ăn và uống như ý vậy.

"Tôn giả Xá-lê Tử, giống như con gái Sát-lợi hay con gái Phạm chí, Cư sĩ, Công sư,

---

[11]. Cựu xa sư Vô y Mãn Tử ———v-L———l-C Pāli: Paṇḍuputta ājīvaka purāṇayāna-kāra putta, Paṇḍuputta, đạo sĩ phái Tà mạng, con trai của một người thợ làm xe trước kia.

đoan trang xinh đẹp, tắm rửa sạch sẽ, lấy hương thoa khắp thân thể, mặc áo mới và dùng các thứ anh lạc để trang sức dung nhan. Giả sử có người nghĩ đến nàng ấy, mong cầu sự thiện lợi hữu ích, cầu an ổn khoái lạc cho nàng ấy nên đem tràng hoa sen xanh, hoặc tràng hoa chiêm-bặc, hoặc tràng hoa tu-ma-na, hoặc tràng hoa bà-sư, hoặc tràng hoa a-đề-mâu-đa đến tặng. Người con gái ấy hoan hỷ nhận cả hai tay, dùng trang sức trên đầu. Tôn giả Xá-lê Tử, cũng như thế, nếu có người không dua nịnh, không dối trá, không ganh tị, có tín, tinh tấn, không giải đãi, có chánh niệm, chánh trí, tu định, tu tuệ, tâm không cuồng mê, gìn giữ các căn, tu tập rộng rãi hạnh Sa-môn và phân biệt khéo léo, người ấy được nghe Tôn giả Xá-lê Tử nói pháp, giống như người đói muốn được ăn, người khát muốn được uống thì liền được ăn no, uống như ý vậy.

"Tôn giả Xá-lê Tử! Thật kỳ diệu! Thật hy hữu! Tôn giả Xá-lê Tử thường cứu vớt các người tu phạm hạnh, khiến cho xa lìa bất thiện, an trụ chỗ thiện".

Như thế, cả hai Tôn giả tán thán lẫn nhau, rồi từ chỗ ngồi đứng dậy mà đi.

Tôn giả Xá-lê Tử thuyết như vậy, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên và các thầy Tỳ-kheo nghe Tôn giả Xá-lê Tử thuyết, hoan hỷ phụng hành.

❑

88. KINH CẦU PHÁP[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật du hóa nước Câu-tát-la[2] cùng đại chúng Tỳ-kheo, qua đến phía Bắc làng Ngũ sa-la[3], trong rừng Thi-nhiếp-hòa với hàng đại đệ tử Trưởng lão, Thượng tôn, danh đức, như các ngài: Tôn giả Xá-lê Tử, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, Tôn giả Ca-diếp, Tôn giả Đại Ca-chiên-diên, Tôn giả A-na-luật, Tôn giả Lệ-việt[4], Tôn giả A-nan và các đại đệ tử Trưởng lão Thượng tôn danh đức khác ngang hàng như vậy cũng có mặt tại làng Ngũ sa-la. Tất cả đều ở gần bên cạnh ngôi nhà lá của Phật.

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các thầy Tỳ-kheo:

"Các ngươi nên thực hành sự cầu pháp[5], đừng thực hành sự cầu ẩm thực. Vì sao? Vì Ta thương tưởng các đệ tử, muốn các đệ tử nên thực hành sự cầu pháp, chứ không thực hành sự cầu ẩm thực. Nếu các ngươi thực hành cầu ẩm thực, không thực hành sự cầu pháp, không những các ngươi tự xấu xa, mà Ta cũng không được danh dự gì. Nếu các thầy thực hành sự cầu pháp, chứ không thực hành sự cầu ẩm thực, không những các thầy đã tự tốt đẹp mà Ta cũng được danh dự.

"Thế nào là các đệ tử vì cầu ẩm thực mà theo Phật tu hành, chứ không phải vì cầu pháp? Sau khi Ta ăn no, bữa ăn đã xong, còn lại đồ ăn dư; sau đó có hai Tỳ-kheo đến, đói khát, sức lực hao mòn, Ta nói với họ rằng: 'Sau khi Ta ăn no, bữa ăn đã xong, còn lại đồ ăn dư, các ngươi muốn ăn thì lấy mà ăn. Nếu các ngươi không lấy thì Ta sẽ mang đổ nơi đất sạch, hoặc đổ trong nước không có trùng'.

"Trong hai người ấy, Tỳ-kheo thứ nhất suy nghĩ như vầy, 'Đức Thế Tôn ăn rồi, bữa ăn đã xong, còn lại đồ ăn dư, nếu ta không lấy tất nhiên Đức Thế Tôn sẽ mang đổ nơi đất sạch, hoặc trong nước không có trùng. Vậy ta hãy lấy mà ăn'. Tỳ-kheo ấy liền lấy mà ăn. Tuy được một ngày một đêm an ổn khoái lạc, nhưng vì Tỳ-kheo ấy nhận lấy đồ ăn dư đó nên không vừa ý Phật[6]. Vì sao? Vì Tỳ-kheo đó nhận lấy đồ ăn đó nên không thể thiểu dục, không thể tri túc, không thể dễ nuôi, không thể dễ thỏa mãn, không thể biết thời, không thể biết tiết độ, không thể tinh tấn, không thể tĩnh tọa, không thể có tịnh hạnh, không thể sống viễn ly, không được nhất tâm, không được tinh cần, cũng không thể chứng đắc Niết-bàn. Vì vậy, do bởi Tỳ-kheo nhận lấy đồ ăn dư mà không vừa ý Phật. Như thế, gọi là các đệ tử vì cầu ẩm thực mà theo Phật tu hành, chứ không phải vì cầu pháp.

---

1. Tương đương Pāli M.3 Dhammadāyāda-suttam.
2. Bản Pāli: Phật tại Sāvatthi.
3. Ngũ Sa-la ——P——C Pāli: Pañcasāla.
4. Lệ-việt tức Revata mà chỗ khác cũng bản Hán này, âm là Li-việt-đa. Xem chú thích kinh số 184.
5. Hành cầu pháp ——D—k(...). Pāli: Dhammadāyādā me bhavatha mà āmisadayādā hãy là những kẻ thừa tự Pháp của Ta, chớ đừng là kẻ thừa tự tài vật.
6. Bất khả Phật ý ——i——N—C

"Thế nào là các đệ tử thực hành sự cầu pháp, chứ không thực hành cầu ẩm thực? Trong hai người ấy, Tỳ-kheo thứ hai suy nghĩ như vầy, 'Đức Thế Tôn ăn rồi, bữa ăn đã xong, còn lại đồ ăn dư. Nếu ta không lấy thì tất nhiên Đức Thế Tôn sẽ mang đổ nơi đất sạch, hoặc trong nước không có trùng. Nhưng Đức Thế Tôn có dạy rằng: 'Điều thấp kém nhất trong việc ăn uống là ăn đồ ăn dư [7].' Vậy ta không nên nhận lấy đồ ăn đó'. Nghĩ như thế rồi, Tỳ-kheo ấy không nhận lấy đồ ăn. Tỳ-kheo kia không nhận lấy đồ ăn đó, tuy suốt một ngày một đêm khổ sở, không được an ổn, nhưng nhân vì Tỳ-kheo ấy không nhận lấy đồ ăn đó nên được vừa lòng Phật. Vì sao? Tỳ-kheo ấy do bởi không nhận lấy đồ ăn dư nên được sự thiểu dục, được sự tri túc, được sự sống dễ nuôi, dễ thỏa mãn, biết thời, có tiết độ, có tinh tấn, có thể tĩnh tọa, có tịnh hạnh, có thể sống viễn ly, được nhất tâm, được tinh cần và cũng có thể chứng đắc Niết-bàn. Cho nên, do bởi Tỳ-kheo ấy không nhận lấy đồ ăn này mà được vừa lòng Phật. Như thế, gọi là các đệ tử vì cầu pháp mà theo Phật tu hành, chứ không phải vì cầu ẩm thực".

Bấy giờ Đức Thế Tôn nói với các đệ tử:

"Nếu một Tôn sư có pháp luật, thích an trú viễn ly, mà đệ tử hàng trưởng thượng của vị ấy không thích đời sống viễn ly, thì pháp luật đó không có ích gì cho mọi người, không mang lại an lạc cho mọi người, không phải là vì thương xót thế gian, cũng không phải là mong sự thiện lợi, mong cầu an ổn khoái lạc cho loài trời, loài người.

"Nếu một Tôn sư có pháp luật, thích an trú viễn ly, mà đệ tử bậc trung và bậc hạ của vị ấy không thích đời sống viễn ly, thì pháp luật đó không ích gì cho mọi người, không mang lại an lạc cho mọi người, không phải là vì thương xót thế gian, cũng không phải là mong cầu sự thiện lợi và hữu ích, mong cầu an ổn khoái lạc cho loài trời, loài người.

"Nếu một Tôn sư có pháp luật, thích an trú viễn ly, mà đệ tử hàng trưởng thượng của vị ấy cũng thích đời sống viễn ly, thì pháp luật đó có ích cho mọi người, mang lại an lạc cho mọi người, là vì thương xót thế gian, mong cầu sự thiện lợi và hữu ích, mong cầu an ổn khoái lạc cho loài trời và loài người.

"Nếu một Tôn sư có pháp luật, thích an trú viễn ly, đệ tử bậc trung và bậc hạ của vị ấy cũng thích đời sống viễn ly, thì pháp luật đó có ích cho mọi người, mang lại an lạc cho mọi người, là bậc thương xót thế gian, mong cầu sự thiện lợi và hữu ích, mong cầu an ổn khoái lạc cho trời, người".

Bấy giờ Tôn giả Xá-lê Tử cũng hiện diện trong chúng. Đức Thế Tôn bảo Tôn giả rằng:

"Xá-lê Tử, thầy hãy nói pháp như pháp cho các Tỳ-kheo nghe. Ta bị đau lưng, nay Ta muốn nghỉ một lát".

Tôn giả Xá-lê Tử liền vâng lãnh lời Phật:

"Kính vâng, bạch Thế Tôn".

Rồi Đức Thế Tôn gấp tư y Ưu-đa-la-tăng trải trên giường, cuộn y Tăng-già-lê làm gối, nằm nghiêng hông bên phải, hai chân chồng lên nhau, khởi quang minh tưởng[8], chánh niệm, chánh trí và chuyên niệm về dục khởi tưởng[9].

Bấy giờ Tôn giả Xá-lê Tử nói với các Tỳ-kheo:

"Này chư Hiền, nên biết, Đức Thế Tôn vừa nói pháp sơ lược rằng: 'Nếu một Tôn sư

---

7. Bản Pāli: Thế Tôn dạy: Hãy là kẻ thừa tự Pháp...

8. Xem cht.11, kinh 83.

9. Xem cht.12, kinh 83.

có pháp luật, thích an trú viễn ly mà đệ tử hàng trưởng thượng của vị ấy không thích đời sống viễn ly, thì pháp luật đó không có ích gì cho mọi người, không mang lại an ạc cho mọi người, không phải là vì thương xót thế gian, không phải là mong cầu thiện lợi và hữu ích, mong cầu an ổn khoái lạc cho loài trời, loài người. Nếu một Tôn sư có pháp luật, thích an trú viễn ly mà đệ tử bậc trung và hạ của vị ấy không thích đời sống viễn ly, thì pháp luật đó không có ích gì cho mọi người, không mang lại an lạc cho mọi người, không phải là vì thương xót thế gian, cũng không phải là mong cầu sự thiện lợi và hữu ích, mong cầu an ổn khoái lạc cho loài trời, loài người. Nếu một Tôn sư có pháp luật, thích an trú viễn ly và đệ tử hàng trưởng thượng của vị ấy cũng thích đời sống viễn ly, thì pháp luật đó có ích cho mọi người, mang lại an lạc cho mọi người, là vì thương xót thế gian, mong cầu sự thiện lợi và hữu ích, mong cầu an ổn khoái lạc cho loài trời, loài người. Nếu một Tôn sư có pháp luật, thích an trú viễn ly, đệ tử bậc trung và bậc hạ của vị ấy cũng thích đời sống viễn ly, thì pháp luật đó có ích cho mọi người, mang lại sự an lạc cho mọi người, là vì thương xót thế gian, mong cầu sự thiện lợi và hữu ích, mong cầu an ổn khoái lạc cho loài trời, loài người'.

"Nhưng Đức Thế Tôn nói pháp này hết sức sơ lược, các thầy thấu hiểu nghĩa đó như thế nào và phân biệt rộng rãi như thế nào?"

Bấy giờ trong chúng, hoặc có Tỳ-kheo nói như thế này:

"Bạch Tôn giả Xá-lê Tử, nếu các Trưởng lão Thượng tôn tuyên bố rằng 'Ta đã chứng đắc cứu cánh trí, biết một cách như thật rằng 'Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa', thì các vị phạm hạnh khi nghe vị Tỳ-kheo tự tuyên bố 'Ta đã chứng đắc cứu cánh trí', bèn được hoan hỷ".

Lại có Tỳ-kheo nói như thế này:

"Bạch Tôn giả Xá-lê Tử, nếu có đệ tử bậc trung, bậc hạ có ước nguyện vô thượng Niết-bàn, các người phạm hạnh thấy vị Tỳ-kheo kia đã thực hành theo, nên được hoan hỷ."

Như vậy, các Tỳ-kheo ấy giải thích ý nghĩa đó như vậy mà không hài lòng Tôn giả Xá-lê Tử.

Tôn giả Xá-lê Tử nói với các thầy Tỳ-kheo ấy rằng:

"Này chư Hiền, hãy lắng nghe, tôi sẽ giải thích cho các thầy.

"Này chư Hiền, nếu một Tôn sư có pháp luật, thích an trú viễn ly, mà hàng đệ tử trưởng thượng của vị ấy không thích đời sống viễn ly, thì người đệ tử hàng trưởng thượng ấy có ba điều đáng chê.

"Những gì là ba? Tôn sư thích an trú viễn ly mà đệ tử hàng trưởng thượng không học theo hạnh viễn ly. Vị đệ tử ấy vì vậy mà đáng chê. Nếu Tôn sư dạy những pháp phải đoạn trừ mà đệ tử trưởng thượng không đoạn trừ pháp ấy. Vị đệ tử này vì vậy mà đáng chê. Với những điều có thể thủ chứng mà đệ tử trưởng thượng lại từ bỏ phương tiện[10]. Vị đệ tử này vì vậy mà đáng chê. Nếu bậc Tôn sư có pháp luật, thích an trú viễn ly mà đệ tử trưởng thượng của vị ấy không thích đời sống viễn ly thì người đệ tử ấy có ba điều đáng chê trách này.

"Này chư Hiền, nếu Tôn sư có pháp luật, thích an trú viễn ly mà đệ tử bậc trung và hạ không thích đời sống viễn ly, thì đệ tử trung và hạ ấy có ba điều đáng chê.

"Những gì là ba? Tôn sư thích an trú viễn ly, đệ tử trung và hạ không học theo hạnh

[10] Xả phương tiện, nên hiểu là từ bỏ sự nỗ lực.

viễn ly, những đệ tử này vì vậy mà đáng chê. Nếu Tôn sư dạy những pháp phải đoạn trừ mà đệ tử trung và hạ không đoạn trừ những pháp ấy, những đệ tử này vì vậy mà đáng chê. Với những điều có thể thủ chứng, mà đệ tử trung và hạ lại từ bỏ phương tiện, những đệ tử này vì vậy mà đáng chê. Nếu Tôn sư có pháp luật, thích an trú viễn ly, mà đệ tử trung và hạ không thích đời sống viễn ly, thì những đệ tử ấy có ba điều đáng chê này.

"Này chư Hiền, nếu Tôn sư có pháp luật, thích an trú viễn ly và đệ tử trưởng thượng của vị ấy cũng thích đời sống viễn ly, thì đệ tử trưởng thượng này có ba điều đáng tán thưởng.

"Những gì là ba? Tôn sư thích an trú viễn ly, đệ tử trưởng thượng cũng học theo hạnh viễn ly. Vị đệ tử này vì vậy đáng được tán thưởng. Nếu Tôn sư dạy những pháp phải đoạn trừ và đệ tử trưởng thượng đoạn trừ những pháp ấy. Vị đệ tử trưởng thượng này vì vậy đáng tán thưởng. Với những điều có thể thủ chứng thì đệ tử trưởng thượng tinh tấn cầu học, không bỏ phương tiện. Vị đệ tử này vì vậy đáng được tán thưởng. Nếu bậc Tôn sư có pháp luật, thích an trú viễn ly và đệ tử trưởng thượng cũng thích đời sống viễn ly thì những đệ tử ấy có ba điều đáng tán thưởng này.

"Này chư Hiền, nếu Tôn sư có pháp luật, thích an trú viễn ly, đệ tử trung và hạ cũng thích đời sống viễn ly, thì những đệ tử ấy có ba điều đáng tán thưởng.

"Những gì là ba? Tôn sư thích an trú viễn ly, đệ tử trung và hạ cũng thích đời sống viễn ly. Những đệ tử này vì vậy đáng được tán thưởng. Nếu Tôn sư dạy những pháp phải đoạn trừ thì đệ tử trung và hạ đoạn trừ những pháp ấy. Những đệ tử này vì vậy đáng được tán thưởng. Với những điều có thể thủ chứng thì đệ tử trung và hạ tinh tấn, cầu học, không bỏ phương tiện. Những đệ tử này vì vậy đáng được tán thưởng. Nếu bậc Tôn sư có pháp luật, thích an trú viễn ly và đệ tử trung và hạ cũng thích đời sống viễn ly thì những đệ tử ấy có ba điều đáng tán thưởng này".

Tôn giả Xá-lê Tử lại nói với các Tỳ-kheo:

"Này chư Hiền, có con đường giữa, nhờ đó có thể được tâm trú, được định, được an lạc, thuận pháp, thứ pháp, được trí thông, được giác ngộ và cũng chứng đắc Niết-bàn.

"Này chư Hiền, thế nào là có một con đường giữa, có thể được tâm trú, được định, được an lạc, thuận pháp, thứ pháp, được trí thông, được giác ngộ và chứng đắc Niết-bàn?

"Này chư Hiền, niệm tham dục là ác pháp, ghét bỏ niệm tham dục cũng là ác pháp[11]. Người ấy đoạn trừ niệm tham dục và cũng đoạn trừ sự ghét bỏ niệm tham dục. Cũng vậy, sân nhuế, oán kết, bỏn sẻn, ganh tị, dối trá, vô tàm, vô quý, mạn, tối thượng mạn, cống cao, phóng dật, hào quý, tăng tránh[12].

"Này chư Hiền, tham cũng là pháp ác mà đắm trước cũng là pháp ác. Người ấy đoạn trừ tham và cũng đoạn trừ đắm trước.

"Này chư Hiền, đó là có một con đường giữa, có thể được tâm trú, được định, được an lạc, thuận pháp, thứ pháp, được trí thông, được giác ngộ và cũng chứng đắc Niết-bàn.

---

11. Niệm dục ác, ố niệm dục diệc ác ——c-c————c-R Ở đây muốn nói trung đạo vượt qua hai tâm niệm đó. Pāli có hơi khác: lobho ca pāpako doso ca pāpako, lobhassa ca pahānāya dossa ca pahānāya atthi majjhimā paṭipadā, tham là ác, sân là ác; có con đường giữa để đoạn trừ tham và sân.

12. *Hào quý* ——Q và *tăng tránh* ——F có lẽ Pāli: thambo (ngạo mạn) và sārambho (nóng nảy, hay gây gổ). Liệt kê các tính xấu, theo bản Pāli: kodho (phẫn nộ), upanāho (oán hận), makkho (đạo đức giả), palāso (ác ý), issā (bủn xỉn), maccheram (keo kiệt), māyā (dối trá), sāṭheyyam (giảo hoạt), thambho (ngạo mạn), sārambho (hay gây sự), māno (mạn), atimāno (tự cao), mado (nghiện ngập), pamādo (phóng túng).

"Này chư Hiền, lại có một con đường giữa khác có thể được tâm trú, được định, được an lạc, thuận pháp, thứ pháp, được trí thông, được giác ngộ và cũng chứng đắc Niết-bàn. Chư Hiền, thế nào là có một con đường giữa khác có thể được tâm trú, được định, được an lạc, thuận pháp, thứ pháp, được trí thông, được giác ngộ và cũng chứng đắc Niết-bàn? Chư Hiền, đó là Thánh đạo tám chi, từ chánh kiến đến chánh định, ấy là tám. Chư Hiền, đó là một con đường giữa khác có thể được tâm trú, được định, được an lạc, thuận pháp, thứ pháp, được trí thông, được giác ngộ và chứng đắc Niết-bàn".

Bấy giờ Đức Thế Tôn đã qua cơn đau và được an ổn, từ chỗ nằm trở dậy, ngồi kiết già, Ngài tán thán Tôn giả Xá-lê Tử:

"Lành thay! Lành thay! Xá-lê Tử nói pháp như pháp cho các Tỳ-kheo nghe. Xá-lê Tử, từ nay về sau, thầy hãy nói pháp như pháp cho các Tỳ-kheo nghe nữa. Xá-lê Tử, thầy nên luôn luôn nói pháp như pháp[13] cho các Tỳ-kheo nghe".

Rồi Đức Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Các ngươi phải cùng nhau vâng lãnh pháp như pháp, hãy tụng tập, chấp trì. Vì sao? Vì pháp như pháp này có pháp, có nghĩa, là căn bản phạm hạnh, được trí thông, được giác ngộ và cũng chứng đắc Niết-bàn. Các thiện nam tử cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín, từ bỏ gia đình sống không gia đình, xuất gia học đạo thì phải khéo léo thọ trì pháp như pháp này".

Phật thuyết như vậy. Tôn giả Xá-lê Tử và các Tỳ-kheo nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

❑

13. Pháp như pháp, được hiểu là pháp và tùy pháp (Pāli: dhammānudhamma).

89. KINH TỲ-KHEO THỈNH[1]

Tôi nghe như vầy.

Một thời Đức Phật du hóa tại thành Vương xá, trong rừng Trúc, vườn Ca-lan-đa cùng với chúng Đại Tỳ-kheo an cư mùa mưa[2].

Bấy giờ, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên[3] nói với các Tỳ-kheo:

"Này chư Hiền, nếu có Tỳ-kheo thỉnh cầu[4] các Tỳ-kheo rằng: 'Xin các ngài nói với tôi, chỉ giáo tôi, ha trách tôi, xin đừng cật nạn tôi'. Vì sao vậy? Này chư Hiền, hoặc có một người hay có lời nói cộc[5], mang bản tánh nói cộc và do bản tánh nói cộc này mà các vị phạm hạnh không nói tới, không chỉ giáo, không ha trách, trái lại cật nạn người ấy[6].

"Này chư Hiền, thế nào là bản tánh nói cộc, mà nếu ai có bản tánh nói cộc, các vị phạm hạnh không nói với, không chỉ giáo, không

---

1. Bản Hán, quyển 23. Tương đương Pāli M.15. Anumāna-suttaṃ. Hán, tham chiếu No.50.
2. Bản Pāli tương đương không có đoạn này.
3. Bản Pāli: āyasmā moggallāno bhaggesu viharati suṃsumāragire, lúc bấy giờ Tôn giả Đại Mục-kiền kiên trú ở giữa những người Bhagga, trong núi Suṃsumāra.
4. Hán: thỉnh ——C Pāli: pavāreti: tự tứ.
5. Hán: lệ ngữ, lệ ngữ pháp ———y—k—C Pāli: dubbaca, dovacassakaraṇa dhamma.
6. Có lẽ ở đây có một chi tiết liên hệ luật Tỳ-kheo, bị yết-ma mặc tẩn vì đều được gọi là "ác tính bất thọ nhân ngữ" (ngoan cố không nghe lời khuyên của các Tỳ-kheo) nên không được các Tỳ-kheo chấp nhận tự tứ. Bản Pāli: pavāreti... Bhikkhu vadantu maṃ āyasmanto vacanīyomhi āyasmantehi...atha kho naṃ sabrahmacārī na ceva vattabbaṃ maññanti, Tỳ-kheo thỉnh nguyện (tự tứ): chư Trưởng lão hãy nói với tôi; tôi cần được chư Trưởng lão nói... nhưng các đồng phạm hạnh nghĩ rằng vị ấy không đang được nói tới.

ha trách, trái lại cật nạn người ấy?

"Này chư Hiền, ở đây có người có ác dục và nhớ nghĩ đến dục[7]. Này chư Hiền, nếu là người có ác dục và nhớ nghĩ đến dục thì đó là bản tánh nói cộc. Cũng như thế, nhiễm và hành nhiễm[8], cố ý phú tàng[9], lường gạt dối trá, xan tham, tật đố, vô tàm, vô quý, sân tệ ác ý[10], nói lời phẫn nộ, ha trách Tỳ-kheo ha trách[11], ha trách Tỳ-kheo khinh mạn[12], ha trách Tỳ-kheo phát lồ, nói lãng ngoài đề để tránh né, che giấu và hờn giận, thù ghét phừng phực, bằng hữu ác, đồng bọn ác, vong ân, không biết ân. Chư Hiền nếu ai người vong ân, không biết ân, thì đó là người có bản tánh cộc. Này chư Hiền, đó là những bản tánh khiến nói cộc. Nếu ai có bản tánh nói cộc, các vị phạm hạnh không nói với, không chỉ giáo, không ha trách, trái lại cật nạn người ấy.

"Này chư Hiền, Tỳ-kheo hãy tự tư lương[13]. 'Chư Hiền, nếu ai có ác dục, niệm dục thì tôi không ưa thích người đó và nếu tôi có ác dục, niệm dục thì người ấy cũng chẳng ưa thích tôi'. Tỳ-kheo hãy quán sát như vậy, không hành ác dục, không niệm dục. Nên học như vậy.

"Cũng như thế, ai nhiễm và hành nhiễm, cố ý phú tàng, lường gạt dối trá, xan tham, tật đố, vô tàm, vô quý, sân tệ ác ý, nói lời phẫn nộ, ha trách Tỳ-kheo ha trách, ha trách Tỳ-kheo khinh mạn, ha trách Tỳ-kheo phát lồ, nói lãng ngoài đề để tránh né, che giấu và hờn giận, thù ghét phừng phực, bằng hữu ác, đồng bọn ác, vong ân, không biết

---

7. Ác dục niệm dục -c———C Pāli: pāpiccho hoti pāpikānaṃ icchānaṃ vasaṃgato, là người có ác dục, bị chi phối bởi ác dục.
8. Nhiễm hành nhiễm -V——V-F có lẽ Pāli: attukkaṃsako paravambhī, khen mình che người.
9. Bất ngữ kết trụ ——y———F có lẽ Pāli: makkhata (xem kinh 122).
10. Sân tệ ác ý -Q——c-N-F có lẽ Pāli: kodhahetu upanāhī, do nóng giận mà ôm lòng cừu hận.
11. Ha Tỳ-kheo ha -F——C-F-C Pāli: codito codakena codakṃ paṭippharetī, bị nêu tội kích ngược lại người nêu tội.
12. Ha Tỳ-kheo khinh mạn -F——C——C-A có lẽ Hán văn dịch đảo ngữ nên phải hiểu ngược lại. Pāli: codakaṃ apasādeti, khinh dễ người nêu tội.
13. Pāli: attanāva attānaṃ evaṃ anuminitabbaṃ, nên tự mình suy xét về mình như vầy.

ân. ‘Chư Hiền, nếu ai vong ân, không biết ân thì tôi không ưa thích người ấy, và nếu tôi vong ân, không biết ân thì người ấy cũng chẳng ưa thích tôi’. Tỳ-kheo hãy quán sát như vậy, không hành sự vong ân không biết ân. Nên học như vậy.

“Này chư Hiền, nếu Tỳ-kheo không thỉnh cầu các Tỳ-kheo rằng: ‘Xin các ngài nói với tôi, chỉ giáo tôi, ha trách tôi, đừng cật nạn tôi’. Vì sao vậy? Chư Hiền, hoặc có một người dễ nói, đầy đủ bản tánh dễ nói [14], và do đầy đủ bản tánh dễ nói nên các bậc phạm hạnh khéo nói với, khéo chỉ giáo, khéo ha trách và không cật nạn người đó.

“Này chư Hiền, thế nào là bản tánh dễ nói? Nếu có người đầy đủ bản tánh dễ nói thì các vị phạm hạnh khéo nói với, khéo chỉ giáo, khéo ha trách và không cật nạn người đó. Chư Hiền, hoặc có người không ác dục, không niệm dục, đó là bản tánh dễ nói. Cũng như thế, không nhiễm và hành nhiễm, không cố ý phú tàng, không lường gạt dối trá, không xan tham tật đố, không vô tàm vô quý, không sân tệ ác ý, không nói lời phẫn nộ, không ha trách Tỳ-kheo ha trách, không ha trách Tỳ-kheo khinh mạn, không ha trách Tỳ-kheo phát lồ, không nói lãng ngoài đề để tránh né, không che giấu và hờn giận, không thù ghét phừng phực, không bằng hữu ác đồng bọn ác, không vong ân không biết ân. Chư Hiền, nếu ai không vong ân không biết ân, đó là có bản tánh dễ nói. Chư Hiền, đó là những bản tánh khiến dễ nói. Nếu ai đầy đủ bản tánh dễ nói thì các vị phạm hạnh khéo nói với, khéo chỉ giáo, khéo ha trách và không cật nạn người đó.

“Này chư Hiền, Tỳ-kheo nên tự tư lương. ‘Chư Hiền, nếu có người không ác dục, không niệm dục, thì tôi ưa thích người đó; và nếu tôi không ác dục, không niệm dục thì người đó cũng ưa thích tôi’, Tỳ-kheo nên quán sát như vậy, không hành ác dục, không niệm dục. Nên học như vậy. Cũng như thế, không nhiễm và hành nhiễm, không cố ý phú tàng, không lường gạt dối trá, không xan tham tật đố, không vô tàm vô quý, không sân tệ ác ý, không nói lời phẫn nộ, không ha trách Tỳ-kheo ha trách, không ha trách Tỳ-kheo khinh mạn, không ha trách Tỳ-kheo phát lồ, không nói lãng ngoài đề để tránh né, không che giấu

---

[14]. Thiện ngữ, thành tựu thiện ngữ pháp ——y——N——y-k-C Pāli: so ca sovaco hoti, sovacassakaraṇehi samannāgato.

và hờn giận, không thù ghét phừng phực, không bằng hữu ác đồng bọn ác, không vong ân không biết ân. 'Chư Hiền, nếu có người không vong ân không biết ân thì tôi thích người đó, và nếu tôi không vong ân không biết ân thì người đó cũng ưa thích tôi'. Tỳ-kheo nên quán sát như vậy, không vong ân không biết ân. Nên học như vậy.

"Này chư Hiền, nếu Tỳ-kheo quán sát như vầy[15]: 'Ta có ác dục, niệm dục hay không có ác dục, niệm dục?' thì chắc chắn có nhiều lợi ích.

"Này chư Hiền, nếu khi Tỳ-kheo quán sát mà biết được ta có ác dục, niệm dục thì không thể vui mừng. Do đó mong cầu đoạn trừ dục.

"Này chư Hiền, nếu lúc Tỳ-kheo quán sát mà biết mình không có ác dục, niệm dục tức thì vui mừng, rằng: 'Ta tự thanh tịnh, cầu học pháp tôn quý', cho nên vui mừng.

"Này chư Hiền, như người có mắt, lấy gương tự soi thì thấy được mặt mình là sạch hay dơ. Chư Hiền, nếu người có mắt thấy mặt mình bẩn thì không vui mừng và mong muốn rửa sạch. Chư Hiền, nếu người có mắt thấy mặt mình không bẩn thì vui mừng rằng: 'Mặt ta sạch', nên vui mừng. Chư Hiền, cũng như vậy, nếu khi Tỳ-kheo quán sát mà biết được ta có ác dục, niệm dục thì không vui mừng và mong cầu đoạn trừ dục. Chư Hiền, nếu lúc Tỳ-kheo quán sát mà biết được mình không có ác dục, niệm dục thì vui mừng rằng 'Ta tự thanh tịnh, cầu học pháp tôn quý' nên vui mừng. Cũng như thế, ta nhiễm và hành nhiễm hay không nhiễm và hành nhiễm? Cố ý phú tàng hay không cố ý phú tàng? Lường gạt dối trá hay không lường gạt dối trá? Xan tham tật đố hay không xan tham tật đố? Vô tàm vô quý hay không vô tàm vô quý? Sân tệ ác ý hay không sân tệ ác ý? Nói lời phẫn nộ hay không nói lời phẫn nộ? Ha trách Tỳ-kheo ha trách hay không ha trách Tỳ-kheo ha trách? Ha trách Tỳ-kheo khinh mạn hay không ha trách Tỳ-kheo khinh mạn? Ha trách Tỳ-kheo phát lồ hay không ha trách Tỳ-kheo phát lồ? Nói lãng ngoài đề để tránh né hay không nói lãng ngoài đề để tránh né? Che giấu và hờn giận hay không che giấu và hờn giận? Thù ghét phừng phực hay không thù ghét phừng phực? Bằng

---

15. Pāli: attanāva attānaṃ evaṃ paccavekkhitabbaṃ, tự mình phản tỉnh về mình như vầy.

hữu ác và đồng bọn ác hay không bằng hữu ác và đồng bọn ác? Vong ân không biết ân hay không vong ân không biết ân? Chư Hiền, nếu khi Tỳ-kheo quán sát mà biết được 'ta có vong ân không biết ân' thì không vui mừng và mong muốn đoạn trừ. Chư Hiền, nếu lúc Tỳ-kheo quán sát mà biết được mình không có vong ân không biết ân thì được vui mừng rằng 'Ta tự thanh tịnh, cầu học pháp tôn quý', cho nên vui mừng.

"Này chư Hiền, như người có mắt, lấy gương tự soi thì thấy được mặt mình là sạch hay dơ. Chư Hiền, nếu người có mắt thấy mặt mình bẩn thì không vui mừng và mong muốn rửa sạch. Chư Hiền, nếu người có mắt thấy mặt mình không bẩn thì được vui mừng rằng 'Mặt ta sạch sẽ', cho nên vui mừng. Chư Hiền, cũng vậy, nếu khi Tỳ-kheo mà biết được ta có vong ân không biết ân, thì không vui mừng và mong muốn đoạn trừ. Chư Hiền, nếu khi Tỳ-kheo quán sát mà biết được mình không có vong ân không biết ân thì được vui mừng rằng 'Ta tự thanh tịnh, cầu học tôn pháp', cho nên vui mừng. Do vui mừng cho nên có hỷ, nhân hỷ nên thân khinh an, do thân khinh an[16] nên được cảm thọ lạc, do cảm thọ lạc nên được định tâm.

"Này chư Hiền, Đa văn Thánh đệ tử do định tâm nên thấy như thật, biết như thật; do thấy như thật, biết như thật nên được yểm ly, do yểm ly nên được vô dục, do vô dục nên được giải thoát, do giải thoát mà được tri giải thoát, biết một cách như thật rằng 'Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, điều đáng làm đã làm xong, không còn tái sanh'."

Tôn giả Đại Mục-kiền-liên nói như vậy, các thầy Tỳ-kheo nghe Tôn giả Đại Mục-kiền-liên nói xong, hoan hỷ phụng hành.

❑

16. Hán: chỉ thân ——C

90. KINH TRI PHÁP[17]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật du hóa tại Câu-xá-di, trong vườn Cù-sư-la[18].

Bấy giờ Tôn giả Chu-na[19] nói với các Tỳ-kheo:

"Nếu có Tỳ-kheo nói như thế nầy, 'Tôi biết các pháp, những pháp được biết ấy không có tham lam'. Nhưng trong tâm Hiền giả kia, ác tham lam[20] đã sanh và tồn tại.

"Cũng như vậy, tranh tụng, nhuế hận, sân triền, phú kết, bỏn sẻn, ganh tị, lừa dối, dua nịnh, vô tàm, vô quý, ác dục, ác kiến[21]. Nhưng trong tâm Hiền giả ấy ác dục, ác kiến đã sanh và tồn tại. Các vị đồng phạm hạnh biết Hiền giả ấy không biết các pháp, những pháp được biết đến mà không có tham lam. Vì sao? Vì trong tâm Hiền giả ấy tham lam đã sanh và tồn tại. Cũng như vậy, tranh tụng, nhuế hận, sân triền, phú kết, bỏn sẻn, ganh tị, lừa dối, dua nịnh, vô tàm, vô quý, ác dục, ác kiến. Vì sao? Vì trong tâm Hiền giả kia ác dục, ác kiến đã sanh và tồn tại.

"Này chư Hiền, như người không giàu mà tự xưng là giàu, cũng không có phong ấp mà nói là có phong ấp. Lại không có súc mục mà nói là có súc mục. Khi muốn tiêu dùng thì không có vàng bạc, chơn châu, lưu ly, thủy tinh, hổ phách; không có súc mục, lúa gạo; cũng không có nô tỳ. Các bằng hữu quen biết đến nhà người ấy mà nói rằng: 'Anh thật không giàu mà tự xưng là giàu, cũng không có phong ấp mà nói có phong ấp; lại không có súc mục mà nói có súc mục. Khi muốn tiêu dùng thì không có vàng bạc, chơn châu, lưu ly, thủy tinh, hổ phách, không có súc mục, lúa gạo và cũng không có nô tỳ'. Cũng giống như thế, này chư Hiền, nếu có Tỳ-kheo nói như thế này: 'Tôi biết các pháp, những pháp được biết mà không có tham lam', nhưng trong tâm Hiền giả kia tham lam đã sanh và tồn tại. Cũng như vậy, tranh tụng, nhuế hận, sân triền, phú kết, bỏn sẻn, ganh tị, lừa dối, dua nịnh, vô tàm, vô quý, ác dục, ác kiến đã sanh và tồn tại. Các người phạm hạnh biết Hiền giả ấy không biết các pháp, những pháp được biết mà không có tham lam. Vì sao? Vì tâm của Hiền giả kia không hướng đến chỗ diệt tận tham lam, đến Vô dư Niết-bàn. Cũng như vậy, tranh tụng, nhuế hận, sân triền, phú kết, bỏn sẻn, ganh tị, lừa dối, dua nịnh, vô tàm, vô quý, ác dục, ác kiến. Vì sao? Vì tâm Hiền giả kia không hướng đến chỗ diệt tận ác nhuế, đến Vô dư Niết-bàn.

"Này chư Hiền, hoặc có Tỳ-kheo không nói như thế này: 'Tôi biết các pháp, những

---

17. Tương đương Pāli, A.10.24. Mahā-cunda-suttam.

18. Câu-xá-di Cù-sư-la viên ——————v———C Xem kinh 72. Bản Pāli: khi ấy Mahā-cunda đang trú tại Ceti.

19. Chu-na–P——C Pāli: Māha-Cunda. Xem kinh số 196 và chú thích (3).

20. Ác tăng tứ–c–W——C Pāli: lobha. Nơi khác, Hán: *tăng tứ*, Pāli: abhijjhā.

21. Bản liệt kê Hán, xem các kinh 183, 196. Liệt kê theo Pāli: lobha (tham), loha (si), kodha (phẫn nộ), upanāha (oán hận), makkha (giả dối hay phú tàng), palāsa (não hại hay có ác ý), macchariya (xan tham hay keo kiệt), pāpikā issā (ác tật đố), pāpikā ichā (ác dục).

pháp được biết đến mà không có tham lam", nhưng trong tâm Hiền giả kia tham lam không sanh và tồn tại. Cũng như vậy, tranh tụng, nhuế hận, sân triền, phú kết, bỏn sẻn, ganh tị, lừa dối, dua nịnh, vô tàm, vô quý, ác dục, ác kiến, nhưng trong tâm Hiền giả kia ác dục, ác kiến không sanh và tồn tại. Các người phạm hạnh biết Hiền giả ấy thật biết các pháp, những pháp được biết đến mà không có tham lam. Vì sao? Vì trong tâm Hiền giả kia, ác tham lam đã không sanh và tồn tại. Cũng như vậy, tranh tụng, nhuế hận, sân triền, phú kết, bỏn sẻn, ganh tị, lừa dối, dua nịnh, vô tàm, vô quý, ác dục, ác kiến. Vì sao? Vì trong tâm Hiền giả kia ác dục, ác kiến không sanh và tồn tại.

"Này chư Hiền, như người giàu to mà tự nói không giàu, cũng có phong ấp mà nói là không có phong ấp. Lại có súc mục mà nói là không có súc mục. Nếu lúc muốn tiêu dùng thì có sẵn vàng bạc, chơn châu, lưu ly, thủy tinh, hổ phách; có súc mục, lúa gạo và có nô tỳ. Các bằng hữu quen biết đến nhà người ấy, nói rằng: 'Anh thật giàu to mà nói là không giàu, cũng có phong ấp mà nói không có phong ấp. Lại có súc mục mà nói không có súc mục, nhưng khi muốn dùng thì có sẵn vàng bạc, chơn châu, lưu ly, thủy tinh, hổ phách; có súc mục, lúa gạo và cũng có nô tỳ'.

Cũng giống như thế, này chư Hiền, nếu có Tỳ-kheo không nói như thế này: 'Tôi biết các pháp, những pháp được biết đến mà không có tham lam", nhưng trong tâm Hiền giả kia ác tham lam đã không sanh và không tồn tại.

Cũng như vậy, tranh tụng, nhuế hận, sân triền, phú kết, bỏn sẻn, ganh tị, lừa dối, dua nịnh, vô tàm, vô quý, ác dục, ác kiến, nhưng trong tâm Hiền giả kia ác dục, ác kiến không sanh và tồn tại.

Các người đồng phạm hạnh biết Hiền giả ấy thật biết các pháp, những pháp được biết đến mà không có tham lam. Vì sao? Vì tâm Hiền giả ấy hướng đến chỗ diệt tận tham lam, sân triền, phú kết, bỏn sẻn, ganh tị, lừa dối, dua nịnh, vô tàm, vô quý, ác dục, ác kiến. Vì sao? Vì tâm Hiền giả kia hướng đến chỗ diệt tận ác kiến, đến Vô dư Niết-bàn".

Tôn giả Chu-na thuyết như vậy, các thầy Tỳ-kheo sau khi nghe Tôn giả nói xong, hoan hỷ phụng hành.

❑

91. KINH CHU-NA VẤN KIẾN[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật du hóa tại Câu-xá-di, trong vườn Cù-sư-la[2]. Bấy giờ Tôn giả Đại Chu-na vào lúc xế, từ chỗ tĩnh tọa đứng dậy, đi đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi xuống một bên, bạch rằng:

"Bạch Thế Tôn, trong đời, các kiến chấp phát sanh và phát sanh, tức các chủ trương có thần ngã, có chúng sanh, có nhân, có thọ, có mạng, có thế gian[3]. Bạch Thế Tôn, biết như thế nào, thấy như thế nào để các kiến chấp này được tiêu diệt, được xả ly và khiến cho các tà kiến khác không tiếp diễn, không bị chấp thủ?"

Bấy giờ Thế Tôn nói rằng:

"Chu-na, trong đời, các kiến chấp phát sanh và phát sanh, tức các chủ trương có thần ngã, có chúng sanh, có nhân, có thọ, có mạng, có thế gian. Chu-na, nếu muốn các pháp diệt tận không dư, thì phải biết như vậy, thấy như vậy mới có thể khiến cho các kiến chấp này được tiêu diệt, được xả ly và khiến cho các kiến chấp khác không tiếp diễn, không bị chấp, hãy học pháp tiệm giảm[4].

"Chu-na, trong Thánh pháp luật, thế nào là tiệm giảm? Tỳ-kheo ly dục, ly ác bất thiện, cho đến chứng đắc Tứ thiền, thành tựu an trụ, vị ấy nghĩ như vầy: 'Ta đã thực hành sự tiệm giảm'. Này Chu-na, trong Thánh pháp luật không phải chỉ có sự tiệm giảm này[5].

"Có bốn tăng thượng tâm, hiện pháp lạc trú[6], hành giả từ đó xuất rồi lại nhập trở lại. Vị ấy nghĩ như thế này: 'Ta thực hành sự tiệm giảm này'. Này Chu-na, trong Thánh pháp luật không phải chỉ có sự tiệm giảm này.

"Tỳ-kheo vượt khỏi mọi sắc tưởng, cho đến chứng đắc phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ, thành tựu an trụ. Vị ấy nghĩ như thế này: 'Ta thực hành sự tiệm giảm'. Này Chu-na, trong Thánh pháp luật không phải chỉ có sự tiệm giảm này.

"Có bốn tịch tĩnh giải thoát[7], lìa sắc, chứng đắc vô sắc, hành giả từ đó khởi lên sẽ

---

1. Tương đương Pāli, M.8. Sallekha-suttaṃ.
2. Xem kinh 90 trên.
3. Các kiến chấp: thần —(Pāli: attā), chúng sanh ——(satta), nhân -H(puggala), thọ —(āyu), mạng -R(jīva), thế -@(loka) đều liên hệ đến quan niệm linh hồn hay tiểu ngã (attavāda). Bản Pāli chỉ nêu: attavādapaṭisaṃyuttā lokavādapaṭisaṃyuttā (diṭṭhiyo), các kiến chấp liên hệ đến các thuyết về hữu ngã và thế giới (thường hay vô thường v.v...).
4. Tiệm giảm. Pāli: sallekha, tổn giảm, theo nghĩa kiểm thức, sống khắc khổ.
5. Pāli: na kho panete, cunda, ariyassa vinaye sallekhā vuccanti, diṭṭhadhamma- sukhavihārā ete ariyassa vinaye vuccanti, trong luật của bậc Thánh, chúng không được gọi là tiệm giảm, mà được gọi là hiện pháp lạc trú.
6. Hiện pháp lạc cư -{-k——~-Fchỉ tính chất của bốn thiền sắc giới.
7. Nguyên Hán: tức giải thoát ————Atức tịch tịnh giải thoát, chỉ bốn vô sắc giới định. Pāli: santā vimokkhā.

nói cho người khác biết. Vị ấy nghĩ như thế này: 'Ta thực hành sự tiệm giảm'. Này Chu-na, trong Thánh pháp luật không phải chỉ có sự tiệm giảm này.

"Chu-na, 'Người khác có ác dục, niệm dục; ta không có ác dục, niệm dục'. Hãy học tiệm giảm[8].

"Chu-na, 'Người khác có sân hại ý[9]; ta không có sân hại ý'. Hãy học tiệm giảm.

"Chu-na, 'Người khác có sát sanh, lấy của không cho, phi phạm hạnh; ta không phi phạm hạnh'. Hãy học tiệm giảm.

"Chu-na, 'Người khác có tham lam[10], tâm não hại[11], thụy miên triền[12], trạo cử[13], cống cao và có nghi hoặc[14]; ta không có nghi hoặc'. Hãy học tiệm giảm.

"Chu-na, 'Người khác có sân kết[15], dua siểm, lừa gạt, vô tàm, vô quý; ta có tàm quý'. Hãy học tiệm giảm.

"Chu-na, 'Người khác có mạn, ta không có mạn'. Hãy học tiệm giảm.

"Chu-na, 'Người khác có tăng thượng mạn, ta không có tăng thượng mạn[16]'. Hãy học tiệm giảm.

"Chu-na, 'Người khác không đa văn, ta có đa văn'. Hãy học tiệm giảm.

"Chu-na, 'Người khác không quán các thiện pháp, ta quán các thiện pháp'. Hãy học tiệm giảm.

"Chu-na, 'Người khác hành phi pháp, ác hạnh; ta hành đúng pháp, diệu hạnh'. Hãy học tiệm giảm.

"Chu-na, 'Người khác có nói láo, hai lưỡi, nói cộc cằn, nói thêu dệt, ác giới; ta không ác giới'. Hãy học tiệm giảm.

"Chu-na, 'Người khác có bất tín, giải đãi, vô niệm, vô định mà lại có ác tuệ; ta không có ác tuệ'. Hãy học tiệm giảm.

"Chu-na, chỉ cần phát tâm nghĩ muốn cầu học các thiện pháp còn được nhiều sự lợi ích, huống chi thân và khẩu thực hành thiện pháp?

"Chu-na, 'Người khác có ác dục, niệm dục; ta không có ác dục, niệm dục'. Hãy phát tâm.

"Chu-na, 'Người khác có sân hại ý; ta không có sân hại ý'. Hãy phát tâm.

"Chu-na, 'Người khác có sát sanh, lấy của không cho, phi phạm hạnh; ta không phi phạm hạnh'. Hãy phát tâm.

"Chu-na, 'Người khác có tham lam, tâm não hại, thụy miên triền, trạo cử và cống cao và có nghi hoặc; ta không có nghi hoặc'. Hãy phát tâm.

"Chu-na, 'Người khác có sân kết, dua siểm, lừa gạt, vô tàm, vô quý; ta có tàm quý'. Hãy phát tâm.

---

8. Pāli: pare vihaṃsakā bhavissanti, maya ettha avihisakā bhavissāmā, những người khác có thể sẽ là bạo hại; chúng ta sẽ không là bạo hại, nên học tiệm giảm như vậy.
9. Hán: hại ý sân −`−N−Q−C Pāli: vihiṃsaka, bạo hành.
10. Tăng tứ −W——F Pāli: abhijjhālu.
11. Tránh ý ——N−F Pāli: vyāpannacitta.
12. Thụy miên sở triền ——v———A triền cái thụy miên. Pāli: thīnamiddhapariyuṭṭhāna, mê ngủ nghỉ, bị buồn ngủ khống chế.
13. Điệu cống cao, hay trạo cử ố tác hay trạo hối. Pāli: uddahacca-kukkucca, vị kích động và vọng động.
14. Liệt kê năm triền cái (Pāli: pañca nīvaraṇāni): tham, sân, thụy miên, trạo hối và nghi.
15. Sân kết −Q——A chỗ khác (xem kinh 89 trên) gọi là *bất ngữ kết*, Pāli: makkha, ngụy thiện và ác ý hay ác cảm.
16. Tăng mạn −W−C−C Pāli: atimāna, tự cao.

"Chu-na, 'Người khác có mạn, ta không có mạn'. Hãy phát tâm.

"Chu-na, 'Người khác có tăng thượng mạn, ta không có tăng thượng mạn'. Hãy phát tâm.

"Chu-na, 'Người khác không đa văn, ta có đa văn'. Hãy phát tâm.

"Chu-na, 'Người khác không quán các thiện pháp, ta quán các thiện pháp'. Hãy phát tâm.

"Chu-na, 'Người khác hành phi pháp, ác hạnh; ta hành đúng pháp, diệu hạnh'. Hãy phát tâm.

"Chu-na, 'Người khác có nói láo, nói hai lưỡi, nói cộc cằn, nói thêu dệt, ác giới; ta không ác giới'. Hãy phát tâm.

"Chu-na, 'Người khác có bất tín, giải đãi, vô niệm, vô định mà lại có ác tuệ; ta không có ác tuệ'. Hãy phát tâm.

"Chu-na, ví như con đường xấu, có con đường tốt đối lại; bến đò xấu, có bến đò tốt, đối lại. Cũng vậy, này Chu-na, ác dục có phi ác dục đối lại. Hại ý sân, có không hại ý sân đối lại. Sát sanh, lấy của không cho, phi phạm hạnh, có phạm hạnh đối lại. Tham lam, não hại, thụy miên, trạo cử cống cao, nghi hoặc, có sự không nghi hoặc đối lại. Sân kết, dua siểm, lừa gạt, vô tàm, vô quý; có tàm quý đối lại. Mạn, có không mạn đối lại. Tăng thượng mạn có không tăng thượng mạn đối lại. Không đa văn, có đa văn đối lại. Không quán các thiện pháp, có quán các thiện pháp đối lại. Hành phi pháp, ác hạnh; có hành đúng pháp, diệu hạnh đối lại. Nói láo, nói hai lưỡi, nói cộc cằn, nói thêu dệt, ác giới; có thiện giới đối lại. Bất tín, giải đãi, vô niệm, vô định, ác tuệ; có thiện tuệ đối lại.

"Chu-na, hoặc có pháp đen, có quả báo đen, dẫn đến ác xứ; hoặc có pháp trắng, có quả báo trắng, dẫn lên thiện xứ. Cũng như thế, này Chu-na, người ác dục thì do phi ác dục mà đi lên. Người có hại ý sân thì do không có hại ý sân mà đi lên. Người sát sanh, lấy của không cho, phi phạm hạnh, thì do phạm hạnh mà đi lên. Người tham lam, não hại, thụy miên, trạo cử cống cao, nghi hoặc thì do không nghi hoặc mà đi lên. Người sân nhuế, dua siểm, lừa gạt, vô tàm, vô quý thì do tàm quý mà đi lên. Người mạn thì do không mạn mà đi lên, Người tăng thượng mạn thì do không tăng thượng mạn mà đi lên. Người không đa văn thì do đa văn mà đi lên. Người không quán các thiện pháp thì do quán các thiện pháp mà đi lên. Người hành phi pháp, ác hạnh thì do hành đúng pháp, diệu hạnh mà đi lên. Người nói láo, nói hai lưỡi, nói cộc cằn, nói thêu dệt, ác giới thì do thiện giới mà đi lên. Người bất tín, giải đãi, vô niệm, vô định, ác tuệ thì do thiện tuệ mà đi lên.

"Chu-na, nếu có người tự mình không điều phục, người khác không điều phục, mà muốn có sự điều phục, sự kiện ấy không bao giờ có. Tự mình chìm, người khác chìm mà muốn vớt lên, sự kiện ấy không bao giờ có. Tự mình không Bát-niết-bàn, người khác không Bát-niết-bàn mà muốn dẫn đến nhập Niết-bàn, sự kiện ấy không bao giờ có.

"Chu-na, nếu có người tự mình điều phục được, người khác không điều phục được, mà muốn có sự điều phục, sự kiện ấy có xảy ra. Tự mình không chìm, người khác bị chìm mà muốn vớt lên, sự kiện ấy có xảy ra. Tự mình Bát-niết-bàn, người khác không Bát-niết-bàn mà muốn đưa đến Niết-bàn, sự kiện ấy có xảy ra.

"Cũng như thế, này Chu-na, người ác dục thì do phi ác dục mà nhập Niết-bàn. Người có hại ý sân thì do không có hại ý sân mà nhập Niết-bàn. Người sát sanh, lấy của không cho, phi phạm hạnh thì do phạm hạnh mà nhập Niết-bàn. Người tham lam, não hại, thùy miên, trạo cử, cống cao, nghi hoặc, thì do không nghi hoặc mà nhập Niết-bàn. Người sân kết, dua nịnh, vô tàm, vô quý, thì do tàm quý mà nhập Niết-bàn.

Người tăng thượng mạn thì do không tăng thượng mạn mà nhập Niết-bàn. Người không đa văn thì do đa văn mà nhập Niết-bàn. Người không quán các thiện pháp thì do quán các thiện pháp mà nhập Niết-bàn. Người hành phi pháp, ác hạnh thì do hành đúng pháp, diệu hạnh mà nhập Niết-bàn. Người nói láo, nói hai lưỡi, nói cộc cằn, nói thêu dệt, ác giới, thì do thiện giới mà nhập Niết-bàn. Người bất tín, giải đãi, vô niệm, vô định, ác tuệ, thì do thiện tuệ mà nhập Niết-bàn.

"Chu-na, đó là Ta đã nói cho ngươi nghe về pháp tiệm giảm, đã nói pháp phát tâm, đã nói pháp đối trị, đã nói pháp thăng thượng, đã nói pháp nhập Niết-bàn. Như bậc Tôn sư đối với đệ tử khởi tâm đại từ, thương xót, thương tưởng, mong cầu cho đệ tử được phước lợi và thiện ích, mong cầu an ổn khoái lạc. Ta đã làm như vậy. Các ngươi cũng nên tự mình làm. Hãy đến nơi rừng vắng, núi sâu, dưới gốc cây, chỗ an tĩnh không nhàn, tĩnh tọa tư duy, đừng phóng dật, không ngừng tinh tấn, chớ để ân hận mai sau. Đó là lời khuyến giáo, lời huấn thị của Ta".

Phật thuyết như vậy. Tôn giả Đại Chu-na và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

❑

92. KINH THANH BẠCH LIÊN HOA DỤ

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng, vườn Cáp cô độc.

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các thầy Tỳ-kheo:

"Hoặc có pháp do nơi thân mà diệt trừ, không do nơi miệng mà diệt trừ. Hoặc có pháp do nơi miệng mà diệt, không do nơi thân mà diệt. Hoặc có pháp không do nơi thân và miệng diệt trừ nhưng do tuệ kiến để diệt trừ.

"Thế nào là pháp do nơi thân mà diệt trừ, không do nơi miệng diệt trừ? Tỳ-kheo có thân hành bất thiện sung mãn, thọ trì đầy đủ, dễ dính trước nơi thân, các thầy Tỳ-kheo thấy vậy khiển trách Tỳ-kheo ấy rằng: 'Hiền giả, thân hành bất thiện sung mãn, thọ trì đầy đủ, sao lại dính trước nơi thân? Hiền giả, nên bỏ thân hành bất thiện, tu tập thân hành thiện'. Thời gian sau, vị Tỳ-kheo ấy bỏ thân hành bất thiện, tu tập thân hành thiện. Đó gọi là pháp do nơi thân mà diệt trừ, không do nơi miệng mà diệt trừ.

"Thế nào là pháp do nơi miệng mà diệt trừ, không do nơi thân diệt trừ? Tỳ-kheo khẩu hành bất thiện sung mãn, thọ trì đầy đủ và dính trước nơi miệng. Các thầy Tỳ-kheo thấy vậy quở trách Tỳ-kheo ấy rằng: 'Hiền giả, khẩu hành bất thiện sung mãn, thọ trì đầy đủ, sao lại dính trước nơi miệng? Hiền giả, nên bỏ khẩu hành bất thiện, tu tập khẩu hành thiện'. Thời gian sau, vị Tỳ-kheo ấy bỏ khẩu hành bất thiện, tu tập khẩu hành thiện. Đó gọi là pháp do nơi miệng mà diệt trừ, không do nơi thân diệt trừ.

"Thế nào là pháp không do nơi thân, miệng mà diệt trừ, nhưng chỉ do tuệ kiến để diệt trừ? Tham lam không từ thân, miệng diệt trừ, chỉ do tuệ kiến mà diệt trừ. Cũng như thế, tranh tụng, nhuế, hận, sân triền, phú kết, bỏn sẻn, tật đố, lừa gạt, dua siểm, vô tàm, vô quý, ác dục, ác kiến[1] không do nơi thân, miệng diệt trừ, chỉ do tuệ kiến mà diệt trừ. Đó gọi là pháp không do nơi thân, miệng mà diệt trừ, chỉ do tuệ kiến mà diệt trừ.

"Như Lai hoặc có quán sát; quán sát tâm của người khác, biết người này không tu thân, tu giới, tu tâm, tu tuệ như vậy. Nếu như người này tu thân, tu giới, tu tâm, tu tuệ thì diệt trừ được tham lam. Vì sao? Vì người này tâm sanh ác tham mà trụ. Cũng như vậy, tranh tụng, nhuế, hận, sân triền, phú kết, bỏn sẻn, tật đố, lừa gạt, dua nịnh, vô tàm, vô quý, ác dục, ác kiến; nếu người ấy tu tập thì diệt trừ được ác dục, ác kiến. Vì sao? Vì người này tâm sanh ác dục, ác kiến mà trụ.

"Như Lai cũng biết người này tu thân, tu giới, tu tâm, tu tuệ như vậy. Nếu như người này tu thân, tu giới, tu tâm, tu tuệ thì diệt trừ được tham lam. Lý do vì sao? Vì người này tâm không sanh nơi ác tham mà trụ. Cũng như vậy, tranh tụng, nhuế hận, sân triền, phú kết, bỏn sẻn, tật đố, lừa gạt, dua nịnh, vô tàm, vô quý, diệt được ác dục, ác kiến. Vì sao? Vì người này tâm không sanh ác dục, ác kiến mà trụ.

---

1. Các bất thiện tâm sở này, xem các kinh trên.

"Giống như hoa sen xanh, hồng, đỏ, trắng sanh từ trong nước, lớn lên trong nước, vượt lên khỏi mặt nước, không bị dính nước. Cũng như thế, Như Lai sanh từ trong thế gian, lớn lên trong thế gian, tu hành vượt trên thế gian, không đắm trước pháp thế gian. Vì sao? Vì Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, vượt khỏi tất cả thế gian".

Bấy giờ, Tôn giả A-nan đứng cầm quạt hầu Phật, chắp tay hướng về Phật bạch rằng:

"Bạch Đức Thế Tôn, kinh này tên là gì, và thọ trì như thế nào?"

Lúc ấy Đức Thế Tôn bảo rằng:

"A-nan, kinh này tên là **'Thanh Bạch Liên Hoa Dụ**'. Ngươi hãy như vậy thọ trì đọc tụng".

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Các ngươi hãy cùng nhau thọ trì đọc tụng, gìn giữ kinh **Thanh Bạch Liên Hoa Dụ** này. Lý do vì sao? –Vì kinh **'Thanh Bạch Liên Hoa Dụ'** này là như pháp, có nghĩa, là căn bản phạm hạnh, đưa đến trí thông, đưa đến giác ngộ và cũng đưa đến Niết-bàn. Nếu thiện nam tử cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo thì nên hãy khéo thọ trì, đáng tụng đọc kinh **'Thanh Bạch Liên Hoa Dụ'** này".

Phật thuyết như vậy. Tôn giả A-nan và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

❑

93. KINH THỦY TỊNH PHẠM CHÍ[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật đến Uất-bệ-la, bên bờ sông Ni-liên-nhiên, ngồi dưới gốc cây A-đa-hòa-la Ni-câu-loại vào lúc mới thành đạo[2].

Bấy giờ sau giờ ngọ, có Thủy Tịnh Phạm chí[3] ung dung đi đến chỗ Phật. Đức Thế Tôn thấy Thủy Tịnh Phạm chí từ xa đi lại; nhân vì có Thủy Tịnh Phạm chí, Ngài bảo các Tỳ-kheo[4]:

"Nếu có hai mươi mốt thứ ô uế làm ô uế tâm[5] thì chắc chắn đi đến ác xứ, sanh vào địa ngục.

"Những gì là hai mươi mốt thứ ô uế? Đó là, tâm uế do tà kiến, tâm uế do phi pháp dục, tâm uế do ác tham, tâm uế do tà pháp, tâm uế do tham, tâm uế do nhuế, tâm uế do thụy miên, tâm uế do trạo cử hối quá, tâm uế do nghi hoặc, tâm uế do sân triền, tâm uế do phú tàng, tâm uế do xan tham, tâm uế do tật đố, tâm uế do khi trá, tâm uế do dua siểm, tâm uế do vô tàm, tâm uế do vô quý, tâm uế do mạn, tâm uế do đại mạn, tâm uế do ngạo mạn, tâm uế do phóng dật[6].

"Nếu có hai mươi mốt thứ ô uế này làm ô uế tâm thì chắc chắn đi đến ác xứ, sanh vào địa ngục.

"Ví như cái áo bị cáu bẩn đem cho nhà thợ nhuộm. Người thợ nhuộm nhận áo đó, hoặc dùng tro sạch[7], hoặc dùng bột giặt[8] hay dùng nước chắt[9] chà xát thật kỹ cho sạch cái

---

1. Tương đương Pāli M.7 Vatthūpama-suttaṃ. Hán, biệt dịch, No.51, No.99 (1185), No.100 (99), No.125 (13.5).
2. Xem cht.2, kinh 134. Bản Pāli: Phật tại Xá-vệ.
3. Thủy Tịnh Phạm chí ---b----C No.51: Kế Thủy Phạm chí; No.99 (1185) không nói tên; No.100 (99): Bà-la-môn thờ lửa; No.125 (13.5): một người Bà-la-môn đang gánh một gánh nặng, đi đến gần Phật. Người Bà-la-môn mà Phật gặp ngay sau khi vừa thành đạo, được nói đến trong Luật tạng Pāli tên là Huhuṅkajātika.
4. Sự kiện này hoàn toàn không phù hợp. Khi vừa thành đạo này, Ngài chưa có một đệ tử xuất gia nào cả.
5. Uế ô ư tâm ----/Ù-C Pāli: citassa upakkilesa, ô nhiễm của tâm (hay tùy phiền não của tâm). No.51 và No.125: *kết* --C
6. No.125 (13.5): 21 kết nhiễm tâm: sân, nhuế, hại, thùy miên, điệu hý, nghi, nộ, kỵ, não, tật, tắng, vô tàm, vô quý, huyễn, gian, ngụy, tránh, kiêu mạn, đố, tăng thượng mạn, tham. Liệt kê theo bản Pāli: abhijjhavisamalobho (tham và tà tham), vyāpādo (sân), kodho (phẫn nộ), upanāho (oán hận), makkho (phú tàng hay ngụ thiện), palāso (não hay ác ý, ác cảm), issā (tật đố), macchariyam (xan hay bỏn sẻn), māyā (cuống hay huyễn hoặc), sāṭheyyam (siểm hay gian trá), thambho (ngoan cố hay ngạo mạn), sārambho (cấp tháo hay dễ kích động), māno (mạn), atimāno (quá mạn), mado (kiêu hay say sưa), pamādo (phóng túng hay buông lung). Bản danh sách đầy đủ và giải thích chi tiết, xem Pháp Uẩn Túc Luận 9 (Đại 26, tr.494c).
7. Thuần hôi -E--F có lẽ nước tro.
8. Tháo đậu ----F loại bột giặt do nghiền đậu trộn với vài thứ cây lá.

áo dơ bẩn đó. Dù người thợ giặt dùng tro sạch, hoặc dùng bột giặt hay dùng nước chất chà xát thật kỹ cho sạch, nhưng cái áo dơ bẩn ấy vẫn có màu dơ bẩn [10]. Cũng như vậy, nếu có hai mươi mốt thứ ô uế làm ô uế tâm thì chắc chắn đi đến ác xứ, sanh vào địa ngục. Những gì là hai mươi mốt thứ ô uế? Đó là, tâm uế do tà kiến, tâm uế do phi pháp dục, tâm uế do ác tham, tâm uế do tà pháp, tâm uế do tham, tâm uế do nhuế, tâm uế do thụy miên, tâm uế do trạo cử hối quá, tâm uế do nghi hoặc, tâm uế do sân triền, tâm uế do phú tàng, tâm uế do xan tham, tâm uế do tật đố, tâm uế do khi trá, tâm uế do dua siểm, tâm uế do vô tàm, tâm uế do vô quý, tâm uế do mạn, tâm uế do đại mạn, tâm uế do ngạo mạn, tâm uế do phóng dật.

"Nếu có hai mươi mốt thứ ô uế này mà không làm ô uế tâm thì chắc chắn đi đến thiện xứ, sanh lên cõi trời. Những gì là hai mươi mốt thứ ô uế? Đó là, tâm uế do tà kiến, tâm uế do phi pháp dục, tâm uế do ác tham, tâm uế do tà pháp, tâm uế do tham, tâm uế do nhuế, tâm uế do thụy miên, tâm uế do trạo cử hối quá, tâm uế do nghi hoặc, tâm uế do sân triền, tâm uế do phú tàng, tâm uế do xan tham, tâm uế do tật đố, tâm uế do khi trá, tâm uế do dua siểm, tâm uế do vô tàm, tâm uế do vô quý, tâm uế do mạn, tâm uế do đại mạn, tâm uế do ngạo mạn, tâm uế do phóng dật. Nếu có hai mươi mốt thứ ô uế này mà không làm ô uế tâm thì chắc chắn đi đến thiện xứ, sanh lên cõi trời.

"Ví như cái áo trắng sạch của loại vải dệt ở xứ Ba-la-nại, đem cho nhà thợ nhuộm. Người thợ nhuộm nhận áo đó, dùng hoặc tro sạch, hoặc dùng bột giặt hay dùng nước chất chà xát thật kỹ cho thêm sạch cái áo trắng sạch bằng loại vải Ba-la-nại này. Người thợ giặt Ba-la-nại chà xát thật kỹ cho thêm sạch, nhưng cái áo trắng sạch loại vải Ba-la-nại ấy vốn đã sạch lại càng trắng sạch thêm. Cũng vậy, nếu có hai mươi mốt thứ ô uế mà không làm ô uế tâm thì chắc chắn đi đến thiện xứ, sanh lên cõi trời. Những gì là hai mươi mốt thứ ô uế? Đó là, tâm uế do tà kiến, tâm uế do phi pháp dục, tâm uế do ác tham, tâm uế do tà pháp, tâm uế do tham, tâm uế do nhuế, tâm uế do thụy miên, tâm uế do trạo cử hối quá, tâm uế do nghi hoặc, tâm uế do sân triền, tâm uế do phú tàng, tâm uế do xan tham, tâm uế do tật đố, tâm uế do khi trá, tâm uế do dua siểm, tâm uế do vô tàm, tâm uế do vô quý, tâm uế do mạn, tâm uế do đại mạn, tâm uế do ngạo mạn, tâm uế do phóng dật. Nếu có hai mươi mốt thứ ô uế này mà không làm ô uế tâm thì chắc chắn đi đến thiện xứ, sanh lên cõi trời.

"Nếu ai biết được tà kiến là ô uế của tâm, sau khi biết liền đoạn trừ. Cũng như vậy, nếu ai biết được tâm uế do phi pháp dục, tâm uế do ác tham, tâm uế do tà pháp, tâm uế do tham, tâm uế do nhuế, tâm uế do thụy miên, tâm uế do trạo cử hối quá, tâm uế do nghi hoặc, tâm uế do sân triền, tâm uế do phú tàng, tâm uế do xan tham, tâm uế do tật đố, tâm uế do khi trá, tâm uế do dua siểm, tâm uế do vô tàm, tâm uế do vô quý, tâm uế do mạn, tâm uế do đại mạn, tâm uế do ngạo mạn; nếu biết phóng dật là tâm uế, sau khi biết liền đoạn trừ.

"Tâm của vị ấy cùng đi đôi với từ, biến mãn một phương, thành tựu an trụ. Như vậy, cho đến hai phương, ba phương, bốn phương, tứ duy, trên dưới, trùm khắp tất cả cùng đi đôi với lòng từ, không kết, không oán, không giận, không tranh, rộng rãi bao la, vô lượng, khéo tu tập, biến mãn tất cả thế gian, thành tựu an trụ.

"Này Phạm chí, đó là phương pháp gột rửa nội tâm chứ không phải gột rửa ngoại

9. Thổ tí -g-{-A nước chất, để thấm qua đất?

10. No.51 cũng nói không thể giặt sạch như vậy. No.125 (13.5). Pāli: tấm vải dơ thì không thể nhuộm bất cứ màu gì cho đẹp đẽ ra được.

thân".

Bấy giờ, Phạm chí nói với Thế Tôn:

"Này Cù-đàm, hãy đến sông Đa thủy tắm rửa[11]."

Đức Thế Tôn hỏi:

"Này Phạm chí, nếu đến tắm nơi sông Đa thủy thì sẽ được những gì?"

Phạm chí trả lời:

"Này Cù-đàm, sông Đa thủy ấy là dấu hiệu trai khiết của thế gian, là dấu hiệu độ thoát, là dấu hiệu phước đức. Cù-đàm, nếu đến tắm nơi sông Đa thủy thì được trừ sạch tất cả ác".

Bấy giờ Đức Thế Tôn nói bài tụng cho Phạm chí nghe:

Diệu hảo thủ Phạm chí [12]
Nếu vào sông Đa Thủy
Là trò chơi kẻ ngu
Không thể sạch nghiệp dữ.
Hảo Thủ, đến sông chi
Sông ấy có nghĩa gì?
Người tạo nghiệp bất thiện
Nước trong nào ích chi!
Người tịnh, không cấu uế,
Người tịnh, thường thuyết giới;
Người tịnh, nghiệp trắng trong;
Thường được thanh tịnh hạnh.
Nếu ông không tạo sát,
Cũng không hay trộm cắp,
Chân thật không điêu ngoa,
Thường chánh niệm, chánh trí;
Phạm chí học như vậy,
Tất cả chúng sanh an.
Phạm chí về nhà chi?
Suối nhà đâu trong sạch.
Phạm chí, ông nên học,
Dùng thiện pháp tẩy sạch.
Cần gì nước bẩn kia,
Chỉ trừ dơ thân thể.

Phạm chí bạch Phật rằng:

Tôi cũng nghĩ như vầy:
Dùng thiện pháp tẩy sạch,
Cần gì nước dơ kia.
Phạm chí nghe Phật dạy,
Trong lòng rất hoan hỷ.
Tức thì lạy chân Phật,
Quy y Phật, Pháp, Tăng.

---

11. Đa thủy hà-h水-e-CNo.99 (1158): Bà-hưu hà. Pāli: Bāhukā.

12. Diệu hảo thủ Phạm chí ——n————H

Phạm chí bạch rằng:

"Bạch Đức Thế Tôn, con đã biết! Bạch Thiện Thệ, con đã hiểu. Con nay tự quy y Phật, Pháp và Chúng Tỳ-kheo. Ngưỡng mong Thế Tôn cho con làm Ưu-bà-tắc, bắt đầu từ ngày nay, trọn đời, con tự quy y cho đến chết".

Phật thuyết như vậy. Phạm chí Diệu Hảo Thủy Tịnh và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

❑

94. KINH HẮC TỲ-KHEO[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong Đông viên, giảng đường Lộc mẫu. Hắc Tỳ-kheo[2], con bà Lộc Mẫu, thường ưa tranh cãi, đi đến chỗ Phật. Thế Tôn thấy Hắc Tỳ-kheo từ xa đi lại, nhân vì có Hắc Tỳ-kheo nên Ngài nói với các Tỳ-kheo:

"Hoặc có người thường ưa tranh cãi, không khen việc đình chỉ tranh cãi. Nếu có người thường ưa tranh cãi, không khen việc đình chỉ tranh cãi, thì đó là pháp không thể ái lạc, không thể ái hỷ, không thể khiến cho có ái niệm, không thể khiến cho có kính trọng, không thể khiến tu tập, không thể khiến nhiếp trì, không thể khiến xứng đáng là Sa-môn, không thể khiến được nhất ý[3], không thể khiến chứng đắc Niết-bàn.

"Hoặc có người ác dục, không khen việc đình chỉ ác dục. Nếu có người ác dục, không khen việc đình chỉ ác dục, thì đó là pháp không thể ái lạc, không thể ái hỷ, không thể khiến ái niệm, không thể khiến kính trọng, không thể khiến tu tập, không thể khiến nhiếp trì, không thể khiến xứng đáng là Sa-môn, không thể khiến được nhất ý, không thể khiến chứng đắc Niết-bàn.

"Hoặc có người phạm giới, vượt giới, sứt mẻ giới, làm rách giới, ô uế giới và không khen việc trì giới. Nếu có người phạm giới, vượt giới, sứt mẻ giới, làm rách giới, ô uế giới, thì đó là pháp không thể ái lạc, không thể ái hỷ, không thể khiến ái niệm, không thể khiến cho có kính trọng, không thể khiến tu tập, không thể khiến nhiếp trì, không thể khiến xứng đáng là Sa-môn, không thể khiến được nhất ý, không thể khiến chứng đắc Niết-bàn.

"Hoặc có người có sân triền, có phú kết, có bỏn sẻn, tật đố, có dua siểm, dối trá, có vô tàm, vô quý, không khen tàm quý[4]. Nếu có người có sân triền, có phú kết, bỏn sẻn, tật đố, có dua siểm, dối trá, có vô tàm, vô quý, không khen tàm quý, thì đó là pháp không thể ái lạc, không thể ái hỷ, không thể khiến cho có ái niệm, không thể khiến cho có kính trọng, không thể khiến tu tập, không thể khiến nhiếp trì, không thể khiến xứng đáng là Sa-môn, không thể khiến được nhất ý, không thể khiến chứng đắc Niết-bàn.

"Hoặc có người không tiếp đãi các vị đồng phạm hạnh, không khen sự tiếp đãi các vị đồng phạm hạnh. Nếu có người không tiếp đãi các vị đồng phạm hạnh, không khen sự tiếp đãi các vị đồng phạm hạnh, thì đó là pháp không thể ái lạc, không thể ái hỷ, không thể khiến ái niệm, không thể khiến cho có kính trọng, không thể khiến tu tập, không thể khiến nhiếp trì, không thể khiến xứng đáng là Sa-môn, không thể khiến được nhất ý, không thể khiến chứng đắc Niết-bàn.

---

1. Tương đương Pāli A.10.87. Nappiya-sutta (Adhikaraṇa-sutta hay Kālaha-bhikkhu-sutta).
2. Hắc Tỳ-kheo ▬▬▬C▬C Pāli: Kālaka-bhikkhu.
3. Nhất ý ▬@▬N▬C Pāli: ekībhava, nhất thể, hiệp nhất.
4. Xem các kinh 90 và 93 trên.

"Hoặc có người không quán các pháp, không khen việc quán các pháp. Nếu có người không quán các pháp, không khen việc quán các pháp, thì đó là pháp không thể ái lạc, không thể ái hỷ, không thể khiến ái niệm, không thể khiến cho có kính trọng, không thể khiến tu tập, không thể khiến nhiếp trì, không thể khiến xứng đáng là Sa-môn, không thể khiến được nhất ý, không thể khiến chứng đắc Niết-bàn.

"Hoặc có người không tĩnh tọa[5], không khen tĩnh tọa. Nếu có người không tĩnh tọa, không khen tĩnh tọa, thì đó là pháp không thể ái lạc, không thể ái hỷ, không thể khiến cho có ái niệm, không thể khiến cho có kính trọng, không thể khiến tu tập, không thể khiến nhiếp trì, không thể khiến xứng đáng là Sa-môn, không thể khiến được nhất ý, không thể khiến chứng đắc Niết-bàn.

"Những người như thế tuy nghĩ rằng: 'Mong các vị đồng phạm hạnh cúng dường, cung kính, lễ sự ta', nhưng các vị đồng phạm hạnh không cúng dường, cung kính, lễ sự người ấy. Vì sao? Vì người ấy có vô lượng điều ác này. Nhân vì người ấy có vô lượng điều ác này nên khiến cho các vị đồng phạm hạnh không cúng dường, cung kính, lễ sự người ấy.

"Cũng như con ngựa dữ bị nhốt vào trong chuồng, tuy nó nghĩ rằng: 'Mong người ta nhốt tôi ở chỗ an ổn, cho đồ ăn thức uống tươi tốt và thích ngắm nghía tôi', nhưng người ta không nhốt nó ở chỗ an ổn, không cho nó đồ ăn thức uống tốt tươi và không thích ngắm nghía nó. Vì sao? Vì con ngựa ấy có sự dữ, nghĩa là vì nó hết sức thô tệ, không hiền lành, nên khiến cho người ta không nhốt nó ở chỗ an ổn, không cho đồ ăn thức uống tốt tươi và không thích ngắm nghía nó. Cũng như vậy, người này dù nghĩ rằng 'Mong các vị đồng phạm hạnh cúng dường, cunh kính, lễ sự ta', nhưng các vị đồng phạm hạnh không cúng dường, cung kính, lễ sự người ấy. Vì sao? Vì người ấy có vô lượng điều ác này. Nhân vì người ấy có vô lượng điều ác này nên khiến cho các vị đồng phạm hạnh không cúng dường, cung kính, lễ sự người ấy.

"Hoặc có người không thích tranh cãi, khen ngợi việc đình chỉ tranh cãi. Nếu có người không thích tranh cãi, khen ngợi việc đình chỉ tranh cãi, thì đây là pháp khả lạc, khả ái, khả hỷ, có thể khiến ái niệm, có thể khiến kính trọng, có thể khiến tu tập, có thể khiến nhiếp trì, có thể khiến xứng đáng là Sa-môn, có thể khiến được nhất ý, có thể khiến chứng đắc Niết-bàn.

"Hoặc có người không ác dục, khen ngợi việc đình chỉ ác dục. Nếu có người không ác dục, khen ngợi việc đình chỉ ác dục, thì đây là pháp khả lạc, khả ái, khả hỷ, có thể khiến ái niệm, có thể khiến kính trọng, có thể khiến tu tập, có thể khiến nhiếp trì, có thể khiến xứng đáng là Sa-môn, có thể khiến được nhất ý, có thể khiến chứng đắc Niết-bàn.

"Hoặc có người không phạm giới, vượt giới, sứt mẻ giới; không làm rách giới, ô uế giới và khen ngợi việc trì giới. Nếu có người không phạm giới, vượt giới, sứt mẻ giới; không làm rách giới, ô uế giới và khen ngợi việc trì giới, thì đây là pháp khả lạc, khả ái, khả hỷ, có thể khiến ái niệm, có thể khiến kính trọng, có thể khiến tu tập, có thể khiến nhiếp trì, có thể khiến xứng đáng là Sa-môn, có thể khiến được nhất ý, có thể khiến chứng đắc Niết-bàn.

"Hoặc có người không có sân triền, không phú kết, không bỏn sẻn, tật đố, không dua siểm, dối trá, không vô tàm, không vô quý và khen ngợi tàm quý. Nếu có người không có sân triền, không phú kết, không bỏn sẻn, tật đố, không dua diểm, dối trá, không

5. Yến tọa -b—Fngồi chỗ yên tĩnh, vắng vẻ. Pāli: patisallāno, độc cư, nhàn tĩnh, ẩn dật.

vô tàm, không vô quý và khen ngợi tàm quý, thì đây là pháp khả lạc, khả ái, khả hỷ, có thể khiến ái niệm, có thể khiến kính trọng, có thể khiến tu tập, có thể khiến nhiếp trì, có thể khiến xứng đáng là Sa-môn, có thể khiến được nhất ý, có thể khiến chứng đắc Niết-bàn.

"Hoặc có người có tiếp đãi các vị đồng phạm hạnh, khen ngợi việc tiếp đãi các vị đồng phạm hạnh. Nếu có người tiếp đãi các vị đồng phạm hạnh, khen ngợi việc tiếp đãi các vị đồng phạm hạnh, thì đây là pháp khả lạc, khả ái, khả hỷ, có thể khiến ái niệm, có thể khiến kính trọng, có thể khiến tu tập, có thể khiến nhiếp trì, có thể khiến xứng đáng là Sa-môn, có thể khiến được nhất ý, có thể khiến chứng đắc Niết-bàn.

"Hoặc có người quán các pháp, khen ngợi việc quán các pháp. Nếu có người quán các pháp, khen ngợi việc quán các pháp, thì đây là pháp khả lạc, khả ái, khả hỷ, có thể khiến ái niệm, có thể khiến kính trọng, có thể khiến tu tập, có thể khiến nhiếp trì, có thể khiến xứng đáng là Sa-môn, có thể khiến được nhất ý, có thể khiến chứng đắc Niết-bàn.

"Hoặc có người tĩnh tọa, khen ngợi tĩnh tọa. Nếu có người tĩnh tọa, khen ngợi tĩnh tọa, thì đây là pháp khả lạc, khả ái, khả hỷ, có thể khiến ái niệm, có thể khiến kính trọng, có thể khiến tu tập, có thể khiến nhiếp trì, có thể khiến xứng đáng là Sa-môn, có thể khiến được nhất ý, có thể khiến chứng đắc Niết-bàn.

"Người này tuy không nghĩ rằng: 'Mong các vị đồng phạm hạnh cúng dường, cung kính, lễ sự nơi ta', nhưng các vị đồng phạm hạnh vẫn cúng dường, cung kính, lễ sự người ấy. Vì sao? Vì người ấy có vô lượng điều lành này. Nhân người ấy có vô lượng điều lành này khiến cho các vị đồng phạm hạnh cúng dường, cung kính, lễ sự người ấy.

"Giống như con ngựa hiền nhốt trong chuồng, tuy nó không nghĩ rằng: 'Mong người ta nhốt tôi ở chỗ an ổn, cho đồ ăn thức uống tốt tươi và thích ngắm nghía tôi', nhưng người ta vẫn nhốt nó ở chỗ an ổn, cho đồ ăn thức uống tốt tươi và vẫn thích ngắm nghía nó. Vì sao? Bởi vì đó là con ngựa lành, nghĩa là nó rất thuần thục, rất hiền lành, nên người ta nhốt nó ở chỗ an ổn, cho đồ ăn thức uống tốt tươi và thích ngắm nghía nó. Cũng như vậy, người này tuy không nghĩ rằng 'Mong các vị đồng phạm hạnh cúng dường, cung kính, lễ sự nơi ta', nhưng các vị đồng phạm hạnh vẫn cúng dường, cung kính, lễ sự người ấy".

Phật thuyết như vậy. Các vị Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

❑

95. KINH TRỤ PHÁP[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng, vườn Cấp cô độc.

Bấy giờ Đức Thế Tôn nói với các thầy Tỳ-kheo:

"Ta nói về sự thối thất của thiện pháp[2], không đình trụ cũng không tăng tiến. Ta nói về sự đình trụ của thiện pháp, không thối thất không tăng tiến. Ta nói về sự tăng tiến của thiện pháp, không thối thất cũng không đình trụ.

"Thế nào là sự thối thất của thiện pháp, không đình trụ cũng không tăng tiến? Tỳ-kheo nếu có dốc tín, cấm giới, bác văn, bố thí, trí tuệ, biện tài, thánh giáo và sở đắc của thánh giáo[3], đối với các pháp này, vị ấy thối thất, chứ không trụ, cũng không tăng. Đó là sự thối thất của thiện pháp, không đình trụ cũng không tăng tiến.

"Thế nào là sự đình trụ của thiện pháp, không thối thất không tăng tiến? Tỳ-kheo nếu có dốc tín, cấm giới, bác văn, bố thí, trí tuệ, biện tài, thánh giáo và sở đắc của thánh giáo; đối với các pháp này, vị ấy trụ, chứ không thối, không tăng. Đó gọi là sự đình trụ của thiện pháp, không thối thất không tăng tiến.

"Thế nào là sự tăng tiến của thiện pháp, không thối thất cũng không đình trụ? Tỳ-kheo có dốc tín, cấm giới, bác văn, bố thí, trí tuệ, biện tài, thánh giáo và sở đắc của thánh giáo; đối với các pháp này vị ấy tăng, không thối, không trụ. Đó gọi là sự tăng tiến của thiện pháp, không thối thất cũng không đình trụ.

"Tỳ-kheo chắc chắn được nhiều lợi ích nếu quán như vầy, 'Ta sống nhiều với tham lam hay sống không nhiều tham lam? Ta sống nhiều với tâm sân nhuế hay không nhiều tâm sân nhuế? Ta sống với thùy miên hay sống không thùy miên? Ta sống với nhiều trạo cử, cống cao hay là sống không nhiều trạo cử, cống cao? Ta sống với nhiều nghi hoặc hay sống không nhiều nghi hoặc. Ta sống với nhiều thân tránh hay sống không nhiều thân tránh? Ta sống với nhiều ô uế hay sống không nhiều ô uế tâm? Ta sống với nhiều tín hay sống với nhiều bất tín? Ta sống với nhiều tinh tấn hay sống với nhiều giải đãi? Ta sống với nhiều chánh niệm hay sống với nhiều vô niệm? Ta sống với nhiều chánh định hay sống với nhiều vô định? Ta sống với nhiều ác tuệ hay sống với nhiều không ác tuệ?'

"Nếu khi Tỳ-kheo quán mà biết mình sống nhiều với tham lam, sân nhuế tâm, thùy miên triền, trạo cử và cống cao, nghi hoặc, thân tránh, ô uế tâm, bất tín, giải đãi, vô niệm, vô định và sống với nhiều ác tuệ, thì Tỳ-kheo ấy vì muốn diệt trừ các pháp ác bất thiện này nên gấp rút tìm phương tiện học hỏi, hết sức tinh cần chánh niệm, chánh trí, nhẫn,

---

1. Tương đương Pāli A.10. 53. Ṭhiti-sutta. Tham chiếu các kinh A.10. 17, 18. Nātha.

2. Pāli: ṭhitimpāhaṃ, bhikkhave, na vaṇṇayāmi kusalesu dhammesu, pageva parihāniṃ, Ta không tán thán sự đứng im trong các pháp thiện, huống gì là sự thối thất.

3. Nguyên bản: A-hàm cập kỳ sở đắc ——t————o—C

không để thoái lui.

"Như người bị lửa cháy đầu, cháy áo, gấp rút cầu phương tiện cứu đầu cứu áo. Cũng như thế, vì muốn diệt trừ các pháp ác bất thiện này nên vị Tỳ-kheo ấy gấp rút cầu phương tiện học, hết sức tinh cần, chánh niệm, chánh trí, nhẫn, không để thoái lui.

"Nếu khi Tỳ-kheo quán mà biết mình sống không nhiều tham lam, không nhiều sân nhuế tâm, không nhiều thùy miên triền, không nhiều trạo cử cống cao, không nghi hoặc, không thân tránh, không ô uế tâm, có tín, có tấn, có niệm, có định và sống với nhiều không ác tuệ, thì vị Tỳ-kheo ấy vì muốn trụ nơi thiện pháp này, không quên mất, không thoái lui, tu hành phát triển, nên gấp rút cầu phương tiện học, hết sức tinh cần, chánh niệm, chánh trí, nhẫn, không để thoái lui.

"Như người bị lửa cháy đầu, cháy áo, gấp rút cầu phương tiện cứu đầu cứu áo. Cũng như thế, vị Tỳ-kheo vì muốn an trụ nơi thiện pháp này, không quên mất, không thoái lui, tu hành phát triển, nên vị Tỳ-kheo ấy gấp rút cầu phương tiện học, hết sức tinh cần, chánh niệm, chánh trí, nhẫn, không để thoái lui".

Phật thuyết như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

❑

96. KINH VÔ[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng, vườn Cấp cô độc.

Bấy giờ Tôn giả Xá-lê Tử nói với các thầy Tỳ-kheo:

"Này chư Hiền, nếu có Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni không được nghe pháp chưa từng nghe; pháp đã nghe thì lại quên mất. Giả sử có pháp mà vị ấy trước kia đã tu hành, đã phát triển, đã tụng và đã được hiểu bởi tuệ, nhưng vị ấy không nhớ lại và không thấu hiểu. Này chư Hiền, đó gọi là Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni suy thoái tịnh pháp.

"Này chư Hiền, nếu có Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni pháp chưa nghe thì được nghe; pháp đã nghe thì không quên mất. Giả sử có pháp mà vị ấy trước kia đã tu hành, đã phát triển, đã tụng và đã được hiểu bởi tuệ, rồi vị ấy thường ghi nhớ và thấu hiểu, thì đó gọi là Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni tăng trưởng tịnh pháp.

"Này chư Hiền, Tỳ-kheo phải quán như vầy, 'Ta có tham lam hay là không có tham lam? Ta có tâm sân nhuế hay không có tâm sân nhuế? Ta có thùy miên triền hay không có thùy miên triền? Ta có trạo cử, cống cao hay không có trạo cử, cống cao? Ta có nghi hoặc hay không có nghi hoặc? Ta có thân tránh hay không có thân tránh? Ta có tâm ô uế hay không có tâm ô uế? Ta có tín hay không có tín? Ta có tấn hay không có tấn? Ta có niệm hay không có niệm? Ta có định hay không có định? Ta có tuệ hay không có tuệ?'

"Này chư Hiền, nếu khi Tỳ-kheo quán mà biết mình có tham lam, có tâm sân nhuế, có thùy miên triền, có trạo cử, cống cao, có nghi hoặc, có thân tránh, có tâm ô uế, không tín, không tấn, không niệm, không định, có ác tuệ, thì này chư Hiền, vì muốn diệt trừ các pháp ác bất thiện này cho nên vị Tỳ-kheo ấy gấp rút cầu phương tiện học, hết sức tinh cần, chánh niệm, chánh trí, nhẫn, không để thoái lui.

"Này chư Hiền, như người bị lửa cháy đầu, cháy áo, gấp rút tìm cách cứu đầu, cứu áo. Này chư Hiền, cũng như thế, vị Tỳ-kheo vì muốn diệt trừ các pháp ác bất thiện này nên gấp rút cầu phương tiện học, hết sức tinh cần, chánh niệm, chánh trí, nhẫn, không để thoái lui.

"Này chư Hiền, nếu khi Tỳ-kheo quán mà biết mình không có tham lam, không có tâm sân nhuế, không thùy miên triền, không trạo cử, cống cao, không có nghi hoặc, không có thân tránh, không có tâm ô uế; có tín, có tấn, có niệm, có định, không ác tuệ, thì Tỳ-kheo ấy vì muốn an trụ nơi pháp thiện này, không quên mất, không thoái lui, tu hành phát triển, nên gấp rút cầu phương tiện học, hết sức tinh cần, chánh niệm, chánh trí, nhẫn, không để thoái lui.

"Này chư Hiền, như người bị lửa cháy đầu, cháy áo, gấp rút tìm cách cứu đầu, cứu áo. Này chư Hiền, cũng như thế, Tỳ-kheo muốn an trụ nơi pháp thiện này, không quên

---

1. Không thấy Pāli tương đương. Nội dung giống như kinh số 95 ở trước.

mất, không thoái lui, tu hành phát triển, nên gấp rút cầu phương tiện học, hết sức tinh tấn, chánh niệm, chánh trí, nhẫn, không để thoái lui".

Tôn giả Xá-lê Tử thuyết như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe Tôn giả thuyết, hoan hỷ phụng hành.

❑

97. KINH ĐẠI NHÂN[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật du hóa tại Câu-lâu-sấu, ở Kiếm-ma-sắt-đàm, một đô ấp của Câu-lâu[2].

Bấy giờ, Tôn giả A-nan, một mình tĩnh tọa tại một nơi vắng vẻ, tâm nghĩ như vầy, 'Kỳ diệu thay, pháp duyên khởi này! Thật là vô cùng sâu sắc và ánh sáng cũng thật là vô cùng sâu sắc[3], nhưng ta quán sát thấy rất nông cạn, rất nông cạn!'[4]

Rồi vào lúc xế, Tôn giả A-nan rời chỗ tĩnh tọa, qua đến chỗ Phật, đảnh lễ chân Ngài, rồi đứng sang một bên, bạch rằng:

"Bạch Thế Tôn, hôm nay con một mình tĩnh tọa tại một nơi thanh vắng, tâm nghĩ như vầy, 'Kỳ diệu thay, duyên khởi này! Thật là vô cùng sâu sắc, nhưng ta quán sát thấy rất nông cạn, rất nông cạn!"

Đức Thế Tôn bảo:

"A-nan, ngươi chớ nghĩ rằng 'Duyên khởi này rất nông cạn, rất nông cạn!' Vì sao? Vì duyên khởi này thật là vô cùng sâu sắc và ánh sáng cũng thật là vô cùng sâu sắc.

"Này A-nan, đối với duyên khởi này, vì không biết như thật, thấy như thật, không giác ngộ, không thấu triệt, nên khiến chúng sanh ấy dính móc nhau như khung cửi rối ren, như đám uẩn-mạn[5] mọc chằng chịt, tấp nập huyên náo, đi từ đời này đến đời kia, từ đời kia đến đời này, qua rồi lại, lại rồi qua, không thể ra khỏi vòng sanh tử. A-nan, cho nên phải biết duyên khởi này thật vô cùng sâu sắc và ánh sáng cũng rất là sâu sắc.

"A-nan, nếu có người hỏi: 'Già và chết có duyên không?' Nên đáp như vầy, 'Già, chết có duyên'. Nếu có người hỏi: 'Già, chết có duyên gì?' Nên đáp như vầy: 'Duyên nơi sanh vậy'.

"A-nan, nếu có người hỏi: 'Sanh có duyên không?' Thì nên đáp rằng: 'Sanh cũng có duyên'. Nếu có người hỏi rằng: 'Sanh có duyên gì?' Thì nên đáp rằng: "Duyên nơi hữu vậy".

"A-nan, nếu có người hỏi: 'Hữu có duyên không?', thì nên đáp rằng 'Hữu cũng có

---

1. Bản Hán, quyển 24. Tương đương Pāli: D.15 Mahā-nidāna-suttaṃ. Hán, biệt dịch, No.1 (13), No.14, DTK.52.
2. Xem các kinh số 10, 175, 177.
3. Minh diệc thậm thâm ――――`－C Pāli: gambhīrāvabhāso; nhưng, avabhàso lại có thể hiểu là "dáng vẻ" nên từ Pāli này được hiểu là "vẻ sâu sắc" (Pāli-Engish Dict. PTS.).
4. Chí thiển chí thiển ――L――L－C Pāli: (gambhīrāvabhāso ca...) me uttānauttānako viya khāyati, ta thấy (*vẻ sâu xa,* xem cht. 3 trên) rất rõ, rất tỏ rõ. Trong đó, uttānaka có nghĩa "dễ dàng (*như nằm ngữa*)" và do đó, có nghĩa *"công khai, minh bạch".* Bản Hán hiểu theo nghĩa cụ thể nên nói là "*rất nông cạn*".
5. Uẩn-mạn thảo ――――F không rõ, Pāli: muñjapabbaja, cỏ muñja (một loại sậy, tên khoa học Saccharum munja) va cỏ pabbaja, chỉ chung lau sậy.

duyên'. Nếu có người hỏi: 'Hữu có duyên gì?', thì nên đáp rằng: 'Duyên nơi thủ[6] vậy'.

"A-nan, nếu có người hỏi: 'Thủ có duyên không?' Thì nên đáp rằng 'Thủ cũng có duyên'. Nếu có người hỏi: 'Thủ có duyên gì?' Thì nên đáp rằng: 'Duyên nơi ái vậy'.

"A-nan, đó là duyên ái có thủ; duyên thủ có hữu; duyên hữu có sanh; duyên sanh có già và chết, duyên già chết có buồn lo, khóc lóc, buồn khổ, áo não; đều duyên nơi già chết mà có. Như thế là trọn đủ toàn khối khổ đau to lớn.

"A-nan, duyên sanh có già chết. Đây nói duyên sanh có già chết; nên biết, điều được nói là duyên sanh có già chết. A-nan, nếu không sự sanh, như cá và loài cá, chim và loài chim, muỗi và loài muỗi, rồng và loài rồng, thần và loài thần, quỷ và loài quỷ, trời và loài trời, người và loài người; A-nan, các loài chúng sanh ấy, chúng sanh ấy, tùy theo những chỗ ấy, chỗ ấy; nếu không sự sanh, mỗi loài và mỗi loài đều không sanh, thì giả sử tách rời sự sanh, có già chết không?"

"Bạch Thế Tôn, không".

"A-nan, cho nên biết rằng, nhân của già chết, tập của già chết, bản của già chết, duyên của già chết[7], gọi đó là sanh. Vì sao? Vì duyên nơi sanh nên có già chết.

"A-nan, duyên hữu có sanh. Đây nói là duyên hữu có sanh; nên biết, điều được nói là duyên hữu có sanh.

"A-nan, nếu không có hữu, như cá và loài cá, chim và loài chim, muỗi và loài muỗi, rồng và loài rồng, thần và loài thần, quỷ và loài quỷ, trời và loài trời, người và loài người. A-nan, các loài chúng sanh ấy, chúng sanh ấy tùy theo những chỗ ấy, chỗ ấy; nếu không có sự hữu, mỗi loài và mỗi loài đều không có hữu, thì giả sử tách rời sự hữu, có sanh chăng?"

"Bạch Thế Tôn, không".

"A-nan, cho nên biết rằng nhân của sanh, tập khởi của sanh, bản của sanh, duyên của sanh, gọi đó là hữu. Vì sao? Vì duyên hữu nên có sanh.

"A-nan, duyên thủ có hữu. Đây nói là duyên thủ có hữu; nên biết, điều được nói là duyên thủ có hữu. A-nan, nếu không có thủ, mỗi loài và mỗi loài đều không có thủ, thì giả sử tách rời thủ, sẽ có hữu chăng? Thi thiết có hữu chăng?"

"Bạch Thế Tôn, không".

"A-nan, cho nên biết rằng nhân của hữu, tập khởi của hữu, bản của hữu, duyên của hữu, gọi đó là thủ. Vì sao? Vì duyên thủ nên có hữu.

"A-nan, duyên ái có thủ. Đây nói là duyên ái có thủ; nên biết, điều được nói là duyên ái có thủ. A-nan, nếu không có ái, mỗi loài và mỗi loài đều không có ái, thì giả sử tách rời ái, sẽ có thủ chăng? Thiết lập có thủ chăng?"

"Bạch Thế Tôn, không".

"A-nan, cho nên biết rằng nhân của thủ, tập khởi của thủ, bản của thủ, duyên của thủ, gọi đó là ái. Vì sao? Vì duyên ái nên có thủ.

"A-nan, đó là duyên ái có cầu[8], duyên cầu có lợi, duyên lợi có phân, duyên phân có nhiễm dục, duyên nhiễm dục có trước, duyên trước có keo kiệt, duyên keo kiệt có bủn xỉn, duyên bủn xỉn có bảo thủ[9].

---

6. Nguyên Hán: thọ ——C

7. Nhân, tập, bản, duyên -]———t-CPāli: hetu, samudayo, nidānaṃ, paccayo. Các bản đều chép là —(tập quán), nhưng đối chiếu Pāli, nên hiểu là — (tập khởi).

8. Duyên ái hữu cầu -t-R——D-CPāli: taṇhaṃ paṭicca pariyesanā, duyên nới khát ái mà có tầm cầu.

9. Lợi, phân, nhiễm dục, trước, xan, gia, thủ -Q——V————a-u-CPāli: labho (lợi lộc), vinicchayo (phân

"A-nan, vì duyên bảo thủ nên có dao gậy, đấu tranh, dua siểm, lừa gạt, nói láo, nói hai lưỡi, khởi lên vô lượng pháp ác bất thiện. Như vậy là trọn đủ toàn khối khổ đau to lớn.

"A-nan, nếu không có bảo thủ, tất cả đều không có bảo thủ, thì giả sử tách rời bảo thủ sẽ có dao gậy, đấu tranh, dua siểm, lừa gạt, nói láo, nói hai lưỡi, khởi lên vô lượng pháp ác bất thiện chăng?"

"Bạch Thế Tôn, không".

"A-nan, cho nên biết rằng dao gậy, đấu tranh, dua siểm, lừa gạt, nói láo, nói hai lưỡi, khởi lên vô lượng pháp ác bất thiện thì nhân của chúng, tập khởi của chúng, bản của chúng và duyên của chúng chính là bảo thủ vậy. Vì sao? Vì duyên bảo thủ nên có dao gậy, đấu tranh, dua nịnh, lừa gạt, nói láo, nói hai lưỡi, khởi lên vô lượng pháp ác bất thiện. Như vậy là trọn đủ toàn khối khổ đau to lớn.

"A-nan, duyên bủn xỉn có bảo thủ. Đây nói là duyên bủn xỉn có bảo thủ; nên biết, điều được nói là duyên bủn xỉn có bảo thủ. A-nan, nếu không có bủn xỉn, tất cả đều không có bủn xỉn thì giả sử tách rời bủn xỉn, có bảo thủ chăng?

"Bạch Thế Tôn, không".

"A-nan, cho nên biết rằng nhân của bảo thủ, tập khởi của bảo thủ, bản của bảo thủ, duyên của bảo thủ, gọi đó là keo kiệt vậy. Vì sao? Vì duyên keo kiệt nên có bảo thủ.

"A-nan, duyên bỏn sẻn có keo kiệt. Đây nói là duyên bỏn sẻn có keo kiệt; nên biết, điều được nói là duyên bỏn sẻn có keo kiệt. A-nan, nếu không có bỏn sẻn, tất cả đều không có bỏn sẻn thì giả sử tách rời bỏn sẻn, có keo kiệt chăng?

"Bạch Thế Tôn, không".

"A-nan, cho nên biết rằng nhân của keo kiệt, tập khởi của keo kiệt, bản nguyên của keo kiệt, duyên của keo kiệt, gọi đó là bỏn sẻn. Vì sao? Vì duyên bỏn sẻn nên có keo kiệt.

"A-nan, duyên đắm trước có bỏn sẻn. Đây nói là duyên đắm trước có bỏn sẻn; nên biết, điều được nói là duyên đắm trước có bỏn sẻn. A-nan, nếu không có đắm trước, tất cả đều không có đắm trước, thì giả sử tách rời đắm trước, có bỏn sẻn chăng?

"Bạch Thế Tôn, không".

"A-nan, cho nên biết rằng nhân của bỏn sẻn, tập khởi của bỏn sẻn, bản nguyên của bỏn sẻn, duyên của bỏn sẻn, gọi đó là đắm trước. Vì sao? Vì duyên đắm trước nên có bỏn sẻn.

"A-nan, duyên dục có đắm trước. Đây nói là duyên dục có đắm trước; nên biết, điều được nói là duyên dục có đắm trước. A-nan, nếu không có dục, tất cả đều không có dục thì giả sử tách rời dục, có đắm trước chăng?

"Bạch Thế Tôn, không".

"A-nan, cho nên biết rằng nhân của đắm trước, tập khởi của đắm trước, bản của đắm trước, duyên của đắm trước, gọi đó là dục. Vì sao? Vì duyên dục nên có đắm trước.

"A-nan, duyên phân biệt có nhiễm dục. Đây nói là duyên phân biệt có nhiễm dục; nên biết, điều được nói là duyên phân biệt có nhiễm dục. A-nan, nếu không có phân biệt, tất cả đều không có phân biệt thì giả sử tách rời phân biệt, có nhiễm dục chăng?

"Bạch Thế Tôn, không".

"A-nan, cho nên biết rằng nhân của nhiễm dục, tập khởi của nhiễm dục, bản nguyên

---

biệt), chandarāgo (dục tham), ajjhosānaṃ (bám chặt), pariggaho (ôm giữ chặt), macchariyaṃ (keo lẩn), ārakkho (bảo thủ).

của nhiễm dục, gọi đó là phần. Vì sao? Vì duyên phần nên có nhiễm dục vậy.

"A-nan, duyên lợi có phân biệt. Đây nói là duyên lợi có phân biệt; nên biết, điều được nói là duyên lợi có phân biệt. A-nan, nếu không có lợi, tất cả đều không có lợi thì giả sử tách rời lợi, có phân biệt chăng?

"Bạch Thế Tôn, không".

"A-nan, cho nên biết rằng nhân của phân biệt, tập khởi của phân biệt, bản của phân biệt, duyên của phân biệt gọi đó là lợi. Vì sao? Vì duyên lợi nên có phân biệt.

"A-nan, duyên cầu có lợi. Đây nói là duyên cầu có lợi; nên biết, điều được nói là duyên cầu có lợi. A-nan, nếu không có cầu, tất cả đều không có cầu, thì giả sử tách rời cầu, có lợi chăng?

"Bạch Thế Tôn, không".

"A-nan, nhân của lợi, tập khởi của lợi, bản của lợi, duyên của lợi, gọi đó là cầu. Vì sao? Vì duyên cầu cho nên có lợi.

"A-nan, duyên ái có cầu. Đây nói là duyên ái có cầu; nên biết, điều được nói là duyên ái có cầu.

"A-nan, nếu không có ái, tất cả đều không có ái, thì giả sử tách rời ái, có cầu chăng?

"Bạch Thế Tôn, không".

"A-nan, cho nên biết rằng nhân của cầu, tập khởi của cầu, bản của cầu, duyên của cầu, gọi đó là ái. Vì sao? Vì duyên ái nên có cầu.

"A-nan, dục ái và hữu ái, hai pháp này nhân thọ[10], duyên thọ đưa đến.

"A-nan, nếu có người hỏi 'Thọ có duyên không?' thì nên đáp rằng 'Thọ cũng có duyên'. Nếu có người hỏi 'Thọ có duyên gì?' thì nên đáp rằng 'Thọ duyên với xúc'[11] nên biết rằng: duyên xúc có thọ.

"A-nan, nếu không có nhãn xúc, tất cả đều không có nhãn xúc thì giả sử tách rời nhãn xúc sẽ có duyên nhãn xúc mà sanh ra lạc thọ, khổ thọ, bất khổ bất lạc thọ chăng?"

"Bạch Thế Tôn, không".

"A-nan, nếu không có nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc, tất cả đều không có ý xúc, thì giả sử tách rời ý xúc sẽ có duyên ý xúc mà sanh ra lạc thọ, khổ thọ, bất khổ bất lạc thọ chăng?"

"Bạch Thế Tôn, không".

"A-nan, cho nên biết rằng nhân của thọ, tập khởi của thọ, bản của thọ, duyên của thọ, gọi đó là xúc. Vì sao? Vì duyên xúc nên có thọ vậy.

"A-nan, nếu có người hỏi 'Xúc có duyên không?' thì nên đáp rằng 'Xúc có duyên'. Nếu có người hỏi 'Xúc có duyên gì?' thì nên đáp rằng 'Duyên danh sắc'. Nên biết rằng duyên danh sắc có xúc.

"A-nan, sở hành, sở duyên[12] có danh thân[13]. Rời hành này, ly duyên này thì có hữu đối xúc[14] chăng?"

"Bạch Thế Tôn, không".

---

10. Nguyên Hán: giác ——C

11. Cánh lạc ————C

12. Sở hành, sở duyên ————————t—CHành tướng hay hình thái hoạt động, và đối tượng hoạt động. Xem cht. dưới.

13. Pāli: ākārehi yehi liṅgehi yehi... Nāmakāyassa paññatti hoti, bởi những hình thái, những tướng mạo... mà có khái niệm về danh thân.

14. Hữu đối cánh lạc ————————Fxúc chạm có đối ngại, sự xúc chạm gây phản ứng trên các giác quan. Xem *Câu-xá* 10 (Ch.iii, tụng 30). No.1 (13): tâm xúc. Pāli: paṭṇgha-samphassa.

"A-nan, sở hành, sở duyên có sắc thân. Rời hành này, ly duyên này thì có tăng ngữ xúc chăng?[15]"

"Bạch Thế Tôn, không".

"Giả sử rời danh thân và sắc thân thì sẽ có xúc, thi thiết xúc chăng?"

"Bạch Thế Tôn, không".

"A-nan, cho nên biết rằng nhân của xúc, tập khởi của xúc, bản của xúc, duyên của xúc, gọi đó là danh sắc. Vì sao? Vì duyên danh sắc nên có xúc.

"A-nan, nếu có người hỏi 'Danh sắc có duyên chăng?' thì nên đáp rằng 'Danh sắc có duyên'. Nếu có người hỏi 'Danh sắc có duyên gì?' thì nên đáp rằng 'Duyên thức'. Nên biết rằng duyên thức có danh sắc.

"A-nan, nếu thức không vào thai mẹ mà chỉ có danh sắc, thì có thành thân này chăng?"

"Bạch Thế Tôn, không".

"A-nan, nếu thức mới vào thai, liền ra tức khắc thì danh sắc hợp với tinh chăng?"

"Bạch Thế Tôn, không".

"A-nan, nếu thức của trẻ nhỏ, con trai hay con gái, bị đoạn hoại không còn, thì danh sắc tăng trưởng dần được chăng?"

"Bạch Thế Tôn, không".

"A-nan, cho nên biết rằng nhân của danh sắc, tập khởi của danh sắc, bản của danh sắc, duyên của danh sắc, gọi đó là thức. Vì sao? Vì duyên thức nên có danh sắc.

"A-nan, nếu có người hỏi 'Thức có duyên chăng?' thì nên đáp rằng 'Thức có duyên'. Nếu có người hỏi 'Thức có duyên gì?' thì nên đáp rằng 'Duyên danh sắc'. Nên biết rằng duyên danh sắc có thức.

"A-nan, nếu thức không có danh sắc, nếu thức không an lập, không dựa vào danh sắc thì thức có sanh, có già, có bệnh, có chết chăng? Có khổ chăng?"

"Bạch Thế Tôn, không".

"A-nan, cho nên biết rằng nhân của thức, tập khởi của thức, bản của thức, duyên của thức, gọi đó là danh sắc. Vì sao? Vì duyên danh sắc nên có thức.

"A-nan, đó là duyên danh sắc có thức; duyên thức cũng có danh sắc; do đó có tăng ngữ, do tăng ngữ có truyền thuyết, do truyền thuyết mà có thể thi thiết là có, nghĩa là thức và danh sắc cùng đi đôi vậy[16].

"A-nan, thế nào là có một loại kiến chấp có thần ngã?[17]"

Tôn giả A-nan bạch Đức Thế Tôn:

"Thế Tôn là Pháp bản, Thế Tôn là Pháp chủ, pháp do Thế Tôn, cúi xin Thế Tôn nói điều đó. Con nay nghe xong, được biết ý nghĩa một cách rộng rãi".

---

15. Tăng ngữ xúc -W-y——Atác động của ngôn từ trên nhận thức. Cũng gọi là danh mục xúc. No.1(13): thân xúc. Pāli: adhivacana-samphassa.

16. Tham chiếu Pāli: ettāvatā...jāyetha vā... cavetha vā upapajjetha vā ettāvatā adhivacanapatho ettāvatā niruttipatho ettāvatā paññattipatho...ettāvatā vattaṃ vattati itthattaṃ paññāpanāya yadidam nāmarūpaṃ saha viññaṇena aññamaññapaccayatā pavattati; trong giới hạn có thể sanh, có thể chết, có thể tái sanh; trong giới hạn ấy có con đường danh ngôn, con đường truyền thuyết, con đường khái niệm; trong giới hạn ấy là sự lưu chuyển từ trạng thái này sang trạng thái khác, tức là danh sắc cùng với thức hỗ tương làm duyên cho nhau...

17. Nhất kiến hữu thần -@————CPāli: kittāvatā... attānaṃ samanupassamāno samanupassati, cho đến mức nào quan niệm về tự ngã được quan niệm?

Phật nói:

"A-nan, hãy lắng nghe kỹ. Hãy khéo tư niệm kỹ. Ta sẽ phân biệt cho thầy nghe ý nghĩa một cách rộng rãi".

Tôn giả A-nan vâng lời dạy, lắng nghe.

Phật nói:

"A-nan, Hoặc có kiến chấp thọ là ngã[18]. Hoặc lại có kiến chấp không cho rằng thọ là ngã, nhưng thần ngã có cảm thọ, mà tính cách của ngã là khả năng cảm thọ. Hoặc lại có kiến chấp không cho rằng thọ là ngã và cũng không cho rằng ngã có cảm thọ, vì tính cách của ngã là khả năng cảm thọ, mà chỉ cho rằng ngã không cảm thọ gì cả.

"A-nan, Nếu có người cho rằng 'thọ là thần ngã', thì nên hỏi người ấy rằng 'Ông có ba cảm thọ, lạc thọ, khổ thọ và không khổ không lạc thọ; trong ba cảm thọ này, ông cho thọ nào là ngã?' A-nan, nên nói tiếp với người ấy 'Nếu lúc có cảm thọ về lạc thọ, thì ngay lúc ấy hai cảm thọ kia, khổ thọ và không khổ không lạc thọ, diệt mất. Lúc ấy chỉ có cảm thọ về lạc thọ, nhưng lạc thọ là pháp vô thường, khổ, hoại diệt'. Nếu khi lạc thọ diệt rồi thì người ấy há không nghĩ rằng 'Chẳng phải là ngã diệt chăng?' A-nan, nếu chỉ có cảm thọ về khổ thọ, thì lúc ấy hai cảm thọ kia, lạc thọ và không khổ không lạc thọ, diệt mất. Người ấy lúc đó chỉ có cảm thọ về khổ thọ, nhưng khổ thọ là pháp vô thường, khổ, hoại diệt. Nếu khổ thọ đã diệt thì người ấy há không nghĩ rằng 'Chẳng phải là ngã diệt chăng?' A-nan, nếu chỉ có cảm thọ về bất khổ bất lạc thọ thì lúc ấy cả hai cảm thọ kia, lạc thọ và khổ thọ, diệt mất. Người ấy lúc đó chỉ có cảm giác về không khổ không lạc thọ, nhưng không khổ không lạc thọ là pháp vô thường, khổ, hoại diệt. Nếu không khổ không lạc thọ đã diệt thì người ấy há không nghĩ rằng 'Chẳng phải là ngã diệt chăng?' A-nan, thọ là pháp vô thường như vậy, chỉ xen lẫn khổ, lạc thì lại còn chấp rằng thọ là ngã chăng?"

"Bạch Thế Tôn, không".

"A-nan, thọ vô thường như vậy, chỉ xen lẫn khổ, lạc thì không nên chấp rằng thọ là ngã.

"A-nan, nếu lại có một loại kiến chấp không cho rằng thọ là ngã, nhưng ngã có cảm thọ vì tính cách của ngã là khả năng cảm thọ, thì nên nói với người ấy 'Nếu ông không có thọ, thì thọ không thể có, không thể nói rằng cái này là sở hữu của tôi'. A-nan, người kia còn chấp như vầy 'Thọ không phải là ngã, nhưng ngã có cảm thọ, vì tính cách của ngã là khả năng cảm thọ' nữa chăng?"

"Bạch Thế Tôn, không".

"A-nan, cho nên người kia không nên chấp như vầy 'Thọ không phải là ngã, nhưng ngã có cảm thọ, vì tính cách của ngã là khả năng cảm thọ'.

"A-nan, nếu lại có một loại kiến chấp không cho rằng thọ là ngã, cũng không cho rằng ngã có cảm thọ, vì tính cách của ngã là khả năng cảm thọ, mà chỉ chấp rằng ngã không cảm thọ gì cả, thì nên nói với người ấy 'Nếu ông không có cảm thọ, hoàn toàn không có cảm thọ, nhưng nếu ngã ở ngoài cảm thọ thì không thể nói ngã thanh tịnh'. A-nan, người kia còn chấp 'Thọ không phải là ngã, cũng không chấp ngã có cảm thọ, tính cách của ngã là khả năng cảm thọ, mà chỉ chấp ngã hoàn toàn không có cảm thọ' nữa chăng?"

"Bạch Thế Tôn, không".

"A-nan, cho nên người kia không nên chấp như vầy 'Thọ không phải là ngã, cũng

---

18. Giác thị thần ─-0─C Pāli: vedanā me attā, cảm thọ là tự ngã của tôi.

không chấp ngã có cảm thọ, tính cách của ngã là khả năng cảm thọ, mà chỉ chấp ngã hoàn toàn không có cảm thọ'. Đó gọi là một loại kiến chấp có ngã.

"A-nan, thế nào là có loại kiến chấp không cho rằng có ngã?"

Tôn giả A-nan bạch Đức Thế Tôn:

"Thế Tôn là Pháp bản, Thế Tôn là Pháp chủ, pháp do Thế Tôn. Cúi xin Thế Tôn nói điều đó. Con nay nghe rồi được biết ý nghĩa rộng rãi".

Phật bảo:

"A-nan, Hãy lắng nghe kỹ. Hãy khéo tư niệm kỹ. Ta sẽ phân biệt cho thầy nghe ý nghĩa một cách rộng rãi".

Tôn giả A-nan vâng lời dạy, lắng nghe.

Phật nói:

"A-nan, nếu có người không cho rằng 'Thọ là ngã, cũng không cho rằng ngã có cảm thọ, vì tính cách của ngã là khả năng cảm thọ và cũng không cho rằng ngã hoàn toàn không có cảm thọ'. Người ấy do không chấp như vậy nên không còn thọ sanh ở thế gian này. Người ấy do không còn thọ sanh nên không còn phiền lụy. Do không phiền lụy mà Bát-niết-bàn, biết một cách như thật rằng 'Sự sanh đã hết, phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa'.

"A-nan, đó gọi là tăng ngữ, do tăng ngữ có truyền thuyết, do truyền thuyết mà thi thiết là có. Biết như vậy thì không còn gì để chấp thủ.

"A-nan, nếu Tỳ-kheo chánh giải thoát như vậy thì không có kiến chấp rằng Như Lai còn hay Như Lai không còn sau khi chết[19]; chấp Như Lai vừa còn, vừa không còn; Như Lai không phải còn hay không còn. Đó gọi là có một loại không thấy có ngã.

"A-nan, Thế nào là có một quan niệm có thần ngã được chủ trương?

Tôn giả A-nan bạch Phật rằng:

"Thế Tôn là Pháp bản, Thế Tôn là Pháp chủ, pháp do Thế Tôn. Cúi xin Thế Tôn nói điều đó. Con nay nghe rồi biết ý nghĩa rộng rãi".

Phật bảo:

"A-nan, hãy lắng nghe kỹ. Hãy khéo tư niệm kỹ. Ta sẽ phân biệt cho thầy nghe ý nghĩa một cách rộng rãi".

Tôn giả A-nan vâng lời, lắng nghe.

Phật nói:

"Hoặc trong một giới hạn sắc nhỏ hẹp mà quan niệm ngã được chủ trương; hoặc trong một giới hạn không phải sắc nhỏ hẹp mà quan niệm ngã được chủ trương, nhưng trong một giới hạn sắc vô lượng mà quan niệm ngã được chủ trương; hoặc trong một giới hạn không phải sắc nhỏ hẹp, cũng không phải sắc vô lượng mà quan niệm ngã được chủ trương, nhưng với giới hạn vô sắc nhỏ hẹp mà quan niệm ngã được chủ trương; hoặc không phải trong giới hạn sắc nhỏ hẹp mà quan niệm ngã được chủ trương, cũng không phải sắc vô lượng mà quan niệm ngã được chủ trương, cũng không phải vô sắc nhỏ hẹp mà quan niệm ngã được chủ trương, nhưng trong giới hạn vô sắc vô lượng mà quan niệm ngã được chủ trương.

"A-nan, nếu có trường hợp căn cứ vào giới hạn sắc nhỏ hẹp mà quan niệm ngã được chủ trương thì người ấy trong hiện tại với sắc nhỏ hẹp này mà quan niệm ngã được chủ trương, và đối với khi thân hoại mạng chung cũng nói nó như vậy, cũng thấy nó như vậy.

---

19. Như Lai chung bất chung.

Nếu khi ngã tách ngoài sắc nhỏ hẹp này, người ấy cũng suy niệm như vậy, tư duy nó như vậy, như vậy. A-nan, như thế là có trường hợp căn cứ vào sắc nhỏ hẹp mà quan niệm ngã được chủ trương. Như vậy, có trường hợp căn cứ vào sắc nhỏ hẹp mà kiến chấp về ngã bị chấp trước.

"A-nan, nếu có trường hợp không căn cứ vào sắc nhỏ hẹp mà quan niệm ngã được chủ trương, nhưng căn cứ vào vô lượng sắc mà quan niệm ngã được chủ trương, thì người ấy trong hiện tại với vô lượng sắc này mà quan niệm ngã được chủ trương, và đối với khi thân hoại mạng chung cũng nói nó như vậy, cũng thấy nó như vậy. Nếu khi ngã tách khỏi vô lượng sắc, người ấy cũng suy niệm như vậy, tư duy nó như vậy, như vậy. A-nan, như thế, có trường hợp căn cứ vào vô lượng sắc mà quan niệm ngã được chủ trương. Như vậy, với vô lượng sắc mà kiến chấp về ngã bị chấp trước.

"A-nan, nếu có trường hợp không căn cứ vào sắc nhỏ hẹp, cũng không căn cứ vào sắc vô lượng, nhưng căn cứ vào vô sắc nhỏ hẹp mà quan niệm ngã được chủ trương, thì người ấy, trong hiện tại, căn cứ vào vô sắc nhỏ hẹp mà quan niệm ngã được chủ trương, khi thân hoại mạng chung cũng nói nó như vậy, cũng thấy nó như vậy. Nếu khi ngã rời khỏi vô sắc nhỏ hẹp, người ấy suy niệm như vậy, tư duy nó như vậy, như vậy. A-nan, như thế có trường hợp căn cứ vào vô sắc nhỏ hẹp mà quan niệm ngã được chủ trương. Như vậy với vô sắc nhỏ hẹp mà kiến chấp ngã bị chấp trước.

"A-nan, nếu có trường hợp không căn cứ vào sắc nhỏ hẹp, cũng không căn cứ sắc vô lượng, cũng không căn cứ vô sắc nhỏ hẹp, nhưng căn cứ vào vô sắc vô lượng mà quan niệm ngã được chủ trương, thì người ấy trong hiện tại, với vô lượng vô sắc mà quan niệm ngã được chủ trương, khi thân hoại mạng chung cũng nói nó như vậy, cũng thấy nó như vậy. Nếu khi ngã rời khỏi vô lượng vô sắc, người ấy suy niệm như vậy, tư duy nó như vậy, như vậy. A-nan, như thế có trường hợp căn cứ vào vô lượng vô sắc mà quan niệm ngã được chủ trương. Như vậy, với vô lượng vô sắc mà kiến chấp ngã bị chấp trước.

"A-nan, như vậy là có một loại quan niệm ngã được chủ trương.

"A-nan, thế nào là có một loại quan niệm vô ngã được chủ trương?

Tôn giả A-nan bạch Đức Thế Tôn:

"Thế Tôn là Pháp bản, Thế Tôn là Pháp chủ, Pháp do Thế Tôn. Cúi mong Thế Tôn nói điều đó. Con nay nghe rồi được biết ý nghĩa rộng rãi".

Phật bảo:

"A-nan, hãy lắng nghe kỹ. Hãy khéo tư niệm kỹ. Ta sẽ phân biệt cho thầy nghe ý nghĩa một cách rộng rãi".

Tôn giả A-nan vâng lời dạy, lắng nghe.

Phật nói:

"A-nan, hoặc có trường hợp không căn cứ vào sắc nhỏ hẹp mà quan niệm ngã được chủ trương, cũng không căn cứ vào sắc vô lượng, cũng không căn cứ vào vô sắc nhỏ hẹp và cũng không căn cứ vào vô sắc vô lượng mà quan niệm ngã được chủ trương.

"A-nan, nếu có trường hợp không căn cứ vào sắc nhỏ hẹp mà quan niệm ngã được chủ trương, thì người ấy trong hiện tại không căn cứ vào sắc nhỏ hẹp mà quan niệm ngã được chủ trương, khi thân hoại mạng chung cũng không nói nó như vậy, cũng không thấy nó như vậy. Nếu khi ngã rời khỏi sắc nhỏ hẹp, người ấy không suy niệm như vậy, cũng không tư duy nó như vậy, như vậy. A-nan, như thế, có trường hợp không căn cứ vào sắc nhỏ hẹp mà quan niệm ngã được chủ trương. Như vậy, với không sắc nhỏ hẹp mà không kiến chấp ngã

bị chấp trước.

"A-nan, nếu có trường hợp không căn cứ vào sắc vô lượng mà quan niệm ngã được chủ trương, thì người ấy, trong hiện tại không căn cứ vào sắc vô lượng mà quan niệm ngã được chủ trương, khi thân hoại mạng chung cũng không nói nó như vậy, cũng không thấy nó như vậy. Nếu khi ngã rời sắc vô lượng, người ấy không suy niệm như vậy, cũng không tư duy nó như vậy, như vậy. A-nan, như thế có trường hợp không căn cứ vào sắc vô lượng mà quan niệm ngã được chủ trương. Như vậy, với không sắc vô lượng mà không kiến chấp ngã bị chấp trước.

"A-nan, nếu có trường hợp không căn cứ vào vô sắc nhỏ hẹp mà quan niệm ngã được chủ trương, thì người ấy, trong hiện tại không căn cứ vào vô sắc nhỏ hẹp mà quan niệm ngã được chủ trương, khi thân hoại mạng chung cũng không nói nó như vậy, cũng không thấy nó như vậy. Nếu khi ngã rời khỏi vô sắc nhỏ hẹp, người ấy không suy niệm như vậy, cũng không tư duy nó như vậy, như vậy. A-nan, như thế có trường hợp không căn cứ vào vô sắc nhỏ hẹp mà quan niệm ngã được chủ trương. Như vậy, với không vô sắc nhỏ hẹp mà không kiến chấp ngã bị chấp trước.

"A-nan, nếu có trường hợp không căn cứ vào vô sắc vô lượng mà quan niệm ngã được chủ trương, thì người ấy, trong hiện tại, không căn cứ vào vô sắc vô lượng mà quan niệm ngã được chủ trương. Khi thân hoại mạng chung cũng không nói nó như vậy, cũng không thấy nó như vậy. Nếu khi ngã rời khỏi vô sắc vô lượng, người ấy không suy niệm như vậy, cũng không tư duy nó như vậy, như vậy. A-nan, như thế có trường hợp không căn cứ vào vô sắc vô lượng mà quan niệm ngã được chủ trương. Như vậy, với vô sắc vô lượng mà không kiến chấp ngã bị chấp trước.

"A-nan, đó gọi là có một loại quan niệm vô ngã được chủ trương.

"Lại nữa, này A-nan, có bảy trú xứ của thức[20] và hai xứ [21].Thế nào là bảy trú xứ của thức? Chúng sanh hữu sắc[22] với các chủng loại thân khác nhau, các chủng loại tướng khác nhau, ấy là loài người và loài trời cõi Dục. Đó là trú xứ thứ nhất của thức.

"Lại nữa, này A-nan, chúng sanh hữu sắc với các chủng loại thân khác nhau, nhưng chỉ có một loại tưởng, ấy là Phạm thiên sơ sanh không yểu thọ[23]. Gọi đó là trụ xứ thứ hai của thức.

"Lại nữa, này A-nan, chúng sanh hữu sắc với một loại thân nhưng nhiều chủng loại tưởng, ấy là Hoảng dục thiên[24]. Gọi đó là trụ xứ thứ ba của thức.

"Lại nữa, này A-nan, chúng sanh hữu sắc với một thân, với một loại tưởng, ấy là Biến tịnh thiên. Gọi đó là trụ xứ thứ tư của thức.

"Lại nữa, này A-nan, chúng sanh vô sắc, vượt qua tất cả sắc tưởng, diệt trừ hữu đối tưởng, không tư duy các loại tưởng, vào vô lượng không xứ, thành tựu an trụ vô lượng không xứ, ấy là Vô lượng không xứ thiên. Gọi đó là trụ xứ thứ năm của thức.

"Lại nữa, này A-nan, chúng sanh vô sắc, vượt qua tất cả vô lượng không xứ, vào vô lượng thức xứ, thành tựu an trụ vô lượng thức xứ, ấy là Vô lượng thức xứ thiên. Gọi đó là trụ xứ thứ sáu của thức.

"Lại nữa, này A-nan, chúng sanh vô sắc, vượt qua tất cả vô lượng thức tưởng, vào

---

20. Thất thức trụ ━C━━━C Pāli: satta viññāṇaṭṭhitiya.

21. Nhị xứ ━G━B━C N.1 (13): nhị nhập xứ. Pāli: dve āyatanāni.

22. Hữu sắc "vì có sắc uẩn" (*Tập dị 17*. No.1536, Đại 26, trang 437c.

23. *Tập Dị 17* (đd): Phạm chúng thiên vào thời sáng thế.

24. Hoảng dục thiên, tức Quang âm thiên hay Dục quang thiên. Pāli:Ābhassarā.

Vô sở hữu xứ, thành tựu an trụ Vô sở hữu xứ, ấy là Vô sở hữu xứ thiên. Gọi đó là trụ xứ thứ bảy của thức.

"Thế nào là có hai xứ? Chúng sanh hữu sắc không có tưởng, không có thọ, ấy là Vô tưởng thiên. Gọi đó là xứ thứ nhất.

"Lại nữa, này A-nan, chúng sanh vô sắc vượt qua tất cả Vô sở hữu xứ, vào Phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ, thành tựu an trụ Phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ, ấy là Phi hữu tưởng phi vô tưởng thiên. Gọi đó là xứ thứ hai[25].

"A-nan, đối với trụ xứ thứ nhất của thức, chúng sanh hữu sắc với các chủng loại thân, với các chủng loại tưởng, là loài người và loài trời cõi Dục; nếu có Tỳ-kheo biết như thật trụ xứ ấy của thức, biết sự tập khởi của trụ xứ của thức, biết sự diệt tận, vị ngọt, tai hoạn, biết xuất yếu, thì này A-nan, Tỳ-kheo kia có thể vui thích nơi trụ xứ của thức ấy, kế trước và trụ nơi trụ xứ ấy của thức chăng?"

"Bạch Thế Tôn, không".

"A-nan, đối với trụ xứ thứ hai của thức, chúng sanh hữu sắc với các chủng loại thân nhưng một chủng loại tưởng, là Phạm thiên sơ sanh không yểu thọ; nếu có Tỳ-kheo biết như thật trụ xứ ấy của thức, biết sự tập khởi của trụ xứ ấy của thức, biết sự diệt tận, biết vị ngọt, biết tai hoạn, biết xuất yếu, thì này A-nan, Tỳ-kheo ấy có thể hoan lạc nơi trụ xứ kia của thức, kế trước và trụ nơi trụ xứ kia của thức chăng?

"Bạch Thế Tôn, không".

"A-nan, đối với trụ xứ thứ ba của thức, chúng sanh hữu sắc với một loại thân nhưng nhiều chủng loại tưởng, ấy là Hoảng dục thiên. Nếu có Tỳ-kheo biết như thật trụ xứ ấy của thức, biết sự diệt tận, biết vị ngọt, biết tai hoạn, biết xuất yếu, thì này A-nan, Tỳ-kheo ấy có thể hoan lạc nơi trụ xứ kia của thức, kế trước và trụ nơi trụ xứ kia của thức chăng?

"Bạch Thế Tôn, không".

"A-nan, đối với trụ xứ thứ tư của thức, chúng sanh hữu sắc với một loại thân, với một loại tưởng, ấy là Biến tịnh thiên. Nếu có Tỳ-kheo biết như thật trụ xứ ấy của thức, biết sự diệt tận, biết vị ngọt, biết tai hoạn, biết xuất yếu, thì này A-nan, Tỳ-kheo ấy có thể hoan lạc nơi trụ xứ kia của thức, kế trước và trụ nơi trụ xứ kia của thức chăng?

"Bạch Thế Tôn, không".

"A-nan, đối với trụ xứ thứ năm của thức, chúng sanh vô sắc, vượt qua tất cả sắc tưởng, diệt trừ hữu đối tưởng, không tư duy các loại tưởng, vào vô lượng không xứ, thành tựu an trụ vô lượng không xứ, ấy là Vô lượng không xứ thiên. Nếu có Tỳ-kheo biết như thật trụ xứ ấy của thức, biết sự diệt tận, biết vị ngọt, biết tai hoạn, biết xuất yếu, này A-nan, vị Tỳ-kheo ấy có thể hoan lạc nơi trụ xứ kia của thức, kế trước và trụ nơi trụ xứ kia của thức chăng?

"Bạch Thế Tôn, không".

"A-nan, đối với trụ xứ thứ sáu của thức, chúng sanh vô sắc vượt tất cả vô lượng không xứ, vào vô lượng thức xứ, thành tựu an trụ vô lượng thức xứ, ấy là Vô lượng thức xứ thiên. Nếu có Tỳ-kheo biết như thật trụ xứ ấy của thức, biết sự diệt tận, biết vị ngọt, biết tai hoạn, biết xuất yếu, thì này A-nan, Tỳ-kheo ấy có thể an lạc nơi trụ xứ kia của thức, kế trước và trụ nơi trụ xứ kia của thức chăng?

"Bạch Thế Tôn, không".

---

[25]. Vô tưởng thiên và Phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ thiên, không được gọi là trụ xứ của thức vì hai nơi này thức không hiện khởi.

"A-nan, đối với trụ xứ thứ bảy của thức, chúng sanh vô sắc vượt qua tất cả vô lượng thức tưởng, vào Vô sở hữu xứ, thành tựu an trụ Vô sở hữu xứ, ấy là Vô sở hữu xứ thiên. Nếu có Tỳ-kheo biết như thật trụ xứ của thức, biết sự diệt tận, biết vị ngọt, biết tai hoạn, biết xuất yếu, thì này A-nan, vị Tỳ-kheo ấy có thể hoan lạc nơi trụ xứ kia của thức, kế trước và trụ nơi trụ xứ kia của thức chăng?"

"Bạch Thế Tôn, không".

"A-nan, đối với trụ xứ thứ nhất, chúng sanh hữu sắc không có tưởng, không có thọ, ấy là Vô tưởng thiên. Nếu có Tỳ-kheo biết như thật trụ xứ ấy của thức, biết sự diệt tận, biết vị ngọt, biết tai hoạn, biết xuất yếu, thì này A-nan, Tỳ-kheo ấy có thể hoan lạc nơi trụ xứ kia của thức, kế trước và trụ nơi trụ xứ kia của thức chăng?"

"Bạch Thế Tôn, không".

"A-nan, đối với trụ xứ thứ hai của thức, chúng sanh vô sắc, vượt qua tất cả Vô sở hữu xứ, vào Phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ, thành tựu an trụ Phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ, ấy là Phi hữu tưởng phi vô tưởng thiên. Nếu có Tỳ-kheo biết như thật xứ ấy của thức, biết sự diệt tận, biết vị ngọt, biết tai hoạn, biết xuất yếu, thì này A-nan, Tỳ-kheo ấy có thể hoan lạc nơi xứ kia của thức, kế trước và trụ nơi xứ kia của thức chăng?

"Bạch Thế Tôn, không".

"A-nan, nếu có Tỳ-kheo biết như thật bảy trụ xứ của thức và hai xứ kia, tâm không nhiễm trước, được giải thoát thì gọi là Tỳ-kheo A-la-hán danh tuệ giải thoát.

"Lại nữa, này A-nan, có tám giải thoát.

"Những gì là tám?"

"Sắc quán sắc, đó là giải thoát thứ nhất.

"Lại nữa, bên trong không sắc tưởng, bên ngoài quán sắc, đó là giải thoát thứ hai.

"Lại nữa, với tịnh giải thoát, tự thân chứng ngộ, thành tựu an trụ, đó là giải thoát thứ ba.

"Lại nữa, vượt qua tất cả sắc tưởng, diệt trừ hữu đối tưởng, không tư duy các loại tưởng, vào vô lượng không xứ, thành tựu an trụ vô lượng không xứ, đó là giải thoát thứ tư.

"Lại nữa, vượt qua tất cả vô lượng không xứ, vào vô lượng thức xứ, thành tựu an trụ vô lượng thức xứ, đó là giải thoát thứ năm.

"Lại nữa, vượt qua tất cả vô lượng thức xứ, vào Vô sở hữu xứ, thành tựu an trụ Vô sở hữu xứ, đó là giải thoát thứ sáu.

"Lại nữa, vượt qua tất cả Vô sở hữu xứ, vào Phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ, thành tựu an trụ Phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ, đó là giải thoát thứ bảy.

"Lại nữa, vượt qua tất cả Phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ, tưởng thọ diệt giải thoát, tự thân chứng ngộ, thành tựu an trụ, đó là giải thoát thứ tám.

"A-nan, nếu có Tỳ-kheo biết như thật về bảy trụ xứ của thức và hai xứ kia, tâm không nhiễm trước, được giải thoát, thành tựu an trụ và với tám giải thoát này, thuận và nghịch mà tự thân chứng ngộ, thành tựu an trụ và cũng do tuệ quán mà diệt tận các lậu, thì đó là Tỳ-kheo A-la-hán, được gọi Câu giải thoát[26]."

Phật thuyết như vậy. Tôn giả A-nan và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

❑

[26] Xem cht.11, kinh số 195.

98. KINH NIỆM XỨ[1]

Tôi nghe như vầy.

Một thời Đức Phật du hóa tại Câu-lâu-sấu, ở Kiếm-ma-sắt-đàm, một đô ấp của Câu lâu.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có một con đường[2] tịnh hóa chúng sanh, vượt qua lo sợ, diệt trừ khổ não, chấm dứt kêu khóc, chứng đắc Chánh pháp. Đó là Bốn niệm xứ.

"Các Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác ở quá khứ đều đoạn trừ năm triền cái, tâm ô uế, tuệ yếu kém, lập tâm chánh trụ nơi Bốn niệm xứ, tu Bảy giác chi mà chứng quả giác ngộ Vô thượng chánh tận.

"Các Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác ở vị lai cũng đều đoạn trừ năm triền cái là thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém, lập tâm chánh trụ nơi Bốn niệm xứ, tu Bảy giác chi mà chứng quả giác ngộ.

"Ta nay trong hiện tại, là Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Ta cũng đều đoạn trừ năm triền cái làm tâm ô uế, tuệ yếu kém. Ta cũng lập tâm chánh trụ nơi Bốn niệm xứ, tu Bảy giác chi mà chứng quả giác ngộ Vô thượng chánh tận.

"Bốn niệm xứ là những gì? Đó là, quán thân như thân, quán thọ[3] như thọ, quán tâm như tâm và quán pháp như pháp.

"Thế nào gọi là niệm xứ **quán thân như thân**[4]?

"Tỳ-kheo khi đi thì biết mình đi, đứng thì biết mình đứng, ngồi thì biết mình ngồi, nằm thì biết mình nằm, ngủ thì biết mình ngủ, thức thì biết mình thức, ngủ say thì biết mình ngủ say. Tỳ-kheo như vậy, quán nội thân như thân; quán ngoại thân như thân; lập niệm tại thân, có tri, có kiến, có minh, có đạt. Như vậy gọi là Tỳ-kheo quán thân như thân.

"Lại nữa, Tỳ-kheo quán thân như thân; Tỳ-kheo biết rõ chính xác khi vào lúc ra, khi co lúc duỗi, khi cúi lúc ngẩng, nghi dung chững chạc, khéo khoác tăng-già-lê và cầm bát; đi, đứng, ngồi, nằm, ngủ, thức, nói năng, im lặng đều biết rõ chính xác. Tỳ-kheo như vậy, quán nội thân như thân; quán ngoại thân như thân; lập niệm tại thân, có tri, có kiến, có minh, có đạt. Như vậy gọi là Tỳ-kheo quán thân như thân.

"Lại nữa, Tỳ-kheo quán thân như thân; Tỳ-kheo khi sanh niệm ác bất thiện, liền niệm điều thiện để đối trị, đoạn trừ, tiêu diệt, tĩnh chỉ. Như người thợ mộc hoặc học trò thợ mộc, kéo thẳng dây mực, búng lên thân cây rồi dùng búa bén mà đẽo cho thẳng. Cũng vậy, Tỳ-kheo khi sanh niệm ác bất thiện liền niệm điều thiện để đối trị, đoạn trừ. Tỳ-kheo

---

1. Tương đương M.10. Satiptthānasuttaṃ. Tham chiếu, D. 22. Mahāsatipatthāna-suttanta. Hán, biệt dịch No.125 (12.1).
2. Nhất đạo ─@─D─F No.125 (12.1): Nhất nhập đạo. Pāli: ekāyano maggo, con đường độc đạo.
3. Giác.
4. Quán thân như thân ─[──p──C Pāli: kāye kāyanupassī.

như vậy, quán nội thân như thân; quán ngoại thân như thân; lập niệm tại thân, có tri, có kiến, có minh, có đạt. Như vậy gọi là Tỳ-kheo quán thân như thân.

"Lại nữa, Tỳ-kheo quán thân như thân; Tỳ-kheo răng ngậm khít lại, lưỡi ấn lên khẩu cái, dùng tâm trị tâm, đối trị, đoạn trừ, tiêu diệt, tĩnh chỉ. Như hai lực sĩ bắt một người yếu mang đi khắp nơi, tự do đánh đập. Cũng vậy, Tỳ-kheo răng ngậm khít lại, lưỡi ấn lên khẩu cái, dùng tâm trị tâm, đối trị, đoạn trừ, tiêu diệt, tĩnh chỉ.

"Lại nữa, Tỳ-kheo quán thân như thân; Tỳ-kheo-niệm hơi thở vào thì biết niệm hơi thở vào, niệm hơi thở ra thì biết niệm hơi thở ra. Thở vào dài thì biết thở vào dài, thở ra dài thì biết thở ra dài. Thở vào ngắn thì biết thở vào ngắn, thở ra ngắn thì biết thở ra ngắn. Học toàn thân thở vào, học toàn thân thở ra. Học thân hành tĩnh chỉ thở vào, học khẩu hành tĩnh chỉ thở ra. Tỳ-kheo như vậy, quán nội thân như thân; quán ngoại thân như thân; lập niệm tại thân, có tri, có kiến, có minh, có đạt. Như vậy gọi là Tỳ-kheo quán thân như thân.

"Lại nữa, Tỳ-kheo quán thân như thân; Tỳ-kheo có hỷ lạc do ly dục, nhuần thấm thân, phổ biến sung mãn; khắp trong thân thể hỷ lạc sanh do ly dục, không đâu không có. Như người hầu tắm, bỏ bột tắm đầy chậu, nước hòa thành bọt, nước thấm vào thân, phổ biến sung mãn, không đâu không có. Cũng vậy, Tỳ-kheo có hỷ lạc do ly dục nhuần thấm thân, phổ biến sung mãn; khắp trong thân thể, hỷ lạc sanh do ly dục không đâu không có. Tỳ-kheo như vậy, quán nội thân như thân; quán ngoại thân như thân; lập niệm tại thân, có tri, có kiến, có minh, có đạt. Như vậy gọi là Tỳ-kheo quán thân như thân.

"Lại nữa, Tỳ-kheo quán thân như thân; Tỳ-kheo có hỷ lạc do định sanh, nhuần thấm thân, phổ biến sung mãn; khắp trong thân thể, hỷ lạc do định sanh không đâu không có. Cũng như suối trên núi, trong sạch không dơ, nước từ bốn phương chảy đến đổ vào một cách tự nhiên, tức thì từ đáy suối, nước tự vọt lên, chảy tràn ra ngoài, thấm ướt cả núi, phổ biến sung mãn, không đâu không có. Cũng vậy, Tỳ-kheo có hỷ lạc do định sanh thấm nhuần thân, phổ biến sung mãn; khắp trong thân thể, hỷ lạc do định không đâu không có. Tỳ-kheo như vậy, quán nội thân như thân; quán ngoại thân như thân; lập niệm tại thân, có tri, có kiến, có minh, có đạt. Như vậy gọi là Tỳ-kheo quán thân như thân.

"Lại nữa, Tỳ-kheo quán thân như thân; Tỳ-kheo có lạc do ly hỷ nhuần thấm vào thân, phổ biến sung mãn; khắp trong thân thể, lạc sanh do ly hỷ không đâu không có. Như các thứ sen xanh, hồng, đỏ, trắng sanh ra từ nước, lớn lên trong nước, ở dưới đáy nước, rễ, hoa, lá, cọng thảy đều thấm nhuần, phổ biến sung mãn, không đâu không có; cũng vậy, Tỳ-kheo có lạc do ly hỷ nhuần thấm vào thân, phổ biến sung mãn, khắp trong thân thể lạc do ly hỷ không đâu không có. Tỳ-kheo như vậy, quán nội thân như thân; quán ngoại thân như thân; lập niệm tại thân, có tri, có kiến, có minh, có đạt. Như vậy gọi là Tỳ-kheo quán thân như thân.

"Lại nữa, Tỳ-kheo nào quán thân như thân; Tỳ-kheo ở trong thân này được biến mãn với tâm thanh tịnh, ý giải, thành tựu an trụ; ở trong thân này tâm thanh tịnh không đâu không biến mãn. Như có một người trùm một cái áo rộng bảy hoặc tám khuỷu tay, từ đầu đến chân, thì khắp cả thân đều được phủ kín. Cũng vậy, Tỳ-kheo ở trong thân này với tâm thanh tịnh, không đâu biến mãn. Tỳ-kheo như vậy, quán nội thân như thân; quán ngoại thân như thân; lập niệm tại thân, có tri, có kiến, có minh, có đạt. Như vậy gọi là Tỳ-kheo quán thân như thân.

"Lại nữa, Tỳ-kheo quán thân như thân; là Tỳ-kheo niệm quang minh tưởng, khéo

thọ khéo trì, nhớ rõ điều niệm; như phía trước, phía sau cũng vậy; ngày cũng như đêm, đêm cũng như ngày; dưới cũng như trên, trên cũng như dưới. Như vậy tâm không điên đảo, tâm không bị ràng buộc, tâm tự quang minh, không khi nào còn bị bóng đen che lấp. Tỳ-kheo như vậy, quán nội thân như thân; quán ngoại thân như thân; lập niệm tại thân, có tri, có kiến, có minh, có đạt. Như vậy gọi là Tỳ-kheo quán thân như thân.

"Lại nữa, Tỳ-kheo quán thân như thân; Tỳ-kheo khéo giữ tướng trạng tu quán[5], khéo nhớ điều niệm, như người ngồi quán sát kẻ nằm, rồi nằm quán sát kẻ ngồi. Tỳ-kheo khéo giữ tướng trạng tu quán, khéo nhớ điều niệm, cũng giống như vậy. Tỳ-kheo như vậy, quán nội thân như thân; quán ngoại thân như thân; lập niệm tại thân, có tri, có kiến, có minh, có đạt. Như vậy gọi là Tỳ-kheo quán thân như thân.

"Lại nữa, Tỳ-kheo quán thân như thân; Tỳ-kheo tùy theo những chỗ trong thân, tùy theo tính chất tốt xấu từ đầu đến chân quán thấy thảy đều đầy dẫy bất tịnh, 'trong thân này của ta có tóc, lông, móng, răng, da dày, da non, thịt, gân, xương, tim, thận, gan, phổi, ruột già, ruột non, lá lách, dạ dày, phân, não và não căn, nước mắt, mồ hôi, nước mũi, nước miếng, mủ, máu, mỡ, tủy, đờm dãi, nước tiểu'. Như một cái bồn chứa đủ hạt giống, ai có mắt sáng thì thấy rõ ràng, 'đây là hạt lúa, hạt gạo, kia là hạt cải, cỏ, rau'; cũng vậy, Tỳ-kheo tùy theo những chỗ trong thân, tùy theo tính chất tốt xấu, từ đầu đến chân, quán thấy thảy đều đầy dẫy bất tịnh: 'Trong thân này của ta có tóc, lông, móng, răng, da dày, da non, thịt, gân, xương, tim, thận, gan, phổi, ruột già ruột non, lá lách, dạ dày, phân, não và não căn, nước mắt, mồ hôi, nước mũi, nước miếng, mủ, máu, mỡ, tủy, đờm dãi, nước tiểu'. Tỳ-kheo khéo giữ tướng trạng tu quán, khéo nhớ điều niệm, cũng giống như vậy. Tỳ-kheo như vậy, quán nội thân như thân; quán ngoại thân như thân; lập niệm tại thân, có tri, có kiến, có minh, có đạt. Như vậy gọi là Tỳ-kheo quán thân như thân.

"Lại nữa, Tỳ-kheo quán thân như thân; Tỳ-kheo quán sát giới trong thân rằng: 'Trong thân này của ta có địa giới, thủy giới, hỏa giới, phong giới, không giới, thức giới'. Như gã đồ tể mổ bò, lột hết bộ da, trải lên mặt đất, phân thành sáu đoạn; cũng vậy, Tỳ-kheo quán các giới trong thân rằng 'Trong thân này của ta có địa giới, thủy giới, hỏa giới, phong giới, không giới, thức giới'. Tỳ-kheo khéo giữ tướng trạng tu quán, khéo nhớ điều niệm, cũng giống như vậy. Tỳ-kheo như vậy, quán nội thân như thân; quán ngoại thân như thân; lập niệm tại thân, có tri, có kiến, có minh, có đạt. Như vậy gọi là Tỳ-kheo quán thân như thân.

"Lại nữa, Tỳ-kheo quán thân như thân; Tỳ-kheo quán xác chết, mới chết từ một hai ngày đến sáu bảy ngày, đang bị quạ diều bươi mổ, sài lang cấu xé, hoặc đã được hỏa thiêu, hay đã được chôn lấp, đang bị rửa nát hư hoại. Quán rồi tự so sánh: 'Thân ta cũng thế, đều có những trường hợp này, không sao tránh khỏi'. Tỳ-kheo khéo giữ tướng trạng tu quán, khéo nhớ điều niệm, cũng giống như vậy. Tỳ-kheo như vậy, quán nội thân như thân; quán ngoại thân như thân; lập niệm tại thân, có tri, có kiến, có minh, có đạt. Như vậy gọi là Tỳ-kheo quán thân như thân.

"Lại nữa, Tỳ-kheo quán thân như thân; Tỳ-kheo như từng thấy trong nghĩa địa, hài cốt xám xanh, rữa nát gần hết, xương vải khắp đất. Quán rồi tự so sánh: 'Thân ta cũng thế, đều có những trường hợp này, không sao tránh khỏi,' Tỳ-kheo khéo giữ tướng trạng tu quán, khéo nhớ điều niệm, cũng giống như vậy. Tỳ-kheo như vậy, quán nội thân như thân; quán ngoại thân như thân; lập niệm tại thân, có tri, có kiến, có minh, có đạt. Như vậy gọi

5. Thiện thọ quán tướng ———[—C

là Tỳ-kheo quán thân như thân.

"Lại nữa, Tỳ-kheo quán thân như thân; Tỳ-kheo như từng thấy trong nghĩa địa, da, thịt, máu, huyết tiêu cả, chỉ còn xương dính gân. Quán rồi tự so sánh: 'Thân ta cũng thế, đều có trường hợp này, không sao tránh khỏi'. Tỳ-kheo khéo giữ tướng trạng tu quán, khéo nhớ điều niệm, cũng giống như vậy. Tỳ-kheo như vậy, quán nội thân như thân; quán ngoại thân như thân; lập niệm tại thân, có tri, có kiến, có minh, có đạt. Như vậy gọi là Tỳ-kheo quán thân như thân.

"Lại nữa, Tỳ-kheo quán thân như thân; Tỳ-kheo như từng trong nghĩa địa thấy xương rời từng đốt, tản mác khắp nơi, xương chân, xương đùi, xương đầu gối, xương bắp vế, xương sống, xương vai, xương cổ, xương sọ, mỗi thứ một nơi. Quán rồi tự so sánh: 'Thân ta cũng thế, đều có những trường hợp này, không sao tránh khỏi'. Tỳ-kheo khéo giữ tướng trạng tu quán, khéo nhớ điều niệm, cũng giống như vậy. Tỳ-kheo như vậy, quán nội thân như thân; quán ngoại thân như thân; lập niệm tại thân, có tri, có kiến, có minh, có đạt. Như vậy gọi là Tỳ-kheo quán thân như thân.

"Lại nữa, Tỳ-kheo quán thân như thân; Tỳ-kheo như từng thấy trong nghĩa địa, xương trắng như vỏ ốc, xanh như lông chim bồ câu, đỏ như màu máu, mục nát bể vụn. Quán rồi tự so sánh: 'Thân ta rồi cũng thế, đều có những trường hợp này, không sao tránh khỏi'. Tỳ-kheo khéo giữ tướng trạng tu quán, khéo nhớ điều niệm, cũng giống như vậy. Tỳ-kheo như vậy, quán nội thân như thân; quán ngoại thân như thân; lập niệm tại thân, có tri, có kiến, có minh, có đạt. Như vậy gọi là Tỳ-kheo quán thân như thân.

"Nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni từng chi tiết quán thân như thân như vậy, đó gọi là niệm xứ quán thân như thân.

"Thế nào gọi là niệm xứ **quán thọ như thọ**? Tỳ-kheo khi thọ nhận cảm giác lạc liền biết đang thọ nhận cảm giác lạc, khi thọ nhận cảm giác khổ liền biết đang thọ nhận cảm giác khổ, khi thọ nhận cảm giác không lạc không khổ liền biết đang thọ nhận cảm giác không lạc không khổ. Khi thân thọ nhận cảm giác lạc, thân thọ nhận cảm giác khổ, thân thọ nhận cảm giác không lạc không khổ; khi tâm thọ nhận cảm giác lạc, tâm thọ nhận cảm giác khổ, tâm thọ nhận cảm giác không lạc không khổ; cảm giác lạc khi ăn, cảm giác khổ khi ăn, cảm giác không lạc không khổ khi ăn; cảm giác lạc khi không ăn, cảm giác khổ khi không ăn, cảm giác không lạc không khổ khi không ăn; cảm giác lạc khi có dục, cảm giác khổ khi có dục, cảm giác không khổ không lạc khi có dục; cảm giác lạc khi không có dục, cảm giác khổ khi không có dục, cảm giác không lạc không khổ khi không có dục. Tỳ-kheo như vậy, quán nội thọ như thọ, quán ngoại thọ như thọ, lập niệm tại thọ, có tri, có kiến, có minh, có đạt. Như vậy gọi là Tỳ-kheo quán thân như thân.

"Nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni từng chi tiết quán thọ như thọ như vậy, gọi là niệm xứ quán thọ như thọ.

"Thế nào gọi là niệm xứ **quán tâm như tâm**? Tỳ-kheo có tâm tham dục thì biết đúng như thật có tâm tham dục, có tâm vô dục thì biết đúng như thật là có tâm vô dục. Khi có sân hay không sân, có si hay không si, có ô uế hay không ô uế, có hợp hay có tan, có thấp hay có cao, có nhỏ hay có lớn; tụ hay không tụ, định hay không định, giải thoát hay không giải thoát. Cũng như vậy, có tâm giải thoát thì biết đúng như thật có tâm giải thoát; có tâm không giải thoát thì biết đúng như thật là có tâm không giải thoát. Tỳ-kheo như vậy, quán nội tâm như tâm, lập niệm tại tâm, có tri, có kiến, có minh, có đạt. Như vậy là Tỳ-kheo quán tâm như tâm.

"Nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni từng chi tiết quán tâm như tâm như vậy, đó gọi là niệm

xứ quán tâm như tâm.

"Thế nào gọi là niệm xứ **quán pháp như pháp**? Khi con mắt duyên sắc, sanh nội kết, nếu Tỳ-kheo bên trong thật có kết thì biết đúng như thật là bên trong có kết; bên trong thật không có kết thì biết đúng như thật là bên trong không có kết. Nội kết chưa sanh, bây giờ sanh, biết đúng như thật. Nội kết đã sanh và được đoạn trừ, không sanh lại nữa, biết đúng như thật. Với tai, mũi, lưỡi, thân và ý cũng giống như vậy. Khi ý duyên pháp, sanh nội kết, nếu Tỳ-kheo bên trong thật có kết thì biết đúng như thật là bên trong có kết, bên trong không có kết thì biết đúng như thật là bên trong không có kết, nội kết chưa sanh bây giờ sanh; biết đúng như thật nội kết đã sanh và đã được đoạn trừ, không sanh lại nữa, biết đúng như thật. Tỳ-kheo như vậy quán nội pháp đúng như pháp, quán ngoại pháp đúng như pháp, lập niệm tại pháp, có tri, có kiến, có minh, có đạt. Như vậy gọi là Tỳ-kheo quán pháp như pháp, nghĩa là quán sáu xứ bên trong.

"Lại nữa, Tỳ-kheo quán pháp như pháp; Tỳ-kheo bên trong thật có ái dục thì biết đúng như thật là đang có ái dục, bên trong thật không có ái dục thì biết đúng như thật là không có ái dục. Ái dục chưa sanh nay sanh, biết đúng như thật. Ái dục đã sanh và đã được đoạn trừ, không sanh lại nữa, biết đúng như thật. Với sân nhuế, thùy miên, điệu hối và nghi cũng giống như vậy. Bên trong thật có nghi, biết đúng như thật là đang có nghi; bên trong thật không có nghi, biết đúng như thật là không có nghi. Nghi chưa sanh, nay đã sanh, biết đúng như thật. Nghi đã sanh và đã được đoạn trừ, không sanh lại nữa, biết đúng như thật. Tỳ-kheo như vậy quán nội pháp đúng như pháp, quán ngoại pháp đúng như pháp, lập niệm tại pháp, có tri, có kiến, có minh, có đạt. Như vậy gọi là Tỳ-kheo quán pháp như pháp, nghĩa là quán năm triền cái.

"Lại nữa, Tỳ-kheo quán pháp như pháp; Tỳ-kheo bên trong thật có niệm giác chi thì biết đúng như thật là có niệm giác chi; bên trong thật không có niệm giác chi thì biết đúng như thật là không có niệm giác chi. Niệm giác chi chưa sanh nay sanh, biết đúng như thật. Niệm giác chi đã sanh thì ghi nhớ không quên, không suy thoái, tu tập càng lúc càng tăng trưởng, biết đúng như thật. Với trạch pháp, tinh tấn, hỷ, khinh an, định và xả cũng giống như vậy. Bên trong thật có xả giác chi thì biết đúng như thật là đang có xả giác chi, bên trong thật không có xả giác chi thì biết đúng như thật là không có xả giác chi. Xả giác chi chưa sanh nay sanh, biết đúng như thật, xả giác chi đã sanh thì ghi nhớ không quên, không suy thoái, tu tập càng lúc càng tăng trưởng, biết đúng như thật. Tỳ-kheo như vậy quán nội pháp đúng như pháp, quán ngoại pháp đúng như pháp, lập niệm tại pháp, có tri, có kiến, có minh, có đạt như vậy gọi là Tỳ-kheo quán pháp như pháp, nghĩa là quán Bảy giác chi.

"Nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni từng chi tiết quán pháp như pháp như vậy, đó gọi là niệm xứ quán pháp như pháp.

"Nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nào trụ Bốn niệm xứ thì trong vòng bảy năm, nhất định sẽ chứng được một trong hai quả: hoặc chứng Cứu cánh trí ngay trong hiện tại, hoặc chứng A-na-hàm nếu còn hữu dư.

"Không cần phải đến bảy, sáu, năm, bốn, ba, hai hay một năm, nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nào lập tâm chánh trú nơi Bốn niệm xứ thì trong vòng bảy tháng cũng sẽ nhất định chứng được một trong hai quả: hoặc chứng Cứu cánh trí ngay trong hiện tại, hoặc chứng A-na-hàm nếu còn hữu dư.

"Không cần phải đến bảy, sáu, năm, bốn, ba, hai hay một tháng, nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nào lập tâm chánh trú nơi Bốn niệm xứ thì trong vòng bảy ngày bảy đêm cũng sẽ nhất định chứng được một trong hai quả: hoặc chứng Cứu cánh trí ngay trong hiện tại,

hoặc chứng A-na-hàm nếu còn hữu dư.

"Không cần phải đến bảy ngày đêm, sáu, năm, bốn, ba, hay hai ngày hai đêm, mà chỉ cần trong một ngày một đêm, nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nào luôn luôn trong từng khoảnh khắc lập tâm chánh trú nơi Bốn niệm xứ thì nếu buổi sáng thực hành như vậy, nhất định buổi tối liền được thăng tấn. Nếu buổi tối thực hành như vậy, nhất định sáng hôm sau sẽ được thăng tấn".

Phật thuyết giảng như thế, các Tỳ-kheo ấy sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

❑

99. KINH KHỔ ẤM (I)[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng, vườn Cấp cô độc.

Bấy giờ các Tỳ-kheo sau bữa ăn trưa, chưa có chút công việc nên tập trung ngồi tại giảng đường. Lúc ấy, một số đông những người Dị học, sau bữa cơm trưa loanh quanh tìm đến chỗ các Tỳ-kheo, cùng nhau chào hỏi rồi ngồi một bên, nói với các Tỳ-kheo rằng:

"Này chư Hiền, Sa-môn Cù-đàm chủ trương biến tri dục[2], chủ trương biến tri sắc, chủ trương biến tri thọ[3]. Này chư Hiền, chúng tôi cũng chủ trương biến tri dục, chủ trương biến tri trừ sắc, chủ trương biến tri thọ. Giữa Sa-môn Cù-đàm và chúng tôi, giữa hai[4] chủ trương biến tri[5] ấy, có sự thù thắng nào, có những sai biệt nào?"

"Lúc bấy giờ các Tỳ-kheo khi nghe những điều mà số đông những người Dị học ấy nói, không biết thế nào là phải, thế nào là trái, im lặng đứng dậy mà đi, đồng thời suy nghĩ rằng: 'Những điều như vậy, chúng ta phải do nơi Đức Thế Tôn mới biết'.

Rồi họ đi đến Đức Phật, cúi đầu đảnh lễ, ngồi một bên, đem những điều đã bàn luận với số đông những người Dị học ấy thuật lại với Đức Phật. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo rằng:

"Lúc đó các ông nên hỏi số đông những người Dị học như vầy, 'Này chư Hiền, thế nào là vị ngọt của dục, thế nào là tai họa của dục, thế nào là sự xuất yếu của dục[6]? Thế nào là vị ngọt của sắc, thế nào là tai họa của sắc, thế nào là sự xuất yếu của sắc? Thế nào là vị ngọt của thọ, thế nào là tai họa của thọ, thế nào là sự xuất yếu của thọ?

"Này các Tỳ-kheo, nếu các ông hỏi như vậy, sau khi nghe, họ sẽ cật vấn lẫn nhau, nói quanh nói quẩn, nổi sân và cãi cọ rồi từ chỗ ngồi đứng dậy, im lặng và rút lui. Vì sao vậy? Vì Ta không thấy có những chư thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Phạm chí hay bất cứ ai khác ở trên đời này có thể biết được nghĩa ấy để tuyên bố lên. Chỉ có Như Lai và đệ tử của Như Lai, hoặc đệ tử nào được nghe từ hai vị này".

Đức Phật lại hỏi:

"Thế nào là vị ngọt của dục? Đó là, nhân bởi năm công đức của dục[7] mà phát sanh lạc và hỷ. Vị ngọt của dục chỉ tột cùng đến đó chứ không thể hơn nữa, nhưng tai họa của

---

1. Bản Hán, quyển 25. Tương đương Pāli: M.13, Mahā-dukkhakkhandha. Hán, biệt dịch No.53, No.125 (21.9).
2. Nguyên Hán: biến tri dục 遍知欲 biết thấu đáo về dục. Pāli: kāmānaṃ pariññaṃ.
3. Giác.
4. Bản Cao-li chép *nhị* 二 các bản khác chép tam 三
5. Các bản chép: *nhị (tam) tri nhị (tam) đoạn*, dư chữ *nhị (tam)* thứ hai.
6. Dục vị, dục hoạn, dục xuất yếu 欲味欲患欲出要 Pāli: kāmānaṃ assādo, kāmānaṃ ādīnavo, kāmānṃ nissaraṇaṃ, vị ngọt, sự tai hại và thoát ly đối với các dục.
7. Ngũ dục công đức 五欲功德 Pāli: pañca kāmaguṇā.

nó thì rất nhiều.

"Thế nào là tai họa của dục? Một thiện gia nam tử, tùy kỹ thuật[8] riêng mà tự mưu sinh; hoặc làm ruộng, hoặc buôn bán, hoặc học sách, hoặc giỏi toán thuật, biết công số, khéo in khắc, làm văn chương, tạo thủ bút, hoặc hiểu kinh thơ, hoặc làm võ tướng, hoặc phụng sự vua[9]. Người ấy khi gặp lạnh phải chịu lạnh, gặp nóng phải chịu nóng, bị đói khát nhọc mệt, bị muỗi mòng châm chích; nó phải làm nghề nghiệp như thế để mong kiếm được tiền của. Thiện nam tử bằng những phương tiện như thế, làm các công việc như vậy để mong cầu như vậy, nếu không kiếm được tiền của thì sinh khổ sở, lo buồn rầu rĩ, tâm thành si dại, nói rằng 'Luống công làm lụng khổ nhọc vô ích mà những điều mong cầu không có kết quả'. Trái lại, thiện nam tử ấy bằng những phương tiện như vậy để mong cầu như vậy, nếu kiếm được tiền của nó sanh yêu quý, giữ gìn, chôn giấu. Vì sao vậy? Nó nghĩ: 'Tài vật này của ta, đừng để cho vua đoạt, giặc cướp, lửa thiêu, hư hại, mất mát, hoặc xuất tài mà vô lợi, hoặc làm việc mà không thành tựu'. Kẻ đó giữ gìn, chôn giấu như vậy nhưng nếu rủi bị vua đoạt, hoặc giặc cướp, lửa thiêu hư hại mất thì sinh khổ sở, lo buồn rầu rĩ, tâm thành si ám, nói rằng: 'Vật ta yêu quý, nhớ nghĩ suốt đêm ngày, nay đã không còn'. Đó là những nỗi thống khổ ở đời này[10], nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc.

"Lại nữa, vì chúng sanh nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc nên mẹ tranh cãi với con, con tranh cãi với mẹ, cha con, anh em, chị em, bà con dòng họ tranh cãi lẫn nhau. Vì tranh cãi lẫn nhau như vậy nên mẹ nói xấu con, con nói xấu mẹ. Cha con, anh em, chị em, bà con dòng họ nói xấu lẫn nhau. Thân thích còn vậy, huống nữa là người dưng. Đó là những nỗi thống khổ ở đời này nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc.

"Lại nữa, vì chúng sanh nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc nên vua tranh giành với vua, Phạm chí tranh giành với Phạm chí, Cư sĩ tranh giành với Cư sĩ, dân tranh giành với dân, nước này tranh giành với nước nọ. Bởi tranh giành nên thù nghịch nhau, rồi dùng đủ loại binh khí để giết hại lẫn nhau, hoặc nắm tay thoi, ném đá, hoặc dùng gậy đánh, dao chặt. Trong khi giao đấu, hoặc chết, hoặc sợ hãi, thọ cực trọng khổ. Đó là những nỗi thống khổ ở đời này nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc.

"Lại nữa, vì chúng sanh nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc nên mang khôi giáp, khoác trường bào, cầm giáo mác, cung tên, hoặc cầm dao thuẫn, đi vào quân trận. Hoặc đánh nhau bằng voi, hoặc ngựa, hoặc xe, hoặc dùng bộ binh đánh nhau, hoặc cho trai gái đánh nhau. Trong khi giao đấu, hoặc chết, hoặc sợ hãi, thọ cực trong khổ. Đó là những nỗi thống khổ ở đời này nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc.

"Lại nữa, vì chúng sanh nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc nên mang áo giáp, mặc trường bào, cầm giáo mác, cung tên, hoặc cầm dao thuẫn, đi tranh đoạt nước người, công thành phá lũy, chống cự lẫn nhau, thúc trống thổi kèn, lớn tiếng reo hò, hoặc dùng chày đập, hoặc dùng mâu kích, hoặc dùng bánh xe bén, hoặc dùng tên bắn, hoặc lăn

---

8. Hán: kỹ thuật —(—)-z-C Pāli: sippaṭṭhanena, bằng công xảo xứ.

9. Các "kỹ thuật" theo bản Hán: tác điền nghiệp, hành trị sanh, minh toán thuật, tri công số, xảo khắc ấn, tác văn chương, tạo thủ bút, hiểu kinh thư, tác dũng tướng, phụng vương sự. Danh sách theo bản Pāli: yadi muddāya yadi gaṇanāya yadi saṅkhānena yadi kasiyā yadi vaṇijjāya yadi gorakkhena yadi issatthena yadi rājaporisena, hoặc bằng ấn toán (hay thuật khắc ấn), bằng ám toán (tính trầm), mục toán (số học), canh nông, thương mãi, mục súc (chăn bò), làm tên (chế tạo vũ khí), và quan chức (phục vụ vua).

10. Hiện pháp khổ ấm -{-k-W——C Pāli: sandiṭṭhiko dukkhakhando, khổ uẩn được chứng kiến.

đá kè, hoặc dùng nỏ lớn, hoặc rót nước đồng sôi vào mắt. Trong khi giao đấu, hoặc chết, hoặc sợ hãi, thọ cực trọng khổ. Đó là những nỗi thống khổ ở đời này nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc.

"Lại nữa, vì chúng sanh nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc nên mang áo giáp, mặc trường bào, cầm giáo mác, cung tên, hoặc cầm dao thuẫn vào xóm, vào ấp, vào quốc gia, vào thành thị, đục vách phá kho, cướp đoạt tài vật, chận đường giao thông, hoặc đến ngõ khác phá xóm phá làng, phá thành diệt nước. Trong đó, hoặc người của vua bắt được, đem khảo đủ cách; chặt tay, chặt chân, hoặc chặt hết cả tay chân; cắt tai, cắt mũi, hoặc cắt cả tai mũi; hoặc lóc từng miếng thịt; bứt râu bứt tóc, hoặc bứt cả râu tóc; hoặc nhốt vào trong cũi, quấn vải hỏa thiêu, hoặc lấp trong cát, lấy cỏ quấn lại rồi đốt; hoặc bỏ vô bụng lừa sắt, hoặc bỏ vô miệng heo sắt, hoặc đặt vào miệng cọp sắt rồi đốt, hoặc bỏ vô vạc đồng, hoặc bỏ vô vạc sắt rồi nấu; hoặc chặt ra từng khúc, hoặc dùng xoa bén đâm, hoặc lấy móc sắt móc, hoặc bắt nằm trên giường sắt rồi lấy dầu sôi rót, hoặc bắt ngồi trong cối sắt rồi lấy chày sắt giã, hoặc cho rắn rít mổ cắn, hoặc dùng roi quất, hoặc dùng gậy thọt, hoặc dùng dùi đánh, hoặc buộc sống treo trên nêu cao, hoặc chém đầu rồi bêu. Trong các trường hợp đó, kẻ ấy hoặc chết, hoặc sợ hãi, thọ cực trọng khổ. Đó là những nỗi thống khổ ở đời này nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc.

"Lại nữa, vì chúng sanh nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc nên thân làm ác, khẩu làm ác, ý làm ác. Kẻ đó về sau bệnh tật liệt giường, hoặc ngồi hoặc nằm trên đất, vì khổ bức thân, toàn thân cảm giác khổ sở vô cùng, không còn đáng yêu thích. Kẻ đó vì lúc trước thân làm ác, khẩu làm ác, ý làm ác nên khi sắp chết chúng che ngay trước mắt giống như mặt trời lặn bóng sườn núi lớn, che lấp mặt đất[11]. Cũng vậy, kẻ ấy bị những ác hành của thân, ác hành của khẩu và của ý che lấp trước mắt, kẻ đó nghĩ rằng: 'Ác hành ta làm trước kia, bây giờ chúng che trước mắt ta. Trước ta không tạo phước nghiệp mà tạo nhiều ác nghiệp. Giả tỷ có ai chỉ làm ác, hung bạo, chỉ làm tội chứ không làm phước, không hành thiện, khi sống không biết lo sợ, gần chết không chỗ nương cậy, không chỗ quay về. Người ấy thân sanh về cõi nào, ta cũng thác sinh về chỗ đó'. Do đó, sanh hối hận, rồi do hối hận mà chết không an, chết không được phước. Đó là những nỗi thống khổ ở đời này nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc.

"Lại nữa, vì chúng sanh nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc nên thân làm ác, khẩu và ý làm ác. Kẻ đó vì thân làm ác, khẩu và ý làm ác nên nhân nơi đó, duyên nơi đó mà khi thân hoại mạng chung phải đến chỗ ác, sanh vào địa ngục. Đó là những nỗi khổ ở đời sau nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc. Như vậy là tai họa của dục.

"Thế nào là sự xuất yếu của dục? Nếu đoạn trừ dục, xả ly dục, diệt tận dục, vượt qua khỏi dục mà thoát ly. Như vậy gọi là sự xuất yếu của dục.

"Nếu Sa-môn, Phạm chí nào mà không biết đúng như thật vị ngọt của dục, tai họa của dục, sự xuất yếu của dục, thì không bao giờ có thể tự mình đoạn dục, huống nữa là đoạn dục cho kẻ khác.

"Nếu Sa-môn, Phạm chí nào biết đúng như thật vị ngọt của dục, tai họa của dục, sự xuất yếu của dục, thì không những có thể tự mình đoạn dục mà có thể đoạn dục cho kẻ khác.

"Thế nào là vị ngọt của sắc? Giả sử có các thiếu nữ Sát-lợi, Phạm chí, Cư sĩ hay

---

[11] No.53: "Lúc mặt trời sắp lặn, bóng mát đổ ngược xuống giữa hai ngọn núi lớn" .

Công sư đến tuổi mười bốn, mười lăm, là lúc có sắc đẹp mỹ miều. Nhân nơi sắc đẹp đó, duyên nơi sắc đẹp đó mà sanh lạc, sanh hỷ; vị ngọt của sắc chỉ tột cùng đến đó chứ không hơn nữa. Nhưng tai hại của sắc thì rất nhiều.

"Thế nào là tai hại của sắc? Nếu thấy nàng ấy về sau trở nên hết sức già yếu, đầu bạc, răng rụng, lưng còng, gối rũ, chống gậy mà đi, tuổi trẻ đã tàn, mạng sống sắp hết, thân thể run rẩy, các căn hư mòn. Ý các ngươi nghĩ sao? Có phải sắc đẹp trước kia đã biến mất và sanh ra tai họa chăng?

"Bạch Thế Tôn, đúng vậy".

"Lại nữa, nếu thấy nàng ấy bệnh tật liệt giường, ngồi nằm trên đất, vì khổ bức thân, chịu khổ cùng cực, ý các ngươi nghĩ sao, có phải sắc đẹp trước kia biến mất, sanh ra tai họa chăng?"

"Bạch Thế Tôn, đúng vậy".

"Lại nữa, nếu thấy xác nàng ấy đã chết từ một, hai ngày đến sáu bảy ngày, đang bị quạ diều bươi mổ, sài lang cấu xé, hoặc đã được hỏa thiêu hay chôn lấp, đang bị mục nát hư hoại. Ý các ngươi nghĩ sao? Có phải sắc đẹp trước đã biến mất và tai họa sanh ra chăng?"

"Bạch Thế Tôn, đúng vậy?"

"Lại nữa, nếu thấy xác nàng ấy ở trong nghĩa địa, hài cốt xám xanh, mục nát quá nữa, xương vải trên đất. Ý các ngươi nghĩ sao? Có phải sắc đẹp trước kia đã biến mất và tai họa sanh ra chăng?"

"Bạch Thế Tôn, đúng vậy".

"Lại nữa, nếu thấy xác nàng ấy ở trong nghĩa địa, xương rời từng đốt, tản mác khắp nơi, xương chân, xương đùi, xương đầu gối, xương bắp vế, xương sống, xương vai, xương cổ, xương sọ, mỗi thứ một nơi, ý các thầy nghĩ sao? Có phải sắc đẹp trước kia đã biến mất và tai họa sanh ra chăng?"

"Bạch Thế Tôn, đúng vậy".

"Lại nữa, nếu thấy xác nàng ấy ở trong nghĩa địa, xương trắng như vỏ ốc, xanh như lông chim câu, đỏ như màu máu, hư hoại, mục nát. Ý các ngươi nghĩ sao? Có phải sắc đẹp trước kia đã biến mất và tai họa sanh ra chăng?"

"Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Như vậy gọi là tai họa của sắc".

"Thế nào là sự xuất yếu của sắc? Nếu đoạn trừ sắc, xả ly sắc, diệt tận sắc, vượt qua khỏi sắc mà thoát ly. Như vậy gọi là sự xuất yếu của sắc.

"Nếu Sa-môn, Phạm chí nào mà không biết đúng như thật vị ngọt của sắc, tai họa của sắc, sự xuất yếu của sắc, thì không bao giờ có thể tự mình đoạn sắc, huống nữa là đoạn sắc cho kẻ khác.

"Nếu Sa-môn, Phạm chí nào biết đúng như thật vị ngọt của sắc, tai họa của sắc, sự xuất yếu của sắc thì không những tự mình đoạn sắc, mà còn có thể đoạn sắc cho kẻ khác.

"Thế nào là vị ngọt của thọ? Tỳ-kheo ly dục, ly pháp ác bất thiện, cho đến, thành tựu và an trụ nơi đệ Tứ thiền. Bấy giờ, vị đó không nghĩ đến việc tự hại, cũng không nghĩ đến sự hại người. Nếu không nghĩ đến hại, đó là vị ngọt của cảm giác lạc. Vì sao vậy? Vì không nghĩ đến sự làm hại thì thành tựu được cảm giác lạc ấy. Như vậy gọi là vị ngọt của thọ.

"Thế nào là tai họa của thọ? Thọ là pháp vô thường, pháp diệt. Như vậy gọi là tai họa của thọ.

"Thế nào là sự xuất yếu của thọ? Nếu đoạn trừ thọ, xả ly thọ, diệt tận thọ, vượt qua thọ mà thoát ly. Như vậy gọi là sự xuất ly của thọ.

"Nếu Sa-môn, Phạm chí nào mà không biết đúng như thật vị ngọt của thọ, tai họa của thọ, xuất yếu của thọ thì không bao giờ có thể tự mình đoạn thọ, huống nữa là đoạn thọ cho kẻ khác.

"Nếu Sa-môn, Phạm chí nào biết đúng như thật vị ngọt của thọ, tai họa của thọ, xuất yếu của thọ thì không những tự mình có thể đoạn thọ, mà còn có thể đoạn thọ cho kẻ khác".

Phật thuyết giảng như vậy. Các Tỳ-kheo ấy sau khi nghe thuyết, hoan hỷ phụng hành.

❑

100. KINH KHỔ ẤM (II)[12]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật đến Thích-ki-sấu, trú tại Ca-duy-la-vệ, vườn Ni-câu-loại.[13]

Bấy giờ Thích Ma-ha-nam[14], sau bữa ăn trưa tìm đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân Ngài rồi ngồi qua một bên mà bạch rằng:

"Bạch Thế Tôn, con biết Thế Tôn dạy pháp như vậy khiến tâm con được diệt ba uế, nhiễm tâm uế, nhuế tâm uế và si tâm uế[15]. Bạch Thế Tôn, con biết pháp ấy như vậy nhưng trong tâm con lại sinh nhiễm pháp, nhuế pháp và si pháp. Bạch Thế Tôn, con suy nghĩ như vầy, 'Ta có pháp gì không bị diệt trừ, khiến tâm ta lại sinh pháp nhiễm, pháp nhuế, pháp si?"

Thế Tôn bảo:

"Này Ma-ha-nam, ông có một pháp không bị diệt trừ, cho nên ông sống tại gia, không chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình mà học đạo này. Ma-ha-nam, nếu ông diệt được pháp đó, ông sẽ không sống tại gia mà chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, học đạo. Bởi vì có một pháp không bị diệt trừ mà ông sống tại gia, không chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, học đạo".

Khi ấy Thích Ma-ha-nam liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch áo bày vai hữu, chắp tay hướng về Phật mà bạch rằng:

"Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn nói pháp cho con nghe để tâm con được thanh tịnh,

---

12. Tương đương Pāli M.14 Cūḷa-dukkhakkhandha-suttaṃ. Hán, biệt dịch, No.55.

13. Xem các kinh 12, 180, 191. Pāli: sakkesu viharati kapilavatthusmiṃ nigrodhārāme.

14. Thích Ma-ha-nam ————F-k-C Pāli: Sakka Mahānāma, con trai của Amitodana, anh em chú bác với Phật, chứ không phải là một trong năm vị đệ tử đầu tiên của Phật.

15. Nhiễm, nhuế, si tâm uế -V-}————C Pāli: lobho, doso, moho citassa upakkileso, tham, sân, si là ô nhiễm của tâm.

trừ nghi, đắc đạo".

Thế Tôn nói:

"Ma-ha-nam, có năm công đức của dục, đáng yêu, đáng mơ tưởng, đáng vui thích, có liên hệ đến dục, khiến cho người khoái lạc. Những gì là năm? Đó là, sắc được biết bởi mắt, âm thanh được biết bởi tai, hương được biết bởi mũi, vị được biết bởi lưỡi, xúc được biết bởi thân. Do đây mà nhà vua và quyến thuộc của nhà vua được an lạc hoan hỷ. Ma-ha-nam, vị ngọt của dục chỉ cùng cực đến đó chứ không hơn nữa, nhưng tai họa của nó thì lại rất nhiều.

"Ma-ha-nam, thế nào là tai họa của dục? "Ma-ha-nam, một thiện gia nam tử, tùy kỹ thuật[16] riêng mà tự mưu sinh; hoặc làm ruộng, hoặc buôn bán, hoặc học sách, hoặc giỏi toán thuật, biết công số, khéo in khắc, làm văn chương, tạo thủ bút, hoặc hiểu kinh thơ, hoặc làm võ tướng, hoặc phụng sự vua. Người ấy khi gặp lạnh phải chịu lạnh, gặp nóng phải chịu nóng, bị đói khát nhọc mệt, bị muỗi mòng châm chích; nó phải làm nghề nghiệp như thế để mong kiếm được tiền của. Thiện nam tử bằng những phương tiện như thế, làm các công việc như vậy để mong cầu như vậy, nếu không kiếm được tiền của thì sinh khổ sở, lo buồn rầu rĩ, tâm thành si dại, nói rằng 'Luống công làm lụng khổ nhọc vô ích mà những điều mong cầu không có kết quả'. Trái lại, thiện nam tử ấy bằng những phương tiện như vậy để mong cầu như vậy, nếu kiếm được tiền của nó sanh yêu quý, giữ gìn, chôn giấu. Vì sao vậy? Nó nghĩ: 'Tài vật này của ta, đừng để cho vua đoạt, giặc cướp, lửa thiêu, hư hại, mất mát, hoặc xuất tài mà vô lợi, hoặc làm việc mà không thành tựu'. Kẻ đó giữ gìn, chôn giấu như vậy nhưng nếu rủi bị vua đoạt, hoặc giặc cướp, lửa thiêu hư hại mất thì sinh khổ sở, lo buồn rầu rĩ, tâm thành si ám, nói rằng: 'Vật ta yêu quý, nhớ nghĩ suốt đêm ngày, nay đã không còn'. Ma-ha-nam, đó là những nỗi thống khổ ở đời này[17], nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc.

"Lại nữa, Ma-ha-nam, vì chúng sanh nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc nên mẹ tranh cãi với con, con tranh cãi với mẹ, cha con, anh em, chị em, bà con dòng họ tranh cãi lẫn nhau. Vì tranh cãi lẫn nhau như vậy nên mẹ nói xấu con, con nói xấu mẹ. Cha con, anh em, chị em, bà con dòng họ nói xấu lẫn nhau. Thân thích còn vậy, huống nữa là người dưng. Ma-ha-nam, đó là những nỗi thống khổ ở đời này nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc.

"Lại nữa, Ma-ha-nam, vì chúng sanh nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc nên vua tranh giành với vua, Phạm chí tranh giành với Phạm chí, Cư sĩ tranh giành với Cư sĩ, dân tranh giành với dân, nước này tranh giành với nước nọ. Bởi tranh giành nên thù nghịch nhau, rồi dùng đủ loại binh khí để giết hại lẫn nhau, hoặc nắm tay thoi, ném đá, hoặc dùng gậy đánh, dao chặt. Trong khi giao đấu, hoặc chết, hoặc sợ hãi, thọ cực trọng khổ. Ma-ha-nam, đó là những nỗi thống khổ ở đời này nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc.

"Lại nữa, Ma-ha-nam, vì chúng sanh nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc nên mang khôi giáp, khoác trường bào, cầm giáo mác, cung tên, hoặc cầm dao thuẫn, đi vào quân trận. Hoặc đánh nhau bằng voi, hoặc ngựa, hoặc xe, hoặc dùng bộ binh đánh nhau, hoặc cho trai gái đánh nhau. Trong khi giao đấu, hoặc chết, hoặc sợ hãi, thọ cực trọng khổ. Ma-ha-nam, đó là những nỗi thống khổ ở đời này nhân nơi dục, duyên nơi dục,

16. Đoạn này như kinh 99 trên, xem các cht. ở đó.

17. Xem cht.10, kinh 99.

lấy dục làm gốc.

"Lại nữa, Ma-ha-nam, vì chúng sanh nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc nên mang áo giáp, mặc trường bào, cầm giáo mác, cung tên, hoặc cầm dao thuẫn, đi tranh đoạt nước người, công thành phá lũy, chống cự lẫn nhau, thúc trống thổi kèn, lớn tiếng reo hò, hoặc dùng chày đập, hoặc dùng mâu kích, hoặc dùng bánh xe bén, hoặc dùng tên bắn, hoặc lăn đá kè, hoặc dùng nỏ lớn, hoặc rót nước đồng sôi vào mắt. Trong khi giao đấu, hoặc chết, hoặc sợ hãi, thọ cực trọng khổ. Ma-ha-nam, đó là những nỗi thống khổ ở đời này nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc.

"Lại nữa, Ma-ha-nam, vì chúng sanh nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc nên mang áo giáp, mặc trường bào, cầm giáo mác, cung tên, hoặc cầm dao thuẫn vào xóm, vào ấp, vào quốc gia, vào thành thị, đục vách phá kho, cướp đoạt tài vật, chận đường giao thông, hoặc đến ngõ khác phá xóm phá làng, phá thành diệt nước. Trong đó, hoặc người của vua bắt được, đem khảo đủ cách; chặt tay, chặt chân, hoặc chặt hết cả tay chân; cắt tai, cắt mũi, hoặc cắt cả tai mũi; hoặc lóc từng miếng thịt; bứt râu bứt tóc, hoặc bứt cả râu tóc; hoặc nhốt vào trong cũi, quấn vải hỏa thiêu, hoặc lấp trong cát, lấy cỏ quấn lại rồi đốt; hoặc bỏ vô bụng lừa sắt, hoặc bỏ vô miệng heo sắt, hoặc đặt vào miệng cọp sắt rồi đốt, hoặc bỏ vô vạc đồng, hoặc bỏ vô vạc sắt rồi nấu; hoặc chặt ra từng khúc, hoặc dùng xoa bén đâm, hoặc lấy móc sắt móc, hoặc bắt nằm trên giường sắt rồi lấy dầu sôi rót, hoặc bắt ngồi trong cối sắt rồi lấy chày sắt giã, hoặc cho rắn rít mổ cắn, hoặc dùng roi quất, hoặc dùng gậy thọt, hoặc dùng dùi đánh, hoặc buộc sống treo trên nêu cao, hoặc chém đầu rồi bêu. Trong các trường hợp đó, kẻ ấy hoặc chết, hoặc sợ hãi, thọ cực trọng khổ. Ma-ha-nam, đó là những nỗi thống khổ ở đời này nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc.

"Lại nữa, Ma-ha-nam, vì chúng sanh nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc nên thân làm ác, khẩu làm ác, ý làm ác. Kẻ đó về sau bệnh tật liệt giường, hoặc ngồi hoặc nằm trên đất, vì khổ bức thân, toàn thân cảm giác khổ sở vô cùng, không còn đáng yêu thích. Kẻ đó vì lúc trước thân làm ác, khẩu làm ác, ý làm ác nên khi sắp chết chúng che ngay trước mắt giống như mặt trời lặn bóng sườn núi lớn, che lấp mặt đất[18]. Cũng vậy, kẻ ấy bị những ác hành của thân, ác hành của khẩu và của ý che lấp trước mắt, kẻ đó nghĩ rằng: 'Ác hành ta làm trước kia, bây giờ chúng che trước mắt ta. Trước ta không tạo phước nghiệp mà tạo nhiều ác nghiệp. Giả tỷ có ai chỉ làm ác, hung bạo, chỉ làm tội chứ không làm phước, không hành thiện, khi sống không biết lo sợ, gần chết không chỗ nương cậy, không chỗ quay về. Người ấy thân sanh về cõi nào, ta cũng thác sinh về chỗ đó'. Do đó, sanh hối hận, rồi do hối hận mà chết không an, chết không được phước. Ma-ha-nam, đó là những nỗi thống khổ ở đời này nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc.

"Lại nữa, Ma-ha-nam, vì chúng sanh nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc nên thân làm ác, khẩu và ý làm ác. Kẻ đó vì thân làm ác, khẩu và ý làm ác nên nhân nơi đó, duyên nơi đó mà khi thân hoại mạng chung phải đến chỗ ác, sanh vào địa ngục. Ma-ha-nam, đó là những nỗi khổ ở đời sau nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc.

"Ma-ha-nam, Vì vậy nên biết, dục tuyệt đối không có lạc, chỉ có vô lượng khổ hoạn. Đa văn Thánh đệ tử nếu không biết đúng như thật, vị ấy bị dục phủ kín, không đạt được an

18. Xem cht.11, kinh 99.

lạc do xả[19] và vô thượng tịch tĩnh. Ma-ha-nam, Đa văn Thánh đệ tử như vậy sẽ nhân nơi dục mà bị thoái chuyển.

"Ma-ha-nam, Ta biết là dục không có lạc mà chỉ là vô lượng khổ hoạn. Biết như thật rồi, Ma-ha-nam, Ta không bị dục phủ kín, cũng không bị pháp ác quấn chặt. Vì vậy đạt được an lạc do xả và vô thượng tịch tĩnh. Ma-ha-nam, vì vậy Ta không nhân nơi dục mà bị thoái chuyển.

"Ma-ha-nam, một thời, Ta sống tại thành Vương xá, trú trong động Tiên nhân Thất diệp, ở trên núi Bệ-đa-la[20].

"Ma-ha-nam, lúc bấy giờ vào lúc xế trưa, Ta từ chỗ ngồi đứng dậy, đi đến Quảng sơn[21], Ta thấy ở đó có nhiều người Ni-kiền đang tu hạnh không ngồi, thường đứng mà không ngồi, chịu khổ cùng cực. Ta bước đến hỏi: 'Này các Ni-kiền! Vì sao các ông tu hạnh không ngồi này, thường đứng không ngồi, chịu khổ như vậy?' Họ trả lời như vầy, 'Này Cù-đàm, tôi có tôn sư Ni-kiền tên là Thân tử. Ngài dạy tôi rằng: 'Này các Ni-kiền, đời trước ngươi nếu có nghiệp bất thiện, thì nhờ khổ hạnh này ngươi sẽ được hết. Nếu nay giữ gìn diệu hạnh của thân, giữ gìn diệu hạnh của khẩu, của ý, thì sẽ do nhân đó, duyên đó mà không trở lại làm ác, tạo nghiệp bất thiện'.' "Ma-ha-nam, Ta hỏi lại rằng: 'Này các Ni-kiền, các ông tin tưởng tôn sư, không hề nghi ngờ gì cả chăng?' Họ trả lời Ta, "Đúng vậy, Cù-đàm, chúng tôi tin tưởng các đức tôn sư, không hề nghi ngờ gì cả'. Ma-ha-nam, Ta lại hỏi: 'Này Ni-kiền, nếu quả như vậy thì tôn sư Ni-kiền của các ông trước kia đã tạo các nghiệp ác bất thiện rất nặng, vị ấy vốn trước kia là Ni-kiền rồi chết đi, nay sanh vào nhân gian, xuất gia làm Ni-kiền, tu hạnh không ngồi, thường đứng không ngồi, chịu khổ sở như vậy, cũng như bọn các ông và đệ tử các ông vậy'. Họ lại nói với Ta: 'Này Cù-đàm, lạc không nhân nơi lạc, nhưng nhân nơi khổ mới có. Như sự lạc của vua Tần-bệ-sa-la[22] thì Sa-môn Cù-đàm không bằng được'. Ta lại nói: 'Các ông si cuống, nói điều vô nghĩa. Tại sao? Các ông không khéo léo, không hiểu biết gì cả. Mà khi không biết, nên các ông nói, 'Như sự lạc của vua Tần-bệ-sa-la thì Sa-môn Cù-đàm không bằng được'. Này Ni-kiền, đáng lẽ các ông phải hỏi như thế này: 'Tần-bệ-sa-la và Sa-môn Cù-đàm, ai sung sướng hơn?' Này Ni-kiền, nếu như Ta nói rằng: 'Sự lạc của Ta hơn, vua Tần-bệ-sa-la không bằng,' thì này Ni-kiền, các ông có thể nói như vầy, ' Sự lạc của vua Tần-bệ-sa-la, Sa-môn Cù-đàm không bằng'. Các Ni-kiền đó liền nói như vầy, 'Thưa Cù-đàm, nay chúng tôi muốn hỏi Cù-đàm, giữa vua Tần-bệ-sa-la và Sa-môn Cù-đàm, ai sung sướng hơn?' Ta lại nói, 'Này Ni-kiền, Ta nay hỏi ông, tùy theo sự hiểu biết mà trả lời. Này Ni-kiền, ý ông nghĩ sao, vua Tần-bệ-sa-la có đạt được sự tịch mặc vô ngôn như ý, nhân đó mà được hoan hỷ, khoái lạc trong bảy ngày bảy đêm không?' Ni-kiền đáp, 'Không, thưa Cù-đàm'. Ta hỏi, 'Thế có được hoan hỷ, khoái lạc trong vòng sáu, năm,

---

19. Đắc xả lạc -o———C

20. Bệ-đa-la sơn Tiên nhân Thất diệp ốc -@-G——s-P-H-C———CCó lẽ là hang Sattapaṇṇiguhā, dưới chân núi Vebhāra, địa điểm này khác với bản Pāli là núi Gijjhakūṭa. cả hai đều ở trong số năm ngọn núi quanh Rājagahā. No.54: *Thiết-đề-ban-lām-cù-hà*, có thể coi như dịch âm tương đương với Sattapaṇṇiguhā. Bản Pāli: ... viharāmi gijjhakūṭe pabbate... saṃbahulā niganṭhā isigilipasse kāḷasilāyaṃ, Ta trú trên núi Gijjhakūṭa (Linh thứu); có nhiều người Niganṭha sống trong hang Hắc thạch, sườn núi Tiên nhân. Bệ-đa-la sơn, Tiên nhân Thất diệp khốt.

21. Quảng sơn -s-s-Acó lẽ là Vepulla, cao nhất trong năm ngọn núi quanh Rājagahā, địa điểm này cũng khác trong bản Pāli: họ ở trong hang Kaḷasilā trên sườn Isigili, No.54: *Đọa-phu-lu,* có thể coi như dịch âm tương đương Vepulla.

22. Tần-bệ-sa-la -W-@-P——CPāli: Bimbisāra, vua nước Magadha (Ma-kiệt-đà).

bốn, ba, hai hay một ngày một đêm không?' Ni-kiền đáp: 'Không, thưa Cù-đàm'. Ta lại hỏi, 'Này Ni-kiền, Ta có đạt được sự tịch mặc vô ngôn ý, nhân đó mà được hoan hỷ, khoái lạc trong một ngày một đêm không?' Ni-kiền đáp, 'Được, thưa Cù-đàm'. Ta hỏi, 'Thế Ta có được hoan hỷ trong vòng hai, ba, bốn, năm, sáu, cho đến bảy ngày bảy đêm không?'. 'Được, thưa Cù-đàm'. Ta lại hỏi tiếp, 'Này Ni-kiền, ý các ông nghĩ sao, ai sung sướng hơn, vua Tần-bệ-sa-la hay là Ta?' Ni-kiền đáp, 'Thưa Cù-đàm, như chúng tôi hiểu theo sự trình bày của Sa-môn Cù-đàm thì Sa-môn Cù-đàm sung sướng hơn, vua Tần-bệ-sa-la không bằng'.

"Ma-ha-nam, vì vậy nên biết là nơi dục không có lạc, chỉ toàn là khổ hoạn. Nếu Đa văn Thánh đệ tử không thấy như thật, như vậy sẽ bị bao phủ bởi dục, bị quấn chặt bởi pháp ác bất thiện, nên không đạt được an lạc của xả và vô thượng tịch tĩnh. Ma-ha-nam, như vậy Đa văn Thánh đệ tử kia nhân nơi dục mà bị thoái chuyển.

"Ma-ha-nam, Ta biết là nơi dục không có lạc, chỉ toàn là vô lượng khổ hoạn. Ta biết đúng như thật nên không bị dục ngăn che, cũng không bị quấn chặt bởi pháp ác bất thiện. Vì vậy đạt được an lạc của xả và vô thượng tịch tĩnh.

"Ma-ha-nam, vì vậy Ta không nhân nơi dục mà bị thoái chuyển.

Phật thuyết như vậy. Thích Ma-ha-nam và các Tỳ-kheo nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

❑

101. KINH TĂNG THƯỢNG TÂM[1]

Tôi nghe như vầy.

Một thời Đức Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng, vườn Cấp cô độc.

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo rằng:

"Nếu Tỳ-kheo muốn được tăng thượng tâm[2], cần phải thường xuyên suy niệm năm tướng. Thường xuyên niệm năm tướng thì niệm bất thiện đã sanh liền được trừ diệt. Niệm ác diệt rồi, tâm thường an trú, nội tâm được tĩnh chỉ, chuyên nhất, được định tĩnh[3].

"Năm tướng[4] đó là những gì? Tỳ-kheo suy niệm về một tướng tương ưng thiện[5], nếu sanh niệm bất thiện[6], vị Tỳ-kheo đó nhân nơi tướng này lại suy niệm về một tướng khác tương ưng với thiện, khiến niệm ác bất thiện không sanh nữa. Khi vị Tỳ-kheo đó nhân nơi tướng này, lại suy niệm về một tướng khác tương ưng với thiện thì niệm bất thiện đã sanh liền bị trừ diệt. Niệm ác diệt rồi, tâm thường an trú, nội tâm tĩnh chỉ, chuyên nhất, được định tĩnh.

"Cũng như người thợ mộc hay học trò thợ mộc kéo thẳng dây mực, búng lên thân cây rồi dùng rìu bén mà đẽo cho thẳng; Tỳ-kheo cũng vậy, nhân nơi tướng này mà suy niệm một tướng khác tương ưng với thiện, khiến niệm ác bất thiện không sanh nữa. Khi Tỳ-kheo đó nhân nơi tướng này, lại suy niệm một tướng khác tương ưng với thiện, niệm bất thiện đã sanh liền bị trừ diệt. Niệm ác diệt rồi, tâm liền được an trú, bên trong tĩnh chỉ chuyên nhất, đắc định. Nếu Tỳ-kheo muốn được tăng thượng tâm, cần phải luôn luôn suy niệm tướng thứ nhất này. Do suy niệm tướng này, niệm bất thiện đã sanh liền được trừ diệt. Niệm ác diệt rồi, tâm thường an trú, nội tâm tĩnh chỉ, chuyên nhất, được định tĩnh.

"Lại nữa, Tỳ-kheo khi suy niệm về một tướng, tương ưng với thiện, nếu sanh niệm bất thiện, Tỳ-kheo đó quán rằng: "Suy niệm ác này có tai họa[7], suy niệm này là bất thiện, suy niệm này là ám, suy niệm này bị người trí ghét, suy niệm này nếu đầy đủ thì không thể chứng đắc trí thông[8], không chứng đắc giác đạo, không chứng đắc Niết-bàn, vì nó khiến sanh niệm ác bất thiện'. Vị Tỳ-kheo đó quán sự ác như vậy, niệm bất thiện sanh khởi liền bị trừ diệt. Niệm ác diệt rồi liền tâm thường an trú, nội tâm tĩnh chỉ, chuyên nhất, đắc định.

---

1. Tương đương Pāli, M. 20. Vitakkasanthānasuttaṃ.
2. Tăng thượng tâm ▪W▪W▬▬C Pāli: adhicittam.
3. Pāli: ajjhattam eva cittam santiṭṭhati sannisīdati ekodhi hoti samādhiyati.
4. Ngũ tướng ▬▬▬C Pāli: pañca nimittāni.
5. Pāli: yaṃ nimittaṃ manasākaroto, khi tác ý nơi một tướng (nào đó).
6. Pāli: upapajjanti pāpakā akusalā vitakkā chandūpasamhitāpi..., sanh khởi những ác bất thiện tầm liên hệ đến dục...
7. Pāli: tesaṃ vitakkānaṃ ādīnavo uparikkhitabbo: itipime vitakkā akusalā... sāvajjā... Dukkhavipākā ti, cần quán sát sự tai hại của các tầm nay: tầm này là bất thiện, là bị chỉ trích, là có kết quả khổ.
8. Thông▪q▪A chỉ thắng trí, tức lục thông.

"Như có người thiếu niên đẹp trai, khả ái, tắm gội sạch sẽ, mặc y phục đẹp đẽ, lấy hương xoa khắp thân, cạo sửa râu tóc khiến rất tinh khiết. Nếu lấy xác rắn, xác chó, hoặc xác người đã thâm xanh, sình chướng, thối rữa, chảy nước dơ, đeo tròng vào cổ người ấy, người ấy liền ghét sự dơ bẩn nên không hỷ, không lạc. Tỳ-kheo cũng vậy, Tỳ-kheo quán rằng 'Niệm ác này có tai họa, niệm này không thiện, niệm này là ác, niệm này người trí ghét. Nếu đầy đủ niệm này thì không thể chứng đắc trí thông, không chứng đắc giác đạo, không chứng đắc Niết-bàn vì nó khiến sanh niệm ác bất thiện'. Tỳ-kheo đã quán sự ác như vậy, niệm bất thiện đã sanh liền trừ diệt. Niệm ác diệt rồi, tâm thường an trú, nội tâm tĩnh chỉ, chuyên nhất, đắc định. Nếu Tỳ-kheo muốn được tăng thượng tâm, cần phải luôn luôn niệm tướng thứ hai này. Khi niệm về tướng này thì niệm bất thiện đã sanh liền bị trừ diệt. Niệm ác diệt rồi, tâm thường an trú, nội tâm tĩnh chỉ, chuyên nhất, đắc định.

"Lại nữa, Tỳ-kheo khi suy niệm về một tướng tương ưng với thiện mà sanh niệm bất thiện, và khi quán niệm ác có tai họa mà lại sanh niệm bất thiện nữa, Tỳ-kheo đó không nên suy niệm về niệm này, vì nó khiến sanh niệm ác bất thiện. Tỳ-kheo đó không suy niệm về niệm này nữa thì niệm bất thiện đã sanh liền được trừ diệt. Niệm ác diệt rồi, tâm thường an trụ, nội tâm tĩnh chỉ, chuyên nhất, đắc định.

"Như người có mắt, cảnh sắc nằm trong ánh sáng nhưng không muốn nhìn. Người đó hoặc nhắm mắt, hoặc lánh thân đi, ý các ngươi nghĩ sao, cảnh sắc nằm trong ánh sáng, người đó có thể cảm nhận được tướng dạng của sắc không?"

Đáp rằng:

"Thưa không."

"Tỳ-kheo cũng vậy, không nên suy niệm về niệm này, vì nó khiến sanh niệm ác bất thiện. Khi vị Tỳ-kheo đó không suy niệm về niệm này nữa, niệm bất thiện đã sanh liền bị trừ diệt. Niệm ác diệt rồi, tâm thường an trú, nội tâm tĩnh chỉ, chuyên nhất, đắc định. Nếu Tỳ-kheo muốn được tăng thượng tâm, cần phải luôn luôn suy niệm tướng thứ ba này. Suy niệm về tướng này thì niệm bất thiện đã sanh liền bị trừ diệt. Niệm ác diệt rồi, tâm thường an trú, nội tâm tĩnh chỉ, chuyên nhất, đắc định.

"Lại nữa, Tỳ-kheo khi suy niệm về một tướng tương ưng với thiện mà sanh niệm bất thiện, khi quán niệm ác có tai họa cũng sanh niệm bất thiện, và trong khi không suy niệm về niệm đó nữa cũng lại sanh niệm bất thiện; vị Tỳ-kheo đó vì niệm này, phải dùng hành tướng của tư duy để giảm dần niệm ấy[9], khiến không sanh niệm ác bất thiện. Khi đối với niệm này, Tỳ-kheo đó phải dùng hành tướng tư duy để giảm dần niệm ấy thì niệm bất thiện đã sanh liền bị trừ diệt. Niệm ác diệt rồi, tâm thường an trú, nội tâm tĩnh chỉ, chuyên nhất, đắc định.

"Như có người đi đường, bước nhanh trên đường, người đó nghĩ rằng: 'Tại sao ta đi nhanh? Giờ ta hãy đi chậm được chăng?' Người đó liền đi chậm lại, nhưng rồi lại nghĩ: 'Tại sao ta đi chậm mà chẳng đứng lại?' Người đó liền đứng lại, nhưng rồi lại nghĩ: 'Tại sao ta lại đứng? Ta ngồi xuống được chăng?' Người đó liền ngồi xuống, nhưng rồi lại nghĩ: 'Tại sao ta lại ngồi? Ta nằm xuống được chăng?' Người đó liền nằm xuống. Như vậy là người đó đang thực hành pháp đình chỉ dần dần hành tướng thô của thân. Nên biết, Tỳ-kheo cũng giống như thế. Đối với niệm này, Tỳ-kheo đó phải dùng hành tướng của tư duy mà giảm dần niệm ấy để không sanh niệm ác bất thiện. Khi đối với niệm này, Tỳ-kheo đó

---

9. Dĩ tư hành tiệm giảm kỳ niệm. Pāli: tesam vitakkānaṃ vitakkasaṅkhāra- saṇṭhānaṃ manāsikaroto, tác ý đến tư thái và tác động của tầm đối với các tầm ấy.

phải dùng hành tướng của tư duy, giảm dần niệm ấy, thì niệm bất thiện đã sanh liền bị trừ diệt, niệm ác diệt rồi, tâm liền được an trú, bên trong tĩnh chỉ, chuyên nhất, đắc định. Nếu Tỳ-kheo muốn được tăng thượng tâm, cần phải suy niệm luôn luôn tướng thứ tư này. Suy niệm tướng này thì niệm bất thiện đã sanh liền bị trừ diệt. Niệm ác diệt rồi, tâm liền được an trú, nội tâm tĩnh chỉ, chuyên nhất, đắc định.

"Lại nữa, Tỳ-kheo khi suy niệm về một tướng, tương ưng với thiện mà sanh niệm bất thiện, khi quán niệm ác có tai họa mà cũng sanh niệm bất thiện, khi không suy niệm về niệm ác cũng sanh tiếp niệm bất thiện, và khi phải dùng hành tướng của tư duy để giảm dần niệm ấy, cũng lại sanh tiếp về niệm bất thiện nữa; Tỳ-kheo đó nên quán như vầy. Tỳ-kheo, vì nhân niệm này mà sanh niệm bất thiện, Tỳ-kheo đó liền ngậm khít răng lại, lưỡi ấn lên khẩu cái, dùng tâm để tu tâm, giữ chặt tâm và hàng phục tâm[10], khiến không niệm ác bất thiện.

"Khi vị Tỳ-kheo đó dùng tâm tu tâm, giữ chặt tâm và hàng phục tâm thì niệm bất thiện đã sanh liền được trừ diệt. Niệm ác diệt rồi, tâm liền được an trú, nội tâm tĩnh chỉ, chuyên nhất, đắc định. Như hai lực sĩ bắt một người yếu, nắm vững và hàng phục nó, Tỳ-kheo cũng vậy, răng ngậm khít lại, lưỡi ấn lên khẩu cái, dùng tâm tu tâm, giữ chặt tâm và hàng phục tâm để không sanh niệm ác bất thiện. Khi vị Tỳ-kheo đó dùng tâm tu tâm, giữ chặt tâm và hàng phục tâm thì niệm bất thiện đã sanh liền bị trừ diệt. Niệm ác diệt rồi, tâm liền được an trú, bên trong tĩnh chỉ, chuyên nhất, đắc định. Nếu Tỳ-kheo muốn được tăng tượng tâm, cần phải luôn luôn suy niệm tướng thứ năm này. Suy niệm tướng này thì niệm bất thiện đã sanh liền được trừ diệt. Niệm ác diệt rồi, tâm liền được an trú, nội tâm tĩnh chỉ, chuyên nhất, đắc định.

"Nếu Tỳ-kheo muốn được tăng thượng tâm thì cần phải luôn luôn suy niệm năm tướng này. Luôn luôn suy niệm năm tướng thì niệm bất thiện đã sanh liền bị trừ diệt. Niệm ác diệt rồi, tâm liền được an trú, nội tâm tĩnh chỉ, chuyên nhất, đắc định.

"Nếu Tỳ-kheo khi suy niệm về một tướng tương ưng với thiện mà không sanh niệm ác, khi quán niệm ác có tai họa cũng không sanh niệm ác, khi không suy niệm về niệm đó cũng không sanh niệm ác, khi dùng hành tướng của tư duy để giảm dần niệm ấy cũng không sanh niệm ác, và khi dùng tâm tu tâm, giữ chặt tâm và hàng phục tâm cũng lại không sanh niệm ác nữa, thì liền được tự tại, muốn suy niệm thì suy niệm, không suy niệm thì không suy niệm.

Nếu Tỳ-kheo muốn niệm thì niệm, không muốn niệm thì không niệm, thì đó là Tỳ-kheo đã được tùy ý trong cái suy niệm, tự tại trong các đạo tích suy niệm[11].

Đức Phật thuyết như vậy, các Tỳ-kheo ấy sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

❑

---

10. Pāli: cetasā cittaṃ abhiniggaṇhaitabbaṃ abhinippīletabbaṃ abhisantāpe- tabbaṃ, bằng tâm mà khống chế tâm, trấn áp tâm, khuất phục tâm.

11. Tự tại chư niệm tích ——b————c Pāli: bhikkhu vasī vitakkapariyāyapathesu, Tỳ-kheo ấy là người tự chủ trên những con đường dẫn đến pháp chiêm nghiệm (tầm pháp môn đạo).

102. KINH NIỆM[1]

Tôi nghe như vầy.

Một thời Đức Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng, vườn Cấp cô độc.

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo rằng:

"Thuở xưa, khi chưa chứng quả giác ngộ Vô thượng chánh tận, Ta nghĩ rằng: 'Ta hãy chia các suy niệm[2] làm hai phần, niệm dục, niệm nhuế, niệm hại[3] làm một phần. Niệm vô dục, niệm vô nhuế, niệm vô hại, làm một phần khác[4].'

"Sau đó, Ta liền chia các niệm làm hai phần, niệm dục, niệm nhuế, niệm hại, làm một phần. Niệm vô dục, niệm vô nhuế, niệm vô hại, làm một phần khác.

"Ta thực hành như vầy. Sống viễn ly, cô độc, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn. Nếu sanh niệm dục, Ta liền biết là đang sanh niệm dục, hại mình, hại người, hại cả hai, diệt trí tuệ, nhiều phiền nhọc, không chứng đắc Niết-bàn. Biết rằng, hại mình, hại người, hại cả hai, diệt trí tuệ, nhiều phiền nhọc, không chứng đắc Niết-bàn, nó liền tiêu diệt nhanh chóng.

"Nếu lại sanh niệm nhuế, niệm hại, Ta liền biết là đang sanh niệm nhuế, niệm hại, hại mình, hại người, hại cả hai, diệt trí tuệ, nhiều phiền nhọc, không chứng đắc Niết-bàn. Biết rằng, hại mình, hại người, hại cả hai, diệt trí tuệ, nhiều phiền nhọc, không chứng đắc Niết-bàn, nó liền được tiêu diệt nhanh chóng.

"Khi sanh niệm dục, Ta không thọ nhận, mà đoạn trừ, loại trừ, tống khứ; sanh niệm nhuế, niệm hại cũng không thọ nhận, mà đoạn trừ, loại trừ, tống khứ. Vì sao vậy? Vì Ta thấy rằng, nhân nơi đó mà sanh vô lượng pháp ác bất thiện. Ví như vào tháng cuối xuân, vì đã trồng lúa nên đất thả bò không được rộng. Người chăn bò thả bò nơi đầm ruộng, bò vào đất người, nó liền cầm roi đến ngăn lại. Vì sao vậy? Vì người chăn bò biết rằng nhân nơi đó mà có lỗi lầm là sẽ bị chửi, bị đánh, bị trói. Do đó, chăn bò cầm roi đến ngăn lại. Ta cũng như vậy, sanh niệm dục, không thọ nhận, mà đoạn trừ, loại trừ, tống khứ. Sanh niệm nhuế, niệm hại cũng không thọ nhận, mà đoạn trừ, loại trừ, tống khứ. Vì sao vậy? Vì Ta thấy nhân nơi đó mà sanh vô lượng pháp ác bất thiện.

"Tỳ-kheo tùy theo sự tư duy, tùy theo sự suy niệm của mình mà tâm sanh ham thích trong đó.[5]

---

1. Tương đương Pāli: M.19. Dvedhāvitakka-suttaṃ.
2. Niệm—, hoặc gọi là tầm, tức là chú tâm tìm bắt đối tượng của tư duy. Cũng là một thiền chi, thuộc Sơ thiền, mà bản Hán này thường dịch là: giác——C Pāli: vitakka.
3. Dục niệm, nhuế niệm, hại niệm ———A-}——A-`——R ba bất thiện tầm. Pāli: tayo akusala-vitakkā, kāma-vitakko, vyāpāda-vitakko, vihiṃsa-vitakko.
4. Ba thiện tầm. Pāli: tayo kusala-vitakkā.
5. Hán: ——K———F tâm tiện lạc trung. Yaññadeva... Bahulam anuvitakketi anuvicāreti tathā tathā nati hoti cetaso, tầm và tứ hướng nhiều về nơi nào thì tâm cũng thiên hướng về nơi đó.

"Nếu Tỳ-kheo tư niệm quá nhiều về dục, tất sẽ bỏ niệm vô dục; vì tư niệm nhiều về dục cho nên tâm sanh ham thích trong đó. Nếu Tỳ-kheo tư niệm quá nhiều về niệm nhuế, niệm hại, tất sẽ xả bỏ niệm vô nhuế và niệm vô hại. Vì tư niệm quá nhiều về niệm nhuế và niệm hại nên tâm sanh ham thích trong đó. Tỳ-kheo như vậy, nếu không lìa được dục, không lìa được niệm nhuế và niệm hại, sẽ không thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết, ưu sầu, khóc lóc, cũng không thể xa lìa khỏi tất cả mọi sự khổ.

"Ta thực hành như vậy. Sống viễn ly, cô độc, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn. Nếu sanh niệm vô dục, Ta biết liền là đang sanh niệm vô dục, không hại mình, không hại người, không hại cả hai, tu trí tuệ, không phiền nhọc mà chứng đắc Niết-bàn. Biết rằng, không hại mình, không hại người, không hại cả hai, tu trí tuệ không phiền nhọc mà chứng đắc Niết-bàn, liền được tu tập nhanh chóng và rộng rãi. Nếu lại sanh niệm vô nhuế, niệm vô hại, Ta liền biết là đang sanh niệm vô nhuế, niệm vô hại, sẽ không hại mình, không hại người, không hại cả hai, tu trí tuệ không phiền nhọc mà chứng đắc Niết-bàn. Biết rằng, không hại mình, không hại người, không hại cả hai, tu trí tuệ không phiền nhọc mà chứng đắc Niết-bàn, liền được tu tập nhanh chóng và rộng rãi.

"Ta sanh niệm vô dục, và tư niệm nhiều. Sanh niệm vô nhuế, niệm vô hại, và tư niệm nhiều. Ta lại suy nghĩ như vầy: 'Nếu tư niệm quá nhiều thì thân mệt[6], mất hỷ, tâm liền bị tổn hại. Ta hãy đối trị nội tâm, khiến thường an trú bên trong, tĩnh chỉ, chuyên nhất, đắc định để tâm không bị tổn hại'. Sau đó, Ta liền đối trị nội tâm, khiến thường an trú bên trong, tĩnh chỉ, chuyên nhất, đắc định mà tâm không bị tổn hại.

"Ta đã sanh khởi niệm vô dục, rồi lại sanh khởi suy niệm về hướng pháp, thứ pháp[7], sanh khởi niệm vô nhuế, niệm vô hại, rồi lại cũng sanh khởi suy niệm về hướng pháp, thứ pháp. Vì sao vậy? Vì Ta không thấy nhân nơi đó mà sanh vô lượng pháp ác bất thiện. Ví như vào tháng cuối thu, đã gặt hết lúa, khi đó đứa chăn bò thả bò nơi đồng ruộng mà nghĩ rằng: 'Bò ta ở trong bầy'. Vì sao vậy? Vì đứa chăn bò không thấy rằng nhân nơi đó mà có lỗi lầm là sẽ bị chửi, bị đánh, bị trói. Do đó đứa chăn bò nghĩ 'Bò ta ở trong bầy' và không thấy rằng nhân nơi đó mà có lỗi lầm là sẽ bị chửi, bị đánh, bị trói, có mất mát. Ta cũng như vậy, sanh niệm vô dục rồi lại sanh niệm hướng pháp, thứ pháp, sanh niệm vô nhuế, niệm vô hại, rồi lại cũng sanh niệm hướng pháp, thứ pháp. Vì sao vậy? Vì Ta không thấy nhân nơi đó mà sanh vô lượng pháp ác bất thiện.

"Tỳ-kheo tùy sự tư duy, tùy sự suy niệm mà tâm ham thích trong đó. Nếu Tỳ-kheo tư niệm nhiều về niệm vô dục thì sẽ xả bỏ niệm dục; vì tư niệm nhiều về niệm vô dục nên tâm ham thích trong đó. Nếu Tỳ-kheo tư niệm nhiều về niệm vô nhuế, niệm vô hại thì sẽ xả bỏ niệm nhuế, niệm hại vì tư niệm nhiều về niệm vô nhuế, niệm vô hại nên ham thích trong đó. Tỳ-kheo giác quán[8] đã dứt, nội tĩnh nhất tâm, không giác không quán, định sanh hỷ lạc, chứng đệ Nhị thiền, thành tựu và an trụ. Tỳ-kheo đó ly hỷ dục, an trú xả, vô cầu, chánh niệm chánh trí mà thân cảm giác lạc, điều mà bậc Thánh gọi là Thánh xả, niệm, an trú lạc, chứng đắc đệ Tam thiền, thành tựu an trụ. Tỳ-kheo diệt lạc, diệt khổ, diệt ưu hỷ vốn đã có, rồi thì không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh, chứng đệ Tứ thiền, thành tựu

---

6. Để bản chép: thân *định* hỷ vong ▬▬w▬▬`▬F Tống-Nguyên-Minh: thân *chi* hỷ vong ▬▬▬▬`▬C Có thể nhầm cả; nên sửa lại: thân *phạp*, hỷ vong ▬▬F▬▬`▬C Đối chiếu Pāli: aticiraṃ anuvitakkayato... kāyo kilameyya; kāye kilante cittaṃ ūhañuñeyya: suy tầm quá lâu, thân có thể sinh mệt. Khi thân mỏi mệt, tâm loạn động.

7. Hướng pháp thứ pháp ▬V▬k▬▬k▬A tức thực hành pháp tùy pháp; xem cht. kinh. Bản Pāli không đề cập.

8 Giác quán, tức là tư và niệm đã nói trên.

an trụ.

"Như vậy, Tỳ-kheo định tâm, thanh tịnh, không ô uế, không phiền não, nhu nhuyến, khéo an trụ, chứng đắc tâm bất động, hướng đến quả vị lậu tận, tự thân chứng ngộ trí thông, liền biết như thật rằng 'Đây là Khổ', 'Đây là Khổ tập', 'Đây là Khổ diệt', 'Đây là Khổ diệt đạo'. Cũng biết như thật đây là lậu diệt và đây là lậu diệt đạo. Tỳ-kheo đã biết như vậy, thấy như vậy rồi thì tâm giải thoát dục lậu, tâm giải thoát hữu lậu, vô minh lậu. Giải thoát rồi biết mình đã giải thoát, biết đúng như thật rằng 'Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa'.

"Khi Tỳ-kheo này đã lìa niệm dục, lìa niệm nhuế, lìa niệm hại thì được giải thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết, buồn lo, khóc lóc, lìa tất cả khổ. Ví như ở một khu rừng có suối nước lớn, có bầy nai nọ đến đó rong chơi. Có một người đến, không muốn vì sự lợi ích phước lành cho bầy nai đó, vì không muốn sự an ổn khoái lạc cho chúng, liền bít con đường chánh, mở con đường hiểm, đào hầm hố lớn rồi cho người coi giữ. Như vậy là tất cả bầy nai đều bị chết hết. Lại có một người khác đến, muốn cho bầy nai kia được lợi ích phước lành, được an ổn khoái lạc, liền mở con đường chánh, bít lấp con đường hiểm, đuổi người coi giữ. Như vậy, bầy nai được cứu thoát an ổn.

"Này các Tỳ-kheo, nên biết Ta nói ví dụ này là muốn để các ngươi biết rõ ý nghĩa, người trí tuệ nghe ví dụ này sẽ hiểu rõ ý thú. Ví dụ đó có nghĩa như vầy. Suối nước lớn là năm dục, ái niệm, hoan lạc. Những gì là năm? Sắc được biết bởi mắt, tiếng được biết bởi tai, hương được biết bởi mũi, lưỡi vị được biết bởi lưỡi và xúc được biết bởi thân. Suối nước lớn nên biết đó là năm thứ dục lạc. Bầy nai, nên biết đó là Sa-môn, Phạm chí. Người đi đến không muốn cho bầy nai kia được lợi ích và phước lành, được an ổn khoái lạc, nên biết đó là ma Ba-tuần. Bít con đường chánh, mở một đường hiểm, đó là ba niệm ác bất thiện, niệm dục, niệm nhuế và niệm hại. Đường hiểm, nên biết đó là niệm ác bất thiện. Lại có con đường hiểm, đó là tám tà đạo, tà kiến và tà định. Đào hầm lớn, nên biết đó là vô minh. Người coi giữ, nên biết đó là quyến thuộc của ma Ba-tuần. Còn người đi đến, muốn cho bầy nai được lợi ích và phước lành, được an ổn khoái lạc, nên biết đó chính là Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác. Bít lấp con đường hiểm, mở con đường chánh, đó là ba niệm thiện, niệm vô dục, niệm vô nhuế và niệm vô hại. Đường chánh, nên biết đó là ba niệm thiện. Lại còn có con đường chánh, đó là Bát chánh đạo, từ chánh kiến cho đến chánh định.

"Này các Tỳ-kheo, Ta đã mở con đường chánh, bít lấp con đường hiểm, san bằng hầm hố, đuổi người coi giữ cho các ngươi rồi. Ví như đấng Tôn sư thương yêu đệ tử, phát khởi lòng đại từ đại bi, mong muốn cho được lợi ích và phước lành, được an ổn khoái lạc. Điều đó Ta đã thực hiện rồi, các ngươi cũng phải tự mình thực hiện. Hãy đến chỗ vô sự, núi rừng, gốc cây, hoặc chỗ nào yên tĩnh mà thiền tọa tư duy, chớ nên phóng dật. Hãy chuyên cần tinh tấn, đừng để về sau phải hối hận. Đó là lời răn dạy của Ta. Đó là lời khuyên bảo của Ta".

Phật thuyết như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

❑

103. KINH SƯ TỬ HỐNG[1]

Tôi nghe như vầy.

Một thời Đức Phật du hóa tại Câu-lâu-sấu, ở Kiếm-ma-sắt-đàm. một đô ấp của Câu-lâu[2].

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo rằng:

"Ở đây[3] có Sa-môn thứ nhất, thứ hai, thứ ba, Sa-môn thứ tư. Ngoài đây ra[4] không có Sa-môn, Phạm chí; Dị học hoàn toàn không có[5] Sa-môn, Phạm chí. Trong bất cứ chúng hội, các ngươi hãy chân chánh rống tiếng rống như sư tử vậy.

"Này các Tỳ-kheo, nếu có người Dị học đến hỏi các ngươi, 'Này chư Hiền, các ông có hành gì, lực gì, trí gì mà các ông nói như vầy: 'Ở đây có Sa-môn thứ nhất, thứ hai, thứ ba, Sa-môn thứ tư. Ngoài đây ra không có Sa-môn, Phạm chí; Dị học hoàn toàn không có Sa-môn, Phạm chí'. Trong bất cứ chúng hội các ông đều chân chánh rống tiếng rống sư tử như vậy?".

"Này các Tỳ-kheo, các ngươi nên trả lời Dị học ấy như vầy: 'Này chư Hiền, Đức Thế Tôn của tôi là bậc có trí, có kiến; là Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, thuyết giảng bốn pháp. Nhân nơi bốn pháp này mà chúng tôi nói như vầy: 'Ở đây có Sa-môn thứ nhất, thứ hai, thứ ba, Sa-môn thứ tư. Ngoài đây ra không có Sa-môn, Phạm chí; Dị học hoàn toàn không có Sa-môn, Phạm chí. Trong bất cứ chúng hội mà chúng tôi đều chân chánh rống tiếng rống sư tử như vậy.'

"Bốn pháp đó là những gì? Này chư Hiền, chúng tôi tin tưởng Đấng Tôn Sư, tin Pháp, tin sự thành mãn của giới đức[6], đồng đạo có ái kính, có phụng sự chân thành[7].

"Này chư Hiền, Đức Thế Tôn của chúng tôi là bậc có trí, có kiến, là Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, thuyết giảng bốn pháp này. Nhân bốn pháp này mà chúng tôi nói như vầy: 'Ở đây có Sa-môn thứ nhất, thứ hai, thứ ba, Sa-môn thứ tư. Ngoài ra không có Sa-môn, Phạm chí; Dị học hoàn toàn không có Sa-môn, Phạm chí. Trong bất cứ chúng hội chúng tôi đều chân chánh rống tiếng rống sư tử như vậy.'

"Này các Tỳ-kheo, nếu Dị học cũng có thể lại nói: 'Này chư Hiền, chúng tôi cũng tin đấng Tôn sư, tức Tôn sư của chúng tôi; tin pháp, tức pháp của chúng tôi; tin sự thành mãn của giới đức, tức giới của chúng tôi; cũng ái kính bạn đồng đạo, phụng sự chân thành,

---

1. Tương đương Pāli, M.11 Cūla-Sīhanāda-suttaṃ.
2. Xem chú thích kinh 97 trên. Bản Pāli nói Phật ở tại Sāvatthi.
3. *Thử trung,* tức chỉ trong Chánh pháp của Phật. Pāli: idheva, chỉ ở đây.
4. *Thử ngoại*, tức ngoài Phật pháp. Pāli: parappavāda, ngoại đạo.
5. Dị học không vô ————L–C Pāli: suññā parappavādā, các học thuyết khác trống rỗng, không có...
6. Tín giới đức cụ túc. Pāli: atthi sīlesu paripūrakāritā, tin có những sự thành mãn trong các giới đức.
7. Ái kính đồng đạo, cung khác phụng sự ·–R–q –P–D————^——C Pāli: sahadhammikā kho pana piyā manāpā, những người cùng theo một giáo pháp thương yêu nhau, mến mộ nhau.

là bạn đồng đạo xuất gia và tại gia của chúng tôi. Này chư Hiền, giữa hai lời nói này, của Sa-môn Cù-đàm và của chúng tôi, có gì hơn chăng? Có ý gì chăng? Có sai biệt gì chăng?' Thì này các Tỳ-kheo, các ngươi nên hỏi Dị học như vầy: 'Này chư Hiền, cứu cánh là một hay cứu cánh là nhiều?' Này các Tỳ-kheo, nếu Dị học trả lời như vầy: 'Này chư Hiền, cứu cánh chỉ có một, cứu cánh không có nhiều'. Thì này các Tỳ-kheo, các ông hỏi tiếp Dị học: 'Này chư Hiền, người có dục mà được cứu cánh, hay người không có dục mới được cứu cánh?'Này các Tỳ-kheo, nếu Dị học trả lời như vầy, 'Này chư Hiền, người không có dục mới được cứu cánh, không phải người có dục mà được cứu cánh'.

Thì này các Tỳ-kheo, các ngươi hãy hỏi tiếp Dị học, 'Này chư Hiền, người có nhuế mà được cứu cánh, hay người không có nhuế mà được cứu cánh?' Này các Tỳ-kheo, nếu Dị học trả lời như vầy: 'Này chư Hiền, người không có nhuế mà được cứu cánh, không phải người có nhuế mà được cứu cánh'. Này các Tỳ-kheo, các ngươi hãy hỏi tiếp Dị học: 'Này chư Hiền, người có si mà được cứu cánh hay người không có si mà được cứu cánh?' Này các Tỳ-kheo, nếu Dị học trả lời như vầy: 'Này chư Hiền, người không có si mà được cứu cánh, không phải người có si mà được cứu cánh'. Thì này các Tỳ-kheo, các ngươi hãy hỏi tiếp Dị học: 'Này chư Hiền, người có ái, có thủ[8] mà được cứu cánh, hay người không có ái, không có thủ mà được cứu cánh?' Này các Tỳ-kheo, nếu Dị học trả lời như vầy: 'Này chư Hiền, người không có ái, không có thủ mà được cứu cánh, không phải người có ái, có thủ mà được cứu cánh'. Thì này các Tỳ-kheo, các ngươi hãy hỏi tiếp Dị học: 'Này chư Hiền, người không có tuệ[9], không có thuyết tuệ[10] mà được cứu cánh, hay người có tuệ, có thuyết giảng tuệ mà được cứu cánh?' Này các Tỳ-kheo, nếu Dị học trả lời như vầy: 'Này chư Hiền, người có tuệ, có thuyết tuệ mà được cứu cánh; không phải người không có tuệ, không thuyết tuệ mà được cứu cánh'. Thì này các Tỳ-kheo, các ngươi hãy hỏi tiếp Dị học: 'Này chư Hiền, người có tắng, có tránh[11] mà được cứu cánh, hay người không có tắng có tránh mà được cứu cánh?' Này các Tỳ-kheo, nếu Dị học trả lời như vầy: 'Này chư Hiền, người không có tắng, không có tránh mà được cứu cánh; không phải người có tắng có tránh mà được cứu cánh'. Thì này các Tỳ-kheo, các ngươi hãy nói với Dị học như vầy: 'Này chư Hiền, như vậy là các ông nói có một cứu cánh, không phải nhiều cứu cánh.

"Người không có dục mà được cứu cánh, không phải người có dục mà được cứu cánh. Người không có nhuế mà được cứu cánh, không phải người có nhuế mà được cứu cánh. Người không có si mà được cứu cánh, không phải người có si mà được cứu cánh. Người không có ái, không có thủ được cứu cánh, không phải người có ái, có thủ mà được cứu cánh. Người có tuệ, có thuyết tuệ mà được cứu cánh; không phải người không có tuệ, không có thuyết tuệ mà được cứu cánh. Người không có tắng, không có tránh mà được cứu cánh; không phải người có tắng, có tránh mà được cứu cánh.

"Nếu có Sa-môn, Phạm chí nương nơi vô lượng kiến, vị đó nhất định nương nơi hai kiến, hữu kiến và vô kiến[12]. Nếu nương nơi hữu kiến, vị đó liền bám dính hữu kiến, nương cậy nơi hữu kiến, y trụ nơi hữu kiến và tắng, tránh với vô kiến[13]. Nếu nương nơi vô kiến,

---

8. Ái và thọ -R——Atức ái và thủ trong mười hai chi duyên khởi. Pāli: sa-taṇhā, sa-upādāna.
9. Tuệ -z-F Pāli: viddasu, có hiểu biết, hiền minh, thức giả.
10. Thuyết tuệ ——z-Achưa rõ nghĩa.
11. Tắng và tránh ———Fghét và gây gỗ; hay ác cảm và hay gây sự. Pāli: anuruddha-paṭiviruddha (thuận tùng và phản đối)?
12. Hữu kiến, vô kiến ———-L——C Pāli: bhava-diṭṭhi, vibhava-diṭṭhi.
13. Tắng tránh vô kiến ———-L——C Pāli: vibhavadiṭṭhiyā te paṭiviruddhā, chúng phản đối quan điểm phi hữu.

vị đó liền bám dính vô kiến, nương cậy nơi vô kiến mà tắng tránh với hữu kiến.

"Nếu có Sa-môn, Phạm chí không biết một cách như thật về nhân, về tập, về diệt, về tận, vị ngọt, tai hoạn và sự xuất yếu[14], vị đó nhất định có dục, có nhuế, có si, có ái, có thủ, không có tuệ, không có thuyết tuệ, có tắng, có tránh; vị đó không lìa khỏi sanh, già, bệnh, chết, cũng không thể thoát khỏi sự buồn rầu, kêu khóc, lo khổ, áo não, không chứng đắc khổ biên.

"Nếu có Sa-môn, Phạm chí đối với những loại kiến này mà biết một cách như thật về tập, về diệt, về tận, vị ngọt, sự tai hoạn và sự xuất yếu, vị đó nhất định không có dục, không có nhuế, không có si, không có ái, không có thủ, có tuệ, có thuyết tuệ, không có tắng, không có tránh, vị đó lìa khỏi sanh, già, bệnh, chết, cũng có thể thoát khỏi sự buồn rầu, kêu khóc, lo khổ, áo não, vượt khỏi bờ khổ.

"Hoặc có Sa-môn, Phạm chí chủ trương đoạn trừ thủ, nhưng không chủ trương đoạn trừ tất cả thủ; chỉ chủ trương đoạn trừ dục thủ mà không chủ trương đoạn trừ giới thủ, kiến thủ, ngã thủ[15]. Vì sao vậy? Vì Sa-môn, Phạm chí đó không biết đúng như thật về ba xứ[16]. Do đó, vị ấy chủ trương đoạn trừ thủ, nhưng không chủ trương đoạn trừ tất cả thủ.

"Lại có Sa-môn, Phạm chí chủ trương đoạn trừ thủ, nhưng không chủ trương đoạn trừ tất cả thủ; chỉ chủ trương đoạn trừ dục thủ, giới thủ, mà không chủ trương đoạn trừ kiến thủ, ngã thủ. Vì sao vậy? Vì Sa-môn, Phạm chí đó không biết đúng như thật về hai xứ. Do đó, vị ấy tuy đoạn trừ thủ nhưng không chủ trương đoạn trừ tất cả thủ.

"Lại có Sa-môn, Phạm chí chủ trương đoạn trừ thủ nhưng không chủ trương đoạn trừ tất cả thủ; chỉ chủ trương đoạn trừ dục thủ, giới thủ, kiến thủ mà không chủ trương đoạn trừ ngã thủ. Vì sao vậy? Vị Sa-môn, Phạm chí đó không biết đúng như thật về một xứ. Do đó vị ấy chủ trương đoạn trừ thủ nhưng không chủ trương đoạn trừ tất cả thủ.

"Đối với pháp luật như vậy, người nào tin đấng Tôn sư, người đó không phải là chân chánh, không phải là thứ nhất. Nếu tin pháp, cũng không phải là chân chánh, không phải là hạng thứ nhất. Nếu ái kính bạn đồng đạo, chân thành phụng sự, cũng không phải chân chánh, không phải hạng thứ nhất.

"Nếu có Đức Như Lai ra đời, là Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, gọi là Phật, là Đấng Chúng Hựu, Ngài cũng chủ trương đoạn trừ thủ. Ngay trong đời này, Ngài chủ trương đoạn trừ tất cả thủ, thi hành đoạn trừ dục thủ, giới thủ, kiến thủ, ngã thủ. Bốn thủ này nhân nơi đâu? Tập khởi do đâu? Phát sinh từ đâu? Lấy gì làm gốc? Nếu thọ này nhân nơi vô minh, phát sanh từ vô minh, lấy vô minh làm gốc, nếu có Tỳ-kheo vô minh đã diệt tận, minh tuệ đã phát sanh, vị đó từ đây không còn trở lại chấp thủ dục, chấp thủ giới, chấp thủ kiến và chấp thủ ngã nữa. Vị đó đã không chấp thủ rồi thì không còn lo sợ. Đã không lo sợ nên đoạn trừ nhân duyên, chắc chắn chứng đắc Niết-bàn và biết đúng như thật rằng 'Sự sanh đã hết, phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh'.

"Trong Pháp luật chân chánh như vậy, nếu người nào tin Đấng Tôn Sư thì đó là

---

14. Bảy khía cạnh của vấn đề, Hán: nhân, tập, diệt, tận, vị, hoạn, xuất yếu ‒]‒‒‒‒‒w‒X‒n‒C Pāli, chỉ kể sáu: sanudaya (tập khởi), atthaṅgama (hoại diệt), assāda (vị ngọt), ādīnava (tai hại), nissaraṇa (sự thoát ly).

15. Bốn thọ, tức bốn thủ: dục, giới, kiến và ngã. Pāli: cattāri upādāni, kāmupādānaṃ (dục thủ), diṭṭhupādānaṃ (kiến thủ), sīlabbatupādānaṃ (giới cấm thủ), attavādupādānaṃ (ngã ngữ thủ).

16. Ba xứ, đây chỉ ba trường hợp về giới, kiến và ngã. Tức trừ dục thủ.

người chân chánh, là người bậc nhất; nếu tin Pháp thì đó là người chân chánh, là người bậc nhất; nếu tin sự thành mãn của giới đức, đồng đạo có ái kính, thì đó là người chân chánh, là người bậc nhất; nếu đồng đạo có ái kính, có phụng sự chân thành thì đó là người chân chánh, là người bậc nhất.

"Này chư Hiền, chúng tôi có hành như vậy, có lực như vậy, có trí như vậy. Nhân nơi đó mà chúng tôi nói như vầy, 'Ở đây có Sa-môn thứ nhất, thứ hai, thứ ba, Sa-môn thứ tư. Ngoài đây ra không có Sa-môn, Phạm chí; Dị học hoàn toàn không có Sa-môn, Phạm chí. Do đó, bất cứ trong chúng hội mà chúng tôi chân chánh rống tiếng rống sư tử như vậy'."

Phật thuyết giảng như vậy, các Tỳ-kheo ấy sau khi Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

❑

104. KINH ƯU-ĐÀM-BÀ-LA[1]

Tôi nghe như vầy.

Một thời Đức Phật du hóa tại thành Vương xá, trong rừng Trúc, vườn Ca-lan-đa.

Bấy giờ có một Cư sĩ tên là Thật Ý[2], vào buổi sáng sớm, ông rời thành Vương xá, muốn đến chỗ Đức Phật để cúng dường lễ sự. Lúc bấy giờ Cư sĩ Thật Ý nghĩ rằng: "Hãy gác qua chuyện đi đến chỗ Phật. Thế Tôn và các Tỳ-kheo có thể vẫn còn đang thiền định. Ta hãy vào rừng Ưu-đàm-bà-la, đến Dị học viên[3]".

Bấy giờ Cư sĩ Thật Ý liền đi vào rừng Ưu-đàm-bà-la, đến Dị học viên. Tại đây có một Dị học tên là Vô Nhuế [4], được tôn làm Tông chủ của Dị học, được mọi người kính trọng, quy phục, được năm trăm Dị học tôn sùng. Giữa một đám đông ồn ào, ông đang cao giọng luận bàn đủ mọi vấn đề chào xáo[5], như bàn chuyện vua chúa, bàn chuyện trộm cướp, bàn chuyện đấu tranh, bàn chuyện ăn uống, bàn chuyện y phục, bàn chuyện phụ nữ, bàn chuyện đồng nữ, bàn chuyện dâm nữ, bàn chuyện thế tục, bàn chuyện phi đạo, bàn chuyện sông biển, bàn chuyện quốc gia, tất cả những vấn đề cũng lại chào xáo như thế đều tập họp tại chỗ ngồi của ông.

Lúc bấy giờ, Dị học Vô Nhuế thấy Cư sĩ Thật Ý từ xa tiến đến, liền ra lệnh bảo hội chúng của mình hãy im lặng:

"Này chư Hiền, các ông chớ nói nữa, hãy vui vẻ im lặng! Mỗi người hãy tự mình thu liễm! Vì sao vậy? Vì có Cư sĩ Thật Ý sắp đến đây. Ông ấy là đệ tử của Sa-môn Cù-đàm. Trong số Cư sĩ tại gia ở trong thành Vương xá này, nếu có đệ tử của Sa-môn Cù-đàm mà danh đức vang dội, được mọi người kính trọng thì ông ấy là người thứ nhất. Ông ấy không ưa sự huyên náo, thích im lặng, tự mình thu liễm. Nếu ông ấy biết hội chúng đây im lặng có thể sẽ hay đến".

Bấy giờ Dị học Vô Nhuế bảo hội chúng im lặng, rồi tự mình cũng im lặng. Lúc bấy giờ Cư sĩ Thật Ý đi đến chỗ Dị học Vô Nhuế, cùng nhau chào hỏi, rồi ngồi xuống một bên.

Cư sĩ Thật Ý nói:

"Này Vô Nhuế, Đức Phật Thế Tôn của tôi, hoặc ở tại rừng vắng, sơn lâm, dưới gốc cây hay sống trên sườn núi cao, những nơi vắng vẻ không có tiếng động, xa vắng, không có sự dữ, không có người đời và tùy thuận mà thiền tọa. Đó là so sánh chỗ Đức Thế Tôn

---

1. Tương đương Pāli D.25 Udumbarikā-sīhanāda-suttaṃ. Hán, biệt dịch, No.1(8), No.11.
2. Cư sĩ Thật Y No.1(8): Tán-đà-na. No.11: Hòa hiệp. Pāli: Sandhāna gahapati.
3. Ưu-đàm-bà-la lâm Dị học viên No.1(8): Ô-tạm-bà-lị-nữ phạm chí lâm. No.11: Ô-đàm-mạt-lê viên: Pāli: udumbarikāya paribbājakārāmo. một bà hoàng (devī) dựng Paribbajakārāma (Tinh xá dành cho các du sĩ dị học), gần Rājagaha (Vương xá).
4. Vô Nhuế No.1(8), như No.11: Ni-câu-đà. Pāli: Nigrodha.
5. Điểu luận Cũng trong bản Hán này những chỗ khác gọi là Súc sanh luận. Xem cht.4, kinh 207. Pāli: tiracchānakatha.

với ở đây; Ngài sống ở tại rừng vắng, sơn lâm, dưới gốc cây, hay sống trên sườn núi cao, những nơi vắng lặng không có tiếng động, xa vắng, không có sự dữ, không có người đời, tùy thuận mà thiền tọa. Ngài ở nơi xa vắng, thường thích thiền tọa, an ổn, khoái lạc. Đức Phật Thế Tôn chưa hề một ngày một đêm tụ tập, hội họp cùng mọi người như ông và quyến thuộc của ông hôm nay".

Bấy giờ Dị học Vô Nhuế liền nói:

"Thôi, thôi! Cư cĩ, ông do đâu mà biết được? Cái tuệ giải thoát trống rỗng[6] của Sa-môn Cù-đàm, cái đó không đủ để nói, hoặc tương ưng hay không tương ưng, hoặc tùy thuận hay không tùy thuận. Sa-môn Cù-đàm đi từ biên này đến biên kia[7], ưa thích từ biên này đến biên kia, sống từ biên này đến biên kia. Như con trâu đui ăn cỏ nơi biên địa, nó đi từ biên này đến biên kia, ưa thích từ biên này đến biên kia, sống từ biên này đến biên kia. Sa-môn Cù-đàm cũng giống như vậy.

"Này Cư sĩ, nếu Sa-môn Cù-đàm đến nơi hội chúng này, chỉ bằng một vấn đề, tôi cũng đủ hủy diệt ông ấy như lăn cái bình không, và cũng sẽ nói cái ví dụ con trâu đui cho ông ấy nghe".

Rồi Dị học Vô Nhuế bảo với đồ chúng của mình:

"Này chư Hiền, giả sử Sa-môn Cù-đàm đến nơi hội chúng này, nếu như có đến thật, thì các ông chớ có đứng dậy chắp tay nghinh đón, cũng chớ có mời ngồi. Hãy để riêng một chỗ cho ông ấy ngồi thôi. Khi ông ấy đến đây rồi thì hãy nói như vầy, 'Này Cù-đàm! Có chỗ ngồi đây, muốn ngồi tùy ý'."

Bấy giờ Đức Thế Tôn đang thiền tọa, bằng thiên nhĩ thanh tịnh, nghe xa hơn người, nghe rõ cuộc thảo luận như vậy giữa Cư sĩ Thật Ý và Dị học Vô Nhuế, vào lúc xế, Ngài liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đi vào rừng Ưu-đàm-bà-la, đến Dị học viên. Thấy Đức Thế Tôn đang từ xa đi đến, Dị học Vô Nhuế liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch áo bày vai phải, chắp tay hướng Phật mà tán thán rằng:

"Kính chào Cù-đàm, đã lâu ngày không đến đây. Xin mời ngồi chỗ này".

Khi ấy Đức Thế Tôn thầm nghĩ: "Người ngu si này tự phản lại điều mình đặt ra". Biết như vậy, Đức Thế Tôn liền ngồi trên giường đó. Dị học Vô Nhuế sau khi chào hỏi Đức Thế Tôn, liền ngồi xuống một bên.

Đức Thế Tôn hỏi:

"Này Vô Nhuế! Ông và Cư sĩ Thật Ý vừa bàn luận việc gì thế? Vì lý do gì mà nhóm họp nơi đây?"

Dị học Vô Nhuế trả lời:

"Thưa Cù-đàm, chúng tôi nghĩ như vầy, 'Sa-môn Cù-đàm có những pháp gì dạy bảo cho đệ tử, các đệ tử sau khi vâng lãnh sự dạy bảo rồi liền được an ổn, trọn đời tịnh tu phạm hạnh và đem dạy cho người khác nữa?' Thưa Cù-đàm, tôi và Cư sĩ Thật Ý vừa bàn luận việc như vậy. Vì lý do đó mà chúng tôi nhóm họp nơi đây".

---

6. Không tuệ giải thoát ——Pāli nói: suññāgārahātā samaṇassa gotamassa paññā, "trí tuệ của Sa-môn Cù-đàm bị hủy hoại vì sống nơi hoang vắng" (hoặc hiểu cụ thể hơn: bị hủy hoại như ngôi nhà trống). Đề tài về tu tập nơi rừng vắng để chứng đạt vô thượng thanh tịnh không tánh (parisuḍhā paramānuttarā suññatā) được nói đến trong M.122 và 123 (Xem các kinh số 190 và 191 ở sau). No.11 (....) xử Ứng Chánh đẳng giác không xá, tuệ hà năng chuyển, "ở trong cái nhà trống của Phật, thì tuệ nào mà có thể chuyển?"

7. Hành biên chí biên ——Pāli: so antamantān' eva sevati, đại ý Phật không đủ trí tuệ đi thẳng vào vấn đề, mà chỉ đi loanh quanh "từ đầu này đến đầu nọ".

Cư sĩ Thật Ý nghe ông ta nói vậy liền nghĩ: 'Lạ thay, Dị học Vô Nhuế lại nói láo. Vì sao vậy? Vì ở trước Đức Thế Tôn mà dám lừa dối Ngài'.

Đức Thế Tôn biết vậy, Ngài liền nói:

"Này Vô Nhuế, Pháp của Ta rất sâu sắc, rất kỳ diệu, rất hy hữu, khó hiểu, khó biết, khó thấy, khó chứng đắc, mà Ta dạy bảo cho đệ tử và đệ tử sau khi vâng lãnh sự dạy bảo rồi liền được an ổn, trọn đời tịnh tu phạm hạnh và đem dạy lại cho người khác nữa. Này Vô Nhuế, hãy hỏi Ta về hạnh bất liễu tắng ố[8] mà Sư tông của ông chấp nhận, Ta cũng sẽ giải đáp cho ông thỏa mãn".

Lúc đó các chúng Dị học ồn ào đó cùng nhau lớn tiếng nói rằng:

"Sa-môn Cù-đàm thật là kỳ diệu! Thật là hy hữu! Có như ý túc, có uy đức lớn, có phước hựu lớn, có oai thần lớn. Vì sao vậy? Ngài bỏ qua tông chỉ của mình mà lại đề nghị thảo luận về tông chỉ của người".

Lúc bấy giờ Dị học Vô Nhuế ra lệnh bảo hội chúng của mình im lặng rồi hỏi:

"Thưa Cù-đàm! Hạnh bất liễu khả tắng, thế nào là được hoàn toàn? Thế nào là không được hoàn toàn?

Bấy giờ Đức Thế Tôn trả lời:

"Này Vô Nhuế! Hoặc có Sa-môn, Phạm chí lõa hình, không y phục, hoặc dùng tay làm y phục, hoặc lấy lá làm y phục, hoặc lấy hạt châu làm y phục; hoặc không múc nước bằng bình, hoặc không múc nước bằng gáo; không ăn đồ ăn xốc xỉa bằng dao gậy, không ăn đồ ăn lừa dối, không tự mình đến, không sai người đi, không làm khách được mời[9], không làm khách được chào đón[10], không làm khách được lưu[11], không ăn từ giữa hai người đang ăn, không ăn tại nhà có thai[12], không ăn từ nhà có nuôi chó, không ăn từ nhà có lằng xanh bay đến; không ăn cá, không ăn thịt, không uống rượu, không uống nước dấm[13], hoặc không uống gì cả, học tập hạnh không uống; hoặc ăn một miếng, cho một miếng là đủ[14], hoặc ăn hai, ba, bốn, cho đến bảy miếng, và cho bảy miếng là đủ, hoặc ăn bởi một lần nhận được[15], và cho đến một lần nhận được là đủ, hoặc ăn bởi hai, ba bốn cho đến bảy lần nhận được và cho bảy lần nhận được là đủ, hoặc ăn ngày một lần và cho một lần là đủ, hoặc hai, ba, bốn, năm, sáu, bảy ngày, nửa tháng, hay một tháng, ăn một lần và cho một lần là đủ; hoặc ăn cỏ[16], hoặc ăn lúa cỏ[17], hoặc ăn nếp tuế, hoặc ăn cám, hoặc ăn gạo đầu-đầu-la[18], hoặc ăn đồ ăn

---

8. Bất liễu tắng ố hành ——F——c——Atức lối tu hành khổ hạnh lấy sự ghê tởm (*tăng ố*) làm bản chất. Pāli: tapojiguccha.
9. Hán: *bất lai tôn* ————L—CPāli: na-ehi-bhadantika, "không là Tôn giả được gọi: *Mời đến đây*!"
10. Hán: *bất thiện tôn* ————L—CCó lẽ: na-sādhu-bhadantika, "không là Tôn giả được chào đón: *Lành thay, tôn giả*!"
11. Hán: *bất trụ tôn* ————L—CPāli: na-tiṭṭha-bhadantika, "không là Tôn giả được mời mọc: *Hãy ở lại đây, Tôn giả!*"
12. Hán: *bất hoài nhâm gia thực* ——h——a——CPāli: na gabbhiniyā (paṭiganṇhāti), không (nhận thức ăn) từ người đàn bà mang thai.
13. Hán: *ác thủy* —c——CPāli: thusodaka, nước lên men.
14. Pāli: ekāgāriko vā hoti ekālopiko, mỗi nhà chỉ nhận một miếng ăn.
15. Hán: *thực nhất đắc* ——@—o—CPāli: ekissāpi dattiyā yāpeti, chỉ sống bằng một vật được cho.
16. Hán: *thái như* ————CPāli: sāka-bhakkho.
17. Hán: *bại tử* ——l—Aloại cỏ giống như lúa. Pāli: sāmāka.
18. Hán: *đầu-đầu-la* —Y—Y——CPāli: daddula.

thô; hoặc đến chỗ vô sự[19], y nơi vô sự; hoặc ăn rễ, hoặc ăn trái, hoặc ăn quả tự rụng; hoặc mặc áo khâu đủ thứ vải[20], hoặc mặc áo lông, hoặc mặc áo vải đầu-xá[21], hoặc mặc áo vải đầu-xá bằng lông, hoặc mặc bằng da nguyên, hoặc mặc da có xoi lỗ, hoặc mặc da toàn xoi lỗ; hoặc để tóc xõa, hoặc để tóc bện, hoặc để tóc vừa xõa vừa bện, hoặc chỉ cạo tóc, hoặc chỉ cạo râu, hoặc cạo cả râu tóc, hoặc nhổ tóc, hoặc nhổ râu, hoặc nhổ cả râu tóc, hoặc chỉ đứng thẳng không hề ngồi, hoặc đi chồm hổm, hoặc nằm gai, lấy gai làm giường; hoặc nằm cỏ[22], lấy cỏ làm giường; hoặc thờ nước, ngày đêm lấy tay vọc; hoặc thờ lửa, ngày đêm đốt lên; hoặc thờ mặt trời, mặt trăng, thờ đấng Tôn hựu Đại đức, chắp tay hướng về kia. Những sự như vậy thọ khổ vô lượng, học hạnh nóng bức[23].

"Này Vô Nhuế, ý ông nghĩ sao, hạnh bất liễu khả tắng như vậy là hoàn toàn hay không hoàn toàn?"

Dị học Vô Nhuế đáp:

"Thưa Cù-đàm, như vậy hạnh bất liễu khả tắng là hoàn toàn, không phải là không hoàn toàn".

Đức Thế Tôn lại nói:

"Này Vô Nhuế, Ta sẽ chỉ cho ông thấy cái hạnh bất liễu khả tắng hoàn toàn đó bị vô lượng cấu uế làm ô nhiễm".

Dị học Vô Nhuế hỏi:

"Thưa Cù-đàm, câu nói, 'Ta sẽ chỉ cho ông thấy cái hạnh bất liễu khả tắng hoàn toàn đó bị vô lượng cấu uế làm ô nhiễm', nghĩa là thế nào?"

Đức Thế Tôn đáp:

"Này Vô Nhuế, hoặc có người chuyên hành khổ hạnh một cách tân khổ[24]. Nhân bởi hành khổ hạnh một cách tân khổ mà có ác dục, niệm tưởng dục. Này Vô Nhuế, nếu ai chuyên hành khổ hạnh một cách tân khổ, rồi nhân hành khổ hạnh ấy mà có ác dục, niệm tưởng dục. Vô Nhuế, hành khổ hạnh như vậy là cấu uế.

"Này Vô Nhuế, hoặc có người hành khổ hạnh một cách tân khổ, do hành khổ hạnh một cách tân khổ này mà chỉ ngước nhìn ánh mặt trời, hấp thụ khí trời. Này Vô Nhuế, nếu ai hành khổ hạnh, rồi do chuyên hành khổ hạnh ấy nên chỉ ngước nhìn ánh mặt trời, hấp thụ khí trời. Vô Nhuế, hành khổ hạnh như vậy là cấu uế.

"Này Vô Nhuế, hoặc có người hành khổ hạnh một cách tân khổ, do chuyên hành khổ hạnh mà tự cống cao cho rằng ta đã tu khổ hạnh, nên tâm liền bị trói buộc. Này Vô Nhuế, nếu có người chuyên hành khổ hạnh rồi do chuyên hành khổ hạnh mà tự cống cao cho rằng đã tự tu khổ hạnh, nên tâm liền bị trói buộc. Vô Nhuế, hành khổ hạnh như vậy là cấu uế.

---

19. Hán: *chí vô sự xứ* ——L——B—Ađến nơi rừng vắng? Không thấy Pāli tương đương. Tham chiếu: vana-mūla-palāhāro yāpeti.

20. Hán: *liên hiệp y* —s—X——CPāli: masāṇāni, vải gai lẫn các vải khác.

21. Hán: *đầu- xá y* —Y———CPāli dussa, vải thô chưa nhuộm màu.

22. Hán: thảo ——FTống-Nguyên: quả 菓—F Minh: —G—CKinh số 18: *ngọa quả* ——G—CPāli: phalaka, (nằm trên) tấm ván. Bản Hán hiểu phala(ka) là *trái cây*.

23. Hán: *Học phiền nhiệt hạnh* ————CPāli: ātāpanaparitāpanānuyogam anuyutto viharati, sống hành theo sự khổ hạnh ép xác.

24. Để bản: thanh khổ —M—W—FTống-Nguyên-Minh: tinh khổ ——W—CPāli: tapassī tapassaṃ samādiyati, người tu khổ hạnh thọ trì pháp khổ hạnh.

"Này Vô Nhuế, hoặc có người hành khổ hạnh một cách tân khổ. Do nhân hành khổ hạnh mà quý mình khinh người. Này Vô Nhuế, nếu có ai chuyên hành khổ hạnh, rồi do chuyên hành khổ hạnh mà quý mình khinh người. Vô Nhuế, hành khổ hạnh như vậy là cấu uế.

"Này Vô Nhuế, hoặc có người hành khổ hạnh một cách tân khổ, do hành khổ hạnh nên đến nhà người mà tự khen rằng: 'Tôi hành tân khổ; hành của tôi rất khó'. Này Vô Nhuế, nếu có ai chuyên hành khổ hạnh một cách tân khổ, rồi do duyên hành khổ hạnh nên đến nhà người mà tự khen rằng: 'Tôi hành tân khổ; hành của tôi rất khó'. Vô Nhuế, hành khổ hạnh như vậy là cấu uế.

"Này Vô Nhuế, hoặc có người hành khổ hạnh một cách tân khổ, do chuyên hành khổ hạnh một cách tân khổ nên nếu thấy Sa-môn, Phạm chí được người kính trọng, cúng dường, lễ sự liền sanh lòng tật đố, nói rằng 'Sao lại kính trọng, cúng dường, lễ sự Sa-môn, Phạm chí ấy? Hãy nên kính trọng, cúng dường, lễ sự tôi đây. Vì sao vậy? Vì tôi hành khổ hạnh.'

Này Vô Nhuế, hoặc có người hành khổ hạnh một cách tân khổ, do chuyên hành khổ hạnh một cách tân khổ nên nếu thấy Sa-môn, Phạm chí được người kính trọng, cúng dường, lễ sự liền sanh lòng tật đố, nói rằng 'Sao lại kính trọng, lễ sự, cúng dường Sa-môn, Phạm chí ấy? Hãy nên kính trọng, cúng dường, lễ sự tôi đây. Vì sao vậy? Vì tôi hành khổ hạnh'. Vô Nhuế, hành khổ hạnh như vậy là cấu uế.

"Này Vô Nhuế, hoặc có người hành khổ hạnh một cách tân khổ, do hành khổ hạnh một cách tân khổ nên nếu thấy Sa-môn, Phạm chí được người kính trọng, cúng dường, lễ sự liền đến mắng ngay mặt Sa-môn, Phạm chí đó, nói rằng: 'Sao ông lại được kính trọng, lễ sự, cúng dường? Ông là người nhiều ham muốn, nhiều mong cầu, thường ăn năm thứ hạt, hạt sanh từ gốc cây, hạt sanh từ thân cây, hạt sanh từ trái cây, hạt sanh từ mắt cây và hạt sanh từ hạt. Ví như một trận mưa lớn làm tổn hại năm thứ hạt giống, nhiễu loạn súc sanh và nhân dân, Sa-môn, Phạm chí kia mà hay đến nhà người, cũng giống như vậy'. Này Vô Nhuế, hoặc có ai hành khổ hạnh một cách tân khổ, do hành khổ hạnh một cách tân khổ nên nếu thấy Sa-môn, Phạm chí được người kính trọng, cúng dường, lễ sự liền đến mắng ngay mặt Sa-môn, Phạm chí đó, nói rằng 'Sao ông lại được kính trọng, lễ sự, cúng dường? Ông là người nhiều ham muốn, nhiều mong cầu, thường ăn năm thứ hạt sanh từ gốc cây, hạt sanh từ thân cây, hạt sanh từ trái cây, hạt sanh từ mắt cây và hạt sanh từ hạt. Ví như một trận mưa lớn làm tổn hại năm thứ hạt giống, nhiễu loạn súc sanh và nhân dân, Sa-môn, Phạm chí mà hay đến nhà người, cũng giống như vậy'. Vô Nhuế, hành khổ hạnh như vậy là cấu uế.

"Này Vô Nhuế, hoặc có người hành khổ hạnh một cách tân khổ, do hành khổ hạnh một cách tân khổ nên có sầu, có si, khủng bố, khủng cụ, sống lén lút, nghi ngờ, sợ mất tiếng, tham lam, phóng dật. Này Vô Nhuế, nếu có người hành khổ hạnh một cách tân khổ, do hành khổ hạnh một cách tân khổ nên có sầu, có si, khủng bố, khủng cụ, sống lén lút, nghi ngờ, sợ mất tiếng, tham lam, phóng dật. Vô Nhuế, hành khổ hạnh như vậy là cấu uế.

"Này Vô Nhuế, hoặc ai chuyên tu khổ hạnh một cách tân khổ, do chuyên tu khổ hạnh nên sanh thân kiến, biên kiến, tà kiến, kiến thủ, khó tánh[25], không biết tiết hạn, những pháp mà Sa-môn, Phạm chí phải thông suốt lại không thông suốt. Này Vô Nhuế, nếu có người tu khổ hạnh, rồi do tu khổ hạnh nên sanh thân kiến, biên kiến, tà kiến, kiến

25. Hán: nan vi ——F không thấy từ Pāli liên hệ.

thủ, khó tánh, không biết tiết hạn, những pháp mà Sa-môn, Phạm chí phải thông suốt lại không thông suốt. Vô Nhuế, hành khổ hạnh như thế là cấu uế.

"Này Vô Nhuế, hoặc có ai hành khổ hạnh một cách tân khổ, do hành khổ hạnh nên có sân triền, phú kết, bỏn sẻn, ganh tị, dua siểm, dối trá, vô tàm, vô quý. Này Vô Nhuế, nếu ai hành khổ hạnh một cách tân khổ, do hành khổ hạnh nên có sân triền, phú kết, bỏn sẻn, ganh tị, dua siểm, dối trá, vô tàm, vô quý. Vô Nhuế, hành khổ hạnh như vậy là cấu uế.

"Này Vô Nhuế, hoặc có ai hành khổ hạnh một cách tân khổ, do hành khổ hạnh nên sanh ra nói dối, nói hai lưỡi, nói thô ác, nói thêu dệt, đủ cả ác giới. Này Vô Nhuế, nếu có ai hành khổ hạnh một cách tân khổ, do hành khổ hạnh nên sanh ra nói dối, nói hai lưỡi, nói thô ác, nói thêu dệt, đủ cả ác giới. Vô Nhuế, hành khổ hạnh như vậy là cấu uế.

"Này Vô Nhuế, hoặc có ai hành khổ hạnh một cách tân khổ, do hành khổ hạnh nên không có tín tâm, giải đãi, không chánh niệm, chánh trí, có đủ ác tuệ. Này Vô Nhuế, nếu có ai hành khổ hạnh một cách tân khổ, do hành khổ hạnh nên không có tín tâm, giải đãi, không chánh niệm, chánh trí, có đủ ác tuệ. Vô Nhuế, hành khổ hạnh như vậy là cấu uế.

"Này Vô Nhuế, Ta đã chỉ cho ông thấy cái hạnh bất liễu khả tắng hoàn toàn đó bị vô lượng cấu uế làm ô nhiễm, có phải vậy chăng?"

Dị học Vô Nhuế đáp:

"Thưa Cù-đàm, đúng vậy, Ngài đã chỉ cho tôi thấy cái hạnh bất liễu khả tắng hoàn toàn đó bị vô lượng cấu uế làm ô nhiễm".

"Này Vô Nhuế, Ta cũng chỉ cho ông thấy cái hạnh bất liễu khả tắng hoàn toàn đó không bị vô lượng cấu uế làm ô nhiễm".

Dị học Vô Nhuế lại hỏi:

"Thưa Cù-đàm, Ngài có thể chỉ cho tôi thấy cái hạnh bất liễu khả tắng hoàn toàn đó không bị vô lượng cấu uế làm ô nhiễm như thế nào không?"

Đức Thế Tôn đáp:

"Này Vô Nhuế, hoặc có người hành khổ hạnh một cách tân khổ, do hành khổ hạnh tân khổ mà không có ác dục, không niệm tưởng dục. Này Vô Nhuế, nếu có người hành khổ hạnh một cách tân khổ, do hành khổ hạnh tân khổ mà không có ác dục, không niệm tưởng dục. Vô Nhuế, hành khổ hạnh như vậy là không cấu uế.

"Này Vô Nhuế, hoặc có người hành khổ hạnh một cách tân khổ, do hành khổ hạnh tân khổ mà không nhìn ánh mặt trời, không hấp thụ khí trời. Này Vô Nhuế, nếu có người chuyên hành khổ hạnh một cách tân khổ, do chuyên hành khổ hạnh tân khổ nên không nhìn ánh mặt trời, không hấp thụ khí trời. Vô Nhuế, hành khổ hạnh như vậy là không cấu uế.

"Này Vô Nhuế, hoặc có người hành khổ hạnh một cách tân khổ, do hành khổ hạnh một cách tân khổ mà không tự cống cao cho rằng đã tu khổ hạnh nên tâm không bị trói buộc. Này Vô Nhuế, nếu có người chuyên hành khổ hạnh, rồi do chuyên hành khổ hạnh mà không tự cống cao cho rằng đã tu khổ hạnh nên tâm không bị trói buộc. Vô Nhuế, hành khổ hạnh như vậy là không cấu uế.

"Này Vô Nhuế, hoặc có người hành khổ hạnh một cách tân khổ, do hành khổ hạnh một cách tân khổ mà không quý mình khinh người. Này Vô Nhuế, nếu có người hành khổ hạnh rồi do hành khổ hạnh mà không quý mình khinh người. Vô Nhuế, hành khổ hạnh như vậy là không cấu uế.

"Này Vô Nhuế, hoặc có người hành khổ hạnh một cách tân khổ, do hành khổ hạnh tân khổ mà không đến nhà người mà tự khen rằng 'Tôi hành tân khổ, hành của tôi rất khó khăn'. Này Vô Nhuế, nếu có người hành khổ hạnh một cách tân khổ, do hành khổ hạnh tân khổ mà không đến nhà người mà tự khen rằng 'Tôi hành tân khổ; hành của tôi rất khó khăn'. Vô Nhuế, hành khổ hạnh như vậy là không cấu uế.

"Này Vô Nhuế, hoặc có người hành khổ hạnh một cách tân khổ, do hành khổ hạnh tân khổ mà nếu thấy Sa-môn, Phạm chí được người kính trọng, cúng dường, lễ sự thì không sanh lòng tật đố, nói rằng 'Sao lại kính trọng, cúng dường, lễ sự Sa-môn, Phạm chí ấy? Hãy nên kính trọng, cúng dường, lễ sự ta đây. Vì sao vậy? Vì ta là người tu khổ hạnh'. Này Vô Nhuế, nếu có ai hành khổ hạnh một cách tân khổ, rồi do hành khổ hạnh tân khổ mà nếu thấy Sa-môn, Phạm chí được người kính trọng, cúng dường, lễ sự thì không sanh lòng tật đố, nói rằng 'Sao lại kính trọng, cúng dường, lễ sự Sa-môn, Phạm chí ấy? Hãy nên kính trọng, cúng dường, lễ sự ta đây. Vì sao vậy? Vì ta là người tu khổ hạnh.' Vô Nhuế, hành khổ hạnh như vậy là không cấu uế.

"Này Vô Nhuế, hoặc có người hành khổ hạnh một cách tân khổ, do hành khổ hạnh tân khổ mà nếu thấy Sa-môn, Phạm chí được người kính trọng, cúng dường, lễ sự thì không đến mắng ngay mặt Sa-môn, Phạm chí đó, nói rằng: 'Sao ông lại được kính trọng, cúng dường, lễ sự? Ông là người nhiều ham muốn, nhiều mong cầu, thường ăn năm thứ hạt, hạt sanh từ gốc cây, hạt sanh từ thân cây, hạt sanh từ trái cây, hạt sanh từ mắt cây và hạt sanh từ hạt. Ví như một trận mưa lớn làm tổn hại năm thứ hạt giống, nhiễu loạn súc sanh và nhân dân, Sa-môn, Phạm chí mà hay đến nhà người cũng giống như vậy!' Này Vô Nhuế, nếu có ai chuyên hành khổ hạnh một cách tân khổ, rồi do chuyên hành khổ hạnh tân khổ nên nếu thấy Sa-môn, Phạm chí được người kính trọng, cúng dường, lễ sự mà không đến mắng ngay mặt Sa-môn, Phạm chí đó, nói rằng: 'Sao ông lại được kính trọng, cúng dường, lễ sự? Ông là người nhiều ham muốn, nhiều mong cầu, thường ăn năm thứ hạt, hạt sanh từ gốc cây, hạt sanh từ thân cây, hạt sanh từ trái cây, hạt sanh từ mắt cây và hạt sanh từ hạt. Ví như một trận mưa lớn làm tổn hại năm thứ hạt giống, nhiễu loạn súc sanh và nhân dân, Sa-môn, Phạm chí mà hay đến nhà người cũng giống như vậy.' Vô Nhuế, hành khổ hạnh như vậy là không cấu uế.

"Này Vô Nhuế, hoặc có người hành khổ hạnh một cách tân khổ, do hành khổ hạnh tân khổ mà không sầu, không si, không khủng bố, không khủng cụ, không sống lén lút, không nghi ngờ, không mất tiếng, không tham lam, không phóng dật. Này Vô Nhuế, nếu ai chuyên hành khổ hạnh một cách tân khổ, rồi do hành khổ hạnh tân khổ mà không sầu, không si, không khủng bố, không khủng cụ, không sống lén lút, không nghi ngờ, sợ mất tiếng, không tham lam, không phóng dật. Vô Nhuế, hành khổ hạnh như vậy là không cấu uế.

"Này Vô Nhuế, hoặc có người hành khổ hạnh một cách tân khổ, do hành khổ hạnh tân khổ mà không sanh thân kiến, biên kiến, tà kiến, kiến thủ, khó tánh, không biết tiết hạn, những pháp mà Sa-môn, Phạm chí phải thông suốt thì thông suốt. Này Vô Nhuế, nếu ai chuyên hành khổ hạnh một cách tân khổ, do chuyên hành khổ hạnh tân khổ mà không sanh thân kiến, biên kiến, tà kiến, kiến thủ, khó tánh, không biết tiết hạn, những pháp mà Sa-môn, Phạm chí phải thông suốt thì thông suốt. Vô Nhuế, hành khổ hạnh như vậy là không cấu uế.

"Này Vô Nhuế, hoặc có người hành khổ hạnh một cách tân khổ, do hành khổ hạnh tân khổ mà không có sân triền, phú kết, bỏn sẻn, ganh tị, dua siểm, dối trá, vô tàm, vô

quý. Này Vô Nhuế! Nếu có ai chuyên hành khổ hạnh một cách tân khổ, do chuyên hành khổ hạnh tân khổ mà không có sân triền, phú kết, bỏn sẻn, ganh tị, dua nịnh, dối trá, vô tàm, vô quý. Này Vô Nhuế! Hành khổ hạnh như vậy là không cấu uế.

"Này Vô Nhuế, hoặc có người hành khổ hạnh một cách tân khổ, do chuyên hành khổ hạnh tân khổ mà không nói dối, không nói hai lưỡi, không nói thô ác, không nói thêu dệt, không có ác giới. Này Vô Nhuế, nếu ai chuyên hành khổ hạnh một cách tân khổ, do chuyên hành khổ hạnh tân khổ nên không nói dối, không nói hai lưỡi, không nói thô ác, không nói thêu dệt, không có ác giới. Này Vô Nhuế, hành khổ hạnh như vậy là không cấu uế.

"Này Vô Nhuế, hoặc có người hành khổ hạnh một cách tân khổ, do chuyên hành khổ hạnh tân khổ mà có tín tâm, không giải đãi, có chánh niệm, chánh trí, không có ác tuệ. Này Vô Nhuế, nếu có ai chuyên hành khổ hạnh một cách tân khổ, do chuyên hành khổ hạnh tân khổ mà có tín tâm, không giải đãi, có chánh niệm, chánh trí, không có ác tuệ. Vô Nhuế, hành khổ hạnh như vậy là không cấu uế.

"Này Vô Nhuế, Ta đã chỉ cho ông thấy cái hạnh bất liễu khả tắng hoàn toàn không bị vô lượng cấu uế làm ô nhiễm; có phải vậy không?"

Dị học Vô Nhuế đáp:

"Thưa Cù-đàm, đúng vậy, Ngài đã chỉ cho tôi thấy cái hạnh bất liễu khả tắng hoàn toàn không bị cấu uế làm ô nhiễm".

Dị học Vô Nhuế lại hỏi:

"Thưa Cù-đàm, hạnh bất liễu tắng ố này đã đạt đến bậc nhất, đã đạt đến chân thật[26] chưa?"

Đức Thế Tôn đáp:

"Này Vô Nhuế, hạnh bất liễu tắng ố này chưa đạt đến bậc nhất, chưa đạt đến chân thật, nhưng có hai hạnh đạt đến vỏ và đạt đến đốt".

Dị học Vô Nhuế lại hỏi:

"Thưa Cù-đàm! Thế nào là hạnh bất liễu khả tắng này chỉ đạt đến vỏ ngoài?"

Đức Thế Tôn đáp:

"Này Vô Nhuế, ở đây hoặc có Sa-môn, Phạm chí tu tập bốn hạnh[27], không sát sanh, không bảo người sát sanh, không đồng tình với người sát sanh. Không trộm cắp, không bảo người trộm cắp, không đồng tình với người trộm cắp. Không phạm con gái của người, không bảo người khác phạm con gái của người, không đồng tình với người phạm con gái của người. Không nói dối, không bảo người khác nói dối, không đồng tình với người nói dối. Vị đó tu tập bốn hạnh này, ưa thích mà không tiến tới, tâm đi đôi với từ, biến mãn cả một phương, thành tựu và an trụ. Như vậy cho đến hai, ba, bốn phương, bốn phương phụ, phương trên, phương dưới, phổ biến tất cả, tâm đi đôi với từ, không kết, không oán, không sân nhuế, không não hại, rộng lớn, bao la, vô lượng, khéo tu tập biến mãn khắp cả thế gian, thành tựu và an trụ. Cũng như vậy, đối với bi, hỷ, tâm đi đôi với xả, không kết, không oán, không sân nhuế, không não hại, rộng lớn bao la, vô lượng, tu tập biến mãn khắp cả thế gian, thành tựu và an trụ.

"Này Vô Nhuế, ý ông nghĩ sao, phải chăng hạnh bất liễu khả tắng như vậy đạt đến vỏ ngoài?"

---

[26]. Đắc đệ nhất, đắc chân thật ▬o▬▬@▬o▬u▬▬C Pāli: aggappattā, sārappattā, đạt đến đỉnh cao, đạt đến lõi.

[27]. Hành tứ hành ▬▬|▬▬C Pāli: cātuỹamasaṃvarasaṃtto, được phòng hộ bằng bốn cấm giới luật nghi.

Vô Nhuế đáp:

"Thưa Cù-đàm! Bất liễu khả tắng như vậy đạt đến vỏ ngoài. Thưa Cù-đàm, còn thế nào là hạnh bất liễu khả tắng này đạt đến đốt?"

Đức Thế Tôn dạy:

"Này Vô Nhuế, hoặc có Sa-môn, Phạm chí tu tập bốn hạnh. Không sát sanh, không bảo người sát sanh, không đồng tình với người sát sanh. Không trộm cắp, không bảo người trộm cắp, không đồng tình với người trộm cắp. Không phạm con gái của người, không bảo người khác phạm con gái của người, không đồng tình với người phạm con gái của người. Không nói dối, không bảo người khác nói dối, không đồng tình với người nói dối. Vị đó tu tập bốn hạnh này, ưa thích mà không tiến tới. Sự tu tập ấy có hành, có tướng mạo, vị ấy nhớ lại vô lượng kiếp đã trải qua, hoặc một đời, hai đời, trăm ngàn đời, thành kiếp, hoại kiếp, vô lượng thành hoại kiếp, tại chỗ đó ta là chúng sanh tên đó, ta đã trải qua ở đó, đã từng sanh ở đó, có họ như vậy, tên như vậy, sinh hoạt như vậy, uống ăn như vậy, chịu khổ vui như vậy, tuổi thọ như vậy, sống lâu như vậy, dứt thọ mạng như vậy, rồi chết đây sanh kia, chết kia sanh đây. Ta sanh tại chỗ này như vậy, có họ như vậy, có tên như vậy, sinh hoạt như vậy, uống ăn như vậy, chịu khổ vui như vậy, tuổi thọ như vậy, sống lâu như vậy, dứt thọ mạng như vậy.

"Này Vô Nhuế, ý ông nghĩ sao, hạnh bất liễu khả tắng như vậy có đạt đến đốt cây hay không?"

"Vô Nhuế đáp:

"Thưa Cù-đàm, hạnh bất liễu khả tắng như vậy là đã đạt đến đốt cây. Thưa Cù-đàm, thế nào là hạnh bất liễu khả tắng đạt đến bậc nhất, đạt đến chân thật?"

Đức Thế Tôn đáp:

"Này Vô Nhuế, hoặc có Sa-môn, Phạm chí tu tập bốn hạnh. Không sát sanh, không bảo người sát sanh, không đồng tình với người sát sanh. Không trộm cắp, không bảo người trộm cắp, không đồng tình với người trộm cắp. Không phạm con gái của người, không bảo người khác phạm con gái của người, không đồng tình với người phạm con gái của người. Không nói dối, không bảo người khác nói dối, không đồng tình với người nói dối. Vị đó tu tập bốn hạnh này, ưa thích mà không tiến tới. Vị đó bằng thiên nhãn thanh tịnh, thấy xa hơn người, nhìn thấy chúng sanh lúc sanh lúc tử, sắc đẹp hoặc xấu, diệu hoặc bất diệu, qua lại chỗ lành hoặc chỗ không lành, tùy theo nghiệp mà chúng sanh ấy đã tạo. Vị ấy thấy sự kiện ấy đúng như thật, nếu chúng sanh nào thành tựu ác hạnh về thân, ác hạnh về khẩu, ác hạnh về ý, phỉ báng Thánh nhân, tà kiến, thành tựu nghiệp tà kiến; do nhân duyên đó, khi thân hoại mạng chung, chúng sanh ấy chắc chắn đi đến chỗ ác, sanh vào địa ngục. Nếu chúng sanh nào thành tựu diệu hạnh về thân, diệu hạnh về khẩu, diệu hạnh về ý, không phỉ báng Thánh nhân, chánh kiến, thành tựu nghiệp chánh kiến; do nhân duyên đó, khi thân hoại mạng chung, chúng sanh ấy chắc chắn đi lên chỗ lành, sanh vào cõi trời.

"Này Vô Nhuế, ý ông nghĩ sao, hạnh bất liễu khả tắng như vậy có đạt đến bậc nhất, đạt đến chân thật hay không?"

Vô Nhuế đáp:

"Thưa Cù-đàm, hạnh bất liễu khả tắng như vậy là đã đạt đến bậc nhất, đạt đến chân thật. Thưa Cù-đàm, phải chăng vì để thủ chứng hạnh bất liễu khả tắng này mà các đệ tử của Sa-môn Cù-đàm nương tựa nơi Sa-môn Cù-đàm để tu hành phạm hạnh?"

Đức Thế Tôn đáp:

"Này Vô Nhuế, không phải vì để thủ chứng hạnh bất liễu khả tắng này mà đệ tử của Ta nương tựa nơi Ta để tu hành phạm hạnh.

"Này Vô Nhuế, lại còn có pháp khác tối thượng, tối diệu, tối thắng, chính vì để chứng đắc pháp ấy nên đệ tử của Ta nương tựa nơi Ta mà tu hành phạm hạnh".

Lúc đó, những Dị học trong hội chúng ồn ào đó liền lớn tiếng la ó:

"Đúng vậy! Đúng vậy! Vì để chứng đắc pháp ấy nên đệ tử của Sa-môn Cù-đàm nương tựa nơi Sa-môn Cù-đàm để mà tu hành phạm hạnh".

Bấy giờ, Dị học Vô Nhuế ra lệnh bảo hội chúng của mình im lặng, rồi hỏi:

"Thưa Cù-đàm, Pháp nào được gọi là còn có pháp khác tối thượng tối diệu, tối thắng; chính vì để chứng đắc pháp ấy nên đệ tử của Sa-môn Cù-đàm nương tựa nơi Sa-môn Cù-đàm mà tu hành phạm hạnh?"

Bấy giờ Đức Thế Tôn đáp:

"Này Vô Nhuế, nếu Đức Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành Tựu, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, Phật Chúng Hựu xuất hiện ở thế gian. Vị đó xả bỏ năm triền cái làm tâm ô uế, tuệ yếu kém, ly dục, ly pháp ác bất thiện, cho đến chứng các đệ Tứ thiền, thành tựu và an trụ. Vị ấy với định tâm như vậy, thanh tịnh không ô uế, không phiền não, nhu nhuyến, khéo an trụ, chứng đắc tâm bất động mà thú hướng sự diệt tận các lậu, tự thân chứng ngộ trí thông, biết như thật rằng 'Đây là Khổ, đây là Khổ tập, đây là Khổ diệt, biết như thật đây là Khổ diệt đạo'. Cũng biết như thật đây là lậu, biết đây là lậu tận, đây là lậu diệt, biết như thật đây là lậu diệt đạo. Vị đó biết như vậy, thấy như vậy rồi thì tâm giải thoát dục lậu, tâm giải thoát hữu lậu, vô minh lậu. Giải thoát rồi liền biết mình đã giải thoát, biết đúng một cách như thật rằng 'Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa'.

"Này Vô Nhuế, như vậy gọi là còn có pháp khác tối thượng, tối diệu, tối thắng. Chính vì để chứng đắc pháp ấy nên đệ tử của Ta nương nơi Ta mà tu hành phạm hạnh".

Bấy giờ Cư sĩ Thật Ý nói rằng:

"Này Vô Nhuế, Đức Thế Tôn đang ở đấy. Ông hãy chỉ bằng một vấn đề đủ để hủy diệt Ngài như lăn cái bình không đi! Ông hãy nói cái ví dụ con trâu đui ăn cỏ nơi biên địa như khi nãy đi!"

Đức Thế Tôn nghe xong, hỏi Dị học Vô Nhuế:

"Quả thật ông có nói như vậy không?"

Dị học Vô Nhuế đáp:

"Thưa Cù-đàm, quả thật tôi có nói như vậy".

Đức Thế Tôn hỏi tiếp:

"Đức Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác ở quá khứ, nếu gặp khu rừng vắng, sơn lâm, dưới gốc cây hay trên sườn núi cao, vắng lặng không có tiếng động, xa vắng, không có sự dữ, không có người đời, liền tùy thuận mà thiền tọa. Các Đức Phật Thế Tôn ở nơi rừng vắng, sơn lâm, dưới gốc cây hay trên sườn cao, vắng lặng không có tiếng động, xa vắng, không có sự dữ, không có người đời, liền tùy thuận mà thiền tọa. Các Ngài ở nơi xa vắng, thường thích thiền tọa, an ổn và khoái lạc. Các Ngài chưa hề một ngày một đêm tụ tập hội họp cùng mọi người như ông và quyến thuộc của ông hôm nay. Này Vô Nhuế, ông có bao giờ nghe các vị trưởng lão cựu học nói như vậy không?"

Dị học Vô Nhuế đáp:

"Đức Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác ở quá khứ, nếu gặp khu rừng vắng,

sơn lâm, dưới gốc cây hay trên sườn núi cao, vắng lặng, không có tiếng động, xa vắng, không có sự dữ, không có người đời, liền tùy thuận mà thiền tọa. Các Đức Phật Thế Tôn ở nơi rừng vắng, sơn lâm, dưới gốc cây hay trên sườn núi cao, vắng lặng, không có sự dữ, không có người đời, liền tùy thuận mà thiền tọa. Các Ngài ở nơi xa vắng, thường thích thiền tọa, an ổn khoái lạc. Các Ngài chưa hề một ngày một đêm tụ tập, hội họp cùng mọi người như tôi và quyến thuộc của tôi hôm nay. Thưa đức Cù-đàm, tôi có nghe các vị trưởng lão cựu học nói như vậy".

"Này Vô Nhuế, ông há không nghĩ rằng 'Như các Đức Thế Tôn đó ở nơi rừng vắng, sơn lâm, dưới gốc cây hay trên sườn núi cao, vắng lặng, không có tiếng động, xa vắng, không có sự dữ, không có người đời, liền tùy thuận mà thiền tọa. Các Ngài ở nơi xa vắng thường thích thiền tọa, an ổn khoái lạc. Vị Sa-môn Cù-đàm này cũng học đạo chánh giác như vậy'. Có phải vậy không?"

Dị học Vô Nhuế đáp:

"Thưa Cù-đàm, nếu tôi biết như vậy, tôi đã chẳng nói rằng chỉ bằng một vấn đề cũng đủ hủy diệt Ngài như lăn cái bình không, và cũng đã chẳng nói đến cái ví dụ con trâu đui ăn cỏ nơi biên địa".

Đức Thế Tôn nói:

"Này Vô Nhuế, ta có pháp thiện tương ưng với thiện, giải thoát tương ưng với giải thoát, có thể tự thân chứng ngộ. Do đây mà Như Lai tự xưng là Bậc Vô Úy. Các Tỳ-kheo đệ tử của Ta, ai đến với tâm không dua nịnh, không lừa dối, chất trực không hư vọng, Ta giáo huấn cho và theo giáo huấn ấy, chắc chắn sẽ đạt đến cứu cánh trí.

"Này Vô Nhuế, nếu ông nghĩ rằng 'Sa-môn Cù-đàm vì muốn làm Thầy cho nên thuyết pháp'. Ông chớ nghĩ như vậy. Thầy ông Ta trả lại cho ông. Ta chỉ thuyết pháp cho nghe thôi. Vô Nhuế, nếu ông nghĩ rằng 'Sa-môn Cù-đàm vì tham đệ tử cho nên thuyết pháp'. Ông chớ nghĩ như vậy. Đệ tử của ông trả lại cho ông, Ta chỉ thuyết pháp cho ông nghe thôi. Này Vô Nhuế, nếu ông nghĩ rằng 'Sa-môn Cù-đàm vì tham sự cúng dường cho nên thuyết pháp' Ông chớ nghĩ như vậy. Đồ cúng dường trả lại cho ông, ta chỉ thuyết pháp cho ông nghe thôi. Này Vô Nhuế, nếu ông nghĩ rằng 'Sa-môn Cù-đàm vì tham được khen ngợi cho nên thuyết pháp'. Ông chớ nghĩ như vậy. Điều khen ngợi trả lại cho ông, Ta chỉ thuyết pháp cho ông nghe thôi. Này Vô Nhuế, nếu ông nghĩ rằng 'Nếu ta có thiện pháp tương ưng thiện, giải thoát đưa đến giải thoát, vì Sa-môn Cù-đàm này đoạt của ta, hủy diệt ta'. Ông chớ nghĩ như vậy. Pháp của ông trả lại cho ông, Ta chỉ thuyết pháp cho ông nghe thôi".

Lúc bấy giờ tất cả hội chúng đều im lặng. Vì sao vậy? Vì họ bị Ma vương chế phục.

Khi ấy Đức Thế Tôn bảo Cư sĩ Thật Ý:

"Ông hãy nhìn tất cả hội chúng đang im lặng này. Vì sao vậy? Vì họ đang bị Ma vương chế phục. Nó khiến cả hội chúng Dị học không có một Dị học nào có ý niệm 'Ta hãy thử theo Sa-môn Cù-đàm tu hành phạm hạnh'."

Đức Thế Tôn biết vậy, Ngài thuyết pháp cho Cư sĩ Thật Ý nghe, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ. Sau khi bằng vô lượng phương tiện thuyết pháp cho ông ấy nghe, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ rồi, Ngài liền từ chỗ ngồi đứng dậy, nắm tay Cư sĩ Thật Ý, vận dụng thần túc, nương hư không mà đi.

Phật thuyết như vậy. Cư sĩ Thật Ý sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

❑

105. KINH NGUYỆN[1]

Tôi nghe như vầy.

Một thời Đức Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng, vườn Cấp cô độc.

Bấy giờ có một Tỳ-kheo sống cô độc tại một nơi xa vắng, ẩn dật ở chỗ yên tĩnh, thiền tọa tư duy, trong tâm khởi lên ý nghĩ: "Đức Thế Tôn thăm hỏi ta, nói chuyện với ta, thuyết pháp cho ta nghe để được giới cụ túc[2] mà không phế bỏ thiền định, thành tựu quán hạnh[3], ở nơi không tịnh.[4]"

Bấy giờ vào lúc xế, sau khi suy nghĩ như vậy rồi, vị Tỳ-kheo ấy liền từ chỗ thiền tọa đứng dậy, đi đến Đức Phật. Đức Thế Tôn nhìn thấy vị Tỳ-kheo ấy từ xa đi đến, nhân nơi Tỳ-kheo ấy, Ngài bảo các vị Tỳ-kheo:

"Các ngươi hãy ước nguyện rằng: 'Đức Thế Tôn thăm hỏi ta, nói chuyện với ta, thuyết pháp cho ta nghe'. Vậy hãy thành tựu giới cụ túc và không phế bỏ thiền định, thành tựu quán hạnh, ở nơi không tịnh.

"Này Tỳ-kheo, hãy ước nguyện rằng: 'Ta có thân tộc. Mong sao kia nhờ ta mà khi thân hoại mạng chung chắc chắn họ được lên chỗ lành, sanh vào cõi trời'. Vậy hãy thành tựu được giới cụ túc và không phế bỏ thiền định, thành tựu quán hạnh, ở nơi không tịnh.

"Này Tỳ-kheo, hãy ước nguyện rằng: 'Các thí chủ cung cấp cho ta y phục, đồ ăn uống, giường chõng, thuốc thang, đủ mọi thứ để nuôi

---

1. Tương đương Pāli, M. 6 Ākaṅkheyyasuttaṃ. Tham chiếu, A. 10. 71 Ākaṅkha.
2. Đắc cụ túc giới –o———C Pāli: sampannasīla, giới được thành tựu.
3. Thành tựu quán hạnh. Pāli: vipassanāya samannāgato.
4. Không tĩnh xứ ——R–B–C Pāli: suññāgāra, chỗ trống không, trống trải.

thân. Mong cho kia nhờ sự bố thí này mà có nhiều công đức, có đại quang minh, được nhiều phước báo'. Vậy hãy thành tựu được giới cụ túc và không phế bỏ thiền định, thành tựu quán hạnh, ở nơi không tịnh. "Này Tỳ-kheo, hãy ước nguyện rằng: 'Mong ta có thể nhẫn chịu được sự đói, khát, nóng, lạnh, muỗi mòng châm chích, sự áp bức của gió, của mặt trời; bị tiếng xấu, bị đánh đập cũng có thể nhẫn chịu; bản thân bị tật bệnh rất là đau khổ, cho đến mạng sống sắp tuyệt, các sự không được vui, ta cũng đều có thể kham nhẫn'. Vậy hãy thành tựu được giới cụ túc và không phế bỏ thiền định, thành tựu quán hạnh, ở nơi không tịnh.

"Này Tỳ-kheo, hãy ước nguyện rằng: 'Mong ta kham nhẫn được điều không hoan lạc. Nếu sanh tâm không hoan lạc, không bao giờ để đắm trước'. Vậy hãy thành tựu được giới cụ túc và không phế bỏ thiền định, thành tựu quán hạnh, ở nơi không tịnh.

"Này Tỳ-kheo, hãy ước nguyện rằng: 'Nếu ta sanh khởi ba niệm ác bất thiện, niệm dục, niệm nhuế, niệm hại; mong ta không bao giờ để đắm trước với ba niệm ác bất thiện đó'. Vậy hãy thành tựu được giới cụ túc và không phế bỏ thiền định, thành tựu quán hạnh, ở nơi không tịnh.

"Này Tỳ-kheo, hãy ước nguyện rằng: 'Mong ta ly dục, ly pháp ác bất thiện, cho đến chứng đắc đệ Tứ thiền, thành tựu và an trụ'. Vậy hãy thành tựu giới cụ túc và không phế bỏ thiền định, thành tựu quán hạnh, ở nơi không tịnh.

"Này Tỳ-kheo, hãy ước nguyện rằng: 'Mong ta dứt hẳn ba kiết, chứng đắc quả Tu-đà-hoàn, không bị rơi xuống pháp ác, quyết định thú hướng đến quả vị Chánh giác, tối đa còn bảy lần ở cõi trời. Sau bảy lần qua lại rồi liền chứng đắc khổ biên'. Vậy hãy thành tựu giới cụ túc và không phế bỏ thiền định, thành tựu quán hạnh, ở nơi không tịnh.

"Này Tỳ-kheo, hãy ước nguyện rằng: 'Mong ta đã dứt hết ba kết, làm mỏng dâm, nộ, si; chỉ còn một lần qua lại ở cõi trời, cõi người. Sau một lần qua lại rồi liền chứng đắc khổ biên'. Vậy hãy thành tựu giới cụ túc và không phế bỏ thiền định, thành tựu quán hạnh, ở nơi không tịnh.

"Này Tỳ-kheo, hãy ước nguyện rằng: 'Mong ta dứt hết năm

phần kiết, sanh vào thế gian kia mà chứng đắc Niết-bàn, được pháp bất thối, không trở lại thế gian này'. Vậy hãy thành tựu giới cụ túc và không phế bỏ thiền định, thành tựu quán hạnh ở nơi không tịnh.

"Này Tỳ-kheo, hãy ước nguyện rằng: 'Mong ta được tịch tịnh giải thoát, ly sắc, chứng đắc vô sắc với định như vậy, tự thân chứng ngộ, thành tựu và an trụ, do tuệ quán mà đoạn trừ lậu và biến tri lậu'. Vậy hãy thành tựu giới cụ túc và không phế bỏ thiền định, thành tựu quán hạnh ở nơi không tịnh.

"Này Tỳ-kheo, hãy ước nguyện rằng: 'Mong ta được như ý túc, thiên nhãn trí, tha tâm trí, túc mạng trí, sanh tử trí, các lậu đã dứt sạch, chứng đắc vô lậu, tâm giải thoát, tuệ giải thoát, ngay trong đời này tự tri tự giác, tự thân chứng ngộ, thành tựu và an trụ, biết một cách như thật rằng 'Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa'.' Vậy hãy thành tựu giới cụ túc và không phế bỏ thiền định, thành tựu quán hạnh ở nơi không tịnh".

Lúc bấy giờ, Tỳ-kheo ấy sau khi nghe Phật thuyết giảng, khéo thọ lãnh, khéo ghi nhớ, từ chỗ ngồi đứng dậy, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật, đi nhiễu quanh ba vòng rồi lui ra. Tỳ-kheo ấy lãnh thọ lời Phật dạy, ẩn dật nơi yên tĩnh, thiền tọa tư duy, tu hành tinh cần, tâm không phóng dật. Do ẩn dật những nơi yên tĩnh, thiền tọa tư duy, tu hành tinh cần, tâm không phóng dật để đạt đến mục đích mà thiện nam tử cạo bỏ râu tóc, khoác áo ca-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo, là đây chỉ mong thành tựu phạm hạnh vô thượng, ngay trong đời này mà tự tri tự giác, tự thân chứng ngộ, thành tựu và an trụ, biết một cách như thật rằng 'Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa'. Tôn giả ấy đã biết pháp rồi, liền chứng quả A-la-hán.

Phật thuyết như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

❑

106. KINH TƯỞNG[5]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng, vườn Cấp cô độc.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Nếu có Sa-môn, Phạm chí đối với đất có tư tưởng về đất, cho rằng: 'Đất tức là thần ngã, đất là sở hữu của thần ngã, thần ngã là sở hữu của đất[6]'. Vị ấy đã cho đất tức là ngã, do đó không biết rõ đất. Cũng như vậy, đối với nước, lửa, gió, thần, trời, Sanh chủ[7], Phạm thiên, Vô phiền thiên, Vô nhiệt thiên[8], vị ấy đối với Tịnh thiên[9] có tư tưởng về Tịnh thiên, 'Tịnh thiên tức là thần ngã, Tịnh thiên là sở hữu của thần ngã, thần ngã là sở hữu của Tịnh thiên'. Vị ấy đã cho Tịnh thiên tức là thần ngã, do đó không biết rõ Tịnh thiên. Đối với Vô lượng không xứ, Vô lượng thức xứ, Vô sở hữu xứ, Phi hữu tưởng, Phi vô tưởng xứ, với nhất thể, dị biệt, đa thù, cái được thấy, cái được nghe, cái được nhận thức, cái được liễu tri, cái được làm, cái được quán sát; cái được tác ý, cái được ý tư duy, từ đời này đến đời kia, từ đời kia đến đời này, cho đến, cái tất cả. Vị ấy đối với cái tất cả có tư tưởng về cái Tất cả, 'Tất cả là thần ngã, tất cả là sở hữu của thần ngã, thần ngã là sở hữu của tất cả'. Vị ấy đã cho Tất cả tức là ngã, do đó không biết rõ cái Tất cả.

"Nếu có Sa-môn, Phạm chí đối với đất thì biết đất, 'Đất không phải là thần ngã, đất không phải là sở hữu của thần ngã, thần ngã không phải là sở hữu của đất'. Vị ấy đã không cho đất tức là thần ngã, vậy vị ấy biết rõ đất. Cũng như vậy, đối với nước, lửa, gió, thần, trời, Sanh chủ, Phạm thiên, Vô phiền thiên, Vô nhiệt thiên; vị ấy đối với Tịnh thiên thì biết Tịnh thiên, 'Tịnh thiên không phải là thần ngã, Tịnh thiên không phải là sở hữu của thần ngã, thần ngã không phải là sở hữu của Tịnh thiên'. Vị ấy đã không cho Tịnh thiên tức là thần ngã, vậy vị ấy biết rõ Tịnh thiên. Đối với Vô lượng không xứ, Vô lượng thức xứ, Vô sở hữu xứ, Phi hữu tưởng, Phi vô tưởng xứ, với nhất thể, dị biệt, đa thù, cái được thấy, cái được nghe, cái được nhận thức, cái được liễu tri, cái được làm, cái được quán sát; cái được tác ý, cái được ý tư duy, từ đời này đến đời kia, từ đời kia đến đời này, cho đến, cái tất cả. Vị ấy đối với cái Tất cả thì biết là Tất cả, 'Cái Tất cả không phải là ngã, cái Tất cả không phải là sở hữu của ngã, ngã không phải là sở hữu của cái Tất cả'.

---

5. Tương đương Pāli, M. 1. Mūlapariyāyasuttaṃ, Hán, biệt dịch. No.56.

6. Địa tức thị thần, địa thị thần sở, thần thị địa sở ▪a▪Y▪0▬▬a▪0▬▬▬▬0▪a▬▬R Đối chiếu Pāli:(...) pathiviṃ pathivito saññatvā pathivṃ maññati pathivito... pathiviyā... pathivito... maññati... pathiviṃ meti maññati pathiviṃ abhinandati, sau khi từ đất mà có ấn tượng về đất, người ấy tư duy đất (*đối tượng*), tư duy trên đất (*sở y*), tư duy từ đất (*xuất xứ*),... người đó tư duy đất là của tôi, người ấy hoan hỷ đất.

7. Sanh chủ ▬▬D▪C Pāli: Pajāpati, chúa tể (hay tổ phụ) của muôn loài.

8. Vô phiền, Vô nhiệt. Hai trong năm Tịnh cư thiên. Bản Pāli không đề cập.

9. Tịnh ▪b▪C Đây chỉ cho Ngũ tịnh cư thiên, không phải các Tịnh thiên ở Tứ thiền, vì thấp hơn Vô phiền và Vô nhiệt đã kể ở trước. Bản Pāli không đề cập.

Vị ấy đã không cho cái Tất cả là thần ngã, vậy vị ấy đã biết rõ cái Tất cả.

"Ta đối với đất thì biết đất, 'Đất không phải là thần ngã, đất không phải là sở hữu của thần ngã, thần ngã không phải là sở hữu của đất'. Ta đã không cho đất tức là thần ngã, vậy Ta đã biết rõ đất. Cũng như vậy, đối với nước, lửa, gió, thần, trời, Sanh chủ, Phạm thiên, Vô phiền thiên, Vô nhiệt thiên; Ta đối với Tịnh thiên thì biết Tịnh thiên, 'Tịnh thiên không phải là thần ngã, Tịnh thiên không phải là sở hữu của thần ngã, thần ngã không phải là sở hữu của Tịnh thiên'. Ta đã không cho Tịnh thiên tức là thần ngã, vậy Ta biết rõ Tịnh thiên. Đối với Vô lượng không xứ, Vô lượng thức xứ, Vô sở hữu xứ, Phi hữu tưởng, Phi vô tưởng xứ, với nhất thể, dị biệt, đa thù, cái được thấy, cái được nghe, cái được nhận thức, cái được liễu tri, cái được làm, cái được quán sát; cái được tác ý, cái được ý tư duy, từ đời này đến đời kia, từ đời kia đến đời này, cho đến, cái tất cả. Ta đối với cái Tất cả thì biết là Tất cả, 'Cái Tất cả không phải là ngã, cái Tất cả không phải là sở hữu của ngã, ngã không phải là sở hữu của cái Tất cả'. Ta đã không cho cái Tất cả là ngã, vậy là Ta đã biết rõ cái Tất cả".

Phật thuyết như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

❑

107. KINH LÂM (I)[1]

Tôi nghe như vầy.

Một thời Đức Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng, vườn Cấp cô độc.

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo[2]:

"Tỳ-kheo nương vào một khu rừng để ở. Vị ấy nghĩ rằng: 'Ta nương vào khu rừng này để ở. Hoặc không có chánh niệm sẽ được chánh niệm; tâm chưa định sẽ được định; nếu chưa giải thoát sẽ được giải thoát, các lậu chưa diệt tận sẽ được diệt tận; chưa chứng đắc Niết-bàn an ổn vô thượng thì sẽ chứng đắc Niết-bàn. Điều người học đạo cần như áo, chăn, uống, ăn, giường chõng, thuốc thang, các vật dụng cho đời sống, tìm cầu tất cả một cách dễ dàng, không khó khăn'.

"Rồi Tỳ-kheo ấy nương vào khu rừng này để ở. Sau khi nương vào khu rừng này để ở, nếu không có chánh niệm vẫn không được chánh niệm, tâm chưa được định vẫn không được định, chưa giải thoát vẫn không được giải thoát, các lậu chưa hết vẫn không đoạn hết, chưa chứng đắc Niết-bàn vô thượng vẫn chưa chứng đắc Niết-bàn. Những điều người học đạo cần như áo, chăn, uống, ăn, giường chõng, thuốc thang, các vật dụng cho đời sống, tìm cầu tất cả một cách dễ dàng, không khó khăn, vị Tỳ-kheo ấy nên quán như vầy, 'Ta xuất gia học đạo không phải vì áo chăn, không phải vì ăn uống, giường chõng, thuốc thang, cũng không phải vì các vật dụng cho đời sống. Nhưng ta nương vào khu rừng này để ở, hoặc không có chánh niệm vẫn không được chánh niệm, tâm chưa định vẫn không được định, chưa giải thoát vẫn không được giải thoát, các lậu chưa hết vẫn không đoạn hết, chưa chứng đắc Niết-bàn an ổn vô thượng vẫn chưa chứng đắc Niết-bàn. Nhưng những điều người học đạo cần như áo chăn, ăn uống, giường chõng, thuốc thang, các vật dụng cho đời sống tìm cầu tất cả một cách dễ dàng không khó khăn'.

"Tỳ-kheo ấy đã quán như vậy rồi, phải từ bỏ khu rừng này để đi nơi khác".

"Tỳ-kheo nương vào một khu rừng[3] để ở. Vị ấy nghĩ rằng: 'Ta nương vào khu rừng này để ở, hoặc không có chánh niệm sẽ được chánh niệm, tâm chưa được định sẽ được định, chưa giải thoát sẽ được giải thoát, các lậu chưa hết liền được đoạn hết, chưa chứng đắc Niết-bàn an ổn vô thượng thì liền chứng đắc Niết-bàn. Những điều người học đạo cần như áo chăn, ăn uống, giường chõng, thuốc thang, các vật dụng cho đời sống tìm cầu tất cả một cách dễ dàng không khó khăn'.

"Rồi Tỳ-kheo ấy nương vào khu rừng này để ở. Sau khi nương vào khu rừng để ở, hoặc không có chánh niệm liền được chánh niệm, tâm chưa định liền được định, chưa giải thoát liền được giải thoát, các lậu chưa hết liền được đoạn hết, chưa chứng đắc

---

1. Bản Hán, quyển 27. Tương đương Pāli, M.17. Vanapatthasuttaṃ.
2. Pāli: vanapatthapariyāyaṃ dessāmi, Ta sẽ giảng "Pháp môn tòng lâm".
3. Đến một khu rừng khác.

Niết-bàn an ổn vô thượng thì liền chứng đắc Niết-bàn. Những điều người học đạo cần như áo chăn, ăn uống, giường chõng, thuốc thang, các vật dụng cho đời sống tìm cầu tất cả một cách rất khó khăn, vị Tỳ-kheo ấy nên quán như vầy, 'Ta xuất gia học đạo không phải vì áo chăn, không phải vì ăn uống, giường chõng, thuốc thang, cũng không phải vì vật dụng cho đời sống. Nhưng ta nương vào khu rừng này để ở, hoặc không có chánh niệm thì liền được chánh niệm, tâm chưa định liền được định, chưa giải thoát liền được giải thoát, các lậu chưa hết liền được đoạn hết, chưa chứng đắc Niết-bàn an ổn vô thượng thì liền chứng đắc Niết-bàn. Những điều người học đạo cần như áo chăn, ăn uống, giường chõng, thuốc thang, các vật dụng cho đời sống tìm cầu tất cả một cách rất khó khăn'.

"Tỳ-kheo ấy đã quán như vậy rồi, phải ở lại khu rừng này".

"Tỳ-kheo nương vào một khu rừng để ở. Vị ấy nghĩ rằng: 'Ta nương vào khu rừng này để ở, hoặc không có chánh niệm sẽ được chánh niệm, tâm chưa định sẽ được định, chưa giải thoát sẽ được giải thoát, các lậu chưa hết sẽ được đoạn hết, chưa chứng đắc Niết-bàn an ổn vô thượng thì sẽ chứng đắc Niết-bàn. Những điều người học đạo cần như áo chăn, ăn uống, giường chõng, thuốc thang, các vật dụng cho đời sống tìm cầu tất cả một cách dễ dàng không khó khăn'.

"Rồi vị Tỳ-kheo ấy nương vào khu rừng này để ở. Sau khi nương vào khu rừng này để ở, hoặc không có chánh niệm vẫn không có chánh niệm, tâm chưa được định tĩnh vẫn không được định tĩnh, nếu chưa được giải thoát vẫn không được giải thoát, các lậu chưa hết vẫn không đoạn hết, chưa chứng đắc Niết-bàn an ổn vô thượng vẫn chưa chứng đắc Niết-bàn. Những điều người học đạo cần như áo chăn, ăn uống, giường chõng, thuốc thang, các vật dụng cho đời sống tìm cầu tất cả một cách rất khó khăn. Vị Tỳ-kheo ấy nên quán như vầy, 'Ta nương vào khu rừng này để ở, hoặc không có chánh niệm vẫn không được chánh niệm, tâm chưa được định tĩnh vẫn không được định tĩnh, nếu chưa giải thoát vẫn không được giải thoát, các lậu chưa hết vẫn không đoạn hết, chưa chứng đắc Niết-bàn an ổn vô thượng vẫn chưa chứng đắc Niết-bàn. Những điều người học đạo cần như: áo chăn, ăn uống, giường chõng, thuốc thang, các vật dụng cho đời sống tìm cầu tất cả một cách khó khăn'.

"Tỳ-kheo quán như vậy rồi, phải lập tức từ bỏ khu rừng này ngay trong đêm mà đi, chớ có cùng người cáo biệt".

"Tỳ-kheo nương vào một khu rừng để ở. Vị ấy nghĩ: 'Ta nương vào khu rừng này để ở, hoặc không có chánh niệm liền được chánh niệm, tâm chưa định liền được định, chưa giải thoát liền được giải thoát, các lậu chưa hết liền được đoạn hết, chưa chứng đắc Niết-bàn an ổn vô thượng thì liền chứng đắc Niết-bàn. Và những điều người học đạo cần như áo chăn, ăn uống, giường chõng, thuốc thang, các vật dụng cho đời sống tìm cầu tất cả một cách dễ dàng không khó khăn'.

"Rồi Tỳ-kheo ấy nương vào khu rừng này để ở. Đã nương vào khu rừng này để ở, hoặc không có chánh niệm liền được chánh niệm, tâm chưa định liền được định, chưa giải thoát liền được giải thoát, các lậu chưa hết liền được đoạn hết, chưa chứng đắc Niết-bàn an ổn vô thượng thì liền chứng đắc Niết-bàn. Những điều người học đạo cần như áo chăn, ăn uống, giường chõng, thuốc thang, các vật dụng cho đời sống tìm cầu tất cả một cách dễ dàng không khó khăn. Tỳ-kheo ấy nên quán như vầy, 'Ta nương vào khu rừng này để ở, hoặc không có chánh niệm liền được chánh niệm, tâm chưa định tĩnh liền được định tĩnh, nếu chưa giải thoát liền được giải thoát, các lậu chưa hết liền được đoạn hết, chưa chứng

đắc Niết-bàn an ổn vô thượng thì liền chứng đắc Niết-bàn. Những điều người học đạo cần như áo chăn, ăn uống, giường chõng, thuốc thang, các vật dụng cho đời sống tìm cầu tất cả một cách dễ dàng không khó khăn'.

"Tỳ-kheo đã quán như vậy rồi phải nương vào khu rừng này để ở trọn đời cho đến lúc mạng chung.

"Cũng như các trường hợp nương vào khu rừng để ở, cũng vậy, giữa bãi tha ma, giữa thôn ấp hay sống với người khác".

Phật thuyết như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

❑

108. KINH LÂM (II)[4]

Tôi nghe như vầy.

Một thời Đức Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng, vườn Cấp cô độc.

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Tỳ-kheo nương vào khu rừng này để ở. Vị ấy nghĩ rằng: 'Ta nương vào khu rừng này để ở vì lý tưởng xuất gia học đạo, là muốn thành đạt ý nghĩa của Sa-môn[5], ý nghĩa này được thành tựu đối với ta. Những điều người học đạo cần như y phục, ăn uống, giường chõng, thuốc thang, các vật dụng cho đời sống, tìm cầu tất cả một cách dễ dàng không khó khăn'.

"Rồi Tỳ-kheo ấy nương vào khu rừng này để ở. Sau khi nương vào khu rừng này để ở, với lý tưởng xuất gia học đạo là muốn thành đạt ý nghĩa của Sa-môn, nhưng ý nghĩa ấy không được thành đạt đối với ta. Những điều người học đạo cần như áo chăn, ăn uống, giường chõng, thuốc thang, các vật dụng cho đời sống tìm cầu một cách dễ dàng không khó khăn'. Tỳ-kheo ấy nên quán như vầy, 'Ta xuất gia học đạo không phải vì áo chăn, không phải vì ăn uống, giường chõng, thuốc thang, cũng không phải vì các vật dụng cho đời sống; nhưng ta nương vào khu rừng này để ở với lý tưởng xuất gia học đạo, là muốn thành đạt ý nghĩa của Sa-môn, ý nghĩa này không được thành đạt đối với ta. Những điều người học đạo cần như áo chăn, ăn uống, giường chõng, thuốc thang, các vật dụng cho đời sống tìm cầu một cách dễ dàng không khó khăn'. Tỳ-kheo đã quán như vậy rồi, phải từ bỏ khu rừng này để đi nơi khác.

"Tỳ-kheo nương vào một khu rừng để ở, vị ấy nghĩ rằng: 'Ta nương vào một khu rừng để ở với lý tưởng xuất gia học đạo là muốn thành đạt ý nghĩa của Sa-môn, ý nghĩa ấy được thành đạt đối với ta. Những điều người học đạo cần như áo chăn, ăn uống, giường chõng, thuốc thang, các vật dụng cho đời sống tìm cầu một cách dễ dàng không khó khăn'.

---

4. Nội dung, tiếp nối kinh trên.

5. Sa-môn nghĩa -P——q-Anên hiểu là mục đích của Sa-môn; hoặc, lợi ích của Sa-môn.

"Rồi Tỳ-kheo ấy nương vào khu rừng này để ở. Sau khi nương vào khu rừng này để ở với lý tưởng xuất gia học đạo là muốn thành đạt ý nghĩa của Sa-môn và ý nghĩa ấy được thành đạt đối với ta. Những điều người học đạo cần như áo chăn, ăn uống, giường chõng, thuốc thang, các vật dụng cho đời sống, tìm cầu tất cả một cách rất khó khăn, Tỳ-kheo ấy nên quán như thế này: 'Ta xuất gia học đạo không phải vì áo chăn, ăn uống, giường chõng, thuốc thang, cũng không phải vì các vật dụng cho đời sống. Nhưng ta nương vào khu rừng nay để ở với lý tưởng xuất gia học đạo là muốn thành đạt ý nghĩa của Sa-môn, ý nghĩa ấy được thành đạt đối với ta. Những điều người học đạo cần như áo chăn, ăn uống, giường chõng, thuốc thang, các vật dụng cho đời sống tìm cầu tất cả một cách rất khó khăn'.

"Tỳ-kheo đã quán như vậy rồi phải ở lại khu rừng này.

"Tỳ-kheo nương vào một khu rừng để ở, vị ấy nghĩ rằng: 'Ta nương vào khu rừng này để ở với lý tưởng xuất gia học đạo là thành đạt ý nghĩa của Sa-môn, ý nghĩa ấy được thành đạt đối với ta. Những điều người học đạo cần như áo chăn, ăn uống, giường chõng, thuốc thang, các vật dụng cho đời sống tìm cầu tất cả một cách dễ dàng không khó khăn'.

"Rồi vị ấy nương vào khu rừng này để ở. Sau khi nương vào khu rừng này để ở với lý tưởng xuất gia học đạo là muốn thành đạt ý nghĩa của Sa-môn, nhưng ý nghĩa ấy không thành đạt đối với ta. Những điều người học đạo cần như áo chăn, ăn uống, giường chõng, thuốc thang, các vật dụng cho đời sống tìm cầu tất cả một cách khó khăn, vị Tỳ-kheo ấy nên quán như thế này: 'Ta nương vào khu rừng này để ở với lý tưởng xuất gia học đạo là thành đạt ý nghĩa của Sa-môn, ý nghĩa ấy được thành đạt đối với ta. Những điều người học đạo cần như áo chăn, ăn uống, giường chõng, thuốc thang, các vật dụng cho đời sống tìm cầu tất cả một cách rất khó khăn'.

"Tỳ-kheo đã quán như vậy rồi phải lập tức từ bỏ khu rừng này ngay giữa đêm mà đi, chớ có cùng người cáo biệt.

"Tỳ-kheo nương vào một khu rừng để ở, vị ấy nghĩ rằng: 'Ta nương vào khu rừng này để ở với lý tưởng xuất gia học đạo là thành đạt ý nghĩa của Sa-môn, ý nghĩa ấy được thành đạt đối với ta. Những điều người học đạo cần như: áo chăn, ăn uống, giường chõng, thuốc thang, các vật dụng cho đời sống tìm cầu tất cả một cách dễ dàng không khó khăn'.

"Rồi vị Tỳ-kheo ấy nương vào khu rừng này để ở. Sau khi nương vào khu rừng này để ở với lý tưởng xuất gia học đạo là muốn thành đạt ý nghĩa của Sa-môn, ý nghĩa ấy được thành đạt đối với ta. Những điều người học đạo cần như áo chăn, giường chõng, thuốc thang, các vật dụng cho đời sống tìm cầu tất cả một cách dễ dàng không khó khăn, vị Tỳ-kheo ấy nên quán như thế này: 'Ta nương vào khu rừng này để ở với lý tưởng xuất gia học đạo là thành đạt ý nghĩa của Sa-môn, ý nghĩa ấy được thành đạt đối với ta. Những điều người học đạo cần như áo chăn, ăn uống, giường chõng, thuốc thang, các vật dụng cho đời sống tìm cầu tất cả một cách dễ dàng không khó khăn'.

"Tỳ-kheo đã quán như vậy rồi, phải nương vào khu rừng này để ở trọn đời cho đến lúc mạng chung".

Cũng như các trường hợp nương vào khu rừng để ở, cũng vậy, giữa bãi tha ma, thôn ấp hay sống với người khác.

Phật thuyết như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

❑

109. KINH TỰ QUÁN TÂM (I)[1]

Tôi nghe như vầy.

Một thời Đức Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng, vườn Cấp cô độc.

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Nếu có Tỳ-kheo không thiện xảo quán tâm người khác, hãy thiện xảo tự quán sát tâm của chính mình. Nên học như vậy.

"Thế nào gọi là Tỳ-kheo thiện xảo quán tự tâm[2]? Tỳ-kheo nếu có quán này, chắc chắn được nhiều lợi ích. 'Phải chăng ta được chỉ của nội tâm[3], nhưng chưa được quán pháp bằng tối thượng tuệ[4]? Phải chăng ta được quán pháp tối thượng tuệ, nhưng chưa được chỉ nội tâm? Phải chăng ta chưa được chỉ nội tâm, cũng chưa được quán pháp tối thượng tuệ? Phải chăng ta được chỉ nội tâm, cũng được quán pháp tối thượng tuệ?"

"Nếu Tỳ-kheo sau khi quán, liền biết rằng: 'Ta được chỉ nội tâm, chưa được quán pháp tối thượng tuệ'. Tỳ-kheo ấy được chỉ nội tâm rồi, hãy nên mong cầu quán pháp tối thượng tuệ. Vị ấy sau đó được chỉ nội tâm và cũng được quán pháp tối thượng tuệ.

"Nếu Tỳ-kheo sau khi quán liền biết rằng: 'Ta được quán pháp tối thượng tuệ, chưa được chỉ nội tâm'. Tỳ-kheo ấy trụ nơi quán pháp tối thượng tuệ rồi, hãy nên mong cầu nội chỉ tâm tĩnh chỉ. Vị ấy sau đó được quán pháp tối thượng tuệ và cũng được chỉ nội tâm.

"Nếu Tỳ-kheo sau khi quán liền biết rằng: 'Ta chưa được chỉ nội tâm cũng chưa được tối thượng tuệ'. Như vậy Tỳ-kheo chưa được pháp thiện này; vì muốn được nên phải nhanh chóng tìm cầu phương tiện, học tập tinh cần, chánh niệm, chánh trí, kham nhẫn, đừng để bị thoái chuyển. Ví như người bị lửa đốt cháy đầu, đốt cháy áo, phải nhanh chóng tìm cầu phương tiện cứu đầu, cứu áo. Cũng vậy, Tỳ-kheo chưa được pháp thiện này, vì muốn được nên phải nhanh chóng tìm cầu phương tiện, học tập tinh cần, chánh niệm chánh trí, đừng để bị thoái chuyển. Vị ấy sau đó liền được chỉ nội tâm và cũng được quán pháp tối thượng tuệ.

"Nếu Tỳ-kheo sau khi quán tâm, liền biết rằng: 'Ta được chỉ nội tâm, cũng được quán pháp tối thượng tuệ'. Tỳ-kheo ấy tạm trú nơi pháp thiện này rồi, hãy nên mong cầu tự thân chứng ngộ Lậu tận trí thông[5]. Vì sao vậy? Ta nói, 'Không được cất chứa tất cả y, nhưng cũng nói được phép cất chứa tất cả y[6]'.

---

1. Tương đương Pāli, A. 10. 54 Samatha.
2. Thiện tự quán tâm ————[——C Pāli: sacittapariyāyakusala.
3. Nội chỉ ————F đây nói về *chỉ quán* pháp môn. Pāli: ajjhattacetosamatha.
4. Tối thượng tuệ quán pháp ——W–z–[–k–F được chỉ (samtha) nhưng chưa được quán (vipassana). Pāli: adhipaññā-dhammavipassana, sự quán chiếu pháp bằng tuệ tăng thượng.
5. Lậu tận trí thông tác chứng–| ————q–@——C Pāli: āsavānaṃ khayāya yo karaṇīyo, nỗ lực dứt sạch các lậu.
6. Pāli: cīvarampāhaṃ bhikkhave duvidhena vadāmi sevitabbampi asevitabbampī ti, Y, Ta nói có hai loại:

"Loại y nào mà Ta nói không được cất chứa? Nếu cất chứa y mà tăng trưởng pháp ác bất thiện, suy thoái pháp thiện, loại y như vậy, Ta nói không được cất chứa.

"Loại y nào Ta nói được phép cất chứa? Nếu cất chứa y mà tăng trưởng pháp thiện, suy thoái pháp ác bất thiện, loại y như vậy Ta nói được phép cất chứa". Cũng như y áo, về uống ăn, giường chõng, thôn ấp, cũng giống như vậy.

"Ta nói, không được quen thân tất cả mọi người, nhưng cũng nói được phép quen thân tất cả mọi người[7].

"Loại người nào Ta nói không được quen thân? Nếu quen thân người mà tăng trưởng pháp ác bất thiện, suy thoái pháp thiện; người như vậy Ta thuyết giảng không được quen thân.

"Loại người nào Ta nói được phép quen thân? Nếu quen thân người mà tăng trưởng pháp thiện, suy thoái pháp ác bất thiện; người như vậy Ta nói được phép quen thân.

"Vị ấy biết đúng như thật pháp nên tập hành, cũng biết đúng như thật pháp không nên tập hành[8]. Vị ấy biết đúng như thật pháp nên tập hành, pháp không nên tập hành rồi, với pháp không nên tập hành thì không tập hành, với pháp nên tập liền tập hành. Vị ấy không tập hành pháp không nên tập hành, tập hành pháp nên tập hành rồi liền tăng trưởng pháp thiện, suy thoái pháp ác bất thiện.

"Như vậy gọi là Tỳ-kheo thiện xảo quán tự tâm, khéo biết tự tâm, khéo thủ, khéo xả".

Phật thuyết như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

❑

110. KINH TỰ QUÁN TÂM (II)[9]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng, vườn Cấp cô độc.

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Nếu có Tỳ-kheo không thiện xảo quán tâm người khác, hãy thiện xảo tự quán sát tâm của chính mình. Nên học như vậy.

"Thế nào gọi là Tỳ-kheo thiện xảo quán tự tâm? Tỳ-kheo nếu có quán này, chắc chắn được nhiều lợi ích.'Ta thường hành tham lam hay thường hành không tham lam[10]? Ta

nên sử dụng và không nên sử dụng.

7. Hiệp tập nhất thiết nhân ———@——C Pāli: puggalampāham bhikkhave duvidhena vadāmi sevitabbampi asevitabbampī ti, người, Ta nói có hai loại: đáng thân cận và không đáng thân cận.

8. Tập pháp bất khả tập pháp ——k——i——k-C Pāli: sevitabba, asevitabba: nên thân cận và không nên thân cận, nên sử dụng và không nên sử dụng, nên phục vụ và không nên phục vụ.

9. Tương đương Pāli, A. 10. 51 Sacitta.

10. Đa hành tăng tứ -h——W——C Pāli: abhijjahlū bahulaṃ viharāmi, ta sống nhiều tham lam chăng?

thường hành tâm sân nhuế hay thường hành tâm không sân nhuế? Ta thường hành thùy miên triền hay thường hành không thùy miên triền? Ta thường hành trạo hối, cống cao hay thường hành không trạo hối, cống cao? Ta thường hành nghi hoặc hay thường hành không nghi hoặc? Ta thường hành thân tránh[11] hay thường hành không thân tránh? Ta thường hành tâm ô uế hay thường hành tâm không ô uế? Ta thường hành tín hay thường hành bất tín? Ta thường hành tinh tấn hay thường hành giải đãi? Ta thường hành suy niệm hay thường hành không suy niệm? Ta thường hành tâm định hay thường hành tâm không định? Ta thường hành ác tuệ hay thường hành không ác tuệ?'

"Nếu Tỳ-kheo khi quán liền biết, 'Ta thường hành tham lam, tâm sân nhuế, thùy miên triền, trạo hối, cống cao, nghi hoặc, thân tránh, tâm ô uế, bất tín, giải đãi, không suy niệm, không tâm định, thường hành ác tuệ'. Tỳ-kheo ấy muốn diệt trừ pháp ác bất thiện này phải nhanh chóng tìm cầu phương tiện, học tập, tinh cần, chánh niệm, chánh trí, kham nhẫn, đừng để bị thoái chuyển.

"Ví như bị lửa đốt cháy đầu, cháy áo, nhanh chóng tìm cầu phương tiện cứu đầu, cứu áo. Cũng vậy, Tỳ-kheo muốn diệt trừ pháp ác bất thiện này phải nhanh chóng tìm cầu phương tiện, học tập, tinh cần, chánh niệm, chánh trí, kham nhẫn, đừng để bị thoái chuyển.

"Nếu Tỳ-kheo khi quán liền biết, 'Ta thường hành không tham lam, tâm không sân nhuế, không thùy miên triền, không trạo hối cống cao, không nghi hoặc, không thân tránh, tâm không ô uế, tín, tinh tấn, suy niệm, định, thường hành không ác tuệ'. Tỳ-kheo ấy trụ nơi pháp thiện này rồi, hãy nên mong cầu tự thân chứng ngộ lậu tận trí thông.

"Vì sao vậy? Ta nói, không được cất chứa tất cả y nhưng cũng nói được quyền cất chứa tất cả y áo. Loại y nào Ta nói không được cất chứa? Nếu cất chứa y áo mà tâm tăng trưởng pháp ác bất thiện, suy thoái pháp thiện, y áo như vậy Ta nói không được cất chứa. Loại y nào Ta nói được quyền cất chứa? Nếu cất chứa y áo mà tăng trưởng pháp thiện, suy thoái pháp ác bất thiện, y áo như vậy Ta nói được quyền cất chứa". Cũng như y áo, về uống ăn, giường chõng, thôn ấp cũng giống như vậy.

"Ta nói không được quen thân tất cả mọi người, nhưng cũng nói được quen thân tất cả mọi người. Người thế nào mà Ta nói không được quen thân? Nếu quen thân người mà tăng trưởng pháp ác bất thiện, suy thoái pháp thiện, người như vậy Ta nói không được quen thân. Người thế nào mà Ta nói được quyền quen thân? Nếu quen thân người, liền tăng trưởng pháp thiện, suy thoái pháp ác bất thiện, người như vậy Ta nói được quyền quen thân.

"Vị ấy biết đúng như thật pháp nên tập hành, cũng biết đúng như thật pháp không nên tập hành. Vị ấy biết đúng như thật pháp nên tập hành và pháp không nên tập hành rồi, pháp không nên tập hành thì không tập hành, pháp nên tập hành liền tập hành. Vị ấy không tập hành pháp không nên tập hành, tập hành pháp nên tập hành rồi, liền tăng trưởng pháp thiện, suy thoái pháp ác bất thiện.

"Như vậy gọi là Tỳ-kheo khéo tự quán tâm, khéo tự biết tâm, khéo thủ, khéo xả".

Phật thuyết như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

❑

11. Thân tránh ——C Pāli: sāraddhakāyo, cử chỉ thô bạo, nóng nảy.

111. KINH ĐẠT PHẠM HẠNH[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật du hóa tại Câu-lâu-sấu, ở Kiếm-ma-sắt-đàm, một đô ấp của Câu-lâu[2].

Bấy giờ Đức Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo rằng:

"Ta sẽ thuyết pháp cho các ngươi nghe, vi diệu ở khởi đầu, vi diệu ở khoảng giữa và vi diệu ở đoạn cuối, có văn, có nghĩa, cụ túc thanh tịnh, hiển hiện phạm hạnh; đó là 'Đạt phạm hạnh[3]', có thể diệt tận các lậu. Các thầy hãy lắng nghe, hãy khéo suy niệm.

Bấy giờ các Tỳ-kheo vâng lời dạy, chờ nghe.

Đức Thế Tôn nói:

"Các ngươi hãy biết lậu, nhân sinh của lậu, biết sự hữu báo của lậu, biết sự thắng liệt của lậu[4], biết sự diệt tận của lậu, biết lậu diệt đạo.

"Các ngươi hãy biết thọ[5], biết nhân sanh của thọ, biết sự hữu báo của thọ, biết sự thắng liệt của thọ, biết sự diệt tận của thọ, biết thọ diệt đạo.

"Các ngươi hãy biết tưởng, biết nhân sanh của tưởng, biết sự hữu báo của tưởng, biết sự thắng liệt của tưởng, biết sự diệt tận của tưởng, biết tưởng diệt đạo.

"Các ngươi hãy biết dục, biết nhân sanh của dục, biết hữu báo của dục, biết sự thắng liệt của dục, biết sự diệt tận của dục, biết dục diệt đạo.

"Các ngươi hãy biết nghiệp, biết nhân sanh của nghiệp từ đâu sanh, biết hữu báo của nghiệp, biết sự thắng liệt của nghiệp, biết sự diệt tận của nghiệp, biết nghiệp diệt đạo.

"Các ngươi hãy biết khổ, biết nhân sanh của khổ, biết sự hữu báo của khổ, biết sự thắng liệt của khổ, biết sự diệt tận của khổ, biết khổ diệt đạo.

"Thế nào là biết lậu? Biết có ba lậu: dục lậu, hữu lậu và vô minh lậu. Đó là biết lậu? Thế nào biết nhân sanh của lậu? Biết từ vô minh, nhân vô minh, do đó có lậu. Đó là biết nhân sanh của lậu. Thế nào là biết hữu báo của lậu? Biết bị vô minh trói buộc, bị các lậu rỉ thấm, do nhân duyên đó lãnh thọ quả báo hoặc đến chỗ lành hay đến chỗ ác. Đó là biết lậu có quả báo. Thế nào là biết sự thắng liệt của lậu? Biết có lậu sanh vào địa ngục, có lậu sanh vào súc sanh, có lậu sanh vào ngạ quỷ, có lậu sanh vào cõi trời, hoặc có lậu sanh vào cõi người. Đó là sự thắng liệt của lậu. Thế nào là biết sự diệt tận của lậu? Biết

---

1. Tương đương Pāli A.6.63 Nibbedhika-sutta. Hán, biệt dịch, No.57.
2. Kiếm-ma-sắt-đàm Câu-lâu. Pāli: Kammāsadhammaṃ nāma kurūnaṃ nigamo, tại thị trấn Kammàsadhamma của người Kuru. Xem cht.3, kinh số 10.
3. Đạt phạm hạnh Pāli: nibbedhikapaiyāya, pháp môn quyết trạch.
4. Các khía cạnh của vấn đề: sở nhân sanh Pāli: nidānasambhava (nguyên nhân sanh khởi), vemattatā (đặc tính sai biệt), vipāka (báo ứng).
5. Giác Pāli: vedanā.

vô minh diệt, lậu liền diệt. Đó là biết lậu diệt tận. Thế nào là biết lậu diệt đạo? Biết Thánh đạo tám chi, từ chánh kiến đến chánh định. Đó là biết lậu diệt đạo. Nếu Tỳ-kheo biết lậu, biết nhân sanh của lậu, biết hữu báo của lậu, biết sự thắng liệt của lậu, biết sự diệt tận của lậu, biết lậu diệt đạo như vậy, đó gọi là đạt phạm hạnh, có thể diệt tận tất cả lậu.

"Thế nào là biết thọ? Biết có ba cảm thọ: cảm thọ lạc, cảm thọ khổ và cảm thọ không khổ không lạc. Đó là biết thọ. Thế nào là biết nhân sanh của thọ? Biết từ xúc, do xúc nên có thọ. Đó là biết nhân sanh của thọ. Thế nào là biết hữu báo của thọ? Biết ái, ái là hữu báo của thọ. Đó là biết hữu báo của thọ. Thế nào là biết sự thắng liệt của thọ? Tỳ-kheo khi thọ nhận cảm thọ lạc, liền biết đang thọ nhận cảm thọ lạc; khi thọ nhận cảm thọ khổ liền biết đang thọ nhận cảm thọ khổ; khi thọ nhận cảm thọ không khổ không lạc, liền biết đang thọ nhận cảm thọ không khổ không lạc. Khi thân thọ nhận cảm thọ lạc, thân thọ nhận cảm thọ khổ, thân thọ nhận cảm thọ không khổ không lạc; khi tâm thọ nhận cảm thọ lạc, tâm thọ nhận cảm thọ khổ, tâm thọ nhận cảm thọ không khổ không lạc. Cảm thọ lạc khi ăn, cảm thọ khổ khi ăn, cảm thọ không khổ không lạc khi ăn. Cảm thọ lạc khi không ăn, cảm thọ khổ khi không ăn, cảm thọ không khổ không lạc khi không ăn. Cảm thọ lạc khi có dục, cảm thọ khổ khi có dục, cảm thọ không khổ không lạc khi có dục. Cảm thọ lạc khi không có dục, cảm thọ khổ khi không có dục, cảm thọ không khổ không lạc khi không có dục, thì biết có cảm thọ không khổ không lạc khi không có dục. Đó là biết sự thắng liệt của thọ. Thế nào là biết sự diệt tận của thọ? Biết xúc diệt, thọ liền diệt. Đó là biết sự diệt tận của thọ. Thế nào là biết thọ diệt đạo? Biết Thánh đạo tám chi, từ chánh kiến cho đến chánh định. Đó là biết thọ diệt đạo. Nếu Tỳ-kheo biết thọ, biết nhân sanh của thọ, biết hữu báo của thọ, biết sự thắng liệt của thọ, biết sự diệt tận của thọ, biết thọ diệt đạo như vậy, đó gọi là đạt phạm hạnh, có thể diệt tận tất cả thọ.

"Thế nào là biết tưởng? Biết có bốn tưởng[6]: Tỳ-kheo khi có tưởng nhỏ cũng biết, tưởng lớn cũng biết, tưởng vô lượng cũng biết, tưởng xứ vô sở hữu cũng biết. Đó là biết tưởng. Thế nào là biết nhân sanh của tưởng? Biết từ xúc, do xúc nên tưởng. Đó là biết nhân sanh của tưởng. Thế nào là biết hữu báo của tưởng? Biết tuyên thuyết[7], tùy tưởng mà tuyên thuyết[8]. Đó là biết hữu báo của tưởng. Thế nào là biết sự thắng liệt của tưởng? Biết có tưởng về sắc[9], có tưởng về tiếng, có tưởng về hương, có tưởng về vị, hoặc có tưởng về xúc. Đó là biết sự thắng liệt của tưởng. Thế nào là biết sự diệt tận của tưởng? Biết xúc diệt, tưởng liền diệt. Đó là biết sự diệt tận của tưởng. Thế nào là biết tưởng diệt đạo? Biết Thánh đạo tám chi, từ chánh kiến cho đến chánh định. Đó là biết tưởng diệt đạo. Nếu Tỳ-kheo biết tưởng, biết nhân sanh của tưởng, biết hữu báo của tưởng, biết sự thắng liệt của tưởng, biết sự diệt tận của tưởng, biết tưởng diệt đạo như vậy, đó gọi là đạt phạm hạnh, có thể diệt tận tất cả tưởng.

"Thế nào là biết dục? Biết dục có năm công đức của dục, khả ái, khả hỷ, mỹ sắc, tương ưng với dục, rất khả lạc. Những gì là năm? Sắc được biết bởi mắt, thanh được biết

---

6. Bản Pāli: sáu tưởng: rūpasaññā, sắc tưởng, cho đến, dhammasaññā, pháp tưởng.

7. Thuyết ——C Pāli: Katamo saññānaṃ vipāko? vohāraveppako, cái gì là kết quả (dị thục) của các tưởng? Là kết quả của ngôn ngữ tập quán.

8. Tùy kỳ tưởng tiện thuyết -H——Q-K——C Pāli: yathā yathā naṃ saṃjānāti tathā tathā voharati evaṃ saññī ahosin ti, nó nhận biết vật ấy như thế nào thì nó nói như thế, rằng "tôi có tưởng (có ấn tương) như vậy".

9. Pāli: aññā saññā rūpesu, tưởng trong các sắc thì khác, cho đến, aññā saññā dhammesu, tưởng trong các pháp thì khác.

bởi tai, hương được biết bởi mũi, vị được biết bởi lưỡi, xúc được biết bởi thân, pháp được biết bởi ý. Thế nào là biết nhân sanh của dục? Biết từ xúc, do xúc nên có dục. Đó là biết nhân sanh của dục từ đâu sanh. Thế nào là biết hữu báo của dục? Tùy theo chủng loại dục mà sanh ái lạc, đắm trước rồi trụ vào đó, do nhân duyên đó lãnh thọ quả báo, đến chỗ có phước, đến chỗ phi phước hay chỗ bất động. Đó là biết hữu báo của dục. Thế nào là biết sự thắng liệt của dục? Hoặc có dục ham muốn sắc[10], hoặc có dục ham muốn tiếng, hoặc có dục ham muốn hương, hoặc có dục ham muốn vị, hoặc có dục ham muốn xúc. Đó là biết sự thắng liệt của dục. Thế nào là biết sự diệt tận của dục? Biết xúc diệt, dục liền diệt. Đó là biết sự diệt tận của dục. Thế nào là biết dục diệt đạo? Biết Thánh đạo tám chi, từ chánh kiến cho đến chánh định. Đó là biết dục diệt đạo. Nếu Tỳ-kheo biết dục, biết nhân sanh của dục, biết hữu báo của dục, biết sự thắng liệt của dục, biết sự diệt tận của dục, biết dục diệt đạo là như vậy, đó gọi là đạt phạm hạnh, có thể diệt tận tất cả dục.

"Thế nào là biết nghiệp? Biết có hai nghiệp, nghiệp và nghiệp đã tư[11]. Đó là biết nghiệp. Thế nào là biết nhân sanh của nghiệp? Biết từ do xúc nên có nghiệp. Đó là biết nhân sanh của nghiệp. Thế nào là biết hữu báo của nghiệp? Biết nghiệp đen có quả báo đen, nghiệp trắng có quả báo trắng, nghiệp đen trắng có quả báo đen trắng, hoặc nghiệp không đen không trắng thì không có quả báo và nghiệp tận. Đó là biết nghiệp có quả báo. Thế nào là biết sự thắng liệt của nghiệp? Biết có nghiệp sanh vào địa ngục, có nghiệp sanh vào súc sanh, có nghiệp sanh vào ngạ quỷ, có nghiệp sanh vào cõi trời, hoặc có nghiệp sanh vào cõi người. Đó là biết sự thắng liệt của nghiệp. Thế nào là biết sự diệt tận của nghiệp? Biết xúc diệt, nghiệp liền diệt. Đó là biết sự diệt tận của nghiệp. Thế nào là biết nghiệp diệt đạo? Biết Thánh đạo tám chi, từ chánh kiến cho đến chánh định. Đó là biết nghiệp diệt đạo. Nếu Tỳ-kheo biết nghiệp, biết nhân sanh của nghiệp, biết hữu báo của nghiệp, biết sự thắng liệt của nghiệp, biết sự diệt tận của nghiệp, biết nghiệp diệt đạo như vậy, đó gọi là đạt phạm hạnh, có thể diệt tận tất cả nghiệp.

"Thế nào là biết khổ? Biết khổ sanh, khổ già, khổ bệnh, khổ chết, khổ oán tắng hội, khổ ái biệt ly, khổ cầu bất đắc; nói tóm, năm thủ uẩn là khổ. Đó là biết khổ. Thế nào là biết nhân sanh của khổ? Biết từ ái, do ái sanh khổ. Đó là biết nhân sanh của khổ. Thế nào là biết hữu báo của khổ? Biết có khổ diệt hơi chậm, hoặc có khổ diệt hơi nhanh, hoặc có khổ diệt rất chậm, hoặc có khổ diệt rất nhanh. Đó là biết hữu báo của khổ. Thế nào là biết sự thắng liệt của khổ? Đó là biết phàm phu ngu si, không đa văn, không gặp thiện tri thức, không điều ngự thánh pháp, nên khi thân sanh cảm thọ rất khổ, cùng cực khổ, mạng sống muốn tuyệt, phải tìm người cứu chữa ở bên ngoài; hoặc có Sa-môn, Phạm chí thọ trì loại chú một câu, loại chú hai, ba, bốn hay nhiều câu, hoặc thọ trì loại chú một trăm câu thần chú, 'Vị ấy trị dứt khổ cho ta', như vậy là nhân mong cầu mà sanh khổ, nhân tập khởi mà sanh khổ. Đó là biết sự thắng liệt của khổ. Thế nào là biết sự diệt tận của khổ? Biết ái diệt, khổ liền diệt. Đó là biết sự diệt tận của khổ. Thế nào là biết khổ diệt đạo? Biết Thánh đạo tám chi, từ chánh kiến cho đến chánh định. Đó là biết khổ diệt đạo. Nếu Tỳ-kheo biết khổ, biết nhân sanh của khổ, biết hữu báo của khổ, biết sự thắng liệt của khổ, biết sự diệt tận của khổ, biết khổ diệt đạo như vậy, đó gọi là Đạt phạm hạnh, có thể diệt tận tất cả khổ."

---

10. Hữu dục dục sắc ——————C Pāli: aññho kāmo rūpesu, dục nơi các sắc là khác,... cho đến, aññho kāmo phoṭṭhabbesu, dục nơi các xúc là khác.

11. Tư nghiệp dĩ tư nghiệp ——~—w——~—C Pāli: cetanaṃ kamamṃ... cetayitvā kamaṃ katori kāyena vācāya manasā: nghiệp được tư duy, và nghiệp sau khi tư duy rồi hành động bởi thân, miệng và ý.

Phật thuyết như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

❑

112. KINH A-NÔ-BA[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật du hóa tại Bạt-kì-sấu[2], ở đô ấp A-nô-ba[3] của người Bạt-kì.

Bấy giờ, vào lúc xế trưa, Đức Thế Tôn từ chỗ tĩnh tọa đứng dậy, bước ra khỏi tịnh thất và nói:

"A-nan, Ta và ông hãy đi đến sông A-di-la-hòa-đế[4] để tắm.

Tôn giả A-nan nói:

"Kính vâng".

Khi ấy, Đức Thế Tôn cùng Tôn giả A-nan đi đến sông A-di-la-hòa-đế, cởi bỏ y phục trên bờ sông rồi xuống nước tắm. Tắm xong, lên bờ, lau mình và mặc y phục vào. Bấy giờ Tôn giả A-nan cầm quạt quạt hầu Phật. Khi ấy, Đức Thế Tôn ngoảnh lại, hỏi:

"A-nan, Đề-bà-đạt-đa vì phóng dật nên sẽ bị đọa lạc rất cực khổ, chắc chắn đến chỗ ác, sanh vào địa ngục, ở đấy trọn kiếp, không thể cứu vớt. A-nan, ông có nghe các Tỳ-kheo nói lại rằng Ta đã xác định Đề-bà-đạt-đa chắc chắn đến chỗ ác, sanh vào địa ngục, ở đấy trọn kiếp, không thể cứu vớt chăng?"

Tôn giả A-nan thưa:

"Quả vậy, lúc bấy giờ có một vị Tỳ-kheo nói với con rằng: 'Này Tôn giả A-nan, phải chăng Đức Thế Tôn dùng Tha tâm trí biết rõ tâm Đề-bà-đạt-đa nên Ngài xác định rằng Đề-bà-đạt-đa[5] chắc chắn đến chỗ ác, sanh vào địa ngục, ở đấy trọn kiếp, không cứu vớt?[6]'"

Đức Thế Tôn nói:

"A-nan, Tỳ-kheo ấy hoặc nhỏ, hoặc trung, hoặc lớn tuổi, hoặc niên thiếu, đều không hiểu biết[7]. Vì sao vậy? Như Lai đã xác định, nhưng người ấy vẫn còn nghi hoặc. A-nan, Ta không thấy có những Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Phạm chí hay bất cứ ai khác ở trên đời này từ người đến trời như Ta ghi nhận nhất quyết về Đề-bà-đạt-đa. Vì sao vậy? A-nan, Ta xác định rằng Đề-bà-đạt-đa chắc chắn đến chỗ ác, sanh vào địa ngục, ở đấy trọn kiếp, không thể cứu vớt. A-nan, nếu Ta thấy Đề-bà-đạt-đa có được chút pháp bạch tịnh bằng một sợi lông, Ta đã không xác định rằng Đề-bà-đạt-đa chắc chắn đến chỗ ác, sanh vào địa

---

1. Tương đương Pāli A.6.62 Udaka (Purisindriyañāṇa-sutta). Biệt dịch, No.58.
2. Bạt-kì-sấu [illegible] Pāli: Vajjīsu, giữa những người Vajji.
3. A-nô-ba [illegible] địa danh này chưa rõ. Bản Pāli: Phật tại Daṇḍakappa, một ngôi làng của người Kosala.
4. A-di-la-hòa-đế [illegible] Pāli: Aciravatī, Tôn giả Ananda và một số đông Tỳ-kheo làng Daṇḍakappa đến tắm ở đây.
5. Đề-bà-đạt-đa [illegible] Tỳ-kheo chống Phật. Pāli: Devadatta.
6. Theo bản Pāli, Tỳ-kheo này hoài nghi, Phật tự biết hay nhờ chư Thiên nói cho biết.
7. Hán: niên thiếu bất tự tri [illegible] Pāli: bālo avyatto, ngu si không biết gì. Bāla, có nghĩa con nít, cũng có nghĩa ngu si, cho nên Hán dịch niên thiếu (?).

ngục, ở đấy trọn kiếp, không thể cứu vớt. A-nan, vì Ta không thấy Đề-bà-đạt-đa có được chút pháp bạch tịnh bằng một sợi lông, nên Ta xác định rằng Đề-bà-đạt-đa chắc chắn đến chỗ ác, sanh vào địa ngục, ở đấy trọn kiếp, không thể cứu vớt.

"A-nan, ví như cách thôn nọ không xa, có một hầm phẩn sâu rộng, có người bị lọt vào đấy, chìm xuống tận đáy. Có người đi đến trông thấy, phát khởi lòng đại từ đại bi, mong muốn cho được sự lợi ích và phước lành, được an ổn, khoái lạc. Người ấy nhìn quanh rồi nói, 'Người này có chỗ nào như lông, tóc không bị dính phẩn để ta có thể nắm kéo lên chăng?' Người ấy nhìn khắp châu thân nhưng không thấy có chỗ nào bằng một sợi lông, một cọng tóc mà không bị dính phẩn để có thể dùng tay nắm kéo lên được'. Cũng vậy, này A-nan, nếu Ta thấy Đề-bà-đạt-đa có một chút pháp bạch tịnh nào bằng một sợi lông, Ta đã không ghi xác định rằng Đề-bà-đạt-đa chắc chắn đến chỗ ác, sanh vào địa ngục, ở đấy trọn kiếp, không thể cứu vớt. A-nan, vì Ta không thấy Đề-bà-đạt-đa có được chút pháp bạch tịnh nào bằng một sợi lông, nên Ta ghi xác định rằng Đề-bà-đạt-đa chắc chắn đến chỗ ác, sanh vào địa ngục, ở đấy trọn kiếp, không thể cứu vớt.

Khi ấy, Tôn giả A-nan khóc lóc, lấy tay gạt lệ[8] rồi thưa rằng:

"Kính bạch Thế Tôn! Thật là kỳ diệu! Thật là hy hữu! Thế Tôn đã xác định rằng 'Đề-bà-đạt-đa chắc chắn đến chỗ ác, sanh vào địa ngục, ở đấy trọn kiếp không thể cứu vớt'."

"Đúng vậy A-nan! Đúng vậy A-nan! Ta xác định rằng Đề-bà-đạt-đa chắc chắn đến chỗ ác, sanh vào địa ngục, ở đấy trọn kiếp, không thể cứu vớt. A-nan, nếu ông được Như Lai thuyết giảng cho nghe về phân biệt Đại nhân căn trí[9] chắc chắn sẽ có tín tâm tối thượng nơi Như Lai mà luôn luôn hoan hỷ".

Khi ấy, Tôn giả A-nan chắp tay hướng Phật mà bạch rằng:

"Bạch Thế Tôn, nay quả là đúng lúc! Bạch Thiện Thệ, nay quả là đúng lúc! Ngưỡng mong Thế Tôn thuyết giảng cho các Tỳ-kheo nghe về phân biệt Đại nhân căn trí. Các Tỳ-kheo được Thế Tôn thuyết giảng cho nghe sẽ khéo léo thọ trì".

Đức Thế Tôn nói:

"A-nan, hãy lắng nghe! Hãy khéo tư niệm. Nay Ta sẽ thuyết giảng cho ông nghe về phân biệt Đại nhân căn trí".

Tôn giả A-nan vâng lời dạy chờ nghe.

Thế Tôn nói:

"A-nan, Như Lai dùng Tha tâm trí quán sát tâm người khác, biết người này thành tựu pháp thiện, cũng thành tựu pháp bất thiện. Sau đó, Như Lai dùng Tha tâm trí quán sát lại tâm người này, biết người này diệt pháp thiện, sanh phát bất thiện. Người này đã diệt pháp thiện, sanh pháp bất thiện, nhưng thiện căn còn sót lại chưa đoạn tuyệt. Từ thiện căn đó, lại sẽ phát sanh pháp thiện. Như vậy, người này đạt được pháp thanh tịnh.

"A-nan, ví như sáng sớm, mặt trời vừa xuất hiện, bóng tối diệt, ánh sáng sanh. A-nan, ý ông nghĩ sao, mặt trời lên dần cho đến giờ ăn trưa, phải chăng bóng tối đã diệt, ánh sáng đã sanh?

Tôn giả A-nan thưa:

"Bạch Thế Tôn, đúng vậy".

"Cũng vậy, này A-nan, Như Lai dùng Tha tâm trí quán sát tâm người khác, biết

---

8. Có lẽ vì Đề-ba-đạt-đa là anh em chú bác ruột.

9. Đại nhân căn trí 大人根智 Pāli: purisindriyaññāṇa.

người này thành tựu pháp thiện, cũng thành tựu pháp bất thiện. Sau đó, Như Lai dùng Tha tâm trí quán sát lại tâm người này, biết người này diệt pháp thiện, sanh pháp bất thiện. Người này đã diệt pháp thiện, sanh pháp bất thiện, nhưng thiện căn còn sót lại, chưa đoạn tuyệt. Từ thiện căn đó sẽ lại phát sanh pháp thiện. Như vậy, người này đạt được pháp thanh tịnh.

"A-nan, ví như hạt lúa giống không hư, không vỡ, không mục, không nứt, không bị gió, nắng làm thương tổn, mùa thu được cất giấu kín đáo. Nếu người cư sĩ giỏi, sửa sang khoảnh ruộng tốt rồi vãi hạt giống vào và mưa xuống phải thời, thì này A-nan, ý ông nghĩ sao, hạt giống ấy có dần dần lớn lên được chăng?"

Tôn giả A-nan thưa:

"Bạch Thế Tôn, có thể vậy".

"Cũng vậy, A-nan, Như Lai dùng Tha tâm trí quán sát tâm người khác, biết người này thành tựu pháp thiện, cũng thành tựu pháp bất thiện. Sau đó Như Lai dùng Tha tâm trí lại quán sát tâm người này, biết người này diệt pháp thiện, sanh pháp bất thiện; người này đã diệt pháp thiện, sanh pháp bất thiện, nhưng thiện căn còn sót chưa đoạn tuyệt. Từ thiện căn đó, thiện pháp sẽ lại phát sanh. Như vậy là người này đạt được pháp thanh tịnh. A-nan, đó gọi là Đại nhân căn trí của Như Lai. Như Lai hiểu biết chân chánh về gốc rễ của các pháp như vậy.

"Lại nữa, A-nan, Như Lai dùng Tha tâm trí quán sát tâm người khác, biết người này thành tựu pháp thiện, cũng thành tựu pháp bất thiện. Sau đó Như Lai dùng Tha tâm trí quán sát lại tâm người này, biết người này diệt pháp thiện, sanh pháp bất thiện, thiện căn còn sót chưa đoạn tuyệt, chắc chắn rồi sẽ đoạn tuyệt. Như vậy, người này đi đến pháp suy thoái[10].

"A-nan, ví như từ lúc xế trưa cho đến khi mặt trời lặn, ánh sáng diệt, bóng tối sanh; A-nan, ý ông nghĩ sao, sau khi mặt trời lặn, phải chăng ánh sáng đã diệt, bóng tối đã sanh?"

Tôn giả A-nan thưa:

"Bạch Thế Tôn, đúng vậy".

"Cũng vậy, A-nan, Như Lai dùng Tha tâm trí quán sát tâm người khác, biết người này thành tựu pháp thiện, cũng thành tựu pháp bất thiện. Sau đó Như Lai dùng Tha tâm trí quán sát lại tâm người này, biết người này diệt pháp thiện, sanh pháp bất thiện; người này đã diệt pháp thiện, sanh pháp bất thiện, thiện căn còn sót chưa đoạn tuyệt, chắc chắn rồi sẽ đoạn tuyệt. Như vậy, người này đi đến pháp suy thoái".

"A-nan, ví như hạt lúa giống không hư, không vỡ, không mục, không nứt, không bị gió, nắng làm thương tổn, mùa thu đến được cất giấu kín đáo. Nếu người cư sĩ kia giỏi, sửa sang ruộng tốt rồi vãi hạt giống vào nhưng mưa xuống không phải thời, thì này A-nan, ý ông nghĩ sao, hạt giống này có dần dần lớn lên được không?"

Tôn giả A-nan thưa:

"Bạch Thế Tôn, không thể được".

"Cũng vậy, này A-nan, Như Lai dùng Tha tâm trí quán sát tâm người khác, biết người này thành tựu pháp thiện, cũng thành tựu pháp bất thiện. Sau đó Như Lai dùng Tha tâm trí quán sát lại tâm người này, biết người này diệt pháp thiện, sanh pháp bất thiện; người này đã diệt pháp thiện, sanh pháp bất thiện, thiện căn còn sót chưa đoạn

10. Suy thoái pháp [illegible] Pāli: parihāna-dhamma.

tuyệt, chắc chắn rồi sẽ đoạn tuyệt. Như vậy, người này đi đến pháp suy thoái".

"A-nan, đó gọi là Đại nhân căn trí của Như Lai. Như Lai hiểu biết chân chánh về gốc rễ của các pháp như vậy.

"Lại nữa, này A-nan, Như Lai dùng Tha tâm trí quán sát tâm người khác. Ta không thấy người này có được chút pháp bạch tịnh nào, dù chỉ bằng một sợi lông. Người này một mực chỉ có pháp ác, bất thiện, ô uế, làm gốc rễ cho sự hữu trong tương lai là sự phiền nhiệt, là khổ báo, là nguyên nhân của sanh, già, bệnh, chết. Như vậy, người này khi thân hoại mạng chung, chắc chắn đi đến chỗ ác, sanh vào địa ngục".

"A-nan, ví như hạt giống không hư, vỡ, mục nát, bị gió nắng làm thương tổn, mùa thu không được cất giấu kín đáo. Nếu người cư sĩ kia không phải là nông phu giỏi, lại không khéo canh tác, gieo hạt giống xuống và mưa không phải thời, thì này A-nan, ý ông nghĩ sao, hạt giống lúa có dần dần lớn lên được chăng?"

Tôn giả A-nan thưa:

"Bạch Thế Tôn, dạ không".

"Cũng vậy, này A-nan, Như Lai dùng Tha tâm trí quán sát tâm người khác, Ta không thấy người này có được chút pháp bạch tịnh, dù bằng sợi lông. Người này pháp ác bất thiện hoàn toàn dẫy đầy, ô uế, làm gốc rễ cho sự hữu trong tương lai, lại phiền nhiệt, khổ báo, nguyên nhân của sanh, già, bệnh, chết. Như vậy, người này khi thân hoại mạng chung, chắc chắn đi đến chỗ ác, sanh vào địa ngục. A-nan, đó gọi là Đại nhân căn trí của Như Lai. Như Lai hiểu biết chân chánh về gốc rễ của các pháp như vậy".

"Khi ấy Tôn giả A-nan chắp tay hướng Phật mà bạch rằng:

"Bạch Thế Tôn, Thế Tôn đã thuyết giảng về ba hạng người như vậy. Mong Thế Tôn có thể giảng thuyết về ba hạng người khác nữa được chăng?"

Đức Thế Tôn nói:

"Ta có thể nói. Này A-nan, Như Lai dùng Tha tâm trí quán sát tâm người khác, biết người này thành tựu pháp bất thiện, cũng thành tựu pháp thiện. Sau đó, Như Lai dùng Tha tâm trí quán sát lại tâm người này, biết người này diệt pháp bất thiện, sanh pháp thiện. Người này đã diệt pháp bất thiện, sanh pháp thiện, nhưng bất thiện căn còn sót chưa đoạn tuyệt. Từ bất thiện căn này sẽ lại phát sanh pháp bất thiện. Như vậy, người này đi đến pháp suy thoái.

"A-nan, ví như lửa đốt, khi mới đốt chỉ có một ngọn, có người đẩy cỏ khô thêm rồi chất củi khô lên. Này A-nan, ý ông nghĩ sao, ngọn lửa kia càng bốc cháy mạnh lên chăng?"

Tôn giả A-nan thưa:

"Bạch Thế Tôn, quả như vậy".

"Cũng vậy, này A-nan, Như Lai dùng Tha tâm trí quán sát tâm người khác, biết người này thành tựu pháp bất thiện, cũng thành tựu pháp thiện. Sau đó, Như Lai dùng Tha tâm trí quán sát lại tâm người này, biết người này diệt pháp bất thiện, sanh pháp thiện. Người này đã được diệt pháp bất thiện, sanh pháp thiện, nhưng bất thiện căn còn sót chưa đoạn tuyệt. Từ bất thiện căn đó sẽ lại phát sanh pháp bất thiện. Như vậy, người này đi đến pháp suy thoái.

"Này A-nan, đó gọi là Đại nhân căn trí của Như Lai. Như Lai hiểu biết chân chánh về gốc rễ của các pháp như vậy.

"Lại nữa, này A-nan, Như Lai dùng Tha tâm trí quán sát tâm người khác, biết người này thành tựu pháp bất thiện, cũng thành tựu pháp thiện. Sau đó, Như Lai dùng Tha tâm

trí quán sát lại tâm người này, biết người này diệt pháp bất thiện, sanh pháp thiện. Người này đã diệt pháp bất thiện, sanh pháp thiện, nhưng bất thiện căn còn sót chưa đoạn tuyệt, chắc chắn rồi sẽ đoạn tuyệt. Như vậy, người này đạt đến pháp thanh tịnh.

"A-nan, ví như đốt lửa, khi mới đốt chỉ có một ngọn, có người đem cây lửa đang cháy sáng này để trên đất bằng, hoặc để trên đá; này A-nan, ý ông nghĩ sao, ngọn lửa há càng bốc cháy mạnh lên chăng?"

Tôn giả A-nan thưa:

"Bạch Thế Tôn, không thể vậy".

"Cũng vậy, này A-nan, Như Lai dùng Tha tâm trí quán sát tâm người khác, biết người này thành tựu pháp bất thiện, cũng thành tựu pháp thiện. Sau đó Như Lai dùng Tha tâm trí quán sát lại tâm người này, biết người này diệt pháp bất thiện, sanh pháp thiện. Người này đã diệt pháp bất thiện, sanh pháp thiện, nhưng bất thiện căn còn sót chưa đoạn tuyệt, chắc chắn rồi sẽ đoạn tuyệt. Như vậy là người này đạt pháp thanh tịnh.

"A-nan, đó gọi là Đại nhân căn trí của Như Lai. Như Lai hiểu biết chân chánh về gốc rễ của các pháp như vậy.

"Lại nữa, này A-nan, Như Lai dùng Tha tâm trí quán sát tâm người khác, Ta không thấy người này có chút hắc nghiệp dù bằng một sợi lông. Người này tuyệt đối chỉ có pháp thiện dẫy đầy, cùng với lạc, được lạc báo, chắc chắn sanh vào lạc xứ mà được trường thọ. Như vậy, người này ngay trong đời này chắc chắn chứng đắc Niết-bàn.

"A-nan, ví như tro lửa đã tắt từ lâu, đã nguội lạnh, có một người thêm đầy cỏ khô rồi chất củi khô lên; này A-nan, ý ông nghĩ sao, tâm nguội lạnh há có thể bốc cháy được chăng?"

Tôn giả A-nan thưa:

"Bạch Thế Tôn, không thể được".

"Cũng vậy, này A-nan, Như Lai dùng Tha tâm trí quán sát tâm người khác. Ta không thấy người này có chút hắc nghiệp dù bằng một sợi lông. Người này tuyệt đối chỉ có pháp thiện dẫy đầy, cùng với lạc, được lạc báo, chắc chắn sanh vào lạc xứ mà được trường thọ. Như vậy, người này ngay trong đời này chắc chắn chứng đắc Niết-bàn. Này A-nan, đó gọi là Đại nhân căn trí của Như Lai. Như Lai hiểu biết chân chánh về gốc rễ của các pháp như vậy.

"A-nan, ba hạng người nói trên kia, hạng người thứ nhất đạt pháp thanh tịnh, hạng người thứ hai đạt pháp suy thoái, hạng người thứ ba khi thân hoại mạng chung chắc chắn đến chỗ ác, sanh vào địa ngục.

"Ba hạng người Ta nói sau này, hạng người thứ nhất đạt pháp suy thoái, hạng người thứ hai đạt pháp thanh tịnh, hạng người thứ ba ngay trong đời này chứng đắc Niết-bàn.

"A-nan, Ta đã giảng thuyết cho ông nghe về Đại nhân căn trí. Như đấng Tôn sư thương yêu đệ tử, phát khởi lòng đại từ đại bi, mong muốn cho được sự lợi ích và phước lành, được an ổn khoái lạc, điều đó Ta đã thực hiện rồi, các người cũng phải tự mình thực hiện. Hãy đến rừng vắng sơn lâm, dưới gốc cây hoặc một chỗ nào yên tĩnh mà thiền tịnh tư duy, chớ nên phóng dật. Hãy chuyên cần tinh tấn, đừng để về sau phải hối hận. Đó là lời răn dạy của Ta! Đó là lời khuyên bảo của Ta!"

Phật thuyết như vậy. Tôn giả A-nan sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

❑

113. KINH CHƯ PHÁP BỔN[1]

Tôi nghe như vầy.

Một thời Đức Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng, vườn Cấp cô độc.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Nếu có dị đạo đến hỏi các ông 'Tất cả các pháp lấy gì làm gốc?' thì các ông nên trả lời họ như thế này: 'Tất cả các pháp lấy dục làm gốc'.

"Nếu lại hỏi, 'Lấy gì làm hòa hiệp?' thì nên đáp như vầy, 'Lấy xúc làm hòa hiệp[2]'.

"Nếu lại hỏi, 'Lấy gì làm dẫn khởi?' thì nên đáp như vầy, 'Lấy thọ làm dẫn khởi[3]'.

"Nếu lại hỏi, 'Lấy gì làm hữu?' thì nên đáp như vầy, 'Lấy tư tưởng làm hữu[4]'".

"Nếu lại hỏi, 'Lấy gì làm thượng thủ?' thì nên đáp như vầy: "Lấy niệm làm thượng thủ'.

"Nếu lại hỏi, 'Lấy gì làm tiền đạo?' thì nên đáp như vầy, 'Lấy định làm tiền đạo".

"Nếu lại hỏi, 'Lấy gì làm tối thượng?' thì nên đáp như vầy, 'Lấy tuệ làm tối thượng.'

"Nếu lại hỏi, 'Lấy gì làm chắc thật?' thì nên đáp như vầy, 'Lấy giải thoát làm chắc thật'.

"Nếu lại hỏi, 'Lấy gì làm ý nghĩa?' thì nên đáp như vầy, 'Lấy Niết-bàn làm ý nghĩa'.

"Tỳ-kheo, đó là, dục là gốc của các pháp, xúc là hòa hiệp của các pháp, thọ là dẫn khởi của các pháp, tư tưởng là hữu của các pháp, niệm là thượng thủ của các pháp, định là tiền đạo của các pháp, tuệ là tối thượng của các pháp, giải thoát là chắc thật của các pháp, và Niết-bàn là ý nghĩa của các pháp. Tỳ-kheo, hãy nên học tập như vậy.

"Tích tập tâm xuất gia học đạo[5], tích tập tưởng vô thường, tích tập tưởng vô thường nên khổ, tích tập tưởng khổ nên vô ngã, tích tập tưởng bất tịnh, tích tập tưởng thức ăn ghê tởm[6], tích tập tưởng tất cả thế gian không có gì hoan lạc, tích tập tưởng về sự chết.

"Biết sự tốt xấu của thế gian[7]; tâm được tích tập với tưởng như vậy[8]. Biết tập hữu

---

1. Bản Hán, quyển 28. Tương đương Pāli, A. 8. 83. Mūla, 10. 58 Mūla; tham chiếu, A. 10. 59 Pabbajjā. Hán, biệt dịch, No.59.

2. Hán: dĩ cánh lạc vi hòa -H-----M-C Pāli: vedanā-samosaraṇā, hòa hiệp (kết hợp) là thọ. Xem cht. dưới.

3. Dĩ hà vi lai -H----C Pāli: phassa-samudayā, xúc là tập khởi. Xem cht. trên.

4. Dĩ tư tưởng vi hữu -H--Q---C Pāli: manasikāra-saṃbhavā, tác ý là sanh khởi (hữu).

5. Tập đắc xuất gia học đạo chi tâm ---o-X-a---D----C Pāli: yathāpabbajjā- paricitañca cittam. *Tập* trong bản Hán phù hợp với *paricita* trong bản Pāli, nên hiểu là *tích tập*, thay vì là *tập khởi*.

6. Ác thực tưởng -c---Q-C

7. Tri thế gian hảo ố ---@---n-c-C Pāli: lokassa samañ ca asamañ ca ñatvā, biết sự chánh hay bất chánh (bình đẳng hay không bình đẳng) của thế gian.

của thế gian[9]; tâm được tích tập với tưởng như vậy. Biết như thật sự tập khởi, diệt tận, vị ngọt, tai hoạn và sự xuất yếu của thế gian; tâm được tích tập với tưởng như vậy. Nếu Tỳ-kheo tích tập được tâm xuất gia học đạo, tích tập được tưởng vô thường, tích tập được tưởng vô thường nên khổ, tích tập được tưởng khổ nên vô ngã, tích tập được tưởng bất tịnh, tích tập được tưởng thức ăn ghê tởm, tích tập được tưởng tất cả thế gian không có gì hoan lạc, tích tập được tưởng về sự chết. Biết sự tốt xấu của thế gian; tâm đã được tích tập với tưởng như vậy. Biết tập hữu của thế gian; tâm đã được tích tập với tưởng như vậy. Biết như thật sự tập khởi, diệt tận, vị ngọt, tai hoạn và sự xuất yếu của thế gian; tâm đã được tích tập với tưởng như vậy; đó được gọi là Tỳ-kheo đoạn ái, trừ kết; đã chánh tri, chánh quán các pháp rồi liền được tận cùng sự khổ.

Phật thuyết như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

❑

8. Tập như thị tưởng tâm ——p–0–Q——C Pāli: taṃsaññāpāricitañca cittaṃ.

9. Tri thế gian tập hữu ——@————C Pāli: lokassa samudayañ ca atthaṅgamañca ñatvā, biết sự tập khởi và hoại diệt của thế gian.

114. KINH ƯU-ĐÀ-LA[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng, vườn Cấp cô độc.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Ưu-đà-la La-ma-tử[2] ở trong chúng hội thường nói như vầy, 'Ta ở trong sanh loại này, quán sát nó, cảm thọ nó mà không biết cội gốc của ung nhọt, nhưng sau đó biết hoàn toàn cội gốc của ung nhọt[3].' Ưu-đà-la La-ma-tử không biết tất cả, tự xưng biết tất cả, thật không có giác ngộ tự xưng có giác ngộ. Ưu-đà-la La-ma-tử thấy như vậy, nói như vậy, 'Nếu có tưởng thì đó là bệnh, là ung nhọt, là gai, còn như không có tưởng thì đó là kẻ ngu si. Nếu có cái được cảm thọ, thì đó là tĩnh chỉ, là tối diệu, tức là cho đến Phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ'. Ông ấy sau khi ái lạc tự thân, chấp thủ tự thân, sau đó tu tập cho đến Phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ. Khi thân hoại mạng chung sanh vào cõi trời Phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ. Sau khi chấm dứt tuổi thọ ở đó, lại đến nhân gian, sanh vào loài chồn.

"Ở đây thầy Tỳ-kheo nói chân chánh, có thể nói như vầy 'Ta ở trong sanh loại này, quán sát nó, cảm thọ nó mà không biết cội gốc của ung nhọt, nhưng sau đó biết hoàn toàn cội gốc của ung nhọt'.

"Thế nào là Tỳ-kheo quán sát chân chánh? Tỳ-kheo biết sáu xúc xứ, biết tập, biết diệt, biết vị ngọt, biết tai hoạn và biết sự xuất yếu của chúng; bằng tuệ mà biết một cách như thật. Như vậy gọi là Tỳ-kheo quán sát chân chánh.

"Thế nào là Tỳ-kheo biết cảm thọ? Là Tỳ-kheo biết ba cảm thọ, biết tập, biết diệt, biết vị ngọt, biết tai hoạn và biết sự xuất yếu của chúng; bằng tuệ mà biết một cách như thật. Như vậy gọi là Tỳ-kheo biết cảm thọ.

"Thế nào là Tỳ-kheo không biết cội gốc của ung nhọt, nhưng sau đó biết hoàn toàn cội gốc của ung nhọt? Tỳ-kheo biết hữu ái đã diệt, đã nhổ sạch gốc rễ của nó, khiến không thể sanh lại. Như vậy gọi là Tỳ-kheo không biết cội gốc của ung nhọt, nhưng sau đó biết hoàn toàn cội gốc của ung nhọt.

"Ung nhọt chính là thân này, là sắc thân bốn đại thô phù do cha mẹ sanh ra, được lớn lên nhờ ăn uống, cọ xát với y phục, chăm sóc bằng tắm rửa, là pháp vô thường, là pháp hủy hoại, là pháp tan rã. Như vậy gọi là ung nhọt.

"Cội gốc của ung nhọt là ba ái: dục ái, sắc ái và vô sắc ái. Như vậy gọi là cội gốc của ung nhọt. Tất cả lậu gây ung nhọt là sáu xúc xứ, mắt lậu thấy sắc, tai lậu nghe tiếng,

---

1. Tương đương Pāli, S. 35. 103. Uddaka.
2. Ưu-đà-la La-ma-tử –u––––––l–C Pāli: Uddaka-Rāmaputta, vị đạo sĩ đã dạy cho Đức Phật lúc Ngài chưa thành đạo về pháp tu Phi tưởng phi phi tưởng (xem M.26 và kinh số 104).
3. Đối chiếu bản Pāli: idam jātu vedagū, idam jātu sabbajī, idam jātu analikhatam gaṇḍemūlam Pālikhanin ti. Quả thực ta thấu hiểu sự kiện này, khắc phục tất cả sự kiện này, phế trừ gốc rễ của ung nhọt này. Jātu (quả thức, trạng từ), trong bản Hán được hiểu là Jāti: sanh loại (?).

mũi lậu ngửi mùi, lưỡi lậu nếm vị, thân lậu cảm xúc, ý lậu biết các pháp. Như vậy gọi là tất cả lậu gây ung nhọt.

"Này các Tỳ-kheo, Ta đã thuyết giảng cho các ngươi nghe về cội gốc của ung nhọt. Như đấng Tôn sư thương yêu đệ tử, phát khởi lòng đại từ đại bi, mong cho được sự lợi ích và phước lành, được an ổn khoái lạc, điều đó Ta đã thực hiện. Các thầy cũng phải tự mình thực hiện. Hãy đến nơi rừng vắng, sơn lâm, dưới gốc cây hoặc một chỗ nào yên tĩnh mà thiền tọa, tư duy, chớ nên phóng dật. Hãy chuyên cần tinh tấn, đừng để về sau phải hối hận. Đó là lời răn dạy của Ta! Đó là lời khuyên bảo của Ta!"

Phật thuyết như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe lời Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

❑

115. KINH MẬT HOÀN DỤ[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật du hóa Thích-ki-sấu, ở tại Ca-duy-la-vệ[2].

Bấy giờ sau khi đêm tối qua, vào buổi sáng sớm, Đức Thế Tôn đắp y, ôm bát, rửa tay chân, lấy Ni-sư-đàn vắt lên vai, đi đến rừng trúc[3] trong chùa Thích-ca[4], rồi Ngài đi vào Đại lâm[5], đến dưới một gốc cây, trải Ni-sư-đàn ngồi kiết già.

Khi ấy, Chấp Trượng Thích[6] chống gậy mà đi, sau bữa cơm trưa, ung dung tìm đến chỗ Phật, cùng nhau chào hỏi, chống gậy đứng trước Đức Phật, rồi hỏi Đức Thế Tôn rằng:

"Sa-môn Cù-đàm, Ngài lấy gì làm tông chỉ? Và thuyết giảng những pháp gì?"

Đức Thế Tôn đáp: 1

"Này người họ Thích, nếu tất cả chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Phạm chí, từ người đến trời trên thế gian này đều không đấu tranh[7], tu tập ly dục, thanh tịnh phạm hạnh, lìa bỏ siểm khúc, dứt trừ hối[8], không đắm trước nơi hữu, phi hữu, cũng không có tưởng[9]. Đó là tông chỉ của Ta. Pháp Ta thuyết giảng cũng như vậy".

Khi ấy, Chấp Trượng Thích nghe Đức Phật nói, không cho là phải, không cho là trái. Chấp Trượng Thích lắc đầu rồi bỏ đi.

Bấy giờ, sau khi Chấp Trượng Thích bỏ đi không lâu, vào lúc xế, Đức Thế Tôn từ chỗ thiền tọa đứng dậy, đi vào giảng đường, đến trước chúng hội Tỳ-kheo, trải tọa cụ ngồi xuống, rồi nói với các Tỳ-kheo:

"Hôm nay, vào buổi sáng sớm, Ta đắp y, ôm bát vào Ca-duy-la-vệ khất thực. Sau khi ăn xong, Ta thâu y bát, rửa tay chân, lấy Ni-sư-đàn vắt lên vai, đến khóm trúc trong chùa Thích-ca, rồi Ta đi vào Đại lâm ấy, đến dưới một gốc cây, trải Ni-sư-đàn rồi ngồi kiết già. Khi ấy, có Chấp Trượng Thích chống gậy mà đi, sau bữa cơm trưa ung dung tìm đến chỗ Ta, cùng nhau chào hỏi, chống gậy đứng trước mặt Ta rồi hỏi Ta rằng: 'Sa-môn Cù-đàm, Ngài lấy gì làm tông chỉ và thuyết giảng những pháp gì?' Ta

---

1. Tương đương Pāli M.18 Madhupiṇḍika-sutta. Biệt dịch No.125 (9).
2. Thích-ki-sấu, Ca-duy-la-vệ. Pāli: sakkesu viharati nigrodhārāme.
3. Nghệ trúc lâm ▬▬▬L▬C Bản Pāli nói Phật ngồi nghỉ trưa dưới một gốc tre non (Beluvaṭṭhika), tre non.
4. Thích-ca tự ▬▬¦▬x▬A chỉ tinh xá trong vườn Ni-câu-loại (Nigrodhārāma).
5. Đại lâm ▬j▬L▬C Pāli: Mahāvana, khu rừng gần Kapilavatthu.
6. Chấp Trượng Thích ▬▬▬▬C Pāli: Daṇḍapāṇī Sakka, con trai của Anjana và Yosadharā, em của Hoàng hậu Mayā và Pajāpati, tức cậu ruột của Phật. Truyền thuyết Bắc phương nói ông là cha vợ của Thái tử Tất-đạt-đa.
7. Đấu tranh ▬諍▬C Pāli: viggayha, sự tranh luận, tranh cãi.
8. Trừ hối. Pāli: chinnakukkucca, dứt trừ sự ác tác, không còn hối quá.
9. Hán: (...) diệc vô tưởng ▬▬L▬Q▬C Pāli: (...) taṃ brahmaṃ ... bhavābhave vītataṇhaṃ saññā nānusenti, cac tưởng không tiềm phục nơi người Bà-la-môn mà tham ái, ái hữu và phi hữu đã bị loại trừ. Không nên lầm ở đây Phật chủ trương "vô tưởng".

đáp, 'Này người họ Thích, nếu tất cả chư Thiên, Ma, phạm, Sa-môn, Phạm chí, từ người đến trời trên thế gian này đều không đấu tranh, tu tập ly dục, thanh tịnh phạm hạnh, lìa bỏ siểm khúc, dứt trừ hối, không đắm trước nơi hữu, phi hữu, cũng không có tưởng. Đó là tông chỉ của Ta. Pháp Ta thuyết giảng cũng như vậy'. Khi ấy Chấp Trượng Thích nghe Ta nói không cho là phải, cũng không cho là trái. Chấp Trượng Thích lắc đầu rồi bỏ đi".

Khi ấy có một Tỳ-kheo từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch áo bày vai phải, chắp tay hướng Phật mà bạch rằng:

"Bạch Thế Tôn, sao gọi là tất cả những Thiên, Ma, phạm, Sa-môn, Phạm chí, từ người đến trời trên thế gian này đều không đấu tranh, tu tập ly dục, thanh tịnh phạm hạnh, lìa bỏ siểm khúc, dứt trừ hối, không đắm trước nơi hữu, phi hữu, cũng không có tưởng?"

Đức Thế Tôn nói:

"Tỳ-kheo, nếu người đối với tư niệm nhân đó mà xuất gia học đạo[10], tu tập tư tưởng, và đối với pháp hiện tại, quá khứ và vị lai, mà không ái, không lạc, không đắm trước, không trụ, đó gọi là tận cùng sự khổ. Dục sử, nhuế sử, hữu sử, mạn sử, vô minh sử, kiến sử, nghi sử[11], đấu tranh, tắng tật, siểm nịnh, lừa bịp, nói dối, nói hai lưỡi và vô lượng pháp ác bất thiện khác[12], đó gọi là tận cùng sự khổ".

Đức Phật nói như vậy rồi, liền từ chỗ ngồi đứng dậy đi vào tịnh thất tĩnh tọa.

Khi ấy các Tỳ-kheo liền suy nghĩ rằng: 'Này chư Hiền, nên biết, Đức Thế Tôn nói nghĩa này một cách vắn tắt, không phân biệt rộng rãi, từ chỗ ngồi đứng dậy, đi vào tịnh thất tĩnh tọa, 'Nếu người đối với tư niệm nhân đó mà xuất gia học đạo, tu tập tư tưởng, và đối với pháp hiện tại, quá khứ và vị lai, mà không ái, không lạc, không đắm trước, không trụ, đó gọi là tận cùng sự khổ. Dục sử, nhuế sử, hữu sử, mạn sử, vô minh sử, kiến sử, nghi sử, đấu tranh, tắng tật, siểm nịnh, lừa bịp, nói dối, nói hai lưỡi và vô lượng pháp ác bất thiện khác, đó gọi là tận cùng sự khổ'."

Rồi lại suy nghĩ rằng: "Này chư Hiền, ai có thể phân biệt rộng rãi ý nghĩa mà Đức Thế Tôn vừa nói vắn tắt ấy?"

Rồi họ lại suy nghĩ: "Chỉ có Tôn giả Đại Ca-chiên-diên thường được Đức Thế Tôn và các vị Phạm hạnh có trí khen ngợi. Tôn giả Đại Ca-chiên-diên có thể phân biệt rộng rãi ý nghĩa mà Đức Thế Tôn vừa nói vắn tắt ấy. Này chư Hiền, hãy cùng nhau đi đến chỗ Tôn giả Đại Ca-chiên-diên yêu cầu ngài nói nghĩa này. Nếu được Tôn giả Đại Ca-chiên-diên phân biệt cho thì chúng ta sẽ khéo léo nhận lãnh rồi ghi nhớ".

Rồi thì các Tỳ-kheo đi đến chỗ của Tôn giả Đại Ca-chiên-diên, cùng nhau chào hỏi rồi ngồi một bên mà bạch rằng:

"Thưa Tôn giả Đại Ca-chiên-diên, nên biết, Đức Thế Tôn nói nghĩa này một cách vắn tắt, không phân biệt rộng rãi, rồi từ chỗ ngồi đứng dậy đi vào tịnh thất tĩnh tọa. "Tỳ-kheo, nếu người đối với tư niệm nhân đó mà xuất gia học đạo, tu tập tư tưởng, và đối với pháp hiện tại, quá khứ và vị lai, mà không ái, không lạc, không đắm trước, không trụ, đó

---

10. Nhân sở nhân niệm-H--]--CPāli nói: Yatonidānaṃ purisaṃ papañcasaññā- saṅkhā samudācaranti ettha ce natthi abhinanditabbaṃ, do nhân duyên mà các hý luận vọng tưởng hiện hành nơi con người, ở đó nếu không có gì đang hoan hỷ... Thử dựng lại đoạn Hán thành Pāli để xem có phải Hán và Pāli khác nhau do sự truyền khẩu hay không: yatonidānaṃ purisaṃ pabbajjāsaññāparicitaṃ...

11. Các *sử* ở đây cũng gọi là *tùy miên*.

12. Liệt kê của Pāli: rāga (tham trước), paṭigha (sân), diṭṭhi (kiến), vicikicchā (nghi), māna (mạn), bhavarāga (hữu ái), avijjā (vô minh), các tùy miên (anusayāni) này bị đoạn tận.

gọi là tận cùng sự khổ. Dục sử, nhuế sử, hữu sử, mạn sử, vô minh sử, kiến sử, nghi sử, đấu tranh, tắng tật, siểm nịnh, lừa bịp, nói dối, nói hai lưỡi và vô lượng pháp ác bất thiện khác, đó gọi là tận cùng sự khổ'. Chúng tôi liền suy nghĩ rằng: 'Này chư Hiền, ai có thể phân biệt rộng rãi ý nghĩa mà Đức Thế Tôn vừa nói vắn tắt?' Rồi chúng tôi lại suy nghĩ: 'Chỉ có Tôn giả Đại Ca-chiên-diên thường được Đức Thế Tôn và các vị phạm hạnh có trí khen ngợi. Tôn giả Đại Ca-chiên-diên có thể phân biệt rộng rãi ý nghĩa mà Đức Thế Tôn nói vắn tắt ấy. Ngưỡng mong Tôn giả Đại Ca-chiên-diên thương xót mà giảng rộng cho!"

Bấy giờ Tôn giả Đại Ca-chiên-diên bảo rằng:

"Này chư Hiền, hãy nghe tôi nói ví dụ này. Người có trí tuệ nghe dụ này sẽ hiểu rõ nghĩa lý.

"Này chư Hiền, ví như có người tìm lõi cây. Vì muốn tìm lõi cây nên người ấy cầm búa vào rừng. Người ấy thấy cây đại thọ đã thành rễ, thân, cành, nhánh, lá, hoa và lõi. Người ấy không đụng đến rễ, thân, cành, lõi, mà chỉ đụng đến nhánh và lá. Những điều chư Hiền nói cũng giống như vậy. Đức Thế Tôn đang ở đây mà chư Hiền lại bỏ Ngài đến tôi để hỏi nghĩa này. Vì sao vậy? Này chư Hiền, nên biết, Đức Thế Tôn là Bậc có mắt, là Bậc có trí. Ngài là Pháp, là Bậc Pháp chủ, là Pháp tướng, là Bậc nói nghĩa chân đế, hiển hiện tất cả nghĩa. Do đó chư Hiền nên đi đến chỗ Đức Thế Tôn mà hỏi nghĩa này, rằng: 'Bạch Thế Tôn, điều này là thế nào? Điều này có nghĩa gì?' Nếu như Đức Thế Tôn có nói gì thì chư Hiền hãy khéo léo nhận lãnh và ghi nhớ".

Bấy giờ các Tỳ-kheo bạch rằng:

"Đúng vậy, thưa Tôn giả Đại Ca-chiên-diên, Đức Thế Tôn là Bậc có mắt, là Bậc có trí. Ngài là nghĩa, là Pháp, là Bậc Pháp chủ, là Bậc Pháp tướng, là Bậc nói nghĩa chân đế, hiển hiện tất cả nghĩa. Do đó chúng tôi nên đi đến chỗ Đức Thế Tôn mà hỏi nghĩa này, 'Bạch Thế Tôn, điều này là thế nào? Điều này có nghĩa gì?' Nếu như Đức Thế Tôn có nói gì thì chúng tôi khéo léo nhận lãnh rồi ghi nhớ. Nhưng thưa Tôn giả Đại Ca-chiên-diên, Ngài thường được Đức Thế Tôn và các vị phạm hạnh có trí khen ngợi. Tôn giả Đại Ca-chiên-diên có thể phân biệt rộng rãi ý nghĩa mà Đức Thế Tôn vừa nói vắn tắt ấy. Ngưỡng mong Tôn giả Đại Ca-chiên-diên thương xót mà giảng rộng cho".

Tôn giả Đại Ca-chiên-diên bảo các Tỳ-kheo:

"Vậy, này chư Hiền, xin hãy nghe tôi nói".

"Này chư Hiền, duyên nhãn và sắc mà sanh nhãn thức. Ba sự này cùng tụ hội liền có xúc. Do duyên xúc nên có cảm thọ. Có cảm thọ thì có tưởng. Có tưởng thì có tư duy. Có tư duy thì có niệm. Có niệm thì có phân biệt[13].

"Tỳ-kheo do suy niệm như vậy nên xuất gia học đạo, tu tập tư tưởng, trong đó đối với pháp hiện tại, quá khứ và vị lai không ái, không lạc, không đắm trước, không trụ; đó gọi là tận cùng sự khổ. Dục sử, nhuế sử, hữu sử, mạn sử, vô minh sử, kiến sử, đấu tranh, tắng tật, siểm nịnh, lừa bịp, nói dối, nói hai lưỡi và vô lượng pháp ác bất thiện khác. Đó gọi là tận cùng sự khổ.

"Với tai, mũi, lưỡi, thân cũng vậy. Duyên ý và pháp mà phát sanh ý thức. Ba sự cùng tụ hội liền có xúc. Do duyên xúc nên có cảm thọ. Có cảm thọ thì có tưởng. Có tưởng thì có tư duy. Có tư duy thì có suy niệm. Có suy niệm thì có phân biệt. Tỳ-kheo do niệm ấy mà xuất gia học đạo, tu tập tư tưởng, trong đó đối với pháp hiện tại, quá khứ và vị lai

---

13. Nhược sở niệm tiện phân biệt -Y---K--O-C Pāli: yaṃ vitakketi, taṃ papañceti, có tầm (niệm) cái gì, thì có hý luận cái đó.

không ái, không lạc, không đắm trước, không trụ. Đó gọi là tận cùng sự khổ. Dục sử, nhuế sử, hữu sử, mạn sử, vô minh sử, kiến sử, đấu tranh, tắng tật, siểm nịnh, lừa bịp, nói dối, nói hai lưỡi và vô lượng pháp ác bất thiện khác. Đó gọi là tận cùng sự khổ.

"Này chư Hiền, Tỳ-kheo trừ con mắt, trừ sắc, trừ nhãn thức mà có xúc, mà giả thiết có xúc, điều này không thể có. Nếu không giả thiết có xúc mà giả thiết có cảm thọ, điều ấy kkhông xảy ra. Nếu không giả thiết cảm thọ mà giả thiết có suy niệm rồi xuất gia học đạo, tu tập tư tưởng, điều này không thể có. Với tai, mũi, lưỡi, thân cũng vậy. Trừ ý, trừ pháp, trừ ý thức mà có xúc, giả thiết có xúc, điều này không thể có. Nếu không giả thiết xúc mà có thọ, giả thiết có thọ, điều này không thể có. Nếu không giả thiết thọ mà giả thiết có suy niệm, rồi xuất gia học đạo, tu tập tư tưởng, điều này không thể có.

"Này chư Hiền, do con mắt, do sắc, do nhãn thức mà có xúc, giả thiết có xúc, điều này có thật. Do giả thiết xúc mà có thọ, giả thiết có thọ, điều này có thật. Do giả thiết thọ mà giả thiết có suy niệm rồi xuất gia học đạo, tu tập tư tưởng, điều này có thật. Do giả thiết thọ mà giả thiết có suy niệm rồi xuất gia học đạo, tu tập tư tưởng, điều này có thật.

"Với tai, mũi, lưỡi, thân cũng vậy. Do ý, do pháp, do ý thức mà có xúc, chủ trương có xúc, điều này có thật. Do chủ trương xúc mà có cảm thọ, giả thiết có cảm thọ, điều này có thật. Do giả thiết có cảm thọ mà giả thiết có suy niệm, rồi xuất gia học đạo, tu tập tư tưởng, điều này có thật.

"Này chư Hiền, Đức Thế Tôn nói nghĩa này một cách vắn tắt, không phân biệt rộng rãi mà từ chỗ ngồi đứng dậy đi vào tịnh thất tĩnh tọa, 'Tỳ-kheo, nếu người đối với tư niệm nhân đó mà xuất gia học đạo, tu tập tư tưởng, và đối với pháp hiện tại, quá khứ và vị lai, mà không ái, không lạc, không đắm trước, không trụ, đó gọi là tận cùng sự khổ. Dục sử, nhuế sử, hữu sử, mạn sử, vô minh sử, kiến sử, nghi sử, đấu tranh, tắng tật, siểm nịnh, lừa bịp, nói dối, nói hai lưỡi và vô lượng pháp ác bất thiện khác, đó gọi là tận cùng sự khổ'. Đức Thế Tôn nói nghĩa này một cách vắn tắt, không phân biệt rộng rãi. Tôi đã diễn rộng câu ấy, văn ấy như vậy.

"Này chư Hiền, có thể đi đến chỗ Phật, tường trình lại đầy đủ, nếu đúng như nghĩa mà Đức Thế Tôn muốn nói, chư Hiền hãy nhận lãnh và ghi nhớ".

Khi ấy các Tỳ-kheo nghe những gì Tôn giả Đại Ca-chiên-diên nói, khéo ghi nhớ, tụng đọc, từ chỗ ngồi đứng dậy, nhiễu quanh Tôn giả Đại Ca-chiên-diên ba vòng rồi đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ, ngồi xuống một bên mà bạch rằng:

"Bạch Thế Tôn, vừa rồi Đức Thế Tôn nói nghĩa này một cách vắn tắt, không phân biệt rộng rãi, rồi từ chỗ ngồi đứng dậy, đi vào tịnh thất nghỉ ngơi. Tôn giả Đại Ca-chiên-diên đã đem những câu này, văn này mà diễn rộng ra".

Đức Thế Tôn nghe xong, khen rằng:

"Lành thay! Lành thay! Trong hàng đệ tử của Ta, có vị là bậc có mắt, có trí, có pháp, có nghĩa. Vì sao? Vì khi Tôn sư nói nghĩa này cho họ từ một cách vắn tắt, không phân biệt một cách rộng rãi, mà vị đệ tử kia đã diễn rộng ra những câu ấy, văn ấy. Đúng như những gì Tỳ-kheo Đại Ca-chiên-diên đã nói, các thầy hãy nên nhận lãnh rồi ghi nhớ như vậy. Vì sao vậy? Vì nói, quán nghĩa phải như vậy.

"Này các Tỳ-kheo, ví như có người do đi đến chỗ rừng vắng, trong rừng sâu, giữa những cây cối, bỗng nhiên gặp được bánh mật[14], vị ấy ăn, thưởng thức vị ngọt; thiện nam

14. Mật hoàn -e-Y-C Pāli: madhu-piṇḍika.

tử cũng giống như vậy, ở trong Pháp luật chân chánh này của Ta, tùy theo những gì được quán sát, vị ấy thưởng thức được vị ngọt của nó. Quán sát con mắt, thưởng thức được vị ngọt. Quán sát tai, mũi, lưỡi, thân, quán sát ý thưởng thức được vị ngọt".

Bấy giờ Tôn giả A-nan đang cầm quạt hầu Đức Thế Tôn, Tôn giả A-nan liền chắp tay hướng Phật mà bạch rằng:

"Bạch Thế Tôn, pháp này tên gọi là gì? Chúng con phải phụng trì như thế nào?"

Đức Thế Tôn nói:

"Này A-nan, pháp này tên là 'Mật hoàn dụ'[15], ông hãy nên nhận lãnh và ghi nhớ".

Khi ấy, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Các ngươi hãy nhận lãnh pháp 'Mật hoàn dụ' này, phải thường tụng đọc. Vì sao vậy? Này các Tỳ-kheo, pháp "Mật hoàn dụ" này có pháp, có nghĩa, là gốc của phạm hạnh, dẫn đến trí thông, dẫn đến giác ngộ, đưa đến Niết-bàn. Nếu là thiện nam tử cạo bỏ râu tóc, khoác áo ca-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình học đạo, thì hãy nên khéo léo nhận lãnh, ghi nhớ pháp 'Mật hoàn dụ' này".

Phật thuyết như vậy. Tôn giả A-nan và các Tỳ-kheo sau khi nghe lời Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

❑

15. Pāli: madhupiṇḍikapariyāya, pháp môn mật hoàn.

116. KINH CÙ-ĐÀM-DI[1]

Tôi nghe như vầy.

Một thời Đức Phật du hóa Thích-ki-sấu, tại Ca-duy-la-vệ, vườn Ni-câu-loại[2], cùng với chúng Đại Tỳ-kheo đồng thọ hạ an cư.

Bấy giờ, Cù-đàm-di Đại Ái[3] đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ sát chân Phật, rồi ngồi qua một bên mà bạch rằng:

"Bạch Thế Tôn, nữ nhân có thể đắc quả Sa-môn thứ tư [4] được chăng? Do nhân duyên này nữ nhân có thể ở trong Pháp luật chân chánh này chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình mà học đạo được chăng?"

Đức Thế Tôn nói:

"Thôi! Thôi! Cù-đàm-di, người chớ nên nghĩ rằng 'Nữ nhân có thể ở trong Pháp luật chân chánh này chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình mà học đạo'. Cù-đàm-di, như vậy mà người đã tự cạo bỏ đầu tóc, khoác áo ca-sa[5], nguyện suốt đời tịnh tu phạm hạnh!" Khi ấy, Cù-đàm-di Đại Ái bị Phật ngăn cản, cúi đầu đảnh lễ sát chân Phật, nhiễu quanh ba vòng rồi lui ra.

Bấy giờ các Tỳ-kheo khâu vá y của Đức Phật, Đức Thế Tôn ở Thích-ki-sấu không bao lâu, sau khi trải qua ba tháng thọ hạ an cư xong và đã khâu vá y rồi, Ngài khoác y, cầm bát, sửa soạn du hành nhân gian. Cù-đàm-di Đại Ái nghe tin các Tỳ-kheo khâu vá y của Đức Phật, Đức Thế Tôn ở Thích-ki-sấu không bao lâu, sau khi trải qua ba tháng thọ hạ an cư xong và đã khâu vá y rồi, Ngài khoác y, ôm bát, sửa soạn du hành nhân gian. Sau khi nghe tin, bà Cù-đàm-di Đại Ái lại đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ sát chân Phật, rồi ngồi qua một bên mà bạch rằng:

"Bạch Thế Tôn, nữ nhân có thể đắc quả thứ tư được chăng? Do nhân duyên này, nữ nhân có thể ở trong Pháp luật chân chánh này chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình mà học đạo được chăng?"

Đức Thế Tôn cũng lại nói:

"Thôi! Thôi! Cù-đàm-di, người chớ nên nghĩ rằng 'Nữ nhân có thể ở trong Pháp luật chân chánh này chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình mà học đạo'. Cù-đàm-di, như

---

1. Tương đương Pāli A.8.51 Gotamī-sutta. Biệt dịch No.60. Kinh nói về sự thiết lập Tỳ-kheo ni tăng, do đó được kể trong tất cả Luật tạng. Tham chiếu, Luật Pāli, Cv. 10.1; Tứ Phần Luật 48 (Đại 22, tr.922), Ngũ Phần Luật 29 (Đại 22, tr.185), và các luật khác.
2. Xem cht. kinh trên.
3. Cù-đàm-di Đại Ái ————j ‑R‑C Pāli: Mahāpajāpatī Gotamī.
4. Tức quả vị A-la-hán. Ý câu hỏi, theo bản Pāli, do A-nan nghĩ ra như la cơ sở để nữ được xuất gia như nam. Xem đoạn dưới.
5. Luật Tứ phần (nt): sau khi Bà không được Phật cho phép nữ giới xuất gia, Bà cùng với năm trăm người nữ khác tự cạo tóc, mặc áo ca-sa và vẫn đi theo Phật khẩn nguyện Ngài chấp thuận. Bản Pāli cũng vậy, Bà theo Phật đến Vesāli và tự cạo tóc tại đây.

vậy mà người đã tự cạo bỏ đầu tóc, khoác áo ca-sa, nguyện suốt đời tịnh tu phạm hạnh!"

Khi ấy, Cù-đàm-di Đại Ái bị Phật ngăn cản lần thứ hai, cúi đầu đảnh lễ sát chân Phật, nhiễu quanh ba vòng rồi lui ra.

Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn ở Thích-ki-sấu, sau khi trải qua ba tháng thọ hạ an cư xong và đã khâu vá y rồi, Ngài khoác y, ôm bát du hành nhân gian. Cù-đàm-di Đại Ái nghe tin Đức Thế Tôn ở Thích-ki-sấu sau khi trải qua ba tháng thọ hạ an cư xong và đã khâu vá y rồi, Ngài khoác y ôm bát mà du hành nhân gian, Cù-đàm-di Đại Ái liền cùng các lão mẫu Xá-di[6] đi theo sau Phật, tiến dần đến Na-ma-đề, trú tại tinh xá Na-ma-đề Kiền-ni[7]. Khi ấy, Cù-đàm-di Đại Ái lại đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ sát chân Phật rồi ngồi một bên mà bạch rằng:

"Bạch Thế Tôn, nữ nhân có thể đắc quả thứ tư được chăng? Do nhân duyên này, nữ nhân có thể ở trong Pháp luật chân chánh này chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình mà học đạo được chăng?"

Đức Thế Tôn nói lại lần thứ ba:

"Thôi! Thôi! Cù-đàm-di, người chớ nên nghĩ rằng 'Nữ nhân có thể ở trong Pháp luật chân chánh này chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình mà học đạo'. Cù-đàm-di, như vậy mà người đã tự cạo bỏ tóc, khoác áo ca-sa, nguyện suốt đời tịnh tu phạm hạnh!"

Khi ấy, Cù-đàm-di Đại Ái bị Phật ngăn cản lần thứ ba, cúi đầu đảnh lễ sát chân Phật, nhiễu quanh ba vòng rồi lui ra.

Lúc bấy giờ, Cù-đàm-di Đại Ái chân cẳng bết bùn[8], mình mẩy dính đầy bụi bặm, vô cùng mệt mỏi, đứng ngoài cửa buồn rầu khóc lóc. Tôn giả A-nan trông thấy Cù-đàm-di Đại Ái chân cẳng bết bùn, mình mẩy dính đầy bụi bặm, vô cùng mệt mỏi, đứng ngoài cửa buồn rầu khóc lóc, liền hỏi:

"Cù-đàm-di, vì cớ gì mà chân cẳng bết bùn, mình mẩy dính đầy bụi bặm, vô cùng mệt mỏi, đứng ngoài cửa buồn rầu khóc lóc như vậy?"

Cù-đàm-di Đại Ái đáp:

"Thưa Tôn giả A-nan, nữ nhân không được ở trong Pháp luật chân chánh này chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình mà học đạo".

Tôn giả A-nan nói:

"Cù-đàm-di, hãy đứng dậy, để tôi đi đến Đức Phật thưa hỏi việc này cho".

Cù-đàm-di Đại Ái Đạo bạch:

"Kính vâng, thưa Tôn giả A-nan".

Rồi Tôn giả A-nan đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ sát chân Phật, chắp tay hướng Phật mà bạch rằng:

"Bạch Thế Tôn, nữ nhân có thể đắc quả thứ tư được chăng[9]? Do nhân duyên này nữ nhân có thể ở trong Pháp luật chân chánh chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình mà học đạo được chăng?"

Đức Thế Tôn nói:

"Thôi! Thôi! A-nan, người chớ nên nghĩ rằng 'Nữ nhân có thể ở trong Pháp luật

---

6. Xá-di ——C Pāli: Sākiyānī, người nữ trong dòng họ Thích-ca.

7. Na-ma-đề ————F xem cht. 2,3, kinh 185. Pāli nói: Phật đến Vesālī, tức rừng Mahāvana.

8. Luật Tứ Phần (nt): bà chạy bộ theo Phật, cho đến rách gót chân.

9. Bản Pāli, A-nan nghĩ, Phật không chấp nhận thỉnh cầu, ta hãy dùng cách khác, và hỏi như vậy (yaṃnūnāhaṃ aññepi pariyāyena bhagavantaṃ yāceyyaṃ...).

chân chánh này chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình mà học đạo'. A-nan, nếu cho nữ nhân được ở trong Pháp luật chân chánh này chí tín lìa bỏ gia đình, sống không gia đình mà học đạo thì phạm hạnh này sẽ không tồn tại lâu dài[10]. A-nan, ví như gia đình có nhiều người nữ, ít người nam thì gia đình này có được hưng thịnh lâu không?

"Bạch Thế Tôn, không thể vậy".

"Cũng vậy, này A-nan, nếu có nữ nhân được ở trong Pháp luật chân chánh này chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình mà học đạo thì phạm hạnh sẽ không được tồn tại lâu dài.

"A-nan, ví như trong ruộng lúa dé, ruộng lúa tẻ có sanh cỏ uế[11] thì ruộng lúa kia chắc chắn bị hư hại. Cũng vậy, này A-nan, nếu cho nữ nhân được ở trong Pháp luật chân chánh này chí tín lìa bỏ gia đình, sống không gia đình mà học đạo thì phạm hạnh này sẽ không được tồn tại lâu dài".

Tôn giả A-nan lại bạch rằng:

"Bạch Thế Tôn, Cù-đàm-di Đại Ái đã đem lại cho Thế Tôn nhiều lợi ích. Vì sao? Vì sau khi thân mẫu Thế Tôn mất, Cù-đàm-di Đại Ái đã bảo dưỡng Đức Thế Tôn".

Đức Thế Tôn nói:

"Đúng vậy, A-nan! Đúng vậy, A-nan! Cù-đàm-di Đại Ái đã đem lại cho Ta nhiều lợi ích, đã bảo dưỡng Ta sau khi thân mẫu Ta mất. Nhưng này A-nan, Ta cũng đem lại cho Cù-đàm-di Đại Ái nhiều lợi ích. Vì sao? Này A-nan, Cù-đàm-di Đại Ái nhờ Ta mà được quy y Phật, quy y Pháp, quy y Chúng Tỳ-kheo, không nghi ngờ ba ngôi tôn quý và Khổ – Tập – Diệt – Đạo, thành tựu tín tâm, phụng trì giới cấm, tu học bác văn, thành tựu hạnh bố thí, được trí tuệ, xa lìa nghiệp sát, đoạn trừ nghiệp sát; xa lìa nghiệp không cho mà lấy, đoạn trừ nghiệp không cho mà lấy; xa lìa nghiệp tà dâm, đoạn trừ nghiệp tà dâm; xa lìa nghiệp nói dối, đoạn trừ nghiệp nói dối; xa lìa nghiệp uống rượu, đoạn trừ nghiệp uống rượu.

"A-nan, nếu có người nhờ người mà được quy y Phật, quy y Pháp, quy y Chúng Tỳ-kheo, không nghi ngờ ba ngôi tôn quý và Khổ-Tập-Diệt-Đạo, thành tựu tín tâm, phụng trì giới cấm, tu học bác văn, thành tựu bố thí, được trí tuệ, xa lìa nghiệp sát, đoạn trừ nghiệp sát; xa lìa nghiệp không cho mà lấy, đoạn trừ nghiệp không cho mà lấy; xa lìa nghiệp tà dâm, đoạn trừ nghiệp tà dâm; xa lìa nghiệp nói dối, đoạn trừ nghiệp nói dối; xa lìa nghiệp uống rượu, đoạn trừ nghiệp uống rượu. Rồi, này A-nan, giả như người này cúng dường người kia y phục, ăn uống, tọa cụ, thuốc thang, các vật dụng cho cuộc sống, cho đến trọn đời, chẳng lẽ nào lại không được đền ơn[12].

"Này A-nan, Ta vì nữ nhân mà tuyên bố tám pháp tôn sư[13], nữ nhân không được trái phạm, nữ nhân phải phụng trì suốt đời.

"A-nan, ví như người thợ đánh cá và đệ tử của người thợ đánh cá đắp đập ở khoảng

---

10. Trong bản Pāli, Phật chỉ nói điều này sau khi đã chấp thuận cho nữ xuất gia.

11. Hữu uế ---Aruộng có cỏ xấu mọc lan. No.60: *bạc vũ*, mưa đá. Tứ phần (nt) *sương bạc*. Pāli: sālikkhette setaṭṭhikā nāma rogajāti, trong ruộng lúa có loại bệnh gọi là "bạch chứng" (tức sương muối? Hay do một giống nấm ăn trắng cây?).

12. Tứ phần (nt): Phật vẫn chưa chấp thuận, Tôn giả A-nan hỏi về khả năng đắc Thánh quả của nữ nhân, Phật xác nhận, rồi A-nan nói: "Nếu nữ nhân có thể đắc Thánh quả, họ cũng có thể xuất gia". Do đó Phật chấp thuận và thiết lập tám kỉnh pháp.

13. Bát tôn sư pháp -K-L-v-k-Atức Bát kỉnh pháp. No.60: Bát trọng pháp Pāli: attha garu dhamma. Trong bản Hán, garu: kính trọng; được hiểu là guru: *tôn sư*.

nước sâu để giữ nước, không cho chảy ra ngoài; cũng vậy, này A-nan, nay Ta vì nữ nhân mà tuyên bố tám pháp tôn sư, nữ nhân không được trái phạm, nữ nhân phải phụng trì suốt đời.

"Tám pháp đó là những gì?

"A-nan, Tỳ-kheo-ni phải cầu thọ giới Cụ túc nơi Tỳ-kheo. A-nan, Ta đã vì nữ nhân mà tuyên bố pháp tôn sư thứ nhất. Nữ nhân không được trái phạm, nữ nhân phải phụng trì suốt đời.

"A-nan, Tỳ-kheo-ni cứ mỗi nửa tháng phải đến thọ giáo nơi Tỳ-kheo. A-nan, Ta đã vì nữ nhân mà tuyên bố pháp tôn sư thứ hai. Nữ nhân không được trái phạm, nữ nhân phải phụng trì suốt đời.

"A-nan, nếu nơi trụ xứ không có Tỳ-kheo thì Tỳ-kheo-ni không được thọ hạ an cư. A-nan, Ta đã vì nữ nhân mà tuyên bố pháp tôn sư thứ ba. Nữ nhân không được trái phạm, nữ nhân phải phụng trì suốt đời.

"A-nan, Tỳ-kheo-ni sau khi thọ hạ an cư phải đối trước hai bộ chúng thỉnh cầu chỉ rõ về ba sự kiện, thấy, nghe và nghi. A-nan, Ta đã vì nữ nhân mà tuyên bố pháp tôn sư thứ tư. Nữ nhân không được trái phạm, nữ nhân phải phụng trì suốt đời.

"A-nan, nếu Tỳ-kheo không cho phép Tỳ-kheo-ni thưa hỏi thì Tỳ-kheo-ni không được thưa hỏi Tỳ-kheo về Kinh-Luật hoặc A-tỳ-đàm. Nếu cho phép hỏi thì Tỳ-kheo-ni mới được thưa hỏi về Kinh-Luật hoặc A-tỳ-đàm. A-nan, Ta đã vì nữ nhân mà tuyên bố pháp tôn sư thứ năm. Nữ nhân không được trái phạm, nữ nhân phải phụng trì suốt đời.

"A-nan, Tỳ-kheo-ni không được nói điều trái phạm của Tỳ-kheo, nhưng Tỳ-kheo được quyền nói điều trái phạm của Tỳ-kheo-ni. A-nan, Ta đã vì nữ nhân mà tuyên bố pháp tôn sư thứ sáu. Nữ nhân không được trái phạm, nữ nhân phải phụng trì suốt đời.

"A-nan, Tỳ-kheo-ni nếu phạm Tăng-già-bà-thi-sa[14] thì phải đối trước hai bộ chúng hành bất mạn trong vòng mười lăm ngày. A-nan, Ta đã vì nữ nhân mà tuyên bố pháp tôn sư thứ bảy. Nữ nhân không được trái phạm, nữ nhân phải phụng trì suốt đời.

"A-nan, Tỳ-kheo-ni dù đã thọ giới Cụ túc lâu đến một trăm năm, nhưng đối với trước Tỳ-kheo mới thọ giới Cụ túc vẫn phải khiêm cung cúi đầu làm lễ, cung kính chắp tay thưa hỏi. A-nan, Ta đã vì nữ nhân mà tuyên bố pháp tôn sư thứ tám. Nữ nhân không được trái phạm, nữ nhân phải phụng trì suốt đời.

"A-nan, Ta đã vì nữ nhân tuyên bố tám pháp tôn sư này, nữ nhân không được trái phạm, nữ nhân phải phụng trì suốt đời. A-nan, nếu Cù-đàm-di Đại Ái phụng trì tám pháp tôn sư này thì được ở trong Pháp luật chân chánh mà xuất gia học đạo, được thọ giới Cụ túc, làm Tỳ-kheo-ni".

Khi ấy Tôn giả A-nan nghe Đức Phật dạy, khéo léo nhận lãnh và ghi nhớ, cúi đầu đảnh lễ sát chân Phật, nhiễu quanh ba vòng rồi lui ra, đi đến chỗ Cù-đàm-di Đại Ái, nói rằng:

"Cù-đàm-di, nữ nhân đã được phép ở trong Pháp luật chân chánh này chí tín lìa bỏ gia đình, sống không gia đình mà học đạo. Cù-đàm-di, Đức Thế Tôn đã vì nữ nhân mà tuyên bố tám pháp tôn sư, nữ nhân không được trái phạm, nữ nhân phải phụng trì suốt đời.

"Tám pháp này là những gì?

"Cù-đàm-di, Tỳ-kheo-ni phải cầu thọ giới Cụ túc nơi Tỳ-kheo. Cù-đàm-di, Thế Tôn

---

14. Tăng-già-bà-thi-sa ▬▬▬C▬r▬P▬C Thường dịch là *Tăng tàn*, với mười bảy điều khoản dành cho ni, nếu vi phạm, bị bắt buộc phải sống biệt chúng một thời gian theo giới kinh quy định. Pāli: saṅghādisesa.

đã vì nữ nhân mà tuyên bố pháp tôn sư thứ nhất. Nữ nhân không được trái phạm, nữ nhân phải phụng trì suốt đời.

"Cù-đàm-di, Tỳ-kheo-ni cứ mỗi nửa tháng phải đến thọ giáo nơi Tỳ-kheo. Cù-đàm-di, Thế Tôn đã vì nữ nhân mà tuyên bố pháp tôn sư thứ hai. Nữ nhân không được trái phạm, nữ nhân phải phụng trì suốt đời.

"Cù-đàm-di, nếu nơi trụ xứ không có Tỳ-kheo thì Tỳ-kheo-ni không được thọ hạ an cư. Cù-đàm-di, Thế Tôn đã vì nữ nhân mà tuyên bố pháp tôn sư thứ ba. Nữ nhân không được trái phạm, nữ nhân phải phụng trì suốt đời.

"Cù-đàm-di, Tỳ-kheo-ni sau khi thọ hạ an cư phải đối trước hai bộ chúng thỉnh cầu chỉ rõ về ba sự kiện, thấy, nghe và nghi. Cù-đàm-di, Thế Tôn đã vì nữ nhân mà tuyên bố pháp tôn sư thứ tư. Nữ nhân không được trái phạm, nữ nhân phải phụng trì suốt đời.

"Cù-đàm-di, nếu Tỳ-kheo không cho phép Tỳ-kheo-ni thưa hỏi thì Tỳ-kheo-ni không được thưa hỏi Tỳ-kheo về Kinh-Luật hoặc A-tỳ-đàm. Nếu cho phép hỏi thì Tỳ-kheo-ni mới được thưa hỏi về Kinh -Luật hoặc A-tỳ-đàm. Cù-đàm-di, Thế Tôn đã vì nữ nhân mà tuyên bố pháp tôn sư thứ năm. Nữ nhân không được trái phạm, nữ nhân phải phụng trì suốt đời.

"Cù-đàm-di, Tỳ-kheo-ni không được nói điều trái phạm của Tỳ-kheo, nhưng Tỳ-kheo được quyền nói điều trái phạm của Tỳ-kheo-ni. Cù-đàm-di, Thế Tôn đã vì nữ nhân mà tuyên bố pháp tôn sư thứ sáu. Nữ nhân không được trái phạm, nữ nhân phải phụng trì suốt đời.

"Cù-đàm-di, Tỳ-kheo-ni nếu phạm Tăng-già-bà-thi-sa thì phải đối trước hai bộ chúng hành bất mạn trong vòng mười lăm ngày. Cù-đàm-di, Thế Tôn đã vì nữ nhân mà tuyên bố pháp tôn sư thứ bảy. Nữ nhân không được trái phạm, nữ nhân phải phụng trì suốt đời.

"Cù-đàm-di, Tỳ-kheo-ni dù đã thọ giới Cụ túc lâu đến một trăm năm, nhưng đối với trước Tỳ-kheo mới thọ giới Cụ túc vẫn phải khiêm cung cúi đầu làm lễ, cung kính chắp tay thưa hỏi. Cù-đàm-di, Thế Tôn đã vì nữ nhân mà tuyên bố pháp tôn sư thứ tám. Nữ nhân không được trái phạm, nữ nhân phải phụng trì suốt đời.

"Cù-đàm-di, Thế Tôn đã vì nữ nhân tuyên bố tám pháp tôn sư này, nữ nhân không được trái phạm, nữ nhân phải phụng trì suốt đời. Cù-đàm-di, Thế Tôn nói như vầy, 'Nếu Cù-đàm-di Đại Ái phụng trì tám pháp tôn sư này thì được ở trong Pháp luật chân chánh mà xuất gia học đạo, được thọ giới Cụ túc, làm Tỳ-kheo-ni".

Khi ấy, Cù-đàm-di Đại Ái bạch:

"Thưa Tôn giả A-nan, cho phép tôi nói ví dụ này, người trí tuệ nghe dụ này phải hiểu rõ nghĩa lý. Thưa Tôn giả A-nan, giả sử có thiếu nữ Sát-lợi, Phạm chí, Cư sĩ hay Công sư đoan chánh, đẹp đẽ, tắm gội sạch sẽ, lấy hương xoa khắp thân, mặc y phục mới, dung mạo trang sức bằng đủ thứ anh lạc, nếu có người nghĩ tưởng đến thiếu nữ ấy, mong muốn cho được lợi ích và phước lành, được an ổn khoái lạc, liền đem tràng hoa sen xanh, tràng hoa chiêm bặc, tràng hoa Tu-ma-na, tràng hoa Bà-sư, hoặc tràng hoa A-đề-mưu-đa trao tặng thiếu nữ ấy, thiếu nữ ấy vui mừng, hai tay nhận lãnh, đem cài lên đầu mình. Cũng vậy, thưa Tôn giả A-nan, Đức Thế Tôn đã vì nữ nhân mà tuyên bố tám pháp tôn sư này, tôi nguyện suốt đời nhận lãnh phụng trì".

Bấy giờ Cù-đàm-di Đại Ái ở trong Pháp luật chân chánh xuất gia học đạo, được thọ giới Cụ túc mà làm Tỳ-kheo-ni.

Cù-đàm-di Đại Ái, về sau trở thành Đại Tỳ-kheo-ni, cùng với các Trưởng lão

Thượng tôn Tỳ-kheo-ni, là những vị danh tiếng trong hàng vương giả, tu hành phạm hạnh đã lâu, đồng đi đến chỗ Tôn giả A-nan cúi đầu làm lễ rồi đứng một bên mà bạch rằng:

"Thưa Tôn giả A-nan, nên biết, các Tỳ-kheo-ni Trưởng lão Thượng tôn này là những vị danh tiếng trong hàng vương giả, tu hành phạm hạnh đã lâu, còn các Tỳ-kheo kia nhỏ tuổi, mới học đạo, xuất gia sau, vào nơi Pháp luật chân chánh này chưa được bao lâu, mong rằng các thầy Tỳ-kheo ấy đối với các Tỳ-kheo-ni nên tùy theo lớn nhỏ mà cúi đầu làm lễ, cung kính chắp tay thưa hỏi.

Khi ấy Tôn giả A-nan nói:

"Cù-đàm-di, hãy đứng dậy, để tôi đi đến Đức Phật thưa hỏi việc này".

Cù-đàm-di Đại Ái Đạo bạch rằng:

"Kính vâng, thưa Tôn giả A-nan!"

Rồi thì Tôn giả A-nan đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ sát chân Phật rồi đứng một bên, chắp tay hướng Phật mà bạch rằng:

"Bạch Thế Tôn, hôm nay Cù-đàm-di Đại Ái cùng các Tỳ-kheo-ni Trưởng lão Thượng tôn là những vị danh tiếng trong hàng vương giả, tu hành phạm hạnh đã lâu, đồng đi đến chỗ của con, cúi đầu đảnh lễ sát chân con rồi đứng qua một bên, chắp tay mà nói với con rằng: 'Thưa Tôn giả A-nan, các Tỳ-kheo-ni Trưởng lão Thượng tôn này là những vị danh tiếng trong hàng vương giả, tu hành phạm hạnh đã lâu, còn các thầy Tỳ-kheo nhỏ kia còn nhỏ tuổi, mới học đạo, xuất gia sau, vào nơi Pháp luật chân chánh này chưa được bao lâu, mong rằng các thầy Tỳ-kheo ấy đối với Tỳ-kheo-ni nên tùy theo lớn nhỏ mà cúi đầu làm lễ, cung kính chắp tay thưa hỏi'".

Đức Thế Tôn nói:

"Thôi, thôi! A-nan, hãy gìn giữ lời nói này. Hãy thận trọng, chớ có nói điều đó. A-nan, giả sử người hiểu biết như Ta biết thì một câu cũng không nên nói, huống nữa là đã nói như vậy.

"A-nan, ví như nữ nhân không được ở trong Pháp luật chân chánh, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, học đạo, thì các Phạm chí, Cư sĩ sẽ lấy áo trải lên đất mà nói rằng: 'Thưa Sa-môn tinh tấn, ngài có thể đi lên trên này. Thưa Sa-môn tinh tấn, ngài đã làm việc khó làm, khiến cho chúng tôi được lợi ích, phước lành, an ổn, khoái lạc lâu dài'.

"A-nan, ví như nữ nhân không được Pháp luật chân chánh, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình mà học đạo thì các Phạm chí, Cư sĩ sẽ đem đầu tóc mình trải lên đất mà nói rằng: 'Thưa Sa-môn tinh tấn, ngài có thể đi lên trên này. Thưa Sa-môn tinh tấn, ngài đã làm việc khó làm, khiến cho chúng tôi được lợi ích, phước lành, được an ổn, khoái lạc lâu dài'.

"A-nan, ví như nữ nhân không được ở trong Pháp luật chân chánh này chí tín lìa bỏ gia đình, sống không gia đình mà học đạo, thì các Phạm chí, Cư sĩ nếu trông thấy Sa-môn, hai tay sẽ bưng các thức ăn ra đứng bên đường chờ đợi mà nói rằng: 'Thưa Tôn giả, xin thọ nhận món ăn này. Có thể mang đi tùy ý thọ dụng để cho chúng tôi được lợi ích phước lành, được an ổn khoái lạc lâu dài'.

"A-nan, ví như nữ nhân không được ở trong Pháp luật chân chánh này chí tín lìa bỏ gia đình, sống không gia đình mà học đạo, thì các Phạm chí, Cư sĩ nếu trông thấy Sa-môn tinh tấn liền sanh tâm kính mến, dìu đỡ vào nhà, đem các tài vật ra cúng dường Sa-môn tinh tấn mà nói rằng: 'Thưa Tôn giả, xin thọ nhận tài vật này. Có thể mang đi tùy ý thọ dụng để cho chúng tôi được lợi ích phước lành, được an ổn khoái lạc lâu dài'.

"A-nan, ví như nữ nhân không được ở trong Pháp luật chân chánh này chí tín lìa bỏ

gia đình, sống không gia đình mà học đạo, thì dù cho mặt trời mặt trăng này có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai thần, nhưng đối trước đức oai thần của vị Sa-môn tinh tấn vẫn không thể sánh bằng, huống nữa là đối với hàng dị đạo dở chết ấy!

"A-nan, giả như nữ nhân không được ở trong Pháp luật chân chánh này chí tín lìa bỏ gia đình, sống không gia đình mà học đạo thì chánh pháp sẽ tồn tại đến ngàn năm. Thế nhưng, giờ đây đã mất hết một nửa, chỉ còn lại có được năm trăm năm.

"A-nan, có năm việc nữ nhân không làm được. Nếu nói rằng nữ nhân được thành Như Lai, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, hoặc Chuyển luân vương, Thiên Đế Thích, Ma vương hay Đại Phạm thiên, điều này nhất định không thể có.

"Nhưng có năm việc nam nhân làm được. Nếu nói rằng nam nhân được thành Như Lai, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, hoặc Chuyển luân vương, Thiên Đế Thích, Ma vương hay Đại Phạm thiên vương, điều này chắc chắn có thật".

Phật thuyết như vậy. Tôn giả A-nan và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

❑

SỐ 26

KINH TRUNG A-HÀM (II)

中阿含經

Hán dịch: Cù-đàm Tăng-già-đề-bà

www.daitangkinh.org

PHẨM THỨ 11: PHẨM ĐẠI (phần đầu)

117. KINH NHU NHUYẾN
118. KINH LONG TƯỢNG
119. KINH THUYẾT XỨ
120. KINH THUYẾT VÔ THƯỜNG
121. KINH THỈNH THỈNH
122. KINH CHIÊM-BA
123. KINH SA-MÔN NHỊ THẬP ỨC
124. KINH BÁT NẠN
125. KINH BẦN CÙNG
126. KINH HÀNH DỤC
127. KINH PHƯỚC ĐIỀN
128. KINH ƯU-BÀ-TẮC
129. KINH OÁN GIA
130. KINH GIÁO
131. KINH HÀNG MA
132. KINH LẠI-TRA-HÒA-LA
133. KINH ƯU-BA-LY
134. KINH THÍCH VẤN
135. KINH THIỆN SANH
136. KINH THƯƠNG NHÂN CẦU TÀI
137. KINH THẾ GIAN
138. KINH PHƯỚC
139. KINH TỨC CHỈ ĐẠO
140. KINH CHÍ BIÊN
141. KINH DỤ

117. KINH NHU NHUYẾN[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng, vườn Cấp cô độc.

Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Chính Ta ngày trước ra đi xuất gia học đạo là ra đi từ chỗ ưu du, từ chỗ thong dong nhàn nhã, từ đời sống cực kỳ êm dịu[2]. Khi Ta còn ở nhà, phụ vương Duyệt-đầu-đàn[3] tạo cho Ta đủ thứ cung điện; cung điện để ở vào mùa xuân, cung điện để ở vào mùa hạ, cung điện để ở vào mùa đông.

"Bởi Ta thích du ngoạn nên cách điện không xa, người lại tạo không biết bao nhiêu là ao sen[4]: ao hoa sen xanh, ao hoa sen hồng, ao hoa sen đỏ, ao hoa sen trắng. Trong các ao đó trồng đủ các loại hoa dưới nước: hoa sen xanh, hoa sen hồng, hoa sen đỏ và hoa sen trắng. Nước luôn luôn đầy, hoa luôn luôn trổ, mà những người sai dịch chăm sóc không thông suốt được hết.

"Bởi Ta thích du ngoạn nên trên bờ ao trồng các loại hoa: hoa Tu-ma-na, hoa Bà-sư, hoa Chiêm-bặc, hoa Tu-kiền-đề, hoa Ma-đầu-

---

1. Bản Hán, quyển 29. Tương đương Pāli: A.iii.38 Sukhumāla; A.ii.39 Mada.
2. Tùng ưu du, thung dung nhàn lạc, cực nhu nhuyến ━q━u━C━q━e━~ ━━━X━n━C Pāli: sukhumālo parasakhumālo accanta sukhumālo, êm dịu, rất êm dịu, vô cùng êm dịu.
3. Duyệt-đầu-đàn ━━Y━━A tức vua Tịnh Phạn, Pāli: Suddhodana.
4. Hoa trì ━━. Pāli: Pokkharanī.

kiền-đề, hoa A-đề-mưu-đa, hoa Ba-la-đầu[5].

"Bởi Ta thích du ngoạn nên phụ vương sai bốn người tắm rửa cho Ta. Tắm rửa cho Ta rồi lại xoa hương chiên-đàn đỏ vào khắp thân Ta. Xoa hương vào thân Ta rồi lại khoác vào mình Ta chiếc áo lụa thật mới. Trên, dưới, trong, ngoài đều mới mẻ. Suốt ngày đêm luôn luôn cầm lọng[6] che cho Ta, không để cho Thái tử đêm phải nhiễm sương, ngày bị nắng háp.

"Như nhà dân thường được ăn đại mạch thô, cơm gạo tẻ, cháo đậu, gừng[7], cho đó là đồ ăn bậc nhất, nhưng người sai dịch thấp nhất của phụ vương Duyệt-đầu-đàn của Ta lại cho như vậy là rất dở, chỉ ăn nếp trắng[8] và hào soạn mới cho là đồ ăn bậc nhất.

"Lại nữa, nếu có cầm thú nơi đồng ruộng, loại cầm thú ngon nhất như Đề-đế-la-hòa-tra, Kiếp-tân-xà-la, Hề-mễ-hà, Lê-nê-xa, Thi-la-mễ[9]. Các loại cầm thú nơi đồng ruộng, loại cầm thú ngon nhất như vậy Ta thường được ăn.

"Ta nhớ khi xưa, lúc còn ở với phụ vương Duyệt-đầu-đàn, suốt bốn tháng hạ, mỗi khi lên trên chánh điện đều không có người nam; chỉ toàn là kỹ nữ để cùng vui chơi, không hề trở xuống.

"Rồi khi Ta muốn đến viên quán thì liền có ba mươi danh kỵ thượng thặng được tuyển chọn với những hàng đại thuẫn đi dẫn đường hộ tống trước sau, không kể những tiểu tiết khác.

---

5. Hoa Tu-ma-na 摩 Ahoa Bà-sư C v Ahoa Chiêm-bặc Ahoa Tu-kiền-đề Ahoa Ma-đầu-kiền-đề Y 犍 Ahoa A-đề-mưu-đa h Ahoa Ba-la-đầu i Y C Bản Pāli không đề cập các loại hoa này.

6. Tán cái o \ A đúng ra phải nói "*bạch tán cái*", biểu hiện của vương gia. Pāli: setachatta.

7. Hán: thô quảng A mạch phạn A đậu canh A khương thái C Pāli: kaṇājakaṃ bhojanaṃ… vilaṅgadutiyaṃ, cháo tấm và sữa chua.

8. Hán: canh lương e C

9. *Đề-đế-la-hòa-tra* 恕 \ F Pāli: tittirapatta (?), một loại chim trĩ, hay chim chá-cô. *Kiếp-tân-xà-la* T G A Pāli: kapinjala (?), chim trĩ. *Hề-mễ-hà* 0 A Pāli: hamsa (?), chim nhạn. *Lê-nê-xa* p d A *Thi-la-mễ* I A không tìm ra tương đương âm Pāli. Trong bản Pāli không đề cập các loại thực phẩm này.

"Ta có như ý túc đó[10] và sự êm dịu cực kỳ này.

"Ta còn nhớ khi xưa, lúc Ta thăm ruộng[11], người làm ruộng nghỉ ngơi trên đám ruộng, Ta đi đến dưới gốc cây Diêm-phù ngồi kiết già, ly dục, ly pháp ác bất thiện, có giác, có quán, hỷ lạc do viễn ly sanh, chứng đắc được Sơ thiền, thành tựu và an trụ. Ta nghĩ rằng: 'Phàm phu ngu si không đa văn, tự có sẵn tật bệnh, không thoát khỏi tật bệnh, nhưng thấy người tật bệnh thì ghê tởm, khinh bỉ, không yêu, không thích, mà không tự quán sát mình'.

"Rồi Ta lại nghĩ: 'Ta tự có sẵn tật bệnh, không thoát khỏi tật bệnh. Nếu Ta thấy người tật bệnh mà ghê tởm, khinh bỉ, không yêu, không thích, Ta không nên như vậy, vì Ta cũng có trường hợp này'. Quán sát như vậy rồi thì tâm cống cao phát khởi do không có tật bệnh liền tự tiêu diệt.

"Ta lại nghĩ rằng: 'Phàm phu ngu si không đa văn, tự có sẵn sự già, không thoát khỏi sự già, nhưng thấy người già cả thì ghê tởm, khinh bỉ, không yêu, không thích, mà không tự quán sát mình'.

"Rồi Ta lại nghĩ: 'Ta tự có sẵn sự già, không thoát khỏi sự già. Nếu Ta thấy người già cả mà ghê tởm, khinh bỉ, không yêu, không thích, Ta không nên như vậy, vì Ta cũng có trường hợp này'. Quán sát như vậy rồi thì tâm cống cao phát khởi do chưa đến tuổi già liền tự tiêu diệt.

"Phàm phu ngu si không đa văn, vì chưa bị tật bệnh nên tâm tự cao, tự phụ, rồi do tham dục mà sanh si ám, không tu tập phạm hạnh. Phàm phu ngu si không đa văn vì còn trẻ trung nên tự cao tự phụ, không tu tập phạm hạnh, rồi tham dục mà sanh si ám. Phàm phu ngu si không đa văn vì còn thọ mạng nên tự cao tự phụ, phóng dật, rồi do tham dục mà sanh si ám, không tu tập phạm hạnh."

Khi ấy, Đức Thế Tôn liền nói bài kệ:

Tuổi già, tật bệnh
Và sự tử vong

---

10. Như ý túc ■p■N■(Pāli: iḍhi-pāda), thường dịch là thần thông. Đây có nghĩa là quyền lực. Đoạn trên. kể bốn quyền lực của thiếu niên con nhà phú quý: gấm vóc lụa là, cung điện cho các mùa, vườn hoa tráng lệ, và thức ăn thượng hạng.

11. Xem cht.15 kinh 32.

Là pháp có sẵn
Người ngu khinh nhờn
Nếu ta miệt thị
Tưởng mình không vướng
Thật chẳng hợp lý
Vì đó sự thường
Ai hành như thế
Biết pháp ly sanh
Không bệnh, còn trẻ
Tưởng thọ kiêu căng
Đoạn trừ kiêu ngạo
Vô dục bình an
Ai hiểu như vậy
Nơi dục sợ gì!
Được vô hữu tưởng
Tịnh hạnh thanh tu.

Phật thuyết như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

❑

118. KINH LONG TƯỢNG[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật du hóa tại nước Xá-vệ, ở tại Đông viên giảng đường Lộc mẫu[2].

Bấy giờ vào lúc xế trưa, Đức Thế Tôn từ chỗ tĩnh tọa đứng dậy, bước ra khỏi tịnh thất và nói:

"Ô-đà-di[3], Ta và ngươi hãy đi đến Đông hà để tắm[4]."

Tôn giả Ô-đà-di đáp:

"Kính vâng."

Khi ấy, Đức Thế Tôn cùng với Tôn giả Ô-đà-di đi đến Đông hà, cởi bỏ y phục trên bờ sông rồi xuống nước tắm. Tắm xong, lên bờ lau mình và mặc y phục vào.

Bấy giờ vua Ba-tư-nặc có một con voi chúa tên là Niệm[5], đang lội ngang qua Đông hà với tất cả các loại kỹ nhạc được tấu lên. Dân chúng trông thấy nói rằng:

"Đây phải chăng là rồng trong loài rồng, là Đại long vương hay là con gì vậy?[6]"

Tôn giả Ô-đà-di chắp tay hướng về Đức Phật bạch rằng:

"Bạch Thế Tôn, con voi thân hình to lớn cho nên dân chúng trông thấy nói rằng: 'Đây phải chăng là rồng trong loài rồng, là Đại long vương hay là con gì vậy?'

Đức Thế Tôn nói:

"Đúng vậy, Ô-đà-di! Đúng vậy, Ô-đà-di, con voi có thân hình to lớn nên dân chúng trông thấy nói rằng: 'Đây phải chăng là rồng trong loài rồng, là Đại long vương hay là con gì vậy?'

"Này Ô-đà-di, ngựa, lạc đà, trâu, lừa, rắn[7], người, cây cối... nếu có thân hình to lớn, này Ô-đà-di, dân chúng trông thấy cũng nói rằng: 'Đây phải chăng là rồng trong loài rồng, là Đại long vương hay là con gì vậy?'

"Ô-đà-di, nếu Trời, Ma, Phạm, Sa-môn, Phạm chí (hay bất cứ ai) từ người cho đến trời ở trên đời này mà không làm hại bằng thân, miệng, ý, Ta nói vị ấy chính là rồng[8].

"Ô-đà-di, Như Lai ở trong thế gian này bao gồm Trời, Ma, Phạm, Sa-môn, Phạm chí

---

1. Tham chiếu Pāli: A. Vi.43 Nāga; Thag. 689-704.
2. Đông viên Lộc tử mẫu giảng đường ▪F▬▬▬l▬▬▬▬CPāli: Pubbārama Migāgamātu-pāsāda, giảng đường đượcc xây dựng bởi bà Visakhā, mẹ của Miga.
3. Ô-đà-di ▪Q▬▬i▪CPāli: Udāyi, cũng gọi là Mahā-udāyi, hay Pandita-udāyi, con của một người Bà-la-môn ở Kapilavatthu.
4. Đông hà ▪F▪e▪CPāli: Pubbakotthaka. Bản Pāli nói: Phật gọi ngài A-nan đi tắm.
5. Long tượng danh viết Niệm ▪s▪H▪W▬▬▬CPāli: Seto nāma nāgo (Seta, bản Hán đọc là Sati).
6. Long trung long, vi đại long vương, vi thị thùy ▪s▬▬s▬▬j▪s▬▬▬0▬▬CPāli: Nāgo vata, bho, nāgo. "Rồng kìa, các ngài, rồng kìa!"
7. Nguyên Hán: *hung hành* ▬▬▬Ađi bằng bụng, Pāli: Uragam, loài bò sát hay con rắn.
8. *Bất dĩ thân khẩu ý hại (...) thị long* ▬▬H▬▬f▪N▪` (. . .)▪0▪s▪CPāli nói: Āgum na kāgoti kāyena vācāya manasā, tam ahaṃ nāgo ti brūmi, ai không làm ác bằng thân, miệng, ý; Ta nói người đó là nāga.

(hay bất cứ ai) từ người cho đến trời đều không dùng thân, miệng, ý để làm hại, cho nên Ta được gọi là rồng."

Khi ấy, Tôn giả Ô-đà-di chắp tay hướng về Đức Phật mà bạch:

"Bạch Thế Tôn, mong Đức Thế Tôn gia trì cho con thêm uy lực. Mong Đức Thiện Thệ gia trì cho con thêm uy lực để con được ở trước Phật, bằng bài tụng liên hệ đến rồng[9] mà tán thán Đức Thế Tôn."

Đức Thế Tôn nói:

"Tùy ý ngươi muốn."

Khi ấy Tôn giả Ô-đà-di ở trước Đức Phật, dùng bài tụng liên hệ đến rồng tán thán Đức Thế Tôn rằng:

Chánh giác sanh nhân gian,
Tự chế ngự, đắc định.
Phạm hạnh bước vững vàng,
Bình an, tâm ý tĩnh.
Nhân loại đều xưng tôn;
Vượt ngoài tất cả pháp.
Chư Thiên đều kính ngưỡng;
Chí Chân, Bậc Vô Trước.
Từ rừng, bỏ rừng đi;
Siêu việt toàn kết sử;
Xả dục, sống vô dục,
Vàng ròng trong khối đá.
Mặt trời trên hư không,
Tối thượng giữa loài rồng,
Vang lừng danh Chánh Giác,
Hy-mã điệp muôn trùng.
Tuyệt đối không não hại,
Đại long, thật Đại long;
Chắc thật, đây tối thượng,
Rồng thiêng giữa loài rồng!
Ôn nhuần và vô hại,
Hai chân rồng là đây.
Khổ hạnh và phạm hạnh,
Là bước đi của rồng.
Rồng thiêng, tay là tín;
Hai đức, xả là ngà;
Tuệ đầu và niệm cổ;
Phân biệt pháp, tư duy;
Bụng lớn, chứa muôn pháp;
Độc cư: đôi cánh tay;
Rồng tu quán hơi thở;
Nội tĩnh, tâm tinh chuyên;
Chánh định, đi hay đứng;

9. *Long tương ưng tụng* ▬▬▬▬

Nằm thiền, ngồi cũng thiền;
Định ý, hằng định ý;
Là pháp thường của long.
Thọ thực nhà thanh tịnh;
Nhà bất tịnh, không ăn;
Ác bất tịnh, không thọ,
Quay đi như Sư tử.
Sở đắc những cúng dường,
Từ tâm nên nạp thọ.
Long thực, do tín thí;
Vừa đủ, không đắm say.
Đoạn trừ mọi kết sử,
Giải thoát mọi đường dây.
Tâm không, không trói buộc,
Vạn nẻo bước du hành.
Chẳng khác loài sen trắng,
Nước sanh, nước nuôi lớn;
Bùn lầy không nhiễm trước;
Tuyệt sắc, hương ngào ngạt.
Cũng vậy, tối thượng giác,
Sanh thành trong thế gian;
Tịnh diệu, dục không vương,
Như hoa không nhiễm nước.
Ví như ngọn lửa hừng;
Bớt củi, ngọn tắt dần.
Củi hết rồi lửa tắt;
Như vậy lửa diệt tàn.
Kẻ trí nói dụ này,
Nghĩa ấy mong thấu triệt;
Là điều long sở tri,
Long tụng, long sở thuyết.
Triệt đoạn dâm dục, sân,
Trừ si, vô lậu tịnh;
Long xả bỏ hậu thân,
Đó là long diệt tận.

Phật thuyết như vậy. Tôn giả Ô-đà-di sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

❑

119. KINH THUYẾT XỨ[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng, vườn Cấp cô độc.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Ở đây có ba thuyết xứ[2], chứ không phải bốn hay năm. Nếu Tỳ-kheo sau khi thấy, nhân sự thấy đó nói mà nói[3] rằng: 'Ta thấy, nghe, hiểu, biết', Tỳ-kheo nói mà nói rằng: 'Đây là điều tôi biết'.

"Những gì là ba? Tỳ-kheo nhân vấn đề quá khứ nói mà nói[4] như vầy: 'Trong thời quá khứ có'. Tỳ-kheo nhân vấn đề vị lai nói mà nói như vầy: 'Trong thời vị lai có'. Tỳ-kheo nhân vấn đề hiện tại nói mà nói như vầy: 'Trong thời hiện tại có'.

"Đó gọi là ba thuyết xứ chứ không phải bốn hay năm. Nếu Tỳ-kheo sau khi thấy, nhân sự thấy đó nói mà nói rằng: 'Ta thấy, nghe, hiểu biết'. Tỳ-kheo nói mà nói rằng: 'Đây là điều tôi biết'. Do điều được thuyết, khéo tập được nghĩa, do không thuyết, không khéo tập được nghĩa.

"Hiền Thánh đệ tử với hai tai nhất tâm nghe pháp. Vị ấy sau khi với hai tai nhất tâm nghe pháp, đoạn một pháp, tu một pháp, tự thân chứng đắc[5] một pháp. Vị ấy sau khi đã đoạn được một pháp, tu một pháp, tự thân chứng đắc một pháp rồi, liền được chánh định. Hiền Thánh đệ tử sau khi đã được chánh định, liền đoạn trừ hết tất cả dâm, nộ, si. Như vậy là Hiền Thánh đệ tử chứng đắc tâm giải thoát, giải thoát rồi liền biết mình đã giải thoát, biết đúng như thật rằng: 'Sự sanh của ta đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa'.

"Do điều được nói[6] nên có bốn trường hợp để quan sát người, rằng Hiền giả này có thể cùng nói, hoặc không thể cùng nói. Nếu Hiền giả này với câu hỏi xác quyết mà không trả lời xác quyết, với câu hỏi phân biệt mà không trả lời phân biệt, với câu hỏi phản vấn mà không trả lời phản vấn, với câu hỏi xả trí vấn mà không trả lời xả trí[7]. Như vậy, Hiền

---

1. Tương đương Pāli: A.iii.67 Kathāvatthu. Kinh số 86 ở trên cùng tên với kinh này.
2. Thuyết xứ ——B—C Pāli: tīni kathāvatthūni, "ba luận sự". Tam ngôn y —T———A xem Tập Dị 3 (Đại 26, tr.378 c - 78 a).
3. *Thuyết nhi thuyết* ————C Pāli: Katham katheyya, có thể nói về vấn đề.
4. *Nhân quá khứ thuyết nhi thuyết* —]—L—h————R Pāli: atītam vā addhānam ārabbha katham katheyya, có thể nói về vấn đề liên hệ thời quá khứ.
5. Hán: *tác chứng* —@——C
6. Nhân sở thuyết —]———C Pāli: Kathāsampayogena, bằng sự liên hệ với ngôn thuyết.
7. Nhất hướng luận —@—V— (ekaṃsavyākaranīyam), phân biệt luận——0— (vibhajjhavyākaranīyam), cật luận ——(paṭipucchāvyākarannīyam), chỉ luận ——(thapanīyam), Bốn trường hợp đặt câu hỏi và phải trả lời, *bốn ký vấn* (*Tập dị 8*, Đại 26 tr. 401a-11a): Nhất hướng ký vấn, phân biệt ký vấn, phản cật ký vấn, xả trí ký vấn.

giả này không thể cùng nói, cũng không thể cùng thảo luận.

"Nếu Hiền giả này với câu hỏi xác quyết mà trả lời xác quyết, với câu hỏi phân biệt mà trả lời phân biệt, với câu hỏi phản vấn mà trả lời phản vấn, với câu hỏi xả trí vấn mà trả lời xả trí. Như vậy, Hiền giả này có thể cùng nói, cũng có thể cùng thảo luận.

"Lại nữa, do điều được nói nên lại có bốn trường hợp để quan sát người, rằng Hiền giả này có thể cùng nói, hoặc không thể cùng nói. Nếu Hiền giả này không an trụ trên xứ phi xứ, không an trụ trên sở tri, không an trụ trên thuyết dụ, không an trụ trên đạo tích[8]; như vậy thì Hiền giả này không thể cùng nói, cũng không thể cùng thảo luận.

"Nếu Hiền giả này an trụ trên xứ phi xứ, an trụ trên sở tri, an trụ trên thuyết dụ, an trụ trên đạo tích; như vậy thì Hiền giả này có thể cùng nói, cũng có thể cùng thảo luận.

"Do điều được nói, với lời nói trầm tĩnh[9], xả bỏ sở kiến của mình, xả bỏ ý kết oán, xả bỏ tham dục, xả bỏ sân nhuế, xả bỏ si ám, xả bỏ kiêu mạn, xả bỏ bất ngữ[10], xả bỏ tật đố, không háo thắng, không ép người, không chấp chặt khuyết điểm, nói nghĩa nói pháp[11]. Sau khi nói nghĩa nói pháp, khuyên dạy, rồi lại khuyên dạy cho bỏ[12], tự mình hoan hỷ, khiến người kia cùng hoan hỷ. Thuyết nghĩa như vậy, thuyết sự như vậy, là Thánh thuyết nghĩa, là Thánh thuyết sự[13]; nghĩa là đã cứu cánh tận diệt hết lậu."

Rồi thì, Đức Thế Tôn nói bài tụng rằng:

Luận tranh và luận nghị,
Ý tạp, lòng cống cao;
Nghịch Thánh, chê Thánh đức,
Mong cầu khuyết điểm nhau.
Khai thác lỗi bất cẩn,
Khăng khăng khuất phục người,
Đối địch đều háo thắng;
Thánh không nói như vậy.
Nếu mong thành luận nghị,
Người trí biết tùy thời,
Có pháp và có nghĩa,
Chư Thánh luận như vậy.
Người trí nói như vậy,
Không cãi, không cống cao,
Ý không biết nhàm đủ,
Không kết, không oán thù.
Tùy thuận, không điên đảo
Mỗi lời hợp chánh tri,

---

8. *Xứ phi xứ* -B-D-B (Pāli: thānāthāna), (không được xác định là) hợp lý hay không hợp lý; *sở tri* ——(Pāli: parikappa) (có hay không có) chủ đích; *thuyết dụ* ——(Pāli: aññātavāda) ngôn ngữ được chấp thuận (của bậc trí); *đạo tích* (Pāli: paṭipadā), thực tiễn (được xác định bằng thực tiễn hành động).
9. *Chỉ tức khẩu hành* ———f——C
10. Hán*: bất ngữ* ——y-A không rõ nghĩa. Có lẽ Pāli: dubbhāsitaṃ, lời nói khó nghe, ác ngữ.
11. Hán: *nghĩa thuyết pháp thuyết* -q——k——C Pāli: atthavādī dhammavādī, lời nói hữu ích, lời nói đúng pháp.
12. Hán: *giáo phục giáo chỉ* ——_———C Có lẽ Pāli: sataṃ ve hoti mantanā, được lưu ý và thật sự được khuyến cáo.
13. Pāli: evaṃ kho ariyā mantenti, esā ariyāna mantanā, "Các Thánh đàm luận như vậy; đó là những điều được các Thánh đàm luận".

Khéo nói thì có thể
Trọn không lời xấu xa.
Không luận vì luận tranh,
Không tùy người thách đố;
Biết xứ và thuyết xứ,
Là điều được luận bàn.
Đây là lời Thánh nhân
Người trí, hai mục đích[14],
Cho đời này bình an,
Cho đời sau khoái lạc.
Nên biết người thông đạt,
Thuyết phi đảo, phi thường[15].

Phật thuyết như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

❑

14. Hán: *câu đắc nghĩa* ━━o━q━A được lợi (nghĩa) cả hai đường.
15. Pāli: etad aññāya medhāvī na samusseyya, sau khi nhận thức được điều đó, bậc trí không nói lời khoa đại.

120. KINH THUYẾT VÔ THƯỜNG[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng, vườn Cấp cô độc.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Sắc là vô thường, vô thường nên khổ, khổ nên phi ngã[2]. Thọ[3]cũng vô thường, vô thường nên khổ, khổ nên phi ngã. Tưởng cũng là vô thường, vô thường nên khổ, khổ nên phi ngã. Hành cũng là vô thường, vô thường nên khổ, khổ nên phi ngã. Thức cũng là vô thường, vô thường nên khổ, khổ nên phi ngã.

"Như vậy là sắc vô thường; thọ, tưởng, hành, thức vô thường, vô thường nên khổ, khổ nên phi ngã. Đa văn Thánh đệ tử hãy nên quán sát như vậy, hãy tu tập bảy đạo phẩm[4], vô ngại, chánh tư, chánh niệm[5]. Vị ấy đã biết như vậy, thấy như vậy rồi thì tâm giải thoát dục lậu, tâm giải thoát hữu lậu, vô minh lậu. Giải thoát rồi liền biết mình đã giải thoát; biết đúng như thật rằng: 'Sự sanh của ta đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa'. Nếu có chúng sanh và chín trú xứ của chúng sanh[6], cho đến cõi đệ nhất hữu với hành còn tàn dư, tức cõi hữu tưởng vô tưởng xứ[7], ở trong khoang trung gian đó, là bậc đệ nhất, là tối đại, là tối thắng, là tối thượng, là tối tôn, là tối diệu; đó chính là vị A-la-hán ở trong đời. Vì sao vậy? Vì trên đời này, A-la-hán đã được an ổn khoái lạc."

Khi ấy, Đức Thế Tôn nói bài tụng rằng:

Vô trước[8], đệ nhất lạc
Đoạn dục, ái đã trừ,
Vĩnh viễn lìa ngã mạn,
Bứt tung màn lưới si[9].

---

1. Tương đương Pāli S.xxii.76 Arahanta-sutta.
2. Hán: *phi thần* ▬D▬▬Achỉ thần ngã, tự ngã, hay linh hồn. Xem cht.5 dưới.
3. Hán*: giác* ▬▬CPāli: vedāna.
4. Bản Nguyên-Minh: ba mươi bảy đạo phẩm. Bản Pāli, không có chi tiết này.
5. Pāli: yad anattā taṃ n'etam mama, n'eso aham asmi na m'eso attā, ti evam etaṃ yathābhūtaṃ sammappaññāya daṭṭhabbaṃ,"cái gì là vô ngã, cần phải được nhận thức một cách như thực bằng chánh trí rằng: cái này không phải của ta; ta không phải là cái này; cái này không phải là tự ngã của ta".
6. Hán: hữu tình cư, chỗ chúng sanh cư ngụ. Pāli: sattāvasā.
7. Hán: *hữu tưởng vô tưởng xứ hành dư đệ nhất hữu* ▬▬Q▬L▬Q▬B▬▬l ▬▬@▬▬Achỉ Hữu đỉnh thiên, cõi cao nhất trong tam hữu, tức cõi Phi tưởng phi phi tưởng xứ, tầng thứ tư của vô sắc định. Pāli: yāvatā sattāvasā, yāvatā bhaggaṃ, cho đến các cảnh vức của hữu tình, cho đến chóp đỉnh của (ba) Hữu.
8. Vô trước ▬L▬▬Adịch nghĩa từ A-la-hán. Pāli: sukhino vata arahanta, A-la-hán thật sự an lạc.
9. Vô minh võng ▬L▬▬▬APāli: mohajāla.

Người không bị lay chuyển,
Tâm chẳng bợn mảy trần,
Thế gian không đắm nhiễm,
Vô lậu, phạm hạnh thành,
Thấu triệt năm ấm thân,
Cảnh giới bảy thiện pháp[10],
Chốn đại hùng du hành,
Lìa xa mọi khủng bố,
Thành tựu báu thất giác[11],
Học đủ ba môn học,
Thượng bằng hữu tôn xưng[12]
Chân chánh con của Phật.
Thành tựu mười chi đạo[13],
Đại long định kiên cố,
Đấng bậc nhất trong đời,
Vị này không hữu ái;
Vạn cảnh không lay chuyển
Giải thoát hữu tương lai,
Đoạn sanh, lão, bệnh, tử
Lậu diệt, việc làm xong;
Phát khởi vô học trí[14]
Tận cùng tối hậu thân[15];
Tối thắng thanh tịnh hạnh
Tâm không do bởi người[16];
Đối các phương trên dưới,
Vị ấy không hỷ lạc
Thường rống tiếng sư tử,
Vô thượng giác trên đời.

Phật thuyết như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

❑

---

10. Cảnh giới thất thiện pháp ———C——k-C Pāli: sattasadhammagocarā, sở hành là bảy diệu (chánh) pháp. Xem Tập Dị 17 (Đại 26, tr.437a), "bảy diệu pháp: tín, tàm,quý, tinh tấn, niệm, định, tuệ".
11. Thất bảo giác -C——_-C Pāli: Sattaratanā, ở đây chỉ bảy giác chi: trạch pháp, tinh tấn, hỷ, khinh an, niệm, định, xả.
12. Thượng bằng hữu -W-B——C Pāli: không rõ.
13. Thập chi đạo -Q——D-A tức mười vô học chi; Tập Dị 20 (Đại 26, tr.452c): 1. Vô học chánh kiến; ...; 8. Vô học chánh định; 9. Vô học chánh giải thoát; 10. Vô học chánh trí. Pāli: dasahaṅga.
14. Vô học trí. Pāli: asekhañāṇā.
15. Tối hậu thân. Pāli: antimoyaṃ samussayo.
16. *Bất do tha* ———L-A tự tri, tự chứng ngộ, không do kẻ khác. Pāli: aparapaccāya, không nương theo người khác.

121. KINH THỈNH THỈNH[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật du hóa tại thành Vương xá, trong rừng Trúc, vườn Ca-lan-đa[2] cùng với chúng Tỳ-kheo gồm năm trăm vị an cư mùa mưa.

Bấy giờ vào ngày mười lăm trong tháng[3], là ngày Đức Thế Tôn nói Tùng giải thoát[4] vào giờ Tự tứ[5]. Ngài đến trước chúng Tỳ-kheo trải tọa cụ ngồi xuống rồi nói với các Tỳ-kheo:

"Ta[6] là Phạm Chí, đã chứng đắc tịch diệt, thành Vô Thượng Y Vương, thọ thân này của Ta là thân tối hậu. Ta là Phạm Chí, sau khi đã chứng đắc tịch diệt, thành Vô Thượng Y Vương, thọ thân này của Ta là thân tối hậu, thì các ngươi là con chân chánh của Ta, thọ sanh từ miệng, hóa sanh từ pháp. Các ngươi là con chân chánh của Ta, thọ sanh từ miệng, hóa sanh từ pháp, thì các ngươi hãy dạy dỗ lẫn nhau, răn dạy lẫn nhau."

Bấy giờ Tôn giả Xá-lê Tử cũng đang hiện diện trong chúng. Khi ấy, Tôn giả Xá-lê Tử liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch vai, sửa y, chắp tay hướng về Thế Tôn, bạch rằng:

"Bạch Thế Tôn, như Thế Tôn vừa nói: 'Ta là Phạm Chí đã chứng đắc tịch diệt, thành Vô Thượng Y Vương, thọ thân này của Ta là thân tối hậu. Ta là Phạm Chí, sau khi đã chứng đắc tịch diệt, thành Vô Thượng Y Vương, thọ thân này của Ta là thân tối hậu, thì các ngươi là con chân chánh của Ta, thọ sanh từ miệng, hóa sanh từ pháp. Các ngươi là con chân chánh của Ta, thọ sanh từ miệng, hóa sanh từ pháp, thì các ngươi hãy dạy dỗ lẫn nhau, răn dạy lẫn nhau'. Bạch Thế Tôn, đối với những ai chưa điều ngự, Thế Tôn khiến cho điều ngự; những ai chưa tịch tĩnh, khiến cho tịch tĩnh[7]; những ai chưa độ thoát, khiến cho độ thoát; những ai chưa giải thoát khiến cho giải thoát; những ai chưa tịch diệt, khiến cho tịch diệt, chưa đắc đạo khiến cho đắc đạo, chưa thi thiết phạm hạnh khiến cho thi thiết

---

1. Phụ chú trong bản Hán: "chữ ━sau đọc là *tỉnh*". Tương đương Pāli: S. vii.7 Pavāraṇa (tự tứ). Tham chiếu, No.99 (1212) Tạp A-hàm 45, kinh số 45 (Đại 2, tr.330); No.100 (228) Biệt dịch Tạp 12 (Đại 2, tr. 457a); No.61. Phật Thuyết Thọ Tân Tuế Kinh, Trúc Pháp Hộ dịch (Đại 1, tr.858; No.62 Phật Thuyết Tân Tuế Kinh, Trúc Đàm-vô-lan dịch; No.63. Phật Thuyết Giải Hạ Kinh, Tống Pháp Hiền dịch.
2. No.61, 62 và Pāli: Xá-vệ, Đông viên, Lộc tử mẫu giảng đường (Sāvatthi, Pubbārama, Migāramātupāsāda).
3. No.61, ngày rằm tháng bảy.
4. Tùng giải thoát ━q━━━A tức Biệt giải thoát. Pāli: Pāṭimokkha.
5. Tương thỉnh thỉnh thời ━━━━━A "trong khi hỏi lẫn nhau", được dịch nghĩa như vậy, vì trong lễ Tự tứ, các Tỳ-kheo chỉ điểm lẫn nhau những điều luật. Pāli: Pavāraṇā. Các bản dịch khác là "*thọ tuế*", tức sau ba tháng an cư, Tỳ-kheo được tính một tuổi hạ.
6. Trong bản Pāli và các bản Hán kia đều có ghi lời tự tứ của Đức Thế Tôn như vầy: "Này các Tỳ-kheo, bây giờ Ta tự tứ (tức yêu cầu chỉ điểm, hoặc nói là "thọ tuế"), các thầy có khiển trách gì Ta đối với thân, khẩu chăng?". (Handa dāni, bhikkhave, pavāremi. Ka ca ma kinci garahatha kāyikam vā vācasikam vā).
7. Hán: tức ━━A và chỉ tức ━━━C

phạm hạnh. Thế Tôn là Bậc Tri Đạo, Giác Đạo, Thức Đạo, Thuyết Đạo[8]. Đệ tử của Thế Tôn sau đó được đắc pháp, lãnh thọ khuyến giáo, lãnh thọ khiển trách. Sau khi lãnh thọ khuyến giáo, lãnh thọ khiển trách sẽ vâng theo lời dạy của Thế Tôn mà nhất hướng tu hành, được tự tại như ý, khéo biết Chánh pháp. Bạch Thế Tôn, Thế Tôn không phiền gì con đối với thân, khẩu, ý hành chăng?"

Khi ấy, Thế Tôn nói:

"Này Xá-lê Tử, Ta không phiền gì đối với thân, khẩu, ý hành của thầy cả. Vì sao vậy? Này Xá-lê Tử, thầy là bậc thông tuệ, đại tuệ, tốc tuệ, tiệp tuệ, lợi tuệ, quảng tuệ, thâm tuệ, xuất yếu tuệ, minh đạt tuệ[9]. Này Xá-lê Tử, thầy đã thành tựu thật tuệ. Này Xá-lê Tử, ví như vua Chuyển luân vương có vị thái tử không trái phạm lời khuyên dạy, tất bái lãnh sự truyền thừa của phụ vương và sau này cũng có thể truyền thừa lại. Cũng vậy, này Xá-lê Tử, Ta chuyển vận pháp luân, thầy cũng có thể chuyển vận pháp luân. Này Xá-lê Tử, vì vậy nên Ta không phiền gì về thân, khẩu, ý hành của thầy."

Tôn giả Xá-lê Tử chắp tay hướng về Thế Tôn, thưa rằng:

"Bạch Thế Tôn, Thế Tôn không phiền gì về thân, khẩu, ý hành của con; nhưng bạch Thế Tôn, Thế Tôn có phiền gì về thân, khẩu, ý hành của năm trăm thầy Tỳ-kheo chăng?"

Đức Thế Tôn nói:

"Này Xá-lê Tử, Ta cũng không phiền gì về thân, khẩu, ý hành của năm trăm Tỳ-kheo này. Vì sao vậy? Này Xá-lê Tử, năm trăm Tỳ-kheo này đều đã chứng đắc vô trước, dứt trừ các lậu, phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, đã đặt gánh nặng xuống, hữu kết đã tận và đã đạt được thiện nghĩa, chánh trí, chánh giải thoát; chỉ trừ một Tỳ-kheo[10] mà trước kia Ta đã thọ ký cho rằng: ngay trong đời này sẽ chứng đắc cứu cánh trí, biết một cách như thật rằng: 'Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa'. Này Xá-lê Tử, vì vậy nên Ta không phiền gì về thân, khẩu, ý hành của năm trăm Tỳ-kheo này."

Tôn giả Xá-lê Tử ba lần lặp lại chắp tay hướng về Đức Thế Tôn thưa rằng:

"Bạch Thế Tôn, Thế Tôn không phiền gì về thân, khẩu, ý hành của con và cũng không phiền gì về thân, khẩu, ý hành của năm trăm Tỳ-kheo này. Như vậy, bạch Thế Tôn, trong số năm trăm Tỳ-kheo này, có bao nhiêu thầy đã chứng đắc ba minh đạt[11]? Bao nhiêu thầy đã chứng đắc câu giải thoát[12]? Bao nhiêu thầy đã chứng đắc tuệ giải thoát[13]?"

Thế Tôn nói:

"Này Xá-lê Tử, trong số năm trăm Tỳ-kheo này, chín mươi Tỳ-kheo đã chứng đắc ba minh đạt; chín mươi Tỳ-kheo đã chứng đắc câu giải thoát; còn các Tỳ-kheo kia đều chứng đắc tuệ giải thoát. Này Xá-lê Tử, trong chúng này không có nhánh, không có cành

---

8. *Tri Đạo, Giác Đạo, Thức Đạo, Thuyết Đạo* ▯▯D▯▯D▯▯D▯▯D▯C No.63: Như Lai đã nhận thức toàn diện về Chánh đạo, tuyên thuyết hoàn hảo về Chánh đạo, khai thị Chánh đạo.

9. Thông tuệ ▯o▯z (Pāli: paiḍṇta), đại tuệ ▯j▯z (Pāli: mahāpaññā), tốc tuệ ▯t▯z (Pāli: hāsapaññā), tiệp tuệ ▯▯z (Pāli: javapaññā), lợi tuệ ▯Q▯z (Pāli: tikkhapaññā), quảng tuệ ▯s▯z (Pāli: putthu paññā), thâm tuệ ▯` ▯z (Pāli: không đề cập), xuất yếu tuệ ▯X▯n▯z (Pāli: không đề cập), minh đạt tuệ ▯▯F▯z (Pāli: nibbedhikā).

10. Chỉ Tôn giả A-nan, bấy giờ chưa chứng đắc lậu tận.

11. Tam minh đạt ▯T▯▯F▯A tức tam minh.

12. Câu giải thoát, hay câu phần giải thoát, Pāli: ubhatobhāgavimutta, vị A-la-hán có tuệ giải thoát đồng thời có diệt tận định. Về câu giải thoát, tuệ giải thoát, xem kinh số 127 và 195.

13. Tuệ giải thoát, xem cht. trên.

lá, cũng không có đốt, mà chỉ có lõi chắc thật, thanh tịnh, đều đã chân chánh trụ vị."

Bấy giờ, Tôn giả Bàng-kỳ-xá[14] cũng hiện có ở trong chúng. Khi ấy Tôn giả Bàng-kỳ-xá liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch vai áo, chắp tay hướng về Thế Tôn thưa rằng:

"Bạch Thế Tôn, mong Đức Thế Tôn gia trì cho con thêm uy lực. Mong Đức Thiện Thệ gia trì cho con thêm uy lực để con được ở trước Phật và chúng Tỳ-kheo, bằng sự tương ưng như nghĩa[15] mà làm bài tụng tán thán.

Đức Thế Tôn nói:

"Bàng-kỳ-xá, ngươi cứ tùy ý."

Khi ấy, Tôn giả Bàng-kỳ-xá ở trước Đức Phật và chúng Tỳ-kheo, bằng sự tương ưng như nghĩa mà tán tụng như vầy:

Hôm nay ngày Rằm tự tứ,
Hội tọa Tăng chúng năm trăm;
Đoạn tận buộc ràng kiết sử,
Tiên nhân vô ngại vô sanh.
Thanh tịnh ngời quang minh,
Giải thoát tất cả hữu;
Dứt sanh, lão, bệnh, tử
Lậu diệt, việc làm xong.
Diệt hối và nghi kết,
Mạn, hữu lậu đã trừ,
Nhổ tuyệt gai ái kết,
Thành Vô Thượng Y Sư.
Dõng mãnh như sư tử
Khủng bố đã dứt trừ,
Đã vượt sự sanh tử
Diệt lậu tận, vô dư.
Ví như Chuyển luân vương
Quần thần vây xung quanh,
Thống lãnh toàn cõi đất
Suốt đại dương vô cùng.
Đấng Đại Hùng tối thắng,
Bậc Thượng Chủ, Thượng Tôn;
Đệ tử hằng cung kính,
Tam minh, ngoài tử sanh.
Tất cả là con Phật
Cành, lá đã loại bỏ;
Chuyển pháp luân vô thượng
Kính lạy Đấng Tối Tôn.

Đức Phật thuyết như vậy, các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

---

14. Bàng-kỳ-xá ————A Vangīsa, thuộc một gia đình Bà-la-môn rất thông suốt các tập Vệ-đà, do quán bất tịnh mà đắc quả A-la-hán.

15. Hán: *tương ưng như nghĩa* ———p-q-C Pāli: sāruppāhi gāthāhi abhitthavi, tán thán bằng những bài kệ thích ứng.

❑

122. KINH CHIÊM-BA[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật du hóa tại Chiêm-ba, ở bên hồ Hằng-già[2].

Bấy giờ là ngày mười lăm trong tháng, là ngày Thế Tôn thuyết Tùng giải thoát, trải tọa ngồi trước chúng Tỳ-kheo. Khi Đức Thế Tôn ngồi xong, liền nhập định và bằng tha tâm trí Ngài quan sát tâm đại chúng. Khi quan sát tâm đại chúng rồi, cho đến lúc hết buổi đầu hôm, Ngài vẫn ngồi im lặng.

Bấy giờ có một Tỳ-kheo từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch vai, sửa y chắp tay hướng về Đức Phật thưa rằng:

"Bạch Thế Tôn, đã hết buổi đầu hôm, Phật và chúng Tỳ-kheo tập trung ngồi đây đã lâu, mong Đức Thế Tôn nói thuyết Tùng giải thoát."

Bấy giờ, Đức Thế Tôn im lặng không trả lời.

Thế rồi, cho đến phần giữa đêm, Đức Thế Tôn vẫn ngồi im lặng. Tỳ-kheo kia lại lần nữa, từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch vai sửa y, chắp tay hướng về Đức Phật và thưa rằng:

"Bạch Thế Tôn, buổi đầu hôm đã qua, phần giữa đêm cũng sắp hết; Phật và chúng Tỳ-kheo tập trung ngồi đây đã lâu, mong Đức Thế Tôn nói thuyết Tùng giải thoát."

Đức Thế Tôn lại một lần nữa không trả lời.

Thế rồi, cho đến phần cuối đêm, Đức Thế Tôn vẫn ngồi im lặng. Tỳ-kheo kia lại lần thứ ba từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch vai sửa y, chắp tay hướng về Đức Thế Tôn mà thưa rằng:

"Bạch Thế Tôn, buổi đầu hôm đã qua, phần giữa đêm cũng chấm dứt, rồi buổi cuối đêm cũng sắp hết, trời gần về sáng, không bao lâu nữa, mặt trời sẽ mọc; Phật và chúng Tỳ-kheo tập trung ngồi đây đã quá lâu, mong Đức Thế Tôn nói thuyết Tùng giải thoát."

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo vị Tỳ-kheo kia:

"Trong chúng này có một thầy Tỳ-kheo làm đã việc bất tịnh."

Lúc đó Tôn giả Đại Mục-kiền-liên cũng đang ở trong chúng. Rồi Tôn giả Đại Mục-kiền-liên liền suy nghĩ thế này: "Vị Tỳ-kheo nào mà Đức Thế Tôn nói trong chúng này có một thầy Tỳ-kheo đã làm việc bất tịnh? Ta nên nhập định có hình thức như thế, nhân trong định có hình thức như thế, bằng tha tâm trí mà quan sát tâm niệm đại chúng."

Tôn giả Đại Mục-kiền-liên nhập định có hình thức như thế, nhân trong định có hình thức như thế, bằng tha tâm trí mà quan sát tâm niệm đại chúng.

Tôn giả Đại Mục-kiền-liên liền biết vị Tỳ-kheo mà vì vị ấy Đức Thế Tôn nói trong chúng này có một thầy Tỳ-kheo đã làm việc bất tịnh.

---

1. Tương đương Pāli A. Viii.10. Kāraṇḍava-sutta; A, viii.20 Uposatha Biệt dịch, No.64 *Chiêm-ba Tỳ-kheo Kinh*, Pháp Cự dịch. Tham chiếu kinh số 37 trên.
2. Xem các cht. liên hệ ở kinh số 37 trên.

Rồi thì, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên xuất định, đi đến trước vị Tỳ-kheo ấy, nắm tay kéo đi, mở cửa lôi ra bên ngoài mà nói:

"Này người ngu si, hãy đi xa đi, đừng sống ở đây, không được trở lại hội họp với đại chúng Tỳ-kheo, từ nay trở đi ông không phải là Tỳ-kheo nữa."

Ngài đóng cửa, gài chốt then lại, rồi trở về chỗ Đức Phật, cúi đầu sát lạy chân Phật, rồi ngồi sang một bên mà thưa:

"Vị Tỳ-kheo mà vì vị ấy Đức Thế Tôn nói trong chúng này có một Tỳ-kheo đã làm việc bất tịnh; con đã đuổi vị ấy đi rồi. Bạch Thế Tôn, buổi đầu hôm đã qua, phần giữa đêm cũng chấm dứt, rồi buổi cuối đêm cũng sắp hết, trời gần về sáng, không bao lâu nữa, mặt trời sẽ mọc; Phật và chúng Tỳ-kheo tập trung ngồi đây đã quá lâu, mong Đức Thế Tôn nói thuyết Tùng giải thoát."

Đức Thế Tôn nói:

"Này Đại Mục-kiền-liên, kẻ ngu si sẽ mắc đại tội nếu gây phiền nhiễu cho Đức Thế Tôn và chúng Tỳ-kheo. Này Đại Mục-kiền-liên, nếu Đức Như Lai ở giữa chúng bất tịnh mà thuyết Tùng giải thoát thì đầu người kia sẽ vỡ thành bảy mảnh. Do đó, này Đại Mục-kiền-liên, từ nay về sau các thầy hãy thuyết Tùng giải thoát, Đức Như Lai không thuyết Tùng giải thoát nữa. Vì sao như thế?[3]

"Vì như vầy, này Đại Mục-kiền-liên, hoặc có người ngu si khi vào lúc ra đều với chánh tri[4]; khi co lúc duỗi, khi cúi lúc ngẩng đều khéo phân biệt quán sát; nghi dung chững chạc, khoác tăng-già-lê ngay ngắn; cầm y, bát chỉnh tề[5]; đi, đứng, ngồi, nằm, ngủ, thức, nói năng, im lặng đều biết rõ ràng, tợ như bậc Phạm hạnh chân chánh, nhưng hành động của bậc Phạm hạnh chân chánh thì kẻ ấy không biết được.

"Này Đại Mục-kiền-liên, nếu các bậc Phạm hạnh biết được kẻ ấy, sẽ nghĩ rằng: 'Đây là sự ô uế đối với Sa-môn, là sự ô nhục đối với Sa-môn, là sự đáng ghét đối với Sa-môn, là gai nhọn đối với Sa-môn'. Sau khi biết rồi liền cùng nhau tẫn xuất người ấy[6]. Vì sao vậy? Vì không muốn các bậc Phạm hạnh phải bị nhiễm ô.

"Này Đại Mục-kiền-liên, ví như trong ruộng lúa dé, hoặc ruộng lúa tẻ đang tươi tốt của Cư sĩ kia có sanh loại cỏ tên là cỏ uế mạch[7]. Cỏ này có rễ, thân, đốt, lá và hoa thảy đều giống hệt như cây lúa tẻ. Nhưng sau khí kết hạt thì người Cư sĩ kia thấy được, liền suy nghĩ rằng: 'Đây là sự ô nhục đối với lúa tẻ, là gai nhọn đáng ghét đối với lúa tẻ'. Sau khi biết rồi, Cư sĩ kia liền nhổ quăng đi hết. Vì sao vậy? Vì không muốn giống lúa tẻ đích thật phải bị ô nhiễm.

"Cũng vậy, này Đại Mục-kiền-liên, hoặc có người ngu si khi vào lúc ra đều với chánh tri; khi co lúc duỗi, khi cúi lúc ngẩng đều khéo phân biệt quán sát; nghi dung chững chạc, khoác tăng-già-lê ngay ngắn, cầm y, bát chỉnh tề; đi, đứng, ngồi, nằm, ngủ, thức, nói năng, im lặng đều biết rõ ràng, tợ như bậc Phạm hạnh chân chánh, nhưng hành động của bậc Phạm hạnh chân chánh thì kẻ ấy không biết được.

"Này Đại Mục-kiền-liên, nếu các bậc Phạm hạnh biết được kẻ ấy, sẽ nghĩ rằng:

---

3. Từ đây trở xuống tương đương Pāli A. Viii.10 đã dẫn. Bản Pāli bắt đầu bằng sự kiện hai Tỳ-kheo nói xấu nhau, và khi biết được, Đức Thế Tôn nói như trong bản Hán này.
4. Chánh tri ——A Pāli: sampajāna, biết rõ mình đang làm gì.
5. Tăng-già-lê cập chư y bát ——————鉢—A Pāli: saṅghāṭīpattacīvara, chỉ ba y (gồm tăng-già-lê) và bình bát.
6. Tẫn khí ——C
7. Hán: *uế mạch* ——C

‘Đây là sự ô uế đối với Sa-môn, là sự ô nhục đối với Sa-môn, là sự đáng ghét đối với Sa-môn, là gai nhọn đối với Sa-môn’. Sau khi biết rồi liền cùng nhau tẫn xuất người ấy. Vì sao vậy? Vì không muốn các bậc Phạm hạnh phải bị nhiễm ô.

“Này Đại Mục-kiền-liên, vì như đến mùa thu, người Cư sĩ kia đem giê lúa. Từ trên cao, lúa được đổ từ từ xuống. Nếu là hạt lúa chắc thì nằm lại, còn lúa lép hay trấu thì sẽ theo gió bay đi. Sau đó người Cư sĩ kia liền cầm chổi quét dọn sạch sẽ. Vì sao vậy? Vì không muốn hạt lúa dé chắc thật phải bị ô tạp.

“Cũng vậy, này Đại Mục-kiền-liên, hoặc có người ngu si khi vào lúc ra đều với chánh tri; khi co lúc duỗi, khi cúi lúc ngẩng đều khéo phân biệt quán sát; nghi dung chững chạc, khoác tăng-già-lê ngay ngắn, cầm y, bát chỉnh tề; đi, đứng, ngồi, nằm, ngủ, thức, nói năng, im lặng đều biết rõ ràng, tợ như bậc Phạm hạnh chân chánh, nhưng hành động của bậc Phạm hạnh chân chánh thì kẻ ấy không biết được.

“Này Đại Mục-kiền-liên, nếu các bậc Phạm hạnh biết được kẻ ấy, sẽ nghĩ rằng: ‘Đây là sự ô uế đối với Sa-môn, là sự ô nhục đối với Sa-môn, là sự đáng ghét đối với Sa-môn, là gai nhọn đối với Sa-môn’. Sau khi biết rồi liền cùng nhau tẫn xuất người ấy. Vì sao vậy? Vì không muốn các bậc Phạm hạnh phải bị nhiễm ô.

“Này Đại Mục-kiền-liên, ví như người Cư sĩ kia muốn có nước suối chảy đến nên làm máng dẫn nước. Người ấy cầm búa vào rừng, gõ vào thân các cây. Nếu cây có lõi cứng thì tiếng phát ra nhỏ, còn cây rỗng ruột thì tiếng phát ra lớn. Sau khi biết rõ, người Cư sĩ kia liền chặt cây ấy đem về làm máng dẫn nước.

“Cũng vậy, này Đại Mục-kiền-liên, hoặc có người ngu si khi vào lúc ra đều với chánh tri; khi co lúc duỗi, khi cúi lúc ngẩng đều khéo phân biệt quán sát; nghi dung chững chạc, khoác tăng-già-lê ngay ngắn, cầm y, bát chỉnh tề; đi, đứng, ngồi, nằm, ngủ, thức, nói năng, im lặng đều biết rõ ràng, tợ như bậc Phạm hạnh chân chánh, nhưng hành động của bậc Phạm hạnh chân chánh thì kẻ ấy không biết được.

“Này Đại Mục-kiền-liên, nếu các bậc Phạm hạnh biết được kẻ ấy, sẽ nghĩ rằng: ‘Đây là sự ô uế đối với Sa-môn, là sự ô nhục đối với Sa-môn, là sự đáng ghét đối với Sa-môn, là gai nhọn đối với Sa-môn’. Sau khi biết rồi liền cùng nhau tẫn xuất người ấy. Vì sao vậy? Vì không muốn các bậc Phạm hạnh phải bị nhiễm ô.”

Khi ấy, Đức Thế Tôn liền nói bài tụng rằng:

Cùng tập hội, nên biết,
Ác dục, tắng, tật, nhuế[8]
Che giấu, hận, keo kiệt[9]*,*
Tật đố, siễm, khi cuống.
Trong chúng, giả đạo đức
Lén lút xưng Sa-môn,
Âm thầm làm việc ác
Ác kiến, không thủ hộ.
Khi dối cùng nói láo
Nên biết, người như vậy,
Tập chúng đừng cho vào
Tẫn xuất, không sống chung.

---

8. *Tắng, tật, nhuế* ———}–Aghét, ganh tị, thù nghịch.
9. *Bất ngữ kết, hận, xan* ——y———C Bất ngữ kết, Pāli: makkhā, che giấu tội lỗi.

Chúng dối trá, láo khoét
Chưa ngộ nói đã ngộ;
Biết thời, tu tịnh hạnh,
Đuổi chúng, tránh xa chúng.
Hãy cùng người thanh tịnh,
Sống hòa hợp với nhau;
Như vậy sẽ an ổn,
Và tận cùng sự khổ.

Phật thuyết như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

❑

123. KINH SA-MÔN NHỊ THẬP ỨC[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng, vườn Cấp cô độc. Bấy giờ, Tôn giả Sa-môn Nhị Thập Ức[2] cũng du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Ám lâm[3]; đầu đêm, giữa đêm và cuối đêm đều học tập không ngủ, tinh cần chánh trụ, tu tập đạo phẩm. Khi ấy Tôn giả Sa-môn Nhị Thập Ức sống một mình nơi yên tĩnh, thiền tọa tư duy, tâm khởi lên ý nghĩ: "Nếu có đệ tử nào của Đức Thế Tôn tinh cần học tập pháp luật chân chánh thì ta là người bậc nhất, thế mà tâm vẫn chưa giải thoát được các lậu. Nhà cha mẹ ta cực kỳ phú quý, có nhiều tiền của, nay ta có nên xả giới, bỏ đạo hạnh, chuyên việc bố thí, tu tập các phước nghiệp chăng?"

Bấy giờ Đức Thế Tôn bằng tha tâm trí biết rõ tâm niệm của Tôn giả Sa-môn Nhị Thập Ức, liền bảo một Tỳ-kheo:

"Ngươi hãy đi đến chỗ kia, gọi Sa-môn Nhị Thập Ức về đây."

Tỳ-kheo ấy bạch:

"Kính vâng."

Rồi từ chỗ ngồi đứng dậy, cúi đầu đảnh lễ chân Phật, nhiễu quanh ba vòng, bước ra, đi đến chỗ Tôn giả Sa-môn Nhị Thập Ức nói:

"Đức Thế Tôn cho gọi thầy."

Tôn giả Sa-môn Nhị Thập Ức nghe Tỳ-kheo ấy nói, liền đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ chân Phật rồi ngồi một bên. Đức Thế Tôn nói:

"Sa-môn, phải chăng vừa rồi ngươi sống một mình nơi yên tĩnh, thiền tọa tư duy, tâm khởi lên ý nghĩ: 'Nếu có đệ tử nào của Đức Thế Tôn tinh cần học tập pháp luật chân chánh thì ta là người bậc nhất, thế mà tâm vẫn chưa giải thoát được các lậu. Nhà cha mẹ ta cực kỳ phú quý, có nhiều tiền của, nay ta có nên xả giới, bỏ đạo hạnh, chuyên việc bố thí, tu tập các phước nghiệp chăng?'"

Khi ấy Tôn giả Sa-môn Nhị Thập Ức thẹn thùng xấu hổ, không thể không hoang mang, rằng, "Thế Tôn đã biết rõ tâm niệm của ta", liền chắp tay hướng về Đức Phật mà bạch rằng:

"Quả thật vậy."

Đức Thế Tôn nói:

"Sa-môn, nay Ta hỏi ngươi; hãy tùy theo sự hiểu biết mà trả lời. Ý ngươi nghĩ sao,

---

1. Tương đương Pāli A. Vi.55. Soṇa-sutta; tham chiếu Luật tạng Pāli, Mv.1.1~ 30. Tham chiếu, No.99 (254) *Tạp A-hàm 9*, kinh số 254; No.125 (23.3) Tăng Nhất 13, phẩm 23 "Địa Chủ" kinh số 3; Tứ Phần 29, Đại 22 tr.843; Ngũ Phần 21, Đại 22, tr.145.
2. Sa-môn Nhị Thập Ức ▪F▬▬G▪Q▬▬C Pāli: Soṇa (Koḷivīsa). No.99 (254) và No.125 (23.3) dịch là Nhị Thập Ức Nhĩ, do Soṇa được đọc là Sota (lỗ tai); và Koḷi được đọc là Koṭi (một ức).
3. Ám lâm, cũng dịch là hàn lâm; khu rừng lạnh, bãi tha ma, nơi vất bỏ xác chết. Pāli: sītavana.

khi ngươi sống tại gia, giỏi đánh đàn cầm nên tiếng đàn hòa điệu với lời ca, lời ca ăn khớp với tiếng đàn; có phải vậy chăng?"

Tôn giả Sa-môn Nhị Thập Ức thưa:

"Bạch Thế Tôn, đúng vậy."

Thế Tôn lại hỏi:

"Ý ngươi nghĩ sao, nếu dây đàn căng quá thì tiếng hòa âm có đáng ưa không?"

Sa-môn Nhị Thập Ức đáp:

"Bạch Thế Tôn, không!"

Đức Thế Tôn lại hỏi:

"Ý ngươi nghĩ sao, nếu dây đàn chùng quá thì tiếng hòa âm có đáng ưa chăng?"

Sa-môn Nhị Thập Ức đáp:

"Bạch Thế Tôn, không."

Đức Thế Tôn lại hỏi:

"Ý ngươi nghĩ sao, nếu dây đàn vừa phải, không căng quá, cũng không chùng quá, thì tiếng đàn có đáng ưa không?"

Sa-môn Nhị Thập Ức đáp:

"Bạch Thế Tôn, đáng ưa."

Đức Thế Tôn nói:

"Cũng vậy, này Sa-môn, quá sức tinh tấn sẽ khiến tâm rối loạn, nhưng chẳng tinh tấn thì tâm sẽ biếng lười. Vì vậy ngươi hãy phân biệt thời gian nào nên quán sát tướng nào, chớ nên buông lung."

Bấy giờ Tôn giả Sa-môn Nhị Thập Ức sau khi nghe Đức Phật dạy, khéo thọ lãnh, khéo ghi nhớ, từ chỗ ngồi đứng dậy, cúi đầu đảnh lễ chân Phật, nhiễu quanh ba vòng rồi lui ra. Lãnh thọ ví dụ đàn cầm do Đức Phật dạy rồi, liền sống một mình ở nơi xa vắng, tâm không buông lung, tu hành tinh tấn. Tôn giả ấy sau khi sống một mình ở nơi xa vắng, tâm không buông lung, tu hành tinh tấn, liền đạt được mục đích mà một thiện nam tử cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, học đạo, duy chỉ mong thành tựu phạm hạnh vô thượng, ngay trong đời này tự tri, tự giác, tự thân chứng ngộ, thành tựu và an trụ, biết một cách như thật rằng: 'Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa'. Tôn giả Sa-môn Nhị Thập Ức đã biết pháp rồi, v.v..., cho đến, chứng quả A-la-hán.

Lúc bấy giờ, sau khi đã chứng quả A-la-hán, Tôn giả Sa-môn Nhị Thập Ức nghĩ rằng: "Nay đã đến thời, ta có nên đi đến chỗ Đức Thế Tôn trình bày về sự chứng đắc cứu cánh trí của mình chăng?" Rồi thì Tôn giả Sa-môn Nhị Thập Ức đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ rồi ngồi xuống một bên mà bạch rằng:

"Bạch Thế Tôn, nếu có Tỳ-kheo chứng đắc Vô sở trước[4], dứt trừ các lậu, phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, đã đặt gánh nặng xuống, hữu kết đã giải trừ[5], tự thân đạt được thiện nghĩa[6], bằng chánh trí mà chứng đắc giải thoát, thì tức khắc vị ấy liền vui nơi sáu trường hợp[7]: vui nơi vô dục, vui nơi viễn ly, vui nơi vô tránh, vui nơi ái tận, vui nơi

---

4. Hán: *Tỳ- kheo đắc Vô sở trước* ▪i▪C▪o▪L▬▬▬F Pāli: bhikkhu arahaṃ, vị Tỳ-kheo là A-la-hán.

5. Hán: *hữu kết dĩ giải* ▬▬▬w▬▬F Pāli: parikkhīṇabhavasaṃyojano(*tận chư hữu kết*), đã diệt tận hoàn toàn các phiền não trói buộc dẫn tới tái sanh.

6. Hán: *tự đắc thiện nghĩa*▬▬o▬▬q▪R tự mình đã đạt đến mục đích; Pāli: anuppattasadattho (*đãi đắc kỹ lợi*), đã đạt đến mục đích tối cao, chí thiện.

7. Hán: *lạc thử lục xứ* ▬▬▬▬▪B▪C Pāli: cha thānāni adhimutto, quyết định trong sáu trường hợp.

thủ tận, và vui nơi tâm không di động[8].

"Bạch Thế Tôn, hoặc có người nghĩ rằng: 'Hiền giả này do y tín tâm nên vui nơi vô dục'. Người ấy không nên quán như vậy. Chỉ khi nào dứt trừ được tham dục, sân nhuế và ngu si thì mới vui nơi vô dục.

"Bạch Thế Tôn, hoặc có người nghĩ rằng: 'Hiền giả này vì thích được khen ngợi, muốn được cúng dường, cho nên vui nơi viễn ly'. Người ấy không nên quán như vậy. Chỉ khi nào dứt trừ được tham dục, sân nhuế và ngu si thì mới vui nơi viễn ly.

"Bạch Thế Tôn, hoặc có người nghĩ rằng: 'Hiền giả này do y trên giới nên vui nơi vô tránh'. Người ấy không nên quán như vậy. Chỉ khi nào dứt trừ được tham dục, sân nhuế và ngu si thì mới vui nơi vô tránh, vui nơi ái tận, vui nơi thủ tận, và vui nơi tâm không di động.

"Bạch Thế Tôn, nếu có Tỳ-kheo chứng đắc Vô sở trước, dứt trừ các lậu, phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, đã đặt gánh nặng xuống, hữu kết đã giải trừ, tự thân đạt được thiện nghĩa, bằng chánh trí mà chứng đắc giải thoát, thì tức khắc vị ấy liền vui nơi sáu trường hợp này.

"Bạch Thế Tôn, nếu có Tỳ-kheo tu học tuy chưa đắc ý, mà mong cầu quả vị Niết-bàn an ổn vô thượng, vị ấy lúc bấy giờ chỉ mới thành tựu học căn và học giới, nhưng sau đó sẽ dứt trừ các lậu, chứng đắc vô lậu, tâm giải thoát, tuệ giải thoát, ngay trong đời này tự tri, tự giác, tự thân chứng ngộ, thành tựu và an trụ, biết một cách như thật rằng: 'Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa'. Vị ấy lúc bấy giờ đã thành tựu vô học căn và vô học giới.

"Bạch Thế Tôn, ví như một đồng tử thơ ấu, lúc bấy giờ chỉ mới thành tựu tiểu căn và tiểu giới, nhưng sau đó được đầy đủ học căn. Như vậy là đồng tử đó lúc bấy giờ đã thành tựu học căn và học giới. Cũng vậy, bạch Thế Tôn, nếu có Tỳ-kheo tu học tuy chưa đắc ý nhưng mong cầu quả vị Niết-bàn an ổn vô thượng, vị ấy lúc bấy giờ chỉ mới thành tựu học căn và học giới, nhưng sau đó sẽ dứt trừ các lậu, chứng đắc vô lậu, tâm giải thoát, tuệ giải thoát, ngay trong đời này tự tri, tự giác, tự thân chứng ngộ, thành tựu và an trụ, biết một cách như thật rằng: 'Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa'. Vị ấy lúc bấy giờ đã thành tựu vô học căn và vô học giới.

"Vị ấy nếu có sắc được nhận thức bởi mắt, khi sắc đó đến với mắt thì cũng không vì vậy mà khiến tâm giải thoát, tuệ giải thoát này phải bị vong thất, nội tâm được an trụ, khéo chế phục, thủ hộ, ghi nhớ và quán pháp hưng suy. Nếu có tiếng được nhận thức bởi tai, hương được nhận thức bởi mũi, vị được nhận thức bởi lưỡi, xúc được nhận thức bởi thân, pháp được nhận thức bởi ý, khi pháp đến với ý thì cũng không vì vậy mà khiến tâm giải thoát, tuệ giải thoát này phải bị vong thất, nội tâm được an trụ, khéo chế phục, thủ hộ, ghi nhớ và quán pháp hưng suy.

"Bạch Thế Tôn, ví như cách thôn không xa, có tòa núi đá lớn, không vỡ, không sứt mẻ, không yếu dòn, vững chắc, không trống hở, là một khối hợp nhất. Nếu có gió, mưa lớn từ phương Đông đến thì cũng không thể lay chuyển, không thể di động; cũng không phải gió phương Đông dời đến phương Nam. Nếu có gió, mưa lớn từ phương Nam đến thì cũng không thể lay chuyển, không thể di động; cũng không phải gió phương Nam dời đến phương Tây. Nếu có gió, mưa lớn từ phương Tây đến thì cũng không thể lay chuyển,

---

8. Vô dục -L—Aviễn ly ———Avô tránh -L—Aái tận -R—Athọ (= thủ) tận ———Atâm bất di động ————————CPāli: nekkhama (xuất gia), paviveka (ẩn dật), abyāpajjha (không não hại, hay không sân nhuế), taṇhākkhayā (đã diệt tận khát ái), upādanakkhaya (đã diệt tận chấp thủ), assammohā (vô si).

không thể di động; cũng không phải gió phương Tây dời đến phương Nam. Nếu có gió, mưa lớn từ phương Bắc đến thì cũng không thể lay chuyển, không thể di động; cũng không phải gió phương Bắc dời đến các phương.

"Cũng vậy, bạch Thế Tôn, vị ấy nếu có sắc được nhận thức bởi mắt, khi sắc đó đến với mắt thì cũng không vì vậy mà khiến tâm giải thoát, tuệ giải thoát này sẽ bị vong thất, nội tâm được an trụ, khéo chế phục, thủ hộ, ghi nhớ và quán pháp hưng suy. Nếu có tiếng được nhận thức bởi tai, hương được nhận thức bởi mũi, vị được nhận thức bởi lưỡi, xúc được nhận thức bởi thân, pháp được nhận thức bởi ý. Khi pháp đó đến với ý thì cũng không vì vậy mà khiến tâm giải thoát, tuệ giải thoát này sẽ bị vong thất, nội tâm được an trú, khéo chế phục, thủ hộ, ghi nhớ và quán pháp hưng suy."

Khi ấy, Tôn giả Sa-môn Nhị Thập Ức liền nói bài tụng:

Vui nơi vô dục[9]*,*
Thì tâm viễn ly;
Hoan hỷ vô tránh[10]*,*
Hân hoan thủ tận.
Vui nơi thủ tận,
Tâm không di động,
Biết đúng như thật,
Tâm được giải thoát.
Tâm đã giải thoát,
Căn trần tĩnh chỉ[11]*,*
Việc làm đã xong[12]*,*
Không phải làm nữa.
Ví như núi đá,
Gió không lay nổi.
Sắc, thanh, hương, vị,
Thân, xúc cũng vậy;
Pháp ái, bất ái[13]*,*
Không làm động tâm.

Tôn giả Sa-môn Nhị Thập Ức sau khi đối trước Đức Phật trình bày về sự chứng đắc cứu cánh trí, từ chỗ ngồi đứng dậy, cúi đầu đảnh lễ chân Phật, nhiễu quanh ba vòng rồi lui ra.

Bấy giờ, sau khi Tôn giả Nhị Thập Ức đi ra không bao lâu, Đức Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo rằng:

"Này các thiện nam tử, hãy nên đến trước Ta để trình bày về sự chứng đắc cứu cánh trí như vậy. Hãy như Sa-môn Nhị Thập Ức, đi đến trước Ta trình bày về sự chứng đắc cứu cánh trí mà không khen mình, không khinh người, nói điều nghĩa lợi, hiển hiện pháp tùy theo các trường hợp; chớ nên như kẻ ngu si bị tăng thượng mạn trói buộc, đến trước mặt Ta trình bày về sự chứng đắc cứu cánh trí. Kẻ ấy không đạt được nghĩa lợi, chỉ toàn là sự

9. Pāli: nekkhamma, xuất ly, xuất gia.
10. Pāli: avyāpajjha, không não hại, không thù nghịch.
11. Hán: *tức căn* ━━━C Pāli: santacitta, tâm tịch tịnh.
12. Hán: *tác dĩ bất quán* ━@━w━━[━C Pāli: katassa paṭicayo n'atthi, không có sự làm thêm đối với điều đã làm.
13. Pāli: iṭṭhā dhammā aniṭṭhā ca, các pháp khả ái và không khả ái.

phiền nhọc. Sa-môn Nhị Thập Ức đi đến trước Ta trình bày về sự chứng đắc cứu cánh trí mà không khen mình, không khinh người, nói điều nghĩa lợi, hiển hiện pháp tùy theo các trường hợp."

Phật thuyết như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

❑

124. KINH BÁT NẠN[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng, vườn Cấp cô độc.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo rằng:

"Người tu phạm hạnh có tám nạn[2], tám phi thời[3]. Những gì là tám?

"Vào lúc Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành Tựu, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, Phật, Chúng Hựu, xuất hiện ở thế gian, thuyết pháp đưa đến tịch tịnh, đưa đến tịch diệt, đưa đến giác đạo, những điều Thiện Thệ dạy, thì người ấy lúc bấy giờ đang sanh vào chốn địa ngục. Đó là nạn thứ nhất đối với người tu phạm hạnh.

"Lại nữa, vào lúc Như Lai Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành Tựu, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, Phật, Chúng Hựu, xuất hiện ở thế gian, thuyết pháp đưa đến tịch tịnh, đưa đến tịch diệt, đưa đến giác đạo, những điều Thiện Thệ dạy, thì người ấy lúc bấy giờ đang sanh vào loài súc sanh, vào loài ngạ quỷ, sanh vào cõi trời Trường thọ[4], sanh ở xứ biên địa mọi rợ, không tín, vô ân, không biết báo đáp, không có Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di. Đó là nạn thứ năm[5] đối với người tu phạm hạnh.

"Lại nữa, vào lúc Như Lai Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành Tựu, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, Phật, Chúng Hựu xuất hiện ở thế gian, thuyết pháp đưa đến tịch tịnh, đưa đến tịch diệt, đưa đến giác đạo, những điều Thiện Thệ dạy, thì bấy giờ người ấy tuy sanh nhằm chốn văn minh[6] nhưng lại điếc, câm, ú ớ như dê kêu[7], dùng tay thay lời, không thể nói nghĩa thiện ác. Đó là nạn thứ sáu, việc phi thời thứ sáu đối với người tu phạm hạnh.

"Lại nữa, vào lúc Như Lai Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành Tựu, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, Phật, Chúng Hựu xuất hiện ở thế gian, thuyết pháp đưa đến tịch tịnh, đưa đến tịch diệt, đưa đến giác đạo, những điều Thiện Thệ dạy thì bấy giờ người ấy tuy sanh nhằm chốn văn minh, không điếc, không câm, không ú ớ như dê kêu, không dùng tay thay lời, có thể nói nghĩa thiện

---

1. Tương đương Pāli: A.8.29 Akkhaṇā. Tham chiếu, No.125 (42.1) Tăng Nhất 36, "phẩm Bát Nạn" kinh số 1.
2. Bát nạn 八難 Pāli: atth' akkhaṇā, tám trường hợp không may mắn, không gặp vận, bất hạnh.
3. Phi thời 非時 Pāli: asamaya, không đúng lúc, trái thời.
4. Trường thọ thiên 長壽天 chỉ Vô tưởng thiên. Pāli: dīghāyukaṃ devanikāyaṃ.
5. Trong này kể gồm luôn cả súc sanh (tiracchānayoniṃ), ngạ quỷ (pettivisayaṃ), Trường thọ thiên (dīghāyakaṃ devanikāyaṃ), và biên địa (paccantimesu janapadesu).
6. Trung Quốc 中國 Pāli: majjhimesu janapadesu, chỉ những nước ở Trung bộ Ấn-độ.
7. Như dương minh 喎羊鳴 Pāli: eḷamūga, vừa điếc vừa câm.

ác, nhưng lại có tà kiến và điên đảo kiến. Người ấy thấy như vầy và nói như vầy, 'Không bố thí, không trai tự, không chú thuyết, không có nghiệp thiện ác, không có nghiệp báo của thiện ác, không có đời này đời khác, không cha không mẹ, ở đời không có bậc chân nhân[8] đi đến thiện xứ, khéo đi, khéo hướng[9], tự tri, tự giác, tự tác chứng thế giới này và thế giới khác[10], thành tựu an trụ'. Đó là nạn thứ bảy đối với người tu phạm hạnh.

"Lại nữa, vào lúc Như Lai Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành Tựu, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, Phật, Chúng Hựu không xuất hiện ở thế gian, cũng không thuyết pháp đưa đến tịch tịnh, đưa đến tịch diệt, đưa đến giác đạo, những điều Thiện Thệ dạy thì bấy giờ người ấy lại sanh nhằm chốn văn minh, không điếc, không câm, không ú ớ như dê kêu, không dùng tay thay lời, lại có thể nói nghĩa thiện ác và có chánh kiến, không có điên đảo kiến. Người ấy thấy như vầy và nói như vầy, 'Có bố thí, có trai tự, cũng có chú thuyết, có nghiệp thiện ác, có nghiệp báo của thiện ác, có đời này, có đời khác, có cha, có mẹ, ở đời có bậc chân nhân, đi đến thiện xứ, khéo đi, khéo hướng, tự tri, tự giác, tự tác chứng thế giới này và thế giới khác, thành tựu an trụ'. Đó là nạn thứ tám, việc phi thời thứ tám đối với người tu phạm hạnh.

"Người tu phạm hạnh có một điều không nạn, một việc đúng thời. Thế nào là một điều không nạn, một việc đúng thời đối với người tu phạm hạnh? Lúc Như Lai Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành Tựu, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, Phật, Chúng Hựu không xuất hiện ở thế gian, cũng không thuyết pháp đưa đến tịch tịnh, đưa đến tịch diệt, đưa đến giác đạo, những điều Thiện Thệ dạy, thì bấy giờ người ấy sanh nhằm chốn văn minh, không điếc, không câm, không ú ớ như dê kêu, không dùng tay thay lời, lại có thể nói nghĩa thiện ác, có chánh kiến, không có điên đảo kiến. Người ấy thấy như vầy và nói như vầy, 'Có bố thí, có trai tự, cũng có chú thuyết, có nghiệp thiện ác, có nghiệp báo của thiện ác, có đời này, có đời khác, có cha, có mẹ, ở đời có bậc chân nhân, đi đến thiện xứ, khéo đi, khéo hướng, tự tri, tự giác, tự tác chứng thế giới này và thế giới khác, thành tựu an trụ'. Đó là điều không tai nạn, việc đúng thời đối với người tu phạm hạnh."

Khi ấy Đức Thế Tôn nói bài tụng rằng:

Nếu được làm thân người,
Pháp được thuyết vi diệu,
Mà không chứng đạo quả,
Tất không phải gặp thời.
Nói nhiều nạn phạm hạnh,
Người ở vào đời sau;
Nếu như gặp phải thời,
Điều quá khó ở đời.
Muốn được lại thân người,
Và nghe pháp vi diệu;
Cần phải siêng năng học

---

8. Chân nhân ▪u▪H▪F bản Pāli: samaṇabrāhmaṇā, Sa-môn Bà-la-môn.

9. Thiện khứ thiện hướng ▬▪h▬▪V▪C Pāli: sammaggatā sammā paṇipannā, chánh hành, chánh hướng ▬▬▬▪V▪R đi đúng hướng, đang hướng thẳng đến Niết-bàn.

10. Tự tri tự giác... Pāli: ye imañca lokaṃ parañca lokaṃ sayaṃ abhiññā sacchikatvā pavedeti, những vị tự mình bằng trí tuệ siêu việt đã chứng nghiệm thế giới này và thế giới khác, rồi tuyên bố.

Mình tự thương mình thôi.
Luận bàn, nghe pháp lành
Chớ chần chừ lỡ dịp
Nếu để mất dịp này,
Tất lo đọa địa ngục.
Nếu không sanh gặp thời,
Không được nghe pháp lành;
Như người buôn mất của;
Chịu sanh tử không cùng.
Nếu sanh được thân người,
Được nghe pháp chánh thiện,
Vâng theo Thế Tôn dạy,
Chắc chắn sẽ gặp thời.
Nếu đã gặp thời rồi,
Siêng tu chánh pháp hạnh,
Để tựu thành pháp nhãn,
Đấng Nhật Thân[11] *đã nói.*
Người ấy thường tự giữ
Tiến lên, lìa các sử,
Đoạn diệt mọi kết sử,
Hàng ma, quyến thuộc ma;
Người ấy vượt thế gian,
Đã diệt tận các lậu.

Phật thuyết như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

❑

[11] Nhật thân ——Abà con của mặt trời, chỉ dòng họ Thích. Pāli: ādiccabandhu.

125. KINH BẦN CÙNG[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng, vườn Cấp cô độc.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Ở đời, người có tham dục mà lại bần cùng, phải chăng là sự bất hạnh lớn?"

Các Tỳ-kheo đáp:

"Bạch Thế Tôn, đúng vậy."

Đức Thế Tôn lại bảo các Tỳ-kheo:

"Nếu một người có tham dục, lại bần cùng, lại mang nợ tài vật của người khác. Ở đời, người mang nợ tài vật của người khác, phải chăng là đại bất hạnh?"

Các Tỳ-kheo đáp:

"Bạch Thế Tôn, đúng vậy."

Đức Thế Tôn lại bảo các thầy Tỳ-kheo:

"Nếu một người có tham dục, mang nợ tài vật của người khác mà không trả đúng hạn được, cứ hẹn rày, hẹn mai; ở đời cứ khất nợ mãi, phải chăng là đại bất hạnh?"

Các thầy Tỳ-kheo đáp:

"Bạch Thế Tôn, đúng vậy."

Đức Thế Tôn lại bảo các Tỳ-kheo:

"Nếu một người có tham dục, cứ khất nợ mãi không trả được, chủ nợ đến đòi; ở đời bị chủ nợ đòi, phải chăng là đại bất hạnh?"

Các thầy Tỳ-kheo đáp:

"Bạch Thế Tôn, đúng vậy."

Đức Thế Tôn lại bảo các thầy Tỳ-kheo:

"Nếu chủ nợ đến đòi, mà người có tham dục kia không thể trả được, chủ nợ cứ đến đòi mãi; ở đời bị chủ nợ đòi mãi, phải chăng là đại bất hạnh?"

Các thầy Tỳ-kheo đáp:

"Bạch Thế Tôn, đúng vậy."

Đức Thế Tôn lại bảo các thầy Tỳ-kheo:

"Nếu chủ nợ cứ đòi mãi, nhưng kẻ tham dục kia vẫn không thể trả được, liền bị chủ nợ bắt trói lại; ở đời bị chủ nợ bắt trói lại, phải chăng là đại bất hạnh?"

Các thầy Tỳ-kheo đáp:

"Bạch Thế Tôn, đúng vậy."

"Đó là, ở đời, người có tham dục lại bần cùng là đại bất hạnh. Ở đời, người có tham dục vay nợ tài vật của người khác là đại bất hạnh. Ở đời, người có tham dục vay nợ tài vật của người khác mà khất mãi là đại bất hạnh. Ở đời, người có tham dục bị chủ nợ đòi nợ là

---

1. Tương đương Pāli, A. 6. 45. Dāliddiya (iṇasutta).

đại bất hạnh. Ở đời, người có tham dục bị chủ nợ đòi mãi là đại bất hạnh. Ở đời, người có tham dục bị chủ nợ bắt trói là đại bất hạnh. Cũng vậy, nếu ai đối với Thánh pháp mà không tin ở thiện pháp, không giữ cấm giới, không nghe nhiều, không bố thí, không trí tuệ; đối với thiện pháp, dù có nhiều kim ngân, lưu ly, thủy tinh, ma ni, bạch kha, loa bích, san hô, hổ phách, mã não, đại môi xa cừ, bích ngọc, xích thạch, tuyền châu, nhưng người ấy vẫn là kẻ nghèo nàn cô thế. Như vậy, trong Thánh pháp của Ta, gọi là sự bần cùng, bất thiện.

"Kẻ ấy thân làm việc ác, miệng nói ác và ý nghĩ ác, như thế trong Thánh pháp của Ta gọi là sự vay nợ bất thiện.

"Kẻ ấy muốn che giấu việc làm ác của thân, không tự tỏ bày, không muốn nói ra, không thích bị quở trách, không ưa theo điều phải. Muốn che giấu lời nói ác, ý nghĩ ác, không tự tỏ bày, không muốn nói ra, không thích bị khiển trách, không ưa theo điều phải, như thế trong Thánh pháp của Ta gọi là sự khất nợ bất thiện.

"Kẻ ấy hoặc sống trong thôn ấp hay ở ngoài thôn ấp, các người phạm hạnh thấy được bèn nói như thế này: 'Này chư Hiền, người này làm như thế, hành vi như thế, ác như thế, bất tịnh như thế. Đó là cái gai của thôn ấp'. Kẻ ấy liền bào chữa, 'Này chư Hiền, tôi không làm như vậy, không có hành vi như vậy, không ác như vậy, không bất tịnh như vậy, cũng không phải là cái gai của thôn ấp'. Như thế, trong Thánh pháp của Ta gọi là sự đòi nợ bất thiện.

"Kẻ ấy hoặc ở rừng vắng, hoặc ở núi non, dưới gốc cây, hoặc ở chỗ vắng vẻ, nhưng vẫn niệm tưởng ba việc bất thiện: dục, nhuế, hại. Như thế trong Thánh pháp của Ta gọi là sự không ngớt đòi nợ bất thiện.

"Kẻ ấy thân đã làm việc ác, miệng đã nói lời ác và ý đã nghĩ điều ác. Do đó, kẻ ấy khi thân hoại mạng chung nhất định sanh vào chỗ ác, sanh trong địa ngục. Như thế, trong Thánh pháp của Ta gọi là sự trói buộc của bất thiện.

"Ta không thấy có sự trói buộc nào đau khổ bằng, nặng nề bằng, tàn khốc bằng, khó yêu nổi bằng sự trói buộc trong địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Ba sự trói buộc đau khổ này chỉ có bậc Tỳ-kheo A-la-hán lậu tận mới biến tri và diệt tận, nhổ phăng cội rễ, vĩnh viễn không còn tái sanh."

Rồi Đức Thế Tôn nói tụng rằng:

Kẻ nghèo khổ ở đời
Vay nợ của người khác;
Đã vay tiền của rồi,
Mắc nợ người là khổ.
Chủ nợ đến đòi nợ,
Nhân đấy bắt trói lại;
Bị trói thật khổ thay,
Thế gian vẫn lạc dục.
Trong Thánh pháp cũng vậy;
Nếu không có chánh tín,
Không tàm và không quý,
Thân làm điều bất thiện,
Miệng ý chẳng kém gì,
Che giấu không nói ra,
Không ưa lời dạy phải,

Giả sử có tu hành,
Tâm niệm cho là khổ,
Hoặc thôn hay chỗ vắng,
Nhân đó sanh hối hận.
Các việc thân, miệng gây,
Và những điều ý nghĩ,
Ác nghiệp cứ tăng dần,
Quen làm lại làm nữa,
Tạo ác mãi không thôi.
Làm nhiều bất thiện rồi,
Thọ sanh đã đến lúc,
Tất bị trói địa ngục.
Buộc ràng quá khổ này,
Bậc Đại Hùng đã thoát.
Đúng pháp thu tiền tài,
Không nợ nần, an ổn.
Bố thí được hoan hỷ
Cả hai[2] *đều có lợi;*
Các Cư sĩ theo đây,
Do trí, phước tăng mãi.
Trong Thánh pháp cũng vậy,
Nếu có thành tín vững,
Đầy đủ đức tàm quý,
Rộng rãi không keo kiệt,
Dứt lìa năm triền cái,
Thường ưa hành tinh tấn,
Thành tựu các thiền định,
Chuyên nhất, tâm tĩnh lạc[3].
Niềm vui không tài sản[4],
Cũng như nước tắm trong;
Bất động tâm giải thoát [5],
Trừ sạch các hữu kết.
Không bệnh là Niết-bàn;
Đó là đèn vô thượng,
Vô ưu, vô nhiễm lạc[6],
Gọi là không di động.

Phật thuyết như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

❑

2. Hạnh phúc trong đời này (diṭṭhadhamomahitatthāya) và an lạc trong đời sau (samparāyasukhāya).
3. Mãn cụ thường khí lạc ----` ---C Pāli: ekodi nipako sato, chuyên nhất, cẩn thận, có chánh niệm.
4. Vô thực lạc -L---C Pāli: nirāmisam sukham, sự an lạc không do vật chất.
5. Bất động tâm giải thoát -------C Pāli: akuppā me vimuttī.
6. Vô trần an -L--w-C Pāli: virajam khema, sự an ổn không dính bụi.

126. KINH HÀNH DỤC[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng, vườn Cấp cô độc.

Bấy giờ, Cư sĩ Cấp Cô Độc[2] đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ sát chân Ngài rồi ngồi xuống một bên, thưa rằng:

"Bạch Thế Tôn, ở đời có bao nhiêu hạng người hành dục[3]?"

Đức Thế Tôn dạy:

"Này Cư sĩ, ở đời gồm có mười hạng người hành dục. Những gì là mười?

"Cư sĩ, có hạng người hành dục tìm cầu của cải một cách phi pháp vô đạo. Sau khi tìm cầu của cải một cách phi pháp vô đạo, kẻ ấy không tự nuôi thân đầy đủ, cùng nuôi cha mẹ, vợ con, đầy tớ, người giúp việc, cũng không cúng dường Sa-môn, Phạm chí để được lên cảnh giới an vui, thọ hưởng lạc báo, sanh vào cõi trời sống lâu. Đó là một hạng người hành dục.

"Lại nữa, này Cư sĩ, có hạng người hành dục tìm cầu của cải một cách phi pháp vô đạo. Sau khi tìm cầu của cải một cách phi pháp vô đạo, kẻ ấy có thể tự nuôi thân đầy đủ, cùng nuôi cha mẹ, vợ con, đầy tớ, người giúp việc, nhưng không cúng dường Sa-môn, Phạm chí để được lên cảnh giới an vui, thọ hưởng lạc báo, sanh vào cõi trời, sống lâu. Đó là một hạng người hành dục.

"Lại nữa, Cư sĩ, có hạng người hành dục tìm cầu của cải một cách phi pháp vô đạo. Sau khi tìm cầu của cải một cách phi pháp vô đạo, kẻ ấy có thể tự nuôi thân đầy đủ, nuôi cha mẹ, vợ con, đầy tớ, người giúp việc, cũng cúng dường Sa-môn, Phạm chí để được lên cảnh giới an vui, thọ hưởng lạc báo, sanh vào cõi trời, sống lâu. Đó là một hạng người hành dục.

"Lại nữa, Cư sĩ, có hạng người hành dục tìm cầu của cải một cách vừa hợp pháp vừa phi pháp. Sau khi tìm cầu của cải một cách vừa hợp pháp vừa phi pháp, kẻ ấy không tự nuôi thân đầy đủ, cùng nuôi cha mẹ, vợ con, đầy tớ, người giúp việc, cũng không cúng dường Sa-môn, Phạm chí để được lên cảnh giới an vui, thọ hưởng lạc báo, sanh vào cõi trời, sống lâu. Đó là một hạng người hành dục.

"Lại nữa, Cư sĩ, có hạng người hành dục tìm cầu của cải một cách vừa hợp pháp vừa phi pháp. Sau khi tìm cầu của cải một cách vừa hợp pháp vừa phi pháp, kẻ ấy có thể tự nuôi thân đầy đủ, cùng nuôi cha mẹ, vợ con, đầy tớ, người giúp việc, nhưng không cúng dường Sa-môn, Phạm chí để được lên cõi an vui, thọ hưởng lạc báo, sanh vào cõi trời, sống lâu. Đó là một hạng người hành dục.

"Lại nữa, Cư sĩ, có hạng người hành dục tìm cầu của cải một cách hợp pháp, phải lẽ.

---

1. Bản Hán, quyển 30. Tương đương Pāli, A. 10. 91 Kāmabhogī.
2. Cấp Cô Độc Cư sĩ ━━t ━W━~━h━C Pāli: Anāthapiiḍṇko gahapati.
3. Hành dục (nhân) ━━━H━C Pāli: kāmabhogī, người hưởng thụ dục lạc.

Sau khi tìm cầu của cải một cách hợp pháp, phải lẽ, kẻ ấy không tự nuôi thân đầy đủ, cùng nuôi cha mẹ, vợ con, đầy tớ, người giúp việc, cũng không cúng dường Sa-môn, Phạm chí để được lên cõi an vui, thọ hưởng lạc báo, sanh vào cõi trời, sống lâu. Đó là một hạng người hành dục.

"Lại nữa, Cư sĩ, có hạng người hành dục tìm cầu của cải một cách hợp pháp, phải lẽ. Sau khi tìm cầu của cải một cách hợp pháp, phải lẽ, kẻ ấy có thể tự nuôi thân đầy đủ cùng nuôi cha mẹ, vợ con, dầy tớ, người giúp việc, nhưng không cúng dường Sa-môn, Phạm chí để được lên cõi an vui, thọ hưởng lạc báo, sanh vào cõi trời, sống lâu. Đó là một hạng người hành dục.

"Lại nữa, Cư sĩ, có hạng người hành dục tìm cầu của cải một cách hợp pháp, phải lẽ. Sau khi tìm cầu của cải một cách hợp pháp, phải lẽ, kẻ ấy có thể tự nuôi thân đầy đủ, cùng nuôi cha mẹ, vợ con, đầy tớ, người giúp việc, cũng cúng dường Sa-môn, Phạm chí để được lên cõi an vui, thọ hưởng lạc báo, sanh vào cõi trời, sống lâu. Nhưng khi có của cải rồi lại bị đắm nhiễm, hệ lụy. Khi đã bị hệ lụy, đắm nhiễm, không thấy được tai hoạn, không biết đến sự xuất yếu mà tiêu dùng. Đó là một hạng người hành dục.

"Lại nữa, Cư sĩ, có hạng người hành dục tìm cầu của cải một cách hợp pháp, phải lẽ. Sau khi tìm cầu của cải một cách hợp pháp, phải lẽ, kẻ ấy có thể tự nuôi thân đầy đủ, cùng nuôi cha mẹ, vợ con, đầy tớ, người giúp việc, cũng cúng dường Sa-môn, Phạm chí để được lên cõi an vui, thọ hưởng lạc báo, sanh vào cõi trời, sống lâu. Khi có của cải rồi, không đắm nhiễm, không hệ lụy. Đã không hệ lụy, không đắm nhiễm, thấy được tai hoạn, biết được sự xuất yếu mà tiêu dùng. Đó là một hạng người hành dục.

"Này Cư sĩ, nếu có người hành dục tìm cầu của cải một cách phi pháp vô đạo. Sau khi tìm cầu của cải một cách phi pháp vô đạo, kẻ ấy không tự nuôi thân đầy đủ, cùng nuôi cha mẹ, vợ con, đầy tớ, người giúp việc, cũng không cúng dường Sa-môn, Phạm chí để được lên cõi an vui, hưởng thọ lạc báo, sanh vào cõi trời, sống lâu, thì kẻ hành dục này so với các người hành dục khác là thấp hèn nhất.

" Này Cư sĩ, nếu có người hành dục tìm cầu của cải một cách vừa hợp pháp vừa phi pháp. Sau khi tìm cầu của cải một cách vừa hợp pháp vừa phi pháp, kẻ ấy tự nuôi thân đầy đủ cùng nuôi cha mẹ, vợ con, đầy tớ, người giúp việc, cũng cúng dường Sa-môn, Phạm chí để được lên cõi an vui, hưởng thọ lạc báo, sanh vào cõi trời, sống lâu, thì kẻ hành dục này so với các người hành dục khác là tối thượng.

"Này Cư sĩ, nếu có người hành dục tìm cầu của cải một cách hợp pháp, phải lẽ. Sau khi tìm cầu của cải một cách hợp pháp, phải lẽ, kẻ ấy không tự nuôi thân đầy đủ cùng nuôi cha mẹ, vợ con, đầy tớ, người giúp việc, cũng cúng dường Sa-môn, Phạm chí để được lên cõi an vui, hưởng thọ lạc báo, sanh vào cõi trời, sống lâu. Khi có của cải rồi, không đắm nhiễm, không hệ lụy. Đã không hệ lụy, không đắm nhiễm, thấy được tai hoạn, biết sự xuất yếu khi tiêu dùng, thì kẻ hành dục này so với các người hành dục khác là tối đệ nhất, tối đại, tối thượng, tối thắng, tối tôn, tối diệu.

"Cũng như con bò có sữa, do sữa có lạc, do lạc có sanh tô, do sanh tô có thục tô, do thục tô có tô tinh. Tô tinh là tối đệ nhất, tối đại, tối thượng, tối thắng, tối tôn, tối diệu. Này Cư sĩ, cũng như vậy, so với các người hành dục khác, kẻ hành dục này là tối đệ nhất, tối đại, tối thượng, tối thắng, tối tôn, tối diệu."

Khi ấy, Đức Thế Tôn nói tụng rằng[4]:

---

4. Bản Pāli không có kệ tụng.

Nếu phi pháp kiếm của;
Vừa pháp vừa phi pháp;
Không cúng, không tự dùng,
Không bố thí, tạo phước;
Cả hai đều mang họa,
Kẻ hành dục thấp nhất.
Nếu kiếm của hợp pháp,
Đã lo được tự thân,
Cung cấp và tự dùng,
Bố thí và tạo phước,
Cả hai đều có đức;
Kẻ hành dục tối thượng.
Nếu được tuệ xuất yếu,
Hưởng lạc sống tại gia,
Thấy tai hoạn, tri túc,
Tiết kiệm dùng tài vật,
Kẻ được tuệ xuất dục,
Là hành dục trên hết.

Phật thuyết như vậy. Cư sĩ Cấp Cô Độc và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

❑

127. KINH PHƯỚC ĐIỀN[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng, vườn Cấp cô độc.

Bấy giờ, Cư sĩ Cấp Cô Độc đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ sát chân Phật rồi ngồi xuống một bên, thưa rằng:

"Bạch Thế Tôn, ở đời có bao nhiêu hạng người phước điền[2]?"

Đức Thế Tôn dạy:

"Này Cư sĩ, ở đời có hai hạng người phước điền. Những hạng người nào là hai? Một là hạng học nhân[3], hai là hạng vô học nhân[4].

"Hạng hữu học có mười tám, hạng vô học có chín.

"Này Cư sĩ, mười tám hạng người hữu học là những ai? Là tín hành, pháp hành, tín giải thoát, kiến đảo, thân chứng[5], gia gia[6], nhất chủng, hướng Tu-đà-hoàn, đắc Tu-đà-hoàn; hướng Tư-đà-hàm, đắc Tư-đà-hàm; hướng A-na-hàm, đắc A-na-hàm, trung Bát-niết-bàn, sanh Bát-niết-bàn, hành Bát-niết-bàn, vô hành Bát-niết-bàn, thượng lưu sắc cứu cánh[7]. Đó là mười tám hạng hữu học.

"Này Cư sĩ, chín hạng người vô học là những ai? Tư pháp, thăng tấn pháp, bất động pháp, thối pháp, bất thối pháp, hộ pháp, hộ tắc bất thối bất hộ tắc thối[8], thật trụ pháp, tuệ

---

1. Tương đương Pāli A.2.4.4 Dakkhiṇeyya (Samacittavaggo). Hán, Biệt dịch, No.99 (992).
2. Phước điền nhân ——H-C Pāli: dakkhiṇeyya, người xứng đáng được cúng dường.
3. Học nhân ——H-A chỉ các bậc Thánh dưới A-la-hán quả, vì còn phải học. Pāli: sekha.
4. Vô học nhân -L——H-A chỉ vị đắc quả A-la-hán, không cần phải học nữa. Pāli: asekha.
5. Tín hành, hay Tùy tín hành; Pháp hành hay Tùy pháp hành; Tín giải thoát hay Tín thắng giải; Kiến đáo hay Kiến chí và Thân chứng. Xem kinh số 195.
6. Gia gia -a-a (Pāli: Kolaṅkola), những vị chứng quả Dự lưu (Sotāpanna) phải thọ sanh từ nhân gian lên thiên thượng hay từ thiên thượng xuống nhân gian, trước khi chứng đắc Niết-bàn. Nhất chủng -@— (Pāli: Ekabīja), những vị chứng quả Dự lưu chỉ tái sanh một lần trước khi đắc Niết-bàn. Cả hai hạng này thuộc Nhất lai hướng hay Tư-đà-hàm hướng (Sakadāgāmimagga), tức từ Dự lưu quả hướng đến Nhất lai quả.
7. Năm hạng A-na-hàm (Ngũ bất hoàn ——還) xem Tập Dị 14 (Đại 26, trang 425 c-26 c): 1. *Trung Bát-niết-bàn* (Pāli: antaraparinibbāyi), nhập Niết-bàn ngay sau khi vừa thác sanh lên Tịnh cư thiên (Niết-bàn với thân trung hữu, theo Hữu bộ); 2. *Sanh bát Niết-bàn* (Pāli: upahacca-parinibhāyi): thác sanh Tịnh cư thiên một thời gian mới nhập Niết-bàn; 3. *Hữu hành Bát-niết-bàn* (Pāli: sasaṅkhāra-parinibbāyī): thác sanh thượng giới, tinh tấn tu tập mới nhập Niết-bàn; 4. *Vô hành Bát-niết-bàn* (Pāli: asaṅkhāra-parinibhāyī): không cần tinh tấn tu tập nữa; 5. *Thượng lưu sắc cứu cánh* (Pāli: uddhaṃsota-akanittha-gāmī), lần lượt tái sanh qua các cõi từ Sơ thiền, cho đến tầng cao nhất của Sắc giới, nhập Niết-bàn tại đó.
8. Đối chiếu với sáu hạng A-la-hán trong luận Câu-xá 25 (No.1558, Đại 26, trang 129a, tt.): 1. *Thối pháp* (thối bất thối), gặp nghịch duyên bị sụt xuống các bậc Thánh thấp hơn; 2. *Tư pháp*, mong cầu Vô dư Niết-bàn cấp thời vì sợ thối thất; 3. *Hộ pháp* (hộ tắc bất thối, bất hộ tắc thối), do thủ hộ mà không bị thối thất; 4. *An trụ pháp* (thật trụ), không bị chi phối nghịch duyên để thối thất, nhưng không tiến tới; 5. *Kham đạt pháp* (thăng tiến), có khả năng tiến tới bất động tánh. 6. *Bất động tánh* căn cơ mãnh lợi, không bị

giải thoát, câu giải thoát. Đó là chín hạng vô học[9].”

Khi ấy Đức Thế Tôn nói tụng:

Học, vô học trong đời,
Đáng tôn, đáng phụng kính;
Các ngài tu chánh thân,
Miệng, ý cũng chánh hạnh.
Ruộng tốt cho tại gia,
Cúng dường được phước lớn.

Phật thuyết như vậy. Cư sĩ Cấp Cô Độc và các Tỳ-kheo, sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

❑

chi phối bởi bất cứ duyên gì.

9. Bản Pāli và No.99 (992) không đề cập đến các chi tiết, chỉ nói đại cương hai hạng phước điền và bài tụng.

128. KINH ƯU-BÀ-TẮC[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng, vườn Cấp cô độc.

Bấy giờ, Cư sĩ Cấp Cô Độc cùng chúng Ưu-bà-tắc gồm có năm trăm người đi đến chỗ Tôn giả Xá-lê Tử. Cư sĩ Cấp Cô Độc cúi đầu đảnh lễ rồi ngồi xuống một bên. Năm trăm Ưu-bà-tắc cũng làm lễ rồi ngồi xuống một bên. Cư sĩ Cấp Cô Độc và năm trăm Ưu-bà-tắc sau khi ngồi xuống một bên, Tôn giả Xá-lê Tử thuyết pháp cho họ, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu sự hoan hỷ. Ngài dùng vô lượng phương tiện thuyết pháp cho họ, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu sự hoan hỷ rồi, liền rời chỗ ngồi đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ sát chân Phật và ngồi xuống một bên.

Sau khi Tôn giả Xá-lê Tử đi chẳng bao lâu, Cư sĩ Cấp Cô Độc và năm trăm Ưu-bà-tắc cũng đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ sát chân Ngài rồi ngồi xuống một bên. Sau khi Tôn giả Xá-lê Tử và mọi người đã an tọa, Đức Thế Tôn dạy:

"Này Xá-lê Tử, nếu thầy biết rằng bạch y Thánh đệ tử[2] gìn giữ, thực hành năm pháp một cách hoàn hảo và được bốn tăng thượng tâm[3], hiện pháp lạc trú, dễ được chứ không phải khó được. Xá-lê Tử, thầy nên xác nhận rằng Thánh đệ tử này không còn đọa địa ngục, cũng không còn sanh vào loài súc sanh, ngạ quỷ và các chỗ ác, được quả Tu-đà-hoàn, không đọa ác pháp, nhất định thẳng tiến tới quả vị Chánh giác, tối đa chịu bảy lần sanh tử nữa. Sau bảy lần qua lại cõi trời, nhân gian, liền được chấm dứt khổ đau.

"Xá-lê Tử, thế nào là bạch y Thánh đệ tử khéo giữ gìn và thực hành năm pháp[4]? Đó là bạch y Thánh đệ tử xa lìa sát sanh, vứt bỏ dao gậy, có tâm tàm quý, tâm từ bi, làm lợi ích cho tất cả, cho đến loài côn trùng, người ấy đối với sự sát sanh, tâm đã tịnh trừ. Đó là pháp thứ nhất mà bạch y Thánh đệ tử đã giữ gìn và thực hành một cách hoàn hảo.

"Lại nữa, này Xá-lê Tử, bạch y Thánh đệ tử xa lìa việc lấy của không cho, dứt trừ việc lấy của không cho. Khi nào cho mới lấy, vui với việc cho mới lấy, thường ưa bố thí, hoan hỷ không keo kiết, không mong đền trả, không tham lam, thấy tài vật của kẻ khác không lấy về mình[5]. Người ấy đối với việc không cho mà lấy tâm đã tịnh trừ. Đó là pháp thứ hai mà bạch y Thánh đệ tử đã giữ gìn và thực hành một cách hoàn hảo.

---

1. Tương đương Pāli A.5.179: Gihi-sutta.
2. Bạch y Thánh đệ tử ———t——l—C Pāli: gihi odātavasana, tại gia áo trắng.
3. Bốn tăng thượng tâm —W—W——A ở đây chỉ bốn chứng tịnh hay bốn bất hoại tín, (xem Pháp Uẩn 2, No.1537, trang 460a). Pāli: cataro ābhicetasikā dhammā; xem đoạn dưới.
4. Thiện hộ hành ngũ pháp ——@———k—C Pāli: pañcasu sikkhāpadesu saṃvutta- kammanto, hoạt động được phòng hộ trong năm điều học, tức hộ trì năm giới.
5. Bất dĩ thâu sở phú thường tự hộ dĩ ——H————` ——@—H—A không bị ám ảnh bởi việc ăn trộm. Sau khi thường tự giữ gìn... Câu này bất thường so với các nơi khác cũng trong bản Hán này. Ở đây dịch theo thông lệ của các trường hợp kia.

"Lại nữa, Xá-lê Tử, bạch y Thánh đệ tử xa lìa tà dâm, dứt trừ tà dâm. Người nữ kia hoặc có cha giữ gìn, hoặc có mẹ giữ, hoặc cả cha cả mẹ cùng giữ, hoặc anh em giữ, hoặc chị em giữ, hoặc gia nương giữ, hoặc thân tộc giữ, hoặc người cùng họ giữ, hoặc là vợ của người khác, hoặc có phạt gậy[6], khủng bố, hoặc đã có ước hẹn bằng tài hóa, cho đến bằng một tràng hoa[7]; đối với tất cả những người nữ ấy, không xâm phạm đến. Người ấy đối với tà dâm, tâm đã tịnh trừ. Đó là pháp thứ ba mà bạch y Thánh đệ tử đã giữ gìn và thực hành một cách hoàn hảo.

"Lại nữa, Xá-lê Tử, bạch y Thánh đệ tử xa lìa nói dối, dứt trừ nói dối; nói lời chân thật, ưa sự chân thật, an trụ nơi sự chân thật, không dời đổi sai chạy. Tất cả những lời nói đều đáng tin, không lừa dối thế gian. Người ấy đối với sự nói dối, tâm đã tịnh trừ. Đó là pháp thứ tư mà bạch y Thánh đệ tử giữ gìn và thực hành một cách hoàn hảo.

"Lại nữa, Xá-lê Tử, bạch y Thánh đệ tử lìa rượu, bỏ rượu. Người ấy đối với việc uống rượu, tâm đã tịnh trừ. Đó là pháp thứ năm mà bạch y Thánh đệ tử giữ gìn và thực hành một cách hoàn hảo.

"Này Xá-lê Tử, thế nào là bạch y Thánh đệ tử được bốn tâm tăng thượng, hiện pháp lạc trú, dễ chứ không phải khó được[8]? Đó là bạch y Thánh đệ tử niệm tưởng Như Lai[9], Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành Tựu, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, Phật Chúng Hựu. Nhớ nghĩ Như Lai như vậy rồi, nếu có những ác dục liền được tiêu diệt. Trong tâm có những điều bất thiện, nhớp nhơ, sầu khổ, âu lo cũng được tiêu diệt. Bạch y Thánh đệ tử nương vào Như Lai, tâm tịnh được hỷ, nếu có những điều ác dục liền được tiêu diệt. Trong tâm có những điều bất thiện nhớp nhơ, sầu khổ, âu lo cũng được tiêu diệt. Như vậy, bạch y Thánh đệ tử được tâm tăng thượng thứ nhất, hiện pháp lạc trú, dễ được chứ không phải khó được.

"Lại nữa, Xá-lê Tử, bạch y Thánh đệ tử niệm tưởng Pháp[10] được Thế Tôn khéo giảng, pháp chắc chắn đưa đến cứu cánh, không phiền, không nhiệt, hằng hữu, không di động. Quán pháp như vậy, biết pháp như vậy, nhớ nghĩ pháp như vậy rồi nếu có những điều ác dục liền được tiêu diệt. Trong tâm có những điều bất thiện nhớp nhơ, sầu khổ, âu lo, cũng được tiêu diệt. Bạch y Thánh đệ tử duyên vào pháp, tâm tịnh được hỷ. Nếu có những điều ác dục, liền được tiêu diệt. Trong tâm có những điều bất thiện nhớp nhơ, sầu khổ, âu lo, cũng được tiêu diệt. Như vậy, bạch y Thánh đệ tử được tâm tăng thượng thứ hai.

"Lại nữa, Xá-lê Tử, bạch y Thánh đệ tử niệm chúng Tăng[11], Thánh chúng của Như Lai là những bậc thiện thú hướng, chánh thú hướng, như lý hành, pháp tùy pháp hành, chúng ấy thật có A-la-hán hướng, A-la-hán quả, có A-na-hàm hướng, A-na-hàm quả, có Tư-đà-hàm hướng, Tư-đà-hàm quả, có Tu-đà-hoàn hướng, Tu-đà-hoàn quả. Đó là bốn

---

6. Hữu tiên phạt, khủng bố ——@—@———Aroi vọt và đe dọa; hai hạng nữ không là vợ hay con của ai, nhưng một hạng được pháp luật vua gìn giữ; và một hạng vốn là nô tỳ được chủ gìn giữ.
7. Người nữ đã hứa hôn.
8. Nghĩa là, do có bốn tăng thượng tâm (catunnaṃ ābhicetasikānaṃ) mà sống an lạc ngay trong hiện tại (diṭṭhadhammavihārānaṃ).
9. Hán: niệm Như Lai ——p——F Pāli: buddhe aveccappasādena samannāgato, thành tựu niềm tin không dao động đối với Phật. Có bốn niềm tin bất động, gọi là bốn chứng tịnh hay bất hoại tín; xem đoạn tiếp của kinh.
10. Hán: niệm Pháp. Pāli: dhamme aveccappasādena samannāgato, thành tựu niềm tin bất động nơi Pháp.
11. Niệm Tăng. Pāli: saṅhge aveccappasdēna samannāgato.

cặp tám bậc, là chúng của Như Lai thành tựu giới, thành tựu định, thành tựu trí tuệ, thành tựu giải thoát, thành tựu giải thoát tri kiến, đáng kính, đáng trọng, đáng phụng, đáng cúng, là ruộng phước an lành của thế gian. Người ấy nhớ nghĩ chúng của Như Lai như vậy, nếu có những điều ác dục liền được tiêu diệt. Trong tâm có những điều bất thiện, nhớp nhơ, âu lo, cũng được tiêu diệt. Bạch y Thánh đệ tử duyên vào chúng của Như Lai, tâm được hoan hỷ, nếu có những điều ác dục liền được tiêu diệt. Trong tâm có những điều bất thiện, nhớp nhơ, sầu khổ, âu lo cũng được tiêu diệt. Như vậy, bạch y Thánh đệ tử được tâm tăng thượng thứ ba, hiện pháp lạc trú dễ được chứ không phải khó được.

"Lại nữa, Xá-lê Tử, bạch y Thánh đệ tử tự niệm tưởng giới[12], giới này không sứt mẻ, không rách nát, không ô uế, không cấu bẩn, vững như mặt đất, không hư vọng, đó là điều mà Đức Phật ngợi khen, thọ trì đầy đủ tốt đẹp. Người ấy tự nhớ nghĩ giới như vậy, nếu có những điều ác dục, liền được tiêu diệt. Trong tâm có những điều bất thiện, sầu khổ, nhớp nhơ, âu lo cũng được tiêu diệt. Bạch y Thánh đệ tử duyên vào giới, tâm định được hỷ. Nếu có những điều ác dục liền được tiêu diệt. Trong tâm có những điều bất thiện, nhớp nhơ, sầu khổ, âu lo cũng được tiêu diệt. Như vậy, bạch y Thánh đệ tử được tâm tăng thượng thứ tư, đối với hiện pháp lạc trú dễ được chứ không phải khó được.

"Này Xá-lê Tử, nếu thầy biết rằng bạch y Thánh đệ tử giữ gìn và thực hành năm pháp một cách hoàn hảo và được bốn tâm tăng thượng, hiện pháp lạc trú, dễ được chứ không phải khó được, thì này Xá-lê Tử, thầy nên ghi nhận rằng 'Thánh đệ tử này không còn đọa địa ngục, cũng không sanh vào loài súc sanh, ngạ quỷ và các chỗ ác, được quả Tu-đà-hoàn, không đọa ác pháp, nhất định thẳng tiến đến quả vị Chánh giác, tối đa chịu bảy lần sanh tử nữa, sau bảy lần qua lại cõi trời và nhân gian, liền được chấm dứt khổ đau'."

Khi ấy Đức Thế Tôn nói tụng rằng:

Kẻ trí sống tại gia,
Thấy địa ngục, sợ hãi;
Do thọ trì Thánh pháp,
Trừ bỏ tất cả ác.
Không sát hại chúng sanh,
Biết rồi hay lìa bỏ,
Chân thật không nói dối,
Không trộm của kẻ khác;
Tri túc với gia phụ,
Không ái lạc vợ người;
Dứt bỏ việc uống rượu,
Gốc tâm loạn cuồng si.
Thường nên niệm chánh giác,
Suy nghĩ các pháp lành.
Niệm Tăng, quán cấm giới,
Do đó được hoan hỷ.

---

12. Tự niệm thi-lại ———r——c Pāli: ariyakantehi sīlehi aveccappasādena samannāgato, thành tựu các học giới mà Thánh ái mộ.

Muốn hành hạnh bố thí,
Mà cầu mong hưởng phước,
Trước thí bậc tịch tịnh[13],
Như vậy thành quả báo.
Ta nói, bậc tịch tịnh,
Xá-lợi nên nghe kỹ.
Nếu có đen và trắng,
Dù sắc đỏ hay vàng
Tạp sắc, sắc đang yêu[14],
Bò và các chim câu,
Tùy loại chúng sanh ra.
Bò thuần, đi phía trước,
Thân sức thành đầy đủ;
Đi nhanh lại về nhanh,
Dùng theo khả năng chúng,
Kẻ gì sắc tốt xấu.
Nhân gian này cũng vậy,
Tùy theo chỗ thọ sanh,
Sát-đế-lị, Phạm chí,
Cư sĩ hay thợ thuyền,
Tùy thọ sanh của họ,
Trưởng thượng do tịnh giới.
Bậc Vô Trước, Thiện Thệ,
Cúng thí ấy, quả lớn.
Phàm phu, vô sở trí,
Không tuệ, không học hỏi,
Thí nơi ấy, quả nhỏ.
Không quang minh rọi đến,
Nơi nào rọi quang minh,
Phật đệ tử trí tuệ,
Tín tâm nơi Thiện Thệ,
Thiện căn được vững bền,
Người ấy sanh thiện xứ,
Như ý chứng Gia gia,
Tối hậu đắc Niết-bàn,
Như vậy có duyên cả.

Phật thuyết như vậy. Tôn giả Xá-lê Tử, chư Tỳ-kheo, Cư sĩ Cấp Cô Độc và năm trăm Ưu-bà-tắc sau khi nghe lời Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

❑

---

13. Hán: tiên thí ư tức tâm ——I————A bố thí cho người có tâm tịch tĩnh trước hết. Pāli: santesu paṭhamaṃ dinnā.

14. Mang sắc ái lạc sắc ————R————C Pāli: kammasāsu sarūpāsu, (những con bò) có đốm hay cùng màu. Hình như bản Hán đọc là surūpa thay vì sarūpa.

129. KINH OÁN GIA[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng, vườn Cấp cô độc.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có bảy pháp oán gia[2] để gây thành oán gia; tức là khi mà bọn nam nữ nổi lên sân nhuế.

"Những gì là bảy?

"Oán gia thì không muốn oán gia có sắc đẹp. Vì sao oán gia không muốn oán gia có sắc đẹp? Người hay sân nhuế bị tác động bởi sân nhuế, bị chi phối bởi sân nhuế, tâm không xả bỏ sân nhuế, thì người ấy tuy luôn tắm gội, dùng danh hương thoa mình, nhưng sắc thân[3] vẫn xấu. Vì sao như vậy? Vì bị chi phối bởi sân nhuế, tâm không bỏ sân nhuế. Đó là pháp oán gia thứ nhất gây thành oán gia khi mà bọn nam nữ nổi lên sân nhuế.

"Lại nữa, oán gia thì không muốn oán gia ngủ nghỉ an lành. Vì sao oán gia không muốn oán gia ngủ nghỉ an lành? Người hay sân nhuế bị tác động bởi sân nhuế, bị chi phối bởi sân nhuế, tâm không bỏ sân nhuế, thì người ấy tuy nằm trên giường vua, trải bằng thảm lông chim, phủ bằng gấm vóc lụa là, có nệm mềm, hai đầu kê gối, được phủ bằng thảm quý, bằng da sơn dương[4], nhưng giấc ngủ vẫn âu lo, đau khổ. Vì sao như vậy? Vì bị chi phối bởi sân nhuế, tâm không bỏ sân nhuế. Đó là pháp oán gia thứ hai để gây thành oán gia khi mà bọn nam nữ nổi lên sân nhuế.

"Lại nữa, oán gia thì không muốn oán gia có lợi lớn. Vì sao oán gia không muốn oán gia có lợi lớn? Người hay sân nhuế bị tác động bởi sân nhuế, bị chi phối bởi sân nhuế, tâm không bỏ sân nhuế, thì người ấy đáng lẽ được lợi, hai điều ấy không trái nhau, thật là bất lợi lớn. Vì sao như vậy? Vì bị chi phối bởi sân nhuế, tâm không bỏ sân nhuế. Đó là pháp oán gia thứ ba để gây thành oán gia khi mà bọn nam nữ nổi lên sân nhuế.

"Lại nữa, oán gia thì không muốn oán gia có bằng hữu. Vì sao oán gia không muốn oán gia có bằng hữu? Người hay sân nhuế bị tác động bởi tâm sân nhuế, bị chi phối bởi tâm sân nhuế, tâm không bỏ sân nhuế, thì người ấy nếu có bằng hữu thân thiết, họ cũng tìm cách lánh mặt bỏ đi. Vì sao như vậy? Vì bị chi phối bởi sân nhuế, tâm không bỏ sân nhuế. Đó là pháp oán gia thứ tư để gây thành oán gia khi mà bọn nam nữ nổi lên sân

---

1. Tương đương Pāli A.7.60. Kodhana-sutta.
2. Thất oán gia pháp ─C──a─k─C Pāli: sattime dhammā sapattakantā sapattakaraṇā, bảy pháp được kẻ thù yêu thích, tạo thành kẻ thù.
3. Sắc, đây chỉ màu da. Pāli: vanna.
4. Ca-lăng-già-ba-hòa-la-ba-già-tất-đa-la-na, phiên âm. *Ca-lăng-già*: tên xứ. *Ba- hòa-la*: dịch là ác. *Ba-già-tất-đa-la-na*: dịch là áo gối (phiên *Phạn ngữ 10,* No.2130, trang 1051b). Pāli: kadalimigapavara-paccattharaṇa.

nhuế.

"Lại nữa, oán gia thì không muốn oán gia có sự khen ngợi. Vì sao oán gia không muốn oán gia có sự khen ngợi? Người hay sân nhuế bị tác động bởi sân nhuế, bị chi phối bởi sân nhuế, tâm không bỏ sân nhuế, người ấy danh ô tiếng xấu đồn khắp. Vì sao như vậy? Vì bị chi phối bởi sân nhuế, tâm không bỏ sân nhuế. Đó là pháp oán gia thứ năm để gây thành oán gia khi mà bọn nam nữ nổi lên sân nhuế.

"Lại nữa, oán gia thì không muốn oán gia quá giàu sang. Vì sao oán gia không muốn oán gia quá giàu sang? Người hay sân nhuế bị tác động bởi sân nhuế, bị chi phối bởi sân nhuế, tâm không bỏ sân nhuế, người ấy tạo nghiệp thân, khẩu, ý như vậy khiến mất nhiều tài vật. Vì sao như vậy? Vì bị chi phối bởi sân nhuế, tâm không bỏ sân nhuế. Đó là pháp oán gia thứ sáu để gây thành oán gia khi mà bọn nam nữ nổi lên sân nhuế.

"Lại nữa, oán gia thì không muốn để oán gia khi thân hoại mạng chung được đến chỗ an lành, sanh ở cõi trời. Vì sao oán gia không muốn oán gia đến chỗ an lành? Người hay sân nhuế bị tác động bởi sân nhuế, bị chi phối bởi sân nhuế, tâm không bỏ sân nhuế, thân khẩu ý tạo ác nghiệp. Người ấy sau khi thân, khẩu, ý tạo ác nghiệp, thân hoại mạng chung chắc chắn đến chỗ ác, sanh trong địa ngục. Vì sao như vậy? Vì bị chi phối bởi sân nhuế, tâm không bỏ sân nhuế. Đó là pháp oán gia thứ bảy để gây thành oán gia khi mà bọn nam nữ nổi lên sân nhuế.

"Đó là cả bảy pháp oán gia gây thành oán gia khi mà bọn nam nữ nổi lên sân nhuế."

Khi ấy Đức Thế Tôn nói tụng rằng:

Người sân, sắc da xấu
Nằm ngủ, khổ không yên;
Đáng lẽ được của nhiều,
Trở lại bị bất lợi.
Kẻ bằng hữu thân thiết,
Xa lìa người sân nhuế;
Luôn luôn tập sân nhuế,
Tiếng xấu đồn khắp nơi.
Sân gây nghiệp thân khẩu,
Nhuế buộc ràng nghiệp ý;
Người bị nhuế chế ngự,
Mất tất cả tài vật.
Sân nhuế sanh bất lợi,
Sân nhuế sanh tâm nhơ;
Sợ sệt sanh bên trong,
Người không thể biết được.
Người sân không biết nghĩa,
Người sân không hiểu pháp,
Không mắt, mù mịt tối,
Là người ưa sân nhuế.
Nhuế dậy, sắc da ghê,
Như lửa mới bốc khói,
Từ đó sanh ghét ghen,
Duyên sân lại do đó.

Việc làm của người sân,
Dù thiện và bất thiện,
Sau khi cơn sân qua,
Nóng lòng như lửa đốt.
Gọi là nghiệp phiền nhiệt,
Và các pháp buộc ràng;
Tất cả Ta đã nói,
Các ngươi hãy nghe kỹ.
Người sân nghịch hại cha,
Và với cả anh em,
Cũng giết hại chị em,
Người sân nhiều tàn khốc.
Sanh ra và lớn lên,
Được thấy thế gian này,
Nhờ mẹ được sống còn,
Khi sân cũng sát hại.
Không xấu, không hổ thẹn,
Sân triền, không nói năng,
Người bị sân chế ngự,
Miệng nói không chừa gì.
Tạo tác tội nghịch si,
Để mình tự yểu mạng,
Khi làm không tự biết,
Do sân sanh sợ hãi.
Tự buộc trói thân mình,
Ái lạc không cùng cực,
Dù ái niệm tự thân,
Người sân cũng tự hại.
Hoặc tự đâm bằng dao,
Hoặc nhảy xuống hang sâu,
Hay dùng dây thắt cổ,
Uống các loại thuốc độc,
Đó là tượng sân nhuế.
Là chết bởi vì sân,
Tất cả đều dứt hết,
Dùng tuệ mới biết được.
Nghiệp bất thiện dù nhỏ,
Người trí biết liền trừ.
Nên nhẫn nại hạnh này,
Màu da không dữ dằn,
Không nhuế, cũng không ưu,
Khói tắt không lay động,
Chế ngự đoạn sân nhuế,
Tịch diệt, không còn lậu.

Đức Phật thuyết như vậy, các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng

hành.

❑

130. KINH GIÁO[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng, vườn Cấp cô độc[2].

Bấy giờ, Tôn giả Đàm-di[3], vị tôn trưởng địa phương[4] làm chủ Phật-đồ[5], được mọi người tôn sùng, tánh tình hung bạo, nóng nảy, rất cộc cằn thô lỗ, hay mắng nhiếc các vị Tỳ-kheo. Vì vậy, các vị Tỳ-kheo địa phương[6] đều bỏ đi, không muốn sống ở đó. Các Ưu-bà-tắc địa phương thấy các vị Tỳ-kheo địa phương đều bỏ đi, không muốn ở đó, liền nghĩ rằng: "Các vị Tỳ-kheo địa phương này vì sao lại bỏ đi, không muốn sống ở đây?" Rồi các vị Ưu-bà-tắc địa phương nghe được rằng: "Tôn giả Đàm-di, vị tôn trưởng địa phương, làm chủ Phật-đồ, được mọi người tôn sùng, tánh tình hung bạo, nóng nảy, rất cộc cằn thô lỗ, hay mắng nhiếc các Tỳ-kheo. Vì vậy các Tỳ-kheo địa phương đều bỏ đi, không muốn sống ở đó."

Các vị Ưu-bà-tắc nghe việc ấy rồi, liền cùng nhau kéo đến Tôn giả Đàm-di, xua đuổi ông ra khỏi các chùa địa phương[7]. Bấy giờ Tôn giả Đàm-di bị các vị Ưu-bà-tắc địa phương xua đuổi ra khỏi các tinh xá địa phương, liền vấn y, mang bát du hành đến nước Xá-vệ, dần dà đến vườn Cấp cô độc, rừng Thắng. Rồi Tôn giả Đàm-di đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ sát chân Ngài, ngồi sang một bên mà bạch rằng:

"Bạch Thế Tôn, con đối với Ưu-bà-tắc địa phương không có điều gì xấu xa, chẳng nói việc chi, không xúc phạm đến ai, nhưng các Ưu-bà-tắc địa phương xua đuổi con ra khỏi các chùa địa phương."

Khi đó, Đức Thế Tôn bảo rằng:

"Thôi đủ rồi, này Đàm-di, cần chi phải nói việc đó."

Tôn giả Đàm-di chắp tay hướng Phật, bạch lại một lần nữa rằng:

"Bạch Thế Tôn, con đối với Ưu-bà-tắc địa phương không có điều gì xấu xa,

---

1. Tương đương Pāli A.6.54 Dhammika-sutta.
2. Bản Pāli: Phật tại Rājagaha, núi Gijjhakūṭa.
3. Đàm-di ——C Pāli: Dhammika thera, nguyên là một Bà-la-môn ở Kosala, quy Phật vào lúc rừng Jetavana được cúng.
4. Sanh địa tôn trưởng ——a-L——C Pāli: Jātibhūmiyaṃ āvasiko.
5. Phật-đồ chủ ———D-A có lẽ muốn nói Phật tháp. Bản Pāli: sattasu āvāsesu, trong bảy trú xứ (ở địa phương). Hình như tất cả đều do Dhammika làm chủ.
6. Bản Hán: sanh địa chư Tỳ-kheo ——a———C-C Bản Pāli: āgantukā bhikkhū, các Tỳ-kheo khách.
7. Bản Pāli nói: Bị xua đuổi, Tôn giả đến một tinh xá khác cũng trong địa phương. Nhưng vừa đến Tôn giả lại mắng nhiếc các Tỳ-kheo ở đó, họ lại bỏ đi và Tôn giả lại bị các Cư sĩ kéo đến xua đuổi. Cứ như vậy, Tôn giả sống bảy nơi tất cả tại địa phương (sabbaso jātibhūmiyam sattasu āvāsesu). Cuối cùng, Tôn giả phải tìm đến Đức Phật tại Rājagaha, núi Gijjhakūta.

chẳng nói việc chi, không xúc phạm đến ai, nhưng các Ưu-bà-tắc địa phương xua đuổi con ra khỏi các tinh xá địa phương."

Đức Thế Tôn cũng lần thứ hai bảo rằng:

"Đàm-di, thuở xưa, ở châu Diêm-phù này có các thương nhân đi thuyền ra biển, mang theo con ó tìm bờ. Bọn người ấy ra biển chưa bao xa, họ thả con ó tìm bờ. Nếu con ó tìm bờ đến được bờ của biển cả, nó sẽ vĩnh viễn không trở lại thuyền. Nếu con ó tìm bờ không đến được bờ của biển cả, nó sẽ trở lại thuyền. Ngươi cũng vậy, này Đàm-di, bởi vì ngươi bị các Ưu-bà-tắc địa phương xua đuổi ra khỏi các chùa địa phương nên ngươi mới trở về chỗ Ta. Thôi, đủ rồi Đàm-di, còn cần gì phải nói điều đó nữa."

Tôn giả Đàm-di bạch lại lần thứ ba:

"Bạch Thế Tôn, con đối với Ưu-bà-tắc địa phương không có điều gì xấu xa, chẳng nói việc chi, không xúc phạm đến ai, nhưng các Ưu-bà-tắc địa phương xua đuổi con ra khỏi các tinh xá địa phương."

Đức Thế Tôn cũng lại lần thứ ba bảo rằng:

"Đàm-di, ngươi trụ trong Sa-môn pháp mà vị các Ưu-bà-tắc địa phương xua đuổi ra khỏi các tinh xá địa phương sao?"

Lúc đó Tôn giả Đàm-di liền từ chỗ ngồi đứng dậy, chắp tay hướng Phật, bạch rằng:

"Bạch Thế Tôn, thế nào gọi là Sa-môn trụ trong pháp Sa-môn?"

Đức Thế Tôn dạy:

"Này Đàm-di, thuở xưa, khi con người sống đến tám vạn tuổi. Đàm-di, khi con người sống đến tám vạn tuổi, châu Diêm-phù này cực kỳ giàu sang hạnh phúc, dân cư đông đúc, thôn ấp gần nhau bằng khoảng một con gà bay.

"Khi con người sống đến tám vạn tuổi, con gái đến năm trăm tuổi mới lấy chồng. Đàm-di, khi con người sống đến tám vạn tuổi, chỉ có các bệnh như vầy: đại tiện, tiểu tiện, lòng dục, ăn uống và già.

"Đàm-di, khi con người sống đến tám vạn tuổi, có một vị vua tên là Cao-la-bà [8], thông minh trí tuệ, làm Chuyển luân vương, có bốn loại binh chủng chỉnh trị thiên hạ; là Pháp vương hành theo chánh pháp, thành tựu bảy báu. Bảy báu là bánh xe báu, voi báu, ngựa báu, ngọc báu, nữ báu, cư sĩ báu, tướng quân báu; đó là bảy báu. Có đủ một ngàn người con, tướng mạo đoan chánh, dũng mãnh vô úy, có thể khuất phục mọi kẻ địch. Vua ấy thống lãnh tất cả cõi đất đai cho đến biển cả, không cai trị bằng dao gậy mà chỉ bằng chánh pháp trị hóa, khiến được an ổn.

"Đàm-di, vua Cao-la-bà có một gốc cây tên là Thiện trụ ni-câu-loại thọ[9] vương[10]. Đàm-di, Thiện trụ ni-câu-loại thọ vương có năm cành. Cành thứ nhất dành cho vua và hoàng hậu ăn. Cành thứ nhì dành cho thái tử và các quan ăn. Cành thứ ba dành cho nhân dân trong nước ăn. Cành thứ tư dành cho Sa-môn, Phạm chí ăn. Cành thứ năm dành cho cầm thú ăn. Đàm-di, quả của cây Thiện trụ ni-câu-loại thọ vương lớn bằng cái hủ hai thăng, mùi vị như mật nguyên chất. Đàm-di, quả Thiện trụ ni-câu-loại thọ vương không ai canh giữ mà cũng chẳng ai trộm cắp. Về sau có một người đói khát gầy còm, nhan sắc tiều tụy, muốn được ăn quả, nó đến cây Thiện trụ ni-câu-loại thọ vương ăn quả rồi bẻ gãy cành cây hái quả đem về. Trên cây Thiện trụ ni-câu-loại thọ vương có một vị trời nương ở đó. Ông ấy nghĩ rằng: 'Lạ thay, người ở châu Diêm-phù

---

8. Cao-la-bà ———C-C Pāli: Koravya, trong các truyện bản sanh thường được nói là vua của bộ tộc Kuru.

9. Bản Cao-li không có chữ *thọ*. Ba bản Tống-Nguyên-Minh đều có.

10. Thiện trụ ni-câu-loại thọ vương ———————C Pāli: Suppatiṭṭha- nigrodha-rājā.

vô ân, không biết báo đáp. Vì sao? Vì nó ăn quả nơi cây Thiện trụ ni-câu-loại thọ vương rồi bẻ gãy cành cây, hái quả đem về. Mong cho cây Thiện trụ ni-câu-loại thọ vương không có quả, không sanh quả nữa!' Tức thì cây Thiện trụ ni-câu-loại thọ vương không có quả, cũng không sanh quả.

"Rồi lại có một người đói khát, gầy còm, nhan sắc tiều tụy, muốn được ăn quả, đi đến cây Thiện trụ ni-câu-loại thọ vương không có quả, cũng không sanh quả, tức thì đến vua Cao-la-bà tâu rằng: 'Tâu Thiên vương, nên biết, cây Thiện trụ ni-câu-loại thọ vương không có quả, cũng không sanh quả nữa'.

"Vua Cao-la-bà nghe xong, trong khoảnh khắc như người lực sĩ co duỗi cánh tay biến khỏi Câu-lâu-sấu, đến cõi Tam thập tam thiên, đứng trước Thiên Đế Thích[11] mà tâu rằng: 'Tâu Câu-dực[12] nên biết, cây Thiện trụ ni-câu-loại thọ vương không có quả, cũng không sanh quả nữa. Khi đó, Thiên Đế Thích và vua Cao-la-bà trong khoảnh khắc như người lực sĩ co duỗi cánh tay biến khỏi cõi Tam thập tam thiên, đến nước Câu-lâu-sấu, cách cây Thiện trụ ni-câu-loại thọ vương đứng lại. Thiên Đế Thích thực hiện Như ý túc như vậy[13], bằng Như ý túc như kỳ tượng, hóa làm nước lớn, gió bão và mưa to. Do nước lớn, gió bão và mưa to, cây Thiện trụ ni-câu-loại thọ vương bị tróc gốc ngã đổ.

"Lúc đó có vị trời sống trên cây Thiện trụ ni-câu-loại thọ vương nhận thấy như vậy mới buồn khổ, sầu thương, khóc lóc chảy nước mắt, đứng trước mặt Thiên Đế Thích, Thiên Đế Thích hỏi, 'Thiên, vì lẽ gì mà ông buồn khổ, sầu thương, khóc lóc rơi lệ, đứng trước mặt ta?' Vị trời kia thưa rằng: 'Tâu Câu-dực, nên biết, nước lớn, gió bão, mưa to, cây Thiện trụ ni-câu-loại thọ vương bị tróc gốc ngã đổ'. Khi ấy, Thiên Đế Thích bảo Thọ thiên kia rằng: 'Thiên, ông là Thọ thiên, trụ Thọ thiên pháp[14] mà để nước lớn, gió mạnh, mưa to làm cây Thiện trụ ni-câu-loại thọ vương bị tróc gốc ngã đổ sao?' Thọ thiên thưa rằng: 'Tâu Câu-dực, thế nào gọi là Thọ thiên trụ Thọ thiên pháp?' Thiên Đế Thích bảo, 'Thiên, giả sử có người muốn được rễ cây, cứ lấy rễ cây đi; muốn được cành cây, nhánh cây, lá cây, hoa quả, cứ đem đi, Thọ thiên không nên giận dữ, không nên ghen ghét, tâm không nên thù hận, Thọ thiên vẫn an trụ trên thọ thiên với ý niệm buông xả. Như vậy gọi là Thọ thiên trụ Thọ thiên pháp'. Vị trời kia lại tâu rằng: 'Tâu Câu-dực, tôi là Thọ thiên mà không trụ Thọ thiên pháp. Từ nay về sau tôi sẽ trụ Thọ thiên pháp. Ước mong cây Thiện trụ ni-câu-loại thọ vương trở lại như cũ'. Rồi thì Thiên Đế Thích thực hiện Như ý túc như vậy. Thực hiện Như ý túc như vậy xong, lại hóa làm nước lớn, gió bão, mưa to. Hóa làm nước lớn, gió bão, mưa to xong, cây Thiện trụ ni-câu-loại thọ vương liền trở lại như cũ.

"Này Đàm-di, cũng vậy, nếu có Tỳ-kheo bị người mắng nhiếc, không mắng nhiếc lại; bị người sân giận không sân giận lại; bị người quấy phá, không quấy phá lại; bị đánh đập không đánh đập lại. Này Đàm-di, như vậy gọi là Sa-môn trụ Sa-môn pháp."

Lúc đó, Tôn giả Đàm-di liền từ chỗ ngồi, trịch vai áo đang mặc, chắp tay hướng Phật khóc lóc rơi lệ, bạch rằng:

"Bạch Thế Tôn, con không phải là Sa-môn trụ Sa-môn pháp. Từ nay về sau con sẽ

---

11. Thiên Đế Thích. Pāli: Sakka devānam Inda.
12. Câu-dực ——l—C Pāli: Kosika, biệt danh Thiên Đế Thích.
13. Tác như kỳ tượng như ý túc. Pāli: tathārūpaṃ iddhābhisaṃkhāraṃ abhisaṃkhāsi, thực hiện một loại thần thông như thế.
14. Thọ thiên pháp ———k—C Pāli: rukkhadhamma, đây hiểu là đạo lý tự nhiên của cây.

là Sa-môn trụ Sa-môn pháp."

Đức Thế Tôn dạy:

"Xưa có một Đại sư tên là Thiện Nhãn[15], được các ngoại đạo tiên nhân tôn làm tôn sư, lìa bỏ ái dục, được như ý túc. Đàm-di, Thiện Nhãn đại sư có vô lượng trăm ngàn đệ tử. Đàm-di, Thiện Nhãn đại sư nói Phạm thế pháp[16] cho các đệ tử nghe. Đàm-di, khi Thiện Nhãn đại sư nói Phạm thế pháp cho các đệ tử, trong các đệ tử có người không phụng hành trọn vẹn, thì người ấy sau khi mạng chung, hoặc sanh lên cõi trời Tứ thiên vương, hoặc sanh cõi trời Tam thập tam thiên, hoặc sanh cõi trời Diệm-ma, hoặc sanh cõi trời Đâu-suất-đà, hoặc sanh cõi trời Hóa lạc, hoặc sanh cõi trời Tha hóa lạc. Đàm-di, khi Thiện Nhãn đại sư nói Phạm thế pháp cho đệ tử nghe, trong các đệ tử có người phụng hành trọn vẹn, người ấy tu bốn phạm thất[17], lìa bỏ dục. Khi mạng chung rồi được sanh lên cõi trời Phạm thiên. Đàm-di, khi ấy Thiện Nhãn đại sư nghĩ rằng: 'Đời sau ta không nên cùng các đệ tử đồng sanh đến một chỗ. Bây giờ ta hãy tu tăng thượng từ. Sau khi tu tăng thượng từ, mạng chung sẽ được sanh vào cõi trời Hoảng dục. Đàm-di, sau đó Thiện Nhãn đại sư liền tu tăng thượng từ. Sau khi tu tăng thượng từ, mạng chung được sanh vào cõi trời Hoảng dục. Đàm-di, Thiện Nhãn đại sư và các đệ tử học đạo không luống công, được quả báo lớn. Cũng như Thiện Nhãn đại sư, có các Đại sư Mâu-lê-phá-quần-na, A-la-na-giá Bà-la-môn, Cù-đà-lê-xá-đa, Hại-đề-bà-la Ma-nạp, Thù-đề-ma-lệ Kiều-đệ-bà-la và Thất-đa Phú-lâu-hề-đa[18].

"Đàm-di, Đại sư Thất-đa Phú-lâu-hề-đa cũng có vô lượng trăm ngàn đệ tử. Đàm-di, Đại sư Thất-đa Phú-lâu-hề-đa nói Phạm thế pháp cho các đệ tử. Trong số các đệ tử có người không phụng hành trọn vẹn pháp đã dạy, người ấy sau khi thân hoại mạng chung, hoặc sanh lên cõi trời Tứ thiên vương, hoặc sanh cõi trời Tam thập tam thiên, hoặc sanh cõi trời Diệm-ma, hoặc sanh cõi trời Đâu-suất-đà, hoặc sanh cõi trời Hóa lạc, hoặc sanh cõi trời Tha hóa. Đại sư Thất-đa Phú-lâu-hề-đa khi nói Phạm thế pháp, trong số các đệ tử có người phụng hành trọn vẹn pháp ấy, tu bốn phạm thất, lìa bỏ dục ái. Người ấy sau khi thân hoại mạng chung được sanh vào cõi trời Phạm thiên. Đàm-di, Đại sư Thất-đa Phú-lâu-hề-đa nghĩ rằng: 'Đời sau ta không nên cùng các đệ tử sanh cùng một chỗ. Bây giờ ta nên tu tăng thượng từ. Sau khi tu tăng thượng từ, mạng chung sẽ được sanh vào cõi trời Hoảng dục'. Đàm-di, sau đó vị Đại sư thứ bảy Thất-đa Phú-lâu-hề-đa tu tăng thượng từ. Sau khi tu tăng thượng từ rồi, mạng chung được sanh lên cõi trời Hoảng dục. Đàm-di, Đại sư Thất-đa Phú-lâu-hề-đa và các đệ tử học đạo không hư dối, được quả báo lớn.

"Đàm-di, nếu có người nào mắng nhiếc bảy vị Đại sư và vô lượng trăm ngàn đệ tử kia, cùng đánh phá, sân nhuế, trách móc họ, chắc chắn chịu vô lượng tội. Nhưng đối với một Tỳ-kheo đã thành tựu chánh niệm, một đệ tử Phật chứng đắc tiểu quả, mà có ai mắng nhiếc, đả phá sân nhuế, trách móc vị ấy thì tội nhiều hơn thế nữa.

"Thế cho nên, này Đàm-di, các ngươi hãy luôn luôn nhắc nhở, thủ hộ lẫn nhau. Vì

---

15. Đại sư Thiện Nhãn −j−v−−−C Pāli: Sunetto nāma satthā, một trong sáu vị tôn sư cổ đại, thường được kể trong các mẫu truyện cổ Phật giáo.
16. Phạm thế pháp −−@−k−A pháp dẫn đến đời sống trên Phạm thiên. Pāli: Brahama-lokasahavyatāya dhamma.
17. Phạm thất hay phạm trụ.
18. Danh sách sáu Đại sư thời cổ: Mâu-lê-phá-quần-na, Pāli: Mūgapakkha; A-la-na-giá Bà-la-môn, Pāli: Aranemi Brāhmṇa; Cù-đà-lê-xá-đa, Pāli: Kuddālakasattā; Hại-đề-bà-la Ma-nạp, Pāli: Hatthipāla mānava; Thù-đề-ma-lệ Kiều-đệ-bà-la, Pāli: Jotipāla govinda; Thất-đa Phú-lâu-hề-đa, Pāli: Satta purohita.

sao như vậy? Vì ngoài sự quá thất này, không còn sự quá thất nào hơn nữa[19].”

Khi ấy, Đức Thế Tôn nói kệ:

Tu-niết[20]*, Mâu-lê-phá-quần-na,*
A-la-na-giá Bà-la-môn,
Cù-đà-lê-xá-đa,
Hại-đề-bà-la Ma-nạp,
Thù-đề-ma-lệ Kiều-đệ-bà-la và
Thất-đa Phú-lâu-hề-đa,
Trong đời quá khứ ấy
Danh đức bảy tông sư,
Bi tâm, không nhiễm ái,
Dục kết đã dứt trừ.
Trăm ngàn số đệ tử,
Vô lượng đếm sao vừa,
Cũng đều ly dục kiết,
Dù cứu cánh còn chưa.
Với các tiên nhân ấy,
Thủ trì khổ hạnh này,
Ai ôm lòng oán hận,
Tội mắng nhiếc nhiều thay.
Huống chi với Phật tử,
Quả thấy tri kiến ngay;
Ai chửi mắng, đập phá,
Tội nghiệp lại tràn đầy.
Này Đàm-di, do đó,
Hãy biết thủ hộ nhau;
Sở dĩ hộ trì nhau,
Tội nặng nào hơn đâu.
Như thế thật quá khổ;
Bậc Thánh cũng ghét bỏ,
Màu da lại dữ dằn[21]*;*
Chớ thủ tà kiến xứ.
Đó là hạng thấp hèn,
Thánh pháp gọi như thế[22]*.*
Dù chưa lìa dâm dục,
Có diệu ngũ căn này:
Tín, tinh tấn, niệm xứ,
Chánh định, chánh quán đây.

---

19. Pāli: Nāham (....) ito bahiddā evarūpam khantim vādāmi. Ngoài sự nhẫn nại này, ta nói không còn sự nhẫn nại nào như vậy nữa.
20. Sunetta, xem chú thích trên.
21. Hán: tất đắc thọ ác sắc ▬▬o▬▬c▬▬c Pāli: nā sādhurūpaṃ āsīde, dùng công kích người (có sắc diện) đoan chánh. Có lẽ Hán hiểu āsīde là “hãy ngồi gần” do gốc động từ sīdati, ngồi.
22. Bản Pāli: sattamo puggalo eso, ariyasaṅghassa vuccati, người ấy (xả bỏ tà kiến) được nói là cao cả trong hàng Thánh chúng. Hình như bản Hán hiểu ngược lại?

Khổ kia mình chịu vậy,
Trước phải thọ họa tai[23].
Họa tai đã tự thọ,
Sau nữa gây hại người.
Ai hay tự thủ hộ,
Tất thủ hộ bên ngoài.
Cho nên hãy tự hộ,
Kẻ trí hoan lạc thay!

Phật thuyết như vậy, Tôn giả và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

❑

[23]. Dịch sát như vậy, nhưng không rõ nghĩa. Pāli nói: tādisam bhikkhum āsajja, pubbeva upahaññati, ai công kích Tỳ-kheo (dù chưa ly dục nhưng đã có ngũ diệu căn: tín, tấn v.v...) như vậy, nó bị tai họa trước.

131. KINH HÀNG MA[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật du hóa tại Bạt-kì-sấu, trong núi Ngạc, rừng Bố, vườn Lộc dã[2].

Lúc bấy giờ Đại Mục-kiền-liên đang coi việc dựng thiền thất cho Phật[3]. Trong lúc Tôn giả đang kinh hành trên khoảng đất trống, bấy giờ Ma vương hóa hình nhỏ xíu, chui vào trong bụng của Tôn giả Đại Mục-kiền-liên. Lúc đó, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên nghĩ như vầy, "Bụng ta cảm thấy nặng, giống như đang ăn phải hạt đậu. Ta hãy nhập Như kỳ tượng định, bằng Như kỳ tượng định ta nhìn vào bụng xem."

Rồi Tôn giả Đại Mục-kiền-liên đi đến cuối đường kinh hành, trải ni-sư-đàn, ngồi xếp kiết già, nhập như kỳ tượng định, bằng như kỳ tượng định mà nhìn vào bụng mình, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên thấy Ma vương đang ở trong đó. Tôn giả bèn ra khỏi định, nói với Ma vương:

"Này Ba-tuần, ngươi hãy đi ra! Này Ba-tuần, ngươi hãy đi ra! Chớ có xúc nhiễu Như Lai, cũng chớ xúc nhiễu đệ tử của Như Lai. Đừng sống mãi trong sự vô nghĩa, vô ích mà phải tái sanh ác xứ, thọ vô lượng khổ."

Khi ấy, Ma vương liền nghĩ: "Sa-môn này không thấy, không biết, thế mà lại nói: 'Này Ba-tuần, ngươi hãy đi ra! Này Ba-tuần, ngươi hãy đi ra! Chớ có xúc nhiễu Như Lai, cũng chớ xúc nhiễu đệ tử của Như Lai. Đừng sống mãi trong sự vô nghĩa, vô ích mà phải tái sanh ác xứ, thọ vô lượng khổ'. Tôn sư của ông ta có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai thần, cũng không thể thấy mau lẹ, biết mau lẹ như vậy, huống nữa là đệ tử mà thấy biết được sao!"

Tôn giả Đại Mục-kiền-liên lại nói với Ma vương rằng:

"Ta lại biết trong ý của ngươi, ngươi nghĩ như vầy, 'Sa-môn này không thấy, không biết, thế mà lại nói: 'Này Ba-tuần, ngươi hãy đi ra! Này Ba-tuần, ngươi hãy đi ra! Chớ có xúc nhiễu Như Lai, cũng chớ xúc nhiễu đệ tử của Như Lai. Đừng sống mãi trong sự vô nghĩa, vô ích mà phải tái sanh ác xứ, thọ vô lượng khổ'. Tôn sư của ông ta có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai thần, cũng không thể thấy mau lẹ, biết mau lẹ như vậy, huống nữa là đệ tử mà thấy biết được sao!'"

Ma Ba-tuần kia nghĩ rằng: "Sa-môn này đã thấy và biết ta nên mới nói như vậy." Rồi ma Ba-tuần hóa hình nhỏ xíu, từ trong miệng vọt ra, đứng ngay trước mặt Tôn giả Đại Mục-kiền-liên.

Tôn giả Đại Mục-kiền-liên bảo rằng:

---

1. Tương đương Pāli M.50. Māratajjaniya-sutta. Biệt dịch No.66 và No.67.
2. Ngạc sơn, Bố lâm: xem cht.3, kinh 74.
3. No.66 cũng nói dữ kiện này. No.67 và Pāli không có.

"Này ma Ba-tuần, thuở xưa, có Như Lai tên là Giác-lịch-câu-tuân-đại[4], Đấng Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác. Lúc đó ta làm ma có tên là Ác[5]. Ta có người em gái[6] tên là Hắc[7]. Ngươi chính là con trai của nó. Này ma Ba-tuần, vì lẽ đó cho nên ngươi là cháu gọi ta bằng cậu.

"Này ma Ba-tuần, Đức Giác-lịch-câu-tuân-đại Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác có hai đệ tử, một tên là Âm[8], hai tên là Tưởng[9]. Này Ba-tuần, do ý nghĩa nào được gọi là Âm? Ba-tuần, Tôn giả đó lúc sống trên cõi trời Phạm thiên, tiếng nói bình thường của ngài vang cả ngàn thế giới, lại không có một đệ tử nào có âm thanh ngang bằng, hoặc tương tợ, hoặc trội hơn được. Này Ba-tuần, vì lẽ ấy cho nên Tôn giả đó được gọi là Âm vậy. Ba-tuần, lại do ý nghĩa nào mà Tôn giả Tưởng có tên là Tưởng? Này Ba-tuần, Tôn giả Tưởng nương nơi thôn ấp mà du hành. Khi đêm đã qua, lúc trời hừng sáng, Tôn giả ấy đắp y, mang bình bát, đi vào thôn ấp khất thực, cẩn thận thủ hộ thân, thu nhiếp các căn, giữ vững chánh niệm. Ngài sau khi khất thực xong và sau khi ăn vào lúc giữa trưa, thâu vén y bát, rửa tay chân, vắt ni-sư-đàn trên vai, đi vào rừng vắng vẻ, hoặc đến dưới gốc cây trong rừng sâu, hoặc đến chỗ không tĩnh, trải ni-sư-đàn ngồi kiết già, liền nhập Tưởng tri diệt định một cách mau chóng. Lúc ấy có những người đang lùa trâu, dê, người đi mót cỏ, hoặc người đi đường, họ vào trong núi, thấy ngài nhập Tưởng tri diệt định, bèn nghĩ rằng: 'Nay Sa-môn này ngồi mà chết trong khu rừng vắng này. Chúng ta hãy nhặt cỏ khô chất đống phủ lên trên, ràng rịt cẩn thận, lượm củi chất chồng lên trên thân để hỏa thiêu'. Họ bèn nhặt cỏ chất đống phủ lên thân ngài, nổi lửa đốt rồi bỏ mà đi. Tôn giả kia, sau khi đêm đã qua, trời vừa hừng sáng, ra khỏi định, đập phủi y phục, du hành trở về thôn ấp, đắp y, mang bình bát vào thôn ấp khất thực như thường lệ, khéo giữ gìn thân căn, giữ vững chánh niệm. Những người lùa trâu, dê, những người mót cỏ khô, hoặc người đi đường vào trong núi đã gặp Tôn giả trước kia, họ bèn nghĩ: 'Đây là Sa-môn ngồi mà chết trong khu rừng vắng vẻ này. Chúng ta đã nhặt cỏ khô chất đống phủ trên thân, nổi lửa đốt rồi bỏ đó mà đi. Song Hiền giả này vẫn còn biết tưởng[10].' Này Ba-tuần, vì lẽ đó cho nên Tôn giả Tưởng được gọi là Tưởng vậy.

"Này Ba-tuần, lúc ấy ác ma nghĩ rằng: 'Sa-môn trọc đầu này bị da đen trói chặt[11], bị tuyệt chủng, không con cái, học thiền, dò xét, ngong ngóng dò xét, luôn luôn ngong ngóng dò xét[12]. Giống như con lừa trọn ngày mang nặng, bị cột lại trong tàu, không được ăn lúa mạch, nó dò xét, ngong ngóng dò xét, luôn luôn ngong ngóng dò xét; Sa-môn trọc đầu này bị da đen trói chặt, tuyệt chủng, không con cái, chúng nó học thiền, dò xét, ngong

---

4. Giác-lịch-câu-tuân-đại ▯▯t ▯▯▯▯j▯C No.66: Câu-lâu-tôn. No.67: Câu-lâu-tần. Pāli: Kakusandha.
5. Ác ▯c▯C No.66: xúc nhiễu ma. No.67: sân hận. Pāli: Dūsī.
6. No.66 cũng nói là *muội*. No.67 nói là *tỷ*, chị. Pāli: Bhaginī.
7. Hắc ▯▯C No.67: Yểm hắc. Pāli: Kālī.
8. Âm ▯▯F Pāli: Vidhura.
9. Tưởng ▯Q▯F Pāli: Sañjīva.
10. Thử Hiền giả cánh phục tưởng ▯▯▯▯▯▯_▯Q▯F Pāli: ayaṃ samaṇo... svāyaṃ paṭisañjīvito, Sa-môn này tự mình sống lại. Ở đây, sañjīva: người còn sống; bản Hán đọc là saññīva: người còn có tưởng.
11. Dĩ hắc sở phược ▯H▯▯▯▯C Pāli: kiṇhā bandhupādāpacca, đen đủi, nòi giống ti tiện (sinh từ bàn chân của bà con của Phạm thiên). Trong bản Hán, bandhu, bà con, được đọc là bandha, sự cột trói.
12. Cố dịch sát: học thiền, tứ, tăng tứ, sác sác tăng tứ ▯▯I▯▯W▯▯▯▯ ▯W▯▯C Pāli: jhāyanti, pajjhāyanti, nijjhāyanti, apajjhāyanti (chúng nó thiền, chúng nó thiền trầm ngâm, chúng nó thiền đắm đuối, chúng nó thiền si dại). Hán tăng tứ thường dịch chữ abhijjhā, tham cầu (theo nghĩa, dòm ngó tài sản người khác), được hiểu cùng gốc động từ jhāyati: thiền hay tư duy.

ngóng dò xét, luôn luôn ngong ngóng dò xét.

"'Giống như con mèo ngồi rình bên hang chuột, vì muốn bắt chuột nên nó dò xét, ngong ngóng dò xét, luôn luôn ngong ngóng dò xét; cũng vậy, Sa-môn trọc đầu này bị da đen trói chặt, tuyệt chủng không con cái, chúng nó học thiền, dò xét, ngong ngóng dò xét, luôn luôn ngong ngóng dò xét.

"'Cũng giống như con cú mèo[13] ở giữa đống củi khô, vì muốn bắt chuột nên nó dò xét, ngong ngóng dò xét, luôn luôn ngong ngóng dò xét; cũng vậy, Sa-môn trọc đầu này bị da đen trói chặt, tuyệt chủng không con cái, chúng nó học thiền, dò xét, ngong ngóng dò xét, luôn luôn ngong ngóng dò xét.

"'Giống như con chim hạc[14] ở bên bờ nước, vì muốn bắt cá nên nó dò xét, ngong ngóng dò xét, luôn luôn ngong ngóng dò xét; cũng vậy, Sa-môn trọc đầu này bị da đen trói chặt, bị tuyệt chủng không con cái, chúng nó học thiền, dò xét, ngong ngóng dò xét, luôn luôn ngong ngóng dò xét.

"'Chúng dò xét cái gì? Dò xét với mục đích gì? Dò xét để mong cái gì? Chúng nó loạn trí, phát cuồng, bại hoại. Ta chẳng biết chúng nó ở đâu đến, cũng chẳng biết chúng nó đi về đâu, chẳng biết chúng nó sống ở đâu, chẳng biết chúng nó chết như thế nào, sanh như thế nào? Ta hãy dạy bảo các Phạm chí, Cư sĩ rằng: 'Ngươi hãy đi đến mà chửi, mà đập, mà phá, mà rủa xả Sa-môn tinh tấn kia'. Vì sao vậy? Khi bị chửi, bị đập, bị phá, bị rủa xả, biết đâu chúng nó chẳng nổi ác tâm để ta dễ lợi dụng.'

"Bấy giờ ác ma bèn xúi dục các Cư sĩ, Phạm chí. Các Cư sĩ, Phạm chí ấy chửi, đập phá, rủa xả Sa-môn tinh tấn. Các Cư sĩ, Phạm chí ấy hoặc dùng cây đánh, hoặc lấy đá ném, hoặc vác gậy đập, có khi gây thương tích Sa-môn tinh tấn, có khi làm rách toạc áo, có khi làm bể bình bát. Bấy giờ trong số Cư sĩ, Phạm chí ấy do nhân duyên này thân hoại mạng chung phải đến ác xứ, sanh trong địa ngục. Chúng sanh vào đó rồi, suy nghĩ như vầy, 'Ta phải thọ khổ này, lại phải thọ cực khổ hơn nữa. Vì cớ sao? Vì chúng ta đã đối xử tàn ác với Sa-môn tinh tấn vậy'.

"Này Ba-tuần, đệ tử của Đức Giác-lịch-câu-tuân-đại Như Lai, Đấng Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác mang đầu thương tích, mang y rách toạc, mang bình bát bể, đi đến chỗ Giác-lịch-câu-tuân-đại Như Lai, Đấng Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác. Lúc bấy giờ Đức Giác-lịch-câu-tuân-đại Như Lai, Đấng Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác đang thuyết pháp cho vô lượng trăm ngàn quyến thuộc vây quanh. Đức Giác-lịch-câu-tuân-đại Như Lai, Đấng Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác trông thấy từ xa một đệ tử mang đầu bị thương tích, y rách toạc, bình bát bể đi đến. Ngài thấy vậy, bảo các Tỳ-kheo rằng: 'Các ngươi có thấy chăng, ác ma đã xúi dục các Cư sĩ, Phạm chí rằng 'Các ngươi hãy đến mà chửi, mà đập, mà rủa xả Sa-môn tinh tấn. Vì cớ sao? Khi bị chửi, bị đập, bị rủa xả, biết đâu chúng nó chẳng nổi ác tâm để ta dễ dàng lợi dụng'.' Này các Tỳ-kheo, hãy với tâm tương ưng với từ, biến mãn một phương, thành tựu an trụ. Cũng vậy, hai, ba, bốn phương, tứ duy thượng hạ bao trùm tất cả, tâm tương ưng với từ, không kết, không oán, không nhuế, không não hại, rộng lớn bao la, vô lượng, khéo tu tập, biến mãn tất cả thế gian, thành tựu và an trụ. Bi và hỷ cũng vậy. Tâm tương ưng với xả, không kết, không oán, không nhuế, không tranh, rộng lớn bao la, vô lượng, khéo tu tập, biến mãn tất cả thế gian, thành tựu và an trụ.

---

13. Nguyên Hán: hưu hồ ——A có lẽ chính xác là con hưu lưu ——A loại cú tai mèo, bắt chuột. Pāli: ulūka, con cú.

14. Hạc điểu –b——A chính xác nên hiểu là con sếu; nhưng bản Pāli: kotthu nadītīre, con dã can bên bờ sông.

Với tâm ấy khiến ác ma không thể lợi dụng'.

"Này ma Ba-tuần, Đức Giác-lịch-câu-tuân-đại Như Lai, Đấng Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác bằng giáo pháp như vậy mà dạy đệ tử. Họ bèn thọ lãnh giáo pháp ấy, tâm tương ưng với từ, không kết, không oán, không nhuế, không tranh, rộng lớn bao la, khéo tu tập, biến mãn tất cả thế gian, thành tựu và an trụ. Với tâm ấy, ác ma kia không thể lợi dụng được.

"Này ma Ba-tuần, lúc đó ác ma lại nghĩ: 'Bằng sự việc ấy ta muốn lợi dụng Sa-môn tinh tấn mà không thể được. Bây giờ ta hãy xúi dục các Cư sĩ, Phạm chí rằng: 'Các người hãy đến phụng kính, cúng dường, lễ sự Sa-môn tinh tấn'. Biết đâu do sự phụng kính, cúng dường, lễ sự Sa-môn tinh tấn, chúng nó chẳng nổi ác tâm để ta dễ dàng lợi dụng'.

"Này Ma Ba-tuần, các Cư sĩ, Phạm chí kia sau khi bị ác ma xúi dục, họ đến phụng kính, cúng dường, lễ sự Sa-môn tinh tấn. Họ lấy áo trải lên mặt đất mà nói rằng 'Sa-môn tinh tấn, xin đạp lên mà đi. Sa-môn tinh tấn thường làm những việc khó làm, khiến cho chúng tôi mãi mãi được lợi ích, được an ổn khoái lạc'. Hoặc có Phạm chí trải tóc lên mặt đất, nói rằng 'Sa-môn tinh tấn, xin đạp lên tóc mà đi. Sa-môn tinh tấn thường làm những việc khó làm, khiến cho chúng tôi mãi mãi được lợi ích, được an ổn khoái lạc'. Hoặc có Cư sĩ, Phạm chí hai tay bưng đủ các loại ẩm thực, đứng bên dưới đợi và nói rằng 'Sa-môn tinh tấn, xin nhận vật thực này, xin cứ mang đi tùy ý mà thọ dụng, để cho tôi mãi mãi được lợi ích, được an ổn khoái lạc'. Các Cư sĩ, Phạm chí thành tín thấy Sa-môn tinh tấn, cung kính bồng bế vào nhà, đem đủ thứ tài vật ra cho Sa-môn tinh tấn và nói rằng: 'Xin thọ nhận cái này, xin thọ dụng cái này, xin mang cái này đi, tùy ý mà thọ dụng'. Lúc bấy giờ trong số các Cư sĩ, Phạm chí đó có người chết, do nhân duyên này thân hoại mạng chung được đi đến thiện xứ, sanh lên cõi trời. Sau khi sanh vào đó, họ bèn nghĩ 'Ta đáng thọ hưởng sự an lạc này, lại sẽ thọ hưởng cực lạc hơn nữa. Vì sao thế? Vì chúng ta đã làm các việc lành với Sa-môn tinh tấn vậy'.

"Này ma Ba-tuần, đệ tử của Đức Giác-lịch-câu-tuân-đại Như Lai, Đấng Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác, sau khi được phụng kính, cúng dường, lễ sự, họ đi đến Đức Giác-lịch-câu-tuân-đại Như Lai, Đấng Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác. Lúc đó Đức Giác-lịch-câu-tuân-đại Như Lai, Đấng Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác đang thuyết pháp cho vô lượng trăm ngàn đệ tử vây quanh. Khi Đức Giác-lịch-câu-tuân-đại Như Lai, Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác trông thấy từ xa các đệ tử được phụng kính, cúng dường, lễ sự đang đi đến, thấy vậy, ngài bảo các Tỳ-kheo rằng: 'Các ngươi có thấy chăng? Ác ma xúi dục các Cư sĩ, Phạm chí rằng 'Các ngươi hãy đến phụng kính, cúng dường, lễ sự Sa-môn tinh tấn'. Biết đâu do phụng kính, cúng dường, lễ sự Sa-môn tinh tấn, chúng sẽ nổi ác tâm để ta dễ dàng lợi dụng. Này các Tỳ-kheo, các ngươi hãy quán các hành vô thường, quán các pháp hưng suy, quán vô dục, quán xả ly, quán diệt, quán đoạn để cho bọn ác ma không thể lợi dụng'.

"Này ma Ba-tuần, Đức Giác-lịch-câu-tuân-đại Như Lai, Đấng Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác bằng giáo pháp như vậy mà dạy các đệ tử, họ bèn thọ lãnh giáo pháp ấy, quán các hành vô thường, quán pháp hưng suy, quán vô dục, quán xả ly, quán diệt, quán đoạn, khiến cho ác ma không thể lợi dụng.

"Này ma Ba-tuần, lúc đó ác ma bèn nghĩ: 'Bằng việc ấy ta muốn lợi dụng Sa-môn

tinh tấn mà không được. Ta hóa hình làm một đứa nhỏ[15] tay cầm cây gậy lớn, đứng bên đường, đánh vỡ đầu Tôn giả Âm, khiến máu chảy ướt cả mặt'.

"Này ma Ba-tuần, Đức Giác-lịch-câu-tuân-đại Như Lai, Đấng Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác sau đó đang du hành trong thôn ấp. Khi đêm đã qua, lúc trời hừng sáng, mang y bát vào trong thôn xóm khất thực, Tôn giả Âm đi hầu theo phía sau. Ma Ba-tuần, lúc ấy ác ma hóa hình làm một đứa bé, tay cầm một cây gậy lớn đứng bên đường, đánh vỡ đầu Tôn giả Âm, khiến máu chảy ướt cả mặt. Ma Ba-tuần, Tôn giả Âm sau khi bị vỡ đầu chảy máu, vẫn đi theo sau Đức Giác-lịch-câu-tuân-đại Như Lai, Đấng Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác như bóng không rời hình. Này ma Ba-tuần, Đức Giác-lịch-câu-tuân-đại Như Lai, Bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác sau khi đến thôn ấp, bằng sức mạnh cực kỳ của bản thân, Ngài xoay nhìn theo phía hữu, như cái nhìn của một voi chúa, không sợ không hãi, không kinh không khiếp, quán sát khắp mọi phía. Này ma Ba-tuần, Đức Giác-lịch-câu-tuân-đại Như Lai, Bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác nhìn thấy Tôn giả Âm đầu bị chảy máu ướt cả mặt, đang đi theo sau Phật như bóng không rời hình, bèn nói rằng: 'Ác ma thật là hung bạo này có đại oai lực, ác ma này không biết vừa đủ'.

"Này ma Ba-tuần, Đức Giác-lịch-câu-tuân-đại Như Lai, Đấng Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác nói chưa xong thì ngay tại chỗ đó ác ma liền bị đọa vào đại địa ngục Vô khuyết[16]. Ma Ba-tuần, đại địa ngục này có bốn tên gọi[17], một là Vô khuyết, hai là Bách đinh, ba là Nghịch thích, bốn là Lục cánh. Trong đại địa ngục đó có ngục tốt đi đến chỗ ác ma ở mà nói rằng: 'Ngươi nay nên biết, nếu đinh hiệp với các đinh, phải biết mãn một trăm năm'."

Ma Ba-tuần nghe nói như vậy xong, trong lòng hết sức rúng động, kinh sợ, khủng khiếp vô cùng, tóc lông dựng ngược, bèn hướng đến Tôn giả Đại Mục-kiền-liên mà nói bài kệ:

Địa ngục kia thế nào,
Xưa ác ma ở đó?
Nhiễu hại bậc Phạm hạnh
Xúc phạm cả Tỳ-kheo.

Tôn giả Đại Mục-kiền-liên đáp lại ma Ba-tuần bài kệ rằng:

Địa ngục tên Vô khuyết,
Ác ma từng ở trong.
Nhiễu hại bậc Phạm hạnh,
Xúc phạm Tỳ-kheo Tăng.
Đinh sắt cả trăm cái,
Thảy đều đâm ngược lên.
Địa ngục tên Vô khuyết,
Ác ma từng ở trong.
Nếu như ai không biết,
Đệ tử Phật, Tỳ-kheo,

---

15. Bản Pāli: nhập vào một cậu bé (aññataraṃ kumārakaṃ anvāvisitvā).
16. No.66: danh A-tỳ-nê-lê. Có lẽ, Vô khuyết tức Vô gián, hay A-tỳ (Avici). Bản Pāli không nói tên địa ngục gì.
17. Bản Pāli chỉ có ba tên: chaphassāyataniko, địa ngục sáu xúc xứ; saṅkusamāhato, địa ngục cọc sắt; paccattavedaniyo, địa ngục thọ khổ các biệt.

Tất nhiên khổ như vậy,
Mà thọ báo nghiệp đen.
Trong nhiều loại viên quán,
Loài người trên đất này,
Ăn loại lúa tự mọc,
Đời Bắc châu, tự nhiên[18].
Đại Tu di triền núi
Xông ướp bởi nhân lành[19].
Tu tập nơi giải thoát,
Thọ trì tối hậu thân,
Đứng sững trên suối lớn,
Cung điện kiếp lâu bền[20].
Sắc vàng thật ái lạc,
Như lửa rực huy hoàng[21].
Nhạc trời trỗi các thứ;
Đến Đế Thích thiên cung.
Kiếp xưa với nhà cửa,
Thiện Giác đã cúng dường[22].
Nếu Đế Thích đi trước,
Lên điện Tỳ-xà-diên[23],
Hân hoan chào đón Thích,
Thiên nữ vũ chúc mừng.
Nếu thấy Tỳ-kheo đến[24],
Nhìn lui, vẻ thẹn thùng.
Nếu Tỳ-lan-diên hiện,
Luận nghĩa cùng Sa-môn,
Ái tận, đắc giải thoát[25];
Đại tiên có biết chăng?
Tỳ-kheo liền đáp lại,
Người hỏi đúng như nghĩa.
Câu-dực, ta biết đây,
Ái tận, đắc giải thoát.
Nghe lời giải đáp này,

---

18. Bốn câu trở lên nói đời sống châu Bắc Câu-lô.
19. Hai câu nói về trời Tứ thiên vương, ở ngay sườn núi Tu-di (Sineru).
20. Nói về cõi trời Tam thập tam thiên hay Đao-lợi thiên (Tavatimsa), ở trên chóp Tu-di. Từ đây trở xuống, nói về các cõi cao hơn.
21. Hán: Hoảng dục; danh từ bình thường, không chỉ trời Quang âm ở Nhị thiền thiên.
22. Trong một tiền kiếp, Đế Thích cúng dường nhà cửa cho Sa-môn. Do đó, còn có tên là Vāsava.
23. Tỳ-xà-diên. Pāli: Vejayanta (Chiến thắng), được gọi như vậy vì xuất hiện khi Thiên Đế Thích chiến thắng A-tu-la (Asura).
24. Tức Tôn giả Đại Mục-kiền-liên. Xem chú thích ngay dưới.
25. Thiên Đế Thích (Sakka) được Phật giảng cho về ái tận giải thoát. Trở về cung điện, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên muốn biết Sakka có hiểu hay không, nên tìm đến điện Vejayanta. Thiên Đế Thích từ chối trả lời. Khi Tôn giả thấy đời sống hưởng thụ của Thiên Đế Thích cho rằng quá đáng, nên bấm ngón chân cái, làm rung động điện Vejayanta, Thiên Đế Thích hoảng sợ (xem M.37).

Đế Thích hoan hỷ lạc.
Tỳ-kheo ban lợi ích,
Nói năng đúng nghĩa chân.
Trên Tỳ-xà-diên điện,
Hỡi Đế Thích thiên vương,
Cung điện tên gì vậy,
Mà người nhiếp trì thành?
Thích đáp: Đại Tiên Nhân!
Tên Tỳ-xà-diên-đá.
Gọi là thế giới ngàn,
Ở trong ngàn thế giới;
Không cung điện nào hơn
Như Tỳ-la-diên-đá.
Thiên vương Thiên Đế Thích,
Tự tại mà du hành.
Ái-lạc na-du-đá[26],
Hóa một thành trăm hàng.
Trong Tỳ-lan-diên điện,
Đế Thích tự tại chơi.
Tỳ-lan-diên đại điện,
Ngón chân đủ lung lay[27].
Thiên vương mắt xem thấy,
Đế Thích tự tại chơi.
Giảng đường Lộc tử mẫu[28],
Nền sâu, đắp kiên cố,
Khó động, khó lung lay,
Lay bởi định như ý.
Kia có đất lưu ly,
Thánh nhân bước lên đi
Trơn nhuần, cảm thọ lạc,
Trải gấm êm diệu kỳ.
Ái ngữ thường hòa hiệp,
Thiên vương thường hân hoan.
Nhạc trời hay khéo trỗi,
Âm tiết họa nhịp nhàng.
Thiên chúng đều hội tụ,
Nhưng thuyết Tu-đà-hoàn[29].
Biết mấy vô lượng ngàn,
Và hằng trăm na thuật.
Đến Tam thập tam thiên,

---

26. Na-du-đá, Pāli: nahuta hay nayuta, đơn vị đo đường dài. Nhưng trong đây không rõ ý gì.
27. Xem chú thích 25 trên.
28. Phật nói về ái tận giải thoát cho Đế Thích tại giảng đường Lộc tử mẫu.
29. Đế Thích được coi như đắc Tu-đà-hoàn, sau khi nghe Phật nói kinh Sakkapañhā (Pāli: D.21, Hán No.1914).

Bậc Tuệ Nhãn thuyết pháp.
Nghe Ngài thuyết pháp xong,
Hoan hỷ và phụng hành.
Ta cũng có pháp ấy,
Như lời của tiên nhân;
Tức lên cõi Đại phạm,
Hỏi Phạm thiên sự tình.
Phạm vẫn có thấy ấy;
Tức thấy có từ xưa,
Ta vĩnh tồn, thường tại,
Hằng hữu, không biến đổi.
Đại Phạm trả lời kia,
Đại tiên tôi không thấy,
Tức thấy có từ xưa,
Ta thường hằng không đổi.
Tôi thấy cảnh giới này,
Các Phạm thiên quá khứ;
Ta nay do đâu nói,
Thường hằng không biến đổi.
Ta thấy thế gian này,
Bậc Chánh Giác đã dạy.
Tùy nhân duyên sanh ra,
Luân chuyển rồi trở lại.
Lửa không nghĩ thế này:
"Ta đốt kẻ ngu dại"
Lửa đốt, ngu sờ tay,
Tất nhiên phải bị cháy.
Cũng vậy, ma Ba-tuần,
Đến Như Lai pháp khuất,
Mãi làm điều bất thiện,
Tất thọ báo miên viễn.
Ngươi đừng trách Phật-đà,
Chớ hại Tỳ-kheo tịnh.
Một Tỳ-kheo hàng ma,
Tại Bố lâm rừng già.
Con quỷ sầu áo não,
Bị Kiền-liên quở la.
Hãi hùng mất trí tuệ,
Biến mất bèn đi xa.

Tôn giả Đại Mục-kiền-liên thuyết như vậy. Ma Ba-tuần sau khi nghe Tôn giả thuyết, hoan hỷ phụng hành.

❑

132. KINH LẠI-TRA-HÒA-LA[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật du hóa tại Câu-lâu-sấu[2] cùng với chúng đại Tỳ-kheo, đi đến Thâu-lô-tra[3]; trú trong vườn Thi-nhiếp-hòa[4], phía Bắc thôn Thâu-lô-tra.

Bấy giờ, các Phạm chí, Cư sĩ thôn Thâu-lô-tra nghe đồn rằng: "Sa-môn Cù-đàm, con dòng họ Thích, lìa bỏ tông tộc, xuất gia học đạo, đang du hóa Câu-lâu-sấu cùng với chúng đại Tỳ-kheo, đi đến thôn Thâu-lô-tra này, trú trong rừng Thi-nhiếp-hòa, phía Bắc thôn Thâu-lô-tra. Sa-môn Cù-đàm ấy có tiếng tăm lớn, đồn khắp mười phương. Sa-môn Cù-đàm là Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành Tựu[5], Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự[6], Thiên Nhân Sư, Phật, Chúng Hựu[7]. Vị ấy ở trong thế gian này, giữa Chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Phạm chí, từ người đến trời, mà tự tri, tự giác, tự chứng ngộ, thành tựu an trụ[8]. Vị ấy thuyết pháp vi diệu ở khởi đầu, vi diệu ở khoảng giữa và đoạn cuối cũng vi diệu, có nghĩa, có văn; cụ túc thanh tịnh, hiển hiện phạm hạnh[9]. Nếu được gặp Đức Như Lai, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác để tôn trọng, lễ bái, cúng dường, thừa sự, thật là thiện lợi thay! Chúng ta nên cùng nhau đến gặp Sa-môn Cù-đàm để lễ bái, cúng dường."

Các Cư sĩ, Phạm chí thôn Thâu-lô-tra sau khi đã được nghe như vậy, mỗi người cùng với quyến thuộc theo sau, từ thôn Thâu-lô-tra ra đi, hướng về phía Bắc, đến vườn Thi-nhiếp-hòa. Họ mong gặp Đức Thế Tôn để lễ bái, cúng dường. Sau khi đến nơi Phật, các Phạm chí, Cư sĩ thôn Thâu-lô-tra kia, có người cúi đầu lễ bái sát chân Phật rồi ngồi

---

1. Bản Hán, quyển 31. Tương đương Pāli, M. 82 Raṭṭhapāla-suttanta. Hán biệt dịch, No.68 Phật thuyết Lại-tra-hòa-la kinh, Ngô Chi Khiêm dịch; No.69 Phật Thuyết Hộ Quốc Kinh, Tống, Pháp Hiền dịch.
2. Câu-lâu-sấu ▬▬O▬G▬C Pāli: Kurūsu, giữa những Kuru.
3. Thâu-lô-tra 鍮 ▬▬\▬C No.69:Ổ-la tụ lạc. No.68: từ Câu-lưu quốc đến Thâu-la-âu-tra quốc. Pāli: Thullakoṭṭhikaṃ nāma kurūnaṃ nigamo, một làng của người Kuru tên là Thullakoṭṭihika.
4. Thi-nhiếp-hòa viên ▬r▬恕▬▬C Pāli: Siṃsapāvana, rừng cây siṃsapa.
5. Hán: *Minh Hành Thành* ▬▬▬▬F thường nói là *Minh Hành Túc*. Pāli: vijjā-caraṇsampanno.
6. Hán: *Đạo pháp ngự* ▬D▬k▬s▬F thường nói là *Điều ngự trượng phu*. Bản Hán này đọc dhamma (pháp) thay vì damma (huấn luyện).
7. Chúng Hựu ▬▬▬A tức Thế Tôn. Pāli: Bhagavā.
8. Hán: *bỉ ư thử thế… tự tri tự giác tự tác chứng thành tựu du*. Các bản Pāli: so imaṃ lokaṃ sadevakaṃsayaṃ abhiññā sacchikatvā pavedeti, "Vị ấy sau khi bằng thắng trí tự mình chứng nghiệm thế giới này bao gồm chư Thiên… rồi thuyết minh". Trong Pāli, các từ lokaṃ (thế gian)... đều đồng *nghiệp cách*, túc từ trực tiếp cho pavedeti (thuyết minh) và sacchikatvā (sau khi chứng nghiệm); trong khi, trong bản Hán, *thế gian…* được hiểu là *ư cách*, túc từ chỉ nơi chốn.
9. Hán: *cụ túc thanh tịnh, hiển hiện phạm hạnh* ▬▬▬M▬b▬▬{▬▬C Pāli: kevalaparipuṇṇaṃ parisuddhaṃ brahmacariyaṃ pakāseti, giới thiệu đời sống phạm hạnh tuyệt đối hoàn hảo, tuyệt đối trong sạch. Trong bản Hán, các từ *cụ túc*, *thanh tịnh*, cần được hiểu là phẩm định cho *phạm hạnh*.

sang một bên; có người chào hỏi Phật rồi ngồi sang một bên; có người chắp tay hướng Phật rồi ngồi sang một bên; có người từ xa thấy Phật, lặng lẽ ngồi xuống. Khi các Phạm chí, Cư sĩ thôn Thâu-lô-tra ai nấy đều ngồi yên, Đức Phật nói pháp cho họ, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ. Sau khi bằng vô lượng phương tiện nói pháp cho họ, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ rồi Đức Phật ngồi im lặng.

Bấy giờ, các Phạm chí, Cư sĩ thôn Thâu-lô-tra sau khi được Phật thuyết pháp, khuyến phát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ rồi, ai nấy đều rời chỗ ngồi đứng dậy, cúi đầu sát chân Phật, đi quanh Phật ba vòng rồi ra về.

Lúc bấy giờ con trai Cư sĩ là Lại-tra-hòa-la[10] vẫn ngồi không đứng dậy. Đến lúc các Phạm chí, Cư sĩ thôn Thâu-lô-tra ra về chẳng bao lâu, Lại-tra-hòa-la con trai Cư sĩ liền rời chỗ ngồi đứng dậy, trịch vai áo, chắp tay hướng về Phật mà bạch rằng:

"Bạch Thế Tôn, như con biết, đối với giáo pháp mà Phật đã dạy, nếu con sống tại gia bị tù hãm trong những sự phiền tỏa, không thể trọn đời thanh tịnh tu hành phạm hạnh được. Bạch Thế Tôn, xin cho con được theo Thế Tôn xuất gia học đạo, thọ giới cụ túc, được làm Tỳ-kheo tịnh tu phạm hạnh."

Đức Thế Tôn hỏi:

"Này con trai Cư sĩ, cha mẹ có cho phép ông ở trong Chánh pháp luật này, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình học đạo không?"

Lại-tra-hòa-la con trai Cư sĩ bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, cha mẹ chưa cho con ở trong Chánh pháp luật này chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình học đạo."

Đức Thế Tôn dạy:

"Này con trai Cư sĩ, nếu cha mẹ không cho phép ông sống trong Chánh pháp luật này, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình học đạo, thì Ta không thể độ ông xuất gia học đạo, cũng không thể truyền trao giới cụ túc.

Lại-tra-hòa-la con trai Cư sĩ bạch:

"Bạch Thế Tôn, con sẽ phương tiện xin cha mẹ để con được phép ở trong Chánh pháp luật này chí tín lìa bỏ gia đình, sống không gia đình học đạo."

Đức Thế Tôn dạy:

"Này con trai Cư sĩ, tùy ước muốn của ông."

Khi ấy Lại-tra-hòa-la con trai Cư sĩ nghe lời Phật dạy, cẩn thận ghi nhớ, cúi đầu lễ sát chân Phật, đi quanh ba vòng rồi ra về. Về đến nhà, ông thưa với cha mẹ:

"Thưa cha mẹ, như con biết, đối với giáo pháp mà Phật đã dạy, nếu con sống tại gia đình, bị tù hãm trong những sự phiền tỏa, không thể trọn đời thanh tịnh tu hành phạm hạnh được. Cúi xin cha mẹ cho con trong Chánh pháp luật này mà chí tín lìa bỏ gia đình, sống không gia đình học đạo."

Cha mẹ của Lại-tra-hòa-la con trai Cư sĩ bảo:

"Lại-tra-hòa-la, cha mẹ chỉ có một mình con, hết sức yêu thương chiều chuộng, lòng những quyến luyến không kể xiết. Giả sử con có chết đi, cha mẹ còn không muốn rời bỏ, huống gì còn sống mà nỡ lìa xa, không nhìn thấy được mặt sao?"

Lại-tra-hòa-la con trai Cư sĩ lại thưa đến lần thứ ba:

"Thưa cha mẹ, như con biết, đối với giáo pháp mà Phật đã dạy, nếu con sống tại gia đình, bị tù hãm trong những sự phiền tỏa, không thể trọn đời thanh tịnh tu hành phạm hạnh

---

10. Lại-tra-hòa-la Cư sĩ tử ━━\ 恕━━~━h━l━c Pāli: Raṭṭhapālo nāma kulaputto.

được. Cúi xin cha mẹ cho con trong Chánh pháp luật này mà chí tín lìa bỏ gia đình, sống không gia đình học đạo."

Cha mẹ Lại-tra-hòa-la cũng lại bảo đến lần thứ ba:

"Lại-tra-hòa-la, cha mẹ chỉ có một mình con, hết sức yêu thương chiều chuộng, lòng những quyến luyến không kể xiết. Giả sử con có chết đi, cha mẹ còn không muốn rời bỏ, huống gì còn sống mà nỡ lìa xa, không nhìn thấy được mặt sao?"

Khi ấy Lại-tra-hòa-la con trai Cư sĩ liền vật mình xuống đất, nói:

"Từ nay con không đứng dậy, không uống, không ăn, cho đến khi nào cha mẹ cho con ở trong Chánh pháp luật này chí tín lìa bỏ gia đình, sống không gia đình học đạo."

Rồi Lại-tra-hòa-la con trai Cư sĩ trải qua một ngày không ăn, cho đến hai ngày, ba ngày, bốn ngày, nhiều ngày không ăn. Bấy giờ cha mẹ Lại-tra-hòa-la con trai Cư sĩ đến bên con bảo rằng:

"Lại-tra-hòa-la, người con mềm mại, thân hình đẹp đẽ, thường nằm ngồi trên giường tốt, nay con không biết khổ sao? Lại-tra-hòa-la, con hãy mau đứng dậy, sống đời dục lạc mà bố thí, sung sướng mà tu phước nghiệp. Vì sao? Lại-tra-hòa-la, cảnh giới của Đức Thế Tôn rất khó, rất khó! Xuất gia học đạo lại càng rất khó."

Lại-tra-hòa-la con trai Cư sĩ vẫn nằm im lặng không đáp.

Rồi cha mẹ Lại-tra-hòa-la con trai Cư sĩ đi đến thân bằng quyến thuộc và các quan viên nói rằng:

"Mong quý vị hãy cùng đến chỗ Lại-tra-hòa-la khuyên nó dậy."

Thân bằng quyến thuộc của Lại-tra-hòa-la và các quan viên bèn cùng nhau đi đến chỗ Lại-tra-hòa-la bảo rằng:

"Này cậu Lại-tra-hòa-la, người cậu mềm mại, thân hình đẹp đẽ, thường nằm ngồi trên giường tốt, nay không biết khổ sao? Lại-tra-hòa-la, cậu hãy mau đứng dậy, sống đời dục lạc mà bố thí, sung sướng tu phước nghiệp. Vì sao? Lại-tra-hòa-la, cảnh giới của Đức Thế Tôn rất khó, rất khó! Xuất gia học đạo lại càng rất khó."

Lại-tra-hòa-la con trai Cư sĩ vẫn nằm im lặng không đáp.

Rồi cha mẹ Lại-tra-hòa-la con trai Cư sĩ đi đến các thiện tri thức đồng bạn đồng lứa với Lại-tra-hòa-la con trai Cư sĩ, nói rằng:

"Mong các cậu đến chỗ Lại-tra-hòa-khuyên nó đứng dậy."

Các thiện tri thức đồng bạn đồng lứa với Lại-tra-hòa-la con trai Cư sĩ, liền cùng nhau đi đến bên Lại-tra-hòa-la con trai Cư sĩ, nói rằng:

"Lại-tra-hòa-la con trai Cư sĩ, người bạn mềm mại, thân hình đẹp đẽ, thường nằm ngồi trên giường tốt, nay bạn không biết khổ sao? Lại-tra-hòa-la, bạn hãy mau đứng dậy sống đời dục lạc mà bố thí, sung sướng tu phước nghiệp. Vì sao? Lại-tra-hòa-la, cảnh giới của Đức Thế Tôn rất khó, rất khó! Xuất gia học đạo lại càng rất khó."

Lại-tra-hòa-la con trai Cư sĩ vẫn im lặng không đáp.

Khi ấy các thiện tri thức đồng bạn, đồng lứa với Lại-tra-hòa-la con trai Cư sĩ đi đến chỗ cha mẹ Lại-tra-hòa-la con trai Cư sĩ nói rằng:

"Hai bác nên cho Lại-tra-hòa-la con trai Cư sĩ ở trong Chánh pháp luật này chí tín lìa bỏ gia đình, sống không gia đình học đạo. Nếu anh ấy thích sống như vậy, thì ngay trong đời này còn có thể gặp nhau. Nếu anh ấy chán sống cảnh ấy thì tự nhiên sẽ trở về với cha mẹ. Nay nếu không cho anh ấy đi, nhất định anh ấy sẽ chết, không nghi ngờ gì nữa. Như thế có ích gì?"

Khi ấy, cha mẹ Lại-tra-hòa-la con trai Cư sĩ nghe xong, liền nói với các thiện tri thức

đồng bạn đồng lứa với Lại-tra-hòa-la con trai Cư sĩ rằng:

"Chúng tôi nay cho Lại-tra-hòa-la ở trong Chánh pháp luật mà chí tín lìa bỏ gia đình, sống không gia đình học đạo. Nếu học đạo mà vẫn trở về cho chúng tôi gặp."

Rồi các thiện tri thức đồng bạn đồng lứa với Lại-tra-hòa-la con trai Cư sĩ liền cùng nhau đến chỗ Lại-tra-hòa-la con trai Cư sĩ nói rằng:

"Này bạn, cha mẹ đã cho bạn ở trong Chánh pháp luật mà chí tín lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, học đạo. Khi học đạo rồi, phải trở về thăm cha mẹ."

Lại-tra-hòa-la con trai Cư sĩ nghe như vậy, vui mừng khôn tả, hân hoan, sinh ái, sinh lạc, bèn đứng dậy, dần dần bồi dưỡng thân thể. Khi thân thể đã bình phục, liền rời khỏi thôn Thâu-lô-tra, đi đến chỗ Phật, cúi đầu sát chân Phật, bạch rằng:

"Bạch Thế Tôn, cha mẹ đã cho con ở trong Chánh pháp luật này chí tín lìa bỏ gia đình, sống không gia đình học đạo. Ngưỡng mong Thế Tôn cho con được theo Thế Tôn xuất gia học đạo, thọ giới cụ túc, được làm Tỳ-kheo."

Khi ấy Đức Thế Tôn độ Lại-tra-hòa-la con trai Cư sĩ xuất gia học đạo, truyền trao giới cụ túc. Sau khi truyền trao giới cụ túc, Đức Thế Tôn ở lại thôn Thâu-lô-tra một thời gian, sau đó Ngài thâu y mang bát lần lượt du hành đến nước Xá-vệ, trú trong rừng Thắng, vườn Cấp cô độc.

Tôn giả Lại-tra-hòa-la sau khi xuất gia học đạo, thọ giới cụ túc, sống cô độc ở nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn. Do sống cô độc ở nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn, ngài đạt đến mục đích mà một thiện nam tử cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín lìa bỏ gia đình, sống không gia đình học đạo, là chỉ cầu hoàn thành vô thượng phạm hạnh, ở ngay đời này tự tri, tự giác, tự chứng ngộ, thành tựu an trụ, biết như thật rằng: "Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa." Tôn giả Lại-tra-hòa-la biết như pháp rồi, cho đến, chứng đắc quả A-la-hán.

Tôn giả Lại-tra-hòa-la, sau khi đắc quả A-la-hán, khoảng chín mười năm trôi qua, bèn nghĩ rằng: "Ngày xưa ta đã hứa xuất gia học đạo rồi sẽ trở về thăm cha mẹ. Ta nay nên trở về để trọn lời hứa đó."

Rồi Tôn giả Lại-tra-hòa-la đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ sát chân Phật, ngồi sang một bên, bạch rằng:

"Bạch Thế Tôn, con trước có lời hứa, là sau khi học đạo rồi, sẽ về thăm cha mẹ. Hôm nay con xin từ giã để về thăm cha mẹ cho trọn lời hứa trước."

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nghĩ: "Thiện nam tử Lại-tra-hòa-la[11] này, nếu giả sử xả giới, bỏ đạo, sống đời dục lạc như cũ, chắc chắn không có trường hợp đó." Đức Thế Tôn biết vậy, liền bảo:

"Ngươi hãy đi. Những ai chưa được độ, hãy độ; chưa giải thoát, hãy khiến cho giải thoát; tịch diệt, khiến được tịch diệt. Lại-tra-hòa-la, nay tùy ý ngươi.

Khi đó, Tôn giả Lại-tra-hòa-la nghe Phật nói xong, cẩn thận ghi nhớ, liền rời chỗ ngồi đứng dậy, cúi lạy sát chân Phật, đi quanh ba vòng, rồi đi về phòng riêng, thu xếp ngọa cụ, mang y ôm bát, lần lượt du hành đến thôn Thâu-lô-tra, trú trong vườn Thi-nhiếp-hòa, phía Bắc thôn Thâu-lô-tra.

Khi đêm đã qua, trời vừa hừng sáng, Tôn giả Lại-tra-hòa-la mang y ôm bát vào thôn Thâu-lô-tra khất thực. Tôn giả Lại-tra-hòa-la nghĩ như vầy: "Đức Thế Tôn khen ngợi việc

---

11. Trong nguyên bản: Lại-tra-hòa-la tộc tánh tử ▬▬\恕▬▬▬m▬l▬C Pāli: Raṭṭhapālo kulaputto.

thứ lớp khất thực. Ta nay ở trong thôn Thâu-lô-tra này nên theo thứ lớp khất thực."

Tôn giả Lại-tra-hòa-la ở trong thôn Thâu-lô-tra theo thứ lớp khất thực, lần lượt về đến nhà mình. Lúc đó cha của Tôn giả Lại-tra-hòa-la đứng trong cửa, đang chải tóc cạo râu. Ông ta thấy Lại-tra-hòa-la đi vào, liền nói rằng:

"Sa-môn trọc đầu này bị quỷ đen trói chặt[12], tuyệt chủng không con cái, phá hoại gia đình ta. Ta có một đứa con, hết sức thương yêu chiều chuộng, lòng những quyến luyến không kể xiết, thế mà nó dẫn đi mất. Đừng cho nó ăn!

Tôn giả Lại-tra-hòa-la ở nhà cha đã không được bố thí, mà lại bị rủa xả rằng: "Sa-môn trọc đầu này bị màu đen trói chặt, tuyệt chủng không con cái, phá hoại gia đình ta. Ta có một đứa con, hết sức thương yêu chiều chuộng, lòng những quyến luyến không kể xiết, thế mà nó dẫn đi mất. Đừng cho nó ăn!" Tôn giả Lại-tra-hòa-la nghe vậy liền vội vàng bỏ đi.

Lúc đó người nô tỳ của cha Tôn giả Lại-tra-hòa-la xách một giỏ đồ ăn thiu thối, định vất vào đống rác. Tôn giả thấy người nô tỳ của cha Tôn giả Lại-tra-hòa-la xách một giỏ đồ ăn thiu thối, định vất vào đống rác, liền nói:

"Này cô em, nếu đồ ăn thiu thối này đáng bỏ đi thì nên bỏ vào bát của tôi. Tôi sẽ ăn."

Khi ấy, đứa nô tỳ của cha người nô tỳ của cha Tôn giả Lại-tra-hòa-la đem đồ ăn thiu thối trong giỏ đổ vào bát. Đang khi đổ vào bát, do hai dấu hiệu mà cô nhận ra Tôn giả; đó là: tiếng nói và tay chân của Tôn giả. Nhận ra được hai dấu hiệu này, nó liền chạy đến chỗ cha của Tôn giả[13] Lại-tra-hòa-la, thưa:

"Thưa ông, nên biết, cậu Lại-tra-hòa-la đã trở về đế thôn Thâu-lô-tra này rồi. Ông nên đến gặp."

Cha Tôn giả Lại-tra-hòa-la nghe xong, rất đổi vui mừng phấn khởi, tay trái vén áo, tay mặt vuốt sửa râu tóc, rồi đi nhanh đến chỗ Tôn giả Lại-tra-hòa-la. Khi đó Tôn giả Lại-tra-hòa-la đang quay mặt vào vách, ăn đồ ăn thiu thối ấy.

Cha Tôn giả Lại-tra-hòa-la thấy Tôn giả Lại-tra-hòa-la đang quay mặt vào vách ăn đồ ăn thiu thối, nói rằng:

"Lại-tra-hòa-la con, người con rất mềm mại, thân hình đẹp đẽ, thường ăn thức ăn ngon. Lại-tra-hòa-la, tại sao con lại ăn đồ ăn thiu thối như thế? Lại-tra-hòa-la, vì lẽ gì con đã về đến thôn Thâu-lô-tra này mà không về nhà cha mẹ?"

Tôn giả Lại-tra-hòa-la thưa rằng:

"Thưa Cư sĩ, con đã vào nhà cha, nhưng không được bố thí mà lại bị rủa xả, mắng rằng: 'Sa-môn trọc đầu này bị quỷ đen trói chặt, tuyệt chủng không con cái, phá hoại gia đình ta. Ta có một đứa con, hết sức thương yêu chiều chuộng, lòng những quyến luyến không kể xiết, thế mà nó dẫn đi mất. Đừng cho nó ăn!' Con nghe như vậy bèn vội vàng bỏ đi.

Cha Tôn giả Lại-tra-hòa-la nói lời xin lỗi rằng:

"Lại-tra-hòa-la, con hãy tha lỗi! Lại-tra-hòa-la, con hãy tha lỗi! Cha thật không biết Lại-tra-hòa-la trở về nhà cha."

Rồi cha Tôn giả Lại-tra-hòa-la với lòng cung kính, dìu đỡ Tôn giả Lại-tra-hòa-la đưa vào trong nhà, trải chỗ ngồi và mời ngồi. Tôn giả Lại-tra-hòa-la bèn ngồi xuống. Lúc đó,

---

12. Hán: *vị hắc sở phược* ——— Pāli: imehi muiḍakehi samaṇakehi…, vì bọn Sa-môn trọc đầu nay mà…
13. Bản Pāli, báo tin cho mẹ của Raṭṭhapāla. Sau đó bà báo tin cho ông.

người cha thấy Tôn giả Lại-tra-hòa-la ngồi xong, liền đến chỗ vợ, nói rằng:

"Này bà, nên biết, thiện nam tử Lại-tra-hòa-la đã về lại nhà rồi, mau sửa soạn cơm nước."

Mẹ Tôn giả Lại-tra-hòa-la nghe xong, rất đổi vui mừng, phấn khởi, liền vội vàng sửa soạn cơm nước. Soạn cơm nước xong, bà liền mang tiền bạc ra để giữa nhà một đống lớn. Đống tiền lớn đến nỗi một người đứng bên này, một người ngồi bên kia, không trông thấy nhau. Dồn một đống tiền lớn xong, bà đi đến chỗ Tôn giả Lại-tra-hòa-la nói:

"Lại-tra-hòa-la, đây là phần tiền tài của mẹ. Còn tiền tài của cha con thì nhiều vô lượng trăm ngàn, không thể tính được. Nay giao hết cho con. Lại-tra-hòa-la con, con nên xả giới, bỏ đạo, sống đời dục lạc mà bố thí, sung sướng tu phước nghiệp. Vì sao như vậy? Vì cảnh giới của Thế Tôn rất khó, rất khó! Xuất gia học đạo lại càng rất khó."

Tôn giả Lại-tra-hòa-la thưa với mẹ rằng:

"Con nay có một điều muốn nói mẹ có chịu nghe không?"

Mẹ Lại-tra-hòa-la nói:

"Này con nhà Cư sĩ, có điều gì con cứ nói, mẹ sẵn sàng nghe."

Tôn giả Lại-tra-hòa-la thưa với mẹ rằng:

"Nên may bao vải mới, đựng đầy tiền, dùng xe chở đến sông Hằng, đổ xuống chỗ sâu. Vì sao vậy? Vì do tiền này làm cho con người lo khổ, sầu thương, khóc lóc, không được an vui."

Khi ấy, mẹ Tôn giả Lại-tra-hòa-la nghĩ rằng: "Bằng phương tiện này không thể làm cho con ta Lại-tra-hòa-la xả giới bỏ đạo. Ta nên đến mấy con vợ cũ của nó, nói như thế này: 'Các con dâu ơi, các con nên dùng ngọc anh lạc khi trước trang điểm thân thể, thứ ngọc mà thiện nam tử Lại-tra-hòa-la lúc còn ở nhà ưa thích nhất. Dùng thứ anh lạc này trang điểm rồi, các con cùng nhau đến bên Lại-tra-hòa-la, mỗi đứa ôm một chân mà nói rằng: Không biết hiền lang có thiên nữ nào đẹp hơn tôi mà khiến cho hiền lang bỏ tôi để tu phạm hạnh vì nàng?'"

Nghĩ xong, bà ta liền đến chỗ các vợ cũ của Tôn giả Lại-tra-hòa-la nói như thế này:

"Các con dâu ơi, các con nên dùng ngọc anh lạc khi trước trang điểm thân thể, thứ ngọc mà thiện nam tử Lại-tra-hòa-la lúc còn ở nhà ưa thích nhất. Dùng thứ anh lạc này trang điểm rồi, các con cùng nhau đến bên Lại-tra-hòa-la, mỗi đứa ôm một chân mà nói rằng: 'Không biết hiền lang có thiên nữ nào đẹp hơn tôi mà khiến cho hiền lang bỏ tôi để tu phạm hạnh vì nàng?'"

Khi ấy, các cô vợ cũ của Tôn giả Lại-tra-hòa-la liền dùng ngọc anh lạc khi trước trang điểm thân thể, thứ anh lạc mà Tôn giả Lại-tra-hòa-la lúc còn tại gia ưa thích nhất. Dùng loại ngọc đó trang điểm rồi, liền kéo đến bên Tôn giả Lại-tra-hòa-la, mỗi người ôm một chân mà nói như thế này:

"Không biết hiền lang có thiên nữ nào đẹp hơn tôi mà khiến cho hiền lang bỏ tôi để tu phạm hạnh vì nàng?"

Tôn giả Lại-tra-hòa-la nói với các cô vợ cũ rằng:

"Này các cô em, các cô nên biết, tôi không phải vì thiên nữ mà tu phạm hạnh. Sở dĩ tôi tu phạm hạnh, nay đã được mục đích ấy. Những điều Phật dạy, nay tôi đã làm xong."

Những bà vợ của Tôn giả Lại-tra-hòa-la đứng sang một bên khóc lóc rơi lệ mà nói rằng:

"Tôi không phải em gái của hiền lang, nhưng hiền lang lại gọi tôi bằng cô em."

Lúc đó Tôn giả Lại-tra-hòa-la quay nhìn về phía cha mẹ, nói:

"Thưa Cư sĩ, nếu có thí cơm, đúng giờ thì thí, tại sao làm phiền nhau?"

Bấy giờ, cha mẹ Tôn giả Lại-tra-hòa-la liền đứng dậy, thân hành lấy nước rửa, dâng ngài các món hào soạn dồi dào, đủ các loại nhai nuốt, tự thân châm chước cho ngài ăn no. Ăn xong thâu dọn chén bát, dùng nước rửa xong, lấy một cái giường nhỏ ngồi riêng nghe pháp.

Tôn giả Lại-tra-hòa-la thuyết pháp cho cha mẹ nghe, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ. Sau khi bằng vô lượng phương tiện thuyết pháp cho họ, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ rồi, ngài từ chỗ ngồi đứng dậy, nói tụng rằng:

Hãy nhìn hình bóng trang sức này,
Trân bảo ngọc ngà và các thứ;
Tóc uốn lượn buông xuôi phía hữu;
Nốt ruồi xanh, mắt kẻ, mi dài.
Trò dối trá gạt người si dại,
Nhưng lừa sao được kẻ sang bờ!
Với bao nhiêu gấm vóc lụa là,
Mong làm đẹp thân hình xú uế.
Trò dối trá gạt người si dại;
Nhưng lừa sao được kẻ sang bờ!
Và bao nhiêu hương liệu bôi xoa,
Châm chấm điểm phấn vàng son đỏ.
Trò dối trá gạt người si dại;
Nhưng lừa sao được kẻ sang bờ!
Áo tịnh diệu trang hoàng thân thể;
Nhưng nguyên hình huyễn hoặc còn trơ.
Trò dối trá gạt người si dại;
Nhưng lừa sao được kẻ sang bờ!
Khi nai đã đạp tan lưới bẫy,
Và phá tung cổng nhốt một đời;
Ta bỏ lại miếng mồi, đi mất;
Ai yêu gì trói buộc thân nai?

Tôn giả Lại-tra-hòa-la nói tụng rồi, dùng như ý túc nương hư không mà đi. Đến rừng Thâu-lô-tra, đi vào rừng ấy, trải ni-sư-đàn ngồi kiết già dưới cây Bệ-hê-lặc[14].

Bấy giờ, vua Câu-lao-bà[15] với quần thần trước sau vây quanh, ngồi ở chánh điện, bàn tán khen ngợi Tôn giả Lại-tra-hòa-la rằng:

"Nếu ta nghe tin thiện nam tử Lại-tra-hòa-la[16] đến Thâu-lô-tra này thì ta quyết đến thăm."

Khi ấy vua Câu-lao-bà bảo thợ săn rằng:

"Ngươi hãy đi dò xét rừng Thâu-lô-tra. Ta muốn đến đó săn."

Thợ săn vâng lời, liền đến dò xét rừng Thâu-lô-tra. Khi người thợ săn dò xét rừng, thấy Tôn giả Lại-tra-hòa-la trải tọa cụ ngồi kiết già dưới cây Bệ-hê-lặc, liền nghĩ: "Người

---

14. Bệ-hê-lặc ━@━Q━━C Pāli: vibhīṭaka, cây xuyên luyện (Terminalia belerica), có thể dùng quả nó làm thuốc.
15. Câu-lao-bà; tên vua, chủ khu vườn nai mà Lại-tra-hòa-la đang trú. Xem No(160), kinh "A-lan-na" sau. Pāli: Koravya.
16. Hán: *Lại-tra-hòa-la tộc tánh tử*: Lại-tra-hòa-la, con trai nhà tông tộc, hay con nhà gia thế.

mà vua Câu-lao-bà cùng quần thần ngồi tại chánh điện bàn tán khen ngợi, bây giờ ở đây."

Khi người thợ săn dò xét rừng Thâu-lô-tra xong rồi, trở về tâu với vua Câu-lao-bà rằng:

"Tâu Đại vương, nên biết, tôi đã xem rừng Thâu-lô-tra rồi. Xin theo ý Đại vương. Tâu Đại vương, Tôn giả Lại-tra-hòa-la, người mà Đại vương cùng quần thần ngồi ở chánh điện bàn tán khen ngợi rằng: 'Nếu ta nghe tin thiện nam tử Lại-tra-hòa-la đến Thâu-lô-tra này, ta quyết đến thăm'. Nay Tôn giả Thiện nam tử Lại-tra-hòa-la hiện đang ở trong rừng Thâu-lô-tra, trải tọa cụ ngồi kiết già dưới cây Bệ-hê-lặc, Đại vương muốn gặp có thể đến đó."

Vua Câu-lao-bà nghe xong, bảo người đánh xe:

"Ngươi mau mau sửa soạn xa giá. Ta muốn đến gặp Lại-tra-hòa-la.

Người đánh xe vâng lệnh, sửa soạn xa giá xong trở lại tâu vua:

"Tâu Đại vương, nên biết, xa giá đã sửa soạn xong. Xin theo ý Đại vương."

Khi ấy vua Câu-lao-bà liền ngồi xe ra đi đến rừng Thâu-lô-tra. Từ xa trông thấy Tôn giả Lại-tra-hòa-la, nhà vua liền xuống xe, đi bộ đến chỗ Tôn giả Lại-tra-hòa-la. Tôn giả Lại-tra-hòa-la thấy vua Câu-lao-bà đến, nói rằng:

"Đại vương, nay đến đây, muốn ngồi đâu tự tiện ngồi, được chăng?"

Vua Câu-lao-bà đáp:

"Hôm nay tuy tôi đến bờ cõi của mình, nhưng ý tôi muốn thiện nam tử Lại-tra-hòa-la mời tôi ngồi.

Tôn giả Lại-tra-hòa-la liền mời vua Câu-lao-bà rằng:

"Đây có chỗ ngồi riêng, xin mời Đại vương ngồi."

Khi ấy, vua Câu-lao-bà với Tôn giả Lại-tra-hòa-la cùng chào hỏi nhau rồi ngồi sang một bên. Vua nói với Tôn giả Lại-tra-hòa-la:

"Có phải ngài vì gia đình suy sụp mà xuất gia học đạo chăng? Nếu vì không có tài vật nên sống đời học đạo, thì này Lại-tra-hòa-la, trong nhà của Câu-lao-bà vương gia này có nhiều tài vật, tôi sẽ xuất tài vật cho Lại-tra-hòa-la, khuyên Lại-tra-hòa-la xả giới bỏ đạo, sống đời dục lạc mà bố thí, tùy ý tu phước nghiệp. Vì sao như vậy? Lại-tra-hòa-la, giáo pháp của Tôn sư rất khó, xuất gia học đạo lại càng khó hơn".

Tôn giả Lại-tra-hòa-la nghe xong, nói rằng:

"Đại vương nay bằng sự bất tịnh mời tôi, không phải bằng sự thanh tịnh mà mời."

Vua Câu-lao-bà nghe xong, hỏi:

"Tôi phải làm sao để thỉnh mời Lại-tra-hòa-la bằng sự thanh tịnh, không phải bằng sự bất tịnh?"

Tôn giả Lại-tra-hòa-la đáp:

"Đại vương, nên nói như thế nầy: 'Lại-tra-hòa-la, nhân dân trong nước tôi an ổn, sung sướng, không có việc kinh sợ, không có đấu tranh, không có hà khắc, không có khổ nô dịch; lúa gạo đầy đủ, khất thực dễ được. Lại-tra-hòa-la sống trong nước tôi, tôi sẽ ủng hộ như pháp'. Đại vương, nói như vậy gọi là bằng sự thanh tịnh mời tôi, không phải bằng sự bất tịnh mà mời."

Vua Câu-lao-bà nghe xong, nói:

"Nay tôi bằng sự thanh tịnh mà mời Lại-tra-hòa-la; không phải bằng sự bất tịnh. Nhân dân trong nước tôi an ổn, sung sướng, không có việc kinh sợ, không có đấu tranh,

không có hà khắc, không có khổ nô dịch; lúa gạo đầy đủ, khất thực dễ được. Lại-tra-hòa-la sống trong nước tôi, tôi sẽ ủng hộ như pháp."

"Lại nữa, Lại-tra-hòa-la, có bốn trường hợp suy vi, do suy vi nên cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín lìa bỏ gia đình, sống không gia đình học đạo. Những gì là bốn? Bệnh suy, lão suy, tài sản suy, thân tộc suy.

"Lại-tra-hòa-la, thế nào là bệnh suy? Hoặc có người trường kỳ bị bệnh; bệnh tật rất nặng, quá đau đớn, người ấy nghĩ rằng: 'Ta trường kỳ bị bệnh; bệnh tật rất nặng, quá đau đớn. Ta thật có dục vọng nhưng không sống đời dục lạc được. Ta nay nên cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín lìa bỏ gia đình, sống không gia đình học đạo'. Sau đó, người ấy vì bệnh suy nên cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín lìa bỏ gia đình, sống không gia đình học đạo. Đó gọi là bệnh suy.

"Lại-tra-hòa-la, thế nào gọi là lão suy? Hoặc có người tuổi già, các căn suy yếu, tuổi thọ gần hết, người ấy nghĩ rằng: 'Ta tuổi đã già, các căn suy yếu, tuổi thọ gần hết, ta thật có dục vọng nhưng không thể sống đời dục lạc, ta nay nên cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín lìa bỏ gia đình, sống không gia đình học đạo'. Sau đó, người ấy vì lão suy nên cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín lìa bỏ gia đình, sống không gia đình học đạo. Đó gọi là lão suy.

"Lại-tra-hòa-la, thế nào là tài sản suy? Hoặc có người bần cùng cô thế, người ấy nghĩ rằng: 'Ta bần cùng cô thế, ta nên cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín lìa bỏ gia đình, sống không gia đình học đạo'. Sau đó, người ấy vì tài sản suy nên cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín lìa bỏ gia đình, sống không gia đình học đạo. Đó gọi là tài suy.

"Lại-tra-hòa-la, thế nào gọi là thân tộc suy? Hoặc có người bà con tuyệt tự, chết tuyệt, không còn một ai, người ấy nghĩ rằng: 'Ta nay bà con tuyệt tự, chết tuyệt, không còn một ai. Ta nên cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín lìa bỏ gia đình, sống không gia đình học đạo'. Sau đó người ấy vì thân suy nên cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín lìa bỏ gia đình, sống không gia đình học đạo. Đó gọi là thân suy.

"Lại-tra-hòa-la khi xưa không bệnh hoạn, an ổn trọn vẹn, đường tiêu hóa điều hòa, không lạnh không nóng, bình chánh an lạc, thuận hòa không tranh chấp; do đó, các thứ đồ ăn mềm hay cứng được dễ dàng tiêu hóa, an ổn. Như vậy, Lại-tra-hòa-la chẳng phải vì bệnh suy mà cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín lìa bỏ gia đình, sống không gia đình học đạo.

"Lại-tra-hòa-la khi xưa vào tuổi niên thiếu, tóc đen óng mướt, thân thể khỏe mạnh, rồi xướng ca tấu nhạc, mặc tình thỏa thích. Lại chưng diện thân thể, thường thích dạo chơi. Lúc ấy bà con không ai muốn để ngài học đạo; cha mẹ khóc lóc, lo sầu áo não, cũng không cho ngài xuất gia học đạo. Nhưng ngài cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín lìa bỏ gia đình, sống không gia đình học đạo. Như vậy, Lại-tra-hòa-la không vì lão suy mà cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín lìa bỏ gia đình, sống không gia đình học đạo.

"Lại-tra-hòa-la ở trong thôn Thâu-lô-tra này, về phần tài vật, gia đình ngài là đệ nhất, là tối đại, là tối thắng, là tối thượng. Như vậy, Lại-tra-hòa-la không vì tài sản suy mà cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín lìa bỏ gia đình, sống không gia đình học đạo.

"Lại-tra-hòa-la ở trong rừng Thâu-lô-tra này, các bà con giàu có đều còn sống. Như vậy, Lại-tra-hòa-la không phải vì thân tộc suy mà cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín lìa bỏ gia đình, sống không gia đình học đạo.

"Lại-tra-hòa-la, đối với bốn trường hợp suy vi ấy, hoặc do một suy vi nào đó nên cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín lìa bỏ gia đình, sống không gia đình học đạo, nhưng

tôi thấy Lại-tra-hòa-la không có một suy vi nào khả dĩ khiến Lại-tra-hòa-la cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín lìa bỏ gia đình, sống không gia đình học đạo. Lại-tra-hòa-la hiểu biết thế nào và được nghe những gì mà cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín lìa bỏ gia đình, sống không gia đình học đạo?"

"Tôn giả Lại-tra-hòa-la đáp:

"Đại vương, Thế Tôn là đấng đã biết, đã thấy, là Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, đã giảng thuyết bốn sự. Tôi hoan hỷ chấp nhận điều ấy; tôi thấy, nghe, hiểu biết điều ấy, nên cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín lìa bỏ gia đình, sống không gia đình học đạo.

"Những gì là bốn[17]? Đại vương, thế gian này không được bảo vệ, không đáng nương tựa[18]. Thế gian này nhất thiết phải đi đến sự già nua[19]. Thế gian này không thường, cần phải bỏ đi[20]. Thế gian này không có sự thỏa mãn, không có sự biết đủ, là tôi tớ của ái[21]."

Vua Câu-lao-bà hỏi:

"Lại-tra-hòa-la, như ngài vừa nói, 'Đại vương, thế gian này không được bảo vệ, không đáng nương tựa'. Nhưng, Lại-tra-hòa-la, tôi có con, cháu, anh, em, bè đảng, tượng quân, xa quân, mã quân, bộ quân, thảy đều giỏi bắn, giỏi chống cự, nghiêm nghị, dõng mãnh như vương tử, lực sĩ, Bát-la-khiên-đề, Ma-ha-năng-già[22]; lại có người xem tướng, có kẻ trù mưu, có người tính toán, có kẻ thông hiểu điển sách, có người giỏi đàm luận, có quân thần, có quyến thuộc, người trì chú, kẻ biết chú, bất cứ phương nào có sự khủng bố thì có kẻ chế phục, ngăn cản. Nếu như lời Lại-tra-hòa-la nói, 'Đại vương, thế gian này không được bảo vệ, không đáng nương tựa,' thì này Lại-tra-hòa-la, nói như thế có nghĩa gì?"

Tôn giả Lại-tra-hòa-la đáp:

"Đại vương, bây giờ tôi hỏi nhà vua, xin tùy theo sự hiểu biết mà trả lời. Đại vương, thân này có bệnh chăng?"

Vua Câu-lao-bà đáp:

"Lại-tra-hòa-la, nay thân này của tôi thường có phong bệnh[23].

Tôn giả Lại-tra-hòa-la hỏi:

"Đại vương, khi phong bệnh bộc phát rất trầm trọng, rất đau đớn, thì này Đại vương, lúc ấy có thể bảo bọn con cháu, anh em, họ hàng thân thích, tượng quân, xa quân, mã quân, bộ quân, thảy đều giỏi bắn, giỏi chống cự, nghiêm nghị, dõng mãnh như vương tử, lực sĩ, Bát-la-khiên-đề, Ma-ha-năng-già, kẻ xem tướng, kẻ trù mưu, người tính toán, kẻ thông hiểu điển sách, người giỏi đàm luận, quân thần quyến thuộc, kẻ trì chú, người biết chú, rằng 'Các ngươi hãy đến, tạm thời thay thế ta chịu sự khổ sở đau đớn để ta khỏi bệnh,

---

17. Bốn sự kiện theo No.69: lão, bệnh, ái, tử. No.68: đại loại như vậy. Pāli và bản Hán này tương đồng về đại cương.
18. Pāli: attāṇo loko anabhissaro'ti, thế giới này vô hộ, vô chủ.
19. Hán: *thú hướng lão pháp* ——V——k-CPāli: upanīyyati loko addhuvo ti, thế gian này không bền vững, bị lôi cuốn đi.
20. Pāli: assako loko sabbaṃ pahāya gamanīyan ti, thế giới này không sở hữu; cần xả bỏ tất cả khi ra đi. Trong bản Hán, assaka, "*không có sở hữu*" được đọc là asassaka, "*không thường hằng*".
21. Hán: *vi ái tẩu sứ* ——R———CPāli: ūno loko atitto taṇhādāso ti, thế gian này thiếu thốn, không thỏa mãn, nô lệ của khát ái.
22. *Bát-la-khiên-đề, Ma-ha-năng-già* 鉢————F———Akhông rõ tên của ai. Đại tạng kinh sách dẫn, vol.1 cho là tên của một người. Hoặc giả là tên một con voi chúa (Ma-ha-năng-già: mahānāga).
23. Hán: *phong bệnh* ——f-CPāli: anusāyiko ābādho, bệnh thống phong mãn tính.

an lạc' được chăng?"

Vua Câu-lao-bà đáp:

"Không được. Vì sao vậy? Tôi tự gây nghiệp; nhân bởi nghiệp, duyên bởi nghiệp, riêng mình chịu khổ sở đau đớn."

Tôn giả Lại-tra-hòa-la bảo:

"Đại vương, thế cho nên Đức Thế Tôn dạy rằng 'Thế gian này không được bảo vệ, không đáng nương tựa. Tôi muốn nhẫn lạc điều đó, tôi thấy, nghe, hiểu biết điều đó nên cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín lìa bỏ gia đình, sống không gia đình học đạo."

Vua Câu-lao-bà nói rằng:

"Như Lại-tra-hòa-la đã nói, 'Đại vương, thế gian này không được bảo vệ, không đáng nương tựa'. Này Lại-tra-hòa-la, tôi cũng muốn nhẫn lạc điều đó. Vì sao như vậy? Thế gian này quả thật không được bảo vệ, không đáng nương tựa."

Vua Câu-lao-bà lại hỏi:

"Như Lại-tra-hòa-la đã nói, 'Đại vương, thế gian này tất cả đều đi đến chỗ già nua'. Lại-tra-hòa-la, nói như vậy có nghĩa gì?"

Tôn giả Lại-tra-hòa-la đáp:

"Đại vương, bây giờ tôi hỏi nhà vua, xin tùy theo sự hiểu biết mà trả lời. Lúc Đại vương còn hai mươi bốn tuổi hay hai mươi lăm tuổi thì như thế nào? Khi ấy sự nhanh nhẹn như thế nào đối với ngày nay? Khi ấy, gân sức, hình thể, nhan sắc như thế nào đối với ngày nay?"

Vua Câu-lao-bà đáp:

"Khi tôi còn hai mươi bốn hay hai mươi lăm tuổi, tự nhớ lại thời ấy, sự nhanh nhẹn, gân sức, hình thể, nhan sắc không ai hơn tôi. Lại-tra-hòa-la, tôi nay đã già nua, các căn lụn bại, mạng sống sắp chấm dứt, tuổi đầy tám mươi, đâu có mạnh khỏe như xưa."

Tôn giả Lại-tra-hòa-la nói:

"Đại vương, thế cho nên Đức Thế Tôn dạy rằng: 'Thế gian này, tất cả đều đi đến chỗ già nua'. Tôi muốn tiếp nhận điều đó, tôi thấy, nghe, hiểu biết điều đó nên cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín từ bỏ gia đình, sống không gia đình học đạo."

Vua Câu-lao-bà nói:

"Như Lại-tra-hòa-la nói, 'Đại vương, thế gian này tất cả đều đi đến chỗ già nua'. Tôi cũng muốn tiếp nhận điều đó. Vì sao như vậy? Thế gian này quả thật tất cả đều đi đến chỗ già nua."

Vua Câu-lao-bà lại hỏi:

"Như Lại-tra-hòa-la đã nói, 'Đại vương, thế gian này vô thường, cần phải bỏ đi'. Lại-tra-hòa-la, nói như vậy lại có nghĩa gì?"

Tôn giả Lại-tra-hòa-la đáp:

"Đại vương, bây giờ tôi hỏi nhà vua, xin tùy theo sự hiểu biết mà trả lời. Đại vương, có nước Câu-lâu-sấu dồi dào, hậu cung dồi dào, kho tàng dồi dào không?"

Vua Câu-lao-bà đáp:

"Đúng vậy!"

Tôn giả Lại-tra-hòa-la lại hỏi:

"Đại vương, có nước Câu-lâu-sấu dồi dào, hậu cung dồi dào, kho tàng dồi dào, nếu thời gian đã đến, không thể nương tựa, chịu đựng sự tan vỡ, tất cả đời này đều đi đến chỗ diệt vong; lúc đó nước Câu-lâu-sấu dồi dào, hậu cung dồi dào, kho tàng dồi dào, có thể từ đời này mang qua đời sau không?"

Vua Câu-lao-bà đáp:

"Không được. Vì sao như vậy? Tôi phải đơn độc, cô thân, cũng không bạn bè, từ đời này mà đi đến đời sau."

Tôn giả Lại-tra-hòa-la nói:

"Thế cho nên Đức Thế Tôn dạy rằng: 'Thế gian này vô thường, cần phải bỏ đi'. Tôi muốn nhẫn lạc điều đó, tôi thấy, nghe, hiểu biết điều đó nên cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình học đạo."

Vua Câu-lao-bà nói:

"Như Lại-tra-hòa-la đã nói, 'Đại vương, thế gian này vô thường, cần phải bỏ đi'. Tôi cũng muốn nhẫn lạc điều đó. Vì sao? Thế gian này quả thật vô thường, cần phải bỏ đi."

Vua Câu-lao-bà lại hỏi:

"Như Lại-tra-hòa-la đã nói, 'Đại vương, thế gian này không có sự thỏa mãn, không có sự biết đủ, là tôi tớ của ái'. Lại-tra-hòa-la, nói điều này, như vậy có nghĩa gì?"

Tôn giả Lại-tra-hòa-la đáp:

"Đại vương, bây giờ tôi hỏi nhà vua, xin tùy theo sự hiểu biết mà trả lời. Có nước Câu-lâu-sấu dồi dào, hậu cung dồi dào, kho tàng dồi dào không?"

Vua Câu-lao-bà đáp:

"Đúng vậy."

Tôn giả Lại-tra-hòa-la lại hỏi:

"Có nước Câu-lâu-sấu dồi dào và hậu cung dồi dào, kho tàng dồi dào; nếu có một người từ phương Đông đến, đáng tín nhiệm, không lừa dối, nói với nhà vua rằng: Tôi từ phương Đông đến, thấy nước ấy vô cùng giàu có an vui, nhân dân đông đúc."

Tôn giả Lại-tra-hòa-la lại nói:

"Phương Nam, phương Tây, phương Bắc cũng như vậy. Từ bờ biển lớn, nếu có một người đến, đáng tín nhiệm, không lừa dối, nói với nhà vua rằng: Tôi từ bờ biển lớn đến, thấy nước ấy vô cùng giàu có an lạc, nhân dân đông đúc."

Tôn giả Lại-tra-hòa-la nói:

"Đại vương, thế cho nên Đức Thế Tôn dạy rằng: 'Thế gian này không có sự thỏa mãn, không có biết đủ, là tôi tớ của ái'. Tôi muốn nhẫn lạc điều đó; tôi thấy, nghe, hiểu biết điều đó nên cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín lìa bỏ gia đình, sống không gia đình học đạo."

Vua Câu-lao-bà nói:

"Như Lại-tra-hòa-la đã nói, 'Đại vương, thế gian này không có sự thỏa mãn, không có sự biết đủ, là tôi tớ của ái'. Tôi cũng muốn nhẫn lạc điều đó. Vì sao? Vì thế gian này quả không có sự thỏa mãn, không có sự biết đủ, là tôi tớ của ái."

Tôn giả Lại-tra-hòa-la nói:

"Đức Thế Tôn, là đang đã biết, đã thấy, là Như Lai, Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác, nói cho tôi nghe bốn việc này. Tôi muốn nhẫn lạc điều đó nên cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín lìa bỏ gia đình, sống không gia đình học đạo."

Lúc đó, Tôn giả Lại-tra-hòa-la nói tụng rằng:

Ta thấy người thế gian,
Có của, ngu không thí;
Được của rồi cầu thêm,
Xan tham chứa chất của.
Nhà vua được thiên hạ,

Chỉnh ngự tùy sức mình.
Trong nước không biết đủ,
Lại tìm ở nước ngoài.
Nhà vua và nhân dân
Chưa lìa dục, mạng vong.
Xỏa tóc, vợ con khóc;
Ôi thôi, khổ khó ngăn.
Bó chăn đệm chôn cất;
Hoặc chất củi hỏa thiêu.
Duyên đi đến đời sau;
Thiêu rồi vẫn ngu dại.
Chết rồi của không theo;
Vợ con và nô tỳ,
Của nhiều cùng chung hưởng;
Ngu, trí, cũng vậy thôi.
Người trí chẳng âu lo;
Kẻ ngu ôm sầu thảm.
Thế nên trí tuệ hơn;
Bước về nẻo chánh giác.
Chấp chặt theo có Hữu,
Kẻ ngu gây hạnh ác.
Với pháp, làm phi pháp;
Dùng sức cưỡng đoạt người.
Kém trí bắt chước theo;
Ngu làm nhiều hạnh ác.
Nhập thai đến đời sau,
Luôn luôn chịu sanh tử.
Đã thọ sanh ra đời,
Chỉ làm các việc ác.
Như giặc bị bắt trói;
Tự làm ác hại mình.
Chúng sanh này như thế,
Cho mãi đến đời sau.
Do nghiệp mình đã tạo
Tự làm ác hại mình.
Như trái chín tự rụng;
Già trẻ cũng như vậy.
Muốn trang điểm, yêu thích;
Tâm hưởng sắc tốt xấu;
Bị dục trói buộc hại;
Do dục sanh kinh hãi.
Vua, tôi thấy giác này,
Biết Sa-môn vi diệu.

Tôn giả Lại-tra-hòa-la thuyết như vậy vua Câu-lao-bà sau khi nghe lời Tôn giả Lại-tra-hòa-la thuyết xong, hoan hỷ phụng hành.

❑

133. KINH ƯU-BA-LY[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật du hóa tại Na-nan-đà[2], trong vườn xoài Ba-bà-ly[3].

Lúc bấy giờ có người Ni-kiền là Trường Khổ Hạnh[4] sau giờ ăn trưa, ung dung đi đến chỗ Phật, và sau khi chào hỏi, ngồi xuống một bên.

Bấy giờ Đức Thế Tôn bèn hỏi:

"Nhà khổ hạnh Ni-kiền Thân Tử[5] chủ trương có bao nhiêu hành vi để không hành ác nghiệp, không tạo tác ác nghiệp[6]?"

Ni-kiền Trường Khổ Hạnh đáp:

"Thưa Cù-đàm, Tôn sư của tôi, Ni-kiền Thân Tử, không giảng dạy cho chúng tôi về những hành vi để không hành ác nghiệp, không tạo tác ác nghiệp. Nhưng người giảng dạy chúng tôi về sự trừng phạt để không hành ác nghiệp, không tạo tác ác nghiệp."

Thế Tôn lại hỏi:

"Nhà khổ hạnh Ni-kiền Thân Tử chủ trương có bao nhiêu sự trừng phạt để không hành ác nghiệp, không tạo tác ác nghiệp?"

Ni-kiền Trường Khổ Hạnh đáp rằng:

"Thưa Cù-đàm, Tôn sư của tôi, Ni kiền Thân Tử giảng dạy cho chúng tôi về ba sự trừng phạt để không hành ác nghiệp, không tạo tác ác nghiệp. Những gì là ba? Đó là sự trừng phạt bằng thân, sự trừng phạt bằng miệng và sự trừng phạt bằng ý[7].

Đức Thế Tôn lại hỏi:

"Này Khổ Hạnh, thế nào, thân phạt, khẩu phạt, ý phạt có khác nhau không?"

Ni-kiền Trường Khổ Hạnh đáp rằng:

"Thưa Cù-Đàm, đối với chúng tôi, thân phạt khác, khẩu phạt khác, ý phạt khác."

Đức Thế Tôn lại hỏi:

"Này Khổ Hạnh, các sự trừng phạt này tương tự như vậy. Ni-kiền Thân Tử chủ trương trừng phạt nào nặng hơn hết để không hành ác nghiệp, không tạo tác ác nghiệp?

---

1. Bản Hán, quyển 32. Tương đương Pāli, M. 56. Upāli-suttaṃ.
2. Na-nan-đà ━━━━C Pāli: Nāḷandā.
3. Ba-bà-ly nại lâm ━i━C━━━━L━C Pāli: Pāvārikambavana, khu rừng xoài của Pāvārika, một đại phú tại Nālānda (Na-nan-đà), một thị trấn ở gần Rājagaha.
4. Trường Khổ Hạnh Ni-kiền ━━W━━━━C Pāli: Dīghatapassī-nigantha, một đệ tử của Nigaṇṭha-Nātaputta (Ni-kiền Thân Tử).
5. Ni-kiền Thân Tử ━━━━━l━R Nigaṇṭha-Nātaputta.
6. Hán: *kỷ hành linh bất hành ác nghiệp bất tác ác nghiệp* ━X━━0━━━c━~ ━━@━c━~━C Pāli: kati…kammāni paññapeti pāpassa kammassa kiriyāya pāpassa kammassa pavattiyā'ti, có bao nhiêu nghiệp để thi hành ác nghiệp, để tiến hành ác nghiệp?
7. *Tam phạt: thân phạt, khẩu phạt, ý phạt* ━T━@━━@━f━@━N━@━C Pāli: tiṇi … daiḍāni paññapeti… seyyathidam, kāyadaṇḍaṃ vacīdaṇḍaṃ manodaṇḍaṃ.

Sự trừng phạt của thân chăng? Của khẩu chăng? Của ý chăng?"

Ni-kiền Trường Khổ Hạnh đáp rằng:

"Thưa Cù-đàm, các sự trừng phạt này tương tự như vậy. Tôn sư tôi, Ni-kiền Thân Tử chủ trương thân phạt là nặng hơn hết để không hành ác nghiệp, không tạo tác ác nghiệp. Khẩu phạt thì không phải vậy, ý phạt thì nhẹ nhất, không bằng thân phạt vốn 'rất lớn lao, rất nặng nề'."

Thế Tôn lại hỏi:

"Này Khổ Hạnh, ông nói thân phạt nặng nhất chăng?"

Ni-kiền Trường Khổ Hạnh đáp:

"Thưa Cù-đàm, thân phạt nặng nhất."

Đức Thế Tôn hỏi lại đến lần thứ ba:

"Này Khổ Hạnh, ông nói thân phạt nặng nhất chăng?"

Ni-kiền Trường Khổ Hạnh cũng ba lần đáp lại:

"Thưa Cù-đàm, thân phạt nặng nhất."

Đức Thế Tôn thẩm định ba lần Ni-kiền Trường Khổ Hạnh việc như vậy xong, bèn ngồi im lặng.

Ni-kiền Trường Khổ Hạnh hỏi:

"Sa-môn Cù-đàm chủ trương có bao nhiêu sự trừng phạt để không hành ác nghiệp, không tạo tác ác nghiệp?"

Bấy giờ Đức Thế Tôn đáp:

"Này Khổ Hạnh, Ta không giảng thuyết về những trừng phạt để không hành ác nghiệp, không tạo tác ác nghiệp. Ta chỉ giảng thuyết về nghiệp để không hành ác nghiệp, không tạo tác ác nghiệp."

Ni-kiền Trường Khổ Hạnh hỏi:

"Cù-đàm chủ trương có bao nhiêu nghiệp để không hành ác nghiệp, không tạo tác ác nghiệp?"

Thế Tôn lại đáp:

"Này Khổ Hạnh, Ta giảng thuyết về ba nghiệp để không hành ác nghiệp, không tạo tác ác nghiệp. Thế nào là ba? Là thân nghiệp, khẩu nghiệp và ý nghiệp."

Ni-kiền Trường Khổ Hạnh lại hỏi:

"Cù-đàm, thân nghiệp khác, khẩu nghiệp khác, ý nghiệp khác chăng?"

Thế Tôn lại đáp:

"Ta nói, thân nghiệp khác, khẩu nghiệp khác, ý nghiệp khác vậy".

Ni-kiền Trường Khổ Hạnh hỏi:

"Thưa Cù-đàm, ba nghiệp này tương tự như vậy, Ngài chủ trương nghiệp nào nặng nhất để không hành ác nghiệp, không tạo tác ác nghiệp? Là thân nghiệp chăng? Khẩu nghiệp chăng? Ý nghiệp chăng?"

Thế Tôn lại đáp:

"Này Khổ Hạnh, ba nghiệp này tương tự như vậy, Ta giảng thuyết ý nghiệp là nặng nhất để không hành ác nghiệp, không tạo tác ác nghiệp. Thân nghiệp và khẩu nghiệp thì không phải vậy."

Ni-kiền Trường Khổ Hạnh hỏi:

"Cù-Đàm chủ trương ý nghiệp nặng nhất chăng?"

Thế Tôn đáp:

"Này Khổ Hạnh, Ta giảng thuyết ý nghiệp là nặng nhất."

Ni-kiền Trường Khổ Hạnh lại hỏi đến ba lần:

"Cù-Đàm chủ trương thi thiết ý nghiệp là nặng nhất chăng?"

Thế Tôn cũng trả lời đến ba lần:

"Này Khổ Hạnh, Ta giảng thuyết ý nghiệp là nặng nhất vậy."

Ni-kiền Trường Khổ Hạnh ba lần thẩm định Thế Tôn sự việc đó như vậy xong, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đi nhiễu ba vòng quanh Thế Tôn rồi lui về; đi đến chỗ Ni-kiền Thân Tử. Ni-kiền Thân Tử từ xa thấy Trường Khổ Hạnh đi đến, liền hỏi:

"Này Khổ Hạnh, ngươi từ đâu đến vậy?"

Ni-kiền Trường Khổ Hạnh đáp:

"Con từ Na-nan-đà, trong vườn xoài Ba-bà-ly, tại chỗ của Sa-môn Cù-đàm đến đây."

Ni-kiền Thân Tử hỏi:

"Này Khổ Hạnh, ông có cùng Sa-môn Cù-đàm bàn luận không?"

Ni-kiền Trường Khổ Hạnh đáp:

"Có bàn luận với nhau."

Ni-kiền Thân Tử nói rằng:

"Này Khổ Hạnh, nếu đã cùng với Sa-môn Cù-đàm bàn luận, thì hãy nói lại hết cho ta nghe, để hoặc giả ta biết được luận thuyết của vị ấy".

Rồi Ni-kiền Trường Khổ Hạnh mới đem sự việc thảo luận với Thế Tôn nói lại cho ông nghe. Ni-kiền Thân Tử nghe xong, khen rằng:

"Hay thay Khổ Hạnh! Ngươi đối với Tôn sư đã làm đúng pháp của đệ tử. Ông là người mà việc phải làm được thành biện bằng trí tuệ. Với quyết định thông minh, với sự trầm tĩnh không sợ hãi, hoàn toàn tự tin tưởng, đã đạt đến tài hùng biện, đã bắt được ngọn cờ cam lộ, ở trong cảnh giới cam lộ tự thân chứng ngộ, thành tựu an trụ[8]. Vì sao vậy? Ngươi vừa rồi đối với Sa-môn Cù-đàm mà giảng thuyết thân phạt là nặng nhất để không hành ác nghiệp, không gây ác nghiệp. Khẩu phạt không như vậy. Ý phạt càng kém hơn; không bằng thân phạt rất lớn lao, rất trầm trọng."

Khi ấy, Cư sĩ Ưu-ba-ly[9] cùng năm trăm Cư sĩ tập họp trong chúng chắp tay hướng Ni-kiền Thân Tử. Rồi Cư sĩ Ưu-ba-ly nói với Ni-kiền Trường Khổ Hạnh:

"Ngài đã ba lần thẩm định Sa-môn Cù-đàm việc như vậy?"

Ni-kiền Trường Khổ Hạnh đáp:

"Cư sĩ, tôi đã ba lần thẩm định Sa-môn Cù-đàm việc như vậy."

Cư sĩ Ưu-ba-ly nói với Ni-kiền Trường Khổ Hạnh:

"Tôi cũng có thể đến thẩm định ba lần Sa-môn Cù-đàm việc như vậy, rồi lôi kéo đi đâu tùy ý. Cũng như người lực sĩ nắm con dê có cái bờm dài[10] rồi lôi kéo đi đâu tùy ý; tôi cũng như vậy, có thể đến thẩm định ba lần Sa-môn Cù-đàm việc như vậy, rồi lôi kéo đi đâu tùy ý. Cũng như người lực sĩ cầm áo lông giũ bụi, tôi cũng như vậy, có thể đến thẩm định lại ba lần với Sa-môn Cù-đàm việc như vậy, rồi lôi kéo đi đâu tùy ý. Tôi cũng như

---

8. *Sở tác trí biện, thông minh quyết định, an ổn vô úy, thành tựu điều ngự, đãi đắc biện tài đắc cam lộ tràng, ư cam lộ giới, tự tác chứng thành tựu du* ——@——G-A -o——M-w-A-w——L——A——N——s-A-e-o-G-~-A-o——S-l-A————S——A——@————N-C-CLời khen ngợi này cũng giống như lời khen ngợi giữa Tôn giả Xá-lợi-phất và Mãn Từ Tử trong kinh số 9 trên.

9. Ưu-ba-ly cư sĩ -u-i——~-h-Ađệ tử tại gia của Ni-kiền Thân Tử. Pāli: Upāli- gahapati.

10. *Chấp trường mao dương* ——————CPāli: dīghalomikaṃ eḷakaṃ lomesu gahetvā, túm lấy lông của con dê có lông dài.

vậy, có thể đến thẩm định lại ba lần với Sa-môn Cù-đàm việc như vậy rồi lôi kéo đi dâu tùy ý. Cũng như người nấu rượu[11], hay đệ tử của người nấu rượu, lấy cái túi lọc rượu đem để vào trong nước, rồi tùy theo ý muốn, lôi đi đâu tùy ý; tôi cũng như vậy, có thể đến thẩm định ba lần Sa-môn Cù-đàm việc như vậy, rồi lôi kéo đi đâu tùy ý. Cũng như con voi chúa đã sáu mươi tuổi, là một đại long tượng kiêu ngạo[12], đủ ngà, đủ vóc, gân sức mạnh mẽ, một lực sĩ dẫn đi, lấy nước rửa bắp vế, rửa xương sống, rửa sườn, rửa bụng, rửa răng, rửa đầu và giỡn chơi trong nước; tôi cũng như vậy, có thể đến thẩm định ba lần với Sa-môn Cù-đàm việc như vậy, rồi tùy theo chỗ mà tẩy. Tôi đến chỗ Sa-môn Cù-đàm cùng ông bàn luận, hàng phục xong rồi trở về."

Ni-kiền Thân Tử nới với Cư sĩ Ưu-ba-ly rằng:

"Ta cũng có thể hàng phục Sa-môn Cù-đàm. Ông cũng có thể. Ni-kiền Trường Khổ Hạnh cũng có thể vậy."

Khi ấy, Ni-kiền Trường Khổ Hạnh thưa với Ni-kiền Thân Tử:

"Con không muốn để cho Cư sĩ Ưu-ba-ly đi đến chỗ Sa-môn Cù-đàm. Vì sao như vậy? Vì Sa-môn Cù-đàm biết chú huyễn hóa, có thể dùng chú thuật biến hóa làm đệ tử, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di. Con sợ Cư sĩ Ưu-ba-ly bị Sa-môn Cù-đàm biến hóa, hóa làm đệ tử."

Ni-kiền Thân Tử nói:

"Khổ Hạnh, Cư sĩ Ưu-ba-ly mà bị Sa-môn Cù-đàm biến hóa, hóa làm đệ tử, việc đó hoàn toàn không có. Sa-môn Cù-đàm bị Cư sĩ Ưu-ba-ly biến hóa làm đệ tử, chắc chắn có việc ấy."

Cư sĩ Ưu-ba-ly thưa lại lần thứ ba với Ni-kiền Thân Tử rằng:

"Hôm nay con đi đến chỗ Sa-môn Cù-đàm cùng ông ấy đàm luận. Hàng phục xong, con trở về."

Ni-kiền Thân Tử cũng đáp lại lần thứ ba rằng:

"Ông nên đi nhanh đi. Ta cũng có thể hàng phục Sa-môn Cù-đàm. Ông cũng có thể. Ni-kiền Trường Khổ Hạnh cũng có thể vậy."

Ni-kiền Trường Khổ Hạnh bạch lại lần thứ ba rằng:

"Con không muốn để cho Cư sĩ Ưu-ba-ly đi đến chỗ Sa-môn. Vì sao vậy? Vì Sa-môn Cù-đàm biết chú huyễn hóa, có thể dùng chú thuật biến hóa làm đệ tử, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di. Con sợ Cư sĩ Ưu-ba-ly bị Sa-môn Cù-đàm biến hóa làm đệ tử."

Ni-kiền Thân Tử nói:

"Khổ Hạnh, Cư sĩ Ưu-ba-ly bị Sa-môn Cù-đàm biến hóa làm đệ tử, việc đó hoàn toàn không có. Sa-môn Cù-đàm bị Cư sĩ Ưu-ba-ly biến hóa làm đệ tử, chắc chắn có việc ấy. Cư sĩ Ưu-ba-ly, người đi tùy ý."

Lúc ấy, Cư sĩ Ưu-ba-ly cúi đầu sát chân Ni-kiền Thân Tử ba lần rồi đi đến chỗ Phật, chào hỏi Phật rồi ngồi sang một bên, hỏi rằng:

"Thưa Cù-đàm, ngày hôm nay Ni-kiền Trường Khổ Hạnh có đến đây không?"

Đức Thế Tôn đáp:

---

11. *Cô tửu sư* ━f━s━v(nhà bán rượu). *Cô,* Tống-Nguyên-Minh: ━^━F Pāli, gồm hai thí dụ: balavā soṇḍikākammakaro, lực sĩ nấu ruợu; và balavāsoiḍikādhutto, lực sĩ say rượu.

12. Kiêu ngạo Ma-ha-năng-già ━━━━F━━[━CKhông rõ Pāli; nhưng Sanskrit có thể là pramādana-mahānāga, con voi chúa say rượu; thay vì pra-māna- (kiêu mạn). Thí dụ này, trong bản Pāli: (…) kuñjaro saṭṭhihāyano, con voi già sáu mươi tuổi.

"Cư sĩ, có đến."

Cư sĩ Ưu-ba-ly hỏi:

"Cù-đàm, có cùng với Ni-kiền Trường Khổ Hạnh đàm luận chăng?"

Đức Thế Tôn đáp:

"Có cùng đàm luận."

Cư sĩ Ưu-ba-ly nói:

"Cù-đàm, nếu đã cùng với Ni-kiền Trường Khổ Hạnh đàm luận, xin Ngài thuật lại hết cho tôi nghe. Hoặc giả, sau khi nghe xong, tôi biết được việc đó."

Rồi Thế Tôn thuật hết lại những điều mà Ngài cùng với Ni-kiền Trường Khổ Hạnh đàm luận cho Ưu-ba-ly nghe. Lúc đó Cư sĩ Ưu-ba-ly nghe rồi, khen rằng:

"Hay thay Khổ Hạnh! Như vậy mới gọi là đối với Tôn sư làm đúng việc thực hành pháp của một đệ tử. Điều phải làm được thành biện bằng trí tuệ, với quyết định thông minh, với sự trầm tĩnh không sợ hãi, với sự hoàn toàn tự tin tưởng, đạt đến đại biện tài, bắt được ngọn cờ cam lộ, ở trong cảnh giới cam lộ mà tự tác chứng, thành tựu an trụ. Vì sao như vậy? Vì đã đối với Sa-môn Cù-đàm mà trình bày thân phạt là tối thượng để không hành ác nghiệp, không gây ác nghiệp. Khẩu phạt không như vậy, ý càng kém hơn, không bằng thân phạt, vốn rất lớn lao, rất nặng nề".

Khi đó Đức Thế Tôn bảo rằng:

"Cư sĩ, Ta muốn cùng ông bàn luận về việc này. Nếu như ông an trụ trong sự thật, thì bằng sự thật mà đáp[13]."

Cư sĩ Ưu-ba-ly đáp:

"Cù-đàm, tôi an trụ trong sự thật, bằng sự thật mà đáp. Sa-môn Cù-đàm, hãy nên cùng tôi bàn luận việc này."

Đức Thế Tôn hỏi:

"Cư sĩ, ông nghĩ sao? Ở đây nếu Ni-kiền ưa bố thí, thích hành việc bố thí, không hý luận, ưa sự không hý luận, rất thanh tịnh, chuyên hành chú[14]. Nếu khi người ấy đi đến đây, đạp chết nhiều côn trùng lớn nhỏ, thì thế nào, Cư sĩ, Ni-kiền Thân Tử đối với việc sát sanh này chủ trương có quả báo ra sao?"

Cư sĩ Ưu-ba-ly đáp:

"Thưa Cù-đàm, nếu người ấy cố ý thì có tội lớn, nếu không cố ý[15] thì không có tội lớn."

Đức Thế Tôn hỏi:

"Cư sĩ, ông nói cố ý là thế nào?"

Cư sĩ Ưu-ba-ly đáp:

"Thưa Cù-đàm, đó là ý nghiệp[16] vậy."

Đức Thế Tôn bảo:

"Cư sĩ, ông nên suy nghĩ rồi trả lời. Những điều nói trước trái với điều sau, sau

---

13. Pāli: sace kho tvaṃ gahapati sacce patiṭṭhāya manteyyāsi siyā no ettha kathāsallāpo ti, "nếu ông an trú trên sự thật mà tư duy thì ở đây có thể có hội thoại của chúng ta".

14. Trong bản Pāli, đề cập bốn chế giới của Ni-kiền Tử, cātuyāmasaṃvarasaṃvutto: sabbavārivārito sabbavāriyutto sabbavāridhuto sabbavāriphuṭo, hoàn toàn cấm chỉ nước, hoàn toàn chuyên tâm (vào sự cấm chế tất cả nước).

15. Hán: tư ——A và vô tư. Pāli: cetana; và asañcetanika.

16. Bản Hán, *tư* tức *ý nghiệp*. Bản Pāli: *tư* trong trường hợp này là *ý phạt*: cetanṃ… manodaiḍasmiṃ.

trái với điều trước, không phù hợp nhau. Cư sĩ, ông ở trong chúng này tự nói: 'Cù-đàm, tôi an trụ trong sự thật, bằng sự thật mà đáp. Sa-môn Cù-đàm, hãy nên cùng tôi bàn luận việc này'. Cư sĩ, ông nghĩ sao? Nếu có Ni-kiền chỉ uống nước nóng, dứt hẳn nước lạnh[17]. Nhưng khi không có nước nóng bèn muốn uống nước lạnh. Không có nước lạnh người ấy liền chết. Này Cư sĩ, Ni-kiền Thân Tử có thể nói thế nào về chỗ thác sanh của Ni-kiền ấy?"

Cư sĩ Ưu-ba-ly đáp:

"Thưa Cù-đàm, có loại trời gọi là Ý trước[18]. Vị Ni-kiền đó mạng chung, do ý có chấp trước tất sanh vào chỗ ấy."

Đức Thế Tôn bảo:

"Cư sĩ, ông nên suy nghĩ rồi sẽ trả lời. Những điều ông nói trước trái với sau, sau trái với trước, không phù hợp nhau. Cư sĩ, ông ở trong chúng này tự nói: 'Cù-đàm, tôi an trụ trong sự thật, bằng sự thật mà đáp. Sa-môn Cù-đàm, hãy nên cùng tôi bàn luận việc này'. Cư sĩ, ông nghĩ sao, giả sử có người cầm dao bén tới đây, người ấy nói rằng: 'Trong một ngày tôi chém đầu, lột da, xẻ thịt tất cả chúng sanh ở trong xứ Na-nan-đà này chất thành đống thịt, làm thành khối thịt'. Cư sĩ, ông nghĩ sao, người ấy có thể trong một ngày mà chém đầu, lột da, xẻ thịt tất cả chúng sanh ở xứ Na-nan-đà này chất thành đống thịt, làm thành một khối thịt không?"

Cư sĩ Ưu-ba-ly đáp:

"Không thể. Vì sao như vậy? Xứ Na-nan-đà này quá giàu có an vui, nhân dân đông đúc, cho nên người ấy chắc chắn không thể trong một ngày mà chém đầu, lột da, xẻ thịt tất cả chúng sanh chất thành đống thịt, làm thành khối thịt được. Thưa Cù-đàm, người ấy chỉ gây phiền nhọc vô ích."

Đức Thế Tôn bảo:

"Cư sĩ, ông nghĩ sao, nếu có Sa-môn, Phạm chí đến, có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai thần, tâm được tự tại, người ấy nói như vầy: 'Ta chỉ khởi một niệm sân, làm cho cả xứ Na-nan-đà này thiêu rụi thành tro'. Này Cư sĩ, ông nghĩ sao? Sa-môn, Phạm chí ấy có thể làm cho cả Na-nan-đà này thiêu rụi thành tro không?"

Cư sĩ Ưu-ba-ly đáp:

"Thưa Cù-đàm, đâu phải chỉ một Na-nan-đà, đâu phải chỉ hai hoặc ba, hoặc bốn; mà thưa Cù-đàm, Sa-môn Phạm chí kia có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai thần, tâm được tự tại, nếu khởi lên niệm sân thì có thể làm cho hết thảy các nước, hết thảy nhân dân thiêu rụi thành tro, sá gì một Na-nan-đà?"

Đức Thế Tôn bảo:

"Cư sĩ, ông nên suy nghĩ rồi sẽ trả lời. Những điều nói trước trái với sau, sau trái với trước, không phù hợp nhau. Ông ở tại chúng này tự nói: 'Sa-môn Cù-đàm, tôi an trú trong sự thật, bằng sự thật mà đáp. Sa-môn Cù-đàm, hãy nên cùng tôi bàn luận việc này'."

---

17. Pāli: (…) nigaṇṭho ābādhika… sītodakapaṭikkhito uṇhodakapaṭisevī, có người Ni-kiền bệnh… không uống nước lạnh, mà chỉ uống nước nóng.

18. Ý trước (thiên) ─N━━━CPāli: Manosatta, những ai khi chết mà còn có chỗ chấp trước sẽ tái sanh vào đây.

Đức Thế Tôn hỏi:

"Cư sĩ, ông có từng nghe rừng Đại-trạch, rừng Kỳ-lân, rừng Mê-lộc, rừng Tĩnh tịch, rừng Không dã; tại sao những khu rừng ấy là những khu rừng?[19]"

Cư sĩ Ưu-ba-ly đáp:

"Thưa Cù-đàm, tôi có nghe."

"Cư sĩ, ông nghĩ sao? Vì ai mà rừng Đại-trạch, rừng Kỳ-lân, rừng Mê-lộc, rừng Tĩnh tịch, rừng Không dã, tại sao những khu rừng này là những khu rừng?"

Cư sĩ Ưu-ba-ly im lặng không đáp.

Đức Thế Tôn bảo:

"Cư sĩ, hãy trả lời nhanh đi! Hãy trả lời nhanh đi! Bây giờ không phải là lúc im lặng. Cư sĩ! Ở tại chúng này, ông tự nói: 'Thưa Cù-đàm, tôi an trú trong sự thật, bằng sự thật mà đáp. Sa-môn Cù-đàm, hãy nên cùng tôi bàn luận việc này'."

Lúc ấy, Cư sĩ Ưu-ba-ly chỉ im lặng trong chốc lát rồi nói:

"Thưa Cù-đàm, tôi không im lặng. Tôi chỉ suy nghĩ về ý nghĩa này vậy. Thưa Cù-đàm, bọn Ni-kiền ngu si kia không hiểu rõ ràng, không thể giải biết, không biết khoảnh ruộng tốt mà không tự xét, cứ mãi lừa dối tôi, tôi mê lầm vì họ, nghĩa là vì nhắm đến Sa-môn Cù-đàm mà họ chủ trương thân phạt là nặng nhất để không làm ác nghiệp, không gây ác nghiệp, khẩu phạt và ý phạt không bằng. Nếu như theo những điều mà Sa-môn Cù-đàm đã nói, tôi hiểu ý nghĩa rằng, bởi vì Tiên nhân khởi một niệm sân mà có thể làm cho rừng Đại-trạch, rừng Kỳ-lân, rừng Mê-lộc, rừng Tĩnh tịch, rừng Không dã, những khu rừng này trở thành những khu rừng.

"Bạch Thế Tôn, con đã biết. Bạch Thiện Thệ, con đã hiểu. Hôm nay con xin quy y Phật, Pháp và chúng Tỳ-kheo. Cúi xin Thế Tôn nhận con làm Ưu-bà-tắc. Từ nay về sau, trọn đời con quy y cho đến khi chết".

Đức Thế Tôn bảo:

"Cư sĩ, ông hãy im lặng mà làm, không nên lớn tiếng tuyên bố[20]. Sự im lặng của người thù thắng[21] như vậy là tốt đẹp."

Cư sĩ Ưu-ba-ly bạch:

"Bạch Thế Tôn, với sự kiện này, đối với Thế Tôn con lại bội phần hoan hỷ. Vì sao như vậy? Vì Thế Tôn đã nói như thế này: "Cư sĩ, ông hãy im lặng mà làm, không nên lớn tiếng tuyên bố. Sự im lặng của người thù thắng như vậy là tốt đẹp'.

"Bạch Thế Tôn, nếu như con mà làm đệ tử của các Sa-môn, Phạm chí khác thì họ đã cầm tràng phan, dù lọng đi tuyên bố khắp nơi Na-nan-đà, nói như thế này: 'Cư sĩ Ưu-ba-ly đã làm đệ tử ta! Cư sĩ Ưu-ba-ly đã làm đệ tử ta!' Nhưng Thế Tôn lại nói như thế này: 'Cư sĩ, ông hãy im lặng mà làm, không nên lớn tiếng tuyên bố. Sự im lặng của người thù thắng như vậy là tốt đẹp'."

---

19. Đại-trạch vô sự, Kỳ-lân vô sự, Mi-lộc vô sự, Tĩnh tịch vô sự, Không dã vô sự -j-A-L--A-Q--L--A-G--L--A-R-I-L--A----L--C Tham chiếu dẫn chứng của Duy Thức Nhị Thập Luận: rừng Đàn-trạch-ca, rừng Ma-đăng-già, rừng Kiết-lăng-già. Những khu rừng này trước kia vốn là những đô thị trù phú, nhưng do sự phẫn nộ của các đạo sĩ, chúng trở thành rừng xanh. (Xem giải thích của Khuy Cơ, Duy Thức Nhị Thập Luận Thuật Ký. No.1834, trang 1005 a và tt). Các khu rừng được kể trong bản Pāli: Daṇḍakāraññaṃ Kāliṅgāraññaṃ Mejjhāraññaṃ Mātaṅgāraññaṃ.

20. Hán: *mặc nhiên hành…*; Pāli: manasi karohi…manasi karitvā vyākarohi: hãy suy nghĩ chín chắn. Suy nghĩ chín chắn rồi hãy tuyên bố.

21. Thắng nhân --H-C Pāli nói: ñāta-nanussa, người nổi tiếng, vì Upāli vốn là nhân vật nổi tiếng.

Cư sĩ Ưu-ba-ly lại bạch rằng:

"Bạch Thế Tôn, từ nay về sau con không cho các Ni-kiền đi vào nhà con. Chỉ có bốn chúng đệ tử Thế Tôn, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di vào mà thôi."

Đức Thế Tôn bảo:

"Cư sĩ, các Ni-kiền kia cùng với gia đình ông trong một thời gian dài đã tôn kính nhau. Nếu họ có đến thì ông nên tùy theo khả năng của mình mà cúng dường họ."

Ưu-ba-ly bạch:

"Bạch Thế Tôn, với sự kiện này, đối với Thế Tôn con lại bội phần hoan hỷ. Vì sao như vậy? Vì Thế Tôn đã nói như thế này: 'Cư sĩ, các Ni-kiền kia đối với gia đình ông trong một thời gian dài đã tôn kính nhau. Nếu họ có đến thì ông nên tùy theo khả năng của mình mà cúng dường họ'. Bạch Thế Tôn, ngày trước con nghe nói Thế Tôn dạy như thế này: 'Nên cho Ta, đừng cho người khác. Nếu cho Ta sẽ được phước lớn, nếu cho người khác thì không được phước lớn. Cho đệ tử Ta thì sẽ được phước lớn, cho đệ tử người khác thì không được phước lớn'."

Đức Thế Tôn bảo:

"Cư sĩ, Ta không nói như thế. Ta không nói rằng: 'Nên cho Ta chứ đừng cho người khác. Cho đệ tử Ta chứ đừng cho đệ tử người khác. Nếu cho Ta thì phước lớn, nếu cho người khác thì không được phước lớn. Cho đệ tử Ta sẽ được phước lớn, nếu cho đệ tử người khác thì không được phước lớn'. Cư sĩ, Ta nói như thế này: 'Hãy cho tất cả tùy theo tâm hoan hỷ. Nhưng cho người không tinh tấn không được phước lớn. Cho người tinh tấn sẽ được phước lớn'."

Cư sĩ Ưu-ba-ly bạch:

"Bạch Thế Tôn, xin nguyện không làm vậy[22]. Con tự biết nên cho Ni-kiền hay không nên cho Ni-kiền. Bạch Thế Tôn, hôm nay một lần nữa con xin tự quy y Phật, Pháp và chúng Tỳ-kheo. Cúi xin Thế Tôn nhận con làm Ưu-bà-tắc. Từ nay về sau, trọn đời quy y cho đến khi chết."

Khi ấy Đức Thế Tôn thuyết pháp cho Cư sĩ Ưu-ba-ly, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ. Sau khi bằng vô lượng phương tiện thuyết pháp, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ rồi, như pháp của chư Phật, Đức Phật trước hết nói pháp đoan chánh[23] khiến người nghe hoan hỷ, ấy là nói pháp bố thí, trì giới, sanh thiên, chê bai dục là tai hoạn, sanh tử là nhớp nhơ; khen vô dục là đạo phẩm vi diệu, là bạch tịnh.

Thế Tôn nói pháp như vậy cho ông nghe xong, Ngài biết ông có tâm hoan hỷ, tâm cụ túc, tâm nhu nhuyến, tâm kham nại, tâm tăng thượng, tâm hướng đến, tâm không nghi ngờ, tâm không triền cái, có năng lực nhận lãnh chánh pháp. Rồi như pháp chánh yếu mà chư Phật đã nói, Đức Thế Tôn liền nói Khổ, Tập, Diệt, Đạo cho ông nghe. Cư sĩ Ưu-ba-ly ngay tại chỗ ngồi đã thấy bốn Thánh đế Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Cũng như vải trắng dễ nhuộm sắc màu; cũng vậy, Cư sĩ Ưu-ba-ly ngay tại chỗ ngồi thấy bốn Thánh đế Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Ngay khi đó, Cư sĩ Ưu-ba-ly thấy pháp, đắc pháp, biết pháp bạch tịnh, đoạn nghi độ hoặc, không còn tôn thờ ai khác, không theo ai khác, không còn do dự, đã trụ quả chứng. Đối với pháp của Thế Tôn được vô sở úy, liền rời chỗ ngồi đứng dậy làm lễ Đức Phật:

"Bạch Thế Tôn, hôm nay con ba lần tự quy y Phật, Pháp và chúng Tỳ-kheo. Cúi xin

---

22. *Nguyện vô vi dã*: Không rõ nghĩa chính xác.

23. Đoan chánh pháp: Trong bản Pāli: anupubbikathā, thuận tự pháp thoại.

Thế Tôn nhận con làm Ưu-bà-tắc. Từ nay về sau, trọn đời con quy y cho đến khi chết."

Rồi Cư sĩ Ưu-ba-ly sau khi nghe pháp được Phật giảng dạy, khéo thọ, khéo trì, cúi đầu lễ chân Phật, đi quanh ba vòng, trở về nhà bảo người đứng giữ cửa rằng:

"Các ngươi nên biết, nay ta là đệ tử của Đức Thế Tôn. Từ nay về sau, các Ni-kiền tử đến chớ cho vào cửa, chỉ cho bốn chúng đệ tử của Đức Thế Tôn là Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di vào mà thôi. Nếu có Ni-kiền đến thì nói với họ rằng: 'Tôn giả, Cư sĩ Ưu-ba-ly nay được Phật cải hóa, đã hóa làm đệ tử Phật, nên không cho các Ni-kiền vào cửa, chỉ cho bốn chúng đệ tử của Đức Thế Tôn là Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di vào mà thôi. Nếu người cần thức ăn, hãy đứng đó. sẽ đem thức ăn ra cho."

Khi đó, Ni-kiền Trường Khổ Hạnh nghe Cư sĩ Ưu-ba-ly đã được Sa-môn Cù-đàm cải hóa, hóa làm đệ tử và không cho Ni-kiền vào cửa, chỉ cho đệ tử của Sa-môn Cù-đàm là Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di vào. Ni-kiền Trường Khổ Hạnh nghe xong như vậy rồi đi đến chỗ Ni-kiền Thân Tử bạch rằng:

"Thưa tôn sư, đây điều con đã nói trước."

Ni-kiền Thân Tử hỏi:

"Khổ Hạnh, điều gì gọi là điều ngươi đã nói trước?"

Ni-kiền Trường Khổ Hạnh đáp:

"Thưa tôn sư, con đã nói trước rằng: 'Không muốn cho Cư sĩ Ưu-ba-ly đi đến chỗ Sa-môn Cù-đàm. Vì sao như vậy? Vì Sa-môn Cù-đàm biết chú huyễn hóa, có thể dùng chú thuật hóa làm đệ tử Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di. Con sợ rằng Cư sĩ Ưu-ba-ly sẽ bị Sa-môn Cù-đàm biến hóa, hóa làm đệ tử'. Thưa tôn sư, Cư sĩ Ưu-ba-ly nay đã bị Sa-môn Cù-đàm biến hóa, hóa làm đệ tử rồi, không cho các Ni-kiền vào cửa, chỉ cho đệ tử Sa-môn Cù-đàm là Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di vào."

Ni-kiền Thân Tử nói:

"Khổ Hạnh, Cư sĩ Ưu-ba-ly bị Sa-môn Cù-đàm biến hóa làm đệ tử, việc ấy hoàn toàn không có. Sa-môn Cù-đàm bị Cư sĩ Ưu-ba-ly biến hóa làm đệ tử, việc ấy chắc chắn có."

Ni-kiền Trường Khổ Hạnh bạch lại:

"Thưa tôn sư, nếu không tin lời con nói, thì tôn sư có thể thân hành đến, hoặc sai người đến."

Khi ấy, Ni-kiền Thân Tử bảo:

"Khổ Hạnh, ông nên thân hành đến đó xem sao. Có phải Cư sĩ Ưu-ba-ly đã bị Sa-môn Cù-đàm biến hóa làm đệ tử rồi chăng? Hay là Sa-môn Cù-đàm bị Cư sĩ Ưu-ba-ly biến hóa làm đệ tử rồi?"

Ni-kiền Trường Khổ Hạnh vâng lệnh Ni-kiền Thân Tử, đi đến nhà Cư sĩ Ưu-ba-ly. Người giữ cửa vườn trông thấy Ni-kiền Trường Khổ Hạnh đến, liền nói như thế này:

"Tôn giả, Cư sĩ Ưu-ba-ly nay đã được Phật cải hóa, hóa thành đệ tử Phật rồi, nên không cho các Ni-kiền vào cửa, chỉ cho bốn chúng đệ tử của Thế Tôn là Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di vào thôi. Nếu ngài muốn nhận thức ăn thì nên đứng đó, con sẽ đem thức ra cho.

Ni-kiền Trường Khổ Hạnh nói:

"Người giữ cửa, ta không cần thức ăn."

Ni-kiền Trường Khổ Hạnh biết việc này như vậy rồi, lắc đầu bỏ đi, về tới chỗ Ni-kiền Thân Tử thưa:

"Thưa tôn sư, đây là điều con đã nói trước."

Ni-kiền Thân Tử hỏi:

"Khổ Hạnh, cái gì gọi là điều ông đã nói trước?"

Trường Khổ Hạnh Ni-kiền đáp:

"Thưa tôn sư, tôi đã nói rằng: 'Không muốn cho Cư sĩ Ưu-ba-ly đi đến chỗ Sa-môn Cù-đàm. Vì sao như vậy? Vì Sa-môn Cù-đàm biết chú huyễn hóa, có thể dùng chú thuật hóa làm đệ tử Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di. Con sợ rằng Cư sĩ Ưu-ba-ly sẽ bị Sa-môn Cù-đàm biến hóa, hóa làm đệ tử'. Thưa tôn sư, Cư sĩ Ưu-ba-ly nay đã bị Sa-môn Cù-đàm biến hóa, hóa làm đệ tử rồi, không cho các Ni-kiền vào cửa, chỉ cho đệ tử Sa-môn Cù-đàm là Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di vào."

Ni-kiền Thân Tử nói:

"Khổ Hạnh, Cư sĩ Ưu-ba-ly bị Sa-môn Cù-đàm biến hóa làm đệ tử, việc ấy hoàn toàn không có. Sa-môn Cù-đàm bị Cư sĩ Ưu-ba-ly biến hóa làm đệ tử, việc ấy chắc chắn có."

Ni-kiền Trường Khổ Hạnh bạch lại:

"Thưa tôn sư, nếu không tin lời con nói, thì tôn sư có thể thân hành đến.

Lúc đó Ni-kiền Thân Tử và đại chúng Ni-kiền năm trăm người cùng đi đến nhà Cư sĩ Ưu-ba-ly. Người giữ cửa vừa trông thấy Ni-kiền Thân Tử và đại chúng Ni-kiền năm trăm người kéo đến, nói như thế này: "Thưa Tôn giả, Cư sĩ Ưu-ba-ly nay đã được Phật cải hóa, hóa thành đệ tử Ngài rồi, nên không cho các Ni-kiền vào cửa, chỉ cho bốn chúng đệ tử của Thế Tôn là Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di vào cửa mà thôi. Nếu ngài muốn nhận thức ăn thì nên đứng đó, con sẽ đem thức ăn ra cho."

Ni-kiền Thân Tử nói:

"Người giữ cửa, ta không cần thức ăn, ta chỉ muốn gặp Cư sĩ Ưu-ba-ly."

Người giữ cửa nói:

"Xin ngài đứng đó, để con thưa với Cư sĩ Ưu-ba-ly."

Người giữ cửa kia liền vào thưa rằng:

"Thưa Cư sĩ, Ni-kiền Thân Tử cùng đại chúng Ni-kiền năm trăm người đứng ở ngoài cửa, nói như thế này: 'Ta muốn được gặp Cư sĩ Ưu-ba-ly.'"

Cư sĩ Ưu-ba-ly bảo người giữ cửa:

"Ngươi đến cửa giữa[24] trải bày tòa ngồi. Bày xong trở lại cho ta biết."

Người giữ cửa vâng lệnh, đi đến cửa giữa trải bày giường ngồi xong rồi trở lại thưa:

"Thưa Cư sĩ, đã trải giường xong, kính mong Cư sĩ tự biết thời."

Cư sĩ Ưu-ba-ly dẫn người giữ cửa đi đến nhà giữa. Ở đó có một cái giường thật cao rộng, to lớn, rất sạch sẽ, được trải khéo léo, đó là chỗ Cư sĩ Ưu-ba-ly trước kia đã bế[25] Ni-kiền Thân Tử để ngồi lên đó, thì bây giờ Cư sĩ Ưu-ba-ly tự leo lên ngồi kiết già, bảo với người giữ cửa:

"Ngươi ra chỗ Ni-kiền Thân Tử nói như thế này: 'Tôn nhân, Cư sĩ Ưu-ba-ly nói tôn nhân muốn vào thì tùy ý'."

Người giữ cửa vâng lệnh đi ra, đến chỗ Ni-kiền nói như thế này:

"Tôn nhân, Cư sĩ Ưu-ba-ly nói: Tôn nhân muốn vào thì tùy ý."

Lúc đó, Ni-kiền Thân Tử và đại chúng Ni-kiền năm trăm người cùng đến nhà giữa. Cư sĩ Ưu-ba-ly vừa trông thấy Ni-kiền Thân Tử và đại chúng Ni-kiền năm trăm người

---

24. Hán: trung môn ——C Pāli: majjhimāya dvārasālāya, căn nhà (phòng) giữa có trổ cửa lớn.

25. Hán: bão ——C Tống-Nguyên-Minh: thí -I-C

cùng vào, nói như thế này:

"Tôn nhân, ở đây có chỗ ngồi, muốn ngồi xin tùy ý."

Ni-kiền Thân Tử nói:

"Cư sĩ, ông làm như vậy phải lẽ chăng? Tự mình lên tòa cao ngồi kiết già cùng nói chuyện với người như người xuất gia học đạo không khác?"

Cư sĩ Ưu-ba-ly nói:

"Tôn nhân, tôi có đồ vật của mình, muốn cho thì cho, không cho thì không cho. Chỗ ngồi này là của tôi, cho nên tôi nói có chỗ ngồi, muốn ngồi xin tùy ý."

Ni-kiền Thân Tử trải chỗ ngồi mà ngồi, rồi nói rằng:

"Cư sĩ, vì sao như vậy? Muốn hàng phục Sa-môn Cù-đàm nhưng khi trở về đã bị hàng phục. Cũng như có người vào rừng nên đi tìm con mắt, nhưng khi trở về bị mất con mắt. Cũng vậy, Cư sĩ, muốn đến hàng phục Sa-môn Cù-đàm nhưng khi trở về đã bị hàng phục. Cũng như người vì khát mà xuống ao; nhưng trở lên vẫn cứ khát. Cư sĩ cũng như vậy, muốn đi chinh phục Sa-môn Cù-đàm, thì bị chinh phục ngược trở lại. Cư sĩ, vì sao như vậy?"

Cư sĩ Ưu-ba-ly nói:

"Tôn nhân, xin nghe tôi nói dụ. Người trí tuệ nghe dụ thì hiểu được ý nghĩa. Tôn nhân, ví như có một người Phạm chí có người vợ trẻ. Người vợ kia đang có thai, nói với chồng rằng: 'Tôi nay mang thai, anh hãy đến chợ mua đồ chơi đẹp về cho con'. Lúc đó, Phạm chí kia nói với vợ rằng: "Chỉ mong em được bình yên sinh sản, rồi lo gì mà không có. Nếu sanh con trai thì mua đồ chơi con trai cho nó. Nếu sanh con gái thì mua đồ chơi con gái cho nó'. Người vợ lại ba lần nói với chồng: 'Tôi nay đang mang thai, anh hãy đến chợ mua đồ chơi về cho con'. Phạm chí đã ba lần nói lại với vợ rằng: Chỉ mong em được bình yên sanh sản, rồi lo gì mà không có. Nếu sanh con trai thì phải mua đồ chơi con trai. Còn nếu sanh con gái thì mua đồ chơi con gái'. Phạm chí kia thương vợ quá sức, liền nói rằng: 'Em muốn mua đồ chơi gì cho con?' Người vợ đáp: 'Anh mua đồ chơi đẹp là con khỉ con'. Phạm chí nghe rồi, đi vào chợ mua đồ chơi đẹp bằng con khỉ con, đem về nói với vợ: 'Tôi đã mua đồ chơi đẹp bằng khỉ con về đây'. Người vợ thấy rồi chê rằng màu sắc không đẹp, liền nói với chồng: 'Anh nên đem thứ đồ chơi khỉ con này thợ nhuộm màu vàng để được rất dễ thương hơn và nhồi cho nó phát ra ánh sáng'. Phạm chí nghe xong, liền cầm đồ chơi con khỉ con đến thợ nhuộm, nói rằng: 'Hãy nhuộm đồ chơi khỉ con này thành sắc vàng, làm cho nó rất dễ thương và nhồi cho nó phát ra ánh sáng cho tôi'. Khi ấy người thợ nhuộm nói với Phạm chí: 'Đồ chơi khỉ con nhuộm thành màu vàng làm cho dễ thương, việc này làm được, nhưng không thể nhồi cho nó phát ra ánh sáng được'.

"Khi ấy người thợ nhuộm nói tụng này:

Khỉ nhỏ tiếp nhận sắc,
Không hay chịu đảo nhồi.
Nếu nhồi, nó sẽ chết;
Chịu sao được với chày?
Đây là đãy xú uế,
Khỉ con đầy bất tịnh.

"Thưa Tôn nhân, nên biết, những điều được Ni-kiền thuyết cũng giống như vậy, không thể chịu đựng được những nạn vấn của người khác, cũng không thể suy nghĩ quán sát được. Chỉ có nhuộm sự ngu si, không nhuộm trí tuệ. Tôn nhân, xin hãy nghe đây. Cũng như chiếc áo Ba-la-nại thanh tịnh, người chủ cầm đến thợ nhuộm, nói rằng: 'Nhuộm giùm

chiếc áo này thành cực đẹp, làm cho dễ yêu, cũng đập nhồi kỹ cho nó phát ánh sáng'. Lúc đó, thợ nhuộm bảo với chủ áo rằng: 'Áo này có thể nhuộm thành màu sắc cực đẹp, làm cho dễ ưa; cũng có thể đập nhồi cho phát ánh sáng'.

"Khi ấy thợ nhuộm nói tụng này:

Như vải Ba-la-nại,
Trắng sạch, chịu sắc màu;
Đập xong thời mềm mại,
Sáng chói, càng thêm đẹp.

"Thưa Tôn nhân, những điều các Đấng Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác đã dạy cũng như vậy; rất đủ khả năng chịu đựng những nạn vấn của kẻ khác, cũng có thể suy nghĩ quán sát một cách thỏa đáng được; chỉ có nhuộm trí tuệ, không nhuộm ngu si."

Ni-kiền Thân Tử nói:

"Cư sĩ, ông đã bị Sa-môn Cù-đàm biến hóa bằng chú huyễn thuật."

Cư sĩ Ưu-ba-ly nói:

"Tôn nhân, thật tốt đẹp loại chú huyễn hóa ấy, rất tốt đẹp loại chú huyễn hóa. Thưa Tôn nhân, loại chú huyễn hóa đó làm cho cha mẹ tôi được lợi ích an ổn, khoái lạc lâu dài; vợ con, nô tỳ, người giúp việc, quốc vương Na-nan-đà và tất cả thế gian, chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Phạm chí, từ người đến trời, làm cho họ được lợi ích an ổn khoái lạc lâu dài."

Ni-kiền Thân Tử nói:

"Cư sĩ, toàn cõi Na-nan-đà đều biết Cư sĩ Ưu-ba-ly là đệ tử Ni-kiền, nay đây cuối cùng là đệ tử của ai?"

Khi ấy, Cư sĩ Ưu-ba-ly liền từ chỗ ngồi đứng dậy, gối phải quỳ xuống đất, nhắm phương có Phật, chắp tay hướng về, nói:

"Tôn nhân, hãy nghe điều tôi nói đây:

Đại Hùng, trừ si ngốc;
Diệt uế, bắt hàng phục.
Vô địch, vi diệu tư,
Học giới, thiền, trí tuệ;
An ổn không bợn nhơ;
Ba-ly đệ tử Phật.
Bậc Đại Thánh tu nhiều;
Thành đức tự tại thuyết.
Khéo niệm, quán sát mầu;
Không thấp, cũng không cao;
Bất động, thường tự tại;
Ba-ly đệ tử Phật.
Không cong, thường biết đủ;
Thỏa mãn, trừ xan tham;
Hiện Sa-môn chứng ngộ,
Tôn đại sĩ, hậu thân;
Vô tỷ, không nhiễm trần;
Ba-ly đệ tử Phật.
Bao dung, không ganh ghét;
Đấng Tịch Mặc nhiệm mầu,

Dũng mãnh, hằng an ổn;
Trụ pháp, vi diệu tư,
Chế ngự, không hý bỡn;
Ba-ly đệ tử Phật.
Đại long sống vượt tục,
Giải trừ mọi sử kiết,
Ưng thanh tịnh biện tài,
Tuệ phát, dứt vui buồn;
Đức Thích-ca, cõi ngoài;
Ba-ly đệ tử Phật.
Thiền tư duy Chánh pháp,
Thanh tịnh, nhiễu loạn trừ;
Thường cười, không hờn giận;
Đệ nhất đời viễn ly.
Thường chuyên tinh, vô úy
Ba-ly đệ tử Phật
Bậc Thất Tiên[26] *vô đẳng,*
Chứng tịnh hạnh, tam minh[27].
Tắm sạch, như đèn sáng
Yên nghỉ, dứt oán kết;
Dũng mãnh, cực thanh tịnh'
Ba-ly đệ tử Phật.
Tịch tĩnh, tuệ như đất;
Trí trừ tham thế gian;
Đáng thờ, con mắt siêu;
Thượng sĩ không ai sánh;
Tự điều ngự, triệt sân;
Ba-ly đệ tử Phật.
Đoạn dục[28]*, vô thượng thiện;*
Khéo điều ngự vô song;
Vô thượng thường hoan hỷ;
Trừ nghi, rực sắc quang;
Đoạn mạn, vô thượng giác;
Ba-ly đệ tử Phật.
Đoạn ái, giác tối thượng;
Khói tan, lửa đã tắt;
Đấng Như Khứ[29]*, Thiện Thệ;*
Đấng Vô Đẳng, Tối Tôn;
Đấng Đại Danh, Chân Chánh;
Ba-ly đệ tử Phật.

---

26. Đức Thích-ca cũng được xưng hiệu là Đệ Thất Tiên.
27. Nguyên Hán: *tam đạt* ▬T▬F▬C
28. Hán: *đoạn vọng* ▬_▬▬C
29. *Như khứ* ▬p▬h▬Acùng nghĩa với *Như Lai*. Đối với Niết-bàn mà nói là *Như Lai*, đối với sanh tử mà nói là *Như khứ*.

Trăm lời tán Phật này,
Tự phát, không cần suy.
Những sự Ba-ly nói,
Chư Thiên đến hội tề.
Khéo gia sức hùng biện;
Đúng pháp, đúng nhân tài.
Ni-kiền Thân Tử hỏi:
'Đệ tử của Như Lai'."

Ni-kiền Thân Tử hỏi:

"Cư sĩ, ông ca ngợi Sa-môn Cù-đàm với ý gì?"

Cư sĩ Ưu-ba-ly đáp:

"Hãy nghe tôi nói dụ, người trí nghe dụ thì hiểu rõ ý nghĩa. Như thầy trò người làm tràng hoa, chọn các loại hoa, dùng dây dài kết làm các loại tràng hoa. Cũng vậy, này Tôn nhân, Đức Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, có vô lượng xưng tán, là Đấng Tối tôn, nên tôi ca ngợi."

Khi nói pháp này, Cư sĩ Ưu-ba-ly xa lìa trần cấu, phát sanh con mắt pháp thấy các pháp. Ni-kiền Thân Tử liền mửa máu nóng, rồi đến nước Bà-hòa[30] vì bệnh này mà mạng chung.

Phật nói như vậy, Cư sĩ Ưu-ba-ly nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

❑

30. Ba-hòa quốc 波和國 Tức Pāli: Pāva; xem kinh số 196.

134. KINH THÍCH VẤN[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật du hóa tại phía Đông thành Vương xá, nước Ma-kiệt-đà, trong động đá Nhân-đà-la, trên núi Bệ-đà-đề, phía Bắc thôn Nại lâm[2].

Bấy giờ Thiên Vương Thích[3] nghe Phật du hóa tại phía Đông thành Vương xá, nước Ma-kiệt-đà, trong động Nhân-đà-la, trên núi Bệ-đà-đề, phía Bắc thôn Nại lâm. Khi ấy, Thiên Vương Thích bảo Ngũ Kết nhạc tử[4] rằng:

"Ta nghe Đức Thế Tôn du hóa tại phía Đông thành Vương xá, nước Ma-kiệt-đà, trong động Nhân-đà-la, trên núi Bệ-đà-đề, phía Bắc thôn Nại lâm. Này Ngũ Kết, ngươi hãy cùng ta đến yết kiến Đức Thế Tôn".

Ngũ Kết nhạc tử thưa rằng:

"Xin vâng."

Rồi thì, Ngũ Kết nhạc tử ôm đàn lưu ly[5] cùng đi theo Thiên Vương Thích. Chư Thiên ở Tam thập tam thiên nghe Thiên Vương Thích rất khát khao muốn gặp Phật, chư Thiên Tam thập tam thiên cũng theo hầu Thiên vương mà đi. Bấy giờ trong khoảnh khắc, nhanh như lực sĩ co duỗi cánh tay, Thiên Vương Thích cùng chư Thiên Tam thập tam và Ngũ Kết biến mất khỏi cõi trời Tam thập tam, đã hiện đến phía Đông thành Vương xá, nước Ma-kiệt-đà, trên núi Bệ-đà-đề, phía Bắc thôn Nại lâm, cách động đá không xa.

Lúc bấy giờ núi Bệ-đà-đề hào quang chiếu sáng rực rỡ như lửa cháy. Nhân dân ở chung quanh núi thấy vậy nghĩ rằng: "Núi Bệ-đà-đề bị lửa đốt cháy khắp nơi."

Khi ấy Thiên Vương Thích sau khi đã đứng xuống tại một nơi, bảo rằng:

"Này Ngũ Kết, Đức Thế Tôn là như vậy. Ngài ở trong rừng vắng, trong rừng sâu, dưới gốc cây, thích ở trên sườn núi cao, vắng bặt không tiếng động, xa lánh, không có sự dữ, không có bóng người, tùy thuận mà tĩnh tọa, có đại oai đức; cùng với chư Thiên, ưa

---

1. Bản Hán, quyển. Tương đương Pāli D. 21 Sakkapañha-sutta. Hán, Biệt dịch No.1(14). Trường A-hàm kinh số 14 "Thích Đề-hoàn Nhân Vấn"; No.15 Phật Thuyết Đế Thích Sở Vấn Kinh, Tống Pháp Hiền dịch; Tham chiếu No.203 Tạp Bảo Tạng Kinh, kinh số 73 "Đế Thích Vấn Sự Duyên Kinh", Nguyên Ngụy, Cát-ca-dạ & Đàm-vô-sấm dịch (Đại 4, tr. 476).
2. Ma-kiệt-đà ————F Pāli: Magadha. Vương xá thành ————F Pāli: Rājagaha. Nại lâm ——L-F No.1(14) Am-bà, Pāli: Ambasasaiḍa. Nhân-đà-la thạch thất -]————F No.1(14) Nhân-đà-sa-la khốt (quật); Pāli: Indasāla-gūha. Bệ-đà-đề -@———F No.1(14) Ty-đà sơn; Pāli: Vediyaka.
3. Thiên Vương Thích ———— hay Thiên Đế Thích ————F Pāli: Sakka devānam inda.
4. Ngũ Kết nhạc tử ————l-F cũng thường gọi là Ngũ Kế ——g (năm chỏm); No.14 gọi là Chấp nhạc thần Ban-giá-dực. No.15: Ngũ Kết Càn-thát-bà vương tử. Sở dĩ có tên như vậy vì khi thọ sanh nhân gian, lúc còn nhỏ, vị này thắt năm cái búi tóc trên đầu. Pāli: Pañcasikha Gandhabbaputta, một vị Càn-thát-bà (Gandhabba) sử dụng cây huyền cầm.
5. Lưu ly cầm -[——^-C Pāli: Beluvapaṇḍuvīṇā: một nhạc khí nguyên là của Māra.

thích đời sống xa lánh, tĩnh tọa ấy, đời sống an ổn khoái lạc ấy. Chúng ta chưa thông báo trước, không nên tự tiện bước tới. Này Ngũ Kết, ngươi hãy đi đến thông báo trước, sau đó chúng ta mới bước tới."

Ngũ kết thưa rằng:

"Xin vâng lời."

Ngũ Kết sau khi vâng lời dạy của Thiên Vương Thích, liền ôm đàn lưu ly đi trước, đến động đá Nhân-đà-la, rồi nghĩ rằng: "Hãy ở nơi này, cách Phật không gần cũng không xa, để Phật biết được và nghe được âm thanh của ta.".

Khi đã đến đứng ở nơi kia, Ngũ Kết gảy đàn và hát lên những bài tụng nói về tình yêu, nói về rồng, nói về Sa-môn, nói về A-la-hán[6]:

Hiền nương ơi[7]*!*
Ta kính lễ phụ mẫu nàng;
Mặt trăng và Đam-phù-lâu[8]*;*
Đã sanh nàng thù diệu,
Gây hoan lạc lòng ta.
Như nóng cầu gió mát;
Như khát cầu nước lạnh;
Như vậy, ta yêu nàng,
Như La-hán yêu Pháp.
Như dòng nước, khó giữ!
Lụy tình cũng như vậy.
Đời đời mong sống chung,
Như cúng dường Vô Trước.
Ao nước trong, vừa mát;
Dưới đáy có cát vàng[9]*;*
Như voi chúa[10] *nóng bức,*
Xuống ao tắm mặc tình.
Như voi bị móc câu
Lòng ta bị nàng khuất
Hành động nàng không hay
Yểu điệu, chưa được nàng.
Tâm ý ta hoàn toàn lệ thuộc,
Và phiền oan đã đốt cháy tim;
Và vì vậy không còn hoan lạc,
Như một người đi vào hang hùm.
Như Thích tử tư duy thiền tọa,
Hằng vui say trong sự nhất tâm.

---

6. Dục tương ưng kệ, Long tương ưng kệ, Sa-môn tương ưng kệ, A-la-ha tương ưng kệ ——A-s-A-F——A————F————U-C Pāli: buddhūpasaṃhitā dhammūpasaṃhitā saṅghūpasaṃhitā arahantūpasaṃhità kāmūpasaṃhitā, nói về Phật, về Pháp, về Tăng, về A-la-hán, về dục.
7. Hán: Hiền ——C No.1(14) Bạt-đà; Pāli: Bhaddā, con gái của Timbaru, Chấp nhạc Thiên vương.
8. Hán: *nguyệt cập Đam-phù-lâu* ————B——C Pāli: (…) Timbaraṃ Suriyavaccase, (cha nàng) Timbara, (và nàng thì) rực rỡ như mặt trời.
9. Hán: *kim túc sa* ————F-C Pāli: kiñjakkha, tơ sen hay nhụy sen.
10. Hán: long tượng -s-H-C

Như Mâu-ni đạt thành giác ngộ[11]*;*
Cũng diệu tịnh như ta được nàng.
Như niềm vui Đại thánh Mâu-ni[12]
Do chứng đắc viên toàn giác đạo.
Niềm vui ta cũng ở nơi kia,
Bằng khao khát được nàng hội tụ
Như người bệnh mong cầu phương dược;
Như đói ăn hoài niệm thức ăn;
Ơi Hiền nữ, mong lòng ta tắt,
Như nước rưới cho ngọn lửa tàn.
Nếu ta có hành vi tạo phước,
Như cúng dường La-hán chân nhân[13]*;*
Thọ báo ấy tức thành tịnh diệu,
Ta mong cùng Hiền nữ sống chung.
Ta ước nguyện bên nàng vĩnh kiếp;
Không xa nàng sống lẻ đơn thân.
Và ta hẹn theo nàng được chết,
Không mong gì cách biệt ly sanh.
Ôi, Thiên đế cho tôi lời nguyện,
Bậc tôn cao Tam thập tam thiên!
Ôi Đại Thánh, trên đời tối thượng,
Biết cho tôi lời nguyện vững bền.
Kính lễ Đấng Hùng Lực,
Tối thượng giữa nhân gian,
Dứt trừ gai ái dục,
Con lạy Đấng Nhật Thân[14].

Bấy giờ, Đức Thế Tôn từ tam-muội dậy, tán thán Ngũ Kết Nhạc tử:

"Lành thay! Lành thay! Ngũ Kết, giọng ca của ngươi cùng với tiếng đàn hòa điệu; tiếng đàn và giọng ca hòa điệu. Giọng ca không đi ngoài tiếng đàn; tiếng đàn không đi ngoài giọng ca. Này Ngũ Kết, ngươi nhớ lại ngày xưa, ngươi có ca tụng bài kệ liên quan đến tình yêu, liên quan đến rồng, liên quan đến Sa-môn, liên quan đến La-hán này chăng?"

Ngũ Kết thưa rằng:

"Bạch Thế Tôn, mong Đại Tiên Nhân[15] tự biết cho. Bạch Đại Tiên Nhân, ngày xưa, khi Thế Tôn mới chứng đắc giác đạo, ở tại Uất-bệ-la[16], bên bờ sông Ni-liên-thiền[17], dưới

---

11. Pāli: amataṃ muni jigīsāno, (như) tu sĩ khát vọng sự bất tử (hay cam lộ).
12. Các từ Mâu-ni ở đây chỉ chung các ẩn sĩ, hay tu sĩ; không chỉ riêng Đức Thích-ca Mâu-ni. Xem thêm chú thích trên.
13. Trong nguyên bản: *cúng dường chư Vô trước*.
14. Nhật chi thân ▬▬▬C Pāli: Ādicca-bandhu, bà con của mặt trời, chỉ Đức Thích Tôn; theo truyền thuyết, dòng họ Thích xuất thân từ Mặt trời.
15. Đại Tiên Nhân ▬j▬P▬H▬C Pāli: Mahesi. Chỉ Phật.
16. Uất-bệ-la ▬{▬@▬▬C Pāli: Uruvela, tên thôn; phía Nam Bồ-đề đạo tràng.
17. Ni-liên-thiền hà ▬▬s▬I▬e▬C Pāli: Nerañjarā, chi lưu của sông Hằng, cách chỗ Phật thành đạo khoảng một dặm.

gốc cây A-xà-hòa-la-ni-câu-loại[18]. Bấy giờ con gái của Nhạc vương Đam-phù-lâu[19], tên là Hiền Nguyệt Sắc[20] và có một thiên thần tên là Kết, con trai của Ma-đâu-lệ, người đánh xe[21], yêu người con gái kia.

"Bạch Đại Tiên Nhân, vị ấy trong lúc đang yêu người con gái ấy, con cũng yêu người con gái ấy. Nhưng, bạch Đại Tiên Nhân, khi con yêu người con gái ấy mà cuối cùng không được. Bấy giờ con đứng sau người con gái ấy mà ngâm bài kệ liên quan đến tình yêu, liên quan đến rồng, liên quan đến Sa-môn, liên quan đến La-hán này.

"Bạch Đại Tiên Nhân, khi con ngâm bài kệ này, người con gái ấy quay nhìn lại, hân hoan cười nụ và nói với con rằng: 'Ngũ Kết, tôi chưa được thấy Phật Thế Tôn kia, nhưng tôi nghe từ các vị trời Tam thập tam nói rằng: 'Đức Thế Tôn kia là Như Lai, là Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành Tựu, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, Phật, Chúng Hựu'. Này Ngũ Kết, nếu anh đã từng nhiều lần ca ngợi Đức Thế Tôn, vậy anh có thể cùng với tôi đồng thờ kính Đấng Đại Tiên Nhân'. Con chỉ gặp gỡ nàng được một lần duy nhất, từ đó về sau không còn thấy lại."

Bấy giờ Thiên Vương Thích nghĩ rằng: "Ngũ Kết nhạc tử đã làm cho Thế Tôn ra khỏi thiền định, thông báo ta với Đức Thiện Thệ." Rồi thì, Thiên Vương Thích nói:

"Ngũ Kết, ngươi hãy đến nơi ấy, thay mặt ta đảnh lễ sát chân Phật mà thăm hỏi Đức Thế Tôn rằng: 'Thánh thể có khỏe mạnh, an ổn khoái lạc, không bệnh, đi đứng thoải mái, khí lực bình thường chăng? Bạch Đại Tiên Nhân, Thiên Vương Thích và chư Thiên ở Tam thập tam muốn đến yết kiến Thế Tôn'."

Ngũ kết thưa:

"Xin vâng."

Khi đó, Ngũ Kết bỏ đàn lưu ly xuống, chắp tay hướng về Phật, bạch rằng:

"Bạch Thế Tôn! Kính Đại Tiên Nhân! Thiên Vương Thích xin cúi đầu dưới chân Phật, thăm hỏi Thế Tôn rằng: 'Thánh thể có khỏe mạnh, an ổn khoái lạc, không bệnh, đi đứng thoải mái, khí lực bình thường chăng? Bạch Đại Tiên Nhân, Thiên Vương Thích và chư Thiên ở Tam thập tam muốn đến yết kiến Thế Tôn'."

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo rằng:

"Này Ngũ Kết, mong cho Thiên Vương Thích được an ổn khoái lạc. Chư Thiên, loài người, A-tu-la, Kiền-thát-bà, La-sát và tất cả các loài chúng sanh khác đều được an ổn, khoái lạc. Này Ngũ Kết, Thiên Vương Thích có muốn đến yết kiến Ta, vậy xin cứ tùy ý."

Ngũ Kết nghe Phật dạy xong, khéo léo thọ trì, đảnh lễ chân Phật, nhiễu quanh ba vòng rồi lui ra, trở về đến chỗ Thiên Vương Thích thưa rằng:

"Tâu Thiên vương, tôi đã bạch với Thế Tôn. Thế Tôn nay đang đợi Thiên vương. Mong Thiên vương nên tự biết thời."

Bấy giờ, Thiên Vương Thích cùng chư Thiên Tam thập tam và Ngũ Kết nhạc tử đi đến chỗ Phật. Khi ấy, Thiên Vương Thích cúi đầu sát chân Phật, ba lần tự xưng danh tánh rằng:

"Bạch Đại Tiên Nhân! Con là Thiên Vương Thích! Con là Thiên Vương Thích!"

---

18. A-xà-hòa-la-ni-câu-loại ──G想────C Pāli: Ajapāla-Nigrodha, tức cây bồ-đề.

19. Đam-phù-lâu Nhạc vương ──B────C Pāli: Timbaru-Gandhabba-rāja, Thần âm nhạc (vua Càn-thát-bà) tên là Timbaru.

20. Hiền Nguyệt Sắc ───C Pāli: Bhaddā Suriya-vaccasā, nàng Bhaddā lộng lẫy như mặt trời.

21. Thiên danh Kết Ma-đâu-lệ ngự xa tử ──W───R-s──l-C No.1(14): Thi-hán-đà, Thiên đại tướng tử; Pāli: Sikkhaṇḍī nāma Mātalissa saṭthāhakassa putto, Sikkhandi, vốn là con trai của thần đánh xe Mātali.

Đức Thế Tôn bảo:

"Quả thật vậy! Quả thật vậy. Này Câu-dực[22], ngươi chính là Thiên Vương Thích."

Thiên Vương Thích ba lần tự xưng danh tánh, đảnh lễ chân Phật rồi đứng sang một bên. Khi ấy, Thiên Vương Thích thưa rằng:

"Bạch Đại Tiên Nhân, con nên ngồi cách Thế Tôn xa hay gần?"

Đức Thế Tôn dạy:

"Ngươi hãy ngồi gần Ta. Vì sao? Vì người có hàng chư Thiên quyến thuộc đông vậy."

Rồi Thiên Vương Thích đảnh lễ chân Phật và ngồi sang một bên. Chư Thiên Tam thập tam và Ngũ Kết nhạc tử cũng đảnh lễ chân Phật rồi ngồi sang một bên. Lúc ấy động Nhân-đà-la bỗng nhiên rộng lớn. Vì sao? Vì do oai thần của Phật và oai đức của chư Thiên vậy.

Thiên Vương Thích sau khi ngồi xuống, thưa rằng:

"Bạch Đại Tiên Nhân, đã từ lâu con muốn đến yết kiến Thế Tôn, muốn thưa hỏi về giáo pháp. Bạch Đại Tiên Nhân, xưa kia, một thời Đức Thế Tôn du hóa tại nước Xá-vệ, trong một vách đá[23]. Bạch Đại Tiên Nhân, lúc đó con có việc riêng, cùng với chư Thiên Tam thập tam đi xe ngàn voi[24] đến nhà của đại vương Bệ-sa-môn[25]; Bệ-sa-môn đại vương gia có người thiếp tên là Bàn-xà-na[26].

"Lúc bấy giờ Thế Tôn đang nhập định, im lặng tịch nhiên. Người thiếp kia chắp tay đảnh lễ dưới chân Đức Thế Tôn. Bạch Đại Tiên Nhân, con nói với Bàn-xà-na rằng: 'Này hiền muội, nay không phải lúc ta đến yết kiến Thế Tôn. Thế Tôn đang nhập định. Nếu khi nào Thế Tôn xuất định, hiền muội hãy thay mặt ta đảnh lễ Thế Tôn và hỏi thăm Thánh thể của Thế Tôn có khỏe mạnh, an ổn, khoái lạc, không bệnh, đi đứng thoải mái, khí lực bình thường không nói như vầy: 'Bạch Đại Tiên Nhân, Thiên Vương Thích đảnh lễ chân Phật và thăm hỏi rằng: 'Thế Tôn có khỏe mạnh, an ổn, khoái lạc, không bệnh, đi đứng thoải mái, khí lực bình thường không?' Bạch Đại Tiên Nhân, cô em ấy có thay mặt con đảnh lễ chân Phật và thăm hỏi Thế Tôn, Thế Tôn có nhớ chăng?"

Đức Thế Tôn bảo:

"Này Câu-dực, cô em ấy có thay mặt ngươi đảnh lễ và cũng nói lại ý ngươi muốn thăm hỏi. Ta có nhớ việc ấy. Này Câu-dực, khi người đi, Ta nghe tiếng xe lăn mà xuất định."

"Bạch Thế Tôn, ngày xưa con có nghe rằng, khi Đức Như Lai, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành Tựu, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, Phật, Chúng Hựu xuất hiện ở đời thì thiên chúng được hưng thịnh mà A-tu-la bị giảm thiểu.

"Bạch Đại Tiên Nhân, chính mắt con trông thấy Tỳ-kheo đệ tử Thế Tôn theo Phật tu hành phạm hạnh, xả dục, ly dục. Khi thân hoại mạng chung được đến cõi an lành, sanh lên

---

22. Câu-dực ---l-A cũng gọi la Kiêu-thi-ca. Pāli: Kosiya, biệt danh của Thiên Đế Thích.
23. Thạch nham ----C Pāli: Salaḷāgāra, ngôi nhà (agāra) có những cây salaḷa (loại cây tỏa mùi thơm) ở trước cửa (bản hán đọc là Sela-lagāra?). No.1(14): tại ngôi nhà của một người Bà-la-môn.
24. Thiên tượng xa -d-H---C No.1(14): *thiên bức hảo xa,* cỗ xe báu có bánh xe nghìn căm.
25. Bệ-sa-môn -@-F---A hoặc Tì-sa-môn. Pāli: Vessavaṇa, Đa Văn Thiên vương, đứng đầu trong Tứ đại Thiên vương.
26. Bàn-xà-na -n-G---C Pāli: Bhuñjatī (Diệu Tý).

trời.

"Bạch Đại Tiên Nhân, Thích nữ Cù-tỳ[27] là đệ tử của Thế Tôn cũng theo Thế Tôn tu tập phạm hạnh, ghê tởm thân nữ, ái lạc thân nam, chuyển thân nữ thành thân nam, xả dục, ly dục, khi thân hoại mạng chung được sanh đến cõi Tam thập tam thiên làm con của con. Nàng đã thọ sanh rồi, chư Thiên thảy đều biết, Cù-bà thiên tử [28], có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai thần.

"Bạch Đại Tiên Nhân, con lại thấy có ba vị Tỳ-kheo đệ tử Thế Tôn cũng theo Thế Tôn tu tập phạm hạnh, nhưng không xả ly dục, khi thân hoại mạng chung chúng sanh vào trong Kỹ nhạc cung[29] thấp kém. Họ đã thọ sanh rồi, ngày ngày đến Tam thập tam thiên cùng chư Thiên hầu hạ Cù-bà thiên tử. Thiên tử thấy chúng liền nói bài kệ:

Pháp nhãn Ưu-bà-di [30],
Tôi vốn tên Cù-tì,
Phụng kính Phật và pháp,
Tịnh ý thờ Tăng-già.
Tôi đã nhờ ân Phật,
Thích tử phước đức lớn,
Diệu sanh Tam thập tam,
Thiên tử, mọi người biết.
Biết người vốn Tỳ-kheo,
Sanh làm thần kỹ nhạc;
Chắp tay đứng trước mặt
Cù-bà nói kệ cho.
Vốn con Đức Cù-đàm;
Khi tôi ở nhân gian,
Nhà ta các ngươi đến;
Ẩm thực tôi cúng dường.
Ngươi vốn cùng bậc Thánh
Hành vô thượng phạm hạnh;
Nay lại để người sai,
Thường nhật kính phụng trời.
Xưa tôi hầu hạ người,
Cùng nghe Thánh diệu pháp.
Được tín, thành tựu giới;
Khéo sanh cõi trời này.
Người vốn được thờ phụng,
Hành vô thượng phạm hạnh.
Nay lại để người sai
Thường nhật kính phụng trời.
Mặt mày người là gì?
Phật pháp đã thọ trì,

---

27. Cù-tỳ Thích nữ ▬▬s▬▬k▬C Pāli: Gopikā nāma Sakya-dhitā.
28. Cù-bà thiên tử ▬▬C▬▬l▬C Pāli: Gopako devaputto.
29. Kỹ nhạc cung ▬▬▬c▬C Pāli: Gandhabbakāya, đội viên đội âm nhạc của Thiên Đế Thích.
30. Nguyên Hán: *dữ nhãn Ưu-bà-di*▬P▬▬u▬C▬i▬C Pāli: upāsikā cakkhumato ahosi, tôi vốn là Ưu-bà-di, vị nữ đệ tử của Bậc Hữu Nhãn, tức Đức Phật.

Quay lưng, không hướng Pháp,
Pháp nội tâm chứng tri[31]*,*
Thánh nhãn đã dạy rõ[32]*.*
Tôi xưa hầu các vị;
Nay nhạc thần thấp kém;
Tự theo phi pháp hành,
Tự sanh chỗ phi pháp.
Ta sống đời tại gia;
Nay xem thắng đức ta,
Chuyển nữ thành thiên tử,
Thọ ngũ dục tự do.
Con Cù-đàm bị mắng,
Buồn nản, khen Cù-đàm[33]*:*
Ta[34] *nay hãy tiến hành;*
Thiên tử nói thật đúng.
Hai trong số cần hành,
Nhớ pháp luật Cù-đàm,
Biết dục là tai họa,
Bèn xả ly dục tham.
Chúng bị dục trói chặt,
Tức xả ly được liền.
Như voi bứt dây xích,
Vượt Tam thập tam thiên.
Nhân-đà-la, Thiên, Phạm,
Tất cả đều đến nhóm.
Họ liền vượt chỗ ngồi,
Hùng mãnh xả trần dục.
Đế Thích thấy chúng phiền[35]*;*
Thắng Thiên[36]*, trời trên trời.*
Chúng vốn sanh hạ tiện,
Nay vượt Tam tam thiên.
Ưu phiền, rồi tấm tắc[37]*.*
Cù-bà nói sau hết:
Loài người có Đại Giác,

---

31. Nguyên Hán: *phản bối bất hướng pháp* ━━I━━V━k━A Pháp quay vào nội tâm chứ không hướng ra bên ngoài. Pāli: paccattaṃ veditabbo hi dhammo.
32. Nguyên Hán: *thị nhãn giác thiện thuyết* ━O━━━━━C Pāli: sudesito cakkhumatānubuddho, pháp ấy được khéo thuyết bởi Đấng Giác Ngộ có mắt.
33. Pāli: te coditā Gotama-sāvakena saṃvegam āpāduṃ samecca Gopakaṃ, "họ bị mắng vì là đệ tử của Gotama, cuối cùng, đồng ý với Gopaka (và nói như sau)…"
34. Ta, lời của những Thiên tử bị Cù-bà mắng.
35. Pāli: Te disvā samvegam (...), (Đế Thích) sau khi thấy chư Thiên hiện diện ưu phiền (vì họ bị vượt qua ngay tại chỗ).
36. Thắng thiên ━━━A chỉ cho Thiên Đế Thích. Pāli: Devabhibhū.
37. Diệu tức ngôn ━━━━ (những lời trầm lắng). Pāli: vaco nisamma, suy nghĩ sâu xa về những lời (khiển trách). Trong bản Hán, đọc là nisama (*diệu tức*, hoàn toàn lắng xuống), thay vì nisamma (tư duy sâu xa).

Đấng Mâu-ni thắng dục[38].
Con Ngài do lãng quên,
Bị quở trách, lại được.
Một trong ba vị kia
Sanh trong thần kỹ nhạc.
Hai vị chánh đạo thành
Tại trời, vui định căn.
Ngươi nói pháp như vầy;
Đệ tử không mê hoặc,
Vượt lậu, đoạn tà nghi,
Lễ Phật, thắng phục căn[39].
Bởi vì tỏ các pháp,
Hai vị được tiến thăng.
Từ chỗ tiến thăng ấy
Sanh lên trời Phạm thiên.
Chúng con biết pháp ấy
Nên đến đây, Đại Tiên!"

Bấy giờ Đức Thế Tôn nghĩ rằng: "Vị Quỷ[40] này không bao giờ dua nịnh, dối trá, không huyễn hoặc, chất trực. Nếu có hỏi tất là muốn biết, chứ không phải muốn xúc nhiễu. Những điều vị này muốn hỏi cũng vậy. Ta hãy nói A-tỳ-đàm thậm thâm."

Đức Thế Tôn biết như thế rồi, Ngài liền nói bài kệ cho Thiên Vương Thích:

Vì an lạc đời này,
Và an lạc đời sau,
Câu-dực tùy ý hỏi,
Theo những điều sở thích.
Điều này hay điều kia,
Ta quyết đoán hết thảy.
Thế Tôn đã nghe cho
Nhật Thiên cầu đạo nghĩa,
Tại nước Ma-kiệt-đà
Hiền Bà-sa-bà hỏi[41].

Bấy giờ Thiên Vương Thích thưa rằng:

"Bạch Thế Tôn, các loại trời, người, A-tu-la, Kiền-đạt-hòa, La-sát và các chủng loại khác[42], mỗi mỗi có bao nhiêu kết sử[43]?"

Đức Thế Tôn nghe xong, đáp:

---

38. Nguyên Hán: *tri dục* ——C Pāli: kāmābhibhū, vị đã chiến thắng dục vọng.
39. Thắng phục căn ————C Pāli: buddhaṃ namassāma jinaṃ janidṃ, "chúng con lễ Phật, Đấng Chiến Thắng muôn loài". Trong bản Hán, Janinda, Thiên đế của sanh loại, được hiểu là: jana (sanh loại) = jita: bị chinh phục, và inda (Thiên đế) = indriya: căn (quan năng hay giác quan).
40. Hán: *thử quỷ* ——C Pāli: ayaṃ yakkho, con quỷ Dạ-xoa này. Yakkha (Dạ-xoa), Thiên Đế Thích cũng thường được gọi như vậy. Yakkha đôi khi là một mỹ từ cũng được dùng để tán Phật, như M.56 (tr.386) (....) buddhasa (....) anupalittassa āhuneyya yakkhassa, Đức Phật (....) vị Yakkha vô nhiễm, ứng cúng.
41. Bà-sa-bà -C-P-C-C Pāli: Vāsava, một tên khác của Thiên Đế Thích. Xem cht. 21, kinh 131.
42. Chủng chủng thân ————C Pāli: Putthukāyā, phàm phu thân.
43. Kết —C Pāli: saṃyojana, chỉ phiền não trói buộc.

"Này Câu-dực, các loại trời, người, A-tu-la, Kiền-đạt-hòa, La-sát và các chủng loại khác, mỗi mỗi đều có hai kết là bỏn sẻn và ganh tị[44]. Mỗi chủng loại ấy đều nghĩ rằng: 'Mong sao ta không gậy[45], không kết, không oán, không nhuế, không tranh, không đấu, không khổ, sống trong an lạc[46].' Chúng tuy nghĩ như vậy, nhưng vẫn có gậy, có kết, có oán, có nhuế, có tranh, có đấu, có khổ mà không sống trong sự an lạc."

Thiên Vương Thích nghe thế, thưa rằng:

"Thật sự như vậy, bạch Thế Tôn! Thật sự như vậy, bạch Thiện Thệ! Thật sự như vậy, bạch Đại Tiên Nhân, các loài trời, người, A-tu-la, Kiền-đạt-hòa, La-sát và các chủng loại khác, mỗi mỗi đều có hai kiết sử. Chúng nghĩ rằng: 'Mong sao ta không gậy, không kết, không oán, không nhuế, không tranh, không đấu, không khổ, mà sống trong sự an lạc'. Chúng tuy nghĩ như vậy, nhưng vẫn có gậy, có kết, có oán, có nhuế, có tranh, có đấu, có khổ mà không sống trong sự an lạc. Thật sự như vậy, bạch Thế Tôn! Thật sự như vậy, bạch Thiện Thệ! Thật sự như vậy, bạch Đại Tiên Nhân. Đúng như pháp mà Phật đã nói, con đã biết. Con đã đoạn trừ nghi hoặc, không còn do dự, do nghe những điều Phật dạy."

Thiên Vương Thích sau khi nghe những điều Phật nói, hoan hỷ phụng hành; rồi lại hỏi:

"Bạch Đại Tiên Nhân, bỏn sẻn, ganh tị do nhân gì duyên gì, từ đâu sanh ra, do đâu mà có? Lại do nhân gì, duyên gì mà không có bỏn sẻn và ganh tị?"

Thế Tôn đáp rằng:

"Này Câu-dực, bỏn sẻn và ganh tị nhân nơi yêu và không yêu[47], duyên nơi yêu và không yêu; từ nơi yêu và không yêu sanh ra; do yêu và không yêu mà có. Nếu không có yêu, và không yêu thì không có bỏn sẻn và ganh tị vậy."

Thiên Vương Thích nghe xong, thưa rằng:

"Thật sự như vậy, bạch Thế Tôn! Thật sự như vậy, bạch Thiện Thệ! Thật sự như vậy, bạch Đại Tiên Nhân. Bỏn sẻn và ganh tị nhân nơi yêu và không yêu, duyên nơi yêu và không yêu; từ nơi yêu và không yêu sanh ra; do yêu và không yêu mà có. Nếu không có yêu, và không yêu thì không có bỏn sẻn và ganh tị. Thật sự như vậy, bạch Thế Tôn! Thật sự như vậy, bạch Thiện Thệ! Thật sự như vậy, bạch Đại Tiên Nhân. Đúng như pháp mà Phật đã nói, con đã biết. Con đã đoạn trừ nghi hoặc, không còn do dự, do nghe những điều Phật dạy."

Thiên Vương Thích sau khi nghe những điều Phật nói, hoan hỷ phụng hành.

Thiên Vương Thích lại hỏi:

"Bạch Đại Tiên Nhân, yêu và không yêu là do nhân gì, duyên gì, từ đâu phát sanh, do đâu mà có? Lại do nhân nào mà không có yêu và không yêu?"

Đức Thế Tôn bảo rằng:

"Này Câu-dực, yêu và không yêu là nhân nơi dục và duyên nơi dục mà phát sanh, do dục mà có[48]. Nếu vô dục thì không có yêu và không yêu vậy."

Thiên Vương Thích nghe xong, thưa rằng:

---

44. Xan và tật ——C Pāli: issā-macchariya. Trong bản Pāli, Sakka hỏi do kiết sử gì (kiṃ samyojanā) mà chúng sanh gây hận thù (savera). Phật trả lời như vậy. Hai bản kia cũng tương tợ bản Pāli. Có lẽ bản Hán này dịch sát, vì câu hỏi của Thiên Đế Thích phiếm định.
45. Hán: *vô trượng* -L-V-C Pāli: adaiḍā, không chiến tranh, gây hấn nhau.
46. Trong các bản kia, Thiên Đế Thích đã hỏi tương tợ như vậy.
47. Ái bất ái -R——R-C Pāli: Piyāppiya, khả ái và không khả ái, yêu và ghét.
48. Pāli: chanda: ham muốn.

"Thật sự như vậy, bạch Thế Tôn! Thật sự như vậy, bạch Thiện Thệ! Thật sự như vậy, bạch Đại Tiên Nhân! Yêu và không yêu là nhân nơi dục và duyên nơi dục mà phát sanh, do dục mà có. Nếu vô dục thì không có yêu và không yêu vậy. Thật sự như vậy, bạch Thế Tôn! Thật sự như vậy, bạch Thiện Thệ! Thật sự như vậy, bạch Đại Tiên Nhân! Đúng như pháp mà Phật đã nói, con đã biết. Con đã đoạn trừ nghi hoặc, không còn do dự, do nghe những điều Phật dạy."

Thiên Vương Thích sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Thiên Vương Thích lại hỏi:

"Bạch Đại Tiên Nhân, dục là do nhân gì, duyên gì, từ đâu mà sanh, do đâu mà có; do nhân nào không có dục?"

Đức Thế Tôn đáp:

"Này Câu-dực, dục là do nhân niệm[49] và duyên nơi niệm, từ nơi niệm mà phát sanh; do niệm mà có; nếu không có suy niệm thì không có dục."

Thiên Vương Thích nghe thế thưa rằng:

"Thật sự như vậy, bạch Thế Tôn! Thật sự như vậy, bạch Thiện Thệ! Thật sự như vậy, bạch Đại Tiên Nhân, dục là do nhân niệm và duyên nơi niệm, từ nơi niệm mà phát sanh; do niệm mà có; nếu không có suy niệm thì không có dục. Thật sự như vậy, bạch Thế Tôn! Thật sự như vậy, bạch Thiện Thệ! Thật sự như vậy, bạch Đại Tiên Nhân! Đúng như pháp mà Phật đã nói, con đã biết. Con đã đoạn nghi, trừ hoặc, không còn do dự, do nghe những điều Phật dạy."

Thiên Vương Thích sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Thiên Vương Thích lại hỏi:

"Bạch Đại Tiên Nhân, niệm là do nhân gì, duyên gì, từ đâu mà sanh, do đâu mà có. Lại do nhân nào không có suy niệm?"

Đức Thế Tôn đáp:

"Này Câu-dực, niệm là nhân nơi tư và duyên nơi tư, từ nơi tư mà phát sanh, do tư mà có[50]. Nếu không có tư thì không có niệm.

"Do niệm có dục, do dục có yêu và không yêu. Do yêu và không yêu có bỏn sẻn và ganh tị. Do bỏn sẻn và ganh tị mà sanh ra dao, gậy, đấu tranh, thù nghịch, dua nịnh, dối trá, nói láo, nói hai lưỡi, trong tâm sanh ra vô lượng pháp ác bất thiện. Như vậy, toàn khối lớn khổ đau này phát sanh.

"Nếu không có tư thì không có niệm. Nếu không có niệm thì không có dục. Nếu không có dục thì không có yêu và không yêu. Nếu không có yêu và không yêu thì không có bỏn sẻn và ganh tị. Nếu không có bỏn sẻn và ganh tị thì không có dao gậy, đấu tranh, thì nghịch, dua nịnh, dối trá, nói láo, nói hai lưỡi, trong tâm không sanh ra vô lượng pháp ác bất thiện. Như vậy, toàn khối lớn đau khổ này tiêu diệt".

Thiên Vương Thích nghe xong, thưa rằng:

"Con đã hiểu, bạch Thế Tôn! Con đã hiểu, bạch Thiện Thệ! Con đã hiểu, bạch Đại Tiên Nhân. Niệm là nhân nơi tư và duyên nơi tư, từ nơi tư mà phát sanh, do tư mà có. Nếu không có tư thì không có niệm.

"Do niệm có dục, do dục có yêu và không yêu. Do yêu và không yêu có bỏn sẻn và

---

49. *Niệm* ——Acũng thường nói là *tầm* -M-CPāli: vitakka. No.1(14) Ái do tưởng sanh; Pāli: chando (...) vitakkanidāno, dục có nguyên nhân là tầm -M-Atức tầm cầu hay suy nghĩ tìm tòi.

50. Tư ——CBản Pāli: papañca-saññā-saṅkhā, hý luận vọng tưởng.

ganh tị. Do bỏn sẻn và ganh tị mà sanh ra dao, gậy, đấu tranh, thù nghịch, dua nịnh, dối trá, nói láo, nói hai lưỡi, trong tâm sanh ra vô lượng pháp ác bất thiện. Như vậy, toàn khối lớn khổ đau này phát sanh.

"Nếu không có tư thì không có niệm. Nếu không có niệm thì không có dục. Nếu không có dục thì không có yêu và không yêu. Nếu không có yêu và không yêu thì không có bỏn sẻn và ganh tị. Nếu không có bỏn sẻn và ganh tị thì không có dao gậy, đấu tranh, thì nghịch, dua nịnh, dối trá, nói láo, nói hai lưỡi, trong tâm không sanh ra vô lượng pháp ác bất thiện. Như vậy, toàn khối lớn đau khổ này tiêu diệt.

"Thật sự như vậy, bạch Thế Tôn! Thật sự như vậy, bạch Thiện Thệ! Thật sự như vậy, bạch Đại Tiên Nhân! Đúng như pháp mà Phật đã nói, con đã biết. Con đã đoạn nghi, trừ hoặc, không còn do dự, do nghe những điều Phật dạy."

Thiên Vương Thích sau khi nghe xong những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Thiên Vương Thích lại hỏi:

"Bạch Đại Tiên Nhân, thế nào là con đường tiêu diệt hý luận[51]. Tỳ-kheo thực hành như thế nào để hướng đến con đường tiêu diệt hý luận?"

Đức Thế Tôn đáp rằng:

"Này Câu-dực, con đường tiêu diệt hý luận là Thánh đạo tám chi. Đó là, chánh kiến, chánh tư duy, cho đến chánh định. Này Câu-dực, đó là con đường tiêu diệt hý luận. Tỳ-kheo thực hành như vậy để hướng đến con đường tiêu diệt hý luận."

Thiên Vương Thích nghe dạy xong, thưa rằng:

"Thật sự như vậy, bạch Thế Tôn! Thật sự như vậy, bạch Thiện Thệ! Thật sự như vậy, bạch Đại Tiên Nhân, con đường tiêu diệt hý luận là Thánh đạo tám chi. Đó là, chánh kiến, chánh tư duy, cho đến chánh định. Này Câu-dực, đó là con đường tiêu diệt hý luận. Tỳ-kheo thực hành như vậy để hướng đến con đường tiêu diệt hý luận. Đúng như vậy, bạch Thế Tôn! Đúng như vậy, bạch Thiện thệ! Đúng như vậy, bạch Đại Tiên Nhân! Đúng như pháp mà Đức Phật đã dạy, con đã rõ. Con đã đoạn trừ nghi hoặc, không còn do dự, do nghe những điều Phật dạy".

Thiên Vương Thích sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Thiên Vương Thích lại hỏi:

"Bạch Đại Tiên Nhân, một Tỳ-kheo hướng đến con đường tiêu diệt hý luận phải đoạn bao nhiêu pháp và hành bao nhiêu pháp?"

Đức Thế Tôn đáp:

"Này Câu-dực, Tỳ-kheo hướng đến con đường tiêu diệt hý luận phải đoạn ba pháp và tu hành ba pháp. Thế nào là ba? Một là niệm, hai là ngôn, ba là cầu[52].

"Này Câu-dực, niệm ấy Ta nói có hai loại, nên hành và không nên hành. Nếu niệm mà không nên hành thì Ta liền đoạn trừ. Nếu niệm nên hành thì Ta biết lúc nào nên hành, có niệm, có trí để thành tựu niệm kia vậy. Ngôn cũng như thế.

"Này Câu-dực, cầu ấy Ta nói cũng có hai loại, nên hành và không nên hành. Nếu cầu mà không nên hành thì Ta liền đoạn. Nếu cầu mà nên hành thì Ta biết lúc nào nên

---

51. *Diệt hý đạo tích* ———D——CPāli: papañca-saññā-saṅkhā-nirodha-gāmini- patipadà, thực hành hay tu tập dẫn đến chỗ diệt trừ hý luận vọng tưởng.

52. *Niệm, ngôn, cầu* ———D-FNo.1(14): *khẩu, tưởng, cầu* -f-Q-D-CPāli không đề cập và thay bằng somanassa, domanassa, upekkha, hỷ, ưu và xả. Ba pháp này trong bản Hán được trả lời cho câu hỏi khác ở sau. Xem cht.54 dưới.

hành, có niệm, có trí, để thành tựu cầu kia vậy."

Thiên Vương Thích nghe xong, thưa:

"Thật sự như vậy, bạch Thế Tôn! Thật sự như vậy, bạch Thiện Thệ! Thật sự như vậy, bạch Đại Tiên Nhân! Tỳ-kheo không hướng đến con đường tiêu diệt hý luận, đoạn ba pháp, tu hành ba pháp. Thế nào là ba? Một là niệm, hai là ngôn, ba là cầu.

Đại Tiên Nhân đã nói, niệm có hai loại nên hành và không nên hành. Nếu niệm tăng trưởng pháp ác bất thiện và giảm tổn thiện pháp thì Đại Tiên Nhân liền đoạn trừ. Nếu niệm giảm tổn pháp ác bất thiện và tăng trưởng thiện pháp thì Đại Tiên Nhân biết lúc nào nên hành, có niệm, có trí để thành tựu niệm kia vậy. Ngôn cũng như vậy. Đại Tiên Nhân đã nói cầu cũng có hai loại, nên hành và không nên hành. Nếu cầu tăng trưởng pháp ác bất thiện và tổn giảm thiện pháp thì Đại Tiên Nhân liền đoạn trừ. Nếu cầu mà giảm tổn pháp ác bất thiện và tăng trưởng thiện pháp thì Đại Tiên Nhân biết lúc nào nên hành, có niệm, có trí để thành tựu cầu kia vậy.

"Đúng như vậy, bạch Thế Tôn! Đúng như vậy, bạch Thiện Thệ! Đúng như vậy, bạch Đại Tiên Nhân! Đúng như pháp Phật đã nói, con đã biết. Con đã đoạn trừ nghi hoặc, không còn do dự, do nghe những điều Phật dạy."

Thiên Vương Thích sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Thiên Vương Thích lại hỏi:

"Bạch Đại Tiên Nhân, Tỳ-kheo hướng đến con đường tiêu diệt hý luận, có bao nhiêu pháp; để thủ hộ Tùng giải thoát[53], hành bao nhiêu pháp?

Đức Thế Tôn đáp:

"Này Câu-dực, Tỳ-kheo hướng đến con đường tiêu diệt hý luận có sáu pháp; để thủ hộ tùng giải thoát hành sáu pháp. Sáu pháp ấy là gì? Đó là, mắt thấy sắc, tai nghe thanh, mũi ngửi hương, lưỡi nếm vị, thân biết xúc, ý biết pháp.

"Này Câu-dực, mắt thấy sắc ấy, Ta nói có hai loại, nên hành và không nên hành. Nếu mắt thấy sắc không nên hành thì Ta liền đoạn trừ. Nếu mắt sắc nên hành thì Ta biết lúc nào nên hành, có niệm, có trí để thành tựu mắt vậy.

"Cũng như thế, đối với tai nghe tiếng, mũi ngửi hương, lưỡi nếm vị, thân biết xúc và ý biết pháp ấy, Ta nói cũng có hai loại, nên hành và không nên hành. Nếu ý biết pháp không nên hành thì Ta liền đoạn trừ. Nếu ý biết pháp nên hành thì Ta biết lúc nào nên hành, có niệm, có trí để thành tựu ý vậy."

Thiên Vương Thích nghe xong, thưa:

"Đúng như vậy, bạch Thế Tôn! Đúng như vậy, bạch Thiện Thệ! Đúng như vậy, bạch Đại Tiên Nhân! Tỳ-kheo hướng đến con đường tiêu diệt hý luận có sáu pháp; để thủ hộ Tùng giải thoát hành sáu pháp. Sáu pháp ấy là gì? Mắt thấy sắc, tai nghe tiếng, mũi ngửi hương, lưỡi nếm vị, thân biết xúc, ý biết pháp. Đại Tiên Nhân đã nói, mắt thấy sắc có hai loại, nên hành và không nên hành. Nếu mắt thấy mà tăng trưởng pháp ác bất thiện và làm tổn giảm thiện pháp thì Đại Tiên Nhân liền đoạn trừ. Nếu mắt thấy sắc làm tổn giảm pháp ác bất thiện và làm tăng trưởng thiện pháp thì Đại Tiên Nhân biết lúc nào nên hành vậy. Có niệm, có trí để thành tựu mắt vậy. Cũng như thế, đối với tai nghe tiếng, mũi ngửi hương, lưỡi nếm vị, thân biết xúc, ý biết pháp cũng có hai loại, nên hành và không nên hành. Nếu ý biết pháp làm tăng trưởng pháp ác bất thiện và giảm tổn thiện pháp thì Đại Tiên Nhân liền đoạn trừ. Nếu ý biết pháp làm tổn giảm pháp ác bất thiện và tăng trưởng

---

53. Tức Biệt giải thoát (luật nghi), hay Ba-la-đề-mộc-xoa.

thiện pháp thì Đại Tiên Nhân biết lúc nào nên hành, có niệm, có trí để thành tựu ý vậy. Đúng như vậy, bạch Thế Tôn! Đúng như vậy, bạch Thiện Thệ! Đúng như vậy, bạch Đại Tiên Nhân! Đúng như pháp Phật đã nói, con đã biết. Con đã đoạn nghi, trừ hoặc, không còn do dự, do nghe những điều Phật dạy."

Thiên Vương Thích sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Thiên Vương Thích lại hỏi:

"Bạch Đại Tiên Nhân, vị Tỳ-kheo hướng đến con đường tiêu diệt hý luận, khi thân mạng tồn tại trong một khoảnh khắc, phải đoạn bao nhiêu pháp và tu hành bao nhiêu pháp?"

Đức Thế Tôn dạy:

"Này Câu-dực, Tỳ-kheo hướng đến con đường tiêu diệt hý luận, khi thân mạng tồn tại trong một khoảnh khắc, lại cũng phải đoạn ba pháp và tu hành ba pháp. Ba pháp ấy là gì? Một là hỷ, hai là ưu và ba là xả[54].

"Này Câu-dực, hỷ ấy Ta nói có hai loại, nên hành và không nên hành. Nếu hỷ mà không nên hành thì Ta liền đoạn trừ. Nếu hỷ nên hành thì Ta biết lúc nào nên hành, có niệm, có trí để thành tựu hỷ vậy. Ưu cũng như thế.

"Này Câu-dực, xả ấy Ta nói cũng có hai loại, nên hành và không nên hành. Nếu xả mà không nên hành thì Ta liền đoạn trừ. Nếu xả nên hành thì Ta biết lúc nào nên hành, có niệm, có trí để thành tựu xả vậy."

Thiên Vương Thích nghe xong, thưa:

"Đúng như vậy, bạch Thế Tôn! Đúng như vậy, bạch Thiện Thệ! Đúng như vậy, bạch Đại Tiên Nhân! Tỳ-kheo hướng đến con đường tiêu diệt hý luận, khi thân mạng tồn tại trong một khoảnh khắc phải đoạn trừ ba pháp và thực hành ba pháp. Ba pháp ấy là gì? Một là hỷ, hai là ưu, ba là xả. Đại Tiên Nhân đã nói hỷ có hai loại, nên hành và không nên hành. Nếu hỷ làm tăng trưởng pháp ác bất thiện và giảm tổn thiện pháp thì liền đoạn trừ. Nếu hỷ làm giảm tổn pháp ác bất thiện và tăng trưởng thiện pháp thì biết lúc nào nên hành, có niệm, có trí để thành tựu hỷ vậy. Ưu cũng như thế. Đại Tiên Nhân đã nói xả cũng có hai loại, nên hành và không nên hành. Nếu xả làm tăng trưởng pháp ác bất thiện và giảm tổn thiện pháp thì liền đoạn trừ. Nếu xả làm tổn giảm pháp ác bất thiện và trăng trưởng thiện pháp thì biết lúc nào nên hành, có niệm, có trí để thành tựu xả vậy. Đúng như vậy, bạch Thế Tôn! Đúng như vậy, bạch Thiện Thệ! Đúng như vậy, bạch Đại Tiên Nhân! Đúng như pháp Phật đã nói, con đã biết. Con đã đoạn nghi trừ hoặc, không còn do dự, do nghe những điều Phật dạy."

Thiên Vương Thích sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Thiên Vương Thích lại hỏi:

"Bạch Đại Tiên Nhân, tất cả Sa-môn, Phạm chí đều đồng một thuyết, đồng một mong cầu, đồng một sở thích, đồng một an lạc, đồng một ý hướng chăng[55]?"

Đức Phật dạy:

"Này Câu-dực, tất cả Sa-môn, Phạm chí không đồng một thuyết, không đồng một mong cầu, không đồng một sở thích, không đồng một an lạc, không đồng một ý hướng."

Thiên Vương Thích lại hỏi:

---

54. Pāli: somanassa, domanassa, upekkha, xem cht.52 trên.

55. *Đồng nhất thuyết, đồng nhất dục, đồng nhất ái, đồng nhất lạc, đồng nhất ý* -P-@--A-P-@--A-P-@-R-A-P-@--A-P-@-N-C Pāli: ekantavādā ekantasīlā ekantachandā ekanta-ajjhosānā ti? Đồng một chủ thuyết, đồng một giới đức, đồng một ước muốn, đồng một chí hướng.

"Bạch Đại Tiên Nhân, tất cả Sa-môn, Phạm chí vì lý do gì mà không đồng một thuyết, không đồng một mong cầu, không đồng một sở thích, không đồng một an lạc, không đồng một ý hướng?"

Đức Thế Tôn đáp:

"Này Câu-dực, thế giới này có nhiều chủng loại giới, có vô lượng giới[56]. Vị ấy tùy theo một giới được biết đến, rồi nhân giới đó tùy khả năng của mình mà nói một chiều rằng 'Đây là chân thật, ngoài ra đều hư dối'. Này Câu-dực, cho nên tất cả Sa-môn, Phạm chí không đồng một thuyết, không đồng một mong cầu, không đồng một sở thích, không đồng một an lạc, không đồng một ý hướng vậy."

Thiên Vương Thích nghe xong, thưa:

"Đúng như vậy, bạch Thế Tôn! Đúng như vậy, bạch Thiện Thệ! Đúng như vậy, bạch Đại Tiên Nhân! Thế giới này có nhiều chủng loại giới, có vô lượng giới. Vị ấy tùy theo một giới được biết đến, rồi ở nơi giới đó tùy khả năng của mình mà nói một chiều rằng 'Đây là chân thật, ngoài ra đều hư vọng'. Bạch Đại Tiên Nhân, vì thế mà tất cả Sa-môn, Phạm chí không đồng một thuyết, không đồng một mong cầu, không đồng một sở thích, không đồng một an lạc, không đồng một ý hướng vậy. Đúng như vậy, bạch Thế Tôn! Đúng như vậy, bạch Thiện Thệ! Đúng như vậy, bạch Đại Tiên Nhân! Đúng như pháp Phật đã nói, con đã biết. Con đã đoạn trừ nghi hoặc, không còn do dự, do nghe những điều Phật dạy".

Thiên Vương Thích sau khi nghe những điều Phật nói, hoan hỷ phụng hành.

Thiên Vương Thích lại hỏi:

"Bạch Đại Tiên Nhân, tất cả Sa-môn, Phạm chí đều đạt đến cứu cánh, cứu cánh bạch tịnh, cứu cánh phạm hạnh, thành tựu cứu cánh phạm hạnh chăng[57]?"

Đức Thế Tôn đáp:

"Này Câu-dực, không hẳn tất cả Sa-môn, Phạm chí đều đạt đến cứu cánh, cứu cánh bạch tịnh, cứu cánh phạm hạnh, thành tựu cứu cánh phạm hạnh."

Thiên Vương Thích, thưa:

"Bạch Đại Tiên Nhân, vì lý do gì mà không hẳn tất cả Sa-môn, Phạm chí đều đạt đến cứu cánh, cứu cánh phạm bạch tịnh, cứu cánh phạm hạnh, thành tựu cứu cánh phạm hạnh?"

Đức Thế Tôn đáp:

"Này Câu-dực, nếu có Sa-môn, Phạm chí đối với vô thượng ái tận, không toàn vẹn chân chánh tâm giải thoát[58], kẻ ấy không đạt đến cứu cánh, không cứu cánh bạch tịnh, không cứu cánh phạm hạnh, không thành tựu cứu cánh phạm hạnh.

"Này Câu-dực, nếu có Sa-môn, Phạm chí đối với vô thượng ái tận toàn vẹn chân chánh tâm giải thoát, kẻ ấy đạt đến cứu cánh, cứu cánh bạch tịnh, cứu cánh phạm hạnh, thành tựu cứu cánh phạm hạnh."

Thiên Vương Thích, thưa:

"Đúng như vậy, bạch Thế Tôn! Đúng như vậy, bạch Thiện Thệ! Đúng như vậy, bạch Đại Tiên Nhân, nếu có Sa-môn, Phạm chí đối với vô thượng ái tận không hoàn toàn chân

---

56. Pāli: anekadhātu-nānādhātu, vô số giới loại sai biệt.

57. Pāli: accantaniṭṭhā accantayogakkhemī accantabrahmacārī accantapariyosānā ti? "Đồng một cứu cánh, đồng một an ổn, đồng một phạm hạnh, đồng một mục đích".

58. Pāli: taṇhāsaṃkhaya-vimutta, ái tận giải thoát, hay giải thoát do diệt tận khát ái.

chánh tâm giải thoát, kẻ ấy không đạt đến cứu cánh, không cứu cánh bạch tịnh, không cứu cánh phạm hạnh, không thành tựu cứu cánh phạm hạnh.

"Bạch Đại Tiên Nhân, nếu có Sa-môn, Phạm chí đối với vô thượng ái tận toàn vẹn chân chánh tâm giải thoát, kẻ ấy đạt đến cứu cánh, cứu cánh bạch tịnh, cứu cánh phạm hạnh, thành tựu cứu cánh phạm hạnh. Đúng như vậy, bạch Thế Tôn! Đúng như vậy, bạch Thiện Thệ! Đúng như vậy, bạch Đại Tiên Nhân! Đúng như pháp Phật đã nói, con đã biết, con đã đoạn nghi, trừ hoặc, không còn do dự, do nghe những điều Phật dạy."

Thiên Vương Thích sau khi nghe những điều Phật nói, hoan hỷ phụng hành.

Thiên Vương Thích lại nói:

"Bạch Đại Tiên Nhân, con lâu nay bị gai nhọn nghi hoặc, ngày nay được Thế Tôn nhổ ra. Vì sao? Vì Như Lai là Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác vậy."

Đức Thế Tôn hỏi:

"Này Câu-dực, ngươi nhớ lại ngày xưa ngươi đã từng hỏi các Sa-môn, Phạm chí việc như thế chăng?"

Thiên Vương Thích đáp:

"Bạch Thế Tôn, mong Đại Tiên Nhân tự biết cho. Bạch Đại Tiên Nhân, chư Thiên Tam thập tam tập họp tại Pháp đường, đều ôm lòng sầu não, thường than thở rằng 'Chúng ta nếu gặp được Đức Như Lai, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, quyết sẽ đến yết kiến'. Bạch Đại Tiên Nhân, nhưng chúng con không gặp được Như Lai, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, bèn thụ hưởng đầy đủ công đức của ngũ dục[59].

"Bạch Đại Tiên Nhân, chúng con phóng dật. Sau khi sống phóng dật, vị thiên tử có đại oai đức, ngay nơi chỗ cực diệu mà mạng chung. Bạch Đại Tiên Nhân, khi con thấy vị thiên tử đại oai đức ngay nơi chỗ cực diệu mà mạng chung bèn chán nản hết sức, lông tóc đều dựng ngược 'Mong ta không ở nơi này mà mạng chung nhanh chóng'.

"Bạch Đại Tiên Nhân, con do sự chán này, sự ưu não này, nên thấy Sa-môn, Phạm chí nào sống nơi rừng vắng, trong rừng sâu, dưới gốc cây, thích ở trên sườn núi cao, vắng bặt không có tiếng động, xa lánh, không có sự dữ, không có bóng người, tùy thuận tĩnh tọa; sau khi thấy vị ấy ưa thích nơi xa vắng, tĩnh tọa, sống an ổn khoái lạc, con cho rằng đây là Như Lai, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, liền đến yết kiến.

"Vị ấy không biết con, nên hỏi rằng: 'Ông là ai?'

"Lúc đó con đáp rằng 'Bạch Đại Tiên Nhân, con là Thiên Vương Thích. Bạch Đại Tiên Nhân, con là Thiên Vương Thích'.

"Vị ấy lại hỏi 'Ta từng thấy Thích và cũng thấy chủng tánh Thích. Vì lý do gì gọi là Thích? Vì lý do gì gọi là chủng tánh Thích?'

"Con liền đáp rằng 'Bạch Đại Tiên Nhân, nếu có ai đến hỏi con việc như vậy, con liền tùy khả năng, tùy sức[60] mà trả lời, cho nên được gọi là Thích'.

"Vị ấy lại hỏi 'Chúng ta nếu tùy theo việc mà hỏi Thích, Thích cũng tùy việc mà đáp lại ta'.

"Vị ấy hỏi việc con, nhưng con không hỏi việc vị ấy. Vị ấy quy mạng con, nhưng con không quy mạng vị ấy.

---

59. *Ngũ dục công đức*. Pañca kāma-guṇā, năm phẩm chất, hay đặc tính, của dục.

60. *Tùy sở năng, tùy kỳ lực*. Định nghĩa từ sakka, mà nghĩa đen là "khả năng".

"Bạch Đại Tiên Nhân, từ nơi Sa-môn Phạm chí kia, hoàn toàn không được oai nghi giáo pháp, huống nữa lại được hỏi như vậy sao?"

Lúc ấy, Thiên Vương Thích nói bài tụng:

Thích[61] *đi qua, đi qua;*
Thích hay nói như thế.
Ý tưởng niệm lìa xa;
Trừ nghi, các do dự;
Từ lâu đi trong đời,
Tìm cầu Đức Như Lai.
Thấy Sa-môn, Phạm chí
Tĩnh tọa nơi xa xôi
Cho là Chánh Đẳng Giác;
Đến phụng cúng, lạy thờ:
'Làm sao được thăng tấn'.
Như vậy con hỏi Ngài
Đã hỏi, không được đáp,
Thánh đạo và đạo tích.
Thế Tôn nay vì con,
Nếu ý có sở nghi,
Sở niệm và sở tư,
Và sở hành của ý;
Biết tâm ẩn và hiện,
Thánh Nhãn nói cho hay.
Tôn Phật là Đạo Sư,
Tôn Vô trước Mâu-ni,
Tôn Bậc Đoạn kết sử,
Độ mình và độ người.
Đệ nhất trong hàng giác ngộ;
Tối thượng ngự trong hàng Điều ngự;
Tối diệu tịch trong hàng Tịch tĩnh;
Đấng Đại Tiên, độ mình, độ người.
Nên con lễ Đại Hùng;
Cúi lạy Tối Thượng Nhân;
Đoạn tuyệt gai ái dục;
Kính lạy Đấng Nhật Thân.

Bấy giờ Đức Thế Tôn lại hỏi rằng:

"Này Câu-dực, ông có nhớ ngày xưa, được xả ly như vậy, được hoan hỷ[62] như vậy, nghĩa là do nơi Ta mà dạy được pháp hỷ chăng?"

Thiên Vương Thích thưa:

"Bạch Thế Tôn, mong Đại Tiên Nhân tự biết cho.

"Bạch Đại Tiên Nhân, một thời xưa, chư Thiên và A-tu-la chiến đấu với nhau. Bạch Đại Tiên Nhân, khi chư Thiên và A-tu-la chiến đấu với nhau, con nghĩ rằng 'Mong chư

---

61. Tức Thiên Đế Thích.

62. Hán: đắc ly đắc hỷ. Pāli: veda-paṭilābha, somanassa-paṭilābha, có được cảm giác phấn khích, hoan hỷ.

Thiên thắng, phá vỡ A-tu-la. Thực phẩm của chư Thiên và thực phẩm của A-tu-la hãy để tất cả cho Tam thập tam thiên thọ thực'.

"Bạch Đại Tiên Nhân, khi chư Thiên đánh nhau với A-tu-la, chư Thiên đắc thắng, phá vỡ chúng A-tu-la. Thực phẩm của chư Thiên và thực phẩm của A-tu-la, tất cả đều được chư Thiên Tam thập tam thọ thực.

"Bạch Đại Tiên Nhân, bây giờ có ly, có hỷ, nhưng xen lẫn dao gậy, kết oán, đấu tranh, thù nghịch, không được thần thông, không được giác đạo, không được Niết-bàn.

"Bạch Đại Tiên Nhân, ngày nay được ly, được hỷ, không xen lẫn dao gậy, kết oán, đấu tranh, thù nghịch, được thần thông, được giác đạo và được Niết-bàn."

Đức Thế Tôn hỏi:

"Này Câu-dực, do đâu ngươi được ly được hỷ? Do nơi Ta mà được pháp hỷ chăng?

"Thiên Vương Thích đáp rằng:

"Bạch Đại Tiên Nhân, con nghĩ rằng 'Ta mạng chung ở đây, sanh nơi nhân gian. Ở đó nếu có dòng họ rất giàu sang, tiền của vô số, sản nghiệp, súc mục không thể tính được. Phong hô thực ấp các thứ đầy đủ, hoặc là chủng tộc Sát-lợi trưởng giả, chủng tộc Phạm chí trưởng giả và các chủng tộc khác, rất là giàu sang, của cải vô số, sản nghiệp, súc mục không thể tính được. Phong hô thực ấp các thứ đầy đủ. Sau khi sanh vào chủng tộc như thế, thành tựu các căn, có tín tâm đối với pháp luật mà Đức Như Lai giảng thuyết. Sau khi có tín tâm, liền cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín lìa bỏ gia đình, sống không gia đình mà học đạo và học trí. Sau khi học trí, nếu thành đạt trí, liền chứng đắc cứu cánh trí, đạt đến biên tế cứu cánh. Nếu sau khi học trí mà không được cứu cánh học trí và sau khi học trí thì có chư Thiên nào đó có đại phước hựu, có sắc tượng uy nguy, chói sáng rực rỡ, rất có oai lực, an ổn khoái lạc, sống mãi trong cung, sanh nơi tối thượng. Ta sanh trong đó".

Bấy giờ Thiên Vương Thích nói bài tụng:

Xả ly thân Thiên thần,
Sanh xuống nơi nhân gian;
Thác thai không ngu muội,
Tùy sở thích hân hoan.
Thành thân đã hoàn mãn,
Chất trực, tu Thánh đạo,
Hành phạm hạnh trọn đủ
Sống vui đời xin ăn.

"Và sau khi học trí, nếu được trí, liền chứng đắc cứu cánh trí, đạt đến biên tế cứu cánh. Nếu học trí và sau khi học trí rồi mà được trí nhưng không chứng đắc cứu cánh trí, đã thành vị trời tối thượng diệu, chư Thiên đều nghe danh, đó là Sắc cứu cánh thiên, sẽ sanh vào đó. Bạch Đại Tiên Nhân, con mong sẽ chứng đắc A-na-hàm. Bạch Đại Tiên Nhân, con nay đã chứng đắc Tu-đà-hoàn."

Đức Thế Tôn hỏi:

"Này Câu-dực, ngươi do đâu mà được sai giáng[63] rất tốt đẹp, cực cao, cực rộng này, để có thể tự nói là đã chứng đắc Tu-đà-hoàn?"

Bấy giờ Thiên Vương Thích dùng bài kệ đáp:

---

63. *Sai giáng* 差t ——Ở đây có lẽ chỉ sự lần lượt chuyển sanh.

Không còn tôn ai khác
Ngoài cảnh giới Thế Tôn.
Chứng Vô thượng sai giáng,
Cõi này thật chưa từng.
Đại Tiên, con ngồi đây,
Ngay với thân trời này
Con liền được tăng thọ
Chính mắt thấy như vầy.

Khi nói pháp này, Thiên Vương Thích xa lìa trần cấu, pháp nhãn của các pháp phát sanh. Tám vạn chư Thiên cũng được xa lìa trần cấu, pháp nhãn của các pháp phát sanh. Khi ấy Thiên Vương Thích thấy pháp, đắc pháp, giác ngộ pháp bạch tịnh, đoạn trừ nghi hoặc, không còn tôn ai khác, không còn do ai khác, không còn do dự, đã an trụ trên quả chứng, đối với giáo pháp của Phật mà chứng đắc vô sở úy, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ chân Phật, thưa rằng:

"Bạch Thế Tôn, con nay xin tự quy Phật, Pháp và Chúng Tỳ-kheo. Ngưỡng mong Thế Tôn nhận con làm Ưu-bà-tắc. Kể từ hôm nay cho đến trọn đời, con tự quy y cho đến khi mạng chung."

Bấy giờ Thiên Vương Thích ngợi khen Ngũ Kết nhạc tử rằng:

"Lành thay! Lành thay! Ngũ Kết, ngươi đã giúp ích cho ta rất nhiều. Lý do vì sao? Do ngươi mà Phật xuất định, bởi ngươi trước hết khiến Thế Tôn từ định ra, khiến ta sau đó mới yết kiến được Thế Tôn. Này Ngũ Kết! Sau khi từ đây trở về, ta đem Hiền Nguyệt Sắc, con gái của Nhạc vương Đam-phù-lâu gả cho ngươi và đem bổn quốc của Nhạc vương ấy trao cho ngươi, phong tặng ngươi làm vua kỹ nhạc[64]."

Bấy giờ Thiên Vương Thích bảo chư Thiên Tam thập tam rằng:

"Các ngươi hãy lại đây! Nếu trước kia chúng ta vốn là Phạm thiên, sống trên cõi Phạm thiên, thường ba lần cung kính, lễ sự Phạm thiên vương thì các vị ấy nay tất cả đều cung kính lễ sự Thế Tôn. Lý do vì sao? Vì Thế Tôn là Phạm thiên, là vị Phạm thiên sẽ tạo hóa những bậc tối tôn, những chúng sanh đã sanh, những chúng sanh đã có và sẽ có, những gì Phạm thiên biết, Ngài đều biết hết, những gì Phạm thiên có thể thấy, Ngài đều thấy hết."

Rồi Thiên Vương Thích, chư Thiên cõi Tam thập tam, Ngũ Kết nhạc tử, nếu trước kia từng là Phạm thiên, sống trên cõi Phạm thiên, ba lần cung kính, lễ sự Phạm thiên, thì nay họ thảy đều hướng sự cung kính, lễ sự ấy đến Đức Thế Tôn, cúi đầu trước Đức Như Lai, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác.

Bấy giờ, Thiên Vương Thích, chư Thiên Tam thập tam và Ngũ Kết nhạc tử lại lần nữa cung kính lễ sự Thế Tôn, cúi đầu lễ sát chân Phật, nhiễu quanh ba vòng rồi bỗng nhiên biến mất khỏi chỗ đó, không thấy nữa.

Bấy giờ Phạm thiên với sắc tượng nguy nguy, sáng chói rực rỡ, vào lúc trời gần sáng, đi đến chỗ Phật, cúi đầu sát chân Phật, rồi đứng sang một bên, dùng kệ bạch Thế Tôn:

Do gây nhiều thiện ích
Do lợi nghĩa, là "trời".
Hiền giả ở Ma-kiệt,

64. Tức phong làm Càn-thát-bà vương.

Bà-sa-bà hỏi han.

"Khi Đại Tiên Nhân nói pháp này, Thiên Vương Thích xa lìa trần cấu, pháp nhãn về các pháp khác phát sanh và tám vạn chư Thiên cũng xa lìa trần cấu, pháp nhãn về các pháp phát sanh."

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Phạm thiên rằng:

"Quả như vậy! Quả như vậy! Đúng như Phạm thiên đã nói:

Do gây nhiều thiện ích
Do lợi nghĩa, là "trời".
Hiền giả ở Ma-kiệt,
Bà-sa-bà hỏi han.

"Này Phạm thiên, khi Ta nói pháp, Thiên Vương Thích xa lìa trần cấu, pháp nhãn về các pháp phát sanh và tám vạn chư Thiên cũng xa lìa trần cấu, pháp nhãn về các pháp phát sanh."

Đức Phật thuyết như vậy. Thiên Vương Thích, chư Thiên Tam thập tam, Ngũ Kết nhạc tử và Đại phạm thiên, sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

❑

135. KINH THIỆN SANH[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật du hóa tại thành Vương-xá, trong rừng Nhiêu hà mô[2].

Bấy giờ, trong thành Vương xá có con của vị Cư sĩ tên là Thiện Sanh[3]. Khi người cha sắp lâm chung, nhân sáu phương mà trối trăn, khéo dạy khéo quở rằng:

"Này Thiện Sanh! Sau khi cha mất, con phải chắp tay mà lạy sáu phương rằng: 'Ở phương Đông, nếu có chúng sanh nào thì tôi hết lòng cung kính, cúng dường, lễ bái, thờ phụng chúng sanh đó. Khi tôi đã hết lòng cung kính, cúng dường, lễ bái, thờ phụng chúng sanh đó rồi, chúng sanh đó cũng hết lòng cung kính, cúng dường, lễ bái, thờ phụng lại tôi.

"Cũng như vậy, phương Nam, phương Tây, phương Bắc, trên, dưới, nếu có chúng sanh nào thì tôi hết lòng cung kính, cúng dường, lễ bái, thờ phụng chúng sanh đó. Khi tôi đã hết lòng cung kính, cúng dường, lễ bái, thờ phụng chúng sanh đó rồi, chúng sanh đó cũng hết lòng cung kính, cúng dường, lễ bái, thờ phụng lại tôi'."

Thiện Sanh, con trai Cư sĩ, nghe cha dạy xong, thưa rằng:

"Con xin vâng theo lời cha dạy bảo."

Sau khi cha mất, vào mỗi sáng sớm, Thiện Sanh tắm gội xong, mặc áo sô-ma mới[4], tay cầm lá câu-xá[5] còn tươi, đi đến bờ sông, chắp tay lạy sáu phương:

"Ở phương Đông, nếu có chúng sanh nào thì tôi hết lòng cung kính, cúng dường, lễ bái, thờ phụng chúng sanh đó. Khi tôi đã hết lòng cung kính, cúng dường, lễ bái, thờ phụng chúng sanh đó rồi, chúng sanh đó cũng hết lòng cung kính, cúng dường, lễ bái, thờ phụng lại tôi.

"Cũng như vậy, phương Nam, phương Tây, phương Bắc, trên, dưới, nếu có chúng sanh nào thì tôi hết lòng cung kính, cúng dường, lễ bái, thờ phụng chúng sanh đó. Khi tôi đã hết lòng cung kính, cúng dường, lễ bái, thờ phụng chúng sanh đó rồi, chúng sanh đó cũng hết lòng cung kính, cúng dường, lễ bái, thờ phụng lại tôi."

Bấy giờ, khi đêm đã qua, vào buổi sáng sớm, Đức Thế Tôn mang y, cầm bát vào thành Vương xá khất thực. Khi Đức Thế Tôn vào thành Vương xá khất thực, từ xa trông thấy Thiện Sanh, con vị Cư sĩ, vào lúc sáng sớm, tắm gội, mặc áo sô-ma mới, tay cầm lá

---

1. Tương đương Pāli D.31 Siṅgālovāda-suttanta. Hán, biệt dịch No.1(16) Trường A-hàm Kinh 16 "Thiện Sanh"; No.16. Phật Thuyết Thi-ca-la-việt Lục Phương Lễ Bái Kinh, Hậu Hán, An Thế Cao dịch; No.17 Phật Thuyết Thiện Sanh Tử Kinh, Tống, Chi Pháp Độ dịch.
2. Nhiêu hà mô ——— Achỗ nuôi *ễnh ương* (hay nuôi *sóc*?). No.1(16) nói: trên núi Kỳ-xà-quật tức Linh thứu. Pāli nói: Veḷuvane Kalandaka-nivāpe, trong rừng Trúc, chỗ nuôi sóc.
3. No.1(16): trưởng giả tử. Pāli: Gahapati-putto, con trai gia chủ.
4. Sô-ma y ——i — (Pāli: khoma: áo len). No.1(16): toàn thân đều ướt. Pāli: alla-vattham alla-kesam: áo và tóc đều ướt hết.
5. Câu-xá diệp ——— —, có lẽ Pāli gọi là kusa, một loại cỏ thơm (cỏ cát tường).

câu-xá còn tươi, đi đến bờ sông, chắp tay lạy sáu phương:

"Ở phương Đông, nếu có chúng sanh nào thì tôi hết lòng cung kính, cúng dường, lễ bái, thờ phụng chúng sanh đó. Khi tôi đã hết lòng cung kính, cúng dường, lễ bái, thờ phụng chúng sanh đó rồi, chúng sanh đó cũng hết lòng cung kính, cúng dường, lễ bái, thờ phụng lại tôi.

"Cũng như vậy, phương Nam, phương Tây, phương Bắc, trên, dưới, nếu có chúng sanh nào thì tôi hết lòng cung kính, cúng dường, lễ bái, thờ phụng chúng sanh đó. Khi tôi đã hết lòng cung kính, cúng dường, lễ bái, thờ phụng chúng sanh đó rồi, chúng sanh đó cũng hết lòng cung kính, cúng dường, lễ bái, thờ phụng lại tôi."

Đức Thế Tôn thấy thế, liền đi đến gần, hỏi Thiện Sanh, con trai Cư sĩ:

"Này con trai Cư sĩ, ông thọ nhận sự giáo hóa của Sa-môn, Phạm chí nào? Ai dạy ông cung kính, cúng dường, lễ bái, thờ phụng sáu phương? Mà vào mỗi buổi sáng tắm rửa, mặc áo sô-ma mới, tay cầm lá câu-xá còn tươi, đi đến bờ sông, chắp tay lạy sáu phương:

"'Ở phương Đông, nếu có chúng sanh nào thì tôi hết lòng cung kính, cúng dường, lễ bái, thờ phụng chúng sanh đó. Khi tôi đã hết lòng cung kính, cúng dường, lễ bái, thờ phụng chúng sanh đó rồi, chúng sanh đó cũng hết lòng cung kính, cúng dường, lễ bái, thờ phụng lại tôi.

"'Cũng như vậy, phương Nam, phương Tây, phương Bắc, trên, dưới, nếu có chúng sanh nào thì tôi hết lòng cung kính, cúng dường, lễ bái, thờ phụng chúng sanh đó. Khi tôi đã hết lòng cung kính, cúng dường, lễ bái, thờ phụng chúng sanh đó rồi, chúng sanh đó cũng hết lòng cung kính, cúng dường, lễ bái, thờ phụng lại tôi?'."

Thiện Sanh, con trai Cư sĩ, thưa rằng:

"Bạch Thế Tôn, không có vị Sa-môn, Phạm chí nào dạy con cả. Bạch Thế Tôn, cha con khi sắp lâm chung, nhân sáu phương mà trối lại con, khéo dạy, khéo quở rằng: 'Này Thiện Sanh! Sau khi cha mất, con phải chắp tay mà lạy sáu phương rằng: 'Ở phương Đông, nếu có chúng sanh nào thì tôi hết lòng cung kính, cúng dường, lễ bái, thờ phụng chúng sanh đó. Khi tôi đã hết lòng cung kính, cúng dường, lễ bái, thờ phụng chúng sanh đó rồi, chúng sanh đó cũng hết lòng cung kính, cúng dường, lễ bái, thờ phụng lại tôi.

"'Cũng như vậy, phương Nam, phương Tây, phương Bắc, trên, dưới, nếu có chúng sanh nào thì tôi hết lòng cung kính, cúng dường, lễ bái, thờ phụng chúng sanh đó. Khi tôi đã hết lòng cung kính, cúng dường, lễ bái, thờ phụng chúng sanh đó rồi, chúng sanh đó cũng hết lòng cung kính, cúng dường, lễ bái, thờ phụng lại tôi.'

"Bạch Thế Tôn, con vâng lời trối của cha nên con cung kính, cúng dường, lễ bái, thờ phụng. Mỗi sáng sớm tắm gội, mặc áo sô-ma mới, tay cầm lá câu-xá còn tươi đi đến bờ sông, chắp tay lạy sáu phương rằng: 'Phương Đông nếu có chúng sanh nào thì tôi hết lòng cung kính, cúng dường, lễ bái, thờ phụng chúng sanh đó. Khi tôi đã hết lòng cung kính, cúng dường, lễ bái, thờ phụng chúng sanh đó rồi, chúng sanh đó cũng hết lòng cung kính, cúng dường, lễ bái, thờ phụng lại tôi.

"'Cũng như vậy, phương Nam, phương Tây, phương Bắc, trên, dưới, nếu có chúng sanh nào thì tôi hết lòng cung kính, cúng dường, lễ bái, thờ phụng chúng sanh đó. Khi tôi đã hết lòng cung kính, cúng dường, lễ bái, thờ phụng chúng sanh đó rồi, chúng sanh đó cũng hết lòng cung kính, cúng dường, lễ bái, thờ phụng lại tôi'."

Đức Thế Tôn sau khi nghe như vậy, Ngài nói rằng:

"Này con trai Cư sĩ, Ta nói có sáu phương, chớ không nói là không có[6]. Này con trai Cư sĩ, nếu có người khéo phân biệt sáu phương, xa lìa những nghiệp ác bất thiện ở bốn phương, người đó ngay trong đời này đáng được cung kính, tôn trọng. Sau khi thân hoại mạng chung, chắc chắn sẽ sanh đến thiện xứ, sanh vào cõi trời. Này con trai Cư sĩ, chúng sanh có bốn loại nghiệp, bốn loại ô uế[7]. Những gì là bốn? Này con trai Cư sĩ, sát sanh là một loại nghiệp, một loại ô uế của chúng sanh; lấy vật không được cho, tà dâm, vọng ngôn, là một loại nghiệp, một loại ô uế của chúng sanh."

Rồi Đức Thế Tôn nói bài kệ này:

Sát sanh cùng trộm cắp,
Tà dâm lấy vợ người,
Lời nói không chân thật,
Bậc trí không ngợi khen.

"Này con trai Cư sĩ, con người do bốn việc mà bị nhiều tội lỗi. Bốn việc đó là gì? Đó là đi theo dục, đi theo sân hận, đi theo sợ hãi và đi theo ngu si[8]."

Rồi Đức Phật dạy tiếp bài kệ:

Dục, nhuế, bố và si;
Làm hạnh ác, phi pháp,
Thanh danh tất bị diệt,
Như mặt trăng sắp tàn.

"Này con trai Cư sĩ, con người do bốn việc mà được nhiều phước. Bốn việc đó là gì? Đó là không đi theo dục, không đi theo sân hận, không đi theo sợ hãi và không đi theo ngu si."

Khi ấy, Đức Thế Tôn dạy bài kệ:

Đoạn dục, không nhuế, bố,
Không si, hành pháp hạnh;
Thanh danh được tròn đủ,
Như mặt trăng dần đầy.

"Này con trai Cư sĩ, kẻ mong cầu của cải nên biết sáu điều phi đạo[9]. Sáu điều đó là gì? Một là với mọi chơi bời[10] mà mong cầu tài vật là phi pháp. Hai là rong chơi không phải lúc[11] mà mong cầu tài vật là phi pháp. Ba là đam mê rượu chè mà mong cầu tài vật là phi pháp. Bốn là gần gũi ác tri thức mà mong cầu tài vật là phi pháp. Năm là đam mê kỹ nhạc mà mong cầu tài vật là phi pháp. Sáu là quen lười biếng mà mong cầu tài vật là phi pháp.

"Này con của vị Cư sĩ, với kẻ chơi bời bài bạc, nên biết có sáu tai họa. Sáu tai họa đó là gì? Một là, thắng[12] thì sanh oán thù. Hai là, thua thì sanh xấu hổ. Ba là, mắc nợ[13] thì

---

6. Tham chiếu No.1(16): "có tên của sáu phương, nhưng trong pháp của Hiền Thánh không phải lạy như vậy." Tham chiếu Pāli: na (....) ariyassa vinaye evaṃ chaddisā namassitabhā ti, "trong luật của bậc Thánh, không phải lạy sáu phương như vậy".
7. No.1(16): *nghiệp kết*. Pāli: cattāro kamma-kilesā, bốn phiền não, hay bốn sự ô nhiễm, của nghiệp.
8. Hán: hành dục, hành khuể (nhuế), hành bố, hành si ——}——C Pāli: chandāgatiṃ dosāgatiṃ bhayāgatiṃ mohāgatiṃ.
9. Lục phi đạo ——D-D-C Pāli: cha bhogānaṃ apāya-mukhāni, sáu nguyên nhân cho sự hao tài.
10. Hán*: chủng chủng hý* ———F Pāli:jūta-ppamāda-ṭṭhānuyogo, đam mê cờ bạc.
11. Hán: *phi thời hành* -D——C Pāli: vikāla-visikhā-cariyānuyogo, du hành đường phố phi thời.
12. Trong bản Hán: *phụ* -t "thua". Theo ngữ cảnh, phải hiểu "thắng".

ngủ không yên. Bốn là, khiến kẻ thù vui mừng. Năm là, khiến thân thuộc lo âu. Sáu là, nói giữa đám đông không ai tin dùng. Này con trai Cư sĩ, người chơi bài bạc thì làm việc không kinh doanh. Làm việc không kinh doanh thì công nghiệp không thành. Tài vật chưa có được thì không thể có được. Tài vật đã có sẵn thì càng lúc càng tiêu hao.

"Này con trai Cư sĩ, với người rong chơi không phải lúc, nên biết có sáu món tai họa. Sáu món đó là gì? Một là không tự giữ mình. Hai là không giữ gìn tài vật. Ba là không giữ gìn vợ con. Bốn là bị người nghi ngờ[14]. Năm là sanh nhiều khổ hoạn[15]. Sáu là bị người hủy báng[16]. Này con trai Cư sĩ, người rong chơi không phải lúc thì việc làm không kinh doanh. Việc làm không kinh doanh thì công nghiệp không thành. Tài vật chưa có được thì không thể có. Tài vật đã có sẵn thì càng lúc càng tiêu hao.

"Này con của vị Cư sĩ, với người đam mê rượu chè, nên biết có sáu món tai họa. Sáu món đó là gì? Một là tài sản hiện tại bị tổn thất. Hai là thân bị nhiều bệnh hoạn. Ba là đấu tranh càng tăng trưởng. Bốn là để lộ chỗ kín. Năm là tổn thất danh tiếng. Sáu là mất trí, thành ngu. Này con của vị Cư sĩ, người đam mê rượu thì việc làm không kinh doanh được. Việc làm không kinh doanh thì công nghiệp không thành. Tài vật chưa có được thì không thể có. Tài vật đã có sẵn thì càng lúc càng bị tiêu hao.

"Này con nhà Cư sĩ, người gần gũi tri thức ác, nên biết có sáu món tai họa. Sáu món đó là gì? Một là thân cận giặc cướp. Hai là thân cận kẻ lừa gạt. Ba là thân cận kẻ say sưa. Bốn là thân cận kẻ buông lung. Năm là tụ hội chơi bời. Sáu là lấy đó làm thân hữu, lấy đó làm bạn đồng hành[17]. Này con nhà Cư sĩ, người gần gũi ác tri thức thì việc làm không kinh doanh. Việc làm không kinh doanh thì công nghiệp không thành. Tài vật chưa có được thì không thể có. Tài vật đã có sẵn thì càng lúc càng bị tiêu hao.

Này con trai Cư sĩ, với người đam mê kỹ nhạc, nên biết có sáu món tai họa. Sáu món đó là gì? Một là mê nghe ca. Hai là mê xem vũ. Ba là mê đánh nhạc. Bốn là mê xem lắc chuông. Năm là thích vỗ tay. Sáu là thích tụ hội đông người. Này con nhà Cư sĩ, người đam mê kỹ nhạc không phải lúc thì việc làm không kinh doanh. Việc làm không kinh doanh thì công nghiệp không thành. Tài vật chưa có được thì không thể có. Tài vật đã có sẵn thì càng lúc càng bị tiêu hao.

Này con nhà Cư sĩ, với người lười biếng, nên biết có sáu tai họa. Sáu món đó là gì? Một là quá sớm, không làm việc. Hai là quá trễ, không làm việc. Ba là quá lạnh, không làm việc. Bốn là quá nóng, không làm việc. Năm là quá no, không làm việc. Sáu là quá đói, không làm việc. Này con nhà Cư sĩ, người lười biếng không phải lúc thì việc làm không kinh doanh được. Việc làm không kinh doanh thì công nghiệp không thành. Tài vật chưa có được thì không thể có. Tài vật đã có sẵn thì càng lúc càng bị tiêu hao."

Rồi Đức Thế Tôn nói bài kệ này:

Bài bạc, đuổi theo sắc,
Nghiện rượu, thích đánh nhạc,
Gần gũi ác tri thức,

---

13. Trong bản Hán: *phụ* -t-Ở đây nên hiểu là "mắc nợ".
14. Pāli: saṃkiyo hoti pāpakesu ṭhānesu, bị tình nghi các trường hợp phạm tội.
15. Nghĩa là, chuốc vào thân những chuyện rắc rối.
16. Pāli: nạn nhân của tin đồn thất thiệt.
17. Dịch sát: *dĩ thử vi thân hữu dĩ thử vi bạn lữ* -H-----H-----Q-Ftối nghĩa. Pāli: ye sāhasikā tyāssa mittā honti, te sahāyā, "những kẻ thô bạo, thật vậy, là những người bạn, những người đồng hành của nó". Bản Hán hiểu sāhasika (thô bạo) cùng gốc với sahāya (bằng hữu).

Lười biếng không làm việc,
Buông lung không giữ mình;
Những thứ ấy hại người.
Tới lui không giữ gìn,
Tà dâm, lấy vợ người,
Trong tâm thường kết oán,
Cầu nguyện không có lợi,
Uống rượu, nhớ nữ sắc;
Những thứ ấy hại người.
Nặng nề các việc ác,
Ngoan cố không nghe lời,
Chửi Sa-môn, Phạm chí,
Điên đảo có tà kiến,
Hung bạo làm nghiệp đen,
Những thứ ấy hại người.
Thiếu thốn không của cải,
Uống rượu, mất áo quần,
Mang nợ, như chìm suối,
Kẻ ấy phá họ hàng;
Thường đi đến lò rượu,
Gần gũi bằng hữu xấu,
Muốn được của không được,
Lấy bạn bè làm vui.
Có nhiều bạn hữu ác,
Thường theo bạn không lành,
Đời nay và đời sau,
Hai đời đều bại hoại.
Người làm ác giảm lần;
Làm lành lần hưng thạnh.
Tập thù thắng càng tăng.
Cho nên phải tập thắng;
Tập thắng thì được thắng;
Thường theo trí tuệ thắng.
Càng được giới thanh tịnh,
Càng an vui vi diệu.
Ngày thì ưa ngủ nghỉ,
Đêm lại thích rong chơi;
Buông lung, thường uống rượu;
Ở nhà không yên được.
Quá lạnh và quá nóng,
Đều lười biếng không làm;
Rốt cuộc không sự nghiệp,
Không kiếm ra tài vật.
Hoặc lạnh và quá nóng,
Bất kể, như ngọn cỏ.

Siêng làm việc như vậy,
Suốt đời đều an vui.

"Này con nhà Cư sĩ, có bốn hạng người không thân cận, tuồng như thân cận[18]. Bốn hạng người đó là gì? Một là biết việc[19], thì chẳng phải thân cận in tuồng thân cận. Hai là trước mặt nói lời dịu ngọt[20], thì chẳng phải thân cận in tuồng như thân cận. Ba là lời nói[21] thì chẳng thân cận in tuồng như thân cận. Bốn là bạn đưa đến chỗ ác thì chẳng thân cận in tuồng như thân cận.

"Này con nhà Cư sĩ, do bốn trường hợp nên người biết việc dù chẳng phải thân cận in tuồng như thân cận. Bốn trường hợp ấy là gì? Một là do biết việc mà đoạt của. Hai là cho ít lấy nhiều. Ba là hoặc vì sợ mà làm. Bốn là hoặc vì lợi mà hùa theo."

Rồi Đức Thế Tôn nói bài kệ:

Người lấy biết làm việc,
Nói năng rất êm dịu,
Sợ, vì lợi hùa theo,
Biết chẳng thân, tuồng thân.
Nên xa lìa kẻ ấy
Như đường có hiểm họa.

"Này con nhà Cư sĩ, do bốn trường hợp, trước mặt nói lời dịu ngọt, dù chẳng thân cận in tuồng như thân cận. Bốn trường hợp đó là gì? Một là bày ra những việc hay đẹp. Hai là xúi làm các việc ác. Ba là trước mặt ngợi khen. Bốn là sau lưng nói việc xấu."

Rồi Đức Thế Tôn nói bài kệ:

Nếu đặt chuyện hay ho,
Xúi làm ác bất thiện,
Đối mặt thì ngợi khen,
Sau lưng lại nói xấu;
Nếu biết hay và ác,
Và biết hai lối nói,
Dù thân, không nên thân;
Biết người ấy như vậy,
Nên xa lìa kẻ ấy;
Như đường có hiểm họa.

"Này con nhà Cư sĩ, có bốn trường hợp, ngôn ngữ dù chẳng phải thân cận in tuồng như thân cận. Bốn trường hợp đó là gì? Một là chấp nhận việc đã qua. Hai là bàn bạc việc ngày mai[22]. Ba là dối trá không nói thật. Bốn là việc hiện tại thì hỏng; nhận nói rằng 'tôi sẽ làm' nhưng không làm."

Rồi Đức Thế Tôn nói bài kệ:

---

18. Pāli: amittā mitta-ptṭirūpakā, không phải bạn mà có vẻ bạn.
19. Hán: tri sự ——C No.1(16) *úy phục*. Pāli: aññadatthu-haro, hạng người vật gì cũng lấy. Hình như, trong bản Hán, aññad (khác) được hiểu là aññā(d) (biết); atthu, động từ khả năng cách: mong nó là; được hiểu là attha: sự việc.
20. Pāli: anuppiya-bhāṇī, nói ngọt, tức nịnh hót.
21. Hán: ngôn ngữ ——y-A không rõ ý. Pāli: vacī-paramo, nói giỏi.
22. Một và hai, No.1(14): việc trước dối trá; việc sau dối trá. Pāli: atītena paṭisamtharati anāgatena paṭisamtharati, hoan nghinh bằng việc quá khứ… bằng việc vị lai.

Nhận việc qua, chưa đến;
Bàn suông, việc nay hỏng;
Nói làm, nhưng không làm;
Biết chẳng thân như thân;
Nên xa lìa kẻ ấy
Như đường có hiểm họa.

"Này con nhà Cư sĩ, có bốn trường hợp bạn dẫn đến chỗ ác, dù chẳng phải thân cận in tuồng như thân cận. Bốn trường hợp đó là gì? Một là xúi các việc bài bạc. Hai là xúi đi rong chơi không phải thời. Ba là xúi uống rượu. Bốn là xúi thân cận kẻ ác."

Rồi thì Đức Thế Tôn nói bài kệ:

Xúi đủ thứ bài bạc
Uống rượu, lấy vợ người;
Thói thấp, không vươn lên;
Nó diệt như trăng tàn.
Nên xa lìa kẻ ấy
Như đường có hiểm họa.

"Này con nhà Cư sĩ, nên biết, có bốn hạng bạn lành[23]. Những gì là bốn? Một là cùng chịu khổ vui, nên biết đó là bạn lành. Hai là thương tưởng, nên biết đó là bạn lành. Ba là khuyên điều lợi, nên biết đó là bạn lành. Bốn là giúp đỡ, nên biết đó là bạn lành.

"Này con nhà Cư sĩ, do bốn việc mà cùng khổ cùng vui. Bốn trường hợp đó là gì? Một là quên mình, vì bạn. Hai là quên tài sản vì bạn. Ba là quên vợ con vì bạn. Bốn là biết nghe lời."

Rồi Đức Thế Tôn nói bài kệ:

Xả dục, tài, vợ, con,
Lời nói hay kham nhẫn;
Biết thân cùng khổ vui,
Kẻ trí nên làm thân.

"Này con nhà Cư sĩ, do bốn việc mà thương tưởng, nên biết là bạn lành. Những gì là bốn? Một là dạy cho diệu pháp[24]. Hai là ngăn cấm ác pháp. Ba là khen ngợi trước mặt. Bốn là khước từ oán gia[25].

Rồi Đức Thế Tôn nói bài kệ:

Dạy lành, cản việc ác,
Khen trước mặt, tránh thù;
Biết bạn lành thương tưởng,
Kẻ trí nên làm thân.

"Này con nhà Cư sĩ, do bốn việc mà cầu lợi[26], nên biết là bạn lành. Những gì là bốn? Một là bộc lộ việc kín ra. Hai là không che giấu việc kín. Ba là được lợi nên vui mừng. Bốn là không được lợi, không buồn."

Rồi Đức Thế Tôn nói bài kệ:

---

23. Hán: *thiện thân* ——C Pāli: mittā suhadā, bạn tâm giao.
24. Tức pháp thiện.
25. Ba và bốn, bản Pāli: khuyên người nói tốt bạn; ngăn người nói xấu bạn.
26. Tức mong điều lợi cho bạn. Pāli: atthakkhayī.

Việc mật, bày không giấu;
Lợi vui; không, chẳng buồn.
Biết bạn lành cầu lợi,
Kẻ trí nên thường thân.

"Này con nhà Cư sĩ, do bốn việc mà giúp đỡ, nên biết bạn lành. Những gì là bốn? Một là biết bạn hết của cải. Hai là biết của cải hết, liền cung cấp vật. Ba là thấy buông lung nên khuyên ngăn. Bốn là thường thương tưởng."

Rồi Đức Thế Tôn nói bài kệ:

Biết của hết, cho thêm;
Buông lung khuyên; thương tưởng.
Biết bạn lành giúp đỡ,
Kẻ trí nên làm quen.

"Này con nhà Cư sĩ, trong pháp luật của bậc Thánh, có sáu phương: Đông, Nam, Tây, Bắc, Trên, Dưới.

"Này con nhà Cư sĩ, cũng như đối với phương Đông, con đối với cha mẹ cũng vậy. Người con phải có năm điều thờ kính, phụng dưỡng cha mẹ. Năm điều đó là gì? Một là tăng thêm của cải. Hai là cáng đáng mọi việc. Ba là dâng lên cha mẹ những gì người muốn. Bốn là không tự tác, không trái ý. Năm là tất cả vật riêng của mình đều dâng hết cha mẹ. Người con làm năm việc như trên để phụng dưỡng, thờ kính cha mẹ.

"Cha mẹ cũng lấy năm việc để chăm sóc các con. Năm việc đó là gì? Một là thương yêu con cái. Hai là cung cấp không thiếu. Ba là khiến con không mang nợ. Bốn là gả cưới xứng đáng. Năm là cha mẹ có của cải vừa ý đều giao hết cho con. Cha mẹ bằng năm điều ấy mà chăm sóc các con.

"Này con nhà Cư sĩ, như vậy phương Đông có hai trường hợp phân biệt. Này con nhà Cư sĩ, trong luật pháp của bậc Thánh, phương Đông là giữa con và cha mẹ. Này con nhà Cư sĩ, nếu người từ hiếu với cha mẹ, chắc chắn có sự tăng ích, chứ không có sự suy hao.

"Này con nhà Cư sĩ, cũng như phương Đông, phương Nam có hai trường hợp phân biệt.

"Học trò đối với thầy nên biết năm điều thờ kính, phụng dưỡng thầy. Năm điều đó là gì? Một là khéo cung kính vâng lời. Hai là khéo giúp đỡ, hầu hạ. Ba là hăng hái. Bốn là nghề nghiệp giỏi. Năm là hay thờ kính thầy. Đệ tử lấy năm điều ấy cung kính, phụng dưỡng Sư trưởng.

"Sư trưởng cũng dùng năm việc săn sóc đệ tử. Năm việc đó là gì? Một là dạy cho nên nghề. Hai là dạy dỗ nhanh chóng. Ba là dạy hết những điều mình biết. Bốn là đặt để ở những chỗ lành. Năm là gửi gắm bậc thiện tri thức. Sư trưởng lấy năm điều ấy mà săn sóc đệ tử.

"Này con nhà Cư sĩ, như vậy phương Nam có hai trường hợp phân biệt. Này con nhà Cư sĩ, trong luật pháp của bậc Thánh, phương Nam là giữa học trò và thầy. Này con nhà Cư sĩ, nếu người từ thuận đối với Sư trưởng, chắc chắn có sự tăng ích chứ không có sự suy hao.

"Này con nhà Cư sĩ, cũng như phương Tây, người chồng đối với vợ cũng vậy. Người chồng nên lấy năm việc mà yêu thương, cấp dưỡng vợ. Năm việc đó là gì? Một là thương yêu vợ. Hai là không khinh rẻ. Ba là sắm các thứ chuỗi ngọc, đồ trang điểm. Bốn là ở trong nhà để vợ được tự do. Năm là xem vợ như chính mình. Người chồng lấy năm việc để thương yêu, cấp dưỡng vợ.

"Người vợ phải lấy mười ba điều[27] khéo léo kính thuận chồng. Mười ba điều ấy là gì? Một là thương yêu kính trọng chồng. Hai là cung phụng, kính trọng chồng. Ba là nhớ nghĩ đến chồng. Bốn là trông nom các công việc. Năm là khéo tiếp đãi bà con. Sáu là trước mặt đưa mắt hầu đợi. Bảy là sau lưng thì cử chỉ yêu thương. Tám là lời nói thành thật. Chín là không khóa kín cửa phòng. Mười là thấy đến thì ca ngợi. Mười một là trải sẵn giường mà đợi. Mười hai là bày dọn đồ ăn uống ngon lành, sạch sẽ, dồi dào. Mười ba là cúng dường Sa-môn, Phạm chí. Người vợ lấy mười ba việc ấy để khéo léo kính trọng chồng.

"Này con nhà Cư sĩ, như vậy phương Tây có hai trường hợp phân biệt. Này con nhà Cư sĩ, trong luật pháp của bậc Thánh, phương Tây là giữa vợ với chồng. Này con nhà Cư sĩ, nếu người từ mẫn với vợ, chắc có sự tăng ích, chứ không có sự suy hao.

"Này con nhà Cư sĩ, cũng như phương Bắc, chủ nhà đối với tôi tớ cũng như vậy[28]. Người chủ nhà nên lấy năm điều thương mến chu cấp cho tôi tớ. Năm điều ấy là gì? Một là tùy sức mà sai làm việc. Hai là tùy lúc mà cho ăn. Ba là tùy lúc cho uống. Bốn là hết ngày thì cho nghỉ. Năm là bệnh hoạn cho thuốc thang. Chủ nhà lấy năm việc trên mà thương xót cung cấp cho tôi tớ.

"Tôi tớ cũng nên lấy chín điều[29] mà phụng sự chủ nhà. Chín điều ấy là gì? Một là tùy thời mà làm việc. Hai là chuyên tâm vào công việc. Ba là làm tất cả việc. Bốn là trước mặt thì đưa mắt hầu đợi. Năm là sau lưng thì thương kính mà làm. Sáu là nói lời thành thật. Bảy là khi chủ hoạn nạn thì không bỏ đi. Tám là đi phương xa thì nên khen ngợi chủ. Chín là khen chủ nhà là dễ dãi. Tôi tớ lấy chín điều ấy khéo léo phụng sự chủ nhà.

"Này con nhà Cư sĩ, như vậy phương Bắc có hai trường hợp phân biệt. Này con nhà Cư sĩ, trong luật pháp của bậc Thánh, phương Bắc là giữa chủ nhà và tôi tớ. Này con nhà Cư sĩ, nếu có người thương xót tôi tớ, chắn chắn có sự tăng ích chứ không có sự suy hao.

"Này con nhà Cư sĩ, cũng như phương Dưới, bằng hữu đối với bằng hữu[30] cũng vậy. Thân hữu nên lấy năm việc để ái kính cung cấp thân hữu. Năm việc ấy là gì? Một là ái kính. Hai là không khinh mạn. Ba là không dối gạt. Bốn là cho tặng đồ quý. Năm là tìm cách giúp đỡ. Thân hữu lấy năm việc trên để ái kính, cung cấp thân hữu.

"Thân hữu này[31] cũng lấy năm việc để nhớ nghĩ đến thân hữu. Năm việc đó là gì? Một là biết của cải hết. Hai là khi biết của cải hết thì cung cấp của cải. Ba là thấy buông lung thì khuyên răn. Bốn là thương nhớ. Năm là gặp hoạn nạn thì cho nương tựa. Thân hữu lấy năm việc ấy để nhớ nghĩ đến thân hữu.

"Này con nhà Cư sĩ, như vậy, phương Dưới có hai trường hợp phân biệt. Này con nhà Cư sĩ, trong pháp luật của bậc Thánh là thân hữu đối với thân hữu vậy. Này con nhà Cư sĩ, nếu người thương xót thân hữu, chắc chắn có sự tăng ích chứ không phải có sự suy hao.

"Này con nhà Cư sĩ, cũng như phương Trên, thí chủ đối với Sa-môn, Phạm chí cũng

---

27. No.1(16) và Pāli, chỉ có năm.

28. Pāli: quan hệ bằng hữu ở phương Bắc, quan hệ chủ tớ ở phương dưới.

29. No.1(16) có năm.

30. Nguyên Hán: *thân hữu quán thân hữu thần* ———[————Ý muốn phân biệt người bạn này đối với người bạn kia, rồi người kia đối lại. Pāli nói rõ hơn: một thiện nam tử đối với bạn hữu, kula-puttena (....) mittāmaccā (....) và ngược lại. Hán: *thân hữu thần*, Pāli: mittāmacca, trong đó, amacca có nghĩa bằng hữu, cũng có nghĩa người phụ tá hay thần thuộc (mahāmacca: quan đại thần).

31. *Thân hữu thần*: xem chú thích trên.

vậy. Thí chủ nên lấy năm điều để tôn kính, cúng dường Sa-môn, Phạm chí. Năm điều đó là gì? Một là không đóng kín cửa. Hai là thấy đến thì tán thán. Ba là trải giường mà đợi. Bốn là làm các món ăn uống ngon sạch, dồi dào, mà cúng. Năm là đúng như pháp mà hộ trì. Người thí chủ lấy năm điều trên cung kính cúng dường Sa-môn, Phạm chí.

"Sa-môn, Phạm chí cũng lấy năm việc để khéo nhớ nghĩ đến thí chủ. Năm việc ấy là gì? Một là dạy cho có tín, hành tín và niệm tín. Hai là dạy các giới cấm. Ba là dạy nghe rộng. Bốn là dạy bố thí. Năm là dạy cho có tuệ, hành tuệ và lập tuệ. Sa-môn, Phạm chí lấy năm việc ấy để nhớ nghĩ đến thí chủ.

"Này con nhà Cư sĩ, như vậy phương Trên có hai trường hợp phân biệt. Này con nhà Cư sĩ, trong luật pháp của bậc Thánh, phương trên là giữa thí chủ và Sa-môn, Phạm chí. Này con nhà Cư sĩ, nếu người nào tôn kính cúng dường Sa-môn, Phạm chí thì chắc chắn có sự tăng ích chứ không có sự suy hao.

"Này con nhà Cư sĩ, có bốn nhiếp sự[32]. Bốn việc ấy là gì? Một là huệ thí. Hai là lời nói khả ái. Ba là làm lợi cho người. Bốn là có lợi cùng chia[33]."

Rồi Đức Thế Tôn nói bài kệ:

Huệ thí và ái ngôn,
Thường vì người lợi hành,
Với tất cả đồng sự,
Khắp nơi đều vang danh.
Sự này duy trì đời
Cũng như người đánh xe.
Nhiếp sự này vắng mặt,
Mẹ không nhân bởi con
Mà được kính phụng dưỡng.
Con đối cha cũng vậy.
Nếu có nhiếp sự này,
Phước hựu thật to lớn;
Chiếu soi như ánh nhật,
Tiếng tốt truyền đi nhanh.
Thông minh, không nói cộc
Như vậy, làm nên danh
Định vững, không cao ngạo;
Tiếng loan truyền đi nhanh
Thành tựu tín và giới[34],
Như vậy làm nên danh.
Hăng hái, không giải đãi;
Thường cho người uống ăn;
Dìu dắt vào nẻo chánh;
Như vậy làm nên danh.
Bạn bè cùng lân tuất,
Ái lạc có giới hạn;

---

32. Nhiếp sự ——Atức bốn nhiếp pháp.
33. *Huệ thí, ái ngữ, hành lợi, đẳng lợi.* Thuật ngữ thông dụng của các kinh Đại thừa: bố thí, ái ngữ, lợi hành, đồng sự.
34. Thi lại -r—Aphiên âm, Pāli: sīla.

Giữa người thân, nhiếp sự
Thù diệu như sư tử.
Học nghề, học buổi đầu,
Kiếm lợi, kiếm sau đó.
Sản nghiệp đã dựng thành,
Phân chia làm bốn phần.
Phần cung cấp ẩm thực;
Phần điền giả nông canh;
Phần kho tàng chất chứa,
Phòng khi hữu sự cần;
Gom nông tang, thương cổ,
Thu xuất, lợi một phần.
Thứ năm để cưới vợ;
Thứ sáu làm nhà cửa.
Tại gia sáu sự này,
Hưng thịnh, sống khoái lạc.
Tiền tài sẵn càng đầy,
Như nước xuôi biển cả.
Đời mưu sinh như vầy,
Như ong hút nhụy hoa;
Đời mưu sinh lâu dài,
Sống an lạc hưởng thọ.
Xuất tiền, không xuất xa;
Không tản mác tung ra.
Không thể đem tài vật
Cho hung bạo, ngoan tà.
Phương Đông là cha mẹ;
Phương Nam là tôn sư;
Phương Tây là thê tử;
Phương Bắc là nô tỳ;
Phương Dưới bằng và hữu;
Phương Trên bậc tịnh tu;
Nguyện lễ các phương ấy,
Phước đời này đời sau.
Do lễ các phương ấy,
Thí chủ sanh trời cao.

Phật thuyết như vậy. Thiện Sanh con trai Cư sĩ sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

❑

136. KINH THƯƠNG NHÂN CẦU TÀI[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng, vườn Cấp cô độc.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo[2]:

"Thuở xưa, tại châu Diêm-phù, có một số đông thương nhân cùng nhau tụ tập tại nhà khách buôn. Họ suy nghĩ như vầy: 'Chúng ta hãy dong một chiếc thuyền đi biển[3] mà vào biển lớn, tìm kiếm tài bảo mang về cung cấp những chi dụng trong gia đình.'

"Họ lại suy nghĩ rằng: 'Này các bạn, việc đi biển không thể biết trước là an ổn hay không an ổn. Vậy mỗi người trong chúng ta nên chuẩn bị đầy đủ các dụng cụ làm phao nổi trên biển, tức là gồm túi bằng da dê đen[4], trái bầu lớn và mũng bè.'

"Sau đó mỗi người trong bọn họ đều chuẩn bị đầy đủ các dụng cụ làm phao nổi trên biển, gồm túi bằng da dê đen, trái bầu lớn và mũng bè rồi đi vào biển cả.

"Khi họ đi vào biển cả, vua cá là Ma-kiệt[5] phá vỡ chiếc thuyền ấy. Các thương nhân này mỗi người đều tự nương vào các dụng cụ làm phao nổi như túi bằng da dê đen, trái bầu lớn hay mũng bè, rồi trôi đi về các phía.

"Lúc bấy giờ, từ phía Đông cửa biển ngọn gió lớn trỗi dậy, thổi các thương nhân tấp vào bờ biển Tây. Nơi ấy, họ gặp một bọn con gái rất mỹ lệ, đoan chánh, trang sức thân thể bằng tất cả các loại trang sức. Bọn con gái ấy thấy rồi, bèn nói:

"Xin kính chào các bạn! Xin đón mừng các bạn. Nơi đây là chỗ rất diệu hảo, cực kỳ khoái lạc. Nào là vườn tược, ao tắm, những chỗ ngồi và nằm, nào là rừng cây, hoa cỏ um tùm và lại có nhiều tiền tài, vàng, bạc, thủy tinh, lưu ly, ma ni, chơn châu, bích ngọc, bạch kha, xa cừ, san hô, hổ phách, mã não, đồi mồi, xích thạch, toàn châu; tất cả đều dành cho các bạn. Hãy cùng chúng tôi vui chơi hoan lạc. Mong các thương nhân châu Diêm-phù không đi về phương Nam, dù trong chiêm bao.

"Bọn thương nhân ấy đều cùng với những người đàn bà này vui chơi hoan lạc. Rồi bọn thương nhân ấy vì cùng với những người đàn bà này hiệp hội mà sanh ra con trai hoặc con gái.

---

1. Bản Hán, quyển 34. Tương đương Pāli, JĀ.196 Valāhassa (Vân mã). Biệt dịch, No.125 (45.1) Tăng Nhất Phẩm 45 Kính 1. Tham chiếu, No.190 Phật Bản Hạnh Tập Kinh, Tùy, Xà-na-quật-đa dịch (Đại 3, tr.883b); No.152 Lục Độ Tập Kinh, Khang Tăng Hội dịch (Đại 3 tr.19c, 33b).
2. No.125 (45.1) bắt đầu với sự kiện: một người Bà-la-môn mang một người con gái dâng cho Phật, Đức Phật khước từ. Một vị trưởng lão Tỳ-kheo cố gắng thuyết phục Phật chấp nhận. Do đó Ngài nói câu chuyện tiền thân này.
3. Hán: *hải trang thuyền* ▬▬▬C
4. Hán: *cổ dương* ▬a▬C
5. *Ma-kiệt ngư vương* ▬▬▬▬Ahay nói là *Ma-già-đà ngư vương* ▬▬▬▬▬dịch là *cá kình* (*Phiên Phạn Ngữ 7*), hoặc *cự ngao (Tuệ Uyển Âm Nghĩa, hạ)*. Pāli: makara, một loại cá voi trong huyền thoại.

"Về sau, châu Diêm-phù có một thương nhân có trí tuệ, sống cô độc tại một nơi thanh vắng mà nghĩ rằng: 'Vì lý do gì bọn đàn bà này ngăn cản chúng ta không cho đi về phương Nam? Chúng ta nên canh chừng người đàn bà sống chung; khi biết nó đã ngủ, ta lặng lẽ chỗi dậy, rồi lén đi về phương Nam'.

"Thương nhân trí tuệ ở châu Diêm-phù ấy sau đó canh chừng người đàn bà sống chung. Khi biết nó đã ngủ, bèn lặng lẽ chỗi dậy, rồi lén đi về phương Nam. Thương nhân trí tuệ châu Diêm-phù ấy khi đi về phương Nam, từ xa nghe có tiếng kêu réo vang dậy, tiếng nhiều người la khóc áo não, hoặc kêu gọi cha mẹ, hoặc réo vợ réo con và nhớ thương bạn bè thân thích, rằng 'Châu Diêm-phù tốt đẹp, an ổn khoái lạc, không còn thấy nữa'. Thương nhân này rất sợ hãi, lông tóc dựng ngược, nghĩ rằng: 'Mong cho loài người và loài phi nhân không quấy rầy ta.'

"Rồi một thương nhân trí tuệ châu Diêm-phù tự kềm chế sự sợ hãi, tiếp tục đi lần về phương Nam. Một thương nhân trí tuệ châu Diêm-phù kia khi đi lần về phương Nam bỗng thấy có một tòa đại thiết thành. Sau khi thấy bèn tìm khắp nhưng không thấy cửa, cho đến một chỗ đủ để con mèo chui ra cũng không. Thương nhân trí tuệ châu Diêm-phù ấy thấy phía Bắc của thiết thành có một lùm cây to lớn sum suê bèn đi đến lùm cây đại thọ ấy, chậm chạp leo lên cao. Leo lên rồi, hỏi đám đông:

"'Này các bạn, các bạn vì cớ gì khóc la áo não, kêu cha gọi mẹ, réo vợ réo con, nhớ thương bạn bè thân thích rằng châu Diêm-phù tốt đẹp, an ổn khoái lạc không còn thấy nữa?'

"Khi ấy đám đông đáp:

"'Này bạn, chúng tôi là thương nhân ở châu Diêm-phù, đều cùng nhau tụ tập tại nhà khách buôn rồi nghĩ rằng 'Chúng ta hãy dong một chiếc thuyền đi biển mà vào biển lớn tìm kiếm tài bảo mang về cung cấp những chi dụng trong gia đình'. Này bạn, chúng tôi lại nghĩ rằng 'Này các bạn, việc đi biển không thể biết trước là an ổn hay không an ổn. Vậy mỗi người trong chúng ta hãy nên chuẩn bị đầy đủ các dụng cụ làm phao nổi trên biển, tức là gồm túi bằng da dê đen, trái bầu lớn và mũng bè'. Này bạn, sau đó chúng tôi mỗi người đều chuẩn bị đầy đủ các dụng cụ làm phao nổi trên biển, gồm túi bằng da dê đen, trái bầu lớn và mũng bè rồi đi vào biển cả. Khi chúng tôi ở giữa biển, ngư vương Ma-kiệt phá vỡ chiếc thuyền ấy. Này bạn, bọn thương nhân chúng tôi mỗi người tự nương vào các dụng cụ làm phao nổi như túi bằng da dê đen, trái bầu lớn hay mũng bè rồi trôi đi về các phía. Lúc bấy giờ, từ phía Đông bờ biển, ngọn gió lớn trỗi dậy thổi bọn thương nhân chúng tôi tấp vào bờ bể phía Tây. Nơi ấy gặp một bọn con gái rất mỹ lệ, đoan chánh, trang sức thân thể bằng tất cả các loại trang sức. Bọn con gái ấy thấy rồi bèn nói rằng 'Xin kính chào các bạn. Nơi đây là chỗ rất diệu hảo, cực kỳ khoái lạc; nào là vườn tược, ao tắm, những chỗ ngồi, nằm, rừng cây, hoa cỏ um tùm và lại có nhiều tiền tài, vàng bạc, thủy tinh, lưu ly, ma ni, chơn châu, bích ngọc, bạch kha, xa cừ, san hô, hổ phách, mã não, đại mạo, xích thạch, toàn châu; tất cả đều dành cho các bạn. Hãy cùng chúng tôi vui chơi hoan lạc. Mong các thương nhân châu Diêm-phù không đi về phương Nam, dù trong chiêm bao.' Này bạn, chúng tôi cùng với những người vợ này vui chơi hoan lạc. Chúng tôi nhân vì cùng với những người vợ này hiệp hội mà sanh ra con trai hoặc con gái. Này bạn, những người đàn bà ấy nếu không nghe châu Diêm-phù có bọn thương nhân khác ở giữa biển mà ngư vương Ma-kiệt phá vỡ thuyền thì họ cùng chúng tôi tôi vui chơi hoan lạc. Này bạn, những người đàn bà ấy nếu nghe châu Diêm-phù có bọn thương nhân khác ở giữa biển mà ngư vương Ma-kiệt phá vỡ thuyền, liền ăn thịt chúng tôi. Chúng tôi gặp phải sự bức bách.

Nếu khi ăn thịt người mà còn thừa tóc, lông, móng, răng thì bọn đàn bà ấy lấy ăn hết. Nếu khi ăn thịt người, có máu huyết nhỏ xuống đất, bọn đàn bà ấy liền lấy móng tay đào sâu xuống đất bốn tấc, lấy mà ăn. Này bạn, nên biết, chúng tôi là những thương nhân ở châu Diêm-phù, trước kia có năm trăm người, trong số đó bị ăn thịt hết hai trăm năm mươi người, còn lại hai trăm năm mươi người, nay đều ở trong thiết thành lớn này. Này bạn, bạn chớ có tin lời của bọn đàn bà ấy. Chúng không phải thật là người, chính là quỷ La-sát vậy.'

"Bấy giờ thương nhân trí tuệ châu Diêm-phù từ trên cây đại thọ thong thả leo xuống, trở ra đường cũ trở về chỗ sống chung với người đàn bà kia. Khi biết người đàn bà ấy còn ngủ say, ngay trong đêm đó, thương nhân trí tuệ châu Diêm-phù tức tốc trở lại chỗ ở của các thương nhân châu Diêm-phù, nói rằng:

"'Các người hãy đến đây. Chúng ta hãy đến một nơi vắng vẻ, mỗi người đi một mình, chớ đem con cái theo. Hãy cùng nhau đến chỗ kín đáo, vì có điều cần bàn luận.'

"Bọn thương nhân châu Diêm-phù cùng đi đến một nơi vắng vẻ, mỗi người đi một mình, không đem theo con cái. Khi ấy, thương nhân trí tuệ châu Diêm-phù nói:

"'Các bạn thương nhân, khi tôi sống cô độc tại một nơi thanh vắng mà nghĩ rằng: 'Vì lý do gì bọn đàn bà này ngăn cản chúng ta không cho đi về phương Nam? Chúng ta nên canh chừng người đàn bà sống chung; khi biết nó đã ngủ, ta lặng lẽ chỗi dậy, rồi lén đi về phương Nam.'

"'Rồi thì, tôi sau đó canh chừng người đàn bà sống chung. Khi biết nó đã ngủ, bèn lặng lẽ chỗi dậy, rồi lén đi về phương Nam. Tôi khi đi về phương Nam, từ xa nghe có tiếng kêu réo vang dậy, tiếng nhiều người la khóc áo não, hoặc kêu gọi cha mẹ, hoặc réo vợ réo con và nhớ thương bạn bè thân thích, rằng 'Châu Diêm-phù tốt đẹp, an ổn khoái lạc, không còn thấy nữa'. Tôi nghe thế rất sợ hãi, lông tóc dựng ngược, nghĩ rằng: 'Mong cho loài người và loài phi nhân không quấy rầy ta.'

"'Rồi tôi tự kềm chế sự sợ hãi, tiếp tục đi lần về phương Nam. Tôi khi đi lần về phương Nam bỗng thấy có một tòa đại thiết thành. Sau khi thấy bèn tìm khắp nhưng không thấy cửa, cho đến một chỗ đủ để con mèo chui ra cũng không. Tôi thấy phía Bắc của thiết thành có một lùm cây to lớn sum suê bèn đi đến lùm cây đại thọ ấy, chậm chạp leo lên cao. Leo lên rồi, hỏi đám đông rằng:

"'–Này các bạn, các bạn vì cớ gì khóc la áo não, kêu cha gọi mẹ, réo vợ réo con, nhớ thương bạn bè thân thích rằng châu Diêm-phù tốt đẹp, an ổn khoái lạc không còn thấy nữa?'

"'Khi ấy đám đông đáp rằng 'Này bạn, chúng tôi là thương nhân ở châu Diêm-phù, đều cùng nhau tụ tập tại nhà khách buôn rồi nghĩ rằng 'Chúng ta hãy dong một chiếc thuyền đi biển mà vào biển lớn tìm kiếm tài bảo mang về cung cấp những chi dụng trong gia đình'. Này bạn, chúng tôi lại nghĩ rằng 'Này các bạn, việc đi biển không thể biết trước là an ổn hay không an ổn. Vậy mỗi người trong chúng ta hãy nên chuẩn bị đầy đủ các dụng cụ làm phao nổi trên biển, tức là gồm túi bằng da dê đen, trái bầu lớn và mũng bè'. Này bạn, sau đó chúng tôi mỗi người đều chuẩn bị đầy đủ các dụng cụ làm phao nổi trên biển, gồm túi bằng da dê đen, trái bầu lớn và mũng bè rồi đi vào biển cả. Khi chúng tôi ở giữa biển, ngư vương Ma-kiệt phá vỡ chiếc thuyền ấy. Này bạn, bọn thương nhân chúng tôi mỗi người tự nương vào các dụng cụ làm phao nổi như túi bằng da dê đen, trái bầu lớn hay mũng bè rồi trôi đi về các phía. Lúc bấy giờ, từ phía Đông bờ biển, ngọn gió lớn trỗi dậy thổi bọn thương nhân chúng tôi tấp vào bờ biển phía Tây. Nơi ấy gặp một bọn con gái

rất mỹ lệ, đoan chánh, trang sức thân thể bằng tất cả các loại trang sức. Bọn con gái ấy thấy rồi bèn nói rằng ‘Xin kính chào các bạn. Nơi đây là chỗ rất diệu hảo, cực kỳ khoái lạc; nào là vườn tược, ao tắm, những chỗ ngồi, nằm, rừng cây, hoa cỏ um tùm và lại có nhiều tiền tài, vàng bạc, thủy tinh, lưu ly, ma ni, chơn châu, bích ngọc, bạch kha, xa cừ, san hô, hổ phách, mã não, đại mạo, xích thạch, toàn châu; tất cả đều dành cho các bạn. Hãy cùng chúng tôi vui chơi hoan lạc. Mong các thương nhân châu Diêm-phù không đi về phương Nam, dù trong chiêm bao’. Này bạn, chúng tôi cùng với những người vợ này vui chơi hoan lạc. Chúng tôi nhân vì cùng với những người vợ này hiệp hội mà sanh ra con trai hoặc con gái. Này bạn, những người đàn bà ấy nếu không nghe châu Diêm-phù có bọn thương nhân khác ở giữa biển mà ngư vương Ma-kiệt phá vỡ thuyền thì họ cùng chúng tôi tôi vui chơi hoan lạc. Này bạn, những người đàn bà ấy nếu nghe châu Diêm-phù có bọn thương nhân khác ở giữa biển mà ngư vương Ma-kiệt phá vỡ thuyền, liền ăn thịt chúng tôi. Chúng tôi gặp phải sự bức bách. Nếu khi ăn thịt người mà còn thừa tóc, lông, móng, răng thì bọn đàn bà ấy lấy ăn hết. Nếu khi ăn thịt người, có máu huyết nhỏ xuống đất, bọn đàn bà ấy liền lấy móng tay đào sâu xuống đất bốn tấc, lấy mà ăn. Này bạn, nên biết, chúng tôi là những thương nhân ở châu Diêm-phù, trước kia có năm trăm người, trong số đó bị ăn thịt hết hai trăm năm mươi người, còn lại hai trăm năm mươi người, nay đều ở trong thiết thành lớn này. Này bạn, bạn chớ có tin lời của bọn đàn bà ấy. Chúng không phải thật là người, chính là quỷ La-sát vậy’.’

“Khi ấy, các thương nhân châu Diêm-phù hỏi thương nhân trí tuệ châu Diêm-phù rằng:

“Này bạn, sao bạn không hỏi đám đông người kia như vầy ‘Này các bạn, có phương tiện nào khiến chúng tôi và các bạn từ nơi này an ổn về đến châu Diêm-phù?’

“Thương nhân trí tuệ châu Diêm-phù đáp:

“Này các bạn, khi ấy tôi quên không có hỏi như vậy.

“Rồi các thương nhân châu Diêm-phù nói rằng:

“Này bạn, bạn hãy trở về đến chỗ sống chung với người đàn bà ấy, rồi canh chừng khi nó đang ngủ hãy lặng lẽ chỗi dậy, rồi lén đi về phương Nam, lại đến chỗ đông người kia hỏi rằng ‘Này các bạn, có phương tiện nào khiến chúng tôi và các bạn từ đây mà an ổn về đến châu Diêm-phù?’

“Khi ấy, thương nhân trí tuệ châu Diêm-phù im lặng nhận lời các thương nhân.

“Lúc bấy giờ thương nhân trí tuệ châu Diêm-phù trở lại chỗ sống chung với người đàn bà ấy, dò xét thấy nó đang ngủ bèn lặng lẽ chỗi dậy, rồi lén đi về phương Nam, lại đi đến chỗ đông người kia hỏi rằng:

“Này các bạn, có phương tiện nào khiến chúng tôi và các bạn từ đây mà an ổn về đến châu Diêm-phù chăng?

“Đám đông kia đáp rằng: Này bạn, hoàn toàn không có phương tiện nào khiến chúng tôi và các bạn từ đây mà an ổn về đến châu Diêm-phù. Này bạn, tôi đã nghĩ rằng ‘Chúng ta hãy đào phá vách tường này mà trở về chốn cũ’. Vừa nghĩ như thế, bức tường này lại cao gấp bội bình thường. Này bạn, thế là phương tiện này khiến chúng ta không thể từ đây mà an ổn về đến châu Diêm-phù được. Chúng ta hoàn toàn không có cách nào. Này bạn, chúng tôi nghe trên không trung nói rằng: Bọn thương nhân châu Diêm-phù ngu si bất định cũng không khéo hiểu biết. Vì sao? Vì không thể vào ngày mười lăm là ngày

nói Tùng giải thoát giới mà đi về phương Nam. Nơi ấy có Mao mã vương[6] ăn gạo trắng tự nhiên, an ổn khoái lạc, các căn sung mãn, ba lần xướng lên rằng 'Ai muốn qua bờ bên kia? Ai muốn nhờ ta được giải thoát? Ai muốn nhờ ta đưa từ đây đến châu Diêm-phù an ổn?' Các người hãy đến Mao mã vương mà nói rằng 'Chúng tôi muốn được đưa qua bờ bên kia. Mong giải thoát chúng tôi! Mong đưa chúng tôi từ đây an ổn về đến châu Diêm-phù' Này bạn, đó là phương tiện khiến các người từ đây an ổn mà về đến châu Diêm-phù. Này thương nhân, hãy đến chỗ Mao mã vương kia mà nói rằng 'Chúng tôi muốn được đưa qua bờ bên kia. Mong giải thoát chúng tôi. Mong đưa chúng tôi từ đây an ổn trở về châu Diêm-phù'.

"Khi ấy, thương nhân trí tuệ châu Diêm-phù nói:

"Này các thương nhân, mong sao[7] tới lúc đi đến chỗ Mao mã vương mà nói: 'Chúng tôi muốn được đưa qua bờ bên kia. Mong giải thoát chúng tôi. Mong đưa chúng tôi từ đây an ổn trở về châu Diêm-phù'. Các thương nhân tùy theo ý của chư Thiên. Này các thương nhân, nếu như vào ngày mười lăm là ngày thuyết Tùng giải thoát, Mao mã vương ăn gạo trắng tự nhiên, an ổn khoái lạc, các căn sung mãn, ba lần xướng lên rằng 'Ai muốn được đưa qua bờ bên kia? Ai muốn nhờ ta được giải thoát? Ai muốn nhờ ta đưa từ đây an ổn về tới châu Diêm-phù?' Bấy giờ chúng ta hãy đến chỗ kia mà nói rằng 'Chúng tôi muốn được đưa qua bờ bên kia? Mong giải thoát chúng tôi. Mong đưa chúng tôi từ đây an ổn về tới châu Diêm-phù'.

"Khi ấy, Mao mã vương, vào ngày mười lăm kế đó, là ngày thuyết Tùng giải thoát, ăn gạo trắng tự nhiên, an ổn khoái lạc, các căn sung mãn ba lần xướng lên rằng:

"Ai muốn được đưa qua bờ bên kia? Ai muốn nhờ ta được giải thoát? Ai muốn nhờ ta đưa từ đây an ổn về tới châu Diêm-phù?

"Khi những thương nhân châu Diêm-phù nghe xong, liền đi đến chỗ của Mao mã vương nói:

"Chúng tôi muốn được đưa qua bờ bên kia! Mong giải thoát chúng tôi! Mong đưa chúng tôi từ đây an ổn về đến châu Diêm-phù!

"Bấy giờ Mao mã vương nói: Này các thương nhân, các đàn bà kia sẽ bồng con cùng nhau đến đây mà nói rằng 'Này các bạn, xin mời các bạn trở về đây. Nơi đây là chỗ rất diệu hảo, cực kỳ khoái lạc. Nào là vườn tược, ao tắm, những chỗ ngồi nằm, rừng cây, hoa cỏ um tùm và lại có nhiều tiền của như kim ngân, thủy tinh, lưu ly, ma ni, chơn châu, bích ngọc, bạch kha, xa cừ, san hô, hổ phách, mã não, đại mạo, xích thạch, toàn châu; tất cả dành cho các bạn. Hãy cùng chúng tôi vui chơi hoan lạc. Giả sử không cần đến chúng tôi thì nên thương nghĩ đến con trẻ'. Nếu các thương nhân kia nghĩ rằng 'Ta có con trai, con gái. Ta có nơi cực lạc, tối diệu hảo. Nào là vườn tược, ao tắm, những chỗ ngồi nằm, rừng cây, hoa cỏ um tùm và lại có nhiều tiền tài, kim ngân, thủy tinh, lưu ly, ma ni, chơn châu, bích ngọc, bạch kha, xa cừ, san hô, hổ phách, mã não, đại mạo, xích thạch, toàn châu...' thì họ dù có cỡi trên lưng ta, chắc sẽ bị ngã lộn xuống, rồi rơi xuống nước và sẽ bị bọn đàn bà ăn thịt, sẽ gặp sự bức bách. Nếu khi ăn thịt người mà còn sót tóc, lông, móng, răng thì bọn họ sẽ lấy ăn hết. Lại nữa, nếu khi ăn có máu huyết nhỏ xuống đất, bọn đàn bà lấy móng tay đào sâu xuống đất bốn tấc, lấy mà ăn. Nếu các thương nhân kia không nghĩ rằng 'Ta có con trai, con gái. Ta có nơi cực lạc, tối diệu hảo. Nào là vườn tược, ao

---

6. Mao mã vương ——C Pāli: valāhassa (vân mã), giống ngựa lông dài có thể lướt mây bay đi.

7. Bản Nguyên: *linh* –O–F các bản khác: *kim* —C

tắm, những chỗ ngồi nằm, rừng cây, hoa cỏ um tùm và lại có nhiều tiền tài, kim ngân, thủy tinh, lưu ly, ma ni, chơn châu, bích ngọc, bạch kha, xa cừ, san hô, hổ phách, mã não, đại mạo, xích thạch, toàn châu...' thì họ dù chỉ nắm một sợi lông trong thân ta, chắc sẽ được an ổn về đến châu Diêm-phù."

"Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Bọn đàn bà kia bồng con đến mà nói rằng 'Này các bạn, xin mời các bạn trở về đây. Nơi đây là chốn cực lạc, rất là diệu hảo. Nào là vườn tược, ao tắm, những chỗ ngồi nằm, rừng cây, hoa cỏ um tùm và lại có nhiều tiền tài, kim ngân, thủy tinh, lưu ly, ma ni, chơn châu, bích ngọc, bạch kha, xa cừ, san hô, hổ phách, mã não, đại mạo, xích thạch, toàn châu... tất cả dành cho các bạn, hãy cùng chúng tôi vui chơi hoan lạc'. Nếu thương nhân kia nghĩ rằng 'Ta có con trai, con gái. Ta có nơi cực lạc, tối diệu hảo. Nào là vườn tược, ao tắm, những chỗ ngồi nằm, rừng cây, hoa cỏ um tùm và lại có nhiều tiền tài, kim ngân, thủy tinh, lưu ly, ma ni, chơn châu, bích ngọc, bạch kha, xa cừ, san hô, hổ phách, mã não, đại mạo, xích thạch, toàn châu...' thì họ dù cỡi trên chỗ cao nhất nơi lưng của Mao mã vương, chắc chắn sẽ bị ngã lộn xuống, rơi xuống nước, liền bị bọn đàn bà ăn thịt, sẽ gặp bước đường rất là bức bách. Nếu khi ăn thịt người mà còn sót tóc, lông, móng, răng thì bọn họ sẽ lấy ăn hết. Lại nữa, nếu khi ăn có máu huyết nhỏ xuống đất, bọn đàn bà ấy liền lấy móng tay đào xuống đất bốn tấc, lấy mà ăn. Nếu các thương nhân kia không nghĩ rằng 'Ta có con trai, con gái. Ta có nơi cực lạc, tối diệu hảo. Nào là vườn tược, ao tắm, những chỗ ngồi nằm, rừng cây, hoa cỏ um tùm và lại có nhiều tiền tài, kim ngân, thủy tinh, lưu ly, ma ni, chơn châu, bích ngọc, bạch kha, xa cừ, san hô, hổ phách, mã não, đại mạo, xích thạch, toàn châu...' thì họ dù chỉ một sợi lông nơi thân Mao mã vương, chắc chắn được an ổn về đến châu Diêm-phù.

"Này các Tỳ-kheo, Ta nói ví dụ này là muốn cho biết nghĩa. Ví dụ ấy là nói nghĩa này:

"Pháp của Ta được thuyết giảng khéo léo, phơi bày sâu rộng, khéo giữ gìn không trống, không khuyết, cũng như cầu, bè, các dụng cụ làm phao nổi, được lưu bố cùng khắp đến cả trời, người.

"Pháp của Ta được khéo giảng thuyết như vậy, phơi bày sâu rộng như vậy, khéo giữ gìn, không trống, không khuyết như vậy, cũng như cầu, bè, các dụng cụ làm phao nổi, được lưu bố cùng khắp đến cả trời người, đối với pháp ấy, nếu có Tỳ-kheo nào nghĩ rằng 'Con mắt là ta; ta sở hữu con mắt. Tai, mũi, lưỡi, thân và ý là ta; ta sở hữu ý'; Tỳ-kheo ấy chắc chắn sẽ bị hại, giống như bọn thương nhân bị quỷ La-sát ăn thịt.

"Pháp của Ta được giảng thuyết khéo léo, phơi bày sâu rộng như vậy, khéo giữ gìn, không trống, không khuyết như vậy, cũng như cầu, bè, các dụng cụ làm phao nổi, được lưu bố cùng khắp đến cả trời người. Nếu có Tỳ-kheo nào nghĩ rằng 'Mắt không phải là ta. Ta không sở hữu con mắt. Tai, mũi, lưỡi, thân và ý không phải là ta. Ta không sở hữu con mắt'; Tỳ-kheo ấy chắc chắn được an ổn. Ví như thương nhân cỡi trên Mao mã vương an ổn mà giải thoát nạn.

"Pháp của Ta khéo nói, khéo giảng thuyết như vậy, phơi bày sâu rộng như vậy, khéo giữ gìn, không trống, không khuyết như vậy, cũng như cầu, bè, các dụng cụ làm phao nổi, được lưu bố cùng khắp đến cả trời người. Nếu có Tỳ-kheo nào nghĩ rằng: 'Sắc là ta. Ta sở hữu sắc. Thanh, hương, vị, xúc và pháp là ta. Ta sở hữu pháp'; Tỳ-kheo ấy chắc chắn sẽ bị hại, giống như bọn thương nhân bị quỷ La-sát ăn thịt.

"Pháp của Ta khéo nói, phơi bày sâu rộng, khéo giữ gìn, không trống, không khuyết,

ví như chiếc cầu nổi, được lưu bố cùng khắp đến cả trời người. Nếu các Tỳ-kheo nào nghĩ rằng 'Sắc không phải là ta. Ta không sở hữu sắc. Thanh, hương, vị, xúc và pháp không là ta. Ta không sở hữu pháp'; Tỳ-kheo ấy chắc chắn được an ổn, giống như thương nhân kia cỡi trên Mao mã vương mà an ổn được thoát nạn.

"Pháp của Ta khéo nói, phơi bày sâu rộng, khéo giữ gìn, không trống, không khuyết, ví như chiếc cầu nổi, được lưu bố cùng khắp đến cả trời người. Nếu có Tỳ-kheo nghĩ rằng 'Sắc ấm là ta. Ta sở hữu sắc ấm. Thọ, tưởng, hành, và thức ấm là ta. Ta sở hữu thức ấm'; Tỳ-kheo ấy chắc chắn sẽ bị hại, giống như thương nhân bị quỷ La-sát ăn thịt.

"Pháp của Ta khéo nói, phơi bày sâu rộng, khéo giữ gìn, không trống, không khuyết, ví như chiếc cầu nổi, được lưu bố cùng khắp đến cả trời người. Nếu có Tỳ-kheo nghĩ rằng 'Sắc ấm không là ta. Ta không sở hữu sắc ấm. Thọ, tưởng, hành, và thức ấm không là ta. Ta không sở hữu thức ấm'; Tỳ-kheo ấy chắc chắn được an ổn, giống như thương nhân cỡi trên Mao mã vương mà an ổn thoát nạn.

"Pháp của Ta khéo nói, phơi bày sâu rộng, khéo giữ gìn, không trống, không khuyết, ví như chiếc cầu nổi, được lưu bố cùng khắp đến cả trời người. Nếu có Tỳ-kheo nghĩ rằng 'Đất là ta. Ta sở hữu đất. Cho đến nước, lửa, gió, không và thức[8] là ta. Ta sở hữu thức', vị Tỳ-kheo kia chắc chắn bị hại, giống như thương nhân bị quỷ La-sát ăn thịt.

"Pháp của Ta khéo nói, phơi bày sâu rộng, khéo giữ gìn, không trống, không khuyết, ví như chiếc cầu nổi, được lưu bố cùng khắp đến cả trời người. Nếu có Tỳ-kheo nghĩ rằng 'Đất là không ta. Ta không sở hữu đất. Cho đến nước, lửa, gió, không và thức không là ta. Ta không sở hữu thức'; vị Tỳ-kheo kia chắc chắn được an ổn, giống như thương nhân nhờ ngồi trên lưng Mao mã vương đưa đến chỗ an lành."

Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn nói bài tụng:

Phật thuyết Chánh pháp luật;
Nếu có kẻ không tin,
Người ấy chắc bị hại
Như bị La-sát thịt.
Phật thuyết Chánh pháp luật;
Nếu có kẻ kính tin,
Người ấy được an ổn,
Như nương Mao mã vương.

Phật thuyết như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

❑

8. Bốn đại chủng, cùng với hư không và thức, được kể là sáu giới (dhātu).

137. KINH THẾ GIAN[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng, vườn Cấp cô độc.

Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Như Lai đã tự mình giác ngộ về thế gian và cũng nói lại cho người khác. Như Lai biết[2] thế gian. Như Lai tự giác ngộ về sự tập khởi của thế gian và cũng nói lại cho người khác. Như Lai đoạn trừ thế gian tập. Như Lai tự giác ngộ sự diệt tận của thế gian và cũng nói cho người khác. Như Lai chứng ngộ thế gian diệt. Như Lai tự giác ngộ đạo tích[3] của thế gian và cũng nói cho người khác. Như Lai tu thế gian đạo tích.

"Nếu có tất cả những gì cần được hiểu biết một cách toàn diện[4], tất cả những gì điều đó Như Lai đã biết, thấy, giác, ngộ, chứng đắc. Vì sao vậy? Như Lai từ đêm chứng ngộ Vô thượng Chánh đẳng chánh giác cho đến ngày hôm nay vào lúc ban đêm sẽ đi vào tịch diệt trong Vô dư Niết-bàn giới[5]; trong khoảng thời gian giữa đó, nếu những gì được nói ra, được ứng đối từ chính miệng của Như Lai, tất cả những điều ấy đều là chắc thật, không hư vọng, không ra ngoài sự Như[6], cũng không phải là điên đảo. Đó là sự chắc thật, là sự chân thật.

"Nếu nói về sư tử như thế nào, thì hãy nói về Như Lai cũng như vậy. Vì sao vậy? Như Lai ở giữa đại chúng nếu có giảng thuyết thì đó chính là tiếng rống của Sư tử[7].

"Đối với tất cả thế gian, Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Phạm chí, từ trời đến người, Như Lai là Phạm Hữu[8]. Như Lai là Bậc Chí Lãnh[9] vì không phiền cũng không nhiệt. Như Lai là Bậc Chân Thật không hư vọng[10]."

---

1. Tương đương Pāli A.4.23 Loka-sutta; tham chiếu It. 112 Loka.
2. Bốn Thánh đế, *tri* khổ, *đoạn* tập, *chứng* diệt và *tu* đạo.
3. Đạo tích □□ Pāli: paṭipāda, phương pháp, hay đường lối thực hành.
4. *Nhất thiết tận phổ chánh hữu* □□□□□□□□(?). Có lẽ là (…) *chánh tri*, thay vì *chánh hữu*. Tham chiếu Pāli: yam… sadevakassa lokassa… sadevamanussasāya diṭṭhaṃ sutaṃ mutaṃ viññataṃ pattaṃ pariyesitaṃ anuvicaritaṃ manasā sabbaṃ taṃ tathāgatena abhisaṃbuddhaṃ, thế giới này bao gồm Thiên giới, cho đến, chư Thiên và nhân loại, những gì được thấy, được nghe, được nghĩ đến, được biết đến, được đạt đến, được tầm cầu, được suy xét bởi ý; tất cả những cái ấy đều được Như Lai giác ngộ.
5. Vô dư Niết-bàn giới □□□□□□□□□□□□ Pāli: anupādisesā nibbānadhātu.
6. *Bất ly ư như* □□□□□□□□ Pāli nói: sabbaṃ tam tatheva hoti, no aññathā, tất cả những điều ấy chính thực là như vậy, không thể khác.
7. Pāli khác hẳn: nói như vậy thì cũng làm như vậy (...) cho nên gọi là Như Lai. Yathāvādī tathākārī (...) tathāgato vuccati.
8. Phạm Hữu □□ được hiểu là "Bậc Tối Diệu" (Pāli: Brahmabhūta, S.IV. Pp-95, M.I. P.111), không được đề cập trong bản Pāli.
9. Chí lãnh hữu □□□□□□ cực kỳ mát lạnh, vì đã dập tắt các thứ lửa. Pāli:?
10. Chân đế bất hư hữu □□□□□□□□□□ không rõ Pāli. Đoạn văn Pāli được coi tương đương: (…) Tathāgato

Bấy giờ Thế Tôn liền nói bài kệ:

Biết tất cả thế gian;
Ra khỏi mọi thế gian;
Thuyết tất cả thế gian;
Trọn thế gian như thật[11]
Đấng Tối Tôn Đại Hùng
Giải thoát mọi triền phược,
Diệt tận hết thảy nghiệp,
Sanh tử đều giải thoát.
Là trời cũng là người,
Thảy đều quy mạng Phật.
Cúi đầu lễ Như Lai,
Đại dương sâu vô cực.
Chư Thiên, thần Hương âm[12],
Kính lạy Đấng Đã Biết.
Chúng sanh trong tử sanh,
Đều cúi đầu quy phục,
Cúi đầu lễ Trí sĩ;
Quy mạng Đấng Thượng Nhân;
Không trần lụy, vô ưu,
Vô ngại, các giải thoát;
Vì vậy, hãy vui thiền,
Sống viễn ly tịch tịnh.
Hãy tự mình đốt đèn,
Vì Như Lai khó gặp[13].
Không gặp thời Như Lai,
Đời sống trong địa ngục.

Phật thuyết như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

❑

abhibhū anabhibhūti aññadhatthudaso vasavattī, Như Lai là Vị chiến thắng, Vị không thể bị đánh bại, là Vị thấy tất cả, biết tất cả, tự do tự tại.

11. Pāli: sabhaṃ loke yathātatham, (biết) tất cả thế gian một cách như thật.
12. Hương âm thần ————A hay nhạc thần, hay Càn-thát-bà; Pāli: Gandhabba.
13. *Vô ngã tất thất thời* -L————C

138. KINH PHƯỚC[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng, vườn Cấp cô độc.

Bấy giờ, Phật bảo các vị Tỳ-kheo:

"Đừng sợ hãi phước[2] mà hãy có ý niệm yêu thích. Vì sao vậy? Vì những gì được gọi là phước thì cũng nói là lạc. Sự sợ hãi đối với phước là không có ý niệm yêu thích. Vì sao vậy? Những gì là phi phước được nói là khổ.

"Ta nhớ lại trong thời quá khứ, lâu dài tác phước, lâu dài thọ báo mà ý niệm yêu thích. Thời quá khứ Ta hành từ tâm trong bảy năm mà trải qua bảy lần kiếp thành và kiếp hoại, không tái sanh trong thế gian này. Nếu thời kiếp hoại, Ta sanh lên cõi trời Hoảng dục[3]. Trong thời kiếp thành, Ta tái sanh trở xuống trong cung điện trống không của Phạm thiên và là Đại Phạm thiên trong cõi Phạm thiên đó.

"Trong những trường hợp khác, Ta trải qua một ngàn lần làm Tự Tại Thiên vương, ba mươi sáu lần làm Thiên Đế Thích và vô lượng lần làm vua Sát-lợi Đảnh Sanh.

"Này Tỳ-kheo, lúc làm vua Sát-lợi Đảnh Sanh, Ta có tám vạn bốn ngàn thớt voi lớn được phủ những đồ cưỡi rất đẹp; dùng các báu bạch châu lạc[4] trang sức, phủ lên voi chúa đầu đàn Vu-sa-hạ[5].

"Này Tỳ-kheo, lúc Ta làm vua Sát-lợi Đảnh Sanh, có tám vạn bốn ngàn con ngựa được phủ lên các thứ đồ cưỡi đẹp. Dùng các báu vàng, bạc, dao lạc để trang sức cho ngựa đầu đàn là ngựa Mao[6].

"Này Tỳ-kheo, lúc Ta làm vua Sát-lợi Đảnh Sanh, có tám vạn bốn ngàn cỗ xe, trang sức bằng bốn cách, dùng da vằn quý báu đủ màu của các thú như sư tử, cọp, beo, dệt thành đủ loại màu sắc xen lẫn trang sức cho cỗ xe dẫn đầu chạy rất nhanh chóng tên là xe Nhạc thanh[7].

"Này Tỳ-kheo, lúc Ta làm vua Sát-lợi Đảnh Sanh, có tám vạn bốn ngàn thành lớn, giàu có cùng cực, dân chúng đông đúc, lấy vương thành Câu-xá-hòa-đề[8] làm đầu.

"Này Tỳ-kheo, lúc làm vua Sát-lợi Đảnh Sanh, Ta có tám vạn bốn ngàn ngôi lầu; có bốn loại lầu báu, làm bằng vàng, bạc, lưu ly và thủy tinh; đứng đầu là Chánh pháp điện[9].

---

1. Tham chiếu Pāli A.7.58 Pacala (ngủ gục), đoạn cuối.
2. Pāli: mā bhikkhave puññānaṃ bhāyittha, sukkhass'etaṃ bhikkhave adhivacanaṃ, yad idaṃ puññaun ti, "đừng sợ phước; đồng nghĩa với lạc, đó là phước".
3. Hoảng dục thiên tức Quang âm thiên hay Cực quang thiên; Pāli: Ābhassara.
4. Bạch châu lạc ━━]━_━C
5. Vu-sa-hạ tượng vương ━_━P━P━H━━C Pāli: Uposathanāgarāja.
6. Mao mã vương━ ━━━C Pāli: Valāhaka-assarāja.
7. Nhạc thanh xa ━━n━━C Pāli: Vejayanta-ratha, cỗ xe (= cung điện) Chiến thắng.
8. Câu-xá-hòa-đề ━━ 恕 ━━C Pāli: Kusāvati.
9. Chánh pháp điện ━━k━━C Pāli: Dhammapāsāda.

"Này Tỳ-kheo, lúc làm vua Sát-lợi Đảnh Sanh, Ta có tám vạn bốn ngàn ngự tòa; bốn loại tòa báu, bằng vàng, bạc, lưu ly và thủy tinh; trải lên bằng các thứ nệm, chiếu dệt bằng lông năm sắc, phủ lên bằng những gấm, the, sa trun, lụa là; có chăn nệm lót, hai đầu để gối, trải thảm quý bằng da sơn dương[10].

"Này Tỳ-kheo, lúc làm vua Sát-lợi Đảnh Sanh, Ta có tám vạn bốn ngàn chiếc áo song y, áo sơ-ma[11], áo gấm, áo lụa, áo kiếp bối, áo gia-lăng-già-ba-hòa-la.

"Này Tỳ-kheo, lúc làm vua Sát-lợi Đảnh Sanh, Ta có tám vạn bốn ngàn người nữ, thân thể nõn nà, sạch sẽ sáng sủa, sắc đẹp hơn người, không thua chư Thiên, tư dung đoan chánh, ai nhìn cũng sinh ưa thích, trang điểm bằng các thứ vật báu, anh lạc; tất cả đều thuộc dòng Sát-lợi. Ngoài ra, những người thuộc dòng khác thì nhiều vô số.

"Này Tỳ-kheo, lúc làm vua Sát-lợi Đảnh Sanh, Ta có tám vạn bốn ngàn món ăn, ngày đêm thường dọn ra cho Ta ăn.

"Này Tỳ-kheo, trong tám vạn bốn ngàn món ăn kia, có một món hết sức ngon, sạch sẽ, có vô lượng mùi vị, là món Ta thường ăn.

"Này Tỳ-kheo, trong tám vạn bốn ngàn người nữ kia có một người thuộc dòng Sát-lợi, đoan chánh đẹp đẽ khác thường, hầu hạ Ta.

"Này Tỳ-kheo, trong tám vạn bốn ngàn song y kia có một chiếc áo song y, hoặc là áo sơ-ma, hoặc áo gấm, hoặc áo lụa, hoặc áo kiếp-bối[12], hoặc áo gia-lăng-già-ba-hòa-la là Ta thường mặc.

"Này Tỳ-kheo, trong tám vạn bốn ngàn ngự tòa kia, có một ngự tòa làm bằng vàng, hoặc bạc, hoặc lưu ly, hoặc thủy tinh; đồ trải lên thì dùng những tấm nệm, những chiếc chiếu dệt bằng lông năm sắc; đồ phủ lên thì dùng gấm, the, sa trun, lụa là, có chăn nệm lót, hai đầu để gối, có trải thảm quý bằng da sơn dương, là Ta thường nằm.

"Này Tỳ-kheo, trong tám vạn bốn ngàn lầu quán kia, có một lầu quán làm bằng vàng, hoặc bạc, hoặc lưu ly, hoặc thủy tinh, tên là Chánh pháp điện, là nơi Ta thường ở.

"Này Tỳ-kheo, trong tám vạn bốn ngàn thành lớn kia, có một thành giàu có cùng cực, dân chúng đông đúc, gọi là thành Câu-xá-hòa-đề là chỗ Ta thường ở.

"Này Tỳ-kheo, trong tám vạn bốn ngàn cỗ xe kia, có một cỗ được dùng da đủ màu của các thú như sư tử, cọp, beo dệt thành, màu sắc xen kẽ để trang hoàng, chạy rất nhanh chóng, tên là xe Nhạc thanh, Ta thường ngồi lên, đi đến các lầu quán để ngắm nhìn các vườn tược.

"Này Tỳ-kheo, trong tám vạn bốn ngàn con ngựa kia có một con màu xanh biếc, đầu như chim, gọi là ngựa Mao, là Ta thường cưỡi, đi đến các lầu quán để ngắm các vườn tược.

"Này Tỳ-kheo, trong tám vạn bốn ngàn thớt voi lớn kia, có một thớt toàn thân trắng toát, bảy chi thảy đều ngay thẳng, gọi là voi chúa Vu-sa-hạ, là Ta thường cưỡi đi đến các lầu quán để ngắm các vườn tược.

"Này Tỳ-kheo, bấy giờ Ta nghĩ: 'Đó là nghiệp quả gì, là nghiệp báo gì, mà ngày nay Ta có đại như ý túc, đại oai đức, đại phước hựu, đại oai thần?'

"Này Tỳ-kheo, Ta lại nghĩ: 'Đó là ba nghiệp quả, là ba nghiệp báo, khiến Ta ngày

---

10. Hán dịch: *gia-lăng-già-ba-hòa-la ba-giá-tất-đa-la-na* -[———i 恕 ——i-B -x-h———C Pāli: kadalimigapavara-pacchattharaṇa, thảm lông bằng da sơn dương cực quý.
11. *Sơ-ma y* ————F Pāli: khoma-pilotikā, vải lanh.
12. Kiếp-bối y -T——C Pāli: kappāsika, vải bông (gòn).

nay có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai thần: một là bố thí, hai là điều phục, ba là thủ hộ'."

Bấy giờ Thế Tôn liền nói bài kệ:

Quán sát phước báo này,
Diệu thiện, nhiều ích lợi.
Tỳ-kheo, Ta quá khứ
Bảy năm tu từ tâm;
Bảy kiếp thành, kiếp hoại,
Không tái sanh cõi này.
Lúc thế gian hủy hoại,
Ta sanh trời Hoảng dục.
Lúc thế gian chuyển thành,
Ta sanh vào Phạm thiên;
Ở đó, Ta Đại phạm.
Nghìn sanh, Tự Tại thiên;
Ba sáu lần Đế Thích;
Vô lượng trăm Đảnh vương.
Sát-lợi Đảnh Sanh vương,
Tối tôn trong loài người[13].
Đúng pháp, không dao gậy,
Thống trị cả thiên hạ.
Đúng pháp, không dối trá[14]
Chánh an lạc, dạy dân.
Đúng pháp, lần lượt truyền,
Khắp tất cả cõi đất.
Chỗ giàu sang, nhiều của,
Sanh vào chủng tộc ấy;
Lúa gạo thảy tràn đầy'
Thánh tựu bảy trân bảo.
Do các phước lớn ấy,
Chỗ sanh đều tự tại.
Chư Phật ngự thế gian,
Những điều Phật ấy dạy;
Biết điều này kỳ diệu,
Thấy thần thông không ít.
Ai biết mà không tin,
Như vậy sanh trong tối.
Vì vậy hãy vì mình
Mong cầu đại phước hựu.
Hãy cung kính Chánh pháp;
Thường niệm Pháp luật Phật.

---

13. Pāli: Muddhābhisitto khattiyo manussādhipatī, làm vua Đảnh Sanh, thuộc dòng Sát-lợi, là bậc Nhân chủ.
14. *Như pháp bất gia uổng* ▪p▪k▬▬[扞▪c Pāli: asāhasena dhammena, đúng theo pháp chứ không cưỡng chế.

Phật thuyết như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

❑

139. KINH TỨC CHỈ ĐẠO[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng, vườn Cấp cô độc.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Tỳ-kheo niên thiếu vừa mới thành tựu giới hãy thường xuyên đi đến một nghĩa địa[2] mà quán sát các tướng trạng tử thi: tướng xương, tướng xám xanh, tướng rữa nát, tướng bị thú ăn, tướng bộ xương khô. Vị ấy sau khi ghi nhận kỹ những tướng trạng tử thi này rồi trở về trụ xứ của mình, rửa sạch tay chân, trải ni-sư-đàn trên giường, ngồi kiết già và suy niệm về các tướng trạng này: tướng xương, tướng xám xanh, tướng rữa nát, tướng bị thú ăn, tướng những đốt xương dính liền. Vì sao vậy? Nếu Tỳ-kheo tu tập bằng các tướng trạng này sẽ đoạn trừ nhanh chóng những bệnh tham dục, sân nhuế trong tâm."

Rồi Đức Thế Tôn nói bài tụng này:

Những niên thiếu Tỳ-kheo,
Chưa đạt thành niệm trụ[3]
Hãy đến bãi tha ma
Để trừ dâm dục ý.
Để tâm không hận thù,
Thương yêu cả chúng sanh,
Tràn đầy khắp mọi phương.
Hãy quán sát thân thể,
Quán sát tướng xám xanh
Và rữa nát, hư hoại;
Quán sâu, quạ rỉa thân,
Xương phơi bày từng đốt.
Tu tập những tướng này,
Rồi trở về trụ xứ,
Gội rửa sạch chân tay,
Trải giường ngồi ngay thẳng;
Hãy quán sát như chân,
Trong thân và ngoài thân,
Chứa đầy đại tiểu tiện;
Tim, thận, gan và phổi,
Nếu khi đi trì bình[4]

---

1. Tham chiếu Sn.(1.11) Vijiya-sutta và đối chiếu kinh số 98 trên.
2. Tức chỉ đạo ———D—C Pāli: Sīvathikā.
3. Nguyên Hán: *ý chỉ* —N——C Pāli: satipaṭṭhāna.
4. Phân vệ ———A phiên âm. Pāli: piṇḍapāta.

Đến nơi thôn ấp người,
Như tướng mang giáp trụ,
Hãy chánh niệm trước mắt.
Nếu thấy sắc khả ái
Tinh sạch, liên hệ dục;
Thấy vậy quán như chân,
Chánh niệm pháp luật Phật.
Trong đây không xương, gân,
Không thịt, cũng không máu;
Không thận, tim, gan, phổi;
Không đàm, dãi, não, óc,
Địa đại thảy đều không;
Thủy đại cũng bất thực;
Hỏa đại cũng là không;
Phong đại cũng chẳng thực.
Nếu có cảm thọ nào,
Tinh sạch liên hệ dục,
Tất cả đều lắng tịnh;
Quán sát bằng thật tuệ.
Như vậy tinh cần hành.
Thường niệm bất tịnh tưởng;
Đoạn trừ dâm, nộ, si,
Vô minh cũng dứt tuyệt;
Hưng khởi thanh tịnh minh,
Tỳ-kheo vượt khổ tế.

Phật thuyết như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

❑

140. KINH CHÍ BIÊN[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng, vườn Cấp cô độc.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Trong sự nuôi sống, thấp kém nhất, cùng biên nhất, đó là đi khất thực. Thế gian rất húy kỵ, gọi là "đầu trọc, tay ôm bình bát bước đi." Nhưng thiện nam tử ấy vì mục đích mà chấp nhận. Lý do vì sao? Vì nhàm tởm, ghê sợ sự sanh, già, bệnh, chết, sầu bi, khóc than, ưu khổ, áo não; hoặc để đạt đến biên tế của toàn vẹn khối lớn đau khổ này. Các ngươi há không phải với tâm như vậy mà xuất gia học đạo chăng?"

Các Tỳ-kheo bạch rằng:

"Thật sự như vậy."

Đức Thế Tôn lại bảo các Tỳ-kheo:

"Người ngu si kia, với tâm như vậy mà xuất gia học đạo, nhưng lại sống theo tham dục, chìm đắm đến tận cùng, sự ô trược quấn chặt lấy tâm, ganh ghét, bất tín, lười biếng, mất chánh niệm, không chánh định, ác tuệ, tâm cuồng, rối loạn các căn, giữ giới hết sức lơ là, không tu Sa-môn, không phát triển rộng lớn.

"Cũng như người dùng mực để giặt những đồ bị mực dính dơ; lấy máu rửa máu, lấy dơ chùi dơ, lấy bẩn trừ bẩn, lấy phân trừ phân, chỉ tăng thêm ô uế mà thôi; bỏ chỗ mờ mịt để vào chỗ mờ mịt, bỏ chỗ tối tăm để vào chỗ tối tăm. Ta nói người ngu si kia giữ giới Sa-môn cũng lại như vậy, nghĩa là nó sống theo tham dục, chìm đắm đến tận cùng, sự ô trược quấn chặt lấy tâm, ganh ghét, bất tín, lười biếng, mất chánh niệm, không chánh định, ác tuệ, tâm cuồng, rối loạn các căn, giữ giới hết sức lơ là, không tu Sa-môn, không phát triển rộng lớn.

"Cũng như đống tro tàn giữa những que củi tàn thiêu xác người trong rừng vắng. Núi rừng không cần đến nó, thôn ấp cũng không dùng đến nó. Ta nói người ngu si giữ giới Sa-môn cũng lại như vậy, nghĩa là nó sống theo tham dục, chìm đắm đến tận cùng, sự ô trược quấn chặt lấy tâm, ganh ghét, bất tín, lười biếng, mất chánh niệm, không chánh định, ác tuệ, tâm cuồng, rối loạn các căn, giữ giới hết sức lơ là, không tu Sa-môn, không phát triển rộng lớn."

Rồi Thế Tôn nói bài tụng:

Người ngu muội hỏng đời dục lạc,
Và hư luôn mục đích Sa-môn.
Đạo và tục cả hai đều mất,
Như tro tàn theo ngọn lửa tàn.

---

1. Tham chiếu Pāli, It. 91. Jīvita; S. 22. 80 Piiḍo. Tham chiếu Hán, No.765 (2.32) *Bản Sự Kinh*, phẩm 2 kinh 32.

Như thể giữa khu rừng hoang vắng,
Xác người thiêu còn lại tro tàn;
Dù thôn ấp, núi rừng, vô dụng;
Người tham mê dục vọng không hơn.
Đạo và tục cả hai đều mất,
Như tro tàn theo ngọn lửa tàn.

Phật thuyết như vậy. Các Tỳ-kheo ấy sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

❑

141. KINH DỤ[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng, vườn Cấp cô độc.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Nếu có vô lượng thiện pháp mà có thể đạt được thì tất cả đều lấy sự không phóng dật làm căn bản, không phóng dật làm tập khởi, nhân không phóng dật mà phát sanh, không phóng dật làm đầu. Trong các thiện pháp, không phóng dật là tối đệ nhất.

"Cũng như làm ruộng, tất cả đều nhân nơi đất, y cứ trên đất, thiết lập trên đất mới làm được ruộng. Cũng vậy, nếu có vô lượng thiện pháp mà có thể đạt được thì tất cả đều lấy sự không phóng dật làm căn bản, không phóng dật làm tập khởi, nhân không phóng dật mà phát sanh, không phóng dật làm đầu. Trong các thiện pháp, không phóng dật là tối đệ nhất.

"Cũng như hạt giống, các loại hạt giống[2], các loại thảo mộc[3], trăm giống lúa, cây thuốc được phát sanh, trưởng dưỡng, tất cả đều nhân nơi đất, y cứ trên đất, thiết lập trên đất mới được sanh trưởng. Cũng vậy, nếu có vô lượng thiện pháp mà có thể đạt được thì tất cả đều lấy sự không phóng dật làm căn bản, không phóng dật làm tập khởi, nhân không phóng dật mà phát sanh, không phóng dật làm đầu. Trong các thiện pháp, không phóng dật là tối đệ nhất.

"Cũng như trong các căn hương[4], trầm hương[5] là tối đệ nhất. Cũng như trong các thọ hương[6], xích chiên-đàn[7] là tối đệ nhất. Cũng như trong các hoa dưới nước, hoa sen xanh là tối đệ nhất. Cũng như trong các hoa trên đất, hoa Tu-ma-na[8] là tối đệ nhất. Cũng như trong các dấu chân của loài thú, thì tất cả đều nhập vào trong dấu chân voi; dấu chân voi gồm chứa hết là bậc nhất; dấu chân voi ấy là tối đệ nhất, vì rất rộng, rất lớn. Cũng như thế, nếu có vô lượng thiện pháp mà có thể đạt được thì tất cả đều lấy sự không phóng dật làm căn bản, không phóng dật làm tập khởi, nhân không phóng dật mà phát sanh, không phóng dật làm đầu. Trong các thiện pháp, không phóng dật là tối đệ nhất.

---

1. Tham chiếu Pāli S.3.2(7-8) Appamāda-sutta; S.45.140.148. Padam. Tham chiếu Hán No.99 (1239), 100 (66), No.765 (1.12) Bản Sự Kinh, Huyền Tráng dịch.
2. Chủng tử thôn 種子村 Pāli: bījagāma, loại hạt giống; chỉ các thực vật thuộc nhóm gieo hạt.
3. Nguyên Hán: quỷ thần thôn 鬼神村 Pāli: bhūta-gāma, chỉ các loại cây trồng, đối lập với chủng tử thôn, xem cht. trên.
4. Căn hương 根香 hương liệu lấy từ rễ cây.
5. Trầm hương 沈香 trong bản Pāli: kāḷānusāriya, hương chiên-đàn đen.
6. Thọ hương 樹香 hương liệu lấy từ thân cây.
7. Xích chiên-đàn 赤栴檀 Pāli: lohita-candana, chiên-đàn đỏ.
8. Tu-ma-na hoa 須摩那華 Pāli: sumana, duyệt ý hoa.

"Cũng như trong các loài thú, Sư tử vương là tối đệ nhất. Ví như khi các trận cùng đấu chiến nhau thì yếu thệ[9] là thứ nhất. Cũng như các đòn tay của lầu gác, tất cả đều y cứ trên đòn dông[10], thiết lập trên dông, được duy trì bởi đòn dông, đòn dông là bậc nhất vì duy trì tất cả. Cũng vậy, nếu có vô lượng thiện pháp mà có thể đạt được thì tất cả đều lấy sự không phóng dật làm căn bản, không phóng dật làm tập khởi, nhân không phóng dật mà phát sanh, không phóng dật làm đầu. Trong các thiện pháp, không phóng dật là tối đệ nhất.

"Cũng như trong các ngọn núi, Tu-di sơn vương là bậc nhất. Cũng như trong các dòng suối, biển lớn thu nhập nước, biển lớn là bậc nhất. Cũng như trong các loại đại thân[11], A-tu-la vương là thứ nhất. Cũng như trong các loại chiêm thị[12], Ma vương là thứ nhất. Cũng như trong các loại hành dục, Đảnh sanh vương là thứ nhất. Cũng như trong các Tiểu vương, Chuyển luân vương là bậc nhất. Cũng như giữa các vì tinh tú trong hư không, mặt trăng là bậc nhất. Cũng như trong các loại vải lụa, lụa trắng tinh là thứ nhất. Cũng như trong các loại ánh sáng, ánh sáng của trí tuệ là thứ nhất. Cũng như trong các chúng hội, chúng đệ tử của Như Lai là bậc nhất. Cũng như trong các pháp hữu vi và vô vi, ái tận, vô dục, diệt tận, Niết-bàn là bậc nhất. Cũng như trong các loài chúng sanh không chân, hai chân, bốn chân, nhiều chân; sắc, vô sắc, có tưởng, không tưởng, cho đến phi hữu tưởng, phi vô tưởng, trong đó Như Lai là bậc nhất, là tối đại, là tối thượng, là tối cao, là tối tôn, là tối diệu.

"Cũng như do bò mà có sữa; nhân sữa có tô; nhân tô có sanh tô; nhân sanh tô có thục tô; nhân thục tô có tô tinh; tô tinh là bậc nhất, là lớn, là trên, là tối, là thắng, là tôn, là diệu. Cũng như thế, trong các loài chúng sanh không chân, hai chân, bốn chân, nhiều chân, sắc, vô sắc, hữu tưởng, vô tưởng, cho đến phi hữu tưởng, phi vô tưởng, trong đó Như Lai là bậc nhất, là tối đại, là tối thượng, là tối cao, là tối thắng, là tối tôn, là tối diệu."

Bấy giờ Đức Thế Tôn nói bài tụng:

Những ai mong tài vật,
Tốt đẹp, tăng tiến nhiều,
Khen ngợi không phóng dật
Sự, vô sự, đều tỏ[13].
Những ai không phóng dật,
Lợi nghĩa cả hai đời;
Đời này khéo thu hoạch;
Và đời sau thu hoạch.
Và thu hoạch đời này
Dũng mãnh quán các nghĩa
Kẻ trí tất giải thoát.

Phật thuyết như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

❑

---

9. Yếu thệ -n-}-A No.100 (66) nói: ai xông lên trước là bậc nhất.
10. Thừa duyên lương ————A đòn dông. Pāli: gopānasī. No.100 (66): trong tất cả lầu các, cao-ba-na-tả (gopānasī) là tối đệ nhất.
11. Đại thân -j —A thân hình to lớn đồ sộ.
12. *Chiêm thị* ———F bản Thánh: chiêm *đặc* -S-C Không rõ.
13. Sự vô sự tuệ thuyết ——L——z——C

PHẨM THỨ 12: PHẨM PHẠM CHÍ (phần đầu)

142. KINH VŨ THẾ
143. KINH THƯƠNG-CA-LA
144. KINH TOÁN SỐ MỤC-KIỀN-LIÊN
145. KINH CÙ-MẶC MỤC-KIỀN-LIÊN
146. KINH TƯỢNG TÍCH DỤ
147. KINH VĂN ĐỨC
148. KINH HÀ KHỔ
149. KINH HÀ DỤC
150. KINH UẤT-SẤU-CA-LA
151. KINH PHẠM CHÍ A-NHIẾP-HÒA

142. KINH VŨ THẾ[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật du hóa tại thành Vương xá, ở trong núi Thứu nham[2].

Bấy giờ vua nước Ma-kiệt-đà là Vị Sanh Oán Bệ-đà-đề Tử[3] cùng với nước Bạt-kỳ[4] thù nghịch nhau, thường ở giữa quyến thuộc nhiều lần nói rằng:

"Người nước Bạt-kỳ có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai thần[5], nhưng ta sẽ diệt trừ giống người Bạt-kỳ, tàn phá Bạt-kỳ, làm cho nhân dân nước Bạt-kỳ gặp vô số tai ách."

Khi ấy, Vị Sanh Oán Bệ-đà-đề Tử, vua nước Ma-kiệt-đà nghe Đức Thế Tôn du hóa thành Vương xá, ở trong núi Thứu nham, nên nói với đại thần Vũ Thế[6]:

"Ta nghe Sa-môn Cù-đàm du hóa thành Vương xá, ở trong núi Thứu nham. Này Vũ Thế, ngươi hãy đi đến chỗ Sa-môn Cù-đàm, nhân danh ta mà thăm hỏi Thánh thể có được an vui không bệnh, sức lực có được bình thường hay không? Rồi hãy nói như vầy, 'Cù-đàm, vua nước Ma-kiệt-đà là Vị Sanh Oán Bệ-đà-đề Tử thăm hỏi Thánh thể có được an vui không bệnh, sức lực có được bình thường chăng? Bạch Sa-môn Cù-đàm, vua nước Ma-kiệt-đà là Vị Sanh Oán Bệ-đà-đề Tử, cùng với nước Bạt-kỳ thù nghịch nhau, thường ở giữa quyến thuộc và nhiều lần nói rằng: 'Người nước Bạt-kỳ có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai thần, nhưng ta sẽ diệt trừ giống người Bạt-kỳ, tàn phá Bạt-kỳ, làm cho nhân dân nước Bạt-kỳ gặp vô số tai ách'. Bạch Sa-môn Cù-đàm, về vấn đề này Ngài dạy như thế nào?' Này Vũ Thế, nếu Sa-môn Cù-đàm có dạy những gì thì ngươi hãy cố gắng ghi nhớ, thọ trì. Vì sao? Bởi lẽ những người như vậy nhất định không khi nào nói sai."

Đại thần Vũ Thế vâng lời vua dạy xong, lên một cỗ xe rất đẹp và cùng năm trăm cỗ xe khác đồng ra khỏi thành Vương xá, đi đến trong núi Thứu nham và leo lên núi Thứu nham, rồi xuống xe đi bộ đến chỗ Phật.

Đại thần Vũ Thế cùng với Đức Thế Tôn nói lời chào hỏi rồi ngồi sang một bên, thưa rằng:

---

1. Bản Hán, quyển 35. Tương đương Pāli: A.7.20 Vassakāra-sutta; tham chiếu D.16 Mahāparinibbāna. Hán, biệt dịch No.125 (40.2) Tăng Nhất phẩm 40 kinh số 2; tham chiếu No.1(2) Trường A-hàm, kinh số 2 "Du Hành"; No.5 Phật Bát-nê-hoàn Kinh, Bạch Pháp Tổ dịch; No.6 Bát-nê-hoàn Kinh, khuyết danh dịch.
2. Thứu nham -l—Acũng nói là Linh thứu, hay đọc âm là Kỳ-xà-quật; đỉnh Kên kên. Pāli: Gijjakūta-pabbata.
3. Vị Sanh Oán Bệ-đà-đề Tử ————@———l-Ahoặc A-xà-thế Vi-đề-hy Tử. Pāli: Ajātasattu Vedehiputta, Ajàtasattu, con trai của bà Vedehi.
4. Bạt-kỳ -[—C Pāli: Vajjī.
5. Pāli: evaṃmahiddhike evaṃmahānubhāve, hùng mãnh như thế, uy thế như thế.
6. Vũ Thế -B—hoặc đọc âm là Vũ-xá -B[—]—C Pāli: Vassakāra, một người Bà-la-môn, Tể tướng nước Magadha.

"Thưa Cù-đàm, vua nước Ma-kiệt-đà là Vị Sanh Oán Bệ-đà-đề Tử thăm hỏi Thánh thể có được an vui không bệnh, sức lực có được bình thường chăng? Bạch Sa-môn Cù-đàm, vua nước Ma-kiệt-đà là Vị Sanh Oán Bệ-đà-đề Tử, cùng với nước Bạt-kỳ thù nghịch nhau, thường ở giữa quyến thuộc và nhiều lần nói rằng: 'Người nước Bạt-kỳ có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai thần, nhưng ta sẽ diệt trừ giống người Bạt-kỳ, tàn phá Bạt-kỳ, làm cho nhân dân nước Bạt-kỳ gặp vô số tai ách'. Bạch Sa-môn Cù-đàm, về vấn đề này Ngài dạy như thế nào?"

"Đức Thế Tôn nghe rồi, bảo rằng:

"Này Vũ Thế, xưa kia Ta đã từng đi đến nước Bạt-kỳ. Nước đó có ngôi chùa tên là Giá-hòa-la[7]. Lúc ấy, này Vũ Thế, Ta giảng nói pháp không suy thoái[8] cho người nước Bạt-kỳ nghe. Người nước Bạt-kỳ có thể vâng thọ và thực hành bảy pháp không suy thoái đó. Này Vũ Thế, nếu người dân nước Bạt-kỳ thực hành được bảy pháp không suy thoái mà không trái phạm thì nước Bạt-kỳ chắc chắn hùng mạnh, không thể suy vi được."

Đại thần Vũ Thế bạch Đức Thế Tôn:

"Sa-môn Cù-đàm, về việc này chỉ nói một cách tóm tắt, chứ không phân biệt rộng rãi. Chúng con không thể hiểu được nghĩa này. Kính xin Sa-môn Cù-đàm phân biệt rộng rãi để chúng con được biết ý nghĩa này."

Đức Thế Tôn bảo:

"Này Vũ Thế, hãy lắng nghe, suy nghĩ kỹ. Ta sẽ giảng nói rộng rãi ý nghĩa này cho ông nghe[9]."

Đại thần Vũ Thế vâng lời, lắng nghe.

Lúc ấy, Tôn giả A-nan đang cầm quạt đứng hầu Phật, Đức Thế Tôn quay lại hỏi A-nan rằng:

"Ngươi có từng nghe người nước Bạt-kỳ thường xuyên hội họp và tụ tập đông đảo chăng?

Tôn giả A-nan bạch rằng:

"Bạch Thế Tôn, con nghe người nước Bạt-kỳ thường xuyên hội họp và tụ tập đông đảo."

Đức Thế Tôn liền bảo đại thần Vũ Thế:

"Nếu người nước Bạt-kỳ thường xuyên hội họp và tụ tập đông đảo thì nước Bạt-kỳ tất thắng, không thể suy vi được."

Đức Thế Tôn lại hỏi Tôn giả A-nan:

"Ngươi có từng nghe người nước Bạt-kỳ cùng chung hội họp, cùng chung làm công việc của người Bạt-kỳ và cùng giải tán?"

"Bạch Đức Thế Tôn, con nghe người nước Bạt-kỳ cùng chung hội họp, cùng chung làm công việc của người Bạt-kỳ và cùng giải tán."

Đức Thế Tôn lại bảo đại thần Vũ Thế:

"Nếu người nước Bạt-kỳ cùng chung hội họp, cùng chung làm công việc của người Bạt-kỳ và cùng giải tán thì nước Bạt-kỳ tất thắng, không thể suy vi được."

Đức Thế Tôn lại hỏi Tôn giả A-nan:

"Ngươi có từng nghe nước Bạt-kỳ đối với những điều chưa thi thiết thì không thi

---

7. Giá-hòa-la tự -B和--x-C Trong bản Pāli: Sārandada-cetiya. Chùa này theo bản Hán có lẽ là Cāpala, chỗ Phật thông báo quyết định nhập Niết-bàn.

8. Bất suy pháp ---I-k-C Pāli: Aparihāniya-dhamma.

9. Các bản khác, Phật chỉ nói gián tiếp.

thiết thêm, những điều đã thi thiết thì không cải đổi, những pháp cũ xưa của nước Bạt-kỳ thì được nghiêm chỉnh phụng hành chăng?"

"Bạch Đức Thế Tôn, con nghe nước Bạt-kỳ đối với những điều chưa thi thiết thì không thi thiết thêm; những điều đã thi thiết thì không cải đổi; những pháp cũ xưa của nước Bạt-kỳ thì được nghiêm chỉnh phụng hành."

Đức Thế Tôn lại bảo đại thần Vũ Thế:

"Nếu nước Bạt-kỳ đối với những điều chưa thi thiết thì không thi thiết thêm; những điều đã thi thiết thì không cải đổi; những pháp cũ xưa của nước Bạt-kỳ thì được nghiêm chỉnh phụng hành, thì nước Bạt-kỳ tất thắng, không thể suy vi được."

Đức Thế Tôn lại hỏi Tôn giả A-nan:

"Ngươi có từng nghe người nước Bạt-kỳ không ỷ thế mà xâm phạm vợ của người và con gái của người khác chăng?"

"Bạch Thế Tôn, con nghe người nước Bạt-kỳ không ỷ thế mà xâm phạm vợ của người và con gái của người khác."

Đức Thế Tôn lại bảo đại thần Vũ Thế:

"Nếu người nước Bạt-kỳ không ỷ thế mà xâm phạm vợ của người và con gái của người khác thì nước Bạt-kỳ tất thắng, không thể suy vi được."

Đức Thế Tôn lại hỏi Tôn giả A-nan:

"Ngươi có từng nghe người nước Bạt-kỳ nếu có những bậc danh đức đáng tôn trọng thì những người nước Bạt-kỳ cùng nhau tôn kính, cung phụng, cúng dường chăng? Và họ có nghe lời dạy của những bậc ấy mà làm theo chăng?"

"Bạch Thế Tôn, con nghe người nước Bạt-kỳ nếu có những bậc danh đức đáng tôn kính thì những người nước Bạt-kỳ cùng nhau tôn kính, cung phụng, cúng dường và họ nghe theo lời dạy của những bậc ấy mà làm theo."

Đức Thế Tôn lại bảo đại thần Vũ Thế:

"Này Vũ Thế, nếu người nước Bạt-kỳ có những bậc danh đức đáng tôn trọng thì người nước Bạt-kỳ cùng nhau tôn kính, cung phụng, cúng dường và họ nghe lời dạy của những bậc ấy mà làm theo, thì nước Bạt-kỳ tất thắng, không thể suy vi được."

Đức Thế Tôn lại hỏi Tôn giả A-nan:

"Ngươi có từng nghe người nước Bạt-kỳ nếu có chùa cũ nào[10] thì người nước Bạt-kỳ cùng nhau tu bổ, tuân phụng cúng dường, lễ bái, thường không bỏ bê những tế tự đã có, không giảm thiểu tập tục đã làm chăng?"

"Bạch Thế Tôn, con nghe người nước Bạt-kỳ nếu có chùa cũ nào thì người nước Bạt-kỳ cùng nhau tu bổ, tuân phụng cúng dường, lễ bái, thường không bỏ bê những tế tự đã có, không giảm thiểu tập tục đã làm."

Đức Thế Tôn lại bảo đại thần Vũ Thế:

"Nếu nước Bạt-kỳ có chùa cũ nào thì người nước Bạt-kỳ cùng nhau tu bổ, tuân phụng, cúng dường, lễ bái, thường không bỏ bê những tế tự đã có, không giảm thiểu tập tục đã làm, thì nước Bạt-kỳ tất thắng, không thể suy vi được."

Đức Thế Tôn lại hỏi Tôn giả A-nan:

"Ngươi có từng nghe người nước Bạt-kỳ thảy đều ủng hộ các vị A-la-hán và vô cùng kính mến, thường mong muốn các vị A-la-hán chưa đến thì đến, đã đến rồi thì mong hằng

---

10. Cựu tự ──x─Aở đây nói theo No.1(2): tông miếu. Pāli: vajjīnaṃ vajjicetiyāni, các linh miếu của người Bạt-kỳ.

an trụ lâu dài, thường không để các vị ấy thiếu thốn các nhu dụng sinh sống như quần áo, đồ ăn uống, giường chõng, thuốc thang chăng?"

"Bạch Thế Tôn, con nghe người nước Bạt-kỳ thảy đều ủng hộ các vị A-la-hán và vô cùng kính mến, thường mong muốn các vị A-la-hán chưa đến thì đến, đã đến rồi thì mong hằng an trụ lâu dài, thường không để các vị ấy thiếu thốn các nhu dụng sinh sống như quần áo, đồ ăn uống, giường chõng, thuốc thang."

Đức Thế Tôn lại bảo đại thần Vũ Thế:

"Nếu người nước Bạt-kỳ thảy đều ủng hộ các vị A-la-hán và vô cùng kính mến, thường mong muốn các vị A-la-hán chưa đến thì đến, đã đến rồi thì mong hằng an trụ lâu dài, thường không để các vị ấy thiếu thốn các nhu dụng sinh sống như quần áo, đồ ăn uống, giường chõng, thuốc thang, thì nước Bạt-kỳ tất thắng, không thể suy vi được.

"Này Vũ Thế, người nước Bạt-kỳ đã thực hành bảy pháp không suy thoái này. Nếu vâng giữ bảy pháp không suy thoái này thì nước Bạt-kỳ tất thắng, không thể suy vi được."

Khi ấy, đại thần Vũ Thế liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch áo vai hữu, chắp tay hướng về Đức Phật, bạch rằng:

"Bạch Cù-đàm, dù cho nước Bạt-kỳ chỉ thành tựu một pháp không suy thoái thì nước Ma-kiệt-đà là Vị Sanh Oán, con bà Bệ-đà-đề cũng không thể khuất phục họ được, huống chi họ đầy đủ cả bảy pháp không suy thoái. Bạch Cù-đàm, con nhiều việc nước, xin được từ giã lui về."

Đức Thế Tôn nói:

"Muốn lui về xin cứ tùy ý."

Lúc đó, đại thần Vũ Thế nghe lời Phật dạy, khéo léo ghi nhớ, đi quanh Đức Thế Tôn ba vòng rồi ra về.

Sau khi đại thần Vũ Thế ra về chẳng bao lâu, bấy giờ Đức Thế Tôn quay lại bảo Tôn giả A-nan:

"Này A-nan, nếu có những Tỳ-kheo hiện đang sống rải rác trong núi Thứu nham thì ngươi hãy truyền cho tất cả tập trung tại giảng đường. Sau khi tất cả đã tụ họp xong, hãy đến cho Ta hay."

Tôn giả A-nan liền vâng lời Phật dạy:

"Kính vâng, bạch Thế Tôn!"

Ngay khi đó, Tôn giả A-nan đi truyền lệnh:

"Những Tỳ-kheo nào hiện đang sống rải rác trong núi Thứu nham thì truyền cho tất cả hãy tập trung tại giảng đường."

Sau khi tất cả tập họp xong, Tôn giả trở lại chỗ Phật, cúi đầu làm lễ rồi đứng sang một bên, bạch rằng:

"Bạch Thế Tôn, con đã truyền lệnh: Nếu có những Tỳ-kheo nào hiện đang sống rải rác trong núi Thứu nham thì tất cả hãy tập trung tại giảng đường. Giờ đây đã tập họp xong, kính mong Thế Tôn tự biết thời."

Bấy giờ Đức Thế Tôn cùng Tôn giả A-nan đi đến giảng đường, trải chỗ ngồi trước chúng Tỳ-kheo rồi nói với các thầy Tỳ-kheo:

"Nay Ta sẽ nói cho các ngươi nghe về bảy pháp không suy thoái. Các ngươi hãy lắng nghe, khéo suy nghĩ kỹ."

Lúc ấy các Tỳ-kheo bạch Phật rằng:

"Kính vâng."

Phật nói:

"Những gì là bảy?

"Nếu chúng Tỳ-kheo thường xuyên hội họp, tụ tập đông đảo thì chúng Tỳ-kheo chắc chắn vững mạnh, không thể suy thoái.

"Nếu chúng Tỳ-kheo cùng chung hội, cùng chung làm việc chung và cùng giải tán thì chúng Tỳ-kheo chắc chắn vững mạnh, không thể suy thoái.

"Nếu chúng Tỳ-kheo đối với những việc chưa thi thiết thì không thêm; những việc đã thi thiết thì không thay đổi; những giới luật do Ta nói ra được phụng hành nghiêm chỉnh; thì chúng Tỳ-kheo chắc chắn vững mạnh, không thể suy thoái.

"Nếu chúng Tỳ-kheo không bị chi phối[11] bởi hữu ái đưa đến vị lai[12], hiện hành với hỷ dục, ái lạc đời sống như vầy như kia[13], thì chúng Tỳ-kheo chắc chắn vững mạnh, không thể suy thoái.

"Nếu chúng Tỳ-kheo có bậc trưởng lão thượng tôn đồng học phạm hạnh, các Tỳ-kheo thảy đều tôn kính, cung phụng, cúng dường và nghe theo lời dạy của các vị ấy, thì chúng Tỳ-kheo chắc chắn vững mạnh, không thể suy thoái.

"Nếu chúng Tỳ-kheo đối với rừng vắng, sườn núi cao, chỗ thanh tịnh nhàn cư, vắng bặt không có tiếng động, xa lánh sự dữ, không có bóng người, tùy thuận mà tĩnh tọa, hoan lạc an trụ không rời, thì chúng Tỳ-kheo chắc chắn vững mạnh, không thể suy thoái.

"Nếu chúng Tỳ-kheo thảy đều ủng hộ các vị phạm hạnh, hết sức tôn trọng, ái kính, thường mong muốn các vị phạm hạnh chưa đến thì đến, đã đến rồi thì hằng mong an trụ lâu dài, thường không để các vị ấy thiếu thốn những nhu dụng sinh sống như quần áo, đồ ăn uống, giường chõng, thuốc thang, thì chúng Tỳ-kheo chắc chắn vững mạnh, không thể suy thoái.

"Nếu chúng Tỳ-kheo thực hành bảy pháp không suy thoái này, thọ trì, không trái phạm thì chúng Tỳ-kheo chắc chắn vững mạnh, không thể suy thoái."

Lúc ấy Đức Thế Tôn lại bảo các thầy Tỳ-kheo:

"Ta lại nói cho các ngươi nghe về bảy pháp không suy thoái khác. Các thầy hãy lắng nghe, suy nghĩ kỹ."

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Kính vâng."

Phật nói:

"Những gì là bảy?

"Nếu Tỳ-kheo đối với Tôn sư mà hết sức cung kính, cúng dường, phụng sự, thì Tỳ-kheo chắc chắn vững mạnh, không thể suy thoái.

"Nếu Tỳ-kheo đối với Pháp, với Tăng, với Giới, với sự không phóng dật, với sự cung cấp và đối với định[14] mà hết sức cung kính thì Tỳ-kheo chắc chắn vững mạnh, không thể suy thoái.

"Nếu chúng Tỳ-kheo thực hành bảy pháp không suy thoái này, thọ trì không trái phạm thì Tỳ-kheo chắc chắn vững mạnh, không thể suy thoái."

---

11. Khởi bất tùy -_——H-C Pāli: na vasaṃ gacchanti.

12. Pāli: uppannāya taṇhāya ponobhavikāya na vasaṃ gacchanti, không bị chi phối bởi khát ái hiện hành, khát ái ấy dẫn đến đời sau.

13. Ái lạc bỉ bỉ hữu -R————C

14. *Pháp, chúng, giới, bất phóng dật, cung cấp, định*, cùng với *tôn sư* nói trước, là bảy đề mục bất thối. So sánh bảy pháp kể trong No.1(2): 1. Kính Phật; 2. Kính Pháp; 3. Kính Tăng; 4. Kính giới luật; 5. Kính thiền định; 6. Kính thuận cha mẹ; 7. Kính pháp không buông lung.

Đức Thế Tôn lại bảo các thầy Tỳ-kheo:

"Ta lại nói cho các ngươi nghe về bảy pháp không suy thoái khác. Các ngươi hãy lắng nghe, suy nghĩ kỹ."

Các thầy Tỳ-kheo bạch Phật:

"Kính vâng."

Phật nói:

"Những gì là bảy?

"Nếu chúng Tỳ-kheo không hành nơi thế nghiệp[15], không hoan lạc nơi thế nghiệp, không tập quán thế nghiệp, thì chúng Tỳ-kheo chắc chắn vững mạnh, không thể suy thoái.

"Nếu chúng Tỳ-kheo không hành nơi phiếm luận[16], không hoan lạc nơi phiếm luận, không tập quán nơi phiếm luận; không hành nơi tụ hội, không hoan lạc nơi tụ hội, không thân cận nơi tụ hội; không hành nơi sự kết hợp hỗn tạp[17], không hoan lạc nơi sự kết hợp hỗn tạp, không tập quán sự kết hợp hỗn tạp; không hành ngủ nghỉ, không hoan lạc ngủ nghỉ, không tập quán ngủ nghỉ; không vì lợi, không vì tiếng khen, không vì người khác mà tu hành phạm hạnh; đối với quả thấp, đối với quả cao không nửa chừng gián đoạn nỗ lực hướng thượng, thì Tỳ-kheo chắc chắn vững mạnh, không thể suy thoái.

"Nếu Tỳ-kheo thực hành bảy pháp không suy thoái này, thọ trì không trái phạm thì Tỳ-kheo chắc chắn vững mạnh không thể suy thoái."

Đức Thế Tôn lại bảo các Tỳ-kheo:

"Ta lại nói cho các ngươi nghe về bảy pháp không suy thoái khác. Các ngươi hãy lắng nghe, suy nghĩ kỹ."

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Kính vâng."

Phật nói:

"Những gì là bảy?

"Nếu Tỳ-kheo thành tựu tài sản **tín**, tài sản **giới**, tài sản **tàm**, tài sản **quý**, tài sản **bác văn**, tài sản **thí** và thành tựu tài sản **tuệ**, thì Tỳ-kheo chắc chắn vững mạnh, không thể suy thoái.

"Nếu Tỳ-kheo thực hành được bảy pháp không suy thoái này, thọ trì không trái phạm, thì Tỳ-kheo chắc chắn vững mạnh, không thể suy thoái."

Đức Thế Tôn lại bảo các Tỳ-kheo

"Ta lại nói cho các ngươi nghe về bảy pháp không suy thoái khác. Các ngươi hãy lắng nghe, suy nghĩ kỹ."

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Kính vâng."

Phật nói:

"Những gì là bảy?

"Nếu Tỳ-kheo thành tựu năng lực **tín**, năng lực **tinh tấn**, năng lực **tàm**, năng lực **quý**, năng lực **niệm,** năng lực **định**, và thành tựu năng lực **tuệ**, thì Tỳ-kheo chắc chắn vững mạnh, không thể suy thoái.

---

15. Bất hành ư nghiệp ——————C Nghiệp ở đây được hiểu là chuyện đời. Pāli: na kammārāmā, na kammaratā, na kammārāmataṃ anuyuttā, không thích thế nghiệp, không hoan hỷ thế nghiệp, không đam mê thế nghiệp.

16. Bất hành hoa thuyết ——譁——C Pāli: na bhassārāmā.

17. Tạp hiệp ——X—A được hiểu là "kết hợp với ác hữu".

"Nếu Tỳ-kheo thực hành được bảy pháp không suy thoái này, thọ trì không trái phạm thì Tỳ-kheo chắc chắn vững mạnh, không thể suy thoái."

Đức Thế Tôn lại bảo các thầy Tỳ-kheo:

"Ta lại nói cho các ngươi nghe về bảy pháp không suy thoái khác. Các ngươi hãy lắng nghe, suy nghĩ kỹ."

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Kính vâng."

Phật nói:

"Những gì là bảy?

"Nếu Tỳ-kheo tu **niệm** giác chi, y trên xả ly, y trên vô dục, y trên diệt tận, thú hướng xuất yếu. Cũng vậy, **trạch pháp, tinh tấn, hỷ, khinh an, định;** tu **xả** giác chi, y trên xả ly, y trên vô dục, y trên diệt tận, thú hướng xuất yếu; thì Tỳ-kheo chắc chắn vững mạnh, không thể suy thoái.

"Nếu Tỳ-kheo thực hành được bảy pháp không suy thoái này, thọ trì không trái phạm, thì Tỳ-kheo chắc chắn vững mạnh, không thể suy thoái."

Đức Thế Tôn lại bảo các Tỳ-kheo:

"Ta lại nói cho các ngươi nghe về bảy pháp không suy thoái khác. Các ngươi hãy lắng nghe, suy nghĩ kỹ."

Các thầy Tỳ-kheo bạch Phật:

"Kính vâng."

Phật nói:

"Những gì là bảy?

"Nếu Tỳ-kheo cần cho luật hiện tiền thì cho luật hiện tiền. Cần cho luật ức niệm thì cho luật ức niệm. Cần cho luật bất si thì cho luật bất si. Cần cho luật tự phát lồ thì ban cho luật tự phát lồ. Cần ban cho luật quân thì ban cho luật quân. Cần cho luật triển chuyển thì cho luật triển chuyển. Nếu trong chúng khởi lên sự tranh tụng thì đúng theo pháp diệt tránh như liệng bỏ giẻ rách để chấm dứt[18].

"Nếu Tỳ-kheo thực hành được bảy pháp không suy thoái này, thọ trì không trái phạm, thì Tỳ-kheo chắc chắn vững mạnh, không thể suy thoái."

Đức Thế Tôn lại bảo các Tỳ-kheo:

"Nay Ta sẽ nói cho các ngươi nghe về sáu pháp ủy lạo[19]. Các ngươi hãy lắng nghe, suy nghĩ kỹ."

Các thầy Tỳ-kheo bạch Phật:

"Kính vâng."

Phật nói:

"Những gì là sáu?

"Thân nghiệp từ hòa hướng đến các vị đồng phạm hạnh. Pháp ấy gọi là pháp ủy lạo, là pháp khả ái, là pháp khả lạc, khiến cho ái niệm, khiến cho tôn trọng, khiến cho phụng sự, khiến cho cung kính, khiến cho tu tập, khiến cho hòa thuận, được Sa-môn, được sự nhất tâm, được sự tinh cần, chứng đắc Niết-bàn.

"Cũng vậy, khẩu nghiệp từ hòa, ý nghiệp từ hòa.

"Lợi lộc nào đúng theo pháp mà được, cho đến miếng cơm ở chính trong bình bát

---

18. Bảy pháp *chỉ tránh*, hay *diệt tránh*. Xem kinh số 196 ở sau.

19. Sáu pháp *hòa kỉnh*, hay *lục hòa*, xem kinh 196.

của mình, với phần lợi như vậy mang chia xẻ cho các vị đồng phạm hạnh. Pháp đó gọi là pháp ủy lạo, là pháp khả ái, là pháp khả lạc, khiến cho ái niệm, khiến cho tôn trọng, khiến cho phụng sự, khiến cho cung kính, khiến cho tu tập, khiến cho hòa thuận, được Sa-môn, được sự nhất tâm, được sự tinh cần, chứng đắc Niết-bàn.

"Nếu có giới nào không bị sứt mẻ, không bị hư thủng, không bị uế tạp, không bị đen, vững vàng như mặt đất[20], được Thánh khen ngợi, đầy đủ, cẩn thận thọ trì. Với giới phần như vậy, cùng chia xẻ với các vị đồng phạm hạnh. Pháp đó gọi là pháp ủy lạo, là pháp khả ái, là pháp khả lạc, khiến cho ái niệm, khiến cho tôn trọng, khiến cho phụng sự, khiến cho cung kính, khiến cho tu tập, khiến cho hòa thuận, được Sa-môn, được sự nhất tâm, được sự tinh cần, chứng đắc Niết-bàn.

"Nếu có kiến giải của Thánh, có sự xuất yếu, có sự thấy rõ, có sự thấu triệt, đưa đến sự chân chánh diệt khổ; với kiến phần như vậy, cùng chia xẻ với các vị đồng phạm hạnh. Pháp đó gọi là pháp ủy lạo, là pháp khả ái, là pháp khả lạc, khiến cho ái niệm, khiến cho tôn trọng, khiến cho phụng sự, khiến cho cung kính, khiến cho tu tập, khiến cho hòa thuận, được Sa-môn, được sự nhất tâm, được sự tinh cần, chứng đắc Niết-bàn.

"Nhân đây nên Ta nói sáu pháp ủy lạo."

Phật thuyết như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

❑

[20] Hán: *như địa bất tùy tha* -p-a--H-L-Atrong bản Pāli: bhujissāni, người tự do, không còn làm nô lệ.

143. KINH THƯƠNG-CA-LA[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng lâm, vườn Cấp cô độc.

Bấy giờ, Ma-nạp Thương-ca-la[2] sau giữa trưa, thong dong tản bộ, đi đến chỗ Phật, chào hỏi xong, ngồi xuống một bên, bạch rằng:

"Bạch Cù-đàm, con có điều muốn hỏi, mong Ngài nghe cho mới dám trình bày."

Thế Tôn nói:

"Ma-nạp, muốn hỏi gì cứ hỏi'"

Ma-nạp Thương-ca-la bèn hỏi:

"Bạch Cù-đàm, Phạm chí đúng như pháp mà hành khất tài vật, tự mình trai tự[3], hoặc dạy người khác trai tự. Bạch Cù-đàm, nếu tự mình trai tự hay dạy người khác trai tự, những người ấy đều hành trên vô lượng phước tích[4], vì do nơi trai tự vậy. Đệ tử của Sa-môn Cù-đàm, tùy theo dòng tộc[5], cạo bỏ râu tóc, khoác áo ca-sa, chí tín lìa bỏ gia đình, sống không gia đình để học đạo, tự mình chế ngự, tự mình tịch tịnh, tự mình cứu cánh tịch diệt. Như vậy, đệ tử của Sa-môn Cù-đàm, tùy theo dòng tộc, chỉ hành trên một phước tích chứ không hành trên vô lượng phước tích, do bởi sự học đạo vậy."

Bấy giờ Tôn giả A-nan đang cầm quạt đứng hầu Phật, rồi Tôn giả A-nan hỏi:

"Này Ma-nạp, trong hai đạo tích ấy, đạo tích nào là tối thượng, tối diệu, tối thắng?"

Ma-nạp Thương-ca-la nói:

"A-nan, đối với Sa-môn Cù-đàm và A-nan, tôi đều cung kính tôn trọng, phụng thờ."

Tôn giả A-nan lại hỏi:

"Này Ma-nạp, tôi không hỏi ông cung kính, tôn trọng, phụng thờ ai, mà tôi chỉ hỏi ông rằng, trong hai đạo tích ấy, đạo tích nào là tối thượng, tối diệu, tối thắng?"

Tôn giả A-nan đến ba lần hỏi Ma-nạp Thương-ca-la rằng:

"Này Ma-nạp, trong hai đạo tích ấy, đạo tích nào là tối thượng, tối diệu, tối thắng?"

Ma-nạp Thương-ca-la cũng đến ba lần nói rằng:

"A-nan, đối với Sa-môn Cù-đàm và A-nan, tôi đều cung kính, tôn trọng, phụng thờ."

Tôn giả A-nan cũng nói lại:

"Này Ma-nạp, tôi không hỏi ông cung kính, tôn trọng, phụng thờ ai, mà tôi chỉ hỏi ông rằng, trong hai đạo tích ấy, đạo tích nào là tối thượng, tối diệu, tối thắng?"

---

1. Tương đương Pāli A.3.60. Saṅgārava-sutta.
2. Thương-ca-la Ma-nạp Pāli: Saṅgārava, một Bà-la-môn trẻ, hình như là bạn của Tôn giả A-nan trước khi xuất gia.
3. Hán: trai Pāli: yaññaṃ, tế đàn.
4. Phước tích Pāli: puññapaṭipadā, con đường dẫn đến phước đức.
5. Hán: *tùy tộc* Đối chiếu Pāli: yassa vā tassā kulā anagāriyaṃ pabbajito, người ấy từ bỏ dòng tộc, từ bỏ gia dình, xuất gia sống không gia đình.

Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn nghĩ rằng: "Ma-nạp Thương-ca-la này đã bị A-nan khuất phục. Ta hãy cứu nó!"

Thế Tôn biết vậy rồi, bèn hỏi:

"Này Ma-nạp, hôm qua, khi vua và các quần thần triệu tập đại hội, thảo luận những gì? Vì những duyên cớ nào mà cùng tập hội?"

Ma-nạp Thương-ca-la đáp:

"Ngày hôm qua, vua và quần thần triệu tập đại hội để thảo luận vấn đề này, là 'Do nhân gì, duyên gì mà xưa kia Sa-môn Cù-đàm thiết lập học giới ít, nhưng các Tỳ-kheo đắc đạo nhiều; và do nhân gì, duyên gì mà ngày nay khi Sa-môn Cù-đàm thiết lập học giới nhiều thì các Tỳ-kheo đắc đạo lại ít[6]?' Bạch Cù-đàm, ngày hôm qua, vua và quần thần triệu tập đại hội để thảo luận vấn đề này. Do sự kiện này mà triệu tập đại hội."

Bấy giờ, Thế Tôn nói rằng:

"Ma-nạp, bây giờ Ta hỏi ngươi, hãy tùy theo sự hiểu biết mà trả lời. Ý ngươi nghĩ sao? Giả sử có một Sa-môn, Phạm chí tự hành đạo như vậy, tích như vậy; và sau khi tự hành đạo như vậy, tích như vậy rồi, các lậu diệt tận, chứng đắc vô lậu, tâm giải thoát, tuệ giải thoát, tự tri, tự giác, tự tác chứng, thành tựu an trụ, biết như thật: 'Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa'.

"Vị ấy sau đó thuyết giảng cho người khác rằng: 'Ta tự hành đạo như vậy, tích như vậy, và sau khi tự hành đạo như vậy, tích như vậy rồi, các lậu diệt tận, chứng đắc vô lậu, tâm giải thoát, tuệ giải thoát, tự tri tự giác, tự tác chứng, thành tựu an trụ, biết như thật: 'Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa'. Các người hãy đến đây và cũng hãy tự hành đạo như vậy, tích như vậy, và sau khi tự hành đạo như vậy, tích như vậy rồi, các lậu diệt tận, chứng đắc vô lậu, tâm giải thoát, tuệ giải thoát, tự tri, tự giác. tự tác chứng, thành tựu an trụ, biết như thật: Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa'.

"Rồi người này cũng tự hành đạo như vậy, tích như vậy. Sau khi tự hành đạo như vậy, tích như vậy, các lậu diệt tận, chứng đắc vô lậu, tâm giải thoát, tuệ giải thoát, tự tri tự giác, tự tác chứng, thành tựu an trụ, biết như thật: 'Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa.'

Rồi người này lại cũng thuyết giảng cho người khác nữa. Cứ như vậy lần lượt truyền đi cho đến trăm ngàn vô lượng.

"Này Ma-nạp, ý ngươi nghĩ sao? Đệ tử của Ta, tùy theo dòng tộc, cạo bỏ râu tóc, khoác áo ca-sa, chí tín lìa bỏ gia đình, sống không gia đình để học đạo, chỉ hành trên một phước tích, không hành trên vô lượng phước tích, có phải là do bởi sự học đạo chăng?"

Ma-nạp Thương-ca-la đáp:

"Bạch Cù-đàm, theo sự hiểu biết của con đối với điều mà Sa-môn Cù-đàm nói, thì đệ tử Sa-môn Cù-đàm ấy, tùy theo dòng tộc, cạo bỏ râu tóc, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình để học đạo, thật sự hành trên vô lượng phước tích, chứ không chỉ hành trên một phước tích do bởi sự học đạo."

Thế Tôn lại nói với Thương-ca-la:

"Có ba thị hiện[7] là, như ý túc thị hiện, chiêm niệm thị hiện, giáo huấn thị hiện[8].

---

6. Cũng như kinh số 194 ở sau.

7. Tam thị hiện -T——{-Aở đây "thị đạo", chỉ ba loại thần thông hay phép lạ; xem theo Tập Dị 6 (No.1536,

"Ở đây, nếu có một Sa-môn, Phạm chí có đại như ý túc, đại oai đức, đại phước hựu, đại oai thần, đối với như ý túc, tâm được tự tại, hành vô lượng công đức của như ý túc như vầy; nghĩa là phân một làm thành nhiều, hợp nhiều làm thành một, một thì trụ trên một, được biết, được thấy[9]; không bị trở ngại bởi vách đá, cũng như đi trong hư không; chìm xuống đất như chìm xuống nước, đi trên nước như đi trên đất; ngồi xếp kiết già mà bay trên không như chim bay liệng; với mặt trời và mặt trăng này vốn có đại như ý túc, đại phước hựu, đại oai thần mà có thể đưa tay bắt nắm, thân cao đến trời Phạm thiên. Này Ma-nạp, đó là thị hiện bằng như ý túc.

"Này Ma-nạp, thế nào là chiêm niệm thị hiện? Hoặc có một Sa-môn, Phạm chí do nơi tướng trạng của người khác mà chiêm đoán được ý tưởng của họ, rằng 'Nó có ý nghĩ như thế này, nó có ý nghĩ như thế kia, nó thật sự có ý nghĩ'; vô lượng chiêm đoán thì không ít chiêm đoán, nhưng tất cả thảy đều chắc thật, chứ không phải là những giả thiết viễn vông. Hoặc giả không do nơi tướng trạng của người khác để đoán biết ý tưởng của họ, nhưng do nghe tiếng của chư Thiên và loài phi nhân mà đoán biết được ý tưởng của người khác rằng 'Nó có ý nghĩ như thế này, nó có ý nghĩ như thế kia, thật sự nó có ý nghĩ như vậy' vô lượng chiêm đoán, không ít chiêm đoán, nhưng tất cả thảy đều chắc thật, chứ không phải là những giả thiết viễn vông. Hoặc không do nơi tướng dạng của người khác để đoán biết ý tưởng của họ, cũng không nghe tiếng của chư Thiên và các loài phi nhân, nhưng do tâm niệm của người khác, tâm tư của người khác, ngôn thuyết của người khác. Sau khi nghe tiếng rồi đoán biết được ý tưởng của người khác rằng 'Nó có ý tưởng như thế này, nó có ý tưởng như thế kia, nó thật sự có ý tưởng như vậy' vô lương chiêm nghiệm đoán, không ít chiêm đoán, nhưng tất cả thảy đều chắc thật, chứ không phải là những giả thuyết viễn vông. Hoặc không do nơi tướng dạng của người khác để đoán biết ý tưởng của người khác, cũng không nghe tiếng của chư Thiên và loài phi nhân để đoán biết ý tưởng của người khác, cũng không do nơi tâm niệm của người khác, nhưng do nơi tâm tư, nơi ngôn thuyết của người khác để sau khi nghe rồi, đoán biết ý tưởng của người khác, nhưng do thấy người khác nhập vào định không giác không quán[10], sau khi thấy bèn nghĩ rằng 'Như Hiền giả này thì không có niệm, không có tư, sở nguyện như ý. Hiền giả kia ra khỏi định này với niệm như vậy. Vị ấy ra khỏi định này sẽ có tâm niệm như vậy, như vậy'. Người này cũng đoán biết việc quá khứ, cũng đoán biết việc tương lai, cũng đoán biết việc hiện tại, những điều được làm từ lâu, những điều được nói từ lâu, cũng đoán biết những nơi yên tĩnh, sống nơi yên tĩnh, cũng đoán biết tất cả pháp tâm và tâm sở hữu. Đó gọi là thiện bằng sự chiêm niệm.

"Này Ma-nạp, thế nào là giáo huấn thị hiện? Ở đây có một Sa-môn, Phạm chí tự hành đạo như vậy, tích như vậy, và sau khi hành đạo như vậy, tích như vậy rồi, các lậu diệt tận, chứng đắc vô lậu, tâm giải thoát, tuệ giải thoát, tự tri tự giác, tự tác chứng, thành tựu an trụ, biết như thật: 'Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa'. Rồi vị ấy giảng thuyết lại cho người khác rằng 'Ta tự hành đạo như vậy, tích như vậy, và sau khi hành đạo như vậy, tích như vậy rồi, các lậu diệt tận,

---

tr.389 b): thần biến thị đạo, ký tâm thị đạo, giáo giới thị đạo. Pāli: Tini pātihāriyānā: iddhi, ādesanā, anusāsanā.

8. Xem cht.1 trên.

9. Hán: nhất tắc trụ nhất, hữu tri hữu kiến ▬@▬h▬▬@▬▬▬▬▬C Nghĩa không rõ. Tập Dị (nt): hoặc ẩn hoặc hiện. Pāli: āvibhāvaṃ tirobhāvaṃ.

10. Chỉ các bậc từ Nhị thiền trở lên, trong đó không có tâm sở tầm (Pāli: vitakka) và tứ (Pāli: vicara).

chứng đắc vô lậu, tâm giải thoát, tuệ giải thoát, tự tri tự giác, tự tác chứng, thành tựu an trụ, biết như thật: 'Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa'.' Rồi người đó cũng tự hành đạo như vậy, tích như vậy rồi, các lậu diệt tận, chứng đắc vô lậu, tâm giải thoát, tuệ giải thoát, tự tri tự giác, tự tác chứng, thành tựu an trụ, biết như thật: 'Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa'. Rồi người đó cũng lại thuyết giảng cho người khác. Cứ như vậy... lần lượt truyền đi cho đến vô lượng trăm ngàn. Này Ma-nạp, đó gọi là sự thị hiện bằng giáo huấn.

"Trong ba thị hiện này, thị hiện nào là tối thượng, tối diệu, tối thắng?"

Thương-ca-la Ma-nạp đáp rằng:

"Bạch Cù-đàm, nếu Sa-môn, Phạm chí nào có đại như ý túc, đại oai đức, đại phước hựu, đối với như ý túc, tâm được tự tại, cho đến, thân cao đến trời Phạm thiên, thưa Cù-đàm, cái đó là tự mình làm tự mình có, tự mình thọ lãnh quả báo. Thưa Cù-đàm, trong các thị hiện, sự thị hiện này được gọi là đại pháp[11].

"Bạch Cù-đàm, nếu Sa-môn, Phạm chí nào do nơi tướng dạng mà đoán biết ý tưởng của người khác, cho đến các pháp tâm và tâm sở hữu, thì bạch Cù-đàm, cái đó là tự mình làm tự mình có, tự mình thọ lãnh quả báo. Thưa Cù-đàm, trong các thị hiện, sự thị hiện này được gọi là đại pháp.

"Bạch Cù-đàm, nếu Sa-môn, Phạm chí nào tự hành đạo như vậy, tích như vậy, và sau khi tự hành đạo như vậy, tích như vậy, các lậu diệt tận, chứng đắc vô lậu, tâm giải thoát, tuệ giải thoát, tự tri tự giác, tự tác chứng, thành tựu an trụ, biết như thật 'Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa'. Rồi vị ấy thuyết giảng cho người khác nữa. Cứ như vậy lần lượt truyền đi cho đến trăm ngàn vô lượng, thì bạch Cù-đàm, trong ba thị hiện, sự thị hiện này là tối thượng, tối diệu, tối thắng."

Thế Tôn lại hỏi Thương-ca-la Ma-nạp:

"Trong ba thị hiện, ngươi tán thán sự thị hiện nào?"

Ma-nạp Thương-ca-la đáp:

"Trong ba thị hiện, con tán thán Sa-môn Cù-đàm. Vì sao vậy? Vì Sa-môn Cù-đàm có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai thần, tâm được tự tại, cho đến thân cao ngang Phạm thiên. Sa-môn Cù-đàm do nơi tướng dạng của người khác mà biết ý tưởng của người khác, cho đến đoán biết các tâm và tâm sở hữu pháp. Sa-môn Cù-đàm thị đạo với đạo như vậy, tích như vậy, và sau khi hành đạo này, tích này, các lậu diệt tận, chứng đắc vô lậu, tâm giải thoát, tuệ giải thoát, thành tựu an trụ, biết như thật 'Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa'. Sa-môn Cù-đàm thuyết giảng cho người khác, rồi người khác thuyết giảng cho người khác nữa. Như vậy, lần lượt truyền đi cho đến trăm ngàn vô lượng. Bạch Cù-đàm, cho nên, đối với ba thị hiện, con tán thán Sa-môn Cù-đàm."

Rồi Thế Tôn nói rằng:

"Ma-nạp, người khéo thấu suốt vấn đề này. Vì sao? Thật sự Ta có đại như ý túc, đại oai thần, đại phước hựu, đại oai thần, đối với như ý túc, tâm được tự tại, cho đến, thân cao ngang Phạm thiên. Này Ma-nạp, Ta do tướng dạng người khác mà biết được ý tưởng của người khác, cho đến đoán biết tâm và tâm sở hữu pháp.

---

[11] Đại pháp -j -k. Pāli: māyāsaha-dhammarūpam; pháp huyễn hoặc; bản Hán đọc là ma (…) hā-dhamma.

"Này Ma-nạp, Ta tự hành đạo như vậy, tích như vậy, các lậu diệt tận, chứng đắc vô lậu, tâm giải thoát, tuệ giải thoát, tự tri tự giác, tự tác chứng, thành tựu an trụ, biết như thật 'Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa'. Rồi Ta giảng thuyết cho người khác, người khác cũng giảng thuyết cho người khác nữa. Như vậy, lần lượt truyền đi cho đến trăm ngàn vô lượng.

"Này Ma-nạp, cho nên ngươi khéo thấu suốt vấn đề này. Ngươi hãy biết như vậy, hãy khéo thọ trì như vậy. Vì sao? Bởi vì ý nghĩa được nói này phải như vậy."

Lúc bấy giờ, Thương-ca-la Ma-nạp bạch rằng:

"Bạch Thế Tôn, con đã hiểu. Bạch Thiện Thệ, con đã hiểu. Bạch Thế Tôn, con nay tự quy y Phật, Pháp, Tỳ-kheo Tăng. Cúi mong Thế Tôn nhận con làm Ưu-bà-tắc, kể từ hôm nay trọn đời tự quy y cho đến tận mạng."

Phật thuyết như vậy. Thương-ca-la Ma-nạp, Tôn giả A-nan và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

❑

144. KINH TOÁN SỐ MỤC-KIỀN-LIÊN[1]

Tôi nghe như vầy.

Một thời Đức Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng lâm, vườn Cấp cô độc.

Bấy giờ, Toán số Mục-kiền-liên[2] sau bữa trưa, thong dong tản bộ đến chỗ Phật, chào hỏi xong, ngồi xuống một bên, bạch rằng:

"Thưa Cù-đàm, tôi có điều muốn hỏi, mong nghe cho mới dám trình bày". Thế Tôn nói:

"Mục-kiền-liên, ông muốn hỏi gì cứ tự tiện, đừng tự nghi ngại."

Toán số Mục-kiền-liên bèn bạch rằng:

"Thưa Cù-đàm, giảng đường Lộc tử mẫu này được xây dựng dần dần cho đến cuối cùng được thành tựu. Thưa Cù-đàm, cầu thang trong Lộc tử mẫu giảng đường này, bắt đầu lên một nấc, rồi đến hai, ba, bốn. Thưa Cù-đàm, như vậy giảng đường Lộc tử mẫu lần lượt theo thứ tự đi lên. Thưa Cù-đàm, sự điều phục voi này cũng lần lượt thứ tự cho đến thành tựu, nghĩa là do bởi móc câu vậy. Thưa Cù-đàm, sự điều phục ngựa này cũng lần lượt thứ tự cho đến thành tựu, nghĩa là do bởi hàm vậy. Thưa Cù-đàm, Sát-đế-lợi này cũng lần lượt thứ tự cho đến thành tựu, nghĩa là do bởi cung và tên vậy. Thưa Cù-đàm, các Phạm chí này cũng lần lượt thứ tự cho đến thành tựu, nghĩa là do bởi kinh thư vậy.

"Thưa Cù-đàm, chúng tôi học toán số, nhờ toán số mà mưu sinh, cũng lần lượt thứ tự cho đến thành tựu. Nếu có đệ tử nam hoặc nữ bắt đầu được dạy từng con số một, rồi hai, ba, mười, trăm, ngàn, vạn..., thứ tự mà đếm lên. Thưa Cù-đàm, như vậy chúng tôi học toán số, nhờ toán số mà mưu sinh, lần lượt theo thứ tự cho đến thành tựu. Sa-môn Cù-đàm, trong pháp luật này, lần lượt thứ tự như thế nào cho đến thành tựu?"

Thế Tôn nói:

"Này Kiền-liên, nếu có sự lần lượt thứ tự thực hiện cho đến thành tựu nào được nói đến chân chánh, thì này Mục-kiền-liên, ở trong pháp luật của Ta, đây là điều được nói đến chân chánh. Vì sao vậy? Này Mục-kiền-liên, Ta đối với pháp luật này lần lượt thứ tự thực hiện cho đến đạt thành cứu cánh.

"Này Mục-kiền-liên, nếu Tỳ-kheo niên thiếu vừa mới đến học đạo, mới vào trong pháp luật này, Như Lai trước hết dạy rằng 'Người hãy đến đây. Với thân, hãy thủ hộ mạng thanh tịnh; với miệng và ý hãy thủ hộ mạng thanh tịnh'.

"Này Mục-kiền-liên, khi Tỳ-kheo với thân, thủ hộ mạng thanh tịnh; với miệng và ý

---

1. Tương đương Pāli, M.107. Gaṇaka-Moggallāna-sutta. Biệt dịch, No.70. Phật Thuyết Số Kinh, Tây Tấn, Pháp Cự dịch.
2. Toán số Mục-kiền-liên ——————s—CPāli: Gaṇaka-Moggallāna, có thể là một nhà toán học.

thủ hộ mạng thanh tịnh rồi, Như Lai lại dạy tiến thêm rằng 'Tỳ-kheo, hãy đến đây, hãy quán nội thân như thân, cho đến quán thọ[3], tâm và pháp như pháp'.

"Này Mục-kiền-liên, khi Tỳ-kheo quán thân như thân, cho đến quán thọ, tâm và pháp như pháp rồi, Như Lai lại dạy tiến thêm 'Tỳ-kheo, hãy đến đây, hãy quán thân như thân, đừng niệm tưởng những niệm tương ưng với dục; cho đến quán thọ, tâm và pháp như pháp, đừng niệm tưởng những niệm tương ưng với dục'.

"Này Mục-kiền-liên, khi Tỳ-kheo quán thân như thân, không niệm tưởng những niệm tương ưng với dục, cho đến quán thọ, tâm và pháp như pháp, không niệm tưởng những niệm tương ưng với dục, Như Lai dạy tiến thêm 'Tỳ-kheo, hãy đến đây, hãy thủ hộ các căn, thường niệm tưởng sự khép kín[4], niệm tưởng muốn minh đạt, thủ hộ tâm mà được thành tựu, hằng khởi chánh tri. Nếu mắt thấy sắc, không chấp thủ tướng của sắc, không đắm nhiễm vị của sắc. Vì sự phẫn tránh[5] mà thủ hộ các căn, trong tâm không sanh tham lam, ưu sầu, ác bất thiện pháp. Vì hướng đến kia mà thủ hộ căn con mắt. Cũng vậy, tai, mũi, lưỡi, thân; khi ý biết pháp, không chấp thủ tướng của pháp, không đắm nhiễm vị của pháp. Vì sự phẫn tránh mà thủ hộ ý căn, trong tâm không sanh tham lam, ưu sầu, ác bất thiện pháp. Vì thú hướng đến nơi kia mà thủ hộ nhãn căn.

"Này Mục-kiền-liên, khi Tỳ-kheo thủ hộ các căn, thường niệm sự khép kín, niệm tưởng muốn minh đạt, thủ hộ niệm tâm mà được thành tựu, hằng muốn khởi ý. Khi mắt thấy sắc, không chấp thủ sắc tướng, không đắm sắc vị; vì sự phẫn tránh mà thủ hộ căn con mắt, trong tâm không sanh tham lam, ưu não, ác bất thiện pháp, vì thú hướng đến kia[6], nên thủ hộ căn con mắt. Cũng vậy, tai, mũi, lưỡi, thân, khi ý biết pháp không chấp thủ pháp tướng, không đắm pháp vị; vì sự phẫn tránh mà thủ hộ ý căn, trong tâm không sanh tham lam, ưu não, ác bất thiện pháp, vì thú hướng đến kia, nên thủ hộ ý căn, thì này Mục-kiền-liên, Như Lai lại dạy tiến thêm 'Tỳ-kheo, hãy đến đây, hãy biết rõ sự ra vào, khéo quán sát phân biệt, co duỗi, cúi ngước, nghi dung chững chạc, khéo đắp Tăng-già-lê và các y bát; đi, đứng, nằm, ngồi, ngủ nghỉ, nói năng, im lặng, thảy đều biết rõ'.

"Này Mục-kiền-liên, khi Tỳ-kheo biết rõ sự ra vào, khéo quán sát phân biệt co, duỗi, cúi, ngước, nghi dung chững chạc, khéo đắp Tăng-già-lê và các y bát; đi, đứng, nằm, ngồi, ngủ, nghỉ, nói năng, im lặng thảy đều biết rõ, Như Lai lại dạy tiến thêm 'Tỳ-kheo, hãy đến đây, hãy sống cô độc tại nơi xa vắng, trong rừng, trong núi hoặc dưới gốc cây, những chỗ trống vắng yên tĩnh, sườn non, động đá, đất trống, lùm cây, hoặc đến trong rừng, hoặc ở ngoài bãi tha ma. Sau khi ngươi đã sống trong rừng vắng, hoặc đến dưới gốc cây, những chỗ trống vắng yên tĩnh, hãy trải ni-sư-đàn, ngồi kiết già, chánh thân chánh nguyện[7], nhiếp niệm nội tâm, đoạn trừ tham lam, tâm không não hại; thấy tài vật và các nhu dụng sinh sống của người khác không muốn được về mình. Ngươi đối với tham lam, hãy tịnh trừ tâm ấy. Cũng vậy, đối với sân nhuế, thụy miên, trạo hối, đoạn nghi độ hoặc, đối với các thiện pháp không còn do dự. Ngươi đối với nghi hoặc

---

3. Trong bản Hán: *quán giác* [

4. *Thường niệm bế tắc* `

5. *Vị phẫn tránh cố* vì sự phẫn nộ và tranh cãi. Pāli: yatvādhikaraṇam enam…, do nguyên nhân gì mà… Trong bản Hán, adhikaraṇa, nguyên nhân, được hiểu là sự tranh cãi.

6. Thú hướng bỉ cố Pāli: (akusalā dhammā) anvāssaveyyṃ, (các pháp bất thiện) có thể khởi lên (trôi chảy vào tâm).

7. *Chánh thân chánh nguyện* Pāli: ujuṃ kāyaṃ paṇidhāya, ngồi thẳng lưng. Trong bản Hán, paṇidhāya (sau khi đặt xuống), được hiểu là paṇidhāna: ước nguyện.

hãy tịnh trừ tâm ấy. Ngươi đoạn trừ năm triền[8] này, chúng làm tâm ô uế, tuệ yếu kém, rồi ly dục, ly ác bất thiện pháp cho đến chứng đắc Tứ thiền, thành tựu an trụ'.

"Này Mục-kiền-liên, khi Tỳ-kheo ly dục, ly ác bất thiện pháp, cho đến chứng đắc Tứ thiền, thành tựu an trụ, thì này Mục-kiền-liên, Như Lai đã đem lại nhiều lợi ích cho Tỳ-kheo niên thiếu, nghĩa là khéo khuyên răn, dạy dỗ, khiển trách.

"Này Mục-kiền-liên, nếu có Tỳ-kheo thượng tôn trưởng lão, phạm hạnh kỳ cựu, Như Lai lại dạy tiến thêm để thành tựu cứu cánh diệt tận hết thảy lậu."

Toán số Mục-kiền-liên lại hỏi:

"Sa-môn Cù-đàm, đối với tất cả đệ tử răn dạy như vậy, khiển trách như vậy, tất cả đều đạt đến cứu cánh trí, nhất định đến Niết-bàn chăng?"

Thế Tôn đáp:

"Này Mục-kiền-liên, không phải nhất định đạt đến. Hoặc có người đạt được, hoặc có người không ".

Toán số Mục-kiền-liên lại hỏi:

"Cù-đàm, trong đó nhân duyên gì khi có Niết-bàn, có Niết-bàn đạo và Sa-môn Cù-đàm hiện tại là Đạo Sư đó, mà có Tỳ-kheo được răn dạy như vậy, được khiển trách như vậy, thì đạt đến cứu cánh Niết-bàn, nhưng một số khác lại không đạt đến?"

Thế Tôn nói:

"Này Mục-kiền-liên, Ta muốn hỏi lại ông, hãy tùy theo sự hiểu biết mà trả lời.

"Này Mục-kiền-liên, ý ông nghĩ sao? Ông biết rõ thành Vương xá ở đâu, am tường các con đường đến đó chăng?"

Toán số Mục-kiền-liên đáp:

"Thật vậy, tôi biết rõ thành Vương xá ở đâu và cũng am tường các con đường đến đó."

Thế Tôn hỏi:

"Này Mục-kiền-liên, nếu có một người muốn đi đến thành Vương xá để yết kiến vua, người ấy hỏi rằng: 'Tôi muốn đi đến thành Vương xá để gặp vua, Toán số Mục-kiền-liên biết rõ thành Vương xá ở đâu, am tường các đường lộ và đường tắt, có thể chỉ cho tôi chăng?' Ông nói với người ấy rằng 'Từ đây đi về phía Đông, đến thôn kia, rồi từ thôn ấy đến ấp kia, lần lượt như vậy đi đến thành Vương xá. Những gì ở ngoại thành Vương xá, những khu vườn xinh đẹp, đất bằng phẳng, những lầu đài, ao tắm, đủ loại bông hoa, có con sông dài, lại có dòng suối trong, sẽ được thấy hết, được biết hết'. Người ấy sau khi nghe ông chỉ dẫn rồi, đi chưa bao lâu bèn bỏ con đường chánh mà đi theo con đường lầm lẫn để trở lui lại. Những gì ngoại thành Vương xá, rừng cây xinh đẹp, đất bằng phẳng, lâu đài, ao tắm, đủ loại cây cối, bông hoa, có con sông dài, có dòng suối trong, người ấy hoàn toàn không thấy, không biết gì hết.

"Lại có một người khác muốn đi đến thành Vương xá để yết kiến vua. Người ấy hỏi ông rằng: 'Tôi muốn đi đến thành Vương xá để gặp vua, Toán số Mục-kiền-liên biết rõ thành Vương xá ở đâu, am tường các đường lộ và đường tắt, có thể chỉ cho tôi chăng?'

Ông nói với người ấy rằng: 'Từ đây đi về phía Đông, đến thôn kia, rồi từ thôn ấy đến ấp kia, lần lượt như vậy đi đến thành Vương xá. Những gì ở ngoại thành Vương xá, những khu vườn xinh đẹp, đất bằng phẳng, những lầu đài, ao tắm, đủ loại bông hoa, có con sông dài, lại có dòng suối trong, sẽ được thấy hết, được biết hết'.

---

8. Ngũ cái ——\—C Pāli: pañca nīvaraṇā.

Người ấy sau khi nghe ông chỉ dẫn, bèn từ đây đi về hướng Đông, đến thôn kia, từ thôn ấy đi đến ấp kia, lần lượt như vậy cho đến thành Vương xá. Những gì ở ngoại thành Vương xá, những khu vườn xinh đẹp, đất bằng phẳng, lâu đài, ao tắm, đủ loại bông hoa, có con sông dài, có dòng suối trong đều được thấy hết, biết hết.

"Này Mục-kiền-liên, trong đó do nhân gì duyên gì, trong khi có thành Vương xá, có con đường đến thành Vương xá và có ông hiện tại là đạo sư đó, nhưng người thứ nhất nghe lời ông chỉ dẫn, chẳng bao lâu đã bỏ con đường chánh mà đi theo con đường lầm lẫn trở lui lại, rồi những gì ở ngoài thành Vương xá, những khu vườn xinh đẹp, đất bằng phẳng, lâu đài, ao tắm, đủ loại bông hoa, có con sông dài, có dòng suối trong, tất cả người ấy đều không thấy, không biết? Còn người thứ hai khi nghe theo lời ông chỉ dẫn, từ con đường chánh lần lượt đi đến thành Vương xá, những gì ở ngoại thành Vương xá, những khu vườn xinh đẹp, đất bằng phẳng, lâu đài, ao tắm, đủ loại bông hoa, có con sông dài, có dòng suối trong, thảy đều được thấy hết, được biết hết?"

Toán số Mục-kiền-liên đáp:

"Này Cù-đàm, tôi hoàn toàn vô sự. Có thành Vương xá đó, có con đường dẫn đến thành Vương xá đó, tôi chỉ làm đạo sư. Người thứ nhất không tùy theo sự chỉ dẫn của tôi, bỏ con đường chánh mà đi theo con đường lầm lẫn để trở lui lại. Những gì ở ngoài thành Vương xá, những khu vườn xinh đẹp, đất bằng phẳng, lâu đài, ao tắm, đủ loại bông hoa, có con sông dài, có dòng suối trong, tất cả người ấy đều không thấy, không biết. Người thứ hai khi nghe theo lời tôi chỉ dẫn, từ con đường chánh lần lượt đi đến thành Vương xá, những gì ở ngoại thành Vương xá, những khu vườn xinh đẹp, đất bằng phẳng, lâu đài, ao tắm, đủ loại bông hoa, có con sông dài, có dòng suối trong, thảy đều được thấy hết, được biết hết."

Thế Tôn nói rằng:

"Cũng vậy, này Mục-kiền-liên, Ta cũng vô sự. Có Niết-bàn đó, có con đường dẫn đến Niết-bàn đó, Ta chỉ là Đạo Sư, giáo huấn các Tỳ-kheo như vậy, khiển trách các Tỳ-kheo như vậy, nhưng có người đạt đến cứu cánh Niết-bàn, có người lại không. Này Mục-kiền-liên, nhưng tùy theo sở hành của mỗi Tỳ-kheo mà Thế Tôn ghi nhận sở hành ấy, tức là cứu cánh lậu tận vậy."

Toán số Mục-kiền-liên bạch rằng:

"Bạch Cù-đàm, tôi đã hiểu. Bạch Cù-đàm, tôi đã rõ.

"Bạch Cù-đàm, cũng như trên mảnh đất tốt, có khu rừng Sa-la, trong đó có người giữ rừng Sa-la, sáng suốt, không lười biếng, đối với gốc rễ của các cây Sa-la, tùy theo thời mà cuốc xới, sang chỗ cao, lấp chỗ thấp, quét dọn rác, tưới nước, không để sai thời. Nếu bên cạnh có mọc cỏ tạp ô uế thì nhổ sạch hết. Nếu có những cây đâm ngang, cong queo thì uốn lại cho thẳng hay tỉa đi. Nếu có những cây mọc rất ngay thẳng thì chăm sóc, giữ gìn, hằng cuốc xới, quét dọn rác, tưới nước, không để sai thời. Như vậy, trên mảnh đất tốt, rừng cây Sa-la càng ngày càng sum suê.

"Bạch Cù-đàm, cũng vậy, có người dua nịnh, dối trá, không biết thi ân, vô tín, giải đãi, không niệm, không định, ác tuệ, tâm cuồng, các căn rối loạn, trì giới lơ là, không tu trì phát triển. Sa-môn Cù-đàm, với những người như vậy không thể cộng sự. Vì sao vậy? Bạch Cù-đàm, những người như vậy là phạm hạnh ô uế.

"Bạch Cù-đàm, nếu có những người không dua nịnh, cũng không dối trá, biết thi ân, có tín, tinh tấn, không giải đãi, có niệm, có định và cũng có trí tuệ, rất mực cung kính, tu tập phát triển. Sa-môn Cù-đàm, với những người như vậy có thể cộng sự. Vì sao vậy?

Bạch Cù-đàm, những người như vậy là phạm hạnh thanh tịnh.

"Bạch Cù-đàm, cũng như trong các loại căn hương[9], trầm hương là bậc nhất. Vì sao vậy? Bạch Cù-đàm, vì trầm hương đối với các loại căn hương, nó là tối thượng.

"Bạch Cù-đàm, cũng như trong các loại sa-la thọ hương[10], xích chiên-đàn là bậc nhất. Vì sao vậy? Bạch Cù-đàm, vì chiên-đàn đối với các thứ sa-la thọ hương, nó là tối thượng.

"Bạch Cù-đàm, cũng như trong các loại thủy hoa, hoa sen xanh là bậc nhất. Vì sao vậy? Bạch Cù-đàm, vì hoa sen xanh đối với các loại thủy hoa, nó là tối thượng.

"Bạch Cù-đàm, cũng như trong các thứ hoa trên đất, hoa tu-ma-na là bậc nhất. Vì sao vậy? Bạch Cù-đàm, vì tu-ma-na hoa đối với các loại lục hoa, nó là tối thượng.

"Bạch Cù-đàm, cũng như trong thế gian, giữa các luận sĩ, Sa-môn Cù-đàm là bậc nhất. Vì sao vậy? Vì Sa-môn Cù-đàm như một luận sĩ có thể khuất phục tất cả các ngoại đạo dị học vậy.

"Bạch Thế Tôn, nay con tự quy y Phật, Pháp và Tỳ-kheo Tăng. Cúi mong Thế Tôn nhận con làm Ưu-bà-tắc. Kể từ hôm nay, trọn đời đều tự quy y cho đến tận mạng."

Phật thuyết như vậy. Toán số Mục-kiền-liên và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

❑

9. Căn hương ——Ahương liệu từ rễ cây; xem kinh 141 trên. Pāli: mūlagandhā.
10. Sa-la thọ hương -P——Aloại hương trầm bằng lõi cây; xem kinh 141 trên. Pāli: sāragandhā.

145. KINH CÙ-MẶC MỤC-KIỀN-LIÊN[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, sau khi Đức Phật Bát-niết-bàn chưa bao lâu, Tôn giả A-nan du hóa tại thành Vương xá.

Lúc bấy giờ đại thần Vũ Thế[2], nước Ma-kiệt-đà, đang chỉnh trị thành Vương xá để phòng ngừa dân Bạt-kỳ[3]. Rồi đại thần Vũ Thế sai Cù mặc Mục-kiền-liên, một người làm ruộng[4], đi đến Trúc lâm, vườn Ca-lan-đà.

Bấy giờ Tôn giả A-nan vào lúc sáng sớm khoác y ôm bát vào thành Vương xá để khất thực, rồi Tôn giả A-nan nghĩ rằng: "Hãy gác việc khất thực trong thành Vương xá lại đã. Ta hãy đến chỗ Cù-mặc Mục-kiền-liên, người làm ruộng."

Phạm chí Cù-mặc Mục-kiền-liên[5] từ xa trông thấy Tôn giả A-nan đi đến, bèn rời chỗ ngồi đứng dậy, trịch vai áo đang mặc, chắp tay hướng về Tôn giả A-nan, bạch rằng:

"Kính chào A-nan, lâu nay không thấy đến. Xin mời ngồi trên chỗ này."

Tôn giả A-nan liền ngồi trên chỗ ngồi đó.

Phạm chí Cù-mặc Mục-kiền-liên sau khi chào hỏi Tôn giả A-nan, rồi ngồi xuống một bên mà bạch rằng:

"Bạch A-nan, tôi có điều muốn hỏi, mong nghe cho chăng?"

Tôn giả A-nan trả lời rằng:

"Mục-kiền-liên, ông cứ hỏi đi. Tôi nghe xong sẽ suy nghĩ."

Bèn hỏi rằng:

"Bạch A-nan, có Tỳ-kheo nào sánh ngang với Sa-môn Cù-đàm chăng?"

Trong khi Tôn giả A-nan và Phạm chí Cù-mặc Mục-kiền-liên đang thảo luận vấn đề này thì đại thần Vũ Thế nước Ma-kiệt-đà đang đi ủy lạo những người làm ruộng[6], đến chỗ của Phạm chí Cù-mặc Mục-kiền-liên, người làm ruộng. Đại thần Vũ Thế từ xa trông thấy Tôn giả A-nan ở trong chỗ Phạm chí Cù-mặc Mục-kiền-liên, người làm ruộng, bèn đi đến chỗ Tôn giả A-nan. Sau khi chào hỏi xong, ngồi xuống một bên, hỏi rằng:

"Bạch A-nan, vừa rồi cùng với Phạm chí Cù-mặc Mục-kiền-liên thảo luận vấn đề gì vậy? Vì việc gì mà cùng hội họp ở đây?"

---

1. Bản Hán, quyển 36. Tương đương Pāli M. 108 Gopaka-Moggallāna-suttam.
2. Ma-kiệt-đà đại thần Vũ Thế. Pāli: Vassakāro brāmaṇo Magadhamahāmatto. Xem cht.5, kinh 142.
3. Xem kinh 142. Theo bản Pāli, chuẩn bị đánh nhau với Pajjo, chứ không phải với Vajji (Bạt-kỳ).
4. Cù-mặc Mục-kiền-liên điền tác nhân ▬▬q▬▬s▬▬@▬H▬C Pāli: gopakamogallānassa brāhmaiassa kammanto, chỗ làm việc của Bà-la-môn Gopaka-Moggallāna. Trong bản Hán, kammanta, chỗ đang làm việc, được hiểu là kassaka: nông phu?
5. Đoạn trên nói ông là người làm ruộng. Xem cht. trên.
6. Hán: *ủy lạo điền tác nhân* ▬▬▬▬@▬H▬C Pāli: kammante anusaññāyamāno, đang đi thị sát chỗ đang làm việc (công trường).

Tôn giả A-nan đáp:

"Vũ Thế, Phạm chí Cù-mặc Mục-kiền-liên hỏi tôi rằng 'A-nan, có Tỳ-kheo nào sánh ngang với Sa-môn Cù-đàm chăng?'"

Đại thần Vũ Thế, nước Ma-kiệt-đà lại hỏi:

"A-nan, ngài trả lời ông ấy như thế nào?"

Tôn giả A-nan đáp:

"Này Vũ Thế, hoàn toàn không một Tỳ-kheo nào sánh ngang với Thế Tôn được."

Đại thần Vũ Thế, nước Ma-kiệt-đà lại hỏi:

"Vâng, A-nan, không một Tỳ-kheo nào sánh ngang với Thế Tôn được. Nhưng có Tỳ-kheo nào được Sa-môn Cù-đàm trong lúc tại thế lập nên và nói rằng 'Tỳ-kheo này sau khi Ta Niết-bàn sẽ là nơi nương tựa của các Tỳ-kheo', và vị ấy nay là nơi nương tựa của các người?"

Tôn giả A-nan đáp:

"Này Vũ Thế, hoàn toàn không một Tỳ-kheo nào được Thế Tôn, Bậc Tri Kiến[7], được Như Lai, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác trong lúc tại thế lập lên và nói rằng 'Tỳ-kheo này sau khi Ta Niết-bàn sẽ là nơi nương tựa cho các Tỳ-kheo' và ngày nay đang là chỗ nương tựa cho chúng tôi."

Đại thần Vũ Thế, nước Ma-kiệt-đà lại hỏi:

"Vâng, A-nan, không một Tỳ-kheo nào sánh ngang với Sa-môn Cù-đàm, cũng không một Tỳ-kheo nào được Sa-môn Cù-đàm trong lúc tại thế lập lên rằng 'Tỳ-kheo này sau khi Ta Niết-bàn sẽ là nơi nương tựa cho các Tỳ-kheo và ngày nay đang là chỗ nương tựa cho các Tỳ-kheo' và vị ấy nay là nơi nương tựa cho các người. Nhưng có Tỳ-kheo nào được chúng Tăng hòa hiệp và bái lập lên rằng 'Tỳ-kheo này sau khi Thế Tôn Niết-bàn là nơi nương tựa cho các Tỳ-kheo', và vị ấy nay đang là nơi nương tựa của các người?"

Tôn giả A-nan đáp:

"Này Vũ Thế, cũng không có Tỳ-kheo nào được chúng Tăng hòa hiệp bái lập lên rằng 'Tỳ-kheo này sau khi Thế Tôn Niết-bàn sẽ là nơi nương tựa cho các Tỳ-kheo' và vị ấy nay đang là chỗ nương tựa cho chúng tôi."

Đại thần Vũ Thế nước Ma-kiệt-đà lại hỏi:

"Vâng, A-nan, không một Tỳ-kheo nào sánh ngang với Sa-môn Cù-đàm, cũng không một Tỳ-kheo nào được Sa-môn Cù-đàm trong lúc tại thế lập lên rằng 'Tỳ-kheo này sau khi Ta Niết-bàn sẽ là nơi nương tựa cho các Tỳ-kheo' để vị ấy nay đang là nơi nương tựa cho các người. Cũng không Tỳ-kheo nào được Tăng chúng hòa hiệp bái lập lên rằng 'Tỳ-kheo này sau khi Thế Tôn Niết-bàn sẽ là nơi nương tựa cho các Tỳ-kheo' để vị ấy nay đang là nơi nương tựa cho các người. Này A-nan, nếu vậy các người hiện tại không có ai để nương tựa, nhưng cùng sống hòa hiệp, không tranh chấp, an ổn, đồng nhất một giáo pháp, cùng hiệp nhất như nước với sữa, khoái lạc du hành như trong lúc Sa-môn Cù-đàm tại thế chăng?"

Tôn giả A-nan đáp:

"Này Vũ Thế, ông đừng nói rằng chúng tôi không có ai để nương tựa. Vì sao vậy? Thật sự chúng tôi có nơi nương tựa."

Đại thần Vũ Thế nước Ma-kiệt-đà đáp rằng:

---

7. Hán: *vị Thế Tôn sở tri kiến* ▬▬@▬L▬▬▬▬F có lẽ dư chữ *sở*, vì những nơi khác trong bản Hán đều cho thấy như vậy. Pāli: tena bhagavatā janatā passatā arahatā…, bởi Thế Tôn, Bậc Tri Giả, Bậc Kiến Giả, là A-la-hán…

"Bạch A-nan, những điều được nói trước và sau sao lại không phù hợp nhau? A-nan vừa nói như vầy 'Không một Tỳ-kheo nào sánh ngang Thế Tôn, cũng không một Tỳ-kheo nào được Thế Tôn, Bậc Tri Kiến, là Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác trong lúc tại thế lập lên rằng 'Tỳ-kheo này sau khi Ta Niết-bàn sẽ là nơi nương tựa cho các Tỳ-kheo' để vị ấy nay đang là nơi nương tựa cho chúng tôi. Cũng không có Tỳ-kheo nào được chúng Tăng hòa hiệp bái lập lên rằng 'Tỳ-kheo này sau khi Thế Tôn Niết-bàn sẽ là nơi nương tựa cho các Tỳ-kheo' để vị ấy nay là nơi nương tựa cho chúng tôi'. Nhưng này A-nan, do nhân gì, duyên gì, nay lại nói rằng 'Thật sự chúng tôi có nơi nương tựa'?"

Tôn giả A-nan đáp:

"Này Vũ Thế, chúng tôi không nương tựa nơi người, nhưng nương tựa nơi pháp. Này Vũ Thế, nếu chúng tôi nương tựa nơi thôn ấp mà sống, vào ngày mười lăm là ngày thuyết Tùng giải thoát, cùng tập họp ngồi tại một chỗ. Nếu có Tỳ-kheo nào hiểu biết pháp, chúng tôi thỉnh vị ấy thuyết pháp cho chúng tôi. Nếu chúng Tăng ấy được thanh tịnh, chúng tôi hoan hỷ phụng hành pháp mà Tỳ-kheo ấy đã nói. Nếu chúng Tăng ấy không thanh tịnh, tùy theo pháp được nói, chúng tôi khuyên dạy làm cho đúng[8]."

Đại thần Vũ Thế nước Ma-kiệt-đà bạch rằng:

"Bạch A-nan, không phải các ngài khuyên dạy làm cho đúng, nhưng chính là pháp khuyên dạy làm cho đúng. Như vậy, A-nan, một ít pháp hay có nhiều pháp thảy đều có thể được tồn tại lâu dài, và như vậy A-nan, các ngài sống hòa hiệp không tranh chấp, an ổn, đồng nhất một giáo pháp, cùng hiệp nhất như nước với sữa, khoái lạc du hành như lúc Sa-môn Cù-đàm tại thế."

Đại thần Vũ Thế nước Ma-kiệt-đà lại hỏi:

"Này A-nan, có vị nào đáng tôn kính chăng?"

Tôn giả A-nan đáp:

"Này Vũ Thế, có vị xứng đáng được tôn kính."

Vũ Thế bạch rằng:

"Bạch A-nan, những điều được nói sao lại trước sau không phù hợp nhau? A-nan vừa nói như vầy 'Không một Tỳ-kheo nào sánh ngang Thế Tôn, cũng không một Tỳ-kheo nào được Thế Tôn trong lúc tại thế lập lên rằng 'Tỳ-kheo này sau khi Ta Niết-bàn sẽ là nơi nương tựa cho các Tỳ-kheo' để vị ấy nay đang là nơi nương tựa cho chúng tôi.' Cũng không có một Tỳ-kheo nào được chúng Tăng hòa hiệp bái lập lên rằng 'Tỳ-kheo này sau khi Thế Tôn Niết-bàn sẽ là nơi nương tựa cho các Tỳ-kheo' để nay vị ấy đang là nơi nương tựa cho chúng tôi. Nhưng này A-nan, do nhân gì, duyên gì nay lại nói rằng 'Có vị xứng đáng được tôn kính'?"

Tôn giả A-nan đáp:

"Này Vũ Thế, Thế Tôn, Bậc Tri Kiến, là Như Lai, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, đã có dạy về mười pháp đáng tôn kính[9]. Nếu chúng tôi thấy Tỳ-kheo nào có mười pháp này, chúng tôi cùng ái kính, tôn trọng, cúng dường, lễ sự Tỳ-kheo ấy."

---

8. Pāli: tasmiṃ ce bhaññamāne hoti bhikkussa āpatti hoti vītakamo, taṃ mayaṃ yathādhammaṃ yathāsathaaṃ karmati, "nếu trong những điều được thuyết ấy, có Tỳ-kheo nào vi phạm, chúng tôi khiến vị ấy làm đúng theo Pháp, đúng theo Luật".

9. Thập pháp nhi khả tôn kính ▪Q▪k▬▬i▪L▪q▪C Pāli: dasa pasādaniyā dhammā, mười pháp khả hỷ, khiến cho tin tưởng.

"Những gì là mười?

"Này Vũ Thế, Tỳ-kheo tu tập cấm giới, thủ hộ Tùng giải thoát, lại khéo thu nhiếp oai nghi lễ tiết, thấy tội lỗi nhỏ nhặt cũng thường sanh lòng lo sợ, thọ trì học giới. Này Vũ Thế, nếu chúng tôi thấy Tỳ-kheo nào tích cực hành trì tăng thượng giới thì chúng tôi cùng ái kính, tôn trọng, cúng dường, tôn phụng, lễ sự Tỳ-kheo ấy.

"Lại nữa, này Vũ Thế, Tỳ-kheo học rộng nghe nhiều, ghi nhớ không quên, tích lũy sự bác văn, đối với những pháp sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có nghĩa, có văn, cụ túc thanh tịnh, hiển hiện phạm hạnh, đối với các pháp như vậy, học rộng nghe nhiều, tụng thuộc cho đến hằng nghìn, chuyên ý tư duy quán sát, thấy rõ, hiểu sâu[10]. Này Vũ Thế, khi chúng tôi thấy Tỳ-kheo nào tích cực đa văn thì chúng tôi cùng ái kính, tôn trọng, cúng dường, tôn phụng, lễ sự Tỳ-kheo ấy.

"Lại nữa, này Vũ Thế, Tỳ-kheo ấy xứng đáng là thiện tri thức, xứng đáng là thiện bằng hữu, xứng đáng là người bạn đồng hành tốt. Này Vũ Thế, khi chúng tôi thấy Tỳ-kheo nào thật sự xứng đáng là thiện tri thức, thì chúng tôi cùng ái kính, tôn trọng, cúng dường, tôn phụng, lễ sự Tỳ-kheo ấy.

"Lại nữa, này Vũ Thế, Tỳ-kheo ưa thích đời sống viễn ly, thành tựu cả hai sự viễn ly là thân và tâm. Này Vũ Thế, khi chúng tôi thấy Tỳ-kheo nào thật sự rất ưa thích đời sống viễn ly thì chúng tôi ái kính, tôn trọng, cúng dường, tôn phụng, lễ sự Tỳ-kheo ấy.

"Lại nữa, này Vũ Thế, Tỳ-kheo ưa thích sự tĩnh tọa, nội hành tĩnh chỉ vắng lặng[11], cũng không rời tư sát, thành tựu quán hạnh, tăng trưởng không hành[12]. Này Vũ Thế, khi chúng tôi thấy Tỳ-kheo nào rất ưa thích sự tĩnh tọa, thì chúng tôi cùng ái kính, tôn trọng, cúng dường, tôn phụng, lễ sự Tỳ-kheo ấy.

"Lại nữa, này Vũ Thế, Tỳ-kheo tri túc, áo cốt che thân, ăn chỉ để sống, đi đâu đều mang theo y bát, đi không luyến tiếc. Cũng như con nhạn mang theo đôi cánh bay liệng trong hư không; cũng vậy, Tỳ-kheo tri túc, áo cốt che thân, ăn chỉ để sống, đi đâu đều mang theo y bát, đi không luyến tiếc. Này Vũ Thế, khi chúng tôi thấy Tỳ-kheo nào rất tri túc thì chúng tôi cùng ái kính, tôn trọng, cúng dường, tôn phụng, lễ sự Tỳ-kheo ấy.

"Lại nữa, này Vũ Thế, Tỳ-kheo thường hành chuyên niệm, thành tựu chánh niệm, những gì đã tập hành từ lâu, những gì đã từng nghe từ lâu, hằng ghi nhớ không quên. Này Vũ Thế, khi chúng tôi thấy Tỳ-kheo nào rất chánh niệm thì chúng tôi thường ái kính, tôn trọng, cúng dường, tôn phụng, lễ sự Tỳ-kheo ấy.

"Lại nữa, này Vũ Thế, Tỳ-kheo thường hành tinh tấn, đoạn trừ ác bất thiện, tu tập các thiện pháp, hằng tự khởi ý, chuyên nhất kiên cố, đối với các gốc rễ thiện pháp không từ bỏ phương tiện. Này Vũ Thế, khi chúng tôi thấy Tỳ-kheo nào rất tinh cần thì chúng tôi cùng ái kính, tôn trọng, cúng dường, tôn phụng, lễ sự Tỳ-kheo ấy.

"Lại nữa, này Vũ Thế, Tỳ-kheo tu hành trí tuệ, quán pháp hưng suy, được như thật trí, thánh tuệ minh đạt, phân biệt thông suốt để chân chánh diệt tận sự khổ. Này Vũ Thế, khi chúng tôi thấy Tỳ-kheo nào tích cực tu hành trí tuệ thì chúng tôi cùng ái kính, tôn trọng, cúng dường, tôn phụng, lễ sự Tỳ-kheo ấy.

"Lại nữa, này Vũ Thế, Tỳ-kheo các lậu đã diệt tận, chứng đắc vô lậu, tâm giải thoát, tuệ giải thoát, tự tri, tự giác, tự tác chứng, thành tựu an trụ, biết như thật: 'Sự sanh

---

10. Hán: *ý sở duy quán, minh kiến thâm đạt* ─N────[────` ─F─C Pāli: manasānupekkhitā diṭṭhiyā suppaṭividdhā, chiêm nghiệm một cách chuyên ý, thâm nhập bằng sự thấy rõ.

11. Nội hành chánh chỉ ─────C

12. Tăng trưởng không hành ─W─────C

đã dứt, phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa'. Này Vũ Thế, khi chúng tôi thấy Tỳ-kheo nào các lậu đã diệt tận, thì chúng tôi cùng ái kính, tôn trọng, cúng dường, tôn phụng, lễ sự Tỳ-kheo ấy.

"Lại nữa, này Vũ Thế, Thế Tôn, Bậc Tri Kiến, là Như Lai, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, giảng thuyết mười pháp xứng đáng được tôn kính này. Này Vũ Thế, khi chúng tôi thấy Tỳ-kheo nào hành mười pháp này thì chúng tôi cùng ái kính, tôn trọng, cúng dường, tôn phụng, lễ sự Tỳ-kheo ấy."

Lúc bấy giờ, đám đông ở đây cất cao tiếng lớn nói[13]:

"Có thể tu tập con đường chánh trực chứ không phải không thể tu. Nếu ai tu tập con đường chánh trực, chứ không phải không thể tu thì vị ấy là A-la-hán ở trong đời, xứng đáng ái kính, tôn trọng, cúng dường, lễ sự. Nếu các ngài đối với con đường chánh trực nên tu tập mà có thể tu tập, thế thì trong đời các ngài là A-la-hán, xứng đáng ái kính, tôn trọng, cúng dường, lễ sự[14]."

Rồi đại thần Vũ Thế nước Ma-kiệt-đà cùng với đám tùy tùng nói:

"A-nan, nay đang trú tại đâu?"

Tôn giả A-nan đáp:

"Tôi đang du hành tại Vương xá này, ở trong Trúc lâm, vườn Ca-lan-đà."

"A-nan, vườn trúc Ca-lan-đà thật là khả ái, đáng ưa, rất chỉnh đốn, dễ thích. Ban ngày không ồn ào, ban đêm vắng lặng, không có muỗi mòng, ruồi nhặng, không lạnh, không nóng. A-nan, ngài thích sống trong Trúc lâm Ca-lan-đà chăng?"

Tôn giả A-nan đáp:

"Thật vậy, Vũ Thế, vườn trong Trúc lâm Ca-lan-đà rất khả ái, dễ ưa, rất chỉnh đốn, dễ thích, ban ngày không ồn ào, ban đêm thì vắng lặng, không có muỗi mòng, không có ruồi nhặng, không lạnh, không nóng. Này Vũ Thế, tôi thích trú trong vườn Trúc lâm Ca-lan-đà ấy. Vì sao? Vì được Tôn giả ủng hộ[15]."

Lúc ấy, đại tướng Bà-nan[16] cũng ở giữa đám đông ấy. Đại tướng Bà-nan thưa:

"Thật vậy, Vũ Thế, vườn trong Trúc lâm Ca-lan-đà rất khả ái, dễ ưa, rất chỉnh đốn, dễ thích, ban ngày không ồn ào, ban đêm thì vắng lặng, không có muỗi mòng, không có ruồi nhặng, không lạnh, không nóng. Tôn giả ấy thích trú tại Trúc lâm Ca-lan-đà. Vì sao vậy? Vì Tôn giả này hành thiền tứ, ưa thích thiền tứ[17]."

Đại thần Vũ Thế nước Ma-kiệt-đà nghe xong bèn nói:

"Này đại tướng Bà-nan, trước đây, khi Sa-môn Cù-đàm du hành lạc viên Kim-bệ-la[18], này đại tướng Bà-nan, lúc bấy giờ tôi nhiều lần đến thăm Sa-môn Cù-đàm. Vì sao vậy? Sa-môn Cù-đàm hành thiền tứ, ưa thích thiền tứ, tán thán tất cả thiền tứ."

Tôn giả A-nan nghe xong, nói rằng:

---

13. Vì các chi tiết không được mạch lạc, không rõ đám đông này là những ai.

14. Đoạn này bản Hán hơi tối nghĩa. Trong bản Pāli, đây là lời của Vassakāra nói với tướng quân Upananda; đại ý: đối với những vị chân chánh tu hành, mà nếu các Tỳ-kheo không tôn trọng, thì còn tôn trọng ai?

15. Trong bản Hán: *dĩ thế tôn ủng hộ cố* -H-@-L——@-G-F có lẽ dư chữ *thế*. Tham chiếu Pāli: yathā taṃ tumhādisehi rakkhakehi gopakehi, nhờ những người ủng hộ, bảo vệ như ngài.

16. Bà-nan -C——A Pāli: Upananda senāpati.

17. Hành tứ lạc tứ ————F *hành tứ* ở đây được hiểu là *hành thiền*. Pāli: jhāyino ca jhānasīlino ca, là những người hành thiền, có xu hướng (tập quán) hành thiền.

18. *Kim-bệ-la lạc* (hay *nhạc*?) *viên* ——@————F không rõ địa danh này, Có thể Pāli là Kimbilā, một thị trấn bên bờ sông Hằng, trong một khu rừng tre. Nhưng trong bản tương đương: Vesāliyaṃ Mahāvane Kūṭāgārasālāyaṃ, ở giảng đường Trùng các (ngôi nhà lầu) trong rừng Đại lâm thành Vesāli.

"Vũ Thế, đừng nói rằng: Sa-môn Cù-đàm tán thán tất cả thiền tứ. Vì sao vậy? Thế Tôn có khi tán thán thiền tứ, nhưng có khi không tán thán."

Đại thần Vũ Thế nước Ma-kiệt lại hỏi:

"A-nan, Sa-môn Cù-đàm không tán thán thiền tứ; nhưng không tán thán loại thiền tứ nào?"

Tôn giả A-nan đáp rằng:

"Vũ Thế, hoặc có người bị trói buộc bởi tham dục mà phát khởi tham dục, không biết như thật sự xuất yếu. Người ấy vì bị chướng ngại bởi tham dục cho nên thiền tứ, tăng gia thiền tứ mà trầm trọng thiền tứ[19]. Đó là loại thiền tứ thứ nhất mà Thế Tôn không tán thán.

"Lại nữa, Vũ Thế, hoặc có người bị triền phược bởi sân nhuế mà móng khởi sân nhuế, không biết như thật sự xuất yếu, người ấy vì bị chướng ngại bởi sân nhuế cho nên thiền tứ, tăng gia thiền tứ mà trầm trọng thiền tứ. Vũ Thế, đó là loại thiền tứ thứ hai Thế Tôn không tán thán.

"Lại nữa, này Vũ Thế, bị triền phược bởi thùy miên mà móng khởi thùy miên, không biết như thật sự xuất yếu. Người ấy vì bị chướng ngại bởi thùy miên cho nên thiền tứ, tăng gia thiền tứ, mà trầm trọng thiền tứ. Vũ Thế, đó là loại thiền tứ thứ ba mà Thế Tôn không tán thán.

"Lại nữa, này Vũ Thế, bị triền phược bởi nghi hoặc mà móng khởi nghi hoặc, không biết như thật sự xuất yếu. Người ấy vì bị chướng ngại bởi nghi hoặc cho nên thiền tứ, tăng gia thiền tứ, mà trầm trọng thiền tứ. Vũ Thế, đó là loại thiền tứ thứ tư Thế Tôn không tán thán.

"Này Vũ Thế, Thế Tôn không tán thán bốn loại thiền tứ này."

Đại thần Vũ Thế nước Ma-kiệt-đà bạch rằng:

"Bạch A-nan, bốn loại tư sát này thật đáng ghét, là những trường hợp đáng ghét, Sa-môn Cù-đàm không tán thán. Vì sao vậy? Vì là Bậc Chánh Đẳng Giác vậy."

Đại thần Vũ Thế nước Ma-kiệt-đà lại hỏi:

"A-nan, những loại thiền tứ nào được Sa-môn Cù-đàm tán thán?"

Tôn giả A-nan đáp:

"Vũ Thế, Tỳ-kheo ly dục, ly ác bất thiện pháp, cho đến chứng đắc Tứ thiền, thành tựu an trụ. Này Vũ Thế, Thế Tôn tán thán bốn loại thiền tứ này."

Đại thần Vũ Thế nước Ma-kiệt-đà bạch rằng:

"Bạch A-nan, bốn loại thiền tứ này thật đáng tán thán, là những trường hợp đáng tán thán, được Sa-môn Cù-đàm tán thán. Vì sao vậy? Vì là Bậc Chánh Đẳng Giác vậy. A-nan, tôi nhiều việc ứ đọng, xin phép cáo từ."

Tôn giả A-nan nói:

"Xin cứ tùy ý."

Rồi đại thần Vũ Thế, nước Ma-kiệt-đà sau khi nghe Tôn giả A-nan nói, cẩn thận ghi

---

19. *Tứ, tăng tứ, nhi trọng tứ* ——W————Acó thể hiểu là *"dò xét, tăng gia dò xét, trầm trọng dò xét"*. Xem các thí dụ trong kinh số 131 trên. Pāli: jhāyati pajjhāyati nijjhāyati apajjhāyati: thiền tứ (trầm ngâm suy nghĩ), mãi miết thiền tứ (= bị dày vò), chìm đắm thiền tứ (= bị thiêu đốt), chuyên chú thiền tứ. Trong Pāli, động từ jhāyati (Skt. dhyāyati, danh từ phái sinh: jhāna, Skt. dhyāna, âm: thiền), có nghĩa là *tư duy* hay *trầm tư;* nhưng cũng có nghĩa là *thiêu đốt* hay *hỏa táng* (Hán âm*: xà-duy* hay *trà-tì*, hỏa táng; Skt. kṛāyati).

nhớ, từ chỗ ngồi đứng dậy, đi quanh Tôn giả ba vòng rồi trở lui.

Lúc bấy giờ Phạm chí Cù-mặc Mục-kiền-liên sau khi đại thần Vũ Thế nước Ma-kiệt-đà đi không bao lâu, bạch rằng:

"Bạch A-nan, phải chăng những điều tôi hỏi đã không được trả lời?"

Tôn giả A-nan đáp:

"Mục-kiền-liên, quả thật tôi đã không trả lời."

Phạm chí Cù-mặc Mục-kiền-liên bạch rằng:

"A-nan, tôi lại có điều muốn hỏi, mong nghe cho chăng?"

Tôn giả A-nan đáp:

"Mục-kiền-liên, ông cứ hỏi. Tôi nghe xong sẽ suy nghĩ."

Phạm chí Cù-mặc Mục-kiền-liên bèn hỏi rằng:

"A-nan, giải thoát và tuệ giải thoát của Như Lai, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác và giải thoát của A-la-hán, ba giải thoát này có sự sai biệt nào và có sự thắng liệt nào chăng?"

Tôn giả A-nan đáp:

"Này Mục-kiền-liên, giải thoát và tuệ giải thoát của Như Lai, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác và giải thoát của A-la-hán, ba giải thoát này không có sai biệt, cũng không có sự thắng liệt."

Phạm chí Cù-mặc Mục-kiền-liên bạch rằng:

"Bạch A-nan, mong ngài ở lại đây dùng cơm."

Tôn giả A-nan im lặng nhận lời.

Phạm chí Cù-mặc Mục-kiền-liên biết Tôn giả A-nan im lặng nhận lời bèn rời khỏi chỗ ngồi đứng dậy, tự tay lấy nước, rửa dọn các thức ăn rất tịnh diệu với các loại nhai và nuốt rất thịnh soạn, tự tay châm chước cho đến no đủ. Ăn xong, dọn dẹp chén bát, dùng nước rửa xong, lấy một cái giường nhỏ ngồi riêng một bên nghe pháp. Tôn giả A-nan thuyết pháp cho ông nghe, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ. Sau khi bằng vô lượng phương tiện thuyết pháp, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ xong, Tôn giả A-nan đứng dậy ra về[20].

Tôn giả A-nan thuyết như vậy. Đại thần Vũ Thế nước Ma-kiệt-đà và Phạm chí Cù-mặc Mục-kiền-liên sau khi nghe Tôn giả A-nan thuyết, hoan hỷ phụng hành.

❑

[20] Đoạn trong ngoặc, bản chữ Hán có thể sót; ở đây, theo những nơi khác, thêm vào cho đủ nghĩa.

146. KINH TƯỢNG TÍCH DỤ[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng lâm, vườn Cấp cô độc.

Bấy giờ dị học Ti-lô[2] vào lúc sáng sớm ra khỏi nước Xá-vệ, đi đến chỗ Phật, cúi đầu làm lễ rồi ngồi xuống một bên. Phật thuyết pháp cho ông nghe, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ. Sau khi bằng vô lượng phương tiện thuyết pháp, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ xong rồi Phật ngồi im lặng.

Dị học Ti-lô sau khi được Phật thuyết pháp, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ xong, rời chỗ ngồi đứng dậy, cúi đầu lễ chân Phật, đi quanh ba vòng rồi lui về.

Bấy giờ, Phạm chí Sanh Văn[3] ngồi trên cỗ xe trắng rất đẹp, cùng với năm trăm đệ tử, vào lúc sáng sớm, khi ra khỏi Xá-vệ, đi đến một khu rừng để dạy đệ tử tụng đọc kinh thơ. Phạm chí Sanh Văn từ xa trông thấy dị học Ti-lô đi đến, bèn hỏi:

"Này Bà-ta[4], mới sáng sớm đã từ đâu về vậy?"

Dị học Ti-lô đáp:

"Này Phạm chí, tôi đi thăm Đức Thế Tôn, lễ sự, cúng dường rồi về đây."

Phạm chí Sanh Văn hỏi:

"Có biết Sa-môn Cù-đàm ở nơi trống vắng yên tĩnh học trí tuệ chăng[5]?"

Dị học Ti-lô đáp:

"Phạm chí, hạng người nào mà có thể biết Thế Tôn ở nơi trống vắng yên tĩnh học trí tuệ? Này Phạm chí, nếu biết Thế Tôn ở nơi trống vắng yên tĩnh, học trí tuệ thì cũng phải bằng Thế Tôn. Nhưng, này Phạm chí, kinh thơ mà tôi đọc có bốn cú nghĩa[6] và do bốn cú nghĩa này mà tôi nhất định tin tưởng Thế Tôn là Như Lai, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, pháp được nói bởi Thế Tôn là toàn thiện, Thánh chúng đệ tử Như Lai khéo thú hướng.

"Này Phạm chí, cũng như thợ săn voi rành nghề, đi rảo trong một khu rừng, ở giữa rừng cây nhìn thấy dấu chân voi to lớn, thấy rồi thì nhất định tin tưởng con voi này phải là rất lớn mới có dấu chân như vậy. Này Phạm chí, tôi cũng như vậy. Trong kinh thơ mà tôi đọc có bốn cú nghĩa, do bốn cú nghĩa này mà tôi nhất định tin rằng Thế Tôn là Như Lai,

---

1. Tương đương Pāli M.27 Cūḷa-hatthīpadoma-sutta, ví dụ về dấu chân voi.
2. Ti-lô dị học ---c ----F Pāli: Pilotika-paribbājaka, một du sĩ trẻ, thuộc bộ tộc Vacchāyma.
3. Sanh Văn ---D-AJāṇussonī, các kinh tiếp theo sau. Ông được kể trong số những Bà-la-môn lỗi lạc đương thời Phật. Ông thường ở tại Xá-vệ và thường đến gặp Phật để thảo luận. Aṅguttara ghi chép nhiều nhất các cuộc đối thoại này.
4. Bà-ta -C-R-C Pāli: Vacchāyana, xem chú thích (2) ở trên.
5. Trong bản Pāli: taṃ kiṃ maññati (…) samaṇanassa Gotamasasa paññāveyyattiyaṃ, paṇḍito…, ông có nghĩ rằng Sa-môn Cù-đàm có trí tuệ đặc sắc,…, là người thông bác chăng?
6. Tứ cú nghĩa -|-y-q-C Pāli: Samaṇne Gotame cattāri padāni, bốn dấu chân nơi Sa-môn Gatama. Trong Pāli, pada, có nghĩa *dấu chân*, cũng có nghĩa là *câu văn*.

Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, pháp được nói bởi Thế Tôn là toàn thiện, Thánh chúng đệ tử của Như Lai khéo thú hướng.

"Bốn cú nghĩa ấy là thế nào?

"Này Phạm chí, các luận sĩ Sát-lợi có trí tuệ, học rộng, quyết định[7], có thể khuất phục người đời, không thứ gì là không biết, rồi đem những điều được thấy mà tạo tác văn chương, lưu hành trong thế gian. Họ nghĩ như vầy, 'Ta đến chỗ Sa-môn Cù-đàm hỏi sự việc như vầy, nếu trả lời được, ta lại hỏi nữa. Nếu không trả lời được, ta khuất phục rồi bỏ đi'. Họ nghe Thế Tôn đang trú tại một thôn ấp nào đó, bèn tìm đến. Sau khi gặp Thế Tôn, hỏi còn không dám, há lại nói đến sự khuất phục. Này Phạm chí, kinh thư mà tôi đã đọc dùng được cho cú nghĩa thứ nhất này. Nhân ý nghĩa này, tôi nhất định tin rằng Thế Tôn là Như Lai, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, pháp được nói bởi Thế Tôn là toàn thiện, Thánh chúng đệ tử của Như Lai khéo thú hướng.

"Cũng vậy, những Phạm chí có trí tuệ, những Cư sĩ có trí tuệ, những luận sĩ Sa-môn có trí tuệ, đa văn, quyết định, có khả năng khuất phục người đời, không điều gì là không biết, rồi đem những điều được thấy tạo tác văn chương lưu hành thế gian. Họ nghĩ như vầy, 'Ta đến chỗ Sa-môn Cù-đàm hỏi sự việc như vầy, nếu trả lời được, ta lại hỏi nữa. Nếu không trả lời được, ta khuất phục rồi bỏ đi'. Họ nghe Thế Tôn đang trú tại một thôn ấp nào đó, bèn tìm đến. Sau khi gặp Thế Tôn, hỏi còn không dám, há lại nói đến sự khuất phục. Này Phạm chí, kinh thư mà tôi đã đọc dùng được cho cú nghĩa thứ tư này. Nhân ý nghĩa này, tôi nhất định tin rằng Thế Tôn là Như Lai, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, pháp được nói bởi Thế Tôn là toàn thiện, Thánh chúng đệ tử của Như Lai khéo thú hướng.

"Này Phạm chí, kinh thơ mà tôi được đọc có bốn cú nghĩa này. Tôi do bốn cú nghĩa này mà nhất định tin tưởng rằng Thế Tôn là Như Lai, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, pháp được Thế Tôn nói là toàn thiện, Thánh chúng đệ tử Như Lai khéo thú hướng."

Phạm chí Sanh Văn nói rằng:

"Này Bà-ta, ông thật hết sức cúng dường Sa-môn Cù-đàm. Do sở nhân, sở duyên này mà hoan hỷ phụng hành.

Dị học Ti-lô đáp:

"Này Phạm chí, thật vậy, thật vậy, tôi hết sức cúng dường Đức Thế Tôn ấy và cũng hết sức tán thán. Tất cả thế gian cũng nên cúng dường."

Lúc bấy giờ Phạm chí Sanh Văn trên xe bước xuống, quỳ gối phải xuống đất, chắp tay hướng về rừng Thắng, vườn Cấp cô độc ba lần làm lễ:

"Nam mô Như Lai Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác."

Ba lần như vậy xong, trở lên cỗ xe trắng rất đẹp, đi đến rừng Thắng, vườn Cấp cô độc. Đến chỗ xe có thể đi được, rồi xuống xe đi bộ, tiến về chỗ Phật, chào hỏi xong ngồi xuống một bên, đem câu chuyện mà Phạm chí Sanh Văn vừa thảo luận với dị học Ti-lô, kể lại hết cho Phật nghe.

Thế Tôn nghe xong, nói rằng:

"Này Phạm chí, dị học Ti-lô nói thí dụ về dấu chân voi chưa được hoàn hảo, chưa được trọn vẹn. Thí dụ về dấu chân voi mà được nói một cách hoàn hảo, trọn vẹn để Ta nói cho ông nghe. Hãy khéo nghe kỹ.

"Này Phạm chí, cũng như thợ săn voi rành nghề, đi vào trong một khu rừng, ở giữa

---

7. Hán: *quyết định* 決定. Bản Pāli: nipuṇe: tinh tế.

đám cây rừng, nhìn thấy dấu chân voi to lớn. Thấy rồi, có thể tin rằng con voi kia phải hết sức to lớn mới có dấu chân như vậy.

"Này Phạm chí, thợ săn voi rành nghề ấy, hoặc giả không tin[8], vì rằng trong khu rừng ấy có một loại voi cái được gọi là Gia-lê-nậu[9], thân thể rất cao lớn, nó có dấu chân này. Rồi thợ săn tìm theo dấu chân. Lại thấy dấu chân voi rất lớn. Thấy rồi có thể tin rằng con voi này hết sức to lớn mới có dấu chân như vậy.

"Này Phạm chí, thợ săn rành nghề ấy, hoặc giả vẫn không tin, vì rằng trong khu rừng ấy lại còn có loại voi cái được gọi là Gia-la-lê[10], thân thể rất cao lớn, nó có dấu chân này. Rồi thợ săn tìm theo dấu chân này, lại thấy dấu chân voi to lớn. Thấy rồi, có thể tin rằng con voi này phải hết sức to lớn mới có dấu chân như vậy.

"Này Phạm chí, thợ săn rành nghề ấy, hoặc giả vẫn không tin, vì rằng trong rừng này còn có loại voi cái được gọi là Bà-hòa-nậu[11], thân thể rất cao lớn, nó có dấu chân này. Bèn đi tìm dấu chân này. Lại thấy dấu chân voi to lớn. Thấy rồi có thể tin rằng con voi này phải hết sức to lớn mới có dấu chân này. Thợ săn sau khi tìm theo dấu chân, thấy dấu chân voi rất lớn. Dấu chân voi rất lớn, vuông vức, rất dài, rất rộng, toàn thể chu vi bàn chân lún sâu xuống đất, và thấy con voi ấy hoặc đi lui, hoặc đi tới, hoặc dừng lại, hoặc chạy, hoặc đứng, hoặc nằm. Thấy con voi ấy rồi bèn nghĩ 'Nếu có dấu chân lớn ấy tất phải con voi lơn này'.

"Này Phạm chí, cũng vậy, nếu trong đời xuất hiện Như Lai, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành Tựu, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, Phật Chúng Hựu; vị ấy đối với thế gian này, gồm chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Phạm chí, từ người đến người, mà tự tri, tự giác, tự tác chứng, thành tựu an trụ, biết như thật rằng 'Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa'. Vị ấy thuyết pháp, sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có văn, có nghĩa, trọn đủ thanh tịnh, hiển hiện phạm hạnh, pháp được vị ấy thuyết giảng, hoặc Cư sĩ, hoặc con nhà Cư sĩ, nghe xong được tín tâm. Sau khi ở trong Chánh pháp luật của Như Lai mà được tín tâm rồi, bèn nghĩ rằng 'Tại gia chật hẹp, đầy những nhọc nhằn bụi bặm. Đời xuất gia học đạo rộng rãi bao la. Ta nay sống tại gia bị những phiền lớn khóa chặt, không được trọn đời tịnh tu phạm hạnh. Vậy ta hãy từ bỏ những tài vật ít hay tài vật nhiều, từ giã thân thuộc lớn hay thân thuộc nhỏ, cạo bỏ râu tóc, khoác áo ca-sa, chí tín lìa bỏ gia đình, sống không gia đình để học đạo'.

"Người ấy về sau hãy từ bỏ những tài vật ít hay tài vật nhiều, từ giã thân thuộc lớn hay thân thuộc nhỏ, cạo bỏ râu tóc, khoác áo ca-sa, chí tín lìa bỏ gia đình, sống không gia đình để học đạo. Vị ấy sau khi xuất gia, từ giã thân thuộc, thọ yếu pháp Tỳ-kheo, tu tập cấm giới, thủ hộ Tùng giải thoát; lại khéo thu nhiếp các oai nghi, lễ tiết, thấy những lỗi nhỏ nhặt cũng thường đem lòng lo sợ, thọ trì học giới.

"Người ấy lìa bỏ sát sanh, đoạn trừ sát sanh, dẹp bỏ dao gậy, có tàm, có quý, có tâm từ bi, làm lợi ích cho tất cả, cho đến côn trùng. Người ấy đối với sự sát sanh, tâm đã tịnh trừ.

"Người ấy xa lìa sự lấy của không cho, đoạn trừ sự lấy của không cho, chỉ lấy của được cho, vui trong sự lấy của được cho, thường ưa bố thí, hoan hỷ không keo kiết, không

---

8. Không tin là voi lớn nhất. Sẽ còn có con lớn hơn nữa.

9. Gia-lê-nậu ━[━━━Y━F Pāli: Kaṇerukā, tên một loại voi cái.

10. Gia-la-lê ━[━━━━F Pāli: Kaḷārikā, cũng tên một loại voi cái.

11. Bà-hòa-nậu ━C 栩━Y━F Pāli: Vāmanikā, loại voi cái rất lớn và lùn.

trông chờ báo đáp. Người ấy đối với sự lấy của không cho, tâm đã tịnh trừ.

"Người ấy xa lìa phi phạm hạnh, đoạn trừ phi phạm hạnh, siêng tu phạm hạnh, tinh cần diệu hạnh thanh tịnh vô uế, ly dục, đoạn dâm. Người ấy đối với sự phi phạm hạnh tâm đã tịnh trừ.

"Người ấy xa lìa nói láo, đoạn trừ nói láo, nói lời chắc thật, an trụ trên sự thật không di động, nói tất cả những lời đều đáng tin, không lừa gạt thế gian. Người ấy đối với sự nói láo, tâm đã tịnh trừ.

"Người ấy xa lìa nói hai lưỡi, đoạn trừ nói hai lưỡi, sống không hai lưỡi, không phá hoại người khác. Không nghe người này nói lại người kia để phá hoại người này. Không nghe từ người kia nói lại người này để phá hoại người kia. Chia rẽ thì làm cho hòa hợp, đã hòa hợp thì làm cho hoan hỷ. Không kết bè đảng, không vui theo bè đảng, không ca ngợi việc kết bè đảng. Người ấy đối với hai lưỡi, tâm đã tịnh trừ.

"Người ấy xa lìa lời nói cộc cằn, đoạn trừ nói cộc cằn. Nếu có lời nói nào mà lời lẽ thô lỗ, tiếng dữ chói tai, mọi người không vui, mọi người không thích, khiến người khác khổ não, khiến không được định, đoạn trừ những lời như vậy. Nếu có những lời nào mà ôn hòa, mềm mỏng, nghe lọt tai, thấm vào lòng, đáng ưa, đáng thích, khiến người khác an ổn, lời tiếng rõ ràng đầy đủ, không khiến người sợ, khiến người được định. Nói những lời như vậy. Người ấy đối với sự nói cộc cằn, tâm đã tịnh trừ.

"Người ấy xa lìa nói thêu dệt, đoạn trừ nói thêu dệt; nói đúng thời, nói đúng sự thật, nói đúng pháp, nói đúng nghĩa, nói tịch tịnh, nói sự ưa thích tịch tịnh, hợp sự việc, hợp thời cơ, khéo khuyến giáo, khéo khiển trách. Người ấy đối với sự nói thêu dệt, tâm đã tịnh trừ.

"Người ấy xa lìa việc buôn bán, dẹp bỏ cân đong và đấu hộc; cũng không nhận hàng hóa, không buộc trói người, không mong đong lừa, cân thiếu, không vì lợi nhỏ mà xâm hại, gạt gẫm người. Người ấy đối với sự buôn bán, tâm đã tịnh trừ.

"Người ấy xa lìa sự thâu nhận đàn bà góa, đồng nữ, đoạn trừ sự thâu nhận đàn bà góa, đồng nữ. Đối với sự thâu nhận đàn bà góa, đồng nữ, người ấy tâm đã tịnh trừ.

"Người ấy xa lìa sự thâu nhận nô tỳ, đoạn trừ sự thâu nhận nô tỳ. Người ấy đối với sự thâu nhận nô tỳ, tâm đã tịnh trừ.

"Người ấy xa lìa sự thâu nhận voi, ngựa, bò, dê, đoạn trừ sự thâu nhận voi, ngựa, bò, dê. Người ấy đối với sự thâu nhận voi, ngựa, bò, dê, tâm đã tịnh trừ.

"Người ấy xa lìa sự thâu nhận gà, heo, đoạn trừ sự thâu gà, heo. Người ấy đối với sự thâu nhận gà, heo, tâm đã tịnh trừ.

"Người ấy xa lìa sự thâu nhận ruộng vườn, quán xá, đoạn trừ sự thâu nhận ruộng vườn, quán xá. Người ấy đối với sự thâu nhận ruộng vườn, quán xá, tâm đã tịnh trừ.

"Người ấy xa lìa sự thâu nhận lúa, thóc, đậu sống, đoạn trừ sự thâu nhận lúa, thóc, đậu sống. Người ấy đối với sự thâu nhận lúa, thóc, đậu sống, tâm đã tịnh trừ.

"Người ấy xa lìa rượu, đoạn trừ rượu. Người ấy đối với sự uống rượu, tâm đã tịnh trừ.

"Người ấy xa lìa giường cao rộng lớn, đoạn trừ giường cao rộng lớn. Người ấy đối với giường cao rộng lớn, tâm đã tịnh trừ.

"Người ấy xa lìa tràng hoa, anh lạc, hương bột, phấn sáp; đoạn trừ tràng hoa, anh lạc, hương bột, phấn sáp. Người ấy đối với tràng hoa, anh lạc, hương bột, phấn sáp, tâm đã tịnh trừ.

"Người ấy xa lìa ca, vũ, xướng, kỹ và đi đến xem nghe; đoạn trừ ca, vũ, xướng, kỹ và đi đến xem nghe. Người ấy đối với ca, vũ, xướng, kỹ và đi đến xem nghe, tâm đã tịnh trừ.

"Người ấy xa lìa sự thâu nhận tiền bạc, đoạn trừ sự thâu nhận tiền bạc. Người ấy đối với sự thâu nhận tiền bạc, tâm đã tịnh trừ.

"Người ấy xa lìa sự ăn quá ngọ, đoạn trừ sự ăn quá ngọ. Người ấy đối với sự ăn quá ngọ, tâm đã tịnh trừ.

"Người ấy sau khi thành tựu Thánh giới tụ này rồi, lại sống hết sức tri túc, áo chỉ cốt che thân, ăn chỉ cốt nuôi thân, du hành đến đâu đều mang theo y bát, đi không luyến tiếc, cũng như con nhạn mang theo đôi cánh bay liệng trong không.

"Người ấy sau khi thành tựu Thánh giới tụ này và hết sức tri túc rồi, lại thủ hộ các căn, thường niệm sự khép kín, niệm tưởng muốn minh đạt, thủ hộ niệm tâm mà được thành tựu, hằng muốn khởi ý. Khi mắt thấy sắc, không chấp thủ sắc tướng, không đắm sắc vị; vì sự phẫn tránh[12] mà thủ hộ căn con mắt, trong tâm không sanh tham lam, ưu não, ác bất thiện pháp, vì thú hướng đến kia[13], nên thủ hộ căn con mắt. Cũng vậy, tai, mũi, lưỡi, thân, khi ý biết pháp không chấp thủ pháp tướng, không đắm pháp vị; vì sự phẫn tránh mà thủ hộ ý căn, trong tâm không sanh tham lam, ưu não, ác bất thiện pháp, vì thú hướng đến kia, nên thủ hộ ý căn.

"Người ấy sau khi thành tựu Thánh giới tụ này và hết sức tri túc, thủ hộ các căn rồi, lại biết rõ chân chánh sự ra vào, khéo quán sát phân biệt sự co, duỗi, cúi, ngước, nghi dung chững chạc, khéo đắp Tăng-già-lê và mang các y bát; đi, đứng, nằm, ngồi, ngủ, nghỉ, nói năng thảy đều biết rõ chân chánh.

"Người ấy sau khi thành tựu Thánh giới tụ này và hết sức tri túc, thủ hộ các căn, biết rõ chân chánh sự ra vào rồi lại sống cô độc tại nơi xa vắng, ở trong rừng vắng, trong rừng sâu, dưới gốc cây, những nơi trống vắng yên tĩnh, sườn non, động đá, đất trống, lùm cây, hoặc đến trong rừng, hoặc giữa bãi tha ma. Người ấy sau khi ở trong rừng vắng, hoặc đến gốc cây, những chỗ không nhàn yên tĩnh, trải ni-sư-đàn, ngồi xếp kiết già, chánh thân chánh nguyện, hướng niệm nội tâm[14], đoạn trừ tâm tham lam, không có não hại, thấy tài vật và các nhu dụng sinh sống của người khác mà không khởi tâm tham lam muốn khiến về mình. Người ấy đối với tham lam, tâm được tịnh trừ.

"Cũng vậy, đối với sân nhuế, thùy miên, trạo hối, đoạn trừ nghi hoặc, đối với các thiện pháp không còn do dự. Vị ấy đối với sự nghi hoặc, tâm đã tịnh trừ.

"Người ấy đoạn trừ năm triền cái này, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém, ly dục, ly ác bất thiện pháp, có giác có quán, có hỷ lạc do ly dục sanh, chứng đắc Sơ thiền, thành tựu an trụ.

"Này Phạm chí, đó gọi là điều được Như Lai khuất, được Như Lai hành, được Như Lai phục, nhưng người ấy không cho đây là cứu cánh để nói rằng 'Thế Tôn là Như Lai, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, pháp được Thế Tôn nói là toàn thiện, Thánh chúng đệ tử Như Lai khéo thú hướng'.

"Rồi người ấy giác quán đã dứt, nội tĩnh, nhất tâm, không giác, không quán, hỷ lạc do định sanh, chứng đắc Nhị thiền, thành tựu an trụ.

"Này Phạm chí, đó gọi là điều được Như Lai khuất, được Như Lai hành, được Như

---

12. Xem cht.5, kinh 144.

13. Xem cht.6, kinh 144.

14. *Chánh thân chánh nguyện phản niệm bất hướng* ━━━━@━━━━V-C Pāli: ujuṃ kāyaṃ paṇidhāya, parimukhaṃ satiṃ upaṭṭhapetvà, giữ thân ngay thẳng; dựng chánh niệm để trước mặt. Trong bản Pāli, paṇidhāya, "đặt để" trong bản Hán hiểu là paṇidhāna, "ước nguyện".

Lai phục, nhưng người ấy không cho đây là cứu cánh để nói rằng 'Thế Tôn là Như Lai, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, pháp được Thế Tôn nói là toàn thiện, Thánh chúng đệ tử Như Lai khéo thú hướng'.

"Rồi người ấy ly hỷ dục, xả, vô cầu, an trụ nơi chánh niệm, chánh trí, thân cảm lạc thọ, điều mà Thánh nói là Thánh sở xả niệm lạc trụ thất, đạt đến Tam thiền, thành tựu an trụ.

"Này Phạm chí, đó gọi là điều được Như Lai khuất, được Như Lai hành, được Như Lai phục, nhưng người ấy không cho đây là cứu cánh để nói rằng 'Thế Tôn là Như Lai, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, pháp được Thế Tôn nói là toàn thiện, Thánh chúng đệ tử Như Lai khéo thú hướng'.

"Rồi người ấy lạc diệt, khổ diệt, ưu hỷ vốn cũng đã diệt, không lạc, không khổ, xả niệm thanh tịnh, đạt đến Tứ thiền, thành tựu an trụ.

"Này Phạm chí, đó gọi là điều được Như Lai khuất, được Như Lai hành, được Như Lai phục, nhưng người ấy không cho đây là cứu cánh để nói rằng 'Thế Tôn là Như Lai, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, pháp được Thế Tôn nói là toàn thiện, Thánh chúng đệ tử Như Lai khéo thú hướng'.

"Người ấy sau khi đạt đến tịnh tâm như vậy, thanh tịnh, không uế, không phiền, nhu nhuyến, an trụ vững vàng, đạt được bất động tâm, thú hướng đến sự tác chứng lậu tận trí thông. Người ấy biết như thật đây là Khổ, biết như thật đây là Khổ tập, đây là Khổ diệt, đây là Khổ diệt đạo, biết như thật đây là lậu, biết như thật đây là lậu tận, đây là lậu diệt, đây là lậu diệt đạo.

"Người ấy biết như vậy, thấy như vậy, tâm giải thoát dục lậu, tâm giải thoát hữu lậu, vô minh lậu. Giải thoát rồi thì biết mình đã giải thoát, biết như thật rằng 'Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa'.

"Này Phạm chí, đó gọi là điều được Như Lai khuất, được Như Lai hành, được Như Lai phục, Người ấy lấy đây làm cứu cánh để nói rằng 'Thế Tôn là Như Lai, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, pháp được Thế Tôn nói là toàn thiện, Thánh chúng đệ tử Như Lai khéo thú hướng'.

"Này Phạm chí, ý ông nghĩ sao? Thí dụ về dấu chân voi như vậy là khéo trình bày được trọn vẹn chăng?"

Phạm chí Sanh Văn bạch rằng:

"Bạch Thế Tôn, con đã hiểu. Bạch Thiện Thệ, con đã rõ. Bạch Thế Tôn, con nay tự quy y Phật, Pháp và chúng Tỳ-kheo Tăng. Cúi mong Thế Tôn nhận con làm Ưu-bà-tắc, kể từ hôm nay tự quy y cho đến mạng tận[15]."

Phật thuyết như vậy. Phạm chí Sanh Văn và Dị học Ti-lô sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

❑

[15] Đối chiếu kinh số 149 ở sau.

147. KINH VĂN ĐỨC[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng lâm, vườn Cấp cô độc.

Bấy giờ, Phạm chí Sanh Văn[2], sau giữa trưa thong dong tản bộ đi đến chỗ Phật, chào hỏi xong, ngồi xuống một bên, bạch rằng:

"Cù-đàm, tôi có điều muốn hỏi, Ngài nghe cho mới dám trình bày."

Thế Tôn nói:

"Này Phạm chí, muốn hỏi gì xin cứ hỏi."

Phạm chí Sanh Văn bèn hỏi:

"Đệ tử của Sa-môn Cù-đàm, hoặc có người tại gia, hoặc có người xuất gia học đạo, nhưng vì mục đích gì mà bác văn, tụng tập?"

Thế Tôn đáp:

"Đệ tử của Ta, hoặc tại gia hay xuất gia học đạo mà bác văn, tụng tập là muốn tự điều phục, muốn tự tịch tịnh, tự tìm cầu cứu cánh tịch diệt. Này Phạm chí, đệ tử của Ta tại gia hay xuất gia học đạo vì mục đích này mà bác văn tụng tập."

Phạm chí Sanh Văn lại hỏi:

"Này Cù-đàm, bác văn tụng tập có sự sai biệt chăng? Bác văn tụng tập có công đức chăng?"

Thế Tôn nói:

"Này Phạm chí, bác văn tụng tập có sự sai biệt, bác văn tụng tập cũng có công đức."

Phạm chí Sanh Văn hỏi:

"Cù-đàm, bác văn tụng tập có sự sai biệt gì? Có công đức gì?"

Thế Tôn nói:

"Này Phạm chí, Đa văn Thánh đệ tử ban ngày làm các công nghiệp cốt để mưu cầu lợi ích, nhưng công nghiệp của họ thất bại, không thành. Khi những công nghiệp của họ thất bại không thành, họ không ưu sầu, phiền muộn, khóc than; không vật mình, áo não; cũng không phát cuồng. Này Phạm chí, nếu Đa văn Thánh đệ tử ban ngày làm các công nghiệp mà những công nghiệp ấy thất bại không thành; dù những công nghiệp ấy đã thất bại không thành, họ vẫn không ưu sầu phiền muộn, khóc than; không vật mình áo não; cũng không phát si phát cuồng, này Phạm chí, đó là bác văn tụng tập có sự sai biệt, có công đức này.

"Lại nữa, này Phạm chí, Đa văn Thánh đệ tử có những yêu thương mà bị đổi thay, tán thất, không còn sum họp, cách biệt chia lìa, nhưng vẫn không ưu sầu phiền muộn, khóc than; không vật mình áo não, cũng không phát si phát cuồng. Này Phạm chí, nếu da văn

---

1. Không thấy các bản tương đương.
2. Xem kinh số 146 trên.

Thánh đệ tử có những yêu thương mà bị đổi thay, tán thất, không còn sum họp, cách biệt, chia lìa, nhưng vẫn không ưu sầu, phiền muộn, khóc than; không vật mình áo não, cũng không phát si phát cuồng, này Phạm chí, đó là bác văn tụng tập mà có sự sai biệt, có công đức này.

"Lại nữa, này Phạm chí, Đa văn Thánh đệ tử biết rằng những tài vật sở hữu này thảy đều vô thường, nên nghĩ đến sự xuất gia học đạo. Này Phạm chí, nếu Đa văn Thánh đệ tử biết rằng những tài vật sở hữu thảy đều vô thường nên nghĩ đến sự xuất gia học đạo, này Phạm chí, đó là bác văn tụng tập mà có sự sai biệt, có công đức này.

"Lại nữa, này Phạm chí, Đa văn Thánh đệ tử sau khi biết rằng tài vật sở hữu thảy đều vô thường, bèn cạo bỏ râu tóc, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, học đạo. Này Phạm chí, nếu Đa văn Thánh đệ tử sau khi biết rằng những sở hữu tài vật thảy đều vô thường, bèn cạo bỏ râu tóc, khoác áo ca-sa, chí tín lìa bỏ gia đình sống không gia đình học đạo, này Phạm chí, đó là bác văn tụng tập mà có sự sai biệt, có công đức này.

"Lại nữa, này Phạm chí, Đa văn Thánh đệ tử có thể nhẫn nại đói khát, lạnh nóng, muỗi mòng, chí rận, gió nắng bức bách, tiếng dữ, gậy hèo cũng có thể nhẫn; thân thể gặp các thứ bệnh tật rất đau đớn đến gần như tuyệt mạng và những điều không khả lạc thảy đều có thể nhẫn nại. Này Phạm chí, nếu Đa văn Thánh đệ tử có thể kham nhẫn đói khát, lạnh nóng, muỗi mòng, chí rận, gió nắng bức bách, tiếng dữ, gậy hèo cũng có thể nhẫn; thân thể gặp các bệnh tật rất đau đớn đến gần như tuyệt mạng và những điều không khả lạc thảy đều có thể nhẫn nại, thì này Phạm chí, đó là bác văn tụng tập mà có sự sai biệt, có công đức này.

"Lại nữa, này Phạm chí, Đa văn Thánh đệ tử nhẫn nại những điều không hoan lạc. Khi những điều không hoan lạc đã sanh, trong lòng không hề bị vướng bận. Này Phạm chí, nếu Đa văn Thánh đệ tử nhẫn nại những điều không hoan lạc; những điều không hoan lạc đã sanh, trong tâm không hề bị vướng bận, thì này Phạm chí, đó là bác văn tụng tập mà có sự sai biệt, có công đức này.

"Lại nữa, này Phạm chí, Đa văn Thánh đệ tử nhẫn nại sự sợ hãi. Khi sự sợ hãi phát sanh, trong tâm không hề bị vướng bận. Này Phạm chí, nếu Đa văn Thánh đệ tử nhẫn nại sự sợ hãi, khi sự sợ hãi phát sanh, trong tâm không hề vướng bận, thì này Phạm chí, đó là bác văn tụng tập mà có sự sai biệt, có công đức này.

"Lại nữa, này Phạm chí, Đa văn Thánh đệ tử khi sanh khởi ba niệm ác bất thiện là: niệm dục, niệm nhuế và niệm hại, với ba niệm ác bất thiện này, trong tâm không hề bị dính trước. Này Phạm chí, nếu Đa văn Thánh đệ tử phát sanh ba niệm ác bất thiện, niệm dục, niệm nhuế và niệm hại, với ba niệm ác bất thiện này mà trong tâm không hề bị dính trước, thì này Phạm chí, đó là bác văn tụng tập mà có sự sai biệt, có công đức này.

"Lại nữa, này Phạm chí, Đa văn Thánh đệ tử ly dục, ly ác bất thiện pháp, cho đến chứng đắc Tứ thiền, thành tựu an trụ. Này Phạm chí, nếu Đa văn Thánh đệ tử ly dục, ly ác bất thiện pháp, cho đến chứng đắc Tứ thiền, thành tựu an trụ, thì này Phạm chí, đó là bác văn tụng tập mà có sự sai biệt, có công đức này.

"Lại nữa, này Phạm chí, Đa văn Thánh đệ tử ba kết sử đã đoạn tận, chứng đắc Tu-đà-hoàn, không đọa pháp ác, quyết định đi đến chánh giác, tối đa bảy lần tái sanh. Sau khi bảy lần qua lại nhân gian thiên thượng rồi đạt đến khổ biên. Này Phạm chí, nếu Đa văn Thánh đệ tử ba kết sử đã đoạn tận, chứng đắc Tu-đà-hoàn, không đọa pháp ác, quyết định đi đến chánh giác, tối đa bảy lần tái sanh; sau khi bảy lần qua lại nhân gian và thiên thượng rồi đạt đến khổ biên, thì này Phạm chí, đó là bác văn tụng tập mà có sự sai biệt, có

công đức này.

"Lại nữa, này Phạm chí, Đa văn Thánh đệ tử ba kết sử đã đoạn tận, dâm, nộ và si đã mỏng, chứng đắc Nhất lai, chỉ một lần qua lại thiên thượng và nhân gian rồi đạt đến khổ biên. Này Phạm chí, nếu Đa văn Thánh đệ tử ba kết sử đã đoạn tận, dâm, nộ và si đã mỏng, chứng đắc Nhất lai, chỉ một lần qua lại thiên thượng và nhân gian rồi đạt đến khổ biên, thì này Phạm chí, đó là bác văn tụng tập mà có sự sai biệt, có công đức này.

"Lại nữa, này Phạm chí, Đa văn Thánh đệ tử năm hạ phần kết đã đoạn tận, sanh vào nơi kia mà Bát-niết-bàn, chứng đắc pháp bất thối, không trở lại thế gian này. Này Phạm chí, nếu Đa văn Thánh đệ tử năm hạ phần kết đã đoạn tận, sanh vào nơi kia mà Bát-niết-bàn, chứng đắc pháp bất thối, không trở lại thế gian này, thì này Phạm chí, đó là bác văn tụng tập mà có sự sai biệt, có công đức này.

"Lại nữa, này Phạm chí, Đa văn Thánh đệ tử có tịch tịnh giải thoát, ly sắc, chứng vô sắc, với định như thế mà[3] thân tác chứng, thành tựu an trụ, do tuệ quán mà vĩnh viễn đoạn trừ các lậu. Này Phạm chí, nếu Đa văn Thánh đệ tử có tịch tịnh giải thoát, ly sắc, chứng vô sắc, với định như thế mà thân tác chứng, thành tựu an trụ, do tuệ quán mà vĩnh viễn đoạn trừ các lậu, thì này Phạm chí, đó là bác văn tụng tập mà có sự sai biệt, có công đức này.

"Lại nữa, Đa văn Thánh đệ tử với các như ý túc là thiên nhĩ, tha tâm trí, túc mạng trí, sanh tử trí, các lậu đã đoạn tận, chứng đắc vô lậu, tâm giải thoát, tuệ giải thoát, ngay trong đời hiện tại mà tự tri, tự giác, tự tác chứng, thành tựu an trụ, biết như thật 'Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa'. Này Phạm chí, Đa văn Thánh đệ tử này với các như ý túc là thiên nhĩ, tha tâm trí, túc mạng trí, sanh tử trí, các lậu đã đoạn tận, chứng đắc vô lậu, tâm giải thoát, tuệ giải thoát, ngay trong đời hiện tại mà tự tri, tự giác, tự tác chứng, thành tựu an trụ, biết như thật 'Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa', thì này Phạm chí, đó là bác văn tụng tập mà có sự sai biệt, có công đức này."

Phạm chí Sanh Văn lại hỏi:

"Bạch Thế Tôn, bác văn tụng tập có sự sai biệt này, có công đức này. Còn có sự sai biệt nào, còn có công đức nào tối thượng, tối diệu, tối thắng nữa chăng?"

Thế Tôn nói:

"Này Phạm chí, bác văn tụng tập này có sự sai biệt này và với công đức này không còn có sự sai biệt, không còn có công đức nào tối thượng, tối diệu, tối thắng nữa."

Phạm chí Sanh Văn bạch rằng:

"Bạch Thế Tôn, con đã hiểu. Bạch Thiện Thệ, con đã rõ. Bạch Thế Tôn, con nay tự quy y Phật, Pháp và Tỳ-kheo Tăng. Cúi mong Thế Tôn nhận con làm Ưu-bà-tắc, kể từ hôm nay trọn đời quy y cho đến tận mạng."

Phật thuyết như vậy. Phạm chí Sanh Văn sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

❑

3. Như kỳ tượng định; với một thiền định thích hợp nào đó.

148. KINH HÀ KHỔ[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng lâm, vườn Cấp cô độc.

Bấy giờ, Phạm chí Sanh Văn[2], sau giữa trưa thong dong tản bộ đi đến chỗ Phật, chào hỏi xong, ngồi xuống một bên, bạch rằng:

"Này Cù-đàm, tôi có điều muốn hỏi, mong Ngài nghe cho, tôi mới dám trình bày."

Thế Tôn nói:

"Ông muốn hỏi điều gì xin cứ hỏi."

Phạm chí Sanh Văn bèn hỏi:

"Cù-đàm, người tại gia có những sự khổ nào? Và người xuất gia có những khổ nào?"

Đức Thế Tôn trả lời rằng:

"Người tại gia vì không được tự do mà khổ. Người xuất gia vì tự do mà khổ."

Phạm chí Sanh Văn lại hỏi:

"Cù-đàm, tại sao người tại gia vì không được tự do mà khổ? Và tại sao người xuất gia vì tự do mà khổ?"

Thế Tôn đáp:

"Nếu người tại gia mà tiền tài không tăng trưởng, kim ngân, chơn châu, lưu ly, thủy tinh thảy đều không tăng trưởng; súc mục, lúa, gạo cùng nô tỳ, sai dịch cũng không tăng trưởng; lúc bấy giờ người tại gia ưu sầu, khổ não. Do sự kiện này mà người tại gia có nhiều ưu tư khổ nhọc, trong lòng mang nhiều sầu bi.

"Này Phạm chí, nếu người xuất gia học đạo mà sống theo dục vọng, theo sân nhuế, ngu si, lúc bấy giờ xuất gia học đạo có nhiều ưu sầu khổ não. Do sự kiện này mà có người xuất gia có nhiều ưu tư khổ nhọc, trong lòng chất nhiều sầu bi.

"Này Phạm chí, như vậy người tại gia vì không được tự do mà khổ, và người xuất gia học đạo vì tự do mà khổ."

Phạm chí Sanh Văn lại hỏi:

"Cù-đàm, tại gia có những gì là hoan lạc? Và xuất gia học đạo có những gì là hoan lạc?"

Thế Tôn đáp:

"Tại gia vì tự do mà được hoan lạc, xuất gia học đạo vì không tự do mà được hoan lạc".

Phạm chí Sanh Văn lại hỏi:

"Cù-đàm, tại sao tại gia vì tự do mà được hoan lạc? Và tại sao xuất gia học đạo vì không tự do mà được hoan lạc?"

Thế Tôn đáp:

---

1. Tương đương Pāli: A. 5. 31 Sumanā. Tham chiếu Hán, No.125(17.8).
2. Xem các kinh 146, 147 trên.

"Này Phạm chí, nếu người tại gia mà được tiền tài tăng trưởng, kim ngân, chơn châu, lưu ly, thủy tinh đều được tăng trưởng; súc mục, lúa gạo và nô tỳ, sai dịch cũng đều được tăng trưởng. Lúc bấy giờ tại gia là khoái lạc, hoan hỷ. Do sự kiện này mà người tại gia có nhiều khoái lạc hoan hỷ.

"Này Phạm chí, người xuất gia học đạo sống không tùy theo dục vọng, không tùy theo sân nhuế, lúc bấy giờ xuất gia học đạo là khoái lạc hoan hỷ. Do sự kiện này mà người xuất gia học đạo có nhiều khoái lạc hoan hỷ.

"Này Phạm chí, như vậy người tại gia vì tự do mà được hoan lạc, người xuất gia vì không tự do mà được hoan lạc."

Phạm chí Sanh Văn lại hỏi:

"Cù-đàm, do sự kiện nào mà chư Thiên và Nhân loại nhất định không có lợi nghĩa? Do sự kiện nào mà chư Thiên và Nhân loại tất có lợi nghĩa?"

Thế Tôn đáp:

"Này Phạm chí, nếu chư Thiên và Nhân loại đấu tranh lẫn nhau, tất không có lợi nghĩa. Nếu chư Thiên và Nhân loại không đấu tranh lẫn nhau tất có lợi nghĩa."

Phạm chí Sanh Văn lại hỏi:

"Cù-đàm, tại sao nếu chư Thiên và Nhân loại đấu tranh lẫn nhau, tất không có lợi nghĩa? Và tại sao chư Thiên và Nhân loại không đấu tranh lẫn nhau tất có lợi nghĩa?"

Thế Tôn đáp:

"Này Phạm chí, lúc nào chư Thiên, Nhân loại đấu tranh thù nghịch, lúc bấy giờ chư Thiên, nhân loại có ưu tư, khổ nhọc, sầu bi. Do sự kiện này mà chư Thiên và Nhân loại có nhiều ưu tư khổ nhọc, sầu bi. Nếu lúc nào chư Thiên và Nhân loại không đấu tranh thù nghịch, bấy giờ chư Thiên và Nhân loại được khoái lạc hoan hỷ. Do sự kiện này, chư Thiên và Nhân loại có nhiều khoái lạc hoan hỷ.

"Này Phạm chí, như vậy chư Thiên và Nhân loại đấu tranh lẫn nhau tất không có lợi nghĩa. Nếu chư Thiên và Nhân loại không đấu tranh lẫn nhau tất có lợi nghĩa."

Phạm chí Sanh Văn lại hỏi:

"Do sự kiện nào khiến cho chư Thiên, Nhân loại nhất định không được nhiêu ích, phải gặp khổ nhọc? Do sự kiện nào khiến cho chư Thiên và Nhân loại tất được nhiêu ích, tất được hoan lạc?"

Thế Tôn đáp:

"Này Phạm chí, nếu chư Thiên và Nhân loại sống bằng phi pháp, làm điều dữ, tất không được nhiêu ích, tất phải khổ nhọc. Nếu chư Thiên và Nhân loại hay sống đúng như pháp, không làm dữ, tất được nhiêu ích, tất được hoan lạc."

Phạm chí Sanh Văn lại hỏi:

"Cù-đàm, thế nào là chư Thiên và Nhân loại sống bằng phi pháp và làm điều dữ để nhất định không được nhiêu ích, nhất định phải khổ nhọc? Thế nào là chư Thiên và Nhân loại sống đúng như pháp và không làm điều dữ để nhất định được nhiêu ích, được hoan lạc?"

Thế Tôn nói:

"Này Phạm chí, chư Thiên và Nhân loại thân làm điều phi pháp và làm điều dữ, miệng và ý làm điều phi pháp và làm điều dữ, lúc bấy giờ chư Thiên và Nhân loại tất sẽ tổn giảm, A-tu-la tất sẽ hưng thạnh. Này Phạm chí, nếu chư Thiên và Nhân loại mà thân làm đúng như pháp, thủ hộ thân và ý làm đúng như pháp, thủ hộ miệng và ý, thì bấy giờ chư Thiên và Nhân loại tất sẽ hưng thạnh, A-tu-la tất sẽ tổn giảm.

Này Phạm chí, như vậy chư Thiên và Nhân loại nếu sống bằng phi pháp và làm điều dữ, tất không được ích lợi, tất phải khổ nhọc. Nếu chư Thiên và Nhân loại sống đúng như pháp, không làm điều dữ, tất được ích lợi, tất được hoan lạc."

Phạm chí Sanh Văn lại hỏi:

"Cù-đàm, nên quán sát ác tri thức như thế nào?"

Thế Tôn đáp:

"Hãy quán sát ác tri thức như mặt trăng."

Phạm chí Sanh Văn lại hỏi:

"Thế nào là quán sát ác tri thức như mặt trăng?"

Thế Tôn đáp:

"Như mặt trăng dần đến biến mất, càng ngày càng giảm, vành trăng cũng giảm, ánh sáng cũng giảm, hình sắc cũng giảm, càng lúc càng khuyết dần.

Này Phạm chí, rồi đến một lúc mặt trăng biến mất hẳn, không còn thấy nữa. Này Phạm chí, người ác tri thức đối với Chánh pháp luật của Như Lai cũng có được tín tâm, nhưng người ấy được tín tâm rồi, về sau lại không hiếu thuận, cũng không cung kính, hành vi trái ngược, không vững chánh trí, không hướng đến pháp tùy pháp; người ấy bèn mất tín tâm, mất trì giới, bác văn, thí, xả, và trí tuệ cũng mất luôn.

Này Phạm chí, cho đến lúc thiện pháp nơi ác tri thức ấy hoàn toàn tiêu diệt, cũng như mặt trăng mất hút. Này Phạm chí, như vậy hãy quán sát ác tri thức như mặt trăng."

Phạm chí Sanh Văn lại hỏi:

"Cù-đàm, nên quán sát thiện tri thức như thế nào?"

Thế Tôn đáp:

"Này Phạm chí, hãy quán sát thiện tri thức như mặt trăng."

Phạm chí Sanh Văn lại hỏi:

"Cù-đàm, thế nào là quán sát thiện tri thức như mặt trăng?"

Thế Tôn đáp:

"Này Phạm chí, cũng như mặt trăng trong thời mới mọc, còn non, trong vắt, càng ngày càng tăng trưởng. Này Phạm chí, cho đến một lúc, vào ngày mười lăm trong tháng, vành trăng tròn đầy. Này Phạm chí, cũng vậy, thiện tri thức đối với pháp luật của Như Lai mà có được tín tâm, người ấy được tín tâm rồi, sau đó lại có hiếu thuận, cung kính, hành vi tùy thuận, vững vàng trên chánh trí, hướng đến pháp tùy pháp. Người ấy lúc bấy giờ tăng trưởng tín, trì giới, bác văn, thí xả, trí tuệ cũng tăng trưởng. Này Phạm chí, cho đến một lúc, thiện pháp nơi thiện tri thức ấy được trọn đủ như mặt trăng ngày rằm vậy. Này Phạm chí, như vậy hãy quán sát thiện tri thức như mặt trăng."

Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn nói bài tụng này:

Như thể trăng tròn không bợn,
Du hành trong khoảng hư không;
Sáng lấp muôn ngàn tinh đẩu,
Rạng ngời một cõi mênh mông.
Cũng vậy, tín tâm, bác văn,
Thi ân, độ lượng, bao dung;
Sáng lấp trần gian bỏn sẻn,
Rạng ngời thí xả mênh mông.
Như thể đại long thần lực,
Kéo mây, nổi sóng, điện giăng,

Mưa đổ nước trào lai láng,
Tràn đầy mặt đất mênh mông.
Cũng vậy, tín tâm, bác văn,
Thi ân, độ lượng, bao dung,
Ẩm thực cho người no đủ,
Hằng khuyên thí xả gia tăng.
Như thể sấm truyền vang dội,
Như trời hắt trận mưa rào;
Phước thí như mưa quảng đại,
Cơn mưa thí chủ dâng cao.
Đời này tiền tài, danh dự,
Đời sau cõi thiện sanh lên,
Phước báo người này lãnh thọ,
Chết rồi tất sẽ sanh thiên.

Phật thuyết như vậy. Phạm chí Sanh Văn sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

❑

149. KINH HÀ DỤC[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng, vườn Cấp cô độc.

Bấy giờ, Phạm chí Sanh Văn, sau giữa trưa thong dong tản bộ đi đến chỗ Phật, chào hỏi xong, ngồi xuống một bên, bạch rằng:

"Cù-đàm, tôi có điều muốn hỏi, mong Ngài nghe cho, tôi mới dám trình bày."

Đức Thế Tôn nói:

"Ông muốn hỏi điều gì xin cứ hỏi."

Phạm chí Sanh Văn hỏi rằng:

"Cù-đàm, người Sát-lợi ước muốn gì? Thực hành cái gì? Thiết lập bằng cái gì? Y cứ trên sự gì? Có mục đích gì[2]?"

Thế Tôn đáp:

"Người Sát-lợi ước muốn được tài vật, thực hành nơi trí tuệ, thiết lập bằng gươm dao[3], y cứ trên nhân dân[4], lấy tự do làm mục đích."

Phạm chí Sanh Văn hỏi:

"Người Cư sĩ ước muốn gì? Thực hành cái gì? Thiết lập cái gì? Y cứ trên sự gì? Có mục đích gì?"

Thế Tôn đáp:

"Người Cư sĩ ước muốn được tài vật. Thực hành nơi trí tuệ. Thiết lập bằng kỹ thuật. Y cứ trên nghề nghiệp. Lấy sự cứu cánh của nghề nghiệp làm mục đích".

Phạm chí Sanh Văn hỏi:

"Cù-đàm, đàn bà ước muốn gì? Thực hành cái gì? Thiết lập cái gì? Y cứ trên sự gì? Có mục đích gì?"

Thế Tôn đáp:

"Đàn bà ước muốn được đàn ông. Thực hành sự trang điểm. Thiết lập bằng con cái. Y cứ trên sự không đối thủ[5]. Lấy tự do làm mục đích."

Phạm chí Sanh Văn hỏi:

"Cù-đàm, trộm cướp ước muốn cái gì? Thực hành cái gì? Thiết lập cái gì? Y cứ trên sự gì? Có mục đích gì?

---

1. Bản Hán, quyển 37. Tương đương Pāli: A.6. Khattiya. Tham chiếu, Hán, No.125 (37.8).
2. Hán: *hà dục hà hành hà lập hà y hà ngật* ——————————W—C Pāli: kim-adhippayā kim-upavicārā kim-adhiṭṭhānā kim-abhinivesā kim-pariyosanā, ham muốn gì, tâm niệm gì (cận hành), y cứ gì, tham vọng, cứu cánh gì?
3. *Sở lập dĩ đao* ———H—M—C Pāli: balādhiṭṭhānā, chấp cứ sức mạnh. Có lẽ bản Hán chép nhầm *đao* —Mthay vì *lực* —O—C
4. *Y ư nhân dân* ———H——C Pāli: pathavībhinivesā, tham vọng cõi đất (chinh phục).
5. Vô đối —L——C Pāli: asapatī, không vợ nhỏ của chồng.

Thế Tôn đáp:

"Trộm cướp ước muốn lấy của không cho. Thực hành nơi chỗ lén lút. Thiết lập bằng gươm dao. Y cứ nơi bóng tối. Lấy sự không bị khám phá làm mục đích ".

Phạm chí Sanh Văn hỏi:

"Cù-đàm, người Phạm chí ước muốn gì? Thực hành cái gì? Thiết lập cái gì? Y cứ trên sự gì? Có mục đích gì?"

Thế Tôn đáp:

"Người Phạm chí ước muốn được tài vật. Thực hành nơi trí tuệ. Thiết lập bằng kinh thơ[6]. Y cứ trên trai giới[7]. Lấy Phạm thiên làm mục đích."

Phạm chí Sanh Văn hỏi:

"Sa-môn ước muốn gì? Thực hành cái gì? Thiết lập cái gì? Y cứ trên sự gì? Có mục đích gì?"

Thế Tôn đáp:

"Sa-môn ước muốn được chân lý[8], thực hành nơi trí tuệ, thiết lập bằng giới, y cứ trên vô xứ[9], lấy Niết-bàn làm mục đích."

Phạm chí Sanh Văn bạch rằng:

"Bạch Thế Tôn, con đã hiểu. Bạch Thiện Thệ, con đã rõ. Bạch Thế Tôn, nay con xin tự quy y Phật, Pháp và Tỳ-kheo Tăng. Cúi mong Thế Tôn nhận con làm Ưu-bà-tắc, kể từ hôm nay con trọn đời tự quy y cho đến lúc mạng tận."

Phật thuyết như vậy. Phạm chí Sanh Văn sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

❑

6. Pāli: mantadhiṭṭhānā, chấp chú thuật.
7. Hán: *trai giới* 齋戒 Cần hiểu là trai tự hay tế tự. Pāli: yaññābhinivesā.
8. Hán: *chân đế* 真諦 Pāli: khantisoraccādhippayā, nhẫn nhục và nhu hòa.
9. Pāli: ākiñcanābhinivesā, vô sở hữu, không có gì.

150. KINH UẤT-SẤU-CA-LA[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật du hóa tại thành Vương xá, trú trong Trúc lâm, vườn Ca-lan-đa.

Bấy giờ Phạm chí Uất-sấu-ca-la[2], sau giữa trưa, thong dong tản bộ đi đến chỗ Phật, chào hỏi xong, ngồi sang một bên, bạch rằng:

"Thưa Cù-đàm, tôi có điều muốn hỏi, mong Ngài nghe cho mới dám trình bày."

Thế Tôn nói:

"Hãy cứ tùy ý mà hỏi."

Phạm chí Uất-sấu-ca-la bèn hỏi rằng:

"Thưa Cù-đàm, Phạm chí thiết lập bốn loại phụng sự cho bốn chủng tánh, tức thiết lập loại phụng sự cho Phạm chí, loại phụng sự cho Sát-lợi, cho Cư sĩ[3], cho Công sư[4].

"Này Cù-đàm, Phạm chí thiết lập loại phụng sự cho Phạm chí, tức là Phạm chí phải phụng sự Phạm chí; Sát-lợi, Cư sĩ và Công sư cũng phải phụng sự Phạm chí. Này Cù-đàm, bốn chủng tánh này phải phụng sự Phạm chí.

"Này Cù-đàm, Phạm chí thiết lập loại phụng sự cho Sát-lợi tức là Sát-lợi phải phụng sự cho Sát-lợi; Cư sĩ và Công sư cũng phải phụng sự cho Sát-lợi. Này Cù-đàm, ba chủng tánh này phải phụng sự Sát-lợi.

"Này Cù-đàm, Phạm chí thiết lập loại phụng sự cho Cư sĩ, tức là Cư sĩ phải phụng sự Cư sĩ, Công sư cũng phải phụng sự Cư sĩ. Này Cù-đàm, hai chủng tánh này phải phụng sự cho Cư sĩ.

"Này Cù-đàm, Phạm chí thiết lập loại phụng sự cho Công sư, tức là Công sư phải phụng sự Công sư. Ai thấp hèn hơn nữa để được chủ trương phải phụng sự Công sư? Duy chỉ có Công sư phụng sự Công sư."

Thế Tôn hỏi rằng:

"Này Phạm chí, các Phạm chí có tự mình biết rõ[5] khi thiết lập bốn loại phụng sự cho bốn chủng tánh này; thiết lập loại phụng sự cho Phạm chí, thiết lập loại phụng sự cho Sát-lợi, cho Cư sĩ, cho Công sư?"

Phạm chí Uất-sấu-ca-la đáp:

"Không biết rõ, Cù-đàm. Nhưng các Phạm chí tự nói như vầy, 'Ta ở trong đời này, chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Phạm chí, từ người đến trời, Phạm chí không tự mình biết

---

1. Tương đương Pāli: M. 96. Esukārisuttaṃ.
2. Uất-sấu-ca-la ▪{▪G▪q▬▬F Pāli: Esukārī.
3. Cư sĩ ▪~▪h▪F Pāli: Vessa (Phệ-xá), giai cấp thứ dân. Nơi khác, từ *Cư sĩ* đồng nhất với Pāli: gahapati, gia chủ, hay trưởng giả.
4. Công sư ▪u▪v▪F Pāli: Sudda (Thủ-đà-la), cùng đinh hay nô lệ.
5. Hán: *tự tri* ▬▬▬A ở đây nên hiểu là "*được đồng ý*" theo nghĩa được thí dụ dưới. Pāli: kiṃ pana… sabbo loko… etad abbhanujānāti, có phải tất cả thế gian đều đồng ý điều này?

rõ khi thiết lập bốn loại phụng sự cho bốn chủng tánh, tức thiết lập loại phụng sự cho Phạm chí, thiết lập loại phụng sự cho Sát-lợi, thiết lập loại phụng sự cho Cư sĩ, thiết lập loại phụng sự cho Công sư'."

Thế Tôn nói:

"Này Phạm chí, cũng như một người đưa cho người khác một miếng thịt, bắt ép và nói rằng 'Này ông bạn, hãy ăn đi và hãy trả tiền cho tôi'. Này Phạm chí, ngươi nói cho các Phạm chí ấy cũng giống như vậy. Vì sao? Vì Phạm chí không tự mình biết rõ khi thiết lập bốn loại phụng sự cho bốn chủng tánh, tức thiết lập loại phụng sự cho Phạm chí, thiết lập loại phụng sự cho Sát-lợi, cho Cư sĩ, cho Công sư."

Thế Tôn lại hỏi:

"Này Phạm chí, thế nào là phụng sự? Có loại phụng sự, do sự phụng sự này mà chỉ có hạ liệt, chứ không có sự ưu thắng. Loại phụng sự này chăng? Có loại phụng sự, do sự phụng sự này mà có sự ưu thắng, chứ không có sự hạ liệt. Loại phụng sự này chăng?

"Này Phạm chí, nếu phụng sự Phạm chí và do sự phụng sự này mà có sự hạ liệt chứ không có sự ưu thắng. Loại phụng sự này chăng?

"Phụng sự Sát-lợi, Cư sĩ, Công sư, do sự phụng sự này mà có sự hạ liệt chứ không có sự ưu thắng. Loại phụng sự này chăng?

"Này Phạm chí, nếu phụng sự Phạm chí, do sự phụng sự này mà có sự ưu thắng chứ không có sự hạ liệt. Loại phụng sự này chăng?

"Phụng sự Sát-lợi, Cư sĩ, Công sư, do sự phụng sự này mà có sự ưu thắng chứ không có sự hạ liệt. Loại phụng sự này chăng?"

Uất-sấu-ca-la đáp:

"Cù-đàm, nếu tôi phụng sự và do sự phụng sự này mà có sự hạ liệt chứ không có sự ưu thắng, tôi không nên phụng sự như vậy.

"Nếu tôi phụng sự, do sự phụng sự này mà có sự ưu thắng chứ không có sự hạ liệt, tôi nên phụng sự như vậy.

"Này Cù-đàm, nếu phụng sự Phạm chí và do sự phụng sự này mà có sự hạ liệt chứ không có sự ưu thắng, tôi không nên theo loại phụng sự này.

"Nếu phụng sự Sát-lợi, Cư sĩ, Công sư và do sự phụng sự này mà có sự hạ liệt chứ không có sự ưu thắng, tôi không nên phụng sự như vậy.

"Này Cù-đàm, nếu phụng sự Phạm chí và do sự phụng sự này mà có sự ưu thắng chứ không có sự hạ liệt, tôi nên phụng sự như vậy.

"Nếu phụng sự Sát-lợi, Cư sĩ, Công sư và do sự phụng sự này mà có sự ưu thắng chứ không có sự hạ liệt, tôi nên phụng sự như vậy."

Thế Tôn nói:

"Này Phạm chí, nếu lại có một Phạm chí đến đây, người ấy không phải ngu, không phải si, cũng không phải điên đảo, tâm không điên đảo, tự do tự tại, rồi Ta hỏi Phạm chí ấy rằng: 'Này Phạm chí, ý ông nghĩ sao? Nếu có loại phụng sự, do loại phụng sự ấy mà có sự hạ liệt chứ không có sự ưu thắng. Loại phụng sự này chăng? Nếu có loại phụng sự, do sự phụng sự này mà có sự ưu thắng chứ không có sự hạ liệt. Loại phụng sự này chăng? Này Phạm chí, nếu phụng sự Phạm chí, do sự phụng sự này mà có sự hạ liệt chứ không có sự ưu thắng. Loại phụng sự này chăng? Phụng sự Sát-lợi, Cư sĩ, Công sư và do sự phụng sự này mà có sự hạ liệt chứ không có sự ưu thắng. Loại phụng sự này chăng? Nếu phụng sự Phạm chí và do sự phụng sự này mà có sự ưu thắng chứ không có sự hạ liệt. Loại phụng sự này chăng? Phụng sự Sát-lợi, Cư sĩ, Công sư và do sự phụng sự này mà có sự ưu thắng

chứ không có sự hạ liệt. Loại phụng sự này chăng?'

"Này Phạm chí, nếu người Phạm chí ấy không phải ngu, không phải si, không phải điên đảo, tâm không điên đảo, tự do tự tại, trả lời Ta rằng: 'Cù-đàm, nếu tôi phụng sự và do sự phụng sự này mà có sự hạ liệt chứ không có sự ưu thắng, tôi không nên phụng sự như vậy. Nếu tôi phụng sự và do sự phụng sự này mà có sự ưu thắng chứ không có sự hạ liệt, tôi nên phụng sự như vậy.

'Này Cù-đàm, nếu phụng sự Phạm chí và do sự phụng sự này mà có sự hạ liệt chứ không có sự ưu thắng, tôi không nên phụng sự như vậy. Nếu phụng sự Sát-lợi, Cư sĩ, Công sư và do sự phụng sự này mà có sự hạ liệt chứ không có sự ưu thắng, tôi không nên phụng sự như vậy.

'Này Cù-đàm, nếu phụng sự Phạm chí và do sự phụng sự này mà có sự ưu thắng chứ không có sự hạ liệt, tôi nên phụng sự như vậy. Nếu phụng sự Sát-lợi, Cư sĩ, Công sư và do sự phụng sự này mà có sự ưu thắng chứ không có sự hạ liệt, tôi nên phụng sự như vậy'."

Rồi Thế Tôn lại hỏi:

"Này Phạm chí, ý ông nghĩ sao? Nếu có loại phụng sự và do sự phụng sự này mà mất tín, giới, văn, thí xả và tuệ. Loại phụng sự này chăng? Nếu có loại phụng sự và do sự phụng sự này mà gia tăng tín, giới, bác văn, thí xả và trí tuệ. Loại phụng sự này chăng? Này Phạm chí, nếu phụng sự Phạm chí và do sự phụng sự này mà mất tín, giới, bác văn, thí xả, trí tuệ. Loại phụng sự này chăng? Phụng sự Sát-lợi, Cư sĩ, Công sư và do sự phụng sự này mà mất tín, giới, bác văn, thí xả, trí tuệ. Loại phụng sự này chăng? Này Phạm chí, nếu phụng sự Phạm chí và do sự phụng sự này mà gia tăng tín, giới, bác văn, thí xả[6], trí tuệ. Loại phụng sự này chăng? Phụng sự Sát-lợi, Cư sĩ, Công sư và do sự phụng sự này mà gia tăng tín, giới, bác văn, thí xả, trí tuệ. Loại phụng sự này chăng?"

Phạm chí Uất-sấu-ca-la đáp:

"Cù-đàm, nếu tôi phụng sự và do sự phụng sự này mà mất tín, giới, bác văn, thí xả, trí tuệ, tôi không nên phụng sự như vậy.

"Nếu tôi phụng sự và do sự phụng sự này mà gia tăng tín, giới, bác văn, thí xả, trí tuệ, tôi nên phụng sự như vậy.

"Này Cù-đàm, nếu phụng sự Phạm chí và do sự phụng sự này mà mất tín, giới, bác văn, thí xả, trí tuệ, tôi không nên phụng sự như vậy.

"Phụng sự Sát-lợi, Cư sĩ, Công sư và do sự phụng sự này mà mất tín, giới, bác văn, thí xả, trí tuệ, tôi không nên phụng sự như vậy. Này Cù-đàm, nếu phụng sự Phạm chí và do sự phụng sự này mà gia tăng tín, giới, bác văn, thí xả, trí tuệ, tôi nên phụng sự như vậy. Nếu phụng sự Sát-lợi, Cư sĩ, Công sư và do sự phụng sự này mà gia tăng tín, giới, bác văn, thí xả, trí tuệ, tôi nên phụng sự như vậy."

Thế Tôn nói:

"Này Phạm chí, nếu có một Phạm chí đến đây, người ấy không phải ngu, không phải si, cũng không phải điên đảo, tâm không điên đảo, tự do tự tại và Ta hỏi Phạm chí ấy rằng, 'Này Phạm chí, ý ông nghĩ sao? Nếu có loại phụng sự và do sự phụng sự này mà mất tín, giới, bác văn, thí xả, trí tuệ; loại phụng sự này chăng?

'Nếu có loại phụng sự và do sự phụng sự này mà gia tăng tín, giới, bác văn, thí xả, trí tuệ; loại phụng sự này chăng?

'Phụng sự Sát-lợi, Cư sĩ, Công sư và do sự phụng sự này mà mất tín, giới, bác văn,

---

6. Nguyên Hán: thứ cơ 次f 次X 次A chỉ sự rộng lượng, hay cho người khác.

thí xả, trí tuệ; loại phụng sự này chăng? Nếu phụng sự Phạm chí và sự phụng sự này mà gia tăng tín, giới, bác văn, thí xả, trí tuệ; loại phụng sự này chăng?

'Phụng sự Sát-lợi, Cư sĩ, Công sư và sự phụng sự này mà gia tăng tín, giới, bác văn, thí xả, trí tuệ; loại phụng sự này chăng?'

"Này Phạm chí, nếu Phạm chí này không phải ngu, không phải si, cũng không phải điên đảo, tâm không điên đảo, tự do tự tại, tất cũng sẽ trả lời Ta như vậy, rằng: 'Này Cù-đàm, nếu tôi phụng sự và do sự phụng sự này mà mất tín, giới, bác văn, thí xả, trí tuệ; tôi không nên phụng sự như vậy. Nếu tôi phụng sự và do sự phụng sự này mà gia tăng tín, giới, bác văn, thí xả, trí tuệ; tôi nên phụng sự như vậy. Này Cù-đàm, nếu phụng sự Phạm chí và do sự phụng sự này mà mất tín, giới, bác văn, thí xả, trí tuệ; tôi không nên phụng sự như vậy. Phụng sự Sát-lợi, Cư sĩ, Công sư và do sự phụng sự này mà mất tín, giới, bác văn, thí xả, trí tuệ; tôi không nên phụng sự như vậy. Này Cù-đàm, nếu phụng sự Phạm chí và do sự phụng sự này mà gia tăng tín, giới, bác văn, thí xả, trí tuệ; tôi nên phụng sự như vậy. Phụng sự Sát-lợi, Cư sĩ, Công sư và do sự phụng sự này mà gia tăng tín, giới, bác văn, thí xả, trí tuệ; tôi nên phụng sự như vậy'."

Phạm chí Uất-sấu-ca-la bạch rằng:

"Phạm chí thiết lập bốn loại tài vật tự hữu[7] cho bốn chủng tánh, tức thiết lập loại tài vật tự hữu cho Phạm chí, thiết lập loại tài vật tự hữu cho Sát-lợi, Cư sĩ, Công sư.

"Này Cù-đàm, Phạm chí thiết lập loại tài vật tự hữu cho Phạm chí là, này Cù-đàm, Phạm chí chủ trương rằng, tài vật tự hữu của Phạm chí do khất cầu[8]. Nếu Phạm chí khinh mạn sự khất cầu, tức là khinh mạn tài vật tự hữu. Khinh mạn tài vật tự hữu tức là thất lợi. Cũng như người chăn bò không thể trông chừng bò, tức là thất lợi. Cũng vậy, Phạm chí chủ trương tài vật tự hữu của Phạm chí là do khất cầu. Nếu Phạm chí khinh mạn sự khất cầu tức là khinh mạn tài vật tự hữu. Khinh mạn tài vật tự hữu tức là thất lợi.

"Này Cù-đàm, Phạm chí thiết lập loại tài vật tự hữu cho Sát-lợi là, này Cù-đàm, Phạm chí chủ trương tài vật tự hữu của Sát-lợi là cung tên. Nếu Sát-lợi khinh mạn cung tên tức là khinh mạn tài vật tự hữu. Nếu khinh mạn tài vật tự hữu tức là thất lợi. Cũng như người chăn bò mà không thể trông chừng được bò, tức là thất lợi. Cũng vậy, này Cù-đàm, Phạm chí chủ trương tài vật của Sát-lợi là cung tên, nếu Sát-lợi khinh mạn cung tên tức là khinh mạn tài vật tự hữu. Khinh mạn tài vật tự hữu tức là thất lợi.

"Này Cù-đàm, Phạm chí thiết lập loại tài vật tự hữu cho Cư sĩ là, này Cù-đàm, Phạm chí chủ trương tài vật tự hữu của Cư sĩ là nông nghiệp[9]. Nếu Cư sĩ khinh mạn nông nghiệp tức là khinh mạn tài vật tự hữu. Khinh mạn tài vật tự hữu tức là thất lợi. Cũng như người chăn bò mà không thể trông chừng được bò tức là thất lợi. Cũng vậy, này Cù-đàm, Phạm chí chủ trương tài vật tự hữu của Cư sĩ là nông nghiệp. Nếu Cư sĩ khinh mạn nông nghiệp tức là khinh mạn tài vật tự hữu. Khinh mạn tài vật tự hữu tức là thất lợi.

"Này Cù-đàm, Phạm chí thiết lập loại tài vật tự hữu cho Công sư là, này Cù-đàm, Phạm chí chủ trương tài vật tự hữu của Công sư là gai[10]. Nếu Công sư khinh mạn gai tức là khinh mạn tài vật tự hữu. Khinh mạn tài vật tự hữu tức là thất lợi. Cũng như người chăn bò mà không thể trông chừng bò được, tức là thất lợi. Cũng vậy, này Cù-đàm, Phạm chí chủ trương tài vật tự hữu của Công sư là gai. Nếu Công sư khinh mạn gai tức là khinh mạn tài

---

7. Pāli: sandhana, tài sản, hay tư hữu.
8. Pāli: bhikkhacāriya, sự khất thực.
9. Hán: điền tác ——@—C Pāli: kasigorakkha, cày ruộng và nuôi bò.
10. Hán: ma ——C Bản Pāli: asitabyābhaṅgī, lưỡi liềm và đòn gánh.

vật tự hữu. Khinh mạn tài vật tự hữu tức là thất lợi."

Thế Tôn hỏi rằng:

"Này Phạm chí, các Phạm chí có tự biết rõ[11] khi thiết lập bốn loại tài vật tự hữu cho bốn chủng tánh, nghĩa là thiết lập loại tài vật tự hữu cho Phạm chí, thiết lập loại tài vật tự hữu cho Sát-lợi, cho Cư sĩ, cho Công sư chăng?"

Phạm chí Uất-sấu-ca-la đáp rằng:

"Không tự biết rõ, bạch Cù-đàm, nhưng các Phạm chí tự nói rằng 'Ta ở trong đời này, chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Phạm chí, từ người đến trời, Phạm chí không tự mình biết rõ khi thiết lập loại tài vật tự hữu cho bốn chủng tánh tức là thiết lập loại tài vật tự hữu cho Phạm chí, thiết lập loại tài vật tự hữu cho Sát-lợi, cho Cư sĩ, cho Công sư."

Thế Tôn nói rằng:

"Này Phạm chí, cũng như một người đưa cho một người khác một miếng thịt, bắt ép và nói rằng 'Này ông bạn, hãy ăn và hãy trả tiền cho tôi. Này Phạm chí, ngươi nói cho các Phạm chí cũng giống như vậy'. Vì sao? Vì các Phạm chí không tự mình biết rõ khi thiết lập bốn loại tài vật tự hữu cho bốn chủng tánh tức thiết lập loại tài vật tự hữu cho Phạm chí, thiết lập loại tài vật tự hữu cho Sát-lợi, cho Cư sĩ, cho Công sư.

"Nhưng, này Phạm chí, Ta tự mình biết rõ, thấu triệt khi thiết lập tài vật tự hữu cho mọi người, đó là pháp tịch tịnh, pháp tịch diệt, pháp giác đạo, pháp thiện thú."

Rồi Thế Tôn lại hỏi:

"Này Phạm chí, ý ngươi nghĩ sao? Có trường hợp nào mà hư không này chỉ là sự không dính trước, không trói buộc, không xúc chạm, không ngăn ngại đối với Phạm chí mà thôi, chứ không đối với Sát-lợi, Cư sĩ hay Công sư?"

Phạm chí Uất-sấu-ca-la đáp:

"Này Cù-đàm, hư không này vốn không dính trước, không trói buộc, không xúc chạm, không ngăn ngại đối với Phạm chí, đối với Sát-lợi, Cư sĩ hay Công sư cũng vậy."

"Cũng vậy, này Phạm chí, Ta tự mình biết rõ, thấu triệt khi thiết lập tài vật tự hữu cho mọi người, đó là pháp tịch tịnh, pháp tịch diệt, pháp giáo đạo, pháp thiện thú."

Thế Tôn lại hỏi:

"Này Phạm chí, ý ngươi nghĩ sao? Có trường hợp nào chỉ riêng Phạm chí mới có thể hành từ tâm, không kết, không oán, không nhuế, không tranh; còn Sát-lợi, Cư sĩ và Công sư thì không thể chăng?"

Phạm chí Uất-sấu-ca-la đáp:

"Cù-đàm, Phạm chí có thể hành từ tâm, không kết, không oán, không nhuế, không tranh. Sát-lợi, Cư sĩ, Công sư cũng vậy."

"Cũng vậy, này Phạm chí, Ta tự mình biết rõ, thấu triệt khi thiết lập loại tài vật tự hữu hco mọi người, đó là pháp tịch tịnh, pháp tịch diệt, pháp giáo đạo, pháp thiện thú."

Thế Tôn lại hỏi:

"Này Phạm chí, ý ông nghĩ sao, nếu những người thuộc trong chủng tánh khác nhau[12] cùng đến đây và giả sử có một người nói với những người ấy rằng, 'Các ngươi hãy đến đây, nếu ai sanh trong chủng tộc Sát-lợi hay chủng tộc Phạm chí thì chỉ những người ấy

---

11. Xem cht.5 trên.

12. Nguyên Hán: *bách chủng nhân* ▬▬▬H▬C

mới có thể mang bột tắm[13] đi đến nước để tắm rửa, trừ khử dơ bẩn cho sạch sẽ'. Này Phạm chí, ý ngươi nghĩ sao? Phải chăng chỉ có những người thuộc chủng tộc Sát-lợi hay Phạm chí mới có thể mang bột tắm đi tắm rửa, trừ khử dơ bẩn cho sạch sẽ và những người thuộc chủng tộc Cư sĩ hay không Công sư không thể mang bột tắm đi đến nước để tắm rửa, trừ khử dơ bẩn cho thật sạch sẽ chăng? Hay tất cả những người trong một trăm chủng tộc khác nhau đều có thể mang bột tắm đi đến nước để tắm rửa, trừ khử dơ bẩn cho thật sạch sẽ?"

Phạm chí Uất-sấu-ca-la đáp:

"Cù-đàm, tất cả những người trong một trăm chủng tộc khác nhau ấy đều có thể mang bột tắm đi đến nước để tắm rửa, trừ khử dơ bẩn cho thật sạch sẽ."

"Cũng vậy, này Phạm chí, Ta tự mình biết rõ, thấu triệt khi thiết lập tài vật tự hữu cho mọi người, đó là pháp tịch tịnh, pháp tịch diệt, pháp giác đạo, pháp thiện thú."

Thế Tôn lại hỏi:

"Này Phạm chí, ý ngươi nghĩ sao? Nếu những người trong trăm chủng tộc khác nhau cùng đến đây và giả sử có một người nói với họ rằng, 'Các ngươi hãy đến đây. Nếu ai sanh trong chủng tộc Sát-lợi hay chủng tộc Phạm chí, thì những người ấy mới có thể dùng cây chiên-đàn và sa-la thật khô làm mồi lửa, rồi lấy dùi mà dùi cho phát lửa và bùng cháy'. Này Phạm chí, ý ngươi nghĩ sao? Phải chăng chỉ chủng tộc Sát-lợi hay chủng tộc Phạm chí, những người này mới có thể dùng cây chiên-đàn và sa-la thật khô làm mồi lửa, lấy dùi mà dùi cho phát lửa và bùng cháy? Còn những người thuộc chủng tộc Cư sĩ hay Công sư phải lấy ván máng heo, máng chó khô, cây Y-lan-đàn và các thứ gỗ xấu khác để làm mồi lửa, rồi lấy dùi mà dùi cho phát lửa và bùng cháy? Hay tất cả những người trong chủng tộc khác đều có thể dùng bất cứ loại cây nào làm mồi lửa, rồi lấy dùi mà dùi cho phát lửa và bùng cháy?"

Phạm chí Uất-sấu-ca-la đáp rằng:

"Cù-đàm, tất cả những người trong chủng tộc khác nhau đều có thể dùng bất cứ loại cây gỗ nào làm mồi lửa, rồi lấy dùi mà dùi cho phát lửa và bùng cháy."

"Cũng vậy, này Phạm chí, Ta tự mình biết rõ, thấu triệt khi thiết lập loại tài vật tự hữu cho mọi người. Đó là pháp tịch tịnh, pháp tịch diệt, pháp giáo đạo, pháp thiện thú."

Thế Tôn lại hỏi:

"Này Phạm chí, những người trong chủng tộc khác nhau ấy đều có thể dùng bất cứ loại cây gỗ nào làm mồi lửa, rồi lấy dùi mà dùi cho phát lửa và bùng cháy. Tất cả những thứ lửa ấy đều có ngọn, có màu sắc, có sức nóng, có ánh sáng, đều có thể dùng vào công việc lửa. Có trường hợp nào chỉ độc nhất loại này mới có ngọn, có màu sắc, có sức nóng, có ánh sáng, có thể dùng vào công việc lửa? Hay chỉ độc nhất loại lửa kia không có ngọn, không có màu sắc, không có sức nóng, không có ánh sáng, không thể dùng vào việc lửa? Hay tất cả thứ lửa ấy đều có ngọn, có màu sắc, có ánh sáng, có thể dùng vào việc lửa?"

Phạm chí Uất-sấu-ca-la đáp rằng:

"Cù-đàm, những người trong trăm chủng tộc khác nhau đều có thể dùng bất cứ loại cây gỗ nào để làm mồi lửa, rồi lấy dùi mà dùi cho phát lửa và bùng cháy. Tất cả những thứ lửa ấy đều có ngọn, có màu sắc, có sức nóng, có ánh sáng, đều có thể dùng vào việc lửa. Nếu nói độc nhất chỉ có loại lửa này mới có ngọn, có màu sắc, có sức nóng, có ánh sáng và có thể dùng vào việc lửa, trường hợp này không thể có.Và nếu nói rằng độc nhất

---

13. Nguyên Hán: *tháo đậu*——C

loại lửa kia không có ngọn, không có màu sắc, không có sức nóng, không có ánh sáng, không thể dùng vào việc lửa, trường hợp này cũng không thể có.

Nhưng tất cả thứ lửa ấy đều có ngọn, có màu sắc, có sức nóng, có ánh sáng và đều có thể dùng vào việc lửa."

"Cũng vậy, này Phạm chí, Ta tự mình biết rõ, thấu triệt khi thiết lập tài vật tự hữu cho mọi người. Đó là pháp tịch tịnh, pháp tịch diệt, pháp giáo đạo, pháp thiện thú."

Thế Tôn lại hỏi:

"Này Phạm chí, ý ngươi nghĩ sao? Nếu những người trăm chủng tộc khác nhau ấy đều có thể dùng bất cứ loại cây gỗ nào để làm mồi lửa, rồi lấy dùi mà dùi cho phát lửa và bùng cháy, và giả sử có người mang cỏ khô hay cây khô bỏ vào trong lửa, bốc cháy thành ngọn, thành màu sắc, thành sức nóng, thành khói. Có trường hợp nào mà ngọn, màu sắc, sức nóng và khói của lửa này khác với ngọn, với màu sắc, sức nóng và khói của lửa kia khác nhau chăng?"

Phạm chí Uất-sấu-ca-la đáp:

"Cù-đàm, nếu những người trăm chủng tộc khác nhau ấy đều có thể dùng bất cứ loại cây gỗ nào để làm mồi lửa, rồi lấy dùi mà dùi cho phát lửa và bùng cháy, và giả sử có người mang cỏ khô hay cây khô bỏ vào trong lửa, bốc cháy thành ngọn, thành màu sắc, thành sức nóng, thành khói, thì tôi đối với ngọn, với màu sắc, sức nóng và khói của kửa kia không cho rằng có sự khác nhau."

Thế Tôn nói:

"Cũng vậy, lửa mà Ta đạt được, sự không phóng dật mà Ta đạt được có khả năng đốt cháy sự phóng dật và mạn cống cao. Ta đối với lửa này hay lửa kia, không hề chủ trương có sự sai biệt."

Phạm chí Uất-sấu-ca-la bạch rằng:

"Bạch Thế Tôn, con đã hiểu. Bạch Thiện Thệ, con đã rõ. Bạch Thế Tôn, con nay xin tự quy y Phật, Pháp và chúng Tỳ-kheo. Cúi mong Thế Tôn nhận con làm Ưu-bà-tắc. Kể từ hôm nay, trọn đời quy y cho đến mạng tận."

Phật thuyết như vậy. Phạm chí Uất-sấu-ca-la sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

❑

151. KINH PHẠM CHÍ A-NHIẾP-HÒA[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng, vườn Cấp cô độc.

Bấy giờ có một số đông Phạm chí ở Câu-tát-la nhóm họp tại học đường, cùng nhau bàn luận như thế này:

"Dòng Phạm chí là hơn hết, ngoài ra không ai bằng. Dòng Phạm chí da trắng, ngoài ra đều là da đen. Phạm chí được thanh tịnh, không phải Phạm chí thì không được thanh tịnh. Phạm chí con Phạm thiên, sinh từ miệng Phạm thiên, được hóa sanh bởi Phạm thiên. Nhưng Sa-môn Cù-đàm nói, bốn chủng tánh thảy đều thanh tịnh, với sự giảng giải, hiển thị."

Những vị ấy nghĩ như thế này:

"Này chư Hiền, ai là người có khả năng đến Sa-môn Cù-đàm, đem sự kiện này đúng như pháp mà cật vấn?"

Họ lại nghĩ như thế này:

"A-nhiếp-hòa-la-diên-da-na Ma-nạp[2] được cha mẹ sinh ra với sự thọ sanh thanh tịnh, cho đến bảy đời cha mẹ không dứt tuyệt dòng họ, đời đời không có tiếng xấu, nghe nhiều hiểu rộng, đọc thuộc bốn kinh điển[3], thấu suốt nhân duyên, chánh văn, hí truyện thứ năm, cú thuyết[4]. A-nhiếp-hòa-la-diên-da-na Ma-nạp có khả năng để có thể đến Sa-môn Cù-đàm, đem sự kiện này đúng như pháp mà cật vấn. Này chư Hiền, hãy đến A-nhiếp-hòa-la-diên-da-na Ma-nạp để nói sự kiện này. Tùy theo những gì A-nhiếp-hòa-la-diên-da-na Ma-nạp nói, chúng ta sẽ ghi nhận."

Rồi số đông các Phạm chí ở Câu-tát-la đi đến chỗ A-nhiếp-hòa-la-diên-da-na Ma-nạp cùng chào hỏi rồi ngồi qua một bên và nói rằng:

"Này Ma-nạp, chúng tôi một số đông các Phạm chí ở Câu-tát-la nhóm họp tại học đường, cùng nhau bàn luận như thế này, 'Dòng Phạm chí là hơn hết, ngoài ra không ai bằng. Dòng Phạm chí da trắng, ngoài ra đều là da đen. Phạm chí được thanh tịnh, không phải Phạm chí thì không được thanh tịnh. Phạm chí con Phạm thiên, sinh từ miệng Phạm thiên, được hóa sanh bởi Phạm thiên. Nhưng Sa-môn Cù-đàm nói: bốn chủng tánh thảy đều thanh tịnh, với sự giảng giải, hiển thị'. Những vị ấy nghĩ như thế này, 'Này chư Hiền, ai là người có khả năng đến Sa-môn Cù-đàm, đem sự kiện này đúng như pháp mà cật

---

1. Tương đương Pāli M.93 Assalāyana-sutta. Hán, biệt dịch No.71 Phạm Chí An-ba-la-diên Vấn Chủng Tôn Kinh, Đông Tấn, Trúc Đàm-vô-lan dịch.
2. A-nhiếp-hòa-la-diên-da-na Ma-nạp ——和————[————CPāli: Āssalāyana-mānava. Bản Pāli xác định: mới 16 tuổi thôi. No.71: khoảng 15 hay 16 tuổi.
3. Tứ điển kinh, chỉ bốn bộ Vệ-đà.
4. Nhân duyên, chánh văn, hí ngũ, cú thuyết. Theo Pāli: nighandu (từ vựng), keṭubha (lễ nghi), ākkharappabheda (ngữ nguyên), itihāsa (hí truyện), padakoveyyakarana (cú thuyết, văn phạm).

vấn?' Họ lại nghĩ như thế này, 'A-nhiếp-hòa-la-diên-da-na Ma-nạp được cha mẹ sinh ra với sự thọ sanh thanh tịnh, cho đến bảy đời cha mẹ không dứt tuyệt dòng họ, đời đời không có tiếng xấu, nghe nhiều hiểu rộng, đọc thuộc bốn kinh điển, thấu suốt nhân duyên, chánh văn, hí truyện ngũ, cú thuyết. A-nhiếp-hòa-la-diên-da-na Ma-nạp có khả năng để có thể đến Sa-môn Cù-đàm, đem sự kiện này đúng như pháp mà cật vấn'."

A-nhiếp-hòa-la-diên-da-na Ma-nạp nói với các Phạm chí rằng:

"Này chư Hiền, Sa-môn Cù-đàm đúng như pháp mà thuyết pháp. Nếu đúng như pháp mà thuyết pháp thì không thể cật vấn."

Số đông Phạm chí ở Câu-tát-la nói rằng:

"Này Ma-nạp, ngươi chưa bị khuất phục thì chưa thể tự mình chịu khuất phục trước. Vì sao? Vì A-nhiếp-hòa-la-diên-da-na Ma-nạp do cha mẹ sinh ra với sự thọ sanh thanh tịnh, cho đến bảy đời cha mẹ không dứt tuyệt dòng họ, đời đời không làm các việc ác, nghe nhiều hiểu rộng, đọc thuộc bốn bộ kinh điển, thấu suốt nhân duyên, chánh văn, hí truyện ngũ, cú thuyết. A-nhiếp-hòa-la-diên-da-na Ma-nạp có khả năng để có thể đến Sa-môn Cù-đàm, đem sự kiện này đúng như pháp mà cật vấn."

A-nhiếp-hòa-la-diên-da-na Ma-nạp bèn im lặng nhận lời số đông Phạm chí ở Câu-tát-la.

Rồi A-nhiếp-hòa-la-diên-da-na Ma-nạp cùng với số đông Phạm chí ở Câu-tát-la đến chỗ Phật, cùng chào hỏi, rồi ngồi qua một bên mà bạch rằng:

"Bạch Cù-đàm, con có điều muốn hỏi, mong Ngài nghe cho chăng?"

Đức Thế Tôn nói rằng:

"Này Ma-nạp, hãy tùy ý mà hỏi."

A-nhiếp-hòa-la-diên-da-na Ma-nạp hỏi rằng:

"Thưa Cù-đàm, các Phạm chí nói như thế này, 'Dòng tộc Phạm chí là hơn hết, ngoài ra không ai bằng. Dòng Phạm chí da trắng, ngoài ra đều là da đen. Phạm chí được thanh tịnh, không phải Phạm chí thì không được thanh tịnh. Phạm chí con Phạm thiên, sinh từ miệng Phạm thiên, được hóa sanh bởi Phạm thiên'. Nhưng chưa biết Sa-môn Cù-đàm sẽ nói như thế nào?"

Đức Thế Tôn nói rằng:

"Nay Ta hỏi ngươi, hãy tùy theo sự hiểu biết mà trả lời.

"Này Ma-nạp, ngươi có nghe nói ở nước Dư-ni[5] và Kiếm-phù[6] chỉ có hai chủng tánh là chủ nhân và đầy tớ; sau khi làm chủ nhân, lại trở thành đầy tớ; sau khi làm đầy tớ lại trở thành chủ nhân chăng?"

A-nhiếp-hòa-la-diên-da-na Ma-nạp đáp rằng:

"Bạch Cù-đàm, con nghe tại hai nước Dư-ni và Kiếm-phù có hai chủng tánh, chủ nhân và đầy tớ; chủ nhân làm đầy tớ, đầy tớ làm chủ nhân."

"Như vậy, này Ma-nạp, nếu Phạm chí có thú hướng chân chánh thì Phạm chí ấy được hiểu biết rõ và tự tri đúng như pháp. Sát-lợi, Cư sĩ hay Công sư nếu hướng đến chân chánh cũng được sự hiểu biết khéo léo và tự tri đúng như pháp."

A-nhiếp-hòa-la-diên-da-na Ma-nạp bạch rằng:

"Bạch Cù-đàm, thật là kỳ diệu, thật là hy hữu, thật là thích thú với ví dụ này. Nhưng các Phạm chí vẫn nói như thế này, 'Dòng tộc Phạm chí là hơn hết, ngoài ra không ai bằng.

---

5. Dư-ni □□□ Pāli: Yoni, tên một nước ở Tây bắc Ấn-độ.

6. Kiếm-phù □□□ Pāli: Kamboja, tên nước, thuộc địa phương A-phú-hãn ngày nay.

Dòng Phạm chí da trắng, ngoài ra đều là da đen. Phạm chí được thanh tịnh, không phải Phạm chí thì không được thanh tịnh. Phạm chí con Phạm thiên, sinh từ miệng Phạm thiên, được hóa sanh bởi Phạm thiên'."

Đức Thế Tôn hỏi rằng:

"Này Ma-nạp, ngươi nghĩ sao? Phải chăng chỉ độc nhất có Phạm chí đối với hư không này mà không bị dính, không bị trói, không bị xúc chạm, không bị ngăn ngại; còn Sát-lợi, Cư sĩ hay Công sư thì không như vậy sao?[7]"

A-nhiếp-hòa-la-diên-da-na Ma-nạp đáp rằng:

"Bạch Cù-đàm, Phạm chí đối với hư không này không bị dính, không bị trói, không bị xúc chạm, không bị ngăn ngại; Sát-lợi, Cư sĩ hay Công sư cũng vậy."

"Như vậy, này Ma-nạp, nếu Phạm chí có thú hướng chân chánh thì Phạm chí ấy được hiểu biết rõ và tự tri đúng như pháp. Sát-lợi, Cư sĩ hay Công sư nếu hướng đến chân chánh cũng được sự hiểu biết khéo léo và tự tri đúng như pháp."

A-nhiếp-hòa-la-diên-da-na Ma-nạp bạch rằng:

"Bạch Cù-đàm, thật là kỳ diệu, thật là hy hữu, thật là thích thú với ví dụ này. Nhưng các Phạm chí vẫn nói như thế này, 'Dòng tộc Phạm chí là hơn hết, ngoài ra không ai bằng. Dòng Phạm chí da trắng, ngoài ra đều là da đen. Phạm chí được thanh tịnh, không phải Phạm chí thì không được thanh tịnh. Phạm chí con Phạm thiên, sinh từ miệng Phạm thiên, được hóa sanh bởi Phạm thiên'."

Đức Thế Tôn hỏi rằng:

"Này Ma-nạp, ý ngươi nghĩ sao? Phải chăng chỉ có Phạm chí mới có thể hành từ tâm, không kết, không oán, không nhuế, không tránh? Còn Sát-lợi, Cư sĩ hay Công sư thì không như vậy?"

A-nhiếp-hòa-la-diên-da-na Ma-nạp đáp rằng:

"Bạch Cù-đàm, Phạm chí có thể hành từ tâm, không kết, không oán, không nhuế, không tránh. Sát-lợi, Cư sĩ hay Công sư cũng như vậy."

"Như vậy, này Ma-nạp, nếu Phạm chí có thú hướng chân chánh thì Phạm chí ấy được hiểu biết rõ và tự tri đúng như pháp. Sát-lợi, Cư sĩ hay Công sư nếu hướng đến chân chánh cũng được sự hiểu biết khéo léo và tự tri đúng như pháp."

A-nhiếp-hòa-la-diên-da-na Ma-nạp bạch rằng:

"Bạch Cù-đàm, thật là kỳ diệu, thật là hy hữu, thật là thích thú với ví dụ này. Nhưng các Phạm chí vẫn nói như thế này, 'Dòng tộc Phạm chí là hơn hết, ngoài ra không ai bằng. Dòng Phạm chí da trắng, ngoài ra đều là da đen. Phạm chí được thanh tịnh, không phải Phạm chí thì không được thanh tịnh. Phạm chí con Phạm thiên, sinh từ miệng Phạm thiên, được hóa sanh bởi Phạm thiên'."

Đức Thế Tôn hỏi rằng:

"Này Ma-nạp, ý ngươi nghĩ sao? Nếu có những người thuộc một trăm chủng tộc khác nhau đến, và có người nói với họ rằng, 'Các ngươi hãy đến đây. Nếu ai sanh trong chủng tộc Sát-lợi hay chủng tộc Phạm chí thì những người ấy mới có thể mang bột tắm đến nước mà tắm, tắm rửa thật sạch cấu bẩn'. Này Ma-nạp, ý ngươi nghĩ sao? Chỉ những người trong chủng tộc Sát-lợi hay chủng tộc Phạm chí thì những người ấy mới có thể mang bột tắm đến nước tắm rửa cho thật sạch các cấu bẩn chăng? Hay những người trong chủng tộc Cư sĩ, chúng tộc Công sư, những người này không thể mang bột tắm đến nước mà tắm

7. Xem kinh số 150 trên.

rửa cho thật sạch các cấu bẩn? Hay tất cả mọi người trong một trăm chủng tộc khác nhau vẫn có thể mang đậu tắm đến nước mà tắm rửa thật sạch các cấu bẩn?"

A-nhiếp-hòa-la-diên-da-na Ma-nạp đáp rằng:

"Bạch Cù-đàm, tất cả mọi người trong trăm chủng tộc khác nhau ấy đều có thể mang đậu tắm đến nước mà tắm rửa thật sạch các cấu bẩn.

"Như vậy, này Ma-nạp, nếu Phạm chí có thú hướng chân chánh thì Phạm chí ấy được hiểu biết rõ và tự tri đúng như pháp. Sát-lợi, Cư sĩ hay Công sư nếu hướng đến chân chánh cũng được sự hiểu biết khéo léo và tự tri đúng như pháp."

A-nhiếp-hòa-la-diên-da-na Ma-nạp bạch rằng:

"Bạch Cù-đàm, thật là kỳ diệu, thật là hy hữu, thật là thích thú với ví dụ này. Nhưng các Phạm chí vẫn nói như thế này, 'Dòng tộc Phạm chí là hơn hết, ngoài ra không ai bằng. Dòng Phạm chí da trắng, ngoài ra đều là da đen. Phạm chí được thanh tịnh, không phải Phạm chí thì không được thanh tịnh. Phạm chí con Phạm thiên, sinh từ miệng Phạm thiên, được hóa sanh bởi Phạm thiên'."

Đức Thế Tôn hỏi rằng:

"Này Ma-nạp, ý ngươi nghĩ sao? Nếu có người thuộc một trăm chủng tộc khác nhau đến, và có người nói với họ rằng, 'Các người hãy đến đây. Nếu ai sanh trong chủng tộc Sát-lợi hay chủng tộc Phạm chí, chỉ những người ấy mới có thể dùng nhánh sa-la rất khô hay gỗ chiên-đàn làm mồi lửa, rồi lấy dùi mà dùi cho lửa phát ra và cháy lớn lên'. Này Ma-nạp, ý ngươi nghĩ sao? Chỉ những người trong chủng tộc Sát-lợi và chủng tộc Phạm chí, những người này mới có thể dùng nhánh sa-la rất khô hay gỗ chiên-đàn làm mồi lửa, rồi lấy dùi mà dùi cho phát ra lửa và cháy lớn lên chăng? Hay những người trong chủng tộc Cư sĩ, chủng tộc Công sư, những người này cũng sẽ dùng nhánh sa-la rất khô, hay gỗ chiên-đàn làm mồi lửa, rồi lấy dùi mà dùi cho phát ra lửa và cháy lớn lên? Hay những người thuộc một trăm chủng tộc khác nhau đều có thể dùng bất cứ loại gì mà làm mồi lửa, rồi lấy dùi mà dùi cho phát ra lửa và cháy lớn lên?"

A-nhiếp-hòa-la-diên-da-na Ma-nạp đáp rằng:

"Bạch Cù-đàm, tất cả những người trong một trăm chủng tộc khác nhau kia đều có thể dùng bất cứ loại gỗ nào làm mồi lửa, rồi lấy dùi mà dùi cho phát ra lửa và cháy lớn lên."

"Như vậy, này Ma-nạp, nếu Phạm chí có thú hướng chân chánh thì Phạm chí ấy được hiểu biết rõ và tự tri đúng như pháp. Sát-lợi, Cư sĩ hay Công sư nếu hướng đến chân chánh cũng được sự hiểu biết khéo léo và tự tri đúng như pháp."

A-nhiếp-hòa-la-diên-da-na Ma-nạp bạch rằng:

"Bạch Cù-đàm, thật là kỳ diệu, thật là hy hữu, thật là thích thú với ví dụ này. Nhưng các Phạm chí vẫn nói như thế này, 'Dòng tộc Phạm chí là hơn hết, ngoài ra không ai bằng. Dòng Phạm chí da trắng, ngoài ra đều là da đen. Phạm chí được thanh tịnh, không phải Phạm chí thì không được thanh tịnh. Phạm chí con Phạm thiên, sinh từ miệng Phạm thiên, được hóa sanh bởi Phạm thiên'."

Đức Thế Tôn hỏi rằng:

"Này Ma-nạp, ý ông nghĩ sao? Nếu những người trong một trăm chủng tộc khác nhau kia đều có thể dùng bất cứ loại gỗ nào làm mồi lửa rồi lấy dùi mà dùi cho phát ra lửa và cháy lớn lên, phải chăng tất cả lửa ấy đều có ngọn, có màu sắc, có sức nóng, có ánh sáng, đều có thể dùng vào các công việc do lửa đem lại? Hay chỉ độc nhất thứ lửa này mới có ngọn, có màu sắc, có sức nóng, có ánh sáng, có thể dùng vào các công việc do lửa

đem lại? Hay độc nhất thứ lửa kia không có ngọn, không màu sắc, không sức nóng, không ánh sáng, không thể dùng vào các công việc do lửa đem lại? Hay tất cả thứ lửa kia đều có ngọn, có màu sắc, có sức nóng, có ánh sáng, đều có thể dùng vào các công việc do lửa đem lại?"

A-nhiếp-hòa-la-diên-da-na Ma-nạp bạch rằng:

"Bạch Cù-đàm, nếu những người trong một trăm chủng tộc khác nhau ấy đều dùng bất cứ loại cây nào làm mồi lửa, rồi lấy dùi mà dùi cho lửa phát ra và cháy lớn lên. Tất cả những thứ lửa ấy đều có ngọn, có màu sắc, có sức nóng, có ánh sáng, đều có thể dùng vào các công việc do lửa đem lại. Nếu độc nhất chỉ thứ lửa kia có ngọn, có màu sắc, có sức nóng, có ánh sáng, có thể dùng vào công việc của lửa, trường hợp này không thể có. Nếu độc nhất chỉ có thứ lửa kia không có ngọn, không màu sắc, không sức nóng, không ánh sáng và không thể dùng vào các công việc của lửa, cũng không có trường hợp đó. Bạch Cù-đàm, nhưng tất cả những thứ lửa kia đều có ngọn, có màu sắc, có sức nóng, có ánh sáng, đều có thể dùng vào các công việc do lửa đem lại."

"Như vậy, này Ma-nạp, nếu Phạm chí có thú hướng chân chánh thì Phạm chí ấy được hiểu biết rõ và tự tri đúng như pháp. Sát-lợi, Cư sĩ hay Công sư nếu hướng đến chân chánh cũng được sự hiểu biết khéo léo và tự tri đúng như pháp."

A-nhiếp-hòa-la-diên-da-na Ma-nạp bạch rằng:

"Bạch Cù-đàm, thật là kỳ diệu, thật là hy hữu, thật là thích thú với ví dụ này. Nhưng các Phạm chí vẫn nói như thế này, 'Dòng tộc Phạm chí là hơn hết, ngoài ra không ai bằng. Dòng Phạm chí da trắng, ngoài ra đều là da đen. Phạm chí được thanh tịnh, không phải Phạm chí thì không được thanh tịnh. Phạm chí con Phạm thiên, sinh từ miệng Phạm thiên, được hóa sanh bởi Phạm thiên'."

Đức Thế Tôn hỏi rằng:

"Này Ma-nạp, nếu thân này được thọ sanh vào đâu, thì nó được kể thuộc loại đó. Nếu sanh trong chủng tộc Phạm chí, nó được kể là chủng tộc Phạm chí. Nếu sanh trong chủng tộc Sát-lợi, Cư sĩ hay Công sư, nó được kể là chủng tộc Công sư.

"Này Ma-nạp, cũng như tùy theo lửa được phát sanh như thế nào thì được kể thuộc loại đó, tức đó là số của lửa. Nếu nhân nơi cây mà phát sanh thì nó được kể là loại lửa cây. Nếu nhân nơi cỏ rác hay củi mà phát sanh thì nó được kể là loại lửa cỏ, lửa rác, lửa củi.

"Như vậy, này Ma-nạp, thân này được thọ sanh vào đâu thì nó được kể thuộc loại đó. Nếu sanh trong chủng tộc Phạm chí, nó được gọi là chủng tộc Phạm chí. Nếu sanh trong chủng tộc Sát-lợi, Cư sĩ hay Công sư thì nó được gọi là chủng tộc Công sư."

Đức Thế Tôn hỏi rằng:

"Này Ma-nạp, ý ngươi nghĩ sao? Nếu con gái của Sát-lợi cùng con trai của Phạm chí hiệp hội với nhau, họ do sự hiệp hội ấy mà sau đó sanh con, hoặc giống cha nó, hoặc giống mẹ nó, hoặc không giống cả hai. Ý ngươi nghĩ sao? Đứa trẻ kia là Sát-lợi chăng? Là Phạm chí chăng?"

A-nhiếp-hòa-la-diên-da-na Ma-nạp đáp rằng:

"Bạch Cù-đàm, con gái của Sát-lợi cùng con trai của Phạm chí hiệp hội với nhau, do sự hiệp ấy mà sau đó sanh con, hoặc giống cha nó, hoặc giống mẹ nó, hoặc không giống cả hai. Con không nói là Sát-lợi, cũng không nói là Phạm chí. Bạch Cù-đàm, con chỉ nói là thân khác".

"Này Ma-nạp, thân này được thọ sanh vào đâu thì nó được kể vào loại đó. Nếu sanh trong chủng tộc Phạm chí thì nó được kể là chủng tộc Phạm chí. Nếu sanh trong chủng tộc Sát-lợi, Cư sĩ hay Công sư thì nó được kể là chủng tộc Công sư."

Đức Thế Tôn lại hỏi rằng:

"Này Ma-nạp, nếu con gái của Phạm chí cùng con trai của Sát-lợi hiệp hội với nhau, do sự hiệp hội này mà sau đó sanh con, hoặc giống cha nó, hoặc giống mẹ nó, hoặc không giống cả hai. Ý ngươi nghĩ sao? Đứa trẻ kia là Phạm chí chăng? Là Sát-lợi chăng?"

A-nhiếp-hòa-la-diên-da-na Ma-nạp đáp rằng:

"Bạch Cù-đàm, con gái của Phạm chí cùng con trai của Sát-lợi hiệp hội với nhau, do sự hiệp hội này mà sau đó sanh con, hoặc giống cha nó, hoặc giống mẹ nó, hoặc không giống cả hai. Con không nói nó là Phạm chí, cũng không nói nó là Sát-lợi. Bạch Cù-đàm, con chỉ nói nó là thân khác."

"Như vậy, này Ma-nạp, thân này được thọ sanh vào đâu thì nó được kể vào loại đó. Nếu sanh trong chủng tộc Phạm chí thì nó được kể là chủng tộc Phạm chí. Nếu sanh trong chủng tộc Sát-lợi, Cư sĩ hay Công sư thì nó được kể là chủng tộc Công sư."

Đức Thế Tôn lại hỏi:

"Này Ma-nạp, ý ngươi nghĩ sao? Nếu một người có nhiều ngựa cái, người ấy thả một con lừa đực vào trong đám ngựa cái ấy, chúng cùng con lừa đực hiệp hội, do sự hiệp hội ấy mà sau đó sanh con ngựa câu. Ý ngươi nghĩ sao? Nó là con lừa chăng? Là con ngựa chăng?"

A-nhiếp-hòa-la-diên-da-na Ma-nạp đáp rằng:

"Bạch Cù-đàm, nếu ngựa và lừa hiệp hội với nhau, do sự hiệp hội này mà sau đó sanh ngựa câu. Con không nói nó là lừa, cũng không nói nó là ngựa. Bạch Cù-đàm, con chỉ nói nó là con la."

"Như vậy, này Ma-nạp, thân này được thọ sanh vào đâu thì nó được kể vào loại đó. Nếu sanh trong chủng tộc Phạm chí thì nó được kể là chủng tộc Phạm chí. Nếu sanh trong chủng tộc Sát-lợi, Cư sĩ hay Công sư thì nó được kể là chủng tộc Công sư."

Đức Thế Tôn lại nói rằng:

"Này Ma-nạp, thuở xưa có nhiều vị tiên nhân sống trên một chỗ cao của rừng vắng. Họ sinh ra ác kiến như thế này, 'Dòng Phạm chí là hơn hết, ngoài ra không có ai bằng. Dòng Phạm chí da trắng, ngoài ra đều là da đen. Phạm chí được thanh tịnh, không phải Phạm chí thì không được thanh tịnh. Phạm chí con Phạm thiên, sanh từ miệng Phạm thiên, được hóa sanh bởi Phạm thiên'. Khi ấy, A-tư-la tiên nhân Đề-phệ-la[8] nghe có nhiều tiên nhân sống trên một chỗ cao của rừng vắng đã sinh ra ác kiến như thế này rồi, ông khoác áo ca-sa, quấn khăn lên đầu, chống gậy, cầm lọng, mang guốc vải trắng[9], không theo cửa vào, đến trụ xứ của tiên nhân, đi kinh hành nơi tịnh thất.

"Rồi trên chỗ cao của khu rừng vắng, nói có nhiều tiên nhân sống chung này, có một tiên nhân thấy A-tư-la tiên nhân Đề-phệ-la khoác áo ca-sa, quấn khăn lên đầu, chống gậy, cầm lọng, mang guốc vải trắng, không theo cửa vào, đến trụ xứ của tiên nhân, đi kinh hành nơi tịnh thất, thấy rồi, bèn đến chỗ những tiên nhân sống chung trên chỗ cao của khu rừng này và nói như thế này, 'Này chư Hiền, nay có một người khoác áo ca-sa, quấn khăn lên đầu, chống gậy cầm lọng, mang guốc vải trắng, không theo cửa vào, đến trụ xứ của

---

8. A-tư-la tiên nhân Đề-phệ-la ▬▬p▬▬P▬H▬▬@▬▬C Pāli: Asita-Devala-Isi.

9. Bạch y điệp ▬▬▬a▬C Ở trên, nói: "mặc áo ca-sa" nên đây không thể là "áo trắng". *Tiệp*, bản Cao-li chép là *biến* 變▬C Trong bản Pāli: upāhanā ārohitvā, mang dép cỏ.

tiên nhân, đi kinh hành nơi tịnh thất chúng ta nên đến mà chú thuật nó rằng, 'Ngươi hãy thành tro! Ngươi hãy thành tro!'

"Rồi số đông các tiên nhân sống chung trên chỗ cao của khu rừng vắng bèn đến chỗ A-tư-la tiên nhân Đề-bệ-la. Đến rồi, dùng thần chú: 'Ngươi hãy thành tro! Ngươi hãy thành tro!', như vậy, như vậy... rồi, nhưng vị ấy sắc mặt càng thêm rạng rỡ, thân thể càng xinh tươi.

"Chúng tiên nhân kia liền nghĩ như thế này, 'Trước kia dùng thần chú 'Ngươi hãy thành tro! Ngươi hãy thành tro!', mà hễ chú đến người nào thì người ấy trở thành tro. Nay chúng ta chú người này 'Ngươi hãy thành tro! Ngươi hãy thành tro!', chúng ta dùng đúng theo thần chú ấy để chú người này mà sao sắc mặt càng thêm rạng rỡ, thân thể càng xinh tươi? Ta nên hỏi xem'.

"Họ bèn hỏi:

"–Ông là ai?

"A-tư-la tiên nhân Đề-phệ-la đáp rằng:

"–Này chư Hiền, các ngươi có nghe đến A-tư-la tiên nhân Đề-phệ-la chăng?

Đáp rằng:

"–Chúng tôi có nghe đến A-tư-la tiên nhân Đề-phệ-la.

"Lại nói rằng:

"–Chính là ta đó.

"Các vị tiên nhân kia liền cùng nhau xin lỗi A-tư-la tiên nhân Đề-phệ-la rằng:

"–Mong tha thứ cho. Vì chúng tôi không biết Tôn giả là A-tư-la tiên nhân Đề-phệ-la.

"Khi ấy, A-tư-la tiên nhân Đề-phệ-la nói với các vị tiên nhân kia:

"–Ta đã tha thứ rồi. Có thật các người sinh ác kiến này, 'Dòng Phạm chí là hơn hết, ngoài ra không ai bằng. Dòng Phạm chí da trắng, ngoài ra đều là da đen. Phạm chí được thanh tịnh, không phải Phạm chí thì không được thanh tịnh. Phạm chí con Phạm thiên, sanh từ miệng Phạm thiên, được hóa sanh bởi Phạm thiên' không?

"Các tiên nhân kia đáp rằng:

"–Quả như vậy.

"A-tư-la tiên nhân Đề-phệ-la lại hỏi các tiên nhân rằng:

"–Các người có biết rõ cha mình chăng?

"Các tiên nhân đáp rằng:

"–Biết rõ. Vị Phạm chí ấy lấy vợ là người Phạm chí, chứ không lấy người không Phạm chí. Cha của cha ấy, cho đến bảy đời đều lấy vợ là người Phạm chí, không lấy người không phải Phạm chí.

"A-tư-la tiên nhân Đề-phệ-la lại hỏi các tiên nhân kia rằng:

"–Các ông có biết rõ mẹ mình chăng?

"Các tiên nhân kia đáp rằng:

"–Biết rõ. Vị Phạm chí ấy lấy chồng là người Phạm chí, không lấy người không phải Phạm chí. Mẹ của mẹ ấy, cho đến bảy đời mẹ, những vị Phạm chí ấy đều lấy chồng người Phạm chí, không lấy người không phải Phạm chí.

"A-tư-la tiên nhân Đề-phệ-la lại hỏi các tiên nhân rằng:

"–Các người có biết rõ sự thọ thai chăng?

"Các tiên nhân kia đáp rằng:

"–Biết rõ. Do ba sự hiệp hội mà thọ thai, là sự hiệp hội của cha mẹ, thời gian

người mẹ có thể thọ thai[10] và hương ấm đã đến[11]. Này A-tư-la tiên nhân Đề-phệ-la, phải hội đủ ba sự này mà có sự nhập thai mẹ.

"A-tư-la tiên nhân Đề-phệ-la lại hỏi các tiên nhân:

"–Nhưng có thể biết sự thọ sanh này là trai hay gái? Biết nó từ đâu đến? Từ chủng tộc Sát-lợi, từ Phạm chí, Cư sĩ hay Công sư đến chăng? Từ phương Đông, phương Nam, phương Tây, phương Bắc mà đến chăng?

"Các tiên nhân kia đáp rằng:

"–Không biết.

"A-tư-la tiên nhân Đề-phệ-la lại nói với các tiên nhân kia rằng:

"–Này chư Hiền, các ngươi không thấy nó, không biết nó. Các ngươi không biết thọ thai ai, nó từ đâu đến, nó là trai hay gái; nó từ Sát-lợi, Phạm chí, Cư sĩ hay Công sư; nó từ phương Đông, phương Nam, phương Tây, phương Bắc, nhưng các ngươi lại nói như thế này, 'Dòng Phạm chí chí là hơn hết, ngoài ra không ai bằng. Dòng Phạm chí da trắng, ngoài ra đều là da đen, Phạm chí được thanh tịnh, không phải Phạm chí thì không được thanh tịnh. Phạm chí con Phạm thiên, sanh từ miệng Phạm thiên'.

"Này Ma-nạp, các tiên nhân cùng sống chung với nhau trên chỗ cao của rừng vắng kia bị A-tư-la tiên nhân Đề-phệ-la khéo dạy, khéo quở trách nên không thể chủ trương Phạm chí là thanh tịnh, huống nữa là các thầy trò ngươi, những người luống mặc áo da, áo cỏ."

Khi ấy, A-nhiếp-hòa-la-diên-da-na Ma-nạp bị Thế Tôn chỉ trích ngay mặt, trong lòng sầu não, cúi đầu im lặng, không biện bạch được một lời.

Đức Thế Tôn sau khi chỉ trích A-nhiếp-hòa-la-diên-da-na Ma-nạp, Ngài lại muốn khuyên cho Ma-nạp được vui vẻ, bèn hỏi:

"Này Ma-nạp, có Phạm chí trai tự, bố thí; người này có bốn người con, hai đứa ham học hỏi, hai đứa không học hỏi. Ý Ma-nạp nghĩ sao? Người Phạm chí này sẽ dành cho ai trước tiên chỗ ngồi bậc nhất, nước tắm bậc nhất và thức ăn bậc nhất?"

A-nhiếp-hòa-la-diên-da-na Ma-nạp thưa rằng:

"Bạch Cù-đàm, người Phạm chí ấy tất dành cho hai người con ham học hỏi của mình trước tiên về chỗ ngồi bậc nhất, nước tắm bậc nhất và thức ăn cũng bậc nhất."

Đức Thế Tôn lại hỏi rằng:

"Này Ma-nạp, lại có một Phạm chí trai tự, bố thí; Phạm chí này có bốn người con; hai đứa ham học hỏi nhưng không tinh tấn, thích làm việc ác; còn hai đứa kia tuy không học hỏi, nhưng rất tinh tấn, thích làm việc thiện. Ý Ma-nạp nghĩ sao? Phạm chí này trước tiên dành cho ai về chỗ ngồi bậc nhất, nước tắm bậc nhất và thức ăn bậc nhất?"

A-nhiếp-hòa-la-diên-da-na Ma-nạp thưa rằng:

"Bạch Cù-đàm, Phạm chí ấy tất dành cho hai người con tuy không học vấn nhưng rất tinh tấn, thích làm việc thiện trước tiên về chỗ ngồi bậc nhất, nước tắm bậc nhất và thức ăn cũng bậc nhất."

Đức Thế Tôn nói rằng:

"Này Ma-nạp, trước kia ngươi khen ngợi sự học hỏi, sau đó ngươi khen ngợi sự trì giới. Này Ma-nạp, như vậy Ta nói bốn chủng tánh thảy đều thanh tịnh, với sự giảng giải hiển thị, ngươi cũng nói bốn chủng tánh này đều thanh tịnh với sự giảng giải hiển thị."

---

10. Dịch thoát ý; nguyên Hán: *vô mãn kham nại* ‒L———`‒CPāli: mātā ca tunī hoti, người mẹ trong thời có kinh.

11. Pāli: gandhabbo ca paccupaṭṭhito, hương ấm hiện diện.

Khi ấy, A-nhiếp-hòa-la-diên-da-na Ma-nạp liền từ chỗ ngồi đứng dậy, cúi đầu lễ dưới chân Phật.

Bấy giờ đại chúng càng cao giọng mà nói rằng:

"Sa-môn Cù-đàm thật kỳ diệu thay, thật hy hữu thay, có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai thần. Vì sao? Bởi vì Sa-môn Cù-đàm nói 'Bốn chủng tánh thảy đều thanh tịnh, với sự giảng giải hiển thị" khiến cho A-nhiếp-hòa-la-diên-da-na Ma-nạp cũng nói theo rằng 'Bốn chủng tánh thảy đều thanh tịnh, với sự giảng giải hiển thị'."

Bấy giờ Đức Thế Tôn biết tâm niệm đại chúng ấy[12], liền bảo:

"Như vậy đủ rồi, này A-nhiếp-hòa-la-diên-da-na Ma-nạp, chỉ cần trong lòng thấy thỏa mãn là được. Hãy trở về ngồi lại chỗ cũ.

A-nhiếp-hòa-la-diên-da-na Ma-nạp cúi đầu lễ dưới chân Phật rồi ngồi qua một bên.

Đức Thế Tôn bèn thuyết pháp cho nghe, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ. Sau khi bằng vô lượng phương tiện thuyết pháp cho nghe, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ rồi, Ngài ngồi im lặng.

Khi ấy, A-nhiếp-hòa-la-diên-da-na Ma-nạp sau khi được Đức Phật thuyết pháp, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ rồi, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, cúi đầu lễ chân Phật, nhiễu quanh ba vòng rồi lui ra.

Bấy giờ số đông các Phạm chí ở Câu-tát-la trở về chưa bao xa, dùng đủ thứ ngôn ngữ khiển trách A-nhiếp-hòa-la-diên-da-na Ma-nạp:

"Ngươi muốn làm gì? Muốn khuất phục Sa-môn Cù-đàm, ngược lại bị Sa-môn Cù-đàm hàng phục mà trở về. Cũng như một người đi vào rừng để tìm con mắt, nhưng ngươi lại bị mất con mắt mà trở về. A-nhiếp-hòa-la-diên-da-na Ma-nạp, ngươi cũng vậy, muốn khuất phục Sa-môn Cù-đàm, nhưng ngược lại bị Sa-môn Cù-đàm hàng phục mà trở về. Cũng như một người vì muốn uống nước nên xuống ao, nhưng ngược lại bị khát nước mà trở về. A-nhiếp-hòa-la-diên-da-na Ma-nạp, ngươi cũng như vậy, muốn khuất phục Sa-môn Cù-đàm nhưng ngược lại bị Sa-môn Cù-đàm hàng phục mà trở về. A-nhiếp-hòa-la-diên-da-na Ma-nạp, ngươi muốn làm gì?"

Bấy giờ, A-nhiếp-hòa-la-diên-da-na Ma-nạp nói với số đông Phạm chí ở Câu-tát-la rằng:

"Này chư Hiền, tôi đã nói trước rồi, Sa-môn Cù-đàm đúng như pháp mà thuyết pháp. Ai thuyết pháp đúng như pháp, người ấy không thể cật vấn."

Phật thuyết như vậy. A-nhiếp-hòa-la-diên-da-na Ma-nạp nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

❑

12. Ngài biết họ cố ý cản trở thanh niên này theo Phật.

PHẨM THỨ 12: PHẨM PHẠM CHÍ (phần sau)

152. KINH ANH VŨ
153. KINH MAN-NHÀN-ĐỀ
154. KINH BÀ-LA-BÀ ĐƯỜNG
155. KINH TU-ĐẠT-ĐA
156. KINH PHẠM BA-LA-DIÊN
157. KINH HOÀNG LÔ VIÊN
158. KINH ĐẦU-NA
159. KINH A-GIÀ-LA-HA-NA
160. KINH A-LAN-NA
161. KINH PHẠM-MA

152. KINH ANH VŨ[1]

Tôi nghe như vầy.

Một thời Phật du hóa thành Vương xá, ở trong rừng Trúc, vườn Ca-lan-đa[2].

Bấy giờ, Ma-nạp Anh Vũ, con trai ông Đô-đề[3], có một ít việc phải làm nên đến trọ tại nhà một người cư sĩ trong thành Vương xá. Tại đây, Ma-nạp Anh Vũ con trai ông Đô-đề nói với người cư sĩ mà mình ngủ trọ:

"Có Sa-môn, Phạm chí nào, bậc Tông chủ, bậc Thầy của mọi người, thống lãnh một số đông đồ chúng, rất được mọi người tôn kính, để tôi tùy thời đến thăm viếng, kính phụng, hoặc có thể do khi kính phụng đó mà được hoan hỷ chăng?"

Cư sĩ đáp:

"Có. Này Thiên ái[4], có Sa-môn Cù-đàm, con dòng họ Thích, lìa bỏ Thích tộc, cạo bỏ râu tóc, khoác áo ca-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình mà học đạo, chứng quả Vô thượng Chánh giác[5]. Này Thiên ái, ông có thể tùy thời đến thăm viếng, kính phụng, hoặc có thể do khi kính phụng đó mà được hoan hỷ."

Ma-nạp Anh Vũ lại hỏi:

---

1. Bản Hán, quyển 11. Pāli, M. 99 Subhasuttaṃ.
2. Bản Pāli, Phật tại Xá-vệ: Sāvatthiyaṃ viharati.
3. Anh Vũ Ma-nạp Đô-đề Tử ▪x▪M▬▬▬▬▪D▪l▪C Pāli: Subho māṇavo todeyyaputto, thanh niên Shubha, con trai của Todeyya.
4. Thiên ái ▬▬R▪C Pāli: Devānampiya, người được Trời thương; thường dùng để xưng hô với người ngu khờ. Bản Pāli: bhante: này ông bạn.
5. Trong bản Hán: Vô thượng Chánh tận giác ▪L▪W▬▬▬▬C

"Sa-môn Cù-đàm hiện nay ở chỗ nào? Tôi muốn đến gặp."

Cư sĩ đáp:

"Sa-môn Cù-đàm hiện ở tại rừng Trúc, vườn Ca-lan-đa, trong thành Vương xá. Ông có thể đến đó để gặp."

Khi ấy, Ma-nạp Anh Vũ liền rời khỏi chỗ trọ, nhà cư sĩ, thẳng đến rừng Trúc, vườn Ca-lan-đa. Ma-nạp Anh Vũ từ xa trông thấy Đức Thế Tôn ở giữa rừng cây, tướng mạo đoan chánh, đẹp đẽ khác thường, như ánh trăng giữa rừng sao sáng chói, lóng lánh như khối núi vàng, đầy đủ tướng tốt, vòi vọi oai nghi, các căn vắng lặng, an định, không một mảy may ngăn ngại, hoàn toàn tự chế ngự, lắng tâm tĩnh mặc.

Sau khi thấy như thế, Ma-nạp liền đến trước Phật và bạch:

"Bạch Cù-đàm, con có đều muốn hỏi, mong Ngài nghe cho con mới dám trình bày."

Đức Thế Tôn nói:

"Này Ma-nạp, muốn hỏi, cứ tùy ý."

Ma-nạp Anh Vũ hỏi:

"Bạch Cù-đàm, như con được nghe[6], 'Nếu sống tại gia thì được hiểu biết tốt, biết đúng như pháp[7]. Người xuất gia học đạo thì không như vậy.' Con xin hỏi Cù-đàm, việc đó như thế nào?"

Đức Thế Tôn đáp:

"Này Ma-nạp, sự kiện đó không nhất định[8]."

Ma-nạp Anh Vũ thưa:

"Bạch Cù-đàm, mong Ngài phân biệt sự kiện này cho con được rõ."

Đức Thế Tôn nói:

"Này Ma-nạp, hãy lắng nghe khéo suy nghĩ, Ta sẽ phân biệt đầy đủ cho ngươi rõ."

Ma-nạp Anh Vũ vâng lời lắng nghe.

Đức Phật nói:

---

6. Bản Pāli: Brāhmaīa bho Gotama evam āhaṃsu, "Các người Bà-la-môn nói như vầy..."

7. Hán: tiện đắc thiện giải, tắc tri như pháp -K-o———h——p-k-C Pāli: ārādhako hoti ñāyaṃ dhammaṃ kusalaṃ, là người nhiệt tình với pháp thiện đúng chánh lý.

8. Bản Pāli: vibhajjavādo kho aham ettha māṇava nāham ekaṃsavādo, Ta thuyết có phân tích. Ta không thuyết pháp theo một chiều.

"Này Ma-nạp, nếu có kẻ tại gia hoặc xuất gia học đạo nào làm điều tà hạnh, thì Ta không khen ngợi người đó. Vì sao vậy? Nếu có kẻ tại gia hoặc xuất gia học đạo làm điều tà hạnh, thì kẻ ấy không được hiểu biết tốt, không biết đúng như pháp. Do đó, này Ma-nạp, nếu những kẻ tại gia hoặc xuất gia học đạo làm điều tà hạnh, thì Ta không khen ngợi kẻ ấy.

"Này Ma-nạp, nếu có kẻ tại gia hoặc xuất gia học đạo nào thực hành chánh hạnh, thì Ta khen ngợi người đó. Vì sao vậy? Nếu có kẻ tại gia hoặc xuất gia học đạo thực hành chánh hạnh, thì kẻ ấy chắc chắn được hiểu biết tốt, biết đúng như pháp. Do đó, này Ma-nạp, nếu kẻ tại gia hoặc xuất gia học đạo thực hành chánh hạnh, thì Ta khen ngợi kẻ ấy.

"Này Ma-nạp, Ta nói như vậy, nói về hai pháp ấy, phân biệt như vậy, hiển thị như vậy. Nhưng nếu có Sa-môn, Phạm Chí nào có năng lực, thâm nhập kiên cố, chấp chặt theo một chiều, vị ấy sẽ nói rằng, 'Đây là chân thật, ngoài ra là hư vọng'."

Ma-nạp Anh Vũ thưa:

"Bạch Cù-đàm, như con được nghe, 'Nếu ai sống tại gia thì có lợi ích lớn, có công đức lớn; người xuất gia học đạo thì không như vậy[9].' Con xin hỏi Cù-đàm, sự kiện ấy như thế nào?"

Đức Thế Tôn nói:

"Này Ma-nạp, sự kiện ấy không nhất định[10]."

Ma-nạp Anh Vũ thưa:

"Bạch Cù-đàm, mong Ngài phân biệt sự kiện đó cho con được rõ."

Đức Thế Tôn nói:

"Này Ma-nạp, hãy lắng nghe khéo suy nghĩ, Ta sẽ phân biệt đầy đủ cho ngươi rõ."

Ma-nạp Anh Vũ vâng lời lắng nghe.

Đức Phật nói:

---

9. Pàli: mahaññham idaư mahàkiccaư mahàdhikaraịam mahàsamàrambhaư gharàcàsakammaññhànaư mahapphalaư hoti, sự nghiệp của người tại gia cần nhiều kinh doanh, nhiều việc phải làm, nhiều tác vụ, nhiều nỗ lực, do đó, có kết quả to lớn.

10. Xem cht.5 ở trên.

"Này Ma-nạp, nếu sống tại gia có tai hoạn lớn, có đấu tranh lớn, có oán ghét lớn, nhưng lại làm điều tà hạnh, thì sẽ không được quả báo lớn, không được công đức lớn[11]. Ví như người làm ruộng, có tai hoạn lớn, có đấu tranh lớn, có oán ghét lớn, lại làm điều tà hạnh, thì sẽ không được quả báo lớn, không được công đức lớn. Như vậy, này Ma-nạp, người sống tại gia cũng lại như thế.

"Này Ma-nạp, người xuất gia học đạo ít có tai hoạn, ít có đấu tranh, ít có oán ghét, nhưng lại làm điều tà hạnh, thì sẽ không được quả báo lớn, không được công đức lớn. Ví như người buôn bán, ít có tai hoạn, ít có đấu tranh, ít có oán ghét, nhưng lại làm điều tà hạnh, thì sẽ không được quả báo lớn, không được công đức lớn. Như vậy, này Ma-nạp, người xuất gia học đạo cũng lại như thế.

"Này Ma-nạp, người sống tại gia có tai hoạn lớn, có đấu tranh lớn, có oán ghét lớn, nhưng lại thực hành chánh hạnh, thì sẽ được quả báo lớn, được công đức lớn. Ví như người làm ruộng có tai hoạn lớn, có đấu tranh lớn, có oán ghét lớn, nhưng lại thực hành chánh hạnh, thì sẽ được quả báo lớn, được công đức lớn. Như vậy, này Ma-nạp, người sống tại gia cũng lại như thế.

"Này Ma-nạp, người xuất gia học đạo ít có tai hoạn, ít có đấu tranh, ít có oán ghét, nhưng lại thực hành chánh hạnh, thì được quả báo lớn, được công đức lớn. Ví như người buôn bán, ít có tai hoạn, ít có đấu tranh, ít có oán ghét, nhưng lại thực hành chánh hạnh, thì sẽ được quả báo lớn, được công đức lớn. Như vậy, này Ma-nạp, người xuất gia học đạo lại cũng như thế.

"Này Ma-nạp, Ta nói như vậy, nói về hai pháp ấy, phân biệt như vậy, hiển thị như vậy. Nhưng nếu có Sa-môn, Phạm chí nào có năng

---

11. Pāli: atthi māṇana kammaṭṭhānaṃ mahaṭṭhaṃ mahākiccaṃ mahādhikaraṇam mahāsamārambhaṃ vipajjamānaṃ appaphalaṃ hoti, có sự nghiệp cần nhiều kinh doanh nhiều việc phải làm, nhiều tác vụ, nhiều nỗ lực, nhưng không làm tốt, cho nên, kết quả nhỏ. Có lẽ, trong bản Pāli: mahākicca (nhiều nghĩa vụ), trong bản Hán đọc là mahācicha (nhiều khó nhọc, *đại tai hoạn*). Pāli: mahādhikaraṇa, có nghĩa: sự vụ hay tác vụ, cũng có nghĩa tranh chấp; bản Hán hiểu theo nghĩa thứ ha (*đại đấu tránh*). Pāli: samārambha, có hai nghĩa: nỗ lực (do gốc động từ *rabh*); hoặc gây tổn hại (do gốc động từ *radh*); bản Hán hiểu theo nghĩa sau (*đại tắng oán*).

lực, thâm nhập kiên cố, chấp chặt theo một chiều, vị ấy sẽ nói rằng, 'Đây là chân thật, ngoài ra là hư vọng.'"

Ma-nạp Anh Vũ thưa:

"Bạch Cù-đàm, các Phạm chí kia chủ trương có năm pháp có quả báo lớn, có công đức lớn, tạo phước, được thiện."

Đức Thế Tôn nói:

"Nếu các Phạm chí chủ trương có năm pháp có quả báo lớn, có công đức lớn, tạo phước được thiện; vậy nay ngươi có thể ở giữa đại chúng mà trình bày lại chăng?"

Ma-nạp Anh Vũ thưa:

"Bạch Cù-đàm, đối với con không có sự kiện không thể. Vì sao vậy? Vì Cù-đàm hiện đang ngồi ở giữa đại chúng này."

Đức Thế Tôn nói:

"Vậy ngươi hãy trình bày."

Ma-nạp Anh Vũ thưa:

"Bạch Cù-đàm, mong Ngài khéo nghe cho. Bạch Cù-đàm, Phạm chí chủ trương thứ nhất là pháp Chân đế, có quả báo lớn, có công đức lớn, tạo phước được thiện; pháp thứ hai là Tụng tập; pháp thứ ba là Nhiệt hành; pháp thứ tư là Khổ hạnh. Bạch Cù-đàm, Phạm chí chủ trương pháp thứ năm là Phạm hạnh[12] có quả báo lớn, có công đức lớn, tạo phước, được thiện."

Đức Thế Tôn nói:

"Nếu các Phạm chí chủ trương năm pháp này có quả báo lớn, có công đức lớn, tạo phước, được thiện; vậy trong số những Phạm chí ấy, có Phạm chí nào nói như thế này: 'Tôi đối với năm pháp này, ngay trong đời hiện tại, sau khi đã tự tri, tự giác, tự tác chứng, tôi nói lên kết quả của chúng.'?"

Ma-nạp Anh Vũ bạch Đức Thế Tôn:

"Bạch Cù-đàm, không có."

Thế Tôn nói:

"Có vị Tôn sư hay Tổ sư nào, cho đến bảy đời cha mẹ nói như

---

12. Năm pháp theo Pāli: saccam (sự thật), tapam (khổ hành), brahmacariyam (tiết dục hay phạm hạnh), ajjhenam (tụng đọc), cāga (thí xả). Bản Hán thay cāga (thí xả) bằng nhiệt hành.

thế này, 'Tôi đối với năm pháp này, ngay trong đời hiện tại, sau khi đã tự tri, tự giác, tự tác chứng, tôi nói lên kết quả của chúng.'?"

Ma-nạp Anh Vũ bạch Đức Thế Tôn:

"Bạch Cù-đàm, không có."

Bấy giờ Đức Thế Tôn hỏi:

"Này Ma-nạp, xưa kia có những Phạm chí tuổi thọ hết, mạng chung, đã tụng trì kinh thư, đã truyền bá kinh thư, đã tụng tập kinh điển: một là Dạ-tra, hai là Bà-ma, ba là Bà-ma-đề-bà, bốn là Tỳ-xa-mật-đa-la, năm là Dạ-bà-đà-kiền-ni, sáu là Ứng-nghi-la-bà, bảy là Bà-tư-tra, tám là Ca-diếp, chín là Bà-la-bà, mười là Bà-hòa[13]. Nay các Phạm chí đối với các kinh điển ấy tụng tập, thọ trì, học hỏi. Nhưng họ có nói như thế này: 'Tôi đối với năm pháp này, ngay trong đời hiện tại, sau khi đã tự tri, tự giác, tự tác chứng, tôi nói lên kết quả của chúng.'?"

Ma-nạp Anh Vũ bạch Đức Thế Tôn:

"Không có. Nhưng các Phạm chí ấy do tin mà thọ trì."

Đức Thế Tôn nói:

"Trong các Phạm chí, không có một Phạm chí nào nói như vầy, 'Tôi đối với năm pháp này, ngay trong đời hiện tại, sau khi đã tự tri, tự giác, tự tác chứng, tôi nói lên kết quả của chúng." Và cũng không có vị Tôn sư hay Tổ sư nào, cho đến bảy đời cha mẹ nói như thế này, 'Tôi đối với năm pháp này, ngay trong đời hiện tại, sau khi đã tự tri, tự giác, tự tác chứng, tôi nói lên kết quả của chúng.'

"Xưa kia có những Phạm chí tuổi thọ hết, mạng chung, đã tụng trì kinh thư, đã truyền bá kinh thư, đã tụng tập điển kinh: một là Dạ-tra, hai là Bà-ma, ba là Bà-ma-đề-bà, bốn là Tỳ-xa-mật-đa-la, năm là Dạ-bà-đà-kiền-ni, sáu là Ứng-nghi-la-bà, bảy là Bà-tư-tra, tám là Ca-diếp, chín là Bà-la-bà, mười là Bà-hòa. Nay các Phạm chí đối với các kinh điển ấy, tụng tập, thọ trì, học hỏi, nhưng họ không nói như vầy,

---

13. Danh sách mười đạo sĩ thời thượng cổ: Dạ-tra -]-\-ABà-ma -C—ABà-ma-đề-bà -C———C-ATỳ-xa-mật-đa-la-s——e-G—ADạ-bà-đà-kiền-ni -]-C————AỨng-nghi-la-bà ————C-ABà-tư-tra -C-p-\-ACa-diếp -{—ABà-la-bà -C——C-ABà-hòa -C 恕 -CDanh sách Pāli: Aṭṭhaka, Vāmaka, Vāmadeva, Vessāmitta, Yamataggi, Aṅgīrasa, Vāseṭṭha, Kassapa, Bhāradvājā.

'Tôi đối với năm pháp này, ngay trong đời hiện tại, sau khi đã tự tri, tự giác, tự tác chứng, tôi nói lên kết quả của chúng.' Thế thì này Ma-nạp, các Phạm chí ấy há không vì sự kiện này mà trong sự tin tưởng có thiếu căn bản chăng?"

Ma-nạp Anh Vũ bạch:

"Bạch Cù-đàm, thật sự không căn bản. Nhưng các Phạm chí nghe rồi thọ trì."

Đức Thế Tôn nói:

"Ví như một đám người mù dắt nhau, người trước không thấy người ở sau, cũng không thấy người ở giữa; người giữa không thấy người ở trước, cũng không thấy người ở sau; người ở sau không thấy người ở giữa, cũng không thấy người ở trước. Này Ma-nạp, Ta nói các Phạm chí cũng như vậy. Này Ma-nạp, trước ngươi nói là do tin, sau đó ngươi nói là do nghe."

Ma-nạp Anh Vũ liền tức giận Đức Thế Tôn, hằn học, không vui, phỉ báng Thế Tôn, chỉ trích Thế Tôn, mạ lỵ Thế Tôn, và nghĩ rằng, 'Cần phải phỉ báng Cù-đàm, cần phải chỉ trích Cù-đàm, cần phải hạ nhục Cù-đàm.' Liền nói với Đức Thế Tôn:

"Này Cù-đàm, có một Phạm chí tên là Phất-ca-sa-sa-la[14], thuộc chủng tánh thuần khiết, không gián đoạn[15], nói như thế này: 'Nếu có Sa-môn, Phạm chí nào cho rằng mình đã thấy, đã biết, đã chứng đắc pháp Thượng nhân[16]; sau khi nghe như vậy, Ta bèn cả cười, không thể chấp nhận được. Đó là sự láo khoét, không chân thật, không đúng như pháp. Làm sao con người sanh trong loài người mà tự nói là được pháp Thượng nhân? Nếu ai nói rằng: Tôi biết, tôi thấy pháp Thượng nhân, thì sự kiện ấy là không hợp lý."

Khi ấy, Đức Thế Tôn liền nghĩ như thế này: "Ma-nạp Anh Vũ, con ông Đô-đề phẫn nộ đối với Ta, hằn học, không vui, phỉ báng Ta,

---

14. Phất-ca-sa-sa-la ▬▬P▬P▬P▬▬F Pāli: Pokkarasāti Opamañño Subhagavaniko, (người Bà-la-môn tên là) Pokkharasāti Opamañño, sống trong rừng Subha.

15. Hán: tánh trực thanh tịnh hóa ▬m▬▬M▬b▬▬F chỉ thuộc một dòng họ Bà-la-môn thuần chủng, không lai tạp trong nhiều đời liên tục.

16. Nhân thượng pháp ▬H▬W▬k▬C Pāli: uttarimanussadhamma, pháp của con người siêu việt.

chỉ trích Ta, mạ lỵ Ta, nghĩ rằng: 'Cần phải phỉ báng Cù-đàm, cần phải chỉ trích Cù-đàm, cần phải hạ nhục Cù-đàm.' Liền nói với Đức Thế Tôn: 'Này Cù-đàm, có một Phạm chí tên là Phất-ca-sa-sa-la, thuộc chủng tánh thuộc chủng tánh thuần khiết, không gián đoạn, nói như thế này: 'Nếu có Sa-môn, Phạm chí nào cho rằng mình đã thấy, đã biết, đã chứng đắc pháp Thượng nhân; sau khi nghe như vậy, Ta bèn cả cười, không thể chấp nhận được. Đó là sự láo khoét, không chân thật, không đúng như pháp. Làm sao con người sanh trong loài người mà tự nói là được pháp Thượng nhân? Nếu ai nói rằng: Tôi biết, tôi thấy pháp Thượng nhân, thì sự kiện ấy là không hợp lý'."

Đức Thế Tôn biết thế nên nói:

"Này Ma-nạp, có phải Phạm chí tên là Phất-ca-sa-sa-la, thuộc chủng tánh thuần khiết, không gián đoạn, ông ấy biết điều mong nghĩ trong tâm của hết thảy Sa-môn, Phạm chí rồi mới nói như thế này: 'Nếu có Sa-môn, Phạm chí nào cho rằng mình đã thấy, đã biết, đã chứng đắc pháp Thượng nhân; sau khi nghe như vậy, Ta bèn cả cười, không thể chấp nhận được. Đó là sự láo khoét, không chân thật, không đúng như pháp. Làm sao con người sanh trong loài người mà tự nói là được pháp Thượng nhân? Nếu ai nói rằng: Tôi biết, tôi thấy pháp Thượng nhân, thì sự kiện ấy là không hợp lýchăng?'"

Ma-nạp Anh Vũ đáp:

"Bạch Cù-đàm, Phạm chí Phất-ca-sa-sa-la, thuộc chủng tánh thuần khiết, không gián đoạn, có một nữ tỳ tên là Bất-ni[17]. Nhưng đối với tâm niệm của nữ tỳ này, ông còn không thể biết, huống nữa là biết tâm tư của tất cả Sa-môn, Phạm chí! Nếu cho rằng ông ấy biết, thì sự kiện này không thể có."

Thế Tôn nói:

"Cũng như người sanh ra đã mù; người ấy nói như thế này, 'Không có màu đen, màu trắng, cũng không thấy màu đen, màu trắng; không có sắc tốt, sắc xấu, cũng không thấy sắc tốt, sắc xấu; không có sắc ngắn, sắc dài, cũng không thấy sắc ngắn, sắc dài; không có sắc gần, sắc xa, cũng không thấy sắc gần, sắc xa; không có sắc thô, sắc tế, cũng không thấy sắc thô, sắc tế; vì ta không bao giờ thấy, không bao

---

17. Bất-ni ——C Pāli: ?

giờ biết, cho nên nói không có màu sắc.' Người mù bẩm sinh kia nói như vậy là đúng sự thật chăng?"

Ma-nạp Anh Vũ bạch Đức Thế Tôn:

"Bạch Cù-đàm, không phải vậy. Vì sao? Vì có màu đen, màu trắng, cũng có người thấy màu đen, màu trắng; có sắc tốt, sắc xấu, cũng có người thấy sắc tốt, sắc xấu; có sắc ngắn, sắc dài, cũng có người thấy sắc ngắn, sắc dài; có sắc gần, sắc xa, cũng có người thấy sắc gần, sắc xa; có sắc thô, sắc tế, cũng có người thấy sắc thô, sắc tế. Nếu nói, 'Tôi không hề thấy, không hề biết, cho nên nói không có màu sắc,' thì người mù bẩm sinh nói như vậy là không đúng sự thật."

"Này Ma-nạp, Phạm chí Phất-ca-sa-sa-la, thuộc chủng tánh thuần khiết, không gián đoạn; lời nói của ông ấy có khác gì hạng người mù bẩm sinh, không có mắt kia chăng?"

Ma-nạp Anh Vũ bạch Đức Thế Tôn:

"Bạch Cù-đàm, như mù vậy."

Đức Thế Tôn nói:

"Này Ma-nạp, ý ngươi nghĩ sao? Nếu xưa kia có những Phạm chí, tuổi thọ hết, mạng chung, đã tụng trì kinh thư, đã truyền bá kinh thư, đã tụng tập điển kinh[18]; đó là các Phạm chí Thương-già, Phạm chí Sanh Văn, Phạm chí Phất-ca-sa-sa-la và Đô-đề, thân phụ ngươi[19]; những điều mà họ nói, được chấp nhận hay không được chấp nhận? Chân thật hay không chân thật? Có cao, có thấp chăng?"

Ma-nạp Anh Vũ bạch Đức Thế Tôn:

"Nếu xưa kia có những Phạm chí, tuổi thọ hết, mạng chung, đã tụng trì kinh thư, đã truyền bá kinh thư, đã tụng tập điển kinh, đó là các Phạm chí Thương gia, Phạm chí Sanh Văn, Phạm chí Phất-ca-sa-sa-la và Đô-đề, thân phụ con; những điều được nói ấy; thì theo ý con, họ mong được chấp nhận, không mong không được chấp nhận; mong là chân thật, không mong không phải là chân thật; mong là sự cao thượng, không mong là sự thấp hèn."

Bấy giờ Đức Thế Tôn hỏi:

---

18. Pāli: Kosalakā brahmaṇa-mahāsārā, các Bà-la-môn phú hào ở Kosala.

19. Các Bà-la-môn Thương-già ——A Sanh Văn —-D-A Phất-ca-sa-sa-la —-P-P-P— và Đô-đề ——F Pāli: Caṅki, Jānussoṇi, Pokkharasāti, Todeyya.

"Này Ma-nạp, Phạm chí Phất-ca-sa-sa-la, thuộc chủng tánh thuần khiết, không gián đoạn; điều mà ông ấy nói, há không phải là không được chấp nhận, không có sự được chấp nhận? Là không chân thật, không có sự chân thật? Há không phải là rất thấp hèn, không có cái gì cao?"

Ma-nạp Anh Vũ thưa Đức Thế Tôn:

"Thật vậy, bạch Cù-đàm."

"Lại nữa, này Ma-nạp, có năm pháp gây chướng ngại, gây che lấp, làm cho mù, không có mắt, có thể diệt mất trí tuệ, gây ra sự nhọc nhằn vô ích, không chứng đắc Niết-bàn. Những gì là năm? Này Ma-nạp, pháp thứ nhất là dục, gây chướng ngại, gây che lấp, làm cho mù, không có mắt, có thể diệt mất trí tuệ, gây ra sự nhọc nhằn vô ích, không chứng đắc Niết-bàn. Này Ma-nạp, sân nhuế, thân kiến, giới thủ và thứ năm là nghi, gây chướng ngại, gây che lấp làm cho mù, không có mắt, có thể diệt mất trí tuệ, gây ra sự nhọc nhằn vô ích, không chứng đắc Niết-bàn[20].

"Này Ma-nạp, ý ngươi nghĩ sao? Ai bị năm pháp này làm chướng ngại, che lấp, quấn chặt, người ấy nếu muốn quan sát ý nghĩa lợi ích của mình, ý nghĩa lợi ích của người khác, ý nghĩa lợi ích của cả hai, và biết tất cả Sa-môn, Phạm chí nghĩ gì trong tâm; sự kiện ấy không thể có.

"Này Ma-nạp, Phạm chí Phất-ca-sa-sa-la, thuộc chủng tánh thuần khiết, không gián đoạn, bị nhiễm bởi dục, bị ô uế bởi dục, nhiễm dục, xúc dục, say đắm nơi dục, vào trong dục mà không thấy tai hoạn, không biết sự xuất yếu và sống theo dục; vị ấy bị năm pháp này chướng ngại, che lấp, quấn chặt; vị ấy nếu muốn quán sát ý nghĩa lợi ích của mình, ý nghĩa lợi ích của người khác, ý nghĩa lợi ích của cả hai, và biết tất cả Sa-môn, Phạm chí nghĩ gì trong tâm; sự kiện ấy không thể có.

"Lại nữa, này Ma-nạp, có năm công đức của dục, khả ái, khả

---

20. Năm pháp chướng ngại, bản Hán: dục, nhuế, thân kiến, giới thủ kiến và nghi. Trong bản Pāli, pañca nīvaraṇā (năm triền cái): kāmacchanda (dục vọng), vyāpāda (sân hận), thīnamiddha (hôn trầm), uddhaccakukkucca (trạo cử), vicikicchā (nghi).

niệm, khả ý, khả lạc, có khát ái liên hệ sắc dục, rất đáng ham muốn. Những gì là năm? Là sắc được thấy bởi mắt, tiếng được nghe bởi tai, hương được ngửi bởi mũi, vị được nếm bởi lưỡi, xúc được biết bởi thân. Này Ma-nạp, ý ngươi nghĩ sao? Chúng sanh do năm công đức của dục này cho nên phát sanh lạc, phát sanh hỷ, chẳng còn có điều gì ở ngoài đây chăng?"

Ma-nạp Anh Vũ bạch Thế Tôn:

"Quả như vậy, bạch Cù-đàm."

Thế Tôn hỏi:

"Này Ma-nạp, ý ngươi nghĩ sao? Lửa do cỏ, cây được đốt cháy, và lửa không do cỏ, cây mà được đốt cháy; thứ lửa nào có ngọn sáng tối thượng, tối diệu, tối thắng?"

Ma-nạp Anh Vũ thưa:

"Bạch Cù-đàm, lửa không do cỏ, cây mà được đốt cháy; sự kiện này không thể có. Chỉ có thể có do sức mạnh của Như ý túc. Bạch Cù-đàm, lửa không do cỏ, cây mà được đốt cháy; lửa ấy có ngọn sáng tối thượng, tối diệu, tối thắng."

Thế Tôn nói:

"Quả như vậy, quả như vậy! Nếu lửa không do cỏ, cây mà được đốt cháy sự kiện này không thể có. Chỉ có do sức mạnh của như ý túc, lửa không do cỏ cây mà được đốt cháy; thứ lửa ấy có ngọn sáng tối thượng, tối diệu, tối thắng.

"Này Ma-nạp, ở đây Ta giả thiết rằng, cũng như thứ lửa do cỏ cây mà được đốt cháy, sự phát sanh hỷ lạc của chúng sanh cũng vậy, là do dục, do pháp ác, bất thiện, không đạt được lạc do xả và tịch tĩnh. Này Ma-nạp, cũng như thứ lửa không do cỏ, cây mà được đốt cháy; sự phát sanh xả lạc của chúng sanh cũng vậy, là do ly dục, từ các pháp thiện, không đạt được lạc do xả và tịch tĩnh."

Thế Tôn lại nói:

"Này Ma-nạp, ở đây, một Phạm chí lễ trai tự, hành bố thí, nhưng có một đồng tử Sát-lợi từ phương Đông đến nói như vầy, 'Ta ở trong đây được chỗ ngồi bậc nhất, nước rửa bậc nhất, ăn uống bậc nhất.' Nhưng vì ở đó không được chỗ ngồi bậc nhất, nước rửa bậc nhất, nó bèn sanh oán hận, ôm lòng ganh ghét. Hoặc từ phương Nam có đồng tử Phạm chí đến, nói như vầy, 'Ta ở trong đây được thức ăn tịnh diệu.'

Nhưng ở đó không được thức ăn tịnh diệu, nó bèn sanh oán hận, ôm lòng ganh ghét. Hoặc từ phương Tây có đồng tử Cư sĩ đến nói như vầy, 'Ta ở trong đây được thức ăn dồi dào.' Nhưng ở đó không được thức ăn dồi dào, nó bèn sanh oán hận, ôm lòng ganh ghét. Hoặc từ phương Bắc có đồng tử Công sư đến nói như vầy, 'Ta ở trong đây ăn no đủ.' Nhưng ở đó không được ăn no đủ, nó bèn sanh oán hận, ôm lòng ganh ghét. Này Ma-nạp, các vị Phạm chí ấy thực hành sự bố thí như vậy, sẽ giả thiết những báo ứng nào?"

Ma-nạp Anh Vũ thưa:

"Bạch Cù-đàm, Phạm chí không thực hành bố thí với tâm như vậy, khiến người khác oán hận, ôm lòng ganh ghét. Cù-đàm nên biết, Phạm chí hành sự bố thí vì do tâm thương xót; do tâm thương xót mà hành sự bố thí thì được đại phước."

Đức Thế Tôn nói:

"Này Ma-nạp, các Phạm chí há không phải chủ trương pháp thứ sáu có quả báo lớn, có công đức lớn, tạo phước, được thiện chăng?"

Ma-nạp Anh Vũ đáp:

"Quả như vậy, bạch Cù-đàm."

Đức Thế Tôn hỏi:

"Này Ma-nạp, nếu có Phạm chí chủ trương năm pháp có quả báo lớn, có công đức lớn, tạo phước, được thiện; thì ngươi thấy pháp ấy phần nhiều ở tại đâu? Tại gia chăng? Xuất gia học đạo chăng?"

Ma-nạp Anh Vũ đáp:

"Bạch Cù-đàm, nếu có Phạm chí chủ trương năm pháp có quả báo lớn, có công đức lớn, tạo phước, được thiện; thì con thấy pháp ấy phần nhiều ở sự xuất gia học đạo, chứ không phải ở tại gia. Vì sao? Vì tại gia có nhiều công việc, có nhiều bổn phận phải làm, có nhiều kết hận, có nhiều ganh ghét đấu tranh, không có thể thành tựu sự thủ hộ, sự thành thật. Bạch Cù-đàm, người xuất gia học đạo ít công việc, ít bổn phận phải làm, ít có kết hận, ít có ganh ghét, nên có thể thành tựu sự thủ hộ, sự thành thật.

"Bạch Cù-đàm, sự thành thật ấy con thấy phần nhiều ở xuất gia học đạo, chứ không phải ở tại gia. Vì sao? Vì tại gia có nhiều công việc, nhiều bổn phận phải làm, có nhiều kết hận, có nhiều ganh ghét, đấu tranh, không được hành sự bố thí, không được tụng tập, không

được hành khổ hạnh, không được sống Phạm hạnh. Bạch Cù-đàm, người xuất gia học đạo ít có công việc, ít có bổn phận phải làm, ít có kết hận, ít có ganh ghét, vị ấy có thể hành sự bố thí, có thể tụng tập, có thể hành khổ hạnh, có thể sống Phạm hạnh.

"Bạch Cù-đàm, Người sống Phạm hạnh, con thấy pháp phần nhiều ở xuất gia học đạo chứ không phải ở tại gia."

Đức Thế Tôn nói:

"Này Ma-nạp, nếu có Phạm chí chủ trương năm pháp có quả báo lớn, có công đức lớn, tạo phước, được thiện, Ta nói sự kiện ấy từ tâm mà khởi. Thế nào gọi là từ tâm mà khởi? Nếu tâm không kết, không oán không sân nhuế, không tranh chấp là do tu tập những pháp ấy.

"Này Ma-nạp, ý ngươi nghĩ sao? Nếu có Tỳ-kheo thủ hộ thành thật, thì vị ấy do thủ hộ thành thật cho nên được hỷ, được duyệt. Này Ma-nạp, nếu có hỷ và duyệt tương ưng với thiện, Ta nói sự kiện đó từ tâm mà khởi. Thế nào gọi là từ tâm mà khởi? Nếu tâm không kết, không oán, không sân nhuế, không tranh chấp, là do tu tập những pháp ấy. Như vậy, vị ấy, được hành sự bố thí, được sự tụng tập, được sự hành khổ hạnh, được sống Phạm hạnh. Vị ấy do sống Phạm hạnh cho nên được hỷ, được duyệt.

"Này Ma-nạp, nếu có hỷ và duyệt tương ưng với thiện, Ta nói sự kiện ấy từ tâm mà khởi. Thế nào gọi là từ tâm mà khởi? Nếu tâm không kết, không oán, không sân nhuế, không tranh chấp, tâm ấy đi đôi với từ, biến mãn một phương, thành tựu an trụ; cũng vậy, hai, ba, bốn phương, tứ duy, trên dưới, bao trùm tất cả, tâm đi đôi với từ, không kết, không oán, không sân nhuế, không tranh chấp, rất rộng, rất lớn, vô lượng, khéo tu tập, biến mãn tất cả thế gian, thành tựu an trụ; cũng vậy, với bi và hỷ. Tâm đi đôi với xả, không kết, không oán, không sân nhuế, không tranh chấp, rất rộng, rất lớn, vô lượng, khéo tu tập, biến mãn tất cả thế gian, thành tựu an trụ.

"Này Ma-nạp, cũng như có người khéo thổi tù và. Nếu có phương nào chưa nghe được, người ấy vào lúc nửa đêm, leo lên núi cao, đem hết sức thổi tù và, phát ra âm thanh vi diệu, biến mãn cả bốn phương; cũng vậy, Tỳ-kheo tâm đi đôi với từ, biến mãn một phương, thành tựu an trụ; cũng vậy, hai, ba, bốn phương, tứ duy, trên dưới, bao trùm tất cả, tâm đi đôi với từ, không kết, không oán, không sân nhuế,

không tranh chấp, rất rộng, rất lớn, vô lượng, khéo tu tập, biến mãn cả thế gian, thành tựu an trụ; cũng vậy với bi và hỷ. Tâm đi đôi với xả, không kết, không oán, không sân nhuế, không tranh chấp, rất rộng, rất lớn, vô lượng, khéo tu tập, biến mãn tất cả thế gian, thành tựu an trụ.

"Này Ma-nạp, ý ngươi nghĩ sao? Ở đây, có người cầu làm Trời. Vì để sanh lên trời, nên người ấy thực hành tâm tương ưng với tham lam, và nghĩ rằng, 'Mong ta làm vị Trời này, hay vị Trời khác.' Lại có người cầu làm Trời; vì để sanh lên trời, nên không kết, không oán, không sân nhuế, không tranh chấp, rất rộng, rất lớn, vô lượng, khéo tu tập, tâm định, ý xác quyết, biến mãn, thành tựu an trụ, và nghĩ rằng. 'Mong ta làm vị Trời này, hay vị Trời khác.' Ngươi xem các người đó, ai được làm vị Trời này hay vị Trời khác?"

Ma-nạp Anh Vũ đáp:

"Bạch Cù-đàm, nếu có người cầu làm Trời; vì để sanh lên trời, nên không kết, không oán, không sân nhuế, không tranh chấp, rất rộng, rất lớn, vô lượng, khéo tu tập, tâm định, ý xác quyết, biến thành tựu an trụ, con xem người ấy chắc chắn được làm vị Trời này hay vị Trời khác."

Thế Tôn hỏi:

"Này Ma-nạp, ý ngươi nghĩ sao? Nếu có người cầu Phạm thiên. Vì để sanh lên Phạm thiên, nên thực hành tâm tương ưng với tham lam, và nghĩ rằng, 'Mong ta làm vị Phạm thiên này, hay vị Phạm thiên khác.' Ở đây, lại có người cầu Phạm thiên. Vì để sanh lên Phạm thiên, nên không kết, không oán, không sân nhuế, không tranh chấp, rất rộng, rất lớn, vô lượng, khéo tu tập, tâm định, ý xác quyết, biến mãn, thành tựu an trụ, và nghĩ rằng, 'Mong ta làm vị Phạm thiên này hay vị Phạm thiên khác.' Ngươi xem các người đó, ai được làm Phạm thiên này, hay Phạm thiên khác?"

Ma-nạp Anh Vũ đáp:

"Bạch Cù-đàm, nếu người này cầu Phạm thiên, vì để sanh lên Phạm thiên, nên không kết, không oán, không sân nhuế, không tranh chấp, rất rộng, rất lớn, vô lượng, khéo tu tập, tâm định, ý xác quyết, con thấy rằng, người này chắc chắn được làm vị Phạm thiên này, hay vị Phạm thiên khác."

Ma-nạp Anh Vũ lại hỏi:

"Cù-đàm biết con đường dẫn đến Phạm thiên[21] chăng?"

Đức Thế Tôn nói:

"Này Ma-nạp, nay Ta hỏi ngươi, hãy tùy theo sự hiểu biết mà trả lời. Này Ma-nạp, ý ngươi nghĩ sao? Thôn Na-la-ca-la[22] cách chúng hội này không xa chăng?"

Ma-nạp AnhVõ đáp:

"Không xa."

Thế Tôn nói:

"Này Ma-nạp, ý ngươi nghĩ sao? Ngươi nói với một người trong chúng hội này rằng: 'Ông hãy đến thôn Na-la-ca-la kia. Đến đó rồi quay về.' Người ấy vâng lời ngươi, nhanh chóng đi đến thôn Na-la-ca-la; đến đó rồi trở về. Sau khi người ấy đi và về rồi, ngươi hỏi đường đi, hỏi sự việc đi và về, ra và vào nơi thôn Na-la-ca-la, người ấy há lại đứng im, không thể trả lời chăng?"

Ma-nạp Anh Vũ trả lời Đức Thế Tôn:

"Không vậy, bạch Cù-đàm."

Đức Thế Tôn nói:

"Này Ma-nạp, người ấy đi và về nơi thôn Na-la-ca-la, khi được hỏi về đường đi, có thể đứng im, không biết trả lời. Nhưng nếu hỏi Như Lai, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác về con đường dẫn đến Phạm thiên thì hoàn toàn không có sự kiện giây lát im lặng, không biết trả lời."

Ma-nạp Anh Vũ bạch Thế Tôn:

"Sa-môn Cù-đàm không chấp trước nơi sự tế tự chư Thiên; sự kiện ấy đã trọn đủ. Bởi vì khi được hỏi về con đường dẫn đến Phạm thiên thì Ngài có thể trả lời nhanh chóng.

"Bạch Thế Tôn, con đã hiểu. Bạch Thiện Thệ, con đã rõ. Nay con xin tự quy y Phật, Pháp và Tỳ-kheo Tăng. Mong Thế Tôn nhận con làm Ưu-bà-tắc, kể từ hôm nay quy y cho đến lúc mạng chung."

Đức Phật thuyết như vậy, Ma-nạp Anh Vũ sau khi nghe Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---

21. Hán: Phạm đạo tích ——D——C Pāli: brahmānaṃ sahavyatāya maggaṃ, con đường dẫn đến cộng trú với Phạm thiên.

22. Na-la-ca-la thôn ————{ ——C Pāli: Naḷakāra, thôn phụ cận Xá-vệ.

❑

153. KINH MAN-NHÀN-ĐỀ[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật du hóa tại Câu-lâu-sấu, trú ở tịnh thất đệ nhất[2] của Bà-la-bà[3] trên một đệm cỏ.

Bấy giờ vào lúc sáng sớm, Đức Thế Tôn mang y, cầm bát vào Kiếm-ma-sắt-đàm, tuần tự khất thực. Sau buổi cơm trưa, thu dọn y bát, rửa tay chân, Ngài vắt tọa cụ lên vai đi đến chỗ nghỉ ban ngày tại một khu rừng. Khi đã vào rừng, Đức Thế Tôn đến dưới một gốc cây, trải tọa cụ và ngồi kiết già.

Lúc ấy vào buổi xế trưa, dị học Man-nhàn-đề[4] thong dong, tản bộ đến Đệ nhất tịnh thất của Bà-la-bà. Từ xa dị học Man-nhàn-đề thấy trên sàn rải cỏ ở tịnh thất ấy có dấu nằm một bên hông, như chỗ nằm của sư tử, của Sa-môn, của bậc Phạm hạnh. Trông thấy vậy, dị học Man-nhàn-đề hỏi Bà-la-bà:

"Trong Đệ nhất tịnh thất ấy, sàn cỏ có dấu nằm một bên hông này của ai mà giống như chỗ nằm của sư tử, của Sa-môn, của bậc Phạm hạnh như thế?"

Phạm chí Bà-la-bà đáp:

"Này Man-nhàn-đề, có Sa-môn Cù-đàm con dòng họ Thích, từ bỏ Thích tộc, cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo, đắc quả Vô thượng Chánh đẳng giác. Ở trong tịnh thất đó, sàn cỏ có dấu nằm một bên hông đó, như chỗ nằm của sư tử, của Sa-môn, của bậc Phạm hạnh chính là của Sa-môn Cù-đàm."

Dị học Man-nhàn-đề nói:

"Này Bà-la-bà, tôi nay phải thấy cảnh không đáng thấy, phải nghe theo điều không đáng nghe; nghĩa là phải thấy chỗ nằm của Sa-môn Cù-đàm. Vì sao? Vì Sa-môn Cù-đàm ấy là kẻ phá hoại[5]. Kẻ phá hoại là kẻ vô dụng.

---

1. Các bản Hán đều in là ***Tu*** *nhàn đề* ——~—. Nhầm tự dạng *tu*— và *man* —C Pāli: M.75. Māgandiyasuttaṃ.
2. Đệ nhất tịnh thất. Pāli: agyāgāra, ngôi nhà thờ lửa. Bản Hán đọc là agra: đệ nhất, thay vì agya (aggi-agāra), lửa.
3. Bà-la-bà -C——C-F Pāli: Bhāradvāja.
4. Man-nhàn-đề dị học —閑————C Pāli: Māgandiya-paribbājaka, du sĩ Māgandiya.
5. Hán: bại hoại địa ——a-a-C Pāli: bhūnahuno: kẻ phá hoại mầm sống; Sớ giải: bhūnahuno ti hatavaḍḍhino mariyādakārakassa, "bhūnahuno (kẻ phá hoại mầm sống), là người phá hoại sự thịnh

Bà-la-bà nói:

"Này Man-nhàn-đề, ông không nên đem điều đó mà phỉ báng Sa-môn Cù-đàm. Vì sao? Vì Sa-môn Cù-đàm có nhiều trí tuệ, Sát-lợi trí tuệ, Phạm chí trí tuệ, Cư sĩ trí tuệ, Sa-môn trí tuệ. Ai giảng thuyết về trí tuệ thảy đều đắc Thánh trí[6]. Này Man-nhàn-đề, tôi muốn đem ý nghĩa đó mà nói với Sa-môn Cù-đàm có được chăng?"

Man-nhàn-đề đáp:

"Này Bà-la-bà, tùy ý ông. Tôi thấy không gì trở ngại. Này Bà-la-bà, nếu gặp Sa-môn Cù-đàm, tôi cũng nói như thế. Vì sao? Vì Sa-môn Cù-đàm là kẻ phá hoại. Kẻ phá hoại là kẻ vô dụng."

Bấy giờ Đức Thế Tôn ở chỗ nghỉ trưa với thiên nhĩ thanh tịnh, vượt hẳn người thường, nghe Phạm chí Bà-la-bà cùng dị học Man-nhàn-đề đang bàn luận chuyện ấy. Nghe xong, vào lúc xế chiều, Thế Tôn từ chỗ tĩnh tọa đứng dậy, đi đến Đệ nhất tịnh thất của Bà-la-bà, trải tọa cụ lên đệm cỏ, rồi ngồi kiết già. Phạm chí Bà-la-bà từ xa trông thấy Thế Tôn ở giữa rừng cây, trang nghiêm, đẹp đẽ, như vầng trăng giữa vòm trời sao, chói lọi rạng ngời, tỏa chiếu như núi vàng, đầy đủ tướng tốt, oai thần uy nghi, các căn vắng lặng, không bị chướng ngại, thành tựu điều ngự, nội tâm tĩnh chỉ, tịnh mặc. Sau khi trông thấy, Phạm chí ấy đi đến chỗ Thế Tôn, chào hỏi nhau rồi ngồi qua một bên.

Đức Thế Tôn hỏi:

"Này Bà-la-bà, ông đã cùng với Man-nhàn-đề bàn luận về chỗ đệm cỏ này phải chăng?"

Phạm chí Bà-la-bà đáp:

"Đúng như vậy, bạch Cù-đàm. Con cũng định đem chuyện đó thưa với Cù-đàm, nhưng chưa nói kịp mà Cù-đàm đã biết. Vì sao? Vì Như Lai là Bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác."

Đức Thế Tôn và Phạm chí Bà-la-bà cùng nhau thảo luận về vấn đề này. Sau đó, dị học Man-nhàn-đề tản bộ đến Đệ nhất tịnh thất ấy. Từ xa, Đức Thế Tôn trông thấy dị học Man-nhàn-đề đến, liền bảo:

"Này Man-nhàn-đề, không chế ngự nhãn căn, không thủ hộ kín đáo, không tu, thì chắc chắn thọ khổ báo. Đối với nhãn căn ấy, Cù-đàm khéo chế ngự, khéo thủ hộ kín đáo, khéo tu, nên chắc chắn được lạc báo. Này Man-nhàn-đề, có phải vì nhân ấy mà ông bảo rằng, 'Sa-môn Cù-đàm là kẻ phá hoại. Kẻ phá hoại là kẻ vô dụng'?"

Man-nhàn-đề trả lời:

"Đúng như vậy, Cù-đàm."

"Này Man-nhàn-đề, cũng vậy, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý căn; nếu không chế ngự ý căn, không thủ hộ kín đáo, không khéo tu, thì chắc chắn thọ khổ báo. Đối với ý căn ấy, Cù-đàm khéo chế ngự, khéo thủ hộ kín đáo, khéo tu, nên chắc chắn được lạc báo. Này Man-nhàn-đề, có phải vì nhân đó mà ông bảo rằng, 'Sa-môn Cù-đàm là kẻ phá hoại. Kẻ phá hoại là kẻ vô dụng'?"

Man-nhàn-đề đáp:

"Đúng như vậy, Cù-đàm."

Đức Thế Tôn hỏi:

---

vượng (của thế gian), đặt ra các quy tắc nghiêm khắc".

6. Pāli: bahū hi tassa bhoto gotamassa khattiyapaṇḍitāpi brāhamanapaṇḍitāpi... abhippassannā vinītā ariye ñāye dhamme kusale ti, "Sa-môn Cù-đàm kia được nhiều nhà thông thái thuộc Sát-đế-lị, Bà-la-môn... trọng vọng; họ được hướng dẫn vào trong Thánh đạo, trong pháp thiện".

"Này Man-nhàn-đề, ông nghĩ thế nào? Người khi chưa xuất gia học đạo, với con mắt, vị ấy biết sắc khả ái, khả niệm, khả ý, khả lạc, tương ưng với dục. Một thời gian sau, vị ấy xả bỏ sắc được biết bởi mắt, cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo. Vị ấy thấy, biết đúng như thật về sự tập khởi của sắc được biết bởi mắt, sự đoạn diệt, vị ngọt, tai họa, sự xuất yếu của sắc ấy, an trú với nội tâm tịch tĩnh. Vị ấy thấy những người chưa ly sắc dục, bị sự ham muốn sắc nhai nuốt, bị hơi nóng của sắc thiêu đốt; đối với sắc, được biết bởi mắt khả ái, khả niệm, khả ý, khả lạc, tương ưng với dục, sau khi an trụ mà thấy như vậy, vị ấy không thỏa mãn, không ham thích. Này Man-nhàn-đề, ông nghĩ thế nào? Nếu có lạc thú do sắc, do ái, do sắc mà hoan lạc trong lạc thú này, vì chúng thấp hèn, cho nên không thỏa mãn chúng, vì chúng thấp hèn cho nên không ham thích chúng. Này Man-nhàn-đề, đối với người này, ông có nói gì chăng?"

"Dạ không, thưa Cù-đàm."

"Này Man-nhàn-đề, ông nghĩ thế nào? Người khi chưa xuất gia cũng vậy đối với tiếng được biết bởi tai, hương được biết bởi mũi, vị được biết bởi lưỡi, xúc được biết bởi thân, khả ái, khả niệm, khả ý, khả lạc tương ưng với dục. Một thời gian sau, vị ấy xả bỏ xúc được biết bởi thân, cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo; vị ấy biết và thấy như thật về sự tập khởi của xúc, sự đoạn diệt, vị ngọt, tai hoạn, sự xuất yếu của xúc, an trú nơi nội tâm tịch tĩnh; vị ấy thấy những người chưa ly xúc, dục, bị sự ham muốn xúc nhai nuốt, bị hơi nóng của xúc thiêu đốt; đối với xúc được biết bởi thân khả ái, khả niệm, khả ý, khả lạc, tương ưng với dục; sau khi an trụ mà thấy như vậy, vị ấy không thỏa mãn, không ham thích chúng. Này Man-nhàn-đề, ông nghĩ thế nào, nếu có lạc thú do ái, do xúc này, thì khi hoan lạc trong lạc thú này, vì chúng thấp hèn cho nên không ham thích chúng. Này Man-nhàn-đề đối với người này, ông có nói gì chăng?"

"Dạ không, thưa Cù-đàm."

Đức Thế Tôn bảo:

"Này Man-nhàn-đề, ông nghĩ thế nào? Người khi chưa xuất gia học đạo, thấy năm công đức của dục khả ái, khả niệm, khả ý, khả lạc tương ưng với dục. Một thời gian sau, người ấy xả bỏ năm công đức của dục, cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo, thấy như thật về sự tập khởi của năm công đức của dục, sự đoạn diệt, vị ngọt, tai họa, sự xuất yếu của năm công đức của dục, an trú với nội tâm tịch tĩnh. Vị ấy thấy những người chưa ly dục, bị ham muốn dục nhai nuốt, bị hơi nóng của dục thiêu đốt; đối với năm công đức của dục khả ái, khả niệm, khả ý, khả lạc, tương ưng với dục, sau khi an trụ mà thấy như vậy, vị ấy không thỏa mãn, không ham thích chúng. Này Man-nhàn-đề, ông nghĩ thế nào? Nếu có lạc thú do dục, do dục ái này, khi hoan lạc trong lạc thú này, vì chúng thấp hèn cho nên không thỏa mãn chúng, vì chúng thấp hèn cho nên không ham thích chúng. Này Man-nhàn-đề, đối với người này, ông có nói gì chăng?"

"Dạ không, thưa Cù-đàm."

"Này Man-nhàn-đề, Ta khi chưa xuất gia học đạo, hưởng thụ năm công đức của dục, dễ được, không khó, khả ái, khả niệm, khả ý, khã lạc, tương ưng với dục. Sau đó Ta xả bỏ năm công đức của dục, cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo. Ta thấy như thật về sự tập khởi của năm cong đức của dục, sự đoạn diệt, vị ngọt, tai hoạn và xuất yếu của năm công đức của dục, an trú với nội tâm tịch

tĩnh. Ta thấy những người chưa ly dục, bị ham muốn dục nhai nuốt, bị hơi nóng của dục thiêu đốt; đối với năm công đức của dục khả ái, khả niệm, khả ý, khả lạc, tương ưng với dục, sau khi an trụ mà thấy như vậy, Ta không thỏa mãn chúng, không ham thích chúng. Này Man-nhàn-đề, ông nghĩ thế nào? Nếu có lạc thú do dục, do dục ái này, khi hoan lạc trong lạc thú này, vì chúng thấp hèn nên Ta không thỏa mãn chúng, vì chúng thấp hèn cho nên Ta không ham thích chúng. Này Man-nhàn-đề, đối với Ta, ông có nói gì chăng?"

"Dạ không, thưa Cù-đàm."

Đức Thế Tôn bảo:

"Này Man-nhàn-đề, cũng như cư sĩ, hay con của cư sĩ, rất giàu, của cải vô lượng, nuôi nhiều súc vật, phong hộ, thực ấp đầy đủ các thứ cần cho sự sống; người ấy hưởng năm công đức của dục, dễ được không khó, lại thành tựu thân diệu hành, khẩu và ý diệu hành; lúc chết, không muốn xả bỏ năm công đức của dục; sau khi thân hoại mạng chung, đi đến chỗ thiện; sanh lên cõi trời, hưởng đầy đủ năm công đức của dục. Này Man-nhàn-đề, Thiên vương hoặc Thiên tử ấy có thể xả bỏ năm công đức của dục ở cõi trời mà hoan hỷ hướng đến dục lạc ở nhân gian chăng?"

Man-nhàn-đề đáp:

"Dạ không, thứ Cù-đàm. Vì sao? Vì dục lạc ở nhân gian vốn xú uế, bất tịnh, rất đáng ghê tởm, không thể tưởng tới, vốn não hại, cực khổ. Thưa Cù-đàm, so với dục lạc ở thế gian, dục lạc cõi Trời là tối diệu, tối thắng. Thiên vương hay Thiên tử xả bỏ năm công đức của dục ở cõi trời mà hoan hỷ tưởng đến dục lạc ở thế gian; điều đó không thể xảy ra được."

"Cũng vậy, này Man-nhàn-đề, Ta đoạn tuyệt dục lạc nhân gian, vượt khỏi dục lạc cõi trời, cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo, thấy như thật về sự tập khởi của năm công đức của dục ấy, sự đoạn diệt, vị ngọt, tai họa, cùng sự xuất yếu của chúng, an trú với nội tâm tịch tĩnh. Ta thấy những người chưa ly dục, bị ham muốn dục nhai nuốt, bị hơi nóng của dục thiêu đốt; đối với năm công đức dục khả ái, khả niệm, khả ý, khả lạc, tương ưng với dục, sau khi an trụ, thấy như vậy, Ta không thỏa mãn chúng, Ta không ham thích chúng. Này Man-nhàn-đề, ý ông nghĩ sao, nếu có lạc thú do dục, do dục ái này, trong khi hoan lạc trong lạc thú này, vì chúng thấp hèn cho nên Ta không thỏa mãn chúng; vì chúng thấp hèn cho nên Ta không ham thích chúng. Này Man-nhàn-đề, đối với Ta, ông có nói gì chăng?"

"Dạ không, thưa Cù-đàm."

"Này Man-nhàn-đề, cũng như người bị bệnh cùi, thân thể lở lói, bị trùng đục khoét. Người ấy gãi, cào rách các mụt ghẻ, hơ lên bếp lửa. Này Man-nhàn-đề, ông nghĩ thế nào? Nếu người bị bệnh cùi thân thể lở lói, bị trùng đục khoét mà lấy tay gãi các mụt, cào rách, rồi hơ lên bếp lửa, như vậy liệu trừ bệnh có kết quả, không làm hại các căn, thoát khỏi cùi hủi, thân thể khỏe mạnh, hoàn toàn bình phục như cũ được chăng?"

Man-nhàn-đề đáp:

"Dạ không, thưa Cù-đàm. Vì sao? Vì người mắc bệnh cùi, thân thể lở lói, bị trùng đục khoét mà lấy tay gãi, cào rách các mụt, hơ trên bếp lửa, như vậy chỉ làm cho các mụt lở lói hơn trước mà thôi, nhưng bệnh nhân thì lại lấy ghẻ cùi làm sự thích thú."

"Này Man-nhàn-đề, cũng như người mắc bệnh cùi, thân thể lở lói, bị trùng đục khoét mà lấy tay gãi, cào rách các mụt rồi hơ lên bếp lửa, như vậy chỉ làm cho các mụt lở lói hơn trước mà thôi, nhưng bệnh nhân thì lại lấy ghẻ cùi làm sự thích thú. Này Man-nhàn-đề, cũng như thế, chúng sanh chưa ly dục, bị ham muốn dục nhai nuốt, bị hơi nóng của dục thiêu đốt, mà cứ chạy theo dục. Này Man-nhàn-đề, chúng sanh ấy, vì chưa ly dục, bị ham muốn dục nhai nuốt, bị hơi nóng của dục thiêu đốt, mà cứ chạy theo dục, thì chỉ làm cho dục tăng trưởng, làm cho ái bành trướng thêm mà thôi; nhưng chúng sanh ấy thì lại lấy ái dục làm sự khoái lạc. Nếu chúng sanh đó không đoạn dục, không ly dục ái mà đã an trụ, sẽ an trụ hay đang an trụ với nội tâm tịch tĩnh, thì điều đó không thể xảy ra. Vì sao? Vì đó không phải là đạo lý để đoạn dục, để ly dục ái, mà là chạy theo dục.

"Này Man-nhàn-đề, cũng như vua và đại thần hưởng năm công đức của dục, dễ được, không khó. Nếu các vị ấy không đoạn dục, không lý dục ái mà đã an trụ hay đang an trụ với nội tâm tịch tĩnh, thì điều đó không thể có được. Vì sao? Vì đó không phải là đạo lý để đoạn dục, để ly dục ái mà là chạy theo dục. Cũng vậy, này Man-nhàn-đề, chúng sanh chưa ly dục, bị ham muốn dục nhai nuốt, bị hơi nóng của dục thiêu đốt, mà chạy theo dục, thì này Man-nhàn-đề, chúng sanh ấy chỉ làm cho dục tăng trưởng, làm chó dục ái bành trướng thêm mà thôi; nhưng chúng sanh ấy thì lại lấy dục ái làm sự hoan lạc. Nếu chúng sanh không đoạn dục, không ly dục ái mà đã an trụ, đang an trụ và sẽ an trụ với nội tâm tịch tĩnh, thì điều ấy không thể xả ra được. Vì sao? Vì đó không phải là đạo lý để đoạn dục, để ly dục ái mà là chạy theo dục.

"Này Man-nhàn-đề, cũng như người mắc bệnh cùi, thân thể lở lói, bị trùng đục khoét, lấy tay gãi, cào rách các mụt, hơ lên bếp lửa; có người xót thương, mưu cầu thiện lợi và hữu ích, an ổn và khoái lạc nên cho một thứ thuốc hay nào đó[7]. Khi được cho thứ thuốc hay nào đó, trị bệnh có hiệu quả, không làm hư hoại các căn, người bệnh khỏi được bệnh cùi, thân thể tráng kiện, bình phục như cũ. Sau khi lành bệnh, nếu thấy ai mắc bệnh cùi, thân thể lở lói, bị trùng đục khoét, lấy tay gãi, cào rách các mụt, hơ lên bếp lửa, này Man-nhàn-đề, thấy vậy, người ấy có hoan hỷ ngợi khen chăng?"

Man-nhàn-đề đáp:

"Dạ không, thưa Cù-đàm. Vì sao? Vì có bệnh mới cần thuốc, chứ không bệnh thì không cần."

"Này Man-nhàn-đề, ông nghĩ thế nào? Người mắc bệnh cùi ấy chữa bệnh có kết quả, không hư hoại các căn, thoát khỏi bệnh cùi, thân thể khỏe mạnh hoàn toàn, bình phục như cũ. Có hai người lực sĩ bắt người ấy hơ lên bếp lửa, người ấy hoảng hốt né tránh vì cảm thấy quá nóng. Này Man-nhàn-đề, ông nghĩ thế nào, bếp lửa bây giờ lại nóng hơn, khiến cho rất khổ, nguy hiểm hơn trước nhiều lắm chăng?"

"Dạ không, thưa Cù-đàm. Trước kia, còn mắc bệnh cùi, thân thể lở lói, bị trùng đục khoét, bệnh nhân lấy tay gãi, cào rách các mụt, hơ lên bếp lửa. đối với sự khổ bức nóng của lửa, bệnh nhân lại cảm thấy hoan lạc; ấy là do tâm mê loạn mà có ý tưởng điên đảo. Thưa Cù-đàm, trái lại bây giờ trị bệnh có kết quả, không hư hoại các căn, thoát khỏi bệnh cùi, thân thể khỏe mạnh hoàn toàn bình phục như cũ, người ấy đối với sự khổ bức của lửa

---

7. Hán: như kỳ tượng hảo dược -p———n——C

lại cảm thấy khổ sở, như vậy là do tâm sáng suốt, không có ý tưởng điên đảo."

"Này Man-nhàn-đề, cũng người mắc bệnh cùi, thân thể lở lói, bị trùng đục khoét, bệnh nhân lấy tay gãi, cào rách các mụt, hơ lên bếp lửa; đối với sự khổ bức của lửa, bệnh nhân lại thấy khoan khoái; ấy là do tâm mê loạn, có ý tưởng điên đảo. Cũng vậy, này Man-nhàn-đề, chúng sanh không ly dục, bị ham muốn dục nhai nuốt, bị hơi nóng của dục thiêu đốt mà chạy theo dục; những kẻ ấy đối với khổ dục lại có ý tưởng dục lạc; ấy là do tâm mê loạn, có ý tưởng điên đảo.

"Này Man-nhàn-đề, người trị bệnh đã có kết quả, không hư hoại các căn, đã khỏi bệnh ghẻ cùi, thân thể khỏe mạnh, hoàn toàn bình phục như cũ; người ấy đối với sự khổ bức của lửa thì cảm thấy đau khổ; ấy là do tâm yên ổn, không có ý tưởng điên đảo, cũng vậy, Này Man-nhàn-đề, Ta đối với khổ dục, thì có ý tưởng về khổ dục đúng như thật, không có ý tưởng điên đảo. Vì sao? Này Man-nhàn-đề, vì dục quá khứ là bất tịnh, xấu xa, rất đáng ghê tởm, không thể hướng đến, não hại, gây đau khổ; dục vị lai và hiện tại cũng bất tịnh, xấu xa rất đáng ghê tởm, không thể hướng đến, não hại, cảm thọ khổ. Cho nên, này Man-nhàn-đề, Như Lai, Bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác nói rằng: Không bệnh là thiện lợi bậc nhất, Niết-bàn là sự an lạc tối thượng."

Dị học Man-nhàn-đề thưa:

"Thưa Cù-đàm, tôi cũng đã từng nghe các bậc kỳ cựu tôn trưởng lão, học Phạm hạnh đã lâu, nói rằng: Không bệnh là thiện lợi bậc nhất, Niết-bàn là an lạc tối thượng."

Đức Thế tôn hỏi:

"Nếu ông đã từng nghe các bậc kỳ cựu tôn đức trưởng lão học Phạm hạnh đã lâu nói rằng: Không bệnh là thiện lợi bậc nhất, Niết-bàn là sự an lạc tối thượng; thì Man-nhàn-đề, thế nào là không bệnh, thế nào là Niết-bàn?"

Bấy giờ, Man-nhàn-đề dị học, đối với thân là bệnh hoạn, là ung nhọt, là mũi tên, là rắn độc, là vô thường, là khổ, là không, là chẳng phải tự ngã, nhưng lại dùng hai tay xoa bóp mà nói rằng:

"Thưa Cù-đàm, cái này không bệnh, cái này là Niết-bàn."

Đức Thế Tôn bảo:

"Này Man-nhàn-đề, cũng như người mù bẩm sinh, nghe người có mắt nói rằng: 'Trắng tinh, không bẩn! Trắng tinh, không bẩn!' Nghe như vậy, người mù đi tìm cái trắng tinh. Có người lừa đối, không mưu cầu thiện lợi hữu ích, an ổn khoái lạc cho người mù, nên đem chiếc áo cáu ghét nhơ bẩn, đến nói với người mù rằng: 'Ông nên biết, đây là chiếc áo trắng tinh, không bẩn. Ông hãy cung kính đưa hai tay nhận lấy mà khoác lên thân.' Người mù ấy liền hoan hỷ đưa hai tay cung kính thọ nhận, khoác lên thân mà nói rằng: 'Trắng tinh, không bẩn! Trắng tinh không bẩn!' Này Man-nhàn-đề, người mù ấy tự mình biết mà nói lên như thế, hay không tự mình biết mà nói lên như thế? Tự mình thấy mà nói lên như thế, hay không tự mình thấy mà nói lên như thế?"

Man-nhàn-đề dị đạo đáp:

"Thưa Cù-đàm, người ấy nói như vậy nhưng quả thật không biết, không thấy gì cả."

Đức Thế Tôn nói:

"Cũng vậy, này Man-nhàn-đề, ông như người mù không có mắt. Thân chính là bệnh, là ung nhọt, là mũi tên, là rắn độc, là vô thường, là khổ, là không, là không phải tự ngã. Thế mà ông dùng hai tay xoa bóp và nói rằng: 'Thưa Cù-đàm, cái này không bệnh, cái này là Niết-bàn.' Này Man-nhàn-đề, thế nào là không bệnh, ông còn không biết, há lại thấy biết Niết-bàn, được Niết-bàn chăng? Nói rằng thấy Niết-bàn thì quả không thể được.

Này Man-nhàn-đề, Như Lai, Bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác nói rằng:

Không bệnh, lợi bậc nhất,
Niết-bàn, lạc tối thượng,
Chỉ con đường Bát chánh,
Đến an ổn cam lồ[8].

"Trong chúng đó nhiều người được nghe bài kệ này. Sau khi số đông những người dị học nghe bài kệ này, liền truyền lại cho nhau, nhưng không hiểu rõ nghĩa lý. Họ đã nghe và muốn tìm cầu giáo nghĩa, họ đều là kẻ ngu si, trở lại tự lừa dối lẫn nhau. Thân bốn đại hiện tại của họ là do cha mẹ sanh ra, được nuôi lớn nhờ ăn uống, che đậy của y phục, chăm sóc bằng tắm rửa, đó là pháp hủy hoại, là pháp tan rã, nhưng họ thấy là ngã, chấp thủ là ngã, duyên nơi chấp thủ nên có hữu, duyên nơi hữu nên có sanh, duyên nơi sanh nên có già, chết, duyên nơi già, chết nên có buồn rầu, khóc than, lo lắng, khổ sở, áo não. Như vậy, toàn bộ khối lớn khổ đau này phát sanh."

Khi ấy, Man-nhàn-đề dị đạo liền đứng dậy, trịch vai áo, chắp tay hướng về Đức Thế Tôn và bạch:

"Bạch Cù-đàm, nay con hoàn toàn tin tưởng Sa-môn Cù-đàm. Mong Cù-đàm thuyết pháp cho con nghe, để con được biết: Đây là sự không bệnh, đây là Niết-bàn."

Đức Thế Tôn nói:

"Này Man-nhàn-đề, nếu Thánh tuệ nhãn của ông chưa được thanh tịnh; dù Ta có thuyết giảng cho nghe về sự không bệnh, về Niết-bàn, thì ông cũng không thể nào hiểu được, mà chỉ nhọc công cho Ta thôi. Này Man-nhàn-đề, ví như người sanh ra đã bị mù, nghe người khác đến nói rằng: 'Ông nên biết, đây là sắc xanh, sắc vàng, sắc đỏ, sắc trắng.' Này Man-nhàn-đề, người mù ấy chỉ nghe người khác nói, có biết đây là sắc xanh, sắc vàng, sắc đỏ, sắc trắng chăng?"

Man-nhàn-đề đáp:

"Dạ không, thưa Cù-đàm."

"Cũng vậy, này Man-nhàn-đề, nếu Thánh tuệ nhãn của ông chưa được thanh tịnh; dù Ta có thuyết giảng cho ông nghe về sự không bệnh, về Niết-bàn, thì ông cũng không thể nào hiểu được, mà chỉ nhọc công Ta thôi. Này Man-nhàn-đề, Ta sẽ thuyết giảng cho ông nghe về diệu dược thích hợp khiến cho Thánh tuệ nhãn chưa được thanh tịnh liền được thanh tịnh. Này Man-nhàn-đề, nếu Thánh tuệ nhãn của ông được thanh tịnh, ông sẽ tự biết: 'Đây là sự không bệnh, đây là Niết-bàn.' Này Man-nhàn-đề, ví như người mù bẩm sinh, có thân nhân mong muốn cho được an ổn, khoái lạc nên tìm cầu thầy chữa mắt. Thầy chữa mắt trị liệu bằng mọi cách, hoặc khiến nôn ra ở trên, hoặc khiến bài tiết ở dưới, hoặc nhỏ thuốc vào lỗ mũi, hoặc rửa ở dưới, hoặc chích ở mạch[9], hoặc khiến chảy nước mắt ra. Này Man-nhàn-đề, giả sử trúng thuốc thì hai mắt được trong sáng. Này Man-nhàn-đề, nếu người ấy hai mắt được trong sáng thì tự mình thấy đây là sắc xanh, sắc vàng, sắc đỏ, sắc trắng. Người ấy thấy cái áo dơ bẩn, nên nghĩ rằng: 'Người kia là oan gia, từ lâu nó đã đem cái áo dơ bẩn mà dối gạt ta. Rồi nó sanh tâm oán ghét. Này Man-nhàn-đề, người ấy có thể sát hại người kia. Cũng vậy, này Man-nhàn-đề, Ta sẽ thuyết giảng cho ông nghe về diệu dược thích hợp, khiến cho Thánh tuệ nhãn chưa thanh tịnh liền được thanh tịnh. Này Man-nhàn-đề, nếu Thánh tuệ nhãn của ông được

---

8. Hán: cam lồ (lộ) ——S—C Pāli: amata: cõi bất tử.
9. *Mạch* ——A cơ bản chép là *nhãn* ——C

thanh tịnh, ông sẽ tự biết: 'Đây là sự không bệnh, đây là Niết-bàn.'

"Này Man-nhàn-đề, có bốn pháp khiến người Thánh tuệ nhãn chưa thanh tịnh liền được thanh tịnh. Những gì là bốn? Là thân cận thiện tri thức, cung kính thừa sự, nghe thiện pháp, khéo tư duy, thực hành theo pháp và thứ pháp[10]. Này Man-nhàn-đề, ông nên học như vậy. Thân cận thiện tri thức, cung kính thừa sự, nghe thiện pháp, khéo tư duy, thực hành theo pháp và thứ pháp, này Man-nhàn-đề nên học như vậy.

"Này Man-nhàn-đề, ông đã thân cận thiện tri thức, cung kính thừa sự rồi, và đã được nghe thiện pháp, đã nghe được thiện pháp sẽ khéo tư duy sẽ thực hành theo pháp và thứ pháp, thực hành theo pháp và thứ pháp rồi, liền biết như thật rằng: Đây là Khổ, đây là Khổ Tập, đây là Khổ diệt, biết như thật đây là Khổ diệt đạo.

"Thế nào là biết Khổ như thật? Là biết khổ sanh, khổ già, khổ bệnh, khổ chết, khổ oán tăng hội, khổ ái biệt ly, khổ cầu bất đắc; nói tóm, năm thủ uẩn là khổ. Đó gọi là biết khổ như thật.

"Thế nào là biết Khổ tập như thật? Biết rằng đây là tham ái dẫn đến tiếp thọ sự hữu trong tương lai, tương ưng với hỷ dục, ước mong đời sống như thế này hay như thế kia. Đó gọi là biết Khổ tập như thật.

"Thế nào là biết Khổ diệt như thật? Biết rằng đây là tham ái dẫn đến tiếp thọ sự hữu trong tương lai, đi đôi với hỷ dục ước mong đời sống như thế này hay như thế kia; tham ái ấy đã diệt tận không còn dư tàn, đã bị đoạn trừ, đã bị xả ly, đã nôn ra hết, không còn tham dục, đã thanh tịnh, đoạn trừ, tĩnh chỉ. Đó gọi là biết Khổ diệt như thật.

"Thế nào là biết Khổ diệt đạo như thật? Là biết Thánh đạo tám chi, từ chánh kiến cho đến chánh định. Đó gọi là biết Khổ diệt đạo như thật."

Sau khi nghe nói pháp này, dị học Man-nhàn-đề xa lìa trần cấu, pháp nhãn về các pháp phát sanh. Lúc bấy giờ, dị học Man-nhàn-đề thấy pháp, đắc pháp, giác chứng bạch tịnh pháp, đoạn nghi, trừ hoặc, không còn tôn thờ ai, không còn do ai, không còn do dự, đã an trụ nới quả chứng, đối với pháp của Thế Tôn đã được vô sở úy, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, cúi đầu đảnh lễ sát chân Phật và bạch:

"Bạch Thế Tôn, cúi mong Thế Tôn cho con xuất gia học đạo, thọ giới cụ túc, được làm Tỳ-kheo."

Đức Thế Tôn nói:

"Lành thay! Hãy đến đây, Tỳ-kheo! Hãy tu hành phạm hạnh!"

Man-nhàn-đề dị đạo liền xuất gia học đạo, thọ giới cụ túc, được làm Tỳ-kheo. Sau khi dị học Man-nhàn-đề xuất gia học đạo, thọ giới cụ túc, được làm Tỳ-kheo rồi, liền chứng quả A-la-hán.

Đức Phật thuyết như vậy, Tôn giả Man-nhàn-đề sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

❑

[10]. Tham chiếu Pháp Uẩn Túc Luận 2, bốn Dự lưu chi: thân cận thiện sĩ, thính văn chánh pháp, như lý tác ý, pháp tùy pháp hành. Pāli, D.333 Saṅgīti: cattāri sotāpattiyaṅgāni, suppurisa-samsevo saddhamma-savanaṃ yonisomanasikāro dhammānudhammapaṭipatti.

154. KINH BÀ-LA-BÀ ĐƯỜNG[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật du hóa nước Xá-vệ, trú tại Đông viên, trong giảng đường Lộc tử mẫu[2].

Bấy giờ, có hai người thuộc dòng Phạm chí là Bà-tư-tra[3] và Bà-la-bà[4], cạo bỏ râu tóc, khoác áo ca-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo. Các Phạm chí khác thấy vậy, chỉ trích họ dữ dội, nói những lời rất gay gắt và cay đắng, rằng: "Dòng Phạm chí là hơn hết, không dòng nào bằng; dòng Phạm chí là da trắng, ngoài ra đều là da đen; Phạm chí được thanh tịnh, không phải Phạm chí thì không được thanh tịnh; Phạm chí con Phạm thiên, sanh từ miệng Phạm thiên, được hóa sanh từ Phạm thiên. Các ông bỏ nơi thù thắng mà đi theo chỗ thấp hèn, bỏ trắng theo đen. Bọn Sa-môn đầu trọc kia bị trói buộc vào da đen, nên tuyệt tự, không con cái. Cho nên, các ông đã làm chuyện đại cực ác, phạm việc đại sai lầm."

Bấy giờ, vào buổi chiều, Đức Thế Tôn từ thiền tọa dậy, bước xuống giảng đường. Ngài kinh hành trên khoảng đất trống trong bóng mát của giảng đường, rồi nói pháp thậm thâm vi diệu cho các Tỳ-kheo.

Tôn giả Bà-tư-tra từ xa trông thấy Đức Thế Tôn vào buổi chiều từ thiền tọa dậy, bước xuống giảng đường. Ngài kinh hành trên khoảng đất trống trong bóng mát của giảng đường, rồi nói pháp thậm thâm vi diệu cho các Tỳ-kheo. Sau khi thấy như vậy, Tôn giả Bà-tư-tra nói:

"Này Hiền giả Bà-la-bà, nên biết, Đức Thế Tôn, vào buổi chiều, từ thiền tọa dậy, bước xuống giảng đường. Ngài kinh hành trên khoảng đất trống trong bóng mát của giảng đường, rồi nói pháp thậm thâm vi diệu cho các Tỳ-kheo. Này Hiền giả Bà-la-bà, chúng ta nên đến chỗ Đức Phật, hoặc có thể nhân đây mà được nghe Ngài nói pháp."

Khi ấy, Bà-tư-tra và Bà-la-bà liền đến chỗ Phật, cúi đầu làm lễ, rồi đi kinh hành

---

1. Bản Hán, quyển 39. Pāli, D.27 Agaññasuttanta. Hán, biệt dịch, Trường A-hàm 5, "Kinh Tiểu Duyên"; No.10 Phật Thuyết Bạch Y Kim Tràng Nhị Bà-la-môn Duyên Khởi Kinh, Tống, Thi Hộ dịch.
2. Đông viên, Lộc tử mẫu giảng đường □F□□□□l□□□□□C Pāli: pubbārāme Migāra-mātu-pasāde.
3. Bà-tư-tra □C□p□\□C Pāli: Vāseṭṭha.
4. Bà-la-bà □C□□□C□C Pāli: Bhāradvāja.

theo sau.

Đức Thế Tôn quay lại nói với hai người kia:

"Bà-tư-tra, hai Phạm chí, các ngươi từ bỏ chủng tộc Phạm chí, cạo bỏ râu tóc, khoác áo ca-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo; các Phạm chí khác thấy như vậy, không chỉ trích các ngươi sao?"

Hai người kia liền bạch:

"Quả thật vậy, bạch Đức Thế Tôn. Các Phạm chí thấy như vậy, chỉ trích dữ dội, gay gắt, cay đắng."

Đức Thế tôn hỏi:

"Này Bà-tư-tra, các Phạm chí thấy như vậy, đã chỉ trích dữ dội, gay gắt, cay đắng như thế nào?"

Bà-tư-tra thưa:

"Bạch Thế Tôn, các Phạm chí thấy chúng con như vậy, nói như thế này, 'Dòng Phạm chí là hơn hết, không dòng nào bằng; dòng Phạm chí là da trắng, ngoài ra đều là da đen; Phạm chí được thanh tịnh, không phải Phạm chí thì không được thanh tịnh; Phạm chí con Phạm thiên, sanh từ miệng Phạm thiên, được hóa sanh từ Phạm thiên. Các ông bỏ nơi thù thắng mà đi theo chỗ thấp hèn, bỏ trắng theo đen. Bọn Sa-môn đầu trọc kia bị trói buộc vào da đen, nên tuyệt tự, không con cái. Cho nên, các ông đã làm chuyện đại cực ác, phạm việc đại sai lầm.' Bạch Thế Tôn, các Phạm chí thấy chúng con như vậy, đã chỉ trích dữ dội, gay gắt, cay đắng như vậy."

Đức Thế Tôn nói:

"Này Bà-tư-tra, những lời của các Phạm chí quá độc ác, hết sức vô lại. Vì sao? Vì họ ngu si, không khéo hiểu rõ, không biết ruộng tốt, không thể tự biết mình, dó đó mới nói như thế này, 'Phạm chí chúng ta là con Phạm thiên, sanh từ miệng Phạm thiên, được hóa sanh từ Phạm thiên.' Vì sao? Này Bà-tư-tra, chính Ta, với sự chứng đắc Minh Hạnh vô thượng này không chủ trương thọ sanh ưu thắng, không chủ trương chủng tộc, không chủ trương kiêu mạn, nói rằng 'Nó đẹp lòng Ta; nó không đẹp lòng Ta[5],' không vì chỗ ngồi, không vì nước[6], không vì sở học kinh sách.

"Này Bà-tư-tra, chỗ nào có hôn nhân[7], nơi đó mới có thể nói về thọ sanh, về chủng tộc, về kiêu mạn, nói, 'Nó đẹp lòng Ta, không đẹp lòng Ta; vì chỗ ngồi, vì nước uống và vì sở học kinh sách.

"Này Bà-tư-tra, nếu ai chủ trương thọ sanh, chủ trương chủng tộc, chủ trương kiêu mạn, người ấy cách biệt quá xa đối với sự chứng đắc Minh Hạnh vô thượng của Ta.

Này Bà-tư-tra, nói về thọ sanh, về chủng tộc, về kiêu mạn, nói: 'Nó đẹp lòng Ta, không đẹp lòng ta,' vì chỗ ngồi, vì nước uống và vì sở học kinh sách thì cách biệt với sự chứng đắc Minh Hạnh vô thượng của ta.

"Lại nữa, này Bà-tư-tra, ở đây có ba giai cấp[8] khiến cho không phải tất cả mọi người cùng tranh luận với nhau, thiện và bất thiện lẫn lộn, được các bậc Thánh khen ngợi hoặc không khen ngợi. Thế nào là ba? Đó là: dòng Sát-lợi, dòng Phạm chí, dòng Cư sĩ.

---

5. Cf. D.3 Ambaṭiha-suttanta: jātivādo vā vuccati, gottavādo vā vuccati manavādo vā vuccati, 'arahasi vā maṃ na vā maṃ tvaṃ arahasī ti, "thuyết về thọ sanh (huyết thống), thuyết về chủng tộc, thuyết về kiêu mạn, rằng 'Ngươi xứng với ta; ngươi không xứng với ta'."

6. Chỗ ngồi và nước (Pāli: āsanaṃ vā udakaṃ vā), tiêu chuẩn ưu tiên giai cấp.

7. Pāli, tham chiếu D.3 Ambaṭṭha, đã dẫn.

8. Bản Pāli: bốn giai cấp, kể luôn cả sudda.

"Này Bà-tư-tra, ý ngươi thế nào? Người Sát-lợi có sát sanh, trộm cắp, tà dâm, nói láo cho đến tà khiến; người Cư sĩ cũng vậy, chứ không phải Phạm chí (mới làm những chuyện đó chăng)?"

Bà-tư-tra rằng:

"Bạch Đức Thế Tôn, dòng Sát-lợi cũng có người sát sanh, trộm cắp, tà dâm, nói láo, cho đến tà kiến và dòng Phạm chí, Cư sĩ cũng vậy."

Đức Thế Tôn hỏi:

"Này Bà-tư-tra, ý ngươi thế nào? Chỉ có người Phạm chí mới xa lìa sát sanh, đoạn trừ sát sanh, trộm cắp, tà dâm, nói láo, cho đến xa lìa tà kiến, được chánh kiến; còn Sát-lợi, Cư sĩ thì không như vậy chăng?"

Bà-tư-tra thưa rằng:

"Bạch Đức Thế Tôn, Phạm chí cũng có người xa lìa sát sanh, đoạn trừ sát sanh, trộm cắp, tà dâm, nói láo, cho đến xa lìa tà kiến, được chánh kiến, và Sát-lợi, Cư sĩ cũng vậy."

Đức Thế Tôn hỏi:

"Này Bà-tư-tra, ý ngươi thế nào? Nếu có vô lượng pháp ác, bất thiện, thì đó chỉ là việc làm của Sát-lợi, Cư sĩ, chứ không phải Phạm chí chăng? Và nếu có vô lượng pháp thiện, thì đó chỉ là việc làm của Phạm chí chứ chẳng phải Sát-lợi, Cư sĩ?"

Bà-tư-tra thưa rằng:

"Bạch Thế Tôn, nếu có vô lượng pháp ác, bất thiện thì hàng Sát-lợi, Cư sĩ kia cũng có thể làm, mà Phạm chí cũng vậy. Nếu có vô lượng pháp thiện, thì Phạm chí cũng có thể làm, và Sát-lợi, Cư sĩ cũng vậy."

"Này Bà-tư-tra, nếu có vô lượng pháp ác, bất thiện, mà tuyệt đối chỉ có Sát-lợi làm, chứ không phải Phạm chí làm, và nếu có vô lượng pháp thiện, mà tuyệt đối chỉ có Phạm chí làm chứ không phải Sát-lợi, Cư sĩ làm, thì các Phạm chí kia có thể nói như thế này, 'Phạm chí chúng ta là con Phạm thiên, sanh ra từ miệng Phạm thiên, hóa sanh từ Phạm thiên.' Vì sao? Này Bà-tư-tra, người ta thấy một nữ Phạm chí vừa mới lấy chồng, sau khi lấy chồng thì nàng mang thai và sau đó lại thấy nàng sanh ra một bé trai, hoặc là một bé gái. Này Bà-tư-tra, như vậy, các Phạm chí cũng y theo pháp thế gian sanh ra từ sản đạo, thế nhưng họ lại nói láo, vu báng Phạm thiên mà nói như thế này, 'Phạm chí chúng ta là con Phạm thiên, sanh từ miệng Phạm thiên, hóa sanh từ Phạm thiên.'

"Này Bà-tư-tra, nếu một thiện nam tử, bất luận chủng tộc hay tánh danh nào, từ bỏ chủng tộc, cạo bỏ râu tóc, khoác áo ca-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, theo Ta học đạo, thì có thể nói như thế này, 'Phạm chí chúng tôi là con Phạm thiên, sanh từ miệng Phạm thiên, hóa sanh từ Phạm thiên[9].' Vì sao? Này Bà-tư-tra, vì thiện nam tử ấy vào trong Chánh pháp luật của Ta, thọ lãnh Chánh pháp và Giới luật, đến được bờ bên kia, đoạn nghi, trừ hoặc, không có do dự, đối với Pháp của Đấng Thế Tôn đã được vô sở úy. Cho nên, người ấy đáng nói như thế này, 'Phạm chí chúng ta là con Phạm thiên, sanh từ miệng Phạm thiên, hóa sanh từ Phạm thiên.'

"Này Bà-tư-tra, Phạm thiên đó là nói Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác. Bởi vì Phạm là Như Lai, Mát lạnh là Như Lai, Không phiền không nhiệt, Không lìa Như là Như Lai[10].

---

9. Bản Pāli: Bhagavato' mhi putto oraso mukhato jāto dhammajo dhammanimito dhammadayāko, "Chúng tôi là con của Thế Tôn; sanh ra từ miệng của Thế Tôn; được sanh ra bởi Pháp; được sáng tạo bởi Pháp, là kẻ thừa tự Pháp".

10. Hán: lãnh thị Như Lai, vô phiền vô nhiệt, bất ly như, thị Như Lai –N–0–p––L––L––––p–0–p––C Pāli:

"Này Bà-tư-tra, ý ngươi thế nào? Những người họ Thích có hạ ý yêu quý, kính trọng, cúng dường, phụng sự Ba-tư-nặc, vua nước Câu-tát-la chăng?"

Bà-tư-tra thưa:

"Bạch Thế Tôn, có."

Đức Thế Tôn hỏi:

"Này Bà-tư-tra, ý ngươi thế nào? Nếu những người họ Thích hạ ý yêu kính, quý trọng, cúng dường, phụng sự vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la thì như vậy, vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la đối với bản thân có hạ ý, yêu kính, quý trọng, cúng dường, phụng sự Ta chăng?"

Đáp rằng:

"Những người họ Thích mà hạ ý, yêu kính, quý trọng, cúng dường, phụng sự vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la, thì việc này không có gì lạ. Nếu vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la mà hạ ý, yêu quý, kính trọng, cúng dường, phụng sự Đức Thế Tôn, thì việc này rất kỳ lạ."

Đức Thế Tôn nói:

"Này Bà-tư-tra, vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la đối với bản thân Ta mà hạ ý, yêu quý, kính trọng, cúng dường, phụng sự Ta, không phải với ý nghĩ rằng, 'Sa-môn Cù-đàm thuộc chủng tộc rất cao, còn ta chủng tộc quá thấp. Sa-môn Cù-đàm tài bảo rất nhiều, còn ta tài bảo quá ít. Sa-môn Cù-đàm hình sắc rất đẹp, còn ta hình sắc thô kịch. Sa-môn Cù-đàm có oai thần lớn, còn ta oai thần quá ít. Sa-môn Cù-đàm có trí tuệ thiện còn ta có trí tuệ ác.' Nhưng này Bà-tư-tra, vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-là chỉ vì yêu kính, tôn trọng Pháp và cúng dường Pháp, vì phụng sự Pháp cho nên đối với bản thân Ta, mà hạ ý, yêu quý, kính trọng, cúng dường, phụng sự Ta."

Bấy giờ Đức Thế Tôn nói với Tỳ-kheo rằng:

"Này Bà-tư-tra, có một lúc tất cả thế gian này đều hoại diệt. Khi thế gian này hoại, các chúng sanh sanh lên cõi trời Hoảng dục[11]; ở trong cõi ấy, sắc vi diệu, do ý hóa sanh. Tất cả chi tiết và các căn đều đầy đủ, dùng hỷ làm món ăn, tự thân phát sáng, bay lên hư không, sống lâu trong tịnh sắc[12].

"Này Bà-tư-tra, trong một thời gian quả đất này tràn ngập nước[13], do gió thổi qua và khuấy động trên mặt nước đóng lại một lớp tinh, hòa hiệp giống như sữa chín đóng váng và đông lại thành một lớp tinh. Cũng vậy, Bà-tư-tra, có một thời gian quả đất này tràn ngập nước, do gió thổi và khuấy động, trên mặt nước đông lại và hợp tụ hòa hợp thành một lớp tinh, từ đó sanh ra vị của đất[14], có sắc, có hương vị. Sắc nó như thế nào? Giống như sắc của sanh tô, và sắc của thục tô. Và vị của nó như thế nào? Như vị mật ong.

"Này Bà-tư-tra, có một thời gian khi thế giới này trở lại thời kỳ thành lập, có những chúng sanh, sanh trên cõi trời Hoảng dục, tuổi thọ hết, nghiệp hết, phước hết, mạng chung, sanh trở lại làm người, sanh vào thế gian này, cũng với sắc tướng thù diệu và do hóa sanh; tất cả chi tiết và các căn đều đầy đủ, dùng hỷ lạc làm thức ăn, tự thân phát sáng, bay trong hư không, sống lâu dài trong tịnh sắc.

---

tathāgatassa h'etam... adhivacanaṃ, dhammakāyo iti pi brahmakāyo iti pi dhammabhūto iti pi brahmabhūto iti pi, "Những từ ngữ này đồng nghĩa với Như Lai, Pháp thân, Phạm thân, Pháp thể, Phạm thể".

11. Hoảng dục thiên ——R——C Pāli: Ābhassara. cũng dịch là Quang âm thiên, hay Cực quang thiên.

12. Pāli: subhaṭṭhāyin, sống trong phước lạc thuần tịnh.

13. Bản Pāli: ekodakī-bhūtaṃ... andhakāro andhakāra-timisā, chỉ toàn nước, một màu đen sẩm tối tâm.

14. Pāli: rasa-paṭhavī, vị đất, hay đất dưới dạng dịch vị (thể lỏng).

"Này Bà-tư-tra, bấy giờ ở trong thế giới đó không có mặt trời, mặt trăng, cũng không có tinh tú, không có ngày đêm, không có một tháng hay nửa tháng, không có ngày giờ, không có năm. Này Bà-tư-tra, ngay vào lúc đó, không có cha, không có mẹ, không có trai hay gái, lại cũng không có chủ nhân và tôi tớ, chỉ một loại chúng sanh như nhau mà thôi. Rồi có một chúng sanh tham ăn, không liêm khiết, đã nghĩ như thế này, 'Vị của đất như thế nào? Ta thử dùng ngón tay móc một ít đất này nếm thử.' Khi ấy chúng sanh này bèn dùng ngón tay móc đất đó mà nếm thử. Như vậy, chúng sanh đã biết vị của đất. Người ấy lại muốn được ăn. Bấy giờ chúng sanh đó lại nghĩ như thế này, 'Sao lại phải nếm vị của đất bằng ngón tay cho nhọc sức. Ta hãy dùng bàn tay vóc lấy vị đất này mà ăn.' Khi đó chúng sanh này bèn dùng tay vóc lấy vị đất này mà ăn.

"Trong số các chúng sanh kia lại có những chúng sanh khác thấy các chúng sanh này mỗi người dùng tay vóc lấy vị đất mà ăn, bèn nghĩ như thế này, 'Cái này thật là hay, cái này thật là khoái, chúng ta có thể dùng tay vóc lấy vị đất này để ăn.' Rồi các chúng sanh liền dùng tay vóc lấy vị đất này để ăn. Khi họ đã dùng tay vóc lấy vị đất này để ăn như vậy và như vậy, thân họ trở thành dày, trở thành nặng, thành cứng. Nếu trước kia họ có sắc thanh tịnh, thì lúc ấy bị mất, tự nhiên sanh ra tối tăm.

"Này Bà-tư-tra, pháp của thế gian tự nhiên có điều này: nếu sự tối tăm đã sanh ra, thì mặt trời, mặt trăng tất xuất hiện. Mặt trời, mặt trăng đã xuất hiện, thì các tinh tú cũng xuất hiện; tinh tú xuất hiện, tức thì thành ngày đêm, thành ngày đêm rồi, thì liền có một tháng hay nửa tháng có ngày giờ và có năm. Họ ăn vị của đất và sống đời rất lâu.

"Này Bà-tư-tra, nếu chúng sanh nào ăn nhiều vị của đất, thì sắc da thành xấu, nếu ăn ít vị của đất thì sắc da đẹp; từ đó có sự phân biệt hơn kém về màu sắc. Nhân màu sắc hơn kém cho nên mỗi mỗi chúng sanh có những lời khinh mạn lẫn nhau, 'Sắc da của ta hơn, sắc của ông không bằng.' Nhân màu sắc hơn kém mà sanh ra sự khimh mạn và ác pháp, cho nên vị của đất liền mất. Khi vị của đất đã mất, các chúng sanh kia liền tụ tập nhau lại, khóc lóc não nề và nói như thế này, 'Hỡi ôi vị đất! Hỡi ôi vị đất!' Cũng như người đời nay ngậm tan vật ngon; chúng không nói chữ của thời xưa, tuy thọ trì mà không biết nghĩa[15]. Sự quán sát ý nghĩa cũng được nói như vậy.

"Này Bà-tư-tra, sau khi vị của đất mất, chất béo của đất[16] có sắc, hương, vị sanh ra cho các chúng sanh kia. Sắc nó như thế nào? Như sắc của sanh tô và thục tô. Vị như thế nào? Như vị của mật ong. Chúng sanh kia ăn chất béo của đất này mà tồn tại ở thế gian trong một thời gian lâu dài.

"Này Bà-tư-tra, nếu chúng sanh nào ăn chất béo của đất nhiều thì sắc da xanh xấu, người ăn chất béo của đất ít thì có sắc da đẹp, từ đó có sự phân biệt hơn kém về sắc da. Nhân màu sắc có hơn kém cho nên mỗi mỗi chúng sanh cùng nói nhau lời khinh mạn: 'Sắc của ta hơn, sắc của ông không bằng.' Do sắc hơn kém mà sanh ra khinh mạn và ác pháp, cho nên chất chất béo của đất liền tiêu mất. Khi chất béo của đất tiêu mất, các chúng sanh kia liền nhóm họp nhau lại, khóc lóc não nề và nói như thế này: 'Hỡi ơi chất béo của đất! Hỡi ơi chất béo của đất!' Cũng như người đời nay bị người khác mắng; chúng

---

15. Pāli: tad eva porāṇaṃ aggaññaṃ akkharaṃ anupatanti, na tv ev' assa atthaṃ ājānanti, chúng nói theo văn tự ấy của thượng cổ, mà không biết ý nghĩa của nó.

16. Hán: địa phì ■ Pāli: bhūmi-pappaṭaka, một thứ bánh (sửa bò trộn với gạo) của đất. No.1(5) dịch là *địa bính* ■

không nói chữ của thời xưa, tuy thọ trì mà không biết nghĩa[17]. Sự quán sát ý nghĩa cũng được nói như vậy.

"Này Bà-tư-tra, sau khi chất béo của đất tiêu mất, một loại bà-la[18] có sắc, có hương vị sanh ra cho các chúng sanh kia. Sắc nó như thế nào? Như sắc hoa đàm. Vị nó như thế nào? Như vị mật ong tinh chất. Họ ăn dây bà-la này mà tồn tại ở thế gian trong thời gian lâu dài.

"Này Bà-tư-tra, nếu chúng sanh nào ăn bà-la nhiều thì sắc da thành xấu, người ăn ít bà-la thì có sắc da đẹp. Từ đó có sự phân biệt hơn kém về màu da. Nhân sắc có hơn kém, cho nên mỗi mỗi chúng sanh nói lời khinh mạn với nhau rằng, 'Sắc ta hơn, sắc ông không bằng.' Nhân sắc có hơn kém mà sanh khinh mạn và ác pháp, cho nên bà-la liền diệt mất. Khi bà-la đã diệt mất, các chúng sanh kia liền nhóm họp nhau lại, khóc lóc não nề và nói như thế này: 'Hỡi ơi bà-la! Hỡi ơi bà-la!' Cũng như người đời nay bị người khác mắng; chúng không nói chữ của thời xưa, tuy thọ trì mà không biết nghĩa. Sự quán sát ý nghĩa cũng được nói như vậy.

"Này Bà-tư-tra, sau khi bà-la diệt mất, loại nếp tự nhiên[19] sanh ra cho các chúng sanh kia. Trắng tinh, không vỏ cũng không có cám, trấu; dài bốn tấc. Sớm mai cắt chiều sanh, chiều cắt sáng sanh; lúa chín có vị muối, không có mùi sống. Chúng sanh ăn loại nếp tự nhiên này. Sau khi họ ăn nếp tự nhiên này, tức thì sanh ra sự khác nhau về thân hình. Hoặc có chúng sanh trở thành hình dạng con trai, hoặc có chúng sanh trở thành hình dạng con gái. Sau khi các chúng sanh này trở thành hình trai và hình gái, họ thấy nhau bèn nói như thế này: 'Ôi, ác chúng sanh ra đời! Ác chúng sanh ra đời!'

"Này Bà-tư-tra, ác chúng sanh đó là nói người đàn bà. Khi chúng sanh kia đã trở thành hình trai và hình gái, thì họ nhìn ngắm nhau. Nhìn ngắm nhau rồi, nhìn kỹ nhau bằng mắt; mắt nhìn kỹ rồi, thì họ nhiễm nhau; nhiễm nhau rồi, liền sanh bứt rứt; bứt rứt rồi, thì ái trước nhau; ái trước nhau rồi, họ làm chuyện dâm dục. Nếu họ bị bắt gặp trong lúc hành dục, người ta bèn dùng cây, đá, hoặc dùng gậy, đất cục mà đánh, ném, và nói như thế này: 'Ôi, bọn họ xấu xa, làm việc phi pháp! Tại sao chúng sanh làm chung nhau chuyện như vậy?' Cũng như người thời nay khi rước vợ mới người ta rải hoa, hay buông rũ những tràng hoa và nói như thế này: 'Chúc cô dâu bình an! Chúc cô dâu bình an!'[20] Đó là việc mà xưa kia thì người ta ghét, còn nay thì người ta yêu.

"Này Bà-tư-tra, cũng có chúng sanh ghét pháp bất tịnh, ghê tởm, sỉ nhục, hổ thẹn, người đó liền xa đám đông[21] từ một ngày, hai ngày, đến sáu bảy ngày, nửa tháng, một tháng cho đến một năm.

"Này Bà-tư-tra, nếu chúng sanh nào muốn làm việc bất tịnh này, thì người ấy bèn làm nhà và nói như thế này: 'Ta làm chuyện xấu trong này! Ta làm chuyện xấu trong này!' Này Bà-tư-tra, đó là nhân duyên đầu tiên trong thế gian có pháp dựng nhà. Đó là trí bậc nhất kỳ cựu, đúng như pháp, chứ chẳng phải không như pháp. Như pháp là tôn quý giữa loài người[22].

---

17. Xem cht.15 trên.
18. Bà-la ▪C▬▬C Pāli: badālatā, một loại dây leo hay bò. No.1(5) dịch là *lâm đằng* ▪L▬▬A dây sắn, hay dây leo rừng.
19. Tự nhiên canh mễ ▬▬M▪e▬▬C Pāli: akaṭṭhapāko sāli, thứ thóc lúa tự chín, không cần canh tác.
20. Trong bản Pāli: bị những người khác ném tro, bùn đất, hay phân bò, và nhiếc mắng.
21. Trong bản Pāli, những con người hành dâm đầu tiên bị cộng đồng xa lánh.
22. Pāli: dhammo hi... seṭṭho jane tasmiṃ diṭṭhe c' eva dhamme abhisamparāyañ ca, "Pháp là tối thượng

"Ở đây, có một chúng sanh lười biếng. Người ấy nghĩ như thế này: 'Tại sao ta phải mỗi bữa đi lấy nếp tự nhiên? Sao ta không lấy luôn cho đủ ăn một ngày?' Người ấy bèn gom lấy gạo ăn cho một ngày. Khi ấy, có một chúng sanh khác nói với người ấy rằng: 'Này Chúng sanh, ông đi lấy gạo với tôi chăng?' Vị ấy trả lời: 'Tôi đã gom đủ. Ông đi lấy một mình vậy.'

"Chúng sanh kia nghe rồi, liền nghĩ như thế này: 'Thật là hay, thật là khoái! Ta cũng có thể lấy luôn gạo ăn cho ngày mai chăng?' Người này bèn lấy luôn gạo cho ngày mai.

"Lại có một chúng sanh khác nói với người này rằng: 'Này Chúng sanh! Ông hãy đi lấy gạo với tôi chăng?' Chúng sanh kia đáp: 'Tôi đã lấy luôn gạo cho ngày mai, ông đi một mình vậy.' Chúng sanh này nghe rồi, bèn nghĩ như thế này: 'Thật là hay, thật là khoái! Ta nay nên lấy gạo ăn luôn trong bảy ngày.' Khi chúng sanh này lấy loại lúa tự nhiên tích tụ rất nhiều; lúa nếp được cất bèn sanh ra vỏ và cám, cắt lấy cho đến bảy ngày cũng sanh vỏ và cám. Cắt đến đâu, chỗ ấy không còn mọc trở lại nữa.

"Bấy giờ, các chúng sanh mới cùng nhóm họp, khóc lóc não nề mà nói thế này: 'Chúng ta đã làm phát sanh pháp ác, bất thiện; bọn chúng ta cất chứa gạo để lâu. Vì sao? Bởi lẽ, chúng ta trước kia có sắc tướng thù diệu, và do ý hóa sanh; tất cả chi tiết và các căn đều đầy đủ, dùng hỷ làm thức ăn, tự nhiên chói sáng, bay trong hư không, sống lâu dài với tịnh sắc. Chúng ta sanh ra vị của đất có sắc, hương, vị. Sắc như thế nào? Như sắc của sanh tô và thục tô. Vị thế nào? Vị như mật ong. Chúng ta ăn vị của đất và tồn tại trong một thời gian lâu dài. Chúng ta nếu ăn nhiều vị của đất, sắc da thành xấu. Người ăn vị của đất ít, thì có sắc da đẹp. Từ đó có sự phân biệt hơn kém về màu sắc. Nhân màu sắc hơn kém, cho nên chúng ta mỗi người cùng nói lời khinh mạn nhau rằng: 'Sắc ta hơn, sắc ngươi không bằng.' Nhân sắc có hơn kém mà sanh ra khinh mạn và ác pháp, cho nên vị của đất liền tiêu mất. Sau khi vị của đất tiêu mất, loại chất béo của đất, có sắc, hương, vị sanh ra cho chúng ta. Sắc như thế nào? Như sắc của sanh tô, thục tô. Vị như thế nào? Vị như mật ong. Chúng ta ăn chất béo của đất mà tồn tại ở thế gian trong một thời gian lâu dài. Người nào ăn chất béo của đất nhiều thì sắc da thành xấu; người ăn chất béo của đất ít thì sắc da đẹp. Từ đó có sự phân biệt hơn kém về màu sắc. Vì sắc có hơn kém, cho nên chúng ta mỗi người cùng nói lời khinh mạn nhau: 'Sắc ta hơn, sắc ngươi không bằng.' Vì sắc hơn kém mà sanh ra khinh mạn và ác pháp, cho nên chất béo của đất liền tiêu mất. Sau khi chất béo của đất tiêu mất, loại bà-la, có sắc, hương, vị sanh ra cho chúng ta. Sắc như thế nào? Sắc như hoa đàm. Vị như thế nào? Như vị mật ong tinh chất. Chúng ta ăn bà-la mà tồn tại ở thế gian lâu dài. Người nào nếu ăn bà-la nhiều, thì sắc da thành xấu, người ăn bà-la ít, thì có sắc da đẹp. Từ đó có sự phân biệt hơn kém về màu sắc. Nhân sắc có hơn kém cho nên chúng ta mỗi người cùng nói lời khinh mạn nhau rằng: 'Sắc ta hơn, sắc ngươi không bằng.' Nhân sắc hơn kém mà sanh ra khinh mạn và ác pháp, cho nên bà-la liền tiêu mất. Sau khi bà-la mất, loại nếp tự nhiên sanh ra cho chúng ta, trắng tinh, không vỏ, cũng không cám, trấu; dài bốn tấc, sáng cắt chiều sanh, chiều cắt sáng sanh, lúa chín có chất muối, không có mùi sống. Chúng ta ăn nếp tự nhiên kia. Khi chúng ta tích tụ loại nếp tự nhiên rất nhiều; nếp lúa được cất liền sanh vỏ, cám, cắt cho đến bảy ngày cũng sanh vỏ, cám; cắt đến đâu, chỗ đó không còn mọc trở lại nữa. Vậy chúng ta phải làm thành ruộng, và cắm mốc chăng?'

"Rồi các chúng sanh ấy làm ruộng, gieo giống và cắm mốc. Trong khi đó có một

---

trong đời, trong hiện tại, và trong đời sau".

chúng sanh đã có lúa của mình, còn vào ruộng người khác mà lấy trộm lúa. Người chủ ruộng thấy vậy bèn nói như thế này: 'Chao ôi! Chúng sanh xấu ác đã ra đời! Tại sao ngươi làm như vậy? Ngươi có lúa của ngươi mà còn vào ruộng của người khác lấy trộm lúa; hãy đi đi. Về sau đừng làm như vậy nữa.' Song chúng sanh kia vẫn đi lấy trộm lúa của người khác hai ba lần nữa. Người chủ ruộng cũng hỏi hai ba lần, thấy rồi, liền nắm tay thoi chúng sanh kia, lôi đến chỗ đông người và nói với mọi người rằng: 'Chúng sanh này có lúa của nó mà còn vào ruộng tôi lấy trộm lúa tôi.' Chúng sanh kia cũng nói với mọi người rằng: 'Chúng sanh này nắm tay tôi, thoi tôi, lôi tôi đến chỗ đông người.' Khi ấy, các chúng sanh kia cùng nhau nhóm họp, khóc lóc não nề và nói như thế này: 'Chúng ta sanh pháp ác bất thiện, đó là phải giữ ruộng vậy. Vì sao? Vì gìn giữ ruộng, cho nên mới cùng nhau tranh tụng, có mất mát, kiệt tận, có nói chuyện nhau bằng lời, có thoi nhau bằng nắm tay. Trong số đông này chúng ta hãy cử ra một người đoan chánh, có hình sắc rất đẹp đẽ, lập làm điền chủ. Nếu người nào đáng quở trách thì phải để cho ông ấy quở trách. Nếu người nào đáng đuổi thì để cho ông ấy đuổi. Còn lúa bọn chúng ta thu được thì nên theo đúng như pháp chở đến cho ông ấy.'

"Khi ấy trong số chúng sanh kia có một người đoan chánh, hình sắc đẹp đẽ đệ nhất, họ bèn cử ra, lập làm điền chủ. Nếu có ai đáng quở trách thì ông ấy quở trách; nếu có ai đáng đuổi, thì ông ấy đuổi. Nếu có lúa thì họ đúng như pháp chở đến cho điền chủ. Điền chủ đó tức là Sát-lợi[23]. Làm cho chúng sanh hoan lạc đúng như pháp, thủ hộ và hành giới là vua[24]. Vua được gọi là vua vậy.

"Này Bà-tư-tra, đó la nhân duyên đầu tiên của dòng Sát-lợi trong thế gian. Đó là trí bậc nhất kỳ cựu, đúng như pháp, chứ chẳng phải không như pháp. Như pháp là tôn quý giữa loài người.

"Khi ấy, có chúng sanh cho rằng sự thủ hộ là bệnh, thủ hộ là ung nhọt, thủ hộ là mũi tên đâm, liền từ bỏ sự thủ hộ, nương nơi vô sự[25], làm nhà lá để ở và học Thiền.

---

23. Định nghĩa từ *sát-đế-lị*; Pāli: khettānaṃ patīti...khattiyo, "Khattiya (sát-đế-lị), là người chủ của ruộng đất".
24. Định nghĩa từ vua, trong Pāli, từ rājā (vua) được nói là xuất xứ từ động từ rañjeti, làm vui lòng. Pāli: dhammena pare rañjetiit... rājā, "Vua, là người đúng như pháp mà làm vui lòng mọi người".
25. Pāli: araññāyatane, trong khu rừng vắng.

Người ấy từ chỗ vô sự, mỗi buổi sáng vào thôn ấp hay vương thành mà khất thực. Số đông chúng sanh kia thấy vậy liền bố thí cho, cung kính, tôn trọng và nói như thế này: 'Chúng sanh này cho rằng thủ hộ là bệnh, thủ hộ là ung nhọt, thủ hộ là mũi tên đâm, nên đã từ bỏ thủ hộ, nương nơi vô sự làm nhà lá để ở và học Thiền. Này chư Tôn, người này đã xả bỏ sự gây hại, pháp ác, bất thiện.' Đó là Phạm chí. Do đó Phạm chí được gọi là Phạm chí vậy[26].

"Chúng sanh kia học Thiền mà không đắc Thiền, học khổ hạnh mà không đắc khổ hạnh, học viễn ly mà không đắc viễn ly, học nhất tâm mà không đắc nhất tâm, học tinh tấn mà không được tinh tấn, liền bỏ chỗ vô sự, trở về thôn ấp, vương thành, làm nhà bốn trụ, tạo lập kinh sách. Các chúng sanh kia thấy vậy, bèn không bố thí, không cung kính, tôn trọng nữa và nói như thế này: 'Chúng sanh này trước kia coi thủ hộ là bệnh, thủ hộ là ung nhọt, thủ hộ là mũi tên đâm, bèn từ bỏ sự thủ hộ, nương nơi vô sự, làm nhà lá để ở và học Thiền, nhưng không thể đắc Thiền, học khổ hạnh mà không đắc khổ hạnh, học viễn ly mà không được viễn ly, học nhất tâm mà không được nhất tâm, học tinh tấn mà không được tinh tấn liền bỏ nơi vô sự, trở về thôn ấp, vương thành, làm nhà bốn trụ, tạo lập kinh sách. Này chư Tôn, người này lại học sự bác văn, không học Thiền nữa. Bác văn do đó được gọi là bác văn vậy[27].

"Này Bà-tư-tra, đó là nhân duyên đầu tiên của dòng Phạm chí trong thế gian. Đó là trí bậc nhất kỳ cựu, đúng như pháp, chứ chẳng phải không như pháp. Như pháp là tôn quý giữa loài người.

"Bấy giờ, các chúng sanh khác, mỗi người đến mỗi phương mà làm ruộng; người thì đi về phương này mà làm nghề làm ruộng; người thì đi về phương kia mà làm nghề làm ruộng. Đó là dòng Phệ-xá.

"Này Bà-tư-tra, đây là nhân duyên đầu tiên có dòng Phệ-xá trong đời. Đó là trí bậc nhất kỳ cựu, đúng như pháp, chứ chẳng phải không như pháp. Như pháp là tôn quý giữa loài người.

"Này Bà-tư-tra, khi thế gian khởi lên ba chủng tánh này rồi, thì liền biết có dòng Sa-môn thứ tư[28]. Tại sao trong thế gian có ba chủng tánh này rồi liền biết có dòng Sa-môn thứ tư? Trong dòng tộc Sát-lợi có những thiện nam tử hay tự quở trách mình, ghét pháp bất thiện, tự chán ghét pháp ác, bất thiện, cạo bỏ râu tóc, khoác áo ca-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình học đạo, và suy nghĩ thế này: 'Ta nên làm Sa-môn, tu Phạm hạnh.' Người ấy bèn làm Sa-môn, tu Phạm hạnh. Thiện nam tử trong dòng tộc Phạm chí, dòng tộc Phệ-xá cũng vậy, cũng tự quở trách, ghét pháp bất thiện, tự chán ghét pháp ác, bất thiện, cạo bỏ râu tóc, khoác áo ca-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, học đạo, cũng nghĩ như thế này: 'Ta nên làm Sa-môn, tu Phạm hạnh,' bèn làm Sa-môn và tu Phạm hạnh.

"Này Bà-tư-tra, như vậy, trong thế gian khởi lên ba chủng tánh này rồi, thì liền biết có dòng Sa-môn thứ tư.

"Này Bà-tư-tra, nay Ta nói rộng về ba chủng tánh này. Nói rộng về ba chủng tánh

---

26. Định nghĩa ngữ nguyên của từ Bà-la-môn; Pāli: pāpake akusale dhamme bāhentīti... brāhmaṇā, "Bà-la-môn là những người loại bỏ pháp ác bất thiện". Từ brāhmaṇa được giải thích là do động từ bāheti: loại bỏ, tống khứ.

27. Pāli, định nghĩa ajjhāyaka, hạng người có học thức: na dān' ime jhāyantī i.. ajjhāyaka, "Họ không tu thiền, nên gọi họ là ajjhāyaka". Theo ngữ nguyên này, ajjhāyaka (người bác văn) là do động từ jhāyati, tu thiền.

28. Trong bản Pāli, giai cấp thứ tư là suddā (Thủ-đà-la).

này thế nào? Một thiện nam tử thuộc chủng tộc Sát-lợi mà thân làm pháp bất thiện, khẩu, ý, làm pháp bất thiện, thì người đó khi thân hoại mạng chung, nhất định phải thọ khổ.

"Cũng vậy, thiện nam tử trong dòng tộc Phạm chí, dòng tộc Phệ-xá, thân làm pháp bất thiện, khẩu, ý, làm pháp bất thiện, thì người đó khi thân hoại mạng chung, nhất định phải thọ khổ.

"Này Bà-tư-tra, một thiện nam tử thuộc dòng tộc Sát-lợi mà thân làm thiện pháp, khẩu, ý làm thiện pháp, thì người đó khi thân hoại chung, nhất định sẽ thọ lạc.

"Cũng vậy, thiện nam tử dòng tộc Phạm chí, dòng tộc Phệ-xá, mà thân làm thiện pháp, khẩu, ý làm thiện pháp, thì người đó khi thân hoại mạng chung, nhất định sẽ thọ lạc.

"Này Bà-tư-tra, thiện nam tử thuộc dòng tộc Sát-lợi, thân làm hai hạnh, và giữ hộ hạnh[29], khẩu, ý làm hai hạnh và giữ hộ hạnh, thì người đó khi thân hoại mạng chung, sẽ thọ khổ và lạc.

"Cũng vậy, này Bà-tư-tra, thiện nam tử thuộc dòng tộc Phạm chí hay Phệ-xá, thân làm hai hạnh, và giữ hộ hạnh, khẩu, ý làm hai hạnh và giữ hộ hạnh, thì người đó khi thân hoại mạng chung, sẽ thọ khổ và lạc.

"Này Bà-tư-tra, thiện nam tử dòng tộc Sát-lợi tu bảy giác pháp, khéo tư duy và khéo quán sát, biết như vậy, thấy như vậy, tâm giải thoát dục lậu, tâm giải thoát hữu lậu và vô minh lậu, giải thoát rồi liền biết giải thoát, biết như thật: Sự sanh đã hết, Phạm hạnh đã lập, điều cần làm đã làm xong, sẽ không còn tái sanh nữa.

"Cũng vậy, thiện nam tử dòng tộc Phạm chí, dòng tộc Phệ-xá tu bảy giác pháp, khéo tư duy, khéo quán sát; người ấy biết như vậy, thấy như vậy, tâm giải thoát dục lậu, tâm giải thoát khỏi hữu lậu, vô minh lậu, giải thoát rồi liền biết giải thoát, biết như thật: Sự sanh đã hết, Phạm hạnh đã lập, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh.

"Này Bà-tư-tra, như vậy, Ta đã phân biệt rộng rãi về ba chủng tánh này vậy.

"Phạm thiên đế chúa[30] nói bài kệ:

Loài hai chân, Sát-lợi tối tôn,
Đấy là chủ trương có chủng tộc.
Những ai cầu học Minh và Hạnh,
Vị ấy, Thiên, Nhân đều tán thán.

"Này Bà-tư-tra, Phạm thiên đế chúa khéo nói bài kệ này chứ không phải không khéo, khéo ca ngợi, phúng tụng chứ không phải không khéo, khéo ngâm vịnh và nói, chứ không phải không khéo, nói như thế này:

Loài hai chân, Sát-lợi tối tôn,
Đấy là chủ trương có chủng tộc.
Những ai cầu học Minh và Hạnh,
Vị ấy, Thiên, Nhân đều tán thán.

"Vì sao? Vì Ta cũng nói như vậy:

---

29. Hộ hành ━@━━F chỉ hành vi thủ hộ. Bản Pāli không có từ này.

30. Phạm thiên đế chúa ━━━━D━C Pāli: Sanaṃ-kumāra Brahaman, Thường đồng hình Phạm thiên (Phạm thiên trong hình dáng con nít).

Loài hai chân, Sát-lợi tối tôn,
Đấy là chủ trương có chủng tộc.
Những ai cầu học Minh và Hạnh,
Vị ấy, Thiên, Nhân đều tán thán.”

Đức Phật nói như vậy, Tôn giả Bà-tư-tra, Bà-la-bà và chư Tỳ-kheo nghe Phật nói, hoan hỷ phụng hành.

❑

155. KINH TU-ĐẠT-ĐA[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng, vườn Cấp cô độc.

Bấy giờ, cư sĩ Tu-đạt-đa[2] đi đến chỗ Đức Phật, đảnh lễ Ngài, rồi ngồi qua một bên. Đức Thế Tôn hỏi:

"Gia đình của Cư sĩ có thực hành hạnh bố thí chăng?

Cư sĩ trả lời:

"Dạ có, bạch Thế Tôn, gia đình con có bố thí; nhưng chỉ bố thí những thức thô xấu, không được mỹ diệu, như cơm lẫn với cám, canh lá gai, chỉ có một miếng gừng, một lá rau."

Đức Thế Tôn bảo:

"Này Cư sĩ, dù bố thí những thức thô xấu, hay bố thí những thức mỹ diệu, thì đều có quả báo. Nhưng này Cư sĩ, nếu bố thí những thức thô xấu, không tín mà bố thí, không cố tâm bố thí, không tự tay bố thí, không tự mình đến bố thí, không tư duy mà bố thí, không do tín mà bố thí, không quán nghiệp và quả báo mà bố thí, thì nên quán rằng sẽ thọ báo đúng như thế, tâm không muốn được nhà đẹp, không muốn được xe đẹp, không muốn áo chăn đẹp, không muốn được đồ ăn thức uống ngon, không muốn được ngũ dục công đức tốt. Vì sao? Vì không chí tâm mà hành bố thí. Này Cư sĩ, nên biết rằng, sẽ thọ báo đúng như thế.

"Này Cư sĩ, nếu bố thí những thức thô xấu nhưng có tín mà bố thí, có tâm bố thí, tự tay bố thí, tự mình đến bố thí, tư duy mà bố thí, do tín mà bố thí, quán nghiệp và quả báo mà bố thí, thì nên quán rằng sẽ thọ báo đúng như thế, là do tâm muốn được nhà đẹp, muốn được xe đẹp, muốn được áo chăn đẹp, muốn được đồ ăn thức uống ngon, muốn được ngũ dục công đức tốt đẹp. Vì sao? Vì chí tâm mà bố thí. Này Cư sĩ, nên biết rằng, sẽ thọ báo đúng như thế.

"Này Cư sĩ, nếu bố thí những thức mỹ diệu, không tín mà bố thí, không cố tâm bố thí, không tự tay bố thí, không tự mình đến bố thí, không tư duy mà bố thí, không do tín mà bố thí, không quán nghiệp và quả báo mà bố thí, thì nên quán rằng sẽ thọ báo đúng như thế, tâm không muốn được nhà đẹp, không muốn được xe đẹp, không muốn áo chăn đẹp, không muốn được đồ ăn thức uống ngon, không muốn được ngũ dục công đức tốt. Vì sao? Vì không chí tâm mà hành bố thí. Này Cư sĩ, nên biết rằng, sẽ thọ báo đúng như thế.

"Này Cư sĩ, nếu bố thí những thức mỹ diệu, lại có tín mà bố thí, tự tay bố thí, tự mình đến bố thí, tư duy mà bố thí, do tín mà bố thí, quán nghiệp và quả báo mà bố thí, thì nên quán rằng sẽ thọ báo đúng như thế, là do tâm muốn được nhà đẹp, muốn được xe đẹp, muốn áo chăn đẹp, muốn đồ ăn thức uống ngon, muốn được ngũ dục công đức tốt đẹp. Vì

---

1. Pāli, A.9.20 Velāma. Hán, tham chiếu, No.72-No.74; No.125(27.3).
2. Tu-đạt-đa; tên thật của ông Cấp Cô Độc ▬▬t▬W▬C Pāli: Sudatta.

sao? Vì chí tâm mà bố thí. Này Cư sĩ, nên biết rằng, sẽ thọ báo đúng như thế.

"Này Cư sĩ, thuở xưa có Phạm chí đại trưởng giả tên là Tùy-lam[3] rất giàu có, của cải vô lượng, có nhiều phong hộ, thực ấp, có nhiều châu báu, sản nghiệp chăn nuôi không thể tính kể. Vị ấy bố thí như thế này: tám vạn bốn ngàn bát bằng vàng đựng đầy bạc vụn, thực hành đại bố thí như vậy; tám vạn bốn ngàn bát bằng bạc đựng đầy vàng vụn, thực hành đại bố thí như vậy. Tám vạn bốn ngàn bát bằng vàng đựng đầy vàng vụn, thực hành đại bố thí như vậy. Tám vạn bốn ngàn bát bằng bạc, đựng đầy bạc vụn, thực hành đại bố thí như vậy. Tám vạn bốn ngàn thớt voi được trang sức dây trắng đan lại, phủ lên, thực hành đại bố thí như vậy. Tám vạn bốn ngàn con ngựa được trang sức bằng dây kim hợp phi-na[4], thực hành đại bố thí như vậy. Tám vạn bốn ngàn con bò lấy y làm dây thừng và phủ lên bằng y, có thể cung cấp một hộc sữa, thực hành đại bố thí như vậy. Tám vạn bốn ngàn người nữ, tư dung đẹp đẽ, ai nhìn cũng thích, trang sức đầy đủ châu báu, thực hành đại bố thí như vậy. Ngoài ra lại có những thức ăn, thức nuốt khác nữa.

'Này Cư sĩ, Phạm chí Tùy-lam đã thực hành đại bố thí như vậy; nếu lại có người bố thí thức ăn cho phàm phu toàn cõi Diêm-phù nữa, thì so với đại bố thí kia, sự bố thí này hơn nhiều lắm.

"Này Cư sĩ, Phạm chí Tùy-lam đã thực hành đại bố thí, và bố thí thức ăn cho phàm phu toàn cõi Diêm-phù như vậy; nếu lại có người bố thí thức ăn cho một vị Tu-đà-hoàn, thì so với sự bố thí kia, sự bố thí này hơn nhiều lắm.

"Này Cư sĩ, Phạm chí Tùy-lam đã thực hành đại bố thí, bố thí thức ăn cho phàm phu toàn cõi Diêm-phù, và bố thí thức ăn cho một trăm vị Tu-đà-hoàn như thế; nếu lại có người bố thí thức ăn cho một vị Tư-đà-hàm, thì so với sự bố thí kia, sự bố thí này hơn nhiều lắm.

"Này Cư sĩ, Phạm chí Tùy-lam đã thực hành đại bố thí, bố thí thức ăn cho phàm phu toàn cõi Diêm-phù, bố thí thức ăn cho một trăm vị Tu-đà-hoàn, cho một trăm vị Tư-đà-hàm như thế; nếu lại có người bố thí thức ăn cho một vị A-na-hàm, thì so với sự bố thí kia, sự bố thí này hơn nhiều lắm.

"Này Cư sĩ, Phạm chí Tùy-lam thực hành đại bố thí, bố thí thức ăn cho phàm phu toàn cõi Diêm-phù, bố thí thức ăn cho một trăm vị Tu-đà-hoàn, một trăm vị Tư-đà-hàm, một trăm vị A-na-hàm như thế; nếu lại có người bố thí thức ăn cho một vị A-la-hán, thì so với sự bố thí kia, sự bố thí này hơn nhiều lắm.

"Này Cư sĩ, Phạm chí Tùy-lam thực hành đại bố thí, bố thí thức ăn cho phàm phu toàn cõi Diêm-phù, bố thí thức ăn cho một trăm vị Tu-đà-hoàn, một trăm vị Tư-đà-hàm, một trăm vị A-na-hàm, một trăm vị A-la-hán như vậy; nếu lại có người bố thí thức ăn cho một vị Bích-chi-phật, thì so với sự bố thí kia, sự bố thí này hơn nhiều lắm.

"Này Cư sĩ, Phạm chí Tùy-lam đã thực hành đại bố thí, bố thí thức ăn cho phàm phu toàn cõi Diêm-phù, bố thí thức ăn cho một trăm vị A-na-hàm, một trăm vị A-la-hán, một trăm vị Bích-chi-phật như vậy; nếu lại có người bố thí thức ăn cho một Đức Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, thì so với sự bố thí kia, sự bố thí này hơn nhiều lắm.

"Này Cư sĩ, Phạm chí Tùy-lam đã thực hành đại bố thí, bố thí thức ăn cho phàm phu toàn cõi Diêm-phù; bố thí thức ăn cho một trăm vị Tu-đà-hoàn, một trăm vị Tư-đà-hàm, một trăm vị A-na-hàm, một trăm vị A-la-hán, một trăm vị Bích-chi-phật như thế; nếu lại

---

3. Tùy-lam -H-x-C Pāli: Velāma, một tiền thân của Phật.

4. Phi-na -P--A theo Nhất Thiết Kinh Âm Nghĩa 52 (Đại 54, tr.652b), đây là âm tiếng Phạm, có nghĩa là "phước đức hành".

có người tạo phòng nhà bố thí cho chúng Tỳ-kheo bốn phương, thì so với sự bố thí này hơn nhiều lắm.

"Này Cư sĩ, Phạm chí Tùy-lam đã thực hành đại bố thí, bố thí thức ăn cho phàm phu toàn cõi Diêm-phù, bố thí thức ăn cho một trăm vị Tu-đà-hoàn, một trăm vị Tư-đà-hàm, một trăm vị A-na-hàm, một trăm vị A-la-hán, một trăm vị Bích-chi-phật, tạo phòng nhà bố thí cho chúng Tỳ-kheo bốn phương như thế; nếu lại có người với tâm hoan hỷ, quy y Ba ngôi tôn quý là Phật, Pháp và chúng Tỳ-kheo, lại thọ giới, thì so với sự bố thí kia, việc làm này hơn nhiều lắm.

"Này Cư sĩ, Phạm chí Tùy-lam đã thực hành đại bố thí, bố thí thức ăn cho phàm phu toàn cõi Diêm-phù, bố thí thức ăn cho một trăm vị Tu-đà-hoàn, một trăm vị Tư-đà-hàm, một trăm vị A-na-hàm, một trăm vị A-la-hán, một trăm vị Bích-chi-phật, tạo phòng nhà bố thí cho chúng Tỳ-kheo bốn phương, tâm hoan hỷ quy y Ba ngôi tôn quý là Phật, Pháp, chúng Tỳ-kheo, và thọ giới; nếu lại có người trong khoảnh khắc thực hành từ tâm đối với tất cả chúng sanh, cho đến trong khoảng thời gian vắt sữa bò, thì so với sự bố thí kia, việc này hơn nhiều lắm.

"Này Cư sĩ, Phạm chí Tùy-lam đã thực hành đại bố thí, bố thí thức ăn cho phàm phu toàn cõi Diêm-phù, bố thí thức ăn cho một trăm Tu-đà-hoàn, một trăm vị Tư-đà-hàm, một trăm vị A-na-hàm, một trăm vị A-la-hán, một trăm vị Bích-chi-phật, tạo phòng, nhà bố thí cho chúng Tỳ-kheo bốn phương, tâm hoan hỷ quy y Ba ngôi tôn quý là Phật, Pháp, chúng Tỳ-kheo, thọ giới và trong khoảnh khắc thực hành từ tâm đối với tất cả chúng sanh, cho đến trong khoảng thời gian vắt sữa bò, như thế; nếu lại có người quán được tất cả pháp là vô thường, khổ, không và vô ngã, thì so với sự bố thí kia, việc làm này hơn nhiều lắm.

"Này Cư sĩ, ý ông nghĩ sao? Phạm chí đại trưởng giả Tùy-lam thuở xưa ấy là ai khác chăng? Chớ nghĩ như vậy. Vì sao? Nên biết rằng, đó chính là Ta vậy. Ta thuở xưa là Phạm chí đại trưởng giả tên là Tùy-lam.

"Này Cư sĩ, Ta bấy giờ vì lợi ích cho mình, cũng vì lợi ích cho kẻ khác, vì lợi ích cho mọi người, thương xót thế gian, mưu cầu thiện lợi và hữu ích, cầu sự an ổn khoái lạc cho Trời và Người. Nhưng lúc bấy giờ Ta thuyết pháp chưa được rốt ráo, chưa rốt ráo bạch tịnh, chưa rốt ráo Phạm hạnh, chưa thành tựu rốt ráo Phạm hạnh; nên lúc bấy giờ, Ta chưa lìa được sanh, già, bệnh, chết, khóc lóc, áo não, cũng chưa thể thoát khỏi mọi khổ đau. Này Cư sĩ, Ta nay là Bậc Xuất Thế, là Như Lai, Bậc Vô Sở Trước, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, Phật, Chúng Hựu. Nay Ta vì lợi cho mình cũng vì lợi ích cho kẻ khác, vì lợi ích cho mọi người, thương xót thế gian, mưu cầu thiện lợi và hữu ích, cầu sự an ổn khoái lạc cho Trời và Người. Nay Ta thuyết pháp đến chỗ rốt ráo, rốt ráo bạch tịnh, rốt ráo Phạm hạnh, thành tựu Phạm hạnh; nên nay Ta đã lìa khỏi sự sanh, sự già chết, khóc lóc, áo não. Ta nay đã giải thoát khỏi mọi khổ đau."

Đức Phật thuyết như vậy, Cư sĩ Tu-đạt-đa và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

❑

156. KINH PHẠM BA-LA-DIÊN[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng, vườn Cấp cô độc.

Bấy giờ có nhiều Phạm chí nước Câu-sa-la[2], vào lúc xế trưa, quanh quẩn đi đến chỗ Đức Phật, chào hỏi nhau rồi, ngồi qua một bên và thưa:

"Này Cù-đàm, chúng tôi có điều muốn hỏi, ông có nghe chăng?"

Đức Thế Tôn đáp:

"Các ông hỏi gì thì hỏi."

Nghe thế, các Phạm chí hỏi:

"Này Cù-đàm, bây giờ còn có Phạm chí học pháp Phạm chí cổ đại[3] hay đã vượt khỏi pháp Phạm chí cổ đại rồi chăng?"

Đức Thế Tôn đáp:

"Nay không còn Phạm chí học pháp Phạm chí cổ đại, Phạm chí đã vượt khỏi pháp Phạm chí cổ đại từ lâu rồi."

Nghe thế, các Phạm chí hỏi:

"Này Cù-đàm, tại sao nay không còn Phạm chí học pháp Phạm chí cổ đại và các Phạm chí vượt khỏi pháp Phạm chí cổ đại từ bao giờ?"

Bấy giờ Đức Thế Tôn nói bài kệ trả lời:

Vì xưa có Phạm chí,
Tự chế ngự, nhiệt hành[4]*,*
Bỏ năm công đức dục,
Hành Phạm hạnh thanh tịnh.
Phạm hạnh và giới hạnh,
Khiến tâm tính nhu thuận,
Rộng lượng, tâm không hại,
Nhẫn nhục thủ hộ ý.
Thuở xưa có pháp này
Phạm chí chẳng thủ hộ.
Phạm chí không thủ hộ,
Của cải, tiền lúa gạo.
Tụng đọc là tài sản,

---

1. Pāli, Sn. 2. 7. Brahmaṇadhammika-sutta.
2. Câu-sa-la ---P---C Pāli: Kosala.
3. ·Cố phạm chí pháp -G-----k-C Pāli: porāṇānaṃ brāhmaṇānaṃ brāhmaṇadhamma, pháp Bà-la-môn của các Bà-la-môn thượng cổ.
4. Hán: nhiệt hành ----F Pāli: tapassin, khổ hành giả.

Thủ hộ kho tàng này.
Sắc áo đủ các loại,
Nhà cửa và giường chõng,
Dân các nước, các thành,
Học Phạm chí như vậy[5].
Phạm chí này chớ hại,
Thủ hộ tất cả pháp,
Đi đến cửa nhà người,
Không ai ngăn cản họ.
Lần lượt xin từng nhà,
Xin ăn theo từng bữa.
Những Phạm chí tại gia,
Trông thấy, thích bố thí.
Bốn tám năm đã tròn,
Tu Phạm hạnh thanh tịnh,
Mong Minh, Hạnh chóng thành;
Cổ Phạm chí như vậy.
Không lấy trộm của cải,
Cũng không hề sợ hãi,
Thương mến đùm bọc nhau,
Và cùng sống hòa hợp.
Bởi không có phiền não,
Pháp liên hệ oán, dâm,
Tất cả các Phạm chí,
Không thể hành như vậy.
Nếu có hạnh bậc nhất,
Phạm chí quyết mong cầu.
Các pháp dâm dục ấy,
Không thực hành, dù mộng.
Nhân các phạm hạnh ấy,
Tự xưng "Ta là Phạm"
Biết họ có hạnh ấy,
Bậc có tuệ sẽ biết.
Giường thưa, chiếc áo mỏng,
Cơm, sữa cốt sanh tồn,
Khất cầu đều như pháp,
Trai tự, hành bố thí,
Hiến tế, chẳng cầu khác,
Chỉ cầu xin nơi mình.
Lúc tổ chức trai thí,
Người ấy không giết bò;
Như cha mẹ, anh em,

---

5. Pāli: nānārattehi vatthei sayanehi āvasathehi ca phitā janapadā raṭṭhā te namassiṃsu brahmaie, bằng các loại vải vóc, giường chõng, nhà cửa, nhân dân từ các nước giàu có đến lễ những người Bà-la-môn.

Và các người thân khác,
Xem người, bò cũng vậy.
Nhân đó sanh khoái lạc.
Ăn uống, thân khoẻ mạnh,
Nhờ vậy mà yên vui.
Biết được nghĩa lý này,
Không ưa giết hại bò.
Mềm mại, thân lực lớn,
Tinh sắc, được khen ngợi.
Ân cần tự cầu lợi,
Như vậy, Phạm chí xưa.
Phạm chí vì lợi mình,
Biết nên làm, phải tránh.
Cõi này, trong tương lai,
Người ấy nhất định thoát.
Tuần trăng đã quá tuần,
Xứng ý xin cầu thân.
Đêm dài mãi du hí,
Những người vợ phấn son.
Đàn bò, quây trước mặt,
Vợ đẹp nối sau lưng,
Dục vi diệu ở đời.
Phạm chí thường ước mong.
Ngựa xe trang bị đủ,
Tài nghệ giỏi vá may,
Hôn nhân và nhà cửa,
Phạm chí thường ước mong.
Họ tạo triền phược ấy,
Chúng tôi từ kia lại,
Đại vương[6] *mở cuộc chay,*
Đừng để mất tài lợi.
Nhiều tài vật lúa gạo,
Hoặc có dư tiền tài,
Đại vương tương ưng đó[7]*,*
Phạm chí và cưỡi xe[8]*;*
Tế voi và tế ngựa,
Tế ngựa được suốt thông[9]*,*

---

6. Trong bản Pāli: Okkāka (Cam Giá vương), Tổ tiên của dòng họ Thích-ca.
7. Hán: Đại vương tương ưng thử -j ——————C Câu này và câu kế tiếp, bản Hán tối nghĩa. Pāli: tato ca rājā saññatto (brahmaṇehi): Vua được khuyên bảo bởi các người Bà-la-môn. Pāli: saññatta: khuyến cáo, trong bản Hán đọc là samyutta: tương ưng.
8. Pāli: brahmaṇehi rathesabho, bởi những người Bà-la-môn, và chúa binh xa. Bản Hán phân tích ngữ pháp không giống bản Pāli. Trong bản Pāli, brahmaịehi, cách ba số nhiều, tác nhân của saĩatto (dẫn cht.6 trên); rathesabho, chủ cách, đồng cách với rājā: nhà vua là chúa của binh xa.
9. Pāli: tato ca rājā saññatto brāhmaṇehi rathesabbho assamedhaṃ purisamedhaṃ sammāpāsaṃ

Tụ tập làm trai thí,
Thí cho Bà-la-môn.
Họ do đó được lợi,
Say mê đắm tài vật,
Họ khơi dậy lòng dục,
Càng dục càng say mê,
Cũng như ao nước rộng,
Và vô lượng tài vật,
Cũng vậy, người có bò,
Các vật dụng sanh sống,
Họ tạo triền phược ấy,
Chúng tôi từ kia lại.
Đại vương mở cuộc chay,
Đừng để mất tài lợi;
Nhiều tài vật lúa gạo,
Nếu ngài có nhiều bò,
Đại vương tương ưng đó,
Phạm chí và ngựa xe.
Bò vô lượng trăm ngàn,
Vì trai tự mà giết,
Đầu, sừng không não hại,
Bò heo thời xưa kia.
Đi đến nắm sừng bò,
Cầm dao bén mà giết.
Gọi bò và gọi cha,
La sát tên là Hương,
Họ hô hoán phi pháp,
Khi cầm dao đâm bò,
Pháp ấy hành trai thí,
Vượt qua tại trước nhất.
Không hữu sự mà giết,
Viễn ly pháp suy thoái,
Thời xưa có ba bệnh,
Dục vọng, đói và già.
Do thù nghịch với bò,
Khởi bệnh chín mươi tám,
Thù nghịch ấy như vậy,
Nên kẻ trí rất ghét.
Nếu người thấy như vậy,
Ai mà không oán ghét;
Như vậy, trong đời này,
Vô trí thấp hèn nhất.

---

vācapeyyaṃ maggaḷaṃ, do sự khuyên bảo của các Bà-la-môn, nhà vua, chúa của binh xa, cử hành các tế lễ: tế ngựa, tế người, tế quăng gậy, tế rượu Soma, tế lễ vô già (không hạn chế). Xem các cht. 6,7 trên.

Mỗi, mỗi vì dục, tranh,
Như vợ rủa xả chồng.
Sát-lợi, Phạm chí nữ,
Người thủ hộ chủng tánh,
Vi phạm pháp chủng tánh,
Tự do theo dục vọng.

"Như vậy, này Phạm chí, hiện tại không còn Phạm chí học pháp Phạm chí cổ đại. Phạm chí đã vượt khỏi pháp Phạm chí cổ đại từ lâu rồi."

Nghe vậy, các Phạm chí nước Câu-sa-la thưa:

"Bạch Thế Tôn, chúng con đã biết. Bạch Thiện Thệ, chúng con đã rõ. Nay chúng con tự đem mình quy y Phật, Pháp, và chúng Tỳ-kheo, mong Thế Tôn nhận chúng con làm những Ưu-bà-tắc từ nay và đến trọn đời; chúng con tự đem mình quy y cho đến lúc mạng chung."

Đức Phật thuyết như vậy, các Phạm chí nước Câu-sa-la và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

❑

157. KINH HOÀNG LÔ VIÊN[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật du hóa tại Bệ-lan-nhã[2], trú trong vườn Hoàng lô[3].

Bấy giờ Phạm chí Bệ-lan-nhã tuổi cao tác lớn, tuổi thọ gần dứt, mạng sống gần tàn, tuổi đã một trăm hai mươi, chống gậy mà đi. Vào buổi xế trưa, Phạm chí ấy thong dong đi đến chỗ Đức Phật, chào hỏi nhau rồi, chống gậy đứng trước Đức Phật và nói:

"Này Cù-đàm, ta nghe Sa-môn Cù-đàm lúc thiếu thời, tuổi còn quá trẻ, vừa mới xuất gia học đạo, thế mà nếu có danh đức Sa-môn Phạm chí nào đích thân đi đến vẫn không kính lễ, cũng không tôn trọng, cũng không đứng dậy, không mời các vị ấy ngồi. Này Cù-đàm, việc ấy quả không thể được."

Thế Tôn đáp:

"Này Phạm chí, Ta chưa từng thấy chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Phạm chí nào từ loài Người cho đến Trời đi đến, khiến Như Lai kính lễ, tôn trọng, đứng dậy, mời các vị ấy ngồi. Này Phạm chí, nếu có ai đến mà muốn Như Lai kính lễ, tôn trọng, đứng dậy, mời ngồi, thì đầu của vị ấy chắc chắn vỡ thành bảy mảnh."

Phạm chí lại nói:

"Cù-đàm vô vị[4]."

Đức Thế Tôn bảo:

"Này Phạm chí, có sự kiện khiến Ta vô vị, nhưng không phải như lời ông nói. Nếu có vị của sắc, vị của tiếng, vị của hương, vị của xúc, thì những thứ ấy đã bị Như Lai đoạn trừ, dứt sạch, nhổ tận gốc rễ, không bao giờ sanh lại nữa. Đó là sự kiện khiến Ta vô vị, nhưng không như lời ông nói."

Phạm chí lại nói:

"Cù-đàm không sợ hãi[5]."

Đức Thế tôn đáp:

"Này Phạm chí, có sự kiện khiến Ta không sợ hãi, nhưng không như lời ông nói. Nếu có sợ hãi sắc, thanh, hương, vị, xúc, thì Như Lai đã đoạn trừ, dứt sạch, nhổ tận gốc rễ, không bao giờ sanh lại nữa. Đó là sự kiện khiến Như Lai không sợ hãi, nhưng không như lời ông nói."

---

1. Bản Hán, quyển 40. Pāli, A. 8. 11. Verañjā. Hán, biệt dịch, No.75.
2. Bệ-lan-nhã [illegible] Pāli: verañjā, tên thôn.
3. Hoàng lô [illegible] Pāli: naḷerupucimanda-mūla, dưới gốc cây Nelerupucimanda, không biết cây gì.
4. Pāli: arasarūpo bhavaṃ gotamo, Tôn giả Gotama không có sắc vị (không thực chất). No.75: Sa-môn Cù-đàm này nhác nhớn.
5. Hán: Cù-đàm vô khủng bố [illegible] No.75 cũng vậy. Pāli: nibbhogo bhavaṃ Gotamo, Tôn giả Gotama là người không biết hưởng thụ. Nibbhoga (không thọ dụng), các bản Hán đều đọc là nibbhaya, không sợ hãi.

Phạm chí lại nói:

"Cù-đàm không nhập thai[6]."

Đức Thế Tôn đáp:

"Có sự kiện khiến Ta không đầu thai, nhưng không như lời ông nói. Nếu có Sa-môn, Phạm chí đối với sự mang thai trong tương lai mà đã đoạn trừ, dứt sạch, nhổ tận gốc rễ, không bao giờ sanh lại nữa, Ta nói rằng vị ấy không đầu thai. Như Lai đối với sự mang thai trong tương lai đã vĩnh viễn đoạn trừ, tuyệt diệt, nhổ tận gốc rễ, không bao giờ sanh lại nữa, cho nên Ta không đầu thai. Đó là sự kiện Ta không đầu thai, nhưng không như lời ông nói.

"Này Phạm chí, Ta ở trong chúng sanh này đến từ vô minh, say đắm vô minh, bị vô minh che lấp, bị phủ kín trong vỏ trứng vô minh, thì Ta là người trước tiên quán pháp; đối với chúng sanh ấy, Ta là bậc nhất.

"Cũng như gà mái sanh trứng, mười hoặc mười hai trứng, luôn luôn nghĩ, luôn luôn ấp ủ, luôn luôn sưởi ấm, luôn luôn bảo bọc. Một thời gian sau, giả sử gà mái buông trôi; gà con ở bên trong, hoặc dùng mỏ mổ, hoặc dùng móng chân mà chọi, phá vỡ trứng chui ra an ổn, đối với các gà con khác, nó là bậc nhất. Ta cũng như thế, Ta ở trong chúng sanh này, đến từ vô minh, say đắm vô minh, bị vô minh che lấp, bị bọc kín trong vỏ trứng vô minh. Ta là người trước tiên quán pháp; đối với chúng sanh ấy Ta là bậc nhất.

"Này Phạm chí, Ta ôm cỏ khô đi đến cây Giác thọ, rãi cỏ xuống gốc cây, trải ni-sư-đàn lên mà ngồi kiết già, quyết ngồi ngay ngắn, thề cho đến khi dứt sạch các lậu mới thôi. Rồi Ta ngồi ngay ngắn cho đến khi dứt sạch các lậu. Sau khi ngồi ngay ngắn, Ta ly dục, ly pháp ác, bất thiện, có giác có quán, có hỷ lạc do ly dục sanh, đạt được Thiền thứ nhất, thành tựu an trú; nghĩa là lúc bấy giờ Ta chứng đắc Tâm tăng thượng thứ nhất, đạt được sự an lạc ngay trong hiện tại, chứng đắc dễ dàng, không khó, sống an lạc, không sợ hãi, an ổn khoái lạc, khiến lên đến Niết-bàn.

"Lại nữa, này Phạm chí, sau khi Ta giác quán dứt sạch, bên trong tịch tĩnh, nhất tâm, không giác không quán, có hỷ lạc do định sanh, đạt được Thiền thứ hai, thành tựu an trú; nghĩa là lúc bấy giờ Ta chứng đắc Tâm tăng thượng thứ hai, đạt được sự an lạc ngay trong hiện tại, chứng đắc dễ dàng, không khó, sống an lạc, không sợ hãi, an ổn khoái lạc, khiến lên Niết-bàn.

"Lại nữa, này Phạm chí, Ta ly hỷ, ly dục, xả, vô cầu, an trú chánh niệm, chánh trí mà thân giác lạc, điều mà bậc Thánh nói là Thánh xả, có niệm, an trụ lạc, đạt được Thiền thứ ba, thành tựu an trú; nghĩa là lúc bấy giờ chứng đắc Tâm tăng thượng thứ ba, đạt được sự an lạc ngay trong hiện tại, chứng đắc dễ dàng, không khó, sống an lạc, không sợ hãi, an ổn khoái lạc, khiến lên Niết-bàn.

"Lại nữa, này Phạm chí, Ta diệt lạc, diệt khổ, hỷ và ưu vốn có cũng đã diệt, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh, đạt được Thiền thứ tư, thành tựu an trú; nghĩa là lúc bấy giờ Ta chứng đắc Tâm tăng thượng thứ tư, đạt được sự an lạc ngay trong hiện tại, chứng đắc dễ dàng, không khó, sống an lạc, không sợ hãi, an ổn khoái lạc, khiến lên Niết-bàn.

---

6. Pāli: apagabbho bhavaṃ Gotamo.

"Lại nữa, này Phạm chí, Ta đã chứng định tâm thanh tịnh như thế, không uế, không phiền nhiệt, nhu nhuyến, khéo an trú, đạt đến tâm bất động, học Túc mạng trí thông và chứng đắc, nhớ vô lượng đời trước mà Ta đã trải qua, có hành động và có dung mạo thế nào. Nghĩa là Ta nhớ lại một đời, trăm đời, ngàn đời, kiếp thành, kiếp hoại, vô lượng kiếp thành và hoại, chúng sanh kia tên như thế, thuở xưa trải qua đó. Ta từng sanh ở đó, họ như thế, tên như thế, sanh như thế, ăn uống như thế, tồn tại lâu dài như thế, chấm dứt tuổi thọ như thế, chết nơi này sanh nơi kia, chết chỗ kia sanh chỗ này; Ta sanh nơi này, họ như thế, tên như thế, sanh như thế, ăn uống như thế, thọ khổ và an lạc như thế, trường thọ như thế, tồn tại lâu dài như thế, chấm dứt mạng sống như thế. Bấy giờ là lúc vào khoảng đầu, chứng đắc minh đạt thứ nhất này, nhờ không phóng dật, sống an lạc trong đời sống viễn ly, tu hành tinh tấn, nên vô trí diệt, mà trí pháp sanh, mê ám tiêu tan mà minh thành tựu, vô minh hoại diệt mà minh phát sanh. Đó là Ta đắc minh đạt Túc mạng trí.

"Lại nữa, này Phạm chí, Ta đã chứng đắc định tâm thanh tịnh như thế, không ô uế, không phiền nhiệt, nhu nhuyến, khéo an trú, đạt đến tâm bất động, học Lậu tận thông và chứng đắc. Ta biết như thật rằng: 'Đây là Khổ,' biết như thật rằng 'đây là Khổ tập, Khổ diệt, Khổ diệt đạo'; biết như thật rằng: 'Đây là lậu', biết như thật rằng 'đây là lậu tập, lậu diệt, lậu diệt đạo.' Ta biết như thế, Ta thấy như thế, tâm giải thoát khỏi dục lậu, tâm giải thoát khỏi hữu lậu và vô minh lậu. Sau khi giải thoát liền biết mình đã giải thoát, biết như thật rằng: 'Sự sanh đã dứt, Phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa.' Bấy giờ là vào lúc cuối đêm, Ta chứng đắc minh đạt trí thứ ba này, nhờ không phóng dật, sống an lạc trong đời sống viễn ly, tu hành tinh tấn, nên vô trí diệt, trí phát sanh, mê ám tiêu tan, minh thành tựu, vô minh hoại diệt, minh phát sanh. Đó là Ta chứng đắc minh đạt Lậu tận trí.

"Lại nữa, này Phạm chí, nếu có ai với sự thuyết giảng chân chánh mà thuyết bất si pháp, đối với chúng sanh sanh ra trong thế gian, ở giữa tất cả chúng sanh, vị ấy là tối thắng, không bị khổ lạc phủ kín, nên biết rằng vị thuyết giảng chân chánh ấy chính là Ta. Vì sao? Vì Ta thuyết bất si pháp, đối với chúng sanh sanh trong thế gian, ở giữa tất cả chúng sanh ấy, Ta là tối thắng, không bị khổ lạc phủ kín."

Nghe vậy, Phạm chí xứ Tỳ-lan-nhã liền bỏ gậy xuống, cúi đầu đảnh lễ sát chân Phật và bạch Thế Tôn:

"Thế Tôn là bậc nhất, Thế Tôn thật vĩ đại, Thế Tôn tối thượng, Thế Tôn cao tột, Thế Tôn chánh đẳng, Thế Tôn không có ai bằng, Thế Tôn không có một ai so sánh, Thế Tôn không chướng ngại, Thế Tôn là bậc không gây chướng ngại! Bạch Thế Tôn, con nay nguyện đem mình quy y Phật, Pháp và chúng Tỳ-kheo. Mong Đức Thế Tôn nhận con làm Ưu-bà-tắc bắt đầu từ hôm nay cho đến trọn đời, con nguyện đem mình quy y cho đến lúc mạng chung."

Đức Phật thuyết như vậy, Phạm chí xứ Tỳ-lan-nhã và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

❑

158. KINH ĐẦU-NA[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng, vườn Cấp cô độc.

Bấy giờ, Phạm chí Đầu-na, vào lúc xế trưa, ung dung đi đến chỗ Đức Phật, chào hỏi nhau rồi, ngồi qua một bên.

Đức Thế Tôn hỏi:

"Này Đầu-na, nếu ai hỏi: 'Ông là Phạm chí phải không?' thì ông có tự xưng mình là Phạm chí chăng?"

Phạm chí Đầu-na đáp:

"Này Cù-đàm nếu ai đáng xưng là Phạm chí, thì người ấy phải được cha mẹ sanh ra với sự thọ sanh thanh tịnh, cho đến bảy đời cha mẹ không tuyệt chủng tộc, đời đời không ác, học rộng, trì chú, tụng đọc tinh thông bốn bộ điển kinh, thấu triệt nhân duyên, chánh văn, truyện giải trí, thứ năm là văn phạm. Này Cù-đàm, người đáng gọi là Phạm chí thì chính là tôi vậy. Vì sao? Vì tôi được cha mẹ thọ sanh thanh tịnh, cho đến bảy đời cha mẹ, chủng tộc không tuyệt, đời đời không ác, học rộng, trì chú, tinh thông bốn bộ điển kinh, thấu triệt nhân duyên, chánh văn, truyện giải trí và văn phạm."

Đức Thế Tôn bảo:

"Này Đầu-na, Ta nay hỏi ông, ông hiểu thế nào thì trả lời thế ấy. Này Đầu-na, nếu thuở xưa có Phạm chí, lúc thân hoại mạng chung, đã đọc tụng kinh điển, truyền bá kinh điển, tụng đọc kinh điển, đó là một là Dạ-tra, hai là Bà-ma, ba là Bà-ma-đề-bà, bốn là Tỳ-xa-mật-đa-la, năm là Dạ-bà-đà-kiền-ni, sáu là Ứng-nghi-la-bà, bảy là Bà-tư-tra, tám là Ca-diếp, chín là Bà-la-bà, mười là Bà-hòa[2]; lại chủ xướng có năm hạng Phạm chí: có Phạm chí ngang hàng Phạm thiên, có Phạm chí ngang hàng chư Thiên, có Phạm chí không vượt giới hạn, có Phạm chí vượt giới hạn, và thứ năm là Phạm chí Chiên-đồ-la[3], thì này Đầu-na, trong năm loại Phạm chí ấy, ông thuộc hạng nào?"

Đầu-na đáp:

"Này Cù-đàm nói nghĩa ấy tóm lược, không phân biệt rộng rãi, nên tôi không hiểu được. Mong Sa-môn Cù-đàm khéo giải thích cho tôi biết."

---

1. Pāli, A. 5. 192 Doṇa.
2. Danh sách các tiên nhân cổ đại, xem kinh 152 trên.
3. Pāli: ime pañca brāhmaṇe paññāpenti, brāhmasamaṃ devasamaṃ maruyadaṃ sambhinnamariyadaṃ brāhmaṇacaiḍālaṃ yeva pañcamaṃ, năm hạng Bà-la-môn: ngang Phạm thiên, ngang chư Thiên, giữ quy tắc, phá vỡ quy tắc, và thứ năm là Caṇḍala.

Thế Tôn đáp:

"Này Đầu-na, hãy lắng nghe, khéo tư duy và ghi nhớ, Ta sẽ phân biệt rộng rãi cho ông."

Đầu-na thưa:

"Xin vâng, thưa Cù-đàm."

Đầu-na vâng lời, lắng nghe. Đức Phật giải thích:

"Này Đầu-na, thế nào là Phạm chí ngang hàng Phạm thiên? Phạm chí nào được cha mẹ thọ sanh thanh tịnh cho đến bảy đời cha mẹ, không tuyệt chủng, đời đời không ác. Vị ấy trải qua bốn mươi tám năm thực hành đồng tử Phạm hạnh[4] để thấu triệt kinh thư, tụng tập điển kinh. Sau khi đã thấu triệt kinh thư, tụng tập kinh điển, vị ấy cầu xin của cải để cúng phụng Tôn sư, đúng pháp, chứ không phải không đúng như pháp. Thế nào là không đúng như pháp? Không làm ruộng, không buôn bán, không học sách, không làm toán thuật, không làm công số, không in khắc, không tạo thủ bút, không làm văn chương, không đọc kinh, không ngâm thơ, không dùng đao gậy, không phụng sự vua, đúng như pháp mà cầu xin, cầu xin của cải, tâm đi đôi với từ, biến mãn một phương, thành tựu, an trú. Cũng vậy, hai, ba, bốn phương, bốn hướng, phương trên, phương dưới, biến khắp mọi phương, tâm đi đôi với từ, không kết, không oán, không sân nhuế, không tranh chấp, rộng rãi bao la, vô lượng, khéo tu tập, biến mãn cùng khắp thế gian, thành tựu, an trú. Cũng như vậy, bi và hỷ. Tâm đi đôi với xả, không kết, không oán, không sân nhuế, không tranh chấp, rộng rãi, bao la, vô lượng, khéo tu tập, biến mãn cùng khắp thế gian, thành tựu, an trú. Này Đầu-na, như vậy gọi là Phạm chí ngang hàng Phạm thiên.

"Này Đầu-na, thế nào Phạm chí ngang hành chư Thiên? Phạm chí nào được cha mẹ thọ sanh thanh tịnh, cho đến bảy đời cha mẹ không tuyệt chủng, đời đời không ác. Vị ấy trải qua bốn mươi tám năm thực hành đồng tử Phạm hạnh để thấu triệt kinh thư, tập tụng điển kinh. Sau khi nắm vững kinh thư, tụng tập điển kinh, vị ấy cầu xin của cải để cúng phụng Tôn sư, đúng như pháp chứ không phải không đúng như pháp. Thế nào là đúng như pháp? Không làm ruộng, không buôn bán, không học sách, không làm toán thuật, không làm công số, không in khắc, không tạo thủ bút, không làm văn chương, không đọc kinh, không ngâm thơ, không dùng đao gậy, không phụng sự vua[5], đúng như pháp mà cầu xin, cầu xin của cải để cúng phụng Tôn sư. Sau đó bố thí của cải, vị ấy thực hành thân diệu hạnh, khẩu và ý diệu hạnh. Khi đã thành tựu thân diệu hạnh, khẩu và ý diệu hạnh, vị đó nhờ nhân duyên ấy, khi thân hoại mạng chung, chắc chắn đi đến thiện xứ, sanh lên cõi trời. Này Đầu-na, như vậy gọi là Phạm chí ngang hàng chư Thiên.

"Này Đầu-na, thế nào là Phạm chí không vượt giới hạn? Phạm chí nào được cha mẹ thọ sanh thanh tịnh, cho đến bảy đời cha mẹ không tuyệt chủng, đời đời không ác. Vị ấy trải qua bốn mươi tám năm thực hành đồng tử Phạm hạnh để thấu triệt kinh thư, tập tụng điển kinh. Sau khi nắm vững kinh thư, tụng tập điển kinh, vị ấy cầu xin của cải để cúng phụng Tôn sư, đúng như pháp chứ không phải không đúng như pháp. Thế nào là đúng như pháp? Không làm ruộng, không buôn bán, không học sách, không làm toán thuật, không làm công số, không in khắc, không tạo thủ bút, không làm văn chương, không đọc kinh, không ngâm thơ, không dùng đao gậy, không phụng sự vua, đúng như pháp mà cầu xin,

---

4. Đồng tử phạm hạnh ——l ——Ahạnh đồng chơn hay trinh khiết. Pāli: komārabrahmacariya.

5. Các nghề không làm, theo Pāli: neva kasiyā na vaṇijjāya na gorakkhena na isatthena na rājaporisena na isappaññatarena, không theo nông sư, không theo thương nghiệp, không theo chăn nuôi, không theo cung kiếm, không theo quan chức của vua, không theo công xảo.

cầu xin của cải để cúng phụng Tôn sư. Sau khi bố thí của cải, vị ấy đi tìm vợ cho mình đúng như pháp, chứ không phải đúng như pháp. Thế nào là không đúng như pháp? Phạm chí không có ý như vầy đối với nữ Phạm chí: 'Mong rằng yêu ta, gặp gỡ ta để cùng giao hợp.' Vị ấy lấy vợ người nữ dòng Phạm chí chứ không phải người nữ không thuộc dòng Phạm chí, cũng không phải người nữ dòng Sát-lợi, không phải đang mang thai, không phải đã sanh sản[6]. Này Đầu-na, vì lý do gì mà Phạm chí không lấy vợ người nữ đang mang thai? Vì không muốn rằng con trai hay con gái của mình được gọi là sanh ra do bất tịnh dâm[7]. Cho nên, Phạm chí ấy không lấy vợ người nữ đang mang thai. Này Đầu-na, vì lý do gì mà Phạm chí ấy không lấy vợ người nữ đã sanh sản? Vì không muốn rằng con trai hay con gái được gọi là do cưỡng bức bất chánh[8]. Cho nên Phạm chí ấy không lấy vợ người nữ đã sanh sản. Này Đầu-na, Phạm chí ấy lấy vợ không phải vì của cải, không phải vì kiêu ngạo, không phải vì phục sức, không phải vì phấn son, mà chỉ vì cầu con. Sau khi sanh con trong mức độ nào là giới hạn ước định của những Phạm chí thời xưa, vị ấy dừng lại ở đó, giữ giới hạn đó, không vượt qua giới hạn đó. Này Đầu-na, như vậy gọi là Phạm chí không vượt giới hạn.

"Này Đầu-na, thế nào là Phạm chí vượt giới hạn? Phạm chí nào được cha mẹ thọ sanh thanh tịnh, cho đến bảy đời cha mẹ không tuyệt chủng, đời đời không ác. Vị ấy trải qua bốn mươi tám năm thực hành đồng tử Phạm hạnh để thấu triệt kinh thư, tập tụng điển kinh. Sau khi nắm vững kinh thư, tụng tập điển kinh, vị ấy cầu xin của cải để cúng phụng Tôn sư, đúng như pháp chứ không phải không đúng như pháp. Thế nào là đúng như pháp? Không làm ruộng, không buôn bán, không học sách, không làm toán thuật, không làm công số, không in khắc, không tạo thủ bút, không làm văn chương, không đọc kinh, không ngâm thơ, không dùng đao gậy, không phụng sự vua, đúng như pháp mà cầu xin, cầu xin của cải để cúng phụng Tôn sư. Sau khi bố thí của cải, vị ấy đi tìm vợ cho mình đúng như pháp, chứ không phải đúng như pháp. Thế nào là không đúng như pháp? Phạm chí không có ý như vầy đối với nữ Phạm chí: 'Mong rằng yêu ta, gặp gỡ ta để cùng giao hợp.' Vị ấy lấy vợ người nữ dòng Phạm chí chứ không phải người nữ không thuộc dòng Phạm chí, cũng không phải người nữ dòng Sát-lợi, không phải đang mang thai, không phải đã sanh sản. Này Đầu-na, vì lý do gì mà Phạm chí không lấy vợ người nữ đang mang thai? Vì không muốn rằng con trai hay con gái của mình được gọi là sanh ra do bất tịnh dâm. Cho nên, Phạm chí ấy không lấy vợ người nữ đang mang thai. Này Đầu-na, vì lý do gì mà Phạm chí ấy không lấy vợ người nữ đã sanh sản? Vì không muốn rằng con trai hay con gái được gọi là do cưỡng bức bất chánh. Cho nên Phạm chí ấy không lấy vợ người nữ đã sanh sản. Này Đầu-na, Phạm chí ấy lấy vợ không phải vì của cải, không phải vì kiêu ngạo, không phải vì phục sức, không phải vì phấn son, mà chỉ vì cầu con. Sau khi sanh con, trong mức độ nào là giới hạn ước định Phạm chí thời xưa, vị ấy không dừng lại ở đó, không giữ nguyên giới hạn đó, mà vượt qua khỏi giới hạn đó. Này Đầu-na, như vậy gọi là Phạm chí vượt khỏi giới hạn.

"Này Đầu-na, Phạm chí như thế nào là Phạm chí Chiên-đà-la? Phạm chí nào được cha mẹ thọ sanh thanh tịnh, cho đến bảy đời cha mẹ không tuyệt chủng, đời đời không ác. Vị ấy trải qua bốn mươi tám năm thực hành đồng tử Phạm hạnh để thấu triệt kinh thư, tập

---

6. Pāli: na pāyamānaṃ gacchati, không tiếp cận (người nữ) đang cho bú.
7. Hán: bất tịnh dâm ━━b━]━C Pāli: atimīḷhajo, sanh ra từ đống phân.
8. Hán: bất tịnh nhuế ━━━b━}━C Pāli: asucipaṭipīlito, cưỡng bức bất tịnh, hay "do uống bất tịnh (asucipipata?)".

tụng điển kinh. Sau khi nắm vững kinh thư, tụng tập điển kinh, vị ấy cầu xin của cải để cúng phụng Tôn sư, đúng như pháp chứ không phải không đúng như pháp. Thế nào là đúng như pháp? Không làm ruộng, không buôn bán, không học sách, không làm toán thuật, không làm công số, không in khắc, không tạo thủ bút, không làm văn chương, không đọc kinh, không ngâm thơ, không dùng đao gậy, không phụng sự vua, đúng như pháp mà cầu xin, cầu xin của cải để cúng phụng Tôn sư. Sau khi bố thí của cải, vị ấy đi tìm vợ cho mình đúng như pháp, chứ không phải đúng như pháp. Thế nào là không đúng như pháp? Phạm chí không có ý như vầy đối với nữ Phạm chí: 'Mong rằng yêu ta, gặp gỡ ta để cùng giao hợp.' Vị ấy lấy vợ người nữ dòng Phạm chí chứ không phải người nữ không thuộc dòng Phạm chí, cũng không phải người nữ dòng Sát-lợi, không phải đang mang thai, không phải đã sanh sản. Này Đầu-na, vì lý do gì mà Phạm chí không lấy vợ người nữ đang mang thai? Vì không muốn rằng con trai hay con gái của mình được gọi là sanh ra do bất tịnh dâm. Cho nên, Phạm chí ấy không lấy vợ người nữ đang mang thai. Này Đầu-na, vì lý do gì mà Phạm chí ấy không lấy vợ người nữ đã sanh sản? Vì không muốn rằng con trai hay con gái được gọi là do cưỡng bức bất chánh. Cho nên Phạm chí ấy không lấy vợ người nữ đã sanh sản. Này Đầu-na, Phạm chí ấy lấy vợ không phải vì của cải, không phải vì kiêu ngạo, không phải vì phục sức, không phải vì phấn son, mà chỉ vì cầu con. Khi đã sanh con, vị ấy những việc liên hệ đến vua, làm những việc liên hệ giặc cướp, làm những việc liên hệ đến tà đạo, và lại nói như vầy: 'Phạm chí có quyền làm tất cả mọi sự, nhưng Phạm chí không phải vì vậy mà nhiễm trước, cũng không ô uế. Như lửa đốt cháy những gì sạch hay không sạch. Cũng vậy, Phạm chí có quyền làm tất cả mọi sự, nhưng Phạm chí không vì vậy mà bị nhiễm trước, cũng không bị ô uế.' Này Đầu-na, Phạm chí như vậy gọi là Phạm chí Chiên-đà-la.

"Này Đầu-na, trong năm hạng Phạm chí ấy, ông thuộc hạng nào?"

Đầu-na trả lời:

"Thưa Cù-đàm, ngay hạng sau cùng là Phạm chí Chiên-đà-la, con cũng không sánh kịp huống nữa là các hạng Phạm chí trên. Bạch Thế Tôn, con đã biết. Bạch Thiện Thệ, con đã rõ. Bạch Thế Tôn, con nay tự đem mình quy y Phật, Pháp và chúng Tỳ-kheo. Mong Thế Tôn nhận con làm Ưu-bà-tắc. Từ nay cho đến trọn đời, con tự đem mình quy y cho đến lúc mạng chung."

Đức Phật thuyết như vậy, Phạm chí Đầu-na sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

❑

159. KINH A-GIÀ-LA-HA-NA[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng, vườn Cấp cô độc.

Bấy giờ có Phạm chí A-già-la-ha-na, sau bữa cơm trưa, ung dung đi đến chỗ Đức Phật, chào hỏi rồi ngồi qua một bên và nói:

"Thưa Cù-đàm, tôi có điều muốn hỏi, mong Ngài cho phép, tôi mới dám trình bày."

Thế Tôn đáp:

"Ông muốn hỏi gì tùy ý."

Phạm chí liền hỏi:

"Thưa Cù-đàm, kinh điển của Phạm chí nương vào đâu mà tồn tại?"

Đức Thế Tôn đáp:

"Kinh điển của Phạm chí nương vào con người mà tồn tại."

"Thưa Cù-đàm, con người nương vào đâu mà tồn tại?"

"Con người nương vào lúa gạo mà tồn tại."

"Thưa Cù-đàm, lúa gạo nương vào đâu mà tồn tại?"

"Lúa gạo nương vào đất mà tồn tại."

Phạm chí lại hỏi:

"Thưa Cù-đàm, đất nương vào đâu mà tồn tại?"

Thế Tôn đáp:

"Đất nương vào nước mà tồn tại."

"Thưa Cù-đàm, nước nương vào đâu mà tồn tại?"

"Nước nương vào gió mà tồn tại."

"Thưa Cù-đàm, gió nương vào đâu mà tồn tại?"

"Gió nương vào hư không mà tồn tại?"

"Thưa Cù-đàm, hư không nương vào đâu mà tồn tại?"

"Hư không không có nương tựa, nhưng nhân mặt trời, mặt trăng mà có hư không."

"Thưa Cù-đàm, mặt trời và mặt trăng nương vào đâu mà tồn tại?"

"Mặt trời, mặt trăng nương vào Tứ thiên vương mà tồn tại."

Phạm chí lại hỏi:

"Thưa Cù-đàm, Tứ thiên vương nương vào đâu mà tồn tại?"

Thế Tôn đáp:

---

1. Không thấy Pāli tương đương.

"Tứ Thiên vương nương vào Tam thập tam thiên mà tồn tại."
"Thưa Cù-đàm, Tam thập tam thiên nương vào đâu mà tồn tại?"
"Tam thập tam thiên nương vào Diệm-ma thiên mà tồn tại."
"Thưa Cù-đàm, Diệm-ma thiên nương vào đâu mà tồn tại?"
"Diệm-ma thiên nương vào Đâu-suất-đà thiên mà tồn tại."
"Thưa Cù-đàm, Đâu-suất-đà thiên nương vào đâu mà tồn tại?"
"Đâu-suất-đà thiên nương vào Hóa lạc thiên mà tồn tại."
"Thưa Cù-đàm, Hóa lạc thiên nương vào đâu mà tồn tại?"
"Hóa lạc thiên nương vào Tha hóa lạc thiên mà tồn tại."
"Thưa Cù-đàm, Tha hóa lạc thiên nương vào đâu mà tồn tại?"
"Tha hóa lạc thiên nương vào Phạm thiên mà tồn tại."
"Thưa Cù-đàm, Phạm thiên nương vào đâu mà tồn tại?"
"Phạm thiên nương vào Đại phạm mà tồn tại."
"Thưa Cù-đàm, Đại phạm nương vào đâu mà tồn tại?"
"Đại phạm nương vào nhẫn nhục, ôn hòa mà tồn tại."
Phạm chí lại hỏi:
"Thưa Cù-đàm, nhẫn nhục, ôn hòa nương vào đâu mà tồn tại?"
Thế Tôn đáp:
"Nhẫn nhục, ôn hòa nương vào Niết-bàn mà tồn tại."
Phạm chí lại hỏi:
"Thưa Cù-đàm, Niết-bàn nương vào đâu mà tồn tại?"
Thế Tôn đáp:

"Ý muốn của Phạm chí nương vào những sự kiện không cùng nên ông nay đã hỏi Ta về sự không có giới hạn, nhưng Niết-bàn không nương vào đâu cả. Niết-bàn là tịch diệt, Niết-bàn là tối thượng. Này Phạm chí, vì mục đích này mà nhiều người theo ta mà tu hành Phạm hạnh."

Phạm chí thưa:

"Bạch Đức Thế Tôn, con đã biết. Bạch Thiện Thệ, con đã rõ. Bạch Đức Thế Tôn, con nay xin đem mình quy y Phật, Pháp và chúng Tỳ-kheo. Mong Đức Thế Tôn nhận con làm Ưu-bà-tắc từ nay và suốt đời, con nguyện đem mình quy y cho đến lúc mạng chung."

Đức Phật thuyết như vậy, Phạm chí A-già-la-ha-na sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

❑

160. KINH A-LAN-NA[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng, vườn Cấp cô độc.

Bấy giờ sau bữa ăn trưa, các Tỳ-kheo tụ tập ngồi tại giảng đường bàn luận thế này: "Này chư Hiền, thực là kỳ lạ, thực là kỳ lạ! Sanh mạng con người thực quá ngắn ngủi, phút chốc đã qua đời khác. Do đó cần phải làm các việc lành, cần tu Phạm hạnh, vì đã sanh ra thì không thể không chết. Nhưng người đời nay đối với việc làm đúng pháp, việc làm hợp lẽ, việc lành, việc tốt lại không thực hành, cũng chẳng mong cầu."

Lúc ấy, Đức Thế Tôn đang ở tại chỗ nghỉ trưa, bằng Thiên nhĩ thanh tịnh hơn hẳn người thường, nghe các Tỳ-kheo sau bữa cơn trưa, tụ tập ngồi tại giảng đường, đã bàn luận như thế này: "Chư Hiền, thực là kỳ lạ, thực là kỳ lạ! Sanh mạng con người quá ngắn ngủi, phút chốc đã qua đời khác. Do đó, cần phải làm các việc lành, cần tu Phạm hạnh, vì đã sanh ra thì không thể không chết. Nhưng người đời nay đối với việc làm đúng pháp, việc làm hợp lẽ, việc thiện, việc tốt lại không thực hành, cũng chẳng cầu mong." Nghe vậy, Đức Thế Tôn, vào lúc xế trưa từ chỗ tĩnh tọa, đứng dậy, đi đến giảng đường. Ngài trải chỗ ngồi, ngồi trước đại chúng Tỳ-kheo và hỏi:

"Này các Tỳ-kheo, các Thầy bàn luận chuyện gì? Vì duyên cớ nào mà tụ tập ngồi tại giảng đường?"

Nghe Đức Thế Tôn hỏi như vậy, các Tỳ-kheo thưa:

"Bạch Thế Tôn, chúng Tỳ-kheo chúng con, sau bữa ăn trưa, tụ tập ngồi tại giảng đường, bàn luận thế này: 'Thực là kỳ lạ, thực là kỳ lạ! Sanh mạng con người quá ngắn ngủi, phút chốc đã qua đời khác. Do đó, cần phải làm các việc lành, cần tu Phạm hạnh, vì đã sanh ra thì không thể không chết. Nhưng người đời này đối với việc làm đúng pháp, việc làm hợp lẽ, việc lành, việc tốt lại không thực hành, cũng chẳng cầu mong.'

---

1. Pāli, tham chiếu, A. 7. 70. Araka; A. 7. 69. Suneta.

Bạch Đức Thế Tôn, chúng con đã bàn luận với nhau như vậy. Vì việc ấy, nên chúng con đã tụ tập ngồi ở giảng đường."

Thế Tôn tán thán:

"Lành thay! Lành thay! Khi các ngươi nói với nhau rằng: 'Chư Hiền, thực là kỳ lạ, thực là kỳ lạ! Sanh mạng con người thực quá ngắn ngủi, phút chốc đã qua đời khác. Do đó, cần phải làm các việc lành, cần tu Phạm hạnh, vì đã sanh ra thì không thể không chết. Nhưng người đời nay đối với việc làm đúng pháp, việc làm hợp lẽ, việc thiện, việc tốt lại không thực hành, cũng không cầu mong.' Vì sao? Vì ta cũng nghĩ thế này: 'Thực là kỳ lạ, thực là kỳ lạ! Sanh mạng con người thực quá ngắn ngủi, phút chốc đã qua đời khác. Do đó, cần phải làm các việc lành, cần tu Phạm hạnh, vì đã sanh ra thì không thể không chết. Nhưng ngươì đời nay đối với việc làm đúng pháp, việc làm hợp lẽ, việc thiện, việc tốt lại không thực hành, cũng không cầu mong?' Vì sao?

"Này các Tỳ-kheo, vào đời quá khứ, có lúc chúng sanh thọ tám vạn tuổi, thì châu Diêm-phù này rất giàu, có nhiều của cải châu báu, thôn ấp gần nhau bằng khoảng cách con gà bay. Lúc ấy, con gái đến năm trăm tuổi mới lấy chồng. Con người chỉ có bệnh như thế này: lạnh, nóng, đại và tiểu tiện, ham muốn, không ăn và già lão[2], ngoài ra không còn tai hoạn nào khác.

"Này các Tỳ-kheo, lúc con người thọ tám vạn tuổi, có vua tên là Câu-lao-bà[3] làm Chuyển luân vương, thông minh, trí tuệ, có bốn loại quân chỉnh trị thiên hạ, tự do, tự tại, là pháp vương đúng như pháp, thành tựu bảy báu. Bảy báu đó là luân báu, voi báu, ngựa báu, ngọc báu, nữ báu, cư sĩ báu và tướng quân báu. Đó là bảy báu. Vua có đủ một ngàn người con, dung mạo khôi ngô, dõng mãnh, không sợ, hàng phục được kẻ khác, chắc chắn thống trị toàn cõi đất này, cho đến biển cả, không dùng đao gậy, chỉ dùng pháp giáo hóa, khiến dân an ổn.

"Này các Tỳ-kheo, vua Câu-lao-bà có vị Phạm chí tên A-lan-na đại trưởng giả[4], được cha mẹ nuôi lớn, thọ sanh thanh tịnh cho đến bảy đời cha mẹ không tuyệt chủng tộc, đời đời không ác, học rộng, thông suốt, tụng đọc hết bốn loại kinh điển, thấu triệt nhân duyên, chánh văn, truyện giải trí thứ năm, và cú thuyết. Phạm chí A-lan-na có vô lượng trăm ngàn Ma-nạp ma. Phạm chí đã ở nơi yên tĩnh truyền dạy kinh thư cho vô lượng trăm ngàn Ma-nạp ma.

"Bấy giờ Phạm chí A-lan-na sống một mình ở nơi yên tĩnh, tĩnh tọa tư duy, đã suy nghĩ rằng: 'Thực là kỳ lạ, thực là kỳ lạ! Sanh mạng con người thực hành quá ngắn ngủi, phút chốc đã qua đời khác. Do đó, cần phải làm các việc thiện, cần tu Phạm hạnh, vì đã sanh ra không thể không chết. Nhưng người đời nay đối với việc làm đúng pháp, việc làm hợp lẽ, việc thiện, việc tốt lại không thực hành, cũng không cầu mong. Có lẽ ta nên cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo.'

---

2. Các thứ bịnh, kể theo bản Pāli: sītaṃ uṇhaṃ jigucchā pipāsā uccāro passavo, lạnh, nóng, đói, khát, đại tiện, tiểu tiện.
3. Câu-lao-bà ━━c ━C━C Pāli: Koravya, xem kinh 132 "Lại-tra-hòa-la" ở trên.
4. A-lan-na ━━━━F phiên âm gần với Aranemi trong A. 7. 69. Sunetta, được kể chung với bảy tôn sư thời cổ, giảng dạy pháp dẫn đến cộng trú trong thế giới Phạm thiên (brahmalokasahavyatāya dhammaṃ desesi). Nhưng nội dung tư duy thì đồng nhất với của Araka (thứ bảy trong bảy tôn sư thời cổ kể trong Sunetta) trong A.7.70.

Thế rồi, Phạm chí A-lan-na đi đến chỗ các Ma-nạp ma thuộc nhiều nước khác nhau và nói:

"– 'Này các Ma-nạp ma, khi ta sống một mình nơi chỗ yên tĩnh, tĩnh tọa tư duy, đã suy nghĩ rằng: 'Thực là kỳ lạ, thực là kỳ lạ! Sanh mạng con người thực quá ngắn ngủi, phút chốc đã qua đời khác. Do đó, cần phải làm các việc thiện cần tu Phạm hạnh, vì sanh ra không thể không chết. Thế nhưng con người đời nay đối với việc làm đúng pháp, việc làm hợp lẽ, việc thiện, việc tốt lại không thực hành, cũng không mong cầu. Có lẽ ta nên cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình xuất gia học đạo.' Này các Ma-nạp ma, nay ta muốn cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo, thì các ông sẽ làm những gì?'

"Nghe vậy, các chúng Ma-nạp ma của những nước khác nhau ấy thưa rằng:

"– 'Thưa Tôn sư, những gì chúng con đã biết đều nhờ ơn Tôn sư chỉ dạy, nếu Tôn sư cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo, thì chúng con cũng sẽ cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo theo gót Tôn sư.'

"Thế rồi Phạm chí A-lan-na, sau đó, đã cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo. Các chúng Ma-nạp ma thuộc những nước khác ấy cũng đều cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, theo Tôn sư là Phạm chí A-lan-na ấy mà xuất gia học đạo. Đó là sự phát sanh danh hiệu Tôn sư A-lan-na,và đệ tử của Tôn sư A-lan-na.

Bấy giờ, Tôn sư A-lan-na thuyết pháp cho đệ tử:

"– Này các Ma-nạp ma, thực là kỳ lạ, thực là kỳ lạ? Sanh mạng con người thực quá ngắn ngủi, phút chốc đã qua đời khác. Do đó, cần phải làm các việc lành, cần tu Phạm hạnh, vì đã sanh ra thì không thể không chết. Thế nhưng người đời nay đối với việc làm đúng pháp, việc làm hợp lẽ, việc thiện, việc tốt lại không thực hành, cũng không cầu mong."

Bấy giờ, Tôn sư A-lan-na thuyết pháp cho đệ tử:

"– 'Này các Ma-nạp ma, thực là kỳ lạ, thực là kỳ lạ! Sanh mạng con người thực quá ngắn ngủi, phút chốc đã qua đời khác. Do đó, cần phải làm các việc lành, cần tu phạm hạnh, vì đã sanh ra thì không thể không chết. Thế nhưng người đời nay đối với việc làm đúng pháp, việc làm hợp lẽ, việc thiện, việc tốt lại không thực hành, cũng không cầu mong.'

"Lại nữa, Tôn sư A-lan-na đã thuyết pháp cho đệ tử:

"– 'Này các Ma-nạp ma, giống như hạt sương mai trên ngọn cỏ, lúc mặt trời mọc thì

tan mất, tồn tại tạm thời không thể trường cửu; cũng vậy, này Ma-nạp ma, sanh mạng con người như hạt sương mai, rất khó giữ được, rất ít, quá ít vị ngọt, mà đau khổ tai hoạn lại lớn, tai hoạn quá nhiều!'

"Tôn sư A-lan-na đã thuyết pháp cho đệ tử như vậy. Và Tôn sư A-lan-na lại thuyết pháp cho đệ tử:

"– 'Này các Ma-nạp ma, cũng như lúc trời mưa lớn, nước giọt tạo thành bong bóng, thoạt hiện thoạt biến; cũng vậy, này Ma-nạp ma, mạng người cũng như bọt nước, rất khó giữ được, rất ít, quá ít vị ngọt, mà đau khổ tai hoạn rất lớn, tai hoạn quá nhiều!'

"Tôn sư A-lan-na đã thuyết pháp cho đệ tử như vây. Và Tôn sư A-lan-na lại thuyết pháp cho đệ tử:

"– 'Này các Ma-nạp ma, giống như cây gậy ném xuống nước, nó sẽ trồi trở lên rất nhanh; cũng vậy, này Ma-nạp ma, mạng người cũng như cây gậy ném xuống nước, trồi lên rất nhanh, rất khó giữ được, rất ít, quá ít vị ngọt, mà tai hoạn, khổ đau lại lớn, tai hoạn quá nhiều!'

"Tôn sư A-lan-na đã thuyết pháp cho đệ tử như vậy. Và Tôn sư A-lan-na lại thuyết pháp cho đệ tử:

"– 'Này các Ma-nạp ma, giống như viên ngói mới được nhúng vào bồn nước, rồi đem ra ngay, để ở nơi có gió và nóng thì khô ráo liền; cũng vậy, này Ma-nạp ma, mạng người cũng như viên ngói mới được nhúng vào bồn nước, rồi khô ráo ngay, rất khó giữ được, rất ít, quá ít vị ngọt, mà đau khổ tai hoạn lớn, tai hoạn quá nhiều!'

"Tôn sư A-lan-na đã thuyết pháp cho đệ tử như vậy. Và Tôn sư A-lan-na lại thuyết pháp cho đệ tử:

"– 'Này các Ma-nạp ma, giống như một miếng thịt nhỏ được bỏ vào nồi nước lớn, bên dưới lửa cháy hừng hực, sẽ tiêu tan rất nhanh; cũng vậy, này Ma-nạp ma, mạng người cũng như miếng thịt tiêu tan kia, rất khó giữ được, rất ít, quá ít vị ngọt, mà đau khổ, tai hoạn lại lớn, tai hoạn rất nhiều!'

"Tôn sư A-lan-na đã thuyết pháp cho đệ tử như vậy. Và Tôn sư A-lan-na lại thuyết pháp cho đệ tử:

"– 'Này các Ma-nạp ma, giống như trói tên ăn cướp dẫn đến dưới gốc cây nêu để giết ; mỗi bước chân đi là một bước tiến gần chỗ chết, là một bước rời xa sự sống; cũng vậy, này Ma-nạp ma, mạng sống con người cũng như tên cướp bị trói dẫn đến dưới cây nêu để sát hại, rất khó giữ được, rất ít, quá ít vị ngọt mà đau khổ, tai hoạn lại lớn, tai hoạn quá nhiều!'

"Tôn sư A-lan-na đã thuyết pháp cho đệ tử như vậy. Và Tôn sư A-lan-na lại thuyết pháp cho đệ tử:

"– 'Này các Ma-nạp ma, giống như gã đồ tể dẫn bò đi làm thịt; mỗi bước chân đi là một bước tiến gần đến chỗ chết, là một bước rời xa sự sống; cũng vậy, này Ma-nạp ma, mạng sống con người cũng như con bò bị dẫn đi làm thịt, rất khó giữ được, rất ít, quá ít vị ngọt, mà đau khổ, tai hoạn lại lớn, tai hoạn quá nhiều!'

"Tôn sư A-lan-na đã thuyết pháp cho đệ tử như vậy. Và Tôn sư A-lan-na lại thuyết pháp cho đệ tử:

"– 'Này các Ma-nạp ma, giống như dệt vải, thêm một hàng chỉ ngang là thêm một phần gần thành, gần xong; cũng vậy, này Ma-nạp ma, mạng sống con người như vải dệt gần xong, khó giữ được, rất ít, quá ít vị ngọt, mà đau khổ, tai hoạn lại lớn, tai hoạn quá nhiều!'

"Tôn sư A-lan-na thuyết pháp cho đệ tử như vậy. Và Tôn sư A-lan-na thuyết pháp cho đệ tử:

"– 'Này các Ma-nạp ma, giống như dòng nước trên núi đổ xiết, chảy nhanh, cuốn trôi các thứ, nước chảy ào ạt không phút nào ngừng; cũng vậy này Ma-nạp ma, mạng sống con người quá nhanh, không phút nào ngừng. Này Ma-nạp ma, mạng sống con người cũng như dòng nước chảy nhanh, rất khó giữ được, rất ít, quá ít vị ngọt, mà đau khổ, tai hoạn lại lớn, tai hoạn quá nhiều!'

"Tôn sư A-lan-na đã thuyết pháp cho đệ tử như vậy. Và Tôn sư A-lan-na lại thuyết pháp cho đệ tử:

"– 'Này các Ma-nạp ma, giống như lúc đêm tối mà liệng gậy xuống đất, hoặc đầu dưới đụng đất, hoặc đầu trên đụng đất hoặc rơi ngay xuống đất, có khi trúng chỗ đất sạch, có khi trúng chỗ đất không sạch; cũng vậy, này Ma-nạp ma, chúng sanh bị vô minh phủ kín, bị ái dục cuốn chặt, hoặc sanh vào địa ngục, sanh vào súc sanh hay loài ngạ quỷ, hoặc sanh cõi trời, hoặc sanh cõi người. Cũng vậy, này Ma-nạp ma, mạng sống con người như trong tối mà liệng gậy xuống đất, rất khó giữ được, rất ít, quá ít vị ngọt, mà đau khổ, tai hoạn lại lớn, tai hoạn quá nhiều!'

"Tôn sư A-lan-na đã thuyết pháp cho đệ tử như vậy. Và Tôn sư A-lan-na lại thuyết pháp cho các đệ tử:

"–'Này các Ma-nạp ma, ngay đời này, nay đã đoạn trừ tham lam, tâm không não hại; thấy của cải của kẻ khác hay các vật dụng cần cho sự sống, ta không móng khởi tham lam, muốn chiếm đoạt cho ta. Đối với tham tâm, ta đã tịnh trừ; cũng vậy, đối với sân nhuế, thụy miên, điệu hối và nghi. Ngay trong đời này, ta đã đoạn trừ nghi hoặc, đối với các pháp thiện không còn do dự, đối với tâm nghi hoặc, ta đã tịnh trừ. Này Ma-nạp ma, ngay trong đời này các ông cũng nên đoạn trừ tham, tâm không não hại, thấy của cải của kẻ khác hay các vật dụng cần cho sự sống, không nên sanh khởi tham lam, muốn chiếm đoạt cho mình. Đối với tham tâm, các ông nên tịnh trừ; cũng vậy, đối với sân nhuế, thụy miên, điệu hối và nghi. Ngay trong đời này, các ông nên đoạn nghi hoặc, đối với các pháp thiện không nên do dự.'

"Tôn sư A-lan-na đã thuyết pháp cho đệ tử như vậy. Và Tôn sư A-lan-na thuyết pháp cho đệ tử:

"–'Này các Ma-nạp ma, tâm ta cùng với từ tương ưng, biến mãn một phương, thành tựu an trú. Cũng vậy, hai ba, bốn phương, bốn hướng, phương trên, phương dưới, phổ biến cùng khắp, tâm cùng với từ tương ưng, không kết, không oán, không sân nhuế, không tranh chấp, rộng rãi, bao la, vô lượng, khéo tu tập, biến mãn tất cả thế gian, thành tựu an trú. Cũng vậy, bi và hỷ, tâm cùng với xả tương ưng, không kết, không oán, không nhuế, không tranh, rộng rãi, bao la, vô lượng, khéo tu tập biến mãn cùng khắp thế gian, thành tựu an trú. Này Ma-nạp ma, các ông cũng nên thực hành tâm cùng với từ tương ưng, biến mãn một phương, thành tựu an trú. Cũng vậy, hai, ba, bốn phương, bốn hướng, phương trên, phương dưới, phổ biến cùng khắp tâm cùng với từ tương ưng, không kết, không oán, không nhuế, không tranh, rộng rãi, bao la, vô lượng, khéo tu tập, biến mãn khắp thế gian, thành tựu an trú. Cũng vậy, bi và hỷ, tâm cùng với xả tương ưng, không kết, không oán, không nhuế, không tranh, rộng rãi bao la, vô lượng, khéo tu tập, biến mãn cùng khắp thế gian, thành tựu an trú.'

"Tôn sư A-lan-na đã thuyết pháp cho đệ tử như vậy.

" Tôn sư A-lan-na lại thuyết Phạm thế pháp[5] cho đệ tử. Khi Tôn sư A-lan-na thuyết Phạm thế pháp cho các đệ tử, nếu có vị nào không thực hành pháp ấy đầy đủ, thì sau khi thân hoại mạng chung, vị ấy sanh vào Tứ thiên vương hoặc sanh vào Tam thập tam thiên, hoặc sanh vào Diệm-ma thiên, hoặc sanh vào Đâu-suất-đà thiên, hoặc sanh vào Hóa lạc thiên, hoặc sanh vào Tha hóa lạc thiên. Còn lúc Tôn sư A-lan-na thuyết Phạm thế pháp cho các đệ tử, nếu vị nào phụng hành pháp ấy đầy đủ, tu bốn Phạm thất[6], xả ly ái dục, thì sau khi thân hoại mạng chung, vị ấy được sanh vào cõi Phạm thiên.

"Bấy giờ Tôn sư A-lan-na nghĩ rằng: 'Đến đời sau, ta không nên cùng với đệ tử sanh chung nơi. Vậy nay ta nên tu tăng thượng từ. Sau khi tu tăng thượng từ, mạng chung sẽ được sanh vào trong Hoảng dục thiên.' Nghĩ vậy, sau đó Tôn sư A-lan-na liền tu tăng thượng từ, sau khi tu tăng thượng từ, mạng chung được sanh vào cõi Hoảng dục thiên. Tôn sư A-lan-na và các đệ tử đã tu học đạo không hư đối, được đại phước báo.

"Này các Tỳ-kheo, các ngươi nghĩ sao, Tôn sư A-lan-na thuở xưa ấy là ai khác chăng? Chớ nghĩ như vậy. Vì sao? Các Tỳ-kheo nên biết, vị ấy chính là Ta vậy. Bấy giờ Ta tên là Tôn sư A-lan-na. Lúc đó Ta có vô lượng trăm ngàn đệ tử. Ta đã thuyết Phạm thế pháp cho các đệ tử ấy. Lúc Ta thuyết Phạm thế pháp cho các đệ tử; có người phụng hành không đầy đủ pháp ấy, nên khi lâm chung, đã sanh vào Tứ thiên vương, hoặc Tam thập tam thiên, hoặc Diệm-ma thiên hoặc Đâu-suất-đà thiên, hoặc Hóa lạc thiên, hoặc Tha hóa lạc thiên. Còn lúc Ta thuyết Phạm thế pháp cho các đệ tử; có vị phụng hành đầy đủ pháp ấy, tu bốn Phạm thất, xả ly ái dục, thì sau khi mạng chung, được sanh vào cõi Phạm thiên. Bấy giờ Ta nghĩ rằng: 'Đời sau Ta không nên cùng với các đệ tử sanh chung một nơi. Vậy nay ta nên tu tăng thượng từ. Sau khi tu tăng thượng từ, mạng chung sẽ được sanh vào cõi Hoảng dục thiên.' Ta và các đệ tử bấy giờ tu học đạo không hư dối, được đại quả báo. Bấy giờ Ta làm lợi ích cho mình, làm lợi ích cho kẻ khác, làm lợi ích cho mọi người. Ta thương xót thế gian, mưu cầu thiện lợi và hữu ích, an ổn khoái lạc cho Trời và Người. Lúc ấy, Ta thuyết pháp chưa đến chỗ rốt ráo, chưa rốt ráo bạch tịnh, chưa rốt ráo Phạm hạnh, chưa thành tựu rốt ráo Phạm hạnh. Bấy giờ Ta chưa xa lìa được sự sanh, sự già, bệnh tật, sự chết, khóc lóc, áo não, cũng chưa thoát khỏi mọi khổ đau. Này các Tỳ-kheo, nay Ta là Bậc Xuất Thế, Như Lai, Bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, Phật, Chúng Hựu. Nay Ta tự làm lợi cho mình, làm lợi ích cho kẻ khác, làm lợi ích cho mọi người. Ta thương xót thế gian, mưu cầu thiện lợi và hữu ích, an ổn, khoái lạc cho Trời và Người. Nay Ta thuyết pháp đã đến chỗ rốt ráo, rốt ráo bạch tịnh, rốt ráo Phạm hạnh, thành tựu Phạm hạnh. Nay Ta đã xa lìa sự sanh, sự già, tật bệnh, sự chết, khóc lóc, áo não. Nay Ta đã thoát khỏi mọi khổ đau.

"Này các Tỳ-kheo, nếu có người nói đúng, thì sẽ nói rằng: 'Mạng sống con người

---

5. Phạm thế pháp ——@-k-C Pāli: brahmalokasahavyatā-dhamma, pháp dẫn đến cọng trú với thế giới Phạm thiên.

6. Bốn thất hay bốn Phạm trú (đời sống của Phạm thiên); Pāli: brahmavihāra.

ngắn ngủi, phút chốc đã qua đời khác; do đó cần phải làm các việc lành, cần tu Phạm hạnh, vì đã sanh ra không thể không chết.' Này các Tỳ-kheo, nay nói như thế là nói đúng. Vì sao? Vì nay có ai trường thọ thì lâu lắm là một trăm tuổi, hoặc quá hơn một ít nữa mà thôi. Nếu ai trường thọ, thì sống được ba trăm mùa, một trăm mùa xuân, một trăm mùa hạ, một trăm mùa đông. Như vậy sống được một ngàn hai trăm tháng; bốn trăm tháng mùa xuân, bốn trăm tháng mùa hạ, bốn trăm tháng mùa đông. Sống một ngàn hai trăm tháng là sống hai ngàn bốn trăm nửa tháng, tám trăm mùa xuân, tám trăm mùa hạ, tám trăm mùa đông. Sống hai ngàn bốn trăm nửa tháng là ba vạn sáu ngàn ngày đêm; một vạn hai ngàn mùa xuân, một vạn hai ngàn mùa hạ, một vạn hai ngàn mùa đông. Sống ba vạn sáu ngàn ngày đêm là bảy vạn hai ngàn lần ăn với nghỉ ăn và bú sữa mẹ.

"Về sự nghỉ ăn[7], đó là khổ không ăn, sân không ăn, bệnh không ăn, bận việc không ăn, đi đường không ăn, đến chỗ nhà vua không ăn, ngày trai không ăn, thất bại[8] không nên ăn.

"Này các Tỳ-kheo, đó là sự sống trong một trăm năm. Trong một trăm năm ấy với bao nhiêu mùa; với bấy nhiêu mùa có bao nhiêu tháng, với bấy nhiêu tháng nửa tháng, bao nhiêu ngày, bao nhiêu đêm, bao nhiêu ngày đêm, bao nhiêu lần ăn, bao nhiêu lần nghỉ ăn, bao nhiêu lần ăn và nghỉ ăn.

"Này các Tỳ-kheo, như một Tôn sư khởi tâm đại bi đoái tưởng, xót thương, mưu cầu thiện lợi ích, an ổn khoái lạc cho đệ tử; sự kiện ấy Ta đã làm xong. Các ngươi hãy nên làm như vậy; hãy đến nơi rừng vắng, nơi rừng sâu núi thẳm, hay dưới gốc cây, nơi yên tĩnh an ổn mà tĩnh tọa tư duy, không được phóng dật, luôn luôn tinh tấn, đừng để hối hận về sau. Đó là lời khuyến giáo của Ta. Đó là huấn thị của ta."

Đức Phật thuyết như vậy, các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

❑

7. Pāli: bhattantarāya, thục chướng ngại, sự gián đoạn hay cản trở bữa ăn.
8. Hán: bất đắc giả bất thực ——o————C Pāli: alabhkēna, do không được lợi lộc nên không ăn.

161. KINH PHẠM-MA[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật du hóa tại nước Bệ-đà-đề[2], cùng với chúng Đại Tỳ-kheo.

Bấy giờ ở Di-tát-la[3] có Phạm chí tên là Phạm-ma[4] giàu có, của cải vô lượng, sản nghiệp chăn nuôi không thể tính toán, phong hộ, thực ấp đầy đủ mọi thứ. Di-tát-la này cho đến nước, cỏ, cây, đều là đặc tặng, là ân tứ của Vị Sanh Oán, con bà Bệ-đà-đề, vua nước Ma-kiệt-đà[5]. Phạm chí Phạm-ma có một Ma-nạp tên là Ưu-đa-la được cha mẹ sanh ra với sự thọ sanh thanh tịnh cho đến bảy đời cha mẹ, chủng tộc không tuyệt, đời đời không ác, học rộng, thông suốt, tụng đọc hết bốn loại kinh điển, thấu triệt nhân duyên, chánh văn, hí truyện, và thứ năm là cú thuyết. Phạm chí Phạm-ma nghe có Sa-môn Cù-đàm, con dòng tộc Thích, đã từ giả dòng họ Thích, cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo, đang du hóa tại nước Bệ-đà-đề cùng với chúng Đại Tỳ-kheo. Sa-môn Cù-đàm ấy có danh tiếng lớn lao, mười phương đều nghe: 'Sa-môn Cù-đàm là Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự[6], Thiên Nhân Sư, Phật, Chúng Hựu. Vị ấy ở trong thế gian này giữa chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Phạm chí, từ loài người cho đến loài trời, tự tri tự giác, tự tác chứng, thành tựu và an trụ. Pháp mà vị ấy thuyết, khoảng đầu thiện, khoảng giữa thiện, cứu cánh cũng thiện, có nghĩa, có văn, hiển hiện phạm hạnh thanh tịnh trọn đủ[7].'

Lại nghe rằng: 'Sa-môn Cù-đàm thành tựu ba mươi hai tướng của bậc Đại nhân. Nếu ai thành tựu tướng của Đại nhân, thì chắc chắn có hai trường hợp chân thực không sai lầm. Đó là, nếu vị ấy ở tại gia thì chắc chắn làm Chuyển luân vương, thông minh, trí tuệ, có bốn loại quân, chỉnh trị thiên hạ, tự do, tự tại, là pháp vương như pháp, thành tựu bảy báu. Bảy báu đó là xe báu, voi báu, ngựa báu, ngọc báu, nữ báu, cư sĩ báu và tướng quân báu. Đó là bảy báu. Nhà vua có đủ một ngàn người con, dung mạo khôi ngô, dõng mãnh, không sợ, hàng phục được địch quân, chắc chắn thống lãnh toàn cõi đất này, cho đến bể cả, không dùng đao gậy, chỉ đem pháp giáo hóa, khiến dân an ổn. Và nếu vị ấy cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo, thì chắc

---

1. Bản Hán, quyển 41. Pāli, M. 91 Brahmāyu-suttaṃ. Hán, biệt dịch, No.76.
2. Bệ-đà-đề ▬@▬▬▬C Pāli: Videha.
3. Di-tát-la ▬▬▬▬C Pāli: Mithilā.
4. Phạm-ma ▬▬▬C Pāli: Brahmāyu.
5. Ma-kiệt-đà vương, Vị Sanh Oán, Bệ-đà-đề Tử ▬▬▬▬▬A▬▬▬A▬@▬▬▬I▬C Pāli: Magadharāja-Ajātasattu-Vedehiputta
6. Đạo Pháp Ngự. Pāli: Damma-sārathi, Điều Ngự Trượng Phu. Bản Hán đọc là dhamma-(đạo pháp), thay vì là damma- (huấn luyện, điều ngự).
7. Hán: *cụ túc thanh tịnh hiển hiện phạm hạnh* ▬▬▬M▬b▬C Pāli: kevala-paripuṇṇaṃ pari-suddhaṃ brahmacariyaṃ pakāseti, hiển bày đời sống phạm hạnh thanh tịnh và hoàn hảo tuyệt đối.

chắn đắc quả Như Lai, Bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác, tiếng tăm lan khắp, mười phương đều nghe.'

Phạm chí Phạm-ma nghe vậy, liền bảo:

"Này Ưu-đa-la, ta nghe như thế này: 'Sa-môn Cù-đàm, con dòng tộc Thích, đã từ giã dòng họ Thích, cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo, đang du hóa tại nước Bệ-đà-đề cùng với chúng Đại Tỳ-kheo. Sa-môn Cù-đàm ấy có danh tiếng lớn lao, mười phương đều nghe: 'Sa-môn Cù-đàm là Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, Phật, Chúng Hựu. Vị ấy ở trong thế gian này giữa chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Phạm chí, từ loài người cho đến loài trời, tự tri tự giác, tự tác chứng, thành tựu và an trụ. Pháp mà vị ấy thuyết, khoảng đầu thiện, khoảng giữa thiện, cứu cánh cũng thiện, có nghĩa, có văn, hiển hiện phạm hạnh thanh tịnh trọn đủ.' Lại nghe rằng: 'Sa-môn Cù-đàm thành tựu ba mươi hai tướng của bậc Đại nhân. Nếu ai thành tựu tướng của Đại nhân, thì chắc chắn có hai trường hợp chân thực không sai lầm. Đó là, nếu vị ấy ở tại gia thì chắc chắn làm Chuyển luân vương, thông minh, trí tuệ, có bốn loại quân, chỉnh trị thiên hạ, tự do, tự tại, là pháp vương như pháp, thành tựu bảy báu. Bảy báu đó là xe báu, voi báu, ngựa báu, ngọc báu, nữ báu, cư sĩ báu và tướng quân báu. Đó là bảy báu. Nhà vua có đủ một ngàn người con, dung mạo khôi ngô, dõng mãnh, không sợ, hàng phục được địch quân, chắc chắn thống lãnh toàn cõi đất này, cho đến bể cả, không dùng đao gậy, chỉ đem pháp giáo hóa, khiến dân an ổn. Và nếu vị ấy cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo, thì chắc chắn đắc quả Như Lai, Bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác, tiếng tăm lan khắp, mười phương đều nghe.' Ngươi có biết như vậy chăng?

Ưu-đà-la đáp:

"Thưa Tôn sư, con thọ trì các kinh, có biết về ba hai tướng của bậc Đại nhân, và biết rằng, nếu ai thành tựu tướng của bậc Đại nhân, thì chắc chắn có hai trường hợp chân thật, không sai lầm: đó là, nếu vị ấy ở tại gia, thì chắc chắn làm Chuyển luân vương, thông minh, trí tuệ, có bốn loại quân, chỉnh trị thiên hạ, tự do, tự tại, là pháp vương như pháp, thành tựu bảy báu. Bảy báu đó là xe báu, voi báu, ngựa báu, nữ báu, cư sĩ báu, và tướng quân báu. Đó là bảy báu. Nhà vua có đủ một ngàn người con dung mạo khôi ngô, dõng mãnh, không sợ, hàng phục nổi địch quân. Vị ấy chắc chắn thống lãnh toàn cõi đất này, cho đến bể cả, không dùng đao gậy, đem pháp giáo hóa, khiến dân an ổn. Và nếu vị ấy cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo, thì chắc chắn đắc quả Như Lai, Bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác, tiếng tăm lan khắp, mười phương đều nghe."

Nghe vậy, Phạm chí Phạm-ma bảo:

"Này Ưu-đa-la, ngươi hãy đến chỗ Sa-môn Cù-đàm, xem Sa-môn Cù-đàm có đúng như thế, hay không đúng như thế, quả thực có ba mươi hai tướng của Đại nhân chăng?"

Ma-nạp Ưu-đa-la nghe bảo như vậy, liền cúi đầu đảnh lễ sát chân Phạm chí Phạm-ma, đi quanh ba vòng, rồi lui ra, đi đến chỗ Đức Phật, chào hỏi xong, ngồi qua một bên, quan sát ba mươi hai tướng trên thân Đức Thế Tôn. Ma-nạp ấy thấy trên thân Ngài có ba mươi tướng, còn nghi ngờ về hai tướng, đó là tướng mã âm tàng và tướng

lưỡi rộng dài.

Bấy giờ Đức Thế Tôn thầm nghĩ: "Ưu-đa-la này với ba mươi hai tướng của Ta, chỉ thấy được ba mươi tướng, còn nghi ngờ về hai tướng là mã âm tàng và tướng lưỡi rộng dài; nay Ta nên trừ mối nghi ngờ ấy." Nghĩ vậy, Đức Thế Tôn liền như vậy mà hiện thần thông[8]. Sau khi Thế Tôn bằng như vậy mà hiện thần thông, thì Ma-nạp Ưu-đa-la thấy được tướng mã âm tàng và tướng lưỡi rộng dài trên thân Đức Thế Tôn. Tướng lưỡi rộng dài là khi le ra, lưỡi phủ khắp cả mặt.

Khi đã trông thấy, Ưu-đa-la Ma-nạp nghĩ: 'Sa-môn Cù-đàm thành tựu ba mươi hai tướng của bậc Đại nhân, chắc chắn có hai trường hợp chân thật, không sai lầm: đó là, nếu vị ấy ở tại gia, thì chắc chắn làm Chuyển luân vương, thông minh, trí tuệ, có bốn loại quân, chỉnh trị thiên hạ, tự do, tự tại, là pháp vương như pháp, thành tựu bảy báu. Bảy báu đó là xe báu, voi báu, ngựa báu, ngọc báu, nữ báu, cư sĩ báu và tướng quân báu. Đó là bảy báu. Nhà vua có đủ một ngàn người con, dung mạo khôi ngô, dõng mãnh, không sợ, hàng phục nổi địch quân. Vị ấy chắc chắn thống lãnh toàn cõi đất này, cho đến biển cả, không dùng đao gậy, đem pháp giáo hoá, khiến dân an ổn. Và nếu vị ấy cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo, thì chắc chắn đắc quả Như Lai, Bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác, tiếng tăm lan khắp, mười phương đều nghe.'

Ma-nạp Ưu-đa-la lại nghĩ: "Ta nên quán sát kỹ về oai nghi, lễ tiết và nơi Cù-đàm du hành." Nghĩ vậy, Ma-nạp Ưu-đa-la lẽo đẽo theo Đức Phật, trong bốn tháng hạ, quán sát oai nghi, lễ tiết và nơi Đức Phật du hành. Qua bốn tháng hạ, Ma-nạp Ưu-đa-la cảm thấy sung sướng khi đã quán sát oai nghi, lễ tiết và nơi Đức Phật du hành, liền thưa:

"Thưa Cù-đàm, con nay có việc muốn trở về, xin từ giã Cù-đàm."

Thế Tôn bảo:

"Này Ưu-đa-la, ngươi cứ đi, tùy ý."

Ma-nạp Ưu-đa-la nghe Đức Thế Tôn nói như vậy, khéo thọ trì, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đi quanh ba vòng rồi lui ra, đi đến chỗ Phạm chí Phạm-ma, cúi đầu đảnh lễ sát chân, rồi ngồi qua một bên. Phạm chí Phạm-ma hỏi:

"Này Ưu-đa-la, có quả như lời đồn, Sa-môn Cù-đàm có tiếng tăm lớn, mười phương đều nghe, đúng như vậy hay không đúng như vậy? Quả Cù-đàm có ba mươi hai tướng của bậc Đại nhân chăng?"

Ma-nạp Ưu-đa-la đáp:

"Đúng như vậy, thưa Tôn sư. Quả như lời đồn, Sa-môn Cù-đàm có tiếng tăm lớn, mười phương đều nghe. Sa-môn Cù-đàm quả thực như vậy, chứ không phải không thực như vậy, thực có ba mươi hai tướng của bậc Đại nhân.

"Sa-môn Cù-đàm có lòng bàn chân bằng phẳng, đó là tướng của Đại nhân Sa-môn Cù-đàm.

"Lại nữa, thưa Tôn sư, lòng bàn chân của Sa-môn Cù-đàm có hình bánh xe. Bánh xe có một ngàn tăm và đầy đủ các bộ phận. Đó là tướng của Đại nhan Sa-môn Cù-đàm.

"Lại nữa, ngón chân của Sa-môn Cù-đàm thon dài. Đó là tướng của Đại nhân Sa-môn Cù-đàm.

"Lại nữa, mu bàn chân của Sa-môn Cù-đàm thì ngay ngắn. Đó là tướng của Đại

---

8. Hán: như kỳ tượng tác như ý túc -p———@-p-N——C Xem cht.25, kinh 33.

nhân Sa-môn Cù-đàm.

“Lại nữa, ở phía sau hai bên mắt cá của gót chân Sa-môn Cù-đàm thì đầy đặn, bằng phẳng. Đó là tướng của Đại nhân Sa-môn Cù-đàm.

“Lại nữa, hai mắt cá nơi bàn chân của Sa-môn Cù-đàm thì nhỏ. Đó là tướng của Đại nhân Sa-môn Cù-đàm.

“Lại nữa, lông ở thân thể Sa-môn Cù-đàm mọc hướng lên. Đó là tướng của Đại nhân Sa-môn Cù-đàm.

“Lại nữa, bàn tay và bàn chân của Sa-môn Cù-đàm có màng lưới như nhạn chúa. Đó là tướng của Đại nhân Sa-môn Cù-đàm.

“Lại nữa, tay chân của Sa-môn Cù-đàm rất đẹp, mềm mại xòe ra như hoa đâu-la. Đó là tướng của Đại nhân Sa-môn Cù-đàm.

“Lại nữa, da thịt của Sa-môn Cù-đàm mịm màng, bụi nước không dính được. Đó là tướng của Đại nhân Sa-môn Cù-đàm.

“Lại nữa, mỗi một lỗ chân lông ở trên thân của Sa-môn Cù-đàm mọc một sợi lông màu xanh lóng lánh, xoáy ốc về phía bên phải. Đó là tướng của Đại nhân Sa-môn Cù-đàm.

“Lại nữa, đùi của Sa-môn Cù-đàm như đùi của nai chúa. Đó là tướng của Đại nhân Sa-môn Cù-đàm.

Lại nữa, mã âm tàng của Sa-môn Cù-đàm giống như ngựa chúa tốt. Đó là tướng của Đại nhân Sa-môn Cù-đàm.

“Lại nữa, thân hình của Sa-môn Cù-đàm cân xứng, đẹp đẽ cũng giống như cây ni-câu-loại, trên dưới hoàn toàn tương xứng. Đó là tướng của Đại nhân Sa-môn Cù-đàm.

“Lại nữa, thân hình Sa-môn Cù-đàm không gù, không còng. Thân không còng nghĩa là đứng thẳng mà duỗi tay, thì sờ tận đầu gối. Đó là tướng của Đại nhân Sa-môn Cù-đàm.

“Lại nữa, thân của Sa-môn Cù-đàm màu vàng, giống như màu vàng tía. Đó là tướng của Đại nhân Sa-môn Cù-đàm.

“Lại nữa, thân của Sa-môn Cù-đàm có bảy chỗ đầy đặn. Bảy chỗ đầy đặn là hai bàn tay, hai bàn chân, hai vai và cổ. Đó là tướng của Đại nhân Sa-môn Cù-đàm.

“Lại nữa, thân của Sa-môn Cù-đàm phần trên lớn giống như thân sư tử. Đó là tướng của Đại nhân Sa-môn Cù-đàm.

“Lại nữa, quai hàm của Sa-môn Cù-đàm như của sư tử. Đó là tướng của Đại nhân Sa-môn Cù-đàm.

“Lại nữa, xương sống và lưng của Sa-môn Cù-đàm thẳng bằng. Đó là tướng của Đại nhân Sa-môn Cù-đàm.

“Lại nữa, trên hai vai của Sa-môn Cù-đàm liên tiếp qua cổ đầy đặn, bằng phẳng. Đó là tướng của đại nhân Sa-môn Cù-đàm.

“Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm có bốn mươi cái răng, trắng đều đặn, răng không khuyết hở, răng trắng trong, có mùi vị bậc nhất. Đó là tướng của Đại nhân Sa-môn Cù-đàm.

“Lại nữa, tiếng nói của Sa-môn Cù-đàm đáng ưa như tiếng trời Phạm thiên, âm thanh như tiếng chim ca-lăng-tần-già. Đó là tướng của Đại nhân Sa-môn Cù-đàm.

“Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm có lưỡi rộng dài. Lưỡi rộng dài là lưỡi khi le ra trùm khắp cả mặt. Đó là tướng của Đại nhân Sa-môn Cù-đàm.

“Lại nữa, khóe mắt của Sa-môn Cù-đàm đầy như của trâu chúa. Đó là tướng của Đại nhân Sa-môn Cù-đàm.

“Lại nữa, mắt của Sa-môn Cù-đàm màu xanh lóng lánh. Đó là tướng của Đại nhân

Sa-môn Cù-đàm.

"Lại nữa, đỉnh đầu của Sa-môn Cù-đàm có nhục kế, tròn, cân đối, xoáy tròn về hướng phải như vỏ ốc. Đó là tướng của Đại nhân Sa-môn Cù-đàm.

"Lại nữa, giữa hai hàng lông mày của Sa-môn Cù-đàm có sợi lông trắng trong, mọc xoáy về hướng phải. Đó là tướng của Đại nhân Sa-môn Cù-đàm.

"Sa-môn Cù-đàm đã thành tựu ba mươi hai tướng của bậc Đại nhân như vậy. Nếu ai thành tựu tướng của bậc Đại nhân thì chắc chắn có hai trường hợp, chân thật, không sai lầm: đó là, nếu vị ấy ở tại gia thì làm Chuyển luân vương, thông minh, trí tuệ, có bốn loại quân, chỉnh trị thiên hạ, tự do, tự tại, là pháp vương như pháp, thành tựu bảy báu. Bảy báu đó là: xe báu, voi báu, ngựa báu, ngọc báu, nữ báu, cư sĩ báu và tướng quân báu. Đó là bảy báu. Nhà vua có đủ một ngàn người con, dung mạo khôi ngô, dõng mãnh, không sợ, hàng phục được quân địch, chắc chắn thống lãnh toàn cõi đất này, cho đến bể cả, không dùng đao gậy, đem pháp giáo hóa khiến dân an ổn. Và nếu vị ấy cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo, thì chắc chắn đắc quả Như Lai, Bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác, tiếng tăm vang khắp mười phương đều nghe.

"Lại nữa, thưa Tôn sư, con thấy Sa-môn Cù-đàm lúc đang khoác y, lúc đã khoác y; lúc đang quấn y, lúc đã quấn y; lúc ra khỏi phòng, đã ra khỏi phòng; lúc ra khỏi vườn, đã ra khỏi; đang trên đường đi đến thôn xóm, lúc đã vào thôn xóm; đứng ở đường hẻm, đang vào nhà, đã vào; đang sửa giường, đã sửa giường; đang ngồi, đã ngồi; đang rửa tay, đã rửa tay; đang nhận đồ ăn, thức uống, đã nhận; đang ăn, đã ăn; sau khi rửa tay, chú nguyện xong, từ chỗ ngồi đứng dậy, đang ra khỏi, đã ra khỏi nhà; đến đường hẻm, đang ra khỏi thôn xóm, đã ra khỏi; lúc đang vào vườn, đã vào; đang vào phòng, đã vào.

"Thưa Tôn sư, Sa-môn Cù-đàm khoác y ngay ngắn, không cao không thấp, áo không bó sát thân, gió không thể thổi tung khiến y tuột khỏi thân.

"Thưa Tôn sư, Sa-môn Cù-đàm quấn y ngay ngắn, không cao không thấp, y không bó sát thân, gió không thể thổi tung khiến y tuột khỏi thân.

"Thưa Cù-đàm, Sa-môn Cù-đàm mỗi khi đắp y mới, tùy thuận Thánh nhân, dùng dao cắt ra từng miếng rồi may lại, nhuộm thành hoại sắc, cũng như y hoại sắc của bậc Thánh đã nhuộm. Vị ấy đắp y không phải vì của cải, không phải vì cống cao, không phải để trang sức, không phải để cho oai vệ, mà chỉ để ngăn chặn muỗi mòng và tránh sự ma sát của gió và nắng, và vì sự hổ thẹn, nên phải che kín thân thể.

"Thưa Tôn sư, khi ra khỏi phòng, Sa-môn Cù-đàm thân không cúi xuống, cũng

không ngước lên, ra khỏi phòng thân không bao giờ cúi thấp.

"Thưa Tôn sư, Sa-môn Cù-đàm lúc muốn đi, trước hết bước chân bên phải, dở chân lên, để chân xuống một cách chững chạc, đi không gây thành tiếng động, không đi quàng xiên; lúc đi, hai gót chân không bao giờ chạm nhau. Thưa Tôn sư, Sa-môn Cù-đàm lúc đi không bị bụi dính vào. Vì sao? Vì nhờ thiện hành thuở trước.

"Thưa Tôn sư, lúc ra khỏi vườn, Sa-môn Cù-đàm thân không cúi xuống, không ngước lên, lúc ra khỏi vườn, thân không bao giờ cúi thấp. Đi đến xóm làng, thân luôn luôn quay về lối phải, quán sát như cái nhìn của một con voi chúa nhìn khắp nơi, không hãi, không sợ, cũng không khiếp đảm, xem khắp các phương. Vì sao? Vì là Như Lai, Bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác. Thưa Tôn sư, lúc vào thôn xóm, thân không cúi xuống, không ngước lên, lúc vào thôn xóm, Sa môn Cù-đàm không bao giờ cúi thấp.

" Lúc ở đường hẻm Sa-môn Cù-đàm không cúi xuống mà nhìn cũng không ngước lên mà trông, chỉ nhìn ngay thẳng, trong đó không có gì ngăn ngại đối với sự thấy và biết.

"Thưa Tôn sư, Sa-môn Cù-đàm có các căn thường định. Vì sao? Vì nhờ thiện hành thuở trước.

"Thưa Tôn sư, lúc vào nhà, Sa-môn Cù-đàm thân không cúi xuống, không ngước lên; lúc vào nhà thân không bao giờ cúi thấp.

"Thưa Tôn sư, Sa-môn Cù-đàm xoay mình lại thì xoay theo hướng phải, ngồi trên giường kê ngay ngắn; không ngồi lên giường một cách nặng nề, cũng không chống tay dưới trôn mà ngồi; khi đã ngồi, không thấy táy máy, không bứt rứt, cũng không ham thích; lúc thọ nhận nước rửa, không cao, không thấp, không nhiều, không ít; thọ nhận đồ ăn thức uống, cũng không cao, không thấp, không nhiều, không ít.

"Thưa Tôn sư, Sa-môn Cù-đàm thọ thực ngang bình bát; canh và cơm bằng nhau.

"Thưa Tôn sư, Sa-môn Cù-đàm bốc thức ăn chỉnh tề, từ từ bỏ vào miệng, khi thức ăn chưa đến thì không há miệng ra mà đợi sẵn, khi thức ăn đã vào miệng thì nhai ba lần mới nuốt, không có miếng cơm hay canh nào mà không nghiền nát, thức ăn còn lại trong miệng thì nuốt xuống hết rồi mới bốc nắm khác.

"Thưa Tôn sư, Sa-môn Cù-đàm do ba việc thanh tịnh[9] mà ăn, cảm giác được vị lúc ăn[10], nhưng không nhiễm trước vào vị. Vị ấy không phải ăn vì của cải, không vì cống cao, không vì trang sức, không vì oai vệ, mà chỉ muốn bảo tồn thân thể sống lâu, không tai hoạn, để ngăn chận bệnh cũ, không sanh bệnh mới, duy trì sự sống không tai hoạn, sức khỏe, an lạc[11]. Ăn xong, vị ấy dùng nước rửa tay, không cao, không thấp, không nhiều, không ít; dùng nước rửa bát, không cao, không thấp, không nhiều, không ít. Sau khi rửa tay sạch, thì bát cũng sạch; rửa bát sạch thì tay cũng sạch; lau tay rồi lau bát; lau bát rồi lau tay. Khi đã rửa và lau bát xong, để đặt xuống một bên, không gần, không xa, không nhìn hoài vào bát, cũng không lơ là bát. Sa-môn Cù-đàm không chê thức ăn này, cũng không khen thức ăn kia, chỉ im lặng. Ăn xong, thuyết pháp cho các cư sĩ, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ. Sau khi bằng vô lượng phương tiện thuyết pháp, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ, vị ấy liền từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

"Thưa Tôn sư, Sa-môn Cù-đàm lúc ra khỏi nhà, thân không cúi xuống, ngước lên; lúc ra khỏi nhà, thân không bao giờ cúi xuống. Lúc ở tại đường cái, ngõ hẻm, không cúi nhìn xuống, cũng không ngước lên, chỉ nhìn thẳng đằng trước, trong đó không có gì ngăn

---

9. Tam sự thanh tịnh ▪T▬▪M▪b. Pāli: aṭṭhaṅgasamannāgataṃ, thành tựu tám chi. Xem cht.11 dưới.
10. Hán: thực dục đắc vị ▬▬▪o▬. Pāli: rasapatisaṃvedī, cảm nhận được mùi vị (của thức ăn).
11. Tám chi, như liệt kê trong bản Pāli.

ngại đối với sự biết và sự thấy.

"Thưa Tôn sư, Sa-môn Cù-đàm có các căn thường định. Vì sao? Vì nhờ thiện hành thuở trước.

"Thưa Tôn sư, Sa-môn Cù-đàm lúc ra khỏi thôn, thân không cúi xuống, ngước lên; lúc ra khỏi thôn, thân không bao giờ cúi xuống.

"Thưa Tôn sư, Sa-môn Cù-đàm lúc đi vào vườn, thân không cúi xuống, ngước lên; lúc đi vào vườn thân không bao giờ cúi xuống.

"Thưa Tôn sư, sau bữa ăn trưa, Sa-môn Cù-đàm thu dọn y, bát, rửa tay chân, lấy ni-sư-đàn vắt lên vai vào phòng tĩnh tọa. Thưa Tôn sư, Sa-môn Cù-đàm vào phòng tĩnh tọa để làm lợi ích cho thế gian.

"ThưaTôn sư, vào lúc xế, Sa-môn Cù-đàm từ chỗ tĩnh tọa đứng dậy, sắc diện trong sáng. Vì sao? Vì là Như Lai, Bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác.

"Thưa Tôn sư, Sa-môn Cù-đàm từ miệng phát ra với tám thứ âm thanh, một là sâu sắc, hai là tỳ-ma-lâu-bá[12], ba là nhập tâm, bốn là khả ái, năm là rất đầy, sáu là sống động, bảy là rõ ràng, tám là có trí, khiến cho mọi người mến chuộng, mọi người ưa thích, mọi người ghi nhớ, sẽ được định tâm.

"Thưa Tôn sư, Sa-môn Cù-đàm thuyết pháp tùy theo chúng; âm thanh không ra ngoài chúng, chỉ vừa ở trong chúng. Thuyết pháp cho chúng, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ, Ngài liền từ chỗ ngồi đứng dậy trở về chỗ cũ.

"Thưa Tôn sư, Sa-môn Cù-đàm là như thế đó, có những cái thù thắng hơn nữa. Con muốn đến theo học Phạm hạnh với Sa-môn Cù-đàm."

Phạm chí Phạm-ma đáp:

"Tùy ý ngươi."

Rồi thì, Ma-nạp Ưu-đa-la cúi đầu đảnh lễ sát chân Phạm chí Phạm-ma, đi quanh ba vòng rồi lui ra, đi đến chỗ Đức Phật, đảnh lễ sát chân Ngài, ngồi qua một bên và thưa:

"Bạch Thế Tôn, con nay xin theo Thế Tôn học đạo, thọ Cụ túc giới, trở thành Tỳ-kheo, để được theo Thế Tôn tu hành Phạm hạnh."

Bấy giờ Đức Thế Tôn độ cho Ma-nạp Ưu-đa-la, cho theo học đạo, cho thọ Cụ túc. Sau khi độ cho Ma-nạp Ưu-đa-la, cho theo học đạo, cho thọ Cụ túc, Thế Tôn du hành tại nước Bệ-đà-đề cùng đại chúng Tỳ-kheo, lần hồi đi lên Di-tát-la, trú ở rừng xoài Đại thiên[13] trong xứ ấy.

Các cư sĩ ở Di-tát-la nghe rằng: "Sa-môn Cù-đàm là con dòng họ Thích, từ bỏ thân tộc, xuất gia học đạo, đang du hành tại nước Bệ-đà-đề cùng đại chúng Tỳ-kheo, lần hồi đi lên Di-tát-la, trú ở rừng xoài Đại thiên trong xứ ấy. Sa-môn Cù-đàm có tiếng tăm lớn, mười phương đều nghe: 'Sa-môn Cù-đàm là Như Lai, Bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, Phật, Chúng Hựu; Sa-môn ấy ở đời này, giữa chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Phạm chí từ Người đến Trời, mà tự tri, tự giác, tự thân chứng đắc, thành tựu an trú; vị ấy thuyết pháp phần đầu thiện, phần giữa thiện và phần cuối cũng thiện, có nghĩa, có văn, đầy đủ thanh tịnh, hiển hiện Phạm hạnh.' Nếu ai chiêm ngưỡng đức Như Lai, Bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác, mà kính trọng lễ bái, cúng dường, thừa sự thì sẽ được thiện lợi,

---

12. Tỳ-ma-lâu-bá ─s───F không rõ phiên âm từ chữ gì. Tám thứ giọng theo bản Pāli: visaaṭṭha (cực hay), viññeyya (dễ biết), mañju (dịu dàng), savanīya (hài hòa), bindu (sung mãn), avisārī (phân minh), gambhīra (sâu xa), ninnādi (lan rộng).

13. Đại thiên nại lâm ─j──` ─L─C Pāli: Maghadevambavane.

vui thay! Chúng ta nên cùng nhau đến chiêm ngưỡng Sa-môn Cù-đàm và lễ bái, cúng dường."

Rồi thì, Phạm chí cư sĩ ở Di-tát-la, mỗi hạng có quyến thuộc tháp tùng, từ Di-tát-la đi đến hướng bắc, đến rừng xoài Đại thiên, muốn chiêm ngưỡng Thế Tôn, lễ bái, cúng dường. Khi đã đến chỗ Đức Phật, trong số Phạm chí cư sĩ ấy, có người cúi đầu đảnh lễ sát chân Phật rồi ngồi sang một bên; có người chắp tay hướng về Đức Phật rồi ngồi sang một bên, có người từ xa nhìn dức Phật, rồi im lặng ngồi xuống. Khi các cư sĩ Phạm chí Di-tát-la đã ngồi xong, Đức Phật thuyết pháp cho họ, khuyến phát tâm khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ. Sau khi Đức Phật dùng vô lượng phương tiện thuyết pháp cho họ, khuyến phát tâm khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ, Ngài im lặng an trú.

Phạm chí Phạm-ma nghe rằng: "Sa-môn Cù-đàm con dòng họ Thích, từ bỏ tông tộc họ Thích, xuất gia học đạo, du hành tại nước Bệ-đà-đề cùng chúng Đại Tỳ-kheo, lần hồi đi đến nước Di-tát-la, trú ở rừng xoài Đại thiên. Sa-môn Cù-đàm có tiếng tăm lớn lao, mười phương đều nghe. Sa-môn ấy là Như Lai, Bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, Phật, Chúng Hựu. Vị ấy ở đời này, giữa chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Phạm chí, từ Người đến Trời mà tự tri, tự giác, tự thân chứng đắc, thành tựu an trú. Sa-môn Cù-đàm thuyết pháp phần đầu thiện, phần giữa thiện, phần cuối cũng thiện, có nghĩa, có văn, đầy đủ thanh tịnh, hiển hiện Phạm hạnh. Nếu ai chiêm ngưỡng Như Lai, Bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác, kính trọng, lễ bái, cúng dường, thừa sự thì sẽ được thiện lợi, an vui. Vậy, ta nên đến chiêm ngưỡng Sa-môn Cù-đàm và lễ bái cúng dường."

Phạm chí Phạm-ma bảo người đánh xe:

"Ngươi hãy sửa soạn xe. Ta muốn đi đến chỗ Sa-môn Cù-đàm."

Người đánh xe vâng lời, sửa soạn xe xong, trở lại thưa:

"Xe đã sửa soạn xong, mong Tôn sư tự biết thời."

Rồi Phạm-ma dùng cỗ xe rất xinh đẹp, từ Di-tát-la đi đến hướng Bắc, đến rừng xoài Đại thiên để chiêm ngưỡng Thế Tôn và lễ bái, cúng dường. Bấy giờ Đức Thế Tôn đang thuyết pháp cho vô lượng đồ chúng ngồi vây quanh trước sau. Phạm chí Phạm-ma từ xa trông thấy Thế Tôn đang thuyết pháp cho vô lượng đồ chúng ngồi vây quanh trước sau. Thấy vậy, Phạm-ma khiếp sợ, liền rẽ qua một bên lề đường dừng lại dưới gốc cây, bảo một Ma-nạp rằng:

"Ngươi hãy đến chỗ Sa-môn Cù-đàm, thay ta thăm hỏi thế này: 'Thưa Cù-đàm, Thánh thể có khang kiện, an lạc, không bệnh, đi đứng thoải mái, khí lực như thường chăng?' Ngươi hãy nói như thế này: 'Thưa Cù-đàm Tôn sư Phạm-ma của con xin kính lời thăm hỏi Ngài Thánh thể có khang kiện, an lạc, không bệnh, đi đứng thoải mái, khí lục như thường chăng? Tôn sư Phạm-ma của con muốn đến chiêm ngưỡng Sa-môn Cù-đàm'."

Bấy giờ Ma-nạp vâng lời, đến chỗ Phật, chào hỏi rồi ngồi qua một bên thưa:

"Thưa Cù-đàm, Tôn sư Phạm-ma của con có lời thăm hỏi rằng: 'Thánh thể Cù-đàm có khang kiện, an lạc, không bệnh, đi đứng thoải mái, có khí lực như thường chăng?' Thưa Cù-đàm, Tôn sư Phạm-ma của con muốn đến chiêm ngưỡng Sa-môn Cù-đàm."

Đức Thế Tôn bảo:

"Này Ma-nạp, mong cho Phạm chí Phạm-ma an ổn khoái lạc, mong cho Trời và Người, A-tu-la, Kiền-đạt-hòa, La-sát và các chủng loại khác, được an ổn khoái lạc, này Ma-nạp, Phạm chí Phạm-ma muốn đến thì tùy ý."

Nghe Đức Phật nói như vậy, Ma-nạp khéo thọ trì, từ chỗ ngồi đứng dậy, đi quanh

Phật ba vòng rồi lui ra, trở về chỗ Phạm chí Phạm-ma và thưa:

"Thưa Tôn sư, con đã thưa như vậy với Sa-môn Cù-đàm. Sa-môn Cù-đàm hiện đang đợi Tôn sư. Mong Tôn sư biết thời."

Phạm chí Phạm-ma bèn bước xuống, đi đến chỗ Phật. Chúng kia từ xa trông thấy Phạm-ma đi đến, bèn đứng dậy tránh đường. Vì sao? Vì là người có danh đức, và nổi tiếng.

Phạm chí Phạm-ma nói với chúng kia rằng:

"Chư Hiền, mời các vị ngồi lại chỗ cũ. Tôi muốn đi thẳng đến thăm Sa-môn Cù-đàm."

Rồi Phạm-ma đi đến chỗ Phật, chào hỏi xong, ngồi sang một bên.

Lúc bấy giờ, hai căn của Phạm-ma, nhãn căn và nhĩ căn, chưa bị hủy hoại. Sau khi ngồi xuống, Phạm-ma quán sát kỹ ba mươi hai tướng nơi thân Phật. Ông thấy ba mươi tướng. Hai tướng còn ngờ; đó là mã âm tàng và tướng lưỡi rộng dài. Phạm chí Phạm-ma nói bài kệ để hỏi Đức Thế Tôn:

Như trước tôi từng nghe,
Đại nhân ba hai tướng.
Nay xem thân Cù-đàm,
Trong đó, thiếu hai tướng,
Mã âm tàng có chăng,
Kín nhiệm, Bậc Tôn Quý?
Tại sao nay Tối Tôn,
Không hiện lưỡi vi diệu?
Nếu có lưỡi rộng dài,
Mong tôi nay được thấy.
Nay tôi thật nghi hoặc,
Mong Điều Ngự giải trừ.

Thế Tôn nghĩ rằng: "Phạm chí Phạm-ma này muốn tìm ba mươi hai tướng nơi thân Ta, nay chỉ thấy được ba mươi tướng, còn nghi ngờ về hai tướng là tướng mã âm tàng và tướng lưỡi rộng dài. Nay Ta nên trừ mối nghi hoặc ấy." Đức Thế Tôn biết thế, nên như vậy mà thị hiện như ý túc. Sau khi Thế Tôn như vậy mà thị hiện như ý túc, Phạm chí Phạm-ma thấy được tướng mã âm tàng và lưỡi rộng dài trên thân Đức Thế Tôn. Trong đó, tướng lưỡi rộng và lưỡi khi từ trong miệng le ra trùm khắp cả mặt. Đức Thế Tôn thâu lại như ý túc, nói cho Phạm-ma nghe bài tụng:

Trước đây ông từng nghe,
Đại nhân ba hai tướng,
Tất cả trên thân Ta,
Tròn đầy, Chánh tối thượng,
Điều Ngự đoạn trừ nghi,
Phạm chí phát diệu tín,
Thực khó được thấy nghe,
Bậc Chánh Giác tối thượng.
Quả rất hiếm ra đời,
Bậc Chánh Giác tối thượng,
Phạm chí, Ta Chánh Giác,
Chánh pháp Vô thượng vương.

Phạm chí Phạm-ma nghe vậy liền nghĩ: "Sa-môn Cù-đàm này thành tựu ba mươi hai tướng của bậc Đại nhân. Ai thành tựu tướng của bậc Đại nhân, thì chắc chắn có hai trường hợp chân thật không sai lầm: ấy là nếu vị ấy ở tại gia, thì chắc chắn làm Chuyển luân vương, thông minh trí tuệ, có bốn loại quân, chỉnh trị thiên hạ, tự do, tự tại, là pháp vương như pháp, thành tựu bảy báu. Bảy báu ấy là xe báu, voi báu, ngựa báu, ngọc báu, nữ báu, cư sĩ báu, và tướng quân báu. Đó là bảy báu. Nhà vua có đủ một ngàn người con, dung mạo khôi ngô, dõng mãnh, không sợ, hàng phục được địch quân. Vị ấy chắc chắn thống lãnh toàn cõi đất này, cho đến bể cả, không dùng đao gậy, đem pháp giáo hóa, khiến dân an lạc. Và nếu vị ấy cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo, thì chắc chắn đắc quả Như Lai, Bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác, tiếng tăm lan khắp mười phương đều nghe."

Bấy giờ Đức Thế Tôn nghĩ như thế này: 'Phạm chí Phạm-ma này không bao giờ dua nịnh, lừa dối, nếu muốn hỏi điều gì là vì muốn biết, chớ không phải để quấy rầy. Phạm chí ấy cũng vậy, ta nên thuyết A-tỳ-đàm thậm thâm cho vị ấy.' Đức Thế Tôn biết như vậy, liền nói cho Phạm chí Phạm-ma nghe bài tụng:

Vì pháp lạc đời nay,
Và ích lợi đời sau,
Phạm chí hãy thưa hỏi,
Tùy những điều đã nghĩ.
Phạm chí hỏi các điều,
Ta đoạn nghi cho ông,
Thế Tôn đã cho phép,
Phạm chí Phạm-ma hỏi.
Thế Tôn về những điều,
Tùy theo ý đã nghĩ.
Thế nào là Phạm chí?
Tam đạt[14] *có nghĩa gì,*
Vì sao nói Vô trước[15]*,*
Đẳng Chánh Giác là gì?

Bấy giờ Đức Thế Tôn nói tiếp bài kệ để giải thích:

Diệt pháp ác, bất thiện,
Vững trú nơi Phạm hạnh,
Tu tập hạnh Phạm chí,
Như vậy là Phạm chí.
Thấu suốt về quá khứ,
Thấy lạc và ác đạo,
Dứt trừ sạch vô minh,
Biết vậy là Mâu-ni.
Khéo biết tâm thanh tịnh,
Dứt sạch dâm, nộ, si.
Thành tựu được ba minh,

---

14. Tam đạt -T-F-Atức tam minh -T—Fthiên nhãn, túc mạng, lậu tận. Đây cũng chỉ ba bộ Vệ-đà. Pāli: tevijja.
15. Vô trước -L—Atức A-la-hán.

Như vậy là tam đạt.
Viễn ly pháp bất thiện,
Chánh trú đệ nhất nghĩa,
Thế gian tôn kính nhất,
Như vậy là Vô trước.
Làm lợi ích Trời, Người,
Thánh nhân, dứt đấu tranh.
Biết khắp chứng diệt tận,
Như vậy là Chánh giác.

Nghe vậy, Phạm-ma liền đứng dậy, cúi đầu lễ sát chân Phật. Bấy giờ đại chúng cùng một lúc nói lớn rằng:

"Sa-môn Cù-đàm kỳ lạ thay, hy hữu thay! Ngài có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai thần. Vì sao? Vì trong tất cả Phạm chí, cư sĩ ở Di-tát-la này, thì Phạm chí Phạm-ma là người bậc nhất về sự thọ sanh. Phạm chí Phạm-ma được cha mẹ sanh ra với sự thọ sanh thanh tịnh cho đến bảy đời cha mẹ, chủng tộc không tuyệt, đời đời không ác, thế mà Phạm chí ấy đã hết lòng tôn kính, lễ bái, cúng dường, phụng sự Sa-môn Cù-đàm.

"Sa-môn Cù-đàm kỳ lạ thay, hy hữu thay! Ngài có đại như ý túc, đại oai đức, đại phước hựu. Vì sao? Vì trong tất cả Phạm chí, cư sĩ ở Di-tát-la này, Phạm chí Phạm-ma là người bậc nhất, về sự học kinh điển, Phạm chí Phạm-ma học rộng, thông suốt, đọc tụng hết bốn loại kinh điển, thấu triệt nhân duyên, chánh văn, hí truyện thứ năm và cú thuyết; thế mà Sa-môn Phạm chí ấy đã hết lòng cung kính, lễ bái cúng dường, phụng sự Sa-môn Cù-đàm.

"Sa-môn Cù-đàm kỳ lạ thay, hy hữu thay! Ngài có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, đại oai thần. Vì sao? Vì trong tất cả Phạm chí cư sĩ ở Di-tát-la này Phạm chí Phạm-ma là người bậc nhất về tài sản, Phạm chí Phạm-ma rất giàu, của cải vô lượng, sản nghiệp chăn nuôi không thể tính toán, phong hộ thực ấp đầy đủ mọi thứ. Di-tát-la này cho đến nước, cỏ cây đều là đặc tặng, ân tứ của Vị Sanh Oán, con bà Bệ-đà-đề, vua nước Ma-kiệt-đà; thế mà Phạm chí ấy đã hết lòng tôn trọng, lễ bái, cúng dường, phụng sự Sa-môn Cù-đàm.

"Sa-môn Cù-đàm kỳ lạ thay, hy hữu thay! Ngài có đại như ý túc, đại oai đức, đại phước hựu, đại oai thần. Vì sao? Vì trong tất cả Phạm chí, cư sĩ ở nước Di-tát-la này, Phạm chí Phạm-ma là người bậc nhất về tuổi thọ. Phạm chí Phạm-ma là vị trưởng lão, sống đến một trăm hai mươi sáu tuổi. Thế mà Phạm chí ấy đã hết lòng tôn kính, lễ bái, cúng dường, phụng sự Sa-môn Cù-đàm."

Bấy giờ, Đức Thế Tôn với tha tâm trí, biết tâm đại chúng đang nghĩ gì. Biết vậy, Thế Tôn bảo Phạm chí Phạm-ma:

"Hãy thôi, này Phạm chí, chỉ cần với tâm thỏa mãn là được. Hãy ngồi trở lại, Ta sẽ thuyết pháp cho."

Phạm chí Phạm-ma cúi đầu đảnh lễ sát chân Phật, ngồi xuống một bên. Đức Thế Tôn thuyết pháp cho Phạm chí, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ. Sau khi bằng vô lượng phương tiện thuyết pháp, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ, đúng như pháp của chư Phật, trước hết, Đức Thế Tôn thuyết pháp đoan chánh, khiến người nghe hoan duyệt. Đó là thuyết về pháp thí, về giới và về sanh thiên, chỉ trích dục là tai họa, sanh tử là ô uế; tán thán vô dục là diệu đạo phẩm, là bạch tịnh. Sau khi thuyết như

vậy, Thế Tôn biết Phạm chí ấy có tâm hoan hỷ, tâm cụ túc, tâm nhu nhuyến, tâm kham nhẫn, tâm tăng thượng, tâm nhất hướng, tâm không nghi, tâm không bị che lấp, có đủ khả năng thọ nhận Chánh pháp của Phật, Đức Thế Tôn theo như những pháp qua yếu mà chư Phật đã thuyết, Ngài thuyết cho Phạm chí nghe đầy đủ về Khổ, Tập, Diệt và Đạo. Phạm chí Phạm-ma ngay nơi chỗ ngồi thấy bốn Thánh đế, Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Cũng như vải trắng nhuộm dễ ăn màu; cũng vậy, Phạm-ma ngay trong chỗ ngồi thấy rõ bốn Thánh đế, Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Bấy giờ, Phạm-ma đã thấy pháp đắc pháp, chứng pháp bạch tịnh, đoạn trừ nghi hoặc, không còn tôn kính một ai khác nữa, không còn do dự, đã an trú vào quả vị chứng đắc. Đối với pháp của Thế Tôn, Phạm chí chứng đắc vô úy, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ sát chân Phật và bạch:

"Bạch Thế Tôn, con nay đem mình quy y Phật, Pháp và chúng Tỳ-kheo. Mong Đức Thế Tôn nhận con làm Ưu-bà-tắc từ nay và suốt đời; con đem mình quy y cho đến lúc mạng chung."

Và rồi Phạm chí Phạm-ma lại chắp tay hướng về Thế Tôn và bạch tiếp:

"Bạch Thế Tôn, mong ngày mai Đức Thế Tôn và chúng Tỳ-kheo đoái tưởng nhận lời mời của con!"

Đức Thế Tôn im lặng nhận lời mời của Phạm-ma.

Phạm chí Phạm-ma biết Đức Thế Tôn đã im lặng nhận lời mời, nên cúi đầu đảnh lễ sát chân Phật, đi quanh ba vòng và lui ra, trở về nhà.

Ngay đêm ấy, Phạm chí Phạm-ma cho sửa soạn các món ăn mỹ diệu ngon lành, đủ các thức nhai và nuốt. Sửa soạn xong, sáng lại cho trải giường, và đúng lúc thì xướng lên rằng: "Bạch Thế Tôn, bữa cơm được soạn xong, kính mong Đức Thánh biết thời."

Sáng hôm ấy, Đức Thế Tôn mang y cầm bát đi trước, chúng Tỳ-kheo theo sau, đi đến nhà của Phạm chí Phạm-ma, đến nơi, Đức Thế Tôn trải chỗ ngồi, ngồi trước chúng Tỳ-kheo. Phạm chí Phạm-ma thấy Đức Thế Tôn và chúng Tỳ-kheo đã ngồi xong, liền thân hành múc nước rửa, đem thức ăn ngon lành, cùng các thứ nhai và nuốt, tự tay sớt vào, khiến các vị ăn no. Sau khi ăn rồi, thu dọn và lấy nước rửa xong, Phạm chí ngồi vào một ghế nhỏ để thọ nhận sự chú nguyện. Phạm chí Phạm-ma ngồi xong, Đức Thế Tôn chú nguyện rằng:

Chú hỏa, tế bậc nhất,
Thông âm, gốc các âm,
Vua, tôn quý trong người,
Biển, lớn hơn sông ngòi,
Trăng, sáng hơn các sao,
Nhưng sáng nhất: mặt trời.
Cùng tận khắp mười phương,
Trong tất cả thế gian,
Chư Thiên và Nhân loại,
Duy Phật đệ nhất tôn.

Sau khi chú nguyện cho Phạm chí Phạm-ma, Đức Thế Tôn từ chỗ ngồi đứng dậy, đến nước Di-tát-la, ở lại vài ngày, rồi mang y, cầm bát du hành nước Xá-vệ. Lần hồi đi đến nước Xá-vệ, Ngài trú tại vườn Cấp cô độc, trong rừng Thắng. Bấy giờ, có nhiều Tỳ-

kheo vào Xá-vệ khất thực nghe Phạm chí Phạm-ma nước Di-tát-la, sau khi dùng bài kệ hỏi Đức Phật mọi việc thì liền lâm chung. Nghe vậy, sau bữa ăn trưa, các Tỳ-kheo thu dọn y bát, rửa tay chân, lấy ni-sư-đàn vắt lên vai, đi đến chỗ Đức Phật, cúi đầu đảnh lễ, rồi đứng sang một bên, thưa rằng:

"Bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo chúng con vào lúc sáng sớm mang y, cầm bát vào Xá-vệ khất thực, nghe rằng Phạm chí Phạm-ma ở nước Di-tát-la, sau khi dùng bài kệ vấn sự Đức Phật, thì liền lâm chung. Bạch Thế Tôn, như vậy Phạm chí ấy sẽ đến nơi nào? Sanh nơi nào? Đời sau ra sao?"

Đức Thế Tôn đáp:

"Nay các Tỳ-kheo, Phạm chí Phạm-ma có đại lợi ích, vào lúc tối hậu, đã biết pháp, vì pháp cho nên không làm phiền nhọc Ta. Này Tỳ-kheo, Phạm chí Phạm-ma đã dứt sạch năm hạ phần kết, sanh đến nơi ấy sẽ đắc Niết-bàn, đắc pháp bất thối, không trở lại cõi này nữa. Bấy giờ Ta đã ghi nhận rằng Phạm chí Phạm-ma đắc A-na-hàm."

Đức Phật thuyết như vậy, Phạm chí Phạm-ma và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

❑

PHẨM THỨ 13: PHẨM CĂN BỔN PHÂN BIỆT

162. KINH PHÂN BIỆT LỤC GIỚI
163. KINH PHÂN BIỆT LỤC XỨ
164. KINH PHÂN BIỆT QUÁN PHÁP
165. KINH ÔN TUYỀN LÂM THIÊN
166. KINH THÍCH TRUNG THIỀN THẤT TÔN
167. KINH A-NAN THUYẾT
168. KINH Ý HÀNH
169. KINH CÂU-LÂU-SẤU VÔ TRÁNH
170. KINH ANH VŨ
171. KINH PHÂN BIỆT ĐẠI NGHIỆP

162. KINH PHÂN BIỆT LỤC GIỚI[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật du hóa tại nước Ma-kiệt-đà, trú ở thành Vương xá.

Bấy giờ Đức Thế Tôn đến nhà thợ gốm[2], nói rằng:

"Này thợ gốm, Ta nay muốn tạm trú ở phòng làm đồ gốm một đêm, ông có thuận chăng?"

Thợ gốm trả lời:

"Con chẳng trở ngại gì, nhưng đã có một Tỳ-kheo trú trong đó trước rồi. Nếu vị ấy thuận thì xin tùy ý".

Lúc ấy, Tôn giả Phất-ca-la-sa-lợi[3] đã trú ở trong phòng làm đồ gốm ấy trước rồi.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn ra khỏi nhà thợ gốm, đi vào phòng làm gốm, nói với Tôn giả Phất-ca-la-sa-lợi rằng:

"Này Tỳ-kheo, Ta nay muốn tạm trú một đêm ở phòng làm gốm, thầy có thuận chăng?"

Tôn giả Phất-ca-la-sa-lợi đáp:

"Thưa Hiền giả, tôi không trở ngại. Vả lại, ở phòng làm gốm này có chỗ ngồi bằng cỏ đã trải xong, Hiền giả muốn ở lại thì tùy ý".

Nghe vậy, Đức Thế Tôn từ phòng làm gốm đi ra ngoài rửa chân rồi mới trở vào, lấy ni-sư-đàn trải lên chỗ ngồi bằng cỏ mà ngồi kiết già, suốt đêm yên lặng tĩnh tọa, định ý.

Tôn giả Phất-ca-la-sa-lợi cũng suốt đêm yên lặng tĩnh tọa, định ý.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn suy nghĩ như vầy: "Tỳ-kheo này đi đứng tịch tĩnh, thật kỳ lạ, thật hiếm có. Ta hãy Tỳ-kheo này, 'Thầy của bạn là ai? Y theo ai mà bạn xuất gia, học Đạo, thọ Pháp?'." Nghĩ như vậy rồi, Thế Tôn bèn hỏi:

"Tỳ-kheo, Thầy của bạn là ai? Y theo ai mà bạn xuất gia, học Đạo, thọ Pháp?"

Tôn giả Phất-ca-la-sa-lợi đáp:

"Này Hiền giả, có Sa-môn Cù-đàm, dòng họ Thích, đã từ bỏ tông tộc, cạo bỏ râu tóc, khoác y ca-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, học Đạo, đã giác ngộ Vô thượng Chánh tận giác[4]. Vị ấy là Thầy của tôi. Tôi y theo vị ấy mà xuất gia học Đạo, thọ Pháp".

Thế Tôn lại hỏi:

"Tỳ-kheo, đã từng thấy Thầy chưa?"

Tôn giả Phất-ca-la-sa-lợi đáp:

"Chưa thấy".

---

1. Bản Hán, quyển 38. Tương đương Pāli, M.140. Dhātuvibhanga-sutta.
2. Thợ gốm tên là Bhagga trong bản Pāli.
3. Phất-ca-la-sa-lợi ━━{━━P-Q-C Pāli: Pukkusāti.
4. Tức Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Thế Tôn hỏi:

"Nếu gặp Thầy, bạn có nhận ra không?"

Tôn giả Phất-ca-la-sa-lợi đáp:

"Không biết. Nhưng, này Hiền giả, tôi nghe rằng Thế Tôn là Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành Tựu, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, Phật, Chúng Hựu. Ngài là Thầy của tôi. Tôi y theo Ngài mà xuất gia, học Đạo, thọ Pháp".

Khi ấy, Thế Tôn lại suy nghĩ như vầy: "Thiện nam tử này y theo Ta mà xuất gia, học Đạo, thọ Pháp. Ta nay có nên thuyết pháp chăng?"

Suy nghĩ như vậy rồi, Thế Tôn nói với Tôn giả Phất-ca-la-sa-lợi:

"Này Tỳ-kheo, nay Ta sẽ thuyết pháp cho thầy, phần đầu toàn thiện, phần giữa cũng toàn thiện và phần cuối cũng toàn thiện; có nghĩa, có văn đầy đủ, thanh tịnh, hiển hiện phạm hạnh. Đó gọi là 'Phân biệt sáu giới'[5]. Thầy hãy lắng nghe, khéo suy tư và ghi nhớ.

Tôn giả Phất-ca-la-sa-lợi đáp:

"Xin vâng".

Đức Phật bảo rằng:

"Này Tỳ-kheo, con người[6] có sáu giới tụ, có sáu xúc xứ, có mười tám ý hành, có bốn trụ xứ. Nếu ai an trú vào đó sẽ không nghe đến chuyện sầu não[7]. Sau khi không nghe chuyện sầu não thì ý không chán ghét, không ưu sầu, không lao nhọc, không sợ hãi. Như vậy, có sự khuyên bảo là đừng buông lung trí tuệ, hãy thủ hộ chân đế và trưởng dưỡng huệ thí[8]. Này Tỳ-kheo, hãy học về tối thượng, hãy học về chí tịch[9], như vậy là phân biệt về sáu giới.

"Này Tỳ-kheo, nói rằng con người có sáu giới tụ, nhân gì mà nói như thế? Đó là, giới của đất, giới của nước, giới của lửa, giới của gió, giới hư không và giới của thức. Này Tỳ-kheo, nói rằng con người có sáu giới tụ là nhân đó mà nói.

"Này Tỳ-kheo, nói rằng con người có sáu xúc xứ[10], do nhân gì mà nói như thế? Đó là, này Tỳ-kheo, xúc con mắt thấy sắc, xúc tai nghe tiếng, xúc mũi ngửi mùi, xúc lưỡi nếm vị, xúc thân cảm xúc, xúc ý biết pháp. Này Tỳ-kheo, nói rằng con người có sáu xúc xứ là do nhânn đó mà nói.

"Này Tỳ-kheo, nói con người có mười tám ý hành[11], do nhơn gì mà nói như thế? Đó là, này Tỳ-kheo, mắt thấy sắc, quán[12] sắc rồi an trú nơi hỷ, quán sắc rồi an trú nơi ưu,

---

5. Lục giới ——C Pāli: Chadhāturo.

6. Pāli: ayaṃ puriso, con người *này*.

7. Hán: *bất văn ưu thích sự* ——D-~———C Pāli: maññussavā nappavattanti, các tưởng hoan hỷ (= vọng tưởng) không chuyển động.

8. Huệ thí; Pāli: cāga, sự thi ân.

9. Chí tịch ——I-C Pāli: santi: sự tịch tĩnh, sự bình an; đồng nghĩa Niết-bàn.

10. Lục xúc xứ ———B-C Pāli: chaphassāyatano.

11. Thập bát ý hành -Q-K-N——C Pāli: Atthādasamanopavicāro. Cũng nói là mười tám *ý cận hành* -N——(phạm vi hoạt động của ý), gồm sáu *hỷ* cận hành, sáu *ưu* cận hành và sáu *xả* cận hành. Xem giải thích Tập Dị 15 (No.1536, Đại 26, trang 430).

12. *Quán* -[-Ađồng nghĩa *cận hành*, đi sát, hay chạy theo; Pāli: upavicarati; trong đó, vicāra, *hành* (đi), và cũng thường dịch là *tứ* (một thiền chi thuộc Sơ thiền) mà bản Hán này thường dịch là *quán* (th.d.: *hữu giác hữu quán*, Pl. savitakka, savicāra) Tập Dị (đd): "Mắt sau khi thấy, nó tùy theo trú xứ của hỷ mà đi sát (hay đi gần, *cận hành*) với sắc". Pāli: Cakkhunā rūpam disvā somanassaṭṭhānīyam rupaṃ upavicarati.

quán sắc rồi an trú nơi xả. Cũng vậy, tai, mũi, lưỡi, thân và ý. Ý nhận thức pháp, quán pháp rồi an trú nơi hỷ, quán pháp rồi an trú nơi ưu, quán pháp rồi an trú nơi xả. Này Tỳ-kheo, như vậy sáu hỷ quán[13], sáu ưu quán, sáu xả quán hợp lại là mười tám ý hành. Nói rằng con người có mười tám ý hành là do nhơn đó mà nói.

"Này Tỳ-kheo, nói rằng con người có bốn trụ xứ [14], do nhơn gì mà nói như thế? Là chân đế trụ xứ, tuệ trụ xứ, thí xả trụ xứ và tịch tĩnh[15] trụ xứ. Này Tỳ-kheo, nói rằng con người có bốn trụ xứ là do nhơn đó mà nói.

"Này Tỳ-kheo, thế nào là Tỳ-kheo không buông lung trí tuệ? Tỳ-kheo phân biệt thân giới như thế này: 'Nay thân này của ta có nội địa giới, được chấp thọ nơi hữu tình[16]. Nội địa giới là thế nào? Là tóc, lông, móng, răng, da dày, da non, thịt, xương, gân, thận, tim, gan, phổi, lá lách, ruột già, bao tử, phổi, tương tự như thế, trong thân này còn những thứ khác nữa. Những gì được thâu nhiếp trong thân thuộc về chất cứng, tính cứng ở bên trong, được chấp thọ nơi hữu tình là nội địa giới'. Này Tỳ-kheo, dù là nội địa giới hay ngoại địa giới đều gọi chung là địa giới. Tỳ-kheo đó dùng trí tuệ quán biết như thật rằng 'Tất cả những cái ấy không phải là sở hữu của ta. Ta không phải là sở hữu của những cái ấy. Những cái ấy cũng không phải là tự ngã[17]'. Tâm vị ấy không nhiễm trước địa giới ấy. Đó là Tỳ-kheo không buông lung trí tuệ.

"Lại nữa, Tỳ-kheo không buông lung trí tuệ. Nếu có Tỳ-kheo phân biệt thân giới như thế này: 'Nay thân này của ta có nội thủy giới, được chấp thọ nơi hữu tình. Nội thủy giới là gì? Là não tủy[18], nước mắt, mồ hôi, nước mũi, mủ, máu, mỡ, tủy, nước dãi, đờm, nước tiểu, tương tự như thế, trong thân này còn có nhiều thể khác nữa. Những gì được thâu nhiếp trong thân, thuộc về chất nước, tính nước nhuần thấm ở bên trong, được chấp thọ nơi hữu tình, đó là nội thủy giới'. Này Tỳ-kheo, nội thủy giới hay ngoại thủy giới đều gọi chung là thủy giới. Tỳ-kheo ấy dùng trí tuệ quán biết như thật rằng: 'Tất cả những cái ấy không phải là sở hữu của ta. Ta không phải là sở hữu của những cái ấy. Những cái ấy cũng không phải là tự ngã'. Tâm vị ấy không nhiễm trước thủy giới ấy. Đó là Tỳ-kheo không buông lung trí tuệ.

"Lại nữa, Tỳ-kheo không buông lung trí tuệ. Nếu có Tỳ-kheo nào phân biệt thân giới như thế này: 'Nay thân này của ta có nội hỏa giới được chấp thọ nơi hữu tình. Nội hỏa giới là gì? là cái làm cho thân phát nhiệt, thân nóng, thân phiền muộn, thân âm ấp, làm tiêu đồ ăn thức uống, tương tự như thế, trong thân này còn những thứ khác nữa, những gì được thâu nhiếp trong thân thuộc về lửa, tức lửa làm nóng ở bên trong, được chấp thọ nơi hữu tình. Đó là nội hỏa giới'. Này Tỳ-kheo, dù nội hỏa giới hay ngoại hỏa giới đều gọi chung là hỏa giới. Vị ấy dùng trí tuệ quán biết như thật rằng: 'Tất cả những cái ấy không phải là sở hữu của ta. Ta không phải là sở hữu của những cái ấy. Những cái ấy cũng không phải là tự ngã'. Tâm Tỳ-kheo ấy không nhiễm trước hỏa giới ấy. Đó là Tỳ-kheo không buông lung trí tuệ.

---

13. *Hỷ quán*, tức *hỷ cận hành*.
14. Tứ trụ xú ─|──B─C Pāli: caturādhiṭṭhāno, bốn sự xác lập.
15. Nguyên Hán: *tức trụ xứ* ───B─C Pāli: upasamādiṭṭhāna.
16. Thọ ư sanh ───A được hiểu là "duy trì sanh mạng của các loài hữu tình". *Thọ*, Pāli: upādi, thủ hay chấp thủ.
17. Hán: phi thần ─D ──C Pāli: n'etaṃ mama, n'eso 'ham asmi. na me sattā, "cái này không là của tôi; tôi không là cái này; cái này không là tự ngã của tôi".
18. Bản Cao-li: *não mạc*.

"Lại nữa, Tỳ-kheo không buông lung trí tuệ. Nếu có Tỳ-kheo nào phân biệt thân giới như thế này: 'Nay thân này của ta có nội phong giới được chấp thọ nơi hữu tình. Nội phong giới là thế nào? Là gió thổi lên, gió thổi xuống, gió ngang hông, gió co thắt, gió nhảy lên, gió phi đạo, gió cử động tay chân, gió ở hơi thở ra, thở vào, tương tự như thế, trong thân này còn các thứ khác nữa. Những gì được thâu nhiếp trong thân, thuộc về gió, tánh gió, lưu động bên trong, được chấp thọ nơi hữu tình. Đó là nội phong giới'. Này Tỳ-kheo, dù ngoại phong giới hay nội phong giới đều gọi là phong giới. Tỳ-kheo ấy dùng trí tuệ quán biết như thật rằng: 'Tất cả những cái ấy không phải là sở hữu của ta. Ta không phải là sở hữu của những cái ấy. Những cái ấy cũng không phải là tự ngã'. Đó là Tỳ-kheo không buông lung trí tuệ.

"Lại nữa, Tỳ-kheo không buông lung trí tuệ. Nếu có Tỳ-kheo phân biệt thân giới như thế này: 'Nay thân này của ta có nội không giới, được chấp thọ nơi hữu tình. Nội không giới là gì? Là lỗ trống ở mắt, lỗ trống ở tai, lỗ trống ở mũi, lỗ trống ở miệng, cái khiến cho cổ họng cử động, tức để cho thức ăn được nhai và nuốt từ từ đi qua cổ họng, đi xuống rồi ra ngoài, tương tự như thế, trong thân này có những thứ khác nữa thuộc về hư không. Ở chỗ hư không ấy không bị da, thịt, xương, gân lấp kín. Đó là nội không giới'. Này Tỳ-kheo, dù nội không giới hay ngoại không giới đều gọi chung là không giới. Tỳ-kheo dùng trí tuệ quán biết như thật rằng: 'Tất cả những cái ấy không phải là sở hữu của ta. Ta không phải là sở hữu của những cái ấy. Những cái ấy cũng không phải là tự ngã'. Tâm vị ấy không nhiễm trước không giới ấy. Đó là Tỳ-kheo không buông lung trí tuệ.

"Lại nữa, Tỳ-kheo, nếu Tỳ-kheo nào biết như thật về năm giới này, sau khi biết như thật, tâm không nhiễm trước chúng thì được giải thoát, chỉ còn có các thức mà thôi. Đó là những thức nào? Là thức về lạc, thức về khổ, thức về hỷ, thức về ưu và thức về xả[19].

"Này Tỳ-kheo, nhơn lạc xúc mà sanh lạc thọ[20], vị ấy cảm giác lạc thọ. Khi đã cảm giác lạc thọ, vị ấy biết mình cảm giác lạc thọ. Nếu Tỳ-kheo nào diệt lạc xúc, sau khi diệt lạc xúc này, nếu có lạc thọ do lạc xúc sanh, lạc thọ ấy cũng diệt, tĩnh chỉ; biết như vậy rồi, mát lạnh.

"Này Tỳ-kheo, nhơn khổ xúc sanh ra khổ thọ, vị ấy cảm giác khổ thọ. Sau khi đã cảm giác khổ thọ, vị ấy biết đã cảm giác khổ thọ. Nếu Tỳ-kheo nào diệt khổ xúc, sau khi diệt khổ xúc, nếu có khổ thọ do khổ xúc sanh, vị ấy cũng diệt tĩnh chỉ; biết như vậy rồi, mát lạnh.

"Này Tỳ-kheo, nhơn hỷ xúc sanh ra hỷ thọ, vị ấy cảm giác hỷ thọ. Khi đã cảm giác hỷ thọ, vị ấy biết đã cảm giác hỷ thọ. Nếu Tỳ-kheo nào diệt hỷ xúc, sau khi diệt hỷ xúc này, nếu có hỷ thọ do hỷ xúc sanh, vị ấy cũng diệt, tĩnh chỉ; biết như vậy rồi, mát lạnh.

"Này Tỳ-kheo, nhơn ưu xúc sanh ra ưu thọ, vị ấy cảm giác ưu thọ. Khi đã cảm giác ưu thọ, vị ấy biết đã cảm giác ưu thọ. Nếu Tỳ-kheo nào diệt ưu xúc, sau khi diệt ưu xúc này, nếu có ưu thọ do ưu xúc sanh, vị ấy cũng diệt, tĩnh chỉ; biết như vậy rồi, mát lạnh.

"Này Tỳ-kheo, nhơn xả xúc sanh ra xả thọ, vị ấy cảm giác xả thọ. Khi đã cảm giác xả thọ, vị ấy biết đã cảm giác xả thọ. Nếu Tỳ-kheo nào diệt xả xúc, sau khi diệt xả xúc này, nếu có xả thọ do xả xúc sanh, vị ấy cũng diệt, tĩnh chỉ; biết như vậy rồi, mát lạnh.

"Này Tỳ-kheo, nhơn các xúc ấy sanh ra các thọ ấy. Khi đã diệt các xúc ấy thì các thọ ấy cũng diệt. Vị ấy biết rằng, thọ này từ xúc mà có, lấy xúc làm gốc, lấy xúc làm tập

---

19. Pāli: sukhan ti pi vijānāti, dukkhan ti pi vijānāti…, nhận biết rằng 'đây là lạc', nhận biết rằng 'đây là khổ'…

20. Nguyên Hán: *nhân lạc canh lạc cố sanh lạc giác*. Pāli: sukhavedanīyaṃ… phassaṃ paṭicca uppajjati sukhā vedanā, do xúc chạm với đối tượng đáng ưa mà phát sinh cảm giác lạc.

khởi, từ xúc sanh ra, lấy xúc làm đầu mối, y cứ nơi xúc mà hiện hành.

"Này Tỳ-kheo, cũng như mồi lửa, nhơn cái dùi, sự nỗ lực của người và sức nóng mà lửa phát sanh. Này Tỳ-kheo, khi các dùi cây ấy tách rời nhau thì lửa mà từ đó phát sanh, sức nóng của lửa và sự chấp thọ của hữu tình, tất cả đều tắt biến, vắng bặt, im lìm và dùi cây ấy trở nên nguội lạnh. Cũng vậy, này Tỳ-kheo, các xúc ấy thế này hay thế kia, sanh ra các thọ như thế này hay thế khác. Diệt các xúc ấy thì các thọ ấy cũng diệt. Như vậy là đã biết thọ này từ xúc mà có, lấy xúc làm gốc, lấy xúc làm tập khởi, từ xúc sanh ra, lấy xúc làm đầu mối, y cứ nơi xúc mà hiện hành.

"Nếu Tỳ-kheo nào không nhiễm trước ba thọ này, mà giải thoát, thì Tỳ-kheo ấy chỉ còn có xả cực kỳ thanh tịnh.

"Này Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ấy nghĩ rằng, 'Ta với xả thanh tịnh này nhập vào vô lượng không xứ[21]; tu tập tâm như vậy, y nơi đó, an trụ nơi đó, xác lập nơi đó, duyên nơi đó, buộc chặt vào đó. Ta với xả thanh tịnh này nhập vào vô lượng thức xứ[22], vô sở hữu xứ, phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ, tu tập tâm như vậy, y nơi đó, an trụ nơi đó, xác lập nơi đó, duyên nơi đó, buộc chặt vào đó'.

"Này Tỳ-kheo, cũng như thợ luyện kim lành nghề, dùng lửa đốt thỏi vàng, dát cho thật mỏng, rồi lại bỏ vào lò nung, đốt lửa đều đặn và đúng độ, luyện kỹ cho đến lúc tinh ròng, rất mềm mại và có ánh sáng. Này Tỳ-kheo, thứ vàng này là do thợ vàng đã đốt lửa đều đặn và đúng độ, luyện kỹ thật tinh ròng, rất mềm mại và có ánh sáng. Như vậy rồi, tự thợ vàng ấy làm theo ý mình, như làm dây đính vào tơ lụa để trang sức áo mới, làm nhẫn tay, vòng tay, xuyến, chuỗi, lưới tóc... Cũng vậy, này Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ấy nghĩ rằng: 'Ta với xả thanh tịnh này nhập vào vô lượng không xứ; tu tập tâm như vậy, y nơi đó, an trụ nơi đó, xác lập nơi đó, duyên nơi đó, buộc chặt vào đó. Ta với xả thanh tịnh này nhập vào Vô lượng thức xứ, Vô sở hữu xứ, Phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ, tu tập tâm như vậy, y nơi đó, an trụ nơi đó, xác lập nơi đó, duyên nơi đó, buộc chặt vào đó'.

"Tỳ-kheo ấy lại nghĩ, 'Ta với xả thanh tịnh này, mà y vào vô lượng không xứ, như vậy thuộc pháp hữu vi. Là pháp hữu vi thì vô thường. Cái gì là vô thường, cái ấy là khổ. Nếu cái gì là khổ thì biết là khổ'. Sau khi biết khổ, vị ấy xả, không còn di chuyển nhập vô lượng không xứ nữa.

"'Ta với xả thanh tịnh này, mà y vào Vô lượng thức xứ, Vô sở hữu xứ, Phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ, vẫn là thuộc pháp hữu vi. Là pháp hữu vi thì vô thường. Cái gì là vô thường, cái ấy là khổ. Nếu cái gì là khổ thì biết là khổ'. Sau khi biết khổ, vị ấy xả, không còn di chuyển nhập Vô lượng thức xứ, Vô sở hữu xứ, Phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ nữa.

"Này Tỳ-kheo, nếu Tỳ-kheo nào đối với bốn xứ này bằng tuệ mà quán sát, biết như thật, tâm không thành tựu, không di chuyển nhập, thì bấy giờ vị ấy không cần phải làm gì, và cũng không có gì để tư niệm, nghĩa là những gì liên hệ đến hữu và vô hữu[23]. Vị ấy cảm giác về thân tối hậu chấp thọ[24] thì biết cảm giác về thân chấp thọ cuối cùng;

---

21. Nhập vô lượng không xứ, tức nhập Hư không vô biên xứ, đối tượng thứ nhất của bốn Vô sắc giới định. Pāli: ākāsānañcāyatanaṃ upasaṃhareyyaṃ.

22. Vô lượng thức xứ, hay Thức vô biên xứ. Pāli: viññāṇañcāyatanaṃ.

23. Hán: *bất phục hữu vi diệc vô sở tư, vị hữu cập vô* ——-_————L ———A ————L-C Pāli: so neva taṃ abhisaṃkharoti na abhisaṃcetayati bhavāya vā vibhavāya vā, vị ấy không hành trì cũng không tư duy về hữu hay phi hữu.

24. Thọ thân tối hậu ————Athân được chấp thọ, hay chấp thủ, cuối cùng. Pāli: kāyapariyantika.

cảm giác về mạng chấp thọ tối hậu[25] thì biết cảm giác về mạng chấp thọ tối hậu; và biết khi thân hoại mạng chung, thọ mạng chấm dứt, những gì được cảm thọ, tất cả đều tịch diệt, tịch tịnh, tĩnh chỉ và biết là trở thành rất mát lạnh[26].

"Này Tỳ-kheo, ví như đèn sáng là nhờ dầu và nhờ bấc. Nếu không có ai đổ thêm dầu, nối thêm bấc, như vậy khi dầu và bấc có trước đã cháy hết mà những cái sau không được tiếp nối sẽ không còn gì để chấp thọ nữa. Tỳ-kheo ấy cũng thế, cảm giác về chấp thọ thân tối hậu thì biết cảm giác về chấp thọ thân tối hậu; cảm giác về chấp thọ sanh mạng tối hậu thì biết cảm giác về chấp thọ sanh mạng tối hậu; và biết rằng, khi thân hoại mạng chung, sanh mạng chấm dứt thì tất cả những gì được cảm thọ thảy đều tịch diệt, tịch tịnh, tĩnh chỉ và biết là trở thành rất mát lạnh.

"Này Tỳ-kheo, như thế vị ấy được gọi là Tỳ-kheo tối thắng chánh tuệ, nghĩa là đạt đến cứu cánh diệt tận, lậu tận. Tỳ-kheo ấy thành tựu như vậy là thành tựu tối thắng chánh tuệ xứ[27].

"Này Tỳ-kheo, sự giải thoát này an trú nơi chân đế, không bị di động. Chân đế là pháp như thật. Giả dối là pháp hư vọng. Tỳ-kheo ấy thành tựu tối thắng chân đế xứ[28].

"Này Tỳ-kheo, với thí xả, nếu trước kia có oan gia cố cựu thì bấy giờ vị ấy phóng xả, lìa bỏ, giải thoát, dứt trừ. Này Tỳ-kheo, đó là Tỳ-kheo tối thắng chánh huệ thí, là xả ly tất cả mọi sự ở đời, hoàn toàn vô dục, tịch tĩnh, tĩnh chỉ. Này Tỳ-kheo, thành tựu như thế là thành tựu tối thắng huệ thí xứ.

"Này Tỳ-kheo, Tỳ-kheo nào tâm bị dục, nhuế và si làm cho ô uế, không được giải thoát, Tỳ-kheo ấy tận diệt tất cả dâm, nộ, si, vô dục, tịch tịnh, tĩnh chỉ, chứng đắc tối thắng, tịch tĩnh. Này Tỳ-kheo, thành tựu như thế là thành tựu tối thắng tịch tĩnh xứ.

"Này Tỳ-kheo, ai nghĩ rằng 'Tôi đang là', ấy là tự đề cao[29]. Rằng 'Tôi sẽ hiện hữu', ấy là tự đề cao. Rằng "Tôi sẽ không hiện hữu, cũng không phải không hiện hữu', ấy là tự đề cao. 'Tôi sẽ có sắc', ấy là tự đề cao.

'Tôi sẽ không có sắc', ấy là tự đề cao. 'Tôi sẽ có tưởng', ấy là tự đề cao. 'Tôi sẽ không có tưởng', ấy là tự đề cao. 'Tôi sẽ không có tưởng, không không có tưởng', ấy là tự đề cao. Đó là cống cao, là kiêu ngạo, là phóng dật.

"Này Tỳ-kheo, nếu không có tất cả những sự tự đề cao, cống cao, kiêu ngạo, phóng dật ấy thì ý tịch tĩnh.

"Này Tỳ-kheo, nếu ý tịch tĩnh thì không chán ghét, không ưu sầu, không lao nhọc, không sợ hãi. Vì sao? Vì Tỳ-kheo ấy đã thành tựu pháp nên không còn chán ghét, không chán ghét thì không ưu tư, không ưu tư thì không sầu não, không sầu não thì không lao nhọc, không lao nhọc thì không sợ hãi. Nhơn không sợ hãi nên sẽ đắc Niết-bàn, biết như thật rằng 'Sự sanh đã đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa' ".

Đức Thế Tôn thuyết pháp này xong, Tôn giả Phất-ca-la-sa-lợi viễn ly trần cấu, phát sanh pháp nhãn và các pháp. Bấy giờ, Tôn giả Phất-ca-la-sa-lợi viễn thấy pháp, đắc pháp, chứng pháp bạch tịnh, đoạn trừ nghi hoặc, không còn ai hơn, không tùy thuộc ai nữa,

---

25. Mạng tối hậu ——R———C Pāli: jīvitapariyantika.

26. Pāli: sabbavedayitāni abhinanditāni sītibhavissanti, "tất cả những gì được cảm thọ đầy hỷ lạc đều trở thành mát mẻ".

27. Đệ nhất chánh huệ xứ; Pāli: paramapaññādiṭṭhāna.

28. Đệ nhất chân đế xứ; Pāli: paramasaccādiṭṭhāna.

29. Hán: tự cử ———|—Anghĩa là kiêu mạn (Pāli: māna). Trong bản Pāli: maññita, vọng tưởng.

không còn do dự, đã an trú vào quả chứng đắc; đối với pháp của Thế Tôn, chứng đắc vô úy, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, cúi đầu đảnh lễ sát chân Phật mà bạch rằng:

"Bạch Thế Tôn, con ăn năn! Bạch Thiện Thệ, con ngay từ đầu như ngu, như si, như khờ dại, như không hiểu biết, không nhận ra Bậc Lương Điền mà không tự biết. Vì sao? Vì con đã gọi Như Lai –Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác– là "Hiền giả[30]". Mong Đức Thế Tôn cho con sám hối. Sau khi sám hối, con sẽ không còn tái phạm nữa".

Đức Thế Tôn đáp:

"Này Tỳ-kheo, ngươi quả thực ngu si, quả thực là khờ dại, không hiểu biết nên đã gọi Như Lai, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, là "Hiền giả". Này Tỳ-kheo, nếu ngươi tự sám hối, đã thấy và phát lồ, gìn giữ không tái phạm nữa, như thế, này Tỳ-kheo, đối với pháp luật của bậc Thánh như vậy là tăng ích chứ không tổn hại, vì đã tự sám hối, đã tự thấy và phát lồ, gìn giữ không tái phạm nữa".

Đức Phật, thuyết như vậy. Tôn giả Phất-ca-la-sa-lợi viễn sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

❑

30. Tức đã gọi Phật là "bạn". Pāli: āvusovādena.

163. KINH PHÂN BIỆT LỤC XỨ[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng vườn Cấp cô độc.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Này các Tỳ-kheo, Ta sẽ thuyết pháp cho các ngươi, phần đầu thiện, phần giữa thiện và phần cuối cũng thiện, có nghĩa, có văn, đầy đủ thanh tịnh, hiển hiện phạm hạnh. Đó là phân biệt về sáu xứ. các ngươi hãy lắng nghe, khéo suy tư và ghi nhớ".

Bấy giờ, các Tỳ-kheo thưa rằng:

"Bạch Thế Tôn, chúng con xin vâng lời".

Đức Phật, bảo rằng:

"Này các thầy Tỳ-kheo, sáu xứ, nên biết, là bên trong vậy[2]; sáu xúc xứ [3] nên biết bên trong; mười tám ý hành[4] nên biết bên trong; ba mươi sáu đao kiếm[5] nên biết bên trong. Trong đó đoạn trừ cái kia, thành tựu cái này, vô lượng thuyết pháp nên biết bên trong. Có ba ý chỉ[6], là những điều mà bậc Thánh phải tu tập. Sau khi tu tập mới có thể giáo hóa đồ chúng[7], đó là bậc Vô thượng Điều ngự con người[8], là điều ngự người thú hướng tất cả phương'. Như vậy là phân biệt lục xứ.

"Nói rằng, 'sáu xứ nên biết bên trong', do nhơn gì mà nói như thế? Đó là xứ là mắt; xứ là tai, mũi, lưỡi, thân và ý. Nói rằng 'sáu xứ nên biết bên trong' là nhơn đó mà nói.

"Nói rằng 'Sáu xúc xứ nên biết bên trong', do nhơn gì mà nói như vậy? Đó là xúc con mắt thì thấy sắc, xúc lỗ tai thì nghe tiếng, xúc của mũi thì ngửi mùi, xúc của lưỡi thì nếm vị, xúc của thân thì cảm giác, xúc bởi ý thì biết pháp. Nói rằng 'sáu xúc xứ nên biết

---

1. Tương đương Pāli, M.137, Salāyatana-vibhaṅga-sutta.
2. Hán: lục xứ đương tri nội dã ▯▯▯▯▯▯▯▯ Pāli: ajjhattikāni āyatanāni veditabbāni, sáu nội xứ cần được biết.
3. Lục cánh lạc xứ ▯▯▯▯▯▯▯▯ Pāli: cha phassakayā.
4. Thập bát ý hành ▯▯▯▯▯▯▯▯ Pāli: aṭṭhādasa manopavicārā. Xem cht.11, kinh 62.
5. Tam thập lục đao ▯▯▯▯▯▯▯▯ Pāli: chattiṃsa sattapadā, 36 *cú* (phạm trù), hay dấu chân, của chúng sanh; 36 loại chúng sanh. Trong bản Hán, đọc là sattha (đao kiếm) thay vì satta (hữu tình). Tỳ-bà-sa (No.1545, Đại 27, trang 718 a): Tam thập lục sư cú ▯▯▯▯▯▯▯▯ Pāli: Sattapadā (36 cú nghĩa, hay phạm trù, về chúng sanh). Cả ba bản đọc theo ngữ nguyên khác nhau. Pāli: satta, *chúng sanh*. Bản Hán này, *đao kiếm*: do Skt. śastra (Pāli: sattha), Tỳ-bà-sa; Skt. śāstra: *đạo sư* (Pāli: sattha).
6. Tam ý chỉ ▯▯▯▯▯▯ Pāli: tayo satipaṭṭhānā, ba niệm trú.
7. Tham chiếu Pāli: tatr'idaṃ nissāya idaṃ pajahatha. tayo satipaṭṭhānā yad ariyo sevati, yad ariyo sevannāno satthā gaṇaṃ anusāsituṃ arahati, "trong đây, y trên cái này, các ngươi hãy đoạn trừ cái này; có ba niệm trụ mà bậc Thánh tập hành, và khi tập hành nó bậc Thánh xứng đáng là Đạo sư giáo huấn đồ chúng".
8. Hán: *điều ngự sĩ* ▯▯▯▯▯▯ chế ngự hay huấn luyện con người và đánh xe đưa con người đến chỗ an ổn. Pāli: so vuccati yoggācariyānaṃ anuttaro purisadammasārathī ti, vị ấy được gọi là vị hướng đạo và huấn luyện con người, cao cả nhất trong tất cả những người đánh xe.

bên trong' là nhơn đó mà nói.

"Nói rằng 'Mười tám ý hành nên biết bên trong', do nhơn gì mà nói như vậy? Đó là Tỳ-kheo mắt đã thấy sắc rồi phân biệt sắc mà an trụ nơi hỷ, phân biệt các sắc mà an trụ nơi ưu, phân biệt các sắc mà an trụ nơi xả. Cũng vậy, tai, mũi, lưỡi, thân, ý; ý đã biết pháp rồi phân biệt pháp mà an trụ nơi hỷ, phân biệt pháp mà an trụ nơi ưu, phân biệt pháp mà an trụ nơi xả. Đó gọi là phân biệt sáu hỷ, phân biệt sáu ưu, phân biệt sáu xả. Tổng thuyết là mười tám ý hành. Nói rằng 'mười tám ý hành nên biết bên trong' là nhơn đó mà nói.

"Nói rằng 'Ba mươi sáu loại đao kiếm nên biết bên trong', do nhơn gì mà nói như vậy? Có sáu hỷ y trên đắm trước, có sáu hỷ y trên vô dục[9]; có sáu ưu y trên đắm trước, có sáu ưu y trên vô dục; có sáu xả y trên đắm trước, có sáu xả y trên vô dục.

"Thế nào là sáu hỷ y trên đắm trước? Thế nào là sáu hỷ y trên vô dục? Mắt thấy sắc rồi phát sanh hỷ, nên biết, có hai loại, hoặc y trên đắm trước, hoặc y trên vô dục.

"Thế nào là hỷ y đắm trước? Sắc được biết bởi mắt, khả hỷ, ý niệm, sắc ái, lạc tương ưng với dục[10]; cái chưa được thì muốn được, đã được thì truy ức, rồi phát sanh hỷ. Hỷ như vậy gọi là hỷ y trên đắm trước.

"Thế nào là hỷ y trên vô dục? Biết sắc vô thường, biến dịch, diệt tận, vô dục, tịch diệt, tịch tĩnh; biết tất cả sắc trước kia và bây giờ đều là pháp vô thường, khổ, hoại diệt. Truy ức như vậy rồi phát sanh hỷ. Hỷ như vậy gọi là hỷ y trên vô dục.

"Cũng vậy, tai, mũi, lưỡi, thân, ý; ý nhận thức pháp rồi sanh hỷ, nên biết có hai loại, hoặc y trên đắm trước, hoặc y trên vô dục.

"Thế nào hỷ y trên đắm trước? Pháp được biết bởi ý, khả hỷ, ý niệm, pháp ái, lạc tương ưng với dục; cái chưa được thì muốn được, đã được thì truy ức, rồi phát sanh hỷ. Hỷ như vậy gọi là hỷ y trên đắm trước.

"Thế nào gọi là hỷ y trên vô dục? Biết pháp là vô thường, biến dịch, diệt tận, vô dục, tịch diệt, tịch tĩnh; biết tất cả pháp trước kia và bây giờ đều là pháp vô thường, khổ, hoại diệt. Truy ức như vậy rồi phát sanh hỷ. Hỷ như vậy gọi là hỷ y trên vô dục.

"Thế nào là sáu ưu y trên đắm trước? Thế nào là sáu ưu y trên vô dục? Mắt thấy sắc rồi phát sanh ưu, nên biết có hai loại: hoặc y trên đắm trước, hoặc y trên vô dục.

"Thế nào là ưu y trên đắm trước? Sắc được biết bởi mắt, khả hỷ, ý niệm, sắc ái, lạc tương ưng với dục, cái chưa được mà không được, đã được nhưng trong quá khứ bị phân tán, hoại diệt, biến dịch nên sanh ưu. Ưu như vậy gọi là ưu y trên đắm trước.

"Thế nào là ưu y trên vô dục? Biết sắc là pháp vô thường, biến dịch, diệt tận, vô dục, tịch diệt, tịch tĩnh; biết tất cả sắc trước kia và bây giờ đều là pháp vô thường, khổ, pháp hoại diệt. Truy ức như vậy rồi nghĩ rằng 'Ta lúc nào thì thành tựu, an trú nơi xứ mà các bậc Thánh đã thành tựu, an trú?' Do ước nguyện chứng nhập tối thượng ấy mà lo sợ[11], sầu khổ nên phát sanh ưu. Ưu như vậy gọi là ưu y trên vô dục.

"Cũng vậy, tai, mũi, lưỡi, thân, ý; ý nhận thức pháp rồi sanh ưu, nên biết có hai loại: hoặc y trên đắm trước, hoặc y trên vô dục.

"Thế nào là ưu y trên đắm trước? Pháp được biết bởi ý, khả hỷ, niệm, pháp ái, lạc

---

9. Y trước y vô dục ————L——C Tỳ-bà-sa (đd., *như trên*): Y đam thị y xuất ly ————X——C Pāli: gehaseta, nekkhammasita: y tại gia và y xuất gia. Do từ nguyên trong Skt. hay đồng âm của từ gaha (Pāli) có nghĩa là nhà (Skt. ghha) và sự nắm chặt (Skt. graha) nên có những nghĩa khác nhau như thế.

10. Pāli: lokāmisapaṭisaṃyuttaṃ, liên hệ đến vật dục thế gian.

11. Hán: *thượng cụ xúc nguyện khủng bố* —W———@———F không hiểu ý. Pāli: anuttaresu vimokkhesu pihaṃ upaṭṭhāyato uppajjati, khởi lên ước muốn đối với các giải thoát vô thượng.

tương ưng với dục, cái chưa được mà không được, cái đã được nhưng trong quá khứ bị phân tán, hoại diệt, biến dịch nên sanh ưu. Ưu ấy gọi là ưu y trên đắm trước.

"Thế nào là ưu do vô dục? Biết pháp là vô thường, biến dịch, diệt tận, vô dục, tịch diệt, tịch tĩnh; biết tất cả pháp trước kia và bây giờ đều vô thường, khổ, hoại diệt. Truy ức như vậy rồi nghĩ rằng 'Ta lúc nào thì thành tựu, an trú vào xứ mà các bậc Thánh đã thành tựu, an trú?' Do ước nguyện chứng nhập tối thượng ấy mà lo sợ, sầu khổ nên phát sanh ưu. Ưu như vậy gọi là ưu y trên vô dục.

"Thế nào là xả y trên đắm trước? Thế nào là xả y trên vô dục? Mắt thấy sắc phát sanh xả, nên biết có hai loại: hoặc y trên đắm trước, hoặc y trên vô dục.

"Thế nào là xả y trên đam mê? Mắt thấy sắc rồi phát sanh xả. Phàm phu ngu si hoàn toàn[12] không đa văn, không trí tuệ, đối với sắc có xả nhưng không xuất ly sắc. Đó là xả y trên đam mê.

"Thế nào là xả y trên vô dục? Biết sắc vô thường, biến dịch, diệt tận, vô dục, tịch diệt, tịch tĩnh; biết tất cả sắc trước kia và bây giờ đều là vô thường, khổ, hoại diệt. Truy ức như vậy rồi an trụ nơi xả. Nếu vị nào dốc lòng tu tập xả như thế, thì đó là xả y trên vô dục.

"Cũng vậy, tai, mũi, lưỡi, thân, ý; ý nhận thức pháp rồi phát sanh xả, nên biết rằng có hai loại: hoặc y trên đắm trước, hoặc y trên vô dục.

"Thế nào là xả y trên đam mê? Ý nhận thức, phát sanh xả. Phàm phu ngu si, hoàn toàn không đa văn, không trí tuệ, đối với pháp có xả nhưng không xuất ly pháp. Đó là xả y trên đắm.

"Thế nào là xả y trên vô dục? Ý biết pháp là vô thường, biến dịch, diệt tận, vô dục, tịch diệt, tịch tĩnh; biết pháp trước kia hay bây giờ đều là vô thường, khổ, hoại diệt. Truy ức như vậy rồi an trụ nơi xả. Ai dốc lòng tu tập xả ấy, thì đó là xả y trên vô dục.

"Đó là sáu hỷ y trên đắm trước, sáu hỷ y trên vô dục; sáu ưu y trên đắm trước, sáu ưu y trên vô dục; sáu xả y trên đắm trước, sáu xả y trên vô dục. Tổng thuyết là ba mươi sáu thứ đao kiếm nên biết bên trong. Do nhơn đó mà nói như thế.

"Nói rằng 'Trong đó đoạn trừ cái kia, thành tựu cái này', do nhơn gì mà nói như vậy? Đó là, đối với sáu hỷ y trên vô dục này, hãy thủ lấy cái này, y trên cái này, an trú nơi cái này; còn đối với sáu hỷ y trên đắm trước ấy thì hãy hủy diệt cái kia, đoạn trừ cái kia, nhổ cái kia ra. Như vậy là đoạn trừ cái kia.

"Đối với sáu ưu y trên vô dục này, hãy thủ lấy cái này, y trên cái này, an trú nơi cái này; còn đối với sáu ưu y trên đắm trước này, hãy hủy diệt cái kia, đoạn trừ cái kia, nhổ cái kia ra. Như vậy là đoạn trừ cái kia.

"Đối với sáu xả y trên vô dục này, hãy thủ lấy cái này, y trên cái này, an trú nơi cái này; còn đối với sáu xả y trên đắm trước này, hãy hủy diệt cái kia, đoạn trừ cái kia, nhổ cái kia ra. Như vậy là đoạn trừ cái kia.

"Có loại xả có vô lượng xúc, sai biệt xúc[13]; có loại xả chỉ có một xúc, không sai biệt xúc.

"Thế nào là xả có vô lượng xúc, sai biệt xúc? Nếu xả đối với sắc, đối với thanh, đối với hương, đối với vị, đối với xúc, thì xả ấy có vô lượng xúc, sai biệt xúc.

"Thế nào xả chỉ có một xúc, không sai biệt xúc? Là xả hoặc y vào vô lượng không

---

12. Hán: *bình đẳng*, liên hệ từ samṃ (Pāli, hay Skt.).

13. Pāli: atthi bhikkhave upekhā nānattā nānattasitā, có xả là tạp đa tánh, y trên tạp đa tánh.

xứ, hoặc y vào vô lượng thức xứ, hoặc y vào vô sở hữu xứ, hoặc y vào phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ, thì xả ấy chỉ có một xúc, không sai biệt xúc.

"Đối với xả có một xúc, không sai biệt xúc, hãy thủ lấy cái này, y trên cái này, an trú nơi cái này. Đối với xả có vô lượng xúc, sai biệt xúc, hãy hủy diệt cái kia, đoạn trừ cái kia, nhổ cái kia ra. Như vậy là đoạn trừ cái kia. Thủ vô lượng, y vô lượng, trú vô lượng, tức là đối với xả có một xúc, không sai biệt xúc, hãy thủ lấy cái này, y trên cái này, an trú nơi cái này. Đối với xả có vô lượng xúc, sai biệt xúc, hãy hủy diệt cái kia, đoạn trừ cái kia, nhổ cái kia ra. Như vậy là đoạn trừ cái kia.

"Nói rằng 'Trong đó đoạn trừ cái kia, thành tựu cái này' là nhơn đó mà nói.

"Nói rằng 'Vô lượng thuyết pháp nên biết bên trong', do nhơn gì mà nói như thế?

"Như Lai có bốn đệ tử, có tăng thượng hành, tăng thượng ý, tăng thượng niệm, tăng thượng tuệ, có biện tài, thành tựu biện tài bậc nhất, thọ đến một trăm tuổi. Như Lai thuyết pháp cho đệ tử ấy suốt cả một trăm năm, ngoại trừ lúc ăn lúc uống, lúc đại tiểu tiện, lúc ngủ nghỉ và lúc tụ hội; những pháp mà Như Lai thuyết kia, có văn cú, pháp cú, quán nghĩa, bằng tuệ mà quán nghĩa một cách nhanh chóng, không có hỏi lại Như Lai về pháp nữa. Vì sao? Vì pháp được Như Lai giảng thuyết không có giới hạn, không thể cùng tận, có văn cú, pháp cú, quán nghĩa, cho đến lúc bốn đệ tử lâm chung.

"Cũng như bốn hạng người bắn giỏi, cùng kéo mạnh dây cung mà bắn một lượt, khéo học kỹ, khéo biết rõ. Cũng vậy, Thế Tôn có bốn đệ tử, có tăng thượng hành, tăng thượng ý, tăng thượng niệm, tăng thượng tuệ, có biện tài, thành tựu biện tài bậc nhất, thọ đến một trăm tuổi. Như Lai thuyết pháp cho đệ tử ấy suốt cả một trăm năm, ngoại trừ lúc ăn lúc uống, lúc đại tiểu tiện, lúc ngủ nghỉ và lúc tụ hội; những pháp mà Như Lai thuyết kia, có văn cú, pháp cú, quán nghĩa, bằng tuệ mà quán nghĩa một cách nhanh chóng, không có hỏi lại Như Lai về pháp nữa. Vì sao? Vì pháp được Như Lai giảng thuyết không có giới hạn, không thể cùng tận.

"Nói rằng 'Vô lượng thuyết pháp nên biết bên trong', là nhơn đó mà nói.

"Nói rằng 'Có ba ý chỉ, là những điều mà bậc Thánh phải tu tập. Sau khi tu tập mới có thể giáo hóa đồ chúng', do nhơn gì mà nói như thế?

"Như Lai thuyết pháp cho đệ tử là vì mến yêu, mưu cầu nhiều thiện lợi và hữu ích, an ổn và khoái lạc, phát khởi tâm từ bi, bảo rằng 'Đây là lợi ích, đây là khoái lạc, đây là lợi ích khoái lạc'. Nếu các đệ tử kia mà không cung kính, không thuận hành, không xác lập nơi trí, tâm không thực hành pháp và tùy pháp[14], không thọ chánh pháp, làm trái lời Thế Tôn, không thể đắc định; nhưng Thế Tôn không vì thế mà buồn rầu. Thế Tôn chỉ xả mà không làm gì, thường chánh niệm, chánh trí. Đó là ý chỉ thứ nhất mà bậc Thánh tu tập. Sau khi đã tu tập mới có thể giáo hóa đồ chúng.

"Lại nữa, Như Lai thuyết pháp cho đệ tử vì thương tưởng mến yêu, vì mưu cầu thiện lợi hữu ích, an ổn và khoái lạc, phát khởi tâm từ bi, nói rằng 'Đây là hữu ích, đây là khoái lạc, đây là hữu ích khoái lạc'. Nếu đệ tử kia cung kính thực hành theo chánh trí, tâm thực hành pháp và tùy pháp, thọ trì chánh pháp, không trái lời Thế Tôn, đắc định, thì Thế Tôn cũng không vì thế mà hoan hỷ. Thế Tôn chỉ xả, mà không làm gì cả, thường chánh niệm, chánh trí. Đó là ý chỉ thứ hai mà bậc Thánh tu tập. Sau khi đã tu tập mới có thể giáo hóa đồ chúng.

---

14. Thú hướng pháp thứ pháp, tức Pāli: dhammānudhamma-paṭipanna, thực hành pháp và những liên hệ pháp.

"Lại nữa, Như Lai thuyết pháp cho đệ tử vì thương tưởng mến yêu, vì mưu cầu thiện lợi hữu ích, an ổn và khoái lạc, phát khởi tâm từ bi, bảo rằng 'Đây là hữu ích, đây là khoái lạc, đây là hữu ích khoái lạc'. Nhưng có đệ tử không cung kính, cũng không thực hành, không vững chánh trí, tâm không hướng đến pháp tùy pháp hành, không thọ trì chánh pháp, trái lời Thế Tôn, không thể đắc pháp. Trái lại, có đệ tử cung kính, thực hành, vững chánh trí, tâm quy hướng đến pháp tùy pháp hành, thọ trì chánh pháp, không trái lời Thế Tôn, đắc định, Thế Tôn cũng không vì thế mà buồn rầu hay hoan hỷ. Thế Tôn chỉ xả, mà không làm gì cả, thường chánh niệm, chánh trí. Đó là ý chỉ thứ ba mà bậc Thánh tu tập. Sau khi đã tu tập mới có thể giáo hóa đồ chúng.

"Nói rằng 'Có ba ý chỉ, là những điều mà bậc Thánh phải tu tập. Sau khi tu tập mới có thể giáo hóa đồ chúng', là nhơn đó mà nói.

"Nói rằng 'Bậc Vô Thượng điều ngự con người, là điều ngự người thú hướng tất cả phương', do nhơn gì mà nói như vậy?

"Điều ngự con người, đó là nói điều ngự con người chỉ thú hướng một phương, hoặc phương Đông, hoặc phương Nam, hoặc phương Tây, hoặc phương Bắc. Chẳng hạn như điều ngự voi, là vị điều ngự chỉ dẫn con voi đến một phương, hoặc phương Đông, hoặc phương Nam, phương Tây, phương Bắc. Điều ngự ngựa là vị điều ngự chỉ dẫn con ngựa đến một phương, hoặc phương Đông, hoặc phương Nam, phương Tây, phương Bắc. Điều ngự bò là vị điều ngự chỉ dẫn con bò đến một phương, hoặc phương Đông, hoặc phương Nam, phương Tây, phương Bắc. Trái lại, Vô thượng Điều ngự con người thú hướng đến tất cả phương. Trong đó, phương là có sắc thì quán sắc, đó là phương thứ nhất[15]. Bên trong không có sắc tưởng, bên ngoài quán sắc, đó là phương thứ hai. Tịnh giải thoát, thân chứng thành tựu, an trú, đó là phương thứ ba. Vượt qua mọi sắc tưởng, diệt hữu đối tưởng, không nghĩ đến các loại tưởng sai biệt, nhập vô lượng hư không, thành tựu và an trú vô lượng không xứ, đó là phương thứ tư. Vượt qua mọi vô lượng không xứ, nhập vô lượng thức, thành tựu an trú vô lượng thức xứ, đó là phương thứ năm. Vượt qua mọi vô lượng thức xứ, nhập vô sở hữu, thành tựu và an trú vô sở hữu xứ, đó là phương thứ sáu. Vượt qua mọi vô sở hữu xứ, nhập phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ, thành tựu an trú, đó là phương thứ bảy. Vượt qua mọi phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ, tưởng và thọ đã diệt tận, thân chứng thành tựu, an trú, do tuệ mà quán lậu tận, vĩnh viễn đoạn trừ, đó là phương thứ tám.

"Nói rằng 'Bậc Vô Thượng điều ngự con người, là điều ngự người thú hướng tất cả phương' là nhơn đó mà nói".

Phật thuyết như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

❑

[15]. Từ đây trở xuống, nói về tám giải thoát, cũng nói là tam bối. Xem giải thích Tập Dị 18, Đại 16, trang 443.

164. KINH PHÂN BIỆT QUÁN PHÁP[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng, vườn Cấp cô độc.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Này các Tỳ-kheo, Ta sẽ thuyết pháp cho các ngươi, phần đầu thiện, phần giữa thiện và phần cuối cũng thiện, có nghĩa, có văn, đầy đủ thanh tịnh, hiển hiện phạm hạnh. Đó là kinh 'Phân biệt quán pháp'. Các thầy hãy lắng nghe, khéo suy tư và ghi nhớ.

Nghe vậy, các Tỳ-kheo thưa rằng:

"Bạch Thế Tôn, chúng con xin vâng lời".

Đức Phật bảo rằng:

"Tỳ-kheo, quán như vậy như vậy. Ngươi quán như vậy rồi, Tỳ kheo, tâm hướng về bên ngoài, bị phân rải, tán loạn, tâm không an trú vào bên trong, không chấp thủ nhưng sợ hãi. Nhưng, này các Tỳ-kheo, hãy quán như thế nào mà sau khi các ngươi đã quán như vậy, tâm không hướng về bên ngoài, không bị phân rải, tán loạn, tâm trú bên trong, không chấp thủ, không sợ hãi. Như vậy các ngươi không còn sanh, lão, bệnh, tử nữa. Đó là tận cùng sự khổ".

Đức Phật nói như thế, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, vào thất tĩnh tọa.

Khi ấy, các Tỳ-kheo nghĩ rằng: "Chư Hiền nên biết, Đức Thế Tôn nói lên điều đó một cách tóm tắt, không phân biệt rộng rãi, liền từ chỗ ngồi đứng dậy vào thất tĩnh tọa. Thế Tôn chỉ nói: 'Tỳ-kheo, quán như vậy như vậy. Ngươi quán như vậy rồi, Tỳ kheo, tâm hướng về bên ngoài, bị phân rải, tán loạn, tâm không an trú vào bên trong, không chấp thủ nhưng sợ hãi. Nhưng, này các Tỳ-kheo, hãy quán như thế nào mà sau khi các ngươi đã quán như vậy, tâm không hướng về bên ngoài, không bị phân rải, tán loạn, tâm trú bên trong, không chấp thủ, không sợ hãi. Như vậy các ngươi không còn sanh, lão, bệnh, tử nữa. Đó là tận cùng sự khổ'."

Các vị ấy lại nghĩ rằng: "Chư Hiền, vị nào có thể phân biệt rộng rãi điều mà Thế Tôn đã nói một cách tóm lược?" Các vị ấy lại nghĩ: "Tôn giả Đại Ca-chiên-diên[2] thường được Thế Tôn và các bậc phạm hạnh có trí tán thán. Như vậy, Tôn giả Đại Ca-chiên-diên có thể phân biệt được điều mà Thế Tôn đã nói một cách tóm lược. Này chư Hiền, hãy cùng nhau đi đến nơi Tôn giả Đại Ca-chiên-diên, nhờ Tôn giả giải thích điều đó. Nếu Tôn giả Đại Ca-chiên-diên phân biệt cho, chúng ta sẽ khéo thọ trì".

Thế rồi các Tỳ-kheo cùng nhau đi đến chỗ Tôn giả Đại Ca-chiên-diên, cùng chào hỏi nhau rồi ngồi qua một bên thưa rằng:

"Thưa Tôn giả Đại Ca-chiên-diên, nên biết cho rằng, Đức Thế Tôn nói điều này

---

1. Tương đương Pāli, M.138. Uddesa-vibaṅga-suttam.
2. Đại Ca-chiên-diên −j −{ ——C Pāli: Mahā-Kaccāna.

một cách tóm lược, không phân biệt rộng rãi, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, vào phòng tĩnh tọa. Thế Tôn chỉ nói rằng, 'Tỳ-kheo, quán như vậy như vậy. Ngươi quán như vậy rồi, Tỳ kheo, tâm hướng về bên ngoài, bị phân rải, tán loạn, tâm không an trú vào bên trong, không chấp thủ nhưng sợ hãi. Nhưng, này các Tỳ-kheo, hãy quán như thế nào mà sau khi các ngươi đã quán như vậy, tâm không hướng về bên ngoài, không bị phân rải, tán loạn, tâm trú bên trong, không chấp thủ, không sợ hãi. Như vậy các ngươi không còn sanh, lão, bệnh, tử nữa. Đó là tận cùng sự khổ.'

"Chúng tôi đã nghĩ rằng, 'Chư Hiền, vị nào có thể phân biệt được điều mà Thế Tôn đã nói một cách tóm lược?'

"Chúng tôi lại nghĩ, 'Tôn giả Đại Ca-chiên-diên thường được Thế Tôn và các bậc pham hạnh có trí tán thán. Như vậy, Tôn giả Đại Ca-chiên-diên có thể phân biệt được điều mà Thế Tôn đã nói một cách tóm lược'. Mong Tôn giả Đại Ca-chiên-diên thương xót mà phân biệt rộng rãi cho".

Bấy giờ, Tôn giả Đại Ca-chiên-diên nói rằng:

"Này chư Hiền, hãy nghe tôi nói thí dụ. Người có trí nghe thí dụ thì sẽ hiểu được nghĩa.

"Này chư Hiền, cũng như người muốn tìm lõi cây. Vì muốn tìm lõi cây nên xách búa vào rừng. Người ấy thấy cây đại thọ có đủ gốc, thân, cành, nhánh, lá, hoa và lõi. Người ấy không đốn gốc, thân, cành và lõi mà chỉ chặt nhánh và lá thôi. Điều chư Hiền nói ra cũng lại như vậy. Đức Thế Tôn còn đó mà chư Hiền lại bỏ đi tìm tôi để hỏi về điều ấy. Vì sao? Chư Hiền nên biết, Thế Tôn là Con mắt, là Trí, là Nghĩa, là Pháp chủ, là Pháp tướng. Nói nghĩa chân đế, hiển hiện tất cả các nghĩa, đều do Thế Tôn.

"Này chư Hiền, hãy đến chỗ Đức Thế Tôn mà hỏi điều đó như thế này, 'Bạch Thế Tôn, điều đó thế nào? Điều đó có nghĩa gì?' Đức Thế Tôn dạy thế nào, chư Hiền nên khéo léo thọ trì thế ấy".

Nghe thế, các Tỳ-kheo thưa rằng:

"Xin vâng, thưa Tôn giả Đại Ca-chiên-diên, Đức Thế Tôn là Con mắt, là Trí, là Nghĩa, là Pháp chủ, là Pháp tướng. Nói nghĩa chân đế, hiển hiện tất cả các nghĩa, đều do Thế Tôn. Chúng tôi đáng lẽ phải đến chỗ Thế Tôn mà hỏi về điều đó như vầy 'Bạch Thế Tôn, điều đó thế nào? Điều đó có nghĩa gì?' Đức Thế Tôn nói như thế nào, chúng tôi sẽ khéo thọ trì thế ấy. Nhưng Tôn giả Đại Ca-chiên-diên thường được Thế Tôn và các bậc phạm hạnh có tri tán tán. Như vậy, Tôn giả có thể phân biệt được điều mà Thế Tôn đã nói một cách tóm lược. Mong Tôn giả Đại Ca-chiên-diên thương xót mà giải thích rộng rãi cho".

Tôn giả Đại Ca-chiên-diên nói:

"Này chư Hiền, vậy hãy nghe tôi nói.

"Này chư Hiền, thế nào là tâm[3] Tỳ-kheo hướng ra bên ngoài, bị phân rải, tán loạn? –Chư Hiền, với con mắt, Tỳ-kheo con mắt thấy sắc, thức ăn tướng của sắc, thắc đắm trước vị lạc của tướng của sắc, thức bị trói buộc bởi vị lạc của tướng của sắc; vị ấy bị vị ngọt của sắc tướng cột chặt tâm nên hướng ra ngoài, bị phân rải, tán loạn. Cũng vậy, tai, mũi, lưỡi, thân, ý; với ý vị ấy nhận thức pháp, thức chạy theo pháp tướng, thức đắm trước vị lạc của pháp tướng, thức bị trói buộc bởi vị lạc của pháp tướng, vị ấy bị vị của vị ngọt của pháp tướng cột chặt tâm nên hướng ra bên ngoài, bị phân rải, tán loạn.

---

3. Trong bản Pāli: thức (viññāna) bị phân tán.

"Này Chư Hiền, như vậy gọi là tâm Tỳ-kheo hướng ra bên ngoài, bị phân rải, tán loạn.

"Này chư Hiền, thế nào gọi là tâm Tỳ-kheo không hướng ra ngoài, không bị phân rải, tán loạn?

"Này chư Hiền, với con mắt, Tỳ-kheo thấy sắc, thức không chạy theo sắc tướng, thức không đắm trước lạc của sắc tướng, thức không bị trói buộc bởi lạc của sắc tướng, vị ấy không bị vị ngọt của sắc tướng cột chặt tâm nên không hướng ra ngoài, không bị phân rải, tán loạn. Cũng vậy, tai, mũi, lưỡi, thân, ý; với ý Tỳ-kheo nhận thức pháp, thức không chạy theo pháp tướng, thức không đắm trước lạc của pháp tướng, thức không bị trói buộc bởi lạc của pháp tướng. Vị ấy không bị vị ngọt của pháp tướng cột chặt tâm nên không hướng ra ngoài, không bị chi phối, tán loạn.

"Này Chư Hiền, như vậy gọi là tâm Tỳ-kheo không hướng ra ngoài, không bị phân rải, tán loạn.

"Này chư Hiền, thế nào là tâm Tỳ-kheo không trú vào bên trong?

"Này chư Hiền, Tỳ-kheo ly dục, ly pháp ác bất thiện, có giác có quán, có hỷ lạc do ly dục phát sanh, chứng đắc thiền thứ nhất, thành tựu an trụ. Nhưng thức của vị ấy đắm trước ở vị ngọt của ly dục, y nơi đó, trú nơi đó, duyên nơi đó, gắn chặt nơi đó, nên thức không trú vào bên trong.

"Lại nữa, này chư Hiền, Tỳ-kheo giác quán đã dứt, nội tĩnh nhất tâm, không giác không quán, có hỷ lạc do định phát sanh, đắc thiền thứ hai, thành tựu an trú. Nhưng thức của vị ấy đắm trước nơi vị ngọt của định, y vào đó, trú vào đó, duyên vào đó, gắn chặt vào đó, nên thức của vị ấy không trú vào bên trong.

"Lại nữa, này chư Hiền, Tỳ-kheo ly hỷ dục, an trú xả, vô cầu, với chánh niệm chánh trí, thân cảm giác lạc, điều được Thánh nói là được Thánh xả, niệm, an trú lạc[4], đắc thiền thứ ba, thành tựu an trú. Nhưng thức của vị ấy trú trước vào vị ngọt của ly hỷ, y vào đó, trú vào đó, duyên vào đó, gắn chặt vào đó, nên thức của vị ấy không trú vào bên trong.

"Lại nữa, này chư Hiền, Tỳ-kheo diệt lạc, diệt khổ, diệt ưu hỷ trước kia, không khổ, không lạc, xả niệm thanh tịnh, đắc thiền thứ tư, thành tựu an trú. Nhưng thức của vị ấy trú trước vào vị của xả và của niệm, y vào đó, trú vào đó, duyên vào đó, gắn chặt vào đó, nên thức của vị ấy không trú vào bên trong.

"Lại nữa, này chư Hiền, Tỳ-kheo vượt qua mọi sắc tưởng, diệt hữu đối tưởng, không tư duy đến các loại tưởng sai khác, nhập vô lượng không, thành vô lượng không xứ, thành tựu và an trú. Nhưng thức của vị ấy trú trước vào vị ngọt của không trí, y vào đó, trú vào đó, duyên vào đó, gắn chặt vào đó, nên thức của vị ấy không trú vào bên trong.

"Lại nữa, này chư Hiền, Tỳ-kheo vượt qua tất cả vô lượng không xứ, nhập vô lượng thức, vô lượng thức xứ, thành tựu an trú. Nhưng thức của vị ấy trú trước vào vị của thức trí, y vào đó, trú vào đó, duyên vào đó, gắn chặt vào đó, nên thức của vị ấy không trú vào bên trong.

"Lại nữa, này chư Hiền, Tỳ-kheo vượt qua tất cả vô lượng thức xứ, nhập vô sở hữu

---

4. Hán: Thánh sở thuyết Thánh sở xả niệm lạc trú ——. Pāli: yaṃ taṃ āriyā ācikkhanti upekkhako satimā sukhaviharī, điều mà các Thánh nói là xả, an trú lạc với chánh niệm.

xứ, thành tựu an trú. Nhưng thức của vị ấy trú trước vào vị của vô sở hữu trí, y vào đó, trú vào đó, duyên vào đó, gắn chặt vào đó, nên thức của vị ấy không trú vào bên trong.

"Lại nữa, này chư Hiền, Tỳ-kheo vượt qua tất cả vô sở hữu xứ, nhập Phi hữu tưởng phi vô tưởng, thành tựu an trú. Nhưng thức của vị ấy trú trước vào vị của tưởng trí, y vào đó, trú vào đó, duyên vào đó, gắn chặt vào đó, nên thức của vị ấy không trú vào bên trong.

"Này chư Hiền, như vậy gọi là tâm Tỳ-kheo không trú vào bên trong.

"Này chư Hiền, thế nào là tâm Tỳ-kheo an trú vào bên trong?

"Chư Hiền, Tỳ-kheo ly dục, ly pháp ác bất thiện, có giác có quán, có hỷ lạc do ly dục sanh, đắc Thiền thứ nhất, thành tựu an trú. Thức của vị ấy không trú trước vào vị ngọt của ly dục, không y vào đó, không trú vào đó, không duyên vào đó, không gắn chặt vào đó, nên thức trú vào bên trong.

"Lại nữa, chư Hiền, Tỳ-kheo giác quán đã dứt, nội tĩnh nhất tâm, không giác không quán, có hỷ lạc do định sanh, đắc đệ Nhị thiền, thành tựu an trú. Thức của vị ấy không trú trước vào vị ngọt của định, không y vào đó, không trú vào đó, không duyên vào đó, không gắn chặt vào đó, nên thức trú vào bên trong.

"Lại nữa, chư Hiền, Tỳ-kheo ly hỷ dục, an trụ, vô cầu, chánh niệm chánh trí, thân cảm giác lạc, điều được Thánh nói là được Thánh xả, niệm, an trú lạc, đắc Thiền thứ ba, thành tựu an trụ. Thức của vị ấy không trú trước vào vị của ly hỷ, không y vào đó, không trú vào đó, không duyên vào đó, không gắn chặt vào đó, nên thức trú vào bên trong.

"Lại nữa, chư Hiền, Tỳ-kheo diệt khổ, diệt dục, diệt hỷ và ưu có trước kia, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh, đắc Thiền thứ tư, thành tựu an trụ. Thức của vị ấy không trú trước vào vị ngọt của xả và vị của niệm thanh tịnh, không y vào đó, không trú vào đó, không duyên vào đó, không gắn chặt vào đó, nên thức trú vào bên trong.

"Lại nữa, chư Hiền, Tỳ-kheo vượt qua tất cả sắc tưởng, diệt hữu đối tưởng, không tư duy đến các loại tưởng sai biệt, nhập vô lượng không xứ, thành tựu an trụ. Thức của vị ấy không trú trước vào vị của không trí, không y vào đó, không trú vào đó, không duyên vào đó, không gắn chặt vào đó, nên thức trú vào bên trong.

"Lại nữa, chư Hiền, Tỳ-kheo vượt qua tất cả vô lượng không xứ, nhập vô lượng thức xứ, thành tựu an trụ. Thức của vị ấy không trú trước vào vị ngọt của thức trí, không y vào đó, không trú vào đó, không duyên vào đó, không gắn chặt vào đó, nên thức trú vào bên trong.

"Lại nữa, chư Hiền, Tỳ-kheo vượt qua tất cả vô lượng thức xứ, nhập vô sở hữu xứ, thành tựu an trụ. Thức của vị ấy không trú trước vào vị ngọt của vô sở hữu trí, không y vào đó, không trú vào đó, không duyên vào đó, không gắn chặt vào đó, nên thức trú vào bên trong.

"Lại nữa, chư Hiền, Tỳ-kheo vượt qua tất cả vô sở hữu xứ, nhập phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ, thành tựu an trụ. Thức của vị ấy không trú trước vào vị ngọt của vô tưởng trí, không y vào đó, không trú vào đó, không duyên vào đó, không gắn chặt vào đó, nên thức trú vào bên trong.

"Này chư Hiền, như vậy gọi là tâm Tỳ-kheo trú vào bên trong.

"Này chư Hiền, thế nào là Tỳ-kheo không chấp thủ mà sợ hãi?

"Chư Hiền, Tỳ-kheo không ly sắc nhiễm, không ly sắc dục, không ly sắc ái, không

ly sắc khát. Này chư Hiền, nếu Tỳ-kheo nào không ly sắc nhiễm, không ly sắc dục, không ly sắc ái, không ly sắc khát, thì vị ấy muốn được sắc, truy cầu, đắm trước sắc, trú vào sắc, nghĩ rằng 'Sắc là ta. Sắc là sở hữu của ta'. Khi đã muốn được sắc, truy cầu sắc, đắm trước sắc, trú vào sắc, nghĩ rằng 'Sắc là ta. Sắc là sở hữu của ta', thì thức nắm bắt sắc. Sau khi thức nắm bắt sắc, lúc ấy sắc biến dịch thì thức cũng bị chuyển theo sắc. Khi thức đã bị chuyển theo sắc thì Tỳ-kheo ấy sanh sợ hãi, tâm trú vào trong đó. Nhơn vì tâm không biết nên sanh khiếp sợ, lao nhọc, không chấp thủ mà sợ hãi.

"Cũng vậy, thọ, tưởng, hành, thức; Tỳ-kheo không ly thức nhiễm, không ly thức dục, không ly thức ái, không ly thức khát.

"Này chư Hiền, nếu Tỳ-kheo nào không ly thức nhiễm, không ly thức dục, không ly thức ái, không ly thức khát, thì vị ấy muốn được thức, truy cầu thức, đắm trước thức, trú vào thức, nghĩ rằng 'Thức là ta. Thức là sở hữu của ta'. Vị ấy khi đã muốn được thức, truy cầu thức, đắm trước thức, trú vào thức, nghĩ rằng 'Thức là ta. Thức là sở hữu của ta' thì thức nắm bắt thức. Sau khi thức nắm bắt thức, lúc thức ấy biến dịch thì thức cũng bị chuyển theo thức. Sau khi thức đã bị chuyển theo thức, Tỳ-kheo ấy sanh sợ hãi, tâm trú vào trong đó. Nhơn vì tâm không biết nên sanh khiếp hãi, lao nhọc, không chấp thọ mà sợ hãi.

"Này chư Hiền, như vậy gọi là Tỳ-kheo không chấp thọ mà sợ hãi.

"Này chư Hiền, thế nào gọi là Tỳ-kheo không chấp thủ, không sợ hãi?

"Chư Hiền, là Tỳ-kheo ly sắc nhiễm, ly sắc dục, ly sắc ái, ly sắc khát.

"Này chư Hiền, nếu Tỳ-kheo nào ly sắc nhiễm, ly sắc dục, ly sắc ái, ly sắc khát, thì vị ấy không muốn được sắc, không truy cầu sắc, không đắm trước sắc, không trú vào sắc nghĩ rằng 'Sắc không phải là ta. Sắc không phải là sở hữu của ta'. Vị ấy đã không muốn được sắc, không truy cầu sắc, không đắm trước sắc, không trú vào sắc nghĩ rằng 'Sắc không phải là ta. Sắc không phải là sở hữu của ta' thì thức không nắm bắt sắc. Khi thức đã không nắm bắt sắc, lúc ấy sắc biến dịch, thức không bị chuyển theo sắc. Thức đã không bị chuyển theo sắc thì vị ấy không sanh sợ hãi, tâm không trú vào trong đó. Nhơn vì tâm biết nên không khiếp sợ, không lao nhọc, không chấp thọ, không sợ hãi.

"Cũng vậy, thọ, tưởng, hành, thức; Tỳ-kheo ly thức nhiễm, ly thức dục, ly thức ái, ly thức khát. Này chư Hiền, nếu Tỳ-kheo nào ly thức nhiễm, ly thức dục, ly thức ái, ly thức khát thì vị ấy không muốn đắc thức, không truy cầu thức, không đắm trước thức, không trú vào thức, nghĩ rằng 'Thức không phải là ta. Thức không phải là sở hữu của ta'. Tỳ-kheo ấy khi đã không muốn được thức, không truy cầu thức, không đắm trước thức, không trú vào thức, nghĩ rằng 'Thức không phải là ta. Thức không phải là của ta', thì thức không nắm bắt thức. Khi thức đã không nắm bắt thức, lúc thức kia biến dịch, thức không bị chuyển theo thức. Khi thức không bị chuyển theo thức, Tỳ-kheo ấy không sanh sợ hãi, tâm không trú vào trong đó. Nhơn vì tâm biết nên không khiếp sợ, không lao nhọc, không chấp thọ, không sợ hãi.

"Này chư Hiền, như vậy gọi là Tỳ-kheo không chấp thủ, không sợ hãi.

"Này chư Hiền, Đức Thế Tôn nói điều đó tóm lược, không phân biệt rộng rãi, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, vào phòng tĩnh tọa. Ngài chỉ nói rằng 'Tỳ-kheo, quán như vậy như vậy. Ngươi quán như vậy rồi, Tỳ-kheo, tâm hướng về bên ngoài, bị phân rải, tán loạn, tâm không an trú vào bên trong, không chấp thủ nhưng sợ hãi. Nhưng, này các Tỳ-kheo, hãy

quán như thế nào mà sau khi các ngươi đã quán như vậy, tâm không hướng về bên ngoài, không bị phân rải, tán loạn, tâm trú bên trong, không chấp thủ, không sợ hãi. Như vậy các ngươi không còn sanh, lão, bệnh, tử nữa. Đó là tận cùng sự khổ'. Đức Thế Tôn đã nói điều ấy tóm lược, không phân biệt rộng rãi như vậy đó. Tôi đã dùng cú này, văn này giải thích rộng rãi như thế. Này chư Hiền, hãy đến trình bày với Thế Tôn đầy đủ. Nếu Đức Thế Tôn nói điều đó như thế nào thì chư Hiền thọ trì như thế ấy".

Bấy giờ, các Tỳ-kheo ấy nghe Tôn giả Đại Ca-chiên-diên nói như vậy, khéo thọ trì, đọc tụng, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đi quanh Tôn giả ấy ba vòng rồi đi đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu đảnh lễ rồi ngồi qua một bên mà thưa rằng:

"Bạch Thế Tôn, sau khi Thế Tôn nói tóm lược về điều đó mà không phân biệt rộng rãi, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, vào thất tĩnh tọa, thì Tôn giả Đại Ca-chiên-diên với cú như thế, văn như thế đã giải thích rộng rãi về điều đó".

Đức Thế Tôn nghe như vậy, liền tán thán rằng:

"Lành thay! Lành thay! Trong số đệ tử của Ta, đó là vị có mắt, có trí, có pháp, có nghĩa. Vì sao? Vì Đạo Sư nói điều ấy tóm lược, không phân biệt rộng rãi cho các đệ tử, mà đệ tử ấy đã bằng cú như thế, văn như thế để giải thích rộng rãi. Cho nên những gì mà Ca-chiên-diên đã nói, các ngươi hãy thọ trì như vậy. Vì sao? Vì thuyết quán nghĩa phải như vậy.

Phật thuyết như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

❑

165. KINH ÔN TUYỀN LÂM THIÊN[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật du hóa tại thành Vương xá, trong rừng Trúc, vườn Ca-lan-đa[2].

Bấy giờ, Tôn giả Tam-di-đề[3] cũng đi du hóa ở thành Vương xá, tại Ôn tuyền tâm[4].

Bấy giờ, đêm gần tàn, trời sắp sáng, Tôn giả Tam-di-đề từ phòng bước ra, đi đến Ôn tuyền, cởi y để trên bờ rồi xuống hồ Ôn tuyền tắm. Sau khi tắm xong, Tôn giả lên bờ lấy khăn lau mình và mặc y vào.

Bấy giờ có một vị thiên thần thân hình rất đẹp, sắc tướng uy nghi, nhắm lúc trời sắp rạng đông, đi đến Tôn giả Tam-di-đề, cúi đầu đảnh lễ Tôn giả Tam-di-đề rồi đứng qua một bên. Vị thiên thần đó với sắc tướng uy thần cực diệu làm sáng chói khắp cả bờ hồ Ôn tuyền.

Sau khi đứng qua một bên, thiên thần bạch với Tôn giả Tam-di-đề rằng:

"Này Tỳ-kheo, thầy có thuộc bài kệ Bạt-địa-la-đế[5] chăng?

Tôn giả Tam-di-đề trả lời vị thiên thần kia rằng:

"Tôi không thuộc bài kệ Bạt-địa-la-đế".

Rồi Tôn giả hỏi lại thiên thần:

"Nhưng ngài có thuộc bài kệ Bạt-địa-la-đế chăng?"

Thiên thần trả lời:

"Tôi cũng không thuộc bài kệ Bạt-địa-la-đế".

Tôn giả Tam-di-đề lại hỏi vị thiên thần kia:

"Ai thuộc bài kệ Bạt-địa-la-đế?"

Thiên thần kia đáp:

"Đức Thế Tôn đang du hóa trong thành Vương xá này, tại Trúc lâm, vườn Ca-lan-đa. Chính Ngài thuộc bài kệ Bạt-địa-la-đế. Này Tỳ-kheo, thầy nên gặp Thế Tôn và từ Ngài mà ghi nhớ và thuộc kỹ, thọ trì bài kệ Bạt-địa-la-đế. Vì sao vậy? Vì bài kệ Bạt-địa-la-đế đó có pháp có nghĩa, là căn bản của phạm hạnh, hướng đến trí tuệ, hướng đến giác ngộ và hướng đến Niết-bàn. Một thiện nam tử chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình học đạo, cần phải khéo thọ trì đọc tụng bài kệ Bạt-địa-la-đế này".

Thiên thần kia nói như vậy, và sau khi cúi đầu đảnh lễ dưới chân của Tôn giả Tam-di-đề, nhiễu quanh Tôn giả ba vòng rồi biến mất khỏi chỗ đó.

---

1. Tương đương Pāli, M.133 Mahā-Kaccānabhadhekaratta-sutta. Hán tham chiếu, No.77 Phật Thuyết Tôn Thượng Kinh, Tây Tấn, Trúc Pháp Hộ dịch.
2. Bản Pāli nói tại Tapodārāna, cũng trong Rājagaha (Vương xá), xem thêm chú thích (4) ở sau.
3. Tam-di-đề -T———C Pāli: Samiddhi, thuộc một gia đình phú hào tại Vương xá.
4. Ôn tuyền lâm ——-u -L-C Pāli: Tapodārāma (tinh ṣá Ôn tuyền), ở cạnh hồ Ôn tuyền (Tapodā), dưới chân núi Vebhāra, ngoài thành Vương xá.
5. Bạt-địa-la-đế -[-a———C Pāli: Bhaddekaratta: một đêm hạnh phúc, nhất dạ hiền giả.

Sau khi thiên thần biến mất không lâu, Tôn giả Tam-di-đề đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ rồi ngồi xuống một bên mà bạch rằng:

"Bạch Đức Thế Tôn, hôm nay khi trời sắp rạng đông, con ra khỏi phòng, đi đến Ôn tuyền, cởi y để trên bờ rồi xuống hồ Ôn tuyền tắm. Sau khi tắm xong, lên bờ lấy khăn lau mình và mặc y vào. Bấy giờ có một vị thiên thần thân hình rất đẹp, sắc tướng uy nghi, nhắm lúc trời sắp rạng đông, đi đến con, cúi đầu đảnh lễ con rồi đứng qua một bên. Vị thiên thần đó với sắc tướng uy thần cực diệu làm sáng chói khắp cả bờ hồ Ôn tuyền. Sau khi đứng qua một bên, thiên thần bạch với con: 'Này Tỳ-kheo, thầy có thuộc bài kệ Bạt-địa-la-đế chăng? Con trả lời vị thiên thần kia rằng: 'Tôi không thuộc bài kệ Bạt-địa-la-đế'. Rồi con hỏi lại thiên thần: 'Nhưng ngài có thuộc bài kệ Bạt-địa-la-đế chăng?' Thiên thần trả lời: 'Tôi cũng không thuộc bài kệ Bạt-địa-la-đế'. Con lại hỏi vị thiên thần kia: 'Ai thuộc bài kệ Bạt-địa-la-đế?' Thiên thần kia đáp: 'Đức Thế Tôn đang du hóa trong thành Vương xá này, tại Trúc lâm, vườn Ca-lan-đa. Chính Ngài thuộc bài kệ Bạt-địa-la-đế. Này Tỳ-kheo, thầy nên gặp Thế Tôn và từ Ngài mà ghi nhớ và thuộc kỹ, thọ trì bài kệ Bạt-địa-la-đế. Vì sao vậy? Vì bài kệ Bạt-địa-la-đế đó có pháp có nghĩa, là căn bản của phạm hạnh, hướng đến trí tuệ, hướng đến giác ngộ và hướng đến Niết-bàn. Một thiện nam tử chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình học đạo, cần phải khéo thọ trì đọc tụng bài kệ Bạt-địa-la-đế này'. Thiên thần kia nói như vậy, và sau khi cúi đầu đảnh lễ dưới chân con, nhiễu quanh Tôn giả ba vòng rồi biến mất khỏi chỗ đó".

Đức Thế Tôn hỏi rằng:

"Này Tam-di-đề, ngươi có biết vị thiên thần kia từ đâu đến chăng? Vị thiên thần kia tên là gì chăng?"

"Tôn giả Tam-di-đề đáp rằng:

"Bạch Thế Tôn, con không biết vị thiên thần kia từ đâu đến, cũng không biết tên gì".

Đức Thế Tôn bảo:

"Này Tam-di-đề, vị thiên thần kia tên là Chánh Điện[6], làm tướng quân ở cõi trời Tam thập tam thiên.

Khi ấy, Tôn giả Tam-di-đề bạch rằng:

"Bạch Thế Tôn, nay thật là đúng lúc. Bạch Thiện Thệ, nay thật là đúng lúc. Nếu Thế Tôn nói cho Tỳ-kheo bài kệ Bạt-địa-la-đế ấy, các Tỳ-kheo sau khi nghe Thế Tôn nói, sẽ ghi nhớ kỹ".

Đức Thế Tôn bảo:

"Này Tam-di-đề, hãy nghe kỹ và suy nghĩ kỹ. Ta sẽ nói cho ông nghe".

Tôn giả Tam-di-đề bạch:

"Xin vâng, bạch Thế Tôn!"

Bấy giờ, các Tỳ-kheo vâng lời chỉ giáo mà lắng nghe.

Đức Thế Tôn đọc bài tụng:

Cẩn thận, đừng nghĩ quá khứ;
Tương lai cũng chớ mong cầu.
Quá khứ đã qua, đã mất,
Tương lai chưa đến, còn xa.
Hiện tại những gì đang có

6. Chánh Điện ——C Bản Pāli không nhắc đến vị thiên thần này.

Thì nên quán sát suy tư.
Niệm niệm mong manh không chắc,
Người khôn biết vậy nên tu.
Nếu có làm theo hạnh Thánh,
Ai hay nỗi chết ưu sầu.
Nhất định tránh xa sự chết;
Hiểm nguy, khổ lớn dứt trừ.
Như vậy thực hành tinh tấn,
Ngày đêm không chút biếng lười.
Vì vậy phải thường tụng đọc
Bạt-địa-la-đế kệ này.

Sau khi nói bài kệ như vậy, Đức Thế Tôn liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đi vào tịnh thất mà tĩnh tọa.

Lúc bấy giờ, các Tỳ-kheo liền nghĩ rằng: "Này chư Hiền, nên biết, Đức Thế Tôn chỉ nói vắn tắt lời dạy này, không phân biệt rộng rãi, rồi Ngài liền từ chỗ ngồi đứng dậy đi vào tịnh thất nhập định.

Cẩn thận, đừng nghĩ quá khứ;
Tương lai cũng chớ mong cầu.
Quá khứ đã qua, đã mất,
Tương lai chưa đến, còn xa.
Hiện tại những gì đang có
Thì nên quán sát suy tư.
Niệm niệm mong manh không chắc,
Người khôn biết vậy nên tu.
Nếu có làm theo hạnh Thánh,
Ai hay nỗi chết ưu sầu.
Nhất định tránh xa sự chết;
Hiểm nguy, khổ lớn dứt trừ.
Như vậy thực hành tinh tấn,
Ngày đêm không chút biếng lười.
Vì vậy phải thường tụng đọc
Bạt-địa-la-đế kệ này.

Các vị ấy lại nghĩ rằng: "Chư Hiền, vị nào có thể phân biệt rộng rãi điều mà Thế Tôn đã nói một cách tóm lược?" Các vị ấy lại nghĩ: "Tôn giả Đại Ca-chiên-diên[7] thường được Thế Tôn và các bậc phạm hạnh có trí tán thán. Như vậy, Tôn giả Đại Ca-chiên-diên có thể phân biệt được điều mà Thế Tôn đã nói một cách tóm lược. Này chư Hiền, hãy cùng nhau đi đến nơi Tôn giả Đại Ca-chiên-diên, nhờ Tôn giả giải thích điều đó. Nếu Tôn giả Đại Ca-chiên-diên phân biệt cho, chúng ta sẽ khéo thọ trì".

Thế rồi các Tỳ-kheo cùng nhau đi đến chỗ Tôn giả Đại Ca-chiên-diên, cùng chào hỏi nhau rồi ngồi qua một bên thưa rằng:

"Tôn giả Đại Ca-chiên-diên, nên biết, Đức Thế Tôn chỉ nói vắn tắt lời dạy này, không phân biệt rộng rãi, rồi Ngài liền từ chỗ ngồi đứng dậy đi vào tịnh thất nhập định.

Cẩn thận, đừng nghĩ quá khứ;

---

7. Đại Ca-chiên-diên ─j─{───C Pāli: Mahā-Kaccāna.

Tương lai cũng chớ mong cầu.
Quá khứ đã qua, đã mất,
Tương lai chưa đến, còn xa.
Hiện tại những gì đang có
Thì nên quán sát suy tư.
Niệm niệm mong manh không chắc,
Người khôn biết vậy nên tu.
Nếu có làm theo hạnh Thánh,
Ai hay nỗi chết ưu sầu.
Nhất định tránh xa sự chết;
Hiểm nguy, khổ lớn dứt trừ.
Như vậy thực hành tinh tấn,
Ngày đêm không chút biếng lười.
Vì vậy phải thường tụng đọc
Bạt-địa-la-đế kệ này.

"Chúng tôi suy nghĩ rằng: 'Chư Hiền, vị nào có thể phân biệt rộng rãi điều mà Thế Tôn đã nói một cách tóm lược?' Chúng tôi lại nghĩ: 'Tôn giả Đại Ca-chiên-diên thường được Thế Tôn và các bậc phạm hạnh có trí tán thán. Như vậy, Tôn giả Đại Ca-chiên-diên có thể phân biệt được điều mà Thế Tôn đã nói một cách tóm lược. Cúi xin Tôn giả Đại Ca-chiên-diên vì lòng từ mẫn mà nói nghĩa ấy một cách rộng rãi".

Bấy giờ, Tôn giả Đại Ca-chiên-diên nói rằng:

"Này chư Hiền, hãy nghe tôi nói thí dụ. Người có trí nghe thí dụ thì sẽ hiểu được nghĩa.

"Này chư Hiền, cũng như người muốn tìm lõi cây. Vì muốn tìm lõi cây nên xách búa vào rừng. Người ấy thấy cây đại thọ có đủ gốc, thân, cành, nhánh, lá, hoa và lõi. Người ấy không đốn gốc, thân, cành và lõi mà chỉ chặt nhánh và lá thôi. Điều chư Hiền nói ra cũng lại như vậy. Đức Thế Tôn còn đó mà chư Hiền lại bỏ đi tìm tôi để hỏi về điều ấy. Vì sao? Chư Hiền nên biết, Thế Tôn là Con mắt, là Trí, là Nghĩa, là Pháp chủ, là Pháp tướng. Nói nghĩa chân đế, hiển hiện tất cả các nghĩa, đều do Thế Tôn.

"Này chư Hiền, hãy đến chỗ Đức Thế Tôn mà hỏi điều đó như thế này, 'Bạch Thế Tôn, điều đó thế nào? Điều đó có nghĩa gì?' Đức Thế Tôn dạy thế nào, chư Hiền nên khéo léo thọ trì thế ấy".

Nghe thế, các Tỳ-kheo thưa rằng:

"Xin vâng, thưa Tôn giả Đại Ca-chiên-diên, Đức Thế Tôn là Con mắt, là Trí, là Nghĩa, là Pháp chủ, là Pháp tướng. Nói nghĩa chân đế, hiển hiện tất cả các nghĩa, đều do Thế Tôn. Chúng tôi đáng lẽ phải đến chỗ Thế Tôn mà hỏi về điều đó như vầy 'Bạch Thế Tôn, điều đó thế nào? Điều đó có nghĩa gì?' Đức Thế Tôn nói như thế nào, chúng tôi sẽ khéo thọ trì thế ấy. Nhưng Tôn giả Đại Ca-chiên-diên thường được Thế Tôn và các bậc phạm hạnh có tri tán thán. Như vậy, Tôn giả có thể phân biệt được điều mà Thế Tôn đã nói một cách tóm lược. Mong Tôn giả Đại Ca-chiên-diên thương xót mà giải thích rộng rãi cho".

Tôn giả Đại Ca-chiên-diên bảo các Tỳ-kheo rằng:

"Này chư Hiền, nếu vậy xin hãy nghe tôi nói.

"Này chư Hiền, thế nào là Tỳ-kheo truy niệm quá khứ? Này chư Hiền, Tỳ-kheo quả

thật có sắc được biết bởi mắt, khả hỷ, ý niệm, sắc ái, tâm lạc tương ưng với dục, tâm mò bắt cái gốc. Gốc tức quá khứ vậy. Thức quá khứ vị ấy bị nhiễm trước dục; do thức nhiễm trước dục, vị ấy hoan lạc. Do hoan lạc, vị ấy truy niệm quá khứ. Tai, mũi, lưỡi và thân cũng vậy. Quả thật có sắc được biết bởi mắt, khả hỷ, ý niệm, sắc ái, tâm lạc tương ưng với dục, tâm mò bắt cái gốc. Gốc tức quá khứ vậy. Thức quá khứ vị ấy bị nhiễm trước dục; do thức nhiễm trước dục, vị ấy hoan lạc. Do hoan lạc, vị ấy truy niệm quá khứ.

"Này chư Hiền, sao gọi là Tỳ-kheo không truy niệm quá khứ? Này chư Hiền, Tỳ-kheo quả thật có sắc được biết bởi mắt, khả hỷ, ý niệm, sắc ái, tâm lạc tương ưng với dục, tâm mò bắt cái gốc. Gốc tức quá khứ vậy. Thức quá khứ vị ấy không bị nhiễm trước dục; do thức không bị nhiễm trước dục, nên không hoan lạc nơi đó. Do không hoan lạc nơi đó nên không truy niệm quá khứ. Tai, mũi, lưỡi, thân cũng vậy, quả thật có sắc được biết bởi mắt, khả hỷ, ý niệm, sắc ái, tâm lạc tương ưng với dục, tâm mò bắt cái gốc. Gốc tức quá khứ vậy. Thức quá khứ vị ấy không bị nhiễm trước dục; do thức không nhiễm trước dục, vị ấy không hoan lạc. Do không hoan lạc, vị ấy không truy niệm quá khứ.

Này chư Hiền, như vậy đó là Tỳ-kheo không truy niệm quá khứ.

"Này chư Hiền, sao gọi là Tỳ-kheo mong ước vị lai? Này chư Hiền, nếu Tỳ-kheo có mắt, sắc và thức con mắt, đối với vị lai những gì chưa được thì muốn được, đã được rồi thì tâm mong ước. Do tâm mong ước nên hoan lạc nơi đó. Do hoan lạc nên mong ước vị lai. Tai, mắt, nũi, lưỡi, thân cũng như vậy. Đối với vị lai, những gì chưa được thì muốn được. Đã được thì tâm mong ước. Do tâm mong ước nên tâm hoan lạc nơi đó. Do hoan lạc nên mong ước vị lai. Này chư Hiền, như vậy đó là Tỳ-kheo mong ước vị lai.

"Này chư Hiền, sao gọi là Tỳ-kheo không mong ước vị lai? Này chư Hiền, nếu Tỳ-kheo có mắt, sắc và thức con mắt, đối với vị lai những gì chưa được thì không muốn được, đã được rồi thì tâm không mong ước. Do tâm không mong ước nên không hoan lạc nơi đó. Do không hoan lạc nơi đó nên không mong ước vị lai. Này chư Hiền, như vậy đó gọi là Tỳ-kheo mong ước vị lai.

"Này chư Hiền, sao gọi là Tỳ-kheo chấp thủ pháp hiện tại? Này chư Hiền, nếu Tỳ-kheo có mắt, sắc và thức con mắt, đối với hiện tại, vị ấy thức hiện tại bị nhiễm trước dục. Do thức bị nhiễm trước dục nên hoan lạc nơi ấy. Do hoan lạc nên chấp thủ pháp hiện tại. Tai, mũi, lưỡi, thân cũng vậy, nếu có ý, pháp và ý thức, đối với hiện tại, vị ấy thức hiện tại bị nhiễm trước dục. Do bị nhiễm trước dục nên hoan lạc nơi ấy. Do hoan lạc nên chấp thủ pháp hiện tại. Này chư Hiền, như vậy đó là Tỳ-kheo chấp thủ pháp hiện tại.

"Này chư Hiền, sao gọi là Tỳ-kheo không chấp thủ pháp hiện tại? Này chư Hiền, nếu Tỳ-kheo có mắt, sắc và thức con mắt, đối với hiện tại, vị ấy thức hiện tại không bị nhiễm trước dục. Do thức không bị nhiễm trước dục nên không hoan lạc nơi ấy. Do hoan lạc nên không chấp thủ pháp hiện tại. Tai, mũi, lưỡi, thân cũng vậy, nếu ý, pháp và ý thức, đối với hiện tại, vị ấy thức hiện tại không bị nhiễm trước dục. Do thức không bị nhiễm trước dục nên hoan lạc nơi ấy. Do không hoan lạc nên không chấp thủ pháp hiện tại. Này chư Hiền, như vậy đó là Tỳ-kheo không chấp thủ pháp hiện tại.

"Này chư Hiền, phần này được Thế Tôn nói vắn tắt, không phân biệt một cách rộng rãi, rồi từ chỗ ngồi đứng dậy đi vào tịnh thất tĩnh tọa".

Cẩn thận, đừng nghĩ quá khứ;
Tương lai cũng chớ mong cầu.
Quá khứ đã qua, đã mất,
Tương lai chưa đến, còn xa.

Hiện tại những gì đang có
Thì nên quán sát suy tư.
Niệm niệm mong manh không chắc,
Người khôn biết vậy nên tu.
Nếu có làm theo hạnh Thánh,
Ai hay nỗi chết ưu sầu.
Nhất định tránh xa sự chết;
Hiểm nguy, khổ lớn dứt trừ.
Như vậy thực hành tinh tấn,
Ngày đêm không chút biếng lười.
Vì vậy phải thường tụng đọc
Bạt-địa-la-đế kệ này.

"Phần này được Thế Tôn nói vắn tắt mà không phân biệt một cách rộng rãi. Tôi bằng những câu này nói một cách rộng rãi như vậy đó. Này chư Hiền, có thể đến trình bày đầy đủ lên Đức Phật. Nếu Đức Thế Tôn có nói ý nghĩa như thế nào, chư Hiền hãy thọ trì".

Bấy giờ, các Tỳ-kheo ấy nghe Tôn giả Đại Ca-chiên-diên nói như vậy, khéo thọ trì, đọc tụng, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đi quanh Tôn giả ấy ba vòng rồi đi đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu đảnh lễ rồi ngồi qua một bên mà thưa rằng:

"Bạch Thế Tôn, sau khi Thế Tôn nói tóm lược về điều đó mà không phân biệt rộng rãi, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, vào thất tĩnh tọa, thì Tôn giả Đại Ca-chiên-diên với cú như thế, văn như thế đã giải thích rộng rãi về điều đó."

Đức Thế Tôn nghe như vậy, liền tán thán rằng:

"Lành thay! Lành thay! Trong số đệ tử của Ta, đó là vị có mắt, có trí, có pháp, có nghĩa. Vì sao? Vì Đạo Sư nói điều ấy tóm lược, không phân biệt rộng rãi cho các đệ tử, mà đệ tử ấy đã bằng cú như thế, văn như thế để giải thích rộng rãi. Cho nên những gì mà Ca-chiên-diên đã nói, các ngươi hãy thọ trì như vậy. Vì sao? Vì thuyết quán nghĩa phải như vậy.

Phật thuyết như vậy. Các Tỳ-kheo ấy sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

❑

166. KINH THÍCH TRUNG THIỀN THẤT TÔN[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng lâm, vườn Cấp cô độc.

Bấy giờ, Tôn giả Lô-di-cường-kỳ[2] cũng ở giữa những người họ Thích tại thiền thất Vô sự[3].

Khi ấy, vào lúc trời gần sáng, Tôn giả Lô-di-cường-kỳ từ thiền thất kia đi ra, đến một khoảng đất trống nằm trong bóng thiền thất, trải ni-sư-đàn lên trên chõng rồi ngồi kiết già.

Bấy giờ có một vị thiên thần hình dáng rất đẹp, sắc đẹp nguy nguy, vào lúc trời gần sáng, đi đến chỗ Tôn giả Lô-di-cường-kỳ, cúi đầu đảnh lễ rồi đứng qua một bên. Sắc tượng và uy thần của bị trời này rất là thù diệu, ánh sáng chói khắp cả thiền thất. Sau khi đứng qua một bên, vị trời này thưa với Tôn giả Lô-di-cường-kỳ rằng:

"Này Tỳ-kheo, thầy có thuộc bài kệ Bạt-địa-la-đế và ý nghĩa của nó chăng?"

Tôn giả Lô-di-cường-kỳ trả lời vị thiên thần ấy rằng:

"Tôi không có thuộc bài kệ Bạt-địa-la-đế và cũng không hiểu ý nghĩa của nó".

Rồi Tôn giả hỏi lại:

"Người có thọ trì bài kệ Bạt-địa-la-đế và ý nghĩa của nó chăng?"

Thiên thần trả lời:

"Tôi có thọ trì bài kệ Bạt-địa-la-đế nhưng ý nghĩa thì không hiểu".

Tôn giả Lô-di-cường-kỳ lại hỏi thiên thần:

"Tại sao thọ trì bài kệ Bạt-địa-la-đế mà lại không hiểu ý nghĩa của nó?"

Thiên thần đáp:

"Một thời, Đức Thế Tôn du hóa trong thành Vương xá, trú tại Trúc lâm, vườn Ca-lan-đa. Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói cho các Tỳ-kheo nghe bài kệ Tôn giả Lô-di-cường-kỳ như vầy:

Cẩn thận, đừng nghĩ quá khứ;
Tương lai cũng chớ mong cầu.
Quá khứ đã qua, đã mất,
Tương lai chưa đến, còn xa.
Hiện tại những gì đang có
Thì nên quán sát suy tư.
Niệm niệm mong manh không chắc,
Người khôn biết vậy nên tu.

---

1. Tương đương Pāli, M.134. Lomasakaṅgiya-bhaddekaratta-sutta. Tham chiếu kinh 165 trên.
2. Lô-di-cường-kỳ □□□□□ Pāli: Lomasakaṅgiya, dòng họ Thích, ở Ca-tỳ-la-vệ.
3. Vô sự thiền thất. Bản Pāli nói: tại Nigrodhārāma (vườn cây Ni-câu-loại).

Nếu có làm theo hạnh Thánh,
Ai hay nỗi chết ưu sầu.
Nhất định tránh xa sự chết;
Hiểm nguy, khổ lớn dứt trừ.
Như vậy thực hành tinh tấn,
Ngày đêm không chút biếng lười.
Vì vậy phải thường tụng đọc
Bạt-địa-la-đế kệ này.

"Này Tỳ-kheo, tôi thọ trì bài kệ Bạt-địa-la-đế như vậy nhưng mà không lãnh hội được ý nghĩa của nó".

Tôn giả Lô-di-cường-kỳ hỏi thiên thần:

"Vậy thì ai thọ trì bài kệ Bạt-địa-la-đế và ý nghĩa của nó?

Thiên thần kia đáp:

"Đức Thế Tôn đang du hóa trong thành Vương xá này, tại Trúc lâm, vườn Ca-lan-đa. Chính Ngài thuộc bài kệ Bạt-địa-la-đế. Này Tỳ-kheo, thầy nên gặp Thế Tôn và từ Ngài mà ghi nhớ và thuộc kỹ, thọ trì bài kệ Bạt-địa-la-đế. Vì sao vậy? Vì bài kệ Bạt-địa-la-đế đó có pháp có nghĩa, là căn bản của phạm hạnh, hướng đến trí tuệ, hướng đến giác ngộ và hướng đến Niết-bàn. Một thiện nam tử chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình học đạo, cần phải khéo thọ trì đọc tụng bài kệ Bạt-địa-la-đế này".

Thiên thần kia nói như vậy, và sau khi cúi đầu đảnh lễ dưới chân của Tôn giả Lô-di-cường-kỳ, nhiễu quanh Tôn giả ba vòng rồi biến mất khỏi chỗ đó.

Chẳng bao lâu, sau khi vị thiên thần biến mất, bấy giờ Tôn giả Lô-di-cường-kỳ, giữa dòng họ Thích, ba tháng an cư mùa mưa đã qua, khâu vá y cũng đã xong, đắp y ôm bát đi vào nước Xá-vệ. Tôn giả lần hồi tiến về phía trước, đến nước Xá-vệ, trụ tại rừng Thắng, trong vườn Cấp cô độc.

Bấy giờ, Tôn giả Lô-di-cường-kỳ đi đến chỗ Đức Phật, cúi đầu đảnh lễ rồi ngồi một bên mà bạch Phật rằng:

"Bạch Thế Tôn, một thời con trú ở giữa dòng họ Thích, tại thiền thất Vô sự. Bạch Đức Thế Tôn, bấy giờ vào lúc trời gần sáng, con từ thiền thất đi ra, đến khoảng đất trống nằm trong bóng của thiền thất, con trải tọa cụ lên trên chõng rồi ngồi kiết già. Lúc đó có một vị thiên thần hình dáng rất đẹp, sắc đẹp nguy nguy, vào lúc trời gần sáng, đi đến chỗ con, cúi đầu đảnh lễ rồi đứng qua một bên. Sắc tượng và uy thần của bị trời này rất là thù diệu, ánh sáng chói khắp cả thiền thất. Sau khi đứng qua một bên, vị trời này thưa với con rằng 'Này Tỳ-kheo, thầy có thuộc bài kệ Bạt-địa-la-đế và ý nghĩa của nó chăng?' Con trả lời vị thiên thần ấy rằng: 'Tôi không có thuộc bài kệ Bạt-địa-la-đế và cũng không hiểu ý nghĩa của nó'. Rồi con hỏi lại 'Người có thọ trì bài kệ Bạt-địa-la-đế và ý nghĩa của nó chăng?' Thiên thần trả lời 'Tôi có thọ trì bài kệ Bạt-địa-la-đế nhưng ý nghĩa thì không hiểu'. Con lại hỏi thiên thần 'Tại sao thọ trì bài kệ Bạt-địa-la-đế mà lại không hiểu ý nghĩa của nó?' Thiên thần đáp 'Một thời, Đức Thế Tôn du hóa trong thành Vương xá, trú tại Trúc lâm, vườn Ca-lan-đa. Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói cho các Tỳ-kheo nghe bài kệ Tôn giả Lô-di-cường-kỳ như vầy:

Cẩn thận, đừng nghĩ quá khứ;
Tương lai cũng chớ mong cầu.
Quá khứ đã qua, đã mất,
Tương lai chưa đến, còn xa.

Hiện tại những gì đang có
Thì nên quán sát suy tư.
Niệm niệm mong manh không chắc,
Người khôn biết vậy nên tu.
Nếu có làm theo hạnh Thánh,
Ai hay nỗi chết ưu sầu.
Nhất định tránh xa sự chết;
Hiểm nguy, khổ lớn dứt trừ.
Như vậy thực hành tinh tấn,
Ngày đêm không chút biếng lười.
Vì vậy phải thường tụng đọc
Bạt-địa-la-đế kệ này.

"'Này Tỳ-kheo, tôi thọ trì bài kệ Bạt-địa-la-đế như vậy nhưng mà không lãnh hội được ý nghĩa của nó'. Con lại hỏi thiên thần 'Vậy thì ai thọ trì bài kệ Bạt-địa-la-đế và ý nghĩa của nó?' Thiên thần kia đáp 'Đức Thế Tôn đang du hóa trong thành Vương xá này, tại Trúc lâm, vườn Ca-lan-đa. Chính Ngài thuộc bài kệ Bạt-địa-la-đế. Này Tỳ-kheo, thầy nên gặp Thế Tôn và từ Ngài mà ghi nhớ và thuộc kỹ, thọ trì bài kệ Bạt-địa-la-đế. Vì sao vậy? Vì bài kệ Bạt-địa-la-đế đó có pháp có nghĩa, là căn bản của phạm hạnh, hướng đến trí tuệ, hướng đến giác ngộ và hướng đến Niết-bàn. Một thiện nam tử chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình học đạo, cần phải khéo thọ trì đọc tụng bài kệ Bạt-địa-la-đế này'. Thiên thần kia nói như vậy, và sau khi cúi đầu đảnh lễ dưới chân của con, nhiễu quanh Tôn giả ba vòng rồi biến mất khỏi chỗ đó".

Khi ấy, Đức Thế Tôn hỏi Tôn giả Lô-di-cường-kỳ rằng:

"Ngươi biết vị thiên thần kia từ đâu đến chăng? Vị thiên thần kia tên là gì chăng?"

Tôn giả Lô-di-cường-kỳ trả lời rằng:

"Bạch Đức Thế Tôn, con không biết vị thiên thần kia từ đâu tới, cũng không biết tên vị ấy là gì".

Đức Thế Tôn bảo rằng:

"Này Cường-kỳ, vị thiên thần kia tên là Ban-na[4], làm tướng quân cõi trời Tam thập tam.

Lúc ấy, Tôn giả Lô-di-cường-kỳ bạch rằng:

"Bạch Thế Tôn, nay thật đúng lúc! Bạch Thiện Thệ, nay thật đúng lúc, nếu Thế Tôn nói cho các Tỳ-kheo nghe bài kệ Bạt-địa-la-đế và ý nghĩa của nó thì các Tỳ-kheo sau khi nghe xong sẽ khéo thọ trì".

Đức Thế Tôn bảo rằng:

"Này Cường-kỳ, hãy nghe kỹ và suy nghĩ kỹ. Ta sẽ nói ý nghĩa bài kệ một cách rộng rãi cho ông nghe".

Tôn giả Lô-di-cường-kỳ bạch rằng:

"Xin vâng, con xin nghe theo lời dạy".

Cẩn thận, đừng nghĩ quá khứ;
Tương lai cũng chớ mong cầu.

---

4. Ban-na ----c Pāli: Candana, tiền thân trong đời Phật Ca-diếp, là vị Tỳ-kheo đã đọc bài kệ này cho Lomasakangiya, nhưng Loma không hiểu và được hứa hẹn trong tương lai sẽ hiểu. (*Pāli Proper Names*. II, trang 789 -10).

Quá khứ đã qua, đã mất,
Tương lai chưa đến, còn xa.
Hiện tại những gì đang có
Thì nên quán sát suy tư.
Niệm niệm mong manh không chắc,
Người khôn biết vậy nên tu.
Nếu có làm theo hạnh Thánh,
Ai hay nỗi chết ưu sầu.
Nhất định tránh xa sự chết;
Hiểm nguy, khổ lớn dứt trừ.
Như vậy thực hành tinh tấn,
Ngày đêm không chút biếng lười.
Vì vậy phải thường tụng đọc
Bạt-địa-la-đế kệ này.

"Này Cường-kỳ, thế nào là Tỳ-kheo truy niệm quá khứ? Nếu Tỳ-kheo hoan lạc sắc quá khứ, ham muốn, đắm trước, an trú. Nếu hoan lạc thọ, tưởng, hành, thức quá khứ, ham muốn, đắm trước, an trú. Như vậy, đó là Tỳ-kheo truy niệm quá khứ.

"Này Cường-kỳ, thế nào là Tỳ-kheo không truy niệm quá khứ? Nếu Tỳ-kheo không hoan lạc sắc quá khứ, không ham muốn, không đắm trước, không an trú. Nếu không hoan lạc giác, tưởng, hành, thức quá khứ, ham muốn, đắm trước, an trú. Như vậy gọi là Tỳ-kheo không truy niệm quá khứ.

"Này Cường-kỳ, thế nào là Tỳ-kheo mong cầu tương lai? Nếu Tỳ-kheo hoan lạc sắc ở tương lai, ham muốn, đắm trước, an trú. Nếu hoan lạc thọ, tưởng, hành, thức tương lai, ham muốn, đắm trước, an trú. Như vậy gọi là Tỳ-kheo mong cầu tương lai.

"Này Cường-kỳ, sao gọi là Tỳ-kheo không mong cầu tương lai? Nếu Tỳ-kheo không hoan lạc sắc ở tương lai, không ham muốn, không đắm trước, không an trú. Không hoan lạc giác, tưởng, hành, thức tương lai, sẽ không ham muốn, không đắm trước, không an trú. Như vậy gọi là Tỳ-kheo không mong cầu tương lai.

"Này Cường-kỳ, thế nào gọi là Tỳ-kheo chấp thủ pháp hiện tại?-Nếu Tỳ-kheo hoan lạc sắc ở hiện tại, ham muốn, đắm trước, an trú. Nếu hoan lạc giác, tưởng, hành, thức ở hiện tại, ham muốn, đắm trước, an trú. Như vậy gọi là Tỳ-kheo chấp thọ pháp hiện tại.

"Này Cường-kỳ, thế nào gọi là Tỳ-kheo không chấp thọ pháp hiện tại? Nếu Tỳ-kheo không hoan lạc sắc ở hiện tại, không ham muốn, không đắm trước, không an trú. Không hoan lạc giác, tưởng, hành, thức ở hiện tại, không ham muốn, không đắm trước, không an trú. Như vậy gọi là Tỳ-kheo không chấp thọ pháp hiện tại."

Phật thuyết như vậy. Tôn giả Lô-di-cường-kỳ và các Tỳ-kheo nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

❑

167. KINH A-NAN THUYẾT[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng lâm, vườn Cấp cô độc.

Bấy giờ, Tôn giả A-nan nói bài kệ Bạt-địa-la-đế kệ và ý nghĩa của nó cho các Tỳ-kheo đang tụ họp tại giảng đường vào lúc ban đêm.

Bấy giờ đêm đã qua, trời hừng sáng, có một Tỳ-kheo đi đến chỗ Đức Phật, cúi đầu đảnh lễ rồi ngồi xuống một bên mà bạch Phật, rằng:

"Bạch Đức Thế Tôn, Tôn giả A-nan có nói bài kệ Bạt-địa-la-đế kệ và ý nghĩa của nó cho các Tỳ-kheo tụ tập tại giảng đường vào lúc ban đêm".

Nhân đó, Đức Thế Tôn bảo một vị Tỳ-kheo rằng:

"Ngươi hãy đi đến chỗ của Tỳ-kheo A-nan mà nói như vầy: "Thưa Tôn giả A-nan, Đức Thế Tôn gọi Tôn giả".

Vị Tỳ-kheo kia vâng lời dạy của Thế Tôn, từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ dưới chân Phật, ba vòng rồi đi đến chỗ của Tôn giả A-nan mà nói rằng:

"Thế Tôn gọi Tôn giả A-nan".

Tôn giả A-nan liền đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ rồi đứng qua một bên.

Đức Thế Tôn hỏi A-nan rằng:

"Này A-nan, có quả thật ông có nói bài kệ Bạt-địa-la-đế kệ cho các Tỳ-kheo tụ họp tại giảng đường vào lúc ban đêm chăng?"

Tôn giả A-nan đáp:

"Thật vậy, bạch Thế Tôn".

Đức Thế Tôn hỏi:

"Này A-nan, ông nói bài kệ Bạt-địa-la-đế kệ và ý nghĩa của nó cho các Tỳ-kheo nghe như thế nào?"

Tôn giả A-nan liền nói rằng:

Cẩn thận, đừng nghĩ quá khứ;
Tương lai cũng chớ mong cầu.
Quá khứ đã qua, đã mất,
Tương lai chưa đến, còn xa.
Hiện tại những gì đang có
Thì nên quán sát suy tư.
Niệm niệm mong manh không chắc,
Người khôn biết vậy nên tu.
Nếu có làm theo hạnh Thánh,

---

1. Tương đương Pāli M.132. Ānanda-bhaddekaratta-sutta. Nội dung và các chú thích, đối chiếu và xem các kinh số 165, 166 ở trên.

Ai hay nỗi chết ưu sầu.
Nhất định tránh xa sự chết;
Hiểm nguy, khổ lớn dứt trừ.
Như vậy thực hành tinh tấn,
Ngày đêm không chút biếng lười.
Vì vậy phải thường tụng đọc
Bạt-địa-la-đế kệ này.

Đức Thế Tôn lại hỏi A-nan rằng:

"Này A-nan, thế nào là Tỳ-kheo truy niệm quá khứ?"

Tôn giả A-nan đáp:

"Thế Tôn, nếu Tỳ-kheo hoan lạc sắc quá khứ, ham muốn, đắm trước, an trú. Nếu hoan lạc thọ, tưởng, hành, thức quá khứ, ham muốn, đắm trước, an trú. Như vậy, đó là Tỳ-kheo truy niệm quá khứ.

Đức Thế Tôn lại hỏi:

"A-nan, thế nào là Tỳ-kheo không truy niệm quá khứ?"

Tôn giả A-nan đáp:

"Thế Tôn, nếu Tỳ-kheo không hoan lạc sắc quá khứ, không ham muốn, không đắm trước, không an trú. Nếu không hoan lạc giác, tưởng, hành, thức quá khứ, ham muốn, đắm trước, an trú. Như vậy gọi là Tỳ-kheo không truy niệm quá khứ".

Đức Thế Tôn lại hỏi:

"A-nan, thế nào là Tỳ-kheo mong cầu tương lai?"

Tôn giả A-nan đáp:

"Thế Tôn, nếu Tỳ-kheo hoan lạc sắc ở tương lai, ham muốn, đắm trước, an trú. Nếu hoan lạc thọ, tưởng, hành, thức tương lai, ham muốn, đắm trước, an trú. Như vậy gọi là Tỳ-kheo mong cầu tương lai".

Đức Thế Tôn lại hỏi:

"A-nan, thế nào là Tỳ-kheo không mong cầu tương lai?"

Tôn giả A-nan đáp:

"Thế Tôn, nếu Tỳ-kheo không hoan lạc sắc ở tương lai, không ham muốn, không đắm trước, không an trú. Không hoan lạc giác, tưởng, hành, thức tương lai, sẽ không ham muốn, không đắm trước, không an trú. Như vậy gọi là Tỳ-kheo không mong cầu tương lai".

Đức Thế Tôn lại hỏi:

"A-nan, thế nào là Tỳ-kheo chấp thủ pháp hiện tại?"

Tôn giả A-nan đáp:

"Thế Tôn, nếu Tỳ-kheo hoan lạc sắc ở hiện tại, ham muốn, đắm trước, an trú. Nếu hoan lạc giác, tưởng, hành, thức ở hiện tại, ham muốn, đắm trước, an trú. Như vậy gọi là Tỳ-kheo chấp thọ pháp hiện tại".

Đức Thế Tôn lại hỏi:

"A-nan, thế nào là Tỳ-kheo không chấp thọ pháp hiện tại?"

Tôn giả A-nan đáp:

"Thế Tôn, nếu Tỳ-kheo không hoan lạc sắc ở hiện tại, không ham muốn, không đắm trước, không an trú. Không hoan lạc giác, tưởng, hành, thức ở hiện tại, không ham muốn, không đắm trước, không an trú. Như vậy gọi là Tỳ-kheo không chấp thọ pháp hiện tại".

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo rằng:

"Lành thay! Lành thay! Đệ tử của Ta là người có mắt, có trí, có nghĩa, có pháp. Vì sao vậy? Vì là đệ tử, ngay trước mặt Tôn Sư, mà diễn rộng ý nghĩa của văn cú như vậy. Đúng như những gì Tỳ-kheo A-nan đã nói, các thầy hãy nên như vậy mà thọ trì. Vì sao vậy? Lời nói ấy và quán nghĩa đó phải như vậy".

Phật thuyết như vậy, Tôn giả A-nan và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

❑

168. KINH Ý HÀNH[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng lâm, vườn Cấp cô độc.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo rằng:

"Nay Ta sẽ nói pháp cho các ngươi nghe, vi diệu ở đoạn đầu, vi diệu ở đoạn giữa, và đoạn cuối cũng vi diệu; có văn, có nghĩa đầy đủ, thanh tịnh, hiển hiện phạm hạnh. Đó là kinh "Phân biệt ý hành" về sự thọ sanh theo ý hành[2]. Hãy lắng nghe, hãy khéo tư niệm kỹ".

Bấy giờ các Tỳ-kheo vâng lời, lắng nghe.

Phật nói:

"Sao gọi là sự tái sanh do ý hành đưa tới? Nếu các Tỳ-kheo ly dục, ly ác bất thiện pháp, có giác, có quán, chứng được Sơ thiền[3], thành tựu an trụ. Vị ấy đối với định này, vui sướng trụ ở đó. Vị ấy đối với định kia đã ham muốn trụ ở đó, tất có trường hợp này, trụ vào đó, khoái lạc đó, mạng chung sanh trong cõi Phạm thân. Các trời Phạm thân[4] sanh ở đó, sống ở đó, thọ hưởng hỷ lạc phát sanh do ly dục; và Tỳ-kheo sống ở đây[5] nhập Sơ thiền, thọ hưởng hỷ lạc do ly dục sanh. Hai thứ hỷ và lạc do ly dục sanh này không có sai khác, cả hai đều bằng nhau. Vì sao vậy? Vì trước tiên ở đây hành định, sau đó mới sanh vào chỗ ấy. Kia đối với định này, tu như vậy, tập như vậy, phát triển như vậy, sẽ sanh vào trong cõi Phạm thân. Như vậy là ý hành sanh.

"Lại nữa, Tỳ-kheo giác quán đã tịch tĩnh, nội tĩnh, nhất tâm, không giác, không quán, chứng đệ Nhị thiền, thành tựu và an trụ. Đối với định lực này, vị ấy vui sướng muốn trụ ở đó. Đối với định này, khi đã trụ ở đó, tất có trường hợp này, trụ nơi đó, khoái lạc nơi đó, mạng chung sanh vào cõi trời Hoảng dục[6]. Các trời Hoảng dục sanh ở đó, sống ở đó, thọ hưởng hỷ lạc do định sanh; và Tỳ-kheo trụ ở đây, nhập đệ Nhị thiền, thọ hưởng hỷ lạc do định sanh. Hai hỷ lạc do định sanh này không có sai khác, cả hai đều đồng nhau. Vì sao vậy? Vì trước tiên ở đâu hành định, sau đó sanh vào chỗ kia. Kia đối với định này, tu như vậy, tập như vậy, phát triển như vậy, sẽ sanh trong cõi Hoảng dục thiên. Như vậy gọi là ý hành sanh.

"Lại nữa Tỳ-kheo, ly hỷ dục, xả, vô cầu, an trụ, chánh niệm, chánh trí mà thân cảm giác lạc, điều được Thánh gọi là được Thánh xả, niệm, lạc trụ, chứng đệ Tam thiền, thành tựu an trụ. Đối với định này, vị ấy vui sướng muốn trụ ở đó. Đối với định lạc này, vị kia

---

1. Tương đương Pāli, M.120 Sankhārupatti-sutta.
2. Ý hành sanh 意行生 thọ sanh do hành nghiệp của ý. Pāli: Saṅkhāruppatti.
3. Đây bắt đầu từ Sắc giới. Bản Pāli bắt đầu từ Dục giới.
4. Phạm thân thiên 梵身天 cũng nói là Phạm chúng thiên. Pāli: Brahmakāyika.
5. Tỳ-kheo đang sống ở Dục giới nhưng nhập Sơ thiền.
6. Hoảng dục thiên 晃耀天 hay Quang âm thiên, hay Cực quang thiên. Pāli: Ābhassara.

vui sướng muốn trụ ở đó, tất có trường hợp này, trụ nơi đó, khoái lạc nơi đó, thân hoại mạng chung sanh vào cõi Biến tịnh thiên[7]. Các trời Biến tịnh sanh ở đó, sống ở đó, thọ hưởng diệu lạc do ly hỷ; và Tỳ-kheo sống ở đây, nhập Tam thiền này, thọ hưởng diệu lạc do ly hỷ. Diệu lạc do ly hỷ này không có sai khác, cả hai đều đồng nhau. Vì sao vậy? Vì trước tiên ở đâu hành định, sau đó sanh vào chỗ kia. Kia đối với định này, tu như vậy, tập như vậy, phát triển như vậy, sẽ sanh trong cõi Biến tịnh thiên. Như vậy là ý hành sanh.

"Lại nữa Tỳ-kheo, diệt lạc, diệt khổ, hỷ và ưu vốn có từ trước cũng đã diệt, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh, chứng đệ Tứ thiền, thành tựu an trụ. Đối với định này, vị ấy vui sướng muốn trụ ở đó, tất có trường hợp này, trụ ở đó, khoái lạc ở đó, thân hoại mạng chung sanh lên cõi trời Quả thật thiên[8]. Các trời Quả thật thiên, sanh ở đó, sống ở đó, thọ hưởng diệu lạc do xả niệm thanh tịnh; và Tỳ-kheo sống ở đây, nhập đệ Tứ thiền, thọ hưởng diệu lạc do xả niệm thanh tịnh. Hai diệu lạc do xả niệm thanh tịnh này không có sai khác, cả hai đều đồng nhau. Vì sao vậy? Vì trước tiên ở đây hành định, sau đó sanh vào chỗ kia. Kia đối với định này, tu như vậy, tập như vậy, phát triển như vậy, sẽ sanh trong cõi Quả thật thiên. Như vậy là ý hành sanh.

"Lại nữa Tỳ-kheo, vượt qua tất cả sắc tưởng, hữu đối tưởng, không truy niệm bất cứ tưởng nào, nhập vô biên không, thành tựu an trụ Không vô biên xứ. Đối với định lạc này, vị ấy vui sướng muốn trụ ở đó. Đối với định lạc này khi đã vui sướng muốn trụ ở đó, tất có trường hợp này, trụ ở đó, khoái lạc ở đó, mạng chung sanh vào trong cõi Vô lượng không xứ thiên. Các trời Vô lượng không xứ thiên sanh ở đó, sống ở đó, thọ hưởng Vô lượng không xứ tưởng; và Tỳ-kheo ở đây thọ hưởng Vô lượng không xứ tưởng. Hai Vô lượng không xứ tưởng này không có sai khác, cả hai đều đồng nhau. Vì sao vậy? Vì trước tiên ở đây hành định, sau đó sanh vào chỗ kia. Kia đối với định này, tu như vậy, tập như vậy, phát triển như vậy, sẽ sanh vào cõi Vô lượng không xứ thiên. Như vậy là ý hành sanh.

"Lại nữa Tỳ-kheo, vượt qua Vô lượng không xứ, nhập Vô lượng thức xứ, thành tựu an trụ Vô lượng thức xứ. Đối với định này, vị ấy vui sướng muốn trụ ở đó. Đối với định lạc này khi đã vui sướng muốn trụ ở đó, tất có trường hợp này, trụ ở đó, khoái lạc ở đó, mạng chung sanh vào trong cõi Vô lượng thức xứ thiên. Các trời Vô lượng thức xứ thiên sanh ở đó, sống ở đó, thọ hưởng Vô lượng thức xứ tưởng; và Tỳ-kheo sống ở đây thọ hưởng Vô lượng thức xứ tưởng. Hai Vô lượng thức tưởng này không có sai khác, cả hai đều đồng nhau. Vì sao vậy? Vì trước tiên ở đây hành định, sau đó sanh vào chỗ kia. Kia đối với định này, tu như vậy, tập như vậy, phát triển như vậy, sẽ sanh vào cõi Vô lượng thức xứ. Như vậy là ý hành sanh.

"Lại nữa Tỳ-kheo, vượt qua Vô lượng thức xứ, nhập Vô sở hữu thì thành tựu an trụ Vô sở hữu xứ. Đối với định này, vị ấy vui sướng muốn trụ ở đó. Đối với định này khi đã vui sướng muốn trụ ở đó, tất có trường hợp này, trụ ở đó, khoái lạc ở đó, mạng chung sanh vào trong cõi Vô sở hữu xứ thiên. Các trời Vô sở hữu xứ thiên sanh ở đó, sống ở đó, thọ hưởng Vô sở hữu xứ tưởng; và Tỳ-kheo trụ ở đây thọ hưởng Vô lượng thức xứ tưởng. Hai Vô sở hữu xứ tưởng này không có sai khác, cả hai đều đồng nhau. Vì sao vậy? Vì trước tiên ở đây hành định, sau đó sanh vào chỗ kia. Kia đối với định này, tu như vậy, tập như vậy, phát triển như vậy, sẽ sanh vào cõi Vô sở hữu xứ thiên. Như vậy là ý hành sanh.

---

7. Biến tịnh thiên 遍淨天 Pāli: Subhakiṇhā.
8. Quả thật thiên 果實天 hay Quảng quả thiên. Pāli: Vedapphalā.

"Lại nữa Tỳ-kheo, vượt qua tất cả Vô sở hữu xứ tưởng, nhập Phi hữu tưởng phi vô tưởng, thành tựu an trụ Phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ. Đối với định này, vị ấy vui sướng muốn trụ ở đó. Đối với định này khi đã muốn trụ ở đó, tất có trường hợp này, trụ ở đó, khoái lạc ở đó, mạng chung sanh vào trong Phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ thiên. Chư Thiên trên cõi trời Phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ thiên sanh ở đó, sống ở đó, thọ hưởng Phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ tưởng; và Tỳ-kheo trụ ở đây thọ hưởng Phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ tưởng. Hai tưởng này không có sai khác, cả hai đều đồng nhau. Vì sao vậy? Vì trước tiên ở đây hành định, sau đó sanh vào chỗ kia. Kia đối với định này, tu như vậy, tập như vậy, phát triển như vậy, sẽ sanh vào Phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ thiên. Như vậy là ý hành sanh.

"Lại nữa Tỳ-kheo, vượt qua tất cả Phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ tưởng, nhập tưởng thọ diệt, tự thân tác chứng, thành tựu an trụ, do tuệ kiến đoạn trừ các lậu, chứng đắc tận trí. Trong các định, định này được nói là tối đệ nhất, tối đại, tối thượng, tối diệu. Ví như do bò mà có sữa, do sữa có lạc, do lạc có sanh tô, do sanh tô có thục tô, do thục tô có tinh tô. Tô tinh này được nói là tối đệ nhất, tối đại, tối thượng, tối thắng, tối diệu. Do chứng đắc định này, y nơi định này, trụ ở định này, không còn thọ lãnh sự khổ của sanh, già, bệnh, chết. Đó là tận cùng sự khổ".

Phật thuyết như vậy, các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

❑

169. KINH CÂU-LÂU-SẤU VÔ TRÁNH[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật du hóa tại Bà-kì-sấu[2], ở Kiếm-ma-sắt-đàm, một đô ấp của Câu-lâu[3].

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo rằng:

"Nay Ta sẽ nói pháp cho các ngươi nghe. Pháp ấy vi diệu ở phần đầu, vi diệu ở quảng giữa và đoạn cuối cũng vi diệu, có nghĩa, có văn, đầy đủ thanh tịnh, hiển hiện phạm hạnh, gọi là kinh 'Phân biệt vô tránh'. Các ngươi hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ".

Bấy giờ, các Tỳ-kheo vâng lời, lắng nghe.

Phật dạy:

"Đừng nên mong cầu dục lạc[4], là nghiệp vô cùng hèn hạ[5], là hạnh của phàm phu. Cũng đừng mong cầu tự thân khổ hạnh, rất khổ, không phải Thánh hạnh, không tương ưng với nghĩa[6]. Xa lìa hai cực đoan này thì có trung đạo, tác thành con mắt, tác thành trí tự tại, tác thành định, đưa đến trí, đưa đến giác ngộ, đưa đến Niết-bàn, có tán thán và chỉ trích, có sự không tán thán và không chỉ trích mà nói pháp, quyết định đúng mức[7] và sau khi đã biết quyết định, thường tùy cầu sự lạc nào đã có bên trong. Đừng nói lời ám chỉ[8], cũng đừng đối mặt khen ngợi; nói vừa phải chứ đừng quá giới hạn[9]; tùy theo phong tục địa phương[10], đừng nói thị, đừng nói phi. Đó là những vấn đề của kinh 'Phân biệt vô tránh'.

"'Đừng nên mong cầu dục lạc, là nghiệp vô cùng hèn hạ, là hạnh của phàm phu. Cũng đừng mong cầu tự thân khổ hạnh, rất khổ, không tương ưng với cứu cánh'. Vấn đề này được nói lên với nguyên nhân nào? Ở đây, 'Đừng nên mong cầu dục lạc, là nghiệp vô cùng hèn hạ, là hạnh của phàm phu'. Đây là nói về một cực đoan. 'Cũng đừng mong cầu tự thân khổ hạnh, rất khổ, không tương ưng với nghĩa'. Đây là nói về một cực đoan nữa. Do bởi sự kiện này mà nói 'Đừng nên mong cầu dục lạc, là

---

1. Tương đương Pāli, M.139. Araṇavibhanga-sutta.
2. Bà-kì-sấu ▪C▪_▪G▪F Pāli: Bhaggesu, giữa những người Bhagga, tên một bộ tộc. Nhưng, bản Pāli tương đương: Phật trú ở Sāvatthi.
3. Kiếm-ma-sắt-đàm, một đô ấp của Câu-lâu▪C▬▬▬▬▬▬▬▬A xem cht.2,3 kinh số 10.
4. Hán: *mạc cầu dục lạc* ▬▬D▬▬▬C Pāli: na kāmasukham anuyuñjeyya, chớ đam mê khoái lục dục tình.
5. Hán: cực hạ tiện nghiệp ▬▬U▬▬~▪C Pāli: hīnaṃ gammaṃ, thấp hèn và đê tiện. Trong bản Hán, gamma (đê tiện) có lẽ được đọc là kamma: nghiệp.
6. *Vô nghĩa tương ưng*, Pāli: amatthasamhita, không liên hệ đến mục đích.
7. Hán: *quyết định ư tể* ▪M▪w▬▬(có bản chép là *trai* ▪N). Pāli: sukhavinicchayam, sự phán xét về lạc.
8. *Đạo thuyết* ▪D▬▬F bản Cao-li chép ▬▬F Tống-Nguyên-Minh chép ▪D▪C Pāli: raho-vādaṃ, nói chuyện bí mật, nói lén.
9. Hán: *tể hạn thuyết* ▬▬▬▬C Pāli: ataramāno bhāseyya na taramāno, nói thong thả, đừng nhanh quá.
10. Hán: *tùy quốc tục pháp* ▪H▬▬U▪k▪C Pāli: janapadaniruttiṃ nābhinivesyya, đừng cố chấp địa phương ngữ.

nghiệp vô cùng hèn hạ, là hạnh của phàm phu. Cũng đừng mong cầu tự thân khổ hạnh, rất khổ, không tương ưng với nghĩa.'

"'Xa lìa hai cực đoan này thì có trung đạo, tác thành con mắt, tác thành trí tự tại, tác thành định, đưa đến trí, đưa đến giác ngộ, đưa đến Niết-bàn'. Vấn đề này được nói lên với những nguyên nhân nào? Ở đây, Thánh đạo tám chi, từ chánh kiến cho đến chánh định, gọi là tám. Do bởi sự kiện này mà nói 'Xa lìa hai cực đoan này thì có trung đạo, tác thành con mắt, tác thành trí tự tại, tác thành định, đưa đến trí, đưa đến giác ngộ, đưa đến Niết-bàn.'

"'Có tán thán, có chỉ trích và có sự không tán thán, không chỉ trích mà chỉ thuyết pháp'. Vấn đề này được nói lên với nguyên nhân nào? Sao gọi là tán thán, sao gọi là chỉ trích mà không nói pháp? 'Nếu lạc có tương ưng với dục, cùng đi với hỷ, là nghiệp rất hèn hạ, là hạnh của phàm phu; pháp này có khổ, có phiền lao, có nhiệt não, có ưu sầu, tà hạnh. Vị ấy biết điều đó rồi, tự chỉ trích mình[11]. Vì sao? Vì dục là vô thường, là khổ, là pháp hoại diệt. Do biết dục là vô thường cho nên pháp ấy nhất thiết có khổ, có phiền lao, có nhiệt não, có ưu sầu, tà hạnh'. Vị ấy đã biết điều này cho nên tự chỉ trích mình.

"'Tự thân khổ hạnh, rất khổ, không tương ưng với nghĩa. Pháp này có khổ, có phiền lao, có nhiệt não, có ưu sầu, là tà hạnh'.Vị ấy biết điều đó rồi, tự chỉ trích mình. Vì sao? Vì Sa-môn Phạm-chí kia sợ hãi sự khổ nên cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo. Nhưng Sa-môn Phạm-chí này lại ôm cái khổ này nữa, cho nên họ nhất thiết có khổ, có phiền lao, có nhiệt não, có ưu sầu, tà hạnh. Vị ấy đã biết điều này cho nên tự chỉ trích mình.

"'Kết sử hữu[12] không được đoạn tận; pháp này có khổ, có phiền lao, có nhiệt não, có ưu sầu, là tà hạnh'. Vị ấy biết điều đó rồi, tự chỉ trích mình. Vì sao? Vì nếu người nào kết sử hữu không đoạn tận thì sự hữu kia cũng không bị đoạn tận, cho nên người đó nhất thiết có phiền lao, có nhiệt não, có ưu sầu, tà hạnh. Vị ấy đã biết điều này cho nên tự chỉ trích mình.

"'Kết sử hữu đã đoạn tận; pháp này không có khổ, không phiền lao, không nhiệt não, không ưu sầu, chánh hạnh'. Vị ấy đã biết điều này rồi, tự tán thán. Vì sao? Vì nếu người nào kết sử hữu đoạn tận thì sự hữu kia cũng bị đoạn tận, cho nên người đó nhất thiết không khổ, không phiền lao, không nhiệt não, không ưu sầu, là chánh hạnh. Vị ấy đã biết điều đó, cho nên tự tán thán.

"'Không mong cầu sự lạc bên trong; pháp ấy có khổ, có phiền lao, có nhiệt não, có ưu sầu, tà hạnh'. Vị ấy biết điều này rồi, tự chỉ trích mình. Vì sao? Vì nếu người nào không mong cầu sự lạc bên trong, cũng không cầu bên trong, cho nên người đó nhất thiết có khổ, có phiền lao, có nhiệt não, có ưu sầu, tà hạnh. Vị ấy biết điều này rồi, tự chỉ trích mình.

"'Mong cầu sự lạc bên trong; pháp này không có khổ, không có phiền lao, không có nhiệt não, không có ưu sầu, là chánh hạnh'. Vị ấy biết điều này rồi, tự tán thán. Vì sao? Vì nếu người nào mong cầu sự lạc bên trong, thì cũng mong cầu bên trong. Cho nên người đó không có khổ, không có phiền lao, không có nhiệt não, không có ưu sầu, là chánh hạnh. Vị ấy biết điều đó cho nên tự tán thán.

"Như vậy gọi là 'Có tán thán, có chỉ trích mà không thuyết pháp. Không tán thán,

---

11. Pāli: iti vadaṃ itth' eke apasādeti, vị ấy chỉ trích một số người bằng lời lẽ như vậy.

12. Hữu kết ——C Pāli: bhava-saṃyojana.

không chỉ trích mà thuyết pháp'.

"Thế nào là 'Không tán thán, không chỉ trích mà thuyết pháp'? 'Nếu có lạc tương ưng với dục, cùng đi với hỷ, là nghiệp rất hèn hạ, là hạnh của phàm phu, thì pháp ấy có khổ, có phiền lao, có nhiệt não, có ưu sầu, tà hạnh'. Vị ấy biết điều này rồi liền thuyết pháp. Vì sao? Vị ấy không nói như vầy, 'Dục là vô thường, là khổ, là pháp hoại diệt'. Vị ấy đã biết dục là vô thường cho nên nhất thiết pháp ấy có khổ, có phiền lao, có nhiệt não, có ưu sầu, tà hạnh. Không thấu đạt pháp này chỉ có pháp khổ, có phiền lao, có nhiệt não, có ưu sầu, tà hạnh. Vị ấy biết điều đó cho nên thuyết pháp.

"'Tự thân khổ hạnh, rất khổ, không tương ưng với nghĩa; pháp này có khổ, có phiền lao, có nhiệt não, có ưu sầu, thuộc về tà hạnh'. Vị ấy biết điều này rồi, liền nói pháp. Vì sao vậy? Vị ấy không nói như vầy, 'Tự thân khổ hạnh, rất khổ, không tương ưng với nghĩa; pháp này có khổ, có phiền lao, có nhiệt não, có ưu sầu, thuộc về tà hạnh'. Không thấu đạt pháp này, chỉ có pháp khổ, có phiền lao, có nhiệt não, có ưu sầu, thuộc về tà hạnh. Vị ấy biết điều đó cho nên thuyết pháp'.

"'Kết sử hữu không được đoạn tận; pháp này có khổ, có phiền lao, có nhiệt não, có ưu sầu, là tà hạnh'. Vị ấy biết điều này rồi liền thuyết pháp. Vì sao vậy? Vị ấy không nói như vầy, 'Nếu người nào kết sử hữu không đoạn tận thì sự hữu kia cũng không đoạn tận, cho nên người ấy nhất định phải khổ, có phiền lao, có nhiệt não, có ưu sầu, thuộc về tà hạnh'. Không thấu suốt pháp này, chỉ có pháp khổ, có phiền lao, có nhiệt não, có buồn rầu, là tà hạnh. Vị ấy đã biết điều đó cho nên thuyết pháp.

"'Kết sử hữu đã đoạn tận; pháp này không có khổ, không phiền lao, không nhiệt não, không ưu sầu, chánh hạnh'. Vị ấy đã biết điều này rồi, liền nói pháp. Vì sao? Vị ấy không nói như vầy, 'Nếu người nào kết sử hữu đã đoạn tận thì sự hữu kia cũng đoạn tận, cho nên người ấy nhất thiết không có khổ, không có phiền lao, không có nhiệt não, không có ưu sầu, thuộc về chánh hạnh'. Không thấu đạt pháp này chỉ có pháp không khổ, không có phiền lao, không có nhiệt não, không có ưu sầu, thuộc về chánh hạnh. Vị ấy biết điều đó cho nên thuyết pháp.

"'Không mong cầu sự lạc bên trong; pháp này có khổ, có phiền lao, có nhiệt não, có ưu sầu, thuộc về tà hạnh'. Vị ấy biết điều này rồi liền thuyết pháp. Vì sao vậy? Vị ấy không nói như vầy, 'Nếu người nào không mong cầu sự lạc bên trong thì cũng không mong cầu bên trong, cho nên người ấy nhất thiết có khổ, có phiền lao, có nhiệt não, có ưu sầu, thuộc về tà hạnh'. Không thấu đạt pháp này, chỉ có pháp khổ, có phiền lao, có nhiệt não, có ưu sầu, thuộc về tà hạnh. Vị ấy biết điều đó cho nên thuyết pháp.

"'Mong cầu sự lạc bên trong; pháp này không có khổ, không có phiền lao, không có nhiệt não, không có ưu sầu, thuộc về chánh hạnh'. Vị ấy biết điều này rồi liền thuyết pháp. Vì sao vậy? Vị ấy không nói như vầy, 'Nếu người nào có mong cầu sự lạc bên trong, thì cũng mong cầu bên trong cho nên người đó nhất thiết không có khổ, không có phiền lao, không có nhiệt não, không có ưu sầu, thuộc về chánh hạnh'. Không thấu đạt pháp này, chỉ có pháp không khổ, không có phiền lao, không có nhiệt não, không có ưu sầu, thuộc về chánh hạnh. Vị ấy biết điều đó cho nên thuyết pháp.

"Như vậy là 'không tán thán, không chỉ trích mà thuyết pháp'. Vấn đề đó được nói với nguyên nhân như vậy.

"'Quyết định đúng mức, và sau khi đã biết quyết định, hãy mong cầu sự lạc nào đã có bên trong'. Vấn đề này được nói lên với nguyên nhân nào?

"Có sự lạc không phải sự lạc của bậc Thánh, mà là lạc của phàm phu, là gốc của

bệnh, là gốc của ung nhọt, gốc của mũi tên châm chích, có thức ăn[13], có sống chết, không đáng tu, không đáng tập, không đáng phát triển. Ta nói điều ấy không đáng tu tập.

"Có sự lạc của bậc Thánh, là sự lạc của vô dục, sự lạc của ly dục, sự lạc của tịch tĩnh, là lạc của chánh giác, không có thức ăn, không có sống chết, nên tu, nên tập, nên phát triển. Ta nói điều ấy nên tu được vậy.

"Sao gọi là 'Có sự lạc không phải là Thánh lạc mà là phàm phu lạc, là gốc của bệnh, là gốc của ung nhọt, gốc của mũi tên châm chích, có thức ăn, có sống chết, không nên tu, không nên tập, không nên phát triển. Ta nói điều ấy không nên tu tập'? Nếu do năm công đức của dục mà sanh hỷ, sanh lạc, thì sự lạc ấy là lạc của phàm phu, không phải là lạc của bậc Thánh, là gốc của bệnh, là gốc của ung nhọt, gốc của mũi tên châm chích, có thức ăn, có sống chết, không nên tu, không nên tập, không nên phát triển. Ta nói điều ấy không nên tu tập vậy.

"Sao gọi là 'Có sự lạc của bậc Thánh, là lạc của vô dục, là lạc của ly dục, lạc của tịch tĩnh, là lạc của chánh giác, không có ăn, không có sống chết, nên tu nên tập, nên phát triển. Ta nói điều ấy nên tu vậy'. Nếu có Tỳ-kheo nào ly dục, ly ác bất thiện pháp, cho đến chứng đệ tứ thiền, thành tựu an trụ. Sự lạc này là lạc của bậc Thánh, sự lạc của vô dục, là lạc của ly dục, lạc của tịch tĩnh, là lạc của chánh giác, không có thức ăn, không có sống chết, nên tu nên tập, nên phát triển. Ta nói điều ấy nên tu vậy.

"'Quyết định đúng mức, sau khi đã biết quyết định hãy mong cầu sự lạc nào đã có bên trong'. Vấn đề này được nói lên với nguyên nhân như vậy.

"'Không nên nói lời ám chỉ, cũng không nên đối mặt tán thán', vấn đề này được nói lên với nguyên nhân nào?

"Có lời nói ám chỉ mà không chân thật, hư dối, không tương ưng với nghĩa[14]. Cũng có lời nói ám chỉ mà chân thật, không hư vọng, tương ưng với nghĩa. Trong này nếu có lời nói ám chỉ mà không chân thật, hư vọng, không tương ưng với nghĩa, nhất định không nói những lời như vậy. Trong này nếu có lời nói ám chỉ mà chân thật, không hư vọng, không tương ưng với cứu cánh, cũng hãy học đừng nói như vậy. Ở đây nếu có lời nói ám chỉ chân thật, không hư vọng, tương ưng với nghĩa thì hãy nên biết thời, chánh trí, chánh niệm để cho thành tựu lời nói ấy.

"Như vậy, 'Đừng nói lời ám chỉ, cũng đừng đối mặt khen ngợi', vấn đề này được nói lên với nguyên nhân như vậy.

"'Nói vừa phải, chứ đừng quá giới hạn', vấn đề này được nói lên với nguyên nhân nào?

"Nói quá giới hạn thì thân phiền nhọc, niệm hay quên, tâm mệt mỏi, tiếng bị hư mà hướng đến trí thì không được tự tại [15]. Nói vừa phải thì thân không phiền nhọc, niệm không ưa quên, tâm không mệt mỏi, tiếng nói không bị hư, hướng đến trí thì được tự tại.

"'Nói vừa phải, đừng nói quá giới hạn', vấn đề này được nói lên với nguyên nhân như vậy.

"'Tùy theo phong tục địa phương, đừng nói thị, đừng nói phi', vấn đề này được nói lên với nguyên nhân nào? Thế nào là thị và phi tùy theo phong tục địa phương? Địa phương này, nhân gian này, sự việc này, hoặc nói là 'cái chậu', hoặc nói là 'cái

---

13. *Hữu thực* ——Atức là có yếu tố làm điều kiện; xem kinh "Thực" số 52.
14. Xem cht.6 trên.
15. Nghĩa là, nói nhanh quá, người nghe không kịp hiểu.

khay', hoặc nói là 'cái ô', hoặc nói là 'cái chén', hoặc nói là 'đồ đạc'; hay nói là cái khay, hay nói là cái ô, hay nói là cái chén, hay nói là đồ đạc; mỗi nơi tùy theo khả năng mà nói một mực rằng, 'Đây là sự thực, ngoài ra là láo cả'. Như vậy, đó là tùy theo phong tục địa phương mà nói thị hay phi vậy.

"Sao gọi là 'Tùy phong tục địa phương, không thị không phi'? Địa phương này, nhân gian này, sự việc này, hoặc nói là 'cái chậu', hoặc nói là 'cái khay', hoặc nói là 'cái ô ' hoặc nói là 'cái chén', hoặc nói là 'đồ đạc', và ở địa phương kia, nhân gian kia, sự việc kia, hoặc nói là 'cái chậu', hoặc nói là 'cái khay', hoặc nói là 'cái ô', hoặc nói là 'cái chén', hoặc nói là 'đồ đạc'. Với sự việc này hay sự việc kia, không tùy khả năng, không nói với một mực rằng 'Đây là sự thật, ngoài ra đều láo cả', như vậy là tùy phong tục địa phương không nói thị không nói phi.

"'Tùy phong tục địa phương, đừng nói thị, đừng nói phi', vấn đề này được nói lên với nguyên nhân như vậy.

"'Pháp hữu tránh và pháp vô tránh'. Sao gọi là pháp hữu tránh? Nếu có lạc tương ưng với dục, cùng đi với, là nghiệp rất hèn hạ, là hạnh phàm phu, pháp này là hữu tránh. Vì những sự kiện gì mà pháp này là hữu tránh. Vì pháp này có khổ, có phiền lao, có nhiệt não, có ưu sầu, thuộc về tà hạnh, cho nên nói pháp này là hữu tránh. Nếu tự thân khổ hạnh, rất khổ, không phải chánh hạnh, không tương ưng với nghĩa, thì pháp này là hữu tránh. Vì pháp này có khổ, có phiền lao, có nhiệt não, có ưu sầu, thuộc về tà hạnh, cho nên nói pháp này là hữu tránh. Xa lìa hai cực đoan ấy, có trung đạo, tác thành con mắt, tác thành trí tự tại, thành định, đưa đến trí tuệ, đưa đến giác ngộ và Niết-bàn, pháp này là vô tránh.

"Vì những sự kiện nào mà pháp này là vô tránh? Vì pháp này không khổ, không phiền lao, không nhiệt não, không ưu sầu, thuộc về chánh hạnh, cho nên nói pháp này là vô tránh. Kết sử hữu mà không đoạn tận, pháp này là hữu tránh. Vì những sự kiện nào mà nói pháp này là hữu tránh? Vì pháp này có khổ, có phiền lao, có nhiệt não, có ưu sầu, thuộc về tà hạnh, cho nên nói pháp này là hữu tránh.

"Kết sử hữu diệt tận, pháp này là vô tránh. Vì những sự kiện nào mà nói pháp này là vô tránh? Vì pháp này không khổ, không phiền lao, không nhiệt não, không ưu sầu, thuộc chánh hạnh, cho nên nói pháp này không tranh chấp, không mong cầu nội lạc.

"Không cầu nội lạc, pháp ấy là hữu tránh. Vì những sự kiện nào mà gọi pháp ấy là hữu tránh? Vì pháp này có khổ, có phiền lao, có nhiệt não, có ưu sầu, thuộc về tà hạnh, nên nói pháp này là hữu tránh.

"Mong cầu ở nội lạc, pháp này là vô tránh. Vì những sự kiện nào mà nói pháp này là vô tránh? Vì pháp này không khổ, không phiền lao, không nhiệt não, không ưu sầu, thuộc về chánh hạnh, cho nên nói pháp này là vô tránh.

"Trong đó, nếu có sự lạc nào không phải là Thánh lạc mà là phàm phu lạc, là gốc của bệnh, gốc của ung nhọt, gốc của mũi tên châm chích, có thức ăn, có sống chết, không nên tu, không nên tập, không nên phát triển. Ta nói pháp ấy không nên tu. Pháp này là hữu tránh. Vì những sự kiện nào mà nói pháp này là hữu tránh? Vì pháp này có khổ, có phiền lao, có nhiệt não, có ưu sầu, thuộc về tà hạnh, cho nên nói pháp này là hữu tránh.

"Trong đó nếu có sự lạc nào là lạc của bậc Thánh, sự lạc nào của vô dục, lạc do ly dục, lạc của tịch tịnh, của chánh giác, không thức ăn, không có sống chết, nên tu nên tập, nên phát triển. Ta nói pháp ấy nên tu, pháp này là pháp vô tránh. Vì những sự kiện nào

mà nói pháp này là vô tránh? Vì pháp này không khổ, không có phiền lao, không có nhiệt não, không có ưu sầu, thuộc về chánh hạnh, cho nên nói pháp này là vô tránh.

"Trong đó nếu có lời nói ám chỉ mà không chân thật, dối láo, không tương ưng với cứu cánh, pháp này là hữu tránh. Vì những sự kiện nào mà nói pháp này là hữu tránh? Vì pháp này có khổ, có phiền lao, có nhiệt não, có ưu sầu, thuộc về tà hạnh, cho nên nói pháp này là hữu tránh.

"Trong đó, nếu có lời chê bai sau lưng mà chân thật, không dối láo, tương ưng với cứu cánh, pháp ấy là vô tránh. Vì sự kiện nào mà nói pháp ấy là vô tránh? Vì pháp này không khổ, không có phiền lao, không có nhiệt não, không có ưu sầu, thuộc về chánh hạnh, cho nên nói pháp này là vô tránh.

"Không nói vừa phải. pháp này là hữu tránh. Vì những sự kiện nào mà nói pháp này là hữu tránh? Vì pháp này có khổ, có phiền lao, có nhiệt não, có ưu sầu, thuộc về tà hạnh, cho nên nói pháp này là tranh chấp.

"Nói vừa phải, pháp này là vô tránh. Vì những sự kiện nào mà nói pháp này là vô tránh? Vì pháp này không khổ, không có phiền lao, không có nhiệt não, không có ưu sầu, thuộc về chánh hạnh, cho nên nói pháp này là vô tránh.

"Thị và phi theo phong tục địa phương, pháp này là hữu tránh. Vì những sự kiện nào mà nói pháp này là hữu tránh? Vì pháp này có khổ, có phiền lao, có nhiệt não, có ưu sầu, thuộc về tà hạnh, cho nên pháp này có tranh chấp.

"Tùy phong tục địa phương, không nói thị không nói phi, pháp này là vô tránh. Vì những sự kiện nào mà nói pháp này là vô tránh? Vì pháp này không khổ, không có phiền lao, không có nhiệt não, không có ưu sầu, thuộc về chánh hạnh, cho nên nói pháp này là vô tránh.

"Đó gọi là tránh pháp. Các ngươi nên biết pháp tránh và pháp vô tránh. Đã biết pháp tránh và pháp vô tránh thì nên xả bỏ pháp tránh, tu tập pháp vô tránh. Các ngươi cần phải học như vậy.

"Như vậy thiện nam tử Tu-bồ-đề[16] do đạo vô tránh[17] mà về sau biết được pháp như pháp[18]".

Biết pháp Như chơn thật
Tu-bồ-đề thuyết kệ
Thực hành chơn không này
Bỏ đây, trụ tịch tịnh.

Phật thuyết như vậy, các Tỳ-kheo nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

❑

16. Tu-bồ-đề ————C Pāli: Subhūti.
17. Vô tránh đạo -L——D-C
18. Pāli: Subhūti ca pana, bhikkhave, kulaputto araṇapaṭipadaṃ paṭipanno, thiện nam tử Tu-bồ-đề là người thực hành con đường vô tránh.

170. KINH ANH VŨ[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng, vườn Cấp cô độc.

Bấy giờ, khi đêm đã qua, vào lúc trời vừa sáng, Đức Thế Tôn đắp y mang bát vào nước Xá-vệ. Trong khi đi khất thực, Thế Tôn đi qua nhà của Anh Vũ Ma-nạp Đô-đề Tử[2]. Lúc bấy giờ, Anh Vũ Ma-nạp Đô-đề Tử có chút việc phải làm nên đi khỏi, không có ở nhà.

Khi ấy, tại nhà Anh Vũ Ma-nạp Đô-đề Tử có một con chó trắng[3] đang ăn cơm trong cái chậu bằng vàng, trên một cái giường lớn. Rồi con chó trắng trông thấy Đức Phật từ xa đi lại; thấy Ngài, nó liền sủa. Đức Thế Tôn nói với con chó trắng rằng:

"Ngươi không nên làm như vậy. Nhà người hết ó rồi lại sủa.

Chó trắng nghe nói, giận dữ từ trên giường nhảy xuống, đến bên đống cây, nằm buồn thiểu não.

Sau đó, Anh Vũ Ma-nạp Đô-đề Tử, thấy chó trắng có vẻ giận dữ, đã từ trên giường nhảy xuống, đến bên lùm cây nằm buồn thiểu não, ông mới hỏi người nhà rằng:

"Ai quấy rầy con chó của tôi, khiến nó rất đổi giận dữ, từ trên giường nhảy xuống, đến bên lùm cây nằm buồn thiểu não vậy?"

Người nhà trả lời:

"Chúng tôi không ai quấy rầy con chó trắng cả khiến nó rất đổi giận dữ, từ trên giường nhảy xuống, đến bên lùm cây nằm buồn thiểu não. Ma-nạp nên biết, ngày nay có Sa-môn Cù-đàm đến đây khất thực, con chó trắng đã thấy liền chạy tới sủa. Sa-môn Cù-đàm nói với con chó trắng rằng, 'Ngươi không nên làm như vậy. Nhà ngươi hết ó rồi lại sủa'. Này Ma-nạp, do vậy nên khiến con chó trắng rất đổi giận dữ, từ trên giường nhảy xuống, đến bên lùm cây nằm buồn thiểu não".

Anh Vũ Ma-nạp Đô-đề Tử vừa nghe xong tức thì nổi giận, muốn vu khống Đức Thế Tôn, muốn hủy báng Đức Thế Tôn. Với ý định vu khống, hủy báng, hạ nhục Sa-môn Cù-đàm như vậy, ông liền ra khỏi Xá-vệ, đến Thắng lâm, vườn Cấp cô độc.

Khi ấy, Đức Thế Tôn đang thuyết pháp cho vô lượng đại chúng đứng vây quanh

---

1. Bản Hán, quyển 44. Tương đương Pāli, M.135. Cūḷakammavibhaṅga-suttam. Hán, biệt dịch, No.78 Phật Thuyết Đâu-điều Kinh, khuyết danh dịch; No.79 Phật Thuyết Anh Vũ Kinh, Lưu Tống Cầu-na-bạt-đà-la dịch; No.80 Phật Vị Thủ-ca Trưởng Giả Thuyết Nghiệp Báo Sai Biệt Kinh, Tùy, Pháp Trí dịch; No.81 Phân Biệt Thiện Ác Báo Ứng Kinh, Tống, Thiên Tức Tai dịch.
2. Anh Vũ Ma-nạp Đô-đề Tử ─x─M─────l─C No.79: Anh Vũ Ma-lao Đâu-la Tử; No.78: Đâu-diệu Tử Cốc; No.80: Đáo-đề-đa Tử Thủ-ca Trưởng giả; No.81: Đâu-nễ-dã Tử Du-ca Trưởng giả; Pāli: Subha māṇava Toddeyyaputta, niên thiếu Bà-la-môn tên là Subha, con trai của Todeyya.
3. Bạch cẩu. No.78: con chó tên Loa ──F No.79 nó tên là Bối─(in lầm là *cụ* ─) và No.81 gọi nó là Thương-khư ──]─A phiên âm tương đương Pāli là Saṅkha: con sò.

trước sau, Đức Thế Tôn trông thấy Anh Vũ Ma-nạp Đô-đề Tử từ xa đi đến, Ngài bảo các Tỳ-kheo rằng:

"Các ngươi thấy Anh Vũ Ma-nạp Đô-đề Tử đến không?"

Các Tỳ-kheo trả lời:

"Bạch Đức Thế Tôn, dạ thấy".

Đức Thế Tôn bảo rằng:

"Anh Vũ Ma-nạp Đô-đề Tử mà mạng chung ngay bấy giờ thì như co duỗi cánh tay, trong khoảnh khắc tất sanh địa ngục. Vì sao vậy? Vì người ấy đối với Ta đang nổi cơn thịnh nộ. Nếu có chúng sanh nào, do bởi tâm sân nhuế, thân hoại mạng chung tất đến chỗ ác, sanh vào địa ngục".

Rồi Anh Vũ Ma-nạp Đô-đề Tử đến chỗ Đức Phật, nói với Thế Tôn rằng:

"Hôm nay Sa-môn Cù-đàm có đến nhà tôi khất thực phải không?"

Đức Thế Tôn trả lời rằng:

"Hôm nay Ta có đến nhà ông khất thực".

"Cù-đàm, ông nói gì với con chó trắng của tôi, khiến nó rất đổi giận dữ, từ trên giường nhảy xuống, đến bên lùm cây nằm buồn thiểu não?"

Đức Thế Tôn trả lời rằng:

"Hôm nay vào lúc trời vừa sáng, Ta đắp y mang bát vào Xá-vệ khất thực, lần lượt khất thực đến nhà ông. Lúc ấy con chó trắng trông thấy Ta từ xa đi đến. Thấy Ta, nó liền sủa. Ta nói với con chó trắng rằng, 'Người không nên làm như vậy. Nhà ngươi hết la ó[4] rồi lại sủa'. Vì vậy, con chó trắng rất đổi giận dữ, từ trên giường nhảy xuống, đến bên đống cây nằm buồn thiểu não".

Anh Vũ Ma-nạp Đô-đề Tử hỏi Thế Tôn:

"Con chó trắng đời trước có liên hệ gì với tôi?"

Đức Thế Tôn bảo:

"Thôi, thôi, này Ma-nạp, tốt hơn đừng nên hỏi Ta. Ông nghe việc này rồi chắc chắn không vừa ý".

Anh Vũ Ma-nạp Đô-đề Tử hỏi đi hỏi lại Đức Thế Tôn ba lần:

"Con chó trắng đời trước có liên hệ gì với tôi?"

Đức Thế Tôn cũng ba lần nói:

"Thôi, thôi, này Ma-nạp, tốt hơn đừng nên hỏi Ta. Ông nghe việc này rồi chắc chắn không vừa ý".

Đức Thế Tôn lại bảo Ma-nạp rằng:

"Ông hỏi Ta đến ba lần mà không chịu thôi. Ma-nạp nên biết, con chó trắng kia đời trước là cha của ông, tên là Đô-đề vậy".

Anh Vũ Ma-nạp Đô-đề Tử nghe nói xong, nổi giận gấp bội. Ông muốn vu khống Đức Thế Tôn, muốn hủy báng Đức Thế Tôn, muốn hạ nhục Đức Thế Tôn. Với ý định vu khống, hủy báng, hạ nhục như vậy, ông nói với Đức Thế Tôn:

"Cha tôi là Đô-đề thực hành sự bố thí lớn lao, thiết những cuộc trai tự vĩ đại, sau khi thân hoại mạng chung nhất định sanh lên Phạm thiên. Chớ do nhơn gì, duyên gì mà sanh vào loài chó hạ tiện này?"

Đức Thế Tôn bảo:

"Đô-đề, cha của ông do bởi tăng thượng mạn ấy nên sanh vào loài chó hạ tiện".

---

4. Hán: *để* ——F Nguyên-Minh: *hộ* –@(giữ); bản Thánh: *nha* —(tru).

Phạm chí tăng thượng mạn,
Chết rồi sanh sáu nơi:
Chó, gà, heo và sói,
Lừa năm, địa ngục sáu.

"Anh Vũ Ma-nạp, nếu ông không tin lời Ta nói, ông có thể trở về nói với con chó trắng rằng, 'Nếu đời trước là cha của tôi, chó trắng hãy trở lên giường lớn'. Ma-nạp, chó trắng tất sẽ trở lên giường lớn. 'Nếu đời trước là cha của tôi, chó trắng hãy ăn trong mâm vàng như cũ'. Này Ma-nạp, chó trắng tất ăn trong mâm vàng như cũ. 'Nếu đời trước là cha của tôi, hãy chỉ cho tôi thấy kho tàng cất dấu vàng bạc, thủy tinh, trân bảo mà tôi không biết'. Này Ma-nạp, chó trắng chắc chắn sẽ chỉ cho ông thấy kho tàng cất dấu vàng bạc, thủy tinh và châu báu mà ông không biết".

Anh Vũ Ma-nạp Đô-đề Tử nghe những lời Đức Phật, nói, ghi nhớ kỹ, nhiễu quanh Đức Thế Tôn xong rồi trở về nhà, nói với con chó trắng rằng:

"Nếu đời trước là cha của tôi, chó trắng hãy trở lên giường lớn".

Chó trắng liền trở lên giường lớn.

"Nếu đời trước là cha của tôi, chó trắng hãy ăn trong mâm vàng như cũ".

Chó trắng liền ăn trong mâm vàng như cũ.

"Nếu đời trước là cha của tôi, hãy chỉ chỗ kho tàng trước kia cha tôi cất dấu vàng bạc, thủy tinh, trân bảo mà tôi không biết".

Chó trắng tức thì từ trên giường nhảy xuống, đi đến chỗ mà đời trước nó ngủ nghỉ, dùng miệng và chân bươi bốn chân giường.

Anh Vũ Ma-nạp Đô-đề Tử liền từ chỗ đó mà được rất nhiều báu vật. Rồi thì Anh Vũ Ma-nạp Đô-đề Tử đã được báu vật, rất đổi vui mừng, quỳ gối bên phải xuống đất, chắp tay hướng đến Thắng lâm, vườn Cấp cô độc, ba lần xướng lên những lời tán thán Đức Thế Tôn:

"Những lời Sa-môn Cù-đàm nói đều không hư dối. Những lời Sa-môn Cù-đàm nói đều chắc thật. Những lời Sa-môn Cù-đàm nói đều như thật".

Ba lần tán thán Đức Thế Tôn xong, ông từ Xá-vệ đi ra, đến Thắng lâm, vườn Cấp cô độc.

Bấy giờ Đức Thế Tôn đang thuyết pháp cho vô lượng đại chúng vây quanh trước sau. Đức Thế Tôn trông thấy Anh Vũ Ma-nạp Đô-đề Tử từ xa đi đến, Ngài bảo các Tỳ-kheo:

"Các ngươi có thấy Anh Vũ Ma-nạp Đô-đề Tử đi đến không?"

Các Tỳ-kheo trả lời:

"Bạch Đức Thế Tôn, thấy".

Đức Thế Tôn bảo:

"Anh Vũ Ma-nạp Đô-đề Tử bây giờ mà mạng chung thì như co duỗi cánh tay, trong khoảnh khắc chắc chắn đi đến chỗ lành. Vì sao vậy? Vì người ấy đối với Ta rất có thiện tâm. Nếu có chúng sanh nào do bởi thiện tâm, thân hoại mạng chung tất đến chỗ lành, sanh vào trong thiên giới".

Bấy giờ, Anh Vũ Ma-nạp Đô-đề Tử đi đến chỗ Đức Phật, cùng thăm hỏi rồi ngồi xuống một bên.

Đức Thế Tôn bảo:

"Thế nào? Này Ma-nạp, như Ta đã nói, con chó trắng như vậy có đúng chăng, hay không đúng như vậy?"

Anh Vũ Ma-nạp Đô-đề Tử bạch rằng:

"Bạch Cù-đàm, thật đúng như đã nói. Kính bạch Cù-đàm, tôi lại có điều muốn hỏi, mong Ngài nghe cho, tôi mới dám tỏ bày".

"Đức Thế Tôn bảo:

"Tùy ý, ông cứ hỏi".

"Bạch Cù-đàm, do nhân gì, do duyên gì, chúng sanh kia đều thọ thân người mà có người cao kẻ thấp, có người đẹp kẻ xấu. Vì sao vậy? Bạch Cù-đàm, tôi thấy có kẻ sống lâu, người chết yểu; có kẻ nhiều bệnh, người ít bệnh; lại thấy có kẻ thân hình đoan chánh, có người không đoan chánh; lại thấy có kẻ có oai đức, người không oai đức; lại thấy có kẻ sanh nhằm dòng dõi tôn quý, có người sanh nhằm dòng dõi ti tiện; lại thấy có kẻ giàu có, có người nghèo hèn; lại thấy có kẻ thiện trí, có người ác trí".

Đức Thế Tôn trả lời:

"Chúng sanh kia do nơi hành nghiệp của chính mình, nhân bởi nghiệp mà thọ báo, duyên vào nghiệp, y nơi nghiệp, tùy theo nơi nghiệp xứ có cao thấp mà chúng sanh có tốt đẹp hay không tốt đẹp".

Anh Vũ Ma-nạp Đô-đề Tử bạch Thế Tôn rằng:

"Sa-môn Cù-đàm nói vắn tắt quá, không phân biệt một cách rộng rãi, tôi không thể biết được. Mong Sa-môn Cù-đàm nói một cách rộng rãi cho tôi nghe để tôi được hiểu rõ ý nghĩa".

Đức Thế Tôn bảo:

"Này Ma-nạp, hãy nghe kỹ và suy nghĩ kỹ. Ta sẽ phân biệt một cách rộng rãi cho ông nghe".

Anh Vũ Ma-nạp Đô-đề Tử bạch:

"Kính vâng, tôi xin vâng lời lắng nghe".

Đức Phật nói:

"Này Ma-nạp, do nhân gì, do duyên gì mà kẻ nam hay người nữ thọ mạng rất ngắn ngủi? Nếu có kẻ nam hay người nữ nào sát sanh, hung dữ, cực ác, uống máu, ý nghĩ ác hại, không có tâm từ bi đối với tất cả chúng sanh, cho đến các loài côn trùng. Người ấy lãnh thọ nghiệp này, tạo tác đầy đủ rồi, đến khi thân hoại mạng chung, chắc chắn đi đến chỗ ác, sanh vào trong địa ngục. Mãn kiếp địa ngục rồi, lại sanh vào nhân gian, tuổi thọ rất ngắn ngủi. Vì sao vậy? Con đường này đưa đến nhận lãnh sự đoản thọ, nghĩa là kẻ nam hay người nữ sát sanh, hung dữ, cực ác, uống máu. Này Ma-nạp, nên biết, nghiệp này có quả báo như vậy.

"Này Ma-nạp, do nhơn gì, duyên gì mà kẻ nam hay người nữ thọ mạng rất dài? Nếu có kẻ nam hay người nữ nào xa lìa nghiệp sát, đoạn tuyệt nghiệp sát, bỏ hẳn dao gậy, có tâm tàm, có tâm quý, có tâm từ bi, làm lợi ích cho tất cả cho đến loài côn trùng. Người ấy thọ nghiệp này, tạo tác nghiệp ấy đầy đủ rồi đến khi thân hoại mạng chung chắc chắn tiến lên chỗ lành, sanh vào trong cõi trời. Mãn kiếp ở cõi trời, lại sanh vào nhân gian, thọ mạng rất dài. Vì sao vậy? Con đường này đưa đến nhận lãnh sự trường thọ, nghĩa là kẻ nam hay người nữ xa lìa nghiệp sát, đoạn tuyệt nghiệp sát. Này Ma-nạp, nên biết, nghiệp này có quả báo như vậy.

"Này Ma-nạp, do nhân gì, duyên gì mà kẻ nam hay người nữ đa phần có tật bệnh? Nếu có kẻ nam hay người nữ nhiễu hại chúng sanh; người ấy hoặc nắm tay, hoặc dùng cây đá, hoặc dùng dao gậy nhiễu hại chúng sanh. Người ấy thọ nghiệp này, tạo thành nghiệp ấy đầy đủ rồi, đến khi thân hoại mạng chung chắc chắn đưa đến chỗ ác, sanh vào trong

địa ngục. Mãn kiếp địa ngục, lại sanh vào nhân gian, chịu nhiều tật bệnh. Vì sao vậy? Con đường này đưa đến chỗ chịu nhiều bệnh, nghĩa là kẻ nam hay người nữ nào nhiễu hại chúng sanh. Ma-nạp nên biết, nghiệp này có quả báo như vậy.

"Này Ma-nạp, do nhân gì, duyên gì mà kẻ nam hay người nữ không có tật bệnh? Nếu có kẻ nam hay người nữ nào không nhiễu hại chúng sanh, người ấy không dùng tay nắm, không dùng cây đá, không dùng dao gậy nhiễu hại chúng sanh. Người ấy tạo nghiệp này, tác thành nghiệp ấy đầy đủ rồi, đến khi thân hoại mạng chung chắc chắn tiến lên chỗ lành, sanh vào trong cõi trời. Mãn kiếp ở cõi trời rồi, lại sanh vào nhân gian, không có tật bệnh. Vì sao vậy? Con đường này đưa đến hưởng thọ không tật bệnh, nghĩa là kẻ nam hay người nữ nào nhiễu hại chúng sanh. Ma-nạp nên biết, nghiệp này có quả báo như vậy.

"Này Ma-nạp, do nhân gì, duyên gì mà kẻ nam hay người nữ có thân hình không đoan chánh? Nếu có kẻ nam hay người nữ mà tánh nóng nảy, hay bực dọc, vừa nghe chút ít đã nổi cơn giận dữ, nổi ganh ghét mà sanh lo buồn, nổi thịnh nộ tranh chấp. Người ấy thọ lấy nghiệp này, tạo tác đầy đủ rồi, đến khi thân hoại mạng chung chắc chắn đưa đến chỗ ác, sanh vào trong địa ngục. Mãn kiếp địa ngục, lại sanh vào nhân gian, hình thể không đoan chánh. Vì sao vậy? Vì con đường này đưa đến thọ báo hình thể không đoan chánh, nghĩa là kẻ nam hay người nữ nào tánh nóng nảy, hay bực dọc. Ma-nạp nên biết, nghiệp này có quả báo như vậy.

"Này Ma-nạp, do nhân gì, duyên gì mà kẻ nam hay người nữ có thân hình đoan chánh? Nếu có kẻ nam hay người nữ nào tánh không nóng nảy, không hay bực dọc, người ấy nghe lời nói êm ái hay thô bỉ cục cằn không nổi cơn giận dữ, không ganh ghét sanh ra buồn rầu, không nổi thịnh nộ tranh chấp. Người ấy thọ nghiệp, tác thành đầy đủ rồi, đến khi thân hoại mạng chung chắc chắn tiến lên chỗ lành, sanh vào trong cõi trời. Mãn kiếp ở cõi trời lại sanh vào nhân gian, hình thể đoan chánh. Vì sao vậy? Vì con đường này đưa đến thọ báo hình thể đoan chánh, nghĩa là kẻ nam hay người nữ nào tánh không nóng nảy, không nhiều bực dọc. Ma-nạp nên biết, nghiệp này có quả báo như vậy.

"Này Ma-nạp, do nhân gì, duyên gì mà kẻ nam hay người nữ không có oai đức? Nếu có kẻ nam hay người nữ nào bên trong ôm lòng tật đố; người ấy thấy kẻ khác được cung kính, cúng dường liền sanh lòng tật đố; nếu thấy kẻ khác có của thì muốn làm sao của ấy được về mình. Người ấy tạo nghiệp này, tác thành đầy đủ rồi, đến khi thân hoại mạng chung chắc chắn đưa đến chỗ ác, sanh vào trong địa ngục. Mãn kiếp địa ngục rồi, lại sanh vào trong nhân gian, không có oai đức. Vì sao vậy? Vì con đường này đưa đến thọ báo không có oai đức, nghĩa là kẻ nam hay người nữ nào bên trong ôm lòng tật đố. Ma-nạp nên biết, nghiệp này có quả báo như vậy.

"Này Ma-nạp, do nhân gì, duyên gì mà kẻ nam hay người nữ có oai đức lớn? Nếu có kẻ nam hay người nữ không ôm lòng tật đố, người ấy thấy kẻ khác được cung kính cúng dường không sanh lòng tật đố. Nếu thấy kẻ khác có của, không có lòng ham muốn của ấy được về ta. Người ấy tạo nghiệp này, tác thành đầy đủ rồi, đến khi thân hoại mạng chung chắc chắn tiến lên chỗ lành, sanh vào trong cõi trời. Mãn kiếp ở cõi trời rồi, lại sanh vào nhân gian, có oai đức lớn. Vì sao vậy? Vì con đường này đưa đến thọ báo có oai đức, nghĩa là kẻ nam hay người nữ nào không ôm lòng tật đố. Ma-nạp nên biết, nghiệp này có quả báo như vậy.

"Này Ma-nạp, do nhân gì, duyên gì mà kẻ nam hay người nữ sanh vào dòng dõi đê tiện? Nếu có kẻ nam hay người nữ nào kiêu ngạo, ngã mạn, người đáng cung kính thì không cung kính, đáng tôn trọng thì không tôn trọng, đáng quý thì không quý, đáng phụng thờ thì không phụng thờ, đáng cúng dường thì không cúng dường, đáng nhường lối thì không nhường lối, đáng nhường chỗ ngồi thì không nhường chỗ ngồi, đáng chắp tay hướng về lễ bái, thăm hỏi thì không chắp tay hướng về lễ bái, thăm hỏi. Người ấy thọ nghiệp này, tác thành đầy đủ rồi, đến khi thân hoại mạng chung chắc chắn đưa đến chỗ ác, sanh vào trong địa ngục. Mãn kiếp địa ngục, lại sanh vào nhân gian, sanh nhằm dòng dõi ti tiện. Vì sao vậy? Vì con đường này đưa đến thọ báo sanh nhằm dòng dõi ti tiện, nghĩa là kẻ nam hay người nữ nào kiêu ngạo, đại mạn. Ma-nạp nên biết, nghiệp này có quả báo như vậy.

"Này Ma-nạp, do nhân gì, duyên gì mà kẻ nam hay người nữ sanh nhằm dòng dõi tôn quý? Nếu có kẻ nam hay người nữ nào không có lòng kiêu ngạo, đại mạn, người đáng cung kính thì cung kính, đáng tôn trọng thì tôn trọng, đáng quý thì quý, đáng phụng thờ thì phụng thờ, đáng cúng dường thì cúng dường, đáng nhường lối thì nhường lối, đáng nhường chỗ thì nhường chỗ, đáng chắp tay hướng về lễ bái thăm hỏi thì chắp tay hướng về lễ bái thăm hỏi. Người ấy tạo nghiệp này, tác thành đầy đủ rồi, đến khi thân hoại mạng chung chắc chắn tiến lên chỗ lành, sanh vào trong cõi trời. Mãn kiếp ở cõi trời, lại sanh vào nhân gian nhằm dòng dõi tôn quý. Vì sao vậy? Vì con đường này đưa đến thọ báo sanh nhằm dòng dõi tôn quý, nghĩa là kẻ nam hay người nữ nào không kiêu ngạo, đại mạn. Ma-nạp nên biết, nghiệp này có quả báo như vậy.

"Này Ma-nạp, do nhân gì, duyên gì mà kẻ nam hay người nữ không có của cải? Nếu có kẻ nam hay người nữ nào không làm thí chủ, không thực hành bố thí cho Sa-môn, Phạm chí, cho kẻ nghèo cùng đơn độc ở xa đến xin những thứ như đồ ăn, thức uống, quần áo, mền, vòng hoa, hương thoa, nhà cửa, giường chõng, đèn dầu và sai dịch. Người ấy tạo nghiệp này, tác thành đầy đủ rồi, đến khi thân hoại mạng chung chắc chắn đưa đến chỗ ác, sanh vào trong địa ngục. Mãn kiếp địa ngục, lại sanh vào nhân gian, không có của cải. Vì sao vậy? Vì con đường này đưa đến thọ báo không có của cải, nghĩa là kẻ nam hay người nữ nào không biết làm người thí chủ, không thực hành bố thí. Ma-nạp nên biết, nghiệp này có quả báo như vậy.

"Này Ma-nạp, do nhân gì, duyên gì mà kẻ nam hay người nữ có nhiều của cải? Nếu có kẻ nam hay người nữ nào biết làm người thí chủ, biết thực hành bố thí. Người ấy bố thí cho Sa-môn, Phạm chí và kẻ nghèo cùng, cô độc từ xa tới xin những thứ như đồ, ăn thức uống, áo quần, mền, vòng hoa, hương thoa, nhà cửa, giường chõng, đèn dầu và sai dịch. Người ấy thọ nhận nghiệp này, tác thành đầy đủ rồi, đến khi thân hoại mạng chung chắc chắn tiến lên chỗ lành, sanh vào trong cõi trời. Mãn kiếp ở cõi trời, lại sanh vào nhân gian, có nhiều của cải. Vì sao vậy? Vì con đường này đưa đến thọ báo có nhiều của cải, nghĩa là kẻ nam hay người nữ nào làm người chủ bố thí, biết thực hành hạnh bố thí. Ma-nạp nên biết, nghiệp này có quả báo như vậy.

"Này Ma-nạp, do nhân gì, duyên gì mà kẻ nam hay người nữ có trí tuệ kém cỏi? Nếu có kẻ nam hay người nữ nào không thường đến nơi kia hỏi việc. Nếu có Sa-môn, Phạm chí danh đức, người ấy không thường đến nơi đó hỏi đạo nghĩa, rằng 'Thưa chư tôn, thế nào là thiện, thế nào là bất thiện? Thế nào là tội, thế nào là không tội? Thế nào là vi diệu, thế nào là không vi diệu? Thế nào là trắng, thế nào là đen? Trắng đen từ đâu sanh ra? Ý nghĩa của quả báo hiện tại như thế nào? Ý nghĩa của quả báo vị lai như thế nào? Ý

nghĩa quả báo hậu thế như thế nào?' Giả sử có hỏi nhưng không chịu thực hành. Người ấy thọ nghiệp này, tác thành đầy đủ rồi, đến khi thân hoại mạng chung chắc chắn đưa đến chỗ ác, sanh vào trong địa ngục. Mãn kiếp địa ngục, lại sanh vào nhân gian, có trí tuệ kém cỏi. Vì sao vậy? Vì con đường này đưa đến thọ báo trí tuệ kém cỏi, nghĩa là kẻ nam hay người nữ ấy không có thường đến nơi kia hỏi việc. Ma-nạp nên biết, nghiệp này có quả báo như vậy.

"Này Ma-nạp, do nhân gì, duyên gì mà kẻ nam hay người nữ có trí tuệ tốt đẹp? Nếu có kẻ nam hay người nữ nào thường hay đến nơi kia hỏi việc. Nếu có Sa-môn, Phạm chí danh đức, người ấy thường đến nơi ấy mà hỏi đạo nghĩa, rằng 'Thưa chư tôn, thế nào là nghiệp thiện, thế nào là bất thiện? Thế nào là tội, thế nào là không tội? Thế nào là vi diệu, thế nào là không vi diệu? Thế nào là trắng, thế nào là đen? Trắng và đen từ đâu sanh ra? Ý nghĩa của quả báo hiện tại là thế nào? Ý nghĩa của quả báo vị lai là thế nào? Ý nghĩa quả báo hậu thế như thế nào?" Hỏi xong lại thường thực hành. Người ấy thọ nghiệp này, tác thành đầy đủ rồi, đến khi thân hoại mạng chung chắc chắn tiến lên chỗ lành, sanh vào trong cõi trời. Mãn kiếp ở cõi trời, lại sanh vào nhân gian, có trí tuệ tốt đẹp. Vì sao vậy? Vì con đường này đưa đến thọ báo có trí tuệ tốt đẹp, nghĩa là kẻ nam hay người nữ nào thường hay đến nơi kia hỏi việc. Ma-nạp nên biết, nghiệp này có quả báo như vậy.

"Ma-nạp nên biết, tạo tác nghiệp tương xứng với đoản thọ, tất chịu đoản thọ. Tạo nghiệp tương xứng với trường thọ, tất được trường thọ. Tạo tác nghiệp tương xứng với nhiều tật bệnh, tất phải chịu nhiều tật bệnh. Tạo tác nghiệp tương xứng với ít tật bệnh, tất được ít tật bệnh. Tạo tác nghiệp tương xứng với sự không đoan chánh, tất phải thọ sự không đoan chánh. Tạo tác nghiệp tương xứng với đoan chánh, tất được đoan chánh. Tạo tác nghiệp tương xứng với không oai đức, tất phải chịu không oai đức. Tạo tác nghiệp tương xứng với oai đức, tất được oai đức. Tạo tác nghiệp tương xứng với dòng dõi ti tiện, tất phải sanh nhằm dòng dõi ti tiện. Tạo tác nghiệp tương xứng với dòng dõi tôn quý, tất được sanh vào dòng dõi tôn quý. Tạo tác nghiệp tương xứng với không của cải, tất bị không của cải. Tạo tác nghiệp tương xứng với nhiều của cải, tất được nhiều của cải. Tạo tác nghiệp tương xứng với trí tuệ kém cỏi, tất bị trí tuệ kém cỏi. Tạo tác nghiệp tương xứng với trí tuệ tốt đẹp, tất được trí tuệ tốt đẹp.

"Này Ma-nạp, đó là những điều Ta đã nói từ trước rằng 'Chúng sanh do hành nghiệp của chính mình, do nghiệp mà thọ báo, duyên nơi nghiệp, tùy theo nghiệp xứ cao thấp mà chúng sanh có tốt đẹp hay không tốt đẹp' ".

Anh Vũ Ma-nạp Đô-đề Tử bạch rằng:

"Bạch Thế Tôn, con đã hiểu! Bạch Thiện Thệ, con đã hiểu! Thế Tôn, nay con tự quy y Phật, quy y Pháp và chúng Tỳ-kheo. Cúi xin Đức Thế Tôn nhận con làm Ưu-bà-tắc. Kể từ ngày nay, trọn đời tự quy y cho đến tận mạng. Bạch Đức Thế Tôn, bắt đầu ngày nay, mong Ngài vào nhà Đô-đề như vào nhà Ưu-bà-tắc khác tại Xá-vệ, để cho nhà Đô-đề được lợi nghĩa, được lợi ích an ổn, khoái lạc lâu dài[5]".

Phật thuyết như vậy. Anh Vũ Ma-nạp Đô-đề Tử và vô lượng chúng sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

---

5. No.79 kết luận, Phật nói: đời sau ai nghe kinh này mà lông dựng đứng, nước mắt chảy sẽ được gặp Phật Di-lặc trong tương lai.

❑

171. KINH PHÂN BIỆT ĐẠI NGHIỆP[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật du hóa tại thành Vương xá, trú trong Trúc lâm, vườn Ca-lan-đà.

Bấy giờ, Tôn giả Tam-di-đề[2] cũng trú ở thành Vương xá, trong thiền thất Vô sự. Lúc ấy, dị học Bộ-la-đà Tử[3] sau giờ trưa, ung dung đi đến chỗ Tôn giả Tam-di-đề, cùng chào hỏi rồi lui ngồi xuống một bên và hỏi:

"Này Hiền giả Tam-di-đề, tôi có điều muốn hỏi, ngài cho phép chăng?"

Tôn giả Tam-di-đề đáp:

"Hiền giả Bộ-la-đà Tử, muốn hỏi cứ hỏi. Tôi nghe xong sẽ suy nghĩ".

Dị học Bộ-la-đà Tử bèn hỏi:

"Này Hiền giả Tam-di-đề, tôi trực tiếp nghe từ Sa-môn Cù-đàm, tôi trực tiếp nhận từ Sa-môn Cù-đàm, rằng 'Thân nghiệp, khẩu nghiệp là hư vọng. Chỉ có ý nghiệp là chơn thật. Có một loại định, Tỳ-kheo vào định đó không còn hay biết gì' ".

Tôn giả Tam-di-đề đáp:

"Hiền giả Bộ-la-đà Tử, chớ có nói như vậy, chớ có hủy báng Đức Thế Tôn. Hủy báng Thế Tôn là bất thiện. Thế Tôn không nói như vậy.

"Hiền giả Bộ-la-đà Tử, Đức Thế Tôn đã dùng vô số phương tiện nói rằng 'Nếu cố ý tạo tác nghiệp[4], khi tác đã thành, Ta nói không có việc không thọ báo, hoặc hiện tại thọ báo, hoặc đời sau thọ báo. Nếu không cố ý tạo tác nghiệp, khi tác đã thành, Ta không nói chắc chắn phải thọ báo' ".

Dị học Bộ-la-đà Tử ba lần nhắc lại câu ấy với Tôn giả Tam-di-đề rằng:

"Này Hiền giả Tam-di-đề, tôi trực tiếp nghe từ Sa-môn Cù-đàm, tôi trực tiếp nhận từ Sa-môn Cù-đàm, rằng 'Thân nghiệp, khẩu nghiệp là hư vọng. Chỉ có ý nghiệp là chơn thật. Có một loại định, Tỳ-kheo vào định đó không còn hay biết gì'."

Tôn giả Tam-di-đề cũng ba lần đáp:

"Hiền giả Bộ-la-đà Tử, chớ có nói như vậy, chớ có hủy báng Đức Thế Tôn. Hủy báng Thế Tôn là bất thiện. Thế Tôn không nói như vậy.

"Hiền giả Bộ-la-đà Tử, Đức Thế Tôn đã dùng vô số phương tiện nói rằng 'Nếu cố ý tạo tác nghiệp, khi tác đã thành, Ta nói không có việc không thọ báo, hoặc hiện tại thọ báo, hoặc đời sau thọ báo. Nếu không cố ý tạo tác nghiệp, khi tác đã thành, Ta không nói chắc chắn phải thọ báo' ".

Dị học Bộ-la-đà Tử hỏi Tôn giả Tam-di-đề:

---

1. Tương đương Pāli, M.136. Mahā-Kammavibhaṅga-suttam.
2. Tam-di-đề, xem kinh số 165.
3. Bộ-la-đà Tử ━━━━l━c Pāli: Potaliputta.
4. Hán: cố tác nghiệp, nghiệp được làm với sự cố ý. Pāli: sañcetanika kamma.

"Nếu cố ý tạo tác nghiệp, khi tác nghiệp đã thành, phải thọ báo gì?"

Tôn giả Tam-di-đề đáp:

"Hiền giả Bộ-la-đà Tử, nếu cố ý tạo tác nghiệp, khi tác nghiệp đã thành, tất thọ báo khổ".

Dị học Bộ-la-đà Tử lại hỏi:

"Này Hiền giả Tam-di-đề, ông học đạo trong pháp luật này bao lâu rồi?"

Tôn giả Tam-di-đề đáp rằng:

"Hiền giả Bộ-la-đà Tử, tôi học đạo trong pháp luật này mới có ba năm".

Lúc ấy, dị học Bộ-la-đà Tử bèn suy nghĩ rằng: "Tỳ-kheo niên thiếu mà vẫn có thể bảo hộ Tôn sư như vậy, huống nữa là vị Thượng tọa cựu học."

Rồi thì dị học Bộ-la-đà Tử nghe Tôn giả Tam-di-đề nói, không cho là phải, cũng không cho là quấy, rời chỗ ngồi, lắc đầu mà đi.

Lúc bấy giờ Tôn giả Đại Châu-na[5], đang ở cách chỗ nghỉ ngày của Tôn giả Tam-di-đề không xa. Tôn giả Đại Châu-na nghe cuộc đối thoại giữa Tôn giả Tam-di-đề và dị học Bộ-la-đà Tử, ghi nhớ tất cả, rồi từ chỗ ngồi đứng dậy đi đến Tôn giả A-nan, cùng chào hỏi xong rồi ngồi xuống một bên và mang những lời đối thoại giữa Tôn giả Tam-di-đề và dị học Bộ-la-đà Tử thuật lại hết cho Tôn giả A-nan nghe.

Tôn giả A-nan nghe xong bảo rằng:

"Này Hiền giả Châu-na, nhơn câu chuyện này, chúng ta nên đến gặp Đức Phật và trình bày lên Thế Tôn. Hiền giả Châu-na, chúng ta hãy cùng đến nơi Thế Tôn và bạch lên Thế Tôn tất cả nghĩa này. Hoặc nhơn đây, chúng ta được nghe những pháp nào khác của Thế Tôn".

Rồi Tôn giả A-nan và Tôn giả Đại Châu-na cùng đi đến chỗ Phật. Tôn giả Đại Châu-na cúi đầu đảnh lễ sát chân Phật, rồi ngồi xuống một bên. Tôn giả A-nan cúi đầu làm lễ sát chân Phật rồi đứng qua một bên.

Lúc đó, Tôn giả A-nan nói rằng:

"Này Hiền giả Châu-na, Hiền giả nên nói đi! Hiền giả nên nói đi!"

Bấy giờ Thế Tôn hỏi:

"Này A-nan, Tỳ-kheo Châu-na muốn nói sự gì?"

Tôn giả A-nan thưa:

"Bạch Thế Tôn, Thế Tôn sẽ tự nghe hết câu chuyện".

"Rồi thì Tôn giả Đại Châu-na thuật lại đầu đuôi cuộc đối thoại giữa Tôn giả Tam-di-đề và dị học Bộ-la-đà Tử cho Phật nghe. Nghe xong, Thế Tôn bảo rằng:

"Này A-nan, hãy xem Tỳ-kheo Tam-di-đề người si, không đạo lý gì. Vì sao? Vấn đề dị học Bộ-la-đà Tử hỏi là bất định[6] mà Tỳ-kheo Tam-di-đề, người ngu si kia chỉ trả lời theo nhất hướng đáp[7]."

Tôn giả A-nan bạch rằng:

---

5. Đại Châu-na ▪j▪P▬C Pāli: Mahā-Cunda, đệ tử của ngài Xá-lợi-phất.

6. *Vấn sự bất định* ▬▬▬▬w▪A câu hỏi không xác định, cần trả lời bằng phân biệt đáp; một trong bốn ký vấn. Xem thêm cht. dưới. Bản Thánh chép: *vấn sự bất túc* ▬A nhầm tự dạng. Pāli: vibhajja-byākāṇiyo pañho.

7. Nhất hướng đáp, một trong bốn cách trả lời vấn đề, *tứ ký vấn*: nhất hướng (xác định), phân biệt, phản cật bà xả trí. Pāli: ekaṃsena vyākato.

"Bạch Thế Tôn, nếu Tỳ-kheo Tam-di-đề nhơn việc này trả lời rằng 'Những gì được cảm thọ đều là khổ' thì có lỗi gì?"

Đức Thế Tôn quở Tôn giả A-nan:

"Hãy xem Tỳ-kheo A-nan cũng không có đạo lý gì cả. A-nan, kẻ ngu si Tam-di-đề này, dị học Bộ-la-đà Tử kia hỏi tất cả ba cảm thọ, khổ thọ, lạc thọ và không khổ không lạc thọ. A-nan, nếu kẻ ngu si Tam-di-đề được dị học Bộ-la-đà Tử hỏi, nên đáp như vầy, 'Này Hiền giả Bộ-la-đà Tử, nếu cố ý tạo nghiệp an lạc, khi tác đã thành sẽ thọ quả báo an lạc. Nếu cố ý tạo nghiệp khổ, khi tác đã thành, sẽ thọ quả báo khổ. Nếu cố ý tạo nghiệp không khổ không lạc, khi tác đã thành rồi sẽ thọ quả báo không khổ không lạc'. Này A-nan, nếu kẻ ngu si Tam-di-đề được dị học Bộ-la-đà Tử hỏi và đáp như vậy thì dị học Bộ-la-đà Tử mắt còn không dám nhìn Tam-di-đề ngu si ấy, huống nữa lại có thể hỏi đến chuyện như vậy chăng?

"Này A-nan, nếu ngươi từ Thế Tôn mà nghe kinh 'Phân biệt đại nghiệp', thì đối với Như Lai lại càng tăng thượng tâm tĩnh, được hoan hỷ".

Bấy giờ, Tôn giả A-nan chắp tay hướng về Phật, bạch rằng:

"Bạch Thế Tôn, nay thật đúng lúc. Bạch Thiện Thệ, nay thật đúng lúc. Nếu Thế Tôn vì các Tỳ-kheo nói kinh 'Phân Biệt Đại Nghiệp', các Tỳ-kheo nghe xong sẽ ghi nhớ kỹ".

Thế Tôn bảo:

"Này A-nan, hãy lắng nghe, hãy suy nghĩ kỹ, Ta sẽ phân biệt đầy đủ cho ngươi nghe".

Tôn giả A-nan thưa:

"Kính vâng, bạch Thế Tôn".

Bấy giờ, các Tỳ-kheo vâng lời dạy, lắng nghe.

Phật nói:

"Này A-nan, hoặc có một người không từ bỏ sát sanh, không từ bỏ lấy của không cho, không từ bỏ tà dâm, không từ bỏ nói dối,... cho đến không từ bỏ tà kiến. Với sự không xả ly, không thủ hộ này, thân hoại mạng chung sanh về chỗ lành, sanh lên trời. Này A-nan, hoặc có một người từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà dâm, từ bỏ nói dối, cho đến từ bỏ tà kiến. Với sự xả ly, sự thủ hộ này, thân hoại mạng chung sanh về chỗ ác, trong địa ngục.

"Này A-nan, hoặc có một người không từ bỏ sát sanh, không từ bỏ lấy của không cho, không từ bỏ tà dâm, không từ bỏ nói dối, cho đến không từ bỏ tà kiến. Với sự không xả ly, không thủ hộ này, thân hoại mạng chung sanh về chỗ ác, trong địa ngục. Này A-nan, hoặc có một người từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà dâm, từ bỏ nói dối, cho đến từ bỏ tà kiến. Với sự xả ly và thủ hộ này, thân hoại mạng chung sanh về chốn lành, trong cõi trời.

"Này A-nan, nếu có một người không từ bỏ sát sanh, không từ bỏ lấy của không cho, không từ bỏ tà dâm, không từ bỏ nói dối, cho đến không từ bỏ tà kiến; với sự không xả ly, không thủ hộ này, thân hoại mạng chung, người ấy sanh về chốn lành, trong cõi trời. Nếu có vị Sa-môn, Phạm chí chứng được thiên nhãn, thành tựu thiên nhãn mà thấy người kia, thấy rồi bèn tự suy nghĩ rằng, 'Không có thân ác hành, cũng không có quả báo của thân ác hành. Không có khẩu và ý ác hành, cũng không có quả báo của khẩu và ý ác hành. Vì sao? Ta thấy người kia không từ bỏ sát sanh, không từ bỏ sự lấy của không cho, không từ bỏ tà dâm, không từ bỏ nói dối, cho đến không từ bỏ tà kiến; với sự không xả ly, không

thủ hộ này, thân hoại mạng chung sanh về cõi lành, trong cõi trời. Nếu có những trường hợp khác cũng tương tự như vậy, không từ bỏ sát sanh, không từ bỏ không cho mà lấy, không từ bỏ tà dâm, không từ bỏ nói dối, cho đến không từ bỏ tà kiến; với sự không xả ly, không thủ hộ này, kia tất cả khi thân hoại mạng chung nhất định sanh về cõi lành, trong cõi trời. Ai thấy như vậy gọi là chánh kiến. Ai thấy khác đi, trí họ đi về nẻo tà'. Bất cứ sở tri và sở kiến nào được cực lực mò mẫm, dều chủ trương theo một chiều rằng 'Đây mới là chân thật, ngoài ra đều hư dối'.

"Này A-nan, nếu có một người từ bỏ sát sanh, từ bỏ không cho mà lấy, từ bỏ tà dâm, từ bỏ nói dối, cho đến từ bỏ tà kiến; với sự xả ly, thủ hộ này, thân hoại mạng chung sanh về chốn ác, sanh trong địa ngục. Nếu có Sa-môn, Phạm chí chứng được thiên nhãn, thành tựu thiên nhãn mà thấy người kia, thấy rồi bèn tự suy nghĩ rằng: "Không có thân diệu hạnh, không có quả báo của thân diệu hạnh, không có khẩu và ý diệu hạnh, cũng không có quả báo của khẩu và ý diệu hạnh'. Vì sao? Ta thấy người kia từ bỏ sát sanh, từ bỏ sự lấy của không cho từ bỏ tà dâm, không từ bỏ nói dối, cho đến từ bỏ tà kiến; với sự xả ly thủ hộ này, thân hoại mạng chung sanh về chốn ác, sanh trong địa ngục. Nếu có những trường hợp khác cũng tương tự như vậy, từ bỏ sát sanh, từ bỏ không cho mà lấy, từ bỏ tà dâm, từ bỏ nói dối, cho đến từ bỏ tà kiến; với sự xả ly, thủ hộ này, kia tất cả khi thân hoại mạng chung nhất định sanh về chốn ác, sanh trong địa ngục. Ai thấy như vậy gọi là chánh kiến. Ai thấy khác đi, trí họ đi về nẻo tà'. Bất cứ sở tri và sở kiến nào được cực lực mò mẫm, đều chủ trương theo một chiều rằng 'Đây mới là chân thật, ngoài ra đều hư dối'.

"Này A-nan, nếu có một người không từ bỏ sát sanh, không từ bỏ không cho mà lấy, không từ bỏ tà dâm, không từ bỏ nói dối, cho đến không từ bỏ tà kiến; với sự không xả ly, không thủ hộ này, thân hoại mạng chung sanh về chốn ác, sanh trong địa ngục. Nếu có Sa-môn, Phạm chí chứng được thiên nhãn, thành tựu thiên nhãn mà thấy người kia, thấy rồi bèn tự suy nghĩ: 'Có thân ác hạnh, có quả báo của thân ác hạnh, có khẩu và ý ác hạnh, cũng không có quả báo của khẩu và ý ác hạnh'. Vì sao? Ta thấy kẻ kia không từ bỏ sát sanh, không từ bỏ không cho mà lấy, không từ bỏ tà dâm, không từ bỏ nói dối, cho đến không từ bỏ tà kiến; với sự không xả ly, không thủ hộ này, kia tất cả khi thân hoại mạng chung nhất định sanh về chốn ác, sanh trong địa ngục. Ai thấy như vậy gọi là chánh kiến; thấy khác đi, trí họ đi về nẻo tà'. Bất cứ sở tri và sở kiến nào được cực lực mò mẫm, đều chủ trương theo một chiều rằng: 'Đây mới là chân thật, ngoài ra đều hư dối.'

"Này A-nan, nếu có một người từ bỏ sát sanh, từ bỏ không cho mà lấy, từ bỏ tà dâm, từ bỏ nói dối, cho đến từ bỏ tà kiến. Với sự xả ly, thủ hộ này, thân hoại mạng chung sanh về chốn lành, sanh trong cõi trời. Nếu có Sa-môn, Phạm chí chứng được thiên nhãn, thành tựu thiên nhãn mà thấy người kia, thấy rồi bèn tự suy nghĩ: 'Có thân diệu hạnh, cũng có quả báo của thân diệu hạnh; có khẩu và ý diệu hạnh, cũng có quả báo của khẩu và ý diệu hạnh. Vì sao? Ta thấy kẻ kia từ bỏ sát sanh, từ bỏ không cho mà lấy, từ bỏ tà dâm, từ bỏ nói dối, cho đến từ bỏ tà kiến; với sự xả ly, thủ hộ này, khi thân hoại mạng chung nhất định sanh về chốn lành, sanh trong cõi trời. Nếu lại có trường hợp khác tương tợ như vậy, từ bỏ sát sanh, từ bỏ không cho mà lấy, từ bỏ tà dâm, từ bỏ nói dối, cho đến từ bỏ tà kiến; với sự xả ly, thủ hộ này, tất cả những người ấy khi thân hoại mạng chung nhất định sẽ sanh về nẻo lành, sanh trong cõi trời. Ai thấy như vậy gọi là chánh kiến; thấy khác đi, trí họ đi về nẻo tà'. Bất cứ sở tri và sở kiến nào được cực lực mò mẫm, chủ trương theo một chiều rằng: 'Đây mới là chân thật, ngoài ra đều hư dối'.

"Này A-nan, ở trong đó, nếu vị Sa-môn, Phạm chí chứng được thiên nhãn, thành

tựu thiên nhãn, nói như thế này, 'Không có thân ác hành, không có quả báo của thân ác hành. Không có khẩu, ý ác hành, không có quả báo của khẩu và ý ác hành'. Ta không theo vị ấy. Nếu vị ấy nói như thế này, 'Ta thấy người kia không từ bỏ sát sanh, không từ bỏ không cho mà lấy, không từ bỏ tà dâm, không từ bỏ nói dối, cho đến không từ bỏ tà kiến; với sự không xả ly, không thủ hộ này, thân hoại mạng chung sanh về chốn ác, sanh trong địa ngục'. Ta nghe theo vị ấy. Nếu nói như vầy, 'Nếu có những trường hợp khác tương tợ như vậy, không từ bỏ sát sanh, không từ bỏ không cho mà lấy, không từ bỏ tà dâm, không từ bỏ nói dối, cho đến không từ bỏ tà kiến; với sự không xả ly, không thủ hộ này, tất cả những người ấy khi thân hoại mạng chung sanh về chỗ lành, sanh lên trời'. Ta không nghe theo vị ấy. Nếu có ai nói như vầy, 'Thấy như vậy mới là chánh kiến, thấy khác là kẻ có trí tà'. Ta không nghe theo họ. Bất cứ sở tri và sở kiến nào được cực lực mò mẫm, chủ trương theo một chiều rằng 'Đây mới là chân thật, ngoài ra đều hư dối.' Ta cũng không nghe họ. Vì sao? Này A-nan, Như Lai biết những người đó là trường hợp khác.

"Này A-nan, trong đó có Sa-môn, Phạm chí chứng được thiên nhãn, thành tựu thiên nhãn, nói thế này, 'Không có thân diệu hạnh, cũng không có quả báo của thân diệu hạnh; không có khẩu, ý diệu hạnh, cũng không có quả báo của khẩu và ý diệu hạnh'. Ta không nghe theo vị ấy. Nếu nói thế này, 'Ta thấy người kia từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà dâm, từ bỏ nói dối, cho đến từ bỏ tà kiến. Với sự xả ly, thủ hộ này, thân hoại mạng chung sanh về nẻo ác, sanh trong địa ngục'. Ta nghe theo[8] vị ấy. Nếu có ai nói thế này, 'Có những trường hợp khác tương tợ như vầy, từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà dâm, từ bỏ nói dối, cho đến từ bỏ tà kiến; với sự xả ly, thủ hộ này, tất cả những người ấy khi thân hoại mạng chung sanh về nẻo ác, sanh trong địa ngục'. Ta không nghe theo họ[9]. Nếu kia lại nói thế này, 'Thấy như vậy mới là chánh kiến, thấy khác là kẻ có trí tà'. Ta cũng không nghe họ. Bất cứ sở tri và sở kiến nào được cực lực mò mẫm, chủ trương theo một chiều rằng 'Đây mới là chân thật, ngoài ra đều hư dối.' Ta cũng không nghe họ. Vì sao? Này A-nan, Như Lai biết những người đó là trường hợp khác.

"Này A-nan, trong đó nếu có Sa-môn, Phạm chí chứng được thiên nhãn, thành tựu thiên nhãn, nói như vầy, 'Có thân ác hạnh, cũng có quả báo của thân ác hạnh. Có khẩu, ý ác hạnh, cũng có quả báo của khẩu và ý ác hạnh'. Ta nghe theo vị ấy. Nếu kia nói như thế này, 'Ta thấy người kia không từ bỏ sát sanh, không từ bỏ lấy của không cho, không từ bỏ tà dâm, không từ bỏ nói dối, cho đến không từ bỏ tà kiến. Với sự không xả ly, không thủ hộ này, thân hoại mạng chung sanh về nẻo ác, sanh trong địa ngục'. Ta nghe theo vị ấy. Nếu nói thế này, 'Những trường hợp tương tợ như vậy, không từ bỏ sát sanh, không từ bỏ lấy của không cho, không từ bỏ tà dâm, không từ bỏ nói dối, cho đến không từ bỏ tà kiến; với sự không xả ly, không thủ hộ này, tất cả những người ấy khi thân hoại mạng chung sanh về nẻo ác, sanh trong địa ngục'. Ta không nghe theo họ. Nếu kia lại nói thế này, 'Thấy như vậy mới là chánh kiến, thấy khác là kẻ có trí tà'. Ta cũng không nghe họ. Bất cứ sở tri và sở kiến nào được cực lực mò mẫm, chủ trương theo một chiều rằng 'Đây mới là chân thật, ngoài ra đều hư dối'. Ta cũng không nghe họ. Vì sao? Này A-nan, Như Lai biết những người đó là trường hợp khác.

"Này A-nan, trong đó nếu có Sa-môn, Phạm chí chứng được thiên nhãn, thành

---

8. Chấp nhận có. Trường hợp hành thiện, nhưng tái sanh ác thú. Vì có sự phân biệt.
9. Như trên, nhưng không chấp nhận, vì quan điểm nhất hướng.

tựu thiên nhãn, nói như thế này, 'Có thân diệu hạnh, cũng có quả báo của thân diệu hạnh; có khẩu, ý diệu hạnh, cũng có quả báo của khẩu và ý diệu hạnh'. Ta nghe theo vị ấy. Nếu nói như vầy, 'Ta thấy người kia từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà dâm, từ bỏ nói dối, cho đến từ bỏ tà kiến; với sự xả ly, thủ hộ này, thân hoại mạng chung sanh về chốn lành, sanh trong cõi trời'. Ta nghe theo họ. Nếu nói như vầy, 'Nếu có những trường hợp tương tợ như vầy, từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà dâm, từ bỏ nói dối, cho đến từ bỏ tà kiến; với sự xả ly, thủ hộ này, tất cả những người ấy khi thân hoại mạng chung sanh về chốn lành, sanh trong cõi trời'. Ta không nghe theo họ. Nếu kia lại nói thế này, 'Thấy như vậy mới là chánh kiến, thấy khác là kẻ có trí tà'. Ta cũng không nghe họ. Bất cứ sở tri và sở kiến nào được cực lực mò mẫm, chủ trương theo một chiều rằng 'Đây mới là chân thật, ngoài ra đều hư dối.' Ta cũng không nghe họ. Vì sao? Này A-nan, Như Lai biết những người đó là trường hợp khác.

"Này A-nan, nếu có một người không từ bỏ sát sanh, không từ bỏ lấy của không cho, không từ bỏ tà dâm, không từ bỏ nói dối, cho đến không từ bỏ tà kiến; với sự không xả ly, không thủ hộ này, thân hoại mạng chung sanh về chốn lành, sanh trong cõi trời. Ấy là, nếu trước kia nó đã tạo tác nghiệp bất thiện, tác đã thành rồi, do sự không xả ly, không thủ hộ, cho nên ở trong đời hiện tại thọ báo xong, họ sanh về nơi đó[10]. Hoặc do hậu báo cho nên người kia không vì nhơn này, không vì duyên này mà thân hoại mạng chung sanh về chốn lành, sanh trong cõi trời. Hoặc trước kia đã tạo tác nghiệp thiện, tác đã thành rồi, do xả ly và thủ hộ nên chưa tiêu hết, cần phải được thọ báo ở chốn lành; kia do nhơn này, duyên này cho nên thân hoại mạng chung sanh về chốn lành, sanh trong cõi trời. Hoặc khi chết khởi các tâm, và tâm sở hữu pháp thuộc thiện[11] tương ưng với chánh kiến; kia nhờ nhơn này, duyên này, thân hoại mạng chung sanh về chốn lành, sanh trong cõi trời. A-nan, Như Lai biết người kia là như vậy.

"Này A-nan, nếu có một người từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà dâm, từ bỏ nói dối, cho đến từ bỏ tà kiến; với sự xả ly, thủ hộ này, thân hoại mạng chung sanh về nẻo ác, sanh trong địa ngục. Nếu trước kia họ đã tạo tác nghiệp thiện, tác đã thành rồi, do sự xả ly, thủ hộ cho nên ở trong đời hiện tại họ thọ báo xong, cho nên sanh về nơi đó. Hoặc do bởi hậu báo cho nên họ không vì nhơn này, duyên này mà thân hoại mạng chung sanh về nẻo ác, sanh trong địa ngục. Hoặc trước kia đã tạo tác nghiệp bất thiện, tác đã thành rồi, do không xả ly và không thủ hộ nên chưa tiêu hết, phải thọ báo ở địa ngục; họ do nhơn này, duyên này cho nên thân hoại mạng chung sanh về nẻo ác, sanh trong địa ngục. Hoặc khi chết sanh tâm và các tâm sở hữu pháp bất thiện tương ưng với tà kiến, do nhơn này, duyên này, thân hoại mạng chung sanh về nẻo ác, sanh trong địa ngục. A-nan, Như Lai biết người kia là như vậy.

"Này A-nan, nếu có một người không từ bỏ sát sanh, không từ bỏ lấy của không cho, không từ bỏ tà dâm, không từ bỏ nói dối, cho đến không từ bỏ tà kiến; với sự không xả ly, không thủ hộ này, thân hoại mạng chung sanh về nẻo ác, sanh trong địa ngục. Kia do chính nhơn này, duyên này thân hoại mạng chung sanh về nẻo ác, sanh trong địa ngục. Hoặc trước kia đã tạo tác nghiệp bất thiện, tác đã thành rồi, do sự không xả ly, không thủ hộ mà chưa tiêu hết, nên phải thọ báo ở địa ngục; kia do nhơn này, duyên này cho nên

---

10. Tức sanh về cõi lành.
11. Tức khi chết với tâm và tâm sở thiện.

thân hoại mạng chung sanh về nẻo ác, sanh trong địa ngục. Hoặc khi chết sanh các tâm và tâm sở hữu pháp bất thiện tương ưng với tà kiến, kia do nhơn này, duyên này, thân hoại mạng chung sanh về nẻo ác, sanh trong địa ngục. A-nan, Như Lai biết người kia là như vậy.

"Này A-nan, nếu có một người từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà dâm, từ bỏ nói dối, cho đến từ bỏ tà kiến; với sự xả ly, thủ hộ này, thân hoại mạng chung sanh về chốn lành, sanh trong cõi trời. Kia nhờ chính nhơn này, duyên này thân hoại mạng chung sanh về chốn lành, sanh trong cõi trời. Hoặc trước kia đã tạo tác nghiệp thiện, tác đã thành rồi, nhờ có xả ly, có thủ hộ mà chưa tiêu hết, phải được thọ báo thiện; kia nhờ nhơn này, duyên này cho nên thân hoại mạng chung sanh về chốn lành, sanh trong cõi trời. Hoặc đến lúc chết sanh các tâm và tâm sở hữu pháp thiện tương ưng với chánh kiến, kia do nhơn này, duyên này, thân hoại mạng chung sanh về chốn lành, sanh trong cõi trời. A-nan, Như Lai biết người kia là như vậy.

"Lại nữa, có bốn hạng người. Hoặc có người không có mà tợ như có. Hoặc có mà tợ như không có. Hoặc không có tợ như không có. Hoặc có tợ như có.

"Này A-nan, cũng như có bốn loại xoài. Hoặc xoài không chín mà giống như chín. Hoặc chín giống như không chín. Hoặc không chín giống như không chín. Hoặc chín giống như chín.

"Cũng vậy A-nan, bốn thứ xoài được thí dụ với người. Hoặc có người không có mà tợ như có. Hoặc có mà tợ như không có. Hoặc không có tợ như không có. Hoặc có tợ như có".

Phật thuyết như vậy. Tôn giả A-nan và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

❑

PHẨM THỨ 14: PHẨM TÂM

172. KINH TÂM
173. KINH PHÙ-DI
174. KINH THỌ PHÁP (I)
175. KINH THỌ PHÁP (II)
176. KINH HÀNH THIỀN
177. KINH THUYẾT
178. KINH LẠP SƯ
179. KINH NGŨ CHI VẬT CHỦ
180. KINH CÙ-ĐÀM-DI
181. KINH ĐA GIỚI

172. KINH TÂM[1]

Tôi nghe như vầy.

Một thời Đức Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng, vườn Cấp cô độc.

Bấy giờ, có một Tỳ-kheo sống cô độc tại một nơi an tĩnh, thiền tọa tư duy, tâm khởi ý niệm: 'Cái gì dẫn thế gian đi? Cái gì làm nhiễm trước[2]? Cái gì khởi tự tại[3]?'

Khi ấy, vào lúc xế chiều, Tỳ-kheo ấy từ thiền tọa dậy, đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ chân Phật rồi ngồi xuống một bên, bạch rằng:

"Bạch Thế Tôn, hôm nay con một mình ở một nơi yên tĩnh, thiền tọa tư duy, tâm khởi ý niệm 'Cái gì dẫn thế gian đi? Cái gì làm nhiễm trước? Cái gì khởi tự tại?'."

Đức Thế Tôn nghe xong, khen ngợi:

"Lành thay! Lành thay! Tỳ-kheo! Là con đường hiền thiện lại được quán sát hiền thiện, là biện tài tinh diệu với tư duy khéo léo[4] rằng 'Cái gì dẫn thế gian đi? Cái gì làm nhiễm trước? Cái gì khởi tự

---

1. Bản Hán, quyển 45. Tương đương Pāli A.4.19.6 Ummagga-sutta. Hán, Biệt dịch, No.82 Phật Thuyết Ý Kinh, Tây Tấn, Trúc Pháp Hộ dịch.
2. Thùy vi nhiễm trước ———V——C No.82: dĩ hà cố thọ khổ -H——G——W-A vì cái gì mà thọ khổ? Pāli: kena loko parikissati, cái gì bức bách thế gian? Trong bản Hán, đọc là pari-kilissati, thay vì parikissati.
3. No.82: *dĩ hà cố sanh, sanh dĩ nhập tùy tùng* -H——G——A——w-J-H-Q-A do cái gì mà sanh, sanh rồi chịu chi phối? Pāli: Kassa ca uppannassa vasam gacchati, dưới sự chỉ đạo của cái đã sanh khởi nào mà (thế giới) tiến hành?
4. Hữu hiền đạo nhi hữu hiền quán... ———D————[-C Pāli: Bhaddako kho te ummaggo, bhaddako paṭibhānam kalyāni paripucchā, tốt lành thay là con đường (hầm) của ngươi; sự lý giải thật là tốt lành; những câu hỏi thật là khéo léo.

tại?' Này Tỳ-kheo, câu hỏi của ngươi là như vậy chăng?"

Thầy Tỳ-kheo ấy đáp:

"Bạch Thế Tôn, đúng vậy".

Đức Thế Tôn nói:

"Này Tỳ-kheo, tâm dẫn thế gian đi, tâm làm nhiễm trước, tâm khởi tự tại[5]. Này Tỳ-kheo, chính nó dẫn thế gian đi, chính nó làm nhiễm trước và cũng chính nó khởi tự tại. Này Tỳ-kheo, Đa văn Thánh đệ tử không để tâm dẫn đi, không để tâm nhiễm trước, không để tâm tự tại. Này Tỳ-kheo, Đa văn Thánh đệ tử không vâng theo sự tự tại của tâm, mà tâm tùy theo tự tại của Đa văn Thánh đệ tử".

Tỳ-kheo bạch rằng:

"Lành thay! Lành thay! Kính vâng, bạch Thế Tôn!"

Tỳ-kheo ấy sau khi nghe Phật thuyết giảng, hoan hỷ phụng hành rồi lại hỏi tiếp:

"Bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo đa văn; được nói là Tỳ-kheo đa văn, bạch Thế Tôn, thế nào gọi là Tỳ-kheo đa văn? Thế nào để được tuyên bố là Tỳ-kheo đa văn?"

Đức Thế Tôn nghe xong, khen ngợi:

"Lành thay, lành thay, Tỳ-kheo, là con đường hiền thiện lại được quán sát hiền thiện, là biện tài tinh diệu với tư duy khéo léo rằng 'Bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo đa văn; được nói là Tỳ-kheo đa văn, bạch Thế Tôn, thế nào gọi là Tỳ-kheo đa văn? Thế nào để được tuyên bố là Tỳ-kheo đa văn?' Này Tỳ-kheo, câu hỏi của ngươi là như vậy chăng?"

Tỳ-kheo đáp:

"Bạch Thế Tôn, đúng vậy".

Đức Thế Tôn nói:

"Này Tỳ-kheo, những gì được Ta thuyết giảng rất nhiều, là chánh kinh, ca vịnh, ký thuyết, kệ tha, nhân duyên, soạn lục, bản khởi, thử thuyết, sanh xứ, quảng giải, vị tằng hữu pháp và thuyết nghĩa. Này Tỳ-kheo, nếu có thiện nam tử chỉ nghe Ta nói bốn câu kệ mà biết nghĩa, biết pháp, thực hành pháp và tùy pháp, thuận theo phạm hạnh, thì này Tỳ-kheo, nói Tỳ-kheo đa văn là chỉ nói

---

5. Pāli: cittassa upannassa vasaṃ gacchati, tâm sau khi sanh khởi khống chế (thế gian).

như vậy chứ không hơn nữa. Này Tỳ-kheo, như vậy là Tỳ-kheo đa văn. Như Lai tuyên bố như vậy là Tỳ-kheo đa văn".

Tỳ-kheo bạch rằng:

"Lành thay! Lành thay! Kính vâng, bạch Thế Tôn!"

Tỳ-kheo ấy sau khi nghe Phật thuyết giảng, hoan hỷ phụng hành rồi lại hỏi tiếp:

"Bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo đa văn có trí tuệ minh đạt[6], nói là Tỳ-kheo đa văn có trí tuệ minh đạt. Bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo đa văn có trí tuệ minh đạt? Thế nào để được tuyên bố là Tỳ-kheo đa văn có trí tuệ minh đạt?"

Đức Thế Tôn nghe xong khen ngợi:

"Lành thay! Lành thay! Tỳ-kheo! Là con đường hiền thiện lại được quán sát hiền thiện, là biện tài tinh diệu với tư duy khéo léo rằng 'Bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo đa văn có trí tuệ minh đạt, nói là Tỳ-kheo đa văn có trí tuệ minh đạt. Bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo đa văn có trí tuệ minh đạt? Thế nào để được tuyên bố là Tỳ-kheo đa văn có trí tuệ minh đạt?' Này Tỳ-kheo, câu hỏi của ngươi là như vậy chăng?"

Tỳ-kheo đáp:

"Bạch Thế Tôn, đúng vậy".

Đức Thế Tôn nói:

"Này Tỳ-kheo, nếu Tỳ-kheo nghe rằng 'Đây là Khổ', tức thì với trí tuệ mà chân chánh thấy khổ đúng như thật; nghe Khổ tập, Khổ diệt, Khổ diệt đạo, tức thì với trí tuệ mà chân chánh thấy Khổ diệt đạo đúng như thật. Này Tỳ-kheo, như vậy là đa văn Tỳ-kheo có trí tuệ minh đạt. Như Lai tuyên bố như vậy là đa văn Tỳ-kheo có trí tuệ minh đạt".

Tỳ-kheo bạch rằng:

"Lành thay! Lành thay! Kính vâng, bạch Thế Tôn!"

Tỳ-kheo ấy sau khi nghe Phật thuyết giảng, hoan hỷ phụng hành rồi lại hỏi tiếp:

"Bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo thông minh có hiệt tuệ, quảng tuệ, nói là Tỳ-kheo thông minh có hiệt tuệ, quảng tuệ. Bạch Thế Tôn, thế nào

---

6. Minh đạt trí tuệ. No.82: Tiệp tật trí tuệ. Pāli: Nibbedhikapañño, trí tuệ nhạy bén hay sâu sắc (quyết trạch tuệ).

là Tỳ-kheo thông minh có hiệt tuệ, quảng tuệ? Thế nào để được tuyên bố là Tỳ-kheo thông minh có hiệt tuệ, quảng tuệ?"

Đức Thế Tôn nghe xong, khen ngợi:

"Lành thay! Lành thay! Tỳ-kheo! Là con đường hiền thiện lại được quán sát hiền thiện, là biện tài tinh diệu với tư duy khéo léo rằng 'Bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo thông minh có hiệt tuệ, quảng tuệ, nói là Tỳ-kheo thông minh có hiệt tuệ, quảng tuệ. Bạch Thế Tôn, thế nào là Tỳ-kheo thông minh có hiệt tuệ, quảng tuệ? Thế nào để được tuyên bố là Tỳ-kheo thông minh có hiệt tuệ, quảng tuệ?' Này Tỳ-kheo, câu hỏi của ngươi là như vậy chăng?"

Tỳ-kheo đáp:

"Bạch Thế Tôn, đúng vậy."

Đức Thế Tôn nói:

"Nếu Tỳ-kheo không có niệm gây tự hại, không có niệm gây hại người, cũng không có niệm gây hại cả hai. Tỳ-kheo chỉ có niệm làm lợi ích cho tự thân và lợi ích cho người, lợi ích cho mọi người, thương xót thế gian, mong muốn cho trời, người được lợi ích và phước lành, được an ổn khoái lạc. Này Tỳ-kheo, như vậy là Tỳ-kheo thông minh có hiệt tuệ, quảng tuệ, Như Lai tuyên bố như vậy là Tỳ-kheo thông minh có hiệt tuệ, quảng tuệ".

Tỳ-kheo bạch rằng:

"Lành thay! Lành thay! Kính vâng, bạch Thế Tôn!"

Khi ấy, Tỳ-kheo ấy sau khi nghe Phật thuyết giảng, khéo thọ lãnh, khéo ghi nhớ, khéo tụng tập, rồi từ chỗ ngồi đứng dậy, cúi đầu đảnh lễ chân Phật, nhiễu quanh ba vòng rồi lui ra.

Lúc bấy giờ Tỳ-kheo ấy lãnh thọ lời dạy của Đức Thế Tôn, sống cô độc nơi yên tĩnh xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh cần. Tỳ-kheo ấy khi sống cô độc ở nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh cần để đạt đến mục đích mà một thiện nam tử cạo bỏ râu tóc, khoác áo ca-sa, chí tín lìa bỏ gia đình, sống không gia đình học đạo, là duy chỉ mong thành tựu phạm hạnh vô thượng, ngay trong đời này tự tri, tự giác, tự tác chứng, thành tựu an trụ, biết như thật 'Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa'. Vị Tôn giả ấy đã biết pháp rồi, liền chứng quả A-la-hán.

Phật thuyết như vậy. Các Tỳ-kheo ấy sau khi nghe Phật thuyết,

hoan hỷ phụng hành.

❑

173. KINH PHÙ-DI[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật du hóa tại thành Vương xá, ở trong rừng Trúc lâm, vườn Ca-lan-đa.

Bấy giờ, Tôn giả Phù-di[2] cũng ở tại thành Vương xá, trong thiền thất Vô sự[3].

Lúc bấy giờ, khi đêm đã qua, vào lúc sáng sớm, Tôn giả Phù-di khoác y, ôm bát vào thành Vương xá để khất thực. Tôn giả Phù-di suy nghĩ rằng: "Hãy khoan vào thành Vương xá khất thực. Ta nên đến nhà Vương tử Kỳ-bà-tiên-na Đồng tử[4]".

Rồi thì Tôn giả Phù-di đi đến nhà Vương tử Kỳ-bà-tiên-na Đồng tử. Vương tử Kỳ-bà-tiên-na Đồng tử từ xa trông thấy Tôn giả Phù-di đến, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch vai áo, chắp tay hướng về Tôn giả Phù-di nói như vầy:

"Kính chào Tôn giả Phù-di. Tôn giả Phù-di lâu không đến đây. Xin mời ngồi trên giường này".

Tôn giả Phù-di ngồi xuống, Vương tử Kỳ-bà-tiên-na Đồng tử cúi đầu đảnh lễ sát chân Tôn giả Phù-di rồi ngồi sang một bên, thưa rằng:

"Thưa Tôn giả Phù-di, tôi có điều muốn hỏi, mong ngài nghe cho".

"Tôn giả Phù-di đáp:

"Này Vương đồng tử, muốn hỏi điều gì cứ hỏi, tôi nghe rồi sẽ suy nghĩ".

Vương đồng tử liền hỏi:

"Thưa Tôn giả Phù-di, có Sa-môn, Phạm chí đi đến chỗ tôi và nói với tôi rằng, 'Này Vương đồng tử, người nào có ước nguyện tu hành phạm hạnh một cách chân chánh, người ấy tất sẽ chứng quả. Nếu người nào không có ước nguyện, hoặc vừa có ước nguyện, vừa không có ước nguyện, hoặc chẳng phải có ước nguyện, chẳng phải không có ước nguyện, tu hành phạm hạnh một cách chân chánh, người ấy tất sẽ chứng quả'. Tôn sư của Tôn giả Phù-di có ý gì, có thuyết gì chăng[5]?"

Tôn giả Phù-di nói:

"Này Vương đồng tử, tôi chưa được đích thân nghe Đức Thế Tôn nói, cũng chưa được nghe các vị phạm hạnh nói lại, nhưng này Vương đồng tử, có thể Đức Thế Tôn đã nói như vầy, 'Người nào có ước nguyện, tu hành phạm hạnh một cách chân chánh, người ấy tất sẽ chứng quả. Nếu người nào không có ước nguyện, hoặc vừa có ước nguyện vừa

---

1. Tương đương Pāli, M.126 Bhūmija-sutta.
2. Phù-di Pāli: Bhūmija.
3. Xem các kinh số 166, 171.
4. Vương tử Kỳ-bà-tiên-na Đồng tử Pāli theo bản Hán: Jīvasena Kumāra. Nhưng, tên trong bản Pāli: Jayasena rājakumara.
5. Trong bản Pāli, cả bốn trường hợp đều không đắc quả (abhabbā phalassa adhigamāya).

không có ước nguyện, hoặc chẳng phải có ước nguyện, chẳng phải không có ước nguyện, tu hành phạm hạnh một cách chân chánh, người ấy tất sẽ chứng quả[6]".

Vương đồng tử thưa rằng:

"Nếu Tôn sư của Tôn giả Phù-di có ý như vậy, thuyết như vậy, thì ở giữa chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Phạm chí, từ người đến trời trên thế gian này, Ngài quả là Bậc Tối Thượng. Thưa Tôn giả Phù-di, xin mời ngài thọ trai tại đây luôn".

Tôn giả Phù-di im lặng nhận lời. Sau khi biết Tôn giả Phù-di đã im lặng nhận lời rồi, Vương đồng tử liền từ chỗ ngồi đứng dậy, tự tay múc nước rửa, tự tay bưng hầu các món ngon sạch, mỹ diệu với đủ thức nhai, thức nuốt, tự tay châm chước, khiến Tôn giả thọ dùng no đủ.

Khi Tôn giả ăn xong, Vương đồng tử thu dọn chén bát, múc nước rửa, rồi lấy một cái giường nhỏ ngồi riêng một bên để nghe pháp. Tôn giả Phù-di thuyết pháp cho Vương đồng tử nghe, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ. Sau khi bằng vô lượng phương tiện thuyết pháp cho Vương tử nghe, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ rồi, Tôn giả liền từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

Đến chỗ Đức Phật, cúi đầu đảnh lễ sát chân Phật rồi ngồi sang một bên, đem những điều đã bàn luận với Vương đồng tử thuật lại hết với Đức Phật.

Đức Thế Tôn nghe xong, nói rằng:

"Này Phù-di, sao ngươi không đem bốn ví dụ nói cho Vương đồng tử rõ?"

Tôn giả Phù-di hỏi:

"Bạch Thế Tôn, bốn ví dụ ấy là những gì?"

Đức Thế Tôn nói:

"Này Phù-di, nếu có Sa-môn, Phạm chí tà kiến, tà kiến định[7], người ấy có ước nguyện nhưng tu hành phạm hạnh một cách tà vạy, nên chắc chắn không thể chứng quả. Không có ước nguyện, hoặc vừa có ước nguyện, vừa không có ước nguyện, hoặc chẳng phải có ước nguyện, chẳng phải không có ước nguyện, tu hành phạm hạnh một cách tà vạy, thì chắc chắn không thể chứng quả. Vì sao vậy? Vì tìm cầu quả vị một cách tà vạy, là không đúng đường lối[8].

"Này Phù-di, ví như có người muốn lấy sữa mà lại vắt nơi sừng con bò thì chắc chắn không lấy được sữa. Dù không có ước nguyện, hoặc vừa có ước nguyện vừa không có ước nguyện, hoặc chẳng phải có ước nguyện, chẳng phải không có ước nguyện, nếu người ấy muốn lấy sữa mà lại vắt nơi sừng con bò thì chắc chắn không lấy được sữa. Vì sao vậy? Vì tìm cầu sữa một cách tà vạy, tức là vắt nơi sừng con bò vậy. Cũng vậy, này Phù-di, nếu có Sa-môn, Phạm chí tà kiến, tà kiến định, người ấy có ước nguyện nhưng tu hành phạm hạnh một cách tà vạy nên chắc chắn không thể chứng quả. Không có ước nguyện, hoặc vừa có ước nguyện, hoặc vừa không có ước nguyện, hoặc chẳng phải có ước nguyện, chẳng phải không có ước nguyện, tu hành phạm hạnh một cách tà vạy thì chắc chắn không thể chứng quả. Vì sao vậy? Vì tìm cầu quả vị một cách tà vạy, là không đúng đường lối.

"Này Phù-di, nếu có Sa-môn, Phạm chí chánh kiến, chánh kiến định, người ấy có ước nguyện, tu hành phạm hạnh một cách chân chánh nên tất sẽ chứng quả. Không có ước nguyện, hoặc vừa có ước nguyện, vừa không có ước nguyện, hoặc chẳng phải có ước nguyện, chẳng phải không có ước nguyện, tu hành phạm hạnh một cách chân chánh, thì

---

6. Có sự nhầm lẫn trong bản dịch Hán. Xem nội dung kinh.
7. Bản Hán: *tà kiến, tà kiến định*. Bản Pāli, nêu Thánh đạo tám chi, từ *tà kiến* cho đến *tà định*.
8. Hán: vô đạo ━L道━CPāli: ayoni hesā.

tất sẽ chứng quả. Vì sao vậy? Vì tìm cầu quả vị một cách chân chánh, là đúng đường lối.

Này Phù-di, ví như có người muốn lấy sữa, cho bò ăn uống no nê rồi vắt sữa nơi vú nó thì chắc chắn lấy được sữa. Dù không có ước nguyện, hoặc vừa có ước nguyện, vừa không có ước nguyện, hoặc chẳng phải có ước nguyện, chẳng phải không có ước nguyện, nếu người ấy muốn lấy sữa, cho bò ăn no nê rồi vắt nơi vú nó, thì chắc chắn lấy được sữa. Vì sao vậy? Vì tìm cầu sữa một cách chân chánh, là vắt nơi vú con bò. Cũng vậy, này Phù-di, nếu có Sa-môn, Phạm chí chánh kiến, chánh kiến định, người ấy có ước nguyện, tu hành phạm hạnh một cách chân chánh, chắc chắn sẽ chứng quả. Nếu không có ước nguyện, hoặc vừa có ước nguyện vừa không có ước nguyện, hoặc chẳng phải có ước nguyện, chẳng phải không có ước nguyện, tu hành phạm hạnh một cách chân chánh thì chắc chắn sẽ chứng quả. Vì sao vậy? Vì tìm cầu quả vị một cách chân chánh, là đúng đường lối.

"Này Phù-di, nếu có Sa-môn, Phạm chí tà kiến, tà kiến định, người ấy có ước nguyện, tu hành phạm hạnh một cách tà vạy nên chắc chắn không thể chứng quả. Nếu không có ước nguyện hoặc chẳng phải có ước nguyện, chẳng phải không có ước nguyện, tu hành phạm hạnh một cách tà vạy thì chắc chắn không thể chứng quả. Vì sao vậy? Vì tìm cầu quả vị một cách tà vạy, là không đúng đường lối.

"Này Phù-di, ví như có người muốn có tô, bèn lấy một bình đựng đầy nước lã rồi khuấy đều lên, chắc chắn không thể có tô. Dù không có ước nguyện, hoặc vừa có ước nguyện vừa không có ước nguyện, hoặc chẳng phải có ước nguyện, cũng chẳng phải không có ước nguyện. Người ấy muốn có tô, bèn lấy một bình đựng đầy nước lã rồi khuấy đều lên, thì chắc chắn không thể có tô. Vì sao vậy? Vì tìm cầu tô một cách tà vạy, là khuấy nước lã. Cũng vậy, này Phù-di, nếu có Sa-môn, Phạm chí tà kiến, người ấy có ước nguyện, tu hành phạm hạnh một cách tà vạy, chắc chắn không thể chứng quả. Nếu không có ước nguyện, hoặc vừa có ước nguyện vừa không có ước nguyện, hoặc chẳng phải có ước nguyện, chẳng phải không có ước nguyện, tu hành phạm hạnh một cách tà vạy thì chắc chắn không thể chứng quả. Vì sao vậy? Vì tìm cầu quả vị một cách tà vạy, là không đúng đường lối.

"Này Phù-di, nếu có Sa-môn, Phạm chí chánh kiến, chánh kiến định, người ấy có ước nguyện, tu hành phạm hạnh một cách chân chánh nên chắc chắn sẽ chứng quả. Nếu không có ước nguyện, hoặc vừa có ước nguyện vừa không có ước nguyện, hoặc chẳng phải có ước nguyện, chẳng phải không có ước nguyện, tu hành phạm hạnh một cách chân chánh thì chắc chắn sẽ chứng quả. Vì sao vậy? Vì tìm cầu quả vị một cách chân chánh, là đúng đường lối.

"Này Phù-di, ví như có người muốn có tô, lấy một bình đựng đầy lạc rồi khuấy đều lên thì chắc chắn được tô. Dù không có ước nguyện, hoặc vừa có ước nguyện vừa không có ước nguyện, hoặc chẳng phải có ước nguyện, chẳng phải không có ước nguyện, người ấy muốn có tô, lấy một bình đựng đầy lạc rồi khuấy đều lên thì chắc chắn có được tô. Vì sao vậy? Vì tìm cầu tô một cách chân chánh, là khuấy lạc. Cũng vậy, này Phù-di, nếu có Sa-môn, Phạm chí chánh kiến, chánh kiến định, người ấy có ước nguyện, tu hành phạm hạnh một cách chân chánh nên chắc chắn sẽ chứng quả. Nếu không có ước nguyện, hoặc vừa có ước nguyện vừa không có ước nguyện, hoặc chẳng phải có ước nguyện, chẳng phải không có ước nguyện, tu hành phạm hạnh một cách chân chánh thì chắc chắn sẽ chứng quả. Vì sao vậy? Vì tìm cầu quả vị một cách chân chánh, là đúng đường lối.

"Này Phù-di, nếu có Sa-môn, Phạm chí tà kiến, tà kiến định, người ấy có ước

nguyện, tu hành phạm hạnh một cách tà vạy nên chắc chắn không thể chứng quả. Nếu không có ước nguyện, hoặc vừa có ước nguyện vừa không có ước nguyện, hoặc chẳng phải có ước nguyện, chẳng phải không có ước nguyện, tu hành phạm hạnh một cách tà vạy, thì chắc chắn không thể chứng quả. Vì sao vậy? Vì tìm cầu quả vị một cách tà vạy, là không đúng đường lối.

"Này Phù-di, ví như có người muốn có dầu, đổ đầy cát vào đồ ép, rưới nước lạnh cho rỉ thấm qua, rồi ép xuống, nên chắc chắn không có được dầu. Dù không có ước nguyện, hoặc vừa có ước nguyện vừa không có ước nguyện, hoặc chẳng phải có ước nguyện, chẳng phải không có ước nguyện, nếu người ấy muốn có dầu mà đổ đầy cát vào đồ ép, rưới nước lạnh cho rỉ thấm qua, rồi ép xuống, thì chắc chắn không có được dầu. Vì sao vậy? Vì tìm cầu dầu một cách tà vạy, là ép cát. Cũng vậy, này Phù-di, nếu có Sa-môn, Phạm chí tà kiến, tà kiến định, người ấy có ước nguyện, nhưng tu hành phạm hạnh một cách tà vạy nên chắc chắn không thể chứng quả. Nếu không có ước nguyện, hoặc vừa có ước nguyện vừa không có ước nguyện, hoặc chẳng phải có ước nguyện, chẳng phải không có ước nguyện mà tu hành phạm hạnh một cách tà vạy thì chắc chắn không thể chứng quả. Vì sao vậy? Vì tìm cầu quả vị một cách tà vạy, là không đúng đường lối.

"Này Phù-di, nếu có Sa-môn, Phạm chí chánh kiến, chánh kiến định, người ấy có ước nguyện, tu hành phạm hạnh một cách chân chánh, nên chắc chắn sẽ chứng quả. Nếu không có ước nguyện, hoặc vừa có ước nguyện vừa không có ước nguyện, hoặc chẳng phải có ước nguyện, chẳng phải không có ước nguyện, tu hành phạm hạnh một cách chân chánh, thì chắc chắn sẽ chứng quả. Vì sao vậy? Vì tìm cầu quả vị một cách chân chánh, là đúng đường lối.

"Này Phù-di, ví như có người muốn có dầu, đổ đầy hạt mè vào đồ ép, rưới nước sôi cho rỉ thấm qua, rồi ép xuống nên chắc chắn có được dầu. Dù không có ước nguyện, hoặc vừa có ước nguyện vừa không có ước nguyện, hoặc chẳng phải có ước nguyện, chẳng phải không có ước nguyện, nếu người ấy muốn có dầu, đổ đầy hạt mè vào đồ ép, rưới nước sôi cho rỉ thấm qua, rồi ép xuống thì chắc chắn có được dầu. Vì sao vậy? Vì tìm cầu dầu một cách chân chánh, là ép hạt mè. Cũng vậy, này Phù-di, nếu có Sa-môn, Phạm chí chánh kiến, định chánh kiến, người ấy có ước nguyện, tu hành phạm hạnh một cách chân chánh nên chắc chắn sẽ chứng quả. Nếu không có ước nguyện, hoặc vừa có ước nguyện vừa không có ước nguyện, hoặc chẳng phải có ước nguyện, chẳng phải không có ước nguyện, tu hành phạm hạnh một cách chân chánh thì chắc chắn sẽ chứng quả. Vì sao vậy? Vì tìm cầu quả vị một cách chân chánh, là đúng đường lối.

"Này Phù-di, nếu có Sa-môn, Phạm chí tà kiến, tà kiến định, người ấy có ước nguyện, tu hành phạm hạnh một cách tà vạy nên chắc chắn không thể chứng quả. Nếu không có ước nguyện, hoặc vừa có ước nguyện vừa không có ước nguyện, hoặc chẳng phải có ước nguyện, chẳng phải không có ước nguyện, tu hành phạm hạnh một cách tà vạy thì chắc chắn không thể chứng quả. Vì sao vậy? Vì tìm cầu quả vị một cách tà vạy, là không đúng đường lối.

"Này Phù-di, ví như có người muốn có lửa, bèn lấy củi ướt làm mồi lửa, dùng dùi ướt mà dùi nên chắc chắn không có được lửa. Dù không có ước nguyện, hoặc vừa có ước nguyện vừa không có ước nguyện, hoặc chẳng phải có ước nguyện, chẳng phải không có ước nguyện, nếu người ấy muốn có lửa mà lấy củi ướt làm mồi lửa, dùng dùi ướt mà dùi thì chắn chắn không có được lửa. Vì sao vậy? Vì tìm cầu lửa một cách tà vạy, là dùi củi ướt.

"Cũng vậy, này Phù-di, nếu có Sa-môn, Phạm chí tà kiến, tà kiến định, người ấy có ước nguyện, tu hành phạm hạnh một cách tà vạy nên chắc chắn không thể chứng quả. Nếu không có ước nguyện, hoặc vừa có ước nguyện vừa không có ước nguyện, hoặc chẳng phải có ước nguyện, chẳng phải không có ước nguyện, tu hành phạm hạnh một cách tà vạy, thì chắc chắn không được chứng quả. Vì sao vậy? Vì tìm cầu quả vị một cách tà vạy, là không đúng đường lối.

"Này Phù-di, nếu có Sa-môn, Phạm chí chánh kiến, chánh kiến định, người ấy có ước nguyện, tu hành phạm hạnh một cách chân chánh, nên chắc chắn sẽ chứng quả. Nếu không có ước nguyện, hoặc vừa có ước nguyện vừa không có ước nguyện, hoặc chẳng phải có ước nguyện, chẳng phải không có ước nguyện, tu hành phạm hạnh một cách chân chánh thì chắc chắn sẽ chứng quả. Vì sao vậy? Vì tìm cầu quả vị một cách chân chánh, là đúng đường lối.

"Này Phù-di, ví như có người muốn có lửa bèn lấy củi khô làm mồi lửa, dùng dùi khô mà dùi nên chắc chắn có được lửa. Dù không có ước nguyện, hoặc vừa có ước nguyện vừa không có ước nguyện, hoặc chẳng phải có ước nguyện, chẳng phải không có ước nguyện, người ấy muốn có lửa, lấy củi khô làm mồi lửa, dùng dùi khô mà dùi thì chắc chắn có được lửa. Vì sao vậy? Vì tìm cầu lửa một cách chân chánh, là dùi củi khô. Cũng vậy, này Phù-di, nếu có Sa-môn, Phạm chí chánh kiến, người ấy có ước nguyện, tu hành phạm hạnh một cách chân chánh nên chắc chắn sẽ chứng quả. Nếu không có ước nguyện, hoặc vừa có ước nguyện vừa không có ước nguyện, hoặc chẳng phải có ước nguyện, chẳng phải không có ước nguyện, tu hành phạm hạnh một cách chân chánh thì chắc chắn sẽ chứng quả. Vì sao vậy? Vì tìm cầu quả vị một cách chân chánh, là đúng đường lối.

"Này Phù-di, nếu ngươi nói cho Vương đồng tử nghe bốn ví dụ này, Vương đồng tử nghe xong chắc chắn sẽ rất hoan hỷ, cúng dường thầy suốt đời, như áo, chăn, uống ăn, ngọa cụ, thuốc thang và đủ các thứ nhu dụng khác cho đời sống".

Tôn giả Phù-di thưa:

"Bạch Thế Tôn, trước đây con chưa từng được nghe bốn ví dụ này, thì lấy đâu để nói lại. Duy chỉ hôm nay mới được nghe Thế Tôn nói mà thôi".

Phật thuyết giảng như vậy. Tôn giả Phù-di và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

❑

174. KINH THỌ PHÁP (I)[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở nước Xá-vệ, trong rừng Thắng lâm, vườn Cấp cô độc.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo rằng:

"Thế gian thật sự có bốn loại thọ pháp[2]. Những gì là bốn? Hoặc có thọ pháp hiện tại lạc, tương lai thọ quả báo khổ. Hoặc có thọ pháp hiện tại khổ, tương lai thọ quả báo lạc. Hoặc có thọ pháp hiện tại khổ, tương lai thọ quả báo khổ. Hoặc có thọ pháp hiện tại lạc, tương lai thọ quả báo lạc.

"Thế nào là thọ pháp hiện tại lạc, mà tương lai thọ quả báo khổ?

"Hoặc có Sa-môn, Bà-la-môn, Phạm chí ham thích vui đùa chung với người con gái trang điểm[3] mà chủ trương rằng 'Sa-môn, Phạm chí này đối với dục, thấy có những sợ hãi và những tai họa gì trong tương lai mà phải đoạn trừ dục và bày ra phương pháp đoạn dục? Xúc chạm nơi thân thể người nữ trang điểm này thật là sung sướng'. Người ấy với người nữ này cùng nhau vui đùa, du hí ở trong đó. Người ấy thọ pháp lạc đó đã thành tựu đầy đủ rồi, khi thân hoại mạng chung thẳng đến chỗ ác, sanh trong địa ngục, mới dấy lên ý nghĩ như vầy, 'Sa-môn, Phạm chí kia đối với dục thấy những sợ hãi và những tai họa này trong tương lai cho nên đoạn dục và bày ra phương pháp đoạn dục. Chúng ta nhân bởi dục, do tranh với dục[4], duyên do dục cho nên lãnh sự khổ cùng cực như vậy, sự khổ trọng đại như vậy'.

"Cũng như vào tháng cuối mùa xuân[5], giữa trưa rất nóng, hạt giống của dây leo, bị nắng đốt nứt ra[6], rơi xuống gốc cây sa-la. Bấy giờ Thần cây Sa-la nhân đó sanh ra sợ sệt. Khi ấy, chung quanh có các Thần cây loại hạt giống, trăm thứ cây lúa, cây thuốc, các Thần cây bà con, bằng hữu, đối với hạt giống mà thấy tương lai có sự sợ hãi, có đủ tai họa như vậy, liền đi đến chỗ Thần cây mà an ủi rằng, 'Thần cây chớ sợ, Thần cây chớ sợ! Hạt giống này đây, hoặc là nai ăn, hoặc khổng tước ăn, hoặc gió thổi đi, hoặc lửa xóm đốt, hoặc lửa đồng thiêu, hoặc hư, hoặc chẳng thành hạt giống. Như vậy, này Thần cây, ông được an ổn'. Nếu hạt giống này không bị nai ăn, khổng tước ăn, gió thổi đi, lửa thôn thiêu, cũng như không bị lửa đồng thiêu, cũng không hư hoại, chẳng thành hạt giống. Hạt giống

---

1. Tương đương Pāli, M.45 Cūḷa-dhammasamādhāna-sutta.
2. Bốn thọ pháp ——k—C Pāli: cattārimāni dahammasamādānāni.
3. Hán: trang nghiêm nữ ——Y—k—C Pāli: te kho moḷibaddhāhi paribbājikāhi paricārenti, họ đi tìm lạc thú với các nữ du sĩ tóc quấn.
4. Hán: tránh dục ———A "tranh cãi với dục". Có lẽ hiểu adhikaraṇa là tranh cãi, thay vì là nguyên nhân hay động cơ.
5. Xuân hậu nguyệt. Pāli: gimhānaṃ pacchime māse, tháng cuối cùng mùa hạ.
6. Hán: *nhật chích sách bính* ———\—n—C Các bản chép khác nhau về nhóm từ này. Bản Cao-li: *viết* —thay vì *nhật* —F bản Cao-li: *bỉ* —A bản Tống: *ngạn* —A thay vì *sách* —\—C Pāli: māluvāsipāṭikā.

này chẳng khuyết, chẳng sâu, không bị vỡ nứt, không bị mưa, gió, nắng làm tổn thương; gặp mưa lớn tưới ướt liền nẩy sanh nhanh chóng. Thần cây kia liền suy nghĩ như vầy, 'Vì những cớ gì các Thần cây xung quanh, các Thần cây loại hạt giống, trăm thứ cây lúa, cây thuốc, các Thần cây bà con, bằng hữu, đối với hạt giống thấy tương lai có sự sợ hãi gì, tai họa gì mà sang an ủi ta, nói rằng, 'Thần cây chớ sợ, Thần cây chớ sợ! Hạt giống này đây, hoặc là nai ăn, hoặc khổng tước ăn, hoặc gió thổi đi, hoặc lửa xóm đốt, hoặc lửa đồng thiêu, hoặc hư, hoặc chẳng thành hạt giống. Như vậy, này Thần cây, ông được an ổn'?' Nhưng hạt giống này không bị nai ăn, không bị khổng tước ăn, không bị gió thổi đi, không bị lửa thôn thiêu, không bị lửa đồng thiêu, cũng không bị hư hoại, không thành hạt giống, hạt giống này chẳng khuyết, chẳng lủng, không bị vỡ nứt, chẳng bị mưa, gió, nắng làm tổn thương, gặp mưa lớn tưới ướt liền nẩy mầm nhanh chóng, thành thân cây, cành lá mềm mại, thành đốt, sờ đến thích thú. Thân, cành, lá mềm mại thành đốt này sờ đến thích thú, xúc chạm vui sướng.

"Rồi cái này duyên vào cây mà thành cành lá to lớn, quấn lấy thân cây ấy, che phủ ở trên. Sau khi bị che phủ ở trên rồi, vị Thần cây kia mới suy nghĩ như vầy, 'Các Thần cây xung quanh kia, Thần cây loại hạt giống, trăm thứ cây lúa, cây thuốc, các Thần cây bà con, bằng hữu, đối với hạt giống thấy tương lai có sự sợ hãi gì, tai họa gì mà sang an ủi ta, nói rằng, 'Thần cây chớ sợ, Thần cây chớ sợ! Hạt giống này đây, hoặc là nai ăn, hoặc khổng tước ăn, hoặc gió thổi đi, hoặc lửa xóm đốt, hoặc lửa đồng thiêu, hoặc hư, hoặc chẳng thành hạt giống. Như vậy, này Thần cây, ông được an ổn'. Nhưng hạt giống này không bị nai ăn, không bị khổng tước ăn, không bị gió thổi đi, không bị thiêu bởi lửa xóm, không bị thiêu bởi lửa đồng, không bị hư hại chẳng thành hạt giống. Hạt giống này chẳng khuyết, chẳng lủng, cũng chẳng bị vỡ nứt, không bị mưa gió nắng làm thương tổn, gặp mưa lớn tưới nước liền nẩy sanh mầm nhanh chóng. Nhân vì hạt giống, duyên vì hạt giống mà chịu sự khổ cùng cực này, sự khổ trọng đại này'.

"Cũng vậy, hoặc có Sa-môn, Bà-la-môn, Phạm chí ham thích vui đùa chung với người con gái trang điểm mà chủ trương rằng 'Sa-môn, Phạm chí này đối với dục, thấy có những sợ hãi và những tai họa gì trong tương lai mà phải đoạn trừ dục và bày ra phương pháp đoạn dục? Xúc chạm nơi thân thể người nữ trang điểm này thật là sung sướng'. Người ấy với người nữ này cùng nhau vui đùa, du hí ở trong đó. Người ấy thọ pháp lạc đó đã thành tựu đầy đủ rồi, khi thân hoại mạng chung thẳng đến chỗ ác, sanh trong địa ngục, mới dấy lên ý nghĩ như vầy, 'Sa-môn, Phạm chí kia đối với dục thấy những sợ hãi và những tai họa này trong tương lai cho nên đoạn dục và bày ra phương pháp đoạn dục. Chúng ta nhân bởi dục, do tranh với dục, duyên do dục cho nên lãnh sự khổ cùng cực như vậy, sự khổ trọng đại như vậy'.

"Đó gọi là pháp thọ hiện tại lạc mà tương lai chịu quả báo khổ.

"Sao gọi là pháp thọ hiện tại khổ mà tương lai tho quả báo lạc?

"Hoặc có người mà bản tánh nặng đắm dục, nặng đắm nhuế, nặng đắm si, thường tùy tâm dục mà thọ khổ, ưu sầu. Tùy tâm giận dữ, tâm si mê mà thọ khổ, ưu sầu. Người ấy vì khổ, vì ưu sầu mà trọn suốt cuộc sống tu hành phạm hạnh, cho đến khóc lóc rơi lệ. Người kia thọ lãnh pháp này, đã thành tựu đầy đủ, thân hoại mạng chung tất sanh lên chỗ lành, sanh trên các cõi trời.

"Đó là thọ pháp hiện tại khổ mà tương lai thọ quả báo lạc.

"Sao gọi là thọ pháp hiện tại khổ mà tương lai thọ quả báo khổ?

"Hoặc có Sa-môn, Phạm chí lõa hình, không y phục, hoặc dùng tay làm y phục,

hoặc lấy lá làm y phục, hoặc lấy hạt châu làm y phục; hoặc không múc nước bằng bình, hoặc không múc nước bằng gáo; không ăn đồ ăn xốc xỉa bằng dao gậy, không ăn đồ ăn lừa dối, không tự mình đến, không sai người đi, không làm khách được mời[7], không làm khách được chào đón[8], không là khách được lưu[9], không ăn từ giữa hai người đang ăn, không ăn tại nhà có thai[10], không ăn từ nhà có nuôi chó, không ăn từ nhà có lằng xanh bay đến; không ăn cá, không ăn thịt, không uống rượu, không uống nước dấm[11], hoặc không uống gì cả, học tập hạnh không uống; hoặc ăn một miếng, cho một miếng là đủ[12], hoặc ăn hai, ba, bốn, cho đến bảy miếng, và cho bảy miếng là đủ, hoặc ăn bởi một lần nhận được[13], và cho đến một lần nhận được là đủ, hoặc ăn bởi hai, ba bốn cho đến bảy lần nhận được và cho bảy lần nhận được là đủ, hoặc ăn ngày một lần và cho một lần là đủ, hoặc hai, ba, bốn, năm, sáu, bảy ngày, nữa tháng, hay một tháng, ăn một lần và cho một lần là đủ; hoặc ăn cỏ[14], hoặc ăn lúa cỏ[15], hoặc ăn nếp tuế, hoặc ăn cám, hoặc ăn gạo đầu-đầu-la[16], hoặc ăn đồ ăn thô; hoặc đến chỗ vô sự[17], y nơi vô sự; hoặc ăn rễ, hoặc ăn trái, hoặc ăn quả tự rụng; hoặc mặc áo khâu đủ thứ vải[18], hoặc mặc áo lông, hoặc mặc áo vải đầu-xá[19], hoặc mặc áo vải đầu-xá bằng lông, hoặc mặc bằng da nguyên, hoặc mặc da có xoi lỗ, hoặc mặc da toàn xoi lỗ; hoặc để tóc xõa, hoặc để tóc bện, hoặc để tóc vừa xỏa vừa bện, hoặc chỉ cạo tóc, hoặc chỉ cạo râu, hoặc cạo cả râu tóc, hoặc nhổ tóc, hoặc nhổ râu, hoặc nhổ cả râu tóc, hoặc chỉ đứng thẳng không hề ngồi, hoặc đi chồm hổm, hoặc nằm gai, lấy gai làm giường; hoặc nằm cỏ[20], lấy cỏ làm giường; hoặc thờ nước, ngày đêm lấy tay vọc; hoặc thờ lửa, ngày đêm đốt lên; hoặc thờ mặt trời, mặt trăng, thờ đấng Tôn hựu Đại đức, chắp tay hướng về kia. Những sự như vậy thọ khổ vô lượng, học hạnh nóng bức[21]. Vị ấy thọ pháp này khi đã thành tựu đầy đủ rồi, thân hoại mạng chung tất sanh tới chỗ ác, sanh trong địa ngục.

"Đó là thọ pháp hiện tại khổ, tương lai thọ quả báo khổ vậy.

"Sao gọi là thọ pháp hiện tại lạc, tương lai thọ quả báo lạc?

"Hoặc có người bản tánh không nặng đắm dục, không nặng đắm sân nhuế,

---

7. Hán: *bất lai tôn* ■■■■L■C Pāli: na-ehi-bhadantika, "không là Tôn giả được gọi: *Mời đến đây*!"
8. Hán: *bất thiện tôn* ■■■■L■C Có lẽ: na-sādhu-bhadantika, "không là Tôn giả được chào đón: *Lành thay, Tôn giả!*"
9. Hán: *bất trụ tôn* ■■■■L■C Pāli: na-tiṭṭha-bhadantika, "không là Tôn giả được mời mọc: *Hãy ở lại đây, Tôn giả!*"
10. Hán: *bất hoài nhâm gia thực* ■■■h■■■a ■■C Pāli: na gabbhiniyā (paṭiganṇhāti), không (nhận thức ăn) từ người đàn bà mang thai.
11. Hán: *ác thủy* ■c ■■C Pāli: thusodaka, nước lên men.
12. Pāli: ekāgāriko vā hoti ekālopiko, mỗi nhà chỉ nhận một miếng ăn.
13. Hán: *thực nhất đắc* ■■■@■o■C Pāli: ekissāpi dattiyā yāpeti, chỉ sống bằng một vật được cho.
14. Hán*: thái như* ■■■■C Pāli: sāka-bhakkho.
15. Hán: *bại tử* ■■■l■A loại cỏ giống như lúa. Pāli: sāmāka.
16. Hán: *đầu-đầu-la* ■Y■Y■■C Pāli: daddula.
17. Hán: *chí vô sự xứ* ■■L■■■B■A đến nơi rừng vắng? Không thấy Pāli tương đương. Tham chiếu: vana-mūla-palāhāro yāpeti.
18. Hán: *liên hiệp y* ■s■X■■C Pāli: masāṇāni, vải gai lẫn các vải khác.
19. Hán: *đầu-xá y* ■Y■■■■C Pāli dussa, vải thô chưa nhuộm màu.
20. Hán: thảo ■■F Tống-Nguyên: quả ■t■F Minh: ■G■C Kinh số 18: *ngọa quả* ■■G■C Pāli: phalaka, (nằm trên) tấm ván. Bản Hán hiểu phala(ka) là *trái cây*.
21. Hán: *Học phiền nhiệt hành* ■■■■■■C Pāli: ātāpanaparitāpanānuyogam anuyutto viharati, sống hành theo sự khổ hạnh ép xác.

không nặng đắm si. Vị ấy không thường theo tâm dục mà thọ khổ ưu lo, không theo tâm sân nhuế mà thọ khổ ưu lo và không theo tâm si mà chịu khổ, ưu lo. Vị ấy do lạc, do hỷ, trọn cuộc đời mình tu hành phạm hạnh cho đến đạt được tâm hoan hỷ. Vị ấy thọ pháp này, đã thành tựu đầy đủ rồi, năm hạ phần kết dứt sạch, hóa sanh ở chỗ kia mà nhập Niết-bàn, được pháp bất thối, không trở lại cõi này[22].

"Đó là pháp thọ hiện tại lạc, tương lai thọ quả báo lạc.

"Thế gian thật sự có bốn thọ pháp như vậy, do đó mà Ta giảng thuyết".

Đức Phật thuyết như vậy, các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

❑

[22]. Vị A-na-hàm từ Dục giới chết tái sanh lên Tịnh cư thiên và Niết-bàn tại đó.

175. KINH THỌ PHÁP (II)[1]

Tôi nghe như vầy.

Một thời Đức Phật du hóa tại Câu-lâu-sấu, ở tại đô ấp Kiếm-ma-sắt-đàm[2].

Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo rằng:

"Thế gian này có ham muốn như vầy, ước vọng như vầy, yêu thích như vầy, vui sướng như vầy và ý hướng như vầy, 'Mong sao các pháp không đáng thích, không đáng yêu, không vừa ý tiêu diệt; và các pháp không đáng thích, không đáng yêu, không vừa ý tiêu diệt sanh ra'. Nó ham muốn như vầy, ước vọng như vầy, yêu thích như vầy, vui sướng như vầy và ý hướng như vầy như vậy. Song, pháp không đáng thích, không đáng yêu, không vừa ý lại sanh; pháp đáng thích, đáng yêu, đáng vừa ý lại diệt. Đó gọi là pháp ngu si. Pháp của Ta rất là sâu xa, khó thấy, khó giác ngộ, khó thông đạt. Như vậy, pháp của Ta rất sâu xa, khó thấy, khó giác ngộ, khó thông đạt, là pháp không đáng thích, không đáng yêu, không vừa ý tiêu diệt, mà pháp đáng thích đáng yêu, đáng vừa ý được sanh. Đó là pháp không ngu si.

"Thế gian này chân thật có bốn thọ pháp. Những gì là bốn? Hoặc có thọ pháp hiện tại lạc mà tương lai thọ quả báo khổ. Hoặc có thọ pháp hiện tại khổ mà tương lai thọ quả báo lạc. Hoặc có thọ pháp hiện tại khổ mà tương lai cũng thọ quả báo khổ. Hoặc có thọ pháp hiện tại lạc mà tương lai cũng thọ báo lạc.

"Thế nào là pháp thọ hiện tại lạc mà tương lai chịu quả báo khổ? Hoặc có một người tự mình vui sướng, tự mình vui thích trong việc sát sanh. Do nhân sát sanh mà sanh lạc, sanh hỷ. Người đó tự mình, vui sướng, tự mình vui thích trong việc lấy của không cho, nói láo, cho đến tà kiến, nhân nơi tà kiến mà sanh lạc, sanh hỷ. Như vậy, thân lạc, tâm lạc, bất thiện, từ bất thiện mà sanh ra, không hướng đến trí, không hướng đến giác ngộ, không hướng đến Niết-bàn.

"Đó là thọ pháp hiện tại lạc, tương lai chịu quả báo khổ.

"Sao gọi là thọ pháp hiện tại khổ mà tương lai được quả báo lạc? Hoặc có người tự mình khổ, tự mình ưu, đoạn trừ việc sát sanh, do sự đoạn trừ việc sát hại mà sanh khổ, sanh ưu, người đó tự khổ, tự ưu; đoạn trừ việc lấy của không cho, tà dâm, nói láo, cho đến đoạn trừ tà kiến, do đoạn tà kiến mà sanh khổ sanh ưu. Như vậy, thân khổ, tâm khổ, thiện sanh, hướng đến trí, hướng đến giác, hướng đến Niết-bàn.

"Đó là thọ pháp hiện tại khổ mà tương lai thọ đặng quả báo lạc.

---

1. Tương đương Pāli, M.46. Mahā-Dhammasamādāna-suttam. Hán, biệt dịch, No.83 Phật Thuyết Ứng Pháp Kinh, Trúc Pháp Hộ dịch.

2. Xem cht.2,3 kinh số 10. No.83: Tại Câu loại Pháp trị xứ dịch âm và dịch nghĩa hỗn hợp của Kuru-kammāsaddhamma. Bản Pāli: tại Sāvatthi.

"Sao gọi là thọ pháp hiện tại khổ mà tương lai cũng thọ quả báo khổ? Hoặc có người tự khổ, tự ưu và sát sanh, do sát sanh mà khổ, sanh ưu. Người đó tự khổ, tự ưu và lấy của không cho, tà dâm, nói láo, cho đến tà kiến mà sanh khổ, sanh ưu. Như vậy, thân khổ, tâm khổ, bất thiện từ bất thiện mà sanh, không hướng đến giác ngộ, không hướng đến Niết-bàn.

"Đó gọi là pháp hiện tại khổ mà tương lai cũng phải thọ quả báo khổ.

"Sao gọi là thọ pháp hiện tại an vui mà tương lai cũng thọ quả báo an vui? Hoặc có người tự mình vui sướng, tự mình vui thích, đoạn trừ sát sanh, do đoạn trừ sát sanh mà sanh lạc, sanh hỷ. Người ấy tự mình vui sướng, tự mình vui thích, đoạn trừ lấy của không cho, tà dâm, nói láo, cho đến tà kiến. Do đoạn trừ tà kiến cho nên sanh lạc, sanh hỷ. Như vậy, thân lạc và tâm lạc từ thiện mà sanh, hướng đến trí, hướng đến giác, hướng đến Niết-bàn.

"Như thế gọi là thọ pháp hiện tại lạc mà tương lai cũng thọ quả báo lạc.

"Hoặc có thọ pháp hiện tại lạc, tương lai thọ quả báo khổ, nhưng người kia do ngu si chẳng biết như thật rằng thọ pháp ấy hiện tại lạc, nhưng tương lai chịu lấy khổ báo. Do không biết như thật nên tập hành không đoạn trừ[3]. Sau khi tập hành không đoạn trừ, pháp không đáng thích, không đáng yêu, không vừa ý sanh; pháp không đáng thích, không đáng yêu, không vừa ý tiêu diệt. Cũng như thuốc A-ma-ni-dược[4], một phần có sắc, có hương, có vị, nhưng có trộn chất độc; hoặc có người bị bệnh nên uống, khi uống thì sắc, hương và vị ngon miệng mà không tổn hại cổ họng, nhưng khi uống xong, vào trong bụng rồi lại chẳng thành thuốc. Cũng vậy, thọ pháp này hiện tại lạc mà tương lai phải chịu lấy quả báo khổ. Người kia ngu si không biết như thật rằng pháp thọ này hiện tại lạc mà tương lai phải chịu quả báo khổ. Khi đã không biết như thật liền tập hành không đoạn trừ. Sau khi tập hành không đoạn trừ, pháp không đáng thích, không đáng yêu, không vừa ý lại sanh; pháp đáng thích, đáng yêu, đáng vừa ý lại diệt. Đó gọi là pháp ngu si.

"Nếu có thọ pháp hiện tại khổ mà tương lai chịu quả báo lạc, song người ấy ngu si không biết như thật rằng thọ pháp này hiện tại khổ mà tương lai sẽ được quả báo an lạc. Khi đã không biết như thật liền không tập hành đoạn trừ. Sau khi không tập hành đoạn trừ, pháp không đáng thích, không đáng yêu, không vừa ý lại sanh; pháp đáng thích, đáng yêu, đáng vừa ý lại diệt. Đó gọi là pháp ngu si.

"Hoặc có thọ pháp hiện tại khổ mà tương lai cũng chịu quả báo khổ, song người ngu si không biết như thật rằng thọ pháp này hiện tại khổ, tương lai cũng chịu quả báo khổ. Khi đã không biết như thật, liền tập hành không đoạn trừ. Khi đã tập hành không đoạn trừ, pháp không đáng thích, không đáng yêu, không vừa ý lại sanh; pháp đáng thích, đáng yêu, đáng vừa ý lại diệt.

"Cũng như đại tiểu tiện[5] lại trộn lẫn độc, hoặc có người bị bệnh cho nên uống. Khi uống thì nhơ nhớp, hôi thối, không có mùi vị, không ngon miệng mà lại tổn thương cuống họng, uống vào trong bụng lại chẳng thành thuốc. Cũng vậy, pháp thọ này hiện tại khổ, tương lai cũng chịu quả báo khổ. Người kia ngu si không biết như thật rằng pháp thọ này hiện tại khổ, tương lai cũng chịu quả báo khổ. Đã không biết như thật, bèn tập hành sự không đoạn trừ. Do tập hành sự không đoạn trừ, pháp không đáng thích, không

---

3. Tập hành, bất đoạn ——————C N.83: hành, bất khí——————C"Làm theo chứ không bỏ". Pāli: sevati na parivajjiti, phục vụ, không tránh né.

4. A-ma-ni-dược ——————C Pāli: āpānīyakaṃsa, bình đựng nước uống. Trong bản Hán, *dược*, có lẽ phiên âm từ -yakaṃsa, không có nghĩa là *thuốc*.

5. Pāli: pūtimuttam, nước đái quỷ, tức a-ngùy, thường dùng làm thuốc.

đáng yêu, không vừa ý lại sanh; pháp đáng thích, đáng yêu, đáng vừa ý lại diệt. Đó gọi là pháp ngu si.

"Hoặc có thọ pháp hiện tại lạc, tương lai cũng thọ quả báo lạc, nhưng người kia ngu si không biết như thật rằng pháp thọ này hiện tại lạc mà tương lai cũng thọ báo lạc. Do không biết như thật nên không tập hành sự đoạn trừ. Do không tập hành sự đoạn trừ nên, pháp không đáng thích, không đáng yêu, không vừa ý lại sanh; pháp đáng thích, đáng yêu, đáng vừa ý lại diệt. Đó gọi là pháp ngu si.

"Người kia không biết như thật pháp nào nên tập hành, không biết như thật pháp nào không nên tập hành. Do không biết như thật pháp nào không nên tập hành và không biết như thật pháp nào nên tập hành, do đó pháp không nên tập hành lại tập hành, pháp nên hành lại không hành. Do tập hành pháp không nên tập hành và không tập hành pháp nên tập hành, pháp không đáng thích, không đáng yêu, không vừa ý lại sanh; pháp đáng thích, đáng yêu, đáng vừa ý lại diệt. Đó gọi là pháp ngu si.

"Nếu có thọ pháp hiện tại lạc mà tương lai thọ quả báo khổ, người có trí tuệ biết như thật rằng pháp thọ này hiện tại lạc mà tương lai thọ quả báo khổ. Do biết như thật nên không tập hành nó, mà đoạn trừ nó. Do không tập hành nhưng đoạn trừ, pháp không đáng thích, không đáng yêu, không vừa ý diệt, mà pháp đáng thích đáng yêu, đáng vừa ý sanh. Đó gọi là pháp tuệ.

"Nếu có thọ pháp hiện tại khổ mà tương lai thọ quả báo lạc, người có trí tuệ biết như thật rằng thọ pháp này hiện tại khổ nhưng tương lai lại được quả báo lạc. Do biết như thật, vị ấy tập hành nó mà không đoạn trừ. Do tập hành mà không đoạn trừ, pháp không đáng thích, không đáng yêu, không vừa ý diệt, mà pháp đáng thích đáng yêu, đáng vừa ý sanh.

"Cũng như đại tiểu tiện[6] có hòa với nhiều thứ thuốc, hoặc có người bị bệnh uống; khi uống, sắc xấu, hôi thối, không mùi vị, không ngon miệng mà hại đau cuống họng, nhưng uống vào trong bụng lại thành thuốc. Cũng vậy, thọ pháp này hiện tại khổ mà tương lai thọ quả báo lạc, người trí tuệ biết như thật rằng thọ pháp này hiện tại khổ mà tương lai thọ quả báo lạc. Do biết như thật, vị ấy tập hành nó mà không đoạn trừ. Do tập hành mà không đoạn trừ, pháp không đáng thích, không đáng yêu, không vừa ý diệt, mà pháp đáng thích đáng yêu, đáng vừa ý sanh. Đó gọi là pháp tuệ.

"Hoặc có thọ pháp hiện tại khổ mà tương lai cũng chịu quả báo khổ, người có trí tuệ biết như thật rằng thọ pháp này hiện tại khổ mà tương lai cũng chịu quả báo khổ. Do trí biết như thật, vị ấy không tập hành nó, nhưng đoạn trừ. Do không tập hành nó nhưng đoạn trừ, pháp không đáng thích, không đáng yêu, không vừa ý diệt, mà pháp đáng thích đáng yêu, đáng vừa ý sanh. Đó gọi là pháp tuệ.

"Hoặc có thọ pháp hiện tại lạc, tương lai thọ quả báo lạc, người trí tuệ biết như thật rằng thọ pháp này hiện tại lạc, tương lai thọ quả báo lạc. Do biết như thật, vị ấy tập hành chứ không đoạn trừ. Do tập hành chứ không đoạn trừ, pháp không đáng thích, không đáng yêu, không vừa ý diệt, mà pháp đáng thích đáng yêu, đáng vừa ý sanh. Đó gọi là pháp tuệ.

"Cũng như tô mật hòa với nhiều thứ thuốc, hoặc có người bị bệnh nên uống, khi uống có sắc đẹp, có hương, có vị, ngon miệng mà không tổn thương cuống họng, uống vào bụng lại thành thuốc. Cũng vậy, pháp thọ này hiện tại lạc, tương lai thọ quả báo lạc. Người trí tuệ biết một cách như thật rằng pháp thọ này hiện tại lạc, tương lai cũng

6. Xem cht.5 trên.

thọ quả báo lạc. Do biết như thật, vị ấy tập hành chứ không đoạn trừ; pháp không đáng thích, không đáng yêu, không vừa ý diệt, mà pháp đáng thích đáng yêu, đáng vừa ý sanh. Đó gọi là pháp tuệ.

"Người đó biết như thật rằng, đây là pháp nên tập hành, biết như thật rằng đây là pháp không nên tập hành. Do biết như thật pháp nào nên tập hành và pháp nào không nên tập hành, vị ấy tập hành pháp nên tập hành, không tập hành pháp không nên tập hành. Do tập hành pháp nên tập hành và không nên tập hành pháp không nên tập hành, pháp không đáng thích, không đáng yêu, không vừa ý diệt, mà pháp đáng thích đáng yêu, đáng vừa ý sanh. Đó gọi là pháp tuệ.

"Thế gian quả thật có bốn thọ pháp ấy, vì vậy mà Ta giảng thuyết".

Phật thuyết như vậy, các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

❑

176. KINH HÀNH THIỀN[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng, vườn Cấp cô độc.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo rằng:

"Trong thế gian quả thật có bốn loại hành thiền. Những gì là bốn? Hoặc có hành thiền xí thạnh mà gọi là suy thoái. Hoặc có hành thiền suy thoái mà gọi là xí thạnh. Hoặc có hành thiền suy thoái thì biết như thật là suy thoái. Hoặc có hành thiền xí thạnh thì biết như thật là xí thạnh.

"Tại sao gọi là người hành thiền xí thạnh mà cho là suy thoái?

"Người hành thiền kia ly dục, ly pháp ác bất thiện, có giác, có quán, hỷ và lạc phát sanh do ly dục, chứng Sơ thiền, thành tựu an trụ. Tâm người đó tu tập chánh tư duy, đang từ Sơ thiền hướng đến Nhị thiền, đó là sự tịch tịnh thù thắng. Người hành thiền đó lại nghĩ rằng, 'Tâm ta lìa bổn tướng mà hướng đến chỗ khác, làm mất Sơ thiền và diệt mất định'. Người hành thiền ấy không biết như thật rằng 'Tâm ta tu tập chánh tư duy, khoái lạc tịch tịnh, từ Sơ thiền hướng đến Nhị thiền, đó là tịch tịnh thù thắng'. Vị đó do không biết như thật như vậy, nên đối với sự như thật mà thoái chuyển ý, bèn mất định. Hành thiền như vậy là xí thạnh mà nói là thoái chuyển vậy.

"Lại nữa, người hành thiền, giác và quán đã tịch tịnh, nội tĩnh, nhất tâm, không giác không quán, có hỷ và lạc phát sanh do định, chứng đệ Nhị thiền, thành tựu an trụ. Tâm vị ấy tu tập chánh tư duy, từ Nhị thiền hướng đến Tam thiền, đó gọi là tịch tịnh thù thắng. Nhưng người hành thiền ấy lại nghĩ rằng 'Tâm ta lìa bổn tướng mà hướng đến chỗ khác, làm mất Sơ thiền và diệt mất định'. Người hành thiền ấy không biết như thật rằng 'Tâm ta tu tập chánh tư duy, khoái lạc tịch tịnh, từ Nhị thiền hướng đến Tam thiền, đó là tịch tịnh thù thắng'. Vị đó do không biết như thật như vậy, nên đối với sự như thật mà thoái chuyển ý, bèn mất định. Hành thiền như vậy là xí thạnh mà nói là thoái chuyển vậy.

"Lại nữa, người hành thiền ly hỷ và dục, xả, an trụ vô cầu, chánh niệm, chánh trí mà thân có cảm giác lạc, điều được Thánh nói là được Thánh xả, niệm, an trú lạc, chứng đắc đệ Tam thiền, thành tựu an trụ. Tâm vị ấy tu tập chánh tư duy, từ đệ Tam thiền hướng đến đệ Tứ thiền, đó là tịch tịnh thù thắng. Nhưng người hành thiền đó lại nghĩ rằng 'Tâm ta lìa bổn tướng mà hướng đến chỗ khác, làm mất Sơ thiền và diệt mất định'. Người hành thiền ấy không biết như thật rằng 'Tâm ta tu tập chánh tư duy, khoái lạc tịch tịnh, từ Tam thiền hướng đến Tứ thiền, đó là tịch tịnh thù thắng'. Vị đó do không biết như thật như vậy, nên đối với sự như thật mà thoái chuyển ý, bèn mất định. Hành thiền như vậy là xí thạnh mà nói là thoái chuyển vậy.

"Lại nữa, người hành thiền định, khổ diệt, lạc diệt, hỷ và ưu vốn đã diệt, không khổ

---

1. Bản Hán, quyển 46.

không lạc, xả niệm thanh tịnh, chứng đắc đệ Tứ thiền, thành tựu an trụ. Tâm vị ấy tu tập chánh tư duy, từ đệ Tứ thiền hướng đến Vô lượng không xứ, đó là tịch tịnh thù thắng. Nhưng vị hành thiền ấy lại nghĩ rằng 'Tâm ta lìa bổn tướng mà hướng đến chỗ khác, làm mất Sơ thiền và diệt mất định'. Người hành thiền ấy không biết như thật rằng 'Tâm ta tu tập chánh tư duy, khoái lạc tịch tịnh, từ Tứ thiền hướng đến Vô lượng không xứ, đó là tịch tịnh thù thắng'. Vị đó do không biết như thật như vậy, nên đối với sự như thật mà thoái chuyển ý, bèn mất định. Hành thiền như vậy là xí thạnh mà nói là thoái chuyển vậy.

"Lại nữa, người hành thiền vượt qua tất cả sắc tưởng, diệt hữu tưởng, không tư duy bất cứ loại tưởng nào, nhập vô lượng không, thành tựu an trụ nơi Vô lượng không xứ. Tâm vị ấy tu tập chánh tư duy, từ Vô lượng không xứ hướng đến Vô lượng thức xứ, đó là tịch tịnh thù thắng. Nhưng vị hành thiền ấy lại nghĩ rằng 'Tâm ta lìa bổn tướng mà hướng đến chỗ khác, làm mất Sơ thiền và diệt mất định'. Người hành thiền ấy không biết như thật rằng 'Tâm ta tu tập chánh tư duy, khoái lạc tịch tịnh, từ Vô lượng không xứ hướng đến Vô lượng thức xứ, đó là tịch tịnh thù thắng'. Vị đó do không biết như thật như vậy, nên đối với sự như thật mà thoái chuyển ý, bèn mất định. Hành thiền như vậy là xí thạnh mà nói là thoái chuyển vậy.

"Lại nữa, người hành thiền vượt qua tất cả Vô lượng không xứ, nhập vô lượng thức, thành tựu an trụ Vô lượng thức xứ. Tâm vị ấy tu tập chánh tư duy, từ Vô lượng thức xứ hướng đến Vô sở hữu xứ, đó là tịch tịnh thù thắng. Nhưng vị hành thiền ấy lại nghĩ 'Tâm ta lìa bổn tướng mà hướng đến chỗ khác, làm mất Sơ thiền và diệt mất định'. Người hành thiền ấy không biết như thật rằng 'Tâm ta tu tập chánh tư duy, khoái lạc tịch tịnh, từ Vô lượng thức xứ hướng đến Vô sở hữu xứ, đó là tịch tịnh thù thắng'. Vị đó do không biết như thật như vậy, nên đối với sự như thật mà thoái chuyển ý, bèn mất định. Hành thiền như vậy là xí thạnh mà nói là thoái chuyển vậy.

"Lại nữa, người hành thiền vượt qua tất cả Thức vô lượng xứ, nhập Vô sở hữu xứ, thành tựu an trụ Vô sở hữu xứ. Tâm vị ấy tu tập chánh tư duy, từ Vô sở hữu xứ hướng đến Phi tưởng phi vô tưởng xứ, đó là tịch tịnh thù thắng. Nhưng vị hành thiền ấy lại nghĩ rằng: "Tâm ta lìa bốn tướng mà hướng đến chỗ khác, nên mất vô xứ Vô sở hữu xứ, diệt mất định". Vị hành thiền ấy không biết như thật rằng 'Tâm ta tu tập chánh tư duy, khoái lạc tịch tịnh, từ Vô sở hữu xứ hướng đến Phi tưởng phi vô tưởng xứ, đó là tịch tịnh thù thắng'. Vị đó do không biết như thật như vậy, nên đối với sự như thật mà thoái chuyển ý, bèn mất định. Hành thiền như vậy là xí thạnh mà nói là thoái chuyển vậy.

"Thế nào là hành thiền suy thoái mà cho là xí thạnh?

"Vị hành thiền ấy ly dục, ly ác bất thiện pháp, có giác, có quán, có hỷ lạc do ly dục sanh, chứng đắc Sơ thiền, thành tựu an trụ. Vị ấy tư duy trong những tưởng hạn hẹp khác mà tu tập con đường dẫn đến Nhị thiền, nhưng vị ấy lại nghĩ rằng 'Tâm ta tu tập chánh tư duy, khoái lạc tịch tịnh, từ Sơ thiền hướng đến Nhị thiền, đó là tịch tịnh thù thắng'. Vị hành thiền ấy không biết như thật rằng chỉ nên tư duy bằng tưởng tương ưng với yểm ly mà nhập Sơ thiền, nhưng không nên bằng tư duy về những tưởng hạn hẹp khác mà vào Nhị thiền. Vị ấy do không biết như thật nên không biết rõ tâm mình, vị ấy vì vậy mà mất định. Hành thiền như vậy là suy thoái mà cho là xí thạnh.

"Lại nữa, vị hành thiền với giác và quán đã dứt, nội tĩnh, nhất tâm, không giác không quán, hỷ lạc do định sanh, chứng đệ Nhị thiền, thành tựu an trụ. Vị ấy tư duy trong những tưởng hạn hẹp khác mà tu tập con đường dẫn đến Tam thiền. Nhưng vị ấy

lại nghĩ rằng 'Tâm ta tu tập chánh tư duy, khoái lạc tịch tịnh, từ Nhị thiền hướng đến Tam thiền, đó là tịch tịnh thù thắng'. Vị hành thiền ấy không biết như thật rằng chỉ nên tư duy bằng tưởng tương ưng với yểm ly mà nhập Nhị thiền, nhưng không nên bằng tư duy về những tưởng hạn hẹp khác mà vào Tam thiền. Vị ấy do không biết như thật nên không biết rõ tâm mình, vị ấy vì vậy mà mất định. Hành thiền như vậy là suy thoái mà cho là xí thạnh.

"Vị hành thiền ly hỷ, ly dục, xả, an trụ vô cầu, chánh niệm, chánh trí mà thân cảm giác lạc, điều được Thánh gọi là được Thánh xả, niệm an trụ lạc, chứng đệ Tam thiền, thành tựu và an trụ. Vị ấy tư duy trong những tưởng hạn hẹp khác mà tu tập con đường dẫn đến Tứ thiền. Nhưng vị ấy lại nghĩ rằng 'Tâm ta tu tập chánh tư duy, khoái lạc tịch tịnh, từ Tam thiền hướng đến Tứ thiền, đó là tịch tịnh thù thắng'. Vị hành thiền ấy không biết như thật rằng chỉ nên tư duy bằng tưởng tương ưng với yểm ly mà nhập Tam thiền, nhưng không nên bằng tư duy về những tưởng hạn hẹp khác mà vào Tứ thiền. Vị ấy do không biết như thật nên không biết rõ tâm mình, vị ấy vì vậy mà mất định. Hành thiền như vậy là suy thoái mà cho là xí thạnh.

"Lại nữa, vị hành thiền với lạc diệt, khổ diệt, hỷ ưu vốn cũng đã diệt, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh, chứng đắc Tứ thiền, thành tựu an trụ. Vị ấy tư duy trong những tưởng hạn hẹp khác mà tu tập con đường dẫn đến Vô lượng không xứ, nhưng vị ấy lại nghĩ rằng 'Tâm ta tu tập chánh tư duy, khoái lạc tịch tịnh, từ Tứ thiền hướng đến Vô lượng không xứ, đó là tịch tịnh thù thắng'. Vị hành thiền ấy không biết như thật rằng chỉ nên tư duy bằng tưởng tương ưng với yểm ly mà nhập Tứ thiền, nhưng không nên bằng tư duy về những tưởng hạn hẹp khác mà vào Vô lượng không xứ. Vị ấy do không biết như thật nên không biết rõ tâm mình, vị ấy vì vậy mà mất định. Hành thiền như vậy là suy thoái mà cho là xí thạnh.

"Lại nữa, vị hành thiền vượt qua tất cả sắc tưởng, diệt hữu đối tưởng, không tư duy bất cứ loại tưởng nào, nhập vô lượng không, chứng Vô lượng không xứ ấy, thành tựu an trụ. Vị ấy tư duy trong những tưởng hạn hẹp khác mà tu tập con đường dẫn đến Vô lượng thức xứ, nhưng vị ấy lại nghĩ rằng 'Tâm ta tu tập chánh tư duy, khoái lạc tịch tịnh, từ Vô lượng không xứ hướng đến Vô lượng thức xứ, đó là tịch tịnh thù thắng'. Vị hành thiền ấy không biết như thật rằng chỉ nên tư duy bằng tưởng tương ưng với yểm ly mà nhập Vô lượng không xứ, nhưng không nên bằng tư duy về những tưởng hạn hẹp khác mà vào Vô lượng thức xứ. Vị ấy do không biết như thật nên không biết rõ tâm mình, vị ấy vì vậy mà mất định. Hành thiền như vậy là suy thoái mà cho là xí thạnh.

"Lại nữa, vị hành thiền vượt qua Vô lượng không xứ, nhập vô lượng thức, chứng Vô lượng thức xứ ấy, thành tựu an trụ. Vị ấy tư duy trong những tư tưởng hạn hẹp khác mà tu tập con đường dẫn đến Vô sở hữu xứ, nhưng vị ấy lại nghĩ rằng 'Tâm ta tu tập chánh tư duy, khoái lạc tịch tịnh, từ Vô lượng thức xứ hướng đến Vô sở hữu xứ, đó là tịch tịnh thù thắng'. Vị hành thiền ấy không biết như thật rằng chỉ nên tư duy bằng tưởng tương ưng với yểm ly mà nhập Vô lượng thức xứ, nhưng không nên bằng tư duy về những tưởng hạn hẹp khác mà vào Vô sở hữu xứ. Vị ấy do không biết như thật nên không biết rõ tâm mình, vị ấy vì vậy mà mất định. Hành thiền như vậy là suy thoái mà cho là xí thạnh.

"Lại nữa, vị hành thiền vượt qua tất cả Vô lượng thức xứ, nhập vô sở hữu, chứng Vô sở hữu xứ, thành tựu an trụ. Vị ấy tư duy trong những tư tưởng hạn hẹp khác mà tu tập con đường dẫn đến Phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ, nhưng vị ấy lại nghĩ rằng 'Tâm

ta tu tập chánh tư duy, khoái lạc tịch tịnh, từ Vô sở hữu xứ hướng đến Phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ, đó là tịch tịnh thù thắng'. Vị hành thiền ấy không biết như thật rằng chỉ nên tư duy bằng tưởng tương ưng với yểm ly mà nhập Vô sở hữu xứ, nhưng không nên bằng tư duy về những tưởng hạn hẹp khác mà vào đến Phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ. Vị ấy do không biết như thật nên không biết rõ tâm mình, vị ấy vì vậy mà mất định. Hành thiền như vậy là suy thoái mà cho là xí thạnh.

"Thế nào là hành thiền suy thoái thì biết như thật là suy thoái?

"Vị hành thiền ấy với sở hành, với đối tượng và mục tiêu, vượt qua tất cả Vô sở hữu xứ, nhập Phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ, chứng Phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ, thành tựu an trụ, nhưng vị ấy không chấp thọ hành ấy, không suy niệm về đối tượng và mục tiêu ấy, mà chỉ hành trên niệm tưởng tương ưng Vô sở hữu xứ, bèn thối thất trở lại đó. Vị ấy nghĩ rằng, 'Tâm ta lìa khỏi bổn tướng, lại hướng đến chỗ khác, mất Phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ; diệt định vậy'. Vị ấy biết như thật rồi, đối với sự như thật không thoái ý, không mất định. Hành thiền như vậy là suy thoái thì biết như thật là suy thoái.

"Lại nữa, vị hành thiền ấy với sở hành, với đối tượng và mục tiêu, vượt qua tất cả Vô lượng thức xứ, nhập vô sở hữu, chứng Vô sở hữu xứ ấy, thành tựu an trụ. Nhưng vị ấy không thọ hành ấy, không suy niệm về đối tượng và mục tiêu ấy, mà chỉ hành trên niệm tưởng tương ưng Vô lượng thức xứ, bèn thối thất trở lại đó. Vị ấy nghĩ rằng, 'Tâm ta lìa khỏi bổn tướng, lại hướng đến chỗ khác, mất Vô sở hữu xứ; diệt định vậy'. Vị ấy biết như thật rồi, đối với sự như thật không thoái ý, không mất định. Hành thiền như vậy là suy thoái thì biết như thật là suy thoái.

"Lại nữa, vị hành thiền ấy với sở hành, với đối tượng và mục tiêu, vượt qua tất cả Vô lượng không xứ, nhập vô lượng thức, chứng Vô lượng thức xứ, thành tựu an trụ. Nhưng vị ấy không chấp thọ hành ấy, không suy niệm về đối tượng và mục tiêu ấy, mà chỉ hành trên niệm tưởng tương ưng Vô lượng không xứ, bèn thối thất trở lại đó. Vị ấy bèn nghĩ rằng 'Tâm ta lìa khởi bổn tướng, lại hướng đến chỗ khác, mất Vô lượng thức xứ; diệt định vậy'. Vị ấy biết như thật rồi, đối với sự như thật không thoái ý, không mất định. Hành thiền như vậy là suy thoái thì biết như thật là suy thoái.

"Lại nữa, vị hành thiền ấy với sở hành, với đối tượng và mục tiêu, vượt qua tất cả các sắc tưởng, diệt hữu đối tưởng, không suy niệm bất cứ loại tưởng nào, nhập vô lượng không, chứng Vô lượng không xứ ấy, thành tựu an trụ. Nhưng vị ấy không chấp thọ hành ấy, không suy niệm về đối tượng và mục tiêu ấy, mà chỉ hành trên niệm tưởng tương ưng sự ái lạc sắc, bèn thối thất trở lại đó. Vị ấy nghĩ rằng 'Tâm ta lìa khởi bổn tướng, lại hướng đến chỗ khác, mất Vô lượng không xứ; diệt định vậy'. Vị ấy biết như thật rồi, đối với sự như thật không thoái ý, không mất định. Hành thiền như vậy là suy thoái thì biết như thật là suy thoái.

"Lại nữa, vị hành thiền ấy với sở hành, với đối tượng và mục tiêu, lạc diệt, khổ diệt, hỷ ưu vốn có cũng đã diệt, không khổ, không lạc, xả niệm thanh tịnh, chứng đệ Tứ thiền, thành tựu an trụ. Nhưng vị ấy không chấp thọ hành ấy, không suy niệm về đối tượng và mục tiêu ấy, mà chỉ hành trên niệm tưởng tương ưng đệ Tam thiền, bèn thối thất trở lại đó. Vị ấy nghĩ rằng 'Tâm ta lìa khởi bổn tướng, lại hướng đến chỗ khác, mất đệ Tứ thiền; diệt định vậy'. Vị ấy biết như thật rồi, đối với sự như thật không thoái ý, không mất định. Hành thiền như vậy là suy thoái thì biết như thật là suy thoái.

"Lại nữa, vị hành thiền ấy với sở hành, với đối tượng và mục tiêu, ly hỷ, ly dục, xả,

an trụ vô cầu, chánh niệm, chánh trí, thân cảm giác lạc, điều được Thánh gọi được Thánh xả, niệm, an trú lạc trụ, chứng đệ Tam thiền, thành tựu an trụ. Nhưng vị ấy không chấp thọ hành ấy, không suy niệm về đối tượng và mục tiêu ấy, mà chỉ hành trên niệm tưởng tương ưng đệ Nhị thiền, bèn thối thất trở lại đó. Vị ấy nghĩ rằng 'Tâm ta lìa khởi bổn tướng, lại hướng đến chỗ khác, mất đệ Tam thiền; diệt định'. Vị ấy biết như thật rồi, đối với sự như thật không thoái ý, không mất định. Hành thiền như vậy là suy thoái thì biết như thật là suy thoái.

"Lại nữa, vị hành thiền ấy với sở hành, với đối tượng và mục tiêu, giác và quán đã dứt, nội tĩnh, nhất tâm, không giác, không quán, hỷ lạc do định sanh, chứng đệ Nhị thiền, thành tựu an trụ. Nhưng vị ấy không chấp thọ hành ấy, không suy niệm về đối tượng và mục tiêu ấy, mà chỉ hành trên niệm tưởng tương ưng Sơ thiền, bèn thối thất trở lại đó. Vị ấy nghĩ rằng 'Tâm ta lìa khởi bổn tướng, lại hướng đến chỗ khác, mất đệ Nhị thiền; diệt định'. Vị ấy biết như thật rồi, đối với sự như thật không thoái ý, không mất định. Hành thiền như vậy là suy thoái thì biết như thật là suy thoái.

"Lại nữa, vị hành thiền ấy với sở hành, với đối tượng và mục tiêu, ly dục, ly ác bất thiện pháp, có giác, có quán, có hỷ lạc do định sanh, chứng Sơ thiền, thành tựu an trụ. Nhưng vị ấy không chấp thọ hành ấy, không suy niệm về đối tượng và mục tiêu ấy, chỉ hành trên niệm tưởng tương ưng sự ái lạc dục, bèn thối thất trở lại đó. Vị ấy nghĩ rằng 'Tâm ta lìa khởi bổn tướng, lại hướng đến chỗ khác, mất Sơ thiền, diệt định vậy'. Vị ấy biết như thật rồi, đối với sự như thật không thoái ý, không mất định. Hành thiền như vậy là suy thoái thì biết như thật là suy thoái.

"Thế nào là hành thiền mà xí thạnh thì biết như thật là xí thạnh?

"Vị hành thiền ấy ly dục, ly ác bất thiện pháp, có giác, có quán, có hỷ lạc do ly dục sanh, chứng đắc Sơ thiền, thành tựu an trụ. Tâm vị ấy tu tập chánh tư duy, khoái lạc tịch tịnh, rồi từ Sơ thiền hướng đến Nhị thiền, đó là tịch tịnh thù thắng. Vị hành thiền ấy bèn nghĩ như vầy 'Tâm ta tu tập chánh tư duy, khoái lạc tịch tịnh, rồi từ Sơ thiền hướng đến đệ Nhị thiền, đó là tịch tịnh thù thắng'. Vị ấy biết như thật rồi, bèn biết rõ tâm ấy mà không mất định. Hành thiền như vậy là xí thạnh thì biết như thật là xí thạnh.

"Lại nữa, vị hành thiền ấy giác quán đã dứt, nội tĩnh nhất tâm, không giác, không quán, hỷ lạc do định sanh, chứng đệ Nhị thiền, thành tựu an trụ. Tâm vị ấy tu tập chánh tư duy, khoái lạc tịch tịnh, rồi từ Nhị thiền hướng đến Tam thiền, đó là tịch tịnh thù thắng. Vị ấy bèn nghĩ rằng 'Tâm ta tu tập chánh tư duy, khoái lạc tịch tịnh, rồi từ Nhị thiền hướng đến Tam thiền, đó là tịch tịnh thù thắng'. Vị ấy biết như thật rồi, bèn biết rõ tâm ấy mà không mất định. Hành thiền như vậy là xí thạnh thì biết như thật là xí thạnh.

"Lại nữa, vị hành thiền ấy ly hỷ, ly dục, xả, vô cầu, an trụ, chánh niệm, chánh trí, thân cảm giác lạc, điều được Thánh gọi là được Thánh xả, niệm, an trụ lạc trụ, chứng đệ Tam thiền, thành tựu an trụ. Tâm vị ấy tu tập chánh tư duy, khoái lạc tịch tịnh, rồi từ Tam thiền hướng đến Tứ thiền, đó là tịch tịnh thù thắng. Vị hành thiền ấy bèn nghĩ như 'Tâm ta tu tập chánh tư duy, khoái lạc tịch tịnh, rồi từ Tam thiền hướng đến Tứ thiền, đó là tịch tịnh thù thắng'. Vị ấy biết như thật rồi, bèn biết rõ tâm ấy mà không mất định. Hành thiền như vậy là xí thạnh thì biết như thật là xí thạnh.

"Lại nữa, vị hành thiền ấy với lạc diệt, khổ diệt, hỷ ưu vốn có cũng đã diệt, không khổ, không lạc, xả niệm thanh tịnh, chứng đệ Tứ thiền, thành tựu an trụ. Tâm vị ấy tu tập chánh tư duy, khoái lạc tịch tịnh, rồi từ Tứ thiền hướng đến Vô lượng không xứ, đó là tịch tịnh thù thắng. Vị hành thiền ấy bèn nghĩ như vầy 'Tâm ta tu tập chánh tư duy, khoái lạc

tịch tịnh, rồi từ Tứ thiền hướng đến Vô lượng không xứ, đó là tịch tịnh thù thắng'. Vị ấy biết như thật rồi, bèn biết rõ tâm ấy mà không làm mất định. Hành thiền như vậy là xí thạnh thì biết như thật là xí thạnh.

"Lại nữa, vị hành thiền ấy vượt qua tất cả sắc tưởng, diệt hữu đối tưởng, không tư duy bất cứ loại tưởng nào, nhập vô lượng không, chứng Vô lượng không xứ ấy, thành tựu an trụ. Tâm vị ấy tu tập chánh tư duy, khoái lạc tịch tịnh, rồi từ Vô lượng không xứ hướng đến Vô lượng thức xứ, đó là tịch tịnh thù thắng. Vị hành thiền ấy bèn nghĩ như vầy 'Tâm ta tu tập chánh tư duy, khoái lạc tịch tịnh, rồi từ Vô lượng không xứ hướng đến Vô lượng thức xứ, đó là tịch tịnh thù thắng'. Vị ấy biết như thật rồi, bèn biết rõ tâm ấy mà không mất định. Hành thiền như vậy là xí thạnh thì biết như thật là xí thạnh.

"Lại nữa, vị hành thiền ấy vượt qua Vô lượng không xứ, nhập vô lượng thức, chứng Vô lượng thức xứ ấy, thành tựu an trụ. Tâm vị ấy tu tập chánh tư duy, khoái lạc tịch tịnh, rồi từ Vô lượng thức xứ hướng đến Vô sở hữu xứ, đó là tịch tịnh thù thắng. Vị hành thiền ấy bèn nghĩ như vầy 'Tâm ta tu tập chánh tư duy, khoái lạc tịch tịnh, rồi từ Vô lượng thức xứ hướng đến Vô sở hữu xứ, đó là tịch tịnh thù thắng'. Vị ấy biết như thật rồi, bèn biết rõ tâm ấy mà không mất định. Hành thiền như vậy là xí thạnh thì biết như thật là xí thạnh.

"Lại nữa, vị hành thiền ấy vượt qua tất cả Vô lượng thức xứ, nhập vô sở hữu, chứng Vô sở hữu xứ, thành tựu an trụ. Tâm vị ấy tu tập chánh tư duy, khoái lạc tịch tịnh, rồi từ Vô sở hữu xứ hướng đến Phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ, đó là tịch tịnh thù thắng. Vị hành thiền ấy bèn nghĩ như vầy 'Tâm ta tu tập chánh tư duy, khoái lạc tịch tịnh, rồi từ Vô sở hữu xứ hướng đến Phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ, đó là tịch tịnh thù thắng'. Vị ấy biết như thật rồi bèn biết rõ tâm ấy mà không làm mất định. Hành thiền như vậy là xí thạnh thì biết như thật là xí thạnh.

"Thế gian quả thật có bốn loại hành thiền, vì vậy mà Ta giảng thuyết".

Phật thuyết như vậy, các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

❑

177. KINH THUYẾT

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật du hóa tại Câu-lâu-sấu, ở trong Kiếm-ma-sắt-đàm, đô ấp của Câu-lâu[1].

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo rằng:

"Ta sẽ thuyết pháp cho các ngươi nghe, vi diệu ở khởi đầu, vi diệu ở quảng giữa và vi diệu ở đoạn cuối; có văn, có nghĩa, đầy đủ thanh tịnh, hiển hiện phạm hạnh. Đó là kinh 'Tứ Chủng Thuyết'. Sau đây Ta sẽ phân biệt nghĩa lý của kinh 'Tứ Chủng Thuyết'. Hãy lắng nghe! Hãy lắng nghe! Hãy khéo tư niệm. Ta sẽ nói".

Khi ấy các Tỳ-kheo vâng lời dạy, lắng nghe.

Đức Phật nói:

"Thế nào gọi là phân biệt nghĩa lý của kinh Tứ Chủng Thuyết?

"Nếu có Tỳ-kheo với sở hành, đối tượng và tiêu đích, mà ly dục, ly pháp ác bất thiện, có giác, có quán, có hỷ lạc do ly dục sanh, chứng đắc Sơ thiền, thành tựu an trụ. Nhưng vị ấy không chấp thọ sở hành này, không suy niệm trên đối tượng, tiêu đích này mà chỉ hành niệm tưởng tương ưng với dục lạc, bèn thoái chuyển, thì Tỳ-kheo ấy phải nên biết rằng 'Ta sanh pháp này mà không trụ, không tiến, cũng không yểm ly. Ta sanh pháp này nên khiến ta bị thoái chuyển. Do đó định này của ta không tồn tại lâu dài'. Thầy Tỳ-kheo ấy phải nên biết như vậy.

"Lại nữa, Tỳ-kheo với sở hành, đối tượng, tiêu đích mà ly dục, ly pháp ác bất thiện, có giác, có quán, có hỷ lạc do ly dục sanh, chứng đắc Sơ thiền, thành tựu an trụ và vị ấy chấp thọ sở hành này, suy niệm trên đối tượng, tiêu đích này, lập niệm đúng như pháp, khiến an trụ với ý chuyên nhất, thì Tỳ-kheo ấy nên biết rằng 'Ta sanh pháp này mà không thoái, không tiến, cũng không yểm ly. Ta sanh pháp này có thể khiến ta an trụ, mà định này của ta chắc chắn tồn tại lâu dài'. Thầy Tỳ-kheo ấy nên biết như vậy.

"Lại nữa, Tỳ-kheo với sở hành, đối tượng, tiêu đích mà ly dục, ly pháp ác bất thiện, có giác, có quán, có hỷ lạc do ly dục sanh, chứng đắc Sơ thiền, thành tựu và an trụ, nhưng vị ấy không chấp thọ sở hành này, không suy niệm trên đối tượng, tiêu đích này, mà chỉ niệm tưởng tương ưng với đệ Nhị thiền, thành tựu sự thăng tiến, thì Tỳ-kheo ấy nên biết rằng: 'Ta sanh pháp này mà không thoái, không trụ, cũng không yểm ly. Ta sanh pháp này khiến ta được thăng tiến, như vậy không bao lâu nữa sẽ chứng đắc đệ Nhị thiền'. Thầy Tỳ-kheo ấy nên biết như vậy.

"Lại nữa, Tỳ-kheo với sở hành, đối tượng, tiêu đích mà ly dục, ly pháp ác bất thiện, có giác, có quán, có hỷ lạc do ly dục sanh, chứng đắc Sơ thiền, thành tựu và an trụ, nhưng vị ấy không chấp thọ sở hành này, suy niệm trên đối tượng, tiêu đích này, mà chỉ hành

---

1. Xem các kinh số 10, 55, 169.

niệm tưởng tương ưng với tịch diệt, thành tựu vô dục, thì Tỳ-kheo ấy nên biết rằng 'Ta sanh pháp này mà không thoái, không trụ, cũng không thăng tiến. Ta sanh pháp này có thể khiến ta yểm ly. Như vậy, không bao lâu nữa sẽ chứng quả lậu tận'. Thầy Tỳ-kheo ấy nên biết như vậy.

"Lại nữa, Tỳ-kheo với sở hành, đối tượng, tiêu đích, giác quán đã dứt, nội tĩnh, nhất tâm, không giác, không quán, hỷ lạc do định sanh, chứng đắc đệ Nhị thiền, thành tựu và an trụ. Nhưng vị ấy không chấp thọ sở hành này, không suy niệm trên đối tượng, tiêu đích này, mà chỉ hành niệm tưởng tương ưng với Sơ thiền, thành tựu sự thoái chuyển, thì Tỳ-kheo ấy nên biết rằng 'Ta sanh pháp này mà không trụ, không tiến, cũng không yểm ly. Ta sanh pháp này nên khiến ta bị thoái chuyển, do đó định này của ta không tồn tại lâu dài'. Thầy Tỳ-kheo ấy nên biết như vậy.

"Lại nữa, Tỳ-kheo với sở hành, đối tượng, tiêu đích, giác quán đã dứt, nội tĩnh, nhất tâm, không giác, không quán, hỷ lạc do định sanh, chứng đắc đệ Nhị thiền, thành tựu và an trụ. Vị ấy chấp thọ sở hành này, suy niệm trên đối tượng, tiêu đích này, lập niệm đúng như pháp, an trụ với ý chuyên nhất, thì Tỳ-kheo ấy nên biết rằng 'Ta sanh pháp này mà không thoái, không tiến, cũng không yểm ly. Ta sanh pháp này có thể khiến ta được an trụ, do đó định này của ta chắc chắn tồn tại lâu dài'. Thầy Tỳ-kheo ấy nên biết như vậy.

"Lại nữa, Tỳ-kheo với sở hành, đối tượng, tiêu đích, giác quán đã dứt, nội tĩnh, nhất tâm, không giác, không quán, hỷ lạc do định sanh, chứng đắc đệ Nhị thiền, thành tựu và an trụ. Nhưng vị ấy không chấp thọ sở hành này, không suy niệm trên đối tượng, tiêu đích này, mà chỉ hành niệm tưởng tương ưng với đệ Tam thiền, thành tựu sự thăng tiến, thì Tỳ-kheo ấy nên biết rằng 'Ta sanh pháp này mà không thoái, không trụ, cũng không yểm ly. Ta sanh pháp này có thể khiến ta được thăng tiến, như vậy không bao lâu nữa sẽ chứng đắc đệ Tam thiền'. Thầy Tỳ-kheo ấy nên biết như vậy.

"Lại nữa, Tỳ-kheo với sở hành, đối tượng, tiêu đích, giác quán đã dứt, nội tĩnh, nhất tâm, không giác, không quán, hỷ lạc do định sanh, chứng đắc đệ Nhị thiền, thành tựu và an trụ. Nhưng vị ấy không chấp thọ sở hành này, không suy niệm trên đối tượng, tiêu đích này, mà chỉ hành niệm tưởng tương ưng với tịch diệt, tịch tĩnh, thành tựu vô dục, thì Tỳ-kheo ấy nên biết rằng 'Ta sanh pháp này mà không thoái chuyển, không trụ, cũng không thăng tiến. Ta sanh pháp này nên khiến ta yểm ly, như vậy không bao lâu nữa sẽ chứng quả lậu tận'. Tỳ-kheo ấy nên biết như vậy.

"Lại nữa, Tỳ-kheo với sở hành, đối tượng, tiêu đích, ly hỷ, dục, xả, vô cầu, an trụ với chánh niệm, chánh trí, thân cảm giác lạc, điều được Thánh gọi là được Thánh xả, niệm, an trú lạc, chứng đắc đệ Tam thiền, thành tựu và an trụ. Nhưng vị ấy không chấp thọ sở hành này, không suy niệm trên đối tượng, tiêu đích này, mà chỉ hành niệm tưởng tương ưng với đệ Nhị thiền, thành tựu sự thoái chuyển, thì Tỳ-kheo ấy nên biết rằng 'Ta sanh pháp này mà không trụ, không tiến, cũng không yểm ly. Ta sanh pháp này nên khiến ta bị thoái chuyển, do đó định này của ta không tồn tại lâu dài'. Tỳ-kheo ấy nên biết như vậy.

"Lại nữa, Tỳ-kheo với sở hành, đối tượng, tiêu đích, ly hỷ, dục, xả, vô cầu, an trụ với chánh niệm, chánh trí, thân cảm giác lạc, điều được Thánh gọi là được Thánh xả, niệm, an trụ lạc, chứng đắc đệ Tam thiền, thành tựu và an trụ; và vị ấy chấp thọ sở hành này, suy niệm trên đối tượng, tiêu đích này, lập niệm đúng như pháp, an trụ với ý chuyên nhất, thì Tỳ-kheo ấy nên biết rằng 'Ta sanh pháp này mà không thoái, không tiến, cũng không yểm ly. Ta sanh pháp này có thể khiến ta được an trụ, do đó định này của ta chắn

chắn tồn tại lâu dài'. Tỳ-kheo ấy nên biết như vậy.

"Lại nữa, Tỳ-kheo với sở hành, đối tượng, tiêu đích, ly hỷ, dục, xả, an trụ vô cầu, với chánh niệm, chánh trí, thân cảm giác lạc, điều được Thánh gọi là được Thánh xả, niệm, an trú lạc, chứng đắc đệ Tam thiền, thành tựu và an trụ. Nhưng vị ấy không chấp thọ sở hành này, không suy niệm trên đối tượng, tiêu đích này, mà chỉ hành niệm tưởng tương ưng với đệ Tứ thiền, thành tựu sự thăng tiến, thì Tỳ-kheo ấy nên biết rằng 'Ta sanh pháp này mà không thoái, không trụ, cũng không yểm ly. Ta sanh pháp này nên khiến ta được thăng tiến, như vậy không bao lâu nữa sẽ chứng đệ Tứ thiền'. Tỳ-kheo ấy nên biết như vậy.

"Lại nữa, Tỳ-kheo với sở hành, đối tượng, tiêu đích, ly hỷ, dục, xả, vô cầu, an trụ với chánh niệm, chánh trí, thân cảm giác lạc, điều được Thánh gọi là được Thánh xả, niệm, an trụ lạc, chứng đắc đệ Tam thiền, thành tựu và an trụ. Nhưng vị ấy không chấp thọ sở hành này, không suy niệm trên đối tượng, tiêu đích này, mà chỉ hành niệm tưởng tương ưng với tịch diệt, tịch tĩnh, thành tựu sự vô dục, thì Tỳ-kheo ấy nên biết rằng 'Ta sanh pháp này mà không thoái, không trụ, cũng không thăng tiến. Ta sanh pháp này nên có thể khiến ta bị yểm ly, như vậy không bao lâu nữa sẽ chứng quả lậu tận'. Tỳ-kheo ấy nên biết như vậy.

"Lại nữa, Tỳ-kheo với sở hành, đối tượng, tiêu đích, diệt lạc, diệt khổ, diệt ưu hỷ vốn đã có, không khổ, không lạc, xả niệm thanh tịnh, chứng đắc đệ Tứ thiền, thành tựu và an trụ. Nhưng vị ấy không chấp thọ sở hành này, không suy niệm trên đối tượng, tiêu đích này, mà chỉ hành niệm tưởng tương ưng với đệ Tam thiền, thành sự thối thất, thì Tỳ-kheo ấy nên biết rằng 'Ta sanh pháp này mà không trụ, không tiến, cũng không yểm ly. Ta sanh pháp này nên khiến ta bị thối thất, do đó định này của ta không tồn tại lâu dài'. Tỳ-kheo ấy nên biết như vậy.

"Lại nữa, Tỳ-kheo với sở hành, đối tượng, tiêu đích, diệt lạc, diệt khổ, diệt ưu hỷ vốn đã có, không khổ, không lạc, xả niệm thanh tịnh, chứng đắc đệ Tứ thiền, thành tựu và an trụ. Và vị ấy chấp thọ sở hành này, suy niệm trên đối tượng, tiêu đích này, lập niệm đúng như pháp với ý chuyên nhất, thì Tỳ-kheo ấy nên biết rằng 'Ta sanh pháp này mà không thoái, không tiến, cũng không yểm ly. Ta sanh pháp này nên ta được an trụ, do đó, định này của ta chắc chắn tồn tại lâu dài'. Tỳ-kheo ấy nên biết như vậy.

"Lại nữa, Tỳ-kheo với sở hành, đối tượng, tiêu đích, diệt lạc, diệt khổ, diệt ưu hỷ vốn đã có; không khổ, không lạc, xả niệm thanh tịnh, chứng đắc đệ Tứ thiền, thành tựu và an trụ. Nhưng vị ấy không chấp thọ sở hành này, không suy niệm trên đối tượng, tiêu đích này, mà chỉ hành niệm tưởng tương ưng với Vô lượng không xứ, với sự thăng tiến, thì Tỳ-kheo ấy nên biết rằng 'Ta sanh pháp này mà không thoái chuyển, không trụ, cũng không yểm ly. Ta sanh pháp này nên ta được thăng tiến, như vậy không bao lâu nữa sẽ chứng đắc Vô lượng không xứ'. Tỳ-kheo ấy nên biết như vậy.

"Lại nữa, Tỳ-kheo với sở hành, đối tượng, tiêu đích, diệt lạc, diệt khổ, diệt ưu hỷ vốn đã có, không khổ, không lạc, xả niệm thanh tịnh, chứng đắc đệ Tứ thiền, thành tựu và an trụ. Nhưng vị ấy không chấp thọ sở hành này, không suy niệm trên đối tượng, tiêu đích này, mà chỉ hành niệm tưởng tương ưng với tịch diệt, tịch tĩnh, thành tựu sự vô dục, thì Tỳ-kheo ấy nên biết rằng 'Ta sanh pháp này mà không thoái, không trụ, cũng không thăng tiến. Ta sanh pháp này có thể khiến ta yểm ly, như vậy không bao lâu nữa sẽ chứng quả lậu tận'. Tỳ-kheo ấy nên biết như vậy.

"Lại nữa, Tỳ-kheo với sở hành, đối tượng, tiêu đích, vượt qua tất cả sắc tưởng, diệt

hữu đối tưởng, không suy niệm bất cứ loại tưởng nào, nhập vô lượng không, thành tựu và an trụ Vô lượng không xứ. Nhưng vị ấy chấp thọ sở hành này, không suy niệm trên đối tượng, tiêu đích này, mà chỉ hành niệm tưởng tương ưng với ái lạc sắc, thành tựu sự thoái chuyển, thì Tỳ-kheo ấy nên biết rằng 'Ta sanh pháp này mà không trụ, không tiến, cũng không yểm ly. Ta sanh pháp này khiến ta bị thối thất, do đó, định này của ta không tồn tại lâu dài'. Tỳ-kheo ấy nên biết như vậy.

"Lại nữa, Tỳ-kheo với sở hành, đối tượng, tiêu đích, vượt qua tất cả sắc tưởng, diệt hữu đối tưởng, không suy niệm bất cứ loại tưởng nào, nhập vô lượng không, thành tựu và an trụ Vô lượng không xứ, và vị ấy chấp thọ sở hành này, suy niệm trên đối tượng, tiêu đích này, lập niệm đúng như pháp, an trụ với ý chuyên nhất, thì Tỳ-kheo ấy nên biết rằng 'Ta sanh pháp này mà không thoái, không tiến, cũng không yểm ly. Ta sanh pháp này có thể khiến ta được an trụ, do đó, định này của ta chắc chắn tồn tại lâu dài'. Tỳ-kheo ấy nên biết như vậy.

"Lại nữa, Tỳ-kheo với sở hành, đối tượng, tiêu đích, vượt qua tất cả sắc tưởng, diệt hữu đối tưởng, không suy niệm bất cứ loại tưởng nào, nhập vô lượng không, thành tựu và an trụ Vô lượng không xứ, nhưng vị ấy không chấp thọ sở hành này, không suy niệm trên đối tượng, tiêu đích này, mà chỉ hành niệm tưởng tương ưng với Vô lượng thức xứ, thành tựu thăng tiến, thì Tỳ-kheo ấy nên biết rằng 'Ta sanh pháp này mà không thoái, không trụ, cũng không yểm ly. Ta sanh pháp này nên ta được thăng tiến, như vậy không bao lâu nữa sẽ chứng đắc Vô lượng thức xứ'. Tỳ-kheo ấy nên biết như vậy.

"Lại nữa, Tỳ-kheo với sở hành, đối tượng, tiêu đích, vượt qua tất cả sắc tưởng, diệt hữu đối tưởng, không suy niệm bất cứ loại tưởng nào, nhập vô lượng không, thành tựu và an trụ Vô lượng không xứ, nhưng vị ấy không chấp thọ sở hành này, không suy niệm trên đối tượng, tiêu đích này, mà chỉ hành niệm tưởng tương ưng với tịch diệt, tịch tĩnh, thành tựu vô dục, thì Tỳ-kheo ấy nên biết rằng 'Ta sanh pháp này mà không thoái, không trụ, cũng không thăng tiến. Ta sanh pháp này có thể khiến ta yểm ly, như vậy không bao lâu nữa sẽ chứng quả lậu tận'. Tỳ-kheo ấy nên biết như vậy.

"Lại nữa, Tỳ-kheo với sở hành, đối tượng, tiêu đích, vượt qua tất cả Vô lượng không xứ, nhập vô lượng thức, thành tựu và an trụ Vô lượng thức xứ, nhưng vị ấy không chấp thọ sở hành này, không suy niệm trên đối tượng, tiêu đích này, mà chỉ hành niệm tưởng tương ưng với Vô lượng không xứ, thành tựu thoái chuyển, thì Tỳ-kheo ấy nên biết rằng 'Ta sanh pháp này mà không trụ, không tiến, cũng không yểm ly. Ta sanh pháp này nên ta bị thối thất, do đó, định này của ta không tồn tại lâu dài'. Tỳ-kheo ấy nên biết như vậy.

"Lại nữa, Tỳ-kheo với sở hành, đối tượng, tiêu đích, vượt qua tất cả Vô lượng không xứ, nhập vô lượng thức, thành tựu và an trụ Vô lượng thức xứ, và vị ấy chấp thọ sở hành này, suy niệm trên đối tượng, tiêu đích này, lập niệm đúng như pháp, an trụ với ý chuyên nhất, thì Tỳ-kheo ấy nên biết rằng 'Ta sanh pháp này mà không thoái chuyển, không tiến, cũng không yểm ly. Ta sanh pháp này khiến ta được an trụ, do đó, định này của ta chắc chắn tồn tại lâu dài'. Tỳ-kheo ấy nên biết như vậy.

"Lại nữa, Tỳ-kheo với sở hành, đối tượng, tiêu đích, vượt qua tất cả Vô lượng không xứ, nhập vô lượng thức, thành tựu và an trụ Vô lượng thức xứ, nhưng vị ấy không chấp thọ sở hành này, suy niệm trên đối tượng, tiêu đích này, mà chỉ hành niệm tưởng tương ưng với Vô sở hữu xứ, thành tựu thăng tiến, thì Tỳ-kheo ấy nên biết rằng 'Ta sanh pháp này mà không thoái chuyển, không trụ, cũng không yểm ly. Ta sanh pháp này nên ta được thăng tiến, như vậy không bao lâu nữa sẽ chứng đắc Vô sở hữu xứ'. Tỳ-kheo ấy nên biết

như vậy.

"Lại nữa, Tỳ-kheo với sở hành, đối tượng, tiêu đích, vượt qua tất cả Vô lượng không xứ, nhập vô lượng thức, thành tựu và an trụ Vô lượng thức xứ, nhưng vị ấy không chấp thọ sở hành này, không suy niệm trên đối tượng, tiêu đích này, mà chỉ hành niệm tưởng tương ưng với tịch diệt, tịch tĩnh, thành tựu vô dục, thì Tỳ-kheo ấy nên biết rằng 'Ta sanh pháp này mà không thoái chuyển, không trụ, cũng không thăng tiến; vì ta sanh pháp này nên khiến ta yểm ly, như vậy không bao lâu nữa sẽ chứng quả lậu tận'. Tỳ-kheo ấy nên biết như vậy.

"Lại nữa, Tỳ-kheo với sở hành, đối tượng, tiêu đích, vượt qua tất cả Vô lượng thức xứ, nhập vô sở hữu, thành tựu và an trụ Vô sở hữu xứ, nhưng vị ấy không chấp thọ sở hành này, không suy niệm trên đối tượng, tiêu đích này, mà chỉ hành niệm tưởng tương ưng với Vô lượng thức xứ, thành tựu thoái chuyển, thì Tỳ-kheo ấy nên biết rằng 'Ta sanh pháp này mà không trụ, không tiến, cũng không yểm ly. Ta sanh pháp này khiến ta bị thối thất, do đó, định này của ta không tồn tại lâu dài'. Tỳ-kheo ấy nên biết như vậy.

"Lại nữa, Tỳ-kheo với sở hành, đối tượng, tiêu đích, vượt qua tất cả Vô lượng thức xứ, nhập vô sở hữu, thành tựu và an trụ Vô sở hữu xứ, và vị ấy chấp thọ sở hành này, suy niệm trên đối tượng, tiêu đích này, lập niệm đúng như pháp, an trụ với ý chuyên nhất, thì Tỳ-kheo ấy nên biết rằng 'Ta sanh pháp này mà không thoái chuyển, không tiến, cũng không yểm ly; vì ta sanh pháp này nên ta được an trụ, do đó, định này của ta chắc chắn tồn tại lâu dài'. Tỳ-kheo ấy nên biết như vậy.

"Lại nữa, Tỳ-kheo với sở hành, đối tượng, tiêu đích, vượt qua tất cả Vô lượng thức xứ, nhập vô sở hữu, thành tựu và an trụ Vô sở hữu xứ, nhưng vị ấy không chấp thọ sở hành này, không suy niệm trên đối tượng, tiêu đích này, mà chỉ hành niệm tưởng tương ưng với Phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ, thành tựu sự thăng tiến, thì Tỳ-kheo ấy nên biết rằng 'Ta sanh pháp này mà không thoái chuyển, không trụ, cũng không yểm ly; vì ta sanh pháp này nên ta được thăng tiến, như vậy không bao lâu nữa sẽ chứng đắc phi hữu tưởng, phi vô tưởng xứ'. Tỳ-kheo ấy nên biết như vậy.

"Lại nữa, Tỳ-kheo với sở hành, đối tượng, tiêu đích, vượt qua tất cả Vô lượng thức xứ, nhập vô sở hữu, thành tựu và an trụ Vô sở hữu xứ, nhưng vị ấy không chấp thọ sở hành này, không suy niệm trên đối tượng, tiêu đích này, mà chỉ hành niệm tưởng tương ưng với sự nhàm tởm, thành tựu vô dục, thì Tỳ-kheo ấy nên biết rằng 'Ta sanh pháp này mà không thoái chuyển, không trụ, cũng không thăng tiến; vì ta sanh pháp này nên khiến ta nhàm tởm, như vậy không bao lâu nữa sẽ chứng quả lậu tận'. Tỳ-kheo ấy nên biết như vậy.

"Có tưởng và có tri[2]. Ngang mức ấy còn được tri; cho đến Phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ là hành dư cao hơn hết trong sự hữu[3]. Tỳ-kheo hành thiền hãy phát khởi theo như vậy, hãy thuyết giảng lại cho người khác biết.

Đức Phật thuyết như vậy, các thầy Tỳ-kheo sau khi Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

❑

2. *Tưởng tri*, hay *tưởng thọ*; chỉ tất cả thiền định, trừ diệt tận định. Ở định Phi tưởng phi tưởng xứ chỉ tồn tại hai yếu tố nay. Vượt lên nữa, là *diệt tận định* hay *tưởng thọ diệt tận định*.
3. Hành dư đệ nhất hữu.

178. KINH LẠP SƯ[1]

Tôi nghe như vầy.

Một thời Đức Phật du hóa tại thành Vương xá, trong rừng Trúc lâm, vườn Ca-lan-đà.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo rằng:

"Người thợ săn khi bẫy mồi nai, không có tâm như vầy 'Mong cho nai được béo mập, được tốt đẹp, được sức lực, được sung sướng, sống lâu'. Nhưng người thợ săn bẫy mồi nai với tâm như vầy 'Bẫy mồi là chỉ muốn chúng đến gần để ăn; đã đến gần để ăn thì sẽ kiêu loạn phóng dật, mà đã kiêu sa phóng dật thì sẽ tùy thuộc thợ săn và quyến thuộc thợ săn'. Người thợ ăn bẫy mồi nai với tâm như vậy.

"Đàn nai thứ nhất đến gần đồ mồi của thợ săn. Sau khi chúng đến gần để ăn, bèn sanh kiêu sa phóng dật rồi do kiêu loạn phóng dật nên bị tùy thuộc thợ săn và quyến thuộc thợ săn. Như vậy là đàn nai thứ nhất không thoát khỏi cảnh giới của thợ săn và quyến thuộc thợ săn.

"Đàn nai thứ hai suy nghĩ rằng 'Đàn nai thứ nhất đã đến gần để ăn đồ mồi của thợ săn. Sau khi chúng đến gần để ăn, bèn sanh kiêu loạn phóng dật, rồi do kiêu sa phóng dật nên bị tùy thuộc thợ săn và quyến thuộc thợ săn. Như vậy là đàn nai thứ nhất không thoát khỏi cảnh giới thợ săn và quyến thuộc thợ săn. Nay ta đừng ăn đồ ăn của thợ săn, tránh xa chỗ đáng sợ, nương nơi rừng vắng an toàn[2], ăn cỏ uống nước được chăng?' Sau khi suy nghĩ, đàn nai thứ hai liền bỏ mặc đồ mồi của thợ săn, tránh xa chỗ đáng sợ, nương ở nơi rừng vắng an toàn, ăn cỏ uống nước. Đến tháng cuối mùa xuân[3], cỏ nước đều hết, thân thể chúng rất gầy ốm, khí lực hao mòn và rồi lại bị tùy thuộc thợ săn và quyến thuộc thợ săn.

"Như vậy là đàn nai thứ hai cũng không thoát khỏi cảnh giới của thợ săn và quyến thuộc thợ săn.

"Đàn nai thứ ba lại suy nghĩ rằng, 'Đàn nai thứ nhất và thứ hai, tất cả đều không thoát khỏi cảnh giới của thợ săn và quyến thuộc thợ săn. Nay ta hãy tránh xa thợ săn và quyến thuộc thợ săn, nhưng ở một nơi không xa, sau đó hãy ăn đồ ăn của thợ săn mà đừng đến gần. Đã ăn mà không đến gần thì không kiêu sa phóng dật. Do không kiêu loạn phóng dật nên không bị tùy thuộc thợ săn và quyến thuộc thợ săn'. Sau khi suy nghĩ, đàn nai thứ ba liền tránh xa thợ săn và quyến thuộc thợ săn, nhưng ở một nơi không xa. Sau đó ăn đồ mồi của thợ săn mà không đến gần. Ăn mà không đến gần nên không kiêu loạn phóng dật, rồi do không kiêu sa phóng dật nên không tùy thuộc thợ săn và quyến thuộc thợ săn.

"Người thợ săn và quyến thuộc thợ săn nghĩ rằng 'Đàn nai thứ ba này khôn lanh kỳ

---

1. Bản Hán, quyển 47. Tương đương Pāli: M. 25. Nivāpa-suttaṃ.
2. Hán: vô sự xứ 無事處 Pāli: araññāyatana.
3. Hán: xuân hậu nguyệt 春後月 Pāli: gimhānaṃ pacchime māse, vào tháng cuối mùa hạ.

lạ! Quả thật, rất khôn lanh! Vì sao? Vì chúng ăn đồ ăn của ta mà ta không thể bắt được. Nay ta hãy bủa vòng lưới chạy dài. Sau khi bủa lưới chạy dài chắc sẽ biết được chỗ ở, đường lui tới của đàn nai thứ ba này'. Sau khi suy nghĩ, thợ săn và quyến thuộc thợ săn liền bủa vòng lưới chạy dài và sau đó biết được chỗ ở, đường lui tới của đàn nai thứ ba. Như vậy, đàn nai thứ ba cũng không thoát khỏi cảnh giới của thợ săn và quyến thuộc thợ săn.

"Đàn nai thứ tư lại suy nghĩ, 'Đàn nai thứ nhất, thứ hai và thứ ba, tất cả đều không thoát khỏi cảnh giới của thợ săn và quyến thuộc thợ săn. Nay ta hãy nương ở một nơi mà thợ săn và quyến thuộc thợ săn không đến được. Sau đó hãy ăn đồ mồi của thợ săn mà đừng đến gần. Đã ăn mà không đến gần thì không kiêu loạn phóng dật. Do không kiêu sa phóng dật, sẽ không bị tùy thuộc thợ săn và quyến thuộc thợ săn'. Sau khi suy nghĩ, đàn nai thứ tư liền nương ở một nơi mà thợ săn và quyến thuộc thợ săn không thể đến được, sau đó ăn đồ mồi của thợ săn mà không đến gần. Đã ăn mà không đến gần nên không kiêu sa phóng dật, rồi do không kiêu sa phóng dật nên không bị tùy thuộc thợ săn và quyến thuộc thợ săn. Người thợ săn và quyến thuộc thợ săn lại suy nghĩ rằng: "Đàn nai thứ tư này ranh mãnh xảo trá kỳ lạ! Quả thật ranh mãnh xảo trá, nếu ta xua đuổi chúng, chắc chắn không thể được, vì những nai con khác sẽ kinh sợ bỏ chạy tán loạn. Vậy ta hãy cứ bỏ mặc đàn nai thứ tư này'. Sau khi suy nghĩ, thợ săn và quyến thuộc thợ săn liền bỏ mặc.

"Như vậy là đàn nai thứ tư thoát khỏi cảnh giới của thợ săn và quyến thuộc thợ săn.

"Này Tỳ-kheo, Ta nói thí dụ này là muốn các giải rõ ý nghĩa. Nay Ta nói đây, các ngươi hãy quán sát nghĩa lý:

"Đồ mồi của thợ săn, nên biết, đó là năm công đức của dục[4]: mắt biết sắc, tai nghe tiếng, mũi ngửi hương, lưỡi nếm vị, thân xúc chạm. Đồ mồi của thợ săn, nên biết, đó là năm niệm công đức của dục. Người thợ săn, nên biết, đó chính là Ác ma vương. Quyến thuộc của thợ săn, nên biết, đó chính là quyến thuộc của Ma vương. Đàn nai, nên biết đó chính là Sa-môn, Phạm chí vậy.

"Sa-môn, Phạm chí thứ nhất đến gần ăn đồ mồi của Ma vương, là ăn của tín thí thế gian. Những vị ấy sau khi đến gần đồ ăn bèn sanh kiêu loạn phóng dật. Rồi do kiêu loạn phóng dật nên bị tùy thuộc Ma vương và quyến thuộc Ma vương. Như vậy là Sa-môn, Phạm chí thứ nhất không thoát khỏi cảnh giới của Ma vương và quyến thuộc của Ma vương.

"Ví như đàn nai thứ nhất đến gần để ăn đồ mồi của thợ săn. Sau khi chúng đến gần để ăn bèn sanh kiêu loạn phóng dật, rồi do kiêu sa phóng dật nên bị tùy thuộc thợ săn và quyến thuộc thợ săn. Như vậy là đàn nai thứ nhất không thoát khỏi cảnh giới của thợ săn và quyến thuộc thợ săn. Các ngươi hãy quán sát các Sa-môn, Phạm chí kia cũng giống như vậy.

"Sa-môn, Phạm chí thứ hai lại suy nghĩ rằng, 'Sa-môn, Phạm chí thứ nhất đến gần ăn đồ mồi của Ma vương, là ăn của tín thí thế gian. Những vị ấy sau khi đến gần đồ ăn bèn sanh kiêu loạn phóng dật. Rồi do kiêu sa phóng dật nên bị tùy thuộc Ma vương và quyến thuộc Ma vương. Như vậy là Sa-môn, Phạm chí thứ nhất không thoát khỏi cảnh giới của Ma vương và quyến thuộc của Ma vương. Nay ta hãy từ bỏ đồ mồi của tín thí thế gian, tránh xa chỗ đáng sợ, nương ở nơi rừng vắng an toàn, chỉ ăn trái cây và rễ cây'. Sau khi

4. Ngũ dục công đức ——\—w—C Pāli: pañca kāma-guṇā, năm phẩm chất của dục vọng.

suy nghĩ, Sa-môn, Phạm chí thứ hai liền từ bỏ đồ ăn của tín thí thế gian, tránh xa chỗ đáng sợ, nương ở nơi rừng vắng an toàn, chỉ ăn trái cây và rễ cây. Đến tháng cuối Xuân, trái cây và rễ cây đều hết, thân thể những vị ấy rất gầy ốm, khí lực hao mòn, nên tâm giải thoát, tuệ giải thoát cũng hao mòn. Và tâm giải thoát, tuệ giải thoát đã hao mòn nên trở lại bị tùy thuộc Ma vương và quyến thuộc của Ma vương. Như vậy là Sa-môn, Phạm chí thứ hai cũng không thoát khỏi cảnh giới của Ma vương và quyến thuộc của Ma vương.

"Ví như đàn nai thứ hai suy nghĩ rằng 'Đàn nai thứ nhất đến gần để ăn đồ mồi của thợ săn. Sau khi chúng đến gần để ăn bèn sanh kiêu sa phóng dật, rồi do kiêu sa phóng dật nên bị tùy thuộc thợ săn và quyến thuộc thợ săn. Như vậy là đàn nai thứ nhất không thoát khỏi cảnh giới của thợ săn và quyến thuộc thợ săn. Nay ta hãy từ bỏ đồ mồi của thợ săn, tránh xa chỗ đáng sợ, nương ở nơi rừng vắng an toàn, ăn cỏ uống nước được chăng? Sau khi suy nghĩ, đàn nai thứ hai liền từ bỏ đồ mồi của thợ săn, tránh xa chỗ đáng sợ, nương ở nơi rừng vắng an toàn, ăn cỏ uống nước. Đến tháng cuối Xuân, cỏ nước đều hết, thân thể chúng rất gầy ốm, khí lực hao mòn, và rồi lại bị tùy thuộc thợ săn và quyến thuộc thợ săn. Như vậy là đàn nai thứ hai không thoát khỏi cảnh giới của thợ săn và quyến thuộc thợ săn. Các ngươi hãy quán sát Sa-môn, Phạm chí thứ hai kia cũng giống như vậy.

"Sa-môn, Phạm chí thứ ba lại suy nghĩ rằng, 'Sa-môn, Phạm chí thứ nhất và thứ hai, tất cả đều không thoát khỏi cảnh giới của Ma vương và quyến thuộc Ma vương. Nay ta hãy tránh xa Ma vương và quyến thuộc Ma vương, nương ở một nơi không xa, sau đó hãy ăn đồ mồi của thế gian tín thí mà đừng đến gần. Đã ăn mà không đến gần thì không bị tùy thuộc Ma vương và quyến thuộc Ma vương'. Sau khi suy nghĩ, Sa-môn, Phạm chí thứ ba liền tránh xa Ma vương và quyến thuộc Ma vương, nương ở một nơi không xa, sau đó ăn đồ mồi của thế gian tín thí mà không đến gần. Đã ăn mà không đến gần, nên không kiêu loạn phóng dật, rồi do không kiêu sa phóng dật nên không bị tùy thuộc Ma vương và quyến thuộc Ma vương, nhưng còn chấp thủ hai kiến chấp, hữu kiến và vô kiến. Những vị ấy do chấp thủ hai kiến chấp này nên rồi cũng bị tùy thuộc Ma vương và quyến thuộc Ma vương. Như vậy là Sa-môn, Phạm chí thứ ba cũng không thoát khỏi cảnh giới của Ma vương và quyến thuộc Ma vương.

"Ví như đàn nai thứ ba lại suy nghĩ rằng 'Đàn nai thứ nhất và đàn nai thứ hai, tất cả đều không thoát khỏi cảnh giới của thợ săn và quyến thuộc thợ săn. Nay ta hãy tránh xa thợ săn và quyến thuộc thợ săn, nương ở một nơi không xa, sau đó hãy ăn đồ mồi của thợ săn mà không đến gần. Đã ăn mà không đến gần thì không kiêu loạn phóng dật, không kiêu sa phóng dật thì không bị tùy thuộc thợ săn và quyến thuộc thợ săn'. Sau khi suy nghĩ, đàn nai thứ ba liền tránh xa thợ săn và quyến thuộc thợ săn, nương ở một nơi không xa, sau đó ăn đồ mồi của thợ săn mà không đến gần. Đã ăn mà không đến gần nên không ỷ thị, phóng dật, rồi do không ỷ thị phóng dật nên không bị tùy thuộc thợ săn và quyến thuộc thợ săn. Người thợ săn và quyến thuộc thợ săn suy nghĩ rằng 'Đàn nai thứ ba này khôn lanh kỳ lạ! Quả thật rất khôn lanh. Vì sao vậy? Vì chúng ăn đồ mồi của ta mà không thể bắt được. Nay ta hãy bủa vòng lưới chạy dài. Sau khi bủa vòng lưới chạy dài, chắc sẽ biết được chỗ ở, đường lui tới của đàn nai thứ ba này'. Sau khi suy nghĩ, thợ săn và quyến thuộc thợ săn liền bủa vòng lưới chạy dài và sau đó biết được chỗ ở, đường lui tới của đàn nai thứ ba. Như vậy là đàn nai thứ ba cũng không thoát khỏi cảnh giới của thợ săn và quyến thuộc thợ săn. Chỗ ở, nên biết đó chính là hữu kiến. Đường lui tới, nên biết đó chính là vô kiến. Các ngươi hãy quán sát Sa-môn, Phạm chí thứ ba cũng giống như vậy.

"Sa-môn, Phạm chí thứ tư lại suy nghĩ rằng, 'Sa-môn, Phạm chí thứ nhất, thứ hai và

thứ ba, tất cả đều không thoát khỏi cảnh giới của Ma vương và quyến thuộc Ma vương. Nay ta hãy nương ở một nơi mà Ma vương và quyến thuộc Ma vương không thể đến được, sau đó hãy ăn đồ mồi của thế gian tín thí mà đừng đến gần. Đã ăn mà không đến gần thì không kiêu loạn phóng dật, không kiêu sa phóng dật thì không bị tùy thuộc Ma vương và quyến thuộc của Ma vương'. Sau khi suy nghĩ, Sa-môn Phạm chí thứ tư này liền nương ở một nơi mà Ma vương và quyến thuộc Ma vương không thể đến được, sau đó ăn đồ mồi của thế gian tín thí mà không đến gần. Đã ăn mà không đến gần nên không kiêu loạn phóng dật, rồi do không kiêu loạn phóng dật nên không bị tùy thuộc Ma vương và quyến thuộc Ma vương. Như vậy là Sa-môn, Phạm chí thứ tư thoát khỏi cảnh giới của Ma vương và quyến thuộc của Ma vương.

"Cũng như đàn nai thứ tư lại suy nghĩ rằng, 'Đàn nai thứ nhất, thứ hai và thứ ba, tất cả đều không thoát khỏi cảnh giới của thợ săn và quyến thuộc của thợ săn. Nay ta hãy nương ở một nơi mà thợ săn và quyến thuộc thợ săn không đến được, sau đó hãy ăn đồ mồi của thợ săn mà đừng đến gần. Đã ăn mà không đến gần thì không kiêu loạn phóng dật, không kiêu sa phóng dật thì không bị tùy thuộc thợ săn và quyến thuộc thợ săn'. Sau khi suy nghĩ, đàn nai thứ tư liền nương ở một nơi mà thợ săn và quyến thuộc thợ săn không thể đến được, sau đó ăn đồ mồi của thợ săn mà không đến gần. Đã ăn mà không đến gần nên không kiêu loạn phóng dật, rồi do không kiêu loạn phóng dật nên không bị tùy thuộc thợ săn và quyến thuộc thợ săn. Người thợ săn và quyến thuộc thợ săn lại suy nghĩ rằng, 'Đàn nai thứ tư này khôn lanh xảo quyệt kỳ lạ! Quả thật rất khôn lanh xảo quyệt, nếu ta xua đuổi chúng, chắc chắn không thể được vì những con nai khác sẽ kinh sợ bỏ chạy tán loạn. Vậy ta hãy bỏ mặc đàn nai thứ tư này'. Sau khi suy nghĩ, thợ săn và quyến thuộc thợ săn liền bỏ mặc. Như vậy là đàn nai thứ tư thoát khỏi cảnh giới của thợ săn và quyến thuộc thợ săn. Các ngươi hãy quán rằng Sa-môn, Phạm chí thứ tư cũng giống như vậy.

"Này Tỳ-kheo, phải nên học chỗ ở, đường lui tới như vậy để khiến Ma vương và quyến thuộc của Ma vương không thể đến được.

"Chỗ nào mà Ma vương và quyến thuộc của Ma vương không thể đến được? Đó là Tỳ-kheo ly dục, ly ác bất thiện, cho đến chứng đắc đệ Tứ thiền, thành tựu an trụ. Đó là chỗ Ma vương và quyến thuộc của Ma vương không thể đến được.

"Lại nữa, chỗ nào mà Ma vương và quyến thuộc của Ma vương không thể đến được? Đó là Tỳ-kheo tâm câu hữu với từ, biến mãn cả một phương, thành tựu và an trụ. Như vậy cho đến hai, ba, bốn phương, bốn phương bàng, phương trên, phương dưới, phổ biến khắp cả, tâm câu hữu với từ, không kết, không oán, không nhuế, không hại, rộng lớn bao la, vô lượng, khéo tu tập biến mãn khắp cả thế gian, thành tựu và an trụ. Cũng như vậy, đối với bi và hỷ. Tâm câu hữu với xả, biến mãn cả một phương, thành tựu và an trụ. Như vậy cho đến hai, ba, bốn phương, bốn phương bàng, phương trên, phương dưới, phổ biến khắp cả, tâm câu hữu với xả, không kết, không oán, không sân, không nhuế, không hại, rộng lớn bao la, vô lượng, khéo tu tập biến mãn tất cả thế gian, thành tựu và an trụ. Đó gọi là chỗ Ma vương và quyến thuộc của Ma vương không thể đến được.

"Lại nữa, chỗ nào mà Ma vương và quyến thuộc của Ma vương của Ma vương không thể đến được? Đó là Tỳ-kheo vượt qua tất cả các sắc tưởng, cho đến thành tựu và an trụ Phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ. Đó gọi là chỗ Ma vương và quyến thuộc của Ma vương không thể đến được.

"Lại nữa, chỗ nào mà Ma vương và quyến thuộc của Ma vương không thể đến được? Đó là Tỳ-kheo vượt qua tất cả Phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ, nhập tưởng thọ diệt, tự thân

tác chứng, thành tựu an trụ, do tuệ kiến mà vĩnh viễn diệt tận các lậu. Đó gọi là chỗ Ma vương và quyến thuộc của Ma vương không thể đến được.

"Này Tỳ-kheo, chỗ ở và đường lui tới như vậy khiến Ma vương và quyến thuộc của Ma vương không thể đến được. Các ngươi hãy nên học như vậy".

Phật thuyết như vậy, các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

❑

179. KINH NGŨ CHI VẬT CHỦ[1]

Tôi nghe như vầy.

Một thời Đức Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng, vườn Cấp cô độc.

Bấy giờ, Ngũ Chi Vật chủ[2] vào buổi sáng sớm rời khỏi nước Xá-vệ, đi đến chỗ Phật để cúng dường lễ bái. Ngũ Chi Vật chủ suy nghĩ: "Dù có đến chỗ Đức Phật thì Đức Thế Tôn và các Tỳ-kheo vẫn còn đang thiền tịnh. Vậy ta hãy đi đến khu vườn của Dị học Nhất Sa-la Mạt-lị[3]."

Rồi thì Ngũ Chi Vật chủ bèn ghé lại chỗ du hí hoan lạc gần hàng cây Cân-đầu-a-lê[4], đi đến khu vườn Dị học nhất sa-la mạt-lị[5].

Bấy giờ, trong khu vườn Dị học nhất sa-la mạt-lị có một Dị học tên là Sa-môn Văn-kì Tử[6], là đại tông chủ ở trong chúng đó, là tôn sư của nhiều người, được nhiều người kính trọng, thống lãnh một đại chúng gần năm trăm dị học sư. Ông đang ở giữa đám đông ồn ào, lớn tiếng, âm thanh huyên náo, luận bàn đủ mọi đề tài súc sanh[7], như: bàn chuyện vua chúa, bàn chuyện trộm cướp, bàn chuyện đấu tranh, bàn chuyện ăn uống, bàn chuyện áo chăn, bàn chuyện phụ nữ, bàn chuyện đàn bà, bàn chuyện con gái, bàn chuyện dâm nữ, bàn chuyện thế gian, bàn chuyện tà đạo, bàn chuyện trong biển; đại loại như thế, chúng tụ tập luận bàn đủ mọi đề tài súc sanh.

Dị học Sa-môn Văn-kì Tử trông thấy Ngũ Chi Vật chủ từ xa đang đi đến, liền ra lệnh bảo chúng của mình im lặng, rằng:

"Các người hãy im lặng, đừng nói nữa. Hãy tự thu liễm. Có đệ tử của Sa-môn Cù-đàm là Ngũ Chi Vật chủ sắp đến đây. Trong số những đệ tử tại gia của Sa-môn Cù-đàm ở nước Xá-vệ này không ai hơn được Ngũ Chi Vật chủ. Vì sao vậy? Vì ông ấy ưa thích sự im lặng, ca ngợi sự im lặng. Nếu ông ấy thấy hội chúng đây im lặng, có thể sẽ đến thăm".

---

1. Tương đương Pāli, M.78 Samaṇamaṇḍikā-sutta.
2. Ngũ Chi Vật chủ ————D–APāli: Pancakaṅga thapati, một người thợ mộc.
3. Nhất sa-la mạt-lị dị học viên –@–P———Q————FPāli: yena samayappavādo tindukāciro ekasālako Mallikāya aeāmo tena..., đi đến khu vườn Mallika, tại nhà hội Ekasālaka có hàng cây tinduka bao quanh (xem chú thích 5 ở dưới).
4. Cân-đầu-a-lê –y–Y———Fxem cht.5 dưới đây.
5. Mallikārāma, là một khu rừng để thưởng ngoạn ở trong thành Sāvatthi của hoàng hậu Mallikā (Mạt-lị phu nhân). Tại đây, trước tiên chỉ có một ngôi nhà độc nhất, nhưng sau được du sĩ ngoại đạo Poṭṭhapāda dựng lên nhiều cái nữa, do đó được gọi là Ekasālaka (Hán: *Nhất sa-la*); với hàng rào bằng cây Tinduka (tên khoa học: Diospyros embryopters) nên cũng được gọi là Tindukāciirā (Hán: *cân-đầu-a-lê*). Khu vườn cũng được gọi là Samayappavālaka, một hội trường để tranh luận các vấn đề tà chánh.
6. Sa-môn Văn-kì Tử –P————l–CPāli: Samaṇamaṇḍikāputta, con trai của Samaṇamaṇḍikā, tên thật là Uggāhamana.
7. Súc sanh luận –b———CPāli: tiracchāna-kathā, luận bàn phiếm, vô ích. Đoạn kế kể các đề tài được nói là Súc sanh luận.

Bấy giờ, Dị học Sa-môn Văn-kì Tử bảo hội chúng im lặng rồi, tự mình cũng im lặng.

Khi ấy, Ngũ Chi Vật chủ đi đến chỗ Dị học Sa-môn Văn-kì Tử, cùng nhau chào hỏi, rồi ngồi xuống một bên. Dị học Sa-môn Văn-kì Tử nói:

"Này Vật chủ[8], nếu có bốn sự, ta chủ trương rằng người ấy thành tựu thiện, đệ nhất thiện, là bậc Vô thượng sĩ, chứng đắc đệ nhất nghĩa, là Sa-môn chất trực. Những gì là bốn? Là thân không tạo nghiệp ác, miệng không nói ác, không sống bằng tà mạng và không suy niệm niệm ác. Này Vật chủ, nếu có bốn sự này, ta chủ trương rằng người ấy thành tựu thiện, đệ nhất thiện, bậc Vô thượng sĩ, chứng đắc đệ nhất nghĩa, là Sa-môn chất trực".

Ngũ Chi Vật chủ nghe Dị học Sa-môn Văn-kì Tử nói, không cho là phải, không cho là trái, từ chỗ ngồi đứng dậy, bước đi với ý niệm: "Với lời như vậy, ta phải đích thân đi đến Thế Tôn thưa hỏi nghĩa này". Rồi ông đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ, ngồi xuống một bên, đem những điều đã bàn luận với Dị học Sa-môn Văn-kì Tử thuật lại hết với Đức Phật.

Đức Thế Tôn nghe xong, nói rằng:

"Này Vật chủ, theo lời Dị học Sa-môn Văn-kì Tử nói, nếu quả thật như vậy thì trẻ sơ sanh tay chân mềm yếu, nằm ngửa mà ngủ, cũng sẽ thành tựu thiện, đệ nhất thiện, là bậc Vô thượng sĩ, chứng đắc đệ nhất nghĩa, là Sa-môn chất trực. Này Vật chủ, trẻ sơ sanh còn không có tưởng về thân, huống nữa là tạo nghiệp ác của thân. Nó chỉ có thể cử động thân. Này Vật chủ, trẻ sơ sanh còn không có tưởng về miệng, huống nữa là nói ác. Nó chỉ biết khóc. Này Vật chủ, trẻ sơ sanh còn không có tưởng về niệm, huống nữa là niệm ác duy chỉ biết bập bẹ[9]. Này Vật chủ, trẻ sơ sanh còn không có tưởng về mạng, huống nữa là sống tà mạng, duy chỉ suy niệm đến sữa mẹ. Này Vật chủ, theo lời Dị học Sa-môn Văn-kì Tử nói, như vậy thì trẻ sơ sanh cũng thành tựu thiện, đệ nhất thiện, là bậc Vô thượng sĩ, chứng đắc đệ nhất nghĩa, là Sa-môn chất trực.

"Này Vật chủ, nếu người nào có bốn sự, Ta chủ trương rằng người ấy thành tựu thiện, đệ nhất thiện, nhưng không phải là bậc Vô thượng sĩ, không thể chứng đắc đệ nhất nghĩa, cũng không phải là Sa-môn chất trực.

"Những gì là bốn? Là thân không tạo nghiệp ác, miệng không nói ác, không sống tà mạng và không suy niệm niệm ác. Này Vật chủ, nếu người nào có bốn sự, Ta chủ trương rằng người ấy thành tựu thiện, đệ nhất thiện, nhưng không phải là bậc Vô thượng sĩ, không thể chứng đắc đệ nhất nghĩa, cũng không phải là Sa-môn chất trực.

"Này Vật chủ, thân nghiệp, khẩu nghiệp, Ta chủ trương đó là giới.

"Này Vật chủ, niệm, Ta chủ trương đó là tâm sở hữu đi theo với tâm.

"Này Vật chủ, Ta nói nên biết giới bất thiện. Nên biết giới bất thiện phát sanh từ đâu? Nên biết giới bất thiện bị diệt trừ không còn dư tàn ở chỗ nào, bị bại hoại không còn dư tàn ở chỗ nào. Nên biết đệ tử Hiền thánh làm thế nào để diệt trừ giới bất thiện.

"Này Vật chủ, Ta nói nên biết giới thiện. Nên biết giới thiện phát sanh từ đâu? Nên biết giới thiện bị diệt không còn dư tàn ở chỗ nào, bị bại hoại không còn dư tàn ở chỗ nào. Nên biết đệ tử Hiền thánh làm thế nào để diệt trừ giới thiện.

"Này Vật chủ, Ta nói nên biết niệm bất thiện. Nên biết niệm bất thiện phát sanh từ đâu? Nên biết niệm bất thiện bị diệt trừ không còn dư tàn ở chỗ nào, bị bại hoại không

---

8. Vật chủ ——D—C Pāli: Thapati, thợ mộc.

9. Trong bản Hán có sự nhầm lẫn về thứ tự *mạng* và *niệm*.

còn dư tàn ở chỗ nào. Nên biết đệ tử Hiền thánh làm thế nào để diệt trừ niệm bất thiện.

"Này Vật chủ, Ta nói nên biết niệm thiện. Nên biết niệm thiện phát sanh từ đâu? Nên biết niệm thiện bị diệt trừ không còn dư tàn ở chỗ nào, bị bại hoại không còn dư tàn ở chỗ nào. Nên biết Hiền thánh làm thế nào để diệt trừ niệm thiện.

"Này Vật chủ, thế nào gọi là giới bất thiện?

"Thân hành bất thiện, miệng, ý hành bất thiện. Đó gọi là giới bất thiện.

"Này Vật chủ, giới bất thiện này phát sanh từ đâu? Ta nói chỗ phát sanh của chúng, nên biết là phát sanh từ tâm. Thế nào gọi là tâm? Nếu tâm có dục, có nhuế, có si, nên biết giới bất thiện phát sanh từ tâm này.

"Này Vật chủ, giới bất thiện bị diệt trừ, không còn dư tàn ở chỗ nào, bị bại hoại không còn dư tàn ở chỗ nào? Đa văn Thánh đệ tử xả bỏ nghiệp bất thiện về thân, tu tập nghiệp thiện về thân; xả bỏ nghiệp bất thiện về miệng, ý, tu tập nghiệp thiện về miệng, ý. Đây là giới bất thiện bị diệt trừ không còn dư tàn, bị bại hoại không còn dư tàn.

"Này Vật chủ, đệ tử Hiền thánh làm thế nào diệt trừ giới bất thiện? Nếu Đa văn Thánh đệ tử quán nội thân như thân, cho đến quán thọ, tâm, pháp như pháp. Như vậy là Hiền thánh đệ tử đã diệt trừ giới bất thiện.

"Này Vật chủ, thế nào gọi là giới thiện? Thân hành thiện, miệng, ý hành thiện. Đó gọi là giới thiện.

"Này Vật chủ, giới thiện này phát sanh từ đâu? Ta nói chỗ phát sanh của chúng, nên biết là phát sanh từ tâm. Thế nào gọi là tâm? Nếu tâm không có dục, không có nhuế, không có si, nên biết giới thiện phát sanh từ tâm này.

"Này Vật chủ, giới thiện bị diệt trừ không còn dư tàn ở chỗ nào, bị bại hoại không còn dư tàn ở chỗ nào. Nếu Đa văn Thánh đệ tử hành trì giới mà không dính trước nơi giới, đây là giới thiện bị diệt trừ không còn dư tàn, bị bại hoại không còn dư tàn.

"Này Vật chủ, Hiền thánh đệ tử làm thế nào để diệt trừ giới thiện? Nếu Đa văn Thánh đệ tử quán nội thân như thân, cho đến quán thọ, tâm, pháp như pháp. Như vậy là Hiền thánh đệ tử đã diệt trừ giới thiện.

"Này Vật chủ, thế nào gọi là niệm bất thiện? Suy niệm về niệm dục, niệm nhuế, niệm hại. Đó gọi là niệm bất thiện.

"Này Vật chủ, niệm bất thiện này phát sanh từ đâu? Ta nói chỗ phát sanh của chúng, nên biết là phát sanh từ tưởng. Thế nào gọi là tưởng? Ta nói hành trạng của tưởng có nhiều loại, đa chủng, vô lượng chủng, hoặc dục tưởng, nhuế tưởng, hại tưởng.

"Này Vật chủ, chúng sanh do tưởng dục giới[10] mà sanh niệm bất thiện tương ưng với dục giới. Nếu có tưởng thì vì nhân nơi tưởng đó cho nên sanh niệm bất thiện tương ưng với dục giới.

"Này Vật chủ, chúng sanh do tưởng nhuế giới, hại giới cho nên sanh niệm bất thiện tương ưng với nhuế và hại giới. Nếu có tưởng thì vì nhân nơi tưởng đó cho nên sanh niệm bất thiện tương ưng với nhuế, hại giới. Đó là niệm bất thiện phát sanh từ tưởng này.

"Này Vật chủ, niệm bất thiện bị diệt trừ không còn dư tàn ở chỗ nào, bị bại hoại không còn dư tàn ở chỗ nào? Nếu Đa văn Thánh đệ tử ly dục, ly pháp ác bất thiện, có giác có quán, có hỷ lạc do ly dục sanh, chứng đắc Sơ thiền, thành tựu và an trụ, đây là niệm

---

10. Dục giới tưởng; đây không chỉ cho giới hệ hay cõi, mà là giới loại. Đoạn kinh này đề cập ba bất thiện giới: *dục giới, sân giới, hại giới* (Pāli: tisso akisala-dhātuyo, kāma-dhātu, vyāpāda-dhātu, vihiṃsa-dhātu). Xem Pháp Uẩn Túc Luận 11 (No.1537, Đại 26, trang 503c).

bất thiện bị diệt trừ không còn dư tàn, bị bại hoại không còn dư tàn.

"Này Vật chủ, Hiền thánh đệ tử làm thế nào để diệt trừ niệm bất thiện? Nếu Đa văn Thánh đệ tử quán nội thân như thân, cho đến quán thọ, tâm, pháp như pháp; như vậy là Hiền thánh đệ tử đã diệt trừ niệm bất thiện.

"Này Vật chủ, thế nào gọi là niệm thiện? Suy niệm về niệm vô dục, niệm vô nhuế, niệm vô hại[11]. Đó gọi là niệm thiện.

"Này Vật chủ, niệm này phát sanh từ đâu? Ta nói chỗ phát sanh của chúng, nên biết là phát sanh từ tưởng. Thế nào gọi là tưởng? Ta nói hành trạng của tưởng có nhiều loại, đa chủng, vô lượng chủng, hoặc vô dục tưởng, vô nhuế tưởng, vô hại tưởng.

Này Vật chủ, chúng sanh do tưởng trong vô dục giới cho nên sanh niệm thiện tương ưng với vô dục giới. Nếu có tưởng thì vì nhân nơi tưởng đó cho nên sanh niệm thiện, tương ưng với vô dục giới.

"Này Vật chủ, chúng sanh do tưởng trong vô nhuế, vô hại giới cho nên sanh niệm thiện tương ưng với vô nhuế, vô hại giới. Nếu có tưởng thì vì nhân nơi tưởng đó cho nên sanh niệm thiện tương ưng với vô nhuế, vô hại giới. Đó là niệm thiện phát sanh từ tưởng này.

"Này Vật chủ, niệm thiện bị diệt trừ không còn dư tàn ở chỗ nào, bị bại hoại không còn dư tàn ở chỗ nào? Nếu Đa văn Thánh đệ tử diệt lạc, diệt khổ, diệt ưu hỷ vốn đã có, không khổ, không lạc, xả niệm thanh tịnh, chứng đắc đệ Tứ thiền, thành tựu và an trụ, đây là niệm thiện bị diệt trừ không còn dư tàn, bị bại hoại không còn dư tàn.

"Này Vật chủ, Hiền thánh đệ tử làm thế nào để diệt trừ niệm thiện? Nếu Đa văn Thánh đệ tử quán nội thân như thân, cho đến quán thọ, tâm, pháp như pháp, như vậy là Hiền thánh đệ tử đã diệt trừ niệm thiện.

"Này Vật chủ, nếu Đa văn Thánh đệ tử do tuệ quán sát biết đúng như thật giới bất thiện, biết đúng như thật giới bất thiện phát sanh từ đâu, biết đúng như thật giới bất thiện này đã bị diệt trừ không còn dư tàn, bị bại hoại không còn dư tàn. Do tuệ mà quán sát biết đúng như thật như vậy là Hiền thánh đệ tử đã diệt trừ giới bất thiện.

"Do tuệ mà quán sát biết đúng như thật giới thiện, biết đúng như thật giới thiện phát sanh từ đâu, biết đúng như thật giới thiện này đã bị diệt trừ không còn dư tàn, bị bại hoại không còn dư tàn. Do tuệ mà quán sát biết đúng như thật như vậy là Hiền thánh đệ tử đã diệt trừ giới thiện.

"Do tuệ mà quán sát biết đúng như thật niệm bất thiện, biết đúng như thật niệm bất thiện phát sanh từ đâu, biết đúng như thật niệm bất thiện này đã bị diệt trừ không còn dư tàn, bị bại hoại không còn dư tàn. Do tuệ mà quán sát biết đúng như thật như vậy là Hiền thánh đệ tử đã diệt trừ niệm bất thiện.

"Do tuệ mà quán sát biết đúng như thật niệm thiện, biết đúng như thật niệm thiện phát sanh từ đâu, biết đúng như thật niệm thiện này đã bị diệt trừ không còn dư tàn, bị bại hoại không còn dư tàn. Do tuệ mà quán sát biết đúng như thật như vậy là Hiền thánh đệ tử đã diệt trừ niệm thiện.

"Vì sao vậy? Vì nhân chánh kiến nên sanh chánh chí[12], nhân chánh chí nên sanh chánh ngữ, nhân chánh ngữ nên sanh chánh nghiệp, nhân chánh nghiệp nên sanh chánh

---

11. Ba thiện giới. Xem cht.10 trên.

12. Chánh chí, tức chánh tư duy.

mạng, nhân chánh mạng nên sanh chánh phương tiện[13], nhân chánh phương tiện nên sanh chánh niệm, nhân chánh niệm nên sanh chánh định. Hiền thánh đệ tử đã định tâm như vậy rồi, liền giải thoát tất cả dâm, nộ, si.

"Này Vật chủ, Hiền thánh đệ tử đã chánh tâm giải thoát như vậy rồi, liền biết đúng như thật rằng 'Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa'. Đó gọi là học kiến đạo[14] thành tựu tám chi, và A-la-hán lậu tận đã thành tựu mười chi[15].

"Này Vật chủ, thế nào gọi là học kiến đạo thành tựu tám chi? Đó là học chánh kiến cho đến chánh định. Như vậy gọi là học kiến đạo thành tựu tám chi.

"Thế nào gọi là A-la-hán lậu tận thành tựu mười chi? Đó là vô học chánh kiến cho đến vô học chánh trí[16]. Như vậy gọi là A-la-hán lậu tận thành tựu mười chi.

"Này Vật chủ, nếu người nào có mười chi, Ta chủ trương rằng người ấy thành tựu thiện, đệ nhất thiện, là bậc Vô thượng sĩ, chứng đắc đệ nhất nghĩa, là Sa-môn chất trực".

Phật thuyết như vậy. Ngũ Chi Vật chủ và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

❑

13. Chánh phương tiện, tức chánh tinh tấn.
14. Hán: *học kiến tích* ———— chỉ giai đoạn kiến đạo của hàng hữu học. Xem thêm cht. dưới.
15. Hàng hữu học ở địa vị kiến đạo, tu tập và thành tựu tám chi Thánh đạo để thấy lý Tứ đế. Bậc A-la-hán lậu tận thành tựu mười vô học chi. Xem Tỳ-bà-sa 92 (No.1545, trang Đại 27, tr.479 a và tt).
16. Tám vô học chi của Thánh đạo, thứ 9 *vô học chánh giải thoát* và 10 *vô học chánh trí* (xem giải thích Tập dị 20 Đại 26, trang 452 c).

180. KINH CÙ-ĐÀM-DI[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật du hóa tại Thích-ki-sấu, ở tại Gia-bệ-la-vệ, trong vườn Ni-câu-loại[2].

Bấy giờ, Ma-ha Bá-la-xà-bát-đề Cù-đàm-di[3] đem một chiếc y mới sắc vàng, dệt bằng kim tuyến, đến chỗ Đức Phật, cúi đầu đảnh lễ sát chân Phật, ngồi xuống một bên rồi thưa rằng:

"Bạch Thế Tôn, chiếc y mới sắc vàng dệt bằng kim tuyến này, tôi tự cắt may cho Thế Tôn. Mong Thế Tôn thương xót tôi mà thâu nạp cho.

Đức Thế Tôn nói:

"Này Cù-đàm-di, hãy đem y này dâng cúng cho chúng Tỳ-kheo. Dâng cúng cho chúng Tỳ-kheo tức là đã cúng dường Ta, cũng như đã cúng dường đại chúng.

Lần thứ hai, rồi lần thứ ba. Đại Sanh Chủ[4] Cù-đàm-di vẫn thưa:

"Bạch Thế Tôn, chiếc y mới sắc vàng dệt bằng kim tuyến này, tôi tự cắt may cho Thế Tôn. Mong Thế Tôn thương xót tôi mà thâu nạp cho.

Lần thứ hai, rồi lần thứ ba, Đức Thế Tôn cũng vẫn nói:

"Này Cù-đàm-di, hãy đem y này dâng cúng cho chúng Tỳ-kheo. Dâng cúng cho chúng Tỳ-kheo tức là đã cúng dường Ta, cũng như đã cúng dường đại chúng.

Bấy giờ, Tôn giả A-nan đứng phía sau Đức Thế Tôn, cầm quạt hầu Phật, liền thưa rằng:

"Bạch Thế Tôn, Đại Sanh Chủ Cù-đàm-di đã đem lại cho Thế Tôn nhiều lợi ích, đã bảo dưỡng Thế Tôn sau khi thân mẫu Thế Tôn qua đời".

Đức Thế Tôn nói:

"Này A-nan, thật sự như vậy. Này A-nan, thật sự như vậy. Đại Sanh Chủ Cù-đàm-di đã đem lại cho Ta nhiều lợi ích, đã bảo dưỡng Ta sau khi thân mẫu Ta qua đời. Nhưng này A-nan, Ta cũng đem lại cho Đại Sanh Chủ Cù-đàm-di nhiều lợi ích. Vì sao vậy? Đại Sanh Chủ Cù-đàm-di nhờ Ta mà được quy y Phật, Pháp và chúng Tỳ-kheo, không nghi ngờ Ba ngôi tôn quý, Khổ, Tập, Diệt, Đạo, thành tựu tín, giới, đa văn, bố thí, trí tuệ, xa lìa nghiệp

---

1. Tương đương Pāli, M.142 Dakkhiṇāvibhaṅga-sutta. Hán, biệt dịch, No.84 Phật Thuyết Phân Biệt Bố Thí Kinh, Tống Thi Hộ dịch.
2. Thích-ki-sấu, Ca-bệ-la-vệ, Ni-câu-loại thọ viên ———G-A-[-@———A ——————C Pāli: Sakkesu viharati Kapilavatthusmiṃ nigrodhārāme, sống những người họ Thích, trong tinh xá (vườn) Nigrodha, Ca-tì-la-vệ.
3. Ma-ha Bá-la-xà-bát-đề Cù-đàm-di ——F———G鉢——————C Thường đọc theo phiên âm là Ma-ha Ba-xà-ba-đề, dịch là Đại Ái Đạo; đoạn dưới dịch là Đại Sanh Chủ. Xem kinh 116. Pāli: Mahā-Pajāpati Gotamī.
4. Đại Sanh Chủ -j ——D-A xem cht. trên.

sát, đoạn trừ nghiệp sát, không cho mà lấy, tà dâm, nói dối, xa lìa nghiệp uống rượu, đoạn trừ nghiệp uống rượu. A-nan, nếu có người nhờ người mà được quy y Phật, Pháp và chúng Tỳ-kheo, không nghi ngờ ba ngôi tôn quý, không nghi ngờ Khổ, Tập, Diệt, Đạo, thành tựu tín, giới, đa văn, bố thí, trí tuệ, xa lìa nghiệp sát, đoạn trừ nghiệp sát, không cho mà lấy, tà dâm, nói dối, xa lìa nghiệp uống rượu, đoạn trừ nghiệp uống rượu, thì người này cúng dường lại người kia, dù cho đến suốt đời, uống ăn, áo chăn, giường chõng, thuốc thang và đủ các thứ vật dụng cho đời sống, vẫn chưa thể đền ơn.

"Lại nữa, này A-nan, có bảy loại bố thí cho Tăng chúng, và có mười loại bố thí riêng cho từng người, sẽ được đại phước, được đại quả, được đại công đức, được quả báo rộng lớn.

"Này A-nan, thế nào gọi là bảy loại bố thí cho Tăng chúng sẽ được đại phước, được đại quả, được đại công đức, được quả báo rộng lớn?

"Thiện nam tử hay thiện nữ nhân có tín tâm[5] khi Phật còn tại thế, Phật là vị đứng đầu, mà bố thí cho Phật và chúng Tỳ-kheo, như vậy gọi là loại bố thí thứ nhất cho Tăng chúng sẽ được đại phước, được đại quả, được đại công đức, được quả báo rộng lớn.

"Thiện nam tử hay thiện nữ nhân có tín tâm, sau khi Thế Tôn nhập Niết-bàn không lâu, bố thí cho cả hai bộ chúng, bố thí cho chúng Tỳ-kheo, bố thí cho chúng Tỳ-kheo-ni; đi vào tinh xá Tỳ-kheo bạch với chúng rằng 'Mong trong chúng ở đây cử ra một số Tỳ-kheo để chúng con được bố thí'; đi vào tinh xá Tỳ-kheo-ni bạch với chúng rằng 'Mong trong chúng ở đây cử ra một số Tỳ-kheo-ni để chúng con được bố thí'. Như vậy gọi là loại bố thí thứ năm cho Tăng chúng, sẽ được đại phước, được đại quả, được đại công đức, được quả báo rộng lớn.

"Này A-nan, trong thời tương lai, có Tỳ-kheo thuộc loại danh tánh[6], khoác áo ca-sa mà không tinh tấn, vị ấy đã không tinh tấn, không tinh cần mà vẫn được bố thí vì có ở trong chúng, duyên nơi chúng, ở trên chúng, nhân nơi chúng, Ta nói lúc bấy giờ thí chủ sẽ được phước vô lượng không thể đếm, không thể kể, được thiện, được lạc; huống nữa là bố thí cho Tỳ-kheo thành tựu hành sự[7], thành tựu trừ sự[8], thành tựu cả hành sự và trừ sự, thành tựu chất trực, thành tựu nhu nhuyến, thành tựu cả chất trực và nhu nhuyến, thành tựu nhẫn, thành tựu lạc, thành tựu cả nhẫn và lạc, thành tựu tương ưng, thành tựu kinh kỹ, thành tựu cả tương ưng và kinh kỹ, thành tựu oai nghi, thành tựu hành lai du[9], thành tựu cả oai nghi và hành lai du[10], thành tựu tín, thành tựu giới, thành tựu đa văn, thành tựu thí, thành tựu tuệ, thành tựu cả tín, giới, đa văn, thí, tuệ. Như vậy gọi là loại bố thí thứ bảy cho Tăng chúng, sẽ được đại phước, được đại quả, được đại công đức,

---

5. Tín tộc tánh nam, tộc tánh nữ.
6. Danh tánh chủng, chỉ Tỳ-kheo chỉ có danh tự, chứ không có thực chất (?). Pāli: Gotrabhuno.
7. Tức bốn hành: không an ổn, an ổn, điều phục và tịch tịnh. Chúng đệ tử Phật hành ba loại sau. Tham chiếu Pāli, D. 33. Saṅgīti-suttanta: catasso paṭipadā: akkhamā paṇipadā (không kham nhẫn), khamā paṭipadā (kham nhẫn), damā paṭipadā (điều phục), samā paṭipadā (tịch tĩnh).
8. *Trừ sự*, trong kinh 215, tám thắng xứ được gọi là tám trừ xứ, nhưng ở đây **trừ sự** có thể chỉ cho bốn thông hành (xem kinh số 215 ở sau).
9. *Hành lai du*, tham khảo Pháp Uẩn 3 (No.1537, Đại 26, trang 463 b), được gọi là *Pháp tùy*, tức tám chi Thánh đạo. Chúng đệ tử của Phật tùy thuận du lịch thiệp hành trong đó.
10. Mười sự thành tựu trên đây, trừ những thành tựu: *nhu nhuyến, nhẫn và lạc*, còn lại có thể so với những đức tánh Tăng bảo thường được tán thán, mà theo văn của Tập Dị và Pháp Uẩn như vầy: "Cụ túc diệu hành, chất trực hành, pháp tùy pháp hành, hòa kỉnh hành, tùy pháp hành".

được quả báo rộng lớn.

"Đó gọi là bảy loại bố thí cho Tăng chúng sẽ được đại phước, được đại quả, được đại công đức, được quả báo rộng lớn.

"Này A-nan, thế nào gọi là mười bốn loại bố thí riêng cho từng người sẽ được đại phước, được đại quả, được đại công đức, quả báo rộng lớn?

"Thiện nam tử hay thiện nữ có tín nhân bố thí cho Đức Như Lai, bố thí cho Duyên giác, bố thí cho A-la-hán, bố thí cho A-la-hán hướng, bố thí cho A-na-hàm, bố thí cho A-na-hàm hướng, bố thí cho Tư-đà-hàm, bố thí cho Tư-đà-hàm hướng, bố thí cho Tu-đà-hoàn, bố thí cho Tu-đà-hoàn hướng, bố thí cho Tiên nhân ngoại đạo ly dục, bố thí cho người tinh tấn, bố thí cho người không tinh tấn, bố thí cho súc sanh.

"Này A-nan, bố thí cho súc sanh được phước trăm lần hơn.

"Bố thí cho người không tinh tấn được phước ngàn lần hơn.

"Bố thí cho người tinh tấn được phước trăm ngàn lần hơn.

"Bố thí cho Tiên nhân ngoại đạo ly dục được phước ức trăm ngàn lần hơn.

"Bố thí cho vị Tu-đà-hoàn hướng được phước vô lượng.

"Bố thí cho vị đắc Tu-đà-hoàn được phước vô lượng.

"Bố thí cho vị Tư-đà-hàm hướng được phước vô lượng.

"Bố thí cho vị đắc Tư-đà-hàm được phước vô lượng.

"Bố thí cho vị A-na-hàm hướng được phước vô lượng.

"Bố thí cho vị đắc a-na-hàm được phước vô lượng.

"Bố thí cho vị A-la-hán hướng được phước vô lượng.

"Bố thí cho vị đắc A-la-hán được phước vô lượng.

"Huống nữa là bố thí cho Đức Như Lai, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác.

"Đây là mười bốn loại bố thí riêng cho từng người, sẽ được đại phước, được đại quả, được đại công đức, được đại quảng báo.

"Lại nữa, này A-nan, có bốn loại bố thí và chỉ ba loại được thanh tịnh.

"Những gì là bốn? Có loại bố thí do thí chủ thanh tịnh, không phải do người thọ nhận. Có loại bố thí do người thọ nhận thanh tịnh, chứ không phải do thí chủ. Có loại bố thí không phải do thí chủ thanh tịnh, cũng không phải do người thọ nhận. Có loại bố thí do thí chủ thanh tịnh và người thọ nhận cũng vậy.

"Này A-nan, thế nào gọi là loại bố thí do thí chủ thanh tịnh, không phải do người thọ nhận? Là thí chủ thì tinh tấn, tu hành diệu pháp, thấy có đời sau, thấy có quả báo[11]. Do thấy như vậy nên nói như vậy, rằng 'Có sự bố thí, có quả báo của sự bố thí'. Còn người thọ nhận thì không tinh tấn, tu hành ác pháp, không thấy có đời sau, không thấy có quả báo. Do thấy như vậy nên nói như vậy, rằng 'Không có sự bố thí, không có quả báo của sự bố thí'. Như vậy gọi là loại bố thí do thí chủ thanh tịnh, không phải do người thọ nhận.

"Này A-nan, thế nào gọi là loại bố thí do người thọ nhận thanh tịnh, không phải do thí chủ? Là thí chủ thì không tinh tấn, tu hành ác pháp, không thấy có đời sau, không thấy có quả báo. Do thấy như vậy nên nói như vậy, rằng 'Không có sự bố thí, không có quả báo của sự bố thí'. Còn người thọ nhận thì tinh tấn, tu hành diệu pháp, thấy có đời sau, thấy có quả báo. Do thấy như vậy nên nói như vậy, rằng 'Có sự bố thí, có quả báo của sự bố thí'. Như vậy gọi là loại bố thí do người thọ nhận thanh tịnh, không phải do thí chủ.

"Này A-nan, thế nào gọi là loại bố thí không phải do thí chủ thanh tịnh, cũng không

---

11. *Kiến lai kiến quả*; Xem Tập Dị (No.1536, Đại 26, trang 402): hữu y kiến, hữu quả kiến.

phải do người thọ nhận? Là thí chủ thì không tinh tấn, tu hành ác pháp, không thấy có đời sau, không thấy có quả báo. Do thấy như vậy nên nói như vậy, rằng 'Không có sự bố thí, không có quả báo của sự bố thí'. Và người thọ nhận cũng không tinh tấn, tu hành ác pháp, không thấy có đời sau, không thấy có quả báo. Do thấy như vậy nên nói như vậy, rằng 'Không có sự bố thí, không có quả báo của sự bố thí'. Như vậy gọi là loại bố thí không phải do thí chủ thanh tịnh, cũng không phải do người thọ nhận.

"Này A-nan, thế nào gọi là loại bố thí do thí chủ thanh tịnh và người thọ nhận cũng vậy? Là thí chủ thì tinh tấn, tu hành diệu pháp, thấy có đời sau, thấy có quả báo. Do thấy như vậy nên nói như vậy, rằng 'Có sự bố thí, có quả báo của sự bố thí'. Và người thọ nhận cũng tinh tấn, tu hành diệu pháp, thấy có đời sau, thấy có quả báo. Do thấy như vậy nên nói như vậy, rằng 'Có sự bố thí, có quả báo của sự bố thí'. Như vậy gọi là loại bố thí do thí chủ thanh tịnh và người thọ nhận cũng vậy."

Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn nói bài kệ rằng:

Người tinh tấn thí người không tinh tấn
Thí đúng pháp được tâm hoan hỷ
Vì tin có nghiệp và quả báo
Loại thí này thí chủ thanh tịnh.
Không tinh tấn thí người tinh tấn
Không đúng pháp, không tâm hoan hỷ
Vì không tin nghiệp và quả báo
Loại thí này người nhận thanh tịnh.
Người giải đãi thí không tinh tấn
Không đúng pháp, không tâm hoan hỷ
Vì không tin nghiệp và quả báo
Loại thí này không được quảng báo
Người tinh tấn thí người tinh tấn
Là đúng pháp, được tâm hoan hỷ
Vì tin có nghiệp và quả báo
Loại thí này đạt được quảng báo.
Kẻ nô tỳ và kẻ bần cùng
Hoan hỷ tự mình làm bố thí
Vì tin có nghiệp, có quả báo
Bố thí như vậy thiên nhân khen.
Khéo léo giữ gìn cả thân miệng
Đưa tay cầu xin đúng Chánh pháp
Người ly dục thí người ly dục
Đó chính là tài thí đệ nhất.

Phật thuyết như vậy. Tôn giả A-nan và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

❑

181. KINH ĐA GIỚI[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng lâm, vườn Cấp cô độc.

Bấy giờ, Tôn giả A-nan một mình trong tịnh thất, tĩnh tọa tư duy, tâm khởi lên ý nghĩ này: "Những ai có sợ hãi, tất cả chúng đều từ ngu si mà sanh chứ không từ trí tuệ. Những ai vướng tai hoạn, ưu não, tất cả chúng đều từ ngu si mà sanh, chứ không phải từ trí tuệ[2]."

Rồi Tôn giả A-nan vào lúc xế chiều, từ tĩnh tọa dậy, đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ sát chân Phật, rồi đứng sang một bên, bạch rằng:

"Bạch Thế Tôn, hôm nay con một mình trong tịnh thất, tĩnh tọa tư duy, tâm khởi lên ý nghĩ này: "Những ai có sợ hãi, tất cả chúng đều từ ngu si mà sanh chứ không từ trí tuệ. Những ai vướng tai hoạn, ưu não, tất cả chúng đều từ ngu si mà sanh, chứ không phải từ trí tuệ".

Thế Tôn nói rằng:

"Thật vậy, A-nan, những ai có sợ hãi, tất cả chúng đều từ ngu si mà sanh chứ không từ trí tuệ. Những ai vướng tai hoạn, ưu não, tất cả chúng đều từ ngu si mà sanh, chứ không phải từ trí tuệ.

"Này A-nan, cũng như lửa dậy từ bụi lau, bụi cỏ, cháy luôn cả lầu các, điện đường. Này A-nan, cũng vậy, những ai có sợ hãi, tất cả chúng đều từ ngu si mà sanh chứ không từ trí tuệ. Những ai vướng tai hoạn, ưu não, tất cả chúng đều từ ngu si mà sanh, chứ không phải từ trí tuệ.

"Này A-nan, trong quá khứ, nếu những ai có sợ hãi, tất cả chúng đều từ ngu si mà sanh chứ không từ trí tuệ. Nếu những ai vướng tai hoạn, ưu não, tất cả chúng đều từ ngu si mà sanh, chứ không phải từ trí tuệ.

"Này A-nan, trong thời vị lai, nếu những ai có sợ hãi, tất cả chúng đều từ ngu si mà sanh chứ không từ trí tuệ. Nếu những ai vướng tai hoạn, ưu não, tất cả chúng đều từ ngu si mà sanh, chứ không phải từ trí tuệ.

"Này A-nan, trong thời hiện tại, những ai có sợ hãi, tất cả chúng đều từ ngu si mà sanh chứ không từ trí tuệ. Những ai vướng tai hoạn, ưu não, tất cả chúng đều từ ngu si mà sanh, chứ không phải từ trí tuệ. "Này A-nan, đó gọi là, ngu si có sợ hãi, trí tuệ không sợ hãi; ngu si có vấp ngã, tai hoạn, ưu não; trí tuệ không có vướng tai hoạn, ưu não.

"Này A-nan, những ai có sợ hãi, vướng tai hoạn, ưu não, tất cả chúng có thể tìm thấy nơi ngu si chứ không phải nơi trí tuệ.

Lúc bấy giờ, Tôn giả A-nan buồn rầu, khóc lóc, nước mắt chảy, chắp tay hướng về

---

1. Tương đương Pāli, M.115 Bahudhātuka-sutta. Đối chiếu Pháp Uẩn 10 (No.1537, Đại 26 trang 501b - 505a).

2. Bản Hán này và Pháp Uẩn tương đương. Bản Pāli, đây là lời Phật nói với các Tỳ-kheo.

Đức Phật, bạch rằng:

"Bạch Thế Tôn, thế nào là Tỳ-kheo ngu si, không phải trí tuệ[3]?"

Thế Tôn đáp rằng:

"Này A-nan, nếu có Tỳ-kheo nào không biết giới, không biết xứ, không biết nhân duyên, không biết thị xứ phi xứ[4]. A-nan, Tỳ-kheo như vậy là ngu si, không phải trí tuệ.

Tôn giả A-nan bạch rằng:

"Bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo như vậy là ngu si, không phải là trí tuệ. Nhưng bạch Thế Tôn, thế nào là Tỳ-kheo trí tuệ, không phải ngu si?"

Thế Tôn đáp rằng:

"A-nan, nếu Tỳ-kheo nào biết giới, biết xứ, biết nhân duyên, biết thị xứ phi xứ; A-nan, Tỳ-kheo như vậy là trí tuệ, không phải ngu si".

Tôn giả A-nan bạch rằng:

"Bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo như vậy là trí tuệ, không phải ngu si. Nhưng bạch Thế Tôn, thế nào là Tỳ-kheo biết giới?"

Thế Tôn nói:

"Này A-nan, nếu Tỳ-kheo nào thấy và biết như thật về mười tám giới: nhãn giới, sắc giới, nhãn thức giới; nhĩ giới, thanh giới, nhĩ thức giới, tỷ giới, hương giới, tỷ thức giới; thiệt giới, vị giới, thiệt thức giới; thân giới, xúc giới, thân thức giới; ý giới, pháp giới, ý thức giới. A-nan, thấy và biết như thật về mười tám giới này.

"Lại nữa, A-nan, thấy và biết như thật về sáu giới: địa giới, thủy giới, hỏa giới, phong giới, không giới, thức giới. A-nan, thấy và biết như thật về sáu giới này.

"Lại nữa, A-nan, thấy và biết như thật về sáu giới: dục giới, nhuế giới, hại giới, vô dục giới, vô nhuế giới, vô hại giới. A-nan, thấy và biết như thật về sáu giới này.

"Lại nữa, A-nan, thấy và biết như thật về sáu giới: lạc giới, khổ giới, hỷ giới, ưu giới, xả giới, vô minh giới. A-nan, thấy và biết như thật về sáu giới này.

"Lại nữa, A-nan, thấy và biết như thật về bốn giới: thọ giới, tưởng giới, hành giới, thức giới. A-nan, thấy và biết như thật về bốn giới này.

"Lại nữa, A-nan, thấy và biết như thật về ba giới: dục giới, sắc giới, vô sắc giới. A-nan, thấy và biết như thật về ba giới này.

"Lại nữa, A-nan, thấy và biết như thật về ba giới: sắc giới, vô sắc giới, diệt giới. A-nan, thấy và biết như thật về ba giới này.

"Lại nữa, A-nan, thấy và biết như thật về ba giới: quá khứ giới, vị lai giới, hiện tại giới. A-nan, thấy và biết như thật về ba giới này.

"Lại nữa, A-nan, thấy và biết như thật về ba giới: diệu giới, bất diệu giới, trung giới. A-nan, thấy và biết như thật về ba giới này.

"Lại nữa, A-nan, thấy và biết như thật về ba giới: thiện giới, bất thiện giới, vô ký giới. A-nan, thấy và biết như thật về ba giới này.

"Lại nữa, A-nan, thấy và biết như thật về ba giới: học giới, vô học giới, phi học vô học giới. A-nan, thấy và biết như thật về ba giới này.

"Lại nữa, A-nan, thấy và biết như thật về hai giới: hữu lậu giới, vô lậu giới. A-nan, thấy và biết như thật về hai giới này.

"Lại nữa, A-nan, thấy và biết như thật về: hữu vi giới, vô vi giới. A-nan, thấy và biết

---

3. Pháp Uẩn và Pāli giống nhau về câu hỏi này: đến mức độ nào để được liệt vào loại ngu phu?

4. *Thị xứ phi xứ*: trường hợp đúng và trường hợp sai.

như thật về hai giới này.

"Này A-nan, thấy và biết như thật về sáu mươi hai giới này. A-nan, Tỳ-kheo thấy và biết như thật về giới như vậy".

Tôn giả A-nan bạch rằng:

"Bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo biết giới như vậy. Nhưng bạch Thế Tôn, thế nào là Tỳ-kheo biết xứ?"

Thế Tôn đáp:

"Nếu Tỳ-kheo nào thấy và biết như thật về mười hai xứ: nhãn xứ, sắc xứ, nhĩ xứ, thanh xứ, tỷ xứ, hương xứ, thiệt xứ, vị xứ, thân xứ, xúc xứ, ý xứ, pháp xứ. A-nan, thấy và biết như thật về mười hai xứ này. Này A-nan, Tỳ-kheo biết xứ như vậy.

Tôn giả A-nan bạch rằng:

"Tỳ-kheo biết xứ như vậy. Nhưng bạch Thế Tôn, thế nào là Tỳ-kheo biết nhân duyên[5]?"

Thế Tôn đáp:

"Nếu Tỳ-kheo nào thấy và biết như thật về nhân duyên và pháp khởi từ nhân duyên, rằng 'Nhân cái này có, cái kia có; cái này không, cái kia không. Cái này sanh, cái kia sanh; cái này diệt cho nên cái kia diệt'. Tức là duyên vô minh có hành..., cho đến duyên sanh có già, chết. Nếu vô minh diệt thì hành diệt, cho đến sanh diệt thì già, chết diệt. A-nan, Tỳ-kheo biết nhân duyên như vậy."

Tôn giả A-nan bạch rằng:

"Bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo biết nhân duyên như vậy. Nhưng, bạch Thế Tôn, thế nào là Tỳ-kheo biết thị xứ phi xứ[6]?"

Thế Tôn đáp:

"Nếu Tỳ-kheo nào thấy và biết như thật về xứ là xứ, phi xứ là phi xứ. Này A-nan, nếu trong đời có hai vị Chuyển luân vương cùng cai trị, trường hợp này hoàn toàn không có. Nếu trong đời có một Chuyển luân vương cai trị, trường hợp này tất có.

"Này A-nan, nếu trong đời có hai Đức Như Lai, trường hợp này hoàn toàn không. Nếu trong đời này có một Đức Như Lai, trường hợp này tất có.

"Này A-nan, nếu một người đã thấy đế lý[7] mà có ý sát hại cha mẹ, giết A-la-hán, phá hoại Thánh chúng, ác tâm với Phật, làm Như Lai đổ máu, trường hợp này hoàn toàn không có. Nếu một người phàm phu cố ý hại cha mẹ, giết A-la-hán, phá hoại Thánh chúng, ác tâm với Phật, làm Như Lai đổ máu, trường hợp này tất có xảy ra.

"A-nan, nếu một người đã thấy đế lý mà cố tình phạm giới, xả giới, bỏ đạo, trường hợp này hoàn toàn không có. Nếu một người phàm phu cố ý phạm giới, xả giới, bỏ đạo, trường hợp này tất có.

"Nếu có một người đã thấy đế lý mà xả ly nội đạo này, tôn thờ ngoại đạo, mong cầu phước điền ở đó, trường hợp này hoàn toàn không có. Nếu một người phàm phu xả ly nội đạo này, tôn thờ ngoại đạo, mong cầu phước điền ở đó, trường hợp này tất có.

"Này A-nan, nếu một người đã thấy đế lý mà theo các Sa-môn, Phạm chí khác nói như vầy: 'Các ngài thấy điều đáng thấy, biết điều đáng biết', trường hợp này hoàn toàn không có. Nếu người phàm phu theo các Sa-môn, Phạm chí khác, nói rằng: 'Các ngài thấy điều đáng thấy, biết điều đáng biết', trường hợp này tất có.

---

5. Nhân duyên, đây chỉ duyên khởi. Pāli: paṭiccasamuppada.

6. Xem cht.4 trên. Pāli: thānāthānakusala (xứ phi xứ thiện xảo).

7. Kiến đế nhân, đây chỉ vị Tu-đà-hoàn.

"Này A-nan, nếu người đã thấy đế lý mà còn tin bói toán, hỏi cát hung, trường hợp này hoàn toàn không có. Nếu người phàm phu tin bói toán, hỏi cát hung, trường hợp này tất có.

"Này A-nan, nếu người đã thấy đế lý theo các Sa-môn, Phạm chí khác mà bói toán, hỏi cát hung, trường hợp này hoàn toàn không có. Nếu người phàm phu theo các Sa-môn, Phạm chí khác mà bói toán, hỏi cát hung, trường hợp này tất có.

"A-nan, nếu người thấy đế lý mà phát sanh sự cực khổ, rất khổ, trọng đại khổ, không thể ái, không thể lạc, không thể tư, không thể niệm, cho đến đoạn mạng, bèn xả ly nội đạo này, cầu cứu ở ngoại đạo. Hoặc có Sa-môn, Phạm chí trì một câu, hai câu, ba câu, bốn câu, nhiều câu, trăm ngàn câu, 'Mong giải trừ sự khổ cho tôi', đó là đi tìm sự khổ, tập khởi sự khổ, dẫn đến sự khổ mà nói là dứt khổ, trường hợp này hoàn toàn không có. Nếu một người phàm phu xả ly nội đạo này mà cầu cứu ngoại đạo, hoặc có Sa-môn, Phạm chí trì chú một câu, hai câu, ba câu, bốn câu, nhiều câu, trăm ngàn câu, 'Mong giải trừ sự khổ cho tôi', đó là đi tìm sự khổ, tập khởi sự khổ, dẫn đến sự khổ, mà nói là dứt khổ, trường hợp này tất có.

"A-nan, nếu người thấy đế lý mà tái sanh lần thứ tám, trường hợp này hoàn toàn không có. Nếu một người phàm phu tái sanh lần thứ tám, trường hợp này tất có.

"Này A-nan, nếu ai có thân ác hành, khẩu và ý ác hành, do duyên này thân hoại mạng chung đi đến thiện xứ, sanh lên cõi trời, trường hợp này hoàn toàn không có. Nếu ai có thân ác hành, khẩu và ý ác hành, do duyên này thân hoại mạng chung đi đến ác xứ, sanh trong địa ngục, trường hợp này tất có.

"A-nan, nếu ai có thân diệu hành, khẩu và ý diệu hành, do duyên này thân hoại mạng chung đi đến ác xứ, sanh trong địa ngục, trường hợp này hoàn toàn không có. Nếu ai có thân diệu hành, khẩu và ý diệu hành, do duyên này thân hoại mạng chung đi đến thiện xứ, sanh lên cõi trời, trường hợp này tất có.

"A-nan, nếu ai có thân ác hành, khẩu và ý ác hành mà thọ lạc báo, trường hợp này hoàn toàn không có. Nếu ai có thân ác hành, khẩu và ý ác hành mà thọ khổ báo, trường hợp này tất có.

"A-nan, nếu ai có thân diệu hành, khẩu và ý diệu hành mà thọ khổ báo, trường hợp này hoàn toàn không có. Nếu ai có thân diệu hành, khẩu và ý diệu hành mà thọ lạc báo, trường hợp này tất có.

"Này A-nan, nếu ai không đoạn trừ năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém, mà tâm có thể an trụ vững vàng trên bốn niệm xứ, trường hợp này hoàn toàn không có. Nếu ai đoạn trừ năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém mà tâm an trụ vững vàng trên bốn niệm xứ, trường hợp này tất có.

"A-nan, nếu ai không đoạn trừ năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém, tâm không an trụ vững vàng trên bốn niệm xứ mà muốn tu bảy giác chi, trường hợp này hoàn toàn không có. Nếu ai đoạn trừ năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém, tâm an trụ vững vàng trên bốn niệm xứ mà tu bảy giác ý, trường hợp này tất có.

"A-nan, nếu ai không đoạn trừ năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém, tâm không an trụ vững vàng trên bốn niệm xứ, không tu bảy giác ý mà muốn chứng đắc Vô thượng chánh đẳng giác, trường hợp này hoàn toàn không có. Nếu ai đoạn trừ năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém, an trụ vững vàng trên bốn niệm xứ, tu bảy giác ý, chứng đắc Vô thượng chánh đẳng giác, trường hợp này tất có.

"A-nan, nếu ai không đoạn trừ năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém,

tâm không an trụ vững vàng trên bốn niệm xứ, không tu bảy giác ý, không chứng đắc Vô thượng chánh đẳng giác mà đạt đến khổ biên, trường hợp này hoàn toàn không có. Nếu ai đoạn trừ năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém, an trụ vững vàng trên bốn niệm xứ, tu bảy giác ý, chứng đắc Vô thượng chánh đẳng giác, đạt đến khổ biên, trường hợp này tất có.

"Này A-nan, Tỳ-kheo biết thị xứ, phi xứ như vậy".

Lúc bấy giờ Tôn giả A-nan chắp tay hướng về Đức Phật bạch:

"Bạch Thế Tôn, kinh này tên gọi là gì? Nên phụng trì như thế nào?"

Thế Tôn đáp:

"Này A-nan, hãy thọ trì pháp này, là đa giới, pháp giới, cam lộ giới, đa cổ, pháp cổ, cam lộ cổ, là pháp kính, là tứ phẩm[8]. Do đó kinh này được gọi là Đa Giới".

Phật thuyết như vậy. Tôn giả A-nan và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

❑

8. *Tứ phẩm,* Pháp Uẩn: tứ chuyển. Pāli: Catuparivatto.

PHẨM THỨ 15: PHẨM SONG

182. KINH MÃ ẤP (I)
183. KINH MÃ ẤP (II)
184. KINH NGƯU GIÁC SA-LA LÂM (I)
185. KINH NGƯU GIÁC SA-LA LÂM (II)
186. KINH CẦU GIẢI
187. KINH THUYẾT TRÍ
188. KINH A-DI-NA
189. KINH THÁNH ĐẠO
190. KINH TIỂU KHÔNG
191. KINH ĐẠI KHÔNG

182. KINH MÃ ẤP (I)[1]

Tôi nghe như vầy.

Một thời Đức Phật du hóa tại nước Ương-kị[2], cùng với đại chúng Tỳ-kheo. Ngài cùng với chúng Đại Tỳ-kheo đi đến Mã ấp[3], ngụ tại Mã lâm tự[4].

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo rằng:

"Người ta thấy các ngươi, những Sa-môn, là Sa-môn. Nếu có ai hỏi các ngươi, những Sa-môn, thì các ngươi có tự xưng mình là Sa-môn chăng?"

Các Tỳ-kheo bạch rằng:

"Bạch Thế Tôn, có."

Phật lại nói:

"Cho nên, các ngươi chính vì lẽ đó, chính vì là Sa-môn, phải học pháp như thật Sa-môn, và pháp như thật Phạm chí. Sau khi đã học pháp như thật Sa-môn và pháp như thật Phạm chí, bấy giờ mới là Sa-môn chân chánh, không phải là Sa-môn hư danh. Nếu có thọ nhận áo chăn, ẩm thực, giường chõng, thuốc thang, và các thứ tư cụ sinh hoạt khác, những thứ cung cấp ấy được phước lớn, được kết quả lớn, được công đức lớn và được quả báo rộng rãi. Các ngươi nên học như vậy.

"Thế nào là pháp như thật Sa-môn và pháp như thật Phạm chí?

"Thân hành thanh tịnh, chánh đại quang minh, khéo léo giữ gìn, không có tỳ vết. Nhân nơi thân hành thanh tịnh này mà vẫn không tự đề cao, không khinh chê người, không ô uế, không vẩn đục, được các vị Phạm hạnh có trí khen ngợi. Nếu các ngươi nghĩ rằng, 'Ta thân hành thanh tịnh, điều cần làm ta đã làm xong, không cần học thêm nữa, đã thành tựu đức nghĩa, không còn gì phải làm thêm', này Tỳ-kheo, Ta nói cho các ngươi biết, không để các ngươi mong cầu nghĩa của Sa-môn mà lạc mất nghĩa của Sa-môn.

"Như muốn cầu học tiến thêm nữa, Tỳ-kheo nếu thân đã thanh tịnh lại phải làm những gì? Phải học khẩu hành thanh tịnh, chánh đại quang minh, khéo léo giữ gìn, không có tỳ vết. Nhân nơi khẩu hành thanh tịnh này mà vẫn không tự đề cao, không khinh chê người, không ô uế, không vẩn đục, được các vị Phạm hạnh có trí khen ngợi. Nếu các thầy nghĩ rằng, 'Ta thân, khẩu hành thanh tịnh, điều cần làm ta đã làm xong, không cần học thêm nữa, đã thành tựu đức nghĩa, không còn gì phải làm thêm', này Tỳ-kheo, Ta nói cho các ngươi biết, không để các ngươi mong cầu nghĩa của Sa-môn mà lạc mất nghĩa của Sa-môn.

"Như muốn cầu tiến thêm nữa, Tỳ-kheo nếu thân, khẩu đã thanh tịnh, lại phải làm những gì? Phải học ý hành thanh tịnh, chánh đại quang minh, khéo léo giữ gìn, không có

---

1. Bản Hán, quyển 48. Tương đương Pāli, M.39. Mahā-Assapura-suttaṃ. Hán, tham chiếu, No.125 (49.8).
2. Ương-kị quốc -m-M—F một trong mười sáu nước lớn thời Phật. Pāli: Aṅga.
3. Mã ấp ———F một thị trấn của Ương-kị. Pāli: assapuraṃ nāma aṅgānaṃ nigamo.
4. Mã lâm tự ——L-x-F không rõ.

tỳ vết. Nhân nơi ý hành thanh tịnh này mà vẫn không tự đề cao, không khinh chê người, không ô uế, không vẩn đục, được các vị Phạm hạnh có trí khen ngợi. Nếu các ngươi nghĩ rằng, 'Ta thân, khẩu, ý hành thanh tịnh, điều cần làm ta đã làm xong, không cần học thêm nữa, đã thành tựu đức nghĩa, không còn gì phải làm thêm', này Tỳ-kheo, Ta nói cho các ngươi biết, không để các ngươi mong cầu nghĩa của Sa-môn mà lạc mất nghĩa của Sa-môn.

"Như muốn cầu tiến thêm nữa, Tỳ-kheo nếu thân, khẩu, ý đã thanh tịnh, lại phải làm những gì? Phải học mạng hành[5] thanh tịnh, chánh đại quang minh, khéo léo giữ gìn, không có tỳ vết. Nhân nơi mạng hành thanh tịnh này mà vẫn không tự đề cao, không khinh chê người, không ô uế, không vẩn đục, được các vị Phạm hạnh có trí khen ngợi. Nếu các ngươi nghĩ rằng, 'Ta thân, khẩu, ý, mạng hành thanh tịnh, điều cần làm ta đã làm xong, không cần học thêm nữa, đã thành tựu đức nghĩa, không còn gì phải làm thêm', này Tỳ-kheo Ta nói cho các ngươi biết, không để các ngươi mong cầu nghĩa của Sa-môn mà lạc mất nghĩa của Sa-môn.

"Như muốn cầu học tiến thêm nữa, Tỳ-kheo nếu thân, khẩu, ý, mạng đã thanh tịnh, lại phải làm những gì? Tỳ-kheo phải học thủ hộ các căn, thường niệm sự khép kín, niệm tưởng muốn minh đạt, thủ hộ niệm tâm mà được thành tựu, hằng muốn khởi ý. Khi mắt thấy sắc, không chấp thủ sắc tướng, không đắm sắc vị; vì sự phẫn tránh[6] mà thủ hộ căn con mắt, trong tâm không sanh tham lam, ưu não, ác bất thiện pháp, vì thú hướng đến kia[7], nên thủ hộ căn con mắt. Cũng vậy, tai, mũi, lưỡi, thân, khi ý biết pháp không chấp thủ pháp tướng, không đắm pháp vị; vì sự phẫn tránh mà thủ hộ ý căn, trong tâm không sanh tham lam, ưu não, ác bất thiện pháp, vì thú hướng đến kia, nên thủ hộ ý căn. Nếu các ngươi nghĩ rằng, 'Ta thân, khẩu, ý, mạng hành thanh tịnh, thủ hộ các căn, điều cần làm ta đã làm xong, không cần học thêm nữa, đã thành tựu đức nghĩa, không còn gì phải làm thêm', này Tỳ-kheo, Ta nói cho các ngươi biết, không để các thầy mong cầu cứu cánh của Sa-môn mà lạc mất cứu cánh của Sa-môn.

"Như muốn cầu học tiến thêm nữa, Tỳ-kheo nếu thân, khẩu, ý, mạng đã thanh tịnh, đã thủ hộ các căn, lại phải làm những gì? Tỳ-kheo phải học chánh tri khi ra, khi vào[8], khéo quán sát phân biệt[9]; co duỗi, cúi ngước, nghi dung chững chạc; khéo mang Tăng-già-lê và các y bát; đi, đứng, ngồi, nằm, ngủ, thức, nói năng hay im lặng... đều có chánh tri. Nếu các ngươi nghĩ rằng, 'Ta thân, khẩu, ý, mạng hành thanh tịnh, thủ hộ các căn, có chánh tri khi ra, khi vào, điều cần làm ta đã làm xong, không cần học thêm nữa, đã thành tựu đức nghĩa, không còn gì phải làm thêm', này Tỳ-kheo, Ta nói cho các ngươi biết, không để các ngươi mong cầu nghĩa của Sa-môn mà lạc mất nghĩa của Sa-môn.

"Như muốn cầu học tiến thêm nữa, Tỳ-kheo nếu thân, khẩu, ý, mạng đã thanh tịnh, đã thủ hộ các căn, đã biết rõ sự ra vào, lại phải làm những gì? Tỳ-kheo nên học sống cô độc tại nơi xa vắng, ở trong rừng vắng, dưới gốc cây, những nơi không nhàn yên tĩnh, sườn

---

5. Mạng hành thanh tịnh, sinh hoạt, hay sự nuôi sống, thanh tịnh. Pāli: parisuddho ājīvo.

6. Vị phẫn tránh cố ————G-F vì sự phẫn nộ và tranh cãi. Pāli: yatvādhikaraṇam enam…, do nguyên nhân gì mà… Trong bản Hán, adhikaraṇa, nguyên nhân, được hiểu là sự tranh cãi.

7. Thú hướng bỉ cố ——V——G-F Pāli: (akusalā dhammā) anvāssaveyyṃ, (các pháp bất thiện) có thể khởi lên (trôi chảy vào tâm).

8. Chánh tri xuất nhập ————X-J-F Pāli: abhikkante paṭikkante saṃpajānakārī, tỉnh giác (biết mình đang làm gì) khi đi tới đi lui.

9. Thiện quán phân biệt; Pāli: ālokite vilokite saupajānakārī, tỉnh giác khi nhìn trước nhìn sau.

non, động đá, đất trống, lùm cây, hoặc vào trong rừng, hoặc giữa bãi tha ma. Vị ấy sau khi ở trong rừng vắng, hoặc dưới gốc cây, những nơi không nhàn yên tĩnh, trải ni-sư-đàn, ngồi kiết già, chánh thân chánh nguyện[10], hướng niệm nội tâm[11], đoạn trừ tâm tham lam, tâm không tranh cãi[12], thấy tài vật và các nhu dụng sinh sống của người khác mà không khởi lòng tham muốn, muốn khiến về mình. Vị ấy đối với sự tham lam, tâm đã tịnh trừ. Cũng vậy, sân nhuế, thùy miên, trạo hối, đoạn nghi trừ hoặc, đối với các thiện pháp không có do dự. Vị ấy đối với sự nghi hoặc, tâm đã tịnh trừ. Vị ấy đã đoạn trừ năm triền cái, những thứ làm ô uế, tuệ yếu kém, rồi ly dục, ly pháp ác bất thiện, cho đến chứng đắc đệ Tứ thiền, thành tựu an trụ.

"Tỳ-kheo với định tâm như vậy, thanh tịnh, không ô uế, không phiền nhiệt, nhu nhuyến, khéo an trụ, chứng đắc tâm bất động, bèn hướng đến sự tác chứng Lậu tận trí thông. Vị ấy liền biết như thật rằng, 'Đây là Khổ', 'Đây là Khổ tập', 'Đây là Khổ diệt', 'Đây là Khổ diệt đạo'. Cũng biết như thật 'Đây là Lậu', 'Đây là Lậu tập', 'Đây là Lậu diệt', 'Đây là Lậu diệt đạo'. Tỳ-kheo ấy đã biết như vậy, thấy như vậy rồi, tâm giải thoát dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu. Giải thoát rồi liền biết là mình đã giải thoát, biết như thật rằng 'Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa'. Ta nói vị ấy là Sa-môn, là Phạm chí, là Thánh, là Tịnh dục[13].

"Thế nào gọi là "Sa-môn"? Là người đã đình chỉ[14] các pháp ác bất thiện, các lậu ô uế, là gốc rễ của sự hữu trong tương lai, là sự phiền nhiệt, là nhân của khổ báo, của sanh lão bệnh tử. Đó gọi là Sa-môn.

"Thế nào gọi là "Phạm chí"? Là người xa lìa[15] các pháp ác, pháp bất thiện, các lậu ô uế mà là gốc rễ của sự hữu trong tương lai, là sự phiền nhiệt, là nhân của khổ báo, của sanh lão bệnh tử. Đó gọi là Phạm chí.

"Thế nào gọi là Thánh? Là người xa lìa[16] các pháp ác, pháp bất thiện, các lậu ô uế, làm gốc rễ của sự hữu trong tương lai, là sự phiền nhiệt, là nhân của khổ báo, của sanh lão bệnh tử. Đó gọi là Thánh.

"Thế nào gọi là "Tịnh dục"? Là người đã tắm rửa sạch các pháp ác, pháp bất thiện, các lậu ô uế, là gốc rễ của hữu trong tương lai, là sự phiền nhiệt, là nhân của khổ báo, của sanh lão bệnh tử. Đó gọi là Tịnh dục. Đó gọi là Sa-môn, là Phạm chí, là Thánh, là tịnh dục."

Phật thuyết như vậy. Các Tỳ-kheo ấy sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

---

10. Chánh thân chánh nguyện ━━━━@━F Pāli: ujuṃ kāyaṃ paṇidhāya, ngồi thẳng lưng. Bản Hán, paṇidhāya, sau khi đặt để, được hiểu là paṇidhāna: ước nguyện.
11. Phản niệm bất hướng ━━━━V━F Pāli: parimukhaṃ satiṃ upaṭṭhapetvā, dựng chánh niệm ngay trước mặt (*hệ niệm tại tiền*).
12. Tâm vô hữu tránh ━━L━━F Pāli: vigatābhijjhena cetasā vharati, sống với tâm tư không tham lam.
13. Tịnh dục ━b━━F Pāli: nahātaka, người đã tắm sạch.
14. Tức chỉ ━━━F Pāli: samaṇo...samitāassa honti pāpakā ākusalā dhammā, Sa-môn..., là những người đã đình chỉ các pháp ác bất thiện. Theo đây, từ samaṇa (Sa-môn) được giải thích là do động từ sammati: (làm cho) yên lặng, tĩnh lặng, tĩnh chỉ, đình chỉ.
15. Viễn ly ━━━F Pāli: brāhmaṇo...bāhitāssa honti pāpakā ākusalā dhammā, Bà-la-môn (brāhmaṇa) là những người đã loại ra ngoài các pháp ác bất thiện. Theo đây, từ brāhmaṇa được giải thích là do động từ bāheti, cự tuyệt, tránh xa, loại bỏ.
16. Viễn ly ━━━F Pāli: āriyo...ārakāssa..., Thánh (āriya), là những người cách xa... Theo đây, āriya do trạng từ ārakā, cách xa.

❑

183. KINH MÃ ẤP (II)[1]

Tôi nghe như vầy.

Một thời Đức Phật du hóa tại nước Ương-kị[2], cùng với đại chúng Tỳ-kheo. Ngài cùng với chúng Đại Tỳ-kheo đi đến Mã ấp, ngụ tại Mã lâm tự.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo rằng:

"Người ta thấy các ngươi, những Sa-môn, là Sa-môn. Nếu có ai hỏi các ngươi, những Sa-môn, thì các ngươi có tự xưng mình là Sa-môn chăng?"

Các Tỳ-kheo bạch rằng:

"Bạch Thế Tôn, có."

Phật lại nói:

"Cho nên, các ngươi chính vì lẽ đó, chính vì là Sa-môn, phải học đạo hạnh[3] của Sa-môn, chớ đừng là phi Sa-môn. Sau khi đã học đạo hạnh của Sa-môn, bấy giờ mới là Sa-môn chân chánh, không phải là Sa-môn hư danh. Nếu có thọ nhận áo chăn, ẩm thực, giường chõng, thuốc thang, và các thứ tư cụ sinh hoạt khác, những thứ cung cấp ấy được phước lớn, được kết quả lớn, được công đức lớn và được quả báo rộng rãi. Các ngươi nên học như vậy.

"Thế nào là không phải đạo hạnh của Sa-môn? Không phải là Sa-môn? Có tham lam, không dứt tham lam. Có nhuế, không dứt nhuế. Có sân, không bỏ sân[4]. Có bất ngữ không dứt bất ngữ[5]. Có kết không dứt kết[6]. Có bỏn sẻn, không dứt bỏn sẻn. Có tật đố, không dứt tật đố. Có dua nịnh, không dứt dua nịnh. Có lường gạt, không dứt lường gạt. Có vô tàm, không dứt vô tàm[7]. Có vô quý[8], không dứt vô quý. Có ác dục, không bỏ ác dục. Có tà kiến, không bỏ tà kiến. Đó gọi là sự cấu uế của Sa-môn, du siểm của Sa-môn, là trá ngụy của Sa-môn, sự cong vạy của Sa-môn, dẫn đến chỗ ác, vì chưa dứt sạch, nên sự học không phải là đạo tích của Sa-môn, không phải là Sa-môn[9].

---

1. Tương đương Pāli, M. 40. Cūḷa-Assapura-suttaṃ.
2. Xem kinh 182 trên.
3. Đạo tích □□ Pāli: msāmicīpaṇipadā, sự thực hành chân chính, chính xác, đạo chân chính.
4. Hán: nhuế □ và □ sân; những từ dễ lẫn lộn. *Nhuế,* Pāli: vyāpāda, sân hận hay thù nghịch, có ác ý muốn làm thiệt hại người. *Sân*, Pāli: kodha, nóng giận, phẫn nộ.
5. Bất ngữ □□ Pāli: makkha, phú tàng, sự che giấu, đạo đức giả, ngụy thiện.
6. Kết □ Pāli: paḷāsa, não hại, ác ý, thù nghịch muốn gây hại.
7. Vô tàm □□ không biết tự thẹn.
8. Vô quý □□ không biết thẹn với người.
9. Tham chiếu Pāli: imesaṃ... samaṇamalānaṃ samaṇadosānaṃ samaṇakasaṭānaṃ āpāyikānaṃ thānānaṃ duggativedaniyānaṃ appahānā na samaṇasāmīcipaṭipadaṃ paṭipanno, những sự cấu uế của Sa-môn này, những khuyết điểm, những tà ác của Sa-môn này, dẫn đến chỗ thấp kém, cảm thọ ác thú; vì chưa dứt trừ chúng nên không có sự thực hành Chánh đạo của Sa-môn.

"Cũng như cái búa[10] mới rèn rất bén, đầu có mũi nhọn, được bọc trong Tăng-già-lê, Ta nói những người ngu si học đạo Sa-môn kia cũng như vậy, nghĩa là có tham lam, không dứt tham lam, có nhuế, không dứt nhuế, có sân, không bỏ sân, có bất ngữ không dứt bất ngữ, có kết không dứt kết, có bỏn sẻn, không dứt bỏn sẻn, có tật đố, không dứt tật đố, có dua nịnh, không dứt dua nịnh, có lường gạt, không dứt lường gạt, có vô tàm, không dứt vô tàm, có vô quý, không dứt vô quý, có ác dục, không bỏ ác dục, có tà kiến, không bỏ tà kiến; dù khoác Tăng-già-lê, Ta không nói đó là Sa-môn.

"Nếu ai chỉ cần đắp Tăng-già-lê mà có tham lam dứt tham lam, có nhuế dứt nhuế, có sân bỏ sân, có bất ngữ dứt bất ngữ, có kết dứt kết, có bỏn sẻn dứt bỏn sẻn, có tật đố dứt tật đố, có dua nịnh dứt dua nịnh, có lường gạt dứt lường gạt, có vô tàm dứt vô tàm, có vô quý dứt vô quý, có ác dục bỏ ác dục, có tà kiến bỏ tà kiến, thì bạn bè thân thiết của nó nên đến nói với nó rằng, 'Này Hiền nhân, hãy học khoác Tăng-già-lê. Này Hiền nhân, nếu học khoác Tăng-già-lê, thì có tham lam dứt tham lam, có nhuế dứt nhuế, có sân dứt sân, có bất ngữ dứt bất ngữ, có kết dứt kết, có bỏn sẻn dứt bỏn sẻn, có tật đố dứt tật đố, có dua nịnh dứt dua nịnh, có lường gạt dứt lường gạt, có vô tàm dứt vô tàm, có vô quý dứt vô quý, có ác dục bỏ ác dục, có tà kiến bỏ tà kiến'.

"Bởi vì Ta thấy người đắp Tăng-già-lê mà vẫn có tham lam, có nhuế, có sân, có bất ngữ, có kết, có bỏn sẻn, có tật đố, có dua nịnh, có lường gạt, có vô tàm, có vô quý, có ác dục, có tà kiến, cho nên người đắp Tăng-già-lê ấy Ta không nói đó là Sa-môn.

"Cũng như vậy, lõa hình, bện tóc, ngồi, ăn một bữa, thường tung nước, thọ trì nước. Những Sa-môn có hạnh như vậy Ta nói không phải là Sa-môn. Nếu Sa-môn do thọ trì nước mà có tham lam dứt tham lam, có nhuế dứt nhuế, có sân bỏ sân, có bất ngữ dứt bất ngữ, có kết dứt kết, có bỏn sẻn dứt bỏn sẻn, có tật đố dứt tật đố, có dua nịnh dứt dua nịnh, có lường gạt dứt lường gạt, có vô tàm dứt vô tàm, có vô quý dứt vô quý, có ác dục bỏ ác dục, có tà kiến bỏ tà kiến; thì bạn bè thân thiết của nó nên đến bảo nó rằng: "Này bạn, bạn nên thọ trì nước, vì do thọ trì nước mà có tham lam dứt tham lam, có nhuế dứt nhuế, có sân bỏ sân, có bất ngữ dứt bất ngữ, có kết dứt kết, có bỏn sẻn dứt bỏn sẻn, có tật đố dứt tật đố, có dua nịnh dứt dua nịnh, có lường gạt dứt lường gạt, có vô tàm dứt vô tàm, có vô quý dứt vô quý, có ác dục bỏ ác dục, có tà kiến bỏ tà kiến'.

"Bởi vì Ta thấy có người thọ trì nước mà vẫn có tham lam, có nhuế, có sân, có bất ngữ, có kết, có bỏn sẻn, có tật đố, có dua nịnh, có lường gạt, có vô tàm, có vô quý, có ác dục, có tà kiến, cho nên người thọ trì nước ấy Ta nói không phải là Sa-môn. Đó gọi là không phải đạo hạnh của Sa-môn, không phải là Sa-môn.

"Thế nào gọi là đạo hạnh của Sa-môn? Chẳng phải chẳng là Sa-môn? Nếu có tham lam dứt tham lam, có nhuế dứt nhuế, có sân bỏ sân, có bất ngữ dứt bất ngữ, có kết dứt kết, có bỏn sẻn dứt bỏn sẻn, có tật đố dứt tật đố, có dua nịnh dứt dua nịnh, có lường gạt dứt lường gạt, có vô tàm dứt vô tàm, có vô quý dứt vô quý, có ác dục bỏ ác dục, có tà kiến bỏ tà kiến. Sự tật đố ấy của Sa-môn[11], sự dua nịnh của Sa-môn, sự trá ngụy của Sa-môn, sự tà vạy của Sa-môn dẫn đến chỗ dữ đều đã bị dứt sạch, rồi học đạo hạnh của Sa-môn. Vị ấy như vậy không phải không là Sa-môn. Đó là đạo hạnh của Sa-môn, không phải không là Sa-môn.

---

10. Việt phủ ——F Pāli: mataja, một loại vũ khí nhọn hai đầu.

11. Bản Hán, *Sa-môn tật*, ở trên nói là *Sa-môn cấu*. Có lẽ đây chép nhầm.

"Vị ấy như vậy thành tựu giới, thân thanh tịnh, miệng, ý thanh tịnh, không tham lam, trong tâm không có sân nhuế, không có thụy miên, không trạo cử kiêu ngạo, đoạn nghi trừ hoặc, chánh niệm chánh trí, không có ngu si. Tâm vị ấy câu hữu với từ, biến mãn một phương, thành tựu an trú. Cũng vậy, hai, ba, bốn phương, phương trên, phương dưới và bốn phương bàng, khắp tất cả, tâm của vị ấy câu hữu với từ, không kết không oán, không nhuế không tranh, rất rộng lớn, khéo tu vô lượng, biến mãn tất cả thế gian, thành tựu an trú. Cũng vậy, tâm bi, tâm hỷ câu hữu với xả, không kết không oán, không nhuế, không tranh, rất rộng lớn, khéo tu vô lượng, biến mãn tất cả thế gian, thành tựu an trú.

"Vị ấy tự nghĩ: "Có thô, có diệu, có tưởng, dẫn đến thượng xuất yếu[12], biết như thật. Sau khi biết như vậy, thấy như vậy, tâm giải thoát dục lậu, tâm giải thoát hữu lậu và vô minh lậu. Sau khi đã giải thoát, vị ấy biết như thật 'Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa'.

"Cũng như cách làng nọ không xa, có ao tắm tốt, nước trong chảy tràn, cỏ xanh phủ bờ, cây hoa bốn phía. Giả sử có một người từ phương Đông đến, bị đói khát mệt mỏi, cởi áo bỏ trên bờ, xuống ao mặc sức tắm rửa sạch bụi nhơ, trừ khử nóng bức và khát. Phương Nam, phương Tây, phương Bắc cũng vậy, giả sử có một người từ các phương đó đến bị đói khát mệt mỏi, cởi áo bỏ trên bờ, xuống ao mặc sức tắm rửa sạch bụi nhơ, trừ khử nóng bức và khát. Cũng vậy, một thiện nam tử dòng Sát-đế-lợi, cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo, thực hành nội tâm tĩnh chỉ, khiến được nội tâm tĩnh chỉ. Người với nội tâm tĩnh chỉ, Ta nói người ấy là Sa-môn, là Phạm chí, là Thánh, là Tịnh dục.

"Cũng vậy, một thiện nam tử dòng Phạm chí, Cư sĩ, Công sư, cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo, thực hành nội tâm tĩnh chỉ, khiến được nội tâm tĩnh chỉ. Người với nội tâm tĩnh chỉ, Ta nói người ấy là Sa-môn, là Phạm chí, là Thánh, là Tịnh dục.

"Thế nào gọi là Sa-môn? Là người đã đình chỉ[13] các pháp ác bất thiện, các lậu ô uế, là gốc rễ của sự hữu trong tương lai, là sự phiền nhiệt, là nhân của khổ báo, của sanh lão bệnh tử. Đó gọi là Sa-môn.

"Thế nào gọi là "Phạm chí"? Là người xa lìa các pháp ác, pháp bất thiện, các lậu ô uế mà là gốc rễ của sự hữu trong tương lai, là sự phiền nhiệt, là nhân của khổ báo, của sanh lão bệnh tử. Đó gọi là Phạm chí.

"Thế nào gọi là Thánh? Là người xa lìa các pháp ác, pháp bất thiện, các lậu ô uế, làm gốc rễ của sự hữu trong tương lai, là sự phiền nhiệt, là nhân của khổ báo, của sanh lão bệnh tử. Đó gọi là Thánh.

"Thế nào gọi là "Tịnh dục"? Là người đã tắm rửa sạch các pháp ác, pháp bất thiện, các lậu ô uế, là gốc rễ của hữu trong tương lai, là sự phiền nhiệt, là nhân của khổ báo, của sanh lão bệnh tử. Đó gọi là Tịnh dục. Đó gọi là Sa-môn, là Phạm chí, là Thánh, là Tịnh dục."

Phật thuyết như vậy, các Tỳ-kheo ấy sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

---

12. Lai thượng xuất yếu; không rõ. Có lẽ ý nói dẫn đến sự xuất ly cao thượng hơn (Tham khảo Pāli, M. 49 tr. 326: ito ca panaññaṃ uttari nissaraṇaṃ natthi).

13. Đoạn này giống đoạn cuối kinh 183 trên.

❑

184. KINH NGƯU GIÁC SA-LA LÂM (I)[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật du hóa đến Bạt-kì-sấu[2], trong rừng Ngưu giác sa-la[3], cùng với số đông các Đại đệ tử Tỳ-kheo thượng tôn tri thức, như Tôn giả Xá-lê Tử, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, Tôn giả Đại Ca-diếp, Tôn giả Đại Ca-chiên-diên, Tôn giả A-na-luật-đà, Tôn giả Ly-việt-đa, Tôn giả A-nan[4]. Các Tỳ-kheo Đại đệ tử là những vị thượng tôn tri thức như vậy cũng cùng đi đến Bạt-kì-sấu, trong rừng Ngưu giác sa-la, cùng ở gần bên ngôi nhà lá của Phật.

Bấy giờ, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, Tôn giả Đại Ca-diếp, Tôn giả Đại Ca-chiên-diên, Tôn giả A-na-luật-đà, sau khi đêm đã qua, vào buổi sáng sớm, đi đến chỗ Tôn giả Xá-lê Tử. Tôn giả A-nan từ xa trông thấy các bậc Thượng tôn đã đi qua, bạch rằng:

"Hiền giả Ly-việt-đa, nên biết, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, Tôn giả Đại Ca-diếp, Tôn giả Đại Ca-chiên-diên, Tôn giả A-na-luật-đà, sau khi đêm đã qua, vào buổi sáng sớm, đi đến chỗ Tôn giả Xá-lê Tử. Hiền giả Ly-việt-đa, bây giờ chúng ta có thể cùng với các bậc Thượng tôn đi đến chỗ Tôn giả Xá-lê Tử, hoặc giả có thể nhân cơ hội này mà được nghe pháp ít nhiều nơi Tôn giả Xá-lê Tử.

Bấy giờ, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, Tôn giả Đại Ca-diếp, Tôn giả Đại Ca-chiên-diên, Tôn giả A-na-luật-đà, Tôn giả Ly-việt-đa, Tôn giả A-nan, sau khi đêm đã qua, vào buổi sáng sớm, đi đến chỗ Tôn giả Xá-lê Tử.

Tôn giả Xá-lê Tử sau khi từ xa thấy các vị Thượng tôn đi đến, Tôn giả Xá-lê Tử nhân các vị Thượng tôn ấy, nói rằng:

"Kính chào A-nan, kính chào A-nan! Người là thị giả của Thế Tôn, hiểu được ý nghĩa, thường được Đức Thế Tôn và các bậc trí tuệ phạm hạnh khen ngợi. Nay tôi có lời hỏi Hiền giả A-nan, 'Khả ái thay, rừng Ngưu giác sa-la này, ban đêm có trăng sáng, các cây sa-la đều tỏa hương thơm ngát, ví như hoa trời'. Hiền giả A-nan, những Tỳ-kheo nào làm rực sáng khu rừng Ngưu giác sa-la?"

Tôn giả A-nan đáp rằng:

"Thưa Tôn giả Xá-lê Tử, nếu có Tỳ-kheo học rộng, nghe nhiều, nhớ mãi không quên, tích lũy sự nghe nhiều. Với những pháp sơ khởi vi diệu, khoảng giữa vi diệu và kết

---

1. Tương đương Pāli, M. 32. Mahā-Gosaṅga-suttaṃ. Tham chiếu Hán, 125(37.3).
2. Bạt-kì-sấu -[——G-A xem cht. dưới. Xem kinh 142.
3. Ngưu giác sa-la lâm ———P——L-F Pāli: Gosiṅgasālavanadāya, một khu rừng ở gần Nādika, xứ Vajjī, mà bản Hán âm là Bạt-kì-sấu: Vajjīsu, giữa những người Bạt-kỳ.
4. Các đệ tử Thượng tọa nổi tiếng (abhiññātehi abiññātehi therehi sāvakehi): Tôn giả Xá-lê Tử (Sāriputta), Tôn giả Đại Mục-kiền-liên (Mahā-Moggakāna), Tôn giả Đại Ca-diếp (Mahā-Kassapa), Tôn giả Đại Ca-chiên-diên (Mahā-Kaccayāna, bản Pāli không kể), Tôn giả A-na-luật-đà (Anuruddha), Tôn giả Ly-việt-đa (Revata), Tôn giả A-nan (Ānanda).

thúc cũng vi diệu, có nghĩa lý, có văn chương, toàn vẹn thanh tịnh, hiển hiện phạm hạnh; những pháp như vậy được vị ấy học rộng, nghe nhiều, tụng tập đến ngàn lần, chuyên ý tư duy, kiến giải thông suốt. Vị ấy thuyết pháp gọn gàng, lưu loát, hoàn toàn tương ưng với mục đích đoạn trừ các kết sử. Thưa Tôn giả Xá-lê Tử, vị Tỳ-kheo như thế làm rực sáng khu rừng Ngưu giác sa-la này."

Tôn giả Xá-lê Tử hỏi:

"Hiền giả Ly-việt-đa, Hiền giả A-nan đã nói theo hiểu biết của mình. Bây giờ tôi hỏi Hiền giả Ly-việt-đa, 'Khả ái thay, rừng Ngưu giác sa-la này, ban đêm có trăng sáng, các cây sa-la đều tỏa hương thơm ngát, ví như hoa trời'. Hiền giả Ly-việt-đa, những Tỳ-kheo nào làm rực sáng khu rừng Ngưu giác sa-la?"

Tôn giả Ly-việt-đa đáp rằng :

"Thưa Tôn giả Xá-lê Tử, nếu có Tỳ-kheo ưa yển tọa[5], bên trong tu hành nội tâm tĩnh chỉ[6], không bỏ tọa thiền, thành tựu quán tưởng, thường thích nhàn cư, ưa chỗ yên tĩnh. Thưa Tôn giả Xá-lê Tử, vị Tỳ-kheo như vậy làm rực sáng khu rừng Ngưu giác sa-la."

Tôn giả Xá-lê Tử lại hỏi:

"Hiền giả A-na-luật-đà, Hiền giả Ly-việt-đa Tỳ-kheo đã nói theo sự hiểu biết của mình. Bây giờ tôi hỏi Hiền giả A-na-luật-đà, 'Khả ái thay, rừng Ngưu giác sa-la này, ban đêm có trăng sáng, các cây sa-la đều tỏa hương thơm ngát, ví như hoa trời'. Hiền giả A-na-luật-đà, những Tỳ-kheo nào làm rực sáng khu rừng Ngưu giác sa-la?"

Tôn giả A-na-luật-đà đáp rằng:

"Tôn giả Xá-lê Tử, nếu có Tỳ-kheo đạt được thiên nhãn, thành tựu thiên nhãn, ở trong một ngàn thế giới, với một ít phương tiện[7], vị ấy trong chốc lát có thể thấy tất cả. Tôn giả Xá-lê Tử, ví như người có mắt ở trên lầu cao nhìn xuống khu đất trống có một ngàn gò nỗng với một ít phương tiện, vị ấy trong chốc lát có thể thấy tất cả. Tôn giả Xá-lê Tử, cũng vậy, nếu Tỳ-kheo có được thiên nhãn, thành tựu thiên nhãn, ở trong một ngàn thế giới với một ít phương tiện, vị ấy trong chốc lát có thể thấy tất cả. Tôn giả Xá-lê Tử, vị Tỳ-kheo như vậy làm rực sáng khu rừng Ngưu giác sa-la."

Tôn giả Xá-lê Tử lại hỏi:

"Hiền giả Ca-chiên-diên, Hiền giả A-na-luật-đà Tỳ-kheo đã nói theo sự hiểu biết của mình. Bây giờ tôi hỏi Hiền giả Ca-chiên-diên, 'Khả ái thay, rừng Ngưu giác sa-la này, ban đêm có trăng sáng, các cây sa-la đều tỏa hương thơm ngát, ví như hoa trời'. Hiền giả Ca-chiên-diên, những Tỳ-kheo nào làm rực sáng khu rừng Ngưu giác sa-la?"

Tôn giả Ca-chiên-diên đáp rằng:

"Tôn giả Xá-lê Tử, ví như hai Tỳ-kheo pháp sư cùng bàn luận về A-tỳ-đàm thâm áo. Những điều được hỏi đều được thấu hiểu tường tận, những lời giải đáp thì thông suốt, sự thuyết pháp thì lưu loát. Tôn giả Xá-lê Tử, vị Tỳ-kheo như vậy làm rực sáng khu rừng Ngưu giác sa-la."

Tôn giả Xá-lê Tử lại hỏi:

"Tôn giả Đại Ca-diếp, Hiền giả Ca-chiên-diên Tỳ-kheo đã nói theo sự hiểu biết của mình. Bây giờ tôi hỏi Tôn giả Đại Ca-diếp, 'Khả ái thay, rừng Ngưu giác sa-la này, ban đêm có trăng sáng, các cây sa-la đều tỏa hương thơm ngát, ví như hoa trời'. Hiền giả Đại Ca-diếp, những Tỳ-kheo nào làm rực sáng khu rừng Ngưu giác sa-la?"

---

5. Yển tọa ━P━━F ngồi nơi chỗ vắng vẻ. Pāli: patisallāna.
6. Nội hành chỉ ━━━━C Pāli: ajjhattaṃ cetosamathānuyutto.
7. Nên hiểu là "một ít cố gắng".

Tôn giả Đại Ca-diếp đáp rằng:

"Hiền giả Xá-lê Tử, nếu có Tỳ-kheo tự mình sống nơi vô sự[8] khen ngợi ở nơi vô sự; tự mình có thiểu dục, khen ngợi sự thiểu dục; tự mình tri túc, khen ngợi sự tri túc; tự mình thích sống cô độc viễn ly và khen ngợi cô độc viễn ly; tự mình tu hành tinh tấn, khen ngợi sự tu hành tinh tấn; tự mình lập chánh niệm chánh trí, khen ngợi sự lập chánh niệm chánh trí; tự mình đắc định, khen ngợi sự đắc định; tự mình có trí tuệ, khen ngợi sự có trí tuệ; tự mình các lậu đã sạch, khen ngợi các lậu đã sạch; tự mình khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ, khen ngợi khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ. Hiền giả Xá-lê Tử, vị Tỳ-kheo như vậy làm rực sáng khu rừng Ngưu giác sa-la."

Tôn giả Xá-lê Tử lại hỏi:

"Hiền giả Mục-kiền-liên, Tôn giả Đại Ca-diếp đã nói theo sự hiểu biết của mình. Bây giờ tôi hỏi Hiền giả Mục-kiền-liên, 'Khả ái thay, rừng Ngưu giác sa-la này, ban đêm có trăng sáng, các cây sa-la đều tỏa hương thơm ngát, ví như hoa trời'. Hiền giả Đại Ca-diếp, những Tỳ-kheo nào làm rực sáng khu rừng Ngưu giác sa-la?"

Tôn giả Đại Mục-kiền-liên đáp rằng:

"Tôn giả Xá-lê Tử, nếu có Tỳ-kheo nào có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai thần, được tự tại vô lượng như ý túc, thực hành vô lượng như ý túc, có thể biến một thành nhiều, hợp nhiều làm thành một, một thì trụ trên một, được biết, được thấy[9]; không bị trở ngại bởi vách đá, cũng như đi trong hư không; chìm xuống đất như chìm xuống nước, đi trên nước như đi trên đất; ngồi xếp kiết già mà bay trên không như chim bay liệng; với mặt trời và mặt trăng này vốn có đại như ý túc, đại phước hựu, đại oai thần mà có thể đưa tay bắt nắm, thân cao đến trời Phạm thiên. Tôn giả Xá-lê Tử, vị Tỳ-kheo như vậy làm rực sáng khu rừng Ngưu giác sa-la."

Tôn giả Đại Mục-kiền-liên hỏi:

"Tôn giả Xá-lê Tử, tôi và các vị Thượng tôn mỗi người đã tự nói theo sự hiểu biết của mình. Bây giờ tôi hỏi Tôn giả Xá-lê Tử, 'Khả ái thay, rừng Ngưu giác sa-la này, ban đêm có trăng sáng, các cây sa-la đều tỏa hương thơm ngát, ví như hoa trời'. Hiền giả Đại Ca-diếp, những Tỳ-kheo nào làm rực sáng khu rừng Ngưu giác sa-la?"

Tôn giả Xá-lê Tử đáp rằng:

"Hiền giả Mục-kiền-liên, nếu có Tỳ-kheo tùy dụng tâm tự tại, chứ không phải tùy tâm[10]. Nếu muốn trú định nào[11], vị ấy vào buổi sáng an trú[12] định ấy. Nếu muốn an trú trụ định vào buổi trưa hay buổi chiều, tức thì vị ấy an trú trụ định ấy vào buổi trưa hay buổi chiều. Hiền giả Mục-kiền-liên, ví như y phục của vua và các quan rất nhiều màu sắc rực rỡ, nếu họ muốn mặc thứ nào vào buổi sáng, liền lấy mặc vào. Nếu họ muốn mặc thứ nào vào buổi trưa hay buổi chiều, liền lấy mặc. Hiền giả Mục-kiền-liên, cũng vậy, nếu có Tỳ-kheo nào tùy dụng tâm tự tại, chứ không phải tùy tâm. Nếu muốn trú định nào, vị ấy vào

---

8. Chỉ Tỳ-kheo A-lan-nhã, tu theo hạnh chỉ sống trên rừng. Pāli: araññaka.

9. Hán: nhất tắc trụ nhất, hữu tri hữu kiến ▪@▪h▬▬@▬▬▬▬▬C Nghĩa không rõ. Tập Dị (nt): hoặc ẩn hoặc hiện. Pāli: āvibhāvaṃ tirobhāvaṃ.

10. Pāli: cittaṃ vasaṃ vatteti, no... cittassa vasena vatteti, (Tỳ-kheo chế ngự tâm chứ không phải bị tâm chế ngự).

11. Hán: trú chỉ ▬▬▬F Pāli: vihārasamāpattiyā. Bản Hán, samāpatti (định, hay đẳng chí) được hiểu là samatha, chỉ.

12. Hán: du hành ▪C▬▬F Pāli: viharati, trú ngụ hay sống (ở đâu); bản Hán này thường dịch là *du* hay *du hành*.

buổi sáng an trú định ấy. Nếu muốn an trú trụ định vào buổi trưa hay buổi chiều, tức thì vị ấy an trú trụ định ấy vào buổi trưa hay buổi chiều. Hiền giả Mục-kiền-liên, vị Tỳ-kheo như vậy làm rực sáng khu rừng Ngưu giác sa-la."

Tôn giả Xá-lê Tử bảo rằng:

"Hiền giả Mục-kiền-liên, tôi và chư Hiền mỗi người đã nói theo sự hiểu biết của mình. Hiền giả Mục-kiền-liên, chúng ta hãy cùng với chư Hiền đi đến chỗ Phật để biết trong những điều vừa thảo luận ấy, vị nào nói hay."

Bấy giờ Tôn giả Xá-lê Tử, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, Tôn giả Đại Ca-diếp, Tôn giả Đại Ca-chiên-diên, Tôn giả A-na-luật-đà, Tôn giả Ly-việt-đa, Tôn giả A-nan, tất cả cùng đi đến chỗ Phật. Các Tôn giả đều cúi đầu lễ sát chân Phật rồi ngồi qua một bên. Tôn giả A-nan cũng cúi đầu lễ sát chân Phật rồi lui đứng một bên. Tôn giả Xá-lê Tử bạch rằng:

"Bạch Thế Tôn, hôm nay có Hiền giả Mục-kiền-liên, Tôn giả Đại Ca-diếp, Hiền giả Ca-chiên-diên, Hiền giả A-na-luật-đà, Hiền giả Ly-việt-đa, Hiền giả A-nan, vào buổi sáng sớm tất cả đều đi đến chỗ con.

"Con thấy chư Hiền đến, nhân đó mới nói rằng:

"'Kính chào A-nan! Kính chào A-nan! Người là thị giả của Thế Tôn, hiểu được ý nghĩa, thường được Đức Thế Tôn và các bậc trí tuệ phạm hạnh khen ngợi. Nay tôi có lời hỏi Hiền giả A-nan, 'Khả ái thay, rừng Ngưu giác sa-la này, ban đêm có trăng sáng, các cây sa-la đều tỏa hương thơm ngát, ví như hoa trời'. Hiền giả A-nan, những Tỳ-kheo nào làm rực sáng khu rừng Ngưu giác sa-la?'

"Tôn giả A-nan đáp rằng, 'Thưa Tôn giả Xá-lê Tử, nếu có Tỳ-kheo học rộng, nghe nhiều, nhớ mãi không quên, tích lũy sự nghe nhiều. Với những pháp sơ khởi vi diệu, khoảng giữa vi diệu và kết thúc cũng vi diệu, có nghĩa lý, có văn chương, toàn vẹn thanh tịnh, hiển hiện phạm hạnh; những pháp như vậy được vị ấy học rộng, nghe nhiều, tụng tập đến ngàn lần, chuyên ý tư duy, kiến giải thông suốt. Vị ấy thuyết pháp gọn gàng, lưu loát, hoàn toàn tương ưng với mục đích đoạn trừ các kết sử. Thưa Tôn giả Xá-lê Tử, vị Tỳ-kheo như thế làm rực sáng khu rừng Ngưu giác sa-la này'."

Thế Tôn khen rằng:

"Lành thay! Lành thay! Xá-lê Tử, đúng như thật lời Tỳ-kheo A-nan đã nói. Vì sao? Vì Tỳ-kheo A-nan đã thành tựu Đa-văn."

Tôn giả Xá-lê Tử bạch rằng:

"Bạch Thế Tôn, Hiền giả A-nan nói như vậy rồi, con lại hỏi, 'Hiền giả Ly-việt-đa, Hiền giả A-nan đã nói theo hiểu biết của mình. Bây giờ tôi hỏi Hiền giả Ly-việt-đa, 'Khả ái thay, rừng Ngưu giác sa-la này, ban đêm có trăng sáng, các cây sa-la đều tỏa hương thơm ngát, ví như hoa trời'. Hiền giả Ly-việt-đa, những Tỳ-kheo nào làm rực sáng khu rừng Ngưu giác sa-la?'

"Hiền giả Ly-việt-đa đáp con rằng, 'Thưa Tôn giả Xá-lê Tử, nếu có Tỳ-kheo ưa yển tọa, bên trong tu hành nội tâm tĩnh chỉ, không bỏ tọa thiền, thành tựu quán tưởng, thường thích nhàn cư, ưa chỗ yên tĩnh. Thưa Tôn giả Xá-lê Tử, vị Tỳ-kheo như vậy làm rực sáng khu rừng Ngưu giác sa-la'."

Thế Tôn khen rằng:

"Lành thay! Lành thay! Xá-lê Tử, đúng như lời Tỳ-kheo Ly-việt-đa đã nói. Vì sao? Vì Tỳ-kheo Ly-việt-đa ưa Tọa thiền."

Tôn giả Xá-lê Tử bạch rằng:

"Bạch Thế Tôn, Hiền giả Ly-việt-đa nói như vậy rồi, con lại hỏi, 'Hiền giả A-na-luật-đà, Hiền giả Ly-việt-đa Tỳ-kheo đã nói theo sự hiểu biết của mình. Bây giờ tôi hỏi Hiền giả A-na-luật-đà, 'Khả ái thay, rừng Ngưu giác sa-la này, ban đêm có trăng sáng, các cây sa-la đều tỏa hương thơm ngát, ví như hoa trời'. Hiền giả A-na-luật-đà, những Tỳ-kheo nào làm rực sáng khu rừng Ngưu giác sa-la?'

"Hiền giả A-na-luật-đà liền đáp lại con rằng, 'Tôn giả Xá-lê Tử, nếu có Tỳ-kheo đạt được thiên nhãn, thành tựu thiên nhãn, ở trong một ngàn thế giới, với một ít phương tiện, vị ấy trong chốc lát có thể thấy tất cả. Tôn giả Xá-lê Tử, ví như người có mắt ở trên lầu cao nhìn xuống khu đất trống có một ngàn gò nỗng với một ít phương tiện, vị ấy trong chốc lát có thể thấy tất cả. Tôn giả Xá-lê Tử, cũng vậy, nếu Tỳ-kheo có được thiên nhãn, thành tựu thiên nhãn, ở trong một ngàn thế giới với một ít phương tiện, vị ấy trong chốc lát có thể thấy tất cả. Tôn giả Xá-lê Tử, vị Tỳ-kheo như vậy làm rực sáng khu rừng Ngưu giác sa-la'."

Thế Tôn khen rằng:

"Lành thay! Lành thay! Xá-lê Tử, đúng như lời Tỳ-kheo A-na-luật-đà đã nói. Vì sao? Vì A-na-luật-đà Tỳ-kheo đã thành tựu Thiên nhãn."

Tôn giả Xá-lê Tử bạch rằng:

"Bạch Thế Tôn, Hiền giả A-na-luật-đà nói như vậy rồi, con lại hỏi, 'Hiền giả Ca-chiên-diên, Hiền giả A-na-luật-đà Tỳ-kheo đã nói theo sự hiểu biết của mình. Bây giờ tôi hỏi Hiền giả Ca-chiên-diên, 'Khả ái thay, rừng Ngưu giác sa-la này, ban đêm có trăng sáng, các cây sa-la đều tỏa hương thơm ngát, ví như hoa trời'. Hiền giả Ca-chiên-diên, những Tỳ-kheo nào làm rực sáng khu rừng Ngưu giác sa-la?'

"Hiền giả Ca-chiên-diên liền đáp lại con rằng, 'Tôn giả Xá-lê Tử, ví như hai Tỳ-kheo pháp sư cùng bàn luận về A-tỳ-đàm thâm áo. Những điều được hỏi đều được thấu hiểu tường tận, những lời giải đáp thì thông suốt, sự thuyết pháp thì lưu loát. Tôn giả Xá-lê Tử, vị Tỳ-kheo như vậy làm rực sáng khu rừng Ngưu giác sa-la'."

Thế Tôn khen rằng:

"Lành thay! Lành thay! Xá-lê Tử, đúng như lời Tỳ-kheo Ca-chiên-diên đã nói. Vì sao? Vì Ca-chiên-diên Tỳ-kheo là Phân biệt pháp sư."

Tôn giả Xá-lê Tử bạch rằng:

"Bạch Thế Tôn, Hiền giả Ca-chiên-diên nói như vậy rồi, con lại hỏi, 'Tôn giả Đại Ca-diếp, Hiền giả Ca-chiên-diên Tỳ-kheo đã nói theo sự hiểu biết của mình. Bây giờ tôi hỏi Tôn giả Đại Ca-diếp, 'Khả ái thay, rừng Ngưu giác sa-la này, ban đêm có trăng sáng, các cây sa-la đều tỏa hương thơm ngát, ví như hoa trời'. Hiền giả Đại Ca-diếp, những Tỳ-kheo nào làm rực sáng khu rừng Ngưu giác sa-la?"

"Tôn giả Đại Ca-chiên-diên liền đáp lại con rằng, 'Hiền giả Xá-lê Tử, nếu có Tỳ-kheo tự mình sống nơi vô sự khen ngợi ở nơi vô sự; tự mình có thiểu dục, khen ngợi sự thiểu dục; tự mình tri túc, khen ngợi sự tri túc; tự mình thích sống cô độc viễn ly và khen ngợi cô độc viễn ly; tự mình tu hành tinh tấn, khen ngợi sự tu hành tinh tấn; tự mình lập chánh niệm chánh trí, khen ngợi sự lập chánh niệm chánh trí; tự mình đắc định, khen ngợi sự đắc định; tự mình có trí tuệ, khen ngợi sự có trí tuệ; tự mình các lậu đã sạch, khen ngợi các lậu đã sạch; tự mình khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ, khen ngợi khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ. Hiền giả Xá-lê Tử, vị Tỳ-kheo như vậy làm rực sáng khu rừng Ngưu giác sa-la'."

Thế Tôn khen rằng:

"Lành thay! Lành thay! Xá-lê Tử, đúng như lời Tỳ-kheo Ca-diếp đã nói. Vì sao? Vì Đại Ca-diếp Tỳ-kheo thường tu hạnh Vô sự."

Tôn giả Xá-lê Tử bạch rằng:

"Bạch Thế Tôn, Tôn giả Đại Ca-diếp nói như vậy rồi, con lại hỏi 'Hiền giả Mục-kiền-liên, Tôn giả Đại Ca-diếp đã nói theo sự hiểu biết của mình. Bây giờ tôi hỏi Hiền giả Mục-kiền-liên, 'Khả ái thay, rừng Ngưu giác sa-la này, ban đêm có trăng sáng, các cây sa-la đều tỏa hương thơm ngát, ví như hoa trời'. Hiền giả Đại Ca-diếp, những Tỳ-kheo nào làm rực sáng khu rừng Ngưu giác sa-la?'

"Hiền giả Đại Mục-kiền-liên liền đáp lại con rằng, 'Tôn giả Xá-lê Tử, nếu có Tỳ-kheo nào có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai thần, được tự tại vô lượng như ý túc, thực hành vô lượng như ý túc, có thể biến một thành nhiều, hợp nhiều làm thành một, một thì trụ trên một, được biết, được thấy; không bị trở ngại bởi vách đá, cũng như đi trong hư không; chìm xuống đất như chìm xuống nước, đi trên nước như đi trên đất; ngồi xếp kiết già mà bay trên không như chim bay liệng; với mặt trời và mặt trăng này vốn có đại như ý túc, đại phước hựu, đại oai thần mà có thể đưa tay bắt nắm, thân cao đến trời Phạm thiên. Tôn giả Xá-lê Tử, vị Tỳ-kheo như vậy làm rực sáng khu rừng Ngưu giác sa-la'."

Thế Tôn khen rằng:

"Lành thay! Lành thay! Xá-lê Tử, đúng như lời Tỳ-kheo Mục-kiền-liên đã nói. Vì sao? Vì Tỳ-kheo Mục-kiền-liên có Đại như ý túc."

Bấy giờ Tôn giả Đại Mục-kiền-liên từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch áo một bên, chắp tay mà bạch Phật rằng:

"Bạch Thế Tôn, con và chư Tôn giả nói như vậy rồi, liền bạch Tôn giả Xá-lê Tử rằng, 'Tôn giả Xá-lê Tử, tôi và các vị Thượng tôn mỗi người đã tự nói theo sự hiểu biết của mình. Bây giờ tôi hỏi Tôn giả Xá-lê Tử, 'Khả ái thay, rừng Ngưu giác sa-la này, ban đêm có trăng sáng, các cây sa-la đều tỏa hương thơm ngát, ví như hoa trời'. Hiền giả Đại Ca-diếp, những Tỳ-kheo nào làm rực sáng khu rừng Ngưu giác sa-la?'

"Tôn giả Xá-lê Tử liền đáp lại lời con rằng, 'Hiền giả Mục-kiền-liên, nếu có Tỳ-kheo tùy dụng tâm tự tại, chứ không phải tùy tâm. Nếu muốn trú định nào, vị ấy vào buổi sáng an trú định ấy. Nếu muốn an trú trụ định vào buổi trưa hay buổi chiều, tức thì vị ấy an trú trụ định ấy vào buổi trưa hay buổi chiều. Hiền giả Mục-kiền-liên, ví như y phục của vua và các quan rất nhiều màu sắc rực rỡ, nếu họ muốn mặc thứ nào vào buổi sáng, liền lấy mặc vào. Nếu họ muốn mặc thứ nào vào buổi trưa hay buổi chiều, liền lấy mặc. Hiền giả Mục-kiền-liên, cũng vậy, nếu có Tỳ-kheo nào tùy dụng tâm tự tại, chứ không phải tùy tâm. Nếu muốn trú định nào, vị ấy vào buổi sáng an trú định ấy. Nếu muốn an trú trụ định vào buổi trưa hay buổi chiều, tức thì vị ấy an trú trụ định ấy vào buổi trưa hay buổi chiều. Hiền giả Mục-kiền-liên, vị Tỳ-kheo như vậy làm rực sáng khu rừng Ngưu giác sa-la'."

Thế Tôn khen rằng:

"Lành thay! Lành thay! Mục-kiền-liên, đúng như lời Tỳ-kheo Xá-lê Tử đã nói. Vì sao? Vì Xá-lê Tử Tỳ-kheo tùy dụng Tâm tự tại."

Bấy giờ Tôn giả Xá-lê Tử liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch áo một bên mà bạch Phật rằng:

"Bạch Thế Tôn, con và chư Hiền nói như vậy rồi, bảo rằng, 'Hiền giả Mục-kiền-liên, tôi và chư Hiền mỗi người đã tự trình bày theo sự hiểu biết của mình. Hiền giả Mục-kiền-liên, chúng ta hãy cùng với chư Hiền đi đến chỗ Đức Phật để biết trong những điều

vừa bàn luận ấy vị nào nói hay. Bạch Thế Tôn, trong chúng con, ai nói hay?"

Thế Tôn đáp rằng:

"Này Xá-lê Tử, tất cả đều hay. Vì sao? Vì các pháp đó chính là những điều Ta nói. Xá-lê Tử, hãy nghe Ta nói. Vị Tỳ-kheo như vậy làm rực sáng khu rừng Ngưu giác sa-la. Này Xá-lê Tử, nếu có Tỳ-kheo tùy theo chỗ ở hoặc thành quách, thôn ấp, vào buổi sáng sớm mang y cầm bát vào thôn khất thực, khéo thủ hộ thân, khéo thúc liễm các căn, khéo giữ tâm niệm. Vị ấy sau khi khất thực xong, sau giờ ngọ, thâu xếp y bát, rửa chân tay, lấy tọa cụ vắt lên trên vai, đến chỗ vô sự, hoặc dưới gốc cây, hay chỗ thanh vắng, trải ni-sư-đàn mà ngồi kiết già, ngồi luôn cho đến chứng lậu tận mới giải kiết già. Vị ấy không giải kiết già cho đến khi nào chưa chứng được lậu tận. Này Xá-lê Tử, Tỳ-kheo như vậy làm rực sáng khu rừng Ngưu giác sa-la."

Phật thuyết giảng như vậy. Các Tỳ-kheo ấy sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

❑

185. KINH NGƯU GIÁC SA-LA LÂM (II)[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật du hóa đến Na-ma-đề-sấu[2], ở tại tinh xá Kiền-kì[3].

Bấy giờ, sau khi đêm đã qua, vào buổi sáng sớm, Đức Thế Tôn đắp y trì bát, vào Na-ma-đề khất thực. Sau khi ăn xong, vào buổi chiều, Ngài đi đến khu rừng Ngưu giác sa-la[4]. Có ba người con dòng quý tộc cùng ở trong đó, Tôn giả A-na-luật-đà, Tôn giả Nan-đề, Tôn giả Kim-tì-la[5].

Ba Tôn giả ấy làm như vầy. Nếu ai khất thực đi về trước thì trải giường, múc nước, mang dồ rửa chân ra, để sẵn ghế rửa chân, khăn lau chân, bình đựng nước, chậu rửa. Nếu có thể ăn hết đồ ăn đã xin được thì cứ ăn. Nếu còn dư thì cho vào đồ chứa đậy kín cất. Ăn xong, cất bình bát, rửa tay chân, lấy tọa cụ vắt lên vai, vào nhà ngồi tĩnh tọa. Nếu ai khất thực đi về sau, có thể ăn hết đồ ăn thì cứ ăn. Nếu không đủ thì lấy đồ dư của người trước đem ra ăn cho đủ. Nếu còn dư nữa thì đem đổ chỗ đất sạch hay trong nước không có trùng. Người ấy lấy đồ đựng của người kia rửa, lau thật sạch rồi đem treo một bên, dọn dẹp giường chiếu, nhặt ghế rửa chân, thâu khăn lau chân, cất đồ rửa chân, bình nước và chậu rửa, dọn dẹp nhà ăn sạch sẽ rồi thâu cất y bát, rửa tay chân, lấy tọa cụ vắt trên vai, vào nhà tĩnh tọa.

Ngồi đến xế, trong các Tôn giả ấy, nếu ai đang tĩnh tọa mà ngồi dậy trước, thấy bình nước và chậu rửa chân không có nước thì phải đem đi lấy. Nếu xách nổi thì xách, bằng không thì vẫy tay một Tỳ-kheo khác, hai người cùng khiêng, mỗi người khiêng một phía, không nói chuyện với nhau, không hỏi gì nhau.

Các vị ấy cứ năm ngày họp một lần, hoặc để nói pháp, hoặc yên lặng cả theo các bậc Thánh.

Bấy giờ người giữ rừng thấy Thế Tôn từ xa đi đến, đón ngăn lại, quở rằng:

"Sa-môn! Sa-môn! Chớ có vào khu rừng này. Vì sao? Hiện nay trong khu rừng này có ba người dòng quý tộc ở. Ấy là Tôn giả A-na-luật-đà, Tôn giả Nan-đề, Tôn giả Kim-tì-la. Nếu thấy ông, chắc họ không chịu."

Đức Phật bảo rằng:

---

1. Tương đương Pāli M.31 Cūḷagosiṅga-suttaṃ.
2. Na-ma-đề-sấu ——————C Pāli: Nadika, hay Natika, thuộc xứ Vajji, ở giữa Ketigāma và Vesali. Theo phiên âm bản Hán, mà tương đương Pāli có thể là Nadikesu, giữa những người Nadika, cho thấy đây là một bộ tộc thay vì một địa danh.
3. Kiền-kì tinh xá ——————C Pāli: Giñjakāvasatha (Luyện ngõa đường), một tinh xá bằng gạch mà dân xứ Vajji cúng dường Phật. Du khách hay các du sĩ cũng thường ghé ngụ tinh xá này.
4. Xem chú thích kinh số 184 ở trước.
5. Anurudha, Nandiya, Kimbila, cả ba đều dòng họ Thích, cùng xuất gia một lần khi Phật về thăm Ca-tì-la-vệ.

"Này Người giữ rừng, nếu họ thấy Ta thì không có gì là không chịu".

Bấy giờ Tôn giả A-na-luật-đà từ xa thấy Thế Tôn đến, liền quở người giữ rừng rằng:

"Này Người giữ rừng, chớ có ngăn cản Đức Thế Tôn. Này Người giữ rừng, chớ có quở la Đức Thiện Thệ. Vì sao? Vì đó là Tôn sư Thế Tôn của tôi đến, là Đấng Thiện Thệ của tôi đến."

Rồi Tôn giả A-na-luật-đà ra rước Thế Tôn, đón lấy y bát. Tôn giả Nan-đề, Tôn giả Kim-tì-la trải giường ngồi, Tôn giả Kim-tì-la đi lấy nước.

Đức Thế Tôn bấy giờ sau khi rửa tay xong, ngồi xuống chỗ ngồi đã dọn sẵn. Ngồi xong Ngài hỏi rằng:

"A-na-luật-đà, ông có thường an ổn, không thiếu thốn chăng?"

Tôn giả A-na-luật-đà bạch rằng:

"Bạch Thế Tôn, con vẫn thường an ổn, không có gì thiếu thốn."

Thế Tôn lại hỏi:

"Này A-na-luật-đà, vì sao ông được an ổn, không có gì thiếu thốn?"

Tôn giả A-na-luật-đà bạch rằng:

"Bạch Thế Tôn, con nghĩ rằng con nhờ có thiện lợi, có đại công đức, vì con tu tập cùng với các vị phạm hạnh như vậy. Bạch Thế Tôn, con thường hướng đến các vị phạm hạnh này để tu thân nghiệp từ hòa, thấy nhau hay không thấy nhau cũng như vậy; và tu khẩu nghiệp từ hòa, ý nghiệp từ hòa, thấy nhau hay không thấy nhau cũng như vậy. Bạch Thế Tôn, con tự nghĩ, 'Nay ta hãy tự xả bỏ tâm mình mà tùy theo tâm các Hiền giả này'. Rồi con xả bỏ tâm mình để tùy theo tâm các Hiền giả này. Con chưa từng có một điều gì mà không xứng ý. Bạch Thế Tôn, con nhờ như vậy mà thường được an ổn, không có gì thiếu thốn".

Phật hỏi Tôn giả Nan-đề, đáp cũng như vậy. Phật lại hỏi Tôn giả Kim-tì-la rằng:

"Ông có thường an ổn, không có gì thiếu thốn chăng?"

Tôn giả Kim-tì-la bạch rằng:

"Bạch Thế Tôn, con thường an ổn không có gì thiếu thốn."

Phật lại hỏi:

"Này Kim-tì-la, vì sao ông thường được an ổn, không có gì thiếu thốn?"

Tôn giả Kim-tì-la bạch rằng:

"Bạch Thế Tôn, con nghĩ rằng con nhờ có thiện lợi, có đại công đức, vì con tu tập cùng với các vị phạm hạnh như vậy. Bạch Thế Tôn, con thường hướng đến các vị phạm hạnh này để tu thân nghiệp từ hòa, thấy nhau hay không thấy nhau cũng như vậy; và tu khẩu nghiệp từ hòa, ý nghiệp từ hòa, thấy nhau hay không thấy nhau cũng như vậy. Bạch Thế Tôn, con tự nghĩ, 'Nay ta hãy tự xả bỏ tâm mình mà tùy theo tâm các Hiền giả này'. Rồi con xả bỏ tâm mình để tùy theo tâm các Hiền giả này. Con chưa từng có một điều gì mà không xứng ý. Bạch Thế Tôn, con nhờ như vậy mà thường được an ổn, không có gì thiếu thốn".

Thế Tôn khen rằng:

"Lành thay! Lành thay! Này A-na-luật-đà, các ông thường cùng nhau hòa hiệp an ổn, không tranh chấp như vậy, cùng một tâm, cùng một thầy, cùng hiệp nhất như nước với sữa. Thế nhưng có chứng đắc pháp Thượng nhân mà có sai giáng an lạc trụ chỉ[6] chăng?"

---

6. Sai giáng an lạc trụ chỉ ─t──w─────C Pāli: phāsuvihāro, sống an lạc thoải mái. Xem thêm kinh số 77,

Tôn giả A-na-luật-đà bạch rằng:

"Bạch Thế Tôn, quả như vậy. Chúng con thường cùng hòa hiệp an ổn, không tranh cãi nhau, cùng một tâm, cùng một thầy, cùng hòa hiệp với nhau như nước với sữa, chứng đắc pháp Thượng nhân mà có sai giáng an lạc trụ chỉ. Bạch Thế Tôn, chúng con ly dục ác bất thiện pháp, cho đến, chứng đắc đệ Tứ thiền, thành tựu và an trụ.

"Bạch Thế Tôn, như vậy, chúng con cùng hòa hiệp an ổn, không tranh cãi nhau, cùng một tâm, cùng một thầy, cùng hòa hiệp với nhau như nước với sữa, chứng đắc pháp Thượng nhân mà sai giáng an lạc trụ chỉ."

Thế Tôn khen rằng:

"Lành thay! Lành thay! Này A-na-luật-đà, bỏ qua trụ chỉ này, quá đây, vượt đây, còn có chứng đắc pháp nào của bậc Thượng nhân khác mà có sự sai giáng an lạc trụ chỉ chăng?"

Tôn giả A-na-luật-đà bạch Phật rằng:

"Bạch Thế Tôn, bỏ qua trụ chỉ này, quá đây, vượt đây, còn có chứng đắc pháp nào của bậc Thượng nhân khác mà có sự sai giáng an lạc trụ chỉ. Bạch Thế Tôn, tâm của con câu hữu với từ, biến khắp một phương, thành tựu và an trụ. Cũng vậy, tâm câu hữu với từ, biến khắp tất cả phương thứ hai, phương thứ ba, phương trên, phương dưới và bốn phương bàng, không kết, không oán, không nhuế, không tranh, rộng rãi bao la, khéo tu vô lượng, biến khắp tất cả thế gian, thành tựu và an trú. Cũng vậy, bi tâm, hỷ tâm câu hữu với xả, không kết, không oán, không nhuế, không tranh, rộng rãi bao la, khéo tu vô lượng, biến khắp tất cả thế gian, thành tựu và an trú.

"Bạch Thế Tôn, bỏ qua trụ chỉ này, quá đây, vượt đây, còn có chứng đắc pháp nào của bậc Thượng nhân khác mà có sự sai giáng an lạc trụ chỉ."

Thế Tôn khen rằng:

"Lành thay! Lành thay! Này A-na-luật-đà, bỏ qua trụ chỉ này, quá đây, vượt đây, còn có chứng đắc pháp nào của bậc Thượng nhân khác mà có sự sai giáng an lạc trụ chỉ chăng?"

Tôn giả A-na-luật-đà bạch Phật rằng:

"Bạch Thế Tôn, bỏ qua trụ chỉ này, quá đây, vượt đây, còn có chứng đắc pháp nào của bậc Thượng nhân khác mà có sự sai giáng an lạc trụ chỉ. Bạch Thế Tôn, chúng con vượt qua tất cả sắc tưởng, cho đến, nhập phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ, thành tựu an trụ.

"Bạch Thế Tôn, bỏ qua trụ chỉ này, quá đây, vượt đây, còn có chứng đắc pháp nào của bậc Thượng nhân khác mà có sự sai giáng an lạc trụ chỉ."

Thế Tôn khen rằng:

"Lành thay! Lành thay! Này A-na-luật-đà, bỏ qua trụ chỉ này, quá đây, vượt đây, còn có chứng đắc pháp nào của bậc Thượng nhân khác mà có sự sai giáng an lạc trụ chỉ chăng?"

Tôn giả A-na-luật-đà bạch Phật rằng:

"Bạch Thế Tôn, bỏ qua trụ chỉ này, quá đây, vượt đây, còn có chứng đắc pháp nào của bậc Thượng nhân khác mà có sự sai giáng an lạc trụ chỉ. Bạch Thế Tôn, chúng con đắc Như ý túc, Thiên nhĩ trí, Tha tâm trí, Túc mạng trí, Sanh tử trí, các lậu đã hết, tâm giải thoát, tuệ giải thoát. Ngay trong đời này tự tri, tự giác, tự tác chứng, thành tựu và an trụ, biết một cách như thật rằng 'Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm

---

đoạn cuối.

xong, không còn tái sanh nữa'.

"Bạch Thế Tôn, bỏ qua trụ chỉ này, quá đây, vượt đây, còn có chứng đắc pháp nào của bậc Thượng nhân khác mà có sự sai giáng an lạc trụ chỉ."

Thế Tôn khen rằng:

"Lành thay! Lành thay! Này A-na-luật-đà, bỏ qua trụ chỉ này, quá đây, vượt đây, còn có chứng đắc pháp nào của bậc Thượng nhân khác mà có sự sai giáng an lạc trụ chỉ chăng?"

Tôn giả A-na-luật-đà bạch Phật rằng:

"Bạch Thế Tôn, bỏ qua trụ chỉ này, vượt qua, lướt qua, không còn có pháp nào khác nữa của bậc Thượng nhân, mà có sự sai giáng an lạc trụ chỉ."

Bấy giờ Đức Thế Tôn nghĩ như vầy: "Chỗ an trụ của người con dòng họ quý tộc này an ổn khoái lạc. Hôm nay Ta hãy thuyết pháp cho họ nghe."

Thế Tôn nghĩ như vậy rồi, liền thuyết pháp cho Tôn giả A-na-luật-đà, Tôn giả Nan-đề, Tôn giả Kim-tì-la nghe, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ. Sau khi dùng vô lượng phương tiện thuyết pháp cho họ, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ rồi, Ngài từ chỗ ngồi đứng dậy đi về.

Bấy giờ Tôn giả A-na-luật-đà, Tôn giả Nan-đề, Tôn giả Kim-tì-la đi theo Đức Thế Tôn được một quãng đường, rồi trở lại chỗ ở.

Tôn giả Nan-đề, Tôn giả Kim-tì-la khen Tôn giả A-na-luật-đà:

"Lành thay! Lành thay! Tôn giả A-na-luật-đà, chúng tôi trước chưa nghe Tôn giả A-na-luật-đà nói những nghĩa lý như vậy. Chúng tôi có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai thần như vậy, nhưng Tôn giả A-na-luật-đà đã hết sức khen ngợi chúng tôi trước Đức Thế Tôn."

Tôn giả A-na-luật-đà khen Tôn giả Nan-đề và Tôn giả Kim-tì-la:

"Lành thay! Lành thay! Này chư Tôn giả, tôi cũng chưa bao giờ nghe Tôn giả có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai thần như vậy. Nhưng một thời gian dài, với tâm tôi, tôi biết tâm của Tôn giả, Tôn giả có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai thần. Vì thế, đứng trước Đức Thế Tôn tôi mới trình bày như vậy.

Bấy giờ có vị trời Trường Quỷ[7], hình dáng cực diệu, sáng chói lồng lộng, lúc đêm tàn, sáng rạng đông, đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân rồi lui đứng một bên, bạch Thế Tôn rằng:

"Bạch Đại tiên nhân, dân chúng nước Bạt-kì được đại lợi ích vì có Thế Tôn và ba người con dòng quý tộc hiện ở, Tôn giả A-na-luật-đà, Nan-đề và Kim-tì-la."

Các Địa thần nghe Trường Quỷ thiên nói, làm cho âm thanh vang lớn:

"Bạch Đại tiên nhân, dân chúng nước Bạt-kì được đại lợi ích vì có Thế Tôn và ba người con dòng quý tộc hiện ở, Tôn giả A-na-luật-đà, Nan-đề và Kim-tì-la." Nghe theo âm thanh vang lớn của Địa thần, các cõi Hư không thiên, Tứ vương thiên, Tam thập tam thiên, Diệm-ma thiên, Đâu-suất-đa thiên, Hóa lạc thiên, Tha hóa lạc thiên, khoảnh khắc đã làm cho âm thanh thấu đến Phạm thiên: "Bạch Đại tiên nhân, dân chúng nước Bạt-kì được đại lợi ích vì có Thế Tôn và ba người con dòng quý tộc hiện ở, Tôn giả A-na-luật-đà, Nan-đề và Kim-tì-la."

Thế Tôn bảo rằng:

---

7. Trường Quỷ thiên ———F Pāli: Dīgho parajano yakkho, quỷ Dạ-xoa tên là Dīgha (dài).

"Thật vậy, này Trường Quỷ thiên, dân chúng nước Bạt-kì được đại lợi ích vì có Thế Tôn và ba người con dòng quý tộc hiện ở, Tôn giả A-na-luật-đà, Nan-đề và Kim-tì-la.

"Này Trường Quỷ thiên, các Địa thần nghe tiếng nói của ngươi rồi, liền làm vang lớn âm thanh, 'Bạch Đại tiên nhân, dân chúng nước Bạt-kì được đại lợi ích vì có Thế Tôn và ba người con dòng quý tộc hiện ở, Tôn giả A-na-luật-đà, Nan-đề và Kim-tì-la'. Tiếp theo âm thanh vang lớn của Địa thần, các cõi Hư không thiên, Tứ vương thiên, Tam thập tam thiên, Diệm-ma thiên, Đâu-suất-đa thiên, Hóa lạc thiên, Tha hóa lạc thiên, khoảnh khắc đã làm cho âm thanh thấu đến Phạm thiên: 'Bạch Đại tiên nhân, dân chúng nước Bạt-kì được đại lợi ích vì có Thế Tôn và ba người con dòng quý tộc hiện ở, Tôn giả A-na-luật-đà, Nan-đề và Kim-tì-la'.

"Này Trường Quỷ thiên, nếu ba gia đình quý tộc kia có ba người con quý tộc này, cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, tín xả, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo, thì ba gia đình quý tộc ấy sẽ nhớ lại nhân duyên và công hạnh của ba người con. Họ cũng sẽ được lợi ích lớn, khoái lạc lâu dài. Và nếu thôn ấp, Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Phạm chí, từ người đến trời mà nhớ nghĩ đến nhân duyên và công hạnh của ba người con dòng dõi quý tộc ấy, họ cũng sẽ được đại lợi ích, an ổn, khoái lạc lâu dài.

"Này Trường Quỷ thiên, vì ba người con dòng dõi quý tộc ấy có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai thần như vậy".

Phật thuyết giảng như vậy. Ba người con dòng quý tộc và Trường Quỷ thiên sau khi nghe những lời Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

❑

186. KINH CẦU GIẢI[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật du hóa Câu-lâu-sấu, tại đô ấp Kiếm-ma-sắt-đàm, một đô ấp của Câu-lâu[2].

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo rằng:

"Duyên nơi ý của mình mà không biết như thật về tâm trí của người khác[3] thì không thể biết được sự Giác ngộ chánh đẳng của Thế Tôn. Vậy làm thế nào để tìm hiểu[4] Như Lai[5]?"

Khi ấy các Tỳ-kheo bạch Thế Tôn rằng:

"Bạch Thế Tôn, Thế Tôn là gốc của pháp, Thế Tôn là chủ của pháp, pháp do nơi Thế Tôn mà có. Ngưỡng mong Ngài thuyết cho, chúng con nghe được rồi sẽ thấu rõ nghĩa lý."

Phật liền bảo rằng:

"Này các Tỳ-kheo, hãy lắng nghe rõ và khéo suy nghĩ. Ta sẽ phân biệt đầy đủ cho các ông nghe."

Bấy giờ các Tỳ-kheo vâng lời mà lắng nghe.

Thế Tôn bảo rằng:

"Duyên nơi ý của mình mà không biết như thật về tâm trí của người khác, phải do hai sự kiện để tìm hiểu Như Lai, một là sắc được biết bởi mắt và hai là tiếng được nghe bởi tai.

"Pháp ô nhiễm được biết bởi mắt và tai, có hay không có nơi Tôn giả ấy[6]? Sau khi tìm hiểu, biết rằng pháp ô nhiễm được biết bởi mắt và tai không có nơi Tôn giả ấy. Nếu ở đây không có, lại phải tìm hiểu nữa.

"Pháp hỗn tạp được biết bởi mắt và tai[7], có hay không có nơi Tôn giả ấy? Sau khi tìm hiểu, biết rằng những pháp hỗn tạp được biết bởi mắt và tai không có nơi Tôn giả ấy. Nếu ở đây không có, phải tìm hiểu thêm nữa.

"Pháp bạch tịnh được biết bởi mắt và tai, có hay không có nơi Tôn giả ấy? Sau khi tìm hiểu, biết rằng pháp bạch tịnh được biết bởi mắt và tai có nói Tôn giả ấy. Nếu ở đây có, lại phải tìm nữa.

---

1. Tương đương Pāli, M. 47. Vimṃsaka-suttaṃ.
2. Câu-lâu-sấu, xem các kinh 177, 175.
3. So Pāli: Vīmaṃsakena bhikkhunā parassa cetopariyāyam ājānantena "Tỳ-kheo tư sát muốn biết tập tánh (cetopariyāyam) của người khác".
4. Cầu giải ━D━━C Pāli: samannesanā.
5. Đại ý: làm sao biết Như Lai có phải là Chánh đẳng giác hay không?
6. Bản Pāli: nơi Như Lai.
7. Pháp hỗn tạp, lẫn lộn cả tịnh và nhiễm. Pāli: vītimissā cakkhusotaviññeyyā dhammā.

"Tôn giả ấy đã thực hành pháp ấy lâu dài hay chỉ thực hành tạm thời? Nếu khi tìm hiểu, biết rằng Tôn giả ấy thực hành pháp ấy lâu dài chứ không phải tạm thời. Nếu là thường thực hành, lại phải tìm hiểu thêm nữa.

"Tôn giả ấy[8] nhập vào thiền này vì danh dự, vì lợi nghĩa, hay không vì danh dự và lợi nghĩa? Nếu khi tìm hiểu, biết rằng Tôn giả ấy nhập vào thiền này không phải vì tai hoạn[9].

"Nếu có người nói như vầy, 'Tôn giả ấy thích tu hành[10] không phải vì sợ hãi; ly dục, không hành dục, vì dục đã diệt tận[11]', thì nên hỏi người ấy rằng, 'Này Hiền giả, với hành vi nào, với năng lực nào, với trí tuệ nào để Hiền giả có thể tự mình nhận xét chân chánh rằng, 'Tôn giả ấy thích tu hành không phải vì sợ hãi; ly dục, không hành dục, vì dục đã diệt tận'?' Nếu người ấy trả lời như vầy, 'Tôi không biết tâm trí của vị ấy, cũng không phải do sự kiện nào khác mà biết. Nhưng vị Tôn giả ấy, hoặc khi sống một mình, hoặc khi ở giữa đại chúng, hoặc ở giữa chỗ tập họp, nơi đó hoặc có T

hiện thệ hay những người thọ hóa bởi Thiện thệ[12], hoặc là bậc Tông chủ, hoặc là người được thấy bởi vật dục[13], này Hiền giả, tôi cũng không tự mình hiểu biết vị ấy[14]. Tôi nghe từ chính Tôn giả ấy mà trực tiếp ghi nhận như vầy, 'Ta thích tu hành không phải vì sợ hãi; ly dục, không hành dục, vì dục đã diệt tận' Này Hiền giả, với hành vi như vậy, với năng lực như vậy, với trí tuệ như vậy, khiến tôi tự mình nhận xét chân chánh mà nói rằng, 'Tôn giả ấy thích tu hành không phải vì sợ hãi; ly dục, không hành dục, vì dục đã diệt tận'.'

"Trong đây này lại cần phải hỏi thêm nữa về Như Lai, 'Nếu có pháp ô nhiễm được biết bởi mắt và tai, có trường hợp pháp ấy bị diệt tận vô dư chăng? Nếu có pháp hỗn tạp được biết bởi mắt và tai, có trường hợp pháp ấy bị diệt tận vô dư chăng? Nếu có pháp bạch tịnh, có trường hợp pháp ấy bị diệt tận vô dư chăng?' Như Lai bèn trả lời người ấy rằng, 'Nếu có pháp ô nhiễm được biết bởi mắt và tai, có trường hợp pháp này bị diệt tận vô dư. Nếu có pháp hỗn tạp được biết bởi mắt và tai, có trường hợp pháp này bị diệt tận vô dư.'

"Nếu có pháp ô nhiễm được nhận biết bởi mắt và tai, Như Lai diệt tận, đoạn trừ, nhổ tuyệt gốc rễ, không bao giờ sanh khởi trở lại nữa. Nếu có pháp hỗn tạp được biết bởi mắt và tai, Như Lai diệt tận, đoạn trừ, nhổ tuyệt gốc rễ, không bao giờ sanh trở lại nữa. Nếu có pháp bạch tịnh, thì Ta với pháp bạch tịnh như vậy, cảnh giới như vậy, đạo Sa-môn như vậy, Ta như vậy mà thành tựu Chánh pháp luật này.

---

8. Bản Hán, *bỉ Tôn* đoạn trước trong bản Pāli nói là Như Lai; *bỉ Tôn* ở đoạn này, Pāli nói: ñattajjhāpanno āyasmā bhikkhu, "Tôn giả Tỳ-kheo nổi tiếng này".
9. Bản Pāli: tìm hiểu xem sự nguy hiểm có khởi lên cho Tôn giả hữu danh này không, và biết rằng không.
10. Hán: lạc hành ━━━F Pāli: uparata, tịch tĩnh hay trấn tĩnh, tự kềm chế.
11. Pāli: vitarāgattā kāme na sevati khayā rāgassā ti, không hành theo dục, vì đã ly dục, diệt tận dục.
12. Thiện thệ, vi thiện thệ sở hóa ━━u━━━u━━━C Pāli: ye ca tattha sugatà ye ca tattha duggatà, "những người ở nơi đó là hành phục (thiện hành) hay khốn nạn (ác hành)". Sugatā, duggatā, những người hạnh phúc hay khốn nạn (*thiện hành*, *ác hành*), ở đây không phải là danh hiệu chỉ cho Đức Phật như thường gặp trong mười hiệu Phật.
13. Nhân thực khả kiến ━]━━i━━Ado ăn mà được thấy (xuất hiện). Pāli: ye ca idhekacce āmisesu sandissati, một số người ở đây bị lôi cuốn theo vật dục. Bản Hán hiểu sandissati (*bị lôi cuốn*) là *được thấy* (*khả kiến*), do gốc động từ *passati* (*thấy*).
14. Ngã bất tự tri ━━━━━C Pāli: nāyasmā tam tena avajānāti, Tôn giả ấy không vì vậy mà khinh bỉ người đó.

"Có đệ tử tịnh tín đến thăm viếng Như Lai, phụng sự Như Lai, nghe pháp từ Như Lai, và được Như Lai nói pháp cho, pháp cao siêu càng lúc càng cao siêu, pháp vi diệu càng lúc càng vi diệu, khéo đoạn trừ hắc bạch. Sau khi được Như Lai nói pháp cho nghe, pháp cao siêu càng lúc càng cao siêu, pháp vi diệu càng lúc càng vi diệu, khéo đoạn trừ hắc bạch; nghe như vậy như vậy rồi, vị ấy biết tường tận[15] pháp một, đối với các pháp mà chứng đắc cứu cánh, tịnh tín nơi Thế Tôn, biết rằng 'Thế Tôn là vị Chánh Đẳng Giác' vậy.

"Ở đây, lại cần hỏi thêm vị ấy rằng, 'Này Hiền giả, do hành vi nào, do năng lực nào, do trí tuệ nào để Hiền giả có thể biết tường tận pháp một, đối với các pháp mà chứng đắc cứu cánh, tịnh tín nơi Thế Tôn, biết rằng 'Thế Tôn là vị Chánh Đẳng Giác?' Vị ấy sẽ trả lời như vầy, 'Này Hiền giả, tôi không biết tâm của Thế Tôn, cũng không do sự kiện nào khác mà biết. Tôi do nơi Thế Tôn mà có tịnh tín như vậy. Thế Tôn nói pháp cho tôi nghe, pháp cao siêu càng lúc càng cao siêu, pháp vi diệu càng lúc càng vi diệu, khéo đoạn trừ hắc bạch. Này Hiền giả, như Thế Tôn nói pháp cho tôi nghe, và tôi nghe như vậy như vậy, Như Lai nó pháp cho tôi nghe, pháp cao siêu càng lúc càng cao siêu, pháp vi diệu càng lúc càng vi diệu, khéo đoạn hắc bạch, và tôi nghe như vậy như vậy rồi, biết tường tận pháp một, đối với các pháp mà chứng đắc cứu cánh, tịnh tín nơi Thế Tôn, biết rằng 'Thế Tôn là vị Chánh Đẳng Giác'. Này Hiền giả, tôi do hành vi như vậy, năng lực như vậy, trí tuệ như vậy, khiến tôi biết tường tận pháp một, đối với các pháp mà chứng đắc cứu cánh, tịnh tín nơi Thế Tôn, biết rằng 'Thế Tôn là vị Chánh Đẳng Giác'.'

"Nếu ai có hành này, lực này, trồng sâu gốc rễ tịnh tín nơi Như Lai, tín căn đã vững, thì được gọi là tín tương ưng với trí bất hoại, do thấy được gốc rễ. Sa-môn, Phạm chí, Chư thiên, Ma, Phạm và các hàng thế gian khác không thể tước đoạt được. Hãy như vậy mà tìm hiểu Như Lai. Hãy như vậy mà nhận biết chính đáng về Như Lai."

Phật thuyết như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

❑

15. Hán: tri đoạn ━━_━F Pāli: abhiññāya.

187. KINH THUYẾT TRÍ[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng lâm, vườn Cấp cô độc.

Bấy giờ Đức Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo rằng:

"Nếu các Tỳ-kheo nào đến trước các ngươi nói lên trí mà mình đã chứng đắc, biết một cách như thật rằng 'Sự sanh đã hết, phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa'. Các ngươi nghe rồi nên khen là đúng và hoan hỷ phụng hành[2].

"Sau khi đã khen vị ấy là đúng và hoan hỷ phụng hành rồi, các ngươi nên hỏi Tỳ-kheo ấy như vầy, 'Này Hiền giả, Thế Tôn đã nói năm thủ uẩn[3], thọ[4], tưởng, hành và thức. Này Hiền giả, làm sao biết, làm sao thấy năm thủ uẩn này để được biết là không còn chấp thủ, mà dứt sạch các lậu, tâm giải thoát[5]?'

"Tỳ-kheo đã dứt sạch các lậu và biết được rằng phạm hạnh đã vững ấy nên như pháp mà đáp lại như vầy, 'Này chư Hiền, sắc thủ uẩn là không hiệu quả[6], là không hư, không đáng ham muốn, không bằng hữu, cũng không thể dựa, là pháp biến dịch. Tôi biết như vậy. Nếu đối với sắc thủ uẩn mà có tham dục, có ô nhiễm, có đắm trước, có trói buộc; sự đắm trước, sự trói buộc, sự sai sử này mà bị tận trừ, ly dục, diệt, tịch tĩnh, do đó biết là không còn chấp thủ, dứt sạch các lậu, tâm giải thoát. Cũng như vậy, thọ, tưởng, hành, thức thủ uẩn là không hiệu quả, là không hư, là không đáng ham muốn, không bằng hữu, cũng không thể dựa, là pháp biến dịch. Tôi biết như vậy. Nếu đối với thức thủ uẩn mà có tham dục, có ô nhiễm, có đắm trước, có trói buộc; sự đắm trước, sự trói buộc, sự sai sử này mà tận trừ, ly dục, diệt, tịch tĩnh, do đó biết là không còn chấp thủ, dứt sạch các lậu, tâm giải thoát. Này chư Hiền, đối với năm thủ uẩn, tôi biết như vậy, thấy như vậy, được rõ biết là không còn chấp thủ, dứt sạch các lậu, tâm được giải thoát'.

"Tỳ-kheo đã dứt sạch các lậu và biết được rằng phạm hạnh đã vững ấy nên như pháp mà đáp lại như vậy. Và các ngươi sau khi nghe rồi nên khen là đúng và hoan hỷ phụng hành.

"Khi đã khen là đúng và hoan hỷ phụng hành rồi, lại hỏi Tỳ-kheo ấy như vầy, 'Này Hiền giả, Thế Tôn đã nói bốn loại thức ăn[7], chúng sanh nhờ đó mà được tồn tại và được

---

1. Bản Hán quyển 49. Tương đương Pāli M.112 Chabbisodhana-suttaṃ.
2. Bản Pāli: n'eva abhinanditabbaṃ nappatikkositabbaṃ, không hoan hỷ cũng không phản đối.
3. Hán: thạnh ấm ■■■C
4. Nguyên Hán: giác ■■C
5. Lậu tận tâm giải thoát ■L■|■■■■C Pāli: anupādāya āsavehi cittaṃ vimuttaṃ, sau khi không chấp thủ, do vô lậu mà tâm được giải thoát.
6. Vô quả ■L■G■C Pāli: abala, không có thế lực. Hình như theo bản Hán, aphala, thay vì abala.
7. Tứ thực: đoàn thực thô tế, cánh lạc, ý niệm, thức; ■|■■{■■■■■■■N■■■C Thức ăn vo nắm tức vật chất, thức ăn do xúc chạm, thức ăn do ý niệm và thức ăn do thức. Bản Pāli không đề cập. Tham khảo, S. II. pp.11-12, 98, M. I. p. 261: cattāro āhārā... kabaliṃkāro āhāro

trưởng dưỡng. Những gì là bốn? Một là đoàn thực hoặc thô hoặc tế. Hai là xúc thực. Ba là ý niệm thực. Bốn là thức thực.

"'Này Hiền giả, làm sao biết, làm sao thấy được bốn loại thực này để rõ biết là không còn chấp thủ, đã dứt sạch các lậu, tâm giải thoát?'

"Tỳ-kheo đã dứt sạch các lậu và biết được phạm hạnh đã vững ấy nên như pháp mà đáp như vầy, 'Này chư Hiền, đối với đoàn thực, ý tôi không coi trọng, không coi rẻ, không đam mê, không ràng buộc, không nhiễm, không đắm, được giải thoát, giải thoát một cách rốt ráo, tâm không còn điên đảo; biết một cách như thật rằng 'Sự sanh đã hết, phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa'. Cũng như vậy, đối với xúc thực, ý niệm thực và thức thực, ý tôi không coi trọng, không coi rẻ, không đam mê, không ràng buộc, không nhiễm, không đắm, được giải thoát, giải thoát một cách rốt ráo, tâm không còn điên đảo; biết một cách như thật rằng 'Sự sanh đã hết, phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa'. Này chư Hiền, tôi biết như vậy, tôi thấy như vậy đối với bốn loại thực này, rõ biết không còn chấp thủ, dứt sạch các lậu, tâm giải thoát'.

"Tỳ-kheo đã dứt sạch các lậu, biết mình phạm hạnh đã vững nên như pháp mà đáp như vậy. Các ngươi nghe rồi nên khen là đúng và hoan hỷ phụng hành.

"Sau khi khen là đúng và hoan hỷ phụng hành rồi, lại hỏi Tỳ-kheo ấy như vầy, 'Này Hiền giả, Đức Thế Tôn đã nói bốn loại tuyên thuyết[8]. Những gì là bốn?

Một là thấy thì nói là thấy.

Hai là nghe thì nói là nghe.

Ba là hay thì nói là hay.

Bốn là biết thì nói là biết.'

"'Này Hiền giả, làm sao biết, làm sao thấy bốn loại tuyên thuyết này để rõ được mình không còn chấp thủ, đã dứt sạch các lậu, tâm được giải thoát?'

"Tỳ-kheo các lậu đã dứt sạch, biết được mình phạm hạnh đã vững, nên như pháp mà đáp như vầy, 'Này chư Hiền, đối với sự thấy nói thấy, tôi không coi trọng, không coi rẻ, không đam mê, không ràng buộc, không nhiễm, không đắm, được giải thoát, giải thoát một cách rốt ráo, tâm không còn điên đảo; biết một cách như thật rằng 'Sự sanh đã hết, phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa'. Này chư Hiền, tôi biết như vậy, thấy như vậy đối với bốn loại tuyên thuyết này, tôi biết rõ mình đã dứt sạch các lậu, không còn chấp thủ, tâm được giải thoát'. Tỳ-kheo đã dứt sạch các lậu, tự biết phạm hạnh đã vững ấy nên như pháp mà đáp như vậy. Các ngươi sau khi nghe rồi nên khen là đúng và hoan hỷ phụng hành.

"Sau khi khen là đúng và hoan hỷ phụng hành rồi, lại hỏi Tỳ-kheo ấy như vầy, 'Này Hiền giả,Thế Tôn đã nói pháp sáu nội xứ[9], mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý xứ. Này Hiền giả, làm sao biết, làm sao thấy được sáu nội xứ này để biết rõ là đã dứt sạch các lậu, không còn chấp thủ, tâm được giải thoát?'

"Tỳ-kheo đã dứt sạch các lậu, tự biết phạm hạnh đã vững ấy nên như pháp mà đáp

---

oḷāriko vā sukhume vā, phasso dutiyo, manosañcetanā tatiyā, viññāṇaṃ catutthaṃ.

8. Tứ thuyết: kiến, văn, thức (giác), tri—D—C Pāli: cattaro vohārā... diṭṭhe diṭṭhavāditā, sute sutavāditā, mute mutavāditā, viññāte viññātavāditā, bốn ngôn thuyết: đối với cái được thấy thì nói là cái được thấy, cái được nghe nói là cái được nghe, cái được cảm nói là cái được cảm, cái được nhận thức nói là cái được nhận thức.

9. Hán: nội lục xứ —B-C

như vầy, 'Này chư Hiền, đối với mắt và thức con mắt, pháp được biết bởi thức con mắt, tôi đều biết. Sau khi biết hai pháp, này chư Hiền, nếu đối với mắt và thức con mắt, pháp được biết bởi thức con mắt mà ái lạc đã dứt sạch; do dứt sạch, ly dục, diệt, tịch tĩnh mà tôi biết là đã dứt sạch các lậu, không còn chấp thủ, tâm được giải thoát. Cũng như vậy, đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý và ý thức, pháp biết bởi ý thức, tôi đều biết. Sau khi biết hai pháp, này chư Hiền, nếu đối với ý và ý thức, pháp được biết bởi ý thức, mà ái lạc đã dứt sạch; do dứt sạch, ly dục, diệt, tịch tĩnh mà đã biết là đã dứt sạch các lậu, không còn chấp thủ, tâm được giải thoát. Này chư Hiền, tôi biết như vậy, thấy như vậy, đối với nội lục xứ được biết là đã dứt sạch các lậu, không còn chấp thủ, tâm được giải thoát'. Tỳ-kheo đã dứt sạch các lậu và biết mình phạm hạnh đã vững ấy nên như pháp mà đáp như vậy. Các ngươi sau khi nghe rồi nên khen là đúng và hoan hỷ phụng hành.

"Sau khi khen là đúng và hoan hỷ phụng hành rồi nên hỏi vị Tỳ-kheo ấy như vầy, 'Này Hiền giả, Thế Tôn nói sáu giới, là: địa giới, thủy giới, hỏa giới, phong giới, không giới và thức giới. Này Hiền giả, làm sao biết, làm sao thấy sáu giới này để rõ biết mình đã dứt sạch các lậu, không còn chấp thủ, tâm được giải thoát?'

"Tỳ-kheo đã dứt sạch phiền não, biết được mình phạm hạnh đã vững, nên như pháp mà đáp như vầy, 'Này chư Hiền, tôi không thấy rằng địa giới là sở thuộc của tôi. Tôi không phải là sở thuộc của địa giới. Địa giới chẳng phải là thần ngã. Nhưng ba thủ[10] nương địa giới mà trụ và các kết sử[11] dựa vào đó mà sanh. Chúng bị diệt sạch, ly dục, diệt, tịch tĩnh, do đó mà biết là đã dứt sạch các lậu, không còn chấp thủ, tâm được giải thoát. Cũng như vậy, thủy, hỏa, phong, không và thức giới chẳng phải sở thuộc của tôi. Tôi không phải sở thuộc của thức giới. Thức giới chẳng phải là thần ngã. Nhưng ba thủ nương địa giới mà trụ và các kết sử dựa vào đó mà sanh. Chúng bị diệt sạch, ly dục, diệt, tịch tĩnh, do đó mà biết là đã dứt sạch các lậu, không còn chấp thủ, tâm được giải thoát. Này chư Hiền, tôi biết như vậy, thấy như vậy đối với sáu giới ấy, rõ biết mình đã dứt sạch các lậu, không còn chấp thủ, tâm được giải thoát'. Tỳ-kheo đã dứt sạch các lậu và biết mình phạm hạnh đã vững ấy nên như pháp mà đáp như vậy. Các ngươi sau khi nghe rồi nên khen ngợi là đúng và hoan hỷ phụng hành.

"Sau khi khen ngợi là đúng và hoan hỷ rồi nên hỏi vị Tỳ-kheo ấy như vầy, 'Này Hiền giả, làm sao biết, làm sao thấy bên trong thân cùng với thức này[12] và tất cả các tướng bên ngoài, ngã, ngã tác và kết sử mạn, thảy đều được đoạn tri[13], nhổ tuyệt cội gốc của chúng, không còn tái sanh nữa?' Tỳ-kheo đã dứt sạch các lậu và biết mình phạm hạnh đã vững ấy nên như pháp mà đáp như vầy, 'Này chư Hiền, thuở xưa, khi tôi chưa xuất gia học đạo đã nhàm tởm sự sanh, già, bệnh, chết, khóc than, khốn khổ, sầu muộn, bi ai; tôi muốn đoạn trừ khối khổ đau to lớn này. Này chư Hiền! Sau khi đã nhàm tởm ghê sợ, tôi quán

---

10. Tam thọ -T——A ba bản Tống, Nguyên, Minh chép là "hai thọ", ở đây thọ được hiểu là thủ, hay chấp thủ và có hai: *dục thủ*, *kiến thủ*. Hay ba thủ, thêm *ngã ngữ thủ*.

11. Trong để bản: *thức sử* ———F Tống-Nguyên-Minh: *chư sử* ———C *Sử,* trong bản Pāli: anusaya: *tùy miên*.

12. Thân cọng hữu thức ——@———A hay *hữu thức thân*, thân tồn tại cùng với thức, hay là sở y cho thức hoạt động. Pāli: saviññāṇaka kāya.

13. Đoạn tri -_——A có lẽ là *đoạn biến tri*. Phát Trí 2 (Đại 26, trang 924 c), "Thế nào là *đoạn biến tri?* Các tham đã vĩnh viễn bị đoạn trừ, sân và si vĩnh viễn bị đoạn trừ. Tất cả phiền não vĩnh viễn bị đoạn trừ". Pāli: susamāhata. Nguyên đoạn này, Pāli: imasmiṃ ca-saviññāṇake kāye bahiddhā ca-sabbanimittesu ahaṃkāra-mamaṃkāra-mānānusayā susamūhatā, ở trong các thân câu hữu với thức này và trong tất cả, tướng bên ngoài, mà hoàn toàn đoạn tuyệt ngã kiến, ngã sở kiến và mạn tùy miên.

sát, tại gia là đời sống hẹp hòi, là chốn trần lao bụi bặm. Xuất gia học đạo là đời sống rộng rãi bao la. Nay ta sống đời tại gia bị xiềng xích quấn chặt, không thể trọn đời tịnh tu phạm hạnh. Vậy ta hãy vứt bỏ các tài sản nhỏ và lớn, từ giã thân tộc ít hay nhiều rồi cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình mà học đạo. Này chư Hiền! Sau đó, tôi vứt bỏ tài sản nhỏ và lớn, từ giã thân tộc ít hay nhiều, rồi cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình mà học đạo.

"Này chư Hiền! Sau khi tôi xuất gia học đạo, từ bỏ của cải họ hàng rồi, thọ lãnh cấm giới mà Tỳ-kheo phải tu tập, thủ hộ Tùng giải thoát, tôi lại cẩn thận thu nhiếp các oai nghi lễ tiết, thấy tội nhỏ nhiệm cũng thường ôm lòng lo sợ, nhớ kỹ điều cốt yếu đã học.

"Này chư Hiền, tôi từ bỏ sát sanh, xa lìa sát sanh, xả bỏ kiếm gậy, biết hổ, biết thẹn, nuôi lòng từ bi, làm lợi ích cho tất cả, cho đến loài côn trùng. Đối với tâm sát sanh, tôi đã tịnh trừ.

"Tôi từ bỏ lấy của không cho, tránh xa lấy của không cho; chỉ lấy của đã cho, thích của đã cho, thường thích bố thí, vui vẻ không cầu mong sự đáp lại. Đối với tâm ưa lấy của không cho, tôi đã tịnh trừ.

"Này chư Hiền, tôi từ bỏ sự phi phạm hạnh, tránh xa phi phạm hạnh, siêng năng tu phạm hạnh, tinh tấn với diệu hạnh, thanh tịnh không ô uế, từ bỏ dục vọng, dứt trừ dâm dục. Đối với tâm phi phạm hạnh, tôi đã tịnh trừ.

"Này chư Hiền, tôi từ bỏ nói láo, tránh xa nói láo, nói điều chân thật, ưa điều chân thật, dựa trên sự chân thật không sai chạy. Tất cả lời nói của tôi đều đáng tin cậy, không lừa dối thế gian. Đối với tâm nói láo, tôi đã dứt trừ.

"Này chư Hiền, tôi từ bỏ nói hai lưỡi, tránh xa nói hai lưỡi, tu hạnh không nói hai lưỡi, không phá hoại người khác, không nghe lời người này đem nói với người kia để phá hoại người này, không nghe lời người kia đem nói với người này để phá hoại người kia; người ly gián tôi làm cho hòa hợp, người đã sống hòa hợp, tôi làm cho họ hoan hỷ, không chia phe đảng, không thích phe đảng, không khen ngợi phe đảng. Đối với tâm nói hai lưỡi, tôi đã tịnh trừ.

"Này chư Hiền, tôi từ bỏ lời nói thô ác, tránh xa lời nói thô ác, giọng điệu thô bỉ, lớn tiếng, nghịch tai, người nghe không ưa không mến, khiến họ khổ não không định tâm. Tôi đoạn trừ lời nói như vậy. Nếu có lời nói êm dịu, nhẹ nhàng, thuận tai, thông cảm đến tâm, làm cho người nghe vui vẻ, mến chuộng, sung sướng, tiếng nói rõ ràng, không làm cho người khác sợ, trái lại họ được định tâm, tôi nói lời nói như vậy. Đối với tâm nói lời độc ác, tôi đã tịnh trừ.

"Này chư Hiền, tôi từ bỏ lời nói thêu dệt, tránh xa lời nói thêu dệt, nói đúng lúc, nói chân thật, nói đúng pháp, nói đúng nghĩa, nói về tịch tĩnh, ưa nói về tịch tĩnh, hợp thời, hợp lý, khéo dạy, khéo la mắng. Đối với tâm nói thêu dệt, tôi đã tịnh trừ.

"Này chư Hiền, tôi từ bỏ buôn bán, tránh xa sự buôn bán, xả bỏ thói cân lường và đấu hộc, cũng không nhận hàng hóa, không chèn ép người, không mong gian lận, không vì lợi nhỏ mà lấn lướt người. Đối với sự sinh hoạt buôn bán, tâm tôi đã tịnh trừ.

"Này chư Hiền, tôi từ bỏ không nhận đàn bà góa, con gái thơ, tránh xa việc nhận đàn bà góa, con gái thơ. Đối với việc nhận đàn bà góa, con gái thơ, tâm tôi đã tịnh trừ.

"Này chư Hiền, tôi từ bỏ không nhận nô tỳ, tránh xa việc nhận nô tỳ. Đối với việc nhận nô tỳ, tâm tôi đã tịnh trừ.

"Này chư Hiền, tôi từ bỏ không nhận voi, ngựa, bò, dê; tránh xa việc nhận voi, ngựa, bò, dê. Đối với việc nhận voi, ngựa, trâu, dê, tâm tôi đã tịnh trừ.

"Này chư Hiền, tôi từ bỏ không nhận gà, heo; tránh xa việc nhận gà, heo. Đối với việc nhận gà, heo, tâm tôi đã tịnh trừ.

"Này chư Hiền, tôi từ bỏ không nhận ruộng nương, hàng quán; tránh xa việc nhận ruộng nương, hàng quán. Đối với việc nhận ruộng nương, hàng quán, tâm tôi đã tịnh trừ.

"Này chư Hiền, tôi từ bỏ không nhận lúa giống, lúa mạch, đậu; tránh xa việc nhận lúa giống, lúa mạch, đậu. Đối với việc nhận lúa giống, lúa mạch, đậu, tâm tôi đã tịnh trừ.

"Này chư Hiền, tôi từ bỏ rượu, tránh xa rượu. Đối với việc uống rượu, tâm tôi đã tịnh trừ.

"Này chư Hiền, tôi từ bỏ không dùng giường cao, rộng lớn; tránh xa giường cao, rộng lớn. Đối với việc dùng giường cao, rộng lớn, tâm tôi đã tịnh trừ.

"Này chư Hiền, tôi từ bỏ không trang sức vòng hoa, chuỗi ngọc, hương liệu, dầu thơm; tránh xa không trang sức vòng hoa, ngọc ngà, hương thoa, phấn sáp. Đối với việc trang sức vòng hoa, chuỗi ngọc, hương thoa, phấn sáp, tâm tôi đã tịnh trừ.

"Này chư Hiền, tôi từ bỏ không ca múa, xướng hát và đi xem nghe; tránh xa sự ca múa, xướng hát và đi xem nghe. Đối với sự ca múa, xướng hát và đi xem nghe, tâm tôi đã tịnh trừ.

"Này chư Hiền, tôi từ bỏ không nhận vàng bạc, tránh xa việc nhận vàng bạc. Đối với việc nhận vàng bạc, tâm tôi đã tịnh trừ.

"Này chư Hiền, tôi từ bỏ sự ăn quá ngọ, tránh xa sự ăn quá ngọ, ăn đúng ngọ, không ăn ban đêm, không ăn phi thời, học ăn đúng thời. Đối với sự ăn quá ngọ, tâm tôi đã tịnh trừ.

"Này chư Hiền, tôi đã thành tựu Thánh giới này, thân lại tu hành sự tri túc, áo cốt để che thân, ăn cốt đủ để nuôi thân. Tôi đến chỗ nào mang theo y bát, không có luyến tiếc, ví như chim nhạn cùng với hai cánh bay liệng trong không theo hai cánh, tôi cũng như vậy.

"Này chư Hiền, tôi đã thành tựu Thánh giới thân này và cực tri túc, rồi lại thủ hộ các căn, thường niệm sự khép kín, niệm tưởng muốn minh đạt, thủ hộ niệm tâm mà được thành tựu, hằng muốn khởi ý. Khi mắt thấy sắc, không chấp thủ sắc tướng, không đắm sắc vị; vì sự phẫn tránh[14] mà thủ hộ căn con mắt, trong tâm không sanh tham lam, ưu não, ác bất thiện pháp, vì thú hướng đến kia[15], nên thủ hộ căn con mắt. Cũng vậy, tai, mũi, lưỡi, thân, khi ý biết pháp không chấp thủ pháp tướng, không đắm pháp vị; vì sự phẫn tránh mà thủ hộ ý căn, trong tâm không sanh tham lam, ưu não, ác bất thiện pháp, vì thú hướng đến kia, nên thủ hộ ý căn.

"Này chư Hiền, tôi đã thành tựu Thánh giới thân này và cực tri túc, Thánh thủ hộ các căn, lại biết rõ chân chánh sự ra vào, khéo quán sát phân biệt sự co, duỗi, cúi, ngước, nghi dung chững chạc, khéo đắp Tăng-già-lê và mang các y bát; đi, đứng, nằm, ngồi, ngủ, nghỉ, nói năng thảy đều biết rõ chân chánh.

"Này chư Hiền, tôi đã thành tựu Thánh giới thân này và cực tri túc, và cũng thành tựu Thánh thủ hộ các căn, chân chánh biết sự ra vào, rồi lại sống cô độc tại nơi xa vắng, ở trong rừng vắng, trong rừng sâu, dưới gốc cây, những nơi trống vắng yên tĩnh, sườn non, động đá, đất trống, lùm cây, hoặc đến trong rừng, hoặc giữa bãi tha ma. Tôi sau khi ở trong rừng vắng, hoặc đến gốc cây, những chỗ không nhàn yên tĩnh, trải ni-sư-đàn, ngồi

---

14. Vị phẫn tránh cố ————G-F vì sự phẫn nộ và tranh cãi. Pāli: yatvādhikaraṇam enam…, do nguyên nhân gì mà… Trong bản Hán, adhikaraṇa, nguyên nhân, được hiểu là sự tranh cãi.

15. Thú hướng bỉ cố ——V——G-F Pāli: (akusalā dhammā) anvāssaveyyṃ, (các pháp bất thiện) có thể khởi lên (trôi chảy vào tâm).

xếp kiết già, chánh thân chánh nguyện, hướng niệm nội tâm[16], đoạn trừ tâm tham lam, không có não hại, thấy tài vật và các nhu dụng sinh sống của người khác mà không khởi tâm tham lam muốn khiến về mình. Tôi đối với tham lam, tâm được tịnh trừ. Cũng vậy, đối với sân nhuế, thùy miên, trạo hối, đoạn trừ nghi hoặc, đối với các thiện pháp không còn do dự. Tôi đối với sự nghi hoặc, tâm đã tịnh trừ.

"Này chư Hiền, tôi đã đoạn trừ năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém, ly dục, ly ác bất thiện pháp, có giác có quán, có hỷ lạc do ly dục sanh, cho đến, chứng đắc Tứ thiền, thành tựu an trụ.

"Này chư Hiền, tôi đã đắc định tâm như vậy, thanh tịnh không ô uế, không phiền nhiệt, nhu nhuyến, an trú vững vàng, được bất động tâm, hướng đến chứng ngộ Trí lậu tận thông. Này chư Hiền, tôi biết như thật rằng, 'Đây là Khổ', biết như thật: 'Đây là Khổ tập', biết như thật: 'Đây là Khổ diệt', và biết như thật: 'Đây là Khổ diệt đạo'. Biết như thật, 'Đây là lậu', 'Đây là lậu tập', 'Đây là lậu diệt', và 'Đây là lậu diệt đạo'. Biết như vậy, thấy như vậy, tâm giải thoát dục lậu, tâm giải thoát hữu lậu và vô minh lậu. Khi đã giải thoát liền biết mình đã giải thoát và biết một cách như thật rằng, 'Sự sanh đã hết, phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa'. Này chư Hiền, tôi biết như vậy, thấy như vậy đối với bên trong thân cùng với thức này và tất cả các tướng bên ngoài, ngã, ngã tác và kết sử mạn, thảy đều được đoạn tri, nhổ tuyệt cội gốc của chúng, không còn tái sanh nữa'. Tỳ-kheo đã dứt sạch các lậu và tự biết phạm hạnh đã vững ấy nên như pháp mà đáp như vậy. Các ngươi sau khi nghe rồi, nên khen ngợi là đúng và hoan hỷ phụng hành.

"Sau khi khen ngợi là đúng và hoan hỷ phụng hành rồi, nên nói với vị Tỳ-kheo ấy như vầy, 'Này Hiền giả, khi Hiền giả vừa nói, chúng tôi đã đẹp lòng, đã hoan hỷ, nhưng chúng tôi muốn theo Hiền giả để tăng tiến càng tăng tiến, mong cầu trí tuệ và ứng đối biện tài. Vì vậy chúng tôi hỏi Hiền giả, rồi lại hỏi nữa'."

Phật thuyết như vậy, các Tỳ-kheo nghe lời Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

❑

16. *Chánh thân chánh nguyện phản niệm bất hướng* ▬▬▬▬@▬▬▬▬V▬C Pāli: ujuṃ kāyaṃ paṇidhāya, parimukhaṃ satiṃ upaṭṭhapetvā, giữ thân ngay thẳng; dựng chánh niệm để trước mặt. Trong bản Pāli, paṇidhāya, "đặt để" trong bản Hán hiểu là paṇidhāna, "ước nguyện".

188. KINH A-DI-NA[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trú tại Đông viên, giảng đường Lộc tử mẫu[2].

Bấy giờ, vào lúc xế chiều, Đức Thế Tôn từ tĩnh tọa đứng dậy, bước xuống giảng đường, đi kinh hành trên khoảng đất trống, trong bóng mát của giảng đường và thuyết giảng rộng rãi về pháp thậm thâm vi diệu cho các Tỳ-kheo nghe.

Lúc ấy, dị học A-di-na[3], đệ tử của Sa-môn Man-đầu[4], từ xa thấy Đức Thế Tôn từ tĩnh tọa dậy, bước xuống giảng đường, đi kinh hành trên khoảng đất trống, trong bóng mát của giảng đường và thuyết giảng rộng rãi về pháp thậm thâm vi diệu cho các Tỳ-kheo nghe; Dị học A-di-na, đệ tử của Sa-môn Man-đầu đến chỗ Phật, chào hỏi và kinh hành theo Phật.

"Đức Thế Tôn quay lại hỏi rằng:

"Dị học A-di-na, Sa-môn Man-đầu có thật sự tư duy với năm trăm tư duy; nếu có dị học, Sa-môn, Phạm chí nào là vị nhất thiết tri, nhất thiết kiến, tự cho là 'Ta biết không sót cái gì[5]', nhưng nếu có lầm lẫn thì cũng phải tự nhận là lầm lẫn[6]."

Dị học A-di-na, đệ tử của Sa-môn Man-đầu đáp rằng:

"Thưa Cù-đàm, Sa-môn Man-đầu thật sự tư duy với năm trăm tư duy; nếu có dị học, Sa-môn, Phạm chí nào là vị nhất thiết tri, nhất thiết kiến, tự cho là "Ta biết không sót thứ gì', nhưng nếu có lầm lẫn thì cũng phải tự nhận là lầm lẫn."

Đức Thế Tôn lại hỏi rằng:

"A-di-na, thế nào là Sa-môn Man-đầu thật sự tư duy với năm trăm tư duy; nếu có dị học, Sa-môn, Phạm chí nào là vị nhất thiết tri, nhất thiết kiến, tự cho là "Ta biết không sót cái gì', nhưng nếu có lầm lẫn thì cũng phải tự nhận là lầm lẫn?"

Dị học A-di-na, đệ tử của Sa-môn Man-đầu, đáp rằng:

"Thưa Cù-đàm! Sa-môn Man-đầu nói như vầy, 'Nếu khi đi, khi đứng, khi nằm, khi ngồi, khi ngủ, khi thức, lúc tối hay ban ngày vẫn thường không chướng ngại tri kiến. Nhưng cũng có khi gặp voi chạy càn, ngựa phóng đại, xe ruỗi nhanh, lính bại

---

1. Tương đương Pāli A.10.12.4 Ajita-sutta.
2. Đông viên, Lộc tử mẫu giảng đường, xem các kinh số 118, 144, 154,v.v. Pāli: Pubbārāma Migāramātu-pāsāda.
3. A-di-na ▬▬i ▬▬C Pāli: Ajita.
4. Sa-môn Man-đầu ▬F▬▬Z▬Y▬C Pāli, Chính lời của Ajita nói: amhakam pandito nāma sabrahmacārī, vị đồng phạm hạnh của chúng tôi thật sự là Paṇḍita (thông thái, trí tuệ; hay tên là Paṇḍita, Man-đầu?).
5. Ngã hữu vô dư tri ▬▬▬L▬l ▬▬C
6. Đoạn này và vấn đề liên hệ ở dưới, không có trong bản Pāli đối chiếu này, nhưng văn và nghĩa chính xác, có thể thấy trong M.76 (trang 519).

trận, con trai chạy trốn, con gái chạy trốn, hoặc đi trên con đường nào đó mà gặp voi dữ, ngựa dữ, bò dữ, chó dữ, hoặc gặp ổ rắn, hoặc bị ném đất, hoặc bị gậy đánh, hoặc lọt xuống rãnh, hoặc rơi vào hầm xí, hoặc đạp lên bò đang nằm, hoặc sa xuống hầm sâu, hoặc đâm vào bụi gai, hoặc thấy thôn ấp mà phải hỏi tên đường, hoặc gặp kẻ trai người gái phải hỏi họ hỏi tên, hoặc nhìn lầm nhà trống, hoặc vào dòng họ nào đó và khi vào rồi được hỏi rằng: 'Ông ở đâu đến?' Ta đáp rằng, 'Này chư Hiền, tôi đi lộn đường'.'

"Thưa Cù-đàm! Sa-môn Man-đầu đại loại như vậy, tư duy với năm trăm tư duy, và nếu có dị học Sa-môn, Phạm chí nào là bậc nhất thiết trí, nhất thiết kiến, tự cho rằng: "Ta biết không sót cái gì', nhưng vị ấy cũng có những lầm lẫn như vậy."

Rồi Đức Thế Tôn đi kinh hành đến mút đường, dừng lại, trải tọa cụ, ngồi kiết già, hỏi các Tỳ-kheo:

"Những sự kiện trí tuệ[7] được Ta nói đến, các người thọ trì chăng?

Các Tỳ-kheo im lặng không đáp. Đức Thế Tôn hỏi như vậy đến ba lần:

"Những sự kiện trí tuệ được Ta nói đến, các ngươi thọ trì chăng?"

Các Tỳ-kheo cũng ba lần im lặng không đáp.

Lúc ấy có một Tỳ-kheo liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch vai áo, chắp tay hướng đến Phật bạch rằng:

"Bạch Thế Tôn, nay thật là đúng lúc! Bạch Thiện Thệ, nay thật là đúng lúc! Nếu Thế Tôn nói những sự kiện trí tuệ cho các Tỳ-kheo nghe thì các Tỳ-kheo sau khi nghe Thế Tôn nói sẽ khéo léo thọ trì."

Thế Tôn nói:

"Này Tỳ-kheo, hãy nghe rõ và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ phân tích đầy đủ cho các ngươi."

Bấy giờ các Tỳ-kheo bạch rằng:

"Chúng con kính vâng lời, lắng nghe."

Đức Phật lại bảo rằng:

"Có hai chúng, một là chúng pháp, hai là chúng phi pháp.

"Sao gọi là chúng phi pháp? Hoặc có người làm việc phi pháp, nói lời phi pháp và chúng ấy cũng làm việc phi pháp, nói lời phi pháp. Người phi pháp ấy đứng đầu trong chúng phi pháp, theo những điều chính mình đã biết, nhưng lại bằng những lời hư vọng, không chân thật mà hiển thị, phân biệt, quy định hành vi, lưu bố, tuần tự thuyết pháp, muốn đoạn trừ sự xấu xa trong tâm ý người khác, bị cật vấn thì không thể trả lời được. Đối với trong Chánh pháp luật không thể xứng lập những điều chính mình đã biết. Nhưng người phi pháp đứng đầu trong chúng phi pháp, tự cho là 'Ta có trí tuệ, hiểu biết tất cả'. Ở nơi nào mà sự kiện trí tuệ được nói đến như vậy, ở đó được gọi là chúng phi pháp.

"Sao gọi là chúng pháp? Hoặc có người làm đúng pháp, nói như pháp và chúng ấy cũng làm đúng pháp, nói như pháp. Người đúng pháp ấy đứng đầu trong chúng pháp, theo những điều chính mình đã biết, không bằng những lời hư vọng mà bằng sự chắc thật, hiển thị, phân biệt, quy định hành vi, lưu bố, tuần tự thuyết pháp, muốn đoạn trừ sự xấu xa trong tâm ý người khác, khi bị cật vấn thì có thể trả lời được, đối với Chánh pháp luật có thể xứng lập những điều chính mình đã biết, và người ấy đứng đầu trong chúng pháp, tự cho là ta có trí tuệ, hiểu biết tất cả'. Ở nơi nào mà sự kiện trí tuệ được nói đến như vậy, ở đó được gọi là chúng pháp.

---

7. Trí tuệ sự ---z---C Pāli: Paṇḍitavatthūni, xem cht.4 trên.

"Cho nên, các ngươi nên biết pháp và phi pháp, nghĩa và phi nghĩa. Sau khi đã chứng biết pháp và phi pháp, nghĩa và phi nghĩa rồi, các ngươi nên học pháp như thật và nghĩa như thật."

Phật thuyết như vậy rồi, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, vào tịnh thất tĩnh tọa.

Bấy giờ các Tỳ-kheo liền suy nghĩ: "Chư Hiền nên biết, Đức Thế Tôn chỉ nói vắn tắt ý nghĩa này, không phân biệt rộng rãi, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, vào tịnh thất tĩnh tọa; nói rằng, 'Cho nên các ngươi nên biết pháp và phi pháp, nghĩa và phi nghĩa. Sau khi đã biết pháp và phi pháp, nghĩa và phi nghĩa rồi, các ngươi nên học pháp như thật và nghĩa như thật'."

Họ lại nghĩ rằng: "Này chư Hiền, ai có thể phân biệt rộng rãi ý nghĩa mà Đức Thế Tôn đã thuyết vắn tắt?"

Họ lại nghĩ rằng: "Tôn giả A-nan là thị giả của Phật, hiểu biết ý Phật, thường được Thế Tôn và các vị Phạm hạnh có trí khen ngợi. Tôn giả A-nan có thể phân biệt rộng rãi ý nghĩa mà Đức Thế Tôn đã thuyết vắn tắt. Này chư Hiền, chúng ta cùng nhau đi đến chỗ Tôn giả A-nan để yêu cầu nói ý nghĩa bày. Nếu được Tôn giả A-nan phân biệt cho, chúng ta sẽ khéo léo thọ trì."

Rồi các Tỳ-kheo đi đến chỗ Tôn giả A-nan, chào hỏi xong, ngồi xuống một bên, bạch rằng:

"Bạch Tôn giả A-nan, xin biết cho! Đức Thế Tôn chỉ nói vắn tắt ý nghĩa này, không phân biệt rộng rãi, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, vào tịnh thất tĩnh tọa, rằng 'Cho nên các ngươi nên biết pháp và phi pháp, nghĩa và phi nghĩa. Sau khi đã biết pháp và phi pháp, nghĩa và phi nghĩa rồi, các ngươi nên học pháp như thật và nghĩa như thật'.

"Chúng tôi lại nghĩ, 'Này chư Hiền! Ai có thể phân biệt rộng rãi ý nghĩa mà Đức Thế Tôn đã thuyết vắn tắt?' Chúng tôi lại nghĩ rằng: 'Tôn giả A-nan là thị giả của Phật, hiểu biết ý Phật, thường được Thế Tôn và các vị Phạm hạnh có trí khen ngợi. Tôn giả A-nan có thể phân biệt rộng rãi ý nghĩa mà Đức Thế Tôn đã thuyết vắn tắt'. Cúi mong Tôn giả A-nan vì lòng từ mẫn mà phân biệt rộng rãi cho."

Tôn giả A-nan bảo rằng:

"Này chư Hiền, hãy lắng nghe tôi nói ví dụ. Người có trí sau khi nghe ví dụ thì sẽ hiểu rõ ý nghĩa:

"Này chư Hiền, ví như có người muốn tìm lõi cây, vì muốn tìm lõi cây nên xách búa vào rừng. Người ấy thấy một gốc cây to, đã đầy đủ rễ, thân, đốt, cành, lá, hoa và lõi. Người ấy không đụng đến rễ, thân, đốt, lõi, mà chỉ đụng đến cành, lá. Những điều mà chư Hiền nói cũng giống như vậy. Đức Thế Tôn đang còn đó, sao chư Hiền lại bỏ đi mà tìm đến tôi để hỏi ý nghĩa này? Vì sao vậy?

Chư Hiền nên biết, Thế Tôn là Con mắt, là Trí, là Nghĩa, là Pháp, là Pháp chủ, là Pháp tướng, là Bậc nói nghĩa Chân đế. Mọi cứu cánh được chỉ bày do bởi Thế Tôn ấy. Chư Hiền nên đến chỗ Đức Thế Tôn mà hỏi ý nghĩa này, 'Bạch Thế Tôn, điều này là thế nào? Điều này có ý nghĩa gì?' Đúng như những lời Thế Tôn nói, chư Hiền hãy khéo léo thọ trì."

Lúc ấy các Tỳ-kheo bạch rằng:

"Bạch Tôn giả A-nan, vâng, Đức Thế Tôn là Con mắt, là Trí, là Nghĩa, là Pháp, là Pháp chủ, là Pháp tướng, là bậc nói nghĩa Chân đế. Mọi cứu cánh được chỉ bày do bởi Thế Tôn ấy. Nhưng Tôn giả A-nan là thị giả của Phật, hiểu biết ý Phật, thường được Thế Tôn và các vị Phạm hạnh có trí khen ngợi. Bạch Tôn giả A-nan, Tôn giả có thể phân biệt rộng

rãi ý nghĩa mà Đức Thế Tôn đã thuyết một cách vắn tắt. Cúi mong Tôn giả A-nan vì lòng từ mẫn mà phân biệt rộng rãi cho."

Tôn giả A-nan nói với các Tỳ-kheo rằng:

"Này chư Hiền, vậy hãy cùng nghe tôi nói.

"Này chư Hiền, tà kiến là phi pháp, chánh kiến là pháp. Nếu điều nào nhân bởi tà kiến mà sanh ra vô lượng pháp ác bất thiện, đó gọi là phi nghĩa. Nếu nhân bởi chánh kiến mà sanh ra vô lượng pháp thiện, đó gọi là nghĩa.

"Này chư Hiền, cho đến tà trí là phi pháp, chánh trí là pháp. Nếu nhân bởi tà trí mà sanh ra vô lượng pháp ác bất thiện, đó gọi là phi nghĩa. Nếu nhân bởi chánh trí mà sanh ra vô lượng pháp thiện, đó gọi là nghĩa.

"Này chư Hiền! Sự kiện Đức Thế Tôn chỉ nói vắn tắt ý nghĩa này, không phân biệt rộng rãi, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, vào tịnh thất tĩnh tọa, rằng 'Cho nên các ngươi nên biết pháp và phi pháp, nghĩa và phi nghĩa. Sau khi đã biết pháp và phi pháp, nghĩa và phi nghĩa rồi, các ngươi nên học pháp như thật và nghĩa như thật'.

"Ý nghĩa mà Đức Thế Tôn chỉ nói vắn tắt chứ không phân biệt rộng rãi này, tôi bằng câu ấy, bằng văn ấy mà diễn rộng ra như vậy. Chư Hiền có thể đến trình bày đầy đủ lên Đức Phật. Nếu đúng như ý nghĩa mà Đức Thế Tôn nói thí chư Hiền hãy thọ trì."

Bấy giờ các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Tôn giả A-nan nói, khéo léo thọ trì, đọc thuộc, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, nhiễu quanh Tôn giả A-nan ba vòng rồi đi. Khi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ, ngồi xuống một bên, bạch rằng:

"Bạch Thế Tôn, vừa rồi Thế Tôn chỉ nói vắn tắt ý nghĩa này, không phân biệt rộng rãi, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, vào tịnh thất tĩnh tọa. Tôn giả A-nan đã bằng câu ấy, bằng văn ấy mà diễn rộng ra.

Đức Thế Tôn nghe xong, khen rằng:

"Lành thay! Lành thay! Trong hàng đệ tử của Ta có những vị có Mắt, có Trí, có Pháp, có Nghĩa. Vì sao vậy? Vì Tôn sư nói ý nghĩa này cho đệ tử một cách vắn tắt mà không phân biệt rộng rãi, đệ tử ấy bằng câu ấy, bằng văn ấy mà diễn rộng ra.

"Đúng như những gì A-nan nói, các ngươi hãy như vậy mà thọ trì. Vì sao vậy? –Vì thuyết quán nghĩa phải như vậy."

Phật thuyết như vậy, các Tỳ-kheo ấy sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

❑

189. KINH THÁNH ĐẠO[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật du hóa tại nước Câu-lâu-lấu, ở Kiếm Ma-sắt-đàm, đô ấp Câu-lâu.

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo rằng:

"Có một con đường khiến chúng sanh được thanh tịnh, xả bỏ ưu sầu, than khóc, dứt hết buồn khổ ảo não, chứng được như pháp. Đó là Thánh chánh định, có tập, có trợ[2] và cũng có cụ[3], bao gồm bảy chi.

"Thế nào là Thánh chánh định nói tập, nói trợ và nói cụ gồm bảy chi? Đó là, chánh kiến, chánh chí, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm. Nếu do bảy chi này mà có tập, có trợ và có cụ[4], khéo hướng đến tâm chuyên nhất[5], đó gọi là Thánh chánh định có tập, có trợ và có cụ. Vì sao vậy? Chánh kiến sanh chánh chí, chánh chí sanh chánh ngữ, chánh ngữ sanh chánh nghiệp, chánh nghiệp sanh chánh mạng, chánh mạng sanh chánh phương tiện, chánh phương tiện sanh chánh niệm, chánh niệm sanh chánh định. Hiền thánh đệ tử tâm được chánh định như vậy lập tức dứt sạch dâm, nộ, si. Hiền thánh đệ tử chánh tâm giải thoát như thế, lập tức biết như thật rằng: 'Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa'.

"Trong các chi ấy, chánh kiến đứng ngay hàng đầu. Nếu thấy rõ tà kiến là tà kiến thì đó gọi là chánh kiến. Nếu thấy rõ chánh kiến là chánh kiến thì đó cũng gọi là chánh kiến.

"Thế nào là tà kiến?

"Đó là cho rằng không có bố thí, không có trai tự, không có chú thuyết, không có thiện, ác nghiệp, không có quả báo của thiện, ác nghiệp, không có đời này đời sau, không có cha, không có mẹ, không có bậc chân nhân ở trên đời đi đến thiện xứ, khéo ra khỏi cõi này, khéo hướng đến cõi kia, tự tri, tự giác, trong đời này hay đời sau mà tự tác chứng, thành tựu an trụ. Như vậy gọi là tà kiến.

"Thế nào gọi là chánh kiến?

"Đó là thấy rằng có bố thí, có trai tự, có chú thuyết, có thiện, ác nghiệp, có quả báo

---

1. Tương đương Pāli M.117 Mahā-cattārīsaka suttaṃ.
2. Hữu tập hữu trợ ——————U—C Pāli: sa-upanisa, cùng với sự thân cận, hay phương tiện, sa-parikkhāra cùng với sự hỗ trợ hay tư trợ.
3. Hữu cụ ————C Bản Pāli không có từ tương xứng, nhưng nội dung tương đồng. Nghĩa là một chi Thánh đạo này bao gồm bảy chi Thánh đạo còn lại.
4. Nhờ bảy chi này làm phương tiện và hỗ trợ cho chánh định.
5. Tâm đắc nhất ——o—@—F trạng thái tập trung vào một điểm. Pāli: cittassa ekaggatā, cũng dịch là tâm nhất cảnh tánh.

của thiện, ác nghiệp, có đời này đời sau, có cha có mẹ, có bậc chân nhân ở trên đời đi đến thiện xứ, khéo ra khỏi cõi này, khéo hướng đến cõi kia, trong đời này hay đời sau tự tri, tự giác, tự tác chứng, thành tựu an trụ. Như vậy gọi là chánh kiến.

"Đó gọi rằng thấy tà kiến là tà kiến thì đó là chánh kiến. Thấy chánh kiến là chánh kiến; đó cũng gọi là chánh kiến. Khi biết rõ như thế, liền phải cầu học, muốn đoạn trừ tà kiến, thành tựu chánh kiến. Đó gọi là chánh phương tiện. Tỳ-kheo suy niệm về sự đoạn trừ nơi tà kiến, thành tựu chánh kiến. Đó gọi là chánh niệm. Cả ba chi này đi theo kiến phương tiện, do phương tiện của kiến. Vì thế cho nên bảo chánh kiến là đứng ngay ở hàng đầu.

"Nếu thấy tà chí là tà chí, thì đó là chánh chí. Nếu thấy chánh chí là chánh chí thì đó cũng là chánh chí.

"Thế nào gọi là tà chí? Đó là niệm dục, niệm nhuế, niệm hại, được gọi là tà chí.

"Thế nào gọi là chánh chí? Đó là niệm vô dục, niệm vô nhuế, niệm vô hại, được gọi là chánh chí.

"Thấy rõ tà chí là tà chí, thì đó là chánh chí. Thấy rõ chánh chí là chánh chí, thì đó cũng là chánh chí. Biết như thế rồi, liền phát tâm cầu học, muốn đoạn trừ tà chí, thành tựu chánh chí. Đó gọi là chánh phương tiện. Tỳ-kheo suy niệm sự đoạn trừ nơi tà chí, thành tựu chánh chí. Đó gọi là chánh niệm.

"Tất cả ba chi này đi theo chánh chí, do phương tiện của kiến, vì thế nên bảo chánh kiến đứng hàng đầu.

"Nếu thấy rõ tà ngữ là tà ngữ, thì đó là chánh ngữ. Nếu thấy chánh ngữ là chánh ngữ, thì đó cũng chính là chánh ngữ.

"Sao gọi là tà ngữ? Nói dối, nói hai lưỡi, lời nói thô ác, lời nói thêu dệt, đó gọi là tà ngữ.

"Thế nào là chánh ngữ? Xa lìa sự nói dối, nói hai lưỡi, nói lời thô ác, thêu dệt, đó gọi là chánh ngữ. Đó cũng gọi là thấy tà ngữ là tà ngữ, thì gọi là chánh ngữ. Thấy chánh ngữ là chánh ngữ, cũng gọi là chánh ngữ. Biết như vậy rồi liền phát tâm cầu học, muốn đoạn trừ tà ngữ, thành tựu chánh ngữ. Đó là chánh phương tiện. Tỳ-kheo suy niệm sự đoạn trừ nơi tà ngữ, thành tựu chánh ngữ, gọi là chánh niệm. Cả ba chi này đi theo chánh ngữ, do phương tiện của kiến, vì thế nên bảo chánh kiến đứng hàng đầu.

"Nếu thấy tà nghiệp là tà nghiệp, thì đó là chánh nghiệp. Nếu thấy chánh nghiệp là chánh nghiệp, thì đó cũng chính là chánh nghiệp.

"Thế nào gọi là tà nghiệp? Sát sanh, trộm cướp, tà dâm, gọi là tà nghiệp. Thế nào gọi là chánh nghiệp? Lìa sát sanh, trộm cướp, tà dâm, gọi là chánh nghiệp. Đó gọi rằng thấy tà nghiệp là tà nghiệp thì gọi là chánh nghiệp. Thấy chánh nghiệp là chánh nghiệp, cũng gọi là chánh nghiệp. Biết như thế rồi liền phát tâm cầu học, muốn đoạn trừ tà nghiệp, thành tựu chánh nghiệp, gọi là chánh phương tiện. Tỳ-kheo suy niệm sự đoạn trừ nơi tà nghiệp, thành tựu chánh nghiệp, gọi là chánh niệm. Cả ba chi này đi theo chánh nghiệp, do phương tiện của kiến, vì thế nên bảo chánh kiến đứng hàng đầu.

"Nếu thấy tà mạng là tà mạng, thì đó gọi là chánh mạng. Nếu thấy chánh mạng là chánh mạng, thì cũng gọi là chánh mạng.

"Thế nào là tà mạng? Nếu có sự mong cầu mà không mãn ý; bằng nhiều loại chú thuật súc sanh, bằng tà mạng mà nuôi sống. Nó không như pháp mà tìm kiếm áo chăn, mà lại bằng phi pháp; không như pháp mưu cầu ẩm thực, giường chõng, thuốc thang, các tư cụ sanh hoạt, mà bằng phi pháp. Đó là tà mạng. Thế nào là chánh mạng? Nếu không có sự

mong cầu không mãn ý; không dùng các thứ chú thuật, tà mạng để nuôi sống. Người ấy như pháp mà tìm kiếm áo chăn, thì đó là pháp vậy; như pháp mà mưu cầu ẩm thực, giường chõng, thuốc thang, các tư cụ sanh hoạt, thì đó là pháp vậy. Đó gọi là chánh mạng. Đó là nói rằng, thấy tà mạng là tà mạng thì gọi là chánh mạng; thấy chánh mạng là chánh mạng, cũng gọi là chánh mạng. Kia biết như vậy rồi, bèn cầu học để đoạn trừ tà mạng, thành tựu chánh mạng; đó là chánh phương tiện. Tỳ-kheo suy niệm nơi sự đoạn trừ tà mạng, thành tựu chánh mạng, đó gọi là chánh niệm. Ba chi này đi theo chánh mạng, do phương tiện của kiến, vì thế nên bảo chánh kiến đứng hàng đầu.

"Thế nào là chánh phương tiện? Tỳ-kheo để đoạn trừ ác pháp đã sanh mà phát khởi ý dục tìm cầu phương tiện, tinh cần dốc tâm trừ diệt; vì để ác pháp chưa sanh thì không sanh, nên phát khởi ý dục tìm cầu phương tiện, tinh cần dốc tâm mà trừ diệt; để pháp thiện chưa sanh thì sanh nên phát khởi ý dục tìm cầu phương tiện, tinh cần dốc tâm trừ diệt; để thiện pháp đã sanh tồn tại, không bị quên, không thối thất, càng lúc càng phát triển rộng rãi, tu tập biến mãn đầy đủ, nên phát khởi ý dục tìm cầu phương tiện, tinh cần dốc tâm mà trừ diệt; đó gọi là chánh phương tiện.

"Thế nào là chánh niệm? Tỳ-kheo quán nội thân như thân; quán, cho đến, thọ, tâm, pháp như pháp; đó gọi là chánh niệm.

"Thế nào là chánh định? Tỳ-kheo ly dục, ly ác bất thiện pháp, cho đến, chứng đắc đệ Tứ thiền, thành tựu và an trụ; đó gọi là chánh định.

"Thế nào là chánh giải thoát? Tỳ-kheo, tâm giải thoát khỏi dục, tâm giải thoát khỏi nhuế, si; đó gọi là chánh giải thoát. Thế nào là chánh trí? Tỳ-kheo biết tâm giải thoát dục, tâm giải thoát nhuế, si; gọi là chánh trí.

"Đó là bậc hữu học thành tựu tám chi. Lậu tận A-la-hán thành tựu mười chi.

"Thế nào là hữu học thành tựu tám chi? Là học từ chánh kiến cho đến chánh định. Đó là hữu học thành tựu tám chi.

"Thế nào là lậu tận A-la-hán thành tựu mười chi? Đó là vô học chánh kiến cho đến vô học chánh trí. Đó là lậu tận A-la-hán thành tựu mười chi. Vì sao vậy? Vì chánh kiến là đoạn trừ tà kiến. Nếu nhân tà kiến sanh vô lượng ác pháp bất thiện, vị ấy phải đoạn trừ nó. Nếu nhân chánh kiến sanh ra vô lượng thiện pháp, vị ấy tu tập được sung mãn. Cho đến chánh trí đoạn trừ tà trí. Nếu nhân tà trí sanh vô lượng pháp ác bất thiện, vị ấy đoạn trừ nó. Nếu nhân chánh trí sanh vô lượng pháp thiện, vị ấy tu tập để được sung mãn.

"Đó là hai mươi phẩm thiện và hai mươi phẩm bất thiện. Tức là tuyên thuyết bốn mươi đại pháp phẩm được chuyển vận nơi Phạm luân mà không một ai có thể chế ngự mà bài xích, dù là Sa-môn, Phạm chí, chư Thiên, Ma, Phạm, và các loại thế gian khác.

"Đối với bốn mươi đại pháp phẩm mà Ta tuyên thuyết được chuyển vận nơi Phạm luân ấy, không một ai có thể chận đứng, dù là Sa-môn, Phạm chí, chư Thiên và Ma, Phạm, và các loại thế gian khác; mà nếu có Sa-môn, Phạm chí nào phi bác, người ấy đối với như pháp có mười trường hợp đáng bị chỉ trích.

"Những gì là mười? Hoặc chê bai chánh kiến, khen ngợi tà kiến. Nếu có Sa-môn, Phạm chí nào có tà kiến, mà hoặc cúng dường vị ấy, hoặc tán thán vị ấy, thì đối với bốn mươi đại pháp phẩm mà Ta tuyên thuyết được chuyển vận nơi Phạm luân, không một ai có thể chận đứng, dù là Sa-môn, Phạm chí, chư Thiên, Ma, Phạm và các loại thế gian khác ấy, mà nếu có Sa-môn, Phạm chí nào phi bác, vị ấy đối với như pháp đây là trường hợp thứ nhất đáng bị chỉ trích.

"Hoặc chê bai, cho đến chánh trí, khen ngợi tà trí. Nếu có Sa-môn, Phạm chí nào có

tà trí mà hoặc cúng dường vị ấy, hoặc tán thán vị ấy, thì đối với bốn mươi đại pháp phẩm mà Ta tuyên thuyết được chuyển vận nơi Phạm luân, không một ai có thể chận đứng, dù là Sa-môn, Phạm chí, chư Thiên, Ma, Phạm và các loại thế gian khác ấy, mà nếu có Sa-môn, Phạm chí nào phi bác, vị ấy đối với như pháp đây trường hợp thứ mười đáng bị chỉ trích.

"Đó gọi là đối với như pháp có mười trường hợp đáng bị chỉ trích. Nếu có Sa-môn, Phạm chí nào đối với bốn mươi đại pháp phẩm mà Ta tuyên thuyết, được chuyển vận nơi Phạm luân, không một ai có thể chận đứng, dù là Sa-môn, Phạm chí, chư Thiên, Ma, Phạm, và các loại thế gian khác ấy, mà phi bác; thì người ấy đối với như pháp có mười điều bị chỉ trích.

"Lại có những Sa-môn, Phạm chí khác sống ngồi chồm hổm[6], thuyết giảng sự ngồi chồm hổm. Sống vô sở hữu, thuyết giảng vô sở hữu, thuyết vô nhân, thuyết vô tác, thuyết vô nghiệp; nghĩa là đối với thiện ác được tạo tác bởi người này hay người kia mà chủ trương đoạn tuyệt, phá hoại ở kia hay ở đây, những người ấy đối với bốn đại pháp phẩm mà Ta tuyên thuyết được chuyển vận nơi Phạm luân, không một ai có thể chận đứng, dù là Sa-môn, Phạm chí, chư Thiên, Ma, Phạm và các loại thế gian khác, những người ấy cũng có sự chỉ trích, lo lắng, sợ hãi."

Phật thuyết như vậy, các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

❑

6. Tốn cứ ——C Pāli: Okkalā Vessa-Bhanna, những người ở Ukkalā, Vassa và Bhanna, được coi như theo chủ trương vô nhân (ahetuvāda), vô tác (akiriyavāda), và vô sở hữu (natthikavādā). Bản Hán đọc Ukkalā như là Ukkūla, ngồi chồm hổm.

190. KINH TIỂU KHÔNG[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật du hóa tại nước Xá-vệ, tại Đông viên, Lộc tử mẫu giảng đường[2].

Bấy giờ Tôn giả A-nan vào lúc xế, từ thiền tọa đứng dậy, đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ sát chân Phật, lui đứng sang một bên mà bạch rằng:

"Một thời Thế Tôn du hành giữa những người họ Thích, trong thành tên là Thích đô ấp[3]. Con lúc ấy được nghe Thế Tôn nói nghĩa như vầy, 'Này A-nan, Ta phần nhiều hành nơi không tánh'[4]. Thế Tôn! Phải là con biết rõ, nhận rõ và nhớ kỹ không?"

Khi ấy Thế Tôn đáp rằng:

"Này A-nan, lời nói của Ta đó, ông thật sự biết rõ, nhận rõ và nhớ kỹ. Vì sao? Vì Ta tự bao giờ cho đến hôm nay phần nhiều hành nơi không tánh.

"Này A-nan, như giảng đường Lộc tử mẫu này trống không, không có voi, ngựa, bò, dê, tài vật, lúa thóc, nô tỳ; nhưng có cái không trống không. Đó là chỉ có chúng Tỳ-kheo. Cho nên, này A-nan, nếu trong đó không có gì cả thì chính do đó mà Ta thấy là trống không. Nếu trong này còn có cái khác thì Ta thấy là chân thật có. Này A-nan, đó là hành trong sự chân thật, không tánh, sự không điên đảo[5].

"Này A-nan, Tỳ-kheo nào nếu muốn hành nhiều trong không tánh, Tỳ-kheo ấy đừng tác đến ý tưởng về xóm làng, đừng tác ý đến ý tưởng về người, mà hằng tác ý đến ý tưởng về duy nhất tánh là ý tưởng về khu rừng[6]. Vị ấy nhận biết như vầy, 'Trống không ý tưởng về xóm làng, trống không ý tưởng về người, nhưng có một cái không trống không, đó là duy nhất tánh do ý tưởng về khu rừng. Nếu có sự phiền nhọc[7] do ý tưởng về xóm làng, thì ở đây ta không có sự ấy. Nếu có sự phiền nhọc do ý tưởng về người, thì ở đây ta không có sự ấy. Ở đây chỉ có sự phiền nhọc là do duy nhất tánh ý tưởng về khu rừng'. Nếu trong đó không có gì cả thì, thì chính do đó mà vị ấy thấy đó là trống không. Nếu trong này còn có cái khác, thì vị ấy thấy là chân thật có. Này A-nan, đó là hành trong sự chân thật, không tánh, sự không điên đảo.

---

1. Tương đương Pāli, M.124. Cūḷa-suññatā-suttaṃ.
2. Xem kinh 189 trên.
3. Pāli: Sakkesu (.....) nagarakam nāma sakyānaṃ nigamo, giữa những người họ Thích, một thị trấn của họ Thích ca, tên là Nagaraka.
4. Hành không ——C Pāli: suññatāvihāra, *không trụ*, sự an trụ nơi tánh không, sống trong trạng thái không tánh.
5. Hành chân thật không bất điên đảo. Pāli: Yathābhuccā avipallatthā parisuddhā sunnatāvakkam. Thâm nhập không tánh, chân thật, thanh tịnh, không điên đảo. Bốn từ này ở đây được coi là đồng nghĩa.
6. Hán: niệm nhất vô sự tưởng ——@—L——Q—C Pāli: araññasaññaṃ paṭicca manasi karoti ekattaṃ, duyên vào ý tưởng về khu rừng mà tác ý cái một. Duyên vào ý tưởng rừng mà tập trung trên một đối tượng duy nhất, nhất tánh.
7. Bì bao —h——A Pāli: daratha, bất an, buồn phiền.

"Lại nữa, này A-nan, Tỳ-kheo nếu muốn hành nhiều trong không tánh, Tỳ-kheo ấy đừng tác ý đến ý tưởng về người, đừng tác ý đến ý tưởng khu rừng mà hằng tác ý đến duy nhất tánh là ý tưởng về đất. Tỳ-kheo ấy nếu thấy đất này có cao có thấp, có ổ rắn, có bụi gai, có cát, có đá, núi chởm, sông sâu thì chớ có tác ý đến. Nếu thấy đất này bằng phẳng như lòng bàn tay, chỗ trông ra được rõ ràng, thì hãy thường tác ý đến.

"Này A-nan, ví như da bò, lấy một trăm cây đinh mà căng ra; sau khi căng rất thẳng, nó không nhăn, không rút lại. Nếu thấy chỗ đất này có cao có thấp, có ổ rắn, có bụi gai, có cát, có đá, núi chởm, sông sâu thì đừng tác ý đến. Nếu thấy chỗ đất này bằng phẳng như lòng bàn tay, chỗ trông ra được rõ ràng, thì hãy thường tác ý. Vị ấy biết như vậy, biết rằng, 'Trống không ý tưởng về người, trống không ý tưởng về khu rừng, nhưng có một cái không trống không, đó là duy nhất ý tưởng về đất. Nếu có sự phiền nhọc do ý tưởng về người, thì ở đây ta không có sự ấy. Nếu có sự phiền nhọc do ý tưởng về khu rừng, thì ở đây ta không có sự ấy. Ở đây chỉ có sự phiền nhọc do duy nhất tánh là ý tưởng về đất'. Nếu trong đó không có gì cả, thì chính do đó mà vị ấy thấy là trống không. Nếu trong này còn có cái khác thì vị ấy thấy là chân thật có. Này A-nan, đó là hành trong sự chân thật, không tánh, sự không điên đảo.

"Lại nữa, này A-nan, Tỳ-kheo nếu muốn hành nhiều trong không tánh, Tỳ-kheo ấy đừng tác ý đến ý tưởng về khu rừng, đừng tác ý đến ý tưởng về đất, mà hằng tác ý đến duy nhất tánh là ý tưởng thuần nhất về vô lượng không xứ [8]. Vị ấy nhận biết như vầy, 'Trống không ý tưởng về khu rừng, trống không ý tưởng về đất, nhưng có cái không trống không, đó là duy nhất ý tưởng về vô lượng không xứ. Nếu có sự phiền nhọc do ý tưởng về khu rừng, thì ở đây ta không có sự đó. Nếu có sự phiền nhọc do ý tưởng về đất, thì ta không có sự đó. Ở đây chỉ có sự phiền nhọc do duy nhất tánh là ý tưởng về vô lượng không xứ'. Nếu trong đó không có gì cả, thì chính do đó mà vị ấy thấy là trống không. Nếu trong này còn có cái khác, thì vị ấy thấy là chân thật có. Này A-nan, đó là hành trong sự chân thật, tánh không, không điên đảo.

"Lại nữa, này A-nan, Tỳ-kheo muốn hành nhiều trong không tánh, Tỳ-kheo ấy đừng tác ý đến ý tưởng về khu rừng, đừng tác ý đến ý tưởng về đất, đừng tác ý về ý tưởng vô lượng không xứ, hãy hằng tác ý đến duy nhất tánh là ý tưởng về vô lượng thức xứ[9]. Vị ấy nhận biết như vầy, 'Trống không ý tưởng về khu rừng, trống không ý tưởng về đất, trống không ý tưởng về vô lượng không xứ, nhưng có một cái không trống không, đó là duy nhất ý tưởng về vô lượng thức xứ. Nếu có sự phiền nhọc do ý tưởng về khu rừng, thì ở đây ta không có sự ấy. Nếu có sự phiền nhọc do ý tưởng về đất, thì ở đây ta không có sự ấy. Nếu có sự phiền nhọc do ý tưởng về vô lượng không xứ, thì ở đây ta không có sự ấy. Ở đây chỉ có sự phiền nhọc do duy nhất tánh là ý tưởng về vô lượng thức xứ.' Nếu trong đó không có gì cả, thì chính vì vậy mà vị ấy thấy là trống không. Nếu trong này còn có một cái khác, thì vị ấy thấy là chân thật có. Này A-nan, đó là hành trong sự chân thật, tánh không, không điên đảo.

"Lại nữa, này A-nan, Tỳ-kheo nếu muốn hành nhiều trong không tánh, Tỳ-kheo ấy đừng tác ý đến ý tưởng về vô lượng không xứ, đừng tác ý đến ý tưởng về vô lượng thức

---

8. Vô lượng không xứ tưởng -L-q--B-Q-C Pāli: ākāsānañcāyatana-saññā.
9. Vô lượng thức xứ tưởng 無-q--B-Q-C Pāli: viññāṇañcanāyatana-saññā.

xứ, mà hãy hằng tác ý đến duy nhất tánh là ý tưởng về vô sở hữu xứ[10]. Vị ấy niệm biết như vầy, 'Trống không vô lượng không xứ, trống không vô lượng thức xứ, nhưng có một cái không trống không. Đó là duy nhất ý tưởng về vô sở hữu xứ. Nếu có sự phiền nhọc do ý tưởng về vô lượng không xứ, thì ở đây ta không có sự ấy. Nếu có sự phiền nhọc do ý tưởng về vô lượng thức xứ, thì ở đây ta không có sự ấy. Ở đây chỉ có sự phiền nhọc do duy nhất tánh là ý tưởng về vô sở hữu xứ'. Nếu trong đó không có gì cả, thì chính vì vậy mà vị ấy thấy là trống không. Nếu trong đó còn có cái khác, thì vị ấy thấy là chân thật có. Này A-nan, đó là hành trong sự chân thật, tánh không, không điên đảo.

"Lại nữa, này A-nan, Tỳ-kheo nếu muốn hành nhiều trong không tánh, Tỳ-kheo ấy đừng tác ý đến ý tưởng về vô lượng thức xứ, đừng tác ý đến ý tưởng về vô sở hữu xứ, mà hãy hằng tác ý đến duy nhất tánh là ý tưởng về vô tưởng tâm định[11]. Vị ấy nhận biết như vầy, 'Trống không ý tưởng về vô lượng thức xứ, trống không ý tưởng về vô sở hữu xứ, nhưng có cái không trống không, đó là duy nhất tánh do vô tưởng tâm định. Nếu có sự phiền nhọc do ý tưởng về vô lượng thức xứ, thì ở đây ta không có sự ấy. Nếu có sự phiền nhọc do ý tưởng về vô sở hữu xứ, thì ở đây ta cũng không có sự ấy. Ở đây chỉ có sự phiền nhọc do duy nhất là về tưởng tâm định'. Nếu trong đó không có gì cả, thì chính vì vậy mà vị ấy thấy là trống không. Nếu trong này còn có cái khác, thì vị ấy thấy là chân thật có. Này A-nan, đó là hành trong sự chân thật, tánh không, không điên đảo.

"Vị ấy lại suy nghĩ như vầy, 'Vô tưởng tâm định mà ta đã có đây vốn là sở hành, vốn là sở tư[12]. Nếu nó vốn là sở hành, vốn là sở tư thì ta không ái lạc nó[13], không mong cầu nó, không an trụ trên nó'.

"Vị ấy biết như vậy, thấy như vậy, tâm giải thoát dục lậu, tâm giải thoát hữu lậu và vô minh lậu. Giải thoát rồi, thì biết là mình đã giải thoát, biết như thật rằng 'Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa'. Vị ấy biết như vầy, 'Trống không là dục lậu, trống không là hữu lậu, trống không là vô minh lậu; nhưng có cái không trống không, đó là chỉ có thân này của ta với sáu xứ cho mạng tồn tại. Nếu có sự phiền nhọc do dục lậu, thì ta không có sự ấy. Nếu có sự phiền nhọc do hữu lậu và vô minh lậu, ta cũng không có sự ấy. Ở đây chỉ có sự phiền nhọc do nơi thân này của ta và sáu xứ cho mạng tồn tại[14]'. Nếu trong đó không có gì cả thì chính vì vậy mà vị ấy thấy là trống không. Nếu trong này còn có cái khác thì vị ấy thấy là chân thật có. Này A-nan, đó là hành trong sự chân thật, tánh không, không điên đảo. Đó là lậu tận, vô lậu, vô vi, tâm giải thoát.

"Này A-nan, trong quá khứ, nếu có các Đức Như Lai, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, các vị ấy tất cả đều hành trong sự chân thật, tánh không, không điên đảo này; đó là lậu tận, vô lậu, vô vi, tâm giải thoát.

---

10. Vô sở hữu xứ tưởng ■L■■■B■Q■C Pāli: àkiñcaññāyatana-saññā.

11. Vô tưởng tâm định ■L■Q■■w■C Pāli: animitta-cetosamādhi (*vô tướng tâm định*). Bản Hán bỏ qua Phi hữu tưởng phi vô tưởng phi vô tưởng xứ (nevasaññāsaññāyātana-saññā) được đề cập trong bản Pāli.

12. Bổn sở hành, bổn sở tư ■■■■■■■■C Pāli: ayampi kho animoitto cetosamādhi abhsaṅkhato abhisañcetayito, vô tướng tâm định này là thắng hữu vi, được tư duy. *Thắng hữu vi*, thuộc hữu vi, vì những thù thắng, siêu việt hơn. Trong bản Hán, đọc là abhisaṃkhāra (*bổn sở hành* hay *thắng hành*) thay vì là abhisaṃkhata. Bổn sở tư (abhisañcetayita), ở đây hiểu là cái được tạo ra do tư niệm, tư sở tác.

13. So Pāli: abhismkhatṃm (....) aniccṃm: thuộc về hữu vi, là vô thường.

14. Pāli: kāyaṃ paṭicca-saḷāyatanikaṃ jīvitapaccayā, duyên nơi thân với sáu xứ là điều kiện cho mạng tồn tại.

"Này A-nan, trong vị lai, nếu có các Đức Như Lai, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, các vị ấy tất cả đều hành trong sự chân thật, tánh không, không điên đảo này; đó là lậu tận, vô lậu, vô vi, tâm giải thoát.

"Này A-nan, trong hiện tại, Ta là Như Lai, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Ta cũng hành trong sự chân thật, tánh không, không điên đảo này; đó là lậu tận, vô lậu, vô vi, tâm giải thoát.

"Cho nên, này A-nan, hãy học như vậy."

Phật thuyết như vậy, Tôn giả A-nan và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

❑

191. KINH ĐẠI KHÔNG[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật du hóa giữa những người họ Thích, ở trong thành Ca-duy-la-vệ, tại vườn Ni-câu-loại[2].

Bấy giờ Đức Thế Tôn sau khi đêm đã qua, vào buổi sáng sớm, đắp y cầm bát đi vào thành Ca-duy-la-vệ khất thực.

Sau khi ăn xong, sau buổi trưa, Ngài đi đến tinh xá Gia-la-sai-ma Thích[3]. Lúc bấy giờ tại tinh xá Gia-la-sai-ma thích có sắp đặt rất nhiều giường chõng, có rất nhiều Tỳ-kheo trú nghỉ ở trong đó.

Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn từ trong tinh xá Gia-la-sai-ma Thích đi ra, đến Già-la Thích[4] tinh xá. Bấy giờ, Tôn giả A-nan và rất nhiều Tỳ-kheo ở trong tinh xá Già-la Thích đang làm y. Tôn giả A-nan từ xa trông thấy Phật sắp đến, bèn ra nghinh tiếp, rước y bát của Phật, trở vào trải giường ngồi, múc nước rửa chân.

Phật rửa chân rồi, ngồi trên chỗ ngồi của Tôn giả A-nan đã trải sẵn trong tinh xá Già-la Thích và nói rằng:

"Này A-nan, trong tinh xá Gia-la-sai-ma Thích có sắp đặt rất nhiều giường chõng, có rất nhiều Tỳ-kheo trú nghỉ ở trong đó chăng?"

Tôn giả A-nan bạch:

"Quả như vậy, bạch Thế Tôn, trong tinh xá Gia-la-sai-ma Thích có sắp đặt rất nhiều giường chõng, có rất nhiều Tỳ-kheo đang trú nghỉ trong đó. Vì sao? Vì chúng con hôm nay đang làm y."

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo A-nan rằng:

"Tỳ-kheo không nên ham muốn nói chuyện ồn ào, vui thích trong sự nói chuyện ồn ào, tụ tập để nói chuyện ồn ào, ham muốn đông người, vui thích với sự đông người, tụ tập đông người, không thích rời xa chỗ đông người, không thích sống cô độc ở nơi xa vắng.

"Tỳ-kheo nào ham muốn nói chuyện ồn ào, vui thích trong sự nói chuyện ồn ào, tụ tập để nói chuyện ồn ào, ham muốn đông người, vui thích với sự đông người, tụ tập đông người, không thích rời xa chỗ đông người, không thích sống cô độc ở nơi xa vắng; vị ấy nếu có hoan lạc nơi sự hoan lạc của bậc Thánh, hoan lạc vô dục, hoan lạc viễn ly, hoan lạc tịch tịnh, hoan lạc chánh giác, hoan lạc không tài sản, hoan lạc phi sanh tử, đối với những hoan lạc ấy mà được dễ dàng không khó, trường hợp này không thể xảy ra.

"Này A-nan, Tỳ-kheo nào không ham muốn nói chuyện ồn ào, không hoan lạc trong

---

1. Tương đương Pāli M.122 Mahā-suññatā-suttaṃ.
2. Xem các kinh 12, 100, 116.
3. Gia-la-sai-ma Thích tinh xá ▬[▬▬t ▬▬▬▬▬C Pāli: Kāḷakhemakassa Sakkassa vohāra, tinh xá của Kālakhema, người họ Thích.
4. Già-la Thích ▬▬▬A Pāli: Ghaṭāya-sakkassa.

sự nói chuyện ồn ào, không tụ tập để nói chuyện ồn ào, không ham muốn đông người, không hoan lạc với sự đông người, không tụ tập đông người, muốn rời xa chỗ đông người, thường hoan lạc trong sự sống cô độc nơi xa vắng; vị ấy nếu có sự hoan lạc của bậc Thánh, hoan lạc vô dục, hoan lạc viễn ly, hoan lạc tịch tịnh, hoan lạc chánh giác, hoan lạc không tài sản, hoan lạc phi sanh tử, đối với những hoan lạc này mà được dễ dàng không khó, trường hợp này tất có thể xảy ra.

"Này A-nan, Tỳ-kheo không nên ham muốn nói chuyện ồn ào, hoan lạc trong sự nói chuyện ồn ào, tụ tập để nói chuyện ồn ào, ham muốn đông người, hoan lạc với sự đông người, tụ tập đông người, không thích rời xa chỗ đông người, không thích sống cô độc ở nơi xa vắng.

"Tỳ-kheo nào ham muốn nói chuyện ồn ào, hoan lạc trong sự nói chuyện ồn ào, tụ tập để nói chuyện ồn ào, ham muốn đông người, hoan lạc với sự đông người, tụ tập đông người, không thích rời xa chỗ đông người, không thích sống cô độc ở nơi xa vắng. Nếu vị ấy chứng đắc thời ái tâm giải thoát[5] và bất thời bất di động tâm giải thoát[6], trường hợp này hoàn toàn không xảy ra.

"Này A-nan, Tỳ-kheo nào không ham nói chuyện ồn ào, không hoan lạc trong sự nói chuyện ồn ào, không tụ tập để nói chuyện ồn ào, không ham muốn đông người, không hoan lạc với sự đông người, không tụ tập đông người, muốn rời xa chỗ đông người, thường hoan lạc trong sự sống cô độc nơi xa vắng; vị ấy chứng đắc thời ái tâm giải thoát và bất thời bất di động tâm giải thoát, trường hợp này tất có xảy ra.

"Vì sao vậy? Này A-nan, Ta không thấy có một sắc nào khiến Ta ham muốn hoan lạc. Sắc ấy bại hoại, biến dịch, và khi nó đổi khác thì sanh ra sầu bi, khóc lóc, ưu khổ, ảo não. Vì vậy, Ta an trụ nơi một trú xứ khác mà thành tựu Chánh đẳng Chánh giác. Đó là vượt qua tất cả sắc tưởng, an trụ nơi ngoại không.

"Này A-nan, Ta an trụ nơi trụ xứ này rồi, phát sanh sự hoan duyệt. Sự hoan duyệt này Ta cảm thọ trong toàn thân với chánh niệm chánh trí, rồi phát sanh hỷ, phát sanh khinh an[7], phát sanh lạc, phát sanh định. Định này Ta cảm thọ toàn thân với chánh niệm chánh trí.

"Này A-nan, nếu có Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc hay Ưu-bà-di nào tìm đến Ta, Ta bèn vì họ mà an trụ trong tâm như vậy, viễn ly, an lạc, vô dục. Ta cũng vì họ mà thuyết pháp, khuyến khích, hỗ trợ họ.

"Này A-nan, Tỳ-kheo nào muốn hằng an trụ trong không tánh[8], Tỳ-kheo ấy sẽ giữ vững nội tâm an trụ, tĩnh chỉ, khiến cho chuyên nhất và định[9] Vị ấy sau khi giữ vững nội tâm an trụ, tĩnh chỉ, khiến cho chuyên nhất và định rồi, hãy suy niệm về nội không.

"Này A-nan, nếu Tỳ-kheo nói như vầy: "Tôi không giữ vững nội tâm an trụ, tĩnh chỉ, không khiến cho chuyên nhất và định", thì này A-nan, nên biết vị ấy tự làm cho mình rất phiền nhọc[10].

---

5. Xem các chú thích trong kinh số 127. Pāli: sāmāyikā kantā cetovimutti.
6. Xem các chú thích trong kinh số 172. Pāli: asāmāyika akuppā cetovimutti.
7. Chỉ, được hiểu là khinh an.
8. Đa hành không. Như kinh số 190 trên.
9. Pāli: ajjhattameva cittaṃ saṇṭhapetabbaṃ sannisādetabbaṃ ekodi kātabbaṃ samādahātabbaṃ, nội tâm cần an định, tĩnh chỉ, sự chuyên nhất và tập trung.
10. Xem cht.7, kinh 190.

"Này A-nan,Thế nào là Tỳ-kheo giữ vững nội tâm an trụ, tĩnh chỉ, khiến cho chuyên nhất và định? Tỳ-kheo đối với thân này có hỷ lạc do ly dục phát sanh, thấm ướt khắp tất cả, thấm ướt nhuần một cách phổ biến sung mãn; hỷ lạc do ly dục sanh không chỗ nào không biến mãn. Này A-nan, cũng như một người tắm gội, đựng đầy bột tắm trong nhà rồi đổ nước vào khuấy rất đều cho nổi bọt lên, thấm ướt thấm nhuần khắp tất cả, phổ biến sung mãn, trong ngoài kín đáo không có chỗ nào rỉ ra. Cũng vậy, này A-nan, Tỳ-kheo nơi thân này có hỷ lạc do ly dục phát sanh, thấm ướt khắp tất cả, thấm ướt nhuần một cách phổ biến sung mãn. Hỷ lạc do ly dục sanh không chỗ nào không biến mãn.

"Này A-nan, như vậy, Tỳ-kheo giữ vững nội tâm an trụ, tĩnh chỉ, khiến cho chuyên nhất và định rồi[11], hãy tác ý về nội không. Vị ấy sau khi tác ý về nội không rồi, mà tâm bèn di động, không hướng đến gần, không được trong vắt, không an trụ, không giải thoát đối với nội không, Tỳ-kheo ấy hãy tác ý về ngoại không. Vị ấy sau khi tác ý về ngoại không rồi, tâm bèn di động, không hướng đến gần, không được trong vắt, không an trụ, không giải thoát đối với ngoại không.

"Này A-nan, nếu Tỳ-kheo trong lúc quán, biết rằng mình đang tác ý về ngoại không mà tâm di động, không hướng đến gần, không an trụ, không giải thoát đối với ngoại không, Tỳ-kheo ấy hãy tác ý về nội ngoại không. Vị ấy sau khi suy niệm về nội ngoại không rồi mà tâm bèn di động, không hướng đến gần, không trong vắt, không an trụ, không giải thoát đối với nội ngoại không. Này A-nan, nếu Tỳ-kheo trong lúc lúc quán mà biết rằng mình đang suy niệm về nội ngoại không mà tâm di động, không hướng đến gần, không được trong vắt, không an trụ, không giải thoát đối với nội ngoại không, Tỳ-kheo ấy hãy tác ý về sự không di động.

"Vị ấy sau khi suy niệm về sự không di động mà tâm di động, không hướng đến gần, không được trong vắt, không an trụ, không giải thoát đối với sự bất di động. Này A-nan, nếu Tỳ-kheo nào trong lúc quán sát biết được rằng mình đang suy niệm về sự không di động mà tâm di động, không hướng đến gần, không được trong vắt, không an trụ, không giải thoát đối với sự bất di động, Tỳ-kheo ấy có tâm như thế này hay thế khác, bằng định như thế này hay thế khác mà điều phục, liên tục điều phục, tu tập, liên tục tu tập, làm nhu nhuyến rồi lại nhu nhuyến, rất hân hoan trong sự nhu hòa, rất tịnh lạc trong sự viễn ly.

"Nếu vị ấy có tâm như thế này hay thế khác bằng định như thế này hay thế khác mà điều phục rồi lại điều phục, tu tập rồi lại tu tập, nhu nhuyến rồi lại nhu nhuyến, rất hân hoan trong sự nhu hòa, rất tịnh lạc trong sự viễn ly rồi, hãy bằng nội không mà thành tựu an trụ.

"Vị ấy sau khi nội không thành tựu an trụ, tâm không di động, hướng đến gần, được trong vắt, an trụ, giải thoát đối với nội không. Này A-nan, Tỳ-kheo trong lúc quán thì biết nội không thành tựu an trụ, tâm không di động, hướng đến gần, được trong vắt, an trụ, giải thoát đối với nội không, đó là chánh tri.

"Này A-nan, Tỳ-kheo hãy bằng ngoại không thành tựu an trụ. Vị ấy sau khi ngoại không thành tựu an trụ, tâm không di động, hướng đến gần, được trong vắt, an trụ, giải thoát đối với ngoại không. Này A-nan, như vậy Tỳ-kheo trong lúc quán thì biết ngoại không thành tựu an trụ, tâm không di động, hướng đến gần, được trong vắt, an trụ, giải thoát đối với ngoại không. Đó gọi là chánh tri.

"Này A-nan, Tỳ-kheo hãy bằng nội ngoại không thành tựu an trụ. Vị ấy sau khi nội

---

[11]. Nghĩa là sau khi chứng nhập Sơ thiền. Pāli nói: từ Sơ thiền đến Tứ thiền.

ngoại không thành tựu an trụ, tâm không di động, hướng đến gần, được trong vắt, an trụ, giải thoát đối với nội ngoại không. Này A-nan, như vậy Tỳ-kheo trong lúc quán thì biết nội ngoại không thành tựu an trụ, tâm không di động, hướng đến gần, được trong vắt, an trụ, giải thoát đối với nội ngoại không. Đó gọi là chánh tri.

"Này A-nan, hãy bằng bất di động thành tựu an trụ. Vị ấy sau khi bất di động thành tựu an trụ, tâm không di động, hướng đến gần, được trong vắt, an trụ, giải thoát đối với bất di động. Này A-nan, như vậy Tỳ-kheo trong lúc quán thì biết bất di động thành tựu an trụ, tâm không di động, hướng đến gần, được trong vắt, an trụ, giải thoát đối với bất di động. Đó gọi là chánh tri.

"Này A-nan, vị Tỳ-kheo ấy với tâm an trụ trên trụ xứ này, nếu muốn kinh hành, Tỳ-kheo ấy từ thiền thất đi ra, đi kinh hành trên khoảng đất trống, trong bóng mát của thiền thất, các căn hướng vào trong tâm, không hướng ra ngoài, lấy phía sau tác ý làm phía trước. Kinh hành như vậy rồi, trong tâm không sanh tham lam, ưu sầu, ác bất thiện pháp. Đó gọi là chánh tri.

"Này A-nan, Tỳ-kheo với tâm an trụ trên trụ xứ này, nếu muốn tọa định, Tỳ-kheo ấy rời khỏi chỗ kinh hành, đến cuối con đường kinh hành, trải ni-sư-đàn, ngồi kiết già. Sau khi ngồi như vậy vững vàng rồi, trong tâm không sanh tham lam, ưu sầu, ác bất thiện pháp. Đó gọi là chánh tri.

"Này A-nan, Tỳ-kheo với tâm an trụ trong trụ xứ này, nếu muốn có suy niệm[12], thì Tỳ-kheo ấy đối với ba sự suy niệm về ác bất thiện này là niệm dục, niệm nhuế và niệm hại, đừng suy niệm đến ba suy niệm ác bất thiện ấy. Đối với ba suy niệm thiện là: niệm vô dục, niệm vô nhuế, niệm vô hại, hãy suy niệm trên ba suy niệm thiện ấy. Sau khi suy niệm như vậy rồi, trong tâm không sanh tham lam, ưu sầu, ác bất thiện pháp, đó gọi là chánh tri.

"Này A-nan, Tỳ-kheo ấy đối với những luận bàn không phải là Thánh luận, không tương ưng nghĩa[13], tức là luận bàn về những vấn đề vua chúa, vấn đề đạo tặc, vấn đề đấu tranh, vấn đề ẩm thực, vấn đề đàn bà, vấn đề đồng nữ, vấn đề dâm nữ, vấn đề thế gian, vấn đề tà đạo, vấn đề trong biển. Vị ấy không bàn luận các loại súc sanh luận như vậy. Nếu có những vấn đề thuộc Thánh luận, tương ưng nghĩa, khiến tâm nhu hòa, không có những sự che đậy[14], tức là vấn đề thí, vấn đề giới, vấn đề định, vấn đề giải thoát, vấn đề giải thoát tri kiến, vấn đề tiệm giảm[15], vấn đề không tụ hội, vấn đề thiểu dục, vấn đề tri túc, vấn đề vô dục, vấn đề đoạn, vấn đề diệt, vấn đề tĩnh tọa, vấn đề duyên khởi. Sau khi luận bàn những vấn đề mà Sa-môn luận bàn như vậy rồi, trong tâm không sanh tham lam, ưu sầu, ác bất thiện pháp. Đó gọi là chánh tri.

"Lại nữa, này A-nan, có năm công đức của dục, khả lạc, khả ý, khả niệm, sắc ái lạc tương ưng với dục; đó là, sắc được biết bởi mắt, tiếng được biết bởi tai, hương được biết bởi mũi, vị được biết bởi lưỡi, xúc được biết bởi thân. Tỳ-kheo với tâm chuyên chú[16] mà

---

12. Niệm, tức tầm, suy tầm hay toan tính. Có ba bất thiện tầm: dục tầm, nhuế tầm và hại tầm. Pāli: tayo akusala-vitkkā: kāma-vitakko, vyāpāda-vitakko, avihiṃs-vitakko. Xem, D.33 Saṅgītisuttanta.
13. Không liên hệ đến mục đích của Thánh đạo.
14. Pāli: cetovinīvaraṇasappayā, tâm được cởi mở, không bị che đậy.
15. Tiệm tổn ——l-A xem kinh 91 ở trước.
16. Nguyên Hán: chí đáo ———Acó lẽ Pāli là abhikhaṇaṃ (*thường xuyên*) ở đây hiểu là abhikkantaṃ (vượt lên).

quán[17] năm diệu dục này, tùy theo diệu dục ấy mà có hành ấy trong tâm[18]. Vì sao vậy? Không trước, không sau, năm dục công đức này tùy theo dục công đức nào mà có hành ấy trong tâm.

"Này A-nan, Tỳ-kheo trong lúc quán thì biết năm công đức của dục này, tùy theo công đức dục nào mà có hành ấy trong tâm. Tỳ-kheo ấy với công đức dục này hay công đức dục kia quán là vô thường, quán suy hao, quán vô dục, quán đoạn, quán diệt, quán đoạn xả ly. Nếu năm công đức dục này có dục, bị nhiễm dục, chúng tức thì bị tiêu diệt. Này A-nan, nếu Tỳ-kheo khi quán như vậy thì biết năm công đức dục này có dục và bị nhiễm dục, chúng đã bị đoạn trừ rồi. Đó gọi là chánh tri.

"Lại nữa, này A-nan, có năm thủ uẩn[19], sắc thủ uẩn, thọ, tưởng, hành, thức thủ uẩn. Tỳ-kheo như vậy mà quán sự hưng suy, quán sát rằng, đây là sắc, đây là sự tập khởi của sắc, đây là sự diệt tận của sắc. Đây là thọ, tưởng, hành và thức. Đây là sự tập khởi của thức, đây là sự diệt tận của thức. Nếu năm thủ uẩn này có ngã mạn[20], nó liền bị tiêu diệt. Này A-nan, nếu Tỳ-kheo khi quán như vậy thì biết trong năm thủ uẩn, ngã mạn đã bị diệt rồi. Đó gọi là chánh tri.

"Này A-nan! Pháp này tuyệt đối khả ý, tuyệt đối khả lạc, tuyệt đối ý niệm, vô lậu, không chấp thủ[21], ma không đến gần được, ác không thể đến gần được. Các pháp ác bất thiện ô uế làm gốc rễ cho sự hữu trong tương lai là phiền nhiệt, khổ báo, là nhân của sanh, già, bệnh, chết cũng không thể đến gần được; tức là thành tựu sự không phóng dật này. Vì sao vậy? Nhân không phóng dật mà Như Lai, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác chứng đắc giác ngộ, nhân gốc rễ không phóng dật mà phát sanh vô lượng thiện pháp, cho đến các trợ đạo phẩm[22].

"Cho nên, này A-nan, ngươi phải học như vầy, 'Ta cũng thành tựu nơi sự không phóng dật'. Hãy học như vậy.

"Này A-nan, do nghĩa lợi nào mà một tín đồ đệ tử đi theo Thế Tôn mà hành phụng sự cho đến trọn đời?"

Tôn giả A-nan bạch Thế Tôn rằng:

"Thế Tôn là pháp bổn, Thế Tôn là pháp chủ, pháp do Thế Tôn. Cúi mong Thế Tôn thuyết giảng điều đó. Con nay sau khi nghe xong sẽ được biết rộng ý nghĩa ấy."

Đức Phật bèn nói:

"Này A-nan, hãy lắng nghe. Hãy khéo tư niệm. Ta sẽ phân biệt đầy đủ cho thầy nghe."

Tôn giả A-nan vâng lời, lắng nghe.

Đức Phật nói:

"Này A-nan, không phải chỉ vì chánh kinh, ca vịnh, ký thuyết mà một tín đệ tử đi theo Thế Tôn để hành phụng sự cho đến trọn đời. Này A-nan, hoặc từ lâu vị ấy đã từng

---

17. Pāli: abhikkhaṇaṃ sakam cittam paccavekkhitabham, thường tự quán tâm, thường xuyên tự quán sát tâm mình.
18. So Pāli: Atthi kho me imesu pañcasu kāmaguṇesu aññatarasmiṃ vā aññtarasmiṃ vā āyatane upajjati cetaso samudācāroti, trong tâm tư ta có phát sinh tập quán gì trong xứ này hay xứ kia trong năm công đức của dục?
19. Ngũ thạnh ấm.
20. Ngã mạn, Pāli: asmimāna, phức cảm về "Tôi hiện hữu" hay "Tôi là".
21. Vô thọ.
22. Nhược hữu tùy đạo phẩm.

nghe pháp này, tụng tập đến cả ngàn, chuyên ý tư duy quán sát, thấy rõ, thấu triệt sâu xa. Nếu vấn đề này là Thánh luận tương ưng với cứu cánh, khiến tâm nhu hòa, không có những che lấp, tức các vấn đề bố thí, vấn đề giới, vấn đề định, vấn đề tuệ, vấn đề giải thoát, vấn đề giải thoát tri kiến, vấn đề tiệm giảm, vấn đề không tụ hội, vấn đề thiểu dục, vấn đề tri túc, vấn đề vô dục, vấn đề đoạn, vấn đề diệt, vấn đề tĩnh tọa, vấn đề duyên khởi. Những vấn đề mà Sa-môn luận bàn như vậy, được dễ dàng chứ không khó. Do ý nghĩa này mà một tín đệ tử đi theo Thế Tôn để hành phụng sự cho đến trọn đời. Này A-nan, như vậy là phiền lụy[23] cho Tôn sư, phiền lụy cho đệ tử, phiền lụy cho các vị đồng phạm hạnh.

"Này A-nan, thế nào là phiền lụy cho Tôn sư?

"Ở đây, một vị Tôn sư xuất thế, có sách lự tư duy, bằng tâm trạng sách lự mà quán sát các loại phàm nhân. Có biện tài, vị ấy đi đến nơi rừng vắng, trong rừng sâu, dưới gốc cây, hoặc ở trên sườn cao, vắng bặt không tiếng động, xa lánh, không có sự dữ, không có bóng người, tùy thuận mà tĩnh tọa, hoặc sống tại nơi đó mà học sự viễn ly, tinh cần, được tăng thượng tâm, sống an lạc ngay trong đời hiện tại.

"Vị ấy sau khi học sự viễn ly, tinh cần, sống an ổn khoái lạc, rồi theo các đệ tử trở về với các Phạm chí, Cư sĩ, phong ấp, quốc nhân. Vị ấy sau khi theo đệ tử trở về, với các Phạm chí, Cư sĩ, phong ấp, quốc nhân, bèn tự cao mà trở về nhà. Như vậy là phiền lụy cho Tôn sư và cũng bị phiền lụy bởi các pháp ác bất thiện, ô uế, là gốc rễ cho sự hữu trong tương lai, phiền nhiệt, khổ báo, nhân của sanh-già-bệnh-chết; đó là phiền lụy cho Tôn sư.

"Này A-nan, thế nào là sự phiền lụy cho đệ tử? Đệ tử của vị Tôn sư ấy học sự viễn ly của vị ấy, vị ấy sống nơi rừng vắng, trong rừng sâu, dưới gốc cây, trên sườn non, vắng bặt không tiếng động, xa lánh, không có sự dữ, không có bóng người, tùy thuận mà tĩnh tọa, hoặc sống tại nơi đó mà học sự viễn ly, tinh cần, được tăng thượng tâm, sống an lạc ngay trong đời hiện tại này. Vị ấy sau khi học sự viễn ly, tinh cần, sống an ổn khoái lạc rồi, bèn theo đệ tử trở về với các Phạm chí, Cư sĩ, phong ấp, quốc nhân. Vị ấy sau khi theo đệ tử về với các Phạm chí, Cư sĩ, phong ấp, quốc nhân rồi, bèn tự cao mà trở về nhà. Như vậy là làm phiền lụy cho đệ tử, và cũng bị phiền lụy bởi các pháp ác, bất thiện, gốc rễ của sự hữu trong tương lai, phiền nhiệt, khổ báo, nhân của sanh-già-bệnh-chết. Đó là phiền lụy cho đệ tử.

"Này A-nan, thế nào là phiền lụy cho các vị phạm hạnh? Ở đây Đức Như Lai xuất thế, Ngài là Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn. Ngài sống nơi rừng vắng, trong rừng sâu, dưới gốc cây, trên sườn cao, vắng bặt không chút động, xa lánh, không có sự dữ, không có bóng người, tùy thuận mà tĩnh tọa.

"Này A-nan, Đức Như Lai vì nghĩa lợi nào mà sống nơi rừng vắng, trong rừng sâu, dưới gốc cây, hoặc ở trên sườn cao, vắng bặt không tiếng động, xa lánh, không có sự dữ, không có bóng người, tùy thuận tĩnh tọa?"

"Tôn giả A-nan bạch Đức Thế Tôn rằng:

"Thế Tôn là Pháp bổn, Thế Tôn là Pháp chủ, Pháp do Thế Tôn. Cúi mong Thế Tôn thuyết giảng điều ấy, con nay sau khi nghe xong được biết rộng nghĩa ấy."

Đức Phật bèn nói:

---

23. Phiền sư, Pāli: ācariyūpaddava, bất hạnh, hay nguy hại cho thầy.

"Này A-nan, hãy lắng nghe, hãy khéo tư niệm. Ta sẽ phân biệt đầy đủ cho thầy nghe."

Tôn giả A-nan vâng lời lắng nghe.

Đức Phật nói:

"Này A-nan, như Lai không phải vì để được những gì chưa được, thu hoạch những gì chưa thu hoạch, chứng ngộ những gì chưa chứng ngộ mà sống nơi rừng vắng, trong rừng sâu, dưới gốc cây, hoặc ở trên sườn cao, vắng bặt không tiếng động, xa lánh, không có bóng người, tùy thuận mà tĩnh tọa. Này A-nan, vì hai ý nghĩa mà Như Lai sống nơi rừng vắng, trong rừng sâu, dưới gốc cây, hoặc ở trên sườn cao, vắng bặt không tiếng động, xa lánh, không có bóng người, tùy thuận mà tĩnh tọa. Một là sống an lạc ngay trong hiện tại cho chính mình. Hai là từ mẫn đối với những người đời sau.

"Hoặc giả, đời sau người người noi bóng Như Lai mà sống nơi rừng vắng, trong rừng sâu, dưới gốc cây, hoặc ở trên sườn cao, vắng bặt không tiếng động, xa lánh, không có sự dữ, không có bóng người, tùy thuận mà tĩnh tọa. Này A-nan, chính vì nghĩa lợi này mà Như Lai sống trong rừng vắng, trong rừng sâu, dưới gốc cây, hoặc ở trên sườn cao, vắng bặt không tiếng động, xa lánh, không có giận dữ, không có bóng người, tùy thuận tĩnh tọa. Hoặc sống ở nơi đó mà học sự viễn ly, tinh cần, được tăng thượng tâm, sống an lạc ngay trong đời hiện tại.

"Như Lai sau khi học sự viễn ly, tinh cần, sống an ổn khoái lạc rồi, theo các vị Phạm hạnh mà trở về với các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di. Như Lai sau khi theo các vị phạm hạnh trở về với các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di rồi, không tự cao mà trở về nhà.

"Này A-nan, nếu vị ấy chứng ngộ bất động tâm giải thoát, thì Ta không nói vị ấy có sự chướng ngại. Nhưng nếu vị ấy chứng đắc Bốn tăng thượng tâm[24], sống an lạc trong đời hiện tại, vốn do trước kia sống tinh cần, không phóng dật, thì ở đây, hoặc giả có thể bị thối thất vì sự tụ hội đông đảo nhiều đệ tử.

"Lại nữa, này A-nan, đệ tử của Tôn sư ấy noi theo Tôn sư mà sống nơi rừng vắng, trong rừng sâu, dưới gốc cây, hoặc ở trên sườn cao, vắng bặt không tiếng động, xa lánh, không có sự dữ, không có bóng người, tùy thuận tĩnh tọa. Hoặc sống tại nơi đó mà học sự viễn ly, tinh cần, được tăng thượng tâm, sống an lạc ngay trong đời hiện tại. Vị ấy sau khi học sự viễn ly, tinh cần, sống an ổn khoái lạc rồi theo các vị phạm hạnh mà trở về với các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di. Vị ấy sau khi theo các vị phạm hạnh trở về với các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di rồi bèn tự cao mà trở về nhà. Như vậy là phiền lụy cho các vị phạm hạnh và cũng bị phiền lụy bởi các pháp ác bất thiện, gốc rễ của sự hữu trong tương lai, phiền nhiệt, khổ báo, nhân của sanh-già-bệnh-chết. Đó gọi là phiền lụy cho các phạm hạnh.

"Này A-nan, trong sự phiền lụy Tôn sư và đệ tử, sự phiền lụy cho các phạm hạnh rất là bất khả, không khả lạc, không khả ái, rất là không khả ý, khả niệm. Cho nên, này A-nan, các ngươi hãy hành sự từ hòa đối với Ta, đừng gây sự oán hận.

"Này A-nan, thế nào là đệ tử đối với Tôn sư mà gây sự oán hận, không hành sự từ hòa?

"Nếu Tôn sư thuyết pháp cho đệ tử, là vì thương yêu, lo lắng, mong cầu thiện lợi và phước lành, mong cầu sự an ổn khoái lạc cho đệ tử mà phát khởi từ bi tâm, nói rằng, 'Đây

---

24. Tứ tăng thượng tâm, ở đây chỉ Bốn tịnh lự hay Tứ thiền.

là điều hữu ích. Đây là sự an lạc. Đây là sự hữu ích an lạc'. Nếu đệ tử ấy mà không cung kính, cũng không tùy thuận theo, không an trụ nơi chánh trí, tâm không hướng đến pháp tùy, pháp hành, không thọ lãnh chánh pháp, trái phạm những điều Tôn sư dạy, không được định, đệ tử như vậy là đối với Tôn sư mà gây sự oán hận, không hành sự từ hòa.

"Nếu Tôn sư thuyết pháp cho đệ tử, thương yêu, lo lắng, mong cầu thiện lợi và an lành, mong cầu sự an ổn khoái lạc cho đệ tử phát khởi từ bi tâm mà nói rằng, 'Đây là điều hữu ích. Đây là sự an lạc. Đây là sự hữu ích an lạc'. Nếu đệ tử thuận hành theo, an lập nơi chánh trí, tâm quy hướng đến pháp tùy, pháp hành, thọ lãnh Chánh pháp, không trái phạm lời giáo huấn của Tôn sư, có thể được định. Vị đệ tử như thế là đối với Tôn sư mà hành sự từ hòa, không gây sự oán hận.

"Cho nên này A-nan, các ngươi đối với Ta hãy hành sự từ hòa, không gây sự oán hận. Vì sao vậy? Này A-nan, Ta không nói như vầy 'Như người thợ gốm làm ngói[25].' Nhưng, này A-nan, Ta nói: 'Nghiêm khắc, khắc khổ[26].' Nghiêm cấp chí khổ. Cái gì chắc thật, cái ấy đứng vững[27].

Đức Phật thuyết như vậy, Tôn giả A-nan và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

❑

25. Người thợ gốm bao giờ cũng phải nhẹ tay đối với ngói. Nhưng một vị Tôn sư không chỉ nuông chiều đệ tử. Như "đào sư tác ngõa" ▬▬v▬@▬▬C Pāli: yathā kumbakāro āmake āmakamatte, như thợ gốm đối với đồ gốm chưa nung chín.

26. Nghiêm cấp chí khổ ▬Y▬▬▬W▬A Pāli: niggayha niggayha, pavayha pavagha, khiển trách khiển trách, tán thán tán thán.

27. Nhược chân thật giả, tất năng vãng giả ▬Y▬u▬▬▬▬▬▬▬]▬C Pāli: yo sāro so thassati.

192. KINH CA-LÂU-Ô-ĐÀ-DI[1]

Tôi nghe như vầy.

Một thời Phật du hóa trong nước Ương-già[2], cùng với đại chúng Tỳ-kheo, đến A-hòa-na[3], ở tại tịnh xá Kiền-nhã[4].

Bấy giờ sau khi đêm đã qua, vào buổi sáng, Đức Thế Tôn đắp y cầm bát đi vào A-hòa-na khất thực. Sau khi ăn xong, sau buổi trưa, Ngài cất y bát, rửa tay chân, vắt ni-sư-đàn lên vai, đi đến một khu rừng để nghỉ trưa[5]. Tôn giả Ô-đà-di, cũng sau khi đêm đã qua, vào buổi sáng sớm, đắp y cầm bát vào thôn A-hòa-na khất thực. Sau khi ăn xong, sau buổi trưa, Tôn giả cất y bát, rửa tay chân, vắt ni-sư-đàn lên vai, đi theo hầu sau Phật mà nghĩ rằng, "Nếu Thế Tôn đi nghỉ trưa ở đâu, mình cũng đến nghỉ mát ở đó."

Rồi Thế Tôn vào trong rừng, đến dưới một gốc cây, trải ni-sư-đàn mà ngồi kiết già. Tôn giả Ô-đà-di cũng đi vào khu rừng ấy, cách Phật không xa, đến dưới một gốc cây, trải ni-sư-đàn ngồi kiết già.

Bấy giờ Tôn giả Ô-đà-di, riêng một mình ngồi tĩnh tọa chỗ thanh vắng mà tư duy, trong tâm nghĩ rằng, "Đức Thế Tôn làm lợi ích rất nhiều cho chúng ta. Đức Thiện Thệ mang lại sự an ổn rất nhiều cho chúng ta. Đức Thế Tôn trừ cho chúng ta các pháp khổ, làm tăng thêm pháp lợi ích an lạc cho chúng ta. Đức Thế Tôn trừ cho chúng ta vô lượng pháp ác, pháp bất thiện, làm tăng thêm vô lượng pháp thiện và vi diệu cho chúng ta."

Vào lúc xế, Tôn giả Ô-đà-di từ chỗ ngồi đứng dậy đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ sát chân Phật, lui ngồi một bên. Đức Thế Tôn bảo rằng:

"Này Ô-đà-di, ông không thiếu thốn gì, được an ổn khoái lạc, sức khỏe vẫn như thường chăng?"

Tôn giả Ô-đà-di bạch rằng:

"Bạch Thế Tôn, con không thiếu thốn gì, an ổn khoái lạc, và sức khỏe vẫn như thường."

---

1. Bản Hán, quyển 50. Tương đương Pāli, N.66 Laṭukikopama-suttaṃ.
2. Ương-già ━m━━C Pāli: Anga, một trong mười sáu đại quốc phía đông Magadha, cách con sông Campa. Bản Pāli: Aṅgauttarāpesu.
3. A-hòa-na ━恕━━C Pāli: Āpana, một thị trấn ở trong Aṅguttarāpa, một bộ phận của nước Aṅga.
4. Kiền-nhã ━━Y━C Pāli: Keniya; dịch là "Chúng tụ", Phiên Phạn Ngữ 10 No.2130, Đại 54 tr.1041b).
5. Trú kinh hành ━━g━━C Pāli: divāvihāra, "an trú ban ngày" tức nghỉ ngày, hay nghỉ trưa, không phải kinh hành đi bộ.

Thế Tôn lại hỏi rằng:

"Này Ô-đà-di, vì sao ông không thiếu thốn, thường được an ổn, và sức khỏe vẫn như thường?"

Tôn giả Ô-đà-di đáp rằng:

"Bạch Thế Tôn, con riêng một mình ngồi tĩnh tọa chỗ thanh vắng mà tư duy, trong tâm nghĩ rằng, 'Đức Thế Tôn làm lợi ích rất nhiều cho chúng ta. Đức Thiện Thệ mang lại sự an ổn rất nhiều cho chúng ta. Đức Thế Tôn trừ cho chúng ta các pháp khổ, làm tăng thêm pháp lợi ích an lạc cho chúng ta. Đức Thế Tôn trừ cho chúng ta vô lượng pháp ác, pháp bất thiện, làm tăng thêm vô lượng pháp thiện và vi diệu cho chúng ta.'

"Bạch Thế Tôn, khi xưa Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo rằng, 'Hãy dứt trừ việc ăn quá ngọ[6].' Bạch Thế Tôn, chúng con nghe rồi mà không kham không nhẫn, không muốn, không vui, mà nghĩ rằng, 'Nếu có Phạm chí, Cư sĩ tín tâm đi đến chúng viên bố thí, tạo phước rộng rãi, chúng ta tự tay nhận lấy đồ ăn; nhưng Thế Tôn hôm nay dạy ta từ bỏ điều này; Đức Thiện Thệ dạy ta dứt tuyệt điều này.' Chúng con lại nói như vầy, 'Vị Đại Sa-môn ấy không tiêu hóa nổi đồ ăn.' Nhưng chúng con đối với oai thần diệu đức của Thế Tôn, kính trọng, bất kham, cho nên chúng con chấm dứt việc ăn sau giờ ngọ.

"Lại nữa, khi xưa Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo rằng, 'Các ông hãy dứt trừ việc ăn tối.' Bạch Thế Tôn, chúng con nghe rồi mà không kham, không nhẫn, không thích, không vui. Chúng con nghĩ rằng, 'Trong hai bữa ăn rất tối thượng, tối diệu, tối thắng, tối mỹ mà Thế Tôn nay dạy ta chấm dứt cả.' Chúng con lại nói rằng, 'Vị Đại Sa-môn này không tiêu hóa nổi đồ ăn.'

"Bạch Thế Tôn, khi xưa có một cư sĩ mang rất nhiều đồ ăn thức uống ngon lành trở về nhà, bảo người nhà rằng, 'Các ngươi hãy lấy đồ ăn này đem cất một chỗ. Ta sẽ tụ tập mọi người để ăn ban đêm, không ăn buổi sáng và buổi trưa.' Bạch Thế Tôn, nếu các nhà bày soạn các món ăn rất ngon lành thượng diệu, chỉ ăn trong ban đêm mà ta thì buổi sáng và buổi trưa, nhưng Thế Tôn nay dạy ta từ bỏ việc đó, Đức Thiện Thệ dạy ta dứt trừ việc đó.' Nhưng chúng con đối với oai thần diệu đức của Thế Tôn, kính trọng bất kham, cho nên chúng con chấm dứt việc ăn ban đêm.

"Bạch Thế Tôn, con lại nghĩ rằng, 'Nếu có Tỳ-kheo phi thời đi vào thôn ấp khất thực, hoặc có thể gặp kẻ đạo tặc đang hành sự hay chưa hành sự, hoặc gặp cọp, gặp nai, hoặc gặp cả cọp nai, hoặc gặp beo gặp gấu, hoặc gặp cả beo gấu, hoặc sống[7] ở những chỗ như vậy, hoặc gặp voi dữ, ngựa dữ, bò dữ, chó dữ, hoặc gặp ổ rắn, hoặc bị ném đất, hoặc bị gậy đánh, hoặc té vào mương rãnh, hoặc rơi vào hầm xí, hoặc cỡi lên bò đang nằm, hoặc lọt xuống hầm sâu, hoặc vướng vào bụi gai, xem xét thấy nhà trống mà bước vào nhà như vậy, khi vào trong đó rồi, người con gái thấy rủ rê làm việc bất tịnh hạnh xấu xa.

"Bạch Thế Tôn, xưa có một Tỳ-kheo trong đêm tối mịt, trời mưa lâm râm, chớp lóe như lửa xẹt, mà phi thời đi vào nhà người ta khất thực. Bấy giờ người đàn bà đi ngoài rửa chén bát. Khi ấy người đàn bà này trong cơn chớp lóe, trông xa thấy Tỳ-kheo tưởng là quỷ. Thấy rồi, bà ta kinh hãi, lông tóc dựng ngược, thất thanh la lớn, tức thì ngả xuống[8], miệng nói rằng, 'Ông là ma! Ông là ma!' Tỳ-kheo mới nói với người đàn bà ấy rằng, 'Này cô em, tôi không phải là ma đâu, tôi là Sa-môn đến khất thực.' Bấy giờ

---

6. Quá trung thực -L----C Pāli: divāvikālabhojanam: ăn phi thời ban ngày.
7. Vãng ---A Tống-Nguyên-Minh: trú ---C
8. Đọa thần -Z-W-A xẩy thai; Tống-Nguyên-Minh: đọa thân -Z---C

người đàn bà ấy giận và mắng vị Tỳ-kheo rất nhức nhối, rất dữ dằn rằng, 'Sa-môn hãy vong mạng cho lẹ đi! Bố mẹ Sa-môn hãy chết cho lẹ đi! Dòng họ Sa-môn hãy tuyệt diệt đi! Sa-môn hãy lòi ruột đi! Sa-môn trọc đầu, đen thui, tuyệt tự, không con cái! Hãy cầm dao bén mà tự mổ bụng đi! Chớ đừng đi khất thực phi thời ban đêm. Ôi chao! Tại Sa-môn mà tôi bị té!' Bạch Thế Tôn, con nhớ lại việc ấy rồi tâm sanh hân hoan. Bạch Thế Tôn, con nhờ sự hân hoan này mà sung mãn châu thân, chánh niệm chánh trí, phát sanh hỷ, khinh an, lạc, định. Bạch Thế Tôn, con nhờ định này, sung mãn châu thân mà được chánh niệm chánh trí. Như vậy, bạch Thế Tôn, con không thiếu thốn gì, thường được an ổn, khoái lạc, khí lực bình thường."

Thế Tôn khen rằng:

"Lành thay! Lành thay! Ô-đà-di, ông nay không phải như người ngu si kia, khi Ta nói với người ngu si ấy rằng, 'Các ông hãy từ bỏ điều này', thì nó nói rằng, 'Đó là việc nhỏ nhặt, đủ thiếu gì mà phải từ bỏ. Nhưng nay Thế Tôn dạy ta phải từ bỏ việc ấy. Thiện Thệ muốn ta dứt tuyệt việc ấy!' Và nó cũng nói như vầy, 'Vị Đại sa-môn này không tiêu hóa nổi đồ ăn', rồi nó không từ bỏ. Không phải chỉ với Ta mà nó không vừa ý, không nhẫn thọ; đối với các Tỳ-kheo khéo giữ gìn giới, nó cũng không vừa ý, không nhẫn thọ. Này Ô-đà-di, người ngu si kia bị trói buộc rất cứng, rất chặt, càng lúc càng gắt gao không thể đoạn tuyệt, không thể giải thoát.

"Này Ô-đà-di, ví như có một con ruồi bị dính dưới bãi nước mũi. Nó ở trong đó hoặc khổ hoặc chết. Này Ô-đà-di, hoặc có người nói rằng: "Con ruồi kia tuy bị dính mà không cứng, không chặt, không càng lúc càng gắt gao nên có thể đoạn tuyệt, có thể giải thoát, nói như vậy có đúng không?"

Ô-đà-di bạch rằng:

"Không đúng, bạch Thế Tôn! Vì sao? Vì con ruồi đã bị dính. Nó ở trong đó hoặc khổ hoặc bị chết. Thế nên, bạch Thế Tôn, con ruồi kia bị dính rất cứng, rất chặt, càng lúc càng gắt gao, không thể đoạn tuyệt, không thể giải thoát."

"Này Ô-đà-di, người ngu si kia được Ta bảo rằng 'Các ngươi hãy từ bỏ điều này,' thì nó nói như vầy, 'Đó là việc nhỏ nhặt, đủ thiếu gì mà phải từ bỏ. Nhưng Thế Tôn nay dạy ta phải từ bỏ việc ấy! Thiện Thệ muốn ta từ bỏ việc ấy!' Và nó cũng nói như vầy, 'Vị Đại Sa-môn này không tiêu hóa nổi đồ ăn.' Rồi nó không từ bỏ. Không chỉ đối với Ta nó không vừa ý, không nhẫn thọ, mà chúng đối với các Tỳ-kheo khéo giữ gìn giới, nó cũng không vừa ý, không nhẫn thọ. Này Ô-đà-di, người ngu si kia bị trói rất cứng, rất chặt, càng lúc càng gắt gao, không thể đoạn tuyệt, không thể giải thoát. Này Ô-đà-di, nếu có một thiện gia nam tử được Ta bảo rằng, 'Ngươi hãy từ bỏ điều này," thì người ấy không nói như vầy, 'Đó là việc nhỏ nhặt, đủ thiếu gì mà phải từ bỏ. Nhưng Thế Tôn nay dạy ta từ bỏ việc ấy! Thiện Thệ muốn ta từ bỏ!" và cũng không nói như vầy, 'Vị Đại Sa-môn này không tiêu hóa nổi đồ ăn.' Rồi người ấy từ bỏ. Người ấy đối với Ta không sanh tâm không vừa ý, không nhẫn thọ, và đối với các Tỳ-kheo khéo giữ gìn giới, cũng không sanh tâm không vừa ý, không nhẫn thọ. Này Ô-đà-di, thiện gia nam tử ấy không bị trói cứng, không chắc, không càng lúc càng gắt gao, có thể đoạn tuyệt, có thể giải thoát.

"Này Ô-đà-di, ví như con voi chúa tuổi đến sáu mươi, sẽ thành một ma-ha-năng-già[9] kiêu ngạo, đủ ngà đủ vóc, gân sức tráng kiện, nó bị trói chặt, nhưng nó nỗ lực chuyển mình, sự trói chặt kia liền bị bức, và nó trở về chỗ cũ. Này Ô-đà-di, nếu có người nói như

9. Ma-ha-năng-già; Pāli: mahānāga. Bản Pāli: rañño nāgo, con voi của vua.

vầy, ‘Con voi chúa to lớn kia tuổi đến sáu mươi, đã thành một ma-ha-năng-già kiêu ngạo, đủ ngà đủ vóc, gân sức tráng kiện, nó bị trói chặt, càng lúc càng gắt gao, không thể đoạn tuyệt, không thể giải thoát được.’ Nói như vậy có đúng không?”

Tôn giả Ô-đà-di bạch rằng:

“Không đúng, bạch Thế Tôn! Vì sao? Vì con voi chúa to lớn kia tuổi đến sáu mươi, đã thành một ma-ha-năng-già kiêu ngạo, đủ ngà đủ vóc, gân cốt tráng kiện, bị trói chặt, nhưng nó nỗ lực cựa mình, sự trói chặt kia liền bị bứt và nó trở về chỗ cũ. Bạch Thế Tôn, cho nên con voi chúa to lớn kia, tuổi đến sáu mươi, đã trở thành một ma-ha-năng-già kiêu ngạo, gân cốt tráng kiện, sự trói buộc kia không chặt, không càng lúc càng gắt gao, có thể đoạn tuyệt, có thể giải thoát.”

“Cũng như vậy, này Ô-đà-di, với thiện gia nam tử kia, Ta khuyên rằng, ‘Ngươi hãy từ bỏ điều này’, người ấy không nói như vầy, ‘Đó là việc nhỏ nhặt, đủ thiếu gì mà phải từ bỏ! Nhưng Thế Tôn nay dạy ta từ bỏ! Thiện Thệ muốn ta từ bỏ!” Và cũng không nói như vầy, ‘Vị Đại Sa-môn này không tiêu hóa nổi đồ ăn’ và người ấy liền từ bỏ. Không chỉ đối với Ta vị ấy không sanh tâm không vừa ý, không chấp nhận mà đối với những Tỳ-kheo khéo giữ gìn giới cũng không sanh tâm không vừa ý, không chấp nhận. Này Ô-đà-di, thiện gia nam tử ấy bị trói không chặt, không cứng, không càng lúc càng gắt gao, có thể đoạn tuyệt, có thể giải thoát. Này Ô-đà-di, với người ngu si mà Ta khuyên dạy rằng, ‘Ngươi hãy từ bỏ điều này’, người ấy sẽ nói như vầy, ‘Đó là việc nhỏ nhặt, đủ thiếu gì mà phải từ bỏ. Nhưng Thế Tôn nay dạy ta từ bỏ! Thiện Thệ muốn ta từ bỏ!” và cũng nói như vầy, ‘Vị Đại Sa-môn này không tiêu hóa nổi đồ ăn’ rồi nó không chịu từ bỏ. Không chỉ đối với Ta nó sanh tâm không vừa ý, không chấp nhận mà đối với các Tỳ-kheo giữ giới cẩn thận, nó cũng sanh tâm không vừa ý, không chấp nhận. Này Ô-đà-di, người ngu si kia bị trói chặt cứng, rất chặt, càng lúc càng gắt gao, không thể đoạn tuyệt, không thể giải thoát.

“Này Ô-đà-di, ví như người nghèo khổ, không có của cải, cũng không có thế lực; người ấy có một người vợ mà cặp mắt bị mù, lại xấu xí, không khả ái; chỉ có một cái

nhà đổ nát, mưa dột, chim quạ bu đến đậu, tệ không thể ở. Lại có một cái giường bị gãy sập, tệ không thể nằm; có một cái lu bị thủng không dùng được. Người ấy thấy vị Tỳ-kheo sau khi ăn xong, rửa sạch chân, trải ni-sư-đàn ngồi dưới một gốc cây mát mẻ điều hòa mà tu tập tăng thượng tâm. Người ấy thấy vậy trong tâm nghĩ rằng 'Sa-môn thật là khoái lạc, Sa-môn như Niết-bàn. Ta thật là xấu xa vô đức. Vì sao? Vì ta có một người vợ mà cặp mắt bị mù, lại xấu xí, không khả ái, nhưng không thể bỏ; chỉ có một cái nhà đổ nát, mưa dột, chim quạ bu đến đậu, tệ không thể ở, nhưng cũng không thể bỏ. Lại có một cái giường bị gãy sập, tệ không thể nằm; có một cái lu bị thủng không dùng được nhưng cũng không thể bỏ. Ta ưa thích Tỳ-kheo, cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo. Này Ô-đà-di, nếu có người nói như vầy, 'Người nghèo khổ kia không có tiền của cũng không có thế lực, mà bị trói buộc không cứng không chặt, không càng lúc càng gắt gao, có thể đoạn tuyệt có thể giải thoát, nói như vậy có đúng chăng?"

Tôn giả Ô-đà-di đáp:

"Không đúng, bạch Thế Tôn! Vì sao? Vì người nghèo khổ kia không có tiền của cũng không có thế lực, có một người vợ mà cặp mắt bị mù, lại xấu xí, không khả ái, nhưng không thể bỏ; chỉ có một cái nhà đổ nát, mưa dột, chim quạ bu đến đậu, tệ không thể ở, nhưng cũng không thể bỏ. Lại có một cái giường bị gãy sập, tệ không thể nằm; có một cái lu bị thủng không dùng được nhưng cũng không thể bỏ. Dù người ấy ưa thích như vị Tỳ-kheo, cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo. Bạch Thế Tôn, thế cho nên người nghèo khổ kia, không có tiền của cũng không có thế lực, bị trói rất cứng, rất chặt, càng lúc càng gắt gao không thể đoạn tuyệt cũng không thể giải thoát được."

"Cũng vậy, này Ô-đà-di, nếu có người ngu si mà Ta khuyên rằng 'Ngươi hãy từ bỏ điều ấy, người ấy lại nói rằng 'Đó là việc nhỏ nhặt, đủ thiếu gì mà phải từ bỏ. Nhưng Thế Tôn dạy ta phải từ bỏ! Thiện Thệ dạy ta phải từ bỏ!" Và cũng nói 'Vị Đại Sa-môn này không tiêu hóa đồ ăn.' Rồi người ấy không đoạn trừ. Nó không chỉ đối với

Ta sanh tâm không vừa ý, không chấp nhận, mà đối với các Tỳ-kheo giữ gìn giới hạnh cẩn thận, nó cũng sanh tâm không vừa ý, không chấp nhận. Này Ô-đà-di, thế cho nên người ngu si kia bị trói rất cứng, rất chặt, càng lúc càng gắt gao, không thể đoạn trừ, không thể giải thoát. Này Ô-đà-di, nếu một thiện gia nam tử mà Ta khuyên rằng 'Ngươi hãy từ bỏ điều này,' người ấy không nói như vầy 'Ấy là việc nhỏ nhặt, đủ thiếu gì mà phải từ bỏ. Nhưng Thế Tôn dạy ta phải từ bỏ! Thiện Thệ dạy ta phải từ bỏ!" Và cũng không nói 'Vị Đại Sa-môn này không tiêu hóa đồ ăn.' Rồi người ấy đoạn trừ. Người không chỉ đối với Ta không sanh tâm không vừa ý, không chấp nhận, mà đối với các Tỳ-kheo giữ gìn giới hạnh cẩn thận, nó cũng không sanh tâm không vừa ý, không chấp nhận. Này Ô-đà-di, thế cho nên thiện gia nam tử kia bị trói không cứng, không chặt, không càng lúc càng gắt gao, có thể đoạn trừ, có thể giải thoát.

"Này Ô-đà-di, ví như cư sĩ, con cư sĩ, rất giàu có, sung sướng, rất nhiều tiền của, sản nghiệp súc mục không thể tính được, phong hộ thực ấp, lúa gạo, bao nhiêu những nhu dụng sinh sống đều rất đầy đủ. Nô tỳ, voi ngựa thôi thì không kể. Người ấy thấy vị Tỳ-kheo sau khi ăn xong, rửa tay chân, trải ni-sư-đàn ngồi dưới một gốc cây mát mẻ điều hòa mà tu tập tăng thượng tâm. Thấy vậy người ấy nghĩ rằng 'Sa-môn thật là khoái lạc, Sa-môn như Niết-bàn. Ta nên từ bỏ sự giàu sang sung sướng, vàng bạc châu báu, voi ngựa, nô tỳ, hâm mộ làm Tỳ-kheo, cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo!' Này Ô-đà-di, có người lại nghĩ rằng 'Người cư sĩ, con người cư sĩ kia bị trói rất cứng, rất chặt, càng lúc càng gắt gao, không thể đoạn trừ, không được giải thoát.' Nói như vậy có đúng không?"

Tôn giả Ô-đà-di bạch rằng:

"Không đúng, bạch Thế Tôn! Vì sao? Vì người cư sĩ hay con người cư sĩ kia có thể xa lìa, vứt bỏ sự giàu sang, phú quý, vàng bạc châu báu, lúa gạo, voi ngựa, nô tỳ để làm Tỳ-kheo, cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo. Bạch Thế Tôn, thế cho nên người cư sĩ hay con người cư sĩ kia bị trói không cứng chặt, không càng lúc càng gắt gao, có thể đoạn trừ, có thể giải thoát được."

"Cũng như vậy, này Ô-đà-di, nếu một thiện gia nam tử mà Ta khuyên rằng 'Ngươi hãy từ bỏ điều này,' người ấy không nói như vầy 'Ấy là việc nhỏ nhặt, đủ thiếu gì mà phải từ bỏ. Nhưng Thế Tôn dạy ta phải từ bỏ! Thiện Thệ dạy ta phải từ bỏ!" Và cũng không nói 'Vị Đại Sa-môn này không tiêu hóa đồ ăn.' Rồi người ấy đoạn trừ. Người không chỉ đối với Ta không sanh tâm không vừa ý, không chấp nhận, mà đối với các Tỳ-kheo giữ gìn giới hạnh cẩn thận, nó cũng không sanh tâm không vừa ý, không chấp nhận. Này Ô-đà-di, thế cho nên thiện gia nam tử kia bị trói không cứng, không chặt, không càng lúc càng gắt gao, có thể đoạn trừ, có thể giải thoát.

"Này Ô-đà-di, Tỳ-kheo hành xả[1]. Vị ấy hành xả rồi, phát sanh suy niệm tương ưng với dục[2], bị ái lạc ràng buộc. Vị ấy ham thích nó, không đoạn, không trụ[3], không nhả bỏ. Này Ô-đà-di, Ta nói đó là trói buộc, không nói là giải thoát. Vì sao? Vì các kết sử là bất thiện. Ô-đà-di, vì kết sử là bất thiện, cho nên Ta nói đó là trói buộc, không nói là giải thoát.

---

1. Hành xả ——C Pāli: upadhipahānāya paṭipannaṃ, hướng đến đoạn trừ hữu dư y, thực hành để xả trừ sanh y (hữu y).
2. Dục tương ưng niệm ——————F Pāli: upadhipaṭisaṃyuttā sarasaṃkappā, những niệm tưởng và tư duy liên hệ chặt với sanh y.
3. Bất trụ, ở đây nên hiểu là "làm cho không tồn tại"; Pāli: anabhāvaṃ gameti.

"Này Ô-đà-di, Tỳ-kheo hành xả; vị ấy hành xả rồi, phát sanh suy niệm tương ưng với dục, bị ái lạc ràng buộc. Vị ấy không ham thích nó, nhưng đoạn, trụ, nhả bỏ. Này Ô-đà-di, Ta nói đó cũng là trói buộc, không phải là giải thoát. Vì sao? Vì các kết sử là bất thiện[4]. Này Ô-đà-di, vì kết sử bất thiện, cho nên Ta nói là trói buộc, không nói là giải thoát.

"Này Ô-đà-di, Tỳ-kheo hành xả; vị ấy hành xả rồi, thỉnh thoảng ý lãng quên, song hành với suy niệm tương ưng với dục, bị ái lạc ràng buộc, sự quán chậm nhưng bị diệt nhanh[5]. Này Ô-đà-di, ví như hòn sắt hay lưỡi cày sắt trọn ngày bị đốt, nếu có người nhỏ lên đó hai hoặc ba giọt nước, nhỏ chậm, không liên tục nước bèn tiêu tan mau chóng. Này Ô-đà-di, cũng vậy, Tỳ-kheo hành xả; vị ấy hành xả rồi thỉnh thoảng quên lãng, song hành với niệm tương ưng dục, bị ái lạc ràng buộc, sự quán chậm bị diệt nhanh. Này Ô-đà-di, Ta nói như thế là trói buộc không phải là giải thoát. Vì sao? Vì các kết sử là bất thiện. Này Ô-đà-di, vì kết sử bất thiện cho nên Ta nói là trói buộc, không nói là giải thoát.

"Này Ô-đà-di, cùng ở nơi gốc rễ của khổ, mà du hành không sanh tử, ở nơi vô thượng ái tận mà thiện tâm giải thoát[6]. Này Ô-đà-di, Ta nói là giải thoát, không nói là trói buộc. Vì sao? Vì các kết sử đã chấm dứt. Này Ô-đà-di, vì các kiết sử đã chấm dứt cho nên Ta nói là giải thoát không nói là trói buộc.

"Này Ô-đà-di, có sự an lạc không phải là thánh lạc mà là phàm phu lạc, là gốc rễ của bệnh hoạn, gốc rễ của mụt nhọt, gốc rễ của gai nhọn, có thức ăn[7], có sanh tử, không nên tu, không nên tập hành, không nên phát triển. Ta nói đối với sự lạc ấy không nên tu tập. Này Ô-đà-di, có sự lạc gọi là thánh lạc, là sự lạc vô dục, lạc viễn ly, lạc tịch tịnh, lạc chánh giác, không có thức ăn, không sanh tử, nên tu, nên tập hành, nên phát triển. Ta nói đối với sự lạc ấy nên tu tập.

"Này Ô-đà-di, thế nào gọi là sự lạc không phải là thánh lạc mà là phàm phu lạc, là gốc rễ của bệnh hoạn, gốc rễ của mụt nhọt, là gốc rễ của tên dâm, có thức ăn, có sanh tử, không nên tu, không nên tập hành, không nên phát triển, Ta nói đối với sự lạc ấy không nên tu tập? Nếu nhân nơi ngũ dục mà sanh lạc, sanh hỷ, đó là sự lạc không phải là thánh lạc, mà là phàm phu lạc, là gốc rễ của bệnh hoạn, gốc rễ của mụt nhọt, gốc rễ của gai nhọn, có thức ăn, có sanh tử, không nên tu tập, không nên tập hành, không nên phát triển, Ta nói đối với sự lạc ấy không nên tu tập.

"Này Ô-đà-di, thế nào là có sự lạc được gọi là thánh lạc? Đó là sự lạc vô dục, lạc viễn ly, lạc tịch tĩnh, lạc chánh giác, không có thức ăn, không sanh tử, nên tu, nên tập hành, nên phát triển, Ta nói đối với sự lạc ấy nên tu tập.

"Này Ô-đà-di, Tỳ-kheo ly dục, ly pháp ác bất thiện, cho đến chứng đắc đệ Tứ thiền, thành tựu và an trụ. Đó là sự lạc được gọi là thánh lạc, là sự lạc vô dục, lạc viễn ly, lạc tịch tịnh, lạc chánh giác, không thực, không sanh tử, nên tu, nên tập hành, nên phát triển. Ta nói đối với sự lạc ấy nên tu tập.

"Này Ô-đà-di, Tỳ-kheo ly dục, ly pháp ác bất thiện, có giác có quán, có hỷ lạc do ly

---

4. Pāli: indriyavemattatā hi me... viditā, Ta nói, có sự sai biệt về căn tánh.

5. Trì quán tốc diệt ━━[━t ━━C Pāli: dandho... satuppādo... namṃ khippameva pajahati, niệm khởi lên chậm nhưng bị đoạn tuyệt nhanh.

6. Pāli: upadhi dukkhassa mūlan ti viditvā iti norupadhi hoti upadhisaṃkhaye vimutto, sanh y là gốc rễ của khổ; sau khi biết như vậy, trở thành không sanh y, giải thoát với sự diệt tận của sanh y.

7. Thực, đồng nghĩa với duyên; xem kinh 52 trên.

dục phát sanh, chứng đắc Sơ thiền thành tựu an trú. Thánh nói đó là di động. Trong đó những gì mà Thánh nói là di động? Trong đó có giác có quán nên Thánh nói là di động.

"Trong đây những gì mà Thánh nói là di động? Nầy Ô-đà-di, Tỳ-kheo giác quán tịch tịnh, nội tâm tĩnh chỉ, nhất tâm, không giác, không quán, có hỷ lạc do định sanh, chứng đắc Nhị thiền, thành tựu và an trụ. Đó là điều mà Thánh nói là di động. Trong đó những gì mà Thánh nói là di động? Nếu đạt được hỷ này Thánh nói là di động.

"Trong đây những gì mà Thánh nói là di động? Này Ô-đà-di, Tỳ-kheo xả ly hỷ dục, xả, vô cấu, an trụ chánh niệm, chánh trí thân cảm giác lạc, điều mà Thánh nói là Thánh xả, niệm, an trú lạc[8], chứng đắc đệ Tam thiền, thành tựu và an trụ. Đó là điều mà Thánh nói là di động. Trong đó những gì mà Thánh nói là di động? Vì có tâm lạc[9] nên Thánh nói là di động.

"Trong đây những gì mà Thánh nói là không di động? Này Ô-đà-di, Tỳ-kheo lạc diệt, khổ diệt, hỷ ưu vốn đã diệt, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh, chứng đắc Tứ thiền, thành tựu và an trú. Đó là điều mà Thánh nói là không di động.

"Này Ô-đà-di, Tỳ-kheo ly dục, ly ác bất thiện pháp, có giác có quán, có hỷ lạc do ly dục sanh, chứng đắc Sơ thiền thành tựu và an trụ. Này Ô-đà-di, ở đây Ta nói chưa được hoàn toàn, chưa đạt đến đoạn trừ, không đạt đến sự quá độ[10]. Trong đó những gì là quá độ? Này Ô-đà-di, Tỳ-kheo giác quán đã dứt, nội tĩnh, nhất tâm, không giác không quán, hỷ lạc do định sanh, đạt đến Nhị thiền, thành tựu và an trụ. Đấy là sự quá độ, được nói đến trong đó. Này Ô-đà-di, Ta nói đây cũng chưa đạt được hoàn toàn, không đạt đến sự đoạn trừ, không đạt đến sự quá độ. Vậy trong đó những gì là quá độ? Này Ô-đà-di, Tỳ-kheo ly hỷ dục, xả, an trú vô cầu, chánh niệm chánh trí, thân cảm thọ lạc, điều mà Thánh gọi là Thánh xả, niệm, an trụ lạc, chứng đắc đệ Tam thiền, thành tựu và an trú. Đây là sự quá độ được nói đến trong đó. Này Ô-đà-di, Ta nói ở đây cũng chưa được hoàn toàn, không đạt đến đoạn trừ, không đạt đến sự quá độ. Vậy trong đó những gì là quá độ? Này Ô-đà-di, Tỳ-kheo lạc diệt, khổ diệt, hỷ và ưu vốn đã diệt, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh, đạt đến cõi Tứ thiền, thành tựu và an trú. Đây là sự quá độ được nói đến trong đó. Này Ô-đà-di, Ta nói đó cũng chưa được hoàn toàn, không đạt đến sự đoạn trừ, không đạt đến sự quá độ. Vậy trong đó những gì là quá độ? Này Ô-đà-di, Tỳ-kheo vượt qua khỏi tất cả sắc tưởng, diệt hữu đối tưởng, không tư duy đến bất cứ loại tưởng nào, nhập vô lượng không, chứng vô lượng không xứ, thành tựu và an trú. Đây là sự quá độ được nói đến trong đó. Này Ô-đà-di, Ta nói đó cũng chưa đạt được hoàn toàn, không đạt đến sự đoạn trừ, không đạt đến sự quá độ. Vậy trong đó những gì là quá độ? Này Ô-đà-di, Tỳ-kheo vượt qua tất cả vô lượng không xứ, nhập vô lượng thức, chứng vô lượng thức xứ, thành tựu và an trú. Đây là sự quá độ được nói đến trong đó. Này Ô-đà-di, Ta nói đó cũng chưa đạt được hoàn toàn, không đạt đến sự đoạn trừ, không đạt đến sự quá độ. Vậy trong đó những gì là quá độ? Này Ô-đà-di, Tỳ-kheo vượt qua tất cả vô lượng thức xứ, nhập vô sở hữu, chứng đắc vô sở hữu xứ, thành tựu và an trụ. Đây là sự quá độ được nói đến trong đó. Này Ô-đà-di, Ta nói đó cũng chưa được hoàn toàn, không đạt đến sự đoạn trừ, không đạt đến sự quá độ. Vậy trong đó những gì là quá độ? Này Ô-đà-di, Tỳ-kheo nhập qua tất cả vô sở hữu xứ, nhập phi hữu tưởng, phi vô tưởng, chứng phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ, thành tựu và an trú. Đây là sự quá độ được nói đến trong đó. Này Ô-đà-di, Ta

---

8. Tống-Nguyên-Minh: lạc trụ *không* ——C Bản Cao-li: lạc trụ *thất* —C Pāli: sukhavihāra, an trú nơi lạc.
9. Tâm lạc. Pāli: upekhāsukham, xả và lạc.
10. Quá độ. Pāli: samatikkama, sự vượt qua.

nói cho đến phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ cũng chưa được hoàn toàn, không đạt đến đoạn trừ, không đạt đến sự quá độ.

"Này Ô-đà-di, có chăng một kết sử nào, hoặc ít hoặc nhiều tồn tại lâu dài mà Ta nói chưa được hoàn toàn, không đạt đến đoạn trừ, không đạt đến sự quá độ; kết sử ấy Ta nói không đoạn trừ?"

Tôn giả Ô-đà-di bạch rằng:

"Không có, bạch Thế Tôn!"

Thế Tôn khen rằng:

"Lành thay! Lành thay! Này Ô-đà-di, ông không phải như người ngu si kia khi Ta khuyên rằng 'Ngươi hãy từ bỏ điều này' người ấy lại nói rằng 'Đó là việc nhỏ nhặt, đủ thiếu gì mà phải từ bỏ. Nhưng Thế Tôn nay bảo ta phải từ bỏ! Thiện Thệ bảo ta phải từ bỏ! Và cũng nói rằng 'Vị Đại Sa-môn này không tiêu hóa nổi đồ ăn' rồi người ấy không chịu từ bỏ. Không chỉ đối với Ta người ấy sanh tâm không vừa ý, không chấp nhận; mà đối với các Tỳ-kheo giữ gìn giới hạnh cẩn thận người ấy cũng sanh tâm không vừa ý, không chấp nhận. Này Ô-đà-di, thế cho nên người ngu si kia bị trói rất cứng, rất chặt, càng lúc càng gắt gao, không thể đoạn trừ, không giải thoát được.

"Này Ô-đà-di, nếu có thiện gia nam tử nào mà Ta khuyên rằng: 'Ngươi hãy từ bỏ điều này', người ấy không nói như vầy 'Đó là việc nhỏ nhặt, đủ thiếu gì mà phải từ bỏ. Nhưng Thế Tôn nay bảo ta phải từ bỏ! Thiện Thệ bảo ta phải từ bỏ!' Và cũng không nói như vầy 'Vị Đại Sa-môn này không tiêu hóa nổi đồ ăn.' Rồi người ấy liền từ bỏ. Người ấy đối với Ta không sanh tâm không vừa ý, không chấp nhận, và đối với các Tỳ-kheo giữ gìn giới cẩn thận vị ấy cũng không sanh tâm không vừa ý, không chấp nhận. Này Ô-đà-di, thế cho nên thiện nam tử kia bị trói không cứng không chặt, không càng lúc càng gắt gao, có thể đoạn trừ, có thể giải thoát."

Phật thuyết như vậy. Tôn giả Ô-đà-di sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

❑

193. KINH MÂU-LÊ-PHÁ-QUẦN-NA[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng lâm, vườn Cấp cô độc.

Bấy giờ Tỳ-kheo Mâu-lê-phá-quần-na[2] thường tụ tập với các Tỳ-kheo-ni. Nếu có vị nào trước mặt Mâu-lê-phá-quần-na mà nói xấu[3] các Tỳ-kheo-ni, thầy liền sân hận, hằn học cho đến cãi vã. Hoặc có vị nào trước mặt Tỳ-kheo-ni nói xấu Tỳ-kheo Mâu-lê-phá-quần-na các Tỳ-kheo-ni nghe vậy liền sân hận hằn học cho đến cãi vã. Một số đông các Tỳ-kheo nghe như vậy liền đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân, ngồi qua một bên thưa rằng:

"Bạch Đức Thế Tôn, Tỳ-kheo Mâu-lê-phá-quần-na thường tụ tập với các Tỳ-kheo-ni. Nếu có vị nào trước mặt Tỳ-kheo Mâu-lê-phá-quần-na nói xấu các Tỳ-kheo-ni, thầy ấy nghe vậy liền sân hận, hằn học cho đến cãi vã. Hoặc có vị nào trước mặt các Tỳ-kheo nói xấu Tỳ-kheo Mâu-lê-phá-quần-na, các Tỳ-kheo-ni nghe vậy liền sân hận, hằn học cho đến cãi vã."

Đức Thế Tôn nghe rồi liền bảo một Tỳ-kheo: "Hãy đến chỗ Tỳ-kheo Mâu-lê-phá-quần-na mà nói rằng: 'Đức Thế Tôn gọi thầy'."

Một Tỳ-kheo nghe Phật dạy như vậy bèn thưa: "Kính vâng, bạch Thế Tôn", rồi cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật, nhiễu quanh ba vòng rồi ra đi.

Vị Tỳ-kheo đó đến chỗ Tỳ-kheo Mâu-lê-phá-quần-na nói rằng: "Đức Thế Tôn gọi thầy."

Tỳ-kheo Mâu-lê-phá-quần-na nghe vậy liền đến chỗ Phật đảnh lễ dưới chân ngồi qua một bên. Đức Thế Tôn nói:

"Phá-quần-na, có thật ngươi thường tụ hội cùng các Tỳ-kheo-ni? Và có vị nào trước mặt ngươi nói xấu các Tỳ-kheo-ni, ngươi nghe vậy liền sân hận, hằn học cho đến cãi vã. Hoặc có vị nào trước mặt các Tỳ-kheo-ni nói xấu ngươi, các Tỳ-kheo-ni ấy liền sân hận hằn học, cho đến cãi vã? Phá-quần-na, có thật vậy không?"

Phá-quần-na thưa rằng:

"Bạch Thế Tôn! Điều đó có thật."

Thế Tôn liền hỏi:

"Phá-quần-na, ngươi há không phải là chí tín, lìa bỏ gia đình sống không gia đình mà học đạo?"

Phá-quần-na đáp:

"Đúng như vậy, bạch Thế Tôn!"

---

1. Tương đương Pāli, M. 21. Kakacūpamasuttaṃ.
2. Mâu-lê-phá-quần-na ▬▬p▬}▬s▬▬C Pāli: Moliyaphagguna.
3. Đạo thuyết ▬D▬▬C Pāli: avaṇṇanaṃ bhāsati, nói điều không tốt.

Đức Phật hỏi:

"Phá-quần-na, như vậy, ngươi chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình mà học đạo, phải học như thế này, nếu có dục, có niệm nào y cứ trên thế tục[4], hãy đoạn trừ. Nếu có dục, có niệm nào y trên vô dục, hãy tập, hãy tu, hãy phát triển rộng lớn. Phá-quần-na, ngươi nên học như vậy."

Rồi Thế Tôn hỏi các Tỳ-kheo:

"Các ông có phải chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình mà học đạo chăng?"

Các Tỳ-kheo đáp:

"Thưa phải, bạch Thế Tôn."

Thế Tôn lại bảo:

"Các ông chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, mà học đạo, hãy học như thế này, nếu có dục, có niệm nào y trên thế tục, hãy đoạn trừ. Nếu có dục, có niệm nào y trên vô dục, hãy tập, hãy tu, hãy phát triển rộng lớn. Các ngươi hãy học như vậy.

"Một thời, Ta đã từng nói với các Tỳ-kheo rằng, 'Này các Tỳ-kheo, hoặc có Tỳ-kheo được nhiều người biết đến[5], hoặc có Tỳ-kheo ít được biết đến, tất cả các vị ấy hãy học Nhất tọa thực[6]. Học Nhất tọa thực rồi, vô vi, vô cầu, không bệnh tật, thân thể nhẹ nhàng, khí lực dồi dào, an ổn sảng khoái.' Các Tỳ-kheo ấy, hoặc được biết đến nhiều, hoặc ít được biết đến, tất cả đều học theo điều Nhất tọa thực. Sau khi học theo điều Nhất tọa thực, vô vi, vô cầu, không tật bệnh, thân thể nhẹ nhàng, khí lực dồi dào, an ổn, sảng khoái. Những Tỳ-kheo ấy hài lòng Ta. và Ta cũng không phải khuyên giáo, khiển trách nhiều. Các Tỳ-kheo nhân đó mà sanh khởi suy niệm pháp tùy pháp hành[7].

"Cũng như người điều khiển chiếc xe ngựa, tay trái cầm cương, tay phải cầm roi, nó theo tám con đường mà di, muốn đến nơi nào cũng được. Các Tỳ-kheo như vậy rất hài lòng Ta, và Ta cũng không phải khuyên giáo, khiển trách nhiều. Các Tỳ-kheo nhân đó sanh khởi suy niệm pháp tùy pháp hành.

"Cũng như khoảng đất tốt có rừng cây sa-la. Người dọn rừng kia thông minh sáng suốt, không biếng nhác, tùy lúc mà dọn sửa gốc rễ cây sa-la, thường cào bừa những rác rưởi và luôn luôn tưới nước, san bằng chỗ cao, lấp bằng chỗ thấp, hai bên nếu cỏ dại mọc đầy thì nhổ bỏ đi, nếu cây nào cong queo, xấu xí, không ngay thẳng, thì nhổ gốc bỏ ra ngoài, nếu có nhánh nào đâm ngang và cong, thì chắt xuống hoặc uốn lại, nếu gần biên vừa mới mọc thêm cây nào đều đặn ngay thẳng, thì tùy lúc mà sửa soạn, thường cào bừa đi những rác rưởi và thường tưới nước. Như vậy, trên khu đất tốt kia rừng cây sa-la càng ngày càng sầm uất. Cũng vậy các Tỳ-kheo làm hài lòng Ta và Ta cũng khỏi phải khuyến giáo, khiển trách nhiều.

"Ta không nói các Tỳ-kheo là thiện ngữ, cung thuận do các nhu dụng sinh sống, y bát, ẩm thực, giường chõng. Vì sao vậy? Tỳ-kheo ấy nếu không nhận được các thứ ấy thì trả lại bằng sự không thiện ngữ cung thuận, thành tựu đức tánh không thiện ngữ cung thuận.

"Nếu có Tỳ-kheo vì viễn ly, y trên viễn ly, sống nơi viễn ly, mà thiện ngữ cung

---

4. Nguyên Hán: *y gia* ▯▯a▯C Pāli: gehasita.

5. Đa sở tri thức ▯h▯▯▯▯A chỉ người nổi tiếng.

6. Nhất tọa thực ▯@▯▯▯A ngữ nguyên không rõ, nhưng ý nghĩa: ăn một ngày một lần. Xem thêm cht.2, kinh 194 dưới. Pāli: ekāsana-bhojana.

7. Nguyên Hán: *sanh niệm hướng pháp thứ pháp*. Pāli: satuppādakaraṇīyaṃ... bhikkhusu, cần khơi dậy chánh niệm nơi các Tỳ-kheo.

thuận, thành tựu đức tánh thiện ngữ cung thuận, Ta nói ấy thật sự là thiện ngữ cung thuận. Vì sao vậy? Ở đây, một Tỳ-kheo khéo thủ hộ, khéo an trú[8] chỉ vì người khác không nói cộc cằn. Nếu người khác ăn nói cộc cằn thì không phẫn nộ, cũng không thù nghịch, cũng không ưu sầu, oán hận, không hằn học giận dữ, không lộ vẻ hung bạo. Các Tỳ-kheo kia sau khi thấy vậy bèn nghĩ rằng 'Hiền giả thật là người nhẫn nhục, ôn hòa, giỏi chịu đựng, giỏi tự chủ, khéo định, khéo trầm tĩnh. Nếu người khác ăn nói cộc cằn thì liền hằn học, thù nghịch, ưu phiền, ôm hận, lộ vẻ hung dữ. Các Tỳ-kheo kia thấy vậy bèn nói 'Hiền giả này ngoan cố, nóng nảy, thô lỗ, không định, không tự chủ, không trầm tĩnh.' Vì sao vậy?

"Này các Tỳ-kheo, có một nữ cư sĩ tên là Bệ-đà-đề[9], rất giàu sang sung sướng, có nhiều tiền tài, sản nghiệp súc mục không thể kể xiết, phong hộ thực ấp, lúa gạo đầy đủ, và biết bao nhu dụng sinh sống khác. Bấy giờ nữ cư sĩ Bệ-đà-đề được vang danh khắp nơi với tiếng tốt như vầy 'Nữ cư sĩ Bệ-đà-đề là người nhẫn nhục, nhu thuận, ôn hòa, giỏi tự chế, khéo định tĩnh, khéo trầm tịnh.'

"Bấy giờ nữ cư sĩ ấy có một nữ tỳ tên là Hắc[10] hầu hạ. Nữ tỳ ăn nói dịu dàng, ít nhiều hành thiện. Hắc nữ tỳ ấy bèn nghĩ rằng 'Chủ nhân ta, nữ cư sĩ Bệ-đà-đề được vang danh khắp nơi với tiếng tốt như vầy 'Nữ cư sĩ Bệ-đà-đề là người nhu thuận, nhẫn nhục, ôn hòa, giỏi tự chế, khéo định tĩnh, khéo trầm tịnh. Nay ta hãy thử xem chủ nhân nữ cư sĩ Bệ-đà-đề thật sự có sân hay không sân.'

"Rồi Hắc nô tỳ nằm ngủ không dậy sớm. Phu nhân gọi dậy, 'Hắc tỳ, sao ngươi không dậy sớm?' Hắc tỳ nghe vậy bèn nghĩ rằng 'Chủ nhân ta, nữ cư sĩ Bệ-đà-đề, sự thật có sân chứ không phải không sân, nhưng vì ta giỏi lo liệu việc nhà, giỏi quán xuyến và chu tất, khiến cho chủ ta nữ cư sĩ Bệ-đà-đề được vang danh với tiếng tốt như vầy 'Nữ cư sĩ Bệ-đà-đề là người nhẫn nhục, nhu thuận, ôn hòa, giỏi tự chế, khéo định tĩnh, khéo trầm tịnh.' Nay ta hãy thử thách hơn nữa xem chủ ta, nữ cư sĩ Bệ-đà-đề thật sự có sân hay không sân.'

"Rồi Hắc nữ tỳ ngủ không dậy sớm. Phu nhân gọi dậy, 'Hắc tỳ, sao ngươi dậy quá trễ vậy?'

"Hắc nữ tỳ nghe vậy bèn suy nghĩ, 'Chủ ta, nữ cư sĩ Bệ-đà-đề thật sự có sân chớ không phải không sân. Nhưng vì ta khéo lo liệu việc nhà, giỏi quán xuyến và chu tất, nên chủ ta nữ cư sĩ Bệ-đà-đề mới có được vang danh với tiếng tốt như vầy: 'Nữ cư sĩ Bệ-đà-đề là người nhẫn nhục, nhu thuận, ôn hòa, giỏi tự chế, khéo định tĩnh, khéo trầm tịnh'. Nay ta lại thử thách thật lớn, xem chủ ta, nữ cư sĩ Bệ-đà-đề thật sự có sân hay không sân.

"Rồi Hắc nữ tỳ ngủ đến xế trưa mới dậy. Phu nhân gọi: 'Hắc tỳ, sao ngươi ngủ đến xế trưa mới dậy? Ngươi đã không chịu làm việc, cũng không bảo người khác làm. Con Hắc tỳ này không nghe ta dạy. Con Hắc tỳ này khinh mạn ta.' Bèn thịnh nộ, hằn học, trán nổi ba đường gân, mặt mày nhăn nhó, tự mình đến cánh cửa đang đóng, rút then cửa, tay cầm gậy đánh vào đầu nữ tỳ. Nó vỡ đầu chảy máu. Với cái đầu, máu chảy, Hắc nữ tỳ chạy qua nói với hàng xóm, lớn tiếng phân bua, nói xấu đủ điều rằng: "Này các ngài, hãy xem việc làm của người nhẫn nhục, nhu thuận, ôn hòa, giỏi tự chế, khéo định tĩnh, khéo trầm tịnh là như vậy chăng? Người ấy mắng chửi tôi: 'Con Hắc tỳ này không nghe lời ta dạy, con Hắc tỳ này khinh mạn ta.' Rồi thịnh nộ, trán nổi ba đường gân, mặt mày nhăn nhó, tự mình đi đến cánh cửa đang đóng, rút then cửa, tay cầm gậy, đánh vào đầu tôi, vỡ

---

8. Thiện thệ hành ▬▬u▬▬A Nguyên-Minh: thiện du hành ▬▬C▬▬C

9. Cư sĩ phụ Bệ-đà-đề ▬~▬h▬▬@▬▬▬C Pāli: Vedehikā nāma gahapatānī.

10. Tì danh Hắc ▬A▬W▬▬C Pāli: Kāḷī nāma dāsī.

đầu chảy máu." Bấy giờ, nữ cư sĩ Bệ-đà-đề được đồn xa với tiếng xấu như vầy: 'Nữ cư sĩ Bệ-đà-đề hung dữ, nóng nảy, thô lỗ, không tự chế, không định tĩnh, không trầm tịnh.'

"Cũng vậy, ở đây, một người khéo thủ hộ, khéo đi, khéo đến, là do người khác không nói lời cộc cằn. Khi người khác không nói lời cộc cằn, vị ấy không phẫn nộ, không hằn học, không ưu phiền oán hận, không giận dữ thù nghịch, không lộ vẻ hung dữ. Các Tỳ-kheo kia thấy vậy, bèn nghĩ: 'Hiền giả này là người nhẫn nhục, ôn hòa, giỏi chịu đựng, khéo tự chế, khéo định tĩnh, khéo tịch tịnh.' Nếu khi có người khác nói lời cộc cằn bèn phẫn nộ, hằn học, ưu phiền oán hận, giận dữ, thù nghịch, lộ vẻ hung dữ, các Tỳ-kheo khác thấy vậy bèn nghĩ rằng: 'Hiền giả này hung dữ, nóng nảy, thô lỗ, không định tĩnh, không tự chế, không tịch tịnh."

Lại nữa, có năm con đường của ngôn ngữ[11], hoặc nói đúng thời hay không đúng thời, hoặc nói chân thật hay không chân thật hoặc nói dịu dàng hay cứng ngắt, hoặc nói từ hòa hay sân nhuế, hoặc nói có nghĩa lợi hay không nghĩa lợi.

Với năm con đường ngôn ngữ này, các ngươi nếu khi người khác nói mà với tâm bị biến đổi, có thể miệng phát ra lời nói cộc cằn, Ta nói các ngươi do đó mà bị suy thoái.

Các người hãy học, với năm con đường ngôn ngữ này, khi người khác nói mà tâm không bị biến đổi, miệng không phát ra lời nói cộc cằn, hãy hướng đến kẻ thù nghịch, hãy duyên nơi kẻ thù nghịch mà khởi tâm từ mẫn, tâm tương ưng với từ biến mãn một phương, thành tựu và an trụ. Cũng vậy, hai, ba, bốn phương tứ duy, trên dưới, bao trùm tất cả, tâm tương ưng với từ, không kết, không oán, không nhuế, không tranh, rộng lớn, vô lượng, vô biên, khéo tu tập, biến mãn khắp cả thế gian, thành tựu an trụ. Cũng vậy, bi và hỷ. Tâm tương ưng với xả, không kết, không oán, không nhuế, không tranh, rộng lớn, vô lượng, vô biên khéo tu tập, biến mãn khắp cả thế gian, thành tựu an trụ. Các ngươi hãy học như vậy.

Cũng như một người cầm cái cuốc rất lớn đến và nói rằng: "Tôi có thể làm cho cả mặt đất nay trở thành không phải đất." Người ấy bèn đào chỗ này, chỗ kia, rồi nhổ nước miếng, nước tiểu để làm dơ bẩn. Khi người nói lời thô ác nói như vầy: "Mong cả mặt đất này không phải là đất." Ý ngươi nghĩ sao? Người ấy do phương tiện ấy có thể làm cho mặt đất trở thành không phải mặt đất được chăng?"

Các Tỳ-kheo trả lời rằng:

"Không thể được bạch Thế Tôn! Vì sao vậy? Vì cõi đất này rất sâu rất rộng, không thể lường được. Cho nên người kia với phương tiện ấy không thể nào làm cho cõi đất này trở thành không phải đất. Bạch Thế Tôn, người ấy chỉ tự gây phiền nhọc vô ích mà thôi."

"Cũng vậy, với năm con đường ngôn ngữ này mà người khác nói, đúng thời hay không đúng thời, chân thật hay không chân thật, dịu dàng hay cứng ngắt, từ hòa hay sân nhuế, nói có nghĩa lợi hay không có nghĩa lợi. Các ngươi đối với năm con đường ngôn ngữ này, khi người khác nói mà tâm biến đổi, hay miệng phát ra lời nói thô ác, Ta nói các ngươi do đó mà tất phải suy thoái. Các ngươi hãy học, với năm con đường của ngôn ngữ

---

11. Ngũ ngôn đạo ----Dhay ngũ ngữ lộ ---y-_-C(Xem Tập Dị 13, No.1536, Đại 26, tr.421c). Pāli: Pañca Vacanapathā.

này. Khi người khác nói mà tâm không biến đổi, miệng không phát ra lời nói thô ác, hướng đến người nói ấy, duyên nơi người nói ấy mà khởi tâm từ mẫn, như mặt đất tâm hành không kết, không oán, không nhuế, không tranh, rộng lớn, vô lượng, vô biên, khéo tu tập, biến mãn khắp cả thế gian, thành tựu an trú. Các ngươi hãy học như vậy.

"Cũng như một người cầm cây đuốc bằng cỏ rất lớn mà nói như vầy: 'Tôi với cây đuốc bằng cỏ này đun nóng sông Hằng cho sôi sục lên'. Các ngươi nghĩ sao? Người ấy bằng phương tiện ấy có thể làm cho sông Hằng nóng và sôi lên chăng?"

Các Tỳ-kheo trả lời rằng:

"Không thể được, bạch Thế Tôn! Vì sao vậy? Vì sông Hằng kia rất sâu, rất rộng không thể do lường được. Cho nên người ấy với phương tiện ấy không thể làm cho sông Hằng nóng và sôi sục lên được. Bạch Thế Tôn, người ấy chỉ tự gây phiền nhọc vô ích mà thôi."

"Cũng vậy, với năm con đường ngôn ngữ này, nếu người khác nói đúng thời hay không đúng thời, nói chân thật hay không chân thật, nói dịu dàng hay cứng ngắt, nói từ hòa hay sân nhuế, nói có nghĩa lợi hay không nghĩa lợi; các ngươi đối với năm con đường ngôn ngữ này mà khi người khác nói, hoặc tâm biến đổi, hoặc miệng phát ra lời nói thô ác. Ta nói các ngươi do đó tất bị suy thoái. Các ngươi hãy học năm con đường ngôn ngữ này, nếu khi người khác nói mà tâm không biến đổi, miệng không phát ra lời thô ác, hướng đến người ấy, duyên nơi người ấy, khởi tâm từ mẫn, tâm hành như sông Hằng, không kết, không oán, không nhuế, không tranh, rộng lớn, vô lượng vô biên, khéo tu tập, biến mãn khắp cả thế gian, thành tựu an trụ. Các người hãy học như vậy.

"Cũng như thợ vẽ hay đệ tử của thợ vẽ, tay cầm đủ các loại màu và nói như thế này: 'Ở nơi hư không này, tôi vẽ lên các hình tượng, rồi y tô lên các loại màu', các ngươi nghĩ sao? Thợ vẽ hay đệ tử của thợ vẽ ấy, bằng phương tiện ấy, có thể vẽ lên hư không các hình tượng, rồi tô lên các loại màu này chăng?"

Các Tỳ-kheo đáp:

"Không thể, bạch Thế Tôn! Vì sao vậy? Hư không này không phải là vật sắc, không thể thấy, không có đối ngại. Do đó, thợ vẽ hay đệ tử của thợ vẽ, bằng phương tiện ấy không thể vẽ lên hư không các hình tượng rồi tô lên các loại màu. Thợ vẽ và đệ tử của thợ vẽ chỉ tự gây phiền nhọc vô ích mà thôi."

"Cũng vậy, bằng năm con đường ngôn ngữ này mà người khác nói, hoặc đúng thời hay không đúng thời, hoặc chân thật hay không chân thật, hoặc dịu dàng hay thô lỗ, hoặc từ hòa hay sân nhuế, hoặc có nghĩa lợi hay không có nghĩa lợi, các ngươi đối

với năm con đường ngôn ngữ này mà khi người khác nói, tâm không biến đổi. Miệng không phát ra lời thô ác, hướng đến người khác nói, duyên nơi người khác nói, mà khởi tâm từ mẫn, tâm hành hư không, không kết, không oán, không nhuế, không tranh, rộng lớn, vô lượng, vô biên, khéo tu tập, biến mãn khắp cả thế gian, thành tựu an trụ. Các ngươi hãy học như vậy.

"Cũng như một cái túi bằng da mèo đã được thuộc mềm, rất mềm nhũn, hết tiếng xì xộp, không còn tiếng xì xộp, và có một người hoặc nắm hoặc đấm, hoặc lấy đá chọi, hoặc dùng gậy đánh, hoặc lấy dao chém, hoặc đập xuống đất, các ngươi nghĩ sao? Cái túi da mèo đã được thuộc mềm, rất mềm nhũn, làm hết tiếng xì xộp, không còn tiếng xì xộp, bấy giờ lại phát ra tiếng kêu xì xộp nữa chăng?"

Các Tỳ-kheo đáp:

"Không thể được, bạch Thế Tôn! Vì sao vậy? Vì cái túi ấy bằng da mèo đã được thuộc mềm, rất mềm nhũn, làm hết tiếng xì xộp, không còn tiếng xì xộp nữa, cho nên nó không còn phát ra tiếng xì xộp nữa."

"Cũng vậy, này các Tỳ-kheo, nếu có người khác, nắm tay đấm các ngươi, hoặc vác đá chọi, hoặc xách gậy đánh, hoặc lấy dao chém các ngươi, nếu khi bị người khác nắm tay đấm, vác đá chọi, dùng gậy đánh, lấy dao chém, mà tâm biến đổi, hoặc miệng phát ra lời thô ác, Ta nói các ngươi nhân đó tất bị suy thoái. Các ngươi hãy học như vậy. Nếu bị người khác nắm tay đấm, vác đá chọi dùng gậy đánh, lấy dao chém, tâm không biến đổi, miệng không phát ra lời thô ác, hướng đến người đánh đập, duyên nơi người đánh đập mà khởi tâm từ mẫn, tâm hành như cái túi da mèo, không kết, không oán, không nhuế, không tranh, rộng rãi, vô lượng, vô biên, khéo tu tập, biến mãn khắp cả thế gian, thành tựu an trụ. Các ngươi hãy học như vậy.

"Nếu có giặc cướp đến, bằng lưỡi cưa bén, cắt xẻ tay chân chi tiết. Này các ngươi, nếu có giặc cướp đến, dùng lưỡi cưa bén mà xẻ tay chân chi tiết các ngươi mà các ngươi hoặc tâm biến đổi, hoặc miệng phát ra lời thô ác, Ta nói các ngươi nhân đó tất bị suy thoái. Các ngươi hãy học như vậy: nếu có giặc cướp đến, dùng lưỡi cưa bén cưa xẻ tay chân các ngươi chi tiết, mà tâm không biến đổi, miệng không phát ra lời thô ác, hướng đến người cắt xả ấy, duyên nơi người cắt xả ấy mà khởi tâm từ mẫn, tâm tương ưng với từ, biến mãn một phương, thành tựu an trụ. Cũng vậy, hai, ba, bốn phương, tứ duy trên dưới, bao trùm tất cả tâm tương ưng với từ, không kết, không oán, không nhuế, không tránh, rộng lớn, vô lượng, vô biên, khéo tu tập, biến mãn khắp cả thế gian, thành tựu an trụ. Cũng vậy, bi và hỷ. Tâm tương ưng với xả, không kết, không oán, không nhuế, không tránh, rộng lớn, vô lượng, vô biên, khéo tu tập, biến mãn khắp cả thế gian, thành tựu an trụ. Các ngươi hãy học như vậy."

Rồi bấy giờ Đức Thế Tôn tán thán các Tỳ-kheo:

"Lành thay! Lành thay! Các Tỳ-kheo luôn luôn suy niệm về lưỡi cưa bén cho giáo huấn của Sa-môn. Các ngươi sau khi luôn luôn suy niệm về thí dụ lưỡi cưa bén cho giáo huấn của Sa-môn rồi, các ngươi há còn thấy rằng: 'Người kia nói lời thô ác không khả ái đối với ta, sau khi ta nghe không thể chịu đựng nổi chăng?'."

Các Tỳ-kheo đáp:

"Không có, bạch Thế Tôn!"

Đức Thế Tôn lại tán thán các Tỳ-kheo:

"Lành thay! Lành thay! Các ngươi hãy luôn luôn suy niệm về thí dụ lưỡi cưa bén cho giáo huấn Sa-môn. Sau khi luôn luôn suy niệm về thí dụ lưỡi cưa bén cho giáo huấn Sa-môn, các ngươi nếu sống ở phương Đông, chắc chắn được an lạc, không có các khổ nạn. Nếu sống ở phương Nam, phương Tây và phương Bắc, cũng chắc chắn được an lạc, không có các khổ hoạn.

"Lành thay! Lành thay! Các ngươi luôn luôn suy niệm về thí dụ lưỡi cưa bén cho giáo huấn Sa-môn. Các ngươi sau khi suy niệm về thí dụ lưỡi cưa bén cho giáo huấn Sa-môn, đối với các thiện pháp các ngươi đã an trụ, Ta còn không nói, huống nữa là nói đến sự suy thoái. Chỉ còn sự tăng trưởng thiện pháp ngày đêm, chứ không còn sự suy thoái nữa.

"Lành thay! Lành thay! Các ngươi hãy luôn luôn suy niệm về thí dụ lưỡi cưa bén cho giáo huấn Sa-môn; các ngươi sau khi luôn luôn suy niệm về thí dụ lưỡi cưa bén cho giáo huấn Sa-môn rồi, trong hai quả chắc chắn được một. Hoặc ngay trong đời hiện tại mà chứng đắc Cứu cánh trí, hoặc chứng A-na-hàm nếu còn hữu dư y."

Đức Phật thuyết như vậy, các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

❑

194. KINH BẠT-ĐÀ-HÒA-LỢI[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật du hóa tại nước Xá-vệ, rừng Thắng lâm, vườn Cấp cô độc, cùng với đại chúng Tỳ-kheo an cư trong mùa mưa.

Bấy giờ Đức Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo rằng:

"Này các Tỳ-kheo, Ta chỉ ăn trong một lần ngồi[2]. Do chỉ ăn trong một lần ngồi, Ta vô vi, vô cầu, không có các tật bệnh, thân thể nhẹ nhàng thoải mái, khí lực khang cường, an ổn khoái lạc. Các ngươi cũng nên chỉ ăn trong một lần ngồi; do chỉ ăn trong một lần ngồi, các ngươi sẽ vô vi, vô cầu, không có các tật bệnh, thân thể nhẹ nhàng thoải mái, khí lực khang cường an ổn khoái lạc.

Lúc bấy giờ Tôn giả Bạt-đà-hòa-lợi[3] cũng ở trong đại chúng, từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch vai áo đang mặc, chắp tay hướng về Đức Phật bạch rằng:

"Bạch Thế Tôn, con không thể kham nổi, sự việc ăn chỉ trong một lần ngồi. Vì sao vậy? Vì nếu con chỉ ăn trong một lần ngồi thì chẳng khác nào làm một việc chưa xong, cảm thấy ảo não, trong lòng hối tiếc. Bạch Thế Tôn, vì vậy con không thể kham nổi sự việc ăn chỉ trong một lần ngồi."

Đức Thế Tôn nói rằng:

"Này Bạt-đà-hòa-lợi, khi Ta nhận lời mời, ngươi cũng đi theo Ta và nếu Ta chấp nhận cho ngươi mang đồ ăn được mời ấy đi nhưng chỉ ăn trong một lần ngồi, như vậy cũng có thể sống được an lành[4]."

Tôn giả Bạt-đà-hòa-lợi lại bạch rằng:

"Bạch Thế Tôn, dù vậy con cũng không thể kham nổi sự việc chỉ ăn trong một lần ngồi. Vì sao vậy? Vì nếu con chỉ ăn trong một lần ngồi, chẳng khác nào làm một việc chưa xong, cảm thấy ảo não trong lòng hối tiếc. Bạch Thế Tôn, vì vậy con không thể kham nổi sự việc chỉ ăn trong một lần ngồi."

Đức Thế Tôn đến ba lần nói với các Tỳ-kheo rằng:

"Ta chỉ ăn trong một lần ngồi. Do ăn chỉ trong một lần ngồi, Ta vô vi, vô cầu, không có các tật bệnh, thân thể nhẹ nhàng thoải mái, khí lực khang cường, an ổn khoái lạc. Các ngươi cũng nên học chỉ ăn trong một lần ngồi. Do ăn chỉ trong một lần ngồi, các ngươi sẽ

---

1. Bản Hán, quyển 51. Tương đương Pāli, M.65. Bhāddāli-suttaṃ. Tham chiếu, No.125 (49.7).
2. Nhất tọa thực ─@────C Một ngày chỉ ăn một lần giữa ngọ, và trong một lần ấy cũng chỉ ngồi một lần, nếu có duyên sự gì phải đứng dậy nửa chừng thì không ngồi ăn trở lại. Đây là một trong sáu phép tịnh thực và cũng là một trong mười hai hạnh đầu đà. Xem thêm Luật Tứ Phần 14 (No.1428, Đại 22, tr.660). Xem cht.6, kinh 193. Pāli: ekāsanabhojana.
3. Bạt-đà-hòa-lợi ─[──M─Q─C Pāli: Bhaddālī.
4. Pāli nói: ăn một phần tại chỗ và một phần mang đi. Theo Luật Tứ Phần (sđd.,nt), trường hợp Tỳ-kheo bệnh, có thể ăn nhiều lần.

vô vi, vô cầu, không có các tật bệnh, thân thể nhẹ nhàng thoải mái, khí lực khang cường, an ổn khoái lạc."

Tôn giả Bạt-đà-hòa-lợi cũng đến ba lần từ chỗ ngồi đứng dậy trịch vai áo đang mặc, chắp tay hướng về Đức Thế Tôn mà bạch rằng:

"Bạch Thế Tôn, con không thể kham nổi sự việc ăn chỉ trong một lần ngồi. Vì sao vậy? Vì nếu con ăn chỉ trong một lần ngồi thì không khác nào làm một công việc chưa xong, cảm thấy ảo não, trong lòng hối tiếc. Bạch Thế Tôn, vì vậy con không thể kham nổi việc ăn chỉ trong một lần ngồi."

Đức Thế Tôn cũng đến ba lần nói rằng:

"Này Bạt-đà-hòa-lợi, khi Ta nhận lời mời, ngươi cũng đi theo; và nếu ta chấp thuận cho ngươi mang đồ ăn được mời ấy đi, nhưng ăn chỉ trong một lần ngồi, như vậy cũng có thể sống được an lành."

Tôn giả Bạt-đà-hòa-lợi cũng đến lần thứ ba bạch rằng:

"Bạch Thế Tôn, mặc dù như vậy, nhưng con cũng không thể kham nổi sự việc ăn chỉ trong một lần ngồi. Vì sao vậy? Vì nếu con ăn chỉ trong một lần ngồi thì chẳng khác nào làm việc một công việc chưa xong, cảm thấy ảo não, trong lòng hối tiếc. Bạch Thế Tôn, vì vậy con không thể kham nổi sự việc ăn chỉ trong một lần ngồi."

Bấy giờ Đức Thế Tôn thiết lập giới Nhất tọa thực cho chúng Tỳ-kheo[5]. Chúng Tỳ-kheo thảy đều vâng giữ học giới và các pháp vi diệu trong cảnh giới của Thế Tôn. Chỉ trừ Tôn giả Bạt-đà-hòa-lợi tuyên bố là không thể kham nổi, từ chỗ ngồi đứng dậy và bỏ đi. Vì sao vậy? Vì không học theo giới cụ túc[6] và các pháp vi diệu trong cảnh giới của Thế Tôn. Rồi Tôn giả Bạt-đà-hòa-lợi suốt trong một mùa mưa ấy lánh mình không gặp Đức Thế Tôn. Vì sao vậy? Vì không học theo giới cụ túc và các pháp vi diệu trong cảnh giới Thế Tôn.

Vào một lúc, chư Tỳ-kheo làm y cho Đức Phật, để sau ba tháng an cư mùa mưa tại nước Xá-vệ và khâu vá lại y áo xong, Đức Thế Tôn sẽ thu vén y, ôm bát mà du hành trong nhân gian. Tôn giả Bạt-đà-hòa-lợi được nghe rằng chư Tỳ-kheo đang làm y cho Đức Phật để sau ba tháng an cư mùa mưa tại nước Xá-vệ và khâu vá lại các y áo xong, Đức Thế Tôn sẽ thu vén y, ôm bát mà du hành trong nhân gian. Sau khi nghe như vậy, Tôn giả Bạt-đà-hòa-lợi bèn đi đến chỗ các Tỳ-kheo. Chư Tỳ-kheo từ xa trông thấy Tôn giả Bạt-đà-hòa-lợi đang đi đến, bèn nói như vầy:

"Hiền giả Bạt-đà-hòa-lợi, nên biết ở đây chúng tôi đang làm y cho Thế Tôn, để sau ba tháng an cư vào mùa mưa tại nước Xá-vệ, và khâu vá y xong Đức Thế Tôn sẽ thu vén y, ôm bát mà du hành trong nhân gian. Này Bạt-đà-hòa-lợi, hãy tự khéo gìn giữ trong trường hợp này, đừng để về sau xảy ra nhiều sự phiền nhọc."

Tôn giả Bạt-đà-hòa-lợi nghe những lời ấy xong, liền đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ sát chân Phật, bạch rằng:

"Bạch Thế Tôn, thật sự con đã sai lầm! Thật sự con đã sai lầm! Con như ngu, như si, như khờ dại, như bất thiện. Vì sao? Vì Thế Tôn thiết lập giới Nhất tọa thực cho chúng Tỳ-kheo. Các Tỳ-kheo thảy đều vâng giữ học giới và các pháp vi diệu trong cảnh giới của Thế Tôn. Duy chỉ con tuyên bố là không kham nổi, từ chỗ ngồi đứng dậy và bỏ đi. Vì sao vậy? Vì không học theo giới cụ túc và các pháp vi diệu trong cảnh giới của Thế Tôn."

---

5. Trong Luật tạng không thấy nói đến học giới *Nhất tọa thực* nhưng nói là *Sát sát thực* (Pāli: parampara-bhojana).

6. Bất học cụ giới, xem cht.17 dưới.

Đức Thế Tôn nói:

"Này Bạt-đà-hòa-lợi, lúc ấy ngươi không biết rằng, 'Một số đông các Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni đang an cư mùa mưa tại nước Xá-vệ, những vị ấy biết ta[7], thấy ta, rằng 'Có một Tỳ-kheo tên là Bạt-đà-hòa-lợi, đệ tử của Thế Tôn, không học theo giới cụ túc và các pháp vi diệu trong cảnh giới của Thế Tôn.' Này Bạt-đà-hòa-lợi, lúc bấy giờ ngươi không biết có sự kiện như vậy chăng?

"Này Bạt-đà-hòa-lợi, lúc bấy giờ ngươi không biết rằng, 'Một số đông Ưu-bà-tắc và Ưu-bà-di tại nước Xá-vệ, những người này biết ta, gặp ta, rằng 'Có một Tỳ-kheo tên là Bạt-đà-hòa-lợi, đệ tử của Thế Tôn không học theo giới cụ túc, và các pháp vi diệu trong cảnh giới của Thế Tôn.' Này Bạt-đà-hòa-lợi, lúc bấy giờ ngươi không biết có sự kiện như vậy chăng?

"Này Bạt-đà-hòa-lợi, ngươi lúc ấy không biết rằng, 'Một số đông các Sa-môn Phạm chí dị học đang an cư mùa mưa tại nước Xá-vệ, những vị này biết ta, thấy ta, rằng 'Có một Tỳ-kheo tên là Bạt-đà-hòa-lợi, đệ tử của Sa-môn Cù-đàm, một bậc danh đức, nhưng không học theo giới cụ túc và các pháp vi diệu trong cảnh giới của Thế Tôn.' Này Bạt-đà-hòa-lợi, lúc bấy giờ ngươi không biết có sự kiện như vậy chăng?

"Này Bạt-đà-hòa-lợi, nếu có Tỳ-kheo chứng câu giải thoát[8] mà ta nói với vị ấy rằng, 'Ngươi hãy xuống vũng bùn! [9]'. Này Bạt-đà-hòa-lợi, ý ngươi nghĩ sao? Ta dạy Tỳ-kheo ấy như vậy Tỳ-kheo ấy há thể đứng im hay tránh đi chỗ khác chăng?"

Tôn giả Bạt-đà-hòa-lợi đáp:

"Bạch Thế Tôn, không."

Thế Tôn nói rằng:

"Này Bạt-đà-hòa-lợi, giả sử không phải là Tỳ-kheo câu giải thoát nhưng là Tỳ-kheo tuệ giải thoát[10]; hoặc giả sử không phải là Tỳ-kheo tuệ giải thoát, nhưng Tỳ-kheo thân chứng[11]; hoặc giả sử không phải Tỳ-kheo thân chứng, nhưng là kiến đáo[12]; hoặc giả sử không phải là kiến đáo nhưng là tín giải thoát[13]; hoặc giả sử không phải là tín giải thoát nhưng là tùy pháp hành[14]; hoặc giả sử không phải là tùy pháp hành, nhưng là tùy ý hành[15], mà ta nói với vị Tỳ-kheo ấy rằng, 'Ngươi hãy xuống vũng bùn'. Này Bạt-đà-hòa-lợi, ý ngươi nghĩ sao? Ta dạy Tỳ-kheo ấy như vậy, Tỳ-kheo ấy há có thể đứng im hay tránh đi nơi khác chăng?"

Tôn giả Bạt-đà-hòa-lợi đáp rằng:

---

7. Văn giả thiết, trực tiếp dẫn lời của Bạt-đà-hòa-lợi.
8. Câu giải thoát ————, hay Câu phần giải thoát. Pāli: ubhatobhāgavimutta. Xem kinh 195 sau.
9. Pāli nói: ehi me tvam bhikkhu paṅke sāṅkamo hoti, "Tỳ-kheo, lại đây, làm cầu trên bùn cho Ta".
10. Tuệ giải thoát ━z————C Pāli: Paññāvimutta, xem kinh 195 ở sau.
11. Thân chứng ————C Pāli: kāyasakkhin, xem kinh 195 ở sau.
12. Kiến đáo————C Pāli: diṭṭhipatta, xem kinh 195 ở sau.
13. Tín giải thoát ━H————C Pāli: saddhāvimutta, nt.
14. Pháp hành ━k——A hay tùy pháp hành. Pāli: dhammānusārin, nt.
15. Tín hành ━H——Ahay tùy tín hành. Pāli saddhāssussārin, nt.

"Bạch Thế Tôn, không."

Đức Thế Tôn nói rằng:

"Này Bạt-đà-hòa-lợi, ý ngươi nghĩ sao? Lúc bấy giờ ngươi đã chứng đắc tùy tín hành, tùy pháp hành, kiến đáo, thân chứng, tuệ giải thoát hay câu giải thoát chăng?"

Tôn giả Bạt-đà-hòa-lợi đáp:

"Bạch Thế Tôn, không phải vậy."

Đức Thế Tôn nói:

"Này Bạt-đà-hòa-lợi, lúc bấy giờ ngươi không phải như ngôi nhà trống chăng?"

Lúc ấy Tôn giả Bạt-đà-hòa-lợi bị Thế Tôn khiển trách ngay mặt, trong lòng rầu rĩ, cúi đầu im lặng, không còn lời để biện bạch, suy nghĩ mông lung. Đức Thế Tôn sau khi khiển trách Tôn giả Bạt-đà-hòa-lợi ngay mặt rồi, lại muốn làm cho Tôn giả được hoan hỷ bèn nói rằng:

"Này Bạt-đà-hòa-lợi, ngươi lúc bấy giờ đối với Ta mà không có sự tịch tịnh của sự tín pháp, không có sự tịch tịnh của ái pháp, không có sự tịch tịnh của tĩnh pháp[16]. Vì sao vậy? Trong lúc ta thiết lập giới Nhất tọa thực cho chúng Tỳ-kheo; chúng Tỳ-kheo thảy đều vâng giữ học giới và các pháp vi diệu trong cảnh giới của Thế Tôn. Duy chỉ riêng ngươi tuyên bố là không kham nổi, và từ chỗ ngồi đứng dậy bỏ đi. Vì sao vậy? Vì không học theo giới cụ túc, và các pháp vi diệu trong cảnh giới của Thế Tôn."

Tôn giả Bạt-đà-hòa-lợi bạch rằng:

"Quả thật như vậy. Vì sao vậy? Vì trong lúc Thế Tôn thiết lập học giới cho chúng Tỳ-kheo; chúng Tỳ-kheo thảy đều vâng giữ, duy chỉ riêng con tuyên bố là không kham nổi, rồi từ chỗ ngồi đứng dậy bỏ đi. Vì sao vậy? Vì không học theo giới cụ túc và các pháp vi diệu trong cảnh giới của Thế Tôn. Cúi mong Thế Tôn nhận sự hối lỗi của con. Con đã thấy lỗi lầm rồi sẽ tự mình ăn năn hối cải, và từ nay trở đi sẽ giữ gìn không tái phạm nữa."

Đức Thế Tôn nói:

"Này Bạt-đà-hòa-lợi, như vậy, ngươi thật sự như ngu, như si, như khờ dại, như bất thiện. Vì sao vậy? Vì trong lúc ta thiết lập học giới Nhất tọa thực cho chúng Tỳ-kheo; chúng Tỳ-kheo thảy đều vâng giữ học giới và các pháp vi diệu trong cảnh giới của Thế Tôn, chỉ riêng ngươi tuyên bố là không kham nổi, rồi từ chỗ ngồi đứng dậy bỏ đi. Vì sao vậy? Vì ngươi không học theo giới cụ túc và các pháp vi diệu trong cảnh giới của Thế Tôn.

"Này Bạt-đà-hòa-lợi, nếu ngươi có lỗi lầm, đã thấy và tự hối từ nay về sau gìn giữ, không thể để tái phạm. Này Bạt-đà-hòa-lợi, như vậy ở trong Thánh pháp luật có ích lợi chớ không tổn hại. Nếu ngươi có lầm lỗi, đã thấy và tự hối, từ nay về sau gìn giữ không để tái phạm nữa, thì này Bạt-đà-hòa-lợi, ý ngươi nghĩ sao, nếu có Tỳ-kheo không học theo giới cụ túc[17], vị ấy sống trong rừng vắng, dưới gốc cây, hoặc ở trên sườn cao, vắng bặt không tiếng động, xa lánh sự dữ, không có bóng người, tùy thuận mà tĩnh tọa. Vị ấy sau khi sống tại một nơi xa vắng, tu hành tinh cần để chứng đắc tăng thượng tâm, hiện pháp lạc trụ[18]. Nhưng vị ấy sống tại nơi xa vắng, tu hành tinh cần như vậy mà chê bai học giới

---

16. Vô tín pháp tĩnh -L-H-k-R(hoặc-t), vô ái pháp tĩnh -L-R-k-t-A vô tránh pháp tĩnh -L—(hoặc-t)-k-t-C Chưa rõ ý nghĩa. Xem cht.2 đoạn dưới.

17. Bất học cụ giới ————C Pāli satthusāsane sikkhāya aparipūrakārī, sự học tập không đầy đủ trong giáo pháp của Tôn sư.

18. Trong nguyên bản: *hiện pháp lạc cư*.

của Thế Tôn[19], xuyên tạc chê bai chư Thiên và các phạm hạnh có trí và cũng xuyên tạc học giới của chính mình. Vị ấy sau khi xuyên tạc học giới của Thế Tôn, xuyên tạc chư Thiên và các vị Phạm hạnh có trí, và cũng xuyên tạc học giới của chính mình rồi, bèn không sanh tâm hoan duyệt; do không sanh tâm hoan duyệt nên không sanh hỷ; do không sanh hỷ nên thân không khinh an; do thân không khinh an, nên không cảm thọ lạc; do không cảm thọ lạc, nên tâm bất định. Này Bạt-đà-hòa-lợi, Hiền Thánh đệ tử khi tâm bất định, thì không thể thấy như thật, biết như thật.

"Này Bạt-đà-hòa-lợi, ý ngươi nghĩ sao, nếu có Tỳ-kheo học giới cụ túc, sống trong rừng vắng, trong rừng sâu, dưới gốc cây trên sườn cao, vắng bặt không tiếng động, xa lánh không có sự dữ, không có bóng người, tùy thuận mà tĩnh tọa. Vị ấy sống tại nơi xa vắng, tu hành tinh cần, để chứng đắc tăng thượng tâm, hiện pháp lạc trú. Vị ấy sau khi sống tại nơi xa vắng, tu hành tinh cần, an ổn khoái lạc rồi, không xuyên tạc học giới của Thế Tôn, cũng không xuyên tạc chư Thiên và các vị Phạm hạnh có trí, cũng không xuyên tạc học giới của chính mình. Vị ấy sau khi không xuyên tạc học giới của Thế Tôn, không xuyên tạc chư Thiên và các vị Phạm hạnh có trí, cũng không xuyên tạc học giới của chính mình rồi bèn sanh hoan duyệt, do sanh hoan duyệt nên sanh hỷ, do sanh hỷ nên thân khinh an, do thân khinh an nên cảm thọ lạc, do cảm thọ lạc nên tâm định. Này Bạt-đà-hòa-lợi, Hiền Thánh đệ tử tâm định rồi bèn thấy như thật, biết như thật. Sau khi thấy như thật, biết như thật, bèn ly dục, ly ác bất thiện pháp, có giác có quán, có hỷ lạc do ly dục sanh, chứng đắc Sơ thiền, thành tựu an trụ. Này Bạt-đà-hòa-lợi, đó là vị ấy lúc bấy giờ chứng đắc tăng thượng tâm thứ nhất, ngay trong đời hiện tại sống an lạc, dễ được chớ không khó, an lạc sống trong vô úy an ổn khoái lạc và thăng tiến đến Niết-bàn. Rồi vị ấy giác và quán đã tịch tịnh, nội tĩnh, nhất tâm, không giác, không quán, hỷ lạc do định sanh, chứng đắc đệ Nhị thiền, thành tựu an trụ. Này Bạt-đà-hòa-lợi, đó là vị ấy bấy giờ chứng đắc tăng thượng tâm thứ hai, ngay trong đời hiện tại được sống an lạc, dễ được chớ không khó, an lạc sống trong vô úy, an ổn khoái lạc mà thăng tiến đến Niết-bàn. Rồi vị ấy ly hỷ, xả dục, xả, an trú vô cầu, với chánh niệm chánh trí, thân cảm giác lạc, điều mà Thánh nói là Thánh xả, niệm, an trụ lạc, chứng đắc đệ Tam thiền thành tựu an trụ. Này Bạt-đà-hòa-lợi, đó là vị ấy lúc bấy giờ chứng đắc tăng thượng tâm thứ ba, ngay trong đời hiện tại được sống an lạc, dễ được chớ không khó, an lạc sống trong vô úy, an ổn khoái lạc mà thăng tiến đến Niết-bàn. Rồi vị ấy lạc diệt khổ diệt, ưu và hỷ vốn cũng đã diệt, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh, chứng đắc đệ Tứ thiền, thành tựu an trụ. Này Bạt-đà-hòa-lợi, đó là vị ấy lúc bấy giờ chứng đắc tăng thượng tâm thứ tư ngay trong đời hiện tại được sống an lạc, dễ được chớ không khó an trú trong vô úy, an ổn khoái lạc mà thăng tiến đến Niết-bàn.

"Vị ấy với sự chứng đắc định tâm thanh tịnh như vậy, không nhuế, không phiền, nhu nhuyến, an trụ vững vàng, đạt đến bất động tâm, học và chứng đắc Túc mạng trí thông. Vị ấy với hành vi, với tướng mạo, nhớ lại về trước vô lượng trăm nghìn đời sống đã trải qua, một đời, hai đời trăm đời, nghìn đời, thành kiếp, hoại kiếp, vô lượng thành kiếp hoại kiếp; chúng sanh ấy có tên như vậy, mà vị ấy xưa kia đã từng trải, biết rằng 'Ta đã từng sanh làm người ấy, với tên như vậy, họ như vậy, tự như vậy, sanh như vậy, ăn uống như vậy, thọ khổ lạc như vậy, sống lâu như vậy, tồn tại như vậy, mạng chung như vậy, chết ở đây

[19] Đối chiếu bản Pāli tassa tathāvūpakaṭṭhassa viharato satthāpi upavadati... devatāpi upavadanti, vị ấy trong khi sống viễn ly như vậy, nhưng Đạo sư chỉ trích,..., chư Thiên cũng chỉ trích.

sanh ở chỗ kia, chết ở chỗ kia sanh ở đây. Ta sanh tại chỗ này với tên như vậy, họ như vậy, ăn uống như vậy, tử như vậy, sanh như vậy, thọ khổ lạc như vậy, sống lâu như vậy, tồn tại như vậy, mạng chung như vậy.' Này Bạt-đà-hòa-lợi, đó là vị kia lúc bấy giờ, chứng đắc minh đạt[20] thứ nhất này, do trước kia không phóng dật, ưa sống nơi xa vắng, tu hành tinh cần, cho đến vô trí diệt, và trí tuệ phát sanh, bóng tối biến mất mà ánh sáng xuất sanh, vô minh diệt mà minh phát sanh, tức là chứng ngộ minh đạt Ức túc mạng trí[21].

"Vị ấy với sự chứng đắc định tâm như vậy, không nhuế, không phiền an trụ vững vàng. Đạt đến bất động tâm, học và chứng sanh tử trí thông. Vị ấy với thiên nhãn thanh tịnh, vượt hẳn trên người thường, thấy chúng sanh này, lúc tử lúc sanh, sắc đẹp sắc xấu, diệu hay chẳng diệu, qua lại thiện xứ hay bất thiện xứ. Tùy theo tác nghiệp của chúng sanh này mà thấy đúng như thật. Nếu chúng sanh này thành tựu thân ác hành, khẩu và ý ác hành, phỉ báng Thánh nhân, tà kiến, thành tựu tà kiến; do nhân duyên này khi thân hoại mạng chung tất sanh đến ác xứ, sanh trong địa ngục. Nếu chúng sanh này thành tựu thân diệu hạnh, khẩu và ý diệu hạnh, không phỉ báng chánh nhân, chánh kiến, thành tựu chánh kiến; do nhân duyên khi thân hoại mạng chung tất đi đến thiện xứ, sanh lên cõi trời. Này Bạt-đà-hòa-lợi, đó là vị ấy lúc bấy giờ chứng đắc minh đạt thứ hai, do trước kia không phóng dật, ưa sống nơi xa vắng, tu hành tinh cần, vô trí diệt và trí sanh, bóng tối biến mất và ánh sáng hiện thành, vô minh diệt và minh sanh, tức chứng ngộ minh đạt Sanh tử trí[22].

"Vị ấy với sự chứng đắc định tâm thanh tịnh như vậy, không uế, không phiền, an trụ vững vàng, đạt được bất động tâm, học và chứng ngộ Lậu tận trí thông. Vị ấy biết như thật rằng 'Đây là Khổ, đây là Khổ tập, đây là Khổ diệt, biết như thật đây là Khổ diệt đạo'; biết như thật rằng 'Đây là lậu, đây là lậu tập, đây là lậu diệt, biết như thật đây là lậu diệt đạo.' Vị ấy biết như vậy, thấy như vậy, tâm giải thoát khỏi dục lậu, tâm giải thoát khỏi hữu lậu và vô minh lậu. Đã giải thoát thì biết mình đã giải thoát. Biết như thật rằng 'Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa.' Này Bạt-đà-hòa-lợi, đó là vị ấy lúc bấy giờ chứng đắc minh đạt thứ ba, do trước không phóng dật, ưa sống nơi xa vắng, tu hành tinh tấn, vô trí diệt và trí sanh, bóng tối biến mất và ánh sáng hiện thành, vô minh diệt và minh sanh chứng chứng ngộ minh đạt Lậu tận trí[23]."

Lúc bấy giờ Tôn giả Bạt-đà-hòa-lợi liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch vai áo đang mặc, chắp tay hướng về Đức Phật bạch rằng:

"Bạch Thế Tôn, do nhân gì, duyên gì, khi các Tỳ-kheo cùng phạm giới, nhưng có trường hợp khổ trị, có trường hợp không khổ trị."

Đức Thế Tôn nói:

"Này Bạt-đà-hòa-lợi, hoặc có Tỳ-kheo thường xuyên phạm giới; do bởi thường xuyên hay phạm giới nên các Tỳ-kheo đồng phạm hạnh khiển trách bằng những điều được thấy, được nghe, hay từ người khác mà nghi ngờ. Vị ấy sau khi bị các đồng phạm hạnh khiển trách bằng những điều được thấy, được nghe, hay từ người khác mà nghi ngờ, bèn nói lãng sang vấn đề khác, những việc ngoài vấn đề; sân hận, thù nghịch, phẫn nộ,

---

20. Minh đạt ▬▬F▬A hay minh, tức *ba minh*: Pāli: tisso vijjā.

21. Ức túc mạng trí tác chứng minh đạt ▬▬J▬R▬▬@▬▬▬F▬A hay *túc mạng trí minh*, hay *túc trụ tùy niệm tác chứng minh*; xem Tập Dị Môn Luận 6, Đại 26, tr.391a. Pāli: pubbenivāsānusatiñāṇaṃ vijjā.

22. Sanh tử trí tác chứng minh đạt ▬▬▬▬@▬▬▬F▬A hay *tử sanh trí tác chứng minh;* xem Tập Dị Môn, đd. nt. Pāli: sattānaṃ cutūpapāte ñāṇaṃ vijjā.

23. Lậu tận trí tác chứng minh. Pāli: āsavānaṃ khaye ñāṇaṃ vijjā.

bất mãn, xúc nhiễu chúng Tăng, khinh mạn chúng Tăng, nói như vầy, 'Tôi phải làm gì để chúng Tăng hoan hỷ mà vui lòng.' Với ý nghĩ như vậy. Này Bạt-đà-hòa-lợi, các Tỳ-kheo bèn nghĩ rằng, 'Nhưng Hiền giả này thường hay phạm giới. Và do thường hay phạm giới, nên bị các vị đồng phạm hạnh khiển trách bằng những điều được thấy, được nghe, hay từ người khác mà nghi ngờ. Vị này sau khi bị các vị đồng phạm hạnh khiển trách bằng những điều được thấy được nghe hay từ người khác mà nghi ngờ, bèn nói sang vấn đề khác, những sự việc ngoài vấn đề, sân hận, thù nghịch, phẫn nộ, bất mãn, xúc nhiễu chúng Tăng, khinh mạn chúng Tăng, nói như vầy 'Tôi phải làm gì để chúng Tăng được hoan hỷ mà hài lòng.' Sau khi thấy vậy, bèn nói rằng: "Này chư Tôn, hãy xem xét khiến để kéo dài một thời gian[24].

" Hoặc giả có Tỳ-kheo thường hay phạm giới; do thường hay phạm giới cho nên bị các vị đồng phạm hạnh khiển trách bằng những điều được thấy, được nghe, hay từ người khác mà nghi ngờ. Vị ấy sau khi bị các vị đồng phạm hạnh khiển trách bằng những điều được thấy, được nghe, hay từ người khác mà nghi ngờ, không nói lãng sang vấn đề khác, những sự việc ngoài vấn đề, không sân hận, thù nghịch chúng Tăng, phẫn nộ, bất mãn, xúc nhiễu và khinh, mạn, không nói như vầy, 'Tôi phải làm gì để Tăng chúng hoan hỷ mà hài lòng.' Không có ý nghĩ như vậy. Này Bạt-đà-hòa-lợi, các Tỳ-kheo bèn nghĩ rằng, 'Nhưng Hiền giả này thường hay phạm giới, do bởi thường hay phạm giới nên các vị đồng phạm hạnh khiển trách bằng những điều được thấy, được nghe hay từ người khác mà nghi ngờ. Vị ấy sau khi bị các vị đồng phạm hạnh khiển trách bằng những điều được thấy, được nghe, hay từ người khác mà nghi ngờ, vị ấy không nói lãng sang vấn đề khác, những sự việc ngoài vấn đề không sân hận, thù nghịch, phẫn nộ, bất mãn, không xúc nhiễu chúng Tăng, không khinh mạn chúng Tăng, không nói như vầy, 'Tôi phải làm gì để chúng Tăng hoan hỷ mà hài lòng.' Sau khi thấy như vậy bèn nói rằng, 'Này chư Tôn, hãy xem xét mà khiến cho diệt sớm.' Trường hợp phạm các cấm giới nhẹ cũng vậy.

"Này Bạt-đà-hòa-lợi, hoặc giả có Tỳ-kheo có tín, có ái, có tĩnh[25]. 'Nay Tỳ-kheo này còn có tín, có ái, có tĩnh. Nếu chúng ta khổ trị Tỳ-kheo này, thì Hiền giả này vốn có tín, ái và tĩnh, do đây mà dứt mất vậy. Chúng ta hãy cùng nhau cẩn thận gìn giữ cho Hiền giả này. Rồi các Tỳ-kheo bèn cùng nhau gìn giữ hộ. Này Bạt-đà-hòa-lợi, cũng như một người kia chỉ có một con mắt các bà con quyến thuộc, vì thương tưởng, yêu mến, mong cầu cho được sự thiện lợi và hữu ích, sự an ổn khoái lạc, nên cùng nhau cẩn thận gìn giữ hộ, không để cho người này bị lạnh nóng, đói, khát, đau yếu, ưu sầu, vừa đau yếu vừa ưu sầu, không để cho phải bụi, không để cho khói, không để cho phải bụi và khói. Vì sao vậy? Vì sợ ấy mất luôn một con mắt nữa. Cho nên thân thuộc cẩn thận gìn giữ hộ. Này Bạt-đà-hòa-lợi, cũng vậy, với Tỳ-kheo chỉ còn một ít tín, một ít ái, một ít tĩnh, các Tỳ-kheo bèn nghĩ rằng, 'Nay Tỳ-kheo chỉ có một ít tín, một ít ái, một ít tĩnh nếu chúng ta khổ trị Tỳ-kheo này thì Tỳ-kheo này sẽ do đây mà đứt mất một ít tín, một ít ái, một ít tĩnh ấy. Chúng ta hãy cùng nhau giữ gìn hộ, cũng như thân thuộc gìn giữ người một mắt vậy."

Lúc bấy giờ Tôn giả Bạt-đà-hòa-lợi từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch vai áo sang bên,

---

24. Đương quán linh cửu trụ ▬▬[▬0▬[▬▬C Pāli: (...) upaparikkhatha (...) na khippameva vūpasameyyā ti, hãy tham cứu, chớ chấm dứt sớm.

25. Hữu tín hữu ái hữu tĩnh ▬▬H▬▬R▬▬t (hay▬?); Pāli: (...) saddāmattakena vahati pemamattakena, (Tỳ-kheo ấy) tùng sự (Tăng) với một ít lòng tin, một ít yêu mến. Bản Hán nói thêm *tĩnh*, mà có thể là *tránh* chép nhầm. Đoạn này có thể hiểu: "Tỳ-kheo tuy phạm tội, nhưng còn một ít lòng tin, một ít thương yêu, và với một ít tranh chấp nhỏ".

chắp tay hướng về Đức Phật, bạch rằng:

"Bạch Thế Tôn, do nhân gì, duyên gì, ngày xưa ít có thiết lập học giới nhưng được nhiều Tỳ-kheo vâng lĩnh phụng trì? Và do nhân gì, duyên gì, bạch Thế Tôn, ngày nay thiết lập nhiều học giới, nhưng ít có Tỳ-kheo vâng lãnh phụng trì?"

Đức Thế Tôn đáp rằng:

"Này Bạt-đà-hòa-lợi, khi chúng Tỳ-kheo không được thịnh lợi, trong chúng không có pháp hỉ hảo[26]; nhưng khi chúng Tỳ-kheo được thịnh lợi, trong chúng phát sanh pháp hỉ hảo. Khi pháp hỉ hảo đã phát sanh, Thế Tôn muốn đoạn trừ pháp hỉ hảo đó, bèn thiết lập học giới cho đệ tử.

"Cũng vậy, khi chúng Tỳ-kheo được tán thán, được lớn mạnh, có những bậc Thượng tôn được hàng vương giả biết đến và có phước đức lớn, học vấn nhiều[27].

"Này Bạt-đà-hòa-lợi, khi chúng Tỳ-kheo không có những người đa văn, trong chúng không phát sanh pháp hỉ hảo. Nhưng khi chúng Tỳ-kheo có những người đa văn, trong chúng phát sanh pháp hỉ hảo. Vì pháp hỉ hảo đã phát sanh, Thế Tôn muốn đoạn trừ pháp hỉ hảo ấy, cho nên thiết lập học giới cho các đệ tử.

"Này Bạt-đà-hòa-lợi, không phải vì để đoạn trừ hữu lậu trong hiện tại mà Ta thiết lập học giới cho các đệ tử. Nhưng vì để đoạn trừ hữu lậu trong đời sau mà Ta thiết lập học giới cho các đệ tử. Bạt-đà-hòa-lợi, vì vậy, vì để đoạn trừ hữu lậu nên Ta thiết lập học giới đệ tử, khi đến vâng lãnh lời dạy của Ta.

"Bạt-đà-hòa-lợi, trước kia Ta đã từng nói pháp thí dụ về ngựa thuần giống[28] cho các Tỳ-kheo, ở trong đó, do nhân gì, duyên gì ngươi có nhớ không?"

Tôn giả Bạt-đà-hòa-lợi bạch rằng:

"Bạch Thế Tôn, trong ấy có nguyên nhân. Vì sao vậy? Thế Tôn thiết lập giới Nhất tọa thực cho chúng Tỳ-kheo. Chúng Tỳ-kheo thảy đều vâng lãnh học giới và các pháp vi diệu trong cảnh giới của Thế Tôn. Chỉ riêng con tuyên bố là không kham nổi, từ chỗ ngồi đứng dậy bỏ đi. Vì không theo giới cụ túc và các pháp vi diệu trong cảnh giới của Thế Tôn. Bạch Thế Tôn, đó gọi là trong ấy có nguyên nhân."

Đức Thế Tôn lại nói với Tôn giả Bạt-đà-hòa-lợi, rằng:

"Trong đó không phải chỉ có nguyên nhân như vậy. Này Bạt-đà-hòa-lợi, khi Ta nói thí dụ về loài ngựa thanh tịnh cho các Tỳ-kheo, thì ngươi hẳn là không nhất tâm, không khéo cung kính, không tư niệm mà nghe. Này Bạt-đà-hòa-lợi, đó gọi là trong ấy lại còn có nguyên nhân khác nữa vậy."

Lúc bấy giờ Tôn giả Bạt-đà-hòa-lợi liền từ chỗ ngồi đứng dậy trịch vai áo đang mặc, chắp tay hướng về Đức Phật bạch rằng:

"Bạch Thế Tôn, nay thật là đúng lúc! Bạch Thiện Thệ, nay thật là đúng lúc!

Nếu Thế Tôn nói thí dụ về con ngựa thuần giống cho các Tỳ-kheo. Các Tỳ-kheo

sau khi nghe Thế Tôn nói, sẽ khéo léo ghi nhớ."

---

26. Hỷ hảo pháp ▬▬n▬k▬A"chuộng tốt". Pāli: āsavaṭṭhāniyā dhammā, pháp được xác lập trên hữu lậu.

27. Năm trường hợp pháp hữu lậu phát sanh trong Tăng chúng: có thịnh lợi, tăng lớn mạnh, có danh dự, có bậc kỳ túc được kính trọng, và có học vấn cao. So sánh Pāli: saṅgho mahattaṃ patto... lābhaggaṃ patto... yasaggaṃ... bāhusaccau... rattaññutaṃ...

28. Thanh tịnh mã dư pháp ▬M▬b▬▬▬k▬C Pāli: ājāniyasusūpamaṃ dhamma- pariyāyṃ, pháp môn thí dụ lương mã (tuấn mã).

Thế Tôn nói rằng:

"Này Bạt-đà-hòa-lợi, cũng như người biết cách huấn luyện ngựa, được một con ngựa tốt thuần giống. Người giỏi huấn luyện ấy trước hết trị cái miệng của nó. Sau khi trị miệng, tất nhiên nó sẽ không thích với sự chuyển động, muốn hay không muốn. Vì sao vậy? Vì chưa từng được trị. Này Bạt-đà-hòa-lợi, nếu con ngựa tốt thuần giống tuân theo cách trị của người huấn luyện, cách trị thứ nhất được thành tựu. Nhưng người huấn luyện lại phải trị bằng cách dàm mõm, cùm chân; cùm chân, dàm mõm, nhưng khiến nó sãi, đi, cần phải làm cho nó dừng lại, chạy đua, có thể để vua cỡi; đi không gì hơn, trầm tĩnh không gìn hơn; trị các chi thể khác, thảy đều huấn luyện cho thành tựu. Tất nhiên nó không thích với chuyển động, hoặc muốn hay không muốn. Vì sao vậy? Vì bị sửa trị nhiều lần. Này Bạt-đà-hòa-lợi! Nếu con ngựa tốt thuần giống, với người huấn luyện, được sửa trị nhiều lần cho đến thành tựu. Lúc bấy giờ nó là con ngựa thuần thục, khéo thuần thục, được đệ nhất vô thượng thuần thục, vô thượng hành, đệ nhất hành, rồi xung vào cho vua cỡi, ăn thóc của vua, được gọi là ngựa vua.

"Này Bạt-đà-hòa-lợi, cũng vậy, nếu bấy giờ có một người hiền minh, có trí, thành tựu mười pháp vô học, vô học chính kiến cho đến vô học chánh trí, người ấy lúc bấy giờ là một người thuần thục, khéo thuần thục, vô thượng thuần thục, được đệ nhất vô thượng thuần thục, vô thượng tĩnh chỉ, đệ nhất tĩnh chỉ, diệt trừ tất cả tà vạy, diệt trừ tất cả ô uế, diệt trừ tất cả sợ hãi, diệt trừ tất cả si ám, diệt trừ tất cả siểm nịnh, lặng đọng mọi trần lao, thanh tịnh mọi cấu trược, không còn gì để bị dính trước đáng kính, đáng trọng, đáng phụng, đáng thờ, là ruộng phước cho hết thảy chư Thiên và Nhân loại."

Phật thuyết như vậy, Tôn giả Bạt-đà-hòa-lợi, và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

❑

196. KINH CHÂU-NA[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật du hóa tại nước Bạt-kì, thôn Xá-di[2].

Bấy giờ sa-di Châu-na[3], kiết hạ ở Ba-hòa[4]. Tại xứ Ba-hòa có một Ni-kiền tên là Thân Tử[5]. Nơi đây, vị ấy qua đời. Sau khi qua đời không bao lâu, các đệ tử Ni-kiền Thân Tử chia rẽ và phá hoại nhau, nói những lời chia rẽ và phá hoại nhau. Họ tranh đấu, kiện tụng, cột trói nhau, thù nghịch nhau, tranh luận với nhau rằng, "Ta biết pháp này, ngươi không biết. Ngươi biết pháp sao bằng chỗ ta biết? Ta nói tề chỉnh, còn ngươi không tề chỉnh. Ta nói phù hợp, còn ngươi không phù hợp. Điều đáng nói trước, ngươi nói sau; điều đáng nói sau ngươi lại nói trước. Ta hơn, còn ngươi không bằng. Ta hỏi việc ngươi, ngươi không thể trả lời được. Ta đã chế phục ngươi, ngươi còn hỏi nữa. Nếu ngươi động thủ, ta sẽ cột trói ngươi lại." Họ kiêu mạn và thách đố lẫn nhau. Ai cũng chỉ mong mình nói hơn, mà không có người nào để khiển trách. Nếu có những người bạch y tại gia, đệ tử của Ni-kiền Thân Tử, thấy vậy, họ đều chán nản và lãng xa các đệ tử của Ni-kiền Thân Tử này. Vì sao vậy? Bởi vì những điều họ nói ấy đều là ác pháp luật, không phải là pháp xuất yếu, không dẫn đến Chánh giác, cũng không phải là lời dạy của Đấng Thiện Thệ. Nó là sự băng hoại, không thể đứng vững, không nơi nương tựa và cậy nhờ. Bởi vì bậc thầy mà họ tôn sùng không phải là Như Lai, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác.

Lúc bấy giờ Sa-di Châu-na đã qua ba tháng an cư mùa mưa, sửa vá lại y áo, rồi mang y cất bát đến thôn Xá-di, rồi qua phía bắc thôn Xá-di, đến rừng Thi-nhiếp-hòa. Sa-di Châu-na đến chỗ Tôn giả A-nan. Sau khi đến nơi, đảnh lễ sát chân Tôn giả A-nan, rồi ngồi qua một bên.

Tôn giả A-nan hỏi[6]:

"Này Hiền giả Châu-na, từ đâu đến đây? An cư mùa mưa ở đâu?"

Sa-di Châu-na đáp:

"Bạch Tôn giả A-nan, con từ Ba-hòa đến, và an cư mùa mưa ở Ba- hòa. Bạch Tôn

---

1. Tương đương Pāli: M.103. Sāmagāmasuttaṃ. Hán, biệt dịch No.85 Phật Thuyết Tức Tranh Nhân Duyên Kinh, Tống Thi Hộ dịch.
2. Bạt-kì [illegible] Xá-di [illegible] No.85: Xa-ma-ca tử tụ lạc. Pāli: Sakkesu viharti (...) Sāmagāme, là một ngôi làng của giòng họ Sakya.
3. Sa-di Châu-na [illegible] Pāli: Cunda samaṇuddesa. Được đồng với Mahā- Cunda em ruột ngài Sāriputta và đắc quả A-na-hàm trong lúc là Sa-di.
4. Ba-hòa [illegible] Pāli: Pāvā, một thị trấn của bộ tộc Malla. Đoạn đường cuối cùng của Phật, đi từ Pāvā đến Kusinārā và ngài dừng chân để nghỉ 25 lần trên đoạn đường ấy.
5. Ni-kiền danh Thân Tử [illegible] Pāli: Nigaṇṭha Nāṭaputta.
6. Ngài A-nan là Bổn sư của Châu-na.

giả A-nan, tại xứ Ba-hòa có một Ni-kiền tên là Thân Tử[7]. Nơi đây, vị ấy qua đời. Sau khi qua đời không bao lâu, các đệ tử Ni-kiền Thân Tử chia rẽ và phá hoại nhau, nói những lời chia rẽ và phá hoại nhau. Họ tranh đấu, kiện tụng, cột trói nhau, thù nghịch nhau, tranh luận với nhau rằng, 'Ta biết pháp này, ngươi không biết. Ngươi biết pháp sao bằng chỗ ta biết? Ta nói tề chỉnh, còn ngươi không tề chỉnh. Ta nói phù hợp, còn ngươi không phù hợp. Điều đáng nói trước, ngươi nói sau; điều đáng nói sau ngươi lại nói trước. Ta hơn, còn ngươi không bằng. Ta hỏi việc ngươi, ngươi không thể trả lời được. Ta đã chế phục ngươi, ngươi còn hỏi nữa. Nếu ngươi động thủ, ta sẽ cột trói ngươi lại.' Họ kiêu mạn và thách đố lẫn nhau. Ai cũng chỉ mong mình nói hơn, mà không có người nào để khiển trách. Nếu có những người bạch y tại gia, đệ tử của Ni-kiền Thân Tử, thấy vậy, họ đều chán nản và lãng xa các đệ tử của Ni-kiền Thân Tử này. Vì sao vậy? Bởi vì những điều họ nói ấy đều là ác pháp luật, không phải là pháp xuất yếu, không dẫn đến chánh giác, cũng không phải là lời dạy của đấng Thiện Thệ. Nó là sự băng hoại, không thể đứng vững, không nơi nương tựa và cậy nhờ. Bởi vì bậc thầy mà họ tôn sùng không phải là Như Lai, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác."

Tôn giả A-nan nghe xong, nói rằng:

"Hiền giả Châu-na, nhân dịp này, chúng ta có thể đến yết kiến Đức Phật, đem sự việc này trình bày lên Thế Tôn. Này Hiền giả Châu-na, bây giờ chúng ta cùng đi đến Đức Phật, đem tất cả sự việc này trình lên cho Đức Thế Tôn. Thảng hoặc, chúng ta có thể nhân đó mà được nghe pháp khác nữa từ Đức Thế Tôn."

Rồi Tôn giả A-nan và Sa-di Châu-na cùng nhau đến chỗ Đức Phật, chắp tay cúi đầu đảnh lễ sát chân Ngài, Tôn giả A-nan đứng qua một bên và Sa-di Châu-na ngồi xuống một bên. Tôn giả A-nan bạch với Đức Thế Tôn:

"Bạch Thế Tôn, hôm nay Sa-di Châu-na đi đến chỗ con, cúi đầu đảnh lễ sát chân rồi ngồi qua một bên. Con hỏi: 'Hiền giả Châu-na, từ nơi nào đến đây và an cư mùa mưa ở đâu?' Sa-di Châu-na liền trả lời với con rằng: 'Thưa Tôn giả A-nan, con từ Ba-hòa đến, an cư mùa mưa ở Ba-hòa. Bạch Tôn giả A-nan, tại Ba-hòa có một Ni-kiền tên là Thân Tử. Nơi đây, vị ấy qua đời. Sau khi qua đời không bao lâu, các đệ tử Ni-kiền Thân Tử chia rẽ và phá hoại nhau, nói những lời chia rẽ và phá hoại nhau. Họ tranh đấu, kiện tụng, cột trói nhau, thù nghịch nhau, tranh luận với nhau rằng, 'Ta biết pháp này, ngươi không biết. Ngươi biết pháp sao bằng chỗ ta biết? Ta nói tề chỉnh, còn ngươi không tề chỉnh. Ta nói phù hợp, còn ngươi không phù hợp. Điều đáng nói trước, ngươi nói sau; điều đáng nói sau ngươi lại nói trước. Ta hơn, còn ngươi không bằng. Ta hỏi việc ngươi, ngươi không thể trả lời được. Ta đã chế phục ngươi, ngươi còn hỏi nữa. Nếu ngươi động thủ, ta sẽ cột trói ngươi lại.' Họ kiêu mạn và thách đố lẫn nhau. Ai cũng chỉ mong mình nói hơn, mà không có người nào để khiển trách. Nếu có những người bạch y tại gia, đệ tử của Ni-kiền Thân Tử, thấy vậy, họ đều chán nản và lãng xa các đệ tử của Ni-kiền Thân Tử này. Vì sao vậy? Bởi vì những điều họ nói ấy đều là ác pháp luật, không phải là pháp xuất yếu, không dẫn đến chánh giác, cũng không phải là lời dạy của đấng Thiện Thệ. Nó là sự băng hoại, không thể đứng vững, không nơi nương tựa và cậy nhờ. Bởi vì bậc thầy mà họ tôn sùng không phải là Như Lai, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác.'

"Bạch Thế Tôn, con nghe rồi kinh sợ hãi hùng, toàn thân lông tóc dựng đứng. Mong sau khi Thế Tôn khuất bóng, đừng có một vị Tỳ-kheo nào ở trong chúng mà gây ra sự đấu

7. Ni-kiền danh Thân Tử ━━━W━━I━C Pāli: Niganṭha Nāṭaputta.

tranh như vậy. Sự đấu tranh ấy, không giúp gì cho ai mà chỉ gây khổ cho mọi người. Nó không phải là sự thiện lợi và hữu ích, không phải là sự an ổn và khoái lạc, cho đến loài trời và loài người cũng phải chịu đau khổ và tai hoạn. Bạch Thế Tôn, khi con thấy một vị Tỳ-kheo ngồi trước Đức Thế Tôn chí tâm kính trọng Đức Thế Tôn, khéo hộ trì Thiện Thệ. Bạch Thế Tôn! Con thấy như vậy rồi liền nghĩ, 'Nếu sau này khi Thế Tôn khuất bóng mà vị Tỳ-kheo ấy trong chúng gây sự đấu tranh, thì đấu tranh ấy không giúp ích gì cho ai mà chỉ gây đau khổ cho mọi người, nó không phải là sự thiện lợi và hữu ích, không phải là sự an ổn và khoái lạc cho đến loài trời, loài người cũng phải chịu đau khổ và tai hoạn'."

Bấy giờ Đức Thế Tôn hỏi:

"Ngươi thấy những điều nào khiến chúng Tăng có sự đấu tranh, sự đấu tranh ấy không giúp ích gì cho ai mà chỉ gây khổ cho mọi người. Không phải là sự thiện lợi và hữu ích, không phải là sự an ổn và khoái lạc cho đến loài trời, loài người cũng phải chịu đau khổ và tai hoạn?"

Tôn giả A-nan thưa:

"Bạch Thế Tôn, đó là do tăng thượng giới, tăng thượng tâm, tăng thượng quán[8] mà phát sanh sự đấu tranh ở trong chúng. Bạch Thế Tôn, sự đấu tranh ấy, không giúp gì cho ai mà chỉ gây đau khổ cho mọi người. Nó không phải là sự thiện lợi, không phải là sự hữu ích. Không phải là sự an ổn, khoái lạc cho đến loài trời, loài người cũng phải chịu tai hoạn, đau khổ."

Đức Thế Tôn nói:

"Này A-nan, nếu đấu tranh do bởi giới tăng thượng, tâm tăng thượng, quán tăng thượng thì sự đấu tranh ấy quá nhỏ nhặt. Này A-nan! Nếu có sự đấu tranh trong chúng Tăng do đạo và đạo tích[9] thì sự đấu tranh ấy không giúp ích gì cho ai mà chỉ gây khổ cho mọi người. Nó không phải là sự thiện lợi và hữu ích, không phải là sự an ổn khoái lạc.

"Này A-nan, khi ngươi thấy ở trong đấy có hai Tỳ-kheo vì mỗi người có mỗi ý kiến khác nhau mà gây ra cuộc đấu tranh mà nói rằng, 'Đây là pháp, đây là phi pháp; đây là luật, đây là phi luật; đây là phạm, đây là phi phạm; hoặc nhẹ, hoặc nặng; có thể sám hối, không thể sám hối; có thể thủ hộ, không thể thủ hộ; dư tàn, không dư tàn; khởi, không khởi[10].

"Này A-nan, ý ngươi nghĩ sao đối với pháp tụ mà Ta tự giác, tự thân chứng ngộ, gồm Bốn niệm xứ, Bốn như ý túc, Năm căn, Năm lực, Bảy giác chi, Tám chi thánh đạo?

"Này A-nan, Ni-kiền Thân Tử thật sự không phải là Nhất thiết trí [11] nhưng tự cho là Nhất thiết trí.

"Này A-nan, nếu Ni-kiền Thân Tử là vị biết tất cả, thấy tất cả thì vị ấy đã vì đệ *tử* mà giảng giải sáu gốc rễ của đấu tranh; nghĩa là, có thể nghe để đình chỉ[12]."

Bấy giờ Tôn giả A Nan chắp tay hướng về Đức Phật bạch rằng:

"Bạch Thế Tôn! Nay thật là đúng lúc. Bạch Thiện Thệ, nay thật hợp thời, nếu Thế

---

8. Bản Pāli: do ajihājīva (tăng thượng hoạt mạng) và do adhipātimokkha (tăng thượng giới bổn), tranh chấp các vấn đề liên hệ sinh hoạt và giới bổn, cả hai đều chỉ liên hệ đến giới luật. Bản Hán nói do cả giới, định, và tuệ.

9. Đạo và đạo tích. Pāli: magge vā hi patipadāya, tranh chấp trong các vấn đề liên hệ Thánh đạo và sự tu tập Thánh đạo.

10. Có 18 tránh sự, theo các Luật tạng. Trong đây chỉ nêu 16. Hai điều thuyết và phi thuyết đề cập riêng.

11. Trong bản Hán: *tát-vân-nhã* ━━━Y━F Pāli: sabbaññu.

12. *Khả văn nhi chỉ*. Không rõ ý. Có lẽ, cần biết để dập tắt tranh chấp.

Tôn dạy về sáu gốc rễ của sự đấu tranh cho các Tỳ-kheo. Các Tỳ-kheo sau khi nghe Thế Tôn dạy sẽ khéo léo thọ trì."

Đức Thế Tôn bảo:

"Này A-nan, hãy nghe kỹ; hãy suy nghĩ kỹ. Ta sẽ phân biệt đầy đủ."

Tôn giả A Nan bạch rằng:

"Kính vâng, xin vâng lời lắng nghe."

Đức Phật dạy:

"Này A-nan, ở đây có người bị kiết sử sân và não quấn chặt[13]. Này A-nan, người ấy bị kiết sử sân và não quấn chặt cho nên không cung kính Tôn sư, không thấy pháp, không giữ giới. Người ấy đã không cung kính Tôn sư, không thấy pháp, không giữ giới, ở trong chúng nó gây ra sự đấu tranh như vậy. Sự đấu tranh ấy không giúp gì cho ai mà chỉ gây khổ cho mọi người, không phải sự thiện lợi và hữu ích, không phải là sự an ổn khoái lạc, cho đến trời người phải chịu đau khổ và tai hoạn. Này A-nan! Nếu ngươi thấy sự đấu tranh như vậy, ở bên trong hay bên ngoài, mà không dứt hết được, vậy, để đoạn trừ sự đấu tranh ấy, ngươi phải nhanh chóng tìm cầu phương tiện, học tập tinh cần, chánh niệm, chánh trí, kiên nhẫn, đừng để thối thất. Này A-nan, ví như có người bị lửa đốt cháy đầu, đốt cháy áo, thì phải cấp tốc tìm phương tiện để chữa cháy đầu, chữa cháy áo. Cũng vậy, nếu ngươi thấy sự đấu tranh như vậy, ở bên trong hay bên ngoài, mà không dứt hết được, vậy để đoạn trừ sự đấu tranh ấy, ngươi phải nhanh chóng tìm cầu phương tiện, học tập tinh cần, chánh niệm chánh trí, kiên nhẫn đừng để thối thất.

"Này A-nan, sự đấu tranh như vậy, bên trong hay bên ngoài, mà ngươi thấy đã được chấm dứt, ngươi phải thủ hộ cái tâm đó hơn nữa, luôn luôn không buông lung, vì để ngăn chặn sự đấu tranh ấy vậy. Như vậy, sự tranh chấp này được ngươi đoạn trừ từ gốc rễ. Này A-nan, ví như có người bị lửa đốt cháy đầu, đốt cháy áo, thì phải cấp tốc tìm phương tiện để chữa cháy đầu, chữa cháy áo. Cũng vậy, sự đấu tranh như vậy, bên trong hay bên ngoài, mà ngươi thấy đã được chấm dứt, ngươi phải thủ hộ cái tâm đó hơn nữa, luôn luôn không buông lung, vì để ngăn chặn sự đấu tranh ấy vậy. Như vậy, sự tranh chấp này được ngươi đoạn trừ từ gốc rễ.

"Cũng giống như vậy với các kiết sử phú tàng[14], bỏn sẻn, tật đố, dua nịnh, dối trá, vô tàm, vô quý, ác dục, tà kiến, và ác tánh không biết phục thiện[15].

"Này A-nan, nếu một người nào có ác dục, tà kiến, ác tánh không biết phục thiện thì không cung kính Tôn sư, không thấy pháp, không giữ giới. Người ấy đã không cung kính Tôn sư, không thấy pháp, không giữ giới, ở trong chúng nó gây ra sự đấu tranh như vậy. Sự đấu tranh ấy không giúp gì cho ai mà chỉ gây khổ cho mọi người, không phải sự thiện lợi và hữu ích, không phải là sự an ổn khoái lạc, cho đến trời người phải chịu đau khổ và tai hoạn. Này A-nan! Nếu ngươi thấy sự đấu tranh như vậy, ở bên trong hay bên ngoài, mà không dứt hết được, vậy, để đoạn trừ sự đấu tranh ấy, ngươi phải nhanh chóng tìm cầu phương tiện, học tập tinh cần, chánh niệm, chánh trí, kiên nhẫn, đừng để thối thất. Này A-

---

13. *Sân não kết triền* -Q-o——Atức phẫn và hận. Pāli: kodhano upanāhi, phẫn nộ và oán hận.

14. Trong nguyên bản, bất ngữ kết ——y——C Xem cht.6, kinh 183.

15. *Ác tánh bất khả chế* -c———i——A hoặc nói là *ác tánh bất thọ nhân ngữ* -c———H-y-CTánh ương ngạnh không chịu nghe lời. Đoạn này tóm tắt, liệt kê các cặp kiết sử làm nguyên nhân cho đấu tranh, có thể xếp loại theo thuật ngữ thông dụng: Phẩn, hận; phú, não; tật, xan; cuồng, siểm; vô tàm, vô quý; ác dục, tà kiến. Xem thêm, đối chiếu kinh 98 trên. Xem giải thích Tập Dị 15 (No.1536, Đại tr.431a-b).

nan, ví như có người bị lửa đốt cháy đầu, đốt cháy áo, thì phải cấp tốc tìm phương tiện để chữa cháy đầu, chữa cháy áo. Cũng vậy, nếu ngươi thấy sự đấu tranh như vậy, ở bên trong hay bên ngoài, mà không dứt hết được, vậy để đoạn trừ sự đấu tranh ấy, ngươi phải nhanh chóng tìm cầu phương tiện, học tập tinh cần, chánh niệm chánh trí, kiên nhẫn đừng để thối thất.

"Này A-nan, sự đấu tranh như vậy, bên trong hay bên ngoài, mà ngươi thấy đã được chấm dứt, ngươi phải thủ hộ cái tâm đó hơn nữa, luôn luôn không buông lung, vì để ngăn chặn sự đấu tranh ấy vậy. Như vậy, sự tranh chấp này được ngươi đoạn trừ từ gốc rễ. Này A-nan, ví như có người bị lửa đốt cháy đầu, đốt cháy áo, thì phải cấp tốc tìm phương tiện để chữa cháy đầu, chữa cháy áo. Cũng vậy, nếu ngươi thấy sự đấu tranh như vậy, ở bên trong hay bên ngoài, mà ngươi thấy đã được chấm dứt, ngươi phải thủ hộ cái tâm đó hơn nữa, luôn luôn không buông lung, vì để ngăn chặn sự đấu tranh ấy vậy. Như vậy, sự tranh chấp này được ngươi đoạn trừ từ gốc rễ.

"Vì sao? Ta không nói tu tập tất cả thân lạc, cũng không nói không nên tu tập tất cả thân lạc. Ta không nói tu tập tất cả thân khổ, cũng không nói không nên tu tập tất cả thân khổ. Ta không nói tu tập tất cả tâm lạc, cũng không nói không nên tu tập tất cả về tâm lạc. Ta không nói tu tập tất cả tâm khổ, cũng không nói không nên tu tập tất cả tâm khổ.

"Thế nào là thân lạc mà ta nói là không tu? Nếu tu thân lạc mà pháp ác bất thiện tăng trưởng, pháp thiện lại giảm, thì thân lạc như vậy ta nói không tu. Thế nào là thân lạc mà Ta nói tu? Nếu tu thân lạc mà pháp ác bất thiện giảm, thiện pháp tăng trưởng, thân lạc như vậy ta nói tu. Thế nào là thân khổ mà ta nói không tu? Nếu tu thân khổ mà pháp ác bất thiện tăng trưởng, pháp thiện lại giảm, thân khổ như vậy, ta nói không tu. Thế nào là thân khổ mà ta nói tu? Nếu tu thân khổ mà pháp ác bất thiện lại giảm, pháp thiện tăng trưởng. Thân khổ như vậy, ta nói tu.

"Thế nào là tâm lạc ta nói không tu? Nếu tu tâm lạc mà các pháp ác bất thiện tăng trưởng, pháp thiện lại giảm. Tâm lạc như vậy, ta nói không tu. Thế nào là tâm lạc ta nói phải tu? Nếu tu tâm lạc mà pháp ác bất thiện lại giảm, pháp thiện tăng trưởng. Tâm lạc như vậy ta nói tu. Thế nào là tâm khổ mà ta nói không tu? Nếu tu tâm khổ mà các pháp ác bất thiện tăng trưởng, pháp thiện lại giảm. Tâm khổ như vậy ta nói không tu. Thế nào là tâm khổ mà ta nói tu? Nếu tu tâm khổ mà pháp ác bất thiện lại giảm, pháp thiện tăng trưởng, tâm khổ như vậy, ta nói tu.

"Người kia đối với pháp nên tu mà biết đúng như thật, đối với pháp không nên tu cũng biết đúng như thật; và khi đã biết đúng như thật về pháp nên tu và pháp không nên tu, người ấy liền không tu pháp không nên tu, và tu pháp nên tu. Sau khi đã không tu pháp không nên tu, và tu pháp nên tu rồi, pháp ác bất thiện liền giảm, pháp thiện tăng trưởng.

"Ta không nói tất cả Tỳ-kheo đều thực hành sự không phóng dật, cũng không nói tất cả các Tỳ-kheo đều không thực hành sự không phóng dật.

"Thế nào là Tỳ-kheo không thực hành sự không phóng dật? Nếu có vị Tỳ-kheo nào chứng câu giải thoát[1]. Thế nào là Tỳ-kheo có câu giải thoát? Nếu có Tỳ-kheo đối với tám

---

1. Câu giải thoát tức Câu phần giải thoát ——————C Gọi là Cu phần vì có hai phần chướng, phiền não phần chướng và giải thoát phần chướng (xem Tập Dị Môn Luận 17, Đại 26 tr.436a). Pāli:

giải thoát, thân đã chứng[2], thành tựu an trụ, do tuệ kiến[3] mà các lậu đã diệt tận, đã biết rõ. Như vậy là Tỳ-kheo có câu giải thoát. Vị Tỳ-kheo này ta nói thực hành sự không phóng dật. Nếu Hiền giả này vốn có phóng dật thì điều ấy không bao giờ có. Vì vậy, Ta nói vị Tỳ-kheo này không thực hành sự không phóng dật.

"Hoặc có Tỳ-kheo không phải câu giải thoát mà có tuệ giải thoát. Thế nào là Tỳ-kheo có tuệ giải thoát? Nếu có Tỳ-kheo đối với tám giải thoát mà thân không chứng, thành tựu an trú, nhưng do tuệ kiến mà các lậu đã diệt tận, đã biết rõ. Như vậy là Tỳ-kheo có tuệ giải thoát. Vị Tỳ-kheo này Ta nói không thành tựu sự không phóng dật. Vì sao? Vì Hiền giả này vốn đã thành tựu sự không phóng dật. Nếu Hiền giả này vốn có phóng dật thì điều ấy không bao giờ có. Vì vậy Ta nói vị Tỳ-kheo này không thành tựu sự không phóng dật.

"Hai hạng Tỳ-kheo này Ta nói không thành tựu sự không phóng dật. Này các Tỳ-kheo, tại sao Ta nói thành tựu sự không phóng dật? Hoặc có Tỳ-kheo không có câu giải thoát, cũng không có tuệ giải thoát mà có thân chứng. Thế nào là Tỳ-kheo có thân chứng? Nếu có Tỳ-kheo đối với tám giải thoát, thân đã chứng, thành tựu an trụ, không do tuệ kiến mà các lậu đã diệt tận, đã biết rõ[4]. Như vậy là Tỳ-kheo có thân chứng. Tỳ-kheo này Ta nói thực hành sự không phóng dật. Ta thấy vị Tỳ-kheo này hành không phóng dật. Vì có quả gì khiến Ta nói Tỳ-kheo ấy hành không phóng dật? Ở đây, vị Tỳ-kheo này tìm cách chế ngự các căn[5], học tập theo thiện tri thức, sống tùy thuận an trú[6], các lậu đã diệt tận, đắc được vô lậu, giải thoát, tuệ giải thoát, ngay trong hiện tại, tự tri, tự giác, tự tác chứng thành tựu và an trú, biết như thật rằng 'Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa.' Vì Ta thấy vị Tỳ-kheo này không phóng dật, có được quả như thế, cho nên Ta nói vị Tỳ-kheo này thực hành sự không phóng dật.

"Hoặc có vị Tỳ-kheo không phải câu giải thoát, không phải tuệ giải thoát, cũng không phải thân chứng, nhưng lại kiến đáo[7]. Thế nào là Tỳ-kheo có kiến đáo? Nếu Tỳ-kheo nào có lòng tin dứt khoát đối với Phật, Pháp, Tăng, tùy thuộc pháp được nghe, rồi do tuệ mà có tăng thượng quán và tăng thượng nhẫn[8]. Như thế, vị Tỳ-kheo này có kiến đáo. Vị Tỳ-kheo này Ta nói không phóng dật. Vì có quả gì khiến Ta nói vị Tỳ-kheo này hành không phóng dật? nếu có Tỳ-kheo nào tìm cách chế ngự các căn, học tập các vị thiện tri thức, sống tùy thuận an trú, các lậu đã tận diệt, được vô lậu, tâm giải thoát, tuệ giải thoát, ngay trong hiện tại, tự tri tự giác, tự chứng, thành tựu và an trụ, biết một cách như thật rằng 'Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh

---

Ubhatobhāgavimutta.

2. Thân xúc ——F Tập Dị (đd.,nt.): Thân dĩ chứng ——w——C Pāli: santā vimokhā atkkama rūpe āruppā te kāyena phassitvā viharati, tịch tịnh giải thoát, vượt qua các sắc và vô sắc, sau khi thể nghiệm bằng thân, vị ấy an trụ.
3. Tuệ kiến, Pāli: paññāya cassa divā, sau khi thấy bằng tuệ.
4. "Căn cứ vào sự chứng đắc diệt định mà thành lập thân chứng, tức là do thân chứng đắc diệt định vậy" (Cu-xá: 25, No.1558, Đại 29 tr.131b).
5. Cầu ư chư căn -D————C Pāli: indriyāni samannayāmano, đang chế ngự các căn.
6. Hành tùy thuận trụ chỉ——H————C Pāli: anulomikāni senāsanāni paṭisevamano, đang sử dụng các thứ sàng tọa đúng quy định (một cách tùy thuận).
7. Kiến đáo ——A cũng gọi là kiến chí. Pāli: diṭṭhipatto.
8. Tức là bậc Thánh này căn cứ trên địa vị tùy pháp hành (xem dưới) chứng đắc Đạo loại trí, với sự bén nhạy của tuệ (Tập Dị đd., tr.435c Cu-xá đd., nt.). Pāli: paññāya vodiṭṭhā honti vocaritā, do tuệ mà quán sát và thấu triệt.

nữa.' Vì Ta thấy vị Tỳ-kheo này hành không phóng dật có quả như vậy. Cho nên Ta nói vị Tỳ-kheo này hành không phóng dật.

"Nếu Tỳ-kheo nào không phải câu giải thoát, không phải tuệ giải thoát, cũng không phải thân chứng, cũng không phải kiến đáo, nhưng lại có tín giải thoát. Thế nào là Tỳ-kheo có tín giải thoát? Nếu Tỳ-kheo nào có lòng tin dứt khoát đối với Phật, Pháp, Tăng, tùy theo pháp được nghe, rồi do tuệ mà có quán và nhẫn nhận, không bằng kiến đáo[9]. Như vậy là vị Tỳ-kheo này có tín giải thoát. Vị Tỳ-kheo này Ta nói hành không phóng dật. Ta thấy vị Tỳ-kheo này hành không phóng dật, vì có quả gì, khiến Ta nói vị Tỳ-kheo này hành không phóng dật? nếu có vị Tỳ-kheo nào tìm cách chế ngự được các căn, học tập theo các vị thiện tri thức, sống tùy thuận an trú, các lậu đã diệt tận, được vô lậu, tâm giải thoát, tuệ giải thoát, ngay trong hiện tại, tự tri, tự giác, tự tác chứng thành tựu và an trụ, biết một cách như thật rằng 'Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa.' Vì Ta thấy vị Tỳ-kheo này hành không phóng dật, vì có quả như vậy, cho nên Ta nói vị Tỳ-kheo này hành không phóng dật.

"Nếu có vị Tỳ-kheo nào không có câu giải thoát, không có tuệ giải thoát, không có thân chứng, không có kiến đáo cũng không có tín giải thoát, nhưng có pháp hành[10]. Thế nào là Tỳ-kheo có pháp hành? Nếu Tỳ-kheo nào có lòng tin tuyệt đối với Phật, Pháp, Tăng, tùy theo pháp được nghe, rồi do tuệ mà có tăng thượng quán, tăng thượng nhẫn[11]. Như vậy, Tỳ-kheo này có pháp hành. Vị Tỳ-kheo này Ta nói hành không phóng dật. Ta thấy vị Tỳ-kheo này hành không phóng dật, vì có quả gì khiến Ta nói vị Tỳ-kheo này hành không phóng dật? Nếu có Tỳ-kheo nào tìm cách chế ngự các căn, học tập theo thiện tri thức, sống tùy thuận an trú, đối với trong hai quả chắc chắn sẽ đạt được một. Hoặc ngay trong hiện tại được cứu cánh trí, nếu còn hữu dư được A-na-hàm. Vì Ta thấy vị này hành không phóng dật, có quả như vậy. Cho nên Ta nói vị Tỳ-kheo này hành không phóng dật.

"Nếu có Tỳ-kheo nào không có câu giải thoát, không có tuệ giải thoát, không có thân chứng, không có kiến đáo, không có tín giải thoát, không có pháp hành, nhưng lại có tín hành. Thế nào là Tỳ-kheo có tín hành? Nếu vị Tỳ-kheo nào có lòng tin dứt khoát đối với Phật, Pháp, Tăng, tùy theo pháp được nghe, rồi do tuệ mà quán và nhẫn, không như pháp hành. Như vậy, Tỳ-kheo này có tín hành. Vị Tỳ-kheo này Ta nói hành không phóng dật. Ta thấy vị Tỳ-kheo này hành không phóng dật, vì quả gì khiến Ta nói vị Tỳ-kheo này hành không phóng dật? Nếu có vị Tỳ-kheo nào tìm cách chế ngự các căn, học tập theo thiện tri thức, sống tùy thuận an trú, đối với trong hai quả chắc chắn sẽ đạt được một, hoặc ngay trong hiện tại được cứu cánh trí, nếu còn hữu dư, đắc A-na-hàm. Vì Ta thấy vị Tỳ-kheo này hành không phóng dật. Các vị Tỳ-kheo này Ta nói hành không phóng dật.

"Ta không nói tất cả Tỳ-kheo được cứu cánh trí, cũng không nói tất cả các Tỳ-kheo ngay từ đầu được cứu cánh trí, song dần dần học tập và thực hành, nhận lãnh giáo huấn, chịu khiển trách, sau đó các Tỳ-kheo mới được cứu cánh trí, cứu cánh trí mà các

---

9. Câu-xá, đd.nt., căn cứ trên Tùy tín hành (xem dưới) mà chứng đắc Đạo loại trí, khả năng của tuệ không bén nhạy phải nương vào tín.

10. *Pháp hành*, hay *tùy pháp hành* -H-k—C "Với bản tánh nhiều tư duy phân tích, mà học về bốn Diệu đế, quán sát khổ đế *(tuệ tăng thượng)* rồi thấy rõ nhận thức về sự thật của khổ đế *(nhân tăng thượng)* như vậy là chứng bậc *tùy hành pháp"* (tóm tắt, Tập Dị đd. nt.). Pāli: dhammānusāri.

11. Pāli: (...) mattaso nijjhānaṃ khamanti, bằng vào tuệ mà chấp nhận sự lý giải hạn một cách hạn chế.

Tỳ-kheo chứng đắc này.

"Thế nào là dần dần học tập và thực hành, nhận lãnh giáo huấn và khiển trách, sau đó các Tỳ-kheo mới được cứu cánh trí, cứu cánh trí mà các Tỳ-kheo chứng đắc này? Nếu có tín giả nào liền tìm đến. Tìm đến rồi liền phụng sự; phụng sự rồi liền nhất tâm nghe pháp; nhất tâm nghe pháp rồi liền thọ trì pháp; thọ trì pháp rồi liền tư duy về pháp; tư duy về pháp rồi liền chấp nhận[12]; chấp nhận rồi liền quán sát về pháp. Đệ tử hiền thánh quán sát về pháp rồi thì tự thân tác chứng chân đế, và do tuệ có tăng thượng quán[13]. Vị ấy liền nghĩ, 'Chân đế này, tự thân Ta chưa từng tác chứng cũng không phải được tăng thượng quán bằng tuệ. Ta hãy tự thân tác chứng chân đế này, và do tuệ mà tăng thượng quán. Như vậy dần dần học tập và thực hành, nhận lãnh giáo huấn và khiển trách, rồi sau các Tỳ-kheo mới đắc cứu cánh trí, cứu cánh trí mà các Tỳ-kheo chứng đắc này."

Bấy giờ Đức Thế Tôn nói rằng:

"Này A-thấp-bối và Phất-na-bà-tu, có pháp được gọi là Tứ cú, Ta nói cho các ngươi nghe, các ngươi có muốn biết không?"

A-thấp-bối và Phất-na-bà-tu thưa:

"Bạch Thế Tôn! Chúng con là hạng người nào và do đâu hiểu được pháp?"

Bấy giờ Đức Thế Tôn bèn nghĩ rằng:

"Hạng người ngu si này vượt quá sự chỉ dạy của Ta. Đối với pháp luật chân chính này, còn cách biệt quá lâu dài. Nếu có vị thầy pháp luật nào tham trước việc ăn uống, không xả ly việc ăn uống mà đệ tử của vị ấy còn không nên dục tốc, phóng dật. Huống chi Ta lại là người không tham trước việc ăn uống, viễn ly sự ăn uống, do đó tín đệ tử của Ta nên nói, 'Đức Thế Tôn là bậc thầy của ta. Ta là đệ tử của Đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn nói pháp cho ta nghe. Đức Thiện Thệ nói pháp cho ta nghe. Mong cho ta được thiện lợi, hữu ích, được an ổn khoái lạc lâu dài. Tín đệ tử kia đối với cảnh giới của Thế Tôn có nhiều điều phải làm, đối với cảnh giới của Thế Tôn được nhiều lợi ích. Đối với cảnh giới của Thế Tôn có nhiều điều phải hành, thể nhập trong cảnh giới của Thế Tôn, an chỉ trong cảnh giới của Thế Tôn. Nếu trú ở phương Đông, chắc chắn sẽ được an lạc, không có chỗ khổ hoạn. Nếu trụ ở phương Nam, phương Tây và phương Bắc, chắc chắn sẽ được an lạc, không có các khổ hoạn.' Nếu tín đệ tử nào đối với cảnh giới của Thế Tôn mà có nhiều điều phải làm, đối với cảnh giới của Thế Tôn, được nhiều điều lợi ích, đối với cảnh giới của Thế Tôn có nhiều điều phải hành, thể nhập cảnh giới của Thế Tôn, an chỉ cảnh giới của Thế Tôn. Tín đệ tử ấy đối với pháp thiện đã trụ, Ta không còn nói, huống chi nói đến pháp suy thoái, nhưng ngày đêm vẫn tăng trưởng pháp thiện, chớ không suy thoái. Nếu Tín đệ tử nào đối với cảnh giới của Đức Thế Tôn có nhiều điều phải làm, đối với cảnh giới của Thế Tôn được nhiều lợi ích, đối với cảnh giới của Thế Tôn có nhiều điều phải hành, thể nhập vào cảnh giới của Thế Tôn, an chỉ trong cảnh giới của Thế Tôn, trong hai quả, chắc chắn sẽ đạt được một, hoặc hiện tại được cứu cánh trí, nếu hữu dư, chứng được A-na-hàm."

Phật thuyết như vậy, các Tỳ-kheo nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

❑

---

12. Hán: bình lượng ——q—C Pāli: dhammā nijjhānaṃ khamanti, hoan hỷ chấp nhận pháp.
13. Pāli: paññāya naṃ ativijjha passati, do tuệ mà thấy pháp ấy một cách tinh mật.

196. KINH CHÂU-NA[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật du hóa tại nước Bạt-kì, thôn Xá-di[2].

Bấy giờ sa-di Châu-na[3], kiết hạ ở Ba-hòa[4]. Tại xứ Ba-hòa có một Ni-kiền tên là Thân Tử[5]. Nơi đây, vị ấy qua đời. Sau khi qua đời không bao lâu, các đệ tử Ni-kiền Thân Tử chia rẽ và phá hoại nhau, nói những lời chia rẽ và phá hoại nhau. Họ tranh đấu, kiện tụng, cột trói nhau, thù nghịch nhau, tranh luận với nhau rằng, "Ta biết pháp này, ngươi không biết. Ngươi biết pháp sao bằng chỗ ta biết? Ta nói tề chỉnh, còn ngươi không tề chỉnh. Ta nói phù hợp, còn ngươi không phù hợp. Điều đáng nói trước, ngươi nói sau; điều đáng nói sau ngươi lại nói trước. Ta hơn, còn ngươi không bằng. Ta hỏi việc ngươi, ngươi không thể trả lời được. Ta đã chế phục ngươi, ngươi còn hỏi nữa. Nếu ngươi động thủ, ta sẽ cột trói ngươi lại." Họ kiêu mạn và thách đố lẫn nhau. Ai cũng chỉ mong mình nói hơn, mà không có người nào để khiển trách. Nếu có những người bạch y tại gia, đệ tử của Ni-kiền Thân Tử, thấy vậy, họ đều chán nản và lãng xa các đệ tử của Ni-kiền Thân Tử này. Vì sao vậy? Bởi vì những điều họ nói ấy đều là ác pháp luật, không phải là pháp xuất yếu, không dẫn đến Chánh giác, cũng không phải là lời dạy của Đấng Thiện Thệ. Nó là sự băng hoại, không thể đứng vững, không nơi nương tựa và cậy nhờ. Bởi vì bậc thầy mà họ tôn sùng không phải là Như Lai, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác.

Lúc bấy giờ Sa-di Châu-na đã qua ba tháng an cư mùa mưa, sửa vá lại y áo, rồi mang y cất bát đến thôn Xá-di, rồi qua phía bắc thôn Xá-di, đến rừng Thi-nhiếp-hòa. Sa-di Châu-na đến chỗ Tôn giả A-nan. Sau khi đến nơi, đảnh lễ sát chân Tôn giả A-nan, rồi ngồi qua một bên.

Tôn giả A-nan hỏi[6]:

"Này Hiền giả Châu-na, từ đâu đến đây? An cư mùa mưa ở đâu?"

Sa-di Châu-na đáp:

"Bạch Tôn giả A-nan, con từ Ba-hòa đến, và an cư mùa mưa ở Ba- hòa. Bạch Tôn

---

1. Tương đương Pāli: M.103. Sāmagāmasuttaṃ. Hán, biệt dịch No.85 Phật Thuyết Tức Tranh Nhân Duyên Kinh, Tống Thi Hộ dịch.
2. Bạt-kì [illegible] Xá-di [illegible] No.85: Xa-ma-ca tử tụ lạc. Pāli: Sakkesu viharti (...) Sāmagāme, là một ngôi làng của giòng họ Sakya.
3. Sa-di Châu-na [illegible] Pāli: Cunda samaṇuddesa. Được đồng với Mahā- Cunda em ruột ngài Sāriputta và đắc quả A-na-hàm trong lúc là Sa-di.
4. Ba-hòa [illegible] Pāli: Pāvā, một thị trấn của bộ tộc Malla. Đoạn đường cuối cùng của Phật, đi từ Pāvā đến Kusinārā và ngài dừng chân để nghỉ 25 lần trên đoạn đường ấy.
5. Ni-kiền danh Thân Tử [illegible] Pāli: Nigaṇṭha Nāṭaputta.
6. Ngài A-nan là Bổn sư của Châu-na.

giả A-nan, tại xứ Ba-hòa có một Ni-kiền tên là Thân Tử[7]. Nơi đây, vị ấy qua đời. Sau khi qua đời không bao lâu, các đệ tử Ni-kiền Thân Tử chia rẽ và phá hoại nhau, nói những lời chia rẽ và phá hoại nhau. Họ tranh đấu, kiện tụng, cột trói nhau, thù nghịch nhau, tranh luận với nhau rằng, 'Ta biết pháp này, ngươi không biết. Ngươi biết pháp sao bằng chỗ ta biết? Ta nói tề chỉnh, còn ngươi không tề chỉnh. Ta nói phù hợp, còn ngươi không phù hợp. Điều đáng nói trước, ngươi nói sau; điều đáng nói sau ngươi lại nói trước. Ta hơn, còn ngươi không bằng. Ta hỏi việc ngươi, ngươi không thể trả lời được. Ta đã chế phục ngươi, ngươi còn hỏi nữa. Nếu ngươi động thủ, ta sẽ cột trói ngươi lại.' Họ kiêu mạn và thách đố lẫn nhau. Ai cũng chỉ mong mình nói hơn, mà không có người nào để khiển trách. Nếu có những người bạch y tại gia, đệ tử của Ni-kiền Thân Tử, thấy vậy, họ đều chán nản và lãng xa các đệ tử của Ni-kiền Thân Tử này. Vì sao vậy? Bởi vì những điều họ nói ấy đều là ác pháp luật, không phải là pháp xuất yếu, không dẫn đến chánh giác, cũng không phải là lời dạy của đấng Thiện Thệ. Nó là sự băng hoại, không thể đứng vững, không nơi nương tựa và cậy nhờ. Bởi vì bậc thầy mà họ tôn sùng không phải là Như Lai, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác."

Tôn giả A-nan nghe xong, nói rằng:

"Hiền giả Châu-na, nhân dịp này, chúng ta có thể đến yết kiến Đức Phật, đem sự việc này trình bày lên Thế Tôn. Này Hiền giả Châu-na, bây giờ chúng ta cùng đi đến Đức Phật, đem tất cả sự việc này trình lên cho Đức Thế Tôn. Thảng hoặc, chúng ta có thể nhân đó mà được nghe pháp khác nữa từ Đức Thế Tôn."

Rồi Tôn giả A-nan và Sa-di Châu-na cùng nhau đến chỗ Đức Phật, chắp tay cúi đầu đảnh lễ sát chân Ngài, Tôn giả A-nan đứng qua một bên và Sa-di Châu-na ngồi xuống một bên. Tôn giả A-nan bạch với Đức Thế Tôn:

"Bạch Thế Tôn, hôm nay Sa-di Châu-na đi đến chỗ con, cúi đầu đảnh lễ sát chân rồi ngồi qua một bên. Con hỏi: 'Hiền giả Châu-na, từ nơi nào đến đây và an cư mùa mưa ở đâu?' Sa-di Châu-na liền trả lời với con rằng: 'Thưa Tôn giả A-nan, con từ Ba-hòa đến, an cư mùa mưa ở Ba-hòa. Bạch Tôn giả A-nan, tại Ba-hòa có một Ni-kiền tên là Thân Tử. Nơi đây, vị ấy qua đời. Sau khi qua đời không bao lâu, các đệ tử Ni-kiền Thân Tử chia rẽ và phá hoại nhau, nói những lời chia rẽ và phá hoại nhau. Họ tranh đấu, kiện tụng, cột trói nhau, thù nghịch nhau, tranh luận với nhau rằng, 'Ta biết pháp này, ngươi không biết. Ngươi biết pháp sao bằng chỗ ta biết? Ta nói tề chỉnh, còn ngươi không tề chỉnh. Ta nói phù hợp, còn ngươi không phù hợp. Điều đáng nói trước, ngươi nói sau; điều đáng nói sau ngươi lại nói trước. Ta hơn, còn ngươi không bằng. Ta hỏi việc ngươi, ngươi không thể trả lời được. Ta đã chế phục ngươi, ngươi còn hỏi nữa. Nếu ngươi động thủ, ta sẽ cột trói ngươi lại.' Họ kiêu mạn và thách đố lẫn nhau. Ai cũng chỉ mong mình nói hơn, mà không có người nào để khiển trách. Nếu có những người bạch y tại gia, đệ tử của Ni-kiền Thân Tử, thấy vậy, họ đều chán nản và lãng xa các đệ tử của Ni-kiền Thân Tử này. Vì sao vậy? Bởi vì những điều họ nói ấy đều là ác pháp luật, không phải là pháp xuất yếu, không dẫn đến chánh giác, cũng không phải là lời dạy của đấng Thiện Thệ. Nó là sự băng hoại, không thể đứng vững, không nơi nương tựa và cậy nhờ. Bởi vì bậc thầy mà họ tôn sùng không phải là Như Lai, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác.'

"Bạch Thế Tôn, con nghe rồi kinh sợ hãi hùng, toàn thân lông tóc dựng đứng. Mong sau khi Thế Tôn khuất bóng, đừng có một vị Tỳ-kheo nào ở trong chúng mà gây ra sự đấu

7. Ni-kiền danh Thân Tử ━━━W━━I━C Pāli: Niganṭha Nāṭaputta.

tranh như vậy. Sự đấu tranh ấy, không giúp gì cho ai mà chỉ gây khổ cho mọi người. Nó không phải là sự thiện lợi và hữu ích, không phải là sự an ổn và khoái lạc, cho đến loài trời và loài người cũng phải chịu đau khổ và tai hoạn. Bạch Thế Tôn, khi con thấy một vị Tỳ-kheo ngồi trước Đức Thế Tôn chí tâm kính trọng Đức Thế Tôn, khéo hộ trì Thiện Thệ. Bạch Thế Tôn! Con thấy như vậy rồi liền nghĩ, 'Nếu sau này khi Thế Tôn khuất bóng mà vị Tỳ-kheo ấy trong chúng gây sự đấu tranh, thì đấu tranh ấy không giúp ích gì cho ai mà chỉ gây đau khổ cho mọi người, nó không phải là sự thiện lợi và hữu ích, không phải là sự an ổn và khoái lạc cho đến loài trời, loài người cũng phải chịu đau khổ và tai hoạn'."

Bấy giờ Đức Thế Tôn hỏi:

"Ngươi thấy những điều nào khiến chúng Tăng có sự đấu tranh, sự đấu tranh ấy không giúp ích gì cho ai mà chỉ gây khổ cho mọi người. Không phải là sự thiện lợi và hữu ích, không phải là sự an ổn và khoái lạc cho đến loài trời, loài người cũng phải chịu đau khổ và tai hoạn?"

Tôn giả A-nan thưa:

"Bạch Thế Tôn, đó là do tăng thượng giới, tăng thượng tâm, tăng thượng quán[8] mà phát sanh sự đấu tranh ở trong chúng. Bạch Thế Tôn, sự đấu tranh ấy, không giúp gì cho ai mà chỉ gây đau khổ cho mọi người. Nó không phải là sự thiện lợi, không phải là sự hữu ích. Không phải là sự an ổn, khoái lạc cho đến loài trời, loài người cũng phải chịu tai hoạn, đau khổ."

Đức Thế Tôn nói:

"Này A-nan, nếu đấu tranh do bởi giới tăng thượng, tâm tăng thượng, quán tăng thượng thì sự đấu tranh ấy quá nhỏ nhặt. Này A-nan! Nếu có sự đấu tranh trong chúng Tăng do đạo và đạo tích[9] thì sự đấu tranh ấy không giúp ích gì cho ai mà chỉ gây khổ cho mọi người. Nó không phải là sự thiện lợi và hữu ích, không phải là sự an ổn khoái lạc.

"Này A-nan, khi ngươi thấy ở trong đấy có hai Tỳ-kheo vì mỗi người có mỗi ý kiến khác nhau mà gây ra cuộc đấu tranh mà nói rằng, 'Đây là pháp, đây là phi pháp; đây là luật, đây là phi luật; đây là phạm, đây là phi phạm; hoặc nhẹ, hoặc nặng; có thể sám hối, không thể sám hối; có thể thủ hộ, không thể thủ hộ; dư tàn, không dư tàn; khởi, không khởi[10].

"Này A-nan, ý ngươi nghĩ sao đối với pháp tụ mà Ta tự giác, tự thân chứng ngộ, gồm Bốn niệm xứ, Bốn như ý túc, Năm căn, Năm lực, Bảy giác chi, Tám chi thánh đạo?

"Này A-nan, Ni-kiền Thân Tử thật sự không phải là Nhất thiết trí [11] nhưng tự cho là Nhất thiết trí.

"Này A-nan, nếu Ni-kiền Thân Tử là vị biết tất cả, thấy tất cả thì vị ấy đã vì đệ *tử* mà giảng giải sáu gốc rễ của đấu tranh; nghĩa là, có thể nghe để đình chỉ[12]."

Bấy giờ Tôn giả A Nan chắp tay hướng về Đức Phật bạch rằng:

"Bạch Thế Tôn! Nay thật là đúng lúc. Bạch Thiện Thệ, nay thật hợp thời, nếu Thế

---

8. Bản Pāli: do ajihājīva (tăng thượng hoạt mạng) và do adhipātimokkha (tăng thượng giới bổn), tranh chấp các vấn đề liên hệ sinh hoạt và giới bổn, cả hai đều chỉ liên hệ đến giới luật. Bản Hán nói do cả giới, định, và tuệ.

9. Đạo và đạo tích. Pāli: magge vā hi patipadāya, tranh chấp trong các vấn đề liên hệ Thánh đạo và sự tu tập Thánh đạo.

10. Có 18 tránh sự, theo các Luật tạng. Trong đây chỉ nêu 16. Hai điều thuyết và phi thuyết đề cập riêng.

11. Trong bản Hán: *tát-vân-nhã* ━━━Y━F Pāli: sabbaññu.

12. *Khả văn nhi chỉ*. Không rõ ý. Có lẽ, cần biết để dập tắt tranh chấp.

Tôn dạy về sáu gốc rễ của sự đấu tranh cho các Tỳ-kheo. Các Tỳ-kheo sau khi nghe Thế Tôn dạy sẽ khéo léo thọ trì."

Đức Thế Tôn bảo:

"Này A-nan, hãy nghe kỹ; hãy suy nghĩ kỹ. Ta sẽ phân biệt đầy đủ."

Tôn giả A Nan bạch rằng:

"Kính vâng, xin vâng lời lắng nghe."

Đức Phật dạy:

"Này A-nan, ở đây có người bị kiết sử sân và não quấn chặt[13]. Này A-nan, người ấy bị kiết sử sân và não quấn chặt cho nên không cung kính Tôn sư, không thấy pháp, không giữ giới. Người ấy đã không cung kính Tôn sư, không thấy pháp, không giữ giới, ở trong chúng nó gây ra sự đấu tranh như vậy. Sự đấu tranh ấy không giúp gì cho ai mà chỉ gây khổ cho mọi người, không phải sự thiện lợi và hữu ích, không phải là sự an ổn khoái lạc, cho đến trời người phải chịu đau khổ và tai hoạn. Này A-nan! Nếu ngươi thấy sự đấu tranh như vậy, ở bên trong hay bên ngoài, mà không dứt hết được, vậy, để đoạn trừ sự đấu tranh ấy, ngươi phải nhanh chóng tìm cầu phương tiện, học tập tinh cần, chánh niệm, chánh trí, kiên nhẫn, đừng để thối thất. Này A-nan, ví như có người bị lửa đốt cháy đầu, đốt cháy áo, thì phải cấp tốc tìm phương tiện để chữa cháy đầu, chữa cháy áo. Cũng vậy, nếu ngươi thấy sự đấu tranh như vậy, ở bên trong hay bên ngoài, mà không dứt hết được, vậy để đoạn trừ sự đấu tranh ấy, ngươi phải nhanh chóng tìm cầu phương tiện, học tập tinh cần, chánh niệm chánh trí, kiên nhẫn đừng để thối thất.

"Này A-nan, sự đấu tranh như vậy, bên trong hay bên ngoài, mà ngươi thấy đã được chấm dứt, ngươi phải thủ hộ cái tâm đó hơn nữa, luôn luôn không buông lung, vì để ngăn chặn sự đấu tranh ấy vậy. Như vậy, sự tranh chấp này được ngươi đoạn trừ từ gốc rễ. Này A-nan, ví như có người bị lửa đốt cháy đầu, đốt cháy áo, thì phải cấp tốc tìm phương tiện để chữa cháy đầu, chữa cháy áo. Cũng vậy, sự đấu tranh như vậy, bên trong hay bên ngoài, mà ngươi thấy đã được chấm dứt, ngươi phải thủ hộ cái tâm đó hơn nữa, luôn luôn không buông lung, vì để ngăn chặn sự đấu tranh ấy vậy. Như vậy, sự tranh chấp này được ngươi đoạn trừ từ gốc rễ.

"Cũng giống như vậy với các kiết sử phú tàng[14], bỏn sẻn, tật đố, dua nịnh, dối trá, vô tàm, vô quý, ác dục, tà kiến, và ác tánh không biết phục thiện[15].

"Này A-nan, nếu một người nào có ác dục, tà kiến, ác tánh không biết phục thiện thì không cung kính Tôn sư, không thấy pháp, không giữ giới. Người ấy đã không cung kính Tôn sư, không thấy pháp, không giữ giới, ở trong chúng nó gây ra sự đấu tranh như vậy. Sự đấu tranh ấy không giúp gì cho ai mà chỉ gây khổ cho mọi người, không phải sự thiện lợi và hữu ích, không phải là sự an ổn khoái lạc, cho đến trời người phải chịu đau khổ và tai hoạn. Này A-nan! Nếu ngươi thấy sự đấu tranh như vậy, ở bên trong hay bên ngoài, mà không dứt hết được, vậy, để đoạn trừ sự đấu tranh ấy, ngươi phải nhanh chóng tìm cầu phương tiện, học tập tinh cần, chánh niệm, chánh trí, kiên nhẫn, đừng để thối thất. Này A-

---

13. *Sân não kết triền* -Q-o——Atức phẫn và hận. Pāli: kodhano upanāhi, phẫn nộ và oán hận.

14. Trong nguyên bản, bất ngữ kết ——y——C Xem cht.6, kinh 183.

15. *Ác tánh bất khả chế* -c———i——A hoặc nói là *ác tánh bất thọ nhân ngữ* -c———H-y-CTánh ương ngạnh không chịu nghe lời. Đoạn này tóm tắt, liệt kê các cặp kiết sử làm nguyên nhân cho đấu tranh, có thể xếp loại theo thuật ngữ thông dụng: Phẩn, hận; phú, não; tật, xan; cuồng, siểm; vô tàm, vô quý; ác dục, tà kiến. Xem thêm, đối chiếu kinh 98 trên. Xem giải thích Tập Dị 15 (No.1536, Đại tr.431a-b).

nan, ví như có người bị lửa đốt cháy đầu, đốt cháy áo, thì phải cấp tốc tìm phương tiện để chữa cháy đầu, chữa cháy áo. Cũng vậy, nếu ngươi thấy sự đấu tranh như vậy, ở bên trong hay bên ngoài, mà không dứt hết được, vậy để đoạn trừ sự đấu tranh ấy, ngươi phải nhanh chóng tìm cầu phương tiện, học tập tinh cần, chánh niệm chánh trí, kiên nhẫn đừng để thối thất.

"Này A-nan, sự đấu tranh như vậy, bên trong hay bên ngoài, mà ngươi thấy đã được chấm dứt, ngươi phải thủ hộ cái tâm đó hơn nữa, luôn luôn không buông lung, vì để ngăn chặn sự đấu tranh ấy vậy. Như vậy, sự tranh chấp này được ngươi đoạn trừ từ gốc rễ. Này A-nan, ví như có người bị lửa đốt cháy đầu, đốt cháy áo, thì phải cấp tốc tìm phương tiện để chữa cháy đầu, chữa cháy áo. Cũng vậy, nếu ngươi thấy sự đấu tranh như vậy, ở bên trong hay bên ngoài, mà ngươi thấy đã được chấm dứt, ngươi phải thủ hộ cái tâm đó hơn nữa, luôn luôn không buông lung, vì để ngăn chặn sự đấu tranh ấy vậy. Như vậy, sự tranh chấp này được ngươi đoạn trừ từ gốc rễ.

"Lại nữa, này A-nan, có bảy phương pháp đình chỉ đấu tranh[16]. Bảy phương pháp đó là: một là ưng dữ diện tiền chỉ tránh luật, hai là ưng dữ ức chỉ tránh luật, ba là ưng dữ bất si chỉ tránh luật, bốn là ưng dữ phát lồ chỉ tránh luật, năm là ưng dữ quân chỉ tránh luật, sáu là ưng dữ triển chuyển chỉ tránh luật, bảy là ưng dữ như khí phấn tảo chỉ tránh luật[17].

"Này A-nan, thế nào là ưng dữ diện tiền chỉ tránh luật[18]? Làm thế nào để đoạn trừ sự đấu tranh này? Tức là điều luật đình chỉ đấu tranh bằng sự hiện diện. Này A-nan, hoặc một người đối với một người, mà khuyến giáo, khiển trách, thủ hộ bằng pháp luật như Tôn sư đã chỉ giáo, với sự hiện diện khiến được hoan hỷ. Một người đối với hai người, một người đối với nhiều người, một người đối với chúng Tăng mà khuyến giáo, khiển trách, được thủ hộ bằng pháp luật như Tôn sư đã chỉ giáo, với sự hiện diện khiến được hoan hỷ. Hai người đối với hai người mà khuyến giáo, khiển trách, thủ hộ bằng pháp luật như Tôn sư đã chỉ giáo, với sự hiện diện khiến được hoan hỷ. Hai người đối với nhiều người, hai người đối với chúng Tăng, hai người đối với một người mà khuyến giáo, khiển trách, thủ hộ bằng pháp luật như Tôn sư đã chỉ giáo, với sự hiện diện khiến được hoan hỷ. Nhiều người đối với nhiều người mà khuyến giáo, khiển trách, thủ hộ bằng pháp luật như Tôn sư đã chỉ giáo, với sự hiện diện khiến được hoan hỷ. Nhiều người đối với chúng Tăng, nhiều người đối với một người, nhiều người đối với hai người mà khuyến giáo, khiển trách, được thủ hộ bằng pháp luật như Tôn sư đã chỉ giáo với sự hiện diện khiến được hoan hỷ. Chúng Tăng đối với một người, chúng Tăng đối với hai người, chúng Tăng đối với nhiều người mà khuyến giáo, khiển trách, được thủ hộ bằng pháp luật như Tôn sư đã chỉ giáo, với sự hiện diện khiến được hoan hỷ. Này A-nan, như vậy gọi là ưng dữ hiện tiền chỉ tránh luật. Sự đấu tranh ấy được đoạn trừ như vậy, tức do luật chấm dứt đấu tranh bằng sự hiện diện.

"Này A-nan, thế nào là ưng dữ ức chỉ tránh luật[19]? làm thế nào để đoạn trừ sự tranh đấu này? Tức là do đình chỉ đấu tranh bằng nhớ lại. Này A-nan, nếu có một người

---

16. *Chỉ tránh* ——hay nói là *diệt tránh pháp* — —k-F Pāli: adhikaraṇa-samathā.
17. Thuật ngữ theo Luật Tứ Phần: 1. Hiện tiền tì-ni (Pāli: sammukhāvinaya), 2. Ức niệm tì-ni (sativinaya), 3. Bất si tì-ni (amūḷhavinaya), 4. Tự ngôn trị (paṭiññayā kāretabbaṃ), 5. Đa nhân ngữ (yebhuyyasikā), 6. Tội xứ sở (tassapāyikā), 7. Như thảo phú địa (tiṇavatthāraka).
18. Ưng dữ diện tiền chỉ tránh luật ——P——e————C Xem cht.17 trên.
19. Ưng dữ ức chỉ tránh luật ——P————C Xem cht.17 trên.

nào phạm giới mà không nhớ lại giới mình đã phạm. Các Tỳ-kheo thấy vậy, nói với vị ấy rằng, 'Thầy đã phạm giới mà không nhớ lại giới mình đã phạm. Thầy hãy đến trong chúng mà xin luật ức niệm. Tăng chúng sẽ ban cho Hiền giả luật ức niệm.' Này A-nan, nếu ở một nơi nào có Tăng chúng hòa hợp mà nhóm họp vị Tỳ-kheo kia phải đến đó, trịch vai áo, bỏ guốc, vào trong chúng, cúi đầu đảnh lễ dưới chân các bậc Trưởng lão thượng tôn Tỳ-kheo, chắp tay quỳ mọp mà bạch với các trưởng lão thượng tôn rằng, 'Bạch chư Tôn, mong các ngài nghe cho, con đã từng phạm giới mà không nhớ, nay con từ nơi chúng Tăng cầu xin luật ức niệm. Mong Tăng chúng hòa hợp ban cho con luật ức niệm.' Này A-nan, Tăng chúng hòa hợp lại để ban cho vị Tỳ-kheo này luật ức niệm, bằng Pháp và Luật như Tôn sư đã chỉ dạy, với sự hiện diện khiến cho được hoan hỷ. Này A-nan, như vậy gọi là ưng dữ ức chỉ tránh luật. Sự đấu tranh ấy phải được đoạn trừ như vậy, tức do luật chấm dứt đấu tranh bằng cách nhớ lại.

"Này A-nan, thế nào là ưng dữ bất si chỉ tránh luật[20]? Làm thế nào để đoạn trừ sự đấu tranh ấy? Tức là luật đình chỉ đấu tranh bằng sự không si cuồng. Này A-nan, nếu có một người do phát cuồng mà tâm điên đảo, nên làm nhiều điều không thanh tịnh, không phải là pháp của Sa-môn, không tùy thuận theo pháp hành mà nói vi phạm. Người ấy sau khi trở lại tâm trạng như trước, gặp các Tỳ-kheo và được bảo rằng: 'Thầy đã phát cuồng và tâm điên đảo, do phát cuồng và tâm điên đảo, nên làm nhiều điều không thanh tịnh, không phải là pháp của Sa-môn, không tùy thuận theo pháp hành mà nói vi phạm. Này Hiền giả, nếu Hiền giả sau khi trở lại tâm trạng như trước, Hiền giả có thể đến nơi chúng Tăng mà cầu xin luật bất si. Chúng Tăng sẽ ban cho Hiền giả luật bất si.' Này A Nan, nếu một nơi nào đó Tăng chúng đang hòa hợp và nhóm hội, vị Tỳ-kheo ấy nên đến đó, trịch vai áo, bỏ guốc, vào trong Tăng chúng, cúi đầu lễ sát dưới chân các bậc Trưởng lão thượng tôn Tỳ-kheo chắp tay quì mọp, mà bạch với các Trưởng lão thượng tôn Tỳ-kheo rằng, 'Bạch chư Tôn, xin nghe cho, con đã từng phát cuồng và tâm điên đảo. Do con đã phát cuồng và tâm điên đảo nên làm nhiều điều không thanh tịnh, không phải là pháp của Sa-môn, không tùy thuận theo pháp hành mà nói vi phạm. Về sau con trở lại tâm trạng như trước. Nay con từ nơi chúng Tăng xin cầu luật bất si. Mong chúng Tăng hòa hợp ban cho con luật bất si.' Này A-nan, chúng Tăng cùng hòa hợp và nhóm hội, ban cho vị Tỳ-kheo ấy luật bất si, bằng Pháp và Luật như Tôn sư đã chỉ giáo, với sự hiện diện, khiến được hoan hỷ. Này A-nan, đó gọi là ưng dữ bất si chỉ tránh luật. Sự đấu tranh ấy được đoạn trừ như vậy, tức do luật chấm dứt đấu tranh bằng sự không si cuồng.

"Này A-nan, thế nào là ưng dữ tự phát lồ chỉ tranh luật[21]? Sự đấu tranh làm thế nào để chấm dứt? Tức do luật chấm dứt đấu tranh bằng sự tự thú nhận. Này A-nan, nếu có một người phạm giới, hoặc nói ra hay không nói ra, hoặc có nhớ hay không nhớ. Này A-nan, nếu tại nơi nào đó có chúng Tăng đang hòa hợp và nhóm hội. Vị Tỳ-kheo kia nên đến đó, trịch vai áo, bỏ guốc, vào trong chúng, cúi đầu đảnh lễ dưới chân các bậc Trưởng lão thượng tôn Tỳ-kheo, chắp tay quì mọp mà bạch rằng, "Bạch chư Tôn, xin nghe cho, con phạm giới đó, con nay hướng về các bậc Trưởng lão thượng tôn Tỳ-kheo, chí tâm phát lồ, tự mình nói và trưng bày rõ, không dám che giấu, từ nay về sau sẽ khéo léo hộ trì không tái phạm. Này A-nan, chúng Tỳ-kheo nên hỏi vị ấy rằng, 'Này Hiền giả, có tự thấy điều mình phạm không?' Vị Tỳ-kheo ấy đáp, 'Con thật sự có thấy điều con phạm.' Đại chúng

---

20. Ưng dữ bất si chỉ tránh luật ——P————C Xem cht.17 trên.

21. Ưng dữ phát lồ chỉ tránh luật ——P—o—S———C Xem cht.17 trên.

cũng nên nói với vị ấy rằng, 'Hiền giả nên cẩn thận giữ gìn đừng tái phạm.' Này A-nan! Đó là ưng dữ tự phát lồ chỉ tránh luật. Sự đấu tranh ấy phải được đoạn trừ như vậy. Tức do luật chấm dứt đấu tranh bằng sự từ thú nhận.

"Này A-nan, thế nào là ưng dữ quân chỉ tranh luật[22]? Làm sao để đoạn trừ sự đấu tranh ấy? Tức do luật chấm dứt đấu tranh bằng chín đương nhân. Này A-nan! Nếu có người không biết xấu hổ, không hối hận những tội bị thấy, bị nghe và bị người khác nghi ngờ là ác dục. Người ấy đã phạm giới rồi nói là mình biết ở một nơi, mình thấy ở một nơi. Sau khi nói mình biết ở một nơi này, lại nói mình thấy ở một nơi. Sau khi nói mình thấy ở một nơi, lại nói mình biết ở một nơi. Ở trong Tăng chúng mà nói là mình biết ở một nơi, ở trong Tăng chúng mà nói là mình thấy ở một nơi. Nói mình biết ở một nơi, rồi lại nói mình thấy ở một nơi. Nói mình thấy ở một nơi rồi lại nói mình biết ở một nơi. Này A-nan! Vì vị Tỳ-kheo ấy, Tăng chúng hòa hợp và nhóm họp mà ban quân luật, nói rằng: 'Nhà ngươi không đạo lý, nhà ngươi ác bất thiện. Vì sao? Vì ngươi đã phạm giới rồi lại nói mình biết ở một nơi, mình thấy ở một nơi. Nói mình biết ở một nơi, rồi lại nói mình thấy ở một nơi. Nói mình thấy ở một nơi, rồi lại nói mình biết ở một nơi. Ở trong chúng mà nói mình biết ở một nơi. Ở trong chúng mà nói mình thấy ở một nơi. Nói mình biết ở một nơi rồi lại nói mình thấy ở một nơi. Nói mình thấy ở một nơi rồi lại nói mình biết ở một nơi.' Này A-nan, như vậy gọi là ưng dữ quân chỉ tránh luật. Sự đấu tranh ấy phải được đoạn trừ bằng sự như vậy. Tức do luật chấm dứt đấu tranh bằng chính đương nhân.

"Này A-nan, thế nào là ưng dữ triển chuyển chỉ tránh luật? Làm thế nào để đoạn trừ sự đấu tranh ấy? Tức là do luật chấm dứt đấu tranh bằng sự diễn tiến. Này A-nan, ở đây, giữa hai vị Tỳ-kheo vì một số ý kiến mà gây ra sự đấu tranh như vầy, 'Đây là pháp, đây là phi pháp; đây là luật, đây là phi luật; đây là phạm, đây là phi phạm; đây là nhẹ, đây là nặng; khả thuyết, không khả thuyết[23]; có thể thủ hộ, không thể thủ hộ; dư tàn, không dư tàn; có thể sám hối, không thể sám hối[24]. Này A-nan, Tỳ-kheo kia ngay tại chỗ đang cãi vã ấy mà chấm dứt đấu tranh. Nếu ngay tại chỗ cãi vã mà chấm dứt đấu tranh, thì sự đấu tranh này được tuyên bố là chấm dứt. Nếu ngay tại chỗ cãi vã mà không chấm dứt, có thể đưa sự đấu tranh ra bạch với chúng Tăng. Nếu ở trong chúng Tăng mà chấm dứt, thì sự đấu tranh ấy được tuyên bố là chấm dứt. Nếu trong chúng Tăng không chấm dứt, thì này A-nan, gần đó có Tỳ-kheo giỏi kinh, giỏi luật, giỏi luận[25], các Tỳ-kheo kia cùng đến vị này thưa việc đấu tranh ấy. Nếu ngay trên đường đi mà chấm dứt, thì sự đấu tranh được tuyên bố là chấm dứt. Nếu ngay trên đường đi mà không chấm dứt, lại hãy đem sự đấu tranh ấy nói trước chúng Tăng. Nếu ở trước chúng Tăng mà chấm dứt, sự đấu tranh ấy được tuyên bố là chấm dứt. Nếu ở tại chúng Tăng mà không chấm dứt, thì này A-nan, nếu có nhiều người hỗ trợ mà giỏi kinh, giỏi luật, giỏi luận, thì các vị này phải chấm dứt sự đấu tranh ấy bằng Pháp và Luật như Tôn sư đã chỉ giáo, với sự hiện diện khiến được hoan hỷ. Này A-nan, như vậy gọi là ưng dữ triển chuyển chỉ tránh luật. Sự đấu tranh ấy phải được đoạn trừ như vậy, tức là do luật chấm dứt đấu tranh bằng sự triển chuyển.

---

22. Ưng dữ quân chỉ tránh luật ——P-g————C Xem cht.17 trên. Quân luật -g—"Luật áp dụng cho chính ngài". Vì vị này khi bị hỏi tội, cứ nói loanh quanh, nên Tăng chúng phải chỉ định ngay tội danh: "*Chính ngài* đã phạm tội".

23. Đoạn trên, bản Hán thiếu hai sự này.

24. Đoạn trên nói là khởi và không khởi. *Khởi*, hay *cử tội*, nêu tội Tỳ-kheo; tức khởi tố.

25. Nguyên bản: *trì mẫu* ——F hay giỏi Ma-đắc-lặc-già (Pāli: Mātikā), chỉ Luận tạng.

"Này A-nan, thế nào gọi là ưng dữ như khí phấn tảo chỉ tránh luật?[26] Làm sao để đoạn trừ sự đấu tranh ấy? Tức là luật chấm dứt đấu tranh như quăng bỏ giẻ rách. Này A-nan, nếu các vị Tỳ-kheo ở chung một chỗ tranh chấp, kiện tụng nhau, thù nghịch nhau, oán ghét nhau, này A-nan, do đó các Tỳ-kheo kia chia ra hai nhóm. Sau khi chia ra hai nhóm rồi, trong một nhóm có bậc Trưởng lão thượng tôn Tỳ-kheo, hay dưới trưởng lão một bậc; hoặc có người làm tông chủ hay nhỏ hơn tông chủ một bậc. Này A-nan, vị Tỳ-kheo này nói với các vị Tỳ-kheo kia rằng, 'Này chư Hiền, xin nghe cho, chúng ta không có đạo lý, chúng ta là người ác bất thiện. Vì sao vậy? Vì chúng ta đối với Pháp và Luật được khéo giảng dạy mà chí tín, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, để học đạo, nhưng chúng ta tranh chấp kiện tụng nhau, thù nghịch nhau, oán ghét nhau, cãi vã nhau. Này chư Hiền, do sự tranh chấp này mà chúng ta đã phạm giới, ngoại trừ tội Thâu-lan-giá[27] và ngoại trừ tội tương ưng với hàng tại gia. Tôi vì chính mình và cũng vì chư Hiền nữa, nên hướng đến chư Hiền phát lồ, tự nói mà trình bày rõ ràng, không dám che giấu, lại cẩn thận giữ gìn sau không tái phạm nữa.' Này A-nan, nếu ở trong nhóm này mà không có vị Tỳ-kheo nào ứng theo, thì này A-nan, Tỳ-kheo ấy nên đi đến nhóm thứ hai. Đến nơi rồi, cúi đầu đảnh lễ các bậc Thượng tôn trưởng lão Tỳ-kheo chắp tay quì mọp mà thưa rằng, 'Thưa chư Tôn, xin nghe cho, chúng ta không có đạo lý, chúng ta là người ác bất thiện. Vì sao vậy? Vì chúng ta đối với Pháp và Luật được khéo giảng dạy mà chí tín, từ bỏ gia đình, sống không gia đình để học đạo, nhưng chúng ta tranh chấp, kiện tụng nhau, thù nghịch nhau, oán ghét nhau, cãi vã nhau. Này chư Hiền, do sự tranh đấu này mà chúng ta đã phạm giới, ngoại trừ tội Thâu-lan-giá, và ngoại trừ tội tương đương với hàng tại gia. Tôi vì chính mình và cũng vì chính chư Hiền nữa, nên hướng đến chư Hiền chí tâm phát lồ, tự nói mà trình bày rõ ràng, không dám che giấu, lại cẩn thận giữ gìn sau không tái phạm nữa.' Này A-nan, các Tỳ-kheo kia nên nói với vị Tỳ-kheo này như vầy, 'Này Hiền giả, thầy tự thấy mình phạm giới chăng?' Vị Tỳ-kheo này đáp, 'Quả thật tôi tự thấy mình đã phạm giới.' Tỳ-kheo kia nên nói, 'Vậy hãy cẩn thận giữ gìn, đừng để tái phạm.' Nhóm thứ hai cũng làm như vậy. Này A-nan, như vậy gọi là ưng dữ như khí phấn tảo chỉ tránh luật. Này A-nan! Sự đấu tranh ấy phải được đoạn trừ như vậy. Tức do luật chấm dứt đấu tranh như quăng bỏ giẻ rách.

"Này A-nan! Nay ta nói cho ngươi sáu pháp ủy lao[28], hãy lắng nghe kỹ, hãy khéo suy nghĩ kỹ."

Tôn giả A Nan bạch rằng:

"Kính vâng, con xin vâng lời lắng nghe."

Phật nói:

"Thế nào là sáu? Thân nghiệp từ hòa hướng đến các vị đồng phạm hạnh, pháp ấy gọi là pháp ủy lao. Đó là pháp khả ái, là pháp khả lạc, khiến cho ái niệm, khiến cho tôn trọng, khiến cho phụng sự, khiến cho cung kính, khiến cho tu tập, khiến cho đoàn kết, tác thành Sa-môn, tác thành nhất tâm, được sự tinh cần, chứng đắc Niết-bàn.

"Khẩu nghiệp nói năng từ hòa, ý nghiệp từ hòa, cũng vậy.

"Có lợi lộc nào đúng pháp mà được, cho đến miếng cơm ở chính trong bình bát của

---

26. Ưng dữ như khí phấn tảo chỉ tránh luật ——P-p——T————C Xem cht.17 trên.

27. Trong bản, Thâu-la-chá ————C, thường nói là thâu-lan-giá. Cố ý phạm các tội Ba-la-di và Tăng-già-bà-thi-sa mà chưa thành tựu thì gọi là Thâu-lan-giá, thô tội. Pāli: thullavajja.

28. *Ủy lao pháp* ————k-A thường được biết là sáu pháp hòa kỉnh hay lục hòa. Tập Dị 15 (No Đại 26.1536, tr.431b), gọi là *sáu pháp khả hỷ*. Pāli: cha sārāṇiyā dhammā.

mình, với phần lợi như vậy, mang chia xẻ cho các vị đồng phạm hạnh, pháp đó gọi là pháp ủy lao, là pháp khả ái, pháp khả lạc, khiến cho ái niệm, khiến cho tôn trọng, khiến cho phụng sự, khiến cho cung kính, khiến cho tu tập, khiến cho đoàn kết, tác thành Sa-môn, tác thành nhất tâm, được sự tinh cần, chứng đắc Niết-bàn.

"Nếu có giới nào không bị sứt mẻ, không bị hư thủng, không bị dơ, không bị đen, vững vàng như mặt đất, được Thánh khen ngợi, đầy đủ khéo thọ trì. Với giới phần như vậy, cùng chia xẻ với các vị đồng phạm hạnh, pháp đó là pháp ủy lao, là pháp khả ái, là pháp khả lạc, khiến cho ái niệm, khiến cho tôn trọng, khiến cho phụng sự, khiến cho cung kính, khiến cho tu tập, khiến cho đoàn kết, tác thành Sa-môn, tác thành nhất tâm, được sự tinh cần, chứng đắc Niết-bàn.

"Nếu có kiến giải của Thánh có sự xuất yếu, được thông suốt bằng tuệ kiến, đưa đến sự chân chánh diệt khổ, với kiến phần như vậy, cùng chia xẻ với các vị đồng phạm hạnh, pháp đó là pháp ủy lao là pháp khả ái, là pháp khả lạc, khiến cho ái niệm, khiến cho tôn trọng, khiến cho phụng sự, khiến cho cung kính, khiến cho tu tập, khiến cho đoàn kết, tác thành Sa-môn, tác thành nhất tâm, được sự tinh cần, chứng đắc Niết-bàn.

"Này A-nan, Ta vừa nói sáu pháp ủy lao, vì vậy mà ta giảng giải. Này A-nan, nếu các ngươi đối với sáu gốc rễ của đấu tranh mà đoạn tuyệt hoàn toàn, và với bảy pháp đình chỉ đấu tranh, khi trong Tăng chúng khởi lên đấu tranh, thì chấm dứt bằng luật đình chỉ đấu tranh như quăng bỏ giẻ rách, rồi lại thực hành sáu pháp ủy lao ấy, thì này A-nan, như vậy sau khi Ta khuất bóng, các con sống cộng đồng hòa hợp hoan hỷ không tranh chấp, cùng đồng nhất trong một tâm, cùng đồng nhất trong một giáo pháp, hòa hợp như nước với sữa, khoái lạc du hành như lúc Ta còn tại thế."

Phật thuyết như vậy. Tôn giả A-nan và chư Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

❑

"Lại nữa, này A-nan, có bảy phương pháp đình chỉ đấu tranh[1]. Bảy phương pháp đó là: một là ưng dữ diện tiền chỉ tránh luật, hai là ưng dữ ức chỉ tránh luật, ba là ưng dữ bất si chỉ tránh luật, bốn là ưng dữ phát lồ chỉ tránh luật, năm là ưng dữ quân chỉ tránh luật, sáu là ưng dữ triển chuyển chỉ tránh luật, bảy là ưng dữ như khí phấn tảo chỉ tránh luật[2].

"Này A-nan, thế nào là ưng dữ diện tiền chỉ tránh luật[3]? Làm thế nào để đoạn trừ sự đấu tranh này? Tức là điều luật đình chỉ đấu tranh bằng sự hiện diện. Này A-nan, hoặc một người đối với một người, mà khuyến giáo, khiển trách, thủ hộ bằng pháp luật như Tôn sư đã chỉ giáo, với sự hiện diện khiến được hoan hỷ. Một người đối với hai người, một người đối với nhiều người, một người đối với chúng Tăng mà khuyến giáo, khiển trách, được thủ hộ bằng pháp luật như Tôn sư đã chỉ giáo, với sự hiện diện khiến được hoan hỷ. Hai người đối với hai người mà khuyến giáo, khiển trách, thủ hộ bằng pháp luật như Tôn sư đã chỉ giáo, với sự hiện diện khiến được hoan hỷ. Hai người đối với nhiều người, hai người đối với chúng Tăng, hai người đối với một người mà khuyến giáo, khiển trách, thủ hộ bằng pháp luật như Tôn sư đã chỉ giáo, với sự hiện diện khiến được hoan hỷ. Nhiều người đối với nhiều người mà khuyến giáo, khiển trách, thủ hộ bằng pháp luật như Tôn sư đã chỉ giáo, với sự hiện diện khiến được hoan hỷ. Nhiều người đối với chúng Tăng, nhiều người đối với một người, nhiều người đối với hai người mà khuyến giáo, khiển trách, được thủ hộ bằng pháp luật như Tôn sư đã chỉ giáo với sự hiện diện khiến được hoan hỷ. Chúng Tăng đối với một người, chúng Tăng đối với hai người, chúng Tăng đối với nhiều người mà khuyến giáo, khiển trách, được thủ hộ bằng pháp luật như Tôn sư đã chỉ giáo, với sự hiện diện khiến được hoan hỷ. Này A-nan, như vậy gọi là ưng dữ hiện tiền chỉ tránh luật. Sự đấu tranh ấy được đoạn trừ như vậy, tức do luật chấm dứt đấu tranh bằng sự hiện diện.

"Này A-nan, thế nào là ưng dữ ức chỉ tránh luật[4]? làm thế nào để đoạn trừ sự tranh đấu này? Tức là do đình chỉ đấu tranh bằng nhớ lại. Này A-nan, nếu có một người nào phạm giới mà không nhớ lại giới mình đã phạm. Các Tỳ-kheo thấy vậy, nói với vị ấy rằng, 'Thầy đã phạm giới mà không nhớ lại giới mình đã phạm. Thầy hãy đến trong chúng mà xin luật ức niệm. Tăng chúng sẽ ban cho Hiền giả luật ức niệm.' Này A-nan, nếu ở một nơi nào có Tăng chúng hòa hợp mà nhóm họp vị Tỳ-kheo kia phải đến đó, trịch vai áo, bỏ guốc, vào trong chúng, cúi đầu đảnh lễ dưới chân các bậc Trưởng lão thượng tôn Tỳ-kheo, chắp tay quỳ mọp mà bạch với các trưởng lão thượng tôn rằng, 'Bạch chư Tôn, mong các ngài nghe cho, con đã từng phạm giới mà không nhớ, nay con từ nơi chúng Tăng cầu xin luật ức niệm. Mong Tăng chúng hòa hợp ban cho con luật ức niệm.' Này A-nan, Tăng chúng hòa hợp lại để ban cho vị Tỳ-kheo này luật ức niệm, bằng Pháp và Luật như Tôn sư đã chỉ dạy, với sự hiện diện khiến cho được hoan hỷ. Này A-nan, như vậy gọi là ưng dữ ức chỉ tránh luật. Sự đấu tranh ấy phải được đoạn trừ như vậy, tức do luật chấm dứt đấu tranh bằng cách nhớ lại.

---

1. *Chỉ tránh* ——hay nói là *diệt tránh pháp* — —k-F Pāli: adhikaraṇa-samathā.
2. Thuật ngữ theo Luật Tứ Phần: 1. Hiện tiền tì-ni (Pāli: sammukhāvinaya), 2. Ức niệm tì-ni (sativinaya), 3. Bất si tì-ni (amūḷhavinaya), 4. Tự ngôn trị (paṭiññayā kāretabbaṃ), 5. Đa nhân ngữ (yebhuyyasikā), 6. Tội xứ sở (tassapāyikā), 7. Như thảo phú địa (tiṇavatthāraka).
3. Ưng dữ diện tiền chỉ tránh luật ——P——e————C Xem cht.17 trên.
4. Ưng dữ ức chỉ tránh luật ——P————C Xem cht.17 trên.

"Này A-nan, thế nào là ưng dữ bất si chỉ tránh luật[5]? Làm thế nào để đoạn trừ sự đấu tranh ấy? Tức là luật đình chỉ đấu tranh bằng sự không si cuồng. Này A-nan, nếu có một người do phát cuồng mà tâm điên đảo, nên làm nhiều điều không thanh tịnh, không phải là pháp của Sa-môn, không tùy thuận theo pháp hành mà nói vi phạm. Người ấy sau khi trở lại tâm trạng như trước, gặp các Tỳ-kheo và được bảo rằng: 'Thầy đã phát cuồng và tâm điên đảo, do phát cuồng và tâm điên đảo, nên làm nhiều điều không thanh tịnh, không phải là pháp của Sa-môn, không tùy thuận theo pháp hành mà nói vi phạm. Này Hiền giả, nếu Hiền giả sau khi trở lại tâm trạng như trước, Hiền giả có thể đến nơi chúng Tăng mà cầu xin luật bất si. Chúng Tăng sẽ ban cho Hiền giả luật bất si.' Này A Nan, nếu một nơi nào đó Tăng chúng đang hòa hợp và nhóm hội, vị Tỳ-kheo ấy nên đến đó, trịch vai áo, bỏ guốc, vào trong Tăng chúng, cúi đầu lễ sát dưới chân các bậc Trưởng lão thượng tôn Tỳ-kheo chắp tay quì mọp, mà bạch với các Trưởng lão thượng tôn Tỳ-kheo rằng, 'Bạch chư Tôn, xin nghe cho, con đã từng phát cuồng và tâm điên đảo. Do con đã phát cuồng và tâm điên đảo nên làm nhiều điều không thanh tịnh, không phải là pháp của Sa-môn, không tùy thuận theo pháp hành mà nói vi phạm. Về sau con trở lại tâm trạng như trước. Nay con từ nơi chúng Tăng xin cầu luật bất si. Mong chúng Tăng hòa hợp ban cho con luật bất si.' Này A-nan, chúng Tăng cùng hòa hợp và nhóm hội, ban cho vị Tỳ-kheo ấy luật bất si, bằng Pháp và Luật như Tôn sư đã chỉ giáo, với sự hiện diện, khiến được hoan hỷ. Này A-nan, đó gọi là ưng dữ bất si chỉ tránh luật. Sự đấu tranh ấy được đoạn trừ như vậy, tức do luật chấm dứt đấu tranh bằng sự không si cuồng.

"Này A-nan, thế nào là ưng dữ tự phát lồ chỉ tranh luật[6]? Sự đấu tranh làm thế nào để chấm dứt? Tức do luật chấm dứt đấu tranh bằng sự tự thú nhận. Này A-nan, nếu có một người phạm giới, hoặc nói ra hay không nói ra, hoặc có nhớ hay không nhớ. Này A-nan, nếu tại nơi nào đó có chúng Tăng đang hòa hợp và nhóm hội. Vị Tỳ-kheo kia nên đến đó, trịch vai áo, bỏ guốc, vào trong chúng, cúi đầu đảnh lễ dưới chân các bậc Trưởng lão thượng tôn Tỳ-kheo, chắp tay quì mọp mà bạch rằng, "Bạch chư Tôn, xin nghe cho, con phạm giới đó, con nay hướng về các bậc Trưởng lão thượng tôn Tỳ-kheo, chí tâm phát lồ, tự mình nói và trưng bày rõ, không dám che giấu, từ nay về sau sẽ khéo léo hộ trì không tái phạm. Này A-nan, chúng Tỳ-kheo nên hỏi vị ấy rằng, 'Này Hiền giả, có tự thấy điều mình phạm không?' Vị Tỳ-kheo ấy đáp, 'Con thật sự có thấy điều con phạm.' Đại chúng cũng nên nói với vị ấy rằng, 'Hiền giả nên cẩn thận giữ gìn đừng tái phạm.' Này A-nan! Đó là ưng dữ tự phát lồ chỉ tránh luật. Sự đấu tranh ấy phải được đoạn trừ như vậy. Tức do luật chấm dứt đấu tranh bằng sự từ thú nhận.

"Này A-nan, thế nào là ưng dữ quân chỉ tranh luật[7]? Làm sao để đoạn trừ sự đấu tranh ấy? Tức do luật chấm dứt đấu tranh bằng chín đương nhân. Này A-nan! Nếu có người không biết xấu hổ, không hối hận những tội bị thấy, bị nghe và bị người khác nghi ngờ là ác dục. Người ấy đã phạm giới rồi nói là mình biết ở một nơi, mình thấy ở một nơi. Sau khi nói mình biết ở một nơi này, lại nói mình thấy ở một nơi. Sau khi nói mình thấy ở một nơi, lại nói mình biết ở một nơi. Ở trong Tăng chúng mà nói là mình biết ở một nơi, ở trong Tăng chúng mà nói là mình thấy ở một nơi. Nói mình biết ở một nơi, rồi

---

5. Ưng dữ bất si chỉ tránh luật ——P————C Xem cht.17 trên.
6. Ưng dữ phát lồ chỉ tránh luật ——P-o-S————C Xem cht.17 trên.
7. Ưng dữ quân chỉ tránh luật ——P-g————C Xem cht.17 trên. Quân luật -g—"Luật áp dụng cho chính ngài". Vì vị này khi bị hỏi tội, cứ nói loanh quanh, nên Tăng chúng phải chỉ định ngay tội danh: "*Chính ngài* đã phạm tội".

lại nói mình thấy ở một nơi. Nói mình thấy ở một nơi rồi lại nói mình biết ở một nơi. Này A-nan! Vì vị Tỳ-kheo ấy, Tăng chúng hòa hợp và nhóm họp mà ban quân luật, nói rằng: 'Nhà ngươi không đạo lý, nhà ngươi ác bất thiện. Vì sao? Vì ngươi đã phạm giới rồi lại nói mình biết ở một nơi, mình thấy ở một nơi. Nói mình biết ở một nơi, rồi lại nói mình thấy ở một nơi. Nói mình thấy ở một nơi, rồi lại nói mình biết ở một nơi. Ở trong chúng mà nói mình biết ở một nơi. Ở trong chúng mà nói mình thấy ở một nơi. Nói mình biết ở một nơi rồi lại nói mình thấy ở một nơi. Nói mình thấy ở một nơi rồi lại nói mình biết ở một nơi.' Này A-nan, như vậy gọi là ưng dữ quân chỉ tránh luật. Sự đấu tranh ấy phải được đoạn trừ bằng sự như vậy. Tức do luật chấm dứt đấu tranh bằng chính đương nhân.

"Này A-nan, thế nào là ưng dữ triển chuyển chỉ tránh luật? Làm thế nào để đoạn trừ sự đấu tranh ấy? Tức là do luật chấm dứt đấu tranh bằng sự diễn tiến. Này A-nan, ở đây, giữa hai vị Tỳ-kheo vì một số ý kiến mà gây ra sự đấu tranh như vầy, 'Đây là pháp, đây là phi pháp; đây là luật, đây là phi luật; đây là phạm, đây là phi phạm; đây là nhẹ, đây là nặng; khả thuyết, không khả thuyết[8]; có thể thủ hộ, không thể thủ hộ; dư tàn, không dư tàn; có thể sám hối, không thể sám hối[9]. Này A-nan, Tỳ-kheo kia ngay tại chỗ đang cãi vã ấy mà chấm dứt đấu tranh. Nếu ngay tại chỗ cãi vã mà chấm dứt đấu tranh, thì sự đấu tranh này được tuyên bố là chấm dứt. Nếu ngay tại chỗ cãi vã mà không chấm dứt, có thể đưa sự đấu tranh ra bạch với chúng Tăng. Nếu ở trong chúng Tăng mà chấm dứt, thì sự đấu tranh ấy được tuyên bố là chấm dứt. Nếu trong chúng Tăng không chấm dứt, thì này A-nan, gần đó có Tỳ-kheo giỏi kinh, giỏi luật, giỏi luận[10], các Tỳ-kheo kia cùng đến vị này thưa việc đấu tranh ấy. Nếu ngay trên đường đi mà chấm dứt, thì sự đấu tranh được tuyên bố là chấm dứt. Nếu ngay trên đường đi mà không chấm dứt, lại hãy đem sự đấu tranh ấy nói trước chúng Tăng. Nếu ở trước chúng Tăng mà chấm dứt, sự đấu tranh ấy được tuyên bố là chấm dứt. Nếu ở tại chúng Tăng mà không chấm dứt, thì này A-nan, nếu có nhiều người hỗ trợ mà giỏi kinh, giỏi luật, giỏi luận, thì các vị này phải chấm dứt sự đấu tranh ấy bằng Pháp và Luật như Tôn sư đã chỉ giáo, với sự hiện diện khiến được hoan hỷ. Này A-nan, như vậy gọi là ưng dữ triển chuyển chỉ tránh luật. Sự đấu tranh ấy phải được đoạn trừ như vậy, tức là do luật chấm dứt đấu tranh bằng sự triển chuyển.

"Này A-nan, thế nào gọi là ưng dữ như khí phấn tảo chỉ tránh luật?[11] Làm sao để đoạn trừ sự đấu tranh ấy? Tức là luật chấm dứt đấu tranh như quăng bỏ giẻ rách. Này A-nan, nếu các vị Tỳ-kheo ở chung một chỗ tranh chấp, kiện tụng nhau, thù nghịch nhau, oán ghét nhau, này A-nan, do đó các Tỳ-kheo kia chia ra hai nhóm. Sau khi chia ra hai nhóm rồi, trong một nhóm có bậc Trưởng lão thượng tôn Tỳ-kheo, hay dưới trưởng lão một bậc; hoặc có người làm tông chủ hay nhỏ hơn tông chủ một bậc. Này A-nan, vị Tỳ-kheo này nói với các vị Tỳ-kheo kia rằng, 'Này chư Hiền, xin nghe cho, chúng ta không có đạo lý, chúng ta là người ác bất thiện. Vì sao vậy? Vì chúng ta đối với Pháp và Luật được khéo giảng dạy mà chí tín, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, để học đạo, nhưng chúng ta tranh chấp kiện tụng nhau, thù nghịch nhau, oán ghét nhau, cãi vã nhau. Này chư Hiền, do sự tranh chấp này mà chúng ta đã phạm giới, ngoại trừ tội Thâu-lan-giá[12] và

---

8. Đoạn trên, bản Hán thiếu hai sự này.
9. Đoạn trên nói là khởi và không khởi. *Khởi*, hay *cử tội*, nêu tội Tỳ-kheo; tức khởi tố.
10. Nguyên bản: *trì mẫu* ———F hay giỏi Ma-đắc-lặc-già (Pāli: Mātikā), chỉ Luận tạng.
11. Ưng dữ như khí phấn tảo chỉ tránh luật ——P–p——T————C Xem cht.17 trên.
12. Trong bản, Thâu-la-chá ———C, thường nói là thâu-lan-giá. Cố ý phạm các tội Ba-la-di và Tăng-già-bà-

ngoại trừ tội tương ưng với hàng tại gia. Tôi vì chính mình và cũng vì chư Hiền nữa, nên hướng đến chư Hiền phát lồ, tự nói mà trình bày rõ ràng, không dám che giấu, lại cẩn thận giữ gìn sau không tái phạm nữa.' Này A-nan, nếu ở trong nhóm này mà không có vị Tỳ-kheo nào ứng theo, thì này A-nan, Tỳ-kheo ấy nên đi đến nhóm thứ hai. Đến nơi rồi, cúi đầu đảnh lễ các bậc Thượng tôn trưởng lão Tỳ-kheo chắp tay quì mọp mà thưa rằng, 'Thưa chư Tôn, xin nghe cho, chúng ta không có đạo lý, chúng ta là người ác bất thiện. Vì sao vậy? Vì chúng ta đối với Pháp và Luật được khéo giảng dạy mà chí tín, từ bỏ gia đình, sống không gia đình để học đạo, nhưng chúng ta tranh chấp, kiện tụng nhau, thù nghịch nhau, oán ghét nhau, cãi vã nhau. Này chư Hiền, do sự tranh đấu này mà chúng ta đã phạm giới, ngoại trừ tội Thâu-lan-giá, và ngoại trừ tội tương đương với hàng tại gia. Tôi vì chính mình và cũng vì chính chư Hiền nữa, nên hướng đến chư Hiền chí tâm phát lồ, tự nói mà trình bày rõ ràng, không dám che giấu, lại cẩn thận giữ gìn sau không tái phạm nữa.' Này A-nan, các Tỳ-kheo kia nên nói với vị Tỳ-kheo này như vầy, 'Này Hiền giả, thầy tự thấy mình phạm giới chăng?' Vị Tỳ-kheo này đáp, 'Quả thật tôi tự thấy mình đã phạm giới.' Tỳ-kheo kia nên nói, 'Vậy hãy cẩn thận giữ gìn, đừng để tái phạm.' Nhóm thứ hai cũng làm như vậy. Này A-nan, như vậy gọi là ưng dữ như khí phấn tảo chỉ tránh luật. Này A-nan! Sự đấu tranh ấy phải được đoạn trừ như vậy. Tức do luật chấm dứt đấu tranh như quăng bỏ giẻ rách.

"Này A-nan! Nay ta nói cho ngươi sáu pháp ủy lao[13], hãy lắng nghe kỹ, hãy khéo suy nghĩ kỹ."

Tôn giả A Nan bạch rằng:

"Kính vâng, con xin vâng lời lắng nghe."

Phật nói:

"Thế nào là sáu? Thân nghiệp từ hòa hướng đến các vị đồng phạm hạnh, pháp ấy gọi là pháp ủy lao. Đó là pháp khả ái, là pháp khả lạc, khiến cho ái niệm, khiến cho tôn trọng, khiến cho phụng sự, khiến cho cung kính, khiến cho tu tập, khiến cho đoàn kết, tác thành Sa-môn, tác thành nhất tâm, được sự tinh cần, chứng đắc Niết-bàn.

"Khẩu nghiệp nói năng từ hòa, ý nghiệp từ hòa, cũng vậy.

"Có lợi lộc nào đúng pháp mà được, cho đến miếng cơm ở chính trong bình bát của mình, với phần lợi như vậy, mang chia xẻ cho các vị đồng phạm hạnh, pháp đó gọi là pháp ủy lao, là pháp khả ái, pháp khả lạc, khiến cho ái niệm, khiến cho tôn trọng, khiến cho phụng sự, khiến cho cung kính, khiến cho tu tập, khiến cho đoàn kết, tác thành Sa-môn, tác thành nhất tâm, được sự tinh cần, chứng đắc Niết-bàn.

"Nếu có giới nào không bị sứt mẻ, không bị hư thủng, không bị dơ, không bị đen, vững vàng như mặt đất, được Thánh khen ngợi, đầy đủ khéo thọ trì. Với giới phần như vậy, cùng chia xẻ với các vị đồng phạm hạnh, pháp đó là pháp ủy lao, là pháp khả ái, là pháp khả lạc, khiến cho ái niệm, khiến cho tôn trọng, khiến cho phụng sự, khiến cho

---

thi-sa mà chưa thành tựu thì gọi là Thâu-lan-giá, thô tội. Pāli: thullavajja.

13. *Ủy lao pháp* ———k-A thường được biết là sáu pháp hòa kỉnh hay lục hòa. Tập Dị 15 (No Đại 26.1536, tr.431b), gọi là *sáu pháp khả hỷ*. Pāli: cha sārāṇiyā dhammā.

cung kính, khiến cho tu tập, khiến cho đoàn kết, tác thành Sa-môn, tác thành nhất tâm, được sự tinh cần, chứng đắc Niết-bàn.

" Nếu có kiến giải của Thánh có sự xuất yếu, được thông suốt bằng tuệ kiến, đưa đến sự chân chánh diệt khổ, với kiến phần như vậy, cùng chia xẻ với các vị đồng phạm hạnh, pháp đó là pháp ủy lao là pháp khả ái, là pháp khả lạc, khiến cho ái niệm, khiến cho tôn trọng, khiến cho phụng sự, khiến cho cung kính, khiến cho tu tập, khiến cho đoàn kết, tác thành Sa-môn, tác thành nhất tâm, được sự tinh cần, chứng đắc Niết-bàn.

" Này A-nan, Ta vừa nói sáu pháp ủy lao, vì vậy mà ta giảng giải. Này A-nan, nếu các ngươi đối với sáu gốc rễ của đấu tranh mà đoạn tuyệt hoàn toàn, và với bảy pháp đình chỉ đấu tranh, khi trong Tăng chúng khởi lên đấu tranh, thì chấm dứt bằng luật đình chỉ đấu tranh như quăng bỏ giẻ rách, rồi lại thực hành sáu pháp ủy lao ấy, thì này A-nan, như vậy sau khi Ta khuất bóng, các con sống cộng đồng hòa hợp hoan hỷ không tranh chấp, cùng đồng nhất trong một tâm, cùng đồng nhất trong một giáo pháp, hòa hợp như nước với sữa, khoái lạc du hành như lúc Ta còn tại thế. "

Phật thuyết như vậy. Tôn giả A-nan và chư Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

❑

197. KINH ƯU-BA-LY[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật du hóa tại Chiêm-ba, trú tại bờ ao Hằng-già[2].

Bấy giờ vào một buổi chiều Tôn giả Ưu-ba-ly[3], từ tĩnh tọa dậy, đi đến chỗ Phật đảnh lễ sát chân Phật, rồi ngồi sang một bên, thưa:

"Bạch Thế Tôn, nếu chúng Tỳ-kheo cùng nhau hòa hợp mà tác biệt kiết ma, thuyết biệt kiết ma[4]; đó có phải là kiết ma đúng Pháp, kiết ma đúng Luật chăng?"

Thế Tôn đáp:

"Không đúng vậy, này Ưu-ba-ly."

Tôn giả Ưu-ba-ly lại hỏi:

"Bạch Thế Tôn, nếu chúng Tỳ-kheo cùng hòa hợp, trong trường hợp cần ban cho luật diện tiền[5], nhưng lại ban cho luật ức niệm, cần ban cho luật ức niệm lại ban cho luật diện tiền. Đó có phải là kiết ma đúng Pháp, kiết ma đúng Luật chăng?"

Thế Tôn đáp:

"Không đúng vậy, này Ưu-ba-ly."

Tôn giả Ưu-ba-ly lại hỏi:

"Bạch Thế Tôn, nếu chúng Tỳ-kheo cùng hòa hợp, trong trường hợp cần ban cho luật ức niệm lại ban cho luật bất si, cần ban cho luật bất si, lại ban cho luật ức niệm, đó có phải là kiết ma đúng Pháp, kiết ma đúng Luật chăng?"

Thế Tôn đáp:

"Không đúng vậy, này Ưu-ba-ly."

Tôn giả Ưu-ba-ly lại hỏi:

"Bạch Thế Tôn, nếu chúng Tỳ-kheo cùng hòa hợp, trong trường hợp cần ban cho luật bất si, lại ban cho luật tự phát lồ, cần ban cho luật tự phát lồ lại ban cho luật bất si, đó có phải là kiết ma đúng Pháp, kiết ma đúng Luật chăng?"

Thế Tôn đáp:

"Không đúng vậy, này Ưu-ba-ly."

Tôn giả Ưu-ba-ly lại hỏi:

"Bạch Thế Tôn, nếu chúng Tỳ-kheo cùng hòa hợp, trong trường hợp cần ban cho luật tự phát lồ, lại ban cho luật quân, cần ban cho luật quân, lại ban cho luật tự phát lồ, đó có phải là kiết ma đúng Pháp, kiết ma đúng Luật chăng?"

Thế Tôn đáp:

---

1. Pāli, tham chiếu Luật tạng, Mv. 9. 6. 1-8. Hán, tham chiếu, luật các bộ phái, Luật bộ, Đại 22-23.
2. Xem cht.2, kinh 37.
3. Ưu-ba-ly ▪u▪i ▬C Pāli: Upāli.
4. Nguyên bản Hán: tác dị nghiệp thuyết dị nghiệp ▪@▬▬~▬▬▬~▪C
5. Xem kinh 196 trên.

"Không đúng vậy, này Ưu-ba-ly."

Tôn giả Ưu-ba-ly lại hỏi:

"Bạch Thế Tôn, nếu chúng Tỳ-kheo cùng hòa hợp, trong trường hợp cần ban cho quân luật nhưng lại ha trách[6]; cần ha trách nhưng lại cho quân luật; đó có phải là kiết ma đúng Pháp, kiết-ma đúng Luật chăng?"

Thế Tôn đáp:

"Không đúng vậy, này Ưu-ba-ly."

Tôn giả Ưu-ba-ly lại hỏi:

"Bạch Thế Tôn, nếu chúng Tỳ-kheo cùng hòa hợp, trong trường hợp cần khiển trách lại hạ trí[7], cần hạ trí lại khiển trách, đó có phải là kiết ma đúng Pháp, kiết ma đúng Luật chăng?"

Thế Tôn đáp:

"Không đúng vậy, này Ưu-ba-ly."

Tôn giả Ưu-ba-ly lại hỏi:

"Bạch Thế Tôn, nếu chúng Tỳ-kheo cùng hòa hợp, trong trường hợp cần hạ trí lại dùng cử tội[8], cần cử tội lại dùng hạ trí, đó có phải là kiết ma đúng Pháp, kiết ma đúng Luật chăng?"

Thế Tôn đáp:

"Không đúng vậy, này Ưu-ba-ly."

Tôn giả Ưu-ba-ly lại hỏi:

"Bạch Thế Tôn, nếu chúng Tỳ-kheo cùng hòa hợp, trong trường hợp cần cử tội lại diệt tẫn[9], cần diệt tẫn lại cử tội; đó có phải là kiết ma đúng Pháp, kiết ma đúng Luật chăng?

Thế Tôn đáp:

"Không đúng vậy, này Ưu-ba-ly."

Tôn giả Ưu-ba-ly lại hỏi:

"Bạch Thế Tôn, nếu chúng Tỳ-kheo cùng hòa hợp, trong trường hợp cần diệt tẫn lại ban cho luật ức niệm, cần ban cho luật ức niệm lại diệt tẫn; đó có phải là kiết ma đúng Pháp, kiết ma đúng Luật chăng?"

Thế Tôn đáp:

"Không đúng vậy, này Ưu-ba-ly."

Tôn giả Ưu-ba-ly lại hỏi:

"Bạch Thế Tôn, nếu chúng Tỳ-kheo cùng hòa hợp, trong trường hợp cần ban cho ức niệm, lại do căn bản trị; cần phải do căn bản trị lại ban cho ức niệm; đó có phải là kiết ma đúng Pháp, kiết ma đúng Luật chăng?"

---

6. Trong bản, trách số -d——A cũng nói là *ha trách*, tức khiển trách hay cảnh cáo.
7. Hạ trí -U-m-A có lẽ Luật Tứ Phần nói là *y chỉ*, bắt phục tùng giám hộ.
8. Hán: *cử* -|-A hay *cử tội*, thủ tục buộc tội Tỳ-kheo trước Đại chúng.
9. Hán: *tẫn* —hay *diệt tẫn*, trục xuất khỏi Tăng.

Thế Tôn đáp:

"Không đúng vậy, này Ưu-ba-ly."

Tôn giả Ưu-ba-ly lại hỏi:

"Bạch Thế Tôn, nếu chúng Tỳ-kheo cùng hòa hợp, trong trường hợp cần phải do căn bản trị, lại khu xuất, cần khu xuất lại do căn bản trị. Đó có phải là kiết ma đúng Pháp, kiết ma đúng Luật chăng?"

Thế Tôn đáp:

"Không đúng vậy, này Ưu-ba-ly."

Tôn giả Ưu-ba-ly lại hỏi:

"Bạch Thế Tôn, nếu chúng Tỳ-kheo cùng hòa hợp, trường hợp cần khu xuất lại hành bất mạn[10], cần hành bất mạn lại khu xuất; đó có phải là kiết ma đúng Pháp, kiết ma đúng Luật chăng?"

Thế Tôn đáp:

"Không đúng vậy, này Ưu-ba-ly."

Tôn giả Ưu-ba-ly lại hỏi:

"Bạch Thế Tôn, nếu chúng Tỳ-kheo cùng hòa hợp, trong trường hợp cần phải hành bất mạn mà lại trị[11], cần đến trị lại hành bất mạn. Đó có phải là kiết ma đúng Pháp, kiết ma đúng Luật chăng?

Thế Tôn đáp:

"Không đúng vậy, này Ưu-ba-ly.

"Này Ưu-ba-ly, nếu chúng Tỳ-kheo cùng hòa hợp mà tác biệt kiết ma thuyết biệt kiết ma, đó không phải là kiết ma đúng Pháp, kiết ma đúng Luật, chúng Tăng cũng có tội.

"Này Ưu-ba-ly, nếu chúng Tăng cùng hòa hợp, trong trường hợp cần ban cho luật diện tiền lại ban cho luật ức niệm, cần ban cho luật ức niệm lại ban cho luật diện tiền, đó không phải là kiết ma đúng Pháp, kiết ma đúng Luật, chúng Tăng cũng có tội.

"Này Ưu-ba-ly, nếu chúng Tỳ-kheo cùng hòa hợp trong trường hợp cần ban cho luật ức niệm lại ban cho luật bất si, cần ban cho luật bất si, lại ban cho luật ức niệm. Đó không phải là kiết ma đúng Pháp, kiết ma đúng Luật, chúng Tăng cũng có tội.

"Này Ưu-ba-ly, nếu chúng Tỳ-kheo cùng hòa hợp, trong trường hợp cần ban cho luật bất si, lại ban cho luật tự phát lồ, cần ban cho luật tự phát lồ lại ban cho luật bất si. Đó không phải là kiết ma đúng Pháp, kiết ma đúng Luật, chúng Tăng cũng có tội.

"Này Ưu-ba-ly, nếu chúng Tỳ-kheo cùng hòa hợp, trong trường hợp cần ban cho luật tự phát lồ lại ban cho luật quân, cần ban cho luật quân lại ban cho luật tự phát lồ. Đó không phải là kiết ma đúng Pháp, kiết ma đúng Luật, chúng Tăng cũng có tội.

---

10. Hành bất mạn ———C-ATứ Phần: *hành Ma-na-đỏa*, hay hành *pháp ý hỷ*, trong sám Tăng-già-bà-thi-sa.
11. Trị -v-ATứ Phần: *a-phù-ha-na*, phép xuất tội Tăng-già-bà-thi-sa.

"Này Ưu-ba-ly, nếu chúng Tỳ-kheo cùng hòa hợp, trong trường hợp cần ban cho luật quân, lại khiển trách, cần khiển trách lại ban cho luật quân. Đó không phải là kiết ma đúng Pháp, kiết ma đúng Luật, chúng Tăng cũng có tội.

"Này Ưu-ba-ly, nếu chúng Tỳ-kheo cùng hòa hợp, trong trường hợp cần ha trách lại hạ trí, cần hạ trí lại ha trách. Đó không phải là kiết ma đúng Pháp, kiết ma đúng Luật, chúng Tăng cũng có tội.

"Này Ưu-ba-ly, nếu chúng Tỳ-kheo cùng hòa hợp, trong trường hợp cần hạ trí, nhưng lại dùng cử tội, cần cử tội lại hạ trí. Đó không phải là kiết ma đúng Pháp, kiết ma đúng Luật, chúng Tăng cũng có tội.

"Này Ưu-ba-ly, nếu chúng Tỳ-kheo cùng hòa hợp, trong trường hợp cần cử tội lại diệt tẫn, cần diệt tẫn lại cử tội. Đó không phải là kiết ma đúng Pháp, kiết ma đúng Luật, chúng Tăng cũng có tội.

"Này Ưu-ba-ly, nếu chúng Tỳ-kheo cùng hòa hợp, trong trường hợp cần diệt tẫn, nhưng lại dùng ức niệm, cần ban cho ức niệm lại diệt tẫn, đó không phải là kiết ma đúng Pháp, kiết ma đúng Luật, chúng Tăng cũng có tội.

"Này Ưu-ba-ly, nếu chúng Tỳ-kheo cùng hòa hợp, trong trường hợp cần ban cho luật ức niệm, nhưng lại do căn bản trị, cần ban do căn bản trị, lại ban cho luật ức niệm. Đó không phải là kiết ma đúng Pháp, kiết ma đúng Luật, chúng Tăng cũng có tội.

"Này Ưu-ba-ly, nếu chúng Tỳ-kheo cùng hòa hợp, trong trường hợp cần do căn bản trị, nhưng lại khu xuất, cần khu xuất lại do căn bản trị, đó không phải là kiết ma đúng Pháp, kiết ma đúng Luật, chúng Tăng cũng có tội.

"Này Ưu-ba-ly, ông nên học tùy theo loại kiết ma nào mà thuyết kiết ma đó. Cần ban cho luật diện tiền liền ban cho luật diện tiền, cần ban cho luật ức niệm liền ban cho luật ức niệm, cần ban cho luật bất si liền ban cho luật bất si, cần ban cho luật tự phát lồ,

liền ban cho luật tự phát lồ, cần ban cho luật quân liền ban cho luật quân, cần khiển trách liền khiển trách, cần hạ trí liền hạ trí, cần cử tội liền cử tội, cần diệt tẫn liền diệt tẫn, cần dùng căn bản trị liền dùng căn bản trị, cần khu xuất liền khu xuất, cần hành bất mạn liền hành bất mạn, cần trị liền trị.

"Này Ưu-ba-ly, thầy nên học như vậy."

Phật thuyết như vậy. Tôn giả Ưu ba ly, và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

❑

198. KINH ĐIỀU NGỰ ĐỊA[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật du hóa tại thành Vương xá, ở tại Trúc lâm, trong vườn Ca-lan-đà.

Bấy giờ Sa-di A-di-na-hòa-đề[2], cũng ở tại thành Vương xá, tại một cốc thiền, trong khu rừng vắng. Lúc bấy giờ Vương đồng tử Kì-bà-tiên-na[3], sau giờ trưa, thong dong đi đến Sa-di A-di-na-hòa-đề, cùng chào hỏi xong, ngồi xuống một bên hỏi rằng:

"Hiền giả A-kì-xá-na[4], tôi có điều muốn hỏi, mong Hiền giả nghe cho chăng?"

Sa-di A-di-na-hòa-đề nói:

"Hiền Vương đồng tử, muốn hỏi xin cứ hỏi. Tôi nghe rõ rồi sẽ suy nghĩ."

Vương đồng tử hỏi:

"Hiền giả A-kì-xá-na, phải chăng thật sự Tỳ-kheo ở trong Pháp Luật này không phóng dật, tu hành tinh cần, sẽ đạt đến nhất tâm chăng?"

Sa-di đáp:

"Hiền Vương đồng tử, thật sự như vậy, Tỳ-kheo ở trong Pháp Luật này, không phóng dật, tu hành tinh cần sẽ đạt được nhất tâm."

Vương đồng tử lại hỏi:

"Hiền giả A-kì-xá-na, mong Hiền giả theo những điều đã nghe, đã tụng tập, nói lại hết cho tôi rõ, như Tỳ-kheo trong Pháp Luật này không phóng dật, tu hành tinh cần sẽ đạt đến nhất tâm."

Sa-di đáp:

"Hiền Vương đồng tử, tôi không đủ sức để theo những điều đã nghe, đã tụng tập nói lại hết cho Vương tử, như Tỳ-kheo ở trong Pháp Luật này không phóng dật, tu hành tinh cần, sẽ đạt đến nhất tâm. Hiền Vương tử, nếu tôi theo những điều đã nghe, đã tụng tập nói lại hết cho Vương tử, như Tỳ-kheo ở trong Pháp Luật này không phóng dật, tu hành tinh cần, sẽ đạt đến nhất tâm. Hoặc Hiền giả Vương tử không thể hiểu được. Như vậy thì tôi nhọc công vô ích."

Vương đồng tử nói với Sa di:

"Hiền giả A-kì-xá-na, Hiền giả chưa bị người khác chiết phục, vì ý gì mà đã tự mình rút lui? Hiền giả A-kì-xá-na, mong Hiền giả cứ theo những điều đã nghe, đã tụng tập, có thể nói lại hết cho tôi, như Tỳ-kheo ở trong Pháp Luật này không phóng dật, tu hành tinh cần sẽ đạt đến nhất tâm, nếu tôi hiểu được thì hay lắm, nhưng nếu tôi không hiểu sẽ không hỏi thêm về các pháp nữa."

---

1. Tương đương Pāli, M.125. Dantabhūmi-suttaṃ.
2. Sa-di A-di-na-hòa-đề ▬F▬▬▬i▬▬M▬▬C Pāli: Aciravato samaṇuddeso, tân học Sa-môn Aciravata.
3. Vương đồng tử Kì-bà-tiên-na ▬▬▬l▬▬C▬▬▬C Pāli: Jayasena-Rājakūmāra.
4. A-kì-xá-na ▬▬_▬▬▬F Pāli: Aggivassana: có thể tên của một bộ tộc chớ không phải biệt danh của Tôn giả.

Rồi thì Sa-di A-di-na-hòa-đề theo những pháp đã nghe, đã tụng tập, nói lại cho Vương đồng tử Kì-bà-tiên-na, như Tỳ-kheo ở trong Pháp Luật này, không phóng dật, tu hành tinh cần, sẽ đạt đến nhất tâm. Bấy giờ Vương đồng tử Kì-bà-tiên-na nói:

"Hiền giả A-kì-xá-na, nếu Tỳ-kheo ở trong Pháp Luật này không phóng dật, tu hành tinh cần, sẽ đạt đến nhất tâm; không bao giờ có trường hợp này."

Nói xong, bèn từ chỗ ngồi đứng dậy, không nói lời từ giã mà bỏ đi. Vương đồng tử Kì-bà-tiên-na đi chưa bao lâu, rồi Sa-di A-di-na-hòa-đề đi đến chỗ Phật, cúi đầu làm lễ và ngồi sang một bên, đem những điều đã thảo luận với Vương đồng tử Kì-bà-tiên-na kể hết lại cho Đức Phật. Đức Thế Tôn nghe xong, nói với Sa-di:

"A-kì-xá-na, thôi đủ rồi. Làm sao có thể biết được, khi Vương đồng tử Kì-bà-tiên-na sống trong dục vọng, bị dục ái nhai nuốt, bị dục vọng đốt cháy. Đối với sự đoạn trừ dục, đoạn trừ ái, đoạn trừ sự đốt cháy của dục, tình trạng mà chỉ có địa vị[5] vô dục mới biết, vô dục mới hay, vô dục mới chứng giác; địa vị ấy mà Vương đồng tử có thể biết được, thấy được, không thể có trường hợp này. Vì sao vậy? Này A-kì-xá-na, vì Vương đồng tử Kì-bà-tiên-na thường sống trong dục vọng vậy.

"A-kì-xá-na, cũng như trong bốn trường hợp điều ngự [6]; điều ngự voi, điều ngự ngựa, điều ngự bò, điều ngự người. Trong đó có hai trường hợp điều ngự có thể điều ngự, và hai trường hợp điều ngự không thể điều ngự[7]. A-kì-xá-na, ý ngươi nghĩ sao? Nếu trong hai trường hợp điều ngự không thể điều ngự ấy; ở đây chưa điều phục tình trạng chưa điều phục, chưa được huấn luyện mà tiếp nhận sự huấn luyện, trường hợp này không thể có[8]. Nếu trong hai trường hợp điều ngự có thể điều ngự này, khéo điều ngự; ở đây điều phục tình trạng chưa điều phục, huấn luyện để tiếp nhận sự huấn luyện, trường hợp này có thể có[9].

"Cũng vậy, ở đây, A-kì-xá-na, thôi đủ rồi. Làm sao có thể biết được, khi Vương đồng tử Kì-bà-tiên-na sống trong dục vọng, bị dục ái nhai nuốt, bị dục vọng đốt cháy. Đối với sự đoạn trừ dục, đoạn trừ ái, đoạn trừ sự đốt cháy của dục, tình trạng mà chỉ có địa vị[10] vô dục mới biết, vô dục mới hay, vô dục mới chứng giác; địa vị ấy mà Vương đồng tử có thể biết được, thấy được, không thể có trường hợp này. Vì sao vậy? Này A-kì-xá-na, vì Vương đồng tử Kì-bà-tiên-na thường sống trong dục vọng vậy.

"A-kì-xá-na, cũng như cách xóm không xa có một hòn núi đá lớn, không sứt, không thủng, không trống, bền chặt, không lung lay, hợp thành khối duy nhất. Giả sử có hai người đang muốn nhìn ngắm, trong đó có một người leo nhanh lên núi, người thứ hai đứng dưới chân núi. Người đứng trên núi đá nhìn thấy bên kia núi đá có khoảng đất bằng phẳng, vườn tược, cây rừng, suối trong, ao hoa, sông dài, nước lớn. Người trên núi sau khi

---

5. Bản Hán: địa, địa vị hay tình trạng; ý nghĩa sẽ thấy sau.
6. Điều ngự ▬▬s▬F Pāli: damma, được huấn luyện. Bản Pāli chỉ kể có ba: hatthidamma, huấn luyện voi, assadamma, huấn luyện ngựa, godamma, huấn luyện bò.
7. Trong bản Pāli, có hai con vật cần huấn luyện nhưng chưa được huấn luyện, và hai con vật cần huấn luyện đã được huấn luyện.
8. Đoạn này văn Hán hơi tối. Tham chiếu Pāli: api nu te adantāva dantakāraṇaṃ gaccheyyuṃ, adantāva dantabhūmiṃ sampāpuṇeyyuṃ, seyyathāpi te dve... sudantā suvinītā'ti? "Những con chưa được huấn luyện này có thể làm công việc của con vật đã được huấn luyện, có thể đạt đến địa vị của con vật đã được huấn luyện, như hai con... đã được huấn luyện kỹ, đã được khéo khuất phục kia?"
9. Bản Hán hình như hiểu rằng có hai trường hợp có khả năng huấn luyện, và hai trường hợp *tuyệt đối không khả năng*.
10. Bản Hán: địa, địa vị hay tình trạng; ý nghĩa sẽ thấy sau.

thấy, bèn hỏi người dưới núi rằng, 'Bạn có thấy bên kia núi có khoảng đất bằng phẳng, vườn tược, cây rừng, ao hoa, suối trong, sông dài, nước lớn chăng?' Người dưới núi đáp, 'Nếu tôi thấy hòn núi này, với bên kia có khoảng đất bằng phẳng, vườn tược, cây rừng, suối trong, ao hoa, sông dài, nước lớn, trường hợp này không thể có.' Rồi người trên núi leo nhanh xuống, nắm người dưới núi dẫn lên trên hòn núi đá. Đến nơi rồi hỏi, 'Bạn có thấy bên kia núi có khoảng đất bằng phẳng, vườn tược, cây rừng, suối trong, ao hoa, sông dài, nước lớn chăng?' Người kia đáp, 'Bây giờ tôi mới thấy.' Lại hỏi người kia, 'Vừa rồi bạn nói rằng không thể có trường hợp này, nay lại nói là thấy có; thế nghĩa là sao?' Người kia đáp, 'Vừa rồi tôi bị hòn núi che khuất nên không thấy.'

"Cũng vậy, A-kì-xá-na, thôi đủ rồi. Làm sao có thể biết được, khi Vương đồng tử Kì-bà-tiên-na sống trong dục vọng, bị dục ái nhai nuốt, bị dục vọng đốt cháy. Đối với sự đoạn trừ dục, đoạn trừ ái, đoạn trừ sự đốt cháy của dục, tình trạng mà chỉ có địa vị[11] vô dục mới biết, vô dục mới hay, vô dục mới chứng giác; địa vị ấy mà Vương đồng tử có thể biết được, thấy được, không thể có trường hợp này. Vì sao vậy? Này A-kì-xá-na, vì Vương đồng tử Kì-bà-tiên-na thường sống trong dục vọng vậy.

"Này A-kì-xá-na, thuở xưa, vua Sát-lợi Đảnh Sanh có một người thợ săn voi. Vua nói, 'Này thợ săn voi. Hãy bắt voi rừng về đây cho ta. Nếu bắt được rồi hãy báo cho ta hay.' Bấy giờ thợ săn voi sau khi lãnh mạng của vua, bèn cỡi vương tượng đi đến một khu rừng già. Ở trong khu rừng già này, người thợ săn trông thấy một con voi rừng rất lớn. Sau khi thấy, bèn bắt và cột vào cổ con vương tượng. Lúc bấy giờ con vương tượng dẫn voi rừng ra ngoài khoảng đất trống, còn người thợ săn voi thì đi đến vua Sát-lợi Đảnh Sanh thưa rằng, 'Tâu thiên vương, thần đã bắt được con voi rừng, cột ở khoảng đất trống, xin theo ý thiên vương!" Vua Sát-lợi Đảnh Sanh nghe tâu, liền bảo rằng, 'Này nài voi giỏi, bây giờ ngươi hãy huấn luyện nhanh chóng con voi rừng đó khiến nó khuất phục, khiến nó thành con voi được huấn luyện kỹ. Nếu huấn luyện đã hoàn hảo rồi, hãy trở về báo cho ta biết.' Rồi người huấn luyện voi giỏi sau khi vâng mạng vua, vác cây gậy rất lớn trên vai hữu, đi đến chỗ con voi rừng. Người ấy cắm cây gậy xuống đất, cột cổ voi rừng lại, chế ngự tâm ý vui thích núi rừng của nó, trừ khử tâm niệm ham muốn núi rừng, dứt bỏ mệt nhọc núi rừng, khiến cho nó vui thích thôn ấp, tập yêu người đời.

"Người huấn luyện voi giỏi trước hết cho nó ăn uống. Này A-kì-xá-na, khi voi rừng bắt đầu nghe theo thợ huấn luyện voi giỏi mà chịu ăn uống, người huấn luyện voi giỏi bèn nghĩ rằng, 'Bây giờ con voi rừng này có thể sống được rồi. Vì sao vậy? Vì con voi rừng to lớn này bắt đầu chịu ăn uống.' Khi voi rừng bắt đầu chịu ăn uống, nghe lời người huấn luyện, người huấn luyện voi nói với nó bằng những lời dịu dàng khả ái, bảo nó nằm xuống, đứng dậy, đi tới, đi lui, lấy, bỏ, co lại, đuổi ra. Khi người luyện voi nói với voi rừng bằng những lời dịu dàng khả ái, bảo nó nằm xuống, đứng dậy, đi tới, đi lui, lấy bỏ, co lại duỗi ra, và voi rừng làm y theo lời dạy của người huấn luyện voi như vậy. Này A-kì-xá-na, khi voi rừng nghe theo lời dạy của người huấn luyện voi, bấy giờ người huấn luyện voi mới buộc hai chân trước, hai chân sau, hai bàn thối, hai sườn hông, đùi, xương sống, đầu, trán, tai, ngà, và buộc cả vòi nó lại, rồi sai người cầm móc câu cỡi lên đầu nó; khiến một số đông người cầm dao, thuẫn, sảo, mâu, kích, búa, việt, đứng phía trước, còn người huấn luyện voi thì tay cầm một cây mâu nhọn đứng ngay trước voi mà nói rằng, 'Bây giờ ta trị ngươi, khiến ngươi không di động. Ta trị ngươi chớ có di động.' Khi voi rừng nghe người

---

11. Xem cht.10 trên.

huấn luyện voi sửa trị không di động, nó không giở chân trước, cũng không động đậy chân sau, hai bàn thối, hai sườn hông, đùi, xương sống, đầu, trán, tai ngà và vòi, tất cả thảy đều không động đậy. Voi rừng nghe theo người huấn luyện voi đứng im bất động như vậy.

"Này A-kì-xá-na, khi voi rừng nghe theo người huấn luyện voi mà không di động, lúc bấy giờ nó nhẫn chịu những dao, sảo, mâu, kích, búa, việt, hô hoán to tiếng, hoặc gào thét, hoặc thổi tù và, đánh trống, động chuông, nó có thể nhẫn chịu tất cả. Khi voi rừng đã có thể kham nhẫn, bấy giờ nó là con voi điều ngự, khéo điều ngự, thượng điều ngự, tối thượng điều ngự, thượng nhanh nhẹn, tối thượng nhanh nhẹn, có thể vào cho vua cỡi, ăn lẫm của vua, được gọi là vương tượng.

"Cũng vậy, A-kì-xá-na, nếu khi Như Lai xuất hiện thế gian, là Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành Tựu, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, hiệu là Phật, Chúng Hựu, vị ấy đối với thế gian này, giữa chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Phạm chí, từ người đến trời, mà tự tri, tự giác, tự chứng ngộ, thành tựu an trụ. Vị ấy thuyết pháp phần đầu vi diệu, phần giữa vi diệu, phần cuối cũng vi diệu, có nghĩa có văn, đầy đủ thanh tịnh, hiển hiện phạm hạnh; pháp được vị ấy nói, khi con nhà cư sĩ nghe được, và sau khi nghe thì có tín tâm nơi pháp được Như Lai nói. Người này sau khi có tín tâm, bèn cạo bỏ râu tóc, khoác áo ca-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, để học đạo. Này A-kì-xá-na, đó là lúc Thánh đệ tử ra nơi khoảng đất trống, cũng như vương tượng dẫn voi rừng ra. Và cũng như voi rừng còn tham luyến ái dục, ái dục nơi đời sống trong rừng núi. Này A-kì-xá-na, cũng vậy, chư Thiên và Nhân loại tham luyến dục lạc ở nơi ngũ dục, sắc, thanh, hương, vị, xúc, Như Lai bắt đầu điều ngự Tỳ-kheo ấy rằng, 'Ngươi hãy thủ hộ thân và mạng thanh tịnh. Hãy thủ hộ miệng ý và mạng thanh tịnh.

"Khi Thánh đệ tử thủ hộ thân và mạng thanh tịnh, thủ hộ miệng, ý và mạng thanh tịnh. Như Lai lại điều phục Tỳ-kheo ấy rằng, 'Ngươi hãy quán nội thân như thân, cho đến quán thọ, tâm, pháp như pháp.' Khi Thánh đệ tử quán nội thân như thân, quán thọ, tâm, pháp như pháp, thì bốn niệm xứ này ở trong tâm của Hiền Thánh đệ tử, buộc trói tâm của vị ấy lại, chế ngự tâm ý vui say theo thế tục, trừ khử tâm niệm ham muốn thế tục, dứt trừ sự mệt nhọc thế tục, khiến cho vui với Chánh pháp, tu tập Thánh giới. Này A-kì-xá-na, cũng như người huấn luyện voi, sau khi vâng mạng vua Sát-lợi Đảnh Sanh rồi, vác cây

gậy rất lớn rồi trên vai phải đi đến chỗ voi rừng, cắm cây xuống đất, cột cổ voi rừng lại, chế ngự tâm ý vui thích núi rừng, trừ khử tâm niệm ham muốn núi rừng, dứt bỏ sự mệt nhọc núi rừng, khiến vui với thôn ấp, quen yêu thích nhân gian; cũng vậy, này A-kì-xá-na,, bốn niệm xứ này ở trong tâm của Hiền Thánh đệ tử, buộc trói tâm người ấy lại, chế ngự tâm ta vui say thế tục, dứt bỏ sự mệt nhọc thế tục, khiến vui với Chánh pháp, tu tập Thánh giới.

"Khi Thánh đệ tử quán nội thân như thân, cho đến quán, thọ, tâm, pháp như pháp, Như Lai điều phục Tỳ-kheo ấy rằng, 'Ngươi hãy quán nội thân như thân, đừng suy niệm những tư niệm tương ưng với dục, cho đến quán thọ, tâm, pháp như pháp, không suy niệm những tư niệm tương ưng với phi pháp.' Và đệ tử vâng theo lời dạy của Như Lai vậy. Này A-kì-xá-na, cũng như voi rừng nghe theo người huấn luyện voi, bằng những lời dịu dàng khả ái, bảo nằm xuống, đứng dậy, đi tới, đi lui, lấy, bỏ, co lại, duỗi ra. Voi rừng tuân theo lời dạy của người huấn luyện voi như vậy. Cũng vậy, này A-kì-xá-na, khi Thánh đệ tử quán nội thân như thân, không suy niệm tư niệm tương ưng với dục, cho đến quán thọ, tâm, pháp như pháp, không suy niệm tư niệm tương ưng với phi pháp. Thánh đệ tử vâng theo lời dạy của Như Lai như vậy.

"Khi Thánh đệ tử vâng theo lời dạy của Như Lai như vậy, Như Lai lại điều phục Tỳ-kheo ấy rằng, 'Ngươi hãy ly dục, ly pháp ác bất thiện, cho đến chứng đắc đệ Tứ thiền thành tựu và an trụ. Như vậy Thánh đệ tử vâng theo lời dạy của Như Lai, an trụ không di động.' Này A-kì-xá-na, cũng như voi rừng vâng theo sự sửa trị của người huấn luyện voi không di động, không giở hai chân trước, hai chân sau, hai bàn thối, hai sườn hông, đùi xương sống, đầu, tai, ngà và vòi, tất cả đều không di động. Voi rừng nghe theo người huấn luyện voi đứng im không di động như vậy. Cũng vậy, này A-kì-xá-na, khi Thánh đệ tử ly dục, ly pháp ác bất thiện, cho đến chứng đắc đệ Tứ thiền, thành tựu an trụ, như vậy Thánh đệ tử vâng theo lời dạy của Như Lai mà an trụ không di động.

Khi Thánh đệ tử vâng theo lời dạy của Như Lai mà an trụ không di động, vị ấy lúc bấy giờ có thể kham nhẫn đói, khát, nóng lạnh, muỗi, chí, rận, gió, nắng bức bách, tiếng dữ, gậy đánh cũng đều có thể kham nhẫn. Thân gặp những bệnh tật rất đau đớn, gần như tuyệt mạng, và những điều không khả lạc, tất cả đều có thể kham nhẫn. Này A-kì-xá-na, cũng như voi rừng nghe theo người huấn luyện voi đứng im không di động, nó lúc bấy giờ nhẫn chịu được dao, thuẫn, sảo, mâu, kích, búa, việt, hô hoán to tiếng, hoặc gào thét, thổi tù và, đánh trống, động chuông thảy đều có thể kham nhẫn. Cũng vậy, này A-kì-xá-na, khi Thánh đệ tử vâng theo lời dạy của Như Lai mà an trụ không di động, vị ấy lúc bấy giờ có thể kham nhẫn đói, khát, lạnh, nóng, muỗi, chí, rận, gió, nắng, bức bách, tiếng dữ, gậy đánh, cũng có thể kham nhẫn, thân gặp những bệnh tật rất đau đớn, gần như tuyệt mạng, và những điều không khả lạc, thảy đều có thể kham nhẫn. Này A-kì-xá-na, khi Thánh đệ tử vâng theo lời dạy của Như Lai mà có thể kham nhẫn, vị ấy lúc bấy giờ là vị điều ngự, thiện điều ngự, được thượng điều ngự, tối thượng điều ngự, được thượng tịch tịnh, tối thượng tịch tịnh. Vị ấy trừ bỏ các tà vạy, sợ hãi, ngu si và siểm nịnh, thanh tịnh lắng đọng trần lao, không cấu nhiễm không ô uế, xứng đáng tán thán, đáng thỉnh, đáng kính, đáng trọng, thật sự xứng đáng được cúng dường, là ruộng phước cho tất cả chư Thiên và Nhân loại. Này A-kì-xá-na, cũng như voi rừng đã có thể kham nhẫn. Lúc bấy giờ nó là voi điều ngự, thiện điều ngự, thượng điều ngự, tối thượng điều ngự, thượng nhanh nhẹn, tối thượng nhanh nhẹn, có thể xung vào cho vua cỡi, được ăn lẫm của vua, được gọi là vương tượng. Cũng vậy, này A-kì-xá-na, khi Thánh đệ tử vâng theo Như Lai mà có thể kham nhẫn, vị ấy lúc bấy giờ được gọi là điều ngự, thiện điều ngự, được thượng điều ngự, tối thượng điều ngự, thượng tịch tịnh,

tối thượng tịch tịnh, trừ bỏ các tà vạy, sợ hãi, ngu si và siểm nịnh, thanh tịnh lắng đọng các trần lao, không cấu nhiễm, không ô uế, xứng đáng tán thán, đáng thỉnh, đáng kính, đáng trọng, thật sự xứng đáng cúng dường, là ruộng phước cho hết thảy chư Thiên và Nhân loại.

"Này A-kì-xá-na, con voi rừng còn nhỏ, không được điều ngự, mà chết, thì đó gọi là cái chết không được điều ngự. Con voi rừng trung niên, không được điều ngự mà chết, thì gọi là cái chết không được điều ngự. Này A-kì-xá-na, Thánh đệ tử niên thiếu không được điều mà mạng chung, thì đó gọi là mạng chung không được điều ngự. Thánh đệ tử trung niên không được điều ngự mà mạng chung thì đó gọi là mạng chung không được điều ngự.

"Này A-kì-xá-na, con voi rừng còn nhỏ được thiện điều ngự mà chết thì đó gọi là cái chết thiện điều ngự. Con voi rừng trung niên, được thiện điều ngự mà chết, thì đó gọi là cái chết được thiện điều ngự. Này A-kì-xá-na, Thánh đệ tử niên thiếu được thiện điều ngự mà mạng chung, đó gọi là mạng chung thiện điều ngự. Thánh đệ tử trung niêm được thiện điều ngự mà mạng chung, thì đó gọi là mạng chung thiện điều ngự."

Phật thuyết như vậy, Sa-di A-di-na-hòa-đề và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

❑

199. KINH SI TUỆ ĐỊA

Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng lâm, vườn Cấp cô độc.

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Nay Ta sẽ nói cho các thầy nghe về pháp ngu si và pháp trí tuệ. Hãy lắng nghe, hãy lắng nghe, hãy suy nghĩ kỹ.

Các Tỳ-kheo vâng lời lắng nghe.

Đức Phật dạy:

Thế nào là pháp ngu si? Người ngu si có ba: Sự tướng, tiêu thức ngu si và ấn tượng ngu si. Tức là người thành tựu sự ngu si thì nói là ngu si.

Những gì là ba? Người ngu si suy tư bằng tư niệm ác, nói bằng lời nói ác, và làm việc làm ác. Do đó, người ngu si được gọi là ngu si. Nếu người ngu si không suy nghĩ ý nghĩ ác, không nói lời nói ác, và không làm việc ác, như vậy thì làm sao người ngu si được nói là ngu si? Vì người ngu si suy nghĩ ý nghĩ ác, nói lời nói ác và làm việc làm ác, cho nên người ngu si được nói là ngu si.

Người ngu si kia ngay trong đời hiện tại, thân tâm phải cảm thọ ba điều sầu khổ. Thế nào là thân tâm người ngu si phải cảm thọ ba điều sầu khổ? Người ngu si có những hành vi nào, hoặc ngồi nơi tụ hội, hoặc nơi đường cái, đường hẻm, hoặc nơi chợ quán, hoặc đầu ngã tư đường, nói những việc thích hợp với người ngu si. Người ngu si mà làm việc sát sanh, trộm cắp, tà dâm, nói dối cho đến tà kiến, và thành tựu vô lượng pháp ác bất thiện khác, và đã thành tựu vô lượng pháp ác bất thiện khác rồi, khi người khác thấy được bằng nói sự ác của nó, kẻ ngu si kia nghe rồi tự nghĩ: "Nếu ai thành tựu vô lượng pháp ác bất thiện, khi người ta thấy được bằng nói sự ác của nó. Ta cũng có vô lượng pháp ác bất thiện. Nếu có kẻ khác biết được, cũng nói điều ác của ta." Đây là điều sầu khổ thứ nhất mà thân tâm của người ngu si lãnh thọ ngay trong đời hiện tại.

Lại nữa, người ngu si thấy người của vua bắt trói kẻ có tội, trị bằng các thứ hình phạt đau đớn như: chặt tay, chặt chân, chặt cả tay chân, xẻo tai, xẻo mũi, xẻo cả tai mũi, hoặc cắt từng miếng thịt, nhổ tóc bứt râu, hoặc nhổ cả râu tóc, hoặc nhốt trong cũi, trùm trong áo rồi đốt, hoặc lấy cát lấp, quấn cỏ rồi châm lửa, hoặc bỏ vào miệng heo sắt, hoặc bỏ vào bụng lừa sắt, hoặc bỏ vào miệng cọp sắt rồi đốt, hoặc bỏ trong chảo đồng, hoặc đặt trong chảo sắt rồi nấu, hoặc chặt ra từng khúc, hoặc lấy mũi nhọn đâm, hoặc dùng móc câu móc, hoặc đặt trên giường sắt, lấy dầu sôi nhểu xuống, hoặc ngồi trên cối sắt rồi dùng chày sắt giã, hoặc cho độc long mổ, hoặc lấy roi đánh, hoặc dùng gậy phang, hoặc lấy hèo đập, hoặc xỏ lưỡi bêu đầu, hoặc đem chém bêu đầu. Người ngu si kia thấy rồi tự suy nghĩ: "Nếu ai thành tựu vô lượng pháp ác bất thiện nếu biết được ta cũng có vô lượng pháp ác bất thiện, nếu vua biết được, ta cũng bị khảo trị như vậy." Đây là điều sầu khổ thứ hai mà thân của kẻ ngu si lãnh thọ ngay trong đời hiện tại.

Lại nữa, người ngu si kia thân hành ác hạnh, khẩu, ý hành ác hạnh, khi nó bệnh tật mà chịu đau đớn, hoặc ngồi nằm trên giường, hoặc ngồi nằm trên ván, hoặc ngồi nằm trên đất, thân tâm cực kỳ đau khổ, nhẫn đến mạng sống gần dứt. Bấy giờ những thân ác hạnh, khẩu, ý ác hạnh của nó treo ngược từ trên cao, như lúc xế chiều mặt trời lặng xuống núi cao, dốc ngược trên mặt đất. Cũng vậy, những thân ác hạnh, khẩu và ý ác hạnh của nó bây giờ đang treo ngược từ trên cao. Người kia tự nghĩ: "Đó là những thân ác hạnh, khẩu, ý ác hạnh của ta đang đổ ngược từ trên cao. Ta xưa kia làm ác nhiều, không tạo phước, nếu có nơi nào cho những người làm ác, hung bạo, làm việc phi lý, không làm lành, không tạo phước, không tìm nơi quy mạng, nương tựa cho sự sợ hãi, ta đến chỗ ác đó." Rồi do đó mà sanh hối hận, mà chết không nhẹ nhàng, mạng chung chẳng an lành. Đây là điều sầu khổ thứ ba mà thân tâm của người ngu si lãnh thọ ngay trong đời hiện tại.

Lại nữa, người ngu si kia, thân hành ác hạnh, khẩu hành ác hạnh, ý hành ác hạnh. Và sau khi thân hành ác hạnh, khẩu, ý hành ác hạnh, do nhân duyên đó, thân hoại mạng chung chắc đến đường ác, sanh vào địa ngục. Đã sanh vào đó, nó lãnh thọ khổ báo, hoàn toàn không khả ái, không khả lạc, không khả ý, khả niệm, thì cái đó là địa ngục. Vì sao? Vì trong địa ngục kia hoàn toàn không khả ái, không khả lạc, không khả ý khả niệm vậy.

Bấy giờ có một vị Tỳ-kheo từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch vai áo bên phải, chắp tay hướng về Phật mà bạch rằng:

"Bạch Thế Tôn, sự khổ trong địa ngục như thế nào?"

Thế Tôn đáp:

"Này Tỳ-kheo, địa ngục không thể nói hết được. Nghĩa là nói về sự khổ trong địa ngục. Này Tỳ-kheo, vì địa ngục chỉ có sự khổ mà thôi."

Tỳ-kheo lại hỏi:

"Đức Thế Tôn có thể dùng ví dụ để làm rõ nghĩa ấy chăng?"

Đức Thế Tôn đáp:

"Cũng có thể dùng ví dụ để làm rõ nghĩa về sự khổ ấy. Này Tỳ-kheo, ví như người của nhà vua bắt kẻ giặc đem về chỗ vua Sát-lợi Đảnh Sanh tâu: 'Tâu Thiên vương, kẻ giặc này có tội xin Thiên vương trị nó.' Vua Sát-lợi Đảnh Sanh bảo: 'Các ngươi hãy đem nó đi trị tội. Buổi sáng dùng một trăm cây giáo nhọn mà đâm'. Người của vua lãnh lệnh bèn đem đi trị tội. Buổi sáng dùng một trăm cây giáo nhọn mà đâm. Nhưng người kia vẫn còn sống. Vua Sát-lợi Đảnh Sanh hỏi: 'Người kia thế nào?' Người của vua đáp: 'Tâu Thiên vương, người kia còn sống.' Vua Sát-lợi Đảnh Sanh lại bảo: 'Buổi trưa các ngươi cũng dùng một trăm cây giáo nhọn mà đâm.' Người của vua thừa lệnh, buổi giữa trưa dùng một trăm cây giáo nhọn mà đâm. Người kia vẫn còn sống. Vua Sát-lợi Đảnh Sanh lại hỏi: 'Người kia thế nào?'. Người của vua đáp: 'Tâu Thiên vương, kẻ kia còn sống'. Vua Sát-lợi Đảnh Sanh lại bảo: 'Buổi chiều các ngươi cũng hãy dùng một trăm cây giáo nhọn mà đâm.' Người của vua thừa lệnh, buổi chiều lại dùng một trăm cây đáo nhọn mà đâm. Kẻ kia vẫn còn sống, nhưng thân thể đã bị đâm thủng, rách nát hoàn toàn, không còn một chỗ nguyên vẹn, dầu nhỏ như lỗ đồng tiền. Vua Sát-lợi Đảnh Sanh lại hỏi: 'Người kia thế nào?' Người của vua đáp: 'Tâu Thiên vương, người kia còn sống, nhưng thân thể bị đâm thủng, rách nát hoàn toàn không còn một chỗ nguyên vẹn, dù nhỏ như lỗ đồng tiền.'

"Này Tỳ-kheo, ý ông nghĩ sao? Nếu người kia một ngày bị ba trăm mũi giáo nhọn đâm, nó nhân đó, thân tâm có chịu ưu phiền, sầu khổ cực kỳ không?"

Tỳ-kheo đáp:

"Bạch Thế Tôn, bị một mũi giáo nhọn đâm còn chịu cực khổ, huống nữa một ngày chịu ba trăm mũi giáo nhọn đâm. Thân tâm người kia há không chịu sự cực kỳ sầu khổ, ưu não?"

Bấy giờ Thế Tôn tay cầm viên đá nhỏ như hạt đậu hỏi Tỳ-kheo:

"Ngươi thấy tay Ta cầm viên đá nhỏ như hạt đậu chăng?"

Tỳ-kheo đáp:

"Bạch Thế Tôn, con thấy."

Thế Tôn lại hỏi:

"Này Tỳ-kheo, ý ông nghĩ sao? Viên đá Ta cầm nhỏ bằng hạt đậu này sánh với núi Tuyết sơn vương, cái nào lớn hơn?"

Tỳ-kheo đáp:

"Bạch Thế Tôn, viên đá cầm trong tay nhỏ bằng hạt đậu, đem sánh với Tuyết sơn vương, thì nhỏ thua gấp trăm, gấp ngàn lần, gấp trăm ngàn vạn lần, trọn chẳng sánh kịp, không thể toán, không thể tính, không thể thí dụ, không thể so được. Chỉ nói là Tuyết sơn vương rất lớn, cực lớn."

Thế Tôn bảo:

"Này Tỳ-kheo, nếu viên đá Ta cầm trong tay nhỏ bằng hạt đậu, đem sánh với Tuyết sơn vương nhỏ thua gấp trăm lần, gấp ngàn lần, gấp trăm ngàn vạn lần, trọn không thể sánh kịp, không thể toán, không thể tính, không thể ví dụ, không thể so được. Chỉ nói là núi Tuyết sơn vương rất lớn. Cũng vậy, Tỳ-kheo, nếu người này một ngày bị ba trăm mũi giáo nhọn đâm, do nhân duyên đó, thân tâm nó chịu ưu não sầu khổ cực trọng, mà đem so với sự khổ trong địa ngục không bằng gấp trăm lần, gấp ngàn lần, gấp trăm ngàn vạn lần, trọn không thể sánh kịp, không thể toán, không thể tính, không thể thí dụ không thể so được, chỉ nói là trong địa ngục cực kỳ khổ sở mà thôi. Này Tỳ-kheo, thế nào là địa ngục khổ? Chúng sanh sanh trong địa ngục, đã sanh vào đó rồi, ngục tốt nắm lấy, tay cầm búa sắt, trui lửa đỏ rực mà móc thân thể. Chỗ đó hình phạt tội nhân, hoặc xây tám góc, hoặc xây sáu góc, hoặc xây vuông vức, hoặc làm hình tròn, hoặc cao, hoặc thấp, hoặc tốt, hoặc xấu. Như vậy, kẻ tội nhân bị tra khảo thống khổ bức ngặt, trải qua nhiều năm cho đến trăm nghìn năm cảm thọ vô lượng khổ, cực kỳ thống khổ, nhưng không thể chết được trừ khi tội ác bất thiện đã hết. Như vậy gọi là khổ địa ngục.

"Này Tỳ-kheo, thế nào là khổ địa ngục? Chúng sanh sanh trong địa ngục, đã sanh vào đó rồi, ngục tốt nắm lấy, tay cầm búa sắt trui lửa đỏ rực mà đốt thân thể. Chỗ để hình phạt hoặc xây tám góc, hoặc xây sáu góc, hoặc vuông vức, hoặc hình tròn, hoặc cao, hoặc thấp, hoặc tốt, hoặc xấu. Như thế, tội nhân bị khảo trị thống khổ bức ngặt, trải qua nhiều năm cho đến trăm nghìn năm, cảm thọ vô lượng khổ, cực kỳ thống khổ, nhưng không thể chết được, trừ khi tội ác bất thiện đã dứt. Như vậy gọi là khổ địa ngục.

"Này Tỳ-kheo, thế nào là khổ địa ngục? Chúng sanh sanh trong địa ngục, khi sanh vào đó rồi, ngục tốt nắm lấy, rồi lấy cọc sắt đốt cháy đỏ rực, cưỡng ép ngồi lên, rồi lấy kềm sắt kẹp mở miệng tội nhân, lấy hòn sắt lửa cháy hừng hực, bỏ vào miệng kẻ tội, làm cháy môi cháy lưỡi, cháy răng, cháy cổ, cháy tim, cháy bao tử, rồi chạy xuống dưới thân mà ra. Như vậy tội nhân bị khảo trị thống khổ bức ngặt trải qua nhiều năm, cho đến trăm ngàn năm, cảm thọ vô lượng khổ, cực kỳ thống khổ nhưng không thể chết được, trừ phi tội ác bất thiện đã dứt. Như vậy gọi là khổ địa ngục.

"Này Tỳ-kheo, thế nào là khổ địa ngục? chúng sanh sanh vào địa ngục, khi đã sanh vào đó rồi, ngục tốt nắm lấy, rồi lấy cọc sắt trui cháy đỏ rực, cưỡng ép ngồi lên, bèn lấy

kềm sắt, kẹp mở miệng tội nhân, rồi lấy nước đồng sôi rót vào miệng tội nhân làm cháy môi, cháy lưỡi, cháy cổ, cháy răng, cháy tim, cháy bao tử, rồi chảy xuống dưới thân ra ngoài. Như vậy tội nhân bị khảo trị thống khổ bức ngặt trải qua nhiều năm, cho đến trăm ngàn năm, cảm thọ vô lượng khổ, cực kỳ thống khổ, nhưng không thể chết được, trừ phi tội ác bất thiện đã dứt. Như vậy gọi là khổ địa ngục.

"Này Tỳ-kheo, thế nào là khổ địa ngục? Chúng sanh sanh vào địa ngục, khi đã sanh vào đó rồi, ngục tốt nắm lấy, rồi với đất bằng sắt đốt lửa đỏ rực, khiến nằm ngửa lên, trói năm chi thể lại, lấy đinh sắt đóng xuống hai tay và hai chân, dùng một cái đinh riêng đóng ở bụng tội nhân. Như vậy tội nhân bị khảo trị đau đớn đến cùng cực, trải qua nhiều năm cho đến trăm ngàn năm như vậy, cảm thọ vô lượng khổ, cực kỳ đau khổ, nhưng tội nhân không thể chết được trừ phi tội ác và nghiệp bất thiện của họ chấm dứt. Như vậy gọi là khổ địa ngục.

"Này Tỳ-kheo, thế nào là khổ địa ngục? Chúng sanh sanh vào địa ngục khi đã sanh vào đó rồi, ngục tốt nắm lấy, với mặt đất bằng sắt, đốt cháy đỏ rực, bắt tội nhân nằm sát đất, kéo lưỡi ra, dùng trăm đinh căng thẳng, không nhăn, không dùn. Cũng như vậy, chúng sanh sanh vào địa ngục, khi đã sanh vào đó rồi, bị ngục tốt nắm lấy, với mặt đất bằng sắt đốt cháy đỏ rực, khiến tội nhân nằm xuống đất, từ miệng kéo lưỡi ra, dùng trăm đinh đóng, căng thẳng không nhăn không dùn. Như vậy, kẻ kia bị khảo trị đau khổ đến cùng cực, trải qua nhiều năm cho đến trăm nghìn năm như vậy, cảm thọ vô lượng khổ, những khổ cực trọng nhưng họ không thể chết được trừ phi tội ác và bất thiện của họ tiêu diệt. Như thế gọi là khổ địa ngục.

"Này Tỳ-kheo, thế nào gọi là khổ địa ngục? Chúng sanh sanh vào địa ngục, khi đã sanh vào đó rồi, bị ngục tốt nắm lấy, lột da từ đầu đến chân, rồi lột ngược từ chân lên đầu, dùng xe sắt đốt lửa đỏ rực, buộc tội nhân vào, ở trên mặt đất bằng sắt, châm lửa cháy khắp, rồi bắt tội nhân kéo qua kéo lại trên đó. Như vậy kẻ kia bị tra khảo đau đớn đến cùng cực, trải qua nhiều năm cho đến trăm ngàn năm như vậy, cảm thọ vô lượng khổ, những khổ cực trọng, nhưng họ không thể chết được, trừ phi tội ác và bất thiện tiêu hết. Như vậy gọi là khổ địa ngục.

"Này Tỳ-kheo, thế nào là khổ địa ngục? Chúng sanh sanh vào địa ngục, khi đã sanh vào đó rồi, ngục tốt nắm lấy, với lửa đốt cháy hừng hực, rải khắp trên đất, lại bảo tội nhân lấy tay bốc lửa vải lên thân mình. Như vậy kẻ kia bị khảo trị đau đớn đến cùng cực, trải qua nhiều năm, cho đến trăm ngàn năm như vậy, cảm thọ vô lượng khổ, những thống khổ cực trọng, nhưng họ không thể chết được, trừ phi tội ác bất thiện tiêu hết. Như vậy gọi là khổ địa ngục.

"Này Tỳ-kheo, thế nào là khổ địa ngục? Chúng sanh sanh vào địa ngục, khi đã sanh vào đó rồi, ngục tốt nắm lấy, bằng cái chảo lớn, đốt lửa cháy đỏ, xách ngược thân tội nhân, chân lên trời đầu xuống đất rồi quăng vào trong chảo. Tội nhân ở trong chảo sôi sùng sục, thân nổi lên chìm xuống, hoặc trôi dạt bốn bên, tự thân chảy ra bọt trở lại nấu

lấy thân, cũng như các thứ đậu lớn, đậu nhỏ, đậu uẩn, đậu đắng, hạt cải, bỏ chung trong chảo đó đổ đầy nước, chụm lửa cháy dữ, các hạt đậu trong chảo hoặc nổi lên chìm xuống, hoặc trôi dạt bốn bên, đậu tự ra bọt rồi lại nấu lấy. Cũng vậy, chúng sanh sanh vào địa ngục, khi đã sanh vào đó rồi, ngục tốt nắm lấy, dùng chảo bằng sắt lớn, đốt lửa cháy đỏ, dựng ngược thân tội nhân, chân quay lên trên, đầu quay xuống đất rồi ném vào trong chảo có nước đang sôi sùng sục, thân nổi lên chìm xuống, hoặc trôi giạt bốn bên, từ thân sanh ra bọt trở lại nấu lấy thân. Kẻ kia như vậy bị khảo trị thống khổ đau đớn cùng tột, trải qua nhiều năm cho đến ngàn năm, cảm thọ vô lượng khổ, những khổ cực trọng. Nhưng tội nhân không thể chết được trừ phi tội ác bất thiện của họ tiêu trừ hết. Như vậy gọi là khổ địa ngục.

"Này các Tỳ-kheo, thế nào là khổ địa ngục? Trong địa ngục kia có ngục tên là Lục xúc. Nếu chúng sanh sanh vào trong đó, sau khi đã sanh vào, hoặc sắp được thấy bởi mắt không khả hỷ, không phải khả hỷ khả ý. Ý không nhuần lạc, không phải nhuần lạc, ý không thiện lạc, không phải thiện lạc. Hoặc tiếng được nghe bởi tai, được ngửi bởi mũi, vị được nếm bởi lưỡi, xúc chạm nơi thân và pháp được biết bởi ý, không khả hỷ, không khả ý, không phải khả hỷ khả ý, ý không nhuần lạc, không phải nhuần lạc, ý không thiện lạc, không phải thiện lạc. Như vậy gọi là khổ địa ngục.

"Này các Tỳ-kheo! Ta đã dùng vô lượng phương tiện nói cho các ngươi về địa ngục, về sự việc ở địa ngục, song sự khổ địa ngục không thể nói hết được. Chỉ nói là địa ngục duy trì chỉ có khổ mà thôi.

"Này các Tỳ-kheo! Có lúc người ngu si kia ra khỏi địa ngục, sanh làm súc sanh, thì súc sanh đó cũng rất khổ.

"Này các Tỳ-kheo, thế nào là súc sanh khổ? Nếu chúng sanh sanh vào loài súc sanh, tức loài sống trong tăm tối, lớn lên trong tăm tối và chết đi trong tăm tối. Nó là loài gì? Là loài trùng sống trong đất. Người ngu si ấy vì lúc xưa tham đắm thực vị. Nó hành động với thân ác hạnh, khẩu và ý ác hạnh. Sau khi hành động với thân ác hành, khẩu và ý ác hạnh rồi. Do nhân duyên đó, đến lúc thân hoại mạng chung, sanh vào loài súc sanh, tức là loài sống trong tối tăm, lớn lên trong tối tăm và chết đi trong tối tăm. Như vậy gọi là khổ súc sanh.

"Này các Tỳ-kheo, thế nào là súc sanh khổ? Nếu chúng sanh sanh trong loài súc sanh, tức sống trong thân, lớn lên trong thân và chết trong thân. Nó là loài gì? Là loài vi trùng ghẻ chóc. Người ngu si ấy vì lúc xưa tham đắm thực vị, nó hành động với thân ác hạnh, khẩu và ý ác hạnh. Nó sau khi hành động với thân ác hạnh, khẩu và ý ác hạnh rồi, do nhân duyên đó, khi thân hoại mạng chung sanh vào loài súc sanh, tức nó sống trong thân, lớn lên trong thân, và rồi chết trong thân. Như vậy gọi là khổ súc sanh.

"Này các Tỳ-kheo, thế nào là súc sanh khổ? Nếu chúng sanh sanh trong loài súc sanh mà sanh ra trong nước, lớn lên trong nước và chết đi trong nước. Nó là loài gì? Đó là loài cá kình, rùa, cá sấu, bà lưu ly đẻ trứng, già la. Người ngu si ấy vì lúc xưa tham đắm thực vị, nó hành động với thân ác hạnh, khẩu và ý ác hạnh. Nó sau khi hành động với thân ác hạnh, khẩu và ý ác hạnh rồi, do nhân duyên đó, khi thân hoại mạng chung, sanh trong loài súc sanh tức sống trong nước lớn lên trong nước và rồi chết đi trong nước. Như vậy gọi là súc sanh khổ.

"Này các Tỳ-kheo, thế nào là súc sanh khổ? Nếu chúng sanh sanh trong súc sanh, loài có răng để cắn, sống ăn cỏ, cây lá. Chúng là loài gì? Đó là voi, lạc đà, bò, nai, lừa, trâu và chó. Người ngu si ấy vì lúc xưa tham đắm thực vị, nó hành động với thân ác hạnh, khẩu và ý ác hạnh. Đó sau khi đã hành động với thân ác hạnh, khẩu và ý ác hạnh do nhân duyên đó, sau khi thân hoại mạng chung, sanh vào loài súc sanh loài có răng để cắn, sống ăn cỏ cây lá. Như vậy gọi là súc sanh khổ.

"Này các Tỳ-kheo, thế nào là súc sanh khổ? Nếu chúng sanh sanh vào trong súc sanh, là loài súc sanh khi nghe mùi đại tiểu tiện của người ta, liền chạy đến chỗ đó, ăn loại đồ ăn đó. Cũng như trai, gái nghe được mùi ẩm thực liền chạy đến và nói rằng: 'Đây là đồ ăn, đây là đồ ăn.' Cũng vậy, này các Tỳ-kheo, nếu chúng sanh sanh trong súc sanh, tức là loài súc sanh khi nghe mùi người ta đại tiểu tiện ra, liền chạy đến nơi đó, ăn loại đồ ăn đó. Chúng là những loại gì? Đó là gà, heo, chó, chó sói, quạ, câu-lâu-la, câu-lăng-già. Người ngu si ấy, vì lúc xưa tham trước thực vị. Nó hành động với thân ác hạnh, khẩu và ý ác hạnh, do nhân duyên đó, khi thân hoại mạng chung, sanh trong súc sanh, tức là loài ăn phân ô uế. Như vậy gọi là súc sanh khổ.

"Này các Tỳ-kheo, Ta đã dùng vô lượng phương tiện để nói cho các ngươi về súc sanh, nói sự việc của súc sanh. Song nỗi khổ của súc sanh không làm sao nói hết được. Chỉ nói là súc sanh duy chỉ có khổ mà thôi.

"Này các Tỳ-kheo, nếu như người ngu si kia ra khỏi đường súc sanh, trở lại sanh

lên làm người là việc cực kỳ khó khăn. Vì sao? Vì kẻ kia trong loài súc sanh không làm nhân nghĩa, không theo phép tắc lễ nghi, không làm việc lành, súc sanh lại ăn nuốt lẫn nhau. Con mạnh ăn con yếu, con lớn nuốt con bé. Này Tỳ-kheo, như đất này tràn đầy những nước. Có một con rùa đui, sống lâu vô lượng trăm ngàn năm. Trên mặt nước kia có miếng ván nhỏ, chỉ có một lỗ duy nhất bị gió thổi trôi. Này các Tỳ-kheo, các ông nghĩ sao? Con rùa đui kia, đầu nó có thể chui vào cái lỗ duy nhất của miếng gỗ nhẹ nhỏ kia chăng? ”

Các Tỳ-kheo đáp:

“ Bạch Thế Tôn, có thể chui được, nhưng thật lâu, thật lâu và rất khó.

Thế Tôn bảo:

“ Này các Tỳ-kheo, hoặc con rùa đui kia trải qua một trăm năm, rồi nó từ phía Đông đến, ngóc đầu lên một lần. Miếng ván nhỏ kia chỉ có một lỗ lại bị gió thổi từ phương Đông dời qua phương Nam. Hoặc lúc con rùa đui qua một trăm năm từ phương Nam đến, ngóc đầu lên một lần, thì miếng ván một lỗ kia, lại bị gió thổi từ phương Nam dời đến phương Tây. Hoặc có lúc con rùa đui đợi một trăm năm qua từ phương Tây đến, ngóc đầu lên một lần, thì miếng ván có một lỗ kia, lại bị gió từ phương Tây thổi dời đến phương Bắc. Hoặc lúc con rùa đui kia từ phương Bắc đến, ngóc đầu lên một lần nữa, thì miếng ván có một lỗ kia lại bị gió thổi từ phương Bắc dời tới các phương khác. Này các Tỳ-kheo, ý ông nghĩ sao? Con rùa đui kia có chui vào được lỗ ván ấy chăng?

Tỳ-kheo đáp:

“ Bạch Thế Tôn, con rùa cũng có thể chui vào được lỗ ván ấy. Nhưng thật lâu, thật lâu và khó lắm. ”

“ Này Tỳ-kheo, cũng vậy, người ngu si kia, từ súc sanh ra mà trở lại làm người thì cũng khó lắm. Vì sao? Kẻ kia ở trong súc sanh, không làm việc nhân nghĩa, không theo phép tắc lễ nghi, không làm việc tốt lành, loài súc sanh đó lại ăn nuốt lẫn nhau, con mạnh ăn con yếu, con lớn nuốt con nhỏ.

“ Này các Tỳ-kheo, nếu người ngu si kia có khi ra khỏi súc sanh, sanh lên làm người, hoặc sanh nhằm nhà thuộc giai cấp hạ tiện, xấu xí, bần cùng, ăn uống thiếu thốn, kiếm thức ăn rất khó. Họ là hạng người nào? Đó là nhà ngục tốt, nhà làm thợ, nhà thủ công, nhà làm đồ gốm, và các nhà hạ tiện khác, đại loại như vậy. Xấu xí, bần cùng, ăn uống thiếu thốn, kiếm ăn rất khó. Họ sanh nhằm những nhà như vậy. Khi sanh vào đó rồi, hoặc đui, hoặc què, hoặc khuỷu tay ngắn, hoặc gù, hoặc chỉ dùng tay trái, da xấu, mặt dê, xấu xí đoản mạng, bị người khác sai sử. Nó hành động với thân ác hạnh, khẩu và ý ác hạnh. Nó sau khi hành động với thân ác hạnh, khẩu và ý ác hạnh, do nhân duyên đó, sau khi thân hoại mạng chung trở lại chỗ ác sanh vào địa ngục. Cũng như hai người cùng đánh bạc, một trong hai người đó, canh bạc đầu nó mất tôi tớ, và mất cả vợ con. Sau đó lại đến thân mình bị treo ngược trong nhà khói. Người đó tự nghĩ: ‘Ta không ăn không uống, song canh bạc đầu ta mất tôi tớ, mất cả vợ con. Canh bạc cuối, thân ta bị treo ngược trong nhà khói.’ Này các Tỳ-kheo, canh bạc ấy thua rất ít, chỉ mất tôi tớ, mất vợ con, và sau đó thân bị treo ngược trong nhà khói. Này Tỳ-kheo, canh bạc này mới đáng kể ‘Đó là thân hành động ác, khẩu và ý hành động ác.’ Sau khi hành động với thân ác hạnh, khẩu và ý ác hạnh, do nhân duyên đó, khi thân hoại mạng chung, trở lại chỗ ác, sanh trong địa ngục.

“ Này các Tỳ-kheo, đối với việc làm này, thật không thể vui, thật không thể thích, chẳng phải chỗ nghĩ đến.

" Này các Tỳ-kheo, được nói như vậy, há không đầy đủ chăng? "

Tỳ-kheo đáp:

" Bạch Thế Tôn, thật sự như vậy, đã nói hết các pháp ngu si kia.

Đức Thế Tôn bảo:

" Thế nào là pháp trí tuệ? Là người trí tuệ có ba: sự tưởng, tiêu thức và ấn tượng trí tuệ. Tức là người đã thành tựu trí tuệ nên nói là trí tuệ.

" Những gì là ba? Người trí tuệ suy nghĩ với ý nghĩ thiện, nói lời nói thiện và làm việc thiện. Vì là người trí tuệ, nên được nói là trí tuệ vậy.

" Nếu kẻ trí chẳng nghĩ điều thiện, không nói là thiện và không làm việc thiện, thì người trí làm sao biết được họ là trí? Vì người có trí tuệ, nghĩ thì nghĩ thiện, nói thì nói thiện và làm thì làm thiện nên người có trí nói là kẻ trí.

" Người có trí tuệ ngay trong đời hiện tại thân tâm cảm thọ được ba điều hỷ lạc. Thế nào là người trí tuệ ngay trong đời hiện tại thân tâm của họ cảm thọ ba điều hỷ lạc? Người trí tuệ có những hành vi nào, hoặc ngồi nơi tụ lạc, hoặc tại đường cái, đường hẻm, hoặc tại chợ quán, hoặc tại ngã tư đường, nói những việc thích hợp với người trí. Kẻ có trí thì từ bỏ sát sanh, từ bỏ việc lấy của không cho, từ bỏ tà dâm, từ bỏ nói dối, cho đến từ bỏ tà kiến mà được chánh kiến, thành tựu vô lượng pháp thiện. Nếu đã thành tựu vô lượng pháp thiện, khi người khác thấy họ, bèn khen ngợi, người trí tuệ kia, nghe hoặc tự nghĩ: 'Nếu ai thành tựu vô lượng pháp thiện, khi người khác thấy bèn khen ngợi, thì ta đây cũng có vô lượng pháp thiện. Nếu có kẻ nào thấy tất sẽ khen ngợi ta.' Đây là điều hỷ lạc thứ nhất mà người trí ngay trong đời hiện tại, thân tâm cảm thọ được.

" Lại nữa, người trí tuệ kia thấy người của vua dùng các thứ hình phạt để trị giặc cướp như chặt tay, chặt chân, và chặt cả tay chân, xẻo tai, xẻo mũi, hoặc xẻo cả tai mũi, hoặc cắt từng miếng thịt, hoặc nhổ tóc, bứt râu, hoặc bứt cả râu tóc, hoặc bỏ vào cũi, trùm trong áo rồi đốt cháy, hoặc lấy cát lấp, quấn cỏ rồi châm lửa, hoặc bỏ vào trong bụng lừa sắt, hoặc ném vào trong miệng heo sắt, hoặc đôi vào miệng cọp sắt rồi đốt, hoặc bỏ vào chảo đồng, hoặc đôi vào chảo sắt rồi nấu, hoặc chặt ra từng khúc, hoặc dùng giáo nhọn đâm, hoặc lấy móc câu móc, hoặc đặt trên giường sắt rồi lấy dầu sôi nhểu, hoặc ngồi trên cối sắt dùng chày sắt giã, hoặc cho độc long mổ, hoặc dùng roi quất, hoặc dùng gậy đánh, hoặc lấy hèo đập, hoặc xỏ lưỡi bêu đầu, hoặc đâm chết bêu đầu. Người trí tuệ kia thấy rồi bèn nghĩ: 'Nếu ai thành tựu vô lượng pháp ác bất thiện, vua biết được bắt và khảo trị như vậy. Ta không làm vô lượng pháp ác bất thiện, nếu vua biết ta thì ta hoàn toàn chẳng bị các loại khổ trị như vậy.' Đây là điều hỷ lạc thứ hai mà người trí ngay trong đời hiện tại, thân tâm cảm thọ được.

" Lại nữa, người trí kia hành động với thân diệu hạnh, khẩu và ý diệu hạnh. Người đó gặp lúc bệnh khổ, hoặc nằm ngồi trên giường, hoặc nằm ngồi trên ván, hoặc nằm ngồi dưới đất, hoặc thân đau nhức rất khổ sở cho đến khi mạng sống gần dứt;

những hành động với thân diệu hạnh, khẩu và ý diệu hạnh của người kia, bấy giờ các việc làm ấy treo ngược lên cao. Ví như xế chiều, mặt trời lặng xuống, bóng núi cao đổ ngược trên mặt đất. Cũng vậy, hành động với thân diệu hạnh, khẩu và ý diệu hạnh của người kia treo ngược từ trên cao. Người ấy tự nghĩ: 'Đây là những hành động với thân diệu hạnh, khẩu và ý diệu hạnh, tuy treo ngược từ trên cao. Vì lúc xế trưa ta làm nhiều phước, không làm ác, nếu có nơi nào cho những người không làm ác, không hung bạo, không làm điều phi lý, chỉ làm phước, tạo nơi quy mạng, nương tựa cho sự sợ hãi, thì ta đến chỗ lành đó. Do vậy, không sanh tâm hối hận, do không hối hận, nên chết nhẹ nhàng, mạng chung an lành.' Đây là điều hỷ lạc thứ ba mà người trí ngay trong đời hiện tại thân tâm cảm thọ được.

"Lại nữa, người trí kia hành thân diệu hạnh, khẩu và ý diệu hạnh. Người ấy sau khi hành thân diệu hạnh, khẩu và ý diệu hạnh rồi, do nhân duyên đó, khi thân hoại mạng chung, tất đến thiện xứ, sanh lên cõi trời. Kẻ kia đã sanh lên đó rồi, cảm thọ quả báo lành, hoàn toàn khả ái, hoàn toàn khả lạc, khả ý khả niệm. Nếu ai nghĩ rằng: 'Nơi nào hoàn toàn khả ái, hoàn toàn khả lạc, khả ý khả niệm' nơi đó được nói là thiện xứ. Vì sao? Vì chốn lành kia, hoàn toàn khả ái, hoàn toàn khả lạc, khả ý khả niệm."

Bấy giờ có một vị Tỳ-kheo, từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch vai áo bên phải chắp tay hướng về Phật mà bạch rằng:

"Bạch Thế Tôn, thiện xứ là thế nào?"

Thế Tôn đáp:

"Này Tỳ-kheo, thiện xứ không thể nói hết được, nghĩa là nói về sự hoan lạc nơi thiện xứ, chỉ nói rằng thiện xứ chỉ có hoan lạc."

Tỳ-kheo lại hỏi:

"Bạch Thế Tôn, xin Ngài có thể dùng ví dụ để dễ hiểu nghĩa ấy chăng?"

Thế Tôn đáp:

"Cũng có thể dùng ví dụ để làm rõ nghĩa ấy. Ví dụ Chuyển luân vương thành tựu bảy báu và bốn ý túc của loài người. Này Tỳ-kheo, ý ngươi nghĩ sao? Chuyển luân vương kia thành tựu đầy đủ bảy báu và bốn như ý túc của loài người thì nơi vua kia nhân đó thân tâm có lãnh thọ hỷ lạc cùng cực chăng?"

Tỳ-kheo đáp:

"Bạch Thế Tôn, thành tựu được một như ý túc loài người còn lãnh thọ được hỷ lạc cùng cực, huống nữa là Chuyển luân vương thành tựu hết bảy báu và bốn như ý túc loài người, há chẳng phải là lãnh thọ hỷ lạc cùng cực đó sao?"

Bấy giờ Thế Tôn tay cầm viên đá nhỏ bằng hạt đậu hỏi Tỳ-kheo:

" Ngươi có thấy viên đá nhỏ bằng hạt đậu mà Ta cầm trong tay chăng?"

Tỳ-kheo đáp:

" Bạch Thế Tôn, có thấy. "

Thế Tôn lại hỏi:

" Này Tỳ-kheo, ý ông nghĩ sao? Viên đá nhỏ như hạt đậu mà ta cầm đây đem so với Tuyết sơn vương cái nào lớn hơn? "

Tỳ-kheo đáp:

" Bạch Thế Tôn, viên đá nhỏ như hạt đậu mà Thế Tôn cầm đó đem so với Tuyết sơn vương thật quá nhỏ, nhỏ gấp trăm gấp ngàn, gấp vạn lần không thể so sánh kịp, không thể tính toán, không thể so sánh được, chỉ nói là Tuyết sơn vương rất lớn, quá lớn thôi. "

Thế Tôn lại bảo:

" Này Tỳ-kheo, nếu viên đá nhỏ như hạt đậu mà Ta cầm đây đem so với Tuyết sơn vương, nó thật quá nhỏ, quá nhỏ, nhỏ gấp trăm gấp ngàn, gấp vạn lần, trọn không thể so sánh kịp, không thể tính toán, không thể ví dụ được, chỉ nói là Tuyết sơn vương rất lớn, quá lớn thôi. Cũng vậy, này Tỳ-kheo, nếu Chuyển luân vương đã thành tựu đầy đủ và bốn như ý túc, nơi vua kia thân tâm cảm thọ hỷ lạc cùng cực, nếu đem so sánh với hỷ lạc ở cõi trời, nó thật quá nhỏ, nhỏ gấp trăm, gấp ngàn vạn lần, không thể so sánh, không thể tính toán, không thể ví dụ được. Nghĩa là hoan lạc nơi thiện xứ, chỉ hoàn toàn hoan lạc thôi.

" Này Tỳ-kheo, thế nào là sự hoan lạc nơi thiện xứ? Có thiện thiện xứ gọi là lục xúc, nếu chúng sanh sanh vào trong đó, khi đã sanh đến đó rồi, hoặc sắc được thấy bởi sắc, mắt, khả hỷ, khả ý, khả niệm, ý nhuần ái, ý thiện lạc, thì đó là thiện xứ. Thanh được nghe nơi tai, lưỡi được ngửi bởi mũi, vị được nếm bởi lưỡi, sự xúc chạm nơi thân, pháp được biết bởi ý; khả hỷ, khả lạc, khả ý, khả niệm, ý nhuần ái, thì đó là nhuần ái, ý thiện lạc, thì đó là thiện lạc. Như vậy gọi là sự hoan lạc ở thiện xứ.

" Này Tỳ-kheo, Ta đã dùng vô số phương tiện để nói về thiện xứ, nói sự việc ở nơi thiện xứ cho các thầy nghe. Song sự hoan lạc nơi thiện xứ kia không thể nào nói hết được. Chỉ nói là nơi thiện xứ hoàn toàn chỉ có hoan lạc mà thôi.

" Này các Tỳ-kheo, nếu người trí tuệ kia, có khi từ thiện xứ sanh xuống, hoặc sanh nhầm nhà rất giàu sang, tiền tài vô số, nuôi nhiều tôi tớ và súc mục, phong hộ thực ấp, thóc lúa đầy đủ và biết bao các thứ nhu dụng sinh tồn khác. Họ là hạng người nào? Là nhà đại trưởng giả Cư sĩ, nhà trưởng giả dòng Sát-lợi, nhà trưởng giả dòng Phạm chí và các nhà đại phú gia khác. Tiền của vô số, nuôi nhiều tôi tớ và súc mục, phong hộ thực ấp, thóc lúa đầy đủ, và biết bao các thứ nhu dụng sinh tồn khác. Sanh nhầm nhà như vậy, đoan chánh, khả ái, nhiều người kính thuận, danh vang cùng khắp, có oai đức lớn, nhiều người kính mến, nhiều người nhắc đến. Rồi người ấy lại hành thân diệu hạnh, khẩu và ý diệu hạnh. Sau khi hành thân diệu hạnh, khẩu và ý diệu

hạnh rồi, do nhân duyên đó khi thân hoại mạng chung trở lại thiên xứ, sanh lên thiên giới. Ví như hai người đánh bạc, trong đó một người ăn và tiếp tục đánh, ăn được nhiều tiền tài. Người đó nghĩ rằng: "Ta chẳng làm ruộng, nhưng ván đầu ta ăn và tiếp tục canh bạc như vậy, ta lấy được nhiều tiền tài." Này Tỳ-kheo, canh bạc đó quá nhỏ mà được nhiều tiền của. Này Tỳ-kheo, canh bạc này mới đáng kể, đó là hành thân diệu hạnh, khẩu và ý diệu hạnh. Sau khi hành thân diệu hạnh, hành khẩu và ý diệu hạnh, do nhân duyên đó, khi thân hoại mạng chung trở lại thiện xứ, sanh lên cõi trời. Này Tỳ-kheo, các việc thiện này là sự việc rất đáng vui, rất đáng thích, rất đáng được thích ý.

"Này Tỳ-kheo, các pháp của người trí tuệ được nói như vậy, há không đầy đủ chăng?"

Tỳ-kheo đáp:

"Bạch Thế Tôn, thật sự các pháp của người trí tuệ kia được nói như vậy là đầy đủ."

Thế Tôn bảo:

"Đó là pháp của người ngu si và pháp của người trí tuệ. Các thầy phải biết pháp của người ngu si và pháp của người trí tuệ. Đã biết pháp của người ngu si và pháp của người trí tuệ rồi, thì phải xả bỏ pháp của người ngu si và chọn lấy pháp của người trí tuệ. Các thầy phải học như vậy."

Đức Phật thuyết như vậy, các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

❑

200. KINH A-LÊ-TRA[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng lâm, vườn Cấp cô độc.

Bấy giờ, Tỳ-kheo A-lê-tra[2] vốn là một người Già-đà-bà-lê[3] sanh ác kiến như vầy, 'Tôi hiểu Đức Thế Tôn nói pháp như vầy, 'Hành dục không bị chướng ngại[4].'"

Các Tỳ-kheo nghe như vậy, đi đến chỗ Tỳ-kheo A-lê-tra hỏi:

"Này A-lê-tra, thật thầy có nói như vầy, 'Tôi hiểu Đức Thế Tôn nói pháp như vầy, 'Hành dục không bị chướng ngại chăng'?'."

Khi ấy A-lê-tra đáp:

"Này chư Hiền, tôi thật sự hiểu Đức Thế Tôn nói pháp như vầy, 'Hành dục không bị chướng ngại.'"

Các Tỳ-kheo khiển trách A-lê-tra rằng:

"Thầy chớ nói như vậy; chớ xuyên tạc Đức Thế Tôn. Xuyên tạc Đức Thế Tôn là không tốt. Đức Thế Tôn cũng không nói như vậy. Này A-lê-tra, dục có chướng ngại. Đức Thế Tôn đã dùng vô lượng phương tiện để nói dục có chướng ngại. Này A-lê-tra, thầy nên xả bỏ ác kiến ấy đi."

Tỳ-kheo A-lê-tra bị các Tỳ-kheo khiển trách, nhưng vẫn cố chấp ác kiến của mình và nhất quyết nói, 'Đây là điều chân thật, ngoài ra là hư vọng.' Và lặp lại ba lần như vậy.

Chúng Tỳ-kheo không thể khuyên Tỳ-kheo A-lê-tra xả bỏ ác kiến ấy liền đứng dậy ra về, và đến chỗ Phật cúi đầu đảnh lễ sát chân Phật, ngồi sang một bên bạch rằng:

"Bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo A-lê-tra sanh ác kiến như vầy: Tôi hiểu Đức Thế Tôn nói pháp như vầy: 'Hành dục không bị chướng ngại'. Bạch Thế Tôn, chúng con nghe vậy, liền đi đến chỗ Tỳ-kheo A-lê-tra hỏi rằng: 'Này A-lê-tra, thầy có thật nói như vầy: Tôi hiểu Đức Thế Tôn thuyết pháp như vầy, 'Hành dục không bị chướng ngại chăng'?' Tỳ-kheo A-lê-tra trả lời chúng con rằng, 'Này chư Hiền, thật sự tôi hiểu Đức Thế Tôn nói pháp như vầy: Hành dục là không bị chướng ngại.' Bạch Thế Tôn, chúng con khiển trách rằng, 'Này

---

1. Bản Hán, quyển 54. Tương đương Pāli, M. 22. Alagadupama-suttaṃ.
2. A-lê-tra ———\—C Pāli: Ariṭṭha.
3. Bổn già-đà-bà-lê ————C—Q—C Pāli: Gadhabādhi-pubba. Trước kia là người huấn luyện chim ưng.
4. Chướng ngại ——Ahoặc nói *chướng đạo pháp* ——D—k—C Pāli: anatāriyakā dhammā. Trường hợp này được ghi trong Luật tạng. Xem Tứ Phần Luật 17 (Đơn đề 68 và 69. No.1428, Đại 22, tr.682 và tt).

A-lê-tra, chớ nói như vậy, chớ xuyên tạc Đức Thế Tôn. Xuyên tạc Đức Thế Tôn là không tốt. Đức Thế Tôn cũng không nói như vậy. Này A-lê-tra, dục có chướng ngại. Đức Thế Tôn đã dùng vô lượng phương tiện nói dục có chướng ngại. Này A-lê-tra, thầy nên xả bỏ ác kiến ấy đi.' Chúng con khiển trách, nhưng Tỳ-kheo A-lê-tra vẫn cố chấp ác kiến của mình và nhất quyết nói, 'Đây là điều chân thật, ngoài ra là hư vọng.' Và lặp lại ba lần như vậy. Bạch Thế Tôn, chúng con không thể khuyên Tỳ-kheo A-lê-tra xả bỏ ác kiến ấy, liền đứng dậy ra về."

Đức Thế Tôn nghe rồi, bảo một Tỳ-kheo:

"Hãy đến chỗ Tỳ-kheo A-lê-tra, nói như vầy, 'Thế Tôn cho gọi thầy'."

Lúc bấy giờ vị Tỳ-kheo ấy vâng lời Thế Tôn, từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ sát chân Phật nhiễu quanh ba vòng rồi đi. Khi đến chỗ Tỳ-kheo A-lê-tra liền nói:

"Đức Thế Tôn gọi thầy."

Tỳ-kheo A-lê-tra liền đến chỗ Phật, đảnh lễ sát chân Phật, rồi ngồi xuống một bên. Đức Thế Tôn nói:

"Này A-lê-tra, thật ngươi có nói như vầy, 'Tôi hiểu Đức Thế Tôn nói pháp như vầy, 'Hành dục không bị chướng ngại' chăng?'."

A-lê-tra đáp:

"Bạch Thế Tôn, thật sự con hiểu Đức Thế Tôn nói pháp như vầy, 'Hành dục không bị chướng ngại'."

Đức Thế Tôn khiển trách:

"Này A-lê-tra, bằng cách nào mà ngươi hiểu Ta thuyết pháp như vậy? Ngươi nghe từ miệng người nào nói Ta thuyết pháp như vậy? Này người ngu si kia, Ta không nói một chiều mà ngươi lại nói một chiều chăng? Khi nghe các Tỳ-kheo khiển trách, ngươi khi ấy phải đúng như pháp mà trả lời. Nay để Ta hỏi lại các Tỳ-kheo đã."

Liền đó, Đức Thế Tôn hỏi các Tỳ-kheo:

"Các ngươi cũng hiểu như vầy, rằng Ta nói pháp như vầy, 'Hành dục không bị chướng ngại' chăng?"

Bấy giờ các Tỳ-kheo đáp:

"Bạch Thế Tôn, không."

Đức Thế Tôn hỏi:

"Các thầy hiểu Ta nói pháp như thế nào?"

Các Tỳ-kheo đáp:

"Bạch Thế Tôn, chúng con hiểu Thế Tôn nói pháp như vầy, 'Dục có chướng ngại, Thế Tôn nói dục có chướng ngại. Dục như bộ xương khô, Thế Tôn nói dục như bộ xương khô, dục như miếng thịt, Thế Tôn nói dục như miếng thịt. Dục như bó đuốc, Thế Tôn nói dục như cây đuốc trong tay. Dục như hầm lửa, Thế Tôn nói dục như hầm lửa. Dục như rắn độc, Thế Tôn nói dục như rắn độc. Dục như mộng, Thế Tôn nói dục như mộng. Dục như đồ vay mượn, Thế Tôn nói dục như đồ vay mượn. Dục như trái cây, Thế Tôn nói dục như trái cây[5].' Chúng con hiểu Thế Tôn nói pháp như vậy."

Đức Thế Tôn khen:

"Lành thay! Lành thay! Này các Tỳ-kheo, các ngươi hiểu Ta nói pháp như vậy. Vì sao? Vì Ta cũng nói như vầy, 'Dục có chướng ngại, Ta nói dục có chướng ngại. Dục như bộ xương khô, Ta nói dục như bộ xương khô. Dục như miếng thịt, Ta nói dục như miếng

5. Xem thí dụ kinh 203 sau.

thịt. Dục như bó đuốc, ta nói dục như cây đuốc trong tay. Dục như hầm lửa, Ta nói dục như hầm lửa. Dục như rắn độc, Ta nói dục như rắn độc. Dục như mộng, Ta nói dục như mộng. Dục như đồ vay mượn, Ta nói dục như đồ vay mượn. Dục như trái cây, Ta nói dục như trái cây.’”

Đức Thế Tôn lại khen:

“Lành thay! Lành thay! Này các Tỳ-kheo, các ngươi hiểu Ta nói pháp như vậy. Nhưng A-lê-tra ngu si này tiếp thọ và lãnh hội nghĩa và văn điên đảo. Kia nhân tiếp thọ và lãnh hội nghĩa và văn điên đảo cho nên xuyên tạc Ta, để tự gây thương hại cho mình. Có phạm, có tội. Đó là điều mà các phạm hạnh có trí không hoan hỷ, và là một đại tội[6]. Này người ngu si kia, có biết chỗ ác bất thiện này chăng?”

Lúc ấy Tỳ-kheo A-lê-tra bị Đức Thế Tôn khiển trách ngay mặt, trong lòng rầu rĩ, cúi đầu im lặng, không lời để biện bạch, suy nghĩ mông lung.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn sau khi khiển trách ngay mặt Tỳ-kheo A-lê-tra, rồi nói với các Tỳ-kheo:

“Nếu pháp Ta nói mà ý nghĩa được hiểu biết đầy đủ, tường tận thì nên thọ trì đúng như vậy. Nếu pháp Ta nói mà ý nghĩa không được hiểu biết đầy đủ, tường tận thì phải hỏi lại Ta hay các vị Phạm hạnh có trí. Vì sao? Hoặc có người ngu si ghi nhớ và hiểu biết điên đảo văn và nghĩa. Chúng do tự mình hiểu biết điên đảo và ghi nhớ điên đảo mà biết pháp kia như vậy như vậy, tức chánh kinh, ca vịnh, ký thuyết, kệ tha, nhân duyên, soạn lục, bản khởi, thử thuyết, sanh xứ, quảng giải, vị tằng hữu pháp và thuyết nghĩa[7]. Chúng vì tranh luận mà biết nghĩa này, chứ không vì giải thoát mà biết nghĩa này. Chúng biết pháp này vì mục đích ấy nên không đạt đến nghĩa này, chỉ chuốc lấy cực khổ luống công, tự gây phiền nhọc. Vì sao? Vì chúng ghi nhớ và hiểu biết điên đảo về pháp.

“Cũng như có người muốn bắt được rắn, bèn đi tìm rắn. Khi đi tìm rắn, nó đi vào rừng hoang, thấy con rắn rất lớn, liền bước tới, dùng tay nắm lấy lưng rắn; con rắn ngóc đầu quay lại, hoặc mổ vào tay, chân, hoặc các chi thể khác. Nó làm công việc tìm bắt rắn, nhưng không đạt được mục đích, chỉ chuốc lấy cực khổ luống công, tự gây phiền nhọc. Vì sao? Vì không biết rõ phương pháp bắt rắn. Cũng vậy, có thể có người ngu si ghi nhớ và hiểu biết điên đảo văn và nghĩa. Chúng do tự mình hiểu biết điên đảo và ghi nhớ điên đảo mà biết pháp kia như vậy như vậy, tức chánh kinh, ca vịnh, ký thuyết, kệ tha, nhân duyên, soạn lục, bản khởi, thử thuyết, sanh xứ, quảng giải, vị tằng hữu pháp và thuyết nghĩa. Chúng vì tranh luận mà biết nghĩa này, chứ không vì giải thoát mà biết nghĩa này. Chúng biết pháp này vì mục đích ấy nên không đạt đến nghĩa này, chỉ chuốc lấy cực khổ luống công, tự gây phiền nhọc. Vì sao? Vì chúng ghi nhớ và hiểu biết điên đảo về pháp.

“Hoặc có một thiện gia nam tử ghi nhớ và hiểu biết về nghĩa và văn không điên đảo. Người ấy do tự mình ghi nhớ và hiểu biết không điên đảo về nghĩa và văn mà biết pháp kia như vậy như vậy, tức chánh kinh, ca vịnh, ký thuyết, kệ tha, nhân duyên, soạn lục, bản khởi, thử thuyết, sanh xứ, quảng giải, vị tằng hữu pháp và thuyết nghĩa. Người ấy không vì tranh luận mà biết nghĩa này, nhưng vì giải thoát mà biết nghĩa này. Người ấy biết pháp này vì mục đích ấy nên đạt đến nghĩa này, không chuốc lấy cực khổ luống công, không tự gây phiền nhọc. Vì sao? Vì ghi nhớ và hiểu biết không điên đảo về pháp.

“Cũng như có người muốn bắt được rắn, bèn đi tìm rắn. Khi đi tìm rắn, người ấy tay

---

6. Ở đây được gọi là Tăng-già-bà-thi-sa, vì không chịu nghe Tăng can gián. Xem Tứ Phần Luật (sđd., nt).
7. Xem kinh 1 trên.

cầm gậy sắt, đi trong rừng hoang, thấy một con rắn rất lớn, liền lấy gậy sắt đè lên đầu con rắn, rồi lấy tay nắm đầu nó. Con rắn kia tuy ngoặt đuôi lại, hoặc quấn tay chân, hoặc các chi thể khác, nhưng không thể mổ. Người kia làm như vậy để tìm bắt rắn và đạt được mục đích, không chuốc lấy cực khổ luống công, cũng không tự gây phiền nhọc. Vì sao? Vì người ấy khéo biết cách bắt rắn. Cũng vậy, hoặc có thiện gia nam tử ghi nhớ và hiểu biết về nghĩa và văn không điên đảo. Người ấy do tự mình ghi nhớ và hiểu biết không điên đảo về nghĩa và văn mà biết pháp kia như vậy như vậy, tức chánh kinh, ca vịnh, ký thuyết, kệ tha, nhân duyên, soạn lục, bản khởi, thử thuyết, sanh xứ, quảng giải, vị tằng hữu pháp và thuyết nghĩa. Người ấy không vì tranh luận mà biết nghĩa này, nhưng vì giải thoát mà biết nghĩa này. Người ấy biết pháp này vì mục đích ấy nên đạt đến nghĩa này, không chuốc lấy cực khổ luống công, không tự gây phiền nhọc. Vì sao? Vì ghi nhớ và hiểu biết không điên đảo về pháp.

"Ta thường nói cho các ngươi nghe về thí dụ chiếc bè, là để cho các thầy biết xả bỏ, chứ không phải để chấp thủ.

"Ta thường nói cho các thầy nghe về thí dụ chiếc bè như thế nào, để các thầy biết xả bỏ chứ không phải để chấp thủ?

"Ví như, con nước từ núi đổ xuống, rất sâu, rất mênh mông, chảy xiết và cuốn trôi nhiều thứ. Ở khoảng giữa đó không có thuyền, bè, cũng không có cầu ngang. Một người đi đến, có việc ở bờ bên kia nên cần phải qua. Người ấy bèn nghĩ rằng, 'Ở đây con nước từ trên núi chảy xuống, rất sâu, rất mênh mông, chảy xiết và cuốn trôi rất nhiều thứ. Ở khoảng giữa không có thuyền bè, cũng không có cầu ngang để có thể qua. Ta có công việc ở bờ bên kia cần phải qua phải dùng phương tiện gì để ta đến bờ bên kia được yên ổn?' Rồi người ấy tự suy nghĩ, 'Nay ở bên này, ta hãy góp nhặt cỏ, cây, cột lại làm bè[8] để bơi qua.' Người ấy bèn ở bên bờ bên này, góp nhặt cỏ cây, cột lại làm bè rồi bơi qua. Đến bờ bên kia được yên ổn, rồi tự nghĩ rằng, 'Chiếc bè này có nhiều lợi ích. Nhờ nó mà ta đã yên ổn bơi từ bờ bên kia đến bờ bên này. Nay ta hãy vác nó lên vai phải hoặc đội trên đầu mà đi.' Người ấy bèn vác lên vai phải, hoặc trên đầu mà mang đi. Ý các ngươi nghĩ sao? Người ấy làm như vậy, có lợi ích gì đối với chiếc bè không?"

Các Tỳ-kheo đáp:

"Bạch Thế Tôn, không."

Thế Tôn lại nói:

"Người ấy phải làm thế nào mới có thể có lợi ích đối với chiếc bè? Người ấy nghĩ như vầy, 'Chiếc bè này có nhiều lợi ích, nhờ nó mà ta an ổn từ bờ bên kia đến bờ này. Nay ta có nên thả chiếc bè này trở lại trong nước, hoặc để nó trên bờ rồi bỏ đi chăng?' Người ấy mang chiếc bè này thả lại trong nước, hoặc để nó bên bờ rồi bỏ đi. Ý các ngươi nghĩ sao? Người ấy làm như vậy, có thể có lợi ích đối với chiếc bè chăng?"

Bấy giờ các Tỳ-kheo đáp:

"Bạch Thế Tôn, có."

Thế Tôn lại nói:

"Cũng vậy, Ta thường nói cho các ngươi nghe về thí dụ chiếc bè là để cho các ngươi biết mà xả bỏ, chứ không phải để chấp thủ. Nếu các ngươi biết Ta thường nói thí dụ về chiếc bè, đối với pháp còn phải xả bỏ huống là phi pháp chăng?

---

8. Để bản, bệ phiệt 椑——A bè cỏ (?); Tống-Nguyên-Minh: bạc phiệt ————A bè liếp. Pāli: kulla, chiếc bè.

"Lại nữa, có sáu kiến xứ[9]. Những gì là sáu? Tỳ-kheo đối với những gì thuộc về sắc, hoặc quá khứ, vị lai, hiện tại, hoặc nội, hoặc ngoại, hoặc tinh, hoặc thô, hoặc diệu, hoặc bất diệu, hoặc gần, hoặc xa; tất cả những sắc ấy không phải là sở hữu của ta, ta không là sở hữu của sắc ấy, nó cũng không phải là tự ngã. Những gì thuộc thọ, tưởng, những gì thuộc về kiến này, đều thấy chúng không phải là sở hữu của ta, ta không là sở hữu của chúng, ta sẽ không có, ta sẽ không hiện hữu, tất cả chúng đều không là sở hữu của ta, ta không phải là sở hữu của chúng, và cũng không phải là thần ngã[10]. Như vậy do tuệ, quán sát mà biết như thật về chúng.

"Những gì là thọ; những gì là tưởng[11]; những gì thuộc kiến này, đều không phải là sở hữu của ta, ta không phải là sở hữu của chúng, và cũng không phải là thần ngã. Như vậy do tuệ, quán sát mà biết như thật về chúng.

"Những gì thuộc về kiến này, thấy, nghe, nhận thức, biết[12], được thủ đắc, được quán sát, được tư niệm bởi ý, từ đời này đến đời kia, từ đời kia đến đời này; tất cả chúng đều không là sở hữu của ta, ta không là sở hữu của chúng, và cũng không phải là thần ngã. Như vậy, do tuệ quán sát mà biết như thật về chúng. Những gì thuộc kiến này, đây là thần ngã[13], đây là thế gian, đây là ta, ta sẽ hiện hữu ở đời sau, là pháp thường trụ, không biến dịch, là pháp hằng hữu, không hủy hoại; tất cả chúng đều không phải là sở hữu của ta, ta không là sở hữu của chúng, cũng không phải là thần ngã. Như vậy, do tuệ biết như thật về chúng."

---

9. Kiến xứ ——B—CPāli: diṭṭhiṭṭhāna, cơ sở của kiến chấp.
10. Hán: diệc phi thị thần ——D—O——CPāli: na m'eso attā, cái đó không phải là tự ngã của tôi.
11. Bản Hán không kể *hành.*
12. Hán: kiến văn thức tri ——D———CPāli: diṭṭhaṃ sutaṃ mutaṃ viññātaṃ, cái được thấy, được nghe, được cảm giác, được nhận thức.
13. Hán: thử thị thần ——O——CPāli: so attā, đây là tự ngã. Xem cht.10 trên.

Bấy giờ có một Tỳ-kheo từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch vai áo bên phải chắp tay hướng về Đức Phật bạch:

"Bạch Thế Tôn, có trường hợp nào nhân bên trong mà có sợ hãi chăng?"[1]

Thế Tôn đáp:

"Có."

Tỳ-kheo lại hỏi:

"Bạch Thế Tôn, thế nào là nhân bên trong mà có sợ hãi?"

Thế Tôn đáp:

"Tỳ-kheo, thấy như vầy, nói như vầy, 'Kia trước đây hoặc giả không có; giả thiết có ta không được[2].' Và do thấy như vậy, nói như vậy, người ấy ưu sầu, phiền muộn, khóc lóc, đấm ngực, phát cuồng si. Này Tỳ-kheo, như vậy là nhân bên trong mà có sợ hãi."

Tỳ-kheo tán thán Thế Tôn, rồi lại hỏi:

"Bạch Thế Tôn, có trường hợp nào nhân bên trongmà không có sợ hãi chăng?"

Đức Thế Tôn nói:

"Có."

Tỳ-kheo lại hỏi:

"Bạch Thế Tôn, thế nào là nhân bên trong mà không có sợ hãi?"

Thế Tôn đáp:

"Tỳ-kheo, không thấy như vầy, không nói như vầy, 'Kia trước đây hoặc giả không có; giả thiết có ta không được.' Và do không thấy như vậy, không nói như vậy, người ấy không ưu sầu, không phiền muộn, không khóc lóc, không đấm ngực, không phát cuồng si. Này Tỳ-kheo, như vậy là nhân bên trong mà không có sợ hãi."

Tỳ-kheo tán thán Thế Tôn, rồi lại hỏi:

"Bạch Thế Tôn, có trường hợp nào nhân bên ngoài[3] mà có sợ hãi chăng?"

Thế Tôn đáp:

"Có."

Tỳ-kheo lại hỏi:

"Bạch Thế Tôn, thế nào là nhân bên ngoài có sự sợ hãi?"

Thế Tôn đáp:

"Tỳ-kheo, thấy như vầy, nói như vầy, 'Đây là thần ngã, đây là thế gian, đây là ta, ta sẽ hiện hữu ở đời sau.' Và do thấy như vậy, nói như vậy, mà hoặc giả gặp Như Lai hay đệ tử của Như Lai, thông minh trí tuệ nói năng khéo léo, thành tựu trí tuệ. Và bấy giờ Như Lai, hoặc đệ tử của Như Lai vì diệt trừ hết tất cả tự thân, cho nên nói pháp; vì xả ly tất cả lậu, tất cả ngã và sở tác của ngã; diệt kiết sử kiêu mạn, cho nên nói pháp. Người ấy được nghe Như Lai hoặc đệ tử của Như Lai vì diệt tất cả tự thân cho nên nói pháp, vì xả ly tất cả lậu, tất cả ngã và sở tác của ngã, diệt kiết sử kiêu mạn, cho nên nói pháp; nó bèn ưu sầu, phiền muộn, khóc lóc, đấm ngực, phát si cuồng nói như vầy, 'Ta sẽ đoạn hoại, không còn tái sanh nữa.' Vì sao vậy? Này Tỳ-kheo, vì người ấy trong một thời gian dài, hằng sống với những điều không khả ái, không khả lạc, không xứng ý niệm ấy, cho nên nó ưu sầu, phiền muộn, khóc lóc, đấm ngực, phát si cuồng. Này Tỳ-kheo, như vậy là nhân bên

---

1. Pāli: siyā nu kho bhante asati bahiddhā asati paritassanā ti, có thể có cái gì không thật hữu ở bên ngoài mà khiến cho có sợ hãi?
2. Văn Hán đoạn này hơi tối nghĩa. Tham khảo Pāli: ahu vata me, taṃ vata me natthi, chao ôi, nó (trước kia) đã là của tôi, (nay) thực sự không là của tôi.
3. Pāli:...ajjha ṃ asati..., không có thật ở bên trong. Xem cht.14 trên.

ngoài mà có sợ hãi."

Tỳ-kheo tán thán Thế Tôn, rồi lại hỏi:

"Bạch Thế Tôn, có trường hợp nào nhân bên ngoài mà không có sợ hãi chăng?"

Thế Tôn đáp:

"Có."

Tỳ-kheo lại hỏi:

"Bạch Thế Tôn, thế nào là do bên ngoài mà không có sợ hãi?"

Thế Tôn đáp:

"Tỳ-kheo, không thấy như vầy, không nói như vầy, 'Đây là thần ngã, đây là thế gian, đây là ta, ta sẽ hiện hữu ở đời sau.' Và do không thấy như vậy, không nói như vậy, mà hoặc giả gặp Như Lai, hoặc đệ tử của Như Lai, thông minh trí tuệ, nói năng khéo léo, thành tựu trí tuệ; và bấy giờ Như Lai hoặc đệ tử của Như Lai, vì diệt tất cả tự thân cho nên nói pháp; vì xả ly tất cả ngã và sở tác của ngã, diệt kiết sử kiêu mạn, cho nên nói pháp. Người ấy được nghe Như Lai hoặc đệ tử của Như Lai, vì diệt tất cả tự thân cho nên nói pháp; vì xả ly tất cả lậu, tất cả ngã và sở tác của ngã, diệt kiết sử kiêu mạn, cho nên nói pháp. Người ấy không ưu sầu, không phiền muộn, không khóc lóc, không đấm ngực, không phát cuồng si mà nói như vầy, 'Ta sẽ bị đoạn diệt, không còn tái sanh nữa.' Vì sao vậy? Này Tỳ-kheo, vì người ấy trong một thời gian dài hằng sống với những điều khả ái, khả lạc, xứng ý niệm ấy, cho nên không ưu sầu, không phiền muộn, không khóc lóc, không đấm ngực, không phát cuồng si. Này Tỳ-kheo, như vậy là do bên ngoài mà không có sự sợ hãi."

Bấy giờ, Tỳ-kheo tán thán Đức Thế Tôn:

"Lành thay! Lành thay!"

Tán thán rồi, khéo léo ghi nhận và trì tụng, rồi im lặng.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn khen các Tỳ-kheo:

"Lành thay! Lành thay! Tỳ-kheo, ngươi chấp thủ những điều có thể được chấp thủ như vậy[4], mà sau khi chấp thủ lại không sanh ưu sầu, không phiền muộn, không khóc lóc, không đấm ngực, không phát cuồng si. Các ngươi thấy có cái có thể chấp thủ nào mà khi được chấp thủ ấy lại không sanh ưu sầu, không phiền muộn, không khóc lóc, không đấm ngực, không phát si cuồng chăng?"

Tỳ-kheo đáp:

"Bạch Thế Tôn, không."

Thế Tôn khen rằng:

"Lành thay! Lành thay! Các ngươi y cứ vào cái sở y của kiến như vậy[5], mà kiến được y cứ ấy lại không sanh ưu sầu, không phiền muộn, không khóc lóc, không đấm ngực. Các ngươi có thể y cứ vào tri kiến như vậy, mà tri kiến được y cứ ấy không sanh ưu sầu, không phiền muộn, không khóc lóc, không đấm ngực, không phát cuồng si chăng?"

Tỳ-kheo đáp:

"Bạch Thế Tôn, không."

Thế Tôn khen:

"Lành thay! Lành thay! Các ngươi chấp thủ thân như vậy, mà có thân nào là thường

---

4. Thọ như thị sở khả thọ ——p-0——i——C Pāli: taṃ attavādupādānāṃ upādiyetha yaṃsa..., các ngươi có thể chấp thủ Ngã luận thủ nào (cố chấp quan điểm hữu ngã) mà...

5. Y như thị khiến sở khả ——p-0————i——C Pāli: taṃ bhikkhave diṭṭhinissayaṃ nissayetha yaṃsa..., các ngươi có thể y chỉ sở y của kiến...

trụ không biến dịch, là pháp không hoại diệt chăng? Các ngươi có thấy sự chấp thủ nào về thân được chấp thủ như vậy mà là thường trụ, không biến dịch, là pháp không hoại diệt chăng?"

Tỳ-kheo đáp:

"Bạch Thế Tôn, không."

Đức Thế Tôn khen:

"Lành thay! Lành thay! Nói là do thần ngã mà có ta[6], không có thần ngã thì không có ta. Đó là thần ngã và sở hữu của thần ngã, đều không thể bắt được, không thể khái niệm được, và kiến xứ ràng buộc với kiết sử tùy miên ở trong tâm[7], cũng không thể bắt được, cũng không thể khái niệm được. Này Tỳ-kheo, như vậy há không phải là đầy đủ để nói về kiến và tương tục bởi kiến, như là Tỳ-kheo A-lê-tra, vốn là một người Già-đà-bà-lê chăng?"

Tỳ-kheo đáp:

"Thật sự như vậy, bạch Thế Tôn. Như vậy là đầy đủ để nói về kiến và tương tục bởi kiến, như Tỳ-kheo A-lê-tra, vốn là một người già-đà-bà-lê."

"Lại nữa, có sáu kiến xứ. Những gì là sáu? Tỳ-kheo, đối với những gì thuộc về sắc, hoặc quá khứ, vị lai, hiện tại, hoặc nội, hoặc ngoại, hoặc tinh, hoặc thô, hoặc diệu, hoặc bất diệu, hoặc gần hoặc xa; tất cả sắc ấy đều không phải sở hữu của ta, ta không phải là sở hữu của sắc ấy, cũng không phải là thần ngã. Như vậy do tuệ mà quán sát biết như thật về sắc. Những gì thuộc về thọ, tưởng, thuộc về kiến này đều thấy chúng không phải là sở hữu của ta, ta không phải là sở hữu của chúng, ta sẽ không có, ta sẽ không hiện hữu, tất cả chúng đều không là sở hữu của ta, ta không phải là sở hữu của chúng, cũng không phải là tự ngã. Như vậy, do tuệ mà quán sát biết như thật về chúng. Những gì thuộc về kiến này, thấy, nghe, nhận thức, biết, được thủ đắc, được quán sát, được tư niệm bởi ý, từ đời này đến đời kia, từ đời kia đến đời này; tất cả chúng đều không phải là sở hữu của ta, ta không phải là sở hữu của chúng, cũng không phải là thần ngã. Như vậy do tuệ mà quán sát biết như thật về chúng. Những gì thuộc kiến này, 'đây là tự ngã, đây là thế gian, đây là ta, ta sẽ hiện hữu ở đời sau, là pháp thường trụ, không biến dịch, là pháp hằng hữu, không hủy hoại'; tất cả chúng đều không phải là sở hữu của ta, ta không phải là sở hữu của chúng, cũng không phải là thần ngã. Như vậy, do tuệ quán sát mà biết như thật về chúng.

"Này Tỳ-kheo, những gì thuộc về sáu kiến xứ ấy mà thấy không phải là sở hữu của ta, ta không phải là sở hữu của chúng, cũng không phải là thần ngã, và do không kiến chấp như vậy, nên không chấp thủ thế gian này. Do không chấp thủ thế gian này nên không có sợ hãi. Do không sợ hãi mà chứng đắc Niết-bàn, biết như thật rằng, 'Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa.' Đó gọi là Tỳ-kheo băng hào, vượt hào, phá đổ thành quách, không cửa, được gương Thánh trí tuệ.

"Thế nào là Tỳ-kheo băng hào[8]? Hào vô minh đã diệt tận, đã biến tri, nhổ tuyệt gốc rễ, dẹp tan không còn sanh trở lại nữa. Như vậy là Tỳ-kheo đã được bằng hào.

"Thế nào là Tỳ-kheo vượt hào[9]? Hào hữu ái đã diệt tận, đã biến tri, nhổ tuyệt gốc rễ, dẹp tan không còn sanh trở lại nữa, như vậy là Tỳ-kheo đã vượt hào.

---

6. Nhân thần cố hữu ngã ─]──G───C Bản Pāli không thấy đề cập.
7. Tâm trung sở hữu kiến xứ kết trước chư sử diệc bất khả đắc ─────B─────────i─o─C
8. Độ tiệm ───C Pāli: ukkhittapaligho, người đã dẹp các chướng ngại.
9. Quá tiệm ─L──C Pāli: abbūhesiko, người đã nhổ lên cột trụ.

"Thế nào là Tỳ-kheo phá đổ thành quách[10]. Sanh tử vô cùng đã diệt tận, đã biến tri, nhổ tuyệt gốc rễ, dẹp tan không còn sanh trở lại nữa. Như vậy là Tỳ-kheo phá đổ thành quách.

"Thế nào là Tỳ-kheo không cửa[11]? Năm hạ phần kiết đã diệt tận, đã biến tri, nhổ tuyệt gốc rễ, dẹp tan không còn sanh trở lại nữa. Như vậy là Tỳ-kheo đã được không cửa.

"Thế nào là Tỳ-kheo được gương Thánh trí tuệ[12]? Ngã mạn đã diệt tận, đã biến tri, nhổ tuyệt gốc rễ, dẹp tan không còn sanh trở lại nữa. Như vậy là Tỳ-kheo đã được gương Thánh trí tuệ.

"Đó gọi là Tỳ-kheo băng hào, vượt hào, phá đổ thành quách, không cửa, được gương Thánh trí tuệ.

"Như Lai chánh giải thoát như vậy, dù Nhân-đà-la[13], dù Thiên Y-sa-na[14], dù Phạm thiên và quyến thuộc, không ai có thể tìm thấy thức sở y của Như Lai. Như Lai là Phạm, Như Lai là Mát lạnh, Như Lai là Không phiền nhiệt, Như Lai là Bất dị[15]. Ta nói như vầy, Các Sa-môn Phạm chí xuyên tạc Ta bằng những lời hư vọng không chân thật rằng, 'Sa-môn Cù-đàm chủ trương hư vô[16]. Quả thật có chúng sanh, nhưng lại chủ trương là đoạn, diệt, hoại[17]. Nhưng nếu trong đó không có, thì Ta đã không nói rằng, 'Như Lai ấy trong đời hiện tại, được nói là không ưu phiền, nếu có ai mạ lỵ, đánh đập, sân hận, trách mắng Như Lai; trong trường hợp đó Như Lai không sân hận, không thù hận, trọn không có hại tâm.' Nếu có ai đánh đập, mạ lỵ, sân hận, trách mắng Như Lai, ý Như Lai thế nào? Như Lai tự nghĩ như vầy, 'Có hành vi tạo tác nào của Ta trong quá khứ để đưa đến sự kiện này.' Đối với sự mạ lỵ, đánh đập, sân hận, trách mắng Như Lai, Như Lai nghĩ như vầy, 'Nếu có ai cung kính cúng dường, lễ bái, tôn trọng, thừa sự Như Lai; Như Lai không do đó mà vui thích, không do đó mà hoan hỷ, tâm không do đó mà hoan lạc.' Nếu có ai cung kính, cúng dường, lễ bái, tôn trọng thừa sự Như Lai, thì ý Như Lai thế nào? Như Lai tự nghĩ, 'Ta nay do những gì được biết, do những gì được đoạn trừ mà đưa đến sự kiện này?' Nếu có ai cung kính, cúng dường, lễ bái, tôn trọng, thừa sự Như Lai, Như Lai nghĩ như vậy."

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Nếu có ai mạ lỵ đánh đập, trách mắng các ngươi; hay nếu có ai cung kính, cúng dường, lễ bái, tôn trọng, thừa sự các ngươi; các ngươi nhân đó cũng chớ nên sân hận, thù hằn, chớ có tâm hại, cũng chớ vui thích, hoan hỷ, cũng đừng có tâm hoan lạc. Vì sao? Hãy nghĩ rằng, "Chúng ta không có thần ngã, không có sở hữu của thần ngã. Ví như nay đây, ngoài cửa Thắng lâm này có cỏ khô, cây khô, có một người mang đi đốt, tùy ý mà dùng. Ý các ngươi nghĩ sao? Cây cỏ khô kia có nghĩ rằng, 'Người ấy mang ta đi đốt, tùy ý mà dùng không'?"

---

10. Phá quách -} 墎-C Pāli: saṃkiṇṇaparikkho, người đã lấp hào.
11. Vô môn -L--C Pāli: niraggaḷo, người đã tháo chốt cửa.
12. Thánh trí tuệ kính -t--z--C Pāli: ariyo oannaddhajo pannabhāro visaṃyutto, vị Thánh đã hạ cờ, đã đặt gánh nặng xuống, đã thoát ly.
13. Nhân-đà-la -]----C Pāli: Inda, tức Thiên Đế Thích.
14. Y-sa-na -----C Pāli: Īsānā.
15. Như Lai thị Phạm, Như Lai thị lãnh, Như Lai bất phiền nhiệt, Như Lai bất dị -p--O--A-p--O-N-A-p-----A-p-----C
16. Ngự vô sở thi thiết -s-L---I--C Pāli: venayiko Samano Gotamo, Sa-môn Cù-đàm, người dẫn đến chỗ hư vô.
17. Thi thiết đoạn diệt hoại. Pāli: ucchedaṃ vināsaṃ vibhavaṃ paññāpeti, chủ trương đoạn diệt, hoại diệt, phi hữu.

Các Tỳ-kheo đáp:
"Bạch Thế Tôn, không."

Cũng vậy, nếu có ai mạ lỵ, đánh đập, sân hận, trách mắng các ngươi hay nếu có ai cung kính, cúng dường, lễ bái, tôn trọng, thừa sự các ngươi; các ngươi nhân đó cũng chớ nên sân hận, thù hằn, chớ có hại tâm cũng chớ có vui thích, hoan hỷ, cũng đừng có tâm hoan lạc. Vì sao? Hãy nghĩ rằng, 'Ta không có thần ngã, không có sở hữu của thần ngã.'

"Pháp của Ta giảng thuyết toàn thiện, được phơi bày, được quảng bá, không có trống khuyết, được lưu bố, tuyên truyền, cho trời người. Pháp của Ta được giảng thuyết toàn thiện, được phơi bày, được quảng bá, không có trống khuyết, được lưu bố, tuyên truyền, cho đến trời người như vậy, nếu có ai với chánh trí giải thoát mà mạng chung, với người ấy không giả thuyết có luân chuyển vô cùng.

"Pháp của Ta được giảng thuyết toàn thiện, được phơi bày, được quảng bá, không có trống khuyết, được lưu bố, tuyên truyền cho đến trời người. Pháp của Ta được giảng thuyết toàn thiện, được phơi bày được quảng bá, không có trống khuyết, được lưu bố, tuyên truyền cho đến trời người như vậy, nếu có ai với năm hạ phần kiết tận diệt mà mạng chung sẽ sanh ở chỗ kia mà vào Niết-bàn, được pháp bất thối, không trở lại thế gian này.

"Pháp của Ta được giảng thuyết toàn thiện, được phơi bày, được quảng bá, không có trống khuyết, được lưu bố tuyên truyền cho đến trời người. Pháp của Ta được giảng thuyết toàn thiện, được phơi bày, được quảng bá, không có trống khuyết, được lưu bố tuyên truyền cho đến trời người như vậy, nếu có ai với ba kiết sử đã tận diệt, dâm nộ si đã mỏng, chứng đắc Nhất vãng lai, sau khi qua lại nhân gian thượng một lần nữa, sẽ chứng đắc khổ biên.

"Pháp của Ta được giảng thuyết toàn thiện, được phơi bày, được quảng bá, không có trống khuyết, được lưu bố tuyên truyền cho đến trời người. Pháp của Ta được giảng thuyết toàn thiện, được phơi bày được quảng bá, không có trống khuyết, được lau bố, tuyên truyền cho đến trời người như vậy, nếu có ai với ba kiết sử đã tận diệt, đắc Tu-đà-hoàn, không đọa vào pháp ác, quyết định sẽ đến chánh giác, chỉ cần bảy lần qua lại cõi trời cõi người, sau bảy lần qua lại sẽ chứng đắc khổ biên.

"Pháp của Ta được giảng thuyết toàn thiện, được phơi bày, được quảng bá, không có trống khuyết, được lưu bố tuyên truyền cho đến trời người. Pháp của Ta được giảng thuyết toàn thiện, được phơi bày được quảng bá, không có trống khuyết, được lan bố, tuyên

truyền cho đến trời người như vậy, nếu có ai với tâm tín lạc nơi Ta mà mạng chung, chắc chắn sẽ mau vào thiện xứ[18].”

Phật thuyết như vậy, các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

❑

[18] Còn một câu chót trong bản Hán: *như thượng hữu dư* -p-W——l-C Không rõ ý.

201. KINH TRÀ-ĐẾ[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng lâm, vườn Cấp cô độc.

Bấy giờ Tỳ-kheo Trà-đế Kê-hòa-đa Tử[2] sanh ác kiến như vầy: "Tôi hiểu Thế Tôn nói pháp như vầy: 'Ở đây, thức này luân chuyển và tái sanh, nhưng không đổi khác'."

Các Tỳ-kheo nghe như vậy, liền đi đến chỗ Tỳ-kheo Trà-đế hỏi:

"Này Trà-đế, thầy thật có nói như vầy: Tôi biết Đức Thế Tôn nói pháp như vầy: 'Ở đây thức này luân chuyển và tái sanh nhưng không đổi khác' chăng?"

Tỳ-kheo Trà-đế đáp:

"Này chư Hiền, tôi thực sự hiểu Đức Thế Tôn nói pháp như vầy: 'Ở đây, thức này luân chuyển, và tái sanh nhưng không đổi khác'."

Bấy giờ các Tỳ-kheo khiển trách:

"Thầy chớ nói như vậy, chớ xuyên tạc Đức Thế Tôn, xuyên tạc Đức Thế Tôn là không tốt. Đức Thế Tôn cũng không nói như vậy. Này Trà-đế, thức này do duyên mà khởi, Đức Thế Tôn dùng vô lượng phương tiện nói thức này do duyên mà khởi, có duyên thì sanh, không duyên thì diệt. Này Trà-đế thầy nên xả bỏ ác kiến này đi."

Tỳ-kheo Trà-đế bị các Tỳ-kheo khiển trách nhưng vẫn cố chấp ác kiến của mình và nhất quyết nói: "Đây là điều chân thật, ngoài ra đều hư vọng" và lặp lại ba lần như vậy.

Các Tỳ-kheo không thể khuyên Trà-đế xả bỏ ác kiến ấy, liền đứng dậy ra về, và đến chỗ Phật. Đảnh lễ dưới chân Phật rồi ngồi xuống một bên, bạch rằng:

"Bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo Trà-đế sanh ác kiến như vầy: Tôi hiểu Đức Thế Tôn nói pháp như vầy, 'Ở đây thức này luân chuyển và tái sanh nhưng không đổi khác.' Bạch Thế Tôn, chúng con nghe vậy liền đến chỗ Tỳ-kheo ấy và hỏi: Này Trà-đế, thật thầy có nói như vầy, 'Tôi hiểu Thế Tôn nói như vầy, 'Ở đây, thức này luân chuyển và tái sanh nhưng không đổi khác' chăng?' Trà-đế đáp chúng con rằng: Này chư Hiền, tôi thật sự hiểu Thế Tôn nói pháp như vầy: 'Ở đây, thức này luân chuyển và tái sanh nhưng không đổi khác'. Chúng con khiển trách: 'Thầy chớ nói như vậy, chớ xuyên tạc Đức Thế Tôn, xuyên tạc Đức Thế Tôn là không tốt, Đức Thế Tôn cũng không nói như vậy. Này Trà-đế, thức này do duyên mà khởi, Đức Thế Tôn đã dùng vô số phương tiện nói thức này do duyên mà khởi, có duyên thì sanh, không duyên thì diệt. Này Trà-đế, thầy nên xả bỏ ác kiến ấy đi.' Chúng con khiển trách như vậy, nhưng Tỳ-kheo ấy vẫn cố chấp ác kiến của mình và nhất quyết nói: 'Đây là chân thật, ngoài ra là hư vọng', và lặp lại ba lần như vậy. Bạch Thế Tôn, chúng con không thể khuyên Tỳ-kheo Trà-đế bỏ ác kiến ấy, liền đứng dậy ra về."

---

1. Tương đương Pāli: M.38. Mahā-Taṇhāsankhaya-sutta.
2. Trà-đế Kê-hòa-đa Tử 嗏━━━M-G-I-RSāti Kevaṭṭa Putta, con người đánh cá.

Đức Thế Tôn nghe xong, bảo một Tỳ-kheo:

"Hãy đến chỗ Tỳ-kheo Trà-đế nói như vầy: 'Đức Thế Tôn gọi thầy'."

Lúc bấy giờ Tỳ-kheo ấy vâng lời Đức Thế Tôn, từ chỗ ngồi đứng dậy đảnh lễ sát chân Phật, nhiễu quanh ba vòng rồi đi. Đến chỗ Tỳ-kheo Trà-đế, nói lại lời Phật dạy: "Đức Thế Tôn gọi thầy."

Tỳ-kheo Trà-đế liền đến chỗ Phật, đảnh lễ sát chân rồi ngồi sang một bên.

Đức Thế Tôn hỏi:

"Ngươi có thật nói như vầy: Tôi hiểu Đức Thế Tôn nói pháp như vầy: 'Ở đây, thức luân chuyển, và tái sanh nhưng không đổi khác' chăng?"

Tỳ-kheo Trà-đế đáp:

"Bạch Thế Tôn, con thật sự hiểu Thế Tôn nói pháp như vầy: 'Thức này luân chuyển và tái sanh không đổi khác'."

Đức Thế Tôn hỏi:

"Thế nào là thức?"

Tỳ-kheo Trà-đế đáp:

"Thức này nói năng, cảm thọ, hành động, và sai bảo hành động. Đứng dậy và sai bảo đứng dậy, nó tạo tác các nghiệp thiện ác chỗ này chỗ kia để rồi thọ báo."

Đức Thế Tôn quở:

"Này Trà-đế, do đâu mà ngươi hiểu Ta thuyết pháp như vầy? Người nghe từ miệng người nào mà nói Ta thuyết pháp như vậy? Ngươi là kẻ ngu si. Ta không nói một chiều, ngươi lại nói một chiều chăng? Khi nghe các Tỳ-kheo khiển trách, ngươi bấy giờ phải đúng như pháp mà trả lời. Để Ta hỏi lại các Tỳ-kheo đã."

Bấy giờ Thế Tôn hỏi các Tỳ-kheo:

"Các thầy cũng hiểu Ta nói pháp như vậy, 'Thức này luân chuyển và tái sanh nhưng không đổi khác chăng?'."

Các Tỳ-kheo đáp:

"Bạch Thế Tôn, không."

Đức Thế Tôn hỏi:

"Các ngươi hiểu Ta nói pháp như thế nào?"

Các Tỳ-kheo đáp:

"Chúng con hiểu Thế Tôn nói pháp như vầy: 'Thức do duyên mà khởi, Thế Tôn nói thức do duyên mà khởi. Thức có duyên thì sanh, không duyên thì diệt'. Chúng con hiểu Thế Tôn nói pháp như vậy."

Đức Thế Tôn khen:

"Lành thay! Lành thay! Này các Tỳ-kheo, các ngươi hiểu Ta nói pháp như vậy. Vì sao? Ta cũng nói pháp như vậy: 'Thức do duyên mà sanh. Ta nói thức do duyên là khởi. Thức có duyên thì sanh, không duyên thì diệt'. Thức tùy theo những gì nó duyên

vào để sanh khởi mà gọi tên theo duyên ấy. Mắt duyên sắc sanh thức, thức sanh khởi ấy được gọi là nhãn thức. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng như vậy. Pháp duyên ý sanh thức, thức sanh khởi ấy được gọi là ý thức. Ví như lửa tùy theo những gì nó duyên vào để sanh khởi mà gọi theo duyên đó. Lửa duyên cây mà khởi được gọi là lửa cây. Lửa duyên cỏ rác mà sanh được gọi là lửa cỏ, lửa rác. Cũng vậy, thức tùy theo những gì nó duyên vào đó để sanh thì gọi tên theo duyên đó. Mắt duyên sắc sanh thức, thức sanh khởi ấy được gọi là nhãn thức. Tai mũi, lưỡi, thân, ý cũng như vậy. Pháp duyên ý sanh thức, thức sanh khởi ấy gọi là ý thức."

Đức Thế Tôn lại khen:

"Lành thay! Lành thay! Các ngươi hiểu Ta nói pháp như vậy. Nhưng Tỳ-kheo Trà-đế này là người ngu si, ghi nhớ và hiểu biết điên đảo văn và nghĩa. Rồi do ghi nhớ và hiểu biết điên đảo văn và nghĩa, cho nên xuyên tạc Ta, để tự làm tổn thương. Có phạm có tội là điều mà các vị Phạm hạnh có trí không hoan hỷ, và cũng là một đại tội.

"Này người ngu si, ngươi có biết chỗ ác bất thiện này chăng?"

Bấy giờ Tỳ-kheo Trà-đế bị Thế Tôn trách mắng ngay mặt, trong lòng buồn rầu, cúi đầu im lặng, không có lời để biện bạch, suy nghĩ mông lung.

Đức Thế Tôn sau khi quở trách ngay mặt Tỳ-kheo Trà-đế, nói với các Tỳ-kheo:

"Nay Ta sẽ nói pháp rốt ráo không phiền, không nhiệt, hằng hữu, bất biến cho các ngươi nghe. Những người có trí phải quán như vậy. Hãy lắng nghe. Hãy lắng nghe. Hãy khéo suy niệm."

Bấy giờ các Tỳ-kheo vâng lời lắng nghe.

Đức Phật nói:

"Đây là một chân thể[3] các ngươi có thấy chăng?"

Tỳ-kheo đáp:

"Bạch Thế Tôn, thấy."

Đức Thế Tôn nói:

"Như Lai là một chân thể, các ngươi có thấy chăng?"

Tỳ-kheo đáp:

"Bạch Thế Tôn, thấy."

Đức Thế Tôn nói:

"Khi Như Lai diệt rồi, cái được gọi là chân thể ấy cũng là pháp hủy diệt, các ngươi thấy chăng?"

Tỳ-kheo đáp:

"Bạch Thế Tôn, thấy."

---

3. *Chân thuyết* 眞實 Pāli: Phūta. Được hiểu là một thực thể, một sự hữu, một sinh vật. Trong văn mạch bản Hán, cần phải hiểu là "Một sự vật đang hiện hữu".

Đức Thế Tôn nói:

"Đây là một chân thể, các ngươi đã thấy chăng?"

Tỳ-kheo đáp:

"Bạch Thế Tôn, đã thấy."

Đức Thế Tôn nói:

"Như Lai là một chân thể, các ngươi đã thấy chăng?"

Tỳ-kheo đáp:

"Bạch Thế Tôn, đã thấy."

Đức Thế Tôn nói:

"Khi Như Lai diệt rồi, cái được gọi là chân thể ấy cũng là pháp hủy diệt, các ngươi đã thấy chăng?"

Tỳ-kheo đáp:

"Bạch Thế Tôn, đã thấy."

Đức Thế Tôn nói:

"Đây là một chân thể các ngươi có nghi hoặc chăng?"

Tỳ-kheo đáp:

"Bạch Thế Tôn, không."

Đức Thế Tôn nói:

"Như Lai là một chân thể, các ngươi có nghi hoặc chăng?"

Tỳ-kheo đáp:

"Bạch Thế Tôn, không."

Đức Thế Tôn nói:

"Khi Như Lai diệt rồi, cái được gọi là chân thể ấy cũng là pháp hủy diệt, các ngươi có nghi hoặc chăng?"

Tỳ-kheo đáp:

"Bạch Thế Tôn, không."

Đức Thế Tôn nói:

"Đây là một chân thể, do tuệ mà thấy chân thật như vậy, thì những gì nghi hoặc kia bị tiêu diệt chăng?"

Tỳ-kheo đáp:

"Bạch Thế Tôn, bị tiêu diệt."

Đức Thế Tôn nói:

"Như Lai là một chân thể, do tuệ mà thấy chân thật như vậy, thì những gì nghi hoặc kia bị tiêu diệt chăng?"

Tỳ-kheo đáp:

"Bạch Thế Tôn, bị tiêu diệt."

Đức Thế Tôn nói:

"Khi Như Lai diệt rồi, cái được gọi là chân thể ấy, cũng là pháp hủy diệt, do tuệ mà thấy chân thật như vậy, thì những gì nghi hoặc kia bị tiêu diệt chăng?"

Tỳ-kheo đáp:

"Bạch Thế Tôn, bị tiêu diệt."

Đức Thế Tôn nói:

"Đây là một chân thể, các ngươi đã không còn nghi hoặc chăng?"

Tỳ-kheo đáp:

"Bạch Thế Tôn, không."

Đức Thế Tôn nói:

"Như Lai là một chân thể, các ngươi đã không còn nghi hoặc chăng?"

Tỳ-kheo đáp:

"Bạch Thế Tôn, không."

Đức Thế Tôn nói:

"Khi Như Lai diệt rồi, cái được gọi là chân thể ấy cũng là pháp hủy diệt, các ngươi đã không còn nghi hoặc chăng?"

Tỳ-kheo đáp:

"Bạch Thế Tôn, không."

Đức Thế Tôn khen:

"Lành thay! Lành thay! Nếu các ngươi thấy như vậy, biết như vậy, tức là nói: 'Tri kiến này của tôi, nó thanh tịnh như vậy, nên chấp trước nó, tiếc nuối nó, thủ trì nó, không muốn xả bỏ' và các ngươi biết Ta thường nói thí dụ chiếc bè, khi qua rồi, những gì bị bít kín, có thể được mở cho chảy xuôi chăng?"

Tỳ-kheo đáp:

"Bạch Thế Tôn, không."

Đức Thế Tôn khen:

"Lành thay! Lành thay! Nếu các ngươi biết như vậy, thấy như vậy, tức là nói: 'Tri kiến này của tôi, nó thanh tịnh như vậy, nhưng không chấp trước nó, không tiếc nuối nó, không chủ trì nó, muốn xả bỏ nó' và các ngươi biết Ta thường nói thí dụ chiếc bè, khi biết rồi những gì bị bít kín, có thể được mở chảy xuôi chăng?"

Tỳ-kheo đáp:

"Bạch Thế Tôn, đúng vậy."

Đức Thế Tôn khen:

"Lành thay! Lành thay! Nếu có kẻ dị học đến hỏi các ngươi: 'Này Hiền giả, các ngài có tri kiến thanh tịnh như vậy, nhưng nó có nghĩa lợi gì, có công đức gì?' Các ngươi trả lời thế nào?"

Tỳ-kheo đáp:

"Bạch Thế Tôn, nếu có kẻ dị học đến hỏi chúng con: 'Này Hiền giả, các ngài tri kiến thanh tịnh, như vậy, nhưng nó có nghĩa lợi gì? Có công đức gì?' Chúng con sẽ đáp như sau: 'Này chư Hiền, nghĩa lợi đó là yểm ly, nghĩa lợi đó là vô dục, nghĩa lợi đó là thấy biết như thật.' Bạch Thế Tôn, nếu có kẻ dị học đến hỏi, chúng con sẽ đáp như vậy."

Đức Thế Tôn khen:

"Lành thay! Lành thay! Nếu có kẻ dị học đến hỏi các ngươi, các ngươi nên đáp như vậy. Vì sao? Đây được nói là sự quán sát: một là thực phẩm phần đoạn, thô hoặc tế, nghi hoặc xúc; ba là ý niệm, bốn là thức. Bốn loại thực phẩm này lấy gì làm nhân, do cái gì mà tập khởi, từ đâu mà sanh, do đâu mà có? Bốn loại thực phẩm ấy, lấy ái làm nhân, do ái mà tập khởi, từ ái mà sanh, duyên ái mà có. Ái lấy gì làm nhân, do cái gì mà tập khởi, từ đâu mà sanh, duyên gì mà có? Ái lấy thọ làm nhân, do thọ tập khởi, từ thọ mà sanh, duyên thọ mà có. Thọ lấy gì làm nhân, do cái gì mà tập khởi, từ đâu mà sanh, duyên đâu mà có? Thọ lấy xúc làm nhân, do xúc mà tập khởi, từ xúc mà sanh, duyên xúc mà có. Xúc lấy gì làm nhân, do gì mà tập khởi, từ đâu mà sanh, duyên đâu mà có? Xúc lấy sáu xứ làm nhân, do sáu xứ mà tập khởi, từ sáu xứ mà sanh, duyên sáu xứ mà có. Sáu xứ lấy gì làm nhân, do gì tập khởi, từ đâu mà sanh, duyên đâu mà có? Sáu xứ lấy danh sắc làm nhân, do danh sắc mà tập khởi, từ danh sắc mà sanh, duyên danh sắc mà có. Danh sắc lấy gì làm

nhân, lấy gì tập khởi, từ đâu mà sanh, duyên đâu mà có? Danh sắc lấy thức làm nhân, do thức mà tập khởi, từ thức mà sanh, duyên thức mà có. Thức lấy gì làm nhân, do cái gì tập khởi, từ đâu mà sanh, duyên đâu mà có? Thức lấy hành làm nhân, do hành mà tập khởi, từ hành mà sanh, duyên hành mà có. Hành lấy gì làm nhân, do cái gì mà tập khởi, từ đâu mà sanh, duyên đâu mà có? Hành lấy vô minh làm nhân, do vô minh mà tập khởi, từ vô minh mà sanh, duyên vô minh mà có. Đó là duyên vô minh có hành, duyên hành có thức, duyên thức có danh sắc, duyên danh sắc có lục nhập, duyên lục nhập có xúc, duyên xúc có thọ, duyên thọ có ái, duyên ái có thủ, duyên thủ có hữu, duyên hữu có sanh, duyên sanh có già, chết, sầu bi khóc lóc, ưu khổ, ác não. Như vậy, toàn vẹn khối lớn, khổ đau này phát sanh.

"Duyên sanh có già, chết. Ở đây nói là duyên sanh có già, chết, ý các ngươi nghĩ sao?"

Tỳ-kheo đáp:

"Bạch Thế Tôn, duyên sanh có già, chết, ý chúng con như vậy. Vì sao? Vì duyên sanh, có già, chết."

"Duyên hữu có sanh, ở đây nói là duyên hữu có sanh, ý các ngươi nghĩ sao?"

"Bạch Thế Tôn, duyên hữu có sanh, ý chúng con như vậy. Vì sao? Vì duyên hữu có sanh."

"Duyên thủ có hữu, ở đây nói là duyên thủ có hữu, ý các ngươi nghĩ sao?"

"Bạch Thế Tôn, duyên thủ có hữu, ý chúng con như vậy. Vì sao? Vì duyên thủ có hữu."

"Duyên ái có thủ, ở đây nói là duyên ái có thủ, ý các ngươi nghĩ sao?"

"Bạch Thế Tôn, duyên ái có thủ, ý chúng con như vậy. Vì sao? Vì duyên ái có thủ."

"Duyên thọ có ái, ở đây nói là duyên thọ có ái, ý các ngươi nghĩ sao?"

"Bạch Thế Tôn, duyên thọ có ái, ý chúng con như vậy. Vì sao? Vì duyên thọ có ái."

"Duyên xúc có thọ, ở đây nói duyên xúc có thọ, ý các ngươi nghĩ sao?"

"Bạch Thế Tôn, duyên xúc có thọ, ý chúng con như vậy. Vì sao? Vì duyên xúc có thọ."

"Duyên sáu xứ có xúc, ở đây nói là duyên sáu xứ có xúc, ý các ngươi nghĩ sao?"

"Bạch Thế Tôn, duyên sáu xứ có xúc, ý chúng con như vậy. Vì sao? Vì duyên sáu xứ có xúc."

"Duyên danh sắc có sáu xứ, ở đây nói là duyên danh sắc có sáu xứ, ý các ngươi nghĩ sao?"

"Bạch Thế Tôn, duyên danh sắc có sáu xứ, ý chúng con như vậy. Vì sao? Vì duyên danh sắc có sáu xứ."

"Duyên thức có danh sắc, ở đây nói là duyên thức có danh sắc, ý các ngươi nghĩ sao?"

"Bạch Thế Tôn, duyên thức có danh sắc, ý chúng con như vậy. Vì sao? Vì duyên thức có danh sắc."

"Duyên hành có thức, ở đây nói duyên hành có thức, ý các ngươi nghĩ sao?"

"Duyên hành có thức, ý chúng con như vậy. Vì sao? Vì duyên hành có thức."

"Duyên vô minh có hành, ở đây nói duyên vô minh có hành, ý các ngươi nghĩ sao?"

"Bạch Thế Tôn, duyên vô minh có hành, ý chúng con như vậy. Vì sao? Vì duyên vô minh có hành."

Đây là duyên vô minh có hành, duyên hành có thức, duyên thức có danh sắc, duyên

danh sắc có sáu xứ, duyên sáu xứ có xúc, duyên xúc có thọ, duyên thọ có ái, duyên ái có thủ, duyên thủ có hữu, duyên hữu có sanh, duyên sanh có già, chết, sầu bi, khóc lóc, ưu khổ, áo não. Như vậy, toàn bộ khối lớn khổ đau này phát sanh.

Đức Thế Tôn khen:

"Lành thay! Lành thay! Này các Tỳ-kheo, các ngươi nói như vậy. Vì sao? Ta cũng nói như vậy. Duyên vô minh có hành, duyên hành có thức, duyên thức có danh sắc, duyên danh sắc có sáu xứ, duyên sáu xứ có xúc, duyên xúc có thọ, duyên thọ có ái, duyên ái có thủ, duyên thủ có hữu, duyên hữu có sanh, duyên sanh có già, chết, sầu bi, khóc lóc, ưu khổ, ảo não. Như vậy, toàn vẹn khối lớn đau khổ này phát sanh.

"Sanh diệt thì già chết diệt, ở đây nói là sanh diệt thì già, chết diệt, ý các ngươi nghĩ sao?"

Tỳ-kheo đáp:

"Bạch Thế Tôn, sanh diệt thì già, chết diệt, ý chúng con như vậy. Vì sao? Vì sanh diệt thì già, chết diệt."

"Hữu diệt thì sanh diệt, ở đây nói hữu diệt thì sanh diệt, ý các ngươi nghĩ sao?"

"Bạch Thế Tôn, hữu diệt thì sanh diệt, ý chúng con như vậy. Vì sao? Vì hữu diệt thì sanh diệt."

"Thủ diệt thì hữu diệt, ở đây nói là thủ diệt thì hữu diệt, ý các ngươi nghĩ sao?"

"Bạch Thế Tôn, thủ diệt thì hữu diệt, ý chúng con như vậy. Vì sao? Vì thủ diệt thì hữu diệt."

"Ái diệt thì thủ diệt, ở đây nói ái diệt thì thủ diệt, ý các ngươi nghĩ sao?"

"Bạch Thế Tôn, ái diệt thì thủ diệt, ý chúng con như vậy. Vì sao? Vì ái diệt thì thủ diệt."

"Thọ diệt thì ái diệt, ở đây nói thọ diệt thì ái diệt, ý các ngươi nghĩ sao?"

"Bạch Thế Tôn, thọ diệt thì ái diệt, ý chúng con như vậy. Vì sao? Vì thọ diệt thì ái diệt."

"Xúc diệt thì thọ diệt, ở đây nói xúc diệt thì thọ diệt, ý các ngươi nghĩ sao?"

"Bạch Thế Tôn, xúc diệt thì thọ diệt, ý chúng con như vậy. Vì sao? Vì xúc diệt thì thọ diệt."

"Sáu xứ diệt thì xúc diệt, ở đây nói sáu xứ diệt thì xúc diệt, ý các ngươi nghĩ sao?"

"Bạch Thế Tôn, sáu xứ diệt thì xúc diệt, ý chúng con như vậy. Vì sao? Vì sáu xứ diệt thì xúc diệt."

"Danh sắc diệt thì sáu xứ diệt, ở đây nói danh sắc diệt thì sáu xứ diệt, ý các ngươi nghĩ sao?"

"Bạch Thế Tôn, danh sắc diệt thì sáu xứ diệt, ý chúng con như vậy. Vì sao? Vì danh sắc diệt thì sáu xứ diệt."

"Thức diệt thì danh sắc diệt, ở đây nói thức diệt thì danh sắc diệt, ý các ngươi nghĩ sao?"

"Bạch Thế Tôn, thức diệt thì danh sắc diệt, ý chúng con như vậy. Vì sao? Vì thức diệt thì danh sắc diệt."

"Hành diệt thì thức diệt, ở đây nói hành diệt thì danh sắc diệt, ý các ngươi nghĩ sao?"

"Bạch Thế Tôn, hành diệt thì thức diệt, ý chúng con như vậy. Vì sao? Vì hành diệt thì thức diệt."

"Vô minh diệt thì hành diệt, ở đây nói vô minh diệt thì hành diệt, ý các ngươi nghĩ

sao?"

"Bạch Thế Tôn, vô minh diệt thì hành diệt, ý chúng con như vậy. Vì sao? Vì vô minh diệt thì hành diệt."

Đây là vô minh diệt thì hành diệt, hành diệt thì thức diệt, thức diệt thì danh sắc diệt, danh sắc diệt thì sáu xứ diệt, sáu xứ diệt thì xúc diệt, xúc diệt thì thọ diệt, thọ diệt thì ái diệt, ái diệt thì thủ diệt, thủ diệt thì hữu diệt, hữu diệt thì sanh diệt, sanh diệt thì già, chết diệt, sầu bi, khóc lóc, ưu não diệt. Như vậy, toàn vẹn khối lớn khổ này bị diệt.

Đức Thế Tôn khen:

"Lành thay! Lành thay! Này Tỳ-kheo, các ngươi nói như vậy. Vì sao? Ta cũng nói như vậy. Vô minh diệt thì hành diệt, hành diệt thì thức diệt, thức diệt thì danh sắc diệt, danh sắc diệt thì sáu xứ diệt, sáu xứ diệt thì xúc diệt, xúc diệt thì thọ diệt, thọ diệt thì ái diệt, ái diệt thì thủ diệt, thủ diệt thì hữu diệt, hữu diệt thì sanh diệt, sanh diệt thì già chết diệt, sầu bi, khóc lóc, ưu khổ, ảo não diệt. Như vậy toàn vẹn khối lớn đau khổ này cũng diệt."

Đức Thế Tôn lại khen:

"Lành thay! Lành thay! Nếu các ngươi biết như vậy, thấy như vậy, các ngươi đối với quá khứ có nghĩ: "Ta có trong thời quá khứ, hay ta không có trong thời quá khứ? Ta có trong thời quá khứ như thế nào? Do gì mà có trong thời quá khứ chăng?"

Tỳ-kheo đáp:

"Bạch Thế Tôn, không."

Đức Thế Tôn khen:

"Lành thay! Lành thay! Nếu các ngươi biết như vậy, thấy như vậy, các ngươi đối với vị lai có nghĩ rằng: Ta sẽ có trong đời vị lai hay sẽ không có trong đời vị lai? Có trong đời vị lai như thế nào? Do đâu mà có trong đời vị lai chăng?"

Tỳ-kheo đáp:

"Bạch Thế Tôn, không."

Đức Thế Tôn khen:

"Lành thay! Lành thay! Nếu các ngươi biết như vậy, thấy như vậy, các ngươi đối với bên trong mà có nghi hoặc rằng: Đây là thế nào? Đây là cái gì? Chúng sanh này từ đâu đến? Sẽ đi về đâu? Do nhân gì mà đã có? Do nhân gì mà sẽ có chăng?"

Tỳ-kheo đáp:

"Bạch Thế Tôn, không."

Đức Thế Tôn khen:

"Lành thay! Lành thay! Nếu các ngươi biết như vậy, thấy như vậy, các ngươi có giết cha mẹ, hại đệ tử Phật, giết A-la-hán, phá hoại Thánh chúng, có ác ý với Phật, làm đổ máu Như Lai chăng?"

Tỳ-kheo đáp:

"Bạch Thế Tôn, không."

Đức Thế Tôn khen:

"Lành thay! Lành thay! Nếu các ngươi biết như vậy, thấy như vậy, các ngươi có phạm giới, xả giới, bỏ đạo chăng?"

Tỳ-kheo đáp:

"Bạch Thế Tôn, không."

Đức Thế Tôn khen:

"Lành thay! Lành thay! Nếu các ngươi thấy như vậy, biết như vậy, các ngươi có bỏ

nội đạo mà tìm đến ngoại đạo để tìm ruộng phước chăng?"

Tỳ-kheo đáp:

"Bạch Thế Tôn, không."

Thế Tôn khen:

"Lành thay! Lành thay! Nếu các ngươi biết như vậy, thấy như vậy, các ngươi có đối với Sa-môn Phạm chí mà nói như vầy: 'Chư Tôn, các ngài thấy điều đáng thấy, biết điều đáng biết' chăng?"

Tỳ-kheo đáp:

"Bạch Thế Tôn, không."

Đức Thế Tôn khen:

"Lành thay! Lành thay! Nếu các ngươi biết như vậy, thấy như vậy, các ngươi có cho lễ cát tường[4] là thanh tịnh chăng?"

Tỳ-kheo đáp:

"Bạch Thế Tôn, không."

Đức Thế Tôn khen:

"Lành thay! Lành thay! Nếu các ngươi biết như vậy, thấy như vậy, các ngươi có thấy những kiến chấp liên hệ đến lễ cát tường của các Sa-môn Phạm chí xen lẫn khổ, xen lẫn độc hại, xen lẫn phiền nhiệt, xen lẫn ảo não, là chân thật chăng?"

Tỳ-kheo đáp:

"Bạch Thế Tôn, không."

Đức Thế Tôn khen:

"Lành thay! Lành thay! Nếu các ngươi biết như vậy, thấy như vậy, các ngươi khi thân thể bệnh hoạn, rất là đau đớn, đến gần như tuyệt mạng bèn bỏ nội đạo tìm đến ngoại đạo, tìm đến những Sa-môn Phạm chí kia những người trì loại chú một câu, chú hai câu, ba câu, bốn câu, nhiều câu, trăm câu, nói rằng: 'Xin trì chú này để tôi thoát khổ.' Đó là tìm đến sự khổ, tập khởi sự khổ mà mang diệt tận khổ được chăng?"

Tỳ-kheo đáp:

"Bạch Thế Tôn, không."

Đức Thế Tôn khen:

"Lành thay! Lành thay! Nếu các ngươi biết như vậy, thấy như vậy, các ngươi có chấp thủ sự tái sanh không?"

Tỳ-kheo đáp:

"Bạch Thế Tôn, không."

Đức Thế Tôn khen:

"Lành thay! Lành thay! Nếu các ngươi biết như vậy, thấy như vậy, các ngươi có nói như vầy: 'Chúng ta cung kính Sa-môn, kính trọng Sa-môn, Sa-môn Cù-đàm là Bậc Tôn Sư của chúng ta chăng?'."

---

4. Cát tường -N--F Pāli: mangala: có nghĩa "cát tường" mà cũng có nghĩa là 'lê đàn', ở đây nên hiểu theo nghĩa sau.

Tỳ-kheo đáp:

"Bạch Thế Tôn, không."

Đức Thế Tôn khen:

"Lành thay! Lành thay! Các ngươi bằng sự tự biết, tự thấy, tự giác đối với sự chứng đắc Tối chánh giác, các ngươi có tùy theo những điều được hỏi mà trả lời chăng?"

Tỳ-kheo đáp:

"Bạch Thế Tôn, không."

Đức Thế Tôn khen:

"Lành thay! Lành thay! Ta chân chánh điều ngự các ngươi đối với pháp hoàn toàn rốt ráo, không phiền, không nhiệt, thường hằng, không biến đổi, được biết bởi chánh trí, được thấy bởi chánh trí, được giác ngộ bởi chánh trí, vì lý do đó mà Ta đã nói rằng: Ta sẽ nói cho các ngươi nghe về pháp hoàn toàn rốt ráo, không phiền, không nhiệt, thường hằng, không biến đổi, được biết bởi chánh trí, được thấy bởi chánh trí, được giác ngộ bởi chánh trí.

"Lại nữa, có ba sự kiện hội hợp để thác vào thai mẹ. Đó là cha mẹ tụ tập tại một chỗ, người mẹ trong thời kỳ có thể thọ thai, và hương ấm đã đến. Do ba sự kiện này hợp hội mà thác vào thai mẹ. Thai mẹ kéo dài chín tháng hay mười tháng rồi sanh. Sau rồi được nuôi dưỡng bằng máu. Máu đó ở trong Thánh pháp gọi là sữa mẹ. Rồi thì các căn lớn dần cho đến thành tựu, ăn cơm, ăn cháo, dầu tô thoa mình, rồi mắt nó thấy sắc, ưa thích sắc đẹp, ghét bỏ sắc xấu. Nó không lập niệm tại thân, với một tâm nhỏ mọn; nó không như thật biết tâm giải thoát, tuệ giải thoát, những pháp ác bất thiện được sanh ra, không bị diệt tận vô dư, không bị hủy hoại, không dư tàn. Tai, mũi, lưỡi, thân ý cũng như vậy. Ý biết pháp, ưa thích cái đẹp, ghét bỏ cái xấu. Nó không lập niệm tại thân, với một tâm nhỏ mọn. Nó không biết như thật tâm giải thoát, tuệ giải thoát. Những pháp ác bất thiện được sanh ra, không bị diệt tận vô dư, không bị hủy hoại, không dư tàn. Nó tùy những gì ưa, ghét mà lãnh nạp cảm thọ, hoặc lạc, hoặc khổ, hoặc không lạc, không khổ. Nó hoan lạc với cảm lạc ấy, tìm cầu, chấp trước, chấp thủ cảm thọ ấy. Nó sau khi hoan lạc với cảm thọ ấy, tìm cầu chấp trước, chấp thủ cảm thọ ấy rồi. Nếu nó là cảm thọ lạc, vì do chấp thủ và duyên thủ mà có hữu, duyên hữu có sanh, duyên sanh có già chết, ưu bi, khóc lóc, ưu khổ, ảo não. Như vậy toàn vẹn khối lớn khổ đau này phát sanh.

"Này Tỳ-kheo, như vậy há không phải là đầy đủ để sự tương tục trói buộc bởi ái như Tỳ-kheo Trà-đế Kê-hòa-đa Tử chăng?"

Tỳ-kheo đáp:

"Bạch Thế Tôn, như vậy là đầy đủ để sự tương tục bị trói buộc bởi ái như Tỳ-kheo Trà-đế Kê-hòa-đa Tử."

"Nếu khi Như Lai xuất thế, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, hiệu là Phật, Chúng Hựu. Mắt vị ấy thấy sắc, nhưng đối với sắc đẹp không hoan lạc chấp trước, đối với sắc xấu không ghét bỏ. Vị ấy lập niệm tại thân với một tâm vô lượng, biết như thật là tâm giải thoát, tuệ giải thoát, các pháp ác bất thiện đã sanh bị tận diệt vô dư, bị hủy hoại không dư tàn. Tai, mũi, lưỡi, thân và ý cũng như vậy. Ý biết pháp đối với cái đẹp không hoan lạc, chấp trước, đối với cái xấu không ghét bỏ. Lập niệm tại thân với một tâm vô lượng. Biết như thật là tâm giải thoát, tuệ giải thoát, các pháp bất thiện đã sanh bị tận diệt vô dư, bị hủy hoại không dư tàn. Vị ấy như vậy, diệt những gì yêu ghét được lãnh nạp bởi thọ, hoặc lạc, hoặc khổ, hoặc không lạc không khổ. Vị ấy không hoan lạc theo cảm thọ

ấy, không tìm cầu, không chấp trước, không chấp thủ cảm thọ ấy. Do không hoan lạc theo cảm thọ ấy, không tìm cầu, không chấp trước, không chấp thủ theo cảm thọ ấy, nếu có cảm thọ lạc, nó liền diệt. Lạc diệt thì thủ diệt, thủ diệt thì hữu diệt, hữu diệt thì sanh diệt, sanh diệt thì già chết diệt, sầu bi, khóc lóc, ưu khổ, ảo não cũng diệt. Như vậy, toàn vẹn khối lớn khổ đau này đều diệt.

"Này Tỳ-kheo, đây há không phải là đầy đủ về ái diệt, giải thoát chăng?"

Tỳ-kheo đáp:

"Bạch Thế Tôn, như vậy là đầy đủ về ái diệt giải thoát."

Khi nói pháp này, ba ngàn đại thiên thế giới ba lần chấn động, hết động lại động nữa, hết rung lại rung nữa, hết rền lại rền nữa. Cho nên kinh này gọi là: "Ái tận giải thoát."

Đức Phật thuyết giảng như vậy, các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

❑

PHẨM THỨ 17: PHẨM BÔ-ĐA-LỢI

202. KINH TRÌ TRAI
203. KINH BÔ-LỊ-ĐA
204. KINH LA-MA
205. KINH NGŨ HẠ PHẦN KẾT
206. KINH TÂM UẾ
207. KINH TIỄN MAO (I)
208. KINH TIỄN MAO (II)
209. KINH BỆ-MA-NA-TU
210. KINH TỲ-KHEO-NI PHÁP LẠC
211. KINH ĐẠI CÂU-HY-LA

202. KINH TRÌ TRAI[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trụ trong Đông viên, Lộc tử mẫu giảng đường[2].

Bấy giờ Lộc Tử Mẫu Tì-xá-khư[3], vào lúc sáng sớm, tắm gội, mặc chiếc áo trắng tinh, dẫn các con dâu với đoàn tùy tùng vây quanh đi đến chỗ Phật. Cúi đầu làm lễ, rồi đứng sang một bên, Thế Tôn hỏi:

"Này Bà cư sĩ [4], bà vừa tắm gội chăng?

Đáp rằng:

"Bạch Thế Tôn, hôm nay con trì trai. Bạch Thế Tôn, hôm nay con trì trai."

Thế Tôn hỏi:

"Này Bà cư sĩ, hôm nay bà trì loại trai nào? Vì trai có ba loại. Những gì là ba? Thứ nhất là loại trai của mục đồng; thứ hai là loại trai của Ni-kiền; thứ ba là Thánh trai tám chi.

"Này Bà cư sĩ, thế nào là loại trai của mục đồng[5]? Mục đồng buổi sáng thả trâu trong đầm, buổi xế dẫn trâu về thôn. Khi về thôn, nó nghĩ rằng, 'Ngày hôm nay ta thả trâu ở chỗ này; ngày mai ta sẽ thả trâu ở chỗ kia. Ngày hôm nay ta cho trâu uống ở chỗ này; ngày mai ta sẽ cho trâu uống nước tại chỗ kia. Này Bà cư sĩ, nếu người trì trai nghĩ rằng, 'Ngày hôm nay ta ăn đồ ăn như vầy; ngày mai ta sẽ ăn đồ ăn như kia. Ngày hôm nay ta uống thức uống như vầy; ngày mai ta sẽ uống thức uống như kia. Ngày hôm nay ta nuốt thức ăn như vầy; ngày mai ta sẽ nuốt thức ăn như thế kia'. Người ấy ở đây trải qua ngày đêm hoan lạc, đắm trước trong dục vọng như vậy. Đó gọi là loại trai của mục đồng. Nếu trì loại trai mục đồng như vầy, không thu hoạch được đại lợi, không được đại quả, không có đại công đức, không được phát triển.

"Này Bà cư sĩ, thế nào là loại trai của Ni-kiền[6]? Nếu có người xuất gia học theo Ni-kiền, vị ấy khuyên người rằng, 'Ngươi đối với chúng sanh ở ngoài một trăm do-diên về phía Đông, để ủng hộ chúng sanh ấy, hãy loại bỏ dao gậy. Cũng vậy, đối với phương Tây, phương Nam và phương Bắc, ngoài một trăm do-diên mà có chúng sanh nào, vì để ủng hộ chúng sanh ấy, hãy loại bỏ dao gậy'. Người ấy khuyến khích sách tấn người khác như vậy. Hoặc chúng sanh có tưởng được thủ hộ, hoặc chúng sanh không có tưởng không được ủng hộ, ngươi vào ngày mười lăm là ngày thuyết Tùng giải thoát, cởi bỏ y phục, để mình trần

---

1. Tương đương Pāli: A.8.43. Visākhā-sutta. Biệt dịch No.87 Phật Thuyết Trai Kinh, Ngô, Chi Khiêm dịch; No.88 Ưu-ba-di Đọa-xá-ca Kinh, khuyết danh dịch; và 89 Phật Thuyết Bát Quan Trai Kinh, Lưu Tống, Trở Cừ Kinh Thanh dịch.
2. Đông viên, Lộc tử mẫu giảng đường ▬F▬▬▬l▬▬▬▬C Pāli: Pubbārāme Migāramātupāsāde.
3. Lộc tử mẫu Tì-xá-khư ▬▬l▬▬s▬佉▬C Pāli: Visākhā Migāramātā.
4. Nguyên Hán: Cư sĩ phụ ▬~▬h▬▬C
5. Phóng ngưu nhi trai ▬▬▬▬N▬C Pāli: gopālakūposatha.
6. Ni-kiền trai ▬▬▬N▬C Pāli: Niganṭhūposatha.

truồng, đứng ngay về phương Đông, nói như vầy, 'Ta không có cha mẹ, không thuộc về cha mẹ. Ta không có vợ con, không thuộc về vợ con. Ta không có nô tỳ, không thuộc về nô tỳ'. Này Bà cư sĩ, người ấy khuyến khích sách tấn bằng lời nói chân thật, nhưng ngược lại sự khuyến khích sách tấn trở thành những lời nói hư dối. Người ấy ngày ngày gặp mặt cha mẹ mình và nghĩ rằng, 'Đây là cha mẹ ta'. Cha mẹ người ấy ngày ngày cũng thấy con mình cũng nghĩ rằng, 'Đây là con ta'. Người ấy gặp mặt vợ con và nghĩ rằng, 'Đây là vợ con ta'. Vợ con cũng thấy người ấy và cũng nghĩ rằng 'Đây là tôn trưởng của ta'. Người ấy gặp mặt nô tỳ cũng nghĩ rằng, 'Đây là nô tỳ của ta'. Nô tỳ cũng thấy người ấy và cũng nghĩ rằng, 'Đây là chủ của ta'. Người ấy thọ dụng dục lạc này, không được cho mà thọ dụng, chứ không phải được cho mà thọ dụng[7]. Đó gọi là loại trai của Ni-kiền như vậy không thu hoạch được đại lợi, không được đại quả, không được phát triển.

"Này Bà cư sĩ, thế nào là Thánh trai tám chi[8]? Đa văn Thánh đệ tử khi trì trai tư duy như vầy, 'A-la-hán chân nhân trọn đời xa lìa sát sanh, đoạn trừ sát sanh, dẹp bỏ dao gậy, có tàm, có quý, có tâm từ bi, làm lợi ích cho tất cả cho đến côn trùng, vị ấy đối với sự sát sanh tâm đã tịnh trừ. Tôi cũng trọn đời xa lìa sát sanh[9], đoạn trừ sát sanh, dẹp bỏ dao gậy, có tàm có quý, có tâm từ bi, làm lợi ích cho tất cả cho đến côn trùng. Đối với việc sát sanh nay tôi tịnh trừ tâm ấy.Tôi do chi này mà đồng đẳng không khác với A-la-hán[10]'. Ta coi chi này đồng đẳng không khác với A-la-hán, cho nên nói là trai.

"Lại nữa, này Bà cư sĩ, Đa văn Thánh đệ tử khi trì trai tư duy như vầy, 'A-la-hán chân nhân trọn đời không lấy của không cho, đoạn trừ sự lấy của không cho, những gì được cho rồi mới lấy, vui thích trong việc lấy của được cho, thường ưa bố thí, tâm vui thích sự phóng xả, hoan hỷ, không bỏn sẻn, không trông chờ báo đáp, không để sự trộm cắp che lấp tâm mình, hay tự chế ngự. Vị ấy đối với việc không cho mà lấy, tâm đã tịnh trừ. Tôi cũng trọn đời xa lìa sự lấy của không cho, đoạn trừ sự lấy của không cho, những gì được cho mới lấy, vui thích trong việc lấy của được cho, thường ưa bố thí, tâm vui thích sự phóng xả, hoan hỷ, không bỏn sẻn, thường không trông chờ sự báo đáp, không để sự trộm cắp che lấp tâm mình hay tự chế ngự. Đối với việc không cho mà lấy, nay tôi tịnh trừ tâm ấy'. Ta coi chi này đồng đẳng không khác với A-la-hán, cho nên nói là trai.

"Lại nữa, này Bà cư sĩ, Đa văn Thánh đệ tử khi trì trai tư duy như vầy, 'A-la-hán chân nhân trọn đời xa lìa phi phạm hạnh, đoạn trừ phi phạm hạnh, tu hành phạm hạnh, chí thành tâm tịnh, sống không xú uế, ly dục, đoạn dâm, vị ấy đối với phi phạm hạnh, tâm đã tịnh trừ. Tôi nay trong một ngày một đêm này xa lìa phi phạm hạnh, đoạn trừ phi phạm hạnh tu hành phạm hạnh, chí thành tịnh tâm, sống không xú uế, ly dục, đoạn dâm. Đối với phi phạm hạnh, nay tôi tịnh trừ tâm ấy'. Ta coi chi này đồng đẳng không khác với A-la-hán, cho nên nói là trai.

---

7. Bỉ dụng thủ dục bất dữ nhi dụng phi thị dữ dụng ▬▬▬▬▬▬P▬▬▬D▬O▬P▬▬C Câu này không hiểu muốn nói gì. No.87, có đoạn có thể đối chiếu lại không có ý nghĩa quan hệ ngày hôm sau, vẫn gọi nhau (là cha mẹ, con cái...) như cũ.

8. Thánh bát chi trai ▬t▬K▬▬N▬C Pāli: atthaṅga samannāgato upasatho hay ariyūposatha.

9. Bản Hán có sự nhầm lẫn. Giới bát quan trai có thể tự phát nguyện trong một ngày một đêm No.87 và bản Pāli cũng nói chỉ phát nguyện trong một ngày một đêm. Pāli: yāvajīvaṃ arahanto pāṇātipātaṃ pahāya... ahaṃ pajja imañca rattiṃ imañca divasaṃ pāṇtipātaṃ pahāya..., A-la-hán trọn đời không sát sanh... tôi nay một ngày một đêm không sát sanh...

10. Câu chót này theo văn mạch bản Hán, phải hiểu lời kết của Phật. Nhưng theo bản Pāli nó nằm trong lời phát nguyện. Pāli: imināpaṅgena arahantaṃ anukaromi uposatho ca me upavuttho, "Tôi noi gương A-la-hán với chi này, tôi sẽ thọ trì trai giới".

"Lại nữa, này Bà cư sĩ, Đa văn Thánh đệ tử khi trì trai tư duy như vầy, 'A-la-hán chân nhân trọn đời không nói láo, đoạn trừ sự nói láo chỉ nói lời chắc thật, vui thích sự thật, an trụ nơi sự thật, được mọi người tin tưởng, không lừa gạt thế gian. Vị ấy đối với sự nói dối, tâm đã tịch trừ. Tôi nay trọn đời không nói dối, đoạn trừ sự nói dối, chỉ nói lời chắc thật, vui thích sự thật, an trụ nơi sự thật, được mọi người tin tưởng, không lừa gạt thế gian. Đối với sự nói dối, tôi nay tịnh trừ tâm ấy'. Ta coi chi này đồng đẳng không khác với A-la-hán, cho nên nói là trai.

"Lại nữa, này Bà cư sĩ, Đa văn Thánh đệ tử khi trì trai tư duy như vầy, 'A-la-hán chân nhân trọn đời xa lìa việc uống rượu buông lung, đoạn trừ sự uống rượu buông lung. Vị ấy đối với việc uống rượu buông lung, tâm đã tịnh trừ. Tôi nay cũng trọn đời xa lìa sự uống rượu buông lung, đoạn trừ sự uống rượu buông lung. Đối với việc uống rượu buông lung, nay tôi tịnh trừ tâm ấy'. Ta coi chi này đồng đẳng không khác với A-la-hán, cho nên nói là trai.

"Lại nữa, này Bà cư sĩ, Đa văn Thánh đệ tử khi trì trai tư duy như vầy, 'A-la-hán chân nhân trọn đời xa lìa giường lớn cao rộng, đoạn trừ giường lớn cao rộng, vui thích nằm ngồi chỗ thấp, hoặc giường hoặc trải cỏ. Vị ấy đối với giường lớn cao rộng, tâm đã tịnh trừ. Tôi nay trong một ngày một đêm này xa lìa giường lớn cao rộng, đoạn trừ giường lớn cao rộng, vui thích nằm ngồi chỗ thấp, hoặc giường hoặc trải cỏ. Đối với giường lớn cao rộng, tôi nay tịnh trừ tâm ấy'. Ta coi chi này đồng đẳng không khác với A-la-hán, cho nên nói là trai.

"Lại nữa, này Bà cư sĩ, Đa văn Thánh đệ tử khi trì trai tư duy như vầy, 'A-la-hán chân nhân trọn đời xa lìa tràng hoa anh lạc, hương bột, phấn sáp, ca, vũ, xướng, kỹ và đi đến xem nghe. Đoạn trừ tràng hoa anh lạc, hương bột, phấn sáp, ca, vũ, xướng, kỹ và đi đến xem nghe. Vị ấy đối với tràng hoa anh lạc, hương bột, phấn sáp, ca, vũ, xướng, kỹ và đi đến xem nghe tâm đã tịnh trừ. Tôi nay trong một ngày một đêm này xa lìa tràng hoa anh lạc, hương bột, phấn sáp, ca, vũ, xướng, kỹ và đi đến xem nghe. Đoạn trừ tràng hoa anh lạc, hương bột phấn sáp, ca, vũ, xướng, kỹ và đi đến xem nghe. Đối với tràng hoa anh lạc, hương bột, phấn sáp, ca, vũ, xướng, kỹ và đi đến xem nghe, nay tôi tịnh trừ tâm ấy'. Ta coi chi này đồng đẳng không khác với A-la-hán, cho nên nói là trai.

"Lại nữa, này Bà cư sĩ, Đa văn Thánh đệ tử khi trì trai tư duy như vầy, 'A-la-hán chân nhân trọn đời xa lìa sự ăn phi thời, đoạn trừ sự ăn phi thời. Vị ấy đối với sự ăn phi thời tâm đã tịnh trừ. Tôi nay trong một ngày một đêm xa lìa sự ăn phi thời, đoạn trừ sự ăn phi thời. Đối với sự ăn phi thời, tôi nay tịnh trừ tâm ấy'. Ta coi chi này như của A-la-hán, ngang nhau không khác, do đó gọi là trai.

"Người ấy sau khi đến với Thánh trai tám chi này rồi, để tiến lên, lại nên tu tập năm pháp.

"Những gì là năm? Này Bà cư sĩ, Đa văn Thánh đệ tử khi trì trai niệm tưởng Như Lai rằng, 'Thế Tôn là Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành Tựu[11], Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự[12], Thiên Nhân Sư, Phật, Chúng Hựu[13]'. Người ấy sau khi niệm tưởng Như Lai như vậy, ác tham nếu có liền bị tiêu diệt.

---

11. Hán: Minh Hành Thành Vi. Pāli: vijjācara-sampanno.

12. Đạo Pháp Ngự □□□□□ bản Hán đọc Dhammasārathi (người đánh xe của Đạo pháp) và lược bỏ purisa (con người). Phật hiệu theo Pāli: Purisadammasārathi (vị đánh xe, hay hướng dẫn con người đã được huấn luyện): Điều ngự trượng phu.

13. Chúng Hựu □□□□ tức Thế Tôn. Pāli: Bhagavā.

Những pháp tạp uế, ác bất thiện, nếu có cũng bị diệt. Này Bà cư sĩ, Đa văn Thánh đệ tử duyên nơi Như Lai cho nên tâm tĩnh, được hỷ, ác tham lam nếu có liền bị diệt, pháp tạp uế, ác bất thiện nếu có cũng bị tiêu diệt. Cũng như một người trên đầu có cáu ghét, do cao, nước nóng, sức người tắm gội cho nên được sạch. Cũng vậy, Đa văn Thánh đệ tử khi trì trai niệm tưởng Như Lai rằng, 'Thế Tôn là Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành Tựu, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, Phật, Chúng Hựu'. Người ấy sau khi niệm tưởng Như Lai như vậy ác tham nếu có liền bị diệt, pháp tạp uế, ác bất thiện nếu có cũng được diệt. Này Bà cư sĩ, Đa văn Thánh đệ tử duyên nơi Như Lai nên tâm tĩnh, được hỷ, ác tham lam nếu có liền bị diệt, pháp tạp uế, bất thiện nếu có cũng bị diệt. Đó gọi là Đa văn Thánh đệ tử thọ trì trai giới Phạm thiên, cùng cộng hội với Phạm thiên, nhân Phạm thiên cho nên tâm tĩnh, được hỷ, ác tham lam nếu có liền bị diệt, pháp tạp uế, ác bất thiện nếu có cũng bị diệt.

Này Bà cư sĩ, Đa văn Thánh đệ tử khi trì trai niệm tưởng Pháp rằng, 'Pháp này do Thế Tôn giảng thuyết toàn thiện, cứu cánh, thường hằng, không biến đổi, được biết bởi chánh trí, được thấy bởi chánh trí, được chứng giác bởi chánh trí[14]'. Người ấy sau khi niệm tưởng như vậy rồi, ác tham lam nếu có liền bị diệt, pháp tạp uế, ác bất thiện nếu có cũng bị diệt. Này Bà cư sĩ, Đa văn Thánh đệ tử duyên nơi pháp nên tâm tĩnh, được hỷ; ác tham lam nếu có liền diệt, pháp tạp uế, ác bất thiện nếu có cũng bị diệt. Cũng như một người trong mình có cấu ghét, nhờ bột tắm, nước nóng và sức người tắm gội kỹ cho nên được sạch sẽ. Cũng vậy, Đa văn Thánh đệ tử khi trì trai niệm tưởng Pháp rằng, 'Pháp này do Thế Tôn giảng thuyết toàn thiện, cứu cánh, thường hằng, không biến đổi'. Người ấy sau khi niệm pháp như vậy rồi, ác tham lam nếu có liền được diệt, pháp tạp uế, ác bất thiện nếu có cũng được diệt. Này Bà cư sĩ, Đa văn Thánh đệ tử duyên nơi pháp cho nên tâm tĩnh, được hỷ, ác tham lam nếu có liền được diệt, pháp tạp uế, ác bất thiện nếu có cũng được diệt. Này Bà cư sĩ, đó gọi là Đa văn Thánh đệ tử thọ trì pháp trai, cùng cộng hội với pháp, nhân pháp cho nên tâm tĩnh, được hỷ, ác tham lam nếu có liền được diệt, pháp tạp uế, bất thiện nếu có cũng được diệt.

"Lại nữa, này Bà cư sĩ, Đa văn Thánh đệ tử khi trì trai niệm tưởng Tăng rằng, 'Tăng là đệ tử Thế Tôn, khéo thú hướng, chất trực, hành yếu, hành thú, trong Tăng chúng của Như Lai thật sự có A-la-hán thú, A-la-hán quả chứng, A-na-hàm thú, A-na-hàm quả chứng, Tư-đà-hàm thú, Tư-đà-hàm quả chứng, Tu-đà-hoàn thú, Tu-đà-hoàn quả chứng. Đó là bốn đôi, tám hạng Thánh sĩ. Đó là chúng tăng đệ tử của Thế Tôn, thành tựu giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến, xứng đáng mời gọi, xứng đáng thỉnh, xứng đáng cúng dường, xứng đáng phụng sự, xứng đáng kính trọng, là ruộng phước là ruộng phước tốt cho trời và người[15]'. Người đó sau khi niệm tưởng như vậy rồi, ác tham lam nếu có liền được diệt, pháp tạp uế, ác bất thiện nếu có cũng được diệt. Này Bà cư sĩ, Đa văn Thánh đệ tử duyên nơi Tăng nên tâm tĩnh, được hỷ, ác tham lam nếu có liền được diệt, pháp tạp uế, ác bất thiện nếu có cũng được diệt. Cũng như một người nơi áo có cấu ghét, bất tịnh,

---

14. Tư duy về Pháp bảo, đọc theo Pháp Uẩn (Đại 26, tr.462a) như vầy: "Phật Chánh pháp thiện thuyết hiện kiến, vô nhiệt, ứng thời, dẫn đạo, cận quán, trí giả nội chứng".

15. Tư duy về Tăng bảo, theo Pháp Uẩn (sđd., nt.) như vầy: "Phật đệ tử, cụ túc diệu hành, chất trực hành, như lý hành, pháp tùy pháp hành, hòa kỉnh hành, ở trong tăng này có Dự lưu hướng, Dự lưu quả, Nhất lai hướng, Nhất lai quả, Bất hoàn hướng, Bất hoàn quả, A-la-hán hướng, A-la-hán quả. Như vậy tổng có bốn đôi tám lẻ Bổ-đặc-già-la. Phật đệ tử chúng giới cụ túc, ứng thỉnh, ứng khuất, ứng cung kính, vô thượng phước điền, thế sở ứng cúng".

nhờ tro, bột kết, bột giặt, nước nóng, sức người giặt giũ, nên nó được sạch sẽ như vậy. Cũng vậy, Đa văn Thánh đệ tử khi trì trai niệm tưởng Tăng rằng, 'Tăng là đệ tử Thế Tôn, khéo thú hướng, chất trực, hành yếu, hành thú, trong Tăng chúng của Như Lai thật sự có A-la-hán thú, A-la-hán quả chứng, A-na-hàm thú, A-na-hàm quả chứng. Tư-đà-hàm thú, Tư-đà-hàm quả chứng, Tu-đà-hoàn thú, Tu-đà-hoàn quả chứng. Đó là bốn đôi tám hạng Thánh sĩ, đó là Tăng chúng của Thế Tôn, thành tựu, giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến, xứng đáng mời gọi, xứng đáng thỉnh, xứng đáng cung kính, xứng đáng cúng dường, xứng đáng phụng sự, xứng đáng kính trọng, là ruộng phước tốt cho trời và người'. Người ấy niệm tưởng Tăng như vậy, ác tham lam nếu có liền được diệt, pháp tạp uế, ác bất thiện nếu có cũng được diệt. Này Bà cư sĩ, Đa văn Thánh đệ tử duyên nơi tăng nên tâm tĩnh, được hỷ, ác tham lam nếu có liền được diệt, pháp tạp uế, ác bất thiện nếu có cũng được diệt. Đó gọi là Đa văn Thánh đệ tử thọ trì tăng trai, cùng tăng cộng hội, nhân tăng mà tâm tĩnh, được hỷ, ác tham lam nếu có liền được diệt, pháp tạp uế, ác bất thiện nếu có cũng được diệt.

"Lại nữa, này Bà cư sĩ, Đa văn Thánh đệ tử khi trì trai tư duy Giới mình đang thọ trì, không sứt, không thủng, không uế, không ô, rất rộng, rất lớn, không trông chờ báo đáp, được bậc trí khen ngợi, khéo trọn đủ, khéo thú hướng, khéo thọ, khéo trì. Người ấy sau khi niệm tưởng Giới mình đang thọ rồi, ác tham lam nếu có liền được diệt, pháp tạp uế, ác bất thiện nếu có cũng được diệt. Này Bà cư sĩ, Đa văn Thánh đệ tử duyên nơi Giới, nên tâm tĩnh, được hỷ, ác tham lam nếu có liền được diệt, pháp tạp uế, ác bất thiện nếu có cũng được diệt. Cũng như một tấm gương bụi nhơ, không sáng, nhờ đá, đá mài, ngọc oanh, và sức người lau chùi, mài dũa mà được trong sáng. Cũng vậy, Đa văn Thánh đệ tử khi trì trai niệm tưởng Giới mình đang thọ trì, không sứt, không thủng, không ô, không uế, rất rộng, rất lớn, không trông chờ báo đáp, được bậc trí khen ngợi, khéo trọn đủ, khéo thú hướng, khéo thọ, khéo trì. Người ấy sau khi niệm tưởng Giới mình đang thọ trì như vậy, ác tham lam nếu có liền được diệt, pháp tạp uế, ác bất thiện nếu có cũng được diệt. Này Bà cư sĩ, Đa văn Thánh đệ tử duyên nơi Giới nên tâm tĩnh, được hỷ, ác tham lam nếu có liền được diệt pháp tạp uế, ác bất thiện nếu có cũng được diệt. Đó gọi là Đa văn Thánh đệ tử thọ trì giới trai. Cùng Giới cộng hội, nhân Giới, tâm tĩnh, được hỷ, ác tham lam nếu có liền được diệt, pháp tạp uế, ác bất thiện nếu có cũng được diệt.

"Lại nữa, này Bà cư sĩ, Đa văn Thánh đệ tử khi trì trai niệm tưởng chư Thiên rằng, 'Thật sự có Tứ vương thiên. Hàng Thiên ấy, nếu thành tựu tín, mạng chung nơi này được sanh nơi ấy. Tôi cũng có tín ấy. Hàng Thiên ấy, nếu thành tựu giới, văn, thí, tuệ, mạng chung nơi này được sanh nơi ấy. Tôi cũng có tuệ ấy. Thật sự có Tam thập tam thiên, Diệm-ma thiên, Đâu-suất-đà thiên, Hóa lạc thiên, Tha hóa lạc thiên. Hàng Thiên ấy, thành tựu tín, mạng chung nơi này được sanh nơi ấy, tôi cũng có tín ấy. Hàng Thiên ấy, nếu thành tựu giới, văn, thí, tuệ, mạng chung nơi này được sanh nơi ấy. Tôi cũng thành tựu tuệ ấy'. Người ấy sau khi niệm tưởng như vậy rồi, và chư Thiên có tín, giới, văn, thí, tuệ, ác tham lam nếu có liền được diệt, pháp tạp uế, ác bất thiện nếu có cũng được diệt. Này Bà cư sĩ, Đa văn Thánh đệ tử duyên nơi chư Thiên nên tâm tĩnh, được hỷ, ác tham lam nếu có liền được diệt, pháp tạp uế, ác bất thiện nếu có cũng được diệt. Cũng như vàng ròng thượng sắc, bị bụi đóng bất tịnh, nhờ lửa, bài, kiềm, chùy, đất đỏ, sức người lau chùi mài dũa mà được minh tịnh. Cũng vậy, Đa văn Thánh đệ tử khi trì trai niệm tưởng chư Thiên rằng 'Thật sự có Tứ vương thiên. Hàng Thiên ấy, nếu thành tựu tín, mạng chung nơi này được sanh nơi kia, tôi cũng có tín ấy. Hàng Thiên ấy, nếu thành tựu giới, văn, thí, tuệ,

mạng chung nơi này được sanh nơi kia, tôi cũng có tuệ ấy. Thật sự có Tam thập tam thiên, Diệm-ma thiên, Đâu-suất-đà thiên, Hóa lạc thiên, Tha hóa lạc thiên. Hàng Thiên ấy, nếu thành tựu tín, mạng chung nơi này được sanh nơi ấy. Tôi cũng thành tựu tín ấy. Hàng Thiên ấy, nếu thành tựu giới, văn, thí, tuệ, mạng chung nơi này được sanh nơi ấy; tôi cũng thành tựu tuệ ấy'. Người ấy niệm tưởng như vậy, và chư Thiên có tín, giới, văn, thí, tuệ, ác tham lam nếu có liền được diệt, pháp tạp uế, ác bất thiện nếu có cũng được diệt.

"Này Bà cư sĩ, nếu hành trì Thánh trai tám chi này như vậy và ở đây với mười sáu đại quốc này, một là Ương-già, hai là Ma-kiệt-đà, ba là Ca-thi, bốn là Câu-tát-la, năm là Câu-lâu, sáu là Ban-xà-la, bảy là A-nhiếp-bối, tám là A-hòa-đàn-đề, chín là Chi-đề, mười là Bạt-kỳ, mười một là Bạt-ta, mười hai là Bạt-la, mười ba là Tô-ma, mười bốn là Tô-ma-tra, mười lăm là Dụ-ni, mười sáu là Kiếm-phu. Trong các nước này những sở hữu tiền tài, bảo vật, kim ngân, ma ni, chơn châu, lưu ly, tương-già[16], bích ngọc, san hô, lưu-thiệu[17], bệ-lưu[18], bệ-lặc[19], mã não, đồi mồi, xích thạch, tuyền châu, và giả sử một người làm vua trong đó, sẽ được xử dụng tự tại, tùy ý. Nhưng người ấy so với người thọ trì Thánh trai tám chi hoàn toàn không bằng một phần mười sáu.

"Này Bà cư sĩ, Ta nhân đó mà nói như vầy, 'Lạc thú của nhân vương không bằng lạc thú của chư Thiên'. Nếu nhân gian năm mươi năm, ở trên Tứ vương thiên mới là một ngày một đêm. Như vậy ba mươi ngày đêm là một tháng, mười hai tháng là một năm. Năm trăm năm như vậy là tuổi thọ của Tứ vương thiên. Này Bà cư sĩ, tất có trường hợp này, là thiện nam tử hay thiện nữ nhân, thọ trì Thánh trai tám chi, thân hoại mạng chung sẽ sanh lên Tứ vương Thiên.

"Này Bà cư sĩ, do đó mà ta nói như vầy, 'Lạc thú nhân vương không bằng lạc thú chư Thiên'. Nếu nhân gian sống một trăm tuổi, thì ở Tam thập tam thiên mới một ngày một đêm. Như vậy ba mươi ngày đêm là một tháng, mười hai tháng là một năm và một nghìn năm như vậy là tuổi thọ của Tam thập tam thiên. Này Bà cư sĩ, tất có trường hợp này là thiện nam tử hay thiện nữ nhân, thọ trì Thánh trai tám chi này, khi thân hoại mạng chung sẽ được sanh lên Tam thập tam thiên.

"Này Bà cư sĩ, Ta nhân đó mà nói như vầy, 'Lạc thú nhân vương không bằng lạc thú chư Thiên'. Ở nhân gian hai trăm năm thì Diệm-ma thiên mới là một ngày một đêm. Như vậy ba mươi ngày đêm là một tháng, mười hai tháng là một năm. Hai nghìn năm như vậy là tuổi thọ của Diệm-ma thiên. Này Bà cư sĩ, tất có trường hợp này, là thiện nam tử hay thiện nữ nhân thọ trì Thánh trai tám chi, khi thân hoại mạng chung sẽ được sanh lên trên Diệm-ma thiên.

"Này Bà cư sĩ, ta nhân đó mà nói như vầy, 'Lạc thú của nhân vương không bằng lạc thú của chư Thiên'. Nhân gian bốn trăm năm thì Đâu-suất-đà thiên mới là một ngày một đêm. Như vậy, ba mươi ngày đêm là một tháng, mười hai tháng là một năm. Bốn ngàn năm như vậy là tuổi thọ của Đâu-suất-đà thiên. Này Bà cư sĩ, tất có trường hợp này, là thiện nam tử hay thiện nữ nhân thọ trì Thánh trai tám chi này, khi thân hoại mạng chung sẽ được sanh lên Đâu-suất-đà thiên.

"Này Bà cư sĩ, Ta nhân đó mà nói như vầy, 'Lạc thú nhân vương không bằng lạc thú chư Thiên'. Nhân gian sống tám trăm tuổi, thì Hóa lạc thiên mới là một ngày một đêm.

---

16. Tương-già 僸━━C Pāli: saṃkha, vỏ sò hay xa-cừ.

17. Lưu-thiệu ━d━━A không rõ ngọc gì.

18. Bệ-lưu ━@ ━d━A không rõ ngọc gì.

19. Bệ-lặc ━@ ━━A không rõ ngọc gì.

Như vậy ba mươi ngày đêm là một tháng, mười hai tháng là một năm, tám ngàn năm như vậy là tuổi thọ của Hóa lạc thiên. Này Bà cư sĩ, tất có trường hợp này, là thiện nam tử hay thiện nữ nhân thọ trì Thánh trai tám chi này, khi thân hoại mạng chung sẽ được sanh lên Hóa lạc thiên.

"Này Bà cư sĩ, Ta nhân đó mà nói rằng, 'Lạc thú của nhân vương không bằng lạc thú chư Thiên'. Nhân gian một ngàn sáu trăm năm, thì Tha hóa lạc thiên mới một ngày một đêm. Như vậy ba mươi ngày đêm là một tháng, mười hai tháng là một năm, một vạn sáu ngàn năm như vậy là tuổi thọ của Tha hóa lạc thiên. Này Bà cư sĩ, tất có trường hợp này, là thiện nam tử hay thiện nữ nhân thì trì Thánh trai tám chi này, khi thân hoại mạng chung sẽ được sanh lên Tha hóa lạc thiên."

Lúc bấy giờ Lộc Tử Mẫu Tì-xá-khư chắp tay hướng về Đức Phật bạch rằng:

"Bạch Thế Tôn, Thánh trai tám chi thật là kỳ diệu, thật là hy hữu, đại lợi, đại quả, có đại công đức, có đại quảng bố, con từ nay cho đến trọn đời xin thọ trì Thánh trai tám chi này, tùy theo năng lực mà bố thí tu phước."

Rồi Lộc Tử Mẫu sau khi nghe những lời Phật dạy, khéo thọ trì, khéo tu tập, cúi đầu đảnh lễ chân Phật, đi quanh ba vòng rồi lui về.

Thế Tôn thuyết như vậy, Lộc Tử Mẫu Tì-xá-khư và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

❑

203. KINH BÔ-LỊ-ĐA[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật du hóa tại Na-nan-đại, trong khu rừng xoài của Ba-hòa-lị[2].

Bấy giờ Bô-lị-đa Cư sĩ mặc chiếc áo trắng tinh, đầu quấn khăn trắng, chống gậy, cầm dù, mang guốc thế tục, đi từ vườn này sang vườn khác, từ quán nọ đến quán kia, từ rừng đến rừng, du hành khắp nơi, thong dong tản bộ, nếu gặp các Sa-môn, Phạm chí bèn nói rằng, 'Chư Hiền nên biết, tôi lánh tục, đoạn tục, xả các tục sự'. Các Sa-môn, Phạm chí nói lại bằng những lời dịu dàng rằng, 'Vâng, Cư sĩ Bô-lị-đa lánh tục, đoạn tục, xả các tục sự'.

Rồi Cư sĩ Bô-lị-đa trong khi du hành khắp nơi, thong dong tản bộ đến chỗ Đức Phật, chào hỏi xong, chống gậy đứng ngay trước Phật.

Thế Tôn hỏi:

"Cư sĩ, có chỗ ngồi đó, muốn ngồi thì mời ngồi."

Cư sĩ Bô-lị-đa bạch rằng:

"Này Cù-đàm, không thể như vậy! Không nên như vậy! Vì sao? Vì tôi lánh tục, đoạn tục, xả các tục sự, mà Cù-đàm gọi tôi là Cư sĩ sao?"

Thế Tôn nói:

"Ngươi có hình tướng, biểu hiệu như Cư sĩ, cho nên Ta gọi ngươi là Cư sĩ. Có chỗ ngồi đó, muốn ngồi thì mời ngồi."

Thế Tôn lại ba lần nói rằng:

"Này Cư sĩ, có chỗ ngồi đó, muốn ngồi thì ngồi."

Cư sĩ Bô-lị-đa cũng ba lần bạch Phật rằng:

"Này Cù-đàm, không thể như vậy! Không nên như vậy! Vì sao? Vì tôi lánh tục, đoạn tục, xả các tục sự mà Cù-đàm gọi tôi là Cư sĩ sao?"

Thế Tôn trả lời rằng:

"Ngươi có hình tướng, biểu hiện như Cư sĩ, cho nên Ta gọi ngươi là Cư sĩ. Có chỗ ngồi đó, muốn ngồi thì mời ngồi."

Rồi Thế Tôn hỏi:

"Ngươi lánh tục, đoạn tục, xả các tục sự như thế nào?"

Cư sĩ Bô-lị-đa đáp:

"Tất cả những tài vật trong nhà, tôi đều cho con cái hết rồi tôi sống vô vi, vô cầu, chỉ đi lấy thức ăn để duy trì mạng sống mà thôi. Tôi lánh tục, đoạn tục, xả các tục sự như vậy."

Thế Tôn nói:

---

1. Tương đương Pāli: M.54. Potaliya-suttaṃ.
2. Ba-hòa-lị-nại viên ━i━M━Q━` ━(Pāli: Pāvārikambavana). Bản Pāli nói: tại thôn Āpaṇa, Anguttarāpa.

"Này Cư sĩ, trong Thánh pháp luật, sự đoạn tuyệt các tục sự không phải như vậy. Này Cư sĩ, trong Thánh pháp luật có Tám chi đoạn tuyệt tục sự."

Lúc bấy giờ Cư sĩ Bô-lị-đa bèn bỏ gậy, xếp dù, cởi guốc tục, chắp tay hướng về Phật bạch rằng:

"Này Cù-đàm, trong Thánh pháp luật, thế nào là Tám chi đoạn tuyệt tục sự?"

Thế Tôn nói:

"Này Cư sĩ, Đa văn Thánh đệ tử y trên lìa sát mà đoạn trừ sát, y trên xa lìa lấy của không cho mà đoạn trừ sự lấy của không cho, y trên xa lìa tà dâm mà đoạn trừ tà dâm, y trên xa lìa nói láo mà đoạn trừ nói láo, y trên không tham trước mà đoạn trừ tham trước, y trên không nhuế hại mà đoạn trừ nhuế hại, y trên không đố kỵ thù nghịch mà đoạn trừ đố kỵ thù nghịch, y trên không tăng thượng mạn mà đoạn trừ tăng thượng mạn.

"Này Cư sĩ, thế nào là Đa văn Thánh đệ tử y trên lìa sát mà đoạn trừ sát? Đa văn Thánh đệ tử tư duy như vầy, 'Ai giết chóc phải chịu ác báo trong đời này và đời sau. Nếu ta giết chóc, ấy là gây hại mình và cũng xuyên tạc hủy báng người khác. Chư Thiên và các vị phạm hạnh có trí sẽ chê bai học giới của ta, các phương đều nghe đồn tiếng xấu của ta, thân hoại mạng chung tất sẽ đi đến ác xứ, sanh trong địa ngục. Ai giết chóc như vậy, sẽ chịu quả báo này, trong đời này và đời sau. Như vậy, nay ta có nên y trên lìa sát mà đoạn trừ sát chăng?' Rồi vị ấy y trên xa lìa sát hại mà đoạn trừ sát hại. Như vậy là Đa văn Thánh đệ tử y trên lìa sát mà đoạn trừ sát.

"Này Cư sĩ, thế nào là Đa văn Thánh đệ tử y trên xa lìa lấy của không cho mà đoạn trừ sự lấy của không cho? Đa văn Thánh đệ tử tư duy như vầy, 'Ai lấy của không cho tất phải chịu quả báo ác trong đời này và đời sau. Nếu ta lấy của không cho, ấy là gây hại mình và cũng xuyên tạc hủy báng người khác. Chư Thiên và các vị phạm hạnh có trí sẽ chê bai học giới của ta, các phương đều nghe đồn tiếng xấu của ta, thân hoại mạng chung tất sẽ đi đến ác xứ, sanh trong địa ngục. Ai lấy của không cho phải chịu ác báo trong đời này và đời sau như vậy, nay ta có nên y trên xa lìa lấy của không cho mà đoạn trừ sự lấy của không cho chăng?' Rồi vị ấy y trên xa lìa lấy của không cho mà đoạn trừ sự lấy của không cho. Như vậy, Đa văn Thánh đệ tử y trên xa lìa lấy của không cho mà đoạn trừ sự lấy của không cho.

"Này Cư sĩ, thế nào là Đa văn Thánh đệ tử y xa lìa tà dâm mà đoạn trừ tà dâm? Đa văn Thánh đệ tử tư duy như vầy, 'Ai tà dâm tất phải chịu ác báo trong đời này và đời sau. Nếu ta tà dâm ấy là tự hại mà cũng là xuyên tạc hủy báng người khác. Chư Thiên và các vị phạm hạnh có trí sẽ chê bai học giới của ta, các phương thảy đều nghe đồn tiếng xấu của ta. khi thân hoại mạng chung phải đi đến ác thú, sanh trong địa ngục. Ai tà dâm tất phải chịu ác báo này trong đời này và đời sau như vậy, nay ta có nên y trên xa lìa tà dâm mà đoạn trừ tà dâm chăng?' Rồi vị ấy y trên xa lìa tà dâm mà đoạn trừ tà dâm. Như vậy, Đa văn Thánh đệ tử xa lìa tà dâm mà đoạn trừ tà dâm.

"Này Cư sĩ, thế nào là Đa văn Thánh đệ tử y trên xa lìa nói láo mà đoạn trừ sự nói láo? Đa văn Thánh đệ tử tư duy như vầy, 'Ai nói láo tất phải chịu ác báo trong đời này và đời sau. Nếu ta nói láo ấy là tự hại mà cũng xuyên tạc phỉ báng người khác. Chư Thiên và các vị phạm hạnh có trí sẽ chê bai học giới của ta, khi thân hoại mạng chung tất sẽ phải đi đến ác xứ, sanh trong địa ngục. Ai nói láo tất phải chịu ác báo này đời này và đời sau như vậy. Nay ta nên y cứ trên xa lìa nói láo mà đoạn trừ sự nói láo chăng?' Rồi vị ấy y cứ trên xa lìa nói láo mà đoạn trừ sự nói láo. Như vậy Đa văn Thánh đệ tử y trên xa lìa nói láo mà đoạn trừ sự nói láo.

"Này Cư sĩ, thế nào là Đa văn Thánh đệ tử y trên không tham trước mà đoạn trừ tham trước? Đa văn Thánh đệ tử tư duy như vầy, 'Ai tham trước tất phải thọ ác báo trong đời này và đời sau. Nếu ta tham trước ấy là tự hại mà cũng là xuyên tạc hủy báng người khác. Chư Thiên và các vị phạm hạnh có trí sẽ chê bai học giới của ta. Khi thân hoại mạng chung tất phải đi đến ác xứ, sanh trong địa ngục. Ai tham trước tất phải thọ ác báo này trong đời này và đời sau như vậy. Nay ta có nên xa lìa tham trước mà đoạn trừ tham trước chăng?' Rồi vị ấy y trên xa lìa tham trước mà đoạn trừ tham trước. Như vậy, Đa văn Thánh đệ tử y trên xa lìa tham trước mà đoạn trừ tham trước.

"Này Cư sĩ, thế nào là Đa văn Thánh đệ tử y trên xa lìa hại nhuế mà đoạn trừ hại nhuế? Đa văn Thánh đệ tử tư duy như vầy, 'Ai hại nhuế tất phải thọ ác báo trong đời này và đời sau. Nếu ta hại nhuế ấy là tự hại, mà cũng là hủy báng xuyên tạc người khác. Chư Thiên và các vị phạm hạnh có trí sẽ chê bai học giới của ta, các phương đều nghe đồn tiếng xấu của ta, khi thân hoại mạng chung tất sẽ đi đến ác xứ, sanh trong địa ngục. Ai hại nhuế tất phải thọ ác báo này đời này và đời sau. Như vậy, nay ta có nên xa lìa hại nhuế mà đoạn trừ hại nhuế chăng?' Rồi vị ấy y trên xa lìa hại nhuế mà đoạn trừ hại nhuế. Như vậy, Đa văn Thánh đệ tử y trên xa lìa hại nhuế mà đoạn trừ hại nhuế.

"Này Cư sĩ, thế nào là Đa văn Thánh đệ tử y trên không đố kỵ thù nghịch mà đoạn trừ đố kỵ thù nghịch? Đa văn Thánh đệ tử tư duy như vầy, 'Ai đố kỵ thù nghịch tất phải thọ ác báo đời này và đời sau. Nếu ta đố kỵ thù nghịch ấy là tự hại và cũng xuyên tạc hủy báng người khác. Chư Thiên và các vị phạm hạnh có trí sẽ chê bai học giới của ta, các phương đều nghe đồn tiếng xấu của ta. Khi thân hoại mạng chung tất phải đi đến ác xứ, sanh trong địa ngục. Ai đố kỵ thù nghịch tất phải thọ ác báo này đời này và đời sau như vậy, nay ta có nên y cứ trên không đố kỵ thù nghịch mà đoạn trừ đố kỵ thù nghịch chăng?' Rồi vị ấy y cứ trên không đố kỵ thù nghịch mà đoạn trừ đố kỵ thù nghịch. Như vậy, Đa văn Thánh đệ tử y cứ trên không đố kỵ thù nghịch mà đoạn trừ đố kỵ thù nghịch.

"Này Cư sĩ, thế nào là Đa văn Thánh đệ tử y trên không tăng thượng mạn mà đoạn trừ tăng thượng mạn? Đa văn Thánh đệ tử tư duy như vầy, 'Ai tăng thượng mạn tất thọ ác báo trong đời này và đời sau. Nếu ta có tăng thượng mạn ấy là tự hại mà cũng là xuyên tạc hủy báng người khác. Chư Thiên và các vị phạm hạnh có trí sẽ chê bai học giới của ta, các phương đều nghe đồn tiếng xấu của ta. Khi thân hoại mạng chung tất phải đi đến ác xứ, sanh trong địa ngục. Ai có tăng thượng mạn tất phải thọ ác báo này đời này và đời sau như vậy. Nay ta có nên y cứ không tăng thượng mạn mà đoạn trừ tăng thượng mạn chăng?' Rồi vị ấy y trên không tăng thượng mạn mà đoạn trừ tăng thượng mạn. Như vậy Đa văn Thánh đệ tử y trên không tăng thượng mạn mà đoạn trừ tăng thượng mạn.

"Đó là Tám chi đoạn tuyệt tục sự trong Thánh pháp luật."

Cư sĩ hỏi rằng:

"Này Cù-đàm, trong Thánh pháp luật chỉ như vậy là đoạn tuyệt tục sự hay còn những điều khác nữa?"

Thế Tôn nói:

" Trong Thánh pháp luật không chỉ có chừng đó đoạn tuyệt tục sự, mà còn Tám chi đoạn tuyệt tục sự khác đạt đến chứng ngộ."

Bô-lị-đa Cư sĩ nghe xong, bèn cởi khăn trắng chắp tay hướng về Đức Phật bạch rằng:

"Này Cù-đàm, thế nào nói là trong Thánh pháp luật còn có Tám chi đoạn tuyệt tục sự khác đạt đến chứng ngộ?"

Thế Tôn đáp rằng:

"Này Cư sĩ, cũng như một con chó đói, gầy ốm, mệt mỏi, đến bên chỗ mổ bò. Người đồ tể hay đệ tử của người đồ tể quăng cho con chó một khúc xương đã rút tỉa hết thịt. Con chó lượm được khúc xương rồi chạy đến chỗ này chỗ kia mà gặm, rách môi, mẻ răng, hoặc gây thương hại cuống họng, nhưng con chó không vì vậy mà đoạn trừ được đói. Này Cư sĩ, Đa văn Thánh đệ tử tư duy như vầy, 'Dục vọng như bộ xương khô. Thế Tôn nói dục vọng như bộ xương khô, hoan lạc ít mà khổ não lại nhiều, đầy dẫy nguy hiểm, nên xa lánh đi. Nếu ai có sự xả ly dục, ly ác bất thiện pháp này, thì ở đây tất cả mọi sự vật dục của thế gian[3] đều vĩnh viễn đoạn tận không dư tàn. Hãy tu tập điều đó.

"Này Cư sĩ, cũng như cách thôn không xa, có một miếng thịt rơi trên khoảng đất trống; hoặc quạ hoặc diều mang miếng thịt ấy đi. Rồi những quạ diều khác đuổi theo để tranh giành. Ý Cư sĩ nghĩ sao? Nếu quạ diều ấy không chịu xả bỏ tức khắc miếng thịt này, các quạ diều khác vẫn đuổi theo để giành giựt chăng?"

Cư sĩ đáp:

"Thật sự như vậy, Cù-đàm."

"Ý Cư sĩ nghĩ sao, nếu quạ diều ấy xả bỏ tức khắc miếng thịt này, các quạ diều khác có còn đuổi theo để giành giựt chăng?"

Cư sĩ đáp:

"Không vậy, Cù-đàm."

"Này Cư sĩ, Đa văn Thánh đệ tử tư duy như vầy, 'Dục vọng như miếng thịt. Thế Tôn nói dục vọng như miếng thịt; hoan lạc ít mà khổ não nhiều, đầy những nguy hiểm, hãy nên xa lìa đi'. Nếu ai có sự xả ly dục, ly ác bất thiện pháp này, thì ở đây tất cả mọi vật dục thế gian đều vĩnh viễn đoạn tận không dư tàn. Hãy nên tu tập điều này.

"Này Cư sĩ, cũng như một người tay cầm một bó đuốc đang cháy, ngược gió mà đi. Ý Cư sĩ nghĩ sao? Giả sử người ấy không liệng bỏ tức khắc, nhất định có cháy tay và các chi thể khác chăng?"

Cư sĩ đáp:

"Thật sự như vậy, Cù-đàm."

"Ý Cư sĩ nghĩ sao? Giả sử người ấy liệng bỏ tức khắc, sẽ còn bị cháy tay hay các chi thể khác nữa chăng?"

Cư sĩ đáp:

"Không vậy Cù-đàm."

"Này Cư sĩ, Đa văn Thánh đệ tử tư duy như vầy, 'Dục vọng như bó đuốc đang cháy; Thế Tôn nói dục vọng như bó đuốc đang cháy, hoan lạc ít mà khổ não nhiều, đầy những nguy hiểm hãy xa lánh đi'. Nếu ai có sự xả ly dục, ly ác bất thiện pháp này, thì ở đây, tất cả mọi dục vọng thế gian, vĩnh viễn đoạn tận không dư tàng. Hãy tu tập điều này.

"Này Cư sĩ, cũng như cách thôn không xa có một hầm lửa lớn, trong đó đầy những lửa nhưng không có khói, không có ngọn. Nếu một người đi đến, không ngu, không si, cũng không điên đảo, tự chủ với tâm mình, tự do tự tại, muốn hoan lạc chớ không muốn đau đớn, rất ghét sự đau đớn; muốn sống chớ không muốn chết, rất ghét sự chết. Ý Cư sĩ nghĩ sao? Người ấy lại nhảy vào hầm lửa này chăng?"

Cư sĩ đáp:

---

3. Thế gian ẩm thực ━@━━━C Pāli: Lokāmisupādānā: Sự chấp thủ vật dục trần gian.

"Không phải vậy, Cù-đàm. Vì sao vậy? Vì người ấy thấy hầm lửa liền nghĩ rằng, 'Nếu rơi xuống hầm lửa, nhất định chết chớ không nghi ngờ. Dù không chết, nhất định chịu đựng đau đớn vô cùng'. Người ấy thấy hầm lửa bèn nghĩ đến việc xa lìa, ước mong xa lìa, xả ly.

"Này Cư sĩ, Đa văn Thánh đệ tử lại tư duy như vầy, 'Dục vọng như hầm lửa. Thế Tôn nói dục vọng như hầm lửa, hoan lạc ít mà khổ não nhiều đầy những nguy hiểm, hãy nên xa lánh đi'. Nếu ai có sự xả ly dục, ly ác bất thiện pháp, thì ở đây tất cả mọi vật dục thế gian vĩnh viễn đoạn tận không dư tàng. Hãy tu tập điều này.

"Này Cư sĩ, cũng như cách thôn không xa, có một con rắn độc to lớn, rất dữ, rất độc địa, màu đen dễ sợ. Nếu một người đi đến, không ngu, không si, cũng không điên đảo, tự chủ với tâm mình, tự do tự tại, muốn hoan lạc, chớ không muốn đau đớn, rất ghét đau đớn; muốn sống chớ không muốn chết, rất ghét sự chết. Ý Cư sĩ nghĩ sao, người ấy há lại thò tay cho con rắn cắn, hay các chi thể khác và nói rằng, 'Này, mổ đi! Này mổ đi!' Như vậy chăng?"

Cư sĩ đáp:

"Không phải vậy, Cù-đàm. Vì sao vậy? Người ấy thấy con rắn bèn nghĩ rằng, 'Nếu ta thò tay và các chi thể khác cho con rắn nó mổ, nhất định phải chết chớ không nghi ngờ. Dù không chết thì nhất định phải chịu đau đớn vô cùng'. Người ấy thấy con rắn bèn nghĩ đến sự lánh xa, ước mong xả ly.

"Này Cư sĩ, Đa văn Thánh đệ tử lại tư duy như vầy, 'Dục vọng như rắn độc. Thế Tôn nói dục vọng như con rắn độc, hoan lạc ít mà khổ não nhiều, đầy những nguy hiểm, hãy xa lánh đi. Nếu ai có sự xả ly dục, ác bất thiện pháp này, thì ở đây tất cả mọi dục vọng thế gian vĩnh viễn đoạn tận không dư tàng. Hãy tu tập điều này.

"Này Cư sĩ, cũng như một người nằm mộng, thấy mình sung túc, năm thứ dục lạc thỏa thích. Nhưng khi tỉnh dậy, một thứ cũng không thấy. Này Cư sĩ, Đa văn Thánh đệ tử tư duy như vầy, 'Dục vọng như giấc mộng. Thế Tôn nói dục vọng như giấc mộng, hoan lạc ít mà khổ não nhiều, đầy những nguy hiểm, hãy xa lánh đi'. Nếu ai có sự xả ly dục, ác bất thiện pháp này, thì ở đây, tất cả mọi vật dục thế gian, vĩnh viễn đoạn tận, không dư tàn. Hãy nên tu tập sự kiện này.

"Này Cư sĩ, cũng như một người vay mượn vật dụng hưởng lạc, hoặc cung điện, lầu các, hoặc vườn hào, ao tắm, hoặc voi ngựa, xe cộ, hoặc chăn đệm mùng mền, hoặc nhẫn, vòng, xuyến, hoặc hương, anh lạc, vòng cổ, hoặc tràng hoa vàng báu, hoặc danh y thượng phục, rồi nhiều người trông thấy bèn ca ngợi rằng, 'Như vậy, tốt lành thay! Như vậy, sung sướng thay! Nếu có tài vật gì thì nên hưởng thụ thỏa thích cho đến cùng như vậy'. Nhưng chủ nhân có thể tước đoạt hay sai người tước đoạt bất cứ lúc nào muốn, bèn tự mình tước đoạt hay sai người tước đoạt, những người khác trông thấy, bèn nói với nhau rằng, 'Nó là người vay mượn; thật sự là lừa gạt chớ không phải vay mượn. Vì sao? Vì chủ nhân của sở hữu có thể tước đoạt hay sai người tước đoạt bất cứ lúc nào muốn. Và rồi đã tự mình tước đoạt hay sai người tước đoạt'. Này Cư sĩ, Đa văn Thánh đệ tử tư duy như vầy, 'Dục vọng như vay mượn. Thế Tôn nói dục vọng như vay mượn hoan lạc ít mà khổ não nhiều, đầy những nguy hiểm, hãy xa lánh đi'. Nếu ai có sự xả ly dục, ác bất thiện pháp này, thì ở đây tất cả mọi vật dục thế gian vĩnh viễn đoạn tận không dư tàng. Hãy tu tập điều này.

"Này Cư sĩ, cũng như cách thôn không xa, có một gốc cây ăn trái to lớn. Cây ấy thường có nhiều trái ngon lành đẹp mắt. Một người đi đến, đói, mệt mỏi, gầy ốm, muốn được ăn trái. Người ấy nghĩ rằng, 'Cây này thường có nhiều trái ngon lành đẹp mắt. Ta

đang đói, gầy ốm, mệt mỏi, muốn được ăn trái. Nhưng dưới gốc không có trái rụng để có thể ăn cho no và mang về. Ta biết leo cây. Bây giờ ta có nên leo lên cây này chăng?' Nghĩ xong, bèn leo lên. Lại cũng có một người khác, đói, gầy ốm, mệt mỏi, muốn được ăn trái, cầm một cái búa rất lớn, bèn nghĩ rằng: 'Cây này thường có nhiều trái ngon lành đẹp mắt nhưng dưới gốc cây không có trái rụng để có thể ăn cho no và mang về, ta không biết leo cây. Bây giờ ta có nên đốn ngã cây này chăng?', bèn đốn ngã cây ấy. Ý Cư sĩ nghĩ sao? Người trên cây nếu không xuống nhanh khi cây ngã xuống đất, có bị gãy tay hoặc các chi thể khác chăng?"

Cư sĩ đáp:

"Thật sự như vậy, Cù-đàm."

"Ý Cư sĩ nghĩ sao, nếu người trên cây leo xuống nhanh, khi cây ngã xuống đất, há lại bị gãy tay hay các chi thể khác chăng?"

Cư sĩ đáp:

"Không vậy, Cù-đàm."

"Này Cư sĩ, Đa văn Thánh đệ tử lại tư duy như vầy, 'Dục vọng như trái cây. Thế Tôn nói dục vọng như trái cây, hoan lạc ít mà khổ não nhiều, đầy những nguy hiểm hãy lánh xa đi'. Nếu ai có sự xả ly dục ly ác bất thiện pháp này, thì ở đây tất cả mọi vật dục thế gian, vĩnh viễn đoạn tận không dư tàng. Hãy tu tập sự kiện này.

"Đó gọi là trong Thánh pháp luật còn có Tám chi đoạn tuyệt tục sự khác, đạt đến chứng ngộ.

"Này Cư sĩ, rồi vị ấy có giác có quán, đã dứt[4], nội tĩnh, nhất tâm, không giác, không quán, có hỷ lạc do định sanh, chứng đắc đệ Nhị thiền, thành tựu an trụ. Rồi vị ấy ly hỷ, xả, vô cầu, an trụ với chánh niệm chánh trí, thân thọ lạc, điều mà Thánh gọi là được Thánh xả, niệm, an trú lạc, chứng đắc Tam thiền, thành tựu an trụ. Rồi vị ấy lạc diệt, khổ diệt, hỷ ưu vốn cũng diệt, không lạc không khổ, xả niệm thanh tịnh, chứng đắc đệ Tứ thiền, thành tựu an trụ.

"Rồi vị ấy với định tâm thanh tịnh như vậy, không uế, không phiền, nhu nhuyến, an trụ vững vàng, đạt đến bất động tâm, tu học và chứng ngộ lậu tận trí thông, biết như thật 'Đây là Khổ', 'Đây là Khổ tập', 'Đây là Khổ diệt', 'Đây là Khổ diệt đạo'. Biết như thật đây là lậu, đây là lậu tập, đây là lậu diệt, đây là lậu diệt đạo. Vị ấy biết như vậy, thấy như vậy, tâm giải thoát dục lậu, tâm giải thoát hữu lậu, vô minh lậu, giải thoát rồi biết mình đã giải thoát, biết như thật rằng: 'Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa'."

Khi nói pháp này Bô-lị-đa Cư sĩ viễn ly trần cấu, pháp nhãn về các pháp phát sanh. Lúc bấy giờ Bô-lị-đa Cư sĩ thấy pháp, đắc pháp, chứng giác bạch tịnh pháp, đoạn nghi độ hoặc, không còn tôn thờ ai, không còn do ai, không còn do dự, đã an trụ nơi quả chứng đối với pháp của Thế Tôn đã được vô sở úy, bèn cúi đầu đảnh lễ chân Phật bạch:

"Bạch Thế Tôn, con nay quy y Phật, Pháp và Tỳ-kheo Tăng. Cúi mong Thế Tôn nhận con làm Ưu-bà-tắc, từ hôm nay suốt trọn đời, tự quy y cho đến lúc mạng chung.

"Bạch Thế Tôn, con trước đây mặc chiếc áo trắng tinh, đầu quấn khăn trắng, chống gậy, cầm dù và mang guốc tục, đi từ vườn này sang vườn khác, từ quán nọ đến quán kia, từ rừng đến rừng, du hành khắp nơi thong dong tản bộ, nếu gặp các Sa-môn, Phạm chí,

---

4. "Có giác có quán" là Sơ thiền, "giác quán đã dứt" là ở Nhị thiền. Ở đây không nói đến Sơ thiền. Pāli lược bỏ cả bốn thiền.

bèn nói như vầy, ‘Chư Hiền, tôi lánh tục, đoạn tục, xả các tục sự’. Các Sa-môn, Phạm chí ấy bèn những lời dịu dàng nói với con rằng, ‘Vâng, Cư sĩ Bô-lị-đa lánh tục, đoạn tục, xả các tục sự’.

“Bạch Thế Tôn, con lúc bấy giờ các vị ấy thật sự vô trí, lại đặt vào chỗ trí, thật sự vô trí mà thờ tự, thật sự vô trí mà cúng thực, thật sự vô trí mà phụng sự như người trí. Bạch Thế Tôn, kể từ hôm nay chúng Tỳ-kheo và đệ tử Thế Tôn, đây mới thật sự là có trí, xứng đáng đặt ở chỗ trí, thật sự có trí xứng đáng thờ tự, thật sự có trí xứng đáng cúng thực, thật sự có trí xứng đáng phụng sự người trí tuệ.

“Bạch Thế Tôn, con nay lại lần nữa tự quy y Phật, Pháp và Tỳ-kheo Tăng. Cúi mong Thế Tôn nhận con làm Ưu-bà-tắc kể từ hôm nay suốt đời tự quy y cho đến lúc mạng chung. Bạch Thế Tôn, con trước kia kính tín kính trọng các Sa-môn, Phạm chí ngoại đạo, kể từ hôm nay đoạn tuyệt. Bạch Thế Tôn, nay lần thứ ba con xin tự quy y Phật, Pháp và Tỳ-kheo Tăng. Cúi mong Thế Tôn nhận con làm Ưu-bà-tắc, kể từ hôm nay suốt đời tự quy y cho đến lúc mạng chung.”

Đức Phật thuyết như vậy, Cư sĩ Bô-lị-đa và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

❑

204. KINH LA-MA[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong Đông viên, giảng đường Lộc tử mẫu.

Bấy giờ Thế Tôn vào lúc xế trưa, từ tĩnh tọa dậy, bước xuống giảng đường, nói với Tôn giả A-nan rằng:

"Bây giờ ta và ngươi đến sông A-di-la-bà-đề[2] để tắm."

Tôn giả A-nan bạch rằng:

"Xin vâng, bạch Thế Tôn."

Rồi Tôn giả A-nan cầm then cửa tản bộ đi đến khắp các cốc, gặp Tỳ-kheo nào cũng nói rằng:

"Chư Hiền, hãy đi đến nhà Phạm chí La-ma[3]."

Các Tỳ-kheo nghe nói, bèn cùng nhau đến nhà Phạm chí La-ma.

Thế Tôn dẫn Tôn giả A-nan đi đến sông A-di-la-bà-đề, cởi y để trên bờ, rồi xuống nước tắm. Tắm xong, trở lên lau mình, mặc y. Bấy giờ Tôn giả A-nan đứng sau Thế Tôn, cầm quạt quạt Phật. Rồi Tôn giả A-nan chắp tay hướng về Đức Phật bạch rằng[4]:

"Bạch Thế Tôn, nhà của Phạm chí La-ma rất tốt, ngăn nắp, rất khả ái. Cúi mong Thế Tôn vì lòng từ bi mẫn đi đến nhà của Phạm chí La-ma."

Thế Tôn im lặng nhận lời của Tôn giả A-nan. Rồi Thế Tôn dẫn Tôn giả A-nan đi đến nhà Phạm chí La-ma. Bấy giờ tại nhà của Phạm chí La-ma một số đông Tỳ-kheo đã tụ tập ngồi lại để thuyết pháp. Đức Phật đứng ngoài cửa, đợi các Tỳ-kheo nói pháp xong. Khi số đông các Tỳ-kheo đã nói pháp xong, các ngài ngồi im lặng. Thế Tôn biết rồi bèn tằng hắng và gõ cửa.

Các Tỳ-kheo nghe, tức thì đi ra mở cửa[5]. Thế Tôn bước vào nhà Phạm chí La-ma, trải chỗ ngồi trước chúng Tỳ-kheo mà ngồi và hỏi:

"Các Tỳ-kheo vừa rồi nói những câu chuyện gì vậy? Vì công việc gì mà tụ tập ngồi ở đây?"

Lúc ấy các Tỳ-kheo đáp rằng:

"Bạch Thế Tôn, vừa rồi, chúng con thuyết pháp. Do pháp sự này mà tụ tập ngồi tại đây."

Thế Tôn khen rằng:

"Lành thay! Lành thay, Tỳ-kheo khi tụ tập ngồi lại nên làm hai việc; một là thuyết

---

1. Tương đương Pāli. M. 26. Ariyapariyesana-suttaṃ.
2. A-di-la-bà-đề ━━i ━━C━━C Pāli: Aciravatī. Trong bản Pāli: Pubbakoṭṭhaka.
3. La-ma ━━━C Pāli: Rammaka.
4. Một vài chi tiết trong đoạn này không được mạch lạc.
5. Theo bản Pāli, đây là một am cốc (Rammakassa brāhmanassa assamo: thảo am của Bà-la-môn Rammaka) chứ không phải là nhà.

pháp, hai là im lặng. Vì sao vậy? Ta sẽ giảng pháp cho các ngươi. Hãy lắng nghe! Hãy lắng nghe! Hãy tư niệm kỹ."

Lúc ấy các Tỳ-kheo bạch rằng:

"Chúng con kính vâng lời lắng nghe."

Đức Phật nói:

"Có hai loại tìm cầu. Một là Thánh cầu[6] và hai là phi Thánh cầu. Thế nào là phi Thánh cầu? Có một hạng người thật sự lệ thuộc bệnh tật nhưng lại tìm cầu tật bệnh; thật sự lệ thuộc sự chết nhưng lại tìm cầu sự chết, thật sự lệ thuộc vào ưu bi khổ não, lệ thuộc sự tạp uế, nhưng lại tìm cầu sự tạp uế.

"Thế nào là thật sự lệ thuộc vào bệnh tật[7] nhưng lại tìm cầu sự bệnh tật? Thế nào là sự tật bệnh? Con cái, anh em, đó là bệnh pháp. Voi, ngựa, bò, dê, nô tỳ, tiền tài, trân bảo, lúa gạo, là sự bệnh pháp. Chúng sanh ở trong đó xúc chạm, đắm nhiễm, tham ái, dính trước, kiêu ngạo mà thọ nhập, không thấy sự nguy hiểm, không thấy sự xuất yếu.

"Thế nào là sự lệ thuộc sự già[8], sự chết, sự sầu bi ưu não, sự tạp uế? Con cái, anh em đó là sự tạp uế. Voi, ngựa, bò, dê, nô tỳ, tiền tài, trân bảo, đó là sự tạp uế, sự tổn hại. Chúng sanh ở trong đó đắm nhiễm, xúc chạm, tham ái, dính trước, kiêu ngạo mà thọ nhập, không thấy sự nguy hiểm, không thấy sự xuất yếu. Người đó muốn tìm cầu cái không tật bệnh, an ổn, vô thượng, Niết-bàn, nhưng đạt được Niết-bàn an ổn vô thượng là trường hợp không thể có. Tìm cầu cái không già, không chết, không sầu bi ưu não, không tạp uế, vô thượng an ổn Niết-bàn, nhưng đạt được Niết-bàn vô thượng an ổn là trường hợp không thể có. Đó gọi là phi Thánh cầu.

"Thế nào là Thánh cầu? Có một hạng người suy nghĩ như thế này, 'Ta thật sự lệ thuộc tật bệnh, nhưng không bỏ tìm cầu sự tật bệnh. Ta thật sự lệ thuộc sự già, sự chết, sự sầu bi khổ não, sự tạp uế, nhưng không bỏ sự tìm cầu tạp uế. Vậy ta hãy tìm cầu cái không bệnh, vô thượng an ổn Niết-bàn. Tìm cầu cái không già, không chết, không sầu bi ưu não, không tạp uế, vô thượng an ổn, Niết-bàn'. Người ấy bèn tìm cầu cái không bệnh, vô thượng an ổn Niết-bàn và đạt được không bệnh, vô thượng an ổn Niết-bàn là trường hợp có thể có. Tìm cầu cái không già, không chết, không sầu bi ưu não, không tạp uế, vô thượng an ổn Niết-bàn, và đạt được không già, không chết, không sầu bi ưu não, không tạp uế, vô thượng an ổn Niết-bàn, là trường hợp có thể có.

"Ta trước kia khi chưa chứng Vô thượng Chánh đẳng chánh giác cũng suy nghĩ như vầy, 'Ta thực sự lệ thuộc tật bệnh, không bỏ tìm cầu sự tật bệnh. Ta thực sự lệ thuộc già, chết, sầu bi ưu não, tạp uế, nhưng không bỏ tìm cầu cái không già, không chết, không sầu bi ưu não, không tạp uế. Vậy ta có nên tìm cầu cái không bệnh, vô thượng an ổn Niết-bàn. Tìm cầu cái không già, không chết, không sầu bi ưu não, không tạp uế, vô thượng an ổn Niết-bàn chăng?'

"Ta vào thời thiếu niên trong trắng, mái tóc xanh mướt, cho đến thời tráng niên năm hai mươi chín tuổi, bấy giờ sống cực kỳ hoan lạc, vui đùa, trang sức, du hành. Ta vào lúc ấy mặc dù cha mẹ khóc lóc, thân thuộc không ai vui, nhưng Ta cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, để học đạo; thủ hộ thân mạng thanh tịnh, thủ hộ khẩu và ý mạng thanh tịnh. Ta đã thành tựu giới thân ấy rồi, lại muốn tìm cầu sự không bệnh, vô thượng an ổn Niết-bàn; sự không già, không chết, không sầu

---

6. Thánh cầu -t-D-C Pāli: ariyāpariyesanā.
7. Bệnh pháp -f-k-C Pāli: byādhidhamma.
8. Lão pháp---k-C Pāli: jarādhamma.

bi ưu não, không tạp uế, vô thượng an ổn Niết-bàn, cho nên lại tìm nơi A-la-la Già-la-ma[9], hỏi rằng, 'Thưa A-la-la, tôi muốn theo pháp của người để tu học phạm hạnh được chăng?' A-la-la trả lời rằng, 'Này Hiền giả, không có gì là không được. Hiền giả muốn hành thì hành'. Ta lại hỏi, 'Người làm thế nào để tự tri, tự giác, tự tác chứng pháp này?' A-la-la đáp, 'Ta vượt qua tất cả thức xứ, đạt được vô sở hữu xứ, thành tựu an trụ. Do đó, pháp của ta được tự tri, tự giác, tự tác chứng'. Ta lại suy nghĩ như vầy, 'Không chỉ riêng A-la-la mới có niềm tin này. Ta cũng có niềm tin này. Không chỉ riêng A-la-la mới có tinh tấn này, Ta cũng có sự tinh tấn này. Không chỉ riêng A-la-la mới có tuệ này, Ta cũng có tuệ này'. A-la-la đối với pháp này đã tự tri, tự giác, tự tác chứng. Ta muốn chứng pháp này nên sống cô độc, viễn ly, tại một nơi trống vắng, yên tĩnh. Sau khi tâm không phóng dật, tu hành tinh cần, không bao lâu Ta chứng pháp ấy. Sau khi chứng pháp ấy rồi, Ta lại tìm đến chỗ A-la-la Già-la-ma, hỏi rằng, 'Thưa A-la-la, phải chăng pháp này được tự tri, tự giác, tự tác chứng, nghĩa là vượt qua tất cả vô lượng thức xứ, đạt được vô sở hữu xứ, thành tựu an trụ?' A-la-la trả lời Ta rằng, 'Hiền giả, đó là pháp ta tự tri, tự giác, tự tác chứng, nghĩa là vượt qua tất cả vô lượng thức xứ, đạt được vô sở hữu xứ, thành tựu an trụ'. A-la-la lại nói với Ta rằng, 'Hiền giả, ấy là cũng như sự tác chứng của ta đối với pháp này, Hiền giả cũng vậy. Cũng như sự tác chứng của Hiền giả đối với pháp này, ta cũng vậy. Hiền giả, người hãy đến đây, cùng ta lãnh đạo đồ chúng này'. Đó là A-la-la đối xử với Ta với địa vị Tôn sư, coi Ta ngang hàng, tối thượng cung kính, tối thượng cúng dường, tối thượng hoan hỷ.

"Ta lại suy nghĩ như vầy, 'Pháp này không đưa đến trí; pháp này không đưa đến giác, không đưa đến Niết-bàn. Vậy Ta hãy xả bỏ pháp này, để cầu thêm nữa, sự không bệnh, vô thượng an ổn Niết-bàn; tìm cầu sự không già, không chết, không sầu bi ưu não, không tạp uế, vô thượng an ổn Niết-bàn'. Ta bèn bỏ pháp này đi tìm cầu sự không bệnh, vô thượng an ổn Niết-bàn.

"Rồi Ta đi đến chỗ Uất-đà-la La-ma Tử[10], hỏi rằng, 'Thưa Uất-đà-la, tôi muốn ở trong pháp của người mà học hỏi, có thể được chăng?' Uất-đà-la La-ma Tử trả lời Ta rằng, 'Hiền giả, không có gì là không được. Người muốn học thì học'. Ta lại hỏi, 'Thưa Uất-đà-la, cha ngài là La-ma[11], người tự tri, tự giác, tự tác chứng pháp gì?' Uất-đà-la La-ma Tử đáp, 'Hiền giả, ta vượt qua tất cả vô sở hữu xứ, đạt được phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ, thành tựu an trụ. Hiền giả, pháp mà cha ta La-ma tự tri, tự giác, tự tác chứng, là pháp này'. Ta lại suy nghĩ như vầy, 'Không chỉ riêng La-ma mới có niềm tin này, Ta cũng có niềm tin này. Không chỉ riêng La-ma mới có sự tinh tấn này, Ta cũng có sự tinh tấn này. Không chỉ riêng La-ma mới có tuệ này, Ta cũng có tuệ này. La-ma đã tự tri, tự giác, tự tác chứng pháp này, tại sao ta lại không tự tri, tự giác, tự tác chứng pháp này?' Vì Ta muốn chứng pháp này, cho nên sống cô độc tại một nơi xa vắng, không nhàn, yên tĩnh, tâm không phóng dật, tu hành tinh cần. Sau khi Ta sống cô độc, viễn ly, tại một nơi trống vắng, yên tĩnh, không bao lâu chứng được pháp ấy. Khi chứng pháp ấy rồi, Ta lại đến Uất-đà-la La-ma Tử hỏi rằng, 'Thưa Uất-đà-la La-ma Tử, cha ngài là La-ma, phải chăng pháp này được tự tri, tự giác, tự tác chứng, nghĩa là vượt qua tất cả vô sở hữu xứ, đạt được phi hữu tưởng, phi vô tưởng xứ, thành tựu an trụ?' Uất-đà-la La-ma Tử trả lời Ta rằng, 'Hiền

---

9. A-la-la Già-la-ma ——————C Pāli: Āḷāra Kālāma.

10. Uất-đà-la La-ma Tử –{————l–C Pāli: Udduka Rāmaputta.

11. Nhữ phụ La-ma ————F đáng lẽ gọi là La-ma Tử, không hiểu tại sao ở đây lại nói như vậy. Bản Pāli cũng chỉ gọi Rāma (tên cha) thay vì gọi Uddaka hay Rāmaputta (tên con).

giả, cha ta là La-ma, đây là pháp được tự tri, tự giác, tự tác chứng, nghĩa là vượt qua tất cả vô sở hữu xứ, đạt được phi hữu tưởng, phi vô tưởng xứ, thành tựu an trụ'. Uất-đà-la lại nói với Ta rằng, 'Cũng như cha ta tác chứng pháp này, Hiền giả cũng vậy. Cũng như Hiền giả tác chứng pháp này, cha ta cũng vậy. Hiền giả hãy đến đây cùng ta lãnh đạo đồ chúng này'. Uất-đà-la đối xử với Ta ngang địa vị Tôn sư, coi Ta cũng như bậc Tôn sư, tối thượng cung kính, tối thượng cúng dường, tối thượng hoan hỷ. Ta lại suy nghĩ như vầy, 'Pháp này không đưa đến trí, không đưa đến giác, không đưa đến Niết-bàn. Vậy Ta hãy xả bỏ pháp này để đi tìm cầu thêm nữa, sự không bệnh, vô thượng an ổn Niết-bàn; tìm cầu sự không già, không chết, không sầu bi ưu não, không tạp uế, vô thượng an ổn Niết-bàn'. Ta liền xả bỏ pháp ấy để đi tìm cầu sự không bệnh, vô thượng an ổn Niết-bàn; tìm cầu sự không già, không chết, không sầu bi ưu não, không tạp uế, vô thượng an ổn Niết-bàn.

"Rồi Ta đi về phía nam núi Tượng đỉnh[12], đến tại Uất-bệ-la [13], một ngôi làng của Phạm chí tên gọi là Tư na[14], đây là một khoảng đất xinh xắn, khả ái, núi rừng sầm uất, sông Ni-liên-thuyền[15] với dòng nước trong xanh chảy lên bờ. Ta thấy khoảnh đất ấy bèn nghĩ rằng, 'Nếu một thiện nam tử muốn học đạo, nên ở nơi này mà học, Ta cũng học đạo; vậy Ta hãy ở nơi này mà học. Rồi Ta ôm cỏ đến cây giác thọ[16]. Đến nơi, Ta rải cỏ xuống, trải ni-sư-đàn lên và ngồi kiết già, kỳ hạn sẽ không rời khỏi chỗ ngồi cho đến khi nào chứng đắc Lậu tận. Và Ta không rời khỏi chỗ ngồi cho đến khi chứng đắc Lậu tận.

"Ta tìm cầu sự không bệnh, vô thượng an ổn Niết-bàn, liền đạt được sự không bệnh, vô thượng an ổn Niết-bàn. Tìm cầu sự không già, không chết, không sầu bi ưu não, không tạp uế, vô thượng an ổn Niết-bàn. Liền đạt được sự không già không chết, không ưu bi sầu não, không tạp uế, vô thượng an ổn Niết-bàn, sanh tri, sanh kiến, định đạo phẩm pháp[17], 'Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, biết như thật không còn tái sanh nữa'.

"Khi Ta vừa chứng Vô thượng Chánh đẳng chánh giác, liền nghĩ như vầy, 'Ta sẽ thuyết pháp cho ai trước nhất?' Rồi Ta lại nghĩ rằng, 'Ta có nên đi đến thuyết pháp cho A-la-la Già-la-ma trước chăng?'

"Lúc bấy giờ có Thiên thần trụ trong hư không nói với Ta rằng: "Đại Tiên nhân, xin biết cho, A-la-la Già-la-ma vừa mạng chung đến nay đã được bảy ngày'. Ta cũng tự biết A-la-la Già-la-ma đã mạng chung được bảy ngày. Ta lại nghĩ như vầy, 'A-la-la Già-la-ma, thiệt thòi thay cho người ấy, không nghe được pháp này. Nếu được nghe pháp này, người ấy sẽ nhanh chóng biết rõ pháp tùy pháp[18].

"Khi Ta vừa chứng Vô thượng Chánh đẳng chánh giác, liền nghĩ như vầy, 'Ta sẽ thuyết pháp cho Uất-đà-la La-ma Tử trước nhất chăng?" Thiên thần lại trụ trong hư không nói với Ta rằng, 'Đại Tiên nhân, xin biết cho, Uất-đà-la La-ma Tử mạng chung đến nay đã hai tuần thất'. Ta cũng tự biết Uất-đà-la La-ma Tử mạng chung đã hai tuần thất. Ta lại nghĩ như vầy, 'Uất-đà-la La-ma Tử thiệt thòi thay cho người ấy, không nghe được pháp

---

12. Tượng đỉnh sơn -H---s-C Pāli: Gayāsisa.
13. Uất-bệ-la -{-@---C Pāli: Uruvelā.
14. Tư-na ----C Pāli: Senā.
15. Ni-liên-thuyền ---s-I-C Pāli: Nerañjarā.
16. Giác thọ, tức cây bồ-đề.
17. Định đạo phẩm pháp -w-D-~-k-Abản Pāli: akuppā me vimutti, sự giải thoát của Ta không dao động.
18. Nguyên bản Hán: pháp thứ pháp -k---k-C Đoạn Pāli tương đương không có từ liên hệ, nhưng thông thường là dhammānudhamma.

này. Nếu nghe được pháp này, người ấy sẽ nhanh chóng biết rõ pháp tùy pháp'.

"Khi Ta vừa chứng Vô thượng Chánh đẳng chánh giác, Ta liền suy nghĩ như vầy, 'Ta sẽ thuyết pháp cho ai trước nhất?' Rồi Ta lại nghĩ rằng, 'Xưa kia, năm Tỳ-kheo theo hầu hạ Ta, giúp Ta nhiều điều hữu ích. Khi Ta tu hành khổ hạnh, năm Tỳ-kheo ấy đã thừa sự Ta, nay Ta có nên thuyết pháp cho năm Tỳ-kheo trước kia chăng?' Rồi Ta lại nghĩ rằng, 'Năm Tỳ-kheo thuở xưa ấy, bây giờ đang ở đâu?' Bằng thiên nhãn thanh tịnh vượt hẳn người thường, Ta thấy năm Tỳ-kheo đang ở tại Ba-la-nại[19], Tiên nhân trú xứ, trong vườn Lộc giả.

"Ta tùy thuận trụ dưới gốc cây Giác thọ. Sau đó Ta thu vén y, ôm bát đi về Ba-la-nại, đến đô ấp Gia-thi[20]. Bấy giờ Dị học Ưu-đà[21], từ xa trông thấy Ta đi đến, bèn nói với Ta rằng, 'Hiền giả Cù-đàm, các căn thanh tịnh, hình sắc thù diệu, khuôn mặt ngời sáng. Hiền giả Cù-đàm, ai là Tôn sư? Theo ai học đạo? Tin tưởng pháp của ai?' Lúc bấy giờ Ta liền nói bài kệ để trả lời Ưu-đà rằng:

Ta tối thượng, tối thắng;
Nhiễm trước pháp đã trừ;
Giải thoát, ái diệt tận;
Tự giác, ai Tôn sư?
Bậc Vô Đẳng, Đại Hùng,
Tự Giác, Vô Thượng Giác,
Như Lai, Thầy thiên, nhơn,
Biến tri, thành tựu lực.

"Ưu-đà hỏi rằng:

"–Hiền giả Cù-đàm tự cho là tối thắng chăng?"

"Ta lại nói bài kệ trả lời rằng:

Đấng Tối Thắng như vậy
Các lậu đã tận trừ.
Ta sát hại ác pháp,
Nên tối thắng là Ta.

"Ưu-đà lại hỏi Ta rằng:

"–Hiền giả Cù-đàm, bấy giờ muốn đi về đâu?"

"Bấy giờ Ta nói bài kệ rằng:

Ta đến Ba-la-nại,
Gióng trống diệu cam lồ,
Chuyển pháp luân vô thượng
Chưa ai chuyển trong đời.

"Ưu-đà lại nói với Ta rằng:

"–Hiền giả Cù-đàm, hoặc có thể là như vậy."

"Rồi vị ấy bước sang con đường tắt mà đi trở lui.

"Ta một mình đi đến Tiên nhân trụ xứ, trong vườn Lộc dã. Bấy giờ năm Tỳ-kheo từ xa trông thấy Ta đi đến, ai cũng lập giao ước với nhau rằng, 'Chư Hiền, nên biết đó là Sa-

---

19. Ba-la-nại, Tiên nhơn trụ xứ, Lộc giả uyển ▪i▬▬` ▪P▪H▬▬B▬▬▬b▪C Pāli: Bārāṇasi Isipatanaṃ Migadāyo.

20. Gia-thi đô ấp ▪[▪r▬▬▬F không rõ ở đâu.

21. Ưu-đà ▪u▬▬C Pāli: Upaka.

môn Cù-đàm đang đi đến. Người ấy đa dục, đa cầu, ăn với loại ẩm thực thù diệu, bằng cơm gạo trắng ngon lành, cùng với bột, tô, mật, và bôi xoa thân thể bằng dầu mè nay lại đến đây. Các người cứ ngồi. Chớ nên đứng dậy đón tiếp, cũng đừng làm lễ. Dành sẵn cho một chỗ đó, nhưng đừng mời ngồi, hãy nói rằng 'Nếu bạn muốn ngồi, xin cứ tùy ý'. Rồi Ta đi đến chỗ năm Tỳ-kheo. Bấy giờ năm Tỳ-kheo không kham nổi uy đức tối thắng thù diệu của Ta, tức thì rời chỗ ngồi đứng dậy, người thì ôm y bát của Ta, người thì trải chỗ ngồi, người thì lấy nước cho Ta rửa chân. Ta nghĩ rằng, 'Những người ngu si này sao lại không bền chí, đã tự mình thiết lập điều ước hẹn, rồi lại làm trái điều giao hẹn'. Ta biết như vậy rồi bèn ngồi trên chỗ ngồi mà năm Tỳ-kheo đã dọn sẵn. Khi ấy năm Tỳ-kheo gọi thẳng tên họ Ta và xưng hô với Ta là "Bạn"[22].

"Ta nói với họ rằng, 'Ta là Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, các người đừng gọi thẳng tên họ Ta, cũng đừng gọi Ta là 'Bạn'. Vì sao vậy? Ta vì tìm cầu sự không bệnh, vô thượng an ổn Niết-bàn, và đạt được sự không bệnh, vô thượng an ổn Niết-bàn. Ta tìm cầu sự không già, không chết, không sầu bi ưu não, không tạp uế, vô thượng an ổn Niết-bàn, và đạt được sự không già, không chết, không sầu bi ưu não, không tạp uế, vô thượng an ổn Niết-bàn. Đã sanh tri, sanh kiến, định đạo phẩm pháp, 'Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa'. Họ nói với Ta rằng:

"–Này bạn Cù-đàm, trước kia bạn hành như vậy, đạo tích như vậy, khổ hạnh như vậy mà còn chưa chứng được pháp thượng nhân, gần kề với Thánh tri, Thánh kiến, huống là ngày hôm nay đa dục, đa cầu, ăn với thực phẩm thù diệu với gạo trắng ngon lành, cùng với bột, tô, mật, bôi xoa thân thể bằng dầu mè chăng?

"Ta lại nói rằng:

"–Này năm Tỳ-kheo, các ngươi trước kia có bao giờ thấy Ta như vậy, với các căn thanh tịnh, rạng rỡ sáng ngời chăng?

"Bấy giờ năm Tỳ-kheo lại trả lời với Ta rằng:

"–Trước kia chúng tôi chưa từng thấy bạn với các căn thanh tịnh, rạng rỡ sáng ngời. Này bạn Cù-đàm, nay bạn với các căn thanh tịnh, hình sắc thù diệu khuôn mặt sáng ngời.

"Ta lúc ấy nói với họ rằng:

"–Này năm Tỳ-kheo, có hai lối sống cực đoan mà những người học đạo không nên học. Một là đắm trước dục lạc, nghiệp hèn hạ, là lối sống của phàm phu. Hai là tự gây phiền, tự gây khổ, không phải là pháp Hiền Thánh, không tương ưng với cứu cánh. Này năm Tỳ-kheo, xả bỏ hai cực đoan ấy, có con đường giữa, thành minh, thành trí, thành tựu định, đạt đến tự tại, đưa đến trí, đưa đến giác, dẫn đến Niết-bàn. Đó là tám con đường chân chánh, từ chánh kiến cho đến chánh định là tám.

"Rồi Ta lần lượt giáo hóa năm Tỳ-kheo. Khi giáo hóa cho hai người thì ba người đi khất thực. Ba người mang thức ăn về cho đủ sáu người ăn. Khi giáo hóa cho ba người thì hai người đi khất thực. Hai người mang thức ăn về cho đủ sáu người ăn. Ta giáo hóa như vậy, họ tìm cầu sự không bệnh, vô thượng an ổn Niết-bàn. Và đạt được sự không bệnh, vô thượng an ổn Niết-bàn. Tìm cầu sự không già, không chết, không sầu bi ưu não, không tạp uế, vô thượng an ổn Niết-bàn, và đạt được sự không già, không chết, không sầu bi ưu não, không tạp uế và vô thượng an ổn Niết-bàn; sanh tri, sanh kiến, định đạo phẩm pháp, 'Sự

---

22. Hán: khanh ư ngã ———C Pāli: āvusovādena ca samudācaranti, họ xưng hô với Ta là "āvuso" (Bạn, hay Hiền giả).

sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, biết như thật không còn tái sanh nữa'.

"Rồi Thế Tôn lại nói với họ rằng:

"–Này năm Tỳ-kheo, có năm thứ công đức của dục, khả ái, khả lạc, khả ý, khả niệm, hoàn toàn tương ưng với dục. Đó là sắc được biết bởi mắt, tiếng được biết bởi tai, hương được biết bởi mũi, vị được biết bởi lưỡi, xúc được biết bởi thân. Này năm Tỳ-kheo, phàm phu ngu si, không đa văn, không gặp thiện hữu, không biết Thánh pháp, không điều ngự trong Thánh pháp, chúng xúc chạm, đắm nhiễm, tham ái, dính trước, kiêu ngạo mà thọ nhập, không biết sự nguy hiểm, không thấy sự xuất yếu. Nên biết chúng nghe theo ác ma, làm theo ác ma, rơi vào ác ma, bị lưới ma quấn chặt, bị cùm ma khóa chặt, không thoát khỏi sự trói buộc của ma. Này năm Tỳ-kheo, cũng như nai rừng bị dây buộc chặt nên biết nó phải nghe theo thợ săn, làm theo thợ săn, rơi vào tay thợ săn, bị lưới thợ săn quấn chặt, khi thợ săn đến, không thể trốn thoát. Cũng vậy, năm Tỳ-kheo, phàm phu ngu si, không đa văn, không gặp thiện hữu, không biết Thánh pháp, không điều ngự trong Thánh pháp, chúng đối với năm thú diệu dục mà xúc chạm, đắm nhiễm, tham ái, dính trước, kiêu ngạo, lăn xả vào, thọ dụng mà không thấy sự nguy hiểm, không thấy sự xuất yếu. Nên biết, chúng phải nghe theo ác ma, làm theo ác ma, rơi vào tay ác ma, bị lưới ma quấn chặt, bị dây ma trói xiết, không thoát khỏi sự trói buộc của ma. Này năm Tỳ-kheo, Đa văn Thánh đệ tử, gặp thiện tri thức, hiểu biết Thánh pháp, điều ngự trong Thánh pháp, những vị ấy đối với năm diệu dục, không xúc, không nhiễm, không tham, không trước, cũng không kiêu ngạo mà thọ nhập, mà thấy sự nguy hiểm, thấy sự xuất yếu. Nên biết, họ không nghe theo ác ma, không làm theo ác ma, không bị rơi vào tay ác ma, không bị lưới ma quấn chặt, không bị dây ma trói siết, bèn thoát khỏi sự trói buộc của ma. Này năm Tỳ-kheo, cũng như nai rừng thoát khỏi trói buộc, nên biết nó không phải nghe theo thợ săn, không phải làm theo thợ săn, không rơi vào tay thợ săn, không bị lưới thợ săn quấn chặt, không bị dây thợ săn buộc siết. Khi thợ săn đến, nó có thể trốn thoát. Cũng vậy, này năm Tỳ-kheo, Đa văn Thánh đệ tử gặp thiện tri thức, hiểu biết Thánh pháp, điều ngự trong Thánh pháp, vị ấy đối với năm công đức của dục không xúc, không nhiễm, không tham không trước, cũng không kiêu ngạo mà thọ nhập, mà thấy sự nguy hiểm, thấy sự xuất yếu. Nên biết những người ấy không phải nghe theo ác ma, không phải làm theo ác ma, không rơi vào tay ma, không bị lưới ma quấn chặt, không bị dây ma buộc siết, bèn thoát khỏi sự trói buộc của ma. Này năm Tỳ-kheo, nếu lúc Như Lai xuất hiện trong thế gian, là Bậc Vô Sở Trước, Minh Hạnh Thành Tựu, Đẳng Chánh Giác, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, là Phật, Chúng Hựu. Vị ấy đoạn trừ cho đến năm triền cái, những thứ làm tâm tạp uế, tuệ yếu kém, ly dục, ly ác bất thiện pháp cho đến chứng đắc Tứ thiền thành tựu an trụ.

Vị ấy với định tâm thanh tịnh, như vậy, không uế, không phiền, nhu nhuyến, an trụ vững vàng, đạt đến bất động tâm, tu học và tác chứng Lậu tận trí thông. Vị ấy biết như thật đây là Khổ, biết như thật đây là Khổ tập, biết như thật đây là Khổ diệt, đây là Khổ diệt đạo. Biết như thật đây là lậu, đây là lậu tập, đây là lậu diệt, đây là lậu diệt đạo. Vị ấy biết như vậy, thấy như vậy, tâm giải thoát dục lậu, tâm giải thoát hữu lậu, vô minh lậu. Giải thoát rồi biết mình đã giải thoát, biết như thật rằng 'Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa'. Vị ấy bây giờ tự tại đi, tự tại đứng, tự tại ngồi, tự tại nằm. Vì sao vậy? Vị ấy đã tự mình thấy rõ vô lượng pháp ác bất thiện đã diệt tận. Cho nên, vị ấy tự tại đi, tự tại đứng, tự tại ngồi, tự tại nằm. Này năm Tỳ-

kheo, cũng như trong khu rừng vắng, nơi không có bóng người, ở đó nai rừng tự tại đi, tự tại đứng, tự tại ngồi, tự tại nằm. Vì sao vậy? Nai rừng ấy không nằm trong cảnh giới của thợ săn. Cho nên nó tự tại đi, tự tại đứng, tự tại ngồi, tự tại nằm. Cũng vậy, này năm Tỳ-kheo, Tỳ-kheo lậu tận, chứng đắc vô lậu, tâm giải thoát, tuệ giải thoát, biết như thật 'Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa'. Vị ấy lúc bấy giờ tự tại đi, tự tại đứng, tự tại ngồi, tự tại nằm. Vì sao vậy? Vì vị ấy tự mình thấy vô lượng pháp ác bất thiện đã diệt tận, cho nên tự tại đi, tự tại đứng, tự tại ngồi, tự tại nằm. Này năm Tỳ-kheo, đó gọi là giải thoát vô dư, đó gọi là sự không bệnh, vô thượng an ổn Niết-bàn. Đó gọi là sự không già không chết, không sầu bi ưu não, không tạp uế, vô thượng an ổn Niết-bàn."

Đức Phật thuyết như vậy, Tôn giả A-nan và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

❑

205. KINH NGŨ HẠ PHẦN KẾT[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng, vườn Cấp cô độc.

Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo rằng:

"Ta đã từng nói năm hạ phần kết[2], các ngươi có thọ trì chăng?"

Các Tỳ-kheo im lặng không trả lời. Thế Tôn lại hỏi đến lần thứ ba:

"Ta đã từng nói năm hạ phần kết, các ngươi có thọ trì chăng?"

Các Tỳ-kheo im lặng không trả lời đến lần thứ ba. Lúc bấy giờ Tôn giả Man Đồng tử[3], từ chỗ ngồi đứng dậy, chắp tay hướng về Phật bạch rằng:

"Thế Tôn đã từng nói năm hạ phần kết. Con có thọ trì."

Thế Tôn hỏi:

"Này Man Đồng tử, Ta đã từng nói năm hạ phần kết, ngươi có thọ trì chăng?"

Tôn giả Man Đồng tử đáp:

"Thế Tôn nói dục là hạ phần kết thứ nhất, con thọ trì như vậy. Nhuế, thân kiến, giới thủ và nghi, Thế Tôn nói nghi là hạ phần kết thứ năm, con thọ trì như vậy."

Thế Tôn quở rằng:

"Man Đồng tử, ngươi sao lại thọ trì rằng Ta nói năm hạ phần kết như vậy? Man Đồng tử, ngươi nghe từ miệng ai mà thọ trì rằng Ta nói năm hạ phần kết như vậy?"

"Này Man Đồng tử, há không phải số đông các người dị học cật vấn chỉ trích ngươi với thí dụ về trẻ nít sơ sanh này chăng? Này Man Đồng tử, con nít mới sanh mềm yếu, nằm ngủ, trong ý còn không có ý tưởng về dục tưởng, há lại có quấn chặt nơi dục chăng? Nhưng kết sử nằm trong bản tính[4] của chúng nên nói là dục sử[5]. Này Man Đồng tử, con nít mới sanh, mềm yếu, nằm ngửa mà ngủ, ý tưởng về chúng sanh còn không có, há lại có tâm về quấn chặt nơi sân nhuế chăng? Nhưng do kết sử nằm trong bản tính của nó, nên nói là nhuế sử[6]. Này Man Đồng tử, con nít mới sanh mềm yếu, nằm ngửa mà ngủ, ý tưởng về tự thân còn không có, há lại có quấn chặt nơi thân chăng? Nhưng do kết sử ở nơi bản

---

1. Tương đương Pāli: M.64. Mahā-Māluṅkya-suttaṃ.
2. Ngũ hạ phần kết ——U———C *Hạ phần*, chỉ cho Dục giới, năm loại kết sử đưa đến sự tái sanh ở dục giới. Cũng gọi là *Ngũ thuận hạ phần kết*. Pāli: Pañc'orambhāgiyāni saṃyojanāni.
3. Man Đồng tử ———l–C Pāli: Māluṅkyāputta, con một đại thần của vua nước Kosala. Trước kia Tôn giả tu theo ngoại đạo. Sau tu theo Phật và chứng đắc A-la-hán. Kinh này tất nhiên được nói trước khi Tôn giả chứng A-la-hán.
4. Nguyên Hán: bỉ tính sử cố. Pāli: anusetvevassa kāmarāgānusayo, dục ái tùy miên tiêm phục nơi nó. Pāli dùng động từ anuseti (nằm ngủ, tiềm phục) nêu rõ ý nghĩa phiền não được gọi là tùy miên (anusaya).
5. Dục sử ———F Pāli: kāmarāgānusayo, dục ái tùy miên.
6. Nhuế sử –}——F Pāli: vyāpādānusayo, sân tùy miên.

tính của nó nói là thân kiến sử[7]. Này Man Đồng tử, con nít mới sanh mềm yếu, nằm ngửa mà ngủ, ý tưởng về giới còn không có há lại có tâm quấn chặt nơi giới chăng? Nhưng do kết sử nơi bản tính của nó nên nói là giới thủ sử[8]. Này Man Đồng tử, con nít mới sanh mềm yếu, ý tưởng về pháp còn không có, há lại có tâm quấn chặt nơi pháp chăng? Nhưng do kết sử nơi bản tính của nó nên nói là nghi sử[9]. Há không phải số đông các dị học đem thí dụ con nít mới sanh này mà chỉ trích cật vấn ngươi chăng?"

Lúc bấy giờ, Tôn giả Man Đồng tử bị Thế Tôn quở trách ngay mặt, trong lòng rầu rĩ, cúi đầu im lặng, không còn lời lẽ biện bạch, suy nghĩ mông lung. Thế Tôn sau khi mắng Tôn giả Man Đồng tử ngay mặt rồi, ngồi im lặng. Lúc ấy Tôn giả A-nan đứng sau Thế Tôn, cầm quạt quạt Phật. Rồi Tôn giả A-nan chắp tay hướng về Đức Phật, bạch:

"Bạch Thế Tôn, hôm nay thật đúng lúc, bạch Thiện Thệ nay thật đúng lúc, nếu nói cho các Tỳ-kheo nghe năm hạ phần kết. Các Tỳ-kheo sau khi nghe Thế Tôn dạy sẽ khéo léo thọ trì."

Thế Tôn nói:

"Này A-nan, hãy lắng nghe, hãy khéo tư niệm."

Tôn giả A-nan bạch Phật:

"Xin vâng lời lắng nghe."

Phật nói:

"A-nan, ở đây có một hạng người bị dục quấn chặt. Dục tâm sanh rồi mà không biết như thật về sự xả ly; do không biết như thật về sự xả ly, nên tham dục càng tăng thạnh, không thể chế trừ. Đó là hạ phần kết.

"A-nan, ở đây có một hạng người bị nhuế quấn chặt. Nhuế tâm sanh rồi mà không biết như thật về sự xả ly. Do không biết như thật xả ly sân nhuế càng tăng thạnh, không thể chế trừ. Đó là hạ phần kết.

"A-nan, ở đây có một hạng người bị thân kiến quấn chặt. Thân kiến tâm sanh rồi mà không biết như thật về sự xả ly. Do không biết như thật xả ly, thân kiến càng tăng thạnh, không thể chế trừ. Đó là hạ phần kết.

"A-nan, ở đây có một hạng người bị giới thủ quấn chặt. Giới thủ tâm sanh rồi mà không biết như thật về sự xả ly. Do không biết như thật xả ly, giới thủ càng tăng thạnh. Không thể chế trừ. Đó là hạ phần kết.

"A-nan, ở đây có một hạng người bị nghi quấn chặt. Nghi tâm sanh rồi mà không biết như thật về sự xả ly, nghi càng tăng thạnh. Không thể chế trừ. Đó là hạ phần kết.

"Này A-nan, y trên đạo, y trên đạo tích để đoạn trừ năm hạ phần kết. Nếu không y trên đạo này, không y trên đạo tích này mà đoạn trừ được năm hạ phần kết, trường hợp này không thể có.

"A-nan, cũng như có người muốn tìm một cái gì chắc thật[10]. Vì để tìm cái gì chắc thật nên xách búa vào rừng, và người ấy thấy một gốc cây đã đầy đủ rễ, thân, cành, lá và lõi. Nhưng nếu người ấy không chặt nơi rễ nơi thân mà tìm được cái gì chắc thật mang về, thì trường hợp này không thể có. Cũng vậy, này A-nan, phải y trên đạo, y trên đạo tích để đoạn trừ năm hạ phần kết. Nếu không y trên đạo này, không y trên tích này mà đoạn trừ

---

7. Thân kiến sử ———F Pāli: sakkāyadiṭṭhānusayo, hữu thân kiến tùy miên.
8. Giới thủ sử ———F Pāli: sīlabbataparāmāsānusayo, giới cấm thủ tùy miên.
9. Nghi sử ——F Pāli: vicikicchānusayo, nghi tùy miên.
10. Thật —F Pāli: sāra, vừa có nghĩa *chắc thật*, vừa có nghĩa *lõi cây*.

được năm hạ phần kết, trường hợp này không thể có.

"Này A-nan, y trên đạo, y trên đạo tích để đoạn trừ năm hạ phần kết. Nếu ai y trên đạo này, y trên tích này mà đoạn trừ năm hạ phần kết, trường hợp này tất có.

"A-nan, cũng như một người muốn tìm cái gì chắc thật. Vì để tìm cái gì chắc thật, nên xách búa vào rừng, và người ấy thấy một gốc cây đã đầy đủ rễ, thân, cành, và lá với lõi. Nếu người ấy chặt nơi rễ, nơi thân và được cái chắc thật để mang về, trường hợp này chắc có. Cũng vậy này A-nan, y trên đạo và y trên tích để đoạn trừ năm hạ phần kết. Nếu ai y trên đạo này và y trên tích này mà đoạn trừ được năm hạ phần kết trường hợp này tất có.

"Này A-nan, y trên đạo nào, y trên tích nào để đoạn trừ năm hạ phần kết? A-nan, hoặc có một hạng người bị dục quấn chặt. Nếu dục triền đã sanh, liền biết như thật về sự xả ly; biết như thật về sự xả ly rồi dục triền nơi người ấy liền diệt. A-nan, ở đây một người bị nhuế quấn chặt; nếu nhuế triền phát sanh, liền biết như thật về sự xả ly. Nếu biết như thật về sự xả ly rồi, nhuế triền nơi người ấy liền diệt. A-nan ở đây có một người bị thân kiến quấn chặt. Nếu thân kiến đã quấn chặt, liền biết như thật về sự xả ly. Biết như thật về sự xả ly rồi, thân kiến triền nơi người ấy liền diệt. A-nan, ở đây có một người bị giới thủ quấn chặt. Nếu giới thủ triền đã sanh, liền biết như thật về sự xả ly. Biết như thật về sự xả ly rồi, giới thủ triền nơi người ấy liền diệt. A-nan, ở đây một người bị nghi quấn chặt, nếu nghi triền đã sanh, liền biết như thật về sự xả ly. Biết như thật về sự xả ly rồi, nghi triền nơi người ấy liền diệt.

"Này A-nan, y trên đạo này, y trên đạo tích này mà đoạn trừ năm hạ phần kết.

"Này A-nan, cũng như sông Hằng-già với nước chảy tràn lên bờ. Nếu có một người đến, có công việc ở bờ bên kia nên muốn qua sông. Người ấy suy nghĩ rằng, 'Sông Hằng-già này nước chảy tràn lên bờ. Ta có công việc bờ bên kia nên muốn qua sông. Nhưng tự thân ta không đủ sức để bình an lội sang bờ bên kia'. A-nan, nên biết rằng người ấy không đủ sức. Cũng vậy, này A-nan, nếu ai đối với sự chứng giác, với tịch diệt, với Niết-bàn mà tâm không thú hướng, không thanh tịnh, không trụ nơi giải thoát; A-nan, nên biết người ấy cũng giống như người gầy yếu không sức lực kia.

"A-nan, cũng như sông Hằng-già với nước chảy tràn lên bờ. Nếu có một người đến, có công việc ở bờ bên kia nên muốn qua sông. Người ấy nghĩ rằng, 'Sông Hằng-già này với nước chảy tràn lên bờ. Ta có công việc ở bờ bên kia. Tự thân ta đủ sức để bình an lội qua bờ bên kia'. A-nan, nên biết rằng người ấy đủ sức. Cũng vậy, này A-nan, nếu ai đối với sự chứng giác, với tịch diệt, với Niết-bàn, mà có tâm thú hướng, thanh tịnh mà trụ nơi giải thoát; A-nan, nên biết, người này cũng như người có sức lực kia.

"Này A-nan, cũng giống như giòng nước lũ[11] rất sâu, rất rộng, chảy xiết, cuốn trôi nhiều thứ, mà ở quãng giữa không thuyền, không cầu, giả sử có một người đến, có công việc ở bờ bên kia, nên tìm cách để qua. Khi tìm cách để qua, người ấy nghĩ rằng, 'Nay giòng nước lũ này rất sâu, rất rộng, chảy xiết, cuốn trôi mọi thứ, ở khoảng giữa lại không có thuyền, không cầu để có thể qua. Với phương tiện để ta có thể bình an sang bờ bên kia. Ta có công việc ở bờ bên kia cần đi qua. Với phương tiện nào để ta có thể bình an qua bờ bên kia?' Rồi người ấy lại nghĩ rằng, 'Bây giờ ở bờ bên này ta hãy thu lượm cỏ, cây buộc lại mà làm chiếc bè để bơi sang'. Người ấy bèn ở bên này thu lượm cỏ cây buộc lại làm thành chiếc bè, rồi bình an bơi sang bờ bên kia. Cũng vậy, này A-nan, nếu có Tỳ-kheo

11. Nguyên Hán: sơn thủy, nước trên núi đổ xuống. Xem thí dụ về chiếc bè trong kinh 200 trên.

phan duyên vào sự yểm ly, y trên sự yểm ly, an trụ nơi yểm ly, do làm an tịnh thân ác, do tâm nhập ly định, ly dục, ly ác bất thiện pháp, có giác có quán, có hỷ lạc do ly dục sanh, chứng đắc Sơ thiền thành tựu an trụ. Vị ấy y trên xứ này mà quán sát sự hưng suy của thọ. Vị ấy y trên xứ này mà quán sát sự hưng suy của thọ rồi, an trụ nơi đó, tất chứng đắc Lậu tận. Giả sử trụ nơi đó mà không chứng đắc Lậu tận, tất sẽ thăng tiến và đạt đến Tịch tịnh xứ.

"Rồi vị ấy giác quán tịch tịnh, nội tĩnh, nhất tâm, không giác không quán, hỷ lạc do định sanh, chứng đắc Nhị thiền, thành tựu an trụ. Vị ấy y trên xứ này mà quán sát sự hưng suy của thọ. Vị ấy sau khi y trên xứ này mà quán sát sự hưng suy của thọ rồi, an trụ nơi đó tất chứng đắc Lậu tận. Giả sử an trụ nơi đó mà không chứng đắc Lậu tận, tất sẽ thăng tiến và đạt đến Tịch tịnh xứ.

"Thế nào là thăng tiến và đạt đến Tịch tịnh xứ? Vị ấy ly hỷ dục, xả, vô cầu, an trụ với chánh niệm chánh trí, thân cảm thọ lạc, điều mà Thánh nói là được Thánh xả, với niệm an trú lạc, chứng đắc Tam thiền, thành tựu an trụ. Vị ấy y trên xứ này mà quán sát sự hưng suy của thọ. Vị ấy sau khi y trên xứ này mà quán sát sự hưng suy của thọ rồi, an trụ nơi đó tất chứng đắc Lậu tận. Giả sử an trụ nơi đó mà không chứng đắc Lậu tận, tất sẽ thăng tiến và đạt đến Tịch tịnh xứ.

"Thế nào là thăng tiến và đạt đến Tịch tịnh xứ? Vị ấy diệt lạc, diệt khổ, ưu hỷ vốn cũng đã diệt, không lạc, không khổ, xả niệm thanh tịnh, chứng đắc đệ Tứ thiền, thành tựu an trụ. Vị ấy y trên xứ này mà quán sát sự hưng suy của thọ. Vị ấy sau khi y trên xứ này mà quán sát sự hưng suy của thọ rồi, an trụ nơi đó tất chứng đắc Lậu tận. Giả sử an trụ nơi đó mà không chứng đắc Lậu tận, tất sẽ thăng tiến và đạt đến Tịch tịnh xứ.

"Thế nào là thăng tiến và đạt đến Tịch tịnh xứ? Vị ấy vượt qua tất cả sắc tưởng, diệt hữu ngại tưởng[12], không suy niệm đến bất cứ loại tưởng nào, nhập vô lượng không, chứng vô lượng không xứ, thành tựu an trụ. Vị ấy y trên xứ này mà quán sát sự hưng suy của thọ. Vị ấy sau khi y trên xứ này mà quán sát sự hưng suy của thọ rồi, an trụ nơi đó tất chứng đắc Lậu tận. Giả sử an trụ nơi đó mà không chứng đắc Lậu tận tất sẽ thăng tiến và đạt đến Tịch tịnh xứ.

"Thế nào là thăng tiến và đạt đến Tịch tịnh xứ? Vị ấy vượt qua tất cả vô lượng không xứ, nhập vô lượng thức, chứng vô lượng thức xứ, thành tựu an trụ. Vị ấy y trên xứ này mà quán sát sự hưng suy của thọ. Vị ấy sau khi y trên xứ này mà quán sát sự hưng suy của thọ rồi, an trụ nơi đó tất chứng đắc Lậu tận. Giả sử an trụ nơi đó mà không chứng đắc Lậu tận, tất sẽ thăng tiến và đạt đến Tịch tịnh xứ.

"Thế nào là thăng tiến và đạt đến Tịch tịnh xứ? Vị ấy vượt qua tất cả vô lượng thức xứ, nhập vô sở hữu, chứng vô sở hữu xứ, thành tựu an trụ. Nơi vị ấy nếu có những cảm thọ nào, hoặc lạc, khổ, hoặc không lạc, không khổ, vị ấy quán sát cảm thọ này là vô thường, quán hưng suy, quán vô dục, quán diệt, quán đoạn, quán xả. Vị ấy sau khi như vậy quán thọ này là vô thường, quán hưng suy, quán vô dục, quán diệt, quán đoạn, quán xả rồi, liền không còn chấp thủ đối với thế gian này[13]. Sau khi không còn chấp thủ đối với thế gian này, liền không sợ hãi. Do không sợ hãi mà nhập Niết-bàn. Biết như thật 'Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa'.

---

12. *Hữu ngại tưởng*; những nơi khác cũng trong bản Hán này, nói là *hữu đối tưởng*. Những tưởng tương ưng với nhãn thức thuộc *sắc tưởng*. Những tưởng tương ưng với bốn thức tiếp theo thuộc *hữu đối tưởng*, (giải thích của Pháp Uẩn 8, No.1537, Đại tr.488c).

13. Một vị đã diệt trừ *năm hạ phần kết*, sẽ không còn nguyên nhân để tái sanh *(chấp thủ* hay *thọ)* dục giới.

"Cũng như cách thôn không xa có một bụi chuối to lớn, nếu có một người xách búa đến đốn ngã cây chuối, xẻ thành mảnh, xả làm mười phần, hoặc làm trăm phần. Sau khi xả làm mười phần hoặc trăm phần rồi, bèn vạch từng sợi, nhưng mắt chuối không tìm thấy, há lại tìm thấy lõi được sao? A-nan, cũng vậy, Tỳ-kheo nếu có những cảm thọ nào, hoặc lạc, hoặc khổ, hoặc không khổ không lạc, vị ấy quán cảm thọ này là vô thường, quán hưng suy, quán vô dục, quán diệt, quán đoạn, quán xả. Vị ấy sau khi như vậy, quán sát thọ này là vô thường, quán hưng suy, quán vô dục, quán diệt, quán đoạn quán xả rồi, liền không còn chấp thủ đối với thế gian này. Sau khi không còn chấp thủ đối với thế gian này, liền không sợ hãi. Do không sợ hãi mà nhập Niết-bàn. Biết như thật rằng 'Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa'."

Lúc bấy giờ Tôn giả A-nan chắp tay hướng về Đức Phật mà bạch:

"Bạch Thế Tôn! Kỳ lạ thay! Hy hữu thay! Thế Tôn vì các Tỳ-kheo y trên y, thiết lập y, giảng thuyết về sự xả ly lậu, nói về sự vượt qua lậu. Nhưng các Tỳ-kheo không nhanh chóng chứng đắc vô thượng, nghĩa là đạt đến cứu cánh diệt tận."

Thế Tôn nói:

"Thật vậy, A-nan! Thật vậy, A-nan! Thật là kỳ lạ. Thật là hy hữu, Ta vì các Tỳ-kheo, y trên y, thiết lập y, nói về sự xả ly lậu, nói về sự vượt qua lậu. Nhưng các Tỳ-kheo không nhanh chóng vượt chứng đắc vô thượng, nghĩa là đạt đến cứu cánh diệt tận. Vì sao vậy? Vì sự thắng liệt nơi mỗi người cho nên sự tu học có tinh, có thô. Do sự tu học đạo có tinh có thô, cho nên mỗi người có sự thắng liệt khác nhau. A-nan, vì vậy Ta nói mỗi người có sự thắng liệt khác nhau."

Phật thuyết như vậy. Tôn giả A-nan và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

❑

206. KINH TÂM UẾ[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng, vườn Cấp cô độc.

Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo rằng:

"Nếu Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo-ni nào không nhổ sạch năm thứ tạp uế[2] trong tâm, không cởi bỏ năm sự trói buộc[3] trong tâm, thì Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo-ni đó được nói đến với pháp tất thối.

"Thế nào là không nhổ sạch năm thứ tạp uế trong tâm?

"Ở đây có một hạng người nghi ngờ Thế Tôn, do dự, không ngộ nhập, không quyết đoán, không tịnh tín[4]. Nếu hạng người nào nghi ngờ Thế Tôn, do dự, không ngộ nhập, không quyết đoán, không tịnh tín. Đó gọi là không nhổ sạch loại tâm tạp uế thứ nhất, nghĩa là đối với Thế Tôn[5]. Cũng vậy, đối với Chánh pháp, đối với học giới, đối với giáo huấn[6], hoặc đối với những vị đồng phạm hạnh, được Thế Tôn khen ngợi mà sân nhuế, mạ lỵ, lăng nhục, xúc não, xâm hại, không ngộ nhập, không quyết đoán, không tịnh tín, đó là loại tâm tạp uế thứ năm không được nhổ sạch, nghĩa là đối với các vị đồng phạm hanh.

"Thế nào là không cởi bỏ năm sự trói buộc trong tâm?

"Ở đây có một hạng người thân chưa ly nhiễm, chưa ly dục, chưa ly khát, chưa ly ái. Nếu ai thân chưa ly nhiễm, không ly dục, không ly ái, không ly khát, người ấy tâm không thú hướng, không tịnh tín, không an trụ, không thắng giải[7] trong nỗ lực tinh tấn[8], và chuyên cần tĩnh tọa. Nếu ai có tâm này, không thú hướng, không tịnh tín, không an trụ, không thắng giải trong nỗ lực tinh tấn và chuyên cần tĩnh tọa đó gọi là tâm phược thứ nhất, nghĩa là nơi thân.

"Lại nữa, nếu ai đối với dục mà không ly nhiễm, không ly dục, không ly ái, không ly khát, vị ấy tâm không thú hướng, không tịnh tín, không an trụ, không thắng giải trong nỗ lực tinh tấn và chuyên cần tĩnh tọa. Nếu ai có tâm này, không thú hướng, không tịnh tín, không an trụ, không thắng giải trong nỗ lực tinh tấn và chuyên cần tĩnh tọa đó gọi là tâm

---

1. Tương đương Pāli: M.16. Cetekhila-suttaṃ. Tham chiếu *Tập Dị Môn Luận 12* (No.1536, Đại 26 tr.416b-19c: "Ngũ tâm tài, và ngũ tâm phược".)
2. Uế ═══F *Tập Dị Môn Luận*, sđd., nt.: Tài ═ cọc nhọn. Pāli: khīla
3. Phược ═══A xem cht. 1 trên. Pāli: cetasovinibandha.
4. Bất khai ý, bất giải ý, ý bất tĩnh ═══}═N═══N═N═══R═F *Tập dị* (sđd., nt.): Bất ngộ nhập, vô thắng giải, vô tịnh tín, Ý bất tĩnh ═N═══R═A ý không ổn định, không tin tưởng. Pāli: nādhimuccati na sampasīdati.
5. Tập Dị (sđd., nt.): "Đối với Đại sư mà cọc nhọn trong tâm chưa đoạn, chưa biến tri."
6. Giáo ═══C Trong bản Pāli, thứ ba, Saṃghe kaṅkhati, nghi ngờ Tăng, thứ tư, sikkhāya kaṅkhati, nghi ngờ học giới.
7. Được hiểu là không có sự quyết tâm.
8. Nguyên Hán: tự phương tiện đoạn ═══K═_═C

phược thứ hai, nghĩa là nơi dục.

"Lại nữa, có một hạng người, đối với điều được nói tương ưng với Thánh nghĩa, nhu nhuyến, không triền cái mà nghi hoặc, nghĩa là nói về giới, định, giải thoát, giải thoát tri kiến, nói về tổn giảm, nói về sự không tụ hội, nói về sự thiếu dục, nói về diệt, nói về tĩnh tọa nói về duyên khởi; những điều như vậy được Tỳ-kheo hay Sa-môn nói, nhưng tâm không thú hướng, không tịnh tín, không an trụ, không thắng giải trong nỗ lực tinh tấn và chuyên cần tĩnh tọa. Nếu ai có tâm này, không thú hướng, không tịnh tín, không an trụ, không thắng giải, không tinh tấn, không tĩnh tọa, đó gọi là loại tâm phược thứ ba, nghĩa là đối với thuyết.

"Lại nữa, thường tụ hội chung với đạo hay tục, náo loạn, kiêu xa, không học hỏi. Nếu ai thường tụ hội chung với đạo hay tục, náo loạn, kiêu xa, không học hỏi, người ấy tâm không thú hướng, không tịnh tín, không an trụ, không thắng giải trong nỗ lực tinh cần và chuyên cần tĩnh tọa. Nếu ai có tâm này không thú hướng, không tịnh tín, không an trụ, không thắng giải trong nỗ lực tinh tấn và chuyên cần tĩnh tọa, thì đó gọi là loại tâm phược thứ tư, nghĩa là đối với sự tụ hội.

"Lại nữa, với một ít sở đắc mà nửa đường dừng lại không mong cầu thăng tiến. Nếu ai với một ít sở đắc mà nửa đường dừng lại không mong cầu thăng tiến, người đấy tâm không thú hướng, không tịnh tín, không an trụ, không thắng giải trong nỗ lực tinh tấn, và chuyên cần tĩnh tọa. Nếu ai có tâm này, không thú hướng, không tịnh tín, không an trụ, không thắng giải trong nỗ lực tinh tấn, và chuyên cần tĩnh tọa, đó gọi là tâm phược thứ năm, nghĩa là đối với sự thăng tiến.

"Nếu Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo-ni nào không nhổ sạch năm thứ tạp uế trong tâm, và khéo cởi mở năm thứ trói buộc trong tâm, thì Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo-ni ấy được nói đến với pháp tất thối vậy.

"Nếu Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo-ni nào khéo nhổ sạch năm thứ tạp uế trong tâm, và khéo cởi mở năm thứ trói buộc trong tâm, Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo-ni ấy được nói đến với pháp thanh tịnh.

"Thế nào là Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo-ni khéo nhổ sạch năm thứ tạp uế trong tâm? Ở đây có một hạng người không nghi ngờ Thế Tôn, không do dự nhưng ngộ nhập, quyết đoán, tịnh tín. Nếu ai không nghi ngờ Thế Tôn, không do dự nhưng ngộ nhập, quyết đoán, tịnh tín, đó là hạng người thứ nhất vậy, đối với Chánh pháp, đối với học giới, đối với giáo huấn. Hoặc đối với những vị đồng phạm hạnh được Thế Tôn khen ngợi mà không sân nhuế, không lăng nhục, không xúc não, không sân hại, có ngộ nhập, quyết đoán, tịnh tín. Đó gọi là hạng người thứ năm khéo nhổ sạch tạp uế trong tâm, nghĩa là đối với các vị đồng phạm hạnh.

"Thế nào là khéo cởi mở năm thứ trói buộc trong tâm?

"Ở đây có một hạng người thân ly nhiễm, ly dục, ly ái, ly khát. Nếu ai thân ly nhiễm, ly dục, ly ái, ly khát, người ấy có tâm thú hướng, tịnh tín, an trụ, thắng giải, nỗ lực tinh tấn, chuyên cần tĩnh tọa. Đó gọi là hạng người thứ nhất khéo cởi mở sự trói buộc trong tâm, nghĩa là đối với thân.

"Lại nữa, đối với dục mà ly nhiễm, ly dục, ly ái, ly khát. Nếu ai đối với dục mà ly nhiễm, ly dục, ly ái, ly khát, người ấy có tâm thú hướng, tịnh tín, an trụ, thắng giải, nỗ lực tinh tấn, chuyên cần, tĩnh tọa. Đó là hạng người thứ hai khéo cởi mở sự trói buộc trong tâm, tức là đối với dục vậy.

"Lại nữa, có một hạng người, đối với những điều được thuyết giảng, tương ưng với Thánh nghĩa, nhu nhuyến, không triền cái, nghi hoặc, nghĩa là nói về giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến, nói về tổn giảm, nói về sự không tụ hội, nói về thiểu dục, nói về tri túc, nói về đoạn trừ, nói về vô dục, nói về diệt, nói về tĩnh tọa, nói về duyên khởi, những điều như vậy được thuyết giảng bởi Sa-môn hay Tỳ-kheo, mà người ấy tâm thú hướng tịnh tín, an trụ, thắng giải, nỗ lực tinh tấn, chuyên cần tĩnh tọa. Nếu ai có tâm này, thú hướng, tịnh tín, an trụ, thắng giải, nỗ lực tinh tấn, chuyên cần tĩnh tọa. Đó là hạng người thứ ba khéo cởi mở sự trói buộc trong tâm, tức là đối với thuyết vậy.

"Lại nữa, không thường tụ hội với đạo hay tục, không náo loạn, không kiêu xa, nhưng học hỏi. Nếu ai không thường tụ hội với đạo hay tục, không náo loạn, không kiêu xa, nhưng học hỏi, người ấy có tâm thú hướng tịnh tín, an trụ, thắng giải, nỗ lực tinh tấn, chuyên cần tĩnh tọa. Đó là hạng người thứ tư khéo cởi mở sự trói buộc trong tâm, tức là đối với sự không tụ hội.

"Lại nữa, với một ít sở đắc mà nửa đường không dừng lại, nhưng mong cầu thăng tiến. Nếu ai với một ít sở đắc mà nửa đường không dừng lại nhưng mong cầu thăng tiến, người ấy tâm thú hướng, tịnh tín, an trụ, thắng giải, nỗ lực, tinh tấn, chuyên cần tĩnh tọa. Đó gọi là hạng người thứ năm khéo cởi mở sự trói buộc trong tâm, tức là đối với sự thăng tiến vậy.

"Nếu Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo-ni nào khéo nhổ sạch năm thứ tạp uế trong tâm khéo cởi mở năm thứ trói buộc trong tâm, Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo-ni ấy được nói đến với pháp thanh tịnh. Vị ấy an trụ nơi mười chi này rồi, lại tu tập thêm năm pháp. Thế nào là năm?

"Tu dục, định thành tựu đoạn như ý túc[9], y trên viễn ly, y trên vô dục, y diệt, y xả, thú hướng phi phẩm. Tu tinh tấn định, tâm định tư duy, thành tựu đoạn như ý túc, y trên viễn ly, y trên vô dục, y diệt y xả, thú hướng phi phẩm, và kham nhiệm là thứ năm. Vị ấy thành tựu kham nhiệm cho đến mười lăm pháp này thành tựu tự thọ[10], chắc chắn đạt đến tri, đến kiến, đến Chánh đẳng chánh giác, đến cửa cam lồ, cận trụ Niết-bàn. Ta nói không có sự kiện không đi đến Niết-bàn.

"Cũng như gà sanh mười trứng, hoặc mười hai trứng, luôn luôn ấp ủ, luôn luôn sưởi ấm, luôn luôn trông chừng. Giả sử con gà mái ấy buông trôi, nhưng bên trong đã có gà con nó sẽ lấy chân mà chọi, lấy mỏ mà mổ vỏ trứng, tự nó bình an chui ra. Nó là con gà con đệ nhất. Cũng vậy, Tỳ-kheo thành tựu, kham nhiệm cho đến mười lăm pháp này, tự thọ, chắc chắn đạt đến tri kiến, đến chánh đẳng giác, đến cửa cam lồ, cận trụ Niết-bàn. Ta nói, không có sự kiện không đi đến Niết-bàn."

Phật thuyết như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

❑

9. Dục định tâm thành tựu đoạn như ý túc ——w———N-_-p-N——R có thể dư chữ *tâm*, hoặc nói là *Dục tam-ma-địa đoạn hành* (hay *thắng hành*) (*thành tựu thần túc*). Thần túc thứ nhất xem kinh 86 trên.

10. Thành tựu tự thọ ——N———A với đầy đủ khả năng (?).

207. KINH TIỄN MAO (I)[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật du hóa tại thành Vương xá, ở Trúc lâm, vườn Ca-lan-đà cùng đại chúng Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi người đang an cư mùa mưa.

Bấy giờ trải qua đêm, lúc vừa sáng, Thế Tôn mang y cầm bát vào thành Vương xá để khất thực. Khất thực xong, thu dọn y bát, rửa chân tay, Ngài khoác y ni-sư-đàn trên vai và đi đến vườn Dị học trong rừng Khổng tước[2]. Tại rừng Khổng tước, trong vườn Dị học, bấy giờ có một người Dị học tên là Tiễn Mao[3] là một vị danh đức, là bậc Tông chủ, được nhiều người tôn làm Thầy, có tiếng tăm lớn, nhiều người kính trọng ông đang ở giữa đám đông ồn ào, lớn tiếng, âm thanh huyên náo, luận bàn đủ mọi đề tài súc sanh[4], như: bàn chuyện vua chúa, bàn chuyện trộm cướp, bàn chuyện đấu tranh, bàn chuyện ăn uống, bàn chuyện áo chăn, bàn chuyện phụ nữ, bàn chuyện đàn bà, bàn chuyện con gái, bàn chuyện dâm nữ, bàn chuyện thế gian, bàn chuyện tà đạo, bàn chuyện trong biển; đại loại như thế, chúng tụ tập luận bàn đủ mọi đề tài súc sanh.

Dị học Tiễn Mao thấy Phật từ xa đến, dặn dò chúng của mình rằng: "Này các ông, hãy ngồi im lặng, người đang đến kia là Sa-môn Cù-đàm. Đồ chúng của ông ấy im lặng, thường ưa sự im lặng, khen ngợi sự im lặng. Ông ấy nếu thấy chúng ta im lặng, có thể sẽ đến thăm."

Dị học Tiễn Mao dặn chúng im lặng, chính mình cũng im lặng mà ngồi.

Thế Tôn đi đến chỗ Dị học Tiễn Mao. Dị học Tiễn Mao liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch vai áo, chắp tay mà bạch Phật rằng:

"Kính chào Sa-môn Cù-đàm, Sa-môn Cù-đàm đã lâu không đến đây. Mời Ngài ngồi xuống chỗ này."

Thế Tôn liền ngồi xuống chỗ ngồi Tiễn Mao đã trải sẵn. Dị học Tiễn Mao và Thế Tôn sau khi cùng nhau chào hỏi, rồi lui ngồi một bên.

Thế Tôn hỏi rằng: "Ưu-đà-di[5], các ông vừa bàn luận những gì, do việc gì mà cùng nhóm họp ở đây?"

Dị học Tiễn Mao đáp rằng:

"Bạch Cù-đàm, xin bỏ qua vấn đề này. Vấn đề này không hay ho gì. Sa-môn Cù-đàm nếu muốn nghe vấn đề này để sau này nghe cũng không khó gì."

---

1. Bản Hán, quyển 57. Tương đương Pāli, M.77. Mahā-sakuludāyi-suttaṃ.
2. Khổng tước lâm Dị học viên 孔雀林異學園 khu vườn cho các du sĩ, rừng nuôi công. Pāli: Moranivāpa paribbājakārāma.
3. Tiễn Mao 翦毛 Pāli: Sakuḷudāyi, và kể thêm tên hai du sĩ khác: Varadhara, Anugāra.
4. Súc sanh luận 畜生論 Pāli: tiracchāna-kathā, luận bàn phiếm, vô ích. Đoạn kế kể các đề tài được nói là súc sanh luận.
5. Ưu-đà-di 優陀夷 tức tên gọi lược của Tiễn Mao; xem cht.3 trên. Pāli: Udāyi.

Thế Tôn hỏi như vậy ba lần rằng:

"Ưu-đà-di, các ông vừa bàn luận những vấn đề gì? Do việc gì mà cùng nhóm họp nơi đây?"

Dị học Tiễn Mao cũng đáp lại ba lần rằng:

"Bạch Cù-đàm, xin bỏ qua vấn đề này. Nó không hay ho gì. Sa-môn Cù-đàm nếu muốn nghe sau này nghe cũng không khó. Nhưng Sa-môn Cù-đàm ba lần muốn nghe, nay tôi phải nói.

"Bạch Cù-đàm, chúng tôi cùng với số đông các Phạm chí nước Câu-tát-la cùng tụ tập ngồi ở học đường Câu-tát-la[6] bàn luận như vầy, "Thật tốt đẹp và lợi ích cho dân nước Ương-già Ma-kiệt-đà[7]! Thật tốt đẹp và lợi ích cho người nước Ương-già Ma-kiệt-đà! Chúng Đại phước điền[8] như thế cùng an cư mùa mưa tại thành Vương xá.

"Đó là có ngài Phất-lan Ca-diếp[9]. Vì sao? Bạch Cù-đàm, Phất-lan Ca-diếp là bậc Tông chủ danh đức, làm Thầy mọi người, có tiếng tăm lớn, mọi người kính trọng, lãnh đạo đồ chúng lớn, được năm trăm dị học tôn trọng, cùng an cư mùa mưa tại thành Vương xá này.

"Cũng vậy, Ma-tức-ca-lợi Cù-xá-lợi Tử, Sa-nhã Bệ-la-trì Tử, Ni-kiền Thân Tử, Ba-phục Ca-chiên, A-di-đa Kê-xá Kiếm-bà-lợi. Bạch Cù-đàm, A-di-đa Kê-xá Kiếm-bà-lợi là danh đức Tông chủ, làm Thầy mọi người, có tiếng tăm lớn, mọi người đều kính trọng, thống lãnh đồ chúng lớn, được năm trăm dị học tôn trọng, cùng an cư mùa mưa ở thành Vương xá.

"Vừa rồi cùng bàn đến Sa-môn Cù-đàm rằng, 'Sa-môn Cù-đàm này là bậc danh đức Tông chủ, làm Thầy mọi người có tiếng tăm lớn, mọi người kính trọng, thống lĩnh đại chúng Tỳ-kheo được một ngàn hai trăm người tôn trọng, cũng cùng nhau an cư mùa mưa tại thành Vương xá này.

"Bạch Cù-đàm, chúng tôi lại nghĩ, 'Nay trong các Sa-môn, Phạm chí được tôn trọng này, ai là người được đệ tử cung kính, cúng dường, không bị đệ tử đúng theo pháp mắng nhiếc, cũng không bị đệ tử vấn nạn rằng 'Điều này hoàn toàn không thể có, không tương ưng, không chính đáng'. Nói rồi bỏ đi?'

"Bạch Cù-đàm, chúng tôi lại nghĩ, Phất-lan Ca-diếp này không được đệ tử hầu hạ, tôn trọng, cúng dường, bị đệ tử dùng pháp mà mắng nhiếc, rất nhiều đệ tử nạn vấn rằng 'Điều này hoàn toàn không thể được, không tương ưng, không chính đáng'. Nói rồi bỏ đi.

"Bạch Cù-đàm, thuở xưa Phất-lan Ca-diếp đã có lần ở trong chúng đệ tử giơ tay la lớn, 'Các ông hãy dừng lại! Không có ai đến hỏi các ông. Người ta hỏi tôi, các ông không thể giải quyết việc này, nhưng ta có thể giải quyết được việc này'. Nhưng các đệ tử ngay trong lúc đó lại bàn luận việc khác nữa, không chờ ngươi nói xong vấn đề. Bạch Cù-đàm, chúng tôi lại nghĩ, như vậy, Phất-lan Ca-diếp này không được đệ tử hầu hạ, cung kính, tôn trọng, cúng dường. Bị đệ tử dùng pháp mạ lỵ mắng nhiếc, rất nhiều đệ tử vấn nạn rằng:

---

6. Học đường ━━━C Pāli: Kutūhalasāla, nghị luận đường; chỉ nơi xảy ra cuộc thảo luận.

7. Ương-già Ma-kiệt-đà ━m━━━━━C Pāli: Aṅga-Magadhā, lúc này hai nước đang liên minh chính trị nên gọi chung như vậy.

8. Chúng đại phước điền: những người là ruộng phước lớn, thường chỉ chúng Tỳ-kheo, nhưng ở đây cũng chỉ cho nhóm ngoại đạo khác.

9. Phất-lan Ca-diếp, Pāli: Pūrāṇa-Kassapa và năm vị kế tiếp: Makkhali-Gosāla. Sañjaya-Belaṭṭhiputta, Nigaṇṭha-Nātaputta, Pakudha-Kaccāyana, được mệnh danh là Lục sư ngoại đạo. Về chủ trương của họ, xem kinh Sa-môn quả, No.1 (27) và D. 2.

‘Điều này hoàn toàn không thể được, không tương ưng, không chính đáng’. Nói rồi liền bỏ đi.

“Ma-tức-ca-lợi Cù-xá-lợi Tử, Sa-nhã Bệ-la-trì Tử, Ni-kiền Thân Tử, Ba-phục Ca-chiên, A-di-đa Kê-xá Kiếm-bà-lợi. Cũng vậy, bạch Cù-đàm, chúng tôi lại nghĩ, ‘A-di-đa Kê-xá Kiếm-bà-lợi này, không được đệ tử hầu hạ, cung kính, tôn trọng, cúng dường, bị đệ tử dùng pháp mạ lỵ mắng nhiếc, rất nhiều đệ tử vấn nạn rằng ‘Điều này hoàn toàn không thể được, không tương ưng, không chính đáng’. Nói rồi bỏ đi.

“Bạch Cù-đàm, thuở xưa A-di-đa Kê-xá Kiếm-bà-lợi đã có lần ở trong chúng đệ tử giơ tay la lớn rằng, ‘Các ông hãy dừng lại, không có ai đến hỏi các ông. Người ta hỏi tôi, các ông không thể giải quyết được việc này’. Nhưng các đệ tử ngay trong lúc đó, lại bàn luận việc khác không chờ ngươi nói xong. Bạch Cù-đàm, chúng tôi lại nghĩ, như vậy, A-di-đa Kê-xá Kiếm-bà-lợi, không được đệ tử hầu hạ, cung kính, tôn trọng, cúng dường mà bị đệ tử dùng pháp mạ lỵ mắng nhiếc, rất nhiều đệ tử vấn nạn rằng ‘Điều này hoàn toàn không thể được, không tương ưng, không chính đáng’. Nói rồi bỏ đi.

“Bạch Cù-đàm, chúng tôi lại nghĩ, Sa-môn Cù-đàm này được đệ tử hầu hạ, cung kính, tông trọng, cúng dường, cũng không bị đệ tử vấn nạn rằng ‘Điều này hoàn toàn không thể được, không tương ưng, không chính đáng’. Nói rồi bỏ đi.

“Bạch Cù-đàm, thuở xưa Sa-môn Cù-đàm đã có lần nói pháp tại đại chúng, vô lượng trăm ngàn người vây quanh. Ngay bấy giờ có một người ngủ mà ngáy. Lại có một người bảo người kia rằng ‘Đừng có ngủ ngáy. Ông không muốn nghe Thế Tôn nói pháp vi diệu như cam lồ sao?’ Người kia liền im lặng không gây tiếng động nữa.

“Bạch Cù-đàm, chúng tôi lại nghĩ, như vậy Sa-môn Cù-đàm được đệ tử hầu hạ cung kính, tôn trọng, cúng dường, không bị đệ tử dùng pháp mạ lỵ mắng nhiếc, cũng không bị đệ tử vấn nạn rằng ‘Điều đó hoàn toàn không thể được, không tương ưng, không chính đáng’. Nói rồi liền bỏ đi.”

Thế Tôn nghe rồi liền hỏi Tiễn Mao rằng:

“Ưu-đà-di, ông thấy Ta có bao nhiêu pháp khiến cho các đệ tử hầu hạ cung kính, tôn trọng và cúng dường, thường theo Ta không rời?”

Dị học Tiễn Mao đáp rằng:

“Tôi thấy Cù-đàm có năm pháp khiến đệ tử hầu hạ, cung kính, tôn trọng, cúng dường phụng sự, thường theo không rời. Những gì là năm? Sa-môn Cù-đàm trí túc về thô y, khen ngợi tri túc về thô y. Bởi vì Sa-môn Cù-đàm tri túc về thô y, khen ngợi tri túc về vải thô, nên tôi thấy tri túc đó là pháp thứ nhất mà Sa-môn Cù-đàm có thể khiến cho hàng đệ tử phụng sự cung kính, tôn trọng cúng dường, thường theo không rời.

“Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm tri túc về ăn uống đạm bạc, khen ngợi về tri túc đạm bạc. Bởi vì Sa-môn Cù-đàm tri túc về ăn uống đạm bạc, khen ngợi về tri túc ăn uống đạm bạc, nên tôi thấy Sa-môn Cù-đàm có pháp thứ hai khiến các đệ tử cung kính, tôn trọng cúng dường, phụng sự thường theo không rời.

“Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm ăn ít, khen ngợi sự ăn ít. Vì Sa-môn Cù-đàm ăn ít và khen ngợi sự ăn ít, nên tôi thấy Sa-môn Cù-đàm có pháp thứ ba khiến các đệ tử cung kính tôn trọng, cúng dường phụng sự, thường theo không rời.

“Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm tri túc về chỗ nghỉ ngơi và giường chõng thô sơ, khen ngợi tri túc về chỗ nghỉ ngơi và giường chõng thô sơ. Vì Sa-môn Cù-đàm tri túc như vậy, nên tôi thấy đó là pháp thứ tư mà Sa-môn Cù-đàm có thể khiến các đệ tử cung kính, tôn

trọng, cúng dường, thường theo không rời.

"Lại nữa Sa-môn Cù-đàm tĩnh tọa và ngợi khen tĩnh tọa[10]. Vì vậy tôi thấy đó là pháp thứ năm mà Sa-môn Cù-đàm có thể khiến các đệ tử cung kính, tôn trọng, cúng dường, phụng hành thường theo không rời.

"Đó là năm pháp mà tôi thấy Sa-môn Cù-đàm có thể khiến các đệ tử cung kính, tôn trọng, cúng dường, phụng hành, thường theo không rời."

Thế Tôn bảo rằng:

"Này Ưu-đà-di, Ta không phải do năm pháp ấy mà khiến các đệ tử cung kính tôn trọng, cúng dường thừa sự, thường theo không rời. Này Ưu-đà-di, áo ta mặc được cắt theo con dao Thánh[11] và nhuộm màu sắc xấu xa. Như vậy, y Thánh được nhuộm màu sắc xấu xa. Ưu-đà-di! Nhưng đệ tử Ta cũng có người trọn đời chỉ mặc áo phấn tảo do người ta bỏ, và cũng nói thế này, 'Thế Tôn ta tri túc về thô y', khen ngợi sự tri túc về thô y. Này Ưu-đà-di, nếu đệ tử ta nhận sự tri túc về thô y mà khen ngợi Ta, thì người đó do sự kiện này đã không cung kính tôn trọng, cúng dường phụng sự Ta, cũng không theo Ta.

"Lại nữa, này Ưu-đà-di, Ta ăn đồ ăn gạo nếp, nấu chín và không có hạt xép, vô lượng tạp vị. Ưu-đà-di, nhưng đệ tử Ta có người trọn đời khất thực, ăn đồ ăn đã bỏ, cũng lại nói rằng, 'Thế Tôn ta tri túc về thô thực', khen ngợi tri túc về thô thực. Ưu-đà-di, nếu đệ tử Ta nhân sự tri túc về ăn uống thô sơ, mà khen ngợi Ta, người ấy nhân sự kiện này đã không cung kính, tôn trọng, cúng dường, phụng sự Ta, cũng không theo Ta.

"Lại nữa, Ưu-đà-di, Ta chỉ ăn bằng một trái cây bệ-la[12] hoặc bằng nửa bệ-la. Nhưng đệ tử của Ta có người ăn bằng một câu-tha[13], hoặc bằng nửa câu-tha, cũng nói như vầy, 'Thế Tôn ăn ít, khen ngợi sự ăn ít'. Nếu đệ tử Ta nhân sự ăn ít mà khen ngợi Ta, người ấy do sự kiện này đã không cung kính, tôn trọng, cúng dường, phụng sự và theo Ta.

"Lại nữa, Ưu-đà-di, Ta hoặc ở trên lầu cao, hoặc trên nhà rạp. Ưu-đà-di, nhưng đệ tử của Ta có người trải qua chín mười tháng, suốt đêm ngủ ngoài trời, cũng nói như vầy, 'Thế Tôn của Ta tri túc về chỗ nghỉ ngơi và giường chõng thô sơ, khen ngợi tri túc về chỗ nghỉ ngơi và giường chõng thô sơ'. Ưu-đà-di, nếu đệ tử Ta khen ngợi tri túc về chỗ nghỉ ngơi và giường chõng thô sơ nên khen ngợi Ta, thì người ấy do sự kiện này đã không cung kính, tôn trọng, cúng dường phụng sự Ta và cũng không theo Ta.

"Lại nữa, Ưu-đà-di, Ta thường sống trong sự náo nhiệt giữa Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di. Nhưng đệ tử của Ta có người quá nửa tháng mới nhập chúng một lần vì pháp thanh tịnh[14] cũng nói như vầy, 'Thế Tôn của Ta tĩnh tọa và khen ngợi sự tĩnh tọa'. Ưu-đà-di, nếu đệ tử Ta nhân sự tĩnh tọa mà khen ngợi Ta, vị ấy do sự kiện này đã không cung kính, tôn trọng, cúng dường, phụng sự Ta, cũng không theo Ta.

"Ưu-đà-di, Ta không có năm pháp này, khiến hàng đệ tử cung kính, tôn trọng, cúng dường, phụng sự, thường theo không rời. Ưu-đà-di, Ta lại có năm pháp khác, khiến các đệ tử cung kính, tôn trọng, cúng dường phụng sự, thường theo không rời.

"Những gì là năm? Này Ưu-đà-di, Ta có đệ tử do giới vô thượng[15], khen ngợi Ta

---

10. Yến tọa, ngồi nghỉ ngơi chỗ thanh vắng.
11. Để bản: Thánh lực ▬t▬O▬C Tống-Nguyên-Minh: Thánh đao ▬t▬M▬C
12. Bệ-la thực ▬@▬▬▬C Pāli:veḷuvāhāra, thức ăn bằng trái cây veḷuva, môt loại dưa (tên khoa học Aegle marmelos).
13. Câu-tha thực 拘▬▬▬R kosāhāra, một bát cơm.
14. Pháp thanh tịnh, đây chỉ Giới bổn Tỳ-kheo, Pāli: Pātimokkhuddesāya, để tụng giới bổn Pātimokkha.
15. Vô thượng giới. Pāli: adhisīla, tăng thượng giới.

rằng, 'Thế Tôn có giới, đại giới, lời nói đúng theo việc làm, việc làm đúng theo lời nói'. Ưu-đà-di, nếu đệ tử Ta nhân giới vô thượng mà khen ngợi Ta thì vị ấy nhân điều này mà cung kính, tôn trọng, cúng dường, phụng sự thường theo Ta không rời.

"Lại nữa, này Ưu-đà-di, Ta có đệ tử, do vô thượng trí tuệ[16], khen ngợi Ta, 'Thế Tôn có trí tuệ, cực đại trí tuệ, nếu có ai đến bàn luận hay đối đáp, Ngài đều khuất phục được. Nghĩa là đối với Chánh pháp luật, họ không thể nói. Đối với điều chính mình nói, họ cũng không thể nói'. Ưu-đà-di, nếu đệ tử nhân vô thượng trí tuệ, mà khen ngợi Ta, vị ấy nhân sự kiện này mà cung kính, tôn trọng, cúng dường, phụng sự Ta, theo Ta không rời.

"Lại nữa, Ưu-đà-di, Ta có đệ tử do vô thượng tri kiến[17], khen ngợi Ta rằng, 'Thế Tôn biết khắp chứ không phải không biết; thấy khắp chứ không phải không thấy. Ngài nói pháp cho đệ tử có nhân chứ không phải không nhân, có duyên chớ không phải không duyên, có thể đáp chứ không phải không thể đáp, có xả ly chứ không phải không xả ly'. Ưu-đà-di, nếu đệ tử Ta nhân vô thượng tri kiến mà khen ngợi Ta, người ấy nhân sự kiện này mà cung kính, tôn trọng, cúng dường, phụng sự, thường theo ta không rời.

"Lại nữa, Ưu-đà-di, Ta có đệ tử, do nhờm tởm mũi tên ái dục mà đến hỏi Ta về khổ là khổ, tập là tập, diệt là diệt, đạo là đạo. Ta liền trả lời về khổ là khổ, tập là tập, diệt là diệt, đạo là đạo. Ưu-đà-di, nếu có đệ tử đến hỏi Ta được trả lời xứng ý, khiến được hoan hỷ, người đó nhân sự kiện này mà cung kính, tôn trọng, cúng dường, phụng sự Ta, thường theo Ta không rời.

"Lại nữa, Ưu-đà-di, Ta vì các đệ tử hoặc nói Túc mạng trí thông, tác chứng, hoặc nói Lậu tận trí thông tác chứng minh đạt. Ưu-đà-di, nếu đệ tử Ta trong Chánh pháp luật này được thọ được độ, được đến bờ bên kia, không nghi không hoặc, ở trong thiện pháp không có do dự, người ấy nhân sự kiện này mà cung kính, cúng dường, tôn trọng, phụng sự Ta, thường theo ta không rời.

"Này Ưu-đà-di, Đó là năm pháp Ta có khiến cho các đệ tử cung kính, tôn trọng, cúng dường, phụng sự Ta, thường theo không rời."

Bấy giờ Dị học Tiễn Mao, liền từ chỗ ngồi đứng dậy trịch vai áo mặt, chắp tay hướng về Phật bạch rằng: "Kỳ diệu thay! Hy hữu thay! Ngài khéo nói những điều vi diệu thấm nhuần thân thể con cũng như cam lồ. Bạch Cù-đàm, cũng như mưa lớn, cõi đất này từ cao đến thấp thảy được thắm nhuần khắp cả. Cũng vậy, Sa-môn Cù-đàm nói cho chúng tôi những điều vi diệu, thấm nhuần thân thể chúng tôi cũng như cam lồ.

"Bạch Thế Tôn, tôi đã hiểu. Bạch Thiện Thệ, con đã hiểu. Bạch Thế Tôn, hôm nay con tự quy Phật, Pháp và Chúng Tỳ-kheo. Mong Thế Tôn nhận con làm Ưu-bà-tắc, kể từ hôm nay con trọn đời tự quy y cho đến mạng chung."

Phật thuyết như vậy. Dị học Tiễn Mao sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

❑

16. Vô thượng trí tuệ. Pāli: adhipaññā, tăng thượng tuệ.

17. Vô thượng tri kiến. Pāli: abhikkaantañāṇadassana, tri kiến siêu việt.

208. KINH TIỄN MAO (II)[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật du hóa tại thành Vương xá, ở Trúc lâm vườn Ca-lan-đa cùng đại chúng Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi người, an cư mùa mưa.

Bấy giờ, trải qua đêm, lúc vừa sáng, Thế Tôn mang y cầm bát vào thành Vương xá để khất thực. Khất thực xong, thu dọn y bát, rửa chân tay, Ngài khoác ni-sư-đàn trên vai và đi đến vườn Dị học, trong rừng Khổng tước. Tại rừng Khổng tước, trong vườn Dị học, bấy giờ có một người Dị học tên là Tiễn Mao là một danh đức, bậc tông chủ, được mọi người tôn làm thầy, có tiếng tăm lớn, mọi người kính trọng, thống lãnh đồ chúng đông đảo, được năm trăm vị dị học tôn trọng. Vị này ở giữa một đại chúng đang ồn ào, nhiễu loạn, nói năng lớn tiếng, bàn luận đủ mọi vấn đề súc sanh, tức là vấn đề vua chúa, về giặc, về việc đấu tranh, việc ăn uống, về y phục, về đàn bà, về con gái, về dâm nữ, về thế gian, về đồng trống, về dưới biển và việc nước, việc dân. Những người ấy cùng nhau nhóm họp ngồi bàn luận về những vấn đề như súc sanh vậy.

Dị học Tiễn Mao thấy Phật từ xa đến, dặn đồ chúng của mình rằng: "Này các ông, hãy ngồi im lặng. Người đang đến kia là Sa-môn Cù-đàm, đồ chúng của ông ấy im lặng, thường ưa sự im lặng, khen ngợi sự im lặng. Ông ấy nếu thấy chúng ta im lặng, có thể đến thăm.

Dị học Tiễn Mao dặn đồ chúng im lặng, chính mình cũng im lặng mà ngồi.

Thế Tôn đi đến chỗ Dị học Tiễn Mao. Dị học Tiễn Mao liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch vai áo, chắp tay hướng về Phật bạch rằng:

"Kính chào Sa-môn Cù-đàm, Sa-môn Cù-đàm đã lâu không đến đây, mời Ngài ngồi xuống chỗ này."

Thế Tôn liền ngồi xuống chỗ ngồi Tiễn Mao đã trải sẵn. Dị học Tiễn Mao và Thế Tôn, sau khi cùng nhau chào hỏi, rồi lui ngồi một bên.

Thế Tôn hỏi rằng:

"Ưu-đà-di, các ông vừa bàn luận những gì? Do việc gì mà cùng nhau ngồi họp ở đây? Dị học Tiễn Mao đáp rằng:

"Bạch Cù-đàm, xin bỏ qua vấn đề này, vấn đề này không hay ho gì. Sa-môn Cù-đàm muốn nghe vấn đề này để sau này nghe cũng không khó gì."

Thế Tôn hỏi như vậy ba lần rằng:

"Ưu-đà-di, vừa bàn luận những gì? Do việc gì mà nhóm họp ngồi đây?"

Dị học Tiễn Mao cũng đáp lại ba lần rằng:

"Bạch Cù-đàm, xin bỏ qua vấn đề này, nó không hay ho gì, Sa-môn Cù-đàm nếu muốn nghe, sau này nghe cũng không khó. Nhưng nếu Sa-môn Cù-đàm ba lần muốn nghe,

---

1. Tương đương Pāli: M.79. Cūḷa-Sakuludāyi-sutta.

nay tôi phải nói[2].

"Bạch Cù-đàm, tôi có sách lự, có tư duy; trụ trong trạng thái sách lự, trụ trong trạng thái tư duy, có trí tuệ, có biện tài, khi nghe có người nói: 'Thật sự có Tát-vân-nhiên[3], thấy tất cả, biết tất cả, không cái gì không biết, không cái gì không thấy. Tôi liền vấn sự vị ấy, nhưng vị ấy không biết. Bạch Cù-đàm, tôi nghĩ như vầy, 'Đây là những ai?'."

Thế Tôn hỏi rằng:

"Này Ưu-đà-di, ông có sách lự, có tư duy; trụ trong trạng thái sách lự, trụ trong trạng thái tư duy, có trí tuệ, có biện tài, nhưng ai nói, 'Thật sự có Tát-vân-nhiên, biết tất cả, thấy tất cả, không có gì không biết, không có gì không thấy' nhưng khi ông đến vấn sự, thì vị ấy không biết?"

Dị học Tiễn Mao đáp rằng:

"Bạch Cù-đàm, đó là Bất-lan Ca-diếp. Vì sao? Bạch Cù-đàm, vì Bất-lan Ca-diếp tự cho là thật có Tát-vân-nhiên, biết tất cả, thấy tất cả, không gì không biết, không gì không thấy. Tôi có sách lự, có tư duy, trụ trong sách lự, trụ trong tư duy có trí tuệ, có biện tài; tôi đến vấn sự. Nhưng vị ấy không biết. Bạch Cù-đàm, vậy nên tôi nghĩ thế này, 'Đây là những ai?'

"Ma-tức-ca-lợi Cù-xá-lợi Tử, Bà-nhã Bệ-la-trì Tử, Ni-kiền Thân Tử, Ba-phù Ca-chiên, A-di-đa Kê-xá Kiếm-bà-lợi, các vị này cũng vậy. Bạch Cù-đàm, A-di-đa Kê-xá Kiếm-bà-lợi tự cho thật sự có Tát-vân-nhiên, biết tất cả thấy tất cả, không cái gì không biết, không cái gì không thấy. Tôi có sách lự, có tư duy, trú trong sách lự, trú trong tư duy, có trí tuệ, có biện tài, tôi đến vấn sự những vị ấy không biết. Bạch Cù-đàm, vậy nên tôi khởi ý nghĩ rằng, 'Đây là những ai?'

"Bạch Cù-đàm, vậy nên tôi lại suy nghĩ, 'Như vậy ta phải đến chỗ Sa-môn Cù-đàm để hỏi những việc quá khứ. Sa-môn Cù-đàm ắt có thể đáp những việc quá khứ của ta. Ta phải đến chỗ Sa-môn Cù-đàm, hỏi những việc vị lai, Sa-môn Cù-đàm ắt sẽ đáp những việc vị lai của ta. Lại nữa, ta tùy những việc mà hỏi cùng Sa-môn Cù-đàm, ắt Sa-môn Cù-đàm cũng tùy mà trả lời những việc ta hỏi."

Thế Tôn đáp rằng:

"Ưu-đà-di! Thôi! Thôi, ông luôn luôn có dị kiến, dị nhẫn, dị lạc, dị dục, dị ý, nên không thấu triệt ý nghĩa những điều Ta nói. Ưu-đà-di, Ta có đệ tử, có nhân, có duyên, nhớ được vô lượng đời sống về trước, trong quá khứ, nghĩa là một đời, hai đời, trăm đời, ngàn đời, thành kiếp, bại kiếp, vô lượng thành bại kiếp, ăn uống như vậy, thọ khổ vui như vậy, sống lâu như vậy, trụ lâu như vậy, chết như vậy, từ đây sanh tử ra kia, từ kia sanh tử ra đây. Ta sanh tại đây, họ như vậy, tên như vậy, sống như vậy, ăn uống như vậy, thọ khổ lạc như vậy, sống lâu như vậy, trú lâu như vậy, thọ chung như vậy. Vị ấy đến hỏi ta việc quá khứ, Ta đáp việc quá khứ cho vị ấy. Ta cũng đến hỏi việc quá khứ, vị ấy cũng đáp việc quá khứ cho Ta. Ta tùy theo sự việc đó mà hỏi, vị đó cũng tùy theo việc Ta hỏi mà đáp.

"Lại nữa, Ưu-đà-di, Ta có đệ tử thanh tịnh thiên nhãn, vượt quá người thường, thấy chúng sanh này, khi sanh khi chết, sắc đẹp sắc xấu, sắc diệu hay bất diệu, qua lại chỗ thiện hay bất thiện, tùy theo sự thọ nghiệp của chúng mà thấy đúng như thật. Nếu chúng sanh này thành tựu thân ác hạnh, thành tựu khẩu và ý ác hạnh, vu báng Thánh nhân, tà kiến, thành tựu nghiệp tà kiến, người ấy do nhân duyên này, khi thân hoại mạng chung ắt

---

2. Toàn cả đoạn trên, giống kinh 208.

3. Tát-vân-nhiên ———M-F Pāli: sabaññu, hoặc âm là tá-bà-nhã: vị Nhất thiết trí; người hay đấng Toàn trí.

đến chỗ dữ, sanh vào trong địa ngục. Nếu chúng sanh này thành tựu thân diệu hạnh, thành tựu khẩu và ý diệu hạnh, không vu báng Thánh nhân, chánh kiến, thành tựu nghiệp chánh kiến; người ấy do nhân duyên này, khi thân hoại mạng chung ắt sanh lên chỗ thiện, được sanh lên trời. Người đó đến hỏi Ta việc vị lai, Ta đáp việc vị lai cho họ; Ta cũng hỏi việc vị lai nơi họ, họ cũng đáp việc vị lai cho Ta; Ta tùy theo việc người ấy hỏi mà đáp, người ấy cũng tùy theo việc Ta hỏi mà đáp."

Dị học Tiễn Mao bạch rằng:

"Bạch Cù-đàm, nếu như vậy, tôi càng trở thành không biết, không thấy, càng trở thành ngu si, rớt vào ngu si. Nghĩa là vì Sa-môn Cù-đàm nói như vầy, 'Ưu-đà-di! Thôi! Thôi! Ông luôn luôn dị kiến, dị nhân, dị lạc, dị dục và dị ý, nên không thấu triệt ý nghĩa những điều Ta nói. Ưu-đà-di, Ta có đệ tử, có nhân có duyên, nhớ được vô lượng đời sống về trước trong quá khứ, nghĩa là một đời, hai đời, trăm đời, ngàn đời, thành kiếp, bại kiếp, vô lượng thành kiếp, vô lượng bại kiếp, ăn uống như vậy, thọ khổ vui như vậy, sống lâu như vậy, trụ lâu như vậy, mạng chung như vậy, từ đây sanh tử ra kia, từ kia sanh tử ra đây, Ta sanh tại đây, họ như vậy, tên như vậy, sống lâu như vậy, ăn uống như vậy, thọ khổ lạc như vậy, trú lâu như vậy, mạng chung như vậy. Vị ấy đến hỏi ta việc quá khứ, ta đáp việc quá khứ cho vị ấy; Ta cũng đến hỏi vị ấy việc quá khứ, vị ấy cũng đáp việc quá khứ cho Ta. Ta theo sự việc người đó hỏi mà đáp, người đó cũng tùy theo sự việc Ta hỏi mà đáp. Lại nữa, Ưu-đà-di, Ta có đệ tử thanh tịnh thiên nhãn, vượt quá người thường, thấy chúng sanh này khi sanh khi tử, sắc đẹp sắc xấu, sắc diệu hay bất diệu, qua lại chỗ thiện hay chỗ bất thiện, tùy theo sự tạo nghiệp của chúng sanh này mà thấy như thật. Nếu chúng sanh này thành tựu thân ác hạnh, thành tựu khẩu, ý ác hạnh, vu báng Thánh nhân, tà kiến, thành tựu nghiệp tà kiến, người ấy do nhân duyên này khi thân hoại mạng chung, ắt đến chỗ ác, sanh trong địa ngục. Nếu chúng sanh này thành tựu thân diệu hạnh, khẩu, ý diệu hạnh, không vu báng Thánh nhân, chánh kiến, thành tựu nghiệp chánh kiến, người ấy do nhân duyên này khi thân hoại mạng chung ắt sanh lên chỗ thiện, được sanh lên trời. Người đó đến hỏi Ta việc vị lai, Ta đáp việc vị lai cho họ. Ta cũng hỏi việc vị lai nơi vị ấy, vị ấy cũng đáp việc vị lai cho Ta. Ta tùy theo việc người ấy hỏi mà đáp, người ấy cũng tùy việc Ta hỏi mà đáp'.

"Bạch Cù-đàm, tôi đối với đời sống này làm những gì đã làm, được những gì đã được, nhưng vẫn không thể nhớ huống gì có thể nhớ được sự việc trong vô lượng đời sống về trước, có nhân có duyên sao? Bạch Cù-đàm, tôi còn không thể thấy con quỷ Phiêu phong[4] thì làm gì mà được thiên nhãn thanh tịnh vượt qua người thường, thấy chúng sanh này khi chết, khi sống, sắc tốt, sắc xấu, đẹp hoặc không đẹp, đưa đến chỗ thiện hoặc chỗ bất thiện tùy sự tạo nghiệp của chúng sanh này, thấy đó như thật.

"Bạch Cù-đàm, tôi lại nghĩ như vầy, 'Nếu Sa-môn Cù-đàm hỏi ta vấn đề theo Thầy học pháp, hoặc giả có thể đáp khiến Ngài vừa ý."

Thế Tôn hỏi rằng:

"Ưu-đà-di, ông theo Thầy học những pháp gì?"

Dị học Tiễn Mao đáp rằng:

"Bạch Cù-đàm, người đó nói, 'Sắc vượt quá sắc, sắc kia tối thắng, sắc kia tối thượng[5]."

---

4. Phiêu phong quỷ ——F Pāli: Pamsupisācaka, "quỷ bùn", một loại tì-xá-xà.

5. Pāli: ayaṃ paramo vaṇṇo ayaṃ paramo vaṇṇo ti, "sắc này là tối thượng, sắc này là tối thượng". *Sắc* (vaṇṇa) ở đây có nghĩa *màu sắc* hay *màu da*.

Thế Tôn hỏi rằng:

"Ưu-đà-di, sắc là gì?"

Dị học Tiễn Mao đáp rằng:

"Bạch Cù-đàm, nếu sắc nào không có sắc khác tối thượng hơn, tối diệu hơn là tối thắng hơn; vậy sắc đó tối thắng, sắc đó tối thượng."

Thế Tôn bảo rằng:

"Ưu-đà-di, cũng như có người nói như vầy, 'Nếu trong nước có người con gái rất đẹp, ta muốn được người con gái đó'. Nếu có người hỏi người đó như vầy, 'Ông biết trong nước có người con gái rất đẹp, nhưng có biết tên gì, họ gì, sanh sống như thế nào? Là cao hay thấp, thô hay tế, trắng hay đen, hoặc không trắng không đen, là con gái Sát-đế-lợi, con gái Phạm chí, Cư sĩ, hay người thợ, ở phương Đông, phương Tây, phương Nam, phương Bắc?' Người đó đáp, 'Tôi không biết'. Người kia lại hỏi, 'Ông không biết, không thấy trong nước có người con gái rất đẹp, tên họ như vậy, sanh sống như vậy, dài, ngắn, thô, tế, trắng, đen, không trắng không đen, con gái Sát-lợi, con gái Phạm chí, Cư sĩ, hay người thợ, ở phương Đông, phương Tây, phương Nam hay phương Bắc, mà lại nói như vầy, 'Ta muốn được người con gái đó được ư'?'

"Cũng vậy, Ưu-đà-di, ông nói như vầy, 'Người đó nói sắc vượt quá sắc, sắc đó tối thắng, sắc đó tối thắng. Nhưng khi hỏi sắc đó thì ông lại không biết."

Dị học Tiễn Mao thưa rằng:

"Bạch Cù-đàm, cũng như tinh vàng tử ma là thứ cực diệu, người thợ vàng khéo mài dũa, sửa sang khiến cho trong suốt, nhờ dùng tấm lụa trắng đem giữa nắng, sắc của nó cực diệu, ánh sáng chiếu sáng lấp lánh. Cũng vậy, bạch Cù-đàm, tôi nói, 'Sắc đó vượt hơn sắc, sắc đó tối thắng, sắc đó tối thượng'."

Thế Tôn bảo rằng:

"Ưu-đà-di, nay Ta hỏi ông, tùy theo chỗ hiểu mà đáp. Ưu-đà-di, ý ông nghĩ sao? Vàng ròng tử ma nhờ dùng lụa trắng, để giữa nắng mà sắc của nó cực diệu chiếu sáng lấp lánh, và ánh sáng con đom đóm trong đêm tối chiếu sáng lấp lánh, trong hai ánh sáng đó, cái nào tối thượng, tối thắng?"

Dị học Tiễn Mao đáp rằng:

"Bạch Cù-đàm, ánh sáng con đom đóm đối với ánh sáng của vàng ròng tử ma thì ánh sáng đom đóm tối thượng, tối thắng."

Thế Tôn hỏi rằng:

"Ưu-đà-di, ý ông nghĩ sao? Ánh sáng lấp lánh của đom đóm trong đêm tối và ánh sáng lấp lánh của đèn dầu trong đêm tối, trong hai ánh sáng đó, cái nào tối thượng, tối thắng?"

Dị học Tiễn Mao đáp rằng:

"Bạch Cù-đàm, ánh sáng đèn dầu đối với ánh sáng đom đóm, thì ánh sáng đèn dầu tối thượng, tối thắng."

Thế Tôn hỏi rằng:

"Ưu-đà-di, ý ông nghĩ sao? Ánh sáng đèn dầu trong đêm tối và lửa đống cây lớn trong đêm tối, trong hai ánh sáng đó, cái nào tối thượng, tối thắng?"

Dị học Tiễn Mao đáp rằng:

"Bạch Cù-đàm, ánh sáng lửa cây lớn đối với ánh sáng đốt đèn dầu thì ánh sáng lửa đống cây lớn tối thượng, tối thắng."

Thế Tôn hỏi rằng:

"Ưu-đà-di, ý ông thế nào? Ánh sáng chiếu của lửa đống cây lớn, trong đêm tối và ánh sáng chiếu của sao Thái bạch vào buổi sáng, trời không u ám, hai ánh sáng ấy, ánh sáng nào tối thượng, tối thắng?"

Dị học Tiễn Mao đáp rằng:

"Bạch Cù-đàm, ánh sáng của saoThái bạch đối với ánh sáng của lửa đống cây lớn, thì ánh sáng của sao Thái bạch tối thượng, tối thắng."

Thế Tôn hỏi rằng:

"Này Ưu-đà-di, ý ông nghĩ sao? Ánh sáng chiếu tỏa của sao Thái bạch vào buổi sáng trời không u ám và ánh sáng tỏa chiếu của mặt trăng nửa đêm không u ám, trong ánh sáng ấy, cái nào tối thượng, tối thắng?"

Dị học Tiễn Mao đáp rằng:

"Bạch Cù-đàm, ánh sáng của mặt trăng đối với ánh sáng của sao Thái bạch thì ánh sáng của mặt trăng tối thượng, tối thắng."

Thế Tôn hỏi rằng:

"Này Ưu-đà-di, ý ông nghĩ sao? Ánh sáng chiếu tỏa của mặt trăng nửa đêm trời không u ám, và ánh sáng chiếu tỏa của mặt trời vào mùa thu, đứng ngay giữa bầu trời trong suốt, không u ám, trong hai ánh sáng ấy cái nào tối thượng, tối thắng?"

Dị học Tiễn Mao đáp rằng:

"Bạch Cù-đàm, ánh sáng mặt trời so với ánh sáng mặt trăng thì ánh sáng mặt trời tối thượng, tối thắng."

Thế Tôn bảo rằng:

"Này Ưu-đà-di, có rất nhiều chư Thiên; mà nay ánh sáng của mặt trời và ánh sáng của mặt trăng này, tuy có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai thần, nhưng ánh sáng đó cũng không bằng ánh sáng của chư Thiên. Ta ngày xưa đã cùng với chư Thiên tụ tập luận sự, nhưng những điều ta nói đều vừa ý chư Thiên ấy, tuy vậy Ta không nói: 'Sắc vượt quá sắc, sắc đó tối thắng, sắc đó tối thượng'. Này Ưu-đà-di, còn ông đối với ánh lửa đom đóm, lửa sâu bọ, sắc rất tệ, rất xấu mà nói 'Sắc đó vượt quá sắc, sắc đó tối thắng, sắc đó tối thượng,' và khi được hỏi lại không biết."

Dị học Tiễn Mao thưa rằng:

"Bạch Cù-đàm, con xin hối lỗi về lời nói này. Bạch Thiện Thệ, con xin hối lỗi về lời nói này[6]."

Thế Tôn hỏi rằng:

"Này Ưu-đà-di, ý ông nghĩ sao mà nói như vầy, 'Bạch Thế Tôn, con xin hối lỗi về lời nói đó, bạch Thiện Thệ, con xin hối lỗi về lời nói đó?'."

Dị học Tiễn Mao đáp:

"Bạch Cù-đàm, con nói như vầy, 'Sắc kia vượt quá sắc, sắc đó tối thắng, sắc đó tối thượng'. Sa-môn Cù-đàm nay khéo tra xét tôi, khéo dạy dỗ và khéo quở trách, khiến sự hư vọng của tôi không còn nữa. Bạch Cù-đàm, vậy nên con nói như vầy. 'Bạch Thế Tôn, con xin hối lỗi về lời nói này. Bạch Thiện thệ con xin hối lỗi về lời nói này'."

Dị học Tiễn Mao lại thưa rằng:

"Bạch Cù-đàm, 'Đời sau tuyệt đối lạc[7], có một đạo tích để chứng đắc[8] thế giới tuyệt

---

6. Thế Tôn, hối quá thử thuyết. Pāli: acchidaṃ Bhagavā kathaṃ, Thế Tôn đã cắt đứt vấn đề.
7. Hậu thế nhất hướng lạc ——@—@—V——C Pāli: ekantasukho loko, thế giới nhất hướng lạc.
8. Pāli: atthi ākāravatī paṭipadā... sacchikiriyāyāti, có đường lối có cơ sở để thực chứng bản thân.

đối lạc."

Thế Tôn hỏi rằng:

"Ưu-đà-di, thế nào gọi là hậu thế tuyệt đối lạc? Thế nào là có một đạo tích chứng đắc thế giới tuyệt đối lạc?"

Dị học Tiễn Mao đáp rằng:

"Bạch Cù-đàm, giả sử có một người xa lìa sát sanh, đoạn trừ sát sanh; xa lìa trộm cắp tà dâm, nói láo; cho đến, xa lìa tà kiến được chánh kiến. Bạch Cù-đàm, đó gọi là đời sau tuyệt đối lạc, đó gọi là chứng đắc thế giới tuyệt đối lạc."

Thế Tôn lại bảo rằng:

"Ưu-đà-di, nay Ta hỏi ông, theo sự hiểu biết mà đáp. Này Ưu-đà-di, ý ông nghĩ thế nào? Nếu có một người xa lìa sát sanh, đoạn trừ sát sanh, người ấy là tuyệt đối lạc, hay là hỗn tạp khổ[9]?"

Dị học Tiễn Mao đáp rằng:

"Bạch Cù-đàm, là hỗn tạp khổ."

"Nếu có một người xa lìa trộm cắp, tà dâm, nói láo, cho đến xa lìa tà kiến có chánh kiến, người ấy là tuyệt đối lạc, hay là hỗn tạp khổ?"

Dị học Tiễn Mao đáp rằng:

"Bạch Cù-đàm, là hỗn tạp khổ."

Thế Tôn hỏi rằng:

"Ưu-đà-di, há không phải rằng hỗn tạp khổ lạc như vậy là đạo tích chứng đắc thế giới?"

Dị học Tiễn Mao đáp:

"Bạch Cù-đàm, hỗn tạp khổ lạc như vậy là đạo tích chứng đắc thế giới vậy."

Dị học Tiễn Mao lại thưa rằng:

"Bạch Thế Tôn, con hối lỗi lời nói này. Bạch Thiện Thệ, con hối lỗi lời nói này."

Thế Tôn hỏi rằng:

"Ưu-đà-di, ông nghĩ thế nào mà nói như vầy, 'Bạch Thế Tôn, con hối lỗi lời nói này. Bạch Thiện Thệ, con hối lỗi lời nói này?'

Dị học Tiễn Mao đáp rằng:

"Bạch Cù-đàm, con vừa nói, 'Đời sau tuyệt đối lạc, có một đạo tích chứng đắc thế giới tuyệt đối lạc'. Nay Sa-môn Cù-đàm khéo tra xét con, khéo dạy dỗ và khéo quở trách, khiến cho sự hư vọng của con không còn nữa. Bạch Cù-đàm, do đó con nói như vầy, 'Bạch Thế Tôn, con hối lỗi lời nói này. Bạch Thiện Thệ, con hối lỗi lời nói này'."

Thế Tôn bảo rằng:

"Ưu-đà-di, đời quả có tuyệt đối lạc, có một đạo tích chứng đắc thế giới tuyệt đối lạc."

Dị học Tiễn Mao hỏi rằng:

"Bạch Cù-đàm, thế nào là đời quả có tuyệt đối lạc? Thế nào là có một đạo tích chứng đắc tuyệt đối lạc?"

Thế Tôn đáp rằng:

"Ưu-đà-di, nếu khi Như Lai xuất thế, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, Phật Chúng Hựu; người ấy đoạn trừ năm triền cái, là thứ làm tâm tạp uế, tuệ yếu kém, ly dục, ly ác bất thiện pháp; có giác, có quán, hỷ lạc do

---

9. Tạp khổ ——W—C Pāli: sukhadukkhī, vừa sướng vừa khổ.

ly dục sanh, chứng Sơ thiền, thành tựu an trụ, cùng với chư Thiên kia tương đồng về giới, về tâm, về kiến vậy. Vị ấy giác quán đã dứt, nội tâm tịch tĩnh, không giác, không quán, hỷ lạc do định sanh, chứng đệ Nhị thiền, thành tựu an trụ, cùng với chư Thiên kia tương đồng về giới, về tâm, và về kiến vậy. Vị đó ly hỷ dục, an trú xả, vô cầu, chánh niệm chánh trí, thân giác lạc, điều mà bậc Thánh nói là được Thánh xả, có niệm, an trú lạc, chứng Tam thiền thành tựu an trú, cùng với chư Thiên tương đồng về giới, về tâm và về kiến vậy. Ưu-đà-di, đó gọi là thế giới tuyệt đối lạc."

Dị học Tiễn Mao hỏi:

"Bạch Cù-đàm, Trong đời, tuyệt đối lạc chỉ cùng cực là thế chăng?"

Thế Tôn nói:

"Trong đời, tuyệt đối lạc không chỉ cùng cực là thế. Ưu-đà-di, còn có đạo tích nữa chứng đắc thế giới tuyệt đối lạc."

Dị học Tiễn Mao hỏi:

"Bạch Cù-đàm, thế nào là có đạo tích nữa chứng đắc thế giới tuyệt đối lạc?"

Thế Tôn đáp:

"Ưu-đà-di, Tỳ-kheo ly dục, ly ác bất thiện pháp; có giác, có quán, hỷ lạc do ly dục sanh, chứng Sơ thiền, thành tựu an trụ, cùng với chư Thiên kia tương đồng về giới, về tâm, về kiến vậy. Vị ấy giác quán đã dứt, nội tâm tịch tĩnh, không giác, không quán, hỷ lạc do định sanh, chứng đệ Nhị thiền, thành tựu an trụ, cùng với chư Thiên kia tương đồng về giới, về tâm, và về kiến vậy. Vị đó ly hỷ dục, an trú xả, vô cầu, chánh niệm chánh trí, thân giác lạc, điều mà bậc Thánh nói là được Thánh xả, có niệm, an trú lạc, chứng Tam thiền thành tựu an trú, cùng với chư Thiên tương đồng về giới, về tâm và về kiến vậy. Ưu-đà-di, đó gọi là thế giới tuyệt đối lạc."

Dị học Tiễn Mao hỏi rằng:

"Bạch Cù-đàm, phải chăng đệ tử của Sa-môn Cù-đàm vì thế giới tuyệt đối lạc, và vì đạo tích chứng đắc thế giới tuyệt đối lạc ấy mà theo Sa-môn Cù-đàm học phạm hạnh chăng?"

Thế Tôn đáp rằng:

"Đệ tử của Ta không phải chỉ vì thế giới tuyệt đối lạc và vì chứng đắc thế giới tuyệt đối lạc ấy mà theo học phạm hạnh. Nhưng còn có sự tối thắng, tối diệu, tối thượng khác để chứng đắc nữa."

Bấy giờ cả đại chúng này cùng lớn tiếng nói:

"Cái ấy là tối thượng, tối diệu, tối thắng; vì để chứng đắc cái ấy mà đệ tử Sa-môn Cù-đàm theo Sa-môn Cù-đàm học phạm hạnh."

Sau khi làm cho đại chúng của mình im lặng rồi, Phạm chí Tiễn Mao lại thưa rằng:

"Bạch Cù-đàm, cái gì là tối thượng, tối diệu, tối thắng, vì để chứng đắc như vậy, mà đệ tử Sa-môn Cù-đàm theo Sa-môn Cù-đàm học phạm hạnh?"

Thế Tôn đáp rằng:

"Ưu-đà-di, Tỳ-kheo diệt lạc, diệt khổ, và ưu, hỷ đã có từ trước cũng diệt, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh, chứng đắc Tứ thiền, thành tựu an trụ. Ưu-đà-di, đó gọi là tối thượng tối diệu, tối thắng, vì để chứng đắc như vậy mà đệ tử Ta theo học phạm hạnh."

Bấy giờ Dị học Tiễn Mao liền từ chỗ ngồi đứng dậy, muốn cúi đầu sát chân Phật. Ngay lúc đó các đệ tử dị học phạm hạnh của Dị học Tiễn Mao thưa với Dị học Tiễn Mao rằng: "Tôn giả nay đáng làm bậc Thầy mà muốn làm đệ tử Sa-môn Cù-đàm ư? Khi nào Tôn giả không đáng làm Thầy, rồi hãy làm đệ tử Sa-môn Cù-đàm vậy."

Đó là các đệ tử của Dị học Tiễn Mao là chướng ngại cho Dị học Tiễn Mao đối với sự tu học phạm hạnh.

Phật thuyết như vậy. Dị học Tiễn Mao sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

❑

209. KINH BỆ-MA-NA-TU[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng, vườn Cấp cô độc.

Bấy giờ Dị học Bệ-ma-na-tu[2], sau giờ ngọ, thung dung đến chỗ Phật, chào hỏi xong, hỏi rằng:

"Bạch Cù-đàm, sắc này hơn, sắc này hơn. Này Cù-đàm, sắc này hơn[3]."

Thế Tôn hỏi:

"Này Ca-chiên[4], đó là những sắc nào?"

Dị học Bệ-ma-na-tu đáp:

"Bạch Cù-đàm, nếu sắc nào không có sắc khác tối thượng, tối diệu, tối thắng hơn, Cù-đàm, sắc đó là tối thượng, sắc đó là tối thắng."

Thế Tôn bảo:

"Ca-chiên, cũng như có người nói như vầy, 'Nếu trong nước có người con gái rất đẹp, ta muốn được người con gái đó'. Nếu có người hỏi người đó như vầy, 'Ông biết trong nước có người con gái rất đẹp, nhưng có biết tên gì, họ gì, sanh sống như thế nào? Là cao hay thấp, thô hay tế, trắng hay đen, hoặc không trắng không đen, là con gái Sát-đế-lợi, con gái Phạm chí, Cư sĩ, hay người thợ, ở phương Đông, phương Tây, phương Nam phương Bắc?' Người đó đáp, 'Tôi không biết'. Người kia lại hỏi, 'Ông không biết, không thấy trong nước có người con gái rất đẹp, tên họ như vậy, sanh sống như vậy, dài, ngắn, thô, tế, trắng, đen, không trắng không đen, con gái Sát-lợi, con gái Phạm chí, Cư sĩ, hay người thợ, ở phương Đông, phương Tây, phương Nam hay phương Bắc, mà lại nói như vầy, 'Ta muốn được người con gái đó được ư'?'

"Cũng vậy, Ca-chiên, ông nói như vầy, 'Sắc kia là vi diệu, tối vi diệu; sắc kia là tối thắng; sắc kia là tối thượng'. Nhưng khi hỏi sắc đó thì ông lại không biết."

Dị học Bệ-ma-na-tu thưa:

"Bạch Cù-đàm, cũng như tinh vàng tử ma là thứ cực diệu, người thợ vàng khéo mài dũa, sửa sang khiến cho trong suốt, nhờ dùng tấm lụa trắng đem giữa nắng, sắc của nó cực diệu, ánh sáng chiếu sáng lấp lánh. Cũng vậy, bạch Cù-đàm, tôi nói 'Sắc kia là vi diệu, tối vi diệu; sắc kia là tối thắng; sắc kia là tối thượng'.

Thế Tôn bảo:

---

1. Tương đương Pāli: M.80. Vekhannassa-suttaṃ. Biệt dịch No.90 Phật Thuyết Bệ-ma-túc kinh, Lưu Tống, Cầu-na-bạt-đà-la dịch.
2. Bệ-ma-na-tu [illegible] No.90 Bệ-ma-túc. Pāli: Vekhanassa paribbājaka, thầy của Sakuludāyi. Sau khi Sakuludāyi bị khuất phục bởi Phật (xem kinh 208 trên) ông thân hành đến tìm hiểu sự thật.
3. Tối sắc; No.90: Hình sắc cực vô thượng diệu. Pāli: paramo vaṇṇo, "màu sắc là trên hết". Có lẽ chủ trương phân biệt sắc tộc. Xem cht.5, kinh 208 trên.
4. Ca-chiên [illegible] Pāli: Kaccana, họ của Vekhanassa.

"Ca-chiên, nay Ta hỏi ông, tùy theo chỗ hiểu biết mà đáp. Ý ông nghĩ sao? Vàng ròng tử ma nhờ dùng lụa trắng, để giữa nắng mà sắc của nó cực diệu chiếu sáng lấp lánh, và ánh sáng con đom đóm trong đêm tối chiếu sáng lấp lánh, trong hai ánh sáng đó, cái nào tối thượng, tối thắng?"

Dị học Bệ-ma-na-tu đáp rằng:

"Bạch Cù-đàm, ánh sáng con đom đóm đối với ánh sáng của vàng ròng tử ma thì ánh sáng đom đóm tối thượng, tối thắng."

Thế Tôn hỏi:

"Ca-chiên, ý ông nghĩ sao? Ánh sáng đèn dầu trong đêm tối và ánh lửa đống cây lớn trong đêm tối, trong hai ánh sáng ấy, cái nào sáng hơn?"

Dị học Bệ-ma-na-tu đáp:

"Bạch Cù-đàm, ánh sáng lửa đống cây lớn trong đêm tối đối với ánh sáng đèn dầu thì ánh sáng lửa đống cây lớn sáng hơn."

Thế Tôn hỏi:

"Ca-chiên, ý ông nghĩ thế nào? Ánh sáng chiếu của lửa đống cây lớn trong đêm tối và ánh sáng chiếu của sao Thái bạch vào buổi sáng trời không u ám, ánh sáng nào sáng hơn?"

Dị học Bệ-ma-na-tu đáp:

"Bạch Cù-đàm, ánh sáng của sao Thái bạch đối với ánh sáng lửa đống cây lớn, thì ánh sáng sao Thái bạch sáng hơn."

Thế Tôn hỏi:

"Ca-chiên, ý ông nghĩ sao? Ánh sáng chiếu tỏa của sao Thái bạch vào buổi sáng trời không u ám và ánh sáng chiếu tỏa của mặt trăng nửa đêm trời không u ám, trong hai ánh sáng ấy, cái nào sáng hơn?"

Dị học Bệ-ma-na-tu đáp:

"Bạch Cù-đàm, ánh sáng của mặt trăng đối với ánh sáng của sao Thái bạch thì ánh sáng của mặt trăng sáng hơn."

Thế Tôn hỏi:

"Ca-chiên, ý ông nghĩ sao? Ánh sáng chiếu tỏa của mặt trăng vào nửa đêm trời không u ám và ánh sáng chiếu tỏa mặt trời vào mùa thu đứng ngay giữa bầu trời trong suốt không u ám, trong hai ánh sáng đó cái nào sáng hơn?"

Dị học Bệ-ma-na-tu đáp:

"Bạch Cù-đàm, ánh sáng của mặt trời, so với ánh sáng của mặt trăng thì ánh sáng mặt trời sáng hơn."

Thế Tôn bảo rằng:

"Ca-chiên, có rất nhiều chư Thiên, nay ánh sáng của mặt trời và ánh sáng của mặt trăng này tuy có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai thần, nhưng ánh sáng đó cũng không bằng ánh sáng của chư Thiên. Ta ngày xưa đã từng cùng chư Thiên tụ tập luận sự. Những điều Ta nói đều vừa ý chư Thiên ấy, nhưng Ta không nói, 'Sắc vượt quá sắc, sắc đó tối thắng, sắc đó tối thượng." Này Ca-chiên, còn ông, với lửa đóm, lửa sâu, sắc rất tệ xấu mà nói 'Sắc kia là vi diệu, tối vi diệu; sắc kia là tối thắng; sắc kia là tối thượng'. Và khi được hỏi lại nói không biết."

Ngay lúc đó dị học Bệ-ma-na-tu bị Thế Tôn quở trách trước mặt trong lòng buồn bã, cúi đầu im lặng, không còn lời nào biện bạch.

Sau khi Thế Tôn quở trách, muốn khiến ông ta hoan hỷ nên bảo:

"Này Ca-chiên, có năm công đức của dục[5], khả hỷ, khả ái, khả niệm, khả ái, có lạc tương ưng với dục[6]. Mắt nhận biết sắc, tai biết tiếng, mũi biết hương vị, lưỡi biết mùi, và thân biết cảm xúc. Này Ca-chiên, sắc hoặc có ái, hoặc không ái. Nếu có một người đối với sắc này mà khả ý, xứng ý, thích ý, thỏa ý, mãn nguyện ý, người ấy đối với sắc khác dù tối thượng, tối thắng vẫn không ham muốn, không tư duy, không nguyện cầu. Người đó cho sắc này là tối thắng tối thượng. Này Ca-chiên, thanh, hương, vị, xúc cũng lại như vậy. Này Ca-chiên, xúc hoặc có ái, hoặc không ái. Nếu có một người đối với xúc này mà khả ý, xứng ý, thích ý, thỏa ý, mãn nguyện ý, người đó đối với những xúc khác, dù tối thượng, tối thắng vẫn không ham muốn, không tư duy, không nguyện, không cần. Người đó cho xúc này là tối thượng, tối thắng vậy.

Bấy giờ Dị học Bệ-ma-na-tu chắp tay hướng về Phật bạch rằng:

"Bạch Cù-đàm! Thật kỳ diệu thay! Thật hy hữu thay. Sa-môn Cù-đàm vì tôi mà dùng vô lượng phương tiện nói, 'Dục lạc, dục lạc đệ nhất'[7]. Bạch Cù-đàm, cũng như do lửa cỏ mà đốt lửa cây, do lửa cây mà đốt lửa cỏ. Cũng vậy, Sa-môn Cù-đàm vì tôi mà dùng vô lượng phương tiện, nói: 'Dục lạc, dục lạc đệ nhất'.

Thế Tôn bảo:

"Thôi! Thôi! Này Ca-chiên, ông là người vì luôn luôn có sở kiến dị biệt, nhẫn thọ dị biệt, sở thích dị biệt, ý dục dị biệt, ý hướng dị biệt[8], cho nên không thấu triệt ý nghĩa những điều Ta nói.

"Này Ca-chiên, đệ tử Ta đầu hôm và cuối đêm thường không nằm ngủ, mà chánh định, chánh ý, tu tập đạo phẩm, biết như thật 'Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa'. Những người ấy mới thấu triệt những điều Ta nói."

Ngay lúc đó dị học Bệ-ma-na-tu nổi giận đối với Phật, nổi ghen ghét, không vừa ý, muốn vu báng Thế Tôn, muốn hạ nhục Thế Tôn, và ông vu báng Thế Tôn như vầy, hạ nhục Thế Tôn như vầy:

"Cù-đàm, có Sa-môn, Phạm chí, không biết biên tế đời trước, không biết biên tế đời sau, không biết sanh tử vô cùng mà tự cho là chứng đắc Cứu cánh trí, biết như thật rằng 'Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa'. Cù-đàm, tôi nghĩ như vầy, 'Vì sao Sa-môn, Phạm chí này không biết biên tế đời trước, không biết biên tế đời sau, không biết sanh tử vô cùng mà tự cho là chứng đắc Cứu cánh trí, biết như thật 'Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa'?"

Lúc đó Thế Tôn liền nghĩ rằng:

"Dị học Bệ-ma-na-tu nổi giận đối với Ta, nổi ghen ghét, không vừa ý, muốn vu

---

5. Ngũ dục công đức ━━━━\ ━ᵂ━C No.90: ngũ tánh dục. Pāli: Pañca-kāmagunā, năm phẩm chất hay yếu tố của dục vọng, chứ không phải phẩm chất của năm thứ dục vọng.
6. No.90: Cận dâm, nhiễm trước. Pāli: Kāmūpasamhitā rajanivā.
7. Dục lạc, dục lạc đệ nhất ━━ ━━━━@━C Pāli: kāmehi kāmasukham; kāmasukhā kāmaggasukham tattha aggam akkhayāti, "do bởi các dục mà có lạc; từ lạc do dục ấy lạc dục tối thượng ấy được nói là tối thượng".
8. Dị kiến dị nhẫn dị lạc dị dục dị ý ━━━━━━━━━━━N━C Pāli: aññaditthena aññakhantikena aññarucikena aññatrayogena aññatrācariyakena, quan điểm dị biệt, tin tưởng dị biệt, sở thích dị biệt, sở hành dị biệt, tông sư dị biệt.

báng Ta, muốn hạ nhục Ta, và vu báng Ta như vậy, hạ nhục Ta như vậy mà nói với Ta như vầy, 'Cù-đàm, có Sa-môn, Phạm chí, không biết biên tế đời trước, không biết biên tế đời sau, không biết sanh tử vô cùng mà tự cho là chứng đắc Cứu cánh trí, biết như thật rằng 'Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa'. Cù-đàm, tôi nghĩ như vầy, 'Vì sao Sa-môn, Phạm chí này không biết biên tế đời trước, không biết biên tế đời sau, không biết sanh tử vô cùng mà tự cho là chứng đắc Cứu cánh trí, biết như thật 'Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa'?'."

"Thế Tôn biết rồi bảo rằng:

"Này Ca-chiên, nếu có Sa-môn, Phạm chí này không biết biên tế đời trước, không biết biên tế đời sau, không biết sanh tử vô cùng mà tự cho là chứng đắc Cứu cánh trí, biết như thật 'Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa'; thì người đó phải nói như vầy, 'Hãy gác qua biên tế đời trước, hãy gác qua biên tế đời sau'. Nhưng này Ca-chiên, Ta cũng nói như vầy, 'Hãy gác qua biên tế đời trước, hãy gác qua biên tế đời sau'. Giả sử không nhớ một đời. Khi đệ tử Tỳ-kheo của Ta đến, không nịnh hót, không lừa gạt, mà thẳng thắn thì Ta giáo hóa họ. Nếu cứ theo sự giáo hóa của Ta mà thực hành đúng như vậy thì nhất định biết được Chánh pháp.

"Này Ca-chiên, cũng như một đứa trẻ nhỏ thân còn yếu, nằm ngửa. Cha mẹ nó buộc tay chân nó lại. Đứa bé đó sau lớn lên, các căn thành tựu, cha mẹ lại cởi trói tay chân cho nó ra. Nó chỉ nhớ khi được cởi trói, chớ không nhớ khi bị trói.

"Cũng vậy, này Ca-chiên, Ta nói như vầy, 'Hãy gác lại biên tế đời trước, hãy gác lại biên tế đời sau'. Giả sử không nhớ một đời. Khi đệ tử Tỳ-kheo Ta đến, không nịnh hót, không lừa dối, mà thẳng thắn thì Ta giáo hóa họ. Nếu cứ theo sự giáo hóa của Ta mà thực hành đúng như vậy thì nhất định biết được Chánh pháp.

"Này Ca-chiên, cũng như do dầu, do tim, mà đốt đèn, không có người thêm dầu, không có người đổi tim, dầu trước đã hết, sau lại không rót thêm thì không thể còn mà chóng tự tắt vậy.

"Cũng vậy, này Ca-chiên, Ta nói như vầy, 'Hãy gác lại biên tế đời trước, hãy gác lại biên tế đời sau'. Giả sử không nhớ một đời. Khi đệ tử của Ta đến, không nịnh hót, không lừa dối mà thẳng thắn thì Ta giáo hóa họ. Nếu cứ theo sự giáo hóa của Ta mà thực hành đúng như vậy thì nhất định biết được Chánh pháp.

"Này Ca-chiên, cũng như có mười đống cây, hoặc hai mươi, ba mươi, bốn mươi, năm mươi hay sáu mươi đống cây, dùng lửa mà đốt, tất cả đều bùng cháy, bèn thấy ngọn lửa. Đống lửa ấy nếu không có người thêm cỏ cây hoặc đổ thêm vỏ trấu vào củi trước đã hết, sau không thêm nữa, thì không thể còn mà chóng tự tắt vậy.

"Cũng vậy, này Ca-chiên, Ta nói như vầy, 'Hãy gác lại biên tế đời trước, hãy gác lại biên tế đời sau'. Giả sử không nhớ một đời. Khi đệ tử của Ta đến, không nịnh hót, không lừa dối mà thẳng thắn thì Ta giáo hóa họ. Nếu cứ theo sự giáo hóa của Ta mà thực hành đúng như vậy thì nhất định biết được Chánh pháp."

Khi thuyết pháp này Dị học Bệ-ma-na-tu xa lìa trần cấu, pháp nhãn của các pháp phát sanh. Lúc đó, Dị học Bệ-ma-na-tu thấy pháp, chứng pháp, giác ngộ bạch tịnh pháp, không còn thấy ai hơn, lại không do kẻ khác mà độ nghi, đoạn hoặc, không còn do dự, đã an trú quả chứng đối với pháp của Thế Tôn, chứng được vô sở úy, cúi đầu sát chân Phật mà thưa rằng:

"Bạch Thế Tôn, con xin được theo Phật xuất gia học đạo, thọ giới cụ túc, được làm

Tỳ-kheo, thực hành phạm hạnh.”

Thế Tôn dạy:

“Thiện lai Tỳ-kheo, hãy hành phạm hạnh! Dị học được theo Phật xuất gia học đạo, thọ cụ túc giới, được làm Tỳ-kheo, thực hành phạm hạnh. Tôn giả Bệ-ma-na-tu xuất gia học đạo, thọ giới cụ túc rồi, biết pháp, thấy pháp, cho đến chứng được quả vị A-la-hán.

Phật thuyết như vậy. Tôn giả Bệ-ma-na-tu và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

❑

210. KINH TỲ-KHEO-NI PHÁP LẠC[1]

Tôi nghư như vầy:

Một thời Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng, vườn Cấp cô độc[2].

Bấy giờ có bà Ưu-bà-di Tì-xá-khư[3], đến chỗ Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc[4], cúi đầu lê dưới chân, rồi lui ngồi một bên, thưa rằng:

"Bạch Ni sư[5], tôi có điều muốn hỏi, mong Ni sư nghe cho chăng?"

Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc đáp rằng:

"Tì-xá-khư, có điều gì xin cứ hỏi, sau khi nghe xong tôi sẽ suy nghĩ."

Ưu-bà-di Tì-xá-khư liền hỏi:

"Thưa Ni sư, tự thân[6], nói là tự thân; vậy thế nào là tự thân?

Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc đáp:

"Thế Tôn nói năm thạnh ấm[7]. Tự thân là năm thạnh ấm. Đó là sắc thạnh ấm, là thọ, tưởng, hành, thức thạnh ấm. Đó là năm thạnh ấm được Thế Tôn nói."

Ưu-bà-di Tì-xá-khư nghe xong khen rằng:

"Hay thay! Hay thay! Bạch Ni sư."

Ưu-bà-di Tì-xá-khư nghe xong, hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi:

"Bạch Ni sư, sao gọi là Tự thân kiến[8]?"

Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc đáp:

"Phàm phu ngu si, không đa văn, không gặp thiện tri thức, không biết Thánh pháp, không chế ngự theo Thánh pháp[9], kẻ ấy thấy sắc là thần ngã, thấy thần ngã có sắc, thấy trong thần ngã có sắc, thấy trong sắc có thần ngã. Thấy thọ, tưởng, hành, thức là ngã, thấy ngã có thức, thấy trong ngã có thức, thấy trong thức có ngã. Đó gọi là thân kiến."

Ưu-bà-di Tì-xá-khư nghe xong khen rằng:

"Hay thay! Hay thay! Bạch Ni sư."

Ưu-bà-di Tì-xá-khư nghe xong, hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi:

---

1. Tương đương Pāli: M.44. Cūḷa-vedalla-suttaṃ.
2. Bản Pāli nói tại Rājagaha, Veḷuvana, Kalandakanivāpa.
3. Tì-xá-khư Ưu-bà-di ▬s▬佉▬u▬C▬i▬C Trong bản Pāli: Visākho upāsako, nam cư sĩ Visākha chứ không phải nữ cư sĩ Visākha.
4. Pháp Lạc Tỳ-kheo-ni ▬k▬▬▬C▬▬C Pāli: Dhammadinnā bhikkhunī. Bà được xếp vào hàng những Tỳ-kheo-ni có tài biện thuyết. Trước kia bà là vợ của Visākha ở Rājigaha. Bản chữ Hán có thể nhầm Visākha này với Visākā, một nữ cư sĩ hộ đạo nhiệt thành ngang Cấp Cô Độc.
5. Hiền Thánh. Pāli: ayye, "bạch Thánh ni!"
6. Tự thân ▬▬C Pāli: sakkāya, hữu thân, hay "*tát-ca-da*".
7. Ngũ thạnh ấm, hoặc nói là *ngũ thủ uẩn*. Pāli: pañca upādānakkhandhā.
8. Tự thân kiến ▬▬▬A cũng nói là hữu thân kiến, hay *tát-ca-da tà kiến*, có hai mươi trường hợp. Pāli: sakkāya-diṭṭhi.
9. Bất ngự Thánh pháp ▬▬s▬t▬k▬C Pāli: ariyadhamme avinīto.

"Bạch Ni sư, sao gọi là không thân kiến?"

Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc đáp:

"Đa văn Thánh đệ tử, gặp thiện tri thức, biết Thánh pháp, khéo léo chế ngự trong Thánh pháp, kẻ ấy không thấy sắc là thần ngã, không thấy thần ngã có sắc, không thấy trong sắc có thần ngã, không thấy trong thần ngã có sắc. Không thấy thọ, tưởng, hành, thức là ngã, không thấy trong ngã có thức, không thấy trong thức có ngã. Đó gọi là không thân kiến."

Ưu-bà-di Tì-xá-khư nghe xong khen rằng:

"Hay thay! Hay thay! Bạch Ni sư."

Ưu-bà-di Tì-xá-khư khen xong, hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi:

"Bạch Ni sư, sao gọi là diệt tự thân?"

Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc đáp:

"Sắc thạnh ấm bị đoạn trừ không dư tàn, xả, nhả sạch, không ô nhiễm, diệt, tịch tịnh. Thọ, tưởng, hành, thức thạnh ấm đoạn trừ không dư tàn, xả, nhả sạch, không ô nhiễm, diệt, tịch tịnh. Đó là tự thân diệt."

Ưu-bà-di Tì-xá-khư nghe xong khen:

"Hay thay! Hay thay! Bạch Ni sư."

Ưu-bà-di Tì-xá-khư khen xong hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi:

"Bạch Ni sư, ấm nói là thạnh ấm, thạnh ấm nói là ấm. Ấm tức là thạnh ấm, hay thạnh ấm tức là ấm? Ấm khác với thạnh ấm chăng?"

Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc đáp:

"Hoặc ấm tức là thạnh ấm. Hoặc ấm chẳng phải là thạnh ấm. Sao gọi là ấm tức là thạnh ấm? Nếu sắc hữu lậu, được chấp thủ[10]; thọ, tưởng, hành, thức hữu lậu, được chấp thủ, thì nói ấm tức là thạnh ấm.

"Thế nào nói ấm tức chẳng phải là thạnh ấm? Sắc vô lậu, không bị chấp thủ, thì nói ấm chẳng phải là thạnh ấm."

Ưu-bà-di Tì-xá-khư nghe xong khen rằng:

"Hay thay! Hay thay! Bạch Ni sư."

Ưu-bà-di Tì-xá-khư nghe xong, hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi:

"Bạch Ni sư, thế nào là Thánh đạo tám chi?"

Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc đáp:

"Thánh đạo tám chi là từ chánh kiến đến chánh định là tám. Đó gọi là Thánh đạo tám chi."

Ưu-bà-di Tì-xá-khư nghe xong khen rằng:

"Hay thay! Hay thay! Bạch Ni sư."

Ưu-bà-di Tì-xá-khư khen xong hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi rằng:

"Bạch Ni sư, Thánh đạo tám chi là hữu vi chăng?"

Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc đáp rằng:

"Đúng vậy, Thánh đạo tám chi là hữu vi."

Ưu-bà-di Tì-xá-khư nghe xong khen:

"Hay thay! Hay thay! Bạch Ni sư." Ưu-bà-di Tì-xá-khư khen xong hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi:

"Bạch Ni sư, có bao nhiêu tụ?"

---

10. Hán: hữu thọ ——C

Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc đáp:

"Có ba tụ là giới tụ, định tụ và tuệ tụ."

Ưu-bà-di Tì-xá-khư nghe xong, khen rằng:

"Hay thay! Hay thay! Bạch Ni sư."

Ưu-bà-di Tì-xá-khư khen xong hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi:

Bạch Ni sư, Thánh đạo tám chi thâu nhiếp ba tụ hay ba tụ thâu nhiếp Thánh đạo tám chi?"

Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc đáp:

"Không phải Thánh đạo tám chi thâu nhiếp ba tụ, nhưng ba tụ thâu nhiếp Thánh đạo tám chi. Chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, ba chi Thánh đạo này được nhiếp về Thánh giới tụ. Chánh niệm, chánh định, hai chi này được thâu nhiếp vào Thánh định tụ. Chánh kiến, chánh chí, chánh phương tiện, ba chi này thân nhiếp vào Thánh tuệ tụ. Đó là nói rằng không phải Thánh đạo tám chi ba tụ, nhưng ba tụ nhiếp Thánh đạo tám chi."

Ưu-bà-di Tì-xá-khư nghe xong khen rằng:

"Hay thay! Hay thay! Bạch Ni sư." Ưu-bà-di Tì-xá-khư khen xong, hoan hỷ phụng hành. Lại thưa:

"Bạch Ni sư, diệt là hữu đối chăng?"

Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc đáp:

"Diệt là vô đối."

Ưu-bà-di Tì-xá-khư nghe xong khen:

"Hay thay! Hay thay! Bạch Ni sư."

Ưu-bà-di Tì-xá-khư khen xong hoan hỷ phụng hành, lại hỏi rằng:

"Bạch Ni sư, Sơ thiền có bao nhiêu chi?"

Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc đáp:

"Sơ thiền có năm chi là giác, quán, hỷ, lạc và nhất tâm[11]. Đó là năm chi của Sơ thiền."

Ưu-bà-di Tì-xá-khư nghe xong khen rằng:

"Hay thay! Hay thay! Bạch Ni sư."

Ưu-bà-di Tì-xá-khư khen xong hoan hỷ phụng hành. Lại thưa:

"Bạch Ni sư, sao gọi là đoạn, sao gọi là tưởng, sao gọi là định lực, sao gọi là định công, sao gọi là tu định[12]?"

Pháp Lạc Tỳ-kheo-ni đáp rằng:

"Nếu có thiện tâm thuần nhất[13] được gọi là định. Bốn niệm xứ được gọi là định tưởng. Bốn chánh đoạn được gọi là định lực. Bốn như ý túc được gọi là định công. Nếu tu tập các thiện pháp này rồi lại thường chuyên tu tập tinh cần, đó gọi là tu định.

Ưu-bà-di Tì-xá-khư nghe xong khen rằng:

"Hay thay! Hay thay! Bạch Ni sư!"

Ưu-bà-di Tì-xá-khư khen xong hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi rằng:

"Bạch Ni sư, có bao nhiêu sự kiện mà sanh thân sau khi chết rồi, thân bị liệng ngoài gò đống như cây gỗ vô tình?"

---

11. Giác, quán, hỷ, lạc, nhất tâm; hay tầm, tứ, hỷ, lạc, nhất tâm hay tâm nhất cảnh tánh. Pāli: vitakka, vicāra, pīti, sukha, cittekaggatā.

12. *Đoạn*, theo trả lời đây là định. Pāli: samādhi (định), samādhinimittā (định tướng), samādhiparikkhāra (định lực, định công hay tư trợ, tư cụ của định), samādhibhavana (định tu, tu định).

13. Đắc nhất ━o━@hay nói là t*âm nhất cảnh tánh*, hay *tâm nhất thú tánh*. Pāli: ekaggatā.

Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc đáp rằng:

"Có ba sự kiện khiến sanh thân sau khi chết, thân bị liệng ngoài gò đống như cây gỗ vô tình. Những gì là ba? Một là tuổi thọ, hai là hơi ấm, ba là thức. Đó là ba pháp khiến sanh thân sau khi chết thân bị liệng ngoài gò đống như cây gỗ vô tình."

Ưu-bà-di Tì-xá-khư nghe xong, khen rằng:

"Hay thay! Hay thay! Bạch Ni sư!"

Ưu-bà-di Tì-xá-khư khen xong hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi rằng:

"Bạch Ni sư, một người chết và nhập diệt tận định khác nhau như thế nào?"

Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc đáp rằng:

"Chết là mạng đã dứt, hơi ấm lìa thân, các căn bại hoại. Còn Tỳ-kheo nhập diệt tận định thì tuổi thọ chưa dứt, hơi ấm cũng không lìa thân, các căn không bại hoại. Đó là sự khác biệt giữa một người chết và nhập diệt tận định."

Ưu-bà-di Tì-xá-khư nghe xong khen rằng:

"Hay thay! Hay thay! Bạch Ni sư!"

Ưu-bà-di Tì-xá-khư khen xong hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi rằng:

"Bạch Ni sư, một người diệt tận định và một người nhập vô tưởng định khác nhau thế nào?"

Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc đáp rằng:

"Một người nhập diệt tận định thì tưởng và tri[14] đều diệt còn một người nhập vô tưởng định thì tưởng và tri không diệt. Đó là sự khác biệt giữa một người nhập diệt tận định và nhập vô tưởng định."

Ưu-bà-di Tì-xá-khư nghe xong khen rằng:

"Hay thay! Hay thay! Bạch Ni sư!"

Ưu-bà-di Tì-xá-khư khen xong hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi rằng:

"Bạch Ni sư, một người từ diệt tận định ra và từ vô tưởng định ra khác nhau như thế nào?"

Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc đáp rằng:

"Tỳ-kheo từ diệt tận định ra không khởi suy nghĩ này, 'Ta từ diệt tận định ra'. Tỳ-kheo khi từ vô tưởng định ra, khởi ý nghĩ này, 'Ta là hữu tưởng? Hay ta là vô tưởng?' Đó là sự khác nhau giữa một người từ diệt tận định ra và từ vô tưởng định ra."

Ưu-bà-di Tì-xá-khư nghe xong khen rằng:

"Hay thay! Hay thay! Bạch Ni sư!"

Ưu-bà-di Tì-xá-khư khen xong, hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi:

"Tỳ-kheo khi nhập diệt tận định có khởi ý nghĩ rằng, 'Ta nhập diệt tận định không'?"

Pháp lạc Tỳ-kheo đáp:

"Tỳ-kheo khi nhập diệt tận định không khởi ý nghĩ rằng, 'Ta nhập diệt tận định,' nhưng do theo tâm thức đã tu tập từ trước, y như vậy mà tiến tới."

Ưu-bà-di Tì-xá-khư nghe xong khen rằng:

"Hay thay! Hay thay! Bạch Ni sư!"

Ưu-bà-di Tì-xá-khư khen xong hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi rằng:

"Bạch Ni sư, tỳ-kheo từ diệt tận định ra có khởi ý nghĩ rằng, 'Ta từ diệt tận định ra' hay không?"

---

14. Tưởng tri 想知 hay tưởng và thọ. Pāli: saññā-vedayita.

Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc đáp rằng:

"Tỳ-kheo khi từ diệt tận định ra không khởi ý nghĩ, 'Ta từ diệt tận định ra", nhưng bởi thân này và sáu xứ duyên mạng căn, cho nên từ định mà ra."

Ưu-bà-di Tì-xá-khư nghe xong khen:

"Hay thay! Hay thay! Bạch Ni sư!"

Ưu-bà-di Tì-xá-khư khen xong hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi rằng:

"Bạch Ni sư, Tỳ-kheo từ diệt tận định ra, tâm lạc những gì? Thú hướng những gì? Và thuận những gì?"

Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc đáp rằng:

"Tỳ-kheo từ diệt tận định ra, tâm lạc đối với viễn ly, thú hướng viễn ly và tùy thuận viễn ly."

Ưu-bà-di Tì-xá-khư nghe xong khen rằng:

"Hay thay! Hay thay! Bạch Ni sư!"

Ưu-bà-di Tì-xá-khư khen xong hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi rằng:

"Bạch Ni sư có bao nhiêu thọ[15]?"

Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc đáp rằng:

"Có ba thọ, là cảm thọ lạc, cảm thọ khổ, cảm thọ không lạc không khổ. Chúng duyên vào đâu mà có? Duyên vào xúc[16]."

Ưu-bà-di Tì-xá-khư nghe xong khen rằng:

"Hay thay! Hay thay! Bạch Ni sư!"

Ưu-bà-di Tì-xá-khư khen xong hoan hỷ phụng hành lại hỏi rằng:

"Bạch Ni sư, thế nào là cảm thọ lạc? Thế nào là cảm thọ khổ, và thế nào là cảm thọ không khổ không lạc?"

Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc đáp rằng:

"Nếu lạc được cảm xúc bởi lạc xúc[17] mà sanh, thân và tâm cảm giác rất khoái lạc, thì thọ này gọi là cảm thọ lạc. Nếu khổ được cảm xúc bởi khổ xúc mà sanh, thân và tâm cảm thọ khổ, không khoái lạc, thì thọ này gọi là cảm thọ khổ. Nếu không khổ không lạc được cảm xúc bởi xúc không khổ không lạc mà sanh, thân và tâm cảm thọ không khổ không lạc, không phải khoái cảm hay không khoái cảm, thì cảm thọ này gọi là cảm giác không lạc không khổ."

Ưu-bà-di Tì-xá-khư nghe xong khen rằng:

"Hay thay! Hay thay! Bạch Ni sư!"

Ưu-bà-di Tì-xá-khư khen xong hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi rằng:

"Bạch Ni sư, Đối với cảm thọ lạc, thế nào là lạc? Thế nào là khổ? Thế nào là vô thường? Thế nào là tai hoạn? Thế nào là sử? Đối với cảm thọ khổ, thế nào là lạc, thế nào là khổ, thế nào là vô thường, thế nào là tai hoạn, thế nào là sử? Đối với cảm thọ không khổ không lạc, thế nào là lạc, thế nào là khổ, thế nào là vô thường, thế nào là tai hoạn, thế nào là sử[18]?"

Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc đáp rằng:

"Đối với cảm thọ lạc, sanh là lạc, trụ là lạc; biến dịch là khổ; vô thường tức là tai hoạn, và dục là sử; đối với cảm thọ khổ, sanh là khổ, trụ là khổ, biến dịch là lạc, vô

---

15. Hán: giác ——A tức thọ, hay cảm thọ. Pāli: vedanā.
16. Hán: cánh lạc ———C Pāli: phassa.
17. Lạc cánh lạc sở xúc sanh ———————C
18. Sử ——A kết sử, hay *tùy miên*. Pāli: anusaya.

thường tức là tai hoạn, sân nhuế là sử. Đối với cảm thọ không khổ không lạc, khổ hay lạc không được biết đến, vô thường tức là biến dịch và vô minh là sử vậy."

Ưu-bà-di Tì-xá-khư nghe xong khen rằng:

"Hay thay! Hay thay! Bạch Ni sư!"

Ưu-bà-di Tì-xá-khư khen xong hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi rằng:

"Bạch Ni sư, phải chăng tất cả cảm thọ lạc đều là dục sử[19]? Tất cả cảm thọ khổ đều là nhuế sử[20]? Tất cả cảm thọ không khổ không lạc đều là vô minh sử[21]?"

Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc đáp rằng:

"Không phải tất cả cảm thọ lạc đều là dục sử, không phải tất cả cảm thọ khổ đều là nhuế sử; không phải tất cả cảm thọ không khổ không lạc đều là vô minh sử. Vì sao cảm thọ lạc không phải là dục sử? Nếu Tỳ-kheo ly dục, ly ác bất thiện pháp, có giác có quán, hỷ lạc do ly dục sanh, chứng Sơ thiền, thành tựu an trụ. Đó là cảm thọ lạc không phải là dục sử. Vì sao vậy? Vì đã đoạn dục. Vì sao cảm thọ khổ không phải là nhuế sử? Như mong cầu vô thượng giải thoát lạc, do sự nguyện cầu canh cánh mà sanh ra ưu khổ. Đó là cảm thọ khổ không phải là nhuế sử. Vì sao? Vì nó đoạn sân nhuế. Vì sao cảm thọ không khổ không lạc không phải là vô minh sử? Khi lạc diệt, khổ diệt, ưu hỷ đã có trước cũng diệt, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh, đắc đệ Tứ thiền, thành tựu an trụ. Đó là cảm thọ không khổ không lạc không phải là vô minh sử. Vì sao? Vì nó đoạn vô minh."

Ưu-bà-di Tì-xá-khư nghe xong khen rằng:

"Hay thay! Hay thay! Bạch Ni sư!"

Ưu-bà-di Tì-xá-khư khen xong hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi rằng:

"Bạch Ni sư, cảm thọ lạc đối đãi với cái gì?"

Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc đáp rằng:

"Cảm thọ lạc lấy cảm thọ khổ làm đối đãi."

Ưu-bà-di Tì-xá-khư nghe xong khen rằng:

"Hay thay! Hay thay! Bạch Ni sư!"

Ưu-bà-di Tì-xá-khư khen xong hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi rằng:

"Bạch Ni sư, cảm thọ khổ đối đãi với cái gì?"

Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc đáp rằng:

"Cảm thọ khổ lấy cảm thọ lạc làm đối đãi."

Ưu-bà-di Tì-xá-khư nghe xong khen rằng:

"Hay thay! Hay thay! Bạch Ni sư!"

Ưu-bà-di Tì-xá-khư khen xong hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi rằng:

"Bạch Ni sư, cảm thọ vừa lạc vừa khổ đối đãi với cái gì?"

Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc đáp rằng:

"Cảm thọ lạc khổ lấy không khổ không lạc làm đối đãi."

Ưu-bà-di Tì-xá-khư nghe xong khen rằng:

"Hay thay! Hay thay! Bạch Ni sư!"

Ưu-bà-di Tì-xá-khư khen xong hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi rằng:

"Bạch Ni sư, cảm thọ không khổ không lạc đối đãi với cái gì?"

Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc đáp rằng:

"Cảm thọ không khổ không lấy vô minh làm đối đãi."

---

19. Dục sử ———A hay tham dục tùy miên. Pāli: rāgānusaya.
20. Nhuế sử –} ——A hay sân tùy miên. Pāli: paṭighānusaya.
21. Vô minh sử –L———A hay vô minh tùy miên. Pāli: avijjānusaya.

Ưu-bà-di Tì-xá-khư nghe xong khen rằng:

"Hay thay! Hay thay! Bạch Ni sư!"

Ưu-bà-di Tì-xá-khư khen xong hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi rằng:

"Bạch Ni sư, vô minh đối đãi với gì?"

Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc đáp rằng:

"Vô minh lấy minh làm đối."

Ưu-bà-di Tì-xá-khư nghe xong khen rằng:

"Hay thay! Hay thay! Bạch Ni sư!"

Ưu-bà-di Tì-xá-khư khen xong hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi rằng:

"Bạch Ni sư, minh đối đãi với gì?"

Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc đáp rằng:

"Minh lấy Niết-bàn làm đối."

Ưu-bà-di Tì-xá-khư nghe xong khen rằng:

"Hay thay! Hay thay! Bạch Ni sư!"

Ưu-bà-di Tì-xá-khư khen xong hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi rằng:

"Bạch Ni sư, Niết-bàn đối đãi với cái gì?"

"Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc đáp rằng:

"Ông[22] muốn hỏi những việc vô cùng, nhưng việc ông hỏi không thể cùng tận giới hạn của tôi được. Niết-bàn không có đối đãi. Niết-bàn không có quái ngại, vượt qua quái ngại, diệt trừ quái ngại, do nghĩa này nên tôi theo Thế Tôn hành phạm hạnh."

Bấy giờ Ưu-bà-di Tì-xá-khư, khi nghe Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc nói, khéo léo thọ trì, tụng tập, rồi từ chỗ ngồi đứng dậy, cúi đầu lễ dưới chân Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc, đi nhiễu ba vòng rồi lui về.

Bấy giờ Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc sau khi tiễn Ưu-bà-di Tì-xá-khư đi cách đó không lâu, đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, rồi lui đứng một bên, đem hết những điều thảo luận cùng Ưu-bà-di Tì-xá-khư bạch lại với Phật, chắp tay thưa rằng:

"Bạch Thế Tôn, con nói như vậy, đáp như vậy, không vu báng Thế Tôn chăng? Nói chân thật, nói như pháp, không có trái nhau, không có tranh cãi, nhầm lẫn chăng?"

Thế Tôn đáp rằng:

"Này Tỳ-kheo-ni, ngươi nói như vậy, đáp như vậy, không vu báng Ta, ngươi nói chân thật, ngươi nói như pháp, nói theo thứ lớp của pháp. Đối với như pháp, không có chống trái nhau, không tranh, không lỗi vậy. Này Tỳ-kheo-ni, nếu Ưu-bà-di Tì-xá-khư đến hỏi Ta, Ta cũng bằng những văn cú như vậy, Ta cũng trả lời Ưu-bà-di Tì-xá-khư bằng nghĩa này, bằng văn cú này. Này Tỳ-kheo-ni, nghĩa này đúng như ngươi đã nói, ngươi cứ như vậy mà thọ trì. Vì sao, những lời này tức là giáo nghĩa vậy."

Phật thuyết như vậy, Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc và chư Tỳ-kheo nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

❑

[22]. Hán: quân 君 Có thể nam, có thể nữ. Có sự bất nhất về phái tính nhân vật trong bản Hán. Pāli: avuso.

211. KINH ĐẠI CÂU-HY-LA[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật du hóa tại thành Vương xá, trong rừng Trúc, vườn Ca-lan-đa.

Bấy giờ Tôn giả Xá-lê Tử vào lúc xế từ tĩnh tọa dậy, đi đến chỗ Tôn giả Đại Câu-hy-la[2], chào hỏi nhau xong rồi ngồi xuống một bên.

Tôn giả Xá-lê Tử nói rằng:

"Này Hiền giả Đại Câu-hy-la, tôi có điều muốn hỏi, Hiền giả nghe cho chăng?

Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp rằng:

"Thưa Tôn giả Xá-lê Tử, muốn hỏi xin cứ hỏi, tôi nghe xong sẽ suy nghĩ."

Tôn giả Xá-lê Tử hỏi rằng:

"Hiền giả Đại Câu-hy-la, bất thiện, được nói là bất thiện; bất thiện căn, được nói là bất thiện căn. Thế nào là bất thiện? Thế nào là bất thiện căn?"

Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp:

"Thân ác hành, khẩu và ý ác hành, đó là bất thiện vậy. Tham, nhuế, si, đó là bất thiện căn vậy. Đó là bất thiện và bất thiện căn."

Tôn giả Xá-lê Tử nghe xong khen rằng:

"Hay thay! Lành thay! Hiền giả Câu-hy-la."

Tôn giả Xá-lê Tử khen xong, hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi:

"Hiền giả Câu-hy-la, thiện, được nói là thiện; thiện căn, được nói là thiện căn. Thế nào là thiện? Thế nào là thiện căn?

Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp:

"Thân diệu hạnh, khẩu và ý diệu hạnh, đó là thiện vậy. Không tham, không nhuế, không si, đó là thiện căn vậy. Đó là thiện và thiện căn."

Tôn giả Xá-lê Tử nghe xong khen rằng:

"Lành thay! Lành thay! Hiền giả Đại Câu-hy-la."

Tôn giả Xá-lê Tử khen xong hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi:

"Trí tuệ, được nói là trí tuệ. Thế nào là trí tuệ?"

Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp rằng:

"Biết như vậy, cho nên nói là trí tuệ. Biết những gì? Biết như thật 'Đây là Khổ', biết như thật 'Đây là Khổ tập', 'Đây là Khổ diệt', 'Đây là Khổ diệt Đạo'. Biết như vậy cho nên được nói là trí tuệ."

Tôn giả Xá-lê Tử nghe xong khen rằng:

"Lành thay! Lành thay! Hiền giả Đại Câu-hy-la."

---

1. Tương đương Pāli. M.43. Mahā-vedalla-suttaṃ. Phần lớn, những vấn đề được thảo luận trong kinh, đối chiếu và xem chú thích ở kinh 210 trên.
2. Ma-ha Câu-hy-la ━━F━━]━━C Pāli: Mahā-Koṭṭhika.

Tôn giả Xá-lê Tử khen xong hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi:

"Hiền giả Đại Câu-hy-la, thức, được nói là thức; thế nào là thức?"

Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp:

"Thức, nhận thức, cho nên nói là thức[3]. Nhận thức những gì? Nhận thức sắc, nhận thức thanh, hương, vị, xúc, pháp. Thức, nhận thức, cho nên nói là thức."

Tôn giả Xá-lê Tử nghe xong khen rằng:

"Lành thay! Lành thay! Hiền giả Đại Câu-hy-la."

Tôn giả Xá-lê Tử khen xong hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi:

"Hiền giả Đại Câu-hy-la, trí tuệ và thức, hai pháp này hiệp nhất hay riêng biệt? Có thể thi thiết hai pháp này riêng biệt chăng[4]?"

Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp:

"Hai pháp này hiệp nhất chứ không riêng biệt. Không thể thi thiết hai pháp ấy riêng rẽ. Vì sao vậy? Những gì được biết bởi trí tuệ cũng được biết bởi thức. Cho nên hai pháp này hiệp nhất chứ không riêng biệt, và không thể cho rằng hai pháp này riêng rẽ."

Tôn giả Xá-lê Tử nghe xong khen rằng:

"Lành thay! Lành thay! Hiền giả Đại Câu-hy-la."

Tôn giả Xá-lê Tử khen xong hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi:

"Hiền giả Đại Câu-hy-la, người biết, ngài lấy gì để biết?"

Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp:

"Biết, tôi do trí tuệ mà biết."

Tôn giả Xá-lê Tử nghe xong khen rằng:

"Lành thay! Lành thay! Tôn giả Đại Câu-hy-la!"

Tôn giả Xá-lê Tử khen xong hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi:

"Hiền giả Đại Câu-hy-la, trí tuệ có nghĩa gì? Có sự thù thắng gì? Có công đức gì?"

Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp:

"Trí tuệ có nghĩa yểm ly, có nghĩa vô dục, có nghĩa thấy như thật[5]."

Tôn giả Xá-lê Tử nghe xong khen rằng:

"Lành thay! Lành thay! Hiền giả Đại Câu-hy-la."

Tôn giả Xá-lê Tử khen xong hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi:

"Hiền giả Đại Câu-hy-la, thế nào là chánh kiến?"

Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp:

"Biết như thật về Khổ, biết như thật về Khổ tập, Khổ diệt và Khổ diệt đạo. Đó gọi là chánh kiến."

Tôn giả Xá-lê Tử nghe xong khen rằng:

"Lành thay! Lành thay! Hiền giả Đại Câu-hy-la."

Tôn giả Xá-lê Tử khen xong hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi:

"Hiền giả Đại Câu-hy-la, có bao nhiêu nhân, có bao nhiêu duyên sanh chánh kiến?"

Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp:

"Có hai nhân, có hai duyên sanh chánh kiến. Những gì là hai? Một là duyên từ người

---

3. Thức thức, thị cố thuyết thức ———O-G———C Pāli: vijānāti vijānātī'ti kho āvuso tasmā viññāṇan ti vuccati.

4. Pāli: labbhā ca panimesaṃ dhammānaṃ vinibbhujitvā vinibbhujitvā nānākaraṇaṃ paññāpetun ti, có thể chăng sau khi phân tích rồi phân tích các pháp này mà giả thiết hành tướng sai biệt của chúng?

5. Pāli: paññā kho āvuso abhiññatthā pariññatthā pahānatthā ti, trí tuệ có nghĩa *thắng tri*, có nghĩa *biến tri*, có nghĩa *đoạn trừ*.

khác, hai là nội tâm tư duy. Đó là có hai nhân, có hai duyên sanh chánh kiến."

Tôn giả Xá-lê Tử nghe xong khen rằng:

"Lành thay! Lành thay! Hiền giả Đại Câu-hy-la."

Tôn giả Xá-lê Tử khen xong hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi:

"Hiền giả Đại Câu-hy-la, có bao nhiêu chi thâu nhiếp chánh kiến để đạt được tâm giải thoát quả, tuệ giải thoát quả, đạt được tâm giải thoát công đức, tuệ giải thoát công đức?"

Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp:

"Có năm chi thâu nhiếp chánh kiến để đạt được tâm giải thoát quả, tuệ giải thoát quả; đạt được tâm giải thoát công đức, tuệ giải thoát công đức. Những gì là năm? Một là được thâu nhiếp bởi chân đế, hai là được thâu nhiếp bởi giới, ba là được thâu nhiếp bởi bác văn, bốn là được thâu nhiếp bởi chỉ, năm là được thâu nhiếp bởi quán. Đó gọi là năm chi thâu nhiếp chánh kiến để đạt được tâm giải thoát quả, tuệ giải thoát quả, đạt được tâm giải thoát công đức, tuệ giải thoát công đức."

Tôn giả Xá-lê Tử nghe xong khen rằng:

"Lành thay! Lành thay! Hiền giả Đại Câu-hy-la."

Tôn giả Xá-lê Tử khen xong hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi:

"Hiền giả Đại Câu-hy-la, như thế nào sanh sự hữu trong tương lai[6]?"

Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp:

"Phàm phu ngu si, vô tri, không đa văn, bị vô minh che lấp, bị ái kết trói buộc, không gặp thiện tri thức, không hiểu biết Thánh pháp, không điều ngự Thánh pháp, đó gọi là làm phát sanh sự hữu trong tương lai."

Tôn giả Xá-lê Tử nghe xong khen rằng:

"Lành thay! Lành thay! Hiền giả Đại Câu-hy-la."

Tôn giả Xá-lê Tử khen xong hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi:

"Hiền giả Đại Câu-hy-la, thế nào là không sanh sự hữu trong tương lai?"

Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp:

"Nếu vô minh đã diệt, minh đã sanh, tất diệt tận khổ. Đó gọi là không phát sanh sự hữu trong tương lai."

Tôn giả Xá-lê Tử nghe xong khen rằng:

"Lành thay! Lành thay! Hiền giả Đại Câu-hy-la."

Tôn giả Xá-lê Tử khen xong hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi:

"Hiền giả Đại Câu-hy-la, có bao nhiêu thọ?"

Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp:

"Có ba thọ, là khổ thọ, lạc thọ và không khổ không lạc thọ. Thọ này duyên đâu mà có? Duyên xúc mà có."

Tôn giả Xá-lê Tử nghe xong khen rằng:

"Lành thay! Lành thay! Hiền giả Đại Câu-hy-la!"

Tôn giả Xá-lê Tử khen xong hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi:

"Hiền giả Đại Câu-hy-la, thọ, tưởng, tư, ba pháp này hiệp nhất hay riêng biệt? Có thể thi thiết ba pháp này riêng biệt chăng?"

Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp rằng:

"Thọ, tưởng, tư, ba pháp này hiệp nhất không riêng biệt. Không thể thi thiết ba pháp

---

6. Đương lai hữu ———C Pāli: āyatiṃ punabbhavābhimibbatti, sự tái sanh xảy ra trong tương lai.

này là riêng biệt. Vì sao? Những gì được cảm thọ bởi thọ, cũng được tưởng bởi tưởng, được tư bởi tư. Cho nên nói ba pháp này hiệp nhất không riêng biệt, và không thể thi thiết ba pháp này riêng biệt."

Tôn giả Xá-lê Tử nghe xong khen rằng:

"Lành thay! Lành thay! Hiền giả Đại Câu-hy-la."

Tôn giả Xá-lê Tử khen xong hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi:

"Diệt có sự đối ngại gì?"

Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp:

"Diệt không có sự đối ngại."

Tôn giả Xá-lê Tử nghe xong khen rằng:

"Lành thay! Lành thay! Hiền giả Đại Câu-hy-la."

Tôn giả Xá-lê Tử khen xong hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi:

"Hiền giả Đại Câu-hy-la, có năm căn với hành dị biệt[7], cảnh giới dị biệt, mỗi căn lãnh thọ cảnh giới riêng. Nhãn căn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân căn. Năm căn hành tướng dị biệt, cảnh giới dị biệt, mỗi căn tự lãnh thọ cảnh giới riêng. Vậy cái gì lãnh thọ tất cả cảnh giới cho chúng? Cái gì làm sở y cho chúng?"

Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp rằng:

"Năm căn với hành tướng dị biệt, với cảnh giới dị biệt, mỗi căn lãnh thọ cảnh giới riêng. Nhãn căn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân căn. Năm căn này với hành tướng riêng biệt, với cảnh giới riêng biệt, mỗi căn lãnh thọ cảnh giới riêng; ý lãnh thọ tất cả cảnh giới cho chúng. Ý làm sở y cho chúng."

Tôn giả Xá-lê Tử nghe xong khen rằng:

"Lành thay! Lành thay! Hiền giả Đại Câu-hy-la."

Tôn giả Xá-lê Tử khen xong hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi:

"Ý nương tựa vào đâu mà tồn tại?"

Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp:

"Ý nương tựa vào tuổi thọ mà tồn tại."

Tôn giả Xá-lê Tử nghe xong khen rằng:

"Lành thay! Lành thay! Hiền giả Đại Câu-hy-la."

Tôn giả Xá-lê Tử khen xong hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi:

"Hiền giả Đại Câu-hy-la, tuổi thọ nương vào đâu mà tồn tại?"

Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp rằng:

"Tuổi thọ nương vào hơi ấm mà tồn tại."

Tôn giả Xá-lê Tử nghe xong khen rằng:

"Lành thay! Lành thay! Hiền giả Đại Câu-hy-la."

Tôn giả Xá-lê Tử khen xong hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi:

"Hiền giả Đại Câu-hy-la, tuổi thọ và hơi ấm, hai pháp này hiệp nhất hay riêng biệt? Có thể thi thiết hai pháp này riêng biệt chăng?"

Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp:

"Tuổi thọ và hơi ấm hai pháp này hiệp nhất không riêng biệt. Không thể cho rằng hai pháp này riêng biệt. Vì sao? Nhân tuổi thọ mà có hơi ấm; nhân hơi ấm mà có tuổi thọ. Nếu không có tuổi thọ thì không có hơi ấm, nếu không có hơi ấm thì không có tuổi thọ. Cũng như do dầu do bấc mà đốt được đèn; và ở đây do ngọn mà có ánh sáng, do ánh sáng

---

7. Hành dị ——C Pāli: nānāgocarāni, có môi trường hoạt động sai biệt, sai biệt sở hành cảnh giới.

mà có ngọn. Nếu không có ngọn thì không có ánh sáng, không có ánh sáng thì không có ngọn. Cũng vậy, nhân tuổi thọ mà có hơi ấm, nhân hơi ấm mà có tuổi thọ. Nếu không có tuổi thọ thì không có hơi ấm, không có hơi ấm thì không có tuổi thọ. Cho nên hai pháp này hiệp nhất không riêng biệt, và không thể cho rằng hai pháp này riêng biệt."

Tôn giả Xá-lê Tử nghe xong khen rằng:

"Lành thay! Lành thay! Hiền giả Đại Câu-hy-la."

Tôn giả Xá-lê Tử khen xong hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi:

"Hiền giả Đại Câu-hy-la, có bao nhiêu pháp khi sanh thân chết rồi bỏ xác ngoài bãi tha ma như cây gỗ vô tình?"

Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp:

"Có ba pháp khi sanh thân chết rồi bỏ xác ngoài bãi tha ma như cây gỗ vô tình. Những gì là ba? Một là tuổi thọ, hai là hơi ấm, ba là thức. Ba pháp này sau khi sanh thân chết rồi, bỏ xác ngoài bãi tha ma như cây gỗ vô tình."

Tôn giả Xá-lê Tử nghe xong khen rằng:

"Lành thay! Lành thay! Hiền giả Đại Câu-hy-la."

Tôn giả Xá-lê Tử khen xong hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi:

"Hiền giả Đại Câu-hy-la, chết và nhập diệt tận định khác nhau như thế nào?"

Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp:

"Chết là thọ mạng đã diệt, hơi nóng ấm đã đi, các căn tan rã. Tỳ-kheo nhập diệt tận định, tuổi thọ chưa hết, hơi ấm cũng chưa đi, các căn chưa tan rã. Chết và nhập diệt tận định khác nhau như vậy."

Tôn giả Xá-lê Tử nghe xong khen rằng:

"Lành thay! Lành thay! Hiền giả Đại Câu-hy-la."

Tôn giả Xá-lê Tử khen xong hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi:

"Hiền giả Đại Câu-hy-la, nhập diệt tận định và nhập vô tưởng định khác nhau như thế nào?"

Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp:

"Tỳ-kheo nhập diệt tận định thì tưởng và tri đã diệt. Tỳ-kheo nhập vô tưởng định thì tưởng và tri không diệt. Nhập diệt tận định và nhập vô tưởng định khác nhau như vậy."

Tôn giả Xá-lê Tử nghe xong khen rằng:

"Lành thay! Lành thay! Hiền giả Đại Câu-hy-la."

Tôn giả Xá-lê Tử khen xong hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi:

"Hiền giả Đại Câu-hy-la, ra khỏi diệt tận định và ra khỏi vô tưởng định khác nhau như thế nào?"

Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp:

"Tỳ-kheo ra khỏi diệt tận định không nghĩ như vầy, 'Ta ra khỏi diệt tận định'. Tỳ-kheo ra khỏi vô tưởng định suy nghĩ như vầy, 'Ta có tưởng hay ta không có tưởng?' Ra khỏi diệt tận định và vô tưởng định khác nhau như vậy."

Tôn giả Xá-lê Tử nghe xong khen rằng:

"Lành thay! Lành thay! Hiền giả Đại Câu-hy-la."

Tôn giả Xá-lê Tử khen xong hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi:

"Hiền giả Đại Câu-hy-la, Tỳ-kheo nhập diệt tận định trước hết diệt pháp nào, thân hành, khẩu hành hay ý hành?"

Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp:

"Tỳ-kheo nhập diệt tận định trước hết diệt thân hành, kế đến khẩu hành và sau hết

là ý hành."

Tôn giả Xá-lê Tử nghe xong khen rằng:

"Lành thay! Lành thay! Hiền giả Đại Câu-hy-la."

Tôn giả Xá-lê Tử khen xong hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi:

"Hiền giả Đại Câu-hy-la, Tỳ-kheo ra khỏi diệt tận định, pháp nào phát sanh trước hết? Thân hành, khẩu hành hay ý hành?"

Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp:

"Tỳ-kheo ra khỏi diệt tận định, trước hết sanh thân hành, kế đến sanh khẩu hành và sau cùng sanh ý hành."

Tôn giả Xá-lê Tử nghe xong khen rằng:

"Lành thay! Lành thay! Hiền giả Đại Câu-hy-la."

Tôn giả Xá-lê Tử khen xong hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi:

"Tỳ-kheo khi ra khỏi diệt tận định, xúc bao nhiêu loại xúc?"

Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp:

"Tỳ-kheo ra khỏi diệt tận định, xúc ba loại xúc. Những gì là ba? Một là xúc không di động; hai là xúc vô sở hữu; ba là xúc vô tướng. Tỳ-kheo khi ra khỏi diệt tận định xúc ba loại xúc này."

Tôn giả Xá-lê Tử nghe xong khen rằng:

"Lành thay! Lành thay! Hiền giả Đại Câu-hy-la."

Tôn giả Xá-lê Tử khen xong hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi:

"Hiền giả Đại Câu-hy-la, không, vô nguyện, vô tướng, ba pháp này khác nhau về nghĩa, về văn? Hay cùng một nghĩa một văn?"

Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp:

"Không, vô nguyện, vô tướng, ba pháp này khác nghĩa, khác văn."

Tôn giả Xá-lê Tử nghe xong, khen rằng:

"Lành thay! Lành thay! Hiền giả Đại Câu-hy-la."

Tôn giả Xá-lê Tử khen xong hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi:

"Hiền giả Đại Câu-hy-la, có bao nhiêu nhân, bao nhiêu duyên phát sanh bất động định?"

Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp:

"Có bốn nhân, bốn duyên phát sanh bất động định. Những gì là bốn? Nếu Tỳ-kheo ly dục, ly ác bất thiện pháp, cho đến chứng đắc Tứ thiền thành tựu an trụ. Đó gọi là bốn nhân bốn duyên phát sanh bất động định."

Tôn giả Xá-lê Tử nghe xong khen rằng:

"Lành thay! Lành thay! Hiền giả Đại Câu-hy-la."

Tôn giả Xá-lê Tử khen xong hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi:

"Hiền giả Đại Câu-hy-la, có bao nhiêu nhân, bao nhiêu duyên phát sanh vô sở hữu định?"

Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp:

"Có ba nhân, ba duyên phát sanh vô sở hữu định. Những gì là ba? Nếu Tỳ-kheo vượt tất cả sắc tưởng cho đến chứng đắc vô sở hữu xứ thành tựu an trụ. Đó gọi là ba nhân ba duyên phát sanh vô sở hữu định."

Tôn giả Xá-lê Tử nghe xong khen rằng:

"Lành thay! Lành thay! Hiền giả Đại Câu-hy-la."

Tôn giả Xá-lê Tử khen xong hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi:

"Hiền giả Đại Câu-hy-la, có bao nhiêu nhân, bao nhiêu duyên phát sanh vô tưởng định?"

Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp:

"Có hai nhân, hai duyên phát sanh vô tưởng định. Những gì là hai? Một là không suy niệm tất cả mọi tưởng, hai là suy niệm vô tưởng giới. Đó gọi là có hai nhân, hai duyên phát sanh vô tưởng định."

Tôn giả Xá-lê Tử nghe xong khen rằng:

"Lành thay! Lành thay! Hiền giả Đại Câu-hy-la."

Tôn giả Xá-lê Tử khen xong hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi:

"Hiền giả Đại Câu-hy-la, có bao nhiêu nhân, bao nhiêu duyên trụ vô tưởng định?"

Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp:

"Có hai nhân, hai duyên trụ vô tưởng định. Những gì là hai? Một là không niệm tất cả tưởng, hai là niệm vô tưởng giới. Đó là hai nhân duyên hai duyên trụ vô tưởng định."

Tôn giả Xá-lê Tử nghe xong khen rằng:

"Lành thay! Lành thay! Hiền giả Đại Câu-hy-la."

Tôn giả Xá-lê Tử khen xong hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi:

"Hiền giả Đại Câu-hy-la, có bao nhiêu nhân bao nhiêu duyên ra khỏi vô tưởng định?"

Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp:

"Có ba nhân ba duyên ra khỏi vô tưởng định. Những gì là ba? Một là niệm tất cả tưởng; hai là không niệm vô tưởng giới; ba là do thân này và do sáu xứ duyên mạng căn. Đó gọi là có ba nhân, ba duyên ra khỏi vô tưởng định."

Như vậy, hai vị Tôn giả tán thán lẫn nhau rằng: "Lành thay! Lành thay!" và những điều được thảo luận đó, hoan hỷ phụng hành, rồi rời khỏi chỗ ngồi đứng dậy mà đi.

❑

PHẨM THỨ 18: PHẨM LỆ

212. KINH NHẤT THIẾT TRÍ
213. KINH PHÁP TRANG NGHIÊM
214. KINH BỆ-HA-ĐỀ
215. KINH ĐỆ NHẤT ĐẮC
216. KINH ÁI SANH
217. KINH BÁT THÀNH
218. KINH A-NA-LUẬT-ĐÀ (I)
219. KINH A-NA-LUẬT-ĐÀ (II)
220. KINH KIẾN
221. KINH TIỄN DỤ
222. KINH LỆ

212. KINH NHẤT THIẾT TRÍ[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật du hóa tại nước Uất-đầu-tùy-nhã, trong rừng Phổ cức thích[2].

Bấy giờ vua nước Câu-tát-la là Ba-tư-nặc[3] nghe Sa-môn Cù-đàm du hóa tại Uất-đầu-tùy-nhã, trong rừng Phổ cức thích. Sau khi nghe như vậy, vua nước Câu-tát-la, Ba-tư-nặc, bảo một người rằng: "Ngươi đi đến chỗ Sa-môn Cù-đàm, thay mặt ta mà thăm hỏi rằng, 'Thánh thể có khương cường, an lạc không tật bệnh, đi đứng thoải mái, khí lực bình thường chăng?' Rồi nói như vầy, 'Vua nước Câu-tát-la là Ba-tư-nặc, kính lời thăm hỏi rằng 'Thánh thể được khang cường, an lạc không tật bệnh đi đứng thoải mái, khí lực như thường chăng?' Ngươi lại nói thêm rằng, 'Vua nước Câu-tát-la là Ba-tư-nặc muốn đến gặp'." Người ấy lãnh giáo đến chỗ Phật, cùng Ngài chào hỏi rồi lui ngồi một bên mà thưa rằng:

"Bạch Cù-đàm, vua nước Câu-tát-la là Ba-tư-nặc kính lời thăm hỏi Thánh thể được khang cường, an lạc không tật bệnh, đi đứng thoải mái khi lực như thường chăng? Vua nước Câu-tát-la là Ba-tư-nặc muốn đến gặp."

Đức Thế Tôn đáp rằng:

"Mong vua nước Câu-tát-la là Ba-tư-nặc được an ổn khoái lạc. Mong cho Trời, Người, A-tu-la, Kiền-tháp-hòa, La-sát và mọi loài

---

1. Tương đương Pāli, M.90. Kaṇṇakatthala-suttaṃ.
2. Uất-đầu-tùy-nhã ━{━Y━H━Y━C Pāli: Ujuññā, một quận lỵ tại xứ Kosala. Phổ cức thích ━━━━F Pāli: Kaṇṇakatthala, là vườn Nai trong quận này.
3. Câu-tát-la vương Ba-tư-nặc ━━━━━i ━━C Pāli: Kosala-rājan Pasenadi.

khác cũng được an ổn khoái lạc. Vua nước Câu-tát-la là Ba-tư-nặc muốn đến xin cứ tự tiện tùy ý."

Lúc đó sứ giả nghe Phật nói, ghi nhớ kỹ, rồi từ chỗ ngồi đứng dậy nhiễu ba vòng rồi lui về.

Bấy giờ Tôn giả A-nan đứng sau lưng Đức Thế Tôn, quạt hầu Phật. Sau khi người sứ giả đi rồi, Đức Thế Tôn quay lại bảo rằng:

"Này A-nan, ông cùng Ta sang ngôi nhà lớn hướng phía Đông, mở cửa sổ ra và đóng cửa lớn lại, vào trong chỗ kín đáo ấy. Hôm nay Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la, nhất tâm, không loạn động, muốn nghe và thọ lãnh Chánh pháp."

Khi ấy Tôn giả A-nan bạch Phật rằng:

"Kính vâng."

Rồi Đức Thế Tôn dẫn A-nan sang ngôi nhà lớn hướng phía Đông kia, mở cửa sổ ra và đóng cửa lớn lại, dọn chỗ ngồi ở chỗ kín đáo, trải ni-sư-đàn và kiết già mà ngồi.

Lúc đó sứ giả trở về chỗ Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la thưa:

"Tâu Thiên vương, tôi đã thông báo cho Sa-môn Cù-đàm và Sa-môn Cù-đàm đang chờ Thiên vương. Cúi xin Thiên vương nên biết đúng thời."

Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la bảo người đánh xe rằng:

"Ngươi hãy sửa soạn xa giá. Hôm nay Ta muốn đến thăm Sa-môn Cù-đàm."

Người đánh xe lãnh giáo, tức thì sửa soạn xa giá.

Bấy giờ chị em Hiền và Nguyệt[4] đang ngồi ăn với Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la nghe nói hôm nay Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la sẽ đến thăm Phật, liền tâu rằng:

"Tâu Thiên vương, nếu hôm nay ngài đến thăm Đức Thế Tôn, xin thay chúng tôi cúi đầu thăm hỏi Đức Thế Tôn Thánh thể Ngài khỏe mạnh, an lạc, không bệnh tật, đi đứng thoải mái, khí lực như thường chăng? Đại vương nói như vầy, 'Chị em Hiền và Nguyệt cúi đầu thăm hỏi Thế Tôn, Thánh thể Ngài khỏe mạnh, an lạc, không tật bệnh, đi đứng thoải mái, khí lực bình thường chăng?'"

---

4. Hiền, Nguyệt ——C Pāli: Sakulā và Somā. Cả hai chị em đều là vợ của vua Pasenadi (Ba-tư-nặc), cũng là hai vị đệ tử nhiệt thành của Phật.

Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la im lặng nhận lời chị em Hiền và Nguyệt.

Lúc đó người đánh xe sửa soạn xa giá đã xong, đến tâu rằng:

"Tâu Thiên vương, xa giá trang nghiêm đã xong, xin vâng ý Thiên vương."

Vua nghe xong, lên xe rời khỏi Uất-đầu-tùy-nhã, đi đến rừng Phổ cức thích.

Lúc đó ngoài cửa rừng Phổ cức thích, một số đông các Tỳ-kheo đi kinh hành trên khoảng đất trống. Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la đến hỏi các Tỳ-kheo rằng:

"Bạch chư Hiền, Sa-môn Cù-đàm hôm nay ở đâu? Tôi muốn đến thăm."

Chư Tỳ-kheo đáp rằng:

"Nơi phía Đông kia, tâu Đại vương, tại ngôi nhà lớn hướng phía Đông, có cửa sổ mở và cửa lớn đóng, Đức Thế Tôn đang ở trong đó. Đại vương muốn thăm thì đến nhà ấy, đứng ngoài mà tằng hắng và gõ cửa, Đức Thế Tôn sẽ mở cửa."

Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la liền xuống xe, với đám tùy tùng vây quanh, đi bộ về ngôi nhà lớn hướng phía Đông ấy. Đến nơi vua đứng phía ngoài tằng hắng và gõ cửa. Đức Thế Tôn nghe, liền ra mở cửa. Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la vào trong ngôi nhà ấy, đến trước bạch rằng:

"Bạch Cù-đàm, chị em Hiền và Nguyệt cúi đầu thăm hỏi Thế Tôn rằng, 'Thánh thể Ngài khỏe mạnh, an lạc, không bệnh tật, đi đứng thoải mái, khí lực như thường chăng?'"

Thế Tôn hỏi rằng:

"Chị em Hiền và Nguyệt không có người sai sao?"

Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la bạch rằng:

"Bạch Cù-đàm, mong Ngài biết cho, hôm nay chị em Hiền và Nguyệt cùng ngồi ăn với con, nghe con muốn đến thăm Phật, bèn thưa rằng, 'Đại vương, nếu ngài đến thăm Phật, xin thay chúng tôi cúi đầu thăm hỏi Đức Thế Tôn, Thánh thể Ngài khỏe mạnh, an lạc, không bệnh tật, đi đứng thoải mái, khí lực bình thường chăng?' Nên con bạch lại như vậy cùng Thế Tôn rằng, chị em Hiền và Nguyệt cúi đầu thăm hỏi Thế Tôn 'Thánh thể Ngài khỏe mạnh an lạc, không tật bệnh đi

đứng thoải mái, khí lực như thường chăng?' Bạch Cù-đàm, chị em Hiền và Nguyệt cúi đầu thăm hỏi Đức Thế Tôn, Thánh thể Ngài khỏe mạnh, an lạc, không tật bệnh, đi đứng thoải mái, khí lực bình thường chăng?"

Thế Tôn đáp:

"Này Đại vương, mong cho chị em Hiền và Nguyệt an ổn, khoái lạc, mong cho Trời, Người, A-tu-la, Kiền-đáp-hòa, La-sát cùng mọi loài khác an ổn khoái lạc."

Bấy giờ Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la nói lời thăm hỏi Phật rồi lui ngồi một bên bạch rằng:

"Bạch Cù-đàm, con có điều muốn hỏi mong Ngài nghe chuyện con mới dám trình bày."

Thế Tôn đáp rằng:

"Này Đại vương, có điều gì muốn hỏi cứ tự ý mà hỏi."

Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la hỏi rằng:

"Bạch Cù-đàm, con nghe Sa-môn Cù-đàm nói như vầy, 'Trong quá khứ không có, trong tương lai không có, và hiện tại cũng không có, không có Sa-môn Phạm chí nào là bậc nhất thiết trí, nhất thiết kiến'. Bạch Cù-đàm, Ngài đã nhớ là đã nói như vậy chăng?

Thế Tôn đáp rằng:

"Này Đại vương, Ta không nhớ là đã nói như vậy, 'Trong quá khứ không có, trong tương lai không có, và hiện tại không có, không có Sa-môn Phạm chí nào là bậc nhất thiết trí, nhất thiết kiến'."

Lúc đó Đại tướng Bệ-lưu-la[5] đứng sau lưng Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la, cầm phất trần hầu vua. Rồi Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la quay lại nói với Đại tướng Bệ-lưu-la rằng:

"Hôm trước Ta ngồi với đại chúng, ai là người đầu tiên nói rằng, 'Sa-môn Cù-đàm nói như vầy, 'Trong quá khứ không có, trong tương lai không có và trong hiện tại cũng không có, không có Sa-môn Phạm chí nào là bậc nhất thiết trí, nhất thiết kiến'?"

Đại tướng Bệ-lưu-la đáp rằng:

---

5. Bệ-lưu-la ‒@‒d—hay Tì-lưu-li. Pāli: Viḍūḍabha, con trai của Pasenadi, mà mẹ nguyên là một nữ tỳ trong dòng họ Thích. Sau này Viḍūḍabha, vì một mối thù sĩ diện đối với họ Thích nên đã đem quân tàn sát cả họ.

"Tâu Thiên vương, có Tưởng Niên Thiếu Cát Tường Tử[6] là người đầu tiên nói như vậy."

Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la nghe xong, bảo một người rằng: "Ngươi đến chỗ Tưởng Niên Thiếu Cát Tường Tử nói như vầy, 'Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la cho gọi ông'."

Người ấy lãnh giáo, đi đến chỗ Tưởng Niên Thiếu Cát Tường Tử bảo như vầy:

"Này Niên Thiếu, Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la cho gọi ông."

Sau khi người ấy đi, Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la bạch Thế Tôn:

"Bạch Sa-môn Cù-đàm, có thể có những lời nói khác, nhưng được ghi nhớ khác. Bạch Cù-đàm, ngài có nhớ đã nói những gì chăng?"

Thế Tôn đáp rằng:

"Này Đại vương, Ta nhớ đã từng nói như vầy, 'Trong quá khứ không có, trong tương lai không có, trong hiện tại cũng không có, không có Sa-môn Phạm chí nào trong một thời[7] biết tất cả, trong một thời thấy tất cả'. Này Đại vương, Ta nhớ đã nói như vậy."

Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la nghe xong tán thán rằng:

"Những lời Sa-môn Cù-đàm nói như Sư[8]. Những lời Sa-môn Cù-đàm nói như Thiện sư. Lại có những điều muốn hỏi, mong Ngài cho phép con hỏi."

Thế Tôn đáp rằng:

"Đại vương, nếu có điều muốn hỏi cứ tùy ý hỏi."

Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la hỏi rằng:

"Bạch Cù-đàm! Ở đây có bốn chủng tộc, Sát-lợi, Phạm chí, Cư sĩ, Công sư. Bốn chủng tộc này có sự hơn kém nào không? Và có sự

---

6. Tưởng Niên Thiếu Cát Tường Tử ▪Q▪~▬▬N▬▬I▪A Pāli: Sañjaya-Ākāsagotta, tên một người Bà-la-môn, Đại thần của vua Ba-tư-nặc.

7. Nhất thời ▪@▬▬F Pāli: sakideva, trong một thời, một lúc, hay một lần; ngay trong một sát-na.

8. Sở thuyết như sư ▬▬▬p▪v▪A không rõ cách nói này. Tham khảo Pāli: heturūpaṃ bhante bhagavā āha, saheturūpaṃ... āha, Thế Tôn nói có nguyên nhân, liên hệ đến nguyên nhân. Không hiểu do liên hệ âm vận như thế nào, bản Hán hiểu heturūpaṃ là "như sư". Nếu dịch sát, có thể "như nhân" nghĩa là, có hình thức luận lý.

sai biệt nào?"

Thế Tôn đáp rằng:

"Bốn chủng tộc này, Sát-lợi, Phạm chí, Cư sĩ, Công sư có hơn kém và sai biệt. Hạng Sát-lợi, và Phạm chí ở trong nhân gian được coi là tối thượng. Hạng Cư sĩ và hạng Công sư ở trong nhân gian được coi là hạ liệt. Trong bốn hạng này, Sát-lợi, Phạm chí, Cư sĩ và Công sư đó là sự hơn kém và đó là sự sai biệt."

Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la nghe xong khen rằng:

Những gì Sa-môn Cù-đàm nói như Sư. Những gì Sa-môn Cù-đàm nói như Thiện sư."

Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la lại bạch:

"Bạch Cù-đàm, con không hỏi những vấn đề trong hiện tại, mà con muốn hỏi cả những vấn đề đời sau nữa, mong Ngài nghe con hỏi chăng?"

Thế Tôn đáp:

"Đại vương, nếu có điều muốn hỏi, cứ tùy ý hỏi."

Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la hỏi:

"Bạch Cù-đàm, ở đây có bốn chủng tộc, Sát-lợi, Phạm chí, Cư sĩ và Công sư, có sự hơn kém nào, có sự sai biệt nào ở đời sau chăng?"

Thế Tôn đáp rằng:

"Bốn hạng này, Sát-lợi, Phạm chí, Cư sĩ, và Công sư, có sự hơn kém, có sự sai biệt cả trong đời sau nữa. Bốn hạng này, Sát-lợi, Phạm chí, Công sư và Cư sĩ nếu thành tựu được năm đoạn chi này[9], chắc chắn sẽ gặp được Bậc Thiện Sư, là Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, chắc chắn được vừa ý, không có điều gì không vừa ý, và cũng luôn luôn được thiện lợi và hữu ích, an ổn khoái lạc. Những gì là năm chi? Đa văn Thánh đệ tử đối với Như Lai đã gieo trồng tín căn, đã quyết định vững bền, không ai có thể tước đoạt, dù là Sa-môn, Phạm chí, Thiên, Ma, Phạm và các loài thế gian khác. Đó gọi là đoạn chi thứ nhất.

"Lại nữa, Đại vương, Đa văn Thánh đệ tử, ít bệnh, không bệnh,

---

9. Ngũ đoạn chi ——_——hay *ngũ thắng chi*, xem Tập Dị 13 (No.1536, Đại 26 tr.422-3). Pāli: pañca padhāniyanngāni. Bản Hán hiểu là pahāna, đoạn trừ, thay vì là padhāna, tinh cần. Xem D. 33. Saṅgītisuttanta.

thành tựu sự điều hòa thực đạo[10], không quá lạnh, không quá nóng, dễ chịu, không bị bực dọc. Nghĩa là sự ăn uống được tiêu hóa dễ dàng an ổn. Đó gọi là đoạn chi thứ hai.

"Lại nữa, này Đại vương, Đa văn Thánh đệ tử không siểm mị, không dối gạt, chất trực, tự bộc lộ sự chân thật đối với Thế Tôn và các vị phạm hạnh. Đó gọi là đoạn chi thứ ba.

"Lại nữa, Đại vương, Đa văn Thánh đệ tử thường thành tựu hạnh tinh tấn, đoạn trừ ác và bất thiện pháp, siêng tu các thiện pháp, luôn luôn tự sách tấn[11], chuyên nhất kiên cố, đối với gốc rễ các thiện pháp, không hề từ bỏ phương tiện. Đó gọi là đoạn chi thứ bốn.

"Lại nữa, Đại vương, Đa văn Thánh đệ tử tu hành trí tuệ, quán pháp hưng suy và chứng đắc trí tuệ như vậy, thánh tuệ minh đạt phân biệt thấu triệt, do đó mà chơn chánh diệt tận. Đó gọi là đoạn chi thứ năm.

"Có bốn chủng tộc, Sát-lợi, Phạm chí, Cư sĩ và Công sư. Bốn hạng này nếu thành tựu được năm đoạn chi này, nhất định được gặp Bậc Thiện Sư, là Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, ắt được vừa ý, không có điều gì không vừa ý, luôn luôn được thiện lợi và hữu ích, an ổn khoái lạc.

"Có bốn chủng tộc này, Sát-lợi, Phạm chí, Cư sĩ và Công sư. Đó là hơn kém, đó là sự sai biệt ở đời sau vậy."

Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la nghe xong tán thán rằng:

"Những lời Sa-môn Cù-đàm nói như Sư. Những lời Sa-môn Cù-đàm nói như Thiện sư. Con lại có điều muốn hỏi, mong Ngài nghe con hỏi chăng?"

Đức Thế Tôn đáp:

"Đại vương, nếu có điều gì muốn hỏi, cứ tùy ý hỏi."

Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la hỏi:

"Bạch Cù-đàm, có bốn chủng tộc, Sát-lợi, Phạm chí, Cư sĩ và Công sư; bốn hạng này có sự hơn kém và sự sai biệt nào đối với đoạn hành[12] chăng?"

---

10. Đẳng thực đạo ━━━D━C Pāli: sama-vepākiniyā.

11. Hán: hằng tự khởi ý ━━━_━N━C Có lẽ Pāli: thāmavant, kiên trì nỗ lực.

12. Đoạn hành ━_━━C Pāli: padhāna, sự tinh cần hay chuyên cần.

Đức Thế Tôn đáp:

"Có bốn chủng tộc này, Sát-lợi, Phạm chí, Cư sĩ và Công sư. Bốn hạng này có sự sai biệt và hơn kém đối với đoạn hành. Này Đại vương, Đại vương nghĩ sao? Những gì được đoạn bởi tín, và chúng được đoạn bởi bất tín trường hợp đó hoàn toàn không thể có. Những gì được đoạn bởi ít bệnh, mà chúng cũng được đoạn bởi nhiều bệnh, trường hợp đó hoàn toàn không thể có. Những gì được đoạn bởi sự không siểm nịnh, không lừa dối[13], mà chúng cũng được đoạn bởi siểm nịnh, lừa dối, trường hợp này không thể có. Nếu được đoạn bởi tinh cần mà cũng được đoạn bởi giải đãi; trường hợp này không thể có. Nếu đoạn bởi trí tuệ, mà cũng được đoạn trừ bởi ác tuệ, trường hợp này không thể có.

"Cũng như chế ngự bốn thứ[14] là chế ngự voi, chế ngự ngựa, chế ngự bò và chế ngự người. Trong đó có hai trường hợp cần chế ngự mà không thể chế ngự và hai trường hợp cần chế ngự mà có thể chế ngự. Đại vương, ý ông thế nào? Hai trường hợp cần chế ngự mà không thể chế ngự, con vật không thể chế ngự ấy mà lại đi đến chỗ được điều phục, đi đến được chỗ chế ngự[15], thọ nhận công việc của sự điều ngự[16], thì việc này có thể vậy.

"Cũng vậy, này Đại vương, Đại vương nghĩ sao? Nếu những gì được đoạn bởi tín mà cũng được đoạn bởi bất tín chăng? Việc này không thể có. Nếu được đoạn bởi ít bệnh mà cũng được đoạn bởi nhiều bệnh chăng? Việc này không thể có. Nếu được đoạn bởi sự không siểm nịnh không dối trá mà cũng được đoạn bởi siểm nịnh, dối trá chăng? Việc này không thể có. Nếu được đoạn bởi tinh cần mà cũng đoạn bởi giải đãi chăng? Việc này không thể có. Nếu do trí tuệ mà đoạn cũng do ác tuệ mà đoạn chăng? Việc này không thể có. Như vậy, bốn hạng này, Sát-lợi, Phạm chí, Cư sĩ, và Công sư, đó là sự hơn

---

13. Cuống, siểm. Pāli: saṭha, māyāvin, giảo hoạt và lừa dối hay.

14. Bốn điều ngự, hay bốn trường hợp huấn luyện, xem kinh 198 trên. Một ít chi tiết trong kinh trước và kinh này không thống nhất trong bản Hán.

15. Điều địa, ngự địa ▬▬a▬s▬a▬c Pāli: dantabhūmi, địa vị (của con vật) đã được huấn luyện.

16. Thọ ngự sự ▬▬s▬▬c Pāli: dantākaraṇaṃ gaccheyyuṃ, có thể làm công việc (của con vật) đã được huấn luyện.

kém, sự sai biệt về đoạn hành."

Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la nghe xong khen rằng:

"Bạch Cù-đàm, những điều Ngài nói như Sư, những điều Ngài nói như Thiện sư. Con lại có điều muốn hỏi, mong Ngài nghe con hỏi chăng?"

Đức Thế Tôn đáp:

"Đại vương, nếu có điều muốn hỏi tùy ý hỏi."

Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la hỏi:

"Bạch Sa-môn Cù-đàm, có bốn chủng tộc này, Sát-lợi, Phạm chí, Cư sĩ và Công sư, bốn hạng này có sự hơn kém, có sự sai biệt đối với đoạn[17] chăng?"

Đức Thế Tôn đáp rằng:

"Có bốn chủng tộc này, Sát-lợi, Phạm chí, Cư sĩ và Công sư, chúng bình đẳng đối với đoạn, không hơn kém, không sai biệt đối với đoạn vậy[18].

"Cũng như một đứa nhỏ dòng Sát-lợi từ phương Đông đến lấy Sa-la khô làm mồi lửa và cọ xát cho bốc lửa. Một đứa dòng Phạm chí từ phương Nam đến nó lấy cây Sa-la khô làm mồi lửa và cọ xát cho bốc lửa. Một đứa dòng Cư sĩ từ phương Tây đến, nó lấy chiên-đàn làm mồi và cọ xát cho bốc lửa. Một đứa bé dòng Công sư từ phương Bắc đến, nó lấy cây Bát-đầu-ma[19] khô làm mồi lửa và cọ xát cho bốc lửa. Này Đại vương, ý ngài nghĩ sao? Những người khác chủng tộc kia mang các loại cây khác nhau làm mồi lửa, nó cọ xát cho bốc lửa; rồi trong số đó, có người châm vào cây khô làm cho bốc khói, bốc lửa ngọn và phát sanh màu lửa. Này Đại vương, giữa khói với khói, giữa ngọn lửa với ngọn lửa. Giữa sắc lửa với sắc lửa, có những sai biệt nào chăng?"

Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la đáp rằng:

---

17. Đoạn 斷 Pāli: sammappadhāna, chánh cần, hay chân chánh tinh cần.
18. Trong bản Pāli: na kiñci nānākaraṇaṃ vādāmi yadidṃ vimuttiyā vimuttiṃ, Ta nói không có hành tướng sai biệt nào, tức là giải thoát này đối với giải thoát kia.
19. Bát-đầu-ma 鉢頭摩 thường Pāli tương đương là paduma (hoa sen đỏ), nhưng ở đây, trong bản Pāli: udumbarakaṭṭha, củi bằng gỗ cây udumbaraka, tức cây sung.

"Bạch Cù-đàm, những người khác chủng tộc đó lấy các thứ cây khác nhau đó làm mồi lửa và cọ xát cho bốc lửa, rồi trong số đó có người châm lửa vào cây khô làm bốc khói, bốc lửa ngọn và phát sanh màu lửa. Bạch Cù-đàm, con không nói rằng giữa khói và khói, giữa ngọn lửa và ngọn lửa, giữa sắc lửa và sắc lửa có sự sai biệt."

"Cũng vậy, này Đại vương, bốn chủng tộc này, Sát-lợi, Phạm chí, Cư sĩ và Công sư, chúng hoàn toàn bình đẳng đối với đoạn, không có hơn kém, không có sai biệt đối với đoạn."

Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la nghe xong khen rằng:

"Bạch Cù-đàm, những điều Ngài nói như Sư. Bạch Sa-môn Cù-đàm, những điều Ngài nói như Thiện sư. Con lại có điều muốn hỏi, mong Ngài nghe cho con hỏi chăng?"

Thế Tôn đáp:

"Nếu có điều muốn hỏi, cứ tùy ý hỏi."

Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la hỏi rằng:

"Bạch Cù-đàm, có chư Thiên chăng?"

Đức Thế Tôn hỏi lại:

"Đại vương, ngài hỏi có chư Thiên không với ý gì?"

Vua Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la đáp:

"Bạch Cù-đàm, chư Thiên nào có tranh[20], ưa tranh thì chư Thiên ấy phải sanh lại thế gian này. Nếu chư Thiên nào không có não hại thì sẽ không sanh lại thế gian này[21]."

Bấy giờ Đại tướng Bệ-lưu-la đứng sau lưng Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la, cầm phất trần hầu vua. Đại tướng Bệ-lưu-la bạch:

"Bạch Cù-đàm, chư Thiên nào không có tranh, không ưa tranh không đến thế gian này, hãy gác lại chư Thiên đó. Giả như chư Thiên nào có tranh, ưa tranh, thì đến thế gian này, Sa-môn Cù-đàm tất phải nói rằng chư Thiên đó có phước hơn, có phạm hạnh hơn. Vì chư Thiên này được tự tại nên đẩy lui chư Thiên kia, đuổi chư Thiên kia đi vậy."

Lúc đó Tôn giả A-nan đứng hầu sau Đức Thế Tôn, cầm phất trần

---

20. Hữu tránh ——A có tranh cãi hay tranh chấp. Pāli: savyāpajjhā, có não hại, sân hận.

21. Trong bản Pāli, đây là câu trả lời của Phật.

hầu Phật. Tôn giả A-nan nghĩ rằng, 'Đại tướng Bệ-lưu-la này là con của Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la, còn ta là con của Đức Thế Tôn. Bây giờ chính là lúc con và con thảo luận. Rồi Tôn giả A-nan nói với Đại tướng Bệ-lưu-la rằng:

"Tôi muốn hỏi ngài, xin tùy theo sự hiểu biết mà trả lời.

"Thưa Đại tướng, ngài nghĩ thế nào? Trong phần ranh giới thuộc về Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la mà giáo lệnh có thể truyền đến, Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la được tự do đuổi đi những vị có phước đức hơn, có phạm hạnh hơn chăng?"

Đại tướng Bệ-lưu-la đáp:

"Này Sa-môn, trong phần ranh giới thuộc về Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la mà giáo lệnh có thể truyền đến thì Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la được quyền đuổi đi tự do những vị có phước đức hơn, có phạm hạnh hơn."

"Này Đại tướng, ngài nghĩ sao? Nếu không phải trong ranh giới của Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la, giáo lệnh không thể truyền đến, thì Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la có được tự ý đuổi những vị có phước đức hơn, có phạm hạnh hơn chăng?"

Đại tướng Bệ-lưu-la đáp rằng:

"Này Sa-môn, nếu không phải ranh giới thuộc về Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la, giáo lệnh không thể truyền đến thì Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la không được tự do xua đuổi những vị có phước hơn, có phạm hạnh hơn đi khỏi vậy."

Tôn giả A-nan lại hỏi rằng:

"Này Đại tướng, ngài có nghe nói đến chư Thiên ở Tam thập tam thiên chăng?"

Đại tướng Bệ-lưu-la đáp rằng:

"Khi tôi cùng Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la dạo chơi, có nghe nói chư Thiên trên Tam thập tam thiên."

"Này Đại tướng, ngài nghĩ thế nào? Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la có được quyền tự do xua đuổi chư Thiên có phước hơn, có phạm hạnh hơn ở Tam thập tam thiên khỏi chỗ ấy chăng?"

Đại tướng Bệ-lưu-la đáp rằng:

"Này Sa-môn, Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la còn không thể thấy được chư Thiên ở Tam thập tam thiên, huống gì lại đuổi họ ra

khỏi chỗ đó? Đuổi chư Thiên ở Tam thập tam thiên, việc ấy chắc chắn không thể có vậy."

"Cũng vậy, này Đại tướng, nếu có chư Thiên nào không tranh, không ưa tranh, không đến thế gian này. Chư Thiên ấy có phước đức hơn và có phạm hạnh hơn. Nếu có chư Thiên nào có tranh, ưa tranh, sanh đến thế gian này thì chư Thiên này đối với chư Thiên kia còn không thể thấy được huống gì đánh đuổi ư? Việc đánh đuổi chư Thiên, chắc chắn không thể có."

Lúc đó Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la hỏi rằng:

"Bạch Cù-đàm, Sa-môn này tên gì?"

Đức Thế Tôn đáp rằng:

"Này Đại vương, Tỳ-kheo này tên là A-nan, đó là thị giả của Ta."

Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la nghe xong khen rằng:

"Những điều A-nan nói như Sư. Những điều A-nan như Thiện sư. Con lại có điều muốn hỏi, mong Ngài nghe cho con hỏi chăng?"

Đức Thế Tôn bảo rằng:

"Này Đại vương, nếu có điều muốn hỏi, cứ tùy ý hỏi."

Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la hỏi rằng:

"Bạch Cù-đàm, có Phạm thiên chăng?"

Đức Thế Tôn hỏi lại rằng:

"Này Đại vương, Đại vương hỏi có Phạm thiên không với ý gì? Này Đại vương, nếu Ta chủ trương có Phạm thiên thì đó là Phạm thanh tịnh."

Trong lúc Đức Thế Tôn cùng Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la đang luận việc này nửa chừng thì người sứ giả dẫn Tưởng Niên Thiếu Cát Tường Tử trở lại đến chỗ Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la tâu:

"Tâu Thiên vương, Tưởng Niên Thiếu Cát Tường Tử đã đến đây."

Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la nghe nói liền hỏi Tưởng Niên Thiếu Cát Tường Tử rằng:

"Hôm trước ta cùng đại chúng đang hội tọa ai là người trước tiên nói rằng, 'Sa-môn Cù-đàm nói như vầy: Trong quá khứ không có, trong tương lai không có, và trong hiện tại cũng không có. Không có Sa-môn Phạm chí nào là bậc nhất thiết trí, nhất thiết kiến'?"

Tưởng Niên Thiếu Cát Tường Tử đáp:

"Tâu Thiên vương, chính Đại tướng Bệ-lưu-la là người đã nói

trước tiên."

Đại tướng Bệ-lưu-la nghe xong thưa:

"Tâu Thiên vương, chính Tưởng Niên Thiếu Cát Tường Tử là người nói trước."

Cứ như vậy hai người đó cãi nhau về vấn đề này. Ngay trong lúc đó, người đánh xe liền sửa soạn xa giá, đến chỗ Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la tâu rằng:

"Tâu Thiên vương, nghiêm giá đã đến, tâu Thiên vương, mong ngài biết đã đến thời."

Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la nghe xong, bạch với Phật rằng:

"Con hỏi Cù-đàm về Nhất thiết trí, Sa-môn Cù-đàm đã trả lời con về Nhất thiết trí. Con hỏi Sa-môn Cù-đàm về bốn chủng tánh thanh tịnh; Sa-môn Cù-đàm đã trả lời con về bốn chủng tánh thanh tịnh. Con hỏi Sa-môn Cù-đàm về sở đắc, Sa-môn Cù-đàm đã trả lời con về sở đắc. Con hỏi Sa-môn Cù-đàm có Phạm thiên hay không, Sa-môn Cù-đàm đã trả lời cho con có Phạm thiên. Nếu con còn hỏi Sa-môn Cù-đàm các vấn đề khác chắc Sa-môn Cù-đàm cũng sẽ trả lời con các vấn đề ấy.

"Bạch Cù-đàm, hôm nay con có nhiều việc phải trở về, xin kiếu từ."

Đức Thế Tôn đáp rằng:

"Đại vương, ngài hãy làm những gì ngài nghĩ là đúng thời."

Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la sau khi nghe những gì Thế Tôn nói, ghi nhớ kỹ rồi, từ chỗ ngồi đứng dậy, đi quanh Thế Tôn ba vòng rồi ra về.

Phật nói như vậy. Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la, Tôn giả A-nan và tất cả đại chúng nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

❑

213. KINH PHÁP TRANG NGHIÊM[1]

Tôi nghe như vầy.

Một thời Phật du hóa giữa những người họ Thích, trú trong một đô ấp của Thích gia tên là Di-lũ-ly[2].

Bấy giờ Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la và Trường Tác[3] vì có những việc cần làm nên cùng đi đến một thị trấn tên gọi là Thành[4]. Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la, đến một khu vườn nơi ấy, nhìn thấy những gốc cây vắng vẻ, không tiếng động, xa lánh, không có sự dữ, không có bóng người, thích hợp cho sự tĩnh tọa. Sau khi nhìn thấy như vậy, nghĩ nhớ Đức Thế Tôn, Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la nói rằng:

"Này Trường Tác, ở đây, những gốc cây này vắng vẻ, không có tiếng động, xa lánh, không có sự dữ, không có bóng người, thích hợp cho sự tĩnh tọa. Tại chỗ này ta đã nhiều lần đến thăm viếng Đức Thế Tôn. Này Trường Tác, Đức Thế Tôn hiện giờ đang ở đâu? Ta muốn đến thăm."

Trường Tác trả lời:

"Tôi nghe nói Đức Thích Tôn đang du hóa giữa những người họ Thích, trú trong một đô ấp của Thích gia, tên gọi là Di-lũ-ly."

Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la lại hỏi:

"Này Trường Tác, Di-lũ-ly, đô ấp của Thích gia cách đây bao xa?"

"Trường Tác đáp:

"Tâu Thiên vương, cách đây ba cu-lô-xá[5]."

Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la nói:

"Này Trường Tác, ngươi hãy ra lệnh cho sửa soạn xa giá. Ta muốn đến chỗ Thế Tôn."

Trường Tác vâng lời cho sửa soạn xa giá, rồi tâu rằng:

"Tâu Thiên vương, xa giá đã sửa soạn xong, xin vâng ý Thiên vương."

Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la bèn lên xe, dong khỏi thành ngoài đi đến Di-lũ-ly, đô ấp của Thích gia.

Bấy giờ, ngoài cổng Di-lũ-ly, một số đông các Tỳ-kheo đang đi kinh hành trên một khoảng đất trống. Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la đến nơi các Tỳ-kheo hỏi rằng:

"Thưa các Tôn giả, Đức Thế Tôn hiện đang nghỉ mát ban ngày ở đâu?"

---

1. Tương đương Pāli, M.89. Dhammacetiya-suttaṃ.
2. Di-lũ-ly ————C Pāli: Medaḷumpa.
3. Trường Tác ——@—C Pāli: Dīghakāryāṇa, viên đại tướng tổng chỉ huy của vua Pasenadi.
4. Ấp danh thành ——W——C Pāli: Naṅgaraka.
5. Câu-lũ-xá ————A hay câu-lô-xá, số đo dài năm trăm cung, hay khoảng cách tiếng rống của một con bò. Bản Pāli: ba yojana, do-tuần.

Các Tỳ-kheo trả lời rằng:

"Đại vương, ngôi nhà lớn hướng Đông kia, với cửa sổ mở và cửa lớn đóng ấy, Đức Thế Tôn hiện đang nghỉ mát ban ngày tại đó. Đại vương nếu muốn đến thăm, có thể đi đến nơi đó, đến nơi hãy đứng bên ngoài, rồi tằng hắng và gõ cửa. Đức Thế Tôn nghe tất sẽ mở cửa."

Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la bèn xuống xe.

Khi một vị Sát-lợi Đảnh Sanh xuất hiện để cai trị nhân dân, và ban hành giáo lệnh cho cõi đất, thì có năm nghi trượng. Đó là kiếm, lọng, tràng hoa, phất cán ngọc và giày thêu. Vua cởi bỏ tất cả trao cho Trường Tác. Trường Tác nghĩ rằng:

"Thiên vương nay tất chỉ đi vào một mình. Chúng ta nên đứng ở đây mà đợi vậy."

Rồi Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la với đám tùy tùng vây quanh bước tới ngôi nhà hướng Đông kia. Đến nơi, vua đứng ngoài tằng hắng và gõ cửa. Đức Thế Tôn nghe rồi, bèn ra mở cửa. Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la đi vào trong nhà đến trước Đức Phật cúi đầu lễ sát chân, rồi ba lần tự xưng tên họ.

"Con là Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la, con là Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la!"

Đức Thế Tôn đáp:

"Như vậy, Đại vương, ngài là Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la. Ngài là Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la!"

Sau ba lần tự xưng tên họ, vua Ba-tư-nặc đảnh lễ dưới chân Phật và lui ngồi một bên. Đức Thế Tôn hỏi:

"Đại vương, Đại vương thấy Ta có những nghĩa lợi nào mà tự hạ mình đảnh lễ dưới chân và cúng dường cung kính như vậy?"

Vua Ba-tư-nặc thưa:

"Bạch Thế Tôn, con có sự loại suy về pháp[6] đối với Thế Tôn. Do đó con nghĩ rằng, 'Pháp được Như Lai, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác giảng dạy thật là toàn thiện. Chúng đệ tử của Thế Tôn thật khéo thú hướng[7].'

"Bạch Thế Tôn, khi con ngồi trên đô tọa[8], con nhìn thấy mẹ tranh chấp với con, con tranh chấp với mẹ; cha tranh chấp với con, con tranh chấp với cha; cho đến anh em, chị em, thân bằng quyến thuộc tranh chấp lẫn nhau. Trong khi tranh chấp, mẹ nói con xấu, con nói mẹ xấu, cha con, anh em, chị em, thân bằng quyến thuộc nói xấu lẫn nhau. Người thân thích trong nhà còn như thế, huống nữa là người ngoài. Còn ở đây, con thấy chúng Tỳ-kheo, đệ tử của Thế Tôn theo Thế Tôn tu hành phạm hạnh. Hoặc nếu có Tỳ-kheo nào gây ra ít nhiều tranh chấp, xả giới bỏ đạo cũng không nói xấu Phật, không nói xấu pháp, không nói xấu chúng Tăng, mà chỉ tự chê trách rằng, 'Tôi xấu xa, thiếu đức hạnh. Tại sao như vậy? Vì tôi không thể theo Thế Tôn trọn đời tu hành phạm hạnh'. Đó là sự loại suy về pháp của con đối với Thế Tôn. Do đó con nghĩ rằng, 'Pháp được Như Lai, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác giảng dạy thật là toàn thiện. Chúng đệ tử của Thế Tôn thật là khéo thú hướng'.

"Bạch Thế Tôn, lại nữa, con thấy một Sa-môn Phạm chí khác đã ít nhiều học hành phạm hạnh, hoặc chín tháng, hoặc mười tháng, nhưng lại xả bỏ để theo sắc phục trước kia,

---

6. Pháp tĩnh ▪k▪t (bản Tống: ▪R); Pāli: Dhammanvaya, tổng tướng của pháp, loại cú của pháp, mục đích thứ tự của pháp. Đây chỉ sự suy diễn dựa trên những chứng nghiệm thực tế.

7. Pāli: svākkhato bhagavato dhammo suppaṭipanno sāvakasaṅgho, Pháp được Thế Tôn khéo thuyết, Tăng đệ tử của Thế Tôn khéo thực hành.

8. Đô tọa ▬▬C Pāli: atthakaraṇa, công đường, pháp đình, chỗ xử kiện.

rồi lại bị nhiễm ô bởi dục vọng, nhiễm dục, dính trước dục, bị dục trói chặt, kiêu ngạo, chấp thủ, thâm nhập, sống hoan lạc trong sự hành dục mà không thấy tai họa, không thấy xuất yếu. Bạch Thế Tôn, con thấy ở đây chúng Tỳ-kheo đệ tử của Thế Tôn tự nguyện trọn đời tu tập phạm hạnh, cho đến ức số. Ngoài đây ra con không thấy ở đâu có phạm hạnh thanh tịnh như vậy, như mái nhà của Thế Tôn. Đó là sự loại suy về pháp của con đối với Thế Tôn. Do đó con nghĩ rằng, 'Pháp của Đức Như Lai, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác giảng dạy thật là toàn thiện. Chúng đệ tử của Thế Tôn thật là khéo thú hướng'.

"Lại nữa, bạch Thế Tôn, con thấy một Sa-môn Phạm chí thân thể gầy còm tiều tụy, tướng mạo xấu xí, thân nổi vẩy trắng[9] không ai muốn nhìn. Con tự nghĩ rằng, 'Các Tôn giả này vì sao thân thể lại gầy còm, tiều tụy, tướng mạo xấu xí, thân nổi vẩy trắng, không ai muốn nhìn. Các Tôn giả này ắt không tu phạm hạnh, hoặc vì bệnh hoạn hay lén lút làm việc xấu xa, cho nên các Tôn giả này thân hình gầy còm, tiều tụy, hình sắc xấu xa, mình nổi vẩy trắng không ai muốn nhìn'. Con đến hỏi họ, 'Các Tôn giả vì sao thân hình tiều tụy gầy còm, tướng mạo xấu xí, mình nổi vẩy trắng, không ai muốn nhìn? Có phải các Tôn giả không thích tu hành phạm hạnh chăng? Hoặc vì bệnh hoạn hay lén lút làm việc xấu xa, cho nên các Tôn giả thân thể gầy còm tiều tụy?' Những vị ấy đáp, 'Đại vương, đây là bệnh trắng! Đại vương, đây là bệnh trắng[10]'.

"Bạch Thế Tôn, con thấy chúng Tỳ-kheo đệ tử của Thế Tôn, sống hân hoan đoan chánh, sắc mặt vui tươi, hình thể tịnh khiết, vô vi vô cầu[11] sống đời tịnh hạnh, ăn uống như loài nai rừng[12], tự mình trọn đời tu hành phạm hạnh. Thấy vậy, con nghĩ rằng, 'Các Tôn giả này vì sao được hân hoan, đoan chánh, sắc mặt vui tươi hình thể tịnh, khiết, vô vi, vô cầu, sống đời tịnh hạnh, ăn uống như loài nai rừng? Tự mình trọn đời tu hành phạm hạnh? Các Tôn giả hoặc đã đạt đến ly dục, hoặc chứng đắc tăng thượng tâm, đối với hiện pháp lạc trụ[13] chứng đạt dễ dàng không khó. Cho nên các Tôn giả này mới được hân hoan, đoan chánh, sắc mặt vui tươi, hình thể tịnh, khiết, vô vi, vô cầu, sống đời tịnh hạnh, ăn uống như loài nai rằng, tự mình trọn đời tu hành phạm hạnh. Nếu sống trong dục lạc mà được hân hoan, đoan chánh, thì chính ta phải được đời sống hân hoan đoan chánh ấy. Vì sao? Vì ta hưởng thụ năm thứ diệu dục, một cách dễ dàng không khó. Nhưng các Tôn giả này đạt đến sự ly dục, chứng đắc tăng thượng tâm, đối với hiện pháp lạc trú thành tựu dễ dàng không khó. Vì vậy cho nên các Tôn giả này sống hân hoan, đoan chánh, sắc mặt vui tươi, hình thể tịnh khiết, vô vi vô cầu, sống đời tịnh hạnh, ăn uống như loài nai rừng, tự mình trọn đời tu hành phạm hạnh. Đó là sự loại suy về pháp của con đối với Thế Tôn, do đó con nghĩ rằng, 'Pháp được Như Lai, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác giảng dạy thật là toàn thiện. Chúng đệ tử của Thế Tôn thật là khéo thú hướng'.

"Lại nữa, bạch Thế Tôn, con thấy một Sa-môn Phạm chí thông minh trí tuệ, tự xưng mình thông minh trí tuệ, bác văn quyết định, thuộc làu các kinh, chế phục cường dịch, đàm luận thông suốt, danh tiếng đồn khắp, mọi người ai cũng đều nghe biết, đi đến nơi nào thảy đều đả phá tông chủ của người mà tự lập luận điểm của mình, và nói rằng, 'Chúng ta hãy đến chỗ Sa-môn Cù-đàm, mà hỏi ông những điều như vầy, như vầy. Nếu ông trả lời

---

9. Bạch pháo ━━p━C

10. Bạch bệnh ━━f━C Pāli: bandhukarogo, bệnh truyền nhiễm, (bệnh hoàng đản hay hoàng đậu?).

11. Vô vi vô cầu ━L━━L━D━C Pāli: appossukka pannaloma, thoải mái vô tư.

12. Hộ tha thế, thực như lộc: paradavutte migabhūtena (...) sống do sự hỗ trợ của người khác, (...) như loài nai.

13. Tăng thượng tâm, hiện pháp lạc trụ: chỉ cho sự chứng đắc bốn tĩnh lự.

được như thế này, thì ta vặn hỏi thế kia. Nếu ông không trả lời được thì ta cũng vặn hỏi rồi bỏ đi'. Họ nghe Thế Tôn du hóa tại làng nọ, vị này liền tìm đến, nhưng khi gặp Phật thì lại chẳng dám hỏi lời nào huống nữa là vấn nạn. Đó là sự loại suy về pháp của con đối với Thế Tôn. Do đó con nghĩ rằng, 'Pháp được Như Lai Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác giảng dạy thật là toàn thiện. Chúng đệ tử của Thế Tôn thật là khéo thú hướng'.

"Lại nữa, bạch Thế Tôn, con thấy một Sa-môn Phạm chí, thông minh trí tuệ, tự xưng là thông minh trí tuệ, bác văn quyết định, thuộc làu các kinh, chế phục cường địch, đàm luận thông suốt, danh tiếng đồn khắp, mọi người đều nghe biết, đi đến chỗ nào thảy đều đả phá tông chỉ người khác mà tự lập luận điểm của mình. Và nói rằng, 'Chúng ta hãy đi đến chỗ Sa-môn Cù-đàm để hỏi ông những điều như vầy như vầy. Nếu ông trả lời được thế này, ta lại vặn hỏi ông cách kia. Nếu ông trả lời không được, ta cũng vặn hỏi rồi bỏ đi'. Họ nghe Thế Tôn du hóa tại làng nọ, vị này liền đến tìm hỏi, được Thế Tôn trả lời rõ ràng. Nghe xong Sa-môn Phạm chí này vui mừng hớn hở, cúi đầu lễ sát chân Phật, nhiễu quanh ba vòng rồi lui. Đó là sự loại suy về pháp của con đối với Thế Tôn. Do đó, con nghĩ rằng, 'Pháp được Như Lai, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác giảng dạy thật là toàn thiện. Chúng đệ tử của Thế Tôn thật là khéo thú hướng'.

"Lại nữa, bạch Thế Tôn, con thấy một Sa-môn Phạm chí khác, thông minh trí tuệ, tự xưng là thông minh trí tuệ, bác văn quyết định, thuộc làu các kinh, chế phục cường địch, đàm luận thông suốt, danh tiếng đồn khắp, mọi người đều nghe biết, đi đến nơi nào thảy đều đả phá chủ trương tông chỉ của người mà tự lập luận điểm của mình và nói rằng, 'Chúng ta hãy đi đến chỗ Sa-môn Cù-đàm để hỏi ông những điều như vầy, như vầy. Nếu ông trả lời được như thế này, ta lại vặn hỏi ông cách khác. Nếu ông không trả lời được, ta cũng vặn hỏi ông rồi bỏ đi'. Họ nghe Thế Tôn du hóa tại làng nọ, vị này liền đến hỏi, được Thế Tôn trả lời rõ ràng. Nghe xong, Sa-môn Phạm chí này liền vui mừng phấn khởi, liền tự quy y Phật, Pháp và Chúng Tỳ-kheo; được Thế Tôn thọ nhận làm Ưu-bà-tắc; trọn đời quy y cho đến tận mạng. Đó là sự loại suy về pháp của con đối với Thế Tôn. Do đó, con nghĩ rằng, 'Pháp được Như Lai, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác giảng dạy thật là toàn thiện; chúng đệ tử của Thế Tôn thật là khéo thú hướng'.

"Lại nữa, bạch Thế Tôn, con thấy một Sa-môn Phạm chí khác thông minh trí tuệ, tự xưng là thông minh trí tuệ, bác văn quyết định, thuộc làu các kinh, chế phục được cường địch, đàm luận thông suốt, danh tiếng đồn khắp mọi người đều nghe biết, đi đến nơi nào thảy đều đả phá chủ trương tông chỉ của người mà lập luận điểm của mình mà nói rằng, "Chúng ta hãy đi đến chỗ Sa-môn Cù-đàm để hỏi ông những điều như vầy, như vầy. Nếu ông trả lời được như thế này, ta lại vặn hỏi ông cách kia. Nếu ông trả lời không được, ta cũng vặn hỏi ông rồi bỏ đi'. Họ nghe Thế Tôn du hóa tại làng nọ, vị này liền tìm đến hỏi, được Thế Tôn trả lời rõ ràng. Nghe xong, Sa-môn Phạm chí này vui mừng phấn khởi bèn theo Thế Tôn cầu xin xuất gia thọ giới Cụ túc, đắc pháp Tỳ-kheo. Thế Tôn bèn độ cho và truyền trao giới Cụ túc, đắc pháp Tỳ-kheo. Khi các Tôn giả ấy xuất gia học đạo, thọ giới Cụ túc, đắc pháp Tỳ-kheo rồi, sống cô độc một nơi xa vắng, tâm không buông lung, tinh cần tu tập. Vị ấy sau khi sống cô độc tại một nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tinh cần tu tập, đạt đến mục đích mà một thiện nam tử cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo, là duy chỉ để thành tựu vô thượng phạm hạnh, ngay trong đời hiện tại mà tự tri, tự giác, tự thân chứng ngộ an trú, biết một cách như thật rằng 'Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa'. Khi các Tôn giả ấy biết pháp rồi, cho đến chứng đắc A-la-hán; chứng đắc

A-la-hán rồi, bèn nói rằng, ‘Này chư Hiền, trước kia tôi gần bị suy vong gần bị hủy diệt. Vì sao vậy? Trước kia tôi không phải là Sa-môn tự xưng là Sa-môn; không phải phạm hạnh tự xưng phạm hạnh, không phải A-la-hán tự xưng A-la-hán. Bấy giờ chúng ta mới thực sự là Sa-môn, thực sự là phạm hạnh, thực sự là A-la-hán’. Đó là sự loại suy về pháp của con đối với Thế Tôn. Do đó, con nghĩ rằng, ‘Pháp được Như Lai, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác giảng dạy thật là toàn thiện. Chúng đệ tử của Thế Tôn thật là khéo thú hướng’.

“Lại nữa, bạch Thế Tôn, con tự do trong quốc thổ của mình, muốn giết kẻ không lỗi lầm thì ra lệnh giết, muốn giết kẻ có lỗi lầm ra lệnh giết; nhưng khi con ngồi trên đô tọa, con vẫn không được tự do mà nói như vầy, ‘Các khanh hãy giữ im. Không ai hỏi việc nơi các khanh, mà chính là hỏi việc nơi ta. Các khanh không thể quyết đoán việc này, chỉ có ta mới có thể quyết đoán việc này’. Nhưng ở trong đó vẫn có người bàn cãi việc khác, không đợi người trước nói xong. Con đã nhiều lần thấy Thế Tôn thuyết pháp với đại chúng vây quanh. Bấy giờ có một người ngủ gật mà ngáy, thấy gây tiếng động, một người khác bèn nói rằng, ‘Ngài chớ có ngáy gây tiếng động. Ngài không muốn nghe pháp được Thế Tôn nói như cam lồ chăng?’ Người ấy nghe rồi tức thì im lặng. Con nghĩ rằng, ‘Như Lai, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, là Bậc Điều Ngự đại chúng. Thật kỳ diệu thay! Thật hy hữu thay! Vì sao vậy? Vì Ngài không cần dùng dao, dùng gậy, nhưng tất cả đều đúng như pháp mà được an ổn khoái lạc’. Đó là sự loại suy về pháp của con đối với Thế Tôn. Do đó con nghĩ rằng, ‘Pháp được Như Lai, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, giảng dạy thật là toàn thiện. Chúng đệ tử của Thế Tôn thật là khéo thú hướng’.

“Lại nữa, bạch Thế Tôn, hai viên thần tá Tiên Dư và Túc Cựu[14] được con ban phát tiền tài, và con thường khen ngợi họ; đời sống họ do nơi con. Nhưng con không thể khiến cho hai vị thần tá này hạ ý cung kính, cúng dường, phụng sự con như họ hạ ý cung kính tôn trọng cúng dường phụng sự Thế Tôn. Đó là sự loại suy về pháp của con đối với Thế Tôn. Do đó con nghĩ rằng, ‘Pháp được Như Lai, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác giảng dạy thật là toàn thiện. Chúng đệ tử của Thế Tôn thật là khéo thú hướng.’

“Lại nữa, bạch Thế Tôn, thuở xưa trong lúc xuất chinh, ngủ đêm trong một ngôi nhà nhỏ, con muốn thử hai viên thần tá Tiên Dư và Túc Cựu khi ngủ quay đầu về phía nào, quay về phía con hay quay về phía Thế Tôn ở. Rồi hai vị thần tá Tiên Dư và Túc Cựu, vào lúc đầu hôm, ngồi kiết già im lặng tĩnh tọa. Đến nửa hôm nọ nằm ngủ, đầu hướng về phía mà họ biết Thế Tôn đang ở, còn chân thì quay về phía con. Thấy thế con suy nghĩ, ‘Hai viên thần tá Tiên Dư và Túc Cựu này không quan tâm đến sự thù thắng trước mắt, cho nên họ không hạ ý cung kính tôn trọng cúng dường phụng sự ta như hạ ý cung kính tôn trọng, cúng dường phụng sự Thế Tôn’. Đó là sự loại suy về pháp của con đối với Thế Tôn. Do đó con nghĩ rằng, ‘Pháp được Như Lai, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, giảng dạy thật là toàn thiện. Chúng đệ tử của Thế Tôn thật là khéo thú hướng.’

“Lại nữa, bạch Thế Tôn, con là quốc vương, Thế Tôn cũng là Pháp vương. Con thuộc dòng Sát-lợi, Thế Tôn cũng thuộc dòng Sát-lợi. Con là người nước Câu-tát-la, Thế Tôn cũng người nước Câu-tát-la. Con đã tám mươi tuổi, Thế Tôn cũng tám mươi tuổi. Con có thể trọn đời hạ ý cung kính, tôn trọng, cúng dường phụng sự Thế Tôn.

“Bạch Thế Tôn, hôm nay có nhiều công việc, con xin phép lui về.”

Đức Thế Tôn bảo:

---

14. Tiên Dư, Túc Cựu －P－l－J──C Pāli: Isidatta, Purāṇa.

"Đại vương, mong Đại vương tự biết đúng thời."

Rồi thì Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la, sau khi nghe những lời Phật dạy, khéo léo ghi nhớ, bèn từ chỗ ngồi đứng dậy, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật, nhiễu quanh ba vòng rồi lui ra về.

Lúc đó ngài A-nan cầm quạt đứng hầu sau Phật. Thế Tôn bảo:

"A-nan, nếu có Tỳ-kheo nào đang sống ở rừng Di-lũ-ly này, hãy tập họp tất cả về giảng đường."

Rồi thì, Tôn giả A-nan sau khi vâng lời Phật dạy, tập họp tất cả Tỳ-kheo đang sống trong rừng Di-lũ-ly tất cả cùng vào giảng đường. Rồi trở lại bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, những Tỳ-kheo tại rừng Di-lũ-ly này, tất cả đều đã tụ tập tại giảng đường này rồi, mong Thế Tôn tự biết thời."

Bấy giờ Thế Tôn cùng Tôn giả A-nan đi đến giảng đường. Đến nơi Ngài trải chỗ ngồi trước đại chúng và nói:

"Này các Tỳ-kheo, hôm nay Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la đã đứng trước Ta nói kinh 'Pháp Trang Nghiêm'[15] xong, liền đứng dậy cúi đầu đảnh lễ dưới chân Ta, nhiễu quanh ba vòng rồi lui về. Này các Tỳ-kheo, các ngươi nên thọ trì kinh Pháp Trang Nghiêm đó, hãy khéo léo tụng đọc. Vì sao vậy? Này các Tỳ-kheo, vì kinh Pháp Trang Nghiêm này là như pháp, là như nghĩa, là căn bản của phạm hạnh, dẫn đến trí tuệ, dẫn đến giác ngộ, dẫn đến Niết-bàn. Nếu một thiện nam tử đã chí tín lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo, hãy nên thọ trì, hãy khéo léo tụng tập kinh Pháp Trang Nghiêm này."

Phật thuyết như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

❑

15. Pháp trang nghiêm ‑k‑‑Y‑C Pāli: dhammacetiya, linh miếu Pháp, tháp thờ phụng Chánh pháp.

214. KINH BỆ-HA-ĐỀ[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng, vườn Cấp cô độc.

Bấy giờ Tôn giả A-nan trú tại Xá-vệ, có chút việc tại Đông viên Lộc mẫu giảng đường. Lúc đó Tôn giả A-nan dẫn một thầy Tỳ-kheo ra khỏi Xá-vệ[2], đến Đông viên Lộc mẫu giảng đường. Công việc xong, Tôn giả dẫn thầy Tỳ-kheo trở về vườn Cấp cô độc, trong rừng Thắng.

Khi ấy Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la cỡi trên con voi Nhất-bôn-đà-lị[3] cùng với Đại thần Thi-lị-a-trà[4] từ thành Xá-vệ đi ra. Tôn giả A-nan khi ấy nhìn thấy Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la từ xa đi đến, bèn hỏi vị Tỳ-kheo đồng hành rằng:

"Có phải là Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la ấy không?"

Vị Tỳ-kheo đáp:

"Đúng vậy."

Tôn giả A-nan liền tẻ xuống đường, lánh vào một gốc cây. Vua Ba-tư-nặc từ xa nhìn thấy Tôn giả A-nan nơi gốc cây bèn hỏi:

"Này Thi-lị-a-trà, có phải là Sa-môn A-nan ấy không?"

Thi-lị-a-trà đáp:

"Đúng vậy."

Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la bảo Đại thần Thi-lị-a-trà:

"Khanh hãy giục voi đến chỗ Sa-môn A-nan."

Thi-lị-a-trà vâng lệnh bèn giục voi đến chỗ A-nan.

Rồi Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la vui mừng hỏi:

"A-nan, từ đâu đến đây và muốn đi đâu bây giờ?"

"Tôn giả A-nan trả lời:

"Đại vương, tôi từ Đông viên Lộc mẫu giảng đường đến và muốn trở về vườn Cấp cô độc, trong rừng Thắng."

Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la nói:

"A-nan, nếu tại Thắng lâm không có việc gì gấp, xin Ngài từ mẫn đi cùng tôi đến sông A-di-la-bà-đề[5].

---

1. Tương đương Pāli, M.88. Bāhitika-suttaṃ.
2. *Tùng Xá-vệ xuất*. Nói là *ra khỏi*, vì Đông viên (Pubbārāma) ở nên ngoài cửa đông của thành Xá-vệ.
3. Nhất-bôn-đà-lị ▪@▪b▬▬Q▪C Pāli: Ekapuṇḍarīka, (Nhất bạch Liên hoa), được gọi như vậy, vì hai bên hông nó có những đốm trắng hình hoa sen trắng.
4. Thi-lị-a-trà ▪r▪Q▬▬▬C Pāli: Sirivaddha.
5. A-di-la-bà-đề (Pāli: aciravatī), từ trên lầu của vua Pasenadi có thể nhìn thấy con sông này.

Tôn giả A-nan nhận lời Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la. Nhà vua để Tôn giả A-nan đi trước, rồi cùng đến sông A-di-la-bà-đề. Đến nơi, vua bước xuống, lấy yên voi gấp làm tư, trải lên đất và mời Tôn giả A-nan:

"Xin mời ngồi trên chỗ này!"

Tôn giả A-nan đáp:

"Thôi được rồi, Đại vương, trong lòng thỏa mãn là đủ."

Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la lại ba lần mời Tôn giả A-nan:

"A-nan, xin mời ngồi lên chỗ này."

Tôn giả A-nan cũng đáp lại ba lần:

"Thôi được rồi, Đại vương, trong lòng thỏa mãn là đủ. Tôi đã có sẵn tọa cụ. Tôi sẽ ngồi nơi đây."

Nói xong Tôn giả A-nan trải tọa cụ và ngồi kiết già.

Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la chào hỏi A-nan rồi ngồi xuống một bên mà nói rằng:

"A-nan, tôi có điều muốn hỏi mong ngài cho phép."

Tôn giả A-nan trả lời.

"Đại vương, ngài có điều gì cứ hỏi; tôi nghe sẽ suy nghĩ."

Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la hỏi:

"A-nan, Đức Thế Tôn có hành những thân hành như vậy chăng? Tức là thân hành mà các Sa-môn, Phạm chí ghê tởm chăng?"

Tôn giả A-nan đáp:

"Đại vương, Như Lai không có những thân hành như vậy tức là thân hành mà các Sa-môn Phạm chí, những người thông minh trí tuệ và hàng thế gian khác ghê tởm."

Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la nghe xong khen rằng:

"Lành thay! Lành thay! A-nan, điều mà tôi không đủ khả năng để nói, kể cả những người thông minh trí tuệ, và những hàng thế gian khác, thì A-nan đủ khả năng. Này A-nan, nếu ai không nhận định kỹ mà đã chê bai hay khen ngợi thì tôi không coi đó là chơn thật. Này A-nan, Đức Thế Tôn có những thân hành như vầy, những thân hành mà các Sa-môn Phạm chí những người thông minh trí tuệ và những hàng thế gian khác ghê tởm chăng?"

Tôn giả A-nan trả lời:

"Đại vương, Như Lai không bao giờ hành những thân hành như vậy, tức những thân hành mà các Sa-môn Phạm chí những người thông minh trí tuệ và những hàng thế gian khác ghê tởm."

Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la lại hỏi:

"A-nan, thế nào là thân hành?"[6]

A-nan đáp:

"Đại vương, đó là những thân hành bất thiện."

Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la lại hỏi.

"Thế nào là thân hành bất thiện?"

A-nan đáp:

"Đó là những thân hành có tội."

Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la lại hỏi:

---

6. Thân hành: kāyasamācāra, hành vi của thân. Bản Pāli, câu hỏi nói: "Thân hành đáng bị khiển trách ấy là gì?"

"A-nan, thế nào là thân hành có tội?"

Tôn giả A-nan đáp:

"Đại vương, đó là những thân hành bị người trí ghê tởm[7]."

Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la lại hỏi:

"A-nan, thế nào là thân hành bị người trí ghê tởm?"

Tôn giả A-nan đáp:

"Đại vương, đó là những thân hành hại mình, hại người, hại cả hai, diệt trí tuệ, hỗ trợ sự ác, không chứng đắc Niết-bàn, không dẫn đến trí, không dẫn đến giác, không dẫn đến Niết-bàn. Người ấy đối với pháp nên hành, không biết như thật, đối với pháp không nên hành cũng không biết như thật. Khi đối với pháp nên hành không biết như thật, và pháp không nên hành cũng không biết như thật rồi, đối với pháp nên chấp thủ không biết như thật, và đối với pháp không nên chấp thủ cũng không biết như thật. Sau khi đối với pháp nên thủ đã không biết như thật, và đối với pháp không nên thủ cũng không biết như thật rồi, đối với pháp nên đoạn trừ không biết như thật, và đối với pháp không nên đoạn trừ cũng không biết như thật. Sau khi đối với pháp nên đoạn trừ đã không biết như thật, và đối với pháp không nên đoạn trừ cũng không biết như thật; thì đối với pháp nên thành tựu không biết như thật và đối với pháp không nên thành tựu cũng không biết như thật. Sau khi đối với pháp nên thành tựu đã không biết như thật và pháp không nên thành tựu cũng không biết như thật rồi, do đó, pháp nên hành trì thì không hành, pháp không nên hành trì lại hành. Sau khi pháp nên hành trì thì không hành, pháp không nên hành trì lại hành rồi, đối với pháp nên thủ thì không thủ và pháp không nên thủ lại thủ. Sau khi đối với pháp nên thủ thì không thủ, đối với pháp không nên thủ lại thủ rồi, đối với pháp nên đoạn trừ thì không đoạn trừ, đối với pháp không nên đoạn trừ lại đoạn trừ. Sau khi đối với pháp nên đoạn trừ thì không đoạn trừ, và đối với pháp không nên đoạn trừ lại đoạn trừ rồi, đối với pháp nên thành tựu thì không thành tựu, và đối với pháp không nên thành tựu lại thành tựu. Sau khi pháp nên thành tựu thì không thành tựu, và pháp không nên thành tựu lại thành tựu rồi thì pháp bất thiện càng tăng và pháp thiện càng giảm. Vì vậy, Như Lai không bao giờ hành những pháp ấy."

Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la lại hỏi:

"A-nan, tại sao Như Lai không bao giờ hành những pháp ấy?"

Tôn giả A-nan đáp:

"Đại vương, ly dục và dục đã diệt tận, ly nhuế và nhuế đã diệt tận, ly si và si đã diệt tận, Như Lai đoạn trừ tất cả pháp bất thiện, thành tựu tất cả pháp thiện. Đây là Bậc Thầy khuyến giáo, Bậc Thầy vi diệu, Bậc Thầy khéo tùy thuận, là Vị dẫn dắt điều ngự, tùy thuận điều ngự, là Vị nói năng toàn thiện, nói năng vi diệu, nói năng khéo tùy thuận. Cho nên Như Lai trọn không bao giờ hành những pháp bất thiện ấy."

Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la khen rằng:

"Lành thay! Lành thay! A-nan, Như Lai không bao giờ hành những pháp không nên hành. Vì sao vậy? Vì Như Lai là Bậc Vô Sở Trước, Chánh Đẳng Giác. A-nan, ngài là đệ tử của vị Đạo sư ấy, học đạo để chứng đắc Niết-bàn an ổn vô thượng, mà còn không hành pháp ấy, huống nữa Đức Như Lai lại hành các pháp ấy sao?"

Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la lại hỏi:

"A-nan, Như Lai có hành những thân hành như vầy, tức là thân hành mà các Sa-môn

---

7. Bản Pāli: những thân hành có hại (savyāpajjha).

Phạm chí, những người thông trí tuệ và các hàng thế gian khác không ghê tởm chăng?"

Tôn giả A-nan đáp:

"Đại vương, Như Lai tất nhiên hành những thân hành như vậy, tức thân hành các Sa-môn Phạm chí, những người thông minh trí tuệ và các hàng thế gian khác không ghê tởm."

Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la lại hỏi:

"A-nan, thân hành đó là như thế nào?"

Tôn giả A-nan đáp:

"Đại vương, đó là những thân hành thiện."

Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la lại hỏi:

"A-nan, thế nào là thân hành thiện?"

Tôn giả A-nan trả lời:

"Đại vương, đó là thân hành không có tội."

Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la lại hỏi:

"A-nan, thế nào là thân hành không có tội?"

Tôn giả A-nan trả lời:

"Đại vương, đó là thân hành mà kẻ trí không ghê tởm."

Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la lại hỏi:

"A-nan, thế nào là thân hành mà kẻ trí không ghê tởm?"

Tôn giả A-nan trả lời:

"Đại vương, đó là những thân hành không hại mình, không hại người, không hại cả hai, có giác, có tuệ, không hỗ trợ bởi sự ác, chứng đắc Niết-bàn, đưa đến trí, đưa đến giác ngộ, đưa đến Niết-bàn. Đối với pháp nên hành thì biết như thật, đối với pháp không nên hành cũng biết như thật. Sau khi đối với pháp nên hành đã biết như thật, đối với pháp không nên hành cũng biết như thật rồi, đối với pháp nên thủ biết như thật, đối với pháp không nên thủ cũng biết như thật. Sau khi đối với pháp nên thủ đã biết như thật, và đối với pháp không nên thủ cũng biết như thật rồi, đối với pháp nên đoạn trừ biết như thật, và pháp không nên đoạn trừ biết như thật. Sau khi đối với pháp đã biết như thật và pháp không nên đoạn trừ đã biết như thật rồi, đối với pháp nên thành tựu biết như thật và pháp không nên thành tựu cũng biết như thật. Sau khi đối với pháp nên thành tựu đã biết như thật và pháp không nên thành tựu cũng biết như thật rồi, đối với pháp nên hành thì hành, đối với pháp không nên hành thì không hành. Sau khi đối với pháp nên hành thì hành, đối với pháp không nên hành thì không hành rồi, đối với pháp nên thủ thì thủ, đối với pháp không nên thủ thì không thủ. Sau khi đối với pháp nên thủ thì thủ, đối với pháp không nên thủ thì không thủ rồi, đối với pháp nên đoạn trừ thì đoạn trừ đối với pháp nên đoạn trừ thì không đoạn trừ. Sau khi biết pháp nên đoạn trừ thì đoạn trừ, và pháp không nên đoạn trừ thì không đoạn trừ rồi, đối với pháp nên thành tựu thì thành tựu và đối với pháp không nên thành tựu thì không thành tựu. Sau khi đối với pháp nên thành tựu thì thành tựu, pháp không nên thành tựu thì không thành tựu rồi, pháp bất thiện càng giảm, pháp thiện càng tăng trưởng. Cho nên Như Lai tất nhiên hành những pháp ấy."

Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la lại hỏi:

"A-nan, tại sao Như Lai tất nhiên hành những pháp ấy?"

Tôn giả A-nan trả lời:

"Đại vương, ly dục và dục đã diệt tận, ly nhuế và nhuế đã diệt tận, ly si và si đã diệt tận, Như Lai đã thành tựu tất cả pháp thiện, và đoạn trừ tất cả pháp bất thiện. Ngài

là Bậc Thầy khuyến giáo, Bậc Thầy vi diệu, Bậc Thầy khéo tùy thuận, là Vị hướng dẫn điều ngự và tùy thuận điều ngự, là Vị nói năng toàn thiện, nói năng vi diệu, nói năng khéo tùy thuận, cho nên Như Lai tất nhiên hành những pháp ấy."

Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la khen ngợi:

"Hay thay, hay thay, A-nan, Như Lai tất nhiên hành những pháp nên hành. Vì sao vậy? Vì Như Lai là Bậc Vô Sở Trước, là Bậc Đẳng Chánh Giác. Này A-nan, Ngài là bậc đệ tử của Đức Đạo Sư ấy, học đạo để chứng đắc Niết-bàn an ổn vô thường, mà còn phải hành những pháp ấy, huống nữa Như Lai lại không hành những pháp ấy sao? A-nan nói thật khéo léo khiến tôi hoan hỷ. Nếu A-nan được phép thâu nhận thuế tô trong làng, tôi sẽ vì pháp mà bố thí thuế tô đó. Nếu A-nan được phép tùy thuận nhận voi, ngựa, trâu, dê, tôi sẽ vì pháp mà bố thí voi, ngựa, trâu, dê đó. Nếu A-nan được phép thâu nhận đàn bà con gái, tôi sẽ vì pháp mà bố thí vợ, đàn bà, con gái. Nếu A-nan được phép thâu nhận vàng bạc châu báu[8], tôi sẽ vì pháp mà bố thí vàng bạc và châu báu. Nhưng A-nan không được phép thâu nhận vàng bạc và châu báu như thế. Vương gia Câu-tát-la của tôi có một chiếc áo tên là bệ-ha-đề[9] rất tốt, tôi đặt nó trong ống cán dù, được gởi đến để làm tin[10]. Trong các loại áo kiếp-bối[11] của vương gia Câu-tát-la, áo này là bậc nhất trong tất cả. Vì sao vậy? Áo bệ-ha-đề dài mười sáu khuỷu tay. Tôi nay vì Pháp đem chiếc áo này bố thí A-nan. A-nan sẽ dùng nó mà may thành ba y để vương gia Câu-tát-la ấy được mãi mãi tăng ích phước lành."

Tôn giả A-nan đáp:

"Thôi đủ rồi Đại vương? Trong tâm thỏa mãn là đủ. Tôi đã có đủ ba y rồi."

Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la lại thưa:

"A-nan, xin nghe tôi nói một ví dụ, người có trí tuệ nghe ví dụ sẽ thấu rõ ý nghĩa. Ví như sau trận mưa lớn, nước đầy cả sông A-di-la-bà-đề này, ngập cả hai bên bờ và chảy tràn ra cả ngoài. A-nan có thấy vậy không?"

Tôn giả A-nan đáp: Đại vương, tôi có thấy.

Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la lại thưa rằng:

"Cũng thế, này A-nan, nếu có ba y thì hãy đem cho các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, các vị tiệm học, xá-la, xá-la-ma-ni-ly[12]. Còn A-nan đem bệ-ha-đề này làm thành ba y để vương gia Câu-tát-la được tăng ích phước lành."

Tôn giả A-nan im lặng nhận lời. Khi biết A-nan nhận rồi, Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la sau khi theo pháp bố thí chiếc y bệ-ha-đề cho Tôn giả A-nan rồi, liền từ chỗ đứng dậy nhiễu quanh ba vòng rồi lui về. Sau khi vua đi không bao lâu, Tôn giả A-nan bèn đem chiếc y bệ-ha-đề đến trước Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân, rồi lui đứng một bên mà thưa rằng:

"Bạch Thế Tôn, hôm nay Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la vì pháp mà bố thí chiếc y bệ-ha-đề này, vậy con xin Thế Tôn đặt chân lên trên chiếc y này để vương gia nước Câu-tát-la được tăng ích phước lành."

Khi ấy Đức Thế Tôn bèn dẫm hai chân lên y bệ-ha-đề rồi bảo:

---

8. Hán: sanh sắc bảo ━━━-_-C Pāli: jātarūpa.

9. Bệ-ha-đề -@-F━━F "dịch là *chủng chủng thê*, cũng nói là lụa". (Phiên Phạn Ngữ 10, No.2130, Đại 54 tr.1051b). Pāli: bāhitikā, áo choàng, áo khoác ngoài.

10. Bản Pāli nói, cuộn vải do vua Ajātasattu gởi tặng. Văn bản Hán có thể sót, vì câu nói không đủ nghĩa.

11. Kiếp-bối, xem cth.15, kinh 61.

12. Tiệm học, xá-la, xá-la-ma-ni-ly ━━━A━━━A━━━━━━A có lẽ phổ thông nói là Thức-xoa-ma-na, Sa-di và Sa-di-ni. Bản Pāli nói: sabrahmacārīhi saṃbhajissati, được phân chia cho các vị đồng phạm hạnh.

"A-nan, nếu ông đã bàn luận những gì cùng Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la hãy kể lại cho Ta nghe."

Khi ấy Tôn giả A-nan bèn kể lại hết những điều đã luận bàn cùng vua nước Câu-tát-la cho Thế Tôn nghe rồi chắp tay thưa:

"Con nói như vậy không xuyên tạc Thế Tôn chăng? Con nói đúng sự thật, nói đúng như pháp, nói đúng pháp như pháp, đối với pháp như pháp không có điều gì sai lầm chăng?"

Đức Thế Tôn bảo:

"Ông nói như vậy là không xuyên tạc Ta, là nói sự thật, là nói đúng pháp, nói đúng như pháp, đối với pháp như pháp, không có điều gì sai lầm. Này A-nan, nếu Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la hỏi Ta bằng nghĩa này, với câu này, với văn này, Ta cũng trả lời bằng nghĩa này, với câu này, với văn này mà trả lời cho nhà vua."

"A-nan, nghĩa ấy đúng như lời ông đã nói, ông nên theo đúng như vậy mà thọ trì. Vì sao vậy? Vì nói như vậy chính là nghĩa như vậy."

Phật thuyết như vậy. Tôn giả A-nan và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

❑

215. KINH ĐỆ NHẤT ĐẮC[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng, vườn Cấp cô độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo rằng:

"Trong cảnh giới nào giáo lệnh của Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la có thể ban hành đến, trong đó Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la là đệ nhất. Tuy vậy, Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la cũng lệ thuộc sự biến dịch, thay đổi. Đa văn Thánh đệ tử quán sát như vậy ắt phải sanh ra nhàm tởm cái đệ nhất ấy. Nhàm tởm rồi, đối với cái đệ nhất còn không ham muốn, huống nữa là cái hạ tiện.

"Những cảnh giới mà ánh sáng của mặt trời, mặt trăng chiếu đến, những phương được chiếu đến, tức Thế giới ngàn[2]. Trong Thế giới ngàn này, có một ngàn mặt trời, một ngàn mặt trăng, một ngàn châu Phất-vu-đãi[3], một ngàn châu Diêm-phù[4], một ngàn châu Câu-đà-ni[5], một ngàn châu Uất-đơn-việt[6], một ngàn Tu di sơn[7], một ngàn Tứ đại vương thiên[8], một ngàn Tứ thiên vương tử[9], một ngàn Tam thập tam thiên[10], một ngàn Thích Thiên Nhân-đà-la[11], một ngàn Diệm-ma thiên[12], một ngàn Tu-diệm-ma thiên tử[13], một ngàn Đâu-suất-đà thiên[14], một ngàn Đâu-suất-đà thiên tử, một ngàn Hóa lạc thiên[15], một ngàn Thiện hóa lạc thiên tử[16], một ngàn Tha hóa lạc thiên[17], một ngàn Tự tại thiên tử[18], một ngàn Phạm thế

---

1. Tương đương Pāli. A.10.29 Kosala.
2. Thiên thế giới -d-@——C Pāli: sahassadhā-loka = sahassīlokadhātu.
3. Phất-vu-đãi ——-_-e-A hay châu Đông thắng thân. Pāli: Pubbavideha.
4. Diêm-phù châu -F-B-w-C Pāli: Jambudīpa.
5. Câu-đà-ni châu ————w-C Pāli: Godānīya. Hoặc nói: Aparagoyāna.
6. Uất-đan-việt châu -{——V-w-C Pāli: Uttarkuru.
7. Tu di sơn———s-C Pāli: Sinerupabbata.
8. Thiên tứ Đại vương thiên -d-|-j———C Có lẽ bản Hán chép nhầm, thay vì là *Tứ thiên Đại vương*, tức bốn ngàn vua cai trị bốn ngàn nước lớn trong loài người. Pāli: cattāri mahārājasahassāni, bốn ngàn vị Đại vương.
9. Tứ thiên vương tử -|———l-C Pāli: Cātummahārājikā.
10. Tam thập tam thiên -T-Q-T— hay Đao-lợi thiên. Pāli: Tāvatiṃsa.
11. Thích Thiên Nhân-đà-la———-]———A tức Thiên Đế Thích. Pāli: Sakka devanam inda.
12. Diệm-ma thiên 焰———C Pāli: Yāma.
13. Bản Thánh không có. Bản Pāli cũng không có.
14. Đâu-suất-đa ——v-G——C Pāli: Tusita.
15. Hóa lạc thiên ————C Pāli: Nimmānaratī.
16. Thiện hóa lạc thiên tử. Bản Pāli không kể.
17. Tha hóa lạc thiên -L————C Pāli: Paranimmitavasavattī.
18. Tự tại thiên tử ——b——l-C Bản Pāli không kể.

giới[19], và một ngàn Biệt phạm. Trong đó có Phạm Đại Phạm, là đấng Phú hựu, là Tạo hóa tôn, là tổ phụ các loài chúng sanh, đã sanh và sẽ sanh[20]. Nhưng Đại Phạm ấy cũng là lệ thuộc biến dịch, lệ thuộc sự thay đổi. Đa văn Thánh đệ tử quán sát như vậy, ắt phải nhàm tởm cái đệ nhất ấy. Nhàm tởm rồi, đối với cái đệ nhất không ham muốn huống là cái hạ tiện.

"Một thời gian sau, khi thế giới này hủy diệt. Khi thế giới này hủy diệt, chúng sanh lên cõi trời Hoảng dục[21]. Trong ấy chỉ có sắc nương theo ý mà sanh[22], các chi thể đầy đủ không thiếu, các căn không bị hư hoại, nuôi sống bằng hỷ thực[23], hình sắc thanh tịnh, thân chiếu sáng, phi hành trong hư không, sống ở đó một thời gian lâu dài. Nhưng cõi trời Hoảng dục cũng lệ thuộc biến dịch, lệ thuộc sự thay đổi. Đa văn Thánh đệ tử quán sát như vậy, ắt phải sanh ra nhàm tởm sự ấy. Nhàm tởm rồi, đối với cái đệ nhất còn không muốn, huống nữa là cái hạ tiện.

"Lại nữa, có bốn sự tưởng[24]. Tỳ-kheo suy tưởng về tưởng nhỏ, tưởng lớn, về tưởng vô lượng và tưởng vô sở hữu. Chúng sanh đó thắng ý nơi lạc tưởng như vậy[25] cũng lệ thuộc vào sự biến dịch, lệ thuộc vào thay đổi. Đa văn Thánh đệ tử quán sát như đệ nhất còn không muốn, huống nữa là cái hạ tiện.

"Lại có tám trừ xứ[26]. Thế nào là tám? Tỳ-kheo bên trong có sắc tưởng, bên ngoài quán sắc lượng nhỏ hoặc sắc đẹp, hoặc sắc xấu, đối với các sắc ấy đã thắng tri, đã thắng kiến[27], tưởng như vậy được gọi là đệ nhất thắng xứ.

"Lại nữa, Tỳ-kheo bên trong có sắc tưởng, bên ngoài có quán sắc vô lượng, hoặc sắc đẹp, hoặc sắc xấu, đối với các sắc ấy đã thắng tri, đã thắng kiến. Tưởng như vậy được gọi là đệ nhị thắng xứ.

"Lại nữa, Tỳ-kheo bên trong không có sắc tưởng, bên ngoài quán sắc lượng nhỏ, hoặc sắc đẹp hoặc sắc xấu. Đối với các sắc ấy đã thắng tri, đã thắng kiến. Tưởng như vậy được gọi là đệ tam thắng xứ.

"Lại nữa, Tỳ-kheo bên trong không sắc tưởng, bên ngoài quán sắc vô lượng, hoặc sắc đẹp, hoặc sắc xấu. Đối với các sắc ấy đã thắng tri, đã thắng kiến. Tưởng như vậy được gọi là đệ tứ thắng xứ.

"Lại nữa, Tỳ-kheo bên trong không sắc tưởng, bên ngoài quán sắc hoặc xanh, màu xanh, ánh sáng xanh. Cũng như hoa thanh thủy[28] xanh, màu xanh, ánh sáng xanh. Cũng như áo bằng lụa Ba-la-nại được giặt, được vỗ, được nhồi, được vò kỹ cho đến sạch tinh, sắc sáng tươi mát, hoặc xanh, màu xanh, ánh sáng xanh. Cũng vậy, Tỳ-kheo bên trong không sắc tưởng, bên ngoài quán các sắc hoặc xanh, màu xanh, ánh sáng xanh. Vô lượng, vô lượng tịnh ý, nhuận ý, ái lạc, không ghê tởm. Đối với các sắc ấy đã thắng tri, đã thắng

---

19. Phạm thế giới ——@——C Pāli: Brahmaloka.
20. Bản Pāli chỉ nói gọn: Mahābrahmā tattha aggam akkhāyati, ở đây Đại Phạm thiên được coi là cao nhất.
21. Hoảng dục thiên hay Quang âm thiên, xem cth.13, kinh 8 trên.
22. Ý sanh -N——C Pāli: manomaya.
23. Hỷ thực ————C Pāli: pīti-bhakkhā.
24. Tứ tưởng -|-Q-C Xem Tập Dị 6. (No.1536, Đại 16 tr.392a-b).
25. Chỉ các chúng sanh trên cõi Vô sở hữu xứ.
26. Bát trừ xứ -K——B-F nhưng thường nói Bát thắng xứ -K——B-A Pāli, aṭṭha abhibhāyatanāni (xem Tập Dị 19, No. 1536, Đại 26 tr.445b và tt).
27. Nguyên Hán: trừ dĩ tri, trừ dĩ kiến ——w————w——C Trong Tập Dị sđd., nt nói *thắng tri thắng kiến* (thấy siêu việt và biết siêu việt), và giải thích: đã đoạn trừ và siêu việt lục tham mà có thắng tri thắng kiến.
28. Thanh thủy hoa -C————C Tập Dị (sđd., nt): O-mạt-ca hoa, Umāpuppham (?).

kiến. Tưởng như vậy được gọi là đệ ngũ thắng xứ.

"Lại nữa, Tỳ-kheo bên trong không sắc tưởng, bên ngoài quán các sắc, hoặc vàng, màu vàng, ánh sáng vàng. Cũng như hoa tần-đầu-ca-la[29] vàng, màu vàng, ánh sáng. Cũng như chiếc áo bằng thứ lụa Ba-la-nại được giặt, được vỗ, được nhồi, được vò kỹ cho đến sạch tinh, sắc sáng tươi mắt, vàng, màu vàng, ánh sáng vàng. Cũng vậy, Tỳ-kheo bên trong không sắc tưởng, bên ngoài quán các sắc, hoặc vàng, màu vàng, ánh sáng vàng; vô lượng, vô lượng tịnh ý, nhuận ý, ái lạc, không ghê tởm. Đối với các sắc ấy đã thắng tri đã thắng kiến. Tưởng như vậy được gọi là đệ lục thắng xứ.

"Lại nữa, Tỳ-kheo bên trong không sắc tưởng, bên ngoài quán các sắc hoặc đỏ, màu đỏ, ánh sáng đỏ. Cũng như hoa ca-ni-ca-la màu đỏ, đỏ hiển, đỏ hiện, đỏ quang. Cũng như chiếc áo bằng thứ lụa Ba-la-nại được giặt, được vỗ, được nhồi, được vò kỹ cho đến sạch tinh, sắc sáng tươi mát, đỏ, màu đỏ, ánh sáng đỏ. Cũng vậy, Tỳ-kheo bên trong không sắc tưởng, bên ngoài quán các sắc, hoặc đỏ, màu đỏ, ánh sáng đỏ, vô lượng, vô lượng tịnh ý, nhuận ý, ái lạc, không ghê tởm. Đối với các sắc ấy đã thắng tri, đã thắng kiến. Tưởng như vậy được gọi là đệ thất thắng xứ.

"Lại nữa, Tỳ-kheo bên trong không sắc tưởng, bên ngoài quán các sắc, hoặc trắng, màu trắng, ánh sáng trắng. Cũng như sao Thái bạch màu trắng, màu trắng, ánh sáng trắng. Cũng như chiếc áo bằng lụa Ba-la-nại, được giặt, được vỗ, được nhồi, được vò kỹ cho đến sạch tinh, sắc sáng tươi mát, trắng, màu trắng, ánh sáng trắng. Cũng vậy Tỳ-kheo bên trong không sắc tưởng, bên ngoài quán các sắc, trắng, màu trắng, ánh sáng trắng, vô lượng, vô lượng tịnh ý, nhuận ý, ái lạc không ghê tởm. Đối với các sắc ấy đã thắng tri, đã thắng kiến, tưởng như vậy được gọi là đệ bát thắng xứ.

"Chúng sanh có thắng ý nơi lạc thắng xứ như vậy, cũng lệ thuộc vào sự biến dịch. Đa văn Thánh đệ tử quán sát như vậy ắt sanh nhàm tởm sự ấy. Nhàm tởm rồi, đối với cái đệ nhất còn không muốn, huống nữa là cái hạ tiện.

"Lại nữa, có Mười biến xứ[30]. Thế nào là mười? Các Tỳ-kheo tu tập nơi một biến xứ đất, tư duy trên, dưới, các phương là không hai, vô lượng. Tu tập nơi một biến xứ nước, một biến xứ lửa, một biến xứ gió, một biến xứ xanh, một biến xứ vàng, một biến xứ đỏ, một biến xứ trắng, một biến xứ hư không, một biến xứ thức là thứ mười. Tu tập một biến xứ, tư duy trên, dưới, các phương là không hai, vô lượng. Nhưng các chúng sanh có thắng ý nơi biến xứ lạc này cũng lệ thuộc vào sự biến dịch, lệ thuộc sự thay đổi. Đa văn Thánh đệ tử quán tưởng như vậy ắt sanh ra nhàm tởm sự ấy. Nhàm tởm rồi, đối với cái đệ nhất còn không muốn, huống nữa là cái hạ tiện.

"Và đây là thuyết thanh tịnh đệ nhất, là sự thi thiết tối đệ nhất, tức là 'Ta không có, ta không hiện hữu[31]' và để chứng đắc điều này mà thiết lập nơi đạo.

"Và đây là đệ nhất ngoại y kiến xứ, tối ý kiến xứ[32], tức là vượt qua tất cả sắc tưởng, cho đến chứng phi hữu tưởng, phi vô tưởng, thành tựu an trụ[33].

---

29. Tần-đầu-ca-la -W-Y-q——C Pāli: bandhujīvaka-puppha, loại hồng tàu. Bản Hán này có lẽ nhầm, vì loại hoa này màu đỏ, Tập Dị và bản Pāli đều nói hoa này trong thắng xứ màu đỏ.

30. Thập nhất thiết xứ -Q-@——B hay biến xứ. Pāli: dasa kasiṇāyatanāni.

31. Ngã vô, ngã bất hữu ——L————R trong bản Pāli, trường hợp này được gọi là: Ngoại y kiến xứ, là thi thiết thanh tịnh đệ nhất nghĩa (paramatthavisuddhiṃ paññāpenti).

32. Đệ nhất ngoại y kiến xứ, tối ý kiến xứ; tối thượng ngoại kiến xứ, hay nói rõ hơn: "Đây là tối thượng đối với quan điểm ngoại đạo" và kiến xứ cao nhất ở đây được coi như là đạt đến hữu ngã.

33. Trong bản Hán này, kiến xứ, hay quan điểm, cao nhất của ngoại đạo là đạt đến Bốn vô sắc xứ, khác

"Và đây là đệ nhất thú hướng, Niết-bàn ngày trong hiện tại, là thi thiết tối thượng về Niết-bàn ngay trong hiện tại[34] tức là sáu xúc xứ [35]với sự khởi tập, hoại diệt, vị ngọt, tai hoạn và xuất ly được thất như thật bằng tuệ.

"Lại nữa, có bốn đoạn[36]. Thế nào là bốn? Có sự đoạn mà lạc chậm[37], có sự đoạn mà lạc nhanh, có sự đoạn mà khổ chậm, có sự đoạn mà khổ nhanh. Trong đó sự đoạn mà lạc chậm là lạc đưa đến đoạn trừ chậm chạp[38] cho nên nói là lạc kém. Trong đó, sự đoạn mà lạc nhanh, là lạc đưa đến đoạn trừ một cách mau chóng[39]. Cho nên đoạn này cũng được nói là thấp kém.

"Trong đó, sự đoạn mà khổ chậm[40] là khổ đưa đến đoạn trừ một cách chậm chạp, cho nên đoạn này cũng được nói là thấp kém.

"Trong đó, sự đoạn mà khổ nhanh, là khổ đưa đến đoạn trừ một cách mau chóng. Cho nên đoạn này không phải là sự tiến triển, không được lưu bố. Cho đến chư Thiên và Nhân loại cũng không tán thán và phát triển.

"Sự đoạn[41] của ta được phát triển, được lưu bố cho đến chư Thiên và Nhân loại cũng tán thán và phát triển.

"Thế nào là sự đoạn của Ta được phát triển, được lưu bố cho đến chư Thiên và Nhân loại cũng tán thán, lưu bố? Đó là Thánh đạo tám chi, chánh kiến cho đến chánh định là tám.

"Ta như vậy[42]. Nhưng các Sa-môn, Phạm chí, hư ngụy, nói láo, bất thiện, không chân thật, xuyên tạc, và hủy báng Ta rằng, 'Quả thật có chúng sanh, nhưng lại chủ trương sự đoạn hoại. Sa-môn Cù-đàm chủ trương hư vô[43]'. Quả thật có chúng sanh mà chủ trương sự đoạn hoại, nếu không, Ta sẽ không thuyết giảng như vậy. Như Lai ngay trong đời hiện tại đã vĩnh viễn đoạn trừ tất cả mà chứng đắc Niết-bàn tịch tịnh, diệt tận[44]."

---

với Pāli coi bốn vô sắc xứ này là *thi thiết thanh tịnh đệ nhất nghĩa*.

34. Ư hiện pháp trung, tối thi thiết Niết-bàn ━━{━k━━━━I━]━I━n━C Pāli: aggam paramadiṭṭhadhammanibbānam paññāpentānaṃ.

35. Nguyên Hán: lục cánh lạc xứ ━━━━━B━C

36. Hán: đoạn ━_━A hoặc nói là *thông hành.* Pāli: catasso paṭipadā.

37. Tập Dị, Pháp Uẩn: *lạc trì thông hành.*

38. Đặc tính của bốn tĩnh lự là hiện pháp lạc trú, và do đây mà tiến đến chứng đắc bốn Thánh quả, hoặc nhanh hoặc chậm. (Xem giải thích Phát Uẩn 3, No.1537, Đại 26 tr.465).

39. Từ đây trở xuống dịch theo phần hiệu đính cuối kinh, trong nguyên văn để bản không có, nhưng đã có giải thích "sự đoạn mà lạc chậm" hay *lạc trì thông hành*, thì ba *thông hành* kia tất nhiên cũng được giải thích. Bản Pāli chỉ nêu danh số, không có giải thích.

40. Tức *khổ trì thông hành* theo Tập Dị Môn Luận. Giải thích của Pháp Uẩn (đd): coi ngũ uẩn như là sự lăng nhục, thương tổn, bức thiết như gánh nặng, căn cứ trên đó mà quán sát nhàm tởm. Như vậy gọi là *Khổ* (...) *thông hành* (lược trích).

41. Đoạn, nói là *thông hành*, hay nói là *đạo* và *đạo tích* đều cùng một nghĩa và cùng một nguồn gốc, cùng tương đương Pāli: paṭipadā.

42. Nên hiểu là: "Ta nói như vậy, giảng dạy như vậy".

43. Bản Pāli nói: "Sa-môn Cù-đàm không giảng giải sự thấu hiểu về dục, (...) về sắc, (...) về thọ".

44. Đoạn kết luận trên đây gần với bản Pāli, với một ít khác biệt (xem cth.43 trên), nhưng hoàn toàn khác nguyên văn trong để bản. Nguyên văn đó như vầy: (xem đoạn *Lạc trì thông hành*, và một câu lỗ dỗ về *lạc tốc thông hành*): "*Nếu có người đoạn lạc dục*. Hoặc có người tập pháp này không bao giờ thấy chán. Hoặc có người tập uống rượu không bao giờ thấy chán. Hoặc có người tập sự ngủ nghỉ không bao giờ thấy chán. Này Tỳ-kheo, đó là nói hoặc có người tập ba pháp này không bao giờ thấy chán, và cũng không thể đi đến chỗ diệt tận. Cho nên, các Tỳ-kheo hay thường xả ly ba pháp này, không thân cận

Phật thuyết như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

❑

chúng. Như vậy, các Tỳ-kheo hãy học như vậy.

216. KINH ÁI SANH[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng, vườn Cấp cô độc.

Bấy giờ có một người Phạm chí, độc nhất chỉ có một đứa con, trong lòng hết sức ái niệm, tâm ý khắng khít, chiều chuộng, nhìn hoài không chán. Bỗng nhiên đứa con mạng chung. Sau khi đứa con mạng chung, người Phạm chí ấy ưu sầu, không thể ăn uống được, không mặc áo xiêm, cũng không bôi hương; chỉ biết đi ra bãi tha ma mà khóc nhớ tưởng chỗ con nằm.

Rồi Phạm chí lang thang khắp nơi, đi đến chỗ Phật, chào hỏi xong, ngồi xuống một bên. Thế Tôn hỏi:

"Ông nay vì sao, các căn không trụ nơi tâm mình?"

Phạm chí đáp rằng:

"Tôi làm sao các căn có thể an trụ nơi tâm mình được? Vì sao vậy? Chỉ có một đứa con độc nhất, trong lòng hết sức ái niệm, tâm ý khắng khít, chìu chuộng, nhìn hoài không chán. Bỗng nhiên nó mạng chung. Sau khi nó mạng chung, tôi ưu sầu không thể ăn uống được, không mặc áo xiêm, cũng không bôi hương; chỉ biết đi ra bãi tha ma mà khóc nhớ tưởng chỗ con nằm.

Thế Tôn nói:

"Thật vậy, Phạm chí! Thật vậy, Phạm chí! Nếu khi ái sanh thì phát sanh những sầu bi, khóc than, ưu khổ, phiền muộn, ảo não."

Phạm chí nói:

"Cù-đàm, sao lại nói khi ái sanh, thì cũng phát sanh những sầu bi, khóc than, ưu khổ, phiền muộn, ảo não? Cù-đàm nên biết, khi ái sanh thì hỷ cũng sanh, tâm hoan lạc."

Thế Tôn đến ba lần nói như vậy:

"Thật vậy, Phạm chí! Thật vậy, Phạm chí! Khi ái sanh thì cũng phát sanh những sầu bi, khóc than, ưu khổ, phiền muộn, ảo não."

Phạm chí cũng ba lần hỏi rằng:

"Cù-đàm, sao lại nói khi ái sanh thì cũng phát sanh những sầu bi, khóc than, ưu khổ, phiền muộn, ảo não? Cù-đàm nên biết, khi ái sanh thì hỷ cũng sanh, tâm hoan lạc."

Lúc bấy giờ Phạm chí nghe những lời Phật nói, không cho là phải, mà chỉ bác bỏ, rồi rời chỗ ngồi đứng dậy, lắc đầu bỏ đi.

Bấy giờ ở trước cổng Thắng lâm, có một số thị dân[2] đang đánh bạc. Phạm chí từ xa trông thấy, bèn nghĩ rằng, 'Trong đời nếu có những người thông minh trí tuệ, cũng không thể hơn được những kẻ đánh bạc. Ta hãy đến đó. Những gì vừa được thảo luận với Cù-

---

1. Bản Hán, quyển 60. Tương đương Pāli, M. 87. Piyajātika-suttaṃ. Hán, biệt dịch, No.91; No.125 (13.3).
2. Nguyên Hán: thị quách nhi ———C Bản Pāli: sambahulā akkhadhuta, một số đông những tay cờ bạc.

đàm ta sẽ kể lại hết cho họ nghe'. Rồi Phạm chí đi đến số đông những người đánh bạc ấy, và đem những gì vừa được thảo luận với Thế Tôn kể lại cho họ nghe. Những thị dân đang đánh bạc này nghe xong nói rằng:

Này Phạm chí, sao lại nói khi ái sanh thì cũng phát sanh những sầu bi, khóc than, ưu khổ, phiền muộn, ảo não? Phạm chí nên biết khi ái sanh, thì hỷ cũng sanh, tâm hoan lạc."

Phạm chí nghe xong, bèn nghĩ rằng, "Điều mà con bạc nói thật hết sức phù hợp với ta." Rồi gật đầu mà đi.

Rồi thì vấn đề này lần lượt truyền rộng ra, cho đến lọt vào Vương cung. Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la nghe đồn Sa-môn Cù-đàm nói như vậy, "Nếu khi ái sanh, thì cũng phát sanh những sầu bi khóc than, ưu khổ, phiền muộn ảo não." Vua bèn nói với hoàng hậu Mạt-lỵ[3] rằng:

"Tôi nghe đồn Sa-môn Cù-đàm nói như vầy, "Nếu khi ái sanh thì cũng phát sanh những sầu bi, khóc than, ưu khổ, phiền muộn, ảo não."

Hoàng hậu nghe xong, thưa rằng:

"Thật vậy, Đại vương! Thật vậy, Đại vương! Nếu khi ái sanh thì cũng phát sanh những sầu bi, khóc than, ưu khổ, phiền muộn, ảo não."

Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la nói với hoàng hậu Mạt-lỵ rằng:

"Nghe Tôn sư nói gì thì đệ tử nhất định đồng ý. Sa-môn Cù-đàm là Tôn Sư của bà cho nên bà nói như vậy. Bà là đệ tử của Ngài cho nên bà nói như vậy, 'Nếu khi ái sanh thì cũng phát sanh những sầu bi, khóc than, ưu khổ, phiền muộn, ảo não'."

Hoàng hậu Mạt-lỵ thưa rằng:

"Đại vương, nếu không tin, hãy đích thân đến mà hỏi, hay hãy sai sứ đi."

Rồi Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la bèn gọi Phạm chí Na-lị-ương-già[4] đến bảo rằng:

"Ngươi đi đến chỗ Sa-môn Cù-đàm, thay ta mà hỏi Sa-môn Cù-đàm Thánh thể, khỏe mạnh, bình an, không bệnh, đi đứng thoải mái, khí lực bình thường chăng? Rồi nói như vầy, 'Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la có lời thăm hỏi Thánh thể khỏe mạnh, bình an, không bệnh, đi đứng thoải mái, khí lực bình thường chăng? Sa-môn Cù-đàm có thật sự nói rằng, 'Nếu khi ái sanh thì cũng sanh những sầu bi, khóc than, ưu khổ, phiền muộn, ảo não' chăng?' Này Na-lị-ương-già, nếu Sa-môn Cù-đàm có nói những gì, ngươi hãy khéo ghi nhớ và thuộc kỹ. Vì sao? Vì những người như vậy không bao giờ nói dối."

Phạm chí Na-lị-ương-già vâng lời vua, đi đến chỗ Phật, chào hỏi xong, ngồi sang một bên, bạch rằng:

"Bạch Cù-đàm, Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la có lời hỏi thăm thánh thể mạnh khỏe, bình an, không bệnh, đi đứng thoải mái, khí lực bình thường chăng? Sa-môn Cù-đàm có thật sự nói như vầy, 'Nếu khi ái sanh, thì cũng sanh những sầu bi, khóc than, ưu khổ, phiền muộn, ảo não chăng?'."

Thế Tôn nói rằng:

"Này Na-lị-ương-già, Ta nay hỏi ngươi, hãy tùy theo sự hiểu biết mà trả lời. Na-lị-ương-già, ý ngươi nghĩ sao? Giả sử có một người đàn bà đã chết. Người ấy phát cuồng, loạn trí, cởi áo cởi quần, trần truồng mà chạy rong khắp các ngõ đường, nói như vầy, 'Này

---

3. Mạt-lỵ ▬▬Q▬C Pāli: Mallikā, vợ chánh cung của vua Pasenadi; bà là một nữ tại gia nhiệt thành và cũng là một phụ nữ gương mẫu. Bà thường thảo luận Phật pháp với vua Pasenadi, và thường thường nhà vua thua.

4. Na-lị-ương-già ▬▬Q▬m▬▬C Nālijaṅgha, theo bản Pāli, không phải Ba-tư-nặc đích thân sai đi, mà chính Mạt-lỵ (hình như lén?) sai đi, để được hiểu rõ vấn đề.

các người, có thấy mẹ tôi chăng? Này các người có thấy mẹ tôi chăng?' Này Na-lị-ương-già, do sự kiện này mà biết rằng, 'Nếu khi ái sanh, thì cũng sanh sầu bi, khóc than, ưu khổ, phiền muộn, ảo não'.

"Cũng vậy, nếu cha chết, anh, chị, em chết, con cái chết, vợ chết, người ấy phát sanh cuồng, loạn trí, cởi áo cởi quần, trần truồng chạy rong khắp cả ngõ đường, nói rằng, 'Này các ngài, có thấy vợ tôi chăng? Này các ngài, có thấy vợ tôi chăng?' Này Na-lị-ương-già, do sự kiện này mà biết rằng, 'Nếu ái sanh thì cũng sanh những sầu bi, khóc than, ưu khổ, phiền muộn, ảo não'.

"Này Na-lị-ương-già, thuở xưa có một người đàn bà về thăm gia đình, các thân tộc của người này muốn cưỡng bức cải giá. Người đàn bà ấy tức tốc trở về nhà chồng, nói với chồng rằng, 'Này ông, hãy biết cho, thân tộc của tôi muốn cướp vợ của ông để gả cho người khác. Ông có mưu kế gì chăng?' Người ấy bèn nắm cánh tay của bà vợ dẫn vào trong nhà, nói rằng, 'Chết chung, sang đời khác với nhau! Chết chung, sang đời khác với nhau!' Rồi lấy con dao bén chém chết vợ và mình cũng tự sát luôn. Này Na-lị-ương-già, do sự kiện này mà biết rằng, 'Nếu ái sanh thì cũng sanh những sầu bi, khóc than, ưu khổ, phiền muộn, ảo não'."

Phạm chí Na-lị-ương-già sau khi nghe những điều Phật nói, khéo ghi nhớ và thuộc kỹ, rồi từ chỗ ngồi đứng dậy, đi quanh ba vòng, rồi trở về.

Về đến Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la tâu rằng:

"Tâu Thiên vương, Sa-môn Cù-đàm quả thực có nói rằng, 'Nếu khi ái sanh, thì cũng sanh những sầu bi, khóc than, ưu khổ, phiền muộn, ảo não'."

Hoàng hậu Mạt-ly tâu rằng:

"Đại vương, tôi hỏi Đại vương, hãy tùy theo sự hiểu biết mà trả lời. Ý Đại vương nghĩ sao? Đại vương có thương yêu đại tướng Bệ-lưu-la[5] chăng?"

Vua đáp:

"Thật sự có yêu thương."

Mạt-ly lại hỏi:

"Nếu đại tướng Bệ-lưu-la bị biến dịch, đổi khác, Đại vương sẽ như thế nào?"

Vua đáp:

"Mạt-ly, nếu đại tướng Bệ-lưu-la bị biến dịch, đổi khác, tôi tất sanh sầu bi, khóc than, ưu khổ, phiền muộn, ảo não."

Mạt-ly tâu rằng:

"Do sự kiện này mà biết rằng, 'Nếu khi ái sanh thì cũng sanh những sầu bi, khóc than, ưu khổ, phiền muộn, ảo não'."

Mạt-ly lại hỏi:

"Vương có yêu Đại thần Thi-lị-a-đà[6], yêu con voi Nhất-bôn-đà-lị[7], yêu đồng nữ Bà-di-lị[8], yêu Vũ Nhật Cái[9], yêu nước Ca-thi và yêu Câu-tát-la chăng?"

---

5. Bệ-lưu-la, Pāli: Viḍūḍabha. Xem kinh 212 trên.
6. Thi-lị-a-trà ▪r▪Q▬▬▬F Pāli: Sirivaḍḍha. Xem kinh 212 trên.
7. Nhất-bôn-đà-lị, Pāli: Ekapundirika. Xem kinh 214 trên.
8. Bà-di-lị đồng nữ ▪C▪i ▪Q▬▬k▪C Pāli: Vajīrī-kunāri, công chúa, con gái độc nhất của Ba-tư-nặc và Mạt-ly, sau được gả cho vua A-xà-thế.
9. Vũ Nhật Cái ▪B▬▬\▪C Pāli: Vāsabhā (Khattiyā), một nữ tỳ dòng họ Thích, được giả làm con gái của Ma-ha-nam và được gả cho Pasenadi, về sau sinh Tỳ-lưu-ly (Viḍūḍabha).

Vua đáp:

"Thật sự có yêu thương."

Mạt-lỵ lại hỏi:

"Nước Ca-thi và Câu-tát-la bị biến dịch, đổi khác, Vương sẽ ra sao?"

Vua đáp:

"Mạt-ly, tôi được hưởng thụ thỏa mãn năm thứ công đức của dục là do ở hai nước này. Nếu Ca-thi và Câu-tát-la mà bị biến dịch, đổi khác, mạng sống của tôi cũng không, nói gì đến những sầu bi, khóc than ưu khổ, phiền muộn, ảo não?"

Mạt-lỵ tâu rằng:

"Do sự kiện này mà biết rằng, 'Nếu khi ái sanh, thì cũng sanh những sầu bi, khóc than, ưu khổ, phiền muộn, ảo não'."

Mạt-lỵ lại hỏi:

"Ý Đại vương nghĩ sao? Có yêu thương tôi chăng?"

Vua đáp:

"Thật sự tôi yêu thương bà."

Mạt-lỵ lại hỏi:

"Nếu một khi tôi bị biến dịch, đổi khác, Đại vương sẽ ra sao?"

Vua đáp:

"Mạt-ly, nếu một khi bà bị biến dịch, đổi khác, tôi tất sanh sầu bi, khóc than, ưu khổ, phiền muộn, ảo não."

Mạt-lỵ tâu rằng:

"Do sự kiện này mà biết rằng, 'Nếu khi ái sanh thì cũng sanh những sầu bi, khóc than, ưu khổ, phiền muộn, ảo não'."

Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la nói rằng:

"Này Mạt-lỵ, kể từ hôm nay, Sa-môn Cù-đàm, do sự kiện này là Thầy của tôi, tôi là đệ tử của Ngài. Này Mạt-lỵ, tôi nay tự quy y Phật, Pháp và Tỳ-kheo Tăng. Cúi mong Đức Thế Tôn nhận con làm Ưu-bà-tắc, kể từ hôm nay trọn đời tự quy cho đến tận mạng."

Phật thuyết như vậy, Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la và hoàng hậu Mạt-lỵ sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

❑

217. KINH BÁT THÀNH[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời sau khi Phật nhập Niết-bàn không lâu, một số lớn các Tỳ-kheo danh đức, thượng tôn đến thành Ba-lị Tử, trú tại Kê viên[2].

Bấy giờ Cư sĩ Đệ Thập, người ở Bát thành[3] mang nhiều hàng hóa quý đến thành Ba-lị Tử để buôn bán đổi chác. Số hàng hóa đó bán hết rất mau; được lời khá to, Cư sĩ Đệ Thập, người Bát thành, hết sức vui mừng, bèn rời Ba-lị Tử đến Kê viên, tìm đến các Tỳ-kheo Thượng tôn danh đức, cúi đầu lễ sát chân rồi ngồi sang một bên. Các Tỳ-kheo Thượng tôn danh đức thuyết pháp cho Cư sĩ nghe, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ. Sau khi đã dùng vô lượng phương tiện thuyết pháp cho Cư sĩ, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ, các Ngài ngồi im lặng. Rồi thì Cư sĩ Đệ Thập, người Bát thành bạch:

"Bạch Thượng tôn, Tôn giả A-nan hiện giờ ở đâu? Con muốn được gặp."

Các Tỳ-kheo Thượng tôn đáp:

"Cư sĩ, Tôn giả A-nan đang ở tại thành Bệ-xá-li, bên bờ sông Di hầu, trong cao lâu đài quán[4]. Nếu muốn thăm thì có thể đi đến đó."

Bấy giờ Cư sĩ Đệ Thập, người Bát thành, từ chỗ ngồi đứng dậy, cúi đầu lễ sát chân các Tỳ-kheo Thượng tôn, nhiễu quanh chiều mặt ba vòng rồi đi.

Cư sĩ tìm đến chỗ Tôn giả A-nan, cúi đầu lễ sát chân rồi ngồi xuống một bên và bạch rằng:

"Bạch Tôn giả A-nan, con có điều muốn hỏi, Ngài có cho phép chăng?"

"Cư sĩ cứ hỏi. Tôi nghe rồi sẽ suy xét."

Cư sĩ hỏi:

"Bạch Tôn giả, Đức Thế Tôn, Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Bậc đã thành tựu tuệ nhãn, thấy đệ nhất nghĩa, Ngài có dạy một pháp nào mà Thánh đệ tử nếu an trú vào đó sẽ đoạn trừ các lậu, tâm giải thoát chăng?"

Tôn giả A-nan đáp:

"Đúng vậy, Đức Thế Tôn có dạy pháp ấy."

---

1. Tương đương Pāli, M. 52. Aṭṭhakanāgara-suttam. Hán, biệt dịch, No.92.
2. Ba-la-lị Tử thành Kê viên No.92: Ba-la-lê-phất-đô-lô, Kê viên. So Pāli: Pāṭaliputta, về sau là thủ đô của Magadha; Kukkṭārama, khu vườn có lẽ ở Đông nam của Pāṭaliputta. Một tinh xá cùng tên ở tại Kosambī.
3. Đệ thập Cư sĩ Bát thành Pāli: Dasamo gahapati Aṭṭhaka-nāgaro, gia chủ Dasama, người thị trấn Aṭṭhaka.
4. Di hầu giang biên, cao lầu đài quán có lẽ một ngôi nhà sàn ở trong rừng Mahāvana gần Vesāli, được gọi là Kūṭāgarasālā. Vì sông Di hầu không rõ tương đương Pāli, nhưng Sanskrit gọi là Markatā.

Cư sĩ hỏi:

"Đức Thế Tôn, Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Bậc đã thành tựu tuệ nhãn, đã thấy đệ nhất nghĩa, Ngài dạy như thế nào về một pháp ấy, mà Thánh đệ tử nếu an trú vào đó sẽ dứt sạch các lậu, tâm giải thoát? Pháp ấy như thế nào?"

Tôn giả A-nan đáp:

"Này Cư sĩ, Đa văn Thánh đệ tử ly dục, ly ác bất thiện pháp, cho đến chứng đắc đệ Tứ thiền, thành tựu an trú. Vị ấy y cứ nơi đây mà quán pháp như pháp. Hoặc có thể y cứ nơi đây mà quán pháp như pháp, vị ấy an trú vào đó mà dứt sạch các lậu. Nhưng an trú vào đó mà không dứt sạch các lậu, thì nhờ nơi pháp này, do có muốn pháp, yêu pháp, thích pháp, tin tưởng pháp, ái lạc hoan hỷ[5], vị ấy đoạn trừ năm hạ phần kết, hóa sanh nơi kia mà nhập Niết-bàn, được pháp bất thối, vĩnh viễn không còn trở lại đời này.

"Lại nữa, Cư sĩ, Đa văn Thánh đệ tử, tâm cùng đi đối với từ biến mãn một phương, thành tựu và an trú. Cũng vậy, hai, ba, bốn phương, bốn phương bàng, phương trên và phương dưới khắp cả mọi nơi tâm cùng đi đối với từ, không kết, không oán, không nhuế, không tranh, quảng đại, vô biên, vô lượng, khéo tu tập, viên mãn tất cả thế gian, thành tựu và an trụ. Cũng vậy, tâm đi đối với bi, hỷ và xả, không kết, không oán, không nhuế, không tranh, quảng đại, vô lượng, vô biên khéo tu tập, biến mãn tất cả thế gian, thành tựu và an trụ. Vị ấy cứ y nơi đây mà quán pháp như pháp. Vị ấy hoặc có thể y cứ vào đó mà dứt sạch các dục. Nhưng nếu chưa dứt sạch được các lậu, nhờ pháp này, do yêu pháp, thích pháp, tin tưởng pháp, ái lạc hoan hỷ, vị ấy đoạn trừ ngũ hạ phần kiết, hóa sanh vào cõi kia mà nhập Niết-bàn, được pháp bất thối, vĩnh viễn không còn tái sanh lại đời này nữa. Đây là pháp mà Đức Thế Tôn, Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Bậc thành tựu tuệ nhãn, đã thấy đệ nhất nghĩa, nói rằng, 'Có một pháp mà nếu Đa văn Thánh đệ tử an trú vào đó sẽ dứt sạch các lậu, tâm được giải thoát.

"Lại nữa, Cư sĩ, Đa văn Thánh đệ tử vượt qua tất cả sắc tưởng cho đến phi phi tưởng xứ, thành tựu và an trú, vị ấy ở nơi đây mà quán pháp như pháp, vị ấy hoặc có thể an trú vào đó mà dứt sạch các lậu. Nhưng nếu không dứt sạch các lậu, thì nhờ pháp này, do yêu pháp, thích pháp, tin tưởng pháp, ái lạc, hoan hỷ, vị ấy đoạn trừ ngũ hạ phần kết, hóa sanh nơi kia mà nhập Niết-bàn, được pháp bất thối, vĩnh viễn không còn trở lại đời này nữa. Đây là pháp mà Đức Thế Tôn, Như Lai, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Bậc đã thành tựu, đã thấy đệ nhất nghĩa, nói rằng, có một pháp mà nếu Đa văn Thánh đệ tử an trụ vào đó sẽ dứt sạch các lậu tâm được giải thoát."

Bấy giờ Cư sĩ Đệ Thập, người ở Bát thành, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch vai áo bên hữu chắp tay bạch rằng:

"Kỳ diệu thay! Hy hữu thay! Tôn giả A-nan, con chỉ hỏi một cánh cửa cam lồ, nhưng Tôn giả đã nói cho con nghe một lần đến mười hai pháp môn cam lồ[6]. Dựa theo pháp môn nào trong mười hai pháp môn ấy tu tập cũng đều được giải thoát an lạc.

"Bạch Tôn giả A-nan, cũng như cách làng không xa, có một ngôi nhà lớn, được mở ra với mười hai cánh cửa. Một người có việc cần nên đã vào trong nhà ấy. Lại có một người khác đứng đó, nhưng không muốn đem lại sự lợi ích và phước lạc, không muốn sự an ổn cho người ấy, nên nổi lửa mà đốt nhà. Bạch Tôn giả A-nan, người ấy có thể do theo

---

5. Dục pháp ái pháp lạc pháp tĩnh pháp ái lạc hoan hỷ ▬▬k▬R▬k▬▬k▬R▬k ▬R▬▬w▬▬C Pāli: teneva dhammarāgena tāya dhammanandiyā, do sự đam mê đối với pháp, do sự vui say đối với pháp.

6. Tức Bốn sắc giới thiền, Bốn vô lượng tâm và Bốn vô sắc định.

một trong mười hai cửa mà ra khỏi ngôi nhà cháy một cách an toàn[7]. Cũng vậy, bạch Tôn giả, con chỉ hỏi một cửa cam lồ mà Ngài nói cho con nghe một lần đến mười hai cửa pháp cam lồ. Y theo một trong mười hai cửa pháp cam lồ này thì có thể được an ổn giải thoát. Bạch Tôn giả A-nan, trong pháp luật của Phạm chí nói về pháp luật bất thiện mà còn có sự cúng dường thầy của họ, huống sao con lại không cúng dường bậc Đại sư Tôn giả A-nan."

Rồi ngay trong đêm ấy, Cư sĩ Đệ Thập, người ở Bát thành bày dọn các món ăn thơm ngon, tinh khiết, đầy đủ các loại nhai và nuốt; sau khi bày biện thức ăn xong, vào lúc sáng sớm, trải dọn chỗ ngồi Cư sĩ cung thỉnh chúng Tăng ở Kê viên và thành Bệ-xá-li hợp lại, rồi tự tay mình dâng nước rửa, dâng các thức ăn thơm ngon tinh khiết, đầy đủ các loại nhai và nuốt; tự tay mời mọc cho đến khi chúng Tăng no đủ, phân chia các thức ăn đầy đủ cho chúng Tăng. Sau khi chúng Tăng thọ thực, thâu bát, rửa tay, Cư sĩ đem năm trăm vật phẩm mua một ngôi nhà cúng riêng cho Tôn giả A-nan. Tôn giả A-nan nhận lãnh, sau đó cúng cho Chiêu đề tăng[8].

Tôn giả A-nan thuyết như vậy. Cư sĩ Đệ Thập người ở Bát thành sau khi nghe những gì Tôn giả A-nan thuyết, hoan hỷ phụng hành.

❑

---

7. Cả hai bản Hán đều thí dụ bằng ngôi nhà cháy. Bản Pāli thí dụ một người đi tìm kho tàng.
8. Chiêu đề tăng ————F dịch nghĩa là Thập phương tăng. Bản Pāli không có chi tiết này, nhưng tiếng Pāli tương đương là Catuddisāsaṅgha.

218. KINH A-NA-LUẬT-ĐÀ (I)[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng, vườn Cấp cô độc.

Bấy giờ các Tỳ-kheo vào lúc xế trưa từ tĩnh tọa dậy, đi đến chỗ Tôn giả A-na-luật-đà[2], cúi đầu đảnh lễ sát chân, rồi ngồi sang một bên, bạch rằng:

"Chúng tôi có điều muốn hỏi, mong Ngài nghe cho mới dám trình bày."

Tôn giả A-na-luật-đà nói:

"Chư Hiền, muốn hỏi xin cứ hỏi. Tôi nghe xong sẽ suy nghĩ."

Khi ấy các Tỳ-kheo bèn bạch rằng:

"Làm thế nào một Tỳ-kheo chết an lành, mạng chung an lành?"

Tôn giả A-na-luật-đà đáp:

"Chư Hiền, nếu Tỳ-kheo ly dục, ly ác bất thiện pháp, cho đến chứng đắc Tứ thiền; đó gọi là Tỳ-kheo chết an lành, mạng chung an lành."

Các Tỳ-kheo lại hỏi:

"Tỳ-kheo cùng đích như vậy là chết an lành, mạng chung an lành chăng?"

Tôn giả A-na-luật-đà đáp:

"Chư Hiền, Tỳ-kheo không phải chỉ cùng đích như vậy là chết an lành mạng chung an lành. Lại nữa, này chư Hiền, nếu Tỳ-kheo chứng đắc như ý túc về thiên nhĩ, tha tâm trí, túc mạng trí, sanh tử trí, lậu tận trí, lậu tận, chứng đắc vô lậu, tâm giải thoát, tuệ giải thoát, ngay trong đời này mà tự tri, tự giác, tự tác chứng, thành tựu an trụ, biết như thật rằng 'Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa'. Đó là Tỳ-kheo chết an lành, mạng chung an lành."

Các Tỳ-kheo lại hỏi:

"Tỳ-kheo cùng đích như vậy là chết an lành, mạng chung an lành chăng?"

Tôn giả A-na-luật-đà đáp:

"Chư Hiền, Tỳ-kheo cùng đích như vậy là chết được an lành, mạng chung được an lành."

Lúc bấy giờ các Tỳ-kheo nghe những điều Tôn giả A-na-luật-đà nói khéo ghi nhớ và thuộc kỹ xong, rời chỗ ngồi đứng dậy, cúi đầu lạy sát chân Tôn giả A-na-luật-đà, đi quanh ba vòng rồi lui ra.

Tôn giả A-na-luật-đà thuyết như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe Tôn giả A-na-luật-đà thuyết, hoan hỷ phụng hành.

❑

---

1. Không có Pāli tương đương.
2. Xem kinh 184, 185 trên, và nhiều kinh khác.

219. KINH A-NA-LUẬT-ĐÀ (II)

Tôi nghe như vầy.

Một thời Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng, vườn Cấp cô độc.

Bấy giờ các Tỳ-kheo, vào lúc xế, từ thiền tọa dậy, đi đến chỗ Tôn giả A-na-luật-đà[1], cúi đầu đảnh lễ sát chân, rồi ngồi xuống một bên bạch rằng:

"Chúng tôi có điều muốn hỏi, mong Ngài nghe cho mới dám trình bày."

Tôn giả A-na-luật-đà nói:

"Chư Hiền, muốn hỏi xin cứ hỏi. Tôi nghe xong sẽ suy nghĩ."

Khi ấy các Tỳ-kheo hỏi rằng:

"Làm thế nào mà một Tỳ-kheo chết không bứt rứt, mạng chung không bứt rứt?"

Tôn giả A-na-luật-đà đáp:

"Nếu Tỳ-kheo có tri kiến chất trực và đạt đến Thánh ái giới[2], đó là Tỳ-kheo chết không bứt rứt, mạng chung không bứt rứt."

Các Tỳ-kheo lại hỏi:

"Tỳ-kheo cùng đích như vậy là chết không bứt rứt, mạng chung không bứt rứt chăng?"

Tôn giả A-na-luật-đà đáp:

"Tỳ-kheo không chỉ cùng đích như vậy là chết không phiền nhiệt, mạng chung không phiền nhiệt. Lại nữa, này chư Hiền, nếu Tỳ-kheo quán nội thân như thân, cho đến quán thọ, tâm, pháp như pháp, đó là Tỳ-kheo chết không bứt rứt, mạng chung không bứt rứt."

Các Tỳ-kheo lại hỏi:

"Tỳ-kheo cùng đích như vậy là chết không bứt rứt, mạng chung không bứt rứt chăng?"

Tôn giả A-na-luật-đà đáp:

"Chư Hiền, Tỳ-kheo không chỉ cùng đích như vậy là chết không phiền nhiệt, mạng chung không phiền nhiệt. Lại nữa, này chư Hiền, Tỳ-kheo tâm tương ưng với từ, biến mãn một phương, thành tựu an trụ; hai, ba, bốn phương, bốn duy, trên, dưới, bao trùm tất cả, tâm tương ưng với từ, không kết, không oán, không nhuế, không tranh, rất rộng, rất lớn, vô lượng, khéo tu tập, biến mãn tất cả thế gian, thành tựu an trụ. Cũng vậy, bi và hỷ. Tâm tương ưng với xả, không kết, không oán, không nhuế, không tranh, rất rộng, rất lớn, vô lượng, khéo tu tập, biến mãn tất cả thế gian, thành tựu an trụ. Đó gọi là Tỳ-kheo chết không bứt rứt, mạng chung không bứt rứt."

Các Tỳ-kheo lại hỏi:

"Tỳ-kheo chỉ cùng đích như vậy là chết không phiền nhiệt, mạng chung không phiền

---

1. Xem kinh 184, và nhiều kinh khác.
2. Thánh ái giới, hay Thánh sở ái giới, giới được các Thánh hiền hâm mộ.

nhiệt chăng?"

Tôn giả A-na-luật-đà đáp:

"Chư Hiền, Tỳ-kheo không chỉ cùng đích như vậy, là chết không phiền nhiệt, mạng chung không phiền nhiệt. Lại nữa, này chư Hiền, nếu Tỳ-kheo vượt qua tất cả sắc tưởng, cho đến chứng phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ, thành tựu an trụ. Đó là Tỳ-kheo chết không bứt rứt, mạng chung không bứt rứt."

Các Tỳ-kheo lại hỏi:

'Tỳ-kheo chỉ cùng đích như vậy là chết không phiền nhiệt, mạng chung không phiền nhiệt chăng?"

Tôn giả A-na-luật-đà đáp:

"Chư Hiền, không chỉ cùng đích như vậy là chết không phiền nhiệt, mạng chung không phiền nhiệt. Lại nữa, này chư Hiền, nếu Tỳ-kheo vượt qua tất cả phi hữu tưởng, phi vô tưởng xứ, tưởng thọ diệt thân chứng thành tựu an trụ, và do tuệ quán mà các lậu diệt tận, đó là Tỳ-kheo chết không phiền nhiệt, mạng chung không phiền nhiệt."

Các Tỳ-kheo lại hỏi:

"Tỳ-kheo chỉ cùng đích như vậy là chết không bứt rứt, mạng chung không bứt rứt chăng?"

Tôn giả A-na-luật-đà đáp:

"Chư Hiền, Tỳ-kheo cùng đích như vậy là chết không bứt rứt, mạng chung không bứt rứt."

Bấy giờ các Tỳ-kheo sau khi nghe những điều Tôn giả A-na-luật-đà nói, khéo ghi nhớ và thuộc kỹ xong, từ chỗ ngồi đứng dậy, cúi đầu đảnh lễ sát chân Tôn giả A-na-luật-đà, đi quanh ba vòng rồi lui ra.

Tôn giả A-na-luật-đà thuyết như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe Tôn giả A-na-luật-đà thuyết, hoan hỷ phụng hành.

❑

220. KINH KIẾN[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời sau khi Phật Niết-bàn không lâu, Tôn giả A-nan trú tại thành Vương xá, trong rừng Trúc, vườn Ca-lan-đa. Lúc bấy giờ có một Phạm chí dị học, vốn là bạn của Tôn giả A-nan trước khi xuất gia, sau giữa trưa, thong dong tản bộ đi đến chỗ Tôn giả A-nan, chào hỏi xong, ngồi xuống một bên nói với Tôn giả A-nan rằng:

"A-nan, tôi có điều muốn hỏi, mong nghe cho chăng?"

Tôn giả A-nan đáp:

"Phạm chí, muốn hỏi cứ hỏi, Tôi nghe xong sẽ suy nghĩ."

Dị học Phạm chí bèn hỏi:

"Sự kiện như vầy. Những quan điểm[2] này bị gác lại[3], bị loại bỏ, không được giải thích tường tận, đó là, 'Thế giới hữu thường hay vô thường; thế giới hữu biên hay vô biên[4]; sinh mạng tức là thân hay sinh mạng khác thân khác; Như Lai tuyệt diệt hay Như Lai không tuyệt diệt[5]; Như Lai vừa tuyệt diệt vừa không tuyệt diệt; hay Như Lai cũng không phải tuyệt diệt, cũng không phải không tuyệt duyệt?' Sa-môn Cù-đàm có biết rõ các quan điểm này đúng như lý ưng phải biết chăng?"

Tôn giả A-nan đáp:

"Phạm chí, sự kiện như vầy. Đối với những quan điểm này, Thế Tôn là Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, gác qua một bên, loại bỏ, không giải thích tường tận; đó là, 'Thế giới hữu thường, hay vô thường; thế giới hữu biên hay vô biên; sinh mạng tức là thân hay sinh mạng khác thân khác; Như Lai tuyệt diệt hay Như Lai không tuyệt diệt; hay Như Lai vừa tuyệt diệt vừa không tuyệt diệt, hay Như Lai cũng không phải tuyệt diệt, cũng không phải không tuyệt diệt?' Thế Tôn là Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, biết các quan điểm này đúng như lý ưng phải biết."

Phạm chí dị học lại hỏi:

"Sự kiện như vầy. Những quan điểm này Sa-môn Cù-đàm gác qua một bên, loại bỏ, không giải thích tường tận, đó là, 'Thế giới hữu thường, hay thế giới vô thường; thế giới hữu biên hay thế giới vô biên; sinh mạng tức là thân hay sinh mạng khác thân khác; Như Lai tuyệt diệt hay Như Lai không tuyệt diệt, hay Như Lai vừa tuyệt diệt vừa không tuyệt diệt, hay Như Lai cũng không phải tuyệt diệt cũng không phải không tuyệt diệt?' Sa-môn Cù-đàm biết rõ các quan điểm này đúng như lý ưng phải biết như thế nào?"

Tôn giả A-nan đáp:

---

1. Tương đương Pāli, A.7.51. Avyākata. Hán, biệt dịch, No.93.
2. Kiến ═══C Pāli: diṭṭhigata, thường được dịch là *kiến thú*, xu hướng của kiến chấp.
3. Xả trí ═══m═A chỉ những vấn đề thuộc bất khả thuyết. Xem ý nghĩa, kinh 222 ở sau. Pāli avyākāta, vô ký.
4. Nguyên Hán: thế hữu để, thế vô để 世═══@═L═══A dịch sát: "thế gian có đáy hay không có đáy".
5. Nguyên Hán: Như Lai chung, bất chung ═p═══C

"Phạm chí, sự kiện như vầy. Những quan điểm này được Đức Thế Tôn, Như Lai, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, gác qua một bên, loại bỏ, không giải thích tường tận; đó là, 'Thế giới hữu thường hay thế giới vô thường; thế giới hữu biên hay thế giới vô biên; sinh mạng tức là thân hay sinh mạng khác thân khác; Như Lai tuyệt diệt hay Như Lai không tuyệt diệt, hay Như Lai vừa tuyệt diệt vừa không tuyệt diệt, hay Như Lai cũng không phải tuyệt diệt cũng không phải không tuyệt diệt?' Này Dị học Phạm chí, kiến như vậy, thủ như vậy, sanh như vậy, đến đời sau như vậy, những vấn đề như vậy là điều mà Thế Tôn, Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, gác qua một bên, loại bỏ, không giải thích tường tận, đó là, 'Thế giới hữu biên hay thế giới vô biên, thế giới hữu thường hay thế giới vô thường; sinh mạng tức là thân hay sinh mạng khác thân khác; Như Lai tuyệt diệt hay Như Lai không tuyệt diệt; hay Như Lai vừa tuyệt diệt vừa không tuyệt diệt, hay Như Lai cũng không phải tuyệt diệt, cũng không phải không tuyệt diệt?' Những quan điểm ấy được biết như vậy. Các quan điểm ấy phải được biết như vậy."

Dị học Phạm chí bạch rằng:

"A-nan, nay tôi tự quy A-nan."

Tôn giả A-nan đáp:

"Phạm chí, ông đừng tự quy nơi tôi. Cũng như tôi tự quy y nơi Phật ông cũng nên tự quy như vậy."

Dị học Phạm chí nói:

"A-nan, nay tôi tự quy Phật, Pháp, và Tỳ-kheo Tăng. 'Cúi mong Thế Tôn nhận con làm Ưu-bà-tắc, kể từ hôm nay, trọn đời tự quy cho đến tận mạng'."

Tôn giả A-nan thuyết như vậy. Dị học Phạm chí nghe Tôn giả A-nan thuyết, hoan hỷ phụng hành.

❑

221. KINH TIỄN DỤ[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng, vườn Cấp cô độc.

Bấy giờ Tôn giả Man Đồng tử[2], sống cô độc tại một nơi yên tĩnh, thiền tọa tư duy, trong tâm khởi lên ý niệm, "Sự kiện như vầy. Những quan điểm này bị Đức Thế Tôn gác lại[3], loại bỏ, không giải thích tường tận; đó là, 'Thế giới hữu thường hay vô thường, thế giới hữu biên hay vô biên[4]; sinh mạng tức là thân hay sinh mạng khác thân khác; Như Lai tuyệt diệt, hay Như Lai không tuyệt diệt, hay Như Lai vừa tuyệt diệt vừa không tuyệt diệt[5], hay Như Lai cũng không phải tuyệt diệt cũng không phải không tuyệt diệt?' Ta không hài lòng với điều này, ta không nhẫn khả với điều này. Nếu Đức Như Lai xác quyết[6] nói cho ta biết rằng: 'Thế giới hữu thường' ta sẽ theo Ngài học phạm hạnh, còn nếu Đức Thế Tôn không xác quyết nói cho ta biết rằng 'Thế giới hữu thường' ta sẽ cật vấn Ngài rồi bỏ Ngài mà đi. Cũng vậy, 'Thế giới vô thường; thế giới hữu biên hay vô biên; sinh mạng tức là thân hay sinh mạng khác thân khác; Như Lai tuyệt diệt hay Như Lai không tuyệt diệt, hay Như Lai vừa tuyệt diệt vừa không tuyệt diệt, hay Như Lai cũng không phải tuyệt diệt, cũng không phải không tuyệt diệt?' Nếu Đức Thế Tôn xác quyết nói cho ta biết rằng, 'Điều này chơn thật, ngoài ra là hư vọng' ta sẽ theo Ngài tu học phạm hạnh; còn nếu Đức Thế Tôn không xác quyết nói cho ta biết rằng, 'Điều này là chơn thật ngoài ra là hư vọng' thì ta sẽ cật vấn Ngài rồi bỏ Ngài mà đi."

Rồi Tôn giả Man Đồng tử vào lúc xế trưa, từ tĩnh tọa dậy, đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ, ngồi qua một bên mà bạch rằng:

"Bạch Đức Thế Tôn, hôm nay con sống cô độc tại một nơi yên tĩnh, thiền tọa tư duy, trong tâm khởi lên ý niệm, 'Sự kiện như vầy. Những quan điểm này bị Đức Thế Tôn gác lại, loại bỏ, không giải thích tường tận; đó là, 'Thế giới hữu thường hay vô thường, thế giới hữu biên hay vô biên; sinh mạng tức là thân hay sinh mạng khác thân khác; Như Lai tuyệt diệt hay Như Lai không tuyệt diệt, hay Như Lai vừa tuyệt diệt vừa không tuyệt diệt, hay Như Lai cũng không phải tuyệt diệt, cũng không phải không tuyệt diệt?' Ta không hài lòng với điều này, ta không nhẫn khả với điều này. Nếu Thế Tôn xác quyết rõ ràng, 'Thế giới hữu thường', Bạch Thế Tôn, mong Ngài hãy nói cho con biết. Còn nếu Thế Tôn không xác quyết rõ ràng 'Thế giới hữu thường' thì Ngài hãy nói thẳng là không biết. Cũng

---

1. Tương đương Pāli: M.63. Cūḷa-Māluṅkyaputta-suttam. Hán, biệt dịch: No.94.
2. Xem cht.3, kinh 205 trên.
3. Xem cht.3, kinh 220 trên.
4. Nguyên Hán: thế hữu để vô để -@---@-L--C Pāli: antavā loko 'ti pi anantavā loko 'ti pi.
5. Nguyên Hán: Như Lai chung... bất chung -p--. . . ---C Pāli: hoti tathāgato paraṃ maraṇnā, Như Lai tồn tại hay không sau khi chết?
6. Hán: nhất hướng thuyết -@-V--C

vậy, 'Thế giới vô thường; thế giới hữu biên hay vô biên; sinh mạng tức là thân hay sinh mạng khác thân khác; Như Lai tuyệt diệt hay Như Lai không tuyệt diệt, hay Như Lai vừa tuyệt diệt vừa không tuyệt diệt, hay Như Lai cũng không phải tuyệt diệt cũng không phải không tuyệt diệt?' Nếu Thế Tôn xác quyết rõ ràng 'Điều này chơn thật, ngoài ra là hư vọng', Bạch Thế Tôn, mong Ngài hãy nói cho con biết. Còn nếu Thế Tôn không xác quyết rõ ràng 'Điều này là chơn thật, ngoài ra là hư vọng', thì Ngài hãy nói thẳng là không biết'."

Đức Thế Tôn hỏi:

"Này Man Đồng tử, trước kia Ta có nói như vầy với ngươi rằng, 'Hãy đến đây! Hãy theo Ta tu học Phạm hạnh rồi Ta sẽ nói cho nghe, 'Thế giới hữu thường'chăng'?"

Man Đồng tử đáp:

"Bạch Thế Tôn, không."

"Cũng vậy, 'Thế giới vô thường, thế giới hữu biên, hay vô biên sinh mạng tức thân hay sinh mạng khác thân khác; Như Lai tuyệt diệt hay Như Lai không tuyệt diệt, hay Như Lai vừa tuyệt diệt vừa không tuyệt diệt, hay Như Lai cũng không phải tuyệt diệt cũng không phải không tuyệt diệt?' chăng?"

Man Đồng tử đáp:

"Bạch Thế Tôn, không."

Đức Thế Tôn nói:

"Này Man Đồng tử, trước kia ngươi có nói với Ta rằng, 'Nếu Thế Tôn xác quyết nói cho con biết rằng 'Thế giới hữu thường' thì con sẽ theo Thế Tôn học phạm hạnh' chăng?"

Man Đồng tử đáp:

"Bạch Thế Tôn, không."

Đức Thế Tôn nói:

"Này Man Đồng tử, trước kia Ta không nói với ngươi và ngươi cũng không nói với Ta; ngươi quả là kẻ ngu si, vì sao lại hư vọng xuyên tạc Ta?"

Lúc bấy giờ, Tôn giả Man Đồng tử bị Đức Thế Tôn khiển trách ngay mặt, trong lòng rầu rĩ, cúi đầu im lặng, không còn lời biện bạch, suy nghĩ mông lung.

Đức Thế Tôn sau khi khiển trách ngay mặt Man Đồng tử, rồi nói với các Tỳ-kheo rằng:

"Nếu có người ngu si nghĩ như vầy, 'Nếu Đức Thế Tôn không xác quyết nói cho Ta biết rằng 'Thế giới hữu thường' thì Ta không theo Đức Thế Tôn tu hành phạm hạnh'. Những người ngu si ấy, chưa biết được gì thì nửa chừng mạng chung.

"Cũng vậy, 'Thế giới vô thường; thế giới hữu biên hay vô biên; sinh mạng tức là thân hay sinh mạng khác thân khác; Như Lai tuyệt diệt hay Như Lai không tuyệt diệt, hay Như Lai vừa tuyệt diệt vừa không tuyệt diệt, hay Như Lai không phải tuyệt diệt cũng không phải không tuyệt diệt?' Nếu có người ngu si nghĩ như 'Nếu Đức Thế Tôn không xác quyết nói cho Ta biết rằng: 'Điều này là chơn thật, ngoài ra là hư vọng' thì ta sẽ không theo Đức Thế Tôn tu học phạm hạnh'. Những người ngu si ấy chưa biết được gì thì nửa chừng đã mạng chung.

"Ví như một người bị trúng tên độc; do bị trúng tên độc nên đau đớn cùng cực. Người ấy được các thân thuộc đồng tình thương xót, mong muốn cho được lợi ích và phước lành, được an ổn khoái lạc nên tìm cầu y sĩ nhổ tên. Nhưng nó lại nói rằng, 'Khoan hãy nhổ tên! Trước tiên hãy cho tôi biết người bắn tôi đó, họ gì, tên gì, sanh ở đâu, cao hay thấp, mập hay gầy, da đen hay trắng, hay da không đen không trắng, thuộc dòng Sát-lợi,

Phạm chí, Cư sĩ hay Công sư, là người ở phương Đông, phương Tây, phương Nam hay phương Bắc? Khoan hãy nhổ tên! Trước tiên hãy cho tôi biết cây cung ấy làm bằng gỗ chá[7], bằng gỗ dâu, bằng gỗ quỳ, hay bằng sừng? Khoan hãy nhổ tên! Trước tiên hãy cho tôi biết, cần cung làm bằng gân bò, bằng gân hươu, nai hay bằng tơ? Khoan hãy nhổ tên! Trước tiên hãy cho tôi biết, cây cung đó màu đen, màu trắng, màu đỏ hay màu vằng? Khoan hãy nhổ tên! Trước tiên hãy cho tôi biết dây cung đó làm bằng gân, bằng tơ, bằng sợi gai hay bằng võ gai? Khoan hãy nhổ tên! Trước tiên hãy cho tôi biết cán tên này làm bằng gỗ hay bằng tre? Khoan hãy nhổ tên! Trước tiên hãy cho tôi biết tên được quấn bằng gân bò, gân hươu nai, hay bằng tơ? Khoan hãy nhổ tên! Trước tiên hãy cho tôi biết đuôi tên này kết bằng lông phiêu lằng[8], lông kên kên, lông gà trống, hay lông hạc? Khoan hãy nhổ tên! Trước tiên hãy cho tôi biết mũi tên này thuộc loại mũi răng cưa, mũi nhọn, hay mũi bình phi đao? Khoan hãy nhổ tên! Trước tiên hãy cho tôi biết người thợ vót tên này họ gì, tên gì, sanh ở đâu, cao hay thấp, mập hay gầy, da đen hay trắng, hay da không đen không trắng, ở phương Đông, phương Nam, phương Tây hay phương Bắc?' Nhưng nó chưa biết được gì thì nửa chừng đã mạng chung.

"Cũng vậy, nếu có người ngu si nghĩ như vầy, 'Nếu Đức Thế Tôn không xác quyết nói cho ta biết rằng 'Thế giới hữu thường' thì ta sẽ không theo Đức Thế Tôn tu học phạm hạnh'. Nhưng người ngu si ấy chưa biết được gì thì nửa chừng đã mạng chung.

"Cũng vậy, 'Thế giới vô thường, thế giới hữu biên hay vô biên; sinh mạng tức là thân hay sinh mạng khác thân khác; Như Lai tuyệt diệt hay Như Lai không tuyệt diệt, Như Lai vừa tuyệt diệt hay Như Lai vừa không tuyệt diệt, hay Như Lai cũng không phải tuyệt diệt cũng không phải không tuyệt diệt?' Nếu có người ngu si nghĩ như vầy 'Nếu Đức Thế Tôn không xác quyết nói cho Ta biết rằng: 'Điều này là chơn thật, ngoài ra là hư vọng thì ta sẽ không theo Đức Thế Tôn tu học phạm hạnh'.' Nhưng người ấy chưa biết được gì thì nửa chừng đã mạng chung.

"'Thế giới hữu thường', nhân nơi quan điểm này mà theo ta tu học phạm hạnh, sự kiện không phải là như vậy. Cũng vậy, 'Thế giới hữu biên hay vô biên; sinh mạng tức là thân hay sinh mạng khác thân khác, Như Lai tuyệt diệt hay Như Lai không tuyệt diệt; hay Như Lai vừa tuyệt diệt vừa không tuyệt diệt, nay Như Lai cũng không phải tuyệt diệt cũng không phải không tuyệt diệt?' Nhân nơi những quan điểm này mà theo Ta tu học phạm hạnh, sự kiện này không phải là như vậy.

"'Thế giới hữu thường', vì có quan điểm này mà theo Ta tu học phạm hạnh, sự kiện này không phải là như vậy. Cũng vậy, 'Thế giới vô thường, thế giới hữu biên hay vô biên; sinh mạng tức là thân hay sinh mạng khác thân khác, Như Lai tuyệt diệt hay Như Lai không tuyệt diệt, hay Như Lai vừa tuyệt diệt vừa không tuyệt diệt, hay Như Lai cũng không phải tuyệt diệt cũng không phải không tuyệt diệt?' Vì có quan điểm này mà không theo Ta tu học phạm hạnh, sự kiện này không phải là như vậy.

"'Thế giới hữu thường', vì có quan điểm này mà theo Ta tu học phạm hạnh, sự kiện này không phải là như vậy. 'Thế giới vô thường; thế giới hữu biên; thế giới vô biên; sinh mạng tức là thân hay sinh mạng khác thân khác; Như Lai tuyệt diệt hay

---

7. Chá ▯C▯R một loại cây giống cây dâu, lá tằm ăn được.
8. Trong bản nói *phiêu phương* ▯▯▯R các bản khác nói *phiêu lăng*, một loại chim?

Như Lai không tuyệt diệt hay Như Lai vừa tuyệt diệt vừa không tuyệt diệt, hay Như Lai cũng không phải tuyệt diệt cũng không phải không tuyệt diệt?' Vì có quan điểm này mà theo Ta tu học phạm hạnh, sự kiện này không phải là như vậy.

"'Thế giới hữu thường', vì không có quan điểm này mà không theo Ta tu học phạm hạnh, sự kiện không phải là như vậy. Cũng vậy, 'Thế giới vô thường, thế giới hữu biên hay vô biên; sinh mạng tức là thân hay sinh mạng khác thân khác; Như Lai tuyệt diệt hay Như Lai không tuyệt diệt, hay Như Lai vừa tuyệt diệt vừa không tuyệt diệt, hay Như Lai cũng không phải tuyệt diệt cũng không phải không tuyệt diệt?' Vì không có những quan điểm này mà không theo Ta tu học phạm hạnh, sự kiện không phải là như vậy.

"Dù 'Thế giới hữu thường', thì vẫn có sanh, có già, có bệnh, có chết, sầu bi, khóc than, ưu khổ, ảo não, như vậy toàn vẹn khối lớn khổ đau này phát sanh. Cũng vậy, dù 'Thế giới vô thường; thế giới hữu biên hay vô biên; sinh mạng tức là thân hay sinh mạng khác thân khác; Như Lai tuyệt diệt hay Như Lai không tuyệt diệt, hay Như Lai vừa tuyệt diệt vừa không tuyệt diệt, hay Như Lai cũng không phải tuyệt diệt, cũng không phải không tuyệt diệt?' thì vẫn có sanh, có già, có bệnh, có chết, sầu bi, khóc lóc, ưu khổ, ảo não; như vậy, toàn vẹn khối lớn khổ đau này phát sanh.

"'Thế giới hữu thường', Ta không xác quyết điều này. Vì điều này không tương ưng với cứu cánh, không tương ưng với pháp, không phải căn bản phạm hạnh, không đưa đến trí, không đưa đến giác, không dẫn đến Niết-bàn. Cho nên Ta không xác quyết điều này. Cũng vậy, 'Thế giới vô thường, thế giới hữu biên hay vô biên; sinh mạng tức là thân hay sinh mạng khác thân khác; Như Lai tuyệt diệt hay Như Lai không tuyệt diệt, hay Như Lai vừa tuyệt diệt vừa không tuyệt diệt hay Như Lai cũng không phải tuyệt diệt cũng không phải không tuyệt diệt?' Ta không xác quyết điều này. Vì lý do gì mà Ta không xác quyết những điều này? Vì những điều này không tương ưng với cứu cánh, không tương ưng với pháp, không phải là căn bản phạm hạnh, không đưa đến trí, không đưa đến giác, không dẫn đến Niết-bàn. Cho nên Ta không xác quyết những điều này.

"Những pháp nào được Ta xác quyết nói đến? 'Đây là khổ', Ta xác quyết nói 'Đây là khổ', 'Khổ tập, Khổ diệt, Khổ diệt đạo tích' Ta xác quyết nói. Vì những lý do gì mà Ta xác quyết nói những điều này? Vì những điều này tương ưng với cứu cánh, tương ưng với pháp, là căn bản phạm hạnh, đưa đến trí, đưa đến giác, dẫn đến Niết-bàn, cho nên Ta xác quyết nói những điều này.

"Đó là, những gì thể nói thì Ta không nói, những gì có thể nói thì Ta nói[9], hãy thọ trì như vậy. Hãy học tập như vậy."

Phật thuyết như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

❑

9. Bất khả thuyết ——i——c Pāli: abyakāta (vô ký), có mười bốn vấn đề bất khả thuyết, như trong kinh này đã kể.

222. KINH LỆ

Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng, vườn Cấp cô độc.

Bấy giờ Đức Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Nếu muốn đoạn trừ vô minh, nên tu Bốn niệm xứ.

"Thế nào gọi là muốn đoạn trừ vô minh nên tu Bốn niệm xứ? Nếu khi Đức Như Lai xuất thế, là Vô Sở Trước, Minh Hạnh Thành Tựu, Đẳng Chánh Giác, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, hiệu là Phật, Chúng Hựu. Vị ấy đoạn trừ cho đến năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém, quán nội thân như thân, cho đến quán thọ, tâm, pháp như pháp. Đó là nếu muốn đoạn trừ vô minh, nên tu Bốn niệm xứ. Như vậy, số đoạn, giải thoát, quá độ, bạt tuyệt, diệt, chỉ, tổng tri và biệt tri[1].

"Nếu muốn biệt tri vô minh, nên tu Bốn niệm xứ. Thế nào là muốn biệt tri vô minh nên tu Bốn niệm xứ? Nếu khi Như Lai xuất thế, là Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành Tựu, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, hiệu là Phật, Chúng Hựu; vị ấy đoạn trừ cho đến năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém, quán nội thân như thân, cho đến quán thọ tâm, pháp như pháp. Đó là muốn biệt tri vô minh nên tu Bốn niệm xứ.

"Nếu muốn đoạn trừ vô minh nên tu Bốn chánh đoạn. Thế nào là muốn đoạn trừ vô minh nên tu Bốn chánh đoạn? Nếu khi Đức Như Lai xuất thế, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, là Phật, Chúng Hựu; vị ấy đoạn trừ cho đến năm triền cái, những thứ làm ô uế, tuệ yếu kém; đối với pháp ác bất thiện đã sanh, vì muốn đoạn trừ cho nên phát khởi dục tâm, tìm cầu phương tiện, tinh cần, khích lệ và kiên trì tâm, chánh đoạn[2]. Đối với pháp ác bất thiện chưa sanh, vì muốn không sanh cho nên phát khởi dục tâm, tìm cầu phương tiện, tinh cần, khích lệ và kiên trì tâm, chánh đoạn. Đối với pháp thiện chưa sanh, vì muốn sanh khởi, cho nên phát khởi dục tâm, tìm cầu phương tiện, tinh cần, khích lệ và kiên trì tâm, chánh đoạn. Đối với pháp thiện đã sanh, vì muốn kiên cố, không quên mất, không suy thoái, tăng trưởng, quảng đại, tu tập viên mãn, cho nên phát khởi dục tâm, tìm cầu phương tiện, tinh cần, khích lệ và kiên trì tâm, chánh đoạn. Đó là, nếu muốn đoạn trừ vô minh nên tu Bốn chánh đoạn. Như vậy, số đoạn, giải thoát, quá độ, bạt tuyệt, diệt, chỉ, tổng tri và biệt tri[3].

"Nếu muốn biệt tri vô minh nên tu Bốn chánh đoạn. Thế nào gọi là muốn biệt tri vô minh nên tu Bốn chánh đoạn? Nếu khi Như Lai xuất thế, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh

---

1. Các giai đoạn tu tập tuần tự: số đoạn, giải thoát, quá độ, bạt tuyệt, diệt, chỉ tổng tri và biệt tri: chuyên cần, quyết ý, vượt qua, nhổ sạch, hoàn toàn tĩnh chỉ.
2. Tham chiếu Pháp Uẩn Túc Luận 3 (Đại 26 tr.467c): khởi dục, phát cần, tinh tấn, sách tâm, trì tâm.
3. Bốn niệm xứ, Bốn chánh cần… đều được tu tập theo thứ tự từ tinh cần...

Giác, Minh Hạnh Thành Tựu, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, hiệu là Phật, Chúng Hựu; vị ấy đoạn trừ cho đến năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém, đối với pháp ác bất thiện đã sanh, vì muốn đoạn trừ cho nên phát khởi dục tâm, tìm cầu phương tiện, tinh cần, khích lệ, và kiên trì tâm, chánh đoạn. Đối với pháp ác bất thiện chưa sanh, vì muốn không sanh, cho nên phát khởi dục tâm, tìm cầu phương tiện, tinh cần, khích lệ và kiên trì tâm, chánh đoạn. Đối với pháp thiện chưa sanh, vì muốn sanh khởi, cho nên phát khởi dục tâm, tìm cầu phương tiện, tinh cần, khích lệ và kiên trì tâm, chánh đoạn. Đối với pháp thiện đã sanh, vì muốn kiên cố, không vong thất, không suy thối, tăng trưởng, quảng đại, tu tập viên mãn, cho nên phát khởi dục tâm, tìm cầu phương tiện, tinh cầu khích lệ, và kiên trì tâm, chánh đoạn. Đó là nếu muốn biệt tri vô minh nên tu Bốn chánh đoạn.

"Nếu muốn đoạn trừ vô minh nên tu Bốn như ý túc. Thế nào gọi là muốn đoạn trừ vô minh nên tu Bốn như ý túc? Nếu khi Như Lai xuất thế, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành Tựu, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, hiệu là Phật, Chúng Hựu; vị ấy đoạn trừ cho đến năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém, tu dục định như ý túc, thành tựu đoạn hành[4], y trên viễn ly, y trên vô dục, y trên dục tận, thú hướng phi phẩm[5]. Cũng vậy tu tinh tấn định, tâm định, tư duy định ý túc, thành tựu đoạn hành, y trên viễn ly, y trên vô dục, y trên diệt tận thú hướng phi phẩm. Đó là nếu muốn đoạn trừ vô minh, nên tu Bốn như ý túc. Như vậy, số đoạn, giải thoát, quá độ, bạt tuyệt, diệt, chỉ, tổng tri và biệt tri. Nếu muốn biệt tri vô minh nên tu Bốn như ý túc.

"Thế nào gọi là muốn biệt tri vô minh nên tu Bốn như ý túc? Nếu khi Như Lai xuất thế, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành Tựu, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, hiệu là Phật, Chúng Hựu; vị ấy đoạn trừ cho đến năm triền cái, những thứ làm ô uế, tuệ yếu kém, tu dục định như ý túc, thành tựu đoạn hành, y trên viễn ly, y trên vô dục, y trên diệt tận, thú hướng phi phẩm. Cũng vậy, tu tinh tấn định, tâm định, tư duy định như ý túc, thành tựu đoạn hành, y trên viễn ly, y trên vô dục, y trên diệt tận, thú hướng phi phẩm. Đó là nếu muốn biệt tri vô minh nên tu Bốn như ý túc.

"Nếu muốn đoạn trừ vô minh, nên tu Tứ thiền. Thế nào gọi là muốn đoạn trừ vô minh nên tu Tứ thiền? Nếu khi Như Lai, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành Tựu, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, hiệu là Phật, Chúng Hựu; vị ấy đoạn trừ, cho đến năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém, ly dục, ly ác bất thiện, cho đến chứng đắc đệ Tứ thiền, thành tựu an trụ. Đó là, nếu muốn đoạn trừ vô minh nên tu Tứ thiền. Như vậy, số đoạn, giải thoát, quá độ, bạt tuyệt, diệt, chỉ, tổng tri và biệt tri.

"Nếu muốn biệt tri vô minh nên tu Tứ thiền. Thế nào là muốn biệt tri vô minh nên tu Tứ thiền? Nếu khi Như Lai xuất thế, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành Tựu, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, Phật, Chúng Hựu; vị ấy đoạn trừ cho đến năm triền cái, những thứ làm cho tâm ô uế, tuệ yếu kém, ly dục, ly pháp ác bất thiện, cho đến chứng đắc đệ Tứ thiền, thành tựu an trụ. Đó là nếu muốn biệt tri vô minh nên tu Tứ thiền.

---

4. Xem kinh 86 trên.

5. Phi phẩm, nơi khác, cũng trong bản Hán này nói là *Thú hướng xuất yếu* (?).

"Nếu muốn đoạn trừ vô minh nên tu Năm căn. Thế nào gọi là muốn đoạn trừ vô minh nên tu Năm căn? Nếu khi Như Lai xuất thế, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành Tựu, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, Phật, Chúng Hựu; vị ấy đoạn trừ cho đến năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém, tu tín, tinh tấn, niệm, định, tuệ căn. Đó là nếu muốn đoạn trừ vô minh nên tu Năm căn. Như vậy, số đoạn, giải thoát, quá độ, bạt tuyệt, diệt, chỉ, tổng tri và biệt tri.

"Nếu muốn biệt tri vô minh nên tu Năm căn. Thế nào gọi là nếu muốn biệt tri vô minh nên tu Năm căn? Nếu khi Như Lai xuất thế, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành Tựu, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, Phật, Chúng Hựu; vị ấy đoạn trừ cho đến năm triền cái, những thứ làm ô uế, tuệ yếu kém, tu tín, tinh tấn, niệm, định, tuệ căn. Đó là nếu muốn biệt tri vô minh nên tu Năm căn.

"Nếu muốn đoạn trừ vô minh nên tu Năm lực. Thế nào gọi là muốn đoạn trừ vô minh nên tu Năm lực? Nếu khi Như Lai xuất thế, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, hiệu là Phật, Chúng Hựu; vị ấy đoạn trừ cho đến năm triền cái, những thứ làm ô uế, tuệ yếu kém, tu tín, tinh tấn, niệm, định, tuệ lực. Đó là nếu muốn đoạn trừ vô minh nên tu Năm lực. Như vậy, số đoạn, giải thoát, quá độ, bạt tuyệt, diệt, chỉ, tổng tri và biệt tri.

"Nếu muốn biệt tri vô minh nên tu Năm lực. Thế nào gọi là nếu muốn biệt tri vô minh nên tu Năm lực? Nếu khi Như Lai xuất thế, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành Tựu, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, Phật, Chúng Hựu; vị ấy đoạn trừ cho đến năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém, tu tín, tinh tấn, niệm, định, tuệ lực. Đó là nếu muốn biệt tri vô minh nên tu Năm lực.

"Nếu muốn đoạn trừ vô minh nên tu Bảy giác chi. Thế nào gọi là nếu muốn đoạn trừ vô minh nên tu Bảy giác chi? Nếu khi Như Lai xuất thế, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành Tựu, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, Phật, Chúng Hựu. Vị ấy đoạn trừ cho đến năm triền cái những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém, tu niệm giác chi, y trên viễn ly, y trên vô dục, y trên diệt tận, thú hướng phi phẩm. Cũng vậy, tu pháp, tinh tấn, hỷ, khinh an, định, tu xả giác chi, y trên viễn ly, y trên vô dục, y trên diệt tận, thú hướng phi phẩm. Đó là nếu muốn đoạn trừ vô minh nên tu Bảy giác chi. Như vậy, số đoạn, giải thoát, quá độ, bạt tuyệt, diệt, chỉ, tổng tri và biệt tri.

"Nếu muốn biệt tri vô minh nên tu Bảy giác chi. Thế nào gọi là nếu muốn biệt tri vô minh nên tu Bảy giác chi? Nếu khi Như Lai xuất thế, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành Tựu, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, Phật, Chúng Hựu; vị ấy đoạn trừ cho đến năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém, tu niệm giác chi, y trên viễn ly, y trên vô dục, y trên diệt tận, thú hướng phi phẩm. Cũng vậy, tu pháp, tinh tấn, khinh an, hỷ, định. Tu xả giác chi, y trên viễn ly, y trên vô dục, y trên diệt tận, thú hướng phi phẩm. Đó là nếu muốn biệt tri vô minh nên tu Bảy giác chi.

"Nếu muốn đoạn trừ vô minh nên tu Thánh đạo tám chi. Thế nào gọi là nếu muốn đoạn trừ vô minh nên tu Thánh đạo tám chi? Nếu khi Như Lai xuất thế, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành Tựu, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, Phật, Chúng Hựu; vị ấy đoạn trừ cho đến năm triền cái những

thứ làm ô uế, tuệ yếu kém, tu chánh kiến cho đến chánh định. Đó là nếu muốn đoạn trừ vô minh nên tu Thánh đạo tám chi. Như vậy, số đoạn, giải thoát, quá độ, bạt tuyệt, diệt, chỉ, tổng tri và biệt tri.

"Nếu muốn biệt tri vô minh nên tu Thánh đạo tám chi. Thế nào gọi là nếu muốn biệt tri vô minh nên tu Thánh đạo tám chi? Nếu khi Như Lai xuất thế, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành Tựu, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, hiệu là Phật, Chúng Hựu; vị ấy đoạn trừ cho đến năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém, tu chánh kiến, cho đến tu chánh định. Đó là nếu muốn biệt tri vô minh, nên tu Thánh đạo tám chi.

"Nếu muốn đoạn trừ vô minh nên tu Mười biến xứ. Thế nào gọi là nếu muốn đoạn trừ vô minh nên tu Mười biến xứ? Nếu khi Như Lai xuất thế, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành Tựu, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, hiệu là Phật, Chúng Hựu; vị ấy đoạn trừ cho đến năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém, tu thứ nhất địa biến xứ, bốn duy, trên dưới là không hai, là vô lượng; tu thủy biến xứ, hỏa biến xứ, phong biến xứ, thanh biến xứ, hoàng biến xứ, xích biến xứ, bạch biến xứ, vô lượng không xứ biến xứ, tu thứ mười là vô lượng thức biến xứ, bốn duy, trên dưới là không hai, là vô lượng. Đó là nếu muốn đoạn trừ vô minh, nên tu Mười biến xứ. Như vậy, số đoạn, giải thoát, quá độ, bạt tuyệt, diệt, chỉ, tổng tri và biệt tri.

"Nếu muốn biệt tri vô minh nên tu Mười biến xứ. Thế nào gọi là nếu muốn biệt tri vô minh nên tu Mười biến xứ? Nếu khi Như Lai xuất thế, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành Tựu, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, hiệu là Phật, Chúng Hựu; vị ấy đoạn trừ cho đến năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém; tu thứ nhất, địa biến xứ, bốn duy, trên dưới là không hai, là vô lượng. Cũng vậy tu thủy biến xứ, hỏa biến xứ, phong biến xứ, thanh biến xứ, hoàng biến xứ, xích biến xứ, bạch biến xứ, vô lượng không biến xứ; tu thứ mười vô lượng thức xứ biến xứ, bốn duy trên dưới, là không hai, là vô lượng. Đó là nếu muốn biệt tri vô minh nên tu Mười biến xứ.

"Muốn đoạn trừ vô minh nên tu Mười pháp vô học. Thế nào gọi là nếu muốn đoạn trừ vô minh nên tu Mười pháp vô học? Nếu khi Như Lai xuất thế, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, hiệu là Phật, Chúng Hựu; vị ấy đoạn trừ cho đến năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém; tu vô học chánh kiến cho đến tu vô học chánh trí. Đó là nếu muốn đoạn trừ vô minh nên tu Mười pháp vô học. Như vậy, số đoạn, giải thoát, quá độ, bạt tuyệt, diệt, chỉ, tổng tri và biệt tri.

"Nếu muốn biệt tri vô minh nên tu Mười pháp vô học.

"Thế nào gọi là nếu muốn biệt tri vô minh nên tu Mười pháp vô học? Nếu khi Như Lai xuất thế, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành Tựu, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, hiệu là Phật, Chúng Hựu; vị ấy đoạn trừ cho đến năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém; tu vô học chánh kiến cho đến tu vô học chánh trí. Đó là nếu muốn biệt tri vô minh nên tu Mười pháp vô học.

"Như vô minh, hành cũng vậy. Như hành, thức cũng vậy. Như thức, danh sắc cũng vậy. Như danh sắc, sáu xứ cũng như vậy. Như sáu xứ, xúc cũng như vậy. Như xúc, thọ cũng như vậy. Như thọ, ái cũng như vậy. Như ái, thủ cũng như vậy. Như thủ, hữu cũng như vậy. Như hữu, sanh cũng như vậy.

"Nếu đoạn trừ lão tử, nên tu Bốn niệm xứ. Thế nào gọi là nếu muốn đoạn trừ lão tử nên tu Bốn niệm xứ? Nếu khi Như Lai xuất thế, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, Phật, Chúng Hựu; vị ấy đoạn trừ cho đến năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém; quán nội thân như thân, cho đến quán thọ, tâm, pháp như pháp. Đó là nếu muốn đoạn trừ vô minh nên tu Bốn niệm xứ. Như vậy, số đoạn, giải thoát, quá độ, bạt tuyệt, diệt, chỉ, tổng tri và biệt tri. "Nếu muốn biệt tri lão tử nên tu Bốn niệm xứ. Thế nào gọi là nếu muốn biệt trừ lão tử nên tu Bốn niệm xứ? Nếu khi Như Lai xuất thế, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, hiệu là Phật, Chúng Hựu; vị ấy đoạn trừ cho đến năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém; quán nội thân như thân, cho đến quán thọ, tâm, pháp như pháp. Đó là nếu muốn biệt tri lão tử nên tu Bốn niệm xứ.

"Nếu muốn đoạn trừ lão tử nên tu Bốn chánh đoạn. Thế nào gọi là nếu muốn đoạn trừ lão tử nên tu Bốn chánh đoạn? Nếu khi Như Lai xuất thế, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, hiệu là Phật, Chúng Hựu; vị ấy đoạn trừ cho đến năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém; đối với pháp ác bất thiện đã sanh, vì muốn đoạn trừ cho nên phát khởi dục tâm, tìm cầu phương tiện, tinh cần, khích lệ, và kiên trì tâm chánh đoạn. Đối với pháp ác bất thiện chưa sanh, vì muốn không sanh cho nên phát khởi dục tâm, tìm cầu phương tiện, tinh cần, khích lệ, và kiên trì tâm, chánh đoạn. Đối với pháp thiện chưa sanh, vì muốn sanh khởi, cho nên phát khởi dục tâm, tìm cầu phương tiện, tinh cần, khích lệ và kiên trì tâm, chánh đoạn. Đối với pháp thiện đã sanh, vì muốn kiên cố, không vong thất, không suy thối, tăng trưởng, quảng đại, tu tập viên mãn, cho nên phát khởi dục tâm, tìm cầu phương tiện, tinh cần khích lệ, và kiên trì tâm, chánh đoạn. Đó là nếu đoạn trừ lão tử nên tu Bốn chánh đoạn. Như vậy, số đoạn, giải thoát, quá độ, bạt tuyệt, diệt, chỉ, tổng tri và biệt tri.

"Nếu muốn biệt tri lão tử nên tu Bốn chánh đoạn. Thế nào gọi là nếu muốn biệt tri lão tử nên tu Bốn chánh đoạn? Nếu khi Như Lai xuất thế, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, hiệu là Phật, Chúng Hựu; vị ấy đoạn trừ cho đến năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém, đối với pháp ác bất thiện đã sanh, vì muốn đoạn trừ cho nên phát khởi dục tâm, tìm cầu phương tiện, tinh cần, khích lệ và kiên trì tâm, chánh đoạn. Đối với pháp ác bất thiện chưa sanh, vì muốn không sanh, cho nên phát khởi dục tâm, tìm cầu phương tiện, tinh cần, khích lệ và kiên trì tâm, chánh đoạn. Đối với pháp thiện chưa sanh, vì muốn sanh khởi, cho nên phát khởi dục tâm, tìm cầu phương tiện, tinh cần, khích lệ và kiên trì tâm, chánh đoạn. Đối với pháp thiện đã sanh, vì muốn kiên cố, không vong thất, không suy thối, tăng trưởng, quảng đại, tu tập viên mãn, cho nên phát khởi dục tâm, tìm cầu phương tiện, tinh cần, khích lệ và kiên trì tâm, chánh đoạn. Đó là nếu muốn biệt tri lão tử nên tu Bốn chánh đoạn.

"Nếu muốn đoạn trừ lão tử nên tu Bốn như ý túc. Thế nào gọi là nếu muốn đoạn trừ lão tử nên tu Bốn như ý túc? Nếu khi Như Lai xuất thế, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh

Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, hiệu là Phật, Chúng Hựu; vị ấy đoạn trừ cho đến năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém; tu học dục định như ý túc, thành tựu đoạn hành, y trên viễn ly, y trên vô dục, y trên diệt tận thú hướng phi phẩm. Cũng vậy, tu tinh tấn định, tâm định, tư duy định như ý túc thành tựu đoạn hành, y trên viễn ly, y trên vô dục, y trên diệt tận, thú hướng phi phẩm. Đó là nếu muốn đoạn trừ lão tử nên tu Bốn như ý túc. Như vậy, số đoạn, giải thoát, quá độ, bạt tuyệt, diệt, chỉ, tổng tri và biệt tri.

"Nếu muốn biệt tri lão tử nên tu Bốn như ý túc. Thế nào gọi là muốn biệt tri lão tử nên tu Bốn như ý túc? Nếu khi Như Lai xuất thế, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, hiệu là Phật, Chúng Hựu; vị ấy đoạn trừ cho đến năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém, tu dục định như ý túc, thành tựu đoạn hành, y trên vô dục, y trên diệt tận, thú hướng phi phẩm; cũng vậy, tu tinh tấn định, tâm định, tu tư duy định, như ý túc, thành tựu đoạn hành, y trên viễn ly, y trên vô dục, y trên diệt tận, thú hướng phi phẩm. Đó là nếu muốn biệt tri lão tử nên tu Bốn như ý túc.

"Nếu muốn đoạn trừ lão tử nên tu Tứ thiền. Thế nào gọi là nếu muốn đoạn trừ lão tử nên tu Tứ thiền? Nếu khi Như Lai xuất thế, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, hiệu là Phật, Chúng Hựu; vị ấy đoạn trừ cho đến năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém, ly dục, ly bất thiện pháp cho đến chứng đắc đệ Tứ thiền, thành tựu an trụ. Như vậy, số đoạn, giải thoát, quá độ, bạt tuyệt, diệt, chỉ, tổng tri và biệt tri.

"Nếu muốn biệt tri lão tử nên tu Tứ thiền. Thế nào gọi là nếu muốn biệt tri lão tử nên tu Tứ thiền? Nếu khi Như Lai xuất thế, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, hiệu là Phật, Chúng Hựu; vị ấy đoạn trừ cho đến năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém, ly dục, ly pháp ác bất thiện, cho đến chứng đắc đệ Tứ thiền, thành tựu an trụ. Đó là nếu muốn biệt tri lão tử nên tu Tứ thiền.

"Nếu muốn đoạn trừ lão tử nên tu Năm căn. Thế nào gọi là nếu muốn đoạn trừ lão tử nên tu Năm căn? Nếu khi Như Lai xuất thế, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, hiệu là Phật, Chúng Hựu; vị ấy đoạn trừ cho đến năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém, tu tín, tinh tấn, niệm, định, tuệ căn. Đó là nếu muốn đoạn trừ lão tử nên tu Năm căn.

"Nếu muốn biệt tri lão tử nên tu Năm căn? Thế nào gọi là nếu muốn biệt tri lão tử nên tu Năm căn? Nếu khi Như Lai xuất thế, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, hiệu là Phật, Chúng Hựu; vị ấy đoạn trừ cho đến năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém, tu tín, tinh tấn, niệm, định, tuệ căn. Đó là nếu muốn biệt tri lão tử nên tu Năm căn.

"Nếu muốn đoạn trừ lão tử nên tu Năm lực. Thế nào gọi là nếu muốn đoạn trừ lão tử nên tu Năm lực? Nếu khi Như Lai xuất thế, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, hiệu là Phật, Chúng Hựu; vị ấy đoạn trừ cho đến năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém, tu tín lực, tinh tấn, niệm, định, tuệ lực. Như vậy, số đoạn, giải thoát, quá độ, bạt tuyệt, diệt, chỉ, tổng tri và biệt tri.

"Nếu muốn biệt tri lão tử nên tu Năm lực. Thế nào gọi là nếu muốn biệt tri lão tử nên tu Năm lực? Nếu khi Như Lai xuất thế, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, hiệu là Phật, Chúng Hựu; vị ấy đoạn trừ cho đến năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém; tu tín, tinh tấn, niệm, định, tuệ lực. Đó là nếu muốn biệt tri lão tử nên tu Năm lực.

"Nếu muốn đoạn trừ lão tử nên tu Bảy giác chi. Thế nào gọi là nếu muốn đoạn trừ lão tử nên tu Bảy giác chi? Nếu khi Như Lai xuất thế, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, hiệu là Phật, Chúng Hựu; vị ấy đoạn trừ cho đến năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém, tu niệm giác chi, y trên viễn ly, y trên vô dục, y trên diệt tận, thú hướng phi phẩm. Đó là nếu muốn đoạn trừ lão tử, nên tu Bảy giác chi. Như vậy, số đoạn, giải thoát, quá độ, bạt tuyệt, diệt, chỉ, tổng tri và biệt tri.

"Nếu muốn biệt tri lão tử nên tu Bảy giác chi. Thế nào gọi là nếu muốn biệt tri lão tử nên tu Bảy giác chi? Nếu khi Như Lai xuất thế, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, hiệu là Phật, Chúng Hựu; vị ấy đoạn trừ cho đến năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém, tu niệm giác chi, y trên viễn ly, y trên vô dục, y trên diệt tận, thú hướng phi phẩm. Cũng vậy, tu pháp, tinh tấn, hỷ, khinh an, định. Tu xả giác chi, y trên viễn ly, y trên diệt tận, y trên vô dục, thú hướng phi phẩm. Đó là nếu muốn biệt tri lão tử nên tu Bảy giác chi.

"Nếu muốn đoạn trừ lão tử nên tu Thánh đạo tám chi. Thế nào gọi là nếu muốn đoạn trừ lão tử nên tu Thánh đạo tám chi? Nếu khi Như Lai xuất thế, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, hiệu là Phật, Chúng Hựu; vị ấy đoạn trừ cho đến năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém; tu chánh kiến, cho đến chánh định. Đó là nếu muốn đoạn trừ lão tử nên tu Thánh đạo tám chi. Như vậy, số đoạn, giải thoát, quá độ, bạt tuyệt, diệt, chỉ, tổng tri và biệt tri.

"Nếu muốn biệt tri lão tử nên tu Thánh đạo tám chi. Thế nào gọi là nếu muốn biệt tri lão tử nên tu Thánh đạo tám chi? Nếu khi Như Lai xuất thế, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, hiệu là Phật, Chúng Hựu; vị ấy đoạn trừ cho đến năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém; tu chánh kiến cho đến chánh định. Đó là nếu muốn biệt tri lão tử nên tu Thánh đạo tám chi.

"Nếu muốn đoạn trừ lão tử nên tu Mười biến xứ. Thế nào gọi là nếu muốn đoạn trừ lão tử nên tu Mười biến xứ? Nếu khi Như Lai xuất thế, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, hiệu là Phật, Chúng Hựu; vị ấy đoạn trừ cho đến năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém; tu thứ nhất, địa biến xứ, bốn duy, trên dưới là không hai, là vô lượng. Tu thủy biến xứ, hỏa biến xứ, phong biến xứ, thanh biến xứ, hoàng biến xứ, xích biến xứ, bạch biến xứ, vô lượng không xứ biến xứ, tu thứ mười là vô lượng thức xứ biến xứ, bốn duy trên dưới, là không hai, là vô lượng. Như vậy, số đoạn, giải thoát, quá độ, bạt tuyệt, diệt, chỉ, tổng tri và biệt tri.

"Nếu muốn biệt tri lão tử nên tu Mười biến xứ. Thế nào gọi là nếu muốn biệt tri lão tử nên tu Mười biến xứ? Nếu khi Như Lai xuất thế, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác,

Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, hiệu là Phật, Chúng Hựu; vị ấy đoạn trừ cho đến năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém; tu thứ nhất, địa biến xứ, bốn duy, trên dưới là không hai, là vô lượng. Cũng vậy, tu thủy biến xứ, hỏa biến xứ, phong biến xứ, thanh biến xứ, hoàng biến xứ, xích biến xứ, bạch biến xứ, vô lượng không xứ biến xứ, tu thứ mười là vô lượng thức xứ biến xứ, bốn duy, trên dưới, là không hai, là vô lượng. Đó là nếu muốn biệt tri vô minh nên tu Mười biến xứ.

"Nếu muốn đoạn trừ lão tử nên tu Mười pháp vô học. Thế nào gọi là nếu muốn đoạn trừ lão tử nên tu Mười pháp vô học? Nếu khi Như Lai xuất thế, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, hiệu là Phật, Chúng Hựu; vị ấy đoạn trừ cho đến năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém, tu vô học chánh kiến cho đến tu vô học chánh trí. Đó là nếu muốn đoạn trừ lão tử nên tu Mười pháp vô học. Như vậy, số đoạn, giải thoát, quá độ, bạt tuyệt, diệt, chỉ, tổng tri và biệt tri.

"Nếu muốn biệt tri lão tử nên tu Mười pháp vô học. Thế nào gọi là nếu muốn biệt tri lão tử nên tu Mười pháp vô học? Nếu khi Như Lai xuất thế, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, hiệu là Phật, Chúng Hựu; vị ấy đoạn trừ cho đến năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém; tu vô học chánh kiến cho đến tu vô học chánh trí. Đó là nếu muốn biệt tri lão tử nên tu Mười pháp vô học."

Phật thuyết như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

❑

SỐ 27

PHẬT NÓI KINH THẤT TRI

Hán dịch: Đời Ngô, nước Nguyệt chi, Cư sĩ Chi Khiêm.

Nghe như vầy:

Đức Phật du hóa tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc thuộc nước Xá-vệ. Đức Phật bảo các Tỳ-kheo, hãy nghe những lời giáo huấn từ Đức Phật:

–Có bảy pháp nêu dạy cho đệ tử, khiến đời này được an ổn vui vẻ, đa hạnh, tinh tấn quán pháp làm cho sự tu tập đạt được cứu cánh. Những gì là bảy pháp?

1. Tri pháp.
2. Tri nghĩa.
3. Tri thời.
4. Tri tiết.
5. Tự tri.
6. Tri chúng.
7. Tri nhân.

Này các Tỳ-kheo, sao gọi là Tri pháp? Đó là có thể hiểu mười hai bộ kinh:

1. Văn.
2. Ca.
3. Thuyết.
4. Tụng.
5. Thí dụ.
6. Bổn khởi ký.
7. Sự giải.

8. Sanh truyện.
9. Quảng bác.
10. Tự nhiên.
11. Hành.
12. Chương cú.

Đó là Tri pháp. Không hiểu mười hai bộ kinh là không Tri pháp.

Sao gọi là Tri nghĩa? Tất cả những điều nói trong kinh pháp đều phải hiểu rõ ý nghĩa, đó là Tri nghĩa. Tất cả những điều nói ra đều không hiểu ý nghĩa, đó là không Tri nghĩa.

Sao gọi là Tri thời? Biết lúc này có thể dùng tưởng tịch diệt, lúc này không dùng tưởng Thọ hành, lúc này có thể dùng tưởng Thận hộ, đó là Tri thời. Không hiểu thời thích hợp để hành động, đó là không Tri thời.

Sao gọi là Tri tiết? Có thể ăn uống ít, việc bài tiết tiện lợi, được tiêu hóa, có thể điều tiết sự ra vào, ngồi, đứng, đi, nằm, thức, nói, im phải kiềm chế, soi xét. Đó là Tri tiết. Không tự kiềm chế soi xét là không Tri tiết.

Sao gọi là Tự tri? Tự biết thân mình, ý mình, biết mức độ nhiều ít về Trí, về Giới, về Văn, về Thí, về Tuệ, về Giải, chỗ đạt được, chỗ đã thâm nhập hoặc sâu, cạn, dày, mỏng, mọi việc đều phải tự biết. Đó là Tự tri. Không biết ý mình về mức độ thâm nhập nhiều ít, đó là không Tự tri.

Sao gọi là Tri chúng? Có thể biết chúng kia là chúng quân tử, hay chúng Lý gia, hay chúng Phạm chí, hay chúng Sa-môn, nếu có lúc đến chỗ các chúng ấy, nên ngồi hay nên đứng, nên nói hay nên im, phải biết tùy thời tùy nghi. Đó là Tri chúng. Không biết tùy thời, tùy nghi đối với các chúng kia là không Tri chúng.

Sao gọi là Tri nhân? Như có hai người, một người tin đạo, một người không tin đạo. Người tin đạo thì đáng khen ngợi, còn người không có lòng tin thì không đáng khen ngợi. Người tin đạo cũng có hai hạng: một người thì đến đạo tràng, quý mến Sa-môn, một người thì không thường đến đạo tràng, trí biết sơ lược về Sa-môn. Người thường đến thì đáng khen ngợi, người không thường đến thì không đáng khen ngợi. Người thường đến đạo tràng có hai loại: một người thì ái kính Sa-môn, một người thì không ái kính Sa-môn. Người ái

kính thì đáng khen ngợi, người không ái kính thì không đáng khen ngợi. Người ái kính cũng có hai loại: một người thì gần gũi để học tập với Sa-môn, một người thì không thân cận để học tập với Sa-môn. Người thân cận học tập thì đáng khen ngợi, người không thân cận học tập thì không đáng khen ngợi. Người gần gũi học tập cũng có hai loại: một người thì thích hỏi kinh pháp, một người thì không thích hỏi kinh pháp. Người thích hỏi thì đáng khen ngợi, người không thích hỏi thì không đáng khen ngợi. Người thích hỏi cũng có hai loại: một người thì lắng nghe, một người thì không lắng nghe. Người lắng nghe thì đáng khen ngợi, người không lắng nghe thì không đáng khen ngợi. Người lắng nghe cũng có hai loại: một người nghe pháp rồi thọ trì, một người nghe pháp rồi mà không thọ trì. Người nghe pháp rồi thọ trì thì đáng khen ngợi, người không thọ trì thì không đáng khen ngợi. Người thọ trì cũng có hai loại: một người nghe rồi suy tư về nghĩa lý, một người nghe rồi không suy tư về nghĩa lý. Người nghe mà suy tư về nghĩa lý thì đáng khen ngợi, người nghe mà không suy tư về nghĩa lý thì không đáng khen ngợi. Người nghe pháp mà suy tư về nghĩa lý có hai loại: một người thuận theo kinh để hiểu nghĩa, thọ pháp, thuận theo pháp mà an lập, một người thì không thuận theo kinh để hiểu nghĩa, không thọ pháp, không thuận theo pháp mà an lập. Người thuận theo kinh để hiểu nghĩa thì đáng khen ngợi, người không thuận theo kinh để hiểu nghĩa thì không đáng khen ngợi. Người thuận theo kinh hiểu nghĩa có hai loại: một người chỉ tự tạo an lạc cho mình mà không đem lại an lạc cho người khác, không tạo an lạc cho nhiều người, không thương tưởng thế gian, không đem lại lợi ích cho thiên hạ; một người thì có thể tự làm an lạc cho mình, cũng làm an lạc cho người khác, tạo an lạc cho mọi người trong thiên hạ, thương xót thế gian, lợi lạc an ổn cho người, trời.

Này các Tỳ-kheo, nên phân biệt và biết: người tự an lạc cho chính mình, có thể làm an lạc cho người khác, an lạc cho nhiều người trong thiên hạ, thương xót thế gian, lợi lạc an ổn cho thiên hạ, đó là người tối thượng, tối trưởng, tối tôn, rất tôn quý. Thí như từ sữa bò mà thành lạc, từ lạc làm thành tô, từ tô làm thành đề hồ. Đề hồ là tối thượng. Người như vậy là người ở giữa người, là bậc có hành động trên hết, có hành động tôn quý, có hành động hết sức tôn quý, là bậc

tối thắng, là bậc có bổn nguyện tối vô thượng vậy.

Này các Tỳ-kheo, có thể thấy hai loại người ấy thì người sau là bậc có trí tuệ cao vời; có thể phân biệt thấy người này là thiện, người này là vượt hơn. Đó là biết người.

Đức Phật nói như vậy xong, các Tỳ-kheo đều hoan hỷ, tin tưởng vâng làm.

❑

SỐ 28

PHẬT NÓI KINH VIÊN SANH THỌ

Hán dịch: Đời Tống, Đại sư Thi Hộ.

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ cùng đông đủ chúng Bí-sô. Bấy giờ Đức Phật bảo các Bí-sô:

–Các vị nên biết, trong cõi Tam thập tam thiên có một cây đại thọ tên là Viên sanh. Cây này rễ lan rộng đến năm do-tuần, cao đến một trăm do-tuần, cành lá bao phủ năm mươi do-tuần. Chúng Thiên tử ở đó đúng thời đến bên gốc cây để thưởng ngoạn, lá cây Viên sanh úa vàng, lúc ấy các Thiên tử thấy vậy liền sanh vui mừng hớn hở. Sau đó không bao lâu, lá cây Viên sanh sẽ rụng. Các chúng Thiên tử đúng thời đến quanh bên gốc cây để thưởng ngoạn, càng thêm vui thích thú. Lại nữa, chẳng bao lâu thì lá cây sẽ mọc lại, che phủ phía trên để trang điểm cho cây, các chúng Thiên tử đúng thời đi dạo quanh gốc cây để thưởng ngoạn, càng tăng thêm vui thú. Thêm nữa, chẳng bao lâu thì cây kết ra mạng lưới, các chúng Thiên tử đúng thời đến bên gốc cây để thưởng ngoạn, thấy việc như vậy càng tăng thêm vui mừng. Chẳng bao lâu thì cây nở nụ như mỏ chim, các chúng Thiên tử đúng thời đi thưởng ngoạn, lại càng tăng thêm vui thích. Rồi chẳng bao lâu thì cây nở hoa như cái bát, các chúng Thiên tử đúng thời đến quanh gốc cây để thưởng ngoạn, lại càng tăng thêm vui thích bội phần. Lại nữa, chẳng bao lâu thì cây nở hoa tròn trịa; hoa này thanh tịnh, thật đẹp, hương thơm khác thường. Gió nhè nhẹ thổi vào hoa làm hương thơm tỏa ngát cả năm mươi do-tuần.

Khi có gió lớn thổi thì hương thơm tỏa ngát cả trăm do-tuần. Hoa này lại có ánh sáng thù diệu chiếu đến tám mươi do-tuần. Cây ấy khi đã nở hoa, chúng Thiên tử thấy cây nở hoa rồi càng thêm vui mừng hơn trước. Vào thời gian bốn tháng mùa hạ, họ ở quanh bên gốc cây để hưởng thụ sự vui sướng.

Đức Phật bảo các Bí-sô:

–Các vị nên biết, cây Viên sanh ấy có những việc như vậy: hoa đẹp, hương thơm khác thường, ai cũng ưa thích. Các vị, chúng Thanh văn cũng lại như vậy. Nếu lúc cây mới có lá vàng úa thì liền biết vị Thanh văn mới phát tín tâm xuất gia theo đạo. Lại nữa, lúc lá của cây ấy bắt đầu rụng thì như vị Thanh văn cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa thành tướng Thanh văn. Thêm nữa, khi lá của cây ấy mọc lại thì như vị Thanh văn nhàm chán các dục, bỏ pháp bất thiện, xa lìa các thứ tư duy phân biệt, đạt được Sơ thiền, được định Ly sanh hỷ lạc.

Lại nữa, khi cây ấy kết sanh mạng lưới thì như vị Thanh văn tướng bên ngoài thì vắng lặng, tâm bên trong thì an trụ tịch tĩnh, xa lìa các tư duy, định tâm vào một tướng, được thiền định thứ hai: định Sanh hỷ lạc.

Lại nữa, khi cây ấy nở nụ như mỏ chim thì như vị Thanh văn lìa các hỷ ái, thân được nhẹ nhàng, thư thái, diệu lạc, đạt được thiền thứ ba: định Ly hỷ diệu lạc.

Lại nữa, khi cây ấy nở hoa như cái bát thì như vị Thanh văn trừ bỏ tất cả sầu khổ, hỷ lạc, trụ tâm bình đẳng, đạt được thiền thứ tư: định Xả niệm thanh tịnh.

Lại nữa, khi cây ấy nở hoa tròn trịa vi diệu, mùi thơm khác thường, bay khắp, ai cũng yêu thích, thì như vị Thanh văn đã dứt hết các lậu, vô lậu tăng trưởng, chứng quả Vô học, không còn thọ sanh lại nữa, được nhân thiên chiêm ngưỡng, kính trọng, thọ sự cúng dường lớn. Cũng giống như lúc cây Viên sanh nở hoa vậy.

Đức Phật bảo các Bí-sô:

–Các vị nên biết, các chúng Thiên tử ở Tam thập tam thiên mỗi vị đều có sắc tướng trang nghiêm, tốt đẹp thù thắng, trang sức nhiều cách. Họ ở trong Thiện pháp đường, tập hội vây quanh để nghe Thiên chủ Đế Thích tuyên nói Diệu pháp.

Này các Bí-sô, các vị đều được quả chứng thanh tịnh viên mãn,

phạm hạnh đầy đủ, ai thấy cũng đều kính trọng, đang vây quanh Đức Thế Tôn để nghe và thọ trì diệu pháp, cũng giống Thiên chúng kia không khác.

Bấy giờ các Bí-sô nghe Đức Phật tuyên nói về cây Viên sanh xong, ai nấy trong lòng cũng hoan hỷ, phấn khởi, tín thọ phụng hành.

❑

SỐ 29

PHẬT NÓI KINH DỤ NƯỚC BIỂN

Hán dịch: Mất tên người dịch, nay phụ vào dịch phẩm đời Tây Tấn.

Nghe như vầy:

Một thời Đức Bà-già-bà ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Ta sẽ nói bảy thí dụ về nước cho các ông nghe. Hãy lắng nghe, suy tư thật kỹ. Ta sẽ nói.

Các Tỳ-kheo thưa:

–Vâng, bạch Thế Tôn.

Khi ấy các Tỳ-kheo vâng theo Đức Thế Tôn để nghe giáo pháp. Đức Thế Tôn bảo:

–Này các Tỳ-kheo, thế nào là bảy thí dụ về nước? Hoặc có người chìm dưới nước, có người thoát ra khỏi nước lại bị chìm trở lại, hoặc ra khỏi nước rồi quan sát khắp bốn phương, hoặc ra khỏi nước rồi không bị chìm trở lại, hoặc có người muốn ra khỏi nước, hoặc có người muốn đến bờ bên kia, hoặc có người đã đến bờ bên kia rồi, gọi là tịnh chí được đứng ở bờ bên kia.

Thế nào là có người bị chìm dưới nước? Đó là hoặc có người lấy pháp bất thiện trói chặt thân mình. Khi tội ác đã chín muồi, liền đọa vào địa ngục một kiếp để chịu tội, không sao cứu vãn được. Đó gọi là hạng người thứ nhất thường chìm dưới nước.

Sao gọi là có người ra khỏi nước rồi bị chìm vào nước trở lại? Đó là hoặc có người tạo ra sự chìm đắm này, mặc dù có lòng tin nơi pháp thiện, ôm lòng xấu hổ để cầu phương tiện, nhưng lại ôm lòng xấu hổ với các pháp thiện vì không làm được. Kẻ ấy đã ra khỏi nước nhưng bị

chìm trở lại. Đó gọi là hạng người thứ hai bị chìm trong nước.

Sao gọi là có người ra khỏi nước rồi quan sát khắp bốn phương? Đó là hoặc có người ra khỏi nước, kẻ ấy có tín tâm với pháp thiện, có tâm biết xấu hổ, có ý dũng mãnh đối với các pháp bất thiện đều có lòng hổ thẹn. Kẻ ấy ra khỏi nước rồi không còn chìm trở lại nữa. Này chư Hiền, đó là dụ cho hạng người thứ ba ra khỏi nước.

Sao gọi là có người ra khỏi nước rồi đứng vững? Hoặc có người đã ra khỏi nước, kẻ ấy có tín tâm với pháp thiện, có tâm hổ thẹn, có lòng tinh tấn, đối với các pháp thiện đều ôm lòng hổ thẹn vì thực hiện chưa đầy đủ. Kẻ ấy đối với ba kết sử đã chấm dứt, thành Tu-đà-hoàn, không còn thoái chuyển, phải sanh trở lại nhân gian rồi đắc đạo. Đó là dụ cho hạng người thứ tư ra khỏi nước rồi đứng vững.

Sao gọi là có người ra khỏi nước rồi muốn đến bờ bên kia? Đó là có người đã ra khỏi nước rồi, kẻ ấy có tín tâm với pháp thiện, có tâm biết hổ thẹn, có ý dõng mãnh, đối với các pháp thiện đều ôm lòng hổ thẹn vì thực hiện chưa đầy đủ. Kẻ ấy đã đoạn trừ ba kết sử: tham dục, sân hận, ngu si, đã thành tựu quả vị Tư-đà-hàm, sanh trở lại nhân gian rồi mới chấm dứt nguồn gốc của khổ. Đó là dụ cho hạng người thứ năm đã ra khỏi nước rồi muốn đến bờ bên kia.

Sao gọi là có người đã đến bờ bên kia? Đó là hoặc có người đã ra khỏi nước, kẻ ấy có tín tâm với pháp thiện, đối với các pháp thiện đều ôm lòng hổ thẹn vì thực hiện chưa đầy đủ. Kẻ ấy đã đoạn trừ năm hạ phần kết sử, thành bậc A-na-hàm, ở nơi đó chứng đắc Niết-bàn, không còn trở lại nhân gian nữa. Đó là dụ cho hạng người thứ sáu đã ra khỏi nước, đã đến bờ bên kia.

Sao gọi là có người đã đến bờ bên kia, là Tịnh chí được đứng ở bờ bên kia? Đó là hoặc có người đã ra khỏi nước rồi đứng trên bờ, kẻ ấy có tín tâm với pháp thiện, có tâm hổ thẹn, có ý dõng mãnh, đối với các pháp thiện đều ôm lòng hổ thẹn vì thực hiện chưa đầy đủ. Hoặc có người đã đoạn trừ hết hữu lậu, thành vô lậu, niệm giải thoát, trí tuệ giải thoát, đối với pháp hiện tại mau thông đạt, chứng đắc, tự mình vui thích vì đã đoạn trừ tận nguồn gốc sanh tử, phạm hạnh đã lập, việc cần làm đã làm xong, không còn vào thai mẹ nữa. Đó là dụ cho hạng người thứ bảy đã ra khỏi nước, đã đứng ở bờ bên kia.

Như vậy, này các Tỳ-kheo, đó là bảy hạng người, Ta nay đã nói

cho các vị về ví dụ bảy hạng người ở dưới nước. Những pháp mà Thế Tôn thuyết cho các vị Thanh văn đều giảng nói với lòng đại bi, nhằm khiến cho được an ổn, đều khiến cho họ được độ thoát. Đây chính là ngồi bên cội, nơi vắng vẻ ở chỗ đất trống, các vị hãy tọa thiền, chớ có lười biếng. Nếu bấy giờ không chịu siêng năng, về sau sẽ hối hận. Đó là lời giáo huấn của Ta.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

❑

SỐ 30

PHẬT NÓI KINH TÁT-BÁT-ĐA-TÔ-LY-DU-NẠI-DÀ

Hán dịch: Đời Triệu Tống, Đại sư Pháp Hiền.

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở tại tinh xá Lâu các, giếng Viên hầu thuộc nước Tỳ-xá-lê. Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Bí-sô:

–Các vị nay hãy lắng nghe cho kỹ: "Các hành là vô thường, là pháp sanh diệt, không chắc, không thật, không rốt ráo, không nên nhận lãnh, không thể ưa thích". Các vị nên biết, phải siêng năng tinh tấn để cầu giải thoát. Này Bí-sô, thời gian không thể dừng lâu, luôn thay đổi trong từng niệm.

Từ đây về sau, lúc kiếp sắp hết, trời không có mưa, nhân gian bị hạn hán; toàn cả đại địa, với tất cả cây cối, rừng rậm, trăm thứ lúa mạ, hoa quả đều bị khô héo, đều không thành tựu.

Này Bí-sô, hãy nên biết rằng: "Các hành là vô thường, là pháp sanh diệt, không chắc, không thật, không rốt ráo, không nên nhận lãnh, không thể ưa thích". Các vị hãy dốc sức tinh tấn để cầu giải thoát.

Này Bí-sô, lúc kiếp sắp hoại có hai mặt trời xuất hiện thiêu đốt thế gian, sức nóng càng ngày càng tăng, toàn cõi đại địa với các thứ cây cối, rừng rậm, rễ, cành, nhánh, lá, tất cả đều bị hủy hoại chẳng còn gì cả. Này Bí-sô, sự vô thường như vậy, không thể tồn tại lâu dài được. Hiện tại các vị phải dốc sức tinh tấn để cầu giải thoát.

Lại nữa, này các Bí-sô, lúc kiếp sắp hoại có ba mặt trời xuất hiện thiêu đốt thế gian, sức nóng dữ dội hơn trước, toàn cõi đại địa,

các sông ngòi lớn nhỏ, tất cả khe suối đều bị khô cạn không còn chút nước. Bí-sô nên biết, sự vô thường là như vậy, ai mà thoát được? Cho nên nay Ta ân cần khuyên bảo, các vị hãy mau cầu giải thoát.

Này Bí-sô, lúc kiếp sắp hoại, có bốn mặt trời xuất hiện thiêu đốt thế gian, sức nóng dữ dội hơn trước, toàn cõi đại địa không có ao nước nào là không bị nung nóng. Bốn dòng sông lớn: sông Hằng, sông Tín độ, sông Tế-đa, sông Pha-sô, tất cả đều bị khô cạn, không còn chút nước. Các Bí-sô nên biết, vô thường là như vậy, ai mà thoát khỏi? Các vị hãy tự tư duy, không còn tâm kiêu mạn, biếng nhác, để sớm cầu giải thoát.

Này Bí-sô, lúc kiếp sắp hoại, có năm mặt trời xuất hiện thiêu đốt thế gian, sức nóng dữ dội hơn trước. Nước của biển lớn trong đại địa dần dần rút xuống một trăm do-tuần, hai trăm do-tuần, ba trăm do-tuần, đến một ngàn do-tuần. Khi mặt trời đã thiêu đốt dữ dội thì cả bầu trời gieo rắc toàn sự tàn hại. Lại nữa, nước biển giảm xuống hai ngàn do-tuần, ba ngàn do-tuần, cho đến bảy ngàn do-tuần, đã giảm như vậy rồi, các nguồn nước ở nơi biển khác cũng chỉ còn bảy ngàn do-tuần.

Này Bí-sô, như vậy nước biển từ bảy ngàn do-tuần dần dần lại giảm xuống còn sáu ngàn do-tuần, năm ngàn do-tuần, bốn ngàn do-tuần, cho đến còn có bảy trăm do-tuần.

Này Bí-sô, như vậy nước biển từ bảy trăm do-tuần dần dần lại giảm xuống đến sáu trăm do-tuần, năm trăm do-tuần, bốn trăm do-tuần, cho đến chỉ còn có bảy do-tuần.

Này Bí-sô, như vậy nước biển từ bảy do-tuần dần dần lại giảm xuống đến sáu do-tuần, năm do-tuần, bốn do-tuần, cho đến chỉ còn có bảy câu-lô-xá.

Này các Bí-sô, như vậy nước biển từ bảy câu-lô-xá dần dần lại giảm xuống đến sáu câu-lô-xá, năm câu-lô-xá, bốn câu-lô-xá, cho đến chỉ còn có bảy cây đa-la.

Này các Bí-sô, như vậy nước biển từ bảy cây đa-la dần dần lại giảm xuống đến sáu cây đa-la, năm cây đa-la, bốn cây đa-la, cho đến chỉ bằng bảy người đứng.

Này các Bí-sô, như vậy nước biển từ bảy người đứng dần dần lại giảm xuống sáu người đứng, năm người đứng, bốn người đứng, cho

đến chỉ còn một người đứng, rồi đến cổ người, đến hông người, đến rốn người, đến eo người, đến đầu gối, đến mắt cá người, cho đến chỉ còn một ngón chân, tức thì đại địa khô cháy. Bấy giờ thế gian chỉ có đại địa, núi sông, ngoài ra thì chẳng còn gì nữa cả.

Đức Phật dạy:

–Này Bí-sô, các hành là vô thường, sanh diệt, không đứng yên, không thật, không bền chắc. Các vị đối với chúng nên sớm cầu giải thoát.

Này Bí-sô lúc kiếp sắp hoại có sáu mặt trời xuất hiện, cả đại địa bị đốt cháy, núi đá tiêu chảy, núi chúa Tu-di bốc khói như khi nung gạch ngói có khói đen bốc lên cũng lại như vậy. Bấy giờ thế gian không thể nào quán sát được. Này Bí-sô, vô thường sanh diệt, không tồn tại như vậy. Các vị nên dốc sức tinh tấn, bỏ tâm tham ái, mau cầu giải thoát.

Này Bí-sô, lúc kiếp sắp hoại có bảy mặt trời xuất hiện, sức nóng dữ dội, bỗng nhiên lửa cháy bừng bừng như đốt mười đống củi, trăm, ngàn, vạn đống củi, cho đến tiểu thiên thế giới và sáu cõi trời trong Dục giới đều thành một đám lửa, thiêu đốt Dục giới rồi đến cõi Sơ thiền của trời Phạm thế, ngọn lửa cũng tự bốc cháy thiêu đốt toàn bộ những gì hiện có nơi các cung điện cao một trăm do-tuần, hoặc hai trăm do-tuần, ba trăm do-tuần, cho đến bảy ngàn do-tuần. Cung điện như vậy đều thành một đám lửa, cho đến cõi Nhị thiền. Các Phạm chúng mới sanh lên cõi này trông thấy ngọn lửa bừng bừng ở phía dưới, trong lòng hết sức kinh sợ, tìm cách tránh hỏa nạn. Khi ấy những vị trời sanh trước ở cõi Nhị thiền bảo:

–Các ông đã được duyên lành từ đời trước nên sanh đến cung điện của ta, hãy tự an tâm, chớ khiếp sợ. Lửa cháy ở cõi dưới đây không bao lâu nữa sẽ tự tắt.

Nói như vậy xong, bỗng có gió lớn nổi lên thổi tắt khói lửa, không còn tro than gì cả. Thí như có người ở trong hư không lấy dầu bơ đốt thành một ngọn đuốc, đuốc cháy hết rồi không còn khói đen và tro gì cả. Sau khi ngọn lửa diệt rồi cũng lại như vậy.

Đức Phật dạy:

–Này Bí-sô, pháp hữu vi thì sanh diệt, không trụ, là pháp điên đảo, không bền, không thật, không rốt ráo, không thể an vui. Hãy xa

lìa tham ái, sớm cầu giải thoát. Nếu không tham ái thì nhân duyên gì mà đại địa, chư Thiên bị hủy hoại không tồn tại?

Lại nữa, này Bí-sô, như kiếp quá khứ có Đức Phật ra đời hiệu là Diệu Nhãn Như Lai, có vô lượng vô biên chúng Thanh văn và các Phạm thiên, chúng ngoại đạo ly dục có thần thông. Đức Diệu Nhãn Như Lai vì các Thanh văn nói pháp phạm hạnh thanh tịnh, ý nghĩa rốt ráo sâu xa. Lúc ấy, các Bí-sô được tất cả giới pháp viên mãn, tùy ý tu hành, hoặc thực hành pháp quán Tứ vô lượng, đoạn trừ dục nhiễm ô uế, sanh lên cõi Phạm thiên. Hoặc có người thích sanh lên cõi trời Tha hóa tự tại, hoặc thích sanh lên cõi trời Hóa lạc, thích sanh lên cõi trời Đâu-suất, thích sanh lên cõi trời Dạ-ma, thích sanh lên cõi trời Đao-lợi, thích sanh vào cõi trời Tứ thiên vương, thích sanh vào nhà Sát-đế-lợi, thích sanh vào nhà Bà-la-môn, thích sanh vào nhà Trưởng giả, Cư sĩ.

Bấy giờ Đức Như Lai Diệu Nhãn suy nghĩ: "Nay Ta hãy khiến cho các chúng Thanh văn đồng hạnh nguyện, đồng thọ sanh, đồng một oai lực, nhập vào cõi thiền định thứ hai của Đức Từ Thị". Nghĩ như vậy xong liền nhập vào cõi thiền định thứ hai của Đức Từ Thị. Khi ấy có vô lượng trăm ngàn Thanh văn, ngoại đạo... đều tu định đó và đều được sanh lên trên cõi Phạm thiên.

Đức Phật nói:

–Này Bí-sô, Đức Như Lai Diệu Nhãn thời ấy thật ra chẳng phải Đức Phật nào khác mà chính là thân Ta. Các chúng sanh ấy tuy sanh ở Nhị thiền, thoát khỏi tai nạn lửa cháy ở cõi dưới, nhưng chưa lìa chủng tử tham, sân, si cho nên không thể giải thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết.

Này Bí-sô, Như Lai là Bậc Ứng Chánh Đẳng Giác, là thầy của trời, người, đã xa lìa tham, sân, si... tất cả phiền não, đã giải thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết, ưu bi khổ não; lại vì chúng Phạm thiên, Thanh văn... tùy theo căn cơ mà thuyết giảng pháp hạnh thanh tịnh. Mọi người nghe xong hoặc có người đoạn hẳn sự phân biệt và dục câu sanh, chứng quả A-na-hàm. Hoặc có người dứt trừ hẳn sự phân biệt và sáu phẩm câu sanh, chứng quả Tư-đà-hàm. Hoặc có người tuy đoạn tận sự phân biệt nhưng chưa đoạn câu sanh, chứng quả Tu-đà-hoàn, thọ quả báo nơi cõi nhân thiên, trải qua bảy lần sanh trở lại nữa mới

thành A-la-hán.

Đức Phật dạy:

–Này Bí-sô, xuất gia như vậy, phạm hạnh như vậy, quả chứng như vậy, lìa khỏi biên vực của khổ đau đạt được giải thoát. Nay, các vị nên quyết chí lìa bỏ tham ái, mong cầu con đường giác ngộ.

Bấy giờ Đức Thế Tôn thuyết giảng pháp này xong, các Bí-sô nghe Đức Phật thuyết, trong lòng hết sức hoan hỷ, tín thọ, phụng hành.

❑

SỐ 31

PHẬT NÓI KINH NHẤT THIẾT LƯU NHIẾP THỦ NHÂN

Hán dịch: Đời Hậu Hán, Sa-môn An Thế Cao.

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật tại pháp nghị Tư duy, Lưu quốc tụ hội thuộc nước Câu-lưu. Bấy giờ Phật gọi các Tỳ-kheo. Các Tỳ-kheo thưa:

–Xin vâng.

Các Tỳ-kheo liền theo Đức Phật để nghe dạy. Đức Phật dạy:

–Người có trí, có kiến, này Tỳ-kheo, nên các lậu được tận diệt, chứ không phải người không có trí, không có kiến mà các lậu tận diệt được.

Này Tỳ-kheo, sao gọi là người có trí, có kiến mới khiến các lậu được tận diệt, chứ người không trí, không kiến thì các lậu không thể tận diệt được? Đó là do có chánh tư duy (*bổn quán*) hay không chánh tư duy (*phi bổn quán*) mà thôi. Nếu không chánh tư duy thì dục lậu chưa sanh sẽ phát sanh, dục lậu đã sanh liền tăng trưởng; hữu lậu (*hữu lưu*) và vô minh lậu chưa sanh liền sanh, hữu lậu và vô minh lậu đã sanh liền tăng trưởng. Những người ngu si, này Tỳ-kheo, là kẻ thế gian không nghe chánh pháp, không thấy bậc trí tuệ, cũng không theo bậc trí tuệ để nghe chánh pháp, cũng không theo bậc trí tuệ để được chỉ dạy, cũng không theo bậc trí tuệ để được phân biệt hiểu rõ. Do đó mới không có chánh tư duy (*phi bổn niệm*) nên khiến cho dục lậu chưa sanh liền sanh, dục lậu đã sanh liền tăng trưởng; hữu lậu và vô minh lậu chưa sanh liền sanh, đã sanh liền tăng trưởng. Do không biết, không hiểu cho nên pháp không đáng ghi nhớ thì lại ghi nhớ, còn pháp

nên ghi nhớ thì lại không ghi nhớ. Do vì pháp đáng ghi nhớ mà không ghi nhớ, pháp không đáng ghi nhớ mà lại ghi nhớ, nên ái lậu chưa sanh liền sanh, ái lậu đã sanh liền tăng trưởng; hữu lậu, vô minh lậu chưa sanh liền sanh; hữu lậu, vô minh lậu đã sanh liền tăng trưởng. Người nghe là đệ tử của bậc Tỳ-kheo đạo đức, nhờ gặp được bậc trí tuệ, theo bậc trí tuệ để thọ giáo, cũng theo bậc trí tuệ để phân biệt hiểu rõ, liền biết pháp như thật. Kẻ không có chánh tư duy (*phi bổn niệm*) thì ái lưu (*dục lậu*) chưa sanh liền sanh, ái lưu đã sanh liền tăng trưởng, dục lậu chưa sanh, vô minh lậu liền sanh; dục lậu đã sanh, vô minh lậu liền tăng trưởng. Người có chánh tư duy (*bổn niệm*) thì dục lậu chưa sanh liền không sanh, dục lậu đã sanh liền xả bỏ, dục lậu chưa sanh, vô minh lậu cũng không sanh, đã sanh liền xả bỏ. Nếu biết như thật như vậy thì không ghi nhớ đối với pháp không nên ghi nhớ, ghi nhớ đối với pháp nên ghi nhớ. Nhờ không ghi nhớ đối với pháp không nên ghi nhớ, ghi nhớ đối với pháp nên ghi nhớ thì ghi nhớ nên khiến cho dục lậu chưa sanh liền không sanh, đã sanh liền xả bỏ; hữu lậu, vô minh lậu chưa sanh liền không sanh, đã sanh liền xả bỏ.

Này Tỳ-kheo, có bảy pháp đoạn trừ lậu, phiền não nóng bức và ưu sầu. Những gì là bảy? Này Tỳ-kheo, hữu lậu được đoạn do kiến, hữu lậu được đoạn do thủ, hữu lậu được đoạn do xa lánh, hữu lậu được đoạn do dụng *(xúc)*, hữu lậu được đoạn do nhẫn, hữu lậu được đoạn do hiểu, hữu lậu được đoạn do nhớ nghĩ *(hành tăng)*.

Này Tỳ-kheo, thế nào là hữu lậu được đoạn do kiến? Hãy lắng nghe, này Tỳ-kheo, kẻ thế gian ngu si không nghe chánh pháp, không gặp bậc Hiền giả, cũng không theo Hiền giả để được khai mở, cũng không theo bậc Hiền giả để được chỉ dạy khai mở, do đó đối với pháp không tự nhớ nghĩ: "Ta có đời trước chăng? Ta không có đời trước chăng? Đời trước ta làm những gì? Đời trước ta như thế nào? Ta sẽ có đời vị lai chăng? Ta sẽ không có đời vị lai chăng? Đời vị lai ta sẽ như thế nào? Đời vị lai ta sẽ làm gì? Tự nghi thân ta là gì? Con người từ đâu mà đến, rồi sẽ đi về đâu? Cốt lõi của vấn đề này là thế nào?". Kẻ ấy do không tự nhớ nghĩ như vậy nên sáu tà kiến phát sanh, theo đó một tà kiến khởi lên cho rằng: "Quả thật có thân (*ngã*) này", "Quả thật không có thân này". Đó là nghi sanh, sanh ra tự chấp vào thân (*ngã*), và thân kiến. Như vậy nghi sanh, sanh ra tự chấp: "Thân là ngã

của ta", hoặc sanh nghi: "Thân sanh tương kiến thân", hoặc sanh nghi: "Cái không phải thân thấy là thân", hoặc sanh nghi chấp: "Đó chính là thân của ngã, nó có thể biết, có thể nói, có thể hành động, có thể cảm thọ, có thể nâng lên, có thể đứng dậy, nơi nơi, chốn chốn đã tạo tác, hành động thiện ác và thọ tội, nó chấm dứt không sanh hay sanh thì cũng vậy".

Này Tỳ-kheo, đó là kết sử làm trói buộc trong nghi, khiến có nghi ngờ; niệm nghi ác, không chánh kiến làm cho dao động, đã nghi lại buộc ràng; đắm chấp thêm nghi. Này Tỳ-kheo, người thế gian không nghe chánh pháp, do đó Khổ, Tập hiện hữu, do đó có sự sanh. Bậc Tỳ-kheo đa văn dạy đệ tử: "Đây là khổ phải nên biết, đây là nguyên nhân của khổ phải nên biết, đây là sự diệt khổ phải nên biết, đây là con đường tu tập để diệt trừ khổ, phải nên biết". Biết như vậy, thấy như vậy, ba kết được tận trừ:

1. Thân kết.
2. Nghi kết.
3. Hạnh nguyện kết.

Do vì ba kết đã tận trừ liền theo đạo được chuyên nhất, không còn đọa vào cõi ác nữa, liền được thoát khỏi thế gian, ở nhân gian hay thiên thượng không quá bảy lần thọ sanh nữa. Sau bảy lần thọ sanh liền hết khổ. Nếu Tỳ-kheo không biết, không thấy liền sanh dục lậu, phiền não ưu sầu. Nếu có tri kiến thì đoạn trừ dục lậu, phiền não ưu sầu, khiến không còn hiện hữu nữa. Đó là Tỳ-kheo nhờ Kiến mà đoạn trừ hữu lậu.

Này Tỳ-kheo, sao gọi là hữu lậu đoạn được nhờ thủ? Đó là vị Tỳ-kheo nghe pháp tu tập, khi mắt thấy sắc liền nhiếp nhãn căn để tự phòng hộ, thực hành pháp quán bất tịnh, hướng niệm theo đó. Này Tỳ-kheo, nếu không phòng hộ nhãn căn, thực hành pháp quán bất tịnh, hướng niệm theo đó thì liền sanh sầu lo khổ não. Nếu thâu nhiếp nhãn căn, đình chỉ tâm, nhờ chánh tư duy quán bất tịnh thì phiền não, sầu lo sẽ không còn. Đó là Tỳ-kheo đoạn được hữu lậu nhờ thủ. Đối với tai, mũi, miệng, thân, ý cũng lại như vậy.

Này Tỳ-kheo, sao gọi là hữu lậu đoạn được nhờ xa lánh? Đó là Tỳ-kheo nghe pháp, tu tập, cần phải theo đó tự phòng hộ, tránh né voi dữ, ngựa chứng, trâu điên, chó dữ, rắn độc, đường hầm hiểm, cây độc,

khe độc, chỗ nguy hiểm, ao sâu, núi dốc, nơi bất an, sông ngòi, khe sâu, tri thức xấu ác, bạn ác, kẻ mong cầu điều ác, kẻ thọ nhận điều ác, chỗ ác, đồ nằm để chỗ ác. Này Hiền giả, những thứ đó làm cho người không nghi ngờ khiến cho nghi ngờ. Như vậy, Tỳ-kheo cần phải xa lìa những chỗ như trên đã nói, nếu không xa lìa liền sanh phiền não ưu sầu, nếu xa lìa thì phiền não ưu sầu sẽ không còn nữa. Đó gọi là Tỳ-kheo đoạn trừ hữu lậu nhờ sự xa lìa.

Sao gọi là Tỳ-kheo đoạn trừ hữu lậu nhờ dụng? Đó là Tỳ-kheo nghe pháp, tu tập, khi dùng y phục chẳng phải để khoe đẹp, không phải để vui thích, không phải để tham đắm, không phải để trang sức, mà chỉ vì khiến cho thân không bị muỗi mòng, gió, nắng, các loại độc tấn công, sanh ra loạn ý, nên cần phải tự phòng hộ. Khi ăn không vì để vui chơi, không vì tham lam, không vì để mạnh mẽ, không vì để đẹp đẽ, mà chỉ vì thân được tồn tại để tu hành. Thọ nhận cúng dường để bệnh cũ được đoạn trừ, không tái phát, bệnh mới không sanh, được hết bệnh, không tạo tội, có sức, an ổn tu hành. Khi thọ dụng đồ nằm, giường, chiếu không phải để khoe khoang, không phải để vui thích, không phải để tham đắm, không phải để trang sức, mà chỉ vì để thân này khỏi bị mệt mỏi, đau khổ dữ dội. Khi thọ dụng thuốc thang không phải để khoe khoang, không phải để vui thích, không phải để tham đắm, không phải để trang sức, mà mục đích chỉ để khiến cho thân này chấm dứt được những thống khổ kịch liệt, đau đớn, thật khó chịu, nhờ thuốc thang đó mà được cứu thoát. Nếu Tỳ-kheo không dùng nó thì liền sanh phiền não, ưu sầu, nếu dùng nó thì phiền não, ưu sầu sẽ không sanh nữa. Này Tỳ-kheo, đó gọi là đoạn trừ hữu lậu nhờ dụng.

Này Tỳ-kheo, sao gọi là hữu lậu đoạn được nhờ nhẫn? Đó là vị Tỳ-kheo nghe pháp, tu tập, phát hạnh tinh tấn để đoạn trừ pháp ác, nhận lãnh pháp thanh tịnh, nỗ lực, kiên trì theo phương tiện tinh tấn, không bỏ pháp thanh tịnh. Thà thân này da, thịt, xương khô kiệt, tan nát cho đến tủy, mỡ, đều tiêu hủy tất cả, chỉ vì để đạt được sự pháp khởi tâm tinh tấn, vì để được tâm kiên định, tâm can đảm, theo phương tiện tinh tấn, chừng nào chưa đạt được mục đích mong muốn thì không thể nửa chừng mà bỏ tinh tấn. Này Tỳ-kheo, hãy nên chịu đựng sự nóng lạnh, đói khát, muỗi mòng, gió nóng, mặt trời bức bách, nghe những lời độc ác, khó chịu của người có ý kiêu mạn cũng có thể nhẫn

chịu được. Nếu thân bị ngộ độc đau đớn, nhức nhối kịch liệt, không vừa ý, không sao chịu nổi nhưng vẫn nhẫn được. Nếu Tỳ-kheo không nhẫn nại thì sanh ra phiền não, sầu lo; nếu nhẫn chịu được thì phiền não, ưu sầu sẽ không sanh nữa. Này Tỳ-kheo, đó gọi là hữu lậu được đoạn trừ nhờ nhẫn.

Này Tỳ-kheo, sao gọi là hữu lậu đoạn được nhờ hiểu? Hãy nghe! Này các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo đã sanh dục mà không đoạn trừ, không xả ly, đã sanh sân hận mà không đoạn trừ, không xả ly, đã sanh sát sanh, dối láo, trộm cắp mà không đoạn trừ, không xả ly, này các Tỳ-kheo, nếu không hiểu (*xả ly*) thì sanh ra phiền não, ưu sầu, nếu đã hiểu mà xả ly thì phiền não ưu sầu sẽ không sanh ra nữa. Đó gọi là các Tỳ-kheo đoạn trừ hữu lậu nhờ hiểu.

Sao gọi là Tỳ-kheo đoạn trừ hữu lậu nhờ hành tăng *(tư duy)*? Hãy lắng nghe, này các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo hãy tư duy về giác chi thứ nhất là Niệm. Hãy ngồi một mình, nương vào sự xa lìa pháp ác, Phân biệt giác chi cũng như vậy, Tinh tấn giác chi cũng như vậy, Hỷ giác chi cũng như vậy, Ý giác chi cũng như vậy, Định giác chi cũng như vậy, cho đến quán sát về Khước *(xả)* giác chi cũng như vậy. Nếu các Tỳ-kheo không thực hành pháp tư duy thì liền sanh phiền não, sầu lo. Nếu có thực hành tư duy thì không sanh phiền não ưu sầu nữa. Đó gọi là các Tỳ-kheo đoạn trừ hữu lậu nhờ Hành tăng *(tư duy)*.

Này Tỳ-kheo, nếu hữu lậu nhờ kiến để được đoạn trừ thì hãy dùng kiến để đoạn. Nếu hữu lậu nhờ thủ nhiếp để được đoạn trừ thì hãy dùng thủ nhiếp để đoạn. Nếu hữu lậu nhờ xa lìa để được đoạn trừ thì hãy dùng xa lìa để đoạn. Nếu hữu lậu nhờ dụng để được đoạn trừ thì hãy dùng dụng để đoạn. Nếu hữu lậu nhờ nhẫn để được đoạn trừ thì hãy dùng nhẫn để đoạn. Nếu hữu lậu nhờ hiểu để được đoạn trừ thì hãy dùng hiểu để đoạn. Nếu hữu lậu nhờ hành tăng để được đoạn trừ thì hãy dùng hành tăng để đoạn. Đó gọi là các Tỳ-kheo đoạn trừ tất cả lậu, đã diệt bỏ nẻo ái xấu ác của thế gian, đã được thoát khỏi thế gian, xả bỏ sự trói buộc, đạt được chỗ trọng yếu là lìa khổ.

Đức Phật thuyết như vậy, các Tỳ-kheo nghe Đức Phật dạy, hoan hỷ thực hành pháp vượt khỏi thế gian, liền đắc đạo.

❑

PHẬT NÓI KINH TỨ ĐẾ

Hán dịch: Đời Hậu Hán, An Thế Cao.

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Phật gọi các Tỳ-kheo; các Tỳ-kheo thưa:

–Dạ vâng.

Các Tỳ-kheo liền theo Đức Phật để nghe dạy. Đức Phật liền nói như vầy:

–Này Tỳ-kheo, nói về pháp chân chánh, thì đó chính là Tứ đế, là pháp cần tư duy một cách đầy đủ, thấy khai mở một cách đầy đủ, hiểu biết rốt ráo, phân biệt, nêu bày, hiển thị.

Nếu có Tỳ-kheo ở trong thời quá khứ, theo các Đức Như Lai, Bậc Vô Sở Trước, Chánh Giác nghe pháp thì các Ngài cũng nói điều chánh yếu này, đó là Tứ đế. Đó là pháp cần tư duy một cách đầy đủ, thấy, khai mở, thông tỏ, phân biệt, nêu bày, hiển thị một cách đầy đủ.

Nếu có Tỳ-kheo ở trong đời vị lai, theo các Đức Như Lai, Bậc Vô Sở Trước, Chánh Giác nghe pháp thì các Ngài cũng nói chánh pháp này. Thật vậy, này Hiền giả, đó là pháp Tứ đế, như đã nói đầy đủ ở trên.

Nay có Tỳ-kheo đối với Đức Như Lai, Bậc Vô Sở Trước, Chánh Giác ở hiện tại, thì Ngài cũng nói về Chánh đế ấy. Hãy tư duy một cách đầy đủ, thấy, khai mở, thông tỏ, phân biệt, phát kiến một cách đầy đủ về Tứ đế như thế.

Đức Phật lại gọi Tỳ-kheo Xá-lợi-phất đến và nói:

–Vị Tỳ-kheo này là bậc có trí tuệ nhanh nhẹn, có trí tuệ nhạy bén, có trí tuệ sắc sảo, có trí tuệ cao rộng, có trí tuệ sâu suốt, có trí tuệ tinh diệu, có trí tuệ không nhàm chán nên có thể thấy biết, có trí tuệ quý báu, có trí tuệ tùy thuận. Tỳ-kheo Xá-lợi-phất vừa là bậc thuyết pháp, vừa là bậc nghe pháp. Vì sao? Này Hiền giả, vì Ta nói một cách sơ lược về Tứ đế này thì Tỳ-kheo Xá-lợi-phất có thể vì người khác nói một cách đầy đủ, tư duy một cách đầy đủ, có thể thấy, có thể khai mở, có thể thông tỏ, có thể phân biệt nêu bày, có thể hiển thị khiến cho nhiều người tùy thuận đạo pháp. Chính Tỳ-kheo Xá-lợi-phất hướng

dẫn cho con người không có lỗi lầm, ai theo đường tà thì có thể trở về chánh đạo. Tỳ-kheo Xá-lợi-phất có thể khiến cho mọi người theo đạo, Tỳ-kheo Mục-kiền-liên có thể làm cho mọi người phát khởi tâm đạo, Tỳ-kheo Xá-lợi-phất như mẹ sanh, Tỳ-kheo Mục-kiền-liên như mẹ dưỡng. Nhờ Tỳ-kheo Mục-kiền-liên mà được giác ngộ. Đối với Tôn giả Xá-lợi-phất và Tôn giả Mục-kiền-liên hãy nên tôn thờ, hãy nên cúng dường, hãy nên đến để học hỏi. Tỳ-kheo Xá-lợi-phất và Tỳ-kheo Mục-kiền-liên là bạn đồng học, đưa đến ý niệm an lạc cho các vị phạm hạnh chứ không có ai khác.

Đức Phật thuyết như vậy xong, từ chỗ ngồi đứng dậy đi vào tịnh thất để tĩnh tọa. Lúc đó Hiền giả Xá-lợi-phất bảo các Tỳ-kheo:

–Vì lợi ích cho chúng ta nên Đức Phật mới xuất hiện ở thế gian, cho nên Ngài nói Tứ đế này. Tứ đế là gì? 1. Khổ; 2. Tập; 3. Tận (*Diệt*); 4. Đạo. Thực hành Tứ đế sẽ được diệt khổ.

Này Hiền giả, những gì là Khổ đế? –Sanh là khổ, già là khổ, bệnh là khổ, chết là khổ, oán thù gặp nhau là khổ, thương nhau mà phải chia ly là khổ, cầu mong không được là khổ, tóm lại, ngũ ấm là khổ.

Này Hiền giả, thế nào là sanh khổ? Đó là con người và tất cả các chủng loại chúng sanh khác, do sanh mà có sự phát triển sanh, do tùy thuận, do lòng dục mà thành, năm ấm đã phát sanh rồi, liền có mạng căn, như vậy gọi là sanh.

Này Hiền giả, sanh là khổ. Do nhân duyên gì mà sanh là khổ? Đó là khi sanh ra, con người có thân cho nên phải thọ khổ, do xúc (*cánh*) tất cả xúc, do thọ tất cả thống (*thọ*), làm cho ý lãnh thọ khổ. Do xúc tất cả xúc, do thọ tất cả thọ khiến cho thân ý xúc khổ. Do xúc tất cả xúc, biết thọ lại sanh thọ khiến cho thân lãnh thọ sự phiền não. Do xúc tất cả xúc, hiểu thọ lại sanh thọ khiến cho tâm ý bị nhiệt não. Do xúc tất cả xúc, biết thọ lại sanh thọ khiến thân ý bị nhiệt não mỏi mệt. Do xúc tất cả xúc, do thọ tất cả thọ nên thân bị nhiệt não mỏi mệt, sanh ra nóng bức buồn rầu. Do xúc tất cả xúc, do thọ tất cả thọ khiến cho ý bị nóng bức mệt mỏi, sanh ra ý niệm nhiệt não. Do xúc tất cả xúc, do thọ tất cả thọ khiến thân ý nóng bức, mệt mỏi, sanh ra ý niệm mệt mỏi. Do xúc tất cả xúc, do thọ tất cả thọ nên này Hiền giả, sanh ra sự khổ như đã nói trên. Cho nên nói: Từ sanh mà có già.

Này Hiền giả, những gì gọi là già khổ?

Già có nghĩa là mọi chúng sanh trở nên già yếu mỏi mệt, da nhăn, sức khỏe giảm sút, vì già yếu lưng còng phải chống gậy mà đi, râu tóc đen nhánh trở thành bạc phơ, các căn đã suy giảm, thân đang hư hoại, nhan sắc tiều tụy, chuyển thành cái già của kiếp người. Đó gọi là già.

Này chư Hiền, già là khổ. Do nhân duyên gì mà nói già là khổ? Do vì người già, thân thể cảm xúc khổ. Do xúc tất cả xúc, hành thọ tất cả thọ nên ý niệm xúc khổ. Do xúc tất cả xúc, cảm thọ tất cả thọ nên thân ý cũng khổ. Do xúc tất cả xúc, cảm thọ tất cả thọ nên thân bị nhiệt não. Do xúc tất cả xúc, do thọ tất cả thọ nên ý niệm bị nhiệt não. Do cảm xúc tất cả xúc, thọ tất cả thọ nên thân ý bị nhiệt não. Do cảm xúc tất cả xúc, do thọ tất cả thọ nên thân bị nóng bức mệt mỏi. Do xúc nên tất cả cùng xúc, do thọ nên tất cả cùng thọ, ý niệm bị mệt mỏi, nhiệt não, sầu lo. Do xúc nên tất cả cùng xúc, do thọ nên tất cả cùng thọ, thân ý niệm bị nóng bức, mệt mỏi, sầu lo. Do xúc nên tất cả cùng xúc, do thọ nên tất cả cùng thọ, cho nên này Hiền giả, mới nói già là khổ. Do đó nên mới nói sự khổ trên.

Này Hiền giả, bệnh là khổ. Bệnh là gì? Đó là có lúc đau đầu, đau bụng, đau tai, đau mũi, đau miệng, đau môi, đau lưỡi, đau yết hầu, bị nôn ọe, bệnh biến *(từ trạng thái này sanh trạng thái khác)*, bệnh ở hạ bộ, bệnh nhiệt, bệnh đường tiểu tiện, bệnh điên, bướu cổ, trăn trở bức rức, đau khớp xương, mệt mỏi, bệnh về da, bệnh về mỡ, bệnh máu nóng, bệnh đàm... còn nhiều thứ bệnh như thế do đó mà sanh, không thể thoát khỏi, đều ở trong thân.

Này Hiền giả, đó gọi là bệnh khổ. Do nhân duyên gì mà có bệnh khổ? Nghĩa là khi con người bị bệnh khiến cho thân phải chịu khổ, do xúc tất cả xúc, thọ tất cả thọ nên ý niệm bị khổ. Do xúc tất cả xúc, thọ tất cả thọ nên cả thân, ý niệm đồng xúc khổ. Do xúc tất cả xúc, thọ tất cả thọ, nên thân bị nhiệt não. Do xúc tất cả xúc, thọ tất cả thọ khiến cho ý bị nhiệt não. Do xúc tất cả xúc, thọ tất cả thọ nên thân và ý niệm bị nhiệt não. Do xúc tất cả xúc, thọ tất cả thọ nên thân bị nóng bức, sầu lo. Do xúc tất cả xúc, thọ tất cả thọ, ý bị nóng bức sầu lo. Do xúc tất cả xúc, thọ tất cả thọ nên thân và ý niệm bị nóng bức, sầu lo. Do xúc tất cả xúc, thọ tất cả thọ, này Hiền giả, cho nên gọi đó là bệnh

khổ, là do các nhân duyên trên.

Này Hiền giả, chết là khổ. Chết là gì? Đó là điều mà con người không sao tránh khỏi, là con người ở trong vòng sanh tử, thân này bị bỏ đi, tan phế, hoại diệt ở khắp mọi nơi, không còn thấy lại thân hình nữa, năm ấm đã dứt, mạng căn đã xả bỏ. Khi đã hủy diệt, đã chết, thì gọi đó là chết.

Này Hiền giả, do nhân duyên gì mà gọi chết là khổ? –Đó là lúc chết, thân con người cảm xúc sự khổ, do xúc tất cả xúc, thọ tất cả thọ nên ý niệm cảm xúc khổ. Do xúc tất cả xúc, thọ tất cả thọ nên thân và ý niệm cảm xúc sự khổ. Do xúc tất cả xúc, thọ tất cả thọ khiến cho thân bị nhiệt não. Do xúc tất cả xúc, thọ tất cả thọ khiến cho ý niệm bị nhiệt não. Do xúc tất cả xúc, thọ tất cả thọ nên khiến cho thân ý bị nhiệt não. Do xúc tất cả xúc, thọ tất cả thọ, nên thân bị mỏi mệt, nóng bức, hối hận, áo não. Do xúc tất cả xúc, thọ tất cả thọ khiến cho thân và ý niệm bị mỏi mệt, nóng bức, hối hận, áo não. Do xúc tất cả xúc, thọ tất cả thọ, này Hiền giả, cho nên nói chết là khổ. Do nhân duyên đó và cũng từ nhân duyên đó cho nên nói chết là khổ.

Này Hiền giả, oán ghét nhau mà phải gặp nhau là khổ. Những gì gọi là oán ghét nhau mà phải gặp nhau? Này Hiền giả, con người có sáu tự nhập (*sáu xứ bên trong*), không đáng yêu, không đáng thích, nhưng chúng tụ hội tại một chỗ, đó là tướng hủy hoại, không ở đúng vị trí, nhưng cùng nhau tụ hội, cộng sự, sự tương ly ấy gọi là khổ. Cũng vậy, các ngoại xứ cũng lại như thế, đó là: Thức cũng vậy, tư cũng vậy, thống (*thọ*) cũng vậy, tư tưởng cũng vậy, niệm cũng vậy, ái cũng vậy, sáu hành cũng như vậy. Này Hiền giả, con người có sáu thứ gìn giữ không đáng yêu. Những gì là sáu thứ? Đó là địa chủng, thủy chủng, hỏa chủng, phong chủng, không chủng và thức chủng. Đó là nhất hội tướng, cùng hiệp hội, cùng cộng sự, đó là khổ. Này Hiền giả, vì chúng không tương ưng, không đáng yêu mà phải ở chung cho nên gọi là khổ. Do nhân duyên gì mà chúng không tương ưng, không đáng yêu mà phải tụ hội, này Hiền giả, gọi là khổ? Do vì chúng không thương nhau mà phải cộng sự, hiệp hội, này Hiền giả, mới khiến cho thân con người xúc khổ, do xúc tất cả xúc, thọ tất cả thọ, khiến cho ý xúc khổ. Do xúc tất cả xúc, thọ tất cả thọ nên khiến cho thân và ý niệm bị xúc khổ. Do xúc tất cả xúc, thọ tất cả thọ nên

khiến cho thân và ý niệm bị đốt cháy. Do xúc tất cả xúc, thọ tất cả thọ nên khiến cho thân bị đốt cháy, mệt mỏi, khổ não. Do xúc tất cả xúc, thọ tất cả thọ, nên khiến cho ý niệm bị đốt cháy, mệt mỏi, khổ não. Do xúc tất cả xúc, thọ tất cả thọ, nên khiến cho thân và ý niệm bị đốt cháy, mệt mỏi, khổ não. Do xúc tất cả xúc, thọ tất cả thọ, nên không yêu mến với nhau mà phải tụ hội tương phùng, này Hiền giả, đó là khổ. Cho nên nói như trên là do như vậy.

Này Hiền giả, thương yêu mà phải xa lìa là khổ. Những gì là thương yêu mà phải xa lìa? Này Hiền giả, đó là con người có sáu xứ bên trong, rất đáng yêu, nhưng chúng phải chia ly, mất hẳn, xa cách, từ biệt, không tụ hội với nhau, không hội ngộ, không ở chung, không gặp nhau, không cảm xúc nhau, gọi đó là khổ. Cũng vậy, đối với sáu ngoại xứ: Thức cũng vậy, xúc cũng vậy, Thống (*thọ*) cũng vậy, Niệm cũng vậy, Ái cũng vậy, sáu thứ gìn giữ cũng vậy. Này Hiền giả, có người thương yêu sáu thứ gìn giữ, đó là: Địa, thủy, hỏa, phong, không và thức, nhưng phải biệt ly, cách biệt xa lìa nhau, không hội ngộ, xa lìa, không ở chung, không gặp nhau, không cảm xúc nhau, đó là khổ. Này chư Hiền, do xa lìa điều mình yêu thương cho nên gọi là khổ. Do đó, do nhân duyên ấy mới nói như vậy.

Cầu mong mà không được cũng là khổ. Này Hiền giả, cho nên lại nói pháp thế gian, con người nếu trong ý sanh ra ước muốn rằng: "Mong tôi đừng sanh ra". Điều ấy không thể muốn mà được. Với sự già, này Hiền giả, con người nếu trong ý sanh ra ước muốn rằng: "Mong tôi đừng già". Ý đó không phải muốn mà được. Đối với sự bệnh, này Hiền giả, con người khi đã thọ bệnh, khởi lên ước muốn rằng: "Mong tôi không bệnh", nhưng vẫn không thoát khỏi. Này Hiền giả, đối với sự chết, con người thì phải chết, nhưng mong rằng: "Mong cho tôi được sống, đừng chết", nhưng không phải mong mà được. Này Hiền giả, có người đã sanh ra ý thống khổ, không ưa, không tham muốn, vô dụng, người ấy sanh ra ước muốn rằng: "Nếu đã sanh ra ý thống khổ, không đáng ưa, vô dụng, mong sao nó đổi thành đáng ưa, đáng muốn, vừa ý". Điều ấy không thể muốn mà được.

Này Hiền giả, có người có tư tưởng mong cầu, suy nghĩ không đáng ưa, không vừa ý, không hiện hữu, người ấy suy nghĩ như vầy: "Hãy khiến cho ý mong cầu nhưng vô dụng, không vừa ý, không đáng

ưa, mong sao đổi thành khả dụng, hợp ý, hãy khiến cho ta được vừa ý, đối với cái không thể được thì trở thành có thể được".

Này Hiền giả, có người sanh ra tư tưởng khả ái, hợp ý. Giả sử người ấy sanh ra ý nghĩ: "Nếu cảm xúc ta đã sanh ra khả ái, hợp ý, mong cho nó được thường hằng không ly biệt". Sự mong muốn đó không phải muốn mà được.

Này Hiền giả, giả sử có người sanh ra tư tưởng này: "Niệm ái thật hợp ý đáng yêu", liền sanh ra ý muốn: "Hãy khiến cho tư tưởng này, niệm sanh dục, khả ý dục được thường hằng, kiên cố, đừng xa lìa. Hãy khiến cho sự mong ước này đừng cắt đứt", nhưng vẫn không được. Điều mong cầu mà không được là khổ, do đó mà nói, cũng do nhân duyên ấy mà nói.

Nói tóm lại, năm ấm là khổ, cho nên lại nói pháp này là pháp vô thường, nguy ách, bệnh tật, phá hoại, bị bệnh tật làm hư hoại, già nua, không kiên cố, không đáng tin cậy, bị chia lìa, cho nên nói gốc năm ấm là khổ.

Này Hiền giả, thời gian quá khứ là khổ đế, thời gian vị lai, này Hiền giả, cũng là khổ đế; thời gian hiện tại, này Hiền giả, cũng là khổ đế. Đó là điều chắc thật, không điên đảo, không mê hoặc. Này Hiền giả, nếu có sự thật nào hợp với chân lý như vậy là phù hợp với chân lý của bậc Hiền giả; này Hiền giả, là đạt được sự tương ứng với tri kiến giải thoát của bậc Hiền giả. Giác ngộ chân lý như vậy cho nên gọi đó là chân lý của bậc Hiền giả.

Này Hiền giả, những gì gọi là Khổ tập đế? Này Hiền giả, hoặc là con người có sáu tự nội ở trong thân *(sáu xứ bên trong)*, trong đó nếu ai có tham đắm, có nhiễm thì gọi là Tập. Như vậy, đối với tự thân, ngoại thân cũng như vậy. Từ thức, cánh *(xúc)*, tri, hành, ái, hữu cũng vậy.

Này Hiền giả, con người có tham ái sáu giới: Địa, thủy, hỏa, phong, không và thức. Những gì làm cho kẻ ấy phát sanh tham đắm, gần gũi, thì gọi là Tập.

Như vậy phải làm thế nào? Nếu có người tham ái đối với vợ con, nô tỳ, quyến thuộc, ruộng đất, nhà cửa, chỗ ngồi, đồ nằm, người ấy tạo tác nghiệp có vướng chấp nơi ái, gần gũi, xúc chạm, phát sanh mong cầu. Nên biết ái tập này là Khổ tập đế. Này Hiền giả, thời quá

khứ cũng ái tập này là Khổ tập đế. Này Hiền giả, thời vị lai cũng ái tập này là Khổ tập đế, thời hiện tại cũng ái tập này là Khổ tập đế, là như thật, không khác, là như thật, không điên đảo, mê hoặc. Này Hiền giả, chân đế là sự thật đích thực, chân chánh. Này Hiền giả, đó là sự thật của bậc Thánh; xúc, kiến, giải, đắc của Hiền giả, tương ưng với sự giác ngộ, này Hiền giả, cho nên gọi là Khổ tập đế.

Này Hiền giả, những gì gọi là Khổ tận đế? Này Hiền giả, con người có sáu thứ nhập trong tự thân nhưng không thọ, hiểu rõ như vậy, không xúc, đã đoạn, đã xả, xa lìa, đã chấm dứt, không còn mong mỏi, đã diệt, vắng lặng, đó là khổ diệt. Đối với ngoại thân cũng vậy, thức tưởng cận cánh *(xúc)*, tư tưởng, niệm hành, vọng ái cũng thế.

Này Hiền giả, con người có sáu giới nhưng không ái, đó là: Địa, thủy, hỏa, phong, không và thức. Nhờ hiểu rõ như vậy nên không xúc nhau, đã đoạn, đã xả, đã bỏ, đã thay đổi, không dùng, đó là khổ tận. Đó là những gì? Nếu con người không có tham ái đối với con cái, nhà cửa, nô tỳ, kẻ sai khiến, ruộng đất, phòng ốc, quán xá, đồ nằm, lợi tức của việc mua bán, hoàn toàn không tham đắm thì sẽ không có ý gần gũi, phát sanh mong cầu, nên biết ái này chấm dứt là khổ tận. Này Hiền giả, ở thời quá khứ nếu ái tận thì khổ cũng tận. Này chư Hiền, ở đời vị lai cũng vậy, đời hiện tại cũng thế, nếu ái tận thì khổ cũng tận. Này Hiền giả, như vậy sự thật đó là không thay đổi, không mê hoặc, không điên đảo. Có chân đế ấy thì khổ liền tận. Này Hiền giả, đó gọi là Đế *(tức là điều chắc chắn)*.

Này Hiền giả, những gì gọi là Khổ tận thọ hành đế? Này Hiền giả, có tám chủng đạo: 1. Trực kiến; 2. Trực trị; 3. Trực ngữ; 4. Trực hành; 5. Trực nghiệp; 6. Trực phương tiện; 7. Trực niệm; 8. Trực định.

Này Hiền giả, Trực kiến là gì?

–Đó là khi vị Hiền giả đệ tử đạo đức suy niệm về Khổ là Khổ, Tập là Tập, Tận là Tận, Đạo là Đạo, có thể quán phân biệt, được pháp quán; có thể thọ tưởng, có thể quán tưởng, có thể suy tưởng, có thể thọ hành, gọi đó là Trực kiến; cũng có thể quán sát sự tạo tác trước kia của mình, cũng suy niệm về đạo đức, hoặc thấy các hành là đáng hối hận *(tai họa)*, nên tịnh chỉ, thấy vô vi là tịch nhiên *(Niết-bàn là tịch diệt)*, do không vướng mắc, mà được giải thoát ý, quán phân biệt hành tướng, ý hành đối với pháp, quán bất ly tướng tham

thọ. Đó gọi là Chánh trực kiến, gọi là Đạo đức đế.

Này Hiền giả, những gì là Chánh trực trị *(chánh tư duy)?*

–Nếu bậc Hiền giả, vị đệ tử đạo đức suy niệm về Khổ là Khổ, Tập là Tập, Tận là Tận, Đạo là Đạo; nếu đã nghĩ những gì thì nay nhớ lại thì gọi đó là Trực trị; cũng quán việc đời trước của mình, cũng nhớ lại hành tướng của sở học, do vậy hối hận thấy chúng là tai họa, an trụ trong vô vi tịch nhiên, không còn chấp trước, được ý giải thoát, quán niệm an chỉ những điều mong cầu, suy niệm hành tùy hành. Đó gọi là Trực trị, đó là Đạo đức đế.

Này Hiền giả, Chánh trực ngữ là gì?

–Đó là bậc Hiền giả vị đệ tử đạo đức suy niệm về Khổ là Khổ, Tập là Tập, Tận là Tận, Đạo là Đạo, đình chỉ bốn lỗi của miệng, và những hạnh ác khác của miệng, từ đó được an chỉ, viễn ly, an chỉ và viễn ly, phòng hộ không làm điều không đáng làm, từ tạo tội nay được vô tội. Đó gọi là Trực ngữ; cũng lại quán việc làm ngày trước, đã thâm nhập hạnh, thực hành nhớ nghĩ về đạo. Do tụ tập nên sanh tâm hối hận, an trụ trong pháp vô vi, vắng lặng, vượt thế, khả ý; tâm an định, không còn chấp trước nên được ý giải thoát, quán phân biệt, trừ bốn hạnh ác của miệng, xa lìa, đình chỉ, viễn ly, thâu giữ, điều không nên nói thì không nói, từ chỗ thọ tội nay được vô tội, đó gọi là Trực ngữ, gọi là Đạo đức đế.

Này Hiền giả, Chánh trực hạnh là thế nào?

–Đó là bậc Hiền giả, vị đệ tử đạo đức suy niệm Khổ là Khổ, Tập là Tập, Tận là Tận, Đạo là Đạo, trừ ba hạnh ác của thân, cũng trừ các hạnh ác khác của thân. Nhờ đó đình chỉ xa lìa, thâu giữ, điều không đáng làm thì không làm, điều đáng phải bị tội thì làm cho vô tội. Đó gọi là Trực hạnh, cũng quán sát việc làm đời trước, cũng theo hạnh đạo đức suy niệm về các việc làm ở thế gian thấy hối hận, an định trong vô vi, vượt thế, vắng lặng, tịch nhiên. Do tâm đã giải thoát vượt thế không vướng mắc nên được ý giải thoát, được sự quán chiếu để trừ ba hạnh ác của thân, cũng để trừ các hạnh ác khác của thân; xa lìa, đình chỉ, viễn ly, thâu giữ, không làm điều không nên làm, từ có tội được vô tội. Đó gọi là Chánh trực hạnh, đó gọi là Đạo đức đế.

Này Hiền giả, Chánh trực nghiệp là thế nào?

–Đó là bậc Hiền giả, vị đệ tử đạo đức suy niệm Khổ là Khổ, Tập

là Tập, Tận là Tận, Đạo là Đạo, suy niệm về những điều không nên cầu, không nên làm, bao nhiêu nghiệp súc sanh, do tà hạnh mà muốn để mình được sanh sống. Đó gọi là tà nghiệp. Cũng quán sát về việc làm đời trước, do hạnh được đắc đạo, nhớ nghĩ các việc làm ở thế gian, quán thấy hối hận, an định trong vô vi, vượt thế, vắng lặng, tịch nhiên; được tâm định vượt thế gian, không vướng mắc, được ý giải thoát, nhờ đó quán thấy điều không nên mong cầu thì không cầu, với bao nhiêu hạnh nghiệp súc sanh để tự nuôi sống, thì xa lìa, đình chỉ, viễn ly, thâu giữ, không làm, do đó điều đáng phải có tội thì được vô tội. Đó gọi là Chánh trực nghiệp, gọi là Đạo đức đế.

Này Hiền giả, Chánh trực phương tiện là gì?

–Đó là bậc Hiền giả, vị đệ tử đạo đức suy niệm Khổ là Khổ, Tập là Tập, Tận là Tận, Đạo là Đạo, có tinh tấn, có phương tiện, có xuất ly, có an chỉ, năng hành, diễn bày, hoan hỷ; không hủy, không diệt niệm Chánh định thì gọi là Chánh trực phương tiện. Vị ấy cũng quán sát việc làm đời trước. Do niệm được tu tập, từ các việc làm ở thế gian thấy hối hận, nên kiến an định, vượt thế gian, trụ trong vô vi tịch nhiên; nhờ không tham đắm được đắc đạo, quán ý giải thoát, có tinh tấn, có phương tiện, có xuất ly, có an chỉ, diễn bày, hoan hỷ; không hủy diệt niệm, nhiếp ý an định một cách chân chánh. Đó gọi là Chánh trực phương tiện, gọi là Đạo đức đế.

Này Hiền giả, Trực chánh niệm là gì?

–Nếu bậc Hiền giả, vị đệ tử đạo đức suy niệm Khổ là Khổ, Tập là Tập, Tận là Tận, Đạo là Đạo, luôn theo đó suy niệm, niệm niệm không quên, ít nói, không lìa niệm, thì gọi là Trực chánh niệm. Vị ấy cũng quán sát việc làm đời trước, cũng nhờ đó được đạo hạnh, suy niệm hạnh thế gian là bất khả hối, nhiếp tâm an định, vượt thế gian, trụ trong vô vi tịch nhiên, kiến chiếu một đức không còn chấp trước, ý giải thoát, quán niệm, tưởng niệm; từ niệm ấy niệm niệm mãi không quên, ít nói, không rời niệm. Đó gọi là Trực chánh niệm, gọi là Đạo đức đế.

Này Hiền giả, Trực chánh định là gì?

–Nếu bậc Hiền giả, vị đệ tử đạo đức suy niệm Khổ là Khổ, Tập là Tập, Tận là Tận, Đạo là Đạo, do ý an chỉ nên không động, không dong ruổi, nhờ nhiếp chỉ cho nên ý niệm được chuyên nhất, đó gọi là

Trực chánh định. Vị ấy cũng quán sát về việc làm đời trước, từ đó ý niệm được giải thoát, thấy hành vi ở thế gian mà hối hận, nhiếp ý an chỉ, vượt thế gian, có kiến giải thoát, dứt mọi chấp trước, nhờ nhân duyên giải thoát nên ý quán hướng về sự đình chỉ ý, chánh an, chuyên nhất, không mê hoặc, không dong ruổi, nhiếp ý an chỉ định niệm ở hai niệm. Đó gọi là Trực chánh định, gọi là Đạo đức đế.

Này Hiền giả, thời quá khứ là Khổ tận đạo thánh đế (Đạo đế), thời vị lai sau này cũng là thọ hành thánh đế, thời hiện tại cũng là thọ hành diệt khổ thánh đế, như thật, không khác, không mất, không mê hoặc, là chân đế, đúng căn bản, đúng cái đức của Đạo đức đế. Này Hiền giả, đế chân thật này, nhờ thấy nó mà được giải thoát, cho nên gọi là khổ tận, nhờ thực hành như vậy nên gọi là Đạo đức đế. Do đó nên nói: "Khổ và khổ tập chấm dứt thì thấy đạo. Phật đã nói ra, phải thực hành mãi mãi".

Tôn giả Xá-lợi-phất giảng nói như vậy, các Tỳ-kheo thọ giáo phụng hành.

❑

SỐ 33

PHẬT NÓI KINH NƯỚC SÔNG HẰNG

Hán dịch: Đời Tây Tấn, Tam tạng Pháp sư Pháp Cự.

Nghe như vầy:

Một thời Phật cùng chúng đệ tử Đại Tỳ-kheo Tăng, các Bồ-tát đồng đi đến sông Hằng, chư Thiên, dân chúng, quỷ, thần, rồng, nhân, phi nhân và những vị mới phát tâm theo đạo nhiều vô số, tất cả đều mang hoa hương, kỹ nhạc đi theo sau Phật. Đến sông Hằng, tất cả đều trải tòa ra ngồi, chúng hội đã ổn định. Vào ngày mười lăm trong tháng, ngày thuyết giới, Tôn giả A-nan từ tòa đứng dậy, sửa lại y phục, đến phía trước đảnh lễ, đầu chạm sát chân Phật, rồi quỳ xuống chắp tay bạch:

–Các đệ tử đã an tọa ổn định, cúi mong Đức Phật có thể thuyết Giới kinh.

Đức Phật im lặng không đáp. Tôn giả A-nan liền trở về chỗ ngồi. Thật lâu, mãi đến nửa đêm Tôn giả A-nan lại đứng dậy, đến phía trước, quỳ thẳng bạch Phật:

–Đã nửa đêm rồi, các đệ tử đều ngồi yên lặng, mong được nghe Đức Phật thuyết Giới kinh.

Đức Phật lại im lặng không trả lời, Tôn giả A-nan lại về chỗ ngồi rất lâu, gà sắp sửa gáy, Tôn giả A-nan lại đến phía trước quỳ xuống, chắp tay bạch Phật:

–Gà sắp gáy, các đệ tử mong muốn nghe Phật thuyết Giới kinh.

Đức Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Con người sống chết xoay vần qua lại trong năm đường, ở thế gian hết sức thống khổ. Kẻ không tự hay biết cội nguồn của đời trước,

kiếp trước, đều do tâm ý không được ngay thẳng. Thân người rất khó được, đã được thân rồi lại càng khó được nghe Giới kinh của Phật, đã được nghe Giới kinh của Phật rồi mà tin nhập được Phật đạo lại càng khó, đã tin nhập Phật đạo mà giữ được Giới kinh lại càng khó hơn. Đức Phật muốn nói Giới kinh, nhưng nay có một đệ tử ở trong nhóm này chẳng thể thọ trì Giới kinh của Phật, do đó nên Đức Phật mới không nói Giới kinh.

Tôn giả A-nan bạch Phật:

–Con không biết vị đệ tử không trì Giới kinh ngồi ở chỗ nào?

Tôn giả Đại Mục-kiền-liên ở trong pháp tam-muội đã quan sát khắp lượt, thấy người đệ tử không trì giới, liền đứng dậy đi đến trước vị ấy, nói:

–Ông là đệ tử của Đức Phật mà không thể thọ trì Giới pháp, đó là hạng người phế bỏ, không thể cùng ngồi chung với các Tôn giả. Hãy đứng dậy, đi ra, không được trở lại trong chúng này nữa.

Đức Phật bảo Tôn giả Đại Mục-kiền-liên:

–Tôn giả đã khéo giải thích, khiến cho người đệ tử không giữ giới ra khỏi nơi đây, tự biết xấu hổ nên đi ra.

Đức Phật bảo các đệ tử:

–Lành thay! Nay Ta sẽ thuyết pháp.

Các đệ tử đều chắp tay thưa:

–Thưa vâng, chúng con xin thọ giáo.

Đức Phật dạy:

–Nước thủy triều trong biển lớn lúc dâng lên không vượt qua mức cũ, lúc xuống cũng không vượt qua mức cũ. Các đệ tử đều nên giữ vững tâm, chánh ý quay trở lại tự xem trong năm tạng của mình, suy nghĩ biết sự sanh tử rất đau khổ, hãy phụng trì Giới kinh, đừng để thiếu sót, phạm phải. Người trì năm giới được sanh trở lại nhân gian làm người. Người giữ mười giới được sanh lên trời, người giữ hai trăm năm mươi giới đời này được quả A-la-hán, Bích-chi-phật, Bồ-tát, đạo lớn Nê-hoàn của Phật. Nhờ đạo mà được thân người, nên phụng trì giới kinh, dầu có chết thì chịu chết đừng để khiếm khuyết sai phạm dẫu chỉ lớn bằng lông tóc.

Thí như nước trong biển lớn lúc sáng, lúc tối, khi lên, khi xuống, không vượt quá mức cũ. Trong biển có bảy báu. Bảy báu ấy

là những gì?

1. Bạch ngân.
2. Hoàng kim.
3. San hô
4. Bạch châu.
5. Xa cừ.
6. Minh nguyệt châu.
7. Ma-ni châu.

Đó là bảy báu ở trong biển. Nay trong đạo Phật cũng có bảy báu.

Đức Phật dạy:

–Bảy báu đó là:

1. Tu-đà-hoàn.
2. Tư-đà-hàm.
3. A-na-hàm.
4. A-la-hán.
5. Bích-chi-phật.
6. Bồ-tát phát tâm hóa độ tất cả.
7. Đạo lớn Nê-hoàn của Phật.

Đó là bảy báu. Muốn đạt được đạo báu cần phải lìa bỏ các nẻo dâm dật, sân hận, ngu si; phải trì giới tinh tấn, tích chứa công đức, trong ngoài thanh tịnh, tự giữ sự thanh cao khác thường. Như vậy, nước trong biển không chứa vật ô uế, nếu có người chết ô uế, hôi thối, không thanh khiết, gió mạnh sẽ thổi lên bờ. Nay trong đạo Phật cũng không chứa những người xấu ô uế, không giữ Giới kinh. Các người đã phạm Giới kinh nên cho ra khỏi đại chúng ngay. Thí như có bốn loại chuột. Một là chuột ở trong phòng, hai là chuột ở trong nhà, ba là chuột ở nơi ruộng hoang, bốn là loại chuột ở nơi dơ sạch lẫn lộn. Loại chuột ở trong phòng thì không thể sống nơi đất bằng, loại chuột sống ở đất bằng thì không thể sống trong phòng ốc, loại chuột sống nơi ruộng hoang thì không thể sống trong nhà người được, chuột ở trong nhà người thì không thể sống ngoài đồng hoang, chuột sống nơi vừa sạch vừa dơ thì không thể ra khỏi chỗ ấy mà sống được, vì không biết kho lẫm đầy lúa ở đâu. Con người cũng lại có bốn hạng. Sao gọi là bốn hạng? Một là người tâm ý đoan chánh trì giới không phạm, muốn đạt

được đạo quả A-la-hán; hai là người trì giới tinh tấn muốn được đạo quả Bích-chi-phật; hạng người thứ ba là trì giới cầu học thông rõ kinh, có trí tuệ, dốc độ tất cả, muốn đạt được Phật đạo; hạng thứ tư là giả danh làm đệ tử, nhưng không thể phụng trì giới sáng suốt, không muốn học hỏi, tâm ý do dự vì sợ không đắc đạo. Bốn loại đệ tử trên cũng như bốn loại chuột ấy.

Đức Phật dạy:

–Này các đệ tử, trong thiên hạ có năm con sông lớn. Dòng nước ở phương Đông có một con sông lớn tên là Sa lộc, dòng nước ở phương Nam có một con sông lớn tên là A-di, dòng nước ở phương Tây có một con sông lớn tên là Hằng, dòng nước ở phương Bắc có một con sông lớn tên là Mặc-bồi-hồi, dòng nước ở chính giữa tên là Vi giang. Chúng chảy vào biển đều bỏ tên riêng của mình, chỉ gọi là nước biển.

Đức Phật dạy:

–Này các đệ tử, có chủng tộc Bà-la-môn, có chủng tộc Sát-lợi, có chủng tộc Công sư, có chủng tộc Điền gia, có người ăn xin. Chủng tộc nào cũng tự cho rằng: "Chủng tộc của ta là cao sang", nhưng sự phú quý, hay bần tiện đều giống như nước của năm con sông lớn chảy vào biển cả. Tất cả mọi dòng họ làm đệ tử của Phật đều bỏ tên họ riêng của mình, chỉ gọi là đệ tử của Phật mà thôi, làm gì có giàu nghèo mà tự kiêu mạn? Kẻ biết trước phải dạy lại cho kẻ biết sau. Không được nói: "Ta biết đạo", rồi tự cho là hơn. Không được nói: "Ta học lâu, biết nhiều kinh", không được nói: "Ý ta nghĩ là đúng với đạo, ý của ông nghĩ thì không hợp đạo", nói như vậy đều là phạm giới, không được ở trong chúng. Trong đạo pháp, lớn nhỏ phải cùng nhau dạy dỗ, che chở, hãy cùng nhau thừa kế. Có người chưa hiểu kinh đạo, không được nói cho họ nghe những việc sâu xa, đó là lỗi lớn. Lúc trời mưa to, nước mưa chảy vào rãnh, nước rãnh chảy vào khe nước, khe chảy vào sông lớn, nước sông lớn chảy vào trong biển, nước trong biển thì không tăng, không giảm.

Này các đệ tử, có người đắc quả Tu-đà-hoàn; có người đắc quả Tư-đà-hàm; có người đắc quả A-na-hàm; có người đắc quả A-la-hán; có người đắc quả vị Bích-chi-phật; có người đạt được bậc Bất thoái chuyển; có người đạt được đạo Nê-hoàn của Phật. Người đến, người đi

nhưng đạo Phật không hề tăng, giảm. Giống như nước biển không tăng không giảm.

Đức Phật dạy:

–Ở trong biển có loại cá lớn: một là dài bốn ngàn dặm; hai là dài tám ngàn dặm; ba là dài một vạn hai ngàn dặm; bốn là dài một vạn sáu ngàn dặm; năm là dài hai vạn dặm; sáu là dài hai vạn bốn ngàn dặm; bảy là dài hai vạn tám ngàn dặm. Người học đạo nếu không gặp minh sư, đâu biết trong thiên hạ có đạo lớn. Chèo thuyền dạo chơi ở các rãnh, ao, suối đâu biết trong thiên hạ còn có sông to biển lớn nữa. Kinh Phật như sông to bể rộng, tất cả kinh sách của thế gian đều nhờ nơi kinh Phật mà lưu xuất. Kinh đã khó gặp mà được thấy nghe thì nên giữ gìn, đọc tụng. Sau này hàng ngàn, vạn ức năm có còn Giới kinh của Phật chăng? Mặt trời, mặt trăng, tinh tú còn có lúc hủy hoại, nhưng phụng hành Giới kinh của Phật thì không lúc nào bị hoại diệt. Từ nay về sau Đức Phật không còn thuyết Giới kinh lại nữa. Giới kinh của Phật hết sức quan trọng. Trong đó có người thọ trì giới mà phạm điều ác thì đầu bị bể làm bảy mảnh.

Đức Phật nói kinh này xong, các đệ tử đều một lòng trân trọng thọ trì Giới kinh. Chư Thiên, dân chúng, quỷ, thần, rồng đều đến phía trước, đầu mặt cung kính đảnh lễ Phật rồi lui ra.

❑

SỐ 34
PHẬT NÓI KINH PHÁP HẢI

Hán dịch: Đời Tây Tấn, Sa-môn Thích Pháp Cự.

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật du hóa tại nước Chiêm-ba, ở trên bờ ao Hán-khư-lợi cùng đông đủ chúng đại Tỳ-kheo. Bấy giờ vào ngày thứ mười lăm trong tháng, là lúc thuyết giới. Đức Phật ngồi thật lâu mà vẫn im lặng, không thuyết giới. Thị giả A-nan liền sửa lại y phục, quỳ xuống, bạch Phật:

–Đầu đêm đã qua, nửa đêm sắp đến, đại chúng tập hợp đã lâu, mong Đức Thế Tôn không từ mệt mỏi, xin Đức Thế Tôn thuyết giới.

Đức Phật vẫn ngồi im lặng.

Chúng Tăng ngồi đã lâu. Lúc ấy có một Tỳ-kheo tên là A-nhã-đô-lô, lại sửa y phục, quỳ thẳng bạch Phật:

–Đầu đêm, nửa đêm đã qua, bây giờ gà sắp gáy, chúng Tăng nhóm họp đã lâu, mong Đức Thế Tôn không từ mệt mỏi thuyết giới cho chúng Tăng.

Đức Phật vẫn im lặng.

Lại bạch:

–Bạch Đức Thế Tôn, sao mai đã mọc, thời giờ sắp qua.

Đức Phật dạy:

–Này Tỳ-kheo, hãy lắng nghe! Trong chúng Tăng có kẻ bất tịnh cho nên Ta không thể thuyết giới được.

Hiền giả Đại Mục-kiền-liên trong lòng suy nghĩ: "Ta nên định tâm quán xem ai là kẻ bất tịnh". Hiền giả Mục-kiền-liên bạch Phật:

–Con muốn dùng định tâm quán xem ai là người bất tịnh. Nếu là

bất tịnh, con sẽ bảo kẻ ấy ra khỏi chúng.

Đức Phật bảo:

–Hiền giả muốn dùng định tâm quán xem ai là kẻ bất tịnh rồi bảo kẻ ấy ra khỏi chúng. Lời nói ấy rất hay, vậy hãy quan sát đi.

Hiền giả Mục-liên liền dùng định tâm quan sát thấy người đệ tử phạm trọng giới, rồi từ định tâm đứng dậy, đến trước vị Tỳ-kheo ấy nói:

–Ông làm Sa-môn, phải tôn thờ giới, giới là căn bản, giới giống như cái đầu của con người, giới hạnh của Sa-môn cần phải thanh bạch giống như nước, như ngọc, đó là tòa ngồi của Như Lai, là chỗ hội tụ của Hiền thánh, là nơi y cứ của pháp vượt thế, là chỗ nhóm họp của các vị đạo đức thanh tịnh. Tòa ngồi này giống như rừng Chiên-đàn, ông đã dùng mùi hôi thối của cây Y lan làm rối loạn sự chân chánh.

Hiền giả Mục-liên dùng tay tự dẫn người ấy đi ra ngoài và nói:

–Ông là người phế thải, không được tham dự vào sự tập hợp thanh tịnh đại chúng của Đức Như Lai, không được dùng cái nhà cầu, ô uế dự vào sự tập hợp lớn của đại tăng. Biển cả không thâu nhận xác chết hôi thối. Ông hãy tự suy nghĩ điều ấy, đừng để ô uế chúng Hiền thánh.

Người ô uế đã đi ra, Hiền giả Mục-liên bạch Phật:

–Người uế trược đã đi xa, chúng Tăng đã được thanh tịnh. Cúi mong Đức Thế Tôn thuyết giới.

Đức Thế Tôn vẫn cứ im lặng. Hiền giả Mục-liên thấy lạ, quan sát bốn bên, thấy ở tòa trên, Tỳ-kheo vừa rồi vẫn còn ngồi ở tòa, Hiền giả Mục-liên ra lệnh:

–Ông là người phế thải, tại sao không tự đi ra? Tội ô uế của ông nặng, ngồi ở tòa này làm gì?

Hiền giả Mục-liên khiển trách nặng nề, vị ấy mới rời khỏi tòa ra đi. Hiền giả Mục-liên lại thưa:

–Bạch Thế Tôn, người ô uế đã ra rồi, đại chúng đã thanh tịnh không còn ô uế nữa. Cúi mong Đức Thế Tôn thuyết giới, khiến cho chúng Tăng được tu tịnh nghiệp.

Đức Phật bảo Hiền giả Mục-liên:

–Từ nay về sau Ta không thuyết giới nữa. Các vị có thể tự cùng nhau thuyết giới. Nếu Ta thuyết giới, người phạm giới ở trong chúng im lặng, không tự phát lồ tội lỗi mà vẫn dự vào tòa của Như Lai, đó là

sự im lặng vọng ngữ. Nếu im lặng vọng ngữ thì đầu kẻ ấy bị vỡ làm bảy mảnh. Đức Như Lai thuyết giới cho đại chúng đâu phải là chuyện dễ. Từ nay về sau các vị hãy tự thuyết giới.

Hiền giả Mục-liên bạch Phật:

–Trước kia đệ tử nghe đạo, trước nhờ Đức Như Lai giáo hóa cho, chớ không phải do đệ tử tự ngộ mà thành đạo. Thánh Đức của Như Lai sâu nặng như trời đất. Lời nói chân thật mà trọng yếu, đệ tử tụng tập nên chứng được đạo quả. Đức Như Lai giống như trời mưa, trăm loài lúa thóc, cây cỏ được tươi tốt, không loài nào không nhờ Ngài mà được tươi tốt. Đệ tử đức mỏng, đạo nhỏ, người không tin phục. Thế Tôn thương xót kẻ phàm tục đui điếc, khiến cho tất cả được an ổn, được lòng tin, được sự chân chánh, vì để tế độ cho ý chí của họ.

Hiền giả Mục-liên ân cần tha thiết thỉnh cầu đến ba, bốn, năm lần. Đức Thế Tôn bảo Hiền giả Mục-liên:

– Hiền giả đã vì tất cả đại chúng mà thỉnh cầu Đức Như Lai, ân cần đến bốn, năm lần, nay Ta sẽ vì các vị mà thuyết giới. Tăng pháp của Ta giống như biển lớn, có tám đức. Các vị hãy lắng nghe:

Nước trong biển lớn không đầy không vơi. Pháp của Ta cũng vậy, không đầy không vơi. Đó là đức thứ nhất.

Nước thủy triều trong biển lớn hễ đúng giờ thì dâng, không có thất thường; bốn bộ chúng thọ giới của Ta không phạm giới cấm, làm sai trái với pháp thường. Đó là đức thứ hai.

Nước của biển lớn chỉ có một vị, không có nhiều vị, hoàn toàn là vị mặn. Pháp của Ta cũng như vậy, chỉ có vị thiền định, chí cầu đạt định tịch tĩnh, đạt đến thần thông. Vị của Tứ đế, chí cầu bốn đạo nên giải thoát khỏi sự trói buộc. Vị của Đại thừa, chí cầu đại nguyện nhằm hóa độ mọi người. Đó là đức thứ ba.

Biển lớn đã sâu mà còn rộng, không có hạn lượng, Pháp của chúng Tăng cũng vậy, hết sức thâm diệu. Tám phương là lớn nhưng không lớn bằng Pháp của Tăng. Pháp của Tăng rất là to lớn. Đó là đức thứ tư.

Ở trong biển lớn có vàng, bạc, lưu ly, pha lê, san hô, xa cừ, mã não, ma-ni hết sức quý giá, rất dồi dào. Trong Tăng pháp của Ta có ba mươi bảy phẩm đạo cao quý vi diệu, thần túc, sống lâu, bay khắp mười phương, không chỗ nào là không thích ứng, chỉ trong nháy mắt

mà đã đến khắp cõi Phật, tới cảnh giới thù thắng, có thể lấy đạo của mình hóa độ dẫn dắt quần sanh, làm thanh tịnh cõi Phật. Đó là đức thứ năm.

Trong biển lớn óc trú xứ của các Rồng thần như: Long vương Sa-kiệt, Long vương A-nậu-đạt, Nan-đầu-hòa-la, Ma-na-tư-y-la-mạt. Các Rồng thần như vậy có diệu đức khó lường, có thể tạo ra cung trời, các loại phẩm vật, không ai là không ngưỡng mộ. Tăng pháp của Ta cũng lại như thế, có bốn hướng tám quả, mười hai bậc Hiền, Bồ-tát đại sĩ ra sức giáo hóa vô cùng thịnh mỹ. Đó là đức thứ sáu.

Biển lớn gồm thâu cả trăm sông, vạn dòng nước, kể cả nước của sông Hằng, không đâu là không đổ về, suốt ngày suốt đêm không thể gọi là đầy vơi hay tăng giảm. Trong Tăng pháp của Ta cũng như vậy. Dòng Phạm thích nhập vào Pháp của Tăng chúng, bốn họ vọng tộc, hoặc Thích, hoặc Phạm, dòng dõi vua chúa, xả bỏ hào quý của thế gian, đi đến nhập vào chánh đạo chuyển hóa; công sư, dòng họ nhỏ cũng nhập vào chánh đạo chuyển hóa. Chủng tộc tuy khác, đến học tập nơi đại đạo, đồng có một vị, đâu chẳng phải là Thích tử. Đó là đức thứ bảy.

Biển lớn thanh tịnh, không dung nạp tử thi, không có các thứ uế trược, chỉ thọ nhận các loài trong biển mà thôi. Tăng pháp của Ta thanh tịnh, cũng như biển lớn không chấp nhận kẻ không có phạm hạnh thanh tịnh, vi phạm giới cấm, ô uế, nhất thiết không thọ nhận loại người ấy, phải lìa bỏ, phải xa lánh, giống như biển cả không thọ nhận tử thi vậy. Đó là đức thứ tám.

Đức Phật bảo Hiền giả Mục-liên:

–Đại chúng của Như Lai chỉ lấy sự thanh tịnh, làm tiêu chuẩn để thực hiện giới cấm, nếu không giữ được sự thuần nhất thì không phải là dòng họ Thích nữa. Do đó Ta không thuyết giới. Các vị hãy khéo cùng nhau dựa vào giới luật răn bảo nhau, đừng để chánh pháp bị hủy diệt.

Đức Phật nói như vậy, các Tỳ-kheo hoan hỷ phụng hành.

❑

SỐ 35

PHẬT NÓI KINH TÁM ĐỨC CỦA BIỂN

Hán dịch: Đời Diêu Tần, Tam tạng Pháp sư Cưu-ma-la-phục

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật du hóa tại nước Vô thắng, lúc ấy đang ở bên bờ sông. Thường lệ vào ngày thứ mười lăm trong tháng, Đức Phật nói Giới kinh cho các Sa-môn nghe, nhưng bây giờ cũng vào ngày ấy Ngài lại ngồi im lặng thật lâu chẳng nói. Tôn giả A-nan sửa lại y phục, quỳ xuống thưa:

–Các Sa-môn đã ngồi ổn định, muốn được nghe pháp thanh tịnh.

Đức Thế Tôn vẫn im lặng. Tôn giả A-nan ba lần đứng dậy thưa:

–Đã nửa đêm, mong Thế Tôn có thể nói Giới kinh.

Đức Thế Tôn bèn nói:

–Trong các Sa-môn có kẻ ô uế vẩn đục, dùng tâm tà làm điều sai trái, lời nói và việc làm ngược với giới hạnh của Sa-môn, thần thái rất nặng nề, không phải kẻ hạ tiện thì ai có thể làm được điều ấy, khiến cho sự trong, đục chống trái nhau, nên Ta không nói.

Tôn đức Mục-liên nhất tâm nhập định, dùng đạo nhãn thanh tịnh quán sát thấy rõ tâm vị Tỳ-kheo kia có hành vi đáng vứt bỏ. Tôn giả Mục-liên bảo vị kia:

–Hãy đứng dậy, đây không phải là chỗ ngồi của người thế tục.

Nhưng vị kia vẫn không đứng dậy, Tôn giả liền nắm tay kéo ra ngoài, bảo:

–Ông không phải là bậc chí đức, trong lòng ôm sáu thứ tà, sao lại dám đem cái thân hôi thối này mà ngồi trên tòa Thiên hương? Ông

là loại người đáng vứt bỏ, không phải Sa-môn.

Tôn giả Mục-liên liền trở về ngồi lên tòa thanh tịnh. Đức Phật bảo Tôn giả Mục-liên:

–Tại sao kẻ ấy ngu si đến vậy? Đã dùng ví dụ rõ ràng như thế mà không chịu ra, chờ nắm tay kéo đi mới chịu ra.

Đức Phật bảo các Sa-môn:

–Hãy lắng nghe Ta nói.

Các Sa-môn thưa:

–Thưa vâng, chúng con xin thọ giáo.

Đức Phật dạy:

–Hãy xem biển lớn kia có tám đức tốt đẹp. Nó rộng lớn mênh mông, độ sâu và đáy của nó không lường được, càng xuống càng sâu, chỗ gây chướng ngại của nó không gì bằng. Đó là đức thứ nhất của biển.

Nước thủy triều hễ đúng giờ thì dâng lên, không có thất thường. Đó là đức thứ hai.

Biển cả chứa các châu báu, chẳng gì mà chẳng có, biển cả không dung chứa tử thi hôi thối, gió thần sẽ thổi lên trên bờ. Đó là đức thứ ba.

Biển cả có các châu báu, đó là: hoàng kim, bạch ngân, lưu ly, thủy tinh, san hô, long văn, minh nguyệt, thần châu, ngàn vạn thứ kỳ dị quý giá, không tìm thì chẳng được. Đó là đức thứ tư.

Khắp thiên hạ có năm con sông lớn đều chảy ra biển, dòng nước ở Tây gọi là Hằng, dòng nước phía Nam gọi là Tà vân, dòng nước ở phía Đông gọi là Lưỡng hà, còn gọi là Sa lục, còn gọi là A-di-việt, dòng nước ở phía Bắc gọi là Mặc. Nước của năm sông tuôn chảy đều đổ vào biển, chúng đều bỏ tên cũ, chỉ gọi chung là nước biển. Đó là đức thứ năm của biển.

Năm sông, vạn dòng nước lúc trời hết mưa dầm, nước từ trên trời đổ xuống đất, nước mưa lại dồn xuống sông, lại chảy ra biển, mà nước biển vẫn y như cũ, chẳng có tăng giảm. Đó là đức thứ sáu.

Trong biển có các loài cá, thân hình to lớn, đồ sộ, thân cá thứ nhất dài bốn ngàn dặm, thân cá thứ hai dài tám ngàn dặm, thân cá thứ ba dài một vạn hai ngàn dặm, thân cá thứ tư dài một vạn sáu ngàn dặm, thân cá thứ năm dài hai vạn dặm, thân cá thứ sáu dài hai vạn

bốn ngàn dặm, thân cá thứ bảy dài hai vạn tám ngàn dặm. Đó là đức thứ bảy.

Nước biển toàn vị mặn, trong ngoài như nhau, đó là đức thứ tám.

Vì những lẽ ấy cho nên Rồng thần Chất lượng trong lòng sung sướng thích ở trong biển.

Diệu lý trong kinh điển của Ta cũng có đức to lớn, đọc mãi mà vô cùng tận, ý nghĩa của nó ngày càng sâu xa, dù Phạm, Ma hay Đế Thích cũng không thể lường tính được. Giống như biển xa rộng, thâm sâu khó lường, vì lẽ ấy cho nên các Sa-môn đều ưa thích kinh. Đó là đức thứ nhất.

Các đệ tử của Ta luôn cùng nhau đốc suất khuyến khích tụng kinh, tọa thiền, nghi lễ nghiêm trang, không sai thời, giống như nước biển không sai thời trước khi dâng lên bờ. Đó là đức thứ hai.

Pháp của Ta thanh khiết, chí ở nơi đạm bạc, y phục thức ăn uống được cúng dường không chứa cất nhiều. Nếu có Sa-môn tâm ý hướng theo nẻo uế trược thì dùng pháp xử trị, không được ở chung, giống như biển rộng bao la không dung chứa thây chết hôi thối. Đó là đức thứ ba.

Kinh của Ta giảng nói nghĩa lý đầy đủ, Sa-môn tư duy một cách sâu xa, rèn luyện, bỏ tâm cấu uế, tham dâm, sân hận, ganh ghét, ngu si, và những thứ uế tạp khác. Giống như mài gương ngọc, khi chất dơ đã hết, lại quét sạch những bụi dơ li ti trên đó, thì chẳng gì mà chẳng hiện. Một, ngồi tư duy về nguồn gốc của sanh tử từ xưa thì chẳng gì mà chẳng biết. Hai, suy tư thấy vạn vật trong trời đất như huyễn, hễ có tụ hội thì phải có biệt ly. Ba, thường khởi lòng từ, thương thế gian do ngu si lầm lạc, làm việc điên đảo, không tự biết đó là mê lầm. Bốn, tự suy tư một cách tinh túy, đã biết được việc xưa, lại quán chiếu thấy vị lai, thần thức của chúng sanh sẽ quy hướng về đâu; nẻo đạo của Ta lấy tâm thanh tịnh làm châu báu. Sa-môn bỏ ô uế được hạnh thanh tịnh, trong lòng hoan hỷ, giống như vị thần Chất lượng kia yêu thích các báu trong biển. Đó là đức thứ tư.

Đạo của Ta rộng lớn, hợp mọi người thành một, dòng vua chúa, dòng Phạm chí, dòng quân tử, dòng hạ tiện đến để làm Sa-môn đều bỏ cái họ gốc của mình, lấy đạo mà thương yêu nhau; trí ngu đồng cố gắng, ý như anh em, giống như các dòng nước hợp lại gọi là biển. Do vì điều này khiến Sa-môn vui thích. Đó là đức thứ năm.

Đạo của Ta vi diệu, kinh điển thì uyên áo, bậc Thượng sĩ đắc đạo được gọi là:

1. Câu cảng (*Tu-đà-hoàn*).
2. Tần lai (*Tư-đà-hàm*).
3. Bất hoàn (*A-na-hàm*).
4. Ứng chân (*A-la-hán*).

Đạo của bậc Ứng chân là trong tâm thì thanh tịnh như hạt minh châu của trời, đức hạnh được tàng trữ, thân tướng ứng hiện khắp chốn, sống chết tự tại, thọ mạng lâu vô lượng, cũng không già bệnh. Giống như biển cả có các thần Long, Ngư. Chính vì lẽ đó mà Sa-môn ưa thích.

Kinh sách của Ta, ý nghĩa tốt đẹp như cam lộ, Tiên thánh chưa được nghe, Phạm Thích ít thấy. Từ xưa đến nay chẳng có gì mà chẳng ghi chép trong kinh; trong ngoài đều chân chánh, giống như toàn biển cả đều là vị mặn. Vì thế mà Sa-môn thích đạo. Phàm ai xem kinh của Ta thì ý họ đều hướng về giải thoát. Biển có tám đức, kinh của Ta cũng vậy.

Tôn giả A-nan lại đứng dậy đảnh lễ Đức Phật và bạch:

–Mặt trời ở phương Đông sắp sáng, cúi mong Đức Thế Tôn nói trọng giới.

Đức Thế Tôn bảo:

–Từ nay về sau Ta sẽ không nói Giới kinh nữa. Có giới mà không giữ thì e rằng sẽ làm cho thần sấm sét càng thêm ra oai tức giận. Chính vì thế mà Ta không nói Giới kinh. Từ nay về sau các vị hãy thay nhau kiểm điểm sách tấn. Cứ mười lăm ngày, hội lại mà nói Giới kinh.

Các Tỳ-kheo đều đứng dậy, đảnh lễ sát chân Đức Phật.

❑

SỐ 36

PHẬT NÓI KINH BỐN TƯƠNG Ỷ TRÍ

Hán dịch: Đời Hậu Hán, Đại sư An Thế Cao

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật du hóa tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Không thấy, không rõ nguồn gốc của hữu ái, nhưng nay thấy có từ hữu ái. Giả sử nguồn gốc của hữu ái này không có, nhưng nay lại có, nay thấy rõ ràng, từ nhân duyên căn bản đó đưa đến hữu ái.

Này Tỳ-kheo, hữu ái có nguồn gốc chớ không phải không có nguồn gốc. Này Tỳ-kheo, nguồn gốc của hữu ái là những gì?

–Đó là si (*vô minh*).

Này Tỳ-kheo, si cũng có nguồn gốc chớ không phải không có. Này Tỳ-kheo, nguồn gốc của si là gì?

–Đó là năm triền cái.

Này Tỳ-kheo, năm triền cái cũng có nguồn gốc chớ không phải không có. Này Tỳ-kheo, nguồn gốc của năm triền cái là gì?

–Đó là ba hạnh ác.

Này Tỳ-kheo, ba hạnh ác cũng có nguồn gốc chớ không phải không có. Này Tỳ-kheo, nguồn gốc của ba hạnh ác là gì?

–Đó là không thu nhiếp các căn.

Này Tỳ-kheo, không thu nhiếp các căn cũng có nguồn gốc chớ không phải không có. Này Tỳ-kheo, nguồn gốc của không thu nhiếp các căn là gì?

–Đó là không có Chánh niệm.

Này Tỳ-kheo, không có Chánh niệm cũng có nguồn gốc chớ

không phải không có. Này Tỳ-kheo, nguồn gốc của không có Chánh niệm là gì?

–Đó là bất tín.

Này Tỳ-kheo, Bất tín cũng có nguồn gốc chớ không phải không có. Này Tỳ-kheo, nguồn gốc của bất tín là gì?

–Đó là nghe điều ác, phi pháp.

Này Tỳ-kheo, nghe điều ác, phi pháp cũng có nguồn gốc chớ không phải không có. Này Tỳ-kheo, nguồn gốc của sự nghe điều ác, phi pháp là gì?

–Đó là gần gũi người không hiền.

Này Tỳ-kheo, người không hiền cũng có nguồn gốc chớ không phải không có. Này Tỳ-kheo, những gì là nguồn gốc của người không hiền?

–Đó là hội họp cùng vui chơi với người không hiền.

Như vậy, này Tỳ-kheo, do đầy đủ sự tụ hội với người không hiền nên khiến cho có nhiều người không hiền, do có nhiều người không hiền nên khiến có đầy đủ sự phi pháp, do có đầy đủ sự phi pháp nên có đủ sự bất tín, do có đầy đủ sự bất tín nên khiến có đầy đủ sự không chánh niệm, do có đủ sự không chánh niệm nên khiến có đủ sự không thu nhiếp căn, do có đủ sự không thu nhiếp căn nên khiến có đủ sự phạm pháp của ba hạnh ác, do có đủ sự phạm pháp của ba hạnh ác nên khiến có đủ năm triền cái, do có đủ năm triền cái nên khiến có đủ sự si mê (*vô minh*), do có đủ sự si mê nên có đủ hữu ái của thế gian; như vậy sự ái lạc đầy đủ càng lúc càng tăng trưởng.

Trí tuệ giải thoát khỏi thế gian cũng có nguồn gốc chớ không phải không có. Những gì là nguồn gốc của trí tuệ giải thoát khỏi thế gian? –Đó là Bảy giác ý.

Bảy giác ý cũng có nguồn gốc chớ không phải không có. Những gì là nguồn gốc của Bảy giác ý?

–Đó là Bốn ý chỉ.

Bốn ý chỉ cũng có nguồn gốc chớ không phải không có. Này Tỳ-kheo, những gì là nguồn gốc của Bốn ý chỉ?

–Đó là Ba hạnh thanh tịnh.

Này Tỳ-kheo, Ba hạnh thanh tịnh cũng có nguồn gốc chớ không phải không có. Này Tỳ-kheo, nguồn gốc của ba hạnh thanh tịnh là gì?

–Đó là thu nhiếp các căn.

Thu nhiếp các căn cũng có nguồn gốc chớ không phải không có. Này Tỳ-kheo, nguồn gốc của việc thu nhiếp các căn là gì?

–Đó là Chánh niệm.

Này Tỳ-kheo, Chánh niệm cũng có nguồn gốc chớ không phải không có. Này Tỳ-kheo, những gì là nguồn gốc của Chánh niệm?

–Đó là Tín căn.

Này Tỳ-kheo, Tín căn cũng có nguồn gốc chớ không phải không có. Này Tỳ-kheo, nguồn gốc của Tín căn là gì?

–Đó là nghe kinh pháp.

Nghe kinh pháp cũng có nguồn gốc chớ không phải không có. Nguồn gốc của sự nghe kinh pháp là gì?

–Đó là tôn thờ bậc Hiền giả.

Tôn thờ bậc Hiền giả cũng có nguồn gốc chớ không phải không có. Nguồn gốc của sự tôn thờ bậc Hiền giả là gì?

–Đó là tụ hội với bậc Hiền giả.

Như vậy, này Tỳ-kheo, do tụ hội với bậc Hiền giả mới có thể tôn thờ bậc Hiền giả, nhờ tôn thờ bậc Hiền giả nên liền được nghe lời pháp, nhờ nghe lời pháp nên liền có đức tin, do có đức tin liền được Chánh niệm, do có Chánh niệm nên thu nhiếp các căn, do thu nhiếp các căn liền được Ba hạnh thanh tịnh, nhờ Ba hạnh thanh tịnh nên liền được Bốn ý chỉ, nhờ được Bốn ý chỉ, nên liền được Bảy giác ý, nhờ có Bảy giác ý liền có vô vi, giải thoát, được thoát khỏi thế gian. Như vậy nhờ chuyển hóa nguồn gốc, khiến cho thoát khỏi thế gian.

Đức Phật giảng nói như vậy, các đệ tử phụng hành.

❑

SỐ 37

PHẬT NÓI KINH DUYÊN BỔN TRÍ

Hán dịch: Mất tên người dịch. Phụ vào dịch phẩm đời Đông Tấn.

Nghe như vầy:

Một thời Phật du hóa tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Ái khó nói ra, nhiễm ái có hình sắc tốt tươi, khi chưa sanh khởi, nó có tính năng trói buộc, làm chìm đắm và khiến vướng mắc vào, nó cũng có nguồn gốc. Không thể không có nhân duyên đưa đến ái, từ hữu ái có sự đam mê, từ nguồn gốc đó đưa đến sự cuồng nhiệt, mê say. Cho nên không sáng suốt, quán xét và hiểu rõ. Đó là nguồn gốc của si.

Duyên của si sanh ra cũng có nguồn gốc, là nguồn gốc gì?

–Đó là say đắm sắc thinh, năm triền cái, dong ruổi mê hoặc, do đó sanh ra năm nguồn gốc si mê.

Năm triền cái ngăn che làm cho tăm tối, đưa đến tình trạng do dự, điều này cũng có nguyên do, là những nguyên do gì?

–Đó là ba thứ hạnh ác lôi kéo, nên gọi đó là nguyên do.

Ba thứ hạnh ác huân tập cũng có nguyên do, là nguyên do gì?

–Không thu nhiếp căn thức là nguyên do.

Không thu nhiếp thức căn cũng có nguyên do, là những nguyên do nào?

–Đó là không chánh niệm; niệm điều không nên niệm là nguyên do.

Không chánh niệm cũng có nguyên do chứ không phải không có nguyên do, là những nguyên do gì?

–Đó là không chánh tín; mê mờ phương hướng là nguyên do.

Không chánh tín mê mờ cũng có nguyên do chứ không phải không có nguyên do, là những nguyên do gì?

–Đó là do thầy ác dẫn dắt, nghe theo và thọ trì điều phi pháp là nguyên do.

Không gần thầy chân chánh, không được nghe điều hay cũng có nguyên do, là những nguyên do nào?

–Đó là chống trái với Hiền thánh; không tụ hội với bậc tài trí thông minh là nguyên do.

Chống trái với bậc hiền tài cũng có nguyên do, là những nguyên do gì?

–Đó là mất chỗ tôn kính ngưỡng mộ, tâm hư dối mà tập theo sự vui thích, đó là nguyên do.

Như vậy, này Tỳ-kheo, phàm hễ mất chỗ hội tụ với bậc hiền thánh thanh cao thì hành động thấy nghe của thân, khẩu, ý toàn là mê hoặc, nên trong tâm bế tắc. Vì thấy phi pháp cho nên tín tâm hướng tới sự hủy diệt. Do đi ngược với chánh đạo cho nên tà kiến tăng trưởng, vì tà kiến tăng trưởng cho nên bên trong ôm sự tang tóc, do bên trong ôm sự tang tóc nên ba hạnh ác phát triển; ba hạnh ác phát triển thì năm triền cái sung mãn, do năm triền cái sung mãn nên đầy đủ gốc si mê; do đầy đủ gốc si mê mới đầy đủ ái thọ. Do vậy ái thọ này lần hồi tăng trưởng tạo ra nhiễm bẩn bụi trần không bờ bến.

Nguồn gốc của trí tuệ giải thoát vượt khỏi thế gian cũng có nguyên do. Sao gọi là nguyên do của trí tuệ giải thoát vượt khỏi thế gian? Diệu pháp của bảy Giác (chi) là nguyên do.

Gương sáng của bảy Giác chi cũng có nguyên do, là những nguyên do gì?

–Đó là bốn ý chỉ, nó là nguồn gốc của giác ngộ.

Bốn ý chỉ cũng có nguồn gốc chứ không phải không có nguồn gốc là những nguồn gốc gì?

–Đó là ba hạnh thanh khiết trong sạch.

Ba hạnh trong sạch cũng có nguồn gốc chứ không phải không có. Ý nghĩa căn bản của nó là gì?

–Đó là giữ gìn các căn, chính điều này là nguyên do.

Giữ gìn các căn cũng có nguyên do chứ không phải không có. Nghĩa căn bản của nó là gì?

–Đó là chánh niệm sáng soi, rọi chiếu.

Chánh niệm chiếu soi cũng có nguyên do để tư duy chân chánh, là những nguyên do gì?

–Đó là nhờ tín tâm mà chánh niệm được thù thắng.

Tín tâm cũng có nguyên do chứ không phải không có. Nguyên do của tín tâm là gì?

–Đó là nghe nhiều kinh đạo; thứ lớp nắm được chỗ cốt yếu của kinh là nguyên do.

Nghe kinh pháp cũng có nguyên do chứ không phải không có nguyên do. Nguyên do của nghe kinh pháp là gì?

–Đó là vị Hiền giả làm cho nghiệp được thanh tịnh, chân chánh.

Hiền giả thanh tịnh cũng có nguyên do, là những nguyên do nào?

–Đó là tụ hội với những bậc tài trí, thanh cao chân chánh, trong trắng.

Như vậy, này Tỳ-kheo, Hiền giả học tập thắng pháp, nương tựa bậc minh triết, phụng sự bậc đa văn nên có thể đưa đến nguồn gốc của tín, gốc tín đã lập, liền được chánh niệm, chánh niệm đã trồng liền thâu nhiếp được các căn, đã thâu nhiếp được các căn thì Ba hạnh được thanh tịnh, Ba hạnh đã thanh tịnh liền được Bốn ý chỉ, Bốn ý chỉ đã vững liền có Bảy giác ý, Bảy giác ý đã thành lập, đó chính là Vô vi, giải thoát vượt khỏi thế gian.

Đức Phật nói như vậy, tất cả đệ tử đều vâng làm.

❑

SỐ 38

PHẬT NÓI KINH LUÂN VƯƠNG THẤT BẢO

Hán dịch: Đời Tống, Đại sư Thi Hộ.

Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở tại nước Xá-vệ cùng đông đủ chúng đại Bí-sô. Bấy giờ Đức Phật bảo các Bí-sô:

–Các vị nên biết, có đại vương Quán Đảnh thuộc dòng Sát-đế-lợi, đã thọ pháp quán đảnh, được ngôi vị Luân vương, oai đức tự tại, mọi người tôn trọng, xuất hiện ở đời. Lúc vua xuất hiện, thì có bảy báu xuất hiện. Những gì là bảy báu? –Đó là xe báu, voi báu, ngựa báu, quan chủ báu, quan chủ binh báu, Ma-ni báu, nữ báu. Bảy báu như vậy đã theo vua xuất hiện.

Sao gọi là xe báu?

–Đó là bánh xe bằng vàng có một ngàn căm, tuyệt diệu không gì hơn, các tướng viên mãn, oai lực lớn lao. Kim luân báu này từ không trung hạ xuống, đứng trước cửa cung vua. Lúc ấy vua Sát-đế-lợi Đại Quán Đảnh Luân vương thấy xe báu kia xuất hiện, trong lòng hết sức vui mừng, liền bảo quan hầu:

–Ngươi hãy mau chuẩn bị bốn loại binh để ta du hành.

Quan hầu vâng lệnh, chuẩn bị bốn loại binh xong liền đến chỗ vua tâu:

–Bốn thứ binh đã chuẩn bị sẵn sàng, mong đức vua hãy du hành, nay đã đúng lúc.

Bấy giờ vua Chuyển luân Sát-đế-lợi Đại Quán Đảnh liền từ tòa đứng dậy, sửa lại y phục, đi ra cửa cung, chiếc xe báu ngàn căm ấy

đến trước nhà vua theo phía tay mặt của vua lần lượt chuyển bánh. Khi ấy vua du hành bốn biển, chỉ trong nháy mắt đã trở về cung, chính nhờ công năng thù thắng của xe báu. Này các Bí-sô, đấy gọi là khi vua Chuyển luân Sát-đế-lợi Đại Quán Đảnh xuất hiện thì thứ nhất là xe báu xuất hiện. Lại nữa, này các Bí-sô, khi Sát-đế-lợi Đại Quán Đảnh Luân vương xuất hiện, lại có voi báu xuất hiện. Voi báu có thân tướng đẹp đẽ đặc biệt, thuần một màu trắng, giống như rồng lớn có bảy chỗ đầy đặn viên mãn để an trụ. Voi báu từ phương Bắc từ hư không lướt đến, đứng trước cung vua. Các quan viện trông thấy voi báu xuất hiện liền tâu lại đầy đủ cho vua. Vua Chuyển luân Đại Quán Đảnh thấy voi báu này xuất hiện, trong lòng rất vui mừng, tự nghĩ: "Hết sức tốt lành, vô cùng thù thắng! Nếu ta cần dùng thì nên giữ lấy voi báu này mà dùng".

Vua bảo các quan:

–Voi báu xuất hiện, các ngươi hãy nên hết lòng bảo vệ để phòng lúc ta cần đến.

Quan hầu vâng lệnh vua, luôn siêng năng giữ gìn, khéo tập luyện voi báu, không để sơ sót, phòng lúc vua dùng tới.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Ngày xưa vua Chuyển luân Sát-đế-lợi Đại Quán Đảnh xuất hiện ở đời, bấy giờ cũng có voi báu xuất hiện. Nhà vua vào lúc sáng sớm cưỡi voi báu ấy du hành bốn biển, ngay tức khắc liền trở về cung. Các vị nên biết, voi báu có công năng thắng diệu như vậy.

Này các Bí-sô, đó gọi là khi Luân vương Đại Quán Đảnh xuất hiện thì có món báu thứ hai là voi báu xuất hiện.

Lại nữa, này các Bí-sô, khi Luân vương Đại Quán Đảnh xuất hiện, lại có bốn con ngựa báu xuất hiện. Các bộ phận trên thân chúng đều đầy đủ sắc tướng cực đẹp, gồm các màu xanh, vàng, đỏ, trắng, trước cổ sau cổ đều đẹp, giống như Mộ la, bước đi nhanh nhẹn, lại khéo được điều phục. Bốn ngựa báu này đã xuất hiện ở cung vua. Khi ấy các quan thấy ngựa báu đẹp đẽ, hiếm có, liền tâu với vua. Vua Đại Quán Đảnh thấy bốn ngựa báu ấy, lòng rất vui, tự nghĩ: "Ngựa báu xuất hiện là hết sức tốt đẹp, nếu ta cần dùng, chắc chắn sẽ được như ý".

Đại Luân vương lại nói: "Này các quan, hãy hết lòng giữ gìn,

khéo luyện tập ngựa báu này trong mọi lúc, khi ta cần dùng thì ta sẽ sử dụng". Các viên quan vâng lệnh, luôn chăm sóc, bảo vệ ngựa báu, chờ lúc vua dùng.

Này các Bí-sô, ngày xưa có vua Đại Quán Đảnh xuất hiện ở đời, khi ấy cũng có ngựa báu xuất hiện. Nhà vua vào lúc sáng sớm cưỡi ngựa báu này chu du bốn biển, ngay tức khắc liền trở về cung. Các vị nên biết, ngựa báu ấy có công năng thù thắng như vậy. Này các Tỳ-kheo, đó gọi là khi Luân vương Đại Quán Đảnh xuất hiện thì điều báu thứ ba là ngựa báu cũng xuất hiện.

Lại nữa, này các Bí-sô, khi Luân vương xuất hiện, lại có quan chủ kho tàng báu xuất hiện. Kho tàng báu ấy to lớn vững chắc, có nhiều tiền của dồi dào, do quan báu làm chủ. Vị quan chủ kho tàng báu liền đi đến chỗ vua tâu:

–Có một kho tàng lớn, quý giá, đầy đủ các thứ châu báu vô giá, đặc biệt, đó là tất cả vật báu như vàng... Nếu vua cần dùng, thần sẽ dâng lên theo như ý ngài, không thiếu vật gì.

Bấy giờ Luân vương thấy quan chủ kho tàng báu xuất hiện, trong lòng rất vui, lại nghe nói về: "Các thứ châu báu như vàng... luôn đầy đủ, muốn sử dụng bao nhiêu tùy ý", nhà vua liền bảo thần chủ kho tàng báu:

–Nay ngươi có đủ oai lực, sắc tướng, thần thông như vậy, có thể làm chủ những kho tàng lớn ẩn chứa trong đất, gồm... các thứ báu vàng... tất cả đều đầy đủ. Những việc như thế là hết sức hy hữu, vô cùng tốt đẹp, ngươi hãy khéo giữ gìn cai quản, khi nào ta cần, ngươi sẽ cung cấp.

Này các Bí-sô, các vị nên biết, những kho tàng ẩn chứa dưới đất này, con người không thấy, nhưng hàng phi nhân thì thấy. Khi Luân vương xuất hiện, có vị quan chủ kho tàng tự xuất hiện, giữ gìn và cung cấp tất cả cho vua. Đó là khi Luân vương xuất hiện thì có điều báu thứ tư là quan chủ kho tàng báu xuất hiện.

Lại nữa, này các Bí-sô, khi Luân vương xuất hiện, lại có quan chủ binh báu xuất hiện. Vị chủ binh này là bậc đại trí, thao lược, dõng mãnh, oai đức, sắc tướng và sức lực lớn, tất cả đều đầy đủ, khéo huấn luyện quân binh, phòng thủ bờ cõi của vương quốc, nên không bị quân địch xâm lấn quấy phá. Bấy giờ vị quan chủ binh báu đi đến chỗ vua,

thưa như vầy:

–Đại vương nên biết, tôi là chủ binh đầy đủ năng lực để gìn giữ đất nước của vua. Bất cứ lúc nào, có làm việc gì đều theo đúng ý của vua, không hề sai sót.

Nhà vua thấy quan chủ binh này xuất hiện, trong lòng rất vui, liền bảo:

–Nay ngươi có đủ mưu trí lớn, dõng mãnh, oai đức, sức mạnh, sắc tướng, có thể thi thố tài ba trong mọi trường hợp, hoàn cảnh, khéo điều khiển quân binh để giữ gìn biên giới của đất nước, thật là một bậc hiền thiện! Ngươi hãy luôn luôn phụ tá cho ta, tất cả các việc ngươi hãy khéo tạo phương tiện. Nay ngươi chính là người bảo vệ vững chắc cho vua.

Này các Bí-sô, đấy gọi là khi Luân vương xuất hiện thì có điều báu thứ năm là quan chủ binh báu xuất hiện.

Lại nữa, này các Bí-sô, khi Luân vương xuất hiện, lại có Đại Ma-ni báu xuất hiện. Ngọc Ma-ni báu này, sắc màu tốt đẹp lạ thường là vật báu tối thượng, có đầy đủ ánh sáng, viên mãn, ánh sáng ấy tỏa rộng, chiếu soi tất cả, với công năng lớn lao. Trong cung vua, nếu có ngọc báu này, dù cho đêm tối, không đèn đuốc, ngọc ấy phát ra ánh sáng tự nhiên chiếu tỏa, giống như ánh sáng mặt trời. Này các Bí-sô, xưa kia có vị Đại Luân vương xuất hiện ở thế gian, thì khi ấy cũng có ngọc Đại Ma-ni báu với ánh sáng lớn xuất hiện. Lúc ấy nhà vua muốn thử xem công năng của viên ngọc, liền bảo quan hầu cận chuẩn bị gấp bốn thứ binh, vào lúc ban đêm du hành trong khu rừng. Quan hầu cận vâng lệnh vua liền chuẩn bị gấp bốn loại binh, rồi đi đến chỗ vua, tâu:

–Bốn thứ binh chủng đã tập hợp, nay đã đến lúc, xin vua khởi hành.

Nhà vua nghe tâu xong liền lấy viên ngọc Đại Ma-ni báu đặt trên ngọn cờ. Nhà vua đi đầu trong đêm tối dẫn quân binh du ngoạn nơi khu rừng. Ánh sáng của viên ngọc chiếu tỏa cả một do-tuần, bốn thứ binh chủng kia đều được ánh sáng chiếu soi, giống như ánh sáng trên trời không khác. Này các Bí-sô, đó gọi là khi Luân vương xuất hiện thì có điều báu thứ sáu là Đại Ma-ni báu xuất hiện.

Lại nữa, này các Bí-sô, khi Luân vương xuất hiện, lại có nữ báu cũng xuất hiện. Sắc tướng của nữ báu tuyệt đẹp, thân thể tròn đầy

xinh xắn bậc nhất, các người trong thế gian không ai sánh bằng. Nàng uyển chuyển, nhẹ nhàng, mềm mại như cây Cán-tức-lê. Các lỗ chân lông trên người nàng đều tỏa ra mùi hương vi diệu, giống như bình báu chứa đầy hương thơm, lúc nào cũng phảng phất mùi thơm. Lại nữa, hơi thở ra vào của nữ báu đều luôn luôn có mùi thơm như hương của hoa sen xanh, mọi người đều yêu thích. Như lúc vua đi đâu thì nữ báu theo sau. Những điều nàng làm đều thích hợp, tự tại, tánh hạnh thì trinh chánh, không nhiễm chút tà vạy. Lời nói luôn khả ái, ai cũng thích nghe, thân tướng tươi sáng ai cũng thích nhìn. Này các Bí-sô, đó gọi là khi Luân vương xuất hiện thì có điều báu thứ bảy là Nữ báu xuất hiện.

Đức Phật bảo các Bí-sô:

–Như vậy gọi là khi Luân vương xuất hiện thì có bảy báu xuất hiện. Các vị nên biết, khi Như Lai, Ứng Cúng Chánh Đẳng Giác xuất hiện, giảng nói pháp bảy giác chi. Những gì là bảy?

–Đó là Niệm giác chi, Trạch pháp giác chi, Tinh tấn giác chi, Hỷ giác chi, Khinh an giác chi, Định giác chi, Xả giác chi. Như vậy gọi là Bảy pháp giác chi. Pháp này chỉ có Như Lai, Ứng Cúng Chánh Đẳng Giác lúc xuất hiện nơi thế gian mới nêu giảng rõ, cũng giống như bảy báu đã nêu ở trước, chỉ khi nào vua Luân vương Đại Quán Đảnh xuất hiện thì bảy báu mới xuất hiện mà thôi.

Các vị nên biết, Như Lai đã giảng nói Bảy pháp giác chi khiến cho các chúng sanh theo đúng như lý tu hành, tất cả đều được lợi ích, an lạc. Các vị hãy nên siêng năng tu học như vậy.

❑

SỐ 39

PHẬT NÓI KINH ĐẢNH SANH VƯƠNG CỔ SỰ

Hán dịch: Đời Tây Tấn Sa-môn Thích Pháp Cự.

Nghe như vầy:

Một thời Đức Bạt-già-bà ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ. Lúc ấy Tôn giả A-nan ở một mình tại nơi thanh vắng, liền nghĩ như vầy: "Cho đến lúc chết, sự nhiễm đắm tham dục vẫn còn tàng trữ, không có nhàm chán, biết đủ đối với tham dục".

Bấy giờ Tôn giả A-nan liền rời tòa ngồi đứng dậy, đi đến chỗ Đức Thế Tôn, cung kính đảnh lễ, rồi lui sang một bên. Một lát sau, Tôn giả A-nan qùy thẳng, chắp tay bạch Thế Tôn:

–Vừa rồi, ngay nơi tọa thiền, con liền khởi lên ý nghĩ: "Cho đến lúc chết, sự nhiễm đắm về tham dục của con người vẫn không nhàm chán, biết đủ".

Đức Thế Tôn bảo Tôn giả A-nan:

–Quả thật như vậy, này A-nan, cho đến lúc chết, sự nhiễm đắm về tham dục của con người vẫn còn tàng trữ, thật không có sự nhàm chán biết đủ. Vì sao như vậy? Này A-nan, trong đời quá khứ xa xưa có một vị vua tên là Đảnh Sanh, luôn lấy chánh pháp cai trị, giáo hóa dân chúng, không có tàn bạo, đầy đủ bảy báu. Bảy báu đó là: xe báu, voi báu, ngựa xanh biếc báu, châu ngọc báu, ngọc nữ báu, Cư sĩ báu và tướng điều binh báu. Đó là bảy báu. Vua Đảnh Sanh cũng có một ngàn người con dũng mãnh, tài trí, dung mạo khôi ngô, có thể khiến quân địch khiếp sợ. Nhà vua thống lĩnh thế giới này, cho đến sông ngòi, biển lớn, lấy pháp cai trị, giáo hóa muôn dân, không dùng đao

gậy.

Này A-nan, bấy giờ đại vương Đảnh Sanh bèn nghĩ: "Ta từng nghe người xưa thọ mạng lâu dài, thông minh trí tuệ". Rồi nói như vầy: "Nhưng ta có cả châu Diêm-phù-lợi này, có thế lực, thần thông, lúa gạo sung túc, dân chúng đông đúc, trù phú". Vua bèn sanh ý nghĩ: "Ta muốn có trận mưa bảy báu ngay trong cung điện của ta". Này A-nan, lúc vua Đảnh Sanh vừa khởi lên ý nghĩ, trời liền mưa bảy báu trong bảy ngày.

Lại vào lúc khác vua Đảnh Sanh bèn nghĩ: "Ta từng nghe người xưa thọ mạng lâu dài, thông minh trí tuệ, nói rằng có xứ Phất-vu-đãi, thần túc tự tại, lúa gạo dồi dào, dân chúng đông đảo, cuộc sống trù phú, ta muốn đến xứ đó để cai trị giáo hóa". Này A-nan, khi ấy vua Đảnh Sanh mới nghĩ như vậy xong, liền biến mất khỏi cõi Diêm-phù-lợi, hiện ra ở cõi Phất-vu-đãi, cùng với bốn thứ binh chủng. Bấy giờ chúng sanh ở cõi Phất-vu-đãi từ xa trông thấy vua Đảnh Sanh đến, mọi người đều vây quanh nhà vua, ai cũng đem bát bằng bạc đựng đầy vàng vụn, hoặc cầm bát bằng vàng đựng đầy bạc vụn, đi đến chỗ vua Đảnh Sanh. Đến rồi thưa với nhà vua:

–Lành thay! Đại vương đã đến. Cõi Phất-vu-đãi này là của đại vương, thần túc tự tại, lúa gạo sung túc, cuộc sống của muôn dân phồn thịnh, trù phú. Mong đại vương hãy ở đây để cai trị giáo hóa, tất cả chúng tôi đều là thần dân của đại vương.

Này A-nan, bấy giờ vua Đảnh Sanh ở đó để cai trị giáo hóa trong vô số trăm ngàn năm.

Này A-nan, đại vương Đảnh Sanh vào một lúc khác bèn nghĩ: "Ta có châu Diêm-phù-đề, ưa muốn điều gì liền được toại nguyện, có thần túc, lúa gạo sung mãn, đời sống của muôn dân phồn thịnh, trù phú. Ta đã có mưa bảy báu nơi cung điện trong suốt bảy ngày, nay lại có cõi Phất-vu-đãi tự tại, thần túc, lúa thóc dồi dào, dân chúng đông vui, trù phú. Ta từng nghe người xưa thông minh trí tuệ, nói như vầy: "Có cõi nước Cù-da-ni thần túc tự tại, thực phẩm sung mãn, dân chúng sống trong cảnh phồn thịnh". Vua liền nghĩ như vầy: "Ta muốn đến cõi Cù-da-ni để giáo hóa muôn dân". Này A-nan, khi vua Đảnh Sanh nghĩ như vậy xong, liền biến mất khỏi Phất-vu-đãi, đến cõi Cù-da-ni cùng với bốn loại binh chủng. Lúc đó nhân dân Cù-da-ni từ xa

trông thấy vua Đảnh Sanh, họ đều mang bát bằng bạc đựng đầy vàng vụn, hay cầm bát bằng vàng đựng đầy bạc vụn, cùng mang đến chỗ vua Đảnh Sanh để dâng hiến. Đến xong họ thưa với vua:

–Lành thay! Đại vương đã đến. Đây là cảnh giới Cù-da-ni của vua, lúa thóc sung túc, đời sống của muôn dân trù phú. Cúi mong đại vương hãy ở lại đây để giáo hóa muôn người. Chúng tôi đều là thần dân của đại vương.

Này A-nan, khi ấy vua Đảnh Sanh ở nơi cõi Cù-da-ni để cai trị, giáo hóa dân chúng trong vô số trăm ngàn, vạn năm.

Này A-nan, vào một lúc khác, đại vương Đảnh Sanh bèn nghĩ: "Ta có đất Diêm-phù-lợi, lúa gạo dồi dào, cuộc sống của muôn dân phồn vinh, sung túc, có mưa bảy báu trong cung điện đến bảy ngày. Ta lại có cõi Phất-vu-đãi, cõi Cù-da-ni, cũng giống như cõi Diêm-phù-lợi. Vua Đảnh Sanh lại nghĩ: "Ta từng nghe người xưa, bậc thông minh trí tuệ, nói như vầy: Có châu Uất-đơn-việt, thần túc biến hóa, dân chúng sống trong cảnh phồn thịnh sung túc. Tất cả dân chúng nơi cõi đó đều không bị lệ thuộc bất cứ thứ gì, ý muốn tự tại, thọ mạng lâu dài, khi mạng chung lại sanh lên cõi trời. Dân chúng cõi Uất-đơn-việt ăn lúa gạo tự nhiên sinh, mặc y phục là Kiếp-ba-dục. Ta hãy đến cõi đó để cai trị giáo hóa", nghĩ như vậy rồi, này A-nan, vua Đảnh Sanh liền biến khỏi cõi ở Cù-da-ni đến cõi Uất-đơn-việt cùng với bốn thứ binh chủng. Vua Đảnh Sanh từ xa trông thấy cõi nước ấy đất đai bằng phẳng, toàn là màu sắc xanh tươi, liền nói với dân chúng, quần thần:

–Các khanh, chúng dân có thấy đất đai bằng phẳng, màu sắc xanh tươi không?

Thưa:

–Quả thật như vậy, thưa đại vương!

Vua bảo:

–Đây là loại cây Kiếp-ba-dục dùng để làm áo, nhân dân ở đây đều mặc áo Kiếp-ba-dục. Các khanh cũng hãy mặc áo Kiếp-ba-dục.

Bấy giờ đại vương Đảnh Sanh lại thấy đất đai nơi đó toàn là sắc trắng, thấy rồi bèn bảo các quần thần:

–Các khanh có thấy đất này toàn bộ màu trắng chăng?

Thưa rằng:

–Quả thật như vậy!

–Ở đây lúa thóc tự nhiên sinh, không có vỏ, không có cành, không cần ra sức chà đập, cũng không cần quạt gạo cho sạch cám. Gạo có mùi hương bay theo gió thơm cả một trăm do-tuần, nếu bay ngược gió thì thơm đến năm mươi do-tuần, rất thơm, rất ngon. Dân chúng ở đấy ăn gạo lúa thơm này. Chư Hiền cũng hãy ăn gạo lúa thơm này.

Vua Đảnh Sanh lại từ xa trông thấy đất đai bằng phẳng, toàn là màu xanh tươi. Thấy rồi bảo dân chúng, quần thần:

–Các ngươi có thấy đất đai ở đấy toàn màu xanh tươi chăng?

Thưa rằng:

–Quả thật như vậy, thưa đại vương!

–Đó là loại cỏ Tứ chỉ mềm mại, rất mềm mại như lông chim Khổng tước, đều xoay quanh phía hữu, thân của chúng cũng vậy. Người Uất-đơn-việt đều ngồi trên cỏ này, các khanh cũng nên ngồi trên cỏ đó.

Đại vương Đảnh Sanh từ xa trông thấy những bức tường thấp bao quanh thành quách lâu đài, bèn bảo dân chúng và quần thần:

–Các khanh có thấy đất đai ở đây bằng phẳng, có tường thấp bao quanh lâu đài chăng?

Thưa rằng:

–Đúng vậy, thưa đại vương!

Vua bảo:

–Đó là nhà cửa của dân chúng.

Lúc ấy dân chúng cõi Uất-đơn-việt từ xa trông thấy vua Đảnh Sanh đến, đều lấy bát bằng vàng đựng lúa bằng bạc, lấy bát bạc đựng đầy lúa vàng, tâu với vua Đảnh Sanh:

–Lành thay! Đại vương đã đến đây. Ngài có thần túc tự tại. Đây là cõi Uất-đơn-việt của đại vương, lúa gạo dồi dào, nhân dân đông đúc, cúi xin đại vương hãy ở lại cõi Uất-đơn-việt để cai trị, giáo hóa muôn dân. Chúng tôi đều vâng theo lời dạy của đại vương.

Này A-nan, bấy giờ vua Đảnh Sanh ở cõi Uất-đơn-việt, cai trị giáo hóa dân chúng trong vô số trăm năm, vô số ngàn năm.

Vua Đảnh Sanh vào một lúc khác lại nghĩ: "Ta đã có cõi Diêm-phù-lợi, thần túc tự tại, cho đến dân chúng đông đúc. Ở đó ta được

mưa bảy báu trong cung bảy ngày. Ta cũng có cõi Phất-vu-đãi, cõi Cù-da-ni, cõi Uất-đơn-việt, cũng giống như cõi Diêm-phù-lợi. Ta từng nghe người xưa, bậc thông minh trí tuệ, nói như vầy: Có cõi trời Tam thập tam chúng sanh ở đó thọ mạng lâu dài, dung mạo đẹp đẽ. Cõi ấy có vị trời tên là Thích Đề-hoàn Nhân. Nay ta sẽ đến cõi trời đó để được thọ hưởng năm thứ: thọ mạng của trời, sắc đẹp của trời, nhạc trời, thần túc của trời và sự tăng thượng của trời. Ta sẽ đến cõi Tam thập tam thiên ấy".

Này A-nan, vua Đảnh Sanh suy nghĩ như vậy xong liền cùng bốn binh chủng biến mất khỏi cõi Uất-đơn-việt, đến Tam thập tam thiên, đi vào giảng đường Thiện pháp. Bấy giờ Thích Đề-hoàn Nhân từ xa trông thấy vua Đảnh Sanh đi lại, liền nói với vua Đảnh Sanh:

–Lành thay! Đại vương đã đến. Hãy ngồi vào tòa này.

Này A-nan, khi ấy vua Đảnh Sanh liền đến ngồi nơi tòa cùng với Thích Đề-hoàn Nhân. Hai vua cùng ngồi, không khác gì nhau về dung nhan, tướng mạo, hình tướng, chỉ có ánh mắt là khác thôi.

Bấy giờ vua Đảnh Sanh lại nghĩ: "Ta đã có các cõi Diêm-phù-lợi, cõi Phất-vu-đãi, cõi Cù-da-ni, cõi Uất-đơn-việt, hiện tại cõi Tam thập tam thiên dân chúng có thọ mạng lâu dài. Ta sẽ ở lại chốn này.

Khi ấy chư Thiên cõi Tam thập tam thiên đều tập hợp đến giảng đường Thiện pháp, theo thứ lớp an tọa. Vị chủ cõi Tam thập tam thiên bèn nghĩ: "Vua Đảnh Sanh là vua cõi Diêm-phù-lợi, lấy pháp để cai trị giáo hóa, có đầy đủ bảy báu, có một ngàn người con trai vây quanh. Trong bốn cảnh giới, vua này là bậc hết sức tôn quý. Nhà vua không dùng dao gậy, chỉ dùng pháp để cai trị, giáo hóa muôn dân".

Này A-nan, lúc đó Thích Đề-hoàn Nhân nhường nửa tòa mời vua Đảnh Sanh cùng ngồi. Hai vua cùng ngồi, thần sắc không khác nhau, hình tướng, dung mạo giống nhau, chỉ có ánh mắt là khác.

Này A-nan, lúc ấy vua Đảnh Sanh vui thích, tận hưởng năm thứ dục lạc không hề nhàm chán, biết đủ, trong vô số trăm ngàn năm, vô số vạn năm.

Này A-nan, vào một lúc khác, vua Đảnh Sanh liền sanh ý nghĩ như vầy: "Những cảnh giới do ta thống lĩnh gồm có cõi Diêm-phù-lợi, cõi Phất-vu-đãi, cõi Cù-da-ni, cõi Uất-đơn-việt; ta lại có cõi Tam thập tam thiên này, chư Thiên thọ mạng lâu dài, dung mạo tươi đẹp.

Có giảng đường Thiện pháp này và đủ bốn khu vườn. Những gì là bốn? –Vườn Nan đàn hoàn, vườn Bảo thái, vườn Thô kiên, vườn Tạp chủng. Đó là bốn khu vườn. Có cây Trú độ, cây Câu-tỳ-đa-la cành lá tỏa rộng, bóng mát, mùi hương bay theo chiều gió thơm cả một trăm do-tuần. Nếu lúc ngược gió thì thơm đến năm mươi do-tuần. Đó là chỗ vui chơi của chư Thiên cõi Tam thập tam thiên, trong bốn tháng, dùng ngũ dục để tự vui chơi. Giảng đường Thiện pháp làm bằng lưu ly xanh, đó chính là chỗ ngồi của trời Đế Thích, chung quanh có trăm đài đều làm bằng bảy báu, mỗi mỗi đài có bảy trăm lầu gác, mỗi mỗi lầu gác có bảy trăm Ngọc nữ, mỗi mỗi Ngọc nữ có bảy trăm người hầu, tất cả đều do Thích Đề-hoàn Nhân thống lĩnh.

Này A-nan, lúc ấy vua Đảnh Sanh lại nghĩ: "Ta nay nên chuyển Thích Đề-hoàn Nhân đi. Ta sẽ giáo hóa, cai trị chư Thiên ở cõi Tam thập tam thiên này. Này A-nan, khi vua Đảnh Sanh vừa nghĩ như vậy, thì ngay nơi chỗ ngồi của Thích Đề-hoàn Nhân liền rơi xuống cõi Diêm-phù-lợi cùng với bốn thứ binh chủng, mất hết thần túc, toàn thân đau đớn, giống như người lúc sắp chết, xe báu mất, voi báu chết, ngựa báu cũng chết, châu ngọc báu không hiện, nữ báu mạng chung, Cư sĩ báu và tướng điều binh báu đều chết hết.

Này A-nan, bấy giờ năm nhóm thân thuộc của đại vương Đảnh Sanh đều họp lại, đi đến chỗ vua Đảnh Sanh tâu:

–Sau khi đại vương mạng chung, nếu có người đến hỏi chúng thần rằng: "Đại vương Đảnh Sanh lúc sắp băng hà có chỉ bảo điều gì?", chúng thần sẽ đáp như thế nào?

Nhà vua bảo:

–Các Hiền giả nên biết, đại vương Đảnh Sanh thống lĩnh bốn châu thiên hạ, lên đến cõi Tam thập tam thiên, nhưng đối với năm thứ dục vẫn chưa biết nhàm chán, thỏa mãn, cho đến lúc chết.

Này A-nan, Tôn giả nên biết vua Đảnh Sanh thời đó nào phải là người nào khác. Đừng nên nghĩ như vậy. Vì sao? Này A-nan, vị vua Đảnh Sanh bấy giờ chính là thân Ta. Do phương tiện này, A-nan nên biết, cho đến lúc chết mà đối với năm dục vẫn không nhàm chán, biết đủ; do nhiễm đắm đối với dục, tụ tập chất chứa nên không nhàm chán, biết đủ. Cái gọi là biết đủ đối với dục là chỉ khi nào đạt đến con đường của bậc Hiền thánh.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bèn nói kệ:

Không phải tạo tiền tài
Mà biết nhàm chán dục
Vui ít, khổ não nhiều
Kẻ trí nào ham muốn.
Giả sử trong năm dục
Mà lòng không tham đắm
Ái dứt liền được vui
Cả ba đệ tử Phật
Do dục tham lợi dưỡng
Chết liền vào địa ngục
Gốc dục vốn mịt mờ
Mạng người bị thống khổ.
Các pháp đều vô thường
Đã sanh tất phải hoại
Đời đời đều chấm dứt
Diệt dục, vui đệ nhất.

Bấy giờ Tôn giả A-nan nghe Đức Phật dạy, hoan hỷ vâng làm.

❑

SỐ 40

PHẬT NÓI KINH VUA VĂN ĐÀ KIỆT

Hán dịch: Đời Bắc Lương, Tam tạng Pháp sư Đàm Vô Sấm.

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ Tôn giả A-nan ở chỗ vắng vẻ, tư duy: "Thế gian ít có người nhàm chán đối với năm thứ dục, còn người không biết nhàm chán năm thứ dục cho đến lúc chết thì nhiều".

Tôn giả A-nan vào lúc xế trưa, đi đến trước Đức Phật, đảnh lễ xong, bạch:

–Con ở chỗ vắng vẻ, tư duy: "Người ở thế gian ít có ai nhàm chán đối với năm thứ dục, còn người không biết nhàm chán năm thứ dục cho đến lúc chết thì nhiều".

Đức Phật bảo:

–Đúng như lời Tôn giả nói, người ở thế gian biết nhàm chán đối với năm thứ dục rất ít, nhưng người không biết nhàm chán đối với năm thứ dục cho đến lúc chết thì nhiều.

Ngày xưa có một vị vua tên là Văn-đà-kiệt, sanh ra từ trên đảnh đầu của mẹ, cho nên có tên là Văn-đà-kiệt, về sau làm vua Già-ca-việt. Nhà vua thống lĩnh cả Đông, Tây, Nam, Bắc. Vua có bảy báu:

1. Xe vàng.
2. Voi trắng.
3. Ngựa có sắc xanh.
4. Ngọc minh nguyệt.
5. Vợ là ngọc nữ.
6. Vị thánh làm quan phụ tá.

7. Quan chủ binh làm người dẫn đường.

Vua Già-ca-việt có bảy báu như vậy. Vua là bậc nhân từ hiền lương, tu theo chánh pháp, không gây phiền nhiễu cho muôn dân. Vua có ngàn người con trai đều là những người khôi ngô, tài trí, dõng mãnh, bốn phương thiên hạ đều thần phục nhà vua. Ngài làm vua đến mấy ngàn năm. Trong lòng vua tự nghĩ: "Ta có bốn phương thiên hạ, dân chúng đông đúc, lúa thóc dồi dào, cuộc sống của muôn dân sung túc". Vua lại tự nghĩ: "Ta có ngàn người con trai đều là bậc tài trí không ai bằng, dõng mãnh, sức lực. Trời đã vì ta mà mưa tiền bằng vàng, bạc trong bảy ngày bảy đêm, thật vô cùng sung sướng! Trời nghe tiếng nói của ta, tùy theo ý nguyện của ta liền mưa tiền bằng vàng, bạc trong bảy ngày bảy đêm". Nhà vua thấy trời mưa tiền bằng vàng, bạc như thế nên rất vui mừng, liền cùng nhân dân vui chơi đến mấy ngàn năm. Nhà vua tự nghĩ: "Bốn phương thiên hạ đều thuộc về ta. Ta có một ngàn người con trai, có bảy báu đều ở trước mặt ta. Ta cầu gì cũng được, mong gì cũng thành. Trời đã không bỏ sót ý nguyện của ta, mà lại vì ta mưa tiền bằng vàng, bạc đến bảy ngày bảy đêm".

Vua Văn-đà-kiệt nghe ở phương Nam có nước Diêm-phù-đề dân chúng đông đúc đời sống an lạc, ý của vua muốn đến đó. Nhà vua mới nghĩ như thế thì tất cả bảy báu, bốn thứ binh chủng liền cùng lúc bay đến nước Diêm-phù-đề; nước ấy rộng hai mươi tám vạn dặm. Dân chúng nước ấy thấy vua đến, thảy đều quy phục làm thuộc hạ. Do đời trước của vua đã làm điều lành cho nên mới được phước như vậy...

Ở tại nước Cù-da-ni mấy ngàn năm[1], vua lại sanh ý nghĩ: "Ta có một nước lớn ở phương Tây tên là Cù-da-ni, chu vi ba mươi hai dặm. Ta có bảy báu. Trời đã vì ta mà mưa tiền bằng vàng, bạc trong bảy ngày bảy đêm. Ta có ngàn người con trai đều là bậc tài trí không ai bằng, lại dõng mãnh, sức lực. Ta có nước Diêm-phù-đề ở phương Nam chu vi hai mươi tám vạn dặm". Nhà vua nghe ở phương Đông có nước Phất-vu-đãi, đời sống của dân chúng sung túc, lúa thóc dồi dào, cả nước luôn an lạc, ý vua muốn đến đó. Nhà vua mới sanh ý nghĩ như

---

1. Hán: 王宿命作善故至使得是福. 在俱耶尼國數千歲 (Đại 1, tr.824b, cột 19 & 20): có thể đã bị lược bỏ một đoạn. Tham chiếu: Phật Thuyết Đảnh Sanh Vương Cố Sự kinh, N^{0}39, Đại 1, tr.822 & 823a).

thế, thì tất cả bảy báu, bốn thứ binh chủng liền cùng phi hành đến đó. Quốc vương và nhân dân nước này đều quy phục. Đức vua nhân đó dùng chánh pháp để trị nước, như vậy mấy ngàn năm. Vua lại sanh ra ý nghĩ: "Ta có nước Diêm-phù-đề rộng hai mươi tám vạn dặm, ta có nước Cù-da-ni rộng ba mươi hai vạn dặm, ta có nước Phất-vu-đãi rộng ba mươi sáu vạn dặm". Nhà vua nghe ở phương Bắc có nước Uất-đơn-việt thiên hạ luôn an lạc, dân chúng đông đảo, ý của vua muốn đến nước đó. Vua liền nghĩ: "Ở trong nước ấy không có kẻ bần cùng, không có kẻ giàu người nghèo, kẻ mạnh người yếu, không có nô tỳ, sang hèn đều như nhau. Ta sẽ khiến đám quan thuộc của ta cùng ăn lúa thóc tự nhiên, mặc y phục tự nhiên, trang sức các thứ châu ngọc". Vua mới nghĩ như vậy thì tức khắc bảy báu, bốn thứ binh chủng đồng phi hành đến cõi nước Uất-đơn-việt, từ xa trông thấy đất đai bằng phẳng, xanh như sắc lông màu biếc. Nhà vua hỏi các vị quan bên cạnh:

–Các ngươi có thấy đất đai ở đây bằng phẳng, xanh như sắc lông màu biếc không?

Vị quan ở bên cạnh thưa:

–Thưa vâng, thần có thấy.

Vua bảo:

–Đó chính là vùng đất Uất-đơn-việt.

Vua vừa đến phía trước lại thấy đất đai cũng bằng phẳng và trắng như tuyết, vua lại bảo vị quan bên cạnh:

–Khanh có thấy đất đai ở đây bằng phẳng toàn là màu trắng chăng?

Vị quan bên cạnh thưa:

–Dạ vâng, thần có thấy.

Vua bảo:

–Vì vậy cho nên đất ở Uất-đơn-việt tự nhiên sanh lúa gạo đã giã sẵn. Các ngươi hãy cùng nhau ăn lúa gạo ấy.

Nhà vua lại vừa đi trước, từ xa trông thấy các cây báu, trăm thứ cây, y phục, vàng bạc, ngọc bích, anh lạc đều treo trên cây. Nhà vua bảo những vị quan đi theo:

–Các ngươi có thấy các cây báu này chăng?

Những vị quan thưa:

–Dạ vâng, thần có thấy.

Vua bảo:

–Có đến trăm thứ cây, y phục, cây vàng, cây bạc, cây ngọc bích hoàn, cây anh lạc như thế. Các ngươi hãy đến đó lấy chúng để dùng.

Nhà vua bèn đi trước tới nước Uất-đơn-việt, dân chúng ở đấy trông nhà vua thảy đều quy phục. Nhà vua cai trị Uất-đơn-việt thấy ngàn năm liền, rồi tự sanh ra ý nghĩ: "Ta có cõi Diêm-phù-đề, có cõi Cù-da-ni, có cõi Phất-vu-đãi, lại có cõi Uất-đơn-việt rộng bốn mươi vạn dặm. Ý ta muốn lên núi chúa Tu-di bốn báu, đến cõi trời Đao-lợi, chỗ ở của Thiên vương Đế Thích". Nhà vua vừa mới nghĩ như vậy thì tất cả bảy báu, trăm quan đều phi hành đến đỉnh núi Tu-di, liền vào cung của Thiên vương Đế Thích. Đế Thích từ xa trông thấy vua Văn-đà-kiệt đi đến, liền đứng dậy nghinh tiếp, nói:

–Tôi thường nghe công đức của ngài, nên từ lâu đã muốn được gặp ngài. Nay nhân giả đến đây, thật hết sức tốt lành!

Trời Đế Thích mời vua Văn-đà-kiệt cùng ngồi và nhường nửa tòa cho nhà vua. Vừa ngồi xong, vua Văn-đà-kiệt quay đầu nhìn hai bên tả hữu, nơi thiên thượng thấy có ngọc nữ đứng hầu, cung điện đều làm bằng bảy báu: vàng, bạc, lưu ly, thủy tinh, san hô, hổ phách, xa cừ. Thấy rồi, vua liền nghĩ: "Ta có các cõi Diêm-phù-đề, Cù-da-ni, Phất-vu-đãi, Uất-đơn-việt. Trong cung của ta có mưa tiền bằng vàng bạc suốt bảy ngày bảy đêm". Vua Văn-đà-kiệt lại nghĩ tiếp: "Hãy khiến cho Thiên vương Đế Thích chết đi. Ta muốn thay ông ấy để cai trị cõi trời này như khi ta cai trị các cõi thiên hạ kia vậy. Thật sung sướng biết bao!".

Nhà vua mới sanh ý nghĩ như vậy, thần túc liền mất, liền bị trở lại nhân gian, toàn thân đau đớn, khốn khổ kịch liệt, nằm xẹp trên giường. Tất cả quần thần quan thuộc theo hầu nhà vua, cả thảy đều ở bên giường, hỏi vua:

–Bệ hạ có di chúc gì chăng?

Vua bảo:

–Nếu có người hỏi các ngươi nhà vua có di chúc những điều gì, các ngươi nên nói: "Khi còn tại thế, nhà vua cai trị bốn châu thiên hạ, có trời mưa tiền bằng vàng bạc trong suốt bảy ngày bảy đêm. Nhà vua có một ngàn người con trai, bảy báu đều có thể phi hành. Vua còn lên

trên cõi trời Đao-lợi, Thiên vương Thích đứng dậy nghinh tiếp, hỏi thăm, nhường nửa tòa mời ngồi. Đã được như vậy mà vua còn sanh ra ý muốn chiếm chỗ của Thiên vương Đế Thích, mới sanh ra ý nghĩ ấy liền bị rơi xuống đất, bị bệnh khốn khổ kịch liệt. Vua tự hối hận nói rằng: "Con người cho đến chết vẫn còn chưa biết nhàm chán đối với dục. Người biết nhàm chán đối với dục rất ít". Kinh nói: "Dù trời mưa tiền bằng vàng bạc trong bảy ngày bảy đêm mà thấy chưa vừa lòng. đối với dục lợi thì ít mà lỗi lầm thì nhiều". Người có trí tuệ hãy suy xét về việc này. Vua lại đã được Thiên vương Đế Thích nhường cho nửa tòa mà vẫn thấy chưa vừa. Người tu hành cầu đạo, được quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Bích-chi-phật, cho đến đạt được Phật đạo thì mới nhàm chán dục mà thôi".

Đức Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Vua Văn-đà-kiệt lúc ấy chính là thân của Ta.

Đức Phật nói như vậy rồi, Tôn giả A-nan vui mừng đảnh lễ Đức Phật.

❑

SOA 41

PHẬT NÓI KINH VUA TẦN-BÀ-SA-LA

Hán dịch: Đời Tống Đại sư Pháp Hiền.

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong thành Vương xá cùng với đông đủ chúng đại Bí-sô, đều là những bậc A-la-hán kỳ cựu trong Phật pháp, các lậu đã hết, việc cần làm đã làm xong, đã bỏ gánh nặng, tự mình đã được lợi lạc, đã hết các kết sử, chứng đắc giải thoát. Chúng như vậy cả thảy là một ngàn người.

Bấy giờ Đức Thế Tôn khởi lên ý nghĩ: "Nay Ta hãy đến chỗ Linh tháp, trong núi Trượng lâm". Nghĩ như vậy xong, Ngài cùng chúng Bí-sô đồng đến chỗ ấy, đến nơi liền an cư tại đó.

Lúc ấy vua Tần-bà-sa-la, nước Ma-già-đà nghe Đức Phật Thế Tôn cùng đông đủ một ngàn vị là bậc A-la-hán kỳ cựu đi đến Linh tháp, núi Trượng lâm, nhà vua bèn suy nghĩ muốn tới nơi ấy để nghe pháp. Vua liền ra lệnh chuẩn bị xe cộ. Khác với lúc bình thường, những xe đi theo lần này có đến một vạn hai ngàn chiếc, một vạn tám ngàn cái giường trang điểm ngọc báu, tám thứ âm nhạc, bốn loại binh chủng dẫn đầu, theo sau là quyến thuộc, quần thần phò tá vây quanh mà đi.

Khi ấy vua ra khỏi thành, đến núi Trượng lâm vào chỗ Đức Phật để được gần gũi cúng dường. Lại có các vị Bà-la-môn, Trưởng giả... cũng đi theo vua để đến chỗ Đức Phật.

Bấy giờ Đức Thế Tôn thấy nhà vua đi đến, Ngài thị hiện năm tướng: đảnh đầu, lọng che, ngọc Ma-ni, phất trần và kiếm báu để

trang nghiêm thân Đức Phật.

Khi ấy đại vương đi đến hội chúng của Đức Phật, vứt bỏ hình tướng tự tại của bậc vua chúa, tới trước Đức Phật, trịch áo bày vai bên phải, quỳ xuống, chắp tay hướng về Đức Phật, dùng ngôn từ hay đẹp tán thán công đức của Phật, cung kính đảnh lễ Phật xong, nhiễu quanh ba vòng rồi đứng trước Đức Phật, tự xưng tên mình, thưa Đức Thế Tôn:

–Con là vua Tần-bà-sa-la, vua nước Ma-già-đà.

Nhà vua ba lần bạch Đức Phật như vậy, Đức Phật ba lần đáp lại:

–Vâng, đúng vậy! Ông là vua Tần-bà-sa-la nước Ma-già-đà.

Đức Phật lại dùng lời từ ái hỏi thăm, an ủi đức vua, mời vua ngồi xuống. Vua nghe Đức Phật dạy, hoan hỷ, hớn hở, rồi lui ra ngồi qua một bên. Quyến thuộc của vua cùng các quan hầu đều hướng về Đức Phật, quỳ xuống chắp tay, cũng dùng những lời vi diệu tán thán công đức của Phật, đầu mặt đảnh lễ xong rồi lui ngồi qua một bên. Các vị Bà-la-môn, Trưởng giả..., có người dùng những lời tán thán, lễ bái, có người chỉ chắp tay đảnh lễ, có người từ xa nhìn Đức Phật một cách im lặng. Các chúng như vậy đều ngồi xuống một bên.

Lúc ấy các Bà-la-môn, Trưởng giả ở trong hội chúng bỗng thấy Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp là bậc tu hành kỳ cựu đang đứng hầu một bên Đức Phật, họ bèn nghĩ như vầy: "Ôi! Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp là bậc tu hành kỳ cựu, lại ở chỗ Đại Sa-môn để tu tập phạm hạnh".

Đức Thế Tôn biết các Bà-la-môn và Trưởng giả... ấy trong lòng đang có ý niệm nghi ngờ, nên Ngài liền nói kệ hỏi Tôn giả Ca-diếp:

Này Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp,
Ngày xưa thờ lửa không gián đoạn
Thấy lợi gì và được pháp gì?
Hãy vì ta mau nói nghĩa ấy!

Tôn giả Ca-diếp đáp:

Mùi vị ăn uống của thế gian
Cho đến dục lạc người ưa thích
Con thấy lợi này mà dốc cầu
Cho nên thờ lửa không gián đoạn.

Đức Phật hỏi:

Tại sao tham đắm việc dục lạc?
Cho đến tham đắm vị ăn uống
Tâm yêu thích thiên thượng, nhân gian
Vì nghĩa này, mau nói Ta nghe.

Tôn giả Ca-diếp đáp:

Con vì câu "Tối thượng tịch tĩnh"
Vì không hiểu nên mới thoái lui
Đam mê năm dục, không như lý
Cho nên thờ lửa không gián đoạn.
Vi-đà thờ lửa, chứng giải thoát
Chúng sanh do đây tâm mê hoặc
Kẻ mù khác đâu người đã chết
Đánh mất điều tịch tĩnh tối thượng.
Nay con thấy rõ pháp vô vi
Tối thượng sư, Đại Long khéo nói
Bậc Năng Nhân vì lợi ích lớn
Thế Tôn xuất hiện đại tinh tấn.

Đức Phật lại bảo:

–Này Ca-diếp, ông khéo đến, khéo trụ, không có các tà niệm, khéo có thể phân biệt được pháp tối thượng. Này Ca-diếp, nay ông hãy nên khéo léo hóa độ chúng hội này.

Tôn giả Ca-diếp vâng theo lời Đức Phật bảo, liền nhập Tam-ma-địa, hiện đại thần thông, ở nơi chúng hội liền biến mất, lại xuất hiện trong hư không nơi phương Đông, hiện bốn thứ oai nghi: đi, đứng, nằm, ngồi, cho đến hiện ra Hỏa tam-muội, ở trong cảnh giới hỏa phóng ra vô số ánh sáng: xanh, vàng, đỏ, trắng và pha-để-ca-sắc *(màu hỗn hợp, màu thủy tinh...)*. Lại nữa, phần trên thân phóng ra nước thì phần dưới thân phóng ra lửa. Phần dưới thân phóng ra nước thì phần trên thân phóng ra lửa, lúc ẩn lúc hiện tương tục không gián đoạn. Cũng như vậy, ở trên hư không nơi phương Nam, phương Tây, phương Bắc cũng lại hiện bốn tướng oai nghi: đi, đứng, nằm, ngồi, cho đến hiện ra Hỏa tam-muội *(Hỏa định)*, ở trong cảnh giới hỏa phóng ra vô số ánh sáng: xanh, vàng, đỏ, trắng và pha lê, màu hòa hợp... Lại ở trên thân phóng ra nước, thì dưới thân phóng ra lửa, phần dưới thân

phóng ra nước, thì trên thân phóng ra lửa, lúc ẩn lúc hiện tương tục không gián đoạn.

Bấy giờ Tôn giả Ca-diếp ở trên hư không khắp bốn phương hiện ra các thần biến xong thì thâu nhiếp thần lực, đến trước Đức Phật, chắp tay đảnh lễ, bạch Phật:

–Đức Thế Tôn là thầy của con, con là Đại Thanh văn.

Lại thưa:

–Đức Thế Tôn là thầy của con, con là Đại Thanh văn.

Đức Phật đáp lời Tôn giả Ca-diếp:

–Ta là thầy của ông, ông là bậc Đại Thanh văn.

Ngài lại đáp:

–Ta là thầy của ông, ông là bậc Đại Thanh văn. Ông hãy trở về chỗ cũ mà ngồi.

Lúc ấy các vị Bà-la-môn và Trưởng giả... ở trong chúng lại nghĩ như vầy: "Tôn giả Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp là bậc tu hành kỳ cựu như vậy mà còn ở chỗ Phật là Bậc Đại Sa-môn để tu hành phạm hạnh chăng?".

Đức Phật biết ý của họ, nên nói với vua Tần-bà-sa-la:

–Này Đại vương, nên biết, sắc là pháp có sanh có diệt. Nên biết rõ sắc ấy là có sanh có diệt; thọ, tưởng, hành, thức cũng là pháp có sanh có diệt. Đối với pháp của Năm uẩn này, nên biết nó đã có sanh, tất biết nó phải có diệt. Này đại vương, sắc uẩn pháp ấy, nếu hàng thiện nam có thể thật sự rõ biết có sanh thì liền diệt. Sắc uẩn vốn là không, sắc uẩn đã là không thì sanh tức là vô sanh (chẳng có sanh). Sanh đã là vô sanh thì làm gì có diệt? Sắc uẩn như vậy, các uẩn khác cũng giống thế. Nếu hàng thiện nam hiểu rõ như vậy rồi liền ngộ các uẩn là không sanh không diệt, không đứng không đi, tức là không có ngã. Ta nói người này ở trong vô lượng A-tăng-kỳ kiếp là bậc Chân tịch tĩnh.

Các vị Bà-la-môn và Trưởng giả trong chúng hội lại nghĩ như vầy: "Do pháp gì mà có thể biết rõ là không có ngã, không có thọ, tưởng, hành, thức? Sao gọi là có ngã, nhân, chúng sanh, thọ mạng ấy; cho đến Ma-na-phạ-ca, chủ tể, tác giả, sanh giả, khởi giả, vô động giả, thuyết giả, phân biệt giả, tri giả. Những loại như vậy, loại nào không sanh, loại nào không diệt? Vả lại các loại ấy vì duyên cớ gì mà tạo

nghiệp thiện và bất thiện để thọ quả báo?".

Đức Thế Tôn biết rõ các vị Bà-la-môn và Trưởng giả ấy đã khởi lên tâm niệm như vậy, liền bảo các Bí-sô:

–Này các Bí-sô, chính vì kẻ ngu si, ít nghe chánh pháp, là hàng phàm phu chấp ngã tướng, cho nên đối với vô ngã nói là ngã. Này các Bí-sô, nên biết ngã vốn là vô ngã, và đối tượng của ngã cũng là vô ngã. Nhưng đối với các pháp khổ nếu có tưởng sanh thì khổ uẩn liền sanh, nếu tạo tưởng diệt thì khổ uẩn liền diệt. Cùng với các hành nếu có tưởng sanh thì các hành liền sanh, nếu có tưởng diệt thì các hành liền diệt. Do nhân duyên đó sanh ra các pháp hành, do hành duyên này liền có sanh diệt. Ta đối với những vấn đề như vậy thấu đạt một cách như thật về pháp sanh diệt rồi mới đem ra giảng dạy cho tất cả chúng sanh.

Này các Bí-sô, Ta dùng thiên nhãn thanh tịnh hơn hẳn mắt thường, thấy các chúng sanh sanh diệt, tốt xấu, sang hèn, trên dưới, sanh ở cõi lành hay cõi dữ là do các chúng sanh đó tạo nghiệp thiện ác mà phải thọ lấy quả báo, Ta đều biết một cách như thật. Lại nữa, chúng sanh có đầy đủ ba nghiệp bất thiện nơi thân, khẩu, ý, hủy báng bậc Hiền thánh, dấy khởi tà kiến, do tà kiến đó tạo ra các tà nghiệp, làm các pháp tà. Do nhân duyên đó, sau khi thân hoại mạng chung, phải đọa vào cõi ác, thọ khổ trong địa ngục. Lại nữa, nếu chúng sanh có đủ ba nghiệp thiện nơi thân, khẩu, ý, không hủy báng bậc Hiền thánh, khởi sanh chánh kiến. Do chánh kiến đó, tạo các nghiệp lành, làm các pháp lành. Do nhân duyên ấy, sau khi thân hoại mạng chung được sanh lên cõi trời, được làm thân người, trời. Ta biết chúng sanh ấy như thật, Ta thấy chúng sanh ấy như thật.

Này các Bí-sô, khi ấy Ta không nói: "Có ngã, có nhân, có chúng sanh, có thọ mạng". Lại nữa, các bậc tri giả kia tự hỏi: "Cái gì sanh, cái gì diệt? Tạo nghiệp thiện ác phải thọ quả báo". Các pháp như vậy không có tưởng ngã. Năm uẩn có ra là do có tưởng pháp, do tưởng pháp này mới sanh năm uẩn. Vả lại, do vô minh này duyên nơi pháp hành, các pháp hành sanh ra, tập pháp mới sanh, các pháp hành diệt thì tập pháp liền diệt.

Này các Bí-sô, hành khổ như vậy, do nhân tập khởi mà có, từ nhân tập khởi diệt nên hành khổ liền diệt. Pháp khổ đã diệt, phi pháp

đều diệt thì không còn sanh trở lại nữa. Như vậy là đã dứt trừ tận cùng biên vực của khổ. Này Bí-sô, lại làm sao để chứng diệt? Chính nơi biên vực của khổ này là chân tịch diệt, là đạt được thanh tịnh, an lành, đó gọi là cứu cánh. Này Bí-sô, sự tịch diệt này, đó là xả bỏ tất cả các điều kiện đưa đến ái. Nếu đã dứt hết các pháp dục thì đạt được tịch diệt. Đó chính là Niết-bàn tịch tĩnh.

Bấy giờ Đức Thế Tôn lại nói với nhà vua:

–Này đại vương, ý vua thế nào? Sắc là thường hay vô thường?

Vua đáp:

–Sắc diệt chính là pháp vô thường.

Đức Phật lại bảo:

–Vậy vô thường là khổ hay không khổ?

Vua thưa:

–Bạch Thế Tôn, khi khổ đã diệt liền được không khổ. Khổ là pháp điên đảo. Pháp điên đảo này thì các hàng Thanh văn ít biết, ít nghe mới gọi ngã là Đại Thanh văn, ta là đại trí khởi lên ngã tưởng này, ngã tưởng kia. Điều này là không đúng thưa Thế Tôn.

Đức Phật lại bảo:

–Thọ, tưởng, hành, thức là thường hay vô thường?

Vua thưa:

–Nó là pháp hoại diệt nên vô thường.

Phật hỏi:

–Vậy nó là khổ hay không khổ?

Vua thưa:

–Pháp khổ do nơi điên đảo sanh, pháp điên đảo đó chính là khổ. Thanh văn kia vì ít biết, ít nghe nên sanh ngã tưởng, cho nên tự xưng ta là Đại Thanh văn, ta là đại trí, kia là ngã tưởng. Chẳng phải vậy, thưa Thế Tôn.

Đức Phật dạy:

–Này Đại vương, đúng vậy, đúng vậy! Hãy khéo suy niệm như vầy: “Pháp của sắc uẩn này, hoặc ở quá khứ, vị lai hay hiện tại, hoặc trong hoặc ngoài hay trung gian; hoặc lớn hoặc nhỏ, hoặc cao hoặc thấp, hoặc gần hoặc xa, tất cả pháp kia vốn là vô hữu, vô tướng, vô ngã. Này Đại vương, do chánh trí ấy nên thấy như thật.

Đức Phật lại nói:

–Này Đại vương, cho đến thọ, tưởng, hành, thức, hoặc ở quá khứ, vị lai hay hiện tại, hoặc trong hoặc ngoài hay trung gian, hoặc lớn hoặc nhỏ, hoặc cao hoặc thấp, hoặc gần hoặc xa, tất cả pháp kia xưa nay là vô hữu, vô tướng, vô ngã. Này Đại vương, do chánh trí nên nhận biết như thật.

Lúc ấy các vị Thanh văn ở trong hội chúng... nghe pháp này rồi, biết rõ sắc là vô thường, cho đến thọ, tưởng, hành, thức cũng biết rõ là vô thường để sanh tâm nhàm chán, xa lìa; do nhàm chán, xa lìa nên liền được giải thoát. Chứng giải thoát rồi, chánh trí hiện tiền, biết rằng ta được giải thoát: "Sự sanh của ta đã dứt, phạm hạnh đã lập, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa".

Khi ấy vua Tần-bà-sa-la lãnh hội pháp đó liền xa lìa mọi phiền não cấu uế, đạt được pháp nhãn thanh tịnh. Ở trong hội lại có tám vạn vị trời, người và vô số trăm ngàn Bà-la-môn, Trưởng giả cũng xa lìa mọi phiền não cấu uế, đạt được pháp nhãn thanh tịnh.

Bấy giờ vua Tần-bà-sa-la đạt được pháp nhãn thanh tịnh, có được chánh tri kiến, trụ nơi pháp kiên cố, xa lìa các dục lạc, dứt bỏ các khổ não, ở trong pháp Phật đạt được pháp vô úy, liền từ tòa ngồi đứng dậy, trịch áo bày vai phải, hướng về Đức Phật chắp tay, hết lòng tin kính, đảnh lễ rồi bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, con được lợi lớn, con được lợi lớn! Con xin nguyện quy y Phật, Pháp và Tăng chúng, thọ giới cận sự. Kể từ hôm nay trở về sau, cho đến lúc mạng chung, con không sát sanh, cho đến không uống rượu...

Vua lại bạch Phật:

–Nay con tâm thành tha thiết thỉnh Phật Thế Tôn trở lại thành Vương xá. Cúi mong Đức Thế Tôn thương xót nhận lời mời của con. Con sẽ dốc lo việc cúng dường Đức Thế Tôn cho hết cuộc đời này, về các thứ y phục, thức ăn uống, đồ nằm, ngọa cụ, thuốc men, các vật thọ dụng thảy đều đầy đủ. Đối với các chúng Bí-sô con cũng cúng dường như vậy.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nhận lời mời của vua xong, im lặng. Đức vua thấy Phật im lặng nhận lời thì cung kính đảnh lễ Phật rồi lui ra.

❑

SỐ 42

PHẬT NÓI KINH THIỆT THÀNH NÊ-LÊ

Hán dịch: Sa-môn Trúc Đàm Vô Lan, người Tây Vực, Đời Đông Tấn.

Một thời Đức Phật ở nước Xá-vệ, Kỳ hoàn A-nan Bân-để-a-lam. Bấy giờ Đức Phật bảo các Sa-môn:

–Ta dùng thiên nhãn xem thấy con người trong khắp thiên hạ, lúc sanh, lúc tử, hoặc đẹp, hoặc xấu, kẻ tôn quý, người hạ tiện, có người khi chết được sanh vào đường lành, có người thì sanh nơi đường dữ. Con người ở thế gian, thân làm điều ác, miệng nói điều ác, ý nghĩ điều ác, thường ưa nấu nướng, giết hại sinh linh để cúng tế quỷ thần, nên khi thân chết phải vào trong cõi địa ngục. Còn người thân thường làm việc thiện, miệng thường nói lời thiện, ý thường nghĩ điều thiện, sau khi chết liền được sanh lên cõi trời.

Đức Phật dạy:

–Con người như bọt nước mưa ở trên trời, mưa từ trên trời rơi xuống, cái này bị bể thì cái kia lại thành. Con người ở thế gian lúc sanh, lúc tử mong manh cũng như bọt nước.

Đức Phật dùng thiên nhãn xem thấy con người trong khắp thiên hạ, khi chết thì có người lên cõi trời, có người xuống địa ngục, có kẻ nghèo, người giàu, có kẻ sang, người hèn, chính là do con người làm thiện hay làm ác mà ra.

Đức Phật nói:

–Tất cả những việc ấy Ta đều biết hết. Giống như ban đêm trời tối, ở hai bên cửa thành đều có đèn đuốc, người ra kẻ vào có đến vài ngàn vạn người, từ trong bóng tối mà nhìn thì đều thấy kẻ ra người

vào trong ánh lửa.

Đức Phật dạy:

–Ta dùng thiên nhãn xem thấy con người trong khắp thiên hạ, khi chết thì có người lên cõi trời, có người xuống địa ngục. Giống như người từ trong bóng tối thấy nơi ánh lửa có người đi ra, đi vào. Giống như người leo lên lầu cao nhìn xuống dưới, có mấy ngàn ngôi nhà, kẻ ấy đều thấy hết.

Đức Phật dạy:

–Ta thấy người trong khắp thiên hạ, lúc chết có người sanh lên cõi trời, có người xuống địa ngục, giống như người từ trên lầu cao nhìn các ngôi nhà ở dưới.

Đức Phật dạy:

–Giống như người chèo thuyền trên dòng nước trong, họ đều thấy cá, đá ở trong nước. Đức Phật dùng thiên nhãn xem thấy con người trong thiên hạ, khi chết có kẻ lên cõi trời, có người xuống địa ngục như người nhìn vào nước trong thì thấy cá, đá ở trong đó.

Có một viên ngọc Minh nguyệt, dùng sợi tơ năm màu mà xâu lại. Người nhìn viên ngọc đều thấy tơ năm màu xâu qua viên ngọc.

Đức Phật dạy:

–Ta biết con người trong khắp thiên hạ, từ đâu mà đến, họ đều do thiện, ác biến hóa mà ra. Như người nhìn viên ngọc vậy.

Đức Phật dạy:

–Ta thấy con người trong thiên hạ, bất hiếu với cha mẹ, không kính thờ các bậc Sa-môn, Đạo nhân, không tôn quý các bậc Trưởng lão, không sợ những điều răn cấm của nhà nước, không sợ quả báo ở đời này đời sau, không kiêng, không nể. Những người như vậy, khi chết liền bị đọa vào địa ngục, cùng gặp gỡ vua Diêm-la, liền bỏ thiện theo ác. Có ngục tốt tên là Bàng. Bàng liền dẫn người ấy đến trước vua Diêm-la. Ngục tốt Bàng tâu: "Người này lúc ở thế gian, bất hiếu với cha mẹ, không thờ các bậc Sa-môn, Đạo nhân, không tôn kính hàng Trưởng lão, không chịu bố thí, không sợ quả báo nơi đời này đời sau, không sợ phép nước. Xin Diêm-la xử trị tội ác của người này".

Diêm-la liền gọi người ấy đến trước, nói:

–Lúc làm người ở thế gian ngươi không nhớ công ơn của cha mẹ

nuôi nấng, tránh chỗ nóng, ở chỗ mát, nhờ bú mớm mà được khôn lớn. Tại sao ngươi lại bất hiếu với cha mẹ?

Người ấy thưa với Diêm-la:

–Tôi quả thật là người ngu si, kiêu mạn.

Diêm-la bảo:

–Tội ác của ngươi chẳng phải do cha mẹ, chẳng phải do trời, chẳng phải do vua chúa, chẳng phải do Sa-môn, Đạo nhân tạo ra. Thân ngươi đã tạo ra thì phải lãnh lấy.

Đó là lần hỏi thứ nhất. Diêm-la hỏi lần thứ hai:

–Ngươi có thấy, khi người bị bệnh, khốn khổ kịch liệt, ốm yếu gầy mòn, tay chân không cử động được chăng?

Người ấy thưa:

–Quả thật tôi có thấy như vậy.

Diêm-la nói:

–Tại sao ngươi không tự cải hối để làm việc thiện?

Người ấy thưa:

–Quả thật tôi là người ngu si, kiêu mạn.

Diêm vương nói:

–Tội này chẳng phải do trời, chẳng phải do cha mẹ, chẳng phải do vua chúa, chẳng phải do Sa-môn, Đạo nhân tạo ra. Chính thân ngươi đã tạo ra, ngươi phải nhận lãnh lấy.

Diêm-la hỏi lần thứ ba:

–Ngươi có thấy người nam, người nữ trong thế gian, lúc về già, mắt không thể thấy, tai không thể nghe, phải chống gậy mà đi, từ lúc râu tóc đen nhánh nay trở thành bạc phơ, chẳng bằng lúc tuổi trẻ chăng?

Người ấy thưa:

–Tôi thật có thấy người già chống gậy mà đi.

Diêm-la hỏi:

–Ngay lúc ấy, tại sao ngươi không tự cải hối để làm việc thiện?

Người ấy thưa:

–Quả thật tôi là người ngu si, kiêu mạn.

Diêm-la nói:

–Tội này chẳng phải do cha mẹ, chẳng phải do trời, chẳng phải do vua chúa, chẳng phải do Sa-môn, Đạo nhân tạo ra. Chính thân ngươi đã tạo ra, ngươi phải thọ lấy.

Diêm-la hỏi lần thứ tư:

–Khi ở thế gian, ngươi có thấy người nam, kẻ nữ lúc chết một ngày, hai ngày cho đến bảy ngày, thân thể hư nát, hình mạo hư hoại, bị trùng kiến ăn, bị mọi người ghê sợ. Ngươi có thấy việc ấy, tại sao không tự cải hối để làm việc thiện?

Người ấy thưa:

–Tôi có thấy việc ấy, quả thật tôi là người ngu si kiêu mạn.

Diêm-la nói:

–Khi hành động sao ngươi lại không đoan nghiêm nơi tâm, nơi miệng, nơi các hành vi của mình? Tội này chẳng phải do cha mẹ, do trời, vua chúa, do Sa-môn, Đạo nhân tạo ra. Chính thân ngươi đã làm, ngươi phải thọ lấy.

Diêm vương hỏi lần thứ năm:

–Khi làm người ở thế gian, ngươi có thấy quan lại khi bắt được người trộm cắp, kẻ sát nhân, kẻ cướp, trói lại tống vào ngục, đánh đòn để xử trị, tra khảo chăng? Hoặc đem ra khỏi thành, nơi giữa đường mà giết đi chăng? Hoặc mổ phanh thây lúc còn sống. Vậy ngươi có thấy việc này chăng?

Người ấy thưa:

–Quả thật tôi có thấy việc ấy.

Diêm vương nói:

–Tại sao ngươi lại không bố thí làm điều thiện? Khi làm người sao ngươi không làm theo hạnh chân chánh, nói lời chân chánh, giữ tâm chân chánh?

Người ấy thưa:

–Tôi quả thật là người ngu si kiêu mạn.

Diêm vương nói:

–Tội này cũng không phải do cha mẹ, do trời, do vua chúa, do Sa-môn, Đạo nhân làm ra. Chính thân ngươi đã tạo ra, vậy ngươi phải thọ lấy quả báo.

Khi đã tra hỏi xong, ngục tốt Bàng liền dẫn tội nhân đi đến một thành bằng sắt. Đó là địa ngục thứ nhất tên là A-tỳ-ma. Thành của địa ngục có bốn cửa, chu vi bốn ngàn dặm, bên trong có một cái nồi đồng lớn dài bốn mươi dặm. Ngục tốt Bàng dùng chĩa nhọn đâm vào người tội nhân rồi bỏ vào nồi đồng. Những nồi đồng như vậy nhiều

vô số, bên trong lửa cháy bừng bừng. Những tội nhân từ xa trông thấy thảy đều khiếp sợ kinh hoàng. Những người vào đó như vậy có đến mấy ngàn vạn, đều bị ngục tốt nhốt trong ấy, ngày đêm cửa ngục đóng bít, không mở, nên không thể ra ngoài được. Tội nhân ở trong đó đến mấy ngàn vạn năm, nhưng lửa vẫn không tắt, con người cũng không chết. Một thời gian lâu xa về sau, từ xa trông thấy cửa phía Đông tự mở, các tội nhân đều chạy đến để thoát ra ngoài, vừa chạy tới cửa, cửa liền đóng lại. Những người muốn ra ngoài, lại phải ở trong cửa cùng nhau tranh giành muốn được ra ngoài. Một thời gian lâu xa về sau nữa, từ xa trông thấy cửa phía Tây mở ra, các tội nhân đều chạy đến, nhưng cửa lại đóng, tội nhân ở trong cửa lại tranh giành nhau. Cửa thành phía Nam cũng vậy. Một thời gian lâu xa hơn nữa, bốn cửa thành lại mở ra, con người được ra ngoài, họ tự cho đã được thoát khỏi.

Họ lại đi vào địa ngục thứ hai là Cưu diên. Tội nhân vừa đặt chân xuống đất liền bị cháy tiêu, cất chân lên thì thịt lại liền như cũ, có người chạy qua cửa Đông, có người chạy qua cửa Tây, có người chạy về cửa Nam, có người chạy tới cửa Bắc, chung quanh địa ngục đều bị lửa cháy, đến mấy ngàn vạn năm mới hết.

Những người ở trong đó tự cho là đã được thoát khổ, nhưng họ lại đi vào trong địa ngục thứ ba là Di-ly-ma-đắc. Địa ngục này có loài trùng tên là Quật trác, mỏ như sắt, đầu, chân đều đen. Từ xa trông thấy người, chúng liền chạy đến bu quanh, rỉa hết xương thịt người ta. Như vậy trải qua mấy ngàn vạn năm mới thôi.

Họ tự cho là đã thoát khỏi, nhưng lại liền vào trong địa ngục thứ tư là Sô-la-đa, trong đó có ngọn núi, đá bén như dao, mọi người đều chạy lên đỉnh núi, lại có người chạy xuống dưới núi, muốn được thoát ra, nhưng họ không biết phải chạy hướng nào? Chân họ đều bị lột hết da, vì đất đá giống như dao bén. Như vậy trải qua mấy ngàn vạn năm mới hết.

Tội nhân tự cho là đã thoát khỏi, nhưng họ lại vào trong địa ngục thứ năm là A-di-ba-đa-hoàn. Ở bên trong ngục có gió nóng, khi đã vào rồi có tránh cũng không khỏi. Những tội nhân trong đó muốn chết cũng không được, cầu sống cũng không xong. Như vậy thật lâu, trải qua mấy ngàn vạn năm mới được thoát ra.

Những tội nhân trong đó tự cho là đã được thoát khỏi, nhưng họ lại vào trong địa ngục thứ sáu là A-dụ-táo-ba Nê-hoàn. Trong địa ngục này có rất nhiều cây, chúng đều có nhiều gai nhọn. Ở nơi khoảng giữa những cây đó đều có quỷ. Tội nhân vào trong ấy thì trên đầu quỷ phun ra lửa, miệng khạt lửa, thân quỷ có mười sáu cây nhọn, từ xa trông thấy người đến thì hết sức phẫn nộ bèn phun lửa ra từ mười sáu cây gai này, đâm qua thân thể con người làm cho rách ra để ăn thịt. Tội nhân đều chạy trốn mong được thoát ra ngoài, trong khi chạy lại luôn gặp quỷ ấy. Như vậy trải qua mấy ngàn vạn năm mới hết và được ra ngoài.

Họ tự cho là đã thoát khỏi, nhưng các tội nhân lại vào trong địa ngục thứ bảy là Bàn tỷ vụ. Trong địa ngục này có loài trùng tên là Thuần. Tội nhân vào trong ấy, bị loài trùng này bay đến, chui vào miệng người, ăn thân thể người. Tội nhân chạy rất gấp nhưng trùng ăn thịt người vẫn không để yên. Tất cả tội nhân chạy khắp bốn hướng, muốn được thoát ra, nhưng không thể thoát khỏi. Như vậy trải qua mấy ngàn vạn năm mới được thả ra. Họ tự cho là đã thoát khỏi.

Rồi họ lại vào trong địa ngục thứ tám là Đọa-đàn-la-nê-du. Nơi địa ngục này có dòng nước chảy, mọi người bước vào đều bị rớt xuống đấy, hai bên bờ đều có gai nhọn, còn nước thì nóng hơn nước sôi ở nhân gian. Nước sôi sùng sục khiến tội nhân đều bị chín nhừ. Họ muốn chạy lên trên, nhưng trên ấy lại có quỷ cầm xà mâu đâm vào bụng tội nhân, đẩy họ rớt trở lại vào trong đó, không thể thoát ra. Họ đều bị trôi xuống cuối dòng, lại có quỷ chận lại rồi dùng lưỡi câu mà móc. Chúng quỷ hỏi:

–Các ngươi từ đâu đến?

Nếu hỏi vậy, những ngươi kia đáp:

–Chúng tôi chẳng biết từ đâu đến, và cũng không biết sẽ đi về đâu! Chúng tôi chỉ bị đói khát, muốn được ăn uống.

Quỷ đáp:

–Ta sẽ cho các ngươi ăn. Nói rồi, quỷ liền lấy móc câu móc hàm trên và hàm dưới ra, làm cho miệng tội nhân mở rộng, rồi lấy nước đồng sôi chảy đổ vào miệng tội nhân, khiến cho gan ruột cháy sạch. Những tội nhân như vậy cầu chết không chết được, cầu

sống cũng không sống. Những người ấy khi sống ở thế gian, làm người, do tạo nhiều điều hung ác, nên cầu thoát mà vẫn không thoát ra. Về sau những người trong địa ngục ấy đều được thoát ra ngoài, họ tự cho là đã thoát khổ nhưng lại vào địa ngục thứ bảy. Quỷ hỏi ngược lại:

–Các ngươi đã đi tại sao còn trở lại?

Họ vào địa ngục thứ năm, rồi trở vào địa ngục thứ tư, từ địa ngục thứ tư lại vào địa ngục thứ ba, thứ hai, rồi trở lại địa ngục thứ nhất là A-tỳ-ma? Đến đó, mọi người từ xa trông thấy thành sắt, đều vui mừng hô lớn "muôn năm" Diêm vương nghe tiếng hô ấy liền hỏi ngục tốt Bàng:

–Đó là những tiếng gì vậy?

Ngục tốt đáp:

–Đó là tiếng hô của những người có tội trước đã bị đọa vào trong ngục.

Diêm-la nói:

–Họ đều là những người bất hiếu với cha mẹ, không sợ trời, không sợ vua, không thờ kính Sa-môn, Đạo nhân, không sợ giới cấm.

Diêm-la liền bảo mọi người đến trước mình và nói:

–Nếu các ngươi không oán trách lời nói của Diêm-la, nay các ngươi đã được thoát khỏi địa ngục, sẽ lại làm con của người ta, phải hiếu thuận, phải tôn thờ người lớn tuổi, phải sợ những giới cấm của các bậc vua chúa, phải kính thờ các hàng Sa-môn, Đạo nhân, giữ tâm Chánh trực, miệng, thân luôn ngay thẳng chân chánh. Con người lúc sống ở thế gian tạo tội lỗi nhỏ mà nhẹ, nhưng chết xuống địa ngục thì vừa lớn lại nặng. Khi gặp Sa-môn, Đạo nhân, phải nên tuân theo, vâng thờ đạo của những vị ấy, sẽ chứng được quả A-la-hán, khiến cho các nẻo đến địa ngục đều bị bít lấp.

Diêm-la nói xong, các người ở trong địa ngục đều được thoát ra ngoài, họ lại bị chết hết ở vùng đất ngoài thành. Những người chết ấy, thân mạng đời trước, lúc làm người tuy ác, nhưng có một chút điều thiện, cho nên từ trong địa ngục được ra ngoài, đều sanh ở đường lành. Con người từ trong địa ngục thoát ra đều tự giữ tâm chân chánh, miệng chân chánh, hạnh chân chánh, nên không còn trở lại trong địa ngục nữa. Con người đã cảm nhận nỗi thống khổ, độc hại, xấu ác

trong địa ngục rồi, họ đều tự tư duy để làm việc thiện.

Đức Phật dạy:

–Con người chết vào địa ngục, dù cho vương hầu, Sa-môn, Đạo nhân cũng phải đối mặt với Diêm-la mà thôi. Còn bao nhiêu người khác chỉ theo mọi người mà vào địa ngục. Diêm-la là tên của vị vua ở địa ngục vậy.

❑

SỐ 43

PHẬT NÓI KINH NĂM THIÊN SỨ CỦA VUA DIÊM-LA

Hán dịch: Đời Tống, Tam tạng Pháp sư Tuệ Giản.

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ. Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Hãy khéo lắng nghe và ghi nhớ! Ta dùng thiên nhãn thấy rõ nơi chốn đi đến của mọi người trong cảnh sanh tử là đường thiện, đường ác. Hoặc có người xấu ác, hoặc có người mạnh mẽ, hoặc có người khiếp nhược, hoặc sanh nơi cõi thiện, hoặc sanh nơi cõi ác. Phàm chỗ tạo tác hành động của con người như thế nào Ta đều phân biệt, biết được cả. Hễ con người thân làm ác, miệng nói lời ác, ý nghĩ điều ác, hủy báng Hiền thánh, theo tà kiến, tà hạnh, người ấy lúc mạng chung liền bị đọa vào cõi ác, rơi vào địa ngục. Còn người thân làm điều lành, miệng nói điều lành, ý nghĩ điều lành, khen ngợi bậc Hiền thánh, theo chánh kiến, chánh hạnh, người ấy khi mạng chung liền sanh lên cõi trời, hoặc nhân gian.

Như vậy, này các Tỳ-kheo, Ta dùng thiên nhãn thấy con người mạng chung liền được sinh lên cõi trời hay nhân gian. Này các Tỳ-kheo, Ta dùng thiên nhãn quan sát lúc trời mưa, trong khi nước mưa rơi xuống, hễ một bong bóng nước nổi lên thì một bong bóng nước biến mất. Ta thấy con người khi chết, thần thức đầu thai, hoặc làm người có sắc đẹp, có sắc xấu; người thì mạnh mẽ người thì khiếp nhược, hoặc sanh vào chỗ lành, hoặc sanh vào chỗ khổ, tự sống, tự chết, như bong bóng nước không khác.

Lại nữa, thí như có người lấy sợi tơ năm màu, xâu ngọc lưu ly. Vì ngọc trong suốt cho nên tơ màu xanh, vàng, đỏ, trắng, đen đều hiện rõ ràng. Ta thấy người chết thần thức theo nghiệp đầu thai cũng lại như vậy. Lại như đêm tối, lấy ngọc minh châu treo trước cửa, có người đứng ở một chỗ, nhìn kẻ ra người vào nơi cửa đều thấy rõ ràng. Lại có người ở trên lầu cao, nhìn thấy ở dưới, kẻ đến người đi, kẻ chạy, người đi bộ; kẻ ngồi, người đứng đều rõ ràng. Ta thấy con người khi chết thần thức theo nghiệp đi đầu thai, hoặc đẹp đẽ, hoặc xấu ác, mạnh mẽ hay khiếp nhược, như những điều họ đã tạo ra, Ta đều phân biệt biết rõ.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Con người khi sống ở thế gian, do bất hiếu với cha mẹ, không cung kính các bậc Sa-môn, Đạo nhân, không thực hành nhân nghĩa, không kiềm chế tâm, không học kinh giới, không sợ quả báo đời sau, người ấy khi chết thần thức phải đọa vào địa ngục của Diêm vương. Sứ giả liền bắt đem đến thưa với Diêm vương:

–Đây là kẻ xấu ác. Kẻ này làm điều phi pháp, bất hiếu với cha mẹ, không tôn kính các bậc Sa-môn, Đạo nhân, không theo nhân nghĩa, không kiềm chế tâm ý, không tạo phước đức, không khiếp sợ cái chết, cần phải để cho họ thấy tội ác của mình, cúi mong Đại vương hãy xử phạt chúng.

Như vậy, Diêm vương theo thường lệ, trước tiên dùng lời khuyên răn, cho hiện ra năm vị thiên sứ, dùng lời thẳng thắn để xét hỏi:

–Ngươi há không thấy người của thế gian lúc còn trẻ thơ, ngã nhào trên phân, tiểu, không thể tự che chở cho mình, miệng không biết nói, cũng lại không biết điều tốt, điều xấu chăng?

Người ấy thưa:

–Tôi có thấy điều ấy.

Vua bảo:

–Ngươi tự cho rằng riêng mình thì không có điều ấy sao? Thần thức của con người theo hành động tạo tác, lúc mạng chung liền có tái sanh. Tuy chưa thể thấy, nhưng thường phải làm việc thiện, tự đoan nghiêm nơi thân, miệng, tâm ý mình. Vậy tại sao ngươi lại buông lung tâm ý?

Người ấy thưa:

–Tôi quả thật là người ngu si, mê muội, không biết gì!

Vua nói:

–Tự vì ngươi ngu si làm điều ác. Lỗi này đâu phải do cha mẹ, sư trưởng, vua, Sa-môn, Đạo nhân tạo ra đâu. Tội này là do ngươi, há lại vì không thích mà nó đình chỉ sao? Nay ngươi phải thọ lấy.

Đó là Diêm vương hiện ra thiên sứ thứ nhất. Diêm vương lại hỏi:

–Khi ngươi đang làm người, sứ giả của trời lần lượt đi đến, vậy ngươi có biết chăng?

Người ấy thưa:

–Quả thật tôi không hay biết.

Vua bảo:

–Ngươi có thấy người đàn ông, đàn bà lúc tuổi về già, tóc bạc, răng long, gầy còm, ốm yếu, còng lưng mà bước, đứng ngồi đều phải chống gậy chăng?

Người ấy thưa:

–Tôi có thấy như vậy.

Vua bảo:

–Ngươi cho rằng chỉ riêng mình là không bị già chăng? Phàm con người đã có sanh thì đều phải có già. Lẽ ra đang lúc khỏe mạnh phải thường làm việc thiện, đoan nghiêm thân, miệng và tâm, phụng hành kinh giới, sao lại tự mình buông lung?

Người ấy thưa:

–Tôi đúng là người ngu si, ám muội.

Vua bảo:

–Tự ngươi ngu si làm điều ác, đâu phải là lỗi của cha mẹ, vua, Sa-môn, Đạo nhân. Tội này do ngươi, há lại vì không thích mà nó đình chỉ sao? Nay ngươi phải thọ lấy.

Đó là Diêm vương chánh thức dạy bảo, hiện ra thiên sứ thứ hai. Diêm vương lại hỏi:

–Trong khi làm người, ngươi há không thấy những người nam, người nữ ở thế gian, lúc bị bệnh tật, thân thể đau khổ, đứng ngồi không yên, mạng sống mong manh, các thầy thuốc đều bó tay không thể cứu chữa được chăng?

Người ấy thưa:

–Tôi có thấy như vậy.

Vua bảo:

–Ngươi cho rằng ngươi không bị bệnh chăng? Con người lúc già đều sẽ có bệnh. Lẽ đáng ra lúc mạnh khỏe ngươi phải siêng năng làm điều thiện, phụng hành kinh giới, đoan nghiêm thân, miệng, ý, sao lại tự mình buông lung?

Người ấy thưa:

–Tôi quả thật là kẻ ngu si, ám muội.

Vua bảo:

–Vì ngươi ngu si, ám muội, làm điều ác chứ đâu phải lỗi của cha mẹ, vua, Sa-môn, Đạo nhân? Tội này chính do ngươi làm, há vì không thích mà nó đình chỉ sao? Nay ngươi phải thọ lấy.

Đó là Diêm vương chánh thức dạy bảo, hiện ra thiên sứ thứ ba. Diêm vương lại hỏi:

–Lúc làm người, ngươi há không thấy người chết ở thế gian, tử thi hoặc chôn xuống đất, hoặc bị hư hoại, từ một ngày cho đến bảy ngày da thịt bị thối rửa, chồn cáo, trăm thứ chim đều kéo tới chỗ xác đó để ăn? Hễ con người chết thì thân bị hư nát, gớm ghê cả.

Người ấy thưa:

–Quả thật tôi có thấy như vậy.

Vua bảo:

–Ngươi cho rằng chỉ riêng ngươi là không chết sao? Phàm con người đã có sống đều phải có chết. Lẽ ra ở thế gian phải thường làm việc thiện, thân, miệng, ý tinh tấn phụng hành kinh giới, sao ngươi tự mình buông lung?

Người ấy thưa:

–Tôi quả thật là người ngu si.

Vua nói:

–Tự ngươi đã tạo ra điều ác, đó đâu phải là lỗi của cha mẹ, vua, Sa-môn, Đạo nhân? Tội này do ngươi tạo ra, đâu phải vì không ưa thích mà nó chấm dứt sao? Nay ngươi phải tự lãnh thọ lấy.

Đó là Diêm vương chánh thức giáo hóa, hiện ra thiên sứ thứ tư. Diêm vương lại hỏi:

–Khi làm người, há ngươi lại không thấy những người xấu ác của thế gian bị quan lại bắt bớ, xét thấy tội trạng cần phải dùng hình pháp để xử trị, hoặc chặt tay, chặt chân, hoặc xẻo mũi, xẻo tai, dùng cây

vót nhọn đánh đập làm rách da rách thịt, dùng cát nóng, dầu sôi sùng sục đổ lên thân hình, hoặc bỏ vào trong áo vải to để đốt, hoặc treo đầu lên mà nướng lúc ban ngày, hoặc mổ, cắt nát cơ thể, hoặc bị các chất độc làm đau đớn thê thảm chăng?

Người ấy thưa:

–Quả thật tôi có thấy điều ấy.

Vua bảo:

–Ngươi cho rằng riêng ngươi thì không bị những sự tra khảo độc ác ấy chăng? Mắt ngươi đã nhìn thấy các việc tội, phước của thế gian rõ ràng rồi, sao lại không làm việc thiện, giữ gìn thân, miệng, ý để phụng hành kinh đạo, tại sao tự mình lại buông lung?

Người ấy thưa:

–Tôi quả thật là người ngu si.

Vua bảo:

–Ngươi đã tự dùng tâm mình để làm điều không thật thà, ngay thẳng, đó không phải là lỗi của cha mẹ, vua, Sa-môn, Đạo nhân. Nay tội báo tai ương này ngươi phải lãnh lấy, đâu có phải vì không thích mà nó đình chỉ? Đó là Diêm vương dạy điều trung chính, hiện lên thiên sứ thứ năm.

Đức Phật giảng nói xong, các đệ tử đều lãnh thọ lời Phật dạy, rồi đều đến trước cung kính đảnh lễ Đức Phật.

❑

SỐ 44

PHẬT NÓI KINH CỔ LAI THẾ THỜI

Hán dịch: Mất tên người dịch, phụ vào dịch phẩm đời Đông Tấn.

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật du hóa tại Tiên nhân Lộc xứ, thuộc thành Ba-la-nại. Bấy giờ các Tỳ-kheo sau khi đã ăn xong, tụ tập tại giảng đường cùng nhau bàn luận:

–Giả sử có một bậc Trưởng giả thực hành bình đẳng. Có vị Tỳ-kheo tịnh giới, phụng hành giới chân chánh, đi vào nhà vị Trưởng giả ấy để khất thực, nếu được cúng dường một trăm cân vàng, thì phước của ai thù thắng hơn?

Có vị Tỳ-kheo đáp:

–Người được một trăm cân vàng, ngàn cân vàng nào có ích gì. Hãy suy tư cho kỹ điều này. Vị Tỳ-kheo tôn thờ giới, tu hành chân chánh, thọ nhận sự cúng dường của ông trưởng giả, tôi cho phước đức của ông trưởng giả mới là tối thượng.

Bấy giờ Hiền giả A-na-luật cũng ở trong hội chúng, nghe lời giảng giải ấy, bèn đáp:

–Đâu chỉ có trăm ngàn cân vàng, giả sử châu báu nhiều hơn gấp bội như vậy cũng không bằng sự cúng dường trai phạn của vị Trưởng giả cho Tỳ-kheo giữ giới chân chính. Vì sao như vậy? Nhớ lại kiếp trước của tôi ở nước Ba-la-nại, thời ấy lúa thóc khan hiếm, nhân dân đói kém, tôi phải gánh cỏ đi bán để tự nuôi sống. Lúc đó có vị Duyên giác tên là Hòa Lý đến du hóa tại nước ấy. Buổi sáng tôi ra khỏi thành sắp đi gánh cỏ, bấy giờ vị Duyên giác đắp y, ôm bát vào thành để khất thực. Tôi đang gánh cỏ trở về trong thành thì ở

giữa đường lại gặp vị Duyên giác ấy ôm bát không đi ra. Duyên giác Hòa Lý từ xa trông thấy tôi đi đến, liền tự nghĩ: "Sáng sớm ta vào thành thì người này ra khỏi thành. Nay anh ta gánh cỏ trở về, có lẽ buổi sáng anh ta chưa ăn, vậy mình hãy nên theo sau, đến nhà để xin được chút gì cho qua cơn đói". Lúc đó tôi gánh cỏ tự trở về nhà mình, thả gánh cỏ xuống đất, quay lại thấy vị Duyên giác đi theo sau tôi như bóng theo hình, tôi bèn suy nghĩ: "Sáng sớm ra khỏi thành ta thấy vị Duyên giác này vào thành khất thực, nhưng lại ôm bát không trở ra, có lẽ vị ấy chưa được ăn uống gì, ta hãy nhịn ăn để dâng cho vị ấy". Tôi liền mang thức ăn ra, quỳ xuống dâng lên, để thân Tôn giả được an ổn. Tôi nói:

–Mong bậc Đạo nhân thương xót mà nhận cho.

Vị Duyên giác nói:

–Lúa thóc khan hiếm, nhân dân đói kém, vậy hãy chia cơm này ra làm hai phần, một phần bỏ vào bình bát ta, còn một phần thì thí chủ hãy dùng. Như vậy mới là đúng pháp.

Tôi liền thưa:

–Đúng vậy, thưa Thánh nhân! Kẻ bạch y này ở nhà, hễ đốt lửa lên nấu bất cứ vật gì ăn cũng được, từ từ nấu ăn, sớm muộn gì cũng không sao. Xin Đạo nhân hãy thương xót gia đình con mà thọ nhận cho.

Vị Duyên giác kia lúc ấy mới chịu nhận đồ ăn. Do công đức ấy mà ta được bảy lần sanh lên cõi trời làm vua chư Thiên, bảy lần ở thế gian được làm người tôn quý. Nhân một lần cúng dường đó mà được các hàng Quốc vương, Trưởng giả, dân chúng, quần thần, trăm quan hễ trông thấy là hết lòng quý kính. Bốn chúng đệ tử là Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Thanh tín sĩ, Thanh tín nữ luôn cúng dường áo quần, đồ ăn uống, giường chõng, ngọa cụ, thuốc men chữa bệnh, những thứ ấy ta không cầu nhưng nó vẫn tự đến. Lúc ta mới sanh ở nhà dòng họ Thích, các kho tàng liền hiện ra các thứ vàng bạc châu báu không thể kể xiết, các tài vật khác thì nhiều vô số. Khi ta lìa bỏ nhà cửa sự nghiệp để làm Sa-môn, giả sử bấy giờ ta biết được vị đạo nhân Duyên giác ấy đã thành đạo, ta đem tâm rộng lớn cúng dường thì phước đức không thể lường tính được. Liền đọc bài tụng:

Ta từng đi gánh cỏ

Bần cùng, làm thuê sống
Cúng dường vị Sa-môn
Là Duyên giác Hòa Lý.
Nhân đó sanh họ Thích
Tên là A-na-luật
Ta ở nơi ca múa
Giỏi nhạc trống đờn sáo.
Bấy giờ thấy Đạo sư
Chánh giác hơn cam lộ
Liền phát tâm hoan hỷ
Xuất gia làm Sa-môn.
Bèn biết được kiếp trước
Đời trước đã trải qua
Ở cung trời Đao-lợi
Được bảy lần an lạc.
Ở trời bảy, đây bảy
Cả thảy mười bốn lần
Ở cõi trời, thế gian
Chưa từng đến cõi ác.
Biết được người đến, đi
Sanh tử cõi hướng tới
Tuy trên trời vui sướng
Sao bằng được Thánh đạo!
Nhờ năm thứ định ý
Tịch nhiên được nhất tâm
Tẩy trừ kết, các cấu
Đạo nhãn được thanh tịnh.
Cho nên mới xuất gia
Bỏ sự nghiệp thế gian
Sở nguyện đã thành tựu
Nhờ Phật chỉ dạy đủ.
Cũng chẳng thích sự sanh
Cũng không cầu sự tử
Lúc đầu không lựa chọn
Tịch nhiên tâm ý định.

Giữa rừng trúc Duy-da
Ở đó ta mạng chung
Ở nơi cạnh cây trúc
Đạt diệt độ vô lậu.

Bấy giờ Đức Thế Tôn nhờ đạo nhĩ nên nghe hết những điều Tỳ-kheo A-na-luật nói về thọ mạng đời trước của mình với chúng Tỳ-kheo, vốn là quả báo mà Hiền giả đã đạt được trong những kiếp trước. Đức Thế Tôn từ phòng tham thiền đi đến giảng đường, an tọa trước chư vị Tỳ-kheo, rồi nói:

–Các vị cùng hội họp nơi đây để bàn luận chuyện gì?

Các Tỳ-kheo thưa:

–Tất cả chúng con cùng hội họp nơi đây để bàn luận về chỗ quy về của các việc tội phước, thiện ác. Hiền giả A-na-luật tự nói về sự vun trồng gốc công đức ở đời trước của mình.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Các vị đã được nghe nói sự việc về đời quá khứ. Vậy có muốn nghe Như Lai nói về pháp căn bản ở đời vị lai chăng?

Các Tỳ-kheo thưa:

–Xin vâng, bạch Thế Tôn, nay đã đúng lúc Đức Thế Tôn nói về pháp vị lai cho các Tỳ-kheo nghe. Nghe xong chúng con sẽ xin phụng trì.

Đức Phật bảo:

–Hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ.

Các Tỳ-kheo thưa:

–Xin vâng, bạch Thế Tôn, chúng con mong được nghe.

Đức Phật bảo:

–Ở đời vị lai, con người sống lâu đến tám vạn tuổi. Dân chúng ở cõi Diêm-phù-đề này đông đúc, năm thứ lúa thóc dồi dào. Các làng xóm của con người sống cách nhau bằng tiếng gà gáy *(hai bên cùng nghe).* Người nữ đến năm trăm tuổi mới lấy chồng. Chúng sanh lúc ấy chỉ có ba thứ bệnh: bệnh già, đại tiện, tiểu tiện và mong cầu.

Bấy giờ có một vị vua tên là Kha, là bậc Chuyển luân vương thống lãnh bốn cõi thiên hạ, lấy chánh pháp trị dân, có bảy báu tự nhiên: xe có bánh bằng vàng, voi trắng, ngựa xanh, minh châu, vợ là ngọc nữ, vị thần coi về kho tàng, vị thần coi về binh đội. Nhà vua có

một ngàn người con trai dõng mãnh, sức lực hơn người, dung mạo thù thắng, hàng phục được binh đội của các nước khác. Nhà vua cai trị bốn cõi thiên hạ, không dùng roi, gậy, đao kiếm, luôn lấy chánh pháp để giáo hóa, dân chúng luôn được an ổn. Vua có bốn cỗ xe làm bằng bảy báu, bánh xe có ngàn cây căm, cao ba mươi hai trượng. Xe này rất cao rộng, uy quang lừng lững, bên trên xe có treo cờ để bố thí cho tất cả chúng sanh y phục, thức ăn, giường chõng. Xe còn chở hương hoa, đèn đuốc để cúng dường cho các Sa-môn, Đạo nhân và những kẻ bần cùng. Làm công việc bố thí xong, vua nhờ đức tin của gia đình, bỏ nước, bỏ ngôi vua, bỏ nhà học đạo, làm Sa-môn. Khi đó vị Tộc tánh tử ấy đã mộ đạo, cạo bỏ râu tóc, thân mặc pháp y, đạt được phạm hạnh, tịnh tu vô thượng, thông tỏ rốt ráo giáo pháp của Phật, hiện tại tự nhiên thành tựu sáu pháp thần thông, đã chấm dứt sanh tử, việc cần làm đã làm xong, thấu rõ nguồn gốc của Danh sắc.

Bấy giờ có vị Hiền giả Tỳ-kheo ở trong chúng hội, từ tòa ngồi đứng dậy, trịch áo vai hữu, quỳ thẳng chắp tay bạch Đức Thế Tôn:

–Đời vị lai con sẽ là vua Kha, làm chủ bốn cõi thiên hạ, có bảy báu tự nhiên, có ngàn người con trai, lấy chánh pháp cai trị, rộng thí tất cả, rồi xuất gia học đạo, thành bậc Vô trước tuệ chăng?

Đức Thế Tôn liền trách mắng Tỳ-kheo ấy:

–Này người ngu si kia, nên dốc sức trọn đời để thành tựu đạo đức, sao lại mong cầu trôi lăn trong sanh tử mà nói: "Đời sau của con làm Chuyển luân Thánh vương, tham đắm bảy báu, có ngàn người con trai dõng mãnh, rồi sau đó mới vào đạo".

Đức Phật bảo Tỳ-kheo ấy:

–Đời vị lai của ông sẽ được làm vua Kha, chủ bốn cõi thiên hạ, rộng bố thí tất cả, rồi xuất gia thành đạo.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Con người ở đời hậu lai tuổi thọ tăng đến tám vạn. Sẽ có Đức Thế Tôn hiệu là Di-lặc Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, vị Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn như Ta hiện nay. Chư Thiên, Phạm thích, Sa-môn, Phạm chí, ở trên trời, dưới trời thảy đều quy phục để thọ lãnh giáo pháp. Đức Như Lai ấy rộng thuyết chánh pháp giáo hóa các hàng chúng sinh thượng, trung, hạ, làm cho họ khéo phân

biệt nghĩa lý, tịnh tu Phạm hạnh. Khiến cho tất cả đều được đạo pháp chuyển hóa, giống như Ta ngày nay. Giáo pháp thanh tịnh của Ngài lưu hành cùng khắp trên trời, dưới đất, chẳng ai là chẳng thọ lãnh. Chúng Tỳ-kheo đệ tử của Đức Phật ấy là vô số.

Khi đó, Hiền giả Di-lặc ở trong chúng hội liền từ tòa ngồi đứng dậy, trịch áo bày vai bên phải, quỳ thẳng chắp tay, đến trước bạch Đức Phật:

–Thưa vâng, bạch Thế Tôn. Đời vị lai của con lúc ấy con người thọ đến tám vạn tuổi, con sẽ làm Di-lặc Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác, giáo hóa chúng sanh trên trời, dưới trời như Đức Như Lai hiện nay.

Đức Thế Tôn tán thán Hiền giả Di-lặc:

–Lành thay! Lành thay! Hãy thể hiện lòng từ nhu hòa rộng lớn để cứu độ vô lượng vô số chúng sanh. Nên hưng khởi ý muốn này, vì tất cả chúng sanh ở đời vị lai mà nêu dạy, dẫn dắt, cũng như Ta hiện nay. Đời vị lai Hiền giả sẽ thành Phật hiệu là Di-lặc Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Vị Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, hiệu Phật Thế Tôn.

Bấy giờ Hiền giả A-nan cầm quạt hầu Phật. Đức Phật bảo Hiền giả A-nan:

–Hãy đem tấm y do tơ vàng dệt thành lại đây, Ta sẽ thưởng cho Tỳ-kheo Di-lặc.

Hiền giả A-nan vâng lời, liền mang tấm y đến dâng lên Đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn nhận rồi liền đem cho Hiền giả Di-lặc và nói:

–Hãy nhận lấy pháp y này để cúng dường cho chúng Tăng. Vì sao vậy? Vì các Đức Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác ở thế gian luôn tạo cho con người được nhiều lợi ích, dùng đức độ cao tột để cứu độ họ.

Hiền giả Di-lặc liền lấy y ấy dâng lên chúng Tăng. Lúc ấy, ma Ba-tuần trong lòng tự nghĩ: "Sa-môn Cù-đàm vì các Tỳ-kheo giảng nói về đời vị lai. Nay ta muốn đến để làm nhiễu loạn giáo pháp của Sa-môn Cù-đàm".

Ma liền đi đến trước Đức Thế Tôn, nói kệ:

Tôi nghĩ người bấy giờ

Thân mềm mại, tóc mượt
Thân đầy báu anh lạc
Đầu trang sức ngọc hoa.

Đức Thế Tôn nói:

–Nay ma Ba-tuần cố ý đến đây muốn quấy nhiễu giáo pháp của Ta.

Đức Phật liền nói kệ:

Dân chúng thời bấy giờ
Không chấp, dứt hồ nghi
Cắt đứt lưới sanh tử
Việc làm không thất thoát
Theo Phật Di-lặc dạy
Tu phạm hạnh thanh tịnh.

Thiên ma nói kệ:

Tôi nghĩ người lúc đó
Thân mặc y sáng ngời
Và xoa hương chiên-đàn
Trang sức nơi thân đầu
Ở thành Kê đầu mạc
Nơi vua Kha trị vì.

Đức Thế Tôn nói kệ:

Người khi ấy chí thành
Vô ngã, vô sở thọ
Không dùng châu báu lạ
Tâm không còn tham đắm
Ở đời Phật Di-lặc
Tu phạm hạnh thanh tịnh.

Thiên ma nói kệ:

Tôi nghĩ người khi đó
Tham của báu, uống, ăn
Thích công việc ca múa
Ưa trống, đờn, đủ loại
Ở thành Kê đầu mạc

Nơi vua Kha trị vì.

Bấy giờ Đức Phật dùng bài kệ đáp lại ma:

Người tu Ba-la-mật
Phá lưới, hết trói buộc
Thiền định, hành bình đẳng
Vui mừng, không vướng chấp
Ma Ba-tuần nên biết
Khi đó ngươi không còn!

Lúc ấy ma Ba-tuần tự nghĩ: "Đức Như Lai là Bậc Thần Thánh, đã biết chỗ an trụ, hưng khởi và hủy diệt của ta", nên ma buồn rầu, không vui, xấu hổ bỏ đi.

Đức Phật giảng nói như vậy xong, tất cả chúng Tỳ-kheo đều hoan hỷ.

❑

SỐ 45

PHẬT NÓI KINH VUA ĐẠI CHÁNH CÚ

Hán dịch: Đời Tống, Đại sư Pháp Hiền.

QUYỂN THƯỢNG

Tôi nghe như vầy:

Một thời Tôn giả Đồng tử Ca-diếp ở tại nước Kiêu-tát-la, tuần tự du hành, dừng chân nơi vườn Lộc dã thuộc rừng Thi-lợi-sa, phía Bắc thành lớn Thi-lợi-sa.

Thời ấy có vị vua tên là Đại Chánh Cú, đóng đô ở thành Thi-lợi-sa. Nhà vua trước đây không tin nhân quả, thường nói như vầy: "Không có đời sau, cũng không có người tái sanh, không có hóa sanh". Ông thường khởi niệm đoạn diệt như vậy.

Khi đó, trong thành lớn Thi-lợi-sa có các bậc Đại Bà-la-môn và Trưởng giả chủ... cùng nhau bàn luận: Vì sao vị Sa-môn Đồng tử Ca-diếp ấy đi đến phía Bắc thành này trú trong vườn Lộc dã, thuộc rừng Thi-lợi-sa?

Lúc ấy Tôn giả Ca-diếp đang ở trong thành đó tiếng tăm đồn khắp, tất cả dân chúng vùng này trước đây từng được nghe Tôn giả Ca-diếp khéo giảng nói các pháp cốt yếu, với nhiều ý nghĩa thâm diệu, nên bảo nhau: "Tôn giả Ca-diếp đã được an lạc, thường hành hạnh đầu đà, chính là Bậc Ứng Cúng, là Bậc Đại A-la-hán. Nay Tôn giả đã đến đây, chúng ta nên cùng nhau đi tới khu rừng chỗ Tôn giả ngụ để lễ bái, kính cẩn cúng dường".

Bấy giờ các Đại Bà-la-môn, Trưởng giả... ở trong thành đều đi về phía Bắc của thành, đến vườn Lộc dã, thuộc rừng Thi-lợi-sa muốn

cùng được tham vấn. Lúc ấy vua Đại Chánh Cú đang ở trên lầu cao, từ xa trông thấy các vị Bà-la-môn, Trưởng giả... cùng nhau ra khỏi thành, đi về phía Bắc đến vườn Lộc dã, rừng Thi-lợi-sa. Nhà vua thấy vậy bèn hỏi vị quan hầu:

–Tại sao các vị Bà-la-môn, Trưởng giả đều cùng nhau ra khỏi thành đi đến vườn Lộc dã, nơi rừng Thi-lợi-sa?

Quan hầu thưa:

–Có một vị Sa-môn tên là Đồng tử Ca-diếp du hóa đến phía Bắc của thành lớn này, hiện trú trong vườn Lộc dã, thuộc rừng Thi-lợi-sa. Cho nên các hàng Bà-la-môn, Trưởng giả... ở trong thành đều cùng nhau tìm đến chỗ ấy để lễ bái cúng dường.

Nhà vua nghe tâu liền bảo quan hầu:

–Ngươi đến bảo các vị Bà-la-môn, Trưởng giả... kia hãy dừng lại một chút để chờ ta. Nay ta sẽ cùng họ đồng đến chỗ ấy để lễ bái, tham vấn Sa-môn Đồng tử Ca-diếp. Vì sao? Vì theo ý ta, sợ các Bà-la-môn, Trưởng giả này sẽ bị Sa-môn Đồng tử Ca-diếp dùng tà pháp để dẫn dắt. Vị này không căn cứ vào trí thức, dối nói là "có người và có đời sau, lại có hóa sanh".

Quan hầu vâng lệnh vua, đi đến chỗ các Bà-la-môn, Trưởng giả... nói với những người ấy:

–Vua Đại Chánh Cú bảo các vị hãy dừng lại chốc lát, vua sẽ tới ngay bây giờ để cùng đi với các vị đến lễ bái thăm hỏi Sa-môn Đồng tử Ca-diếp.

Mọi người theo lệnh vua ban nên đều không dám đi trước. Quan hầu làm xong nhiệm vụ, liền trở về chỗ vua tâu lại đầy đủ sự việc như thế.

Bấy giờ vua Đại Chánh Cú cho người điều khiển xa giá đưa nhà vua ra khỏi cung thành, cùng với các vị Bà-la-môn và Trưởng giả đồng đi đến vườn Lộc dã, thuộc rừng Thi-lợi-sa. Tâm vua vốn kiêu mạn, cho xa giá đến chỗ đường hẹp rồi mới xuống xe, đi bộ vào trong vườn, chỗ Tôn giả Đồng tử Ca-diếp đang ở. Vua Đại Chánh Cú cùng các vị Bà-la-môn, Trưởng giả trông thấy Tôn giả Đồng tử Ca-diếp. Lúc đầu họ chưa có lòng tin đối với Tôn giả nên không tỏ ra quá cung kính. Nhà vua và Tôn giả Đồng tử Ca-diếp vấn an thăm hỏi rồi cùng ngồi qua một bên. Các vị Bà-la-môn, Trưởng giả thấy nhà vua như

vậy nên họ cũng có chút kính trọng, đều cùng nhau chào hỏi, rồi đứng chung quanh.

Bấy giờ đại vương Đại Chánh Cú liền đi thẳng vào chuyện:

–Này Tôn giả Ca-diếp, hãy lắng nghe tôi nói. Theo ý tôi thì không có đời sau, không có người tái sanh, cũng không có hóa sanh. Ý tôi là như vậy, còn ý của Tôn giả thì thế nào?

Tôn giả Ca-diếp đáp:

–Nếu vua thích nghe về ý nghĩa chân chánh như vậy, trước hết phải thành tâm tin một cách chắc thật.

Vua liền đáp:

–Thưa vâng, tôi xin thọ giáo.

Bấy giờ, Tôn giả Ca-diếp nói với nhà vua:

–Đại vương thấy mặt trời, mặt trăng là có hay không có? Nó thuộc về đời này hay đời sau? Lý ấy quá rõ ràng chẳng có gì gượng ép cả. Này đại vương, ngài thấy như thế nào và nghe như thế nào?

Vua đáp:

–Này Tôn giả Ca-diếp, sự thấy và nghe của tôi cũng giống như Tôn giả là mặt trời, mặt trăng đó thuộc về đời này và cũng thuộc về đời sau nữa.

Tôn giả Ca-diếp lại hỏi:

–Như điều đại vương trông thấy là cũng có ở đời sau nữa. Này đại vương, không nên chấp như kiến giải từ trước.

Tôn giả Ca-diếp lại nói:

–Này đại vương, như các hàng Sa-môn, Bà-la-môn cho đến Bậc Ứng Cúng, Thế Gian Giải... nhờ trí tự thông tỏ, biết như thật, chắc chắn rằng có nhân, có quả, có đời này, có đời sau. Này đại vương, không nên chấp đoạn diệt như trước nữa.

Sự mê chấp của nhà vua vẫn chưa tỉnh ngộ. Nhà vua nói với Tôn giả Ca-diếp:

–Tôn giả nay sao nói những lời như vậy? Như ý của tôi thì thật sự không có đời sau. Này Tôn giả Ca-diếp, chớ lại gượng nói như thế.

Tôn giả Ca-diếp đáp:

–Thân của nhà vua ngay vào lúc này là có hay không có? Như thân này của vua là có thì tại sao lại chấp đoạn cho rằng không có đời sau? Nên dùng ví dụ gì để chứng minh cho lý này?

Nhà vua đáp:

–Này Tôn giả Ca-diếp, nay tôi có một ví dụ để chứng minh cho lý ấy, là thân hiện nay là có còn đời sau là không.

Vua nói:

–Này Tôn giả Ca-diếp, như người thân thuộc của tôi bị mắc phải tật bệnh kéo dài đã lâu, lúc gần mạng chung, bấy giờ tôi tới chỗ người bệnh để thăm hỏi và bảo: "Bệnh ông hiện rất nặng, chắc chắn là không thoát khỏi. Nếu có chết đi hãy trở về báo cho ta biết. Ta nghe các hàng Sa-môn, Bà-la-môn trước kia có nói rằng, nếu người nào phá giới, tạo nghiệp ác, sau khi mạng chung phải bị đọa vào địa ngục. Nếu như các Sa-môn, Bà-la-môn kia nói đúng thì các ông là thân thuộc của ta, sau khi mạng chung chắc chắn phải bị đọa địa ngục. Vì sao? Vì các người thân thuộc của ta đã phá giới, tạo tội, do đó nên biết chắc chắn phải bị đọa lạc vào cõi ác. Nếu ông ở nơi cõi ác hãy nhờ người khác hoặc chính mình trở về báo cho ta biết rằng nay tôi đang ở trong địa ngục chịu lấy bao sự thống khổ cùng cực. Nếu ông trở về báo cho ta biết, chắc chắn ta sẽ đến đó để cứu". Nhưng chỉ thấy có người chết ra đi chớ chưa từng thấy có người chết trở lại. Này Tôn giả Ca-diếp, như ý của tôi do ví dụ này thì nên biết chắc chắn là không có đời sau.

Tôn giả Ca-diếp đáp:

–Này đại vương, ví dụ này tuy rõ ràng nhưng chưa phải là lý thuyết chân chánh. Nay tôi xin hỏi vua: Ví như có người vi phạm phép nước bị binh lính tuần tra bắt được, đưa đến chỗ vua tâu: "Người này phạm tội như vậy, không dám che giấu". Nhà vua nghe tâu như vậy liền ra lệnh cho quan có trách nhiệm đem tội nhân này trói chặt hai tay lại rồi dẫn ra ngã tư đường, chỗ đông người tụ hội, đánh trống loan báo nay tội nhân này phạm tội như vậy và theo lệnh của vua xin báo cho mọi người ở khắp Đông, Tây, Nam, Bắc cùng nhân dân trong thành được biết, rồi dẫn tội nhân ra khỏi thành, cứ theo pháp mà xử trị. Như tội nhân này khi sắp tới pháp trường sẽ nói với người canh giữ rằng: "Xin hãy thương xót thả tôi ra một chút để tôi về nhà có đôi lời từ biệt với những người thân thuộc, rồi tôi sẽ trở lại liền". Này đại vương, đao phủ kia có dám thả người ấy ra một lát để y trở về nhà chăng?

Vua đáp:

–Không thể thả, thưa Tôn giả Ca-diếp. Giả sử gã này có hết lời cầu khẩn thì người đao phủ ấy cũng không dám thả ra. Vì sao vậy? Vì phép vua đã quy định thì không thể thả ra dù chỉ một giây lát.

Tôn giả Ca-diếp lại nói:

–Này đại vương, các người thân thuộc của đại vương do vì tạo nghiệp gây tội lỗi cho nên sau khi mạng chung phải bị đọa trong địa ngục. Do tội lỗi đã tạo tác nên họ mãi mãi phải nhận lấy mọi sự khổ sở. Các tội nhân này nói với ngục tốt: "Xin hãy tạm thời thả cho chúng tôi trở về nhân gian, đến chỗ vua để cầu xin vua cứu khổ". Này đại vương, vậy ngục tốt này có chịu thả tội nhân ấy ra không?

Vua đáp:

–Không thả.

Tôn giả Ca-diếp lại nói:

–Này đại vương, cùng là người đồng ở thế gian mà không chịu tạm thời thả tội nhân ra, huống chi những người thân thích của nhà vua đã tạo đủ điều ác và bị đọa trong địa ngục. Này đại vương, đừng đem ví dụ này để cho là không có đời sau. Sự chấp đoạn ấy chẳng phải là lý lẽ chân chánh, do đấy nên biết đã có đời hiện tại vậy phải có đời sau. Cho đến các hàng Sa-môn, Bà-la-môn, các Bậc Ứng Cúng, Thế Gian Giải nhờ trí tuệ tự thông tỏ nên biết rõ sự thật. Vậy vua không nên chấp theo kiến giải như trước.

Vua lại đáp:

–Này Tôn giả Ca-diếp, lời nói đó chẳng đúng, tâm của tôi chưa đồng ý, không thể lại nói rằng thật có đời sau.

Tôn giả Ca-diếp lại nói với nhà vua:

–Ý của vua như thế, vậy có ví dụ nào có thể chứng minh nữa chăng?

Vua đáp:

–Nay tôi lại có một ví dụ về người thân, có thể dùng để chứng minh. Này Tôn giả Ca-diếp, như người thân thuộc của tôi bị bệnh nặng, sắp sửa mạng chung. Tôi đến dặn dò và nói với người bệnh: "Tôi nghe các vị Sa-môn, Bà-la-môn thường nói như vầy: 'Nếu người nào trì giới, tu các pháp thiện, hoặc là bố thí mà người cho, người nhận và vật được cho đều thanh tịnh, thấy người khác đạt được điều thù

thắng không sanh lòng ganh tị. Người ấy khi mạng chung được sanh lên cõi trời.' Nếu lời nói của các Sa-môn, Bà-la-môn ấy mà đúng thì sau khi ông mạng chung, chắc chắn sẽ sanh về cõi trời. Vì sao? Ta thấy ông thường có đủ giới hạnh tu pháp thiện, khi thực hành bố thí thì người cho, người nhận và vật bố thí đều được thanh tịnh, đối với việc thù thắng của người khác không hề sanh lòng ganh ghét. Do đó nên biết chắc chắn ông được sanh lên cõi trời. Nếu được sanh lên cõi trời thì ông hãy nhờ người khác hoặc chính mình trở về để báo cho ta biết: 'Nay tôi đã được sanh lên cõi trời đó, hưởng mọi sự an lạc'." Này Tôn giả Ca-diếp, các người thân thuộc của tôi ấy nếu thật đã sanh lên cõi trời thì chắc chắn phải về báo cho tôi biết. Vậy tại sao người thân thuộc của tôi chỉ thấy chết mất, không hề trở lại báo gì cả, do đó nên biết chắc chắn là không có đời sau.

Tôn giả Ca-diếp nói với nhà vua:

–Nay tôi cũng xin nói một ví dụ để khiến cho vua thấy là thật có đời sau. Này đại vương, ví như có một hầm phân hôi thối không thể đến gần. Bấy giờ có một người lỡ rớt vào trong đó, dơ nhớp vô cùng nhưng nhờ phương tiện nên được thoát ra khỏi chốn ấy. Khi thân đã ra khỏi rồi, liền dùng các thứ dầu thơm nấu nước tắm rửa, lại dùng hương bột để xoa vào thân. Khi thân hình kẻ ấy đã được thơm sạch, lại dùng các loại áo Ca-thi-ca tuyệt đẹp mặc vào, dùng các ngọc báu, tràng hoa để trang sức nơi thân, rồi người ấy ở trong nhà để thọ hưởng mọi sự diệu lạc. Này đại vương, theo ý vua thì sao? Như vậy người ấy có muốn trở vào hầm xí nơi trước nữa chăng?

Vua nói:

–Không bao giờ, thưa Tôn giả Ca-diếp. Cái hầm phẩn hôi thối ấy người kia đâu có thích thú gì!

Tôn giả Ca-diếp lại nói:

–Này đại vương, người kia sanh lên cõi trời cũng lại như thế. Đã được sanh lên cõi trời rồi, há lại muốn trở về nhân gian nữa sao? Lại nữa, này đại vương, ở nhân gian một trăm năm thì bằng một ngày một đêm ở cõi trời Đao-lợi. Người thân của đại vương tu các pháp thiện đã được sanh lên cõi trời ngày đêm thọ hưởng sự an lạc, há còn nghĩ đến việc trở lại để báo cho vua biết: "Tôi đã được sanh ở cõi trời, ngày đêm hưởng mọi sự vui sướng". Này đại vương, đại vương cùng với chư

Thiên thọ mạng dài ngắn có giống nhau chăng?

Vua nói:

–Không giống, thưa Tôn giả Ca-diếp.

Tôn giả Ca-diếp lại nói:

–Này đại vương, cõi trời, cõi người vốn tự cách biệt, không nên như kẻ khờ khạo mong được trở về báo cho biết, sau đó mới có thể tin là có đời sau. Này đại vương, chỉ có các hàng Sa-môn, Bà-la-môn, các Bậc Ứng Cúng, Thế Gian Giải mới có thể thật biết là có đời sau. Có thể dùng trí của chính mình để rõ biết một cách như thật, không nên lại có kiến chấp là không có đời sau.

Nhà vua nói với Tôn giả Ca-diếp:

–Như lời Tôn giả nói cũng chưa đủ để tôi tin. Vì sao? Tôn giả nói ở nhân gian một trăm năm bằng ở cõi trời Đao-lợi một ngày một đêm. Vậy có người nào đến nói với Tôn giả là thời gian ở hai cõi khác nhau như vậy chăng?

Tôn giả Ca-diếp lại nói:

–Như chỗ thấy của nhà vua thì cũng giống như người mới sanh ra đã bị mù. Vì sao? Người mới sanh đã mù, tự mình không thấy các màu sắc xanh, vàng, đỏ, trắng; hình tướng vi tế, thô xấu, dài ngắn nên nói: "Như vậy vốn không có màu sắc xanh, vàng, đỏ, trắng và hình tướng vi tế, thô xấu, dài ngắn". Lại nói: "Ta không biết, ta cũng không thấy". Người mới sanh ra đã mù ấy do tự mình không thấy nên mới chấp rằng vốn không có màu sắc xanh, vàng, đỏ, trắng, cho đến hình tướng dài ngắn... Này đại vương, đừng giống như người mới sanh đã mù kia chấp cho là không có các hình sắc.

Nhà vua nói:

–Này Tôn giả Ca-diếp, như ý của tôi, nếu cõi trời kia thật có thì tôi liền nói có. Còn nếu quả thật là không có thì tại sao khiến tôi nói là thật có. Lại nữa, này Tôn giả Ca-diếp, Tôn giả không phải là người thiện. Vì sao? Sự thấy biết của tôi vốn chân chánh, sao lại ví tôi với người sanh ra đã mù kia? Này Tôn giả Ca-diếp, những điều ông nói về việc sanh lên cõi trời... quả thật là tôi không tin. Nếu tin lời ấy thì khác nào ăn phải thuốc độc, như kiếm nhọn đâm vào thân, như leo lên núi mà bị ngã xuống, chỉ tự hại mạng mình mà thôi. Những điều xấu ác như vậy tôi đều xa lìa.

Tôn giả Ca-diếp nói với vua Đại Chánh Cú:

–Tôi nhớ đời xưa có một Bà-la-môn nhà cửa hết sức giàu có, mà đến khi tuổi già chỉ có một người con trai tuổi mới mười sáu, mẹ nó đã chết. Bà-la-môn kia không thể sống cô độc, bèn tục huyền. Không lâu sau người vợ kế này lại có thai. Người vợ ấy chưa kịp sanh thì ông Bà-la-môn ấy qua đời. Bấy giờ người con trai nói với mẹ kế:

–Tất cả những của cải vàng bạc châu báu cho đến tất cả vật dụng trong nhà này đều thuộc về tôi, không một người nào khác có thể phân chia tài sản vật dụng của tôi được.

Người kế mẫu kia nghe người con trai nói xong liền bảo:

–Nay tôi đã mang giọt máu của cha cậu ở trong bụng, hãy chờ nó lớn khôn thì chia cho nó một nửa.

Người con trai kia vẫn nói lại những lời như trước. Người kế mẫu suy nghĩ: "Thằng nhỏ này tuổi còn thơ ấu, tánh tình dại khờ. Tuy mình đã nói hết lời nhưng nó vẫn chưa thể hiểu". Lại do lòng tham nên muốn gấp thấy đứa con trong bụng ra đời, bà dùng nhiều phương tiện để được sanh nhanh. Do chưa đủ ngày tháng nên việc ấy trở lại làm hư thai. Này đại vương, người đàn bà kia vì lòng tham lam ganh ghét nên trở lại làm hư thai của chính mình. Này đại vương, nay ngài vì không chịu nhận thứ tìm hiểu nên mới khởi lên đoạn như vậy.

Vua đáp:

–Này Tôn giả Ca-diếp, Tôn giả chớ nói lời như trước: "Ai trì giới, tu thiện và thực hành bố thí, sau khi mạng chung sẽ được sanh lên cõi trời, thọ mạng lâu dài, thường thọ hưởng an lạc". Tôi thật tình không tin như vậy. Nay tôi nếu tin vào lời của Tôn giả thì đó là ăn thuốc độc, là bị gươm nhọn đâm vào thân mình, là rơi từ núi cao xuống, chỉ tự hại mình mà thôi. Tại sao Tôn giả Ca-diếp vẫn cứ giữ mãi những lời nói như vậy? Theo như ý tôi thì chắc chắn không có người đầu thai, không có đời sau, cũng không có hóa sanh.

Tôn giả Ca-diếp nói với nhà vua:

–Há không còn ví dụ nào để chứng minh cho lời của ngài nữa sao?

Vua đáp:

–Này Tôn giả Ca-diếp, tôi lại có một ví dụ cho việc ấy, để biết là không có người đầu thai, không có đời sau, cũng không có hóa

sanh. Này Tôn giả Ca-diếp, như bà con thân thuộc của tôi bị bệnh nặng, tôi liền đến đó an ủi, thăm hỏi. Khi người ấy chưa chết thì còn nói chuyện với tôi về sự khổ não của y, đến khi chết rồi thì không còn nói với tôi về sự khổ não nữa. Do đó có thể biết rằng chắc chắn là không có đời sau, cũng không có hóa sanh.

Tôn giả Ca-diếp nói:

–Tôi nhớ ngày xưa có một thôn xóm, dân chúng trong đó không biết tiếng hình tướng của tù và, lại cũng chưa từng nghe tiếng tù và bao giờ. Bỗng nhiên có một người từ ngoài đi đến, dừng chân ở thôn xóm này. Người ấy thường cầm một vỏ ốc để làm công việc, mỗi ngày cầm tù và đi đến chỗ tượng Thánh thổi lên để cúng dường, xong thì trở về trú xứ. Lúc đó tất cả dân chúng trong thôn xóm bỗng nhiên nghe tiếng tù và ấy thảy đều kinh sợ, cùng nhau bảo: "Đó là tiếng gì vậy? Chúng ta chưa hề nghe tiếng như thế". Này đại vương, tất cả dân chúng trong thôn xóm khi ấy cùng đến chỗ phát ra tiếng tù và hỏi cái tù và kia:

–Ngươi từ đâu đến, phải nói sự thật, nếu nói không đúng sự thật, chúng ta sẽ đập phá ngươi! Tù và nếu biết ý của chúng ta tất phải nói gấp lý do.

Này đại vương, đám dân chúng kia đối với hình tướng của vỏ ốc cùng tiếng tù và, vốn chưa từng thấy, cũng chưa từng nghe, nên muốn bảo cái vỏ ốc đó hỏi đáp với họ. Vỏ ốc đã là vật vô tình thì đâu có thể trả lời được! Vì sao vậy? Bởi vì nó cũng như đại vương muốn nói chuyện với người đã chết. Người đã chết rồi há có thể nói lại được sao? Đại vương không nên chấp giữ kiến giải như vậy, cho rằng không có người đầu thai, không có đời sau, cũng không có hóa sanh.

Tôn giả Ca-diếp lại nói:

–Có những bậc Sa-môn, Bà-la-môn đạt được đầy đủ thiên nhãn, dùng thiên nhãn thanh tịnh ấy nên thấy rõ con người chết ở đây, sanh ở kia, thọ thân hình đẹp hay xấu, đoan nghiêm hay thô lậu, được sanh lên cõi trời hay đọa vào cõi ác. Này đại vương, những việc như vậy đều có thể chứng minh được cả. Vậy không nên nói không có đời sau, cũng không có hóa sanh.

Vua nói:

–Này Tôn giả Ca-diếp, tuy ngài nêu ví dụ như vậy nhưng tôi vẫn

không tin. Theo kiến giải của tôi thì chắc chắn không có người thọ sanh, cũng không có hóa sanh, không có đời sau.

Tôn giả Ca-diếp lại nói với nhà vua Đại Chánh Cú:

–Nếu như vậy, vua lại có ví dụ gì nữa để chứng minh rằng không có người thọ sanh, cũng không có đời sau, không có hóa sanh chăng?

Vua đáp:

–Này Tôn giả, ví như quan coi về pháp luật xử trị con người, đến khi thực hiện thì tự mình vi phạm những luật cấm, sau đó bị hạch hỏi, tấu trình lên vua mọi việc. Vua đều biết rõ nên ra lệnh cho quan Pháp ti dẫn tội nhân đi, cứ y theo pháp luật mà xử. Vua lại ra lệnh trói chặt hai tay tội nhân lại, đem đến pháp trường để trừng trị thật thích đáng, dùng các thứ cực hình để xử theo tội nặng nhẹ. Người ấy khi còn sống thì biết khổ đau, nếu đã chết rồi thì không còn hơi thở nữa. Lại nữa, kẻ tội phạm ấy lúc chưa chết thì thân thể mềm mại, nhưng khi chết rồi thì thân thể cứng đờ. Cho đến việc nhẹ lúc còn sống, nặng lúc đã chết khác nhau. Này Tôn giả, do đó mà biết chắc chắn là không có đời sau, không có người thọ sanh, cũng lại không có sự hóa sanh chi cả.

Tôn giả Ca-diếp lại nói:

–Này đại vương, theo ý ngài thì thế nào? Ví như cục sắt cũng có nhẹ nặng, mềm cứng khác nhau? Khi sắt nóng thì thể chất của nó nhẹ mà mềm, để sắt nguội đi thì thể chất của nó nặng mà cứng. Này đại vương, loài hữu tình hay vô tình thân tướng đều bẩm thọ từ tứ đại, do tứ đại ấy mà có sự hợp hay tan, do đó nên có sự sai khác về mềm cứng, lạnh nóng. Đừng nên đem lý này để so sánh với đời sau và sự hóa sanh... Đại vương nên biết, thật có các bậc Sa-môn, Bà-la-môn chứng đắc đầy đủ thiên nhãn, thấy các chúng sanh chết ở đây sanh ở kia, cho đến thân tướng đoan nghiêm hay thô xấu, hoặc sanh ở cõi trời hay đọa vào đường ác, họ đều có thể chứng biết là thật có đời sau, có hóa sanh.

Vua nói:

–Thưa Tôn giả, như lời ngài nói thì chưa đủ để vững tin. Theo ý tôi thì quả thật không có người thọ sanh, không có đời sau, cũng không có hóa sanh.

M

PHẬT NÓI KINH VUA ĐẠI CHÁNH CÚ

QUYỂN HẠ

Tôn giả Ca-diếp lại nói với vua Đại Chánh Cú:

–Vậy nhà vua còn có ví dụ nào nữa để chứng minh là không có người tái sanh và không có đời sau, cũng không có hóa sanh?

Vua đáp:

–Tôi lại có một ví dụ có thể chứng minh cho lý của tôi. Này Tôn giả, ví như có người phạm tội rất nặng. Quan cận thần biết được liền tâu với vua hiện nay có người này phạm tội rất nặng. Nhà vua nghe tâu rồi liền ra lệnh cho quan trực thuộc bắt trói tội nhân, theo pháp luật xử trị. Quan Pháp ti vâng lệnh vua, dẫn tội nhân đi, trói chặt hai tay, bỏ vào trong vạc mà đun nấu. Vua lại ra lệnh hãy nấu cho thật nhừ, thịt xương rời ra, rồi lấy cây dò thật kỹ trong cái vạc, để xem kẻ ấy có thành đời sau và sự hóa sanh... ra vào không? Quan Pháp ti chấp hành theo lệnh vua nấu tội nhân cho đến lúc thịt chín nhừ, rồi tìm thật kỹ trong vạc, rốt cuộc không thấy có đời sau của con người và sự hóa sanh... ra vào chi cả. Cho đến trước sau tìm kiếm nhiều lần mà vẫn chẳng thấy gì.

Vua nói:

–Này Tôn giả, do ví dụ đó mà biết quả thật là không có người tái sanh, không có đời sau, cũng không có hóa sanh.

Tôn giả Ca-diếp nói với nhà vua:

–Này đại vương, ví như có người trong giấc ngủ mộng thấy một khu vườn tuyệt đẹp. Trong vườn có nhiều thứ cây cối, hoa quả sầm uất, ao nước trong vắt. Người ấy ở trong giấc mộng hết sức ưa thích. Này đại vương, cái vườn ấy là có thật chăng? Và sự xem chơi, thưởng ngoạn, việc người ấy đi ra, đi vào trong khu vườn kia là có thật chăng?

Vua đáp:

–Không có thật, thưa Tôn giả Ca-diếp. Những điều thấy trong giấc mộng đều chẳng phải là chân thật.

Tôn giả Ca-diếp nói:

–Cũng như sự chấp trước về đoạn diệt của đại vương chẳng phải là chân thật. Này đại vương, cần phải biết rõ sự thật là thật có người tái sanh, có đời sau, có hóa sanh, cho đến thật có các bậc Sa-môn, Bà-

la-môn chứng đắc đầy đủ thiên nhãn thanh tịnh, vượt hơn thế gian, thấy các chúng sanh chết ở đây, sanh ở kia, thân tướng đoan nghiêm hay xấu xí, được sanh lên cõi trời hay bị đọa vào địa ngục. Đó là sự chân thật không nên trở lại chấp đoạn như trước nữa.

Vua nói:

–Này Tôn giả, tại sao Tôn giả cứ luôn luôn nói những điều như vậy? Theo ý tôi biết thì chắc chắn là không có người tái sanh, không có đời sau, cũng không có hóa sanh.

Tôn giả Ca-diếp lại nói với nhà vua:

–Đại vương còn có ví dụ nào để chứng minh là không có người tái sanh, không có đời sau, cũng không có hóa sanh?

Vua bảo:

–Này Tôn giả Ca-diếp, tôi còn có một ví dụ để chứng minh cho lý của mình. Ví như có người chấp hành việc của vua, nhưng tự mình lại vi phạm những điều lệ. Quan cận thần tâu hết sự việc ấy lên nhà vua. Vua nghe xong, bèn lệnh cho quan Pháp ti tra hỏi cho ra sự thật. Khi tội nhân đã nhận tội thì nên dùng hình phạt để xử trị. Vua ra lệnh trước tiên là xẻo da thịt, sau đó cắt gân, mạch, chặt xương, đập tủy để tìm kiếm thần thức người ấy và kẻ hóa sanh. Quan Pháp ti vâng lệnh vua, cứ theo pháp luật thi hành, đúng như lời vua bảo không dám trái lệnh, nhất nhất theo thứ lớp xẻ da, cắt thịt cho đến cả gân mạch, xương, tủy ở bên trong thân thể tội nhân cũng bị cắt xẻ để tìm kiếm thần thức của con người hóa sanh... Từ đầu đến cuối hoàn toàn không thấy có thần thức của con người cùng sự hóa sanh gì cả. Này Tôn giả, cứ lấy ví dụ này mà biết thì quả thật là không có người tái sanh, không có đời sau, cũng không có hóa sanh.

Tôn giả Ca-diếp nói:

–Này đại vương, tôi nhớ thời xưa có một đạo nhân sống ở trong núi. Bấy giờ có một đoàn khách buôn đem theo nhiều xe cộ chở nhiều của cải, đến gần am của đạo nhân dừng lại ngủ qua đêm rồi bỏ đi. Vị đạo nhân kia vào lúc sáng sớm vội đến xem chỗ các người khách buôn ngủ đêm qua, sợ còn bỏ sót tài vật gì chăng. Quả nhiên ở đó thấy có một đứa bé mới bỏ bú, chưa biết gì cả, hẳn là do các khách buôn bỏ lại. Đạo nhân thương xót, sợ đứa bé kia đói khát mà chết, bèn đem về trong am mình nuôi dưỡng nó như người thân.

Nhưng vị đạo nhân này là người thờ lửa, luôn chuyên chú tâm bỏ thêm củi vào đống lửa, nên lửa trong nhà ông chưa bao giờ bị tắt. Cậu bé ấy ngày qua tháng lại, dần dần lớn khôn, tuổi đã được mười lăm, mười sáu. Đạo nhân suy nghĩ: "Cậu bé đã lớn khôn, ta hoàn toàn có thể giao phó công việc cho nó được". Một ngày nọ, đạo nhân vì có việc nên phải vào thành, tạm thời rời xa am của ông. Ông bảo cậu bé: "Ta có công việc nên tạm thời phải xa am. Lửa trong am, hãy như ta mỗi ngày liên tục bỏ thêm củi vào đừng để cho nó tắt". Nói xong ông liền ra đi. Đạo nhân đã đi khỏi, cậu bé còn dại khờ nên ham chơi, do ham chơi nên quên thờ lửa, vì không bỏ củi liên tục vào đống lửa nên làm lửa tắt. Bấy giờ, cậu bé thấy lửa đã tắt, liền lượm hết củi chất vào lò rồi cầu nguyện: "Này lửa, hãy mau xuất hiện. Nếu lửa không xuất hiện ta sẽ hủy hoại ngươi".

Cậu bé ấy đã khổ sở cầu xin, nhưng cuối cùng lửa vẫn không cháy. Do lửa không cháy nên cậu bé lại phát ra lời nói ác: "Nếu lửa không xuất hiện, ta sẽ đánh ngươi".

Khi ấy, cậu bé mong có lửa mà lửa vẫn không hiện, trong lòng rất lo sợ nếu đạo nhân trở về, chắc chắn sẽ đánh nó. Nó đứng một chỗ để suy nghĩ đến lửa.

Công việc xong xuôi, đạo nhân lại trở về am, thấy cậu bé ngồi im lặng, liền biết là lửa đã tắt. Ông bảo thằng bé: "Con ham chơi bời lêu lỏng đến nỗi để lửa tắt sao?". Đồng tử thưa: "Con vừa quên một chút thì lửa đã tắt rồi. Sau khi lửa tắt, con chất củi vào trong lò, dùng lời thiện, ác để cầu đảo nhưng lửa vẫn không xuất hiện". Đạo nhân nói: "Con thật là khờ dại, nếu lửa đã tắt, muốn có lửa thì phải đốt lửa. Ta chưa từng nghe ai nói là cứ chất củi vào trong lò lạnh mà có lửa xuất hiện bao giờ! Giả sử con cứ chất thật nhiều củi vào trong lò, rồi dùng đủ các phương tiện để mong có lửa thì chỉ tự mình chuốc lấy khổ sở chứ không thể làm vậy mà có lửa được". Này đại vương, cũng như đứa bé, sau khi lửa tắt rồi, cứ tìm lửa trong tro, sự mê chấp, sự không tỉnh ngộ của đại vương cũng vậy. Đối với cái thây chết mà tìm cầu thần thức của con người và kẻ hóa sanh, rồi vọng chấp cho là không có thần thức, nên khởi ra đoạn.

Vua nói:

–Này Tôn giả, chớ nói lời như vậy! Nếu tôi theo lời ngài nói

rằng có đời sau, chắc chắn là tôi sẽ bị người ta dị nghị. Vì sao vậy? Vì ở đây mọi người sẽ nói như vầy: "Từ xưa nhà vua vốn không tin nhân quả, thường nói là không có đời sau, không có thần thức, cũng không có hóa sanh. Ngày nay nhà vua lại bị Tôn giả Ca-diếp cảm hóa nên không còn dị kiến đó nữa".

Tôn giả Ca-diếp lại nói:

–Này đại vương, tôi nhớ thuở trước có hai người khách buôn, họ đều có tài sản châu báu hơn cả một nước. Về sau, họ giao ước kết nghĩa làm bạn với nhau, cùng đi đến một nước khác, đem hàng hóa để buôn bán kiếm lời. Hai người khách buôn ấy mỗi người đều tập hợp một số thương nhân để làm bạn đồng hành. Bấy giờ mọi người đều chuẩn bị xe cộ, sắp đặt ngựa kéo trong cùng một ngày thì lên đường. Cứ nhắm về phía trước mà đi cách nước mình đã xa, gần tới chỗ hiểm trở. Một người khách buôn biết rõ con đường ấy ở phía trước có chỗ nguy hiểm nên bảo vị chủ buôn kia: "Ông nay nên biết, con đường ở phía trước đây rất hiểm trở, không có người, không có khói lửa chi cả. Vậy tất cả thương nhân phải chuẩn bị đầy đủ các thứ vật dụng cần thiết".

Hai người chủ buôn luận bàn xong, một người đi trước, nghĩ: "Đoàn của mình ít người nên nhu cầu cũng ít. Tất cả vật dụng, lúa mì, thức ăn uống cho đến củi để đốt cũng đều bỏ lại hết". Tiếp tục đi về phía trước bỗng gặp một người đi ngược chiều, thân hình to lớn, da đen, hai mắt đỏ ngầu, đầu tóc bờm xờm, áo quần rách rưới, ngồi trên một chiếc xe do lừa kéo, hình dáng như quỷ. Chủ buôn hỏi người ấy: "Này nhân giả, con đường phía trước có đồ ăn thức uống và củi đốt... chứ?". Người kia trả lời: "Con đường phía trước có rất nhiều thức ăn uống, củi đốt không thiếu gì cả. Những thứ ấy ông có chở trên xe thì hãy nên vứt tất cả đi, chỉ khiến cho xe thêm nặng nề làm chậm bước đi tới con đường phía trước mà thôi". Chủ buôn nghe lời nói ấy, liền bảo các thương nhân: "Tất cả chúng ta đều nghe nói là đồ ăn, thức uống và các thứ vật dụng nơi con đường phía trước chẳng thiếu gì cả. Đâu cần mang những thứ ấy trên xe ngựa cho vướng bận".

Vì chủ buôn này và các bạn đồng hành đều là những người, không có trí tuệ, nên họ vứt bỏ những vật dụng cần thiết rồi đi. Họ đi cả ngày thứ nhất cho đến lúc mặt trời lặn chỉ gặp toàn là đồng không

mông quạnh, không gặp người hay khói lửa chi cả, nhìn bốn bên đều trống vắng, chẳng có gì để cung cấp, đồ ăn thức uống bị thiếu hụt, tất cả đều bị đói khát. Họ chịu sự đói khổ suốt đêm, sáng ra lại gắng sức đi tới nữa. Bước sang ngày thứ hai, cũng đi tới tối chỉ toàn là đồng vắng, chẳng thấy gì cả. Các khách buôn cùng nhau bàn bạc: "Kẻ mà chúng ta gặp trước đây, xem qua tướng mạo nhất định biết nó là quỷ rồi. Chúng ta không có trí tuệ nên mới tin vào lời nó, bị loài yêu tinh dối gạt nên chúng ta mới đến nông nỗi này". Tới ngày thứ ba, cả người lẫn ngựa đều thiếu lương thực và nước uống nên không thể đi được nữa. Họ nhìn nhau, chẳng nói lời nào, chỉ còn chờ chết mà thôi. Người chủ buôn kia thì qua ngày hôm sau mới lên đường, cũng gặp người như trước ngược đường đi đến, mới hỏi: "Con đường phía trước này có đồ ăn uống và các thứ vật dụng cần thiết không?". Người ấy cũng như lần trước, mỗi mỗi đều nói dối: "Các nhu cầu về ăn uống chẳng thiếu, cần gì phải chở các thứ ấy trên xe, trên ngựa cho nặng. Các ông nên vứt bỏ các thứ ấy đi".

Người chủ buôn sau là hạng thông minh trí tuệ, hễ làm điều gì trước hết đều suy nghĩ cẩn thận. Ông vốn biết con đường này có vùng đồng không mông quạnh rộng lớn, rất nguy hiểm, qua vùng đất này đâu thể đi mau được. Ông lại quán sát người nói chuyện với mình sắc mặt khác lạ, hành vi thô ác, nên sợ đây có thể là yêu tinh dối trá, không nên tin tưởng. Ông cùng các thương nhân luận bàn với nhau xong rồi tiến hành. Đến ngày thứ ba, bỗng thấy trên đường đám chủ buôn và các thương nhân đoàn trước bị đói khát cùng quẩn. Hỏi lý do thì cũng chính là vì gặp con yêu tinh xấu ác ấy và nghe theo lời dối gạt của nó. Các thương nhân đoàn sau cùng nhau bàn tính rồi đem phần lương thực của mình chia sẻ cho đoàn trước, cứu giúp họ, để các thương nhân kia cùng vượt qua được quãng đường hiểm trở.

Này đại vương, người chủ buôn kia vì ngu si nên mới tin lời yêu tinh dối gạt, đi đến con đường hiểm thọ lãnh bao sự khổ não cùng cực. Này đại vương, do không hiểu biết cho nên mới chấp đoạn kiến, chắc chắn đại vương cũng sẽ mãi chịu khổ não cùng cực.

Vua Đại Chánh Cú nghe lời nói ấy thì bảo Tôn giả Ca-diếp:

–Thôi đừng dẫn ví dụ nữa, tâm tôi không hồi tỉnh đâu. Vì sao như vậy? Vì e rằng người trong nước gọi tôi là người bất định. Họ bảo:

"Đại vương Chánh Cú thường nói thật không có người tái sanh, không có hóa sanh, cũng không có đời sau. Nay trở lại bị Tôn giả Ca-diếp cảm hóa". Do đó, nên tôi nay không thể thay đổi kiến giải từ trước của mình.

Bấy giờ Tôn giả Ca-diếp lại nói với nhà vua:

–Xưa có hai người, tài sản không nhiều, họ bèn kết bạn với nhau để kinh doanh. Tiền bạc của cải kiếm được tuy khác nhau nhưng nếu có lợi hãy báo cho nhau biết. Kết ước xong xuôi, cả hai chọn ngày lên đường. Khoảng mấy ngày đường, họ đến một nước khác, đất ở đấy có rất nhiều cây gai, bỏ tiền ra mua sẽ có lãi. Hai người bàn tính rồi bỏ tiền ra mua, bó cột lại gọn gàng rồi gánh đi, nói với nhau: "Đến nước khác hễ có lợi thì bán ngay". Họ đi lần về phía trước tới một nước khác, thấy loại sợi bông được lời gấp bội, có thể bỏ cây gai để lấy sợi bông này. Một người có trí thì tìm người bán cây gai để mua sợi bông, còn người kia không có trí nên nói với bạn đồng hành: "Tôi không thể đổi cây gai để lấy sợi bông được. Vì sao? Vì cây gai hiện có này, tôi đã ra công cột bó rất chặt chẽ, gọn gàng, lại gánh từ xa đến đây nên thật tình tôi không thể đổi nó để lấy thứ khác được". Ngày hôm đó, hai người đều gánh hàng của mình. Họ tiếp tục đi tới, lại đến một nước khác, hàng ở đó là lại sợi tơ có lợi hơn sợi bông. Người có trí liền bán sợi bông để lấy sợi tơ, còn người không trí thì lại nói như trên: "Tôi không thể đổi cây gai để mong kiếm lời của loại hàng tơ sợi đó". Hai người lại mang hàng của mình tiếp tục đi về phía trước, vào một nước nhiều vải lụa giá rẻ, có lợi hơn tơ gấp bội. Người có trí thấy lợi như thế, liền đổi sợi tơ để lấy vải lụa. Còn người không có trí, vì tiếc cây gai đã mang từ xa đến, nên không chịu đổi. Hai người lại mang hàng của mình đi tiếp tới một nước chuyên nghề đúc tiền, vải lụa tuy quý nhưng so với bạc thì kém xa, nếu đổi lụa lấy bạc thì lợi gấp trăm lần. Người có trí liền bán lụa mua bạc thu được lợi vô số, còn người không có trí thì cho rằng tuy gai này không đáng giá là bao, nhưng vì tiếc công sức gánh đi nên không chịu đổi. Người có trí lại nghe nói ở nước kia chỉ sản xuất vàng, hoàn toàn không có bạc, liền bảo với bạn: "Chúng ta hãy đến nước ấy". Chẳng bao lâu họ đến nơi. Lúc ấy người có trí liền bán bạc để mua vàng ròng. Khi mua được vàng rồi, anh ta ngắm nghía, rất vui mừng, tự tính toán: "Ngày trước ta rời nhà đi buôn

bán vốn liếng chẳng là bao, ban đầu ta mua cây gai cho là đã có lợi lớn, nhưng không ngờ đến nay mua được vàng ròng, thế gian quý trọng nó không gì bằng, ta đem nó về quê nhà sẽ giàu to". Anh liền gọi bạn: "Thời gian trải qua đã lâu rồi, vậy chúng ta hãy cùng nhau trở về nước mình, tùy theo của cải có được mà giúp đỡ bà con quyến thuộc". Khi ấy người gánh cây gai nói với bạn: "Tôi đã mua cây gai này những mong được lợi lớn, nào ngờ đến đây mới hay chẳng lợi bao nhiêu. Nay anh muốn trở về tôi đâu dám cản. Thôi thì tôi sẽ gồng gánh những bó cây gai này cùng nhau trở về, nếu gặp giá cao thì tùy chỗ sẽ bán". Bàn tính xong họ chọn ngày cùng nhau trở về đường cũ. Khi gần đến quê nhà, những người thân tộc được tin đều ra ngoài thành để đón, ai cũng vui mừng vô cùng và đều trở về nhà. Nhà của người mua được nhiều vàng, khi cha mẹ vợ con hỏi đi buôn bán thu được lợi gì, người ấy liền đáp được nhiều vàng, gia đình có thể giàu có, cho đến người trong tộc họ cũng đều được giúp đỡ. Còn người gánh gai thì khi người nhà hỏi: "Từ lúc đi buôn bán anh được lợi gì?". Người ấy đáp chỉ được cây gai này chớ chẳng được vật gì khác. Cả nhà nghe xong đều bức rức buồn rầu, bảo người ấy: "Theo cách kinh doanh buôn bán của ông thì cả gia quyến chúng ta vẫn cứ nghèo khổ mãi mà thôi".

Này đại vương, người gánh cây gai ấy do tánh cố chấp, ngu tối, tuy thấy vàng thiệt mà vẫn không chịu đổi lấy đến nỗi thân quyến cứ mãi chịu cảnh khổ sở. Cũng giống như đại vương không tự tìm hiểu mà cứ giữ lấy chấp đoạn, mãi chịu lấy khổ đau, về sau hối hận cũng không kịp.

Nhà vua nghe lời ấy rồi thì nói với Tôn giả Ca-diếp:

–Ý của tôi không thay đổi là có lý do. Do người trong nước này đều biết kiến giải của tôi. Nếu tôi bỏ kiến giải của mình thì người trong nước sẽ cùng nhau bàn tán: "Đại vương Chánh Cú thường nói là không có người tái sanh, không có đời sau, cũng không có hóa sanh. Ngày nay trở lại bị Tôn giả Ca-diếp cảm hóa". Tôi nhất định không thể chịu sự sỉ nhục này.

Tôn giả Ca-diếp nói:

–Này đại vương, tôi nhớ ngày xưa có một người không biết luật lệ, nuôi nhiều heo kiếm lợi để sinh sống. Anh ta bỗng một hôm đi đến

xứ khác, thấy phân thối rất nhiều, liền hốt lấy, đội trên đầu, muốn mang về nhà cho heo ăn. Bất thần nửa đường gặp trời mưa, nước phân chảy thối cả người, trong lòng liền hối hận. Này đại vương, người không biết luật ấy bị mọi người khinh chê, chờ cho thân thể bị hôi thối rồi mới chịu hồi tâm. Vua là người ở địa vị tôn quý, trở lại coi trọng những lời nói phù phiếm rồi chuyên chấp chặt trong tâm mà không xả bỏ đoạn.

Bấy giờ Tôn giả Ca-diếp lại nói:

–Này đại vương, trước đây tôi đã khéo nói các thí dụ nhằm khiến cho đại vương xả bỏ đoạn kiến, biết có đời sau và đặt niềm tin nơi Tam bảo. Vọng chấp của đại vương là cố chống đối lại tôi. Nay tôi lại vì đại vương nói thêm một ví dụ nữa. Nếu nhà vua tin được thì hãy lắng nghe, khéo ghi nhớ.

Vua nói:

–Này Tôn giả Ca-diếp, xin hãy nói cho tôi nghe.

Tôn giả Ca-diếp nói với nhà vua:

–Tôi nhớ thuở xưa có một con heo tên là Đại Phúc. Khi ấy Đại Phúc dẫn một bầy heo đi vào núi sâu, bỗng gặp một con sư tử. Sư tử thấy con heo bèn bảo: "Ta là vua của các loài thú, ngươi mau tránh đường cho ta đi". Đại Phúc đáp: "Bảo ta tránh đường cho ngươi đi, việc này không thể được".

Sư tử nói: "Vậy hãy cùng ta chiến đấu, không được trái lệnh". Heo nói: "Chờ ta một chút, để ta mặc áo giáp". Khi ấy con sư tử nói: "Tên họ ngươi là gì. Ngươi đâu phải là dòng dõi cao quý mà dám chiến đấu với ta như vậy? Hãy mặc áo giáp đi và tùy ý ngươi". Lúc ấy con Đại Phúc bèn đi vào chỗ hầm phân, lăn làm phân dính đầy mình rồi trở lại trước mặt con sư tử, nói: "Ta sẽ chiến đấu với ngươi". Sư tử bảo Đại Phúc: "Ta là vua trong các loài thú, thường bắt các loài hươu nai để ăn thịt. Còn đối với các con vật ốm yếu thì ta tha không ăn. Huống chi thân ngươi dơ nhớp, hôi thối. Nếu ta chiến đấu cùng ngươi chỉ làm ô uế cho ta mà thôi". Bấy giờ sư tử nói với con Đại Phúc bằng bài kệ:

Thân ngươi vốn dơ nhớp
Nay lại càng hôi thối
Ý ngươi muốn chiến đấu

Chỉ làm ta ô uế.

Tôn giả Ca-diếp lại nói với nhà vua:

–Kiến chấp của đại vương cũng giống như con heo đòi chiến đấu với con sư tử. Như con sư tử, tôi trước đã vì đại vương mà hết lòng nêu bày.

Bấy giờ vua Chánh Cú nghe Tôn giả Ca-diếp nói lời ấy xong, trong thâm tâm xấu hổ, hối hận nên thưa với Tôn giả Ca-diếp:

–Thưa Tôn giả, ngay từ lúc đầu nghe Tôn giả nói ví dụ về mặt trời, mặt trăng, tôi đã tin phục. Nhưng chỉ vì muốn lãnh hội sự biện tài trí tuệ của Tôn giả, nên tôi mới biện luận quanh co để nghe Tôn giả giảng nói. Cúi mong Tôn giả xét sự thành tâm của tôi và nhận biết sự tín phục của tôi. Tôi xin nguyện quy y Tôn giả Ca-diếp.

Tôn giả Ca-diếp đáp:

–Chớ nên quy y với tôi. Chỗ tôi quy y đó là Phật, Pháp, Tăng. Vua hãy theo đó mà quy y.

Vua lại nói:

–Theo lời dạy của Tôn giả, tôi xin quy y Phật, Pháp, Tăng, thọ giới cận sự. Từ nay về sau, tôi nguyện không sát sanh, không trộm cắp, không dâm dục, không nói dối và không còn uống rượu nữa, cho đến khi mạng chung, xin giữ tịnh giới của Phật.

Bấy giờ đại vương Đại Chánh Cú thọ nhận sự giáo hóa xong, thành tâm hướng về Đức Phật thọ ba pháp tự quy y, trọn phụng hành năm giới, rồi cùng các vị Bà-la-môn, Trưởng giả... hoan hỷ lễ bái rồi lui ra.

❑

SỐ 46

PHẬT NÓI KINH BÁT NIỆM CHO A-NA-LUẬT

Hán dịch: Đời Hậu hán, Đại sư Chi Diệu, người Tây Vực.

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ngụ bên cội cây Cầu sư, núi Thệ mục. Hiền giả A-na-luật ngồi thiền bên bờ đầm vắng, tư duy: "Đạo pháp là ít ham muốn. Nhiều ham muốn không phải là đạo pháp. Đạo pháp là biết đủ. Không biết đủ, không phải là đạo pháp. Đạo pháp là sống ẩn dật thanh tịnh, ưa thích sự đông đảo không phải là đạo pháp. Tinh tấn là đạo pháp, biếng trễ không phải là đạo pháp. Điều phục tâm là đạo pháp, phóng túng buông lung không phải là đạo pháp. Tâm ý an định là đạo pháp, nghĩ ngợi nhiều không phải là đạo pháp. Trí tuệ là đạo pháp, ngu tối không phải là đạo pháp".

Đức Phật dùng tâm của bậc Thánh biết rõ ý của Tôn giả A-na-luật. Ví như lực sĩ co duỗi cánh tay chỉ trong khoảnh khắc liền hiện đến trước chỗ Tôn giả khen ngợi:

–Lành thay! Lành thay! Này A-na-luật, những điều mà Tôn giả suy niệm chính là điều mà bậc Đại sĩ suy niệm. Hãy lắng nghe Ta nói về tám điều suy niệm của bậc Đại sĩ, hãy khéo suy nghĩ mà thực hành. Hãy nên học Tứ thiền, kiểm soát tâm ý, quán sát, không bỏ nửa chừng, chắc chắn đạt được lợi ích lớn, không mất chí nguyện. Sao gọi là Tứ thiền? Đó là xả bỏ pháp dục ác, bất thiện, ý được hoan hỷ là Nhất thiền hạnh. Nhờ xả niệm ác, chuyên tâm vào một cảnh, không cầu hoan hỷ là Nhị thiền hạnh. Hoan hỷ đã chấm dứt, chỉ như pháp quán, thấy rõ khổ vui là Tam thiền hạnh. Đã bỏ khổ vui, lo mừng đều

đoạn, an trụ nơi thanh tịnh là Tứ thiền hạnh. Đã học như vậy rồi, sau đó thực hành tám điều suy niệm của bậc Đại nhân. Tứ thiền là phương pháp kiểm soát tâm ý, vui thích thấy chỗ thực hành đạt được lợi nguyện nhanh, không bỏ cuộc nửa chừng. Hơn nữa, người ít ham muốn ví như vua có cận thần, trông coi các rương hòm chứa đầy y phục đẹp, nhưng vua lại thích mặc đồ cũ, thiểu dục, biết đủ, ở ẩn, tinh tấn, điều tâm, định ý, trí tuệ, lìa bỏ gia đình, không vui đùa, khinh mạn, không mắc sai lầm, chắc chắn đó là người an ổn, đi đến cửa Nê-hoàn tịch diệt. Đó là tám điều suy nghĩ của bậc đại nhân.

Duy chỉ có Tứ thiền là phương pháp quán niệm để kiểm soát tâm ý, nghĩa của nó ví như nhà vua có vị cận thần trông coi việc nấu nướng, chế biến năm vị, nhưng vua lại ưa thích việc đi khất thực, mục đích đủ để nuôi thân, không mong hưởng thụ. Ý nghĩa ấy ví như nhà vua có lầu gác cao rộng để trông xem, nhưng tự vui thích nơi núi đầm rừng cây, chỗ yên tĩnh, tinh tấn không còn ham muốn đối với thế gian. Ý nghĩa đó ví như nhà vua có vị quan thân cận trông coi biết rõ các thứ thuốc hay cùng các đồ ăn như lạc, tô, đề hồ, thạch mật, nhưng vua tự vui thích khi có bệnh chỉ thuốc bình thường để được trừ bỏ khổ não. Nhờ thực hành tám điều suy niệm, tư duy về Tứ thiền, tinh tấn không thiếu sót, tâm không sai lầm nên chắc chắn tự mình đạt được an ổn, đi tới cửa Nê-hoàn.

Đức Phật giảng nói như vậy xong, liền trở về Thệ mục, bảo các đệ tử:

–Đạo thì phải ít ham muốn, không được có nhiều ham muốn. Đạo thì phải biết đủ, không được tích chứa cho nhiều. Đạo thì phải ở chỗ yên tịnh, không nên ưa thích chốn đông đảo. Đạo thì phải tinh tấn, không được biếng trễ. Đạo thì phải điều phục tâm, không được buông lung phóng túng. Đạo thì phải định ý, không được loạn niệm. Đạo thì phải có trí tuệ, không được ngu ám. Tỳ-kheo phải lấy sự ít ham muốn làm vui thích. Đó là thân tự ít ham muốn, nhưng không khoe khoang với mọi người là mình thiểu dục. Ý nghĩa như vậy mới đúng.

Tỳ-kheo biết đủ đó là các thứ bình bát, y phục, giường chõng, thuốc men chữa bệnh, chỉ cần đủ dùng, đừng nên chứa nhóm cho dư. Ý nghĩa như vậy mới đúng. Tỳ-kheo ở ẩn, đó là tránh người thế gian, không vào chốn đông đúc, ở những chốn xa như núi đầm, hang đá, gốc

cây. Như có tứ chúng, nếu các hàng vua, đại thần đến để hỏi đạo thì hãy nói pháp thanh tịnh cho họ nghe, xong rồi đi liền. Thí như kẻ nghèo mắc nợ người giàu có, bị chủ nợ lôi kéo, kẻ ấy muốn xa lánh, không thích nên ở ẩn, xa lìa mọi người. Như vậy mới đúng nghĩa. Tỳ-kheo tinh tấn là đoạn trừ điều phi pháp, siêng năng thực hành kinh đạo, chưa hề biếng trễ. Đầu đêm, nửa đêm, cuối đêm đi kinh hành, ngồi hay nằm, tâm ý luôn tỉnh giác, nhớ nghĩ điều thanh tịnh để trừ năm thứ phiền não che lấp. Như vậy mới đúng nghĩa. Tỳ-kheo điều phục tâm là bỏ dục, pháp ác, ngồi nhập định, tư duy, quán tưởng để đoạn trừ khổ, mong đạt được tứ thiền hạnh. Như vậy là đúng nghĩa. Tỳ-kheo định ý là thường nhất tâm quán thân, quán ý, quán pháp không bị ngoại cảnh chi phối, thân giữ niệm theo đạo, bỏ tưởng ngu si khổ não. Như vậy là đúng nghĩa. Tỳ-kheo có trí tuệ, đó là biết rõ Tứ đế: Khổ, Tập, Tận (Diệt), Đạo.

Sao gọi là Khổ đế? Đó là sanh khổ, già khổ, bệnh khổ, chết khổ, ưu bi não khổ, yêu thương mà xa lìa là khổ, oán ghét mà gặp nhau là khổ, ham muốn mà không đạt được là khổ. Tóm lại, năm ấm dấy khởi mạnh là khổ. "Sanh khổ" là con người tùy theo nghiệp tạo tác dẫn dắt, thọ nhập vào thai sanh ra, có hình thể, hiện căn thân, có nhập, có thọ mà lớn lên. "Già khổ" là các căn nơi con người đã chín mùi, hình thể thay đổi, tóc bạc, răng long, gân mỏi, da nhăn, lưng còng phải chống gậy mà đi. "Bệnh khổ" là con người bị đủ các thứ bệnh tật hành hạ, gây thống khổ cho thân tâm. "Chết khổ" là con người mạng chung, thân hình hư nát, hơi ấm không còn, tắt thở, thần thức đã lìa. Những thứ ấy đều là khổ.

Sao gọi là Tập đế? Đó là tâm vui thích dâm dục sanh ra ân ái, tâm ý ở nơi tham dục nên có các lậu (phiền não, sanh tử). Các hành dấy khởi mạnh, do tham đắm nên tự trói buộc. Những gì được gọi là Ái, chính là mắt tham ái sắc, tai tham ái âm thanh, mũi tham ái mùi hương, lưỡi tham ái vị, thân tham ái sự tiếp xúc, tâm tham ái các dục, chỉ thấy phần vui thích luôn có, ở nơi mong muốn an ổn, cho là lợi lạc, gọi đó là Ngã hữu, do tham chấp mà tự trói buộc. Theo đấy nên năm ấm là sắc, thống (thọ), tưởng, hành, thức cùng dấy khởi mạnh, mọi nhận thức luôn hướng về ham muốn, ưa thích. Đó gọi là Ngã hữu do tham chấp nên tự trói buộc. Gọi là sắc tức là đối tượng lãnh thọ của

tinh thần, do khí chất của Tứ đại là địa, thủy, hỏa, phong biến hóa thành hình tướng. Gọi là sự đắm nhiễm của ái, tức là sáu căn: nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý nhận thức và vướng chấp nơi Sáu trần là sắc, thanh, hương, vị, tế hoạt *(xúc)*, pháp. Tất cả gọi là Tập đế.

Sao gọi là Tận đế *(Diệt đế)*? Đó là không thọ, không nhập, ái nhiễm đã dứt hết sạch, mọi sự trói buộc tham chấp đã được cởi bỏ. Như người có tuệ kiến là do đã dứt bỏ tất cả mọi đắm nhiễm ấy. Người thế gian không thấy được sự trói buộc của năm ấm. Còn người tu tập thì dứt trừ hết mọi vướng chấp, đã mở hết các dây ái trói buộc, do trí tuệ nên thấy rõ các pháp là phi thường *(vô thường)*, khổ, không, phi thân *(vô ngã)* nhờ đấy mà đoạn trừ. Đó là Tập đế.

Sao gọi là Đạo đế? Đó là Tám trực đạo *(Bát chánh đạo)*: Chánh kiến, chánh tư, chánh ngôn, chánh hành, chánh trị, chánh mạng, chánh chí và chánh định. Sao gọi là Chánh kiến? Chánh kiến có hai loại: có tục *(thế gian)* và đạo. Biết có nhân nghĩa, biết có cha mẹ, biết có Sa-môn, Phạm chí, biết có bậc Chân nhân đắc đạo, biết có đời này đời sau, biết có thiện ác tội phước. Từ đây đến bên kia nhờ thực hành mà chứng đạo. Đó là chánh kiến của thế gian. Nhờ hiểu Tứ đế: Khổ, Tập, Tận *(Diệt)*, Đạo, đã được tuệ kiến về không, tịnh, phi thân *(vô ngã)*. Đó là Chánh kiến của đạo.

Chánh tư *(Chánh tư duy)* cũng có hai: Suy tư về học vấn, suy tư về hòa kính, suy tư về răn dạy, thận trọng, suy tư về vô hại. Đó là Chánh tư của thế gian. Suy tư về nơi giải thoát, suy tư về nhẫn nhục, suy tư về sự diệt sạch hết mọi tham đắm của ái. Đó là Chánh tư của đạo.

Chánh ngôn *(Chánh ngữ)* cũng có hai: Không nói hai lưỡi, không nói lời thô ác, mắng chửi, không nói dối, không nói lời thêu dệt. Đó là Chánh ngôn của thế gian. Lìa bốn lỗi của miệng, đọc tụng giảng giải lời đạo, tâm không tạo tác, sạch hết không còn tàn dư. Đó là Chánh ngôn của đạo.

Chánh hành *(Chánh nghiệp)* cũng có hai: Thân làm điều thiện, miệng nói điều thiện, tâm nghĩ điều thiện. Đó là Chánh hành của thế gian. Thân, miệng tinh tấn, tâm nhớ nghĩ về không tịnh, diệt trừ buông lung, chấp trước. Đó là Chánh hành của đạo.

Chánh trị cũng có hai: Không sát sanh, không trộm cắp,

không dâm dục, không khinh mạn tự cho mình hơn người, tu đức, tự gìn giữ. Đó là Chánh trị của thế gian. Lìa bỏ ba điều ác của thân, đoạn trừ mọi nguyên nhân của khổ, diệt ái cầu giải thoát. Đó là Chánh trị của đạo.

Chánh mạng cũng có hai: Cầu tiền tài theo đạo nghĩa, không tham lam của cải một cách bừa bãi, không dùng tâm dối trá đối với người. Đó là Chánh mạng của thế gian. Đã xa lìa nghiệp tà, dứt bỏ các việc làm về bói toán, đoán quẻ nơi thế gian, không phạm giới cấm của đạo. Đó là Chánh mạng của đạo.

Chánh chí *(Chánh niệm)* cũng có hai: Không ganh ghét, không giận dữ, không thờ kính điều tà vạy. Đó là Chánh chí của thế gian. Lìa ba điều ác nơi tâm, thực hành bốn ý đoan *(tức Chánh cần)*, thanh tịnh vô vi (tịch diệt). Đó là Chánh chí của đạo.

Chánh định cũng có hai: Thể tánh thuần thục, điều hòa, an lập điều thiện kiên cố, tâm không quanh co, tà vạy. Đó là Chánh định của thế gian. Được bốn ý chí, tư duy về không, vô tưởng *(vô tướng)*, bất nguyện *(vô nguyện),* thấy rõ nguồn gốc của Nê-hoàn. Đó là Chánh định của đạo.

Đó là Đạo đế. Tỳ-kheo lìa bỏ nhà cửa, dứt trừ ân ái, suy tư về đạo một cách an tịnh, không còn mọi lưu luyến về thế tục, tâm ý không chạy theo dục, thanh tịnh, không chướng ngại. Đó là nghĩa của đạo pháp, phải tuân theo như vậy.

Hiền giả A-na-luật nghe Đức Phật giảng nói kinh, tâm ý được khai mở, thọ trì thực hành trong ba tháng thì các lậu được dứt sạch, ý giải thoát, đạt được Tam trị *(Tam niệm trụ)*. Đã chứng đạo, tự biết mình được quả vị A-la-hán, Hiền giả liền nói bài kệ:

Không nhàm chán dục lạc
Vì dục, tâm buông lung
Do đó phải chịu khổ
Tạo ác, nhiều trói buộc.
Ít dục, biết đạo hạnh
Biết thẹn, không tham đắm
Là pháp đạt thanh tịnh,
Xa ác, vượt thế gian.
Tâm luôn trụ trong đạo

Không tham luyến sanh tử
Ta dùng Định Như không
Các khổ được diệt trừ.
Theo lời Đức Phật dạy
Giữ hạnh bỏ dục ác
Bỏ lỗi lầm nơi thân
Được lợi lạc tịch diệt.
Từ đó được Tam trị
Đã nhổ gốc ân ái
Ngay nơi xóm Duy-sa
Vườn Trúc, Bát-nê-hoàn.

SỐ 47

PHẬT NÓI KINH XA RỜI SỰ NGỦ NGHỈ

Hán dịch: Đời Tây Tấn, Tam tạng Trúc Pháp Hộ.

Nghe như vầy:

Một thời Đức Bà-già-bà ở nơi vườn Lộc dã, tại Bà-kỳ-thi-mục-ma-tỷ-lượng.

Bấy giờ Tôn giả Đại Mục-kiền-liên ở tại thôn Ma-kiệt Thiện tri thức, sống một mình ở chốn tịch tĩnh, đi kinh hành nhưng mắc phải chứng buồn ngủ. Đức Thế Tôn biết Tôn giả Đại Mục-kiền-liên sống một mình ở chốn tịch tĩnh để đi kinh hành nhưng lại bị buồn ngủ.

Đức Thế Tôn đã biết như vậy rồi, liền nhập tam-muội Chánh thọ như kỳ tượng. Nhờ ý trụ trong tam-muội, chỉ trong khoảnh khắc nhanh như người lực sĩ co duỗi cánh tay, Ngài đang ở trong vườn Lộc dã, bỗng nhiên biến mất, đi đến thôn Ma-kiệt Thiện tri thức, đứng trước mặt Tôn giả Đại Mục-kiền-liên. Bấy giờ Đức Thế Tôn ra khỏi pháp định, bảo Tôn giả Đại Mục-kiền-liên:

–Này Mục-kiền-liên, này Mục-kiền-liên! Thầy đang mắc chứng buồn ngủ chăng?

–Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Đức Phật dạy:

–Do niệm nào mà gây buồn ngủ thì chớ thực hành tưởng ấy, chớ phân biệt về tưởng ấy, chớ phân biệt nhiều. Như vậy mới lìa được chứng buồn ngủ. Nếu vẫn không lìa được chứng ấy thì này Mục-kiền-liên, hãy như giáo pháp đã được nghe, như giáo pháp đã được tụng, nên theo đấy mà tụng tập rộng khắp. Như vậy sẽ lìa được

chứng buồn ngủ.

Nếu vẫn không lìa được thì này Mục-kiền-liên, nên như giáo pháp đã được nghe, như giáo pháp đã được tụng, nên rộng nói cho người khác nghe. Như vậy sẽ lìa được chứng buồn ngủ.

Nếu vẫn không lìa được chứng ấy thì này Mục-kiền-liên, nên như pháp đã được đọc tụng, như pháp đã được nghe, tâm ý phải suy niệm, phải thực hành. Như vậy sẽ lìa được chứng buồn ngủ.

Nếu vẫn không lìa được thì này Mục-kiền-liên, nên lấy nước lạnh rửa mắt và rửa ráy khắp thân thể. Như vậy sẽ lìa được chứng buồn ngủ.

Nếu vẫn không lìa được thì này Mục-kiền-liên, nên dùng hai tay xoa lên mép tai. Như vậy sẽ lìa được chứng buồn ngủ.

Nếu vẫn không lìa được thì này Mục-kiền-liên, nên đứng dậy đi ra khỏi giảng đường, nhìn khắp bốn phương, nhìn lên các vì sao. Như vậy sẽ lìa được chứng buồn ngủ.

Nếu vẫn không lìa được thì này Mục-kiền-liên, nên ở nơi khoảng đất trống thong thả đi kinh hành, hãy giữ gìn các căn, ý nghĩ đến các việc phải làm, sau đó khởi đủ các tưởng. Như vậy sẽ lìa được chứng buồn ngủ.

Nếu vẫn không lìa được thì này Mục-kiền-liên, nên trở về, không đi kinh hành nữa, trải tọa cụ lên giường mà ngồi kiết già. Như vậy sẽ lìa được chứng buồn ngủ.

Nếu vẫn không lìa được, thì này Mục-kiền-liên, nên trở về giảng đường, gấp tư y Uất-đa-la-tăng trải lên giường, gấp y Tăng-già-lê làm gối, nằm nghiêng hông bên phải, hai chân xếp lên nhau, hãy khởi tưởng về ánh sáng, đừng để tâm ý bị loạn động, luôn luôn khởi tưởng an trụ trong tư duy muốn thức dậy. Này Mục-kiền-liên, đừng ham thích nơi giường chõng, đừng ham thích việc nằm ngủ theo phía hông bên phải, đừng ham thích ngủ nghỉ, đừng ham thích sự cung kính của thế gian trở thành tham đắm. Vì sao vậy? Này Mục-kiền-liên, vì Ta không nói: "Nên gần gũi tất cả các pháp". Ta cũng không nói: "Không nên gần gũi tất cả các pháp".

Này Mục-kiền-liên, vì sao Ta nói "Tất cả pháp không thể gần gũi?". Này Mục-kiền-liên, Ta nói không gần gũi với hàng Bạch y. Này Mục-kiền-liên, nếu gần gũi với hàng Bạch y thì phải luận bàn

cùng họ mà không tụng tập với họ, nhân luận bàn với họ thì có sự dua nịnh, dối trá, kiêu mạn, nhân có kiêu mạn liền có ganh ghét, nhân có ganh ghét thì không biết được sự yên tĩnh. Này Mục-kiền-liên, không biết sự yên tĩnh nên xa lìa tam-muội. Này Mục-kiền-liên, do đó Ta nói đó là pháp không nên gần gũi.

Này Mục-kiền-liên, tại sao Ta nói pháp nên gần gũi? Này Mục-kiền-liên, hãy đến chốn vắng vẻ, lấy nệm cỏ làm giường, im lặng không nói, xa lìa các điều ác, lìa nơi đông người, thường nên an tọa tư duy. Này Mục-kiền-liên, đó là pháp mà Ta nói nên gần gũi.

Này Mục-kiền-liên, nếu vào thôn xóm để khất thực, đừng vì cầu lợi dưỡng, đừng vì cầu được cung kính. Này Mục-kiền-liên, hãy dứt bỏ ý cầu lợi dưỡng, cầu cung kính rồi mới vào thôn xóm khất thực.

Này Mục-kiền-liên, khi vào thôn xóm khất thực, đừng khởi ý tưởng vào nhà người khác. Vì sao? Này Mục-kiền-liên, vì nhà của hàng Cư sĩ có nhiều việc thế tục. Nếu Tỳ-kheo vào nhà Cư sĩ mà không được họ tiếp chuyện, vị Tỳ-kheo kia liền nghĩ như vầy: "Ai đã nói gì với Cư sĩ này về ta cho nên Cư sĩ mới không nói chuyện với ta". Vị ấy liền khởi tâm sân hận, vì có tâm sân hận nên liền có kiêu mạn, vì có kiêu mạn nên tâm không tịch tĩnh. Này Mục-kiền-liên, vì tâm ý không tịch tĩnh nên xa lìa tam-muội.

Này Mục-kiền-liên, nếu lúc thuyết pháp đừng nghĩ tới chuyện hơn thua, nên có ý nghĩ là không hơn kém. Nếu có ý tranh hơn kém thì liền có nhiều lời, vì có nhiều lời nên có kiêu mạn, do kiêu mạn nên có ganh ghét, nhân vì ganh ghét nên không tịch tĩnh. Này Mục-kiền-liên, vì không tịch tĩnh nên ta nói là xa lìa tam-muội.

Này Mục-kiền-liên, nếu lúc thuyết pháp phải nói lời có ích, phải nói lời quyết định, chớ đừng nói những lời sai khác. Hãy luận bàn như tiếng gầm của con sư tử. Như vậy, này Mục-kiền-liên, hãy nên học như vậy.

Bấy giờ Tôn giả Đại Mục-kiền-liên từ chỗ ngồi đứng dậy, đứng qua một bên, đắp y, chắp tay hướng về Đức Thế Tôn, bạch:

–Thưa vâng, bạch Thế Tôn, thế nào là vị Tỳ-kheo đạt đến chỗ cứu cánh, dứt sạch mọi cấu uế một cách rốt ráo, hành phạm hạnh đạt đến cứu cánh?

Đức Thế Tôn bảo:

–Này Mục-kiền-liên, nếu Tỳ-kheo có bệnh, hoặc cảm thọ khổ, cảm thọ lạc, hay cảm thọ không khổ không lạc. Vị Tỳ-kheo ấy hãy nên quán sự cảm thọ ấy là vô thường, quán nó là pháp hư hoại, hãy quán nó là vô nhiễm, hãy quán nó là tận diệt, hãy quán nó là sự dừng dứt, hãy quán nó là chỗ an trụ. Hãy quán về căn bệnh ấy như vậy. Hãy quán căn bệnh ấy là pháp không thường trụ, hãy quán nó là pháp hư hoại, hãy quán nó là vô nhiễm, hãy quán nó là tận diệt, hãy quán nó là sự dừng dứt, hãy quán nó là chốn an trụ. Vị ấy liền không tham đắm vướng mắc nơi thế gian này, vì không tham đắm nên không lo sợ, không lo sợ nên xả bỏ Niết-bàn Hữu dư: Sự sanh đã hết, phạm hạnh đã thành tựu, việc cần làm đã làm xong, biết rõ như thật về danh sắc. Này Mục-kiền-liên, đó là Tỳ-kheo đạt đến cứu cánh, cứu cánh trong việc dứt sạch mọi cấu nhiễm, cứu cánh về phạm hạnh, cứu cánh về việc thực hành phạm hạnh.

Đức Phật giảng nói như vậy, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên nghe Đức Phật giảng dạy hoan hỷ lãnh hội.

❑

SỐ 48

PHẬT NÓI KINH PHÁP ĐÚNG, PHÁP SAI

Hán dịch: Đời Hậu Hán, Sa-môn An Thế Cao, người nước An tức.

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ Đức Phật bảo các Tỳ-kheo hãy tụ họp để nghe pháp. Các Tỳ-kheo thưa: "Dạ vâng". Các Tỳ-kheo đều theo Đức Phật để nghe giảng dạy.

Đức Phật dạy:

–Các Tỳ-kheo hãy lắng nghe Ta nói. Có pháp của bậc Hiền giả, cũng có pháp chẳng phải của bậc Hiền giả. Hãy lắng nghe! Hãy lắng nghe cho kỹ, biết rõ, suy nghĩ về điều này thật thấu đáo.

Các Tỳ-kheo thưa:

–Dạ vâng! Xin theo Phật để thọ giáo.

Đức Phật nói:

–Này các Tỳ-kheo, những gì là pháp chẳng phải của bậc Hiền giả? Nếu Tỳ-kheo thuộc dòng dõi quý tộc, yêu thích đạo, muốn học đạo; nếu có các Tỳ-kheo khác đồng học nhưng không phải là dòng dõi quý tộc mà Tỳ-kheo dòng dõi quý tộc kia tự kiêu đối với bản thân mình, khinh chê người khác. Đó là pháp chẳng phải của bậc Hiền giả.

Những gì là pháp của bậc Hiền giả? Vị Hiền giả tu học suy tính rằng ta chẳng cần phải nhờ nơi dòng họ tôn quý, mà có thể đoạn tham dục, đoạn trừ sân hận, đoạn trừ ngu si. Hoặc bấy giờ có vị Tỳ-kheo

không phải thuộc dòng họ tôn quý thuyết giảng giáo pháp, ta nên nương vào phương tiện để thọ pháp, theo pháp mà nói, theo điều cốt yếu của chánh pháp để thực hiện, tùy thuận pháp mà hành hóa. Nhờ theo vị danh đức ấy để nghe pháp, như pháp mà hành, thuận theo pháp chân thật, không tự khen mình, cũng không khinh chê người. Đó là pháp của bậc Hiền giả.

Hoặc bấy giờ có vị Tỳ-kheo hình tướng hết sức đoan nghiêm, các Tỳ-kheo khác không bằng, do mình đoan nghiêm cho nên tự khen mình khinh chê người khác. Đó không phải là pháp của bậc Hiền giả. Bậc Hiền giả thì không như vậy. Bậc Hiền giả không nhờ vào hình tướng đoan nghiêm của mình mà có thể đoạn trừ được tham dâm, có thể đoạn được sân hận, có thể đoạn được ngu si.

Hoặc lúc ấy có vị Tỳ-kheo tuy hình tướng không đẹp đẽ thuyết giảng giáo pháp, ta chỉ theo pháp ấy hoặc nhiều hay ít để thọ trì, thực hành, liền được ngợi khen, có tiếng. Vậy ta nên thọ pháp ấy một cách chắc chắn, tùy theo pháp mà hành hóa, không tự khen mình, cũng không chê người. Đó là pháp của bậc Hiền giả.

Hoặc bấy giờ có vị Tỳ-kheo khéo giảng nói những lời hay đẹp, còn các Tỳ-kheo khác thì không được như vậy. Vị ấy nhân khéo nói được những lời hay đẹp nên tự khen mình, chê người khác. Đó không phải là pháp của bậc Hiền giả. Hiền giả thì không như vậy. Vị Hiền giả tu học suy tính rằng ta chẳng nhờ theo các lời nói hay đẹp, cũng không nhờ theo việc biết nói những lời hay đẹp, mà có thể đoạn trừ được tham dục, có thể đoạn trừ được sân hận, có thể đoạn trừ được ngu si.

Hoặc có vị Tỳ-kheo lời giảng nói không hay đẹp, lại cũng không khéo giảng nói, nhưng chỉ như pháp thọ giáo, nhiều hay ít theo đấy mà thực hành, nhờ việc làm đó nên được cung kính, nhờ việc ấy mà được nhiều người biết đến. Vị ấy với pháp đó, dốc thọ trì pháp, thực hành chắc thật, không tự khen mình, chê người. Đó là pháp của bậc Hiền giả.

Hoặc khi ấy nghe có một vị Tỳ-kheo lớn tuổi, hiểu biết nhiều bạn bè kết giao là hàng giàu có, còn các Tỳ-kheo khác thì không bằng. Vị Tỳ-kheo kia liền theo vị Tỳ-kheo lớn tuổi nhiều hiểu biết, rồi tự khen mình, tự kiêu ngạo, khinh chê kẻ khác. Đó không phải là pháp

của bậc Hiền giả. Hiền giả thì không như vậy. Bậc Hiền giả chỉ học hỏi, suy nghĩ: "Chính ta chẳng phải nhờ theo vị Tỳ-kheo lớn tuổi, cũng không phải nhờ có nhiều hiểu biết, cũng không nhờ theo người có nhiều phước đức mà có thể đoạn trừ được tham dục, có thể đoạn trừ được sân hận, có thể đoạn trừ được ngu si".

Hoặc bấy giờ có vị Tỳ-kheo còn nhỏ, cũng không có nhiều hiểu biết, phước đức cũng còn ít, nhưng thọ pháp, muốn tùy pháp tu hành, hoặc nhiều hay ít, nhờ đó được nhiều người biết đến. Vị ấy theo pháp, tùy thuận pháp chân thật nhưng không tự khen mình, không tự kiêu mạn, không khinh chê kẻ khác. Đó là pháp của bậc Hiền giả.

Hoặc lúc ấy có vị Tỳ-kheo biết nghe kinh, có thể thuyết giảng kinh, biết giới luật, biết rõ, hiểu sâu về ý nghĩa của kinh, còn các Tỳ-kheo khác thì không được như vậy. Vị ấy nhờ hiểu sâu về ý nghĩa, thông suốt kinh nên tự khen mình, tự kiêu mạn, khinh chê kẻ khác. Đó chẳng phải là pháp của bậc Hiền giả. Bậc Hiền giả thì không như vậy. Hiền giả nên học như vầy: "Chính ta không phải nhờ hiểu sâu về ý nghĩa kinh, cũng không phải nhờ thông suốt kinh điển mà có thể đoạn trừ được tham dục, có thể đoạn trừ được sân hận, có thể đoạn trừ được ngu si".

Hoặc bấy giờ có vị Tỳ-kheo không hiểu sâu xa, cũng không thông suốt kinh điển, chỉ thọ pháp, tùy pháp, dốc sức tùy theo pháp mà hành hóa, nên nhờ đó mà được cung kính, được nhiều người biết đến. Đó là nhờ thọ trì pháp, tùy pháp, thực hành điều chân thật, cho nên vị ấy không tự khen mình, không tự kiêu ngạo, cũng không khinh chê kẻ khác. Đó là pháp của bậc Hiền giả.

Hoặc lúc ấy có vị Tỳ-kheo tự hành khất thực, không nhờ các bạn hữu để hành khất thực, không quá bảy nhà, ngồi một chỗ, ngày ăn một bữa, sau đó ai cúng cũng không nhận. Còn các Tỳ-kheo khác thì không được như vậy. Do ngày ăn một bữa, sau đó có ai cúng cũng không nhận, rồi tự khen mình, tự kiêu mạn, khinh chê kẻ khác. Đó không phải là pháp của bậc Hiền giả. Hiền giả thì không như vậy. Hiền giả cần phải học: "Ta không phải nhờ theo hạnh ngày ăn một bữa, sau đó có ai cúng cũng không nhận mà có thể đoạn trừ được tham dục, đoạn trừ được sân hận, đoạn trừ được ngu si.

Hoặc bấy giờ có vị Tỳ-kheo không theo hạnh ngày ăn một bữa,

sau đó có ai cúng cũng không nhận. Vị ấy chỉ thọ pháp, tùy pháp chân chánh tiếp nhận đúng pháp, nhờ đó được cung kính, được nhiều người nghe biết. Vị này tùy thuận pháp chân thật, không tự khen mình, không tự kiêu ngạo, cũng không khinh chê kẻ khác. Đó là pháp của bậc Hiền giả.

Hoặc khi ấy có vị Tỳ-kheo dùng ba y ở nơi chốn gò mả để tu tập, còn các Tỳ-kheo khác thì không được như vậy. Nhờ sự tu tập ấy nên tự khen mình, tự kiêu mạn, khinh chê kẻ khác. Đó chẳng phải là pháp của bậc Hiền giả. Hiền giả thì không như vậy. Hiền giả chỉ học: "Không hẳn ta nhờ dùng ba y này mà có thể đoạn trừ được tham dục, có thể đoạn trừ được sân hận, có thể đoạn trừ được ngu si".

Hoặc có Tỳ-kheo không dùng ba y tu tập như thế, nhưng vị ấy thọ pháp, tùy thuận pháp, chân chánh tiếp nhận theo đúng pháp, nhờ đó liền được cung kính, được nhiều người nghe biết. Nhờ pháp này, tùy thuận pháp chân thật, nhưng vị ấy không tự khen mình, không tự kiêu mạn, cũng không khinh chê kẻ khác. Đó là pháp của bậc Hiền giả.

Hoặc có Tỳ-kheo ở những nơi đất trống hay bên cạnh gốc cây, hoặc chốn đầm vắng, giữa vùng gò mả, để tu tập, ngồi thiền đúng lúc, còn các Tỳ-kheo khác thì không như vậy. Do đó vị ấy tự khen mình, tự kiêu mạn, khinh chê kẻ khác. Đó không phải là pháp của bậc Hiền giả. Hiền giả thì không như vậy. Hiền giả chỉ học: "Không hẳn ta nhờ tu tập, ngồi thiền ở nơi đất trống, dưới gốc cây, nơi đầm vắng, giữa vùng gò mả mà có thể đoạn trừ được tham dục, có thể đoạn trừ được sân hận, có thể đoạn trừ được ngu si".

Hoặc có Tỳ-kheo không có những điều nói trên, nhưng vị ấy chỉ thọ pháp, tùy thuận pháp, chân chánh tiếp thọ tùy pháp, nhờ đó liền được cung kính, được nhiều người biết đến. Nhờ pháp này, tùy thuận pháp chân thật, nhưng vị ấy không tự khen mình, tự kiêu mạn, khinh chê kẻ khác. Đó là pháp của bậc Hiền giả.

Hoặc có Tỳ-kheo đã đạt được đệ Nhất thiền, còn các Tỳ-kheo khác thì không được như vậy. Vì được đệ Nhất thiền nên vị ấy tự khen mình, tự kiêu mạn, khinh chê kẻ khác. Đó không phải là pháp của bậc Hiền giả. Hiền giả thì không như vậy. Hiền giả chỉ học: "Đệ nhất thiền, Đức Phật dạy là phải tự mình biết điều ấy, thọ trì pháp chân

thật ấy, không tự khen mình, không tự kiêu mạn, không khinh chê kẻ khác". Đó là pháp của bậc Hiền giả.

Hoặc có Tỳ-kheo đạt được đệ Nhị thiền, đệ Tam thiền, đệ Tứ thiền, giống như đã nói về đệ Nhất thiền. Đó là pháp của bậc Hiền giả.

Hoặc có Tỳ-kheo hiểu rõ về Không hành ý, hoặc có lúc hiểu về Thức hành ý, hoặc có lúc hiểu về Phi thường hành ý, hoặc có lúc hiểu Vô hữu tư tưởng hành ý, Hữu tư tưởng hành ý. Còn các Tỳ-kheo khác thì không được như vậy. Nhờ có được các pháp định như vậy nên tự khen mình, tự kiêu mạn, khinh chê kẻ khác. Đó không phải là pháp của bậc Hiền giả. Hiền giả thì không như vậy. Hiền giả chỉ học: "Vô hữu tư tưởng hành, cũng như Hữu tư tưởng hành, Đức Phật dạy không nên chấp ta có cái này, nên thọ pháp, tùy thuận pháp chân thật không tự khen mình, không tự kiêu mạn, không khinh chê kẻ khác". Đó là pháp của bậc Hiền giả.

Đức Phật bảo:

–Này các Tỳ-kheo, Ta đã nói về pháp của bậc Hiền giả, cũng nói pháp không phải của bậc Hiền giả. Các Tỳ-kheo hãy nên tự tư duy. Đối với pháp không phải của bậc Hiền giả cũng nên tư duy. Nên dốc thực hành pháp của bậc Hiền giả, xả bỏ pháp không phải của bậc Hiền giả. Hãy thọ nhập pháp của bậc Hiền giả, tùy thuận pháp, Tỳ-kheo nên học như vậy.

Đức Phật dạy như thế. Các Tỳ-kheo lãnh hội và chí tâm hành trì.

❑

SỐ 49

PHẬT NÓI KINH CẦU DỤC

Hán dịch: Đời Tây Tấn Sa-môn Pháp Cự.

Nghe như vầy:

Một thời Đức Bà-già-bà ở trong vườn Lộc dã thuộc vùng Bà-kỳ-thi-mục-ma-lâm-tỷ-lượng. Bấy giờ Tôn giả Xá-lợi-phất nói với các Tỳ-kheo:

–Này chư Hiền, nên biết thế gian hiện tại có bốn loại người. Bốn loại người ấy là gì? Này chư Hiền, hoặc có người bên trong có cầu dục (ô uế), kẻ ấy bên trong có cầu dục mà không biết rõ. Này chư Hiền, hoặc có người bên trong có cầu dục, kẻ ấy bên trong có cầu dục và tự biết rõ. Này chư Hiền, hoặc có người bên trong không có cầu dục, kẻ ấy bên trong không có cầu dục nhưng không tự biết rõ. Này chư Hiền, hoặc có người bên trong không có cầu dục, kẻ ấy bên trong không có cầu dục và tự biết rõ.

Này chư Hiền, hoặc có người bên trong có cầu dục, kẻ ấy bên trong có cầu dục mà không tự biết rõ, ta nói kẻ ấy là người hết sức xấu ác.

Này chư Hiền, hoặc có người bên trong có cầu dục, kẻ ấy bên trong có cầu dục và tự biết rõ, ta nói kẻ ấy là hơn hết.

Này chư Hiền, hoặc có người bên trong không có cầu dục, kẻ ấy bên trong không có cầu dục mà không tự biết rõ, ta nói kẻ ấy là người hết sức xấu ác.

Này chư Hiền, hoặc có người bên trong không có cầu dục, kẻ ấy bên trong không có cầu dục và tự biết rõ, ta nói kẻ ấy là người hơn hết.

Khi ấy có một Tỳ-kheo từ tòa ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, chắp tay hướng về Tôn giả Xá-lợi-phất, thưa:

–Thế nào, thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, do nhân duyên gì mà hai người đầu, cùng có cầu dục *(ô uế)*, đều có tham đắm mà ngài nói một người thì xấu ác, còn một người thì lại hơn hết? Lại do nhân duyên gì mà hai người sau này, đều không có cầu dục, đều không có tham đắm mà ngài nói một người thì xấu ác, còn một người thì lại hơn hết?

Tôn giả Xá-lợi-phất nói:

–Này chư Hiền, hoặc có một người bên trong có cầu dục, kẻ ấy bên trong có cầu dục nhưng không biết rõ, nên biết kẻ ấy không ưa thích thực hành, cũng không cố gắng, cũng không tinh tấn để diệt trừ tâm cầu dục kia. Kẻ ấy trụ nơi tâm cầu dục, tâm ý còn tham vướng nơi cầu dục cho tới khi mạng chung. Do vậy mà chẳng làm được điều thiện nên cũng chẳng được sanh đến chỗ lành. Vì sao như vậy? Vì kẻ ấy tâm ý luôn tham đắm nơi cầu dục cho tới mạng chung. Này chư Hiền, cũng như có người hoặc ở chợ búa, hoặc ở nhà thợ đúc đồ đồng mang một cái bát bằng đồng dơ nhớp không sạch về. Kẻ ấy đã mang bát đồng về rồi mà không tùy thời rửa sạch, không tùy thời lau chùi, cũng không tùy thời mài cọ, chỉ để nơi chỗ bụi bặm đất cát. Cái bát đồng ấy như vậy chỉ tăng thêm sự cấu uế. Như thế, này chư Hiền, hoặc có người bên trong có cầu dục, kẻ ấy bên trong có cầu dục mà không tự biết rõ, nên biết kẻ ấy không ưa thích thực hành, cũng không cố gắng, cũng không tinh tấn để diệt trừ tâm cầu dục kia. Kẻ ấy chỉ trú nơi tâm cầu dục, tâm ý còn tham vướng nơi cầu dục cho tới khi mạng chung do vậy mà chẳng làm được điều thiện và cũng không được sanh đến chỗ lành. Vì sao? Vì kẻ ấy tâm ý luôn tham đắm với cầu dục cho đến khi mạng chung.

–Này chư Hiền, hoặc có người bên trong có cầu dục, kẻ ấy bên trong có cầu dục và tự biết rất rõ, nên biết kẻ ấy sẽ ưa thích thực hành, luôn tinh tấn để diệt trừ nên sự cầu dục của kẻ ấy sẽ đình chỉ. Kẻ ấy không còn tâm ý cầu dục, vì không còn tâm ý cầu dục nên khi mạng chung không còn tham đắm. Kẻ ấy không tham đắm, khi mạng chung mà không có ý tham đắm nên cái chết ấy an lành mà chỗ được sanh đến cũng tốt đẹp. Vì sao vậy? Vì kẻ ấy không có cầu dục, không có tâm ý tham đắm. Này chư Hiền, giống như có người hoặc ở chợ búa

hay ở nhà thợ đúc đồ đồng mang cái bát bằng đồng đầy bụi bặm dơ nhớp về. Kẻ ấy mang cái bát về rồi tùy thời rửa sạch, tùy thời lau chùi, tùy thời mài cọ, không để ở chỗ bụi bặm, cái bát đồng đó về sau luôn được sạch sẽ bóng láng. Như vậy, này chư Hiền, hoặc có người bên trong có cầu dục, kẻ ấy bên trong có cầu dục và tự biết rất rõ. Nên biết kẻ ấy sẽ ưa thích thực hành, luôn tinh tấn để diệt trừ cầu dục ấy. Tâm cầu dục của kẻ đó đã được đoạn trừ, tâm ý không còn cầu dục, nên khi mạng chung không còn tham đắm. Kẻ ấy không còn tâm ý cầu dục, mạng chung mà không còn tham đắm, thì sự mạng chung ấy đã an lành, lại cũng được sanh đến chỗ lành. Vì sao vậy? Vì kẻ ấy không còn cầu dục, khi mạng chung không còn tham đắm.

Này chư Hiền, hoặc có người bên trong không có cầu dục, kẻ ấy bên trong không có cầu dục mà không tự biết rõ, nên biết kẻ ấy không thể giữ gìn được các căn tiếp xúc với các trần. Khi đã không thể giữ gìn được các căn tiếp xúc với các trần rồi thì ý sẽ khởi dâm dục. Kẻ ấy sẽ mạng chung mà ý còn tham đắm tạp dục, tạp cầu. Kẻ ấy tâm ý luôn tham đắm với mọi thứ tạp dục, tạp cầu, cho đến khi mạng chung, do đấy cái chết ấy bất thiện, lại cũng sanh đến chỗ bất thiện. Vì sao vậy? Vì cho tới khi chết mà tâm ý còn tham đắm tạp dục, tạp cầu. Này chư Hiền, giống như, có người hoặc ở chợ búa, hay ở nhà thợ đúc đồ đồng mang một cái bát bằng đồng sạch sẽ về. Khi mang về rồi cũng không tùy thời rửa sạch, cũng không tùy thời lau chùi, cũng không tùy thời mài cọ, lại để chỗ bụi bặm. Cái bát đồng như vậy về sau sẽ bị dơ nhớp không sạch. Này chư Hiền, như vậy, hoặc có người bên trong không có cầu dục, kẻ ấy bên trong không có cầu dục mà không tự biết rõ, nên biết kẻ ấy không thể giữ gìn được mắt, tai, ý, pháp. Kẻ ấy đã không giữ gìn được các căn tiếp xúc với các trần, thì sẽ khởi ý dâm dục, dấy ý tạp dục, mạng chung mà ý tham đắm, tạp dục, tạp cầu. Kẻ ấy cho tới khi mạng chung mà tâm ý còn tham đắm tạp dục, tạp cầu, thì sự chết sẽ không an lành mà cũng không sanh đến chốn lành. Vì sao vậy? Vì kẻ ấy mạng chung mà tâm ý còn tham đắm tạp dục, tạp cầu.

Này chư Hiền, hoặc có người bên trong không có cầu dục, kẻ ấy bên trong không có cầu dục và tự biết rất rõ, nên biết kẻ ấy có thể giữ gìn được mắt, tai, ý, pháp. Kẻ ấy đã giữ gìn được các căn tiếp xúc với

các trần rồi thì tâm ý sẽ không còn khởi dâm dục, mạng chung mà ý không tham đắm không cầu, không dục. Kẻ ấy mạng chung mà tâm ý không còn tham đắm không dục, không cầu, thì sự chết đã an lành mà chỗ sanh đến cũng tốt đẹp. Vì sao vậy? Vì mạng chung mà tâm ý không tham đắm, không dục, không cầu vậy. Này chư Hiền, giống như có người, hoặc ở chợ búa, hay ở nhà người thợ đúc đồ đồng mang về cái bát bằng đồng sạch sẽ, mang về rồi tùy lúc rửa sạch, tùy lúc lau chùi, tùy lúc mài cọ, không để chỗ bụi bặm. Như vậy, cái bát ấy càng thêm sạch sẽ trắng tinh. Này chư Hiền, kẻ ấy cũng như vậy, bên trong không có cầu dục, kẻ ấy bên trong không có cầu dục tự biết rõ như vậy, nên biết kẻ ấy có thể giữ gìn được mắt, tai, ý pháp. Kẻ ấy đã giữ gìn được các căn tiếp xúc với các trần thì sẽ không dấy khởi dâm dục. Kẻ ấy tâm ý không còn tham đắm, không tạp dục, tạp cầu cho đến mạng chung. Kẻ ấy mạng chung mà tâm ý không tham đắm, không tạp dục, tạp cầu nên sự chết cũng an lành mà chỗ thác sanh cũng tốt đẹp. Vì sao vậy? Vì kẻ ấy đến lúc mạng chung tâm ý không còn tham đắm, không tạp dục, tạp cầu.

Do vậy, này chư Hiền, nhân như vậy, duyên như vậy nên khiến cho hai người đầu đều có tâm ý tham vướng cầu dục mà nói một người thì xấu ác, còn một người thì hơn hết. Do nhân như vậy, duyên như vậy nên hai người sau bên trong không có ý tham đắm, không cầu dục mà nói một người thì xấu ác còn một người thì hơn hẳn.

Bấy giờ có một Tỳ-kheo khác từ tòa ngồi đứng dậy, sửa y, chắp tay hướng về Tôn giả Xá-lợi-phất, thưa:

–Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, thế nào gọi là cầu dục? Tâm mong cầu dục ấy vì sao gọi là cầu dục?

Tôn giả Xá-lợi-phất nói:

–Này chư Hiền, vì mong cầu dục lượng các pháp ác cho nên gọi là cầu dục. Này chư Hiền, hoặc có người khởi lên ước muốn như sau: "Nếu ta có phạm tội chút ít, đừng để cho người khác biết ta có phạm giới". Này chư Hiền, các vị nên biết có người biết vị ấy đã phạm giới, vì có người biết nên vị ấy trở nên sân hận. Này chư Hiền, nếu kẻ ấy đã sân hận, do dục hành động, đó chỉ là bất thiện.

Này chư Hiền, hoặc có người khởi lên ước muốn: "Nếu ta có phạm tội chút ít, mong rằng người ta quở trách ở chỗ kín đáo, đừng

quở trách ta phạm giới trước công chúng". Nhưng này chư Hiền, các vị nên biết có người biết chỗ phạm giới ấy liền đưa ra nói trong chúng. Do người ta không quở trách ở chỗ kín đáo mà lại quở trách trước công chúng, nên người ấy sanh tâm sân hận. Này chư Hiền, người ấy đã sanh tâm sân hận, rồi hành động theo dục vọng, đó chỉ là bất thiện.

Này chư Hiền, hoặc có người đã phạm giới mong rằng: "Người bằng ta trách mắng ta, đừng để người kém ta trách mắng sự phạm giới của ta". Nhưng này chư Hiền, các vị nên biết người phạm giới ấy bị người kém hơn trách mắng. Vì bị người kém hơn trách mắng cho nên kẻ phạm giới ấy sanh tâm sân hận. Này chư Hiền, kẻ ấy sanh tâm sân hận rồi, nên hành động theo dục vọng, đó chỉ là bất thiện.

Này chư Hiền, hoặc có người khởi lên ước muốn: "Mong ta được ngồi trước mặt Đức Thế Tôn, ta sẽ hỏi Đức Thế Tôn để Ngài sẽ thuyết pháp cho các Tỳ-kheo nghe, chớ đừng để Tỳ-kheo khác ở trước mặt Đức Thế Tôn hỏi Đức Thế Tôn rồi Ngài thuyết pháp cho các Tỳ-kheo nghe". Này chư Hiền, các vị nên biết có Tỳ-kheo khác ở trước mặt Đức Thế Tôn hỏi Đức Thế Tôn rồi Ngài thuyết pháp cho các Tỳ-kheo nghe, nên kẻ ấy sanh tâm sân hận. Này chư Hiền, kẻ ấy đã khởi tâm sân hận cho nên hành động theo dục vọng, đó là bất thiện.

Này chư Hiền, hoặc có người khởi lên ước muốn: "Lúc các Tỳ-kheo vào làng, mong rằng ta đi trước nhất, đừng để một Tỳ-kheo nào khác vào làng trước ta". Này chư Hiền, các vị nên biết rằng khi các Tỳ-kheo vào làng có Tỳ-kheo khác đi trước nhất. Khi các Tỳ-kheo vào làng, có Tỳ-kheo khác đi trước nhất; vì có Tỳ-kheo khác đi trước nhất, nên vị ấy sanh tâm sân hận. Này chư Hiền, kẻ ấy đã khởi tâm sân hận cho nên hành động theo dục vọng, đó là bất thiện.

Này chư Hiền, hoặc có người khởi lên ước muốn như vầy: "Khi các Tỳ-kheo đã vào nhà tín thí, mong rằng ta được chỗ ngồi trước nhất, được nước rửa trước nhất, được đồ ăn trước nhất, chớ đừng để vị Tỳ-kheo nào khác, khi các Tỳ-kheo đã vào nhà tín thí, thì được chỗ ngồi trước nhất, được nước rửa trước nhất, được đồ ăn trước nhất". Này chư Hiền, các vị nên biết rằng khi các Tỳ-kheo đã vào nhà tín thí rồi có Tỳ-kheo khác được chỗ ngồi trước nhất, được nước rửa trước nhất, được đồ ăn trước nhất. Do đó vị ấy sanh tâm sân hận,

vị ấy đã sanh tâm sân hận nên hành động theo dục vọng, đó là bất thiện.

Này chư Hiền, hoặc có người khởi lên ước muốn như vầy: "Khi các Tỳ-kheo đã ăn xong, thu cất bát, mong ta nói pháp cho các Cư sĩ nghe để khuyên họ siêng năng, chỉ dạy tất cả để các Cư sĩ được hoan hỷ, chớ đừng để Tỳ-kheo khác, khi các Tỳ-kheo đã ăn xong, thu cất bát, thuyết pháp cho các Cư sĩ nghe để khuyên họ siêng năng, chỉ dạy để họ được hoan hỷ". Này chư Hiền, các vị nên biết như vầy, có vị Tỳ-kheo khác, khi các Tỳ-kheo đã ăn xong, thu cất bình bát cho đến khiến cho các Cư sĩ được hoan hỷ. Vì có Tỳ-kheo khác, khi các Tỳ-kheo đã ăn xong, thu cất bình bát cho đến khiến cho các Cư sĩ được hoan hỷ, nên vị ấy đã sanh lòng sân hận. Này chư Hiền, kẻ ấy đã sanh tâm sân hận nên hành động theo dục vọng, đó là bất thiện.

Này chư Hiền, hoặc có người khởi lên ước muốn như vầy: "Nếu có Cư sĩ vào vườn của chúng Tăng, mong rằng ta cùng Cư sĩ đàm luận, nói bàn, đừng để Tỳ-kheo khác, khi có Cư sĩ vào vườn của chúng Tăng, cùng họ đàm luận, nói bàn". Này chư Hiền, nên biết rằng khi có Cư sĩ vào vườn của chúng Tăng, có Tỳ-kheo khác cùng họ đàm luận, nói bàn. Vì khi Cư sĩ vào vườn chúng Tăng, có Tỳ-kheo khác cùng họ đàm luận, nói bàn nên vị ấy sanh lòng sân hận. Này chư Hiền, kẻ ấy đã sanh lòng sân hận nên hành động theo dục vọng, đó là bất thiện.

Này chư Hiền, hoặc có người khởi lên ước muốn: "Hãy khiến cho nhà vua, đại thần, Bà-la-môn, Cư sĩ không một ai là không biết đến ta, đừng để cho Tỳ-kheo khác được nhà vua, đại thần, Bà-la-môn, Cư sĩ ai cũng biết đến". Này chư Hiền, các vị nên biết có Tỳ-kheo khác được nhà vua, đại thần biết đến, và các hàng Bà-la-môn, Cư sĩ, không ai là không biết đến. Vì có Tỳ-kheo khác được nhà vua, đại thần biết đến, được các Bà-la-môn, Cư sĩ ai cũng biết đến, vị ấy liền sanh tâm sân hận. Này chư Hiền, vị ấy đã sanh tâm sân hận nên hành động theo dục vọng, đó là bất thiện.

Này chư Hiền, hoặc có người khởi lên ước muốn: "Hãy khiến cho ta được bốn bộ chúng: Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di cúng dường, chớ đừng để Tỳ-kheo khác được bốn bộ chúng: Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di cúng dường". Này chư Hiền, các vị

nên biết rằng có Tỳ-kheo khác được bốn bộ chúng: Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di cúng dường. Vì có Tỳ-kheo khác được bốn bộ chúng: Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di cúng dường, nên vị ấy khởi tâm sân hận. Này chư Hiền, vị ấy đã khởi tâm sân hận nên hành động theo dục vọng, đó là bất thiện.

Này chư Hiền, hoặc có người khởi lên ước muốn: "Hãy khiến cho ta được áo quần, giường chõng, thuốc men trị bệnh, chớ đừng để Tỳ-kheo khác được áo quần, giường chõng, thuốc men trị bệnh. Này chư Hiền, các vị nên biết có Tỳ-kheo khác được áo quần, giường chõng, thuốc men trị bệnh. Vì có Tỳ-kheo khác được áo quần, giường chõng, thuốc men trị bệnh nên vị ấy sanh tâm sân hận. Này chư Hiền, vị ấy đã sanh tâm sân hận nên hành động theo dục vọng, đó là bất thiện.

Này chư Hiền, cũng như vậy, hoặc có người đã là bậc phạm hạnh có trí tuệ thì nên xả bỏ vô lượng các hạnh ác bất thiện, cầu dục, đừng nên làm việc ấy. Nếu có người cùng với kẻ không phải là Sa-môn mà cho là tu hạnh Sa-môn; nếu có người cùng với kẻ chẳng phải là Sa-môn có trí tuệ mà cho là Sa-môn có trí tuệ; không nên cầu ngồi tòa trên mà cầu ngồi tòa trên; không có định mà cho là có định, ở chỗ bất tịnh mà cho là thanh tịnh, như vậy này chư Hiền, kẻ ấy đối với các bậc Phạm hạnh có trí tuệ lại có vô lượng các hạnh ác bất thiện như thế. Các vị nên biết có việc làm này: nên biết có người cùng với kẻ không phải là Sa-môn cho là không phải Sa-môn; cùng với người không phải là Sa-môn có trí tuệ biết đó là Sa-môn không có trí tuệ; cùng với người không nên cầu ngồi tòa trên biết là người không nên cầu ngồi tòa trên; người không có định biết là không có định; cùng với người bất tịnh biết là bất tịnh.

Này chư Hiền, cũng giống như có người ở chợ búa hay nhà thợ đúc đồ đồng mang về cái bát bằng đồng chứa đầy đồ bất tịnh bên trong, dùng một cái nắp đậy lên trên. Nếu mang nó đến chỗ đông người, những người kia thấy bát đồng ấy đều muốn được ăn, tỏ ý ưa thích, không biết nó là đồ bất tịnh. Hoặc số đông người kia mang cái bát đồng ấy đến một chỗ và giở nắp ra, nếu có người muốn ăn liền không muốn ăn, há người mang bát ấy lại muốn ăn sao?

Này chư Hiền, nếu người phạm hạnh có trí tuệ, làm vô lượng

các hạnh ác bất thiện như thế, người không phải Sa-môn cho là Sa-môn hạnh, Sa-môn không có trí tuệ cho là Sa-môn có trí tuệ; không nên cầu tòa ngồi trên mà cầu tòa ngồi trên; không có định mà cho là có định; cùng với người bất tịnh mà cho là thanh tịnh; như vậy, này chư Hiền, người ấy đối với các vị phạm hạnh có trí tuệ, có vô lượng các hạnh ác bất thiện. Các vị phải biết rằng cùng ở với kẻ chẳng phải là Sa-môn cho là chẳng phải Sa-môn; cùng ở với Sa-môn không có trí tuệ cho là chẳng phải Sa-môn có trí tuệ, cùng ở với người không nên cầu tòa ngồi trên cho là không nên cầu tòa ngồi trên; cùng ở với người không có định cho là không có định; cùng với người bất tịnh cho là bất tịnh.

Này chư Hiền, người như thế không nên gần gũi, không nên cung kính, không nên vâng làm. Nếu vị Tỳ-kheo nào không nên gần gũi, cung kính, lễ bái mà cung kính, lễ bái thì kẻ ấy mãi mãi mất điều lợi ích, đau khổ, tương ưng với đường ác. Cho nên, này chư Hiền, người như vậy chớ nên gần gũi, chớ nên cung kính, lễ bái.

Này chư Hiền, hoặc có người không khởi lên mong ước: "Ta có phạm giới, không muốn cho người khác biết ta có phạm giới". Này chư Hiền, các vị nên biết rằng vị ấy có phạm giới, nếu có người khác biết vị ấy phạm giới, thì người khác dù có biết, nhưng tâm ý vị ấy không sân hận. Này chư Hiền, do tâm ý không sân hận nên sự mong muốn và hành động đều là thiện.

Này chư Hiền, hoặc có người không khởi lên mong ước: "Nếu ta có phạm giới, hãy nói tội ta chỗ vắng vẻ, chớ đừng nói tội ta ở giữa chúng". Này chư Hiền, các vị nên biết rằng vị phạm giới ấy bị nói ra giữa chúng, chớ không nói ở chỗ vắng vẻ. Tuy người phạm giới bị nói ra giữa chúng nhưng tâm vị ấy không sân hận. Này chư Hiền, do tâm không sân hận nên mọi mong muốn và hành động đều là thiện.

Này chư Hiền, hoặc có người không khởi lên mong ước: "Hãy để người bằng ta nói ra sự phạm giới của ta, chứ đừng để kẻ không bằng ta nói ra sự phạm giới của ta". Này chư Hiền, các vị nên biết rằng người phạm giới ấy bị người không bằng mình nói ra chớ không phải người bằng mình nói ra. Bị người không bằng mình nói về sự phạm giới của mình, nhưng tâm vị ấy vẫn không giận. Này chư Hiền,

do tâm vị kia không giận, nên mọi mong muốn và hành động đều là thiện.

Này chư Hiền, hoặc có người không dấy mong ước: "Mong ta ngồi trước Đức Thế Tôn và hỏi Đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn sẽ thuyết pháp cho các Tỳ-kheo nghe, chớ đừng để Tỳ-kheo khác ngồi trước Đức Thế Tôn và hỏi Đức Thế Tôn, để Đức Thế Tôn thuyết pháp cho các Tỳ-kheo nghe". Này chư Hiền, các vị nên biết rằng có Tỳ-kheo khác ngồi trước Đức Thế Tôn và Đức Thế Tôn thuyết pháp cho các Tỳ-kheo nghe. Dù có vị Tỳ-kheo khác ngồi trước Đức Thế Tôn hỏi Đức Thế Tôn để Ngài thuyết pháp cho các Tỳ-kheo, nhưng tâm vị ấy không sân hận. Này chư Hiền, nếu tâm vị ấy không sân hận, thì mọi mong muốn và hành động đều là thiện.

Này chư Hiền, hoặc có người không khởi lên ước muốn: "Lúc các Tỳ-kheo vào làng, mong rằng ta đi trước nhất, chớ đừng có vị Tỳ-kheo nào khác đi trước nhất". Này chư Hiền, các vị nên biết rằng có Tỳ-kheo khác, khi các Tỳ-kheo vào làng thì đi trước. Dù có Tỳ-kheo khác, khi các Tỳ-kheo vào làng thì đi trước, nhưng tâm vị kia không sân hận. Này chư Hiền, do tâm ý vị ấy không sân hận, nên mọi mong muốn và hành động đều là thiện.

Này chư Hiền, hoặc có người không khởi lên ước muốn: "Khi các Tỳ-kheo đã vào nhà tín thí, ta được nhận nước rửa và đồ ăn trước nhất, chớ đừng để khi các Tỳ-kheo đã vào nhà tín thí, có Tỳ-kheo khác ngồi ở trước nhất, thọ nhận nước rửa và đồ ăn trước nhất". Này chư Hiền, các vị nên biết rằng khi các Tỳ-kheo đã vào nhà tín thí thì có vị Tỳ-kheo khác được ngồi trước nhất, thọ nhận nước rửa và đồ ăn trước nhất, dù như vậy nhưng tâm vị ấy không sân hận. Này chư Hiền, do tâm vị ấy không sân hận, nên mọi mong muốn và hành động đều là thiện.

Này chư Hiền, hoặc có người không khởi lên ước muốn: "Các Tỳ-kheo đã ăn xong, cất bình bát, hãy khiến ta vì cư sĩ thuyết pháp, chỉ dạy, khuyên họ tinh tấn..., khiến họ được hoan hỷ, chớ đừng để Tỳ-kheo khác khi các Tỳ-kheo đã ăn xong, cất bình bát, vì cư sĩ thuyết pháp, chỉ dạy, khuyến phát tinh tấn..., chỉ dạy khiến họ được hoan hỷ". Này chư Hiền, các vị nên biết rằng khi các Tỳ-kheo đã ăn xong, cất bình bát, có Tỳ-kheo khác vì cư sĩ thuyết pháp, chỉ dạy, khuyến

phát tinh tấn... khiến họ được hoan hỷ, nhưng vị ấy vẫn không có tâm sân hận. Này chư Hiền, vì vị ấy không có tâm sân hận, nên mọi mong muốn và hành động đều là thiện.

Này chư Hiền, hoặc có người không khởi lên mong ước: "Khi cư sĩ vào vườn của Tăng chúng, ta sẽ đàm luận với họ, đừng để Tỳ-kheo khác đàm luận với cư sĩ khi họ vào vườn của Tăng chúng". Này chư Hiền, các vị nên biết rằng có Tỳ-kheo khác đàm luận với cư sĩ khi họ vào vườn của Tăng chúng. Dù có Tỳ-kheo khác đàm luận với cư sĩ khi họ vào vườn của Tăng chúng mà tâm vị ấy vẫn không sân hận. Này chư Hiền, do tâm vị ấy không sân hận, nên mọi mong muốn và hành động đều là thiện.

Này chư Hiền, hoặc có người không khởi lên ước muốn: "Hãy khiến cho nhà vua, đại thần, các hàng Bà-la-môn, Cư sĩ không một ai là không biết đến ta, chớ đừng để Tỳ-kheo khác được vua, đại thần, Bà-la-môn, Cư sĩ ai cũng biết đến". Này chư Hiền, các vị nên biết rằng có vị Tỳ-kheo khác được vua, đại thần, Bà-la-môn, Cư sĩ ai cũng biết đến. Dù như vậy nhưng tâm vị ấy vẫn không sân hận. Này chư Hiền, do tâm vị ấy không sân hận, nên mọi mong muốn và hành động đều là thiện.

Này chư Hiền, hoặc có người không khởi lên ước muốn: "Hãy khiến cho ta được bốn bộ chúng: Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di cúng dường, chớ đừng để Tỳ-kheo khác được bốn bộ chúng: Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di cúng dường". Này chư Hiền, các vị nên biết rằng có Tỳ-kheo khác được bốn bộ chúng: Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di cúng dường. Dù như vậy nhưng tâm vị ấy vẫn không sân hận. Này chư Hiền, do tâm vị ấy không sân hận, nên mọi mong muốn và hành động đều là thiện.

Này chư Hiền, hoặc có người không khởi lên ước muốn: "Hãy khiến cho ta được y phục, giường chõng, thuốc men chữa bệnh, chớ đừng để Tỳ-kheo khác được áo quần, giường chõng, thuốc men trị bệnh". Này chư Hiền, các vị nên biết rằng có Tỳ-kheo khác được y phục, giường chõng, thuốc men chữa bệnh. Dù vị Tỳ-kheo khác được y phục, giường chõng, thuốc men chữa bệnh nhưng tâm vị ấy vẫn không sân hận. Này chư Hiền, do tâm vị ấy không sân hận, nên mọi mong muốn và hành động đều là thiện.

Này chư Hiền, như vậy người đó ở với bậc Phạm hạnh có trí tuệ, ưa thích tu tập vô lượng các pháp thiện hạnh. Nếu không biết thế thì cùng ở với Sa-môn mà nói là không phải Sa-môn, cùng ở với Sa-môn có trí tuệ mà nói không phải Sa-môn có trí tuệ; cùng ở với bậc Thượng tọa mà nói không phải bậc Thượng tọa, cùng ở với người có định mà nói là không có định, cùng ở với vị thanh tịnh mà nói là không thanh tịnh. Như vậy, này chư Hiền, hoặc có người đối với bậc Phạm hạnh có trí tuệ, có vô lượng các thiện hạnh như vậy đều biết rõ, cùng ở với Sa-môn thì biết là cùng ở với Sa-môn, cùng ở với Sa-môn có trí tuệ thì biết là cùng ở với Sa-môn có trí tuệ; cùng ở với người có định nên biết cùng ở với người có định, cùng ở với người thanh tịnh nên biết là cùng ở với người thanh tịnh.

Này chư Hiền, giống như có người ở chợ búa hay nhà thợ làm đồ đồng mang về cái bát bằng đồng, trong bát chứa đầy đồ ăn cao lương mỹ vị, trên bát có nắp đậy lại. Rồi người ấy mang đến chỗ đông người, nhiều người thấy bát ấy đều không muốn ăn, không ưa thích, cho đó là đồ bất tịnh. Họ nói: "Đó là đồ đựng vật bất tịnh! Đó là đồ đựng vật bất tịnh!" Người ấy mang bát đồng đến chỗ đông người rồi giở nắp ra, thì dù cho người không muốn ăn cũng muốn ăn, há người thấy thức ăn trước mà nay không muốn ăn sao?

Này chư Hiền, như vậy, hoặc có người đối với bậc Phạm hạnh có trí tuệ, có vô lượng các thiện hạnh mà không thể biết được nên cùng ở với Sa-môn mà nói là không phải Sa-môn, cùng ở với bậc Sa-môn có trí tuệ mà nói không phải là Sa-môn có trí tuệ, cùng ở với bậc Thượng tọa mà nói không phải Thượng tọa, cùng ở với người có định mà nói là không có định, cùng ở với vị thanh tịnh mà nói là không thanh tịnh.

Như vậy, này chư Hiền, hoặc có người đối với bậc Phạm hạnh có trí tuệ, có vô lượng các thiện hạnh, sau đó biết vị Sa-môn cùng ở đúng là vị Sa-môn, vị Sa-môn có trí tuệ cùng ở đúng là vị Sa-môn có trí tuệ, vị Thượng tòa cùng ở biết chính đó là bậc Thượng tòa; cùng ở với người có định biết là có định, cùng ở với người thanh tịnh biết đó là thanh tịnh. Như vậy, này chư Hiền, người ấy nên cung kính, vâng làm và lễ bái. Tỳ-kheo nên gần gũi, nên cung kính, nếu cung kính thì nên vâng theo, nếu vâng theo thì cần phải luôn thực hành. Người

luôn thực hành như vậy mãi mãi được lợi ích an lạc. Cho nên, này chư Hiền, người như vậy cần phải thân cận, cung kính và vâng làm theo.

Bấy giờ Tôn giả Đại Mục-kiền-liên cũng có mặt ở trong chúng hội, Tôn giả nói với Tôn giả Xá-lợi-phất:

–Này Tôn giả Xá-lợi-phất, nay tôi muốn nói một thí dụ, Tôn giả có cho phép không?

–Hãy nói đi, này Hiền giả Mục-kiền-liên.

–Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, thuở trước ở trong núi Kỳ-xà-quật, thuộc thành Vương xá, này Tôn giả Xá-lợi-phất, vào lúc sáng sớm, tôi thức dậy, mặc y phục, mang bát vào thành Vương xá để khất thực. Trong khi đi khất thực, tôi đến nhà một thợ xe, thấy có Vô Niệm Mãn Tử đang ở tại đấy. Người thợ ấy đang đẽo trục xe. Vô Niệm Mãn Tử ở nhà thợ xe ấy nghĩ: "Người thợ xe này đang đẽo trục xe. Nên đẽo gọt chỗ ấy như thế này. Cái trục xe ấy có chỗ xấu kia đã được đẽo gọt". Vị Vô Niệm Mãn Tử ấy, lúc ở nhà người thợ xe đã suy nghĩ như vầy: "Người thợ này như ý nghĩ của ta, đã cầm búa đẽo gọt trục xe". Khi đó Vô Niệm Mãn Tử liền nói: "Người thợ làm xe này đã biết ý của ta khi sửa trục xe. Như chỗ đã được đẽo gọt thì trục xe như vậy sẽ thuận lợi, không còn trở ngại".

Như vậy, thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, với người dua nịnh, dối trá, huyễn hoặc, không tin, không có lòng tín, biếng trễ, không tinh tấn, ý nghĩ tán loạn, không định tĩnh, trí ác, tâm tán loạn, các căn không định; đối với giới hạnh noãn, không phân biệt được hạnh Sa-môn, nhưng Tôn giả Xá-lợi-phất đã biết tâm niệm của họ để giảng nói khiến họ được giải thoát.

Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, với người không dua nịnh, dối trá, không huyễn hoặc, có lòng tin, vui thích tin tưởng, tinh tấn thực hành, ý thường định, học theo trí tuệ, cung kính đối với giới, phân biệt rộng rãi hạnh Sa-môn. Vị ấy theo Tôn giả Xá-lợi-phất nghe thuyết pháp xong, sung sướng như được uống, sung sướng như được ăn, miệng và ý đều thọ trì.

Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, giống như con gái chủng tộc Sát-lợi, con gái của chủng tộc Bà-la-môn, con gái của hàng Cư sĩ hay con gái của hàng thợ thuyền, tắm rửa sạch sẽ, dùng hương thơm thoa khắp

thân thể mặc áo mới tinh. Nếu như có người đến với nàng, sanh lòng thương mến, muốn nàng được lợi ích, khiến cho nàng được an ổn, nên đem các thứ tràng hoa sen xanh, tràng hoa Chiêm-ba, tràng hoa Bà-sư, hoặc tràng hoa A-đề-ma-đa đến tặng nàng. Người con gái ấy vui sướng nhận cả hai tay, dùng để trang sức trên đầu.

Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, cũng như vậy, hoặc có người không dua nịnh, dối trá, không huyễn hoặc, cũng không bất tín, có thể thực hành tinh tấn, tâm ý thường định, có trí tuệ, cung kính sự học, tu tập, rộng phân biệt hạnh Sa-môn, người ấy theo Tôn giả Xá-lợi-phất nghe pháp rồi, sung sướng như được uống, sung sướng như được ăn, miệng và ý cũng như vậy.

Tôn giả Xá-lợi-phất, thật là kỳ diệu! Tôn giả đã vì các vị tu phạm hạnh mà dứt trừ các điều bất thiện, an trú nơi điều thiện. Lành thay! Thưa Hiền giả, ngài là bậc Chân nhân.

Như thế, cả hai bên đều tán thán lẫn nhau, rồi từ chỗ ngồi đứng dậy, về lại chỗ của mình.

❑

SỐ 50

PHẬT NÓI KINH THỌ TUẾ

Hán dịch: Tây Tấn, Tam tạng Pháp sư Trúc Pháp Hộ.

Nghe như vầy:

Một thời Đức Bà-già-bà ở tại vườn trúc Ca-lan-đà, thuộc thành Vương xá, cùng đông đủ chúng đại Tỳ-kheo để thọ tuế.

Bấy giờ Tôn giả Đại Mục-kiền-liên nói với các Tỳ-kheo:

–Này chư Hiền, vị Tỳ-kheo thọ tuế thỉnh nguyện: "Xin các Tôn giả nói với tôi, dẫn dắt tôi, răn dạy tôi, thương tưởng tôi". Đó là lý do thứ nhất. Vì sao vậy? Này chư Hiền, hoặc có người ương ngạnh, khó dạy bảo, cùng liên hệ với pháp ác, thì vị phạm hạnh không thể nói, không dẫn dắt, không răn dạy, cũng không thương tưởng kẻ ấy. Đó là loại người thứ nhất.

Này chư Hiền, thế nào là kẻ ương ngạnh, khó dạy bảo? Đó là kẻ dù cùng ở với bậc Phạm hạnh, nhưng vẫn không được bậc Phạm hạnh nói chuyện, không dẫn dắt, không răn dạy, cũng không thương tưởng. Đó là loại người thứ nhất. Này chư Hiền, hoặc có một người tìm cầu điều ác, cùng liên hệ với điều ác. Này chư Hiền, ta bảo kẻ ấy tìm cầu điều ác, cùng liên hệ với điều ác, đó là pháp ương ngạnh, khó dạy bảo. Như vậy bị nhiễm dục, sân hận, tham lam, ganh ghét, không xả, dối trá, dua nịnh, huyễn hoặc, không hổ, không thẹn, ôm hận, nên kẻ ấy nói lời uất hận, mắng lại Tỳ-kheo khiển trách mình, nói cho mọi người biết vị Tỳ-kheo đã chỉ trích mình, chê bai lời nói của Tỳ-kheo chỉ trích mình. Tất cả lời lẽ đều nói lảng ra ngoài đề để tránh né, ôm giữ tâm phẫn nộ, rộng liên hệ với hàng tri thức bạn bè xấu ác, không biết ân, không báo ân, đền ân. Này chư Hiền, những

người không biết an, không báo đền, đó là những kẻ ngang ngược, khó dạy. Do đó, này chư Hiền, người có tánh ngang ngược, khó dạy thì dù gần gũi với các bậc Phạm hạnh, các vị ấy cũng không nói chuyện, không dạy dỗ, không khiển trách, không thương nhớ. Đó là hạng người thứ nhất.

Này chư Hiền, Tỳ-kheo nên tự suy nghĩ: "Này chư Hiền, nếu có ai tìm cầu điều ác, cùng liên hệ với điều ác thì ta không nghĩ nhớ đến người đó. Nếu ta có dục ác, cùng liên hệ với dục ác thì người khác cũng không nghĩ nhớ đến ta". Tỳ-kheo hãy quán sát như vậy, đừng có khởi cầu dục ác, nên học như thế. "Như vậy, kẻ bị nhiễm dục, sân hận, tham lam, ganh ghét, không xả bỏ, dối trá, dua nịnh, huyễn hoặc, không hổ, không thẹn, ôm lòng sân hận, miệng nói lời thù hận, mắng lại Tỳ-kheo khiển trách mình, nói cho mọi người biết vị Tỳ-kheo đã chỉ trích mình, chê bai lời nói của Tỳ-kheo khiển trách mình; tất cả lời nói đều đi ra ngoài đề để tránh né, ôm lòng sân hận, rộng liên hệ với hạng tri thức và bạn bè xấu ác, không biết ân, không báo đền. Này chư Hiền, nếu ai vong ân, không báo ân thì ta không thương người ấy, và nếu ta vong ân, không báo ân thì người khác cũng không thương ta". Tỳ-kheo hãy quán sát như vậy. Đừng là kẻ không biết báo ân, nên học hỏi như thế.

Này chư Hiền, nếu Tỳ-kheo không thỉnh cầu các Tỳ-kheo rằng: "Xin các vị nói với tôi, dạy dỗ tôi, khiển trách tôi, thương tưởng tôi". Đó là hạng người thứ nhất. Vì sao? Này chư Hiền, hoặc có một người dễ bảo, cùng gắn bó với giáo pháp nên các vị đồng phạm hạnh nói chuyện, dạy dỗ, khiển trách và thương nhớ người ấy. Người ấy là bậc nhất vậy. Vì sao? Này chư Hiền, người dễ dạy bảo, cùng gắn bó với giáo pháp, mà được các vị đồng phạm hạnh nói chuyện, dạy dỗ, khiển trách, thương yêu. Người đó được gọi là bậc nhất. Này chư Hiền, hoặc có một người không tìm cầu điều ác, không liên hệ với điều xấu ác. Này chư Hiền, kẻ ấy vì không có dục ác, không liên hệ với dục ác, thì đó là pháp dễ dạy bảo. Như thế, không bị nhiễm dục, không sân hận, không tham lam keo kiệt, ganh ghét, không dối trá, dua nịnh, huyễn hoặc, biết hổ, biết thẹn, không ôm lòng giận, nên miệng vị ấy không nói lời thù hận, không mắng lại Tỳ-kheo khiển trách mình, không nói với mọi người về Tỳ-kheo khiển trách mình,

không phỉ báng lời nói của Tỳ-kheo chỉ trích mình, không nói ra ngoài đề để tránh né, không sân hận mà lại rộng rãi, không ở chung với hạng tri thức cùng bạn hữu xấu ác, không vô ân mà nhớ ân. Này chư Hiền, đó gọi là người ấy cùng tương ưng với giáo pháp. Này chư Hiền, đó là kẻ dễ dạy bảo, cùng tương ưng với giáo pháp, nên được các bậc Phạm hạnh nói chuyện, dạy dỗ, khiển trách và thương nhớ. Vị ấy là người bậc nhất.

Này chư Hiền, Tỳ-kheo nên tự suy xét: "Này chư Hiền, nếu ai không có dục ác, không liên hệ với dục ác thì ta thương người đó, và nếu ta không có dục ác, không liên hệ với dục ác, thì người khác cũng thương ta". Tỳ-kheo nên quán như vậy, không nên dấy khởi dục ác, nên học như vậy. "Như vậy, do không bị nhiễm dục, không sân hận, không tham lam keo kiệt, ganh ghét, luôn xả bỏ, không dối trá, dua nịnh, biết hổ, biết thẹn, không giận dữ nên vị ấy miệng không nói lời thù hận, không mắng lại Tỳ-kheo khiển trách mình, không nói với mọi người về vị Tỳ-kheo khiển trách mình, không phỉ báng lời nói của vị Tỳ-kheo khiển trách mình; tất cả lời nói đều không nói ra ngoài đề để tránh né, không sân hận mà rộng rãi, không liên hệ với hàng tri thức và bạn hữu xấu ác, không quên ân mà nhớ báo đền. Này chư Hiền, nếu người nào không quên ân, luôn nhớ báo đền thì ta thương yêu người đó. Nếu ta không quên ân, nhớ báo đền thì người đó cũng thương yêu ta". Tỳ-kheo nên quán sát như thế. Hãy không quên ân, nhớ báo đền, nên học như vậy.

Này chư Hiền, nếu Tỳ-kheo sau khi quán sát thấy: "Ta đang có tâm dục ác, cùng tương ưng với tâm dục ác, cần phải không có tâm mong cầu làm điều ác, không tương ưng với dục ác" thì chắc chắn có nhiều lợi ích. Này chư Hiền, nếu Tỳ-kheo quán sát biết được mình đang có dục ác, cùng tương ưng với dục ác thì kẻ ấy sẽ không hoan hỷ. Do đó kẻ ấy mong cầu ngăn trừ dục. Này chư Hiền, nếu Tỳ-kheo lúc quán sát biết mình hiện không có dục ác, không tương ưng với dục ác thì kẻ ấy liền vui mừng thấy mình được thanh tịnh, trong sạch, đang tu tập trong cảnh giới của Đức Phật. Thấy vậy rồi vui mừng nỗ lực tu tập.

Này chư Hiền, ví như người có mắt cầm cái gương sáng tự soi mặt mình. Này chư Hiền, người có mắt ấy sẽ tự thấy mặt mình dơ dáy

nên trong lòng không vui, kẻ ấy muốn rửa sạch các vết dơ. Này chư Hiền, nếu người có mắt ấy không thấy mặt mình có vết dơ, kẻ ấy liền vui mừng thấy mình được thanh tịnh. Kẻ ấy tự thấy như vậy rồi vui mừng, nỗ lực thực hành. Này chư Hiền, cũng như vậy, Tỳ-kheo quán sát mà biết mình có dục ác, cùng liên hệ với dục ác, vị ấy liền có ý mong cầu ngăn trừ dục ác. Này chư Hiền, Tỳ-kheo quán sát, biết mình không có dục ác, không liên hệ với dục ác, vị ấy liền vui mừng thấy mình được trong sạch, thanh tịnh, đang ở trong cảnh giới của Đức Phật. Thấy vậy rồi thì vui mừng mà thực hành, tu tập.

Cũng như vậy, bị nhiễm dục hay không nhiễm dục; cũng vậy có sân hận hay không có sân hận; cũng vậy có tham lam, ganh ghét, không xả, hay không có tham lam, ganh ghét, luôn xả; cũng vậy có dua nịnh, dối trá hay không dua nịnh, dối trá; cũng như vậy có sự không hổ, không thẹn hay biết hổ, biết thẹn; cũng vậy có thù giận, miệng nói lời thù hận hay không có thù giận, miệng không nói lời thù giận, mắng lại Tỳ-kheo khiển trách mình hay không mắng lại Tỳ-kheo khiển trách mình; nói với mọi người về Tỳ-kheo khiển trách mình hay không đem nói cho mọi người về Tỳ-kheo khiển trách mình; phỉ báng lời nói của vị Tỳ-kheo khiển trách mình hay không phỉ báng lời nói của vị Tỳ-kheo chỉ trích mình; tất cả lời lẽ đều nói ngoài đề để tránh né, hay không dùng những lời lẽ nói ra ngoài đề để tránh né; có sân hận hay không sân hận; giao kết với hàng tri thức cùng bạn hữu xấu ác hay không giao kết với hàng tri thức cùng bạn hữu xấu ác; không biết ân, không báo ân hay biết ân, báo ân. Này chư Hiền, Tỳ-kheo quán sát biết rằng: "Ta là kẻ không biết ân, không biết báo ân". Vị ấy trong lòng không vui, liền mong muốn ngăn trừ. Này chư Hiền, nếu Tỳ-kheo quán sát biết rằng: "Ta là kẻ không vong ân, biết báo ân". Vị ấy liền vui mừng thấy mình trong sạch, thanh tịnh, đang hành hóa trong cảnh giới của Phật Thế Tôn, thấy như vậy rồi liền vui thích thực hành.

Này chư Hiền, như người có mắt cầm tấm gương trong sáng để soi mặt, tự thấy mặt mình có bụi dơ, kẻ ấy liền không vui và mong muốn rửa sạch. Này chư Hiền, nếu người ấy không thấy mặt mình có bụi dơ liền vui mừng là mình được thanh tịnh. Tự thấy như vậy thì sanh tâm vui thích. Cũng vậy, này chư Hiền, Tỳ-kheo quán sát và

biết được mình là kẻ vong ân, không báo ân, vị ấy liền không hoan hỷ, liền có ý muốn ngăn trừ. Này chư Hiền, nếu Tỳ-kheo quán biết mình không phải là kẻ vong ân, không báo ân, kẻ ấy liền vui mừng cho rằng mình trong sạch, thanh tịnh đang tu tập trong cảnh giới của Phật Thế Tôn. Do tự thấy như vậy rồi thì vui thích tu tập, do vui thích tu tập nên được hoan hỷ, do hoan hỷ nên thân tín hành, do thân tín hành nên biết an lạc, do an lạc nên ý định tĩnh, do ý định tĩnh nên biết như chân, thấy như chân; do thấy, biết như chân nên sanh tâm nhàm chán, nhờ tâm nhàm chán lìa nên được vô nhiễm, do vô nhiễm nên được giải thoát, do giải thoát nên đạt giải thoát tri kiến, biết như thật rằng: "Sự sanh đã hết, phạm hạnh đã thành tựu, việc đáng làm đã làm xong, không còn tái sanh".

Tôn giả Đại Mục-kiền-liên giảng nói như vậy, các Tỳ-kheo nghe Tôn giả Đại Mục-kiền-liên nói xong đều hoan hỷ lãnh thọ.

M

LỜI BẠT

Trong Đan tạng, kinh này có tên là Thọ Tuế kinh. Đan bản có tên ấy nhưng Tống bản thì không có. Trong Tống tạng, kinh này có tên là Thọ Tân Tuế kinh. Tên này không có trong Đan bản. Xem cả hai kinh đều viết là do Ngài Pháp Hộ dịch. Tên tuy khác đôi chút nhưng nói chung nghĩa lý lại có sai biệt rất lớn, chưa biết bản nào đúng bản nào sai? Lại nữa, vì sao trong hai bộ Đại tạng nội dung của hai bản kinh có chỗ bản này có thì bản kia không có? Nay xem trong nội dung của Khai nguyên lục và Trùng dịch lục có nói đến Thọ Tuế kinh do Ngài Trúc Pháp Hộ dịch, ghi rằng: "Gần giống với bản dị dịch trong quyển thứ 23 của bộ Trung A-hàm". Phần cuối trong nội dung của Đơn dịch lục có Tân Tuế kinh do Ngài Trúc-đàm-vô-sấm (Tấn gọi là Pháp Chánh) dịch. Trong đó có đoạn chú thích rằng: "Trong nội dung của Đại bản không có những kinh này nên liệt biên ở đây". Nay kiểm chứng lại bản Thọ Tuế kinh trong Đan tạng cùng với bản kinh trong quyển 23 của Trung A-hàm có nội dung tương đồng nhau, cho nên bản kinh trên chính là nội

dung của bản Trùng dịch Thọ Tuế kinh. Thọ Tân Tuế kinh trong Tống bản so với Trung A-hàm thì hoàn toàn riêng biệt. Xét cho cùng thì bản tên Tân Tuế kinh về văn tuy khác, nhưng về đại ý không khác nhau lắm, dường như là bản dị dịch của kinh này. Cho nên nội dung Thọ Tân Tuế kinh của Tống tạng hiện nay gần giống với nội dung của Tân Tuế kinh. Nếu cho đó là một bản dịch thì tại sao có sự khác nhau khi dịch giả lược bỏ rất nhiều những đoạn đặc biệt? Đó lại là những gì được biên chép trong Trùng dịch. Nếu cho đó là bản Trùng dịch thì những gì đã được nêu ra trong bản Đơn dịch? Điều này cần phải đợi kiểm chứng. Nay công việc kết tập, phân biện hãy để chờ các bậc Hiền triết, vì vậy chúng tôi không theo nội dung ghi chép trong bản Thọ Tân Tuế kinh-nội dung của bản kinh trên được y cứ theo Đan tạng kinh (Đại tạng kinh Khiết Đan–tức Liêu bản) để làm chân bản.

❑

SỐ 51

PHẬT NÓI KINH PHẠM CHÍ KẾ THỦY TỊNH

Hán dịch: Mất tên người dịch, phụ lục vào dịch phẩm đời Đông Tấn.

Nghe như vầy:

Một thời Đức Bà-già-bà lúc mới thành đạo, một mình ở bên gốc cây, trên bờ sông Uất-tỳ-la (*giáp giới với nước Ma-kiệt*).

Bấy giờ có Bà-la-môn Kế Thủy Tịnh, sau giờ ngọ, ung dung đi đến chỗ Đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn từ xa trông thấy Bà-la-môn Kế Thủy Tịnh đi tới, nhân thấy như vậy Ngài liền bảo các Tỳ-kheo:

–Nếu người nào có hai mươi mốt thứ trói buộc tâm ý thì sẽ bị đọa vào cõi ác, sanh trong địa ngục Nê-lê.

Hai mươi mốt thứ trói buộc tâm ý ấy là gì? Đó là: Tà kiến trói buộc tâm, dục phi pháp, tà pháp lừa dối thế gian, tham lam, sân hận, biếng trễ, ham ngủ nghỉ, đùa giỡn, không biết hổ thẹn, nghi ngờ, tức giận, bực tức, keo kiệt, ganh tỵ, không hỷ xả, quanh co dua nịnh, huyễn hoặc, không biết xấu hổ, ganh ghét, tăng thượng tật đố và phóng dật trói buộc tâm. Nếu có hai mươi mốt thứ trói buộc tâm ý này sẽ bị đọa vào cõi ác, sanh trong địa ngục Nê-lê.

Ví như người chủ đưa cái áo của trẻ con bị dơ bẩn cho thợ nhuộm hay đệ tử của thợ nhuộm. Người thợ nhuộm ngâm cái áo vào nước tro hay nước chùm kết, hay trong bột giặt, chà xát thật kỹ khiến cho cái áo hết sức sạch sẽ. Tuy người thợ nhuộm hay học trò của ông ta đã dùng nước tro, chùm kết hay bột giặt ngâm cái áo vào rồi chà xát thật kỹ, khiến cái áo hết sức sạch sẽ. Nhưng vì cái áo trẻ con ấy vốn có nhiều vết cáu bẩn đen sì nên vẫn còn có màu dơ bẩn. Cũng như vậy,

nếu người có hai mươi mốt thứ trói buộc tâm ý liền bị đọa vào cõi ác, sanh trong địa ngục Nê-lê.

Hai mươi mốt thứ ấy là gì? Đó là tà kiến trói buộc tâm, cho đến phóng dật trói buộc tâm. Nếu có hai mươi mốt thứ trói buộc tâm ấy thì liền bị đọa vào cõi ác, sanh trong địa ngục Nê-lê. Nếu không có hai mươi mốt thứ trói buộc tâm thì liền được sanh đến chốn an lành, trên cõi trời. Hai mươi mốt thứ ấy là những gì? Đó là không có tà kiến trói buộc tâm, cho đến không có phóng dật trói buộc tâm. Nếu không có hai mươi mốt thứ trói buộc tâm liền được sanh đến chốn an lành, trên cõi trời.

Ví như cái áo được dệt bằng vải ở thành Ba-la-nại, người chủ đưa cho thợ nhuộm hay đệ tử của ông ta giặt giũ. Thợ nhuộm dùng tro hay bột chùm kết, hay dùng bột giặt để ngâm cái áo rồi chà xát, tẩy giặt khiến cho cái áo được thật sạch. Tuy cái áo vải Ba-la-nại ấy được thợ nhuộm hay đệ tử của ông ta dùng nước tro hay bột chùm kết ngâm vào rồi chà xát, tẩy giặt thật kỹ cho sạch, nhưng cái áo vải Ba-la-nại ấy vốn đã sạch, nay lại càng trắng sạch thêm. Cũng như vậy, nếu không có hai mươi mốt thứ trói buộc tâm liền được sanh đến chốn an lành, trên cõi trời.

Hai mươi mốt thứ ấy là gì? Đó là tà kiến trói buộc tâm, cho đến phóng dật trói buộc tâm. (Nếu không có chúng) liền được sanh đến chốn an lành, trên cõi trời.

Khi đã thấy tà kiến trói buộc tâm thì phải trừ bỏ, cho đến khi đã thấy phóng dật trói buộc tâm thì phải trừ bỏ. Tâm của vị ấy cùng đi đôi với Từ, biến mãn một phương, an trú nơi chánh thọ. Cũng như vậy, cho đến hai phương, ba phương, bốn phương, bốn hướng và trên dưới, tất cả các phương, tâm cùng đi đôi với từ, không hại, không giận, rộng rãi bao la, vô lượng, không còn phân biệt, biến đầy khắp các phương rồi an trú nơi chánh thọ. Cũng như vậy, tâm đi đôi với bi, hỷ, xả, biến khắp tất cả các phương rồi an trú nơi chánh thọ.

Đó là hàng Bà-la-môn trong ngoài cùng tẩy rửa sạch sẽ, chứ không phải chỉ sạch ở bên ngoài thôi.

Bấy giờ Phạm chí nói với Thế Tôn:

–Thưa Cù-đàm, hãy đến sông để tắm rửa. Thưa Cù-đàm, nước sông rửa sạch, bởi vì nó tương ưng với giới hạnh, tương ưng với phước

đức, tương ưng với sự độ thoát của tất cả thế gian. Thưa Cù-đàm, tất cả người thế gian dùng nước tắm rửa sẽ trừ được tất cả điều ác, ở trong nước sạch tẩy rửa, dù người phàm phu vẫn thường được an lạc.

–Nhưng nước không thể trừ được hành động đen tối. Dùng nước sạch ấy, nhưng ở nơi nước nào thấy gì? Người làm các điều ác, nước ấy làm sao có thể rửa sạch được? Người có sự thanh tịnh vững chắc, phải giữ giới hạnh, hành hạnh tinh tấn, tu tập hạnh thanh tịnh luôn tương ưng với giới. Nếu không sát sanh, trộm cắp, nói dối thì sẽ được độ. Phạm chí hãy an trụ nơi đấy, làm tất cả điều thiện thì được an ổn.

Bà-la-môn các ông cần gì phải trở về nhà, cần gì ra khỏi nhà tìm nước tắm? Bà-la-môn các ông nên cầu pháp thiện thanh tịnh, sao lại cần thứ nước xấu ác ấy, chỉ nên diệt trừ sự ô uế của các thứ phiền não.

–Thưa Cù-đàm, con đã ghi nhớ điều ấy: "Nên cầu pháp thiện thanh tịnh, không cần thứ nước xấu ác ấy, chỉ nên diệt trừ trần cấu ô uế". Thưa Cù-đàm, con đã hiểu! Thưa Cù-đàm, con đã hiểu. Nay con xin quy y Đức Thế Tôn, Pháp và Tỳ-kheo Tăng. Bạch Thế Tôn, con xin làm Ưu-bà-tắc từ ngày hôm nay cho đến lúc mạng chung. Con xin quy y Phật, xa lìa sát sanh.

Đức Phật nói như vậy, các Tỳ-kheo nghe Đức Thế Tôn nói xong đều hoan hỷ phụng hành.

❑

SỐ 52

PHẬT NÓI KINH ĐẠI SANH NGHĨA

Hán dịch: Đời Tống, Đại sư Thi Hộ.

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở tại làng Câu-lô, cùng đông đủ chúng Bí-sô. Bấy giờ Tôn giả A-nan ở riêng một nơi, vào lúc nửa đêm, trong lòng bỗng sanh ý nghĩ: "Các pháp duyên sanh, nghĩa lý hết sức thâm diệu, khó mà hiểu được! Chỉ có Phật Thế Tôn đầy đủ Chánh Biến Tri mới khéo có thể thuyết giảng được". Nghĩ như vậy xong, đến lúc trời sáng, Tôn giả liền ra khỏi nơi ở, đi đến chỗ Đức Phật. Đến nơi cung kính đảnh lễ, hỏi thăm sức khỏe xong, Tôn giả đứng qua một bên, bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, con ở riêng một nơi, vào lúc nửa đêm, trong lòng bỗng suy nghĩ: "Các pháp duyên sanh là hết sức thâm diệu khó hiểu". Cúi mong Đức Thế Tôn vì con mà diễn giảng, chỉ dạy.

Đức Thế Tôn bảo Tôn giả A-nan:

–Đúng như vậy! Đúng như vậy! Pháp duyên sanh ấy thật hết sức thâm diệu, khó thấy, khó hiểu, lại khó quán xét. Chỉ có các bậc Thánh giả đầy đủ trí thiện xảo mới có thể phân biệt, chứ không phải là đối tượng lãnh hội, lý giải của người ngu si. Vì sao vậy? Bởi vì những kẻ ngu si sanh đời này, đời sau, chết rồi sanh trở lại, luân hồi như vậy đều do không thấu rõ pháp duyên sanh này. A-nan nên biết, các pháp đều do nhân duyên kết hợp xoay vần lần lượt sanh, vì thế luân hồi mãi không thể chấm dứt. Do có sanh nên gọi đó là lão tử. Do sanh làm duyên nên có lão tử. Nếu không có sanh thì làm gì có lão tử? Do có duyên sanh đó nên kết hợp lần lượt cùng sanh. Từ duyên của loài thủy

tộc nên sanh ra loài thủy tộc, duyên của loài chim bay nên sanh ra chim bay, duyên của các loại nên sanh ra các loại, cho đến duyên của loài người nên sanh ra loài người. Do duyên đó cho nên tất cả các loại chúng sanh theo nhân duyên hỗ tương mà được sanh khởi. A-nan nên biết, pháp sanh này là pháp hư vọng, không rốt ráo. Do tập ấy, nhân ấy, sanh ấy, duyên ấy nên có lão tử. Do đó lão tử cũng không rốt ráo.

Lại nữa, pháp sanh lấy gì làm duyên? Đó là lấy pháp hữu làm duyên, do hữu ấy nên khởi ra pháp sanh, pháp hữu nếu không thì làm gì có pháp sanh? Cho nên pháp hữu, như trước đã nói, khiến cho các loài lần lượt cùng sanh, không có chấm dứt. A-nan nên biết, pháp hữu ấy là pháp hư vọng, không rốt ráo. Do tập ấy, nhân ấy, sanh ấy, duyên ấy nên khởi ra pháp sanh. Do đó pháp sanh cũng không rốt ráo.

Lại nữa, pháp hữu lấy gì làm duyên? Đó là lấy pháp thủ làm duyên. Do pháp thủ nên khởi ra pháp hữu. Pháp thủ nếu không thì làm sao pháp hữu có được? A-nan nên biết, pháp thủ ấy là pháp hư vọng không rốt ráo. Do tập ấy, nhân ấy, sinh ấy, duyên ấy khởi ra pháp hữu. Do đó pháp hữu cũng không rốt ráo.

Lại nữa, pháp thủ lấy gì làm duyên? Đó là lấy pháp ái làm duyên. Nhân có pháp ái nên khởi sanh pháp thủ, pháp ái nếu không thì làm gì có pháp thủ? A-nan nên biết, do duyên pháp ái ấy nên khởi lên sự mong cầu. Mong cầu làm duyên liền có sở đắc, vì có sở đắc nên tâm không quyết định, do không quyết định nên không có nhàm chán và biết đủ; vì trong tâm không nhàm chán, biết đủ nên liền sanh ra hỷ tham, vì tham tạo duyên nên sanh ra ngã kiến, ngã kiến đã sanh liền có chấp thủ, chấp thủ làm duyên khiến tâm liền tán loạn, do tâm tán loạn liền sanh ra nói dối, tố tụng, tranh giành, dao gậy đánh nhau. Do nhân duyên ấy liền tạo ra các nghiệp bất thiện, các nghiệp như vậy đều do tán loạn mà sanh khởi. Nếu không tán loạn thì các nghiệp không sanh. Pháp tán loạn ấy lấy gì làm duyên? Lấy chấp thủ làm duyên. Do chấp thủ nên tâm mới tán loạn. Nếu không chấp thủ thì làm gì có tán loạn? Pháp chấp thủ ấy lấy gì làm duyên? Lấy ngã kiến làm duyên nên mới khởi ra chấp thủ. Ngã kiến nếu không có thì không có chấp thủ. Pháp ngã kiến ấy lấy gì làm duyên? Lấy hỷ tham làm duyên nên mới có ngã kiến. Hỷ tham nếu không có thì không có ngã kiến. Pháp hỷ tham ấy lấy gì làm duyên? Lấy nội tâm không nhàm chán,

biết đủ làm duyên. Vì không nhàm chán biết đủ nên có hỷ tham. Nếu nội tâm có nhàm chán, biết đủ thì không sanh hỷ tham. Nội tâm không nhàm chán, biết đủ lấy gì làm duyên? Lấy không quyết định làm duyên. Vì không quyết định nên liền không nhàm chán, biết đủ. Tâm nếu quyết định thì liền sanh nhàm chán biết đủ. Pháp không quyết định ấy lấy gì làm duyên? Lấy có sở đắc làm duyên. Vì có sở đắc nên liền không có quyết định. Nếu không sở đắc tâm liền quyết định. Pháp có sở đắc ấy lấy gì làm duyên? Lấy mong cầu làm duyên. Vì có mong cầu nên thì có sở đắc. Nếu không có mong cầu liền không có sở đắc. Các pháp như vậy điều do ái hợp với mong cầu làm duyên lần lượt sanh khởi. Nên biết pháp ái có hai loại, đó là dục ái và hữu ái. Do hai pháp ái ấy mà sanh ra các tội lỗi. A-nan nên biết, pháp Ái đó là pháp hư vọng, không rốt ráo. Do tập đó, nhân đó, sanh đó, duyên đó nên khởi lên pháp thủ. Do vậy pháp thủ cũng không rốt ráo.

Lại nữa, pháp ái lấy gì làm duyên? Đó là lấy pháp thọ làm duyên. Do duyên thọ mà khởi sanh pháp ái. Pháp thọ nếu không thì làm gì có pháp ái? A-nan nên biết, pháp thọ này là hư vọng nên không rốt ráo. Do tập ấy, nhân ấy, sanh ấy, duyên ấy nên khởi lên pháp ái. Do đó pháp ái ấy cũng không rốt ráo.

Lại nữa, pháp thọ lấy gì làm duyên? Đó là lấy xúc làm duyên. Do duyên xúc nên khởi sanh pháp thọ. Pháp xúc nếu không thì làm gì có pháp thọ? Do duyên xúc nên khởi sanh pháp thọ. Nếu pháp xúc không có thì làm gì có pháp thọ. Do nhãn xúc làm duyên nên nội tâm sanh ra pháp thọ là lạc thọ, khổ thọ và phi khổ lạc thọ. Cũng như thế nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên cho nội tâm sanh ra các thọ, bởi vì tất cả các thọ ấy đều do pháp xúc lấy đó làm duyên. A-nan nên biết, pháp xúc đó là pháp hư vọng nên không rốt ráo. Do tập ấy, nhân ấy, sanh ấy, duyên ấy sanh ra pháp thọ, cho nên pháp thọ cũng không rốt ráo.

Lại nữa, pháp xúc lấy gì làm duyên? Đó là lấy lục xứ làm duyên. Do duyên lục xứ liền có pháp xúc. Lục xứ nếu không thì làm gì có pháp xúc? A-nan nên biết, pháp lục xứ đó là pháp hư vọng nên không rốt ráo. Do tập ấy, nhân ấy, sanh ấy, duyên ấy sanh ra pháp xúc, cho nên pháp xúc cũng không rốt ráo.

Lại nữa, lục xứ lấy gì làm duyên? Đó là lấy danh sắc làm duyên.

Do danh sắc nên liền sanh ra lục xứ. Danh sắc nếu không thì làm gì có lục xứ? Danh sắc ấy gồm có sắc pháp và các món tâm pháp... tích tụ, tức là danh sắc ấy cùng với pháp thức kia hỗ tương làm duyên, hòa hợp sanh ra, gọi là danh sắc. A-nan nên biết, pháp danh sắc là pháp hư vọng nên không rốt ráo. Do tập ấy, nhân ấy, sanh ấy, duyên ấy nên có lục xứ, cho nên lục xứ cũng không rốt ráo.

Lại nữa, pháp danh sắc ấy lấy gì làm duyên? Lấy pháp thức làm duyên, do pháp thức nên có danh sắc. Pháp thức nếu không thì làm gì có danh sắc? Pháp thức ấy ban đầu thọ sanh ở trong thai của mẹ, nương vào Yết-lã-lam. Pháp thức đầy đủ rồi, không có tăng giảm. Vì Thức làm nhân duyên nên sanh ra các uẩn. Danh sắc như vậy hoàn toàn đầy đủ. Nên biết thức ấy cùng danh sắc kia hỗ tương làm duyên mà được sanh khởi.

Lại nữa, nên biết pháp duyên với thức này chính là danh sắc, cho nên thức là duyên của danh sắc, danh sắc là duyên của thức. Do vậy mà sanh ra quả khổ, quả khổ đã sanh liền có già chết tương tục lưu chuyển. Do tập ấy, nhân ấy, sanh ấy, duyên ấy cho nên quả khổ là pháp hư vọng, không rốt ráo. Như vậy, từ nhân thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên lục xứ, lục xứ duyên xúc, xúc duyên thọ. Như vậy là tích tập tạo ra một khối khổ lớn.

Đức Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Tôn giả nên biết, các thứ ngôn ngữ và con đường của ngôn ngữ, phi ngôn ngữ và con đường của phi ngôn ngữ; bị sanh và con đường đưa đến bị sanh, hai loại như vậy đều không xa lìa danh sắc. Này A-nan, nếu hiểu rõ như vậy tức là trụ nơi nhận thức bình đẳng. Đó gọi là thông đạt pháp duyên sanh. Pháp duyên sanh này là pháp căn bản của chư Phật, là con mắt của chư Phật, chính là nơi chốn quay về của chư Phật.

Khi ấy Tôn giả A-nan tán thán:

–Lành thay! Bạch Thế Tôn, Ngài đã khéo nói pháp này, khiến cho chúng con và các Bí-sô đều được lợi lạc.

Đức Thế Tôn bảo Tôn giả A-nan:

–Nay Ta vì Tôn giả mà giảng nói pháp vô thọ. Tôn giả nên lắng nghe và thọ trì; phải tác ý để ghi nhớ, tư duy một cách khéo léo. A-nan nên biết, lìa bỏ ngã tướng đó là pháp vô thọ. Vì sao? Vì pháp ngã

nếu có thì pháp thọ theo đấy liền sanh. Vì do hiểu rõ pháp ngã là không thì làm gì có pháp thọ? Này A-nan, pháp ngã và pháp thọ cả hai đều đã diệt, thì không có sở hữu, trụ vào nhận thức bình đẳng.

Này A-nan, pháp thọ có ba loại. Đó là lạc thọ, khổ thọ và phi khổ lạc thọ. Gọi là lạc thọ tức người thọ cùng pháp được thọ, đối với hai thứ ấy, nếu có thể thấy rõ được đó là pháp hoại diệt, liền không có lạc thọ. Do đấy cũng không có pháp được thọ. Vì sao? Nên biết lạc thọ là pháp vô thường. lạc thọ đã diệt liền lìa ngã tướng; ngã tướng đã không có thì làm gì có thọ?

Lại nữa, khổ thọ, đó là người thọ và pháp được thọ, cả hai loại ấy nếu có thể hiểu rõ được là pháp hoại diệt liền không có khổ thọ. Do đấy cũng không có pháp được thọ. Vì sao? Nên biết khổ thọ là pháp vô thường. Khổ thọ đã diệt thì liền xa lìa ngã tướng; ngã tướng đã không thì làm gì có thọ?

Lại nữa, phi lạc khổ thọ cũng như vậy, là nói người thọ và pháp thọ, cả hai loại ấy, nếu có thể hiểu rõ đều là pháp hoại diệt, liền đối với khổ, lạc và phi khổ lạc, ba pháp đều bình đẳng nên không có đối tượng được thọ. Vì sao? Vì ba pháp thọ này đều là vô thường, rốt ráo không thật có. Thọ ấy đã diệt thì liền lìa ngã tướng; ngã tướng đã không thì làm gì có thọ?

Này A-nan, ý của Tôn giả thế nào? Nên biết các thọ từ tâm sanh ra, do tâm không chuyển nên nội tâm không thọ; vì pháp không thật nên bên ngoài không có đối tượng để thọ. Cho nên này A-nan, biết rõ như vậy liền an trụ nơi nhận thức bình đẳng. An trụ nơi nhận thức ấy là vì đã thấu đạt pháp vô thọ. Pháp vô thọ này chính là pháp căn bản của chư Phật, là con mắt của chư Phật, là nơi chốn quay về của chư Phật.

Bấy giờ Tôn giả A-nan lại tán thán:

–Lành thay! Bạch Thế Tôn, Ngài đã khéo giảng nói pháp này, chúng con nghe rồi tin hiểu, thọ trì.

Khi ấy Đức Thế Tôn bảo Tôn giả A-nan:

–Nay Ta vì Tôn giả, giảng nói pháp vô ngã. Các vị hãy lắng nghe lãnh thọ, khéo tác ý, ghi nhớ và tư duy. Này A-nan, khi đã rõ thọ là vô sở hữu thì liền lìa ngã kiến, lìa ngã kiến rồi thì liền trụ vào nhận thức bình đẳng. Người đã trụ vào tri kiến ấy thì đối với các

tướng đều bình đẳng, do nhận thức bình đẳng nên đối với thế gian không thấy có sanh khởi. Đã rõ vô sanh nên liền đạt được: "Sự sanh của ta đã hết, phạm hạnh đã lập, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa".

A-nan nên biết, ngã kiến không sanh, trụ vào tri kiến bình đẳng, như vậy liền được tâm khéo giải thoát, vô tri, vô kiến và vô sở đắc, lìa các suy nghĩ đối với đắc và vô đắc, chẳng phải là hữu đắc, cũng chẳng phải là vô đắc mà biết rõ rốt ráo. Biết rõ như vậy nên đối với ngôn ngữ và con đường của ngôn ngữ, phi ngôn ngữ và con đường của phi ngôn ngữ, sự sanh và con đường của sự sanh đều hoàn toàn vô tri, vô kiến. Đã biết rõ như vậy rồi, liền lìa ngã kiến, trụ nơi tri kiến bình đẳng, biết rõ như thật. Như vậy gọi là đạt được pháp vô ngã. Đó là pháp căn bản của chư Phật, là con mắt của chư Phật, là nơi chốn quay về của chư Phật.

Khi ấy Tôn giả A-nan nghe lời Phật dạy lại tán thán:

–Lành thay! Thưa Thế Tôn, Ngài đã khéo giảng nói pháp này, chúng con nghe rồi, tin hiểu và thọ trì.

Bấy giờ Đức Thế Tôn nói với Tôn giả A-nan:

–Ta nay vì Tôn giả sẽ giảng nói một lần nữa, Tôn giả nên lắng nghe và thọ lãnh, nên tác ý, khéo nhớ nghĩ và tư duy. A-nan nên biết, không có sắc tướng có thể đạt được, lìa các ngã chấp, biết rõ một cách như thật. Đã biết rõ rồi, quán tưởng thân này là vật hư hoại, không thật, chẳng đáng là đối tượng để yêu mến. Quán sát như vậy thì lìa các sắc tướng, không sanh ngã chấp. Ngã tướng đã diệt nên biết rõ thân này là vật hư hoại, không thật, như vậy là được trụ nơi tri kiến bình đẳng. Người trụ nơi tri kiến này liền đối với các uẩn biết rõ đều là không; các uẩn đã là không thì với ngã và sắc tướng đâu còn kiến chấp?

Lại nữa, A-nan nên biết, trú xứ của thức gồm có bảy loại, chẳng phải trú xứ của thức gồm có hai loại. Bảy trú xứ của thức là:

Nếu có sắc, có chúng sanh, vô số thân, vô số tưởng, đó là trú xứ thứ nhất của thức.

Nếu có sắc, có chúng sanh, vô số thân mà có một tưởng, đó là cõi trời Sơ thiền, là trú xứ thứ hai của thức.

Nếu có sắc, có chúng sanh, một thân mà có vô số tưởng, gọi là

cõi trời Nhị thiền, đó là trú xứ thứ ba của thức.

Nếu có sắc, có chúng sanh, một thân một tưởng, gọi là cõi trời Tam thiền, đó là trú xứ thứ tư của thức.

Nếu không có sắc, không có chúng sanh, tất cả xứ kia đều lìa các sắc tưởng, gồm một hư không, gọi là cõi trời Không vô biên xứ. Đó là trú xứ thứ năm của thức.

Nếu không có sắc, không có chúng sanh, tất cả xứ kìa xa lìa không tưởng, chỉ gồm một thức, gọi là trời Thức vô biên xứ. Đó là trú xứ thứ sáu của thức.

Nếu không có sắc, không có chúng sanh, tất cả xứ kia lìa Thức vô biên, hoàn toàn vô sở hữu, gọi là trời Vô sở hữu xứ. Đó là trú xứ thứ bảy của thức.

Này A-nan, hai loại chẳng phải là trú xứ của thức là:

Nếu có sắc, có chúng sanh, tức là cõi trời Vô tưởng. Đó là chốn thứ nhất chẳng phải là trú xứ của thức.

Nếu không có sắc, không có chúng sanh, ở nơi tất cả các xứ, lìa Vô sở hữu xứ, không có tưởng, cũng không phải không có tưởng, tức cõi trời Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Đó là chốn thứ hai chẳng phải là trú xứ của thức.

Đức Phật dạy:

–Này A-nan, Như vậy, có sắc có chúng sanh, vô số thân, vô số tưởng. Đó là trú xứ thứ nhất của Thức. Này các Bí-sô, các vị nên biết rõ như thật. Khi đi, ngồi, nói năng, thường nên xưng tán các pháp môn này. Nên phân biệt thuyết giảng cho người khác nghe một cách rộng rãi, như vậy cho đến trú xứ thứ bảy của thức và hai pháp môn chẳng phải trú xứ của thức. Cũng như vậy, khi đi, ngồi, nói năng nên luôn xưng dương tán thán những điều chư Phật đã dạy, khởi lòng tin thanh tịnh, thấu đạt như thật. Nếu ai thấu đạt thì liền được trí tuệ giải thoát, chứng quả A-la-hán.

Lại nữa, A-nan nên biết, có tám pháp môn giải thoát, đó là:

Nếu bên trong có sắc, quán sắc bên ngoài thì đó là pháp môn giải thoát thứ nhất.

Nếu bên trong không có sắc, quán sắc bên ngoài thì đó là pháp môn giải thoát thứ hai.

Nếu thân chứng đắc, thanh tịnh, giải thoát thì đó là pháp môn

giải thoát thứ ba.

Nếu đạt được thanh tịnh rồi, lìa các sắc tưởng, quán tất cả như hư không, không có biên giới. Quán niệm như thế thành tựu rồi, thì đó là Không vô biên xứ, pháp môn giải thoát thứ tư.

Nếu lìa Không vô biên xứ nên quán thức, với thức cũng nhận thấy là vô biên. Quán như thế thành tựu rồi thì đó là Thức vô biên xứ, là pháp môn giải thoát thứ năm.

Nếu đã lìa Thức vô biên xứ, nên quán tất cả đều không có sở hữu. Quán như thế thành tựu rồi thì đó là "Vô sở hữu xứ, là pháp môn giải thoát thứ sáu.

Nếu đã lìa Vô sở hữu xứ, nên quán Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Quán như thế được thành tựu thì đó là, Phi tưởng phi phi tưởng xứ, là pháp môn giải thoát thứ bảy.

Nếu đã lìa Phi tưởng phi phi tưởng xứ ấy, nên diệt thọ tưởng, trụ nơi Tam-ma-địa. Pháp vị ấy đã thân chứng, chính là Diệt thọ tưởng, là pháp môn giải thoát thứ tám.

Như vậy gọi là Tám pháp môn giải thoát.

Đức Phật dạy:

–Này A-nan, Tôn giả nay nên biết, trước Ta đã nói về bảy trú xứ của thức, hai chỗ không phải là trú xứ của thức và tám pháp môn giải thoát. Này các Bí-sô, những điều Ta giảng nói các vị phải hiểu rõ như thật, thường nên tùy hỷ xưng tán, lại nên theo như lý mà tu tập. Nếu ai thông đạt các pháp môn này một cách viên mãn thì được hai thứ giải thoát, chứng quả A-la-hán.

Đức Thế Tôn nói kinh này xong, Tôn giả A-nan và các Bí-sô đều rất hoan hỷ, tin nhận, vâng làm.

❑

SỐ 53

PHẬT NÓI KINH KHỔ ẤM

Hán dịch: Mất tên người dịch, phụ vào dịch phẩm đời Hậu Hán

Nghe như vầy:

Một thời Đức Thế Tôn ở khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ các thầy Tỳ-kheo sau giờ thọ trai, tập hợp nhau để luận bàn về những vấn đề nhỏ. Lúc đó có những người ngoại đạo, sau bữa ăn trưa cũng đi quanh quẩn rồi đến chỗ của các thầy Tỳ-kheo ấy. Đến nơi họ chào hỏi các thầy Tỳ-kheo. Sau khi đã chào hỏi nhau, những người ngoại đạo ấy ngồi xuống một bên và nói với các thầy Tỳ-kheo:

–Chư Hiền, Sa-môn Cù-đàm dùng trí tuệ nói về tham dục, dùng trí tuệ nói về sắc, thọ. Chư Hiền, chúng tôi cũng dùng trí tuệ nói về tham dục, dùng trí tuệ nói về sắc, thọ. Này chư Hiền, có gì sai khác? Có hơn bao nhiêu đâu? Sa-môn Cù-đàm và chúng tôi đều có trí tuệ như nhau.

Các thầy Tỳ-kheo nghe những người ngoại đạo nói như vậy cũng không trả lời hay chỉ trích. Không trả lời hay chỉ trích, các thầy Tỳ-kheo im lặng rời khỏi chỗ ngồi, trở về tịnh thất và nói với nhau:

–Những lời của hàng ngoại đạo vừa nói, chúng ta hãy đến thỉnh Đức Thế Tôn, vì Ngài biết rõ nghĩa sâu rộng ấy.

Các thầy Tỳ-kheo liền đến chỗ Đức Thế Tôn. Đến nơi, tất cả đều đảnh lễ dưới chân Đức Phật rồi ngồi qua một bên. Sau khi đã an tọa, các thầy thuật lại hết với Đức Thế Tôn những gì đã xảy ra khi gặp ngoại đạo.

Đức Thế Tôn nghe xong mọi sự mới bảo các thầy Tỳ-kheo:

–Này các thầy Tỳ-kheo, lúc đó các thầy nên nói với những người ngoại đạo ấy thế này: "Thế nào là sự thú vị của tham dục? Thế nào là hư hỏng? Thế nào là buông bỏ? Thế nào là sự thú vị về sắc? Thế nào là hư hoại? Thế nào là buông bỏ?

Này các thầy Tỳ-kheo, các thầy hãy hỏi như vậy. Khi hàng ngoại đạo kia nghe xong, mỗi người sẽ nhìn nhau tìm cách luận bàn khác nhau và chắc chắn sẽ có sân hận. Khi đã nổi sân hận thì họ sẽ lặng im với vẻ mặt không vui, toát mồ hôi lạnh, quay đi nơi khác. Vì không thể đáp lại nên mặt mày họ thất sắc. Họ sẽ im lặng kéo nhau trở về. Vì sao? Vì Ta không thấy trời hay thế gian, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên hay loài người được nghe những điều mà Ta nói có thể hiểu biết như Ta. Nếu từ Như Lai hoặc đệ tử của Như Lai mà họ được nghe những điều ấy, họ sẽ hiểu thế nào là sự thú vị của tham dục, nghĩa là nhân của năm thứ dâm. Nếu họ sanh vui mừng, nếu họ sanh hoan hỷ, như vậy là sự thú vị của tham dục. Trong đấy có nhiều hư hỏng. Thế nào là sự hư hỏng của tham dục?

Này thiện nam, hoặc làm các nghề thợ, kỹ thuật để nuôi sống bản thân, hoặc cày bừa canh tác, hoặc mua bán, hoặc làm nhà văn, hoặc học toán số, hoặc học tính toán, hoặc làm thơ, hoặc học những đoạn những phần kệ tụng trong binh luận, hoặc dạy học, hoặc ứng thí làm quan... chịu bao lạnh lẽo buốt xương, chịu nóng đốt bức bách, gắng gượng nhẫn chịu sự đói khát, chịu muỗi mòng, ruồi nhặng gặm nhấm... chúng sanh vẫn chịu để cầu tiền tài.

Này thiện nam, phát sanh những ý nghĩ như vậy, tạo tác những hành động như vậy, nỗ lực làm như vậy, con người hành động tất cả mọi việc nhưng chẳng được của cải vật chất, nên sanh ra lo buồn không vui, tự đánh vào mình khóc lóc, ngu si nói thế này: "Ta vì hành động ngu si nên không đạt được gì cả".

Người đó lại nỗ lực làm việc sao cho đạt kết quả. Đã có tiền của rồi, người ấy hết sức giữ gìn, cất giấu chúng và nghĩ: "Mong sao cho tài sản của ta không bị vua đoạt. Ta chớ để cho giặc cướp lấy mất, chớ để cho lửa đốt cháy, chớ để cho hư nát, chớ để cho thất thoát mà mất lợi". Người đó cố giữ gìn tiền của nhưng vẫn bị vua chiếm đoạt, bị giặc cướp, bị lửa đốt cháy tiêu tan chẳng còn gì. Mất lợi, chẳng được lợi, người ấy lại lo buồn không vui, than khóc, tự đánh đập mình, tăng

thêm ngu si. Người ấy trong cuộc sống mê lầm trôi nổi theo sanh tử đáng lẽ được vui thích thì lại hận nhớ đến sự thất bại tan tác này. Do đây, trong hiện tại thân này là khổ ấm.

Do nhân tham dục, do duyên với tham dục nên dục tăng trưởng. Đây là nhân duyên nơi tham dục. Chúng sanh nhân tham dục, duyên nơi tham dục, nên dục tăng trưởng. Vì nguyên nhân tham dục nên mẹ và con tranh nhau, con và mẹ tranh nhau; cha và con tranh nhau, con và cha tranh nhau; em và anh tranh nhau, anh và em tranh nhau. Tất cả cùng tranh giành nên mẹ nói con sai, con nói mẹ sai; cha nói con sai, con nói cha sai; anh nói em sai, em nói anh sai; huống chi là những người ngoài với nhau? Đây là khổ ấm trong hiện tại.

Do nhân tham dục, do duyên với tham dục nên tăng thêm nhiều tham dục. Chúng sanh ấy do nhân tham dục, do duyên tham dục, do dục tăng trưởng nên vua và vua tranh nhau, Bà-la-môn và Bà-la-môn tranh nhau, Cư sĩ và Cư sĩ cùng tranh nhau, người bần cùng và thợ thuyền cùng tranh với người bần cùng và thợ thuyền. Tất cả đều tranh giành xâu xé, mọi người đều thực hiện các cách tranh giành xâu xé: hoặc dùng tay đánh, hoặc dùng đá ném, hoặc dùng dao, hoặc dùng gậy. Sự chết chóc ở trong ấy là chết khổ. Đây là khổ ấm trong hiện tại.

Do nhân tham dục, do duyên tham dục nên tăng thêm nhiều dục. Chúng sanh ấy do nhân tham dục cho đến do dục tăng trưởng nên, khiến họ phải mặc áo giáp, cầm cung tên; hoặc mặc áo giáp da, cầm dao thật bén cùng đánh nhau. Trong trận đấu đó, họ dùng voi, hoặc dùng ngựa, hoặc dùng xe, hoặc dùng bộ binh, hoặc dùng người nữ, hoặc dùng người nam. Nơi trận chiến ấy có rất nhiều sự chết chóc khổ sở. Đây là khổ ấm trong hiện tại.

Do nhân tham dục, do duyên tham dục nên tăng thêm dục. Các chúng sanh ấy do nhân tham dục cho đến do dục tăng trưởng nên mặc áo giáp, cầm dao thật bén đến thành cao nhất và muốn chặt chém. Trong trận đánh đó, họ hoặc thổi tù và, hoặc đánh trống, hoặc cất tiếng kêu gọi, hoặc dùng chày, hoặc dùng mác, hoặc dùng mâu, hoặc dùng vòng tròn bén, hoặc dùng tên bắn, hoặc xô đá đè, hoặc dùng cung, hoặc rót nước đồng đổ xuống. Những sự chết nơi ấy là chết khổ. Đó là khổ ấm trong hiện tại.

Do nhân tham dục, do duyên nơi tham dục nên tăng thêm nhiều dục. Các chúng sanh ấy do nhân tham dục cho đến do dục tăng trưởng nên đến nơi thành ấp của vua, họ đục tường, phá kho, hoặc tham vật của người khác, hoặc cắt đường làm gián đoạn, phá hoại thành người, phá thôn xóm người, giết người. Họ bị quan binh nhà nước truy đuổi, bắt trói dùng các hình phạt khổ sở: hoặc chặt đầu, hoặc chặt tay chân, hoặc xẻo tai, hoặc cắt mũi, hoặc cắt tai, hoặc bị cắt búi tóc, hoặc bị cắt tóc, hoặc bị cắt cả búi tóc, hoặc nhốt vào khám, hoặc bị thắt cổ, hoặc bị cát đá chôn vùi, hoặc cỏ phủ lấp, hoặc bị đặt trong hàm sắt của lừa, hoặc bị đặt trong hàm sắt của sư tử, hoặc bị đặt trong chõ đồng, hoặc bị đặt trong chõ sắt, hoặc bị chặt thành đoạn ngắn, hoặc bị đao bén đâm, hoặc nằm lên giường sắt nóng, bị nước dầu sôi rót vào, hoặc bị bỏ vào cối dùng chày sắt đâm nát, hoặc bị rắn cắn, hoặc bị đánh đập, hoặc bị đấm đá cho đến bị cắm vào cột rồi dùng dao chặt đầu. Đây là khổ ấm của thân trong hiện tại.

Do nhân tham dục, do duyên tham dục nên tăng thêm nhiều dục. Chúng sanh ấy do nhân tham dục cho đến do dục tăng trưởng nên tạo tác thân hành khổ, miệng ý hành khổ. Chúng sanh ấy lúc bị khổ về bệnh hoạn, hoặc nằm trên giường, hoặc nằm trên chõng, hoặc nằm trong bóng râm, thân thể vô cùng đau đớn, mạng sống sắp chấm dứt. Nghĩa là thân chúng sanh ấy bị hành khổ và miệng ý cũng bị hành khổ. Chúng sanh đó đến giờ phút cuối đời, hướng đến cảnh giới thấp hèn. Giống như lúc trời tối dần, mặt trời lặn khuất vào núi lớn hoặc giữa núi lớn, bóng núi đảo ngược trở xuống. Như thế, thân kia bị hành khổ, miệng bị hành khổ và ý cũng bị hành khổ. Khi chúng sanh ấy qua đời, hướng về cảnh giới bên dưới, nên suy nghĩ: "Thân này bị hành khổ, miệng và ý bị hành khổ nên hướng về cảnh giới bên dưới là bởi ta vốn không tạo hạnh lành, vốn không tạo phước vì ta đã làm quá nhiều việc ác, nghĩa là hướng đến hành động ác, hành động tham, hành động hung bạo, không làm việc phước, không làm việc thiện, không biết nẻo quay về, chắc rằng ta sẽ bị đọa vào nẻo ác". Chúng sanh ấy liền sanh tâm hối hận. Khi đã hối cải rồi lại sanh điều bất thiện khác. Đây là khổ ấm trong hiện tại.

Do nhân tham dục cho đến do dục tăng trưởng, chúng sanh ấy do nhân tham dục cho đến do dục tăng trưởng nên thân bị hành khổ,

miệng ý bị hành khổ. Chúng sanh đó thân, miệng, ý đã bị hành khổ rồi, do nhân đó, duyên đó, nên khi thân chết đi, sanh vào địa ngục xấu ác. Đây là khổ ấm của thân sau khi chết.

Do nhân tham dục cho đến do dục tăng trưởng, đó là sự hư hoại của dục. Thế nào là bỏ dục? Nếu ai đối với dục có tâm cầu dục, biết ngừng tâm cầu dục thì sẽ vượt qua tham dục. Bỏ được sự tham dục này là bỏ dục.

Này các vị Sa-môn, Bà-la-môn, như vậy là sự thú vị của dục, trong đó có sự hư hỏng. Không biết buông bỏ đúng pháp thì đâu thể tự bỏ dục được? Lại có thể đoạn trừ cho người khác được sao? Cả hai trường hợp này đều không thể ngừng dục. Việc này không thể được.

Này các vị Sa-môn, Bà-la-môn, sự thú vị của dục là như thế, nên biết đấy là sự hư hỏng, thì có thể biết cách dứt bỏ đúng theo pháp. Sau đó tự mình có thể dứt hẳn tham dục, cũng có thể giúp người khác dứt hẳn tham dục. Cả hai trường hợp này đều có thể dứt hẳn tham dục, điều này đạt được.

Thế nào là thú vị về sắc? Nếu con gái của chủng tộc Sát-lợi, của chủng tộc Bà-la-môn, của hàng thương gia, của thứ dân đến tuổi mười bốn, mười lăm, đó là thời điểm nhan sắc dung mạo hoàn chỉnh nhất. Khi các cô có hình sắc dễ ưa dễ nhìn, đây là thời gian tạo nên sự thú vị của sắc, trong đó có nhiều hư hoại.

Thế nào gọi là sắc hư hoại? Nếu như nhìn thấy cô gái trở thành một bà già luống tuổi, răng rụng, tóc rụng, lưng còng phải chống gậy mà đi thì ý các thầy nghĩ sao? Nhan sắc xinh đẹp trước đây sẽ hư hoại phải không?

–Bạch Thế Tôn, đúng thế.

–Lại nữa, nếu như thấy cô gái trở thành người bệnh hoạn khổ sở, hoặc nằm trên giường, hoặc nằm trên chõng, hoặc nằm trong bóng râm, trong thân mang đầy bệnh tật vô cùng đau đớn buồn khổ và sắp qua đời thì ý các thầy nghĩ sao? Nhan sắc xinh đẹp trước đây sẽ hư hoại phải không?

–Thưa vâng, bạch Đức Thế Tôn.

–Lại nữa, nếu thấy cô gái lúc chết, từ một ngày đến bảy ngày, hoặc bị chim mổ, hoặc bị quạ rỉa, hoặc bị chồn ăn, hoặc bị lửa thiêu, hoặc chôn, hoặc trùng đục khoét thì ý các thầy nghĩ sao? Nhan sắc

xinh đẹp trước đây sẽ hư hoại phải không?

–Thưa vâng, bạch Đức Thế Tôn.

–Lại nữa, nếu thấy cô gái như tử thi, hoặc là xương xanh, hoặc trùng rỉa rói, hoặc là xương trắng thì ý các thầy nghĩ sao? Nhan sắc xinh đẹp trước đây sẽ hư hoại phải không?

–Thưa vâng, bạch Đức Thế Tôn.

–Lại nữa, nếu thấy cô gái như thây chết, không có da thịt, chỉ có những sợi gân liên kết nhau thì ý các thầy nghĩ sao? Nhan sắc xinh đẹp trước đây sẽ hư hoại phải không?

–Thưa vâng, bạch Đức Thế Tôn.

–Lại nữa, nếu thấy cô gái như tử thi, xương gân rã rời mỗi chỗ khác nhau: xương ống chân một chỗ, xương đầu gối, xương đùi, xương lưng, xương sống, xương vai, xương cổ, xương sọ... mỗi bộ phận ở tại một nơi thì ý các thầy nghĩ sao? Nhan sắc xinh đẹp trước đây sẽ hư hoại phải không?

–Thưa vâng, bạch Đức Thế Tôn.

–Lại nữa, nếu thấy cô gái như tử thi, xương trắng như vôi, hoặc màu xanh chàm, hoặc đỏ như tẩm dầu, hoặc vỡ vụn thì ý các thầy nghĩ sao? Nhan sắc xinh đẹp trước đây sẽ hư hoại phải không?

–Thưa vâng, bạch Đức Thế Tôn.

–Đó gọi là sắc hư hoại. Thế nào gọi là lìa bỏ sắc? Là nói những ai đối với sắc có tâm tham cầu thì cần phải ngưng dứt sự tham cầu ấy, vượt qua tất cả tâm tham cầu để lìa bỏ sắc ấy.

Này các vị Sa-môn và Bà-la-môn, như thế, đối với sự hư hoại của sắc mà không biết buông bỏ, không biết đúng như thật thì đâu có thể tự ngưng dứt sắc? Lại có thể làm cho người khác ngưng dứt được sao? Ở trong cả hai điều đó mà có thể dừng dứt sắc được không? Việc ấy không thể được.

Này các Sa-môn và Bà-la-môn, như thế, người nào đối với sự thú vị của sắc mà biết sự tan hoại của nó, biết buông bỏ xa lìa, biết đúng như thật thì vị ấy có thể tự dừng dứt nơi sắc, và có thể làm cho người khác ngừng dứt. Sống đúng như vậy thì có thể ngừng bỏ sắc. Việc này có thể đạt được.

Thế nào là thú vị nơi thọ? Thầy Tỳ-kheo đã giải thoát dục, an trụ nơi Chánh định của Tứ thiền. Trụ nơi thiền này sẽ không tự hoại

mình và không hủy hoại người khác. Ở đây không hủy hoại thì đạt được an lạc. Vì sao? Vì Ta nói không sân hận thì được lạc thọ. Đây là thú vị của thọ.

Thế nào là sự hư hoại của thọ? Ý nói thọ là pháp vô thường, khổ, tan hoại. Đó là sự tan hoại của thọ.

Thế nào là từ bỏ thọ? Nghĩa là đình chỉ, vượt qua sự tham muốn về thọ. Đó là bỏ thọ. Nếu Sa-môn và Bà-la-môn nào đối với sự thú vị của thọ không biết sự tan hoại của nó, không biết buông bỏ, không biết như thật thì làm sao có thể tự ngưng dứt nơi thọ được? Và làm sao có thể làm cho người khác dừng dứt được? Thực hành cả hai để có thể buông bỏ thọ, việc này không thể được.

Này các Sa-môn và Bà-la-môn như thế, vị nào đối với thú vị của thọ ấy biết là pháp tan hoại, biết buông bỏ, xa lìa, biết như thật, vị ấy có thể tự tịch chỉ thọ, và có thể làm cho người khác cũng dừng bỏ. Thực hành cả hai thì có thể dừng bỏ thọ. Việc này có thể đạt được.

Đức Phật thuyết giảng như thế, các thầy Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành.

❑

SỐ 54

PHẬT NÓI KINH THÍCH MA-NAM BỔN

Hán dịch: Đời Ngô, Ưu-bà-tắc Chi Khiêm, người nước Nguyệt chi.

Nghe như vầy:

Một thời Phật ở tại nước Thích-ky-sấu, du hành đến nước Ca-duy-la-vệ-đâu, an tọa bên một gốc cây trong vườn Nê-câu-loại.

Bấy giờ, có người thuộc họ Thích, tên là Ma-nam đi đến trước Đức Phật, cung kính đảnh lễ nơi chân Đức Phật rồi thưa:

–Con thường nghe Đức Phật dạy: "Phải thâu giữ điều phục tâm ý". Con nghe Đức Phật dạy: "Tâm con người có ba trạng thái: có dâm, nộ, và si". Từ khi nghe được như vậy đến nay, con thường ghi nhớ trong tâm, con tự suy nghĩ: "Nếu không có dâm, tâm ta liền chân chánh; nếu không có sân, tâm ta liền chân chánh; nếu không có si, tâm ta liền chân chánh". Con tự suy nghĩ: "Mình đã thường giữ ba thứ ấy, ý bất động, do nhân duyên gì vẫn không được giải thoát?".

Đức Phật dạy:

–Nếu giải thoát được tâm dâm, tâm nộ và tâm si, vậy do nhân duyên gì mà vẫn còn sống chung với vợ con? Do còn có tâm tham. Này Hiền giả, hãy tự tư duy: "Nay ta tuy có chút khổ, nhưng về lâu sau sẽ được an lạc lớn; cùng ở chung với vợ con, tuy sướng vui trong chốc lát nhưng về sau sẽ hết sức đau khổ". Này Hiền giả, nên biết thế gian vui ít nhưng khổ nhiều.

Đức Phật dạy:

–Các Tỳ-kheo đắc đạo quả A-la-hán biết thế gian vui ít khổ nhiều, cho nên Ta dốc cầu Phật đạo chỉ nghĩ thế gian là vui thì ít

nhưng khổ nhiều. Khi Ta làm Bồ-tát, thường nghĩ đến thế gian vui ít khổ nhiều.

Ma-nam nói:

–Chỉ riêng Đức Phật và A-la-hán mới có ý niệm ấy sao?

Đức Phật bảo:

–Này Ma-nam, hãy nghe Ta nói rồi ghi khắc trong tâm: Con người ở thế gian, những gì là thú vui của họ?

Đó là năm thứ dục lạc làm con người vui thích tham đắm: mắt tham đắm sắc đẹp liền để trong tâm, ngày đêm suy nghĩ, do sắc đẹp nên tham đắm; tai nghe tiếng hay, mũi ngửi mùi thơm, lưỡi thích vị ngon, thân ưa vật mềm dịu, liền tham đắm vướng mắc trong tâm. Vì tham đắm sắc đẹp, cũng vậy, đối với năm thứ kia, con người trong thiên hạ đều tham đắm. Sự tham đắm của người đời đều không ngoài năm thứ ấy, được mấy người biết lo tìm cách thoát ra? Người thế gian hoặc làm ruộng vườn để sinh sống, hoặc làm thợ thầy, hoặc buôn bán ở nơi phố chợ để kiếm sống, hoặc là quan chức để sinh sống, hoặc nuôi súc vật, hoặc làm thợ vẽ để sinh nhai. Những người ấy chịu đựng sự lạnh lẽo, sự nóng bức, sự khổ sở, sự đói, sự khát. Họ đều bị ý tham nên phải nhẫn chịu sự lạnh, sự ấm, sự đói, sự khát, rồi tự oán rằng: "Ta làm việc để sống, trải qua bao nhiêu năm trời, khổ sở muốn chết, nhưng vẫn không kiếm được tiền tài chi cả, vẫn sống với sự khổ lạnh, hoặc bệnh hoạn ốm yếu".

Đức Phật bảo:

–Này Ma-nam, đó là sự khổ thứ nhất.

Điều thứ hai là con người trong tâm có ý tham dâm. Hoặc có người làm ruộng vườn, hoặc có người làm thợ thầy, hoặc có người mua bán ở phố chợ, hoặc có người làm quan lại, hoặc có người nuôi súc vật, hoặc có người làm thợ vẽ. Khi làm việc để sinh sống phải chịu đựng sự lạnh, nóng, đói, khát để có tiền tài. Nhờ đó được giàu có nhưng lại ôm lòng lo sợ bị nhà nước lấy hết tiền tài, hoặc sợ lửa cháy thiêu hết; hoặc sợ lúc đi ghe, ghe chìm làm mất hết của cải; hoặc sợ giặc cướp cướp hết vật báu, hoặc sợ lúc mua bán đổi chác làm hết vốn liếng, hoặc sợ những người thân thuộc nghèo khổ dùng thuốc độc để hại họ, hoặc bị con ruột làm tiêu hết sản nghiệp. Người ấy thường sống trong lo âu, ngày đêm ôm lòng lo sợ không phút nào ngơi. Trong

số đó lại có người đang cất giữ tiền tài thì hoặc gặp vua quan chiếm đoạt, hoặc bị lửa cháy nước trôi, hoặc mua bán, vay mượn không trả, hoặc đem chôn giấu trong đất nay quên mất chỗ, hoặc bị vu khống, hủy báng làm cho mất hết, hoặc có con ruột tiêu hết sản nghiệp của cha mẹ. Người ấy tự nghĩ: "Từ lúc còn nhỏ ta đã mưu sinh, phải chịu đựng sự lạnh, nóng, đói, khát hoặc cực khổ để kiếm ra tiền, nay lại bị mất hết. Do nhớ nghĩ, lo sầu nên bị bệnh, hoặc bị chết, đều do tiền tài gây ra. Những việc ấy đều do ý tham trong ngũ dục mà ra". Đó là sự khổ thứ hai.

Điều thứ ba là người thế gian vì có tiền của nên cha tranh với con, anh tranh với em, chồng tranh với vợ, hoặc bằng hữu tri thức tranh chấp nhau, hoặc nội ngoại các gia đình tranh chấp nhau, sau lưng nói xấu lẫn nhau. Các thứ ấy đều do tham dục lạc mà ra. Người thế gian nhân vì tiền tài mà vua đánh với vua, đạo nhân đánh với đạo nhân, chủ ruộng đánh với chủ ruộng, thợ thầy đánh với thợ thầy, do vì tiền tài nên dùng miệng chửi nhau, dùng gậy đánh nhau, dùng dao chém nhau, hoặc làm cho bị thương, chết chóc. Tất cả đều do lòng tham mà ra. Đó là sự khổ thứ ba.

Điều thứ tư là người thế gian đi theo quân đội nhận tiền lương của quan phải đi chiến đấu, chẳng biết sống chết lúc nào, do lòng tham nên mới tòng quân. Vì lãnh tiền của quan cho nên họ không thể dừng lại, phải chiến đấu, hoặc bị thương ở đầu, hoặc bị chém đứt đầu, hoặc bị thương ở tay, hay bị đứt tay, hoặc bị thương ở chân hay bị cắt chân, lần hồi đưa đến sự mất mạng. Đó đều do tham lam mà ra. Ấy là sự khổ thứ tư.

Điều thứ năm là người thế gian có ý tham, ban đêm khoét tường nhà người ta để ăn trộm, hoặc cướp của người ta ở giữa đường, hoặc đập phá thành quách của người nên bị quan bắt được, hoặc chặt đầu, hoặc chặt tay, hoặc chặt chân, hoặc phanh thây, hoặc lóc thịt, hoặc dùng lửa đốt, hoặc lấy chày lớn đập bể trán, hoặc chém ngang lưng. Những thứ ấy đều do lòng tham mà ra. Đó là sự khổ thứ năm.

Người thế gian vì tiền tài mà trở thành dối trá lẫn nhau, miệng cũng dối trá, thân cũng dối trá, ý cũng dối trá lẫn nhau. Bấy giờ tự họ cho đó là việc cần làm, không có tội lỗi gì cả, không biết sự tai hại của nó, về sau phải bị đọa vào địa ngục. Trong đó nếu Hiền giả hay

Sa-môn tự tư duy năm dục lạc của thế gian vui nhiều hay khổ não ưu sầu nhiều?

Đức Phật bảo:

–Này Ma-nam, khi Ta còn làm Bồ-tát thường nghĩ về thế gian vui ít mà khổ não lại nhiều, do đó mà Ta cầu đạo giải thoát. Nếu có người muốn cho rằng: "Thế gian là vui", vì họ đều không biết về con đường sanh tử. Nếu thế gian có bậc tâm ý hiền thiện, không tham, lại muốn dạy cho con người chớ có tham dục, đó là bậc Đại đức tối thượng.

Đức Phật bảo:

–Này Ma-nam, Ta thường đến thành Vương xá, có một hòn núi tên là Thiết-đề-ban-lãm-cù-hà-đọa-phu-thê-phái-thí. Ta thấy các người theo phái Ni-kiền có người xõa tóc, có người còng lưng, kẻ ngồi dưới đất, kẻ nằm nơi đất, thân thể không có y phục, họ đều che bằng da nai. Ta từ xa trông thấy, đến phía trước nói với các Ni-kiền: "Do nhân duyên gì khiến các ông xõa tóc, do nhân duyên gì mà các ông ngồi, nằm nơi đất, cũng không mặc áo quần, tự làm sự độc hại như vậy?"

Các Ni-kiền trả lời:

–Đời trước chúng tôi làm ác nên mới khiến đời này bị khốn khổ như vậy, do hành vi ác chưa hết nên chúng tôi mới làm như thế.

Đức Phật nói:

–Do nhân duyên gì mà các ông nghe và biết được việc ấy? Vậy có phải theo người ta mà nghe biết được việc đã làm ở đời trước chăng? Hay là tự biết?

Các Ni-kiền đáp:

–Chúng tôi không biết, cũng không nghe, cũng không nhờ ai dạy chi cả.

Đức Phật bảo:

–Các ông cố dùng sự khổ hạnh này để thoát được sanh tử sao? Các ông không nghe người ta nói, cũng không nghe thầy dạy như vậy. Khi không mà tự chuốc lấy sự khốn khổ. Vậy sao không bỏ việc làm ấy, đi đến tôn thờ Phật đạo.

Đức Phật bảo:

–Ta chỉ tiếc cho các ông, hoặc tự thân suy nghĩ, hoặc con cháu

đời sau đều bắt chước việc làm này của các ông.

Các Ni-kiền đều tức giận Đức Phật, bảo:

–Vua Bình Sa tại sao lại cho Sa-môn Cù-đàm này truyền đạo trong nước?

Đức Phật bảo các Ni-kiền:

–Các người chớ có giận dữ! Vua Bình Sa đã lãnh hội, thọ trì kinh Phật nên không dám có lời khi dối.

Đức Phật nói với các Ni-kiền:

–Các ông cho rằng có thể ngồi ngay thẳng trong bảy ngày bảy đêm, không ăn uống, không nói chuyện, như vậy là vui chăng? Hay nhà vua có cung điện, kỹ nhạc là vui?

Ni-kiền nói:

–Này Sa-môn Cù-đàm, chúng tôi vui.

Đức Phật nói:

–Sao gọi là vui? Vua Bình Sa trị nước vì sao lại không vui?

Ni-kiền thưa:

–Này Sa-môn Cù-đàm, chúng tôi ít lo buồn cho nên vui hơn vua Bình Sa.

Đức Phật nói:

–Này các Ni-kiền, vua Bình Sa có ý dâm, có ý nộ, có ý si, cũng muốn hàng phục các quần thần, cũng muốn hàng phục các dân chúng bên ngoài, ngày đêm suy nghĩ: "Phải xử trị ai? Phải bắt bớ ai?".

Đức Phật nói:

–Người có lòng dâm cũng sẽ tự giết mình, cũng muốn sát hại người khác. Người có lòng sân hận cũng tự giết mình, cũng muốn giết hại người khác. Người si mê cũng sẽ tự giết mình, cũng muốn giết hại người khác.

Các Ni-kiền đều đến trước Đức Phật thưa:

–Chúng tôi không có tâm niệm dâm, cũng không có tâm niệm sân, cũng không có tâm niệm si, vậy có thể làm Sa-môn được chăng?

Đức Phật bảo:

–Hãy trở về báo cho cha mẹ các ông biết.

Các Ni-kiền thưa:

–Chúng con bỏ nhà học đạo, đều được sự đồng ý của cha mẹ rồi.

Đức Phật dạy:

–Vậy các ông hãy quy y, thọ trì năm giới.

Các Ni-kiền đều thọ năm giới:

1. Không giết hại.

2. Không trộm cắp.

3. Không xâm phạm phụ nữ nhà người khác.

4. Không dối trá.

5. Không uống rượu.

Các Ni-kiền thọ trì năm giới, mặc áo, búi tóc lên, giữ chánh hạnh. Ai nấy đều trở về nhà của mình.

Đức Phật bảo Ma-nam:

–Nếu nghe nói qua về ý dâm, ý nộ, và ý si này, nếu cho rằng ta thọ trì lời Phật dạy, hoặc suy tư chín chắn về năm điều này, vậy có nên tranh giành với người thế gian chăng?

Ma-nam thưa:

–Con sẽ trở về suy tư, đọc tụng kinh điển này, ngày mai sẽ đến chỗ Đức Phật.

Ma-nam đến trước Đức Phật đảnh lễ rồi đi.

❑

SỐ 55

PHẬT NÓI KINH KHỔ ẤM NHÂN SỰ

Hán dịch: Đời Tây Tấn, Sa-môn Thích Pháp Cự.

Nghe như vầy:

Một thời Đức Bà-già-bà ở trong vườn Ni-câu-lâu, thuộc thành Ca-duy-la-bà của chủng tộc Thích-ky-để (dòng Sát-đế-lợi). Bấy giờ Thích-ma-ha-năng-cừ, sau buổi trưa ung dung đi đến chỗ Đức Thế Tôn. Đến nơi, ông đảnh lễ nơi chân Đức Thế Tôn, rồi ngồi qua một bên. Thích Đại lực sĩ (Thích-ma-ha-năng-cừ) sau khi ngồi qua một bên liền bạch với Đức Thế Tôn:

–Như những pháp Đức Thế Tôn đã giảng dạy con đều biết hết. Đó là ba ý niệm trói buộc: Ý dâm trói buộc, ý sân hận, ngu si trói buộc. Như vậy, những pháp Đức Thế Tôn chỉ dạy con đều biết. Nay con đã dấy khởi sự dâm dục vướng mắc nơi ý mình, đã dấy sự sân hận và ngu si vướng mắc nơi ý mình. Cho nên, bạch Đức Thế Tôn, con đã nghĩ như vầy: "Ta có pháp gì chưa dứt sạch mà khiến sanh ra dâm dục, vướng mắc nơi tâm ý? Sanh ra sự sân hận, ngu si vướng mắc nơi tâm ý?".

Đức Phật dạy:

–Này Đại lực sĩ, pháp chưa dứt sạch, khiến cho ông ở tại nhà cũng không học đạo, không tin và ưa thích việc xuất gia, từ bỏ gia đình. Này Đại lực sĩ, nếu pháp ấy dứt sạch thì ông sẽ không ở tại gia, ông chắc chắn sẽ có thể tin thích xuất gia, từ bỏ gia đình học đạo. Này Đại lực sĩ, pháp ấy vì chưa dứt sạch cho nên mới khiến ông ở tại nhà, không tin thích xuất gia, từ bỏ gia đình học đạo.

Bấy giờ Thích Đại lực sĩ từ tòa đứng dậy, bước qua một bên, sửa

lại y phục, chắp tay hướng về Đức Thế Tôn, thưa:

–Như vậy, nay con đối với Đức Thế Tôn có sự tin thích, cúi mong Đức Thế Tôn khéo vì con giảng nói pháp. Con nhờ thấy pháp mà dứt sạch được nghi ngờ.

Đức Phật bảo:

–Này Đại lực sĩ, có năm dâm dục, ái niệm, ái sắc, gần với dâm, khiến nhiễm đắm: Mắt biết sắc, tai biết tiếng, mũi biết mùi, lưỡi biết vị, thân biết vật mịn trơn. Ở trong các thứ ấy mà tự vui thích, yêu mến mùi vị, vui thích trong đó. Như vậy, này Đại lực sĩ, ở trong sự thú vị của dâm có nhiều hư hoại. Này Đại lực sĩ, vì sao nói ở trong dâm dục có nhiều sự hư hoại? Này Đại lực sĩ, nếu người con nhà dòng dõi học làm thợ khéo léo để tự bảo tồn mạng sống, hoặc cày ruộng, hoặc mua bán, hoặc sao chép sách, hoặc học số, hoặc học toán, hoặc học in ấn, hoặc học thơ, hoặc học làm đồ gốm, hoặc dạy học, hoặc được vua chiêu mộ; những người ấy bị sự buốt giá bức bách, sự nóng lạnh thiêu đốt, phải nhẫn chịu sự đói khát dày vò, bị muỗi mòng, chí rận chích hút, họ mong cầu tiền của. Người con nhà dòng dõi kia, như vậy, đã làm những việc như vậy, siêng năng làm việc như vậy, nhưng vẫn không thể kiếm ra tiền. Kẻ ấy liền ưu sầu, không vui, khóc lóc, tự đánh, đập thân mình, tăng thêm sự ngu si, siêng năng làm việc mà không có kết quả.

Nếu người con nhà dòng dõi kia làm những việc như vậy, siêng năng làm việc như vậy, kẻ ấy có được nhiều tiền của. Khi được tiền của rồi, vị ấy liền giữ gìn đừng cho tiền của ấy bị vua chiếm đoạt, không để giặc cướp, không để lửa cháy, không để hư mục, không để hao tổn, bị thất lợi. Kẻ ấy gìn giữ tiền của như vậy nhưng vẫn bị vua chiếm đoạt, giặc cướp, lửa cháy, bị tiêu hủy, hao tổn, bị thất lợi. Kẻ ấy liền ưu sầu, không vui, khóc lóc, tự đánh, đập thân mình, chỉ thêm sự ngu si.

Lại nữa, những gì mà ta yêu thích lâu dài chắc chắn sẽ bị hư hoại. Do đó, này Đại lực sĩ, thân ở hiện tại này là khổ ấm. Do tham dục nên đưa đến dục tăng trưởng, chính là nhân duyên của dục ấy. Này Đại lực sĩ, chúng sanh nhân vì tham dục đưa đến tham dục tăng trưởng. Do tham dục mà mẹ tranh với con, con tranh với mẹ, cha tranh với con, con tranh với cha, anh tranh với em, em tranh với anh. Họ

tranh giành với nhau: Mẹ nói con sai, con nói mẹ sai, cha nói con sai, con nói cha sai, anh nói em sai, em nói anh sai. Huống chi là đối với người ngoài?

Này Đại lực sĩ, đó là khổ ấm hiện tại. Do tham dục nên đưa đến dục tăng trưởng. Này Đại lực sĩ, do tham dục nên đưa đến dục tăng trưởng khiến vua tranh với vua, Bà-la-môn tranh với Bà-la-môn, Cư sĩ tranh với Cư sĩ, giặc cướp tranh với giặc cướp, thợ thuyền tranh với thợ thuyền. Họ tranh giành với nhau tạo ra đủ thứ dụng cụ để chiến đấu. Hoặc dùng tay đánh, hoặc dùng đá ném, hoặc dùng dao đâm, gậy đập, trong đó có người chết, hoặc khổ gần chết. Này Đại lực sĩ, đó chính là khổ ấm trong hiện tại. Do tham dục nên đưa đến dục tăng trưởng.

Này Đại lực sĩ, chúng sanh do tham dục nên đưa đến dục tăng trưởng, nên họ mới mặc áo giáp, mang cung tên, mang áo giáp bằng da, cầm dao thật bén, vây nhau mà đánh. Khi lâm trận, họ hoặc dùng voi để đấu, hoặc dùng ngựa, hoặc dùng xe, hoặc dùng bộ binh, hoặc dùng đàn bà, hoặc dùng đàn ông; ở đấy hoặc có người chết, hay khổ gần chết. Đó chính là, này Đại lực sĩ, khổ ấm trong hiện tại. Do tham dục nên đưa đến dục tăng trưởng.

Này Đại lực sĩ, chúng sanh do tham dục đưa đến dục tăng trưởng, nên họ mới mặc áo giáp, mang cung tên, mang áo giáp bằng da, cầm dao thật bén, đi đến thành thật cao ý muốn công phạt. Những kẻ ấy trong lúc đó, hoặc thổi tù và, hoặc đánh trống, hoặc dùng tiếng kêu gọi, hoặc dùng chày sắt, hoặc dùng xoa, hoặc dùng kích, hoặc dùng bánh xe bén, hoặc dùng tên bắn lẫn nhau, hoặc xô đá chạy loạn xạ, hoặc dùng nỏ, hoặc lấy nước đồng sôi đổ xuống, trong đó có người chết, hay khổ gần chết. Này Đại lực sĩ, đó chính là khổ ấm trong hiện tại. Do tham dục nên đưa đến dục tăng trưởng.

Này Đại lực sĩ, chúng sanh do tham dục nên đưa đến dục tăng trưởng nên họ đi đến thành ấp của vua, hoặc xuyên qua tường, phá kho, hoặc ăn cắp đồ vật của người khác, hoặc đánh hoặc chận đường cướp của người khác, phá thành người khác, phá thôn, giết người. Kẻ ấy bị quan chức trách bắt được hành xử đủ điều khổ sở, hoặc chặt tay, hoặc chặt chân, hoặc cắt tai, hoặc xẻo mũi, hoặc cắt lưỡi, hoặc cắt búi tóc, hoặc cắt tóc, hoặc cắt cả tóc và búi tóc, hoặc bỏ vào trong hòm, hoặc lấy áo phủ lại rồi giết, hoặc lấp cát đá lên trên, hoặc phủ cỏ lên

trên, hoặc bỏ trong miệng con lừa bằng sắt, hoặc bỏ trong miệng con sư tử bằng sắt, hoặc bỏ vào trong cái chảo bằng đồng, hoặc bỏ trong chảo bằng sắt, hoặc cắt ra từng đoạn, hoặc dùng dao bén đâm vào hai tay, hoặc nằm trên giường bằng sắt nóng, hoặc dùng dầu sôi mà rưới, bỏ vào cối lấy chày sắt mà giã, hoặc cho rắn cắn, hoặc lấy gậy đập, hoặc dùng cây ném, hoặc dẫn đến dưới cây nêu lấy dao chặt đầu. Này Đại lực sĩ, đó chính là khổ ấm trong hiện tại. Do tham dục nên đưa dục tăng trưởng.

Này Đại lực sĩ, chúng sanh do tham dục nên đưa đến dục tăng trưởng, tạo thân hành khổ, miệng, ý hành khổ. Lúc ấy họ hoặc bị khổ hoạn bệnh, nằm ở trên giường, nằm ở trong bóng mát, thân bị bệnh, cực khổ, đau đớn, không vui, mạng sống sắp hết. Kẻ ấy thân hành khổ, miệng, ý hành khổ, đến lúc mạng chung tâm ý điên đảo hướng sanh về cảnh giới phía dưới. Giống như lúc hoàng hôn, mặt trời sắp lặn xuống ngọn núi lớn, xuống giữa ngọn núi lớn thì bóng hòn núi ấy ngã dài dưới đất. Cũng như vậy, kẻ kia thân hành khổ, miệng hành khổ, ý hành khổ, đến lúc mạng chung tâm ý điên đảo hướng sanh về cảnh giới phía dưới. Kẻ ấy nghĩ như vầy: "Thân ta khổ hạnh, miệng khổ hạnh, ý khổ hạnh nên tâm ý điên đảo hướng sanh về cảnh giới phía dưới. Ta vốn không thực hành đúng pháp, vốn không làm phước, ta chỉ làm điều tội ác. Vì thích làm ác, tham lam, làm điều hung bạo, không làm việc phước, không làm việc thiện, không làm theo chỗ đáng quy ngưỡng, chắc chắn ta phải đọa bị vào cõi ác". Lúc đó kẻ ấy liền có sự thay đổi, hối hận. Thay đổi hối hận rồi, nhưng cuối cùng vì sống bất thiện cho nên khi mạng chung cũng là bất thiện. Này Đại lực sĩ, đó chính là khổ ấm trong hiện tại. Do tham dục nên đưa dục tăng trưởng.

Này Đại lực sĩ, chúng sanh do tham dục nên đưa đến dục tăng trưởng, tạo tác thân hành khổ, khẩu và ý hành khổ. Kẻ ấy tạo thân hành khổ rồi, tạo miệng, ý hành khổ rồi, do nhân đó, duyên đó khi thân hoại mạng chung sanh trong cõi ác địa ngục. Chính đó, này đại lực sĩ, chính là khổ ấm của thân này trong đời sau. Do tham dục nên đưa đến dục tăng trưởng. Này Đại lực sĩ, chính là do năm sự thú vị của tham dục nên có nhiều khổ, hư hoại.

Còn vị Thánh đệ tử thì không như vậy, có tri kiến như thật,

không có hỷ lạc đối với dâm, vì nó tạo ra pháp ác bất thiện. Đó gọi là sự tịch tĩnh vô thượng. Như vậy, này Đại lực sĩ, Thánh đệ tử cùng tương ưng với pháp dâm như vậy. Lại nữa, này Đại lực sĩ, Ta đối với tham dục dù nhỏ cũng biết nó là khổ, biết nó là hư hoại. Đó là tri kiến như thật của Ta, Ta cũng không trụ trong tham dục tạo ra pháp ác bất thiện, mà trụ trong sự phòng hộ an lạc, chính là sự tịch tĩnh vô thượng. Này Đại lực sĩ, như vậy Ta không tương ưng với pháp tham dục.

Này Đại lực sĩ, có một thời Ta ở trong hang Thất diệp, Bệ-đà-lệ Chỉ hữu hiếp, thuộc thành Vương xá. Này Đại lực sĩ, vào lúc xế chiều Ta đứng dậy đi đến bên Chỉ hữu hiếp, Ta ở đó, từ xa trông thấy các Ni-kiền, họ thường không ngồi mà luôn quỳ, tu tập khổ hạnh rất thống khổ. Ta liền đi đến chỗ họ. Đến nơi, Ta nói với họ:

–Vì sao? Này Ni-kiền, lại quỳ mãi không ngồi như thế, tu tập khổ hạnh quá sức như vậy?

Họ đáp:

–Này Cù-đàm, vị thầy lãnh đạo phái Ni-kiền thân tộc tử đã như vầy: "Này các Ni-kiền, chúng ta vốn tạo các hành ác nay hành pháp khổ hạnh này sẽ tiêu trừ các hạnh ác kia. Đó là nay thân nghiệp hành khổ hạnh, khẩu, ý nghiệp hành khổ hạnh, nếu có điều ác hãy đừng làm".

Ta nói với họ:

–Này các Ni-kiền, vì sao các ông đối với vị thầy lãnh đạo phái Ni-kiền có thể tin, có thể nhận lời của vị ấy được? Sao lại không nghi ngờ vị thầy ấy?

Họ trả lời:

–Này Cù-đàm, vị thầy lãnh đạo phái Ni-kiền của chúng tôi, chúng tôi không nghi ngờ vị thầy ấy, vì vị ấy có thể tin cậy, có thể chấp nhận được.

Ta đáp lại họ:

–Như vậy, nếu như trong chúng Ni-kiền của các ông, có vị Ni-kiền vốn đã tạo hạnh ác, nên phải hành khổ hạnh cùng cực. Vị Ni-kiền ấy sau khi chết đời sau sanh lại ở nhân gian sẽ cũng lại học ở trong phái Ni-kiền này, phải thường quỳ, không ngồi theo khổ hạnh như vậy, như nay các ông đang làm sao?

Họ nói như vầy:

–Này Cù-đàm, không theo hạnh thiện vẫn được quả báo thiện. Vua Tần-phù-bà sống yên ổn trong an lạc, còn Sa-môn Cù-đàm thì không được như vậy.

Ta đáp:

–Này các Ni-kiền, các ông nói như vậy là không đúng. Vì sao vậy? Vì kẻ phàm phu ngu si, bất định, không thiện, không nhàm chán, không biết đủ mới nói: "Vua Tần-phù-bà thường ở nơi thiện, thường được an lạc, còn Sa-môn Cù-đàm thì không được như vậy". Này các Ni-kiền, phải trước nhất là biết Ta và tại sao Ta thường ở trong sự an lạc, chứ không nói: "Vua Tần-phù-bà hay Sa-môn Cù-đàm?". Này các Ni-kiền, Ta sẽ nói cho các ông biết: Ta là người khéo sống trong sự an lạc chứ không phải là vua Tần-phù-bà nước Ma-kiệt. Các ông không nên nói như vầy: "Vua Tần-phù-bà nước Ma-kiệt thường sống trong an lạc, Sa-môn Cù-đàm không thể sánh kịp!". Nay Ta hỏi các ông: "Ai là người khéo sống trong sự an lạc, vua Tần-phù-bà hay Sa-môn Cù-đàm? Ý của các Ni-kiền thế nào? Vua Tần-phù-bà nước Ma-kiệt đã được tự tại về miệng và ý chăng? Trong bảy ngày bảy đêm thân đã hoàn toàn an trụ trong an lạc chăng?"

Các Ni-kiền thưa:

–Chẳng được vậy, thưa Cù-đàm.

Đức Phật hỏi tiếp:

–Hoặc sáu ngày, năm ngày, bốn ngày, hai ngày hoặc một ngày một đêm vua được tự tại về miệng và ý chăng? Thân đã hoàn toàn được sống trong sự an lạc chăng?

–Thưa Cù-đàm, không được.

–Ý của các Ni-kiền thế nào? Ta đã được tự tại về miệng và ý chăng? Trong một ngày một đêm, thân của Ta có sống trong sự an lạc chăng?

–Được, thưa Cù-đàm.

–Từ hai, ba cho đến bảy ngày, bảy đêm miệng và ý của Ta có được hoàn toàn khéo sống trong sự an lạc chăng?

–Được, thưa Cù-đàm.

–Ý của các Ni-kiền thế nào? Ta và vua, ai thường khéo sống trong sự an lạc, vua Tần-phù-bà nước Ma-kiệt hay là Ta?

–Như chúng tôi nhờ Sa-môn Cù-đàm thuyết giảng nên biết được

nghĩa này: Chính Sa-môn Cù-đàm mới là người khéo sống trong an lạc, chứ không phải vua Tần-phù-bà nước Ma-kiệt.

–Này Đại lực sĩ, hãy giảm thiểu tham dục, biết nó có nhiều sự khổ, trong sự hư hoại thì nó có nhiều hư hoại nhất. Do đó vị Thánh đệ tử dùng trí tuệ để thấy như thật, nên đối với tham dục, pháp ác bất thiện không vui thích chúng. Đó là sự tịch tĩnh vô thượng.

Như vậy, này Đại lực sĩ, vị Thánh đệ tử tương ưng với pháp tham dục như thế.

Lại nữa, này Đại lực sĩ, Ta đối với chút ít thú vị của tham dục cũng thấy nó có nhiều khổ, biết nó là pháp hư hoại. Đó là Ta dùng trí tuệ bình đẳng thấy như thật, cũng không ở trong tham dục có tạo tác pháp bất thiện, mà chỉ chuyên phòng hộ để được tự vui, chính là sự tịch tĩnh vô thượng. Như vậy, này Đại lực sĩ, Ta không tương ưng với pháp tham dục.

Đức Phật giảng dạy như vậy, vị Đại lực sĩ ấy cùng các Tỳ-kheo nghe Đức Thế Tôn chỉ dạy xong, thảy đều hoan hỷ.

❑

SỐ 56

PHẬT NÓI KINH LẠC TƯỞNG

Hán dịch: Đời Tây Tấn, Sa-môn Trúc Pháp Hộ, người nước Nguyệt chi.

Nghe như vầy:

Một thời Đức Bà-già-bà ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Có các Sa-môn, Bà-la-môn đối với địa (đại) có tưởng chấp về địa (đại), ưa thích địa(đại), chấp địa (đại) là ngã. Kẻ ấy nói: "Địa (đại) là ngã". Ta nói kẻ ấy chưa biết được thủy, hỏa, phong, Thiên thần, Phạm thiên, A-bà thiên, A-tỳ-bà thiên. Họ đối với tịnh có tịnh tưởng, ưa thích tịnh, chấp tịnh là ngã. Kẻ ấy nói: "Tịnh là ngã". Ta bảo kẻ ấy chưa biết về Hư không xứ, Thức xứ, Vô sở hữu xứ, Vô tưởng xứ, hoặc một, hoặc nhiều, hoặc riêng thấy, nghe hay biết được nhờ quán giác hành, từ đời này đến đời sau, từ đời sau đến đời này. Kẻ ấy có tưởng ấy nên ưa thích nó, vì ưa thích nó nên chấp nó là ngã. Kẻ ấy đã hoàn toàn chấp nó là ngã rồi, Ta bảo kẻ ấy thật sự chưa biết nó.

Có các Sa-môn, Bà-la-môn chấp địa (đại) là thần thông, không thích địa (đại), do không thích địa (đại) nên không chấp địa (đại) là ngã. Kẻ ấy không bảo rằng: "Địa (đại) là ngã". Ta nói kẻ ấy đã biết thủy, hỏa, phong, Thiên thần, Phạm thiên, A-bà thiên, A-tỳ-bà thiên. Họ cho tịnh là thần thông, không thích tịnh, vì không ưa tịnh nên không cho tịnh là ngã. Ta bảo rằng kẻ ấy đã biết Hư không xứ, Thức xứ, Vô sở hữu xứ, Vô tưởng xứ, hoặc một, hoặc nhiều, hoặc riêng thấy, nghe hay biết được nhờ quán giác hành, từ đời này đến đời sau, từ đời sau đến đời này. Kẻ ấy vận dụng tất cả thần thông, tỏ ý không thích, cũng không ưa, cũng không chấp là ngã, cũng không bảo rằng:

“Đó là ngã”. Ta bảo kẻ ấy đã biết tất cả.

Lại nữa, Ta cho địa (đại) là thần thông, không thích địa (đại), không ưa thích địa (đại), không cho địa (đại) là ngã. Ta không chấp địa (đại). Ta đã biết thủy, hỏa, phong, Thiên thần, Phạm thiên, A-bà thiên, A-tỳ-bà thiên, các thần thông ấy không cho là tịnh, vì không cho là tịnh nên không chấp tịnh là ngã. Ta đã biết được Hư không xứ, Thức xứ, Vô sở hữu xứ, Vô tưởng xứ, hoặc một, hoặc nhiều, hoặc riêng thấy, nghe hay biết được nhờ quán giác hành, từ đời này đến đời sau, từ đời sau đến đời này, tất cả thần thông đều không ưa thích, vì không ưa thích nên không chấp là ngã. Cho nên Ta đã biết chúng.

Đức Phật thuyết giảng như vậy, các Tỳ-kheo nghe Đức Thế Tôn giảng nói, thảy đều vui mừng, dứt sạch nguyên nhân chấp ngã.

❑

SỐ 57

PHẬT NÓI KINH LẬU PHÂN BỐ

Hán dịch: Đời Hậu Hán, Tam tạng Pháp sư An Thế Cao.

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở tại Hành trị xứ danh vi pháp (*đô ấp Kiếm-ma-sắc-đàm-câu-lâu?*) thuộc nước Câu-lưu.

Bấy giờ người nước Câu-lưu đang sinh sống đông đúc tại đó. Khi ấy Đức Phật bảo các Tỳ-kheo; các Tỳ-kheo thưa: "Dạ vâng", và theo Đức Phật để nghe dạy. Đức Phật nói như vầy:

–Tỳ-kheo hãy lắng nghe, Ta sẽ thuyết pháp, phần đầu cũng lợi, phần giữa cũng lợi, phần cuối cũng lợi, có lợi lạc, có phương tiện, đầy đủ ý, hiện rõ phạm hạnh. Hãy nên lắng nghe, thọ trì để nhớ nghĩ điều được nghe.

Các Tỳ-kheo thưa: "Xin vâng!", và theo Đức Phật để nghe thuyết pháp. Đức Phật nói:

–Các Tỳ-kheo cần phải biết lậu, cũng phải biết nguồn gốc của lậu, cũng phải biết do lậu mà thọ lấy tai ương, cũng phải biết sự phân bố (tác động rộng khắp) của lậu, cũng phải biết sự chấm dứt của lậu, cũng phải biết tu tập gì khiến cho dứt sạch hết lậu.

Tỳ-kheo phải biết thống (thọ), cũng phải biết nguyên nhân của thống, cũng phải biết do thống mà bị tai ương, cũng phải biết sự phân bố của thống, cũng phải biết sự chấm dứt của thống, cũng phải biết tu tập gì để dứt hết thống.

Tỳ-kheo phải biết tư tưởng, cũng nên biết nguồn gốc của tư tưởng, cũng nên biết do tư tưởng mà thọ lấy tai ương, cũng nên biết sự phân bố của tư tưởng, cũng nên biết tu tập gì để chấm dứt tư

tưởng.

Tỳ-kheo phải biết ái dục, cũng phải biết nguồn gốc của ái dục, cũng phải biết do ái dục mà thọ tai ương, cũng phải biết sự phân bố của ái dục, cũng phải biết sự chấm dứt của ái dục, cũng phải biết tu tập gì để không còn ái dục.

Tỳ-kheo phải biết hành, cũng phải biết nguyên nhân của hành, cũng phải biết vì hành mà bị tai ương, cũng phải biết sự phân bố của hành, cũng phải biết sự chấm dứt của hành, cũng phải biết thọ trì hạnh gì để không còn hành.

Tỳ-kheo phải biết khổ, cũng phải biết nguyên nhân của khổ, cũng phải biết vì khổ mà bị tai ương, cũng phải biết sự phân bố của khổ, cũng phải biết sự chấm dứt của khổ, cũng phải biết tu tập gì để không còn khổ.

Tỳ-kheo phải biết lậu, cũng phải biết nguyên nhân của lậu, cũng phải biết vì lậu mà bị tai ương, cũng phải biết sự phân bố của lậu, cũng phải biết sự chấm dứt của lậu, cũng phải biết tu tập gì mà dứt hết lậu.

Phải biết những loại lậu nào? Đó là có ba thứ lậu:

1. Dục lậu.
2. Hữu lậu.
3. Si lậu (vô minh lậu).

Như vậy là biết lậu.

Thế nào gọi là phải biết nguồn gốc của lậu? Đó là biết si (vô minh) là gốc của lậu, do đó mà lậu hiện hữu. Như vậy là biết nguồn gốc của lậu.

Thế nào gọi là do lậu mà có tai ương? Đó là biết do si mà có hành động lậu, hành động thế nào nên phải thọ lấy tai ương như vậy, hoặc sanh chỗ tốt, hoặc đọa vào chỗ xấu. Như vậy là biết do lậu mà thọ lấy tai ương.

Thế nào gọi là biết sự phân bố của lậu? Đó là biết do hành động sai khác mà bị đọa vào địa ngục, hoặc do hành động sai khác mà đọa vào súc sanh, hoặc do hành động sai khác mà đọa vào ngạ quỷ, hoặc do hành động sai khác mà sanh lên cõi trời, hoặc do hành động sai khác mà sanh vào loài người. Như vậy gọi là biết sự phân bố của lậu.

Sao gọi là phải biết sự chấm dứt của lậu? Đó là biết si đã chấm dứt nên lậu liền chấm dứt, như vậy là lậu chấm dứt. Đó là biết sự chấm dứt của lậu.

Thế nào là phải biết thọ trì hạnh gì để lậu chấm dứt? Đó là tám thứ đạo hạnh:

1. Trực kiến.
2. Trực cánh.
3. Trực ngữ.
4. Trực hành.
5. Trực nghiệp.
6. Trực phương tiện.
7. Trực niệm.
8. Trực định.

Như vậy là biết thọ trì hạnh gì để chấm dứt lậu.

Này các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo đã biết lậu như vậy, biết nguyên nhân của lậu như vậy, biết do lậu mà phải thọ tai ương như vậy, biết sự phân bố của lậu như vậy, biết sự chấm dứt của lậu như vậy, biết tu tập nên khiến lậu được chấm dứt như vậy. Đó gọi là Tỳ-kheo biết chán lìa thế gian, hành thanh tịnh nên được đắc đạo, làm cho các lậu được chấm dứt.

Tỳ-kheo phải biết thống (thọ), cũng phải biết nguyên nhân của thống, cũng phải biết vì thống mà thọ tai ương, cũng phải biết sự phân bố của thống, cũng phải biết sự chấm dứt của thống, cũng phải biết tu tập gì khiến cho chấm dứt thống.

–Phải biết những loại thống nào? Đó là có ba loại thống (thọ):

1. Lạc thống.
2. Khổ thống.
3. Không lạc cũng không khổ thống.

Như vậy là biết thống.

Thế nào là phải biết nguồn gốc của thống? Đó là biết do suy tư, lường tính. Như vậy là biết nguồn gốc của thống.

Thế nào là phải biết do thống mà thọ tai ương? Đó là biết có đối tượng tư duy tiếp xúc dẫn tới sự khổ. Như vậy là biết từ thống đưa đến tai ương.

Thế nào là phải biết sự phân bố của thống? Này Tỳ-kheo, Tỳ-

kheo tiếp xúc với lạc thống (lạc thọ) thì biết là tiếp xúc với lạc thống, tiếp xúc với khổ thống (khổ thọ) thì biết là tiếp xúc với khổ thống, tiếp xúc với không khổ không lạc thống thì biết là đang tiếp xúc với không lạc không khổ thống; thân tiếp xúc với lạc thống thì biết là thân tiếp xúc với lạc thống, thân tiếp xúc với khổ thống thì biết là thân tiếp xúc với khổ thống, thân tiếp xúc với không khổ không lạc thống thì biết là thân tiếp xúc với không khổ không lạc thống; tâm niệm tiếp xúc với lạc thống thì biết là tâm niệm tiếp xúc với lạc thống, tâm niệm tiếp xúc với khổ thống thì biết là tâm niệm tiếp xúc với khổ thống, tâm niệm tiếp xúc với không khổ không lạc thống thì biết là tâm niệm tiếp xúc với không khổ không lạc thống. Lạc thống do mong cầu mà có thì biết lạc thống do mong cầu mà có. Khổ thống do mong cầu mà có thì biết khổ thống do mong cầu mà có. Không khổ không lạc thống do mong cầu mà có thì biết không khổ không lạc thống do mong cầu mà có. Lạc thống không do mong cầu mà có thì biết lạc thống không do mong cầu mà có. Khổ thống không do mong cầu mà có thì biết khổ thống không do mong cầu mà có. Không khổ không lạc thống không do mong cầu mà có thì biết không khổ không lạc thống không do mong cầu mà có. Lạc thống do sống trong gia đình thì biết lạc thống do sống trong gia đình. Khổ thống do sống trong gia đình thì biết khổ thống do sống trong gia đình. Không khổ không lạc thống do sống trong gia đình thì biết không khổ không lạc thống do sống trong gia đình. Lạc thống nhờ bỏ gia đình thì biết lạc thống nhờ bỏ gia đình. Khổ thống nhờ bỏ gia đình thì biết khổ thống nhờ bỏ gia đình. Không khổ không lạc thống nhờ bỏ gia đình thì biết không khổ không lạc thống nhờ bỏ gia đình. Như vậy là biết sự phân bố của thống.

Những gì là phải biết sự chấm dứt của thống? Đó là nhớ nghĩ đến sự từ bỏ thì thống liền chấm dứt. Như vậy là biết sự chấm dứt của thống.

Thế nào là phải biết tu tập để thống chấm dứt? Đó là tám thứ đạo hạnh:

1. Trực kiến.
2. Trực cánh.
3. Trực ngữ.
4. Trực hành.

5. Trực nghiệp.
6. Trực phương tiện.
7. Trực niệm.
8. Trực định.

Như vậy là biết tu tập để chấm dứt thống.

Này các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo đã biết thống như vậy, biết nguyên nhân của thống như vậy, biết do thống mà bị tai ương như vậy, biết sự phân bố của thống như vậy, biết sự chấm dứt của thống như vậy, biết tu tập để chấm dứt thống như vậy. Đó gọi là Tỳ-kheo biết chán lìa thế gian, nhờ hành thanh tịnh nên được đạo, làm cho thống được chấm dứt.

Tỳ-kheo phải biết tư tưởng (Tưởng), phải biết nguồn gốc của tư tưởng, phải biết do tư tưởng mà thọ lấy tai ương, cũng phải biết sự phân bố của tư tưởng, cũng phải biết tu tập gì để chấm dứt tư tưởng.

Những gì là phải biết tư tưởng? Đó là có bốn loại tư tưởng:

1. Tư tưởng ít.
2. Tư tưởng nhiều.
3. Tư tưởng vô hữu lượng.
4. Tư tưởng vô sở hữu bất dụng.

Như vậy gọi là biết tư tưởng.

Thế nào là phải biết nguồn gốc của tư tưởng? Xúc là nguồn gốc của tư tưởng. Như vậy là biết nguồn gốc của tư tưởng.

Thế nào là phải biết từ tư tưởng mà có tai ương? Đó là như điều tư tưởng làm, như điều tư tưởng hành. Đó gọi là việc làm, hành động. Như vậy là biết do tư tưởng mà thọ tai ương.

Thế nào là phải biết sự phân bố của tư tưởng? Đó là tư tưởng về sắc thì khác, tư tưởng về tiếng cũng khác, tư tưởng về hương cũng khác, tư tưởng về vị cũng khác, tư tưởng về sự thô, tế khi thân cảm tiếp xúc cũng khác. Như vậy là biết sự phân bố của tư tưởng.

Thế nào là phải biết sự chấm dứt của tư tưởng? Đó là xúc đã hết thì tư tưởng liền chấm dứt. Như vậy là biết sự chấm dứt của tư tưởng.

Thế nào là phải biết tu tập để chấm dứt tư tưởng? Đó là tám loại đạo hạnh:

1. Trực kiến.
2. Trực cánh.

3. Trực ngữ.
4. Trực hành.
5. Trực nghiệp.
6. Trực phương tiện.
7. Trực niệm.
8. Trực định.

Như vậy là biết tu tập để chấm dứt tư tưởng.

Này các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo đã biết tư tưởng như vậy, biết nguồn gốc của tư tưởng như vậy, biết do tư tưởng mà phải thọ tai ương như vậy, biết sự phân bố của tư tưởng như vậy, biết sự chấm dứt của tư tưởng như vậy, biết tu tập nên khiến tư tưởng được chấm dứt như vậy. Đó gọi là Tỳ-kheo biết, chán lìa thế gian, hành thanh tịnh nên được đắc đạo, khiến tư tưởng chấm dứt.

Tỳ-kheo phải biết ái dục, cũng phải biết nguồn gốc của ái dục, cũng phải biết do ái dục đưa đến tai ương, cũng phải biết sự phân bố của ái dục, cũng phải biết sự chấm dứt của ái dục, cũng phải biết tu tập gì để chấm dứt ái dục.

Thế nào là phải biết ái dục? Đó là biết ái dục có năm loại mà con người mong muốn được, mong muốn mãnh liệt trong tâm, mong cầu yêu thích sắc; theo ý ấy đưa đến tham đắm, gần gũi. Những gì là năm?

1. Các sắc do mắt nhận thức thì mong muốn được, mong muốn mãnh liệt trong tâm, mong muốn yêu thích sắc; theo ý ấy đưa tới tham đắm, dễ gần gũi.

2. Các tiếng do lỗ tai nhận thức thì mong muốn được, mong muốn mãnh liệt trong tâm, mong muốn yêu thích sắc; theo ý ấy đưa đến tham đắm, gần gũi.

3. Các hương do mũi nhận thức thì mong muốn được, mong muốn mãnh liệt trong tâm, mong muốn yêu thích sắc; theo ý ấy dẫn tới tham đắm, gần gũi.

4. Các vị do miệng nhận thức thì mong muốn được, mong muốn mãnh liệt trong tâm, mong muốn yêu thích sắc; theo ý ấy dẫn đến tham đắm, gần gũi.

5. Các xúc thô, tế do thân tiếp xúc biết được thì mong muốn được, mong muốn mãnh liệt trong tâm, mong muốn yêu thích sắc; theo

ý ấy dẫn tới tham đắm, gần gũi.

Như vậy là biết được ái dục.

Thế nào là biết nguồn gốc của ái dục? Đó là tư (suy niệm). Như vậy là biết nguồn gốc của ái dục.

Thế nào là biết vì ái dục phải thọ tai ương? Nếu đã dấy khởi ái dục, đã sanh dục cầu, liền có tranh cãi, mong chờ, liền sanh tưởng về tai ương. Vì vậy phải tùy theo tai ương hoặc đến chỗ tốt, hoặc vào chỗ dữ. Như vậy là biết do ái dục mà thọ lấy tai ương.

Thế nào là phải biết sự phân bố của ái dục? Đó là biết ái dục của sắc thì khác, ái dục của thanh cũng khác, ái dục của hương cũng khác, ái dục của mùi vị cũng khác, ái dục do thân tiếp xúc vật thô tế cũng khác. Như vậy là biết sự phân bố của ái dục.

Thế nào là biết sự chấm dứt của ái dục? Đó là biết tư đã chấm dứt thì ái liền chấm dứt. Như vậy là biết sự chấm dứt của ái dục.

Thế nào là biết tu tập để chấm dứt ái dục? Đó là tám thứ đạo hạnh:

1. Trực kiến.
2. Trực cánh.
3. Trực ngữ.
4. Trực hành.
5. Trực nghiệp.
6. Trực phương tiện.
7. Trực niệm.
8. Trực định.

Như vậy là biết tu tập để chấm dứt ái dục.

Này các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo đã biết ái dục như vậy, biết nguyên nhân của ái dục như vậy, biết do ái dục mà phải thọ tai ương như vậy, biết sự phân bố của ái dục như vậy, biết sự chấm dứt của ái dục như vậy, biết tu tập để chấm dứt ái dục như vậy. Đó gọi là Tỳ-kheo biết, chán lìa thế gian, hành thanh tịnh, đắc đạo, khiến cho ái dục chấm dứt.

Tỳ-kheo cần phải biết hành, cũng phải biết nguồn gốc của hành, cũng phải biết do hành mà thọ lấy tai ương hay phước đức, cũng phải biết sự phân bố của hành, cũng phải biết sự chấm dứt của hành, cũng phải biết tu tập gì thì chấm dứt hành.

Thế nào là phải biết hành? Đó là sự nhớ nghĩ không hướng tới xa lìa, gọi là hành.

Thế nào là biết nguồn gốc của hành? Đó là từ ái dục có sự tạo tác, từ ái làm gốc có hành. Như vậy là biết nguồn gốc của hành.

Thế nào là biết do hành mà phải thọ tai ương hay phước đức? Đó là hành động đen tối phải bị tai ương xấu ác khiến phải bị sa đọa vào cõi ác, có hành động thanh tịnh, khiến có phước thanh tịnh, được sanh lên cõi trời. Đó là biết do hành mà phải thọ lấy tai ương hay phước đức.

Thế nào là phải biết sự phân bố của hành? Đó là có hành động đen tối phải theo sự đen tối mà thọ lấy tai ương, có hành động thanh tịnh thì nhờ sự thanh tịnh mà được phước đức thanh tịnh. Vì có hành động đen tối hay thanh tịnh nên đưa đến nghiệp đen hay trắng, tai ương hay phước đức. Cũng có hành động chẳng phải đen, cũng chẳng phải thanh tịnh, nhờ đó được phước đức, các hành đều nối tiếp nhau. Như vậy là biết sự phân bố của hành.

Thế nào là phải biết sự chấm dứt của hành? Đó là ái đã hết thì hành liền hết. Như vậy là biết sự chấm dứt của hành.

Thế nào là biết tu tập để chấm dứt hành? Đó là tám thứ đạo hạnh:

1. Trực kiến.
2. Trực cánh.
3. Trực ngữ.
4. Trực hành.
5. Trực nghiệp.
6. Trực phương tiện.
7. Trực niệm.
8. Trực định.

Như vậy là biết sự tu tập để chấm dứt hành.

Này các Tỳ-kheo, nếu Tỳ-kheo đã biết hành như vậy, biết nguồn gốc của hành như vậy, biết do hành mà phải thọ tai ương như vậy, biết sự phân bố của hành như vậy, biết sự chấm dứt của hành như vậy, biết tu tập để chấm dứt hành như vậy. Đó gọi là Tỳ-kheo biết, chán lìa thế gian, hành thanh tịnh nên đắc đạo, khiến cho hành chấm dứt hoàn toàn.

Tỳ-kheo phải biết khổ, cũng phải biết nguyên nhân của khổ, cũng phải biết vì khổ mà thọ lấy tai ương, cũng phải biết sự phân bố của khổ, cũng phải biết sự chấm dứt của khổ, cũng phải biết tu tập gì để chấm dứt khổ.

Thế nào là Tỳ-kheo phải biết khổ? Đó là Tỳ-kheo phải biết sanh là khổ, phải biết già là khổ, biết bệnh là khổ, phải biết chết là khổ, phải biết oán thù gặp nhau là khổ, phải biết ái biệt ly là khổ, phải biết cầu mong không được là khổ, phải biết nguồn gốc của năm ấm là khổ. Như vậy là biết khổ.

Thế nào là phải biết nguồn gốc của khổ? Đó là Bản vi si (vô minh), si là nguồn gốc của khổ. Như vậy là biết nguồn gốc của khổ.

Thế nào là phải biết do khổ mà thọ lấy tai ương? Đó là người thế gian do ngu muội không nghe kinh điển, ở trong thân nhận lấy bao sự khổ thống kịch liệt, sự đau khổ kịch liệt không thể chịu nổi, phải nên chấm dứt ý nghĩ đó. Vì theo bên ngoài, cầu mong pháp hữu vi bên ngoài, căn cứ bên ngoài mà cầu mong. Có Sa-môn, Bà-la-môn trì từ một câu, hai câu, ba câu, bốn câu, năm câu, một trăm câu trì chú để cúng tế nhờ vậy mà thân có thể được thoát khổ, đó là tai ương của khổ. Như vậy là biết do khổ mà thọ lấy tai ương.

Thế nào là phải biết sự phân bố của khổ? Đó là có khổ ít mà thọ tai ương lâu dài, hoặc là có khổ ít mà không bị tai ương tật bệnh, hoặc có khổ nhiều mà thọ tai ương lâu dài, hoặc khổ nhiều mà thoát khỏi tai ương tật bệnh. Như vậy là biết sự phân bố của khổ.

Thế nào là phải biết sự chấm dứt của khổ? Đó là si (vô minh) đã chấm dứt thì khổ liền chấm dứt. Như vậy là biết sự chấm dứt của khổ.

Thế nào là phải biết tu tập để chấm dứt khổ? Đó là tám thứ đạo hạnh:

1. Trực kiến.
2. Trực cánh.
3. Trực ngữ.
4. Trực hành.
5. Trực nghiệp.
6. Trực phương tiện.
7. Trực niệm.
8. Trực định.

Như vậy là biết tu tập để chấm dứt khổ.

Này các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo đã biết khổ như vậy, biết nguyên nhân của khổ như vậy, biết vì khổ mà thọ tai ương như vậy, biết sự phân bố của khổ như vậy, biết sự chấm dứt của khổ như vậy, biết tu tập để chấm dứt khổ như vậy. Đó gọi là Tỳ-kheo biết chán lìa thế gian, hành thanh tịnh đắc đạo, để chấm dứt khổ đau.

Đức Phật nói như vậy, các Tỳ-kheo thọ trì lời Phật dạy, trong tâm ghi nhớ theo đó thực hành, đạt được vô vi thanh tịnh.

SỐ 58

PHẬT NÓI KINH A-NẬU-PHONG

Hán dịch: Đời Đông Tấn, Sa-môn Trúc Đàm Vô Lan

Nghe như vầy:

Một thời Đức Bà-già-bà ở tại thành A-nậu-phong thuộc xứ Bạt-kỳ. Bấy giờ Đức Thế Tôn, sau giờ ngọ, từ thiền tọa đứng dậy, bảo Tôn giả A-nan:

–Này A-nan, chúng ta hãy cùng nhau đến ao A-di-đà-bà để tắm rửa.

Tôn giả A-nan thưa:

–Dạ vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả A-nan vâng theo lời dạy của Đức Thế Tôn. Khi ấy Đức Thế Tôn cùng Tôn giả A-nan và các Tỳ-kheo tùy tùng đi đến ao A-di-đà-bà; đến nơi, cởi y phục để trên bờ ao, rồi xuống ao A-di-đà-bà tắm, tắm xong lên bờ lau mình và mặc y phục vào.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Tôn giả A-nan:

–Này A-nan, người tâm ý buông lung như Đề-bà-đạt-đâu, khi bỏ chốn này phải bị đọa vào cõi ác Nê-lê, sống trong địa ngục suốt một kiếp, khó có thể cứu vớt được. Này A-nan, thầy có nghe các Tỳ-kheo nói lời này: "Ta đã ghi nhận rằng Đề-bà-đạt-đâu phải bị đọa vào cõi ác Nê-lê, sống trong địa ngục suốt một kiếp, khó có thể cứu vớt được" không?

Tôn giả A-nan đáp:

–Thưa vâng, bạch Thế Tôn. Vì sao? Vì con có nghe điều này. Bạch Thế Tôn, con có nghe một vị Tỳ-kheo nói với con: "Thế nào, này Hiền giả A-nan, Đức Thế Tôn biết rõ những ý nghĩ, những hành

động trong tâm của Đề-bà-đạt-đâu chăng? Hay Ngài dùng các phương tiện khác để biết nên Ngài mới ghi nhận rằng: Đề-bà-đạt-đâu phải bị đọa vào cõi ác Nê-lê, sống trong địa ngục suốt một kiếp, khó có thể cứu thoát".

Đức Thế Tôn dạy:

–Này A-nan, Tỳ-kheo ấy hoặc là hàng trưởng thượng, hoặc là niên thiếu, hay còn nhỏ đều là người thiếu trí tuệ. Vì sao? Này A-nan, vì Như Lai đã dạy nhưng vị ấy vẫn còn nghi hoặc. Này A-nan, Ta không thấy có Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên và loài người ở thế gian này mà Ta đã nói như trên, tức phải bị đọa vào cõi ác Nê-lê, sống trong địa ngục suốt một kiếp, khó có thể cứu như Đề-bà-đạt-đâu. Vì sao? Này A-nan, Ta đã thọ ký rằng: Đề-bà-đạt-đâu chắc chắn phải bị đọa vào cõi ác Nê-lê, sống trong địa ngục suốt một kiếp, khó có thể cứu thoát. Này A-nan, Ta không thấy Đề-bà-đạt-đâu có một chút pháp thanh bạch, cho dù nhỏ như một sợi lông. Nếu Ta thấy ông ấy có một chút pháp thanh bạch thì Ta đã không nói: "Đề-bà-đạt-đâu chắc chắn phải bị đọa vào cõi ác Nê-lê, sống trong địa ngục suốt một kiếp, khó có thể cứu thoát". Này A-nan, bởi vì Ta không thấy Đề-bà-đạt-đâu có một chút pháp thanh bạch, cho dù nhỏ như một sợi lông. Nếu Ta thấy ông ấy có một chút pháp thanh bạch thì Ta đã không thọ ký một cách chắn chắn rằng: Đề-bà-đạt-đâu chắc chắn phải bị đọa vào ác xứ, sống trong địa ngục suốt một kiếp, khó có thể cứu thoát.

Này A-nan, ví như cách thôn nọ không xa, có một hầm lớn đầy phẩn hôi thối và có một người bị rớt vào trong đó, chìm xuống tận đáy. Có người trông thấy, suy nghĩ như vầy: "Ta có lòng thương xót muốn kẻ ấy được lợi ích, muốn cứu vớt kẻ ấy để kẻ ấy được an ổn". Người ấy đứng trên hầm phẩn lớn đó quán sát chung quanh để xem kẻ bị rớt kia có chỗ nào không bị dính phẩn, dù nhỏ như một sợi lông để nắm kẻ ấy kéo lên. Người ấy đứng trên hầm phẩn lớn nhìn khắp thân thể của người kia, nhưng không thấy có chỗ nào, dù nhỏ như sợi lông sợi tóc mà không bị dính phân để có thể nắm kéo lên được. Cũng vậy, này A-nan, Ta không thấy Đề-bà-đạt-đâu có một chút pháp thanh bạch bằng một sợi lông, sợi tóc. Nếu ông ấy có một chút pháp thanh bạch thì Ta đã không nói rằng: Đề-bà-đạt-đâu phải bị đọa vào cõi ác

Nê-lê, sống trong địa ngục suốt một kiếp, khó có thể cứu thoát. Cho nên này A-nan, Ta không thấy Đề-bà-đạt-đâu có một chút pháp thanh bạch, dù bằng một sợi lông, do đó Ta đã nói một cách chắc thật rằng: Đề-bà-đạt-đâu phải bị đọa vào cõi ác, sống trong địa ngục suốt cả một kiếp, khó có thể cứu thoát.

Bấy giờ Tôn giả A-nan rơi nước mắt, chắp tay hướng về Đức Thế Tôn, thưa:

–Kính bạch Thế Tôn, thật là kỳ diệu! Nay Thế Tôn đã khẳng định Đề-bà-đạt-đâu phải bị đọa vào cõi ác Nê-lê, sống trong địa ngục, ở đấy trọn kiếp, khó có thể cứu thoát.

Đức Thế Tôn dạy:

–Đúng vậy, A-nan! Đúng vậy, A-nan! Ta đã xác quyết rằng: Đề-bà-đạt-đâu phải bị đọa vào cõi ác Nê-lê, sống trong địa ngục, ở đấy trọn kiếp, khó có thể cứu thoát. Này A-nan, hãy nghe Đức Như Lai phân biệt về căn tướng của bậc Đại nhân để làm phát sanh và tăng trưởng niềm tin, và sự hoan hỷ đối với Như Lai.

Tôn giả A-nan chắp tay hướng về Đức Thế Tôn, thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn, nay quả là đúng lúc. Cúi mong Đức Thế Tôn giảng nói, phân biệt cho các Tỳ-kheo nghe về căn tướng của bậc Đại nhân. Khi nghe Đức Thế Tôn giảng nói xong, các Tỳ-kheo sẽ khéo thọ trì.

Đức Thế Tôn dạy:

–Này A-nan, hãy lắng nghe, hãy khéo suy nghĩ, Ta sẽ giảng nói.

Tôn giả A-nan thưa:

–Dạ vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả A-nan vâng theo lời Phật dạy. Đức Phật bảo:

–Này A-nan, Như Lai biết ý nghĩ của người khác biết, người ấy cùng tương ưng với pháp thiện, tương ưng với pháp bất thiện. Sau đó Như Lai biết tâm ý của người ấy đã dứt bỏ pháp thiện, sanh pháp bất thiện. Người ấy đã diệt pháp thiện, sanh pháp bất thiện, nhưng thiện căn còn sót lại chưa đoạn tuyệt. Từ thiện căn đó, sẽ phát sanh pháp thiện. Như vậy, người ấy tâm ý tất sẽ đạt được pháp thanh tịnh. Này A-nan, giống như sáng sớm, mặt trời vừa xuất hiện, bóng tối liền tan hết, ánh sáng liền phát sanh. Này A-nan, ý thầy thế nào? Khi mặt trời lên dần cho đến giờ ăn trưa, phải chăng bóng tối đã diệt, thì

có ánh sáng hiện ra?

Tôn giả A-nan thưa:

–Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

–Cũng vậy, này A-nan, Như Lai biết những điều suy niệm trong tâm của người khác, biết người ấy cùng tương ưng với pháp thiện, cũng tương ưng với pháp bất thiện. Sau đó, Như Lai biết những điều suy nghĩ trong tâm người ấy, biết người ấy bỏ pháp thiện, sanh pháp bất thiện. Người ấy đã bỏ pháp thiện, sanh pháp bất thiện, nhưng thiện căn còn sót lại chưa đoạn tuyệt. Từ thiện căn đó sẽ lại phát sanh pháp thiện. Như vậy, người ấy tâm ý tất sẽ đạt được pháp thanh tịnh. Này A-nan, ví như hạt lúa giống không hư, không vỡ, không mục, không nứt, không bị gió mưa làm hỏng, được cất giấu an ổn trong vựa lúa. Người nông phu làm ruộng kia dọn dẹp, cày bừa thửa ruộng ngay thẳng xong, gieo hạt lúa xuống và mưa tuôn đúng lúc, thì này A-nan, ý thầy thế nào? Người ấy có được thu hoạch được nhiều hạt lúa chăng?

Tôn giả A-nan thưa:

–Bạch Thế Tôn, được nhiều hạt.

–Cũng vậy, này A-nan, Như Lai biết những điều suy nghĩ trong tâm ý của người khác, biết người ấy cùng tương ưng với pháp thiện, tương ưng với pháp bất thiện. Sau đó, Như Lai biết những điều suy nghĩ trong tâm người ấy, biết họ diệt pháp thiện, sanh pháp bất thiện. Người ấy đã diệt pháp thiện, sanh pháp bất thiện, nhưng thiện căn còn sót lại chưa đoạn tuyệt. Từ thiện căn đó pháp thiện sẽ lại phát sanh. Như vậy, người ấy tâm ý tất sẽ đạt được pháp thanh tịnh. Này A-nan, đó gọi là Như Lai nói về căn tướng của bậc Đại nhân. Cũng vậy, Như Lai biết rõ chỗ quay về của các pháp.

Lại nữa, này A-nan, Như Lai biết những điều suy nghĩ trong tâm ý người khác, biết người ấy cùng tương ưng với pháp thiện, tương ưng với pháp bất thiện. Sau đó Như Lai biết những điều suy nghĩ trong tâm người ấy, biết người ấy diệt pháp thiện, sanh pháp bất thiện. Người ấy đã diệt pháp thiện, sanh pháp bất thiện; tuy thiện căn có từ trước không đoạn tuyệt, nhưng tất cả thiện căn ấy rồi sẽ đoạn tuyệt. Như vậy, người ấy có pháp đoạn tuyệt. Này A-nan, giống như từ lúc xế chiều mặt trời lặn, ánh sáng diệt hết, bóng tối sanh ra. Này A-nan, ý thầy thế nào? Sau khi mặt trời lặn, không phải giờ ăn, ánh sáng đã tắt

hết thì bóng tối sanh ra chăng?

Tôn giả A-nan thưa:

–Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

–Cũng vậy, này A-nan, Như Lai biết những suy nghĩ trong tâm của người khác, biết người ấy cùng tương ưng với pháp thiện, tương ưng với pháp bất thiện. Sau đó Như Lai biết những ý nghĩ trong tâm người ấy, người ấy diệt pháp thiện, sanh pháp bất thiện. Người ấy đã diệt pháp thiện, sanh pháp bất thiện, đã có thiện căn còn sót lại chưa đoạn tuyệt, rồi tất cả thiện căn sẽ đoạn tuyệt. Như vậy, người ấy đi đến pháp đoạn tuyệt. Này A-nan, giống như hạt lúa giống không hư, không vỡ, không mục, không nứt, không bị gió mưa làm hỏng, để an ổn trong vựa lúa. Nếu người nông phu kia dọn dẹp, cày bừa ruộng ngay thẳng, rồi gieo hạt vào, nhưng mưa không đúng thời, thì này A-nan, ý thầy thế nào? Có được nhiều hạt lúa không?

Tôn giả A-nan thưa:

–Bạch Thế Tôn, không thể được nhiều hạt.

–Cũng vậy, này A-nan, Như Lai biết ý nghĩ trong tâm của người khác, biết người ấy tương ưng với pháp thiện, tương ưng với pháp bất thiện. Sau đó Như Lai biết tâm niệm của người ấy diệt pháp thiện, sanh pháp bất thiện. Người đó đã diệt pháp thiện, sanh pháp bất thiện, nhưng thiện căn có trước đây vẫn không đoạn tuyệt, thì nay sẽ đoạn tuyệt. Như vậy, người ấy có pháp đoạn tuyệt. Này A-nan, như vậy là Như Lai đã nói về căn tướng của bậc Đại nhân. Như Lai đối với các pháp sinh khởi đều biết rõ như vậy.

Lại nữa, này A-nan, Như Lai biết ý niệm của người khác, không thấy người đó có một chút pháp thanh tịnh tốt đẹp dù nhỏ như sợi lông sợi tóc. Người đó một mực chỉ toàn là pháp ác bất thiện trói buộc, trở lại bị quả báo khổ sở, trong cảnh sanh, già, bệnh, chết. Như vậy, người đó khi thân hoại mạng chung, phải sống trong địa ngục. Này A-nan, giống như hạt lúa giống bị hư, vỡ, mục nát, bị gió mưa làm hỏng, không được cất giấu cẩn thận. Nếu người nông phu làm ruộng ấy không ra sức cày đất, không làm cho đất thuần thục, bằng phẳng rồi gieo hạt giống xuống và mưa không phải thời, thì này A-nan, ý thầy thế nào? Người ấy có được nhiều lúa chăng?

Tôn giả A-nan thưa:

–Bạch Thế Tôn, dạ không.

–Cũng vậy, này A-nan, Như Lai biết ý niệm của người khác, không thấy người ấy có một chút pháp thiện dù nhỏ như sợi lông sợi tóc. Người ấy một mực chỉ toàn là pháp ác bất thiện trói buộc, nên trở lại bị quả báo bức bách khổ não, trong cảnh sự sanh, già, bệnh, chết. Như vậy, người ấy sau khi thân hoại mạng chung phải sống trong địa ngục. Như vậy, này A-nan, Như Lai nói về căn tướng của bậc Đại nhân như thế. Như Lai đối với các pháp hỗ tương sanh ra đều biết rõ.

Tôn giả A-nan chắp tay hướng về Phật, thưa:

–Bạch Thế Tôn, Như Lai đã thuyết giảng về ba hạng người như vậy. Ngài có thể thuyết giảng về ba hạng người khác nữa được chăng?

Đức Phật dạy:

–Này A-nan, Ta có thể giảng nói. Này A-nan, Như Lai hoặc biết ý niệm của người khác, biết người đó cùng tương ưng với pháp thiện, cũng tương ưng với pháp bất thiện. Sau đó, Như Lai biết tâm ý của người đó rằng người đó đã diệt pháp bất thiện, sanh pháp thiện. Người ấy đã diệt pháp bất thiện, sanh pháp thiện rồi, nhưng căn bất thiện còn sót lại chưa đoạn tuyệt. Từ pháp thiện đó lại sanh pháp thiện. Như vậy, người ấy đối với pháp bất thiện sẽ đoạn tuyệt. Này A-nan, ví như có lửa cháy, ngọn lửa cứ tự nhiên cháy, hoặc có người đẩy cỏ khô lên rồi chất củi khô thêm vào. Này A-nan, ý thầy thế nào? Ngọn lửa càng bốc cháy mạnh lên chăng?

Tôn giả A-nan thưa:

–Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

–Cũng vậy, này A-nan, Như Lai biết tâm ý của người khác, biết người đó cùng tương ưng với pháp bất thiện, tương ưng với pháp thiện. Sau đó Như Lai biết tâm ý của người đó rằng người đó đã diệt pháp bất thiện, sanh pháp thiện. Người ấy đã diệt pháp bất thiện, sanh pháp thiện rồi, nhưng căn bất thiện còn sót lại chưa đoạn tuyệt. Từ pháp bất thiện đó lại sanh pháp bất thiện. Như vậy, người ấy đi đến pháp hủy diệt. Này A-nan, như vậy gọi là Như Lai nói về căn tướng của bậc Đại nhân. Cũng vậy, Như Lai đối với các pháp hỗ tương sanh ra đều biết rõ.

Lại nữa, này A-nan, Như Lai biết tâm ý của người khác, biết người ấy cùng tương ưng với pháp bất thiện, cũng tương ưng với pháp

thiện. Sau đó Như Lai biết tâm ý của người ấy rằng người ấy đã diệt pháp bất thiện, sanh pháp thiện. Người ấy đã diệt pháp bất thiện, sanh pháp thiện rồi, nhưng căn bất thiện còn sót lại chưa đoạn tuyệt, tất cả rồi sẽ đoạn tuyệt. Như vậy người ấy đi đến pháp ý thanh tịnh rốt ráo. Này A-nan, ví như đốt lửa, ngọn lửa tự nhiên bốc lên, có người đem lửa đang cháy để trên đất khô, hoặc để trên đá. Này A-nan, ý thầy thế nào? Ngọn lửa có bốc cháy mạnh lên chăng?

Tôn giả A-nan thưa:

–Bạch Thế Tôn, không thể bốc cháy mạnh được.

–Cũng vậy, này A-nan, Như Lai biết ý niệm của người khác, biết người đó cùng tương ưng với pháp bất thiện, cũng tương ưng với pháp thiện. Sau đó Như Lai biết tâm niệm của người ấy rằng người đó đã diệt pháp bất thiện, sanh pháp thiện. Người ấy đã diệt pháp bất thiện, sanh pháp thiện rồi, căn bất thiện còn sót lại từ trước vẫn chưa đoạn tuyệt, nhưng rồi tất cả sẽ đoạn tuyệt. Như vậy, người đó đạt được pháp thanh tịnh hoàn toàn. Này A-nan, như vậy là Như Lai đã nói về căn tướng của bậc Đại nhân. Cũng vậy, Như Lai biết các pháp hỗ tương sanh ra đều biết rõ.

Lại nữa, này A-nan, Như Lai biết mọi suy nghĩ trong tâm ý của người khác, không thấy người ấy có nghiệp xấu ác dù nhỏ như sợi lông, sợi tóc. Người ấy hoàn toàn có đầy đủ pháp thiện, hạnh thiện và quả báo thiện, thân kẻ ấy tương ưng với chỗ thiện. Như vậy, người ấy ngay trong đời này chắc chắn chứng đắc Niết-bàn. Này A-nan, ví như lửa đã tắt, mát lạnh, không còn nóng nữa, hoặc có người lấy cỏ khô bỏ vào trong ấy, này A-nan, ý thầy thế nào? Lửa có thể bốc cháy không?

Tôn giả A-nan thưa:

–Bạch Thế Tôn, không thể được.

–Cũng vậy, này A-nan, Như Lai biết ý niệm của người khác. Ta không thấy người ấy có nghiệp xấu ác dù nhỏ như sợi lông, sợi tóc. Người ấy hoàn toàn có đầy đủ pháp thiện, hạnh thiện và quả báo thiện, thân kẻ ấy tương ưng với chỗ thiện. Như vậy, người ấy ngay trong đời này chứng đắc Bát Niết-bàn. Này A-nan, như vậy là Như Lai nói về căn tướng của bậc Đại nhân. Cũng vậy, Như Lai đối với các pháp hỗ tương sanh ra đều biết rõ.

Này A-nan, ba hạng người nói ở trước, hạng thứ nhất đạt được

pháp thanh tịnh, hạng thứ hai có pháp hoại diệt, hạng thứ ba khi thân hoại mạng chung chắc chắn đọa vào cõi ác, sống trong địa ngục. Ba hạng người Ta nói sau đó, hạng người thứ nhất có pháp hủy diệt, hạng thứ hai có pháp thanh tịnh, hạng thứ ba ngay trong đời này chứng đắc Bát Niết-bàn.

Này A-nan, Ta đã giảng nói về căn tướng của bậc Đại nhân. Như Đấng Thế Tôn thương yêu đệ tử, muốn được lợi ích, Ta đã nói cho thầy nghe. Nay thầy phải ở chỗ vắng vẻ, ngồi bên gốc cây mà thiền định, tư duy chớ nên buông thả tâm ý, đừng để về sau phải hối hận. Đó là lời nêu giảng của Ta. Đó là lời giáo huấn, trao truyền của Ta.

Đức Phật thuyết giảng như vậy, các Tỳ-kheo sau khi nghe Đức Thế Tôn dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

❑

SỐ 59

PHẬT NÓI KINH CHƯ PHÁP BỔN

Hán dịch: Đời Ngô, Ưu-bà-tắc Chi Khiêm, người nước Nhục chi.

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Hãy lắng nghe Ta giảng nói về căn bản của các pháp.

Các Tỳ-kheo thưa:

–Dạ vâng.

Đức Thế Tôn nói:

–Nếu có hàng ngoại đạo theo học thuyết khác đến hỏi các thầy: "Nguồn gốc của các pháp là gì?", các thầy phải trả lời với họ: "Các pháp lấy dục làm gốc". Nếu họ lại hỏi:

–Lấy gì làm tập khởi *(nguyên nhân)*?

–Lấy cánh *(xúc)* làm tập khởi.

–Lấy gì làm đồng thú *(dẫn phát triển)*?

–Lấy thống *(thọ)* làm đồng thú.

–Lấy gì để có hiện hữu?

–Lấy niệm để có hiện hữu.

–Lấy gì làm minh đạo?

–Lấy tư duy làm minh đạo.

–Lấy gì làm đệ nhất?

–Lấy tam-muội làm đệ nhất.

–Lấy gì làm tối thượng?

–Lấy trí tuệ làm tối thượng.

–Lấy gì làm chắc thật?

–Lấy Giải thoát làm chắc thật.

–Lấy gì làm cứu cánh?

–Lấy Nê-hoàn làm cứu cánh.

Này các Tỳ-kheo, như vậy dục là gốc của các pháp, cánh *(xúc)* là tập *(nguyên nhân sinh khởi)* của các pháp, thống *(thọ)* là đồng thú của các pháp, Niệm là sự hiện hữu của các pháp, tư duy là minh đạo của các pháp, tam-muội là đệ nhất của các pháp, trí tuệ là tối thượng của các pháp, giải thoát là sự chắc thật của các pháp, Nê-hoàn là cứu cánh của các pháp.

Các Tỳ-kheo nên học hỏi, tu tập như vậy, thường nên có niệm tưởng về sự xuất gia học đạo, tưởng niệm về sự phi thường *(vô thường)*, tưởng niệm về vô thường nên khổ, tưởng niệm về khổ nên phi thân *(vô ngã)*, tưởng niệm về các thức ăn ô uế, tưởng niệm về sự bất tịnh, tưởng niệm về sự chết, tưởng niệm về tất cả thế gian không có gì vui thích, tưởng niệm để biết sự tà chánh của thế gian, tưởng niệm về sự phân biệt có, không của thế gian, sự tập khởi, sự chấp giữ, điều hoan lạc, sự chuyển biến, và nẻo hướng tới của thế gian. Hãy nên học như vậy, dùng chánh kiến để biết rõ.

Các Tỳ-kheo suy niệm như vậy để đoạn ái, bỏ dục, thâm nhập trí tuệ chân chánh, đạt được biên vực tận cùng của khổ.

Đức Phật giảng nói như vậy xong, các Tỳ-kheo hãy đều hoan hỷ phụng hành.

❑

SỐ 60

PHẬT NÓI KINH CÙ-ĐÀM-DI KÝ QUẢ

Hán dịch: Đời Lưu Tống, Đại sư Tuệ Giản.

Nghe như vầy:

Một thời Đức Bà-già-bà ở trong vườn Ni-câu-lư, thuộc thành Ca-duy-la-vệ, vùng Thích-ky-sấu, cùng chúng đại Tỳ-kheo thọ tuế *(an cư)*. Bấy giờ di mẫu của Phật là Cù-đàm-di đi đến chỗ Đức Thế Tôn, đến nơi đảnh lễ ngang chân Đức Phật, xong đứng qua một bên, thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn, nữ nhân có thể đắc bốn quả của bậc Sa-môn được chăng? Nữ nhân có thể ở trong pháp luật này tin vui xuất gia, lìa bỏ gia đình học đạo được chăng?

Đức Thế Tôn nói:

–Thôi đi! Này Cù-đàm-di, không nên nói như vậy. Nữ nhân không nên ở trong pháp luật này tin vui xuất gia, lìa bỏ gia đình học đạo được. Này Cù-đàm-di, nữ nhân không thể cạo tóc, khoác áo ca-sa, nguyện suốt đời thực hành phạm hạnh thanh tịnh.

Khi ấy di mẫu Cù-đàm-di bị Đức Thế Tôn ngăn cản, nên đảnh lễ nơi chân Đức Thế Tôn, nhiễu quanh Đức Thế Tôn rồi trở về.

Lúc đó các Tỳ-kheo lo may sửa lại y cho Đức Thế Tôn. Không bao lâu Đức Thế Tôn đến Thích-ky-sấu để thọ tuế. Trải qua ba tháng thọ tuế và khi y đã được may xong, Ngài khoác y, ôm bát du hành trong nhân gian.

Di mẫu Cù-đàm-di nghe biết các sự việc vừa kể nên lại đi đến chỗ Đức Thế Tôn, đến rồi cung kính đảnh lễ nơi chân Đức Thế Tôn, đứng qua một bên, thưa:

–Bạch Thế Tôn, có thể nào khiến cho nữ nhân tu tập chứng đắc bốn quả của bậc Sa-môn chăng? Như thế, nữ nhân có thể ở trong pháp luật này tin vui xuất gia, từ bỏ gia đình mà học đạo được chăng?

Đức Thế Tôn lại nói:

–Thôi đi! Này Cù-đàm-di, đừng nói như vậy. Nữ nhân không nên ở trong pháp luật này vui thích xuất gia, từ bỏ gia đình, học đạo, cạo tóc, mặc áo ca-sa, nguyện suốt đời tu hành phạm hạnh thanh tịnh.

Khi ấy di mẫu Cù-đàm-di bị Đức Thế Tôn ngăn cản lần thứ hai về việc xin cho người nữ xuất gia bèn đảnh lễ nơi chân Đức Thế Tôn, nhiễu quanh rồi ra về.

Bấy giờ Đức Thế Tôn ở Thích-ky-sấu đã thọ tuế (an cư) sau ba tháng xong, y đã mang sửa rồi nên Ngài khoác y, ôm bát và tiếp tục du hành trong nhân gian.

Di mẫu Cù-đàm-di đã nghe tin như vậy liền cùng các nữ nhân lớn tuổi đi theo sau Đức Thế Tôn. Lúc đó Đức Thế Tôn thứ lớp du hành đến Na-bà-đề, ngài dừng chân ở Na-bà-đề, Kỳ-ni-xá. Di mẫu Cù-đàm-di bèn đi đến chỗ Đức Thế Tôn, đến nơi đảnh lễ ngang chân Thế Tôn, rồi đứng qua một bên, thưa:

–Bạch Thế Tôn, có phương pháp nào để giúp cho nữ nhân chứng đắc bốn quả của bậc Sa-môn chăng? Như vậy, nữ nhân có thể ở trong pháp luật này tin vui xuất gia, từ bỏ gia đình học đạo được chăng?

Đức Thế Tôn nói lại lần thứ ba:

–Thôi đi! Này Cù-đàm-di, không thể như vậy. Nữ nhân không được ở trong pháp luật này xuất gia, từ bỏ gia đình mà học đạo, cạo tóc, mặc áo ca-sa, nguyện suốt đời hành phạm hạnh thanh tịnh.

Khi ấy di mẫu Cù-đàm-di bị Thế Tôn từ chối đến lần thứ ba thỉnh nguyện cho người nữ xuất gia của mình, nên đảnh lễ nơi chân Đức Thế Tôn, nhiễu quanh rồi đi ra.

Lúc đó di mẫu Cù-đàm-di chân tay lấm lem, trên người dính đầy bụi bặm, dáng vẻ mệt mỏi, đứng ngoài cửa buồn rầu, khóc lóc. Tôn giả A-nan từ xa trông thấy bèn đi đến gần, hỏi:

–Cù-đàm-di, vì lý do gì mà tay chân lấm lem, khắp người dính đầy bụi bặm, dáng vẻ mệt mỏi, lại đứng ở đây khóc lóc như vậy?

Cù-đàm-di nói:

–Thưa Tôn giả A-nan, nữ nhân không được ở trong pháp luật

này, không được tin vui xuất gia, lìa bỏ gia đình, học đạo.

Tôn giả A-nan nói:

–Này Cù-đàm-di, hãy đứng ở đây, để tôi đi đến chỗ Đức Thế Tôn và thưa việc này cho.

Bấy giờ Tôn giả A-nan đi đến chỗ Đức Thế Tôn, cung kính đảnh lễ nơi chân Thế Tôn xong, đứng qua một bên, thưa:

–Bạch Thế Tôn, nữ nhân có thể tu Phật chứng đắc bốn quả của bậc Sa-môn chăng? Do đó, nữ nhân có thể ở trong pháp luật này tin vui xuất gia, bỏ nhà học đạo được chăng?

Đức Thế Tôn dạy:

–Này A-nan, thôi đi đừng nói nữa! Nữ nhân không được ở trong pháp luật này tin vui xuất gia, từ bỏ gia đình mà học đạo. Này A-nan, nếu nữ nhân được ở trong pháp luật này tin vui xuất gia, lìa bỏ gia đình học đạo thì phạm hạnh này sẽ không được tồn tại lâu dài. Này A-nan, ví như gia đình có nhiều người nữ, ít người nam thì gia đình ấy có hưng thịnh lên không?

–Bạch Thế Tôn, không thể.

–Cũng vậy, này A-nan, nếu cho nữ nhân được ở trong pháp luật này, tin vui xuất gia, từ bỏ gia đình học đạo thì phạm hạnh sẽ không được tồn tại lâu dài. Này A-nan, giống như nơi ruộng lúa đang hồi trổ bông, nửa chừng thì bị mưa đá làm cho tổn hại. Đám ruộng tốt ấy nhân vì mưa đá nên bị hư hoại. Cũng vậy, này A-nan, nếu có nữ nhân ở trong pháp luật này tin vui xuất gia, lìa bỏ gia đình học đạo thì phạm hạnh này sẽ không được tồn tại lâu dài.

Tôn giả A-nan lại thưa:

–Bạch Thế Tôn, di mẫu Cù-đàm-di đã đem lại lợi ích cho Thế Tôn. Sau khi thân mẫu Thế Tôn qua đời thì Cù-đàm-di đã đảm đương công việc chăm sóc, nuôi dưỡng Đức Thế Tôn.

Đức Thế Tôn dạy:

–Đúng vậy, này A-nan, di mẫu Cù-đàm-di đã đem lại cho Ta nhiều lợi ích. Khi thân mẫu của Ta mạng chung, thì bà đã dùng sữa của bà để nuôi lớn Ta. Nhưng này A-nan, Ta cũng đã đem lại nhiều lợi ích cho di mẫu Cù-đàm-di. Nhờ Ta mà bà quy y Phật, quy y Pháp và quy y Tỳ-kheo Tăng, không nghi ngờ đối với Phật pháp, không nghi ngờ đối với chúng Tăng, không nghi ngờ đối với bốn pháp Khổ,

Tập, Tận, Đạo, đầy đủ tín tâm, giới cấm, hiểu biết, bố thí, đầy đủ trí tuệ, đoạn trừ nghiệp sát, xa lìa nghiệp sát, dứt trừ nghiệp không cho mà lấy, tà dâm, vọng ngôn, cho đến trừ bỏ việc uống rượu, xa lìa việc uống rượu. Này A-nan, nếu có người nhờ người khác mà được quy y Phật, quy y Pháp và quy y Tỳ-kheo Tăng, không nghi ngờ Phật, không nghi ngờ Pháp, không nghi ngờ Tỳ-kheo Tăng, không nghi ngờ đối với các pháp Khổ, Tập, Tận, Đạo, đầy đủ tín tâm, giới cấm, hiểu biết, bố thí, đầy đủ trí tuệ, đoạn trừ nghiệp sát, xa lìa nghiệp sát, trừ nghiệp không cho mà lấy, tà dâm, vọng ngôn, cho đến trừ bỏ việc uống rượu, xa lìa việc uống rượu. Này A-nan, khác nào như người này suốt đời cúng dường cho người kia y phục, giường chõng, thuốc thang chữa bệnh lúc đau ốm, mà chẳng lẽ người kia lại không báo ân sao?

Lại nữa, này A-nan, nữ nhân phải phụng hành tám trọng pháp này và không được vi phạm. Nữ nhân phải suốt đời phụng trì giới này. Này A-nan, cũng như người đánh cá giỏi hay đệ tử của ông ta vào trong nước sâu để thả lưới, phải đắp đập ngăn chặn để giữ nước không cho chảy ra ngoài. Cũng vậy, này A-nan, nữ nhân phải phụng hành tám trọng pháp, không được vi phạm. Nữ nhân phải phụng trì giới này suốt đời. Tám giới đó là những gì?

Này A-nan, Tỳ-kheo-ni phải cầu thọ giới cụ túc nơi Tỳ-kheo. Này A-nan, đó là Ta đã vì nữ nhân tuyên bố trọng pháp thứ nhất. Nữ nhân không được vi phạm, nữ nhân phải phụng trì suốt đời.

Này A-nan, Tỳ-kheo-ni mỗi nửa tháng phải đến thọ lễ tiết *(thọ giáo)* nơi Tỳ-kheo. Này A-nan, đó là Ta đã vì nữ nhân tuyên bố trọng pháp thứ hai. Nữ nhân không được vi phạm, nữ nhân phải phụng trì giới này suốt đời.

Này A-nan, nếu ở nơi chốn không có Tỳ-kheo, thì Tỳ-kheo-ni không được thọ an cư. Này A-nan, đó là Ta đã vì nữ nhân tuyên bố trọng pháp thứ ba. Nữ nhân không được vi phạm, nữ nhân phải phụng trì giới này suốt đời.

Này A-nan, Tỳ-kheo-ni sau khi thọ an cư phải đối trước hai bộ chúng thỉnh cầu chỉ rõ về ba sự thọ tuế: thấy, nghe và nghi. Này A-nan, đó là Ta đã vì nữ nhân tuyên bố trọng pháp thứ tư. Nữ nhân không được vi phạm, nữ nhân phải phụng trì giới này suốt đời.

Này A-nan, nếu Tỳ-kheo không cho phép Tỳ-kheo-ni thưa hỏi

thì Tỳ-kheo-ni không được thưa hỏi Tỳ-kheo về khế kinh, luật hoặc A-tỳ-đàm. Này A-nan, nếu Tỳ-kheo cho phép thì Tỳ-kheo-ni mới được thưa hỏi Tỳ-kheo về khế kinh, luật hoặc A-tỳ-đàm. Này A-nan, đó là ta đã vì nữ nhân tuyên bố trọng pháp thứ năm. Nữ nhân không được vi phạm, nữ nhân phải phụng trì giới này suốt đời.

Này A-nan, Tỳ-kheo-ni không được phép nói về điều trái phạm thấy, nghe và nghi của Tỳ-kheo, nhưng Tỳ-kheo được quyền nói điều trái phạm về thấy, nghe và nghi của Tỳ-kheo-ni. Này A-nan, đó là Ta đã vì nữ nhân tuyên bố trọng pháp thứ sáu. Nữ nhân không được vi phạm, nữ nhân phải phụng trì giới này suốt đời.

Này A-nan, Tỳ-kheo-ni nếu phạm Tăng-già-bà-thi-sa thì phải đối trước hai bộ chúng hành pháp bất mạn trong vòng mười lăm ngày. Này A-nan, đó là Ta đã vì nữ nhân tuyên bố trọng pháp thứ bảy. Hãy khiến nữ nhân không được vi phạm, hãy khiến nữ nhân phải phụng trì giới này suốt đời.

Này A-nan, Tỳ-kheo-ni dù đã thọ giới cụ túc đến một trăm năm, nhưng đối với một vị Tỳ-kheo mới thọ giới cụ túc vẫn phải tôn lễ bái, phải cung kính, vâng lời. Này A-nan, đó là Ta đã vì nữ nhân tuyên bố trọng pháp thứ tám. Hãy khiến nữ nhân không được vi phạm, hãy khiến nữ nhân phải phụng trì giới này suốt đời.

Này A-nan, đó là Ta đã vì nữ nhân tuyên bố tám trọng pháp. Hãy khiến nữ nhân không được vi phạm, hãy khiến nữ nhân phải phụng trì giới này suốt đời.

Này A-nan, nếu di mẫu Cù-đàm-di phụng trì tám trọng pháp ấy thì được ở trong pháp luật này học đạo, được thọ giới cụ túc làm Tỳ-kheo-ni.

Tôn giả A-nan nghe Đức Thế Tôn chỉ dạy như vậy xong khéo nhận lãnh, ghi nhớ, đảnh lễ nơi chân Đức Thế Tôn, nhiễu quanh rồi lui ra đến chỗ di mẫu Cù-đàm-di, nói với di mẫu:

–Được rồi! Này Cù-đàm-di, nữ nhân đã được phép ở trong pháp luật này tin vui xuất gia, từ bỏ gia đình học đạo. Này Cù-đàm-di, Đức Thế Tôn nói như vầy: "Nữ nhân phải thực hành tám trọng pháp, không được vi phạm, nữ nhân phải suốt đời giữ giới này". Những gì là tám?

Này Cù-đàm-di, Tỳ-kheo-ni phải cầu thọ giới cụ túc nơi Tỳ-

kheo. Này Cù-đàm-di, đó là Đức Thế Tôn vì nữ nhân mà tuyên bố trọng pháp thứ nhất, hãy khiến nữ nhân không được vi phạm, hãy phụng trì giới này suốt đời. Cho đến này Cù-đàm-di, Tỳ-kheo-ni dù thọ cụ túc giới một trăm năm, nhưng đối trước Tỳ-kheo mới thọ giới cụ túc vẫn phải cung kính lễ bái, vâng lời. Này Cù-đàm-di, đó là Đức Thế Tôn đã vì nữ nhân tuyên bố trọng pháp thứ tám. Hãy khiến nữ nhân không được vi phạm, hãy khiến nữ nhân suốt đời giữ giới này.

Này Cù-đàm-di, đó là Đức Thế Tôn vì nữ nhân tuyên bố tám trọng pháp. Hãy khiến nữ nhân không được vi phạm, hãy khiến nữ nhân suốt đời thọ trì giới này. Này Cù-đàm-di, nếu có thể phụng trì tám trọng pháp này thì nữ nhân sẽ được ở trong pháp luật này học đạo, thọ giới cụ túc làm Tỳ-kheo-ni.

Di mẫu Cù-đàm-di thưa:

–Đúng vậy! Này Tôn giả A-nan, hãy nghe tôi nói một ví dụ, người trí tuệ nghe ví dụ liền hiểu rõ ý nghĩa. Thưa Tôn giả A-nan, ví như có người nữ thuộc dòng Sát-lợi, người nữ thuộc dòng Bà-la-môn, người nữ con nhà thợ thuyền, người nữ thường dân, tắm gội sạch sẽ, lấy hương xoa nơi thân thể, mặc y phục mới. Có người nghĩ như vầy: "Ta thương yêu nàng, muốn cho nàng được lợi ích, muốn nàng được an ổn", liền đem tràng hoa sen xanh, tràng hoa Chiêm-bặc, tràng hoa Bà-sư, tràng hoa A-đề-mâu-đa trao tặng cho nàng. Thiếu nữ ấy nhận lãnh cả hai tay, đem cài lên đầu mình. Cũng vậy, thưa Tôn giả A-nan, Đức Thế Tôn đã vì người nữ mà nêu giảng rõ tám trọng pháp này, tôi nguyện suốt đời nhận lãnh và thọ trì.

Tôn giả A-nan nói:

–Này di mẫu Cù-đàm-di, hãy ở trong pháp luật này học đạo, thọ giới cụ túc, làm Tỳ-kheo-ni.

Cù-đàm-di vui mừng thọ nhận, phụng hành. Sau đó di mẫu Cù-đàm-di trở thành vị đại Tỳ-kheo-ni cùng với các vị trưởng lão thượng tôn Tỳ-kheo-ni đồng tu phạm hạnh đã lâu, lúc ấy cùng đi đến chỗ Tôn giả A-nan, đến nơi, cung kính đảnh lễ rồi đứng qua một bên. Di mẫu Cù-đàm-di thưa với Tôn giả A-nan:

–Thưa Tôn giả A-nan, các vị Tỳ-kheo-ni này là bậc trưởng lão thượng tôn, đều tu hành phạm hạnh lâu năm. Còn các Tỳ-kheo kia nhỏ tuổi, mới xuất gia học đạo, vào trong pháp luật này chưa bao lâu.

Mong rằng các Tỳ-kheo này đối với các Tỳ-kheo-ni là những trưởng lão phải cung kính, vâng lời.

Tôn giả A-nan nói:

–Được rồi, này Cù-đàm-di. Để tôi đi đến chỗ Đức Thế Tôn thưa hỏi việc này.

Cù-đàm-di thưa:

–Kính vâng, thưa Tôn giả A-nan.

Bấy giờ Tôn giả A-nan đi đến chỗ Đức Thế Tôn, đảnh lễ đứng qua một bên, thưa:

–Bạch Thế Tôn, hôm nay Tỳ-kheo-ni Cù-đàm-di cùng các Tỳ-kheo-ni đều là bậc trưởng lão, thượng tôn cùng tu phạm hạnh, đi đến chỗ con. Đại Tỳ-kheo-ni Cù-đàm-di thay mặt họ nói với con: "Thưa Tôn giả A-nan, nên biết các Tỳ-kheo-ni này là bậc trưởng lão thượng tôn đồng tu phạm hạnh lâu năm, còn các Tỳ-kheo kia là những người trẻ tuổi mới xuất gia, học đạo ở trong pháp luật này chưa bao lâu. Vậy hãy bảo các Tỳ-kheo kia đối với các trưởng lão Tỳ-kheo-ni này xem như bậc trưởng lão mà đảnh lễ, vâng lời".

Đức Thế Tôn nói:

–Thôi đi! Này A-nan, hãy gìn giữ lời nói này, chớ nói lại điều ấy nữa. Này A-nan, hãy biết như điều Ta biết, một điều cũng không thể bỏ được, huống gì lại nói những lời ấy.

Này A-nan, nếu nữ nhân không được ở trong pháp luật này, tin vui xuất gia, lìa bỏ gia đình học đạo, thì các Bà-la-môn, cư sĩ sẽ lấy áo trải trên đất mà nói: "Này các Sa-môn có giới hạnh, chư vị có thể đi lên trên này. Thưa các Sa-môn tinh tấn, chư vị đã làm việc khó làm khiến cho chúng tôi mãi mãi đạt được sự lợi ích giá trị".

Này A-nan, nếu nữ nhân không được ở trong pháp luật này, tin vui xuất gia, lìa bỏ gia đình học đạo, thì các Bà-la-môn, cư sĩ sẽ đem tóc nơi đầu mình trải trên đất mà nói: "Thưa các Sa-môn, chư vị hãy đi lên trên này. Sa-môn trì giới hạnh hết sức khó khăn khiến cho chúng tôi mãi đạt được ý nghĩa lợi ích".

Này A-nan, nếu nữ nhân không được ở trong pháp luật này, tin vui xuất gia, lìa bỏ gia đình học đạo, thì các Bà-la-môn, cư sĩ sẽ đứng bên đường, hai tay bưng đầy thức ăn và nói: "Thưa chư Hiền, xin thọ nhận món ăn này, tùy ý mà thọ dụng để cho chúng tôi mãi mãi đạt

được an ổn, ý nghĩa và lợi ích".

Này A-nan, nếu nữ nhân không được ở trong pháp luật này, tin vui xuất gia, lìa bỏ gia đình học đạo, thì các Bà-la-môn, cư sĩ sẽ tin tưởng các Sa-môn giới hạnh, lấy tay dìu đỡ vào nhà, đem các vật dụng ra cúng dường và nói: "Tùy ý chư Hiền thọ dụng vật dụng này khiến cho chúng con mãi mãi được an ổn, ý nghĩa và lợi ích".

Này A-nan, nếu nữ nhân không được ở trong pháp luật này, tin vui xuất gia, lìa bỏ gia đình học đạo, thì dù cho mặt trời, mặt trăng này có oai thần lớn, có năng lực lớn nhưng đối trước sức quang minh của vị Sa-môn giữ giới kia vẫn không thể sánh bằng, huống chi là đối với các hàng ngoại đạo theo học thuyết khác đầy những sai lạc tà vạy thì làm sao sánh kịp.

Này A-nan, nếu nữ nhân không được ở trong pháp luật này, tin vui xuất gia, lìa bỏ gia đình học đạo, thì chánh pháp sẽ tồn tại đến ngàn năm. Thế nhưng bây giờ đã mất hết năm trăm năm, chỉ còn lại có năm trăm năm.

Này A-nan, có năm việc nữ nhân không thể làm được là nữ nhân không thể thành Như Lai, Bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác, hoặc Chuyển luân vương, không thể làm Thiên đế Thích, không thể làm Ma vương hay Đại Phạm thiên. Nhưng có năm việc mà nam nhân có thể làm được. Đó là nam nhân có thể thành Như Lai, Bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác, hoặc Chuyển luân vương, Thiên đế Thích, Ma vương hay Đại Phạm thiên, điều này chắc chắn có thật.

Đức Phật thuyết giảng như vậy, Tôn giả A-nan nghe Đức Thế Tôn chỉ dạy xong, hoan hỷ thọ nhận.

❑

SỐ 61

KINH THỌ TÂN TUẾ

Hán dịch: Đời Tây Tấn, Tam tạng Pháp sư Trúc Pháp Hộ người nước Đại Nhục chi.

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở nơi vườn Đông Uyển lộc mẫu thuộc nước Xá-vệ, cùng với đông đủ chúng năm trăm vị Đại Tỳ-kheo.

Bấy giờ Đức Thế Tôn, vào ngày rằm tháng bảy, trải tọa cụ nơi khoảng đất trống, có các Tỳ-kheo Tăng trước sau vây quanh. Đức Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Ngay bây giờ ở nơi khoảng đất trống này, Tôn giả hãy gấp đánh kiền chùy cho đại chúng biết. Vì sao vậy? Vì hôm nay là ngày rằm tháng bảy, chính là ngày thọ tân tuế.

Khi ấy Tôn giả A-nan gối bên phải quỳ sát đất, chắp tay, đọc bài kệ:

Bậc Tịnh Nhãn tối thượng
Mọi việc đều tỏ tường
Trí tuệ không nhiễm đắm
Thế nào là thọ tuế?

Đức Thế Tôn trả lời Tôn giả A-nan:

Thọ tuế: ba nghiệp tịnh
Thân, miệng, ý tạo tác
Hai Tỳ-kheo đối nhau
Tự phơi bày lầm lỗi.
Rồi tự xưng tên tuổi

Hôm nay chúng thọ tuế
Tôi cũng tịnh ý thọ
Chỉ mong thấy lỗi lầm.

Tôn giả A-nan dùng kệ hỏi nghi thức thọ tuế:

Hằng sa Phật quá khứ
Bích chi và Thanh văn
Pháp các Phật như vậy
Hay chỉ có Thích-ca?

Thế Tôn đáp:

Hằng sa Phật quá khứ
Đệ tử tâm thanh tịnh
Đều là pháp chư Phật
Đâu chỉ Thích-ca Văn.
Bích chi không pháp này
Không hạ lạp, đệ tử
Một mình không bạn lữ
Không giảng cho kẻ khác.
Phật Thế Tôn đương lai
Nhiều hằng hà sa số
Họ cũng thọ tuế này
Như nay pháp Cù-đàm.

Tôn giả A-nan nghe lời này xong hết sức vui mừng, liền lên giảng đường tay cầm kiền chùy và nói như vầy:

–Nay tôi đánh lên tiếng trống tín tâm của Đức Như Lai, các chúng đệ tử hiện có của Đức Như Lai thảy đều vân tập.

Khi ấy Tôn giả A-nan lại nói bài kệ:

Hàng phục sức ma oán
Diệt trừ sạch kết sử
Nơi đây đánh kiền chùy
Tỳ-kheo nghe tụ hội
Những ai muốn nghe pháp
Vượt qua biển sanh tử
Nghe tiếng vi diệu này

Thảy đều mau vân tập.

Tôn giả A-nan đánh kiền chùy xong, bèn đi đến chỗ Đức Thế Tôn đảnh lễ, rồi đứng qua một bên, thưa:

–Nay đã đúng lúc, cúi mong Đức Thế Tôn có điều gì dạy bảo chúng con.

Đức Thế Tôn bảo Tôn giả A-nan:

–Các vị hãy theo thứ lớp ngồi xuống, Như Lai tự biết thời.

Bấy giờ Đức Thế Tôn ngồi trên tòa cỏ nói với các Tỳ-kheo:

–Tất cả các vị hãy ngồi trên tòa cỏ.

Các Tỳ-kheo thưa:

–Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Lúc ấy các Tỳ-kheo đều ngồi xuống tòa cỏ. Đức Thế Tôn im lặng quan sát các Tỳ-kheo xong, liền bảo các Tỳ-kheo:

–Nay Ta muốn thọ tân tuế. Ta không có lỗi lầm gì đối với mọi người chăng? Ta chẳng có phạm lỗi lầm gì về thân, khẩu, ý chăng?

Đức Như Lai nói như vậy xong, các Tỳ-kheo đều im lặng. Đức Như Lai ba lần bảo các Tỳ-kheo:

–Nay Ta muốn thọ tuế, song ta không có lỗi lầm gì với mọi người chăng?

Bấy giờ Tôn giả Xá-lợi-phất từ tòa ngồi đứng dậy, quỳ thẳng, chắp tay bạch Đức Thế Tôn:

–Các chúng Tỳ-kheo quán sát về thân, khẩu, ý của Đức Như Lai không thấy có lỗi lầm gì cả. Vì sao? Vì hôm nay Đức Thế Tôn đối với những người chưa độ thì đã hứa độ, những người chưa giải thoát thì khiến họ được giải thoát, những người chưa chứng đắc Niết-bàn thì làm cho họ được chứng đắc Niết-bàn, những người chưa được cứu giúp thì được cứu giúp, những người tăm tối thì khiến trở nên sáng suốt. Ngài là Bậc Y Vương đối với những người bệnh, là Bậc Tối Tôn trong ba cõi, không ai có thể sánh kịp, là Bậc Tối Tôn Tối Thượng. Ai chưa phát khởi tâm Bồ-đề thì Ngài làm cho họ phát tâm Bồ-đề, những người chưa tỏ ngộ thì khiến cho được tỏ ngộ, ai chưa được nghe chánh pháp thì tạo phương tiện để cho họ được nghe. Kẻ mê muội thì Ngài chỉ cho họ con đường tắt để đưa họ đến chánh pháp. Do những nhân duyên đó, nên Đức Như Lai không có lỗi lầm gì đối với mọi người, cũng không có lỗi lầm gì về thân, khẩu, ý của chính mình cả.

Tôn giả Xá-lợi-phất lại bạch Đức Thế Tôn:

–Nay con cũng hướng về Đức Như Lai để tự nêu bày. Vậy con có lỗi lầm gì đối với Đức Như Lai và chúng Tỳ-kheo không?

Đức Thế Tôn bảo:

–Này Tôn giả Xá-lợi-phất, nay Tôn giả hoàn toàn không có những hành vi phi pháp về thân, khẩu, ý. Vì sao vậy? Vì nay Tôn giả được trí tuệ không ai sánh kịp. Tôn giả có nhiều loại trí tuệ: trí tuệ vô lượng, trí tuệ vô biên, trí tuệ không ai sánh bằng, trí tuệ nhanh nhạy, trí tuệ sắc bén, trí tuệ thâm diệu, trí tuệ bình đẳng. Tôn giả lại ưa thích pháp thiểu dục, tri túc, có nhiều phương tiện, tâm niệm không sai lầm, tán loạn, đạt được tam-muội tổng trì, thấu rõ cội nguồn của giới cụ túc, thành tựu tam-muội, thành tựu trí tuệ, thành tựu giải thoát, thành tựu giải thoát tri kiến, thành tựu sự dũng mãnh khác thường, có thể nhẫn chịu những điều gièm pha, biết rõ điều ác là phi pháp, tâm tánh thuần hậu, từ tốn, không làm điều xấu ác sai trái, giống như vị Thái tử thứ nhất của Chuyển luân Thánh vương sẽ nối ngôi của vua cha, quay tiếp bánh xe báu. Tôn giả Xá-lợi-phất cũng lại như vậy, sẽ chuyển bánh xe chánh pháp thanh tịnh vô thượng mà chư Thiên, người đời và loài Rồng, Quỷ thần hoặc Thiên ma không thể làm được. Nay những điều Tôn giả đã nói luôn hợp như pháp, chưa từng trái với chân lý.

Tôn giả Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Năm trăm Tỳ-kheo này đều được thọ tuế. Năm trăm vị Tỳ-kheo này phải chăng đều không có lỗi lầm gì đối với Đức Như Lai?

Đức Thế Tôn bảo:

–Ta cũng không có quở trách gì về hành động nơi thân, khẩu, ý của năm trăm Tỳ-kheo này. Vì sao vậy? Này Tôn giả Xá-lợi-phất, đại chúng này thật hết sức thanh tịnh, không có các tỳ vết ô uế. Nay trong chúng này vị hạ tọa nhỏ nhất cũng đạt được đạo quả Tu-đà-hoàn, chắc chắn sẽ tiến lên và đạt pháp bất thoái chuyển. Do đó nên Ta không có gì phiền trách về đại chúng này.

Tỳ-kheo Bằng-kỳ-xà ở trong đại chúng liền từ tòa ngồi đứng dậy, đến trước Đức Thế Tôn, cung kính đảnh lễ nơi chân Đức Phật và thưa:

–Nay con xin có điều luận bàn về việc này.

Đức Thế Tôn nói:

–Nếu Tôn giả có điều muốn nói thì thật đúng lúc.

Bằng-kỳ-xà liền ở trước Đức Phật tán thán Đức Phật cùng chúng Tỳ-kheo Tăng, nói kệ:

Ngày mười lăm thanh tịnh
Năm trăm Tỳ-kheo họp
Các trói buộc đều mở
Không Ái cũng chẳng sanh
Đại Thánh vương Chuyển luân
Có quần thần vây quanh
Cùng khắp cả thế giới
Cõi trời và thế gian
Vị đại tướng dẫn dắt
Đạo sư của loài người
Đệ tử thích nương tựa
Được ba Đạt, sáu Thông
Đều đúng là con Phật
Đã sạch hết phiền não
Đoạn trừ gai ái dục
Hôm nay tự quy kính.

Đức Thế Tôn chấp nhận những điều Bằng-kỳ-xà vừa nói. Khi ấy Bằng-kỳ-xà suy nghĩ: "Hôm nay Đức Như Lai đã chấp nhận những điều ta nói", nên Tôn giả rất đỗi hoan hỷ, vui mừng không sao tả được, liền từ tòa đứng dậy, đảnh lễ Đức Thế Tôn rồi lui về chỗ ngồi của mình. Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Người đệ tử khéo làm kệ tụng bậc nhất trong chúng Thanh văn của Ta chính là Tỳ-kheo Bằng-kỳ-xà, nêu bày ra những lời không nghi nan, cũng chính là Tỳ-kheo Bằng-kỳ-xà vậy.

Các Tỳ-kheo nghe Đức Phật giảng dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

❑

KINH TÂN TUẾ

Hán dịch: Đời Đông Tấn, Sa-môn Trúc Đàm Vô Lan.

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ, cùng với chúng đại Tỳ-kheo gồm tám vạn bốn ngàn vị hội đủ. Các Tôn giả Xá-lợi-phất, Tôn giả Mục-kiền-liên... trước sau vây quanh để nghe Đức Phật thuyết kinh. Đức Phật ở giữa chúng hội giống như núi Tu-di là vua của các hòn núi, một mình cao vời như trăng rằm sáng chói giữa đám sao trời, hào quang uy nghiêm tỏa khắp như vàng ròng sáng chói cả mặt đất, khiến tất cả đều có sắc vàng. Hơn hẳn, khác lạ, vòi vọi, không gì có thể sánh được.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn cùng đông đủ chúng Tỳ-kheo, thanh tịnh vô lượng, như bầu trời không có mây. Sau ba tháng kiết hạ an cư đã xong, nay đến ngày thọ Tân Tuế. Các vị Tỳ-kheo trong chúng đều an trụ trong sự tĩnh lặng, tự tại, một lòng tư duy về đạo, yên định, không có tư tưởng gì khác.

Bấy giờ Hiền giả A-nan liền từ tòa ngồi đứng dậy, trịch áo vai bên mặt, gối phải chạm sát đất, quỳ xuống chắp tay hướng đến trước, đảnh lễ nơi chân Đức Phật, nói kệ tán thán:

Đức Thế Tôn đến đây
Với mục đích tế độ
Ba tháng ở chốn này
Vườn Kỳ-đà Cô độc
Sở nguyện đã đầy đủ
Nay chính đã đúng lúc
Đạo sư Vô đẳng luân
Nên giảng pháp Tân tuế.

Đức Thế Tôn nghe Hiền giả A-nan nói kệ tán thán Đức Phật là Bậc Vô Thượng Chánh Giác, xong Hiền giả A-nan bèn ngồi qua một bên. Đức Phật liền bảo Hiền giả Mục-kiền-liên:

–Hiền giả hãy đi khắp Tam thiên đại thiên thế giới, cả những nơi non cao hang sâu vắng vẻ, những thạch thất trên đỉnh núi dùng âm

thanh báo cho tất cả chúng Tỳ-kheo, các vị mới nhập đạo hay hàng cựu học, kể cả các vị chưa ngộ đạo, đều mời vân Tập đến khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc này. Vì sao vậy? Vì Đức Như Lai sắp thuyết giảng pháp Tân tuế.

Hiền giả Đại Mục-kiền-liên liền phóng thẳng lên hư không, vâng theo thánh chỉ của Đức Phật, phát ra âm thanh lớn, loan báo khắp Tam thiên đại thiên thế giới được biết. Trong âm vang lan rộng ấy tự nhiên diễn ra bài kệ:

Các vị ở khắp nơi
Rừng sâu giữa núi đá
Giờ Tân tuế đã đến
Tâm nguyện sẽ thành tựu.

Lúc đó các vị Tỳ-kheo hiện ở tại chỗ hay đang du hành khắp trong cõi Tam thiên đại thiên thế giới, nghe bài kệ báo tin này rồi, thì mọi người đều dùng thần túc hay tất cả phương tiện, biến hiện thân hình đi đến khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, tới trước chỗ Đức Phật xin thọ Tân tuế, rồi cùng đứng qua một bên. Đức Phật cho tập hợp các chúng đệ tử. Họ đều từ những nơi chốn quốc độ khác nhau đi đến, cùng lúc tụ hội gồm có tám mươi vạn bốn ức vị đều muốn thọ Tân tuế. Bấy giờ Đức Thế Tôn nói với Hiền giả A-nan:

–Hiền giả hãy đến đánh lên tiếng kiền chùy vì nay đã đúng lúc.

Hiền giả A-nan vâng lời, từ tòa ngồi đứng dậy liền đánh kiền chùy, âm thanh vang khắp cõi Phật, từ cõi nước lớn của Phật, cho đến các cõi địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Những chốn này nghe tiếng kiền chùy ấy đều nhờ vào oai thần của Phật nên tất cả các thứ bệnh khổ, độc, thảy đều tiêu trừ, đều được an ổn. Khi ấy Đức Thế Tôn dùng Phạm âm thanh tịnh nói với các Tỳ-kheo:

–Các Tỳ-kheo hãy đứng dậy đưa ra thẻ Kiểm tăng số (Xá-la-trù) để biết số lượng Tăng chúng hiện có. Tất cả chư vị đều cùng đối diện nhau để tự bày tỏ những điều sai lầm, tự trách mình, cùng nhau xin lỗi về những sai trái, về các thứ phi pháp đã vi phạm. Mọi người đều phải nhẫn nhục, hòa đồng, thanh tịnh nơi thân, miệng, tâm để không còn chút ô uế nào sót lại.

Các vị Tỳ-kheo liền vâng theo lời Phật dạy, đều từ tòa ngồi

đứng dậy, đến trước Đức Thế Tôn, mỗi người đều cùng nhau tạ lỗi, sám hối những điều sai lầm xong, liền trở về lại chỗ cũ của mình.

Đức Phật nhận thấy chúng Tăng đều trở về chỗ cũ xong, Ngài liền rủ lòng thương xót, nhân đó từ tòa ngồi đứng dậy, tự chắp tay hướng về các vị Tỳ-kheo, nói:

–Này các chúng Tỳ-kheo, hãy giữ tâm ý hòa thuận, cùng hướng vào nhau để sám hối những lỗi lầm. Vì sao vậy? Bởi vì thân, khẩu, ý của chúng ta thảng hoặc có những lỗi lầm sai trái. Đức Như Lai là Bậc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, không có các lỗi lầm, không còn các nghiệp, lậu sai sót, tâm không phóng dật, không mất trí tuệ, không còn tham luyến, không hủy hoại giới cấm, đối với các bậc Thanh văn Duyên giác, tôn đức vượt hơn chư Thiên, dân chúng nơi thế gian, là Bậc Tối Thượng trong ba cõi không ai sánh bằng.

Lại nữa, này các Tỳ-kheo, như việc xuất gia học đạo, tu tập theo pháp của Sa-môn, mỗi người đều xuất phát từ tộc họ khác nhau, tâm tánh khác nhau, chí nguyện không đồng, đối với sự nghiệp tu học theo Phật ở đây phải nỗ lực thực hiện, phải vâng theo sự dạy dỗ, không được vi phạm. Vì sao vậy? Nếu có Tỳ-kheo ở trong Thánh chúng Tân tuế, thân hạnh mỗi người mỗi khác, tâm niệm không giống nhau mà ôm lòng dua nịnh cho rằng Tỳ-kheo kia không thọ nhận sự chân chánh, không đầy đủ giới pháp. Vì sao vậy? Vì thân, khẩu, ý thanh tịnh mới đúng là chân chánh, thọ nhận đầy đủ giới pháp của Phật, hết lòng cung kính, thuận theo các bậc thượng, trung, hạ, không ngạo mạn, buông lung, biết hổ thẹn, khiêm cung, mới phù hợp với giới pháp. Vì sao vậy? Những vị tu tập như vậy không có sự oán, ganh ghét, thù hận, quán xem pháp xưa nay không hề bị rối loạn, thực hành pháp Tân tuế cũng không có tâm sân hận, tự đại. Vì sao vậy? Vì giữ giới luật thanh tịnh, nếu thực hành pháp Tân tuế, tạo lập giới pháp quan trọng mà không thanh tịnh thì không phải là đệ tử của Đức Phật.

Giống như người chết, thi hài để nơi đất, rồi đem vứt bỏ trong gò mả, dù cho chư Thiên, dân chúng nơi cõi trời hay ở thế gian đem thuốc hay, hoặc dùng thần chú, pháp thuật, với lòng thương tiếc muốn làm cho kẻ ấy sống lại cũng không thể được. Cũng vậy, Tỳ-kheo hủy phạm giới cấm, cho dù vẫn được ở trong đại chúng, dù có nhiều Tân tuế cũng không thể tự cứu được để tạo thành Tân tuế. Vì sao vậy? Vì

người ấy đã hủy hoại giới pháp tất nhiên phải bị quả báo nơi các cõi ác như địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh chịu vô lượng nỗi thống khổ. Vậy các Tỳ-kheo phải nên thận trọng.

Phật thuyết giảng pháp này xong liền từ tòa ngồi đứng dậy, bước ra khỏi nệm cỏ. Cùng lúc đó Tam thiên đại thiên thế giới hiện đủ sáu thứ chấn động. Các thứ đàn không, đàn hầu, kỹ nhạc không tấu mà tự nhiên phát ra âm thanh. Nơi hư không tuôn xuống như mưa các loại danh hương, tung rải đủ các thứ hoa. Khi Đức Phật giảng nói phẩm giới pháp này, bảo ban chỉ dạy chúng Tỳ-kheo, các Tỳ-kheo đều ở ngay nơi chỗ ngồi của mình, nhờ lời dạy chân chánh đầy uy thần của Phật, với vô số công đức sáng tỏ, tỏa chiếu rộng khắp, mỗi người đều tự đứng lên, trong tâm không còn ưa thích dục lạc, kể cả khi an tọa ở nơi đỉnh núi cao bên gốc cây, đều lấy đó làm vui. Lúc ấy tất cả chúng Tỳ-kheo đều từ tòa ngồi đứng dậy, cung kính đảnh lễ nơi chân Phật cùng nói:

–Tất cả các pháp đều do Phật giảng nói, chỉ dạy. Bậc Thánh là gốc của đạo pháp, che chở tất cả bằng tấm lòng từ bi thương xót. Ngài là Bậc Tối Tôn Tối Thượng, thánh đức không gì hơn, siêu tuyệt, cao tột nêu rõ con đường giáo hóa muôn loài.

Khi ấy Đức Như Lai an nhiên, tự tại từ nơi chỗ tôn quý của mình hết lòng cảm tạ Thánh chúng, xót thương chúng sanh rồi trở về nệm cỏ. Đức Phật vừa an tọa xong, Thánh chúng cũng vậy, ai về chỗ nấy, lại ngồi xuống đúng như pháp. Bấy giờ Đức Thế Tôn thấy đã đến giờ thọ tuế, thương xót nghĩ tới các chúng hội, nên ở trước chư vị Tỳ-kheo, ba lần tự nêu bày đã xong công việc hoàn tất. Năm Tỳ-kheo từ tòa ngồi đứng dậy tạo lập thực hiện pháp Tân tuế. Vừa thực hiện pháp Tân tuế xong thì có một vạn Tỳ-kheo đạt được quả Đạo tích *(Tu-đà-hoàn)*, tám ngàn Tỳ-kheo chứng đắc quả A-la-hán. Chư Thiên nơi hư không, tám vạn bốn ngàn vị đều được hóa độ, cùng phát tâm cầu đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, giảng nói kinh pháp không sao kể xiết, các loài chúng sanh đều hướng theo con đường tu tập của ba Thừa. Nay Phật từ bi thương xót, Bậc Chí Tôn luôn nghĩ đến muôn loài, an tọa giữa đại chúng, chỉ dạy con đường thoát khỏi sanh tử khổ đau, mười phương đều mong nhờ được cứu vớt.

Khi ấy Long vương Nan-đầu-hòa-nan, rời khỏi chỗ ở của mình, mang theo nước thơm Chiên-đàn, cùng nhiều loại hương thơm khác đi đến chỗ Đức Phật, đến nơi thọ Tân tuế, quy kính Đức Phật cùng Thánh chúng, cung kính đảnh lễ nơi chân Phật, dùng hương thơm chiên-đàn cùng các loại hương thơm khác cúng dường Phật và Tỳ-kheo Tăng, rồi đọc bài kệ tán thán:

Dù ở trên đỉnh núi
Ngồi dưới bóng cây râm
Du hành nơi biển cả
Tâm sanh mọi sân hận
Đến rồi thọ Tân tuế
Ức đời chúng sanh họp
Cúng dường, phụng thờ Phật
Thành tựu nẻo giải thoát.

Bấy giờ Hải Long vương đem theo ngọc trai quý màu đỏ, hóa làm lầu gác có màn trướng che phủ xen tạp hết sức đẹp đẽ, dài rộng bốn trăm dặm do vàng ròng, lưu ly hợp thành, dùng tay nắm giữ, đi trên không trung, ra khỏi Long cung, theo lầu gác kia mà tới, dùng nước ao trong lành gồm đủ tám mùi vị rưới lên mặt đất, đem lầu gác có màn trướng che phủ xen nhau kia dâng lên cúng dường Bậc Đại Thánh và chúng Tỳ-kheo Tăng, lấy ngọc Anh lạc tung rải lên chỗ Phật và Thánh chúng rồi nói kệ:

Trong lặng như hư không
Bậc Đẳng Nhất an nhiên
Giới pháp luôn thanh tịnh
Hơn ngọc báu minh châu.
Hằng hà sa số chúng
An tọa ở nơi hội lớn
Đều cúng dường an trụ
Và các chúng Thanh văn.

Bấy giờ, chư vị Bồ-tát, Trời, Rồng, Quỷ thần mười phương cùng đi đến tụ hội, hóa ra vô số các phẩm vật kỳ diệu để dâng lên cúng dường Đức Thế Tôn và chúng Tỳ-kheo. Tất cả đều cung kính đảnh lễ, thưa hỏi, thọ nhận giáo pháp cùng phát tâm cầu đạo Vô thượng Bồ-đề.

Chư Thiên nhân đó đọc kệ tán thán:

Tâm ý luôn thanh tịnh
Đệ nhất, không nghĩ bàn
Thánh chúng, hàng tôn quý
An tọa trong hội này
Lìa bỏ mọi vọng tưởng
Khéo trừ các cấu uế
Hôm nay xin cúng dường
Với hết lòng cung kính
Hóa độ cùng dẫn dắt
Muôn loài dứt phiền não
Giới pháp đã thanh tịnh
Như ngọc báu minh nguyệt
Tâm thường tư duy chánh
Dứt mọi nhóm sân hận
Hôm nay Bậc Ly Cấu
Tu hội lập Tân tuế
Chỉ dạy nẻo điều phục
Tuân phụng như Thái sơn
Thường hành pháp vô ngại
Phật lập pháp Tân tuế.

Chư Thiên nói kệ xong, đảnh lễ nơi chân Đức Phật, rồi bỗng nhiên biến mất. Tất cả đều trở về cung điện của mình, thảy đều hoan hỷ, lấy chánh pháp làm nguồn vui.

Bấy giờ Đức Thế Tôn bèn hiện ra bóng mát lớn có các vật báu chen nhau để che cho Thánh chúng, rồi nói kệ:

Giới hạnh thật thanh tịnh
Việc làm khó theo kịp
Hôm nay ban điều vui
Khắp Tân tuế tỏa mát
Dâng lên Bậc An Trụ
Giữ giới luôn thanh tịnh
Như chim quý lông mình
Uy Phật hộ Tân tuế.

Đức Phật nói với các Tỳ-kheo:

–Nay Phật Thế Tôn tuy thực hiện pháp Tân tuế một năm một hội nhưng điều quan trọng là phải dốc tu tập theo đúng pháp thanh tịnh, luôn giữ gìn ba nghiệp thân khẩu ý không bị cấu uế, thực hành mười pháp thiện, bốn tâm vô lượng, sáu pháp Ba-la-mật, trừ bỏ sáu tình, ba độc, năm thứ ngăn che phủ lấp, mười hai sợi dây lôi kéo, ràng buộc, luôn thanh tịnh như mặt trời chiếu soi muôn cõi, ánh sáng tỏa khắp, bóng tối tiêu trừ, hội nhập vào biển trí tuệ của đạo pháp Vô Thượng Chánh đẳng Chánh giác, tất cả đều hòa đồng, khổ vui không hai mới đúng là chánh pháp. Đức Phật bèn nói tụng:

Chư Phật ra đời vui
Nói kinh pháp cũng vui
Thánh chúng hòa đồng vui
Hòa luôn được an lạc.

Đức Phật giảng nói như vậy, các chúng Tỳ-kheo, chư Thiên, Rồng, Quỷ thần, A-tu-luân, dân chúng nơi thế gian, nghe Đức Phật dạy không ai là không hoan hỷ, đảnh lễ rồi lui ra.

Thế Tôn du hành nơi Xá-vệ
Vì các đệ tử giảng nói pháp
Tất cả đều ở hội Kỳ thọ
Nay Bát-hòa-lan (Tự tứ) theo thường lệ
Xá-lợi-phất chắp tay bạch Phật
Mong Thế Tôn nói Bát-hòa-lan
Khi ba cõi tôn xưng nói ra
Làm pháp gì Tỳ-kheo tự tịnh?
Xá-lợi-phất vì Ta trải cỏ
Nơi gốc cây ra sức trừ ma
Nếu ai trải cỏ cũng như vậy
Đời nay kẻ ấy phải thanh tịnh.

Như bậc Hiền giả ngồi
Đó là vô sở úy
Ngồi an lạc không dục
Ba cõi được an ổn
Kiết hạ nay đã xong

Đó là đệ tử Phật.
Hãy tự mình phân biệt
Thương xót khắp thế gian
Là tháng lớn trong năm
Là biết Đệ nhất trí.
Hãy tự bỏ thân hành
Kiến đoạn bao nhiêu khổ
Nói các tội phiền não
Biết rõ vô số khổ.
Là đắc Tu-đà-hoàn
Nay làm Bát-hòa-lan
Giảm tham dục, sân hận
Cũng diệt trừ vô minh.
Có thể đoạn sanh tử
Cũng hết gốc não tưởng
Tự đến được cõi trời
Hay sanh nơi nhân gian.
Đó là được hai đường
Nay làm Bát-hòa-lan
Được sanh nơi cõi trời
Thì không còn đọa lạc.
Khi đã sanh lên trời
Diệt hết các thứ ái
Pháp đệ nhất thế gian
Tôn giả đã đạt được.
Đó là được hai nẻo
Nay nhờ Bát-hòa-lan
Tất cả ác, phiền não
Đã hết, được giải thoát.
Đã được bốn cam lộ
Đó là vô sở úy
Đã diệt hết bóng tối
Hướng về tất cả khổ
Tám nẻo ấy hơn hết
Nay làm pháp Tự tứ.

Đã xong một tháng liền được một trí, đến tháng thứ hai liền được hai trí, một lúc ba tháng liền được ba trí, vui thích ba trí, nay thực hiện pháp Bát-hòa-lan. Vị ấy đã trị lành bốn thứ ung nhọt, không còn sót, vượt qua đến bờ bên kia, được an ổn. Đã qua bốn tháng, dứt hết mọi đối tượng, công đức đã thành tựu nay là Bát-hòa-lan. Có thể hàng phục Long đầu, Nan-đầu, Hòa-la, Long vương, chấn động cả núi Tu-di và nước biển, cho đến cõi trời cũng đều bị chấn động. Nhóm của Tôn giả Mục-kiền-liên nay thực hiện pháp Bát-hòa-lan.

Bậc Tối Hiền tự giác
Nên các xứ đã hết
Là phước giúp thế gian
Phật tự nói lời này.
Thường độc hành dưới cây
Vì thí dụ số đông
Bích-chi-phật tối thượng
Nay là ngày Tự tứ
Ba chốn không tham đắm
Chúng vì ý thanh tịnh
Ba thân đã ổn định
Vốn đã lìa kiêu mạn.
Tại ba cõi vô dục
Được ý tịnh bất động
An ổn như Tu-di
Nay là ngày Tự tứ.
Đã hành bốn điều chánh
Bốn đạo đã được định
Phật bảo Hiền giả ấy
Tăng phước đức mọi người.
Chỗ cúng thí tối an
Trọn không thể hư hoại
Phật được mọi trí tuệ
Nay là ngày Tự tứ.
Trì giới đã đầy đủ
Mọi lực chẳng thể động
Pháp thực, y phục đủ

Thường ưa chốn núi rừng.
Đó là hạnh kiên cố
Đầy đủ không thiếu sót
Chỗ hành giả thanh tịnh
Nay là ngày Tự tứ.
Trì giới trừ các ác
Chúng chắp tay, thọ pháp
Được tất cả hướng về
Các ma đều hàng phục.
Chư Thiên cùng thiện nhân
Khen ngợi giới cụ túc
Không còn thấy các ma
Nay là ngày Tự tứ.

❑

SỐ 63

KINH GIẢI HẠ

Hán dịch: Đời Tống, Đại sư Pháp Hiền.

.

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở tại tinh xá Trúc lâm, nơi vườn trúc Ca-lan-đà, thuộc thành Vương xá, cùng với năm trăm vị Bí-sô đều là bậc A-la-hán, các lậu đã hết, việc cần làm đã làm xong, trừ bỏ các gánh nặng, đã được tự lợi, sạch hết mọi thứ kết sử, tâm hoàn toàn giải thoát, chỉ có một vị Bí-sô vẫn còn ở địa vị hữu học. Đức Thế Tôn đã vì vị ấy thọ ký, khiến được thấy pháp, đắc pháp, sẽ chứng quả viên mãn.

Bấy giờ Đức Thế Tôn an cư đã xong, khi sắp giải hạ, vào ngày rằm Ngài cùng chúng Bí-sô trải tòa mà ngồi. Khi hội chúng đã an tọa xong, Đức Phật bảo chúng Bí-sô:

–Nay Ta đã được phạm hạnh tịch tĩnh, đây là thân cuối cùng, dùng lạc vô thượng đoạn trừ các lậu. Đệ tử của Ta đối với các pháp đều đã thông đạt, cho nên hôm nay Ta giảng nói về pháp giải hạ. Này các Bí-sô, ba nghiệp về thân, khẩu, ý của Ta trong mùa hạ này, các vị có thể chịu đựng được chăng?

Bấy giờ Tôn giả Xá-lợi-phất nghe Đức Phật nói như vậy, liền từ tòa ngồi đứng dậy, trịch áo vai bên phải, gối bên mặt quỳ sát đất, chắp tay hướng Đức Phật, thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn, như lời Phật dạy, nay con đã được phạm hạnh thanh tịnh, cho đến các nghiệp nơi thân, khẩu, ý đều có thể nhẫn được. Chúng con biết thân, khẩu, ý của Đức Phật không hề có lỗi lầm. Các Bí-sô chúng con nay không có phiền trách gì về Đức Thế Tôn cả. Vì sao vậy? Vì Phật Thế Tôn của chúng con đối với người khó điều

phục thì Ngài có thể điều phục được, đối với người không biết dứt bỏ thì Ngài khéo cho họ dứt bỏ, với người không an ổn, Ngài khéo đem lại sự an ổn, kẻ chưa tịch tĩnh thì Ngài làm cho họ được tịch tĩnh. Như Lai khéo rõ chánh đạo, khéo giảng nói chánh đạo, khai thị chánh đạo, cho đến chúng con thích đạo quả giác ngộ của hàng Thanh văn, Phật khéo vì chúng con giảng dạy, khiến cho các Thanh văn theo đúng như lý tu hành chứng được Thánh quả. Cho nên chúng con đối với các pháp nơi thân, khẩu, ý của Phật Thế Tôn không có gì phiền trách cả.

Bấy giờ Tôn giả Xá-lợi-phất lại thưa:

–Bạch Thế Tôn, nay con đối với Đức Phật, nếu ba nghiệp nơi thân, khẩu, ý của con có điều gì bất thiện, cúi mong Đức Phật chỉ dạy.

Đức Phật bảo:

–Này Tôn giả Xá-lợi-phất, nay ba nghiệp nơi thân, khẩu, ý của Tôn giả, Ta không có gì phiền trách cả. Vì sao vậy? Này Xá-lợi-phất, Tôn giả có đầy đủ giới pháp, hiểu biết rộng, thiểu dục, tri túc, đoạn trừ các phiền não, luôn dốc tinh tấn, an trụ nơi chánh niệm, đầy đủ các thứ trí tuệ: trí tuệ khéo nêu bày, trí tuệ học hỏi rộng, trí tuệ nhanh nhạy, trí tuệ sắc bén, trí tuệ hướng tới sự giải thoát, trí tuệ thông đạt, trí tuệ thanh tịnh rộng khắp, trí tuệ thâm diệu, trí tuệ không gì hơn. Tôn giả đã gồm đủ các thứ trí tuệ quý giá như vậy nên có thể làm cho kẻ chưa thấy đạo thì được thấy, kẻ chưa điều phục thì được điều phục, kẻ chưa được nghe pháp thì thuyết pháp cho họ nghe, kẻ có nhiều sân hận thì khiến cho hoan hỷ, luôn vì bốn chúng giảng nói chánh pháp không hề mệt mỏi. Ví như con của bậc Kim luân vương thì được thọ pháp quán đảnh, kế thừa ngôi vị vua, theo pháp cai trị. Tôn giả Xá-lợi-phất cũng như vậy, là con của Ta, thọ pháp quán đảnh kế thừa ngôi vị Pháp vương. Tôn giả Xá-lợi-phất cũng như Ta, sẽ chuyển bánh xe pháp vô thượng, dứt trừ hết các lậu, chứng đắc giải thoát. Cho nên Tôn giả Xá-lợi-phất đối với ba nghiệp của mình, nay Ta công nhận là không có lỗi lầm.

Tôn giả Xá-lợi-phất nghe Đức Phật đã chấp nhận, cung kính cúi đầu lạy tạ, lại thưa:

–Bạch Thế Tôn, như Đức Phật đã vì con mà chấp nhận ba nghiệp nơi con không có lỗi lầm, vậy nay đối với năm trăm vị Bí-sô trong hội này, về các nghiệp nơi thân, khẩu, ý nếu có những điều gì

bất thiện, cúi mong Đức Thế Tôn chỉ dạy.

Đức Phật bảo Tôn giả Xá-lợi-phất:

–Ba nghiệp của năm trăm vị Bí-sô trong chúng này Ta cũng chấp nhận. Vì sao? Vì năm trăm vị Bí-sô đây đều là bậc A-la-hán, các lậu đã hết, việc cần làm đã làm xong, đã bỏ gánh nặng xuống, đã được tự lợi, đã hết các thứ kết sử, tâm hoàn toàn giải thoát, chỉ có một vị Bí-sô hiện còn ở địa vị hữu học, nhưng vị Bí-sô này Ta đã thọ ký rồi, sẽ thấy pháp, đắc pháp, chứng quả viên mãn. Này Tôn giả Xá-lợi-phất, cho nên Ta đối với ba nghiệp của năm trăm vị Bí-sô này đều có thể chấp nhận cả.

Tôn giả Xá-lợi-phất lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, ba nghiệp của con và năm trăm vị Bí-sô đã được Đức Phật chấp nhận rồi. Nay con có điều chưa rõ nên xin thưa hỏi, cúi mong Phật Thế Tôn vì con mà phân biệt chỉ dạy. Bạch Thế Tôn, trong số năm trăm vị Bí-sô này, có bao nhiêu vị đạt được pháp Tam minh? Lại có bao nhiêu vị Bí-sô được Câu giải thoát, bao nhiêu vị đạt được Tuệ giải thoát?

Đức Phật bảo Tôn giả Xá-lợi-phất:

–Trong năm trăm vị Bí-sô này có chín mươi vị Bí-sô đạt được pháp Tam minh, chín mươi vị Bí-sô được Câu giải thoát, các Bí-sô còn lại đều được Tuệ giải thoát. Này Xá-lợi-phất, như vậy các Bí-sô này đã dứt hết các phiền não, đều an trú nơi chân thật.

Lúc đó, trong hội chúng có một Tôn giả tên là Phạ-nghĩ-xá, suy nghĩ như vầy: “Nay ta nên đối trước Đức Phật và chúng Bí-sô dùng kệ giải hạ để tán thán”. Tôn giả Phạ-nghĩ-xá nghĩ như vậy rồi bèn từ tòa ngồi đứng dậy, trịch vai áo bên phải, gối bên mặt quỳ xuống đất, chắp tay cung kính nói:

Ngày mười lăm giải hạ
Hành giới luật thanh tịnh
Chúng Bí-sô năm trăm
Đoạn hết mọi phiền não,
Đã sạch hết các lậu
Chứng đắc quả vị Thánh,
Trong tịnh, ngoài điều phục
Giải thoát nên lìa hữu

Tận cùng nẻo sanh tử
Việc cần làm đã xong,
Đã đoạn trừ hết thảy
Vô minh và ngã mạn.
Phật của con tối thượng
Dứt các thứ tà niệm
Cùng các pháp hữu lậu
Khéo trừ bệnh khổ ái
Ái diệt không còn sanh,
Đại Sư Tử lìa thủ
Hết các sự sợ hãi.
Phật Thế Tôn của con
Ví như vua Kim luân
Ngàn người con vây quanh
Khéo trị bốn thiên hạ
Chế ngự khắp bốn biển,
Lại như người chiến thắng
Là điều ngự tối thượng,
Thanh văn được ba minh
Lìa sự chết cũng vậy
Phật tử cũng như thế
Chứng diệt không còn sanh.
Nay con lạy Pháp vương
Đại Nhật Tôn vô thượng.

Tôn giả Phạ-nghĩ-xá nói xong thì trở lại chỗ ngồi. Bấy giờ Tôn giả Xá-lợi-phất cùng các Bí-sô nghe Đức Phật giảng nói về pháp giải hạ, tâm ý hết sức vui mừng, tán thán, tín thọ phụng hành.

❑

SỐ 64

KINH TỲ-KHEO CHIÊM-BÀ

Hán dịch: Đời Tây Tấn, Sa-môn Thích Pháp Cự.

Nghe như vầy:

Một thời Đức Bà-già-bà ở tại xứ Chiêm-bà, bên bờ hồ Hằng-già. Bấy giờ, vào ngày thứ mười lăm trong tháng là ngày thuyết giới, Đức Thế Tôn ngồi trước chúng Tỳ-kheo Tăng. Sau khi an tọa xong, Ngài quan sát tâm niệm của các Tỳ-kheo. Quán sát tâm niệm của các Tỳ-kheo rồi, Ngài ngồi im lặng cho đến hết buổi đầu đêm.

Bấy giờ, có một thầy Tỳ-kheo từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch vai áo bên phải, chắp tay hướng về Đức Phật và thưa:

–Bạch Thế Tôn, đã hết buổi đầu đêm, Đức Thế Tôn và Tỳ-kheo Tăng ngồi đây đã lâu, ngưỡng mong Đức Thế Tôn thuyết giới.

Khi ấy, Đức Thế Tôn vẫn ngồi im lặng. Như vậy cho đến nửa đêm, Đức Thế Tôn vẫn ngồi im lặng. Thấy thế, vị Tỳ-kheo ấy lại chắp tay hướng về Đức Phật, thưa:

–Bạch Thế Tôn, buổi đầu đêm đã qua, buổi nửa đêm sắp hết, Đức Thế Tôn và Tỳ-kheo Tăng ngồi đây đã lâu, ngưỡng mong Đức Thế Tôn thuyết giới.

Đức Thế Tôn cũng ngồi im lặng. Bấy giờ là cuối nửa đêm, Đức Thế Tôn vẫn ngồi im lặng. Tỳ-kheo ấy lần thứ ba, chắp tay hướng về Đức Phật, thưa:

–Bạch Thế Tôn, đầu đêm đã qua, nửa đêm đã hết và cuối đêm sắp chấm dứt, mặt trời sắp mọc, không bao lâu nữa mặt trời sẽ mọc, Đức Thế Tôn và chúng Tỳ-kheo ngồi đây đã lâu, cúi mong Đức Thế Tôn thuyết giới.

Lúc đó Đức Thế Tôn bảo vị Tỳ-kheo ấy:

–Ở trong chúng Tỳ-kheo của Ta, có người không thanh tịnh.

Tôn giả Đại Mục-kiền-liên cũng ở trong hội chúng ấy. Tôn giả Đại Mục-kiền-liên liền suy nghĩ: "Đức Thế Tôn định chỉ thầy Tỳ-kheo nào mà nói rằng ở trong chúng đây có người bất tịnh. Ta nên nhập tam-muội Chánh thọ như kỳ tượng và dùng tam-muội Ý quán sát tâm niệm của các Tỳ-kheo".

Bấy giờ Tôn giả Đại Mục-kiền-liên liền nhập tam-muội Chánh thọ như kỳ tượng, dùng tam-muội Ý quán sát tâm niệm của các Tỳ-kheo, liền biết được thầy Tỳ-kheo không thanh tịnh mà Đức Thế Tôn vừa nói. Tôn giả Đại Mục-kiền-liên liền ra khỏi pháp tam-muội, đi đến chỗ Tỳ-kheo kia, nắm tay kéo vị Tỳ-kheo ấy ra ngoài cửa và nói:

–Này người ngu si, hãy đi ra! Ông không được ở trong chúng này, không có Tỳ-kheo nào sống chung với ông đâu, nay ông không phải là Tỳ-kheo nữa.

Tôn giả Đại Mục-kiền-liên đưa vị Tỳ-kheo kia ra ngoài rồi thì đóng cửa lại, đi đến chỗ Đức Thế Tôn, cung kính đảnh lễ, ngồi qua một bên, thưa:

–Bạch Thế Tôn, Ngài nói trong chúng có một thầy Tỳ-kheo bất tịnh. Con đã đưa vị ấy ra ngoài cửa rồi. Con nói: "Này người ngu si kia, hãy đi ra! Ông không nên ở trong chúng này, không có Tỳ-kheo nào sống chung với ông đâu!". Nay Tỳ-kheo ấy đã không còn ở đây. Bạch Thế Tôn, đầu đêm đã qua, nửa đêm cũng hết, cuối đêm sắp tàn, trời sắp sáng, mặt trời sắp mọc, không bao lâu nữa mặt trời sẽ mọc, Đức Thế Tôn và chúng Tỳ-kheo Tăng ngồi ở đây đã lâu rồi, ngưỡng mong Đức Thế Tôn thuyết giới.

Đức Phật dạy:

–Này Mục-kiền-liên, kẻ ngu si kia sẽ mắc tội lớn vì đã gây phiền hà quấy nhiễu Đức Thế Tôn và chúng Tỳ-kheo. Này Mục-kiền-liên, nếu ở trong chúng có Tỳ-kheo bất tịnh mà Như Lai thuyết giới thì đầu của kẻ ngu ấy sẽ bị vỡ làm bảy phần. Cho nên này Mục-kiền-liên, kể từ ngày hôm nay trở về sau, các thầy hãy cùng nhau thuyết giới. Như Lai sẽ không còn thuyết giới nữa. Vì sao vậy? Này Mục-kiền-liên, hoặc có người ngu si, trải qua như thế, nhân đấy quán biết mọi hình thức thích nghi cho mình, nên khoác y Tăng-già-lê, ôm bát,

đối với vị Phạm hạnh khác thì tự xưng mình là bậc phạm hạnh. Này Mục-kiền-liên, hoặc có bậc Phạm hạnh biết được kẻ ấy bèn nghĩ như vầy: "Đây là sự dối trá đối với Sa-môn, đây là sự thô ác đối với Sa-môn, đây là gai nhọn đối với Sa-môn", rồi bảo rằng đó không phải là Sa-môn. Các vị ấy đã biết như vậy rồi nên từ bỏ kẻ ấy ra ngoài. Vì sao vậy? Vì sợ làm hủy hoại các Tỳ-kheo thanh tịnh.

Này Mục-kiền-liên, giống như trong đám ruộng, lúa dé hoặc lúa tẻ đang tươi tốt, nếu có loại cỏ xấu sanh ra, cỏ này có gốc, lóng, lá, hạt đều giống hệt như lúa tẻ. Khi nó chưa có hạt thì nên nhổ bỏ nó đi. Nó là loại cỏ làm hư hạt lúa dé, là gai nhọn đối với lúa dé, là loại thô ác đối với lúa dé. Người nông phu phải bằng mọi cách nhổ nó bỏ ra ngoài. Vì sao vậy? Vì sợ nó làm hư lúa dé đang tươi tốt. Cũng vậy, này Mục-kiền-liên, nếu có một người ngu suy nghĩ như vậy, quán sát biết rõ mọi hình thức thích nghi cho mình, nên đắp y Tăng-già-lê, ôm bình bát đối với các vị Phạm hạnh khác tự xưng là phạm hạnh, hoặc có bậc Phạm hạnh biết được kẻ ấy nghĩ rằng, đó là sự phá hoại đối với hàng Sa-môn, đó là gai chích của Sa-môn, đó là sự thô ác đối với Sa-môn, đó không còn gọi là Sa-môn. Vị ấy biết xong liền đuổi kẻ ấy ra ngoài. Vì sao vậy? Vì sợ làm hư hoại các Tỳ-kheo thanh tịnh khác.

Này Mục-kiền-liên, ví như người nông dân kia vào tháng mùa đông đem lúa ra quạt, sảy, nếu là hạt lúa chắc thì nằm ở lại, ngoài ra các thứ hoặc cỏ, hoặc lá theo gió bay đi. Người ấy quạt, sảy lúa hoàn toàn nhờ vào sức gió thổi. Người điền chủ ấy liền cầm chổi quét sạch sẽ. Vì sao vậy? Vì người ấy không muốn chúng làm hư hoại các hạt lúa chắc thật khác. Cũng vậy, này Mục-kiền-liên, có người ngu si biết quán các hình thức thích nghi nên lúc khoác Tăng-già-lê, ôm bát, giống như các vị phạm hạnh khác, rồi tự nói ta là vị phạm hạnh. Này Mục-kiền-liên, có bậc Phạm hạnh khác biết được liền nghĩ đây là sự phá hoại đối với Sa-môn, đây là gai nhọn của Sa-môn, đấy là sự thô ác của Sa-môn. Vị kia biết rồi bèn đuổi kẻ ấy ra ngoài chúng. Vì sao vậy? Vì sợ làm hư hoại các Tỳ-kheo thanh tịnh khác.

Này Mục-kiền-liên, ví như vị điền chủ kia muốn có nước; muốn cho nước chảy đến chỗ này, chỗ khác, người ấy bèn cầm búa bén vào rừng. Kẻ ấy cầm búa gõ vào các cây, nếu cây có lõi cứng thì tiếng đặc, còn cây có tiếng lớn là rỗng ruột. Sau khi biết rõ, người ấy liền

chặt cây kia tận gốc, rồi đẽo gọt cho ruột cây rỗng suốt để làm máng dẫn nước. Cũng vậy này Mục-kiền-liên, có người ngu si biết quán sát các hình thức thích nghi nên khi khoác y Tăng-già-lê, ôm bát, đối với vị Phạm hạnh khác tự xưng là phạm hạnh. Này Mục-kiền-liên, nếu có bậc Phạm hạnh chân chánh biết được kẻ ấy liền nghĩ đấy là sự phá hoại của Sa-môn, là sự thô ác của Sa-môn, là gai nhọn của Sa-môn, chẳng phải là Sa-môn. Vị ấy biết rồi liền đuổi kẻ kia ra ngoài. Vì sao vậy? Vì sợ làm tổn hại đến Tỳ-kheo thanh tịnh. Đức Thế Tôn bèn nói kệ:

Cùng ở phải nên biết
Ác dục và sân hận
Phẫn hận, không bỏ tham
Không bỏ huyễn, dua nịnh
Với người dối nói tu
Tự bảo là Sa-môn
Tự làm các hạnh ác
Ác kiến chẳng an lạc.
Tạo nhiều lời dối trá
Đã biết rõ như thế
Đều không cho cùng họp
Bỏ đi đừng ở chung
Biết thời đồng tịnh hạnh
Phân biệt ai đã nói
Không tịnh bảo Sa-môn
Bỏ kẻ hạnh ác đi
Đừng ở chung kẻ ác
Ngày nào cũng như vậy
Sống hòa hợp với nhau
Sẽ diệt tận sự khổ.

Phật giảng nói như vậy, các Tỳ-kheo nghe Đức Thế Tôn chỉ dạy xong, đều hoan hỷ phụng hành.

❑

SỐ 65

PHẬT NÓI KINH PHỤC DÂM

Hán dịch: Đời Tây Tấn, Sa-môn Pháp Cự

Nghe như vầy:

Một thời Đức Bà-già-bà ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ cư sĩ A-na-bân-kỳ đi đến chỗ Đức Thế Tôn, cung kính đảnh lễ nơi chân rồi đứng qua một bên, thưa:

–Bạch Thế Tôn, ở đời có bao nhiêu hạng người phục dâm (*hành dục*)?

Đức Phật dạy:

–Này Cư sĩ, ở đời có mười hạng người phục dâm. Những gì là mười?

Này Cư sĩ, có hạng người phục dâm tìm cầu của cải một cách phi pháp. Sau khi tìm cầu của cải một cách phi pháp, vì không có phương tiện cho nên bị khổ, kẻ ấy không thể tự nuôi thân mình một cách an ổn, cũng không thể nuôi cha mẹ, vợ con, đầy tớ, người giúp việc; cũng không cúng dường cho các bậc Sa-môn, Bà-la-môn, không làm việc hữu ích, việc thiện nhờ đó để được sanh lên cõi trời. Như vậy, này Cư sĩ, đó là một hạng người phục dâm.

Này Cư sĩ, lại có một hạng người phục dâm tìm cầu của cải một cách phi pháp. Sau khi tìm cầu của cải một cách phi pháp rồi, người ấy có thể tự nuôi thân mình an ổn, cũng nuôi cha mẹ, vợ con, người giúp việc, đầy tớ; nhưng không cúng dường cho các bậc Sa-môn, Bà-la-môn, làm việc thiện để được thân tốt, sanh đến chốn an lành. Như vậy, này Cư sĩ, đó là một hạng người phục dâm.

Này Cư sĩ, lại có một hạng người phục dâm tìm cầu của cải một cách phi pháp. Sau khi tìm cầu của cải một cách phi pháp rồi, kẻ ấy có thể tự nuôi thân mình an ổn, cũng có thể nuôi cha mẹ, vợ con, người giúp việc, đầy tớ; cũng cúng dường cho các bậc Sa-môn, Bà-la-môn, làm điều thiện để được thân tốt đẹp, sanh đến chốn an lành. Như vậy, này Cư sĩ, đó là một hạng người phục dâm.

Này Cư sĩ, lại có một hạng người phục dâm tìm cầu của cải một cách hợp pháp, phải lẽ. Sau khi tìm cầu của cải một cách hợp pháp rồi, kẻ ấy không tự nuôi thân mình để được an lạc, cũng không thể nuôi cha mẹ, vợ con, nô tỳ, cũng không cúng dường cho các bậc Sa-môn, Bà-la-môn, làm việc thiện để thân được tốt đẹp và sanh đến chốn thiện. Như vậy, này Cư sĩ, đó là một hạng người phục dâm.

Này Cư sĩ, lại có một hạng người phục dâm tìm cầu tiền tài một cách hợp pháp, phải lẽ. Sau khi tìm cầu tiền tài một cách hợp pháp, phải lẽ rồi, kẻ ấy có thể tự nuôi thân mình được an lạc, cũng có thể nuôi cha mẹ, vợ con, nô tỳ, nhưng không cúng dường cho Sa-môn, Bà-la-môn, làm điều thiện để được thân tốt đẹp và sanh đến chỗ thiện. Như vậy, này Cư sĩ, đó là một hạng người phục dâm.

Này Cư sĩ, lại có một hạng người phục dâm tìm cầu tiền tài một cách hợp pháp, phải lẽ. Sau khi tìm cầu tiền tài một cách hợp pháp, phải lẽ rồi, kẻ ấy có thể tự nuôi sống thân mình một cách an lạc, cũng có thể nuôi sống cha mẹ, vợ con, nô tỳ; cũng cúng dường cho các bậc Sa-môn, Phạm chí, làm điều thiện để thân được tốt đẹp và sanh đến xứ thiện. Như vậy, này Cư sĩ, đó là một hạng người phục dâm.

Này Cư sĩ, lại có một hạng người phục dâm tìm cầu của cải một cách vừa hợp pháp vừa phi pháp. Sau khi tìm cầu của cải một cách vừa hợp pháp vừa phi pháp rồi, kẻ ấy không thể nuôi sống thân mình một cách an lạc, cũng không thể nuôi cha mẹ, vợ con, nô tỳ, cũng không cúng dường cho Sa-môn, Bà-la-môn, làm việc thiện để thân được tốt đẹp và sanh đến xứ thiện. Như vậy, này Cư sĩ, đó là một hạng người phục dâm.

Này Cư sĩ, lại có một hạng người phục dâm tìm cầu của cải vừa hợp pháp vừa phi pháp. Sau khi tìm cầu của cải vừa hợp pháp vừa phi pháp rồi, kẻ ấy tự nuôi sống thân mình được an lạc, cũng nuôi cha mẹ, vợ con, nô tỳ nhưng không cúng dường cho Sa-môn, Bà-la-môn, làm

thiện để thân được tốt đẹp, sanh đến xứ thiện. Như vậy, này Cư sĩ, đó là một hạng người phục dâm.

Này Cư sĩ, lại có một hạng người phục dâm tìm cầu của cải vừa hợp pháp vừa phi pháp. Sau khi tìm cầu của cải một cách vừa hợp pháp vừa phi pháp, kẻ ấy có thể tự nuôi sống thân thể được an lạc, cũng có thể nuôi cha mẹ, vợ con, nô tỳ, cũng cúng dường cho các bậc Sa-môn, Bà-la-môn, làm điều thiện để thân được tốt đẹp, sanh đến xứ thiện. Kẻ ấy được tiền tài rồi thì tham đắm trong đó, hết sức nhiễm trước, không thấy sự tai họa biến đổi, cũng không biết bỏ lòng tham ấy đi. Như vậy, này Cư sĩ, đó là một hạng người phục dâm.

Này Cư sĩ, lại có một hạng người phục dâm tìm cầu của cải, vừa hợp pháp vừa phi pháp. Sau khi tìm cầu của cải vừa hợp pháp vừa phi pháp xong, kẻ ấy tự nuôi thân mình được an ổn, cũng nuôi cha mẹ, vợ con, nô tỳ; cũng cúng dường cho các bậc Sa-môn, Bà-la-môn và làm điều thiện để thân được tốt đẹp, sanh đến xứ thiện. Sau khi được tiền tài rồi, kẻ ấy không tham đắm không vướng mắc, cũng không thấy sung sướng, cũng không an trụ trong đó, cũng biết đó là tai họa, biến đổi, kẻ ấy có thể xả bỏ lòng tham đắm của cải. Như vậy, này Cư sĩ, đó là một hạng người phục dâm.

Này Cư sĩ, kẻ phục dâm một cách phi pháp để tìm cầu tiền tài kia, sau khi đã tìm cầu tiền tài một cách phi pháp, kẻ ấy không thể nuôi thân được an ổn, cũng không thể nuôi cha mẹ, vợ con, nô tỳ được yên ổn, cũng không cúng dường cho các Sa-môn, Bà-la-môn, làm điều thiện để thân được tốt đẹp, để sanh đến xứ thiện. Này Cư sĩ, kẻ phục dâm như vậy, so với các hạng người phục dâm khác, Ta nói là hạng thấp hèn nhất.

Này Cư sĩ, kẻ phục dâm tìm cầu của cải một cách phi pháp kia, sau khi tìm cầu của cải một cách phi pháp, kẻ ấy có thể nuôi thân mình một cách an ổn, cũng có thể nuôi sống cha mẹ, vợ con, nô tỳ, nhưng không cúng dường cho Sa-môn, Bà-la-môn, làm điều thiện để thân thể được tốt đẹp, sanh đến xứ thiện. Này Cư sĩ, kẻ phục dâm này so với những người phục dâm khác thì ít thù thắng.

Này Cư sĩ, người phục dâm tìm cầu tiền tài một cách hợp pháp kia, sau khi tìm cầu tiền tài một cách hợp pháp, kẻ ấy có thể nuôi thân họ được an lạc, cũng có thể nuôi cha mẹ, vợ con, nô tỳ; cũng cúng

dường cho các bậc Sa-môn, Bà-la-môn, làm thiện để thân được tốt đẹp, sanh đến xứ thiện. Kẻ ấy được tiền tài rồi nhưng không nhiễm, không tham đắm, không cất giữ, không đam mê, biết nó là tai họa, xả bỏ nó khi tiêu dùng. Như vậy, này Cư sĩ, kẻ phục dâm này so với những kẻ phục dâm khác là hơn hết, tột bực. Này Cư sĩ, cũng như từ con bò có sữa, do sữa có lạc, do lạc có đề hồ, nhân đề hồ có tô, do tô có lạc tô. Đây là hơn hết, tột bực. Cũng như vậy, này Cư sĩ, đối với những người phục dâm thì hạng người phục dâm này là hơn hết.

Đức Phật nói kệ:

Nếu kiếm của phi pháp
Như pháp, thí như pháp
Không cúng, không tiêu dùng
Cũng không thí tạo phước,
Cả hai đều keo kiệt
Hạnh ác nuốt kẻ ấy.
Như pháp, cầu tiền của
Cũng bố thí tạo phước
Cúng thí và tiêu dùng
Và tạo mọi phước đức
Cả hai không tham tiếc
Đều có việc làm ấy,
Kẻ đó có trí tuệ
Sở hành đều phục dâm
Biết biến đổi, biết đủ
Biết đủ mà tiêu dùng
Nên đạt được trí tuệ
Là phục dâm hơn hết.

Đức Phật thuyết giảng như vậy, cư sĩ A-na-bân-kỳ *(Cấp Cô Độc)* nghe Đức Phật Thế Tôn dạy xong, hoan hỷ lãnh hội.

❑

SỐ 66

PHẬT NÓI KINH MA NHIỄU LOẠN

Hán dịch: Mất tên người dịch, phụ vào dịch phẩm đời Hậu Hán.

Nghe như vầy:

Một thời Bà-già-bà ở trong vườn Lộc dã, rừng Mục-ma-tỷ-lượng, xứ Bạt-kỳ-thi.

Bấy giờ Tôn giả Đại Mục-kiền-liên đang trông coi việc dựng thiền thất cho Đức Phật. Khi ấy, ở nơi khoảng đất trống, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên đang đi thong thả bảo người làm việc, thì ma Ba-tuần hóa ra thân hình nhỏ xíu chui vào bụng của Tôn giả Đại Mục-kiền-liên. Tôn giả Đại Mục-kiền-liên suy nghĩ như vầy: "Tại sao ta cảm thấy nặng bụng? Hình như ta ăn phải hạt đậu. Ta hãy nhập tam-muội Chánh thọ như kỳ tượng, nhờ định ý ta sẽ nhìn vào bụng xem". Lúc ấy Tôn giả Đại Mục-kiền-liên không đi bách bộ nữa, mà đến cuối đường kinh hành, trải Ni-sư-đàn ngồi kiết già, nhập tam-muội Chánh thọ như kỳ tượng, nhờ diệu lực của tam-muội, tự nhìn vào bụng mình, biết ma Ba-tuần đang ở trong bụng. Bấy giờ Tôn giả Đại Mục-kiền-liên bèn ra khỏi tam-muội, bảo ma Ba-tuần:

–Này Ba-tuần, ngươi hãy đi ra! Này Ba-tuần, ngươi hãy đi ra! Chớ có quấy nhiễu Đức Như Lai và đệ tử Đức Như Lai. Đừng tạo những việc vô nghĩa, không lợi ích để mãi mãi phải gánh lấy vô lượng khổ não.

Ma Ba-tuần liền nghĩ: "Sa-môn này không biết, không thấy mà lại nói: "Này Ba-tuần, ngươi hãy đi ra! Này Ba-tuần, ngươi hãy đi ra! Chớ có quấy nhiễu Đức Như Lai và đệ tử Đức Như Lai. Đừng tạo những việc vô nghĩa, không lợi ích để mãi mãi phải gánh lấy vô lượng

khổ não". Cho dù Thế Tôn của ông ta có đại uy lực, có khả năng như vậy còn không thể thấy ta, biết ta được, huống hồ là đệ tử mà có thể biết, có thể thấy được sao! Điều này không thể có".

Tôn giả Đại Mục-kiền-liên lại nói với ma Ba-tuần:

–Này Ba-tuần, ta còn biết ý nghĩ của ngươi nữa. Ngươi nghĩ như vầy: "Sa-môn này không biết, không thấy mà lại nói rằng: "Này Ba-tuần, hãy đi ra! Này Ba-tuần, hãy đi ra! Đừng có quấy nhiễu Đức Như Lai và đệ tử của Đức Như Lai. Đừng tạo những việc vô nghĩa, không lợi ích để mãi mãi gánh lấy vô lượng sự khổ não". Đức Thế Tôn của ông ta có uy lực như vậy, có khả năng như vậy còn không thể biết ta, thấy ta, huống chi đệ tử của ông ta mà có thể biết, có thể thấy ta được. Điều này không thể có!"

Bấy giờ ma Ba-tuần lại suy nghĩ: "Sa-môn này đã biết, đã thấy ta nên mới nói: "Này Ba-tuần, hãy đi ra. Này Ba-tuần, hãy đi ra! Đừng có quấy nhiễu Như Lai và đệ tử của Như Lai. Đừng tạo những điều vô nghĩa, không lợi ích để phải mãi mãi gánh lấy vô lượng khổ não". Tức thì ma Ba-tuần liền nhảy ra khỏi miệng Tôn giả Đại Mục-kiền-liên và đứng trước mặt Tôn giả, rồi đứng qua một bên. Tôn giả Đại Mục-kiền-liên bảo:

–Này Ba-tuần, vào thời quá khứ có Đức Như Lai hiệu là Câu-lâu-tôn là Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác. Lúc đó ta cũng là loại ma chuyên làm việc quấy nhiễu. Ta có người em gái tên là Ca-la, ngươi chính là con trai của cô ấy, do đó mà biết ngươi là cháu gọi ta bằng cậu. Đức Như Lai Câu-lâu-tôn, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác có người đệ tử tên là Tỳ-lâu *(Âm Thanh)* và Tát-nhã là hàng xuất chúng, hiền đức hơn hẳn các đệ tử khác. Này Ba-tuần, do đâu mà Tôn giả Tỳ-lâu có tên tự là Tỳ-lâu Tát-nhã? Này Ba-tuần, Tôn giả Tỳ-lâu ấy lúc ở trên cõi trời Phạm thiên có thể dùng âm thanh thơm của mình làm lan tỏa khắp cả ngàn thế giới, không có đệ tử nào có tiếng nói vang dội bằng Tôn giả, cũng không ai giống như Tôn giả. Tôn giả hay thuyết giảng chánh pháp. Này Ba-tuần, vì lý do đó nên Tôn giả Tỳ-lâu được gọi là Tỳ-lâu Tát-nhã. Này Ba-tuần, vì lẽ gì mà Tôn giả Tát-nhã *(Tưởng)* có tên là Tát-nhã? Này Ba-tuần, sở dĩ Tôn giả có tên là Tát-nhã là vì Tôn giả thường nương nơi thành, ấp mà an trụ. Sáng sớm, Tôn giả đắp y mang bát vào thôn ấp để khất thực, tự giữ gìn

thân, các căn luôn đầy đủ uy nghi, ý niệm thường an định. Sau khi vào thôn ấp khất thực, thọ trai vào lúc giữa trưa rồi, Tôn giả thu cất y bát, rửa chân, vắt Ni-sư-đàn lên vai bên mặt, hoặc đến chỗ vắng lặng, đến bên gốc cây, hoặc tới chỗ đất trống, trải Ni-sư-đàn ngồi kiết già, nhẹ nhàng, nhanh chóng nhập pháp định Tưởng tri diệt. Lúc ấy, có những người hoặc chăn dê, chăn bò hay đi lượm củi, hoặc đi qua đường, trông thấy Tôn giả nhanh chóng nhập pháp định Tưởng tri diệt, họ bèn nghĩ: "Vị Sa-môn đây ngồi lâu ở chỗ vắng này hiện đã qua đời rồi, chúng ta nên dùng cỏ khô, cây khô, phân bò, trải chất chung quanh thân ấy, đốt lửa để thiêu".

Các người chăn dê, chăn bò, lượm củi, kẻ qua đường nghĩ như thế rồi liền cùng nhau lấy cây cỏ khô, hoặc cỏ khô, củi mục chất lên thân Tôn giả, nổi lửa đốt cháy rồi bỏ đi. Tôn giả Tát-nhã, sau khi đêm đã qua, bèn ra khỏi tam-muội, nhẹ nhàng, nhanh chóng đập phủi tro bụi nơi y phục, rồi thong thả trở lại thôn ấp. Sáng sớm hôm sau, Tôn giả lại đắp y, cầm bát đi vào thôn ấp để khất thực, tự giữ gìn thân, các căn đầy đủ uy nghi, tâm niệm luôn an định. Những người chăn bò, dê, người gánh củi, người đi đường, trông thấy Tôn giả bèn nghĩ: "Sa-môn ấy ngồi yên nơi chỗ vắng vẻ kia và đã qua đời. Chúng ta đã dùng cây cỏ khô, phân bò, hoặc trải cây cỏ, củi mục chất phủ lên thân Tôn giả ấy, nổi lửa đốt cháy rồi bỏ đi. Nhưng nay sao Tôn giả ấy sống trở lại?".

Này Ba-tuần, vì lý do đó nên gọi Tôn giả là Tát-nhã (*sống trở lại*).

Bấy giờ ma xấu ác suy nghĩ: "Sa-môn trọc đầu, thân đen điu này học thiền, cùng tương ưng với thiền, thường thực hành thiền. Giống như con lừa suốt ngày mang nặng, bị cột lại trong tàu, không được ăn lúa mạch; nó cứ luôn nhớ nghĩ về lúa mạch, lúc nào cũng nhớ nghĩ. Cũng vậy, Sa-môn trọc đầu, thân đen điu này gắn bó cùng thiền, cùng tương ưng với thiền, hành thiền. Giống như con mèo ngồi rình trước hang chuột, vì muốn bắt chuột trong hang cho nên nó cứ luôn hướng về cái hang kia, lúc nào cũng chăm chăm. Cũng vậy, Sa-môn trọc đầu, đen điu này thường gắn bó với thiền, tương ưng với thiền, thường hành thiền. Như con chồn hưu ở trên bờ tường trống, vì muốn bắt chuột trong hang cho nên nó cứ chăm chăm hướng về cái hang chuột kia, lúc

nào cũng chăm chú. Cũng vậy, Sa-môn trọc đầu đen điu này thường gắn bó với thiền, tương ưng với thiền, thường hành thiền. Giống như con cò ở bên bờ nước, vì muốn bắt cá cho nên nó cứ chăm chăm rình rập. Cũng vậy, Sa-môn trọc đầu, đen điu này luôn tương ưng với thiền, thiền rồi thiền.

Vậy sao gọi là thiền? Vì sao lại hành thiền? Đó là thiền gì? Họ loạn trí, hoặc mất trí nhớ, hoặc bất định. Ta không thấy họ từ đâu đến, cũng không thấy đi về đâu, chẳng biết họ sống ở đâu, cũng chẳng biết họ chết như thế nào, cũng không thấy họ sanh ra sao. Ta nên bảo các Bà-la-môn, cư sĩ: "Các ngươi hãy đến chửi mắng, đánh đập, nói xấu, sân hận với Sa-môn tinh tấn kia". Khi bị đánh chửi nhiều hay ít, sân hận nói xấu, nếu tâm kẻ ấy đổi khác, thì ma ác sẽ tìm được cơ hội thuận tiên, hay được duyên cớ để dễ lợi dụng".

Này ma Ba-tuần, lúc ấy loài ma ác nói với các Bà-la-môn, cư sĩ:

–Vị Sa-môn tinh tấn kia đáng bị chửi mắng, đáng bị nói xấu, đáng bị sân hận. Các ngươi hãy dùng cây đập, dùng đá ném, dùng gậy phang, hoặc đập tét đầu, hoặc xé rách y, đập bể bát của vị Sa-môn tinh tấn ấy.

Bấy giờ các Bà-la-môn, cư sĩ kia mạng chung, do nhân duyên ác đó nên khi thân hoại mạng chung, sanh trong cõi ác địa ngục. Sanh nơi đó rồi, những người ấy suy nghĩ: "Nay chúng ta phải thọ khổ này, lại còn phải chịu cực khổ hơn nữa, vì chúng ta đối với Sa-môn tinh tấn kia đã khởi lòng tà".

Lúc đó, này Ba-tuần, đệ tử của Đức Như Lai Câu-lâu-tôn, Bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác, đầu bị tét, bát bị bể, y bị rách, đi đến chỗ Đức Như Lai Câu-lâu-tôn, Bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác. Khi ấy Đức Như Lai Câu-lâu-tôn, Bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác có vô lượng trăm ngàn đồ chúng vây quanh để nghe thuyết pháp. Đức Như Lai Câu-lâu-tôn, Bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác từ xa trông thấy vị đệ tử đầu bị thương tích, y rách toạc, bình bát bể đi đến, bèn bảo các Tỳ-kheo:

–Này các Tỳ-kheo, hãy nhìn Tỳ-kheo kia. Vị ấy đã bị ma xấu ác xúi giục các Bà-la-môn, cư sĩ: "Các ngươi hãy đến chửi rủa, đánh đập, hãy sân giận nhiều hay ít, đánh đập Sa-môn tinh tấn kia. Nếu vị ấy nổi tâm ác, hoặc có hành động gì khác thì ma ác có phương tiện, duyên cớ

dễ dàng lợi dụng". Này các Tỳ-kheo, nên để tâm tương ưng với Từ, biến khắp một phương, an trụ nơi Chánh thọ. Cũng như vậy, với hai, ba, bốn phương, phương trên và phương dưới, tất cả các phương, tâm đều tương ứng với Từ, không oán, không hại, không sân hận, thật rộng lớn, bao la, vô lượng, biến mãn các phương xong, an trụ nơi Chánh thọ. Cũng vậy, tâm cùng tương ưng với Bi, Hỷ, Hộ *(Xả)*, biến mãn các phương, an trụ nơi Chánh thọ. Hãy làm cho ma xấu ác không tìm ra cơ hội, không có duyên cớ thuận tiện để lợi dụng.

Bấy giờ, này Ba-tuần, Đức Như Lai Câu-lâu-tôn, Bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác chỉ dạy các đệ tử như vậy. Họ bèn để tâm tương ưng với Từ, biến mãn một phương rồi an trụ nơi Chánh thọ. Cũng vậy, hai, ba, bốn phương, phương trên và phương dưới, tất cả các phương, tâm cùng Từ tương ưng, không oán, không hại, không sân hận, rất rộng, lớn, bao la, vô lượng, biến mãn các phương xong, an trụ nơi Chánh thọ. Cũng vậy, tâm cùng Bi, Hỷ, Hộ tương ưng, biến mãn tất cả các phương xong, an trụ nơi Chánh thọ. Do đó, ma ác kia tìm phương tiện, kiếm duyên cớ nhưng không thể nào có được phương tiện, duyên cớ nào cả.

Này Ba-tuần, lúc ấy ma ác liền nghĩ: "Ta dùng phương tiện này mà không thấy có cơ hội nào, duyên cớ nào đối với Sa-môn ấy để lợi dụng. Vậy ta nên xúi các Bà-la-môn, cư sĩ: "Các ngươi nên đến chỗ vị Sa-môn tinh tấn kia cung kính, tôn thờ, lễ bái, cúng dường". Sau khi nhận được sự cúng dường, phụng hành, lễ bái dù ít hay nhiều ấy, nếu vị ấy có sự thay đổi trong tâm thì ma ác sẽ tìm cơ hội, kiếm duyên cớ để lợi dụng.

Ma ác kia liền xúi giục các cư sĩ, Bà-la-môn:

–Vị Sa-môn tinh tấn kia xứng đáng được cúng dường, cung kính, tôn thờ, lễ bái.

Ma ác khiến cho các Bà-la-môn, cư sĩ cởi áo trải dưới đất và nói:

–Sa-môn tinh tấn, xin đạp lên mà đi! Sa-môn tinh tấn, xin đi trên áo của tôi. Ngài đã làm những việc khó làm, sẽ khiến cho chúng tôi mãi mãi được nghĩa lý, lợi ích.

Hoặc bảo các Bà-la-môn, cư sĩ tự trải tóc lên mặt đất, nói:

–Sa-môn tinh tấn, xin đạp lên tóc mà đi! Sa-môn tinh tấn, xin đi trên tóc tôi! Sa-môn tinh tấn đã làm những việc khó làm, khiến cho

chúng tôi mãi mãi được nghĩa lý, lợi ích.

Hoặc bảo Bà-la-môn, cư sĩ tay bưng đầy các thứ thức ăn đồ uống, nói:

–Cúi mong chư Hiền hãy nhận lấy các món ăn này, tùy ý mang đi đâu thọ dụng cũng được, để cho chúng tôi mãi mãi được ý nghĩa, lợi ích.

Hoặc khiến các Bà-la-môn, cư sĩ ưa thích quý mến vị Sa-môn tinh tấn kia, tự nắm tay dìu đỡ vào nhà, đem các vật muốn cúng dường ra và nói:

–Cúi mong chư Hiền hãy nhận lấy vật cúng dường này, tùy ý mang đi đâu sử dụng cũng được, để cho chúng tôi mãi mãi được nghĩa lý, lợi ích.

Bấy giờ, các Bà-la-môn, cư sĩ kia mạng chung, do nhân duyên đó, khi thân hoại mạng chung được sanh đến xứ thiện, lên cõi trời. Khi được sanh lên đó rồi, họ liền suy nghĩ: "Chúng ta được cái vui này không đâu bằng, là vì chúng ta đã làm việc lành với vị Sa-môn tinh tấn kia".

Bấy giờ, này Ba-tuần, đệ tử của Đức Như Lai Câu-lâu-tôn, Bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác, sau khi được cúng dường cung kính, phụng hành lễ bái rồi, liền đi đến chỗ Đức Như Lai Câu-lâu-tôn, Bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác. Lúc ấy Đức Như Lai Câu-lâu-tôn, Bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác đang thuyết pháp cho vô lượng trăm ngàn đồ chúng vây quanh sau trước. Đức Như Lai Câu-lâu-tôn, Bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác từ xa trông thấy các đệ tử của Ngài được cúng dường cung kính, thừa sự, lễ bái, dần dần đi đến, bèn bảo các Tỳ-kheo:

–Các Tỳ-kheo thấy chăng? Ma xấu ác đã xúi giục các Bà-la-môn, Cư sĩ: "Các ngươi hãy đến cúng dường, cung kính, thừa sự, lễ bái, hầu hạ Sa-môn tinh tấn kia. Khi nhận sự cung kính, lễ bái, cúng dường dù nhiều hay ít ấy, nếu tâm vị ấy có thay đổi thì ma Ba-tuần xấu ác đang tìm cơ hội, duyên cớ sẽ có cơ hội, duyên cớ để dễ bề lợi dụng". Này các Tỳ-kheo, hãy quán tất cả các hành là vô thường, hãy thấy nó là hủy diệt, hãy thấy nó là lìa bỏ, hãy thấy nó là hư hoại, hãy thấy nó là dừng dứt, hãy thấy nó là chỗ dừng dứt, khiến cho ma xấu ác tìm cầu phương tiện, tìm cầu duyên cớ nhưng không có phương tiện, không có duyên cớ để lợi dụng.

Này Ba-tuần, Đức Như Lai Câu-lâu-tôn, Bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác vì các đệ tử giảng dạy như vầy: "Đối với tất cả các hành hãy quán vô thường, quán tận, quán ly, quán diệt, quán về nơi dừng dứt, thì ma xấu ác dù có tìm kiếm phương tiện, tìm duyên cớ cũng không có phương tiện, duyên cớ để phá hoại được".

Bấy giờ, này Ba-tuần, ma ác liền nghĩ như vầy: "Ta đã dùng phương tiện này mà vẫn không thể lợi dụng được Tỳ-kheo tinh tấn ấy, không thể tìm thấy duyên cớ nơi vị ấy. Ta nên hóa làm một thiếu nhi đứng bên đường, tay cầm gậy lớn đánh vỡ đầu Tôn giả Tỳ-lâu *(Tôn giả Âm Thanh)* khiến máu chảy đầy cả mặt". Khi ấy Đức Như Lai Câu-lâu-tôn, Bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác, an trụ nơi thôn ấp, trời hừng sáng, Ngài đắp y mang bát, vào thành ấp khất thực với Tôn giả Tỳ-lâu đi theo sau. Lúc, đó ma ác hóa làm một thiếu nhi đứng ở bên đường, tay cầm gậy lớn đánh vỡ đầu Tôn giả Tỳ-lâu, khiến máu chảy ướt cả mặt. Tôn giả Tỳ-lâu sau khi bị bể đầu chảy máu, vẫn đi theo sau Đức Như Lai Câu-lâu-tôn, Bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác. Bấy giờ Đức Như Lai Câu-lâu-tôn, Bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác, sau khi đến thôn, dùng diệu lực toàn thân xoay nhìn theo phía hữu, không sợ hãi, không kinh khiếp, nhìn khắp các phương. Đức Như Lai Câu-lâu-tôn, Bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác trông thấy Tôn giả Tỳ-lâu đầu bị vỡ, máu chảy đầy mặt, từ từ đi theo sau. Thấy xong, Ngài nói:

–Này ma xấu ác, ngươi đã làm điều hung bạo, ngươi không biết vừa đủ!

Lại nữa, này Ba-Tuần, Đức Như Lai Câu-lâu-tôn, Bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác nói chưa hết câu, thì ngay tại nơi ấy, thân hình ma xấu ác liền bị đọa vào đại địa ngục. Này Ba-tuần, trong địa ngục lớn này có bốn sự việc: vô lạc, lục cánh, thân thọ sự thống khổ, dùng móc câu làm tội nhân há miệng rồi đổ nước đồng sôi vào làm tiêu tan gan ruột. Trong địa ngục có ngục tốt đi đến chỗ ma ác nói:

–Ngươi ở trong địa ngục Tiêu giải này nên biết phải đủ một trăm năm.

Khi ấy ma Ba-tuần nghe xong, vô cùng kinh hãi, lông nơi thân đều dựng đứng.

Tôn giả Đại Mục-kiền-liên liền nói bài kệ:

Địa ngục kia thế nào
Mà ma ở trong đó?
Hại Phật, Bà-la-môn
Nhiễu hại cả Tỳ-kheo
Địa ngục tên A-tỳ
Ma ác ở trong ấy.
Hại Phật, Bà-la-môn
Nhiễu hại Tỳ-kheo kia
Đinh sắt cả trăm cái
Phải thọ khổ như vậy
Nơi địa ngục A-tỳ
Khiến Ma ác ở đấy.
Nếu có người không biết
Tỳ-kheo đệ tử Phật
Thọ khổ não như vậy
Phải nhận quả báo xấu.
Ở trong chốn lầu vườn
Cùng chúng sanh cõi kia
Chẳng gieo trồng lúa thóc
Sẽ sanh Bắc câu lao.
Núi Tu-di cực lớn
Gần gũi với giải thoát
Tự có thể phân biệt
Thân thực hành, trì niệm
Núi ấy ở giữa suối
Luôn trụ nơi kiếp này
Hình tướng như sắc vàng
Hào quang tỏa chiếu khắp,
Tấu các thứ kỹ nhạc
Nơi Đế Thích du hành
Chốn ấy cũng gồm hai
Ở trước mà cung kính.
Khi Đế Thích đi trước
Lên điện cao rộng này
Thấy Đế Thích đi tới

Tất cả tự mừng vui
Khi thấy Tỳ-kheo lại
Nhìn lui vẻ hổ thẹn
Nếu ai lên cung điện
Liền vặn hỏi Tỳ-kheo
Nên biết có ma ấy
Ái diệt, đạt giải thoát
Sẽ vì Tỳ-kheo ghi
Nghe giảng nói như vậy.
Câu-dực, ta biết ông
Ái diệt, đạt giải thoát
Nghe nói, trí tuệ ghi
Đế Thích được an lạc.
Tỳ-kheo hành hóa nhiều
Sẽ giảng nói trở lại
Nếu có lên điện ấy
Đế Thích nên đến hỏi
Vì sao gọi cung điện
Đế Thích ở nơi đó?
Đế Thích! Ta sẽ ghi
Đó là chốn thọ báo
Ngàn thế giới như thế
Có ngàn thế giới này
Không cung điện nào hơn
Chốn thọ báo như thế
Đế Thích luôn tự tại
Nơi đó rất trong sáng
Hóa một thành cả trăm
Ở nơi thọ báo kia
Đế Thích luôn tự tại
Đi lên cung điện ấy
Chân tay đều khiến động
Dùng thiên nhãn nhìn khắp
Đế Thích luôn tự tại
Lên nơi cung điện này

Thần túc khiến chuyển động
Ẩn giấu nẻo thâm diệu
Khó động, khó lay chuyển
Có đất bằng lưu ly
Chốn ngự của bậc Thánh
Rất mịn màng, mềm dịu
Trải nệm bông mịn êm
Ngôn ngữ cũng hòa ái.
Nay Thiên vương hơn hết
Khéo tấu các kỹ nhạc
Vô số thứ khác lạ
Chư Thiên đều tụ hội
Dốc hướng Tu-đà-hoàn
Vô lượng trăm ngàn loại
Cùng hàng trăm Na-thuật
Đến trời Tam thập tam
Làm mắt pháp thuyết giảng
Được nghe pháp ấy rồi
Liền hết lòng tin, thích
Ta biết có pháp ấy
Nên gọi là Tiên nhân
Vì đến cõi Phạm thiên
Khiến Phạm chúng cùng hỏi
Chư vị có hiểu biết
Kiến giải cũng như trên
Luôn thấy có thường trụ
Ta sẽ vì Phạm thiên
Ghi kiến giải Tiên nhân
Chẳng thấy, chẳng như trước
Ta luôn có thường trụ
Quả Ngã Kiến tương ưng
Thân Phạm thiên ở trước
Ta nay sẽ nói gì
Ta luôn chấp có thường
Là nhận biết đời này

Bậc Đẳng Giác giảng nói
Như nếu dốc tu tập
Chốn sinh, thọ quả báo
Niệm ấy không có lửa
Ta đốt kẻ ngu si
Đốt kẻ ngu si xong
Kẻ theo cũng bị cháy.
Như thế, này Ba-tuần!
Gần Bậc Như Lai ấy
Tạo hạnh ác lâu dài
Thọ báo cũng không khác.
Ngươi chớ nên quấy Phật
Cùng quấy nhiễu Tỳ-kheo
Do Tỳ-kheo này nói
Ma ở vườn Tỷ lượng
Quỷ có niệm lo buồn
Bị Mục-liên quở trách
Nên vô cùng kinh sợ
Hốt nhiên biến trốn mất.

❑

SỐ 67

PHẬT NÓI KINH TỆ MA THỬ HIỀN GIẢ MỤC-LIÊN

Hán dịch: Đời Ngô, Ưu-bà-tắc Chi Khiêm, người nước Nhục chi.

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật du hóa tại vườn Nai, thuộc thôn Khủng cụ, núi Diệu hoa, nước Phần kỳ.

Bấy giờ Hiền giả Đại Mục-kiền-liên đang kinh hành trong đêm tối. Trong lúc Hiền giả đang kinh hành trên khoảng đất trống, Tệ ma đến nơi, tự hóa thành hình nhỏ xíu, chui vào bụng của Hiền giả. Lúc đó Hiền giả Đại Mục-kiền-liên suy nghĩ: "Trong bụng ta sao lại có tiếng rền như sấm, giống người đang đói mà phải gánh vật nặng. Vậy ta nên vào trong thất nhập tam-muội Chánh thọ quán sát để tìm ra nguyên do". Hiền giả Mục-liên nghĩ như vậy rồi liền vào tinh thất nhập tam-muội để quán thân, liền thấy Tệ ma hóa thân hình nhỏ xíu đang ở trong bụng mình. Hiền giả liền nói:

–Này Tệ ma, hãy đi ra! Đừng có quấy nhiễu Đức Như Lai và đệ tử của Ngài, để rồi mãi mãi gánh lấy khổ đau, bất an, bị đọa vào cõi ác.

Ma suy nghĩ: "Sa-môn này chưa thấy ta, cũng chưa biết ta, thế mà dối nói rằng: "Này Tệ ma hãy đi ra, hãy đi ra! Chớ có quấy nhiễu Đức Như Lai và đệ tử của Ngài, sẽ mãi mãi bị khổ sở, bất an!". Ngay như thầy của ông ta là Thế Tôn Đại Thánh còn không thể biết được ta, huống chi là đệ tử của ông ta mà biết được ta sao?".

Hiền giả Mục-liên lại nói với Tệ ma:

–Ta còn biết trong ý của ngươi nghĩ rằng Đại sư của ông ta là

bậc Đại Thánh còn không thể biết được ta huống chi là đệ tử mà biết được ta sao!

Tệ ma sợ hãi, nghĩ: "Nay Sa-môn này thật đã biết ta rồi". Ma liền hóa hình nhỏ xíu nhảy ra ngoài đứng ở phía trước. Hiền giả Mục-liên nói với ma:

–Vào thời quá khứ lâu xa về trước, lúc Đức Phật Câu-lâu-tần xuất hiện ở đời, khi đó ta đã từng làm ma tên là Sân Hận. Ta có một người em gái tên là Yểm Hắc, ngươi chính là con trai của cô ta. Như vậy nên biết rằng ngươi vốn là con của em gái ta.

Đức Phật xuất hiện ở thế gian thời ấy hiệu là Câu-lâu-tần Như Lai, Bậc Chí Chân Đẳng Chánh Giác. Ngài có hai người đệ tử, người thứ nhất tên là Hồng Âm, người thứ hai tên là Tri Tưởng, là bậc hiền đức thứ nhất hơn hết không ai bằng.

Sao gọi Hiền giả ấy là Hồng Âm? Vì Hiền giả đó lúc sống trên cõi trời Phạm thiên, tiếng nói của Hiền giả to lớn vang rền cả ba ngàn đại thiên thế giới.

Còn sao gọi Hiền giả kia là Tri Tưởng? Vì Hiền giả ấy thường nương các chốn thanh vắng, ngồi bên gốc cây, nơi đồng trống hay ở trong núi, luôn nhập tam-muội Chánh thọ như kỳ sắc tượng. Lúc ấy những người chăn dê, chăn bò, lấy củi, gánh cỏ, cày ruộng, người đi đường, họ vào trong núi thấy Hiền giả nhập định như vậy, cùng bảo nhau: "Vị Sa-môn này ngồi ở đây mà chết, chúng ta hãy cùng nhau chất củi và cỏ lên để hỏa thiêu". Nói thế rồi, họ cùng nhau làm công việc hỏa thiêu.

Tỳ-kheo Tri Tưởng rời khỏi pháp tam-muội, đập phủi y phục, giũ các thứ tro bụi. Sửa lại y phục xong, Hiền giả Tri Tưởng lại ôm bát vào thành, ấp làng xóm để lần lượt khất thực. Những người chăn bò, chăn dê, lấy củi, gánh cỏ trông thấy đều rất kinh ngạc, nói với nhau:

–Chúng ta ở chỗ đồng trống vắng vẻ, thấy Tỳ-kheo này ngồi bên gốc cây, chẳng còn hơi thở, cho là đã chết nên cùng nhau chất củi, cỏ khô để hỏa thiêu.

Nay vì sự việc như vậy nên gọi Tỳ-kheo Tri Tưởng là Tưởng Thức.

Bấy giờ ma Sân hận tự suy nghĩ: "Đám Sa-môn này tự cho là tu tập trì giới, tịch tĩnh, im lặng mà tư duy. Giống như con chó, con

mèo luôn suy nghĩ cách để bắt chuột nên nó im lặng, bất động, chờ con chuột chạy ra là bắt. Sự thiền tư của Sa-môn này cũng như vậy. Giống như con hạc già muốn bắt cá, nó im lặng, không gây tiếng động, trầm tư, chờ con cá bơi ra là mổ ngay. Các Sa-môn này cũng như vậy, trầm tư, suy nghĩ về mục đích mong cầu. Giống như con lừa lớn cả ngày mang nặng, cho đến tối thì quá mệt mỏi, đói khát, nó chìm đắm trong suy nghĩ muốn được ăn uống. Các Sa-môn này cũng lại như vậy".

Ma lại suy nghĩ: "Ta nên bày vẽ xúi giục cho các Trưởng giả, Phạm chí ở trong nước này, đánh đập chửi mắng, làm cho các Sa-môn đạo nhân giữ giới ấy y rách, bát bể, đầu vỡ, khiến cho họ sanh tâm giận dữ, ta nhờ đó tìm được phương tiện để lợi dụng". Nghĩ vậy rồi, ma liền xúi giục các Trưởng giả, Phạm chí đánh đập, mắng chửi, đập bể bát, đánh vỡ đầu, xé rách y phục các Sa-môn trì giới, phụng pháp ấy. Các Sa-môn ấy giống như con mèo rình bắt chuột, con hạc già lo chăm bắt cá, như con cú vọ đậu nơi cành cây để bắt chuột, các Sa-môn ngồi thiền cũng lại như vậy, in như con lừa đói khát mệt mỏi muốn được ăn uống.

Khi ấy các Tỳ-kheo bị hủy nhục, cúi đầu đi thẳng đến chỗ Đức Phật Câu-lâu-tần. Lúc đó Đức Phật đang vì bốn chúng đệ tử cùng các hàng Thiên, Long, Quỷ thần giảng nói rộng về giáo pháp, thấy các Tỳ-kheo bị hủy nhục đi đến, Ngài liền bảo các Tỳ-kheo:

–Này các Tỳ-kheo, nay ma Sân hận đã xúi dục các Trưởng giả, Phạm chí ở trong nước đánh đập, mắng nhiếc, làm vỡ đầu, bể bát, xé rách y của các Sa-môn trì giới phụng pháp, khiến tâm họ tức giận, khởi ý sân hận, nhân đó ma tìm được phương tiện làm cho những vị ấy không thành đạo. Này các đệ tử, đối với trường hợp như vậy hãy nên thực hành bốn tâm vô lượng: Từ, Bi, Hỷ, Hộ; không ôm lòng kết oán; không dấy tâm sân hận; mà nên mở tâm rộng lớn không hạn lượng; tạo sự an lạc vô biên, biến khắp mười phương. Với tâm như vậy, dù ma có tìm phương tiện để phá hoại cũng không thể được.

Các Tỳ-kheo vâng lời Đức Phật dạy, an trú chốn vắng vẻ, nơi đồng trống, một lòng thiền định tư duy, thực hành bốn tâm vô lượng, ý không tăng giảm.

Bấy giờ ma Sân hận tuy muốn được những phương tiện để lợi

dụng quấy phá các Sa-môn trì giới phụng pháp, nhưng vĩnh viễn không thể được. Còn những Trưởng giả, Phạm chí nghe lời ma xúi giục, hủy nhục các vị Sa-môn trì giới phụng pháp, sau khi mạng chung đều bị đọa vào đường ác, bị bao thứ khổ não bức bách khảo tra, ở trong địa ngục hết kiếp này tới kiếp khác thọ khổ. Giống như cây lớn, bóng nó tỏa ra một khoảng đất trống rộng lớn, họ nằm trên mặt đất bằng sắt nóng đỏ của ngục, lõa hình, chìm ngập trong đó. Họ đều bảo nhau:

–Chúng ta bạc phước, thọ lấy tai ương ác độc này là do chúng ta đã hủy nhục, mắng nhiếc Sa-môn phụng pháp trì giới, vì vậy nên mới bị đọa vào đây. Than ôi! Không thể được thấy Sa-môn phụng pháp trì giới, muốn cầu phương tiện để gặp gỡ, vì đã tự tạo điều ác nên phải tự thọ lấy tai họa, vì nghe theo lời ma xúi giục nên mới không thể che chở thân mình.

Bấy giờ ma Sân hận lại nghĩ: "Ta dùng phương tiện này để toan lợi dụng quấy phá các Sa-môn trì giới, nhưng hoàn toàn không thể được. Giờ thì ta phải biến hình chỉ bày các Trưởng giả, Phạm chí hãy nên cúng dường, phụng sự các Sa-môn trì giới, dâng cúng y phục, thức ăn uống, giường nằm, thuốc men, khiến cho các vị ấy tham đắm sự cúng dường, nhân đó ta mới có cơ hội lợi dụng". Theo như mưu kế ấy, ma liền chỉ bày các Trưởng giả, Phạm chí trong nước, đến nơi ngã tư đường, nếu thấy các Sa-môn, Đạo nhân trì giới thì trải tóc trên đất để các vị ấy đi qua và tán thán:

–Các vị là những bậc Sa-môn trì giới, siêng năng tu tập, khó thấy khó gặp, xin các vị hãy đạp lên tóc tôi mà đi để tôi mãi mãi được vô lượng phước đức.

Hoặc có Trưởng giả, Phạm chí mang y phục đến chỗ các Sa-môn trì giới đảnh lễ, quỳ xuống, thưa:

–Xin các vị thương xót chúng con mà nhận lấy y phục này.

Hoặc họ mang đầy thức ăn, đi đến tinh xá hoặc tới các ngã tư, đầu các ngõ tắt trong làng, dâng lên cúng dường các Sa-môn trì giới, thưa:

–Các vị thật khó gặp, khó thấy, xin các ngài hãy nhận các phẩm vật cúng dường này để chúng con mãi mãi được phước đức vô lượng.

Hoặc họ ân cần mời hỏi, dìu đỡ, tha thiết mời các Sa-môn vào

nhà họ, thỉnh ngồi trên giường đẹp, rồi mang ra các thứ thức ăn uống, y phục, ca-sa, vàng bạc, bảy báu để ở phía trước, quỳ thưa:

–Chư vị là các bậc Sa-môn trì giới khó gặp, khó thấy, xin hãy thọ nhận những vật phẩm cúng dường này. Xin chư vị vì lòng thương xót, tự ý thọ dụng để chúng con mãi mãi được vô lượng phước đức.

Lúc đó Đức Phật Câu-lâu-tần vì bốn chúng đệ tử và chư Thiên, Rồng, Thần giảng nói giáo pháp nhận thấy các đạo sĩ, Sa-môn trì giới được các Trưởng giả, Phạm chí đến gặp, cúng dường, cung kính vô lượng, nên bảo các Tỳ-kheo:

–Nay ma Sân hận chỉ bày các Trưởng giả, Phạm chí cúng dường Sa-môn đạo sĩ trì giới các thứ y phục, đồ ăn uống, ngọa cụ, thuốc men, tùy ý muốn gì cũng cung cấp đủ, nhân đó ma có cơ hội để phá hoại thiện tâm của các vị ấy, khiến họ không thể đắc đạo. Các vị hãy nên ở các nơi chốn núi non, đồng trống vắng vẻ, suy niệm về sự vô thường của vạn vật. Tuy có được y phục, thức ăn uống nhưng đừng tham đắm, phải quán thấy các pháp là khổ, không, phi thân *(vô ngã)*. Như vậy, ma tuy tìm cơ hội để phá hoại nhưng rốt cuộc vẫn không được.

Các Tỳ-kheo liền vâng theo lời dạy của Đức Câu-lâu-tần Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác, tu tập đúng như pháp, nên dù ma có tìm cơ hội để quấy phá vẫn không có.

Vì ma chỉ bày cho các Trưởng giả, Phạm chí, bảo họ cúng dường các vị Sa-môn trì giới, nhờ công đức ấy nên họ đều được sanh lên cõi trời. Khi được sanh lên cõi ấy, họ đều suy nghĩ: "Chúng ta nhờ sự việc cúng dường, thờ pháp với Sa-môn trì giới thanh tịnh, nên tự mình được phước này, không phải nhờ người khác hay trời mà có được".

Bấy giờ Đức Phật Câu-lâu-tần Như Lai, Bậc Chí Chân Đẳng Chánh Giác, sau khi thọ thực, lúc mặt trời xế bóng cùng đệ tử lớn là Hiền giả Hồng Âm du hành nơi quận huyện. Khi ấy Tệ ma hóa thành một người to lớn dũng mãnh, tay cầm gậy cứng đứng bên đường, lén giơ gậy đập vào đầu Hiền giả Hồng Âm làm Hiền giả bể đầu, máu chảy lênh láng. Hiền giả vẫn đi sau Đức Thế Tôn như bóng theo hình, im lặng không nói. Đức Câu-lâu-tần Như Lai là Bậc Thánh không ai bằng, quay đầu nhìn lại, miệng nói lời trách:

–Này ma Sân hận, không biết kiềm chế, đã tạo ra đại ác này.

Ma Sân hận, ngay vào lúc ấy liền bị đọa vào địa ngục, hết

ngục này đi đến ngục khác. Giống như con nòng nọc, con cá bị đưa ra khỏi nước đem lên đất liền; giống như lột da con bò lúc nó còn sống, ma Sân hận liên tiếp ở trong địa ngục chịu sự thống khổ không sao nói hết.

Lúc ấy ma Ba-tuần ở trong địa ngục lần lượt chịu mọi sự thống khổ kịch liệt, trải qua ngàn vạn năm, ức năm cứ mãi ở trong địa ngục ấy. Thí như có người thân bị bệnh cuồng, chạy đến chỗ bất an. Khi đó ma Ba-tuần bị đọa vào đại địa ngục chịu mọi thống khổ vô lượng. Ngục tốt đến nói:

–Ngươi nên biết, nếu có một cái thẻ gắn theo là một con chim bay lên, trải qua mười ngàn vạn năm, so sánh như vậy cũng khó biết được số lượng kia. Này Tệ ma, ta ở trong địa ngục số lượng như vậy, sau đấy mới được ra khỏi địa ngục, lại gặp ách nạn hơn hai vạn năm.

Lúc đó Tệ ma nghe như thế nên hết sức sầu khổ, sợ hãi.

Đức Phật vì Hiền giả Mục-liên, nói kệ:

Ma Sân phải chịu tội
Địa ngục ấy thế nào
Lúc Phật Câu-lâu-tần
Hóa độ chúng đệ tử
Nó phải chịu thống khổ
Lại còn bị khảo tra
Lửa cháy tự thiêu thân
Lửa thiêu mặt đốt hình
Địa ngục ấy như vậy
Ma Sân hận ở đó.
Lúc Phật Câu-lâu-tần
Hồng Âm đệ tử lớn
Giả sử ở trước Phật
Cùng xem các Tỳ-kheo
Do duyên đó chịu tội
Tại vì gây nhiễu loạn.
Nếu ưa thích quấy phá
Tỳ-kheo đệ tử Phật
Phải chịu tai ương kia
Sanh nơi cực khổ não

Như người nhào vực sâu
Bỏ mất cung điện lớn
Không ở với ngọc nữ
Lìa thú vui cõi trời.
Ai hiểu rõ điều này
Tỳ-kheo đệ tử Phật
Từ đó nên dẫn ra
Nỗi nguy, họa thống khổ
Ma nên biết thân Ta
Nương vào cửa giải thoát
Không cõi trời, người trời
Trời Đao-lợi nổi tiếng.
Nếu phân biệt như vậy
Tỳ-kheo đệ tử Phật
Tự thân phạm phi pháp
Do đó vào đường dữ
Ai dùng một ngón chân
Rung động cung tối thắng
Sử dụng lực thần túc
Mục-liên cảm ứng khắp.
Ai hiểu rõ điều này
Tỳ-kheo đệ tử Phật
Nếu tự thân đứng vững
Sao lại đọa cõi ác
Ví có trăm ngọc nữ
Đoan chánh đẹp hơn hết
Thấy Tỳ-kheo thiền tư
Liền không ở viên quán.
Vì phân biệt như vậy
Tỳ-kheo đệ tử Phật
Tỳ-kheo tự tạo nghiệp
Hoặc bị đọa cõi ác
Giả sử cùng hòa đồng
Đến hỏi trời Đế Thích:
Thiên đế hiểu hay không

Nhân đâu được giải thoát?
Đế Thích tùy thời truyền
Đáp lời điều nghi vấn:
Nếu mình không tham đắm
Sau đó được giải thoát
Nếu hiểu rõ việc này
Tỳ-kheo đệ tử Phật
Tùy mình tạo tác nghiệp
Tự dẫn đến cõi ác
Hoặc đến cõi Phạm thiên
Thưa hỏi Phạm thiên vương
Do đâu đến chốn này
Được ở cõi Phạm thiên?
Phạm thiên liền tùy nghi
Theo hỏi mà trả lời:
Nay ta ở chốn này
Chưa từng sanh tà kiến
Từ Phạm thiên khắp xem
Ánh sáng bị thoái chuyển
Nay ta sẽ nói gì?
Thân ta trường thọ ư?
Nếu ai hiểu điều này
Tỳ-kheo đệ tử Phật
Tự thân phạm phi pháp
Tự dẫn đến khổ đau.
Như lửa không tưởng niệm
Ta sẽ đốt kẻ ngu
Ngu tự sờ vào lửa
Lại bị lửa thiêu thân.
Ba-tuần nên hiểu thế
Có ý quấy Như Lai
Chỉ hại đến thân mình
Như lửa thiêu kẻ dại
Người thích làm điều ác
Thân họ mãi khổ đau

Đời sau không tự giác
Đừng quấy phá Tỳ-kheo
Ma Sân chớ thử Phật
Và nhiễu loạn đệ tử
Mãi mãi không an ổn
Phải sanh vào cõi ác.
Bấy giờ ma quy phục
Nên sợ các Tỳ-kheo
Nghe như vậy ưu sầu
Bỗng biến mất không hiện.

Đức Phật giảng nói như vậy, chư Thiên, Long, Thần ai cũng đều hoan hỷ.

❑

SỐ 68

PHẬT NÓI KINH LẠI-TRA-HÒA-LA

Hán dịch: Đời Ngô, Ưu-bà-tắc Chi Khiêm, người nước Nhục chi.

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật cùng với năm trăm Sa-môn đồng du hóa đến nước Câu-lưu, đi dần tới nước Thâu-la-âu-tra.

Bấy giờ các hàng Bà-la-môn, đạo nhân, cùng dân chúng trong nước đều nghe tin Đức Phật đang du hóa đến xứ này. Họ nghe nói về công đức vi diệu của Đức Phật đã đạt được, đã dứt sạch mọi tham dâm, sân hận, ngu si. Những điều Phật giảng nói về tâm ý của con người đều là trung chính, chỉ nhằm đạt tới Phật đạo. Ngài tự biết con người từ đâu sanh đến, dự đoán các việc về quá khứ, vị lai, hiện tại, mắt có thể nhìn thấu suốt mọi chúng sanh nơi thế gian, kể cả các loài côn trùng nhỏ bé nhất, từ lúc sanh ra chết đi luân chuyển qua các nẻo thiện ác. Ngài có thể bay lên cao hoặc ẩn vào lòng đất, lúc ra không cần khoảng cách, vào không cần lỗ hổng, biến hóa tự tại, biết mọi tâm niệm của dân chúng nơi thế gian cùng các loài sâu bọ nhỏ bé nhất. Đức Phật luôn tự kiềm chế thu nhiếp các căn. Thế gian có đến chín mươi sáu thứ đạo nhưng không gì bằng Phật đạo. Đức Phật dốc hết lòng chỉ dạy cho muôn loài trên trời, dưới đất như cha mẹ dạy dỗ con cái, đều khiến họ bỏ ác theo thiện. Ngài là vị thầy của cả Trời, người, những điều giảng dạy cho họ đều khiến đạt được đạo quả A-la-hán giải thoát. Dân chúng khắp cả nước đều nói:

–Đức Phật là người đem lại mọi sự an lành, khéo giảng nói kinh pháp, giới luật. Vậy chúng ta hãy cùng nhau đến chiêm ngưỡng con

người đạo đức ấy.

Thế là dân chúng trong khắp nước ấy, hoặc năm mươi người làm một nhóm, hoặc một trăm người làm một nhóm, hoặc năm trăm người làm một nhóm, họ cùng nhau đi đến chỗ Phật. Trong số ấy, người thì tới quỳ trước Đức Phật, người thì đi nhiễu quanh Phật ba vòng, người thì cung kính đảnh lễ nơi chân Phật, có người lại chắp tay cúi đầu, có người thì nói lên tên họ của mình. Tất cả mọi người cùng ngồi xuống.

Đức Phật vì tất cả dân chúng hiện có giảng nói kinh, luật. Ai nấy đều chắp tay hướng về Đức Phật. Trong số những người đang lắng nghe giáo pháp ấy, có người con của một Trưởng giả tên là Lại-tra-hòa-la, nhờ để tâm lắng nghe nên Lại-tra-hòa-la tự lãnh hội nhanh và suy nghĩ: "Như kinh luật của Phật dạy thì không nên ở nơi gia đình, vì như thế thì tự mình không thể có được thanh tịnh để tu học Phật đạo". Lại nghĩ: "Chi bằng ta cạo bỏ râu tóc, vận áo ca-sa, làm Sa-môn".

Dân chúng nước Thâu-la-âu-tra nghe Đức Phật giảng nói về kinh, luật xong, thảy đều hoan hỷ, nhiễu quanh chỗ Phật ba vòng rồi lần lượt ra về. Lại-tra-hòa-la mới về nửa chừng đường thì liền quay trở lại chỗ Đức Phật, cung kính đảnh lễ rồi chắp tay quỳ xuống, thưa:

–Con nghĩ theo kinh luật của Phật dạy không nên ở tại gia đình, vì như thế thì tự mình không thể có được thanh tịnh để tu học Phật đạo. Ý con muốn cạo bỏ râu tóc, mặc ca-sa, làm Sa-môn, cúi mong Đức Phật xót thương chấp thuận.

Đức Phật hỏi:

–Ngươi đã xin phép cha mẹ chưa?

Lại-tra-hòa-la thưa:

–Con chưa xin phép cha mẹ.

Đức Phật dạy:

–Đối với Phật pháp, nếu cha mẹ không cho phép thì không thể làm Sa-môn. Ta cũng không thể truyền trao giới pháp cho ông được.

Lại-tra-hòa-la thưa:

–Thưa vâng, con sẽ trở về xin cha mẹ, nếu cha mẹ đồng ý thì con xin trở lại.

Đức Phật nói:

–Lành thay! Hãy tự mình suy nghĩ kỹ.

Lại-tra-hòa-la liền đảnh lễ Đức Phật rồi trở về nhà mình, thưa với cha mẹ:

–Con được nghe kinh luật của Phật dạy là không nên ở nơi gia đình, vì như thế thì tự mình không thể có được thanh tịnh để tu học theo giáo pháp của Phật. Nay ý con muốn cạo bỏ râu tóc, mặc ca-sa làm Sa-môn.

Cha mẹ nghe con nói như vậy thì đều nhìn nhau, nghẹn ngào nói:

–Vợ chồng ta hiếm con, phải cầu đảo, khấn vái chư Thiên, mặt trời, mặt trăng, cúi lạy bốn phương mong có được đứa con yêu quý để kế thừa hương khói sau này. Cha mẹ thường sợ mình bỗng nhiên chết đi thì nhà này sẽ không ai nối dõi. Nhờ trời đã cho ta một người con trai, cả nhà đều hết sức yêu mến, quyến luyến. Giả sử con có chết đi, cha mẹ còn không muốn rời bỏ con, cha mẹ sẽ cùng ngồi giữ xác con cho đến già, huống chi nay con còn sống, lại muốn bỏ chúng ta mà đi sao?

Lại-tra-hòa-la nói:

–Như nay cha mẹ không cho con đến chỗ Đức Phật để làm Sa-môn, vậy kể từ hôm nay trở đi con sẽ không ăn, không uống, cả không tắm rửa nữa. Nếu cha mẹ chấp thuận cho con làm Sa-môn thì tốt, còn không thì con sẽ chết mà thôi.

Nói xong, chàng liền nằm dài nơi nền đất trống, không ăn uống một ngày, hai ngày, cho đến năm ngày. Bà con thân thuộc nội ngoại của Lại-tra-hòa-la nghe tin chàng xin cha mẹ để được xuất gia làm Sa-môn, cha mẹ không cho, nên đã nằm dài nơi đất, không ăn không uống đã năm ngày rồi. Bà con nội ngoại đều đến chỗ Lại-tra-hòa-la khuyên bảo nên đứng dậy tắm rửa, ăn uống, rồi nói:

–Lúc chưa có con, cha mẹ con đã cầu đảo chư Thiên, mặt trời, mặt trăng, cúi lạy bốn phương để mong có được một đứa con, tức là con đấy. Con phải lo việc nuôi dưỡng cha mẹ, làm người thừa kế cho gia đình sau này. Giả sử con có chết đi, cha mẹ vẫn muốn ngồi luôn bên xác con cho đến già, huống chi nay con còn sống mà lại muốn lìa bỏ cha mẹ hay sao?

Lại-tra-hòa-la cũng không trả lời. Các vị trong thân tộc cùng đến

chỗ cha mẹ của Hòa-la thở than, nói:

–Cậu bé này rốt cuộc vẫn không nghe theo lời chúng tôi khuyên can.

Lại-tra-hòa-la còn có các người bạn thân thiết, có học, nghe bạn muốn đến chỗ Đức Phật xin xuất gia làm Sa-môn nhưng cha mẹ không đồng ý nên chàng cứ nằm dài trên nền đất trống chẳng thiết gì chuyện ăn uống đã năm ngày rồi, nên cùng kéo tới chỗ Lại-tra-hòa-la khuyên can, bảo hãy đứng dậy lo tắm rửa, ăn uống, nói:

–Lúc bạn chưa ra đời, cha mẹ bạn đã cầu đảo chư Thiên, mặt trời, mặt trăng, cúi lạy bốn phương để mong có được một đứa con. Vậy bạn phải nên lo việc nuôi dưỡng cha mẹ, làm người thừa kế cho gia đình, dòng họ. Ví dầu bạn có chết đi thì cha mẹ bạn vẫn muốn ngồi luôn bên xác bạn cho đến già, huống chi nay bạn còn sống mà muốn xa lìa cha mẹ sao?!

Lại-tra-hòa-la cũng không trả lời. Số bạn bè thân thiết ấy lại đến chỗ cha mẹ của Lại-tra-hòa-la, gạt nước mắt nói:

–Hai bác nên đồng ý cho cậu ấy được làm Sa-môn. Vì sao vậy? Vì như cậu ấy ưa thích đạo pháp làm Sa-môn thì sau đấy vẫn còn sống để gặp nhau. Giả như cậu ta không thích việc tu tập nữa thì sẽ bỏ đạo trở về nhà, ý hai bác thế nào? Còn nếu không cho cậu ta đi, nhất định cậu ấy sẽ chết mất. Nay sức khỏe của cậu ấy sa sút lắm rồi có thể bị chết liền đấy!

Ai nấy đều lo lắng, thở than. Cha mẹ lau nước mắt nói với con trai:

–Anh em bạn bè thân thiết đã giao ước với con rằng sau khi được làm Sa-môn, con phải trở về thăm cha mẹ chứ.

Lại-tra-hòa-la đáp:

–Hãy cho con đến chỗ Đức Phật để làm Sa-môn thì con sẽ sống, không chết, sau này con sẽ trở về thăm cha mẹ.

Cha mẹ nghe con trai mình nói lời ấy thì lại khóc rống lên, nhưng vẫn cho phép Lại-tra-hòa-la làm Sa-môn. Lại-tra-hòa-la hết sức vui mừng, tự nghĩ: "Ta không ăn uống đã năm ngày rồi, thân thể rất suy yếu. Lúc này, Đức Phật từ nước Thâu-la-âu-tra đến nước Xá-vệ, đã đi được năm trăm dặm, vậy ta hãy gắng ăn uống, chờ cho sức khỏe hồi phục rồi sẽ đi".

Sau vài ngày, thấy đã có sức lực, Lại-tra-hòa-la đến thưa với

cha mẹ:

–Xin cha mẹ hãy an tâm. Con sẽ đến chỗ Đức Phật xin làm Sa-môn.

Cha mẹ Lại-tra-hòa-la nghe vậy lại khóc rống lên, rồi gạt lệ nói:

–Hãy đi đi con thân yêu!

Lại-tra-hòa-la cung kính lạy nơi chân cha mẹ, đứng dậy nhiễu quanh chỗ cha mẹ ba lần, rồi đi đến tinh xá Kỳ hoàn, thuộc nước Xá-vệ, tới trước Đức Phật đầu mặt đảnh lễ xong, thưa:

–Cha mẹ con đã cho phép rồi, cúi mong Đức Phật nhận con làm Sa-môn.

Đức Phật liền thuận cho Lại-tra-hòa-la làm Sa-môn, mặc ca-sa, thọ giới pháp của Sa-môn. Đức Phật bảo các vị A-la-hán hàng ngày thay nhau chỉ dạy cho Hòa-la, luôn theo đúng giới luật của chánh pháp. Sa-môn Hòa-la tự tư duy về giáo pháp, giới luật liền chứng tứ thiền, đắc quả thứ nhất là Tu-đà-hoàn, quả thứ hai là Tư-đà-hàm, rồi quả A-na-hàm, và quả A-la-hán đạt được bốn thần túc bay lên hư không, có thể dùng thiên nhãn, thiên nhĩ thấy xa, nghe rộng, nhận biết ngôn từ, tâm niệm của mọi chúng sanh trong thế gian, cả đến các loài sâu bọ, côn trùng nhỏ bé mềm yếu nhất, tự biết túc mạng từ đâu sanh đến. Tôn giả theo Phật trong mười năm như bóng theo hình. Sau đấy Tôn giả Lại-tra-hòa-la suy nghĩ: "Lúc trước, ta lìa gia đình, giã từ cha mẹ, nay nên trở về thăm viếng". Lại-tra-hòa-la bèn bạch Đức Phật:

–Lúc trước con lìa gia đình, xuất gia học đạo đã lâu, nay nên trở về thăm. Xin Đức Phật cho phép con được về thăm cha mẹ.

Đức Phật nghĩ: "Lại-tra-hòa-la này không thể trở về với đời sống ái dục như lúc ở nhà được, vì đã từ nơi ái dục mà được giải thoát", liền nói:

–Rất tốt.

Tôn giả liền đảnh lễ Phật rồi đi, lần lượt đến nước Thâu-la-âu-tra. Vào lúc sáng sớm, Tôn giả mang y cầm bát đi vào xóm của cha mẹ, dần tới trước cửa nhà mình để khất thực mà không nhận ra người nhà. Vì sao? Bởi vì theo đúng pháp của Sa-môn phải biết quên mình là con của gia đình này. Do cả nhà vốn có ác kiến với Sa-môn nên không ai ngó ngàng đến Tôn giả. Lại-tra-hòa-la đến ngay trước cửa

nhà mình nhưng chẳng ai cho gì, cũng chẳng ai thèm nhìn, ngó hay hỏi han, chỉ bị mắng nhiếc. Tôn giả vẫn không buồn phiền. Vừa muốn quay đi, lúc đó có người hầu bước ra khỏi cửa để đổ đồ ăn thừa. Tôn giả Lại-tra-hòa-la thấy vậy liền nói:

–Này cô, cô đem thứ đồ ăn hư thối này làm gì?

Người hầu đáp:

–Đồ ăn này không thể dùng được nữa, cho nên tôi đem đổ đi.

Tôn giả Lại-tra-hòa-la nói:

–Nếu cô muốn đổ đi thì hãy cho ta.

Người hầu liền đổ thức ăn vào bình bát của Tôn giả. Cô gái ngầm nhận ra Lại-tra-hòa-la qua tay chân và lời nói. Cô nghĩ: "Đây là người con trai của chủ mình". Cô ta liền chạy vào nhà báo cho mẹ của Tôn giả biết là con trai của bà đã trở về, đang ở bên ngoài.

Mẹ của Tôn giả hết sức vui mừng nói với người hầu:

–Nếu đúng như lời ngươi nói thì ngay ngày hôm nay ta sẽ cho ngươi được tự do, trở thành người bình thường.

Bà liền lấy y phục và châu ngọc đang trang điểm của mình đem cho mẹ của cô gái hầu. Lại chạy đến chỗ chồng, lúc ấy đang đứng trong nhà chải tóc, bà nói:

–Con hầu vừa thấy con trai của chúng ta trở về đang đứng ở trước cửa nhà mình. Tôi liền nói với nó nếu quả thật người thấy đúng là Lại-tra-hòa-la, ta sẽ cởi bỏ y phục và châu báu đang trang điểm trên thân cho ngươi và cho ngươi được tự do trở thành người bình thường.

Rồi bà nói với chồng:

–Ông hãy nhanh chân để ra bố thí cho người khất thực.

Cha của Tôn giả liền sửa lại đầu tóc rồi chạy ra phía ngã tư đường để tìm, thấy Tôn giả Lại-tra-hòa-la đang đứng nơi chỗ vắng, ngẩng đầu nhìn trời, vừa đúng giờ ăn, liền đứng lại để ăn đồ ăn đã thiu thối ấy. Người cha liền đến phía trước, nói với Lại-tra-hòa-la:

–Sao con không vào nhà, ngồi nơi chỗ đẹp đẽ, ăn cơm canh ngon, sao lại đứng ở đây ăn các thứ ăn thiu thối như thế?

Tôn giả Lại-tra-hòa-la thưa:

–Tôi đã bỏ gia đình để học đạo, làm Sa-môn không nhà, vậy tôi làm gì có nhà mà ngài nói cùng về?

Tôn giả không chịu đi. Người cha mời:

–Xin mời Tôn giả sáng mai đến nhà này để thọ thực và gặp mẹ.

Tôn giả Lại-tra-hòa-la thưa:

–Rất tốt!

Ông liền trở về nói với vợ:

–Lại-tra-hòa-la quả thật có đến đây. Tôi đã mời con sáng mai đến nhà để dùng cơm. Con của chúng ta đã nhận lời mời, vậy bà phải chuẩn bị cơm nước đầy đủ.

Bà mẹ liền gọi những cô hầu trong nhà đến trước mình bảo:

–Lúc ta mới về nhà này, cha mẹ ta có cho ta nào vàng, bạc, ngọc trắng, châu báu vô số. Các ngươi hãy đem tất cả những thứ ấy để giữa sân, lấy đồ che lên trên.

Các người hầu liền theo lời của mẹ Tôn giả đem tất cả các thứ vàng, bạc, châu báu chất đầy ở giữa sân, lấy đồ che lên trên, cao hơn đầu người.

Hôm sau, đến giờ ăn, Tôn giả Lại-tra-hòa-la, mang y, cầm bát đi tới nhà cha mẹ mình. Cha mẹ Tôn giả từ xa trông thấy con đi vào ngõ, bà mẹ liền giở vật che trên đống vàng bạc ra, hai tay hốt đầy vàng bạc đi đến trước Tôn giả Lại-tra-hòa-la, tung vàng bạc châu báu lên, nói:

–Con hãy nhìn xem vàng bạc châu báu ở đây, chính là sở hữu của mẹ lúc mới về nhà này. Còn phần vàng bạc châu báu của cha con thì nhiều vô số. Con hãy dùng nó để bố thí, ăn tiêu, vui chơi thỏa thích. Con làm Sa-môn sao bằng làm người bạch y, ở nhà được tự do vui sướng.

Tôn giả Lại-tra-hòa-la thưa với cha mẹ:

–Nếu như cha mẹ chấp nhận lời đề nghị của con, con muốn xin cha mẹ một chuyện.

Cha mẹ Tôn giả nói:

–Tốt lắm! Chúng ta chấp nhận.

Tôn giả Lại-tra-hòa-la thưa:

–Xin lấy tất cả số vàng bạc châu báu kia che lại, dùng cái đãy bỏ chúng vào trong, đặt lên xe, đem đến bờ sông Hằng coi khúc sông thật sâu thì bỏ xuống đó. Vì sao vậy? Vì người nào cất chứa tài sản châu báu thì nó sẽ khiến cho kẻ ấy nhiều sầu muộn, hoặc họ sợ triều đình chiếm đoạt, trộm cướp lấy đi, hoặc sợ nước trôi, lửa cháy, hoặc

sợ oan gia phá hủy.

Cha mẹ Tôn giả liền nghĩ: "Không thể dùng tiền tài để khuyến dụ Lại-tra-hòa-la trở lại đời sống tại gia được. Vậy chúng ta thử dùng các cô gái đẹp, các kỹ nữ để dụ dỗ xem sao". Suy nghĩ như vậy rồi, bà mẹ liền đến chỗ các cô gái, các kỹ nữ kia chỉ dẫn họ lo tắm gội, trang điểm đeo các loại châu ngọc, mặc những bộ y phục đẹp mà Lại-tra-hòa-la trước đây yêu thích nhất. Bà mẹ bảo các cô gái:

–Các cô đến gặp Tôn giả Lại-tra-hòa-la, chỉ nói: "Này người con của đại gia! Có ngọc nữ nào xinh đẹp hơn chúng tôi, khiến chàng phải bỏ chúng tôi để học đạo vì nàng?".

Các cô gái ấy liền vâng lời lo trang điểm, mặc y phục, đeo châu báu xong thì cùng đi ra. Gặp Tôn giả Lại-tra-hòa-la, họ nói:

–Này người con của đại gia! Có ngọc nữ nào xinh đẹp hơn chúng tôi, khiến chàng phải bỏ chúng tôi để học đạo, hầu tìm nàng ta?

Tôn giả Lại-tra-hòa-la đáp:

–Ta chẳng đi tìm ngọc nữ nào mà bỏ các cô em cả.

Các cô gái ấy nghe Tôn giả nói như vậy liền cảm thấy hổ thẹn, bèn quỳ xuống, cúi đầu, lấy tay che mặt rồi nói:

–Vì chẳng muốn lấy chúng tôi làm vợ nên mới gọi chúng tôi là cô em?

Tôn giả Lại-tra-hòa-la nói với cha mẹ mình:

–Tại sao lại làm phiền nhau. Nếu muốn thí cúng cơm thì đó là tốt, không muốn thì thôi.

Cha mẹ Tôn giả liền cho dọn ra đầy đủ các món ăn ngon để Tôn giả dùng. Cha mẹ Tôn giả muốn được nhìn con thật lâu, sợ con ăn xong rồi đi liền, nên bảo đám người hầu đóng các cửa ngõ, dùng khóa khóa lại.

Tôn giả ăn xong giảng nói kinh cho cha mẹ nghe:

–Những người nông dân nuôi dưỡng các thú vật chẳng nên bắt nhốt chúng, khiến chúng không được tự do, huống hồ là chuyện con người. Hãy thả tôi ra, tôi ăn rồi đi. Loài thú nơi đồng ruộng được thoát, liền chạy vào núi sâu. Chải đầu, bôi hương thơm, thoa phấn, kẻ chân mày trắng đen đủ loại, những thứ ấy chỉ làm mê hoặc kẻ ngu si, chứ đối với người đã thoát khỏi mọi sự trói buộc của thế gian thì làm sao mê hoặc. Hãy nhìn bộ xương này với da thịt bao phủ, được trang sức

bằng bao thứ vàng bạc, châu báu, vòng đeo ngọc ngà... ai đam mê kẻ ấy như đi vào trong nước sôi, lửa đỏ, lửa đâu có đáng ưa thích. Dùng hương thơm bôi xoa thân thể, những thứ ấy chỉ gạt được người ngu si, nhưng làm sao gạt được người đã thoát khỏi mọi thứ trói buộc của cuộc đời. Vì không thể tự biết phải làm gì nên mới làm như vậy. Cũng không thể phân biệt cha mẹ, cũng không thể phân biệt anh em, khi tâm con người dấy khởi ái dục thì không thể tự mình đoạn tuyệt được. Người nữ giống như các dòng nước, các dòng nước ấy đều chảy vào biển cả. Người ngu chạy theo nữ nhân nên mới trôi lăn vào trong các nẻo địa ngục, súc sanh quỷ đói. Nếu muốn vượt khỏi sự ưu sầu khổ não trong đường sanh tử, muốn đạt được đạo Niết-bàn giải thoát cần phải xa lìa người nữ.

Tôn giả Lại-tra-hòa-la thuyết giảng kinh cho cha mẹ mình nghe xong liền vận dụng thần túc bay vút lên trời qua đường cửa sổ rồi đi thẳng, giống như con sư tử dũng mãnh chạy thoát.

Bấy giờ quốc vương Câu-liệp vốn có thân tình với Tôn giả Lại-tra-hòa-la từ thuở nhỏ. Nhà vua có một tòa lầu nơi vườn cây ở ngoài thành. Lúc Tôn giả Lại-tra-hòa-la phi hành đến phía trước thì đi vào trong khu vườn ấy ngồi bên gốc cây Duy-hê-lặc. Lúc ấy vua Câu-liệp bỗng nhiên muốn đi đến nơi tòa ấy để vui chơi, liền ra lệnh cho người coi khu vườn lo công việc quét dọn. Viên quan coi vườn vâng lệnh vua đi làm công việc, thấy Tôn giả Lại-tra-hòa-la đang ngồi bên gốc cây Duy-hê-lặc, liền đến tâu với vua:

–Thần đã quét dọn sạch sẽ. Đức vua thường nói có bạn tri thức thân tình là Lại-tra-hòa-la, nay Tôn giả ấy đang ngồi bên gốc cây trong vườn. Nếu đức vua muốn gặp Tôn giả vậy hãy đến đó.

Nhà vua nghe tâu như thế thì vô cùng vui mừng, liền cho sửa soạn xa giá rồi cùng đoàn tùy tùng đến phía ngoài tòa lầu, xuống xe đi bộ vào khu vườn, tới chỗ Tôn giả Lại-tra-hòa-la, chào hỏi đúng lễ rồi ngồi xuống. Tôn giả Lại-tra-hòa-la nói:

–Nhà vua đến đây thật quá tốt.

Vua nói:

–Chỉ có một mình ta đến đây, Tôn giả vốn là bạn tri thức của ta lúc nhỏ. Nếu cần dùng các thứ tài sản vật báu gì thì ta sẽ tặng như ý muốn.

Tôn giả Lại-tra-hòa-la đáp:

–Không nên đem tiền của ban tặng cho tôi. Nay tôi đã lìa bỏ được gánh nặng, giải thoát khỏi lao ngục ấy. Nhà vua lại muốn đem cái gánh nặng của lao ngục đó đặt lên thân tôi sao. Vậy đừng đem các thứ ấy cho tôi.

Vua hỏi:

–Vậy ta nên đem những vật gì để tặng Tôn giả?

Tôn giả Lại-tra-hòa-la đáp:

–Vua chỉ nên nói hiện nay đất nước của ta giàu có, năm thứ lúa thóc, hoa màu dồi dào, dân chúng đông đúc, việc khất thực dễ được, các Sa-môn có thể ở lại trong nước ta, ta ra lệnh cho các quan và dân chúng không được xâm phạm Sa-môn.

Nhà vua nói:

–Xin ghi nhận lời dạy ấy, tôi sẽ làm như điều Tôn giả mong ước và bày tỏ.

Vua nói:

–Tôi có điều muốn hỏi, xin Tôn giả lắng nghe.

Lại-tra-hòa-la nói:

–Rất tốt.

Vua liền nói:

–Phàm người làm Sa-môn thường gặp phải có bốn việc khổ, thì mới làm Sa-môn. Những gì là bốn? Một là tuổi già, hai là bệnh hoạn, ba là cô độc, bốn là bần cùng. Người ở đời vì bốn sự khổ này nên mới làm Sa-môn. Nay tôi thấy Tôn giả hoàn toàn không có bốn điều ấy vậy sao lại làm Sa-môn?

Vua lại nói:

–Sở dĩ người tuổi già mới làm Sa-môn là vì người già tự nghĩ mình khí lực yếu kém, đứng ngồi khổ sở, không thể đi xa làm ăn để kiếm tiền của, nếu có tiền của cũng không thể giữ vững, do đó mới cạo bỏ râu tóc làm Sa-môn. Tôi thấy Tôn giả không ở vào trường hợp này. Tôn giả đầu tóc đen nhánh, thân thể tròn đầy, vừa đang độ tuổi thanh niên, nên vui chơi, nhưng Tôn giả lại làm Sa-môn để cho cha mẹ của mình khóc than, buồn bã.

Hai là, người thân thể bị bệnh nặng, ốm yếu tự nghĩ: “Ta không thể mưu sinh để có tiền tài, nếu có tiền tài thì cũng không thể giữ

vững được". Do đó họ cạo bỏ râu tóc làm Sa-môn. Tôi thấy Tôn giả hoàn toàn không thuộc vào trường hợp vừa nêu, thân thể lại cường tráng.

Ba là có người cô độc một thân, không thể mưu sinh để có tiền tài, hoặc nếu có tiền tài thì cũng không giữ nổi, vì vậy mới làm Sa-môn. Tôi thấy Tôn giả cũng không phải như vậy. Trừ hàng vương tộc ra thì trong nước của ta không ai hơn Tôn giả về mặt này.

Bốn là người bần cùng đói lạnh, không thể tự nuôi sống được, kẻ ấy tự nghĩ: "Mình nghèo khổ quá, không thể mưu sinh nổi, do đó nên cạo bỏ râu tóc, làm Sa-môn để được của bố thí mà sinh sống". Tôi thấy Tôn giả hoàn toàn không có trường hợp này. Tôi thấy những kẻ giàu có trong nước không ai hơn gia đình Tôn giả. Người ta vì bốn sự khổ kể trên mới làm Sa-môn.

Vua hỏi tiếp:

–Thưa Tôn giả, vậy có trường hợp nào ngoài bốn trường hợp vừa kể khiến cho người ta làm Sa-môn chăng?

Tôn giả Lại-tra-hòa-la đáp:

–Đức Thế Tôn thường dạy tôi bốn việc phải biết rõ rồi đem chỉ dạy cho người khác. Trong tâm tôi hiểu đúng như lời Phật dạy nên cạo bỏ râu tóc, mặc ca-sa, làm Sa-môn. Những gì là bốn?

Một là con người không ai tránh khỏi sự già, không ai có thể làm cho thân mình không già yếu.

Hai là không ai có thể tránh khỏi bệnh, thân mình không thể chết thay cho người khác được.

Ba là người chết ra đi một mình, không ai có thể mang tài sản theo được.

Bốn là con người cho đến chết vẫn không thể nhàm chán ái dục và của cải. Con người luôn làm nô lệ cho tài sản và ái dục.

Đức Phật đã dạy cho tôi bốn việc này, tâm tôi dốc tin điều ấy nên làm Sa-môn.

Vua nói:

–Tôn giả nói bốn việc này quá cô đọng, ý tôi không lãnh hội hết, xin Tôn giả nói rộng thêm cho tôi hiểu.

Tôn giả Lại-tra-hòa-la nói:

–Nay tôi xin hỏi nhà vua, xin vua cứ thành thật trả lời. Nhà vua

từ lúc hai mươi, ba mươi cho đến lúc bốn mươi tuổi, khí lực dồi dào, có tài bắn tên, cỡi voi, phi ngựa, chạy nhanh, lúc đó ngài tự cho mình là vô song, vậy nay có còn không?

Nhà vua nói:

–Đúng như lời Lại-tra-hòa-la nói từ lúc hai mươi, ba mươi cho đến bốn mươi tuổi, tôi tự thấy mình là vô song với các nghề bắn tên, cỡi voi, phi ngựa, chạy đua. Nay tôi tuổi đã lớn, khí lực suy kém đứng ngồi khó khăn, ý muốn thoát khỏi sự khổ ấy nhưng không thể thoát được.

Tôn giả Lại-tra-hòa-la nói:

–Đức Phật giảng nói một việc ấy, tôi lãnh hội được ý nghĩa sâu xa nên cạo bỏ râu tóc làm Sa-môn.

Nhà vua nói:

–Đức Phật dạy việc ấy thật là kỳ diệu, thật rất đúng, nó đã thâm nhập trong tâm tôi.

Tôn giả Lại-tra-hòa-la hỏi nhà vua:

–Ở trong nước có những hàng cận thần, trăm quan nhờ vua mà được sống đầy đủ phải chăng?

Nhà vua đáp:

–Đúng vậy.

Tôn giả Lại-tra-hòa-la nói:

–Nhà vua có từng bị bệnh khổ nằm liệt giường không?

Nhà vua nói:

–Quả có như vậy.

Tôn giả Lại-tra-hòa-la nói:

–Lúc bị bệnh nằm liệt giường như thế, nhà vua có gọi kẻ cận thần, trăm quan đã nhờ vua mà được sống đầy đủ đến dạy rằng: "Nay ta bị bệnh nguy khốn, các ngươi hãy cùng nhau chia bệnh của ta ra, mỗi người lãnh một ít". Dù vua có nói như vậy thì họ có thể chia nhau nhận lãnh bệnh của vua được chăng?

Nhà vua đáp:

–Không thể được. Nếu thân ta bị bệnh thì phải tự chịu lấy chứ cận thần, trăm quan không thể thay thế được.

Tôn giả Lại-tra-hòa-la nói:

–Đức Phật đã giảng dạy như vậy. Đó là việc thứ hai, tôi đã lãnh

hội, vì thế mà làm Sa-môn.

Nhà vua nói:

–Thật là kỳ diệu đặc biệt, thật là hay, đúng! Điều ấy đã thâm nhập vào tâm tôi.

Tôn giả Lại-tra-hòa-la hỏi nhà vua:

–Khi thọ mạng của con người sắp hết thì phải chết, trong tâm rất buồn, tuy rất buồn nhưng không thể thoát khỏi cái chết.

Tôn giả Lại-tra-hòa-la nói tiếp:

–Con người tự biết là sẽ chết, tại sao không trù tính việc đem các châu báu đến chỗ tái sanh?

Nhà vua nói:

–Không thể mang theo châu báu của cải đến chỗ mình sẽ tái sanh được. Tất cả đều phải từ bỏ chỉ ra đi một mình mà thôi.

Tôn giả Lại-tra-hòa-la nói:

–Đức Phật đã giảng dạy như vậy. Đó là việc thứ ba, tôi đã lãnh hội nên mới làm Sa-môn.

Nhà vua nói:

–Đức Phật dạy việc này thật là kỳ diệu đặc biệt, thật là đúng, nó đã thâm nhập vào tâm tôi.

Tôn giả Lại-tra-hòa-la hỏi vua:

–Đại vương, có phải trong nước của nhà vua được bình yên, dân chúng đông đúc, năm thứ lúa thóc hoa màu dồi dào không?

Nhà vua đáp:

–Quả đúng như vậy.

Tôn giả Lại-tra-hòa-la nói:

–Nếu có người từ phương Đông đến, thành thật nói với vua, mà vua cũng tin lời người ấy, rằng tôi từ phương Đông tới, thấy có một nước lớn, nước ấy giàu có, dân chúng đông đúc, tôi biết con đường tắt xuyên qua nước đó, ngài có thể đem quân binh của mình đến chinh phạt để chiếm nước ấy. Nếu nhà vua nghe lời nói kia, có muốn sai người qua chiếm nước đó không?

Nhà vua đáp:

–Có chứ, vì tham lợi của nước ấy nên mới muốn chiếm cứ nước ấy.

Tôn giả Lại-tra-hòa-la nói:

–Nếu lại có người từ phương Nam, phương Tây và phương Bắc

đến, nói: "Có một nước...." như người từ phương Đông đã nói, vậy nhà vua có muốn chiếm nước ấy không?

Vua đáp:

–Có chứ! Vì tham cái lợi của nước ấy nên đem binh vào chiếm.

Tôn giả Lại-tra-hòa-la nói:

–Nếu lại có một người từ một vùng biển đi đến, thành thật nói với vua, mà vua cũng tin lời của người ấy: "Ở vùng biển kia có một nước lớn, trong nước ấy lúa thóc hoa màu dồi dào, dân chúng đông đúc, tôi biết con đường tắt xuyên qua nước đó, nhà vua có thể đem binh mã của mình đến để đánh chiếm nước ấy". Vua nghe lời tâu như thế thì có muốn sai người đem quân mã đến chiếm nước kia không?

Vua đáp:

–Có chứ, vì tham cái lợi của nước ấy nên muốn đánh chiếm.

Tôn giả Lại-tra-hòa-la nói:

–Đức Phật thấy rõ việc này, biết con người khổ là do lòng tham, do không biết đủ. Đó là việc thứ tư tôi đã lãnh hội, vì vậy mà tôi làm Sa-môn. Đức Phật thấy rõ bốn sự việc ấy nên mới chỉ dạy con người phải biết ngăn chặn.

Nhà vua nói:

–Đức Phật giảng nói điều này thật vô cùng kỳ diệu đặc biệt, hết sức đúng, hay, nó đã thâm nhập vào tâm tôi.

Nhà vua nói tiếp:

–Đức Phật dự biết việc quá khứ, vị lai và hiện tại giỏi tới như vậy sao?

Tôn giả Lại-tra-hòa-la nói:

–Nhà vua đã có nước của mình và nước nơi bốn phương mà vẫn chưa biết đủ, lại còn mong muốn chiếm cứ nước ở ngoài biển nữa. Đức Phật nhận thấy con người ở thế gian có tài sản quý giá đều lo giữ kỹ, không chịu bố thí cho người khác, tham lam bỏn sẻn cất giấu, lại còn mong cầu thêm. Từ vua chúa đến dân chúng đều không biết nhàm chán, biết đủ cho đến lúc chết vẫn không lìa bỏ ái dục. Nên bỏ lòng tham, vì lúc chết thì của cải, tài sản đều để lại, chỉ ra đi tay không, phải theo con đường thiện hay ác do chính người ấy tạo ra. Sự thiện hay ác đi theo con người như bóng theo hình. Con người sau khi chết, gia đình quyến thuộc khóc lóc thảm thiết, rồi lo khâm liệm chôn cất.

Con người khi sanh ra một mình thì lúc chết cũng một mình. Tự thân tạo ra điều thiện ác thì chính thân phải lãnh chịu, không ai có thể thay thế được. Đồ ăn uống, vàng bạc, châu báu không thể làm cho người ta đạt đạo, tiền của không thể cứu mạng người thoát khỏi già chết. Sự suy nghĩ nhớ tưởng của con người đa đoan, chính là do ái, lạc. Tâm ý con người luôn luôn thay đổi, không thể chuyên nhất.

Đức Phật dạy:

–Vì con người buông lung tâm ý cho nên phải gặp điều xấu dữ, tai họa, sợ hãi. Ví như dấy ý nghĩ khoét tường đục vách để ăn trộm, sau đó lấy được của cải của người khác. Thân đã làm điều ác, tự sập vào bẫy chết. Như người thế gian làm ác, sau khi chết bị đọa vào các nẻo địa ngục, súc sanh hay ngạ quỷ. Ví như cây cối sanh hoa lá, kết thành trái, có khi có hoa thì rụng, có khi có trái thì rụng, có khi trái lớn thì rụng, có khi trái chín thì rụng. Con người cũng như vậy, có lúc mới thọ thai liền chết, có lúc mới sanh liền chết, có khi tuổi thành niên bị chết, có khi tuổi già bị chết. Mạng người không thể biết được.

Tôn giả Lại-tra-hòa-la nói:

–Do vậy mà tôi làm Sa-môn. Kẻ phàm phu gọi tôi là người không thể lo nổi việc nhà nên làm Sa-môn. Tuy có luận bàn đủ thứ cũng không bằng học đạo.

Tôn giả Lại-tra-hòa-la giảng nói kinh pháp xong, nhà vua liền đạt được quả thứ nhất là đạo Tu-đà-hoàn, liền xin thọ năm giới:

1. Không sát sanh.
2. Không trộm cắp.
3. Không xâm phạm phụ nữ của người khác.
4. Không nói dối.
5. Không uống rượu.

Nhà vua thọ giới xong liền cung kính đảnh lễ rồi lui ra.

❑

SỐ 69

PHẬT NÓI KINH HỘ QUỐC

Hán dịch: Đại sư Pháp Hiền (Đời Tống).

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Thế Tôn ở tại thành Câu-lư, du hóa tạo mọi lợi ích cho chúng sanh rồi dần dần đi đến thôn Đổ-la, cùng đông đủ chúng Đại Bí-sô tạm dừng lại ở đấy.

Bấy giờ, trong thôn này có các Bà-la-môn, Trưởng giả... cùng nhau bàn luận:

–Vị Đại Sa-môn Cù-đàm này đã bỏ ngôi vua, xuất gia hành đạo, quả đức tròn đầy tỏa sáng, danh tiếng đồn khắp, chính là Bậc Ứng Cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Đối với các hàng Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn, người và chẳng phải người nơi các cõi, nhờ hạnh nguyện của chính mình mà Ngài đã thành tựu quả vị Đẳng Chánh Giác, trải lòng từ bi, thuyết giảng chánh pháp, phần đầu thiện, phần giữa thiện, phần cuối cũng thiện, nghĩa lý sâu xa, thuần nhất không xen tạp, đầy đủ tướng phạm hạnh viên mãn, đầy đủ sự tối tôn, tối thượng như vậy. Nếu chúng ta gặp Ngài sẽ cùng được nhiều điều lợi ích tốt đẹp. Vậy chúng ta hãy đến chỗ Phật để chiêm ngưỡng lễ bái, xưng tán.

Bàn luận xong, họ cùng nhau đến chúng hội của Phật. Đến nơi, người thì cung kính đảnh lễ, người thì chắp tay, còn số đông thì hết lời xưng tán. Số người đông đảo như vậy, khi đảnh lễ tán thán xong đều ngồi qua một bên.

Bấy giờ Đức Thế Tôn thuyết pháp cho mọi người nghe, khiến họ

đều hân hoan, phát tâm Bồ-đề. Các vị Bà-la-môn, đại Trưởng giả... cũng vậy, sau khi phát tâm Bồ-đề, liền từ tòa ngồi đứng dậy, chắp tay hướng về Đức Phật, hết lời xưng tán, cung kính đảnh lễ rồi ra về.

Lúc ấy, trong hội có một đại Trưởng giả tên là Hộ Quốc, vì luyến mộ Đức Phật nên không rời khỏi pháp hội và nghĩ như vầy: "Pháp ta được nghe, nếu có thể nương tựa thực hiện, chắc chắn sẽ thành Bậc Chánh Giác. Nếu ta ở gia đình thì cứ mãi bị cảnh luân hồi. Đức Phật ra đời thật khó gặp, nên tin tưởng, xuất gia để cầu giải thoát, vậy nay ta phải xa lìa mọi sự phóng dật, tinh tấn phát tâm, theo Phật xuất gia, dốc tu phạm hạnh, nguyện cạo bỏ râu tóc, mặc ca-sa".

Trưởng giả Hộ Quốc nghĩ như vậy rồi, liền từ tòa ngồi đứng dậy, đi đến trước Đức Phật, đầu mặt lạy ngang chân Ngài, chắp tay hướng về Đức Phật, thưa:

–Con theo Đức Thế Tôn, được nghe chánh pháp, chán sự khổ trong cõi luân hồi, khởi tâm tin vui, nên nay xin Đức Phật cho phép con được xuất gia làm Sa-môn. Cúi mong Đức Thế Tôn chấp nhận.

Đức Phật nói:

–Này Hộ Quốc, Trưởng giả dốc lòng tin xuất gia, vậy cha mẹ của Trưởng giả đã cho phép chưa?

Hộ Quốc thưa:

–Thưa chưa, bạch Thế Tôn. Cha mẹ con không cho phép.

Đức Phật nói:

–Này Hộ Quốc, cha mẹ không cho phép thì không được xuất gia.

Hộ Quốc lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, tuy cha mẹ chưa cho phép nhưng con sẽ khẩn thiết cầu xin, thế nào cha mẹ cũng đồng ý.

Đức Phật bảo:

–Này Hộ Quốc, như điều mong ước của Trưởng giả, nay đã đúng lúc.

Bấy giờ Trưởng giả Hộ Quốc, vâng theo lời dạy của Đức Phật, cung kính đảnh lễ rồi lui ra, trở về nhà thưa với cha mẹ:

–Xin cha mẹ thương yêu, chấp nhận sự thỉnh nguyện của con: "Con ở nơi chúng hội của Phật, nghe Phật thuyết pháp, con đã lãnh hội, thấu hiểu liền phát khởi chánh tín, muốn được xuất gia". Cúi mong cha mẹ chấp nhận lời xin của con.

Cha mẹ của Hộ Quốc bảo:

–Con muốn xuất gia để mong được lợi ích gì? Lại nhằm chứng đắc điều gì mà cầu xuất gia? Nếu con muốn xuất gia hẳn không phải vì mục đích xin ăn để sống chứ? Con nên biết rằng, hiện nay tài sản, châu báu nơi gia đình của ta nhiều vô kể. Con chỉ cần sống tại gia, bỏ của cải ra làm phước, tương lai sẽ được giàu có an lạc, cần gì phải xuất gia?

Cha mẹ của Hộ Quốc khéo dùng những lời như thế để khuyến dụ Hộ Quốc không nên xuất gia. Hộ Quốc lại thưa:

–Xin cha mẹ nên nghĩ: con đã nhàm chán cảnh sanh tử luân hồi, tự lìa bỏ sự vinh hoa nơi thế gian, chí mong cầu xuất gia học đạo. Cúi mong cha mẹ chấp thuận cho con.

Hộ Quốc đã thỉnh cầu cha mẹ đến hai, ba lần. Cha mẹ của Trưởng giả lại bảo:

–Con đã quyết tâm, dốc cầu xuất gia, đừng lấy việc đi xin ăn để sinh sống. Tài sản vàng bạc, châu báu của nhà ta nhiều vô số kể. Con chỉ nên ở nhà bố thí làm phước, hưởng thọ phú quý, cần gì phải xuất gia!

Cha mẹ của Hộ Quốc cũng hai, ba lần khuyên bảo như vậy. Trưởng giả Hộ Quốc lại thưa:

–Nếu cha mẹ không cho phép, kể từ ngày hôm nay trở đi, con thề sẽ không ăn uống cho đến chết.

Thệ nguyện như thế rồi, Trưởng giả Hộ Quốc bèn liền không ăn uống gì cả. Bấy giờ các bạn hữu tri thức của Hộ Quốc nghe tin ấy liền cùng nhau đến nhà cha mẹ của Trưởng giả Hộ Quốc. Họ nói:

–Thưa ông chủ Trưởng giả, chúng tôi đều nghe con trai của hai bác là Hộ Quốc ưa thích xuất gia, tuy anh ta hết lòng cầu xin nhưng hai bác vẫn không đồng ý. Chúng tôi biết con của hai bác đang hưởng thọ mọi sự giàu sang, sung sướng, bỗng dưng quyết tâm cầu đạo. Nay nếu hai bác không chấp thuận, anh ta sẽ bị đau khổ, có thể dẫn đến mạng chung, khiến hai bác phải bị cái khổ ái biệt ly. Do đó hai bác nên cho phép anh ta tùy ý xuất gia.

Bấy giờ cha của Hộ Quốc thấy các bạn tri thức của con mình hết lời xin giúp nên đồng ý cho Hộ Quốc xuất gia. Các bạn nghe nói như thế, liền đến chỗ Hộ Quốc, bảo:

–Này Hộ Quốc, anh nên biết, nay cha mẹ của anh đã chấp thuận cho anh xuất gia rồi đấy.

Hộ Quốc biết tin vui ấy nên vô cùng hoan hỷ vội đến trước cha mẹ mình bái lạy, từ biệt ra đi, trở lại chỗ Đức Phật, cung kính đảnh lễ rồi chắp tay đứng qua một bên, bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, nay cha mẹ con đã đồng ý cho con xuất gia. Cúi mong Đức Phật từ bi rủ lòng thương xót chấp thuận cho con được làm Bí-sô.

Đức Thế Tôn bảo Hộ Quốc:

–Lành thay! Lành thay! Nay đã đúng lúc thu nhận cho Trưởng giả.

Lúc ấy Hộ Quốc râu tóc tự rụng, thân mặc ca-sa, thành tướng Bí-sô, tu trì phạm hạnh, trừ bỏ mọi sự buông lung, lìa các ưu não, tự tâm điều phục, nhu hòa thuận hợp, chứng pháp thanh tịnh, biết: sự sanh của ta đã hết, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa.

Bấy giờ Tôn giả Hộ Quốc đã dứt sạch hết các lậu, y chỉ với Đức Phật trong mười hạ. Sau khi đã đủ mười hạ, Tôn giả liền đắp y, mang bát, đến trước Đức Phật, cung kính đảnh lễ nơi chân Ngài, chắp tay đứng qua một bên rồi thưa:

–Bạch Thế Tôn, con vốn sanh sống ở làng xóm Đổ-la, đã xả bỏ gia đình thân quyến, chí tín xuất gia, nay con muốn trở về quê cũ để thăm thân bằng quyến thuộc. Cúi mong Đức Thế Tôn cho phép.

Bấy giờ Đức Thế Tôn biết rõ những ước muốn trong tâm của Tôn giả Hộ Quốc, lại quán biết tâm chí của Tôn giả chỉ nhằm đem lại lợi ích cho tất cả, huống chi Tôn giả ngày còn ở nhà thường lìa các dục. Ngài quán thấy như vậy rồi liền bảo:

–Này Tôn giả Hộ Quốc, nay đã đúng lúc, nên làm theo ý của mình.

Tôn giả Hộ Quốc vâng lời Phật dạy, vô cùng phấn khởi, nhiễu quanh chỗ Đức Phật ba vòng, cung kính đảnh lễ, rồi giã từ ra về.

Tôn giả trở về quê cũ, lần lượt đi qua nhiều nơi, rồi tới làng của mình, tạm nghỉ qua đêm. Vào lúc trời hừng sáng, Tôn giả Hộ Quốc đắp y ôm bát, thứ lớp khất thực, đi đến trước nhà mình, thấy một cô gái đang đứng ngoài cửa, mang cái giỏ đựng đầy thức ăn, muốn đem

đi đổ. Tôn giả thấy vậy liền bảo cô gái ấy:

–Cô không biết xấu hổ, chớ phí bỏ thức ăn như thế, sao bằng đổ chúng vào trong bát của ta thì sẽ được lợi ích.

Khi ấy cô gái nghe Tôn giả nói như vậy, sanh tâm kính trọng, liền đổ thức ăn vào trong bình bát. Tôn giả nhận xong, đi đến bên một gốc cây lớn, trải tọa cụ ngồi, sắp thọ thực.

Lúc đó cô gái kia suy nghĩ: "Đây chính là Tôn giả Hộ Quốc, con trai của chủ ta". Nàng nghĩ như vậy rồi vội đi đến chỗ ông chủ, thưa:

–Vừa rồi, ở ngoài cửa, tôi thấy con trai của ông chủ ôm bát đi khất thực, đến bên một gốc cây lớn trải tọa cụ ngồi, sắp thọ thực.

Vị Trưởng giả nghe nói thế thì trong lòng hết sức vui mừng, liền hỏi người nữ kia:

–Như lời ngươi nói, việc ấy có đúng thật chăng?

Người nữ đáp:

–Việc này quả đúng như vậy.

Ông Trưởng giả bèn chạy nhanh ra khỏi nhà, đến cạnh gốc cây lớn, thấy đúng là Tôn giả Hộ Quốc đang ở đó, sắp sửa thọ thực, liền bảo:

–Con của ta là Hộ Quốc, lìa bỏ gia đình làm khách chu du xứ người, du hành như vậy, nay đến thôn mình, lại chẳng chịu vào nhà, là nghĩa làm sao?

Tôn giả Hộ Quốc liền đáp:

–Pháp Sa-môn của con, nghi thức là như vậy, vào nhà người khác là không nên.

Lúc ấy ông Trưởng giả liền nắm tay đưa Tôn giả Hộ Quốc vào nhà, trải tọa cụ mời ngồi. Bấy giờ mẹ của Tôn giả vội đi đến trước con, thăm hỏi an ủi con đến hai, ba lần cho vơi nỗi thương nhớ. Bà bảo Tôn giả Hộ Quốc:

–Này con của mẹ, tại sao con lại quyết chí xuất gia? Con xuất gia bao lâu rồi, hiện có được lợi ích gì và đã đạt được những gì? Hay là cũng đi xin ăn để sinh sống? Vì vậy nay con đừng xuất gia nữa, cứ ở nhà đem của cải bố thí làm phước, để được giàu sang sung sướng ở kiếp sau.

Người mẹ bày ra các phương tiện nhằm giữ con mình ở lại nhà, không muốn xa lìa. Bà lấy vàng bạc, và vô số các thứ châu báu đặt

chất đầy trước mặt Tôn giả, bảo con:

–Con của mẹ nên biết, mẹ có rất nhiều vàng bạc, châu báu. Nay mẹ đem cho con hết, chưa kể tài sản của cha con thì còn nhiều vô số. Như thế thì cần gì phải đi xuất gia, con cứ ở nhà bỏ tiền của ra làm phước để được hưởng sang giàu sung sướng ở kiếp sau.

Tôn giả thưa với mẹ:

–Mẹ nên biết, các thứ vàng bạc, châu báu ấy là nguồn gốc của mọi lỗi lầm. Nên dùng xe chở hoặc gánh chúng đem đổ giữa dòng sông.

Tôn giả lại thưa mẹ:

–Mẹ của con nên hiểu rằng, tài sản, của cải, châu báu tạo ra lòng tham luyến, từ đó làm nguyên nhân sanh ra các điều lỗi lầm, dẫn đến mọi thứ hoạn nạn. Đó là các nạn về nước, lửa, vua, giặc cướp và con cái xấu ác, sanh ra vô số các thứ hư hoại khổ đau. Nếu hiểu rõ được nguyên nhân của sự khổ, mẹ sẽ thoát khổ.

Mẹ của Tôn giả Hộ Quốc luôn quyến luyến con không muốn rời ra. Bà lại suy nghĩ tìm cách khác: "Lúc con trai mình còn ở nhà đã có người vợ. Hãy bảo cô ấy trang điểm, mặc y phục đẹp, mang đeo các thứ ngọc báu, đi đến chỗ Hộ Quốc chắc có thể làm vui lòng con mình". Nghĩ như vậy rồi, bà liền tìm đến chỗ người vợ cũ của Tôn giả, nói:

–Chồng của con là Hộ Quốc, lúc còn ở nhà đã ưa thích các thứ châu báu, chuỗi báu nào, vậy nay con hãy trang điểm, mặc y phục đẹp, mang đủ các thứ ấy đi đến chỗ Hộ Quốc để làm vui lòng chàng.

Người vợ của Hộ Quốc vâng lời mẹ chồng, lo trang điểm, mặc y phục đẹp đẽ, mang đủ các thứ châu báu, rồi đến chỗ Hộ Quốc, thưa:

–Này người con của Trưởng giả, ý chàng thế nào mà thọ trì phạm hạnh, không phải là nhằm mong cầu thiên nữ nào chăng?.

Tôn giả Hộ Quốc đáp:

–Chẳng phải vậy. Này bà chị, tôi thọ trì phạm hạnh là để cầu đạt được đạo quả, chứ không phải theo như lời bà chị nói.

Vợ của Hộ Quốc nghe Tôn giả gọi mình bằng "chị", liền đổi sắc mặt, cảm thấy xấu hổ nên lui ra. Tôn giả Hộ Quốc suy nghĩ: "Sắp đến giờ ăn rồi", liền thưa với cha mình:

–Trưởng giả có thức ăn gì để thí cho tôi không?

Khi ấy cha mẹ của Tôn giả đích thân mang đủ các món ăn, thức uống thượng vị, dâng cúng cho Tôn giả.

Tôn giả Hộ Quốc ăn uống xong, rửa bát xếp y, trải tòa ngồi, rồi Tôn giả thuyết giảng chánh pháp cho cha mẹ nghe, khiến cho ông bà khởi tâm hoan hỷ hướng đến đạo Bồ-đề. Tôn giả lại dùng thần thông đứng nơi hư không, thuyết kệ:

Xem sắc thân tô điểm
Dùng các báu trang sức
Kẻ ngu mê tham đắm
Người trí thường xa lìa
Tham dục như dây tơ
Hay trói buộc cõi đời
Kẻ ngu bị mê hoặc
Người trí thường xa lánh.

Tôn giả nói kệ xong, từ hư không đi xuống, trở lại bên gốc đại thọ, điềm tĩnh đứng yên.

Bấy giờ có một vị vua tên là Câu-lư, đang cưỡi ngựa du ngoạn vùng ngoài thành, đến gần bên thôn Đổ-La. Quan hầu tâu với vua:

–Tâu Đại vương, trong thôn này có một người con trai của Trưởng giả tên là Hộ Quốc, quyến thuộc đông đúc, của cải châu báu vô lượng, nhưng đã lìa bỏ tất cả để xuất gia học đạo.

Nghe lời tâu ấy, nhà vua bèn hỏi những người trong thôn:

–Này các khanh, ở đây có người con trai của Trưởng giả tên là Hộ Quốc, đã lìa bỏ thân bằng quyến thuộc để xuất gia học đạo, việc này là thật chăng?

Các người dân trong thôn liền tâu với vua:

–Đại vương nên biết, điều ấy đúng là sự thật. Tôn giả Hộ Quốc đang ở bên một gốc đại thọ trong thôn của chúng thần, thường thọ trì phạm hạnh. Tất cả nhân dân chúng trong thôn đều hay lui tới để cúng dường.

Nhà vua nghe lời tâu rồi, liền đi vào trong thôn đó, đến bên gốc đại thọ, nơi Tôn giả Hộ Quốc đang dừng nghỉ. Tôn giả Hộ Quốc từ xa trông thấy vua Câu-lư đang đi nhanh đến chỗ mình, liền từ tòa đứng dậy, đi tới trước mặt vua, tâu:

–Thật là hân hạnh, Đại vương đã đến! Đây là vùng đất của nhà vua đang cai trị. Nay xin thỉnh Đại vương đến cạnh gốc cây và ngồi lên tòa của tôi.

Nhà vua đáp:

–Này Tôn giả Hộ Quốc, ý của ta là như vậy, muốn đến chỗ của Tôn giả, ngồi lên tòa của Tôn giả.

Tôn giả Hộ Quốc lại thưa:

–Vì ý của Đại vương như vậy nên tôi mới mời ngài.

Bấy giờ nhà vua cùng với Tôn giả đến bên gốc đại thọ, ngồi xuống tòa. Đại vương nói với Tôn giả Hộ Quốc:

–Có bốn pháp, do bốn pháp này nên người ta mới cầu xuất gia. Bốn pháp đó là:

1. Biết về thân thuộc.
2. Biết về phú quý.
3. Biết về bệnh.
4. Biết về già.

Thế nào là biết về thân thuộc? Đó là: nếu một người có bà con thân thuộc đông đúc, bỗng nhiên bị ly tán, mất hết, người ấy suy nghĩ: "Quyến thuộc, bằng hữu tri thức của ta đều đã ly tán, mất hết, chỉ còn mình ta cô độc, vậy ta nên xuất gia". Vì người ấy biết mình không còn quyến thuộc nữa, nên mới cầu xuất gia. Nay Tôn giả Hộ Quốc có quyến thuộc đông đủ, chẳng phải là người cô độc, không rõ vì lẽ gì mà lại xuất gia?

Lại nữa, sao gọi là biết về phú quý? Đó là như người trước đây có nhiều tiền bạc, châu báu, là hạng giàu có lớn, nhưng sau đó bị khánh tận, trở thành kẻ nghèo khổ sống lây lất. Do vì bần cùng nên người ấy suy nghĩ: "Nay vì bần cùng, khốn khó nên ta phải xuất gia". Vì người ấy biết mình bần cùng nên mới cầu xuất gia. Nay Tôn giả Hộ Quốc của cải châu báu vô lượng, đâu phải là hạng bần cùng, khốn khó không rõ vì lẽ gì mà lại xuất gia?

Lại nữa, sao gọi là biết về bệnh khổ? Đó là như có người bị bệnh lâu năm, nằm liệt giường không thể cứu chữa, mới suy nghĩ: "Bệnh tật của ta thật nặng, hết sức đau khổ, nay ta phải cầu xuất gia". Người ấy vì biết rõ bệnh khổ nên mới cầu xuất gia. Nay Tôn giả Hộ Quốc ít bệnh, ít não, cũng không ưu sầu khổ đau, không rõ vì lẽ gì mà lại xuất gia?

Lại nữa, sao gọi là biết về già yếu? Đó là như có người tuổi già suy nhược nên mới suy nghĩ: "Nay ta già nua, đối với sự giàu sang sung sướng cũng chẳng ích lợi gì, nên nay ta cầu xuất gia". Vì người ấy biết rõ sự già nua không kham nổi sự việc nên mới cầu xuất gia. Nay Tôn giả Hộ Quốc đang tuổi tráng niên, khỏe mạnh, chưa hưởng thọ các thú vui, tôi không rõ tại sao lại đi xuất gia?

Tôn giả Hộ Quốc nên biết, vì bốn pháp như vậy mới khiến cho người ta xuất gia. Nay tôi lại hỏi Tôn giả Hộ Quốc:

–Tôn giả vì nhận thức, hiểu biết thế nào mà đi xuất gia?

Tôn giả Hộ Quốc đáp lời vua:

–Đại vương nên biết, vì có bốn thứ pháp nên tôi mới cầu xuất gia. Những gì là bốn? Đó là già yếu, bệnh tật, ái dục và chết chóc. Con người luôn bị biến hoại không trường tồn nên gọi là già, bị bệnh khổ không thể điều trị được nên gọi là bệnh, không biết nhàm chán, biết đủ nên gọi là ái, phải bỏ lại tất cả các đối tượng nên gọi là chết. Bốn pháp như vậy, Đức Phật Thế Tôn của tôi đã khéo biết, khéo thấy, tôi cũng theo Đức Phật, đích thân thấy, đích thân nghe, chấp nhận những việc ấy là đúng nên phát đại tín tâm mà xuất gia.

Nhà vua nói:

–Tôn giả, vừa nói một cách tóm tắt nên tôi chưa lãnh hội kịp. Cúi mong Tôn giả hãy vì tôi giảng nói một cách rộng rãi để tôi được khai mở hiểu rõ.

Tôn giả Hộ Quốc nghe vua nói như thế, liền tâu:

–Này Đại vương, như vậy thật là hay, theo ý nguyện của Đại vương tôi sẽ giảng diễn.

Nhà vua hỏi:

–Này Tôn giả, vì biến hoại nhanh chóng nên già là nghĩa thế nào?

Tôn giả Hộ Quốc đáp:

–Này Đại vương, theo ý ngài thì thế nào? Như một người từ hai mươi, ba mươi cho đến lúc bốn mươi tuổi thì hình sắc, sức lực, cử động, tới lui của người ấy như thế nào?

Nhà vua nói:

–Này Tôn giả, lúc con người còn trẻ từ hai mươi đến bốn mươi tuổi, hình sắc sung mãn, sức lực cường tráng, mạnh khỏe, tới lui nhanh nhẹn, các việc làm của mình tự cho là không ai bằng. Đến lúc tuổi tác

già nua, xế chiều thì không còn khả năng, hình sắc đã đổi khác, thân lực suy nhược, đi đứng chậm chạp.

Tôn giả Hộ Quốc nói:

–Như lời vua nói, đó chính là tướng già nua biến hoại ở thế gian. Đại vương nên biết, đó là pháp thứ nhất mà Đức Phật của tôi đã chỉ dạy. Lại nữa, Đức Phật Thế Tôn đã khéo biết rõ, khéo giảng nói pháp này, tôi đã lãnh hội chánh pháp ấy nên yêu thích, dốc lòng mong cầu, tín tâm xuất gia.

Nhà vua nói:

–Này Tôn giả Hộ Quốc, đối với điều này tôi cũng vui mừng vì gặp được chánh pháp, yêu thích, dốc lòng mong cầu.

Nhà vua lại hỏi:

–Thưa Tôn giả Hộ Quốc, thế nào là bị bệnh khổ không thể chữa trị gọi là tướng của bệnh?

Tôn giả Hộ Quốc đáp:

–Như người có tài sản của cải châu báu rất nhiều, thân thuộc đông đúc, ý của vua thế nào, người đó bị bệnh nằm liệt giường chịu lấy các thứ khổ não, thân thuộc và những người theo hầu giúp việc có thể thay thế sự khổ não cho người ấy được chăng?

Nhà vua nói:

–Không thể được! Này Tôn giả Hộ Quốc, nếu con người bị bệnh nằm liệt giường thì riêng người ấy phải thọ lãnh các sự khổ, không ai có thể thay thế, cũng không ai có thể cứu được.

Tôn giả Hộ Quốc nói:

–Như lời vua vừa nói, không ai có thể thay thế, không ai có thể cứu được, đó là tướng của bệnh. Đây là pháp thứ hai mà Đức Phật của tôi đã chỉ dạy. Vả lại, Đức Phật Thế Tôn đã khéo biết rõ, khéo giảng nói pháp này. Tôi đã lãnh hội chánh pháp ấy nên ưa thích, dốc lòng mong cầu, tín tâm xuất gia.

Nhà vua thưa:

–Này Tôn giả Hộ Quốc, đối với điều đó tôi cũng rất vui mừng vì gặp được chánh pháp, nên ưa thích dốc lòng mong cầu.

Nhà vua lại hỏi:

–Thưa Tôn giả, thế nào là không có nhàm chán, biết đủ, gọi là Ái?

Tôn giả Hộ Quốc đáp:

–Này Đại vương, ý của nhà vua thế nào? Vua là người thống lãnh một quốc gia, mọi thứ đất đai, thành ấp, thôn xóm, cho đến dân chúng sinh sống ở các miền trong nước đều dưới quyền cai trị của nhà vua. Vậy nhà vua là bậc giàu sang phú quý hơn người chăng?

Vua đáp:

–Này Tôn giả, đúng vậy, đúng như vậy!

Tôn giả lại nói:

–Này Đại vương, đại vương đã thống lĩnh đất đai, thôn xóm dân chúng trong nước, giàu sang như vậy, giả sử có người vượt qua biển đến thưa với Đại vương: "Tôi thấy nước kia có thành ấp rộng lớn, dân chúng đông đúc, vàng bạc, châu báu, các vật quý lạ cũng như voi, ngựa, quân binh hằng hà sa số". Này Đại vương, khi nghe lời ấy, ý ngài thế nào?

Vua đáp:

–Này Tôn giả, khi tôi nghe như thế rồi, nếu không đích thân đến được thì tôi cũng sai tướng đến đánh chiếm nước ấy, chở tất cả các thứ châu báu, vật quý đem về chất đầy kho tàng của tôi.

Tôn giả Hộ Quốc nói:

–Này Đại vương, sự không nhàm chán biết đủ ấy gọi là Ái. Đó là pháp thứ ba mà Đức Phật đã giảng nói. Vả lại, Đức Phật Thế Tôn đã khéo biết rõ, giảng khéo nói pháp này. Tôi cũng do lãnh hội được chánh pháp ấy nên ưa thích, mong cầu, tín tâm xuất gia.

Nhà vua thưa:

–Này Tôn giả Hộ Quốc, đối với điều đó tôi cũng rất vui mừng vì gặp được chánh pháp, nên ưa thích, chí tâm mong cầu.

Nhà vua lại hỏi:

–Thưa Tôn giả, thế nào là rời bỏ đối tượng gọi là chết?

Tôn giả Hộ Quốc đáp:

–Này Đại vương, ý ngài thế nào? Như người giàu sang phú quý bậc nhất có nhiều vàng bạc châu báu, người ấy khi bỏ cõi này sanh về cõi khác, thì tất cả những châu báu ấy có thể mang theo được chăng?

Vua nói:

–Không thể được.

Tôn giả lại nói:

–Này Đại vương, đối với con người sống trong đời này mà phải bỏ lại các đối tượng thân yêu để sanh vào đời khác, gọi là chết. Đó là pháp thứ tư mà Đức Phật đã giảng nói. Đức Phật đã khéo hiểu rõ, khéo giảng nói pháp này. Tôi cũng do lãnh hội chánh pháp ấy nên ưa thích, mong cầu, tín tâm xuất gia.

Nhà vua nói:

–Thưa Tôn giả Hộ Quốc, đối với điều đó tôi cũng rất vui mừng vì gặp được chánh pháp, nên ưa thích, chí tâm mong cầu.

Bấy giờ Tôn giả Hộ Quốc lại nói với nhà vua:

–Đối với những ý nghĩa vừa nêu, tôi xin được lặp lại bằng kệ, vậy ngài hãy lắng nghe.

Nhà vua thưa:

–Rất tốt, tôi mong được nghe.

Tôn giả Hộ Quốc liền nói kệ:

Ta thấy người thế gian
Tham ái mà cất chứa
Vì của nên bị nạn
Càng tăng thêm các dục
Nhà vua chủ đất đai
Rộng lớn đến tận biển
Như vậy chưa biết đủ
Lại muốn chiếm nước người
Các chúng sanh thế gian
Do tham ái mà chết
Thương khóc thật não nùng
Than ôi chết nhanh quá!
Như người chứa của báu
Lại bị lửa đốt thiêu
Chúng sanh cũng theo nghiệp
Đã tạo phải thọ báo
Giàu có không sống mãi
Cũng không thoát già nua
Giàu nghèo đều phải chết
Già trẻ cũng vô thường
Bệnh đâu chừa kẻ mạnh

Cũng chẳng tránh trẻ già
Đều do lòng tham ái
Nên phải bị vô thường
Ví như người trộm cắp
Trở lại tự tổn hại
Thấy thế gian như vậy
Tự tạo các nhân ác
Như quả chín tự rụng
Già, trẻ chết cũng thế
Ý vui thích tạo nghiệp
Phải thọ báo khổ não
Lúc người ngu thế gian
Tạo nghiệp không tự biết
Hoặc sanh ở đời sau
Do yêu ghét bị khổ
Mạng chung trong bào thai
Ai có thể cứu được?
Giả sử, có thân bằng
Mạng chung ai cứu được?
Dục hủy hoại, trói buộc
Sanh khổ thêm sợ hãi
Thấy pháp huyễn thế gian
Cho nên tôi xuất gia.

Đại vương Câu lưu nghe Tôn giả Hộ Quốc nói kệ xong, thì hoan hỷ tin nhận, bèn thưa:

–Tôn giả Hộ Quốc là người tu tập đạt được giải thoát, cho nên nay tôi xin quy y với Tôn giả.

Tôn giả Hộ Quốc bảo:

–Đại vương chớ có quy y với tôi. Bậc mà tôi quy y là Phật Thế Tôn, Pháp, và Tăng chúng. Vua cũng nên quy y như thế.

Vua thưa:

–Đúng vậy, đúng vậy! Nay tôi xin quy y Phật, Pháp và Tăng chúng, suốt đời thọ trì giới Ưu-bà-tắc.

Đại vương Câu-lưu phát lời nguyện xong, cung kính đảnh lễ Tôn giả Hộ Quốc rồi trở về cung.

SỐ 70

PHẬT NÓI KINH SỐ

Hán dịch: Đời Tây Tấn, Sa-môn Thích Pháp Cự.

Nghe như vầy:

Một thời Đức Bà-già-bà ở Đông viên, nơi giảng đường Lộc tử mẫu, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ Bà-la-môn toán số, sau bữa trưa thong dong tản bộ đi tới chỗ Đức Thế Tôn, đến nơi thì chào hỏi rồi ngồi qua một bên. Bà-la-môn bạch Đức Thế Tôn:

–Thưa Cù-đàm, tôi có điều muốn hỏi, nếu Ngài cho phép tôi mới dám hỏi.

Đức Thế Tôn nói:

–Ông cứ hỏi, này Bà-la-môn, theo ý của ông thích.

Bà-la-môn Toán số thưa:

–Thưa Cù-đàm, giảng đường Lộc tử mẫu này được xây cất theo thứ lớp và thành tựu theo thứ lớp. Này Cù-đàm, cầu thang trong giảng đường ấy bắt đầu lên một bậc, như vậy rồi đến hai, ba, bốn bậc. Này Cù-đàm, như vậy giảng đường Lộc tử mẫu lần lượt theo thứ tự đi lên. Này Cù-đàm, người điều phục voi cũng lần lượt dạy dỗ và con voi cũng theo thứ tự được chỉ dạy. Nghĩa là tay cầm móc câu mà dạy. Này Cù-đàm, người cưỡi ngựa cũng theo thứ lớp dạy dỗ và *(con ngựa theo)* thứ lớp được chỉ dạy, nghĩa là do dây cương điều khiển. Này Cù-đàm, dòng Sát-lợi cũng lần lượt dạy dỗ và lần lượt học tập, nghĩa là cầm cung tên. Này Cù-đàm, dòng Bà-la-môn cũng theo thứ lớp dạy dỗ, thứ lớp học tập, nghĩa là học thơ ca, văn chương. Này Cù-đàm, chúng tôi học toán số, nhờ toán số mà mưu sinh. Nếu có đệ tử học toán số, đó là

các trẻ em, bắt đầu được dạy từng con số một, rồi hai, rồi ba, rồi mười, một trăm, hoặc tăng lên thật nhiều. Như vậy, này Cù-đàm, chúng tôi học toán số, nhờ toán số để mưu sinh, theo thứ lớp dạy, theo thứ lớp học. Đó là học toán số. Sa-môn Cù-đàm, đối với giới pháp của Ngài được dạy như thế nào, được học như thế nào để có thể biết được sự thành tựu?

Đức Thế Tôn nói:

–Này Toán số Mục-kiền-liên, nếu nói như vậy là nói về tính chất thứ lớp chăng? Đó là thứ lớp truyền dạy, thứ lớp học tập, giữ giới, tu tập? Này Mục-kiền-liên, nếu nói như vậy là tính chất thứ lớp thì đó chính là giới pháp của Ta. Vì sao? Này Mục-kiền-liên, vì đối với giới pháp của Ta luôn có sự dạy bảo theo thứ lớp, hành giới theo thứ lớp, tu học theo thứ lớp. Này Mục-kiền-liên, đó là đối với Tỳ-kheo mới học đạo không lâu, đến với pháp luật này cũng chưa từng được nghe Như Lai giảng dạy. Ta sẽ dạy: "Này Tỳ-kheo, với thân phải làm những việc trong sạch, miệng và ý phải làm những việc trong sạch". Này Toán số Mục-kiền-liên, nếu Tỳ-kheo thân, miệng, ý đã thực hành những việc trong sạch, Đức Như Lai Bậc Điều Ngự Vô Thượng dạy thêm: "Này Tỳ-kheo, phải quán nội thân và quán hoạt động: đi, đứng của thân; cho đến quán các hành khởi, diệt của thống *(thọ)*, ý *(tâm)* và pháp".

Này Mục-kiền-liên, nếu Tỳ-kheo đã quán nội thân và thân hành đi, đứng... của thân cho đến quán các tư hành khởi, diệt của thống *(thọ)*, ý *(tâm)* và pháp rồi, Đức Như Lai Bậc Điều Ngự Vô Thượng dạy thêm: "Này Tỳ-kheo, hãy phòng hộ các căn, tự giữ gìn ý niệm, đều tự hành tinh tấn. Nếu mắt thấy sắc, đừng chấp giữ tưởng về sắc, đừng chấp giữ tưởng khác. Nghĩa là do nhân duyên tăng thượng nên giữ gìn nhãn căn, tâm ý sẽ không bị sỉ nhục, tham đắm, lo lắng, không tạo pháp ác bất thiện; ở trong đó học hỏi giữ gìn nhãn căn. Cũng vậy, đối với nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý căn, thân ý biết pháp, đừng chấp thọ tưởng, đừng chấp thọ tưởng khác. Do nhân duyên tăng thượng ấy nên ý căn không bị sỉ nhục, tham đắm và lo lắng, không có pháp bất thiện, không trụ trong ý, vị ấy ở trong đó học hỏi tự giữ gìn ý căn".

Này Toán số Mục-kiền-liên, nếu Tỳ-kheo đầy đủ các căn, tự giữ gìn tâm ý, ý không nhiễm, giữ gìn ý, nên ý và niệm đều tinh tấn. Khi

mắt thấy sắc cũng không chấp giữ tưởng, không chấp giữ tưởng khác. Do duyên tăng thượng ấy nên nhãn căn được đầy đủ, không bị sỉ nhục, tham vướng, lo lắng, không ở trong pháp ác bất thiện. Vị ấy đã học hỏi cách tự giữ gìn nhãn căn. Cũng vậy đối với nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý biết pháp, cũng không chấp thọ tưởng, cho đến vị ấy đã ở trong đó học cách tự phòng hộ ý căn. Đức Như Lai, Bậc Điều Ngự Vô Thượng dạy tiếp: "Này Tỳ-kheo, hãy hành quán các lỗi lầm đã qua, hãy quán biết lúc co tay lúc duỗi tay, đắp y Tăng-già-lê, ôm bát; lúc đi, lúc đứng, lúc ngồi, hoặc ngủ hoặc thức, hoặc nói hoặc im, thảy đều biết rõ".

Này Mục-kiền-liên, nếu Tỳ-kheo đối với các lỗi lầm đã qua, đã hành quán một cách thích hợp rồi thì Đức Như Lai, Bậc Điều Ngự Vô Thượng lại dạy thêm: "Này Tỳ-kheo, khi biết rõ về giường nằm rồi mới thọ dụng, hoặc ở nơi vắng vẻ, hoặc ở bên gốc cây, chỗ trống không vắng vẻ, ở trong núi, động đá, ngồi trên tòa cỏ giữa trời, giữa rừng, giữa vùng gò mả. Vị ấy hoặc ở nơi vắng vẻ, hãy trải Ni-sư-đàn, ngồi kiết già, chánh thân chánh nguyện, giữ vững niệm ở trước mặt, đoạn trừ tham lam ganh ghét, ý không sân hận; đừng thấy tài vật của người khác mà sanh lòng tham, nghĩa là mong vật của người khác trở thành của mình, hãy trừ sạch ý tham ấy. Cũng vậy, đối với sân hận, biếng trễ ưa ngủ nghỉ, hổ thẹn, trừ nghi, tham, lìa tà, lìa nghi, lìa các pháp do dự, hãy dứt sạch ý nghi. Người ấy đoạn trừ năm thứ che lấp, trói buộc, và ý tham đắm, cùng trí tuệ yếu kém, đã giải thoát dâm, cho đến an trụ nơi Tứ thiền".

Như vậy, này Mục-kiền-liên, Tỳ-kheo đã giải thoát dâm cho đến an trụ nơi tứ thiền, thì này Mục-kiền-liên, Đức Như Lai đã vì khiến cho Tỳ-kheo mới tu học đạt được nhiều lợi ích, nghĩa là Ngài chỉ dạy việc học, chỉ dạy việc hành trì. Này Mục-kiền-liên, nếu đối với các Tỳ-kheo tôn túc trưởng thượng mà các vua đều biết, không hề biếng trễ, luôn thực hành phạm hạnh, Đức Như Lai, Bậc Điều Ngự Vô Thượng dạy rằng: "Nên thành tựu rốt ráo, diệt sạch hữu lậu".

Toán số Mục-kiền-liên thưa:

–Này Sa-môn Cù-đàm, đối với tất cả đệ tử mà Ngài đã chỉ dạy như vậy, phải học hỏi như vậy, tất cả đều đạt được cứu cánh, đạt được Niết-bàn chăng?

Đức Thế Tôn đáp:

–Này Mục-kiền-liên, không phải nhất định đều đạt được. Hoặc có người không đạt được, hoặc có người đạt được.

Toán số Mục-kiền-liên lại hỏi:

–Này Cù-đàm, do nhân gì duyên gì nói rằng có Niết-bàn, và cầu Niết-bàn? Sa-môn Cù-đàm hiện tại là Bậc Đạo sư. Vì sao có Tỳ-kheo được dạy dỗ như vậy, được học tập như vậy, mà có người đạt cứu cánh Niết-bàn, nhưng người khác thì không đạt?

Đức Thế Tôn nói:

–Do đó, này Mục-kiền-liên, nay Ta lại hỏi ông. Ông hãy tùy theo sự hiểu biết mà trả lời. Này Mục-kiền-liên, ý ông nghĩ sao? Ông có biết rõ con đường về La-duyệt-kỳ chăng?

Thưa rằng:

–Thưa vâng, Cù-đàm, tôi biết rõ con đường về La-duyệt-kỳ.

Đức Thế Tôn nói:

–Nếu có một người muốn đến La-duyệt-kỳ để xin yết kiến nhà vua, kẻ ấy đến chỗ của ông nói rằng: "Này Bà-la-môn Mục-kiền-liên, người biết rõ toán số, biết con đường đi đến La-duyệt-kỳ, tôi muốn hỏi đường đến La-duyệt-kỳ để xin vào yết kiến vua". Ông sẽ nói với người ấy rằng: "Ngươi nên theo con đường chánh này mà đi, sẽ đến thôn kia, rồi từ thôn ấy đến chỗ kia. Lần lượt như thế sẽ đến thành La-duyệt-kỳ. Ở thành La-duyệt-kỳ có những khu vườn tươi đẹp, rừng cây xanh tốt, đất bằng phẳng, ao tắm xinh xắn, nước sông chảy dài mát lạnh, an ổn thích thú. Hãy biết như vậy, hãy thấy như vậy". Người ấy, sau khi nghe người chỉ dẫn tường tận rồi, theo lời chỉ dẫn đó, theo con đường kia đi thẳng, kẻ ấy đi thẳng rồi lại đi theo một con đường trái ngược. Cho nên đối với những khu vườn xinh đẹp cho đến sự an ổn vui thích của thành La-duyệt-kỳ, kẻ ấy cũng chẳng biết, kẻ ấy cũng chẳng thấy.

Lại có người khác có việc muốn đến La-duyệt-kỳ để yết kiến vua. Kẻ ấy đến chỗ ông hỏi rằng: "Này Bà-la-môn Mục-kiền-liên, ông biết rõ toán số, hãy chỉ cho tôi con đường đến La-duyệt-kỳ, tôi muốn đến La-duyệt-kỳ, xin ông chỉ đường cho tôi". Ông sẽ nói rằng: "Ngươi theo con đường thẳng này mà đến, đi thẳng đến một thôn, đến thôn ấy rồi đi tới chỗ đó". Người kia theo thứ lớp như vậy đến được La-duyệt-kỳ. Ở La-duyệt-kỳ có vườn cây xinh đẹp cho đến được an

ổn vui thích. Người ấy biết như vậy, thấy như vậy.

Này Mục-kiền-liên, do nhân gì duyên gì trong khi có thành La-duyệt-kỳ, có con đường đi đến thành La-duyệt-kỳ, và có ông là người chỉ đường, nhưng người thứ nhất nghe lời người chỉ dẫn, lại không làm đúng, theo con đường lầm lạc rồi trở lui? Cho nên những khu vườn, đất bằng phẳng cho đến được an ổn vui thích ở La-duyệt-kỳ, tất cả cảnh vật kia người ấy đều không biết, không thấy gì cả. Còn người thứ hai nghe theo lời dạy, vâng theo sự hướng dẫn, đi đúng đường, lần lượt đi đến thành La-duyệt-kỳ. Cho nên các cảnh vật ở La-duyệt-kỳ, khu vườn xinh đẹp, đất bằng phẳng... cho đến được an ổn vui thích, người ấy biết hết và thấy hết.

Toán số Mục-kiền-liên đáp:

–Này Cù-đàm, tôi làm sao biết được! Có thành La-duyệt-kỳ đó, có con đường dẫn đến thành La-duyệt-kỳ. Tôi ở tại chỗ chỉ dạy. Người thứ nhất không làm theo sự chỉ dẫn của tôi, theo con đường lầm lạc để lui trở lại và những gì ở La-duyệt-kỳ như vườn đẹp, đất bằng, cho đến... được an ổn vui thích, người ấy đều không thấy, không biết. Còn người thứ hai kia nghe theo lời chỉ dẫn của tôi, đi đúng con đường ấy, lần lượt đến được La-duyệt-kỳ. Những gì ở La-duyệt-kỳ như vườn đẹp, đất bằng..., cho đến sự an ổn vui thích người ấy đều biết, người ấy đều thấy cả.

Đức Thế Tôn nói:

–Cũng vậy, này Mục-kiền-liên, Ta cũng làm sao biết được, có Niết-bàn đó, có con đường dẫn tới Niết-bàn đó. Ta chỉ là Đạo sư. Hoặc có Tỳ-kheo làm theo sự chỉ dẫn như vậy, theo đúng giáo pháp, nên đạt được cứu cánh là Niết-bàn. Hoặc có Tỳ-kheo không làm đúng như vậy, nên không đạt được như vậy. Này Mục-kiền-liên, đó là Tỳ-kheo kia đối với chỉ dạy trao truyền thọ ấy, ở trong chúng của Thế Tôn được thọ ký, nghĩa là người ấy đạt được cứu cánh, dứt sạch hữu lậu.

Toán số Mục-kiền-liên thưa:

–Thưa Cù-đàm, tôi đã hiểu! Bạch Cù-đàm, tôi đã hiểu! Thưa Cù-đàm, cũng như trên mảnh đất tốt có khu rừng Sa-la, trong đó có người giữ rừng cây Sa-la, siêng năng không lười biếng. Kẻ ấy tự dùng sức lực của mình, đối với gốc rễ cây Sa-la tùy theo thời mà cuốc xới,

chăm sóc, bón phân, tưới nước. Nếu có chỗ thấp thì lấy đất lấp cho đầy, nếu bên cạnh có cỏ thì nhổ đi. Nếu ở bên cây có cỏ bò dài, thô xấu, cong queo không ngay thẳng, đều phòng ngừa, nhổ sạch. Nghĩa là người ấy vứt bỏ những cây cỏ mới mọc, tận lực chăm sóc những cây con, tùy thời tưới nước, bón phân cho cây, lấy nước tưới cây. Bạch Cù-đàm, như vậy trên mảnh đất tốt, rừng cây Sa-la về sau càng sum suê to lớn. Bạch Cù-đàm, cũng vậy, có người dua nịnh dối trá làm điều hư huyễn, bất tín, biếng trễ, tâm ý loạn động, trí tuệ kém xấu, các căn không ổn định, trì giới lơ là, không nỗ lực phân biệt hạnh Sa-môn. Sa-môn Cù-đàm đối với những kẻ ấy không thể ở chung, không thể sống chung. Vì sao vậy? Bạch Cù-đàm, những người như vậy là phá hoại phạm hạnh. Bạch Cù-đàm, nếu có người không dua nịnh, cũng không có ý tà, tin tưởng hành trì, tinh tấn, ý thường trụ nơi định, trí tuệ, thuận kính giới pháp, phân biệt rõ ràng hạnh Sa-môn. Bạch Sa-môn Cù-đàm, Bậc Vô Sở Trước có thể ở chung với những người ấy. Vì sao vậy? Bạch Cù-đàm, những người như vậy, đối với bậc Phạm hạnh, họ đã là ứng hợp với pháp thanh tịnh. Bạch Cù-đàm, cũng như trong các loại hương bằng lõi cây, Ca-la *(trầm hương)* là bậc nhất. Vì sao vậy? Thưa Cù-đàm, vì trầm hương đối với các loại hương bằng lõi cây, nó là tối thượng. Bạch Cù-đàm, cũng giống như trong các loại hương Sa-la thì Xích chiên-đàn là tối thượng. Vì sao vậy? Bạch Cù-đàm, vì trong các loại hương Sa-la thì Xích chiên-đàn là bậc nhất. Bạch Cù-đàm, cũng như các loại hoa sống dưới nước thì hoa sen xanh là bậc nhất. Vì sao vậy? Bạch Cù-đàm, vì trong các thứ hoa sống ở nước thì hoa sen xanh là đứng đầu. Bạch Cù-đàm, cũng như trong các thứ hoa trên mặt đất thì hoa Câu-mâu-ni-bà-lợi-sư là bậc nhất. Vì sao vậy? Bạch Cù-đàm, vì trong các loại hoa trên mặt đất thì hoa Bà-lợi-sư là đứng đầu. Bạch Cù-đàm, cũng như giữa các luận thuyết nơi thế gian, luận thuyết của Sa-môn Cù-đàm là bậc nhất. Vì sao vậy? Vì luận thuyết của Sa-môn Cù-đàm có thể gồm thâu tất cả học thuyết khác của ngoại đạo. Bạch Thế Tôn, vì vậy nên nay con tự quy y Pháp và Tỳ-kheo Tăng. Bạch Thế Tôn, nay con xin thọ trì giới Ưu-bà-tắc. Kể từ hôm nay cho đến lúc mạng chung, con xa lìa sự sát sanh... nay con xin quy y Phật.

Đức Phật thuyết giảng như vậy, Toán số Bà-la-môn Mục-kiền-liên nghe Đức Phật dạy xong, vui mừng hoan hỷ.

❑

SỐ 71

PHẬT NÓI KINH PHẠM CHÍ ÁT-BA-LA-DIÊN VẤN CHỦNG TÔN

Hán dịch: Đời Đông Tấn, Sa-môn Trúc Đàm Vô Lan

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ, cùng với năm trăm vị Tỳ-kheo.

Bấy giờ, trong thành Xá-vệ có năm trăm người Bà-la-môn, những người này cùng nhau ra khỏi thành, cùng đến ngôi nhà tranh của họ ở ngoài đồng, quây quần ngồi xuống rồi bàn luận:

–Lúc con người có mặt đầu tiên trên quả đất này thì dòng Bà-la-môn của chúng ta là thứ nhất, dòng Sát-lợi là thứ hai, dòng Điền gia là thứ ba, dòng Công sư là thứ tư. Dòng dõi của chúng ta là cao quý nhất. Những người được tạo ra đầu tiên ở quả đất này đều là dòng dõi của chúng ta. Dòng Bà-la-môn lúc mới sanh, là sanh ra từ miệng của đấng Phạm thiên, con người đời thì ngược lại, sanh ra từ phía dưới. Như vậy ở trong thiên hạ, dòng dõi chúng ta là tôn quý hơn hết. Dòng dõi chúng ta đều là con cháu của Phạm thiên nơi cõi trời thứ bảy. Nhưng Đức Phật thì nói ngược lại, là thiên hạ chỉ có một chủng loại. Đức Phật cho rằng dòng dõi của chúng ta cùng với các dòng Sát-lợi, Điền gia, Công sư đều bình đẳng. Dòng dõi của chúng ta khi chết đều được sanh lên Phạm thiên. Ngược lại thì Đức Phật cho dòng dõi của chúng ta cùng với người phàm giống nhau.

Họ cùng bàn tiếp:

–Ai có thể cùng với Đức Phật biện giải, tranh luận, phân biệt về các chủng loại ấy?

Bấy giờ có một người con của gia đình Bà-la-môn, tuổi mới mười lăm, mười sáu, tên là Át-ba-la-diên Đại thánh, biết rõ các việc về nghề nghiệp, kỹ thuật, sách vở, phương hướng đi đến. Trong số năm trăm Bà-la-môn này không ai có thể sánh bằng, họ đều tôn kính chàng như bậc thầy. Vị ấy có thể giảng nói kinh, biết việc trong thiên hạ. Thân sắc của Át-ba-la-diên Đại thánh có tướng kỳ lạ.

Các Bà-la-môn cùng nói:

–Chỉ Át-ba-la-diên mới có thể đàm luận cùng Đức Phật được. Chúng ta thì không thể cùng đàm luận với Đức Phật.

Năm trăm người Bà-la-môn cùng bảo Át-ba-la-diên:

–Đức Phật cho rằng người trong thiên hạ chỉ có một chủng tánh. Dòng họ của chúng ta cùng với Sát-lợi, Điền gia, Công sư là khác nhau. Dòng họ của chúng ta từ Phạm thiên mà có, sanh từ miệng Phạm thiên, còn người trong thế gian này lại sanh ra từ các phía dưới. Đức Phật nói: "Thiên hạ có bốn chủng tánh, bốn chủng tánh này đều tốt như nhau". Mong Át-ba-la-diên tự gắng sức cùng đi với chúng tôi đến chỗ Đức Phật để cùng biện luận.

Át-ba-la-diên nói:

–Đức Phật là người nắm giữ chánh đạo, có thể trả lời đúng theo chánh đạo. Như muốn đem chủng tánh Bà-la-môn đến để hỏi thì được, chớ không ai có thể bàn chánh đạo với Ngài được.

Năm trăm Bà-la-môn đều nói:

–Chúng ta tôn thờ Át-ba-la-diên làm thầy, sao lại không đến biện luận với Đức Phật về bốn chủng tánh này?

Họ nói với nhau như vậy đến hai, ba lần nên Át-ba-la-diên liền đứng dậy, cùng năm trăm Bà-la-môn đi đến rừng cây Kỳ-đà, nơi Đức Phật đang ngụ. Tôn giả A-nan bạch Đức Phật:

–Có người con của Bà-la-môn tên là Át-ba-la-diên, tuổi mới mười lăm, mười sáu, cùng đi với năm trăm Bà-la-môn lớn tuổi đến đây, đang ở bên ngoài.

Đức Phật bảo:

–Hãy mời vào.

Tôn giả A-nan đi ra mời Át-ba-la-diên vào. Át-ba-la-diên cùng năm trăm Bà-la-môn đồng đứng, không đảnh lễ Đức Phật, tự nói:

–Tôi có chút việc muốn hỏi Đức Phật.

Đức Phật bảo:

–Hãy ngồi xuống.

Át-ba-la-diên bạch Đức Phật:

–Tôi có điều muốn hỏi, Ngài có cho phép chăng?

Đức Phật nói:

–Nếu có điều gì nghi thì cứ hỏi.

Át-ba-la-diên thưa:

–Các Phạm chí nói: "Dòng tộc của chúng tôi khác với các dòng tộc Sát-lợi, Điền gia, Công sư, rằng: "Dòng tộc chúng tôi là con cháu của Phạm thiên. Tiên tổ của chúng tôi lúc sơ sinh đều sanh ra từ miệng của Phạm thiên, khi chết đều sanh lên cõi trời".

Đức Phật nói:

–Trong kinh của Ta không cho rằng các chủng loại khác nhau. Nếu như người Bà-la-môn lấy con gái của Sát-lợi, con gái của Sát-lợi sẽ sanh con. Người Sát-lợi lấy con gái của Điền gia, con gái của Điền gia sẽ sanh con. Người Điền gia lấy con gái của Công sư, con gái của Công sư sẽ sanh con. Người Công sư lấy con gái của Bà-la-môn, con gái của Bà-la-môn cũng sẽ sanh con.

Đức Phật nói:

–Trong kinh của Ta lấy hành động làm gốc. Nếu có hành động tốt đó là dòng dõi tối thượng. Những người được thiên hạ tôn quý đều do hành động thiện mà ra, chứ không phải do dòng dõi. Trong vô số kiếp về trước, Ta cũng sanh làm con của người Bà-la-môn, cũng sanh làm con của người Sát-lợi, cũng sanh làm con của Điền gia, cũng sanh làm con của Công sư, cho đến làm con của vua. Nay thân Ta là Phật.

Đức Phật bảo Át-ba-la-diên:

–Ta hỏi ngươi một việc. Hãy như sự thật trả lời.

Đức Phật nói:

–Ngươi có thấy người nơi thế gian là con của nhà lành, lại đi ở cho người ta, và con của người ở trở lại làm chủ chăng?

Át-ba-la-diên bạch Đức Phật:

–Tôi nghe trong nước Nguyệt chi có điều này.

Đức Phật nói:

–Vì lý do gì mà con của nhà lành trở lại đi ở, con người đi ở trở

lại làm chủ? Đó là vì tâm, chí của kẻ nô tỳ làm điều thiện nên người ta cho làm con. Còn con mình mà phải làm nô tỳ là vì tâm chí nó làm điều ác, nên tự bán cho người khác để làm nô tỳ.

Át-ba-la-diên thưa:

–Nếu Ngài nói con người có chủng loại như vậy, thế thì dòng dõi của con người từ đâu sanh ra?

Đức Phật hỏi:

–Nếu bốn chủng tộc Bà-la-môn, Sát-lợi, Điền gia, và Công sư đều ưa sát sanh, ưa trộm cắp, ưa dâm dục, ưa nói hai lưỡi, ưa nói lời độc ác, ưa nói dối, ưa gièm pha, thích sống chung với người ngu si, thích sân hận, thích cúng tế... làm những hành vi như vậy, có đọa vào địa ngục không?

Át-ba-la-diên nói:

–Chủng tộc Bà-la-môn cho rằng dùng có làm điều ác nhưng chủng tộc của tôi là cao quý nhất, là con cháu được sanh ra từ miệng của Phạm thiên nên khi chết đều sẽ được sanh lên trời.

Đức Phật nói:

–Nếu người thuộc bốn chủng tộc Bà-la-môn, Sát-lợi, Điền gia, Công sư không có sát sanh, trộm cắp, dâm dục; không nói hai lưỡi, lời độc ác, lời dối trá, lời gièm pha; không thích sống chung với người ngu si, không thích sân hận, không thích cúng tế..., người như vậy sau khi chết há chẳng được sanh lên cõi trời?

Át-ba-la-diên nói:

–Những người như vậy đều được sanh lên cõi trời.

Đức Phật nói:

–Nếu nói vậy thì có liên quan gì đến chủng tánh?

Ngài nói tiếp:

–Loài người đều do tâm ý thức sanh ra. Nếu tâm ý thức làm điều tốt thì được sanh lên trời, sanh ở cõi người. Nếu tâm ý thức mà xấu thì sanh vào các loài trùng, thú, súc sanh, quỷ thần, địa ngục. Nếu có người dòng Bà-la-môn, Sát-lợi, Điền gia, Công sư làm điều ác thì đều phải sanh vào trong ba đường ác. Như vậy thì dòng dõi do đâu mà ra? Người dòng Bà-la-môn cũng có làm điều thiện, điều ác; người dòng Sát-đế-lợi cũng có làm điều thiện, điều ác; người dòng Điền gia cũng có làm điều thiện, điều ác; người dòng Công sư cũng

có làm điều thiện, điều ác. Nếu các ông tự nói rằng có chủng tộc, vậy chủng tộc ở chỗ nào? Nếu người Bà-la-môn đem lòng oán ghét hư không, người Sát-lợi, Điền gia, Công sư cũng đem lòng oán ghét hư không, đâu có thể làm hư không bị tổn thương? Theo ý đó thì biết: chỉ có dòng Bà-la-môn tự ôm lòng kiêu ngạo cho mình là hơn hết nơi thế gian này mà thôi. Người Bà-la-môn, Sát-lợi, Điền gia, Công sư vào trong khe nước lớn để tắm, ai cũng có thể tắm sạch các cáu bẩn ở trong nước, vậy ai có thể phân biệt được đâu là cấu uế của Bà-la-môn, đâu là cấu uế của Sát-lợi, cấu uế của Điền gia, cấu uế của Công sư?

Át-ba-la-diên thưa:

–Cấu uế đều ở chung ở trong khe nước lớn.

Đức Phật nói:

–Nên biết cấu uế ở chỗ nào. Vì sao các ông hoàn toàn không biết cấu uế của con người mà trở lại nói: "Chủng tánh của ta vốn ở trên trời, sanh ra từ miệng Phạm thiên, còn những chủng tánh khác đều sanh ra ở dưới, dòng dõi của chúng ta là tôn quý nhất trong loài người".

Đức Phật bảo Át-ba-la-diên:

–Nếu có vị Quốc vương nghe nói nước nào, quận nào, huyện nào, làng xóm nào có Bà-la-môn và con của Bà-la-môn cao minh, có Sát-lợi và con của Sát-lợi cao minh, có Điền gia và con của Điền gia cao minh, có Công sư và con của Công sư cao minh, nhà vua liền triệu tất cả về để làm quan giúp vua, nhà vua có hỏi chủng tánh của người ấy không? Nếu người có tài cao sáng suốt thì nhà vua liền cấp cho đất đai nơi quận, huyện thích hợp. Sao vua lại không hỏi chủng tánh của kẻ ấy? Nếu ngươi nói có chủng tánh thì này Át-ba-la-diên, lấy giới pháp ở chỗ nào? Từ các trưởng lão cho đến các bậc ngồi trên các trưởng lão gồm năm trăm người, sao ngươi lại không tra hỏi đâu là chủng loại? Đâu là thầy? Nếu có chủng tộc Bà-la-môn, Sát-lợi, Điền gia, Công sư và các chủng tánh khác, khi lạnh thì đều đến bên đống lửa lớn, lửa nóng đâu có sưởi ấm dành cho một chủng tộc nào, hơi ấm đều bình đẳng với mọi chủng tộc. Nếu có một chiếc thuyền lớn đi trên nước, người Bà-la-môn, Sát-lợi, Điền gia, hay Công sư đều ở trên thuyền, thuyền đâu có riêng chở cho người Bà-la-môn, cũng đâu có

riêng chở các chủng tộc khác?

Đức Phật bảo Át-ba-la-diên:

–Con của người Bà-la-môn, Sát-lợi, Điền gia, Công sư và con của các chủng tánh khác, thảy đều phải ở trong bào thai mẹ mười tháng, có thêm có bớt không?

Át-ba-la-diên thưa:

–Tất cả đều phải ở trong bào thai mẹ mười tháng, không thêm không bớt.

Đức Phật nói:

–Tại sao các ngươi lại cho rằng dòng dõi của mình là con cháu của Phạm thiên, sanh ra từ miệng Phạm thiên? Mặt trời, mặt trăng đối với dòng Bà-la-môn, Sát-lợi, Điền gia, Công sư cũng như các chủng tộc khác, sao lại không riêng chiếu cho một chủng tộc nào? Sao lại chiếu hết cho các chủng tộc?

Át-ba-la-diên thưa:

–Chủng tộc của tôi tự cho rằng dòng tộc mình hơn hẳn các chủng tộc khác.

Đức Phật bảo:

–Này Át-ba-la-diên, nếu con lừa cha lấy ngựa mẹ, sanh con thì gọi là gì?

Át-ba-la-diên thưa:

–Gọi nó là la.

Đức Phật bảo:

–Cha cũng không gọi là la, mẹ nó cũng không gọi là la, vậy sao gọi nó là la?

Át-ba-la-diên nói:

–Bởi vì tiên tổ chúng tôi gọi nó là la, nên chúng tôi cũng gọi là la.

Đức Phật hỏi:

–Nếu con ngựa là cha, lấy con lừa là mẹ, sanh con sao gọi nó là cự lư? Cha nó không có tên là cự lư, mẹ nó cũng không có tên cự lư, tại sao biết nó là cự lư?

Đáp:

–Vì tiên tổ chúng tôi gọi nó là cự lư, nên chúng tôi cũng gọi là cự lư.

Đức Phật hỏi:

–Nếu người Bà-la-môn lấy vợ là con gái của dòng Sát-lợi, người con gái của dòng Sát-lợi lúc sanh con, gọi đứa trẻ là gì? Nên gọi nó là dòng dõi Bà-la-môn hay Sát-lợi?

Át-ba-la-diên thưa:

–Con chẳng biết thuộc về chủng tộc nào?

Đức Phật nói:

–Nếu không tự biết chủng loại, sao gọi nó là la, là cự lư? Nếu người nữ là Sát-lợi lấy chồng là Bà-la-môn, sanh con, khi đã sanh vào nhà này, tùy theo sự tế tự, tùy theo chủng tánh, đứa bé ấy về sau thành bậc cao minh, các ngươi có thừa nhận nơi chốn sanh ra ấy chăng?

Thưa:

–Chúng tôi thừa nhận.

–Nếu người Bà-la-môn lấy vợ là Điền gia, người nữ Điền gia sanh con, nhưng đứa con ấy có tâm sát sanh, trộm cắp, dâm dật, nói hai lưỡi, nói lời ác độc, nói dối, gièm pha, thích theo người ngu si, sân hận, có tâm cúng tế. Người có những hành vi ấy, các ngươi có thuận theo với người ấy chăng?

Thưa:

–Chúng tôi không thuận theo với đứa con có tâm ý thức làm những việc ác ấy. Chúng tôi sẽ trục xuất kẻ đó ra khỏi dòng họ chúng tôi.

Đức Phật nói:

–Nếu các ngươi tự cho: Chúng ta là con cháu của Phạm thiên, sanh ra từ miệng của Phạm thiên, khi chết được sanh lên trời, sao các ngươi chỉ chú trọng về tâm ý thức của kẻ ấy làm ác liền trục xuất họ ra ngoài? Thế sao các ngươi lại nói chủng tánh?

Đức Phật nói:

–Nếu trong dòng Bà-la-môn có kẻ ăn ở bất hiếu với cha mẹ, thích sát sanh, trộm cướp, làm mười điều ác, lúc chết người ấy sẽ đi về đâu?

Át-ba-la-diên nói:

–Người mà tâm ý thức làm những việc như vậy, lúc chết phải đi vào địa ngục.

Đức Phật nói:

–Nếu ngươi bảo: "Dòng họ của ta vốn từ Phạm thiên, sanh ra từ miệng Phạm thiên, là tối tôn trong loài người", sao lại đi vào trong địa ngục được?

Đức Phật nói:

–Con người trong thiên hạ không có chủng loại, không có cố định. Bậc cao minh nhờ tâm ý chí thiện, làm điều tốt đẹp, đó là bậc tôn quý. Còn tâm ý của người làm điều ác, đó là kẻ hạ tiện.

Át-ba-la-diên tự suy nghĩ: "Ta vốn không muốn đến đây, do mọi người đều bảo ta đến". Rồi tự tư duy: "Ý của ta không muốn tranh luận với Đức Phật. Ta đã từng nói rằng Đức Phật là Bậc Chánh Đạo".

Đức Phật nói:

–Lúc trước ngươi nói con người phải có với chủng loại tốt, nay trở lại theo Ta nói tâm ý chí tốt.

Át-ba-la-diên tự suy nghĩ: "Lời của Đức Phật ngăn chặn ta cả trước và sau".

Đức Phật bảo:

–Này Át-ba-la-diên, vào kiếp quá khứ có bảy Bà-la-môn đều có đạo hạnh, ngày ngày cúng tế trời. Bảy Bà-la-môn này cũng nói: "Ta là con cháu của Phạm thiên, chúng ta cũng sanh từ miệng Phạm thiên, còn kẻ phàm nhân thì sanh từ các phần dưới. Chủng tộc của ta lúc chết được sanh lên trời".

Đức Phật nói:

–Lúc đó Ta cũng là đạo nhân tên A-hức. Mọi người đều nói: Đạo của ta là Thiên đạo. Lúc ấy Ta thấy bảy Bà-la-môn đều đứng trước đền thờ ngọn lửa. Các Bà-la-môn đều nói: "Chúng ta lúc chết sẽ rực sáng như ngọn lửa này ở trên trời".

Đức Phật nói:

–Bấy giờ Ta tính xem thử những người này làm gì nên tự biến đổi thân thể, tay cầm lá cờ có chuôi lông bằng vàng ròng, thân mặc đồ trắng, đi theo người trên chiếc xe giả, đến chỗ bảy Bà-la-môn ấy. Khi đó bảy Bà-la-môn đang đi kinh hành, và cả nhóm trông thấy, liền hỏi Ta: "Người hành đạo Bà-la-môn từ đâu đến đây?". Bảy Bà-la-môn nói: "Nếu Ngài là Thiên đạo, xin hãy nói tóm lược cho chúng tôi: sao

lại mặc y đẹp, cưỡi xe, tay cầm cờ vàng rực rỡ. Ngài từ đâu sanh ra và muốn đi về đâu? Từ đâu đến? Và sao lại đến chỗ này?".

Lúc ấy Ta làm thinh không trả lời. Họ thấy Ta không nói, nên tất cả đều nổi giận, liền dùng thần chú đối với Ta, muốn khiến cho Ta chết đứng. Họ dùng thần chú đối với Ta mà sắc mặt của Ta lại càng đẹp. Họ lại đọc chú, sắc mặt của ta lại càng thêm đẹp. Bảy Bà-la-môn ấy hết sức kinh hãi, nói rằng:

–Những người bị chúng ta đọc chú đều chết cả, nhưng nay chúng ta đọc chú thì người này sắc mặt lại càng đẹp hơn.

Lúc ấy, họ lại gọi "A-hức", tự nghĩ rằng: "Ngươi muốn về đường nào?"

A-hức liền đáp:

–Đạo tâm của tôi hơn tất cả. Tại sao các người nổi giận? Vậy các người có nghe A-hức nói về Thiên đạo chăng?

Họ nói:

–Chúng tôi không nghe.

A-hức nói:

–Này Hiền giả, bậc Đạo nhân gặp nhau, cùng nhau thăm hỏi, sao lại tức giận?

A-hức bảo:

–Ta nghe các Phạm chí nói: các Bà-la-môn trong thiên hạ là con cháu của Phạm thiên, sanh ra từ miệng Phạm thiên, độc tôn trong loài người. Do vậy nên Ta đến hỏi các người: Nếu đốt lửa này để cúng trời, nếu thờ trời là đúng như pháp thì các người được vị thầy nào truyền dạy? Hay là điều ấy chẳng phải do tổ tiên nói?

Bảy Bà-la-môn nói:

–Tổ tiên chúng tôi làm, nên chúng tôi bắt chước.

Đạo nhân A-hức nói:

–Vậy tổ mẫu của các người là con gái của Bà-la-môn, hay con gái của dòng họ khác?

–Chúng tôi không biết tổ mẫu của chúng tôi là con gái của Sát-lợi, con gái của Điền gia hay con gái của Công sư. Chúng tôi không biết tiên tổ mẫu của chúng tôi có phải do người Bà-la-môn sanh ra hay không, hoặc các vị ấy yêu thương người khác sanh ra chủng loại chúng tôi.

A-hức nói:

–Nếu đã không biết tổ tiên, sao lại nói tổ tiên các người từ Phạm thiên sanh? Tâm lý của người nữ không có gì bảo đảm. Nếu các người biết được người thế gian, vậy vợ chồng giao hợp làm sao để sanh con?

Họ đều nói:

–Chúng tôi không biết.

–Nếu các người đã không biết tổ tiên, cũng không biết con người từ đâu sanh ra, vậy sao lại giận dữ với Ta? Phàm con người gặp nhau, trước hết phải hỏi thăm để biết cao thấp, phải biết ý chí của con người ấy rồi mới tức giận, tại sao trước tiên lại giận? Nên biết con người lúc mới nhập vào thai mẹ, nếu không phải do lòng tham dâm của người cha, thì cũng do tâm ái dục của người mẹ mới sanh ra con. Hội đủ ba điều kiện ấy mới thành con. Đã làm con, ai khiến cho thân trung ấm gặp cha mẹ để thành con? Đứa con ở trong ấy hoặc đời trước làm ác thì nay ở trong bụng mẹ hoặc bị mù, hoặc bị điếc, hoặc bị ngọng, hoặc bị gù, hoặc bị kiễng chân, hoặc thành kẻ hư ác mà cha mẹ đều không biết rõ. Cha mẹ mang con ở trong bụng mà còn không biết được con mình là đẹp hay xấu, thì các ngươi làm sao biết được tiên tổ các ngươi là con cháu của Phạm thiên, sanh ra từ miệng Phạm thiên và độc tôn trong loài người?

Đức Phật bảo Át-ba-la-diên:

–Ở đời trước, bảy Bà-la-môn ấy có thể dùng chú thuật giết người. Lúc đó Ta không chấp nhận lời họ nói và sách họ chép. Nay Ta đã thành Phật, họ lại đến nói với Ta: họ là con cháu Phạm thiên, sanh ra từ miệng của Phạm thiên, độc tôn trong loài người.

Đức Phật bảo Át-ba-la-diên:

–Hãy suy nghĩ điều Ta nói: Thiên hạ sanh con nuôi lớn nhờ cha mẹ, thành người là nhờ thầy.

Bà-la-môn Át-ba-la-diên cùng năm trăm Bà-la-môn và các Bà-la-môn khác cùng suy nghĩ.

Đức Phật nói:

–Thời trước Ta còn làm thầy của bảy Bà-la-môn. Bảy Bà-la-môn này là người đạo đức và có thể dùng chú thuật giết người. Nay Ta phải phân biệt nói ra. Con người có chủng loại, một thành ra trăm, trăm thành ra ngàn, ngàn thành ra vạn, vạn cũng là một.

Át-ba-la-diên cùng các Bà-la-môn đồng đến phía trước, đầu mặt lạy nơi chân Đức Phật, nói:

–Chúng con không rõ một thành trăm, trăm thành ngàn, ngàn thành vạn, vạn cũng từ một là ý nghĩa gì?

Đức Phật nói:

–Đó là người thế gian tham đắm sanh tử rất nhiều. Một người sanh con cháu, sau đó phân ra thành một trăm nhà, trăm nhà cầu đạo thì chỉ một đạo. Sao gọi là một đạo? Đó là đạo vô vi giải thoát. Như vậy là một thành ngàn, ngàn thành vạn.

Át-ba-la-diên đến phía trước Đức Phật, quỳ xuống thưa:

–Xin Ngài hãy thương xót chúng con như Ngài thương các Sa-môn, đừng có tâm tức giận đối với chúng con. Chúng con xin trở về sẽ cùng nhau tự phản tỉnh.

Đức Phật nói:

–Lành thay!

–Sáng mai chúng con nguyện tịnh tâm.

Tất cả đều đứng dậy đầu mặt lạy nơi chân Đức Phật rồi đi ra.

❑

SỐ 72

PHẬT NÓI KINH CÔNG ĐỨC CỦA TAM QUY, NGŨ GIỚI, TỪ TÂM VÀ YỂM LY

Hán dịch: Mất tên người dịch, phụ vào dịch phẩm đời Đông Tấn.

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Phật kể cho trưởng giả A-na-bân-kỳ nghe:

–Về kiếp lâu xa có một Phạm chí tên là Tỳ-la-ma, là người giàu có, nhiều tiền của, châu báu. Lúc đem ra bố thí, ông dùng tám vạn bốn ngàn bát bằng vàng đựng đầy bạc rời, tám vạn bốn ngàn bát bằng bạc đựng đầy vàng rời. Ông lại lấy tám vạn bốn ngàn bình tắm bằng vàng bạc, lại lấy tám vạn bốn ngàn con bò đều lấy vàng bạc che trên sừng; lại lấy tám vạn bốn ngàn ngọc nữ trang sức đẹp đẽ; lại lấy tám vạn bốn ngàn đồ nằm trải lụa lên trên; lại lấy tám vạn bốn ngàn bộ y phục; lại lấy tám vạn bốn ngàn con voi con ngựa đều lấy vàng bạc để làm dàm, chằng đầu và mỏm chúng; lại lấy tám vạn bốn ngàn phòng xá để bố thí; lại ở trong bốn cửa thành để bố thí, tùy ai muốn gì ông đều đem cho tất cả. Lại dùng một phòng để bố thí cho Tăng chúng từ bốn phương lại.

Phước đức của sự bố thí như trên không bằng thọ Tam quy. Vì sao vậy? Vì người thọ Tam quy là bố thí sự vô úy cho tất cả chúng sanh, cho nên quy y Phật, Pháp, Tăng, phước đức người ấy không thể tính kể được.

Phước đức của sự bố thí như trên và sự thọ trì Tam quy không bằng phước đức của người thọ trì Năm giới. Người thọ trì Năm giới

công đức đầy đủ, vượt hơn tất cả.

Phước đức của sự bố thí như trên và của sự thọ trì Tam quy, Ngũ giới lại không bằng phước đức của người chỉ trong một khoảnh khắc rủ lòng thương đối với chúng sanh.

Phước đức của sự bố thí như trên và phước đức của sự thọ trì Tam quy, Ngũ giới, rủ lòng thương đối với chúng sanh lại không bằng phước đức của người khởi lên cái tưởng không nên ham thích đối với tất cả sự việc ở thế gian. Vì sao như vậy? Vì phước đức của sự khởi lên cái tưởng không đáng ham thích đối với tất cả sự việc ở thế gian có thể khiến cho hành giả diệt trừ được cái khổ nơi sanh tử, trọn thành Phật đạo, cho nên phước đức của người ấy là tối thắng.

Bấy giờ, Trưởng giả A-na-bân-kỳ nghe Đức Phật giảng nói xong, hoan hỷ phụng hành.

❑

SỐ 73

PHẬT NÓI KINH TU-ĐẠT

Hán dịch: Đời Tiêu Tề, Đại sư Cầu-na-tỳ-địa, người Thiên trúc.

Nghe như vầy:

Một thời Đức Bà-già-bà ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, cư sĩ Tu-đạt đi đến chỗ Đức Thế Tôn, cung kính đảnh lễ nơi chân Đức Thế Tôn xong, ngồi qua một bên. Đức Thế Tôn hỏi:

–Này Cư sĩ, gia đình Cư sĩ có thực hành hạnh bố thí chăng?

Cư sĩ trả lời:

–Dạ có, bạch Thế Tôn, gia đình con có bố thí nhưng chỉ bố thí những thứ thô xấu, không phải thứ quý giá, như cơm gạo hẩm, canh rau nấu với một ít gừng.

Đức Thế Tôn bảo:

–Này Cư sĩ, dù bố thí những thứ thô xấu hay bố thí những thứ mỹ diệu, cả hai đều có quả báo. Nhưng này Cư sĩ, nếu bố thí những thức ăn thô xấu, kẻ ấy không có lòng tin mà bố thí, bố thí không đúng lúc, không tự tay bố thí, không tự mình đến để bố thí, không biết, không có tín tâm, cũng không biết có quả báo mà bố thí, thì nên biết rằng sẽ thọ quả báo đúng như thế, ý không muốn có được phòng xá tốt đẹp, cũng không muốn có được áo quần tốt đẹp, cũng không muốn có được đồ ăn uống ngon lành, cũng không muốn có được đầy đủ công năng tốt đẹp của năm dục. Vì sao? Người cư sĩ này vì không chí tâm bố thí nên có quả báo như vậy. Này Cư sĩ đó là người không chí tâm bố thí.

Này Cư sĩ, người thực hành bố thí có tín tâm, tùy thời bố thí, tự tay bố thí, đi đến để bố thí, có hiểu biết, có tín tâm, biết có nhân

duyên quả báo mới hành bố thí. Nên biết người ấy có quả báo như vầy: Ý muốn gia đình tốt đẹp, nghiệp báo cực tốt, đồ dùng cực đẹp, áo quần cực đẹp, muốn đồ ăn, thức uống ngon lành, muốn được đầy đủ công năng tốt đẹp của năm dục. Vì sao? Cư sĩ nên biết, kẻ ấy chí tâm bố thí.

Này Cư sĩ, nếu bố thí những thứ mỹ diệu nhưng không có tín tâm bố thí, không tùy thời bố thí, không tự tay bố thí, không đến để bố thí, cũng không biết, không tin, cũng không biết có nhân duyên hành quả báo mà thực hành bố thí, nên biết kẻ ấy sẽ thọ báo đúng như thế, ý cũng không muốn đạt được gia nghiệp tốt đẹp, cũng không muốn có được y phục tốt đẹp, cũng không muốn có được đồ ăn ngon lành, cũng không muốn có đầy đủ công năng tốt đẹp của năm dục. Vì sao? Này Cư sĩ, vì không hết lòng bố thí.

Này Cư sĩ, nếu bố thí những thứ mỹ diệu, có tín tâm, ưa thích bố thí, tùy thời thí, tự tay bố thí, tự mình đến để bố thí, có hiểu biết, có tín tâm, biết có hạnh quả báo mà hành bố thí. Nên biết kẻ ấy sẽ được quả báo đúng như vậy. Đó là tâm muốn được gia nghiệp tốt đẹp, cho đến muốn có đồ ăn, thức uống, công năng tốt đẹp của năm dục. Vì sao? Này Cư sĩ, vì kẻ ấy tùy thời bố thí nên có quả báo ấy. Vì sao? Này Cư sĩ, thuở xưa vào đời quá khứ, có một Bà-la-môn tên là Tỳ-lam, rất giàu có, của cải vô lượng, vị ấy đã làm một cuộc bố thí lớn như vầy: lấy tám vạn bốn ngàn bát bằng vàng đựng đầy bạc vụn; vị ấy thực hành đại bố thí như vầy: lấy tám vạn bốn ngàn bát bằng bạc đựng đầy vàng vụn; vị ấy thực hành đại bố thí như vầy: lấy tám vạn bốn ngàn thớt voi được trang sức đầy đủ, voi trắng như tuyết; vị ấy thực hành đại bố thí như vầy: lấy tám vạn bốn ngàn con ngựa được trang sức đầy đủ dây vàng xâu ngọc, vị ấy thực hành đại bố thí như sau: lấy tám vạn bốn ngàn con bò, lấy vải làm dây thừng, bò thường cung cấp một hộc sữa, vị ấy thực hành đại bố thí như vầy: dùng tám vạn bốn ngàn ngọc nữ đoan chánh, đẹp đẽ, trang sức đầy đủ châu báu, vị ấy thực hành đại bố thí như vầy: ngoài ra còn có thức ăn mỹ vị nhiều vô số kể.

Đó là, này Cư sĩ, vị Bà-la-môn rất giàu có tên là Tỳ-lam ấy đã thực hành đại bố thí như vậy: bố thí cho người phàm phu ở cõi Diêm-phù-đề, nhưng phước đức ấy không bằng cúng thí cho một vị tiên nhân.

Này Cư sĩ, tuy Bà-la-môn rất giàu có tên là Tỳ-lam ấy đã thực hành đại bố thí như vậy: thí cho tiên nhân ở cõi Diêm-phù-đề này, nhưng không bằng phước đức cúng thí cho một vị Tu-đà-hoàn.

Này Cư sĩ, tuy Bà-la-môn rất giàu có tên là Tỳ-lam ấy cúng thí cho người phàm phu, tiên nhân và một trăm vị Tu-đà-hoàn cõi Diêm-phù-đề, nhưng không bằng phước đức cúng thí cho một vị Tư-đà-hàm.

Này Cư sĩ, tuy Bà-la-môn rất giàu có tên là Tỳ-lam ấy đã thực hành đại bố thí như vậy, thí cho người phàm, tiên nhân, một trăm vị Tu-đà-hoàn và một trăm vị Tư-đà-hàm ở cõi Diêm-phù-đề nhưng không bằng phước đức cúng dường cho một vị A-na-hàm.

Này Cư sĩ, tuy Bà-la-môn rất giàu có tên là Tỳ-lam ấy đã thực hành đại bố thí như vậy, thí cho người phàm,... một trăm vị A-na-hàm ở cõi Diêm-phù-đề nhưng không bằng phước đức cúng dường cho một vị A-la-hán.

Này Cư sĩ, tuy Bà-la-môn rất giàu có tên là Tỳ-lam ấy đã thực hành đại bố thí như vậy, thí cho người phàm,... một trăm vị A-la-hán ở cõi Diêm-phù-đề nhưng không bằng phước đức cúng dường cho một vị Bích-chi-phật.

Này Cư sĩ, tuy Bà-la-môn rất giàu có tên là Tỳ-lam ấy đã thực hành đại bố thí như vậy, thí cho người phàm,... một trăm vị Bích-chi-phật ở cõi Diêm-phù-đề nhưng không bằng phước đức cúng dường cho Đức Như Lai, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, phước đức này là vô lượng.

Này Cư sĩ, tuy Bà-la-môn rất giàu có tên là Tỳ-lam ấy đã thực hành đại bố thí như vậy, bố thí cho người phàm phu,... một trăm vị Bích-chi-phật ở cõi Diêm-phù-đề nhưng không bằng việc tạo lập phòng xá để cúng dường cho bốn phương Tăng, phước đức này nhiều hơn.

Này Cư sĩ, tuy Bà-la-môn rất giàu có tên là Tỳ-lam ấy đã thực hành đại bố thí như vậy, bố thí cho người phàm phu, cho đến... tạo lập phòng xá để cúng dường cho bốn phương Tăng ở cõi Diêm-phù-đề cũng không bằng đem tâm ý thanh tịnh thọ Tam tự quy: Phật, Pháp và Tỳ-kheo Tăng giữ giới, phước đức này nhiều hơn.

Này Cư sĩ, tuy Bà-la-môn rất giàu có tên là Tỳ-lam ấy, thực hành sự đại bố thí ấy, bố thí cho người phàm phu ở cõi Diêm-phù-đề,

cho đến đem tâm ý thanh tịnh phụng hành ba tự quy: Phật, Pháp và Tỳ-kheo Tăng giữ giới nhưng không bằng đối với tất cả chúng sanh cho đến loài trâu, bò trải lòng Từ dù chỉ trong khoảnh khắc, phước đức này nhiều hơn.

Này Cư sĩ, tuy Bà-la-môn rất giàu có tên là Tỳ-lam ấy thực hành sự bố thí như vậy, đối với những người phàm phu ở cõi Diêm-phù-đề, cho đến tất cả chúng sanh thể hiện rõ hạnh Từ, kể cả thương yêu loài trâu, bò trong khoảnh khắc, nhưng không bằng đối với tất cả hành, tư duy, cho dù trong khoảng khắc, thấy chúng là vô thường, khổ, không, vô ngã, phước đức này nhiều hơn.

Này Cư sĩ, ý ông nghĩ sao? Bà-la-môn rất giàu có tên là Tỳ-lam ấy là ai khác chăng? Chớ có nghĩ như vậy. Vị ấy chính là Ta. Lúc ấy Ta là Bà-la-môn rất giàu có tên là Tỳ-lam.

Như vậy, này Cư sĩ, lúc ấy Ta tự làm lợi ích cho mình và làm lợi ích cho người khác, lợi ích cho nhiều người, thương xót thế gian, mong cầu ý nghĩa diệu lạc, an ổn cho trời và người. Ta thuyết pháp như vậy nhưng vẫn chưa rốt ráo, chưa rốt ráo về vô cấu, chưa rốt ráo về phạm hạnh, chưa rốt ráo về sự thành tựu phạm hạnh, vì vậy lúc ấy Ta chưa thoát khỏi sự sanh, già, bệnh, chết, ưu sầu không vui, cũng chưa thoát khỏi khổ đau.

Này Cư sĩ, nay Ta là Như Lai xuất hiện thế gian, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Vị Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, là Phật, Thế Tôn. Nay Ta tự làm lợi ích cho mình, cũng đem lại lợi ích cho người khác, vì lợi ích cho nhiều người, thương xót người thế gian, cầu nghĩa lý, sự diệu lạc, an ổn cho trời và người. Nay Ta thuyết pháp đến chỗ rốt ráo, rốt ráo về vô cấu, rốt ráo về phạm hạnh, rốt ráo về sự hành trì phạm hạnh. Nên nay Ta đã thoát khỏi mọi sự sanh, già, bệnh, chết, ưu sầu, khổ, bất lạc. Ta đã thoát khỏi mọi khổ đau.

Đức Phật thuyết giảng như vậy, cư sĩ Tu-đạt nghe Đức Phật dạy xong, hoan hỷ vui mừng.

❑

PHẬT NÓI KINH TU-ĐẠT

Hán dịch: Đời Tiêu Tề, Đại sư Cầu-na-tỳ-địa, người Thiên trúc.

Nghe như vầy:

Một thời Đức Bà-già-bà ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, cư sĩ Tu-đạt đi đến chỗ Đức Thế Tôn, cung kính đảnh lễ nơi chân Đức Thế Tôn xong, ngồi qua một bên. Đức Thế Tôn hỏi:

–Này Cư sĩ, gia đình Cư sĩ có thực hành hạnh bố thí chăng?

Cư sĩ trả lời:

–Dạ có, bạch Thế Tôn, gia đình con có bố thí nhưng chỉ bố thí những thứ thô xấu, không phải thứ quý giá, như cơm gạo hẩm, canh rau nấu với một ít gừng.

Đức Thế Tôn bảo:

–Này Cư sĩ, dù bố thí những thứ thô xấu hay bố thí những thứ mỹ diệu, cả hai đều có quả báo. Nhưng này Cư sĩ, nếu bố thí những thức ăn thô xấu, kẻ ấy không có lòng tin mà bố thí, bố thí không đúng lúc, không tự tay bố thí, không tự mình đến để bố thí, không biết, không có tín tâm, cũng không biết có quả báo mà bố thí, thì nên biết rằng sẽ thọ quả báo đúng như thế, ý không muốn có được phòng xá tốt đẹp, cũng không muốn có được áo quần tốt đẹp, cũng không muốn có được đồ ăn uống ngon lành, cũng không muốn có được đầy đủ công năng tốt đẹp của năm dục. Vì sao? Người cư sĩ này vì không chí tâm bố thí nên có quả báo như vậy. Này Cư sĩ đó là người không chí tâm bố thí.

Này Cư sĩ, người thực hành bố thí có tín tâm, tùy thời bố thí, tự tay bố thí, đi đến để bố thí, có hiểu biết, có tín tâm, biết có nhân duyên quả báo mới hành bố thí. Nên biết người ấy có quả báo như vầy: Ý muốn gia đình tốt đẹp, nghiệp báo cực tốt, đồ dùng cực đẹp, áo quần cực đẹp, muốn đồ ăn, thức uống ngon lành, muốn được đầy đủ công năng tốt đẹp của năm dục. Vì sao? Cư sĩ nên biết, kẻ ấy chí tâm bố thí.

Này Cư sĩ, nếu bố thí những thứ mỹ diệu nhưng không có tín tâm bố thí, không tùy thời bố thí, không tự tay bố thí, không đến để bố thí, cũng không biết, không tin, cũng không biết có nhân duyên hành quả

báo mà thực hành bố thí, nên biết kẻ ấy sẽ thọ báo đúng như thế, ý cũng không muốn đạt được gia nghiệp tốt đẹp, cũng không muốn có được y phục tốt đẹp, cũng không muốn có được đồ ăn ngon lành, cũng không muốn có đầy đủ công năng tốt đẹp của năm dục. Vì sao? Này Cư sĩ, vì không hết lòng bố thí.

Này Cư sĩ, nếu bố thí những thứ mỹ diệu, có tín tâm, ưa thích bố thí, tùy thời thí, tự tay bố thí, tự mình đến để bố thí, có hiểu biết, có tín tâm, biết có hạnh quả báo mà hành bố thí. Nên biết kẻ ấy sẽ được quả báo đúng như vậy. Đó là tâm muốn được gia nghiệp tốt đẹp, cho đến muốn có đồ ăn, thức uống, công năng tốt đẹp của năm dục. Vì sao? Này Cư sĩ, vì kẻ ấy tùy thời bố thí nên có quả báo ấy. Vì sao? Này Cư sĩ, thuở xưa vào đời quá khứ, có một Bà-la-môn tên là Tỳ-lam, rất giàu có, của cải vô lượng, vị ấy đã làm một cuộc bố thí lớn như vầy: lấy tám vạn bốn ngàn bát bằng vàng đựng đầy bạc vụn; vị ấy thực hành đại bố thí như vầy: lấy tám vạn bốn ngàn bát bằng bạc đựng đầy vàng vụn; vị ấy thực hành đại bố thí như vầy: lấy tám vạn bốn ngàn thớt voi được trang sức đầy đủ, voi trắng như tuyết; vị ấy thực hành đại bố thí như vầy: lấy tám vạn bốn ngàn con ngựa được trang sức đầy đủ dây vàng xâu ngọc, vị ấy thực hành đại bố thí như sau: lấy tám vạn bốn ngàn con bò, lấy vải làm dây thừng, bò thường cung cấp một hộc sữa, vị ấy thực hành đại bố thí như vầy: dùng tám vạn bốn ngàn ngọc nữ đoan chánh, đẹp đẽ, trang sức đầy đủ châu báu, vị ấy thực hành đại bố thí như vầy: ngoài ra còn có thức ăn mỹ vị nhiều vô số kể.

Đó là, này Cư sĩ, vị Bà-la-môn rất giàu có tên là Tỳ-lam ấy đã thực hành đại bố thí như vậy: bố thí cho người phàm phu ở cõi Diêm-phù-đề, nhưng phước đức ấy không bằng cúng thí cho một vị tiên nhân.

Này Cư sĩ, tuy Bà-la-môn rất giàu có tên là Tỳ-lam ấy đã thực hành đại bố thí như vậy: thí cho tiên nhân ở cõi Diêm-phù-đề này, nhưng không bằng phước đức cúng thí cho một vị Tu-đà-hoàn.

Này Cư sĩ, tuy Bà-la-môn rất giàu có tên là Tỳ-lam ấy cúng thí cho người phàm phu, tiên nhân và một trăm vị Tu-đà-hoàn cõi Diêm-phù-đề, nhưng không bằng phước đức cúng thí cho một vị Tư-đà-hàm.

Này Cư sĩ, tuy Bà-la-môn rất giàu có tên là Tỳ-lam ấy đã thực hành đại bố thí như vậy, thí cho người phàm, tiên nhân, một trăm vị

Tu-đà-hoàn và một trăm vị Tư-đà-hàm ở cõi Diêm-phù-đề nhưng không bằng phước đức cúng dường cho một vị A-na-hàm.

Này Cư sĩ, tuy Bà-la-môn rất giàu có tên là Tỳ-lam ấy đã thực hành đại bố thí như vậy, thí cho người phàm,... một trăm vị A-na-hàm ở cõi Diêm-phù-đề nhưng không bằng phước đức cúng dường cho một vị A-la-hán.

Này Cư sĩ, tuy Bà-la-môn rất giàu có tên là Tỳ-lam ấy đã thực hành đại bố thí như vậy, thí cho người phàm,... một trăm vị A-la-hán ở cõi Diêm-phù-đề nhưng không bằng phước đức cúng dường cho một vị Bích-chi-phật.

Này Cư sĩ, tuy Bà-la-môn rất giàu có tên là Tỳ-lam ấy đã thực hành đại bố thí như vậy, thí cho người phàm,... một trăm vị Bích-chi-phật ở cõi Diêm-phù-đề nhưng không bằng phước đức cúng dường cho Đức Như Lai, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, phước đức này là vô lượng.

Này Cư sĩ, tuy Bà-la-môn rất giàu có tên là Tỳ-lam ấy đã thực hành đại bố thí như vậy, bố thí cho người phàm phu,... một trăm vị Bích-chi-phật ở cõi Diêm-phù-đề nhưng không bằng việc tạo lập phòng xá để cúng dường cho bốn phương Tăng, phước đức này nhiều hơn.

Này Cư sĩ, tuy Bà-la-môn rất giàu có tên là Tỳ-lam ấy đã thực hành đại bố thí như vậy, bố thí cho người phàm phu, cho đến... tạo lập phòng xá để cúng dường cho bốn phương Tăng ở cõi Diêm-phù-đề cũng không bằng đem tâm ý thanh tịnh thọ Tam tự quy: Phật, Pháp và Tỳ-kheo Tăng giữ giới, phước đức này nhiều hơn.

Này Cư sĩ, tuy Bà-la-môn rất giàu có tên là Tỳ-lam ấy, thực hành sự đại bố thí ấy, bố thí cho người phàm phu ở cõi Diêm-phù-đề, cho đến đem tâm ý thanh tịnh phụng hành ba tự quy: Phật, Pháp và Tỳ-kheo Tăng giữ giới nhưng không bằng đối với tất cả chúng sanh cho đến loài trâu, bò trải lòng Từ dù chỉ trong khoảnh khắc, phước đức này nhiều hơn.

Này Cư sĩ, tuy Bà-la-môn rất giàu có tên là Tỳ-lam ấy thực hành sự bố thí như vậy, đối với những người phàm phu ở cõi Diêm-phù-đề, cho đến tất cả chúng sanh thể hiện rõ hạnh Từ, kể cả thương yêu loài trâu, bò trong khoảnh khắc, nhưng không bằng đối với tất cả hành, tư

duy, cho dù trong khoảng khắc, thấy chúng là vô thường, khổ, không, vô ngã, phước đức này nhiều hơn.

Này Cư sĩ, ý ông nghĩ sao? Bà-la-môn rất giàu có tên là Tỳ-lam ấy là ai khác chăng? Chớ có nghĩ như vậy. Vị ấy chính là Ta. Lúc ấy Ta là Bà-la-môn rất giàu có tên là Tỳ-lam.

Như vậy, này Cư sĩ, lúc ấy Ta tự làm lợi ích cho mình và làm lợi ích cho người khác, lợi ích cho nhiều người, thương xót thế gian, mong cầu ý nghĩa diệu lạc, an ổn cho trời và người. Ta thuyết pháp như vậy nhưng vẫn chưa rốt ráo, chưa rốt ráo về vô cấu, chưa rốt ráo về phạm hạnh, chưa rốt ráo về sự thành tựu phạm hạnh, vì vậy lúc ấy Ta chưa thoát khỏi sự sanh, già, bệnh, chết, ưu sầu không vui, cũng chưa thoát khỏi khổ đau.

Này Cư sĩ, nay Ta là Như Lai xuất hiện thế gian, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Vị Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, là Phật, Thế Tôn. Nay Ta tự làm lợi ích cho mình, cũng đem lại lợi ích cho người khác, vì lợi ích cho nhiều người, thương xót người thế gian, cầu nghĩa lý, sự diệu lạc, an ổn cho trời và người. Nay Ta thuyết pháp đến chỗ rốt ráo, rốt ráo về vô cấu, rốt ráo về phạm hạnh, rốt ráo về sự hành trì phạm hạnh. Nên nay Ta đã thoát khỏi mọi sự sanh, già, bệnh, chết, ưu sầu, khổ, bất lạc. Ta đã thoát khỏi mọi khổ đau.

Đức Phật thuyết giảng như vậy, cư sĩ Tu-đạt nghe Đức Phật dạy xong, hoan hỷ vui mừng.

❑

SỐ 74

PHẬT NÓI KINH QUẢ BÁO BỐ THÍ CỦA TRƯỞNG GIẢ

Hán dịch: Đời Tống, Đại Sư Pháp Thiên.

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, có một vị Trưởng giả tên là Cấp cô độc, đi đến chỗ Đức Phật, cung kính đảnh lễ nơi chân Phật rồi ngồi qua một bên.

Đức Phật bảo Trưởng giả:

–Nếu như có người dùng các đồ ăn uống thượng diệu đúng như pháp bố thí, hoặc tự tay mình thí, hoặc thường xuyên thí, nhưng không đạt được phước đức to lớn. Vì sao? Do vì tâm người ấy mong cầu sự phú quý và diệu lạc.

Hoặc lại có người không vì mong cầu áo cơm, đồ ăn, sự giàu có, khoái lạc mà dùng đồ ăn uống thượng diệu đúng như pháp bố thí, sẽ được phước đức như giàu sang phú quý, cùng được hàng vợ con, tôi tớ, nam nữ, quyến thuộc, hiếu thuận, phụng dưỡng. Ý ông nghĩ sao? Do người ấy đã vì các hữu tình mà hành bố thí.

Đức Phật bảo Trưởng giả:

–Ở thời quá khứ xa xưa, có một trưởng giả giàu có thuộc chủng tộc Bà-la-môn tên là Di-la-ma, mở hội bố thí lớn: dùng tám vạn mâm bằng vàng chứa đầy vàng để bố thí. Lại lấy tám vạn mâm bằng bạc chứa đầy bạc để bố thí. Lại lấy tám vạn mâm bằng vàng chứa đầy bạc để bố thí. Lại lấy tám vạn mâm bằng bạc chứa đầy vàng để bố thí. Lại dùng tám vạn mâm bằng đồng chứa đầy các thứ đồ ăn uống thượng diệu để bố thí. Lại lấy tám vạn con bò sữa để bố thí. Lại lấy tám vạn

đồng nữ mặc y phục đẹp đẽ, trang điểm bằng các thứ ngọc anh lạc để bố thí. Lại dùng tám vạn giường nằm bằng vàng, giường nằm bằng bạc, giường bằng ngà voi, giường bằng gỗ, đặt lên các thứ đệm, chiếu quý giá để bố thí. Lại dùng tám vạn chiếc xe, xe chở đồ, xe thường, trải lên trên bằng gia trắng và y Kiều-thi-ca, trang hoàng các thứ dùng để bố thí.

Đức Phật bảo Trưởng giả:

–Bà-la-môn Di-la-ma thực hành bố thí như vậy nhưng không bằng có người dùng đồ ăn uống cúng dường cho một người có chánh kiến, phước báo đạt được lần này hơn phước báo trước. Ý ông nghĩ sao? Vì người này không rơi vào nẻo tà kiến.

Đức Phật bảo Trưởng giả:

–Bà-la-môn Di-la-ma ấy thực hành bố thí như vậy nhưng không bằng có người dùng đồ ăn uống cúng dường cho một người có chánh kiến, cúng dường cho một người có chánh kiến không bằng cúng dường cho một trăm người có chánh kiến, sẽ được phước báo hơn phước báo trước.

Đức Phật bảo Trưởng giả:

–Bà-la-môn Di-la-ma ấy thực hành bố thí như vậy nhưng không bằng có người dùng đồ ăn uống cúng dường cho một người có chánh kiến, cúng dường cho một người có chánh kiến không bằng cúng dường cho một trăm người có chánh kiến. Cúng dường cho một trăm người có chánh kiến không bằng cúng dường cho một vị Tu-đà-hoàn, sẽ được phước báo hơn phước báo trước.

Đức Phật bảo Trưởng giả:

–Bà-la-môn Di-la-ma thực hành bố thí như vậy, nhưng không bằng có người dùng đồ ăn uống cúng dường cho một người có chánh kiến, cúng dường cho một người có chánh kiến không bằng cúng dường cho một trăm người có chánh kiến. Cúng dường cho một trăm người có chánh kiến không bằng cúng dường cho một vị Tu-đà-hoàn, cúng dường cho một vị Tu-đà-hoàn không bằng cúng dường cho một trăm vị Tu-đà-hoàn, sẽ được phước báo thù thắng hơn phước báo trước.

Đức Phật bảo Trưởng giả:

–Bà-la-môn Di-la-ma thực hành bố thí như vậy, nhưng không

bằng có người dùng đồ ăn uống cúng dường cho một người có chánh kiến, cúng dường cho một người có chánh kiến không bằng cúng dường cho một trăm người có chánh kiến. Cúng dường cho một trăm người có chánh kiến không bằng cúng dường cho một vị Tu-đà-hoàn, cúng dường cho một vị Tu-đà-hoàn không bằng cúng dường cho một trăm vị Tu-đà-hoàn, cúng dường cho một trăm vị Tu-đà-hoàn không bằng cúng dường cho một vị A-na-hàm, sẽ được phước báo thù thắng hơn phước báo trước.

Đức Phật bảo Trưởng giả:

–Bà-la-môn Di-la-ma thực hành bố thí như vậy, nhưng không bằng có người dùng đồ ăn uống cúng dường cho một người có chánh kiến, cúng dường cho một người có chánh kiến không bằng cúng dường cho một trăm người có chánh kiến. Cúng dường cho một trăm người có chánh kiến không bằng cúng dường cho một vị Tu-đà-hoàn, cúng dường cho một vị Tu-đà-hoàn không bằng cúng dường cho một trăm vị Tu-đà-hoàn, cúng dường cho một trăm vị Tu-đà-hoàn không bằng cúng dường cho một vị A-na-hàm, cúng dường cho một vị A-na-hàm không bằng cúng dường cho một trăm vị A-na-hàm, sẽ được phước báo nhiều hơn phước báo trước.

Đức Phật bảo Trưởng giả:

–Bà-la-môn Di-la-ma thực hành bố thí như vậy, nhưng không bằng có người dùng đồ ăn uống cúng dường cho một người có chánh kiến, cúng dường cho một người có chánh kiến không bằng cúng dường cho một trăm người có chánh kiến. Cúng dường cho một trăm người có chánh kiến không bằng cúng dường cho một vị Tu-đà-hoàn, cúng dường cho một vị Tu-đà-hoàn không bằng cúng dường cho một trăm vị Tu-đà-hoàn, cúng dường cho một trăm vị Tu-đà-hoàn không bằng cúng dường cho một vị A-na-hàm, cúng dường cho một vị A-na-hàm không bằng cúng dường cho một trăm vị A-na-hàm, cúng dường cho một trăm vị A-na-hàm không bằng cúng dường cho một vị A-la-hán, sẽ được phước báo thù thắng hơn phước báo trước.

Đức Phật bảo Trưởng giả:

–Bà-la-môn Di-la-ma thực hành bố thí như vậy, nhưng không bằng có người dùng đồ ăn uống cúng dường cho một người có chánh kiến, cúng dường cho một người có chánh kiến không bằng cúng

dường cho một trăm người có chánh kiến. Cúng dường cho một trăm người có chánh kiến không bằng cúng dường cho một vị Tu-đà-hoàn, cúng dường cho một vị Tu-đà-hoàn không bằng cúng dường cho một trăm vị Tu-đà-hoàn, cúng dường cho một trăm vị Tu-đà-hoàn không bằng cúng dường cho một vị A-na-hàm, cúng dường cho một vị A-na-hàm không bằng cúng dường cho một trăm vị A-na-hàm, cúng dường cho một trăm vị A-na-hàm không bằng cúng dường cho một vị A-la-hán, cúng dường cho một vị A-la-hán không bằng cúng dường cho một trăm vị A-la-hán, sẽ được phước báo thù thắng hơn phước báo trước.

Đức Phật bảo Trưởng giả:

–Bà-la-môn Di-la-ma thực hành bố thí như vậy, nhưng không bằng có người dùng đồ ăn uống cúng dường cho một người có chánh kiến, cúng dường cho một người có chánh kiến không bằng cúng dường cho một trăm người có chánh kiến. Cúng dường cho một trăm người có chánh kiến không bằng cúng dường cho một vị Tu-đà-hoàn, cúng dường cho một vị Tu-đà-hoàn không bằng cúng dường cho một trăm vị Tu-đà-hoàn, cúng dường cho một trăm vị Tu-đà-hoàn không bằng cúng dường cho một vị A-na-hàm, cúng dường cho một vị A-na-hàm không bằng cúng dường cho một trăm vị A-na-hàm, cúng dường cho một trăm vị A-na-hàm không bằng cúng dường cho một vị A-la-hán, cúng dường cho một vị A-la-hán không bằng cúng dường cho một trăm vị A-la-hán, cúng dường cho một trăm vị A-la-hán không bằng cúng dường cho một vị Duyên giác, sẽ được phước báo thù thắng hơn phước báo trước.

Đức Phật bảo Trưởng giả:

–Bà-la-môn Di-la-ma thực hành bố thí như vậy, nhưng không bằng có người dùng đồ ăn uống cúng dường cho một người có chánh kiến, cúng dường cho một người có chánh kiến không bằng cúng dường cho một trăm người có chánh kiến. Cúng dường cho một trăm người có chánh kiến không bằng cúng dường cho một vị Tu-đà-hoàn, cúng dường cho một vị Tu-đà-hoàn không bằng cúng dường cho một trăm vị Tu-đà-hoàn, cúng dường cho một trăm vị Tu-đà-hoàn không bằng cúng dường cho một vị A-na-hàm, cúng dường cho một vị A-na-hàm không bằng cúng dường cho một trăm vị A-na-hàm, cúng dường

cho một trăm vị A-na-hàm không bằng cúng dường cho một vị A-la-hán, cúng dường cho một vị A-la-hán không bằng cúng dường cho một trăm vị A-la-hán, cúng dường cho một trăm vị A-la-hán không bằng cúng dường cho một vị Duyên giác, cúng dường cho một vị Duyên giác không bằng cúng dường cho một trăm vị Duyên giác, sẽ được phước báo thù thắng hơn phước báo trước.

Đức Phật bảo Trưởng giả:

–Bà-la-môn Di-la-ma thực hành bố thí như vậy, nhưng không bằng có người dùng đồ ăn uống cúng dường cho một người có chánh kiến, cúng dường cho một người có chánh kiến không bằng cúng dường cho một trăm người có chánh kiến. Cúng dường cho một trăm người có chánh kiến không bằng cúng dường cho một vị Tu-đà-hoàn, cúng dường cho một vị Tu-đà-hoàn không bằng cúng dường cho một trăm vị Tu-đà-hoàn, cúng dường cho một trăm vị Tu-đà-hoàn không bằng cúng dường cho một vị A-na-hàm, cúng dường cho một vị A-na-hàm không bằng cúng dường cho một trăm vị A-na-hàm, cúng dường cho một trăm vị A-na-hàm không bằng cúng dường cho một vị A-la-hán, cúng dường cho một vị A-la-hán không bằng cúng dường cho một trăm vị A-la-hán, cúng dường cho một trăm vị A-la-hán không bằng cúng dường cho một vị Duyên giác, cúng dường cho một vị Duyên giác không bằng cúng dường cho một trăm vị Duyên giác, cúng dường cho một trăm vị Duyên giác không bằng cúng dường cho một Đức Như Lai, Bậc Chánh Đẳng Giác, sẽ được phước báo thù thắng hơn phước báo trước.

Đức Phật bảo Trưởng giả:

–Bà-la-môn Di-la-ma thực hành bố thí như vậy, nhưng không bằng có người dùng đồ ăn uống cúng dường cho một người có chánh kiến, cúng dường cho một người có chánh kiến không bằng cúng dường cho một trăm người có chánh kiến. Cúng dường cho một trăm người có chánh kiến không bằng cúng dường cho một vị Tu-đà-hoàn, cúng dường cho một vị Tu-đà-hoàn không bằng cúng dường cho một trăm vị Tu-đà-hoàn, cúng dường cho một trăm vị Tu-đà-hoàn không bằng cúng dường cho một vị A-na-hàm, cúng dường cho một vị A-na-hàm không bằng cúng dường cho một trăm vị A-na-hàm, cúng dường cho một trăm vị A-na-hàm không bằng cúng dường cho một vị

A-la-hán, cúng dường cho một vị A-la-hán không bằng cúng dường cho một trăm vị A-la-hán, cúng dường cho một trăm vị A-la-hán không bằng cúng dường cho một vị Duyên giác, cúng dường cho một vị Duyên giác không bằng cúng dường cho một trăm vị Duyên giác, cúng dường cho một trăm vị Duyên giác không bằng cúng dường cho một Đức Như Lai, Bậc Chánh Đẳng Giác, cúng dường cho Đức Như Lai, Bậc Chánh Đẳng Giác không bằng cúng dường cho Đức Phật và chúng Đại Bí-sô tùy tùng của Đức Phật, sẽ được phước báo thù thắng hơn phước báo trước.

Đức Phật bảo Trưởng giả:

–Bà-la-môn Di-la-ma thực hành bố thí như vậy, nhưng không bằng có người dùng đồ ăn uống cúng dường cho một người có chánh kiến, cúng dường cho một người có chánh kiến không bằng cúng dường cho một trăm người có chánh kiến. Cúng dường cho một trăm người có chánh kiến không bằng cúng dường cho một vị Tu-đà-hoàn, cúng dường cho một vị Tu-đà-hoàn không bằng cúng dường cho một trăm vị Tu-đà-hoàn, cúng dường cho một trăm vị Tu-đà-hoàn không bằng cúng dường cho một vị A-na-hàm, cúng dường cho một vị A-na-hàm không bằng cúng dường cho một trăm vị A-na-hàm, cúng dường cho một trăm vị A-na-hàm không bằng cúng dường cho một vị A-la-hán, cúng dường cho một vị A-la-hán không bằng cúng dường cho một trăm vị A-la-hán, cúng dường cho một trăm vị A-la-hán không bằng cúng dường cho một vị Duyên giác, cúng dường cho một vị Duyên giác không bằng cúng dường cho một trăm vị Duyên giác, cúng dường cho một trăm vị Duyên giác không bằng cúng dường cho một Đức Như Lai, Bậc Chánh Đẳng Giác, cúng dường cho Đức Như Lai, Bậc Chánh Đẳng Giác không bằng cúng dường cho Đức Phật và chúng Đại Bí-sô tùy tùng của Đức Phật, cúng dường cho Đức Phật và chúng Đại Bí-sô tùy tùng của Đức Phật không bằng cúng dường cơm cho tất cả chư Tăng ôm bát khất thực của bốn phương, sẽ được phước báo thù thắng hơn phước báo trước.

Đức Phật bảo Trưởng giả:

–Bà-la-môn Di-la-ma thực hành bố thí như vậy, nhưng không bằng có người dùng đồ ăn uống cúng dường cho một người có chánh kiến, cúng dường cho một người có chánh kiến không bằng cúng

dường cho một trăm người có chánh kiến. Cúng dường cho một trăm người có chánh kiến không bằng cúng dường cho một vị Tu-đà-hoàn, cúng dường cho một vị Tu-đà-hoàn không bằng cúng dường cho một trăm vị Tu-đà-hoàn, cúng dường cho một trăm vị Tu-đà-hoàn không bằng cúng dường cho một vị A-na-hàm, cúng dường cho một vị A-na-hàm không bằng cúng dường cho một trăm vị A-na-hàm, cúng dường cho một trăm vị A-na-hàm không bằng cúng dường cho một vị A-la-hán, cúng dường cho một vị A-la-hán không bằng cúng dường cho một trăm vị A-la-hán, cúng dường cho một trăm vị A-la-hán không bằng cúng dường cho một vị Duyên giác, cúng dường cho một vị Duyên giác không bằng cúng dường cho một trăm vị Duyên giác, cúng dường cho một trăm vị Duyên giác không bằng cúng dường cho một Đức Như Lai, Bậc Chánh Đẳng Giác, cúng dường cho Đức Như Lai, Bậc Chánh Đẳng Giác không bằng cúng dường cho Đức Phật và chúng Đại Bí-sô tùy tùng của Đức Phật, cúng dường cho Đức Phật và chúng Đại Bí-sô tùy tùng của Đức Phật không bằng cúng dường cơm cho tất cả chư Tăng ôm bát khất thực của bốn phương, cúng dường cơm cho tất cả chư Tăng ôm bát khất thực của bốn phương không bằng cúng dường những khu vườn rừng cho tất cả chư Tăng ở bốn phương, sẽ được phước báo thù thắng hơn trước.

Đức Phật bảo Trưởng giả:

–Bà-la-môn Di-la-ma thực hành bố thí như vậy, nhưng không bằng có người dùng đồ ăn uống cúng dường cho một người có chánh kiến, cúng dường cho một người có chánh kiến không bằng cúng dường cho một trăm người có chánh kiến. Cúng dường cho một trăm người có chánh kiến không bằng cúng dường cho một vị Tu-đà-hoàn, cúng dường cho một vị Tu-đà-hoàn không bằng cúng dường cho một trăm vị Tu-đà-hoàn, cúng dường cho một trăm vị Tu-đà-hoàn không bằng cúng dường cho một vị A-na-hàm, cúng dường cho một vị A-na-hàm không bằng cúng dường cho một trăm vị A-na-hàm, cúng dường cho một trăm vị A-na-hàm không bằng cúng dường cho một vị A-la-hán, cúng dường cho một vị A-la-hán không bằng cúng dường cho một trăm vị A-la-hán, cúng dường cho một trăm vị A-la-hán không bằng cúng dường cho một vị Duyên giác, cúng dường cho một vị Duyên giác không bằng cúng dường cho một trăm vị Duyên giác, cúng

dường cho một trăm vị Duyên giác không bằng cúng dường cho một Đức Như Lai, Bậc Chánh Đẳng Giác, cúng dường cho Đức Như Lai, Bậc Chánh Đẳng Giác không bằng cúng dường cho Đức Phật và chúng Đại Bí-sô tùy tùng của Đức Phật, cúng dường cho Đức Phật và chúng Đại Bí-sô tùy tùng của Đức Phật không bằng cúng dường cơm cho tất cả chư Tăng ôm bát khất thực của bốn phương, cúng dường cơm cho tất cả chư Tăng ôm bát khất thực của bốn phương không bằng cúng dường các khu vườn rừng cho tất cả chư Tăng ở bốn phương, cúng dường các khu vườn rừng cho tất cả chư Tăng ở bốn phương không bằng cúng dường tinh xá cho tất cả chư Tăng ở bốn phương, sẽ được phước báo thù thắng hơn phước báo trước.

Đức Phật bảo Trưởng giả:

–Bà-la-môn Di-la-ma thực hành bố thí như vậy, nhưng không bằng có người dùng đồ ăn uống cúng dường cho một người có chánh kiến, cúng dường cho một người có chánh kiến không bằng cúng dường cho một trăm người có chánh kiến. Cúng dường cho một trăm người có chánh kiến không bằng cúng dường cho một vị Tu-đà-hoàn, cúng dường cho một vị Tu-đà-hoàn không bằng cúng dường cho một trăm vị Tu-đà-hoàn, cúng dường cho một trăm vị Tu-đà-hoàn không bằng cúng dường cho một vị A-na-hàm, cúng dường cho một vị A-na-hàm không bằng cúng dường cho một trăm vị A-na-hàm, cúng dường cho một trăm vị A-na-hàm không bằng cúng dường cho một vị A-la-hán, cúng dường cho một vị A-la-hán không bằng cúng dường cho một trăm vị A-la-hán, cúng dường cho một trăm vị A-la-hán không bằng cúng dường cho một vị Duyên giác, cúng dường cho một vị Duyên giác không bằng cúng dường cho một trăm vị Duyên giác, cúng dường cho một trăm vị Duyên giác không bằng cúng dường cho một Đức Như Lai, Bậc Chánh Đẳng Giác, cúng dường cho Đức Như Lai, Bậc Chánh Đẳng Giác không bằng cúng dường cho Đức Phật và chúng Đại Bí-sô tùy tùng của Đức Phật, cúng dường cho Đức Phật và chúng Đại Bí-sô tùy tùng của Đức Phật không bằng cúng dường cơm cho tất cả chư Tăng ôm bát khất thực của bốn phương, cúng dường cơm cho tất cả chư Tăng ôm bát khất thực của bốn phương không bằng cúng dường các khu vườn rừng cho tất cả chư Tăng ở bốn phương, cúng dường các khu vườn rừng cho tất cả chư Tăng ở bốn

phương không bằng cúng dường tinh xá cho tất cả chư Tăng ở bốn phương, cúng dường tinh xá cho tất cả chư Tăng ở bốn phương không bằng suốt đời chí tâm quy y Phật, Pháp, Tăng, sẽ được phước báo thù thắng hơn phước báo trước.

Đức Phật bảo Trưởng giả:

–Bà-la-môn Di-la-ma thực hành bố thí như vậy, nhưng không bằng có người dùng đồ ăn uống cúng dường cho một người có chánh kiến, cúng dường cho một người có chánh kiến không bằng cúng dường cho một trăm người có chánh kiến. Cúng dường cho một trăm người có chánh kiến không bằng cúng dường cho một vị Tu-đà-hoàn, cúng dường cho một vị Tu-đà-hoàn không bằng cúng dường cho một trăm vị Tu-đà-hoàn, cúng dường cho một trăm vị Tu-đà-hoàn không bằng cúng dường cho một vị A-na-hàm, cúng dường cho một vị A-na-hàm không bằng cúng dường cho một trăm vị A-na-hàm, cúng dường cho một trăm vị A-na-hàm không bằng cúng dường cho một vị A-la-hán, cúng dường cho một vị A-la-hán không bằng cúng dường cho một trăm vị A-la-hán, cúng dường cho một trăm vị A-la-hán không bằng cúng dường cho một vị Duyên giác, cúng dường cho một vị Duyên giác không bằng cúng dường cho một trăm vị Duyên giác, cúng dường cho một trăm vị Duyên giác không bằng cúng dường cho một Đức Như Lai, Bậc Chánh Đẳng Giác, cúng dường cho Đức Như Lai, Bậc Chánh Đẳng Giác không bằng cúng dường cho Đức Phật và chúng Đại Bí-sô tùy tùng của Đức Phật, cúng dường cho Đức Phật và chúng Đại Bí-sô tùy tùng của Đức Phật không bằng cúng dường cơm cho tất cả chư Tăng ôm bát khất thực của bốn phương, cúng dường cơm cho tất cả chư Tăng ôm bát khất thực của bốn phương không bằng cúng dường các khu vườn rừng cho tất cả chư Tăng ở bốn phương, cúng dường các khu vườn rừng cho tất cả chư Tăng ở bốn phương không bằng cúng dường tinh xá cho tất cả chư Tăng ở bốn phương, cúng dường tinh xá cho tất cả chư Tăng ở bốn phương không bằng suốt đời chí tâm quy y Phật, Pháp, Tăng, suốt đời chí tâm quy y Phật, Pháp, Tăng không bằng suốt đời không sát sanh, không trộm cắp, không dâm dục, không nói dối, không uống rượu. Suốt đời không sát sanh, không trộm cắp, không dâm dục, không nói dối, không uống rượu không bằng có người đối với mười phương thế giới

cùng khắp mọi nơi chốn thực hành tâm đại từ làm lợi lạc cho chúng sanh, với tâm vô tướng lìa mọi phân biệt, do đó được phước báo thù thắng hơn phước báo trước.

Bấy giờ Đức Thế Tôn giảng nói như trên xong, bảo Trưởng giả:

–Bà-la-môn Di-la-ma ngày xưa thực hành hội bố thí to lớn ấy đâu có phải là các Sa-môn, Bà-la-môn nào khác mà chính là thân Ta đấy.

Khi ấy trưởng giả Cấp Cô Độc nghe Đức Phật thuyết giảng như vậy xong, dứt bỏ được kiến chấp về ngã, kiến chấp về con người, kiến chấp về chúng sanh và kiến chấp về thọ mạng. Xa lìa các tưởng mê hoặc, ngộ được pháp nhẫn tịch diệt.

❑

SỐ 75

PHẬT THUYẾT KINH HỌC CHO LÃO BÀ-LA-MÔN Ở VƯỜN HOÀNG TRÚC

Hán dịch: Mất tên người dịch, nay phụ vào dịch phẩm đời Lưu Tống.

Nghe như vầy:

Một thời Đức Bà-già-bà ở tại vườn Hoàng trúc Tỳ-lan-nhã. Bấy giờ có một vị Bà-la-môn xứ Tỳ-lan-nhã tuổi cao, là bậc trưởng thượng, thọ mạng gần mãn, đã được một trăm hai mươi tuổi, tay chống gậy, lúc xế trưa thong thả tản bộ đi đến chỗ Đức Thế Tôn, chào hỏi, thăm viếng, đứng qua một bên, bạch Đức Thế Tôn:

–Này Cù-đàm, tôi nghe Sa-môn Cù-đàm tuổi còn trẻ cũng mới tu học, thế mà nếu có Đại Sa-môn, Bà-la-môn nào đích thân đến vẫn không tùy thời cung kính, cũng không đứng dậy, không mời các vị ấy ngồi. Này Cù-đàm, việc ấy tôi không thể chấp nhận được.

Đức Thế Tôn đáp:

–Này Bà-la-môn, Ta chưa từng thấy chư Thiên và thế gian, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn, chúng trời, người đi đến mà khiến cho Như Lai cung kính, từ tòa đứng dậy mời các vị ấy ngồi. Này Bà-la-môn, đó là nếu Đức Như Lai cung kính, từ tòa đứng dậy thì đầu của người ấy sẽ bể thành bảy mảnh.

Bà-la-môn nói:

–Này Sa-môn Cù-đàm, đó chỉ là sự coi thường, kiêu mạn.

–Này Bà-la-môn, có trường hợp khiến cho Ta có sự coi thường nhưng không phải như lời ông nói. Này Bà-la-môn, nếu có những sự tham đắm đối với sắc, thanh, hương, vị, xúc, thì những thứ ấy Như Lai

đã dứt sạch, đã biết, đoạn trừ tận gốc rễ, không còn sanh ra sự khủng bố ở tương lai nữa. Này Bà-la-môn, đó là điều khiến Ta có sự coi thường nhưng không phải như lời ông nói.

Bà-la-môn lại nói:

–Sa-môn Cù-đàm không có sợ hãi chăng?

Đức Thế Tôn đáp:

–Này Bà-la-môn, lại có trường hợp khiến Ta không có sợ hãi, nhưng không phải như lời ông nói. Đó là nếu có sự sợ hãi về sắc, sợ hãi về thanh, sợ hãi về hương, sợ hãi về vị, sợ hãi về xúc, thì những thứ ấy Như Lai đã dứt sạch, đã biết đoạn trừ tận gốc rễ, không còn sanh ra sự sợ hãi ở vị lai nữa. Này Bà-la-môn, có trường hợp như thế khiến Ta không có sợ hãi, nhưng không phải như lời ông nói.

Bà-la-môn lại nói:

–Sa-môn Cù-đàm không đầu thai nữa chăng?

Đức Thế Tôn đáp:

–Này Bà-la-môn, có trường hợp khiến Ta không đầu thai, nhưng không phải như lời ông nói. Này Bà-la-môn, nếu có Sa-môn, Bà-la-môn phải đầu thai trở lại thì Ta đã dứt hẳn, đã biết đoạn trừ tận gốc rễ, không còn sanh ra sự sợ hãi ở vị lai, thì Ta nói là không còn đầu thai. Này Bà-la-môn, Đức Như Lai, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác không còn đầu thai trở lại nữa. Ngài đã dứt hẳn, đã biết đoạn trừ tận gốc rễ, không còn sanh ra sự sợ hãi ở vị lai, không đầu thai nữa. Này Bà-la-môn, đó là có trường hợp khiến Ta không đầu thai nữa, nhưng không phải như lời ông nói.

Lại nữa, này Bà-la-môn, ở trong cõi đời có sự ngu si tham đắm, sự ngu si bị che lấp trói buộc, Ta là người đầu tiên phân biệt các pháp. Đối với chúng sanh, Ta là bậc nhất. Này Bà-la-môn, giống như con gà mái đẻ trứng, hoặc mười hoặc hai mươi trứng, nó tùy thời, đúng thời ấp trứng, đúng thời, tùy thời chuyển động che chở. Nếu con gà mái ấy có đi đâu, các gà con ở trong trứng dùng mỏ, dùng chân mổ và chọi, phá vỡ trứng chui ra an ổn; đó là những con gà con bậc nhất. Cũng vậy, này Bà-la-môn, con người bị ngu si trói chặt, bị ngu che lấp, Ta là người đầu tiên phân biệt các pháp. Đối với các chúng sanh ấy, Ta là bậc nhất.

Này Bà-la-môn, Ta ôm cỏ khô đi đến bên gốc cây đạo tràng,

đến nơi, rải cỏ xuống nơi gốc cây, trải Ni-sư-đàn ngồi kiết già, quyết không đứng dậy, cho đến khi dứt sạch hữu lậu. Này Bà-la-môn, Ta không đứng dậy, cho đến khi dứt hết hữu lậu. Này Bà-la-môn, Ta đã giải thoát dâm dục, giải thoát các pháp ác bất thiện, tự giác, tự hành, được ái hỷ, đạt được Sơ thiền, thành tựu an trụ. Này Bà-la-môn, bấy giờ Ta đạt được pháp tư duy thứ nhất, thấy pháp, trụ nơi an lạc, có lạc hạnh, không mất sự an trụ yên ổn để tiến tới Niết-bàn.

Này Bà-la-môn, sau khi Ta chấm dứt tự giác hành, bên trong có niệm hỷ, ý được chuyên nhất, không giác không quán, có sự hoan hỷ do định sanh, đạt đến Nhị thiền, chánh thọ an trụ. Này Bà-la-môn, bấy giờ Ta được pháp tư duy thứ hai, thấy pháp, trụ nơi an lạc, lạc hạnh, không mất sự an ổn để tiến tới Niết-bàn.

Này Bà-la-môn, Ta không tham đắm ái hỷ, luôn giữ gìn tâm ý, nhớ nghĩ, thân được an lạc, đó gọi là điều Thánh quán, điều Thánh hộ niệm, trú trong an lạc, đạt đến Tam thiền, thành tựu an trụ chánh thọ. Này Bà-la-môn, bấy giờ Ta được tư duy thứ ba, thấy pháp, trụ nơi an lạc, lạc hạnh, không mất sự an ổn, tiến tới Niết-bàn.

Này Bà-la-môn, Ta diệt lạc, diệt khổ, bỏ sự hoan hỷ, diệt ái ở trước, không khổ không lạc, giữ ý thanh tịnh, đạt được Tứ thiền, an trụ chánh thọ. Này Bà-la-môn, lúc đó Ta đạt được tư duy thứ tư, thấy pháp, trụ nơi an lạc, lạc hạnh, không mất sự an ổn, tiến tới Niết-bàn.

Này Bà-la-môn, nhờ tam-muội ấy, ý Ta thanh tịnh, trong lành, không còn bị ràng buộc, trừ các kết sử, thuận hợp, thường trụ, không biến đổi nhờ Túc mạng trí đã chứng đắc để tự chế ngự ý. Này Bà-la-môn, Ta nhớ lại vô lượng đời trước đã qua, hành động và lời nói như thế nào. Nghĩa là Ta nhớ lại một lần sanh, hai lần sanh, trăm lần sanh, ngàn lần sanh, hoặc một kiếp, nửa kiếp, vô lượng kiếp, các chúng kia tên này, họ này, tánh tình như vậy, ăn uống như vậy, khổ vui như vậy, thọ mạng dài, ngắn, chết ở đây sanh ở kia, chết ở kia sanh ở đây. Tại đó Ta tên này, họ này, ăn món ăn như vậy, thọ mạng dài ngắn như vậy. Này Bà-la-môn, ngay lúc đó vào khoảng nửa đêm, Ta chứng Thánh trí minh đạt thứ nhất. Nhờ không phóng dật, nên được đắc định, nghĩa là vô trí diệt và trí phát sanh. Tối tăm tiêu trừ, ánh sáng xuất hiện, vô minh chấm dứt và minh phát sanh. Đó là

Ta chứng đắc trí Túc mạng minh.

Lại nữa, này Bà-la-môn, nhờ vào tam-muội, ý thanh tịnh, trong lành, không còn bị trói buộc, trừ các kết sử, thuận hợp, thường trụ, không biến đổi, chứng đắc Thiên nhãn trí, tự chế ngự ý. Này Bà-la-môn, Ta nhờ vào Thiên nhãn thanh tịnh, thấy xa hơn người thường. Ta thấy chúng sanh lúc sanh, lúc tử, tốt đẹp xấu xí, hoặc sanh đến chỗ thiện hay chỗ ác, tùy theo nghiệp chúng sanh đã tạo. Ta biết đúng như thật rằng: Chúng sanh này với thân làm ác, miệng làm ác và ý nghĩ ác, phỉ báng bậc Thánh, theo tà kiến, do nhân đó duyên đó, kẻ ấy khi thân hoại mạng chung phải đến chốn ác, sanh trong địa ngục. Nếu chúng sanh nào thân làm việc thiện, miệng nói điều thiện và ý nghĩ điều thiện, có tín, có hạnh thiện, chánh kiến, cùng tương ưng với chánh kiến, do nhân đó duyên đó, khi thân hoại mạng chung được đến chốn thiện, sanh lên cõi trời. Này Bà-la-môn, lúc đó vào khoảng nửa đêm, Ta chứng trí minh đạt thứ hai này. Nhờ không phóng dật, nay được định hạnh, nghĩa là vô trí diệt và trí phát sanh, mê ám tiêu tan và ánh sáng thành tựu, vô minh chấm dứt và minh phát sanh. Đó là Ta chứng đắc Trí Thiên nhãn minh.

Này Bà-la-môn, Ta nhờ tam-muội này, ý được thanh tịnh, trong sáng, không còn bị trói buộc, trừ các kết sử, thực hành thuận hợp, thường trụ, không biến đổi, chứng được trí hữu lậu tận, tự chế ngự ý. Này Bà-la-môn, Ta biết như thật rằng: "Đây là khổ", biết như thật rằng: "Đây là nguyên nhân của khổ", "Sự diệt trừ khổ", "Con đường tu tập để diệt trừ khổ". Biết như thật rằng: "Đây là hữu lậu", biết như thật rằng: "Đây là nguyên nhân của hữu lậu", "Sự diệt trừ hữu lậu", và "Con đường tu tập để diệt trừ hữu lậu". Ta biết như thế, thấy như thế, tâm giải thoát khỏi dục lậu, tâm giải thoát khỏi hữu lậu và si lậu. Sau khi giải thoát thì biết mình đã giải thoát, biết như thật rằng: "Sự sanh đã chấm dứt, phạm hạnh đã thành tựu, việc cần làm đã làm xong, biết rõ danh sắc đời trước". Này Bà-la-môn, bấy giờ vào đêm đó Ta chứng được ba Minh. Nhờ không phóng dật nên nay được định hạnh, vô trí diệt và trí phát sanh, vô minh dứt và minh xuất hiện. Nghĩa là Ta chứng đắc thông tỏ, đạt Hữu lậu tận trí.

Lại nữa, này Bà-la-môn, đó là nếu có ai thuyết giảng về sự dứt trừ ngu si, đối với chúng sanh sanh ra nơi thế gian, ở giữa tất cả chúng

sanh vị ấy là tối thắng, thoát ly khỏi khổ, lạc. Này Bà-la-môn, nên biết rằng, vị thuyết giảng chân chánh ấy là Ta. Vì sao, này Bà-la-môn, Ta là người dứt trừ ngu si, xuất hiện ở thế gian, đối với chúng sanh trên thế gian này Ta là tối thắng, không bị khổ lạc chi phối.

Bấy giờ vị Bà-la-môn xứ Tỳ-lan-nhã liền bỏ gậy xuống đất, cúi đầu lạy nơi chân Đức Thế Tôn, ở trước Đức Thế Tôn, tán thán:

–Thế Tôn là tối thắng, Thế Tôn là tối diệu, Thế Tôn là tối vi diệu, Thế Tôn là không ai bằng, không ai sánh bằng Thế Tôn. Thế Tôn lìa hết mọi tai họa, không sân hận với người, trời. Bạch Thế Tôn, nay con tự quy y Pháp và Tỳ-kheo Tăng. Mong Đức Thế Tôn ngày hôm nay nhận con làm Ưu-bà-tắc, bắt đầu từ hôm nay cho đến trọn đời con xin xa lìa sát sanh... ngày hôm này con xin tự quy y.

Đức Phật thuyết giảng như vậy, vị Bà-la-môn xứ Tỳ-lan-nhã sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ vui mừng.

❑

SỐ 76

PHẬT NÓI KINH PHẠM-MA-DU

Hán dịch: Đời Ngô, Ưu-bà-tắc Chi Khiêm, người nước Nhục chi.

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật cùng với năm trăm vị Sa-môn du hành tại nước Tùy-đề. Bấy giờ có vị Thệ tâm (*Phạm chí*) tên là Phạm-ma-du, người nước Di-di (*Di-tát-la*), là bậc trưởng thượng, đã một trăm hai mươi tuổi, rộng thông các kinh, biết xa thiên văn, bói toán là bậc thầy dự biết mọi việc. Phạm-ma-du nghe đồn Đức Phật là con vua, sanh trong dòng họ Thích, bỏ sự cao sang, vinh hiển trong nước, làm Sa-môn, đã đắc đạo, thanh tịnh, chí tôn, cùng với năm trăm Sa-môn đang ở nước Tùy-đề giáo hóa dẫn dắt chúng sanh. Phạm-ma-du hết lời tán thán:

–Sa-môn Cù-đàm là Bậc Thánh cao tột, là Đức Như Lai, Ứng Nghi, Chánh Chân, Giác Đạo, Thần Thông, Dĩ Túc Trượng Phu, Tôn Hùng, Pháp Ngự, Chúng Thánh, Thiên Nhân Sư. Vị ấy đã trừ hết mọi cấu uế, nơi tâm ý đã dứt hết các điều ác, được tự giác, không điều gì là không biết. Vị ấy ở giữa các hàng Sa-môn, Thệ tâm, Thích, Phạm, Rồng, Quỷ vì họ thuyết pháp, phần đầu, phần giữa và phần cuối đều thanh tịnh, vi diệu, cao xa, các Thánh đều nghe danh.

Phạm-ma-du giảng rộng cho đám môn đồ một cách rõ ràng:

–Đức Phật là Bậc Vô Thượng Chánh Giác, là vua của các Thánh, chúng ta nên cung kính đảnh lễ và mong được giáo hóa.

Đệ tử của vị Thệ tâm là bậc Á thánh, tên là Ma-nạp, cũng rộng hiểu kinh điển, thông tỏ như thầy, có thể xem đủ các lời sấm bí mật để biết sự việc sẽ xảy ra, biết thân Phật có ba mươi hai tướng đặc thù, là

Bậc Chí Tôn không gì sánh kịp, tâm ý thông suốt tỏa sáng. Vị thầy bảo Ma-nạp:

–Ta nghe Cù-đàm là Bậc Thánh Trí Vô Thượng, chư Thiên cùng tôn thờ, nói một mình, bước một mình, bậc hùng trong các Thánh. Vậy ngươi hãy đến xem thử oai nghi biểu lộ của Ngài có đúng là bậc mô phạm cho mọi người như người ta đã tán thán chăng? Nếu ngươi nhận thấy quả đúng như vậy, ta sẽ đến cúi lạy, tôn thờ.

Ma-nạp hỏi:

–Con nên lấy gì để quan sát?

Vị thầy đáp:

–Trong kinh há lại không nói sao? Rằng ở đời sau có một vị vua tên là Bạch Tịnh, hoàng hậu tên là Thanh Diệu, đầy đủ đức sáng sanh ra người con Thánh, là vị trời giữa trời, độc tôn trong thiên hạ, thân sắc cao một trượng sáu, có ba mươi hai tướng tốt. Nếu làm vua sẽ là vị Phi hành Hoàng đế (*Chuyển luân Thánh vương*), nếu xuất gia học đạo làm Sa-môn, chắc chắn sẽ thành Phật.

Ma-nạp vâng lời, đảnh lễ nơi chân thầy, đến nước Tùy-đề, liền tới chỗ Đức Phật vái chào đúng pháp rồi, lui qua một bên ngồi xuống, lắng lòng quan sát kỹ tướng tốt trên thân của Đức Phật, nhưng không thấy hai tướng: 1. Tướng lưỡi rộng dài; 2. Tướng âm mã tàng; nên trong ý nghi ngờ.

Đức Phật biết tâm của Ma-nạp có điều nghi ngờ, liền dùng thần túc hiện tướng âm mã tàng và tướng lưỡi rộng dài che luôn cả mặt, chạm tới mép tai bên trái, bên phải, rồi thu lưỡi vào miệng trở lại. Phật lại phóng ra năm sắc hào quang bay quanh thân Ngài ba vòng rồi biến mất vào nơi đảnh đầu.

Lúc ấy, trong tâm Ma-nạp rung động, vừa mừng vừa sợ, sung sướng tán thán:

–Sa-môn Cù-đàm đích thực là Đức Phật, có hảo tướng quang minh đầy đủ, thật là hi hữu trong thế gian, thật đáng để gọi là Như Lai, Ứng Cúng, Bậc Chánh Giác. Ta nên kính trọng theo Ngài để học oai nghi, để hóa giải sự ngu lầm và thưa lại với thầy ta.

Ma-nạp liền tìm đến chỗ Đức Thế Tôn thiền định, nơi Ngài thường xuyên giáo hóa để cứu vớt chúng sanh. Ma-nạp hoặc nghỉ, hoặc đi đều theo Tăng chúng, chưa bao giờ ở một mình. Sáu tháng

trôi qua, Ma-nạp theo Phật như bóng theo hình, đã xem đủ đức thần hóa tột vời của Đức Phật, liền cúi lạy nơi chân Đức Phật, cáo từ trở về bổn xứ. Khi đến chỗ thầy mình, Ma-nạp cúi lạy như trước, rồi ngồi xuống tòa.

Thầy hỏi:

–Thầy bảo con đi quán sát oai nghi của Bậc Thiên Tôn Cù-đàm, về tướng tốt, thần hóa có đúng như mọi người tán dương? Không ngoa chăng? Nếu đúng như vậy ta sẽ đến đảnh lễ nơi chân Ngài để tỏ lòng cung kính.

Ma-nạp thưa:

–Đức Phật có tướng tốt, thần đức hơn cả trời, vòi vọi khó nêu bày hết được. Dù cho Đế Thích hay Phạm Thiên cũng không thể sánh kịp. Các Thánh cũng không thể lượng tính nổi, các bậc Hiền xưng tán dù đến ức năm cũng không được một phần của Ngài, huống chi trí tuệ chỉ như ánh sáng đom đóm của con mà xưng tán sao hết được. Con chỉ nói một cách tóm lược về ba mươi hai tướng hơn trời của Đức Phật mà thôi. Đó là:

1. Sa-môn Cù-đàm có tướng lòng bàn chân bằng phẳng.
2. Tướng lòng bàn tay và lòng bàn chân của Ngài có hình bánh xe, bánh xe có một ngàn căm.
3. Tướng xương của Ngài đóng kín lại như móc câu.
4. Tướng ngón tay, ngón chân dài.
5. Tướng gót chân đầy.
6. Tướng tay chân mềm mại, lòng bàn tay có thể nắm ngược ra ngoài.
7. Tướng bàn tay, bàn chân của Ngài đều có màn lưới.
8. Đùi của Ngài như tướng đùi hươu chúa.
9. Có tướng âm mã tàng.
10. Tướng sắc thân Ngài có màu vàng tía, sáng láng rực rỡ.
11. Tướng thân Ngài giống như kim cương, tuyệt đối không có chút bẩn.
12. Tướng da thịt mềm mại, bụi nước không thể dính vào thân được.
13. Tướng mỗi lỗ chân lông đều mọc một sợi lông.
14. Tướng lông có màu xanh biếc, xoắn theo phía phải.

15. Tướng thân vuông vức.

16. Tướng phần trên thân như thân sư tử.

17. Tướng thân không khòm, thân như thân của Phạm thiên.

18. Tướng hai vai liên tiếp qua cổ đầy đặn.

19. Tướng khi đứng thẳng, hai tay sờ tới gối.

20. Tướng cằm như cằm sư tử.

21. Tướng có bốn mươi cái răng.

22. Tướng răng vuông vức.

23. Tướng răng đều đặn.

24. Tướng răng trắng trong, không ai sánh bằng.

25. Tướng lưỡi rộng dài.

26. Tướng răng có mùi vị bậc nhất.

27. Tướng tiếng nói như tiếng trời Phạm thiên.

28. Tướng bảy chỗ trên thân (*hai bàn tay, hai bàn chân, hai vai và cổ*) đầy đặn.

29. Tướng trong mắt màu trắng có sắc xanh biếc.

30. Khóe mắt của Ngài trên và dưới đầy đặn như trâu chúa.

31. Tướng có một sợi lông trắng giữa hai hàng lông mày.

32. Tướng trên đảnh có nhục kế, rực rỡ hơn cả mặt trời, mặt trăng.

Sa-môn Cù-đàm có đầy đủ ba mươi hai tướng cao nhã, không thiếu tướng nào. Hình dáng thần diệu tuyệt vời, rất đặc thù, quý giá, vốn hy hữu từ xưa. Con xem lúc Cù-đàm cất chân bước đi, cử chân phải bước lên trước, dài, ngắn, chậm hay mau đều hợp với oai nghi. Khi đi, hai gót chân không chạm vào nhau, thân ngay thẳng, hai vai không lay động. Nếu Ngài nhìn lui, không dùng sức, đứng ngay thẳng, bỗng nhiên quay ra sau mà thân không quay, đầu không cúi xuống, không ngước lên, chưa từng liếc ngó, oai nghi lúc bước đi là như vậy. Những lần Sa-môn Cù-đàm đi, chư Thiên dâng lộng báu, rải hoa xuống như tuyết rơi, Trời, Rồng, chim bay không dám bay lên trên. Chúng sanh trong ba cõi đều không thấy đảnh tướng của Ngài. Chư Thiên tấu nhạc đi theo để đưa. Long thần, Địa kỳ sửa đường ngay thẳng, không có cao thấp. Chân Ngài bước đi có in tướng bánh xe trên mặt đất, hào quang tỏa chiếu rực rỡ đến bảy ngày mới hết, cây rừng cúi đầu kính ngưỡng như người quỳ lạy đảnh lễ. Khi Ngài hành động luôn phù hợp với sự cầu thỉnh. Xà nhà cao hay thấp Ngài vẫn để thân

ngay thẳng mà vào, xà nhà không nâng cao thêm mà Cù-đàm vẫn không cúi thấp xuống. Lúc ngồi, Ngài ngồi giữa giường, không nhô tới trước cũng không lui về sau. Ngài chéo tay mà ngồi, không hề chỉ trỏ, không có chống cằm. Khi xuống giường không cần cong mình mà bỗng nhiên bước tới đất. Dù Thiên ma có mang chất độc dược tới hại, nhưng tâm Ngài vẫn không sợ hãi, mặt phát ra hào quang, độc kia tự giải. Lòng từ thương xót chúng sanh nên độc nào cũng tiêu. Ngài dùng bát lấy nước thì bát không nghiêng một bên, không hất cao lên, nước cũng không nhiều không ít. Lúc rửa bát, nước và bát đều vắng lặng, không có một tiếng chao động nhỏ. Ngài chưa bao giờ để bình bát dưới đất. Trong lúc rửa tay, tay và bát đều sạch. Lúc đổ nước trong bát ra hoặc cao, thấp xa gần đều thích hợp với chỗ muốn đổ. Lấy bát để nhận cơm, cơm không làm dơ bát. Khi đưa cơm vào miệng, nhai cơm, ba lần đưa cơm quanh miệng mới nuốt. Hạt cơm lúc Ngài ăn đều nát, không dính ở kẽ răng, thức ăn có bao nhiêu mùi vị Ngài đều phân biệt biết hết. Ngài ăn vừa đủ để nuôi thân, không phải để vui sướng. Cù-đàm thọ thực là vì tám nhân duyên:

1. Không phải để vui chơi.
2. Tâm không có tà hạnh.
3. Chí muốn vô dục.
4. Không có hành động xảo ngụy.
5. Xa lìa phiền não trong ba cõi.
6. Khiến tâm đạo vắng lặng, nương vào phước, được độ thoát, đoạn trừ sự thọ nhận của mười hai biển (*mười hai nhân duyên*).
7. Diệt trừ tội cũ để được đạo lực.
8. Giữ định Bất tưởng không tịch.

Rồi Ngài rửa bát như trước. Đối với pháp y, bình bát, ý Ngài không ghét bỏ cũng không tham đắm. Ngài vì người bố thí chú nguyện, thuyết kinh xong thì trở về tinh xá, không nói với đệ tử là ăn ngon, ăn dở. Ngài ăn xong đồ ăn tự tiêu hóa, không có sự dơ bẩn của việc đại tiểu tiện. Khi vào phòng, luôn tĩnh lặng, tư duy sâu xa nơi các định, trong thời gian ngắn liền xuất định, chưa từng sai giờ. Ngày đêm không ngủ nhưng không bao giờ thiếu ngủ. Rộng giảng bày pháp rõ ràng để khuyên dạy, sách tấn đệ tử, khiến họ được nhập đạo. Không dùng tài sắc là hạnh làm ô uế đạo để dạy cho các đệ tử. Ngài thuyết

pháp sâu xa vi diệu, mà chẳng hề thấy nghe được ở các sách của Tiên thánh, khiến mọi người hứng khởi, thanh tịnh hành đạo. Lúc kinh hành, Ngài không quay đầu liếc ngó. Nếu lúc đắp y, tư thế y không lơi khỏi thân, bụi không dính vào thân. Pháp phục nơi thân Ngài cao thấp, lúc gấp lúc hoãn đều đẹp. Khi vào vườn rửa chân, không cần chà rửa mà chân tự sạch. Thân sắc Ngài rạng ngời giống như vàng ròng.

Ý Ngài không tham đắm nơi ái dục, tâm như hư không, lúc ngồi thiền định, tâm ý rỗng lặng, dứt mọi tưởng chấp. Ba độc, bốn thống (thọ), năm ấm, sáu nhập, bảy sự trói buộc, tám sự tối tăm (bát mông), Ngài đều dùng trí tuệ vô thượng để tiêu diệt tất cả. Ngài dùng định: không, bất nguyện, vô tướng, đoạn trừ chín thần xứ, dùng mười thiện để tiêu trừ mười ác. Ngài nói mười hai bộ kinh là để nhổ sạch cội rễ của mười hai nhân duyên, sáu mươi hai tà kiến, các thứ tác hại của tà kiến, phiền não xấu ác, làm cho tâm niệm uế trược được hoàn toàn vắng lặng. Ngài dùng bốn tâm vô lượng Đại thừa để tự độ thân cao quý và cứu vớt chúng sanh, thuyết giảng về những giáo pháp làm khuôn mẫu lớn cho đời. Đệ tử chưa thưa hỏi mà Ngài đã tự cười, miệng phóng ra luồng ánh sáng bao quanh Ngài ba vòng rồi từ từ biến mất.

Tôn giả A-nan sửa lại y phục, cúi lạy thưa:

–Thuyết pháp có mấy loại tiếng?

Đức Phật liền đáp:

–Âm thanh lớn để thuyết pháp có tám loại: tiếng rất hay, tiếng dễ hiểu, tiếng dịu dàng, tiếng điều hòa, tiếng trí tuệ tôn kính, tiếng không nhầm lẫn, tiếng sâu xa vi diệu, tiếng không yếu ớt. Lời nói không rơi rớt, thiếu sót, không có lỗi lầm. Mỗi lần thuyết giảng kinh, rộng khắp hai mươi bốn cõi trời Phạm thiên, Đế Thích, Tứ thiên vương, mặt trời, mặt trăng, tinh tú, trong đó có chư thần, Đế vương, dân chúng, rồng, quỷ, thảy đều tụ hội, cung kính đảnh lễ, nghe kinh. Âm thanh thuyết giảng kinh đều được các đối tượng lãnh hội, thông tỏ. Trí tuệ của Phật như biển rộng, ngàn sông vạn dòng đều chảy về. Sông suối ngòi lạch đều tràn trề mà nước nơi biển cả không hề tăng giảm. Trí tuệ sáng tỏ của Phật còn hơn cả biển rộng ấy. Chúng sanh thọ nhận sự chỉ dạy từ trí tuệ ấy đều được đầy đủ. Trí tuệ của Phật luôn thể hiện trọn vẹn, không chút thiếu sót, dù chỉ trong một khoảng

cách nhớ. Phật thuyết giảng kinh xong, các bậc khai sĩ, chư Thiên, vua quan, dân chúng, rồng quỷ, không ai là không hân hoan, cúi lạy ra về, dốc sức phụng trì thực hành. Rồi Đức Phật đi vào phòng ngồi im lặng. Chưa từng thấy uy đức của Bậc Vô Thượng Thiên Tôn lại tỏ ra khinh mạn đối với đệ tử và các chúng sanh.

Con theo Đức Cù-đàm trong sáu tháng như bóng theo hình, quan sát đầy đủ lúc Ngài đi, ở, lúc kinh hành, lúc vào thất, tắm rửa, súc miệng, ăn uống chú nguyện, thuyết giảng kinh, lúc khuyến khích đệ tử, lúc thiền định...

Ma-nạp thưa:

–Cung cách, dáng dấp uy nghi của Cù-đàm là như vậy. Sự trình bày của con giống như một giọt nước trong biển cả, vì đấy phải là chỗ tâm tưởng của các bậc Thánh có thể biết được, chẳng phải là chốn chư Thiên có thể đạt tới, đất trời không thể luận bàn được. Tột vời thay Bậc Vô Thượng. Mênh mông không biết đâu là bờ bến, không thể đo lường, tính toán, khó mà nói cho hết được.

Phạm-ma-du nghe đệ tử nói về đức độ của Đấng Thiên Sư, ngạc nhiên rơi nước mắt, nói:

–Tuổi của ta như mặt trời sắp lặn, thật chỉ sống uổng chết uổng mà không thấy được Bậc Trí Tuệ Vô Thượng, thầy của trời.

Phạm-ma-du nói tiếp:

–Ta nên đến gặp để thấy được Đức Phật, dù chết cũng vui sướng.

Rồi than thở:

–Người ngu tuy có tuổi thọ của đất trời nhưng nào khác gì đất đá!

Ông liền đứng lên, sửa lại y phục, năm vóc gieo xuống đất, cúi lạy ba lần, nói:

–Con xin quy y Phật, quy y Pháp và quy mạng Thánh chúng. Mong cho những ngày tháng còn lại của đời mình được gần gũi chiêm ngưỡng, lễ bái Thế Tôn và mong được hóa độ.

Đức Phật dùng ánh sáng của sáu thứ thần thông thấy Phạm-ma-du tự quy y Phật, nên từ xa Ngài đã thọ nhận việc ấy.

Đức Phật từ nước Tùy-đề, đến nước Di-di, ngồi bên một gốc cây. Quốc vương, các quan, dân chúng, các hàng Thệ tâm, Lý gia dần dần

truyền nhau:

–Sa-môn Cù-đàm xuất thân từ dòng họ Thích, con của vị đế vương, ở tại Xa-lệ, nhưng nay đã tu phạm hạnh, tâm ý luôn giản dị, tịch tĩnh, không có sự ô uế của tham dâm, sự độc hại của giận dữ, sự tối tăm của ngu si, là Bậc Tối Thượng trong các bậc Thánh, giống như trong các ngôi sao có mặt trăng, thần đức rưới khắp, chư Thiên tôn kính, là Đức Như Lai, Ứng Nghi, Bậc Chánh Chân Giác, đã dứt hết mọi cấu uế, tối tăm, trí tuệ sáng ngời tỏa chiếu. Thần thánh tuy nhiều cũng không sánh kịp. Bậc ấy đứng giữa trời đất, mọi loài đối với những sự việc vi tế, ẩn giấu, sâu xa trong mười phương nơi hiện tại, hay những mầm mống chưa sanh ở vị lai, chẳng chuyện gì mà chẳng biết. Những lời hay đẹp của Phật giảng nói, chỉ dạy đều chân thật.

Quốc vương, quần thần, các hàng Thệ tâm, cao sĩ cùng nói:

–Sanh thời chúng ta phải được gặp Bậc Thiên Sư, Bậc Tôn quý, tối thượng, nên đến đảnh lễ để được thấm nhuần sự giáo hóa thần diệu.

Do đó, họ cùng nhau tụ tập, xe ngựa, bộ hành tất cả cùng đến chỗ Phật, người thì cung kính đảnh lễ nơi chân Đức Phật, người thì quỳ xuống thi lễ đúng pháp, người thì tự nói lên tên họ mình, rồi đều ngồi xuống im lặng.

Phạm-ma-du nghe Đức Phật cùng Thánh chúng đồng đến nước Di-di, vô cùng vui mừng, bảo các đệ tử cùng đến chỗ Đức Phật. Vừa tới ven rừng, vị ấy bèn nghĩ:

–Trước hết, ta hãy bảo người đến nói lên tấm lòng chí thành của ta đối với Đức Phật. Nếu tự mình đi thẳng tới phải chăng là không đúng pháp?

Ông liền bảo đệ tử:

–Ngươi hãy nhân danh ta, đến cúi lạy nơi chân Đức Phật, thưa: Thệ tâm (*Bà-la-môn*) Phạm-ma-du, đã một trăm hai mươi tuổi, khao khát được nghe lời dạy của Bậc Thánh, muốn được chiêm ngưỡng quy kính ngọn gió mát lành. Thưa Cù-đàm, thân thể có thường an lạc, tự tại, vô dục chăng? Nay con đến xin yết kiến.

Người đệ tử đảnh lễ thầy, liền đến chỗ Đức Phật, cúi lạy xong, trình bày đầy đủ lời thỉnh cầu của thầy mình, rồi người ấy hướng về phía Đức Phật, tán thán thầy mình:

–Quốc sư Phạm-ma-du rộng biết các kinh, thông suốt hết những lời sấm ký bí mật, luôn ở yên nơi chốn thanh tịnh, dự biết về thiên văn, sách bói toán, biết việc tốt, việc xấu, không gì là không tường. Nhưng vì ở đời này có Bậc Tôn Quý, Thầy của trời, thân cao một trượng sáu, da có màu vàng tía, có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, là vị trời giữa trời, là vua trong các Thánh, cho nên nay thầy con đến quy mạng Tam Tôn, hiện đang đứng bên ngoài rừng cây, chưa dám vào, mong được ra mắt Thế Tôn để cung kính Ngài.

Đức Thế Tôn nói:

–Lành thay! Mời vào.

Người đệ tử vâng lệnh trở ra, đem lời dạy rõ ràng của Đức Phật nói lại với thầy. Vị thầy liền cúi lạy dưới đất, rồi vui mừng bước vào. Các Thệ tâm, Trưởng giả, Lý gia ở trong nước đang có mặt ở đây, từ xa thấy thầy mình bước vào, nên cung kính vòng tay, cúi đầu. Phạm-ma-du nói với mọi người:

–Các ngươi hãy ngồi yên. Nay ta xin ngồi gần bên pháp ngự của Đức Thế Tôn Cù-đàm.

Ông liền lấy năm vóc gieo xuống đất, cúi lạy nơi chân Đức Phật, rồi cung kính ngồi xuống, im lặng lắng lòng nhìn kỹ tướng của Đức Phật, thấy ba mươi diệu tướng, có hai tướng không hiện, liền sanh nghi, cúi lạy dưới đất, dùng kệ hỏi Đức Phật:

Trong kinh điển Phạm chí
Sấm ghi điều quan trọng
Vua Tịnh Phạn trị nước
Hoàng hậu tên Thanh Diệu
Thái tử tên Tất-đạt
Thân sắc màu vàng ròng
Thân có tướng Thiên tôn
Nhẫn uế thành Pháp ngự
Tướng Chánh chân Vô thượng
Đủ ba hai tướng chăng?
Âm mã tàng trinh khiết,
Vô dục đặc biệt chăng?
Đâu tướng lưỡi rộng dài?
Che mặt, chạm tới tai

Thuyết pháp hơn các Thánh
Phạm, Thích khó được nghe
Thầy dẫn đường trời, người
Dứt hết các nghi ngờ
Giữ đạo, sống an nhàn
Đời sau thành Phật chăng?
Phật chứng đắc Nê-hoàn
Xa lìa hẳn ba cõi
Tâm, ý, thức, linh diệu
Diệt các khổ được chăng?

Phạm chí đã bày tỏ điều nghi trong tâm mình. Đức Phật biết rõ trong tâm của Phạm chí nghi về hai tướng, liền dùng thần túc hiện tướng Âm mã tàng, rồi hiện tướng lưỡi rộng dài che khắp cả mặt, chấm đến hai bên mép tai. Hào quang trong miệng tỏa chiếu sáng cả nước Di-di, bay vòng quanh thân Ngài ba vòng rồi trở vào miệng. Đức Phật đáp:

–Điều ông hỏi về ba mươi hai tướng của bậc Đại sĩ, thân sắc của Ta đầy đủ tất cả, chẳng thiếu tướng nào. Từ vô số kiếp đến nay, Ta luôn tu tập hành hóa bốn Đẳng tâm, tu các pháp bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ, cứu độ chúng sanh như tự giữ mình, dứt tham dục, niệm không, giữ định vô tưởng, những cấu uế nơi tâm đã trừ sạch, không còn hiện hữu nữa. Từ khi tu tập hạnh ấy đến nay, các thứ tai ương đều dứt, vạn điều thiện chứa nhóm liền thành thân Phật, tướng tốt quang minh, đi một mình trong ba cõi, vĩnh viễn xa lìa sự ngu si tối tăm trong năm đường, được trí tuệ vô thượng, chí tôn, cho nên gọi là Phật. Nếu có sự độc hại của tham dâm, giận dữ, ngu si, sự tối tăm của năm ấm, sáu trần, dù nhỏ như sợi tơ sợi tóc còn sót lại ở tâm thì vẫn không thành tựu quả Phật. Chưa có người, vật nào bì kịp. Mọi tâm niệm của chúng sanh hiện tại hoặc từ phương nào đến, trong vô số kiếp chưa rõ, những sự lẫn giấu, sâu xa vi tế, nếu có điều nào không biết, thì đó chẳng phải là Phật. Bốn vô sở úy, tám tâm thinh, mười lực, mười tám pháp bất cộng, ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, nếu thiếu một pháp thì chẳng phải là Phật. Nay Ta đầy đủ, chẳng thiếu pháp nào, cho nên gọi là Phật. Sa-môn đã được đạo quả Ứng nghi (*A-la-hán*), có thể phân một thân ra thành mười thân, mười thân

thành trăm thân, trăm thân thành ngàn thân, ngàn thân thành vạn thân, vạn thân thành vô số thân; lại có thể hiệp vô số thân trở lại thành một thân. Lấy ngón chân ấn xuống mặt đất thì ba ngàn Đại thiên thế giới thảy đều chấn động. Nhờ tâm hành được định vô dục nên mới có khả năng như vậy, huống gì là Phật. Uy đức nơi một tướng lông mày của Phật, hằng sa sự việc có thể biết được uy đức của tướng nơi giữa lông mày ấy còn khó có thể trù tính, huống chi là uy đức nơi toàn thân Ngài?

Lại nói:

–Phạm chí tin Phật, quy y nơi Tam Tôn thì đời hiện tại được an ổn, lúc mạng chung được sanh lên cõi trời. Nếu trong tâm có điều nghi vấn thì thưa hỏi, đừng ngại khó khăn.

Phạm chí Phạm-ma-du suy nghĩ: "Những điều Sa-môn Cù-đàm nói ra đều sâu xa huyền diệu, ta chẳng còn gì để hỏi nữa". Rồi nghĩ: "Nay ta nên hỏi việc đời hiện nay, hay việc đời sau?". Trong ý ông lại nghĩ: "Những việc trọng yếu của ba đời, chỉ có Phật là biết rõ, đâu phải các hàng tiên, thánh, quần nho mà thông tỏ được". Phạm chí thưa:

–Sao gọi là Thệ tâm? Sao gọi là Thông đạt? Sao gọi là Tịnh? Sao gọi là Tịch nhiên? Sao gọi là Phật?

Đức Phật đáp:

–Ta sẽ dùng lời chân thật để giải thích cho ông, hãy lắng lòng mà nghe: Người đạt được ba thần túc thì gọi là Thệ tâm. Biết rõ việc xưa, phân biệt nơi chốn sanh ra, dùng đạo nhãn nhìn xem núi đá, núi đá vẫn không ngăn che được, khai mở sự tối tăm, giải thích mọi nghi ngờ, thấu rõ sự việc của ba đời, gọi là Thông đạt. Do đạt được Lục thông, bao thứ cấu uế nơi tâm đã trừ sạch, gọi là Tịch nhiên. Đã diệt ba độc, tâm như vàng ròng gọi là Thanh tịnh. Gốc vô minh của sanh tử được diệt sạch hoàn toàn, đạo hạnh thanh tịnh rưới khắp ba cõi, các si mê đã tìm ra, chẳng có gì mà chẳng thấu tỏ, đạt được Nhất thiết trí, nên tôn hiệu là Phật.

Phạm chí vui mừng đứng dậy, rồi năm vóc gieo xuống đất, cung kính đảnh lễ nơi chân Đức Phật, dùng miệng hôn nơi chân rồi lấy tay xoa bên chân Đức Phật, lại tự xưng tên:

–Con là Thệ tâm Phạm-ma-du, nay xin quy mạng Đức Phật, quy

mạng Pháp và quy mạng Tăng.

Ông rơi nước mắt, nói tiếp:

–Chúng sanh chúng con tăm tối vì bị sáu trần che lấp, thấy Phật không thờ, thấy kinh không đọc, thấy Sa-môn không có tâm kính yêu, không mong nhờ sự giáo hóa thần diệu nên mãi mãi lầm lạc.

Các môn đồ của Phạm chí thấy thầy của mình hết lòng quy kính như thế, nên nhìn nhau, nói:

–Tôn sư của chúng ta thấu triệt kinh điển, không sách nào là không xem, danh tiếng vang lừng bốn nước, các học sĩ đều tôn thờ, nay còn cúi mình, chắp tay đảnh lễ nơi chân Cù-đàm, huống chi là chúng ta!

Đức Phật bảo Phạm chí:

–Hãy lại ngồi xuống! Ta sẽ khai mở ánh sáng nơi tâm ông, để ông có trí tuệ tin tưởng chân chính, hướng tới Đức Như Lai.

Ông ta vâng lời, ngồi xuống. Đức Phật lại thuyết giảng về công đức của sự trì giới, phước báo của sự bố thí, sự lìa bỏ nẻo uế trược trói buộc của gia đình, khen ngợi hạnh cao tột của đạo giải thoát. Đức Phật biết Phạm chí là bậc Thượng sĩ, tâm luôn vui thích việc hiểu rộng. Đức Phật giảng nói cho ông nghe về chỗ trọng yếu của đạo giác ngộ: vạn mối khổ đau đều do thân mà ra, người có trí tuệ quán chiếu biết ấy là sự mê lầm, nên ngược dòng tìm gốc, đạt được cái gốc không, gọi là bậc Thượng sĩ trí tuệ sáng tỏ thấu đạt chân đế, chúng sanh không biết sự khổ nơi thân tâm rất nhiều, khổ là do Tập sanh, bậc Thượng sĩ biết như vậy, sự biết rõ ấy là chân đế, các pháp trong ba cõi như huyễn, có hợp phải có ly, vậy cái gì thạnh mà không suy? Nhân duyên hợp tức tai họa sanh, nhân duyên ly tức khổ diệt. Bậc Thượng sĩ quán sát ngay từ gốc mới biết nó vốn không. Sự biết rõ ấy là chân đế. Nhờ biết vốn không nên thông đạt các pháp nơi ba cõi. Tâm không, hạnh tịch, không mong cầu các dục, được định vô tưởng, trong tâm luôn giữ ba ngôi tôn quý là được.

Tâm Phạm chí khai mở, giống như tấm vải trắng phau, không chút cáu bẩn, đem nhuộm thành màu sắc. Tâm Phạm chí cũng vậy, đã nhiều kiếp thường tôn thờ chư Phật, gìn giữ giới thanh tịnh, nên nay nghe Đức Thế Tôn dạy, hiểu tất cả đạo pháp Giác ngộ Chánh chân Vô thượng. Tâm ô nhiễm diệt sạch, nhập vào ba cửa giải thoát, lìa hẳn

các khổ. Ông lại bạch Phật:

–Lúc chưa thấy Đức Phật, con đã thực lòng đi theo nẻo sai lầm, bị mắt mù che lấp, tin người cuồng ngu, gọi đó là chân đế. Nay được gặp Phật, bệnh cuồng đã hết, cái thấy mù, cái nghe điếc, lời nói như câm, thân như gù, người như ở nhà tù... Tất cả đã được thoát khỏi. Mãi làm kẻ khổ đau, ngu lầm, sống uổng chết uổng, không nếm được mùi vị chân chánh đạo của Bậc Thiên Tôn, cứ mãi ở trong cảnh lửa cháy, cuộc đời của con khổ đau biết bao! Nay may mắn được gặp Đức Phật, đã thuyết giảng cho con nghe về chỗ sâu xa của đạo giác ngộ, khiến con được trở về với gốc là hoàn toàn giải thoát. Từ nay về sau, con xin quy y Phật, quy y Pháp và quy y Tỳ-kheo Tăng, nguyện làm Thanh tín sĩ, giữ lòng nhân từ, không sát sanh, sống tri túc không trộm cắp, tâm ý trinh khiết không dâm, giữ chữ tín không nói dối, hết lòng hiếu thảo, không uống rượu say sưa. Xin Đức Thiên Tôn thương xót con! Sáng mai con thỉnh Ngài cùng Thánh chúng hạ cố thọ dụng bữa cơm đạm bạc của con cúng dường.

Đức Phật im lặng nhận lời.

Phạm chí hết lòng vui mừng, cúi lạy nơi chân Đức Phật, rồi trở về nhà, lo sửa soạn bữa cơm cúng dường đủ các món ngon vật lạ. Vào lúc hừng sáng, đi đến chỗ Đức Phật, đảnh lễ, quỳ gối, cung kính bạch Đức Phật:

–Nay đã đúng thời, cúi mong Đức Thế Tôn hạ cố.

Đức Phật mặc pháp phục, cùng Thánh chúng đồng đến nhà Phạm chí, tất cả đều ngồi xuống pháp tòa. Phạm chí tự tay múc nước rửa, hết lòng cung kính cúng dường. Như vậy cho đến bảy ngày.

Đức Phật thuyết pháp, giáo hóa, chỉ dẫn cho ông nghe xong, rồi Ngài cùng Thánh chúng trở về nước Tùy-đề. Sau đó không bao lâu thì Phạm chí mạng chung. Các Tỳ-kheo nghe như vậy, cùng thưa với Đức Phật:

–Bạch Thế Tôn, Phạm chí này mạng chung sẽ sanh vào đâu?

Đức Thế Tôn bảo:

–Phạm chí này là bậc Thánh tâm hiểu rộng, sẽ được quả Bất hoàn, năm thứ phiền não ngăn che cái đã hết, thanh tịnh như vàng ròng, vị ấy ở đó được thanh tịnh, đắc quả Ứng chân đạt đến Vô vi.

Đức Phật nói kinh xong, các Tỳ-kheo đều vui mừng phụng hành.

SỐ 77

PHẬT NÓI KINH TÔN THƯỢNG

Hán dịch: Đời Tây Tấn, Tam tạng Pháp sư Trúc Pháp Hộ, người nước Nhục chi.

Nghe như vầy:

Một thời Đức Bà-già-bà ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ Tôn giả Lô-da-cường-kỳ ở tại Thích-ky-sấu, trong hang A-luyện-nhã. Sáng sớm Tôn giả Lô-da-cường-kỳ thức dậy, ra khỏi hang động rồi đến chỗ đất trống để bày giường dây, trải tọa cụ xong ngồi kiết già.

Khi ấy có một vị trời hình sắc cực đẹp, vào lúc rạng đông đi đến chỗ Lô-da-cường-kỳ, cung kính đảnh lễ nơi chân Tôn giả rồi đứng qua một bên. Do ánh sáng của vị trời ấy chiếu nên cả hang động đều được chiếu sáng. Vị trời ấy đứng qua một bên rồi bạch với Tôn giả Lô-da-cường-kỳ:

–Này Tỳ-kheo, này Tỳ-kheo! Tôn giả có trì bài kệ Hiền thiện và giải nghĩa bài kệ ấy được chăng?

Tôn giả Lô-da-cường-kỳ đáp:

–Này vị trời, tôi không có trì bài kệ Hiền thiện và giải thích ý nghĩa bài kệ ấy được. Còn ông này vị trời, ông có thọ trì bài kệ Hiền thiện và giải nghĩa được chăng?

Vị trời ấy đáp:

–Này Tỳ-kheo, tôi có thọ trì bài kệ Hiền thiện nhưng không giải nghĩa được.

–Vì sao vậy? Ông đã thọ trì bài kệ Hiền thiện nhưng không giải

nghĩa được?

–Này Tỳ-kheo, vào một thời nọ, tôi nghe Đức Thế Tôn ở tại vườn trúc Ca-lan-đà, thuộc thành La-duyệt-kỳ nói bài kệ Hiền thiện này cho các Tỳ-kheo:

Quá khứ đừng nhớ nghĩ
Tương lai chớ mong cầu
Quá khứ đã mất rồi
Tương lai thì chưa đến
Chỉ có pháp hiện tại
Mỗi mỗi phải tư duy.
Ý niệm không bền lâu
Kẻ trí nên tự giác
Được rồi cần tinh tấn
Bậc trí đâu lo chết
Tâm ta cứ miệt mài
Sự chết ai thoát được?
Luôn an trụ vững chắc
Ngày đêm không rời bỏ
Kệ Hiền thiện như vậy
Người nên quán như thế.

Này Tỳ-kheo, tôi đã thọ trì bài kệ Hiền thiện này mà không giải nghĩa được.

–Vậy thưa vị trời, ai thọ trì bài kệ Hiền thiện và có thể giải nghĩa được?

–Này Tỳ-kheo, Đức Thế Tôn ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ, Ngài thọ trì bài kệ Hiền thiện này và giải nghĩa được. Cho nên này Tỳ-kheo, hãy theo Đức Thế Tôn thọ trì bài kệ Hiền thiện và hiểu ý nghĩa của nó, hãy khéo suy nghĩ, nhớ đọc tụng và thọ trì. Vì sao như vậy? Này Tỳ-kheo, bài kệ Hiền thiện và ý nghĩa của bài kệ là diệu nghĩa, là chánh pháp, đưa đến phạm hạnh, thành tựu thần thông, là con đường hành hóa của bậc Chí tôn, tương ưng với Niết-bàn. Này vị Tộc tánh tử, đã tin và vui thích học đạo; tin và vui thích xuất gia, bỏ nhà để tu tập đạo giải thoát, nên thọ trì bài kệ Hiền thiện và ý nghĩa của bài kệ, phải khéo suy tư, nhớ nghĩ và

phụng trì.

Vị trời ấy nói xong, đảnh lễ nơi chân Tôn giả Lô-da-cường-kỳ, nhiễu quanh chỗ Tôn giả xong liền biến mất.

Bấy giờ Tôn giả Lô-da-cường-kỳ, sau khi vị trời ấy đã đi không bao lâu, bèn đến Thích-ky-sấu để thọ tuế. Thọ tuế qua ba tháng xong, đã may y rồi, nên Tôn giả mang bát đến nước Xá-vệ, tuần tự đi đến nước ấy, dừng chân ở khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ. Khi ấy Tôn giả Lô-da-cường-kỳ đi đến chỗ Đức Thế Tôn, cung kính đảnh lễ nơi chân Đức Phật rồi đứng qua một bên, thưa:

–Thưa Thế Tôn, một thời con ở tại Thích-ky-sấu, trong hang động tịch mịch. Thưa Thế Tôn, sáng sớm con thức dậy, ra khỏi hang, đến chỗ đất trống để bày giường dây, trải tọa cụ xong, con ngồi kiết già. Khi ấy có một vị trời hình sắc cực đẹp, vào lúc rạng đông đi đến chỗ con, đảnh lễ nơi chân con, rồi đứng qua một bên. Ánh sáng của vị trời ấy chiếu sáng cả hang động. Vị trời ấy đứng qua một bên rồi nói với con: "Này Tỳ-kheo, này Tỳ-kheo! Tôn giả có thọ trì bài kệ Hiền thiện và hiểu ý nghĩa bài kệ ấy chăng?"

Con trả lời vị trời ấy: "Này vị trời, tôi không có thọ trì bài kệ Hiền thiện và hiểu ý nghĩa bài kệ ấy. Thưa vị trời, vậy ông có thọ trì bài kệ Hiền thiện và hiểu ý nghĩa bài kệ ấy chăng?"

Vị trời ấy trả lời: "Này Tỳ-kheo, tôi có thọ trì bài kệ Hiền thiện, nhưng không biết ý nghĩa của bài kệ".

"Này vị trời, vì sao ông thọ trì bài kệ Hiền thiện mà lại không hiểu ý nghĩa của bài kệ?"

"Này Tỳ-kheo, vào một thời nọ, tôi nghe Đức Thế Tôn ở tại vườn trúc Ca-lan-đà, thành La-duyệt-kỳ, nói bài kệ Hiền thiện này cho các Tỳ-kheo nghe, nhưng Ngài không có giải nghĩa. *(Bài kệ như trên).* Như vậy, này Tỳ-kheo, nên tôi thọ trì bài kệ Hiền thiện mà không hiểu được ý nghĩa".

"Này vị trời, vậy làm sao? Ai thọ trì bài kệ Hiền thiện và có thể giải nghĩa được bài kệ ấy?"

Vị trời nói: "Này Tỳ-kheo, Đức Thế Tôn ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thành Xá-vệ, Ngài thọ trì bài kệ Hiền thiện này và hiểu ý nghĩa bài kệ ấy. Cho nên này Tỳ-kheo, nên theo Đức Thế Tôn thọ trì bài kệ Hiền thiện và tụng đọc lãnh hội ý nghĩa bài kệ này, hãy

suy tư, nhớ nghĩ và phụng hành. Vì sao vậy? Này Tỳ-kheo, bài kệ Hiền thiện và ý nghĩa của bài kệ ấy là diệu nghĩa, là chánh pháp, là con đường dẫn tới phạm hạnh, thành tựu được thần thông, cho đến đạo quả cao tột, cùng tương ưng với Niết-bàn. Này Tộc tánh tử, đã tin, vui học đạo; tin vui xuất gia, bỏ nhà để tu tập đạo giải thoát, nên thọ trì bài kệ Hiền thiện và học hiểu ý nghĩa của bài kệ ấy. Hãy khéo tư duy, nhớ nghĩ và phụng trì".

Vị trời ấy nói xong, lạy nơi chân con, nhiễu quanh chỗ con rồi bỗng nhiên biến mất.

Phật bảo:

–Này Cường-kỳ, Tôn giả có biết tên vị trời ấy không?

–Bạch Thế Tôn, con không biết tên của vị trời ấy.

–Này Cường-kỳ, vị trời ấy tên là Bát-na-mạt-nan Thiên tử, là vị Đại tướng ở cõi trời Tam thập tam.

–Bạch Thế Tôn, nay đã đúng lúc. Bạch Thiện Thệ, nay đã đúng lúc. Mong Đức Thế Tôn nói bài kệ Hiền thiện và ý nghĩa của bài kệ cho các Tỳ-kheo nghe. Khi Đức Thế Tôn giảng dạy rồi, các Tỳ-kheo sẽ phụng trì.

–Này Cường-kỳ, hãy nên khéo suy nghĩ, lắng nghe, hãy khéo tư duy nhớ nghĩ, Ta sẽ giảng nói.

–Như vậy, thưa Thế Tôn!

Tôn giả Lô-da-cường-kỳ thọ nhận lời dạy của Thế Tôn. Đức Thế Tôn nói bài kệ ấy *(như trên)*.

–Này Cường-kỳ, thế nào là Tỳ-kheo nhớ nghĩ quá khứ? Này Cường-kỳ, hoặc Tỳ-kheo đối với sắc quá khứ hoặc vui mừng, tham đắm, trụ chấp trong đó; hoặc đối với thống (thọ), tưởng, hành, thức ở quá khứ hoặc vui mừng, tham đắm, trụ chấp trong đó, như vậy, này Cường-kỳ, là Tỳ-kheo nhớ nghĩ quá khứ.

Này Cường-kỳ, thế nào là Tỳ-kheo không nhớ nghĩ quá khứ? Này Cường-kỳ, hoặc Tỳ-kheo đối với sắc quá khứ không thích, không đắm, cũng không trụ chấp trong đó; đối với thống (thọ), tưởng, hành, thức trong quá khứ cũng không thích, không đắm, không trụ ở trong đó. Như vậy, này Cường-kỳ, là Tỳ-kheo không nhớ nghĩ quá khứ.

Này Cường-kỳ, thế nào là Tỳ-kheo mong cầu ở tương lai? Này Cường-kỳ, hoặc Tỳ-kheo mong cầu sắc ở tương lai, hoặc vui mừng,

hoặc tham đắm, hoặc ở trong đó; hoặc đối với thống, tưởng, hành, thức ở tương lai, hoặc vui mừng, tham đắm, hay trụ ở trong đó. Như vậy, này Cường-kỳ, đó là Tỳ-kheo nhớ nghĩ về tương lai.

Này Cường-kỳ, thế nào là Tỳ-kheo không mong cầu ở tương lai? Này Cường-kỳ, hoặc Tỳ-kheo đối với sắc ở vị lai, không vui mừng, không tham đắm, không trụ ở trong đó; hoặc đối với thống, tưởng, hành, thức ở tương lai cũng không vui mừng, không tham đắm, không trụ ở trong đó. Như vậy, này Cường-kỳ, đó là Tỳ-kheo không mong cầu ở tương lai.

Này Cường-kỳ, thế nào là Tỳ-kheo suy nghĩ về pháp hiện tại? Này Cường-kỳ, đó là hoặc Tỳ-kheo ưa thích sắc hiện tại, tham đắm trong đó, an trụ chấp trong đó; đối với thống, tưởng, hành, thức ở hiện tại cũng ưa thích, tham đắm và trụ chấp trong đó. Như vậy, này Cường-kỳ, đó là gọi là Tỳ-kheo suy tư, nhớ nghĩ pháp hiện tại.

Này Cường-kỳ, thế nào là Tỳ-kheo ngay trong hiện tại không suy lường nhớ nghĩ? Này Cường-kỳ, hoặc Tỳ-kheo đối với sắc hiện tại không có ưa thích, không tham đắm, không trụ chấp; đối với thống, tưởng, hành, thức cũng không ưa thích, không tham đắm, không trụ chấp trong đó. Đó là Tỳ-kheo đối với pháp hiện tại không suy tư nhớ nghĩ.

Đức Phật nói như vậy, Tôn giả Lô-da-cường-kỳ nghe lời Đức Thế Tôn giảng nói, hoan hỷ vui mừng.

❑

SỐ 78

PHẬT NÓI KINH ĐÂU ĐIỀU

Hán dịch: Mất tên người dịch, phụ vào dịch phẩm đời Đông Tấn.

Nghe như vầy:

Một thời Phật ở tại nước Xá-vệ, trong nước ấy có một vị Bà-la-môn tên là Đâu Điều. Ông ta có một người con trai tên là Cốc. Đâu Điều là người xấu ác, thường ưa mắng chửi, thân chết đầu thai thành chó, sanh trở lại nhà mình, tên của chó là Loa. Con trai ông ta là Cốc thương yêu con chó này, đeo vòng vàng cho nó. Giường của chó thường dùng tấm thảm nỉ mượt mà trải lên. Khi ăn thì ăn đồ ngon đựng trên mâm vàng. Hôm ấy, Cốc ra phố. Đức Phật đi ngang qua cửa nhà Cốc thì con chó sủa, Đức Phật nói:

–Bình thường ông luôn giơ tay, miệng quát tháo, nay trở lại làm thân chó sủa người mà không biết xấu hổ!

Con chó liền xấu hổ bỏ chạy, chui xuống giường tru khóc rơi nước mắt.

Sau khi Đức Phật đi rồi, con chó không trở lại nằm trên giường nữa. Nó ngủ dưới đất, chẳng ăn uống gì cả. Cốc từ ngoài chợ về thấy chó không ăn, bèn hỏi những người trong nhà:

–Con chó tại sao như vậy?

Những người trong nhà đáp:

–Vừa rồi có một vị Sa-môn đi qua, không biết nói gì mà con chó chạy vào chui xuống giường, nằm dưới đất, không ăn uống gì cả.

Cốc hỏi:

–Sa-môn đi hướng nào?

Người trong nhà nói:

–Đi về hướng Đông.

Cốc liền đuổi theo rất gấp để cho kịp.

Đức Phật đang ở bên gốc cây nói kinh cho các Tỳ-kheo nghe, từ xa trông thấy Cốc đến, Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Cốc đang đi đến kia, nếu chết liền bị đọa vào địa ngục.

Các Tỳ-kheo hỏi Đức Phật:

–Tại sao Cốc bị đọa vào địa ngục.

Đức Phật dạy:

–Người này đem ý ác đến, muốn hại người cho nên phải bị đọa vào địa ngục.

Cốc đến trước Đức Phật, bèn hỏi:

–Vừa rồi tại sao Sa-môn đi ngang qua cửa nhà tôi, mắng chửi con chó của tôi, khiến nó không ăn, không nằm ở chỗ của nó nữa?

Đức Phật liền trả lời:

–Ta đi qua cửa nhà ông, con chó trắng sủa, Ta liền nói với nó: "Lúc bình thường ông hươ tay, gầm thét, nay lại làm thân chó sủa vang, không biết xấu hổ!". Con chó bèn hổ thẹn bỏ chạy, gục đầu mặt dưới giường, tru khóc rơi nước mắt.

Cốc hỏi Đức Phật:

–Con chó này là gì đối với tôi?

Đức Phật đáp:

–Không nên hỏi, vì nghe rồi ông sẽ không vui.

Cốc nói:

–Cứ nói, tôi xin nghe.

Đức Phật nói:

–Nói ra ông sẽ giận dữ.

Cốc nói:

–Tôi không dám giận, chỉ muốn được nghe.

Đức Phật nói:

–Con chó chính là Đâu Điều, cha của ông đó!

Cốc nói:

–Cha của tôi là Đâu Điều, khi còn sống thì hiểu kinh, hiểu đạo, quyết định không làm chó.

Đức Phật nói:

–Cha ông tuy hiểu đạo, nhưng chỉ biết tự cao ngạo, kiêu mạn,

cho nên phải làm con chó. Nếu ông muốn biết nó có phải là cha của ông không, vậy hãy trở về nhà nói với con chó rằng: "Nếu ngươi quả thật là Đâu Điều, cha của ta, thì hãy ăn đồ ăn trong mâm như trước; nếu ngươi thật là cha ta thì hãy trở lại nằm chỗ nằm cũ; nếu ngươi thật là cha ta thì lúc trước có chôn giấu châu báu ở đâu hãy chỉ chỗ ấy cho ta".

Cốc liền về nhà nói với chó:

–Này Loa, nếu thật ông là Đâu Điều, cha của ta, thì ông hãy ăn đồ ăn này.

Con chó liền ăn đồ ăn đó. Cốc lại bảo:

–Này Loa, nếu thật ông là cha ta thì hãy lên nằm chỗ cũ.

Con chó liền lên nằm chỗ nằm cũ. Cốc lại bảo:

–Này Loa, nếu ông thật là cha ta, lúc trước có chôn giấu châu báu ở đâu thì hãy chỉ chỗ ấy cho ta.

Con chó liền lấy miệng chỉ vào phía bên phải cái giường, hai chân trước bươi đất để ra dấu.

Cốc liền đào chỗ đất chó bươi thì được rất nhiều châu báu, vật quý. Cốc rất vui sướng. Nhân đó Cốc liền trở lại chỗ Đức Phật. Đức Phật từ xa trông thấy, bảo các Tỳ-kheo:

–Nay Cốc lại đang đi đến kia, nếu chết thì liền sanh lên cõi trời.

Các Tỳ-kheo hỏi Đức Phật:

–Do nhân duyên gì mà được sanh lên cõi trời?

Đức Phật dạy:

–Người này đem ý lành đến đây cho nên được sanh lên cõi trời.

Cốc đến trước Đức Phật, cúi lạy và bạch:

–Thật đúng như lời Đức Phật nói.

Cốc lại hỏi Đức Phật:

–Con người sống ở thế gian, tại sao có người sống lâu, có người chết yểu? Tại sao có người bị nhiều bệnh, có người bị ít bệnh? Tại sao có người đẹp, có người xấu? Tại sao có người tôn quý, có người thấp hèn? Tại sao có người có nhan sắc, người không nhan sắc? Tại sao có người giàu, người nghèo? Tại sao có kẻ thông minh, kẻ ngu si?

Đức Phật nói với Cốc:

–Con người ở thế gian thích sát sanh, không có lòng từ bi, chết đọa vào địa ngục; hết tội trong địa ngục lại sanh làm người, phải bị

chết yểu. Còn người sống ở thế gian, không sát sanh, có lòng từ bi, chết được sanh lên cõi trời, từ cõi trời sanh xuống nhân gian liền được trường thọ. Có người ở thế gian thích đánh nhau, cầm dao gậy khủng bố người khác, khi chết đọa vào địa ngục, hết tội trong địa ngục liền sanh làm người bị nhiều bệnh tật. Còn người ở thế gian ưa sự hòa hợp, không cầm dao gậy khủng bố người khác, khi chết được sanh lên cõi trời, từ trời lại sanh xuống nhân gian liền được ít bệnh. Có người sanh ở nhân gian ưa sân hận, nghe nói thiện cũng giận, nghe nói ác cũng giận, thấy người hiền cũng giận, thấy người ngu cũng giận, không phân biệt thiện ác, chỉ muốn sân hận, chết đọa vào địa ngục, hết tội trong địa ngục lại sanh làm người, sắc mặt vàng úa không đẹp. Còn người sanh ở nhân gian không sân không hận, thấy người hiền thì kính, thấy người ngu thì nhẫn, chết được sanh lên cõi trời, từ trời lại sanh xuống nhân gian, sắc mặt thường đẹp, là người hiền thiện, tâm hòa thuận. Có người ở thế gian không có nhan sắc là vì thấy người già không biết đứng dậy, bất hiếu với cha mẹ, không có lòng kính yêu khi thấy cha mẹ. Có người hiếu thuận, kính yêu cha mẹ và các bậc trưởng lão, nhưng thường sân hận, chết đọa vào địa ngục, hết tội trong địa ngục lại được làm người nhưng không có nhan sắc, bị mọi người ganh ghét. Người ở thế gian hiếu thuận với cha mẹ, cung kính bậc trưởng lão, nếu có người bất hiếu, bất kính đối với bậc trưởng lão liền đến để khuyến dạy, thích nói với người khác những lời thiện, khi chết được sanh lên cõi trời, từ trời lại sanh xuống nhân gian, được mọi người kính yêu. Có người ở thế gian kiêu mạn, không cung kính những bậc tôn trưởng, tự thân ưa cường bạo, khi chết vào địa ngục; hết tội trong địa ngục lại sanh làm người hạ tiện. Có người ở thế gian không có kiêu mạn, thường cung kính bậc trưởng thượng, không có hành vi cường bạo đối với người, khi chết được sanh lên cõi trời, từ trời sanh xuống nhân gian, do đó được tôn quý. Người ở thế gian tham lam keo kiệt, tuy giàu có mà không bố thí cho kẻ nghèo, không nhìn bà con dòng họ, không ưa bố thí, tham tiếc đồ ăn, không đem cúng dường cho Sa-môn, Đạo nhân, lại tự mình không dám ăn cho no đủ, lúc chết đọa vào địa ngục; hết tội trong địa ngục lại làm người bần cùng đi ăn xin. Có người ở thế gian không có lòng tham lam keo kiệt, tuy nghèo khó nhưng thích bố thí cho Sa-môn, Đạo nhân, cứu giúp kẻ bần cùng, ưa

nhìn kẻ thân tộc, ăn uống tự mình thường được no đủ, khi chết sanh lên cõi trời, từ trời lại sanh xuống nhân gian được giàu có, vui sướng, mọi người kính yêu. Người ở thế gian nghe bậc hiểu kinh cao xa, hoặc là Sa-môn hay đạo sĩ thì không thích đến hỏi con đường giải thoát khỏi thế gian, trong tâm ganh tị, tự cao, lúc chết đọa vào địa ngục, khi tội trong địa ngục hết lại sanh làm người ngu si, không có tri thức, không khác gì súc sanh. Có người ở thế gian nghe có bậc hiểu kinh điển uyên thâm, hoặc Sa-môn, đạo sĩ, thì thích tìm đến để hỏi sự việc ra khỏi thế gian, trong lòng không có ganh tị, không tham ái và kiêu ngạo, lúc chết được sanh lên cõi trời, từ trời lại sanh xuống nhân gian, làm người hiểu kinh hiểu đạo, được mọi người tôn trọng.

Đức Phật dạy:

–Con người tạo điều thiện thì được sanh lên cõi trời, tạo điều ác thì bị đọa xuống địa ngục. Con người cầu sống lâu thì được sống lâu, cầu chết yểu thì bị chết yểu, cầu bệnh thì có bệnh, cầu không bệnh thì được không bệnh, cầu sắc đẹp thì có sắc đẹp, cầu sắc xấu thì có sắc xấu, cầu tôn quý thì được tôn quý, cầu hạ tiện thì được hạ tiện, cầu nhan sắc xinh xắn thì được nhan sắc xinh xắn, cầu nhan sắc không xinh xắn thì có nhan sắc không xinh xắn, cầu giàu có thì giàu có, cầu bần khổ thì bần khổ, cầu trí thì được trí, cầu ngu thì bị ngu. Con người sống ở thế gian thí như trồng lúa thì được lúa, trồng lúa mạch thì được lúa mạch, trồng lúa tẻ thì có lúa tẻ, làm thiện thì được thiện, làm ác thì bị ác.

Cốc liền quỳ dài, thưa:

–Ban đầu khi thấy con chó bỏ ăn, con ôm lòng sân hận, ngu si. Nay nghe Phật dạy như người mù được thấy, người điếc được nghe, như người rớt xuống vực nước sâu mà được thoát khỏi, như kẻ cuồng si mà được lành, như người đi trong bóng tối mà thấy được mặt trời, mặt trăng. Con nguyện theo Phật cầu xin sám hối, mong được ân lớn và phụng hành năm giới cấm, làm Ưu-bà-tắc.

Đức Phật dạy:

–Đời sau có người đọc tụng kinh này, hoặc lắng nghe âm thanh của kinh, trong lòng ngậm ngùi xót xa, lông tóc dựng đứng, nước mắt ràn rụa, người như vậy đều sẽ làm đệ tử của Đức Phật Di-lặc, đều được thoát khổ.

❑

SỐ 79

PHẬT NÓI KINH ANH VÕ

Hán dịch: Đời Lưu Tống, Đại sư Cầu-na-bạt-đà-la, người Thiên trúc.

Nghe như vầy:

Một thời Đức Bà-già-bà ở khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, vào lúc sáng sớm Đức Thế Tôn thức dậy, rửa ráy rồi mặc y, mang bát vào thành Xá-vệ khất thực, lần lượt đến trước nhà của Anh Võ Ma-lao-đâu-la Tử. Lúc ấy Anh Võ Ma-lao-đâu-la Tử vì có chút việc nên mới đi ra ngoài không bao lâu, nhà chỉ có một con chó trắng tên là Cụ. Đang nằm trên nệm đẹp, ăn canh bắp nấu thịt đựng trong bát vàng. Chó trắng từ xa trông thấy Đức Thế Tôn đi lại, liền sủa vang. Đức Thế Tôn bèn nói:

–Thôi đi! Này chó trắng, không nên như vậy, ngươi vốn là một kẻ ngâm nga *(âm thanh của Phạm chí khi khất thực).*

Khi ấy chó trắng rất giận dữ, liền từ nơi giường nệm nhảy xuống đất, đến dưới bậc cửa, nằm dài im lặng. Ma-lao-đâu-la Tử trở về nhà, thấy chó trắng không còn nằm trên giường nệm, mà lại nằm dưới bậc cửa im lặng, buồn rầu, nên hỏi người bên cạnh:

–Ai đã chọc phá con chó trắng này khiến nó buồn rầu bỏ giường nệm xuống nằm im ở bậc cửa vậy?

Người láng giềng lên tiếng đáp:

–Này Ma-lao, không có ai quấy chọc con chó này cả. Này Ma-lao, hôm nay có Sa-môn Cù-đàm đến nhà này khất thực, con chó trắng trông thấy liền sủa vang lên. Sa-môn Cù-đàm mới nói như vầy: “Thôi đi chó trắng, ngươi không nên sủa quấy lên như vậy. Ngươi vốn là một

kẻ ngâm nga". Này Ma-lao, vì thế mà con chó tức giận, bỏ giường nệm xuống nằm im ở bậc cửa.

Anh Võ Ma-lao-đâu-la Tử nghe nói thế liền tức giận đối với Đức Thế Tôn, từ xa mắng nhiếc Đức Thế Tôn, từ xa bài báng Đức Thế Tôn, từ xa giận Đức Thế Tôn, nói:

–Sa-môn Cù-đàm ấy nói những lời hư vọng như vậy!

Anh Võ bèn ra khỏi thành Xá-vệ, đi đến khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc. Khi ấy Đức Thế Tôn có vô lượng đồ chúng ở phía trước đang lắng nghe Ngài thuyết pháp. Đức Thế Tôn từ xa trông thấy Anh Võ Ma-lao-đâu-la Tử đi đến, liền bảo các Tỳ-kheo:

–Này các Tỳ-kheo, các vị có thấy Anh Võ Ma-lao-đâu-la Tử đang đi đến chăng?

–Có thấy, thưa Thế Tôn.

–Nếu ngay bây giờ mà Anh Võ Ma-lao-đâu-la Tử mạng chung thì chỉ trong khoảnh khắc nhanh như co duỗi cánh tay liền sanh vào địa ngục Nê-lê. Vì sao? Vì kẻ ấy đang rất sân hận đối với ta. Nhân vì sân hận nên khi thân hoại mạng chung phải bị sanh vào trong cõi ác Nê-lê.

Anh Võ Ma-lao-đâu-la Tử đi đến chỗ Đức Thế Tôn, hỏi:

–Sa-môn Cù-đàm, có phải hôm nay Ngài đi đến nhà tôi khất thực chăng?

–Này Ma-lao, hôm nay Ta có đến khất thực ở nhà ông.

–Vâng, vậy thưa Sa-môn Cù-đàm, con chó trắng của tôi có lỗi gì mà Ngài làm cho nó giận dữ, bỏ chỗ giường nệm, xuống nằm im dưới bậc cửa.

Đáp:

–Này Ma-lao, sáng nay, Ta đi khất thực ở thành Xá-vệ lần lượt tới nhà ông, con chó trắng của ông từ xa trông thấy ta đi lại, liền sủa vang. Ta bèn nói như vầy: "Thôi đi! Này chó trắng, không nên sủa quấy lên như vậy. Ngươi vốn là một kẻ ngâm nga". Này Ma-lao, vì thế nên con chó trắng liền giận dữ, bỏ chỗ giường nệm, xuống nằm im dưới bậc cửa.

–Này Cù-đàm, con chó trắng này vốn có thân thuộc gì với tôi?

–Thôi này Ma-lao, chớ có hỏi. Nếu ông nghe thì sẽ buồn rầu.

Nhưng Anh Võ Ma-lao-đâu-la Tử trước sau đã ba lần hỏi Đức

Thế Tôn:

–Này Cù-đàm, con chó trắng này vốn có thân thuộc gì với tôi?

–Này Ma-lao, ông đã ba lần hỏi, vậy Ta sẽ nói. Này Ma-lao, con chó trắng ấy kiếp trước là cha của ông, tên là Đâu-la.

Khi đó Anh Võ Ma-lao-đâu-la Tử càng thêm tức giận đối với Đức Thế Tôn, mắng nhiếc Thế Tôn, sân hận Thế Tôn, bài báng Thế Tôn. Ông ta nói:

–Sa-môn Cù-đàm nói lời hư vọng! Này Cù-đàm, cha tôi là Đâu-la thường hay bố thí, thường tham gia các lễ hội bố thí, thường thờ lửa. Cha tôi chết rồi được sanh lên cõi trời Diệu Phạm thiên, vậy cớ gì lại sanh vào loài chó?

–Này Ma-lao, do tâm niệm tăng thượng mạn của ông, cha ông là Đâu-la trước đây cũng như vậy, vì thế mà phải bị sanh vào trong loài chó xấu ác.

Đức Thế Tôn nói kệ:

Phạm chí tăng thượng mạn,
Chết rồi sanh sáu nẻo:
Gà, heo, chó, chồn cáo,
Lừa, lao trong địa ngục.

–Này Ma-lao, Ta đã nói như thế nếu không tin, ông hãy trở về nhà nói với con chó trắng ấy như vầy: "Này chó trắng, quả thật lúc sanh tiền ngươi là Đâu-la, cha của ta thì hãy nhảy lên giường nệm". Này Ma-lao, con chó trắng ấy sẽ nhảy lên giường nệm.

"Này chó trắng, lúc sanh tiền ông quả thật là Đâu-la, cha của ta thì hãy ăn canh bắp nấu thịt đựng trong bát vàng". Này Ma-lao, con chó trắng ấy sẽ ăn canh bắp nấu thịt đựng trong bát vàng.

"Này chó trắng, lúc sanh tiền ngươi quả thật là Đâu-la, cha của ta thì hãy chỉ cho ta chỗ cất giấu của cải mà ngươi đã cất giấu, ta nay vốn không biết chỗ đó". Này Ma-lao, con chó trắng ấy sẽ chỉ cho ông chỗ cất giấu của cải kia.

Bấy giờ Anh Võ Ma-lao-đâu-la Tử nghe Đức Thế Tôn nói như vậy, khéo suy nghĩ, ghi nhớ, rồi nhiễu quanh chỗ Đức Thế Tôn rồi cáo từ trở về nhà, nói với con chó của mình:

–Này chó trắng, nếu đời trước ngươi là Đâu-la, cha của ta thì

hãy lên ngồi trên giường nệm trở lại!

Con chó trắng liền nhảy lên ngồi trên giường nệm trở lại.

–Này chó trắng, nếu đời trước ngươi là Đâu-la, cha của ta thì hãy ăn canh bắp nấu thịt đựng trong bát vàng.

Con chó trắng liền ăn canh bắp nấu thịt đựng trong bát vàng.

–Này chó trắng, nếu đời trước ngươi là Đâu-la, cha của ta thì hãy chỉ cho ta của cải để lại mà cha ta đã cất giấu, hiện nay ta không biết ở chỗ nào.

Con chó nghe bảo thế liền nhảy xuống giường nệm, chạy tới chỗ cái giường mà nó đã nằm đời trước, dùng miệng chỉ và chân bươi bươi đất gần nơi chân giường. Khi ấy Anh Võ Ma-lao-đâu-la Tử bèn đào lên được rất nhiều tiền của, trong lòng vô cùng vui sướng, thiện tâm phát sinh, liền quỳ xuống đất, chắp tay cung kính hướng về khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, ba lần tự nói lên tên họ, rồi tán thán:

–Lời của Sa-môn Cù-đàm là chân thật. Quả thật Sa-môn Cù-đàm không nói dối. Lành thay Sa-môn Cù-đàm!

Anh Võ Ma-lao-đâu-la Tử xưng tên họ và tán thán xong, bèn ra khỏi thành Xá-vệ, đi đến khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc.

Bấy giờ Đức Thế Tôn có vô lượng trăm ngàn đồ chúng ở phía trước đang lắng nghe Ngài thuyết pháp. Đức Thế Tôn từ xa trông thấy Anh Võ Ma-lao-đâu-la Tử đi tới, bèn bảo các Tỳ-kheo:

–Này các Tỳ-kheo, các vị có thấy Anh Võ Ma-lao-đâu-la Tử từ xa đi đến không?

–Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

–Nếu ngay bây giờ mà Anh Võ Ma-lao-đâu-la Tử mạng chung thì chỉ trong khoảng khắc nhanh như co duỗi cánh tay liền sanh nơi cõi thiện. Vì sao? Vì kẻ ấy đang có thiện tâm đối với Ta. Chúng sanh nhân nơi thiện tâm, nên khi thân hoại mạng chung được sanh vào chỗ lành, trên cõi trời.

Anh Võ Ma-lao-đâu-la Tử đi đến chỗ Đức Thế Tôn, ra mắt theo lễ chào hỏi rồi ngồi qua một bên. Đức Thế Tôn bảo:

–Này Ma-lao, như Ta đã nói, con chó trắng ấy có làm đúng như lời Ta nói chăng?

Ma-lao nói:

–Đúng như lời Sa-môn Cù-đàm đã nói, con chó trắng ấy đã làm

đúng như vậy, không có gì khác cả. Thưa Sa-môn Cù-đàm, con có điều muốn hỏi, nếu Ngài cho phép con mới dám hỏi.

–Này Ma-lao, hãy hỏi theo ý của ông.

–Thưa Cù-đàm, do nhân gì, duyên gì mà cùng thọ thân người lại có người cao, thấp, đẹp, xấu, sạch, dơ? Thưa Cù-đàm, vì sao có người sống lâu, có người chết yểu, có người không bệnh tật, có người bệnh tật. Có người đẹp, có người xấu, có người sang, có người hèn, có người có tài năng, người không có tài năng, người có nhiều tiền của, người có ít tiền tài, người không có trí tuệ, người có trí tuệ?

–Này Ma-lao, chúng sanh do nhân duyên, nhân nơi hành động, duyên nơi hành động, do ảnh hưởng tùy theo sự tạo tác của chúng sanh mà khiến cho mỗi mỗi cá nhân nơi họ có đẹp, có xấu, có cao, có thấp...

–Thưa Sa-môn Cù-đàm, Ngài nói một cách tóm tắt chứ chưa phân biệt rộng rãi nên con không hiểu ý nghĩa này. Cúi mong Sa-môn Cù-đàm hãy vì con mà khéo giảng giải nói, khiến con được hiểu rõ.

–Này Ma-lao, hãy khéo lắng nghe và suy nghĩ, ghi nhớ, Ta sẽ giảng nói.

–Thưa vâng, bạch Cù-đàm.

Anh Võ Ma-lao-đâu-la Tử thọ nhận lời dạy của Thế Tôn.

Đức Thế Tôn bảo:

–Này Ma-lao, do nhân gì, do duyên gì mà hoặc người đàn ông, hoặc đàn bà thọ mạng ngắn ngủi? Này Ma-lao, hoặc người đàn ông, người đàn bà làm cho máu huyết ô uế đầy cả hai tay, gần gũi sự ác độc, không có lòng Từ, giết hại sanh mạng của tất cả chúng sanh kể cả loài sâu kiến. Do sự tạo tác đó, nhân như vậy, hành như vậy, khi thân hoại mạng chung sanh vào trong cõi ác Nê-lê, đời sau sanh ở nhân gian bị chết yểu. Vì sao? Này Ma-lao, vì nó là hành động giết hại nên khiến cho hoặc người đàn ông hay người đàn bà phải bị chết yểu. Này Ma-lao, đó là xem sự tạo tác mà biết quả báo.

–Này Ma-lao, lại do nhân gì, do duyên gì mà khiến cho hoặc đàn ông hay người đàn bà được trường thọ? Này Ma-lao, hoặc người đàn ông hay người đàn bà xa lìa sát sanh, vứt bỏ dao gậy, thường ôm lòng hổ thẹn, đối với chúng sanh muốn khiến cho tất cả đều được an

ổn, đã hoàn toàn diệt trừ tâm ý muốn giết hại. Kẻ ấy nhân hành động như vậy, do nhân như vậy, hành như vậy nên khi thân hoại mạng chung được sanh đến cõi lành trên cõi trời, đời sau người đó sanh xuống nhân gian được trường thọ. Vì sao? Này Ma-lao, kẻ ấy hành động theo nẻo thiện nên khiến cho thọ mạng của mình được lâu dài. Như thế nên khiến cho hoặc người nam, người nữ xa lìa sát sanh, dứt bỏ sát sanh. Do vậy, này Ma-lao, nên biết hành động tạo tác như vậy sẽ đưa đến quả báo như vậy.

Này Ma-lao, lại do nhân gì, do duyên gì khiến cho người nam hay người nữ có nhiều bệnh tật. Này Ma-lao, hoặc có người nam, người nữ hãm hại chúng sanh; họ hãm hại bằng cách dùng tay, dùng đá, hoặc lấy gậy đánh đập, lấy dao giết hại. Họ hành động như thế, gây nhân như thế, tạo tác như thế nên khi thân hoại mạng chung, sanh trong cõi ác Nê-lê, đời sau sanh trong nhân gian phải bị nhiều bệnh tật. Vì sao? Này Ma-lao, vì kẻ ấy đã tạo nhân xấu nên phải chịu bệnh tật. Như thế, hoặc người nam người nữ hãm hại chúng sanh cũng như vậy. Do đó, này Ma-lao, nên biết hành động tạo tác như vậy sẽ đưa đến quả báo như vậy.

Này Ma-lao, lại do nhân gì, do duyên gì khiến cho hoặc người nam hay người nữ không có bệnh tật? Này Ma-lao, hoặc người nam hay người nữ không có hãm hại chúng sanh, do kẻ ấy không có hãm hại chúng sanh, không dùng tay, không dùng đá, không dùng dao, không dùng gậy để hãm hại, kẻ ấy hành động như thế, gây nhân như thế, tạo tác như thế nên khi thân hoại mạng chung được sanh đến chỗ lành, trên cõi trời, đời sau người ấy sanh trong nhân gian không có bệnh khổ. Vì sao? Này Ma-lao, vì kẻ ấy đã tạo nhân tốt nên không phải chịu nhiều bệnh tật. Như thế, nên khiến cho người nam hoặc người nữ không có hãm hại chúng sanh cũng lại như vậy. Do đó này Ma-lao, nên biết hành động tạo tác như vậy sẽ đưa đến quả báo như vậy.

Này Ma-lao, lại do nhân gì, do duyên gì mà người nam hoặc người nữ bị xấu xí? Này Ma-lao, hoặc là người nam hay người nữ có nhiều sân giận, ưu sầu. Kẻ ấy, người ta mới nói vài lời đã dấy sân hận, buồn rầu, trụ nơi sân hận, sanh ra sân hận, bài báng tất cả, nhân hành động tạo tác như vậy, nên khi thân hoại mạng chung, sanh trong

cõi ác Nê-lê, đời sau sanh ở nhân gian, hình sắc xấu xí. Vì sao? Này Ma-lao, vì kẻ ấy đã tạo tác gây nhân xấu nên phải chịu hình tướng xấu xí, nên khiến cho người nam hoặc người nữ nhiều sân giận, ưu sầu cũng lại như vậy. Do đó, này Ma-lao, nên biết vì hành động tạo tác như vậy nên quả báo như vậy.

Này Ma-lao, lại do nhân gì, do duyên gì khiến cho người nam hoặc người nữ có hình sắc tốt đẹp? Này Ma-lao, hoặc là người nam hay người nữ ít có sân hận, không hay ưu sầu. Như có người dùng lời thô ác mắng nhiếc, kẻ ấy cũng không sân, không hận, không buồn rầu, không an trụ nơi sân hận, không sanh sân hận, không sử dụng sân hận. Kẻ ấy hành động như thế, gây nhân như thế, tạo tác như thế nên khi thân hoại mạng chung sanh vào chỗ lành, nơi cõi trời, đời sau người ấy sanh xuống nhân gian có hình sắc xinh đẹp. Vì sao? Này Ma-lao, kẻ ấy đã tạo nhân tốt đẹp, nên khiến cho người nam hoặc người nữ không sân hận, không ưu sầu, cũng lại như vậy. Do đó, này Ma-lao, nên biết vì hành động như vậy nên quả báo như vậy.

Này Ma-lao, lại do nhân gì, do duyên gì mà khiến cho người nam hoặc người nữ ít có tài năng? Này Ma-lao, hoặc người nam hay người nữ có lòng tham lam, ganh ghét, dấy tâm tham lam ganh ghét, kẻ ấy thấy người khác được cung kính, được cung cấp tài vật, liền phát sanh lòng tham lam ganh ghét cho rằng: "Kẻ kia được như thế, hãy khiến cho ta cũng được như thế". Kẻ ấy nhân hành động ấy, tạo nhân ấy, duyên theo sự tạo tác ấy nên khi thân hoại mạng chung sanh vào trong cõi ác Nê-lê, đời sau sanh ở nhân gian thì ít có tài năng. Vì sao? Này Ma-lao, vì kẻ ấy đã tạo nhân xấu nên ít có tài năng, khiến cho người nam hoặc người nữ tham lam, ganh ghét, dấy tâm tham lam ganh ghét, cũng lại như vậy. Do đó, này Ma-lao, nên biết hành động như vậy phải có quả báo như vậy.

–Này Ma-lao, lại do nhân gì, do duyên gì mà người nam hoặc người nữ có tài năng? Này Ma-lao, hoặc người nam hay người nữ không có tham lam, ganh ghét, không dấy tâm tham lam ganh ghét, kẻ ấy thấy người khác được cung kính, được thí tài vật, nhưng không phát sanh lòng ganh ghét, thấy người khác có sở hữu, mong mình cũng được như vậy. Kẻ ấy vì hành động như vậy, tạo nhân như vậy, duyên nơi hành động như vậy nên khi thân hoại mạng chung được

sanh đến chỗ lành, trên cõi trời, đời sau sanh xuống nhân gian thì có nhiều tài năng. Vì sao? Này Ma-lao, kẻ ấy đã tạo nhân tốt nên có được nhiều tài năng, khiến người nam hay người nữ không có lòng tham lam, ganh ghét, không dấy tâm lòng tham lam ganh ghét, cũng lại như vậy. Do đó này Ma-lao, nên biết hành động như vậy sẽ có quả báo như vậy.

Này Ma-lao, lại do nhân gì, do duyên gì khiến cho người nam hoặc người nữ sanh vào nhà hạ tiện? Này Ma-lao, hoặc người nam hay người nữ tự đại, kiêu mạn, người đáng cung kính thì không cung kính, người đáng tôn thờ thì không tôn thờ, đáng lễ bái thì không lễ bái, đáng cúng dường thì không cúng dường, đáng mời ngồi thì không mời ngồi, đáng chỉ dẫn thì không chỉ dẫn, đáng đứng dậy chắp tay hướng về thì không đứng dậy cung kính chắp tay hướng về. Nhân hành động này, duyên hành động này, có những tạo tác như vậy nên khi thân hoại mạng chung sanh vào trong cõi ác Nê-lê, đời sau sanh xuống nhân gian thì sanh vào nhà hạ tiện. Vì sao? Này Ma-lao, vì kẻ ấy đã gây ra nhân xấu nên sanh vào nhà hạ tiện, nên khiến người nam hay người nữ tự đại, kiêu mạn, cũng lại như vậy. Do đó, này Ma-lao, nên biết hành động như vậy sẽ có quả báo như vậy.

Này Ma-lao, lại do nhân gì, do duyên gì khiến cho người nam hoặc người nữ được sanh vào nhà phú quý? Này Ma-lao, hoặc người nam hay người nữ không tự đại, không kiêu mạn, người đáng cung kính thì cung kính, người đáng tôn thờ thì tôn thờ, đáng mời ngồi thì mời ngồi, đáng chỉ dẫn thì chỉ dẫn, đáng lễ bái, đứng dậy chắp tay hướng về thì lễ bái, đứng dậy cung kính chắp tay hướng về. Kẻ ấy nhân hành động như vậy, duyên hành động như vậy, do hành động như vậy nên khi thân hoại mạng chung được sanh đến chỗ lành, trên cõi trời, đời sau sanh xuống nhân gian thì sanh vào nhà phú quý. Vì sao? Này Ma-lao, vì kẻ ấy đã tạo nhân tốt nên được sanh vào nhà phú quý, khiến cho kẻ nam hay người nữ không tự đại, không kiêu mạn, luôn cung kính, cũng lại như vậy. Do đó, này Ma-lao, nên biết hành động như vậy sẽ có quả báo như vậy.

Này Ma-lao, lại do nhân gì, do duyên gì khiến cho người nam hoặc người nữ có ít tiền tài? Này Ma-lao, hoặc người nam hay người nữ không bố thí, cũng chẳng phải là thí chủ, không bố thí cho Sa-

môn, Bà-la-môn, kẻ bần cùng hạ tiện từ các nơi tới xin các thứ như đồ ăn uống, áo quần, vòng hoa, hương xoa vào người, giường nằm, nhà cửa, đèn sáng... Do hành động như vậy, duyên hành động như vậy, vì hành động như vậy nên khi thân hoại mạng chung sanh trong cõi ác Nê-lê, đời sau sanh ở nhân gian ít có tiền bạc. Vì sao? Này Ma-lao, vì kẻ ấy đã tạo nhân xấu nên ít có tiền bạc, nên khiến cho người nam hoặc người nữ không bố thí, chẳng là thí chủ keo kiệt, cũng lại như vậy. Do đó, này Ma-lao, nên biết hành động như vậy sẽ có quả báo như vậy.

Này Ma-lao, lại do nhân gì, do duyên gì khiến cho người nam hoặc người nữ có nhiều tiền tài? Này Ma-lao, hoặc người nam hay người nữ là người bố thí, là thí chủ, kẻ ấy bố thí cho các bậc Sa-môn, Bà-la-môn, kẻ bần cùng hạ tiện từ các nơi đến xin các thứ như đồ ăn uống, áo quần, vòng hoa, hương xoa vào người, giường nằm, nhà cửa, đèn sáng... Nhân làm việc ấy, duyên việc ấy, vì hành động như vậy nên khi thân hoại mạng chung sanh đến chỗ lành, trên cõi trời, đời sau sanh xuống nhân gian có nhiều tiền bạc. Vì sao? Này Ma-lao, vì kẻ ấy đã tạo nhân tốt nên có nhiều tiền bạc, khiến cho người nam hoặc người nữ biết bố thí, cứu giúp kẻ bần cùng, cũng lại như vậy. Do đó, này Ma-lao, nên biết hành động như vậy sẽ có quả báo như vậy.

Này Ma-lao, lại do nhân gì, do duyên gì khiến cho người nam hoặc người nữ không có trí tuệ? Này Ma-lao, hoặc người nam hay người nữ là những chúng sanh không chịu học hỏi, dù có những bậc Sa-môn, Bà-la-môn danh tiếng ở gần đấy, cũng không tùy thời học hỏi ý nghĩa, cũng không luận nghị với các Hiền giả: "Thế nào là thiện, thế nào là bất thiện? Thế nào là tốt, thế nào là không tốt? Thế nào là ác, xấu? Thế nào là đen, là trắng? Thế nào là quả báo ác xấu, thế nào là quả báo tốt đẹp? Thế nào là thấy nghĩa của pháp, thế nào là ý nghĩa răn cấm đối với đời sau?". Dù theo những vị ấy nghe rồi nhưng không làm theo như điều đã học. Kẻ ấy nhân việc làm như vậy, duyên theo việc làm như vậy, vì tạo tác như vậy nên khi thân hoại mạng chung sanh trong cõi ác Nê-lê, đời sau sanh ở nhân gian thì ngu muội không có trí tuệ. Vì sao? Này Ma-lao, vì kẻ ấy đã tạo nhân xấu nên không có trí tuệ, khiến cho người nam hay người nữ là

những chúng sanh không chịu học hỏi, không biết phân biệt thiện ác tốt xấu. Do đó, này Ma-lao, nên biết hành động như vậy sẽ có quả báo như vậy.

Này Ma-lao, lại do nhân gì, do duyên gì mà khiến cho người nam hoặc người nữ có trí tuệ? Này Ma-lao, hoặc người nam hay người nữ là chúng sanh siêng năng học hỏi, đó là đến những vị Sa-môn, Bà-la-môn có danh tiếng, tùy lúc tùy thời hỏi ý nghĩa, lý lẽ có thể luận nghị rằng: "Này chư Hiền, sao gọi là thiện, bất thiện? Sao gọi là tốt, không tốt? Sao gọi là xấu, là vi diệu? Sao gọi là đen, sao là trắng? Sao gọi là quả báo xấu, quả báo tốt? Sao gọi là thấy nghĩa của pháp? Sao gọi là giới nghĩa của đời sau?". Theo những vị ấy nghe rồi, như điều đã nghe mà học tập. Kẻ ấy nhân hành động như vậy, duyên theo hành động như vậy, vì tạo tác như vậy nên khi thân hoại mạng được chung sanh đến chỗ lành, trên cõi trời, đời sau sanh xuống nhân gian thì có trí tuệ. Vì sao? Này Ma-lao, vì kẻ ấy tạo nhân tốt nên có trí tuệ, khiến cho người nam hay người nữ là chúng sanh siêng năng học hỏi, biết phân biệt thiện ác tốt xấu, cũng lại như vậy. Do đó, này Ma-lao, nên biết hành động như vậy sẽ có quả báo như vậy.

Này Ma-lao, nếu tạo tác gây nhân chết yểu thì bị chết yểu, nếu tạo tác gây nhân sống lâu thì được sống lâu, nếu tạo tác gây nhân nhiều bệnh thì bị nhiều bệnh. Nếu tạo tác gây nhân không bệnh, thì được không bệnh, nếu tạo tác gây nhân xấu xí thì bị xấu xí. Nếu tạo tác gây nhân xinh đẹp thì được thân hình xinh đẹp. Nếu tạo tác gây nhân ít tài năng thì bị ít khả năng. Nếu tạo tác gây nhân nhiều tài năng thì có được nhiều tài năng. Nếu tạo tác gây nhân hạ tiện thì bị hạ tiện, nếu tạo tác gây nhân phú quý, thì được phú quý. Nếu tạo tác gây nhân ít tiền của thì có ít tiền của, nếu tạo tác gây nhân có nhiều tiền của thì được nhiều tiền của. Nếu tạo tác gây nhân không có trí tuệ thì không có trí tuệ, nếu tạo tác gây nhân trí tuệ thì được trí tuệ. Vì vậy, cho nên, này Ma-lao, Ta đã giảng nói như thế.

Này Ma-lao, tùy theo chúng sanh đã tạo ra hành động, nhân hành động ấy, duyên theo hành động ấy, vì hành động của chúng sanh đã tạo tác nên đối với mỗi mỗi cá nhân liền có sự cao, thấp, đẹp, xấu.

Anh Võ Ma-lao-đâu-la Tử thưa:

–Thưa Cù-đàm, như vậy đã là quá đủ! Kính bạch Thế Tôn, hôm nay con xin tự quy Pháp và Tỳ-kheo Tăng. Thưa Đức Thế Tôn, hôm nay con xin giữ giới Ưu-bà-tắc. Từ hôm nay cho đến lúc mạng chung, con xin xa lìa sự sát sanh... con xin quy y Đức Thế Tôn. Từ hôm nay, mỗi sáng sớm vào thành Xá-vệ, Ngài vào các nhà Ưu-bà-tắc khác thì cũng vào nhà Đâu-la như vậy, khiến cho nhà của con luôn luôn được nhiều lợi ích, an ổn.

Đức Phật giảng nói như vậy, Anh Võ Ma-lao-đâu-la Tử nghe Đức Thế Tôn chỉ dạy, hoan hỷ đảnh lễ rồi lui ra.

❑

SỐ 80

PHẬT NÓI KINH NGHIỆP BÁO SAI BIỆT CHO TRƯỞNG GIẢ THỦ-CA

Hán dịch: Đời Tùy, Cư sĩ Cù-đàm Pháp Trí, người Thiên trúc.

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ Đức Phật bảo Trưởng giả Thủ-ca, con trai của Đao-đề-da:

–Này Trưởng giả Thủ-ca, Ta sẽ nói cho ông nghe về pháp môn sai biệt của nghiệp báo thiện ác. Ông hãy lắng nghe và khéo nhớ nghĩ.

Trưởng giả Thủ-ca, liền bạch:

–Thưa vâng, bạch Thế Tôn, con muốn được nghe.

Đức Phật bảo Trưởng giả Thủ-ca:

–Tất cả chúng sanh luôn gắn liền với nghiệp, dựa vào nghiệp, tùy theo nghiệp của chính mình tạo tác mà lưu chuyển, do nhân duyên đó nên có sự sai biệt về phẩm loại cao, vừa, thấp không đồng. Hoặc có nghiệp khiến cho chúng sanh bị quả báo chết yểu, hoặc có nghiệp khiến cho chúng sanh được sống lâu. Hoặc có nghiệp khiến cho chúng sanh bị quả báo nhiều bệnh, hoặc có nghiệp khiến cho chúng sanh được quả báo ít bệnh. Hoặc có nghiệp khiến cho chúng sanh bị quả báo có hình sắc thô xấu, hoặc có nghiệp khiến cho chúng sanh được quả báo có hình tướng đẹp đẽ. Hoặc có nghiệp khiến cho chúng sanh có quả báo có ít uy thế, hoặc có nghiệp khiến cho chúng

sanh có quả báo có uy thế lớn. Hoặc có nghiệp khiến cho chúng sanh bị quả báo sanh vào dòng họ thấp kém, hoặc có nghiệp khiến cho chúng sanh được quả báo sanh vào dòng họ cao quý. Hoặc có nghiệp khiến cho chúng sanh bị quả báo có ít của cải, hoặc có nghiệp khiến cho chúng sanh được quả báo có nhiều của cải. Hoặc có nghiệp khiến cho chúng sanh bị quả báo tà trí, hoặc có nghiệp khiến cho chúng sanh được quả báo chánh trí. Hoặc có nghiệp khiến cho chúng sanh bị quả báo đọa vào địa ngục, hoặc có nghiệp khiến cho chúng sanh bị quả báo làm súc sanh. Hoặc có nghiệp khiến cho chúng sanh bị quả báo làm ngạ quỷ, làm A-tu-la. Hoặc có nghiệp khiến cho chúng sanh được quả báo làm người, hoặc có nghiệp khiến cho chúng sanh được quả báo sanh nơi cõi trời. Hoặc có nghiệp khiến cho chúng sanh được quả báo nơi trời cõi Sắc, hoặc có nghiệp khiến cho chúng sanh được quả báo nơi cõi trời Vô sắc. Hoặc có nghiệp khiến cho chúng sanh được quả báo quyết định, hoặc có nghiệp khiến cho chúng sanh bị quả báo bất định. Hoặc có nghiệp khiến cho chúng sanh bị quả báo sanh nơi biên địa, hoặc có nghiệp khiến cho chúng sanh được quả báo sanh ở vùng giữa nước. Hoặc có nghiệp khiến cho chúng sanh bị quả báo sanh trọn thọ mạng ở địa ngục, hoặc có nghiệp khiến cho chúng sanh bị quả báo sanh nửa thọ mạng ở địa ngục. Hoặc có nghiệp khiến cho chúng sanh bị quả báo sanh trong địa ngục vừa vào liền ra. Hoặc có nghiệp làm mà không tụ tập, hoặc có nghiệp tụ tập mà không làm. Hoặc có nghiệp vừa làm vừa tụ tập, hoặc có nghiệp không làm không tụ tập. Hoặc có nghiệp khiến cho chúng sanh trước vui sau khổ, hoặc có nghiệp khiến cho chúng sanh trước khổ sau vui. Hoặc có nghiệp khiến cho chúng sanh trước khổ sau khổ, hoặc có nghiệp khiến cho chúng sanh trước vui sau vui. Hoặc có nghiệp khiến cho chúng sanh nghèo mà ưa thích bố thí, hoặc có nghiệp khiến cho chúng sanh giàu mà keo kiệt. Hoặc có nghiệp khiến cho chúng sanh giàu mà hay bố thí, hoặc có nghiệp khiến cho chúng sanh nghèo mà keo kiệt. Hoặc có nghiệp khiến cho chúng sanh thân được vui mà tâm bị khổ, hoặc có nghiệp khiến cho chúng sanh tâm được vui mà thân bị khổ. Hoặc có nghiệp khiến cho chúng sanh cả thân tâm đều vui, hoặc có nghiệp khiến cho chúng sanh cả thân tâm đều khổ. Hoặc có nghiệp khiến cho chúng sanh

mạng tuy hết rồi nhưng nghiệp chưa hết, hoặc có nghiệp khiến cho chúng sanh nghiệp tuy hết rồi mà mạng vẫn còn. Hoặc có nghiệp khiến cho chúng sanh cả nghiệp và mạng đều hết, hoặc có nghiệp khiến cho chúng sanh cả nghiệp và mạng đều còn, có thể đoạn trừ các phiền não. Hoặc có nghiệp khiến cho chúng sanh sanh nơi cõi ác mà hình dung đẹp đẽ, diện mạo đoan nghiêm, da dẻ tươi tắn, ai cũng ưa nhìn. Hoặc có nghiệp khiến cho chúng sanh sanh nơi cõi ác mà hình dung thô xấu, da dẻ sù sì, không ai thích nhìn, hoặc có nghiệp khiến cho chúng sanh sanh nơi cõi ác, mà thân miệng hôi thối, các căn khuyết tật.

Hoặc có chúng sanh tạo tác hành động theo mười nghiệp bất thiện bị ác báo bên ngoài. Hoặc có chúng sanh tạo tác hành động theo mười thiện nghiệp được quả báo thù thắng ở bên ngoài.

Lại nữa, này Trưởng giả, hoặc có chúng sanh kính lạy tháp miếu của Phật được mười thứ công đức; cúng thí lọng quý được mười thứ công đức; cúng thí cờ phướn được mười thứ công đức; cúng thí chuông, linh được mười thứ công đức; cúng thí y phục được mười thứ công đức; cúng thí chén, bát đồ dùng được mười thứ công đức; cúng thí đồ ăn thức uống được mười thứ công đức; cúng thí giày dép được mười thứ công đức; cúng thí hương hoa được mười thứ công đức; cúng thí đèn sáng được mười thứ công đức; cung kính chắp tay đảnh lễ được mười thứ công đức.

Đó gọi là lược nói về pháp môn sai biệt của nghiệp báo tại thế gian.

Đức Phật bảo:

–Này Trưởng giả Thủ-ca, có mười loại nghiệp khiến cho chúng sanh bị quả báo chết yểu:

1. Tự mình sát sanh.
2. Bảo người sát sanh.
3. Khen ngợi sự giết hại.
4. Thấy giết hại thì vui sướng.
5. Đối với người oán ghét thì muốn tiêu diệt.
6. Thấy người oán của mình bị tiêu diệt rồi thì trong lòng sung sướng.
7. Làm hư thai của người khác.

8. Dạy người hủy hoại thai nơi người khác.
9. Xây dựng miếu thờ trời để giết hại chúng sanh.
10. Dạy người đánh nhau để hai bên bị tàn hại.

Do mười nghiệp này nên bị quả báo chết yểu.

Lại có mười nghiệp khiến cho chúng sanh được quả báo trường thọ:

1. Tự mình không sát sanh.
2. Khuyên người khác đừng sát sanh.
3. Tán thán sự không sát sanh.
4. Thấy người không sát sanh trong lòng vui mừng.
5. Thấy người bị giết hại, dùng phương tiện cứu thoát.
6. Thấy kẻ bị cái chết khủng bố, luôn an ủi họ.
7. Thấy kẻ bị khủng bố, bố thí sự vô úy.
8. Thấy người bị các khổ nạn, khởi tâm thương xót.
9. Thấy người bị các tai nạn cấp bách, luôn khởi tâm đại bi.
10. Dùng các thức ăn uống bố thí cho chúng sanh.

Do mười nghiệp này nên được trường thọ.

Lại có mười nghiệp khiến cho chúng sanh bị quả báo nhiều bệnh:

1. Thích đánh đập tất cả chúng sanh.
2. Khuyên người khác đánh đập.
3. Khen ngợi sự đánh đập.
4. Thấy đánh đập thì hoan hỷ.
5. Gây khổ não cho cha mẹ khiến cha mẹ buồn rầu.
6. Quấy nhiễu các bậc Thánh hiền.
7. Thấy người oán của mình bị bệnh khổ, trong lòng vô cùng vui sướng.
8. Thấy người oán của mình lành bệnh, trong lòng không vui.
9. Đối với bệnh của kẻ oán thù, cho không đúng thuốc trị bệnh.
10. Đồ ăn cách đêm khó tiêu lại ăn vào.

Do mười nghiệp này nên bị quả báo nhiều bệnh.

Lại có mười nghiệp khiến cho chúng sanh được quả báo ít bệnh:

1. Không đánh đập tất cả chúng sanh.
2. Không khuyên người khác đánh đập.
3. Tán thán sự không đánh đập.

4. Thấy người không đánh đập, tâm sanh hoan hỷ.
5. Cúng dường cha mẹ và các người bệnh.
6. Thấy bậc Hiền thánh bị bệnh hoạn thì giúp đỡ chăm sóc, cúng dường.
7. Thấy kẻ oán của mình lành bệnh sanh tâm hoan hỷ.
8. Thấy người bệnh khổ thì bố thí thuốc hay, cũng khuyên người khác bố thí.
9. Đối với chúng sanh bệnh khổ, sanh tâm thương xót.
10. Đối với đồ ăn thức uống, tự mình có thể biết hạn chế, điều độ.

Do mười nghiệp này nên được quả báo ít bệnh.

Lại có mười nghiệp khiến cho chúng sanh bị quả báo hình tướng thô xấu:

1. Ưa phẫn nộ.
2. Ưa ôm lòng ghét giận.
3. Dối láo làm mê hoặc người khác.
4. Gây phiền khổ cho chúng sanh.
5. Đối với chỗ ở của cha mẹ không có lòng kính yêu.
6. Đối với chỗ của các bậc Hiền thánh không sanh tâm cung kính.
7. Xâm đoạt ruộng vườn sản nghiệp của các bậc Hiền thánh.
8. Phá bỏ ánh sáng của đèn đuốc nơi tháp miếu Phật.
9. Thấy người thô xấu thì hủy báng khinh chê.
10. Làm theo các hạnh ác.

Do mười nghiệp này nên bị quả báo hình tướng thô xấu.

Lại có mười nghiệp khiến cho chúng sanh được quả báo đoan chánh:

1. Không sân hận.
2. Bố thí y phục.
3. Thương yêu cha mẹ.
4. Tôn trọng các bậc Hiền thánh.
5. Tu bổ, sơn phết tháp Phật.
6. Lau quét từ đường.
7. Lau quét Già-lam.
8. Lau quét tháp Phật.
9. Thấy người thô xấu không có tâm khinh khi, mà có lòng

cung kính.

10. Thấy người đoan chánh biết rõ do nhân từ đời trước.

Do mười nghiệp này nên được quả báo đoan chánh.

Lại có mười nghiệp khiến cho chúng sanh bị quả báo ít uy thế:

1. Đối với chúng sanh khởi tâm ganh ghét.
2. Thấy người khác được tài lợi, sanh tâm buồn rầu, bực tức.
3. Thấy người khác bị mất lợi, trong lòng vui mừng.
4. Thấy người khác được danh tiếng, sanh tâm ganh ghét.
5. Thấy người bị mất danh dự, trong lòng hân hoan.
6. Tâm Bồ-đề thoái chuyển, hủy hoại hình tượng của Phật.
7. Đối với cha mẹ mình và chỗ ở của các bậc Hiền thánh không có tâm thờ phụng.
8. Khuyên người tu tập theo nẻo ít uy đức.
9. Làm chướng ngại đối với kẻ khác tu tập theo nẻo có uy đức lớn.
10. Thấy người có ít uy đức sanh lòng khinh dễ.

Do mười nghiệp này nên bị quả báo có ít uy thế.

Lại có mười nghiệp khiến cho chúng sanh có quả báo được uy thế lớn:

1. Đối với chúng sanh không có tâm đố kỵ.
2. Thấy người khác được tài lợi sanh tâm hoan hỷ.
3. Thấy người khác mất lợi sanh tâm thương xót.
4. Thấy người khác được danh dự trong lòng hân hoan.
5. Thấy người khác bị mất danh dự, giúp họ bớt buồn lo.
6. Phát tâm Bồ-đề, tạo hình tượng Phật, cúng thí dù, lọng báu.
7. Đối với cha mẹ mình và chỗ các bậc Hiền thánh luôn cung kính nghinh đón.
8. Khuyên người bỏ nghiệp ít có uy đức.
9. Khuyên người tu hành theo nghiệp có uy đức lớn.
10. Thấy người không có uy đức không đem lòng khinh chê.

Do mười nghiệp này nên được quả báo có uy lực lớn.

Lại có mười nghiệp khiến cho chúng sanh bị quả báo sanh vào dòng họ thấp kém:

1. Không biết kính Cha.
2. Không biết kính Mẹ.

3. Không biết kính Sa-môn.
4. Không biết kính Bà-la-môn.
5. Đối với các bậc Tôn trưởng không biết kính ngưỡng.
6. Đối với các Sư trưởng không cung kính đón tiếp cúng dường.
7. Thấy các bậc Tôn trưởng không cung kính mời ngồi.
8. Đối với cha mẹ không tuân theo lời giáo huấn.
9. Đối với các bậc Hiền thánh không thọ nhận sự chỉ dạy.
10. Khinh chê kẻ thấp kém.

Do mười nghiệp này nên bị quả báo sanh vào dòng họ thấp kém.

Lại có mười nghiệp khiến cho chúng sanh được quả báo sanh vào dòng họ cao quý:

1. Khéo biết kính Cha.
2. Khéo biết kính Mẹ.
3. Khéo biết kính Sa-môn.
4. Khéo biết kính Bà-la-môn.
5. Cung kính giúp đỡ bậc Tôn trưởng.
6. Cung kính tiếp đón các bậc Sư trưởng.
7. Thấy các bậc Sư trưởng cung kính mời ngồi.
8. Đối với cha mẹ thì kính thọ lời giáo huấn.
9. Đối với bậc Hiền thánh thì tôn kính, thọ giáo.
10. Không khinh kẻ thấp hèn.

Do mười nghiệp này nên được quả báo sanh vào dòng họ cao quý.

Lại có mười nghiệp khiến cho chúng sanh bị quả báo có ít của cải:

1. Tự mình làm việc trộm cắp.
2. Khuyên người khác trộm cắp.
3. Khen ngợi sự trộm cắp.
4. Thấy trộm cắp thì hoan hỷ.
5. Đối với cha mẹ không lo làm ăn, phụng dưỡng.
6. Đối với Hiền thánh thì chiếm đoạt tài vật.
7. Thấy người khác được tài vật thì tâm không hoan hỷ.
8. Ngăn cản người khác được lợi, làm cho họ thường gặp tai nạn.
9. Thấy người khác bố thí, không có tâm tùy hỷ.
10. Thấy người đời đói kém, tâm không thương xót mà lại vui sướng.

Do mười nghiệp này nên bị quả báo đời sống có ít của cải.

Lại có mười nghiệp khiến cho chúng sanh được quả báo đời sống có nhiều của cải:

1. Tự mình xa lìa trộm cắp.
2. Không khuyên người khác trộm cắp.
3. Không tán thán sự trộm cắp.
4. Thấy người không trộm cắp sanh tâm hoan hỷ.
5. Đối với chỗ ở của cha mẹ lo gắng sức làm ăn, phụng dưỡng.
6. Đối với các vị Hiền thánh thì cung cấp những vật cần dùng.
7. Thấy người khác được lợi, sanh tâm hoan hỷ.
8. Thấy người tìm cầu điều lợi ích thì tạo phương tiện hỗ trợ.
9. Thấy người bố thí thuốc trị bệnh thì sanh tâm hoan hỷ.
10. Thấy người đời đói khổ, sanh tâm thương xót.

Do mười nghiệp này nên được quả báo đời sống có nhiều của cải.

Lại có mười nghiệp khiến cho chúng sanh bị quả báo tà trí:

1. Không hay học hỏi với Sa-môn, Bà-la-môn có trí tuệ.
2. Rao truyền pháp ác.
3. Không thể tu tập, thọ trì chánh pháp.
4. Tán thán pháp không phải định, cho là pháp định.
5. Tiếc pháp không chịu nói.
6. Thân cận kẻ tà trí.
7. Xa lìa chánh trí.
8. Tán thán tà kiến.
9. Xả bỏ chánh kiến.
10. Thấy người ngu si, xấu xí thì khinh khi chê bai.

Do mười nghiệp này nên bị quả báo tà trí.

Lại có mười nghiệp khiến cho chúng sanh được quả báo chánh trí:

1. Khéo hỏi han những vị Sa-môn, Bà-la-môn có trí tuệ.
2. Rao truyền pháp lành.
3. Nghe và thọ trì chánh pháp.
4. Thấy người nói pháp định khen ngợi: “Lành thay!”.
5. Ưa nói chánh pháp.
6. Thân cận người có chánh trí.
7. Thân giữ, bảo vệ chánh pháp.
8. Siêng tu hạnh nghe nhiều.
9. Xa lìa tà kiến.

10. Thấy người ngu si, xấu xí không có tâm khinh chê.

Do mười nghiệp này nên được quả báo chánh trí.

Lại có mười nghiệp khiến cho chúng sanh bị quả báo đọa vào địa ngục:

1. Thân tạo nghiệp ác nặng.
2. Miệng lời nghiệp ác nặng.
3. Ý tạo nghiệp ác nặng.
4. Khởi sanh kiến chấp về không.
5. Khởi sanh kiến chấp về có.
6. Khởi sanh kiến chấp về không có nhân quả.
7. Khởi sanh kiến chấp không có sự tạo tác.
8. Khởi sanh kiến chấp không có kiến thức.
9. Khởi sanh kiến chấp về một bên.
10. Không biết báo đáp ân đức.

Do mười nghiệp này nên bị quả báo đọa vào địa ngục.

Lại có mười nghiệp khiến cho chúng sanh bị quả báo sanh vào hàng súc sanh:

1. Thân tạo nghiệp ác bậc trung.
2. Miệng tạo nghiệp ác bậc trung.
3. Ý tạo nghiệp ác bậc trung.
4. Từ phiền não tham khởi ra các nghiệp ác.
5. Từ phiền não sân khởi ra các nghiệp ác.
6. Từ phiền não si khởi ra các nghiệp ác.
7. Chửi mắng chúng sanh.
8. Não hại chúng sanh.
9. Bố thí vật bất tịnh.
10. Làm việc tà dâm.

Do mười nghiệp này nên bị quả báo sanh vào hàng súc sanh.

Lại có mười nghiệp khiến cho chúng sanh bị quả báo sanh vào hàng ngạ quỷ:

1. Thân tạo nghiệp ác nhẹ.
2. Miệng tạo nghiệp ác nhẹ.
3. Ý tạo nghiệp ác nhẹ.
4. Sanh tâm tham nhiều.
5. Sanh tâm tham ác.

6. Ganh ghét.
7. Tà kiến.
8. Tham đắm về của cải trong đời sống ngay khi mạng chung.
9. Do đói mà chết.
10. Bị khô khát bức bách mà chết.

Do mười nghiệp này nên bị quả báo sanh vào hàng ngạ quỷ.

Lại có mười nghiệp khiến cho chúng sanh bị quả báo sanh vào hàng A-tu-la:

1. Thân tạo nghiệp ác chút ít.
2. Miệng tạo nghiệp ác chút ít.
3. Ý tạo nghiệp ác chút ít.
4. Kiêu mạn.
5. Ngã mạn.
6. Tăng thượng mạn.
7. Đại mạn.
8. Tà mạn.
9. Mạn mạn.
10. Đem các căn lành hướng về cõi A-tu-la.

Do mười nghiệp này nên bị quả báo sanh vào hàng A-tu-la.

Lại có mười nghiệp khiến cho chúng sanh được quả báo sanh ở cõi người:

1. Không sát sanh.
2. Không trộm cắp.
3. Không tà dâm.
4. Không nói dối.
5. Không nói lời thêu dệt.
6. Không nói hai lưỡi.
7. Không nói lời ác độc.
8. Không tham lam.
9. Không sân hận.
10. Không tà kiến.

Đối với mười nghiệp thiện, vẫn còn thiếu sót, chưa được hoàn toàn. Do mười nghiệp này nên được quả báo sanh vào cõi người.

Lại có mười nghiệp khiến cho chúng sanh được quả báo sanh vào cõi trời thuộc Dục giới. Đó là tu hành đầy đủ làm tăng trưởng

mười điều thiện.

Lại có mười nghiệp khiến cho chúng sanh được quả báo sinh vào cõi trời thuộc Sắc giới. Đó là tu hành mười điều thiện hữu lậu cùng tương ưng với pháp định.

Lại có bốn nghiệp khiến cho chúng sanh được quả báo sanh ở cõi trời thuộc Vô sắc giới:

1. Vượt qua tất cả tưởng về Sắc, diệt trừ các tưởng Hữu đối, nhập vào định Không xứ.
2. Vượt qua tất cả định Không xứ, nhập vào định Thức xứ.
3. Vượt qua tất cả định Thức xứ, nhập vào định Vô sở hữu xứ.
4. Vượt qua định Vô sở hữu xứ, nhập vào định Phi tưởng phi phi tưởng xứ.

Do bốn nghiệp này nên được quả báo sanh ở cõi trời thuộc Vô sắc giới.

Lại có nghiệp khiến cho chúng sanh được quả báo quyết định. Nếu ai đối với Phật, Pháp, Tăng và người giữ giới, khởi tâm bố thí luôn tăng trưởng. Do nghiệp thiện này, nên phát nguyện hồi hướng, liền được vãng sanh. Đó gọi là nghiệp báo quyết định.

Lại có nghiệp khiến cho chúng sanh bị quả báo bất định. Như tạo nghiệp không phải với tâm tăng trưởng hỗ trợ, lại không tu tập, cũng không phát nguyện hồi hướng thọ sanh. Đó gọi là nghiệp báo bất định.

Lại có nghiệp khiến cho chúng sanh bị quả báo sanh ở biên địa. Như tạo nghiệp đối với Phật, Pháp, Tăng, người trì giới thanh tịnh cùng với chỗ ở của đại chúng, nhưng không sinh tâm bố thí và hỗ trợ sự bố thí, rồi do căn lành này nguyện sanh ở biên địa. Do nguyện ấy nên liền sanh ở biên địa, thọ quả báo tịnh và bất tịnh.

Lại có nghiệp khiến cho chúng sanh được quả báo sanh ở vùng trung tâm đất nước. Nếu khi tạo nghiệp đối với Phật, Pháp, Tăng, người trì giới thanh tịnh, gần người phạm hạnh, và chỗ ở của đại chúng, khởi tâm bố thí, hết lòng hỗ trợ sự bố thí. Nhờ căn lành này quyết định phát nguyện cầu sanh nơi vùng trung tâm đất nước, lại được gặp Phật, nghe chánh pháp, thọ quả báo thanh tịnh thượng diệu.

Lại có nghiệp khiến cho chúng sanh mãi mãi ở trong địa ngục. Như có chúng sanh, tạo nghiệp địa ngục rồi, không hổ thẹn, cũng không chán lìa, tâm không biết sợ hãi, trái lại còn sanh tâm vui thích,

cũng không sám hối, còn tạo thêm nghiệp ác sâu nặng, như Đề-bà-đạt-đa... do tạo nghiệp này cho nên suốt đời ở trong địa ngục.

Lại có nghiệp khiến cho chúng sanh bị đọa vào địa ngục, nửa chừng thì mạng yểu, không hết mạng. Như có chúng sanh tạo nghiệp địa ngục, tích tập thành rồi, sau sanh sợ hãi, xấu hổ, chán lìa, sám hối từ bỏ, chẳng còn tâm hỗ trợ. Do nghiệp này nên ở trong địa ngục, sau biết hối cải, chỉ thọ quả báo nửa chừng thì yểu, không hết thọ mạng.

Lại có nghiệp khiến cho chúng sanh bị đọa vào địa ngục, mới vào liền ra. Như có chúng sanh tạo nghiệp địa ngục, tạo tác xong thì sợ sệt, khởi lòng tin luôn tăng trưởng, sanh tâm xấu hổ, chán lìa điều ác nên xả bỏ, ân cần sám hối, lại không tạo nữa. Như vua A-xà-thế giết cha, tạo nên các tội, vừa vào địa ngục liền được giải thoát.

Bấy giờ Đức Thế Tôn liền nói kệ:

Nếu ai tạo tội nặng,
Tạo rồi tự trách mình.
Sám hối không tạo nữa
Nhổ hết nghiệp căn bản.

Lại có nghiệp làm mà không nhóm tập. Như có chúng sanh thân, khẩu, ý... tạo các nghiệp ác, tạo rồi lo sợ, xấu hổ xa lìa, tự trách cứ hối hận, không còn tạo điều ác lại nữa, đó gọi là làm mà không chứa nhóm.

Lại có nghiệp nhóm tập mà không làm. Như có chúng sanh tự mình không tạo nghiệp, do vì ác tâm nên khuyên người khác làm ác. Đó gọi là chứa nhóm không làm.

Lại có nghiệp vừa tạo tác vừa tích tập. Như có chúng sanh tạo các nghiệp ác rồi, tâm không hối cải, mà thỉnh thoảng cứ tạo nghiệp, lại còn khuyên người khác tạo điều ác. Đó gọi là vừa tạo tác vừa tích tập.

Lại có nghiệp không tạo tác cũng không tích tập. Như có chúng sanh tự mình không tạo điều ác, cũng không dạy người khác tạo điều ác, thuộc về nghiệp vô ký. Đó gọi là không tạo tác cũng không tích tập.

Lại có nghiệp ban đầu thì vui sau thì khổ. Như có chúng sanh do người khác khuyên nên hoan hỷ bố thí, nhưng tâm bố thí không kiên cố, sau lại hối tiếc. Do nhân duyên đó nên sanh ở nhân gian, trước thì

giàu có sung sướng, sau lại bần cùng nghèo khổ. Đó gọi là ban đầu thì vui sau thì khổ.

Lại có nghiệp ban đầu thì khổ sau thì vui. Như có chúng sanh nhờ người khuyên bảo, miễn cưỡng bố thí chút ít, nhưng bố thí rồi thì hoan hỷ, tâm không hối tiếc. Do nhân duyên này nên sanh ở nhân gian, ban đầu thì nghèo khổ nhưng về sau thì giàu có sung sướng. Đó gọi là ban đầu thì khổ nhưng sau thì vui.

Lại có nghiệp ban đầu thì khổ về sau cũng khổ. Như có chúng sanh, xa lìa thiện tri thức, không ai khuyên bảo, dẫn dắt, cho đến không thể làm việc bố thí dù chút ít. Do nhân duyên này nên sanh ở nhân gian ban đầu đã bần khổ về sau cũng bần khổ. Đó gọi là ban đầu khổ mà về sau vẫn khổ.

Lại có nghiệp ban đầu vui sướng mà về sau cũng vui sướng. Như có chúng sanh được gần gũi thiện tri thức, nhờ họ khuyên bảo nên bố thí, rồi sanh tâm hoan hỷ, kiên cố tu hạnh bố thí. Do nguyên nhân đó nên sanh ở nhân gian, ban đầu đã giàu có, sung sướng, về sau cũng giàu có sung sướng.

Lại có nghiệp nghèo mà ưa thích bố thí. Như có chúng sanh, trước đã từng bố thí, nhưng không gặp phước điền, bị lưu chuyển trong sanh tử, nên sanh ở nhân gian, do không gặp phước điền, nên được quả báo rất ít, vừa được liền mất. Nhưng do nhân đã bố thí nên dù có bần cùng vẫn hay làm việc bố thí.

Lại có nghiệp giàu có mà tham lam keo kiệt. Như có chúng sanh chưa từng bố thí, gặp thiện tri thức khuyên bảo nên tạm thời làm việc bố thí, lại gặp được phước điền tốt đẹp. Nhờ gặp ruộng phước tốt nên đời sống được sung túc. Vì trước không có tạo nhân cho nên kẻ ấy tuy giàu có mà keo kiệt.

Lại có nghiệp giàu có mà hay bố thí. Như có chúng sanh gặp được thiện tri thức, tu hạnh bố thí thật nhiều, lại gặp được phước điền tốt. Do nhân duyên này nên được giàu có hết mực, tiền của nhiều, mà vẫn luôn thực hành bố thí.

Lại có nghiệp nghèo mà tham lam keo kiệt. Như có chúng sanh xa lìa thiện tri thức, không ai khuyên bảo chỉ dẫn, nên không thể thực hành bố thí. Do nhân duyên này, sanh ở nhà bần cùng mà vẫn tham lam keo kiệt.

Lại có nghiệp khiến cho chúng sanh được thân an lạc nhưng tâm không an lạc, như hàng phàm phu có được phước đức.

Lại có nghiệp khiến cho chúng sanh tâm được an lạc nhưng thân không an lạc, như bậc A-la-hán không phước.

Lại có nghiệp khiến cho chúng sanh cả thân lẫn tâm đều an lạc như bậc A-la-hán có phước.

Lại có nghiệp khiến cho chúng sanh cả thân lẫn tâm đều không an lạc, như kẻ phàm phu vô phước.

Lại có nghiệp khiến cho chúng sanh mạng đã tận mà nghiệp không dứt hết. Như có chúng sanh từ địa ngục, chết rồi cũng lại sanh vào địa ngục, hoặc súc sanh, ngạ quỷ, cho đến các cõi người, trời, A-tu-la... cũng lại như vậy. Đó gọi là mạng đã tận mà nghiệp không dứt hết.

Lại có nghiệp khiến cho chúng sanh nghiệp đã tận mà mạng không tận. Như có chúng sanh hết vui thì thọ khổ, hết khổ thì được vui..., đó gọi là nghiệp đã tận mà mạng không tận.

Lại có nghiệp khiến cho chúng sanh cả nghiệp lẫn mạng đều tận. Như có chúng sanh từ địa ngục ra lại sanh vào hàng súc sanh hay ngạ quỷ, cho đến cõi người, trời, A-tu-la..., đó gọi là cả nghiệp lẫn mạng đều tận.

Lại có nghiệp khiến cho chúng sanh cả nghiệp lẫn mạng đều không tận. Như có chúng sanh đã trừ hết các phiền não, tức là các bậc Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán... đó gọi là cả nghiệp lẫn mạng đều không tận.

Lại có nghiệp khiến cho chúng sanh tuy sanh ở cõi ác nhưng hình dáng lại đẹp đẽ, mắt mày đoan nghiêm, da dẻ tươi tắn ai cũng thích nhìn. Như có chúng sanh do phiền não tham dục, khởi nghiệp phá giới. Do nhân duyên này, tuy sanh nơi cõi ác mà hình dáng đẹp đẽ, mắt mày đoan nghiêm, da dẻ tươi tắn ai cũng muốn nhìn.

Lại có nghiệp khiến cho chúng sanh sanh ở cõi ác, hình dung xấu xí, da dẻ thô nhám, chẳng ai muốn nhìn. Như có chúng sanh do phiền não sân hận dấy khởi nghiệp phá giới. Do nhân duyên này, sanh vào cõi ác, hình sắc xấu xí, da thịt thô nhám, chẳng ai muốn nhìn.

Lại có nghiệp khiến cho chúng sanh sanh nơi cõi ác, thân miệng hôi thối, các căn khuyết tật. Như có chúng sanh do phiền não si mê

khởi ra nghiệp phá giới. Do nhân duyên này sanh nơi cõi ác, thân miệng hôi thối, các căn khuyết tật.

Lại có mười nghiệp bị quả báo xấu ác ở bên ngoài. Như có chúng sanh đối với mười nghiệp bất thiện phần nhiều tạo tác hành động nên tương ứng với các ngoại vật đều không được đầy đủ:

1. Do nghiệp sát sanh cho nên khiến cho các quả báo bên ngoài như ở vùng đất muối mặn, cỏ thuốc không có.
2. Do nghiệp trộm cắp nên tương ứng với ngoại cảnh như sương sa, mưa đá, trùng sâu... khiến cho đời sống luôn bị đói kém.
3. Do nghiệp tà dâm nên cảm ứng với ngoại cảnh như gió mưa dữ dội, bụi bặm đầy dẫy.
4. Do nghiệp nói dối nên cảm ứng với ngoại vật đều dơ bẩn, hôi thối.
5. Do nghiệp nói hai lưỡi, nên cảm ứng với ngoại cảnh như đất đai cao thấp không bằng phẳng, bờ ao hang hốc gồ ghề, cây cối gai gốc.
6. Do nghiệp ác khẩu nên cảm ứng với quả báo bên ngoài như chỗ ở toàn là đá, sạn, cát, sỏi, các vật xấu xí thô nhám, không thể gần gũi.
7. Do nghiệp nói thêu dệt nên cảm ứng với quả báo bên ngoài, khiến cảnh vật chung quanh toàn là cây cối rậm rạp, cành nhánh chông gai.
8. Do nghiệp tham nên cảm ứng với quả báo bên ngoài khiến cho các thứ hạt mầm, lúa thóc đều nhỏ bé.
9. Do nghiệp sân hận nên cảm ứng với quả báo bên ngoài, khiến cây cối sanh ra đều là trái đắng.
10. Do nghiệp tà kiến nên cảm ứng với quả báo bên ngoài khiến các thứ lúa thóc không hạt thu gặt quá ít ỏi.

Do mười nghiệp này bị quả báo xấu ác nơi bên ngoài như thế.

Lại có mười nghiệp đạt được quả báo thù thắng ở bên ngoài. Như có chúng sanh tu mười nghiệp thiện luôn thuận hợp, tăng trưởng, nên biết là đạt được mười quả báo thù thắng ở bên ngoài.

Như có chúng sanh thường kính lễ tháp miếu của Phật, sẽ được mười thứ công đức:

1. Được sắc đẹp, tiếng hay.

2. Nói ra điều gì ai cũng tin phục.
3. Không sợ sệt trước mọi người.
4. Trời, người đều ái hộ.
5. Đầy đủ uy lực.
6. Có uy lực, được chúng sanh tìm đến thân cận, nương nhờ.
7. Thường được gần gũi chư Phật, Bồ-tát.
8. Có đầy đủ phước đức lớn lao.
9. Mạng chung được sanh lên cõi trời.
10. Mau chứng đạo quả Bồ-đề.

Đó là kính lạy tháp miếu của Phật được mười thứ công đức như vậy.

Như có chúng sanh cúng thí dù lọng báu sẽ được mười thứ công đức:

1. Sống ở thế gian cũng như là dù lọng che chở chúng sanh.
2. Thân tâm an ổn, xa lìa các thứ phiền não bức bách.
3. Mọi người đều kính trọng, không ai dám khinh mạn.
4. Có uy lực lớn.
5. Thường được thân cận chư Phật, Bồ-tát, là các bậc có uy đức lớn, lấy đó làm quyến thuộc.
6. Thường được làm Chuyển luân Thánh vương.
7. Luôn làm bậc Thượng thủ, tu tập nghiệp thiện.
8. Có đầy đủ phước báo lớn.
9. Mạng chung được sanh lên cõi trời.
10. Mau chứng Niết-bàn.

Đó là cúng thí dù lọng báu sẽ được mười thứ công đức.

Như có chúng sanh cúng thí cờ phướn được mười thứ công đức:

1. Ở đời giống như lá cờ phướn quý giá, từ quốc vương đại thần, thân hữu tri thức luôn cung kính cúng dường.
2. Giàu có, tự tại, đầy đủ tài sản lớn.
3. Tiếng tốt truyền khắp, bao trùm các phương.
4. Tướng mạo đoan nghiêm, thọ mạng lâu dài.
5. Thường ở chỗ mình, sinh sống, thể hiện hạnh kiên cố.
6. Có danh vọng lớn.
7. Có uy đức lớn.
8. Sanh nơi tộc họ cao quý.

9. Thân hoại mạng chung được sanh lên cõi trời.
10. Mau chứng Bồ-đề.

Đó là cúng thí cờ phướn sẽ được mười thứ công đức như thế.

Như có chúng sanh cúng thí các loại chuông, linh sẽ được mười thứ công đức:

1. Được âm thanh như Phạm thiên.
2. Được tiếng tăm lớn.
3. Tự biết kiếp trước.
4. Nói ra điều gì ai cũng cung kính, thọ nhận.
5. Thường có dù lọng báu để tự trang nghiêm.
6. Có ngọc Anh lạc đẹp làm đồ trang sức.
7. Diện mạo đoan nghiêm, ai nhìn thấy cũng hoan hỷ.
8. Có đủ phước báo lớn lao.
9. Mạng chung được sanh lên cõi trời.
10. Mau chứng Niết-bàn.

Đó là cúng thí các loại chuông, linh được mười thứ công đức.

Như có chúng sanh cúng thí y phục sẽ được mười thứ công đức:

1. Mặt, mắt tươi đẹp.
2. Da dẻ tươi thắm, mịn màng.
3. Thân tướng không dính bụi bặm cấu uế.
4. Lúc sanh ra liền có đầy đủ y phục tốt đẹp.
5. Có đủ đồ nằm, ngồi tốt đẹp, che chắn thân.
6. Có đầy đủ mọi tâm hổ thẹn.
7. Ai thấy cũng kính yêu.
8. Có nhiều tài sản, vật báu.
9. Mạng chung sanh lên cõi trời.
10. Mau chứng Niết-bàn.

Đó là cúng thí y phục sẽ được mười thứ công đức.

Như có chúng sanh cúng thí các vật dụng đựng đồ ăn thì sẽ đạt được mười thứ công đức:

1. Ở đời như một người có tài năng.
2. Luôn được pháp luật tốt đẹp che chở, ban ơn.
3. Lìa mọi nẻo tham đắm ái dục.
4. Như cạn nguồn nước uống, thì các khe suối liền vọt nước ra tràn trề.

5. Không hề bị sanh vào cõi ngạ quỷ.
6. Có được vật dụng đẹp đẽ của trời.
7. Xa lìa bạn ác.
8. Đầy đủ phước báo lớn.
9. Mạng chung sanh lên cõi trời.
10. Mau chứng đắc Niết-bàn.

Đó là cúng thí các vật dụng đựng đồ ăn sẽ được mười thứ công đức như vậy.

Như có chúng sanh cúng thí các thứ ăn uống sẽ đạt được mười thứ công đức:

1. Được thọ mạng lâu dài.
2. Được sắc đẹp.
3. Được sức lực khỏe mạnh.
4. Được biện tài vô ngại, an ổn.
5. Được pháp không hề sợ hãi.
6. Không có biếng nhác, luôn được mọi người kính ngưỡng.
7. Mọi người đều yêu thích.
8. Có đủ phước báo lớn.
9. Mạng chung sanh lên cõi trời.
10. Mau chứng Niết-bàn.

Đó là cúng thí các thức ăn uống sẽ được mười điều công đức như thế.

Như có chúng sanh cúng thí giày dép sẽ được mười thứ công đức:

1. Có đầy đủ xe cộ đẹp đẽ.
2. Chân bước đi luôn bình an.
3. Bàn chân mềm mại.
4. Đi xa luôn nhẹ nhàng, khoẻ khoắn.
5. Thân không mệt mỏi.
6. Dù đi đến đâu cũng không bị chông gai, sạn sỏi làm chân bị tổn thương.
7. Được diệu lực thần thông.
8. Luôn được các sứ giả giúp đỡ.
9. Mạng chung được sanh lên cõi trời.
10. Mau chứng Niết-bàn.

Đó là cúng thí giày dép sẽ được mười thứ công đức.

Như có chúng sanh cúng thí hương hoa sẽ được mười thứ công đức:

1. Sống ở đời như bông hoa.
2. Thân thể không hôi thối.
3. Hương phước hương giữ giới lan tỏa khắp các phương.
4. Theo chỗ sanh đến, tỷ căn không hề hư hoại.
5. Hơn hẳn thế gian, được mọi người quy ngưỡng.
6. Thân thường sạch thơm.
7. Yêu thích chánh pháp, thọ trì đọc tụng.
8. Đủ phước báo lớn.
9. Mạng chung sanh lên cõi trời.
10. Mau chứng Niết-bàn.

Đó là cúng thí hương hoa sẽ được mười thứ công đức.

Như có chúng sanh cúng thí đèn sáng sẽ được mười thứ công đức:

1. Tỏa sáng thế gian như đèn.
2. Theo chốn sanh ra, mắt thịt không bị tổn.
3. Được thiên nhãn.
4. Đối với các pháp thiện ác, có trí tuệ biết rõ.
5. Trừ diệt sự hôn ám lớn.
6. Được trí tuệ sáng suốt.
7. Lưu chuyển ở thế gian, thường không bị ở nơi chốn tối tăm.
8. Có đủ phước báo lớn.
9. Mạng chung được sanh lên cõi trời.
10. Mau chứng Niết-bàn.

Đó là cúng thí đèn sáng sẽ được mười thứ công đức.

Nếu có chúng sanh chắp tay cung kính sẽ được mười thứ công đức:

1. Được phước báo thù thắng.
2. Sanh nơi tộc họ cao quý.
3. Được sắc đẹp hơn hết.
4. Được âm thanh bậc nhất.
5. Được dù, lọng quý báu.
6. Được biện tài thù thắng.
7. Được lòng tin thù thắng.

8. Được giới pháp thù thắng.

9. Được sự hiểu biết rộng khắp thù thắng.

10. Được trí tuệ thù thắng.

Đó gọi là chắp tay cung kính sẽ được mười thứ công đức.

Bấy giờ Đức Thế Tôn thuyết giảng pháp xong, Trưởng giả Thủ-ca nghe Đức Phật giảng đạt được tín tâm thanh tịnh.

Trưởng giả Thủ-ca, cung kính đảnh lễ Đức Phật, thưa:

–Nay con xin thỉnh Đức Phật đến thành Xá-bà-đề, tới chỗ ở của cha con, tức nhà Trưởng giả Đao-đề. Mong Ngài hạ cố, khiến cho cha con và tất cả mọi người mãi mãi được an lạc.

Đức Thế Tôn vì muốn đem lại lợi ích cho mọi người nên im lặng nhận lời.

Trưởng giả Thủ-ca, nghe Phật dạy xong, trong lòng hết sức hoan hỷ, đảnh lễ rồi lui ra.

❑

SỐ 81

PHẬT NÓI KINH

PHÂN BIỆT THIỆN ÁC BÁO ỨNG

Hán dịch: Đời Tống, Sa-môn Thiên Tức Tai người Thiên trúc.

QUYỂN THƯỢNG

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Thế Tôn ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Lúc ấy, đến giờ thọ trai, Đức Thế Tôn vận y ôm bát mang y đi vào thành Xá-vệ, thứ lớp khất thực, tới nhà của Trưởng giả Du-ca, con trai của Đâu-nễ-dã, đứng ở ngoài cửa. Lúc đó, con chó của Trưởng giả Du-ca tên là Thương khư, thường làm công việc giữ cửa, nó luôn được chủ nhà dùng bát đồng đựng đầy đồ ăn ngon cho ăn. Con chó thấy Đức Thế Tôn liền tỏ ra giận dữ, sủa vang. Đức Thế Tôn nói với con Thương khư:

–Ông do chưa tỉnh ngộ nên thấy Ta mới sủa.

Con Thương khư nghe nói như thế thì không sủa nữa mà càng giận dữ hơn, liền bỏ chỗ nằm cũ chạy tới nằm dưới tòa ngồi bằng chiên-đàn. Khi ấy Trưởng giả Du-ca đi ra phía ngoài cửa, thấy con chó nằm im dưới tòa ngồi chiên-đàn, hỏi:

–Ai đã làm ngươi tức giận?

Con Thương khư im lặng. Trưởng giả Du-ca lại hỏi:

–Này hiền tử, người nào đã làm cho Thương khư tức giận như vậy?

Thưa:

–Sa-môn Cù-đàm đã đến đây, đứng ở trước cửa, con thấy rồi sủa vang lên, Sa-môn Cù-đàm ấy nói như vầy: "Do ông chưa tỉnh ngộ nên thấy Ta mới sủa". Con nghe lời nói ấy rồi, liền tức giận, đứng dậy bỏ chỗ cũ, chạy đến nằm dưới tòa ngồi chiên-đàn.

Du-ca nghe lời ấy thì hết sức tức giận, bèn ra khỏi thành Xá-vệ, đi tới khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc. Lúc ấy, Đức Thế Tôn cùng vô lượng trăm ngàn vị Tỳ-kheo trước sau vây quanh nơi tòa của Ngài để nghe thuyết pháp. Đức Thế Tôn từ xa trông thấy Trưởng giả Du-ca đi tới, liền bảo các Tỳ-kheo:

–Các vị có thấy Trưởng giả Du-ca từ xa đang đi đến chăng?

Các Tỳ-kheo thưa:

–Thưa vâng, chúng con đã thấy.

Đức Thế Tôn nói:

–Ông Trưởng giả ấy đang dấy tâm sân hận đối với Đức Phật, sau khi mạng chung chỉ trong chớp mắt sẽ bị đọa vào địa ngục lớn. Vì sao? Vì kẻ ấy đã mê chấp hư vọng, phân biệt ta người, khởi lên phiền não sân hận, hủy báng Phật, tất sẽ đọa vào các cõi ác, thọ vô lượng khổ. Kẻ ấy lại còn sanh tâm khinh mạn đối với Ta, cũng như đối với tất cả chúng sanh.

Đức Thế Tôn bèn đọc kệ:

Khởi tâm ác với Phật
Hủy báng, sanh khinh mạn
Vào trong địa ngục lớn
Thọ khổ vô cùng tận.
Có các loại hữu tình
Với Đạo sư, Tỳ-kheo
Tạm thời sanh tâm ác
Mạng chung đọa địa ngục.
Nếu đối với Như Lai
Khởi tâm đại sân hận
Đều đọa nơi cõi ác
Mãi luân hồi thọ khổ.

Bấy giờ vị Trưởng giả, con ông Đâu-nễ-dã đi đến chỗ Đức Thế

Tôn, cung kính đảnh lễ nơi chân Phật, bày tỏ lời thăm hỏi, chúc tụng, tán thán rồi đứng qua một bên, bạch:

–Thưa Thế Tôn, do nhân duyên gì mà Ngài đến nhà tôi?

Đức Phật bảo Trưởng giả Du-ca:

–Đã đúng giờ ăn, Ta mang y cầm bát vào thành Xá-vệ, thứ lớp khất thực, dừng lại trước cửa nhà ông. Lúc ấy, con Thương khư đang đứng gần đấy, từ từ ăn đồ ăn đựng trong bát bằng đồng, thấy Ta liền sủa vang lên. Ta nói: "Này Thương khư, do ông chưa tỉnh ngộ, nên thấy Ta mới sủa?". Con chó nghe lời ấy liền tỏ ra giận dữ bỏ đi đến chỗ khác.

Trưởng giả Du-ca thưa:

–Con chó Thương khư này không biết kiếp trước của nó như thế nào, cúi mong Đức Phật giảng nói.

Đức Phật bảo:

–Thôi đi, đừng hỏi việc này! Nếu ông nghe thì càng thêm sầu não, không thể chịu đựng nổi.

Trưởng giả Du-ca ba lần thưa Đức Phật như vầy:

–Cúi mong Đức Phật giảng nói việc này cho con, con rất muốn nghe.

Đức Thế Tôn bảo Trưởng giả:

–Nay ông hãy lắng nghe và khéo nhớ nghĩ, Ta sẽ nói rõ. Con chó ấy chính là hậu thân của Đâu-nễ-dã, cha ông đấy. Vào đời quá khứ do vọng chấp thân này, vô ngã chấp là ngã, tham lam keo kiệt, ganh ghét, không chịu bố thí, tham tiếc tiền của, không tin Tam bảo, cho nên phải bị đọa vào loài súc sanh. Nay con chó Thương khư này chính là cha của Trưởng giả đó.

Trưởng giả Du-ca lại thưa:

–Cha của con là Đâu-nễ-dã hồi sinh tiền thường hay bố thí, thờ cúng thần Lửa và các quỷ thần, như vậy thân của cha con sau khi mạng chung nhất định phải được sanh lên cõi trời Phạm thiên, hưởng mọi sự, sung sướng an lạc vì cớ gì lại bị đọa vào hàng súc sanh? Điều này thật khó tin!

Đức Phật bảo Trưởng giả:

–Cha của ông là Đâu-nễ-dã, do sự phân biệt ấy nên vọng sanh mê chấp, không hành bố thí, cứu giúp người khác, không tin Tam bảo,

do nhân duyên ấy nên bị đọa vào loài chó.

Ngài lại bảo:

–Nay Ta nói như thế chắc hẳn ông không tin, vậy ông hãy trở về nhà hỏi con Thương khư thì rõ.

Bấy giờ Trưởng giả Du-ca từ giã Đức Phật trở về nhà. Đến nơi bèn nói với con chó:

–Này Thương khư, ngươi nếu thật là cha của ta tên là Đâu-nễ-dã, thì ngươi hãy ngồi lên tòa chiên-đàn đi!

Con chó liền nhảy lên ngồi nơi tòa chiên-đàn.

Trưởng giả lại nói.

–Này Thương khư, nếu ngươi thật là cha của ta tên là Đâu-nễ-dã thì hãy đến chỗ mâm đồng ăn món cơm canh nấu thịt ấy đi!

Sau khi con Thương khư ăn xong, Trưởng giả lại bảo:

–Nếu ông thật là cha của ta, tên là Đâu-nễ-dã, vậy thì hãy nên bày điều kỳ lạ gì đấy đi!

Bấy giờ con Thương khư nghe nói như vậy, liền đứng lên, chạy tới chỗ cũ, dùng mũi ngửi đất phía dưới tòa chiên-đàn, lấy hai chân trước bươi đất, moi ra bốn cái hũ lớn bên trong chứa đầy bình bằng vàng, mâm bằng vàng và các loại báu vật khác nữa. Trưởng giả Du-ca thấy các thứ vàng bạc châu báu ít có này thì vô cùng sung sướng, yêu thích những của báu được cất giấu ấy. Bấy giờ Trưởng giả bèn đi ra khỏi thành Xá-vệ, đến chỗ Đức Phật, một lòng quy kính.

Khi ấy Đức Thế Tôn đang thuyết pháp cho vô lượng trăm ngàn chúng Tỳ-kheo ngồi phía trước tòa. Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Các thầy có thấy Trưởng giả Anh Võ, con của Đâu-nễ-dã từ xa đang đi đến không?

Các Tỳ-kheo thưa:

–Thưa vâng, chúng con đã thấy.

Đức Phật nói:

–Này các Tỳ-kheo, hiện tại Trưởng giả ấy nếu thân hoại mạng chung thì như buông bỏ gánh nặng xuống, liền được sanh lên cõi trời. Là vì người ấy đang hoan hỷ, phấn khởi, phát tâm chân thật đối với Ta, cho nên được quả báo như vậy.

Đức Thế Tôn liền đọc bài tụng:

Đây là một hữu tình

Phát tâm vui thấy Ta
Mạng chung sanh cõi trời
Như buông xả gánh nặng,
Đối với thầy thuyết pháp
Như Lai và Tỳ-kheo
Tạm thời tâm hoan hỷ
Quả báo cũng như vậy.

Đức Thế Tôn nói kệ xong, cùng lúc Trưởng giả Du-ca đi đến chỗ Đức Phật, đầu mặt lạy nơi chân Ngài, vô cùng hoan hỷ, hết lời xưng tán, khen ngợi là điều chưa từng có, rồi đứng qua một bên. Đức Thế Tôn hỏi Trưởng giả Du-ca:

–Con chó Thương khư ấy phải chăng quả thật là cha của ông?

Trưởng giả thưa:

–Đúng vậy! Thưa Thế Tôn, như lời Đức Phật đã nói là hoàn toàn chân thật không hư dối, tất cả những điều nghi ngờ của con đều đã dứt trừ.

Khi ấy Trưởng giả Du-ca thưa Đức Thế Tôn:

–Tất cả các loài hữu tình hoặc chết yểu, sống lâu, hoặc có bệnh, không bệnh, đẹp đẽ, xấu xí, sanh nơi tộc họ hào quý, hay thấp hèn, thông minh, ngu độn, dịu dàng, thô lỗ... các việc ấy không giống nhau. Vậy nhân quả thiện ác báo ứng như thế nào?.

Đức Phật bảo Trưởng giả Du-ca:

–Lành thay! Lành thay! Ông hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ, ta sẽ lần lượt giảng nói: Tất cả hữu tình tạo nghiệp, gây nhân thiện ác không giống nhau, cho nên mới có sự báo ứng hoặc sang hèn, trên dưới, hoặc thuộc tộc họ cao, thấp, sai khác. Nay Ta lược nói như vậy, còn nếu phân biệt rộng rãi thì ý nghĩa ấy hết sức sâu xa.

Trưởng giả Du-ca lại thưa:

–Cúi mong Đức Phật giảng giải rộng cho con được hiểu!

Đức Phật bảo Trưởng giả Du-ca:

–Ông hãy lắng nghe! Tất cả hữu tình tạo các thứ nghiệp, khởi ra vô số các thứ phiền não mê lầm. Nghiệp của chúng sanh có tốt xấu, quả báo phân ra có thiện có ác. Nghiệp xấu, dữ thì thọ quả báo nơi ba cõi ác, nghiệp lành tốt thì nhất định cảm quả báo nơi cõi người, trời. Lại nữa, nghiệp có phân hạng, mạng sống có ngắn dài. Lại nữa, có

nghiệp khiến chúng sanh thọ quả báo nhiều bệnh, ít bệnh, đẹp đẽ, xấu xí; hoặc lại có nghiệp khiến chúng sanh thọ quả báo phú quý, bần cùng, thông minh trí tuệ, đần độn, ngu si ám muội; hoặc lại có nghiệp khiến chúng sanh bị đọa vào ba đường ác; hoặc lại có nghiệp khiến được sanh ở Dục giới, Nhân, Thiên, cho đến cõi trời Hữu đảnh; hoặc lại có nghiệp khiến chúng sanh thọ quả báo xa, gần; hoặc lại có nghiệp khiến chúng sanh mong cầu không toại nguyện; hoặc lại có nghiệp không cầu mà tự đến; có nghiệp khiến chúng sanh thành tựu khó hay dễ, thành công hay không thành công; hoặc lại có nghiệp khiến chúng sanh thọ mạng mãi mãi ở trong địa ngục hay yểu mạng, nhẹ nặng không đồng; hoặc có nghiệp khiến chúng sanh giàu sang nghèo khổ, trước sau không nhất định; hoặc có nghiệp khiến chúng sanh giàu có hay khổ cực ưa thích bố thí hay keo kiệt không nhất định; hoặc lại có nghiệp khiến chúng sanh thọ mạng dài ngắn không nhất định; hoặc có nghiệp khiến chúng sanh thân tâm vui vẻ hay bị khổ não không nhất định; hoặc lại có nghiệp khiến chúng sanh có hình dáng đẹp đẽ, tươi tắn đáng yêu, hay xấu xí, thô lỗ, đáng ghét; hoặc lại có nghiệp khiến chúng sanh các căn đầy đủ hay bị khuyết tật.

Đức Phật lại bảo Trưởng giả Du-ca:

-Có mười nghiệp thiện cần phải tu tập, còn mười nghiệp ác ông hãy nên đoạn trừ.

Trưởng giả Du-ca bạch Đức Phật:

–Thưa Thế Tôn, hữu tình thọ mạng ngắn ngủi là do tạo nghiệp gì gây nên?

Đức Phật bảo:

–Do sát sanh nên bị như vậy.

Lại nữa, nghiệp sát có mười loại:

1. Tự tay giết.
2. Khuyên bảo người khác giết.
3. Thấy giết thì hoan hỷ.
4. Tùy hỷ đối với việc giết hại.
5. Giết hại từ trong bào thai.
6. Khuyên trục thai cho chết.
7. Oán thù mà giết.
8. Giết bằng cách đoạn nam căn.

9. Dùng các phương tiện để giết.
10. Sai khiến người khác giết.

Mười thứ nghiệp giết hại như vậy đưa đến quả báo thọ mạng ngắn ngủi.

Lại tạo nghiệp như thế nào mà có được quả báo trường thọ? Có mười loại nghiệp. Những gì là mười?

1. Xa lìa việc tự tay giết.
2. Xa lìa việc khuyên bảo người khác giết.
3. Xa lìa sự hoan hỷ khi thấy giết hại.
4. Xa lìa việc tùy hỷ đối với sự giết hại.
5. Cứu người bị giết nơi hình ngục.
6. Phóng sanh mạng.
7. Bố thí sự không sợ cho kẻ khác.
8. Thương xót, vỗ về người bệnh.
9. Bố thí đồ ăn uống.
10. Cúng dường cờ phướn, đèn đuốc.

Mười nghiệp tốt như vậy đưa đến quả báo trường thọ.

Lại tạo nghiệp như thế nào mà bị quả báo nhiều bệnh? Có mười loại nghiệp. Những gì là mười?

1. Tự hủy hoại loài hữu tình.
2. Khuyên người khác hủy hoại.
3. Tùy hỷ đối với sự hủy hoại.
4. Tán thán sự hủy hoại.
5. Bất hiếu với cha mẹ.
6. Kết nhiều oán xưa.
7. Làm nghề thuốc với tâm xấu ác.
8. Keo kiệt trong sự ăn uống.
9. Khinh chê, ngạo mạn đối với Thánh hiền.
10. Hủy báng các bậc Pháp sư.

Mười loại nghiệp xấu như vậy bị quả báo có nhiều bệnh.

Lại nữa, tạo nghiệp như thế nào mà có được quả báo ít bệnh? Có mười loại nghiệp. Những gì là mười?

1. Không gây tổn hại cho hữu tình.
2. Khuyên người đừng làm tổn hại.
3. Không tùy hỷ đối với sự làm tổn hại.

4. Không tán thán sự tổn hại.
5. Xa lìa việc vui thích đối với việc làm tổn hại.
6. Hiếu dưỡng đối với cha mẹ.
7. Tôn trọng các bậc Sư trưởng.
8. Không kết oán xưa.
9. Bố thí chúng Tăng được an lạc.
10. Bố thí thuốc men, các thứ ăn uống.

Mười loại nghiệp như vậy được quả báo ít bệnh.

Lại nữa, tạo nghiệp như thế nào mà bị quả báo hình tướng xấu xí? Có mười loại nghiệp. Những gì là mười?

1. Luôn khởi tâm phẫn nộ.
2. Tâm ý buông lung, ngạo mạn.
3. Không hiếu thuận đối với cha mẹ.
4. Luôn buông lung tham si.
5. Hủy báng các bậc Hiền thánh.
6. Xâm đoạt, bức hại kẻ khác.
7. Ăn trộm ánh sáng dầu đèn của Phật.
8. Cười giỡn đối với sự xấu xí của người khác.
9. Hủy hoại ánh sáng của Đức Phật.
10. Làm việc phi phạm hạnh.

Do mười thứ nghiệp như vậy nên bị quả báo có thân tướng xấu xí.

Lại nữa, do tạo nghiệp gì mà có được quả báo có thân tướng đẹp đẽ? Có mười loại nghiệp. Mười nghiệp ấy như thế nào?

1. Tu tập hạnh từ bi, nhẫn nhục.
2. Cúng dường nơi tháp miếu của Phật.
3. Quét dọn chùa tháp.
4. Tu sửa tôn nghiêm tinh xá.
5. Tôn tạo trang nghiêm tượng Phật.
6. Hiếu dưỡng đối với cha mẹ.
7. Tin kính, tôn trọng các bậc Thánh hiền.
8. Khiêm cung, xa lìa sự ngạo mạn.
9. Phạm hạnh không thiếu sót.
10. Xa lìa tâm tổn hại.

Như vậy, do tạo mười thứ này nên được quả báo có thân tướng

đẹp đẽ.

Lại nữa, do tạo nghiệp gì mà bị sanh vào dòng họ thấp hèn? Có mười loại nghiệp. Mười loại ấy như thế nào?

1. Tham ái danh lợi, không tu hạnh bố thí.
2. Ganh ghét đối với sự vinh hoa của người khác.
3. Khinh chê, hủy báng Cha mẹ.
4. Không tuân lời Pháp sư.
5. Hủy báng các bậc Hiền thiện.
6. Thân cận bạn ác.
7. Khuyên người khác làm ác.
8. Phá hoại điều thiện của kẻ khác.
9. Mua bán kinh tượng.
10. Không tin Tam bảo.

Do tạo mười nghiệp như vậy bị quả báo sanh vào dòng họ thấp hèn.

Lại nữa, do tạo nghiệp gì mà có được quả báo sanh vào tộc họ giàu sanh danh tiếng? Có mười loại nghiệp. Những gì là mười?

1. Xa lìa tâm ganh ghét, vui mừng đối với sự nghiệp của người khác.
2. Tôn trọng Cha mẹ.
3. Tin kính, tôn quý các bậc Pháp sư.
4. Phát tâm Bồ-đề.
5. Bố thí dù lọng cho Đức Phật.
6. Tu sửa, trang nghiêm chùa tháp.
7. Sám hối nghiệp ác.
8. Rộng tu hạnh bố thí.
9. Khuyên người khác tu tập điều thiện.
10. Tin kính, tôn quý Tam bảo.

Do tạo mười thứ nghiệp thiện như vậy nên được quả báo sinh vào dòng họ phú quý danh vọng.

Lại nữa, do tạo nghiệp gì mà bị quả báo xấu ác nơi cõi người? Có mười loại nghiệp. Những gì là mười loại?

1. Tâm buông lung, ngã mạn.
2. Khinh mạn Cha mẹ.
3. Khinh mạn các bậc Sa-môn.

4. Khinh mạn các hàng Bà-la-môn.
5. Hủy báng các bậc Hiền thiện.
6. Khinh mạn người trong thân tộc.
7. Không tin nhân quả.
8. Ghét bỏ tự thân.
9. Hiềm ghét đối với kẻ khác.
10. Không tin Tam bảo.

Do tạo mười thứ như vậy bị quả báo xấu ác nơi cõi người.

Lại nữa, do tạo nghiệp gì mà có được quả báo thù thắng ở nhân gian? Có mười loại nghiệp, mười loại ấy là gì?

1. Khiêm cung, xa lìa ngạo mạn.
2. Tôn trọng Cha mẹ.
3. Tôn trọng các bậc Sa-môn.
4. Tin kính các hàng Bà-la-môn.
5. Yêu thương, giúp đỡ người trong thân tộc.
6. Tôn trọng bậc Hiền thánh.
7. Tu hành mười điều thiện.
8. Không khinh mạn đối với chúng sanh.
9. Tôn trọng các vị Pháp sư.
10. Một lòng kính tin Tam bảo.

Do tạo mười thứ nghiệp như vậy nên được quả báo thù thắng ở nhân gian.

Lại nữa, do tạo nghiệp gì mà bị quả báo cô đơn nghèo khổ? Có mười loại nghiệp. Mười loại ấy là gì?

1. Luôn làm việc trộm cướp.
2. Khuyên người khác trộm cướp.
3. Khen ngợi sự trộm cướp.
4. Tùy hỷ đối với sự trộm cướp.
5. Hủy báng Cha mẹ.
6. Hủy báng các bậc Thánh hiền.
7. Ngăn chận người khác bố thí.
8. Ganh ghét khi thấy danh lợi của kẻ khác.
9. Keo kiệt đối với tiền của.
10. Khinh khi, hủy báng Tam bảo, mong muốn Tam bảo luôn gặp khó khăn.

Do tạo mười loại nghiệp như vậy nên bị quả báo cô đơn nghèo khổ.

Lại nữa, do tạo nghiệp gì mà có được quả báo có phước đức lớn? Có mười loại nghiệp, mười loại ấy là gì?

1. Xa lìa việc trộm cướp.
2. Xa lìa việc khuyên người trộm cướp.
3. Xa lìa việc tùy hỷ đối với trộm cắp.
4. Hiếu dưỡng Cha mẹ.
5. Tin kính, quý các bậc Thánh hiền.
6. Vui mừng thấy danh lợi của người khác.
7. Rộng làm việc bố thí.
8. Không ganh ghét danh lợi của kẻ khác.
9. Không tiếc tài sản vật báu, thương xót kẻ cô đơn bần cùng.
10. Cúng dường Tam bảo.

Do tạo mười thứ nghiệp như vậy nên được quả báo có phước đức lớn.

Lại nữa, do tạo nghiệp gì mà bị quả báo ngu độn? Có mười loại nghiệp. Mười nghiệp đó là gì?

1. Chúng sanh này không tin Sa-môn, cũng không thân cận Sa-môn.
2. Không tin các hàng Bà-la-môn.
3. Không tin thầy, giáo pháp, cũng chẳng gần gũi.
4. Cất giấu giáo pháp, không truyền dạy.
5. Xoi mói những điều kém nơi giáo pháp của Thầy.
6. Xa lìa chánh pháp.
7. Đoạn diệt pháp thiện.
8. Hủy báng bậc Hiền trí.
9. Học hỏi theo điều phi pháp.
10. Hủy báng chánh kiến, tán dương tà kiến.

Do tạo mười pháp như vậy cho nên bị quả báo ngu độn.

Lại nữa, do tạo nghiệp gì mà có được quả báo có trí tuệ lớn? Có mười loại pháp, mười pháp ấy là gì?

1. Chúng sanh này thân cận Sa-môn, dốc lòng tin cầu pháp.
2. Tin các bậc Bà-la-môn.
3. Thân cận thầy, giáo pháp, cầu hiểu được nghĩa sâu xa.
4. Tôn quý Tam bảo.

5. Xa lìa kẻ ngu si.

6. Không hủy báng thầy, giáo pháp.

7. Cầu được trí tuệ sâu rộng.

8. Truyền bá đạo pháp đem lại lợi ích cho chúng sanh, khiến chánh pháp không bị đoạn diệt.

9. Xa lìa điều phi pháp.

10. Tán dương chánh kiến, xa lìa các tà kiến.

Do mười pháp như vậy cho nên được quả báo có trí tuệ lớn.

Lại nữa, do tạo nghiệp gì mà bị quả báo sinh vào địa ngục? Có mười loại pháp, mười pháp ấy là gì?

1. Thân tạo nghiệp bất thiện.

2. Khẩu tạo nghiệp bất thiện.

3. Ý tạo nghiệp bất thiện.

4. Luôn dấy khởi thân kiến.

5. Luôn khởi biên kiến.

6. Luôn theo tà kiến.

7. Làm ác không ngừng.

8. Dâm dục, tà hạnh.

9. Hủy báng các bậc Thánh hiền.

10. Hoại diệt chánh pháp.

Do mười nghiệp như vậy nên bị quả báo sinh nơi địa ngục.

Lại nữa, do tạo nghiệp gì mà bị quả báo sinh vào hàng súc sanh? Có mười loại nghiệp. Những gì là mười?

1. Thân nghiệp tạo ác bậc trung.

2. Ngữ nghiệp tạo ác bậc trung.

3. Ý nghiệp tạo ác bậc trung.

4. Dấy khởi nhiều lòng tham lam.

5. Sanh nhiều sân hận.

6. Sanh nhiều si mê.

7. Bố thí không đúng pháp.

8. Sử dụng chú thuật trừ ếm.

9. Hủy hoại phạm hạnh của Bồ-tát.

10. Tin theo thường kiến, biên kiến, cho rằng "Người chết thì trở lại làm người".

Do mười nghiệp như vậy nên bị quả báo sinh vào hàng súc sanh.

Lại nữa, do tạo nghiệp gì mà bị quả báo sinh vào loài ngạ quỷ? Có mười loại nghiệp. Mười loại nghiệp ấy là gì?

1. Thân tạo nghiệp ác nhẹ.
2. Khẩu tạo nghiệp ác nhẹ.
3. Ý tạo nghiệp ác nhẹ.
4. Tham tiếc tài vật, không chịu bố thí.
5. Dấy khởi tà kiến nặng nề hủy báng giáo pháp nhân quả của Phật.
6. Ngạo mạn, tự thị, khinh khi, hủy báng kẻ hiền lương.
7. Ngăn trở người khác bố thí.
8. Không thương xót kẻ đói khát.
9. Tham tiếc đồ ăn uống, không bố thí cho Tăng chúng của Phật.
10. Người khác được danh lợi thì tạo phương tiện làm cho ly cách.

Do mười nghiệp như vậy nên bị quả báo sinh vào loài ngạ quỷ.

Lại nữa, do tạo nghiệp gì được quả báo làm người? Có mười loại nghiệp. Mười nghiệp ấy là gì?

1. Xa lìa sát sanh.
2. Xa lìa sự không cho mà lấy.
3. Xa lìa việc phi phạm hạnh.
4. Xa lìa lời nói hư dối.
5. Xa lìa lời nói tạp uế.
6. Không nói lời ly gián.
7. Xa lìa lời nói thô ác.
8. Xa lìa việc uống rượu, ăn thịt.
9. Xa lìa sự si ám.
10. Xa lìa tà kiến, vững tin Tam bảo.

Do tu mười nghiệp nhẹ như vậy nên được quả báo làm người.

Lại nữa, do tu nghiệp gì mà được sanh vào các cõi trời thuộc Dục giới? Do tu mười nghiệp thiện nên được sanh nơi các cõi trời ấy. Lại do tu nghiệp gì mà được sanh lên các cõi trời thuộc Sắc giới? Do tu mười định thiện mà được sanh vào các cõi trời ấy. Lại do tu nghiệp gì mà được sanh vào bốn cõi trời thuộc Vô sắc giới? Do tu tập pháp Tam-ma-bát-để làm nhân mà được sanh lên các cõi trời ấy. Những gì là bốn? Xa lìa tất cả Sắc, tác tưởng hư không vô biên. Do tu định ấy dứt trừ được chướng ngại, sau khi mạng chung được

sanh lên cõi Không vô biên xứ. Xa lìa mọi thức thô, tế hiện tiền, tác tưởng vô biên, dứt trừ được chướng ngại của thức. Do tu định ấy nên đời sau được sanh vào cõi trời Thức vô biên xứ. Xa lìa mọi chướng ngại cấu nhiễm của vô sở hữu xứ, lại tu định kia, sau khi mạng chung được sanh lên cõi Vô sở hữu xứ. Xa lìa chướng ngại của cõi ấy, tiếp tục tu pháp định đó, sau khi mạng chung được sanh vào cõi Phi tưởng phi phi tưởng xứ.

Lại nữa, do tu tập nghiệp gì không sanh vào cõi Vô gián? Do tu các nghiệp, hồi hướng mọi chỗ mong cầu của mình, quyết định được sanh trong cõi thiện, không bị đọa vào cõi Vô gián.

Lại nữa, việc tạo nghiệp và thọ nhận quả báo ra sao? Nếu tu nghiệp thiện thì cảm quả báo đáng yêu thích, nếu tạo nghiệp ác thì cảm quả báo đáng ghét bỏ. Nếu xa lìa nghiệp thiện và bất thiện này thì trọn không thể có quả báo đáng yêu thích hay đáng ghét bỏ gì cả. Thí như người nữ hiền thục có chồng đi buôn nơi xa, đã lâu chưa về nhà thì làm gì cô ấy có con?!

Lại nữa, do tạo nghiệp gì mà không có quả báo? Do đã tạo nghiệp ác rồi, nhưng nghĩ lại hối hận, thành thật tỏ bày, tỉnh ngộ, trách mình trước chẳng suy nghĩ. Lúc ấy, tâm nghĩ miệng nói, hết lòng chuyên chú lo việc sám hối. Nghiệp ấy tuy đã tạo rồi nhưng không thọ quả báo. Đối với nghiệp thiện cũng lại như vậy.

Lại nữa, do tạo nghiệp gì mà có được thân tâm viên mãn? Do tu tập hạnh nhẫn nhục nên được thân tướng viên mãn. Do tu tập pháp học hỏi, tư duy nên được tâm viên mãn. Tu tập theo nghiệp ấy chắc chắn đạt được quả báo như vậy.

Lại do tạo nghiệp gì mà sau khi tu tập không bị mất mát? Nếu có nghiệp thiện đã làm rồi không hối hận, không nghi ngờ, chán bỏ, không gây sự phiền hà, bực bội, cũng không cho là không, không nói điều đúng điều sai, mà không xa lìa, cũng không gây náo động, tạo hạnh như vậy, tu tập nghiệp ấy rốt cuộc chẳng hề hao mất, chắc chắn thọ quả báo như vậy.

Lại do tạo nghiệp gì mà không có quả báo? Do tạo nghiệp vô ký nên không có quả báo.

Lại do tạo nghiệp gì mà chúng sanh thọ mạng mãi ở địa ngục không thoát ra được? Đó là có một chúng sanh đã tạo nghiệp thiện rồi,

nhưng không hối hận, cũng không nghi ngờ, chán bỏ, lại không cho là không, tâm không sầu não, không nói điều phải trái, cũng không gây loạn động, tạo tác như vậy nên biết được sanh lên cõi trời. Trái lại nếu chúng sanh tạo các nghiệp trái ngược như trên, bị sanh trong địa ngục, trọn cả thọ mạng mà không thoát khỏi.

Lại do tạo nghiệp gì mà có chúng sanh ở trong địa ngục không trọn thọ mạng? Đó là do chúng sanh ấy tạo nghiệp ác rồi, nhưng không nghi ngờ hối hận, nhưng rồi phiền não tự hoại, tỉnh ngộ những điều sai quấy ở trước nên xa lìa nghiệp ấy mà không gây loạn động. Tạo tác như vậy nên chúng sanh đó đã tạo nghiệp như vậy sanh trong địa ngục nhưng không hết thọ mạng.

Lại do tạo nghiệp gì mà có chúng sanh sanh trong địa ngục liền được mạng chung? Đó là có chúng sanh đã tạo nghiệp ác rồi, hối hận, nghi ngờ, tự trách cứ, phủ nhận, dốc trừ bỏ, xa lìa phiền não xấu ác, không thể yêu thích, không tự tạo ra nữa. Như vua A-xà-thế đã tạo tội giết cha rồi hối lỗi thành tâm bày tỏ: "Con đã tạo nghiệp ác, con phải tự thọ quả báo. Nay đối diện với Đức Phật xin sám hối dứt bỏ tội lỗi trước". Đức Phật thương xót nhà vua, bảo vua hãy quán tánh của tội từ duyên hư huyễn mà có, tỏ ngộ là không thể có. Cho nên chúng sanh này sanh vào địa ngục liền được mạng chung.

Lại do tạo nghiệp gì mà có chúng sanh trước được vui sướng, sau bị khổ não? Đó là có một chúng sanh ban đầu thực hành bố thí, tâm yêu thích, vui mừng, nhưng bố thí rồi lại hối tiếc, cho nên chúng sanh ấy sanh ở nhân gian trong gia đình giàu có, đầy đủ vàng bạc châu báu, voi, ngựa, xe; cha mẹ, vợ con, bạn hữu tri thức đều không thiếu, cho đến kho tàng cũng như vậy, nhưng sau thì sa sút dần trở nên bần cùng. Do đó gọi là có được quả báo, trước vui sướng, sau bị khổ não.

Lại do tạo nghiệp gì mà có chúng sanh trước bị khổ sở, sau được vui sướng? Đó là có chúng sanh do nhân từ đời trước dùng tâm ở bậc thấp bố thí chút ít. Bố thí rồi tâm không hối tiếc, sau lại hoan hỷ, cho nên chúng sanh này sanh làm người trong dòng họ thấp kém, mọi sự ăn uống, y phục cho đến châu báu, tất cả đều thiếu thốn, cũng không được tự tại. Về sau, dần dần tài sản được tăng thêm, cho đến có vô số của cải không thiếu vật gì. Vì vậy, chúng sanh này quả báo trước bị

nghèo khổ, sau được vui sướng.

Lại do tạo nghiệp gì mà có chúng sanh trước được vui sướng, sau cũng vui sướng? Đó là có chúng sanh khi chưa bố thí thì hoan hỷ muốn bố thí. Bố thí rồi cũng hoan hỷ, trước sau không hối tiếc. Chúng sanh này sanh làm người trong gia đình giàu có, thuộc tộc họ cao quý, cha mẹ vợ con, hàng thân thuộc bạn hữu, kho tàng châu báu, xe cộ, súc vật cho đến vườn rừng, ruộng nhà chẳng thiếu thứ gì, tự do thọ dụng. Vì vậy chúng sanh này đạt quả báo trước vui sướng, sau cũng vui sướng.

Lại do tạo nghiệp gì mà có chúng sanh trước không vui sướng, sau cũng không vui sướng, luôn bị khổ não? Đó là có chúng sanh trước không có tâm bố thí, cũng không có bạn hữu tốt khuyên làm bố thí. Đã không có tín tâm, lại tham tiếc châu báu, từ đầu đến cuối chẳng hề bố thí một tơ hào nào. Cho nên chúng sanh đó sanh làm người ở trong tộc họ thấp hèn, bần cùng, khốn khổ, của cải, ruộng, nhà, cho đến quyến thuộc tất cả đều thiếu, trước đã không được vui sướng, sau cũng không được vui sướng. Cho nên chúng sanh này thọ quả báo trước bị khổ não, sau cũng bị khổ não.

Lại do tạo nghiệp gì mà có chúng sanh được giàu sang nhưng lại tham tiếc tiền của, không bố thí cho ai, dù rất ít? Đó là có chúng sanh trong đời quá khứ quy hướng Tam bảo, từng làm bố thí, nhưng không phát nguyện ở đời vị lai tiếp tục tu hạnh bố thí, cho nên chúng sanh này sau khi mạng chung, hoặc sanh ở nhân gian được giàu sang, được sanh vào tộc họ phú hào nhiều châu báu, tiền của, voi ngựa, nô tỳ, súc vật, ruộng nhà... thảy đều nhiều, tự do thọ dụng. Nhưng đối với tài sản của mình thì tham tiếc, yêu mến giữ gìn, không làm bố thí. Cho nên chúng sanh này tuy giàu có, nhiều tiền của, nhưng tham lam tiếc lẫn, cũng không có tín tâm.

Lại do tạo nghiệp gì mà có chúng sanh một đời nghèo khổ, lại ưa thích bố thí? Đó là có chúng sanh trong đời quá khứ, đối với thắng xứ của Tam bảo đã từng tu hạnh bố thí, lại còn phát nguyện: Cho đến đời vị lai tâm bố thí vẫn không dứt, nên sau khi mạng chung được sanh ở cõi trời, người, luôn được thọ phước báo. Người ấy, về sau phước hết, lại sanh ở nhân gian, dù bần cùng nhưng vẫn ưa thích bố thí. Cho nên chúng sanh này dù bần cùng nhưng ưa

thích bố thí, tín tâm không đoạn.

Lại do tạo nghiệp gì mà có chúng sanh một đời nghèo khổ mà lại tham lam keo kiết, không có bố thí, dù rất ít? Đó là có một chúng sanh trong đời quá khứ không gặp bạn lành dẫn dắt, lại còn ngu si không tin nhân quả, đối với pháp bố thí Ba-la-mật dù cho chút ít cũng không thực hiện, cho nên chúng sanh ấy sau khi mạng chung, sanh làm người ở nhân gian, thuộc tộc họ bần cùng, tiền của, đồ ăn uống, ruộng vườn, tất cả đều thiếu thốn. Vì vậy chúng sanh này bần cùng, khốn khổ, cũng không thích bố thí.

Lại do tạo nghiệp gì mà cả thân tâm đều được vui sướng, giống như Chuyển luân vương, lại ưa làm phước? Đó là có một chúng sanh trong đời quá khứ tu giới không sát sanh, bố thí sự vô úy cho kẻ khác, lại còn phát nguyện: tâm bố thí luôn sáng suốt, cho nên chúng sanh này sau khi mạng chung, sanh làm người ở nhân gian, thân tâm đều luôn được an lạc, thường ưa thích bố thí.

Lại do tạo nghiệp gì mà có chúng sanh cả thân tâm đều được vui sướng như một cụ già việc nhà đã lo liệu xong xuôi, nhưng không tu phước? Đó là có chúng sanh trong đời quá khứ bố thí sự vô úy cho kẻ khác, không làm tổn hại đến các chúng sanh, nhưng không phát nguyện thù thắng, cho nên chúng sanh ấy sau khi mạng chung, sanh làm người ở nhân gian, thân tâm đều được an lạc, nhưng không chịu tu phước.

❑

PHẬT NÓI KINH PHÂN BIỆT THIỆN ÁC BÁO ỨNG QUYỂN HẠ

Lại do tạo nghiệp gì mà có chúng sanh, hoặc thân tâm đều không an lạc, lại không tu phước? Đó là có chúng sanh trong đời quá khứ tạo sự nhiễu hại đối với chúng sanh, khiến họ sợ sệt, lại không có tín tâm, không phát nguyện lành. Cho nên chúng sanh này sau khi mạng chung sanh trong loài người, cả thân tâm đều bất an, có nhiều ngu ám, lại không tu hạnh bố thí.

Do đâu có chúng sanh ở nhân gian thì bị chết yểu, phải sống lâu trong ba đường ác? Đó là có chúng sanh đời quá khứ tạo nhân, ban đầu tu tập theo chút ít điều thiện nhưng sau thì tạo nhiều điều ác, cho nên chúng sanh ấy sanh ở nhân gian bị chết yểu, đời sau sanh vào cõi địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh và A-tố-ra (A-tu-la) thì thọ mạng lại lâu dài.

Do đâu có chúng sanh ở ba cõi ác thọ mạng ngắn nhưng ở cõi người thì thọ mạng lâu dài? Đó là có một chúng sanh tạo nhân ở quá khứ, ban đầu tạo nghiệp ác ít, về sau tạo nghiệp thiện nhiều, cho nên chúng sanh này ở ba cõi ác thì thọ mạng ngắn ngủi, đời sau sanh ở nhân gian thì thọ mạng lâu dài.

Do đâu có chúng sanh sanh ở nhân gian và ở ba cõi ác thọ mạng đều ngắn ngủi? Đó là có một chúng sanh tạo nhân ở quá khứ, ban đầu và về sau tạo nghiệp thiện, ác đều ít, cho nên chúng sanh này ở trong loài người và ở ba cõi ác thọ mạng đều ngắn ngủi.

Do đâu có chúng sanh khi mạng đã tận thì phiền não cũng tận? Do đâu có chúng sanh phiền não đã tận mà thọ mạng không tận? Đó là người đạt được các quả Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, Quyết định tánh và bất quyết định A-la-hán.

Lại do tạo nghiệp gì mà có chúng sanh tuy sanh ở cõi ác mà hình sắc thân tướng đoan nghiêm đẹp đẽ, ai thấy cũng hoan hỷ, ưa thích? Đó là có một chúng sanh trong đời quá khứ tu tập hạnh nhẫn nhục, nhưng vì phá tịnh giới của Phật nên bị đọa vào cõi ác, thọ thân hình khác, có được hình sắc thân tướng đoan nghiêm, đẹp đẽ, các căn cụ túc, ai thấy cũng hoan hỷ.

Lại do tạo nghiệp gì mà có chúng sanh sanh ở trong cõi ác mà thân tướng thô nhám, hình sắc xấu xí, ai thấy cũng không ưa? Đó là do chúng sanh này ở đời quá khứ tâm nhiều sân hận, không tu hạnh nhẫn nhục, đã phá tịnh giới của Phật lại không thành thật bày tỏ, sám hối. Cho nên người ấy sau khi mạng chung, sanh trong loài khác, hình sắc xấu xí, thân thể thô lậu, các căn khuyết tật, hôi thối, si mê tăm tối, ai thấy cũng không ưa thích.

Lại nữa, tạo mười nghiệp bất thiện sẽ thọ nhận quả báo như thế nào? Do nhân sát sanh nên thọ mạng về hình, sắc và sức lực đều không đầy đủ. Do nhân trộm cắp nên bị quả báo thời tiết không thuận hợp, côn trùng phá hoại, lụt lội, hạn hán, đói khát. Do nhân tà dục nên bị quả báo bên ngoài nhiều phiền não cấu uế, vợ không trinh thuận. Do nhân nói hư dối nên bị quả báo hơi thở hôi thối, tiếng xấu lan khắp, người đều chán ghét. Do nhân nói ly gián nên bị quả báo quyến thuộc bất hòa, tật bệnh liên miên. Do nhân nói lời xấu ác nên bị quả báo khi tiếp xúc luôn gặp sự thô lậu, xấu xí, kết quả không tốt đẹp. Do nhân nói lời tạp uế nên bị quả báo luôn gặp cảnh rừng cây gai góc, vườn tược tiêu điều. Do nhân tham ái nên bị quả báo tài sản của cải nơi kho ít ỏi. Do nhân sân hận nên bị quả báo luôn gặp mùi vị cay đắng, dung mạo xấu xí. Do nhân ngu si nên bị quả báo hình sắc bên ngoài không sạch sẽ, tâm trí kém cỏi. Do tạo mười nghiệp bất thiện nên bị quả báo như vậy.

Tu mười nghiệp thiện thì được quả báo như thế nào?

Xa lìa việc giết hại, thì thọ mạng và y báo đều được đầy đủ. Xa lìa trộm cắp thì mọi sự bất hòa của thời tiết, côn trùng phá hoại, đói khát, các tai họa đều được dứt trừ. Nhân không tà dâm thì tiếng tốt đồn khắp, xa lìa mọi phiền não cấu uế. Nhân không vọng ngữ, thì miệng thường thơm sạch. Nhân không nói lời ly gián nên quyến thuộc được hòa thuận xa lìa mọi cảnh ngộ, sấm sét, mưa gió dữ dội. Nhân không nói lời thô ác nên gặp cảnh quả vị ngọt ngon, xa lìa mọi sự thô nhám. Nhân không nói lời tạp uế nên luôn gặp cảnh rừng cây, vườn tược tươi tốt sum suê. Nhân không tham ái nên tài sản nơi kho lẫm được đầy đủ dồi dào. Nhân không sân hận nên thân tướng được hoàn hảo, các căn không khuyết tật. Nhân không tà kiến nên tín tâm không đoạn, trí tuệ hơn hết, đầy đủ mọi sự tốt đẹp. Do tu mười nghiệp thiện

nên được quả báo như vậy.

Lại nữa, tạo mười điều ác có mười quả báo. Những gì là mười? Sát sanh có mười quả báo:

1. Oan gia ngày càng nhiều.
2. Ai thấy kẻ ấy cũng không vui thích.
3. Chúng sanh luôn sợ sệt.
4. Luôn chịu sự khổ não.
5. Thường nghĩ đến việc giết hại.
6. Nằm mộng thấy sầu khổ.
7. Lúc lâm chung bị hối hận.
8. Thọ mạng ngắn ngủi.
9. Tâm thức bị ngu muội.
10. Khi chết đọa vào địa ngục.

Lại nữa, trộm cắp có mười thứ quả báo. Những gì là mười?

1. Kết thêm oan gia đời trước.
2. Luôn có sự nghi ngờ.
3. Bị bạn ác theo đuổi.
4. Bạn lành lánh xa.
5. Phá tịnh giới của Phật.
6. Bị phép vua trừng trị.
7. Buông lung, phóng dật.
8. Mãi mãi sầu lo.
9. Không được tự tại.
10. Chết đọa địa ngục.

Lại nữa, quả báo của tà dục có mười thứ. Những gì là mười?

1. Tâm dục luôn bừng cháy.
2. Thê thiếp không trinh thuận.
3. Tăng trưởng điều bất thiện.
4. Pháp thiện bị tiêu diệt.
5. Phóng túng trong quan hệ nam nữ.
6. Tài sản âm thầm tiêu tán.
7. Tâm trí nhiều nghi ngờ.
8. Xa lìa bạn lành.
9. Thân tộc không tin tưởng.
10. Mạng chung bị đọa vào ba đường ác.

Lại nữa, quả báo của vọng ngữ có mười thứ. Những gì là mười?

1. Hơi trong miệng thường hôi thối.
2. Kẻ ngay thẳng xa lánh.
3. Người dua nịnh, dối trá ngày càng nhiều.
4. Gần gũi kẻ phi nhân.
5. Dù có nói thật cũng không ai tin.
6. Trí tuệ ít dần.
7. Tiếng tăm không thật.
8. Không nói lời thành thật.
9. Ưa nói chuyện thị phi.
10. Thân chết sanh vào cõi ác.

Lại nữa, uống rượu có ba mươi sáu lỗi lầm. Những lỗi ấy như thế nào?

1. Tài sản bị mất mát.
2. Hiện tại có nhiều bệnh tật.
3. Ưa thích tranh giành.
4. Tăng trưởng sự giết hại.
5. Tăng trưởng sự sân hận.
6. Phần nhiều không toại ý.
7. Trí tuệ kém dần.
8. Phước đức không tăng.
9. Phước đức hao giảm.
10. Phơi bày sự bí mật.
11. Sự nghiệp không thành.
12. Tăng nhiều sự sầu khổ.
13. Các căn bị ngu muội.
14. Làm hủy nhục cha mẹ.
15. Không kính bậc Sa-môn.
16. Không tin Bà-la-môn.
17. Không tôn kính Phật.
18. Không kính Tăng, Pháp.
19. Thân cận bạn ác.
20. Xa lánh bạn lành.
21. Bỏ bê việc ăn uống.
22. Thân hình không kín đáo.

23. Dâm dục luôn bộc phát.
24. Mọi người không thích.
25. Tăng thêm sự cười chê.
26. Cha mẹ không vui.
27. Quyến thuộc chê bỏ.
28. Làm theo điều phi pháp.
29. Xa lìa chánh pháp.
30. Không kính bậc Hiền thiện.
31. Vi phạm tội ác.
32. Xa lìa sự tĩnh lặng.
33. Điên cuồng ngày càng nặng.
34. Thân tâm tán loạn.
35. Phóng dật, làm điều ác.
36. Thân hoại mạng chung đọa vào địa ngục lớn, thọ khổ vô cùng tận.

Bấy giờ Đức Phật bảo Trưởng giả Du-ca:

–Nếu có người đối với tháp miếu của Như Lai chắp tay cung kính, thì được mười công đức. Những gì là mười?

1. Sanh vào gia đình quý tộc, giàu có.
2. Được nhiều sắc đẹp.
3. Hình tướng khỏe mạnh đáng yêu thích.
4. Bốn sự luôn được dồi dào.
5. Châu báu thật nhiều.
6. Tiếng tốt đồn khắp.
7. Tín căn thâm sâu.
8. Sự nhớ nghĩ bao quát.
9. Trí tuệ rộng khắp.
10. Sự nghiệp lớn lao.

Như vậy, này Trưởng giả, nếu có người chắp tay cung kính đối với tháp miếu của Như Lai, thì được những công đức như thế.

Nếu lại có người đối với tháp miếu của Như Lai mà chắp tay lễ bái, thì được mười công đức. Những gì là mười?

1. Ngôn từ dịu dàng, hòa nhã.
2. Trí tuệ hơn hẳn mọi người.
3. Người trời đều hoan hỷ.

4. Phước đức rộng lớn.
5. Cùng ở với người hiền thiện.
6. Được tôn quý, tự tại.
7. Luôn được gặp Phật.
8. Được gần gũi với Bồ-tát.
9. Mạng chung được sanh lên cõi trời.
10. Mau chứng đắc giải thoát.

Công đức như vậy do lễ bái tháp miếu của Phật mà có được.

Nếu lại có người lau chùi bụi bặm nơi tháp miếu của Phật thì được mười công đức. Những gì là mười?

1. Sắc tướng đầy đủ.
2. Thân thể đầy đặn, cân đối.
3. Âm thanh vi diệu.
4. Xa lìa ba độc.
5. Đi đường không bị chông gai, hiểm trở.
6. Được sanh vào dòng họ tôn quý.
7. Luôn tôn quý, tự tại
8. Mạng chung được sanh lên cõi trời.
9. Tánh luôn lìa bỏ mọi cấu uế.
10. Mau chứng đắc giải thoát.

Công đức như vậy do quét dọn, lau chùi bụi bặm nơi tháp miếu của Phật mà có được.

Nếu có người dâng cúng dù lọng cho tháp miếu của Như Lai thì được mười thứ công đức. Những gì là mười?

1. Xa lìa mọi thứ phiền não bức bách.
2. Tâm không tán loạn.
3. Có địa vị nơi thế gian.
4. Nghề nghiệp rộng lớn.
5. Phước đức vô lượng.
6. Được làm vua Chuyển luân.
7. Thân tướng viên mãn.
8. Xa lìa ba đường ác.
9. Mạng chung sanh lên cõi trời.
10. Mau chứng đắc giải thoát.

Công đức như vậy là do dâng cúng dù lọng cho tháp miếu của

Phật mà có được.

Nếu hoặc có người dâng cúng chuông, linh nơi tháp miếu của Phật, thì được mười thứ công đức? Những gì là mười?

1. Thân tướng đoan nghiêm, không gì sánh được.
2. Âm thanh vi diệu thật đáng ưa thích.
3. Tiếng nói như tiếng chim Ca-lăng-tần-già.
4. Ngôn từ dịu dàng, hòa nhã.
5. Ai thấy cũng hoan hỷ.
6. Được sự đa văn như Tôn giả A-nan.
7. Luôn được tôn quý tự tại.
8. Tiếng tốt đồn xa.
9. Thường được sanh nơi cõi trời.
10. Đạt đến cứu cánh là giải thoát.

Công đức như vậy là do dâng cúng chuông, linh nơi tháp miếu của Phật mà được quả báo thù thắng.

Nếu lại có người dâng cúng cờ phướn nơi tháp miếu của Như Lai thì được mười công đức. Những gì là mười?

1. Hình dung đầy đặn, cân đối, luôn được trường thọ.
2. Được đời quý trọng kính mến.
3. Tín căn vững bền.
4. Hiếu dưỡng đối với cha mẹ.
5. Quyến thuộc bạn bè tốt đông đúc.
6. Tiếng tốt được mọi người khen ngợi.
7. Sắc tướng đoan nghiêm.
8. Ai thấy cũng hoan hỷ.
9. Được sanh vào tộc họ tôn quý, giàu có, tự tại, mạng chung được sanh lên cõi trời.
10. Mau chứng đắc giải thoát.

Công đức như vậy là do dâng cúng cờ phướn cho tháp miếu của Phật mà được.

Nếu có người dâng cúng vải lụa cho tháp miếu của Như lai thì được mười hai thứ công đức hơn hết. Những gì là mười hai?

1. Thân thể cân đối, đầy đặn.
2. Ai thấy cũng hoan hỷ.
3. Phước tướng tươi sáng.

4. Sắc tướng vi diệu.
5. Tướng mạo đẹp đẽ không ai sánh kịp.
6. Thân không có bụi bặm cấu uế.
7. Y phục luôn sạch đẹp.
8. Đồ nằm luôn mềm mại.
9. Luôn được tự tại.
10. Mạng chung được sanh lên cõi trời.
11. Ai thấy cũng đều kính yêu.
12. Mau chứng đắc giải thoát.

Công đức như vậy là do dâng cúng vải lụa cho tháp miếu của Phật mà có được.

Nếu lại có người cúng dường hoa cho tháp miếu của Như Lai thì có mười công đức. Những gì là mười?

1. Sắc tướng đẹp như hoa
2. Thế gian không thể so sánh.
3. Tỷ căn không hư hoại.
4. Thân lìa mọi sự hôi hám, dơ nhớp.
5. Luôn có mùi thơm vi diệu, thanh tịnh.
6. Vãng sanh nơi tịnh độ trong mười phương, được thấy Phật.
7. Hương giữ giới lan tỏa thơm khắp.
8. Thế gian luôn quý trọng, được pháp lạc viên mãn.
9. Được tự tại sanh lên cõi trời.
10. Mau chứng đắc giải thoát.

Công đức như vậy là do dùng hoa cúng dường nơi tháp Xá-lợi của Phật mà được.

Lại nếu có người dùng tóc trải ra để dâng cúng nơi tháp miếu của Như Lai, thì được mười thứ công đức. Những gì là mười?

1. Sắc tướng mềm mại như tóc mượt.
2. Thân không hôi thối, dơ nhớp.
3. Thân thể luôn thanh tịnh.
4. Được sanh về cõi Phật trong mười phương.
5. Hương giới lan tỏa thơm khắp.
6. Luôn tỏa mùi thơm vi diệu.
7. Quyến thuộc được đông đủ.
8. Các căn đầy đủ, lanh lợi.

9. Được tự tại sanh lên cõi trời.
10. Mau chứng Niết-bàn.

Công đức như vậy là do dâng cúng tóc nơi tháp miếu của Như Lai mà có được.

Nếu lại có người dùng đèn cúng dường nơi tháp Xá-lợi của Phật, thì được mười công đức. Những gì là mười?

1. Được nhục nhãn thanh tịnh.
2. Được thiên nhãn thanh tịnh.
3. Xa lìa ba thứ độc hại.
4. Được các pháp lành.
5. Được trí tuệ thông minh.
6. Xa lìa ngu si.
7. Không đọa vào ba cõi ác tối tăm.
8. Được tôn quý, tự tại.
9. Thường được sanh đến các cõi trời.
10. Mau chứng đắc giải thoát.

Công đức như vậy là do cúng dường đèn đuốc cho tháp Xá-lợi của Phật mà có được.

Nếu lại có người dùng hương xoa cúng dường tháp miếu của Như Lai thì được mười công đức. Những gì là mười?

1. Tỷ căn luôn được thanh tịnh.
2. Thân không có hôi thối, dơ nhớp.
3. Thân thể luôn sạch, có mùi thơm vi diệu.
4. Hình tướng đoan nghiêm.
5. Được thế gian cung kính.
6. Ưa thích chánh pháp, ham hiểu biết.
7. Luôn được tôn quý, tự tại.
8. Tiếng tốt đồn khắp.
9. Mạng chung được sanh lên cõi trời.
10. Mau chứng đắc Niết-bàn.

Mười thứ công đức như vậy là do dùng hương xoa cúng dường nơi tháp Xá-lợi của Đức Như Lai mà có được.

Nếu lại có người dùng âm nhạc vi diệu cúng đường tháp miếu của Phật thì được mười thứ công đức thù thắng. Những gì là mười?

1. Thân tướng đoan nghiêm.

2. Ai thấy cũng hoan hỷ.
3. Được âm thanh vi diệu.
4. Ngôn từ hòa thuận.
5. Các căn luôn đầy đủ, thích hợp.
6. Xa lìa sự sân hận
7. Được sự đa văn của ngài Khánh Hỷ.
8. Luôn được, tôn quý, tự tại.
9. Mạng chung được sanh lên cõi trời.
10. Mau chứng đắc Niết-bàn.

Công đức như vậy là do dùng âm nhạc vi diệu cúng dường tháp miếu của Phật mà đạt được.

Nếu lại có người hoan hỷ tán thán tháp miếu của Như Lai thì được mười tám thứ công đức thù thắng. Những gì là mười tám?

1. Được sanh vào tộc họ tôn quý, cao thượng.
2. Hình tướng đoan nghiêm.
3. Thân thể đầy đặn, cân đối.
4. Ai trông thấy, nghe biết cũng đều hoan hỷ.
5. Tiền của vô lượng.
6. Quyến thuộc đông đúc.
7. Không bị mất mát, hư hoại.
8. Luôn được tôn quý, tự tại.
9. Thường sanh về cõi Phật.
10. Tiếng lành đồn xa.
11. Đức tốt luôn được tán dương.
12. Bốn sự việc luôn được dồi dào.
13. Người, trời đều cúng dường.
14. Được làm Chuyển luân vương.
15. Thọ mạng được lâu dài.
16. Thể tánh bền chắc như kim cương.
17. Mạng chung được sanh lên cõi trời.
18. Mau chứng đắc Niết-bàn.

Công đức như vậy là do hoan hỷ tán thán tháp Xá-lợi của Phật.

Nếu lại có người dâng cúng giường tòa cho Phật thì được mười thứ công đức. Những gì là mười?

1. Uy đức được tôn quý.

2. Được thế gian khen ngợi.
3. Các căn đầy đủ, khỏe khoắn.
4. Tiếng tốt lan xa.
5. Đức quý luôn được ca tụng.
6. An hòa, vui thích.
7. Được ngồi tòa của Chuyển luân vương, kẻ hầu hạ đầy đủ.
8. Ai thấy cũng hoan hỷ
9. Được tự tại sanh lên cõi trời, đầy đủ phước tướng.
10. Mau chứng đắc Niết-bàn.

Công đức như vậy là do dâng cúng giường tòa cho Phật mà được các phước báo thù thắng ấy.

Nếu lại có người dâng đem giầy dép cúng dường cho Tăng chúng của Phật thì được mười công đức. Những gì là mười?

1. Uy nghi đúng bậc mô phạm.
2. Voi ngựa không thiếu.
3. Luôn dốc hết tâm sức hành đạo.
4. Thân không mệt mỏi.
5. Chân đi không tổn hại.
6. Xa lìa mọi thứ gai góc, cát sỏi.
7. Được thần túc thông.
8. Tôi tớ đông đảo.
9. Được tự tại sanh lên cõi trời.
10. Mau chứng đắc Niết-bàn.

Công đức như vậy là do cúng dường giày dép cho Tỳ-kheo chúng của Phật mà có được.

Nếu lại có người bỏ các thứ vật dụng hàng ngày vào bình bát cúng dường cho Phật và Tăng, thì được mười thứ công đức. Những gì là mười?

1. Hình sắc tươi sáng, đẹp đẽ.
2. Đồ dùng đầy đủ, tùy ý thọ dụng.
3. Không bị các sự đói khát.
4. Châu báu thật dồi dào.
5. Xa lìa đường ác.
6. Trời, người đều hoan hỷ.
7. Phước tướng viên mãn.

8. Luôn được tôn quý, tự tại.
9. Thường được sanh lên các cõi trời.
10. Mau chứng đắc Niết-bàn.

Công đức như vậy là do dâng cúng các vật dụng nên được quả báo ấy.

Nếu lại có người dùng cơm chay cúng dường Phật và chúng Tăng thì được mười công đức. Những gì là mười?

1. Thọ mạng lâu dài.
2. Hình sắc đầy đặn cân đối.
3. Luôn có sức lực.
4. Có trí nhớ tốt.
5. Đó đủ trí tuệ, biện tài.
6. Ai thấy cũng hoan hỷ.
7. Châu báu, của cải dồi dào.
8. Ở cõi người, cõi trời luôn được tự tại.
9. Sau khi chết được sanh lên cõi trời.
10. Mau chứng đắc Niết-bàn.

Mười thứ công đức thù thắng như vậy là do cúng dường cơm chay cho Phật và chúng Tăng mà có được.

Nếu lại có người dùng voi, ngựa, xe cộ cúng thí cho Phật và chúng Tăng thì có được mười công đức. Những gì là mười?

1. Tướng nơi chân mềm mại.
2. Luôn có đầy đủ oai nghi.
3. Thân thể không bị mệt mỏi.
4. Luôn an lạc, không bệnh tật.
5. Xa lìa mọi oán thù.
6. Đạt thần túc tự tại.
7. Có nhiều kẻ hầu hạ, giúp việc.
8. Có phước tướng của trời, người, ai thấy cũng hoan hỷ.
9. Sau khi chết được sanh lên cõi trời.
10. Mau chứng đắc giải thoát.

Công đức như vậy là do dùng xe cộ, voi ngựa cúng thí cho Phật và chúng Tăng mà có được.

Nếu lại có người làm công việc tu sửa phòng ốc, trú xứ, điện thờ cúng dường cho Phật và chúng Tăng thì đạt được nhiều thứ công đức.

Hành tướng của những công đức ấy như thế nào?

- Luôn xa lìa mọi sự sợ hãi.
- Thân tâm thường an lạc.
- Có được các vật dụng để nằm luôn mềm mại, đẹp đẽ.
- Y phục mặt nơi thân luôn trang nghiêm, tỏa ra hương thơm thanh tịnh.
- Ở cõi người hay cõi trời luôn được năm dục tự tại.
- Được sanh vào hai chủng tộc lớn là Sát-đế-lợi và Bà-la-môn.
- Đối với các hàng trưởng giả, cư sĩ, quan lại, thương chủ, quốc vương, đại thần với những sở hữu về thôn xóm, thành ấp, tất cả đều thành tựu theo sở nguyện của mình.
- Nếu làm Chuyển luân Thánh vương thì tùy theo phước đức và khả năng mà thống lãnh một châu, hai châu, cho đến bốn châu, tự tại giáo hóa.
- Nếu sanh vào các cõi trời thuộc Dục giới như Tứ vương, Đao-lợi, cho đến Tha hóa tự tại, thì mọi ý nguyện đều được thành tựu, tùy ý sanh đến.
- Nếu lại có người do diệu lực nơi phước đức từ đời trước, đối với các cõi trời thuộc Sắc giới như cõi Phạm chúng, Phạm phụ, cho đến cõi trời Sắc cứu cánh, đều được thành tựu theo ý nguyện sanh về các cõi ấy.
- Nếu lại có người, đối với các cõi trời thuộc Vô sắc giới như cõi Không vô biên xứ, cho đến Phi tưởng phi phi tưởng xứ đều được thành tựu theo sở nguyện sanh về các cõi ấy. Hoặc đối với các đạo quả Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán, Duyên giác, cho đến Bậc Vô Thượng Bồ-đề, tùy theo sở nguyện cũng đều được thành tựu. Công đức như vậy có đến vô lượng, nhân làm công việc tu sửa phòng ốc, trú xứ, điện thờ, cúng dường cho Phật và Tăng chúng mà được phước báo như thế.

Nếu có người đem thức ăn ngon, thuốc tốt dâng cúng cho Phật và chư Tăng sẽ được mười loại công đức. Những gì là mười?

1. Các căn viên mãn.
2. Trong sạch, thanh khiết.
3. Trán rộng, bằng phẳng.
4. Dung mạo đáng yêu.

5. Hình sắc rạng rỡ, thanh tú.
6. Phước đức viên mãn.
7. Xa lìa sự đói khát.
8. Xa lìa ba đường ác.
9. Sanh Thiên một cách tự tại.
10. Mau chứng Niết-bàn.

Công đức như vậy là do cúng dường thức ăn ngon, thuốc tốt cho Đức Phật và chư Tăng mà có được.

Nếu có người theo Phật xuất gia sẽ có mười công đức. Những gì là mười?

1. Xa lìa thê thiếp.
2. Không tham nhiễm dục.
3. Ái lạc tịch tĩnh.
4. Chư Phật hoan hỷ.
5. Xa lìa các thứ tà ma.
6. Gần Phật được nghe pháp.
7. Xa lìa ba đường ác.
8. Được chư Thiên quý kính.
9. Mạng chung được sanh lên cõi trời.
10. Mau chứng đắc giải thoát.

Mười thứ công đức như vậy là do theo Phật xuất gia mà đạt được.

Nếu có Tỳ-kheo ở chốn rừng núi vắng vẻ, tịch tĩnh để tu tập thì đạt được mười thứ công đức. Những gì là mười?

1. Xa lìa sự ồn ào huyên náo.
2. Luôn thanh tịnh, tinh khiết.
3. Thành tựu các pháp thiền định.
4. Được chư Phật thương tưởng.
5. Không bị mạng yểu nửa chừng.
6. Được sự hiểu biết rộng khắp và các pháp Tổng trì.
7. Thành tựu các pháp Chỉ và Quán.
8. Phiền não không khởi.
9. Mạng chung được sanh lên cõi trời.
10. Mau chứng đắc giải thoát.

Công đức như vậy là do Tỳ-kheo tu hành ở chốn rừng núi vắng

lặng mà đạt được.

Như có Tỳ-kheo ôm bình bát đi khất thực thì có mười thứ công đức. Những gì là mười?

1. Luôn đầy đủ oai nghi.
2. Đem lại mọi thành tựu đầy đủ cho các hữu tình.
3. Xa lìa tâm ngã mạn.
4. Không tham đắm danh lợi.
5. Tạo phước điền cho khắp nơi.
6. Được chư Phật hoan hỷ.
7. Khiến cho Tam bảo luôn được hưng thịnh.
8. Phạm hạnh viên mãn, dứt bỏ ý nghĩ về sự thấp hèn.
9. Mạng chung sanh lên cõi trời.
10. Đạt đến cứu cánh giải thoát.

Công đức như vậy là do thường ôm bình bát đi khất thực mà có được.

Nếu có Tỳ-kheo ôm bát khất thực, xa lìa mười thứ tối tăm thì, được mười thứ công đức như vầy. Những gì là mười?

1. Biết rõ việc ra vào xóm làng là có ích hay không có ích.
2. Biết rõ gia đình, dòng họ lúc đi đến là có ích hay không có ích.
3. Biết rõ việc thuyết pháp là có ích hay không có ích.
4. Biết rõ việc thân cận các bậc A-xà-lê; Hòa thượng là có ích hay không có ích.
5. Biết rõ việc dùng tâm từ bi giáo hóa đem lại lợi lạc cho chúng sanh là có ích hay không có ích.
6. Biết rõ sự gần gũi hay xa lìa là có ích hay không có ích.
7. Biết rõ tu học thực hành ba món giới, định, tuệ là có ích hay không có ích.
8. Biết rõ việc đàn-na tín thí cúng dường y là có ích hay không có ích.
9. Biết rõ ôm bình bát đi vào đường hẻm là có ích hay không có ích.
10. Biết rõ việc thọ dụng đồ nằm, thuốc thang, cho đến hết cả đời là có ích hay không có ích.

Do biết rõ như vậy nên được mười thứ quả báo thù thắng như

thế.

Bấy giờ Đức Thế Tôn nói với Trưởng giả Du-ca:

–Sự tạo nghiệp từ nhân sanh khởi, hủy diệt, có trước, sau, dẫn dắt tạo đủ mọi thứ sai khác cho nên quả báo mới có cao, thấp, ngu, trí cách biệt.

Trưởng giả Du-ca bạch Phật:

–Thưa Thế Tôn, trong dòng họ Ô-bá-tắc-ca cùng tất cả các chủng tộc Sát-đế-lợi, Bà-la-môn ở nước Xá-vệ được nghe pháp này chắc chắn sẽ hoan hỷ, nhớ nghĩ và thọ trì. Quyến thuộc của chúng con đều rất vui thích, quy kính mãi mãi được an lạc, lợi ích cho mình và cho người không cùng tận.

Đức Phật dạy:

–Lành thay! Lành thay! Này Trưởng giả Du-ca, đúng như lời ông nói.

Đức Thế Tôn giảng nói như vậy xong, Trưởng giả Du-ca, con của Đâu-nễ-dã và các Bí-sô, cùng vô lượng trăm ngàn người và không phải người... thảy đều hoan hỷ, lạy Phật rồi lui ra.

❑

SỐ 82

PHẬT NÓI KINH Ý

Hán dịch: Đời Tây Tấn, Tam tạng Pháp sư Trúc Pháp Hộ.

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ có một vị Tỳ-kheo an tọa một mình trong phòng, khởi lên ý nghĩ: "Cái gì dẫn dắt mọi việc nơi thế gian? Vì sao phải thọ khổ? Do sự sanh khởi nào mà sự việc được tiến hành?".

Vào lúc xế trưa, Tỳ-kheo ấy từ thiền tọa đứng dậy, đi đến chỗ Đức Thế Tôn cung kính đảnh lễ, ngồi qua một bên, rồi thưa:

–Bạch Thế Tôn, hôm nay con ngồi một mình trong phòng, khởi lên ý nghĩ như vầy: "Cái gì dẫn dắt mọi việc nơi thế gian? Vì sao phải thọ khổ? Do sự sanh khởi nào mà sự việc được tiến hành?".

Đức Thế Tôn nghe xong, khen ngợi:

–Lành thay! Lành thay! Này Tỳ-kheo, đó là con đường hiền thiện có sự quán chiếu đúng đắn, biện tài khéo léo nên mới khéo suy nghĩ: "Cái gì dẫn dắt mọi việc nơi thế gian? Vì sao phải thọ khổ? Do sự sanh khởi nào mà sự việc được tiến hành?". Này Tỳ-kheo, nghi vấn của thầy có phải như vậy chăng?

Tỳ-kheo thưa:

–Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Thế Tôn nói:

–Này Tỳ-kheo, do ý dẫn dắt mọi việc nơi thế gian, do ý nên thọ khổ, do ý sanh khởi mà dẫn dắt mọi việc. Này Tỳ-kheo, do ý dẫn dắt mọi việc nơi thế gian, phải thọ khổ, do ý sanh khởi nên dẫn dắt mọi

việc. Này Tỳ-kheo, đệ tử của bậc Thánh giác ngộ đối với sự việc ý lôi kéo, ý sanh khởi dẫn dắt, này Tỳ-kheo, đệ tử của bậc Thánh giác ngộ như các vị A-la-hán có thể tự chế ngự ý, tự mình không tùy thuận theo sự dẫn dắt của ý.

Tỳ-kheo thưa:

–Lành thay! Bạch Thế Tôn.

Tỳ-kheo ấy đã nghe Đức Thế Tôn chỉ dạy, khéo ưa thích, khéo thấu hiểu, rồi lại hỏi tiếp:

–Bạch Thế Tôn, được gọi là Tỳ-kheo đa văn. Bạch Thế Tôn, sao gọi là Tỳ-kheo đa văn? Bạch Đức Thế Tôn, như thế nào là Tỳ-kheo đa văn?

Đức Thế Tôn nghe xong, khen ngợi:

–Lành thay! Lành thay! Này Tỳ-kheo, đó là con đường hiền thiện có sự quán chiếu đúng đắn, là biện tài, nên mới khéo hỏi: "Bạch Thế Tôn, nói Tỳ-kheo đa văn, bạch Thế Tôn, sao gọi là Tỳ-kheo đa văn? Đức Như Lai nói thế nào là Tỳ-kheo đa văn?". Này Tỳ-kheo, có phải thầy hỏi như vậy chăng?

Thầy Tỳ-kheo thưa:

–Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Thế Tôn nói:

–Này Tỳ-kheo, những điều Ta thuyết giảng rất nhiều: Một là Khế kinh, hai là Ca vịnh (*Ứng tụng*), ba là Ký biệt, bốn là Kệ tha (*Già-đà, Phúng tụng*), năm là Nhân duyên, sáu là Pháp cú, bảy là Thí dụ, tám là Sở ứng (*Bản sự)*, chín là Sanh xứ (*Bản sinh*), mười là Phương đẳng (*Phương quảng*), mười một là Vị tằng hữu và mười hai là Thuyết pháp (*Luận nghĩa*). Này Tỳ-kheo, nếu có bất cứ ai chỉ nghe Ta nói bốn câu kệ mà biết nghĩa, biết pháp, theo đúng pháp thực hành, cùng tương ưng với pháp, như pháp mà thuyết giảng. Như vậy gọi là Tỳ-kheo đa văn, như vậy chính là Tỳ-kheo đa văn, Như Lai nói đó là Tỳ-kheo đa văn.

Thầy Tỳ-kheo thưa:

–Lành thay! Bạch Thế Tôn.

Tỳ-kheo ấy nghe Đức Thế Tôn dạy, khéo tư duy nhớ nghĩ, khéo hoan hỷ phụng hành, rồi lại hỏi tiếp:

–Bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo nghe thuyết giảng giáo pháp xong, thể

hiện có trí tuệ nhanh nhạy. Bạch Thế Tôn, sao gọi là Tỳ-kheo nghe thuyết pháp xong được gọi là bậc có trí tuệ nhanh nhạy? Thế nào là Tỳ-kheo được Đức Như Lai khen ngợi là bậc có trí tuệ nhanh nhạy?

Đức Thế Tôn bảo:

–Này Tỳ-kheo, lành thay! Lành thay! Đó là con đường hiền thiện, có sự quán chiếu đúng đắn, biện tài, nên mới khéo hỏi rằng: "Bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo nghe thuyết giảng giáo pháp xong, thể hiện có trí tuệ nhanh nhạy. Bạch Thế Tôn, Đức Thế Tôn nói như thế nào là Tỳ-kheo nghe thuyết giảng giáo pháp xong thể hiện là bậc có trí tuệ nhanh nhạy?". Này Tỳ-kheo, có phải thầy đã hỏi như vậy chăng?

Tỳ-kheo thưa:

–Đúng như vậy, bạch Thế Tôn!

Đức Thế Tôn dạy:

–Này Tỳ-kheo, Tỳ-kheo kia khi nghe giảng rằng: "Đây là khổ", liền dùng trí tuệ mà nhận biết như thật. Khi nghe "Nguyên nhân của khổ, sự diệt khổ và con đường tu tập để diệt trừ khổ" thì liền dùng trí tuệ nhận biết như thật là Khổ tập (*nguyên nhân của khổ*), Khổ tận (*sự diệt khổ*), Khổ tận trú xứ (*con đường tu tập để diệt trừ khổ*). Tỳ-kheo ấy nghe xong, dùng trí tuệ để nhận biết đúng như thế. Này Tỳ-kheo, như vậy là Tỳ-kheo nghe giảng nói xong thể hiện là bậc có trí tuệ nhanh nhạy, Đức Như Lai nói đó là Tỳ-kheo nghe giảng xong là bậc có trí tuệ nhanh nhạy.

Tỳ-kheo thưa:

–Lành thay! Bạch Thế Tôn.

Tỳ-kheo ấy nghe Đức Thế Tôn dạy xong, hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi:

–Bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo thông đạt, có biện tài sắc bén, được gọi là Tỳ-kheo thông đạt, trí tuệ sắc bén. Bạch Thế Tôn, thế nào là Tỳ-kheo thông đạt, trí tuệ sắc bén? Đức Như Lai nói thế nào là Tỳ-kheo thông đạt trí tuệ, biện tài sắc bén?

Đức Thế Tôn nghe xong khen ngợi:

–Lành thay! Lành thay! Này Tỳ-kheo, đó là con đường hiền thiện có sự quán chiếu đúng đắn, là biện tài, nên mới hỏi rằng: "Bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo thông đạt, trí tuệ mẫn tiệp được gọi là Tỳ-kheo thông đạt, biện tài mẫn tiệp. Bạch Thế Tôn, sao gọi là Tỳ-kheo thông

đạt, trí tuệ, biện tài mẫn tiệp? Đức Như Lai nói thế nào là Tỳ-kheo thông đạt, trí tuệ, biện tài mẫn tiệp?". Này Tỳ-kheo, có phải thầy đã hỏi như vậy chăng?

Tỳ-kheo thưa:

–Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Thế Tôn dạy:

–Này Tỳ-kheo, nếu vị Tỳ-kheo không có ý niệm tự hại, không có ý niệm hại kẻ khác, cũng không có ý niệm gây hại cả hai. Tỳ-kheo ấy chỉ có ý niệm làm lợi ích cho chính mình, cũng đem lại lợi ích cho kẻ khác, đem lại lợi ích cho nhiều người, luôn thương xót mọi chúng sanh nơi thế gian, mong muốn cho trời, người luôn được lợi ích, ý nghĩa. Tỳ-kheo như vậy là thông đạt, trí tuệ mẫn tiệp. Như Lai nói đó là Tỳ-kheo thông đạt trí tuệ, biện tài mẫn tiệp.

Tỳ-kheo ấy thưa rằng:

–Lành thay! Bạch Thế Tôn.

Tỳ-kheo ấy nghe Đức Thế Tôn chỉ dạy, khéo tư duy, nhớ nghĩ, thọ trì, đọc tụng xong, từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ nơi chân Đức Thế Tôn, nhiễu quanh chỗ Đức Thế Tôn rồi lui ra.

Bấy giờ Tỳ-kheo ấy theo sự dẫn dạy của Đức Thế Tôn, sống một mình ở nơi thanh tịnh, tâm không tán loạn, an trụ nơi cảnh tịch tịnh. Vị Tỳ-kheo ấy sống một mình ở nơi yên tĩnh, tâm không tán loạn, an trụ nơi cảnh tịch tĩnh, để đạt được mục đích mà một người khi cạo bỏ râu tóc, khoác áo ca-sa, tin vui xuất gia, bỏ nhà học đạo là chỉ mong thành tựu phạm hạnh vô thượng, thấy pháp, đạt thần thông, trụ nơi tác chứng. Sự sanh đã hết, phạm hạnh đã lập, việc cần làm đã làm xong, biết đúng như thật về danh sắc. Vị Tôn giả ấy đã biết pháp rồi, liền chứng quả A-la-hán.

Đức Phật thuyết giảng như vậy, Tỳ-kheo ấy sau khi nghe Đức Phật chỉ dạy, hoan hỷ phụng hành.

❑

SỐ 83

PHẬT NÓI KINH ỨNG PHÁP

Hán dịch: Đời Tây Tấn, Tam tạng Pháp sư Trúc Pháp Hộ.

Nghe như vầy:

Một thời Đức Bà-già-bà ở tại xứ Pháp trị, thuộc nước Câu-loại. Bấy giờ Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Ở nơi thế gian này, dâm như vậy, dục như vậy, ái như vậy, lạc như vậy, hỷ như vậy, chỉ là pháp hư hoại. Không nên tham ái, không nên nhớ nghĩ về các pháp bại hoại. Nếu nhớ nghĩ về pháp ái tăng thì các thứ dâm như vậy, dục như vậy, ái như vậy, lạc như vậy, hỷ như vậy, khiến cho pháp bất thiện tăng dần, pháp thiện đáng yêu thích giảm dần. Pháp của ta rất sâu xa, khó thấy, khó nhận, khó rõ, khó biết. Pháp của Ta hết mực thâm diệu khó thấy, khó nhận, khó rõ, khó biết như thế sẽ khiến cho ngay hiện tại sự không ưa pháp thiện giảm xuống, sự ưa pháp thiện tăng trưởng, cùng với bốn pháp sau tương ưng, thế gian có sự việc ấy. Thế nào là bốn?

- Có pháp tương ưng: hiện tại vui nhưng về sau thọ quả báo khổ.
- Có pháp tương ưng: hiện tại khổ nhưng về sau thọ quả báo vui.
- Có pháp tương ưng: hiện tại khổ, về sau thọ quả báo khổ.
- Có pháp tương ưng: hiện tại vui, về sau thọ quả báo vui.

Thế nào là có pháp tương ưng: hiện tại vui, về sau thọ quả báo khổ?

Hoặc có người tự mình ưa thích, hoan hỷ làm việc giết hại, nhân việc giết hại lấy đó làm sung sướng, hoan hỷ. Kẻ ấy sung sướng, hoan hỷ với việc không cho mà lấy, hành dâm dục, nói dối, cho đến tà kiến. Nhân tạo tà kiến ấy mà lấy đó làm hoan hỷ, lấy đó làm vui sướng. Kẻ

ấy thân ưa thích việc bất thiện, ý ưa thích pháp bất thiện, như vậy là đều bất thiện, nên không đạt được thần thông, không đưa đến đạo giác ngộ, không tương ưng với Niết-bàn. Pháp này tương ưng: hiện tại vui sướng nhưng về sau thọ quả báo khổ.

Thế nào là pháp tương ưng: hiện tại khổ nhưng về sau thọ quả báo vui?

Hoặc có người tự tu tập khổ hạnh, không ham thích điều vui, từ bỏ nhân gây giết hại, từ bỏ việc giết hại, không thích làm việc không cho mà lấy, không hành dâm dục, nói dối... cho đến tà kiến. Nhân xả bỏ tà kiến, cho mọi thứ kiến chấp là khổ, là không vui. Thân hành khổ, ý hành khổ như thế, nhưng như vậy là thiện, thành tựu thần thông, đưa đến đạo giác ngộ, cùng tương ưng với Niết-bàn. Pháp này tương ưng: hiện tại khổ nhưng về sau thọ quả báo vui.

Thế nào là pháp tương ưng: hiện tại khổ, về sau thọ quả báo khổ?

Hoặc có người tự làm điều khổ, tự mình không hoan hỷ, làm việc giết hại; nhân sự giết hại nên mới bị khổ, không hoan hỷ. Kẻ ấy tự mình làm điều khổ, tự làm điều không hoan hỷ, không cho mà lấy, hành dâm dục, nói dối... cho đến tà kiến. Nhân tà kiến nên không được an lạc, không hoan hỷ. Thân làm khổ, ý làm khổ như vậy, làm điều bất thiện phải thọ lãnh điều bất thiện, không thành tựu thần thông, không đưa đến đạo giác ngộ, không tương ưng với Niết-bàn. Pháp này tương ưng: hiện tại khổ, về sau thọ báo khổ.

Thế nào là pháp tương ưng: hiện tại vui, về sau thọ quả báo vui?

Hoặc có người tự làm điều vui, tự làm việc hoan hỷ, xả bỏ việc giết hại; nhân xả bỏ việc giết hại, lấy đó làm vui, lấy đó làm thích. Kẻ ấy vui thích với việc xả bỏ sự không cho mà lấy, không hành dâm dục, nói dối... cho đến tà kiến. Nhân xả bỏ tà kiến, cho đó là vui, cho đó là thích. Thân ưa thích, ý ưa thích như vậy, làm điều thiện đúng là thiện nên thành tựu thần thông, cho đến đạo giác ngộ, cùng tương ưng với Niết-bàn. Pháp này tương ưng: hiện tại vui mà đời sau thọ báo vui.

Gọi pháp mà tương ưng với pháp này hiện tại vui, về sau thọ báo khổ, bởi vì đó không phải là tuệ mà bậc trí thuyết giảng. Không biết đúng như thật, cùng tương ưng với pháp này, cho nên hiện tại vui mà về sau thọ báo khổ. Kẻ ấy không biết như thật như thế nên tạo tác mà

không xả bỏ. Vì kẻ ấy tạo tác mà không xả bỏ cho nên pháp bất ái, bất lạc được tăng trưởng, còn pháp đáng ái, đáng lạc bị tổn giảm. Giống như loại thuốc A-ma-ni, đầy đủ sắc, đầy đủ hương, đầy đủ vị, nhưng xen lẫn với chất độc. Có người bị bệnh liền uống vào. Kẻ đó uống vào khỏi miệng, uống xong thì thuốc liền biến thành chẳng phải thuốc. Như vậy cùng pháp này tương ưng: hiện tại vui mà về sau thọ báo khổ, thì chẳng phải là người có trí tuệ. Vì chẳng phải là bậc trí tuệ nêu giảng nên không biết đúng như thật, nên cùng tương ưng với pháp này: hiện tại vui mà về sau thọ báo khổ. Vì kẻ ấy không biết đúng như thật, nên cứ thực hành, không xả bỏ. Vì kẻ ấy chỉ thực hành, không chịu xả bỏ, nên pháp bất ái, pháp bất lạc tăng trưởng; còn pháp ái, pháp lạc thì tổn giảm. Pháp đó chẳng phải là trí tuệ.

Gọi pháp tương ưng này là: hiện tại khổ mà về sau được quả báo vui, vì đó chẳng phải là pháp trí tuệ. Vì chẳng phải là bậc trí tuệ nêu giảng nên không biết đúng như thật, cùng pháp này tương ưng nên hiện tại khổ, về sau thọ quả báo vui. Kẻ ấy không biết đúng như thật, cũng không hành, lại xả bỏ. Do kẻ ấy không thực hành, lại xả bỏ nên pháp bất ái, bất lạc tăng trưởng, còn pháp ái, hỷ thì bị tổn giảm. Pháp ấy chẳng phải là trí tuệ.

Pháp tương ưng: hiện tại khổ mà về sau thọ báo khổ ấy chẳng phải là pháp trí tuệ. Vì chẳng phải là bậc trí tuệ nêu giảng, cùng pháp ấy tương ưng cho nên hiện tại khổ, về sau thọ báo khổ. Vì không biết đúng như thật nên kẻ ấy thực hành mà không xả bỏ. Vì kẻ ấy thực hành, không xả bỏ cho nên pháp bất ái, bất lạc tăng trưởng, còn pháp ái, pháp lạc thì bị tổn giảm. Giống như đại tiện tiểu tiện có chất độc, có người bệnh lấy thứ đó uống. Khi kẻ ấy uống, cổ đau đớn không nuốt xuống được và hôi thối, vô vị; khi uống vào làm hư cổ, uống xong biến thành chẳng phải thuốc. Tương ưng với pháp như vậy nên hiện tại khổ, về sau thọ báo khổ. Vì không biết đúng như thật, nghĩa là cùng tương ưng với pháp này nên hiện tại khổ, về sau thọ báo khổ. Vì không biết đúng như thật, nên kẻ ấy thực hành, không chịu xả bỏ. Vì thực hành, không chịu xả bỏ nên pháp bất ái, bất hỷ dần dần tăng trưởng, còn pháp ái, hỷ dần dần bị tổn giảm. Pháp ấy không phải là trí tuệ.

Gọi pháp tương ưng này là: hiện tại vui, về sau được quả báo

vui, là vì đó chẳng phải là pháp trí tuệ, do bậc trí tuệ nói ra. Không biết đúng như thật nên kẻ ấy tương ưng với pháp này: hiện tại vui, về sau được quả báo vui. Kẻ ấy không biết đúng như thật nên không thực hành việc xả bỏ, xa lìa. Vì không xả bỏ, không xa lìa, nên pháp bất ái, bất hỷ dần dần tăng trưởng, còn pháp ái, hỷ dần dần tổn giảm. Pháp ấy chẳng phải là trí tuệ.

Việc thực hành pháp biết như thật ấy, việc không thực hành pháp biết như thật ấy, người thực hành pháp biết như thật ấy, người không thực hành pháp biết như thật ấy đã chưa thực hành pháp đáng hành, hành pháp không đáng hành. Kẻ ấy chưa hành pháp đáng hành mà lại hành pháp không nên hành, do đó pháp bất thiện dần dần tăng trưởng, pháp thiện dần dần tổn giảm. Pháp ấy chẳng phải là trí tuệ.

Vị ấy cần tương ưng với pháp: hiện tại vui, về sau thọ báo khổ, do bậc trí tuệ, người trí tuệ nói ra, biết đúng như thật. Vị ấy tương ưng với pháp ấy nên hiện tại vui, về sau thọ báo khổ. Vị ấy biết như thật như vậy. Vị ấy không thực hành mà xả bỏ, xa lìa; đã không thực hành và đã xả bỏ, xa lìa; liền không thực hành, liền xả bỏ, xa lìa nên pháp bất thiện tổn giảm, pháp thiện được tăng trưởng. Pháp đó là trí tuệ.

Vị ấy tương ưng với pháp: hiện tại khổ, về sau thọ báo vui ấy là pháp trí tuệ, do bậc trí nói ra; biết pháp ấy là chân thật. Vị ấy tương ưng với pháp ấy nên hiện tại khổ, về sau thọ quả báo vui. Vị ấy biết như thật như vậy. Vị ấy thực hành, không xả bỏ; đã không thực hành, không xả bỏ nên pháp bất ái, bất hỷ tổn giảm; pháp ái, pháp hỷ tăng trưởng. Pháp ấy là trí tuệ. Giống như đại tiểu tiện có các thứ dược thảo xen lẫn, có người bị bệnh lấy để uống. Khi kẻ ấy uống, không dừng ở cổ, lúc uống tuy có gây khó chịu nơi cổ, uống xong thì công hiệu như dược pháp. Tương ưng với pháp: hiện tại khổ, về sau thọ báo vui ấy như vậy, là trí tuệ, do bậc trí nói ra, biết như thật. Đó là tương ưng với pháp: hiện tại khổ, về sau thọ báo vui ấy. Vị ấy biết như thật như vậy nên thực hành, không xả bỏ; đã được hành không xả bỏ cho nên pháp bất ái, bất hỷ tổn giảm; pháp ái, hỷ được tăng trưởng. Pháp đó là trí tuệ.

Vị ấy tương ưng pháp này, hiện tại khổ, về sau thọ quả báo khổ là pháp trí tuệ, do bậc trí tuệ nói ra, biết đúng như thật. Đó là tương ưng với pháp này: hiện tại khổ, sau thọ quả báo khổ. Vị ấy biết như

thật như vậy. Vị ấy không thực hành, xả bỏ, xa lìa, đã không thực hành, đã xả bỏ, xa lìa nên pháp bất ái, bất hỷ tổn giảm; pháp ái, hỷ được tăng trưởng. Pháp đó là trí tuệ.

Tương ưng pháp này: hiện tại vui, về sau thọ quả báo vui là pháp trí tuệ, do bậc trí tuệ nói ra, nghĩa là tương ưng pháp này: hiện tại vui, về sau thọ quả báo vui. Vị ấy biết đúng như vậy là chân thật. Vị ấy thực hành, không xả bỏ; đã thực hành, không xả bỏ, xa lìa, bất ái, bất hỷ dần giảm trừ, pháp yêu thích được tăng trưởng. Pháp đó là trí tuệ. Giống như tô mật xen lẫn các thứ thuốc, có người bệnh uống vào, khi uống vào cổ họng được thông lợi, khi uống không dừng ở cổ, uống xong ứng nghiệm như dược pháp. Tương ưng với pháp: hiện tại vui, về sau thọ báo vui ấy là trí tuệ, do bậc trí tuệ nói ra, biết đúng như thật. Đó là tương ưng với pháp này: hiện tại được vui, về sau thọ báo vui. Vị ấy biết đúng như vậy là chân thật, thực hành chẳng lìa bỏ, đã thực hành chẳng rời bỏ nên pháp không yêu thích, không đáng nhớ nghĩ bị tổn giảm và pháp yêu thích, nhớ nghĩ được tăng trưởng. Pháp ấy là trí tuệ, do bậc trí tuệ nói ra. Vị ấy thực hành pháp ấy rồi, biết đúng như thật; đã không hành pháp ấy biết đúng như thật. Vị ấy thực hành pháp, biết đúng như thật, không thực hành pháp, biết đúng như thật. Pháp không cần theo hành liền không thực hành, pháp nên thực hành thì thực hành. Vị ấy, pháp không cần thực hành liền không thực hành, pháp nên thực hành thì thực hành, do đó pháp bất thiện được tổn giảm, pháp thiện được tăng trưởng. Pháp ấy là trí tuệ, trí tuệ tương ưng với bốn pháp ấy. thế gian có thuyết ấy. Đó chính là nguyên nhân thuyết giảng kinh này.

Đức Phật giảng nói như vậy, các Tỳ-kheo nghe Đức Thế Tôn chỉ dạy, hoan hỷ phụng hành.

❑

SỐ 84

PHẬT NÓI KINH PHÂN BIỆT BỐ THÍ

Hán dịch: Đời Tống Đại sư Thi Hộ.

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở tại vườn cây Ni-câu-đà, thuộc thành Ca-tỳ-la-vệ, trú xứ của dòng họ Thích, cùng chúng đông đủ Bí-sô.

Bấy giờ, có một vị Bí-sô-ni tên là Ma-ha Ba-xà-ba-đề mang tấm y mới đi tới chỗ Đức Phật, đến nơi đảnh lễ dưới chân Phật rồi đứng qua một bên, thưa:

–Thưa Thế Tôn, cái y mới này được dệt bằng sợi kim tuyến, chính tay con may ra để dâng lên Đức Thế Tôn. Cúi mong Đức Thế Tôn thọ nhận để cho con mãi mãi được sự lợi lạc lớn.

Đức Phật nói với Ma-ha Ba-xà-ba-đề:

–Di mẫu có thể đem này dâng cúng đại chúng, sẽ được lợi lạc cũng như cúng dường cho Phật không khác.

Bí-sô-ni Ma-ha Ba-xà-ba-đề lại thưa:

–Con vốn phát tâm tạo ra y này là chỉ để cúng dường cho Đức Thế Tôn mà thôi. Cúi mong Đức Phật hãy nhận để con mãi mãi được lợi lạc lớn.

Bí-sô-ni Ma-ha Ba-xà-ba-đề ba lần ân cần thỉnh cầu như vậy, Đức Phật cũng ba lần đáp lại như vầy:

–Hãy nên bình đẳng mà bố thí dâng cúng cho đại chúng, sẽ đạt được sự lợi lạc không khác gì dâng cúng cho Phật.

Lúc ấy Tôn giả A-nan đang đứng hầu bên Đức Phật, thấy sự việc ấy, nên đến trước Phật, thưa:

–Thưa Thế Tôn, Bí-sô-ni Ma-ha Ba-xà-ba-đề này là người thân

thuộc, có ân đức lớn đối với Phật. Cúi mong Đức Phật tự biết. Bà đã dâng cúng y, nay đã đúng lúc mong Phật thọ nhận để cho Ma-ha Ba-xà-ba-đề mãi mãi được lợi lạc lớn.

Đức Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Đúng vậy, đúng vậy! Bí-sô-ni Ma-ha Ba-xà-ba-đề này là người thân thuộc, có ân đức lớn đối với Ta, Ta cũng tự biết như vậy. Chính tự tay bà đã tạo ra y này để dâng cúng cho Ta, đây là việc hết sức khó khăn. Vì sao vậy? A-nan nên biết, nếu có chúng sanh nào có thể khởi lên tín tâm thanh tịnh, quy y Phật, Pháp và Tăng, là điều rất khó.

Lại nữa, người ấy có thể giữ giới pháp của hàng cận sự như không giết hại, không trộm cắp, không dâm dục, không vọng ngữ, không uống rượu... như vậy chúng sanh ấy lại có thể làm được việc khó làm. Huống chi còn đối với Phật, Thế Tôn chắp tay cung kính, thực hành bố thí, đã bố thí rồi, hết lòng tín nơi Phật không chút hồ nghi, đối với Pháp, Tăng-già cũng không hề nghi ngờ, cho đến giáo pháp Tứ Thánh đế là Khổ, Tập, Diệt, Đạo đã vĩnh viễn đoạn trừ mọi nẻo nghi hoặc.

Này A-nan, nay Bí-sô-ni Ma-ha Ba-xà-ba-đề này có thể khởi lên tín tâm thanh tịnh, quy y Phật, Pháp và Tăng, thọ trì giới không giết hại, không trộm cắp, không dâm dục, không vọng ngữ, không uống rượu... tức các giới pháp của hàng Cận sự, rồi còn có thể đối với Phật, Pháp, Tăng cho đến giáo pháp Tứ thánh đế là Khổ, Tập, Diệt, Đạo cũng đoạn trừ mối nghi hoặc. Bí-sô-ni này, việc khó làm mà có thể làm được, Phật cũng tự biết như vậy.

Này A-nan, có mười bốn thứ để sánh so sánh lường tính với sự bố thí. Những gì là mười bốn?

1. Thực hành bố thí đối với người bệnh khổ.
2. Thực hành bố thí đối với người phá giới.
3. Thực hành bố thí đối với người khác giới.
4. Thực hành bố thí đối với người lìa mọi cấu uế nhiễm.
5. Thực hành bố thí đối với bậc Tu-đà-hoàn hướng.
6. Thực hành bố thí đối với bậc Tu-đà-hoàn quả.
7. Thực hành bố thí đối với bậc Tư-đà-hàm hướng.
8. Thực hành bố thí đối với bậc Tư-đà-hàm quả.
9. Thực hành bố thí đối với bậc A-na-hàm hướng.

10. Thực hành bố thí đối với bậc A-na-hàm quả.
11. Thực hành bố thí đối với bậc A-la-hán hướng.
12. Thực hành bố thí đối với bậc A-la-hán quả.
13. Thực hành bố thí đối với các vị Duyên giác.
14. Thực hành bố thí đối với Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Giác.

Này A-nan, Tôn giả nên biết, bố thí cho người bệnh khổ được phước gấp đôi, bố thí cho người phá giới được phước gấp trăm, bố thí cho người trì giới được phước gấp ngàn, bố thí cho người lìa mọi cấu nhiễm được phước gấp trăm ngàn. Bố thí cho vị Tu-đà-hoàn hướng được phước vô lượng, huống chi là bố thí cho vị Tư-đà-hàm quả. Bố thí cho vị A-na-hàm hướng được phước vô lượng, huống chi là bố thí cho vị A-na-hàm quả. Bố thí cho vị A-la-hán hướng được phước vô lượng, huống chi là bố thí cho vị A-la-hán quả. Bố thí cho vị Duyên giác được phước vô lượng, huống chi là bố thí cho Đức Như Lai, Ứng cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác. Như vậy gọi là so sánh lường tính về công đức của mười bốn thứ bố thí.

Lại nữa, này A-nan, nên biết bố thí cho đại chúng có bảy loại:

1. Bố thí cho các chúng Bí-sô khi Phật còn tại thế.
2. Bố thí cho các chúng Bí-sô sau khi Phật diệt độ.
3. Bố thí cho chúng Bí-sô-ni sau khi Phật diệt độ.
4. Bố thí cho hai chúng Bí-sô và Bí-sô-ni sau khi Phật diệt độ.
5. Bố thí cho các chúng Bí-sô đi đến các nơi hành hóa sau khi Phật diệt độ.
6. Bố thí cho chúng Bí-sô-ni đi đến các nơi hành hóa sau khi Phật diệt độ.
7. Bố thí cho hai chúng Bí-sô và Bí-sô-ni đi đến các nơi hành hóa sau khi Đức Ứng Cúng Thế Tôn Phật diệt độ.

Như vậy gọi là bảy loại đại chúng cần nên bố thí.

Lại nữa, này A-nan, nên biết có bốn loại bố thí thanh tịnh. Những gì là bốn?

1. Người bố thí thanh tịnh thì không thấy có người nhận.
2. Vật được thí thanh tịnh thì không thấy có người nhận.
3. Người thọ nhận thanh tịnh thì không thấy có người bố thí.
4. Vật được thọ nhận thanh tịnh thì không thấy có người bố thí.

Này A-nan, sao gọi là người bố thí thanh tịnh thì không thấy có người thọ nhận?

Đó là do người bố thí không chấp giữ nơi hình tướng, nên ba nghiệp nơi thân, khẩu, ý đều thanh tịnh, Chánh mạng thanh tịnh, cái thấy cũng thanh tịnh. Đầy đủ như vậy thì không có hình tướng bố thí, vì không có người thí cho nên cũng không thấy có người nhận. Nếu người bố thí có thấy về hình tướng thì ba nghiệp thân, khẩu, ý không thanh tịnh, mạng cũng không thanh tịnh, cái thấy cũng không thanh tịnh. Nếu xa lìa hình tướng này thì người bố thí và người nhận, cả hai đều thanh tịnh.

Lại nữa, tại sao gọi là vật được thí thanh tịnh thì không thấy có người nhận?

Nếu kẻ thọ nhận thân nghiệp không thanh tịnh, khẩu nghiệp không thanh tịnh, ý nghiệp không thanh tịnh, mạng không thanh tịnh, cái thấy không thanh tịnh, tức có sự chấp tướng nơi đối tượng được bố thí. Nếu người thọ nhận ba nghiệp thanh tịnh, mạng thanh tịnh, cái thấy cũng thanh tịnh, đầy đủ như vậy thì không có chấp tướng nơi đối tượng được bố thí. Do xa lìa hình tướng cho nên đối tượng được bố thí trở nên thanh tịnh.

Lại nữa, sao gọi là người thọ nhận thanh tịnh thì không thấy có người bố thí?

Nếu người thọ nhận mà ba nghiệp thân, khẩu, ý không thanh tịnh, mạng cũng không thanh tịnh, cái thấy cũng không thanh tịnh, thì liền có hình tướng của người thọ nhận. Nếu lìa hình tướng ấy thì không thấy có người bố thí.

Lại nữa, sao gọi là vật được thọ nhận thanh tịnh thì không thấy có người bố thí?

Đó là do người bố thí, ba nghiệp thân, khẩu, ý đều thanh tịnh, mạng thanh tịnh, cái thấy cũng thanh tịnh tức không có vật được thí. Do lìa chấp nơi người bố thí, nên không thấy có người được thọ nhận. Vì vậy đối tượng được thọ nhận thanh tịnh.

Này A-nan, nếu hay biết rõ như vậy, thì đạt được bốn loại bố thí thanh tịnh.

Bấy giờ Bí-sô-ni Ma-ha Ba-xà-ba-đề nghe Phật thuyết giảng rõ về những pháp bố thí rồi, liền đem cái y ấy dâng cúng cho đại chúng

và được đại chúng thọ nhận.

Đức Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Ở trong đời vị lai, nếu có các hàng thiện nam... tín tâm, có thể đối với đại chúng khởi tín tâm thanh tịnh làm việc bố thí, thì nên biết kẻ ấy sẽ đạt được phước vô lượng, huống chi ngay nơi hiện tại mà thực hành bố thí.

Tôn giả A-nan và Bí-sô-ni Ma-ha Ba-xà-ba-đề nghe Phật giảng nói như vậy thảy đều hoan hỷ, tín thọ phụng hành.

❑

SỐ 85

PHẬT NÓI KINH NHÂN DUYÊN CHẤM DỨT SỰ TRANH LUẬN

Hán dịch: Đời Tống, Đại sư Thi Hộ

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Thế Tôn ở trong làng của Xá-ma-ca Tử, vào hạ an cư. Các chúng Bí-sô ở cách Phật không xa cũng đều an cư.

Bấy giờ có Sa-môn tên là Tôn-na, cũng an cư vào hạ ở trong rừng Nhạ-lô-ca. Ở đó, có ngoại đạo thuộc phái Ni-càn-đà Nhạ-đề Tử, là người hết mực xấu ác, bỗng nhiên mạng chung. Ông Ni-càn-đà ấy có một người con, muốn tranh luận với Sa-môn. Nói như vầy:

–Pháp luật của ta chỉ có ta tự biết, chẳng phải là chỗ ông biết được. Pháp luật của ông cũng chỉ có ông tự biết, cũng chẳng phải là chỗ ta biết được. Những pháp của ta tất cả đều hợp lý. Còn các pháp của ông thì đều phi lý. Pháp của ta là hòa hợp, pháp của ông thì không hòa hợp. Những điều ông nói, lời trước dẫu đúng thì lời sau liền sai. Lời sau có thể đúng thì lời trước liền sai. Những lời ông nói đều chẳng có ý nghĩa và lợi ích, cũng không giữ lấy được. Tuy ông có giảng nói rộng khắp cũng không thể đạt được giải thoát, cũng không thể biết ý nghĩa sự thật tối thượng, nghĩa là những điều Sa-môn giảng nói không giống với pháp của ta. Vậy làm sao có thể khiến cho tâm ta lãnh hội được?

Ni-càn-đà Tử nói lời này là nhằm dấy khởi sự phá hoại, muốn gây tranh chấp để làm hao tổn sức lực, dùng duyên khổ não để hủy hoại pháp an lạc. Do nhân duyên ấy, nên đối với pháp thanh tịnh của Sa-môn vị ấy khởi lên nghiệp bất thiện. Nhằm dấy khởi sự tranh chấp,

phá hoại đủ thứ, sanh tâm ngã mạn, cho là thắng người khác, nên vị ấy nói:

–Những điều Sa-môn nói đều chẳng phải là pháp luật, chẳng thể hiểu rõ, không thể đạt đến giải thoát, đối với đạo Bồ-đề không thể hướng tới. Thầy của ông chẳng phải là Bậc Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Bấy giờ Sa-môn Tôn-na mãn hạ, may y đã xong, liền rời khỏi nơi đó, mang y cầm bát, thứ lớp đi vào làng của Xá-ma-ca Tử. Đến nơi, Ngài cất y bát, rửa chân, tới chỗ của Tôn giả A-nan, cung kính đảnh lễ nơi chân Tôn giả, rồi đứng qua một bên. Tôn giả A-nan hỏi Sa-môn Tôn-na:

–Này Tôn-na, ông an cư mùa hạ ở nơi nào? Lại do duyên gì mà đến đây?

Tôn-na thưa:

–Thưa Tôn giả, tôi ở trong rừng Nhạ-lô-ca, nơi chốn xấu ác để an cư vào hạ. Ở đó ngoại đạo thuộc phái Ni-càn-đà Nhạ-đề Tử là người hết mực xấu ác, bỗng nhiên mạng chung. Ni-càn-đà có một người con muốn dấy khởi sự tranh chấp đối với Sa-môn... cho đến câu nói: "Thầy của ông chẳng phải là Bậc Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác". Do nhân duyên ấy nên tôi đến đây.

Tôn giả A-nan nói:

–Này Tôn-na, tôi biết sự việc này. Vì Đức Phật, Thế Tôn không ở trong chúng, cho nên mới có ngoại đạo dấy khởi sự tranh chấp. Bây giờ ông không được tranh cãi với họ, nếu khởi sự tranh chấp thì chẳng đem lại lợi ích cho nhiều người, còn khiến cho họ sanh ra khổ não, kể cả các chúng trời, người cũng vậy, chỉ gây thêm phiền não. Theo như những điều Tôn-na đã nói, thì chỉ có Đức Thế Tôn mới thấy biết tất cả. Nay ta cùng với ông đi đến chỗ Đức Phật, trình bày hết sự việc ấy.

Tôn-na thưa:

–Lành thay! Thưa Tôn giả, nếu được gặp Phật, tôi sẽ được nhiều lợi ích. Lại ở chỗ Phật có thể được nghe chánh pháp sâu xa.

Lúc ấy Tôn giả A-nan cùng Sa-môn Tôn-na đồng đi tới chỗ Phật, đến nơi cung kính đảnh lễ nơi chân Phật rồi đứng qua một bên. Tôn giả A-nan đến phía trước, bạch Phật:

–Thưa Thế Tôn, Sa-môn Tôn-na này vào hạ an cư trong rừng Nhạ-lô-ca. Ở đó có ngoại đạo thuộc phái Ni-càn-đà Nhạ-đề Tử, là người hết mực xấu ác, bỗng nhiên mạng chung. Ni-càn có một người con muốn dấy khởi sự tranh luận đối với Sa-môn... cho đến câu nói: "Thầy của ông chẳng phải là Bậc Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác". Do nhân duyên đó nên Sa-môn này mới đến nói với con. Thưa Thế Tôn, bấy giờ con bảo Tôn-na: "Vì Đức Phật Thế Tôn không ở trong chúng nên mới có ngoại đạo muốn bày ra chuyện tranh luận ấy. Vậy bây giờ ông không được tranh cãi cùng họ. Nếu khởi sự tranh chấp chẳng có lợi ích cho nhiều người, lại còn khiến họ sanh ra khổ não, kể cả các chúng trời, người cũng như vậy, đều sanh khổ não thôi".

Đức Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Tôn giả thấy duyên do gì mà cho rằng: "Đức Phật không ở trong chúng, nên có ngoại đạo mới khởi lên sự tranh chấp"?

Tôn giả A-nan thưa:

–Thưa Thế Tôn, vào một lúc con thấy có hai vị Bí-sô được Đức Phật khen ngợi là Bí-sô khéo giữ gìn giới luật, thực hành oai nghi theo đúng thứ lớp ở một chỗ. Lúc ấy con thấy như vậy rồi, gọi họ lại nói: "Này hai Bí-sô, không nên hiện tướng oai nghi như vậy. Trường hợp Đức Phật không ở trong chúng, nếu có ngoại đạo thấy tướng này rồi liền khởi lên sự tranh chấp. Nếu dấy khởi sự tranh chấp thì chỉ khiến cho nhiều người... kể cả các chúng trời, người đều không có lợi ích, chỉ gây ra khổ não". Con nhớ lại duyên này nên mới nói với Sa-môn Tôn-na như vậy.

Đức Phật bảo:

–Ý của Tôn giả thế nào?

Tôn giả A-nan bạch Phật:

–Thưa Thế Tôn, đối với việc này con không thể biết rõ.

Đức Phật bảo:

–Ta dùng trí tuệ tự thân thành Bậc Chánh Giác, ở trong thời gian ấy đã giảng nói khắp các pháp. Đó là Tứ niệm xứ, Tứ chánh đoạn, Tứ thần túc, Ngũ căn, Ngũ lực, Thất giác chi, Bát chánh đạo. Những pháp như vậy Ta đã nêu giảng rõ mọi người đều thấy biết. Này A-nan, đa số các ngoại đạo đối với chúng Bí-sô dấy khởi sự tranh chấp, nguyên

do ấy, Tôn giả có thể biết chăng?

Tôn giả A-nan thưa:

–Thưa Thế Tôn, con không thể biết được.

Đức Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Đó là có Bí-sô đối với giới pháp có khi tăng, có khi giảm. Đối với oai nghi có khi tăng có khi giảm. Này A-nan, nếu giới pháp và oai nghi có khi tăng khi giảm tức là làm mất thường hằng của giáo pháp, tùy theo chỗ hành hóa như vậy nên có ngoại đạo thấy sự việc đó bèn khởi ra sự tranh luận. Nếu sự tranh chấp khởi ra liền khiến cho nhiều người... kể cả các chúng trời, người đều chẳng có lợi ích, chỉ gây nên khổ não. Vì sao vậy? Này A-nan, đám ngoại đạo Ni-càn-đà chẳng phải là bậc đạt Nhất thiết trí, cũng chẳng phải là hạng người chân thật, đối với tất cả nơi chốn, tất cả mọi nẻo kiến giải đều chẳng thanh tịnh, do đấy họ thường ưa tạo ra sự tranh chấp. Này A-nan, nên biết các chúng Bí-sô khi khởi lên sự tranh chấp là do có vô số các thứ gốc rễ của sự tranh chấp.

Tôn giả A-nan bạch Phật:

–Lành thay! Thưa Thế Tôn. Lành thay! Thưa Thiện Thệ. Nay đã đúng lúc, cúi mong Đức Phật thuyết giảng rõ về gốc rễ của sự tranh chấp, khiến cho các Bí-sô nghe rồi thì ghi nhớ, thọ trì, thường xa lìa mọi sự lỗi lầm.

Đức Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Các thầy hãy lắng nghe, ghi nhận, hãy khéo nhớ nghĩ. Nay Ta sẽ giảng nói về vấn đề ấy. Này A-nan, nếu có Bí-sô khởi tâm phẫn nộ, do tâm phẫn nộ, nên đối với bậc Sư trưởng không sanh tâm cung kính, tôn trọng, cũng không thể tôn thờ, cúng dường. Do không cung kính Sư trưởng nên không thấy pháp. Vì không thấy pháp cho nên ở trong chúng Bí-sô không có sự quán sát chân chánh. Do không quán sát chân chánh cho nên gây ra sự tranh chấp. Do tranh chấp khởi ra nên khiến cho nhiều người... kể cả các chúng trời, người đều không được lợi ích, chỉ sanh khổ não.

Lại có Bí-sô, đối với trong và ngoài đều chấp cho là có, cho là thật, quan sát, chú ý, tích chứa, vui mừng với các tác ý, sai lạc tà vạy hết mực xấu ác, bộc phát sự hăng hái tà vạy, buông ra vọng ngữ sai lạc, dẫn tới sự tranh chấp. Như vậy, vọng niệm, không nhận thức đúng

đắn, dẫn tới sự không tương ứng... cho đến đối với nguyên do của sự tranh chấp không thể đoạn diệt được. Này A-nan, những việc như vậy là căn bản của sự tranh chấp, do đó sanh ra các khổ não. Nhân của khổ não là do trước tiên khởi ra tâm phẫn nộ. Từ đấy lại khởi ra sự che lấp, dua nịnh, gièm pha, ganh ghét, tham lam keo kiệt, không biết hổ thẹn, chẳng có nhận thức đúng đắn, lại chấp giữ kiến giải của mình, cùng các thứ chấp trước, các nhớ nghĩ tà vọng. Do các nhân duyên xấu ác như vậy, đối với bậc Sư trưởng không khởi tâm cung kính, tôn trọng, cũng lại không thể thờ kính cúng dường. Do không tôn kính Sư trưởng của mình nên không thể thấy pháp. Vì không thấy pháp nên đối với chúng Bí-sô không quan sát chân chánh. Do không quan sát chân chánh nên mới khởi ra sự tranh chấp.

Này A-nan, như điều Ta nói, các nguyên do như vậy đều là gốc rễ của sự tranh chấp. Do nhân duyên này, nếu lúc tranh chấp dấy khởi, có bảy pháp để diệt trừ sự việc ấy. Như Ta đã giảng nói, này A-nan, đối với các việc tranh chấp đã dấy khởi hay chưa phát sanh đều có thể diệt trừ. Những gì là bảy? Đó là: Hiện tiền Tỳ-ni, Ức niệm Tỳ-ni, pháp Bất si Tỳ-ni, Tự ngôn trị, Đa nhân ngữ, Tri sở tác, Như thảo phú địa. Đó là bảy pháp.

Thế nào gọi là pháp Hiện tiền Tỳ-ni để diệt trừ sự tranh chấp? Này A-nan, đó là một người vì một người giảng nói pháp Tỳ-ni, một người vì hai người giảng nói, một người vì nhiều người giảng nói, một người vì đại chúng giảng nói. Hiện tiền thành bốn trường hợp cùng giảng nói. Hai người vì một người giảng nói pháp Tỳ-ni, hai người vì hai người giảng nói, hai người vì nhiều người giảng nói, hai người vì đại chúng giảng nói. Hiện tiền thành bốn trường hợp cùng giảng nói. Nhiều người vì một người giảng nói pháp Tỳ-ni, nhiều người vì hai người giảng nói, nhiều người vì nhiều người giảng nói, nhiều người vì đại chúng giảng nói. Hiện tiền thành bốn trường hợp cùng giảng nói. Đại chúng vì một người giảng nói pháp Tỳ-ni, đại chúng vì hai người giảng nói, đại chúng vì nhiều người giảng nói, đại chúng vì đại chúng giảng nói. Hiện tiền thành bốn trường hợp cùng giảng nói. Như vậy gọi là pháp Hiện tiền Tỳ-ni để diệt trừ sự tranh luận. Do pháp này nên khiến cho sự tranh chấp được chấm dứt, tiêu diệt.

Sao gọi là pháp Ức niệm Tỳ-ni để diệt trừ sự tranh luận? Này A-nan, đó là có Bí-sô tạo sự phạm tội rồi nhưng không tự nhớ được. Các Bí-sô khác nói: "Ông đã phạm tội này, phải nên nhớ lại, đối với đại chúng cầu xin đại chúng làm pháp Ức niệm Tỳ-ni". Vị Bí-sô ấy liền đối trước đại chúng cầu xin đại chúng làm pháp Ức niệm Tỳ-ni. Bấy giờ đại chúng theo như bậc Đại sư chỉ dạy ban cho pháp Ức niệm Tỳ-ni. Vị Bí-sô ấy đã nhớ ra, biết rõ thì liền xuất tội, diệt trừ sự tranh luận. Như vậy gọi là pháp Ức niệm Tỳ-ni để diệt trừ sự tranh luận. Nhờ pháp này nên khiến cho việc tranh chấp được tiêu diệt.

Sao gọi là pháp Bất si Tỳ-ni để diệt trừ sự tranh luận? Này A-nan, đó là nếu có Bí-sô bị si cuồng tâm loạn do đau yếu về thần kinh gây ra. Tuy được nghe nhiều, nhưng không thể thuận hành với pháp đã nghe, trái lại, nói năng tạp loạn, rồi bỏ chúng mà đi. Bí-sô ấy về sau tâm ý được bình thường trở lại, các Bí-sô khác nói: "Ông đã phạm tội này, nên vào trong chúng cầu xin đại chúng làm pháp Bất si Tỳ-ni". Bí-sô ấy liền đối trước đại chúng cầu xin đại chúng làm pháp Bất si Tỳ-ni. Bấy giờ đại chúng theo như bậc Đại sư chỉ dạy, ban cho vị ấy pháp Bất si Tỳ-ni. Vị Bí-sô ấy được ra khỏi tội rồi, thì sự tranh luận cũng tiêu diệt. Như vậy gọi là pháp Bất si Tỳ-ni để diệt trừ sự tranh chấp. Nhờ pháp này nên có thể khiến cho sự tranh luận được chấm dứt.

Sao gọi là pháp Tự ngôn trị để diệt trừ sự tranh luận? Này A-nan, đó là nếu có Bí-sô không biết hình tướng của tội, lại nói rằng: "Biết nhiều, hiểu nhiều", rồi ở trong chúng phát ngôn như vầy: "Tôn giả, tôi đối với mọi sự lợi dưỡng khó mà đạt được". Các Bí-sô khác bảo: "Ông đối với tội tướng, không biết, không hiểu mà nói biết nhiều, hiểu rộng. Ông phạm tội này, nên đối trước đại chúng cầu xin đại chúng để sám hối, tạ tội". Vị Bí-sô ấy liền vào trong chúng cầu xin đại chúng thương xót rồi tự hối trách. Bấy giờ đại chúng theo như bậc Đại sư chỉ dạy, ban cho pháp Tự ngôn trị. Vị Bí-sô được ra khỏi tội rồi, thì sự tranh chấp liền chấm dứt. Do pháp này có thể khiến cho sự tranh chấp được dứt trừ.

Sao gọi là pháp Đa nhân ngữ diệt trừ sự tranh chấp? Này A-nan, đó là nếu hai Bí-sô cùng ở một chỗ, sự tranh luận bỗng nhiên dấy khởi, buông ra nhiều lời lẽ đưa đến sự tranh cãi dữ dội. Ai

cũng chấp vào lời nói của mình: có lời nói đúng pháp, có lời nói phi pháp, có lời nói đúng luật, có lời nói sai luật, có lời nói cho là có tội, có lời nói cho là không có tội. Khi sự việc diễn ra như thế, nên chấm dứt được thì tốt, còn không thì hai vị Bí-sô ấy phải lìa trú xứ của mình, đi đến chỗ khác mà còn tiếp tục tranh cãi thì phải lìa chỗ ấy nữa, trong khoảng nữa đường mà chấm dứt việc tranh luận đó là tốt, nếu không thì nhiều chúng Bí-sô phải hợp lại để tìm giải pháp để xử lý, dàn xếp chấm dứt sự tranh cãi. Có vị dùng kinh để phân biệt nói, có vị dùng luật để phân biệt nêu bày, có vị dùng Ma-đát-lý-ca (Luận tạng) để phân biệt giảng nói. Nhờ có nhiều người phân biệt giảng giải, cho nên sự tranh luận của hai Bí-sô được chấm dứt. Như vậy gọi là pháp Đa nhân ngữ để diệt trừ sự tranh chấp. Nhờ pháp này nên sự tranh chấp được dứt trừ.

Sao gọi là pháp Tri sở tác diệt trừ sự tranh luận? Này A-nan, đó là nếu Bí-sô phạm tội, tự biết là mình đã phạm, hoặc nói cho người khác biết, hoặc không nói cho người khác biết, tự nhớ nghĩ rồi đi đến chỗ Tỳ-kheo khác, cởi giày dép, đứng trước vị Bí-sô ấy, trạch vai áo, gối bên phải quỳ sát đất, ba lần xưng tên họ, rồi thưa: "Tôi phạm tội ấy, không dám che giấu, nên đi đến Tôn giả cầu xin sám hối. Cúi mong Tôn giả hoan hỷ giúp đỡ". Bấy giờ vị Tôn giả kia liền nhận sự sám hối đó. Vị Bí-sô ấy được thanh tịnh rồi, Tôn giả kia nói: "Bí-sô đã thấy tội tướng này chăng?". Bí-sô đáp: "Tôi đã thấy tội tướng này". Tôn giả lại nói "Bí-sô nên theo đúng như pháp mà phụng trì luật nghi". Vị Tôn giả nói lên ba lần vậy. Đó gọi là pháp Tri sở tác diệt trừ sự tranh chấp. Nhờ pháp này nên sự tranh chấp được chấm dứt.

Sao gọi là pháp Như thảo phú địa diệt trừ sự tranh luận? Này A-nan, đó là các chúng Bí-sô ở tại một chỗ, cùng khởi lên sự tranh cãi, chia làm hai nhóm. Bấy giờ, trong mỗi nhóm, những người lớn tuổi ở một chỗ với người lớn tuổi, người biết pháp ở một chỗ với người biết pháp, các vị thượng thủ ở một chỗ với các vị thượng thủ. Ở trong nhóm đó, có Bí-sô vì lợi dưỡng nên khởi ra sự tranh luận, đối với các vị trong chúng mình nói như vầy: "Nhà bạch y ở xứ kia dễ có được lợi dưỡng. Tôi ở nơi đó theo đúng như pháp luật mà thuyết giảng. Có Bí-sô khác vì nguyên do ấy nên đối với tôi mới gây ra tranh chấp. Này

chư Đại đức, nếu tôi vì việc ấy mà phạm tội tranh chấp, mong các đại đức xả bỏ tội này cho tôi, kể cả việc tôi cố ý vào nhà bạch y, cũng đều xin sám hối trừ bỏ. Vì phạm tội Đột-kiết-la, nên tôi từ nay về sau không làm việc ấy nữa. Nếu có làm, tôi sẽ đến các đại đức cầu xin sám hối, không dám che giấu". Khi Bí-sô này làm pháp sám hối như vậy, nếu trong nhóm chỉ có một Bí-sô không chấp nhận cho sám hối thì vị Bí-sô ấy liền đi tới nhóm khác, cởi bỏ giày dép, trạch vai áo, đến chỗ các thượng tọa cao niên lần lượt thăm hỏi rồi trở lại trước vị Thượng tọa, gối bên phải quỳ sát đất, chắp tay bạch với đại chúng: "Thưa chư Đại đức, nhà bạch y ở chốn kia dễ có được lợi dưỡng, con ở trong đó theo đúng như pháp luật mà thuyết giảng. Có Bí-sô khác, vì nguyên do ấy nên khởi ra tranh cãi với con, con liền ở trong đại chúng như pháp xin sám hối. Nhưng trong đại chúng ấy có một vị Bí-sô không chấp nhận cho con sám hối, nên con đến đây cầu xin sám hối. Thưa chư Đại đức, nếu con do việc này mà phạm tội tranh chấp, xin các Đại đức xả bỏ việc này cho con... kể cả việc con từ nhà bạch y đi ra, cũng đều xin sám hối, tiêu trừ việc phạm tội Đột-kiết-la. Cho nên hôm nay, đối trước các đại đức, cầu xin sám hối, những điều con làm không dám che giấu, cúi xin các Đại đức chấp thuận cho sự sám hối của con, hoan hỷ giúp đỡ".

Bấy giờ đại chúng liền chấp nhận sự sám hối, vị Bí-sô này đã được thanh tịnh. Vị Thượng tọa trong đại chúng hỏi: "Bí-sô đã thấy tội tướng ấy chăng?". Bí-sô đáp: "Con đã thấy tội tướng ấy." Vị Thượng tọa nói: "Bí-sô nên theo đúng như pháp để phụng trì luật nghi". Vị Thượng tọa nói ba lần như thế.

Bấy giờ, trong nhóm bên kia cũng như nhóm bên này: vị lớn tuổi ở một chỗ với các vị lớn tuổi, vị biết pháp ở một chỗ với các vị biết pháp, thượng thủ ở một chỗ với các vị thượng thủ. Khi ấy, ở trong nhóm có Bí-sô vì lợi dưỡng nên khởi ra sự tranh chấp, ở trong chúng mình, tự nói như vầy: "Nơi nhà bạch y kia được lợi dưỡng. Tôi ở trong đó theo đúng như pháp luật mà thuyết giảng. Có Bí-sô khác vì nguyên do này nên khởi ra sự tranh luận..." Như vậy cho đến lần thứ hai, thứ ba, hỏi đáp những việc, như đã nói ở trước.

Này A-nan, tất cả các Bí-sô biết tự mình có phạm tội tranh cãi, qua lại trình bày, sám hối, cùng nhau gặp gỡ, cung kính thăm hỏi, liền

diệt trừ nguyên do của sự tranh chấp, đình chỉ các lời bàn cãi, không còn một chút pháp nào phân biệt dấy khởi nữa, như vậy gọi là pháp Như thảo phú địa diệt trừ sự tranh chấp. Nhờ pháp này nên có thể khiến cho sự tranh chấp được chấp dứt.

Này A-nan, bảy pháp diệt trừ sự tranh chấp như vậy, các vị Bí-sô, phải nên ghi nhớ.

Lại nữa, này A-nan, có sáu thứ pháp Hòa kính các Bí-sô hãy lắng nghe, tác ý đúng lý, khéo ghi nhớ, nay Ta sẽ nói cho các thầy. Những gì là sáu?

Đó là thân nghiệp làm việc từ hòa, thường ở chỗ Phật tịnh tu phạm hạnh, đối với chánh pháp luôn tôn trọng, kính lễ, theo đúng như lý tu hành. Đối với chúng Bí-sô cùng sống hòa hiệp. Đó gọi là pháp hòa kính của thân nghiệp.

Lại nữa, đối với ngữ nghiệp luôn nói lời từ hòa, không nói lời tranh cãi chống trái. Đó gọi là pháp hòa kính của ngữ nghiệp.

Lại nữa, đối với ý nghiệp luôn khởi ra ý nghĩ từ hòa, không hề chống đối. Đó gọi là pháp hòa kính của ý nghiệp.

Lại nữa, nếu được sự lợi ích của pháp và sự lợi dưỡng nơi thế gian đều thọ lãnh như nhau. Hoặc có lúc ôm bát theo thứ lớp khất thực, tùy theo chỗ nhận được đồ ăn uống, các vật phải thưa cho chúng biết, cùng chúng đồng thọ, không nên giấu để dùng riêng. Nếu chúng đồng biết, tức đồng phạm hạnh. Đó gọi là pháp hòa kính về lợi dưỡng.

Lại nữa, đối với giới không phá, không dứt bỏ, giới lực kiên cố, lìa cấu uế, đạt được thanh tịnh, biết thời, biết xứ, phổ biến bình đẳng, thọ nhận đồ ăn uống của tín thí cúng dường. Như vậy tịnh giới cùng nhau tu học, cùng nhau hiểu biết, đồng tu phạm hạnh. Đó gọi là pháp hòa kính về giới luật.

Lại nữa, nếu thấy được trí tuệ của bậc Thánh đưa đến con đường chứng ngộ giải thoát, dẫn đến việc ra khỏi biên giới tận cùng của sự khổ, đối với các tướng như vậy, nhận biết đúng như thật rồi cùng nhau hành hóa, cùng nhau hiểu biết, cùng tu phạm hạnh. Đó gọi là pháp hòa kính về kiến giải.

Những pháp như vậy gọi là sáu pháp hòa kính.

Này A-nan, như trước Ta đã nói về gốc rễ của sự tranh chấp, các

Bí-sô, phải nên đoạn trừ. Đối với bảy pháp diệt trừ sự tranh chấp, các thầy cần phải biết rõ. Các việc tranh chấp chưa dấy khởi hoặc đã khởi ra, đều khiến cho nó chấm dứt. Nên cùng nhau tu tập pháp Lục hòa kính. Này các Bí-sô, nếu thực hành như vậy thì dù ở Đông, Tây, Nam, Bắc, theo chốn nơi đi đến, hoặc dừng, hoặc đi, đều khiến cho các Bí-sô đạt được an lạc, xa lìa các sự tranh chấp. Cho đến sau khi Ta nhập Niết-bàn, đều khiến cho các chúng Bí-sô, dù ở nơi đâu, cũng thường được an lạc, như Ta hiện tại ở đời thuyết pháp, giáo hóa chúng sanh chẳng khác.

❑

SỐ 86

PHẬT NÓI KINH NÊ-LÊ

Hán dịch: Đời Đông Tấn, Đại sư Trúc Đàm Vô Lan, người Tây vực.

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ. Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Phàm con người có ba việc khiến trở nên ngu si, chẳng đủ hình tướng trung bình. Những gì là ba? Đó là người ngu si nghĩ điều ác, nói điều ác và làm điều ác, đời này gặp phải tai ương, làm cho thân khổ, niệm khổ và ưu khổ.

Thế nào là ưu khổ?

Đó là người ngu si đi theo người trí, người trí bảo: người si mê làm ác, khi chết phải đọa vào trong cõi Nê-lê địa ngục. Người si mê trong tâm nhớ lời của người trí nói: "Nếu ta làm ác, khi chết phải đọa vào Nê-lê". Đó là Ưu khổ.

Thế nào là niệm khổ?

Người si mê thấy kẻ ăn cắp của cải, bị xử trị tàn khốc: hoặc trói gô lại, chặt chân chặt tay rồi ném cho hổ đói ăn, hoặc bỏ vào trong bao rồi dùng lửa đốt, hoặc dùng dao sắt chặt đứt từng khúc, hoặc để dưới đất khiến cho voi chà, hoặc bỏ trong nồi sắt mà chưng, hoặc cột cả tay chân lại rồi phanh thây. Người ngu tự nghĩ: "Kẻ ác tạo ra tội trạng nên mới khiến cho quan trên bắt mà xử trị như vậy. Giả sử quan trên biết ta làm ác cũng sẽ bắt ta như thế". Đó gọi là niệm khổ.

Thế nào là thân khổ?

Người ngu si từ sáng đến tối, nằm, ngồi chưa từng được an ổn, tâm thường nghĩ điều ác, miệng thường nói điều ác, thân thường làm

điều ác. Làm điều ác rồi, sau khi bị bệnh liền tự thấy người bị đốt cháy trong nồi nơi Nê-lê. Khi thấy người bị đốt, khi thấy người bị nấu, do làm điều ác nên trở lại làm khổ con người. Thí như sau giờ ngọ, bóng mình ngã dài trên đất, con người dần dần rơi vào Nê-lê, người ác liền tự nghĩ: "Ta sống ở thế gian ưa sát sanh, ưa trộm cắp, ưa xâm phạm phụ nữ của người, ưa dối gạt người khác, ưa nói hai chiều, ưa nói lời thô ác, ưa nói dối, ưa ganh ghét, ưa tham lam keo kiệt, không tin có Phật, không tin có kinh, không tin là đã tạo nhân duyên sẽ có tội phước, không tin có đời sau sanh ra khiến cho ta chết phải đọa vào Nê-lê". Đó là thân khổ.

Đức Phật dạy:

–Giả sử khiến cho người ác, có mắt như mắt của Ta, thấy người ác hướng đến chỗ xấu ác, bị xử trị như vậy thì kẻ làm ác trong lòng lo sợ, quá đỗi kinh hãi mà chết.

Đức Phật dạy:

–Muốn biết sự đau khổ cùng tột không thể chịu nổi, thì đó chính là Nê-lê. Chúng sanh sống trong cõi Nê-lê phải chịu muôn ngàn khổ bức, không thể nói hết được.

Các Tỳ-kheo đều quỳ xuống, thưa:

–Chúng con mong được nghe thí dụ về sự đau khổ trong địa ngục cõi Nê-Lê.

Đức Phật dạy:

–Thí như quan trên bắt được nghịch tặc, dẫn đến trước vua, tâu: "Kẻ này phản nghịch, làm hại nước hại nhà". Nhà vua bảo quan dùng mâu đâm một trăm lần. Sáng hôm sau, vua hỏi: "Người đó như thế nào?". Thưa: "Vẫn còn sống". Vua bảo: "Lại đâm tiếp một trăm lần". Sáng hôm sau nữa, vua hỏi: "Người đó ra sao?". Thưa rằng: "Vẫn còn sống". Vua sai đâm tiếp một trăm lần nữa.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Như thế người ấy bị đâm ba trăm ngọn mâu. Vậy có chỗ nào trên thân còn nguyên vẹn như lá táo chăng?

Các Tỳ-kheo thưa:

–Không còn chỗ nào nguyên vẹn.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Người ấy bị đâm ba trăm vết thương, vậy có đau đớn không?

Các Tỳ-kheo thưa:

–Người ta chỉ cần bị đâm một mâu thì toàn thân đều đau đớn, huống chi bị đâm tới ba trăm ngọn mâu?

Đức Phật cầm một cục đá nhỏ trong bàn tay, bảo các Tỳ-kheo:

–Hòn đá này lớn hay núi Thái sơn lớn?

Các Tỳ-kheo thưa:

–Hòn đá trong tay Đức Phật nhỏ, làm sao sánh nổi với hòn núi, dù muốn so sánh tăng lên ức ức vạn lần thì hòn đá ấy cũng không thể bằng ngọn núi lớn được.

Đức Phật dạy:

–Sự thống khổ trong cõi Nê-lê so với sự đau khổ bị mâu đâm thì sự đau khổ này dù tăng lên hàng ức ức vạn lần cũng không bằng sự đau khổ ở trong Nê-lê được. Hòn đá nhỏ ở trong bàn tay ví như ba trăm mũi giáo đâm vào, còn hòn núi thì ví như sự thống khổ trong Nê-lê. Người ngu si tâm nghĩ ác, miệng nói lời ác, thân làm ác, sau khi chết phải đọa vào Nê-lê. Ở trong cõi Nê-lê, có loài quỷ dữ bèn đi trước dẫn người ấy theo, dùng móc câu móc vào họng, vào cằm, khiến cho miệng phải mở ra, rồi dùng nước đồng sôi đổ vào, làm cho môi, lưỡi, ruột, và bao tử đều bị cháy tiêu, rồi nước đồng sôi lại chảy tràn ra ngoài, đau đớn không thể kể xiết. Do người ấy lúc còn sống ở thế gian cầu tìm của cải một cách trái phép để có các thức ăn uống, cho nên giờ phải bị nước đồng sôi rót vào miệng. Nỗi khổ trong địa ngục Nê-lê là như vậy. Quỷ trong Nê-lê dùng móc câu bắt người, chúng móc hàm trên, hàm dưới làm cho miệng mở ra rồi lấy chày sắt nóng đâm vào trong cổ họng, làm cho môi, lưỡi, ruột, bao tử đều cháy tan. Sự đau khổ dữ dội không thể chịu được như vậy, nhưng do chưa hết nghiệp nên vẫn không chết. Sự đau khổ trong Nê-lê là thế.

Quỷ trong Nê-lê lại bắt người leo lên núi sắt, dùng lửa đốt núi khiến hòn núi đỏ rực, tội nhân chạy lên, chạy xuống trên núi ấy sự thống khổ không sao chịu nổi. Nhưng do tội ác của kẻ ấy chưa hết nên vẫn không chết. Sự thống khổ trong Nê-lê là như thế.

Quỷ trong Nê-lê lại bắt tội nhân rồi dùng búa được nung đỏ rực chặt tay, chặt chân, chặt làm trăm mảnh, đứt ra từng khúc. Nỗi khổ ấy không thể chịu nổi, nhưng do tội ác chưa hết nên vẫn chưa chết. Sự thống khổ trong Nê-lê là như thế.

Quỷ trong Nê-lê lại bắt tội nhân rồi dùng cái rìu sắt chặt đứt thân, toàn thân xương thịt của tội nhân đều bị chặt đứt. Sự khổ ấy không sao chịu nổi, nhưng do tội ác chưa hết nên vẫn chưa chết. Nỗi thống khổ trong Nê-lê là như thế.

Trong địa ngục còn có loại chim mỏ như sắt nhọn, luôn mổ vào đầu người, ăn não người, sự khổ ấy không sao chịu nổi, nhưng do tội ác chưa hết nên vẫn không chết được. Nỗi thống khổ trong Nê-lê là như thế.

Trong Nê-lê lại có bầy thú lạc đà dữ bắt người mà ăn, nghiến răng trèo trẹo, nổi đau đớn ấy không sao chịu nổi. Do tội ác chưa hết nên vẫn chưa chết. Sự thống khổ trong Nê-lê là như thế.

Trong Nê-lê có quỷ sứ bắt người rồi dùng dao xẻ dọc hai bên bàng quang, ruột non, cho đến hai bên hông, rồi dùng xe sắt buộc vào thịt nơi hai bên hông của tội nhân vào, đốt lửa đỏ rực nơi xe, bắt tội nhân kéo qua kéo lại trên đó. Sự khổ ấy không sao chịu nổi, nhưng do tội ác chưa hết nên kẻ ấy vẫn không chết. Sự thống khổ ở trong Nê-lê là như vậy.

Quỷ ở trong Nê-lê lại nắm hai chân tội nhân dốc ngược lên trời, đầu chúc xuống đất rồi quăng vào trong chảo nước sôi sùng sục. Tội nhân ở dưới đáy chảo cũng chín, nổi lên trên cũng chín. Nước sôi làm tội nhân nổi lên chìm xuống trong chảo, chẳng chỗ nào là chẳng nhừ. Thí như nấu đậu, trên dưới đều chín, đậy nắp cũng chín, mở nắp cũng chín. Tội nhân ở trong Nê-lê đều bị chín nhừ, dù ở phương Đông hay phương Tây, phương trên hay phương dưới cũng vậy. Do con người lúc còn sống ở thế gian, tự mình buông lung tâm, buông lung miệng, buông lung thân nên mới bị như vậy.

Quỷ ở trong Nê-lê lại bắt tội nhân nằm trên mặt đất cháy đỏ, dùng năm thứ độc để khảo tra, lấy đinh đang cháy đóng vào tay trái, đóng vào tay phải, lại lấy đinh đang cháy đóng vào chân phải, đóng vào chân trái, lại dùng đinh đang cháy đóng vào tim, xuyên qua đất. Những sự đau khổ độc hại như vậy không sao chịu nổi. Do tội ác của họ chưa hết nên họ vẫn không chết được. Nỗi thống khổ trong Nê-lê là như vậy.

Quỷ trong Nê-lê lại nắm tay tội nhân dẫn vào trong thành ngục Nê-lê. Thành của Nê-lê có bốn hướng, bốn mặt đều có cửa thành,

kiên cố, đều có quỷ giữ cửa. Thành này tường vách và mặt đất đều làm bằng sắt, trên thành lại dùng sắt bao phủ, không ai thoát được. Mặt đất thì nung đốt đỏ rực, chu vi bốn ngàn dặm. Tường phía Đông lửa cháy tới tường phía Tây, tường phía Tây lửa cháy tới tường phía Đông, tường phía Nam lửa cháy tới tường phía Bắc, tường phía Bắc lửa cháy tới tường phía Nam, lửa ở trên cháy thẳng xuống đất, lửa dưới đất cháy thẳng lên trên. Các người ác nếu phạm mười điều sau đây đều bị đọa vào ngục đó: Sát sanh, trộm cắp, xâm phạm phụ nữ của người khác, lừa dối, nói hai lưỡi, nói lời xấu ác, nói láo, ganh ghét, tham lam keo kiệt, không tin Phật, không tin Pháp, không tin sự tạo nhân sẽ có quả báo tai ương hay phước đức. Những tội nhân như vậy dẫy đầy trong Nê-lê, sự thống khổ độc hại ở đấy kéo dài ngàn vạn năm. Rồi thấy từ xa, cửa ở phía Đông mở ra, tội nhân đều chạy đến, chân vừa chạm đất thì liền bị cháy sạch, giở chân lên thì thịt lại liền như cũ. Người nào chạy qua được thì liền qua, người nào chưa qua được thì bị cửa đóng lại. Người thấy mình đã qua khỏi cửa cũng như người chưa qua khỏi cửa, hai chân không thể bước được. Quỷ giữ cửa nói:

–Này người ác đã chết, ngươi đến dưới cửa mong cầu việc gì?

Đáp:

–Tôi đói và khát.

Quỷ sứ liền lấy móc câu móc cả hàm trên hàm dưới, khiến miệng tội nhân mở ra, rồi lấy nước đồng sôi đổ vào làm cho môi, lưỡi, ruột, bao tử, đều cháy sạch, nước đồng bèn chảy tràn ra ngoài. Do người ấy lúc còn sống ở thế gian cầu tìm tiền của mà không có đạo lý, phạm điều ác nghịch nên phải lãnh lấy quả báo ấy. Sự thống khổ trong Nê-lê là như vậy.

Lại có Nê-lê luôn rực đỏ như than nung sắt ở thế gian, rộng khoảng mấy ngàn dặm. Tội nhân đều chạy ra khỏi thành, ào vào trong ngục Nê-lê lửa than, bị thiêu nướng, cháy chín chẳng bao giờ ngừng. Sự đau khổ không sao chịu nổi, nhưng do tội ác chưa hết nên vẫn chưa chết được. Nỗi thống khổ trong Nê-lê là như thế.

Lại nữa, trong ngục Nê-lê Hàn băng rộng mấy ngàn dặm, tội nhân vào nơi ấy đều bị lạnh cóng, run sợ, tan nát, sự khổ ấy không sao kể xiết, nhưng do tội ác chưa hết nên vẫn chưa chết. Nỗi thống khổ

trong Nê-lê là như vậy.

Lại nữa, trong ngục Nê-lê Phất thỉ chu vi mấy ngàn dặm, phân nóng sôi sục hôi thối. Tội nhân chạy vào trong đó liền bị chín nhừ. Sự khổ cực không sao chịu nổi, nhưng do tội ác chưa hết nên vẫn chưa chết. Sự thống khổ trong Nê-lê là như thế.

Lại nữa, trong ngục Nê-lê máu mủ, chu vi mấy ngàn dặm, hôi thối không sao nói được, máu mủ luôn sôi sùng sục. Khi tội nhân vào trong đó, hình thể đều bị chín nhừ, bại hoại, bị chim quạ ăn thịt. Sự thống khổ không sao chịu nổi, nhưng do tội ác chưa hết nên vẫn chưa chết. Nỗi thống khổ trong Nê-lê là như vậy.

Lại nữa, khi vào địa ngục núi đao cắt đầu, chu vi mấy ngàn dặm, tội nhân từ nơi Nê-lê máu mủ chạy vào đây muốn lên núi, trên núi có đao nên liền bị cắt chân, cắt tay, cắt bụng, cắt lưng, cắt xương cổ, cắt hông. Sự khổ cực không sao chịu nổi, nhưng do tội ác chưa hết nên vẫn chưa chết. Nỗi thống khổ trong Nê-lê là như thế.

Lại nữa, nơi địa ngục Kiếm thọ, cây nhánh đều giống như kiếm. Tội nhân vào trong đó liền bị kiếm đâm vào ngực, đâm vào hông, đâm vào lưng, đâm vào tay, đâm vào chân, đâm vào thân, trước sau đều bị cắt đứt. Sự khổ cực ấy không sao kể xiết. Do tội ác chưa hết nên vẫn không thể chết. Nỗi thống khổ trong Nê-lê là như vậy.

Lại nữa, nơi địa ngục Thiết trúc lô, rộng đến mấy ngàn dặm. Cây lá đều giống như dao bén. Tội nhân vào trong đó thì bị gió thổi vào cây tre làm chấn động lá, lá xâu suốt qua xương thịt của tội nhân, hình thể chẳng chỗ nào còn nguyên vẹn. Sự khổ cực ấy không sao chịu nổi, nhưng do tội ác chưa hết nên vẫn chưa chết. Nỗi thống khổ trong Nê-lê là như thế.

Lại nữa, nơi ngục Nê-lê nước mặn, rộng mấy ngàn dặm, nước mặn như muối sôi sùng sục, trong nước có loài chim mỏ như sắt nhọn, luôn mổ vào da, vào xương của tội nhân, tội nhân không sao chịu nổi sự khổ cực ấy, nên liền bơi qua sông. Quỷ canh giữ địa ngục hỏi:

–Này kẻ ác đã chết, các ngươi tìm cầu cái gì?

Tội nhân đáp:

–Chúng tôi bị khổ vì đói khát.

Quỷ liền lấy móc câu móc hàm trên và hàm dưới tội nhân khiến cho miệng phải mở ra, lại dùng nước đồng sôi đổ vào làm cho môi

cháy, lưỡi, yết hầu cũng cháy, năm tạng ở trong người đều bị cháy sạch, rồi nước đồng liền chảy tràn ra ngoài. Tội nhân ấy không thể chịu đựng nổi, lại vào trong nước muối sôi chịu sự khổ não như trước, không thể chịu được; lại vào trong địa ngục Thiết trúc lô, bị khổ bức như trước, không sao chịu nỗi; lại vào trong địa ngục Kiếm thọ, bị khổ não như trước, không sao chịu được; lại vào trong địa ngục núi dao cắt đầu, bị khổ bức như trước, không sao chịu được; lại vào trong địa ngục Nùng huyết, bị khổ não như trước, không sao chịu được; lại vào trong địa ngục Phất thỉ bị khổ cực như trước, không sao chịu được; lại vào trong địa ngục Khôi hỏa (tro lửa) bị khổ bức như trước, cũng không sao chịu được; lại vào địa ngục Thiết thành, khổ cực cũng không sao chịu nổi. Ở cửa Đông địa ngục, sự khổ như vậy. Ở cửa địa ngục phía Nam, phía Tây, phía Bắc bao nỗi khổ bức cũng như vậy. Sự thống khổ trong cõi Nê-lê là như thế.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Sự khổ bức trong Nê-lê không sao kể xiết. Ta chỉ lược nói qua để cho các vị nghe biết mà thôi.

Đức Phật dạy:

–Người làm ác sanh trong loài súc sanh, ăn cỏ và cây lá, có lưỡi để liếm, răng để cắn. Loài dùng lưỡi để liếm và răng để cắn là những loài gì? Đó là trâu, bò, ngựa, lừa, voi, lạc đà.... Như vậy, nhiều người lúc còn sống ở thế gian, tâm nghĩ ác, miệng nói ác, thân làm ác. Sau khi chết, dần dà làm loài súc sanh chịu sự khổ bức như thế.

Đức Phật dạy:

–Có loài cầm thú sanh nơi tối tăm, lớn lên ở nơi tối tăm, chết cũng ở nơi tối tăm. Đó là loài gì? Đó là loài rắn, chuột, chồn, rái cá, sâu kiến... Những loài như vậy rất nhiều. Đó là con người lúc còn sống ở nhân gian tâm nghĩ ác, miệng nói ác, thân làm ác. Sau khi chết, dần dần chuyển biến làm loài cầm thú, chịu sự khổ bức như vậy.

Đức Phật dạy:

–Có loài vật có vảy sanh trong nước, lớn lên trong nước, chết trong nước. Đó là loài gì? Đó là loài thuồng luồng, cá, rùa, cá sấu... như vậy rất nhiều. Là do con người lúc còn sống ở thế gian tâm nghĩ ác, miệng nói ác, thân làm ác, cho nên sau khi chết dần dần chuyển biến làm loài vật có vảy sống dưới nước, khổ bức như thế.

Đức Phật dạy:

–Có loại vật nhỏ nhít sanh trong chỗ hôi thối, lớn lên trong chỗ hôi thối, chết trong chỗ hôi thối. Những loại gì sanh trong nơi ấy? Đó là loại trùng sanh nơi đất ẩm thấp, loại trùng sanh trong các ngòi rãnh, loại dòi sanh trong các hầm xí. Những loại như vậy rất nhiều. Do con người lúc còn sống ở thế gian tâm nghĩ ác, miệng nói ác, thân làm ác, sau khi chết sanh vào các loài ấy chịu sự khổ bức như vậy.

Đức Phật dạy:

–Có loại sâu bọ, vật nuôi chuyên ăn đồ bất tịnh. Y phục của con người từ xa đã bay mùi hôi thối, chúng liền chạy đến, nói: "Ta được đồ ăn!". Những loại gì chuyên ăn đồ bất tịnh? Đó là chó, heo, ruồi, bọ hung... Các loài thuộc về lãnh vực hôi thối như vậy rất nhiều. Do lúc còn sống con người ở thế gian tâm nghĩ ác, miệng nói ác, thân làm ác. Sau khi chết, dần dần chuyển sanh vào các loài ấy chịu sự đau khổ như thế.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Loài sâu bọ hoặc súc sanh như vậy rất nhiều. Ta chỉ nêu ra cho các vị nghe đôi phần sơ lược thôi.

Đức Phật dạy:

–Con người làm ác, sanh trong loài quỷ đói, thường ăn các thứ từ đại tiện, tiểu tiện. Vì sao chúng lại thường ăn những thứ ấy? Đó là do con người lúc còn sống ở thế gian tâm nghĩ ác, miệng nói ác, thân làm ác, keo kiệt, luôn tiếc đồ ăn uống cho nên phải sanh trong loài quỷ đói.

Lại nữa, có loài quỷ đói chuyên ăn máu và mủ. Đó là do con người lúc còn sống ở thế gian ưa đẹp mà làm ác nên khiến phải bị sinh vào loài quỷ đói ăn máu mủ. Trong loài quỷ đói có thứ chó đen, chó trắng chuyên cắn xé ăn da thịt của đám quỷ đói. Lại còn có loài chim chuyên mổ ăn não của đám quỷ ấy. Hoặc có loại quỷ đói mười năm chưa từng thấy nước, hoặc có loại một trăm năm chưa từng thấy nước. Hoặc là từ xa trông thấy nước chảy, muốn chạy tới đó để được ăn uống, nhưng đến nơi thì nước chẳng có. Hoặc là khi có nước thì biến thành nước đồng hay nước muối đang sôi, vừa muốn đến trước để uống thì liền bị đánh đuổi. Ở trong loài quỷ đói phải chịu nhiều khổ bức như thế.

Đức Phật dạy:

–Loài quỷ đói rất nhiều, ta chỉ nói đôi phần sơ lược mà thôi.

Đức Phật dạy:

–Con người ở trong ba đường ác khó mà thoát ra. Thí như nơi biển rộng chu vi tám vạn bốn ngàn dặm, có một con rùa mù, trên mặt nước có một khúc gỗ, trong khúc gỗ ấy có một cái lỗ. Con rùa mù ở dưới nước, trăm năm mới ngóc đầu lên một lần, vậy nó có thể chui vào được cái lỗ nơi khúc cây ấy chăng?

Các Tỳ-kheo thưa:

–Con rùa mù ấy trải qua trăm ngàn vạn năm còn e không thể chui vào đúng cái lỗ nơi khúc cây ấy. Vì sao như vậy?

Có lúc khúc cây ở phía Đông thì con rùa ở phía Tây.

Có khi khúc cây ở phía Tây thì con rùa ở phía Đông.

Có lúc khúc cây ở hướng Nam thì con rùa ở hướng Bắc.

Có khi khúc cây ở hướng Bắc thì con rùa ở hướng Nam.

Có lúc con rùa mù vừa ngóc đầu lên thì khúc cây bị gió thổi lên đất liền. Con rùa mù một trăm năm mới ngóc đầu lên một lần, hãy còn có lúc đút đầu lọt vào cái lỗ nơi khúc gỗ, chứ con người bị đọa vào ba đường ác mà được làm thân người trở lại còn khó hơn so với con rùa mù kia. Vì sao vậy? Vì con người ở ba đường ác đều không có tri thức, cũng không có giáo pháp chỉ dạy, không biết thiện ác, không biết cha mẹ, cũng không biết bố thí, lại ăn nuốt lẫn nhau, con mạnh nuốt con yếu. Những người ấy, thân chưa hề rời khỏi sự mổ xẻ, lột da, máu mủ đầy dẫy, họ từ khổ vào khổ, từ tối vào tối. Người làm ác phải chịu đựng sự khổ bức như vậy.

Đức Phật dạy:

–Thí như có người bị thua bạc, ngay từ đầu đã mất rất nhiều, cho đến mất cả vợ, con, ruộng, nhà, té ngã, quần áo chẳng còn gì cả, lại bị mắc nợ. Chủ nợ bảo đám tay chân dùng khói xông, lửa đốt.

Đức Phật dạy:

–Người thua bạc như vậy, sự mất ấy còn ít. Ban đầu mất rất nhiều, rồi đến mất vợ, con, ruộng, nhà, lại còn mắc nợ nên bị người ta xông khói, hơ lửa. Như vậy họ chỉ nghèo có một đời, so với người tâm nghĩ điều ác, miệng nói điều ác, thân làm điều ác, sau khi chết bị đọa vào ba đường ác, còn hơn kẻ thua bạc bần cùng ấy, vì phải ở trong ba

đường ác vô số kiếp. Giả như nơi ba đường ác mà được thoát ra, trở lại làm người, sanh vào nhà dân dã, ở nơi hoang vắng, hay làm con của nhà bần cùng đi ăn xin, hoặc phải vất vả, nhọc nhằn để tự mưu sống, nhưng cơm không đủ no, áo không đủ ấm. Tuy làm con trong những gia đình như thế lại còn bị hoặc què quặt, đui điếc không bằng người, hoặc sanh nơi nhà đồ tể chuyên sát sanh, hoặc sanh nơi các nhà bán trâu, bò, dê, heo, bắt cá, gà, chó, lang sói ... Từ cõi ác được thoát, lại làm con nơi những gia đình như thế, trở lại làm ác, sau khi chết sẽ lại sanh vào trong đường ác.

M

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ. Đức Phật dạy bảo các Tỳ-kheo:

–Ta dùng thiên nhãn xem xét mọi người trong nhân gian, sống chết, đẹp đẽ, xấu xí, cao quý, thấp hèn, con người sau khi chết được sinh vào đường tốt hay đường xấu là do con người lúc còn sống thân làm ác, miệng nói ác, tâm nghĩ ác, thường ưa nướng, giết chúng sanh để tế cúng quỷ thần, sau khi chết phải bị đọa vào trong Nê-lê (địa ngục). Nếu thân thường làm thiện, miệng thường nói điều thiện, tâm thường nghĩ thiện, khi chết liền được sanh lên cõi trời.

Đức Phật dạy:

–Con người giống như trời mưa, nước nổi bọt bóng, mưa từ trên trời rơi xuống, cái bong bóng nước này bể thì cái bong bóng kia thành. Con người sống ở thế gian lúc sanh lúc tử như bong bóng nước, vừa sanh liền diệt. Đức Phật dùng thiên nhãn xem thấy người trong thiên hạ, có người được sanh lên cõi trời, có người thì đọa vào cõi Nê-lê, có kẻ thì nghèo, có người thì giàu, có kẻ tôn quý, có người thấp hèn. Đó là do nhân thiện ác con người đã tạo ra.

Đức Phật nói:

–Ta đều biết rõ tất cả. Thí như trong đêm tối, hai bên cửa thành đều có thắp đuốc lớn. Có người ra cửa thành, có người vào cửa thành, có đến hàng vạn người. Con người từ trong bóng tối đều thấy đuốc sáng mà ra hay vào. Phật dùng thiên nhãn thấy người sanh lên cõi trời,

người bị đọa vào Nê-lê, như người từ trong bóng tối thấy ánh lửa sáng mà đi ra vào. Như người đứng trên lầu cao, phía dưới có mấy ngàn vạn nhà, người đứng trên lầu cao đều trông thấy hết.

Đức Phật dạy:

–Ta thấy người trong thiên hạ, khi chết được sanh lên cõi trời hay bị đọa vào Nê-lê như người đứng trên lầu cao thấy các ngôi nhà ở dưới thấp.

Đức Phật dạy:

–Như người chèo thuyền trong nước trong đều thấy cá, đá, các vật ở trong nước. Đức Phật dùng thiên nhãn xem thấy người trong thiên hạ sanh ở cõi trời hay vào cõi Nê-lê như người nhìn vào nơi nước trong.

Trong thiên hạ có hạt ngọc Minh nguyệt, dùng sợi tơ năm màu xâu lại, người xem hạt châu ngọc ấy đều thấy có năm màu sai khác, biết sợi tơ, biết tướng của hạt ngọc khi xâu sợi tơ. Đức Phật thấy con người trong thiên hạ từ đâu đến, sống, chết, thiện, ác, chuyển biến... như người xem hạt châu.

Đức Phật dạy:

–Ta thấy người trong thiên hạ bất hiếu với cha mẹ, không thờ kính Sa-môn, Bà-la-môn, không kính các bậc Trưởng lão, không thích bố thí, không sợ đời này tạo các đời sau phải chịu quả báo, những người như vậy khi chết liền bị đọa vào cõi Nê-lê, cùng tương kiến Diêm vương, liền bỏ ác theo thiện. Chủ đám ngục tốt nơi Nê-lê tên là Bàng. Bàng liền dẫn tội nhân đến chỗ Diêm vương. Nê-lê Bàng thưa:

–Người này lúc ở thế gian bất hiếu với cha mẹ, không thờ kính các bậc Sa-môn, Bà-la-môn, không tôn kính các Trưởng lão, không ưa bố thí, không sợ đời này đời sau, không sợ giới cấm. Xin vua xử trị tội ác của người này.

Diêm vương liền bảo người ấy đến trước nói:

–Như lúc làm người ở thế gian, sao không nghĩ đến sự dưỡng dục của cha mẹ? Những lúc trời nóng thì cha mẹ bồng đến chỗ mát, nhờ ơn bú mớm mà khôn lớn, tại sao lại bất hiếu với cha mẹ?.

Người ấy thưa:

–Tôi quả thật là người ngu si, kiêu mạn.

Diêm vương nói:

–Hãy xử trị như một kẻ gây tội lỗi. Tội ác của ngươi chẳng phải do cha mẹ, chẳng phải trời, chẳng phải do vua chúa, chẳng phải do Sa-môn, Bà-la-môn tạo ra. Nếu thân ngươi đã tạo tội, hãy tự nhận lãnh lấy. Đấy là lần hỏi thứ nhất của Diêm vương.

Ngươi có trông thấy người ở thế gian lúc bị bệnh khốn khổ kịch liệt, hết sức gầy ốm, tay chân không cử động được sao?

Người kia thưa:

–Tôi thật có thấy.

Diêm vương nói:

–Tại sao không tự sửa đổi cho tốt?

Người ấy thưa:

–Tôi quả thật là kẻ ngu si, kiêu mạn.

Diêm vương nói:

–Nếu thân ngươi tạo ra phải tự gánh lấy. Tội ác ấy chẳng phải do cha mẹ, chẳng phải do trời, chẳng phải do vua chúa, chẳng phải do Sa-môn, Bà-la-môn tạo ra. Nếu thân ngươi đã tạo ra, vậy phải tự nhận lấy. Đây là lần hỏi thứ hai của Diêm vương.

Ngươi không thấy lúc ở thế gian, người nam người nữ mắt không còn thấy, tai không còn nghe, cầm gậy mà đi, tóc đã trắng xóa, không còn như lúc thiếu niên nữa sao?

Người đó đáp:

–Tôi quả thật có thấy người già cầm gậy mà đi.

–Vậy sao lúc đó ngươi không sửa đổi cho tốt?

Người ấy thưa:

–Tôi quả thật là người ngu si, kiêu mạn.

Diêm vương nói:

–Tội ác ấy không phải do cha mẹ, chẳng phải do trời, chẳng phải do vua chúa, cũng chẳng phải do Sa-môn, Bà-la-môn tạo ra. Nếu thân ngươi đã tạo ra vậy phải tự gánh lấy. Đó là lần hỏi thứ ba của Diêm vương.

Ngươi lúc ở thế gian không thấy người nam người nữ chết, từ một ngày cho đến bảy ngày thân thể hư nát, bị hủy hoại, bị sâu kiến ăn, bị mọi người ghét bỏ sao? Nếu thấy như vậy tại sao không tự sửa đổi cho tốt?

Người ấy thưa:

–Tôi quả thật có thấy như vậy. Tôi là ngươi ngu si, kiêu mạn.

–Nếu có làm tại sao không hành động đúng đắn? Nếu hành động đúng đắn, thì miệng nói đúng đắn, tâm nghĩ đúng đắn. Tội ác này không phải do cha mẹ, không phải do trời, không phải do vua chúa, không phải do Sa-môn, Bà-la-môn tạo ra. Nếu thân ngươi đã tạo ra, tự ngươi phải thọ lấy. Đó là lần hỏi thứ tư của Diêm vương. Nếu lúc làm người ở thế gian, vậy ngươi có thấy quan lại bắt được kẻ cướp của, giết người hay bọn giặc cướp..., liền trói lại bỏ vào ngục để khảo tra, xét hỏi, hoặc dắt ra giữa đường chém giết, hoặc đem về sanh quán mà phanh thây, ngươi có thấy như vậy chăng?

Người ấy thưa:

–Quả thật tôi có thấy.

– Tại sao không tự sửa đổi cho tốt? Nếu khi làm người, sao lại tạo tác điều bất chánh? Phải theo đường chân chánh hoặc thân chân chánh, hoặc miệng chân chánh, hoặc tâm chân chánh!

Người ấy thưa:

–Tôi quả thật là ngu si, kiêu mạn.

–Nếu thân ngươi tạo thì ngươi phải tự gánh lấy. Tội ác này không phải do cha mẹ, trời, vua chúa hay Sa-môn, Bà-la-môn tạo ra. Thân ngươi đã tạo thì chính ngươi phải chịu. Đó là lần hỏi thứ năm của Diêm vương.

Khi đã chất vấn xong, ngục tốt Bàng của địa ngục liền dẫn tội nhân đến một thành bằng sắt, đó là cõi Nê-lê thứ nhất, gọi là A-tỷ-ma Nê-lê. Thành có bốn cửa, chu vi bốn ngàn dặm, bên trong có một cái chảo lớn rộng bốn mươi dặm, sâu cũng bốn mươi dặm, ngục tốt Bàng của Nê-lê dùng mâu đâm xóc tội nhân, bỏ vào trong chảo mà nấu. Trong vô số thành như vậy đều có lửa, tội nhân từ xa trông thấy, sầu não lo sợ, run lập cập. Những tội nhân vào đó có cả ngàn vạn. Ngục tốt Bàng của Nê-lê xua tội nhân vào trong ấy, cả ngày lẫn đêm không thể ra được. Tội nhân chạy ra bốn cửa để tìm đường tẩu thoát nhưng tất cả cửa đều bị đóng... Tội nhân ở trong đó cả ngàn vạn năm, lửa vẫn không tắt, tội nhân cũng không chết. Thật lâu, thấy cửa phía Đông tự mở, tội nhân đều chạy tới, muốn ra ngoài, vừa chạy đến thì cửa liền đóng lại. Những tội nhân muốn thoát khỏi lại phải tranh giành với những người ở trong cửa để mong thoát ra. Thỉnh thoảng lại thấy từ xa

cửa ở phương Nam mở, họ đều chạy đến thì cửa lại đóng, mọi tội nhân đều tranh giành với nhau ở trong cửa để mong được thoát ra. Rồi lại thấy từ xa cửa thành ở phía Bắc mở, tất cả tội nhân đều chạy đến thì cửa lại đóng, tất cả tội nhân ở trong cửa lại tranh giành nhau để mong thoát ra ngoài. Thỉnh thoảng lại thấy cửa ở phía Tây mở, tất cả tội nhân cũng đều chạy tới thì cửa lại đóng. Thỉnh thoảng bốn cửa lại mở ra, tất cả tội nhân đều chạy đến, được thoát ra ngoài, tự cho là đã giải thoát.

Lại vào trong cõi Nê-lê thứ hai là Cưu-diên, chân chạy dưới đất thì bị cháy, giở chân lên thì thịt lại liền như cũ. Có tội nhân chạy qua hướng Đông, chạy qua hướng Tây, lại chạy qua hướng Nam, rồi chạy qua hướng Bắc, đất ở chung quanh đều nóng cháy, trải qua mấy ngàn vạn năm mới chấm dứt, tự cho là đã được thoát khỏi.

Lại vào trong cõi Nê-lê thứ ba là Di-ly-ma-đức, ở đây có các loại trùng tên là Quật trác, mỏ như sắt, đầu đen. Loại trùng này thấy người liền chạy theo rỉa thịt, rúc rỉa xương tủy, cho đến lúc không còn gì cả, như vậy trải qua mấy ngàn vạn năm mới hết, tự cho là đã được thoát khỏi.

Lại vào cõi Nê-lê thứ tư là Băng-đa-la-đa, trong đó toàn là đá bén nhọn như dao. Tội nhân phải đi trên đầu những hòn đá ấy, có người muốn chạy, muốn được thoát ra, nhưng chẳng biết phải đi như thế nào, chân cẳng đều bị cắt rách vì đất đá đều như dao bén. Như vậy lại trải qua mấy ngàn vạn năm mới hết, tự cho là đã thoát khỏi.

Lại vào trong cõi Nê-lê thứ năm là A-di-ba-đa-hoàn, ở đấy thì có gió nóng, gió rất nóng, hơn cả lửa hừng nơi thế gian. Gió thổi vào thân, làm cháy tiêu thân thể tội nhân, ai cũng muốn tránh gió, nhưng thường bị gió nóng thổi qua, dù có trốn tránh cũng không thoát. Tội nhân cầu chết nhưng không thể chết, cầu sống cũng không thể sống. Như vậy trải qua mấy ngàn vạn năm mới được ra, tự cho là đã thoát khỏi.

Lại vào cõi Nê-lê thứ sáu là A dụ thảm Ba-lê-hoàn, trong đó có rất nhiều cây, các cây đều đâm vào người, giữa cây có quỷ nhập vào đấy, trên đầu của quỷ phun lửa, nơi miệng cũng phun lửa. Có mười sáu loại quỷ giữ việc đâm người, từ xa thấy người đi tới, vào chỗ lửa dữ dội, chúng bèn đến trước ăn thịt tội nhân. Mười sáu thứ quỷ ấy xâu

thân thể tội nhân lại, xé ra mà ăn. Tội nhân đều muốn thoát ra, hễ chạy trốn thì luôn gặp quỷ này. Như vậy trải qua mấy ngàn vạn năm mới hết, tự cho là đã được thoát khỏi.

Lại vào cõi Nê-lê thứ bảy là Thục tỷ vụ, ở đấy có loài trùng tên là Đôn. Tội nhân vào đó, loại trùng này liền bay vào miệng, ăn dần thân thể người. Tội nhân đều chạy tránh nhưng trùng ăn thịt người vẫn không để yên. Cả đám người luôn chạy khắp bốn hướng nhưng không thể ra được. Như vậy trải qua mấy ngàn vạn năm mới hết, tự cho là đã thoát khỏi.

Lại vào cõi Nê-lê thứ tám là Đàn-ni-du, trong đó có nước chảy xiết, tội nhân đều rớt vào đấy, hai bên bờ của dòng nước đều có nhiều gai nhọn. Nước ấy nóng hơn nước đang sôi của thế gian. Nước luôn sôi sùng sục, mọi người đều bị chín nhừ, muốn chạy lên bờ thì ở đó có quỷ cầm mâu đâm vào người, khiến lại rớt vào trong nước, không thể thoát ra được. Tội nhân đều theo dòng nước trôi xuống phía dưới, ở đấy lại có quỷ dùng móc câu mà câu. Hỏi:

–Các ngươi từ đâu đến đây?

Mọi người đều thưa:

–Tôi không biết từ đâu đến, cũng không biết phải đi như thế nào. Tôi quá khổ vì đói khát, chỉ muốn chạy kiếm đồ ăn uống mà thôi.

Quỷ bảo:

–Ta sẽ cho ngươi ăn.

Tức thì lấy nước đồng sôi đổ vào miệng khiến mọi thứ bên trong người đều cháy tiêu. Như vậy cầu chết không chết, cầu sống cũng không sống được. Bởi vì người đó lúc ở thế gian làm ác, cho nên cầu thoát khỏi mà không thoát nổi.

Các tội nhân trong Nê-lê lại được thả ra, tự cho là đã thoát khỏi, nhưng lại vào trong địa ngục thứ bảy. Quỷ nơi cõi Nê-lê này lại đón hỏi:

–Đã đi sao lại trở vào?

Các người ấy đều nói:

–Chúng tôi quá khổ vì đói khát.

Họ liền đi vào địa ngục thứ sáu, từ địa ngục thứ sáu lại vào địa ngục thứ năm, rồi vào địa ngục thứ bốn, lại vào địa ngục thứ ba, địa ngục thứ hai, địa ngục thứ nhất, mong ra khỏi cõi địa ngục A-tỳ-ma.

Từ xa thấy thành sắt, tất cả đều vui mừng hô lớn:

–Muôn năm!

Diêm vương nghe liền hỏi quỷ Bàng:

–Đó là những tiếng gì vậy?

Nê-lê Bàng liền tâu:

–Đó là tiếng hô. Các người này trước đây đã trải qua trong các cõi Nê-lê rồi.

Diêm vương bảo:

–Họ là những người bất hiếu với cha mẹ, không sợ trời, không sợ vua chúa, không kính thờ tiên tổ, không vâng theo lời dạy của các Sa-môn, Bà-la-môn, không sợ giới cấm.

Diêm vương lại nhìn, rồi nói:

–Ta chính là Diêm vương. Nay nếu các ngươi được thoát khỏi, lại được làm con của người khác, phải nên hiếu thuận, phải khéo thờ Sư trưởng, phải sợ trời, phải sợ vua chúa, phải vâng lời chỉ dạy của các bậc Sa-môn, Bà-la-môn, hãy giữ tâm chân chánh, miệng nói lời chân chánh, thân làm việc chân chánh; người sống ở thế gian thấy tội ác nhỏ mà coi thường, chính là tội ác rất nặng ở Nê-lê. Nếu gặp Sa-môn, Bà-la-môn phải nên vâng lời, thờ kính, sau đó sẽ được độ thoát khỏi đường ác cực khổ, nhờ đấy đã đóng bít vĩnh viễn con đường ác. Người trong các cõi Nê-lê đều được ra khỏi, ở ngoài thành, ban đêm đều chết hết. Người chết, đời trước lúc làm người, tuy tạo nhiều điều ác, chỉ có chút thiện, từ trong cõi Nê-lê trở lại, đều được chánh tri, từ cõi Nê-lê ra, tất cả đều chánh tâm chánh hạnh, không còn trở lại cõi Nê-lê. Nê-lê cũng không giữ lấy. Theo việc làm ác dẫn đến phải chịu sự thống khổ khốc hại trong Nê-lê, cũng có thể tự mình nhớ nghĩ, cũng có thể làm việc thiện.

Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo đều hoan hỷ.

❑

SỐ 87

PHẬT NÓI KINH TRAI GIỚI

Hán dịch: Đời Đông Ngô, Cư sĩ Chi Khiêm, người nước Nhục chi.

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở tại ngôi điện riêng nơi nhà của vị Thừa tướng về phía Đông thành Xá-vệ. Mẹ của Thừa tướng tên là Duy-da, sáng sớm thức dậy tắm rửa, mặc áo tơ năm sắc, cùng các con, nàng dâu, đi tới điện kia, cung kính đảnh lễ nơi chân Đức Phật rồi ngồi qua một bên. Đức Phật hỏi Duy-da:

–Tại sao tắm rửa sớm vậy?

Thưa:

–Con muốn cùng các con, nàng dâu đều thọ trai giới.

Đức Phật nói:

–Trai giới có ba loại. Vậy thích loại trai giới nào?

Duy-da quỳ xuống, thưa:

–Con muốn được nghe sao gọi là ba loại trai giới?

Đức Phật dạy:

–Ba loại trai giới là:

Trai giới theo kiểu người chăn bò.

Trai giới theo kiểu của giáo phái Ni-kiền.

Trai giới theo Phật pháp.

Trai giới theo kiểu người chăn bò là như người chăn bò luôn mong cầu nước, cỏ, thức ăn tốt để nuôi bò của họ. Buổi chiều suy nghĩ xem có đám cỏ nào xanh tốt, rộng lớn để sáng mai dắt bò đến đó. Nếu người nam hoặc nữ đã thọ trai giới mà tâm ý để ở gia đình, muốn tạo nhiều lợi lộc cho sản nghiệp, lại chỉ nghĩ đến thức ăn uống ngon để

nuôi dưỡng thân thể, đó là như ý của người chăn bò kia, nên không đạt được phước đức và trí tuệ lớn lao.

Trai giới theo kiểu của phái Ni-kiền là vào ngày mười lăm trong tháng, nằm dưới đất để thọ trì trai giới, lễ bái các vị thần trong khoảng mười do diên do-tuần, nói:

–Ngày hôm nay tôi ăn chay, không dám làm ác. Chúng tôi không có nhà cửa, không có thân thích, nàng dâu con, tôi tớ đều chẳng phải là sở hữu của tôi, tôi không phải là chủ của họ.

Nhưng những người học đạo ấy chỉ chuộng bề ngoài, còn thực chất thì đê tiện, không có tâm chân chánh, đến sáng mai thì hình tướng, tên gọi lại có như cũ. Trai giới như vậy không được đại phước đức và trí tuệ lớn.

Trai giới theo Phật pháp là đệ tử học đạo cứ mỗi tháng có sáu ngày ăn chay, thọ trì tám giới. Những gì là tám?

Giới thứ nhất: Suốt một ngày một đêm thọ trì tâm như bậc Chân nhân, không có ý sát sanh, luôn thương tưởng đến chúng sanh, không được giết hại kể cả loài côn trùng bé nhỏ nhất, không dùng dao gậy, nghĩ và muốn cho chúng sanh luôn được an lạc, chẳng bị sát hại, theo như giới thanh tịnh, nhất tâm tu tập.

Giới thứ hai: Suốt một ngày một đêm thọ trì tâm như bậc Chân nhân, không có ý tham lam trộm cắp, luôn nhớ nghĩ việc bố thí, nên hoan hỷ cho, tự tay cho, cho với sự trong sạch, cho với tâm cung kỉnh, không mong trả ơn, trừ bỏ ý tham lam keo kiệt theo như giới thanh tịnh, một lòng tu tập.

Giới thứ ba: Suốt một ngày một đêm thọ trì, tâm như bậc Chân nhân, không có ý dâm, không nghĩ đến phòng ốc, tu hành phạm hạnh, không làm điều tà dục, tâm không tham sắc, theo như giới thanh tịnh, một lòng tu tập.

Giới thứ tư: Thọ trì một ngày một đêm, tâm như bậc Chân nhân, không có ý nói dối, luôn nhớ nghĩ về điều thành thật, lời lẽ an định, không được dối trá, luôn tâm miệng giống nhau, theo như giới thanh tịnh, một lòng tu tập.

Giới thứ năm: Thọ trì một ngày một đêm, tâm như bậc Chân nhân, không uống rượu, không say sưa, không mê loạn, không làm mất ý chí, từ bỏ mọi sự phóng dật, theo như giới thanh tịnh, một lòng

tu tập.

Giới thứ sáu: Thọ trì một ngày một đêm, tâm như bậc Chân nhân, không có ý cầu an ổn cho riêng mình, không đeo các đồ trang sức quý giá, không thoa son phấn, không ca múa, xướng hát, theo như giới thanh tịnh, một lòng tu tập.

Giới thứ bảy: Thọ trì một ngày một đêm, tâm như bậc Chân nhân, không có ý cầu mong sự an ổn, không nằm giường đẹp, chỉ nằm giường thấp, ngồi ghế cỏ, trừ bỏ việc nằm ngủ, luôn nhớ nghĩ kinh, đạo, theo như giới thanh tịnh, một lòng tu tập.

Giới thứ tám: Thọ trì một ngày một đêm, tâm như bậc Chân nhân, theo pháp ăn đúng giờ, ăn ít, giữ sự điều độ nơi thân, quá giờ ngọ không được ăn lại, theo như giới thanh tịnh, một lòng tu tập.

Đức Phật bảo Duy-da:

–Ngày trai giới nên tu tập năm điều luôn nhớ nghĩ. Những gì là năm?

1. Niệm Phật, Phật là Như Lai, Bậc Chí Chân Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, là Thiện Thệ, cha của thế gian, Vô Thượng Sĩ, Kinh Pháp Ngự, Thầy của trời người, hiệu là Phật. Người nhớ nghĩ đến Đức Phật như thế thì những thói quen về sân hận, ác ý, ngu si đều trừ hết, thiện tâm tự sanh, nghĩ thích việc làm của Phật. Ví như dùng dầu mè, thuốc gội tắm rửa, gội đầu, làm cho cấu uế trên đầu được sạch. Người trai giới niệm Phật cũng thanh tịnh như vậy, mọi người trông thấy đều ưa thích.

2. Phải niệm Pháp. Phật giảng nói pháp như ba mươi bảy phẩm, đầy đủ không thiếu, luôn nhớ nghĩ không quên, nên biết pháp này là ánh sáng trí tuệ của thế gian. Người niệm Pháp như vậy, các tập quán về sân hận, ác ý, ngu si đều trừ hết, thiện tâm tự sanh, do ưa thích theo Pháp. Ví như dùng dầu mè thuốc gội tắm rửa làm bụi bặm trên thân được sạch. Người trai giới niệm Pháp, tâm thanh tịnh như vậy, mọi người trông thấy ai cũng ưa thích.

3. Phải niệm chúng Tăng, cung kính thân cận, nương tựa, thọ nhận sự dạy dỗ của các bậc trí tuệ. Chúng đệ tử của Phật, người đạt quả Câu cảng thọ, được Câu cảng chứng, có người được Tần lai thọ, Tần lai chứng, có người được Bất hoàn thọ, Bất hoàn chứng, có người được Ứng chân thọ, Ứng chân chứng, Tu-đà-hoàn hướng, Tu-đà-hoàn

quả, Tư-đà-hàm hướng, Tư-đà-hàm quả, A-na-hàm hướng, A-na-hàm quả, A-la-hán hướng, A-la-hán quả. Đó là bốn đôi tám bậc, Tứ hướng và Tứ quả, bậc trượng phu đều nhân đấy mà thành tựu giới, định, tuệ, giải thoát và độ tri kiến giải thoát và giải thoát tri kiến, là bậc Thánh đức việc làm đã đầy đủ, nên phải chắp tay kính lạy bậc tôn quý làm phước điền cho trên trời, dưới trời. Niệm chúng Tăng như thế nên các tập quán về sân hận, ác ý, ngu si đều dứt trừ, tâm hoan hỷ tự sanh, ưa thích việc làm của chúng Tăng. Ví như dùng nước tro để giặt áo thì các chất dơ sẽ tẩy sạch. Người trai giới niệm chúng Tăng là các bậc có uy đức như vậy, mọi người trông thấy ai cũng ưa thích.

4. Niệm giới: thân thọ giới của Phật phải một lòng phụng trì, không thiếu sót, không vi phạm, không loạn động, không bỏ quên, khéo an lập, cẩn thận giữ gìn, nêu cao trí tuệ; về sau không hối hận, không có sự so bì, có thể cùng đem chỉ dạy người. Người niệm giới như vậy thì các tập quán về sân hận, ác ý, ngu si đều được trừ sạch, tâm hoan hỷ tự sanh, ưa thích giới trong mọi tạo tác, giống như lau gương, vật dơ đã hết, ánh sáng hiện ra. Người trai giới niệm giới, tâm thanh tịnh như vậy, mọi người trông thấy ai cũng ưa thích.

5. Nên niệm Thiên: các cõi trời như Tứ thiên vương, Đao-lợi thiên, Diêm thiên, Đâu-thuật thiên, Bất kiêu lạc thiên, Hóa ứng thanh thiên. Cần phải tự niệm: "Ta đã có Tín, có Giới, có Văn, có Thí, có Trí, đến lúc thân chết, được sanh lên cõi trời, mong ta đừng mất tín, giới, văn, thí trí này. Người nhờ niệm Thiên như thế nên tập quán về sân hận, ác ý, ngu si đều trừ sạch, tâm hoan hỷ tự sanh, ưa thích các nghiệp của trời, giống như ngọc báu thường được trong sáng. Người trai giới niệm Thiên, tâm thanh tịnh như vậy, phụng trì tám giới cấm, thực tập năm điều luôn nhớ nghĩ, là trai giới theo Phật pháp, cùng chư Thiên tu đức, diệt ác tu thiện, về sau sanh lên cõi trời, cuối cùng đắc quả Nê-hoàn. Cho nên người trí tự nỗ lực tu hành, phát tâm tạo phước.

Như vậy, này Duy-da, phước đức từ việc trai giới tạo nên tiếng tốt lan truyền xa rộng. Ví như mười sáu nước lớn ở trong thiên hạ, trong mười sáu nước này của báu đầy dẫy không sao kể hết, cũng không bằng phước đức trong một ngày thọ trì trai giới của Phật pháp. Phước đức như vậy to lớn đến nỗi của báu của mười sáu nước dồn lại chỉ bằng một hạt đậu mà thôi. Sự rộng lớn ở trên trời không thể nói

được, như ở nhân gian năm mươi năm thì ở cõi trời thứ nhất mới một ngày một đêm. Tuổi thọ ở cõi trời thứ nhất Tứ thiên vương là năm trăm năm, so với nhân gian là chín trăm vạn năm. Người trai giới theo Phật pháp được sanh lên cõi trời ấy. Nhân gian một trăm năm thì ở cõi trời Đao-lợi chỉ có một ngày một đêm, mà tuổi thọ ở trên cõi trời Đao-lợi là một ngàn tuổi, so với nhân gian là ba ngàn sáu trăm vạn năm. Nhân gian hai trăm năm thì ở cõi trời Diêm thiên chỉ có một ngày một đêm, mà tuổi thọ ở cõi Diêm thiên là hai ngàn năm, so với nhân gian phải trải qua một ức năm ngàn hai trăm vạn năm. Ở nhân gian bốn trăm năm chỉ bằng một ngày một đêm trên cõi trời Đâu-thuật. Tuổi thọ ở cõi trời Đâu-thuật là bốn ngàn năm, vậy ở nhân gian phải trải qua sáu ức tám trăm vạn năm. Ở nhân gian tám trăm năm thì chỉ bằng một ngày một đêm trên cõi trời Bất kiêu lạc. Tuổi thọ ở cõi trời Bất kiêu lạc là tám ngàn tuổi, so với nhân gian phải trải qua hai mươi ba ức bốn ngàn vạn năm. Ở nhân gian một ngàn sáu trăm năm chỉ bằng một ngày một đêm ở cõi trời Hóa ứng thanh. Tuổi thọ ở cõi trời Hóa ứng thanh là một vạn sáu ngàn năm. Vậy nhân gian phải mất chín mươi hai ức một ngàn sáu trăm vạn năm.

Nếu ai có Tín, có Giới, có Văn, có Thí, có Trí phụng trì pháp trai giới của Phật, ngay khi mạng chung, đều được sanh lên sáu cõi trời này, được an ổn diệu lạc. Theo đó, pháp thiện rất nhiều, Ta chỉ nói rất ít. Hễ ai làm điều thiện thì sau khi mạng chung, thần thức được sanh lên cõi trời thọ phước đức vô lượng.

Duy-da nghe lời Đức Phật dạy, hoan hỷ nói:

–Lành thay! Lành thay! Thưa Thế Tôn, phước đức của pháp trai giới thật là tốt đẹp vô lượng. Mong cho con được thọ giới của Phật. Từ nay về sau, cứ mỗi tháng con thọ sáu ngày trai giới, nỗ lực làm phước cho đến khi qua đời.

Đức Phật nói kinh này xong, tất cả đều hoan hỷ thọ giáo.

❑

SỐ 88

PHẬT NÓI KINH ƯU-BÀ-DI ĐỌA-XÁ-CA

Hán dịch: Mất tên người dịch, phụ vào dịch phẩm đời Tống

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật dừng chân ở thành phía Đông, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, có một nữ nhân tên tự là Vu-da-lâu, người đời gọi là mẹ Vu-da-lâu. Đức Phật ngồi trên tòa cao trong điện riêng của nhà mẹ Vu-da-lâu. Có một người nữ phụng trì pháp giới tên là Đọa-xá-ca, vào lúc sáng sớm ngày mười lăm trong tháng, thức dậy tắm rửa, cùng bảy người con, nàng dâu, cũng đều khiến tắm rửa sạch sẽ, mặc áo mới, ăn điểm tâm, ăn xong rửa tay, dẫn bảy người con, nàng dâu đến trước Đức Phật đảnh lễ. Đức Phật bảo tất cả đều ngồi xuống. Đức Phật hỏi Ưu-bà-di Đọa-xá-ca:

–Tại sao hôm nay tất cả đều tắm rửa, mặc áo mới, cùng với con, dâu, đồng đến chỗ Phật.?

Đọa-xá-ca thưa:

–Hôm nay là ngày mười lăm, chúng con thọ trai giới. Con nghe một tháng phải trai giới sáu ngày, cho nên con cùng con, dâu, đồng trai giới, không dám biếng nhác, xem thường.

Đức Phật bảo Đọa-xá-ca:

–Pháp trai giới chân chánh của Phật có tám giới khiến con người được giải thoát khỏi thế gian, không đọa vào ba cõi ác, sanh ở đâu cũng thường có phước đức che chở, cũng nhờ nhân duyên từ tám giới gốc này mà đạt đến quả vị Phật.

Những gì là pháp trai giới chân chánh của Phật? Đó là có người hiền thiện giữ giới, một tháng với sáu ngày trai tịnh: ngày mồng tám, ngày mười bốn, ngày mười lăm, ngày hai mươi ba, ngày hai mươi chín và ngày ba mươi. Vào ngày trai tịnh, sáng sớm thức dậy bảo các người trong nhà:

–Ngày hôm nay ta trai tịnh, trong ngày này cả nhà chớ có uống rượu, chớ có tranh cãi, chớ có nói chuyện tiền tài. Cả nhà, ý nghĩ, miệng nói phải như bậc A-la-hán. A-la-hán không có ý sát sinh. Ngày trai tịnh giữ giới cũng phải như bậc A-la-hán, không có ý sát sinh, không có ý đánh đập, nghĩ thương xót cả loài súc sanh, côn trùng khiến thường phát sanh tâm ý như bậc A-la-hán.

Đó là giới thứ nhất. Ngày và đêm hôm nay giữ gìn ý sát, khiến không sát sanh, giữ ý như vậy là giới thứ nhất của Phật.

Đức Phật dạy:

–Ngày trai tịnh giữ ý phải như bậc A-la-hán không có tâm tham, không còn tham luyến đối với thế gian, không có ý tham dù đó là một sợi lông, cọng rau. Như vậy ngày trai tịnh giữ ý như bậc A-la-hán. Người giàu có thường nghĩ đến việc bố thí, người nghèo khó chẳng có gì, vẫn luôn luôn nghĩ đến việc bố thí. Đó là giới thứ hai.

Đức Phật dạy:

–Ngày trai tịnh phải giữ ý như bậc A-la-hán. A-la-hán không chấp chứa phụ nữ, không nghĩ đến chuyện vợ con, không ham thích nữ nhân, cũng không có ý tưởng dâm dục. Như vậy là ngày trai tịnh giữ ý như bậc A-la-hán. Đó là giới thứ ba.

Đức Phật dạy:

–Ngày trai tịnh, giữ ý phải như bậc A-la-hán, không nói dối, không có ý làm tổn hại người khác. Khi nói là nói kinh Phật, lúc im lặng chỉ nghĩ đến các điều thiện. Như vậy là ngày trai tịnh giữ ý như bậc A-la-hán. Đó là giới thứ tư.

Đức Phật dạy:

–Ngày trai tịnh phải giữ ý như bậc A-la-hán. A-la-hán không uống rượu, không nghĩ đến rượu, không nhớ đến rượu, xem rượu là xấu ác. Như vậy là ngày trai tịnh giữ ý như bậc A-la-hán. Đó là giới thứ năm.

Đức Phật dạy:

–Ngày trai tịnh phải giữ ý như bậc A-la-hán. Ý A-la-hán không thích ca múa, dù có nghe cũng không ham thích âm nhạc, cũng không thích mùi hương hoa. Ngày trai tịnh giữ ý như vậy giống như bậc A-la-hán. Đó là giới thứ sáu.

Đức Phật dạy:

–Ngày trai tịnh phải giữ ý như bậc A-la-hán. A-la-hán không nằm giường cao đẹp, ý cũng không nghĩ đến việc nằm trên giường cao đẹp. Ngày trai tịnh giữ ý như vậy giống như bậc A-la-hán. Đó là giới thứ bảy.

Đức Phật dạy:

–Ngày trai tịnh phải giữ ý như bậc A-la-hán. A-la-hán ăn đúng ngọ, sau giờ ngọ, đến sáng không được ăn lại. Được phép uống nước mật đường. Ngày trai tịnh giữ ý như vậy giống như bậc A-la-hán. Đó là giới thứ tám.

Đức Phật lại bảo Ưu-bà-di Đọa-xá-ca:

–Thế gian có người đầu tóc dơ dáy, phải tự mình gội rửa đầu tóc. Gội rồi người đó liền vui mừng, nói: " Đầu của ta đã hết cáu bẩn". Có người giữ tám giới này trong một ngày một đêm, sáng hôm sau vui mừng, liền nghĩ đến giới kinh của Phật như vậy, nên ý ác trong tâm người ấy liền bỏ, ý thiện được sanh.

Đức Phật dạy:

–Có người thân thể dơ bẩn phải vào nước để tắm rửa, thân thể đã được sạch sẽ, ra khỏi nước, vui vẻ nói: "Thân ta hết bụi được nhẹ nhàng". Nếu có người thọ trai giới trong một ngày một đêm, sáng hôm sau liền vui mừng nghĩ đến lời chân chánh của Phật, tự nghĩ khi nào được đắc đạo, khiến cho tâm ta được an định không còn dong ruổi nữa, khiến tâm chí ta dốc đạt được đạo giải thoát.

Đức Phật dạy:

–Có người áo bị nhiều dơ bẩn, dùng nước tro để tẩy giặt sạch, người đó liền vui mừng. Nếu có người thọ trì trai giới trong một ngày một đêm, sáng hôm sau liền vui mừng, bèn nghĩ đến chúng Tỳ-kheo Tăng: "Trong Tỳ-kheo Tăng có các bậc Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm và A-la-hán". Niệm Tỳ-kheo Tăng là như vậy.

Đức Phật dạy:

–Như người có tấm gương bị dơ bẩn, lau chùi chất dơ bẩn đi thì

gương liền sáng ra. Có người thọ trì trai giới trong một ngày một đêm, có tâm từ bi đối với chúng sanh, tâm được mở ra như mặt trời, như gương sáng, không còn ý sân hận. Nếu có người thọ trì trai giới trong một ngày một đêm, xót thương muôn loài, lắng lòng tự suy nghĩ, tự giữ ý ngay thẳng, tự nhớ nghĩ những điều xấu ác ở trong thân như vậy. Như là không còn sân hận nữa.

Đức Phật bảo Ưu-bà-di Đọa-xá-ca:

–Giữ tám giới tịnh này đầy đủ trong một ngày một đêm còn hơn là đem vàng bạc châu báu cúng dường cho Tỳ-kheo Tăng. Trong thiên hạ có mười sáu nước:

1. Ương-ca.
2. Ma-kiệt.
3. Ca-di.
2. Câu-tiết-la.
3. Cưu-lưu.
4. Bát-xà-đồ.
5. A-ba-da.
6. A-hoan-đề-du.
7. Chi-đề-du.
8. Việt-kỳ-du.
9. Tốc-ma.
10. Tốc-lại-tra.
11. Việt-ta.
12. Mạt-la.
13. Du-nặc.
14. Kiếm thiện đề.

Nếu đem tất cả châu báu của mười sáu nước này cúng dường cho chúng Tỳ-kheo Tăng cũng không bằng giữ trai giới trong một ngày một đêm. Giữ trai giới khiến cho người được giải thoát khỏi cuộc đời, còn đem tài vật bố thí thì không thể khiến cho người ta đắc đạo. Nay Ta được Phật đạo cũng nhờ nơi gốc là tám giới này.

Đức Phật bảo Đọa-xá-ca:

–Người trong cõi đời phần nhiều bận bịu lo việc gia đình, vì vậy Ta đem pháp môn này khiến cho họ trong một tháng, sáu ngày trai tịnh giữ tám giới. Như có người hiền thiện muốn mau được đạo quả A-

la-hán, nếu muốn mau đạt đạo quả của Phật, nếu muốn được sanh lên cõi trời, thì phải tự làm cho tâm mình luôn chân chính ngay thẳng, giữ ý cho chuyên nhất, một tháng mười lăm ngày trai tịnh cũng tốt, hai mươi ngày trai tịnh cũng tốt. Nhiều người vì bận lo việc gia đình nên mỗi tháng giữ sáu ngày trai tịnh, sáu ngày trai tịnh ấy, ví như nước biển không thể đong lường được. Nếu ai giữ trai giới trong một ngày một đêm, phước đức người đó cũng không thể lường tính được.

Đức Phật bảo Đọa-xá-ca:

–Hãy đưa dâu, con trở về, tụng niệm tám giới của pháp trai giới chân chánh này.

Ưu-bà-di Đọa-xá-ca liền đến trước Đức Phật đảnh lễ rồi lui ra.

❑

SỐ 89

PHẬT NÓI KINH BÁT QUAN TRAI

Hán dịch: Đời Lưu Tống, Cư sĩ Cừ Kinh Thanh

Nghe như vầy:

Một thời đức Bà-ca-bà ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Nay Ta sẽ nói về pháp Bát quan trai của bậc Thánh. Hãy lắng nghe! Hãy lắng nghe! Khéo suy nghĩ, nay Ta sẽ giảng nói.

Các Tỳ-kheo thưa:

–Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Khi ấy các Tỳ-kheo đều theo Phật để thọ giáo.

Đức Thế Tôn bảo:

–Này các Tỳ-kheo, nếu các tộc tánh nam, tộc tánh nữ có tín tâm muốn biết Bát quan trai của bậc Thánh, hãy chỉ dạy cho họ nói như vầy: "Giống như bậc A-la-hán, suốt đời cho đến chết không sát sanh, cũng không dạy người sát sanh, không có tâm oán hận, thường ôm lòng hỗ thẹn, có lòng từ thương yêu tất cả chúng sanh, con tên là..., họ là..., theo lời dạy của A-la-hán, từ ngày hôm nay về sau, tùy theo ý muốn không còn sát sanh, không lòng oán hận, thường ôm lòng hỗ thẹn, có lòng từ thương yêu tất cả chúng sanh.

Giống như bậc A-la-hán, suốt đời không trộm cắp, thích bố thí, cũng không dạy người trộm cắp, thường thích ở chỗ tĩnh lặng. Như vậy, con tên là..., họ là..., theo lời dạy của A-la-hán, tùy theo ý muốn không còn trộm cắp, thường nuôi tâm bố thí, thích ở chỗ vắng vẻ, thanh tịnh.

Giống như bậc A-la-hán, suốt đời không theo hạnh bất tịnh,

thường tu phạm hạnh, thanh tịnh không ô uế, tự mình được vui thích. Như vậy, con tên là..., họ là..., theo lời dạy của A-la-hán, từ ngày hôm nay về sau, tùy theo ý muốn, không còn dâm dật nữa, thanh tịnh, không ô uế.

Giống như bậc A-la-hán, suốt đời không nói dối, thường nói lời chân thật, hết mực tôn quý, là các vị tôn trưởng cao quý trong cuộc đời. Như vậy, con tên là..., họ là..., theo lời dạy của A-la-hán, từ hôm nay về sau, tùy theo ý muốn không còn nói dối, cũng không dạy người khiến họ nói dối, thường nói lời chân thật, làm bậc Tôn trưởng ở đời, không nói dối.

Giống như bậc A-la-hán, cả đời không uống rượu. Như vậy, con tên là..., họ là..., từ nay về sau, tùy theo ý muốn, cũng không uống rượu, cũng không dạy bảo người uống rượu.

Giống như bậc A-la-hán, suốt đời không vi phạm trai giới, ăn đúng giờ. Như vậy con tên là..., họ là..., một ngày một đêm này, tùy theo ý muốn cũng không vi phạm trai giới, cũng không dạy bảo người vi phạm trai giới, ăn đúng giờ.

Giống như bậc A-la-hán, suốt đời không ngồi giường cao đẹp. Như vậy con tên là..., họ là..., ngày và đêm hôm nay không ngồi giường cao rộng, cũng không dạy bảo người khác ngồi.

Giống như bậc A-la-hán, suốt đời không tập ca múa, vui chơi, cũng không mặc đồ gấm vóc và đeo các thứ trang sức, dùng hương xông ướp xoa vào người. Ngày đêm hôm nay con cũng không tập ca múa, vui chơi, cũng không mặc đồ gấm vóc, mang các đồ trang sức, dùng hương xông ướp xoa vào người.

Như vậy là tu tập pháp Bát quan trai của bậc Thánh; công đức của pháp Bát quan trai này không có hạn lượng, chỉ có thể nói rằng có nhiều phước, có nhiều công đức, có nhiều phước báo mà thôi. Công đức như vậy rất nhiều, không thể kể hết.

Này các Tỳ-kheo, ví như nước của năm con sông lớn đều đổ về một nơi chốn. Đó là Hằng-già, Diêu-bà-noa, Tân-đầu, A-chỉ-da, Bà-đề-ma-khí. Nước nơi các con sông ấy chẳng thể lượng tính, chỉ có thể nói bao nhiêu là nước, bao nhiêu là nước ở trong bình, có bao nhiêu là nước ở ngàn bình, trăm ngàn bình. Cũng như vậy, Bát quan trai của bậc Thánh phước đức không thể kể lường, chỉ nói là: có bao nhiêu là

phước, bao nhiêu là công đức, bao nhiêu là quả báo mà thôi, phước đức to lớn ấy không thể tính kể được.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Đức Phật giảng dạy đều hoan hỷ phụng hành.

❑

SỐ 90

PHẬT NÓI KINH BỆ-MA-TÚC

Hán dịch: Đời Tống, Đại sư Cầu-na-bạt-đà-la, người Thiên trúc.

Nghe như vầy:

Một thời Đức Bà-già-bà ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, Bệ-ma-túc, người theo học thuyết khác, sau bữa ăn trưa thong thả đi đến chỗ Đức Thế Tôn, đến nơi bạch Đức Thế Tôn:

–Thưa Cù-đàm, hình sắc là vi diệu, vô thượng.

–Này Ca-chiên-diên, thế nào là sắc vi diệu?

–Thưa Cù-đàm, đó là sắc vi diệu, hết mực vi diệu, không có sự vi diệu nào hơn nữa. Sắc ấy là vi diệu tột bực, sắc ấy là tối thượng.

–Này Ca-chiên-diên, giống như có người nói như vầy: "Người ấy thật đẹp, tôi muốn hành dâm cùng nàng". Hoặc có người hỏi: "Ông bảo người ấy tuyệt đẹp đối với mọi người, vậy người ấy tên gì, họ gì, hình dạng ra sao, cao hay thấp, hay trung bình, đoan chánh hay không đoan chánh, trắng hay đen; nàng ấy là con gái của chủng tộc Sát-đế-lợi, Bà-la-môn, Cư sĩ hay con gái của hàng thợ thuyền? Kẻ ấy từ phương Đông, phương Nam, phương Tây hay phương Bắc đến? Hỏi như vậy rồi nhưng không thể trả lời được. Ông không biết, không thấy mà bảo rằng người ấy đẹp nhất trong mọi người từ phương Bắc đến, rồi nói là "muốn hành dâm".

Này Ca-chiên-diên, ông đã nói "Sắc ấy là hết sức vi diệu, sắc ấy là tối thượng, sắc ấy không có gì hơn được", nhưng khi hỏi sắc ấy thì lại không thể biết.

–Này Cù-đàm, giống như vàng Diêm-phù-đàn được người thợ

khéo tay ra sức mài dũa, làm cho sạch sẽ rồi gắn ngọc trắng vào bên trong, hình sắc cực đẹp, màu sắc chiếu sáng. Cho nên, này Cù-đàm, tôi mới nói: sắc ấy là tối diệu, sắc ấy là tối thắng; sắc ấy là vô thượng, sắc ấy là tối thượng.

–Này Ca-chiên-diên, Ta lại hỏi ông, tùy theo ý nghĩ mà trả lời Ta. Này Ca-chiên-diên, ý ông thế nào? Vàng Diêm-phù-đàn này được người thợ tài giỏi ra sức mài dũa, làm cho nó sạch rồi gắn ngọc trắng bên trong, hình sắc chiếu sáng. Vậy ánh sáng của con đom đóm lúc trời tối cùng sắc của vàng Diêm-phù-đàn chiếu sáng, thì ánh sáng nào tối thắng, tối thượng, tối diệu, tối hảo hơn?

–Này Cù-đàm, ánh sáng của con đom đóm so với ánh sáng của vàng Diêm-phù-đàn thì ánh sáng đom đóm sáng tỏ hơn, tối thượng, tối hảo, tối diệu hơn.

–Này Ca-chiên-diên, ý ông thế nào? Ánh sáng của con đom đóm lúc đêm tối cùng với ánh sáng của đèn dầu trong đêm tối, vậy ánh sáng nào tối thắng, tối thượng, tối diệu, tối hảo hơn?

–Thưa Cù-đàm, ánh sáng của đèn dầu so với ánh sáng của con đom đóm thì ánh sáng của đèn dầu là tối thắng, tối thượng, tối diệu, tối hảo hơn.

–Này Ca-chiên-diên, ý ông thế nào? Ánh sáng của đèn dầu chiếu sáng trong đêm tối, so với ngọn đuốc lớn chiếu sáng trong đêm tối thì ánh sáng nào tối thắng, diệu hảo, tối thượng?

–Thưa Cù-đàm, ánh sáng của ngọn đuốc lớn so với ánh sáng của đèn dầu thì nó tối thắng, tối thượng, diệu hảo hơn.

–Này Ca-chiên-diên, ý ông thế nào? Ánh sáng của ngọn đuốc lớn chiếu sáng trong đêm tối so với ánh sáng của ngôi sao chói sáng trên bầu trời trong sáng không có mây che vào lúc quá nửa đêm, thì ánh sáng nào tối thắng hết sức diệu hảo?

–Thưa Cù-đàm, ánh sáng của ngôi sao so với ánh sáng của bó đuốc thì nó sáng tỏ, tối thắng, hết sức diệu hảo hơn.

–Này Ca-chiên-diên, ý ông thế nào? Ánh sáng của ngôi sao vào lúc quá nửa đêm trên bầu trời không có mây che so với ánh sáng của mặt trăng trên bầu trời không có mây che vào lúc quá nửa đêm. Vậy ánh sáng nào tối thắng, hết sức diệu hảo hơn?

–Thưa Cù-đàm, ánh sáng của mặt trăng so với ánh sáng của

ngôi sao thì ánh sáng của mặt trăng là tối thắng, hết sức diệu hảo.

–Này Ca-chiên-diên, ý ông thế nào? Ánh sáng của mặt trăng lúc nửa đêm khi trời trong vắt, không có mây che, so với ánh sáng của mặt trời lúc giữa trưa vào mùa hè thì ánh sáng nào tối thắng, vô cùng diệu hảo hơn?

–Thưa Cù-đàm, ánh sáng của mặt trời so với ánh sáng của mặt trăng thì ánh sáng của mặt trời là tối thắng, vô cùng diệu hảo hơn.

–Này Ca-chiên-diên, có rất nhiều cõi trời đầy đủ oai thần như vậy, có ánh sáng vô cùng mà không gì sánh kịp. Ta vốn an tọa ở trong các cõi ấy, vốn ở trong đó mà giảng nói. Nhưng Ta không nói: "Ánh sáng tối thắng, ánh sáng tối thượng, ánh sáng tối diệu". Này Ca-chiên-diên; ánh sáng của con đom đóm là rất nhỏ, không đáng kể mà ông lại nói: "Tối thượng, tối thắng, tối diệu" sao khi hỏi về ánh sáng thì ông không thể biết?

Khi ấy Bệ-ma-túc bị Đức Thế Tôn quở trách như vậy thì im lặng mà đứng, chẳng có lời biện bạch, thân, mặt ngượng ngùng, chẳng nói gì, chỉ im lặng mà đứng.

Đức Thế Tôn quở trách Bệ-ma-túc rồi, lại bảo:

–Lại nữa, này Ca-chiên-diên, có năm thứ dục ái, niệm ái về sắc, gần với dâm, gây nhiễm đắm. Đó là: mắt thấy sắc, tai biết tiếng, mũi biết hương, lưỡi biết vị, thân biết xúc êm dịu.

Này Ca-chiên-diên, hoặc tham ái sắc, hoặc không tham ái sắc, đó là hoặc có người đối với sắc rất hoan hỷ, ý niệm hoan hỷ cũng đầy đủ; đối với sắc này hay đối với sắc kia, không muốn, không nghĩ, không mong được, không cầu, đó là sắc tối diệu, tối thượng.

Này Ca-chiên-diên, hoặc có người tham ái thinh, hương, vị, xúc; hoặc có người không tham ái về xúc; hoặc có người đối với sự tiếp xúc thì rất hoan hỷ, ý niệm hoan hỷ cũng đầy đủ; đối với sự tiếp xúc kia hoặc sự tiếp xúc khác đều không muốn, không nghĩ, không muốn được, không cầu mong, sự tiếp xúc đó là tối thượng, tối diệu.

Bấy giờ Bệ-ma-túc chắp tay hướng về Đức Thế Tôn, thưa:

–Thật là kỳ diệu, thưa Cù-đàm! Sa-môn Cù-đàm đã dùng vô lượng phương tiện giảng nói cho con nghe về sự ưa thích dâm, mong cầu điều ấy. Giống như, thưa Cù-đàm, cây cỏ nhờ lửa mà cháy, lửa nhân cây cỏ mà bốc cháy. Cũng như vậy, Sa-môn Cù-đàm của con

dùng vô lượng phương tiện giảng nói về dâm, giảng nói về sự mong cầu ưa thích dâm, giảng nói về sự đình chỉ trừ bỏ điều ấy.

–Này Ca-chiên-diên, ông làm điều bất thiện cho nên đối với việc ấy mới mãi mãi có kiến giải khác, có sự thọ nhận khác, có dục khác, có cầu khác. Điều Ta đã giảng nói là ban phát bình đẳng, bình đẳng mà hiểu biết về ý nghĩa.

Này Ca-chiên-diên, các Tỳ-kheo đệ tử của Ta, sáng thường thức dậy sớm và chiều đến thường không ham ngủ nghỉ, luôn bàn luận học hỏi để thành tựu đạo bình đẳng, phân biệt đầy đủ; sự sanh đã hết, phạm hạnh đã lập, việc cần làm đã làm xong, đã biết đúng thật về Danh, sắc. Điều Ta giảng nói là bình đẳng ban phát, bình đẳng nhận biết về nghĩa.

Lúc ấy Bệ-ma-túc hết sức giận dữ đối với Thế Tôn, trong lòng bực tức, không hoan hỷ muốn buông lời phỉ báng.

–Như vậy, thưa Sa-môn Cù-đàm, đó chẳng phải là lời mạ lỵ.

Nói như vậy xong, thưa với Thế Tôn:

–Này Cù-đàm, hoặc có Sa-môn, Bà-la-môn không biết đời quá khứ, không biết đời vị lai, cùng vô lượng đời sống ở thế gian, nhưng vẫn cứ nói: "Đời sống của bậc Thánh đã chấm dứt, phạm hạnh đã lập, việc cần làm đã làm xong, đã biết đúng thật về Danh, sắc".

Đức Thế Tôn suy nghĩ: Bệ-ma-túc hết sức sân hận đối với Ta, trong lòng vô cùng bực tức, không hoan hỷ, muốn bài báng Ta, nói: "Này Sa-môn Cù-đàm, đã nói lời mạ lỵ", rồi thưa với Ta: "Này Cù-đàm, hoặc có Sa-môn, Bà-la-môn không biết đời quá khứ... cho đến biết đúng như thật". Đức Thế Tôn biết như vậy rồi bảo Bệ-ma-túc:

–Này Ca-chiên-diên, hoặc có Sa-môn, Bà-la-môn không biết về đời quá khứ... cho đến biết đúng như thật. Khi ấy nên nói như vầy: "Hãy để đời quá khứ lại, hãy để đời vị lai lại, không nên nghĩ về một đời".

Lại nữa, này Ca-chiên-diên, Ta nói như vầy: "Hãy để đời quá khứ lại, hãy để đời vị lai lại, không nên nghĩ về một đời". Các Tỳ-kheo đệ tử của Ta không dua nịnh, cũng không dối gạt, luôn hành động ngay thẳng đúng đắn. Ta dạy dỗ họ, thuyết pháp cho họ, như đã nêu bày đều có thể tu học, gần gũi với pháp, biết đó là thiện. Giống như, này Ca-chiên-diên, có đồng nam trẻ tuổi, bị cha mẹ cột tay chân

lại, khi đó nếu có trí tuệ phát sinh cha mẹ sẽ mở trói nơi tay chân cho. Nó chỉ nhớ đến việc mở trói, không nghĩ đến việc cột. Như vậy, này Ca-chiên-diên, Ta nói như vầy: "Hãy để đời quá khứ lại... cho đến biết có điều thiện". Này Ca-chiên-diên, giống như nhân dầu và tim bấc mà đèn được cháy. Hoặc có người không đổ dầu, cũng không thay tim bấc, tim dầu có trước đã hết, sau chẳng thêm vào, không lâu đèn ấy sẽ tắt. Như vậy, này Ca-chiên-diên, Ta nói như vầy: "Hãy để đời quá khứ lại... cho đến biết có thiện".

Này Ca-chiên-diên, giống như có mười cây gỗ chụm lại, hai mươi, ba mươi, bốn mươi, năm mươi, sáu mươi cây gỗ chụm lại, dùng lửa đốt cháy nên biết có một đám lửa lớn. Hoặc có người không dùng củi, không dùng cỏ, không dùng phân trâu, không dùng trấu, không dùng rơm bỏ vào đống lửa, thì không bao lâu lửa sẽ tắt ngúm, không còn dùng được, diệt nhanh chóng. Như vậy, này Ca-chiên-diên, Ta đã nói: "Hãy để đời quá khứ lại... cho đến biết có thiện".

Đức Phật nói như vậy, bấy giờ Bệ-ma-túc xa lìa mọi phiền não cấu uế, sanh các pháp nhãn. Bệ-ma-túc thấy pháp, đắc pháp, tỏ ngộ pháp, thanh tịnh đối với pháp, xa lìa tà, hết nghi, lại không còn tôn kính trời, không còn tin vào người khác nữa, lìa các do dự, an lập nơi quả chứng, được pháp vô úy ở nơi cảnh giới của Đức Thế Tôn, nên từ tòa đứng dậy, đầu mặt lạy nơi chân Đức Thế Tôn, thưa:

–Con có thể được học đạo với Đức Thế Tôn, thọ cụ túc, làm Tỳ-kheo, theo Thế Tôn để tu hành phạm hạnh?

–Này Tỳ-kheo, hãy hành phạm hạnh.

Bệ-ma-túc học đạo với Thế Tôn, thọ cụ túc, làm Tỳ-kheo.

Tôn giả Bệ-ma-túc học đạo với Đức Thế Tôn, thọ cụ túc, trì pháp,... cho đến thành bậc A-la-hán.

Đức Phật nói như vậy, Bệ-ma-túc nghe lời Thế Tôn dạy, hoan hỷ vui mừng.

❑

SỐ 91

PHẬT NÓI KINH CON CỦA BÀ-LA-MÔN MẠNG CHUNG THƯƠNG NHỚ KHÔNG NGUÔI

Hán dịch: Đời Hậu Hán, Đại sư An Thế Cao.

Nghe như vầy:

Một thời Đức Bà-già-bà ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, một vị Bà-la-môn ngoại đạo có một người con qua đời khiến ông ta thương nhớ không nguôi. Khi con chết, ông không thể ăn, không thể uống, không mặc y phục, cũng không xoa hương vào người nữa. Ông chỉ đến nơi mộ con để khóc lóc. Ông khóc lóc vì nhớ lại những lúc bồng bế con mình trên tay. Khi ấy vị Bà-la-môn từ từ đi đến chỗ Đức Thế Tôn, chào hỏi, vấn an xong thì ngồi qua một bên. Đức Thế Tôn hỏi:

–Này Bà-la-môn, tại sao các căn của ông không được ổn định?

–Này Cù-đàm, ý căn của tôi làm sao ổn định cho được? Tôi có một đứa con vừa mất nên thương nhớ mãi không dứt. Nó chết rồi tôi không thể ăn, không thể uống, không mặc y phục, không xoa hương thơm. Tôi chỉ ngồi ở nhà để khóc. Khi khóc thì nhớ những lúc bồng ẵm nó.

–Đúng vậy! Đúng vậy! Này Bà-la-môn, khi ái đã sanh thì sẽ có buồn rầu, khổ não, không vui.

–Thế nào, thưa Cù-đàm, đâu phải như vầy: khi ái đã sanh thì sẽ có buồn rầu, khổ não, không vui? Này Cù-đàm, khi ái đã sanh sẽ có hoan hỷ, thương nhớ.

Ông nói như vậy cho đến lần thứ ba. Đức Thế Tôn bảo Bà-la-môn:

–Đúng vậy! Đúng vậy! Này Bà-la-môn, khi ái đã sanh, chắc chắn sẽ có ưu sầu, khóc lóc, không vui.

Ngài cũng ba lần trả lời như thế. Vị Bà-la-môn bạch Phật:

–Tại sao, này Cù-đàm, trong khi ái đã sanh lại có ưu sầu, không vui? Này Cù-đàm, khi ái đã sanh rồi chỉ có hoan hỷ, thương nhớ thôi.

Lúc ấy vị Bà-la-môn nghe Đức Thế Tôn nói "Đúng vậy!" thì không vui, không cho là sai, không cho là đúng, chỉ không vui rồi từ tòa đứng dậy, bỏ đi.

Khi ấy, ở bên ngoài cửa của tinh xá Kỳ hoàn có các người vui đùa đang cười giỡn. Bà-la-môn từ xa trông thấy cảnh tượng ấy, liền nghĩ: "Người thông minh của thế gian cho đây là điều tối thắng. Ta hãy đem những gì đã luận bàn với Sa-môn Cù-đàm nói hết cho những người vui đùa này nghe". Nghĩ như thế rồi Bà-la-môn ấy liền đi đến chỗ những người vui đùa, đem tất cả những điều đã luận bàn với Thế Tôn nói cho những người này nghe. Những người vui đùa này nói với Bà-la-môn:

–Này Bà-la-môn, khi ái đã sanh, làm gì có ưu sầu, khổ đau, không vui. Này Bà-la-môn, lúc ái đã sanh thì sẽ được hoan hỷ, thương nhớ.

Bà-la-môn bèn suy nghĩ: "Lời nói của những người vui đùa này giống như ta", rồi ông bỏ đi.

Những lời luận bàn ấy được nhiều người nghe, dần dà truyền đến cung vua. Vua Ba-tư-nặc nghe đồn rằng: "Sa-môn Cù-đàm nói như vầy: lúc ái đã sanh thì sẽ có ưu sầu, khổ não, không vui". Vua Ba-tư-nặc nghe như vậy bèn nói với phu nhân Mạt-lị:

–Này Mạt-lị, ta nghe Sa-môn Cù-đàm nói như vầy: "Khi ái đã sanh thì sẽ có ưu sầu, khổ não, không vui".

–Đúng vậy! Đúng vậy! Tâu Đại vương, khi ái đã sanh thì chỉ có ưu sầu, khổ não, không vui mà thôi.

–Này Mạt-lị, ta nghe thầy của khanh nói thì đệ tử cũng nói "Đúng vậy". Này Mạt-lị, Sa-môn Cù-đàm kia là thầy của khanh nên nay khanh cũng nói như vầy: "Khi ái đã sanh thì chắc chắn có ưu sầu, khổ não, không vui".

–Tâu Đại vương, nghe lời của thiếp nói Đại vương không tin sao? Vậy Đại vương có thể tự đi hay bảo sứ giả đến để hỏi Đức Thế Tôn xem.

Bấy giờ vua Ba-tư-nặc bảo Bà-la-môn Na-lê-ương-già:

–Này Na-lê-ương-già, hãy đi đến chỗ Sa-môn Cù-đàm. Đến rồi, đem lời của ta thăm hỏi Sa-môn Cù-đàm rằng: "Ta hết lời thăm hỏi Ngài có an ổn, đi đứng có nhẹ nhàng, sức khỏe bình thường chăng? Có thật là Sa-môn Cù-đàm đã nói như vầy: "Khi ái đã sanh thì chắc chắn có ưu sầu, khổ não, không vui chăng?"". Này Na-lê-ương-già, nếu Sa-môn Cù-đàm nói như vậy, ngươi hãy thọ trì, ghi nhớ kỹ. Vì sao? Vì Ngài không bao giờ nói lời hư dối.

Bà-la-môn Na-lê-ương-già vâng lệnh của vua Ba-tư-nặc nhanh chóng đi đến chỗ Đức Thế Tôn, đến cùng chào hỏi, vấn an sức khỏe Đức Thế Tôn xong thì ngồi qua một bên, rồi bạch Đức Thế Tôn:

–Thưa Cù-đàm, vua Ba-tư-nặc kính lời thăm hỏi Ngài có được an ổn, đi đứng có nhẹ nhàng, sức khỏe bình thường chăng? Quả thật Sa-môn Cù-đàm có nói rằng: "Khi ái đã sanh thì chắc chắn có ưu sầu, khổ não, không vui không?".

–Này Na-lê-ương-già, Ta lại hỏi ông, tùy theo sự hiểu biết mà trả lời Ta. Này Na-lê-ương-già, ý ông nghĩ sao, hoặc có người mẹ vừa qua đời, vì mẹ mạng chung nên người con tâm ý cuồng loạn, chẳng buồn mặc y phục, đi đến đâu cũng nói: "Ta không còn thấy mẹ! Ta không còn thấy mẹ!". Này Bà-la-môn nên biết, khi ái đã sanh thì chắc chắn có ưu sầu, khổ não, không vui. Cũng như vậy, đối với cha, anh, chị, em hay vợ qua đời, vì những người thân thuộc qua đời nên kẻ ấy tâm ý cuồng loạn, không còn muốn mặc y phục, đi đến đâu cũng nói: "Ta không thấy cha ta, vợ ta!". Này Bà-la-môn, nên biết khi ái đã sinh thì chỉ có ưu sầu, khổ não, không vui.

Này Bà-la-môn, xưa có một người vợ khi trở về nhà mình những người thân của nàng muốn bắt nàng đem gả cho người khác. Nàng nghe nói: "Thân thuộc muốn bắt mình đem gả cho người khác". Nghe như vậy, nàng cấp tốc chạy về nhà chồng. Đến rồi, nàng nói với chồng: "Anh nên biết, những người thân của em muốn bắt em đem gả cho người khác. Anh muốn làm gì thì làm ngay bây giờ đi". Khi ấy, người chồng cầm con dao thật bén, nắm tay người vợ kéo vào trong

nhà, nói như vầy: "Hãy cùng đi với nhau! Hãy cùng đi với nhau!". Anh đâm vợ chết rồi tự sát. Này Bà-la-môn, nên biết do ái ấy sanh ra nên có ưu sầu, khổ não, không vui.

Bấy giờ Bà-la-môn Na-lê-ương-già lắng nghe Đức Thế Tôn nói, khéo thọ trì ghi nhớ, rồi từ tòa đứng dậy, nhiễu quanh Đức Thế Tôn, giã từ Ngài trở về. Khi về đến chỗ vua Ba-tư-nặc, ông liền tâu với vua:

–Thật đúng như vậy! thưa Đại vương, Sa-môn Cù-đàm đã nói như vầy: "Khi ái đã sanh thì có ưu sầu, khổ não, không vui".

Vua Ba-tư-nặc nghe tâu xong thì nói với phu nhân Mạt-lị:

–Này phu nhân, đúng như vậy! Sa-môn Cù-đàm đã nói: "Khi ái đã sinh thì có ưu sầu, khổ não, chẳng vui".

Phu nhân Mạt-lị nói:

–Cho nên, này Đại vương, thiếp xin lại hỏi vua, tùy theo sự nhận xét mà Đại vương hãy trả lời. Này Đại vương, ý của vua nghĩ thế nào? Vua có thương quý đại tướng Tỳ-lưu-ly chăng?

–Này phu nhân Mạt-lị, ta rất thương mến đại tướng Tỳ-lưu-ly.

–Thưa Đại vương, đại tướng Tỳ-lưu-ly nếu bị hủy hoại hay đổi khác thì Đại vương có sanh khổ đau, buồn rầu, không vui không?

–Này phu nhân Mạt-lị, nếu đại tướng Tỳ-lưu-ly có bị hủy hoại hay đổi khác ta sẽ ưu sầu, khổ não, không vui.

–Này Đại vương, cứ lấy đó mà biết, hễ ái sanh ra thì có ưu sầu, khổ não, không vui. Này Đại vương, ý vua thế nào? Vua có yêu thương đại tướng Hiền Thủ, yêu thương con voi lớn Bôn-đà-lợi, yêu Bà-di-đề-nữ, yêu phu nhân Bà-sa-sát-đế-lê, yêu dân chúng Ca-thi chăng?

–Này phu nhân Mạt-lị, ta yêu dân chúng Câu-tát-la ở Ca-thi.

–Này Đại vương, nếu nhân dân Câu-tát-la ở Ca-thi bị hủy hoại, hay đổi khác, vua có sanh khổ não, ưu sầu không vui chăng?

–Này phu nhân Mạt-lị, năm thứ nhu cầu để tự vui chơi đều do dân chúng Câu-tát-la ở Ca-thi cung cấp cả. Này Phu nhân Mạt-lị, dân chúng ở Ca-thi mà bị hủy hoại hay đổi khác thì tánh mạng của ta còn không được an toàn, huống hồ lại không sanh ra khổ não, ưu sầu, không vui!

–Này Đại vương, nên biết do ái ấy sanh ra nên có ưu sầu, khổ não, không vui. Ý đại vương nghĩ thế nào? Nay ngài có yêu thương

thiếp không?

–Này phu nhân Mạt-lị, ta rất yêu thương nàng.

–Này Đại vương, nếu thiếp bị hủy hoại hay đổi khác, Đại vương há lại không sanh ra khổ não, ưu sầu, không vui hay sao?

–Nếu phu nhân Mạt-lị bị hủy hoại hay đổi khác thì ta vô cùng ưu sầu, khổ não, không vui!

–Này Đại vương, do đấy nên biết, nếu ái đã sanh rồi thì sẽ có khổ não, ưu sầu, không vui.

–Này phu nhân Mạt-lị, kể từ ngày hôm nay, nhân việc này, Sa-môn Cù-đàm chính là thầy của ta, ta là đệ tử của Ngài. Này phu nhân Mạt-lị, nay ta quy y Đức Thế Tôn, Pháp và Tỳ-kheo Tăng. Ta thọ giới Ưu-bà-tắc của Đức Thế Tôn. Kể từ ngày nay ta lìa bỏ việc sát sanh..., hôm nay ta tự quy y Phật.

Nói như vậy rồi, vua Ba-tư-nặc từ xa lãnh hội lời dạy của Đức Thế Tôn, hoan hỷ phụng hành.

❑

SỐ 92

PHẬT NÓI KINH MƯỜI VỊ CƯ SĨ NGƯỜI BÁT THÀNH

Hán dịch: Đời Hậu Hán, Đại sư An Thế Cao, người nước An Tức.

Nghe như vầy:

Một thời, lúc Đức Thế Tôn nhập Niết-bàn không bao lâu, các Tỳ-kheo trưởng thượng ở trong Kê viên, thuộc thành Ba-la-lê-phất-đô-lô.

Bấy giờ có mười vị Cư sĩ, người Bát Thành, có nhiều tiền bạc của cải, cùng đi đến Ba-la-lê-phất-đô-lô để sinh sống. Mười vị Cư sĩ ở Bát Thành mang tiền bạc, đồ vật để mua bán, công việc xong xuôi nên rất hoan hỷ; khi được lợi nhiều thì, trong lòng vô cùng sung sướng. Họ đi ra khỏi thành Ba-la-lê-phất-đô-lô để đến Kê viên. Đến nơi họ lạy nơi chân các Tỳ-kheo trưởng thượng rồi ngồi qua một bên. Lúc ấy các Tỳ-kheo tôn túc thuyết pháp cho họ nghe, khuyến khích, bình đẳng chỉ dạy, dùng vô lượng phương tiện để giảng nói khiến cho tất cả đều hoan hỷ, rồi các vị tôn túc trụ trong im lặng.

Mười vị Cư sĩ, người ở Bát Thành nghe các vị Tỳ-kheo trưởng thượng thuyết pháp, khuyến khích khiến tất cả hết sức hoan hỷ bèn thưa với các Tỳ-kheo trưởng thượng:

–Thưa chư vị tôn túc, hiện nay Tôn giả A-nan ở chỗ nào? Chúng tôi muốn gặp Tôn giả.

–Này Cư sĩ, Tôn giả A-nan hiện ở trên bờ sông Di-hầu, nước Tỳ-xá-ly, muốn gặp Tôn giả thì cứ đến đó.

Khi ấy, mười vị Cư sĩ, người Bát Thành, từ tòa đứng dậy lạy nơi chân các vị Tỳ-kheo trưởng thượng, nhiễu quanh nhiều vòng rồi ra đi.

Họ đến chỗ Tôn giả A-nan, tới nơi đảnh lễ nơi chân rồi ngồi qua một bên, thưa với Tôn giả A-nan:

–Thưa Tôn giả A-nan, chúng tôi có điều muốn hỏi, nếu Tôn giả cho phép chúng tôi mới dám hỏi.

–Cứ hỏi đi, này các Cư sĩ!

–Thưa Tôn giả A-nan, Đức Thế Tôn có trí có kiến, là Như Lai, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, dùng mắt thấy đệ nhất nghĩa giảng nói một pháp làm cho Thánh đệ tử an trú, đối với những điều còn lại, khiến cho hữu lậu chấm dứt, ý được giải thoát phải không?

–Này các Cư sĩ, Đức Thế Tôn có trí, có kiến, là Như Lai, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, dùng mắt thấy đệ nhất nghĩa giảng nói một pháp khiến Thánh đệ tử được an trú, đối với những điều còn lại, đều làm cho hữu lậu chấm dứt, ý được giải thoát.

– Thưa Tôn giả A-nan, Đức Như Lai, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, dùng mắt thấy đệ nhất nghĩa giảng nói một pháp thế nào khiến Thánh đệ tử an trú, đối với những điều còn lại đều làm cho hữu lậu chấm dứt, ý được giải thoát?

–Này các Cư sĩ, vị Thánh đệ tử đã được nghe pháp, đối với dâm dục đã được giải thoát cho đến đạt được Tứ thiền, an trú nơi chánh thọ. Vị ấy nương vào pháp, quán tướng của các pháp, hành hóa, an trụ, nhờ có chỗ này nên chỗ trụ của vị ấy chấm dứt được hữu lậu, không trụ nơi đó nên được chấm dứt hữu lậu. Vị ấy tự mình thích pháp, tự mình yêu pháp, tự mình tu tập theo pháp, tự mình kính pháp, được hoan hỷ, kẻ ấy năm hạ phần kết sử đã chấm dứt, được giải thoát. Kẻ ấy được Bát Niết-bàn thành bậc A-na-hàm, không còn trở lại thế gian này nữa. Do đó, này các Cư sĩ, Đức Thế Tôn có trí có kiến, là Như Lai, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, mắt thấy đệ nhất nghĩa, nói một pháp khiến Thánh đệ tử an trụ, các điều còn lại đều làm cho hữu lậu chấm dứt, ý được giải thoát.

Lại nữa, này các Cư sĩ, vị Thánh đệ tử nghe pháp, ý cùng tâm Từ biến mãn một phương, an trụ nơi chánh thọ. Như vậy, hai, ba, bốn phương trên và dưới, ý cùng tâm Từ đều cùng biến mãn tất cả các phương, không oán, không hại, không giận, rất rộng lớn, phân biệt rõ ràng, biến mãn các phương rồi an trụ chánh thọ. Như vậy ý cùng đi đôi với tâm Bi, Hỷ và Hộ (Xả), biến mãn các phương, an trụ nơi chánh

thọ. Vị ấy nương vào pháp quán tướng của các pháp, hành hóa, an trụ, nhờ có chỗ này, an trụ vào đó rồi liền chấm dứt được hữu lậu, không trụ nơi đó, chấm dứt được hữu lậu. Nếu vị ấy do thích pháp, yêu pháp, tu tập, hành hóa theo pháp, tôn kính pháp, được hoan hỷ đối với pháp, năm hạ phần kết sử chấm dứt, được giải thoát, ngay nơi đó được Bát Niết-bàn thành bậc A-na-hàm, không còn trở lại thế gian này nữa. Này các Cư sĩ, đó là Đức Thế Tôn có trí, có kiến, là Như Lai, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, mắt thấy đệ nhất nghĩa, nói một pháp khiến Thánh đệ tử an trụ, đối với những điều còn lại đều làm cho hữu lậu chấm dứt, ý được giải thoát.

Lại nữa, này các Cư sĩ, vị Thánh đệ tử nghe pháp, vượt qua tất cả hình tướng của Sắc tưởng, cho đến cõi Hữu tưởng, Vô tưởng, an trụ nơi chánh thọ, vị ấy nương vào pháp, quán tướng của các pháp, hành hóa, an trụ cho đến chấm dứt hữu lậu, ý được giải thoát.

Bấy giờ mười vị Cư sĩ người ở Bát Thành thưa với Tôn giả A-nan:

–Thật hết sức kỳ lạ! Thưa Tôn giả A-nan, chúng tôi hỏi Tôn giả A-nan có một cửa cam lộ mà Tôn giả đã nói tới mười hai cửa cam lộ. Thưa Tôn giả A-nan, đối với mười hai cửa cam lộ ấy, cứ nương vào mỗi một cửa thì sẽ được an ổn, tự mình được tự tại. Giống như, thưa Tôn giả A-nan, cách thôn xóm không xa, có một tòa lâu đài, tòa lâu đài ấy có mười hai cửa. Hoặc có người vào trong ấy vì có chút việc, hoặc có người sống không có ý nghĩa, không lợi ích, không an ổn, không an lạc trong tòa nhà ấy, hoặc có người dùng lửa để thiêu đốt tòa lâu đài ấy. Thưa Tôn giả A-nan, người kia đối với mười hai cửa nơi tòa nhà ấy, tùy ý đi ra an ổn. Cũng như vậy, thật lạ lùng! Thưa Tôn giả A-nan, chúng tôi chỉ hỏi Tôn giả A-nan có một cửa cam lộ, nhưng Tôn giả đã nói đến mười hai cửa cam lộ. Thưa Tôn giả A-nan, nhiều cửa như vậy nên đối với mười hai cửa cam lộ ấy, nương vào từng cửa cam lộ, rồi cũng theo từng cửa mà đi ra. Thưa Tôn giả A-nan, các Bà-la-môn kia luôn gắn bó với pháp ác mà còn cúng thí vật dụng cho thầy họ, huống chi chúng con hiện nay đối với bậc Đại sư mà lại không dùng của cải để cúng dường sao?

Bấy giờ mười vị Cư sĩ người ở Bát Thành, trong đêm đó, sửa soạn đầy đủ đồ ăn uống thượng diệu, khi đã sửa soạn đầy đủ đồ ăn

uống thượng diệu xong, thì họ trải tòa, rồi cung thỉnh Tỳ-kheo Tăng ở Kê viên, Tỳ-kheo Tăng ở Tỳ-xá-ly đều đến đông đủ. Khi các Tỳ-kheo Tăng ở Kê viên, Tỳ-kheo tăng ở Tỳ-xá-ly đều đã tụ hội, họ tự tay dâng cúng đồ ăn uống thượng diệu. Khi biết các Tỳ-kheo đã dùng xong, thu cất bình bát, họ đem nước rửa tay cho các Tỳ-kheo, rồi dùng năm trăm món vật, mua phòng ốc cúng dường cho Tôn giả A-nan để Tôn giả sử dụng. Tôn giả A-nan đem của ấy cúng dường lại cho chư Tăng bốn phương.

Tôn giả A-nan giảng nói như vậy, mười vị Cư sĩ người ở Bát Thành, nghe Tôn giả A-nan nói rồi, hoan hỷ lãnh thọ.

❑

SỐ 93

PHẬT NÓI KINH TÀ KIẾN

Hán dịch: Mất tên người dịch, nay phụ vào dịch phẩm đời Đông Tấn

Nghe như vầy:

Một thời, khi Đức Thế Tôn nhập Niết-bàn không lâu, Tôn giả A-nan ở tại vườn trúc Ca-lan-đà, thuộc thành La-duyệt-kỳ (Vương xá).

Bấy giờ có ngoại đạo Tà Mạng là bạn từ nhỏ của Tôn giả A-nan, sau bữa ăn trưa ung dung đi đến chỗ Tôn giả A-nan, chào hỏi, thăm viếng xong thì ngồi qua một bên, nói với Tôn giả A-nan:

–Tôi có điều muốn hỏi, nếu Tôn giả cho phép tôi mới dám hỏi.

–Hãy hỏi đi, Hiền giả!

–Này Tôn giả A-nan, Đức Sa-môn Cù-đàm dứt bỏ tà kiến, đoạn trừ tà kiến, tại sao Ngài không nói: "Thế gian hữu thường, thế gian vô thường, thế gian hữu biên, thế gian vô biên, mạng là thân, thân là mạng, hay mạng khác thân khác, có mạng chung như vậy, hay không có mạng chung?". Này A-nan, Đức Sa-môn Cù-đàm biết tà kiến, vậy có biết những điều ấy chăng?

–Này Bà-la-môn, Đức Thế Tôn có trí tuệ, có tri kiến, là Như Lai, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, dứt bỏ tà kiến, đoạn trừ tà kiến, không có đề cập đến vấn đề: "Thế gian hữu thường, cho đến vấn đề không có mạng chung". Này Bà-la-môn, Đức Thế Tôn có trí tuệ, có tri kiến, nên Đức Như Lai, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác biết rõ như vậy.

–Này A-nan, Đức Sa-môn Cù-đàm dứt bỏ tà kiến, đoạn trừ tà kiến, không đề cập đến vấn đề: "Thế gian hữu thường, cho đến vấn đề không có mạng chung". Tại sao, này A-nan, Đức Sa-môn Cù-đàm

biết đó là tà kiến, điều đó làm sao biết?

–Này Bà-la-môn, Đức Thế Tôn có trí tuệ, có tri kiến, là Như Lai, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, dứt bỏ tà kiến, đoạn trừ tà kiến, không có đề cập đến vấn đề: "Thế gian hữu thường, cho đến vấn đề không có mạng chung". Này Bà-la-môn, đó là tà kiến. Nó tương ưng, hướng tới như vậy, sanh khởi như vậy, cho đến đời sau. Này Bà-la-môn, nên Đức Thế Tôn biết như vậy, có trí, có kiến, Như Lai, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác biết đó là tà kiến, nên biết như vậy.

–Cho nên, này A-nan, nay tôi xin quy y với Tôn giả.

–Này Bà-la-môn, chớ có quy y với tôi. Hãy như tôi đã quy y Đức Thế Tôn, ông cũng nên quy y với Ngài.

–Này A-nan, nay tôi xin quy y Đức Thế Tôn, Pháp và Tỳ-kheo Tăng. Tôi xin làm Ưu-bà-tắc của Đức Thế Tôn, kể từ ngày hôm nay con xa lìa sát sanh, hôm nay xin quy y với Đức Thế Tôn.

Tôn giả A-nan nói như vậy, vị Tà Mạng kia nghe Tôn giả A-nan nói rồi hoan hỷ, vui mừng.

❑

SỐ 94

PHẬT NÓI KINH DỤ MŨI TÊN

Hán dịch: Mất tên người dịch, phụ vào dịch phẩm đời Đông Tấn.

Nghe như vầy:

Một thời Đức Bà-già-bà ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ Tôn giả Ma-la-cưu-ma-la một mình ở chỗ vắng vẻ sanh ra ý nghĩa như vầy: "Đức Thế Tôn bỏ tà kiến, trừ tà kiến nhưng không dạy rõ: "Thế gian là hữu thường hay thế gian là vô thường? Thế gian là hữu biên hay thế gian là vô biên? Mạng là thân hay mạng khác, thân khác? Có mạng chung hay không có mạng chung?" Có vấn đề ấy hay không có vấn đề ấy? Ta không thể chấp nhận, không thể sử dụng được, không thể vui được. Nếu Đức Thế Tôn nói rõ về thế gian: "Thế gian là hữu thường", ta sẽ theo Ngài tu phạm hạnh. Nếu Thế Tôn không chịu nói rõ: "Thế gian là hữu thường", ta sẽ tranh luận với Ngài rồi bỏ đi. Cũng như vậy, "Thế gian là hữu biên, thế gian là vô biên, hay mạng khác thân khác, có vấn đề mạng chung hay không có vấn đề mạng chung? Có hay không có vấn đề "không có mạng chung?". Nếu Đức Thế Tôn nói rõ với ta rằng: "Chỉ có đây là chân thật, ngoài ra là ngu si", ta sẽ tu phạm hạnh với Ngài. Còn nếu Đức Thế Tôn không nói rõ: "Đây là chân thật, ngoài ra là ngu si", ta hỏi xong sẽ bỏ đi".

Lúc ấy Tôn giả Ma-la-cưu-ma-la sau buổi trưa rời khỏi tòa ngồi đi đến chỗ Đức Thế Tôn, đến nơi cung kính đảnh lễ nơi chân rồi ngồi qua một bên, bạch:

–Thưa Thế Tôn, con ở chỗ vắng vẻ, khởi lên ý nghĩ: "Đức Thế Tôn dứt bỏ tà kiến, diệt trừ tà kiến, nhưng không dạy rõ: "Thế gian

hữu thường, cho đến không có mạng chung". Điều này con không muốn, con không thể chịu được, không ưa thích. Nếu Đức Thế Tôn biết rõ "thế gian là hữu thường" thì Đức Thế Tôn cứ nói ra. Còn nếu Đức Thế Tôn hoàn toàn không biết "thế gian là hữu thường" thì xin Ngài cứ nói thẳng ra là: "Ta không biết". Cũng như vậy, với vấn đề "thế gian là vô thường cho đến không có mạng chung", nếu Đức Thế Tôn hoàn toàn biết rõ thì xin hãy nói cho con rằng: "Đây là chân thật, ngoài ra là ngu si". Đức Thế Tôn nên nói rõ như vậy. Còn nếu Đức Thế Tôn không biết "Đây là chân thật, ngoài ra là ngu si" thì Ngài cứ nói thẳng cho con rằng "Ta không biết".

–Này Ma-la-cưu-ma-la, trước đây Ta có từng nói với ông rằng: "Nếu Ta nói "thế gian là hữu thường", thì ông hãy theo Ta tu hành Phạm hạnh" không?

–Không có, thưa Thế Tôn!

–Cũng như vậy, với vấn đề "thế gian là vô thường, cho đến không có mạng chung", nếu Ta nói về vấn đề ấy; nếu Ta nói: "Lời của Ta là chân thật, ngoài ra là ngu si", thì ông sẽ theo Ta tu Phạm hạnh phải không?

–Không có, thưa Thế Tôn!

–Này Ma-la-cưu-ma-la, trước đây ông có nói với Ta: "Nếu Thế Tôn khẳng định "thế gian là hữu thường", thì tôi sẽ theo Ngài để tu Phạm hạnh" không?

–Không có, thưa Thế Tôn!

–Cũng như vậy, với vấn đề "thế gian là vô thường, cho đến không có mạng chung", phải chăng ông đã từng nói: "Nếu Đức Thế Tôn nói với tôi: "Đây là chân thật, ngoài ra là ngu si", thì tôi sẽ theo Ngài tu học Phạm hạnh?"

–Chẳng phải vậy, thưa Thế Tôn!

–Này Ma-la-cưu-ma-la, Ta vốn không nói với ông như vậy, ông cũng vốn không nói với Ta như vậy. Ông quả là người ngu si, vô cớ tại sao lại hủy báng Ta?

Khi ấy Tôn giả Ma-la-cưu-ma-la bị Đức Phật quở trách, không lời biện bạch nên im lặng, khắp cả mình mồ hôi toát ra, cúi mặt lặng thinh.

Đức Thế Tôn quở trách Tôn giả Ma-la-cưu-ma-la xong, rồi bảo

các Tỳ-kheo:

–Nếu như có kẻ ngu si nghĩ rằng: "Ta sẽ không theo Đức Thế Tôn để tu Phạm hạnh, nếu Đức Thế Tôn khẳng định: "Thế gian là hữu thường". Người ngu si ấy chưa kịp biết gì thì nửa chừng đã chết rồi. Cũng như vậy, đối với vấn đề "thế gian là vô thường, cho đến không có mạng chung", kẻ ấy cho rằng: "Ta sẽ không theo Đức Thế Tôn để tu hành Phạm hạnh, nếu Đức Thế Tôn nói với ta rằng: "Đây là chân thật, ngoài ra là ngu si". Người ấy chưa biết được gì cả thì nửa chừng đã chết mất rồi.

Ví như có người bị trúng tên độc vào thân, quyến thuộc của anh ta thương xót, muốn cho anh ta được an ổn, được lợi ích, nên cấp tốc mời thầy thuốc đến nhổ mũi tên độc ra. Khi ấy người bị trúng tên độc thầm nghĩ: "Ta chưa muốn nhổ tên độc ra vội. Ta muốn biết người bắn cung họ gì, tên gì, hình dạng ra sao? Kẻ ấy cao hay thấp, hay trung bình? Kẻ ấy đen hay trắng, thuộc dòng Sát-lợi hay Bà-la-môn, hay Cư sĩ, hay thợ thuyền? Kẻ ấy ở phương Đông, phương Tây, phương Nam hay phương Bắc? Tại sao lại lấy tên bắn vào ta? Ta chưa muốn nhổ tên độc ra vội, hãy cho ta biết cây cung làm bằng loại cây Tát-la, cây đa-la, hay loại cây Xí-la-ương-quật-lê? Ta chưa muốn nhổ tên độc ra vội, hãy cho ta biết loại gân quấn quanh cây cung làm bằng gân bò, gân dê hay gân của loài trâu đuôi dài? Ta chưa muốn nhổ tên độc ra vội, hãy cho ta biết chỗ tay nắm giữ cây cung làm bằng xương trắng, đen hay là nâu? Ta chưa muốn nhổ tên độc ra vội, hãy cho ta biết dây cung làm bằng loại trúc đặt biệt nào? Ta chưa muốn nhổ tên độc ra vội, hãy cho ta biết mũi tên làm bằng cây Xá-la hay cây tre, hay cây La-nga-lê? Ta chưa muốn nhổ tên độc ra vội, hãy cho ta biết gân quấn quanh mũi tên ấy là gân bò, gân dê hay gân của loài trâu đuôi dài? Ta chưa muốn nhổ tên độc ra vội, hãy cho ta biết cái lông vũ gắn sau mũi tên là của chim Khổng tước, của chim Thương hạc, hay của chim Thứu? Ta chưa muốn nhổ tên độc ra vội, hãy cho ta biết loại sắt bịt nơi đầu mũi tên là Bà-ta, hay Bà-la, hay Na-la, hay Già-la-bệ? Ta chưa muốn nhổ tên độc ra vội, cần cho ta biết người thợ làm mũi tên sắt ấy họ gì, tên gì, hình dáng ra sao, cao thấp hay trung bình? Kẻ ấy đen hay trắng? Ở phương Đông, phương Tây, phương Nam hay phương Bắc?"

Nhưng người ấy chưa kịp biết gì cả, nửa chừng thì y đã chết mất

rồi. Cũng vậy, nếu có kẻ ngu si nghĩ rằng: "Ta sẽ không theo Đức Thế Tôn để tu Phạm hạnh, nếu Đức Thế Tôn nói thế gian là thường. Người ngu si ấy chưa biết được gì, thì nửa chừng đã chết mất rồi.

Các vấn đề "thế gian chẳng phải là thường, thế gian là hữu biên cho đến không có mạng chung", cũng giống như thế. Nếu có kẻ ngu si suy nghĩ: "Ta chẳng theo Đức Thế Tôn tu hành phạm hạnh, nếu Đức Thế Tôn nói với ta rằng: "Đây là sự thật, ngoài ra đều ngu si", thì kẻ ngu si kia chưa biết được gì cả, nửa chừng đã chết mất.

Dù thế gian là hữu thường thì vẫn có sanh, già, bệnh, chết; có ưu sầu khóc lóc không vui. Như vậy, khối khổ lớn này tích tụ tập khởi. Cũng vậy, cho dù thế gian là vô thường, cho đến không có mạng chung thì vẫn có sanh, già, bệnh, chết, cho đến khối khổ lớn này tích tụ tập khởi. Dù "thế gian là hữu thường", điều đó Ta cũng không nói. Cũng như thế, "thế gian là vô thường, cho đến mạng chung", điều đó Ta cũng không nói. Vì sao Ta không nói? Vì điều đó chẳng đúng nghĩa, là phi pháp, chẳng phải là Phạm hạnh, không thành tựu thần thông, không đưa đến đạo giác ngộ, không tương ưng với Niết-bàn, cho nên Ta không nói.

Vậy vấn đề gì Ta luôn giảng nói? Ta luôn giảng nói đến: "Đây là khổ". Ta luôn giảng nói: "Đây là nguyên nhân của khổ, là sự diệt trừ khổ, là con đường tu tập để diệt khổ". Vì sao vậy? Ta đã nói rõ những vấn đề ấy là vì chúng là nghĩa, là pháp, đưa đến thần thông, tu hành Phạm hạnh dẫn đến đạo giác ngộ, tương ưng với Niết-bàn, cho nên Ta luôn giảng nói. Những điều Ta không nói đến thì nên bỏ đi, còn những điều Ta nói đến thì nên thọ trì.

Đức Phật giảng nói như vậy, các Tỳ-kheo nghe Thế Tôn nói xong, hoan hỷ thọ nhận.

❑

SỐ 95

PHẬT NÓI KINH DỤ CON KIẾN

Hán dịch: Đời Tống Đại sư Thi Hộ.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn phóng ra luồng hào quang lớn chiếu sáng rực rỡ xong, bảo các Bí-sô:

–Các vị nên biết, vào một thời nọ có một bầy kiến, ban đêm thì gây ra khói, ban ngày thì tạo ra lửa cháy. Có một Bà-la-môn thấy việc này, bèn nói như vầy: "Nếu ai cầm dao bén thì chắc chắn có thể phá tan được bầy kiến ấy". Nói như vậy xong, vị ấy lại thấy một con rùa lớn, Bà-la-môn kia cũng nói như vậy: "Nếu có người cầm dao bén thì chắc chắn có thể phá nát được nó". Tiếp theo lại thấy các con sứa, rồi thấy một con đỉa, tiếp theo thấy những con trùng A-tây-tô-na, lại thấy một con rắn lớn, lại thấy một con trùng Noa-đà-bát-tha, lại thấy con trùng Tán-ca-phược-sất, vị Bà-la-môn thấy các loài trùng ấy rồi, đều nói như trước. Sau cùng, thấy một con rồng lớn, Bà-la-môn ấy liền nói: "Những điều ta đã thấy, chỉ Đức Phật Thế Tôn mới có thể hiểu rõ như thế nào". Ông liền đi đến chỗ một vị Bí-sô, trình bày rõ sự việc như trên, lại nói:

–Này Bí-sô, thầy hãy đem việc này hỏi Đức Phật giúp tôi để cho tâm nghi ngờ của tôi được khai mở. Theo lời Đức Phật đã dạy, tôi sẽ ghi nhớ thọ trì. Vì sao? Này Bí-sô, tôi không thấy trời, người, hay các chúng Sa-môn, Bà-la-môn ở thế gian có ai đem nghĩa này để hỏi Đức Phật, cho nên không thể làm cho những điều nghi ngờ trong tâm được khai mở.

Vị Bí-sô ấy ghi nhận những lời nói trên bèn đi đến chỗ của Ta. Đến nơi, vị ấy đảnh lễ nơi chân, đứng qua một bên, trình bày rõ sự

việc trên xong và hỏi:

–Như Bà-la-môn đã thấy bầy kiến, việc ấy thế nào? Nửa đêm phun khói, ban ngày lửa cháy, việc ấy lại như thế nào? Lại thấy một con rùa lớn, con sứa, con đỉa, con trùng A-tây-tô-na, con rắn lớn, con trùng Noa-đà-bát-tha, con trùng Tán-ca-phược-sất, và con rồng lớn. Những điều vị ấy thấy đó là tướng gì? Còn Bà-la-môn kia là người gì? Sao gọi là dao bén phá tan? Cúi mong Đức Phật giảng nói.

–Này các Bí-sô, lúc đó Ta nói với vị Bí-sô ấy: "Đàn kiến đó chính là thân Ngũ uẩn của tất cả chúng sanh. Nửa đêm phun khói tức là chúng sanh khởi các tầm, từ. Ban ngày lửa cháy tức là chúng sanh tùy theo tầm, từ mà khởi ra thân nghiệp, ngữ nghiệp. Con rùa lớn tức là năm pháp nhiễm ô, con sứa tức là sự phẫn nộ, con đỉa tức là sự tham lam ganh ghét, con trùng A-tây-tô-na tức là pháp của năm dục, con rắn tức là Vô minh, con trùng Noa-đà-bát-tha là sự nghi hoặc, con trùng Tán-ca-phược-sất là sự ngã mạn, con rồng tức là các bậc A-la-hán, vị Bà-la-môn tức là Đức Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác, dao bén ấy là người có trí, con dao tức là trí tuệ, phá tan là sự phát khởi hạnh tinh tấn thù thắng.

Này các Bí-sô, ý các vị thế nào?

Những hình tướng mà vị ấy thấy, nói một cách tóm tắt đó là Yết-la-lam của thân ngũ uẩn tích chứa nơi tất cả chúng sanh, do sự bất tịnh của cha mẹ sanh ra, bốn đại hiệp thành, sắc tướng hư giả, thô ác xấu kém, chứa nhóm sự khổ não, rốt cuộc đều bị hủy hoại. Nhưng các chúng sanh không thể hay biết, ngày đêm khởi ra tầm, từ nên tạo ra thân nghiệp, ngữ nghiệp bất thiện, bị năm thứ phiền não che lấp, tham đắm nơi năm dục, khiến sự vô minh thêm dày, sanh tâm ngã mạn, đối với các Thánh pháp nghi ngờ không quyết định, sân hận, tham lam keo kiệt, ganh ghét, phát khởi trong từng niệm, không cầu sự giải thoát. Cho nên Đức Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác muốn khiến cho tất cả người có trí phát khởi hạnh tinh tấn, tu tập trí tuệ, đoạn trừ các phiền não, chứng được Thánh quả.

Này các Bí-sô, đã dứt sanh các lậu thì chứng quả A-la-hán, cho nên nói giống như rồng.

Lại nữa, này các Bí-sô, chư Phật Thế Tôn ở quá khứ và vị lai luôn thương yêu, luôn đem lại lợi lạc cho tất cả chúng sanh, muốn cho

chúng sanh đoạn trừ các phiền não, chứng được Thánh quả, vì các Thanh văn rộng nói nghĩa này. Ngày nay Ta cũng giống như chư Phật mới dùng duyên này giảng nói cho các vị nghe.

Này các Tỳ-kheo, hãy nhớ nghĩ việc này: nên ở các nơi chốn tịch tĩnh như đồng vắng, nhà trống, giữa núi rừng, dưới tàng cây, nơi hang sâu, chốn am thất mà lắng lòng tư duy, quán sát nghĩa này, đừng có phóng dật, sanh tâm thoái chuyển, cũng lại chỉ dẫn, giáo hóa đạo cho người khác nữa, khiến việc tu tập được rộng khắp đạt lợi ích lớn.

Đức Thế Tôn vì các Bí-sô giảng nói như vậy xong, các Tỳ-kheo thảy đều hoan hỷ tin nhận.

❑

SỐ 96

PHẬT NÓI KINH TRỊ Ý

Hán dịch: Mất tên người dịch, phụ vào dịch phẩm đời Tây Tấn.

Đức Phật dạy:

–An Ban Thủ Ý đã thực hành đầy đủ đúng như pháp, muốn học theo thứ lớp như Đức Phật dạy thì ở tại thế gian được sáng suốt, như lúc không có mây thì trăng sáng rõ. Phải giữ vững thân, ý, cả trong lúc nằm, lúc ngồi cũng lại như vậy. Tỳ-kheo đã giữ vững ý rồi, trước sau hợp nhau như thế sẽ được lợi ích. Trước sau đã có lợi ích thì khiến cho hành giả không còn bị chướng ngại. Ý đã an tịnh thì phải canh giữ sáu thứ giặc (*lục suy: sáu trần*), phải luôn luôn phòng giữ, chớ bỏ nữa chừng, mới biết được thân vô vi giải thoát. Nếu luôn luôn có sự phòng giữ về ý, thân được đình chỉ, không mong cầu, cũng không nguyện được có, cũng chớ nghi sự có, cũng chớ nghi sự không có. Thứ lớp hành động, chỗ còn nghi sẽ sớm được thoát khỏi sanh tử. Nếu chế ngự ý, biết định, ưa thích sự thanh tịnh, quán pháp trong từng thời thì có thể thoát khỏi được già, bệnh. Như vậy có thể tinh tấn ngay khi với bệnh đáng sợ. Trong ý của người học đạo đối với sự trói buộc của sanh, già, bệnh, chết thì có thể đoạn trừ, đời hiện tại có thể chấm dứt được khổ đau. Đã kiểm soát được vấn đề ngủ nghỉ, đã chiến thắng được sự ưa nằm, nhờ cảnh tỉnh mà không còn sợ sệt. Lấy tinh tấn để chiến thắng ngủ nghỉ, ngày đêm luôn tỉnh giác, mong cầu cam lộ (*chánh pháp*) để được diệt khổ. Người đã có điều đó, có lợi ích quy y theo Phật thì vào lúc nửa đêm phải thường nhớ đến Phật, ai đã tỉnh giác thì được giác ngộ. Đệ tử của Phật phải luôn thực hành như thế. Vào lúc nửa đêm luôn niệm Pháp, niệm Tăng cũng lại như vậy, hành

giới cũng như vậy, bố thí cũng như vậy, giữ gìn thân cũng như vậy, hành thiền cũng như vậy, không xâm phạm người cũng như vậy, định ý cũng như vậy, quán Không cũng như vậy, đã giác ngộ rồi thì có thể giác ngộ cho đệ tử của Phật cũng thế. Thực hành pháp ấy như vậy lúc nửa đêm sẽ không rơi vào vọng niệm.

Hỏi:

–Thế nào là biết thân vô vi giải thoát?

Sư đáp:

–Nê-hoàn là thân vô vi.

–Tu hành theo thứ lớp là thế nào?

–Đã đến đó rồi thì sẽ dần dần trừ bỏ. Đó là tu hành theo thứ lớp.

–Quán pháp trong mọi thời là thế nào?

–Khi Lục nhập đến thì liền kiểm soát. Đó là quán pháp trong mọi lúc.

–Thế nào là làm cho người học đạo được tự ý?

–Dạy cho người tinh tấn, trước hết phải tự ý hành, thân tự giữ gìn, ý tự giữ gìn, tự làm phước, vì phước ở cõi trời chưa đầy đủ thì tự giữ làm cho phước được đầy đủ, liền chứng đắc thiền.

❑

SỐ 97

PHẬT NÓI KINH QUẢNG NGHĨA PHÁP MÔN

(Kinh này rút ra từ một phẩm kinh Trung A-hàm)

Hán dịch: Đời Trần, Tam tạng Pháp sư Chân Đế, người Thiên trúc.

Tôi nghe như vầy:

Một thời Tịnh Mạng Xá-lợi-phất ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ, cùng đông đủ chúng Đại Tỳ-kheo.

Bấy giờ Tịnh Mạng Xá-lợi-phất bảo các Tỳ-kheo hãy quây quần để nghe pháp, các Tỳ-kheo thưa:

–Đại đức Xá-lợi-phất, xin vâng.

Tôn giả Xá-lợi-phất nói:

–Này các Trưởng lão, nay tôi giảng nói pháp cho các Trưởng lão nghe, phần đầu thiện, phần giữa thiện, phần cuối thiện, nghĩa thiện, lời thiện, thuần nhất không xen tạp, thanh tịnh viên mãn. Nay tôi vì các vị chỉ rõ phạm hạnh; đó là pháp môn Quảng Nghĩa. Cho nên các vị nay nên lắng nghe cho kỹ, một lòng cung kính, khéo léo ghi nhớ suy niệm. Pháp môn Quảng Nghĩa ấy, này các Trưởng lão, có mười hai loại. Khi xa lìa sự trở ngại, tùy thuận đạo, thì có thể tạo được phương tiện để chứng đắc chánh pháp. Những gì là mười hai?

1. Tự chiến thắng bản thân.
2. Cũng giúp cho người khác tự chiến thắng.
3. Sanh vào cõi người.
4. Sanh vào nơi có bậc Thánh.
5. Căn tánh lanh lợi, hơn người.
6. Thành tựu được chánh kiến.

7. Khéo tạo tư lương cho sự tu tập.
8. Sanh nơi xứ thiện, có tín tâm.
9. Gặp Phật ra đời.
10. Chuyển pháp luân.
11. Chánh pháp ở thế gian không bị mất.
12. Như lời Phật dạy, ở trong chánh pháp theo đúng lý tu hành.

Này các Trưởng lão, đây là mười hai pháp khi xa lìa sự khó khăn trở ngại, tùy thuận theo đạo thì có thể khởi ra phương tiện để chứng đắc chánh pháp.

Này các Trưởng lão, có thể nói cho Tỳ-kheo: nếu muốn giảng nói chánh pháp cho người khác thì pháp với nghĩa phải tương ưng, lời giảng nói phải ứng hợp, nghĩa là có sự cung kính, thứ tự, tóm tắt một cách tương ứng, khiến cho người khác sanh hoan hỷ, ưa thích; đầy đủ sự chánh cần, không tổn hại cho người khác. Điều nói ra thì đúng như lý, tương ứng, không xen tạp, tùy thuận theo thính chúng. Lời nói ra ấy phải có tâm từ bi, có tâm lợi ích, có tâm tùy thuận sự ưa thích, không tham đắm lợi dưỡng, luôn cung kính khen ngợi. Nếu khi chính thức thuyết giảng chánh pháp thì không được tự khen mình, tự cao, không được hủy báng, nói xấu người khác.

Này các Trưởng lão, nếu ai muốn nghe chánh pháp phải đầy đủ mười sáu tướng mới có thể nghe, lãnh hội thọ trì được. Những gì là mười sáu?

1. Tùy thời mà nghe.
2. Cung kính.
3. Ưa thích.
4. Không chấp trước.
5. Như điều đã nghe, theo đấy thực hành.
6. Không làm việc phá hoại, gây khó khăn.
7. Đối với pháp phải khởi tâm tôn trọng.
8. Đối với người thuyết pháp phải khởi tâm tôn trọng.
9. Không khinh thường, bài bác chánh pháp.
10. Không khinh chê, bài bác người thuyết pháp.
11. Không xem thường thân mình.
12. Nhất tâm, không tán loạn.
13. Có tâm mong cầu giải thoát.

14. Nhất tâm lắng nghe.
15. Dựa theo lý để tư duy chân chánh
16. Trước sau luôn nhớ nghĩ, thọ trì.

Với việc nghe pháp, hàng đệ tử của Phật nếu có thể làm được như vầy: cung kính lắng nghe, tín căn sanh trưởng thì ở trong chánh pháp, tâm được trong sạch; lấy đó làm điều đầu tiên. Đối với Niết-bàn, sanh tâm hoan hỷ và tâm cầu chứng đắc, lấy đó làm trước nhất. Đối với Niết-bàn, sanh tâm hoan hỷ, xa lìa tham ái; lấy đó làm trước tiên. Đối với Niết-bàn, diệt trừ được chướng ngại, hoặc được tâm an định; lấy đó làm trước nhất. Đối với Niết-bàn, xa lìa nghi hoặc, mê lầm, sanh tri kiến đúng đắn; lấy đó làm trước tiên. Đối với Niết-bàn, khởi tâm hồi hướng tu tập hành quán, để thắp sáng đuốc trí tuệ, vì để đạo pháp được ứng hợp, vì diệt trừ các thứ gây chướng ngại cho sự hỗ trợ đạo, vì để được tâm an trú, vì để đạt được Đệ nhất nghĩa; lấy đó làm trước hết. Đối với tất cả việc thực hành pháp tịch diệt, chứng được chân không, diệt ái lìa dục. Đối với Niết-bàn vô sanh đạt được tâm an trụ, thành tựu tin vui; lấy đó làm trước tiên. Đối với Niết-bàn và các ấm, vô thường, được tâm an trụ, thành tựu tin vui; lấy đó làm trước nhất. Đối với Niết-bàn và Tứ thánh đế đạt được pháp nhãn thanh tịnh, để sanh tuệ nhãn; lấy đó làm trước tiên. Đối với Niết-bàn, đạt được giải thoát, lấy đó làm trước nhất. Do vậy, đối với Niết-bàn đạt giải thoát tri kiến, đều được viên mãn.

Này các Trưởng lão, do có thể đúng như lý nhất tâm lắng nghe chánh pháp như vậy, nên các Thánh đệ tử không bị tổn hại, có thể thuyết pháp, có thể lãnh hội được ý vị chân chánh của lời nói, tức là nương tựa nơi pháp, cúng dường Đại sư, chứng đắc tự lợi và vì Niết-bàn mà làm người nghe pháp.

Có mười pháp sanh khởi, có thể đem lại sự thành tựu đầy đủ được Bát-nhã. Những gì là mười?

1. Gần gũi bạn lành.
2. Trì giới thanh tịnh.
3. Tâm muốn cầu giải thoát.
4. Thích nghe dạy pháp lành.
5. Thích cúng dường người thuyết pháp.
6. Tùy thời mà thưa hỏi, tìm hiểu.

7. Lắng nghe chánh pháp.
8. Luôn tu tập theo chánh pháp.
9. Đối với điều xấu ác thường sanh tâm nhàm chán.
10. Đã sanh tâm nhàm chán theo đúng như lý có thể dấy khởi bốn Chánh cần.

Thế nào là nương vào lý, tinh cần một cách chân chánh? Đó là đối với pháp thiện, tâm không biếng trễ, thường điều phục tâm, dứt các pháp ác. Nếu tâm chưa được định thì khiến cho được tự tại. Nếu tâm chưa thông suốt thì khiến cho được thông suốt. Như vậy gọi là nương vào lý nên tinh cần một cách chân chánh.

Này các Trưởng lão, nếu vị Thánh đệ tử tự mình nương vào đạo lý như vậy mà khởi lên chánh cần, có mười thứ pháp tương ưng cho việc tu tập. Những gì là mười?

1. Quán tưởng về bất tịnh.
2. Quán tưởng về vô thường.
3. Đối với pháp quán vô thường, quán tưởng về khổ.
4. Ở trong pháp quán về khổ, quán tưởng về vô ngã.
5. Nhàm chán ghét bỏ sự tưởng nhớ về ăn uống.
6. Quán tưởng thấy tất cả thế gian đều không an lạc.
7. Sanh khởi tưởng về sự sáng tỏ rực rỡ.
8. Quán tưởng về sự lìa dục.
9. Quán tưởng về sự xa lìa, đoạn diệt.
10. Quán tưởng về cái chết.

Một: Này các Trưởng lão, có mười bốn pháp có thể làm chướng ngại, chống trái đối với pháp quán tưởng về bất tịnh. Những gì là mười bốn?

1. Cùng ở một chỗ với người nữ.
2. Khi nhìn xem người nữ mà tâm mất chánh niệm.
3. Luôn dấy khởi phóng dật.
4. Sanh tâm dục nặng nề.
5. Thường tập theo tưởng thanh tịnh.
6. Không thường tập theo tưởng bất tịnh.
7. Thường ở với người làm nhiều việc tụ tập, giao tiếp.
8. Hành động theo người ấy.
9. Không ưa thích nghe chánh pháp.

10. Không hỏi han tìm hiểu về chánh pháp.
11. Không hay gìn giữ sáu căn.
12. Ăn không có hạn lượng, điều độ.
13. Một mình ở chỗ vắng vẻ, tâm không được an ổn.
14. Không thể quán sát một cách như thật.

Hai: Đối với pháp quán tưởng về vô thường thì do sự tham ái chấp trước nơi các pháp hành làm chướng ngại.

Ba: Đối với việc quán tưởng về vô thường, khổ thì có sáu pháp làm chướng ngại. Những gì là sáu?

1. Biếng nhác.
2. Trì trệ, chậm chạp.
3. Luôn ưa ngủ nghỉ.
4. Phóng dật.
5. Không thể hành động thuận hợp.
6. Không thể quán sát đúng như thật.

Bốn: Đối với quán tưởng về khổ, vô ngã thì do ngã kiến làm chướng ngại.

Năm: Đối với việc nhàm chán sự tưởng nhớ về thức ăn, thì do tham đắm mùi vị làm chướng ngại.

Sáu: Đối với việc quán tưởng thấy tất cả thế gian đều không an lạc, thì do sự mong cầu về ái dục nơi thế gian làm chướng ngại.

Bảy: Sanh khởi tưởng về sự sáng tỏ thì có mười một pháp làm chướng ngại. Những gì là mười một?

1. Nghi hoặc.
2. Không hay suy nghĩ, lường tính.
3. Thân nặng nề, thô tháo.
4. Uể oải.
5. Siêng năng tinh tấn thái quá.
6. Siêng năng tinh tấn quá kém.
7. Tâm ô trược.
8. Tâm kinh sợ.
9. Sanh nhiều thứ tưởng.
10. Nói năng quá nhiều.
11. Ngắm nhìn sắc quá nhiều.

Tám: Quán tưởng về sự lìa dục thì do hữu dục làm chướng ngại.

Chín: Quán tưởng về sự trừ diệt, xa lìa, thì do sự chấp tướng nơi pháp làm chướng ngại.

Mười: Đối với quán tưởng về cái chết thì sự tham ái về thọ mạng làm chướng ngại.

Những chướng ngại như vậy chưa từng được tiêu diệt, hàng phục. Để diệt trừ các chướng ngại ấy, có ba phương pháp đem lại nhiều ân đức. Những gì là ba?

1. Thích tu tập.
2. Diệt trừ và xa lìa.
3. An trụ nhiều nơi hai điều trên.

Này các Trưởng lão, có mười bốn pháp, đối với việc quán bất tịnh tạo ra rất nhiều ân đức:

1. Không ở một chỗ với người nữ.
2. Tâm không mất chánh niệm khi quán xem người nữ.
3. Dứt bỏ phóng dật.
4. Không sanh tâm nặng về tham dục.
5. Thường tu tập tưởng bất tịnh.
6. Không thường tu tập tưởng tịnh.
7. Không ở chung với người làm nhiều công việc.
8. Không thuận theo chỗ hành động của người ấy.
9. Ưa nghe chánh pháp.
10. Thích hỏi han, tìm hiểu về chánh pháp.
11. Luôn giữ gìn sáu căn.
12. Hạn chế việc ăn uống.
13. Ở một mình mà tâm được an trụ.
14. Hay quán sát một cách như thật.

Này các Trưởng lão:

Một là quán tưởng về bất tịnh, nếu dốc sức tu tập thì có thể diệt trừ được ái dục, phiền não của dục.

Hai là quán tưởng về vô thường, nếu dốc sức tu tập thì có thể diệt trừ tất cả pháp hành về tham ái, chấp trước.

Ba là đối với vô thường, quán tưởng về khổ, nếu dốc sức tu tập thì có thể diệt trừ được tâm lười biếng, trì trệ, chậm chạp.

Bốn là ở trong pháp khổ, quán tưởng về vô ngã, nếu dốc sức tu tập thì có thể diệt trừ ngã kiến.

Năm là nhàm chán sự tưởng nhớ về ăn uống, nếu dốc sức tu tập thì có thể diệt trừ được sự tham đắm mùi vị.

Sáu là đối với tất cả thế gian, quán tưởng đều không an lạc, nếu dốc sức tu tập thì có thể diệt trừ được các thứ ái dục ít có ở thế gian.

Bảy là sanh khởi tưởng về ánh sáng, nếu dốc sức tu tập có thể sanh trưởng trí tuệ và chánh kiến.

Tám là quán tưởng về lìa dục, nếu dốc sức tu tập thì có thể trừ diệt được mọi tham dục.

Chín là quán tưởng về sự trừ diệt, xa lìa, nếu dốc sức tu tập thì có thể diệt trừ tất cả các pháp ác thuộc về hữu vi.

Mười là quán tưởng về cái chết, nếu dốc sức tu tập thì có thể diệt trừ được tham ái về thọ mạng.

Này các Trưởng lão, nếu các Thánh đệ tử theo đúng như lý tu tập tinh cần một cách chân chánh như vậy, có hai mươi pháp làm chướng ngại cho sự siêng năng tu tập. Những gì là hai mươi?

1. Cùng ở chung với người không tu quán.
2. Không thích nghe pháp, hỏi pháp.
3. Không thuận theo sự giáo huấn.
4. Tự mình trở thành câm điếc.
5. Có nhiều sự cầu tìm về dục.
6. Nhiều việc.
7. Không theo đúng như pháp để an lập đời sống.
8. Không gắn bó với pháp thiện.
9. Gặp tám thứ nạn.
10. Theo thế gian mà bị tán động.
11. Cao ngạo ngã mạn.
12. Không thọ lãnh lời dạy hay.
13. Mất chánh niệm.
14. Phóng dật.
15. Không ở với bậc chánh sĩ.
16. Không giữ gìn các căn.
17. Không hạn chế việc ăn uống.
18. Đầu đêm, cuối đêm không tỉnh giác tu tập.
19. Ở một mình nơi chỗ vắng mà tâm không an trụ.
20. Không thể quán sát một cách như thật.

Này các Trưởng lão, hai mươi thứ chướng ngại như vậy chưa từng được hàng phục, tiêu diệt. Có mười một pháp có thể hàng phục, tiêu diệt các chướng ngại này, tạo được nhiều ân đức. Những gì là mười một?

1. Tin, thích tu hành.
2. Quán về các công đức tu tập.
3. Có thể làm những điều khó làm.
4. Có thể chế ngự, điều phục được tâm mình.
5. Tâm không thoái chuyển.
6. Thông tỏ được thật tướng của chánh pháp.
7. Không khinh thường thân mình.
8. Ưa nghe, ham hiểu biết không chán.
9. Thưa hỏi để giải quyết nghi ngờ.
10. Ở một mình chỗ vắng vẻ tâm được an trụ.
11. Có thể quán sát một cách như thật.

Này các Trưởng lão, vị Thánh đệ tử nếu tận lực tu tập pháp chánh cần như vậy thì có hai mươi pháp đem lại nhiều ân đức. Những gì là hai mươi?

1. Cùng ở chung với người tu quán.
2. Ưa thích nghe, hỏi han về chánh pháp.
3. Thuận hợp với lời dạy.
4. Tự mình không phải là hạng điếc, câm.
5. Không mong cầu nhiều về dục.
6. Không tạo tác nhiều sự việc phiền phức.
7. An lập sự sống đúng như pháp.
8. Luôn gắn bó đối với pháp thiện.
9. Không gặp phải tám nạn.
10. Không theo thế tục mà bị loạn động.
11. Tâm không tự cao, kiêu mạn.
12. Có thể thọ nhận giáo pháp tốt đẹp.
13. Không mất chánh niệm.
14. Tâm không buông lung.
15. Ở một chỗ với bậc Chánh sĩ.
16. Luôn giữ gìn các căn.
17. Có thể hạn chế việc ăn uống.

18. Đầu đêm, cuối đêm luôn tỉnh giác tu tập.

19. Một mình ở chỗ vắng mà tâm được an trụ.

20. Quán sát một cách như thật.

Này các Trưởng lão, có hai mươi hai xứ mà người xuất gia phải luôn luôn quán sát. Những gì là hai mươi hai?

Tự suy nghĩ: "Nay ta hình sắc xấu xí, đã lìa bỏ cuộc sống gia đình, xuất gia, có được các hình tướng đáng quý kính". Đó là việc thứ nhất, người xuất gia nên luôn luôn quán sát.

Tự nghĩ: "Nay ta đã mặc y phục hoại sắc".

Tự nghĩ: "Sự trang sức nơi thân ta khác với thế gian".

Tự nghĩ: "Sự sống của ta quan hệ với bốn chúng".

Tự nghĩ: "Nay ta luôn nhờ vào kẻ khác để có những vật dụng cần thiết cho sự sống. Đó là y phục, đồ ăn uống, đồ nằm, thuốc men để trị bệnh".

Tự nghĩ: "Ta hiện nay cho đến hết cuộc đời đối với mọi dục lạc của thế gian đã thọ giới cấm".

Tự nghĩ: "Ta hiện nay cho đến hết cuộc đời, đối với các sự việc chơi bời, vui đùa đã hoàn toàn dứt bỏ".

Tự nghĩ: "Nay ta đã nương tựa vào giới, phải nên tự trách chính mình đã đạt được gì"

Tự nghĩ: "Ta cùng tu tập với bạn lành, vậy đối với giới pháp ta có điều đáng chê trách chăng?"

Tự nghĩ: "Nay ta sẽ giữ thân này để khỏi bị kẻ khác xâm phạm đến chăng?"

Tự nghĩ: "Nay ta thọ dụng đồ ăn uống của đất nước để được đạo quả Bất không chăng?"

Tự nghĩ: "Nay ta ở một mình chỗ vắng vẻ để tâm được an trụ chăng?"

Tự nghĩ: "Nay ta đã được cái gì mà cứ để ngày đêm trôi qua?"

Tự nghĩ: "Nay ta đối với tất cả các hành của xứ tịch diệt, đã chứng đắc xứ không và xứ diệt trừ ái, lìa dục, đạt Niết-bàn vô sanh, được nhập vào chỗ thành tựu, an trụ nơi tâm tín, lạc".

Tự nghĩ: "Nay ta đối với ấm, khởi lên tưởng vô thường. Đối với ấm, khởi lên tưởng vô sở hữu. Đối với ấm, khởi lên tưởng hư vọng. Đối với ấm, khởi lên tưởng không thật. Đối với ấm, khởi lên tưởng hư

hoại, được nhập vào chỗ thành tựu, an trụ nơi tâm tín, lạc".

Tự nghĩ: "Nay ta đối với bốn quả Sa-môn đã chứng đắc được một quả vị nào chưa. Do sự chứng đắc này, lúc sắp mạng chung được các bạn lành cùng tu tập là bậc trí tuệ đến thăm hỏi, ta vì có tâm không nghi ngờ, sợ sệt nên sanh tâm vui thích, bày tỏ điều ta đã chứng đắc. Khi tự nói lên điều ấy, phải chăng là đúng như lý?"

Tự nghĩ: "Nay ta chưa lìa bỏ pháp sanh. Đối với đời vị lai vì chưa vượt thoát nên tùy xứ mà sanh".

Tự nghĩ: "Nay ta chưa lìa được tướng già".

Tự nghĩ: "Nay ta chưa lìa được cái khổ hoạn của bệnh".

Tự nghĩ: "Nay ta chưa thoát khỏi cái khổ hoạn của sự chết, chưa vượt qua được sự chết".

Tự nghĩ: "Nay ta đối với mọi đối tượng ái niệm, đối với các nơi chốn ưa thích luyến tiếc, biệt ly, điều đó không tương ưng, không cùng tụ hội, không cùng nhận biết, quyết định phải như vậy".

Tự nghĩ: "Nay ta tùy thuộc vào nghiệp, bị nghiệp khống chế, do nghiệp làm nhân, nương tựa vào nghiệp, ta đã tạo nghiệp hoặc thiện hoặc ác, tùy theo nghiệp đó quyết định phải thọ báo".

Các xứ như vậy, người xuất gia nên luôn luôn quán sát. Nếu người xuất gia luôn quán sát hai mươi hai điều này thì đối với tên gọi của bậc Sa-môn chắc chắn được viên mãn, xứng hợp.

Nếu tên gọi của bậc Sa-môn đã được viên mãn rồi thì đối với bảy loại tướng, chắc chắn được viên mãn. Những gì là bảy?

1. Tướng luôn tu tập không dừng nghỉ.
2. Tướng thường chỉ dạy cho người khác mà không tỏ ra mệt mỏi.
3. Tướng dứt bỏ mọi tham đắm, vướng chấp.
4. Tướng được tâm không hề sân hận.
5. Tướng đạt được chánh niệm.
6. Tướng không có tăng thượng mạn.
7. Tướng được tất cả phương tiện nuôi sống.

Vì thành tựu những điều ấy nên có thể đạt được định. Bảy tướng như vậy đều được viên mãn.

Này các Trưởng lão, tâm-ý-thức ấy, lúc trưởng thành, đối với sắc luôn có sự tiếp cận vui thích, đối với thanh, hương, vị, xúc, cũng lại

như vậy. Là chỗ sanh trưởng của sắc, thanh, hương, vị, xúc, tâm như vậy là do không chánh tư duy nên đối với cảnh giới giải thoát không thể an lập được.

Này các Trưởng lão, có hai mươi thứ tưởng, người phàm phu do các tưởng đó luôn khiến cho tự tâm sợ sệt, nhàm chán. Những gì là hai mươi?

1. Nay ta trống rỗng chẳng có uy đức thù thắng.
2. Nay ta sẽ phải chết, không chế ngự được cái chết.
3. Ta sẽ bị đọa vào nơi chốn thấp kém nhất.
4. Nay ta thực hành phương pháp đưa đến sợ hãi, tai nạn.
5. Nay ta chẳng biết phương pháp làm cho không sợ sệt.
6. Nay ta không hiểu rõ về con đường ngay thẳng, bình đẳng, quang minh.
7. Nay ta không được tâm định để xa lìa mọi sự tán loạn.
8. Đời vị lai ta sẽ thọ lãnh các sự khổ không chịu nổi.
9. Không thể luôn được duyên lành dồi dào để tu tập.
10. Ý tưởng có thể bị giết hại thường theo đuổi ta.
11. Chẳng có gì để ngăn chận ta khỏi trôi lăn trong sáu đường.
12. Nay ta chưa được giải thoát khỏi bốn cõi.
13. Nay ta chưa lìa bỏ được vô lượng các thứ kiến chấp.
14. Nay ta chưa tạo được nghiệp lành để ngăn chặn dòng nghiệp vô gián ở đời vị lai.
15. Nay ta chưa tạo được việc chấm dứt sanh tử từ vô thỉ kiếp nối tiếp đến đời sau.
16. Nếu không dốc tâm tạo các nghiệp thiện, cuối cùng chẳng thành tựu được gì.
17. Không có người khác vì mình tạo nghiệp.
18. Nếu không tạo tác nghiệp thiện sẽ không đạt được sự an ổn tốt đẹp.
19. Nếu đã tạo nghiệp, chắc chắn phải có quả báo.
20. Nay ta không biết là bị vô minh che lấp, chắc chắn không tránh khỏi khổ hoạn của sự chết.

Do từ ý nghĩa trên, nên kẻ phàm phu lấy các tưởng này, thường khiến cho tự tâm nhàm chán, sợ sệt, làm ngăn che tự tâm.

Lại có hai mươi pháp, mau tạo được chỗ nương tựa, an trụ.

Những gì là hai mươi?

1. Tâm chánh tư duy, sẽ mau được an trụ.
2. Tâm suy tư theo đúng thứ lớp.
3. Trụ nơi tướng nhất tâm tư duy.
4. Nhập Tam-ma-đề (Chánh định).
5. Ra khỏi Tam-ma-đề.
6. Tự kiềm chế cho tâm lắng xuống.
7. Được tướng nâng cao tâm lên.
8. Được tướng tâm xả bỏ.
9. Được xa lìa chỗ hành hóa không thích hợp.
10. Được hành xử đúng việc.
11. Được thọ nhận lời dạy chân chánh.
12. Luôn tu tập tướng nhàm chán sự xấu ác.
13. Thường tu tập nhiều tướng hỷ lạc.
14. Có thể đạt được pháp môn thắng trí.
15. Được nương tựa vào bậc Sư trưởng tôn quý.
16. Dốc tu hạnh thiện, tâm mau được an trụ.
17. Dốc tu pháp niệm A-na-ba-na (Quán hơi thở ra vào).
18. Tu tập pháp quán bất tịnh.
19. Tu tập đúng pháp Tứ niệm xứ.
20. Nỗ lực tu quán Tứ thánh đế.

Hội nhập trong các thật tướng này thì tâm mau đạt được nơi chốn nương tựa, an trụ.

Này các Trưởng lão, vị Thánh đệ tử nếu có thể tu tập đúng như lý về các pháp chánh cần, lại nên biết về mười một thứ chướng ngại gây khó khăn. Những gì là mười một?

1. Luôn luôn ở nơi chỗ đông đảo.
2. Coi trọng việc ăn uống.
3. Thường tạo mọi sự đùa giỡn.
4. Thường nói lời bỡn cợt.
5. Thường ưa thích ngủ nghỉ.
6. Thường ưa nói bậy bạ.
7. Thường ưa cuộc sống ồn ào.
8. Tiếc thân mình.
9. Tâm thường tán loạn, dao động.

10. Tâm thường phóng dật không thích tu tập.
11. Ở chỗ phi pháp.

Này các Trưởng lão, mười một thứ này gọi là pháp chướng ngại, chưa từng bị hàng phục, tiêu diệt. Để diệt trừ nó, có mười thắng trí, quyết phải tu tập. Những gì là mười?

1. Thắng trí Tam-ma-đề (Chánh định).
2. Thắng trí an trụ nơi pháp định.
3. Thắng trí xuất định.
4. Thắng trí đè ép vọng tâm xuống.
5. Thắng trí nâng cao tâm lên.
6. Thắng trí xả bỏ.
7. Thắng trí khéo tiến tới.
8. Thắng trí khéo thoái lui.
9. Thắng trí tạo phương tiện.
10. Thắng trí dẫn dắt thu nhiếp.

Này các Trưởng lão, vị Thánh đệ tử nếu có thể đạt được mười thứ Thắng trí ấy, lại có mười ba pháp nương dựa của hỷ lạc, nhờ vào bên trong mà sanh khởi. Những gì là mười ba?

Nếu người có tín tâm, chân chánh nghĩ đến bậc Đại sư, khi ấy sự hỷ lạc liền nương vào bên trong mà phát sanh. Đó gọi là người có tín tâm có được chỗ nương dựa của hỷ lạc.

Suy nghĩ đúng đắn về chánh pháp.

Suy nghĩ chân chánh về Tăng.

Suy nghĩ đúng đắn về giới thanh tịnh của mình và của người.

Suy nghĩ chân chánh về pháp thiện xả thí của mình và người.

Suy nghĩ chân chánh về pháp tu tập chứng đắc của mình và người. Bấy giờ nhờ nương tựa vào bên trong liền sanh hỷ lạc.

Nên nghĩ như vầy: "Đức Thế Tôn vì ta mà giảng nói pháp diệt trừ các thứ khổ, nương vào đó mà có chánh niệm". Khi ấy, nhờ nương vào bên trong, liền sanh hỷ lạc.

Nên suy nghĩ như vầy: "Đức Thế Tôn vì ta mà giảng nói pháp, khiến sanh trưởng các thứ lợi ích an lạc".

Nên nghĩ như vầy: "Đức Thế Tôn đã vì ta mà chỉ dạy các pháp nhằm ngăn chận, cấm chỉ, đoạn trừ, cách ly vô lượng pháp ác gây chướng ngại".

Lại suy nghĩ như vầy: "Đức Thế Tôn vì ta mà làm cho sanh trưởng vô lượng pháp thiện hỗ trợ đạo".

Người có tín tâm, nhờ bốn niệm này, mà trong khi tu tập liền sanh hỷ lạc.

Này các Trưởng lão, các vị Thánh đệ tử nếu thường xuyên đạt được mười ba thứ hỷ lạc, nương tựa vào bốn pháp, lại có năm pháp... giúp cho việc tu hành được viên mãn. Những gì là bốn pháp cần được nương tựa vào?

1. Tin tưởng, ưa thích.
2. Tinh tấn.
3. Ở riêng một mình nơi chỗ vắng vẻ, tâm được an trụ.
4. Đối với việc tu tập và sự biến diệt, tâm đừng có nhàm chán một cách thái quá.

Những gì là năm pháp giúp cho việc tu hành được viên mãn?

1. Tâm an ổn.
2. Tâm hoan hỷ.
3. Tâm có chỗ nương dựa.
4. Tâm lạc.
5. Tâm định.

Này các Trưởng lão, do năm pháp như vậy nên giúp cho sự tu tập được viên mãn.

Lại có tám thứ gai nhọn phải xa lìa, phải hủy diệt. Những gì là tám?

1. Gai nhọn của Dục.
2. Gai nhọn của Sân.
3. Gai nhọn của Si.
4. Gai nhọn của Ngã mạn.
5. Gai nhọn của Ái.
6. Gai nhọn của Kiến chấp.
7. Gai nhọn của Vô minh.
8. Gai nhọn của Nghi ngờ.

Đối với tám thứ gai nhọn này phải nên xa lìa, trừ diệt.

Nhờ vậy mà các Thánh đệ tử đạt được mười thứ Thánh pháp vô học. Những gì là mười?

1. Vô học về Chánh kiến.
2. Vô học về Chánh giác (Chánh tư duy).

3. Vô học về Chánh ngôn (Chánh ngữ).
4. Vô học về Chánh nghiệp.
5. Vô học về Chánh mạng.
6. Vô học về Chánh tinh tấn.
7. Vô học về chánh niệm.
8. Vô học về Chánh định.
9. Vô học về chánh giải thoát.
10. Vô học về chánh giải thoát tri kiến.

Này các Trưởng lão, các vị Thánh đệ tử do có thể chứng đắc mười pháp vô học ấy, nên luôn tạo được mọi tương ưng, không có thoái chuyển, mất mát.

Các vị Thánh đệ tử ấy đã lìa năm phần, tương ưng sáu phần, giữ gìn một pháp, được bốn pháp nương tựa, xả bỏ một nẻo thiên chấp, ra khỏi lỗi lầm của sự tìm cầu; quan sát, suy nghĩ không ô trược, thân hành tịch tĩnh, tâm khéo giải thoát, tuệ khéo giải thoát, ở riêng an trụ nơi thanh tịnh, điều cần làm đã làm xong. Như vậy gọi là bậc Trượng phu thù thắng.

Này các Trưởng lão, tâm-ý-thức sau cùng này, chẳng phải là do sắc, thanh sanh ra nuôi lớn, phát triển, mọi duyên đã dứt hết, nên sự thọ sanh ở đời sau đều đã vĩnh viễn đoạn trừ. Đó gọi là vĩnh viễn đoạn trừ cái khổ ở đời sau. Do giảng nói về nghĩa này cho nên gọi tên là "Pháp môn Quảng Nghĩa".

Này các Trưởng lão, tôi đã giảng nói cho các vị nghe các pháp ác, đó là: ban đầu thiện, phần giữa thiện, phần cuối cũng thiện, nghĩa thiện, lời thiện, thuần nhất không xen tạp, thanh tịnh viên mãn, đã vì các vị chỉ bày phạm hạnh, gọi là pháp môn Quảng Nghĩa. Trước đây tôi đã hứa nói những lời như vậy, thì nay tôi đã nói xong.

Bấy giờ Tôn giả Tịnh Mạng Xá-lợi-phất, khi giảng nói kinh này xong, các bậc đồng hành thông tuệ, vô lượng đồ chúng chưa chứng chân nghĩa nay được chứng đắc. Ai chưa được đạo quả Sa-môn thì nay chứng đắc cả, nên đều hết sức vui mừng, tín thọ phụng hành.

Đại đức Xá-lợi-phất đã thuyết giảng như vậy.

❑

SỐ 98

PHẬT NÓI KINH PHỔ PHÁP NGHĨA

Hán dịch: Đời Hậu Hán, Đại sư An Thế Cao.

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà- Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ Hiền giả Xá-lợi-phất mời các Tỳ-kheo cùng nghe thuyết pháp, phần đầu thiện, phần giữa thiện, phần cuối cũng thiện, khéo phân biệt lãnh hội, thanh tịnh tròn đầy: "Hãy lắng nghe, hạnh của Hiền giả gọi là pháp hạnh đầy đủ. Hãy khéo suy nghĩ kỹ!"

Các Tỳ-kheo vâng theo lời của Hiền giả, theo Hiền giả Xá-lợi-phất để nghe pháp.

Hiền giả Xá-lợi-phất liền nói về mười hai thời tụ hội, có thể đưa Hiền giả đến Thánh đạo. Những gì là mười hai?

1. Tự mình có thể dạy mình.
2. Cũng có thể dạy người khác.
3. Sanh vào cõi người.
4. Sanh vào hàng Thánh giả.
5. Các căn đầy đủ.
6. Không theo nghiệp thế gian.
7. Thấy bậc Hiền giả thì vui mừng.
8. Gặp Phật ra đời.
9. Nghe Phật thuyết giảng pháp.
10. Đã nghe thuyết pháp, có thể lãnh hội.
11. Có thể lãnh hội sự chỉ dạy từ bên ngoài.
12. Có thể theo lời Phật dạy, đúng như lý tu tập.

Đây là mười hai thời tu hội của Hiền giả, đưa đến sự đắc đạo của Hiền giả, theo đó mà thực hành.

Nếu muốn thuyết giảng kinh cho người khác nghe, phải thuyết giảng hai mươi pháp này. Những gì là hai mươi?

1. Khéo thuyết giảng.
2. Nói đầy đủ.
3. Nói có trước sau.
4. Nói theo thứ lớp.
5. Nói một cách hoan hỷ.
6. Nói điều đáng nói.
7. Nói điều cởi mở tâm ý.
8. Nói điều để dứt bỏ sự hổ thẹn.
9. Không nói điều trách cứ.
10. Nói lời hòa hợp.
11. Nói lời thích ứng.
12. Không nói lời ly tán.
13. Vì pháp mà nói.
14. Vì thuận hợp với chúng hội mà nói.
15. Vì khế cơ mà nói.
16. Vì nhằm trợ giúp cho ý mà nói.
17. Vì chẳng phải muốn có tiếng tăm mà nói.
18. Không phải vì việc lợi mà nói.
19. Không ức khuyết.
20. Không bị người chi phối.

Nếu Hiền giả Tỳ-kheo muốn thuyết giảng pháp cho người khác thì phải nên dựa theo hai mươi pháp này mà thuyết giảng.

Hiền giả Xá-lợi-phất lại bảo các Tỳ-kheo:

–Người muốn nghe pháp phải có mười sáu sự việc. Những gì là mười sáu?

1. Nên nghe đúng lúc.
2. Cần phải nghe đầy đủ.
3. Nên chú ý nghe.
4. Phải dốc tâm thực hiện.
5. Không nên bình phẩm chê trách.
6. Không nên chê trách lỗi lầm.

7. Chớ tìm cầu sở trường, sở đoản của người khác.
8. Nên vì pháp mà cung kính.
9. Phải cung kính người thuyết giảng pháp.
10. Chớ coi thường pháp.
11. Cũng chớ coi thường người thuyết giảng pháp.
12. Chớ nên quá tự ti.
13. Nhất tâm lắng nghe.
14. Không có ý gì khác.
15. Giữ tâm chân chánh.
16. Thọ nhận, ghi nhớ các pháp đã được nghe.

Nếu Hiền giả muốn được nghe pháp nên ghi nhớ mười sáu điều thì mới có thể nghe pháp. Những gì là mười sáu?

1. Đúng lúc mới có thể nghe pháp.
2. Có thể nghe nhiều mới có thể nghe pháp.
3. Nhĩ căn có khả năng nghe mới có thể nghe pháp.
4. Vì tôn thờ mới có thể nghe pháp.
5. Không được chê trách mới có thể nghe pháp.
6. Chớ tìm cầu các khuyết điểm mới có thể nghe pháp.
7. Vì tôn kính pháp nên mới có thể nghe pháp.
8. Vì tôn kính người thuyết giảng kinh nên mới có thể nghe pháp.
9. Chớ coi thường pháp mới có thể nghe pháp.
10. Chớ coi thường người thuyết giảng pháp mới có thể nghe pháp.
11. Không nên quá tự ti mới có thể nghe pháp.
12. Một lòng hướng về mới có thể nghe pháp.
13. Không có ý gì khác mới có thể nghe pháp.
14. Giữ ý chân chánh mới có thể nghe pháp.
15. Luôn nhớ nghĩ mới có thể nghe pháp.
16. Định ý mới có thể nghe pháp.

Nếu Hiền giả muốn được nghe pháp, nên so sánh với mười sáu điều trên mới có thể nghe pháp. Đã nghe pháp như trên liền sanh sự tin tưởng thuận hợp, từ đó đưa đến thanh tịnh, giải thoát. Đã nghe pháp như vậy Hiền giả liền sanh ra sự ưa thích vô dục, từ đó đưa đến thanh tịnh, giải thoát. Đã nghe pháp như vậy liền sanh ra trong ý cảm

thọ niềm vui, từ đó đưa đến thanh tịnh, giải thoát. Đã nghe pháp như vậy, được lìa bỏ nghi, kiến chấp lại được rõ điều tối thượng, từ đó đưa đến thanh tịnh, giải thoát. Đã nghe pháp như vậy liền bỏ ác, giữ ý nơi Chánh định, từ đó đưa đến thanh tịnh, giải thoát. Đã nghe pháp như vậy liền thấy Ấm là vô sở hữu, liền thấy Ấm là rỗng không, liền thấy Ấm là vật hèn mọn, đã thấy như vậy ý liền được thông tỏ, ý liền thanh tịnh, ý được tĩnh lặng, ý liền giải thoát. Như vậy từ đó đưa đến Niết-bàn. Đã nghe pháp như vậy, liền thấy tất cả hành của thế gian là trống không, không còn an trụ trong đó nữa, dứt hết mọi ái, làm cho ý chuyển, được tĩnh lặng, được giải thoát, từ đó đưa đến Niết-bàn. Đã nghe pháp như vậy rồi, đối với hành tướng của các dục theo hạnh ở riêng một mình để đoạn trừ dục vọng, được đệ nhất nguyện, từ đó đưa đến giải thoát. Đã nghe được pháp như vậy rồi, dùng mắt thanh tịnh lãnh hội Tứ đế từ đó đưa đến giải thoát. Đã nghe pháp như vậy rồi dốc phụng hành đầy đủ, từ đó đưa đến giác ngộ. Đã nghe như vậy rồi, Hiền giả dạy đệ tử không được nói những việc gây phiền não, phải nói điều làm cho người khác nghe xong được vui thích, cũng không phạm giới pháp, cũng tùy thuận sự an ổn.

Tự mình mong được mười pháp này, đưa đến trí tuệ. Những gì là mười?

1. Làm theo hàng thiện tri thức.
2. Khéo giữ giới.
3. Cùng kẻ thiện đồng học.
4. Biết thọ ý.
5. Thọ nhận giáo pháp.
6. Tham vấn các bậc Tôn túc.
7. Nghe thuyết giảng kinh.
8. Tụ hội lại để nói kinh.
9. Nói về nhân duyên của sự kinh sợ, đưa đến kinh sợ.
10. Tự mình quán tưởng để thấy xấu hổ, kinh sợ. Khi tự mình quán thì đoạn trừ được tất cả pháp ác. Từ căn bổn của sự nội quá mới có thể lĩnh hội pháp ấy và liền được định ý, được tự tại. Tất cả đều do nội quán căn bổn ấy. Đây là sự thật để chỉ dạy cho đệ tử xả bỏ ngay từ gốc.

Có thể thực hành mười tưởng. Những gì là mười?

1. Nhớ nghĩ về tưởng bất tịnh.
2. Tư duy về phi thường (vô thường).
3. Tư duy do phi thường đưa đến khổ.
4. Tư duy vì khổ cho nên phi thân (vô ngã).
5. Tư duy về đồ ăn là ô uế.
6. Tư duy về muôn vật trong thiên hạ đều không vui sướng.
7. Tư duy về cái chết.
8. Tư duy về vô minh.
9. Tư duy loại trừ ý vọng.
10. Tư duy về sự tịch diệt.

Niệm về tưởng bất tịnh, này Hiền giả, là không rơi vào mười bốn tà pháp. Những gì là mười bốn?

1. Cùng ở chỗ đông đảo, làm mất chánh niệm.
2. Tụ hội nơi chỗ khởi tham.
3. Nhiều tham dục.
4. Tư tưởng không thanh tịnh.
5. Không thể đạt được quán bất tịnh.
6. Cùng làm việc với người làm việc ác.
7. Không biết điều phải.
8. Không tôn kính.
9. Không học hỏi.
10. Không giữ gìn các căn.
11. Ăn uống không biết đủ.
12. Đầu đêm, cuối đêm không tỉnh giác để tu tập.
13. Không thể ở riêng một mình để thiền định.
14. Không thể quán sát về tưởng phi thường (vô thường).

Này Hiền giả, vì theo tưởng dục, vô thường, khổ của thế gian nên rơi vào sáu pháp ác. Những gì là sáu?

1. Không biết đủ.
2. Không tinh tấn.
3. Bất tín.
4. Tham dục.
5. Không thích an trụ ở chỗ vắng vẻ tịch tịnh.
6. Không đạt được pháp quán tưởng về khổ, phi thân (vô ngã).

Tưởng Kiến thân ăn đồ tạp uế là vì tham đắm mùi vị nên không

đắm trước.

Tư duy về sự bất lạc của thế gian là vì vạn vật ở thế gian thường hành theo tham dục.

Tư tưởng hướng về tà vạy, cái chết là tùy theo mạng căn, xa lìa tư tưởng tu tập sáng suốt.

Này Hiền giả, có mười một thứ tà. Những gì là mười một?

1. Nghi.
2. Không nhớ nghĩ.
3. Thân thô xấu.
4. Ham ngủ nghỉ.
5. Tinh tấn quá mức.
6. Không tinh tấn.
7. Vui vẻ một cách hư vọng.
8. Sợ sệt.
9. Tư tưởng không tập trung.
10. Không biết suy tính.
11. Tưởng quán sắc thái quá và muốn lìa đạo tịch diệt.

Nếu trụ nơi pháp ấy khiến cho dứt mất đạo, này Hiền giả, liền khiến cho mất đạo, chưa hoại diệt, khiến hoại diệt.

Có ba pháp thái quá, những gì là ba?

1. Tham.
2. Dứt trừ.
3. Tọa hành.

Tưởng về bất tịnh, này Hiền giả, phải đoạn trừ bằng mười bốn pháp. Những gì là mười bốn?

1. Không ở chỗ đông người.
2. Dứt bỏ ý vọng.
3. Không thích tụ hội đông đảo.
4. Tự giữ gìn.
5. Không ham chuộng bệnh tham dục.
6. Tùy thuận tịnh tưởng.
7. Quán tịnh tưởng.
8. Không ở chung với những người thế gian.
9. Không thọ lãnh sự nghiệp ở thế gian.
10. Tự giữ gìn căn môn.

11. Biết tri túc trong việc ăn uống.
12. Đầu đêm, cuối đêm luôn tỉnh giác, tu tập.
13. Nhàm chán dục, ở một mình.
14. Quán tưởng nhiều về bất tịnh.

Này Hiền giả, do sự thực hành vì để đoạn trừ ái dục nên thực hành, tu tập nhiều về vô thường tưởng. Do quán về vô thường, khổ để đoạn trừ ác dục nên đã tập, đã hành, đã tu thật nhiều. Do quán tưởng về khổ, vô ngã để đoạn trừ chấp ngãn nên đã tập, đã hành, đã tu thật nhiều. Từ chỗ "kiến thân" ấy nên đoạn trừ tưởng uế thực, đã tập, đã hành, đã tu tập thật nhiều. Do quán tưởng về cái chết để đoạn trừ quan niệm cho thế gian là tốt đẹp nên đã tập, đã hành, đã tu tập thật nhiều để trừ ý tham sống lâu. Do đã đoạn trừ về tư tưởng tối tăm nên đã tập, đã hành, đã tu tập thật nhiều. Nhờ đạt trí tuệ, thấy được tưởng hư vọng nên đã tập, đã hành, đã tu tập thật nhiều. Nhờ quán tưởng diệt để đoạn trừ ái nên đã tập, đã hành, đã tu tập thật nhiều. Do vậy nên được xa lìa tà kiến. Vị Hiền giả, đệ tử học đạo hãy thọ trì chắc thật như thế.

Này Hiền giả, vị đệ tử học đạo có hai mươi pháp khiến không được thuận hợp với đạo. Những gì là hai mươi?

1. Không ở chung với người hành đạo.
2. Không dốc tâm học hỏi.
3. Không biết làm việc thích ứng.
4. Bị điếc câm.
5. Làm hạnh ác.
6. Có ý tham.
7. Đa sự.
8. Ít tinh tấn.
9. Hủy hoại chỗ mình nương tựa.
10. Ưa hình sắc.
11. Tự khoe khoang.
12. Điên đảo.
13. Mất chánh niệm.
14. Tham.
15. Ở chung với người bất thiện.
16. Không giữ gìn các căn.
17. Ăn uống không biết điều độ.

18. Đầu đêm, cuối đêm không tỉnh giác tu tập.
19. Không thích ở riêng một mình để thiền định.
20. Không quán đúng như thật.

Đó là hai mươi pháp, này Hiền giả, khiến cho lìa bỏ đạo pháp chưa đoạn diệt sẽ đoạn diệt. Có mười một pháp để phát huy. Những gì là mười một?

1. Mong muốn.
2. Dốc đạt được.
3. Thấy phương tiện.
4. Biết chiêm ngưỡng.
5. Không hao phí.
6. Thù thắng.
7. Đạt pháp tướng.
8. Tùy thuận.
9. Hỏi han, tìm hiểu.
10. Riêng tự giữ gìn.
11. Quán đúng như thật có.

Như vậy là chánh quán phù hợp.

Này Hiền giả, vị đệ tử học đạo có hai mươi pháp để phát huy. Những gì là hai mươi?

1. Cùng ở chung với người hành đạo.
2. Học hỏi.
3. Biết làm việc đúng lúc.
4. Không câm điếc.
5. Cùng làm.
6. Không ở với người tham.
7. Không đa sự.
8. Không bỏ tinh tấn.
9. Không ngang ngược.
10. Không theo hình dáng.
11. Không kiêu căng.
12. Không điên đảo.
13. Giữ gìn tâm ý.
14. Không tham.
15. Ở chung với những người thiện.

16. Phòng hộ các căn.

17. Ăn uống biết đủ.

18. Đầu đêm, cuối đêm luôn siêng năng tu tập.

19. Thích ngồi riêng một mình để tư duy.

20. Quán như thật.

Nếu đã quán như thế xong, vị Hiền giả lại phải quán có hai mươi hai thời xứ để tác thành Sa-môn hành, vì để mau đạt đến đích, hãy quan sát. Những gì là hai mươi hai?

1. Đã thọ lãnh sự không đoan chánh.

2. Đã tạo nghiệp khác.

3. Vì đời sống của mình mà nương tựa người khác.

4. Cho đến hết cuộc đời chỉ cầu áo quần, đồ ăn uống, thuốc men chữa bệnh lúc ốm đau và đồ nằm.

5. Suốt đời bị dục che lấp.

6. Thân hưởng dục lạc ở nhân gian cho đến lúc mạng chung. Đã làm Sa-môn phải gấp quán sát như vậy.

7. Đừng vì thân mình mà làm thương tổn kẻ khác.

8. Có thể ưa thích một mình ở nơi trống vắng.

9. Không theo tội mà thọ thực.

10. Đừng vì thân mình mà làm mất giới.

11. Đừng vì sự thông minh của mình mà tranh cãi với đồng đạo.

12. Hãy khiến cho đạo của mình phù hợp với sự học bốn đức, để khi mạng chung, giả sử có kẻ đồng đạo đến hỏi, ta vẫn giải thích được, đừng để đến khi đó mới tạm thời muốn hành đạo. Hãy quán như vậy.

13. Hãy khiến cho ta được quán "Ấm là vô thường".

14. Hãy khiến cho ta được quán "Ấm là vô sở hữu".

15. Khiến ta được quán "Ấm không quan trọng". Hành giả phải gấp quán như vậy.

16. Vì khiến cho ta đối với thế gian hành không, không tham đắm, dứt tận ái, đạt giải thoát, nên ý hoan hỷ, đình chỉ thọ, được giải thoát rồi, xa lìa thời xứ của hình thể bệnh tật. Phải quán như vậy.

17. Vì sanh, do sanh chi phối mà chưa được giải thoát.

18. Vì già, do già chi phối mà chưa được giải thoát.

19. Vì bệnh, do bệnh chi phối mà chưa được giải thoát.

20. Vì pháp phải chết, do pháp chết chi phối mà chưa được giải

thoát. Đối với hình tướng trôi qua rất gấp, phải quán như vậy.

21. Vì tất cả những điều ta yêu thích rồi sẽ biệt ly, biến mất, người ta lấy đi, bị chết, không thể tồn tại lâu dài. Thân hình đối với thời gian và xứ *(không gian)* trôi qua rất nhanh, phải phân biệt quán như vậy.

22. Mỗi người tùy thuộc hành động của mình mà có quả báo, tùy theo sự tạo tác từ gốc của mỗi người, tùy theo hành động của từng người mà thọ khổ, tùy theo sự hành động thiện hay ác của mỗi người mà phải thọ quả báo tương ứng. Thân hình đối với thời xứ trôi qua rất nhanh, phải quán như vậy.

Đó là hai mươi hai hạnh đã tập, đã hành, đã làm nhiều lần. Vậy Sa-môn cũng như hành giả phải suy tư đầy đủ. Vì Sa-môn đã suy tư một cách đầy đủ việc làm của mình, liền có thể đầy đủ bảy điều suy tư. Những gì là bảy?

1. Thường tu tập không ngừng nghỉ, liền được nhập đạo.
2. Không di chuyển.
3. Không tranh chấp.
4. Suy nghĩ chân chánh.
5. Không khởi tâm kiêu mạn.
6. Chỉ ở thế gian mà cầu y phục.
7. Vì đình chỉ ý mà được tự tại.

Đó là tâm, ý, thức của Hiền giả suốt cả ngày đêm lâu dài đối với sắc, thanh, hương, vị, xúc ở thế gian mà không kiềm chế được thì nay có thể chế phục, đình chỉ được, liền nhập vào dòng họ cam lộ.

Đã tu tập xong như vậy, Hiền giả có hai mươi chủng hạnh, chưa được đắc đạo, sẽ làm cho ý lo sợ. Những gì là hai mươi chủng hạnh?

1. Không có sự thâm nhập vào không.
2. Không học về cái chết.
3. Nương tựa vào chỗ thấp nhỏ.
4. Không sợ nghiệp.
5. Không biết, không sợ nghiệp.
6. Không biết đạo.
7. Không được định ý.
8. Đời đau khổ.
9. Khó gặp các Hiền giả.

10. Ở thế gian, không khác người thế gian.
11. Chưa làm cây cầu để thoát khỏi địa ngục.
12. Chưa thoát khỏi chỗ ác.
13. Nhiều nghi ngờ.
14. Chưa tạo được nơi chủ yếu của thế gian.
15. Chưa được trí tuệ sáng suốt.
16. Đối với người này không thể làm. Nhưng đối với người kia có thể làm.
17. Cái không nên làm thì đừng làm.
18. Vì cái không làm nên cũng không có tốt xấu.
19. Đã làm rồi thì không bao giờ quên.
20. Chỉ tự hành đầy đủ, chỉ tự hành thuận hợp, chỉ tự hành theo gốc, chỉ tự hành theo nẻo quy về mà thôi. Nếu người tự làm thiện hay ác sẽ thọ lấy quả báo. Người trong thế gian này nên theo đó mà lo sợ cho thân mình.

Theo hai mươi nhân duyên này, ý ác thì lại bị ác, ý lo sợ thì bị lo sợ, ý xa lìa thì được xa lìa.

Có hai mươi chủng hạnh, ý phải sớm đình chỉ. Những gì là hai mươi?

1. Niệm ý tưởng, ý liền được đình chỉ nhanh.
2. Trong ý, biết ý, đình chỉ nhanh.
3. Ý được nhất tâm, đình chỉ nhanh.
4. Chánh tưởng, biết ý đình chỉ nhanh.
5. Chánh chỉ tướng, ý đình chỉ nhanh.
6. Từ chánh kiến khởi tưởng, ý đình chỉ nhanh.
7. Nhiếp tưởng, ý đình chỉ nhanh.
8. Trợ tưởng, ý đình chỉ nhanh.
9. Giữ tưởng, ý đình chỉ nhanh.
10. Hành Bốn ý chỉ, ý đình chỉ nhanh.
11. Hành Bốn đoạn ý, ý đình chỉ nhanh.
12. Lìa bất khả hành, ý đình chỉ nhanh.
13. Bốn thần túc, ý đình chỉ nhanh.
14. Nên gần hành xứ, ý đình chỉ nhanh.
15. Phải nương tựa theo học, ý đình chỉ nhanh.
16. Phải đọc tụng hiểu rõ, ý đình chỉ nhanh.

17. Phải có tâm Bi, ý đình chỉ nhanh.
18. Tùy hỷ trong nhiều phương pháp, ý đình chỉ nhanh.
19. Phải phân biệt mọi sự, ý đình chỉ nhanh.
20. Phải thực hành điều này, ý đình chỉ nhanh.

Như vậy là chánh thân. Vị Hiền giả dạy đệ tử có mười một điều ngăn cấm cần phải biết. Những gì là mười một?

1. Tụ hội.
2. Ăn nhiều.
3. Đa sự.
4. Nói nhiều.
5. Ngủ nhiều.
6. Thích đi dạo.
7. Thích ở chung.
8. Làm cho thân hưởng thụ dục lạc.
9. Khinh khi.
10. Tham dâm.
11. Không thích cùng ở trong xứ sở.

Những việc làm như vậy chưa đoạn thì nay phải đoạn.

Lại có mười điều phải luôn học. Những gì là mười?

1. Phải luôn luôn định ý.
2. Phải luôn luôn định chỉ.
3. Luôn luôn khởi định.
4. Luôn luôn đình chỉ.
5. Luôn luôn ngăn chận.
6. Luôn luôn giữ gìn.
7. Luôn luôn trở về gốc.
8. Luôn luôn giữ gìn ngăn chận.
9. Luôn luôn dùng phương tiện.
10. Luôn luôn hội nhập.

Người luôn luôn nhập đạo phải dạy đệ tử như vậy.

Có mười ba đức. Những gì là mười ba?

1. Đã niệm Đức Như Lai liền được tin tưởng, vui mừng, nhờ đó sanh ra hỷ.
2. Đối với pháp cũng vậy.
3. Đối với học giả cũng vậy.

4. Đối với việc trì giới của mình cũng vậy.
5. Đối với sự trì giới của người khác cũng vậy.
6. Đối với việc tự thân chứng đắc cũng vậy.
7. Đối với sự chứng đắc cũng vậy.
8. Đối với tự thân thí cũng vậy.
9. Đối với người khác thí cũng vậy.
10. Vì đạo mà trừ nhiều khổ.
11. Vì thế gian nói nhiều kinh khiến cho họ được tư duy.
12. Bỏ vô số hành động ác.
13. Làm vô số thiện pháp khiến cho sanh ra sự hoan hỷ, đã có tín tâm có thể sanh ra những sự vui mừng.

Như vậy, hãy dạy cho đệ tử như vậy.

Hãy nên nương tựa vào bốn pháp hạnh, khiến cho năm pháp được tròn đầy. Những gì là nương tựa vào bốn pháp?

1. Nương tựa vào pháp.
2. Nương tựa vào sự mong muốn.
3. Nương tựa vào sự tinh tấn liên tục.
4. Nương tựa vào sự trụ thiền độc tọa, chớ tham đắm vào các dục khác.

Những gì là năm pháp tròn đầy có ích cho đạo?

1. Hỷ.
2. Ái.
3. Y.
4. Lạc.
5. Định.

Hãy dạy đệ tử vui thích thực hành như vậy.

Hãy diệt trừ tám thứ ung nhọt, những gì là tám? Đó là những thứ ung nhọt:

1. Về dục.
2. Về sân hận.
3. Về ngu muội.
4. Về kiêu mạn.
5. Về ái.
6. Về si mê.
7. Về lợi dưỡng, ham được cung kính, ham được danh tiếng.

8. Về nghi, nên không hiểu biết.

Hành giả đối với tám thứ ung nhọt này có thể làm cho biến mất, làm cho tiêu diệt, thì liền được giải thoát.

Có mười pháp vô học. Những gì là mười?

1. Vô học trực kiến.
2. Trực trị.
3. Trực thanh.
4. Trực hành.
5. Trực hữu.
6. Trực phương tiện.
7. Trực niệm.
8. Trực định.
9. Trực độ.
10. Trực tuệ.

Do đạt mười pháp vô học này, từ nhân duyên đó liền được chánh tương ưng, liền bỏ năm thứ chánh trực, tương ưng với sáu phần, giữ gìn một pháp, được bốn y chỉ, xả một nẻo thiên chấp, thoát khỏi lỗi lầm của sự tìm cầu, không có tư duy ô trược, đình chỉ thân hành, đình chỉ thinh hành, đình chỉ tâm hành, đình chỉ sự suy tư của ý, tuệ khéo giải thoát tuệ, khéo giải thoát tất cả. Đã làm được như vậy gọi là tối thắng. Này Hiền giả, đó là tâm – ý – thức tối hậu của Hiền giả từ xưa đến nay không còn tạo tác, không còn tụ, không còn hội, liền chấm dứt tất cả. Đó là pháp chủ yếu để đoạn trừ khổ đau.

Ở trên đã nói, Hiền giả đã nghe thuyết giảng pháp, phần đầu cũng thiện, phần giữa cũng thiện, phần cuối cũng thiện, có nghĩa có văn, đầy đủ phạm hạnh, nói về những điểm cốt yếu của đạo một cách thanh tịnh, gọi là đầy đủ nhân duyên pháp lợi, như trên tôi hứa nói thì đã nói xong.

Hiền giả Xá-lợi-phất thuyết giảng như vậy, các Tỳ-kheo đều chí tâm thọ trì, ghi nhớ những lời dạy của Hiền giả.

❑

SỐ 99

KINH TẠP A-HÀM (I)

雜阿含經

Hán dịch: Tống, Tam tạng Cầu-na-bạt-đà-la.
Việt dịch: Thích Đức Thắng.
Hiệu đính & Chú thích: TUỆ SỸ.

TẠP A-HÀM QUYỂN 1

KINH 1. VÔ THƯỜNG[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Các ông hãy quán sát sắc là vô thường[2]. Quán sát như vậy gọi là quán sát chân chánh. Khi đã quán sát chân chánh thì sẽ sanh ra nhàm tởm[3]. Khi đã nhàm tởm thì dứt sạch hỷ tham[4]. Sự dứt sạch hỷ tham được gọi là tâm giải thoát[5].

"Cũng vậy, các ông hãy quán sát thọ, tưởng, hành, thức là vô thường. Quán sát như vậy gọi là quán sát chân chánh. Khi đã quán sát chân chánh thì sẽ sanh ra nhàm tởm. Khi đã nhàm tởm thì dứt sạch hỷ tham. Sự dứt sạch hỷ tham được gọi là tâm giải thoát.

"Như vậy, Tỳ-kheo, nếu muốn tự chứng tâm giải thoát này thì có thể tự chứng, biết rằng: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những việc cần làm đã làm xong và tự biết không còn tái sanh đời sau nữa[6].'

"Cũng như quán sát vô thường, quán sát khổ, không, phi ngã cũng vậy."

Bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

---

1. Đại Chánh, quyển 1. Tham chiếu Pāli, S. 22. 12-14. Aniccam.
2. Sắc vô thường ▬▬L▬`. Pāli: rūpaṃ aniccaṃ.
3. Hán: yểm ly ▬▬. Pāli: nibbindati, chán ghét, ghét bỏ.
4. Hán: Hỷ tham tận ▬▬g▬. Pāli: varajjati/ virāga, không còn mê đắm, ly nhiễm, ly tham.
5. Pāli: virāgā vimuccati. Vimuttasmiṃ vimuttam iti ñāṇaṃ hoti, do ly tham mà được giải thoát. Khi giải thoát, có nhận thức là đã giải thoát.
6. Phát biểu của vị đã chứng quả A-la-hán: ngã sanh dĩ tận, phạm hạnh dĩ lập, sở tác dĩ biện, tự tri bất thọ hậu hữu ▬▬▬w▬▬▬▬w▬▬▬@▬w▬▬▬▬▬▬▬. Pāli: khīṇā jāti vusitaṃ brahmacariyaṃ kataṃ karanīyaṃ nāparam itthatayāti pajānāti.

KINH 2. CHÁNH TƯ DUY[7]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Đối với sắc, các ông hãy tư duy chân chánh, quán sát và biết một cách như thật sắc là vô thường. Vì sao vậy? Vì Tỳ-kheo, đối với sắc mà tư duy chân chánh, quán sát và biết một cách như thật sắc là vô thường, thì đối với sắc, dục tham được đoạn trừ. Do dục tham được đoạn trừ mà nói là tâm giải thoát.

"Cũng vậy, đối với thọ, tưởng, hành, thức các ông hãy tư duy chân chánh, quán sát và biết một cách như thật... thức là vô thường. Vì sao vậy? Vì Tỳ-kheo, đối với thức mà tư duy chân chánh, quán sát và biết một cách như thật... thức là vô thường, thì đối với thức, dục tham được đoạn trừ. Do dục tham được đoạn trừ mà nói là tâm giải thoát.

"Như vậy, Tỳ-kheo, nếu muốn tự chứng tâm giải thoát này thì có thể tự chứng, biết rằng: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những việc cần làm đã làm xong và tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.'

"Cũng như tư duy chân chánh về vô thường, khổ, không, phi ngã cũng như vậy."

Bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 3. VÔ TRI (1)[8]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Đối với sắc không biết, không rõ, không đoạn tận, không ly

7. Tham chiếu, S. 22. 15-17. Yad aniccam.

8. Pāli, S. 22. 24. Parijānaṃ.

dục[9] thì không thể đoạn trừ khổ não.

"Cũng vậy, đối với thọ, tưởng, hành, thức mà không biết, không rõ, không đoạn tận, không ly dục, thì không thể đoạn trừ khổ não.

"Này các Tỳ-kheo, đối với sắc, nếu biết, nếu rõ, nếu đoạn tận, nếu ly dục, thì có thể đoạn trừ khổ não.

"Cũng vậy, đối với thọ, tưởng, hành và thức, nếu biết, nếu rõ, nếu đoạn tận, nếu ly dục, thì có thể đoạn trừ khổ não."

Bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 4. VÔ TRI (2)[10]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Đối với sắc không biết, không rõ, không đoạn tận, không ly dục, tâm không giải thoát, thì không vượt qua khỏi sự sợ hãi về sanh, già, bệnh, chết.

"Cũng vậy, đối với thọ, tưởng, hành, thức mà không biết, không rõ, không đoạn tận, không lìa tham dục[11], tâm không giải thoát, thì sẽ không thể nào vượt qua khỏi sự sợ hãi về sanh, già, bệnh, chết.

"Tỳ-kheo, đối với sắc nếu biết, nếu rõ, nếu đoạn tận, nếu ly dục, thì sẽ vượt qua khỏi sự sợ hãi về sanh, già, bệnh, chết.

"Này các Tỳ-kheo, người nào nếu biết, nếu rõ, nếu đoạn tận, nếu lìa tham dục, tâm giải thoát, thì có thể vượt qua khỏi sự sợ hãi về sanh, già, bệnh, chết.

---

9. Hán: bất tri, bất minh, bất đoạn, bất ly dục 不一不 一不-_不 ——. Pāli: anabhijānam aparijānaṃ avirājayaṃ appajahaṃ, không thắng trí, không biến tri, không ly tham, không xả trừ.

10. S. 35. 27. Parijānanā.

11. Ly dục tham, các đoạn trên: ly dục. Pāli: viraja, ly nhiễm. Đồng nghĩa với virāga, ly tham.

"Cũng vậy, đối với thọ, tưởng, hành, thức nếu người nào nếu biết, nếu rõ, nếu đoạn tận, lìa tham dục, tâm giải thoát, thì sẽ vượt qua khỏi sự sợ hãi về sanh, già, bệnh, chết."

Bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 5. VÔ TRI (3)[12]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Ai đối với sắc mà yêu thích[13], thì đối với khổ cũng yêu thích. Đối với khổ mà yêu thích, thì đối với khổ sẽ không được giải thoát, không rõ, không ly dục.

"Cũng vậy, đối với thọ, tưởng, hành, thức mà yêu thích, thì cũng yêu thích khổ. Ai yêu thích khổ, thì đối với khổ không được giải thoát.

"Này các Tỳ-kheo, ai đối với sắc không yêu thích, thì đối với khổ cũng không thích. Ai đối với khổ không thích, thì đối với khổ sẽ được giải thoát.

"Cũng vậy, ai đối với thọ, tưởng, hành, thức không yêu thích, thì đối với khổ cũng không thích. Ai đối với khổ không thích, thì đối với khổ sẽ được giải thoát.

"Này các Tỳ-kheo, đối với sắc không biết, không rõ, không lìa tham dục, tâm không giải thoát. Ai không giải thoát tâm tham, thì sẽ không thể đoạn trừ được khổ não.

"Cũng vậy, đối với thọ, tưởng, hành, thức ai không biết, không rõ, không ly dục, tâm không giải thoát. Tham tâm không giải thoát, thì sẽ không đoạn trừ được khổ não.

"Đối với sắc, nếu người nào biết, rõ, lìa tham dục, tâm giải thoát, thì sẽ có thể đoạn trừ được khổ não.

---

12. S. 22. 29. Abhinandanaṃ (hoan hỷ) và phần cuối 22.24. Parijānaṃ (biến tri).

13. Hán: ái hỷ 愛喜. Pāli: abhinandati, hoan hỷ, chào mừng, hoan nghinh.

"Cũng vậy, đối với thọ, tưởng, hành, thức nếu biết, rõ, lìa tham dục, tâm giải thoát, thì có thể đoạn trừ khổ não."

Bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 6. VÔ TRI (4)[14]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Đối với sắc, không biết, không rõ, không lìa tham dục, tâm không giải thoát thì sẽ không vượt qua khỏi sự sợ hãi về sanh, già, bệnh, chết.

"Cũng vậy, đối với thọ, tưởng, hành, thức nếu không biết, không rõ, không lìa tham dục, tâm không giải thoát, thì sẽ không vượt qua khỏi sự sợ hãi về sanh, già, bệnh, chết.

"Này các Tỳ-kheo, đối với sắc nếu biết, nếu rõ, nếu lìa tham dục, tâm giải thoát, thì có thể vượt qua khỏi sự sợ hãi về sanh, già, bệnh, chết."

Bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

14. S. 35. 27, Parijānanā.

KINH 7. HỶ LẠC SẮC[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Ai yêu thích sắc, thì cũng yêu thích khổ. Ai yêu thích khổ thì đối với khổ không được giải thoát.

"Cũng vậy, ai yêu thích thọ, tưởng, hành và thức, thì cũng yêu thích khổ. Ai yêu thích khổ thì đối với khổ không được giải thoát.

"Này các Tỳ-kheo, ai không yêu thích sắc, thì sẽ không thích khổ. Ai không yêu thích khổ, thì đối với khổ sẽ được giải thoát.

"Cũng vậy, ai không yêu thích thọ, tưởng, hành, thức thì sẽ không thích khổ. Ai không thích khổ, thì đối với khổ sẽ được giải thoát."

Bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Kệ tóm tắt:

Vô thường và khổ không,
Phi ngã, chánh tư duy.
Có bốn kinh vô tri,
Cùng hỷ lạc nơi sắc.

M

KINH 8. QUÁ KHỨ VÔ THƯỜNG[2]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Sắc quá khứ, vị lai là vô thường huống chi là sắc hiện tại. Thánh đệ tử hãy quán sát như vầy: 'Không hồi tưởng sắc quá khứ, không tìm cầu sắc vị lai, đối với sắc hiện tại thì nên nhàm tởm, ly dục,

1. S. 22. 29 Abhinandanaṃ.
2. S. 22. 9-11. Atītānāgatapaccupanna.

hướng thẳng đến diệt tận[3].'

"Cũng vậy, thọ, tưởng, hành, thức quá khứ, vị lai là vô thường huống chi là... thức hiện tại. Thánh đệ tử hãy quán sát như vầy: 'Không hồi tưởng thức quá khứ, không mong cầu thức vị lai và đối với thức hiện tại thì nên nhàm chán, ly dục, hướng thẳng đến diệt tận.'

"Vô thường, khổ, không, phi ngã cũng lại như vậy."

Bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 9. YỂM LY[4]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Sắc là vô thường. Vô thường tức là khổ. Khổ tức là chẳng phải ta. Cái gì chẳng phải ta thì cũng chẳng phải sở hữu của ta[5]. Quán sát như vậy gọi là chân thật chánh quán[6].

"Cũng vậy, thọ, tưởng, hành, thức là vô thường. Vô thường tức là khổ. Khổ tức chẳng phải ta. Cái gì chẳng phải ta thì cũng chẳng phải sở hữu của ta. Quán sát như vậy gọi là chân thật chánh quán.

"Thánh đệ tử quán sát như vậy thì sẽ nhàm tởm sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Do nhàm tởm nên không ham muốn[7], vì không ham muốn nên được giải thoát. Đối với giải thoát, trí chân thật phát

---

3. Hán: chánh hướng diệt tận 一向 一一. Pāli: nirodhāya paṭipanno, tu tập hướng đến sự diệt tận (đối với sắc...).

4. Gần giống kinh số 2 trên, S. 22. 15. Yad aniccam.

5. Pāli: yad dukkhaṃ tad anattā; yad anattā tam netaṃ mama, neso'ham asmi, na meso attā'ti, cái gì khổ cái đó không phải là tự ngã. Cái gì không phải là tự ngã, cái đó không phải là của tôi, cái đó, "nó không phải là tôi; nó không phải là tự ngã của tôi."

6. Pāli: evam etam yathābhūtam sammappaññāya daṭṭhabbaṃ, điều đó cần được thấy rõ một cách như thật bằng trí tuệ chân chính như vậy.

7. Bất lạc 一一一F tức chỗ khác nói là ly dục, hay ly tham. Pāli: virāga.

sanh[8], biết rằng: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những việc cần làm đã làm xong, tự biết sẽ không tái sanh đời sau nữa.' "

Bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 10. GIẢI THOÁT[9]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Sắc là vô thường. Vô thường tức là khổ. Khổ tức là chẳng phải ta. Cái gì chẳng phải ta thì cũng chẳng phải sở hữu của ta. Quán sát như vậy gọi là chân thật chánh quán.

"Cũng vậy, thọ, tưởng, hành, thức là vô thường. Vô thường tức là khổ. Khổ tức chẳng phải ta. Chẳng phải ta tức chẳng phải sở hữu của ta. Quán sát như vậy gọi là chân thật chánh quán.

"Thánh đệ tử quán sát như vậy giải thoát khỏi sắc, giải thoát khỏi thọ, tưởng, hành, thức. Ta nói, đó cũng là sự giải thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não."

Bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 11. NHÂN DUYÊN (1)[10]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Sắc là vô thường. Nhân và duyên sanh ra các sắc, chúng cũng

---

8. Giải thoát giả chân thật trí sanh ————u————. Pāli: vimuttasmiṃ vimuttam iti ñāṇaṃ hoti, trong sự giải thoát, biết rằng ta đã giải thoát. Xem cht.5 kinh 1 trên.

9. Gần giống kinh số 2 và số 9. Pāli: S.22. 15 Yad aniccam.

10. S. 22. 18. Hetu (nhân).

vô thường[11]. Vậy, các sắc được sanh ra từ nhân và duyên vô thường, làm sao có thể là thường được?

"Cũng vậy, thọ, tưởng, hành, thức là vô thường. Nhân và duyên sanh ra các thức, chúng cũng vô thường. Vậy, các thức được sanh ra từ nhân và duyên vô thường, làm sao có thể là thường được?

"Như vậy, các Tỳ-kheo, sắc là vô thường, thọ, tưởng, hành, thức là vô thường. Cái gì là vô thường thì cái đó là khổ. Cái gì khổ thì chúng chẳng phải ta. Cái gì chẳng phải ta thì không phải là sở hữu của ta. Thánh đệ tử quán sát như vậy, nhàm chán sắc, nhàm chán thọ, tưởng, hành, thức. Do nhàm chán nên không thích. Vì không thích nên giải thoát và có tri kiến về giải thoát[12], biết rằng: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.' "

Bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

---

11. Pāli: yo pi hetu yo pi paccayo rūpassa uppādāya so pi anicco, cái gì là nhân, cái gì là duyên cho sự sinh khởi của sắc, cái đó cũng vô thường.
12. Giải thoát tri kiến, xem cht.22 kinh 9 trên.

KINH 12. NHÂN DUYÊN (2)[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Sắc là vô thường. Nhân và duyên sanh ra các sắc cũng vô thường. Vậy, các sắc được sanh từ nhân và duyên vô thường, làm sao có thể là thường được?

"Cũng vậy, đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng là vô thường. Vậy, các thức được sanh ra từ nhân và duyên vô thường làm sao có thể là thường được?

"Như vậy, các Tỳ-kheo, sắc là vô thường, thọ, tưởng, hành, thức là vô thường. Cái gì là vô thường thì cái đó là khổ. Cái gì khổ thì chúng chẳng phải ta. Cái gì chẳng phải ta thì không phải là sở hữu của ta. Quán sát như vậy gọi là chân thật chánh quán. Thánh đệ tử quán sát như vậy thì sẽ giải thoát khỏi sắc, giải thoát khỏi thọ, tưởng, hành và thức. Ta nói, đó cũng là giải thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não như vậy."

Bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 13. VỊ (1)[2]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Nếu chúng sanh nào không nếm vị ngọt của sắc thì sẽ không nhiễm đắm sắc[3]. Vì chúng sanh nếm vị ngọt của sắc cho nên bị đắm trước.

---

1. Gần giống kinh 11 trên. Pāli, S. 22. 19-20. Hetu.
2. Pāli, S. 22. 28. Assāda.
3. Pāli: no cedaṃ bhikkhave rūpassa assādo abhavissa na yidaṃ sattā rūpasmiṃ sārajjeyyaṃ, nếu (trước đó) đã không tồn tại vị ngọt của sắc, thì các chúng sanh không thể tham đắm nơi sắc.

"Cũng vậy, chúng sanh nào không nếm vị ngọt của thọ, tưởng, hành, thức thì chúng sanh ấy không bị đắm nhiễm thức. Vì chúng sanh nếm vị ngọt của thọ, tưởng, hành, thức cho nên chúng sanh ấy bị nhiễm trước vào thức.

"Này các Tỳ-kheo, nếu sắc đối với chúng sanh không phải là sự tai hại[4], thì chúng sanh ấy không nên nhàm chán sắc. Vì sắc là mối hại của chúng sanh cho nên những chúng sanh ấy nhàm chán sắc.

"Cũng vậy, đối với thọ, tưởng, hành, thức nếu không phải là mối hại thì chúng sanh ấy không nên nhàm chán thức. Vì thọ, tưởng, hành, thức là mối hại của chúng sanh, cho nên những chúng sanh ấy nhàm chán thức.

"Này các Tỳ-kheo, nếu sắc đối với chúng sanh mà không có sự xuất ly[5], thì những chúng sanh ấy không nên thoát ly sắc. Vì sắc đối với chúng sanh có sự xuất ly, cho nên những chúng sanh ấy thoát ly sắc.

"Cũng vậy, nếu thọ, tưởng, hành, thức đối với chúng sanh không có sự xuất ly, thì những chúng sanh ấy không nên thoát ly thức. Vì thọ, tưởng, hành, thức đối với chúng sanh có sự xuất ly, cho nên những chúng sanh ấy thoát ly thức.

"Này các Tỳ-kheo, nếu Ta đối với năm thọ ấm[6] này mà không biết một cách như thật vị ngọt là vị ngọt, tai hại là tai hại, xuất ly là xuất ly, thì Ta ở giữa chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn và các chúng trời, người đã không thể tự chứng, không được thoát, không vượt ra, không xa lìa, vĩnh viễn an trú trong sự điên đảo, cũng không thể tự mình chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác[7].

"Này các Tỳ-kheo, vì Ta đã biết năm thọ ấm này một cách như

---

4. Hán: hoạn 患. Pāli: adīnavo, tai họa, sự nguy hiểm.

5. Xuất ly 出離 cũng nói là xuất yếu; Pāli: nissaraṇa, sự thoát ly, thoát ra khỏi chỗ nguy hiểm.

6. Thọ ấm 受陰 cũng nói là thủ uẩn. Pāli: upādānakkhanda.

7. Pāli: (……) sattā sadevakā lokā samārakā sabrahmakā sassamaṇabrāhmaṇiyā pajāya sadevamanussāya nissaṭā visamyuttā vippamuttā vimariyādikatena cetasā viharanti, (do biết rõ nên) các chúng sanh ấy, đối với thế giới này bao gồm Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn cùng với trời và người, mà được thoát ly, tách ra khỏi, tự tại, an trú với tâm không bị câu thúc.

thật rằng vị ngọt là vị ngọt, tai hại là tai hại, xuất ly là xuất ly, nên Ta ở giữa chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn và các chúng trời, người đã có thể tự chứng, đã thoát, đã vượt ra, đã xa lìa, vĩnh viễn không an trú trong sự điên đảo, cũng có thể tự mình chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác."

Bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 14. VỊ (2)[8]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Trước kia Ta đã từng đi tìm kiếm vị ngọt của sắc[9]. Nếu khi cảm giác tùy thuận[10] vị ngọt của sắc, thì đối với vị ngọt của sắc Ta dùng trí tuệ thấy rõ như thật.

"Cũng vậy, Ta đã từng đi tìm kiếm vị ngọt của thọ, tưởng, hành, thức. Nếu khi cảm giác tùy thuận thọ, tưởng, hành, thức, thì đối với vị ngọt của thức Ta dùng trí tuệ thấy rõ như thật.

"Này các Tỳ-kheo, Ta đã từng đi tìm kiếm sự tai hại của sắc. Nếu khi cảm giác tùy thuận sự tai hại của sắc, thì đối với sự tai hại của sắc Ta dùng trí tuệ để thấy rõ như thật.

"Cũng vậy, Ta đã từng đi tìm kiếm sự tai hại của thọ, tưởng, hành, thức. Nếu khi cảm giác tùy thuận sự tai hại của thức, thì đối với sự tai hại của thức Ta dùng trí tuệ để thấy rõ như thật.

"Này các Tỳ-kheo, Ta đã từng đi tìm cầu sự xuất ly sắc. Nếu khi cảm giác tùy thuận sắc, thì đối với sự xuất ly sắc Ta dùng trí tuệ để thấy rõ như thật.

"Cũng vậy, Ta đã từng đi tìm cầu sự xuất ly thọ, tưởng, hành,

---

8. Gần giống kinh 13 trên. Pāli, S. 22. 26-27. Assāda.

9. Ư sắc vị hữu cầu hữu hành ——————D——. Pāli: rūpassa assāda-pariyesanaṃ acariṃ, Ta đã đi để tìm cầu vị ngọt của sắc.

10. Tùy thuận giác -H——. Pāli: yad rūpassa assādo tad ajjhagamaṃ, Ta (đã) tiếp cận vị của sắc.

thức. Nếu khi cảm giác tùy thuận sự xuất ly thọ, tưởng, hành, thức thì đối với sự xuất ly thọ, tưởng, hành, thức Ta dùng trí tuệ để biết rõ như thật.

"Này các Tỳ-kheo, nếu Ta đối với năm thọ ấm này mà không biết một cách như thật vị ngọt là vị ngọt, tai hại là tai hại, xuất ly là xuất ly, thì Ta ở giữa chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn và các chúng trời, người đã không thể tự chứng, không được thoát, không vượt ra, không xa lìa, vĩnh viễn an trú trong sự điên đảo, cũng không thể tự mình chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

"Này các Tỳ-kheo, vì Ta đã biết năm thọ ấm này một cách như thật rằng vị ngọt là vị ngọt, tai hại là tai hại, xuất ly là xuất ly, nên Ta ở giữa chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn và các chúng trời, người đã có thể tự chứng, đã thoát, đã vượt ra, đã xa lìa, vĩnh viễn không an trú trong sự điên đảo, cũng có thể tự mình chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác."

Bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Bài kệ tóm tắt:

Quá khứ nói bốn kinh
Yểm ly và giải thoát
Nói hai kinh nhân duyên
Vị ngọt cũng hai kinh.

M

KINH 15. SỬ[11]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Tỳ-kheo nọ[12] đến chỗ Đức Phật, cúi đầu lễ dưới chân, rồi đứng sang một bên, bạch Phật rằng:

"Lành thay, Thế Tôn! Nay xin vì con mà nói vắn tắt pháp yếu.

---

11. Pāli, S. 22. 36. Bhikkhu; tham chiếu S. 22. 63-65. Upādiyāmano.

12. Hán: dị Tỳ-kheo ——C. Pāli: aññataro.

Sau khi nghe pháp, con sẽ một mình ở chỗ vắng[13], tu tập không buông lung. Khi tu tập không buông lung con sẽ tư duy về lý do mà một thiện nam tử xuất gia, cạo bỏ râu tóc, mình mặc pháp y, có lòng tin, từ bỏ gia đình, sống không gia đình[14], chỉ vì để ngay trong đời này chứng nghiệm[15] cứu cánh phạm hạnh vô thượng, biết rằng: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.'"

Bấy giờ, Đức Thế Tôn dạy Tỳ-kheo kia:

"Lành thay! Lành thay! Tỳ-kheo, đã khéo nói những lời này: 'Nay xin vì con mà nói vắn tắt pháp yếu. Sau khi nghe pháp, con sẽ ở một mình nơi chỗ vắng, tu tập không buông lung... cho đến, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.' Ông đã nói như vậy phải chăng?"

Tỳ-kheo bạch Phật:

"Đúng như vậy, bạch Thế Tôn!"

Đức Phật bảo Tỳ-kheo:

"Ông hãy lắng nghe, hãy lắng nghe, khéo léo suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì ông mà nói.

"Này Tỳ-kheo, nếu để sai sử theo sử, tức là chết theo sử[16]. Nếu chết theo sử là bị thủ trói buộc[17]. Nếu Tỳ-kheo không bị sai sử theo sử, thì sẽ không chết theo sử. Không chết theo sử, tức là giải thoát đối với

---

13. Độc nhất tĩnh xứ -W-@-R-B. Pāli: eko vūpakaṭṭho, cô độc, cách biệt người đời.

14. Tín gia phi gia xuất gia -H-a-D-a-X-a. Pāli: agārasmā anagārayaṃ pabbajjati, từ bỏ gia đình, ra đi sống không gia đình.

15. Hiện pháp tác chứng -{-k-@-. Pāli: diṭṭhe va dhamme sayaṃ abhiññā sacchikitvā, ngay trong đời nay, bằng thắng trí, tự mình thể nghiệm.

16. Nhược tùy sử sử giả tức tùy sử tử -Y-H-----Y-H---. *Hán dịch tối nghĩa.* Có lẽ Pāli: yaṃ kho bhikkhu anuseti tam anumīyati, nó thiên chấp theo cái gì thì nó suy lường theo cái đó. Pāli: anuseti, nghĩa đen: nằm theo, tiềm phục, tùy miên; danh từ phát sanh là anusaya: tùy miên, chỉ phiền não tiềm phục *(tùy tùng miên phục).* Bản Hán hiểu anseti là do động từ sevati: phục vụ, nên dịch là tùy sử hay sai sử. Pāli: anumīyati *(suy lường),* do gốc động từ mā: đo lường; nhưng bản Hán hiểu là do động từ miyyati: chết, nên dịch là tùy tử *(chết theo).*

17. Tùy sử tử giả tắc vi thủ sở phược -H-----h-----. Pāli, yam anumīyati tena saṃkhaṃ gacchati, nó suy lường theo cái gì, nó được định danh theo cái đó. Xem thêm cht.46 kinh 16 dưới.

thủ."

Tỳ-kheo bạch Phật:

"Con đã hiểu, bạch Thế Tôn! Con đã hiểu, bạch Thiện Thệ!"

Đức Phật bảo Tỳ-kheo:

"Đối trong pháp yếu mà Ta đã lược nói, nếu ngươi hiểu rộng nghĩa của nó thì phải như thế nào?"

Tỳ-kheo bạch Phật rằng:

"Bạch Thế Tôn, sắc sai sử theo sử, sắc chết theo sử[18]. Sai sử theo sử mà chết theo sử thì bị thủ trói buộc.

"Cũng vậy thọ, tưởng, hành, thức sai sử theo sử, thì chết theo sử. Sai sử theo sử mà chết theo sử thì bị thủ trói buộc.

"Bạch Thế Tôn, nếu sắc không sai sử theo sử, thì sắc không chết theo sử. Không sai sử theo sử mà không chết theo sử thì đối với thủ được giải thoát.

"Cũng vậy, nếu thọ, tưởng, hành, thức không sai sử theo sử, thì không chết theo sử. Không sai sử theo sử mà không chết theo sử thì đối với thủ được giải thoát.

"Như vậy, trong pháp yếu được Thế Tôn nói tóm tắt, ý nghĩa được diễn rộng như vậy."

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Lành thay, lành thay, Tỳ-kheo! Trong pháp yếu được Ta nói tóm tắt, ý nghĩa được diễn rộng như vậy.

"Vì sao?

"Sắc sai sử theo sử, sắc chết theo sử. Sai sử theo sử mà chết theo sử thì bị thủ trói buộc.

"Cũng vậy, thọ, tưởng, hành, thức sai sử theo sử, thì chết theo sử. Sai sử theo sử mà chết theo sử thì bị thủ trói buộc.

"Này Tỳ-kheo, nếu sắc không sai sử theo sử, thì sắc không chết theo sử. Không sai sử theo sử mà không chết theo sử thì đối với thủ được giải thoát.

"Cũng vậy, nếu thọ, tưởng, hành, thức không sai sử theo sử, thì không chết theo sử. Không sai sử theo sử mà không chết theo sử thì đối với thủ được giải thoát."

---

18. Pāli: rūpam... anuseti tam anumīyati, nó thiên chấp sắc, nó suy lường theo sắc.

Bấy giờ, vị Tỳ-kheo kia sau khi nghe Đức Phật dạy xong tâm rất vui mừng, lạy Phật rồi lui. Vị kia ở một mình nơi chỗ vắng tinh cần tu tập, sống không buông lung. Sau khi tinh cần tu tập sống không buông lung rồi, vị kia tư duy về lý do mà một thiện nam tử xuất gia, cạo bỏ râu tóc, mình mặc pháp y, có lòng tin, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, ... cho đến, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa. Bấy giờ, vị Tỳ-kheo kia thành A-la-hán, tâm được giải thoát.

M

KINH 16. TĂNG CHƯ SỐ[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có một Tỳ-kheo nọ đi đến chỗ Phật thưa hỏi những việc như trên, nhưng có những sự sai biệt như sau:

"Cái gì sai sử theo sử mà chết theo sử, thì cái đó tăng các số[2]. Nếu không sai sử theo sử mà chết theo sử, thì không tăng các số."

Đức Phật bảo Tỳ-kheo:

"Đối với những pháp mà Ta đã nói tóm tắt, ngươi hiểu rộng nghĩa của nó như thế nào?"

Tỳ-kheo kia bạch Phật rằng:

"Bạch Thế Tôn, nếu sắc sai sử theo sử thì chết theo sử. Cái gì sai sử theo sử mà chết theo sử, thì cái đó tăng các số.

"Cũng vậy, thọ, tưởng, hành, thức sai sử theo sử thì chết theo sử. Cái gì sai sử theo sử mà chết theo sử, thì cái đó tăng các số.

"Bạch Thế Tôn, nếu sắc không sai sử theo sử thì không chết theo sử. Nếu không sai sử theo sử mà chết theo sử, thì không tăng các số.

"Cũng vậy, thọ, tưởng, hành, thức không sai sử theo sử thì không chết theo sử. Nếu không sai sử theo sử mà chết theo sử, thì không tăng các số.

"Bạch Đức Thế Tôn, trong những pháp đã được nói tóm tắt, con đã hiểu nghĩa rộng của nó như vậy."

Như trên và cho đến ... 'đạt được A-la-hán, tâm được giải thoát'.

M

KINH 17. PHI NGÃ[3]

---

1. S. 22. 35. Bhikkhu.
2. Tăng chư số -W——: không rõ nghĩa. Pāli: saṃkhaṃ gacchati, nghĩa đen: đi đến chỗ tính toán; nghĩa bóng: được định danh, hay được định nghĩa. Tham chiếu S. 22. 35: yam anuseti tena saṃkhaṃ gacchati: nó thiên chấp cái gì thì nó được định danh theo cái đó. Xem thêm cht.43 kinh 15 trên.
3. S. 22. 68. Anattā, 69. Anattaniya.

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có một vị Tỳ-kheo từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch áo vai bên phải, chắp tay bạch Đức Phật rằng:

"Lành thay, Thế Tôn! Nay xin vì con mà nói vắn tắt pháp yếu. Sau khi nghe pháp, con sẽ ở một mình nơi chỗ vắng, tu tập không buông lung. Khi tu tập không buông lung con sẽ tư duy về lý do mà một thiện nam tử xuất gia, cạo bỏ râu tóc, mình mặc pháp y, có lòng tin, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, chỉ vì để ngay trong đời này chứng nghiệm cứu cánh phạm hạnh vô thượng, biết rằng: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.'"

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Tỳ-kheo kia:

"Lành thay! Lành thay! Tỳ-kheo, đã khéo nói những lời này: 'Nay xin vì con mà nói vắn tắt pháp yếu. Sau khi nghe pháp, con sẽ ở một mình nơi chỗ vắng, tu tập không buông lung... cho đến, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.' Ngươi đã nói như vậy phải chăng?"

Tỳ-kheo bạch Phật:

"Đúng vậy, bạch Thế Tôn."

Đức Phật bảo Tỳ-kheo:

"Lắng nghe, lắng nghe, hãy khéo suy nghĩ, Ta sẽ vì ngươi mà nói.

"Này Tỳ-kheo, pháp nào không thích ứng[4] đối với ngươi thì nên nhanh chóng đoạn trừ. Đoạn trừ pháp này để được lợi, được ích, được an vui lâu dài[5]."

Tỳ-kheo kia bạch Phật rằng:

"Con đã hiểu, bạch Thế Tôn! Con đã hiểu, bạch Thiện Thệ!"

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Đối với những pháp đã được nói tóm tắt, ngươi hiểu rộng ý như thế nào?"

---

4. Phi sở ưng pháp ▭▭▭k. Có lẽ Pāli: na-tumhākam, không phải của các ông. Xem cht.52 kinh 18 dưới.

5. Pāli: tam vo pahīnaṃ hitāya sukhāya bhavissati, đoạn trừ pháp ấy sẽ dẫn đến lợi ích và an lạc.

Tỳ-kheo bạch Phật rằng:

"Bạch Thế Tôn, sắc chẳng phải là thích ứng đối với con, nên cần phải nhanh chóng đoạn trừ. Cũng vậy, thọ, tưởng, hành, thức chẳng phải là thích ứng đối với con, nên cần phải nhanh chóng đoạn trừ. Đoạn trừ pháp này để được lợi, được ích, được an vui lâu dài. Cho nên, bạch Thế Tôn, đối với pháp mà Thế Tôn đã nói tóm tắt con đã hiểu rộng nghĩa của nó như vậy."

Đức Phật dạy:

"Lành thay! Lành thay! Này Tỳ-kheo, đối với những pháp đã được nói tóm tắt của Ta, ông đã hiểu nghĩa rộng của nó. Vì sao? Vì sắc chẳng phải là thích ứng đối với ông, nên cần phải nhanh chóng đoạn trừ. Cũng vậy thọ, tưởng, hành, thức chẳng phải là thích ứng đối với ông, nên cần phải nhanh chóng đoạn trừ. Đoạn trừ pháp này để được lợi, được ích, được an vui lâu dài."

Sau khi vị Tỳ-kheo kia nghe những lời dạy của Phật, tâm rất vui mừng, lạy Phật rồi lui; một mình ở chỗ vắng, siêng năng tu tập, sống không buông lung. Sau khi siêng năng tu tập, sống không buông lung, thầy tư duy về lý do mà một thiện nam tử xuất gia, cạo bỏ râu tóc, mình mặc pháp y, có lòng tin, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, chỉ vì để ngay trong đời này chứng nghiệm cứu cánh phạm hạnh vô thượng, biết rằng: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.'

Bấy giờ, vị Tỳ-kheo kia thành bậc A-la-hán, tâm được giải thoát.

M

KINH 18. PHI BỈ[6]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có một Tỳ-kheo kia, từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch áo vai bên phải, lễ Phật rồi đứng sang một bên, bạch Phật rằng:

---

6. S.22. 33-34. Na-tumhākaṃ (không phải của các ông, so sánh dẫn Pāli cht.52 dưới).

"Lành thay, Thế Tôn! Nay xin vì con mà nói vắn tắt pháp yếu. Sau khi nghe pháp, con sẽ ở một mình nơi chỗ vắng, tu tập không buông lung. Khi tu tập không buông lung con sẽ tư duy về lý do mà một thiện nam tử xuất gia, cạo bỏ râu tóc, mình mặc pháp y, có lòng tin, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, chỉ vì để ngay trong đời này chứng nghiệm cứu cánh phạm hạnh vô thượng, biết rằng: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.'"

Bấy giờ, Đức Thế Tôn dạy Tỳ-kheo kia:

"Lành thay! Lành thay! Tỳ-kheo, đã khéo nói những lời này: 'Nay xin vì con mà nói vắn tắt pháp yếu. Sau khi nghe pháp, con sẽ ở một mình nơi chỗ vắng, tu tập không buông lung... cho đến, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.' Ông đã nói như vậy phải chăng?"

Tỳ-kheo bạch Phật:

"Đúng như vậy, bạch Thế Tôn!"

Đức Phật bảo Tỳ-kheo:

"Ông hãy lắng nghe, hãy lắng nghe, khéo léo suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì ông mà nói.

"Nếu có pháp nào chẳng phải là thích ứng của các ông và cũng chẳng phải là thích ứng của người khác, thì hãy nhanh chóng đoạn trừ pháp ấy[7]. Đoạn trừ pháp ấy để được lợi, được ích, được an lạc lâu dài."

Tỳ-kheo kia, bạch Phật rằng:

"Bạch Thế Tôn, con đã hiểu. Bạch Thiện Thệ, con đã hiểu."

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Đối với pháp đã được Ta nói tóm tắt, ông hiểu nghĩa rộng của nó như thế nào?"

Tỳ-kheo bạch Phật rằng:

"Bạch Thế Tôn, sắc chẳng phải là con, chẳng phải là thích ứng của con[8], cũng chẳng phải là thích ứng của người khác. Pháp này cần

---

7. Pāli: yam bhikkhave na-tumhākaṃ, tam pajahatha, này các Tỳ-kheo, cái gì không phải là của các ông, hãy loại bỏ cái ấy.

8. Pāli: na hi no etam bhante attā vā attaniyam, bạch Thế Tôn, cái đó không phải là tự ngã của con, cũng không phải là sở thuộc của tự ngã của con.

nhanh chóng đoạn trừ. Đoạn trừ pháp ấy để được lợi, được ích, được an lạc lâu dài. Cũng vậy thọ, tưởng, hành, thức chẳng phải là con, chẳng phải là thích ứng của con, cũng chẳng phải là thích ứng của người khác. Pháp này cần nhanh chóng đoạn trừ. Đoạn trừ pháp ấy để được lợi, được ích, được an lạc lâu dài. Cho nên đối với những pháp mà Như Lai đã nói tóm tắt, con đã hiểu được nghĩa rộng của nó như vậy."

Đức Phật bảo Tỳ-kheo:

"Lành thay! Lành thay! Đối với những pháp đã được Ta nói tóm tắt, ông đã hiểu nghĩa rộng của nó. Vì sao? Này Tỳ-kheo, sắc chẳng phải là ta, chẳng phải là thích ứng của ta, cũng chẳng phải là thích ứng của người khác. Pháp này cần nhanh chóng đoạn trừ. Đoạn trừ pháp ấy để được lợi, được ích, được an lạc lâu dài. Cũng vậy thọ, tưởng, hành, thức chẳng phải là ta, chẳng phải là thích ứng của ta, cũng chẳng phải là thích ứng của người khác. Pháp này cần nhanh chóng đoạn trừ. Đoạn trừ pháp ấy để được lợi, được ích, được an lạc lâu dài."

Sau khi vị Tỳ-kheo kia nghe những lời dạy của Phật, tâm rất vui mừng, lạy Phật rồi lui; một mình ở chỗ vắng, siêng năng tu tập, sống không buông lung, cho đến, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.'

Bấy giờ, vị Tỳ-kheo kia thành bậc A-la-hán, tâm được giải thoát.

M

KINH 19. KẾT HỆ[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có một Tỳ-kheo kia, từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch áo vai bên phải, lễ Phật rồi đứng sang một bên, bạch Phật rằng:

"Lành thay, Thế Tôn! Nay xin vì con mà nói vắn tắt pháp yếu. Sau khi nghe pháp, con sẽ ở một mình nơi chỗ vắng, tu tập không buông lung. Khi tu tập không buông lung con sẽ tư duy về lý do mà một thiện nam tử xuất gia, cạo bỏ râu tóc, mình mặc pháp y, có lòng tin, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, cho đến, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa."

Bấy giờ, Đức Thế Tôn dạy Tỳ-kheo kia:

"Lành thay! Lành thay! Tỳ-kheo, đã khéo nói những lời này: 'Nay xin vì con mà nói vắn tắt pháp yếu. Sau khi nghe pháp, con sẽ ở một mình nơi chỗ vắng, tu tập không buông lung... cho đến, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.' Ông đã nói như vậy phải chăng?"

Tỳ-kheo bạch Phật:

"Đúng như vậy, bạch Thế Tôn!"

Đức Phật bảo Tỳ-kheo:

"Ông hãy lắng nghe, hãy lắng nghe, khéo léo suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì ông mà nói.

"Tỳ-kheo, pháp bị trói buộc bởi kết sử, hãy nhanh chóng đoạn trừ[2]. Đoạn trừ pháp ấy để được lợi, được ích, được an lạc lâu dài."

Tỳ-kheo kia, bạch Phật rằng:

"Bạch Thế Tôn, con đã hiểu. Bạch Thiện Thệ, con đã hiểu."

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Đối với pháp đã được Ta nói tóm tắt, ông hiểu nghĩa rộng của nó như thế nào?"

Tỳ-kheo bạch Phật rằng:

---

1. S. 22. 70. Rajanīyasaṇṭhitaṃ *(sự cấu thành, hay tồn tại, bị ô nhiễm).*
2. Pāli: yam kho bhikkhu rajanīyasaṇṭhitaṃ tatra te chando pahātabbo, Tỳ-kheo, cái gì là môi trường cho sự ô nhiễm, nơi cái ấy người phải đoạn trừ sự ham muốn.

"Đức Thế Tôn, sắc là pháp bị kết sử trói buộc[3]. Pháp bị kết sử trói buộc này, nên nhanh chóng đoạn trừ. Khi đã đoạn trừ rồi, sẽ được lợi, được ích, được an lạc lâu dài. Cũng vậy thọ, tưởng, hành, thức là pháp bị kết sử trói buộc. Pháp bị kết sử trói buộc này, nên nhanh chóng đoạn trừ. Khi pháp kia đã được đoạn trừ rồi, thì sẽ được lợi, được ích, được an lạc lâu dài. Cho nên đối với những pháp đã được Đức Thế Tôn nói tóm tắt, con đã hiểu được nghĩa rộng của nó."

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Lành thay! Lành thay! Đối với những pháp đã được Ta nói tóm tắt, ông đã hiểu được nghĩa rộng của nó. Vì sao? Vì sắc là pháp bị kết sử trói buộc, pháp bị kết sử trói buộc này, nên nhanh chóng đoạn trừ. Khi đã đoạn trừ rồi, sẽ được lợi, được ích, được an lạc lâu dài. Cũng vậy thọ, tưởng, hành, thức là pháp bị kết sử trói buộc, pháp bị kết sử trói buộc này, nên nhanh chóng đoạn trừ. Khi pháp kia đã được đoạn trừ rồi, thì sẽ được lợi, được ích, được an lạc lâu dài."

Sau khi vị Tỳ-kheo kia nghe những lời dạy của Phật, tâm rất vui mừng, lạy Phật rồi lui; một mình ở chỗ vắng, siêng năng tu tập, sống không buông lung, cho đến, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.

Bấy giờ, vị Tỳ-kheo kia thành bậc A-la-hán, tâm được giải thoát.

M

KINH 20. THÂM KINH

Thâm kinh cũng nói như vậy[4].

M

KINH 21. ĐỘNG DAO[5]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-

---

3. Pāli: rūpaṃ kho rajanīyasaṇṭhitaṃ, sắc là môi trường để bị tham nhiễm.

4. Nguyên văn trong bản Hán; theo đó, còn một kinh tên là "Thâm kinh" với nội dung hoàn toàn như kinh trên.

5. S. 22. 63. Upādiyamāna; S.22. 64. Maññamāna.

vệ. Bấy giờ, có một Tỳ-kheo kia, từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch áo vai bên phải, lễ Phật rồi đứng sang một bên, bạch Phật rằng:

"Lành thay, Thế Tôn! Nay xin vì con mà nói vắn tắt pháp yếu. Sau khi nghe pháp, con sẽ ở một mình nơi chỗ vắng, tu tập không buông lung. Khi tu tập không buông lung con sẽ tư duy về lý do mà một thiện nam tử xuất gia, cạo bỏ râu tóc, mình mặc pháp y, có lòng tin, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, cho đến, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa."

Bấy giờ, Đức Thế Tôn dạy Tỳ-kheo kia:

"Lành thay! Lành thay! Tỳ-kheo, đã khéo nói những lời này: 'Nay xin vì con mà nói vắn tắt pháp yếu. Sau khi nghe pháp, con sẽ ở một mình nơi chỗ vắng, tu tập không buông lung... cho đến, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.' Ông đã nói như vậy phải chăng?"

Tỳ-kheo bạch Phật:

"Đúng như vậy, bạch Thế Tôn!"

Đức Phật bảo Tỳ-kheo:

"Ông hãy lắng nghe, hãy lắng nghe, khéo léo suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì ông mà nói.

"Này Tỳ-kheo, người nào dao động thì sẽ bị ma trói. Nếu người nào không động thì sẽ giải thoát khỏi Ba-tuần[6]."

Tỳ-kheo bạch Phật rằng:

"Con đã hiểu, bạch Thế Tôn. Con đã hiểu, bạch Thiện Thệ."

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Đối với pháp đã được Ta nói tóm tắt, ông hiểu nghĩa rộng của nó như thế nào?"

Tỳ-kheo bạch Phật rằng:

"Bạch Thế Tôn, khi bị sắc làm dao động[7] thì bị ma trói buộc. Nếu không dao động thì giải thoát khỏi Ba-tuần. Cũng vậy khi thọ, tưởng, hành, thức làm dao động thì bị ma trói buộc. Nếu không dao động thì giải thoát khỏi Ba-tuần. Cho nên đối với những pháp đã được Đức Thế Tôn nói tóm tắt, con đã hiểu được nghĩa rộng của nó."

---

6. Pāli: upādiyamāno baddho mārassa anupādiyamāno mutto pāpimāto, khi chấp thủ thì bị ma trói chặt. Khi không chấp thủ thì thoát khỏi Ba-tuần (Ác ma).

7. Pāli: rūpaṃ upādiyamāno, khi chấp thủ sắc.

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Lành thay! Lành thay! Đối với những pháp đã được Ta nói tóm tắt, ông đã hiểu được nghĩa rộng của nó. Vì sao? Khi bị sắc làm dao động, thì bị ma trói buộc. Nếu không động, thì giải thoát khỏi Ba-tuần. Cũng vậy khi bị thọ, tưởng, hành, thức làm dao động, thì sẽ bị ma trói buộc. Nếu không động, thì giải thoát khỏi Ba-tuần"... cho đến: '... tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.' Tâm được giải thoát, thành bậc A-la-hán.

M

KINH 22. KIẾP-BA SỞ VẤN[8]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Tỳ-kheo tên là Kiếp-ba[9], đi đến chỗ Phật, đầu mặt lạy sát chân Phật, rồi đứng qua một bên, bạch Phật rằng:

"Như lời Đức Thế Tôn đã dạy, 'Tỳ-kheo tâm khéo được giải thoát.' Bạch Thế Tôn, thế nào là Tỳ-kheo tâm khéo được giải thoát[10]?"

Bấy giờ, Thế Tôn nói với Kiếp-ba rằng:

"Lành thay! Lành thay! Ông có thể hỏi Như Lai về tâm khéo giải thoát. Lành thay, Kiếp-ba! Hãy lắng nghe, lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì ông mà nói.

"Này Kiếp-ba, hãy quán sát biết rõ những gì thuộc về sắc, hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô, hoặc tế; hoặc tốt, hoặc xấu; hoặc xa, hoặc gần; tất cả những thứ đó đều vô thường. Khi đã quán sát chân chính về vô thường rồi, thì sắc ái liền được trừ. Khi sắc ái đã được trừ rồi, thì tâm khéo giải thoát. Cũng vậy, quán sát thọ, tưởng, hành, thức hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô, hoặc tế; hoặc tốt, hoặc xấu; hoặc xa, hoặc gần; tất cả những thứ đó đều vô thường. Khi đã quán sát

---

8. S. 22. 124-125. Kappo.

9. Kiếp-ba 劫波. Pāli: Kappo.

10. Câu hỏi của Kappa trong bản Pāli giống như của Rāhula, xem cht.64 kinh tiếp theo.

chân chính về vô thường rồi, thì thức ái liền được trừ. Khi thức ái đã được trừ rồi, thì Ta nói là tâm khéo giải thoát.

"Này Kiếp-ba, Tỳ-kheo có tâm khéo giải thoát như vậy, Như Lai nói là tâm khéo giải thoát. Vì sao? Vì ái dục đã được đoạn trừ. Người nào ái dục đã được đoạn trừ, thì Như Lai gọi người đó là tâm khéo giải thoát."

Sau khi Tỳ-kheo Kiếp-ba nghe những lời dạy của Đức Phật, tâm rất vui mừng, lạy Phật rồi lui.

Bấy giờ, Tỳ-kheo Kiếp-ba, sau khi nhận lãnh những lời Phật dạy rồi, một mình ở chỗ vắng chuyên cần tinh tấn tư duy, sống không buông lung... cho đến '... tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.' Tâm khéo giải thoát, thành bậc A-la-hán.

M

KINH 23. LA-HẦU-LA SỞ VẤN (1)[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú trong rừng trúc Ca-lan-đà, tại thành Vương xá. Bấy giờ, Tôn giả La-hầu-la đi đến chỗ Phật, đầu mặt lạy sát chân Phật, rồi đứng qua một bên, bạch Phật rằng:

"Bạch Thế Tôn, biết như thế nào, thấy như thế nào để cho thân thức này của con cùng tất cả những tướng trạng thuộc cảnh giới bên ngoài không có các kết sử trói buộc là ngã, ngã sở kiến, ngã mạn[2]?"

Đức Phật dạy La-hầu-la:

"Lành thay! Lành thay! Phải chăng ngươi hỏi Như Lai rằng, 'biết như thế nào, thấy như thế nào để cho thân thức này của con cùng tất cả những tướng trạng thuộc cảnh giới bên ngoài không có các kết sử trói buộc là ngã, ngã sở kiến, ngã mạn'?"

La-hầu-la bạch Phật rằng:

"Đúng vậy, bạch Thế Tôn."

Phật dạy La-hầu-la:

"Lành thay! Hãy lắng nghe, lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì ngươi mà nói.

"Này La-hầu-la, hãy quán sát, những gì thuộc về các sắc, hoặc quá khứ, hoặc hiện tại, hoặc vị lai; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô, hoặc tế; hoặc xấu, hoặc tốt; hoặc xa, hoặc gần; tất cả những thứ đó đều chẳng phải ngã, không khác ngã, không ở trong nhau[3]; nên bằng tuệ bình đẳng[4] mà quán sát như thật như vậy. Cũng vậy thọ, tưởng,

---

1. S. 22. 91. Rāhulo.
2. Pāli: kathaṃ nu kho bhante jānato kathaṃ passato imasmiñ ca saviññāṇake kāye bahiddhā ca sabbanimittesu ahaṅkāramamaṃkāramānānusayā na honti, bạch Thế Tôn, do biết như thế nào, thấy như nào mà trong thân có thức này cùng với các tướng bên ngoài không tồn tại các tùy miên tác thành ngã, ngã sở và ngã mạn?
3. Phi ngã, bất dị ngã, bất tương tại -D----------b. Pāli: n'etaṃ mama n'eso' ham asmi na m' eso attā, cái này không phải của tôi, không phải là tôi; nó không phải là tự ngã của tôi.
4. Bình đẳng tuệ ----z. Pāli: sammappañāya, bằng chánh trí, hay nhận thức chân chánh.

hành, thức, hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô, hoặc tế; hoặc xấu, hoặc tốt; hoặc xa, hoặc gần; tất cả những thứ đó đều chẳng phải ngã, không khác ngã, không ở trong nhau; nên bằng tuệ bình đẳng quán sát như thật như vậy.

"Như vậy, này La-hầu-la, Tỳ-kheo nên biết như vậy, thấy như vậy. Người nào biết như vậy, thấy như vậy, thì đối với thức thân này cùng tất cả những tướng trạng thuộc cảnh giới bên ngoài không có kết sử trói buộc là ngã kiến, ngã sở kiến, ngã mạn.

"Này La-hầu-la, Tỳ-kheo nếu như vậy đối với thức thân này cùng tất cả những tướng trạng thuộc cảnh giới bên ngoài không có kết sử trói buộc là ngã kiến, ngã sở kiến, ngã mạn, thì Tỳ-kheo đó được gọi là người đoạn ái dục, chuyển đi các kết sử, chân chánh hiện quán[5] đạt đến biên tế của khổ."

La-hầu-la sau khi nghe những lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 24. LA-HẦU-LA SỞ VẤN (2)[6]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở vườn Trúc, khu Ca-lan-đà trong thành Vương xá. Bấy giờ Thế Tôn bảo La-hầu-la:

"Tỳ-kheo biết như thế nào, thấy như thế nào để cho thân thức này của ta cùng tất cả những tướng trạng thuộc cảnh giới bên ngoài không có các kết sử trói buộc là ngã, ngã sở kiến, ngã mạn?"

La-hầu-la bạch Phật rằng:

"Thế Tôn là chủ các pháp, là vị dẫn đường, là người che chở. Lành thay, Thế Tôn! Hãy vì các Tỳ-kheo mà diễn nói nghĩa này. Các Tỳ-kheo, sau khi đã được nghe những lời Phật dạy, sẽ hoan hỷ phụng hành."

Phật bảo La-hầu-la:

"Hãy lắng nghe, lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì ngươi mà

---

5. Hán: chánh vô gián đẳng ——L——; nghĩa đen: hoàn toàn không bị trở ngại. Trong các kinh khác, nhóm từ này tương đương Pāli: abhisamaya: hiện quán, chỉ sự quán chiếu và chứng ngộ bốn Thánh đế; xem thêm cht.18 kinh 105.

6. Pāli, S.22. 92. Rāhulo.

nói."

La-hầu-la bạch Phật:

"Thưa vâng, con xin vâng lời."

Phật bảo La-hầu-la:

"Hãy quán sát những gì thuộc về sắc, hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô, hoặc tế; hoặc tốt, hoặc xấu; hoặc xa, hoặc gần; tất cả những thứ đó chẳng phải ngã, không khác ngã, không ở trong nhau; nên dùng tuệ bình đẳng quán sát như thật như vậy. Cũng vậy thọ, tưởng, hành và thức, hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô, hoặc tế; hoặc tốt, hoặc xấu; hoặc xa, hoặc gần; tất cả những thứ đó chẳng phải ngã, không khác ngã, không ở trong nhau; nên dùng tuệ bình đẳng quán sát như thật như vậy.

"Tỳ-kheo biết như vậy, phải thấy như vậy, đối với thức thân này cùng tất cả những tướng trạng thuộc cảnh giới bên ngoài không có kết sử trói buộc là ngã kiến, ngã sở kiến, ngã mạn.

"Này La-hầu-la, Tỳ-kheo như vậy đối với thức thân này cùng tất cả những tướng trạng thuộc cảnh giới bên ngoài không có kết sử trói buộc là ngã kiến, ngã sở kiến, ngã mạn, sẽ siêu việt nghi tâm, xa lìa các tướng, tịch tịnh giải thoát. Đó gọi là Tỳ-kheo đoạn trừ ái dục, chuyển đi các kết sử, chân chánh hiện quán, đạt đến chỗ tận cùng của mé khổ một cách chân chính."

La-hầu-la sau khi nghe những lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Kệ tóm tắt:

Sử, tăng chư số,
Phi ngã, phi bỉ,
Kết phược, dao động,
Kiếp-ba sở vấn,
Cùng La-hầu-la,
Hai kinh sở vấn.

M

KINH 25. ĐA VĂN[7]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có một Tỳ-kheo kia, đi đến chỗ Phật, làm lễ Phật, rồi đứng qua một bên, bạch Phật rằng:

"Như Thế Tôn nói 'Đa văn'. Vậy thế nào là đa văn?"

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Lành thay! Lành thay! Nay ngươi muốn hỏi Ta về nghĩa của đa văn phải không?"

Tỳ-kheo bạch Phật rằng:

"Thưa vâng, bạch Thế Tôn."

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì ngươi mà nói.

"Tỳ-kheo, nên biết, nếu nghe pháp mà đối với sắc phát sanh yểm ly, ly dục, diệt tận, tịch tĩnh[8], thì đó gọi là đa văn. Cũng vậy nếu nghe pháp mà đối với thọ, tưởng, hành, thức phát sanh yểm ly, ly dục, diệt tận, tịch tĩnh, thì gọi đó là đa văn. Này Tỳ-kheo, đó gọi là đa văn mà Như Lai nói."

Tỳ-kheo kia sau khi nghe những lời Phật dạy, phấn khởi vui mừng, làm lễ mà lui.

M

KINH 26. THIỆN THUYẾT PHÁP[9]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có một Tỳ-kheo kia, đến chỗ Phật, đầu mặt lạy sát chân Phật, rồi đứng qua một bên, bạch Phật rằng:

"Như Thế Tôn nói 'Pháp sư.' Vậy thế nào gọi là Pháp sư[10]?"

Phật bảo Tỳ-kheo:

---

7. Không thấy Pāli tương đương.
8. Xem cht.73 kinh 26 dưới.
9. Pāli, S. 22. 115-116. Kathika.
10. Pháp sư -k-v. Pāli: dhammakathiko.

"Lành thay! Lành thay! Nay ngươi muốn biết những gì mà Như Lai đã nói về nghĩa Pháp sư phải không?"

Tỳ-kheo bạch Phật:

"Thưa vâng, bạch Thế Tôn."

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì ngươi mà nói."

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Nếu người nào đối với sắc mà nói pháp khiến sanh ra yểm ly, ly dục, diệt tận, tịch tĩnh[11], thì đó gọi là Pháp sư. Nếu người nào đối với thọ, tưởng, hành, thức mà nói pháp khiến sanh yểm ly, ly dục, diệt tận, tịch tĩnh, thì gọi đó là Pháp sư. Đó cũng gọi là những gì mà Như Lai đã nói về Pháp sư."

Tỳ-kheo kia sau khi nghe những lời Phật dạy, phấn khởi vui mừng, lạy Phật mà lui.

M

KINH 27. HƯỚNG PHÁP[12]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có một Tỳ-kheo kia, đến chỗ Đức Phật, đầu mặt làm lễ, rồi đứng qua một bên, bạch Phật rằng:

"Như Đức Thế Tôn nói 'Pháp thứ pháp hướng[13].' Vậy thế nào là Pháp thứ pháp hướng?"

Phật bảo Tỳ-kheo:

---

11. Pāli: rūpassa ce bhikkhu nibbidāya virāgāya nirodhāya dhammaṃ deseti, nếu vị ấy nói pháp dẫn đến sự yểm ly, ly tham, diệt tận đối với sắc.

12. Pāli, S. 22. 39-41. Anudhamma.

13. Pháp thứ pháp hướng ‑k——k 向‑A hướng đến pháp và thứ pháp, hay tu tập hướng theo tính tuần tự của pháp; cũng nói là *pháp tùy pháp hành*. Pāli: dhammānudhamma-paṭipanno, thực hành pháp và tùy pháp; thực hành tùy thuận theo pháp. *Tập Dị Môn Luận 6*: "Thế nào là pháp tùy pháp hành? Sự xuất ly được dẫn sinh bởi như lý tác ý, các pháp thiện thù thắng được phát sanh bởi viễn ly, tu tập vững chắc, tinh cần không gián đoạn; như vậy gọi là pháp tùy pháp hành."

"Lành thay! Lành thay! Nay ngươi muốn biết Pháp thứ pháp hướng phải không?"

Tỳ-kheo bạch Phật:

"Thưa vâng, bạch Thế Tôn."

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì ngươi mà nói.

"Này Tỳ-kheo, đối với sắc mà hướng đến yểm ly, ly dục, diệt tận, thì gọi đó là Pháp thứ pháp hướng[14]. Cũng vậy đối với thọ, tưởng, hành, thức mà hướng đến yểm ly, ly dục, diệt tận, thì đó gọi là Pháp thứ pháp hướng."

Tỳ-kheo kia sau khi nghe những lời Phật dạy, phấn khởi vui mừng, lạy Phật mà lui.

M

14. Pāli: rūpassa ce.… nibbidāya virāgāya nirodhāya paṭipanno hoti, là sự thực hành dẫn đến sự yểm ly, ly tham, diệt tận đối với sắc.

KINH 28. NIẾT-BÀN[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có một Tỳ-kheo khác, đến chỗ Đức Phật, đầu mặt lạy sát chân Phật, rồi đứng qua một bên, bạch Phật rằng:

"Bạch Thế Tôn, như Thế Tôn nói 'chứng đắc Niết-bàn ngay trong hiện tại[2].' Vậy, thế nào là Tỳ-kheo chứng đắc Niết-bàn ngay trong hiện tại?"

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Lành thay! Lành thay! Nay ngươi muốn biết về sự 'chứng đắc Niết-bàn ngay trong hiện tại' phải không?"

Tỳ-kheo bạch Phật:

"Thưa vâng, bạch Thế Tôn."

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì ngươi mà nói.

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Đối với sắc mà sanh tâm yểm ly, ly dục, diệt tận, không khởi lên các lậu, tâm giải thoát chân chánh, thì đó gọi là Tỳ-kheo chứng đắc Niết-bàn ngay trong hiện tại[3]. Cũng vậy, đối với thọ, tưởng, hành, thức mà sanh tâm yểm ly, ly dục, diệt tận, không khởi lên các lậu, tâm giải thoát chân chánh, thì đó gọi là Tỳ-kheo chứng đắc Niết-bàn ngay trong hiện tại."

Tỳ-kheo kia sau khi nghe những lời Phật dạy, phấn khởi vui mừng, lạy Phật mà lui.

M

---

1. Pāli, tham chiếu các kinh S.. 22. 155-116 Kathika, 33. 154. Kathika.
2. Đắc kiến (hiện) pháp Niết-bàn ▪o▬▪k▪I▪n. Xem cht.dưới.
3. Pāli: rūpassa ce nibbidā virāgā nirodhā anupādā vimutto hoti, diṭṭhadhamme nibbānapatto, do yểm ly, ly tham, diệt tận đối với sắc mà giải thoát không chấp thủ, đó là chứng đắc Niết-bàn ngay trong hiện tại.

KINH 29. TAM-MẬT-LY-ĐỀ VẤN THUYẾT PHÁP SƯ[4]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Tỳ-kheo tên là Tam-mật-ly-đề đến chỗ Đức Phật, đầu mặt lạy sát chân Phật, rồi đứng qua một bên, bạch Phật rằng:

"Như Thế Tôn nói 'Thuyết pháp sư.' Vậy, thế nào gọi là Thuyết pháp sư?"

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Nay ngươi muốn biết về nghĩa Thuyết pháp sư phải không?"

Tỳ-kheo bạch Phật:

"Thưa vâng, bạch Thế Tôn."

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì ngươi mà nói.

"Nếu Tỳ-kheo nào, đối với sắc mà nói yểm ly, ly dục, diệt tận, thì đó gọi là Thuyết pháp sư. Cũng vậy, đối với thọ, tưởng, hành, thức mà nói yểm ly, ly dục, diệt tận, thì đó gọi là Thuyết pháp sư."

Tỳ-kheo kia sau khi nghe những gì Phật dạy, phấn khởi vui mừng, lạy Phật mà lui.

Kệ tóm tắt:

Đa văn, thiện thuyết pháp,
Hướng pháp và Niết-bàn.
Tam-mật-ly-đề hỏi:
Thế nào, Thuyết pháp sư?

M

4. Pāli, tham chiếu S. 22. 115. Kathika.

TẠP A-HÀM QUYỂN 2

KINH 33. PHI NGÃ[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Sắc không phải là ngã. Nếu sắc là ngã, không nên ở nơi sắc mà bệnh, khổ sanh và cũng không thể có ước muốn khiến như vậy hay không như vậy đối với sắc. Vì sắc là vô ngã cho nên ở nơi sắc có bệnh, khổ sanh và nó cũng có ước muốn khiến như vậy, hay không như vậy đối với sắc. Thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy.

"Tỳ-kheo, ý ngươi thế nào, sắc là thường hay vô thường?"

Tỳ-kheo bạch Phật:

"Là vô thường, bạch Thế Tôn."

"Tỳ-kheo, nếu là vô thường, thì có phải là khổ?"

Tỳ-kheo bạch Phật:

"Là khổ, bạch Thế Tôn."

"Vậy, nếu vô thường là khổ, thì nó là pháp biến dịch. Đa văn Thánh đệ tử ở trong đó có nên thấy là có ngã, khác ngã, hay ở trong nhau[2]?"

Tỳ-kheo bạch Phật:

"Không nên, bạchThế Tôn."

"Đối với thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy.

"Cho nên, Tỳ-kheo, những gì là sắc, hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô, hoặc tế; hoặc tốt, hoặc xấu; hoặc xa, hoặc gần; tất cả chúng không phải là ngã, không phải khác ngã, hay không ở trong nhau. Hãy quán sát như vậy. Đối với thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy.

"Tỳ-kheo, đa văn Thánh đệ tử, đối với năm thọ ấm này, hãy quán sát như thật chúng là chẳng phải ngã, chẳng phải ngã sở. Khi

---

1. Bản Phật Quang quyển 4, kinh 79. Quốc Dịch quyển 3, phẩm 7. Đại Chánh, quyển 2. Pāli, S. 22. 59. Pañca.

2. Bản Pāli: etaṃ mama eo'ham asmi eso attā ti, cái này là của tôi; cái này là tôi; cái này là tự ngã của tôi.

quán sát như thật rồi, thì đối với thế gian không có gì phải chấp thủ. Vì đã không có gì để chấp thủ, nên cũng không có gì để đắm trước. Vì đã không có gì để đắm trước, nên tự giác ngộ Niết-bàn: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết sẽ không còn tái sanh đời sau nữa.'"

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 34. NGŨ TỲ-KHEO[3]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Lộc dã, nơi Tiên nhân trú xứ, nước Ba-la-nại.

Bấy giờ Thế Tôn bảo năm vị Tỳ-kheo:

"Sắc không có ngã[4]. Nếu sắc mà có ngã, thì bệnh, khổ không thể sanh nơi sắc được, cũng không thể có ước muốn khiến cho như vầy hay không như vầy đối với sắc được. Vì sắc là vô ngã, cho nên nơi sắc bệnh, khổ sanh và cũng có thể có ước muốn khiến cho như vầy hay không như vầy được. Đối với thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy.

"Tỳ-kheo, ý ngươi thế nào, sắc là thường hay vô thường?"

Tỳ-kheo bạch Phật:

"Là vô thường, bạch Thế Tôn."

"Tỳ-kheo, vô thường là khổ chăng?"

Tỳ-kheo bạch Phật:

"Là khổ, bạch Thế Tôn."

"Tỳ-kheo, vô thường là khổ, thì nó là pháp biến dịch. Đa văn Thánh đệ tử ở nơi sắc có nên thấy là ngã, khác ngã, hay ở trong nhau không?"

Tỳ-kheo bạch Phật:

"Không nên, bạch Thế Tôn."

"Đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy.

---

3. Pāli, S. 22. 59. Pañca.

4. Sắc phi hữu ngã ——Đ——. Pāli: rūpam bhikkhave anattā.

"Cho nên, Tỳ-kheo, những gì là sắc, hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô, hoặc tế; hoặc tốt, hoặc xấu; hoặc xa, hoặc gần; hãy quán sát như thật tất cả chúng chẳng phải là ngã, chẳng phải là ngã sở. Đối với thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy.

"Này Tỳ-kheo, đa văn Thánh đệ tử đối với năm thọ ấm này, hãy quán sát như thật, thấy chẳng phải ngã, chẳng phải ngã sở. Quán sát như vậy, đối với thế gian đều không có gì để thủ. Vì không có gì để thủ, nên không có gì để đắm trước. Vì không có gì để đắm trước, cho nên tự giác ngộ Niết-bàn: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.'"

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 35. TAM CHÁNH SĨ [5]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú tinh xá Trúc viên, tại Chi-đề.

Bấy giờ có ba vị Chánh sĩ[6] mới xuất gia. Đó là Tôn giả A-nậu-luật-đà[7], Tôn giả Nan-đề[8], Tôn giả Kim-tỳ-la[9].

Bấy giờ, Đức Thế Tôn biết trong tâm họ đang nghĩ những gì, nên răn dạy họ rằng:

"Tỳ-kheo, đây là tâm, đây là ý, đây là thức. Hãy tư duy điều này. Chớ tư duy điều này. Hãy đoạn trừ dục này, đoạn trừ sắc này, tự thân tác chứng, thành tựu và an trụ.

"Tỳ-kheo, có sắc nào là thường còn, không biến dịch, tồn tại mãi không?"

Tỳ-kheo bạch Phật:

---

5. Không có Pāli tương đương.
6. Đây chỉ ba công tử họ Thích.
7. A-nậu-luật-đà ——ɣ——. Pāli: Anuruddha.
8. Nan-đề ——. Pāli: Nandiya.
9. Kim-tỳ-la ——s—. Pāli: Kimbila.

"Bạch không, Thế Tôn."

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Lành thay! Lành thay! Sắc là vô thường, là pháp biến dịch, yểm ly, ly dục, diệt tận, tịch tĩnh. Sắc như vậy từ xưa tới nay, tất cả đều là pháp vô thường, khổ, biến dịch. Khi đã biết như vậy rồi, thì tất cả các lậu, hại, xí nhiên, ưu não đã từng duyên vào sắc này mà sanh ra, thảy đều bị đoạn diệt. Khi đã đoạn diệt rồi, thì không còn gì để chấp trước. Khi đã không còn gì để chấp trước rồi, thì sống an lạc. Khi đã sống an lạc rồi, thì đạt được Bát-niết-bàn. Đối với thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy."

Khi Đức Phật nói kinh này, ba vị Chánh sĩ lậu hoặc không còn khởi lên nữa, tâm được giải thoát.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 36. THẬP LỤC TỲ-KHEO[10]

Tôi nghe như vầy:

Khi Đức Phật ở trong vườn xoài Tán cái, bên bờ sông Bạt-đề, nước Ma-thâu-la[11].

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Hãy an trú nơi hòn đảo chính mình[12], an trú nơi nương tựa chính mình[13], an trú nơi hòn đảo pháp[14], an trú nơi nương tựa pháp[15], chứ đừng an trú nơi hòn đảo nào khác, hay nương tựa nơi nào khác.

"Tỳ-kheo hãy quán sát chân chánh, an trú nơi hòn đảo chính mình, an trú nơi nương tựa chính mình, an trú nơi hòn đảo pháp, an trú nơi nương tựa pháp, chứ đừng an trú nơi hòn đảo nào khác, hay nơi

---

10. Pāli, S. 22. 43. Attapīpa.

11. Ma-thâu-la——F Pāli: Mathurā. Bản Pāli, Sāvatthinidānaṃ, nhân duyên ở Xá-vệ.

12. Hán: tự châu —{. Pāli: attadīpa.

13. Hán: tự y ——. Pāli: attasaraṇā.

14. Hán: Pháp châu -k{. Pāli, dhammadīpa, pháp là hòn đảo.

15. Hán: pháp y -k—. Pāli, dhammasaraṇā, pháp là nơi nương tựa.

nương tựa nào khác.

"Do nhân gì mà ưu, bi, khổ, não sanh? Tại sao có bốn? Do bởi đâu bị cái gì trói buộc[16]? Làm sao tự quán sát, ưu, bi, khổ, não chưa sanh nay sanh; ưu, bi, khổ, não đã sanh nay lại tăng trưởng rộng?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Thế Tôn là gốc pháp, là con mắt pháp, là sở y của pháp. Cúi xin Đức Thế Tôn vì chúng con mà nói, sau khi chúng con nghe xong, sẽ y như những lời dạy mà làm theo."

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì các ông mà nói.

"Này các Tỳ-kheo, có sắc, nhân sắc mà trói buộc vào sắc; tự quán sát ưu, bi, khổ, não chưa sanh nay sanh, đã sanh rồi nay lại tăng trưởng rộng. Đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy.

"Tỳ-kheo, có sắc nào là thường hằng, không biến dịch, tồn tại mãi mãi không?"

Đáp:

"Bạch không, Thế Tôn."

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Lành thay! Lành thay! Tỳ-kheo, sắc là vô thường. Nếu thiện nam tử biết sắc là vô thường, khổ, biến dịch, dục, diệt tận, tịch tĩnh; từ xưa tới nay tất cả sắc đều là pháp vô thường, khổ, biến dịch; biết rồi, nếu sắc là nhân duyên sanh ra ưu, bi, khổ, não, thì nên đoạn trừ chúng. Khi đã đoạn trừ rồi, thì không còn gì để chấp trước. Vì không chấp trước nên sống an vui. Khi đã sống an vui rồi, thì đó gọi là Niết-bàn. Đối với thọ tưởng, hành và thức lại cũng như vậy."

Khi Đức Phật nói kinh này, thì mười sáu Tỳ-kheo không sanh các lậu, tâm đạt được giải thoát.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

Kệ tóm tắt:

---

16. Pāli: kiṃjātikā... kiṃpahotikā, do cái gì chúng sinh? Do cái gì chúng hiện?

Trúc viên, Tỳ-xá-ly,
Thanh tịnh, chánh quán sát,
Vô thường, khổ, phi ngã,
Năm, ba và mười sáu.

M

KINH 37. NGÃ[17]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Ta không tranh luận với thế gian. Thế gian tranh luận với Ta. Vì sao vậy? Tỳ-kheo, nếu người nào nói đúng pháp, thì người ấy không tranh luận với thế gian.

"Những gì người trí thế gian nói có, Ta cũng nói có. Thế nào là người trí thế gian nói có, Ta cũng nói có? Tỳ-kheo, sắc là vô thường, khổ, là pháp biến dịch; người trí thế gian nói có, Ta cũng nói có. Cũng vậy, thọ, tưởng, hành, thức là vô thường, khổ, là pháp biến dịch; người trí thế gian nói có, thì Ta cũng nói có.

"Những gì người trí thế gian nói không, Ta cũng nói không. Thế nào là người trí thế gian nói không, Ta cũng nói không? Tỳ-kheo, sắc thường hằng, không biến dịch, tồn tại mãi mãi, là điều người trí thế gian nói là không, thì Ta cũng nói là không. Cũng vậy, thọ, tưởng, hành, thức là thường hằng, không biến dịch, tồn tại mãi mãi; là điều người trí nói không, thì Ta cũng nói không. Đó gọi là người trí thế gian nói không, Ta cũng nói không.

"Tỳ-kheo, có những pháp thế gian, ở trong thế gian[18], Ta đã tự chứng tri, tự giác ngộ, rồi vì mọi người mà phân biệt, giảng nói, hiển thị, nhưng những kẻ mù không có mắt trong thế gian đã không biết, không thấy, đó không phải là lỗi của Ta.

"Tỳ-kheo, những gì là pháp thế gian ở trong thế gian mà Ta đã

---

17. Quốc Dịch, phẩm 8, quyển 3. Pāli, S. 22. 94 Puppha *(bông hoa)*, hay Vaddha *(tăng trưởng)*.

18. Thế gian thế gian pháp -@—-@—-k. Pāli: loke lokadhamma, pháp thế gian trong thế gian.

tự chứng tri, tự giác ngộ, rồi vì mọi người phân biệt, giảng nói, hiển hiện, nhưng những kẻ mù không mắt, không biết không thấy? Tỳ-kheo, đó là, sắc là pháp vô thường, khổ, biến dịch, nó là pháp thế gian ở trong thế gian. Cũng vậy, thọ, tưởng, hành, thức là vô thường, khổ, là pháp thế gian ở trong thế gian.

"Tỳ-kheo, đó là pháp thế gian ở trong thế gian, mà Ta đã tự chứng tri, đã tự giác ngộ, rồi vì mọi người phân biệt, giảng nói, hiển hiện, nhưng những kẻ mù không mắt, không biết, không thấy. Đối với những kẻ mù, không mắt, không biết, không thấy kia, Ta làm gì được."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 38. TY HẠ[19]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Người đời làm nghề thấp hèn, bằng đủ mọi cách mưu sinh tìm cầu của cải, mà được giàu sang; điều đó người đời ai cũng biết. Như điều mà người đời biết, Ta cũng nói như vậy. Vì sao? Chớ nghĩ Ta khác người đời.

"Tỳ-kheo, giống như cùng một món đồ, có nơi người ta gọi là kiền-tỳ, có nơi gọi là bát, có nơi gọi là chủy-chủy-la, có nơi gọi là giá-lưu, có nơi gọi là tỳ-tất-đa, có nơi gọi là bà-xà-na, có nơi gọi là tát-lao[20], theo sự hiểu biết chỗ này hay chỗ kia. Ta cũng nói như vậy. Vì sao? Đừng nghĩ Ta khác người đời.

"Như vậy, này các Tỳ-kheo, có pháp thế gian mà Ta đã tự chứng tri, đã tự giác ngộ, rồi vì mọi người phân biệt, giảng nói, hiển hiện, nhưng những kẻ mù không mắt, không biết, không thấy. Đối với

---

19. Pāli, S. 22. 94. Puppha (hay Vaddha).

20. Kiền-tỳ ——A chủy-chủy-la -P-P——A giá-lưu -B-d-A tỳ-tất-đa -s-x-h-A bà-xà-na -C-G——A tát-lao ——c-A không rõ phiên âm từ gì.

những kẻ mù, không mắt, không biết, không thấy kia, Ta làm gì được."

"Tỳ-kheo, những gì là pháp thế gian ở trong thế gian mà Ta đã tự chứng tri, tự giác ngộ, rồi vì mọi người phân biệt, giảng nói, hiển hiện, nhưng những kẻ mù không mắt, không biết, không thấy? Tỳ-kheo, đó là, sắc là pháp vô thường, khổ, biến dịch, nó là pháp thế gian ở trong thế gian. Cũng vậy, thọ, tưởng, hành, thức là vô thường, khổ, là pháp thế gian ở trong thế gian.

"Tỳ-kheo, đó là pháp thế gian ở trong thế gian, mà Ta đã tự biết, tự thấy,... cho đến, những kẻ mù không mắt, không biết không thấy, thì Ta làm gì được!"

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 39. CHỦNG TỬ[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Có năm loại hạt giống. Năm loại đó là gì? Đó là, hạt giống từ rễ, hạt giống từ thân, hạt giống từ đốt[2], hạt giống tự rụng, hạt giống từ quả. Năm loại hạt giống này tuy không bị gián đoạn, không bị hư hoại, không bị mục thối, không bị trúng gió[3], vừa chín, chắc hạt, có đất, nhưng nếu không có nước[4], thì những loại hạt giống đó không thể sanh trưởng lớn mạnh được. Nếu những hạt giống mới vừa chín tới, chắc hạt này, tuy không bị gián đoạn, không bị hư hoại, không bị mục thối, không bị trúng gió, có nước, nhưng nếu không có đất, thì chúng cũng không sanh trưởng lớn mạnh được. Nếu những hạt giống mới vừa chín tới, chắc hạt này, mà không bị gián đoạn, không bị hư hoại, không bị mục thối, không bị trúng gió, có nước, có đất đầy đủ, thì những hạt giống này sẽ sanh trưởng lớn mạnh.

"Tỳ-kheo, năm loại hạt giống này được ví cho các thọ ấm cùng hiện hữu với thức. Đất được ví cho bốn thức trụ[5]. Nước được ví cho hỷ tham[6]. Bốn thủ[7] vin bám nơi thức mà trụ. Bốn là những gì? Thức trụ ở trong sắc, vin bám sắc, hỷ tham được ướt nhuần, sanh trưởng lớn mạnh. Cũng vậy, thức trụ trong thọ, tưởng và hành, vin bám thọ, tưởng, hành, hỷ tham được ướt nhuần, sanh trưởng lớn mạnh.

---

1. Pāli, S. 22. 54. Bīja.
2. Năm loại giống theo Pāli: mūlabīja, từ rễ; khandhabīja, từ thân, aggabīja, từ cành, hay ngọn, phalubīja, từ đốt; bījabīja, từ hạt giống.
3. Pāli: avātāpahatāni, không bị làm hư bởi gió, nóng.
4. Bản Pāli: pathavī ca nāssa āpo ca nāssa, không có địa giới và không có thủy giới.
5. Tứ thức trụ ━┃━━. Pāli: catassa viññāṭṭhitiyo, bốn điểm lập cước, bốn sở y của thức.
6. Hỷ tham ━━g. Pāli: nandirāga.
7. Tứ thủ ━┃━. Pāli; cattāri upādāni: kāmūpādānaṃ, diṭṭhūpādānaṃ, sīlabbatūpādānaṃ, attavādūpadānaṃ, dục thủ, kiến thủ, giới cấm thủ, ngã ngữ thủ. Xem D. 33. Saṅgīti.

"Tỳ-kheo, thức ở trong đó, hoặc đến, hoặc đi, hoặc hiện, hoặc mất, hoặc sanh trưởng lớn mạnh.

"Tỳ-kheo, nếu lìa sắc, thọ, tưởng, hành mà thức có đến, có đi, có hiện, có mất, có sanh, thì chỉ có trên ngôn thuyết, chứ nếu hỏi đến thì sẽ không biết, càng làm cho si mê, vì không phải là cảnh giới.

"Đối với sắc giới mà lìa tham. Khi đã lìa tham rồi, sự trói buộc bởi ý sanh[8] và sự ngưng trệ nơi sắc bị đoạn trừ[9]. Khi sự trói buộc bởi ý sanh[10] và sự ngưng trệ nơi thức bị đoạn trừ rồi, thì sự vin bám bị cắt đứt[11]. Khi sự vin bám bị cắt đứt rồi, thì thức cũng không còn chỗ trụ để sanh trưởng lớn mạnh trở lại. Cũng vậy, đối với thọ, tưởng và hành giới[12] lìa tham. Khi đã lìa tham rồi, thì ý sanh xúc[13] và sự ngưng trệ nơi hành bị đoạn trừ. Khi ý sanh xúc và sự ngưng trệ nơi hành bị đoạn trừ rồi, thì sự vin bám bị cắt đứt. Khi sự vin bám bị cắt đứt rồi, thì thức cũng không còn chỗ trụ để sanh trưởng lớn mạnh trở lại. Vì đã không sanh trưởng cho nên không tác hành[14]. Khi đã không tác hành, thì trụ vững[15]. Do an trụ vững mà tri túc. Do tri túc mà giải thoát.[16] Do giải thoát mà đối với các thế gian không còn gì để thủ, không còn gì để chấp trước. Khi đã không còn gì để thủ và không còn gì để chấp trước, do đó tự mình giác ngộ Niết-bàn: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những việc cần làm đã làm xong, tự biết sẽ không còn tái sanh đời sau nữa.'

"Ta nói thức này, không đi sang Đông, Tây, Nam, Bắc, bốn phía, trên, dưới. Nó không đi đến đâu cả, mà chỉ ngay trong đời hiện tại sẽ

---

8. Xem cht.20 kinh 64.

9. Ư sắc phong trệ ━━━━━. Pāli: rūpupayaṃ, tiếp cận sắc, bị lôi kéo vào sắc, bị phong tỏa, vây khốn bởi sắc. Xem thêm cht.39 kinh 40.

10. Ý sanh, ━N━━A xem cht.20 kinh 64.

11. Phan duyên đoạn ━k━t━_. Pāli: vocchijjatārammanaṃ, sở duyên bị đoạn trừ.

12. Hành giới ━━. Pāli: saṅkhāradhātu.

13. Xem cht.20 kinh 64.

14. Tác hành ━@━. Pāli: abhisaṅkhāra, hành vi, hành sử, tác động.

15. Pāli: viññānaṃ avirūḷhaṃ anabhisaṅkhāraṃ vimuttaṃ, thức không sanh trưởng, không tác hành, được giải phóng.

16. Pāli: vimuttattā ṭhitaṃ; ṭhitattā santusitaṃ; santusitattā na paritassati, do giải thoát mà trụ vững, do trụ vững mà thỏa mãn; do thỏa mãn mà không sợ hãi.

nhập Niết-bàn, tịch diệt, thanh lương, thanh tịnh, chân thật[17].”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 40. PHONG TRỆ[18]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Phong trệ[19], thì không giải thoát. Không phong trệ, thì được giải thoát.

“Thế nào là phong trệ không giải thoát?

“Tỳ-kheo, thức vin bám vào bốn thủ ấm mà trụ. Bốn là những gì? Thức bị phong trệ bởi sắc mà trụ. Cũng vậy, thức bị phong trệ bởi thọ, tưởng và hành mà trụ... cho đến chẳng phải là cảnh giới.[20] Đó gọi là phong trệ nên không giải thoát.

“Thế nào là không bị phong tỏa trì trệ, thì giải thoát?

“Đối với sắc giới ly tham; với thọ, tưởng, hành mà ly tham... cho đến thanh lương, thanh tịnh, chân thật. Đó gọi là không bị phong trệ, thì được giải thoát.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 41. NGŨ CHUYỂN[21]

Tôi nghe như vầy:

---

17. So sánh kinh 64.
18. Pāli, S. 22. 53. Upāya.
19. Phong trệ ——A phong tỏa và trì trệ, bị vây khốn. Pāli. upāyo và sớ giải: taṇhāmānadiṭṭhivasena pañcakkhandhe upagato, do thế lực của ái, mạn, kiến và bị hãm trong năm uẩn. Xem thêm cht.29 kinh 39.
20. Xem kinh 39.
21. Pāli, S.22.56. Upādānaṃ parivaṭṭaṃ (Thủ chuyển).

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Có năm thọ ấm. Đó là sắc thọ ấm; thọ, tưởng, hành, thức thọ ấm. Ta đối với năm thọ ấm này, có năm như thật tri[22]. Như thật tri về sắc, về sự tập khởi của sắc, về vị ngọt của sắc, về tai hại của sắc và về sự xuất ly sắc. Cũng vậy, như thật tri về thọ, tưởng, hành, thức, về sự tập khởi của thức, về vị ngọt của thức, về tai hại của thức và về sự xuất ly thức.

"Thế nào là như thật tri về sắc? Những gì là sắc là tất cả bốn đại và sắc do bốn đại sanh ra. Đó gọi là sắc. Như vậy, như thật tri về sắc.

"Thế nào là như thật tri về sự tập khởi của sắc? Đối với sắc mà có hỷ ái. Đó gọi là sự tập khởi của sắc. Như vậy, như thật tri về sự tập khởi của sắc.

"Thế nào là như thật tri về vị ngọt của sắc? Do duyên vào sắc mà sanh ra hỷ lạc. Đó gọi là vị ngọt của sắc. Như vậy, như thật tri về vị ngọt của sắc.

"Thế nào là như thật tri về sự tai hại của sắc? Sắc là vô thường, khổ, là pháp biến dịch. Đó gọi là sự tai hại của sắc. Như vậy, như thật tri về sự tai hại của sắc.

"Thế nào là như thật tri về sự xuất ly sắc? Đối với sắc mà điều phục được dục tham, đoạn trừ được dục tham, vượt qua khỏi dục tham. Đó gọi là sự xuất ly sắc. Như vậy, như thật tri về sự xuất ly sắc.

"Thế nào là như thật tri về thọ? Có sáu thọ thân. Thọ phát sanh từ nhãn xúc, thọ phát sanh từ tai, mũi, lưỡi, thân và ý xúc. Đó gọi là sáu thọ. Như vậy, như thật tri về thọ.

"Thế nào là như thật tri về sự tập khởi của thọ? Sự tập khởi của xúc là sự tập khởi của thọ. Như vậy, như thật tri về sự tập khởi của thọ.

"Thế nào là như thật tri về vị ngọt của thọ? Hỷ lạc duyên vào sáu thọ mà sanh. Đó gọi là vị ngọt của thọ. Như vậy, như thật tri về vị

---

22. Năm như thật tri về sắc: sắc —, sắc tập ——, sắc vị ——, sắc hoạn ——w, sắc ly ——. Pāli: Catuparivaṭṭam, bốn chuyển: rūpaṃ (sắc), rūpasamudāyam (sắc tập), rūpanrodhaṃ (sắc diệt), rūpanirodhayāminiṃ paṭipadam (sắc diệt đạo tích).

ngọt của thọ.

"Thế nào là như thật tri về sự tai hại của thọ? Thọ là vô thường, khổ, là pháp biến dịch. Đó gọi là tai hại của thọ. Như vậy, như thật tri về sự tai hại của thọ.

"Thế nào là như thật tri về sự xuất ly thọ? Đối với thọ mà điều phục được dục tham, đoạn trừ được dục tham, vượt qua khỏi dục tham. Đó gọi là lìa thọ. Như vậy, như thật tri về sự lìa thọ.

"Thế nào là như thật tri về về tưởng? Có sáu tưởng thân. Tưởng phát sanh bởi nhãn xúc; tưởng phát sanh bởi tai, mũi, lưỡi, thân, ý xúc. Đó gọi là tưởng. Như vậy, như thật tri về tưởng.

"Thế nào là như thật tri về sự tập khởi của tưởng? Sự tập khởi của xúc là sự tập khởi của tưởng. Như vậy, như thật tri về sự tập khởi của tưởng.

"Thế nào là như thật tri về vị ngọt của tưởng? Hỷ lạc do duyên vào tưởng mà sanh. Đó gọi là vị ngọt của tưởng. Như vậy, như thật tri về vị ngọt của tưởng.

"Thế nào như thật tri về sự tai hại của tưởng? Tưởng là vô thường, khổ, là pháp biến dịch. Đó gọi là sự tai hại của tưởng. Như vậy, như thật tri về sự tai hại của tưởng.

"Thế nào là như thật tri về sự xuất ly tưởng? Đối với tưởng mà điều phục được dục tham, đoạn trừ được dục tham, vượt qua khỏi dục tham. Đó gọi là sự lìa tưởng. Như vậy, như thật tri về sự lìa tưởng.

"Thế nào là như thật tri về sự hiện hữu của hành? Có sáu tư thân. Tư phát sanh bởi nhãn xúc. Tư phát sanh bởi tai, mũi, lưỡi, thân, ý xúc. Đó gọi là hành. Như vậy, như thật tri về hành.

"Thế nào là như thật tri về sự tập khởi của hành? Sự tập khởi của xúc là sự tập khởi của hành. Như vậy, như thật tri về sự tập khởi của hành.

"Thế nào là như thật tri về vị ngọt của hành? Hỷ lạc do duyên vào hành mà sanh. Đó gọi là vị ngọt của hành. Như vậy, như thật tri về vị ngọt của hành.

"Thế nào gọi là như thật tri về sự tai hại của hành? Hành là vô thường, khổ, là pháp biến dịch. Đó gọi là sự tai hại của hành. Như vậy, như thật tri về sự tai hại của hành.

"Thế nào là như thật tri về sự xuất ly hành? Đối với hành mà

điều phục được dục tham, đoạn trừ được dục tham, vượt qua khỏi dục tham. Đó gọi là sự xuất ly hành. Như vậy, như thật tri về sự xuất ly hành.

"Thế nào là như thật tri về thức? Có sáu thức thân. Thức của mắt, thức của tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Đó gọi là thức. Như vậy, như thật tri về thức.

"Thế nào là như thật tri về sự tập khởi của thức? Sự tập khởi của sắc là sự tập khởi của thức. Như vậy, như thật tri về sự tập khởi của thức.

"Thế nào là như thật tri về vị ngọt của thức? Hỷ lạc do duyên vào thức mà sanh. Đó gọi là vị ngọt của thức. Như vậy, như thật tri về vị ngọt của thức.

"Thế nào là như thật tri về sự tại hại của thức? Thức là vô thường, khổ, là pháp biến dịch. Đó gọi là sự tai hại của thức. Như vậy, như thật tri về sự tai hại của thức.

"Thế nào là như thật tri về sự xuất ly thức? Đối với thức mà điều phục được dục tham, đoạn trừ được dục tham, vượt qua khỏi dục tham. Đó gọi là sự lìa thức. Như vậy, như thật tri về sự xuất ly của thức.

"Tỳ-kheo, nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào, đối với sắc mà biết như vậy, mà thấy như vậy, thì do biết như vậy, thấy như vậy người đó hướng đến ly dục, đó gọi là chánh hướng[23]. Nếu người nào hướng đến chân chánh, thì ta nói người đó đã được thể nhập[24]. Đối với thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy.

"Nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào, đối với sắc mà biết như thật, thấy như thật; do biết như thật, thấy như thật, đối với sắc sanh yểm ly, ly dục, không khởi lên các lậu, tâm đạt được giải thoát. Nếu người nào đã đạt được tâm giải thoát, thì người đó thuần nhứt[25]. Người nào đã được thuần nhứt, thì phạm hạnh đã lập. Người nào phạm hạnh đã lập,

---

23. Chánh hướng 一向 ; Pāli: sammāpaṭipanno, thực hành chân chánh. Bản Pāli: supaṭipanno, thiện hành, thực hành tốt, thiện xảo.

24. Pāli: ye supsṭipannā te imasmiṃ dhammavinaye gādhanti, những ai thực hành chân chánh *(khéo thú hướng)*, những người ấy xác lập trong pháp và luật này.

25. Thuần nhất 一一@. Pāli: kevalin, con người toàn thiện, đấng độc tôn.

không còn bị ai khống chế[26]. Đó gọi là biên tế của khổ[27]. Đối với thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

[26] Hán: ly tha tự tại ——L——b.

[27] Khổ biên -W—. Pāli: dukkhānta, biên tế của khổ, sự chấm dứt của khổ.

KINH 42. THẤT XỨ

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Có bảy xứ thiện[1], với ba phương pháp quán nghĩa[2], hoàn toàn[3] ở trong trong pháp này mà chứng đắc lậu tận[4], đắc vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát, ngay trong đời này mà tự tri, tự thân chứng ngộ cụ túc và an trụ, biết rằng: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.'

"Tỳ-kheo, thế nào là bảy xứ thiện? Tỳ-kheo biết như thật về sắc; biết như thật về sự tập khởi của sắc, về sự tận diệt của sắc, về con đường đưa đến sự diệt tận của sắc, về vị ngọt của sắc, về sự tai hại của sắc, về sự xuất ly sắc. Cũng vậy, biết như thật về thọ, tưởng, hành, thức; biết như thật về sự tập khởi của thức, về sự tận diệt của thức, về con đường đưa đến sự diệt tận của thức, về vị ngọt của thức, về sự tai hại của thức, về sự xuất ly của thức.

"Thế nào là biết như thật về sắc? Những gì là sắc là tất cả bốn đại và sắc do bốn đại tạo ra. Đó gọi là sắc. Như vậy là biết như thật về sắc.

"Thế nào là biết như thật về sự tập khởi của sắc? Ái hỷ là sự tập khởi của sắc. Như vậy là biết như thật về sự tập khởi của sắc

"Thế nào là biết như thật về sự đoạn tận của sắc? Ái hỷ diệt. Đó gọi là sự diệt tận của sắc. Như vậy là biết như thật về sự diệt tận của sắc.

"Thế nào là biết như thật về con đường đưa đến sự tận diệt của sắc? Là tám Thánh đạo: Chánh kiến, chánh chí, chánh ngữ, chánh

---

1. Thất xứ thiện -C-B—R ngũ uẩn cùng với tập, diệt, đạo, vị, hoạn, ly. Pāli: sattaṭṭhāna-kusala, sự thiện xảo (khéo léo) trong bảy trường hợp.
2. Tam quán nghĩa -T-[-q-R tức ba khoa uẩn, xứ và giới. Pāli: tividhūpaparikkhī, ba phương pháp quán sát. Xem cht.52 dưới.
3. Nguyên Hán: tận—F có lẽ dịch chữ kevalin: thuần nhất, độc nhất. Xem cht.45.
4. Pāli: imasmiṃ dhammavinaye kevalī susitā, ở trong chánh pháp và luật này mà được độc tôn (chỉ A-la-hán), xác lập.

nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định. Đó gọi là con đường đưa đến sự tận diệt của sắc. Như vậy là biết như thật về con đường đưa đến sự tận diệt của sắc.

"Thế nào là biết như thật về vị ngọt của sắc? Hỷ lạc do duyên vào sắc mà sanh. Đó gọi là vị ngọt của sắc. Như vậy là biết như thật về vị ngọt của sắc.

"Thế nào là biết như thật về sự tai hại của sắc? Sắc là vô thường, khổ, là pháp biến dịch. Đó gọi là sự tai hại của sắc. Như vậy là biết như thật về sự tai hại của sắc.

"Thế nào là biết như thật về sự xuất ly sắc? Đối với sắc mà điều phục dục tham, đoạn trừ dục tham, vượt qua khỏi dục tham. Đó gọi là sự xuất ly sắc. Như vậy là biết như thật về sự xuất ly sắc.

"Thế nào là biết như thật về sự hiện hữu của thọ? Có sáu loại thọ: mắt tiếp xúc sanh ra thọ và tai, mũi, lưỡi, thân, ý khi tiếp xúc sanh ra thọ, đó gọi là sự hiện hữu của thọ. Như vậy là biết như thật về sự hiện hữu của thọ.

"Thế nào là biết như thật về sự tập khởi của thọ? Sự tập khởi của xúc là sự tập khởi của thọ. Như vậy là biết như thật về sự tập khởi của thọ.

"Thế nào là biết như thật về sự đoạn tận của thọ? Khi xúc diệt, thì đó là sự diệt tận của thọ. Như vậy là biết như thật về sự diệt tận của thọ.

"Thế nào là biết như thật về con đường đưa đến sự tận diệt của thọ? Là tám Thánh đạo: Chánh kiến... cho đến chánh định, đó gọi là con đường đưa đến sự tận diệt của thọ. Như vậy là biết như thật về con đường đưa đến sự tận diệt của thọ.

"Thế nào là biết như thật về vị ngọt của thọ? Hỷ lạc do duyên thọ mà sanh. Đó gọi là vị ngọt của thọ. Như vậy là biết như thật về vị ngọt của thọ.

"Thế nào là biết như thật về sự tai hại của thọ? Thọ là vô thường, khổ, là biến dịch. Đó gọi là sự tai hại của thọ. Như vậy là biết như thật về sự tai hại của thọ.

"Thế nào là biết như thật về sự xuất ly thọ? Nếu ở nơi thọ mà điều phục dục tham, đoạn trừ dục tham, vượt qua khỏi dục tham. Đó gọi là sự lìa thọ. Như vậy là biết như thật về sự lìa thọ.

"Thế nào là biết như thật về tưởng? Có sáu tưởng thân. Tưởng phát sanh từ xúc của mắt; tưởng phát sanh từ xúc của tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Đó gọi là sự hiện hữu của tưởng. Như vậy là biết như thật về sự hiện hữu của tưởng.

"Thế nào là biết như thật về sự tập khởi của tưởng? Tập khởi của xúc là tập khởi của tưởng. Như vậy là biết như thật về sự tập khởi của tưởng.

"Thế nào là biết như thật về sự diệt tận của tưởng? Diệt tận xúc là diệt tận tưởng. Như vậy là biết như thật về sự đoạn diệt của tưởng.

"Thế nào là biết như thật về con đường đưa đến sự diệt tận của tưởng? Là tám Thánh đạo: Chánh kiến... cho đến chánh định. Đó gọi là con đường đưa đến sự đoạn diệt của tưởng. Như vậy là biết như thật về con đường đoạn diệt của tưởng.

"Thế nào là biết như thật về vị ngọt của tưởng? Hỷ lạc nhờ duyên vào tưởng mà sanh ra. Đó gọi là vị ngọt của tưởng. Như vậy là biết như thật về vị ngọt của tưởng.

"Thế nào là biết như thật về sự tai hại của tưởng? Tưởng là vô thường, khổ, là pháp biến dịch. Đó gọi là sự tai hại của tưởng. Như vậy là biết như thật về sự tai hại của tưởng.

"Thế nào là biết như thật về sự xuất ly tưởng? Nếu ở nơi tưởng mà điều phục dục tham, đoạn trừ dục tham, vượt qua khỏi dục tham. Đó gọi là sự xuất ly tưởng. Như vậy là biết như thật về sự xuất ly tưởng.

"Thế nào là biết như thật về hành? Có sáu tư thân. Tư phát sanh từ xúc của mắt. Tư phát sanh từ xúc của tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Đó gọi là hành. Như vậy là biết như thật về sự hiện hữu của hành.

Thế nào là biết như thật về sự tập khởi của hành? Sự tập khởi của xúc là sự tập khởi của hành. Như vậy là biết như thật về sự tập khởi của hành.

"Thế nào là biết như thật về sự diệt tận của hành? Sự diệt tận của xúc là sự diệt tận của hành. Như vậy là biết như thật về sự diệt tận của hành.

"Thế nào là biết như thật về con đường đưa đến sự diệt tận của hành? Là tám Thánh đạo: Chánh kiến cho đến chánh định. Đó gọi là con đường đưa đến sự diệt tận của hành. Như vậy là biết như thật về

con đường đưa đến sự diệt tận của hành.

Thế nào là biết như thật về vị ngọt của hành? Hỷ lạc do duyên vào hành mà sanh ra, nên gọi là vị ngọt của hành. Như vậy là biết như thật về vị ngọt của hành.

"Thế nào là biết như thật về sự tai hại của hành? Hành là vô thường, khổ, là pháp biến dịch. Đó gọi là sự tai hại của hành. Như vậy là biết như thật về sự tai hại của hành.

"Thế nào là biết như thật về sự xuất ly hành? Nếu ở nơi hành mà điều phục dục tham, đoạn trừ dục tham, vượt qua được dục tham. Đó gọi là sự xuất ly hành. Như vậy là biết như thật về sự xuất ly hành.

"Thế nào là biết như thật về thức? Có sáu thức thân. Thức của mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Đó gọi là sự hiện hữu của thức. Như vậy là biết như thật về sự hiện hữu của thức.

"Thế nào là biết như thật về sự tập khởi của thức? Sự tập khởi của danh sắc là sự tập khởi của thức. Như vậy là biết như thật về sự tập khởi của thức.

"Thế nào là biết như thật về sự diệt tận của thức? Sự diệt tận của danh sắc là sự diệt tận của thức. Như vậy là biết như thật về sự diệt tận của thức.

"Thế nào là biết như thật về con đường đưa đến sự diệt tận của thức? Là tám Thánh đạo: Chánh kiến cho đến chánh định. Đó gọi là con đường đưa đến sự diệt tận của thức. Như vậy là biết như thật về con đường đưa đến sự diệt tận của thức.

"Thế nào là biết như thật về vị ngọt của thức? Hỷ lạc do duyên thức mà sanh. Đó gọi là vị ngọt của thức. Như vậy là biết như thật về vị ngọt của thức.

"Thế nào là biết như thật về sự tai hại của thức? Thức là vô thường, khổ, là pháp biến dịch. Đó gọi là sự tai hại của thức. Như vậy là biết như thật về sự tai hại của thức.

"Thế nào là biết như thật về sự xuất ly thức? Nếu ở nơi thức mà điều phục dục tham, đoạn trừ dục tham, vượt qua khỏi dục tham. Đó gọi là sự xuất ly thức. Như vậy là biết như thật về sự xuất ly thức.

"Tỳ-kheo, đó gọi là bảy xứ thiện.

"Thế nào là ba phương pháp quán nghĩa? Nếu, Tỳ-kheo ở nơi hoang vắng, dưới gốc cây, hay nơi đồng trống, quán sát ấm, giới,

nhập[5] bằng phương tiện chân chánh[6] mà tư duy nghĩa của chúng. Đó gọi là ba phương pháp quán nghĩa của Tỳ-kheo.

"Đó gọi là bảy xứ thiện và ba phương pháp quán nghĩa của Tỳ-kheo, hoàn toàn ở trong trong pháp này mà chứng đắc lậu tận, đắc vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát, ngay trong đời này mà tự tri, tự thân chứng ngộ cụ túc và an trụ, biết rằng, 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.'"

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

5. Pāli: dhātuso, āyatanaso, paṭiccasamuppādaso, giới, xứ, duyên khởi.
6. Chánh phương tiện, tức chánh tinh tấn. Pāli: sammāvayāma.

KINH 43. THỦ TRƯỚC[7]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Chấp thủ nên sanh đắm trước[8]. Không chấp thủ, không đắm trước. Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì các ông mà nói."

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Thưa vâng, chúng con xin theo lời dạy."

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Thế nào là do chấp thủ nên sanh đắm trước? Phàm phu ngu si không học, đối với sắc thấy là ngã, khác ngã, hay ở trong nhau[9]; thấy sắc là ngã, hay ngã sở để mà chấp thủ. Khi đã chấp thủ, nếu sắc kia chuyển biến hay đổi khác, thì tâm cũng chuyển theo[10]. Khi tâm đã chuyển theo, thì sanh ra sự chấp thủ, nắm giữ tâm mà trụ[11]. Sau khi trụ, sanh ra sợ hãi, chướng ngại tâm loạn[12], do thủ trước[13] vậy.

"Phàm phu ngu si vô học, ở nơi thọ, tưởng, hành, thức thấy là ngã, khác ngã, hay ở trong nhau; thấy thức là ngã, hay ngã sở để mà

---

7. Pāli, S. 22. 7 Upādāparitassanā.

8. Hán: thủ cố sanh trước ——G——. Xem thêm cht.62 kinh 44. Pāli: upādā paritassanaṃ, chấp thủ và kinh sợ *(do chấp nên có sợ hãi)*.

9. Ngã... tương tại ——. . . ——b—F Pāli: rūpaṃ attato samanupassati rūpavantaṃ vā attānaṃ, attāni rūpaṃ rūpasmiṃ vā attānaṃ, nó quán sát, sắc là ngã, ngã có sắc, sắc trong ngã, ngã trong sắc.

10. Pāli: rūpaviparitāmānupavatti viññānaṃ, sắc biến chuyển, thức vận chuyển theo.

11. Paritassanā dhammasamuppādā cittaṃ pariyādāya tiṭṭhanti, sự sợ hãi và sự sanh khởi của các pháp chiếm cứ tâm đã bị biến dị theo sắc mà trú. Sớ giải nói: paritassanā dhammasamuppādā ti taṇhāparitassanā ca akusaladhammasamuppādā ca, sự sợ hãi và sự sanh khởi của pháp, đó là sự sợ hãi do khát ái và sự sanh khởi của pháp bất thiện.

12. Tâm loạn, có lẽ Pāli: cetaso pariyādāna (vipariyāsa: điên đảo), tâm bị chiếm cứ.

13. Tức do thủ và trước, Pāli: upādāya paritassati, do chấp thủ mà nó sợ hãi. Xem cht.55 trên.

chấp thủ. Khi đã chấp thủ, nếu thức kia chuyển biến hay đổi khác, thì tâm cũng chuyển theo. Khi tâm đã chuyển theo, thì sanh ra sự chấp thủ, nắm giữ tâm mà trụ. Sau khi trụ, sanh ra sợ hãi, chướng ngại tâm loạn; do thủ trước vậy. Đó gọi là thủ trước.

"Thế nào là không thủ, thì không đắm? Đa văn Thánh đệ tử ở nơi sắc không thấy ngã, khác ngã, hay ở trong nhau; ở nơi sắc không thấy ngã và ngã sở để mà chấp thủ. Không thấy ngã và ngã sở để mà chấp thủ, khi sắc kia chuyển biến, hay đổi khác, thì tâm cũng không chuyển theo. Tâm không chuyển theo, không sanh thủ trước, nắm giữ tâm mà trụ. Do không nắm giữ tâm mà trụ, không sanh sợ hãi, chướng ngại, tâm loạn; do không thủ trước vậy.

"Cũng vậy, ở nơi thọ, tưởng, hành, thức không thấy ngã, khác ngã, hay ở trong nhau; ở nơi thức không thấy ngã và ngã sở để mà chấp thủ. Không thấy ngã và ngã sở để mà chấp thủ, khi thức kia chuyển biến, hay đổi khác, thì tâm cũng không chuyển theo. Tâm không chuyển theo, không sanh thủ trước, nắm giữ tâm mà trụ. Do không nắm giữ tâm mà trụ, không sanh sợ hãi, chướng ngại, tâm loạn; do không thủ trước vậy. Đó gọi là không thủ trước.

"Đó gọi là thủ trước và không thủ trước."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 44. HỆ TRƯỚC[14]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Nếu có sanh thì sẽ có trói buộc[15], nếu không sanh thì sẽ không có trói buộc. Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì các ông mà nói.

"Thế nào là nếu có sanh thì sẽ có trói buộc? Phàm phu ngu si

---

14. Pāli, S. 22. 8. Upādāparitassanā.

15. Hán: sanh tắc hệ trước ━━h━━. Pāli: upādāparitassañ ca, chấp thủ và sợ hãi. Có lẽ trong bản Hán đọc là: uppāda-paritassanā, Xem cht.55 kinh 43.

vô học, không biết như thật về sự tập khởi của sắc, sự diệt tận của sắc, vị ngọt của sắc, sự tai hại của sắc, sự xuất ly sắc, nên đối với sắc mà ái hỷ, tán thán, thủ trước; ở nơi sắc thấy là ngã, là ngã sở mà chấp thủ. Khi đã chấp thủ rồi, nếu sắc kia biến chuyển hay đổi khác, tâm theo đó mà biến khác. Vì tâm theo đó biến khác, nên nắm giữ tâm mà trụ[16]. Vì nắm giữ tâm trụ nên sanh sợ hãi, chướng ngại, hoài vọng[17]. Vì có sanh nên có sự trói buộc[18]. Đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Đó gọi là có sanh nên có sự trói buộc.

"Thế nào là nếu không sanh thì không trói buộc? Đa văn Thánh đệ tử biết như thật về sự tập khởi của sắc, về sự tận diệt của sắc, về vị ngọt của sắc, về sự tai hại của sắc, về sự xuất ly của sắc. Vì đã biết như thật, nên không ái hỷ, tán thán, thủ trước; không buộc chặt ngã và ngã sở, mà chấp thủ. Vì không chấp thủ nên sắc kia nếu biến chuyển hay đổi khác, tâm không theo đó mà biến khác. Vì tâm không theo sự biến khác, nên tâm không bị trói buộc, nắm giữ tâm mà trụ. Do không nắm giữ tâm mà trụ, nên tâm không sợ hãi, chướng ngại, hoài vọng; vì không sanh nên không trói buộc vậy. Đó gọi là không sanh, nên không có trói buộc.

"Đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Đó gọi là không sanh, nên không bị trói buộc."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 45. GIÁC[19]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

---

16. Xem cht.58 kinh 43.
17. Cố niệm –U——F kinh 43: tâm loạn (?). Pāli: apekkhavā, hy vọng, hoài vọng.
18. Nguyên văn Hán*: dĩ sanh hệ trước cố*. xem cht.62.
19. Pāli, S. 22. 47. Samanupassanā.

"Có năm thọ ấm. Những gì là năm? Sắc thọ ấm; thọ, tưởng, hành, thức thọ ấm. Nếu có những Sa-môn, Bà-la-môn nào thấy có ngã, thì tất cả cũng đều ở nơi năm thọ ấm này mà thấy có ngã. Các Sa-môn, Bà-la-môn thấy sắc là ngã, sắc là khác ngã, hay ngã ở trong sắc, sắc ở trong ngã[20]; thấy thọ, tưởng, hành, thức là ngã, khác ngã, ngã ở trong thức, thức ở trong ngã.

"Phàm phu ngu si vô học vì vô minh nên thấy sắc là ngã, là khác ngã, hay ở trong nhau và nói ngã là chân thật nên không xả. Vì không xả nên các căn tăng trưởng. Khi các căn đã tăng trưởng rồi, thì sẽ sanh ra các xúc. Do bị xúc chạm bởi sáu xúc nhập xứ[21], do đó phàm phu ngu si vô học khởi lên cảm giác khổ vui, từ xúc mà nhập xứ khởi lên. Những gì là sáu? Nhãn xúc nhập xứ, nhĩ, tỷ, thiệt, thân và ý xúc nhập xứ.

"Như vậy, Tỳ-kheo, có ý giới, pháp giới, vô minh giới. Kẻ phàm phu ngu si vô học, vì vô minh xúc[22] cho nên khởi lên ý tưởng có, ý tưởng không, ý tưởng vừa có vừa không, ý tưởng ta hơn, ý tưởng ta bằng, ý tưởng ta kém, ý tưởng ta biết, ta thấy. Những ý tưởng biết như vậy, những ý tưởng thấy như vậy đều do sáu xúc–nhập xứ mà phát sanh.

"Đa văn Thánh đệ tử đối với sáu xúc–nhập xứ này, xả bỏ vô minh mà sanh minh. Không sanh ra ý tưởng về có, ý tưởng về không, ý tưởng về vừa có vừa không, ý tưởng hơn, ý tưởng bằng, ý tưởng kém, ý tưởng ta biết, ta thấy. Khi đã biết như vậy, đã thấy như vậy rồi, thì những gì do vô minh–xúc khởi lên trước kia sẽ bị diệt và cảm thọ phát sanh do minh xúc sau đó sẽ khởi lên."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

---

20. Sắc tại ngã, ngã tại sắc ━━b━━━b━━A trong các kinh khác, Hán dịch là tương tại. Xem cht.65 kinh 23. Pāli: attāni vā rūpaṃ, rūpasmiṃ vā attānaṃ.

21. Xúc nhập xứ ━━J━B━A hay xúc xứ. Pāli: phassāyatana.

22. Vô minh xúc ━L━━━A Pāli: avijjāsamphassa, bị xúc động bởi vô minh. Bản Pāli nói: avijjāsamphassajena vedayitena phuṭṭhassa puthujjanassa, đối với phàm phu bị xúc chạm bởi cảm thọ phát sanh do sự xúc động của vô minh.

KINH 46. TAM THẾ ẤM THẾ THỰC[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Có năm thọ ấm. Những gì là năm? Sắc thọ ấm; thọ, tưởng, hành, thức thọ ấm.

"Nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào nhờ trí túc mạng tự biết rõ những đời sống trước của mình, thì việc đã biết, đang biết, sẽ biết đều phát xuất từ năm thọ ấm này. Việc đã biết đang biết, sẽ biết về đời quá khứ của ta đã từng trải qua, có sắc như vậy, thọ như vậy, tưởng như vậy, hành như vậy, thức như vậy.

"Cái gì có thể phân tán, trở ngại[2], thì cái đó gọi là sắc thọ ấm[3]. Như bàn tay, đá, gậy, dao, bị trở ngại bởi ngón tay; hoặc do lạnh, nóng, khát, đói, hoặc do xúc bởi muỗi mòng, độc trùng, mưa gió; đó gọi là trở ngại do xúc[4]. Cho nên, chướng ngại, đó là sắc thọ ấm. Lại nữa, sắc thọ ấm này là vô thường, khổ, biến dịch.

"Những tướng cảm nhận, đó là thọ thọ ấm[5]. Cảm nhận cái gì? Cảm nhận sự khổ, cảm nhận sự lạc, cảm nhận sự không khổ không lạc. Cho nên gọi tướng cảm nhận là thọ thọ ấm. Lại nữa, thọ thọ ấm này là vô thường, khổ, biến dịch.

"Các tưởng, là tưởng thọ ấm[6]. Tưởng cái gì? Tưởng ít, tưởng

---

1. Bị uẩn trong ba đời nhai nuốt. Pāli, S. 22. 79. Sīha.
2. Hán: khả ngại khả phân ▬i ▬▬i ▬▬R có thể bị gây trở ngại, có thể bị chia chẻ.
3. Định nghĩa về sắc, xem *Câu-xá 1*: "vì nó biến hoại nên nói là sắc". Pāli: ruppatī'ti kho bhikkhave tasmā rūpan' ti vuccati, này các Tỳ-kheo, nó não hoại *(tức gây tổn hại)*, do đó nó được nói là sắc.
4. Pāli: kena ruppati? sītenapi ruppati uṇhenapi ruppati… daṃsa-makasa-(...)-samphassena ruppati, nó bị não hoại bởi cái gì? Nó bị não hoại bởi lạnh, bởi nóng,… bởi sự xúc chạm của muỗi mòng…
5. Chư giác tướng ▬▬▬. Định nghĩa thọ uẩn, xem *Câu-xá 1*: thọ tức lãnh nạp tùy xúc. Pāli: vedayatī' ti kho bhikkhave tasmā vedanā ti, nó cảm nhận, do đó nó được nói là thọ.
6. Định nghĩa về tưởng thủ uẩn, *Câu-xá 1*: "tưởng thủ tượng vi thể", tự thể của tưởng là thâu nhận các ấn tượng. Pāli: sañjānātī' ti kho bhikkhave tasmā saññā ti vuccati, nó tri giác *(tri nhận)*, do đó nó được nói là tưởng.

nhiều, tưởng vô lượng, hoàn toàn không có gì tưởng là không có gì. Đó gọi là tưởng thọ ấm. Lại nữa, tưởng thọ ấm này là vô thường, khổ, là pháp biến dịch.

"Tướng tạo tác hữu vi là hành thọ ấm[7]. Tạo tác cái gì? là tạo tác sắc, tạo tác thọ, tưởng, hành và thức. Cho nên tướng tạo tác hữu vi là hành thọ ấm.

"Lại nữa, hành thọ ấm này là pháp vô thường, khổ, biến dịch.

"Tướng phân biệt biết rõ là thức thọ ấm[8]. Biết rõ cái gì? Là biết rõ sắc, biết rõ thanh, hương, vị, xúc và pháp, cho nên gọi là thức thọ ấm. Lại nữa, thức thọ ấm là pháp vô thường, khổ, biến dịch.

"Này các Tỳ-kheo, đa văn Thánh đệ tử kia đối với sắc thọ ấm kia phải học như vầy, 'Ta nay bị sắc hiện tại ăn[9]. Quá khứ đã từng bị sắc kia ăn, như trong hiện tại.' Lại nghĩ như vầy: 'Nay ta đang bị sắc hiện tại ăn, nếu mà ta ham muốn sắc vị lai, thì cũng sẽ bị sắc kia ăn như trong hiện tại.' Biết như vậy rồi, người ấy không hoài niệm sắc quá khứ, không ham muốn sắc vị lai, đối với sắc hiện tại sanh yểm ly, lìa dục, diệt hết tai hại, hướng đến tịch diệt. Đa văn Thánh đệ tử đối với thọ, tưởng, hành, thức thọ ấm hãy học như vầy, 'Ta nay bị thức hiện tại ăn. Quá khứ đã từng bị thức kia ăn, như trong hiện tại. Nếu mà ta ham muốn thức vị lai, thì cũng sẽ bị thức kia ăn như trong hiện tại.' Biết như vậy rồi, người ấy không hoài niệm thức quá khứ, không ham muốn thức vị lai, đối với thức hiện tại sanh yểm ly, lìa dục, diệt tận[10], hướng đến tịch diệt. Ở đây, diệt chứ không tăng, lui chứ không tiến, diệt chứ không khởi, xả chứ không thủ[11].

---

7. Định nghĩa hành uẩn, Pāli: saṅkhataṃ abhisaṅkharontī'ti kho bhikkhavve saṅkhārā' ti vuccati, chúng tác thành pháp hữu vi, do đó chúng được nói là các hành.

8. Định nghĩa thức uẩn, *Câu-xá 1*: "thức vị các liễu biệt", thức là sự nhận thức từng đối tượng cá biệt. Pāli: vijānātī' ti kho bhikkhave viññānan' ti vuccati, nó liễu biệt, do đó nó được gọi là thức.

9. Pāli: ahṃ kho etarahi rūpena khajjami. Ta ở nơi đây bị sắc nhai nuốt.

10. Trong bản Hán: diệt hoạn 滅 患.

11. Diệt nhi bất tăng, thoái nhi bất tiến, diệt nhi bất khởi, xả nhi bất thủ 滅 而 不增-A退 而 不 進-A滅 而 不起-A捨 而 不取. Pāli: apacināti no ācināti, pajahati na upādiyati, visineti na ussineti, vidhūpeti na sandhūpeti, tổn giảm chứ không tích lũy; đoạn trừ chứ không chấp thủ; xa lánh chứ không gần gũi; làm mất mùi chứ không xông ướp mùi.

"Ở nơi cái gì diệt mà không tăng? Sắc diệt mà không tăng. Thọ, tưởng, hành, thức diệt mà không tăng.

"Ở nơi cái gì lùi mà không tiến? Sắc lùi mà không tiến. Thọ, tưởng, hành, thức lùi mà không tiến.

"Ở nơi cái gì diệt mà không khởi? Sắc diệt mà không khởi. Thọ, tưởng, hành, thức diệt mà không khởi.

"Ở nơi cái gì xả mà không thủ? Sắc xả mà không thủ. Thọ, tưởng, hành, thức xả mà không thủ.

"Diệt chứ không tăng, tịch diệt mà an trụ. Lùi chứ không tiến, im lặng lui mà an trụ. Diệt chứ không khởi, tịch diệt mà an trụ. Xả chứ không thủ, không sanh ra sự trói buộc. Không bị trói buộc, nên tự mình giác ngộ Niết-bàn: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những việc gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.'"

Khi Đức Phật nói kinh này số đông các Tỳ-kheo không khởi các lậu, tâm được giải thoát."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Bài kệ tóm tắt:

Ngã, ty hạ, chủng tử,
Phong trệ, ngũ chuyển, thất (xứ thiện)
Hai hệ trước và giác,
Tam thế ấm thế thực.

M

KINH 47. TÍN[12]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Thiện nam có lòng tin, cần suy nghĩ như vầy: 'Ta nên thuận

12. Quốc Dịch, phẩm 9, quyển 3. Pāli, S. 22. 147. Kulaputtena-dukkhā, (khổ với thiện gia nam tử).

theo pháp. Ta hãy an trụ với sự tu tập, tu tập nhiều, về yểm ly đối với sắc; an trụ với sự tu tập, tu tập nhiều, về yểm ly đối với thọ, tưởng, hành, thức.' Thiện nam tử có lòng tin bèn an trụ với sự tu tập, tu tập nhiều, về yểm ly đối với sắc; an trụ với sự tu tập tu tập nhiều, về yểm ly đối với thọ, tưởng, hành, thức, nên đối với sắc được yểm ly; đối với thọ, tưởng, hành, thức được yểm ly. Do yểm ly mà ly dục, giải thoát, giải thoát tri kiến, biết rằng 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.'"

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 48. A-NAN (1)[13]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Thiện nam tử có lòng tin, chánh tín xuất gia, sống không gia đình, tự nghĩ: 'Ta nên thuận theo pháp. Ta hãy an trụ với sự tu tập, tu tập nhiều về yểm ly đối với sắc; an trụ với sự tu tập, tu tập nhiều về yểm ly đối với thọ, tưởng, hành, thức.' Thiện nam tử có lòng tin bèn an trụ với sự tu tập, tu tập nhiều về yểm ly đối với sắc; an trụ với sự tu tập, tu tập nhiều về yểm ly đối với thọ, tưởng, hành, thức, nên đối với sắc được yểm ly; đối với thọ, tưởng, hành, thức được yểm ly[14]. Ta nói người ấy chắc chắn sẽ được thoát ly khỏi tất cả sanh, già, bệnh, chết, ưu bi, khổ não."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

---

13. Pāli. 22. 147. Kulaputtena-dukkhā.

14. Trong bản Hán: đắc ly -o—F trong kinh 93: đắc yểm -o—.

KINH 49. A-NAN (2)[15]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Nếu có trưởng giả hay người con trưởng giả nào có lòng tin, đến hỏi ngươi rằng, 'Ở nơi pháp nào mà biết rõ được sự sanh diệt của nó?' thì ngươi sẽ trả lời như thế nào?"

Tôn giả A-nan bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, nếu có trưởng giả hay con trưởng giả nào, đến hỏi con như vậy, thì con sẽ đáp rằng, 'Biết sắc là pháp sanh diệt; biết thọ, tưởng, hành, thức là pháp sanh diệt.' Bạch Thế Tôn, nếu có trưởng giả hay con trưởng giả nào hỏi như vậy, thì con sẽ trả lời như vậy."

Phật bảo Tôn giả A-nan:

"Lành thay! Lành thay! Nên đáp như vậy. Vì sao vậy? Vì sắc là pháp sanh diệt; thọ, tưởng, hành, thức là pháp sanh diệt. Biết sắc là pháp sanh diệt, thì đó gọi là biết sắc. Biết thọ, tưởng, hành, thức là pháp sanh diệt, thì đó gọi là biết... thức."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 50. A-NAN (3)[16]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Nếu có các ngoại đạo xuất gia đến hỏi ngươi rằng, 'A-nan, vì sao Thế Tôn dạy người tu các phạm hạnh.' Được hỏi như vậy, nên đáp thế nào?"

Tôn giả A-nan bạch Phật:

---

15. Pāli, S. 22. 37-38. Ānanda.
16. Pāli, S. 22. 37-38. Ānanda.

“Bạch Thế Tôn, nếu có người ngoại đạo xuất gia đến hỏi con rằng, ‘A-nan, vì sao Thế Tôn dạy người tu các phạm hạnh?’ Thì con sẽ trả lời rằng, ‘Vì để đối với sắc, tu tập yểm ly, ly dục, diệt tận, giải thoát, không sanh, nên Đức Thế Tôn dạy tu các phạm hạnh. Vì để đối với thọ, tưởng, hành, thức, tu tập yểm ly, ly dục, diệt tận, giải thoát, không sanh, nên dạy tu các phạm hạnh.’ Bạch Thế Tôn, nếu có người ngoại đạo xuất gia hỏi như vậy, thì con cũng sẽ đáp như vậy.”

Phật bảo Tôn giả A-nan:

“Lành thay! Lành thay! Nên đáp như vậy. Vì sao vậy? Thật vậy, Ta vì đối với sắc mà tu tập yểm ly, lìa dục, diệt tận, giải thoát, không sanh, nên dạy tu các phạm hạnh. Và vì đối với thọ, tưởng, hành, thức, tu tập yểm ly, ly dục, diệt tận, giải thoát, không sanh, nên dạy tu các phạm hạnh.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 52. UẤT-ĐÊ-CA

Như trong Tăng Nhất A-hàm, phẩm Bốn pháp.

M

KINH 53. BÀ-LA-MÔN

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật du hành trong nhân gian, đến ở trong rừng Thân-thứ[1], phía Bắc tụ lạc Tát-la thuộc nước Câu-tát-la[2].

Bấy giờ chủ tụ lạc Bà-la-môn Đại Tánh nghe đồn rằng, "Sa-môn dòng họ Thích, ở nơi dòng họ lớn Thích-ca mà cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chánh tín xuất gia, học đạo, sống không gia đình, thành Bậc Vô Thượng Đẳng Chánh Giác, đang du hành trong nhân gian, đến ở trong rừng Thân-thứ, phía Bắc tụ lạc Tát-la thuộc nước Câu-tát-la này. Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm này, tướng mạo danh xưng, công đức chân thật như vậy được cả trời và người ca tụng, tiếng đồn bay khắp tám phương; là Bậc Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Ngài ở giữa các cõi, chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn, với trí tuệ rộng lớn có thể tự mình chứng biết rõ rằng: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những điều cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.' Ngài vì đời nói pháp, khoảng đầu, khoảng giữa và khoảng cuối đều toàn thiện; có nghĩa, có vị đều thiện, thuần nhất thanh tịnh, phạm hạnh thanh bạch, diễn nói chánh pháp vi diệu. Lành thay, nên gặp! Lành thay, nên đi đến! Lành thay, nên cung kính thừa sự!"

Nghĩ như vậy rồi, ông liền sửa soạn xe cộ, đem theo nhiều tùy tùng, bưng bình vàng, người cầm lọng cán vàng, đi đến chỗ Đức Phật, cung kính phụng sự. Khi đến cửa rừng, xuống xe đi bộ đến chỗ Đức Thế Tôn, hỏi thăm sức khỏe có an lành không? Rồi ngồi qua một bên, bạch Đức Thế Tôn rằng:

---

1. Thân-thứ lâm ——L. Pāli: siṃsapā-vana, rừng cây siṃsapā.
2. Câu-tát-la ——. Pāli: Kosala.

“Thưa Sa-môn Cù-đàm, Ngài luận về cái gì? Và thuyết về cái gì?”

Phật bảo Bà-la-môn:

“Ta luận về nhân và thuyết về nhân.”

Lại bạch Phật rằng:

“Thế nào là luận về nhân? Và thế nào là thuyết về nhân?”

Đức Phật bảo Bà-la-môn:

“Có nhân, có duyên để thế gian tập khởi; có nhân, có duyên cho sự tập khởi của thế gian. Có nhân, có duyên để thế gian diệt; có nhân, có duyên cho sự diệt tận của thế gian.”

Bà-la-môn bạch Phật rằng:

“Bạch Thế Tôn, thế nào là có nhân, có duyên để thế gian tập khởi? Và có nhân, có duyên cho sự tập khởi của thế gian?”

Đức Phật bảo Bà-la-môn:

“Phàm phu ngu si không học, nên không biết như thật về sự tập khởi của sắc, về sự diệt tận của sắc, về vị ngọt của sắc, về sự tai hại của sắc, về sự xuất ly sắc. Vì không biết như thật, nên ái lạc sắc, khen ngợi sắc, tâm nhiễm đắm mà trụ. Kia đối với sắc mà ái lạc nên sanh thủ; duyên thủ nên có hữu; duyên hữu nên có sanh; duyên sanh nên có lão, tử, ưu, bi, khổ, não. Đó chính là sự tập khởi của toàn bộ khối khổ lớn. Đối với thọ, tưởng, hành, thức, lại cũng như vậy. Này Bà-la-môn, đó gọi là có nhân, có duyên để thế gian tập khởi; có nhân, có duyên cho sự tập khởi của thế gian.”

Bà-la-môn bạch Phật:

“Thế nào là có nhân, có duyên để thế gian diệt tận? Và có nhân, có duyên cho sự diệt tận của thế gian?”

Đức Phật bảo Bà-la-môn:

“Đa văn Thánh đệ tử biết như thật về sự tập khởi của sắc, về sự diệt tận của sắc, về vị ngọt của sắc, về sự tai hại của sắc, về sự xuất ly sắc. Do biết như thật, đối với sắc không ái lạc, không khen ngợi, không nhiễm đắm, không lưu trú. Không ái lạc, không lưu trú, nên sắc ái bị diệt; ái diệt nên thủ diệt; thủ diệt nên hữu diệt; hữu diệt nên sanh diệt; sanh diệt nên lão, tử, ưu, bi, khổ, não diệt. Đối với thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy. Này Bà-la-môn, đó gọi là có nhân, có duyên để thế gian diệt tận; cũng gọi là có nhân, có duyên cho sự diệt

tận của thế gian.

"Này Bà-la-môn, đó gọi là luận nhân, đó gọi là thuyết nhân."

Bà-la-môn bạch Phật rằng:

"Thưa Cù-đàm, luận nhân là như vậy, thuyết nhân là như vậy. Tôi bận nhiều việc thế gian, nay xin từ giã ra về."

Phật bảo Bà-la-môn:

"Nên biết đúng thời."

Phật nói kinh này xong, các Bà-la-môn nghe những gì Đức Phật đã dạy, hoan hỷ tùy hỷ, lễ dưới chân rồi lui.

M

KINH 54. THẾ GIAN

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Lộc dã, Tiên nhân đọa xứ, nước Ba-la-nại.

Bấy giờ có Bà-la-môn tại tụ lạc Tỳ-ca-đa-lỗ-ca, đến chỗ Đức Phật, cung kính thăm hỏi, rồi ngồi qua một bên, bạch Phật rằng:

"Thưa Cù-đàm, tôi có một đệ tử trẻ, biết thiên văn, biết chủng tộc, xem tướng tốt, xấu cho mọi người; nói có, ắt là có; nói không, ắt là không; nói thành, ắt là thành; nói hoại, ắt là hoại. Thưa Cù-đàm, ý ngài nghĩ sao?"

Phật bảo Bà-la-môn:

"Hãy gác qua việc đệ tử trẻ của ông, biết thiên văn, biết chủng tộc. Nay Ta hỏi ông, tùy theo ý ông mà trả lời.

"Này Bà-la-môn, ý ông nghĩ sao, sắc vốn không có chủng loại chăng?"

Đáp:

"Đúng vậy, Thế Tôn."

"Thọ, tưởng, hành, thức vốn không có chủng loại chăng?"

Đáp:

"Đúng vậy, Thế Tôn."

Phật bảo Bà-la-môn:

"Ông bảo rằng đệ tử trẻ của ông, biết thiên văn, biết chủng tộc, vì mọi người mà nói như vầy: Nói có, ắt là có; nói không, ắt là không.

Vậy cái biết cái thấy này không phải là không thật chăng?"

Bà-la-môn bạch Phật:

"Đúng vậy, Thế Tôn."

Phật bảo Bà-la-môn:

"Ý ông nghĩ sao? Có loại sắc nào còn mãi trăm năm không? khác với sanh, khác với diệt chăng? Thọ, tưởng, hành, thức còn mãi trăm năm chăng? Hay khác với sanh, khác với diệt chăng?"

Đáp:

"Đúng vậy, Thế Tôn.

Phật bảo Bà-la-môn:

"Ý ông nghĩ sao? Đệ tử trẻ của ông, biết thiên văn, biết chủng tộc, vì mọi người nói là thành chứ không hoại; vậy cái biết, cái thấy này không phải là không thay đổi chăng?"

Đáp:

"Đúng vậy, Thế Tôn."

Phật bảo Bà-la-môn:

"Ý ông nghĩ sao? Pháp này và pháp kia; thuyết này và thuyết kia, quan điểm nào hơn?"

Bà-la-môn bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, ở đây là nói như pháp, như những gì Đức Phật đã nói, hiển bày, khai mở. Cũng như có người bị chìm xuống nước được cứu hộ, người bị tù tội được giải thoát ra, người lạc đường được chỉ nẻo đi, nơi tăm tối được đèn sáng. Hôm nay, Đức Thế Tôn khéo nói pháp thù thắng, cũng lại hiển bày, khai phát như vậy."

Phật nói kinh này xong, Bà-la-môn Tỳ-ca-đa-lỗ-ca nghe những gì Đức Phật đã dạy, hoan hỷ tùy hỷ, liền từ chỗ ngồi đứng dậy lễ dưới chân rồi lui.

M

KINH 55. ẤM[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Lộc dã, Tiên nhân đọa xứ, nước Ba-la-nại.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Nay, Ta sẽ nói về ấm và thọ ấm.

"Thế nào là ấm? Những gì là sắc, hoặc quá khứ, hoặc hiện tại, hoặc vị lai; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô, hoặc tế; hoặc tốt, hoặc xấu; hoặc xa, hoặc gần; tất cả chúng được gọi chung là sắc ấm.

"Tùy theo những gì là thọ, tưởng, hành, thức; tất cả được gọi chung là thọ, tưởng, hành, thức ấm. Đó gọi là ấm.

"Thế nào là thọ ấm? Nếu sắc là hữu lậu, chấp thủ, thì sắc kia hoặc quá khứ, hoặc hiện tại, hoặc vị lai, phát sanh ra tham dục, sân nhuế, ngu si và các thứ tâm pháp tùy phiền não[2] khác. Thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy. Đó gọi là thọ ấm."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 56. LẬU VÔ LẬU

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Lộc dã, Tiên nhân đọa xứ, nước Ba-la-nại.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Nay Ta sẽ nói về pháp hữu lậu và vô lậu.

"Thế nào là pháp hữu lậu? Nếu sắc là pháp hữu lậu, bị chấp thủ; sắc sanh ra ái và nhuế. Cũng vậy, thọ, tưởng, hành, thức là pháp hữu lậu, bị chấp thủ; thức kia sanh ra ái và nhuế. Đó gọi là pháp hữu lậu.

"Thế nào là pháp vô lậu? Những gì sắc vô lậu, không bị chấp

---

1. Pāli, S. 22, 48. Khandā.
2. Thượng phiền não tâm pháp ‑W‑‑o‑‑k‑F chỉ các tâm sở tùy phiền não.

thụ[3]; sắc kia hoặc quá khứ, hoặc hiện tại, hoặc vị lai, sắc kia không sanh ái, nhuế. Cũng vậy, thọ, tưởng, hành, thức là vô lậu, không chấp thủ; thức kia hoặc quá khứ, hoặc hiện tại, hoặc vị lai, không sanh ái, nhuế. Đó gọi là pháp vô lậu."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

3. Trong bản Hán: phi thọ 非受.

Kệ tóm tắt:

Hai tín, hai A-nan,
Pháp hoại, Uất-để-ca,
Bà-la và thế gian,
Trừ pháp lậu, vô lậu.

M

KINH 57. TẬT LẬU TẬN[4]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn đắp y ôm bát vào thành Xá-vệ khất thực. Sau đó, lại ôm y-bát, không nói với chúng, không bảo thị giả, một thân một mình, đến quốc độ phương Tây, du hành trong nhân gian[5].

Bấy giờ, trong rừng An-đà có một Tỳ-kheo từ xa trông thấy Thế Tôn, không nói với chúng, không bảo thị giả, một thân một mình. Sau khi thấy vậy, liền đến chỗ Tôn giả A-nan, thưa:

"Tôn giả biết cho, Đức Thế Tôn, không nói với chúng, không bảo thị giả, một thân một mình ra đi du hành."

Bấy giờ, Tôn giả A-nan nói với Tỳ-kheo kia:

"Nếu như Đức Thế Tôn, không nói với chúng, không bảo thị giả, một thân một mình ra đi du hành, thì chúng ta không nên đi theo. Vì sao? Vì ngày hôm nay Đức Thế Tôn muốn ít bận rộn để an trụ tịch diệt[6]."

Bấy giờ Đức Thế Tôn du hành về phương Bắc, đến trụ dưới tàn cây Bạt-đà-tát-la[7], trong rừng cây có người giữ gìn, tại tụ lạc

---

4. Quốc Dịch, phẩm 10. Pāli, S. 22. 81. Pārileyya.
5. Chuyện xảy ra khi Phật trú tại Kiều-thưởng-di. Pāli: Kosambiyaṃ viharati ghositārāme.
6. Hán: tịch diệt 寂滅, đây chỉ sự tĩnh lặng.
7. Bạt-đà-tát-la thọ 跋陀薩羅樹. Pāli: bhaddasāla (cây sa-la hiền), một loại cây sa-la.

Ba-đà[8] thuộc nước Bán-xà[9].

Sau khi Đức Thế Tôn đi rồi, có một số đông Tỳ-kheo đến chỗ Tôn giả A-nan, thưa với Tôn giả A-nan rằng:

"Ngài có nghe, hiện nay Đức Thế Tôn đang ở nơi nào không?"

Tôn giả A-nan đáp:

"Tôi có nghe, hiện nay Đức Thế Tôn đang ở về phương Bắc, dưới tàn cây Bạt-đà-tát-la, trong rừng cây có người giữ gìn, tại tụ lạc Ba-đà thuộc nước Bán-xà."

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nói với Tôn giả A-nan rằng:

"Tôn giả biết cho, đã lâu rồi chúng tôi không gặp Đức Thế Tôn; nếu ngài không ngại cực nhọc, thì có thể cùng chúng tôi đến chỗ Đức Thế Tôn, xin thương xót cho!"

Tôn giả A-nan biết đã đúng lúc, nên im lặng mà nhận lời.

Bấy giờ, Tôn giả A-nan cùng số đông Tỳ-kheo chờ qua đêm, sáng sớm đắp y ôm bát vào thành Xá-vệ khất thực. Khất thực xong trở về tinh xá, sắp xếp ngọa cụ, mang y bát, đi về hướng Tây du hành trong nhân gian, rồi quay về hướng Bắc, đến khu rừng có người giữ gìn, tại tụ lạc Ba-đà, thuộc nước Bán-xà.

Bấy giờ, Tôn giả A-nan cùng số đông Tỳ-kheo sắp xếp y bát, rửa chân xong, đến chỗ Đức Thế Tôn, đầu mặt lạy sát chân Phật, rồi ngồi qua một bên.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn vì số đông Tỳ-kheo nói pháp, khai thị, giáo giới, làm cho lợi ích, làm cho an lạc[10].

Vào lúc ấy, giữa chúng có một Tỳ-kheo nghĩ rằng: "Biết như thế nào, thấy như thế nào để nhanh chóng chứng đắc lậu tận?"

Bấy giờ, Đức Thế Tôn biết được những ý nghĩ của Tỳ-kheo kia, nên bảo các Tỳ-kheo:

"Nếu có Tỳ-kheo đang ở trong chỗ ngồi này nghĩ rằng: 'Biết

---

8. Ba-đà tụ lạc −i——E—. Pāli: Pārileyyaka, tên một khu rừng được bảo vệ (rakkhitavanasaṇḍo, sớ giải) tại Kosambi.

9. Bán-xà quốc −b−G——A Pāli: Pañcala; nhưng bản Pāli không đề cập tên nước này.

10. Thị giáo lợi hỷ ———Q——A thứ tự thuyết pháp của Phật. Pāli: samdassesi samādapesi samuttejasi sampahaṃsesi.

như thế nào, thấy như thế nào để nhanh chóng chứng đắc lậu tận[11]?' Ta đã từng nói pháp rằng: 'Hãy khéo léo quán sát các ấm; đó là bốn Niệm xứ, bốn Chánh cần, bốn Như ý túc, năm Căn, năm Lực, bảy Giác phần, tám Thánh đạo phần.' Ta đã từng nói những pháp như vậy để quán sát các ấm. Thế mà hiện nay vẫn còn có thiện nam tử, không muốn nỗ lực siêng thực hành, không nỗ lực siêng vui thích, không nỗ lực siêng suy nghĩ, không nỗ lực siêng tin tưởng, mà tự biếng lười, không nỗ lực tăng tiến để diệt tận được các lậu! Lại nữa, nếu có thiện nam tử đối với những gì Ta đã nói, mà quán sát các ấm, nỗ lực siêng ham muốn, nỗ lực siêng vui thích, nỗ lực siêng suy nghĩ, nỗ lực siêng tin tưởng, thì có thể nhanh chóng chứng đắc lậu tận.

"Phàm phu ngu si không học, ở nơi sắc thấy là ngã. Nếu thấy ngã, thì đó gọi là hành[12]. Hành này, cái gì làm nhân, cái gì là tập khởi; cái gì sanh và cái gì chuyển[13]? Ái được sanh bởi vô minh xúc[14] và duyên vào ái nên khởi lên hành này.

"Ái này, cái gì làm nhân, cái gì là tập khởi; cái gì sanh, cái gì chuyển? Ái này lấy thọ làm nhân, thọ là tập khởi; do thọ sanh, do thọ chuyển.

"Thọ này, cái gì làm nhân, cái gì là tập khởi; cái gì sanh, cái gì chuyển? Thọ này lấy xúc làm nhân, xúc là tập khởi; do xúc sanh, do xúc chuyển.

"Xúc này, cái gì làm nhân, cái gì là tập khởi; cái gì sanh, cái gì chuyển?

Xúc này lấy sáu nhập xứ làm nhân, sáu nhập xứ là tập khởi; do sáu nhập xứ sanh, do sáu nhập xứ chuyển.

"Sáu nhập xứ này là pháp hữu vi vô thường, là pháp duyên khởi

---

11. Pāli: anantarā āsavānaṃ khayo hoti, vô gián lậu tận.

12. Hành ━. Pāli: saṅkhāro.

13. Nhân, tập, sanh, chuyển ━]━━━━A tức bốn hành tướng của Tập đế trong Thánh đế hiện quán (nhân, tập, sanh, duyên) của Hữu bộ, xem *Câu-xá 23*. Pāli: kiṃnidāno kiṃsamudayo kiṃjātiko kiṃpabhavo.

14. Xúc sanh ái ━━━R. Pāli: avijjāsamphassajena... vedayitena... uppannā taṇhā, khát ái sanh bởi cảm thọ phát sanh từ sự xúc động (chạm) của vô minh.

của tâm; xúc thọ, hành thọ này là pháp hữu vi vô thường, là pháp duyên khởi của tâm[15].

"Người nào đã quán sát như vậy mà còn thấy sắc là ngã; hay không thấy sắc là ngã mà còn thấy sắc là ngã sở; hay không thấy sắc ngã sở mà còn thấy sắc ở trong ngã; hay không còn thấy sắc ở trong ngã mà thấy ngã ở trong sắc; hay không thấy ngã ở trong sắc mà còn thấy thọ là ngã; hay không thấy thọ là ngã mà còn thấy thọ là ngã sở; hay không thấy thọ là ngã sở mà còn thấy thọ ở trong ngã; hay không thấy thọ ở trong ngã mà còn thấy ngã ở trong thọ; hay không thấy ngã ở trong thọ mà còn thấy tưởng là ngã; hay không còn thấy tưởng là ngã mà còn thấy tưởng là ngã sở; hay không thấy tưởng ngã sở mà còn thấy tưởng ở trong ngã; hay không thấy tưởng ở trong ngã mà còn thấy ngã ở trong tưởng; hay không thấy ngã ở trong tưởng mà còn thấy hành là ngã; hay không thấy hành là ngã mà còn thấy hành là ngã sở; hay không thấy hành là ngã sở mà còn thấy hành ở trong ngã; hay không thấy hành ở trong ngã mà còn thấy ngã ở trong hành; hay không thấy ngã ở trong hành mà còn thấy thức là ngã; hay không thấy thức là ngã mà còn thấy thức là ngã sở; hay không còn thấy thức là ngã sở mà còn thấy thức ở trong ngã; hay không thấy thức ở trong ngã mà còn thấy ngã ở trong thức; hay không thấy ngã ở trong thức mà lại khởi lên đoạn kiến, hoại hữu[16] kiến; hay không khởi đoạn kiến, hoại hữu kiến, nhưng không xa lìa ngã mạn. Người nào không xa lìa ngã mạn, thì lại thấy ngã. Thấy ngã, đó là hành. Hành này, cái gì làm nhân, cái gì là tập khởi; cái gì sanh, cái gì chuyển? thì như trước đã nói, cho đến, ngã mạn.

"Người nào biết như vậy, thấy như vậy, nhanh chóng chứng đắc lậu tận."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

---

15. Tâm duyên khởi pháp —–t–_–k–A pháp duyên vào tâm mà khởi. Pāli: aniccaṃ saṅkhataṃ paṭiccasamuppannaṃ, (là pháp) vô thường, hữu vi, duyên khởi.

16. Hoại hữu –a——A tức phi hữu, theo nghĩa hủy diệt, không còn tồn tại. Pāli: vibhava.

KINH 58. ẤM CĂN[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại giảng đường Lộc mẫu, Đông viên, nước Xá-vệ. Bấy giờ, vào buổi chiều, sau khi từ thiền tịnh dậy[2], Thế Tôn đến trước các Tỳ-kheo, trải tòa ngồi và bảo các Tỳ-kheo:

"Có năm thọ ấm. Những gì là năm? Sắc thọ ấm; thọ, tưởng, hành, thức thọ ấm."

Bấy giờ, có một Tỳ-kheo từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, trịch áo vai bên phải, quỳ gối sát đất, chắp tay bạch Phật rằng:

"Bạch Thế Tôn, có phải đây là năm thọ ấm: sắc thọ ấm; thọ, tưởng, hành, thức thọ ấm?"

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Hãy trở lại chỗ ngồi mà hỏi, Ta sẽ vì ngươi mà nói."

Tỳ-kheo kia sau khi lạy Phật rồi trở lại chỗ ngồi của mình, bạch Phật rằng:

"Bạch Thế Tôn, năm thọ ấm này, lấy gì làm gốc, do gì tập khởi, do cái gì mà sanh, do cái gì mà xúc?

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Năm thọ ấm này, lấy dục làm gốc, do dục tập khởi, vì dục sanh và vì dục mà xúc."

[3]Khi Tỳ-kheo kia nghe những gì Đức Phật vừa nói, hoan hỷ tùy hỷ, mà bạch Phật rằng:

"Thế Tôn đã vì chúng con nói, năm ấm là thọ[4]. Hay thay! những gì đã được nói. Nay con xin hỏi lại. Bạch Thế Tôn, ấm là thọ hay năm ấm khác thọ?"

Phật bảo Tỳ-kheo:

---

1. Pāli, tham chiếu các kinh, S. 22. 82. Puṇṇamā; M. 109. Mahāpuṇṇama-sutta; 110. Cūḷapuṇṇama-sutta.
2. Bản Pāli: tad uposathe pannarase puṇṇāya puṇṇamāya rattiyā, ngày Bố-tát, vào đêm trăng tròn nửa tháng.
3. Theo kệ tóm tắt ở cuối phẩm, từ đây xuống, thuộc kinh khác, có tên là "Ấm tức thọ".
4. Thọ ——A tức thủ hay chấp thủ. Pāli: upādāna.

"Chẳng phải năm ấm là thọ, cũng chẳng phải năm ấm khác thọ. Ở nơi đó mà có dục tham, thì đó là năm thọ ấm[5]."

[6]Tỳ-kheo bạch Phật:

"Lành thay, Thế Tôn! Hoan hỷ, tùy hỷ."

Lại hỏi nữa:

"Có hai ấm tương quan[7] chăng?"

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Đúng vậy! Đúng vậy! Cũng như có một người suy nghĩ như vầy: 'Ta ở đời vị lai sẽ được sắc như vậy, thọ như vậy, tưởng như vậy, hành như vậy, thức như vậy.' Đó gọi là ấm ấm tương quan[8]."

[9]Tỳ-kheo bạch Phật:

"Lành thay! Những gì đã được nói. Hoan hỷ, tùy hỷ."

Lại hỏi nữa:

"Bạch Thế Tôn, thế nào gọi là ấm[10]?"

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Những gì sắc, hoặc quá khứ, hoặc hiện tại, hoặc vị lai; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô, hoặc tế; hoặc tốt, hoặc xấu; hoặc xa, hoặc gần, tất cả chúng gọi chung là ấm. Thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Như vậy, này Tỳ-kheo, đó gọi là ấm."

[11]Tỳ-kheo bạch Phật:

"Lành thay! những gì đã được nói. Hoan hỷ, tùy hỷ."

Lại hỏi nữa:

---

5. Pāli: yo tattha chandarāgo taṃ tattha upādānan ti, nơi nào có dục tham, nơi đó có chấp thủ.

6. Theo bài kệ tóm tắt cuối phẩm, từ đây trở xuống thuộc kinh khác, gọi là "kinh Hai ấm tương quan".

7. Hán: tương quan ━━[-A có lẽ là tương ngại ━━━R hai ấm trở ngại nhau. Câu hỏi theo Pāli: siyā pana bhante pañcupādānakkhandhesu chandarāgavemattā ti, có sự sai biệt của dục tham trong năm thủ uẩn chăng? Xem thêm cht.116 dưới.

8. Xem cht.113.

9. Theo kệ tóm tắt, trở xuống thuộc kinh "Danh tự".

10. Câu hỏi theo Pāli: kittāvatā nu kho khandhanaṃ khandhādhivacanan ti, cho đến mức nào là danh xưng uẩn của các uẩn? Có lẽ câu này trong bản Hán được dịch là "ấm ấm tương quan"?

11. Theo kệ tóm tắt, trở xuống là kinh "Nhân duyên".

"Bạch Thế Tôn, do nhân gì, duyên gì mà gọi là sắc ấm? Do nhân gì, duyên gì mà gọi thọ, tưởng, hành, thức ấm?"

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Bốn đại là nhân, bốn đại là duyên; đó gọi là sắc ấm. Vì sao? Vì những gì thuộc về sắc ấm, tất cả những cái đó đều là bốn đại, được tác thành do duyên bốn đại. Xúc là nhân, xúc là duyên sanh ra thọ, tưởng, hành; cho nên gọi là thọ, tưởng, hành ấm. Vì sao? Vì nếu những gì thuộc về thọ, tưởng, hành, thì tất cả chúng đều lấy xúc làm duyên. Danh sắc là nhân, danh sắc là duyên, đó gọi là thức ấm. Vì sao? Vì nếu những gì thuộc về thức, thì tất cả chúng đều lấy danh sắc làm duyên."

[12]Tỳ-kheo bạch Phật:

"Lành thay! Những gì đã được nói. Hoan hỷ, tùy hỷ."

Lại hỏi nữa:

"Thế nào là vị ngọt của sắc? Thế nào là sự tai hại của sắc? Thế nào là sự xuất ly sắc? Thế nào là vị ngọt của thọ, tưởng, hành, thức? Thế nào là sự tai hại của thức? Thế nào là sự xuất ly của thức?"

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Hỷ lạc duyên vào sắc sanh ra, đó gọi là vị ngọt của sắc. Nếu sắc là vô thường, khổ, là pháp biến dịch, đó gọi là sự tai hại của sắc. Nếu đối với sắc mà điều phục dục tham, đoạn trừ dục tham, vượt qua khỏi dục tham, đó gọi là sự xuất ly sắc. Nếu hỷ lạc duyên vào thọ, tưởng, hành, thức sanh ra, đó gọi là vị ngọt của thức. Nếu thọ, tưởng, hành, thức là pháp vô thường, khổ, biến dịch, thì đó gọi là sự tai hại của thức. Đối với thọ, tưởng, hành, thức mà điều phục được dục tham, đoạn trừ được dục tham, vượt qua khỏi dục tham, thì đó gọi là sự xuất ly thức.

[13]Tỳ-kheo bạch Phật:

"Lành thay! Những gì đã được. Hoan hỷ, tùy hỷ."

Lại hỏi nữa:

"Từ cái gì sanh ra ngã mạn[14]?"

---

12. Theo kệ tóm tắt, trở xuống là kinh "Hai vị ngọt".
13. Theo kệ tóm tắt, trở xuống là kinh "Ngã mạn".
14. Ngã mạn ——C-A phúc cảm tác thành tự ngã. Ở đây, Pāli: ahaṃkāra-mamaṃkāra-mānānusaya, ngã, ngã sở và mạn tùy miên.

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Phàm phu ngu si không học, ở nơi sắc thấy là ngã, là khác ngã, hay ở trong nhau. Đối với thọ, tưởng, hành, thức là ngã, là khác ngã, hay ở trong nhau. Từ đây sanh ra ngã mạn."

[15]Tỳ-kheo bạch Phật:

"Lành thay! Những gì đã được nói. Hoan hỷ, tùy hỷ."

Lại hỏi nữa:

"Bạch Thế Tôn, làm thế nào để đạt được không ngã mạn?"

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Đa văn Thánh đệ tử ở nơi sắc không thấy là ngã, là khác ngã, là ở trong nhau. Ở nơi thọ, tưởng, hành, thức cũng không thấy là ngã, là khác ngã, là ở trong nhau."

[16]Tỳ-kheo bạch Phật:

"Lành thay! Những gì đã được nói. Hoan hỷ, tùy hỷ."

Lại hỏi nữa:

"Biết cái gì, thấy cái gì nhanh chóng chứng đắc lậu tận[17]?"

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Những gì thuộc về sắc, hoặc quá khứ, hoặc hiện tại, hoặc vị lai; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô, hoặc tế; hoặc tốt, hoặc xấu; hoặc xa, hoặc gần, tất cả chúng đều chẳng phải là ngã, không khác ngã, không ở trong nhau. Và thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy. Tỳ-kheo, biết như vậy, nên thấy như vậy, nhanh chóng chứng đắc lậu tận."

Bấy giờ, trong chúng lại có một vị Tỳ-kheo khác căn trí đần độn, không hiểu biết, vì vô minh che lấp, nên khởi tà kiến ác, nghĩ rằng: "Nếu vô ngã, tạo nghiệp vô ngã, vậy thì ai là người sẽ chịu quả báo trong đời vị lai?"

Bấy giờ, Đức Thế Tôn biết những ý nghĩ trong tâm của vị Tỳ-kheo kia, nên liền bảo các Tỳ-kheo:

"Ở trong chúng này, có người ngu si, vô trí, vô minh, nghĩ rằng: 'Nếu sắc là vô ngã, thọ, tưởng, hành, thức là vô ngã, tạo nghiệp vô ngã, thì ai là người sẽ nhận quả báo?' Những điều nghi ngờ như vậy,

---

15. Theo kệ tóm tắt, trở xuống là kinh "Không ngã mạn".

16. Theo kệ tóm tắt, trở xuống là kinh "Chóng lậu tận".

17. Trong bản Hán: *tận đắc* ▬▬o▬Fcó lẽ chính xác là *tật đắc* ▬e▬o.

trước đây Ta đã giải thích. Thế nào Tỳ-kheo, sắc là thường hay vô thường?"

Đáp:

"Bạch Thế Tôn, vô thường."

Hỏi:

"Vô thường là khổ chăng?"

Đáp:

"Bạch Thế Tôn, là khổ."

Hỏi:

"Vô thường, khổ, là pháp biến dịch, vậy đa văn Thánh đệ tử có nên ở trong đó thấy là ngã, khác ngã, ở trong nhau không?"

Đáp:

"Bạch Thế Tôn, không."

"Đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Cho nên, này các Tỳ-kheo, nếu những gì thuộc về sắc, hoặc quá khứ, hoặc hiện tại, hoặc vị lai; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô, hoặc tế; hoặc tốt, hoặc xấu; hoặc xa, hoặc gần; tất cả chúng đều chẳng phải là ngã, chẳng phải những gì thuộc về ngã. Ai thấy như vậy được gọi là thấy đúng. Đối với thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy. Đa văn Thánh đệ tử quán như vậy, liền tu tập tâm nhàm chán. Đã nhàm chán rồi, thì ly dục. Do ly dục mà giải thoát, giải thoát tri kiến, biết rằng, 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những điều cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.'"

Khi Phật nói kinh này xong, phần nhiều các Tỳ-kheo không khởi lên các lậu, tâm được giải thoát.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Kệ tóm tắt:

Ấm căn, ấm tức thọ,
Hai ấm cùng tương quan,
Danh tự, nhân, hai vị,
Ngã mạn, chóng lậu tận.

❑

TẠP A-HÀM QUYỂN 3

KINH 59. SANH DIỆT[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Có năm thọ ấm. Những gì là năm? Sắc thọ ấm; thọ, tưởng, hành, thức thọ ấm. Hãy quán sát năm thọ ấm này là pháp sanh diệt. Nghĩa là, 'Đây là sắc; đây là sự tập khởi của sắc; đây là sự diệt tận của sắc. Đây là thọ, tưởng, hành, thức; đây là sự tập khởi của... thức, sự diệt tận của... thức.'

"Thế nào là sự tập khởi của sắc? Thế nào là sự diệt tận của sắc? Thế nào là sự tập khởi của thọ, tưởng, hành, thức? Thế nào là sự diệt tận của thọ, tưởng, hành, thức?

"Sự tập khởi của ái hỷ là sự tập khởi của sắc; sự diệt tận của ái hỷ là sự diệt tận của sắc. Sự tập khởi của xúc là sự tập khởi của thọ, tưởng, hành; sự diệt tận của xúc là sự diệt tận của thọ, tưởng, hành. Sự tập khởi của danh sắc là sự tập khởi của thức; sự diệt tận của danh sắc là sự diệt tận của thức.

"Này Tỳ-kheo, như vậy là sự tập khởi của sắc, sự diệt tận của sắc; đó là sự tập khởi của sắc, sự diệt tận của sắc. Như vậy là sự tập khởi của thọ, tưởng, hành, thức, sự diệt tận của thọ, tưởng, hành, thức; đó là sự tập khởi của thọ, tưởng, hành, thức, sự diệt tận của thọ, tưởng, hành, thức."

Bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 60. BẤT LẠC[2]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-

---

1. Quốc Dịch Nhất Thiết Kinh, quyển 4 kinh 96. Phật Quang quyển 3, kinh 50. Đại Chánh, quyển 3, kinh 59. Pāli, S. 22. 5. Samādhi.
2. Pāli, S. 22. 5. Samādi.

vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Có năm thọ ấm. Những gì là năm? Sắc thọ ấm; thọ, tưởng, hành, thức thọ ấm.

"Lành thay! Tỳ-kheo không ưa sắc, không khen ngợi sắc, không chấp thủ sắc, không đắm trước sắc. Lành thay! Tỳ-kheo không ưa thọ, tưởng, hành, thức, không khen ngợi... thức, không chấp thủ... thức, không đắm trước... thức. Vì sao? Vì nếu Tỳ-kheo không ưa sắc, không khen ngợi sắc, không chấp thủ sắc, không đắm trước sắc, thì đối với sắc sẽ không ưa thích, tâm được giải thoát. Cũng vậy, đối với thọ, tưởng, hành, thức mà không ưa thức, không khen ngợi thức, không chấp thủ thức, không đắm trước thức, thì đối với thức sẽ không ưa thích, tâm được giải thoát.

"Nếu Tỳ-kheo không ưa sắc, tâm được giải thoát. Cũng vậy, nếu không ưa thọ, tưởng, hành, thức, tâm được giải thoát, không sanh không diệt, bình đẳng an trú xả với chánh niệm chánh trí.

"Tỳ-kheo này đã biết như vậy, thấy như vậy rồi, kiến chấp liên hệ biên tế quá khứ[3] vĩnh viễn diệt tận không dư tàn. Khi kiến chấp liên hệ biên tế quá khứ vĩnh viễn diệt tận không dư tàn, thì kiến chấp liên hệ biên tế vị lai cũng vĩnh viễn diệt tận không dư tàn. Khi kiến chấp liên hệ biên tế vị lai cũng vĩnh viễn diệt tận không dư tàn, thì kiến chấp liện hệ biên tế quá khứ và biên tế vị lai cũng diệt tận không dư tàn, không còn gì ngăn che. Khi đã không còn gì ngăn che, thì đối với các thế gian đều không có gì để chấp thủ. Không chấp thủ nên cũng không có gì để mong cầu. Không có gì để mong cầu, nên tự mình chứng ngộ Niết-bàn: Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những điều cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa."

Bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

---

3. Tiền tế -e—A biên tế phía trước, chỉ quá khứ tối sơ: đời trước ta hiện hữu hay không hiện hữu?

KINH 61. PHÂN BIỆT (1)[4]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Có năm thọ ấm. Những gì là năm? Sắc, thọ, tưởng, hành, thức thọ ấm.

"Thế nào là sắc thọ ấm? Những gì là sắc, tất cả chúng đều là bốn đại và sắc do bốn đại tạo. Đó gọi là sắc thọ ấm. Lại nữa, sắc kia là vô thường, khổ, là pháp biến dịch. Nếu sắc thọ ấm này vĩnh viễn bị đoạn trừ không dư tàn, rốt ráo xả ly, diệt tận, ly dục, tịch diệt, các sắc thọ ấm khác không tương tục, không xuất hiện, không khởi lên, thì đó gọi là vi diệu, cũng gọi là tịch tĩnh, cũng gọi là xả ly tất cả hữu dư, ái tận, vô dục, diệt tận, Niết-bàn.

"Thế nào là thọ thọ ấm? Đó là sáu thọ thân. Những gì là sáu? Thọ phát sanh do xúc con mắt; thọ phát sanh do xúc của tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Đó gọi là thọ thọ ấm. Lại nữa, thọ thọ ấm này là vô thường, khổ, là pháp biến dịch, cho đến, diệt tận, Niết-bàn.

"Thế nào là tưởng thọ ấm? Đó là sáu tưởng thân. Những gì là sáu? Tưởng phát sanh do xúc con mắt; cho đến, tưởng phát sanh do xúc của ý. Đó gọi là tưởng thọ ấm. Lại nữa, tưởng thọ ấm này là vô thường, khổ, là pháp biến dịch, cho đến, diệt tận, Niết-bàn.

"Thế nào là hành thọ ấm? Đó là sáu tư thân. Những gì là sáu? Tư phát sanh do xúc con mắt; cho đến, tư phát sanh do xúc của ý. Đó gọi là hành thọ ấm. Lại nữa, hành thọ ấm này là vô thường, khổ, là pháp biến dịch, cho đến, diệt tận, Niết-bàn.

"Thế nào là thức thọ ấm? Đó là sáu thức thân. Những gì là sáu? Thức thân con mắt; cho đến ý thức thân, đó gọi là thức thọ ấm. Lại nữa, thức thọ ấm này là vô thường, khổ, là pháp biến dịch, cho đến, diệt tận, Niết-bàn.

"Này các Tỳ-kheo, nếu đối với pháp này mà dùng trí tuệ tư duy, quán sát, phân biệt, nhẫn thọ, đó gọi là tùy tín hành, siêu thăng, ly

---

4. Pāli, S. 22. Samādhi.

sanh[5], vượt qua khỏi địa vị phàm phu. Nếu chưa đạt được quả Tu-đà-hoàn, mà nửa chừng không chết, thì chắc chắn sẽ đạt được quả Tu-đà-hoàn.

"Này các Tỳ-kheo, nếu đối với pháp này, mà bằng tăng thượng trí tuệ, tư duy quán sát, nhẫn thọ, thì đó gọi là tùy pháp hành, siêu thăng, ly sanh, vượt qua khỏi địa vị phàm phu. Nếu chưa đạt được quả Tu-đà-hoàn, mà nửa chừng không chết, thì chắc chắn sẽ đạt được quả Tư-đà-hoàn.

"Này Tỳ-kheo, đối với pháp này nếu bằng trí tuệ chân chánh mà quán sát[6] như thật, ba kết được biết là hoàn toàn đoạn trừ[7]; đó là, thân kiến, giới thủ, nghi. Tỳ-kheo, đó gọi là quả Tu-đà-hoàn, sẽ không rơi vào đường ác, quyết định thẳng đến Chánh giác[8], bảy lần sanh qua lại giữa trời, người, cuối cùng sẽ cứu cánh biên tế của khổ.

"Này Tỳ-kheo, nếu đối với pháp này nếu dùng trí tuệ chân chánh mà quán sát như thật, tâm sẽ không khởi lên lậu hoặc, thì gọi là A-la-hán. Khi các lậu đã sạch rồi, thì những gì cần làm đã làm xong, trút bỏ gánh nặng, đạt được mục đích của mình[9], các kết sử hữu[10] dứt sạch, chánh trí, tâm đạt được giải thoát."

Bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 62. PHÂN BIỆT (2)

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

---

5. Siêu thăng ly sanh -W-@———A cũng nói *nhập chánh tánh ly sanh*. Sát-na đầu tiên chứng Dự lưu, thể nhập bản tánh của Thánh, rời khỏi bản tánh phàm phu.
6. Nguyên Hán: đẳng quán ——-[-A tức Pāli: samanupassati.
7. Tận đoạn trí ——-_——A hoặc nói là *đoạn biến tri*, hay *biến tri đoạn*: đoạn trừ rốt ráo, toàn diện.
8. Trong bản: tam-bồ-đề -T———A tức Pāli: sambodhi.
9. Hán: đãi đắc kỷ lợi -e-o-v-Q.
10. Hữu kết, phiền não dẫn đến tái sanh, trói buộc vào tái sanh. Pāli: bhavasaṃyojana.

"Có năm thọ ấm. Đó là, sắc thọ ấm; thọ, tưởng, hành, thức thọ ấm. Kẻ phàm phu ngu si không học, không trí tuệ, vô minh, đối với năm thọ ấm sanh ra hệ phược bởi ngã kiến, khiến cho tâm bị hệ phược mà sanh ra tham dục.

"Này Tỳ-kheo, đa văn Thánh đệ tử có trí tuệ, có minh, thì đối với năm thọ ấm này không bị hệ phược bởi ngã kiến khiến tâm bị trói buộc dính mắc mà khởi lên tham dục.

"Vì sao kẻ phàm phu ngu si không học, không trí tuệ, không sáng suốt, đối với năm thọ ấm, bị hệ phược bởi ngã kiến, khiến cho tâm bị trói buộc dính mắc mà sanh ra tham dục? Này Tỳ-kheo, kẻ phàm phu ngu si không học, không trí tuệ, không sáng suốt, thấy rằng sắc là ngã, là khác ngã, hay ở trong nhau. Cũng vậy, thấy thọ, tưởng, hành, thức là ngã, khác ngã, hay ở trong nhau. Những kẻ phàm phu ngu si không học, không trí tuệ, không sáng suốt như vậy, đối với năm thọ ấm nói là ngã và bị hệ phược, làm cho tâm bị hệ phược mà sanh ra tham dục.

"Vì sao Thánh đệ tử, có trí tuệ, sáng suốt, không được nói là bị ngã hệ phược, khiến kết buộc tâm mà sanh tham dục? Vì không thấy sắc là ngã, khác ngã, hay ở trong nhau. Cũng vậy, đối với thọ, tưởng, hành, thức không thấy là ngã, khác ngã, hay ở trong ngã. Như vậy, Thánh đệ tử, có trí tuệ, sáng suốt, đối với năm thọ ấm không bị ngã hệ phược, để khiến trói buộc tâm mà sanh ra tham dục. Nếu những gì thuộc về sắc, hoặc quá khứ, hoặc hiện tại, hoặc vị lai; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô, hoặc tế; hoặc tốt, hoặc xấu; hoặc xa, hoặc gần, nên quán sát chân chánh tất cả đều là vô thường. Cũng vậy, đối với thọ, tưởng, hành, thức, hoặc là quá khứ, hoặc hiện tại, hoặc vị lai; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô, hoặc tế; hoặc tốt, hoặc xấu; hoặc xa, hoặc gần, thì cũng nên quán sát chân chánh tất cả đều là vô thường."

Bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 63. PHÂN BIỆT (3)[11]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Có năm thọ ấm. Đó là, sắc thọ ấm; thọ, tưởng, hành, thức thọ ấm. Này Tỳ-kheo, nếu có Sa-môn, Bà-la-môn nào chủ trương có ngã, tất cả y trên năm thọ ấm này mà chủ trương có ngã. Những gì là năm? Các Sa-môn, Bà-la-môn, ở nơi sắc thấy là ngã, khác ngã, hay ở trong nhau. Cũng vậy, ở nơi thọ, tưởng, hành, thức thấy là ngã, khác ngã, hay ở trong nhau. Như vậy, kẻ phàm phu ngu si không học, chấp ngã, vô minh, phân biệt mà quán sát như vậy, không lìa ngã sở[12]. Do không lìa ngã sở, nhập vào các căn[13]. Khi nhập vào các căn rồi thì sẽ sanh ra xúc. Sáu xúc duyên vào những gì được xúc, phàm phu ngu si không học sanh ra khổ vui, từ đó phát sanh ra những cái này và những cái khác, đó là sáu xúc thân. Những gì là sáu? Xúc nhập xứ của mắt; xúc nhập xứ của tai, mũi, lưỡi, thân, ý.

"Này Tỳ-kheo, có ý giới, pháp giới, vô minh giới. Phàm phu ngu si không học được chạm bởi vô minh xúc nên nói là hữu, nói là vô, nói là vừa hữu vừa vô, nói là chẳng phải hữu chẳng phải vô, nói là ta hơn hết, nói là tương tợ, ta biết, ta thấy.

"Lại nữa, này Tỳ-kheo, đa văn Thánh đệ tử, khi trụ vào sáu xúc nhập xứ mà có thể nhàm chán xa lìa vô minh, có thể sanh ra minh, người đó đối với vô minh mà ly dục, sanh ra minh, nên chẳng hữu, chẳng vô, chẳng phải vừa hữu vừa vô, chẳng phải chẳng hữu, chẳng vô, chẳng phải có ta hơn, chẳng phải có ta kém, chẳng phải có ta bằng, ta biết, ta thấy. Khi biết như vậy, thấy như vậy rồi thì vô minh xúc khởi lên trước kia sẽ diệt và minh xúc sau sẽ tập khởi."

---

11. Pāli, S. 22. 47. Samanupassanā.

12. Pāli: samanupassanā asmi ti cassa avigataṃ, quán sát như vậy thì không rời khỏi ý tưởng "Tôi hiện hữu" (ngã kiến).

13. Pāli: avigate pañcanaṃ indriyānaṃ avakkanti hoti, khi không rời, năm căn có lối vào.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 64. ƯU-ĐÀ-NA[14]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại giảng đường Lộc-tử-mẫu trong Đông-viên, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, buổi chiều, sau giờ Thế Tôn từ thiền tịnh dậy, đến giảng đường, vào trong nhà giảng, trải tòa ngồi trước đại chúng. Rồi thì, Thế Tôn nói kệ Ưu-đà-na:

Pháp không có tôi ta,
Cũng lại không của ta;
Cũng sẽ không có ta,
Của ta từ đâu sanh?
Tỳ-kheo giải thoát[15] *đây,*
Đoạn trừ hạ phần kết[16].

Bấy giờ, có Tỳ-kheo từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch áo vai bên phải, quỳ gối phải sát đất, chắp tay bạch Phật rằng:

"Thế nào là không có tôi ta, cũng lại không của ta, cũng sẽ không có ta, của ta từ đâu sanh? Tỳ-kheo giải thoát đây, đoạn trừ hạ phần kết?"

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Phàm phu ngu si không học, chấp sắc là ngã, khác ngã, hay ở trong nhau; đối với thọ, tưởng, hành, thức cho là ngã, khác ngã, hay ở trong nhau. Đa văn Thánh đệ tử, không thấy sắc là ngã, khác ngã, hay ở trong nhau; cũng không thấy thọ, tưởng, hành, thức là ngã, khác ngã, hay ở trong nhau; cũng chẳng phải là người biết, cũng chẳng phải là

---

14. Pāli, S. 22. 55. Udānaṃ.

15. Hán: giải thoát ——F Pāli: evaṃ muccamāno, khi lãnh hội (thắng giải) như vậy. Bản Hán đọc là muttamāno.

16. Hạ phần kết -U——A chỉ năm phiền não dẫn đến tái sanh Dục giới. Pāli: orambhāgiyāni saṃyojāni.

người thấy. Sắc này là vô thường. Thọ, tưởng, hành, thức là vô thường. Sắc là khổ. Thọ, tưởng, hành, thức là khổ. Sắc là vô ngã. Thọ, tưởng, hành, thức là vô ngã. Sắc này sẽ không tồn tại. Thọ, tưởng, hành, thức sẽ không tồn tại. Vì sắc này sẽ hủy hoại[17]. Thọ, tưởng, hành, thức sẽ hủy hoại. Cho nên, chẳng có ngã, chẳng có ngã sở và cũng sẽ chẳng có ngã, ngã sở. Nếu ai giải thoát như vậy, thì sẽ đoạn trừ được năm kết sử hạ phần."

Bấy giờ, Tỳ-kheo kia bạch Phật rằng:

"Bạch Thế Tôn, khi đã đoạn trừ năm kết sử hạ phần rồi, làm sao để ngay trong đời này tự biết, tự tác chứng, thành tựu và an trú với sự diệt tận các lậu, vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát, biết rằng: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tác sanh đời sau nữa'?"

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Phàm phu chúng sanh ngu si không học ở chỗ không sợ hãi mà sanh ra sợ hãi. Phàm phu chúng sanh ngu si không học sanh ra sự sợ hãi rằng không ngã, không ngã sở; cả hai sẽ chẳng sanh.

"Do vin bám[18] mà có bốn trú xứ của thức[19]. Thức trụ nơi sắc, vin bám sắc, ham muốn sắc, để tăng tiến, sanh trưởng rộng lớn. Thức trú nơi thọ, tưởng, hành, vin bám hành, ham muốn hành, để tăng tiến, sanh trưởng rộng lớn. Tỳ-kheo, thức ở nơi này, hoặc đến, hoặc đi, hoặc ở, hoặc khởi, hoặc diệt, tăng tiến, sanh trưởng rộng lớn. Nếu nói rằng lại có pháp khác và ở đó thức hoặc đến, hoặc đi, hoặc ở, hoặc khởi, hoặc diệt, tăng tiến, sanh trưởng rộng lớn; thì đây chỉ có trên ngôn thuyết, chứ nếu hỏi đến, thì sẽ không biết, chỉ tăng thêm ngu si, vì chúng chẳng phải là cảnh giới. Vì sao? Tỳ-kheo, xa lìa tham dục của sắc giới, thì triền phược của ý sanh[20] đối với sắc cũng sẽ bị đoạn trừ. Khi triền phược của y sanh đối với sắc bị đoạn trừ rồi, thì sự vin bám của thức cũng sẽ bị đoạn trừ. Khi ấy, thức không có chỗ trú, cũng

---

17. Hán: hoại hữu -a—. Pāli: rūpaṃ vibhavissati, sẽ hủy diệt, sẽ không tồn tại.

18. Hán: phan duyên -k-t.

19. Tứ thức trú -|——.

20. Ý sanh -N——A cũng nói ý sở thành -N——; đây chỉ thân được tác thành bởi ý khi tái sanh vào trong Sắc giới.

không tăng tiến, sanh trưởng rộng lớn trở lại. Khi triền phược của ý sanh đối với thọ, tưởng, hành giới, nếu đã lìa tham dục rồi, thì sự vin bám của thức cũng sẽ bị đoạn trừ. Khi ấy, thức không có chỗ trú, cũng không tăng tiến, sanh trưởng rộng lớn trở lại. Vì thức không chỗ trụ, nên không tăng trưởng. Vì không tăng trưởng nên không có gì để tạo tác. Vì không có gì để tạo tác cho nên được an trụ. Vì đã an trụ nên biết đủ. Vì đã biết đủ nên được giải thoát. Vì đã giải thoát nên đối với các thế gian đều không có gì để chấp thủ. Vì không có gì để chấp thủ nên không có gì để đắm trước. Vì không có gì để đắm trước nên tự mình giác ngộ Niết-bàn: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.'

"Này Tỳ-kheo, Ta nói thức không trụ Đông, Tây, Nam, Bắc, bốn bên, trên, dưới, ngoại trừ ngay trong hiện tại mà muốn nhập Niết-bàn, diệt tận, tịch tĩnh, thanh lương."

Bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Bài kệ tóm tắt:

Sanh diệt và bất lạc,
Và ba kinh phân biệt,
Quán sát về tham trước,
Đó là Ưu-đà-na.

M

KINH 65. THỌ[21]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Nên luôn luôn tu tập phương tiện thiền tư[22], cho trong tâm mình tĩnh lặng. Vì sao? Vì Tỳ-kheo luôn tu tập phương tiện thiền tư, thì

---

21. Quốc Dịch, phẩm 12, quyển 4. Pāli, S. 22. 5. Samādhi (xem các kinh 59-62); S. 22. 6. Paṭisallāna.

22. Thiền tư 禪思. Pāli: paṭisallāna, sống cô độc tại một nơi thanh vắng; yển tọa, độc cư.

trong tâm mình sẽ được tĩnh lặng, nên quán sát như thật. Thế nào là quán sát như thật? Đây là sắc, đây là sự tập khởi của sắc, đây là sự diệt tận của sắc; đây là thọ, tưởng, hành, thức, đây là sự tập khởi của... thức, đây là sự đoạn tận của... thức.

"Thế nào là sự tập khởi của sắc? Sự tập khởi của thọ, tưởng, hành, thức? Phàm phu ngu si vô học nên đối với các thọ khổ, lạc, không khổ không lạc, không quán sát như thật rằng đây là sự tập khởi của thọ, sự diệt tận của thọ, vị ngọt của thọ, sự tai hại của thọ, sự xuất ly của thọ. Vì không biết quán sát như thật, nên đối với thọ lại ưa thích tham đắm mà sanh ra chấp thủ và thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão, bệnh, tử, ưu, bi, khổ, não; khối lớn đau khổ như vậy từ tập mà sanh. Đó gọi là sự tập khởi của sắc. Đó là sự tập khởi của thọ, tưởng, hành, thức.

"Thế nào là sự diệt tận của sắc? Sự diệt tận của thọ, tưởng, hành, thức? Đa văn Thánh đệ tử đối với các thọ khổ, lạc, không khổ không lạc, quán sát như thật rằng đây là sự tập khởi của thọ, sự diệt tận của thọ, vị ngọt của thọ, sự tai hại của thọ, sự xuất ly của thọ. Vì quán sát như thật nên đối với thọ sự ưa thích đắm trước bị đoạn trừ. Vì sự đắm trước đã bị đoạn trừ, nên chấp thủ cũng bị diệt. Vì thủ đã bị diệt, nên hữu cũng bị diệt. Vì hữu đã bị diệt, nên sanh cũng bị diệt. Vì sanh đã bị diệt, cho nên lão, bệnh, tử, ưu, bi, khổ, não cũng bị diệt; khối lớn đau khổ như vậy tất cả đều diệt. Đó gọi là sắc diệt. Đó gọi là thọ, tưởng, hành, thức diệt. Cho nên này Tỳ-kheo, hãy luôn luôn tu tập phương tiện thiền tư, cho tâm mình luôn tĩnh lặng. Tỳ-kheo an trụ thiền tư, thì bên trong tâm luôn tĩnh lặng, nỗ lực siêng năng phương tiện quán sát như thật."

Bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Cũng như kinh Quán sát, cũng vậy, có mười hai kinh[23] *tiếp theo là Phân biệt, Chủng chủng phân biệt, Tri, Quảng tri, Chủng chủng tri, Thân cận, Thân cận tu tập, Nhập, Xúc và Chứng.*

M

---

23. Trong bản Đại Chánh, ghi là hai kinh. Theo các bản, Phật Quang, Quốc Dịch và Ấn Thuận, đều đính chính là mười hai.

KINH 66. SANH[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Nên luôn luôn tu tập phương tiện thiền tư, cho trong tâm mình tịch lặng. Vì sao? Vì nhờ tu tập phương tiện thiền tư, trong tâm mình đã tịch lặng để quán sát như thật. Thế nào là quán sát như thật? Quán sát như thật rằng đây là sắc, đây là sự tập khởi của sắc, sự diệt tận của sắc. Đây là thọ, tưởng, hành, thức, sự tập khởi của... thức, sự diệt tận của... thức.

"Thế nào là sự tập khởi của sắc? Sự tập khởi của thọ, tưởng, hành, thức?

"Này Tỳ-kheo, phàm phu ngu si không học, không quán sát như thật về sự tập khởi của sắc, về vị ngọt của sắc, về sự tai hại của sắc, về sự xuất ly sắc, nên ưa muốn sắc kia, khen ngợi yêu đắm, nên sắc sẽ tái sanh lại vào đời vị lai. Đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng nói rộng như vậy. Khi sắc kia sanh, thọ, tưởng, hành, thức sanh; mà đối với sắc không giải thoát, đối với thọ, tưởng, hành, thức không giải thoát, Ta nói người đó sẽ không giải thoát sanh, lão, bệnh, tử, ưu, bi, khổ, não; thuần khối lớn đau khổ. Đó gọi là sự tập khởi của sắc, là sự tập khởi của thọ, tưởng, hành, thức.

"Thế nào là sự diệt tận của sắc và sự diệt tận của thọ, tưởng, hành, thức?

"Đa văn Thánh đệ tử quán sát như thật về sự tập khởi của sắc, sự diệt tận của sắc, vị ngọt của sắc, sự tai hại của sắc, sự xuất ly sắc, biết như thật. Do biết như thật nên không thích sắc, không khen ngợi sắc, không ưa đắm sắc, cũng không sanh ra sắc vị lai. Đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng nói rộng như vậy. Sắc không sanh, thọ, tưởng, hành, thức không sanh; do đó đối với sắc được giải thoát, đối với thọ, tưởng, hành, thức được giải thoát. Ta nói người này giải thoát sanh, lão, bệnh, tử, ưu, bi, khổ, não, thuần khối lớn đau khổ. Đó gọi là sự diệt tận của sắc, là sự diệt tận của thọ, tưởng, hành, thức.

---

1. Pāli, S. 22. 7. Upādāparitassanā.

"Cho nên, Tỳ-kheo, nên luôn luôn tu tập phương tiện thiền tư, để bên trong tâm mình tịch lặng, tinh tấn siêng năng phương tiện quán sát như thật."

Bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Cũng như kinh Quán sát, cũng vậy, cho đến kinh Tác chúng, gồm mười hai, cũng cần diễn rộng.

M

KINH 67. LẠC

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Hãy thường xuyên tu tập phương tiện thiền tư, cho nội tâm tĩnh lặng. Vì sao? Vì Tỳ-kheo tu tập phương tiện thiền tư, cho nội tâm tĩnh lặng để quán sát như thật. Thế nào là quán sát như thật? Biết như thật đây là sắc; đây là sự tập khởi của sắc, sự diệt tận của sắc; đây là thọ, tưởng, hành, thức, sự tập khởi của... thức, sự diệt tận của... thức.

"Thế nào là sự tập khởi của sắc và sự tập khởi của thọ, tưởng, hành, thức? Phàm phu ngu si không học, nên không biết như thật về sự tập khởi của sắc, về sự diệt tận của sắc, về vị ngọt của sắc, về sự tai hại của sắc, về sự xuất ly sắc. Vì không biết như thật nên ưa thích đắm trước vào sắc kia, khen ngợi sắc. Vì ưa thích đắm trước sắc, khen ngợi sắc nên chấp thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão, tử, ưu, bi, khổ, não; thuần khối lớn đau khổ như vậy sanh ra. Đó gọi là sự tập khởi của sắc, là sự tập khởi của thọ, tưởng, hành, thức.

"Thế nào là sự diệt tận của sắc? Sự diệt tận của thọ, tưởng, hành, thức? Đa văn Thánh đệ tử biết như thật về sự tập khởi của sắc, về sự diệt tận của sắc, về vị ngọt của sắc, về sự tai hại của sắc, về sự xuất ly của sắc. Vì biết như thật, nên không thích đắm sắc, không khen ngợi sắc. Vì không thích đắm trước, khen ngợi sắc cho nên ái lạc bị diệt trừ. Ái lạc diệt nên chấp thủ cũng diệt. Thủ diệt nên hữu diệt. Hữu diệt nên sanh diệt. Sanh đã bị diệt nên lão, bệnh, tử, ưu, bi, khổ, não cũng bị diệt; và như vậy thuần khối lớn đau khổ diệt.

"Thế nào là đa văn Thánh đệ tử biết như thật về thọ, tưởng, hành, thức và về sự tập khởi của... thức, về sự diệt tận của... thức, về vị ngọt của... thức, về sự tai hại của... thức, về sự xa lìa... thức? Vì đã biết như thật về chúng, nên không thích đắm... thức kia, không khen ngợi... thức. Vì không thích đắm... thức nên ái lạc diệt. Ái diệt, nên thủ diệt. Thủ diệt nên hữu diệt. Hữu diệt nên sanh cũng bị diệt. Sanh diệt nên lão, bệnh, tử, ưu, bi, khổ, não diệt, như vậy thuần khối lớn đau khổ tất cả đều diệt. Này Tỳ-kheo, đó gọi là sự diệt tận của sắc, là sự diệt tận của thọ, tưởng, hành, thức. Tỳ-kheo nên thường xuyên tu tập phương tiện thiền tư để cho nội tâm được tĩnh lặng."

Bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Cũng như kinh Quán sát, cũng vậy, cho đến kinh Tác chúng, gồm mười hai, cũng cần diễn rộng.

M

KINH 68. LỤC NHẬP XỨ[2]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Nên thường xuyên tu tập phương tiện thiền tư, để cho nội tâm được tĩnh lặng, thì mới quán sát như thật. Thế nào là quán sát như thật? Biết như thật đây là sắc; đây là sự tập khởi của sắc, sự diệt tận của sắc; đây là thọ, tưởng, hành, thức; đây là sự tập khởi của... thức, sự diệt tận của... thức.

"Thế nào là sự tập khởi của sắc? Sự tập khởi của thọ, tưởng, hành, thức? Do duyên mắt và sắc nên thức của mắt sanh; ba sự hòa hợp sanh xúc; duyên xúc sanh thọ, duyên thọ sanh ái, cho đến thuần khối lớn đau khổ sanh. Đó gọi là sự tập khởi của sắc. Duyên tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng như vậy. Do duyên ý và pháp, thức của ý sanh; ba sự hòa hợp sanh xúc, duyên xúc sanh thọ, duyên thọ sanh ái. Như vậy, cho đến thuần khối lớn đau khổ sanh. Đó gọi là sự tập khởi của sắc, là

2. Không thấy Pāli tương đương.

sự tập khởi của thọ, tưởng, hành, thức.

"Thế nào là sự diệt tận của sắc? Sự diệt tận của thọ, tưởng, hành, thức? Do duyên mắt và sắc nên thức của mắt sanh; ba sự hòa hợp sanh xúc. Khi xúc diệt thì thọ diệt, cho đến thuần khối lớn đau khổ diệt. Duyên tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng như vậy. Do duyên ý và pháp, thức của ý sanh; ba sự hòa hợp sanh xúc. Khi xúc diệt thì thọ diệt, thọ diệt... cho đến thuần khối lớn đau khổ diệt. Đó gọi là sự diệt tận của sắc là sự diệt tận của thọ, tưởng, hành, thức. Cho nên này các Tỳ-kheo, nên thường xuyên tu tập phương tiện thiền tư, để cho nội tâm được tĩnh lặng."

Bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Cũng như kinh Quán sát, cũng vậy, cho đến kinh Tác chúng, gồm mười hai, cũng cần diễn rộng.

Bài kệ tóm tắt:

Thọ và sanh và lạc,
Cũng nói lục nhập xứ,
Mỗi một mười hai thứ,
Kinh thiền định tam-muội.

M

KINH 69. KỲ ĐẠO[3]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Nay Ta sẽ nói về con đường dẫn đến sự tập khởi của hữu thân[4] và về con đường dẫn đến sự diệt tận của hữu thân.

"Thế nào là con đường dẫn đến sự tập khởi của hữu thân? Phàm phu ngu si không học, nên không biết như thật về sự tập khởi của sắc, về sự diệt tận của sắc, về vị ngọt của sắc, về sự tai hại của sắc, về sự

---

3. Quốc Dịch, phẩm 13, quyển 4. Pāli, S. 22. 44. Paṭipadā.

4. Hữu thân tập thú đạo ——————D. Pāli: sakkāyasamudayagāmini-paṭipadā.

xuất ly sắc. Vì không biết như thật, nên ưa thích sắc, khen ngợi sắc, đắm trước sắc, trụ vào sắc. Vì đã ưa thích sắc, khen ngợi sắc, đắm trước sắc, trụ vào sắc, nên yêu thích chấp thủ. Thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão, bệnh, tử, ưu, bi, khổ, não; thuần khối lớn đau khổ như vậy được sanh ra. Đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng nói rộng như vậy. Đó gọi là con đường dẫn đến sự tập khởi của hữu thân. Tỳ-kheo, nên biết, con đường dẫn đến sự tập khởi của hữu thân, chính là con đường dẫn đến sự tập khởi của khổ.

"Thế nào là con đường dẫn đến sự diệt tận của hữu thân? Đa văn Thánh đệ tử biết như thật về sắc, về sự tập khởi của sắc, về sự diệt tận của sắc, về vị ngọt của sắc, về sự tai hại của sắc, về sự xuất ly sắc. Vì đã biết như thật nên đối với sắc không ưa, không khen, không đắm, không trụ. Vì không ưa, không khen, không đắm, không trụ nên ái lạc sắc kia diệt. Ái lạc diệt, thì thủ cũng diệt; thủ diệt thì hữu diệt, hữu diệt thì sanh diệt, sanh diệt thì lão, bệnh, tử, ưu, bi, khổ, não, thuần khối lớn đau khổ như vậy diệt. Cũng như sắc, đối với thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy. Đó gọi là con đường đưa đến sự diệt tận của hữu thân. Con đường đưa đến sự diệt tận của hữu thân này cũng là con đường đưa đến sự diệt tận của khổ. Cho nên nói là con đường đưa đến sự diệt tận của hữu thân.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Như kinh Đương thuyết, hai kinh Hữu và Đương tri cũng vậy[5].

M

KINH 70. THẬT GIÁC[6]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

---

5. Kinh này cũng được gọi là *Đương thuyết* (sẽ nói), vì bắt đầu bằng hai chữ như vậy. Hai kinh tiếp theo hoàn toàn đồng nhất với kinh này, nên không chép. Đây lời của người truyền kinh.

6. Pāli 22. 103. Antā.

"Nay Ta sẽ nói về biên tế của hữu thân[7], về biên tế tập khởi của hữu thân[8], về biên tế diệt tận của hữu thân[9]. Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì các ông mà nói.

"Thế nào là biên tế của hữu thân? Là chỉ cho năm thọ ấm, đó là: Sắc thọ ấm; thọ, tưởng, hành, thức thọ ấm. Đó gọi là biên tế của hữu thân.

"Thế nào là biên tế tập khởi của hữu thân? Đó là ái, ái về hữu đương lai đi đôi với tham hỷ, đắm trước cái này hay cái kia[10]. Đó gọi là tập khởi của hữu thân.

Thế nào là biên tế diệt tận của hữu thân? Tức là ái này, ái về hữu đương lai đi đôi với tham hỷ, đắm trước cái này hay cái kia, tất cả đều được đoạn trừ, diệt tận khổ khổ, ly dục, tịch diệt, tĩnh chỉ. Đó là biên tế sự diệt tận của hữu thân. Đó là nói về biên tế hữu thân, về biên tế sự tập khởi của hữu thân, về biên tế sự đoạn diệt của hữu thân.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Như kinh Đương thuyết, hai kinh Hữu và Đương tri cũng vậy.

M

KINH 71. HỮU THÂN[11]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Nay Ta nói về hữu thân[12], về sự tập khởi của hữu thân, về con đường dẫn đến sự diệt tận của hữu thân[13]. Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì các ông mà nói.

---

7. Hữu thân biên ———. Pāli: sakkāyanta.
8. Hữu thân tập biên ————. Pāli: sakkāya-samudayanta.
9. Hữu thân diệt biên ————. Pāli: sakkāya-nirodhānta.
10. Pāli: tatra-tatrabhinandinī, seyyathidaṃ kāmataṇhā bhavataṇhā vibhavataṇhā, ưa thích nơi này nơi kia, tức là dục ái, hữu ái, phi hữu ái.
11. Pāli, S.22. 105. Sakkāya.
12. Hữu thân ——. Pāli: sakkāya.
13. Hữu thân diệt đạo tích————D—.

"Thế nào là hữu thân? Là năm thọ ấm. Đó là: sắc thọ ấm; thọ, tưởng, hành, thức thọ ấm. Đó gọi là hữu thân.

"Thế nào là sự tập khởi của hữu thân? Đó là ái, ái về hữu đương lai đi đôi với tham hỷ, đắm trước cái này hay cái kia[14]. Đó gọi là sự tập khởi của hữu thân.

"Thế nào là sự diệt tận của hữu thân? Tức là ái này, ái về hữu đương lai đi đôi với tham hỷ, đắm trước cái này hay cái kia, tất cả đều được đoạn trừ, diệt tận khổ, ly dục, tịch diệt, tĩnh chỉ. Đó gọi là sự diệt tận của hữu thân.

"Thế nào là con đường đưa đến sự diệt tận của hữu thân? Là chỉ cho tám Thánh đạo: Chánh kiến, chánh chí, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định. Đó gọi là con đường đưa đến sự diệt tận của hữu thân.

"Đó là nói về hữu thân, về sự tập khởi của hữu thân, về sự diệt tận của hữu thân, về con đường đưa đến sự diệt tận của hữu thân."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Như kinh Đương thuyết, hai kinh Hữu và Đương tri cũng vậy.

Nhưng có sự sai biệt:

"Tỳ-kheo biết hữu thân, đoạn tập khởi của hữu thân, chứng diệt của hữu thân, tu tập con đường đưa đến sự diệt tận của hữu thân. Đó là Tỳ-kheo đoạn trừ các kết sử, triền phược của ái dục, tu vô gián đẳng, cứu cánh khổ biên."

Lại có sự sai biệt:

"Đó gọi là Tỳ-kheo đã cứu cánh khổ biên, cứu cánh ly cấu, cứu cánh phạm hạnh, là bậc thượng sĩ thuần tịnh."

Lại có sự sai khác:

"Đó gọi là Tỳ-kheo A-la-hán, sạch hết các lậu hoặc, những gì cần làm đã làm xong, đã trút bỏ gánh nặng, đã đạt được mục đích của mình, dứt sạch các kết sử, chánh trí tâm giải thoát."

Lại có sự sai biệt:

"Đó gọi là Tỳ-kheo đã phá sập quan ải, vượt hào, siêu việt cảnh giới, thoát khỏi các sự canh phòng, dựng cờ Thánh pháp."

---

14. Xem cht.33, kinh 70.

Lại có sự sai biệt:

"Thế nào là đã phá sập quan ải? Là đã dứt bỏ được năm hạ phần kết. Thế nào là vượt hào? Là vượt khỏi hào sâu vô minh. Thế nào là siêu việt khỏi cảnh giới? Là đến chỗ cùng tột không đầu mối của sanh tử. Thế nào là thoát khỏi các sự canh phòng? Là ái đã hết sạch. Thế nào dựng cờ Thánh pháp? Là ngã mạn đã dứt sạch."

Lại có sự sai biệt:

"Đó gọi là Tỳ-kheo đoạn năm chi, thành tựu sáu chi, thủ hộ một, y bốn thứ, xả các đế, lìa các thứ mong cầu, tịnh các giác, thân hành tịch tĩnh, tâm khéo giải thoát, tuệ khéo giải thoát, vô thượng phạm hạnh thuần nhất đã lập."

Kệ tóm tắt:

Kỳ đạo, có ba kinh,
Thật giác cũng ba kinh,
Hữu thân kinh thuyết,
La-hán có sáu hạng.

M

KINH 72. TRI PHÁP[15]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Ta sẽ nói về các pháp sở tri, trí và trí giả[16]. Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì ngươi mà nói.

"Thế nào là các pháp đã sở tri? Là năm thọ ấm. Đó là: Sắc thọ ấm và thọ, tưởng, hành, thức thọ ấm. Đó gọi là những pháp sở tri.

"Thế nào là trí? Là sự điều phục dục tham, đoạn trừ dục tham, siêu việt dục tham. Đó gọi là trí.

"Thế nào gọi là trí giả? Đó là A-la-hán. A-la-hán chẳng phải tồn

---

15. Quốc Dịch, phẩm 14. Pāli, S. 22. 23. Pariññāyya.

16. Sở tri pháp, trí, trí giả ———k———F pháp cần được nhận thức toàn diện (Pāli: pariññeyya: ưng biến tri); sự nhận thức toàn diện (pariññā: biến tri trí) và người có nhận thức toàn diện (Pāli không đề cập).

tại sau khi chết, chẳng phải không, chẳng phải có không tồn tại sau khi chết, chẳng phải chẳng có không tồn tại sau khi chết. Nói rộng ra vô lượng, các số đã vĩnh viễn dứt sạch. Đó gọi là nói về các pháp sở tri, trí và trí giả."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 73. TRỌNG ĐẢM[17]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Nay Ta sẽ nói về gánh nặng, thủ gánh nặng, xả gánh nặng và người đang gánh nặng[18]. Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì ngươi mà nói.

"Thế nào là gánh nặng? Là năm thọ ấm. Đó là: Sắc thọ ấm và thọ, tưởng, hành, thức thọ ấm.

"Thế nào là thủ gánh nặng? Đó là ái, ái về hữu đương lai đi đôi với tham hỷ, đắm trước cái này hay cái kia[19].

"Thế nào là xả gánh nặng? Tức là ái này, ái về hữu đương lai đi đôi với tham hỷ, đắm trước cái này hay cái kia, tất cả đều được đoạn trừ, diệt tận khổ khổ, ly dục, tịch diệt, tĩnh chỉ.

"Thế nào là người đang gánh nặng? Chính là con người[20]. Con người này có tên như vậy, thọ sanh như vậy, dòng họ như vậy, ăn uống như vậy, cảm thọ khổ lạc như vậy, tồn tại như vậy, thọ mạng như vậy, giới hạn thọ mạng sống như vậy. Đó gọi là gánh nặng, thủ gánh nặng, xả gánh nặng và người đang gánh nặng."

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói kệ rằng:

Đã vứt bỏ gánh nặng,

---

17. Gánh nặng. Pāli, S. 22. 22. Bhāra.

18. Trọng đảm, thủ đảm, xả đảm, đảm giả ——————. Pāli: bhāra, bhāradāna, bhāranikkhepana, bharahāra.

19. Xem cht.33, kinh 70.

20. Hán: sĩ phu ━h━. Pāli: puggala (bổ-đặc-già-la).

Không nên nhận trở lại.
Gánh nặng là khổ lớn,
Trút gánh là vui nhiều.
Đoạn trừ tất cả ái,
Thì sạch tất cả hành.
Thấu triệt mọi cảnh khác,
Không còn luận chuyển hữu.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 74. VÃNG NGHỆ[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Có năm thọ ấm, đó là: Sắc thọ ấm và thọ, tưởng, hành, thức thọ ấm. Phàm phu ngu si không học không biết như thật về sắc, về sự tập khởi của sắc, về sự diệt tận của sắc, về vị ngọt của sắc, về sự tai hại của sắc, về sự xuất ly sắc. Vì không biết như thật, nên đối với sắc có sự thích thú, ngợi khen, đắm trước, bị dính mắc mà trụ; bị trói buộc bởi dây trói của sắc, bị trói buộc bởi dây trói bên trong, không biết nguồn gốc, không biết biên tế, không biết xuất ly.

"Đó gọi là kẻ phàm phu ngu si không học, vì bị trói buộc nên sanh, vì bị trói buộc nên chết, vì bị trói buộc từ đời này sang đời khác, nên người này sanh ra cũng vì sự trói buộc mà chết đi cũng vì sự trói buộc.

"Đó gọi là kẻ phàm phu ngu si không học, bị ma khống chế, vào trong lưới ma, theo ma biến hóa[2], bị ma trói buộc, bị ma lôi kéo. Đối với thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy.

"Đa văn Thánh đệ tử biết như thật về sắc, về sự tập khởi của sắc, về sự diệt tận của sắc, về vị ngọt của sắc, về sự tai hại của sắc, về sự xuất ly sắc. Vì đã biết như thật, nên không tham vui sắc, không ngợi khen, không bị dính mắc mà trụ; không bị trói buộc bởi dây trói của sắc, không bị trói buộc bởi dây trói bên trong, biết nguồn gốc, biết biên tế, biết xuất ly.

"Đó gọi là đa văn Thánh đệ tử, không bị lệ thuộc vào sự trói buộc mà sanh, không bị lệ thuộc vào sự trói buộc mà chết, không bị lệ thuộc vào sự trói buộc từ đời này sang đời khác; không bị ma khống chế, không bị rơi vào tay ma, không bị ma tạo tác[3], không bị ma trói buộc, giải thoát sự trói buộc của ma, lìa khỏi sự dẫn dắt của ma. Đối với thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy."

---

1. Pāli, S. 22. 117. Bandhana; 22. 65. Abhinnandamāna.
2. Ma sở hóa ▬]▬▬F đoạn dưới nói là ma sở tác ▬]▬▬@.
3. Xem cht.45 trên.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 75. QUÁN[4]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Có năm thọ ấm. Đó là, sắc thọ ấm. Tỳ-kheo đối với sắc nhàm tởm, ly dục, tịch diệt, không làm sanh khởi, giải thoát. Đó gọi là Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác. Cũng vậy, thọ, tưởng, hành, thức; nhàm tởm, ly dục, tịch diệt, không làm sanh khởi, giải thoát. Đó gọi là Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác.

"Lại nữa, Tỳ-kheo, đối với sắc nhàm tởm, ly dục, tịch diệt, không làm sanh khởi, giải thoát. Đó gọi là A-la-hán tuệ giải thoát. Cũng vậy, thọ, tưởng, hành, thức; nhàm tởm, ly dục, tịch diệt, không làm sanh khởi, giải thoát. Đó gọi là A-la-hán tuệ giải thoát.

"Này Tỳ-kheo, Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác và A-la-hán tuệ giải thoát có sự sai biệt nào?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Như Lai là gốc của pháp, là con mắt của pháp, là nơi nương tựa của pháp. Cúi xin Đức Thế Tôn vì các Tỳ-kheo mà nói rộng nghĩa này. Các Tỳ-kheo sau khi nghe xong sẽ thực hành theo."

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì các ông mà nói.

"Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác chưa từng nghe pháp nhưng có thể tự mình giác ngộ pháp, tự thông đạt Vô thượng Bồ-đề, rồi để giác ngộ cho hàng Thanh văn trong đời vị lai mà nói pháp, đó là, bốn Niệm xứ, bốn Chánh cần, bốn Như ý túc, năm Căn, năm Lực, bảy Giác chi, tám Thánh đạo. Này các Tỳ-kheo, đó gọi là Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác đạt được những gì chưa đạt, được những cái lợi chưa từng được lợi, biết đạo, phân biệt đạo, nói đạo, thông suốt

---

4. Pāli, S. 22. 58. Sambuddha.

đạo; lại có thể thành tựu cho các Thanh văn, truyền dạy, răn bảo; như vậy mà thuận theo thiện pháp, hoan hỷ thiện pháp. Đó gọi là sự sai biệt giữa Như Lai và A-la-hán."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 76. DỤC[5]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Có năm thọ ấm. Đó là, sắc thọ ấm và thọ, tưởng, hành, thức thọ ấm.

"Này các Tỳ-kheo, hãy quán sát sắc. Sau khi quán sát sắc, thấy có ngã, khác ngã, hay ở trong nhau không?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Thưa không, Thế Tôn."

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Lành thay! Lành thay! Sắc là vô ngã. Cái gì vô ngã thì vô thường, vô thường thì khổ. Nếu khổ thì kia tất cả đều chẳng phải ngã, không phải khác ngã, không ở trong nhau. Hãy quán sát như vậy.

"Thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy.

"Đa văn Thánh đệ tử đối với năm thọ ấm này quán sát là chẳng phải ngã, chẳng phải ngã sở. Khi đã quán sát như vậy rồi, đối với thế gian không có gì để chấp thủ. Khi đã không có gì để chấp giữ thì sẽ không có gì để đắm trước. Khi đã không có gì để đắm trước thì sẽ tự giác ngộ Niết-bàn: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.'"

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

---

5. Pāli, S. 22. 118-119. Parimucchita.

KINH 77. SANH (1)[6]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Hãy đoạn trừ dục tham ở nơi sắc. Dục tham đã đoạn trừ rồi thì sắc đoạn. Khi sắc đoạn rồi, thì được biến tri về đoạn[7]. Khi được biến tri về đoạn, thì gốc rễ bị đoạn. Như chặt ngọn cây Ta-la, sau này không còn tái sanh được nữa. Cũng vậy, thọ, tưởng, hành, thức, dục tham đoạn... cho đến, đời sau không tái sanh được nữa."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 78. SANH (2)[8]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Nếu sắc khởi, trụ, xuất thì khổ ở đây khởi, bệnh ở đây trụ, già, chết ở đây xuất. Đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy.

"Tỳ-kheo, nếu sắc diệt, ngừng nghỉ, biến mất thì khổ ở đây diệt, bệnh ở đây dừng, già chết ở đây biến mất. Đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 79. SANH (3)[9]

Tôi nghe như vầy:

---

6. Pāli, 22. 25. Chadarāga.

7. Đoạn tri -_——A hay đoạn biến tri, nhận thức toàn diện về sự đoạn trừ, tức đã đoạn trừ triệt để. Pāli: pahāna-pariññā.

8. Pāli, S. 22. 30. Uppādaṃ.

9. Pāli, S. 22. 9-11. Atītānāgatapaccuppanna.

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Sắc quá khứ, vị lai còn là vô thường, huống nữa là sắc hiện tại. Đa văn Thánh đệ tử quán sát như vậy rồi, không nuối tiếc sắc quá khứ, không cầu mong sắc vị lai và đối với sắc hiện tại thì nhàm chán, ly dục, diệt tận. Đối với thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy.

"Tỳ-kheo, nếu không có sắc quá khứ, đa văn Thánh đệ tử không có việc không nuối tiếc sắc quá khứ; vì có sắc quá khứ cho nên đa văn Thánh đệ tử không nuối tiếc sắc quá khứ. Nếu không có sắc vị lai, đa văn Thánh đệ tử không có việc không cầu mong sắc vị lai rồi; vì có sắc vị lai cho nên đa văn Thánh đệ tử không cầu mong sắc vị lai. Nếu không có sắc hiện tại, đa văn Thánh đệ tử không có việc đối với sắc hiện tại mà nhàm chán, hướng đến lìa dục, diệt tận; vì có sắc hiện tại cho nên đa văn Thánh đệ tử đối với sắc hiện tại mà nhàm chán, hướng đến lìa dục, diệt tận. Đối với thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 80. PHÁP ẤN[10]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Ta sẽ nói về Thánh pháp ấn và Kiến thanh tịnh. Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ.

"Nếu có Tỳ-kheo nói như vầy, Tôi đối với tam-muội Không[11] chưa có sở đắc, mà khởi Vô tướng, Vô sở hữu, lìa được tri kiến kiêu mạn.' Thì đừng nên nói như vậy. Vì sao? Vì nếu đối với Không chưa đạt được, mà nói là Tôi đã đạt được Vô tướng, Vô sở hữu, lìa được tri kiến kiêu mạn, thì việc này sẽ không xảy ra.

"Nếu có Tỳ-kheo nói như vầy, 'Tôi đã đạt được Không, có khả năng khởi lên Vô tướng, Vô sở hữu, lìa được tri kiến kiêu mạn.' Thì đây là lời nói chính xác. Vì sao? Vì nếu đã đạt được Không rồi, thì sẽ có khả năng khởi lên Vô tướng, Vô sở hữu, lìa được tri kiến kiêu mạn; điều này chắc chắn có thể xảy ra.

"Thế nào là đối với Kiến thanh tịnh của Thánh đệ tử?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Phật là gốc pháp, là con mắt pháp, là nơi nương tựa của pháp. Cúi xin hãy vì chúng con mà nói. Các Tỳ-kheo sau khi nghe pháp xong, sẽ thực hành theo lời dạy."

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Nếu Tỳ-kheo nào, ngồi dưới gốc cây, chỗ trống vắng, mà khéo quán sát sắc là vô thường, là pháp ma diệt, ly dục. Cũng vậy, quán sát thọ, tưởng, hành, thức là vô thường, là pháp ma diệt, ly dục. Quán các thọ ấm kia là vô thường, là pháp ma diệt, không bền chắc, biến dịch, thì tâm sẽ được an lạc, thanh tịnh, giải thoát. Đó gọi là Không. Quán sát như vậy cũng không thể lìa kiêu mạn, có tri kiến thanh tịnh.

"Lại có tam-muội chánh tư duy, là quán sát sự đoạn tận của tướng sắc, sự đoạn tận của tướng thanh, hương, vị, xúc, pháp. Đó gọi

---

10. Không thấy Pāli tương đương.

11. Không, Vô tướng, Vô nguyện: ba Tam-muội môn.

là vô tướng. Quán sát như vậy cũng chưa lìa kiêu mạn, có tri kiến thanh tịnh.

"Lại có tam-muội chánh tư duy, là quán sát sự đoạn trừ tướng tham, tướng sân nhuế, tướng ngu si. Đó gọi là Vô sở hữu. Quán sát như vậy cũng chưa lìa kiêu mạn, có tri kiến thanh tịnh.

"Lại có tam-muội chánh tư duy, là quán sát ngã và ngã sở từ đâu sanh ra?

"Lại có tam-muội chánh tư duy, là quán sát về ngã, ngã sở từ thấy, nghe, ngửi, nếm, chạm, biết mà sanh ra.

"Lại quán sát, do nhân gì, duyên gì mà có thức; nhân, duyên của thức kia là thường hay vô thường?

"Lại tư duy do nhân gì, duyên gì mà có thức; nhân kia, duyên kia của thức đều là vô thường. Lại nữa, nhân kia, duyên kia tất cả đều là vô thường, thức được sanh bởi đó làm sao là thường được? Vô thường là hành của hữu vi, từ duyên khởi, là pháp tai hại, là pháp hoại diệt, là pháp ly dục, là pháp đoạn tri[12]. Đó gọi là Thánh pháp ấn, Tri kiến thanh tịnh.

"Đó là nói rằng, 'Tỳ-kheo Ta sẽ nói về Thánh pháp ấn và Kiến thanh tịnh.' Được nói rộng như vậy.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 81. PHÚ-LAN-NA[13]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú Tỳ-da-ly, trong giảng đường Trùng các, bên bờ ao Di-hầu.

Bấy giờ có người Ly-xa[14] tên là Ma-ha-nam[15], thường ngày hay du hành đến chỗ Đức Phật. Ly-xa này bấy giờ tự nghĩ: 'Nếu ta đến sớm chỗ Phật, thì hiện giờ Đức Thế Tôn và các Tỳ-kheo quen biết của

12. Xem cht.50 kinh 77 trên.

13. Pāli, S. 22. 60. Mahāli.

14. Ly-xa——. Pāli, Liccha, một thị tộc hùng mạnh thời Phật.

15. Ma-ha-nam ——F-k. Pāli: Mahānāma. Nhưng bản Pāli nói là Mahāli.

ta đều đang thiền tư. Bây giờ ta nên đến chỗ ngoại đạo A-kỳ-tỳ nơi bảy cây Yêm-la.' Rồi ông đến chỗ ở của Phú-lan-na Ca-diếp[16] này.

Hiện Phú-lan-na Ca-diếp đang là thủ lãnh chúng ngoại đạo gồm năm trăm người, đang vây quanh trước sau, tiếng cười đùa huyên náo, bàn luận việc thế gian. Bấy giờ, Ca-diếp từ xa nhìn thấy Ly-xa Ma-ha-man đang đến, liền bảo các quyến thuộc của mình nên giữ yên tĩnh, "Các ông nên giữ yên lặng. Đó là Ly-xa Ma-ha-man, là đệ tử của Sa-môn Cù-đàm. Ông ta là đệ tử tại gia của Sa-môn Cù-đàm và cũng là người đứng đầu ở Tỳ-da-ly. Ông ta luôn thích sự tĩnh lặng và khen ngợi sự tĩnh lặng. Chỗ ông ta đến là nơi đồ chúng tĩnh lặng, vì thế cho nên các ông nên giữ sự yên lặng."

Khi Ma-ha-nam đến chỗ đồ chúng Phú-lan-na, cùng với Phú-lan-na thăm hỏi sức khỏe nhau, rồi ngồi qua một bên. Bấy giờ, Ma-ha-nam hỏi Phú-lan-na rằng:

"Tôi nghe Phú-lan-na vì các đệ tử nói pháp rằng, sự cấu uế hiện có của chúng sanh không do nhân, không do duyên và, sự thanh tịnh hiện có của chúng sanh cũng không nhân, không duyên. Hiện thế gian đang truyền luận thuyết này. Có thật đây là những lời hủy báng nhau của người ngoài, hay người đời bày đặt ra? Đó là pháp, hay phi pháp? Ông có cùng tranh luận với người đời, bị nạn vấn, bị chỉ trích không?

Phú-lan-na Ca-diếp đáp:

"Thật sự, có luận thuyết này, chứ không phải là người đời ngoa truyền. Tôi đã lập ra luận thuyết này. Đó là luận như pháp. Tôi đã nói pháp này. Tất cả đều thuận theo pháp. Không có người thế gian nào đến đây nạn vấn và chỉ trích. Vì sao? Ma-ha-nam, tôi thấy như vậy, nói như vậy: 'Sự cấu uế hiện có của chúng sanh là không nhân, không duyên và sự thanh tịnh hiện có của chúng sanh là không nhân, không duyên.'"

Khi Ma-ha-nam nghe những gì Phú-lan-na đã nói, lòng không vui, chỉ trích, rồi từ chỗ ngồi đứng dậy ra về. Ông đến chỗ Đức Thế Tôn, đầu mặt lạy sát chân Phật, rồi ngồi qua một bên, đem tất cả mọi chuyện đã bàn luận cùng Phú-la-na trình hết lên Thế Tôn.

Phật bảo Ly-xa Ma-ha-nam:

---

16. Phú-lan-na Ca-diếp 富蘭那迦葉. Pāli: Pūraṇa Kassapa.

"Đó là những lời nói không cân nhắc[17] của Phú-lan-na, không đáng để ghi nhớ. Như vậy, Phú-lan-na là người ngu si, thiếu hiểu biết, không thiện xảo, khi chủ trương không nhân mà nói như vầy: 'Sự cấu uế hiện có của chúng sanh là không nhân, không duyên và sự thanh tịnh hiện có của chúng sanh cũng không nhân, không duyên.' Vì sao? Có nhân, có duyên khiến chúng sanh có cấu uế; có nhân, có duyên khiến chúng sanh thanh tịnh.

"Ma-ha-nam, do nhân gì, duyên gì mà chúng sanh có cấu uế?

"Này Ma-ha-nam, nếu sắc chỉ một mực là khổ, không phải lạc, không phải tùy lạc, không được trưởng dưỡng bởi lạc, xa lìa lạc, thì chúng sanh đã không nhân đây mà sanh ra sự ái lạc đắm trước. Nhưng, này Ma-ha-nam, sắc chẳng phải chỉ một mực là khổ, không phải lạc, mà là tùy lạc, được trưởng dưỡng bởi lạc, chẳng xa lìa lạc, cho nên chúng sanh nhiễm đắm sắc. Do nhiễm đắm nên bị trói buộc; vì bị trói buộc, nên có phiền não.

"Này Ma-ha-nam, nếu thọ, tưởng, hành, thức chỉ một mực là khổ, không phải lạc, không phải tùy lạc, không được trưởng dưỡng bởi lạc, xa lìa lạc, thì chúng sanh đã không nhân đây mà sanh ra sự ái lạc đắm trước. Nhưng, này Ma-ha-nam, vì... thức chẳng phải chỉ một mực là khổ, không phải lạc, mà là tùy lạc, được trưởng dưỡng bởi lạc, chẳng xa lìa lạc, cho nên chúng sanh nhiễm đắm... thức. Vì đã bị nhiễm đắm nên bị trói buộc; vì bị trói buộc nên sanh ra phiền não.

"Đó gọi là có sự cấu uế của chúng sanh là có nhân, có duyên.

"Ma-ha-nam, vì nhân gì, duyên gì mà chúng sanh thanh tịnh?

"Này Ma-ha-nam, nếu sắc chỉ một mực là lạc, chẳng phải khổ, chẳng phải tùy khổ, chẳng phải trưởng dưỡng ưu khổ, xa lìa khổ, thì chúng sanh không nên nhân sắc này mà sanh ra nhàm chán, xa lìa. Nhưng, này Ma-ha-nam, vì sắc chẳng phải chỉ một mực là lạc, mà là khổ, tùy khổ, nuôi lớn sầu khổ, chẳng xa lìa khổ, cho nên chúng sanh đối với sắc sanh ra nhàm chán, xa lìa. Vì nhàm chán nên không thích; vì không thích nên giải thoát.

"Này Ma-ha-nam, nếu thọ, tưởng, hành, thức chỉ một mực là lạc, chẳng phải khổ, chẳng phải tùy khổ, chẳng phải trưởng dưỡng ưu khổ,

---

17. Xuất ý ngữ -x-n-y. Pāli: adhivitti pada.

xa lìa khổ, thì chúng sanh không nên nhân nơi... thức mà sanh ra nhàm chán, xa lìa. Nhưng, này Ma-ha-nam, vì thọ, tưởng, hành, thức chẳng phải chỉ một mực là lạc, mà là khổ, tùy khổ, nuôi lớn sầu khổ, chẳng xa lìa khổ, cho nên chúng sanh đối với sắc sanh ra nhàm chán, xa lìa. Vì nhàm chán nên không thích; vì không thích nên giải thoát.

"Này Ma-ha-nam, đó gọi là sự thanh tịnh của chúng sanh là có nhân, có duyên."

Khi Ma-ha-nam nghe những gì Đức Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

Bài kệ tóm tắt:

Tri pháp cùng trọng đảm,
Vãng nghệ, quán, dục tham.
Kinh sanh và lược thuyết,
Pháp ấn, Phú-lan-na.

M

KINH 82. TRÚC VIÊN[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú tại Chi-đề, tinh xá Trúc viên.

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Đa văn Thánh đệ tử ở nơi cái gì mà thấy vô thường, khổ?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật rằng:

"Thế Tôn là gốc pháp, là con mắt pháp, là nơi nương tựa của pháp, cúi xin vì chúng con mà nói. Sau khi nghe xong các Tỳ-kheo sẽ y như những lời dạy mà thực hành.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì các ông mà nói.

"Đa văn Thánh đệ tử ở nơi sắc thấy là vô thường, khổ; ở nơi thọ, tưởng, hành, thức thấy là vô thường, khổ.

"Tỳ-kheo, sắc là thường hay vô thường?"

Tỳ-kheo bạch Phật:

"Thế Tôn, là vô thường."

"Tỳ-kheo, vô thường là khổ phải không?"

Tỳ-kheo bạch Phật:

"Thế Tôn, là khổ."

"Tỳ-kheo, nếu vô thường, khổ là pháp biến dịch, vậy thì là đa văn Thánh đệ tử ở trong đó có thấy ngã, khác ngã, hay ở trong nhau không?"

Tỳ-kheo bạch Phật:

"Thế Tôn, không."

"Đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Cho nên, Tỳ-kheo, những gì là sắc, hoặc quá khứ, hoặc hiện tại, hoặc vị lai; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô, hoặc tế; hoặc tốt, hoặc xấu; hoặc xa, hoặc gần; tất cả chúng đều chẳng phải ngã, chẳng khác ngã, chẳng ở trong nhau. Thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy. Đa văn Thánh đệ tử quán sát như vậy mà nhàm chán sắc, nhàm chán thọ, tưởng, hành, thức. Vì nhàm chán nên không còn thích; vì không thích nên được giải thoát; vì đã được giải thoát cho nên biết rằng, 'Ta, sự sanh đã dứt,

---

1. Quốc Dịch, phẩm 7, quyển 2. Không thấy Pāli tương đương.

phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.'"

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 83. TỲ-DA-LY[2]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú Tỳ-da-ly, trong giảng đường Trùng các, bên bờ ao Di-hầu.

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Đa văn Thánh đệ tử ở nơi cái gì thấy chẳng phải ngã, chẳng phải khác ngã, chẳng ở trong nhau; bằng quán sát bình đẳng như vậy mà tri kiến như thật?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Thế Tôn là gốc pháp, là con mắt pháp, là nơi nương tựa của pháp, cúi xin vì chúng con mà nói. Sau khi nghe xong các Tỳ-kheo sẽ y như những lời dạy mà thực hành."

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì các ông mà nói.

"Đa văn Thánh đệ tử ở nơi sắc thấy chẳng phải ngã, chẳng phải khác ngã, chẳng ở trong nhau. Đó gọi là quán chánh xác như thật. Thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy."

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Sắc là thường hay vô thường?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Thế Tôn, là vô thường."

Lại bảo các Tỳ-kheo:

"Vô thường là khổ chăng?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Thế Tôn, là khổ."

"Tỳ-kheo, nếu vô thường, khổ là pháp biến dịch, vậy thì đa văn

---

2. Không thấy Pāli tương đương.

Thánh đệ tử ở trong đó có thấy có ngã, khác ngã, hay ở trong nhau không?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Thế Tôn, không."

"Thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy. Cho nên, Tỳ-kheo, những gì là các sắc, hoặc quá khứ, hoặc hiện tại, hoặc vị lai; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô, hoặc tế; hoặc tốt, hoặc xấu; hoặc xa, hoặc gần; tất cả chúng đều chẳng phải ngã, chẳng phải khác ngã, chẳng ở trong nhau. Đó gọi là quán chính xác như thật. Thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy. Đa văn Thánh đệ tử quán sát như vậy đối với sắc được giải thoát, đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng được giải thoát. Ta nói người này giải thoát khỏi sanh, lão, bệnh, tử, ưu, bi, khổ, não, cùng tụ lớn thuần khổ."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 84. THANH TỊNH[3]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Sắc là vô thường. Vô thường thì khổ. Khổ chẳng phải là ngã. Chẳng phải ngã thì tất cả kia chẳng phải ngã, chẳng khác ngã, chẳng ở trong nhau, biết như thật[4], đó gọi là chánh quán. Thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy. Đa văn Thánh đệ tử, đối với năm thọ ấm này quán sát chẳng phải ngã, chẳng phải ngã sở. Quán sát như vậy, đối với các thế gian không có gì để chấp thủ. Vì không có gì để chấp thủ nên không có gì để đắm nhiễm; vì không có gì để đắm nhiễm nên tự mình giác ngộ Niết-bàn: Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.'"

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 85. CHÁNH QUÁN SÁT[5]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Tỳ-kheo, ở nơi cái gì mà không thấy là ngã, khác ngã, hay ở trong nhau?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Thế Tôn là gốc pháp, là con mắt pháp, là nơi nương tựa của pháp, cúi xin vì chúng con mà nói. Các Tỳ-kheo sau khi nghe xong sẽ y theo những lời dạy mà thực hành."

---

3. Pāli, S. 22. 45. Aniccā.

4. Yadanattā tam n'etam mama nesoham asmi, na meso nattā 'ti, vô ngã là cái này không phải của tôi, tôi không phải là cái này, cái này không phải là tự ngã của tôi.

5. Pāli, S. 22. 46 Aniccā.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì các ông mà nói.

"Ở nơi sắc không thấy có ngã, khác ngã, ở trong nhau. Thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy.

"Tỳ-kheo, sắc là thường hay vô thường?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Thế Tôn, là vô thường."

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Có phải vô thường là khổ?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Thế Tôn, là khổ."

"Tỳ-kheo, nếu vô thường, khổ, đó là pháp biến dịch, vậy đa văn Thánh đệ tử ở trong đó có thấy ngã, khác ngã, hay ở trong nhau không?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Thế Tôn, không."

"Thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Cho nên, Tỳ-kheo, những gì thuộc sắc, hoặc quá khứ, hoặc hiện tại, hoặc vị lai; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô, hoặc tế; hoặc tốt, hoặc xấu; hoặc xa, hoặc gần; tất cả chúng chẳng phải ngã, chẳng phải khác ngã, chẳng phải ở trong nhau. Thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy.

"Tỳ-kheo, đa văn Thánh đệ tử quán sát năm thọ ấm là chẳng phải ngã, chẳng phải ngã sở. Khi quán sát như vậy, thì đối với các thế gian đều không có gì để chấp thủ. Vì không có gì để chấp thủ nên không có gì để đắm. Vì không có gì để đắm nên tự mình giác ngộ Niết-bàn: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.'"

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 86. VÔ THƯỜNG[6]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Nếu sắc vô thường mà có thường, thì sắc này không nên có bệnh, có khổ và đối với sắc cũng không nên có những sự mong cầu phải như thế này hay không như thế này. Vì sắc là vô thường, nên đối với sắc có bệnh, có khổ sanh ra và cũng không thể mong để được như thế này hay không như thế này. Đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy.

"Tỳ-kheo, ý ngươi nghĩ sao? Sắc là thường hay vô thường?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Thế Tôn, là vô thường."

Này các Tỳ-kheo:

"Vô thường có phải là khổ?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Thế Tôn, là khổ."

Này các Tỳ-kheo:

"Nếu vô thường, khổ, đó là pháp biến dịch, vậy Thánh đệ tử ở trong đó có thấy là ngã, khác ngã, hay ở trong nhau không?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Thế Tôn, không."

"Đối với thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy. Cho nên, Tỳ-kheo, những gì thuộc về sắc, hoặc quá khứ, hoặc hiện tại, hoặc vị lai; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô, hoặc tế; hoặc tốt, hoặc xấu; hoặc xa, hoặc gần; tất cả chúng chẳng phải ngã, chẳng phải ngã sở, biết như thật. Thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy. Đa văn Thánh đệ tử chánh quán sát sắc; khi đã chánh quán sát sắc rồi thì sẽ sanh ra nhàm chán, ly dục, không ham thích, giải thoát. Đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng sanh ra nhàm chán, ly dục, không ham thích, giải thoát, biết rằng, 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời

---

6. Cf. Mv. i. 6,13.

sau nữa.’”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 87. KHỔ[7]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Sắc là khổ. Nếu sắc không phải là khổ, thì đối với sắc sẽ không có bệnh, có khổ sanh ra và cũng không nên muốn như thế này hay không thể như thế này. Vì sắc là khổ và vì sắc là khổ nên bệnh sanh ra nơi sắc, đối với sắc cũng có thể muốn như thế, hay không khiến như thế. Đối với thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy.

“Tỳ-kheo, sắc là thường hay vô thường?”

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

“Thế Tôn, là vô thường.”

Này các Tỳ-kheo:

“Vô thường có phải là khổ?”

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

“Thế Tôn, là khổ.”

Này các Tỳ-kheo:

“Nếu vô thường, khổ là pháp biến dịch; vậy đa văn Thánh đệ tử ở trong đó có thấy ngã, khác ngã, hay ở trong nhau không?”

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

“Thế Tôn, không.”

“Đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Cho nên, Tỳ-kheo, những gì thuộc về sắc, hoặc quá khứ, hoặc hiện tại, hoặc vị lai; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô, hoặc tế; hoặc tốt, hoặc xấu; hoặc xa, hoặc gần; tất cả chúng đều chẳng phải ngã, chẳng phải khác ngã, chẳng ở trong nhau, quán sát như thật. Thọ, tưởng,

7. Cf. Mv. i. 6,13.

hành, thức lại cũng như vậy. Đa văn Thánh đệ tử đối với sắc sẽ được giải thoát, đối với thọ, tưởng, hành, thức sẽ được giải thoát. Ta nói người này sẽ giải thoát sanh, lão, bệnh, tử, ưu, bi, khổ, não và tụ lớn thuần khổ."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

❑

TẠP A-HÀM QUYỂN 4

KINH 88. HIẾU DƯỠNG[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ có Bà-la-môn trẻ tuổi tên là Uất-đa-la[2] đến chỗ Đức Phật. Sau khi chào hỏi xong, lui qua ngồi một bên, bạch Phật rằng:

"Bạch Thế Tôn, con thường đi khất thực như pháp, đem cúng dường cho cha mẹ, khiến cho ông bà được an vui, xa lìa khổ. Bạch Thế Tôn, việc làm của con như vậy có nhiều phước không?"

Phật bảo Uất-đa-la:

"Thật có nhiều phước. Vì sao? Vì nếu có người nào khất cầu đúng pháp, để cúng dường cha mẹ, làm cho an vui, trừ khổ não, thì thật là người có phước lớn."

Bấy giờ, Đức Thế Tôn liền nói bài kệ rằng:

Như ngươi đối cha mẹ,
Cung kính và cúng dường,
Đời này lưu tiếng thơm,
Khi chết được lên trời.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 89. ƯU-BA-CA (1)[3]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở tại vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ có một Bà-la-môn tuổi trẻ tên là Ưu-ba-ca[4] đến chỗ

---

1. Ấn Thuận Hội Biên, tiếp theo Tụng 5 Bát chúng, 21. Tương ưng Bà-la-môn (Đại Chánh kinh 1151-1163, 88-102, 1178-1187). Đại Chánh, quyển 4, kinh 88, tương đương Pāli, S. 7. 19 Mātuposaka; Biệt dịch 100(88).
2. Uất-đa-la 鬱多羅; xem kinh 282. Pāli: Mātupasako brāhmaṇo: Bà-la-môn tên là Mātupasaka.
3. Pāli, A.iv. 39 Ujjaya. Cf. Biệt dịch, 100 (89).
4. Ưu-ba-ca 優波迦. Pāli: Ujjayo brāhmaṇo: Bà-la-môn tên là Ujjaya.

Đức Phật. Sau khi chào hỏi xong, lui ngồi qua một bên, bạch Phật rằng:

"Bạch Cù-đàm, các Bà-la-môn thường hay khen ngợi đại hội tà thạnh[5]. Còn Sa-môn Cù-đàm có khen ngợi đại hội tế lễ không?"

Phật bảo Ưu-ba-ca:

"Ta không khen ngợi một chiều. Hoặc có đại hội tà thạnh Ta tán thán. Cũng có đại hội tà thạnh Ta không tán thán."

Ưu-ba-ca bạch Phật:

"Những đại hội tế lễ nào có thể được khen ngợi và những đại hội tế lễ nào không được khen ngợi?"

Phật bảo Ưu-ba-ca:

"Nếu có đại hội tế lễ nào mà cột trói cả bầy nghé, trâu đực, trâu cái, những con dê và những chúng sanh nhỏ bé khác, tất cả đều bị sát hại; hành hạ áp bức những kẻ nô tỳ, người làm công, đánh đập bằng chịu roi vọt, làm cho sợ hãi, buồn khổ, khóc la, kêu gào, không hoan hỷ, không sướng, lao dịch khổ nhọc. Những đại hội tế lễ như vậy, Ta không khen ngợi, vì chúng gây nên tai nạn lớn.

"Nếu những đại hội tế lễ mà không trói cột các súc vật, cho đến không khiến chúng sanh phải lao dịch khổ nhọc; những đại hội tế lễ như vậy được Ta khen ngợi tán thán, vì nó không mang lại tai nạn lớn."

Bấy giờ, Đức Thế Tôn liền nói kệ rằng:

Đại hội như tế ngựa,[6]
Gây nên tai họa lớn;
Các tà thạnh như vậy,
Đại tiên không khen ngợi.
Trói cột các chúng sanh,
Sát hại côn trùng nhỏ,
Chẳng phải lễ hội chánh,
Đại tiên không tùy thuận.

---

5. Tà thạnh đại hội 邪盛大會. N^{0}100(89): đại tự 大祀. Pāli: (mahā)yaññā.

6. Mã tự, loại tế đàn trong đó là vật hy sinh. Bản Pāli liệt kê: assamedham, hy sinh ngựa; purisanedham, hy sinh người; sammāpāsam, lễ ném gậy; vājapeyya, lễ uống rượu (để thêm sức), niraggaḷa, vô già hội (lễ rút then).

Nếu không hại chúng sanh,
Không gây các tai họa,
Thì gọi lễ hội chánh,
Đại tiên thuận tán thán.
Bố thí và cúng dường,
Đúng pháp thiết đại tế;
Người thí, tâm thanh tịnh,
Phạm hạnh ruộng phước tốt;
Những đại hội như vậy,
Gọi lễ hội La-hán.
Hội này được quả lớn,
Chư Thiên đều hoan hỷ.
Tự mình cung kính thỉnh,
Tự tay ban phát cho,
Mình người đều thanh tịnh;
Cho này được quả lớn.
Kẻ trí cho như vậy,
Tín tâm được giải thoát.
Cõi đời vui, không tội,
Người trí sanh nơi đó.

Phật nói kinh này xong, Bà-la-môn Ưu-ba-ca nghe những gì Đức Phật đã dạy, tùy hỷ hoan hỷ, làm lễ mà lui.

M

KINH 90. ƯU-BA-CA (2)[7]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở tại vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà thuộc nước Xá-vệ. Đức Phật cũng nói đầy đủ như kinh trên[8], tuy nhiên có sự sai khác nơi bài kệ, Ngài đã nói:

Vô vi, không các nạn,
Khi tế lễ thanh tịnh,

7. Pāli, A.iv. 40. Udāyi. Cf. Biệt dịch, N^{0}100(90).
8. Bản Pāli, người hỏi là Bà-la-môn Udāyi.

Thuận hành theo như pháp,
Giữ gìn các phạm hạnh,
Tiếng thơm khắp thế giới,
Vượt lên trên phàm tục.
Đối với tế đàn thiện,
Phật khen ngợi lễ này.
Bố thí và cúng dường,
Tế lễ phải tùy thời,
Tịnh tín, cho bình đẳng,
Phạm hạnh ruộng phước tốt,
Người ban cho như vậy,
Là cúng ruộng La-hán.
Cho rộng lớn như vậy,
Chư Thiên sẽ khen ngợi,
Tự mình cung kính thỉnh,
Tự tay ban phát cho,
Mình người đều thanh tịnh;
Cho này được quả lớn.
Kẻ trí cho như vậy,
Tín tâm được giải thoát.
Cõi đời vui, không tội,
Người trí sanh nơi đó.

Phật nói kinh này xong, Bà-la-môn Ưu-ba-ca nghe những gì Đức Phật đã dạy, tùy hỷ hoan hỷ, làm lễ mà lui.

M

KINH 91. UẤT-XÀ-CA[9]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở tại vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ có Bà-la-môn tuổi trẻ tên là Uất-xà-ca[10] đến chỗ Phật, cúi đầu làm lễ sát chân Phật, rồi lui ngồi qua một bên,

---

9. Pāli, A. viii. 55. Ujjaya. Cf. Biệt dịch, N^{0}100(91).

10. Uất-xà-ca 鬱闍迦. Pāli, Ujjaya brāhmaṇa.

bạch Phật rằng:

"Bạch Thế Tôn, người thế tục tại gia nên thực hành bao nhiêu pháp để được lợi ích hiện tại và an lạc ngay hiện tại[11]?"

Phật bảo Bà-la-môn:

"Có bốn pháp giúp cho người thế tục tại gia được lợi ích hiện tại và an lạc ngay hiện tại. Đó là: Phương tiện đầy đủ, Thủ hộ đầy đủ, Thiện tri thức đầy đủ, Chánh mạng đầy đủ.

"Thế nào là Phương tiện đầy đủ[12]? Người thiện nam tự nuôi sống bằng các nghề nghiệp kỹ xảo, như làm ruộng, buôn bán, phục vụ vương sự, chép sách, toán thuật, hội họa. Đối với những nghề nghiệp kỹ xảo đó, luôn tinh tấn siêng năng trau dồi. Đó gọi là Phương tiện đầy đủ.

"Thế nào là Thủ hộ đầy đủ? Người thiện nam có tiền bạc, gạo lúa, do nỗ lực mà thu hoạch, tự tay mình làm ra, đúng như pháp mà có được, tích cực giữ gìn, không để cho vua, giặc, nước, lửa, tước đoạt, hay trôi, chìm, mất mát. Ngược lại, nếu không khéo giữ gìn sẽ tiêu mất; hay nếu không lưu tâm đến chúng, thì sẽ bị người khác chiếm lấy, cùng những tai nạn sẽ làm cho hư hỏng. Đó gọi là người thiện nam khéo thủ hộ.

"Thế nào là Thiện tri thức đầy đủ? Có người thiện nam không mất điều độ, không buông lung, không dối trá, không hung hiểm. Những tri thức như vậy, có khả năng khéo léo an ủi; sự sầu khổ chưa sanh có thể khiến không sanh, sự sầu khổ đã sanh có thể khai mở, tỉnh giác; những điều vui thích chưa sanh có thể khiến sanh nhanh, những điều vui thích đã sanh khiến giữ gìn không để mất. Đó gọi là người thiện nam thiện tri thức đầy đủ.[13]

"Thế nào là Chánh mạng đầy đủ? Người thiện nam có được những tiền của, trong việc chi thu cân đối, bảo quản chu tất, không để cho việc nhập nhiều mà xuất ít, hay xuất nhiều mà nhập ít; như người

---

11. Hán: hiện pháp an cập hiện pháp lạc 現法安及現法樂. Pāli: diṭṭhadhammahitāya diṭṭhadhammasukhāya.

12. Hán: phương tiện cụ túc 方便具足. Pāli: uṭṭhānasampāda: thành tựu tinh cần.

13. Cf. Pāli: kalyāṇamittā... saddhasampannā, sīlasampannā, cāgasampannā, paññā-sampannā, bạn tốt... là những người có tín, có giới, có thí xả, có tuệ.

cầm cân ít thì phải thêm, nhiều thì phải bớt, cho đến lúc nào biết cân bằng thì mới thôi. Như vậy, người thiện nam đã cân đối được tài vật của mình trong khi xuất nhập ngang nhau, không khiến cho nhập nhiều xuất ít, hay xuất nhiều nhập ít. Nếu người thiện nam không có tiền của nhiều mà sử dụng rộng rãi quá trớn, thì do sự sinh hoạt này mà người ta nói là 'quả ưu-đàm-bát không có hạt giống'[14]; ham muốn ngu si, không biết nghĩ đến sau này. Hoặc có người thiện nam dư dật mà không dám tiêu dùng, mọi người ở gần đều nói: 'Người ngu si này như con chó chết đói.' Cho nên người thiện nam, những tiền của có được, nên tự mình cân đối, xuất nhập ngang nhau. Đó gọi là Chánh mạng đầy đủ. Như vậy Bà-la-môn, đây là bốn pháp thành tựu lợi ích hiện tại và an lạc hiện tại."

Bà-la-môn bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, những người tại gia có bao nhiêu pháp để có thể làm cho lợi ích đời sau, an lạc đời sau?"

Phật bảo Bà-la-môn:

"Có bốn pháp có thể làm cho lợi ích đời sau, an lạc đời sau. Đó là: Tín đầy đủ, Giới đầy đủ, Thí đầy đủ, Tuệ đầy đủ.

"Thế nào là có Đức tin đầy đủ? Đối với Như-lai, người thiện nam có tâm kính tin, gốc rễ tín vững chắc, mà chư Thiên, Ma, Phạm cùng với loài người[15] không thể phá hoại. Đó gọi là người thiện nam có Đức tin đầy đủ.

"Thế nào là có Giới đầy đủ? Người thiện nam không sát sinh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu. Đó gọi là có Giới đầy đủ.

"Thế nào là có Thí đầy đủ? Người thiện nam với tâm không vấy bẩn bởi sự keo kiệt, sống đời tại gia mà hành bố thí buông xả[16], thường tự tay mình cho, vui vẻ tu hạnh thí xả. Đó gọi là người thiện nam có

---

14. Bản Cao-li: ưu-đàm-bát quả 優曇鉢果; bản Tống-Nguyên-Minh: ưu-đàm-bát hoa. Bản Pāli: udumbarakhādīvāyam kulaputto bhoge khādātī ti, "thiện nam tử này thọ dụng như người ta ăn quả sung. Sớ giải: như người rung cây sung chín, làm rụng nhiều quả, nhưng chỉ ăn vài quả ăn được, còn thì vất bỏ hết.

15. Hán: cập dư thế nhân đồng pháp 及餘世人同法. Pāli: sadevamanussa, bản Hán hiểu tiền tố **sa**- (cùng với) là "đồng pháp". Xem kinh 647 ở sau.

16. Hán: giải thoát thí 解脫施. Pāli: muttacāga.

Thí đầy đủ.

"Thế nào là có Tuệ đầy đủ? Người thiện nam biết như thật về Khổ Thánh đế; biết như thật về Tập, Diệt, Đạo Thánh đế. Đó gọi là người thiện nam có Tuệ đầy đủ.

"Nếu người thiện nam nào ở tại gia đình mà thực hành bốn pháp này, có thể thành tựu lợi ích hiện tại và an lạc hiện tại."

Bấy giờ Đức Thế Tôn, lại nói kệ rằng:

Phương tiện[17]*, tạo dựng nghiệp,*
Tích tụ phải giữ gìn,
Người thiện nam thân hữu,
Chánh mạng trong tự sống.
Tịnh tín, giới đầy đủ,
Bố thí lìa xan tật,
Thanh tịnh đường thăng tiến[18]*,*
Đời sau được an lạc.
Nếu sống đời tại gia,
Thành tựu tám pháp này,
Suy nghiệm lời Phật dạy,
Những điều Phật giác tri,
Thì hiện tại an ổn,
Sống hiện tại hỷ lạc,
Đời sau cũng hỷ lạc.

Phật nói kinh này xong, Uất-xà-ca nghe những gì Đức Phật đã dạy, tùy hỷ hoan hỷ, làm lễ rồi lui.

M

17. Hán, phương tiện, đây nên hiểu "tinh cần". Pāli: uṭṭhātā kammadheyyesu, hăng hái trong các sự nghiệp.

18. Để bản: tốc đạo 速道; bản Nguyên-Minh: mê đạo 迷道; Ấn Thuận cũng hiệu chính là "mê đạo". Hiệu chính nhầm. Pāli: niccaṃ maggam, thường đạo. Đây chỉ con đường sinh thiên.

KINH 92. KIÊU MẠN[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật từ nước Câu-tát-la du hành trong nhân gian đến vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ tại nước Xá-vệ có Bà-la-môn Kiêu Mạn[2], đang sống tại đây, dòng họ cha mẹ đều thuần tịnh không một tỳ vết nào đáng bị chê trách;[3] bảy đời nối tiếp nhau, tất cả đều thuần tịnh; là bậc thầy của các Bà-la-môn. Ngôn luận thông suốt; điển tịch các luận, có hàng vạn tên, thảy đều biết rõ; hiểu pháp hơn thua, phân biệt[4] tự nghĩa,[5] ghi nhớ từng câu; tướng mạo đoan chánh. Do tự cao về huyết thống, tự cao về dòng họ, tự cao về tướng mạo, tự cao về sự thông minh, tự cao về sự giàu sang; ông không kính trọng cha mẹ, các bậc tôn túc, sư trưởng. Khi ông nghe tin Sa-môn Cù-đàm đã từ nước Câu-tát-la du hành trong nhân gian đến vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ này, ông liền nghĩ: "Ta sẽ đến chỗ Sa-môn Cù-đàm này. Nếu Sa-môn có nói gì, ta sẽ cùng Sa-môn bàn luận. Nếu không nói gì, ta sẽ im lặng ra về."

Bấy giờ, Bà-la-môn Kiêu Mạn đi xe ngựa trắng, với các thiếu niên Bà-la-môn theo hầu trước sau, cầm lọng cán vàng, tay ôm bình vàng, đến gặp Đức Thế Tôn. Khi tới cửa vườn, ông xuống xe đi bộ vào. Lúc ấy, Đức Thế Tôn đang nói pháp cho đại chúng vây quanh.[6] Thế Tôn không hề để ý đến Bà-la-môn Kiêu Mạn. Bà-la-môn Kiêu Mạn tự nghĩ: "Sa-môn Cù-đàm không để ý đến ta.[7] Thôi ta nên về."

Bấy giờ, Đức Thế Tôn biết tâm niệm của Bà-la-môn Kiêu Mạn, nên nói kệ rằng:

---

1. Pāli: S. 7. 35. Mānatthaddha. Cf. N^{0}100(258).
2. Kiêu mạn Bà-la-môn 憍慢婆羅門. Pāli: Mānatthaddo nāma brāhmaṇo, người Bà-la-môn tên là Mānatthaddha. N^{0}100(258): Cực Mạn ma-nạp 極慢摩納.
3. Nghĩa là, thuần chủng, không lai giống.
4. Để bản: phân minh 分明; Tống-Nguyên-Minh: phân biệt 分別.
5. Để bản: chư cú cú ký thuyết 諸句句記說; sau chữ chư 諸, bản Nguyên Minh thêm: (chư) tự tất tri vạn sự cửu viễn, bản mạt nhân duyên (諸)字悉知萬事九遠本末因緣. "...biết rõ căn nguyên chung thủy, lịch sử lâu dài của vạn sự..."
6. Bản Pāli và N^{0}100(258) không có chi tiết này.
7. Pāli: nāyaṃ samaṇo gotamo kiñci jānati, "Sa-môn Cù-đàm này chẳng biết gì."

Kiêu Mạn đã đến đây,
Bất thiện lại tăng trưởng.
Trước vì nghĩa mà đến,
Hãy tăng trưởng nghĩa ấy.[8]

Bây giờ, Bà-la-môn Kiêu Mạn lại nghĩ: "Sa-môn Cù-đàm đã biết tâm ta." Rồi ông sửa soạn hành lễ.[9] Đức Thế Tôn bảo Bà-la-môn Kiêu Mạn:

"Thôi! Thôi! Không cần phải làm lễ. Tâm tịnh là đủ rồi[10]."

Lúc ấy, mọi người đều lớn tiếng xướng rằng:

"Lạ thay! Thế Tôn, là Bậc Đại đức, Đại lực. Nay, Bà-la-môn Kiêu Mạn này, do tự cao về huyết thống, tự cao về dòng họ, tự cao về tướng mạo, tự cao về sự thông minh, tự cao về sự giàu sang; nên không kính trọng cha mẹ, các bậc tôn túc, sư trưởng, mà nay đối trước Sa-môn Cù-đàm lại khiêm hạ, hạ mình, muốn lễ sát chân Phật."

Bà-la-môn Kiêu Mạn trước mọi người lớn tiếng bảo lặng, rồi nói kệ rằng:

Thế nào[11] *chẳng khởi mạn?*
Thế nào khởi cung kính?
Thế nào khéo an ủi?
Thế nào khéo cúng dường?

Bấy giờ, Đức Thế Tôn đáp kệ rằng:

Đối cha mẹ, huynh trưởng,
Hòa thượng, các sư trưởng,
Cùng các bậc tôn trọng,
Không nên sanh kiêu mạn.
Phải khéo lòng cung kính,
Khiêm hạ và hỏi thăm,
Tận tâm mà phụng sự,
Cùng các việc cúng dường.

---

8. Pāli: yena atthena āgacchi, tam evam anubrūhaye, "Ông hãy nói, đến đây với mục đích gì?"
9. Bản Pāli: Ông lễ dưới chân Phật và ôm hôn chân Phật.
10. Pāli: yato te mayi cittaṃ pasannaṃ, "Do đâu ông có tâm tịnh tín đối với Ta?"
11. Pāli: kesu, "đối với những ai". Bản Hán hiểu "đối với cái gì?"

A-la-hán lậu tận,
Tâm lìa tham, nhuế, si,
Chánh trí khéo giải thoát,
Điều phục tâm kiêu mạn;
Đối các Hiền thánh này,
Chắp tay cúi đầu lễ.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn vì Bà-la-môn Kiêu Mạn thuyết pháp bằng nhiều cách, khai thị, chỉ giáo, soi sáng, khiến hoan hỷ.[12] Đức Phật nói pháp theo tuần tự, nói về bố thí, trì giới, công đức sanh thiên, về vị ngọt, sự tai hại của ái dục, về sự phiền não, thanh tịnh, về xuất yếu viễn ly, về các phần thanh tịnh; nói rộng như vậy.[13] Như tấm vải trắng sạch, chưa bị nhuộm đen, thấm nhuộm màu nhanh chóng; Bà-la-môn Kiêu Mạn ngay tại chỗ ngồi hiểu rõ Bốn Thánh đế: Khổ, Tập, Diệt, Đạo, chứng đắc hiện quán[14]. Bấy giờ Bà-la-môn Kiêu Mạn, thấy pháp, đắc pháp, biết pháp, chứng nhập pháp, vượt qua khỏi mọi nghi hoặc, mà không do người khác độ thoát, ở trong chánh pháp được vô sở úy, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, lễ Phật, rồi chắp tay bạch Phật:

"Nay, con có được phép ở trong chánh pháp, xuất gia thọ cụ túc chăng?"

Đức Phật bảo Bà-la-môn Kiêu Mạn:

"Nay, ông có thể ở trong chánh pháp xuất gia thọ cụ túc."

Bà-la-môn kia liền xuất gia, một mình âm thầm tư duy về lý do người thiện nam cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chánh tín xuất gia học đạo, sống không gia đình, cho đến, đắc A-la-hán, tâm khéo giải thoát.

M

---

12. Hán: thị, giáo, chiếu, hỷ.

13. Xem các kinh 1158, 1323. So sánh Pāli, định cú, D.i. 110 và rải rác: anupubbiṃ kathaṃ kathesi... kāmānaṃ ādinavaṃ okāraṃ saṃkilesaṃ nekkhamme ānsaṃsaṃ pakāsesi, Phật thuyết pháp theo tuần tự... nói về sự nguy hiểm của các dục, sự thấp hèn, sự ô nhiễm, nói về lợi ích của sự xuất ly.

14. Nguyên Hán: vô gián đẳng 無間等; chỉ hiện quán hay hiện chứng bốn Thánh đế, giai đoạn chứng đắc Dự lưu chi. Tham chiếu Pāli, định cú, S.v. tr. 415:... catunnaṃ ariyasaccānaṃ yathābhūtaṃ abhisamayāya.

KINH 93. TAM HỎA[15]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật từ Câu-tát-la du hành trong nhân gian đến vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ có Bà-la-môn Trường Thân tổ chức đại tế đàn[16] như vầy: đem bảy trăm con trâu đực sắp hàng cột vào trụ, còn những con trâu cái, trâu con, những con dê tơ, cùng những sanh vật nhỏ bé khác cũng đều bị trói cột. Rồi sửa soạn các món đồ ăn thức uống để bố thí một cách rộng rãi. Các nhóm ngoại đạo khác nhau từ nhiều nước khác nhau đều tụ tập trung đến đại tế đàn này.

Bấy giờ, Bà-la-môn Trường Thân[17] nghe Sa-môn Cù-đàm từ Câu-tát-la du hành trong nhân gian đến vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà thuộc nước Xá-vệ này, thì tự nghĩ: "Nay, ta tổ chức đại tế đàn, đem bảy trăm con trâu đực sắp hàng cột vào trụ, cho đến những sanh vật bé nhỏ khác, tất cả đều bị trói cột. Các nhóm ngoại đạo khác nhau từ nhiều nước khác nhau đều tụ tập về dự đại tế đàn này. Nay, ta nên đến chỗ Sa-môn Cù-đàm hỏi về pháp tế tự, chớ để cho các phần số[18] trong đại tế đàn mà ta tổ chức bị thiếu sót." Suy nghĩ như vậy rồi, đi xe ngựa trắng, dẫn theo trước sau nhiều thiếu niên Bà-la-môn, cầm lọng cán vàng, ôm bình nước vàng, ra khỏi thành Xá-vệ, đến chỗ Đức Thế Tôn, cung kính thừa sự. Khi đến cổng tinh xá, ông xuống xe, đi bộ đến trước Phật. Sau khi chào hỏi xong, ông lui ngồi qua một bên, bạch Phật rằng:

"Bạch Cù-đàm, nay tôi muốn tổ chức lễ hội lớn tế lễ, với bảy trăm con trâu đực sắp hàng cột vào trụ, cho đến các loài sanh vật nhỏ bé khác, tất cả đều bị trói cột. Các nhóm ngoại đạo khác nhau từ nhiều nước khác nhau đều tụ tập về dự đại tế đàn này. Nay, tôi lại

---

15. Pāli, A.vii.44 Aggi. Cf. N^{0}100(259).

16. Nguyên Hán: tà thạnh đại hội 邪盛大會; xem kinh 89 trên. Pāli: mahāyañña; xem thêm D. i. 138sq.

17. Trường Thân 長身. Pāli: Uggatasarīra.

18. Tà thạnh pháp 邪盛法 (Pāli: tividhaṃ yaññasampadaṃ), chỉ ba nghi thức tế tự. Phần số 分數, chỉ mười sáu tư cụ hay đạo cụ cho tế tự (Pāli: soḷasaparikkhāraṃ). Tham chiếu Pāli, Kūṭadantasutta, D. i. 129.

nghe Cù-đàm từ Câu-tát-la du hành trong nhân gian đã đến vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà thuộc nước Xá-vệ, nên tôi đến đây để thỉnh vấn Cù-đàm về pháp tế tự và phần số của các phẩm vật, không để cho các phần số trong đại tế đàn mà tôi tổ chức bị thiếu sót."

Đức Phật bảo Bà-la-môn:

"Có một thứ đại tế đàn, tuy người chủ thực hành việc bố thí làm phước nhưng lại sanh ra tội, gặt hái quả báo bất thiện, bị đâm chém bởi ba thứ đao kiếm. Ba loại ấy là: đao kiếm bởi thân, đao kiếm bởi miệng, đao kiếm bởi ý.

"Thế nào là đao kiếm bởi ý, sanh ra các quả báo khổ? Như có một người chủ tổ chức đại tế đàn, suy nghĩ: "Ta tổ chức đại hội tế tự, cần phải giết ngần ấy trâu đực mập mạnh, trâu cái, trâu con, dê tơ, cùng nhiều loài sanh vật nhỏ bé khác." Đó gọi là đao kiếm bởi ý, sanh ra các quả báo khổ. Tuy người thí chủ có ý nghĩ là làm các việc bố thí và cúng dường như vậy, nhưng thật ra việc làm ấy sanh ra tội.

"Thế nào là đao kiếm bởi miệng, sanh ra các quả báo khổ? Có một người chủ tổ chức lễ hội lớn, bảo như vầy: "Nay, ta tổ chức lễ hội lớn tế lễ, các ngươi phải giết ngần ấy trâu đực mập mạnh, cho đến ngần ấy sanh vật nhỏ bé khác." Đó gọi là đao kiếm bởi miệng, sanh ra các quả báo khổ. Người chủ lễ hội lớn, tuy làm các việc bố thí, cúng dường, nhưng thật ra việc làm ấy sanh ra tội.

"Thế nào là đao kiếm bởi thân, sanh ra các quả báo khổ? Có người chủ lễ hội lớn, tự tay mình giết trâu đực, cho đến giết hại các loài sanh vật bé nhỏ khác. Đó gọi là đao kiếm bởi thân sanh ra các quả báo khổ. Người chủ lễ hội lớn này, tuy nghĩ đến các việc bố thí, cúng dường, nhưng thật ra việc làm ấy sanh ra tội.

"Tuy nhiên, Bà-la-môn nào siêng năng tùy thời cúng dường ba thứ lửa, cung kính lễ bái, phụng sự, mang lại sự an lạc. Những gì là ba? Một là lửa căn bản, hai là lửa cư gia, ba là lửa phước điền.

"Thế nào là lửa căn bản, mà tùy thời cung kính, phụng sự, cúng dường, mang lại sự an lạc? Người thiện nam, nhờ phương tiện có được tiền của, hay do sự cần cù khó nhọc chân tay mà có được như pháp, đem phụng dưỡng cha mẹ, khiến cho họ được an lạc, đó gọi là lửa căn bản. Vì sao gọi là căn bản? Vì người thiện nam do cha mẹ sanh ra, nên cha mẹ được gọi là căn bản. Người thiện nam vì tôn sùng căn bản nên

tùy thời cung kính, phụng sự, mang lại sự an lạc cho họ.

"Thế nào là lửa gia cư, mà người thiện nam tùy thời nuôi dưỡng, đem lại sự an lạc? Người thiện nam, nhờ phương tiện có được của cải, nhờ vào sự cần cù khổ cực của chân tay, có được như pháp, rồi đem cung cấp cho vợ con, bà con quyến thuộc, người giúp việc, khách thương, tùy thời mà cung cấp, với lòng tôn trọng, đem lại sự hạnh phúc cho họ. Đó gọi là lửa cư gia. Vì sao gọi là gia? Vì người thiện nam sống đời tại gia, vui thì cùng vui, khổ thì cùng khổ, mọi sinh hoạt trong gia đình đều tùy thuận lệ thuộc vào nhau, cho nên gọi là gia. Vì vậy, người thiện nam nên tùy thời mà cung cấp và mang lại sự an lạc cho họ.

"Thế nào là lửa phước điền, mà người thiện nam tùy thời cung kính, tôn trọng cúng dường, mang lại sự an lạc? Người thiện nam, phương tiện có được của cải, nhờ vào sự cần cù khổ cực của chân tay, có được như pháp, rồi đem phụng sự, cúng dường cho các Sa-môn, Bà-la-môn nào đã khéo điều phục tham, nhuế, si. Cúng dường những Sa-môn, Bà-la-môn như vậy là kiến lập phước điền, càng lúc càng tăng tiến, hiện tại an vui được báo tốt, tương lai sẽ sanh về cõi trời. Đó gọi là lửa phước điền. Vì sao gọi là điền? Vì đó là đám ruộng phước của thế gian, là nơi đáng được cúng dường, cho nên gọi là điền. Do vậy, người thiện nam nên tùy thời cung kính, phụng sự, cúng dường và mang lại sự an lạc cho họ."

Bấy giờ, Đức Thế Tôn lại nói kệ rằng:

Căn bản và cư gia,
Lửa ruộng phước xứng đáng;
Luôn cúng dường lửa này,
Vui an ổn sung túc.
Cõi đời vui, không tội,
Người tuệ sanh về đó,
Của như pháp mở hội,
Cúng dường nơi đáng cúng;
Vì cúng dường đúng chỗ,
Nên tiếng thơm, sanh Thiên.

"Nhưng, này Bà-la-môn, người thiện nam, nay đối với với ba thứ

lửa mà trước kia đã từng cúng dường, hãy đoạn trừ, dập tắt. Những gì là ba? Lửa tham dục, lửa sân hận, lửa ngu si. Vì sao? Vì lửa tham mà không được đoạn trừ, không bị dập tắt, thì sẽ tự mình hại mình, hại người; mình người đều bị hại; hiện tại mắc tội, đời sau mắc tội, hiện tại và đời sau đều mắc tội. Vì duyên vào những tội này nên sanh ra tâm pháp buồn lo, khổ não. Đối với lửa sân, lửa si cũng lại như vậy.

"Này Bà-la-môn, nếu người thiện nam phụng thờ thứ lửa do nhóm củi, thường xuyên phải khổ nhục, thường xuyên phải nhen nhóm, thường xuyên lửa tắt; vì những nhân duyên này mà chịu khổ."

Bấy giờ, Trường Thân Bà-la-môn, ngồi im lặng. Lúc ấy, có người con của Bà-la-môn tên là Uất-đa-la đang ngồi trong hội. Trường Thân Bà-la-môn sau khi im lặng và suy giây lát, rồi bảo Uất-đa-la:

"Con trở về chỗ lễ hội tế lễ, hãy thả những con trâu bị cột nơi trụ; cùng những sanh vật đã bị trói cột, tất cả đều thả ra hết và nói lại với chúng rằng: "Trường Thân Bà-la-môn cho phép các ngươi tùy ý tự tại nơi núi đồi, đầm ao, đồng hoang... mặc sức ăn cỏ tươi, uống các dòng nước trong, gió mát bốn bề, hưởng thụ mọi sự khoái lạc."

Uất-đa-la bạch rằng:

"Con xin vâng theo lời thầy dạy."

Uất-đa-la liền đi đến chỗ lễ hội tế lễ, thả hết mọi sanh vật và nói với chúng rằng: "Trường Thân Bà-la-môn đã cho phép các ngươi tùy theo sở thích đối với núi đồi, đầm ao, đồng hoang... ăn cỏ, uống nước, gió mát bốn bề, tự theo ý thích."

Bấy giờ, Đức Thế Tôn biết Uất-đa-la đã hoàn thành công việc xong, liền nói pháp cho Bà-la-môn Trường Thân, chỉ dạy, soi sáng, làm cho an vui, như cách thuyết pháp của các Đức Thế Tôn, theo thứ tự trước sau nói về việc trì giới, bố thí và công đức sanh lên cõi trời; về vị ngọt và sự tai hại của ái dục, về sự thanh tịnh của xuất ly, về sự thanh tịnh các phiền não[19]; khai thị, tỏ bày. Giống như tấm lụa trắng sạch dễ thấm màu nhuộm, Trường Thân Bà-la-môn lại cũng như vậy, ngay nơi chỗ ngồi thấy được Bốn chân đế, chứng đắc hiện quán.[20] Khi Trường Thân Bà-la-môn tự thân đã thấy pháp, đắc pháp, thâm nhập

19. Xem cht. 31 kinh 92 trên.

20. Xem cht. 32 kinh 92 trên.

pháp, vượt qua khỏi những nghi hoặc, không do người khác độ thoát, ở trong chánh pháp đạt được vô sở úy, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, trịch áo vai hữu, chắp tay bạch Phật:

"Con đã được độ, bạch Thế Tôn. Con, từ ngày hôm nay cho đến suốt đời, xin quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tỳ-kheo Tăng, làm Ưu-bà-tắc. Ngưỡng mong Ngài chứng tri cho con. Ngưỡng mong Đức Thế Tôn và đại chúng nhận bữa ăn con cúng dường."

Bấy giờ, Đức Thế Tôn im lặng nhận lời. Khi Trường Thân Bà-la-môn biết Phật đã nhận lời mời, làm lễ Phật, đi vòng bên hữu ba lần rồi lui. Trường Thân Bà-la-môn trở về lại chỗ tế lễ, sửa soạn đồ vật cúng dường thanh khiết, ngon lành và bố trí giường ghế, chỗ ngồi xong, sai người đến thỉnh Phật:

"Bạch Ngài đã đến giờ, xin Ngài biết cho!"

Bấy giờ, Đức Thế Tôn khoác y cầm bát cùng với đại chúng theo sau, đi đến chỗ lễ hội của Trường Thân Bà-la-môn. Ngài ngồi trước đại chúng. Khi Trường Thân Bà-la-môn biết Đức Thế Tôn đã ngồi an định rồi, tự tay dâng cúng các thứ đồ ăn thức uống. Khi Đức Phật và đại chúng ăn xong; rửa tay, rửa bát xong, ông ngồi riêng ngay ngắn trên một chiếc ghế thấp đặt trước đại chúng để nghe pháp.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn vì Trường Thân Bà-la-môn mà nói pháp bằng nhiều cách, chỉ dạy, soi sáng, làm cho an vui, rồi từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

M

KINH 94. MẶT TRĂNG[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở tại vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ có một Bà-la-môn tuổi trẻ tên là Tăng-ca-la đến chỗ Phật, cùng Đức Thế Tôn thăm hỏi sức khỏe lẫn nhau, rồi ngồi lui qua một bên bạch Phật rằng:

"Bạch Cù-đàm, làm sao để có thể biết người nam bất thiện?"

Phật bảo Bà-la-môn:

"Giống như trăng."

Bà-la-môn lại hỏi:

"Làm sao để có thể biết người nam thiện?

Phật bảo Bà-la-môn:

"Giống như trăng."

Bà-la-môn bạch Phật:

"Thế nào là người nam bất thiện giống như trăng?"

Phật bảo Bà-la-môn:

"Như trăng cuối tháng[2], ánh sáng mất, màu sắc cũng mất, sở hệ cũng mất, ngày đêm càng lúc càng tiêu giảm[3], cho đến không còn xuất hiện. Cũng vậy, có người đối với Như Lai mà tín tâm tịch tĩnh[4], thọ trì tịnh giới, khéo học, nghe nhiều, nhường bớt phần mình để bố thí, chánh kiến chân thật; nhưng sau đó lại thoái thất, tín tâm thanh tịnh đối với Như Lai, đối với sự trì giới, bố thí, nghe nhiều, chánh kiến chân thật ngay thẳng[5]; đối với sự bố thí, trì giới, đa văn, chánh kiến, tất cả đều bị đánh mất; ngày đêm càng lúc càng tiêu giảm, cho đến trong khoảnh khắc tất cả đều bị quên mất. Lại nữa, này Bà-la-môn, nếu người thiện nam nào, mà không thân quen gần gũi thiện tri thức,

---

1. Cf. N^{0}100(260); N 26. 148 (kinh Hà Khổ, đoạn cuối); N^{0}125 (17.8); Cf. A.v. 31.
2. Hán: nguyệt hắc phần 月黑分, phần tối của tháng, phần nửa sau của mỗi tháng. Pāli: kāla-pakkha.
3. Để bản: diệt 滅. Đọc theo bản Tống: giảm 減.
4. Để bản: tín gia tâm 信家心. Tống-Nguyên-Minh: tín tịch tâm 信寂心. Đoạn dưới: tịnh tín 淨信.
5. Hán: chân trực 真直; đoạn trên: chân thật 真實.

không thường xuyên nghe pháp, không suy nghĩ chân chánh, thân làm các hành vi ác, miệng nói lời ác, ý nghĩ về những điều ác, thì vì những nhân duyên ác đã tạo ra này, nên khi thân hoại mạng chung sẽ bị đọa vào trong đường ác, địa ngục. Như vậy, này Bà-la-môn, người nam bất thiện được ví như trăng."

Bà-la-môn bạch Phật:

"Thế nào là người nam thiện được ví như trăng?"

Phật bảo Bà-la-môn:

"Như trăng đầu tháng[6], ánh sáng và màu sắc tươi sáng, ngày đêm càng lúc càng sáng dần, cho đến khi trăng đầy, hoàn toàn tròn đầy tươi sáng. Cũng vậy, người nam thiện đối với pháp luật của Như Lai mà có được tín tâm thanh tịnh, cho đến, chánh kiến chân thật, chân tịnh càng tươi sáng, giới tăng, thí tăng, đa văn tăng, tuệ tăng, ngày đêm càng lúc càng tăng. Rồi vào lúc khác, gần gũi thiện tri thức, nghe thuyết chánh pháp, bên trong suy nghĩ chân chánh, thân làm các việc lành, miệng nói những lời lành, ý nghĩ những điều lành; nhờ vào những nhân duyên này mà khi thân hoại mạng chung sẽ được hóa sanh lên cõi trời. Này Bà-la-môn, vì vậy cho nên người nam thiện được ví như trăng."

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói kệ rằng:

Như trăng trong không bợn,
Chu du khắp hư không;
Trong tất cả tinh tú,
Ánh trăng sáng hơn hết.
Tịnh tín cũng như vậy,
Giới, văn, rộng bố thí,
Lìa bỏn sẻn trong đời,
Bố thí này sáng ngời.

Phật nói kinh này xong, Bà-la-môn Tăng-ca-la nghe những gì Đức Phật đã dạy, tùy hỷ hoan hỷ từ chỗ ngồi đứng dậy cáo lui.

M

---

6. Hán: nguyệt tịnh phần 月淨分, phần sáng của tháng. Pāli: sukka-pakkha.

KINH 95. SANH VĂN[7]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở tại vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ có Bà-la-môn Sanh Văn đến chỗ Phật, cùng Thế Tôn thăm hỏi sức khỏe nhau, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật rằng:

"Bạch Cù-đàm, tôi nghe Ngài nói rằng: "Chỉ nên cúng dường cho Ta, không nên cúng dường cho người khác; cúng dường cho Ta sẽ được quả báo lớn, không phải cúng dường cho người khác mà được quả báo lớn. Nên cúng dường cho đệ tử của Ta, không nên cúng dường cho đệ tử người khác; cúng dường cho đệ tử của Ta sẽ được quả báo lớn, không phải cúng dường cho đệ tử của người khác mà được quả báo lớn." Bạch Cù-đàm, thế nào, những lời nói ấy có phải là lời nói thật chăng? Chẳng phải là hủy báng Cù-đàm chăng? Nói đúng như thuyết, nói đúng như pháp, nói theo thuận thứ của pháp, không bị người khác dùng đồng pháp đến quở trách chăng?"

Phật bảo Bà-la-môn:

"Người nào nói những lời như vậy là hủy báng Ta; không nói đúng như thuyết, nói đúng như pháp, nói theo thuận thứ của pháp, bị người khác dùng đồng pháp đến quở trách. Vì sao? Vì Ta không nói như vầy: "Nên cúng dường cho Ta, không nên cúng dường cho người; cúng dường cho Ta sẽ được quả báo lớn, không phải cúng dường cho người khác là được quả báo lớn. Nên cúng dường cho đệ tử của Ta, cúng dường cho đệ tử của Ta sẽ được quả báo lớn; không phải cúng dường cho đệ tử của người khác mà được quả báo lớn." Nhưng này Bà-la-môn Ta nói như vầy, những lời nói như trên sẽ tạo ra hai thứ chướng ngại: chướng ngại cho việc cúng dường của người thí chủ và làm chướng ngại cho người nhận đồ cúng dường.

"Này Bà-la-môn, cho đến bất cứ người nào, chỉ cần đem thức ăn trong khi rửa bát chén còn lại, đổ ở trên đất sạch, khiến cho những sanh vật nơi đó được sự lợi lạc, thì Ta nói những người đó đã được vào cửa phước rồi, huống chi là bố thí cho con người. Này Bà-la-môn, tuy nhiên Ta cũng nói, người nào cúng dường cho người trì giới, quả báo

7. A. iii. 57 Vacchagotta. Hán, N^{0}100(261).

đó sẽ không đồng với sự bố thí cho người phạm giới."

Bà-la-môn Sanh Văn bạch Phật rằng:

"Thưa Cù-đàm, đúng vậy, tôi cũng nói như vậy, cúng dường cho người trì giới sẽ được quả báo lớn, chứ không phải cúng dường cho người phạm giới."

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói kệ rằng:

Hoặc đen, hoặc trắng tinh,
Hoặc đỏ, hoặc có màu,
Màu tạp cùng vàng ròng,
Thuần vàng cùng màu xám,
Những trâu cái như vậy,
Trâu con đẹp đẽ này,
Đầy đủ sức cường tráng,
Khéo huấn luyện, đi nhanh,
Chỉ khiến chuyên chở nặng,
Không hỏi màu sắc nó.
Con người cũng như vậy,
Tùy thuộc vào nơi sanh,
Sát-lợi, Bà-la-môn,
Tỳ-xá, Thủ-đà-la,
Hạ tiện Chiên-đà-la,
Nơi sanh thảy không đồng.
Giả sử giữ tịnh giới,
Lìa gánh nặng phiền não,
Thuần nhất tu phạm hạnh,
A-la-hán lậu tận,
Đấng Thiện Thệ trong đời:
Cúng các Ngài, quả lớn.
Người ngu không trí tuệ,
Chưa từng nghe chánh pháp:
Cúng kia không quả lớn,
Vì không gần bạn lành.
Nếu gần thiện tri thức,
Như Lai cùng Thanh văn,
Tín tịnh nơi Thiện Thệ,

Căn sanh, lực kiên cố,
Sẽ đi về đường lành,
Sanh vào dòng tôn quý,
Cứu cánh Bát-niết-bàn,
Đại Tiên nói như vậy.

Phật nói kinh này xong, Bà-la-môn Sanh Văn nghe những gì Đức Phật đã dạy, tùy hỷ hoan hỷ làm lễ cáo lui.

M

KINH 96. DỊ BÀ-LA-MÔN[8]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở tại vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, Xá-vệ. Bấy giờ, vào buổi sáng, Đức Thế Tôn đắp y mang bát vào thành Xá-vệ khất thực. Lúc ấy, có Bà-la-môn[9] tuổi già sức yếu, chống gậy, cầm bát, đi khất thực từng nhà một. Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Bà-la-môn:

"Nay ông đã tuổi già sức yếu rồi, sao lại còn phải chống gậy cầm bát đi khất thực từng nhà?"

Bà-la-môn bạch Phật:

"Bạch Cù-đàm, bao nhiêu tài vật có được ở trong nhà tôi, tất cả đều giao cho con trai, cưới vợ cho con trai. Nhưng sau đó chúng lại đuổi ra khỏi nhà, nên phải chống gậy, cầm bát đi khất thực từng nhà."

Phật bảo Bà-la-môn:

"Ông có thể học thuộc lòng một bài kệ của Ta, rồi trở về nhà, ở giữa mọi người Bà-la-môn, đọc cho con trai của ông nghe được không?"

Bà-la-môn bạch Phật:

"Bạch Cù-đàm, có thể được."

Bấy giờ, Đức Phật liền nói bài kệ:

Sanh con lòng vui mừng,
Vì con tích chứa của,
Rồi cưới vợ cho con.

---

8. S. 7. 14 Mahāsāla. Biệt dịch, N^{0}100(262).

9. Pāli: brāhmaṇamahāsālo, đại phú Bà-la-môn.

Nhưng mình phải bỏ nhà.
Đứa con quê mùa kia,
Nghịch, phụ ân cha mẹ,
Thân người, tâm La-sát,
Xua đuổi bậc già cả.
Như ngựa già vô dụng,
Bị cướp mất thóc lúa,
Con trẻ mà cha già,
Phải xin ăn từng nhà.
Gậy cong này hơn hết,
Ân ái hơn con đẻ,
Vì ta ngừa trâu dữ,
Tránh đất hiểm, được an,
Xua đuổi loài chó dữ,
Giúp ta qua chỗ tối,
Tránh hầm sâu, giếng thẳm,
Cây cỏ và gai gốc;
Nhờ sức oai cây gậy,
Đứng vững không té ngã.

Sau khi nhận bài kệ từ Đức Thế Tôn, người Bà-la-môn liền trở về giữa đám đông Bà-la-môn, đọc lại cho con trai nghe. Trước hết ông cáo bạch mọi người: "Hãy nghe tôi nói." Sau đó ông đọc lại bài kệ như trên. Người con trai vừa xấu hổ vừa sợ hãi, liền ôm choàng người cha mình đưa vào nhà, tắm rửa lau mình, mặc áo quần sạch sẽ và lập làm gia chủ.

Rồi thì, Bà-la-môn tự nghĩ: "Ta có được dòng họ tôn quý như hôm nay, là nhờ ân đức của Sa-môn Cù-đàm. Như kinh điển của ta đã dạy: 'Là Thầy thì cúng dường như bậc Thầy; là Hòa thượng thì cúng dường như là Hòa thượng. Những gì ta đã được hôm nay đều nhờ vào oai lực của Sa-môn Cù-đàm, Ngài là Thầy của ta. Hôm nay ta sẽ đem chiếc y quí giá tốt đẹp nhất cúng dường cho Cù-đàm."

Bấy giờ, Bà-la-môn đem chiếc y quí giá nhất đến chỗ Đức Thế Tôn. Trước mặt Thế Tôn, cùng thăm hỏi sức khỏe rồi, sau đó ngồi lui qua một bên, bạch Phật rằng:

"Bạch Cù-đàm, ngày nay gia cư của con được thành tựu là nhờ

vào oai lực của đức Cù-đàm. Như kinh điển bên con đã dạy: "Là Thầy thì cúng dường như là bậc Thầy, là Hòa thượng thì cúng dường như là Hòa thượng." Ngày nay Cù-đàm là Thầy của con, xin thương xót con mà nhận chiếc y này."

Vì thương xót mà Đức Thế Tôn đã nhận chiếc y.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn vì Bà-la-môn mà nói đủ các pháp, chỉ dạy, làm sáng tỏ, làm cho vui mừng.

Bà-la-môn nghe những gì Đức Phật đã dạy, tùy hỷ hoan hỷ, làm lễ cáo lui.

M

KINH 97. KHẤT THỰC[10]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở tại vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ vào buổi sáng sớm, Đức Thế Tôn đắp y cầm bát vào thành Xá-vệ khất thực. Lúc ấy có một Bà-la-môn tuổi già sức yếu, chống gậy cầm bát đi khất thực từng nhà. Bà-la-môn này từ xa nhìn thấy Đức Thế Tôn liền tự nghĩ: "Sa-môn Cù-đàm chống gậy bưng bát, đi khất thực từng nhà. Ta cũng chống gậy ôm bát đi khất thực từng nhà. Ta cùng Cù-đàm đều là Tỳ-kheo[11]."

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói kệ để trả lời:

Được gọi là Tỳ-kheo,
Chẳng chỉ vì khất thực.
Kẻ trì pháp tại gia,
Sao được gọi Tỳ-kheo?
Đã lìa dục tai hại,
Tu tập các chánh hạnh,
Tâm mình không sợ hãi,
Đó gọi là Tỳ-kheo.

Phật nói kinh này xong, Bà-la-môn kia nghe những gì Đức Phật đã dạy, tùy hỷ hoan hỷ làm lễ cáo lui.

---

10. S.7. 20. Bhikkhaka. Biệt dịch, N^{0}100(263).

11. Pāli: Bhikkhako, người ăn xin, hành khất. Bản Hán hiểu là Bikkhu.

M

KINH 98. CANH ĐIỀN[12]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật từ Câu-tát-la du hành trong nhân gian đến trụ trong rừng Nhất-na-la[13], tại tụ lạc Nhất-na-la. Bấy giờ Đức Thế Tôn đắp y mang bát vào tụ lạc Nhất-na-la khất thực. Rồi Thế Tôn nghĩ: "Nay trời còn quá sớm. Giờ Ta hãy đi đến chỗ phân phát ẩm thực[14] của Bà-la-môn làm ruộng là Bà-la-đậu-bà-giá[15]." Bà-la-môn chuẩn bị đủ năm trăm cái cày, đang phân phát ẩm thực. Từ xa Bà-la-môn cày ruộng Bà-la-đậu-bà-giá nhìn thấy Đức Thế Tôn, bèn thưa rằng:

"Bạch Cù-đàm, nay tôi cày ruộng, gieo giống để cung cấp lương thực. Vậy, Sa-môn Cù-đàm cũng nên cày ruộng gieo giống để cung cấp lương thực!"

Phật bảo Bà-la-môn:

"Ta cũng cày ruộng gieo giống, để cung cấp lương thực."

Bà-la-môn bạch Phật:

"Tôi không thấy Sa-môn Cù-đàm sắm cái cày, cái ách, dây buộc, cái bừa, hay cái roi, mà nay Cù-đàm lại nói: "Ta cũng cày ruộng, gieo giống, để cung cấp lương thực!"

Lúc ấy, Bà-la-môn cày ruộng Bà-la-đậu-bà-giá liền nói kệ rằng:

Người tự nói cày ruộng,
Mà không thấy cái cày;
Lại bảo tôi cày ruộng.
Xin cho biết phép cày.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói kệ đáp lại rằng:

Tín tâm là hạt giống,

---

12. S. 7. 11. Kasi; Sn. 14. Biệt dịch, N^{0}100(264).

13. Nhất-na-la 一那羅. Pāli: Ekanālā.

14. Hán: tác ẩm thực xứ 作飲食處. Pāli: parivesanā, sự phân phối thực phẩm, hay sự dọn ăn.

15. Hán: canh điền Bà-la-đậu-bà-giá 耕田婆羅豆婆遮. Pāli: kasi-bhāradvāja-brāhmaṇa.

Khổ hạnh mưa đúng mùa,
Trí tuệ là cày, ách,
Tàm quý là cán cày.
Tự gìn giữ chánh niệm,
Là người giỏi chế ngự.
Giữ kín nghiệp thân, miệng,
Như thực phẩm trong kho.
Chân thật là xe tốt,
Sống vui không biếng nhác,
Tinh tấn không bỏ hoang,
An ổn mà tiến nhanh,
Thẳng đến không trở lại,
Đến được chỗ không lo.
Người cày ruộng như vậy,
Chứng đắc quả Niết-bàn.
Người cày ruộng như vậy,
Không tái sinh các hữu.

Bấy giờ, Bà-la-môn cày ruộng Bà-la-đậu-bà-giá bạch Phật rằng:

"Cù-đàm rất giỏi cày ruộng! Cù-đàm cày ruộng thật hay!"

Rồi thì, sau khi nghe Đức Thế Tôn nói kệ, tín tâm đối với ông càng tăng, Bà-la-môn cày ruộng Bà-la-đậu-bà-giá đem dâng cúng Phật một bát đầy đồ ăn thức uống thơm ngon. Đức Thế Tôn không nhận, vì có được là do nói bài kệ. Ngài bèn nói kệ rằng:

Không vì việc nói pháp,
Nhận ăn thức ăn này.
Chỉ vì lợi ích người,
Nói pháp không thọ thực.

Nói rộng như đã nói rộng với Hỏa chủng Bà-la-môn ở trước như vậy.

Lúc này, Bà-la-môn cày ruộng Bà-la-đậu-bà-giá bạch Đức Phật rằng:

"Bạch Cù-đàm, giờ con đem thức ăn này để chỗ nào?"

Phật bảo Bà-la-môn:

"Ta không thấy chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn,

thiên thần, hay người thế gian nào, mà dùng thức ăn này được an ổn được. Này Bà-la-môn, ông hãy đem thức ăn này để vào trong nước không có trùng hay chỗ đất nào ít cỏ tươi."

Khi ấy, người Bà-la-môn này đem thức ăn đặt vào trong nước không có trùng, nước liền bốc khói, sôi bùng kêu xèo xèo. Như hòn sắt nóng được ném vào trong nước lạnh phát ra tiếng kêu xèo xèo; cũng vậy, thức ăn này được để vào trong nước không có trùng thì sôi bùng khói bốc lên và phát ra tiếng kêu xèo xèo. Bà-la-môn tự nghĩ: "Sa-môn Cù-đàm thật là kỳ đặc, có oai đức lớn, có oai lực lớn nên mới có thể làm cho đồ ăn thức uống thần biến như vậy." Khi Bà-la-môn thấy thức ăn hiện điềm lành, lòng tin của ông càng tăng, lại bạch Phật rằng:

"Bạch Cù-đàm, nay con có thể được phép ở trong chánh pháp xuất gia thọ cụ túc không?"

Đức Phật bảo Bà-la-môn:

"Nay ông có thể được phép ở trong chánh pháp, xuất gia thọ cụ túc; được làm Tỳ-kheo."

Sau khi Bà-la-môn này xuất gia rồi, một mình lặng lẽ tư duy về lý do người dòng họ quý tộc cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chánh tín, xuất gia, học đạo, sống không gia đình, cho đến đắc quả A-la-hán, tâm khéo giải thoát.

M

KINH 99. TỊNH THIÊN[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở tại thành Vương xá. Bấy giờ có Tôn giả tên là Tịnh Thiên[2], từ nước Tỳ-đề-ha du hành trong nhân gian đến trong vườn Am-la tại thành Di-hy-la. Sáng hôm ấy, Tôn giả Tịnh Thiên đắp y mang bát vào thành Di-hy-la khất thực, theo thứ tự khất thực, đi lần đến nhà cũ.

Cũng lúc ấy, mẹ của Tịnh Thiên, tuổi đã già, đang dâng lễ cúng thần lửa tại nhà giữa để cầu sanh lên cõi Phạm thiên, mà không biết Tôn giả Tịnh Thiên đang đứng ngoài cửa. Bấy giờ, Tỳ-sa-môn Thiên vương đối với Tôn giả Tịnh Thiên sanh lòng kính tin cực kỳ. Tỳ-sa-môn Thiên vương, cùng với các hàng Dạ-xoa theo sau, đang nương vào hư không mà đi, thấy Tôn giả Tịnh Thiên đang đứng ngoài cửa; lại thấy trong nhà giữa mẹ Tôn giả đang bưng đồ ăn thức uống dâng cúng thần lửa, mà không thấy con mình đang đứng ngoài cửa. Thấy vậy, từ không trung hạ xuống, đến trước mặt mẹ Tịnh Thiên nói kệ rằng:

Bà-la-môn-ni này,
Phạm thiên thật xa vời,
Vì muốn sanh nơi đó,
Ở đây thờ cúng lửa.
Chẳng phải đường Phạm thiên,
Thờ tự chi vô ích?
Này Bà-la-môn-ni,
Tịnh Thiên đứng ngoài cửa,
Cấu uế đã dứt sạch,
Là trời trong các trời.
Vắng lặng không có gì,
Một mình không tài sản,
Vì khất thực vào nhà,

---

1. S. 6. 3. Brahmadeva. Biệt dịch, N^{0}100(265).
2. Tịnh Thiên 淨 天 . Pāli: brāhmaṇiyā brahmadevo nāma... pabbajito, con trai của một nữ Bà-la-môn, tên là Brahmadeva, đã xuất gia.

Là người đáng cúng dường.
Tịnh Thiên khéo tu thân,
Ruộng phước tốt Trời, Người,
Xa lìa tất cả ác,
Không hề nhiễm, bị nhiễm,
Đức đồng với Phạm thiên.
Thân tuy ở nhân gian,
Mà không nhiễm pháp nào,
Như rồng đã thuần thục[3]*,*
Tỳ-kheo sống chánh niệm,
Tâm mình khéo giải thoát.
Nên dâng nắm cơm đầu[4]*,*
Là ruộng phước tối cao.
Nên đem tâm chánh tín,
Kịp thời cúng dường nhanh.
Nên dự lập hòn đảo,
Khiến vị lai an lạc.
Bà xem ẩn sĩ[5] *này,*
Đã qua dòng biển khổ.
Cho nên hãy tín tâm,
Kịp thời cúng dường nhanh;
Nên dự lập hòn đảo,
Khiến vị lai an lạc.
Thiên vương Tỳ-sa-môn,
Chỉ bày, bỏ thờ lửa.

Bấy giờ, Tôn giả Tịnh Thiên vì mẹ mình mà nói pháp bằng nhiều cách, soi sáng chỉ bày, làm cho an vui, rồi trở ra đường mà đi.

M

KINH 100. PHẬT (1)[6]

---

3. Hán: thuần thục long 淳 熟 龍 ; nên hiểu là "voi chúa đã được khéo huấn luyện". Pāli: nāgavo danto.
4. Nguyên bản: sơ Phật 初 佛 . Bản Tống: sơ đoàn 初 揣 .
5. Nguyên Hán: mâu-ni 牟 尼 .

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở tại vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ có một Bà-la-môn đến chỗ Phật, cùng thăm hỏi sức khỏe, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật rằng:

"Bạch Cù-đàm, gọi là Phật, vậy thế nào là Phật? Là tên do cha mẹ đặt, hay là do Bà-la-môn đặt?"

Rồi Bà-la-môn liền nói kệ rằng:

Phật là tên hơn hết,
Vượt lên cả thế gian,
Là do cha mẹ đặt,
Gọi đó là Phật chăng?

Bấy giờ, Đức Thế Tôn dùng kệ đáp rằng:

Phật thấy đời quá khứ,
Thấy vị lai cũng vậy,
Cũng thấy đời hiện tại,
Tất cả hành khởi diệt,
Trí sáng biết rõ ràng,
Điều cần tu đã tu,
Điều nên đoạn đã đoạn,
Cho nên gọi là Phật.
Nhiều kiếp tìm lựa chọn,
Thuần khổ không chút vui,
Có sanh ắt có diệt,
Xa lìa dứt bụi nhơ,
Nhổ gốc gai kết sử,
Đẳng giác gọi là Phật.

Phật nói kệ xong, Bà-la-môn nghe những gì Đức Phật đã dạy, tùy hỷ hoan hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy ra đi.

M

KINH 101. PHẬT (2)[7]

---

6. Biệt dịch, N^{0}100(266).

7. A. iv. 36 Loke. Biệt dịch, N^{0}100(267), N^{0}125(38.3).

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở tại nước Câu-tát-la, du hành trong nhân gian, ngồi nghỉ trưa[8] dưới một bóng cây giữa hai thôn Hữu-tùng-ca-đế[9] và Đọa-cưu-la[10]. Lúc ấy có một Bà-la-môn thuộc dòng họ Đậu-ma[11] đang đi trên con đường kia, đến sau Phật. Ông thấy dấu chân Phật hiện ra như bánh xe ngàn căm, dấu chỉ rõ ràng, chỉ bên trong thì đều, vòng chỉ bên ngoài thì tròn, tất cả đều đẹp đẽ và đầy đặn. Thấy vậy, liền tự nghĩ: "Ta chưa từng thấy người thế gian nào mà có dấu chân như vậy. Giờ ta phải theo dấu mà tìm ra người này."

Ông liền theo dấu chân đưa đến chỗ Phật, thấy Đức Thế Tôn đang ngồi nghỉ trưa dưới một bóng cây, dung mạo đoan nghiêm tuyệt thế, các căn vắng lặng, tâm Ngài an định tịch tĩnh, điều phục đệ nhất, thành tựu chánh quán, ánh sáng rực rỡ, giống như núi vàng.

Sau khi đã thấy vậy rồi, liền bạch:

"Ngài là Trời chăng?"

Phật bảo Bà-la-môn:

"Ta chẳng phải là Trời."

Lại hỏi:

"Là Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, Nhân, Phi nhân chăng?"

Phật bảo Bà-la-môn:

"Ta chẳng phải Rồng ... cho đến Nhân, Phi nhân."

Bà-la-môn bạch Phật:

"Nếu bảo rằng chẳng phải Trời, chẳng phải Rồng... cho đến chẳng phải Nhân, chẳng phải Phi nhân, vậy thì Ngài là ai?"

Bấy giờ, Đức Thế Tôn dùng kệ đáp rằng:

Trời, Rồng, Càn-thát-bà,
Khẩn-na-la, Dạ-xoa,
A-tu-la không lành,

---

8. Nguyên bản: nhập tận chánh thọ 入盡正受. Theo bản Tống, sửa lại: nhập trú... 入晝. Pāli: divāvihāra.

9. Hữu-tùng-ca-đế 有從迦帝. Bản Tống: Hữu-tỉ-ca-đế 有徙迦諦. Pāli: Ukkṭṭha.

10. Đọa cưu-la 墮鳩羅. Pāli: Setavya.

11. Đậu-ma chủng tánh 豆磨種姓. Pāli: Doṇo brāhmaṇo, Bà-la-môn Doṇa.

Những La-hầu-la-già,
Nhân cùng chẳng phải Nhân,
Đều do phiền não sanh.
Lậu hoặc phiền não này,
Tất cả, Ta đã bỏ,
Đã phá, đã diệt sạch,
Như hoa Phân-đà-lợi,
Tuy sanh từ trong nước,
Nhưng chưa từng dính nước.
Ta tuy sanh thế gian,
Chẳng bị nhiễm thế gian,
Nhiều kiếp thường lựa chọn,
Thuần khổ không chút vui.
Tất cả hành hữu vi,
Thảy đều bị sanh diệt,
Trừ nhơ, không lay động,
Đã nhổ sạch gai góc,
Cùng tột bờ sanh tử,
Cho nên gọi là Phật.

Phật nói kinh này xong, Bà-la-môn Đậu-ma nghe những gì Đức Phật đã dạy, tùy hỷ hoan hỷ, rồi tiếp tục mà đi.

M

KINH 102. LÃNH QUẦN ĐẶC[12]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ vào buổi sáng sớm, Đức Thế Tôn đắp y mang bát vào thành Vương xá khất thực, theo thứ tự khất thực, đến nhà Bà-la-môn Bà-la-đậu-bà-giá[13]. Lúc ấy, Bà-la-môn tay cầm cái thìa gỗ đựng đầy thức ăn, sửa soạn cúng dường lửa, đang đứng ở bên cửa. Từ xa trông thấy Phật đi đến, ông liền gọi Phật rằng:

---

12. Sn. 1.7. Vasala. Biệt dịch, N^{0}100(268).

13. Bà-la-đậu-bà-giá 婆羅豆婆遮. Pāli: Aggika-Bhāradvāja, Bhāradvāja thờ lửa.

"Hãy dừng lại! Dừng lại! Này gã tiện dân[14], chớ đến gần cửa tôi."

Phật bảo Bà-la-môn:

"Ông có biết tiện dân và pháp của tiện dân không?"

Bà-la-môn nói:

"Tôi không biết tiện dân và cũng không biết pháp của tiện dân. Vậy, Sa-môn Cù-đàm có biết tiện dân và pháp của tiện dân không?"

Phật bảo:

"Ta biết rõ về tiện dân và pháp của tiện dân."

Ngay lúc đó Bà-la-môn để xuống những dụng cụ thờ lửa, vội vàng trải giường ngồi, mời Đức Phật ngồi và thưa rằng:

"Bạch Cù-đàm, xin vì tôi mà nói về tiện dân và pháp của tiện dân."

Đức Phật liền ngồi vào chỗ ngồi và nói kệ rằng:

Tâm sân nhuế ôm hận,
Che giấu các lỗi lầm,
Khởi ác kiến, phạm giới,
Dối trá không chân thật;
Những con người [15] *như vậy,*
Nên biết, là tiện dân.
Hung bạo, tham, bủn xỉn,
Ác dục, keo, trá ngụy,
Tâm không hổ, không thẹn,
Nên biết, là tiện dân.
Loài một sanh, hai sanh,[16]
Tất cả đều sát hại,
Không có lòng thương xót,
Đó là hạng tiện dân.

---

14. Nguyên Hán: lãnh quần đặc 領群特: gã chăn bò. Pāli: vasalaka, gã tiện dân, người hèn hạ. Bản Hán đọc là vacchalaka.

15. Nguyên Hán: sĩ phu 士夫.

16. Nhất sanh, nhị sanh 一生二生. Pāli: ekajaṃ vā dvijaṃ; Sớ giải: trừ loài sanh trứng, còn lại là loài một (lần) sanh. Hai lần sanh, là loài sanh trứng.

Hoặc giết, trói, đánh, đập,
Thôn xóm cùng thành ấp,
Trách mắng cách vô đạo,[17]
Biết đó là tiện dân.
Ở, dừng và đi đường,
Dẫn đầu một nhóm đông,
Hành hạ người dưới tay,
Gây sợ hãi bức hiếp,
Thủ lợi về cho mình,
Biết đó là tiện dân.
Thôn xóm cùng đất trống,
Vật có chủ, không chủ,
Chiếm đoạt làm của mình,
Biết đó là tiện dân.
Tự bỏ bê vợ mình,
Lại không vào nhà điếm,
Mà xâm đoạt vợ người,
Biết đó là tiện dân.
Những thân thuộc trong ngoài,
Thiện tri thức đồng tâm,
Xâm phạm vật họ yêu,
Biết đó là tiện dân.
Nói dối lừa gạt người,
Gạt lây của không chứng,
Người đòi mà không trả,
Biết đó là tiện dân.
Vì mình cũng vì người,
Vì trách, hoặc vì tiền,[18]
Mà hùa theo lời người,

---

17. Pāli: niggāhako samaññāto, kẻ được gọi là áp bức. Bản Hán hiểu niggāhaka là kẻ trách mắng.

18. Để bản: (...) cập tài dữ 及財與 : hoặc vì người cho tiền (mà làm chứng dối). Ấn Thuận theo Tống-Nguyên-Minh sửa lại là (...) cập vô trách 及無責 (không bị quở trách). Pāli: dhanahetu.

Nói dối, chứng cho người;
Người nói dối như vậy,
Biết đó là tiện dân.
Tạo nghiệp ác, bất thiện,
Không có người hay biết,
Ẩn giấu che tội ác,
Biết đó là tiện dân.
Nếu người hỏi nghĩa này,
Lại đáp bằng phi nghĩa,
Điên đảo lừa dối người,
Biết đó là tiện dân.
Thật trống, không có gì,
Mà khinh chê người trí,
Ngu si vì lợi mình,
Biết đó là tiện dân.
Cao mạn tự huênh hoang,
Đi chê bai người khác,
Kiêu mạn thật thấp hèn,
Biết đó là tiện dân.
Tự tạo các lỗi lầm,
Lại đổ lỗi người khác,
Nói dối chê thanh bạch,
Biết đó là tiện dân.
Trước nhận lợi dưỡng người,
Khi người ấy đến mình,
Không có lòng đền đáp,
Biết đó là tiện dân.
Sa-môn, Bà-la-môn,
Đến khất cầu như pháp,
Không cho mà quở trách,
Biết đó là tiện dân.
Nếu cha mẹ tuổi già,
Khí lực trẻ đã suy,
Không chăm lo phụng dưỡng,
Biết đó là tiện dân.

Cha mẹ, bậc tôn trưởng,
Anh em, quyến thuộc thân.
Thật không phải La-hán,
Tự hiện đức La-hán,
Là giặc lớn thế gian,
Biết đó là tiện dân.
Sanh dòng họ tôn quý,
Học sách Bà-la-môn,
Mà ở trong chỗ đó,
Tập làm các nghiệp ác,
Không vì sanh nơi quý,
Mà khỏi tội, thoát đường ác;
Hiện tại bị quở trách,
Đời sau vào đường ác.
Sanh nhà Chiên-đà-la,
Đời gọi Tu-đà-di[19],
Tiếng đồn khắp thiên hạ,
Chiên-đà-la không có;
Bà-la-môn, Sát-lợi,
Đại tộc, thảy cúng dường.
Theo đường lên Tịnh thiên[20],
Sống bình đẳng chân thật,
Không vì chỗ sanh chướng,
Mà không sanh Phạm thiên,
Hiện tại tiếng đồn tốt,
Đời sau sanh cõi lành,
Hai đời ông nên biết,
Như Ta đã chỉ bày,
Không vì dòng họ sanh,
Mà gọi là tiện dân.

---

19. Tu-đà-di 須陀夷 ; có lẽ đồng nhất với Mātaṅga của Pāli: Bồ-tát sanh làm người Chiên-đà-la (giai cấp hạ tiện) tên là Mātaṅga, nhưng danh tiếng đồn vang, khiến các nhà đại tộc cũng phải cung kính. Xem Mātaṅga jātaka (N^{0}497).
20. Tịnh thiên đạo 淨天道 , tức đường dẫn lên Phạm thiên.

Không vì dòng họ sanh,
Mà gọi Bà-la-môn.
Hành nghiệp, thành tiện dân;
Hành nghiệp, Bà-la-môn.

Bà-la-môn bạch Phật rằng:

Đại Tinh Tấn, đúng vậy!
Đại Mâu-ni, đúng vậy!
Không vì chỗ sanh ra,
Mà gọi là tiện dân,
Không vì chỗ sanh ra,
Gọi là Bà-la-môn,
Hành nghiệp, thành tiện dân;
Hành nghiệp, Bà-la-môn.

Bấy giờ, Bà-la-môn thờ lửa Bà-la-đậu-bà-giá càng được thêm tín tâm, bèn lấy bát đựng đầy thức ăn thượng hảo dâng lên Đức Thế Tôn. Thế Tôn không nhận, vì nói bài kệ này mà có được, như bài kệ đã nói trên.

Bấy giờ, Bà-la-môn thờ lửa Bà-la-đậu-bà-giá thấy thức ăn hiện ra điềm lạ *(như kinh 98)* lòng tin của ông càng tăng, bạch Phật rằng:

"Bạch Thế Tôn, nay con có được phép ở trong Chánh pháp luật xuất gia thọ cụ túc không?"

Phật bảo Bà-la-môn:

"Nay ông được phép ở trong Chánh pháp luật xuất gia thọ cụ túc."

Sau khi được xuất gia rồi, một mình lặng lẽ tư duy *(như trước đã nói ... cho đến đắc quả A-la-hán, tâm khéo giải thoát)*.

Khi Bà-la-môn Bà-la-đậu-bà-giá đã đắc A-la-hán, tâm khéo giải thoát rồi, thì tự biết được hỷ lạc, liền nói bài kệ rằng:

Trái đạo, cầu thanh tịnh,
Cúng dường tế thần lửa,
Không biết đạo thanh tịnh,
Như kẻ mù bẩm sinh.
Nay đã được an lạc,

Xuất gia thọ cụ túc,
Chứng đạt được ba minh.
Lời Phật dạy đã làm,
Trước Bà-la-môn khó,
Nay là Bà-la-môn,
Đã tắm, sạch bụi bẩn,
Vượt chư Thiên bờ kia.[21]

❑

[21.] Bản Hán, "21. Tương ưng Bà-la-môn" đến đây bị cắt ngang do sự rối loạn số quyển. Tương ưng này được nối tiếp với kinh số 1178, quyển 44.

TẠP A-HÀM QUYỂN 5

KINH 103. SAI-MA[1]

Tôi nghe như vầy:

Bấy giờ, có số đông Tỳ-kheo Thượng tọa trú ở tại vườn Cù-sư-la, nước Câu-xá-di[2]. Lúc ấy cũng ở nước Câu-xá-di tại vườn Bạt-đà-lê[3] có Tỳ-kheo Sai-ma[4] thân mang trọng bệnh. Bấy giờ, Tỳ-kheo Đà-sa[5] là người nuôi bệnh. Tỳ-kheo Đà-sa đến chỗ các Tỳ-kheo Thượng tọa, lễ dưới chân các Tỳ-kheo Thượng tọa rồi đứng sang một bên. Các Tỳ-kheo Thượng tọa bảo Tỳ-kheo Đà-sa rằng:

"Thầy trở về chỗ Tỳ-kheo Sai-ma nói rằng: 'Các Thượng tọa hỏi thăm thầy, thân thể có an ổn chút nào không? Đau đớn không tăng lắm chứ?' "

Lúc ấy, Tỳ-kheo Đà-sa vâng lời các Tỳ-kheo Thượng tọa trở về chỗ Tỳ-kheo Sai-ma, nói với Tỳ-kheo Sai-ma rằng: 'Các Thượng tọa hỏi thăm thầy, thân thể có an ổn chút nào không? Đau đớn không tăng lắm chứ?'

Tỳ-kheo Sai-ma nói với Tỳ-kheo Đà-sa rằng:

"Bệnh của tôi không bớt, thân không được an ổn, các thứ khổ bức bách càng tăng thêm, không cứu nổi. Giống như người có nhiều sức mạnh bắt lấy người gầy yếu đuối, dùng dây trói chặt vào đầu cùng hai tay, rồi siết chặt làm cho đau đớn vô cùng. Hiện tại sự thống khổ của tôi còn hơn cả người kia nữa. Giống như tên đồ tể dùng dao bén mổ bụng bò lấy nội tạng nó ra; sự đau đớn bụng con bò như thế nào có thể chịu nổi, còn hiện tại sự đau đớn bụng của tôi, hơn cả sự đau của con bò kia. Như hai lực sĩ bắt một người yếu đuối treo lên trên lửa rồi đốt hai chân họ, hiện nay hai chân của tôi còn nóng hơn người kia."

Bấy giờ, Tỳ-kheo Đà-sa đến lại chỗ các Thượng tọa, đem những

---

1. Đại Chánh, quyển 5. Quốc Dịch, quyển 5, phẩm 15. Pāli, S. 22. 89. Khema.
2. Câu-xá-di quốc Cù-sư-la viên ━━━━━━v━━. Pāli: Kosambī, Ghositārāma.
3. Bạt-đà-lê viên ━[━━━━. Pāli: Badarikārāma.
4. Sai-ma ━t ━. Pāli: Khema.
5. Đà-sa ━━P. Pāli: Dāsaka.

lời đã nói về bệnh trạng của Tỳ-kheo Sai-ma bạch lại đầy đủ cho các Thượng tọa. Các Thượng tọa lại sai Tỳ-kheo Đà-sa trở về chỗ Tỳ-kheo Sai-ma và nói với Tỳ-kheo Sai-ma rằng: "Đức Thế Tôn đã dạy có năm thọ ấm, đó là: Sắc thọ ấm; thọ, tưởng, hành, thức thọ ấm. Tỳ-kheo Sai-ma, thầy có thể quán sát một chút về năm thọ ấm này, không phải ngã, không phải ngã sở, được không?"

Tỳ-kheo Đà-sa vâng lời các Tỳ-kheo Thượng tọa dạy rồi trở về nói với Tỳ-kheo Sai-ma rằng:

"Các Thượng tọa nhắn lại thầy là: 'Thế Tôn đã từng dạy về năm thọ ấm, thầy có thể quán sát một chút, không phải ngã, không ngã sở được không?'"

Tỳ-kheo Sai-ma nói với Tỳ-kheo Đà-sa rằng:

"Đối với năm thọ ấm này, tôi có thể quán sát không phải ngã, không phải ngã sở."

Tỳ-kheo Đà-sa trở lại bạch với các Thượng tọa rằng:

"Tỳ-kheo Sai-ma nói, 'Đối với năm thọ ấm này, tôi có thể quán sát không phải ngã, không phải ngã sở.'".

Các Tỳ-kheo Thượng tọa lại sai Tỳ-kheo Đà-sa nói với Tỳ-kheo Sai-ma rằng: "Thầy có thể đối với năm thọ ấm quán sát về không phải ngã, không phải những gì thuộc về ngã như các bậc A-la-hán đã đoạn tận các lậu hoặc được không?"

Tỳ-kheo Đà-sa vâng lời các Tỳ-kheo Thượng tọa dạy, lại đến chỗ Tỳ-kheo Sai-ma, nói với Sai-ma rằng: "Thầy có thể quán sát năm thọ ấm như các bậc A-la-hán đã đoạn tận các lậu hoặc được không?"

Tỳ-kheo Sai-ma nói với Tỳ-kheo Đà-sa rằng:

"Tôi có thể quán sát năm thọ ấm là không phải ngã, không phải ngã sở; nhưng chẳng phải là A-la-hán đã đoạn tận lậu hoặc."

Tỳ-kheo Đà-sa trở lại chỗ các Thượng tọa, bạch với các Thượng tọa, Tỳ-kheo Sai-ma nói, 'Tôi có thể quán sát năm thọ ấm là không phải ngã, không phải ngã sở; nhưng chẳng phải là A-la-hán đã đoạn tận lậu hoặc.'"

Bây giờ, các Thượng tọa bảo Tỳ-kheo Đà-sa, "ngươi hãy trở về nói với Tỳ-kheo Sai-ma: 'Thầy nói là thầy quán sát năm thọ ấm không phải là ngã, không phải là ngã sở, nhưng chẳng phải là A-la-hán đã đoạn tận lậu hoặc. Trước sau mâu thuẫn nhau.'"

Tỳ-kheo Đà-sa lại vâng lời dạy các Thượng tọa, đến nói với Tỳ-kheo Sai-ma là: 'Thầy nói là thầy quán sát năm thọ ấm không phải là ngã, không phải là ngã sở, nhưng chẳng phải là A-la-hán đã đoạn tận lậu hoặc. Trước sau mâu thuẫn nhau.'

Tỳ-kheo Sai-ma nói với Tỳ-kheo Đà-sa rằng:

"Đối với năm thọ ấm tôi quán sát không phải là ngã, không phải là ngã sở. Nhưng chẳng phải là A-la-hán. Vì đối với ngã mạn, ngã dục, ngã sử, tôi chưa đoạn hết, chưa biết rõ, chưa xả ly, chưa nhàm tởm, chưa nhổ ra hết."

Tỳ-kheo Đà-sa trở lại chỗ các Thượng tọa, bạch với các Thượng tọa, là Tỳ-kheo Sai-ma xin thưa rằng: 'Đối với năm thọ ấm tôi quán sát không phải là ngã, không phải là ngã sở. Nhưng chẳng phải là A-la-hán. Vì đối với ngã mạn, ngã dục, ngã sử, tôi chưa đoạn hết, chưa biết rõ, chưa xả ly, chưa nhàm tởm, chưa nhổ ra hết.'

Các Thượng tọa lại sai Tỳ-kheo Đà-sa nói với Tỳ-kheo Sai-ma rằng: 'Thầy nói có ngã. Vậy thì ở chỗ nào có ngã? Sắc là ngã hay ngã khác sắc? Và thọ, tưởng, hành, thức là ngã hay ngã khác thức?'

Tỳ-kheo Sai-ma nói với Tỳ-kheo Đà-sa rằng:

"Tôi không nói sắc là ngã hay ngã khác sắc; thọ, tưởng, hành, thức là ngã hay ngã khác thức. Nhưng đối với năm thọ ấm, ngã mạn, ngã dục, ngã sử tôi chưa đoạn hết, chưa biết rõ, chưa xa lìa, chưa nhàm tởm, chưa nhổ ra hết."

Tỳ-kheo Sai-ma nói với Tỳ-kheo Đà-sa rằng:

"Sao dám làm phiền thầy phải chạy qua chạy lại! Thầy mang giùm cây gậy đến đây, tôi sẽ tự chống gậy đến các Thượng tọa kia. Xin trao gậy cho tôi."

Tỳ-kheo Sai-ma liền tự chống gậy đi đến chỗ các Thượng tọa. Từ xa các Thượng tọa nhìn thấy Tỳ-kheo Sai-ma chống gậy đi lại, liền trải tòa, sửa ghế ngồi, đích thân ra nghinh tiếp, vì thầy mang giúp y bát và mời ngồi, cùng thăm hỏi sức khỏe nhau, rồi các Thượng tọa nói với Tỳ-kheo Sai-ma rằng:

"Thầy bảo ngã mạn; vậy chỗ nào thấy ngã? Sắc là ngã chăng? Ngã khác sắc chăng? Và thọ, tưởng, hành, thức là ngã chăng? Ngã khác thức chăng?"

Tỳ-kheo Sai-ma bạch rằng:

“Chẳng phải sắc là ngã, chẳng phải ngã khác sắc; chẳng phải thọ, tưởng, hành, thức là ngã, chẳng phải ngã khác thức. Nhưng đối với năm thọ ấm, ngã mạn, ngã dục, ngã sử tôi có thể chưa đoạn hết, chưa có thể biết rõ, chưa có thể xa lìa, chưa nhàm tởm, chưa nhổ ra hết.

“Giống như hương thơm của hoa Ưu-bát-la, Bát-đàm-ma, Câu-mâu-đầu, Phân-đà-lợi, có phải là mùi hương của rễ? Hay hương khác rễ; là mùi hương tinh thô của thân, lá, cuống? Là mùi hương khác tinh thô? Hay là tất cả những thứ đó chăng?”

Các Thượng tọa đáp rằng:

“Không phải đâu, Tỳ-kheo Sai-ma, chẳng phải rễ của hoa Ưu-bát-la, Bát-đàm-ma, Câu-mâu-đầu, Phân-đà-lợi, là mùi hương và chẳng phải mùi hương khác rễ; cũng chẳng phải thân, lá, cuống, tinh thô là mùi hương; cũng chẳng phải mùi hương khác tinh thô.”

Tỳ-kheo Sai-ma lại hỏi:

“Vậy đó là những thứ hương gì?”

Các Thượng tọa đáp rằng:

“Là mùi hương của hoa.”

Tỳ-kheo Sai-ma lại nói:

“Vậy thì ngã cũng như vậy. Chẳng phải sắc là ngã, ngã không lìa sắc và chẳng phải thọ, tưởng, hành, thức là ngã, ngã không lìa thức; nhưng đối với năm thọ ấm, tôi thấy không phải ngã, không phải ngã sở, mà đối với ngã mạn, ngã dục, ngã sử tôi chưa đoạn hết, chưa biết rõ, chưa xa lìa, chưa nhàm tởm, chưa nhổ ra hết.

“Các Thượng tọa hãy nghe tôi nói thí dụ, vì người trí nhờ thí dụ mà được hiểu rõ. Giống như chiếc áo của người nhũ mẫu giao cho người giặt. Họ giặt bằng nước tro, tuy có sạch bụi nhơ, nhưng vẫn còn có mùi. Nếu muốn hết mùi này thì cần phải dùng các thứ hương thơm xông ướp. Cũng vậy, đa văn Thánh đệ tử xa lìa năm thọ ấm, quán sát chân chánh rằng không phải ngã, không phải ngã sở, có thể đối với năm thọ ấm, ngã mạn, ngã dục, ngã sử chưa đoạn hết, chưa biết rõ, chưa xa lìa, chưa nhàm chán, nhưng đối với năm thọ ấm sau đó vị ấy tư duy thêm nữa, quán sát sự sanh diệt của chúng, rằng: ‘Đây là sắc; đây là sự tập khởi của sắc này, đây là sự diệt tận của sắc này. Đây là thọ, tưởng, hành, thức này, đây là sự tập khởi... thức này và sự đoạn

tận của... thức này cũng như vậy. Đối với năm thọ ấm khi đã quán sát sự sanh diệt của chúng như vậy rồi, thì ngã mạn, ngã dục, ngã sử, tất cả đều được tiêu trừ. Đó gọi là quán sát chân chánh chân thật."

Khi Tỳ-kheo Sai-ma nói pháp này, thì các vị Thượng tọa xa lìa được trần cấu, được trong sạch mắt pháp. Tỳ-kheo Sai-ma nhờ không khởi các lậu hoặc, nên tâm được giải thoát. Vì được an vui lợi ích nơi chánh pháp nên những bệnh của thân tất cả đều được tiêu trừ.

Bấy giờ, các Thượng tọa nói với Tỳ-kheo Sai-ma rằng:

"Lần đầu chúng tôi được nghe những gì Nhân giả nói đã hiểu rõ và mừng vui, huống chi là được nghe lại nhiều lần. Sở dĩ chúng tôi hỏi nhiều là vì muốn phát khởi biện tài vi diệu của Nhân giả, chứ không phải có ý nhiễu loạn. Nhân giả là người có khả năng nói rộng chánh pháp của Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác."

Sau khi các Thượng tọa nghe những gì mà Tỳ-kheo Sai-ma nói xong, tất cả đều hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 104. DIỆM-MA-CA[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Tỳ-kheo tên là Diệm-ma-ca khởi tà kiến ác nói rằng: 'Theo chỗ hiểu của tôi về những pháp mà Phật đã thuyết giảng, thì vị A-la-hán lậu tận, sau khi thân hoại mạng chung sẽ không còn gì nữa.'

Lúc ấy, có số đông Tỳ-kheo nghe những lời này, liền đến đó nói với Tỳ-kheo Diệm-ma-ca rằng:

"Có thật thầy đã nói: 'Theo chỗ hiểu của tôi về những pháp mà Phật đã thuyết giảng, thì vị A-la-hán lậu tận, sau khi thân hoại mạng chung sẽ không còn gì nữa'?"

Đáp rằng:

"Thưa các Tôn giả, thật sự như vậy."

Các Tỳ-kheo nói với Diệm-ma-ca:

"Chớ nên hủy báng Thế Tôn. Hủy báng Thế Tôn là không tốt. Thế Tôn không hề nói những lời này. Thầy nên từ bỏ tà kiến ác này đi."

Khi các Tỳ-kheo đã nói những lời này rồi, mà Tỳ-kheo Diệm-ma-ca vẫn còn ôm chặt tà kiến ác này, lại nói như vầy:

"Thưa các Tôn giả, chỉ có đây mới là sự thật, nếu khác đi thì là giả dối."

Thầy nói ba lần như vậy.

Khi các Tỳ-kheo không thể điều phục được Tỳ-kheo Diệm-ma-ca, liền bỏ ra đi, đến chỗ Tôn giả Xá-lợi-phất, thưa Tôn giả Xá-lợi-phất rằng:

"Tôn giả biết cho, Tỳ-kheo Diệm-ma-ca kia đã khởi lên tà kiến ác nói như vầy: 'Theo chỗ hiểu của tôi về những pháp mà Phật đã thuyết giảng, thì vị A-la-hán lậu tận, sau khi thân hoại mạng chung sẽ không còn gì nữa.' Chúng tôi đã nghe những lời nói này, nên đến hỏi Tỳ-kheo Diệm-ma-ca, có thật thầy đã nói: 'Theo chỗ hiểu của tôi về những pháp mà Phật đã thuyết giảng, thì vị A-la-hán lậu tận, sau khi thân hoại mạng chung sẽ không còn gì nữa?' Thầy

---

1. Pāli 22. 85. Yamaka (Diệm-ma-ca).

ấy đáp, 'Thưa các Tôn giả, thật sự là như vậy, nếu khác đi thì là kẻ ngu nói.' Chúng tôi liền bảo rằng: 'Chớ nên hủy báng Thế Tôn. Hủy báng Thế Tôn là không tốt. Thế Tôn không hề nói những lời này. Thầy nên từ bỏ tà kiến ác này đi.' Qua ba lần can gián, thầy vẫn ôm chặt tà kiến ác mà không bỏ, nên nay chúng tôi đến chỗ Tôn giả, xin Tôn giả thương xót Tỳ-kheo Diệm-ma-ca, hãy làm cho thầy dứt bỏ tà kiến ác."

Tôn giả Xá-lợi-phất nói:

"Vâng, tôi sẽ làm cho thầy này dứt bỏ tà kiến ác."

Sau khi nghe những lời Tôn giả Xá-lợi-phất nói rồi, số đông Tỳ-kheo tùy hỷ vui mừng, trở về chỗ ở của mình.

Bấy giờ, lúc sáng sớm, Tôn giả Xá-lợi-phất đắp y mang bát vào thành Xá-vệ khất thực. Ăn xong, ra khỏi thành trở về tinh xá, cất y bát, rồi đến chỗ Tỳ-kheo Diệm-ma-ca.

Tỳ-kheo Diệm-ma-ca từ xa trông thấy Tôn giả Xá-lợi-phất đến, liền trải tòa, chuẩn bị nước rửa chân, sắp đặt ghế ngồi, ân cần nghinh tiếp, mang giúp y bát, rồi mời ngồi. Sau khi Tôn giả Xá-lợi-phất vào chỗ ngồi và rửa chân xong, nói với Tỳ-kheo Diệm-ma-ca:

"Có thật thầy đã nói: 'Theo chỗ hiểu của tôi về những pháp mà Phật đã thuyết giảng, thì vị A-la-hán lậu tận, sau khi thân hoại mạng chung, sẽ không còn gì nữa?'"

Tỳ-kheo Diệm-ma-ca bạch Tôn giả Xá-lợi-phất:

"Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, thật sự là như vậy."

Tôn giả Xá-lợi-phất nói:

"Bây giờ tôi hỏi thầy, cứ theo ý thầy mà trả lời tôi. Thế nào, Diệm-ma-ca, sắc là thường hay vô thường?"

Đáp:

"Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, là vô thường."

Lại hỏi:

"Nếu là vô thường, thì là khổ chăng?"

Đáp:

"Là khổ."

Lại hỏi:

"Nếu vô thường, khổ là pháp biến dịch. Vậy đa văn Thánh đệ tử ở trong đó có thấy ngã, khác ngã, hay ở trong nhau không?"

Đáp:

"Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, không."

"Đối với thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy."

Lại hỏi:

"Thế nào Diệm-ma-ca, sắc là Như Lai chăng?"

Đáp:

"Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, không."

Lại hỏi:

"Thế nào, Diệm-ma-ca, khác sắc là Như Lai chăng? Khác thọ, tưởng, hành, thức là Như Lai chăng?"

Đáp:

"Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, không."

Lại hỏi:

"Ở trong sắc có Như Lai không? Ở trong thọ, tưởng, hành, thức có Như Lai không?"

Đáp:

"Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, không."

Lại hỏi:

"Trong Như Lai có sắc không? Trong Như Lai có thọ, tưởng, hành, thức không?"

Đáp:

"Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, không."

Lại hỏi:

"Phi sắc, thọ, tưởng, hành, thức[2] có Như Lai phải không?"

Đáp:

"Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, không."

"Như vậy, này Diệm-ma-ca, Như Lai ngay trong đời này là chân thật, như thật, thường trú, không thể nắm bắt, không thể giả thiết[3]; sao thầy lại có thể nói, 'Theo chỗ hiểu của tôi về những pháp mà Phật đã thuyết giảng, thì vị A-la-hán lậu tận, sau khi thân hoại mạng chung sẽ

---

2. Phi sắc... ━D━━A Pāli: arūpaṃ...

3. Pāli: ettha ca te āvuso yamaka diṭṭheva dhamme saccato thetato tathāgate anupalabbhiyāmāne, ở chỗ này, ngay trong đời này, Như Lai chân thật, thường trú, vượt ngoài khả năng nhận thức.

không còn gì nữa?' Nói như vậy đúng thời chăng?"

Đáp:

"Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, không."

Lại hỏi:

"Này Diệm-ma-ca, trước đây thầy nói: 'Theo chỗ hiểu của tôi về những pháp mà Phật đã thuyết giảng, thì vị A-la-hán lậu tận, sau khi thân hoại mạng chung sẽ không còn gì nữa.' Tại sao nay lại nói là không phải?"

Tỳ-kheo Diệm-ma-ca nói:

"Trước đây, vì vô minh tôi không hiểu, nên có tà kiến ác như vậy. Nay đã nghe Tôn giả Xá-lợi-phất nói rồi, nên những gì không hiểu do vô minh, tất cả đều dứt sạch."

Lại hỏi:

"Nếu lại được hỏi: 'Tỳ-kheo, tuyên bố tà kiến ác trước đây, nay do biết gì, thấy gì, mà tất cả đều bị loại bỏ?' Thầy sẽ đáp như thế nào?"

Diệm-ma-ca đáp:

"Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, nếu có người đến hỏi thì tôi sẽ đáp như vầy, 'A-la-hán lậu tận, sắc là vô thường; vô thường là khổ. Khổ dứt thì vắng lặng, mát mẻ, lặng im. Đối với thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy.' Nếu có người nào đến hỏi thì tôi sẽ đáp như vậy."

Xá-lợi-phất nói:

"Lành thay! Lành thay! Tỳ-kheo Diệm-ma-ca, thầy nên đáp như vậy. Vì sao? Vì bậc A-la-hán lậu đã hết, thì thấy sắc là vô thường, mà vô thường là khổ. Nếu vô thường là khổ, thì là pháp sanh diệt. Đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy."

Sau khi Tôn giả Xá-lợi-phất nói pháp này, thì Tỳ-kheo Diệm-ma-ca xa lìa trần cấu, được mắt pháp trong sạch. Tôn giả Xá-lợi-phất nói với Tỳ-kheo Diệm-ma-ca:

"Nay tôi sẽ nói thí dụ, mà người trí nhờ thí dụ thì sẽ hiểu rõ được. Thí như một trưởng giả, hay con một trưởng giả giàu có, nhiều của cải, rất mong được nhiều người giúp việc để khéo giữ gìn tài sản. Lúc ấy có kẻ thù độc ác, giả đến gần gũi giúp đỡ và xin làm tôi tớ, luôn luôn dò xét việc ngủ nghỉ sớm muộn của chủ nhân, mà nhân đó hầu hạ hai bên, kính cẩn phục vụ; luôn thuận theo lời chủ, khiến chủ

nhân vừa lòng, xem như bạn thân, tưởng như con cháu, rất tin tưởng, không nghi ngờ, nên không bao giờ tự đề phòng giữ gìn. Sau đó tên này dùng dao bén, giết chết người chủ.

"Này Tỳ-kheo Diệm-ma-ca, thầy nghĩ thế nào về kẻ thù độc ác kia, bạn thân trưởng giả ấy; đó chẳng phải là phương tiện ban đầu, với tâm hại luôn luôn dò xét tìm cơ hội, để dẫn đến cái chung cuộc đối với người chủ sao? Trong khi trưởng giả không hay biết gì về cái hậu quả tai hại mà mình phải gánh chịu hôm nay."

Đáp:

"Thật như vậy."

Tôn giả Xá-lợi-phất bảo Tỳ-kheo Diệm-ma-ca:

"Thầy nghĩ thế nào về trưởng giả này, nếu biết người kia giả làm người thân để ám hại, thì ông ta đã khéo tự đề phòng giữ gìn và sẽ không bị làm hại phải không?"

Đáp:

"Đúng vậy."

Tôn giả Xá-lợi-phất bảo:

"Cũng vậy, Tỳ-kheo Diệm-ma-ca, kẻ phàm phu ngu si không học, đối với năm thọ ấm tưởng là thường, tưởng là an ổn, tưởng là không bệnh, tưởng là ngã, tưởng là ngã sở. Đối với năm thọ ấm này giữ gìn, nuối tiếc, cuối cùng thì cũng bị năm thọ ấm oan gia này làm hại, như trưởng giả kia bị kẻ oan gia, giả làm người thân hại đi mà không hay biết.

"Này Diệm-ma-ca, đa văn Thánh đệ tử đối với năm thọ ấm này phải quán sát như bệnh, như ung nhọt, như gai nhọn, như sát hại; là vô thường, khổ, không, chẳng phải ngã, chẳng phải ngã sở. Đối với năm thọ ấm này vị ấy không thọ lãnh, không đắm trước. Vì không thọ lãnh nên không đắm trước, vì không đắm trước nên tự giác ngộ Niết-bàn: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.'"

Khi Tôn giả Xá-lợi-phất nói bài pháp này, thì Tỳ-kheo Diệm-ma-ca không khởi các lậu hoặc, tâm được giải thoát. Tôn giả Xá-lợi-phất vì Tỳ-kheo Diệm-ma-ca nói pháp sáng soi, chỉ bày làm cho vui vẻ rồi, từ chỗ ngồi đứng dậy ra đi.

M

KINH 105. TIÊN-NI[4]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, tại thành Vương xá.

Bấy giờ có một ngoại đạo xuất gia tên là Tiên-ni[5] đến chỗ Phật, cung kính thăm hỏi, rồi ngồi qua một bên, bạch Phật:

"Ngày hôm qua, có các Sa-môn, Bà-la-môn, Giá-la-ca[6], cùng nhau tập trung tại giảng đường Hy hữu[7], khen ngợi như vầy: 'Phú-lan-na Ca-diếp[8], là người lãnh đạo đồ chúng, có năm trăm đệ tử vây quanh trước sau. Trong số họ có người cực thông minh, có người đần độn, nhưng đến khi họ chết đi, không được xác nhận[9] là họ sẽ tái sanh ở đâu. Lại có Mạc-ca-lê Cù-xá-lợi Tử[10] là người lãnh đạo đồ chúng, có năm trăm đệ tử vây quanh trước sau. Trong số họ có người cực thông minh, có người đần độn, nhưng đến khi họ chết đi, không được xác nhận là họ sẽ tái sanh ở đâu. Cũng vậy, Tiên-xà-na Tỳ-la-chi Tử, A-kỳ-đa Xí-xá-khâm-bà-la, Ca-la-câu-đà Ca-chiên-diên, Ni-kiền-đà Nhã-đề Tử[11] v.v... mỗi người đều có năm trăm đệ tử vây quanh trước sau, như đã nói trên.'

"Sa-môn Cù-đàm lúc bấy giờ cũng được thảo luận trong đó, rằng: 'Sa-môn Cù-đàm là thủ lãnh của đại chúng. Trong số đệ tử của

---

4. Pāli, S. 44. 9. Kutūhalasālā.
5. Tiên-ni [illegible]. Bản Pāli: Vacchagotto paribbājako, du sĩ (phổ hành Sa-môn) dòng họ Vaccha.
6. Già-la-ca [illegible]. Pāli: caraka, du hành tăng, hay phổ hành Sa-môn. Bản Pāli: paribbājaka, đồng nghĩa.
7. Hy hữu giảng đường [illegible]. Pāli: kutūhala-sālā.
8. Phú-lan-na Ca-diếp [illegible]. Pāli: Pūraṇo Kassapo.
9. Bản Pāli nói ngược lại: được xác nhận: upapattīsu vyākarati.
10. Mạt-ca-lê Cù-xá-lợi tử [illegible]. Pāli: Makkhali-Gosāla.
11. Tiên-xà-na Tỳ-la-chi Tử [illegible] Pāli; Sañjaya-Belaṭṭhiputta. A-kỳ-đa Xí-xá-khâm-bà-la [illegible] Pāli: Ajita-Kesakambala. Ca-la-câu-đà Ca-chiên-diên [illegible] Kakudha-Kaccāyana. Ni-kiền-đà Nhã-đề Tử [illegible] Pāli: Nigaṇṭha-Nātaputta.

Ngài nếu có ai mạng chung thì liền được ghi nhận là sẽ sanh vào chỗ này, sẽ sanh vào nơi kia. 'Trước đây tôi có sanh nghi, vì sao Sa-môn Cù-đàm đạt được pháp như vậy[12]?' "

Phật bảo Tiên-ni:

"Ông chớ sanh nghi ngờ. Vì có mê lầm nên sanh ra nghi hoặc. Tiên-ni nên biết, có ba hạng tôn sư. Những gì là ba? Có một hạng tôn sư thấy đời hiện tại chân thật là ngã, rồi theo chỗ biết ấy mà thuyết, nhưng không thể biết những việc sau khi chết. Đó là hạng thầy thứ nhất xuất hiện ở thế gian. Lại nữa, này Tiên-ni có một hạng tôn sư, thấy đời hiện tại chân thật là ngã, sau khi chết cũng thấy là ngã, rồi theo chỗ biết ấy mà thuyết. Lại nữa, này Tiên-ni có một hạng tôn sư, không thấy đời hiện tại chân thật là ngã, sau khi mạng chung cũng lại không thấy chân thật là ngã.

"Này Tiên-ni, hạng tôn sư thứ nhất thấy đời hiện tại chân thật là ngã, rồi theo chỗ biết ấy mà thuyết, thì đó gọi là đoạn kiến. Hạng tôn sư thứ hai, thấy đời hiện tại và đời vị lai chân thật là ngã, rồi theo chỗ biết ấy mà thuyết, thì đó gọi là thường kiến. Hạng tôn sư thứ ba, không thấy đời hiện tại chân thật là ngã và sau khi chết cũng không thấy ngã, thì đó là Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác nói, hiện tại cắt đứt ái, ly dục, diệt tận, chứng Niết-bàn."

Tiên-ni bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, tôi nghe những gì Đức Thế Tôn nói càng thêm nghi ngờ."

Phật bảo Tiên-ni:

"Càng nghi ngờ thêm là đúng. Vì sao? Vì đây chính là chỗ sâu xa khó thấy khó biết, cần phải quán chiếu sâu xa, vi diệu mới thấu đáo được, chỉ có bậc thông tuệ mới hiểu rõ, còn loại chúng sanh thường tình thì chưa có khả năng biết được. Vì sao? Vì chúng sanh lâu đời có những kiến giải dị biệt, nhẫn thọ dị biệt, sự mong cầu dị biệt, những ước muốn dị biệt."

Tiên-ni bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, con đối với Thế Tôn có lòng tin thuần tịnh, xin

---

12. Bản Pāli hơi khác: kathaṃ nāma samanassa gotamassa dhammo abhiññeyyo, pháp của Sa-môn Cù-đàm cần được thấu hiểu như thế nào?

Đức Thế Tôn vì con mà nói pháp, để ngay nơi chỗ ngồi này tuệ nhãn của con được thanh tịnh."

Phật bảo Tiên-ni:

"Nay Ta sẽ tùy thuộc vào chỗ ưa thích của ông mà nói."

Phật bảo Tiên-ni:

"Sắc là thường, hay là vô thường?"

Đáp:

"Là vô thường."

Đức Thế Tôn lại hỏi:

"Này Tiên-ni, vô thường là khổ chăng?"

Đáp:

"Là khổ."

Đức Thế Tôn lại hỏi Tiên-ni:

"Nếu vô thường, khổ là pháp biến dịch, vậy đa văn Thánh đệ tử ở trong đó có thấy ngã, khác ngã, hay ở trong nhau không?"

Đáp:

"Bạch Thế Tôn, không."

"Đối với thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy."

Lại hỏi:

"Thế nào, Tiên-ni, sắc có phải là Như Lai không?"

Đáp:

"Bạch Thế Tôn, không."

"Thọ, tưởng, hành, thức có phải là Như Lai không?"

"Bạch Thế Tôn, không."

Lại hỏi Tiên-ni:

"Ngoài sắc có Như Lai không? Ngoài thọ, tưởng, hành, thức có Như Lai không?"

Đáp:

"Bạch Thế Tôn, không."

Lại hỏi Tiên-ni:

"Trong sắc có Như Lai không? Trong thọ, tưởng, hành, thức có Như Lai không?"

Đáp:

"Bạch Thế Tôn, không."

Lại hỏi Tiên-ni:

"Trong Như Lai có sắc không? Và trong Như Lai có thọ, tưởng, hành, thức không?"

Đáp:

"Bạch Thế Tôn, không."

Lại hỏi Tiên-ni:

"Phi sắc, phi thọ, tưởng, hành, thức có Như Lai không?"

Đáp:

"Bạch Thế Tôn, không."

Phật bảo Tiên-ni:

"Các đệ tử của Ta nghe những gì Ta đã nói mà không hiểu nghĩa lý để khởi vô gián đẳng[13] đối với mạn. Vì phi vô gián đẳng nên mạn không bị đoạn trừ. Vì không dứt trừ được mạn, nên khi bỏ ấm này thì ấm khác tiếp nối sinh. Do vậy, này Tiên-ni, Ta ký thuyết cho các đệ tử, sau khi thân hoại mạng chung sẽ sanh vào chỗ này hay chỗ kia. Vì sao? Vì mạn còn sót lại.

"Này Tiên-ni, các đệ tử của Ta đối với những gì Ta đã nói, có khả năng hiểu rõ, thì đối với các mạn mà đạt được vô gián đẳng. Nhờ đạt được vô gián đẳng nên các mạn dứt trừ; vì các mạn được dứt trừ nên sau khi thân hoại mạng chung sẽ không còn có tương tục. Này Tiên-ni, những người đệ tử này, Ta không bảo là khi bỏ ấm này rồi, họ sẽ sinh vào chỗ này hay chỗ kia. Vì sao? Vì không có nhân duyên để có thể ký thuyết. Nếu muốn Ta ký thuyết, Ta sẽ ký thuyết rằng, họ đã đoạn trừ các ái dục, vĩnh viễn xa lìa kết sử hữu, chánh ý giải thoát, tận cùng mé khổ. Từ xưa tới nay và ngay trong hiện tại, Ta thường nói, mạn quá, mạn tập, mạn sanh, mạn khởi; nếu đối với mạn mà thường xuyên quán sát thì các khổ sẽ không sanh."

Khi Phật nói pháp này, Tiên-ni Sa-môn ngoại đạo[14] xa lìa trần cấu, được mắt pháp trong sạch. Bấy giờ, Tiên-ni thấy pháp, đắc pháp, đoạn trừ các nghi hoặc, không do người khác mà biết, không do người

---

13. Vô gián đẳng 無間等 Quốc Dịch chú: Pāli là *abhisamaya*, thường được dịch là *hiện quán* hay *hiện chứng*; có nghĩa là lý giải, thấu hiểu thông suốt.

14. Trong bản Hán: *Tiên-ni xuất gia*, chỉ ngoại đạo xuất gia, hay du sĩ (Pāli: paribbājaka) hay tu sĩ ngoại đạo.

khác để được độ thoát. Ở trong Chánh pháp, tâm đạt được vô sở úy. Ông từ chỗ ngồi đứng dậy, chắp tay bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, con có được phép ở trong Chánh pháp xuất gia tu phạm hạnh không?"

Phật bảo Tiên-ni:

"Ông có thể xuất gia, thọ giới Cụ túc, được làm Tỳ-kheo ở trong Chánh pháp."

Sau khi Tiên-ni đã được phép xuất gia rồi, một mình ở nơi vắng vẻ tu tập không buông lung, tự suy nghĩ về lý do nào mà người có dòng họ quý cạo bỏ râu tóc, chánh tín xuất gia học đạo, sống không gia đình, tu hành phạm hạnh, thấy pháp, tự biết đã chứng đắc: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.' Đã đạt được quả A-la-hán.

Sau khi đã nghe những gì Đức Phật đã nói, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 106. A-NẬU-LA[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, tại thành Vương xá[2].

Bấy giờ có Tỳ-kheo tên là A-nậu-la-độ[3] ở núi Kỳ-xà-quật. Lúc ấy, có số đông người xuất gia ngoại đạo, đến chỗ A-nậu-la-độ. Sau khi họ đã chào hỏi thăm nhau, rồi ngồi sang một bên và, bạch với A-nậu-la-độ:

"Chúng tôi có điều muốn hỏi. Ngài có rảnh mà giải thích cho chúng tôi không?"

A-nậu-la-độ nói với các ngoại đạo:

"Tùy theo điều muốn hỏi, nếu biết tôi sẽ trả lời."

Các ngoại đạo lại hỏi:

"Thế nào, Tôn giả, Như Lai sau khi chết tồn tại chăng?"

A-nậu-la-độ nói:

"Như Thế Tôn đã nói, điều này thuộc vô ký[4]."

Lại hỏi:

"Như Lai sau khi chết không tồn tại chăng?"

A-nậu-la-độ nói:

"Như Thế Tôn đã nói, điều này thuộc vô ký."

Lại hỏi:

"Như Lai sau khi chết tồn tại và không tồn tại; chẳng phải tồn tại, chẳng phải không tồn tại chăng?"

A-nậu-la-độ nói:

"Như Thế Tôn đã nói, điều này thuộc vô ký."

Lại hỏi A-nậu-la-độ:

---

1. Pāli: S. 22. 86. Anurādha.
2. Bản Pāli: vesāliyaṃ mahāvane kūṭāgārasālāyaṃ, ở Vesāli, trong giảng đường Trùng các trong Đại lâm.
3. A-nậu-la-độ ▬▬Y▬▬. Pāli: Anurādha.
4. Vô ký ▬L▬0 (Pāli: avyākata), thuộc loại không xác định, không được trả lời. Bản Pāli; tathāgato aññatra imehi catūhi ṭhānehi paññāpayamāno paññāpeti, Như Lai ở ngoài giả thiết với bốn trường hợp ấy.

"Thế nào, Tôn giả, Như Lai sau khi chết là tồn tại chăng? Bảo rằng vô ký. Như Lai sau khi chết không tồn tại chăng? Bảo rằng vô ký. Như Lai sau khi chết là cũng tồn tại, cũng không tồn tại; chẳng phải tồn tại, chẳng phải không tồn tại chăng? Bảo rằng vô ký. Thế nào, Tôn giả, Sa-môn Cù-đàm không biết, không thấy chăng?"

A-nậu-la-độ nói:

"Đức Thế Tôn chẳng phải không biết, chẳng phải không thấy."

Bấy giờ, các ngoại đạo không hài lòng về những gì mà Tôn giả A-nậu-la-độ đã nói, bèn chỉ trích, rồi từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

Tôn giả A-nậu-la-độ chờ cho các ngoại đạo đi rồi, đến chỗ Đức Phật, đảnh lễ dưới chân, rồi đứng sang một bên, đem những gì các ngoại đạo đã hỏi trình lên tất cả cho Phật:

"Bạch Thế Tôn, họ đã hỏi như vậy và con đáp như vậy, nói như vậy, có phù hợp với Chánh pháp không? Con không mắc tội hủy báng Thế Tôn chăng? Là thuận theo pháp hay là trái với pháp? Không khiến cho khi có người đến cật vấn mà bị bế tắc chăng?"

Phật bảo A-nậu-la-độ:

"Nay Ta hỏi ngươi, theo những gì Ta hỏi mà trả lời. Này A-nậu-la-độ, sắc là thường hay vô thường?"

Đáp:

"Là vô thường."

"Thọ, tưởng, hành, thức là thường hay là vô thường?"

Đáp:

"Bạch Thế Tôn, là vô thường."

Nói chi tiết như kinh Diệm-ma-ca, cho đến, thức là Như Lai chăng? Đáp là không.

Phật bảo A-nậu-la-độ:

"Nói như vậy là nói lời phù hợp[5], chẳng phải hủy báng Như Lai, chẳng phải vượt qua thứ lớp, như những lời của Như Lai nói theo các pháp tùy thuận[6] không ai có thể đến cật vấn chê trách được. Vì sao?

---

5. Tống-Nguyên-Minh: chư thuyết ——. Bản Cao-ly: chư ký ——0(tùy thuận) các cách trả lời.

6. Hán: chư thứ pháp thuyết———k—. Thứ pháp tức tùy pháp (Pāli: anudhamma), pháp tùy thuận.

Vì đối với sắc, Ta biết như thật về sắc, về sự tập khởi của sắc, về sự đoạn tận của sắc, về con đường đưa đến sự diệt tận của sắc. Này A-nậu-la-độ, nếu bỏ qua những điều Như Lai giải thích[7] mà bảo là Như Lai không biết, không thấy, thì đây chẳng phải là lời nói chính xác[8].”

Phật nói kinh này xong, A-nậu-la-độ nghe những gì Đức Phật đã dạy, vui mừng thực hành theo.

M

KINH 107. TRƯỞNG GIẢ[9]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong rừng sâu Lộc dã, tại núi Thiết-thủ-bà-la[10], thuộc nước Bà-kỳ[11]. Bấy giờ có trưởng giả Na-câu-la[12] đã một trăm hai mươi tuổi, già nua, các căn suy nhược, yếu đuối bệnh khổ mà vẫn muốn diện kiến Đức Thế Tôn, cùng các Tỳ-kheo thân quen đáng kính trước đây. Ông đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân, rồi lui ngồi sang một bên, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, nay con đã già nua, yếu đuối, bệnh khổ, tự gắng sức đến yết kiến Đức Thế Tôn cùng các vị Tỳ-kheo thân quen đáng kính trước đây. Xin Đức Thế Tôn vì con mà nói pháp khiến cho con luôn luôn được an lạc.”

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo gia chủ Na-câu-la:

“Lành thay! Gia chủ, thật sự ông đã già nua, các căn suy nhược, yếu đuối bệnh hoạn, mà có thể tự mình đến diện kiến Như Lai cùng

---

7. Như Lai sở tác ▪p▬▬▬@▪F có thể do veyyakāraṇa: sự giải thích. Một số vấn đề Phật không giải đáp vì được xem là không thiết thực nhưng rất nhiều vấn đề thiết thực khác được Phật giải đáp.
8. (phi) đẳng thuyết ▬▬.
9. Pāli, S. 22. 1. Nakulapitā.
10. Thiết-thủ-bà-la sơn Lộc dã thâm lâm ▪]▬▬C▬▬s▬▬▬` ▪L. Pāli: Susuṃmāragira Bhesakalāvana Migadāya, trong núi Cá sấu, rừng Kinh sợ, chỗ nuôi hươu.
11. Bạt-kỳ quốc ▪[▬▬. Pāli: Bhaggesu, ở giữa những người Bhagga.
12. Na-câu-la trưởng giả ▬▬▬. Pāli: Nakulapitā gahapati, gia chủ, cha của ông Nakula.

các Tỳ-kheo thân quen đáng kính khác. Gia chủ nên biết, ở nơi cái thân khổ hoạn này mà tu học thân không khổ hoạn[13].”

Bấy giờ, Đức Thế Tôn vì gia chủ Na-câu-la, khai mở, chỉ dạy, soi sáng, làm cho hoan hỷ[14] rồi ngồi im lặng. Sau khi gia chủ Na-câu-la nghe những gì Đức Phật đã dạy, tùy hỷ vui mừng, lễ Phật mà lui.

Lúc ấy, Tôn giả Xá-lợi-phất đang ngồi dưới một bóng cây cách Phật không xa. Gia chủ Na-câu-la đến chỗ Tôn giả Xá-lợi-phất, đảnh lễ dưới chân, rồi lui ngồi sang một bên. Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi gia chủ:

“Hiện tại các căn của gia chủ vui vẻ, nhan sắc sáng tươi, có phải đã nghe pháp sâu xa từ nơi Thế Tôn rồi chăng?”

Gia chủ Na-câu-la bạch ngài Xá-lợi-phất:

“Hôm nay Đức Thế Tôn vì tôi nói pháp, khai mở, chỉ dạy, soi sáng, làm cho hoan hỷ; vì nước pháp cam lộ rưới vào thân tâm tôi, cho nên nay các căn của tôi vui vẻ, nhan sắc sáng tươi.”

Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi gia chủ:

“Đức Thế Tôn đã vì ông nói những pháp gì, khai mở, chỉ dạy, soi sáng, làm cho hoan hỷ, nhuần thắm nước cam lộ?”

Gia chủ Na-câu-la bạch ngài Xá-lợi-phất:

“Con đến chỗ Thế Tôn, bạch Thế Tôn rằng: ‘Con đã già nua, yếu đuối, khổ hoạn, tự con đến diện kiến Đức Thế Tôn cùng các Tỳ-kheo thân quen đáng kính.’ Đức Phật bảo con: ‘Lành thay! Gia chủ, ông thực sự đã già nua, yếu đuối, khổ hoạn, mà có thể tự nỗ lực đến gặp Ta cùng các Tỳ-kheo thân quen đáng kính trước đây. Bây giờ đối với thân khổ hoạn này, ông thường nên ở nơi cái thân khổ hoạn này mà tu học thân không khổ hoạn.’ Đức Thế Tôn đã vì con nói pháp như vậy, khai mở, chỉ dạy, soi sáng, làm cho hoan hỷ, nước cam lộ nhuần thấm.”

Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi gia chủ:

“Vừa rồi sao ông không hỏi lại Đức Thế Tôn, thế nào là thân bị

---

13. Pāli: āturakāyassa me sato cittaṃ anāturaṃ bhavissatī ti evañ hi te gahapati sikkhitabban ti, ta có thân bệnh khổ này; tâm ta sẽ không bệnh khổ; cần học tập như vậy.

14. Thị, giáo, chiếu, hỷ, tức *Thị, giáo, lợi, hỷ*: thứ tự thuyết pháp của Phật.

bệnh khổ, là tâm bị bệnh khổ? Thế nào là thân bị bệnh khổ mà tâm không bị bệnh khổ?"

Gia chủ đáp:

"Vì lý do này nên con đến gặp Tôn giả, xin vì con nói tóm lược pháp yếu."

Tôn giả Xá-lợi-phất bảo gia chủ:

"Lành thay! Gia chủ, nay ông hãy lắng nghe, tôi sẽ vì ông mà nói. Kẻ phàm phu ngu si không học, đối với sự tập khởi của sắc, sự diệt tận của sắc, sự tai hại của sắc, vị ngọt của sắc, sự xuất ly sắc không biết như thật. Vì không biết như thật nên ái lạc sắc, nói rằng sắc là ngã, là ngã sở, rồi chấp thủ, nhiếp thủ. Khi sắc này hoặc bị hư hoại, hoặc bị biến đổi; tâm thức cũng tùy theo mà biến chuyển, khổ não liền sanh. Khi khổ não đã sanh thì phát sinh sự sợ hãi, sự chướng ngại, sự hoài vọng, sự lo nghĩ buồn khổ tham luyến. Đối với thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy. Đó gọi là bệnh khổ của thân tâm.

"Thế nào là thân bị bệnh khổ mà tâm không bị bệnh khổ? Đa văn Thánh đệ tử biết như thật về sự tập khởi của sắc, về sự diệt tận của sắc, về vị ngọt của sắc, về sự tai hại của sắc, về xuất ly của sắc. Khi đã biết như thật rồi thì không sanh ra ái lạc, thấy sắc là ngã, hay ngã sở. Sắc này nếu biến dịch hay đổi khác đi nữa, thì tâm cũng không thay đổi theo mà sanh ra khổ não. Khi tâm đã không biến chuyển theo mà sanh ra khổ não rồi, thì được sự không sợ hãi, chướng ngại, tiếc nuối, lo nghĩ, buồn khổ, tham luyến. Đối với thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy. Đó gọi là thân bị bệnh khổ mà tâm không bị bệnh khổ."

Khi Tôn giả Xá-lợi-phất nói pháp này, gia chủ Na-câu-la đạt được mắt pháp trong sạch. Bấy giờ, gia chủ Na-câu-la thấy pháp, đắc pháp, biết pháp, thâm nhập pháp, vượt qua được mọi sự hồ nghi mà không do ai khác, ở trong chánh pháp tâm đạt được vô sở úy, rồi từ chỗ ngồi đứng dậy sửa lại y phục, chắp tay bạch Tôn giả Xá-lợi-phất:

"Con đã vượt qua, đã được độ thoát. Nay con xin nương về Tam bảo Phật, Pháp, Tăng, làm người Ưu-bà-tắc; xin ngài chứng biết cho con. Nay con xin nguyện suốt đời nương về Tam bảo."

Sau khi gia chủ Na-câu-la đã nghe những gì Tôn giả Xá-lợi-phất nói rồi, tùy hỷ hoan hỷ, làm lễ ra đi.

M

KINH 108. TÂY[15]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại tụ lạc Thiên hiện của dòng họ Thích[16].

Bấy giờ có số đông Tỳ-kheo người phương Tây muốn trở về phương Tây an cư, đến chỗ Đức Thế Tôn đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên. Bấy giờ, Đức Thế Tôn vì họ mà nói pháp, khai mở, chỉ dạy, soi sáng, làm cho hoan hỷ. Sau khi bằng nhiều cách được khai mở, chỉ dạy, soi sáng, làm cho hoan hỷ rồi, số đông Tỳ-kheo phương Tây từ chỗ ngồi đứng dậy chắp tay bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, các Tỳ-kheo phương Tây chúng con, muốn trở về phương Tây an cư, nay chúng con xin được từ giã."

Phật bảo các Tỳ-kheo phương Tây:

"Các ông đã từ giã Xá-lợi-phất chưa?"

Đáp:

"Bạch, chưa từ giã."

Phật bảo các Tỳ-kheo phương Tây:

"Xá-lợi-phất thuần tu phạm hạnh, các ông nên từ giã. Ông ấy có thể làm cho các ông được lợi ích và an lạc lâu dài."

Các Tỳ-kheo phương Tây từ tạ mà lui và chuẩn bị đi. Lúc ấy Tôn giả Xá-lợi-phất đang ngồi dưới một bóng cây kiên cố[17] cách Phật không xa. Các Tỳ-kheo đến chỗ Tôn giả Xá-lợi-phất, đảnh lễ dưới chân, rồi ngồi lui sang một bên, bạch Tôn giả Xá-lợi-phất:

"Chúng tôi muốn trở về phương Tây an cư, nên đến đây xin từ giã."

Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi:

"Các ông đã từ giã Đức Thế Tôn chưa?"

Đáp:

"Thưa, đã từ giã rồi."

Xá-lợi-phất bảo:

---

15. Pāli, S.22.2 Devadaha.

16. Thích thị thiên hiện tụ lạc ━━━━{━E━. Pāli: devadahaṃ nāma sakyānaṃ nigamo, tại làng Devadaha của những người họ Thích.

17. Kiên cố thọ ━━T━━A tên cây. Pāli: eḷagalābumba, cây ba-đậu (?)

"Các ông trở về phương Tây, mỗi quốc độ mỗi khác nhau, mỗi chúng hội mỗi khác nhau, ắt sẽ có người hỏi các ông. Hiện tại các ông đang ở chỗ Đức Thế Tôn nghe pháp được khéo giảng thuyết, hãy khéo lãnh thọ, khéo ghi nhớ, khéo quán sát, khéo thâm nhập, để đủ khả năng vì mọi người kia mà tuyên nói lại đầy đủ, để không phải là hủy báng Đức Phật chăng? Không để cho các chúng kia nạn vấn, gạn hỏi chê trách và bị bế tắc chăng?"

Các Tỳ-kheo bạch ngài Xá-lợi-phất:

"Chúng tôi vì muốn nghe pháp, nên đến chỗ Tôn giả. Xin Tôn giả vì thương xót chúng tôi mà nói pháp đầy đủ."

Tôn giả Xá-lợi-phất bảo các Tỳ-kheo:

"Người Diêm-phù-đề lợi căn thông minh. Hoặc Sát-lợi, Sa-môn, Bà-la-môn, hay gia chủ, có thể họ sẽ hỏi các ông rằng: 'Đại sư của các ông nói pháp như thế nào? Dùng những pháp nào để truyền dạy cho các ông?' Thì các ông nên đáp: 'Đại sư chỉ nói điều phục dục tham và chỉ đem pháp này để truyền dạy.'

"Họ sẽ hỏi lại các ông: 'Ở trong pháp nào mà điều phục dục tham?' Các ông nên đáp: 'Đại sư chỉ nói ở trong sắc ấm kia mà điều phục dục tham; ở trong thọ, tưởng, hành, thức ấm kia mà điều phục dục tham. Đại sư của chúng tôi nói pháp như vậy.'

"Họ sẽ lại hỏi: 'Dục tham có tai hại gì mà Đại sư lại nói ở ngay nơi sắc điều phục dục tham; nơi thọ, tưởng, hành, thức điều phục dục tham?' Các ông nên trả lời: 'Nếu ở nơi sắc mà dục không đoạn trừ, tham không đoạn trừ, ái không đoạn trừ, niệm không đoạn trừ, khát không đoạn trừ và khi sắc kia biến đổi, hoặc khác đi, thì sẽ sanh ra ưu, bi, khổ, não; đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Vì thấy dục tham có những tai hại như vậy, nên ở nơi sắc phải điều phục dục tham; ở nơi thọ, tưởng, hành, thức điều phục dục tham.'

"Họ sẽ lại hỏi: 'Thấy có lợi ích gì trong việc dứt trừ dục tham, mà Đại sư nói ở nơi sắc phải điều phục dục tham; ở nơi thọ, tưởng, hành, thức điều phục dục tham?' Các ông nên trả lời: 'Nếu ở nơi sắc mà đoạn trừ dục, đoạn trừ tham, đoạn trừ niệm, đoạn trừ ái, đoạn trừ khát, thì đối với sắc nếu có biến đổi, hoặc khác đi, vẫn không khởi lên ưu, bi, khổ, não; và đối với thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như

vậy. Thưa các ngài, nếu vì nguyên nhân nhận lãnh các pháp bất thiện mà khiến cho cuộc sống ngay trong hiện tại vẫn được an vui, không khổ, không chướng ngại, không phiền não, không nóng bức, thân hoại mạng chung được sanh vào nơi tốt lành, thì Đức Thế Tôn cuối cùng đã không dạy: Hãy đoạn trừ các pháp bất thiện. Và cũng không dạy người ở trong Phật pháp tu các phạm hạnh, để đạt được tận cùng của mé khổ. Vì nguyên nhân nhận lãnh các pháp bất thiện nên sẽ đưa đến một cuộc sống khổ đau ngay trong hiện tại và chướng ngại, nhiệt não; sau khi thân hoại mạng chung sẽ đọa vào trong đường ác. Cho nên Đức Thế Tôn dạy, hãy đoạn trừ pháp bất thiện và ở trong Phật pháp phải tu các phạm hạnh để đạt được rốt cùng mé khổ, bình đẳng giải thoát hết khổ. Nếu vì nguyên nhân nhận lãnh các pháp thiện, mà ngay trong cuộc sống hiện tại chịu khổ, chướng ngại, nhiệt não và sẽ đọa vào trong đường ác, thì Thế Tôn đã không dạy nên thọ trì pháp thiện, ở trong Phật pháp phải tu phạm hạnh để đạt được rốt cùng mé khổ, bình đẳng giải thoát hết khổ. Vì thọ trì pháp thiện nên ngay trong cuộc sống hiện tại được an vui, không khổ, không chướng ngại, không phiền não, không nhiệt bức; sau khi thân hoại mạng chung sẽ sanh vào nơi tốt lành. Cho nên Đức Thế Tôn khen ngợi việc dạy người lãnh thọ các pháp thiện, ở trong Phật pháp tu các phạm hạnh để đạt được rốt cùng của mé khổ, bình đẳng giải thoát hết khổ."

Khi Tôn giả Xá-lợi-phất nói pháp này, các Tỳ-kheo phương Tây không khởi lên các lậu hoặc, tâm được giải thoát.

Sau khi Tôn giả Xá-lợi-phất nói pháp này xong, các Tỳ-kheo tùy hỷ hoan hỷ, làm lễ mà lui.

M

KINH 109. MAO ĐOAN[18]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

---

18. Đầu sợi lông. Pāli, S. 13. 2. Pokkharaṇī (hồ sen).

"Như hồ nước vuông vức năm mươi do-tuần, chiều sâu cũng như vậy, với nước tràn đầy. Lại có người dùng sợi lông, dùng cọng cỏ, hay móng tay để hất nước. Này các Tỳ-kheo, ý các ông thế nào? Nước do người kia hất lên là nhiều hay là nước hồ nhiều?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Nước mà người kia dùng lông, dùng cỏ, hay móng tay để hất lên là rất ít, không đáng để nói. Nước hồ thì rất nhiều, gấp cả trăm ngàn vạn lần, không thể nào so sánh được."

"Cũng vậy, này các Tỳ-kheo, các khổ được đoạn trừ do thấy Thánh đế, cũng như nước hồ kia, vĩnh viễn không sanh lại trong đời vị lai."

Khi Đức Thế Tôn nói pháp này xong, bèn vào thất tọa thiền. Sau khi Đức Thế Tôn vào thất, bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất đang ngồi trong chúng, bảo các Tỳ-kheo:

"Thật là điều chưa từng được nghe, hôm nay Đức Thế Tôn khéo nói thí dụ về cái hồ! Vì sao? Thánh đệ tử đầy đủ kiến đế[19], đạt được quả vô gián đẳng[20]. Nếu kẻ phàm tục nào khởi tà kiến, thân kiến, căn bản thân kiến, tập thân kiến, sanh thân kiến, nghĩa là che giấu những cảm giác lo âu, giữ gìn tiếc thương những điều vui mừng[21], nói là ngã, nói là chúng sanh, nói là kỳ đặc, kiêu căng, tự cao. Các thứ tà như vậy tất cả đều bị trừ diệt, cắt đứt cội rễ như cây đa-la bị bẻ gãy, khiến cho đời vị lai không còn tái sanh lại nữa.

"Này các Tỳ-kheo, những gì là các thứ tà kể trên bị đoạn trừ bởi Thánh đệ tử khi thấy Thánh đế, vị lai vĩnh viễn không khởi lên lại nữa?

"Phàm phu ngu si không học, thấy sắc là ngã, là khác ngã, là ngã ở trong sắc, sắc ở trong ngã; thấy thọ, tưởng, hành, thức là ngã, là khác ngã, là ngã ở trong thức, là thức ở trong ngã.

---

19. Kiến đế cụ túc ————, chỉ sự thấy và chứng bốn Thánh đế. Pāli: diṭṭhisampanna, thành tựu sự thấy, có đầy đủ sự thấy biết về Thánh đế.

20. Vô gián đẳng quả -L———G-A đây chỉ sự thành tựu Thánh đế hiện quán, tức quán sát bốn Thánh đế để chứng quả Dự lưu. Xem cht.18, kinh 105. Pāli: abhisametvā (abhisamaya), sau khi hiện chứng.

21. Ưu thích ẩn phú, khánh cát bảo tích -~————y-N-0——F *chưa rõ hết ý nghĩa.*

"Thế nào thấy sắc là ngã? Chứng đắc chánh thọ nhập nhất thiết xứ về đất[22], sau khi quán, khởi lên ý nghĩ, 'Đất tức là ngã, ngã tức là đất; ngã và đất chỉ là một chứ không phải hai, không phải khác, không phân biệt.' Cũng vậy, chánh thọ nhập nhất thiết xứ về nước, lửa, gió, xanh, vàng, đỏ, trắng[23], sau khi quán, khởi lên ý nghĩ, 'Hành tức là ngã, ngã tức là hành, chỉ là một chứ không phải hai, không phải khác, không phân biệt.' Như vậy, ở nơi các nhất thiết nhập xứ, mỗi mỗi đều được chấp là ngã. Đó gọi là sắc tức là ngã.

"Thế nào là sắc khác ngã[24]? Nếu người kia thấy thọ là ngã; khi thấy thọ là ngã rồi thì thấy sắc là ngã sở; hoặc thấy tưởng, hành, thức tức là ngã thì thấy sắc là ngã sở.

"Thế nào là thấy sắc ở trong ngã? Thấy thọ là ngã thì sắc ở trong ngã; nếu lại thấy tưởng, hành, thức tức là ngã thì sắc ở trong ngã.

"Thế nào là thấy ngã ở trong sắc? Nếu thấy thọ tức là ngã thì nó hiện hữu trong sắc, nhập vào trong sắc, phổ biến khắp tứ chi; hay nếu thấy tưởng, hành, thức là ngã thì nó hiện hữu ở trong sắc và, biến khắp tứ chi. Đó gọi là ngã ở trong sắc.

"Thế nào là thấy thọ tức là ngã? Là sáu thọ thân. Thọ phát sanh từ xúc của mắt. tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Sáu thọ thân này, mỗi mỗi được thấy là ngã và ngã là thọ. Đó gọi là thọ tức ngã.

"Thế nào là thấy thọ khác ngã? Nếu thấy sắc là ngã, thì thọ là ngã sở; và nếu tưởng, hành, thức là ngã, thì thọ là ngã sở. Đó gọi là thọ khác ngã.

"Thế nào là thấy thọ ở trong ngã? Nếu sắc là ngã, thì thọ ở trong nó; và nếu tưởng, hành, thức là ngã, thì thọ ở trong nó. Đó gọi là thọ trong ngã.

"Thế nào là thấy ngã ở trong thọ? Nếu sắc là ngã, thì nó hiện

---

22. Địa nhất thiết nhập xứ chánh thọ －a－@一入－B一一一A tức biến xứ định về đất; định (chánh thọ hay chánh định, Pāli: samāpatti) được tu tập với đối tượng là tính phổ biến của đất. Pāli: paṭhavi-kasiṇa-samādhi.

23. Mười đối tượng (Pāli: kammaṭṭhāna) của biến xứ định (Pāli: kasiṇa-samādhi): đất, nước, lửa, gió, xanh, vàng, đỏ, trắng, hư không và ánh sáng.

24. Sắc dị ngã 一一一一A ở đây Pāli: rūpavantaṃ vā attānam (thấy rằng) tự ngã có sắc; tức là, tự ngã sở hữu sắc như người sở hữu xâu chuỗi ngọc.

hữu ở trong thọ và biến khắp toàn thân; và nếu tưởng, hành, thức là ngã, thì chúng hiện hữu ở trong thọ và biến khắp toàn thân. Đó gọi là ngã ở trong thọ.

"Thế nào là thấy tưởng tức là ngã? Là sáu tưởng thân. Tưởng phát sanh từ xúc của mắt; tưởng phát sanh từ xúc của tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Sáu tưởng thân này, mỗi mỗi được thấy là ngã. Đó gọi là tưởng tức là ngã.

"Thế nào là thấy tưởng khác ngã? Nếu thấy sắc là ngã, thì tưởng là ngã sở; và nếu thức là ngã, thì tưởng là ngã sở. Đó gọi là tưởng khác ngã.

"Thế nào là thấy tưởng ở trong ngã? Nếu sắc là ngã, thì tưởng hiện hữu ở trong nó; và nếu thọ, hành, thức là ngã, thì tưởng hiện hữu ở trong chúng. Đó gọi là tưởng ở trong ngã.

"Thế nào là thấy ngã ở trong tưởng? Nếu sắc là ngã, thì nó hiện hữu trong tưởng và biến khắp toàn thân; và nếu thọ, hành, thức là ngã thì chúng hiện hữu trong tưởng và biến khắp toàn thân. Đó gọi là ngã ở trong tưởng.

"Thế nào là thấy hành là ngã? Là sáu tư thân; tư phát sanh từ xúc của mắt; tư phát sanh từ xúc của tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Sáu tư thân này, mỗi mỗi được thấy ngã. Đó gọi là hành tức ngã.

"Thế nào là thấy hành khác ngã? Nếu thấy sắc là ngã, thì hành là ngã sở; và nếu thọ, tưởng, thức là ngã, thì hành là ngã sở. Đó gọi là hành khác ngã.

"Thế nào là thấy hành ở trong ngã? Nếu sắc là ngã, thì hành hiện hữu ở trong nó; và nếu thọ, tưởng, thức là ngã, thì hành hiện hữu ở trong chúng. Đó gọi là hành ở trong ngã.

"Thế nào là thấy ngã ở trong hành? Nếu sắc là ngã, thì nó hiện hữu ở trong hành và biến khắp toàn thân; và nếu thọ, tưởng, thức là ngã, thì chúng hiện hữu ở trong hành và biến khắp toàn thân thể. Đó gọi là ngã ở trong hành.

"Thế nào là thấy thức là ngã? Chỉ cho sáu thức thân: nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức và ý thức. Sáu thức thân này, mỗi mỗi được thấy là ngã. Đó gọi là thức tức ngã.

"Thế nào là thấy thức khác ngã? Nếu thấy sắc là ngã, thì thức là ngã sở; và nếu thấy thọ, tưởng, hành là ngã, thì thức là ngã sở. Đó gọi

là thức khác ngã.

"Thế nào là thấy thức ở trong ngã? Nếu thấy sắc là ngã, thì thức hiện hữu ở trong nó; và nếu thọ, tưởng, hành là ngã, thì thức ở trong chúng. Đó gọi là thức ở trong ngã.

"Thế nào là ngã ở trong thức? Nếu sắc là ngã, thì nó ở trong thức và biến khắp toàn thân; và nếu thọ, tưởng, hành là ngã thì chúng ở trong thức và biến khắp toàn thân. Đó gọi là ngã ở trong thức.

"Như vậy, Thánh đệ tử thấy Bốn chân đế sẽ đạt được quả vô gián đẳng và đoạn trừ các thứ tà kiến, vĩnh viễn không khởi lên trở lại trong đời vị lai.

"Những gì là sắc, hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô, hoặc tế; hoặc tốt, hoặc xấu; hoặc xa, hoặc gần, được tích tụ về một nơi, cần được quán như vầy: 'Tất cả đều là vô thường, tất cả là khổ, tất cả là không, tất cả là phi ngã, không nên ái lạc, thâu lấy, chấp thủ. Đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy, không nên ái lạc, chấp thủ, bảo trì.' Khéo quán sát như vậy, buộc tâm an trụ, không mê mờ đối với pháp, lại luôn luôn tinh tấn quán sát, xa lìa tâm biếng nhác, thì sẽ đạt được hỷ lạc, thân tâm khinh an, tịch tĩnh, an trụ với xả[25]; đầy đủ các phẩm đạo, tu hành trọn vẹn, vĩnh viễn xa lìa các thứ ác; không phải không tiêu tan, không phải không tịch diệt; diệt mà không khởi, giảm mà không tăng, đoạn mà không sanh, không chấp thủ, không đắm trước, tự giác ngộ Niết-bàn: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.'"

Khi Tôn giả Xá-lợi-phất nói pháp này, sáu mươi Tỳ-kheo không khởi lên các lậu hoặc, tâm được giải thoát.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

---

[25] Thứ tự tu tập bảy giác chi: niệm, trạch pháp, tinh tấn, hỷ, khinh an, định và xả. Pāli: satta sambhojjhaṅgā: sati-sambojjhaṅgo, dhammvicaya-, viriya-, pīti-, passaddhi-, samādhi-sambhojjhaṅgo.

KINH 110. TÁT-GIÁ[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở cạnh ao Di hầu tại Tỳ-xá-ly[2].

Bấy giờ, tại Tỳ-xá-ly có một Ni-kiền tử[3] thông tuệ, minh triết, hiểu rõ các luận và có sự kiêu mạn của thông minh; trong các luận rộng rãi, trí tuệ đã đạt đến chỗ vi diệu[4]; nói pháp cho mọi người, vượt hẳn mọi luận sư. Ông thường nghĩ rằng: 'Các Sa-môn, Bà-la-môn không ai địch lại ta. Ngay cả đến với Như Lai ta cũng có thể cùng luận bàn. Bọn luận sư nghe đến tên ta thì trán và nách đều toát mồ hôi, các lỗ chân lông đều chảy nước. Ta luận nghĩa như gió có thể đè bẹp cỏ, bẻ gãy cây, phá vỡ vàng đá và hàng phục các loài rồng voi, huống chi là bọn luận sư ở thế gian lại có thể đương đầu với ta ư!"

Lúc này, có Tỳ-kheo tên là A-thấp-ba-thệ[5], sáng sớm đắp y mang bát, oai nghi tề chỉnh, mắt đoan chánh nhìn thẳng bước, vào thành khất thực. Bấy giờ, Ni-kiền tử Tát-giá[6] có chút việc đi đến các làng xóm; từ cửa thành ra trông thấy Tỳ-kheo A-thấp-ba-thệ, liền đến chỗ Tỳ-kheo hỏi:

"Sa-môn Cù-đàm vì các đệ tử nói pháp như thế nào? Dùng những pháp nào để dạy cho các đệ tử khiến cho họ tu tập?"

A-thấp-ba-thệ nói:

"Này cư sĩ Hỏa chủng[7], Đức Thế Tôn nói pháp như vầy để dạy cho các đệ tử, khiến cho họ theo đó mà tu học. Ngài dạy các Tỳ-kheo: 'Đối với sắc hãy quán là không có ngã; với thọ, tưởng, hành, thức, hãy quán là không có ngã. Đối với năm thọ ấm này

---

1. Pāli, M. 35. Cūḷasaccaka-sutta.
2. Tỳ-xá-ly, Di hầu trì trắc ▪s▬▬▬n▪U▬▬. Bản Pāli: vesāliyaṃ vihārati mahāvane kūṭagārasālāyaṃ, trong Đại lâm, giảng đường Trùng các.
3. Pāli: Saccako Nigaṇṭhaputto, một Ni-kiền tử tên là Saccaka.
4. Bản Pāli mô tả: bhassappavādako paṇḍitavādo sādhusammato bahujanassa, là người ưa khiêu chiến nghị luận, thông bác về các quan điểm, được nhiều người trọng vọng.
5. A-thấp-ba-thệ ▬▬▬i▪}. Pāli: Assaji, một trong năm Tỳ-kheo đầu tiên.
6. Tát-giá Ni-kiền tử ▬▪B▬建▪l. Pāli: Saccaka Nigaṇṭhaputta.
7. Hỏa chủng cư sĩ ▬▬▬▪~▪h. Pāli: Aggivessana, họ của Saccaka.

phải siêng năng phương tiện quán sát như là bệnh, như là ung nhọt, như là gai nhọn, như là giết hại, là vô thường, khổ, không, chẳng phải ngã.’”

Ni-kiền tử Tát-giá nghe những lời nói này, tâm không vui, liền nói rằng:

“A-thấp-ba-thệ, chắc ông đã nghe lầm rồi! Sa-môn Cù-đàm hoàn toàn không nói những lời này. Nếu Sa-môn Cù-đàm đã nói những lời này thì đó là thứ tà kiến. Tôi sẽ đến nạn vấn ông ấy để khiến phải từ bỏ.”

Bấy giờ, Ni-kiền tử Tát-giá đi đến các làng xóm, tại chỗ những người Ly-xa đang tụ hội, nói với các Ly-xa rằng:

“Hôm nay tôi có gặp vị đệ tử thứ nhất của Sa-môn Cù-đàm, tên là A-thấp-ba-thệ, cùng nhau bàn luận. Nếu đúng như lời ông ta nói, thì tôi sẽ đến chỗ Sa-môn Cù-đàm cùng bàn luận, làm cho xoay chuyển tiến thoái đều theo ý của tôi.

“Giống như người cắt cỏ, tay nắm thân chúng đưa lên rũ bỏ đi những loại tạp uế; tôi cũng như vậy, tôi cùng với Sa-môn Cù-đàm cật vấn bàn luận, tôi sẽ nắm lấy chỗ cốt yếu, rồi mặc ý xoay tới hay xoay lui, loại bỏ đi cái tà ấy.

“Như người nấu rượu, cầm túi hèm rượu ép lấy nước tinh thuần và bỏ đi cặn bã hèm. Tôi cũng như vậy, đi đến Sa-môn Cù-đàm nạn vấn bàn luận, tôi sẽ nắm lấy chỗ thuần chân, rồi mặc ý xoay tới hay xoay lui, loại bỏ đi cái tà ấy.

“Như thợ dệt chiếu, dùng chiếu đựng đầy vật nhơ, nên trước khi muốn đem ra chợ bán, phải tẩy xóa những vết nhơ, loại bỏ đi những mùi hôi thối. Tôi cũng như vậy, đi đến Sa-môn Cù-đàm nạn vấn bàn luận, tôi sẽ nắm lấy chỗ cương lĩnh, rồi mặc ý xoay tới hay xoay lui, loại bỏ các thuyết uế tạp.

“Như người huấn luyện voi của nhà vua, dắt con voi say vào trong nước sâu, rửa thân thể nó, tứ chi, tai, mũi; toàn thân thể của nó đều được tắm rửa, trừ bỏ các thứ bụi bẩn. Tôi cũng như vậy, đi đến Sa-môn Cù-đàm nạn vấn bàn luận, tôi sẽ nắm lấy chỗ yếu lĩnh, rồi mặc ý xoay tới hay xoay lui, loại bỏ các thuyết uế tạp. Các Ly-xa, các người cũng nên cùng tôi đến để xem sự hơn thua.”

Trong nhóm Ly-xa có người nói rằng:

"Ni-kiền tử Tát-giá mà có thể cùng với Sa-môn Cù-đàm bàn luận, thì điều này không thể xảy ra."

Lại có người nói:

"Ni-kiền tử Tát-giá, là người lợi căn thông tuệ có khả năng luận bàn với Sa-môn Cù-đàm."

Lúc này, có năm trăm Ly-xa cùng Ni-kiền tử Tát-giá đi đến chỗ Đức Phật để luận bàn. Bấy giờ, Đức Thế Tôn đang ngồi dưới bóng cây ở trong rừng Đại lâm, an trú nơi Thiên trụ[8]. Giờ này có nhiều Tỳ-kheo ra khỏi phòng và đang đi kinh hành trong rừng, từ xa trông thấy Ni-kiền tử Tát-giá đang đi đến. Đến chỗ các Tỳ-kheo, Tát-giá hỏi các Tỳ-kheo:

"Sa-môn Cù-đàm đang ở chỗ nào?"

Các Tỳ-kheo đáp:

"Đang ngồi dưới bóng cây trong Đại lâm, nơi ở của chư Thiên."

Ni-kiền tử Tát-giá liền đến chỗ Đức Phật, cung kính hỏi thăm, rồi ngồi sang một bên. Các gia chủ Ly-xa cũng đến chỗ Đức Phật, có người cung kính, có người người chắp tay chào hỏi, rồi đứng sang một bên. Bây giờ, Ni-kiền tử Tát-giá bạch Phật:

"Tôi nghe Cù-đàm nói pháp như vầy và dạy các đệ tử như vầy: 'Đối với sắc hãy quán là không có ngã; với thọ, tưởng, hành, thức, hãy quán là không có ngã. Đối với năm thọ ấm này phải siêng năng phương tiện quán sát như là bệnh, như là ung nhọt, như là gai nhọn, như là giết hại, là vô thường, khổ, không, chẳng phải ngã.' Có phải Cù-đàm dạy như vậy hay không? Hay đây là những lời tuyên truyền với mục đích là để hủy báng Cù-đàm chăng? Thuyết là như thuyết, hay không như thuyết? Thuyết đúng như pháp chăng? Thuyết theo thuận thứ của pháp chăng? Không có kẻ khác nào đến nạn vấn dồn vào chỗ bế tắc chăng?"

Phật nói với Ni-kiền tử Tát-giá:

"Như những gì ông đã nghe. Thuyết là như thuyết, là thuyết đúng như pháp, thuyết theo thuận thứ của pháp, chứ chẳng phải là hủy báng và cũng không có nạn vấn nào khiến bị bế tắc. Vì sao? Ta đã

---

8. Trú ư thiên trú ——————F Pāli: divāvihārāra, an trú ban ngày tức nghỉ trưa, nhưng bản Hán đọc là Deva-vihāra: trú xứ của chư Thiên.

thật sự vì các đệ tử mà thuyết pháp như vậy, Ta đã thật sự luôn luôn dạy dỗ các đệ tử để cho họ tùy thuận theo pháp giáo, khiến họ quán sắc là không ngã; thọ, tưởng, hành, thức là không ngã. Quán năm thọ ấm này như là bệnh, như ung nhọt, như gai nhọn, như giết hại, là vô thường, khổ, không, phi ngã."

Ni-kiền tử Tát-giá bạch Phật rằng:

"Thưa Cù-đàm, bây giờ, tôi sẽ đưa ra một thí dụ."

Phật bảo Ni-kiền tử Tát-giá:

"Nếu thấy thích hợp."

"Ví như tất cả những gì được tạo tác ở thế gian đều nương trên đất; cũng vậy sắc là con người[9], mọi việc thiện ác đều phát sanh từ đó[10]. Thọ, tưởng, hành, thức là con người, mọi việc thiện ác cũng đều phát sanh từ đó.

"Thêm một thí dụ nữa, như cõi người, cõi thần[11], cỏ thuốc, cây cối, đều nương vào đất mà được sanh trưởng; cũng vậy, sắc là con người. Thọ, tưởng, hành, thức là con người."

Phật nói:

"Này Hỏa chủng cư sĩ, ông nói sắc là con người[12]; thọ, tưởng, hành, thức là con người chăng?"

Đáp:

"Thưa Cù-đàm, đúng như vậy. Sắc là con người; thọ, tưởng, hành, thức là người. Ở đây tất cả mọi người đều nói như vậy."

Phật bảo Hỏa chủng cư sĩ:

"Thôi, hãy lập luận theo luận thuyết của ông đi, việc gì phải đem mọi người ra."

Ni-kiền tử Tát-giá bạch Phật:

"Sắc thật sự là con người."

Phật bảo Hỏa chủng cư sĩ:

---

9. Sắc thị ngã nhân ━━0━━H . Pāli: rūpattāyaṃ purisapuggalo, con người cá biệt (này) lấy sắc làm tự thể (tự ngã).

10. Pāli: rūpe patiṭṭhāya puññaṃ vā apuññaṃ vā pasavati, do an trú trên sắc mà phước thiện hay phi phước thiện sanh khởi.

11. Nhân giới thần giới ━H━━━ . Pāli: bījagāmabhūtagāmā, chủng loại hạt giống và chủng loại thực vật.

12. Pāli: rūpaṃ me attā, sắc là tự ngã của tôi.

"Bây giờ, Ta hỏi ông, cứ theo ý ông mà đáp. Như quốc vương, mà trong nước mình nếu có người phạm tội, hoặc giết, hoặc trói, hoặc đuổi, hoặc đánh bằng roi, hoặc chặt tay chân. Hoặc nếu có người có công thì vua sẽ ban thưởng voi, ngựa, xe cộ, thành ấp, tài sản, bảo vật cho. Tất cả vua đều làm được, phải không?"

Đáp:

"Thưa Cù-đàm, có thể làm được như vậy."

Phật bảo Hỏa chủng cư sĩ:

"Phàm là người chủ, ắt phải được tự tại chăng?"

Đáp:

"Thưa Cù-đàm, đúng như vậy."

Phật bảo Hỏa chủng cư sĩ:

"Ông nói sắc là ngã; thọ, tưởng, hành, thức là ngã, vậy có được tùy ý tự tại khiến nó như vậy hay không như vậy chăng?"

Lúc này, Ni-kiền tử Tát-giá ngồi im.

Phật bảo Hỏa chủng cư sĩ:

"Nói ngay đi! Nói ngay đi! Tại sao im lặng?"

Ba lần hỏi như vậy, Ni-kiền tử vẫn cố im lặng. Ngay lúc đó thần lực sĩ Kim cương[13] đang ở giữa hư không, cầm chày kim cương lửa bốc mạnh hừng hực, đặt trên đầu Ni-kiền tử Tát-giá, bảo rằng: "Đức Thế Tôn đã ba lần hỏi, tại sao ông không trả lời? Ta sẽ dùng chiếc chày kim cương đập vỡ đầu ông ra làm bảy mảnh." Vào lúc ấy, nhờ vào thần lực của Phật, nên chỉ khiến cho một mình Ni-kiền tử Tát-giá thấy thần Kim cương mà thôi, ngoài ra không một ai thấy hết.

Ni-kiền tử Tát-giá thấy vậy sợ hãi quá, bạch Phật rằng:

"Thưa Cù-đàm, không phải như vậy."

Phật bảo Ni-kiền tử Tát-giá:

"Hãy chậm rãi suy nghĩ, sau đó mới nói rõ. Trước đây, ở giữa mọi người, ông bảo sắc là ngã; thọ, tưởng, hành, thức cũng là ngã. Nhưng bây giờ lại bảo là không phải. Trước sau mâu thuẫn nhau. Trước đây, ông thường bảo rằng sắc là ngã; thọ, tưởng, hành, thức

---

13. Kim cang lực sĩ quỷ thần ——0—h—— . Pāli: vajirapāṇi yakkho, quỷ Dạ-xoa tay cầm chày kim cang.

cũng là ngã. Này Hỏa chủng cư sĩ, nay Ta hỏi ông, sắc là thường hay vô thường?"

Đáp:

"Thưa Cù-đàm, là vô thường."

Lại hỏi:

"Vô thường có phải là khổ không?"

Đáp:

"Thưa Cù-đàm, là khổ."

Lại hỏi:

"Vô thường, khổ là pháp biến dịch, vậy là đa văn Thánh đệ tử ở trong đó có thấy ngã, khác ngã, hay ở trong nhau không?"

Đáp:

"Thưa Cù-đàm, không."

"Và đối với thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy."

Phật bảo Hỏa chủng cư sĩ:

"Ông hãy suy nghĩ cho kỹ rồi sau mới nói."

Lại hỏi Hỏa chủng cư sĩ:

"Nếu đối với sắc mà chưa lìa tham, chưa lìa dục, chưa lìa niệm, chưa lìa ái, chưa lìa khát, khi sắc này biến đổi, hoặc khác đi thì nó sẽ sanh ra ưu, bi, khổ, não chăng?"

Đáp:

"Thưa Cù-đàm, đúng vậy."

"Đối với thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy."

Lại hỏi Hỏa chủng cư sĩ:

"Nếu đối với sắc mà lìa tham, lìa dục, lìa niệm, lìa ái, lìa khát, khi sắc này biến đổi, hoặc khác đi, thì kia sẽ không sanh ra ưu, bi, khổ, não chăng?"

Đáp:

"Thưa Cù-đàm, đúng vậy, như thật không khác."

"Đối với thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy."

"Này Hỏa chủng cư sĩ, như thân mắc các bệnh khổ, thường bị khổ câu thúc, cái khổ này không dứt, không vứt đi được, thì người kia được an vui chăng?"

Đáp:

"Thưa Cù-đàm, không."

Như vậy, này Hỏa chủng cư sĩ, khi thân mắc các bệnh khổ, thường bị khổ câu thúc, cái khổ này không dứt, không vứt đi được, thì không được an vui.

"Này Hỏa chủng cư sĩ, như người mang búa vào núi, tìm những cây gỗ thật chắc, thấy cây chuối to lớn, ngay thẳng, liền chặt rễ lá và lột bẹ của nó cho đến tận cùng, mà vẫn không thấy cái lõi chắc thật. Này Hỏa chủng cư sĩ, ông cũng như vậy, đã tự lập ra luận thuyết, nhưng nay Ta đã khéo léo tìm ra cái nghĩa chân thật của nó, mà vẫn không thấy được cái cốt lõi chân thật, nó giống như cây chuối vậy. Thế mà ở giữa mọi người, ông dám đứng ra tuyên bố là: 'Trong đám Sa-môn, Bà-la-môn, ta không thấy một ai có tri kiến có thể cùng đem bàn luận với tri kiến của Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, mà không bị Ta chiết phục.' Và lại tự nói: 'Ta luận nghĩa như gió có thể đè bẹp cỏ, bẻ gãy cây, phá vỡ vàng đá và hàng phục các loài rồng voi, đến nỗi có thể khiến cho họ toát mồ hôi trán, toát mồ hôi nách và các lỗ chân lông đều đẫm nước.' Nay ông đã tự luận nghĩa cho chính mình, nhưng không tự lập lại những lời lẽ khoác lác trước đây, là có thể chiết phục mọi hiện tượng này. Hiện tại ông đã đem hết khả năng lý sự thủ đắc của mình, mà không thể làm lay động được một sợi lông của Như Lai."

Bấy giờ, Đức Thế Tôn ở giữa mọi người, vén Uất-đa-la-tăng bày ngực và chỉ:

"Mọi người hãy nhìn xem, có thể nào làm lay động được một sợi lông của Như Lai không?"

Lúc này, Ni-kiền tử Tát-giá im lặng, cúi đầu, hổ thẹn, thất sắc. Khi ấy ở trong chúng có một Ly-xa tên là Đột-mục-khư[14], từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, chắp tay bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, cho phép con nói thí dụ."

Phật bảo Đột-mục-khư:

"Nếu thấy hợp thời."

Đột-mục-khư bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, thí như có người mang cái đấu, cái hộc vào trong một đống thóc lớn xúc ra hai, ba hộc; thì hiện tại Ni-kiền tử

---

14. Đột-mục-khư ━━━] . Pāli: Dummukha.

Tát-giá cũng giống như vậy. Bạch Thế Tôn, giống như một gia chủ giàu có, nhiều của cải, bỗng nhiên phạm vào tội lỗi, nên tất cả những tài vật đó đều bị sung vào nhà vua, thì Ni-kiền tử Tát-giá cũng giống như vậy, tất cả mọi sự biện tài có được của ông, đều bị Như Lai tóm thâu hết. Giống như cạnh làng xóm, thành ấp có con sông lớn, mọi nam nữ lớn nhỏ đều vào trong dòng nước nô đùa. Họ bắt lấy con cua ở trong nước bẻ gãy chân rồi đem đặt trên mặt đất; vì không có chân nên không thể trở lại dòng sông được. Ni-kiền tử Tát-giá cũng giống như vậy, các biện tài của ông đều bị Như Lai bẻ gãy, để rồi không bao giờ dám trở lại cùng Như Lai bàn luận đối địch nữa."

Lúc này, Ni-kiền tử Tát-giá vô cùng tức giận, thóa mạ Ly-xa Đột-mục-khư:

"Nhà ngươi là thứ thô lỗ; không biết gì hết sao lại rống lên? Tự ta cùng Sa-môn Cù-đàm bàn luận, chứ có can hệ gì đến việc của ngươi đâu?"

Ni-kiền tử thóa mạ Đột-mục-khư rồi, lại bạch Phật:

"Hãy gác qua những lời nói của tên hạ tiện kia đi. Bây giờ riêng tôi có điều muốn hỏi."

Phật bảo Ni-kiền tử Tát-giá:

"Tùy ý ông cứ hỏi, Ta sẽ theo câu hỏi mà trả lời."

"Vì đệ tử, Cù-đàm nói pháp như thế nào để cho họ xa lìa nghi hoặc?"

Phật bảo Hỏa chủng cư sĩ:

"Ta nói cho các đệ tử rằng: 'Những gì thuộc về sắc, hoặc là quá khứ, hoặc là hiện tại, hoặc là vị lai; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô, hoặc tế; hoặc tốt, hoặc xấu; hoặc xa, hoặc gần; tất cả chúng đều quán sát như thật, chẳng phải ngã, chẳng phải khác ngã, chẳng phải ở trong nhau. Và đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy.' Kia học tập như vậy chắc chắn sẽ thấy được dấu vết con đường[15], không bị đứt mất, có thể thành tựu tri kiến nhàm chán, canh giữ cửa cam lộ. Tuy chẳng phải tất cả đều đạt được cứu cánh, nhưng

15. Hán: kiến tích ——A hay nói là kiến đạo tích, chỉ vị đang thực hành hướng đến chỗ thấy Thánh đế.

tất cả đều hướng đến Niết-bàn. Đệ tử theo pháp dạy của Ta như vậy, thì sẽ được xa lìa nghi hoặc."

Lại hỏi:

"Thưa Cù-đàm, Ngài dạy thế nào để cho các đệ tử, ở trong Phật pháp chứng đắc lậu tận, tâm vô lậu giải thoát, tuệ giải thoát, ngay trong đời hiện tại mà tự tri, tự tác chứng, biết rằng: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.'?"

Phật bảo Hỏa chủng cư sĩ:

"Chính bằng pháp này: 'Những gì thuộc về sắc, hoặc quá khứ, hoặc hiện tại, hoặc vị lai; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô, hoặc tế; hoặc tốt, hoặc xấu; hoặc xa, hoặc gần; tất cả chúng đều được biết như thật, là chẳng phải ngã, chẳng phải khác ngã, chẳng phải ở trong nhau; và thọ, tưởng, hành, thức chúng cũng lại như vậy.' Đệ tử kia lúc bấy giờ thành tựu được ba thứ vô thượng: Trí vô thượng, Đạo vô thượng, Giải thoát vô thượng[16]. Khi đã thành tựu được ba vô thượng này rồi, vị ấy đối với Đại sư mà cung kính, tôn trọng, cúng dường như là Phật, rằng: 'Thế Tôn đã giác ngộ tất cả các pháp, rồi bằng pháp này, Ngài điều phục đệ tử khiến cho họ được an lạc, khiến cho họ được vô úy, điều phục tịch tĩnh, cứu cánh Niết-bàn. Đức Thế Tôn vì mục đích Niết-bàn nên nói pháp cho các đệ tử.'

"Này cư sĩ Hỏa chủng, các đệ tử của Ta ở trong pháp này mà chứng đắc lậu tận, được tâm giải thoát, được tuệ giải thoát, ở ngay trong đời này mà tự tri, tự tác chứng, biết rằng: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.'"

Ni-kiền tử Tát-giá bạch Phật:

"Thưa Cù-đàm, giống như một người khỏe mạnh bị những mũi đao nhọn rơi loạn xạ vào người, còn có thể thoát ra được. Nhưng đối với thủ thuật luận bàn của Cù-đàm, thì thật khó có thể thoát được. Như rắn nhiều nọc độc còn có thể tránh được; như lửa mạnh ở giữa

---

16. Thành tựu ba vô thượng: trí vô thượng, đạo vô thượng, giải thoát vô thượng. Pāli: dassanānuttariyena, paṭipadānuttariyena, vimuttānuttariyena, kiến vô thượng, đạo tích (thực hành) vô thượng, giải thoát vô thượng.

đầm hoang còn có thể tránh được; voi say hung dữ cũng có thể thoát được; như sư tử đói cuồng điên, tất cả đều có thể thoát được hết, nhưng đối với trong thủ thuật luận bàn của Sa-môn Cù-đàm thì thật là khó có thể thoát được. Không phải như bọn tầm thường chúng tôi, khinh suất, lỗ mãng, luận thuyết nửa vời, mà có thể đến chỗ Cù-đàm để luận nghị được.

"Thưa Sa-môn Cù-đàm, Tỳ-xá-ly này là nước an lạc, thịnh vượng, lại có các tháp miếu Giá-ba-lê, Tất-yêm-la-thọ, Đa-tử và Cù-đàm có thể ở tại tháp miếu Câu-lâu-đà, hay Ba-la-thọ-trì, hay Xả-trọng-đảm, hay Lực sĩ Bảo-quan[17]. Thế Tôn sẽ an lạc ở nước Tỳ-xá-ly này, vì ở chỗ Thế Tôn thường được cung kính, phụng sự, cúng dường bởi chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn cùng những người trong thế gian; và nhờ những việc làm này, sẽ khiến cho chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn luôn luôn được an lạc. Xin Ngài hãy dừng lại nơi này và sáng mai xin Ngài cùng đại chúng nhận bữa ăn đạm bạc của con."

Bấy giờ, Đức Thế Tôn im lặng nhận lời mời. Ni-kiền tử Tát-giá biết Đức Thế Tôn đã nhận lời mời rồi, tùy hỷ vui mừng, từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

Trên đường về, Ni-kiền tử Tát-giá bảo các Ly-xa:

"Ta đã thỉnh được Sa-môn Cù-đàm và đại chúng để cúng dường trai phạn, các ông, mỗi người hãy sửa soạn một món ăn đem đến chỗ ta."

Các Ly-xa mỗi người trở về nhà, ngay đêm hôm đó sửa soạn đồ cúng dường và sáng sớm đem đến chỗ Ni-kiền tử Tát-giá. Sáng hôm ấy, Ni-kiền tử Tát-giá lo rưới nước, quét dọn nhà cửa, trải chỗ ngồi, chuẩn bị nước sạch, rồi sai người đến Phật thưa là đã đến giờ.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn cùng đại chúng đắp y mang bát đến nhà Ni-kiền tử Tát-giá, Ngài ngồi trước đại chúng. Ni-kiền tử Tát-giá tự tay dâng đầy đủ đồ ăn thức uống thanh tịnh cho đại chúng. Sau khi thọ thực và rửa bát xong, Ni-kiền tử Tát-giá biết Phật và

---

17. Giá-ba-lê, Tất-yêm-la-thọ, Đa-tử, Câu-lâu-đà, Ba-la-thọ-trì, Xả-trọng-đảm, Lực sĩ Bảo-quan. Tên các chi-đề, tức các linh miếu (Pāli: cetiya) nổi tiếng ở Vesali. Bản Pāli không nêu danh sách này.

đại chúng đã hoàn tất xong mọi việc, ông lấy một cái ghế thấp đặt ngồi trước Phật. Bấy giờ, Đức Thế Tôn vì Ni-kiền tử Tát-giá mà tùy hỷ nói kệ:

Ở trong các lễ hội,
Thờ lửa là hơn hết.
Trong kinh điển Vi-đà,
Bà-tỳ-đế trên hết.
Con người, vua là nhất.
Các sông, biển là hơn.
Các sao, trăng là nhất.
Ánh sáng, mặt trời nhất.
Trong mười phương trời người,
Đẳng Chánh Giác là nhất.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn vì Ni-kiền tử Tát-giá nói đủ các thứ pháp, soi sáng, chỉ dạy, làm cho an vui rồi, trở về chỗ cũ. Trên đường trở về các Tỳ-kheo cùng nhau bàn luận về việc năm trăm Ly-xa đã vì Ni-kiền tử Tát-giá mà đã sửa soạn đồ ăn thức uống cúng dường. Các Ly-xa này sẽ được phước gì? Còn Ni-kiền tử Tát-giá sẽ được phước gì?

Khi các Tỳ-kheo đã trở về trú xứ, đem cất y bát và rửa chân xong đến chỗ Đức Thế Tôn, đảnh lễ dưới chân, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

"Trên đường về chúng con cùng nhau bàn tán về việc năm trăm Ly-xa đã vì Ni-kiền tử Tát-giá sửa soạn đồ ăn thức uống, cúng dường Thế Tôn và đại chúng. Vậy năm trăm Ly-xa này sẽ được phước gì? Và Ni-kiền tử Tát-giá sẽ được phước gì?"

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Năm trăm Ly-xa này đã vì Ni-kiền tử, sửa soạn đồ ăn thức uống cúng dường, thì sẽ tạo nhân duyên được phước đối với chỗ Ni-kiền tử Tát-giá. Còn Ni-kiền tử Tát-giá thì sẽ được phước công đức Phật. Các Ly-xa này được nhân duyên quả báo của bố thí nhưng có tham, sân, si; còn Ni-kiền tử Tát-giá thì sẽ được nhân duyên quả báo bố thí nhưng không có tham, sân, si."

M

Bài kệ tóm lược nội dung những kinh trên:

Mười câu hỏi Đa-la[18],
Sai-ma, Diệm, Tiên-ni,
A-nậu-la, Gia chủ,
Tây, Mao đoan, Tát-giá.

❑

[18] Bỉ Đa-la thập vấn ▬▬h▬▬Q▬▬A có lẽ chỉ kinh tương đương Pāli S. 42. 13. Pātali, nhưng bản Hán dịch này thiếu. Tham chiếu Đại N^{0}26 (20).

TẠP A-HÀM QUYỂN 6

KINH 111. HỮU LƯU[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú ở tại núi Ma-câu-la[2]. Bấy giờ có Tỳ-kheo thị giả tên là La-đà[3], vào buổi chiều, sau khi xuất thiền, đến chỗ Phật, lạy sát chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

"Như Thế Tôn nói, 'hữu lưu'[4]. Vậy, thế nào gọi là hữu lưu? Và thế nào gọi là hữu lưu diệt[5]?"

Phật bảo La-đà:

"Hay thay câu hỏi của ông! Ta sẽ vì ông mà nói. Nói hữu lưu, tức là, những kẻ phàm phu ngu si, không học, không biết như thật về sự tập khởi của sắc, về sự diệt tận của sắc, về vị ngọt của sắc, về sự tai hại của sắc, về sự xuất ly sắc. Vì không biết như thật nên, đối với sắc lại ái lạc, tán thán, chấp chặt, đắm nhiễm. Do duyên ái lạc sắc nên có thủ; duyên thủ nên có hữu; duyên hữu nên có sanh; duyên sanh nên có già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não tăng trưởng; như vậy là tập khởi của thuần một khối khổ lớn. Đối với thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy. Đó gọi là hữu lưu.

"Đa văn Thánh đệ tử biết như thật về sự tập khởi của sắc, về sự diệt tận của sắc, về vị ngọt của sắc, về sự tai hại của sắc, về sự xuất ly sắc. Do biết như thật nên, đối với sắc kia không khởi ái lạc, tán thán, chấp chặt, đắm nhiễm. Vì không ái lạc, tán thán, chấp chặt, đắm

---

1. Đại Chánh, quyển 6. Quốc Dịch xếp vào Tụng 1. Ấn Thuận xếp vào Tụng 7; "34. Tương ưng La-đà", tổng thể có một trăm ba mươi ba kinh, nhưng chỉ có hai mươi hai kinh có nội dung được truyền. Tương đương Pāli, S. 23. Rādhasamyuttam, Roman iii. 188. Phật Quang, quyển 6, kinh 113. Quốc Dịch, đồng, kinh 192. Tương đương Pāli, 23. 3. Bhavaneti.
2. Ma-câu-la sơn ————s. (Pāli: Makula), tên núi ở Kiều-thưởng-di. Bản Pāli nói: Sāvatthinidānam, nhân duyên ở Sāvatthi.
3. La-đà ——. Pāli: Rādha.
4. Hữu lưu ——y—A dòng chảy của hữu hay tồn tại. Bản Pāli: bhavanetti, lưới của hữu.
5. Hữu lưu diệt ——y—. Pāli: bhavanettinirodha, sự diệt tận của lưới hữu.

nhiễm nên, sắc ái diệt; do ái diệt nên thủ diệt; do thủ diệt nên hữu diệt; do hữu diệt nên sanh diệt; do sanh diệt nên già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não thuần một tụ khổ lớn như vậy diệt. Đối với thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy. Đó gọi là những lời dạy của Như Lai về hữu lưu và hữu lưu diệt."

Phật nói kinh này xong, Tỳ-kheo La-đà nghe những gì Đức Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 112. ĐOẠN TRI[6]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú ở tại núi Ma-câu-la[7]. Bấy giờ có Tỳ-kheo thị giả tên là La-đà[8], vào buổi chiều, sau khi xuất thiền, đến chỗ Phật, lạy sát chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

"Bạch, như Thế Tôn nói, 'Biến tri[9] sắc; biến tri thọ, tưởng, hành, thức.' Bạch Thế Tôn, vậy thế nào là biến tri sắc; biến tri thọ, tưởng, hành, thức?"

Phật bảo La-đà:

"Hay thay câu hỏi của ông! Ta sẽ vì ông mà nói. Đối với sắc mà ưu, bi, khổ, não hết, ly dục, diệt, tịch tĩnh; thì đó gọi là biến tri sắc. Đối với thọ, tưởng, hành, thức mà ưu, bi, khổ, não hết, ly dục, diệt, tịch tĩnh; thì đó gọi là biến tri thọ, tưởng, hành, thức."

Phật nói kinh này xong, Tỳ-kheo La-đà nghe những gì Đức Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

---

6. Pāli, S. 23. 4. Pariññeyyā.
7. Xem cht.2, kinh 111.
8. La-đà ——. Pāli: Rādha.
9. Nguyên Hán: đoạn tri -_——A chỉ cho sự đoạn trừ phiền não do nhận thức toàn diện về bốn Thánh đế. Pāli: pariññeyya.

KINH 113. ĐOẠN SẮC KHỔ[10]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú ở tại núi Ma-câu-la. Bấy giờ có Tỳ-kheo thị giả tên là La-đà.

Khi ấy, có một số đông chúng xuất gia ngoại đạo đến chỗ Tôn giả, cùng thăm hỏi nhau rồi, ngồi lui qua một bên, hỏi Tôn giả La-đà:

"Vì sao thầy theo Sa-môn Cù-đàm xuất gia tu phạm hạnh?"

Tôn giả La-đà trả lời:

"Vì tôi muốn đoạn trừ khổ, nên theo Thế Tôn xuất gia tu phạm hạnh."

Lại hỏi:

"Thầy vì muốn đoạn trừ những thứ khổ nào, nên phải theo Sa-môn Cù-đàm xuất gia tu phạm hạnh?"

La-đà trả lời:

"Vì muốn đoạn trừ cái khổ về sắc, nên theo Thế Tôn xuất gia tu phạm hạnh. Vì muốn đoạn trừ cái khổ về thọ, tưởng, hành, thức nên theo Thế Tôn xuất gia tu phạm hạnh."

Khi các xuất gia ngoại đạo nghe Tôn giả nói những lời như vậy, thì tâm họ không vui, liền từ chỗ ngồi đứng dậy mắng chửi rồi bỏ đi.

Bấy giờ, Tôn giả La-đà biết các xuất gia ngoại đã ra đi rồi, liền tự nghĩ: 'Vừa rồi, ta đã nói những lời như vậy, há không hủy báng Thế Tôn chăng? Nói như đúng như thuyết chăng? Nói đúng như pháp, hay là thuận thứ của pháp chăng? Sẽ không bị người khác đến nạn vấn, chỉ trích, làm cho bế tắc chăng?"

Vào buổi chiều, sau khi xuất thiền, Tôn giả La-đà đến chỗ Phật, làm lễ dưới chân Phật, rồi ngồi sang một bên, đem sự việc trên đó, bạch Phật đầy đủ:

"Bạch Thế Tôn, những gì con đã nói không lỗi lầm chăng? Không hủy báng Thế Tôn chăng? Nói như đúng như thuyết chăng? Nói đúng như pháp, hay là thuận thứ của pháp chăng? Sẽ không bị người khác đến nạn vấn, chỉ trích, làm cho bế tắc chăng?"

---

10. Không thấy Pāli tương đương.

Phật bảo La-đà:

"Những gì thầy nói đều là lời thật, không hủy báng Như Lai, nói như lời dạy của Ta, nói như pháp, nói pháp và thứ pháp. Vì sao? Này La-đà, vì sắc là khổ, vì muốn dứt cái khổ này nên xuất gia tu phạm hạnh; và đối với thọ, tưởng, hành, thức là khổ, vì muốn dứt những cái khổ này nên xuất gia tu phạm hạnh."

Phật nói kinh này xong, Tỳ-kheo La-đà nghe những gì Đức Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 114. TRI KHỔ[11]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại núi Ma-câu-la. Bấy giờ có Tỳ-kheo thị giả tên là La-đà.

Khi ấy, có một số đông chúng xuất gia ngoại đạo, đến chỗ Tôn giả La-đà, cùng nhau thăm hỏi rồi ngồi lui qua một bên, hỏi La-đà:

"Vì những lý do gì mà thầy theo Sa-môn Cù-đàm xuất gia tu phạm hạnh?"

La-đà trả lời:

"Vì mục đích biết khổ[12] nên theo Thế Tôn xuất gia tu phạm hạnh."

Khi các ngoại đạo nghe La-đà nói những lời như vậy, tâm không vui, liền từ chỗ ngồi đứng dậy trách mắng rồi ra đi.

Bấy giờ vào buổi chiều, sau khi xuất thiền, La-đà đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân Phật rồi ngồi lui qua một bên, đem sự việc trên đó, bạch Phật đầy đủ:

"Bạch Thế Tôn, con đã nói những lời như trên, không hủy báng Thế Tôn chăng? Sẽ không khiến cho người khác đến nạn vấn, chỉ trích dồn vào chỗ bế tắc chăng? Nói không như thuyết, nói không như pháp, nói không theo thuận thứ của pháp chăng?"

Phật bảo La-đà:

---

11. Pāli, S. 35. 81. Bhikkhu.

12. Tri khổ ——W . Pāli: dhukkassa pariññatthaṃ, vì mục đích biến tri khổ. Xem cht.9, kinh112.

"Những lời ngươi nói là chân thật, không hủy báng Như Lai, không khiến cho người khác đến nạn vấn, chỉ trích dồn vào chỗ bế tắc, nói như thuyết, nói như pháp, nói theo thuận thứ của pháp. Vì sao? Sắc là khổ. Vì để biết nó là khổ nên theo Như Lai xuất gia tu phạm hạnh. Thọ, tưởng, hành, thức là khổ. Vì để biết thức là khổ nên theo Như Lai xuất gia tu phạm hạnh."

Phật nói kinh này xong, Tỳ-kheo La-đà nghe những gì Đức Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 115. ĐOẠN ƯU KHỔ[13]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại núi Ma-câu-la. Bấy giờ có Tỳ-kheo thị giả tên là La-đà.

Khi ấy, có một số đông chúng xuất gia ngoại đạo, đến chỗ Tôn giả La-đà, cùng nhau thăm hỏi rồi ngồi lui qua một bên, hỏi La-đà:

"Vì những lý do gì mà thầy theo Sa-môn Cù-đàm xuất gia tu phạm hạnh?"

La-đà trả lời:

"Vì đối với sắc muốn dứt hết ưu, bi, khổ, não, ly dục, diệt, tịch tĩnh nên theo Như Lai xuất gia tu phạm hạnh. Vì đối với thọ, tưởng, hành, thức muốn dứt hết ưu, bi, khổ, não, ly dục, diệt, tịch tĩnh nên theo Như Lai xuất gia tu phạm hạnh."

Khi các xuất gia ngoại đạo nghe như vậy rồi tâm không vui, liền từ chỗ ngồi đứng dậy quở mắng rồi ra đi.

Bấy giờ là buổi chiều, sau khi xuất thiền, La-đà đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân, rồi ngồi lui qua một bên, đem sự việc trên đó, bạch Phật đầy đủ:

"Bạch Thế Tôn, con đã nói những lời như trên, không hủy báng Thế Tôn chăng? Sẽ không khiến cho người khác đến nạn vấn, chỉ trích dồn vào chỗ bế tắc chăng? Nói không như thuyết, nói không như pháp, nói không theo thuận thứ của pháp chăng?"

Phật bảo La-đà:

---

13. Không thấy Pāli tương đương.

"Những lời ngươi nói là chân thật, không hủy báng Như Lai, không khiến cho người khác đến nạn vấn, chỉ trích dồn vào chỗ bế tắc, nói như thuyết, nói như pháp, nói theo thuận thứ của pháp. Vì sao? Này La-đà, sắc là ưu, bi, khổ, não. Vì muốn dứt hết nó nên theo Như Lai xuất gia tu phạm hạnh. Thọ, tưởng, hành, thức là ưu, bi, khổ, não vì muốn dứt hết chúng nên theo Như Lai xuất gia tu phạm hạnh."

Phật nói kinh này xong, Tỳ-kheo La-đà nghe những gì Đức Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 116. NGÃ TẬN

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại núi Ma-câu-la. Bấy giờ có Tỳ-kheo thị giả tên là La-đà[14].

Khi ấy, có một số đông chúng xuất gia ngoại đạo, đến chỗ Tôn giả La-đà, cùng nhau thăm hỏi rồi ngồi lui qua một bên, hỏi La-đà:

"Vì những lý do gì mà thầy theo Sa-môn Cù-đàm xuất gia tu phạm hạnh?"

La-đà trả lời:

"Ở nơi sắc thấy là ngã, ngã sở, ngã mạn, các kết sử trói buộc[15], muốn dứt bỏ chúng, ly dục, diệt, tịch tĩnh. Ở nơi thọ, tưởng, hành, thức thấy là ngã, ngã sở, ngã mạn, các kết sử trói buộc, muốn dứt bỏ chúng, ly dục, diệt, tịch tĩnh, nên theo Thế Tôn xuất gia tu phạm hạnh."

Khi các xuất gia ngoại đạo nghe như vậy rồi tâm không vui, liền từ chỗ ngồi đứng dậy quở mắng rồi ra đi.

Bấy giờ là buổi chiều, sau khi xuất thiền, La-đà đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân, rồi ngồi lui qua một bên, đem sự việc trên đó, bạch Phật đầy đủ:

"Bạch Thế Tôn, con đã nói những lời như trên, không hủy báng Thế Tôn chăng? Sẽ không khiến cho người khác đến nạn vấn, chỉ trích

---

14. Xem cht.2&3, kinh 111.

15. Ngã kiến, ngã sở ngã mạn sử hệ trước ——————C——— . Pāli: ahaṃkāra-mamaṃkāra-mānānusayā, các tùy miên tác thành phức cảm cái tôi và của tôi.

dồn vào chỗ bế tắc chăng? Nói không như thuyết, nói không như pháp, nói không theo thuận thứ của pháp chăng?"

Phật bảo La-đà:

"Những lời ngươi nói là chân thật, không hủy báng Như Lai, không khiến cho người khác đến nạn vấn, chỉ trích dồn vào chỗ bế tắc, nói như thuyết, nói như pháp, nói theo thuận thứ của pháp. Vì sao? Ở nơi sắc thấy là ngã, ngã sở, ngã mạn, các kết sử trói buộc, vì muốn dứt bỏ chúng, ly dục, diệt, tịch tĩnh. Ở nơi thọ, tưởng, hành, thức thấy là ngã, ngã sở, ngã mạn, các kết sử trói buộc, muốn dứt bỏ chúng, ly dục, diệt, tịch tĩnh, nên theo Thế Tôn xuất gia tu phạm hạnh."

Phật nói kinh này xong, Tỳ-kheo La-đà nghe những gì Đức Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 117. ĐOẠN HỮU LẬU

Một thời, Phật ở tại núi Ma-câu-la. Bấy giờ có Tỳ-kheo thị giả tên là La-đà[16].

Khi ấy, có một số đông chúng xuất gia ngoại đạo, đến chỗ Tôn giả La-đà, cùng nhau thăm hỏi rồi ngồi lui qua một bên, hỏi La-đà:

"Vì những lý do gì mà thầy theo Sa-môn Cù-đàm xuất gia tu phạm hạnh?"

La-đà trả lời:

"Sắc hữu lậu, chướng ngại, bức xúc, sầu lo; vì để dứt bỏ chúng, ly dục, diệt, tịch tĩnh; thọ, tưởng, hành, thức hữu lậu, chướng ngại, bức xúc, sầu lo; vì để dứt bỏ chúng, ly dục, diệt, tịch tĩnh nên theo Như Lai xuất gia tu phạm hạnh."

Khi các xuất gia ngoại đạo nghe như vậy rồi tâm không vui, liền từ chỗ ngồi đứng dậy quở mắng rồi ra đi.

Bấy giờ là buổi chiều, sau khi xuất thiền, La-đà đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân, rồi ngồi lui qua một bên, đem sự việc trên đó, bạch Phật đầy đủ:

---

16. Xem cht.2&3, kinh 111.

"Bạch Thế Tôn, con đã nói những lời như trên, không hủy báng Thế Tôn chăng? Sẽ không khiến cho người khác đến nạn vấn, chỉ trích dồn vào chỗ bế tắc chăng? Nói không như thuyết, nói không như pháp, nói không theo thuận thứ của pháp chăng?"

Phật bảo La-đà:

"Những lời ngươi nói là chân thật, không hủy báng Như Lai, không khiến cho người khác đến nạn vấn, chỉ trích dồn vào chỗ bế tắc, nói như thuyết, nói như pháp, nói theo thuận thứ của pháp. Vì sao? Vì sắc hữu lậu, chướng ngại, bức xúc, sầu lo; vì để dứt bỏ chúng, ly dục, diệt, tịch tĩnh; thọ, tưởng, hành, thức hữu lậu, chướng ngại bức xúc, sầu lo; vì để dứt bỏ chúng, ly dục, diệt, tịch tĩnh nên theo Như Lai xuất gia tu phạm hạnh."

Phật nói kinh này xong, Tỳ-kheo La-đà nghe những gì Đức Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 118. THAM NHUẾ SI

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại núi Ma-câu-la. Bấy giờ có Tỳ-kheo thị giả tên là La-đà[17].

Khi ấy, có một số đông chúng xuất gia ngoại đạo, đến chỗ Tôn giả La-đà, cùng nhau thăm hỏi rồi ngồi lui qua một bên, hỏi La-đà:

"Vì những lý do gì mà thầy theo Sa-môn Cù-đàm xuất gia tu phạm hạnh?"

La-đà trả lời:

"Vì mục đích ở nơi sắc mà đoạn tận, ly dục, diệt, tịch tĩnh đối với tham, nhuế, si; ở nơi thọ tưởng, hành, thức mà đoạn tận, ly dục, diệt, tịch tĩnh đối với tham, nhuế, si nên theo Như Lai xuất gia tu phạm hạnh."

Khi các xuất gia ngoại đạo nghe như vậy rồi tâm không vui, liền từ chỗ ngồi đứng dậy quở mắng rồi ra đi.

Bấy giờ là buổi chiều, sau khi xuất thiền, La-đà đến chỗ Phật,

---

17. Xem cht.2&3, kinh 111.

đảnh lễ dưới chân, rồi ngồi lui qua một bên, đem sự việc trên đó, bạch Phật đầy đủ:

"Bạch Thế Tôn, con đã nói những lời như trên, không hủy báng Thế Tôn chăng? Sẽ không khiến cho người khác đến nạn vấn, chỉ trích dồn vào chỗ bế tắc chăng? Nói không như thuyết, nói không như pháp, nói không theo thuận thứ của pháp chăng?"

Phật bảo La-đà:

"Những lời ngươi nói là chân thật, không hủy báng Như Lai, không khiến cho người khác đến nạn vấn, chỉ trích dồn vào chỗ bế tắc, nói như thuyết, nói như pháp, nói theo thuận thứ của pháp. Vì sao? Vì mục đích ở nơi sắc mà đoạn tận, ly dục, diệt, tịch tĩnh đối với tham, nhuế, si; ở nơi thọ tưởng, hành, thức mà đoạn tận, ly dục, diệt, tịch tĩnh đối với tham, nhuế, si nên theo Như Lai xuất gia tu phạm hạnh."

Phật nói kinh này xong, Tỳ-kheo La-đà nghe những gì Đức Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 119. TẬN DỤC ÁI HỶ

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại núi Ma-câu-la. Bấy giờ có Tỳ-kheo thị giả tên là La-đà[18].

Khi ấy, có một số đông chúng xuất gia ngoại đạo, đến chỗ Tôn giả La-đà, cùng nhau thăm hỏi rồi ngồi lui qua một bên, hỏi La-đà:

"Vì những lý do gì mà thầy theo Sa-môn Cù-đàm xuất gia tu phạm hạnh?"

La-đà trả lời:

"Ở nơi sắc mà có dục, ái, hỷ, vì để đoạn tận, ly dục, diệt, tịch tĩnh; ở nơi thọ, tưởng, hành, thức mà có dục, ái, hỷ, vì để đoạn tận, ly dục, diệt, tịch tĩnh nên theo Như Lai xuất gia tu phạm hạnh."

Khi các xuất gia ngoại đạo nghe như vậy rồi tâm không vui, liền từ chỗ ngồi đứng dậy quở mắng rồi ra đi.

Bấy giờ là buổi chiều, sau khi xuất thiền, La-đà đến chỗ Phật,

---

18. Xem cht.2&3, kinh 111.

đảnh lễ dưới chân, rồi ngồi lui qua một bên, đem sự việc trên đó, bạch Phật đầy đủ:

"Bạch Thế Tôn, con đã nói những lời như trên, không hủy báng Thế Tôn chăng? Sẽ không khiến cho người khác đến nạn vấn, chỉ trích dồn vào chỗ bế tắc chăng? Nói không như thuyết, nói không như pháp, nói không theo thuận thứ của pháp chăng?"

Phật bảo La-đà:

"Những lời ngươi nói là chân thật, không hủy báng Như Lai, không khiến cho người khác đến nạn vấn, chỉ trích dồn vào chỗ bế tắc, nói như thuyết, nói như pháp, nói theo thuận thứ của pháp. Vì sao? Ở nơi sắc mà có ái, hỷ, vì để đoạn tận, ly dục, diệt, tịch tĩnh; ở nơi thọ, tưởng, hành, thức mà có ái, hỷ, vì để đoạn tận, ly dục, diệt, tịch tĩnh nên theo Như Lai xuất gia tu phạm hạnh."

Phật nói kinh này xong, Tỳ-kheo La-đà nghe những gì Đức Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 120. MA (1)[19]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại núi Ma-câu-la. Bấy giờ có Tỳ-kheo thị giả tên là La-đà.

Bấy giờ Thế Tôn nói với La-đà:

"Những gì thuộc về sắc, hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô, hoặc tế; hoặc tốt, hoặc xấu; hoặc xa, hoặc gần, hãy quán sát tất cả chúng do ma tạo ra; và những gì thuộc về thọ, tưởng, hành, thức, hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô, hoặc tế; hoặc tốt, hoặc xấu; hoặc xa, hoặc gần, hãy quán sát tất cả chúng đều do ma tạo ra."

Phật bảo La-đà:

"Sắc là thường hay vô thường?"

Đáp:

"Bạch Thế Tôn, là vô thường."

---

19. Pāli, S. 23. 1. Māro.

Lại hỏi:

"Nếu là vô thường, thì khổ chăng?"

Đáp:

"Bạch Thế Tôn, là khổ."

Đối với thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy.

Lại hỏi:

"Này La-đà, nếu vô thường, khổ là pháp biến dịch, đa văn Thánh đệ tử ở trong đó có thấy sắc là ngã, khác ngã, hay ở trong nhau chăng?"

Đáp:

"Bạch Thế Tôn, không."

Phật bảo La-đà:

"Nếu đa văn Thánh đệ tử đối với năm thọ ấm này không thấy là ngã, là ngã sở nên đối với các pháp thế gian không chấp giữ. Vì không có gì chấp giữ nên không có gì để dính mắc. Vì không có gì để dính mắc nên tự giác ngộ Niết-bàn: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.'"

Phật nói kinh này xong, Tỳ-kheo La-đà nghe những gì Đức Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 121. TỬ DIỆT[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại núi Ma-câu-la. Bấy giờ có Tỳ-kheo thị giả tên là La-đà.

Bấy giờ Thế Tôn nói với La-đà:

"Những gì thuộc về sắc, hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô, hoặc tế; hoặc tốt, hoặc xấu; hoặc xa, hoặc gần; tất cả chúng đều là pháp chết; những gì thuộc về thọ, tưởng, hành, thức, hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô, hoặc tế; hoặc tốt, hoặc xấu; hoặc xa, hoặc gần; tất cả chúng đều là pháp chết[2]."

Phật bảo La-đà:

"Sắc là thường hay vô thường?"

Đáp:

"Bạch Thế Tôn, là vô thường."

Lại hỏi:

"Nếu là vô thường, thì khổ chăng?"

Đáp:

"Bạch Thế Tôn, là khổ."

Đối với thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy.

Lại hỏi:

"Này La-đà, nếu vô thường, khổ là pháp biến dịch, đa văn Thánh đệ tử ở trong đó có thấy sắc là ngã, khác ngã, hay ở trong nhau chăng?"

Đáp:

"Bạch Thế Tôn, không."

Phật bảo La-đà:

"Nếu đa văn Thánh đệ tử đối với năm thọ ấm này không thấy là ngã, là ngã sở nên đối với các pháp thế gian không chấp giữ. Vì không có gì chấp giữ nên không có gì để dính mắc. Vì không có gì để dính mắc nên tự giác ngộ Niết-bàn: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập,

---

1. Pāli, S. 23. 12. Māradhamma.
2. Ma pháp]-k-A Pāli: māradhamma, ma pháp hay tử pháp, quy luật của sự chết.

những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.'"

Phật nói kinh này xong, Tỳ-kheo La-đà nghe những gì Đức Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 122. CHÚNG SANH[3]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại núi Ma-câu-la.

Bấy giờ có Tỳ-kheo thị giả tên là La-đà, bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, nói: 'chúng sanh'. Vậy thế nào là chúng sanh?"

Phật bảo La-đà:

"Ở nơi sắc mà nhiễm đắm triền miên, do đó gọi là chúng sanh[4]. Ở nơi thọ, tưởng, hành, thức mà nhiễm đắm triền miên, nên gọi là chúng sanh."

Phật bảo La-đà:

"Ta nói, ở nơi cảnh giới của sắc, hãy phá sập, tiêu diệt. Ở nơi cảnh giới của thọ, tưởng, hành, thức phá sập, tiêu diệt; đoạn tận ái dục. Ái tận thì khổ tận. Khổ tận, Ta nói đó là tận cùng biên tế của khổ[5].

"Giống như trong làng xóm, những trẻ con trai gái chơi đùa, nhóm đất lại tạo thành nhà cửa, thành quách. Tâm chúng yêu thích, say đắm. Khi tâm yêu thích chưa hết, ước muốn chưa tan, nhớ nghĩ chưa dứt, thèm khát chưa tiêu, thì tâm chúng luôn luôn có sự yêu

---

3. Pāli, S. 23. 2. Satto.

4. Nhiễm trước triền miên -V----A định nghĩa từ "chúng sanh"; Pāli: rūpe kho rādha yo chando yo rāga yā nandi yā taṇhā tatra satto tatra visatto tasmā sattoti vuccati, ở nơi sắc mà có dục vọng, đam mê, khoái cảm, khát ái; ở đó đắm nhiễm, ở đó đắm nhiễm triền miên, do đó được gọi là chúng sanh. Theo đây, chúng sanh, satta, được coi như là phân từ quá khứ của sajjati: đắm nhiễm hay cố chấp, bám chặt vào. Thông thường, satta được cho là danh từ phát sanh của động từ căn **as**: tồn tại, hiện hữu; nên satta được hiểu là "cái ở trong trạng thái đang tồn tại."

5. Hán: tác khổ biên -@-W- . Pāli: dukkhassa antakaro, chấm dứt sự khổ.

thích, giữ gìn và bảo là thành quách của ta, nhà cửa ta. Đối với những đống đất kia mà lòng yêu thích hết đi, ước muốn không còn, nhớ nghĩ đã dẹp, thèm khát đã tan, thì tay xô, chân đạp, khiến cho tiêu tán. Cũng vậy, này La-đà, đối với sắc mà phá sập, tiêu diệt; đoạn tận ái dục. Ái tận thì khổ tận. Khổ tận, Ta nói đó là tận cùng biên tế của khổ."

Phật nói kinh này xong, Tỳ-kheo La-đà nghe những gì Đức Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 123. HỮU THÂN[6]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại núi Ma-câu-la.

Bấy giờ có Tỳ-kheo thị giả tên là La-đà đi đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

"Lành thay, Thế Tôn! Vì con mà nói tóm lược pháp yếu. Sau khi nghe pháp rồi, con sẽ ở một mình nơi vắng vẻ, sống không buông lung, chuyên tâm suy nghĩ về mục đích mà người con trai của tông tộc[7] cạo bỏ râu tóc, mình mặc nhiễm y[8], chánh tín xuất gia học đạo, sống không gia đình, nỗ lực siêng năng tu các phạm hạnh, ngay trong đời này, tự tri, tự tác chứng, biết rằng: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.'"

Bấy giờ, Phật bảo La-đà:

"Lành thay! La-đà có thể ở trước Phật hỏi ý nghĩa này! Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì ngươi mà nói.

"La-đà, nên biết, hữu thân, sự tập khởi của hữu thân, về sự diệt tận của hữu thân, về con đường đưa đến sự diệt tận của hữu thân. Những gì là hữu thân? Đó là cho năm thọ ấm: sắc thọ ấm; thọ, tưởng, hành, thức thọ ấm.

"Thế nào là sự tập khởi của hữu thân? Đó là đương lai hữu ái[9], câu hữu với tham và hỷ, ái lạc nơi này nơi kia[10]. Đó gọi là sự tập khởi của hữu thân.

"Thế nào là sự diệt tận của hữu thân? Đương lai hữu ái[11], câu hữu với tham và hỷ, ái lạc nơi này nơi kia, hoàn toàn bị đoạn trừ, vất

---

6. Pāli, S. 23. 9-19. Chandarāgo.

7. Tộc tánh tử ——m-l-A cũng nói là thiện nam tử, hay thiện gia nam tử. Pāli: kulaputta, con trai của gia tộc; thiện gia nam tử, hay lương gia tử đệ.

8. Nhiễm y -V——A áo nhuộm; đây chỉ ca-sa.

9. Đương lai hữu ái————R-F Pāli: taṇhā ponobhavikā, khát ái về đời sống tương lai, khát vọng tồn tại đời sau.

10. Bỉ bỉ ái lạc ———R——A ước muốn sẽ tái sinh vào nơi này hay nơi kia. Pāli: tatratatrābhinandī.

11. Trong bản; *đương hữu ái,* tức *đương lai hữu ái*, xem cht.28 trên.

bỏ, nhổ sạch, ly dục, tịch diệt, tĩnh chỉ[12]. Đó gọi là sự diệt tận của hữu thân.

"Thế nào là con đường đưa đến sự diệt tận của hữu thân? Là chỉ cho Bát chánh đạo: Chánh kiến, chánh chí, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định. Đó gọi là con đường đưa đến sự diệt tận của hữu thân. Hữu thân, nên biết: sự tập khởi của hữu thân nên đoạn; sự diệt tận của hữu thân nên chứng; con đường đưa đến sự diệt tận của hữu thân nên tu.

"Này La-đà, nếu đa văn Thánh đệ tử, đối với hữu thân hoặc biết, hoặc đoạn; đối với sự tập khởi của hữu thân hoặc biết, hoặc đoạn; đối với sự diệt tận của hữu thân hoặc biết, hoặc chứng; đối với con đường đưa đến sự diệt tận của hữu thân hoặc biết, hoặc tu rồi, thì này La-đà, đó gọi là đoạn trừ ái, xả ly ái, chuyển đổi kết sử, đình chỉ mạn, chứng đắc vô gián đẳng[13], cứu cánh biên tế khổ."

Tỳ-kheo La-đà nghe những gì Đức Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành, từ chỗ ngồi đứng dậy làm lễ rồi cáo lui.

Sau khi Đức Thế Tôn đã dạy như vậy rồi, thì Tỳ-kheo La-đà một mình ở chỗ vắng, chuyên tinh suy nghĩ về mục đích mà thiện gia nam tử cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chánh tín, xuất gia, học đạo, sống không gia đình, nỗ lực siêng năng tu các phạm hạnh, ngay trong đời này, tự tri, tự tác chứng, biết rằng: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.' Thành bậc A-la-hán, tâm khéo giải thoát.

Phật nói kinh này xong, Tỳ-kheo La-đà nghe những gì Đức Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

12. Pāli (S. iii. 138): yo tassāyeva taṇhā asesavirāganirodho cāgo paṭinissaggo mutti anālayo, khát ái ấy hoàn toàn được ly nhiễm, diệt tận, xả bỏ, xả ly, giải thoát, không chấp tàng.

13. Vô gián đẳng, xem cht.18 kinh 105; cht.39 kinh 109.

KINH 124. MA (2)[14]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại núi Ma-câu-la. Khi ấy, có thị giả là Tỳ-kheo La-đà.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Tỳ-kheo La-đà:

"Tỳ-kheo, những gì là sắc, hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô, hoặc tế; hoặc tốt, hoặc xấu; hoặc xa, hoặc gần; hãy quán sát tất cả chúng đều là ma. Đối với thọ, tưởng, hành, thức, hoặc quá khứ, hoặc là vị lai, hoặc hiện tại; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô, hoặc tế; hoặc tốt, hoặc xấu; hoặc xa, hoặc gần; hãy quán sát tất cả chúng đều là ma.

"Này La-đà, ý ngươi nghĩ thế nào, sắc là thường hay vô thường?"

Đáp:

"Bạch Thế Tôn, là vô thường."

Lại hỏi:

"Vô thường có phải là khổ chăng?"

Đáp:

"Bạch Thế Tôn, là khổ."

Lại hỏi:

"Nếu vô thường, khổ là pháp biến dịch, đa văn Thánh đệ tử ở trong đó có thấy ngã chăng?"

Đáp:

"Bạch Thế Tôn, không."

"Đối với thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy.

"Cho nên này La-đà, đa văn Thánh đệ tử, đối với sắc sanh tâm nhàm chán; và đối với thọ, tưởng, hành, thức sanh tâm nhàm chán. Vì đã nhàm chán nên không thích, vì đã không thích nên giải thoát và giải thoát tri kiến: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.'"

Phật nói kinh này xong, Tỳ-kheo La-đà nghe những gì Đức Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

---

14. Pāli, S. 23. 11. Māro.

M

KINH 125. MA PHÁP[15]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại núi Ma-câu-la. Khi ấy, có thị giả là Tỳ-kheo La-đà.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Tỳ-kheo La-đà:

"Tỳ-kheo, những gì là sắc, hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô, hoặc tế; hoặc tốt, hoặc xấu; hoặc xa, hoặc gần tất cả chúng đều là ma, tạo tác của ma. Và đối với thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy."

Phật bảo La-đà:

"Này La-đà, ý ngươi nghĩ thế nào, sắc là thường hay vô thường?"

Đáp:

"Bạch Thế Tôn, là vô thường."

Lại hỏi:

"Vô thường có phải là khổ chăng?"

Đáp:

"Bạch Thế Tôn, là khổ."

Lại hỏi:

"Nếu vô thường, khổ là pháp biến dịch, đa văn Thánh đệ tử ở trong đó có thấy ngã, khác ngã, hay ở trong nhau không?"

Đáp:

"Bạch Thế Tôn, không."

"Vì vậy, này La-đà, đa văn Thánh đệ tử, đối với sắc nên sanh tâm nhàm chán. Vì đã nhàm chán nên không thích, vì đã không thích nên giải thoát, giải thoát tri kiến: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.'"

Phật nói kinh này xong, Tỳ-kheo La-đà nghe những gì Đức Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

---

15. Pāli, S. 23. 23. Māro.

Kinh thứ ba cũng như vậy, nhưng có chỗ khác là:

Phật bảo La-đà: Đa văn Thánh đệ tử ở nơi năm thọ ấm này mà quán sát là chẳng phải ngã, chẳng phải ngã sở. Khi đã quán sát, thì đối với các pháp trên thế gian đều không có gì để mà chấp giữ. Vì không có gì để chấp giữ nên không dính mắc, vì không dính mắc nên tự giác ngộ Niết-bàn: "Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa."

Phật nói kinh này xong, Tỳ-kheo La-đà nghe những gì Đức Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 126. TỬ PHÁP[16]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại núi Ma-câu-la. Khi ấy, có thị giả là Tỳ-kheo La-đà.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Tỳ-kheo La-đà:

"Tỳ-kheo, những gì là sắc, hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô, hoặc tế; hoặc tốt, hoặc xấu; hoặc xa, hoặc gần; hãy quán sát tất cả chúng đều là pháp chết. Đối với thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy."

Ngoài ra như đã nói kinh trên.

M

KINH 127. PHI NGÃ PHI NGÃ SỞ[17]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại núi Ma-câu-la. Khi ấy, có thị giả là Tỳ-kheo La-đà.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Tỳ-kheo La-đà:

"Tỳ-kheo, những gì là sắc, hoặc quá khứ, hoặc là vị lai, hoặc

16. Pāli, S. 23. 24. Māradhamma.

17. Pāli, S.23. 19-22. Khaya.

hiện tại; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô, hoặc tế; hoặc tốt, hoặc xấu; hoặc xa, hoặc gần; hãy quán sát tất cả chúng đều là pháp đoạn tận[18]. Đối với thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy.

"Đa văn Thánh đệ tử quán sát như vậy đối với sắc mà sanh nhàm chán; đối với thọ, tưởng, hành, thức mà sanh nhàm chán. Vì đã nhàm chán nên không thích, vì không thích nên giải thoát, giải thoát tri kiến: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.'"

Phật nói kinh này xong, Tỳ-kheo La-đà nghe những gì Đức Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

Cũng như kinh "Ta quán sát pháp đoạn tận," các kinh tiếp theo cũng vậy, gồm: [19]

1. Quán sát diệt pháp,
2. Quán sát khí xả pháp *(vứt bỏ)*,
3. Quán sát vô thường pháp,
4. Quán sát khổ pháp,
5. Quán sát không pháp,
6. Quán sát phi ngã pháp,
7. Quán sát vô thường-khổ-không-phi ngã pháp,
8. Quán sát bệnh pháp,
9. Quán sát ung pháp *(ung nhọt),*
10. Quán sát thích pháp *(gai nhọn),*
11. Quán sát sát pháp *(giết hại),*
12. Quán sát sát căn bản pháp,
13. Quán sát bệnh, ung *(ung nhọt),* thích pháp *(gai nhọn),* sát *(giết hại),* sát căn bản.[20]

---

18. Đoạn pháp ▪_▪k. Pāli: khayadhamma.
19. Quốc Dịch, phẩm iii. Phẩm này gồm mười ba kinh, có đầu đề nhưng không có nội dung.
20. Các kinh này được cho là có nội dung tương đồng với các kinh Pāli S. 23. 20. Vayadhamma; 21. Samudayadhamma; 22. Nirodhadhamma.

KINH 128. ĐOẠN PHÁP (1)[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại núi Ma-câu-la. Khi ấy có Tỳ-kheo thị giả tên là La-đà.

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo La-đà:

"Những gì là sắc, hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô hoặc tế; hoặc tốt, hoặc xấu; hoặc xa, hoặc gần; quán sát tất cả chúng đều là pháp đoạn tận[2]. Đã quán sát như vậy rồi, thì đối với sắc, dục tham được đoạn trừ. Dục tham đã được đoạn trừ rồi, thì Ta nói đó là tâm khéo giải thoát. Đối với thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy."

Phật nói kinh này xong, Tỳ-kheo La-đà nghe những gì Đức Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

Cũng vậy, có mười bốn kinh, nội dung như trên.

M

KINH 129. ĐOẠN PHÁP (2)[3]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại núi Ma-câu-la. Khi ấy có Tỳ-kheo thị giả tên là La-đà.

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo La-đà:

"Những gì là sắc, hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô hoặc tế; hoặc tốt, hoặc xấu; hoặc xa, hoặc gần; quán sát tất cả chúng đều là pháp đoạn tận[4]. Đã quán sát như vậy rồi, thì đối với sắc, dục tham được đoạn trừ. Dục tham đã được đoạn

---

1. Quốc Dịch, phẩm iv. Phẩm này có tất cả mười lăm kinh, nhưng chỉ có hai kinh có nội dung được truyền. Còn lại chỉ có đầu đề. Phật Quang, kinh 130. Pāli, S. 23. 31. Khaya.
2. Đoạn pháp ₋_₋k₋F có lẽ dư chữ *pháp*. Trong đây, hai kinh liên tiếp, một kinh nói về *đoạn*, một kinh nói *đoạn pháp*, tương đương Pāli là S.22. 31. *Khaya* và S. 22. 32. *Khayadhamma*.
3. Pāli, S. 23. 32. Khayadhamma.
4. Xem cht.41 kinh 128.

trừ rồi, thì Ta nói đó là tâm khéo giải thoát. Đối với thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy."

Phật nói kinh này xong, Tỳ-kheo La-đà nghe những gì Đức Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 130. CẦU ĐẠI SƯ (1)[5]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Muốn đoạn trừ năm thọ ấm, thì phải cầu Đại sư. Những gì là năm? Sắc thọ ấm; thọ, tưởng, hành, thức thọ ấm. Muốn đoạn trừ năm thọ ấm này, thì phải cầu Đại sư."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

Cũng như kinh "Đương đoạn," các kinh tiếp theo cũng vậy, có tên như sau:

- Đương thổ *(hãy nhả ra)*;
- Đương tức *(hãy đình chỉ)*;
- Đương xả *(hãy xả bỏ)*.

M

Cũng như kinh "Cầu Đại sư," các kinh sau đây có nội dung tương đồng (*có năm mươi chín kinh*):

- Cầu Thắng sư *(bậc thầy cao cả),*
- Thuận thứ sư *(bậc thầy thuận theo thứ lớp),*
- Giáo giới giả *(người răn dạy),*
- Thắng giáo giới giả *(người răn dạy hơn nhất),*

---

5. Pāli, S. 23. 35-46. Māro, v.v...

- Thuận thứ giáo giới giả *(người răn dạy thuận theo thứ lớp),*
- Thông giả *(người thông suốt),*
- Quảng thông giả *(người thông suốt rộng rãi),*
- Viên thông giả *(người thông suốt tròn đầy),*
- Đạo giả *(người dẫn đường),*
- Quảng đạo giả *(người dẫn đường rộng rãi),*
- Cứu cánh đạo giả *(người dẫn đường rốt ráo),*
- Thuyết giả *(người thuyết giảng),*
- Quảng thuyết giả *(người thuyết giảng rộng rãi),*
- Thuận thứ thuyết giả *(người thuyết giảng theo thứ lớp),*
- Chánh giả *(người chân chánh),*
- Bạn giả *(người đồng hành),*
- Chân tri thức giả *(bằng hữu chân thật),*
- Thân giả *(người thân cận),*
- Mẫn giả *(người thương xót),*
- Bi giả *(người từ bi),*
- Sùng nghĩa giả *(người sùng nghĩa),*
- An ủy giả *(người an ủi),*
- Sùng lạc giả *(người sùng lạc),*
- Sùng xúc giả *(người sùng xúc),*
- Sùng an ủy giả *(người sùng sự an ủi),*
- Dục giả *(người muốn),*
- Tinh tấn giả *(người tinh tấn),*
- Phương tiện giả *(người phương tiện),*
- Cần giả *(người chuyên cần),*
- Dũng mãnh giả *(người dõng mãnh),*
- Cố giả *(người kiên cố),*
- Cường giả *(người mạnh mẽ),*
- Kham năng giả *(người có khả năng),*
- Chuyên giả *(người tinh chuyên),*
- Tâm bất thoái giả *(người tâm không thoái lui),*
- Kiên chấp trì *(người giữ gìn chắc chắn),*
- Thường tập giả *(người thường tu tập),*
- Bất phóng dật giả *(người không buông lung),*

- Hòa hiệp giả *(người hòa hợp),*
- Tư lương giả *(người suy xét),*
- Ức niệm giả *(người nhớ nghĩ),*
- Giác giả *(người tỉnh giác),*
- Tri giả *(người biết),*
- Minh giả *(người sáng suốt),*
- Tuệ giả *(người trí tuệ),*
- Thọ giả *(người lãnh thọ),*
- Tư duy giả *(người tư duy),*
- Phạm hạnh giả *(người phạm hạnh),*
- Niệm xứ giả *(người có niệm xứ),*
- Chánh cần giả *(người có chánh cần),*
- Như ý túc *(người được như ý túc),*
- Căn giả *(người được căn),*
- Lực giả *(người được lực),*
- Giác phần giả *(người được giác phần),*
- Đạo phần giả *(người được đạo phần),*
- Chỉ giả *(người được chỉ),*
- Quán giả *(người được quán),*
- Niệm thân giả *(người được niệm thân),*
- Chánh ức niệm *(người được chánh ức niệm).*

M

KINH 131. TẬP CẬN[6]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Nếu có Sa-môn, Bà-la-môn nào tập cận với sắc, bị ma chi phối[7], rơi vào tay ma, theo ước muốn của ma, bị ma trói buộc, không thoát ra khỏi sợi dây trói của ma. Đối với thọ, tưởng, hành, thức lại

---

6. Phật Quang, kinh 133.

7. Hán: Tùy ma tự tại -H-]--b . Pāli: Mārassa vasaṃ gacchanti, chúng nó đi theo quyền lực của ma.

cũng như vậy. Nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào không tập cận sắc, thì những Sa-môn, Bà-la-môn ấy không không bị ma chi phối, không rơi vào tay ma, không chạy theo ước muốn của ma, sẽ không bị ma trói buộc, thoát sợi dây trói của ma. Đối với thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

Cũng như kinh "Tập cận", các kinh sau đây có nội dung giống vậy:

- Tập trước giả *(quen thói đam mê),*
- Vị giả *(hảo vị ngọt),*
- Quyết định trước giả *(đam mê thành tánh cố định),*
- Chỉ giả *(dừng nghỉ),*
- Sử giả *(sai sử),*
- Vãng giả *(đi đến),*
- Tuyển trạch giả *(lựa chọn),*
- Bất xả *(không xả),*
- Bất thổ *(không nhả ra),*

"Những Sa-môn, Bà-la-môn nào như vậy không bị ma chi phối" *như nói ở kinh trên. Như đã nói ở trên.*

M

KINH 132. BẤT TẬP CẬN[8]

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào không tập cận sắc, thì những Sa-môn, Bà-la-môn ấy không bị ma chi phối, không rơi vào tay ma, không chạy theo ước muốn của ma, sẽ không bị ma trói buộc, thoát sợi dây trói của ma. Đối với thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật

8. Phật Quang, kinh 134.

dạy, hoan hỷ phụng hành.

Cho đến "Thổ sắc" lại cũng như vậy[9].

M

KINH 133. SANH TỬ LƯU CHUYỂN[10]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Do có cái gì, do sanh khởi cái gì, do hệ lụy cái gì mà có kiến chấp ngã, khiến cho chúng sanh bị vô minh che lấp, bị ái cột cổ, phải dong ruổi nơi đường dài, luân hồi theo sanh tử, lưu chuyển trong sanh tử, không biết biên tế tối sơ là gì[11]?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Thế Tôn là gốc pháp, là con mắt pháp, là sở y của pháp. Lành thay, Thế Tôn! Xin thương xót mà nói rộng nghĩa này. Sau khi các Tỳ-kheo nghe xong sẽ vâng lời thực hành."

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì các ông mà nói.

"Này các Tỳ-kheo, vì có sắc, sanh khởi sự của sắc, hệ lụy sắc, nơi sắc mà thấy ngã, khiến cho chúng sanh bị vô minh che lấp, bị ái cột cổ, phải dong ruổi nơi đường dài, luân hồi theo sanh tử, lưu chuyển trong sanh tử. Đối với thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy.

"Này các Tỳ-kheo, sắc là thường hay vô thường?"

---

9. Tức là, chiếu theo kinh 131 và các kinh tiếp theo được liệt kê ở trên, các kinh tiếp theo kinh 132 này có nội dung tương phản. Nghĩa là, tiếp theo kinh 131 là kinh "Tập trước", thì tiếp theo kinh 132 ở đây là "Bất tập trước" cho đến, "Thổ" và tương phản là "Bất thổ".

10. Quốc Dịch, Tụng 1, "3. Tương ưng Kiến". Ấn Thuận xếp vào Tụng 7, "35. Tương ưng kiến," tổng thể có chín mươi ba kinh, trong đây chỉ có sáu kinh có nội dung. Tương đương Pāli, S. 24. Diṭṭhisamyuttam, Roman 3. 201. Pāli, S. 24. 2. Etaṃ mamaṃ (cái này là của tôi).

11. Pāli: kismiṃ nu kho bhikkhave sati kiṃ upādāya kiṃ abhinivissa evaṃ diṭṭhi upajjati: etaṃ mama eso'ham asmi eso me attā ti, Do cái gì đang hiện hữu, do chấp thủ cái gì, do tham luyến cái gì, mà khởi lên quan điểm này: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi"?

Đáp:

"Bạch Thế Tôn, là vô thường."

Lại hỏi:

"Nếu vô thường, là khổ phải chăng?"

Đáp:

"Bạch Thế Tôn, là khổ."

"Như vậy này các Tỳ-kheo, nếu vô thường là khổ, thì do có cái khổ này mà sự ấy sanh khởi, hệ lụy, thấy là ngã, khiến cho chúng sanh bị vô minh che lấp, bị ái cột cổ, phải dong ruổi nơi đường dài, luân hồi theo sanh tử, lưu chuyển trong sanh tử. Đối với thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy.

"Cho nên, này các Tỳ-kheo, những gì là sắc, hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô, hoặc tế; hoặc tốt, hoặc xấu; hoặc xa, hoặc gần; tất cả chúng đều chẳng phải ngã, chẳng phải khác ngã, chẳng ở trong nhau. Đó gọi là chánh tuệ. Đối với thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy.

"Cũng vậy, cái thấy, cái nghe, cái hay, cái biết, cái sở cầu, cái sở đắc, cái được nhớ nghĩ[12]; tất cả đều chẳng phải ngã, chẳng phải khác ngã, chẳng ở trong nhau. Đó gọi là chánh tuệ.

"Nếu có kiến chấp cho rằng có ngã, có thế gian, có đời này, là pháp thường hằng, không biến dịch, thì tất cả đều chẳng phải ngã, chẳng phải khác ngã, chẳng ở trong nhau. Đó gọi là chánh tuệ.

"Lại nữa, nếu có kiến chấp cho rằng không phải cái này là tôi, không phải cái này là của tôi, không phải là tôi trong tương lai, không phải là của tôi trong tương lai; thì tất cả chúng cũng đều chẳng phải ngã, chẳng phải khác ngã, chẳng ở trong nhau. Đó gọi là chánh tuệ.

"Nếu đa văn Thánh đệ tử ở nơi sáu kiến xứ[13] này mà quán sát chẳng phải là ngã, chẳng phải ngã sở. Quán sát được như vậy rồi, thì dứt hết mọi sự hồ nghi đối với Phật, dứt hết mọi sự hồ nghi đối với

---

12. Kiến văn giác thức cầu đắc tùy ức ——D———D-o-H— . Pāli: diṭṭham sutam mutam viññatam tattam anuvicaritam, cái được thấy, cái được nghe, cái được cảm nhận, cái được nhận thức, cái sở đắc, cái sở cầu, cái được nhớ nghĩ.

13. Lục kiến xứ ———B-A sáu căn cứ để chấp ngã.

Pháp và đối với Tăng. Đó gọi là, Tỳ-kheo, đa văn Thánh đệ tử không còn trở lại tạo nghiệp thân, miệng, ý để đưa đến ba đường ác; giả sử có buông lung, Thánh đệ tử cũng nhất định hướng đến giác ngộ, bảy lần qua lại trời người, rồi cứu cánh biên tế khổ."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 134. HỒ NGHI ĐOẠN (1)[14]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

Nội dung chi tiết như kinh trên. Sai biệt ở chỗ:

"Nếu đa văn Thánh đệ tử ở nơi sáu kiến xứ[15] này mà quán sát chẳng phải là ngã, chẳng phải ngã sở. Quán sát được như vậy rồi, thì đoạn trừ hồ nghi đối với Khổ, Tập, Diệt, Đạo... cho đến, rồi cứu cánh biên tế khổ."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 135. HỒ NGHI ĐOẠN (2)

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

Nội dung chi tiết như kinh trên. Sai biệt ở chỗ:

"Nếu đa văn Thánh đệ tử ở nơi sáu kiến xứ[16] này mà quán sát chẳng phải là ngã, chẳng phải ngã sở. Quán sát được như vậy rồi, thì đoạn trừ hồ nghi đối với Phật, Pháp, Tăng, Khổ, Tập, Diệt, Đạo... cho đến, rồi cứu cánh biên tế khổ."

---

14. Phật Quang, kinh 136.
15. Xem cht.52, kinh 133 trên.
16. Xem cht.52, kinh 133 trên.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 136. SANH TỬ LƯU CHUYỂN[17]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Do có cái gì, do sanh khởi cái gì, do hệ lụy cái gì mà có kiến chấp ngã, khiến cho chúng sanh bị vô minh che lấp, bị ái cột cổ, phải dong ruổi nơi đường dài, luân hồi theo sanh tử, lưu chuyển trong sanh tử, không biết biên tế tối sơ là gì[18]?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Thế Tôn là gốc pháp, là con mắt pháp, là sở y của pháp. Lành thay, Thế Tôn! Xin thương xót mà nói rộng nghĩa này. Sau khi các Tỳ-kheo nghe xong sẽ vâng lời thực hành."

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì các ông mà nói.

"Này các Tỳ-kheo, vì có sắc, sanh khởi sự của sắc, hệ lụy sắc, nơi sắc mà thấy ngã, khiến cho chúng sanh bị vô minh che lấp, bị ái cột cổ, phải dong ruổi nơi đường dài, luân hồi theo sanh tử, lưu chuyển trong sanh tử. Đối với thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy.

"Này các Tỳ-kheo, sắc là thường hay vô thường?"

Đáp:

"Bạch Thế Tôn, là vô thường."

Lại hỏi:

"Nếu vô thường, là khổ phải chăng?"

Đáp:

"Bạch Thế Tôn, là khổ."

"Như vậy này các Tỳ-kheo, nếu vô thường là khổ, thì do có cái

---

17. Phật Quang, kinh 138.

18. Xem cht.50 kinh 133 trên.

khổ này mà sự ấy sanh khởi, hệ lụy, thấy là ngã, khiến cho chúng sanh bị vô minh che lấp, bị ái cột cổ, phải dong ruổi nơi đường dài, luân hồi theo sanh tử, lưu chuyển trong sanh tử. Đối với thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy.

"Cho nên, này các Tỳ-kheo, những gì là sắc, hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô, hoặc tế; hoặc tốt, hoặc xấu; hoặc xa, hoặc gần; tất cả chúng đều chẳng phải ngã, chẳng phải khác ngã, chẳng ở trong nhau. Đó gọi là chánh tuệ. Đối với thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy.

"Cũng vậy, cái thấy, cái nghe, cái hay, cái biết, cái sở cầu, cái sở đắc, cái được nhớ nghĩ[19]; tất cả đều chẳng phải ngã, chẳng phải khác ngã, chẳng ở trong nhau. Đó gọi là chánh tuệ.

"Nếu có kiến chấp cho rằng có ngã, có thế gian, có đời này, là pháp thường hằng, không biến dịch, thì tất cả đều chẳng phải ngã, chẳng phải khác ngã, chẳng ở trong nhau. Đó gọi là chánh tuệ.

"Lại nữa, nếu có kiến chấp cho rằng không phải cái này là tôi, không phải cái này là của tôi, không phải là tôi trong tương lai, không phải là của tôi trong tương lai; thì tất cả chúng cũng đều chẳng phải ngã, chẳng phải khác ngã, chẳng ở trong nhau. Đó gọi là chánh tuệ.

"Nếu đa văn Thánh đệ tử ở nơi sáu kiến xứ[20] này mà quán sát chẳng phải là ngã, chẳng phải ngã sở. Quán sát được như vậy rồi, thì dứt hết mọi sự hồ nghi đối với Phật, dứt hết mọi sự hồ nghi đối với Pháp và đối với Tăng. Đó gọi là Tỳ-kheo, đa văn Thánh đệ tử không còn trở lại tạo nghiệp thân, miệng, ý để đưa đến ba đường ác; giả sử có buông lung, Thánh đệ tử cũng nhất định hướng đến giác ngộ, bảy lần qua lại trời người, rồi cứu cánh biên tế khổ."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

---

19. Xem cht.51, kinh 133 trên.

20. Xem cht.52, kinh 133 trên.

KINH 137

Kinh tiếp theo, nội dung cũng như vậy, chỉ sai khác ở chỗ: "Dứt hết mọi sự hồ nghi đối với Khổ-Tập-Diệt-Đạo."

M

KINH 138

Kinh thứ ba cũng như vậy, chỉ khác nhau ở chỗ: "Dứt hết mọi sự hồ nghi đối với Phật-Pháp-Tăng và dứt hết mọi sự hồ nghi đối với Khổ-Tập-Diệt-Đạo."

❑

TẠP A-HÀM QUYỂN 7

KINH 139. ƯU NÃO SANH KHỞI[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Do có cái gì, do khởi cái gì, do hệ lụy cái gì, do đắm đuối cái gì, do thấy ngã nơi cái gì, mà nếu ưu, bi, khổ, não chưa khởi, thì khiến cho nó khởi; ưu, bi, khổ, não đã khởi, thì khiến cho nó càng tăng trưởng rộng lớn thêm?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Thế Tôn là gốc pháp, là con mắt pháp, là sở y của pháp. Cúi xin Thế Tôn nói rộng ra; các Tỳ-kheo sau khi nghe xong sẽ vâng lời thực hành."

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Do có sắc, sanh khởi sắc, hệ lụy, đắm đuối sắc, nơi sắc thấy ngã, cho nên, ưu, bi, khổ, não chưa khởi thì khiến cho khởi; ưu, bi, khổ, não đã khởi, thì khiến tăng trưởng rộng thêm. Đối với thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy.

"Này các Tỳ-kheo, các ông nghĩ thế nào? Sắc là thường hay vô thường?"

Đáp:

"Bạch Thế Tôn, là vô thường."

Lại hỏi:

"Vô thường có phải là khổ chăng?"

Đáp:

"Bạch Thế Tôn, là khổ."

"Như vậy, này các Tỳ-kheo, nếu vô thường là khổ. Vì có khổ này nên sanh khởi sự ấy[2], hệ lụy, đắm đuối, thấy ngã, cho nên, ưu, bi, khổ, não chưa khởi thì khiến khởi; ưu, bi, khổ, não đã khởi thì khiến cho tăng trưởng rộng lớn thêm. Đối với thọ, tưởng, hành, thức lại cũng

---

1. Đại Chánh, quyển 7. Phật Quang, kinh 141.
2. Xem kinh 133.

như vậy.

"Cho nên, này các Tỳ-kheo, những gì là sắc, hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô, hoặc tế; hoặc tốt, hoặc xấu; hoặc xa, hoặc gần; tất cả chúng chẳng phải là ngã, chẳng phải khác ngã, chẳng ở trong nhau. Đó gọi là chánh tuệ. Đối với thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy.

"Cũng vậy, cái thấy, cái nghe, cái hay, cái biết, cái sở cầu, cái sở đắc[3], cái được nhớ nghĩ, cái được tùy giác, cái được tùy quán; tất cả đều chẳng phải ngã, chẳng phải khác ngã, chẳng ở trong nhau. Đó gọi là chánh tuệ.

"Nếu có kiến chấp cho rằng có ngã, có thế gian, có đời này, có đời khác, là pháp thường hằng, không biến dịch, thì tất cả đều chẳng phải ngã, chẳng phải khác ngã, chẳng ở trong nhau. Đó gọi là chánh tuệ.

"Lại nữa, nếu có kiến chấp cho rằng không phải cái tôi đời này, không phải cái của tôi đời này[4], không phải là tôi trong tương lai, không phải là cái của tôi trong tương lai; thì tất cả chúng cũng đều chẳng phải ngã, chẳng phải khác ngã, chẳng ở trong nhau. Đó gọi là chánh tuệ.

"Nếu đa văn Thánh đệ tử ở nơi sáu kiến xứ này mà quán sát chẳng phải là ngã, chẳng phải ngã sở. Quán sát như vậy rồi, thì dứt hết mọi sự hồ nghi đối với Phật, dứt hết mọi sự hồ nghi đối với Pháp và đối với Tăng. Đó gọi là, Tỳ-kheo, đa văn Thánh đệ tử không còn trở lại tạo nghiệp thân, miệng, ý để đưa đến ba đường ác; giả sử có buông lung, Thánh đệ tử cũng nhất định hướng đến chánh giác[5], bảy lần qua lại trời người, rồi cứu cánh biên tế khổ."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

---

3. Trong bản Hán: khởi cầu -_-D-Akinh 133: *cầu đắc* -D-o-FPāli: pattam pariyesitam.
4. Phi thử thế ngã, phi thử thế ngã sở -D——@——A-D——@———F xem kinh 133: phi thử ngã, phi thử ngã sở -D———A-D———.
5. Nguyên trong bản Hán: *tam-bồ-đề*.

KINH 140

Kinh tiếp theo cũng như vậy, nhưng có sự sai biệt ở chỗ: Dứt hết mọi sự hồ nghi đối với Khổ-Tập-Diệt-Đạo.

M

KINH 141

Kinh tiếp theo cũng như vậy, nhưng lại có sự sai biệt ở chỗ: Dứt hết mọi sự hồ nghi đối với Phật-Pháp-Tăng và Khổ-Tập-Diệt-Đạo.

M

KINH 142. NGÃ NGÃ SỞ[6]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Do có cái gì, do khởi cái gì, do hệ lụy cái gì, do đắm đuối cái gì, do thấy ngã nơi cái gì, mà nếu ngã, ngã sở, ngã mạn kết sử[7] chưa khởi, thì khiến cho nó khởi; mà nếu ngã, ngã sở, ngã mạn kết sử đã khởi, thì khiến cho càng tăng trưởng rộng lớn thêm?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Thế Tôn là gốc pháp, là con mắt pháp, là sở y của pháp. Cúi xin Thế Tôn nói rộng ra; các Tỳ-kheo sau khi nghe xong sẽ hoan hỷ vâng lời thực hành."

(...) chi tiết như kinh trên (kinh 139), cho đến:

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

---

6. Phật Quang, kinh 144. Pāli, S. 22. 150. Etaṃ mam; 24. 2. Etaṃ mama.
7. Pāli: ahaṃkāra-mamaṃ̄ra-mānānusaya, ngã, ngã sở, mạn tùy miên.

KINH 143 VÀ KINH 144

Hai kinh này dạy cũng như kinh trên (kinh 139).

M

KINH 145. HỮU LẬU CHƯỚNG NGẠI[8]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Do có cái gì, do khởi cái gì, do hệ lụy cái gì, do đắm đuối cái gì, do thấy ngã nơi cái gì, mà nếu hữu lậu, chướng ngại, thiêu đốt, ưu, bi, khổ, não chưa khởi thì sanh khởi; hữu lậu, chướng ngại, thiêu đốt, ưu, bi, khổ, não, đã sanh khởi thì khiến cho càng tăng trưởng rộng lớn thêm?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Thế Tôn là gốc pháp, là con mắt pháp, là sở y của pháp (...)."

Chi tiết thứ tự như ba kinh trên (kinh 139, 140, 141).

M

KINH 146. TAM THỌ [9]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Do có cái gì, do khởi cái gì, do hệ lụy cái gì, do đắm đuối cái gì, do thấy ngã nơi cái gì, mà khiến cho ba thọ chuyển hiện ở thế gian?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Thế Tôn là gốc pháp, là con mắt pháp, là sở y của pháp (...)."

Chi tiết thứ tự như ba kinh trên (kinh 139, 140, 141).

M

---

8. Phật Quang, kinh 147.

9. Phật Quang, kinh 148. Pāli, S. 22. 149. Ajjhattikṃ; 35. 105. Upādāya.

KINH 147. TAM KHỔ[10]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Do có cái gì, do khởi cái gì, do hệ lụy cái gì, do đắm đuối cái gì, do thấy ngã nơi cái gì, mà khiến cho ba khổ chuyển hiện ở thế gian?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Thế Tôn là gốc pháp, là con mắt pháp, là sở y của pháp (...)."

Chi tiết thứ tự như ba kinh trên (kinh 139, 140, 141).

M

KINH 148. THẾ BÁT PHÁP

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Do có cái gì, do khởi cái gì, do hệ lụy cái gì, do đắm đuối cái gì, do thấy ngã nơi cái gì, mà khiến cho tám thế pháp[11] chuyển hiện ở thế gian?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Thế Tôn là gốc pháp, là con mắt pháp, là sở y của pháp (...)."

Chi tiết thứ tự như ba kinh trên (kinh 139, 140, 141).

M

KINH 149. NGÃ THẮNG[12]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Do có cái gì, do khởi cái gì, do hệ lụy cái gì, do đắm đuối cái

---

10. Phật Quang, kinh 149.
11. Tám thế pháp: đắc, thất, vinh, nhục, khen, chê, khổ, lạc.
12. Phật Quang, kinh 151. Pāli, S. 35. 108. Seyyo.

gì, do thấy ngã nơi cái gì, khiến cho chúng sanh thấy như vầy, nói như vầy: 'Ta hơn, ta bằng, ta kém?' "

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Thế Tôn là gốc pháp, là mắt pháp, là nơi nương tựa của pháp (...)."

Chi tiết thứ tự như ba kinh trên (kinh 139, 140, 141).

M

KINH 150. THA THẮNG[13]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Do có cái gì, do khởi cái gì, do hệ lụy cái gì, do đắm đuối cái gì, do thấy ngã nơi cái gì, khiến cho chúng sanh thấy như vầy, nói như vầy: 'Có người hơn ta, có người bằng ta, có người thua ta?' "

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Thế Tôn là gốc pháp, là con mắt pháp, là nơi sở y của pháp (...)."

Chi tiết thứ tự như ba kinh trên (kinh 139, 140, 141).

M

KINH 151. VÔ THẮNG[14]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Do có cái gì, do khởi cái gì, do hệ lụy cái gì, do đắm đuối cái gì, do thấy ngã nơi cái gì, khiến cho chúng sanh thấy như vầy, nói như vầy: 'Không có người hơn ta, không có người ngang ta, không có người thua ta?' "

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Thế Tôn là gốc pháp, là mắt pháp, là nơi nương tựa của pháp

---

13. Phật Quang, kinh 152.

14. Phật Quang, kinh 153.

(...)."

Chi tiết thứ tự như ba kinh trên (kinh 139, 140, 141).

M

KINH 152. HỮU NGÃ[15]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Do có cái gì, do khởi cái gì, do hệ lụy cái gì, do đắm đuối cái gì, do thấy ngã nơi cái gì, khiến cho chúng sanh thấy như vầy, nói như vầy: 'Có ta, có đời này, có đời khác, là pháp thường hằng không biến đổi, an trụ như vậy?'"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Thế Tôn là gốc pháp, là mắt pháp, là nơi nương tựa của pháp (...)."

Chi tiết thứ tự như ba kinh trên (kinh 139, 140, 141).

M

KINH 153. BẤT NHỊ[16]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Do có cái gì, do khởi cái gì, do hệ lụy cái gì, do đắm đuối cái gì, do thấy ngã nơi cái gì, khiến cho chúng sanh thấy như vầy, nói như vầy: 'Như vậy, ta và cái kia[17], tất cả không phải hai, không phải khác, bất diệt?'"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Thế Tôn là gốc pháp, là mắt pháp, là sở y của pháp (...)."

Chi tiết thứ tự như ba kinh trên (kinh 139, 140, 141).

---

15. Phật Quang, kinh 154. Pāli, S. 22. 151. Esottā; 24. 3. So attā.
16. Quốc Dịch, tụng 1, tương ưng 3, phẩm iii, Phật Quang, kinh 155.
17. Hán: bỉ ——F đây chỉ Đại Phạm thiên -j ——; theo triết học Veda-Upanishad, ta và Brahman là một.

M

KINH 154. VÔ QUẢ[18]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Do có cái gì, do khởi cái gì, do hệ lụy cái gì, do đắm đuối cái gì, do thấy ngã nơi cái gì, khiến cho chúng sanh thấy như vầy, nói như vầy: 'Không có bố thí[19], không hội tế[20], không có chú thuyết[21], không có nghiệp báo đường lành, đường ác, không có đời này, không có đời khác, không có cha mẹ, không có chúng sanh, không có thế gian, trong thế gian không có A-la-hán, không có bậc chánh hành, chánh hướng[22] để đời này hay đời sau, thấy pháp an trụ đầy đủ với tự tri, tự tác chứng rằng: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa[23]?' "

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Thế Tôn là gốc pháp, là mắt pháp, là sở y của pháp. (...)"

Chi tiết thứ tự như ba kinh trên (kinh 139, 140, 141).

M

---

18. Pāli, S. 24. 5. Natthi (phần đầu).

19. Tức không có kết quả phước báo của sự bố thí. Pāli: natthi dinnaṃ.

20. Hán: hội 會 chỉ đại hội tế lễ. Pāli: yiṭṭham.

21. Hán: thuyết 說. Pāli: hutaṃ, vật cúng thần, con vật hy sinh; cũng chỉ lễ hiến tế hy sinh.

22. Nguyên Hán: chánh đáo chánh thú 正到正趣: chỉ các Thánh giả hữu học. Pāli: na'tthi loke samaṇa-brāmanā sammggatā sammā-paṭipannā ye imañ ca lokaṃ parañ ca lokaṃ sayaṃ abhiññā sacchikatvā pavedenti, trong đời này không có Sa-môn hay Bà-la-môn nào là những vị chánh hành, chánh hướng mà tự thân chứng nghiệm thế giới này hay thế giới khác.

23. Chủ trương tà kiến, không tin nhân quả. Một phần trong thuyết hư vô của Ajito Kesakambalī, một trong Lục sư ngoại đạo. Phần sau, nói ở kinh 158. Xem D. 2. Sāmañña-phala-sutta.

KINH 155. VÔ LỰC[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Do có cái gì, do khởi cái gì, do hệ lụy cái gì, do đắm đuối cái gì, do thấy ngã nơi cái gì, khiến cho chúng sanh thấy như vầy, nói như vầy: 'Không có lực, không có tinh tấn, không có lực tinh tấn, không có phương tiện của con người, không tinh cần của con người, không có phương tiện tinh cần của con người, không có tự mình làm, không có người khác làm, không có tự mình và người khác làm; hết thảy con người, hết thảy chúng sanh, hết thảy thần, đều vô phương tiện, bất lực, vô thế, vô tinh tấn, không khả năng, định phận, tương tục, chuyển biến, chịu khổ vui trong sáu đường[2]?' "

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Thế Tôn là gốc pháp, là mắt pháp, là sở y của pháp. (...)"

Chi tiết như kinh trên. Theo thứ tự như ba kinh trên (kinh 139, 140, 141).

M

KINH 156. TỬ HẬU ĐOẠN HOẠI[3]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Do có cái gì, do khởi cái gì, do hệ lụy cái gì, do đắm đuối cái gì, do thấy ngã nơi cái gì, khiến cho chúng sanh thấy như vầy, nói

---

1. Pāli, S. 24. 7. Hetu (nhân).
2. Một phần trong chủ trương của Makkhali-Gosālo, một trong Lục sư ngoại đạo; xem Sāmañña-phala-sutta, D.i.53 (...) sabbe sattā (...) avasā abalā avīriyā niyati-saṅgati-bhāva-pariṇatā chass'evābhijātisu sukha-dukkha paṭisaṃvedenti, tất cả chúng sanh ... không tự chủ, bất lực, không nghị lực, bị chi phối bởi định mệnh, chuyển biến theo bản tánh, để mà thọ khổ hay lạc trong sáu chủng loại.
3. Pāli, S. 24. 5. Natthi (phần sau).

như vầy[4]: 'Những chúng sanh sống trong đời này, sau khi chết đoạn hoại không còn gì. Con người do bốn đại hòa hợp, sau khi thân hoại mạng chung, thì đất trở về đất, nước trở về nước, lửa trở về lửa, gió trở về gió, thành người thứ năm nằm trên cáng, còn bốn người kia khiêng thây người chết đưa đến bãi tha ma, cho đến khi chưa thiêu đốt thì có thể nhận biết, nhưng khi đã thiêu đốt rồi thì xương cốt trắng tinh như màu chim bồ câu. Người kiêu mạn biết bố thí, người có một chút trí tuệ biết nhận lãnh: ai nói có sự việc ấy thì tất cả những gì họ nói ra đó chỉ là những lời nói dối không thật[5]; hoặc dù ngu hay trí mà sau khi chết qua đời khác, thì tất cả đều đoạn hoại không còn gì?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Thế Tôn là gốc pháp, là mắt pháp, là sở y của pháp. (...)"

Chi tiết như kinh trên. Theo thứ tự như ba kinh trên (kinh 139, 140, 141).

M

KINH 157. VÔ NHÂN VÔ DUYÊN (1)[6]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Do có cái gì, do khởi cái gì, do hệ lụy cái gì, do đắm đuối cái gì, do thấy ngã nơi cái gì, khiến cho chúng sanh thấy như vầy, nói như vầy: 'Chúng sanh phiền não, không nhân, không duyên[7]'?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

---

4. Phần sau trong chủ trương đoạn diệt của Ajita Kesa-kambali; phần đầu nói trong kinh trên. D.i.55.

5. Tham chiếu Pāli: (…) bhassantāhutiyo; dattu-paññattaṃ yad idaṃ dānaṃ, tesaṃ tucchaṃ musā vilāpo ye keci atthika-vādaṃ vadanti, vật cúng thành tro, bố thí là chuyện bày đặt của người ngu; nói sau khi chết còn tồn tại là dối trá.

6. Pāli, S. 24. 7. Hetu.

7. Chủ trương của Makkhali-Gosāla, xem Sāmañña-phala-sutta (D.i.53): na'tthi hetu n'atthi paccayo sattānaṃ saṃkilesāya, không có nhân, không có duyên cho sự nhiễm ô của chúng sanh.

"Thế Tôn là gốc pháp, là mắt pháp, là sở y của pháp. (...)"

Chi tiết như kinh trên. Theo thứ tự như ba kinh trên (kinh 139, 140, 141).

M

KINH 158. VÔ NHÂN VÔ DUYÊN (2)[8]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Do có cái gì, do khởi cái gì, do hệ lụy cái gì, do đắm đuối cái gì, do thấy ngã nơi cái gì, khiến cho chúng sanh thấy như vầy, nói như vầy: 'Chúng sanh thanh tịnh, không nhân, không duyên[9]'?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Thế Tôn là gốc pháp, là mắt pháp, là sở y của pháp. (...)"

Chi tiết như kinh trên. Theo thứ tự như ba kinh trên (kinh 139, 140, 141).

M

KINH 159. VÔ NHÂN VÔ DUYÊN (3)[10]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Do có cái gì, do khởi cái gì, do hệ lụy cái gì, do đắm đuối cái gì, do thấy ngã nơi cái gì, khiến cho chúng sanh thấy như vầy, nói như vầy: 'Chúng sanh không tri không kiến, không nhân, không duyên'?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Thế Tôn là gốc pháp, là mắt pháp, là sở y của pháp.(...)"

---

8. Pāli, S. 24. 5. Hetu.
9. Chủ trương của Makkhali-Gosāla, xem Sāmañña-phala-sutta (D.i.53): na'tthi hetu n'atthi paccayo sattānaṃ visuddhiyā, không có nhân, không có duyên cho sự thanh tịnh của chúng sanh.
10. Pāli, S. 24. 7. Hetu.

Chi tiết như kinh trên. Theo thứ tự như ba kinh trên (kinh 139, 140, 141).

M

KINH 160. VÔ NHÂN VÔ DUYÊN (4)[11]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Do có cái gì, do khởi cái gì, do hệ lụy cái gì, do đắm đuối cái gì, do thấy ngã nơi cái gì, khiến cho chúng sanh thấy như vầy, nói như vầy?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Thế Tôn là gốc pháp, là mắt pháp, là sở y của pháp.(...)"

Chi tiết như kinh trên. Theo thứ tự như ba kinh trên (kinh 139, 140, 141).

M

KINH 161. THẤT THÂN[12]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Do có cái gì, do khởi cái gì, do hệ lụy cái gì, do đắm đuối cái gì, do thấy ngã nơi cái gì, khiến cho chúng sanh thấy như vầy, nói như vầy: 'Có bảy thân, chẳng phải tạo tác, chẳng phải là được tạo tác; chẳng phải biến hóa, chẳng phải là được biến hóa, là chắc thật, không dao động, không giết. Những gì là bảy? Đó là: thân đất, thân nước, thân lửa, thân gió, khổ, lạc, mạng. Bảy loại thân này chẳng phải tạo tác, chẳng phải là được tạo tác; chẳng phải biến hóa, chẳng phải là được biến hóa, là chắc thật, không dao động, không giết, không chuyển, không biến, không bức bách nhau; hoặc phước, hoặc ác, hoặc phước ác; hoặc khổ, hoặc vui, hoặc khổ vui; hoặc người bị bêu đầu,

---

11. Phật Quang, kinh 162.

12. Pāli, S. 24. 8. Mahādiṭṭhi; tham chiếu Sāmañña-phala-sutta, D.i.56.

hoặc người chém đầu, cũng không bức bách thế gian; hoặc mạng, hoặc thân, trong khoảng bảy thân, chịu đựng đao đâm qua lại cũng không hại mạng; ở đây không giết, không người giết; không trói buộc, không người trói buộc; không nhớ nghĩ, không người nhớ nghĩ; không dạy dỗ, không người dạy dỗ[13]?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Thế Tôn là gốc pháp, là mắt pháp, là sở y của pháp. (...)"

Chi tiết như kinh trên. Theo thứ tự như ba kinh trên (kinh 139, 140, 141).

M

KINH 162. TÁC GIÁO[14]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Do có cái gì, do khởi cái gì, do hệ lụy cái gì, do đắm đuối cái gì, do thấy ngã nơi cái gì, khiến cho chúng sanh thấy như vầy, nói như vầy: 'Làm, bảo làm, đoạn mạng, bảo đoạn mạng, nấu, bảo nấu; giết, bảo giết, sát hại chúng sanh; trộm của người; hành tà dâm; biết mà nói dối; uống rượu; khoét tường, bẻ khóa, cướp đoạt; đón đường, phá làng xóm, hại thành ấp, dùng kiếm cực bén chém, chặt, cắt chất thành đống thịt lớn; học tập như vậy, làm như vậy, chẳng phải là nhân duyên ác, cũng chẳng phải chiêu mời quả báo ác. Đi về phía Nam sông Hằng, sát hại. Đi đến phía Bắc sông Hằng mở đại hội cúng tế; làm như vậy, chẳng phải là nhân duyên phước hay là ác và cũng chẳng phải là chiêu mời quả báo phước hay là ác; bố thí, tự chế ngự, hộ trì, hành lợi, đồng lợi, những việc làm ở đây cũng chẳng phải là làm phước[15]'?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Thế Tôn là gốc pháp, là mắt pháp, là sở y của pháp.(...)"

---

13. Chủ trương của Pakudha Kaccāyana.
14. Pāli, 24. 6. Karoto.
15. Chủ trương của Pūraṇa Kassapa, xem Sāmañña-phala-sutta, D.i.52.

Chi tiết như kinh trên. Theo thứ tự như ba kinh trên (kinh 139, 140, 141).

M

KINH 163. SANH TỬ ĐỊNH LƯỢNG[16]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Do có cái gì, do khởi cái gì, do hệ lụy cái gì, do đắm đuối cái gì, do thấy ngã nơi cái gì, khiến cho chúng sanh thấy như vầy, nói như vầy: 'Ở đây có mười bốn trăm ngàn cửa sanh[17], sáu mươi ngàn, sáu trăm[18]; có năm nghiệp[19], ba nghiệp, hai nghiệp, một nghiệp, nửa nghiệp; sáu mươi hai đạo tích[20], sáu mươi hai nội kiếp[21], một trăm hai mươi Nê-lê[22], một trăm ba mươi căn[23], ba mươi sáu tham giới[24], bốn mươi chín ngàn loại rồng, bốn mươi chín ngàn loại kim sí điểu, bốn mươi chín ngàn loại ngoại đạo tà mạng[25], bốn mươi chín ngàn loại ngoại đạo xuất gia, bảy kiếp tưởng, bảy kiếp vô tưởng[26], bảy A-tu-la,

---

16. Quốc Dịch, phẩm iv, quyển 7. Pāli, S. 24. 8. Mahādiṭṭhi.

17. 14 x 100 x 1.000 = 1.400.000 sanh môn, cửa thọ sanh hay sanh loại. Pāli: yoni-pamukkha, cửa thọ sanh hàng đầu, hàng ưu sinh.

18. Câu này, trong bản Hán, vì được dịch sát theo tiếng Phạm, nên cần chấm câu lại để dịch cho đúng. So sánh Pāli: imāni yoni-pamukkha-satasahassāni saṭṭhiñ ca satāni cha ca satāni: có một triệu bốn trăm (1.400.000) sanh môn tối thượng và sáu ngàn và sáu trăm (sanh môn khác nữa).

19. Bản Pāli: pañca ca kammuno satāni pañca ca kammāni, có năm trăm loại nghiệp và có năm nghiệp…

20. Pāli: dvaṭṭhi paṭipadā, có sáu mươi hai đường lối hành đạo.

21. Pāli: antara-kappa: kiếp trung gian, trung kiếp.

22. Nê-lê ▪d▬▬A tức địa ngục. Pāli: tiṃse niriya-sate, ba ngàn địa ngục.

23. Pāli: vīse indriya-sate, hai ngàn căn.

24. Chattiṃsa rajo-dhātuyo, ba mươi sáu trần giới (cõi vi trần); bản Hán đọc là rāga-dhātuyo: tham giới ▪g▬.

25. Pāli: ekūna-paññāsa paribbājaka-sate, bốn ngàn chín trăm du sĩ (xuất gia) ngoại đạo.

26. Pāli: satta saññī-gabbhā satta asaññī-gabbhā, bảy tưởng thai và bảy vô tưởng

bảy Tỳ-xá-giá, bảy trời, bảy người, bảy trăm biển[27], bảy mộng, bảy trăm mộng, bảy vực thẳm, bảy trăm vực thẳm, bảy giác, bảy trăm giác, sáu sanh[28], mười tăng tiến, tám đại sĩ địa. Ở trong tám vạn bốn ngàn đại kiếp này, hoặc ngu si, hoặc trí tuệ, qua lại từng trải, rồi mới cùng tận mé khổ[29]. Ở đó không có Sa-môn, Bà-la-môn có thể nói như vầy: 'Tôi luôn luôn giữ giới, nhận các khổ hạnh, tu các phạm hạnh; để nghiệp chưa chín mùi khiến được chín mùi, nghiệp đã chín mùi rồi thì buông bỏ.' Tiến thoái, không thể biết. Ở đây, khổ và lạc là thường trụ, sống và chết có giới hạn nhất định. Giống như ống chỉ, ném vào giữa hư không từ từ rơi xuống dần, cho tới đất rồi dừng lại; việc sống chết có giới hạn nhất định, trong tám vạn bốn ngàn đại kiếp cũng như vậy[30].'"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Thế Tôn là gốc pháp, là mắt pháp, là sở y của pháp. (...)"

Chi tiết như kinh trên. Theo thứ tự như ba kinh trên (kinh 139, 140, 141).

M

KINH 164. PHONG[31]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Do có cái gì, do khởi cái gì, do hệ lụy cái gì, do đắm đuối cái gì, do thấy ngã nơi cái gì, khiến cho chúng sanh thấy như vầy, nói như vầy: 'Gió không thổi, lửa không cháy, nước không chảy, tên không

---

thai. Trong bản Hán, đọc là (a)saññī-kappā (kiếp có tưởng).

27. Pāli: satta sarā, bảy hồ nước lớn.

28. Pāli: chābhijātiyo, sáu sanh loại ưu thắng, chỉ sáu giai cấp.

29. Pāli: sandhāvitvā saṃsaritvā dukkhass' antaṃ karissanti, lưu chuyển luân hồi (qua tất cả thời gian và chủng loại kể trên, cuối cùng mới) sẽ cứu cánh khổ biên, hoàn toàn chấm dứt khổ.

30. Trên đây là một phần trong thuyết "Luân hồi tịnh hóa" (Pāli: saṃsāra-suddhiṃ) của Makkhali-Gosalā. Tham chiếu Sāmañña-phala-sutta, D.i.53-54.

31. Pāli, S. 22. 24. 1, 19, 45. Vātā.

bắn, mang thai không sanh, sữa không vắt, mặt trời mặt trăng mọc mà như lặn[32], hoặc sáng hoặc tối, không thể biết'?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Thế Tôn là gốc pháp, là mắt pháp, là sở y của pháp. (...)"

Chi tiết như kinh trên. Theo thứ tự như ba kinh trên (kinh 139, 140, 141).

M

KINH 165. ĐẠI PHẠM[33]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Do có cái gì, do khởi cái gì, do hệ lụy cái gì, do đắm đuối cái gì, do thấy ngã nơi cái gì, khiến cho chúng sanh thấy như vầy, nói như vầy: 'Đại Phạm này là đấng tự tại, đấng sáng tạo, là cha của chúng sanh?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Thế Tôn là gốc pháp, là mắt pháp, là sở y của pháp. (...)"

Chi tiết như kinh trên. Theo thứ tự như ba kinh trên (kinh 139, 140, 141).

M

KINH 166. SẮC THỊ NGÃ (1)[34]

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Do có cái gì, do khởi cái gì, do hệ lụy cái gì, do đắm đuối cái gì, do thấy ngã nơi cái gì, khiến cho chúng sanh thấy như vầy, nói như vầy: 'Sắc là ngã[35], ngoài ra chỉ là hư danh; không sắc là ngã, ngoài ra

---

32. Pāli: na candimasūriyā udenti vā apenti vā esikaṭṭhayiṭṭhitā ti, mặt trăng và mặt trời không mọc hay lặn, mà đứng một chỗ như trụ đá.

33. Phật Quang, kinh 167.

34. Pāli, S. 24.. 37-44. Rūpī attā, v.v...

35. Pāli: rūpī attā hoti arogo paraṃ maraṇā ti, tự ngã có sắc, sau khi chết không

chỉ là hư danh; sắc phi sắc là ngã, ngoài ra chỉ là hư danh; phi sắc phi phi sắc là ngã, ngoài ra chỉ là hư danh; ngã là hữu biên, ngoài ra chỉ là hư danh; ngã là vô biên, ngoài ra chỉ là hư danh; ngã là hữu biên và vô biên, ngoài ra chỉ là hư danh; ngã chẳng phải là hữu biên và chẳng phải là vô biên, ngoài ra chỉ là hư danh; một tưởng, đa dạng thứ tưởng, nhiều tưởng, vô lượng tưởng; ngã chỉ một mực là lạc, chỉ một mực là khổ, hoặc vừa khổ vừa lạc, không khổ không lạc ngoài ra chỉ là hư danh'?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Thế Tôn là gốc pháp, là mắt pháp, là sở y của pháp. (...)"

Chi tiết như kinh trên. Theo thứ tự như ba kinh trên (kinh 139, 140, 141).

M

KINH 167. SẮC THỊ NGÃ (2)[36]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Do có cái gì, do khởi cái gì, do hệ lụy cái gì, do đắm đuối cái gì, do thấy ngã nơi cái gì, khiến cho chúng sanh thấy như vầy, nói như vầy: 'Sắc là ngã[37], ngoài ra chỉ là vọng tưởng; phi sắc phi phi sắc là ngã, ngoài ra chỉ là vọng tưởng; ngã là hữu biên, ngoài ra chỉ là vọng tưởng; ngã là vô biên, ngoài ra chỉ là vọng tưởng; ngã chẳng phải là hữu biên và chẳng phải là vô biên, ngoài ra chỉ là vọng tưởng; một tưởng, đa dạng thứ tưởng, nhiều tưởng, vô lượng tưởng; ngã chỉ một mực là lạc, chỉ một mực là khổ, hoặc vừa khổ vừa lạc, không khổ-không lạc ngoài ra chỉ là hư danh'?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Thế Tôn là gốc pháp, là mắt pháp, là sở y của pháp. (...)"

Chi tiết như kinh trên. Theo thứ tự như ba kinh trên (kinh 139,

---

bệnh.

36. Phật Quang, kinh 169.

37. Xem cht.58, kinh 166.

140, 141).

M

KINH 168. THẾ GIAN THƯỜNG[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Do có cái gì, do khởi cái gì, do hệ lụy cái gì, do đắm đuối cái gì, do thấy ngã nơi cái gì, khiến cho chúng sanh thấy như vầy, nói như vầy: 'Thế gian là thường; thế gian là vô thường; thế gian là thường – vô thường; thế gian là chẳng phải thường, chẳng phải vô thường[2]. Thế gian là hữu biên, thế gian là vô biên; thế gian là hữu biên – vô biên; thế gian là chẳng phải hữu biên, chẳng phải vô biên[3]. Mạng tức là thân, mạng khác thân khác[4]. Sau khi Như Lai mất là có, sau khi Như Lai mất là không; sau khi Như Lai mất là vừa có vừa không; sau khi Như Lai mất là vừa chẳng phải có vừa chẳng phải chăng[5]'?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Thế Tôn là gốc pháp, là mắt pháp, là sở y của pháp. (...)"

Chi tiết như kinh trên. Theo thứ tự như ba kinh trên (kinh 139, 140, 141).

M

KINH 169. THẾ GIAN NGÃ THƯỜNG[6]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Do có cái gì, do khởi cái gì, do hệ lụy cái gì, do đắm đuối cái gì, do thấy ngã nơi cái gì, khiến cho chúng sanh thấy như vầy, nói như vầy: 'Thế gian, ngã là thường; thế gian, ngã là vô thường; thế

---

1. Pāli, S. 24. 9-18. Sassato loko v.v…
2. Đoạn này tương đương Pāli, S. 24. 9-10. Sassato loko v.v…
3. Đoạn này tương đương Pāli, S. 24. 11-12. Antavā v.v…
4. Pāli, S. 23. 13-14: taṃ jīvaṃ taṃ sarīraṃ.
5. Pāli, S. 24. 15-18: hoti tathāgato v.v…
6. Phật Quang, kinh 171.

gian, ngã là thường – vô thường; thế gian, ngã là chẳng phải thường chẳng phải vô thường; ngã khổ là thường; ngã khổ là vô thường; ngã khổ là thường – vô thường; ngã khổ là chẳng phải thường chẳng phải vô thường; thế gian, ngã là tự tạo; thế gian, ngã là cái khác tạo; thế gian, ngã là tự tạo và cái khác tạo; thế gian, ngã chẳng phải là tự tạo, chẳng phải là cái khác tạo, chẳng phải tự cũng chẳng phải cái khác, không nhân tạo tác; thế gian, ngã khổ là tự tạo; thế gian, ngã khổ là cái khác tạo; thế gian, ngã khổ vừa tự vừa cái khác tạo; thế gian, ngã khổ chẳng phải tự cũng chẳng phải cái khác, không nhân tạo tác'?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Thế Tôn là gốc pháp, là mắt pháp, là sở y của pháp. (...)"

Chi tiết như kinh trên. Theo thứ tự như ba kinh trên (kinh 139, 140, 141).

M

KINH 170. NGỘ LẠC NIẾT-BÀN[7]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Do có cái gì, do khởi cái gì, do hệ lụy cái gì, do đắm đuối cái gì, do thấy ngã nơi cái gì, khiến cho chúng sanh thấy như vầy, nói như vầy: 'Nếu không khoái lạc ngũ dục, thì sẽ Bát-niết-bàn ngay trong đời hiện tại. Nếu ly dục, lìa pháp ác bất thiện, có giác, có quán, có lạc phát sanh do ly dục, nhập vào Sơ thiền, cho đến, đệ Tứ thiền. Đó là đệ nhất nghĩa Bát-niết-bàn'?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Thế Tôn là gốc pháp, là mắt pháp, là sở y của pháp. (...)"

Chi tiết như kinh trên. Theo thứ tự như ba kinh trên (kinh 139, 140, 141).

M

---

7. Phật Quang, kinh 172.

KINH 171. NGÃ CHÁNH ĐOẠN[8]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Do có cái gì, do khởi cái gì, do hệ lụy cái gì, do đắm đuối cái gì, do thấy ngã nơi cái gì, khiến cho chúng sanh thấy như vầy, nói như vầy: 'Nếu sắc bốn đại thô đoạn hoại, không còn gì, thì đó gọi là ngã bị đoạn diệt thật sự. Nếu ngã ở dục giới đoạn hoại, sau khi chết sẽ không còn gì nữa, thì đó gọi là ngã bị đoạn diệt thật sự. Nếu ngã ở sắc giới, sau khi chết không còn gì nữa, thì đó gọi là ngã bị đoạn diệt thật sự. Nếu đạt được không nhập xứ, vô sở hữu nhập xứ, phi tưởng phi phi tưởng nhập xứ, sau khi chết ngã bị đoạn hoại không còn gì nữa, thì đó gọi là ngã bị đoạn hoại thật sự.'"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Thế Tôn là gốc pháp, là mắt pháp, là sở y của pháp. (...)"

Chi tiết như kinh trên. Theo thứ tự như ba kinh trên (kinh 139, 140, 141).

M

KINH 172. ĐƯƠNG ĐOẠN[9]

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Nếu pháp là vô thường, thì nên đoạn trừ; khi đã đoạn trừ được pháp này rồi, thì sẽ được nhiều lợi ích và luôn luôn được an lạc. Pháp nào là vô thường? Sắc là vô thường; thọ, tưởng, hành, thức là vô thường."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

---

8. Phật Quang, kinh 173.
9. Quốc Dịch, phẩm v. Ấn Thuận, "36 Tương ưng Tri" (Đại Chánh kinh 172-187). Phật Quang, kinh 174.

KINH 173. QUÁ KHỨ ĐƯƠNG ĐOẠN[10]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Nếu pháp quá khứ là vô thường, thì nên đoạn trừ; khi đã đoạn trừ pháp này rồi, thì sẽ được nhiều lợi ích và luôn luôn được an lạc. Pháp quá khứ nào là vô thường? Sắc quá khứ là pháp vô thường, dục quá khứ là pháp vô thường, nên pháp này phải đoạn trừ; khi đã đoạn trừ pháp này rồi, thì sẽ được nhiều lợi ích và luôn luôn được an lạc; đối với thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Cũng vậy, các kinh: Vị lai, Hiện tại, Quá khứ; Hiện tại-vị lai; Hiện tại-quá khứ; Vị lai-quá khứ; Vị lai-hiện tại; chi tiết như kinh trên.

M

KINH 174. CẦU ĐẠI SƯ (2)[11]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Vì muốn đoạn trừ pháp vô thường, nên phải cầu Đại sư. Sao gọi là pháp vô thường? Sắc là pháp vô thường, vì muốn đoạn trừ pháp này nên phải cầu Đại sư; đối với thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Cũng vậy, tám kinh sau đây:

- Quá khứ,
- Vị lai,

---

10. Phật Quang, kinh 175.
11. Phật Quang, kinh 176.

- Hiện tại
- Hiện tại-vị lai;
- Hiện tại-quá khứ;
- Vị lai-quá khứ;
- Vị lai-hiện tại;
- Nên cầu Đại sư như thế.

Các kinh sau đây[12]*, mỗi kinh thêm các chi tiết như tám kinh trên:*

- Chủng chủng giáo tùy thuận,
- An,
- Quảng an,
- Châu phổ an,
- Đạo *(dẫn đường),*
- Quảng đạo *(dẫn đường rộng rãi),*
- Cứu cánh đạo *(dẫn đường rốt ráo),*
- Thuyết,
- Quảng thuyết,
- Tùy thuận thuyết,
- Đệ nhị bạn,
- Chân tri thức,
- Đồng ý,
- Mẫn,
- Bi,
- Sùng nghĩa,
- Sùng an uỷ,
- Lạc,
- Sùng xúc,
- Sùng an ổn,
- Dục,
- Tinh tấn,
- Phương tiện,
- Quảng phương tiện,

12. Ấn Thuận liệt kê một trăm mười tám kinh.

- Kham năng phương tiện,
- Kiên cố,
- Cường,
- Kiện,
- Dũng mãnh,
- Thân tâm dũng mãnh,
- Nan phục nhiếp thọ,
- Thường học,
- Bất phóng dật,
- Tu,
- Tư duy,
- Niệm,
- Giác,
- Tri,
- Minh,
- Tuệ,
- Biện,
- Tư lương,
- Phạm hạnh
- Như ý,
- Chánh cần,
- Căn,
- Lực,
- Giác,
- Đạo,
- Chỉ,
- Quán,
- Niệm thân,
- Chánh ức niệm.

Như kinh "Đoạn nghĩa" các kinh sau đây cũng có nội dung như vậy:

- Tri nghĩa,
- Tận nghĩa,

- Thổ nghĩa,
- Chỉ nghĩa,
- Xả nghĩa.[13]

M

KINH 175. CỨU ĐẦU NHIÊN THÍ[14]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Như có người bị lửa đốt đầu và áo, phải làm sao để cứu?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, phải gấp rút, nhanh chóng, nỗ lực tìm cách để dập tắt nó."

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Đầu và áo bị đốt cháy còn có thể tạm quên đi được, còn lửa vô thường mà hừng hực thì cần phải đoạn trừ tận diệt. Vì muốn đoạn trừ lửa vô thường, thì nên cần cầu bậc Đại sư. Vì muốn đoạn trừ những pháp vô thường nào nên cần cầu bậc Đại sư? Vì muốn đoạn trừ sắc vô thường, nên cần cầu bậc Đại sư; vì muốn đoạn trừ thọ, tưởng, hành, thức vô thường, nên cần cầu bậc Đại sư."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Như kinh "Đoạn trừ vô thường," cũng vậy, các kinh sau đây[15] *tương tự:*

- Quá khứ vô thường,
- Vị lai vô thường,
- Hiện tại vô thường;
- Quá khứ, vị lai vô thường;
- Quá khứ hiện tại vô thường;

---

13. Từ "Đoạn" đến "Xả" có tất cả sáu kinh.
14. Thí dụ chữa lửa đang cháy trên đầu. Quốc Dịch, phẩm vi.
15. Tất cả tám kinh.

- Vị lai, hiện tại vô thường;
- Quá khứ, vị lai, hiện tại vô thường như vậy.

Như tám kinh Thí dụ cứu lửa trên đầu đã nói chi tiết như trên.

Cũng như "Cầu bậc Đại sư", các kinh "Chủng chủng giáo," "Tùy thuận giáo," chi tiết như trên đã nói[16].

Cũng ý nghĩa như "đoạn", các kinh có nghĩa "tận, thổ, chỉ, xả, diệt, một" cũng chi tiết như vậy.

M

KINH 176. THÂN QUÁN TRỤ (1)[17]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Vì để đoạn trừ vô thường, hãy tùy thuận tu tập an trụ quán thân trên nội thân[18]. Những gì là pháp vô thường? Sắc là vô thường. Vì để đoạn trừ vô thường, hãy tùy thuận tu tập an trụ quán thân trên nội thân. Cũng vậy, thọ tưởng, hành, thức là vô thường. Vì muốn đoạn trừ chúng nên hãy tùy thuận tu tập an trụ quán thân trên nội thân."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Cũng như kinh "Vô thường," cũng vậy, với nội dung tương tự:

- Sắc quá khứ là vô thường;
- Sắc vị lai;
- Sắc hiện tại;
- Sắc quá khứ, vị lai;
- Sắc quá khứ, hiện tại;
- Sắc vị lai, hiện tại;
- Sắc quá khứ, vị lai, hiện tại là vô thường. Vì muốn đoạn trừ

---

16. Ấn Thuận liệt kê bốn trăm bảy mươi hai kinh (từ 2937-3408).
17. An trụ nơi thân quán. Phật Quang, kinh 178.
18. Tức tu tập bốn Niệm xứ.

chúng, nên tùy thuận tu quán trụ nội thân trên thân. Đối với thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy.

Cũng như "Tùy thuận tu tập với sự quán trụ thân trên nội thân," có các kinh[19] *với nội dung tương tự:*

- Quán thân trên ngoại thân,
- Quán thân trên nội ngoại thân;
- Quán thọ trên nội thọ,
- Quán thọ trên ngoại thọ,
- Quán thọ trên nội ngoại thọ;
- Quán tâm trên nội tâm,
- Quán tâm trên ngoại tâm,
- Quán tâm trên nội ngoại tâm;
- Quán pháp trên nội pháp,
- Quán pháp trên ngoại pháp,
- Quán pháp trên nội ngoại pháp.

Cũng như kinh với nghĩa "Đoạn trừ vô thường, hãy tu bốn Niệm xứ." Cũng vậy các kinh: tri nghĩa, tận nghĩa, thổ nghĩa, chỉ nghĩa, xả nghĩa, diệt nghĩa, một nghĩa nên tùy thuận tu Tứ niệm xứ cũng dạy như trên.

M

19. Ấn Thuận phân tích thành một trăm mười tám kinh.

KINH 177. THÂN QUÁN TRỤ (2)[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Như có người bị lửa đốt đầu và áo, phải làm sao để cứu?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, phải gấp rút, nhanh chóng, nỗ lực tìm cách để dập tắt nó."

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Đầu và áo bị đốt cháy còn có thể tạm quên đi được, còn lửa vô thường mà hừng hực thì cần phải đoạn trừ tận diệt. Vì để đoạn trừ lửa vô thường, nên tùy thuận tu tập an trụ quán thân trên nội thân. Thế nào là để đoạn trừ lửa vô thường mà tùy thuận tu tập an trụ quán thân trên nội thân? Sắc là vô thường, vì muốn đoạn trừ nó, nên phải tùy thuận tu quán trụ thân trên nội thân. Đối với thọ, tưởng, hành, thức là vô thường, vì muốn đoạn trừ chúng, nên tùy thuận tu quán trụ thân trên nội thân."

Chi tiết như trên (kinh 175)... cho đến:

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Như vô thường, như quá khứ là vô thường, vị lai là vô thường, hiện tại là vô thường; quá khứ, vị lai là vô thường; quá khứ, hiện tại là vô thường; vị lai, hiện tại là vô thường; quá khứ, vị lai, hiện tại là vô thường như vậy. Như tám kinh quán trụ thân trên nội thân, thì tám kinh quán thân trên ngoại thân, tám kinh quán thân trên nội ngoại thân như đã thuyết ở trên.

Như hai mươi bốn kinh nói về thân niệm xứ, hai mươi bốn kinh nói về thọ niệm xứ, tâm niệm xứ, pháp niệm xứ cũng thuyết như trên vậy. Như chín mươi hai kinh nói về đoạn trừ vô thường, thì chín mươi kinh nói về nên hiểu biết (tri), nên nhàm chán (thổ), nên dứt trừ (tận), nên dừng nghỉ (chỉ), nên buông xả (xả), nên diệt tận (diệt),

---

1. An trụ với sự quán thân.

nên bặt dứt (một) cũng thuyết như trên vậy.

M

KINH 178. ĐOẠN ÁC BẤT THIỆN PHÁP[2]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Như có người bị lửa đốt đầu và áo, phải làm sao để cứu?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, phải gấp rút, nhanh chóng, nỗ lực tìm cách để dập tắt nó."

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Đầu và áo bị đốt cháy còn có thể tạm quên đi được, còn lửa vô thường mà hừng hực thì cần phải đoạn trừ tận diệt. Vì để đoạn trừ lửa vô thường, nên pháp ác bất thiện đã sanh thì hãy đoạn trừ, khởi ý dục, tinh cần, nhiếp tâm khiến cho tăng trưởng. Vì để đoạn trừ những pháp vô thường nào, đối với pháp ác bất thiện đã sanh thì hãy đoạn trừ, khởi ý dục, tinh cần, nhiếp tâm khiến cho tăng trưởng? Vì để đoạn trừ sắc vô thường, đoạn trừ thọ, tưởng, hành, thức vô thường nên đối với pháp ác bất thiện đã sanh thì hãy đoạn trừ, khởi ý dục, tinh cần, nhiếp tâm khiến cho tăng trưởng."

Chi tiết như kinh trên (kinh 175)... cho đến:

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

Như kinh vô thường, quá khứ là vô thường; vị lai là vô thường; hiện tại là vô thường; quá khứ, vị lai là vô thường; quá khứ, hiện tại là vô thường; vị lại, hiện tại là vô thường; quá khứ, vị lai, hiện tại là vô thường tám kinh cũng nói như trên vậy.

Như pháp ác bất thiện đã sanh ra cần được đoạn trừ. Pháp ác bất thiện chưa sanh sẽ khiến không sanh. Pháp thiện chưa sanh sẽ khiến

---

2. Quốc Dịch, phẩm vii.

sanh ra và nếu đã sanh rồi, thì sẽ khiến tăng trưởng rộng, khởi lên ý muốn tìm cách nhiếp tâm làm tăng trưởng, trong tám kinh cũng nói như trên vậy.

Như ba mươi hai kinh nói về đoạn trừ vô thường, ba mươi hai kinh nói về nên hiểu biết, nên nhàm chán, nên dứt trừ, nên dừng nghỉ, nên buông xả, nên diệt tận, nên dứt bặt cũng nói đầy đủ như trên vậy.

M

KINH 179. DỤC ĐỊNH[3]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Như có người bị lửa đốt đầu và áo, phải làm sao để cứu?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, phải gấp rút, nhanh chóng, nỗ lực tìm cách để dập tắt nó."

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Đầu và áo bị đốt cháy còn có thể tạm quên đi được, còn lửa vô thường mà hừng hực thì cần phải đoạn trừ tận diệt. Vì để đoạn trừ lửa vô thường, nên tu dục định đoạn hành thành tựu như ý túc[4]. Vậy nên đoạn trừ những pháp vô thường nào? Để đoạn trừ sắc vô thường; đoạn trừ thọ, tưởng, hành, thức vô thường; cho nên tu dục định đoạn hành thành tựu như ý túc."

Chi tiết như kinh đã nói (kinh 175)... cho đến:

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

Như vô thường, quá khứ là vô thường, vị lai là vô thường, hiện tại là vô thường; quá khứ, vị lai là vô thường; quá khứ, hiện tại là vô thường; vị lai, hiện tại là vô thường; quá khứ, vị lai, hiện tại là vô thường tám kinh cũng nói như trên vậy.

Như kinh tu dục định, thì ba mươi hai kinh nói về tinh tấn định, ý định, tư duy định cũng như vậy. Như ba mươi hai kinh nói về nên đoạn trừ, ba mươi hai kinh nói về nên hiểu biết, nên nhàm chán, nên dứt trừ,

---

3. Phật Quang, kinh 181.

4. Bốn Như ý túc hay bốn Thần túc: dục định đoạn hành thành tựu như ý túc, hoặc nói: dục tam-ma-địa thắng hành thần túc, "Như ý túc được thành tựu do không ngưng chuyên cần với (bốn) Chánh đoạn để tập trung (định) trên một ước muốn (đối với một phép thần thông nào đó)." Tiếp theo, tâm tam-muội, tinh tấn tam-muội và tư duy tam-muội, với công thức như dục tam-muội.

nên dừng nghỉ, nên buông xả, nên diệt tận, nên dứt bặt cũng dạy như trên vậy.[5]

M

KINH 182. TÍN CĂN

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Như có người bị lửa đốt đầu và áo, phải làm sao để cứu?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, phải gấp rút, nhanh chóng, nỗ lực tìm cách để dập tắt nó."

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Đầu và áo bị đốt cháy còn có thể tạm quên đi được, còn lửa vô thường mà hừng hực thì cần phải đoạn trừ tận diệt. Vì muốn đoạn trừ lửa vô thường, nên tu tín căn. Vậy nên đoạn trừ những pháp vô thường nào? Đoạn trừ sắc vô thường, đoạn trừ thọ, tưởng, hành, thức vô thường, nên tu tín căn."

Nói chi tiết như vậy (kinh 175)... cho đến:

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Như kinh nói về vô thường, quá khứ là vô thường, vị lai là vô thường, hiện tại là vô thường; quá khứ, vị lai là vô thường; quá khứ, hiện tại là vô thường; vị lai, hiện tại là vô thường; quá khứ, vị lai, hiện tại là vô thường cũng dạy như trên.

Như tám kinh nói về tín căn, thì tám kinh nói về tu tinh tấn căn, niệm căn, định căn, tuệ căn cũng dạy như trên vậy.

Như bốn mươi kinh nói về nên đoạn trừ, bốn mươi kinh nói về nên hiểu biết, nên nhàm chán, nên dứt trừ, nên dừng nghỉ, nên buông xả, nên diệt tận, nên dứt bặt cũng thuyết như trên vậy.

M

---

5. Xem kinh 175. Ấn Thuận liệt kê và phân tích thành một ngàn một trăm ba mươi hai (1132) kinh.

KINH 181. TÍN LỰC

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Như có người bị lửa đốt đầu và áo, phải làm sao để cứu?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, phải gấp rút, nhanh chóng, nỗ lực tìm cách để dập tắt nó."

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Đầu và áo bị đốt cháy còn có thể tạm quên đi được, còn lửa vô thường mà hừng hực thì cần phải đoạn trừ tận diệt. Vì muốn đoạn trừ lửa vô thường, nên tu tín lực. Vậy để đoạn trừ những pháp vô thường nào phải tu tín lực? Đoạn trừ sắc vô thường nên tu tín lực; đoạn trừ thọ, tưởng, hành, thức vô thường nên tu tín lực."

Nói chi tiết như trên (kinh 175)... cho đến:

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

Như kinh dạy về vô thường, quá khứ là vô thường, vị lai là vô thường, hiện tại là vô thường; quá khứ, vị lai là vô thường; quá khứ, hiện tại là vô thường; vị lai, hiện tại là vô thường; quá khứ, vị lai, hiện tại là vô thường, tám kinh cũng dạy như trên vậy.

Như kinh dạy về tín lực, tám kinh dạy về tinh tấn lực, niệm lực, định lực, tuệ lực cũng dạy như trên vậy.

Như bốn mươi kinh dạy về đoạn trừ, trong mỗi một kinh của bốn mươi kinh dạy về nên hiểu biết, nên nhàm chán, nên dứt trừ, nên dừng nghỉ, nên buông xả, nên diệt tận, nên dứt bặt cũng dạy như trên vậy.[6]

M

---

6. Xem kinh 175. Ấn Thuận: một ngàn một trăm bốn mươi (1140) kinh.

KINH 182. NIỆM GIÁC PHẦN[7]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Như có người bị lửa đốt đầu và áo, phải làm sao để cứu?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, phải gấp rút, nhanh chóng, nỗ lực tìm cách để dập tắt nó."

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Đầu và áo bị đốt cháy còn có thể tạm quên đi được, còn lửa vô thường mà hừng hực thì cần phải đoạn trừ tận diệt. Vì để đoạn trừ lửa vô thường, nên tu niệm giác phần. Vậy để đoạn trừ những pháp vô thường nào phải tu niệm giác phần? Đoạn trừ sắc vô thường nên tu niệm giác phần, đoạn trừ thọ, tưởng, hành, thức vô thường nên tu niệm giác phần."

Chi tiết như trên (kinh 175)... cho đến:

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật đã thuyết, hoan hỷ phụng hành.

Như kinh thuyết về vô thường, quá khứ là vô thường, vị lai là vô thường, hiện tại là vô thường; quá khứ, vị lai là vô thường; quá khứ, hiện tại là vô thường; vị lai, hiện tại là vô thường; quá khứ, vị lai, hiện tại là vô thường, tám kinh cũng dạy như trên vậy.

Như tám kinh thuyết về niệm giác phần, trong mỗi một kinh của tám kinh thuyết về trạch pháp giác phần, tinh tấn giác phần, hỷ giác phần, trừ giác phần, xả giác phần, định giác phần cũng thuyết như trên vậy.

Như năm mươi sáu kinh dạy về nên đoạn trừ, trong mỗi một kinh của năm mươi sáu kinh thuyết về nên hiểu biết, nên nhàm chán, nên dứt trừ, nên dừng nghỉ, nên buông xả, nên diệt tận, nên dứt bặt cũng thuyết như trên vậy.[8]

M

---

7. Tức niệm giác chi, trong bảy giác chi.
8. Ấn Thuận: một ngàn một trăm năm mươi sáu (1156) kinh.

KINH 183. CHÁNH KIẾN

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Như có người bị lửa đốt đầu và áo, phải làm sao để cứu?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, phải gấp rút, nhanh chóng, nỗ lực tìm cách để dập tắt nó."

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Đầu và áo bị đốt cháy còn có thể tạm quên đi được, còn lửa vô thường mà hừng hực thì cần phải đoạn trừ tận diệt. Vì để đoạn trừ lửa vô thường, nên tu chánh kiến. Vậy để đoạn trừ những thứ lửa vô thường nào phải tu chánh kiến? Đoạn trừ sắc vô thường nên tu chánh kiến; đoạn trừ thọ, tưởng, hành, thức vô thường nên tu chánh kiến."

Chi tiết như trên (kinh 175)... cho đến:

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật đã thuyết, hoan hỷ phụng hành.

Như kinh thuyết về vô thường, quá khứ là vô thường, vị lai là vô thường, hiện tại là vô thường; quá khứ, vị lai là vô thường; quá khứ, hiện tại là vô thường; vị lai, hiện tại là vô thường; quá khứ, vị lai, hiện tại là vô thường, tám kinh cũng dạy như trên vậy.

Như tám kinh dạy về chánh kiến, trong mỗi một kinh của tám kinh dạy về chánh chí, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định cũng dạy như trên.

Như sáu mươi bốn kinh dạy về nên đoạn trừ, trong mỗi một kinh của sáu mươi bốn kinh dạy về nên hiểu biết, nên nhàm chán, nên dứt trừ, nên dừng nghỉ, nên buông xả, nên diệt tận, nên dứt bặt cũng thuyết như trên vậy.[1]

M

---

1. Ấn Thuận: một ngàn một trăm sáu mươi bốn (1164) kinh.

KINH 184. KHỔ TẬP TẬN ĐẠO

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Như có người bị lửa đốt đầu và áo, phải làm sao để cứu?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, phải gấp rút, nhanh chóng, nỗ lực tìm cách để dập tắt nó."

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Đầu và áo bị đốt cháy còn có thể tạm quên đi được, còn lửa vô thường mà hừng hực thì cần phải đoạn trừ tận diệt. Vì để đoạn trừ lửa vô thường, nên tu Khổ-Tập-Tận-Đạo. Vậy để đoạn trừ những pháp vô thường nào phải tu Khổ-Tập-Tận-Đạo? Đoạn trừ sắc vô thường nên tu Khổ-Tập-Tận-Đạo; đoạn trừ thọ, tưởng, hành, thức vô thường nên tu Khổ-Tập-Tận-Đạo."

Chi tiết như trên (kinh 175)... cho đến:

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật đã dạy, vui mừng thực hành theo.

Như kinh dạy về vô thường, quá khứ là vô thường, vị lai là vô thường, hiện tại là vô thường; quá khứ, vị lai là vô thường; quá khứ, hiện tại là vô thường; vị lai, hiện tại là vô thường; quá khứ, vị lai, hiện tại là vô thường, tám kinh cũng thuyết như trên vậy.

Như tám kinh dạy về Khổ-Tập-Tận-Đạo, trong mỗi một kinh của tám kinh dạy về khổ tận đạo lạc, phi tận đạo lạc tận đạo cũng thuyết như trên vậy.

Như ba mươi hai kinh dạy về nên đoạn trừ, thì trong mỗi một kinh của ba mươi hai kinh dạy về nên hiểu biết, nên nhàm chán, nên dứt trừ, nên dừng nghỉ, nên buông xả, nên diệt tận, nên dứt bặt cũng thuyết như trên vậy.[2]

M

---

2. Ấn Thuận: một ngàn một trăm ba mươi hai (1132) kinh.

KINH 185. VÔ THAM PHÁP CÚ[3]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Như có người bị lửa đốt đầu và áo, phải làm sao để cứu?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, phải gấp rút, nhanh chóng, nỗ lực tìm cách để dập tắt nó."

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Đầu và áo bị đốt cháy còn có thể tạm quên đi được, còn lửa vô thường mà hừng hực thì cần phải đoạn trừ tận diệt. Vì muốn đoạn trừ lửa vô thường, nên tu pháp cú không tham. Vậy để đoạn trừ những pháp vô thường nào phải tu pháp cú không tham? Đoạn trừ sắc vô thường nên tu pháp cú vô tham; đoạn trừ thọ, tưởng, hành, thức vô thường nên tu pháp cú vô tham."

Chi tiết như trên (kinh 175)... cho đến:

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

Như kinh thuyết về vô thường, quá khứ là vô thường, vị lai là vô thường, hiện tại là vô thường; quá khứ, vị lai là vô thường; quá khứ, hiện tại là vô thường; vị lai, hiện tại là vô thường; quá khứ, vị lai, hiện tại là vô thường, tám kinh cũng thuyết như trên vậy.

Như tám kinh thuyết về nên tu pháp cú không tham, trong mỗi một kinh của tám kinh thuyết về pháp cú chánh cú, các cú không nhuế, không si cũng thuyết như trên vậy.

Như hai mươi bốn kinh dạy về nên đoạn trừ, trong mỗi một kinh

---

3. Bốn pháp cú, hay bốn pháp tích, xem *Tập Dị Môn Luận 6*. Xem D. 33. Saṅgiti: cattāri dhammapadāni: anabhijjhā dhammapadaṃ, avyāpādo dhammapadaṃ, sammā-sati dhammapadṃ, sammā-samādhi dhammapadaṃ, vô tham pháp tích, vô sân pháp tích, chánh niệm pháp tích, chánh định pháp tích.

của hai mươi bốn kinh dạy về nên hiểu biết, nên nhàm chán, nên dứt trừ, nên dừng nghỉ, nên buông xả, nên diệt tận, nên dứt bặt cũng thuyết như trên vậy.[4]

M

KINH 186. CHỈ

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Như có người bị lửa đốt đầu và áo, phải làm sao để cứu?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

'Bạch Thế Tôn, phải gấp rút, nhanh chóng, nỗ lực tìm cách để dập tắt nó."

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Đầu và áo bị đốt cháy còn có thể tạm quên đi được, còn lửa vô thường mà hừng hực thì cần phải đoạn trừ tận diệt. Vì để đoạn trừ lửa vô thường, nên tu chỉ. Vậy để đoạn trừ những pháp vô thường nào phải tu chỉ? Đoạn trừ sắc vô thường nên tu chỉ; đoạn trừ thọ, tưởng, hành, thức vô thường nên tu chỉ."

Chi tiết như trên (kinh 175)... cho đến:

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Như kinh dạy về vô thường, quá khứ là vô thường, vị lai là vô thường, hiện tại là vô thường; quá khứ, vị lai là vô thường; quá khứ, hiện tại là vô thường; vị lai, hiện tại là vô thường; quá khứ, vị lai, hiện tại là vô thường, tám kinh cũng dạy như trên vậy.

Như tám kinh dạy về tu chỉ, tám kinh dạy về tu quán cũng dạy như trên vậy.

Như mười sáu kinh dạy về nên đoạn trừ, trong mỗi một kinh của mười sáu kinh dạy về nên hiểu biết, nên nhàm chán, nên dứt trừ, nên dừng nghỉ, nên buông xả, nên diệt tận, nên dứt bặt cũng dạy như trên vậy.

---

4. Ấn thuận: một ngàn một trăm ba mươi hai (1132) kinh.

"Những gì thuộc về sắc, hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô, hoặc tế; hoặc tốt, hoặc xấu; hoặc xa, hoặc gần; tất cả chúng chẳng phải ngã, chẳng phải khác ngã, chẳng ở trong nhau, phải biết như thật và đối với thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy. Đa văn Thánh đệ tử phải chánh quán như vậy, đối với sắc sẽ sanh ra nhàm chán, đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng sanh ra nhàm chán. Khi đã nhàm chán rồi thì sẽ không thích, vì đã không thích nên giải thoát, giải thoát tri kiến: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa'."[5]

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật đã dạy, vui mừng thực hành theo.

M

Như kinh dạy về vô thường, cũng vậy đối với dao động, chuyển xoay (toàn chuyển), lao hạch, phá hoại, bệnh dật dờ, hủ bại, nguy đốn, không thường, không an, biến đổi, khổ não, tai hoạn, ma tà, ma thế, ma khí, như bọt nước, như bong bóng, như cây chuối, như huyễn; yếu kém, tham đắm, đánh giết, đao kiếm, ganh ghét, tàn sát nhau, tổn giảm, hao suy, trói buộc, đánh đập, ghẻ chóc, ung nhọt, gai nhọn, phiền não, trách phạt, che giấu, chỗ tai hại, buồn rầu, ác tri thức; khổ, không, chẳng phải ngã, chẳng phải những gì thuộc về ngã, oan gia, xích trôi, chẳng phải nghĩa, chẳng phải an ủi, nhiệt não, không bóng mát, không hòn đảo, không che, không nương tựa, không bảo vệ; pháp sanh, pháp già, pháp bệnh, pháp chết, pháp ưu bi, pháp khổ não, pháp không sức, pháp yếu kém, pháp không thể muốn, pháp dụ dẫn, pháp nuôi dưỡng, có pháp khổ, pháp có giết, pháp có não, pháp có nhiệt, pháp có tướng, pháp có thổi, pháp có giữ, pháp thâm hiểm, pháp khó khăn, pháp bất chánh, pháp hung bạo, pháp có tham, pháp có nhuế (sân), pháp có si, pháp không trụ, pháp đốt cháy, pháp chướng ngại, pháp tai ương, pháp tập hợp, pháp tiêu diệt, pháp đống xương, pháp cục thịt, pháp cầm đuốc, pháp hầm lửa, như rắn độc, như mộng, như đồ vay mượn, như trái cây, như kẻ mổ trâu (đồ tể), như kẻ giết người, như sương dính, như nước sâu, như dòng chảy siết, như sợi dệt, như

5. Đoạn này, Ấn Thuận tách thành một kinh riêng.

bánh xe đạp nước, như gậy sào, như bình độc, như thân độc, như hoa độc, như trái độc, phiền não xung động cũng như vậy.

Cho đến: đoạn trừ quá khứ, vị lai, hiện tại là vô thường, phải tu chỉ quán. Vậy muốn đoạn trừ những pháp nào trong quá khứ, vị lai, hiện tại là vô thường cho đến dứt bặt, để phải tu chỉ quán? Vì muốn đoạn trừ sắc quá khứ, vị lai, hiện tại là vô thường, cho đến khi dứt bặt nên tu chỉ quán. Đối với thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy. Cho nên những gì thuộc về sắc, hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô, hoặc tế; hoặc tốt, hoặc xấu; hoặc xa, hoặc gần; tất cả chúng chẳng phải là ngã, chẳng phải khác ngã, chẳng ở trong nhau phải biết như thật. Đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy.

"Đa văn Thánh đệ tử phải quán như vậy, đối với sắc sẽ sanh ra nhàm chán và đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng sanh ra nhàm chán. Vì đã nhàm chán nên sẽ không thích, vì đã không thích nên sẽ được giải thoát, giải thoát tri kiến: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.'"

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật đã dạy, vui mừng thực hành theo.

M

KINH 187. THAM DỤC

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Vì thành tựu một pháp, nên không có khả năng nhận biết sắc là vô thường; biết thọ, tưởng, hành, thức là vô thường. Một pháp được thành tựu là pháp nào? Tham dục, một pháp được thành tựu, nên không có khả năng nhận biết sắc là vô thường; biết thọ, tưởng, hành, thức là vô thường.

"Thành tựu một pháp gì[6]? Đó là thành tựu pháp không tham dục.

---

6. Để có khả năng nhận biệt sắc v.v… là vô thường.

Pháp không tham dục, có khả năng nhận biết sắc là vô thường; biết thọ, tưởng, hành, thức là vô thường."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

Như thành tựu và không thành tựu, đối với biết và không biết, gần và không gần, sáng và không sáng, hiểu và không hiểu, quan sát và không quan sát, suy lường và không suy lường, che giấu và không che giấu, gieo trồng và không gieo trồng, đè nén và không đè nén, che mờ và không che mờ lại cũng như vậy. Biết (tri) như vậy, thức như vậy, hiểu rõ (giải) như vậy, chấp nhận (cho), mong cầu, biện biệt, tiếp xúc, nhận thật lại cũng như vậy.

Như tham, đối với nhuế, si, sân, hận, mắng chưởi, chấp chặt, ganh ghét, keo kiệt, lừa dối, không hổ, không thẹn, mạn, mạn mạn, tăng mạn, ngã mạn, tăng thượng mạn, tà mạn, ty mạn, kiêu mạn, buông lung, kiêu căng, cống cao, quanh co, hình thức dối trá, dụ lợi, ác lợi, muốn nhiều, muốn thường không cung kính, miệng ác, tri thức ác, không nhẫn, tham đắm, hạ tham, ác tham; thân kiến, biên kiến, tà kiến, kiến thủ, giới thủ, dục ái, sân nhuế, thùy miên, trạo hối, nghi, hôn túy, quanh quẹo, mạnh bạo, lười biếng, loạn tưởng, nhớ nghĩ không đúng, thân nhơ, không ngay thẳng, không dịu dàng, không khác; tầm cầu dục (dục giác), tầm cầu sân (sân giác), tầm cầu hại, tầm cầu thân thuộc, tầm cầu bờ cõi, tầm cầu nhẹ dễ, tầm cầu yêu nhà người, sầu ưu, não khổ. Đối với những thứ này tất cả cho đến: "bị che mờ, không có khả năng tác chứng sự đoạn diệt sắc. Pháp ấy là pháp nào? Là pháp khổ não, vì khổ não che mờ nên không có khả năng tác chứng sự đoạn diệt sắc, không có khả năng tác chứng sự đoạn diệt thọ, tưởng, hành, thức. Có một pháp không che mờ, nên có khả năng tác chứng sự đoạn diệt sắc và có khả năng tác chứng sự đoạn diệt thọ, tưởng, hành, thức. Pháp ấy là pháp nào? Là pháp khổ não, vì pháp này không che mờ nên có khả năng tác chứng sự đoạn diệt sắc và cũng có khả năng tác chứng sự đoạn diệt thọ, tưởng, hành, thức.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật đã dạy, vui mừng thực hành theo.

❑

TẠP A-HÀM QUYỂN 8

KINH 188. LY HỶ THAM[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Hãy quán sát chân chánh mắt là vô thường. Quán sát như vậy gọi là chánh kiến. Do chánh quán nên sanh nhàm tởm. Do nhàm tởm nên lìa hỷ, lìa tham. Do lìa hỷ, lìa tham, Ta nói là tâm chánh giải thoát[2]. Cũng vậy, tai, mũi, lưỡi, thân, ý lìa hỷ, lìa tham. Do lìa hỷ, lìa tham, Ta nói là tâm chánh giải thoát. Tâm chánh giải thoát rồi, thì có thể tự tuyên bố: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.'"

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Như kinh nói về "vô thường", cũng vậy, nói về "khổ, không, chẳng phải ngã".

M

KINH 189. LY DỤC THAM[3]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Đối với mắt, hãy tư duy chân chánh[4], quán sát là vô thường.

---

1. Ấn Thuận, tụng 2: Lục nhập xứ, một tương ưng duy nhất: "2 Tương ưng Nhập xứ", gồm hai trăm tám mươi lăm (285) kinh (Đại Chánh hai trăm năm mươi sáu (256) kinh: 188-342). Phần lớn tương đương Pāli, S. 35. Salāyatana-samyutta. Đại Chánh, quyển 8, kinh 188, tương đương Pāli, S. 35. 157-158 Nandikkhaya; S. 35. 170-81. Yadanicca; 35. 185 Ajjhata.
2. Pāli: nandirāgakkhayā cittaṃ suvimuttan ti vuccati, do hỷ tham bị đoạn tận nên tâm được nói là hoàn toàn giải thoát.
3. Pāli, S. 35. 157-158. Nandikkhaya.

Vì sao? Đối với mắt mà tư duy chân chánh, quán sát là vô thường thì ở nơi mắt dục tham được đoạn trừ. Do dục tham được đoạn trừ, Ta nói là tâm chánh giải thoát. Cũng vậy, đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý, do tư duy chân chánh, quán sát, nên dục tham được đoạn trừ. Do dục tham đã được đoạn trừ, Ta nói là tâm chánh giải thoát. Như vậy, này các Tỳ-kheo, người nào được tâm chánh giải thoát thì có thể ký thuyết: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.'"

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 190. TRI (1)[5]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Nếu đối với mắt mà không phân biệt, không biết rõ, không đoạn trừ, không ly dục[6], thì không thể có khả năng hoàn toàn diệt tận khổ. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như vậy. Này các Tỳ-kheo, đối với mắt hoặc phân biệt, hoặc biết rõ, hoặc đoạn trừ, hoặc ly dục, thì có thể chân chánh diệt tận khổ. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý hoặc phân biệt, hoặc biết rõ, hoặc đoạn trừ, hoặc xa lìa dục, thì có thể có khả năng hoàn toàn diệt tận khổ."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

---

4. Pāli: yoniso manasikāro, như lý tác ý.

5. Pāli, S. 35. 26-27. Parijānanā.

6. Bất thức, bất tri, bất đoạn, bất ly dục ——————_———— . Pāli: anabhijānaṃ aparijānaṃ avirājayaṃ appajahaṃ, không thắng tri, không biến tri, không ly dục, không đoạn trừ.

KINH 191. TRI (2)[7]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Nếu đối với mắt mà không phân biệt, không biết rõ, không đoạn trừ, không ly dục[8], thì không thể có khả năng vượt qua khỏi cái khổ của sanh, già, bệnh, chết. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như vậy. Này các Tỳ-kheo, đối với mắt hoặc phân biệt, hoặc biết rõ, hoặc đoạn trừ, hoặc ly dục, thì có thể vượt qua khỏi cái khổ của sanh, già, bệnh, chết. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý hoặc phân biệt, hoặc biết rõ, hoặc đoạn trừ, hoặc xa lìa dục, thì có thể có khả năng vượt qua khỏi cái khổ của sanh, già, bệnh, chết."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 192. BẤT LY DỤC (1)[9]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Đối với mắt mà không ly dục, tâm không giải thoát, thì không thể có khả năng hoàn toàn diệt tận khổ. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý mà không ly dục, tâm không giải thoát, thì không thể có khả năng hoàn toàn diệt tận khổ. Này các Tỳ-kheo, đối với mắt nếu ly dục, tâm giải thoát, thì có khả năng hoàn toàn diệt tận khổ. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý mà ly dục, tâm giải thoát, thì có thể có khả năng hoàn toàn diệt tận khổ."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

---

7. Nội dung gần với kinh trên.
8. Xem cht.6 kinh 190.
9. Pāli, S. 35. 21-22. Uppādena.

KINH 193. BẤT LY DỤC (2)[10]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Đối với mắt và sắc mà không ly dục, tâm không giải thoát, thì không thể có khả năng vượt qua cái khổ của sanh, già, bệnh, chết. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý mà không ly dục, tâm không giải thoát, thì không thể có khả vượt qua cái khổ của sanh, già, bệnh, chết. Này các Tỳ-kheo, đối với mắt và sắc nếu ly dục, tâm giải thoát, thì có khả năng vượt qua cái khổ của sanh, già, bệnh, chết. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý mà ly dục, tâm giải thoát, thì có thể có khả năng vượt qua cái khổ của sanh, già, bệnh, chết."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 194. SANH HỶ[11]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Ai ở nơi mắt mà sanh hỷ, thì đối với khổ cũng sanh hỷ[12]. Ai đối với khổ mà sanh hỷ, Ta nói người đó không thể giải thoát khổ. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý mà sanh hỷ, thì đối với khổ cũng sẽ sanh hỷ. Ai đối với khổ mà sanh hỷ, Ta nói người đó không thể giải thoát khổ.

"Này các Tỳ-kheo, ai đối với mắt mà không sanh hỷ, thì đối với khổ cũng không sanh hỷ. Ai đối với khổ mà không sanh hỷ, Ta nói người đó có thể giải thoát khổ. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý mà

---

10. Tham chiếu kinh 194.

11. Pāli, S. 35. 19-20. Abhinandena.

12. Pāli: yo bhikkhave cakkhuṃ abhinandati dukkhaṃ so abhinandati, ai thích sắc thì người đó thích khổ.

không sanh hỷ, thì đối với khổ cũng không sanh hỷ. Ai đối với khổ mà không sanh hỷ, Ta nói người đó có thể giải thoát khổ."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 195. VÔ THƯỜNG (1)[13]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Tất cả đều vô thường. Thế nào là tất cả đều vô thường? Mắt là vô thường. Sắc, nhãn thức, nhãn xúc và thọ với cảm thọ khổ, cảm thọ lạc, hay cảm thọ không khổ không lạc, phát sanh bởi nhân duyên là nhãn xúc, tất cả chúng đều là vô thường. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý lại cũng như vậy.

"Đa văn Thánh đệ tử quán sát như vậy thì đối với mắt sẽ sanh nhàm tởm. Đối với sắc, nhãn thức, nhãn xúc và thọ với cảm thọ khổ, cảm thọ lạc, hay cảm thọ không khổ không lạc, phát sanh bởi nhân duyên là nhãn xúc, đối với chúng cũng sanh nhàm tởm. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý và thanh, hương, vị, xúc, pháp, ý thức, ý xúc và thọ với cảm thọ khổ, cảm thọ lạc, hay cảm thọ không khổ không lạc, phát sanh bởi nhân duyên là ý xúc, đối với tất cả chúng cũng sanh nhàm tởm. Do nhàm tởm nên không ái lạc, do không ái lạc nên được giải thoát, giải thoát tri kiến, biết rằng: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.'"

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Như kinh nói về "vô thường," các kinh nói về "khổ, không, phi ngã" cũng nói như trên vậy.

M

---

13. Pāli, S. 35. 1-12. Anicca v.v...

KINH 196. VÔ THƯỜNG (2)[14]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Tất cả đều là vô thường[15]. Cái gì là tất cả? Mắt là vô thường. Sắc, nhãn thức, nhãn xúc[16] và thọ với cảm thọ khổ, cảm thọ lạc, hay cảm thọ không khổ không lạc, phát sanh bởi nhân duyên là nhãn xúc[17], tất cả chúng đều là vô thường. Cũng vậy, tai, mũi, lưỡi, thân, ý, pháp, ý thức, ý xúc và thọ với cảm thọ khổ, cảm thọ lạc, hay cảm thọ không khổ không lạc, phát sanh bởi nhân duyên là ý xúc, thì chúng cũng vô thường.

"Đa văn Thánh đệ tử quán sát như vậy, đối với mắt được giải thoát. Đối với sắc, nhãn thức, nhãn xúc và thọ với cảm thọ khổ, cảm thọ lạc, hay cảm thọ không khổ không lạc, phát sanh bởi nhân duyên là nhãn xúc, cũng được giải thoát. Cũng vậy, đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý, pháp, ý thức, ý xúc và thọ với cảm thọ khổ, cảm thọ lạc, hay cảm thọ không khổ không lạc, phát sanh bởi nhân duyên là ý xúc, cũng được giải thoát. Ta nói, người này giải thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Như kinh nói "Tất cả là vô thường", cũng vậy, các kinh nói:

- Tất cả là khổ.[18]
- Tất cả là không.[19]
- Tất cả chẳng phải ngã.[20]

---

14. Pāli, S. 35. 43. Anicca.
15. Trong bản Pāli: sabbaṃ bhikkhave aniccam.
16. Pāli: cakkhusam phasso anicco, xúc của con mắt là vô thường.
17. Pāli: cakkhusam phassa paccayā, do bởi duyên là xúc của con mắt.
18. Cf. S. 35. 44. Dukkha.
19. S. 35. 85. Suñña.
20. S. 35. 45. Anattā.

- Tất cả là pháp nghiệp hư dối.[21]
- Tất cả là pháp phá hoại.[22]
- Tất cả pháp sanh.[23]
- Tất cả pháp già.[24]
- Tất cả pháp bệnh.[25]
- Tất cả pháp chết.[26]
- Tất cả pháp sầu lo.[27]
- Tất cả pháp phiền não.[28]
- Tất cả pháp tập khởi.[29]
- Tất cả pháp diệt tận.[30]
- Tất cả pháp biết.[31]
- Tất cả pháp phân biệt.[32]
- Tất cả pháp dứt trừ.[33]
- Tất cả pháp giác.[34]
- Tất cả pháp chứng.[35]
- Tất cả ma.
- Tất cả thế lực ma.
- Tất cả khí cụ ma.
- Tất cả đang cháy.

---

21. S. 35. 40. Vaya; Pāli: sabbam bhikkhave vaya-dhammam: tất cả đều là pháp hoại diệt. Bản Hán hiểu là mayakammam (nghiệp hư vọng).
22. S. 35. 39. Khaya.
23. S. 35. 33. Jāti.
24. S. 35. 34. Jarā.
25. S. 35. 35. Vyādhi.
26. S. 35. 36. Maraṇa.
27. S. 35. 37. Soko.
28. S. 35. 38. Saṃkilesa.
29. S. 35. 41. Samudaya.
30. S. 35. 42. Nirodha.
31. S. 35. 46. Abhiññeyya (cần được thắng tri).
32. S. 35. 49. 47. Pariññeyya (Biến tri).
33. S. 35. 48. Pahātabba.
34. S. 35. 50. Abhiññāpariññeyya.
35. S. 35. 49. Sacchikātabba.

- Tất cả cháy bùng.
- Tất cả thiêu cháy.[36]

Cũng đều nói chi tiết như hai kinh trên như vậy.

M

KINH 197. THỊ HIỆN[37]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú trong Chi-đề Thị-lợi-sa, tại Già-xà[38], cùng với một ngàn vị Tỳ-kheo mà trước kia là những Bà-la-môn bện tóc.

Bấy giờ Đức Thế Tôn vì một ngàn vị Tỳ-kheo thị hiện ba sự giáo hóa[39]. Những gì là ba? Đó là, thị hiện thần túc biến hóa, thị hiện tha tâm, thị hiện giáo giới.

Thị hiện thần túc là, Đức Thế Tôn tùy theo sự thích hợp mà thị hiện nhập thiền định chánh thọ[40]; vượt qua hư không đến phương Đông hiện bốn oai nghi đi, đứng, nằm, ngồi; vào hỏa tam-muội[41], rồi cho ra ánh lửa màu xanh, vàng, đỏ, trắng, hồng, pha lê; cả nước, lửa đều hiện; hoặc dưới thân ra lửa, trên thân ra nước, hoặc trên thân ra lửa, dưới thân ra nước, bốn phía chung quanh lại cũng như vậy. Thế Tôn sau khi thị hiện thần biến rồi, trở lại ngồi giữa đại chúng, đó gọi là thị hiện thần túc.

Thị hiện tha tâm là, như tâm người kia, tự thân an trú và chứng nghiệm, biết rằng ý của người kia như vậy, thức của người kia như vậy, người kia đang nghĩ như vậy, hay không đang nghĩ như vậy, đang

---

36. S. 35. 28. Āditta.

37. Pāli, S. 35. 28. Āditta.

38. Già-xà Thị-lợi-sa chi-đề. Pāli: gayāyaṃ viharati gayāsīse, trú tại thôn Gāya, trên núi Gāyasīsa (Tượng đầu sơn).

39. Tam chủng thị hiện giáo hóa -T———{———F cũng gọi là tam thị đạo -T——D. Xem Tập Dị Môn Túc Luận 3: thần biến thị đạo, ký tâm thị đạo, giáo giới thị đạo; xem Trường A-hàm kinh 24. Xem D. 11. Kevaddha, tīṇi pāṭihāriyāni: iddhi-pāṭihāriyaṃ, ādesanā-pāṭihāriyaṃ, anusāsani-pāṭihāriyaṃ.

40. Thiền định chánh thọ -I-w———A hay tam-muội chánh thọ, tam-muội đẳng chí, chỉ năng lực thiền định. Pāli: samādhi-samāpatti.

41. Hỏa tam-muội ——T-N-A năng lực thiền định làm thân thể bốc lửa.

xả như vậy. Đó gọi là thị hiện tha tâm.

Thị hiện giáo giới là, như Thế Tôn nói: 'Này các Tỳ-kheo, tất cả bị thiêu đốt[42]. Thế nào tất cả bị thiêu đốt? Mắt bị thiêu đốt. Sắc, nhãn thức, nhãn xúc và thọ với cảm thọ khổ, cảm thọ lạc, hay cảm thọ không khổ không lạc, phát sanh bởi nhân duyên là nhãn xúc, tất cả đều bị thiêu đốt. Cũng vậy, tai, mũi, lưỡi, thân, ý, bị thiêu đốt; pháp, ý thức, ý xúc và thọ với cảm thọ khổ, cảm thọ lạc, hay cảm thọ không khổ không lạc, phát sanh bởi nhân duyên là ý xúc tất cả cũng bị thiêu đốt. Bị cái gì thiêu đốt? Bị lửa tham thiêu đốt, lửa nhuế thiêu đốt, lửa si thiêu đốt, lửa sanh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não thiêu đốt."

Bấy giờ, một ngàn vị Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật đã dạy, không còn khởi lên các lậu hoặc, tâm được giải thoát.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 198. LA-HAAU-LA (1)[43]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trên núi Kỳ-xà-quật, thành Vương xá.

Bấy giờ Tôn giả La-hầu-la đi đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

"Biết như thế nào, thấy như thế nào, để nơi nội thức thân của con[44] cùng ở nơi tất cả những tướng bên ngoài không sanh ngã, ngã mạn, ngã sở và ngã mạn kết sử[45]?"

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo La-hầu-la:

"Lành thay, La-hầu-la! Ông đã có thể hỏi Như Lai về ý nghĩa sâu xa này."

Phật bảo La-hầu-la tiếp:

---

42. Pāli: sabbaṃ bhikkhave āditta̱m.

43. Pāli, S. 18. 21. Anusaya (tùy miên); 22. 91. Rāhula.

44. Pāli: imasmiṃ saviiññāṇake kāye, trong thân có thức này.

45. Ngã ngã sở ngã mạn sử hệ trước, ——————C——————F Pāli: ahaṃkā-mamaṃkāra-mānānusayā, các tùy miên tác thành ý tưởng về tôi, về của tôi.

"Mắt hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô, hoặc tế; hoặc tốt, hoặc xấu; hoặc xa, hoặc gần; tất cả chẳng phải ngã, chẳng phải khác ngã, chẳng phải ở trong nhau, hãy biết như thật như vậy. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý lại cũng như vậy.

"Này La-hầu-la, biết như vậy, thấy như vậy thì nơi nội thức thân của ta cùng ở nơi tất cả những tướng bên ngoài không sanh ngã, ngã mạn, ngã sở và ngã mạn kết sử.

"Này La-hầu-la, như vậy, ngã, ngã sở, ngã mạn kết sử không sanh, thì này La-hầu-la, đó gọi là đoạn trừ kiến chấp ái trược, đắc chánh vô gián đẳng[46], cứu cánh biên tế của khổ."

Phật nói kinh này xong, Tôn giả La-hầu-la nghe những gì Đức Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

Cũng như nói về "nội nhập xứ," cũng vậy, "ngoại nhập xứ: sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp; nhãn thức, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức; nhãn xúc, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc; thọ phát sanh bởi nhãn xúc, thọ phát sanh bởi nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc; tưởng phát sanh bởi nhãn xúc, tưởng phát sanh bởi nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc; tư phát sanh bởi nhãn xúc, tư phát sanh bởi nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc; ái phát sanh bởi nhãn xúc, ái phát sanh bởi nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc" đều nói như trên.[47]

M

KINH 199. LA-HAAU-LA (2)[48]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, tại thành Vương xá.

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo La-hầu-la:

"Biết như thế nào, thấy như thế nào, để nơi nội thức thân này

---

46. Vô gián đẳng -L——A Pāli: abhisamaya, hiện quán hay hiện chứng; xem cht.67, kinh 23.

47. Gồm bảy kinh: 1. Ngoại nhập xứ; 2. Nhãn thức v.v...; 3. Nhãn xúc v.v...; 4. Thọ sanh bởi nhãn xúc v.v...; 5. Tưởng sanh bởi nhãn xúc v.v...; 6. Tư sanh bởi nhãn xúc v.v...; 7. Ái sanh bởi nhãn xúc v.v...

48. Pāli, S. 18. 22. Apagata; 22. 92. Rāhula.

cùng ở nơi tất cả những tướng bên ngoài không sanh ngã, ngã mạn, ngã sở và ngã mạn kết sử?"

La-hầu-la bạch Phật:

"Thế Tôn là căn bản của pháp, là con mắt của pháp, là sở y của pháp. Lành thay, Thế Tôn! Xin vì các Tỳ-kheo mà dạy đầy đủ nghĩa này. Các Tỳ-kheo sau khi nghe xong sẽ vâng lời thực hành."

Phật bảo La-hầu-la:

"Lành thay! Hãy lắng nghe cho kỹ, Ta sẽ vì các ông mà nói.

"Những gì thuộc về mắt, hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô, hoặc tế; hoặc tốt, hoặc xấu; hoặc xa, hoặc gần; tất cả chúng đều chẳng phải ngã, chẳng phải khác ngã, chẳng ở trong nhau, hãy quán sát chân chánh như vậy.

"Này La-hầu-la, đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý lại cũng như vậy.

"Này La-hầu-la, biết như vậy, thấy như vậy, nơi nội thức thân này cùng ở nơi tất cả những tướng bên ngoài không sanh ngã, ngã mạn, ngã sở và ngã mạn kết sử."

"Này La-hầu-la, Tỳ-kheo như vậy vượt cả hai[49], xa lìa các tướng, tịch diệt, giải thoát.

"Này La-hầu-la, Tỳ-kheo như vậy đoạn trừ các ái dục, chuyển kết sử, cứu cánh biên tế khổ."

Phật nói kinh này xong, Tôn giả La-hầu-la nghe những gì Đức Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

Cũng như nói về "nội nhập," cũng vậy, "ngoại nhập," cho đến "ái[50] phát sanh bởi nhân duyên là ý xúc," cũng nói chi tiết như vậy.

M

---

49. Việt ư nhị ▬▼▬▬G ; đây chỉ vượt qua hai mạn tùy miên: ngã mạn và ngã sở mạn. Pāli: ahaṃkāra-mamaṃakāra-mānāpagataṃ mānasaṃ hoti vidhā samatikkantaṃ santaṃ suvimuttīti, ý thoát ly ngã mạn và ngã sở mạn, vượt ngoài các tướng trạng sai biệt, an tĩnh, giải thoát.

50. Trong để bản: thọ ▬. Theo kinh 198 trên, sửa lại cho đủ bảy kinh.

KINH 200. LA HẦU LA (3)[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Tôn giả La-hầu-la đi đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

"Lành thay, Thế Tôn! Xin vì con mà nói pháp. Sau khi con nghe pháp, một mình con ở nơi thanh vắng, chuyên tinh tư duy, không buông lung. Sau khi sống một mình ở nơi thanh vắng, chuyên tinh tư duy, sống không buông lung, con sẽ tư duy về mục đích mà một thiện gia nam tử[2] cạo bỏ râu tóc, chánh tín xuất gia học đạo, sống không gia đình, tu trì phạm hạnh, ngay trong đời này, tự tri tự tác chứng, biết rằng: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.'"

Bấy giờ, Đức Thế Tôn xét thấy tâm của La-hầu-la tuệ giải thoát chưa thuần thục, chưa có thể nhận lãnh pháp tăng thượng được[3], nên hỏi La-hầu-la:

"Ngươi đã từng truyền dạy năm thọ ấm cho người chưa?"

La-hầu-la bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, chưa."

Phật bảo La-hầu-la:

"Ngươi nên vì người khác mà diễn nói năm thọ ấm."

Khi La-hầu-la nghe lời dạy của Phật rồi, sau đó vì người khác diễn nói về năm thọ ấm. Nói xong trở lại chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi đứng lui qua một bên, bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn con đã vì người khác nói về năm thọ ấm rồi, xin Thế Tôn vì con mà nói pháp. Sau khi con nghe pháp xong rồi sẽ ở một mình chuyên tinh suy nghĩ, sống không buông lung và cho đến... '... tự

---

1. Pāli, S. 35. 121. Rāhula.
2. Trong bản, tộc tánh tử ——m—l.
3. Trong bản Pāli (S. 35. 121), Phật nhận xét: paripakkā kho rāhulassa vimuttaparipācaniyā dhammā; yaṃ nūnāhaṃ rāhulaṃ uttariṃ āsavānaṃ khaye vineyyan ti, đối với Rāhula, các pháp cần thành thục đã được thành thục; vậy Ta hãy hướng dẫn Rāhula vào trong lậu tận vô thượng.

biết không còn tái sanh đời sau nữa.'"

Bấy giờ, Đức Thế Tôn lại xét thấy tâm của La-hầu-la Tuệ giải thoát chưa thuần thục, chưa có thể nhận lãnh pháp tăng thượng được, nên hỏi La-hầu-la:

"Ngươi đã vì người khác nói về sáu nhập xứ chưa?"

La-hầu-la bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, chưa."

Phật bảo La-hầu-la:

"Ngươi nên vì người khác diễn nói về sáu nhập xứ."

Rồi, vào một lúc khác, La-hầu-la lại diễn nói sáu nhập xứ cho người khác nghe. Sau khi nói sáu nhập xứ xong, đi đến chỗ Đức Phật, đảnh lễ dưới chân, rồi đứng lui qua một bên, bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, con đã vì người khác mà diễn nói sáu nhập xứ rồi. Xin Đức Thế Tôn vì con mà nói pháp. Sau khi con nghe pháp xong sẽ ở một mình nơi vắng vẻ, chuyên tinh suy nghĩ, sống không buông lung, cho đến ... '... tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.'"

Bấy giờ, Đức Thế Tôn xét thấy tâm của La-hầu-la tuệ giải thoát chưa thuần thục, chưa có thể nhận lãnh pháp tăng thượng được, nên hỏi La-hầu-la:

"Ngươi đã vì người khác nói pháp Ni-đà-na[4] chưa?"

La-hầu-la bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, chưa."

Phật bảo La-hầu-la:

"Ngươi nên vì người khác mà diễn nói pháp Ni-đà-na đi."

Rồi, vào môt lúc khác, La-hầu-la lại vì người khác nói đầy đủ pháp Ni-đà-na xong, đi đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân, rồi đứng lui sang một bên, bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn vì con mà nói pháp, sau khi con nghe pháp xong, sẽ ở một mình nơi chỗ vắng chuyên tinh suy nghĩ, sống không buông lung, cho đến ... '... tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.'"

Bấy giờ, Đức Thế Tôn xét thấy tâm của La-hầu-la tuệ giải thoát vẫn chưa thuần thục, cho đến... bảo La-hầu-la:

---

4. Ni-đà-na ———. Pāli: nidāna, nhân duyên, hay nguyên nhân, mối quan hệ, hay nguồn gốc phát sanh của một cái gì.

"Ngươi nên đối với những pháp đã nói ở trên, ở một mình nơi vắng vẻ chuyên tinh suy nghĩ, mà quán sát nghĩa lý của chúng."

Bấy giờ, La-hầu-la vâng lời Phật dạy, như pháp đã nói, như pháp đã được nghe, suy nghĩ cân nhắc, quán sát nghĩa lý của chúng, tự nghĩ: "Các pháp này, tất cả đều thuận hướng Niết-bàn, lưu nhập Niết-bàn, cuối cùng an trụ[5] Niết-bàn.

Rồi, một lúc khác, La-hầu-la đi đến chỗ Đức Phật, đảnh lễ dưới chân, rồi lui đứng sang một bên, bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, đối với pháp đã được nói, pháp con đã được nghe như trên, con đã ở một mình nơi vắng vẻ, tư duy cân nhắc và quán sát nghĩa lý của chúng, thì biết những pháp này tất cả đều thuận hướng Niết-bàn, lưu nhập Niết-bàn, cuối cùng an trụ Niết-bàn.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn xét thấy tâm của La-hầu-la tuệ giải thoát đã được thuần thục, có thể nhận lãnh được pháp tăng thượng, nên bảo La-hầu-la[6]:

"Tất cả đều vô thường. Những pháp nào là vô thường? Mắt là vô thường. Sắc, nhãn thức, nhãn xúc v.v... đều vô thường *(chi tiết như các kinh trước)*."

Tôn giả La-hầu-la sau khi nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, làm lễ mà lui.

Sau khi La-hầu-la đã vâng theo lời Phật dạy rồi, một mình ở nơi vắng vẻ, sống không buông lung, chuyên tinh tư duy về mục đích mà một thiện gia nam tử cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chánh tín xuất gia học đạo, sống không gia đình, chuyên tu phạm hạnh cho đến... ngay trong đời này, tự tri tự tác chứng: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.' Thành bậc A-la-hán, tâm khéo giải thoát.

Phật nói kinh này xong, La-hầu-la nghe những gì Đức Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

---

5. Nguyên bản: hậu trụ ——F Ấn Thuận sửa lại tuấn thâu -C——R chảy rót vào.
6. Xem cht.53 trên.

KINH 201. LẬU TẬN[7]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có một Tỳ-kheo đi đến chỗ Phật, làm lễ dưới chân Phật, rồi đứng lui qua một bên, bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, biết thế nào, thấy thế nào, để lần lượt nhanh chóng chứng đắc lậu tận?"[8]

Đức Thế Tôn bảo Tỳ-kheo kia:

"Hãy quán sát chân chánh về vô thường. Những pháp nào là vô thường? Mắt là vô thường. Sắc, nhãn thức, nhãn xúc, cảm thọ với khổ thọ, lạc thọ, không khổ không lạc thọ, phát sanh bởi nhân duyên là nhãn xúc, hãy quán sát là vô thường. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý hãy quán sát là vô thường. Pháp, ý thức, ý xúc, cảm thọ với khổ thọ, lạc thọ, không khổ không lạc thọ, phát sanh bởi nhân duyên là ý xúc, tất cả chúng cũng đều là vô thường. Này Tỳ-kheo, biết như vậy, thấy như vậy thì để lần lượt nhanh chóng chứng đắc lậu tận."

Khi Tỳ-kheo kia đã nghe những gì Đức Phật đã dạy, vui mừng làm lễ mà lui.

M

Như kinh Đức Phật đã dạy cho Tỳ-kheo trên, nhưng có điểm sai biệt ở chỗ:

- Biết thế nào, thấy thế nào, để lần lượt dứt sạch các kết sử[9],
- Đoạn trừ tất cả những hệ phược[10],
- Đoạn trừ tất cả những sử[11],
- Đoạn trừ tất cả những tùy phiền não[12],
- Đoạn trừ tất cả những kết[13],

---

7. Pāli, S. 35. 53-59. Avijjā v.v…
8. Pāli, S. 35. 56: āsāva pahīyantīti, các lậu bị đoạn trừ.
9. Pāli, S. 35. 54. Saṃyojana-pahānaṃ, đoạn trừ kết sử.
10. Pāli, S. 35. 55. Saṃyojana-samugghātaṃ, đoạn triệt kết sử.
11. Sử ——A hay tùy miên -H-v-F Pāli: anusaya.
12. Tùy phiền não, -H——o, nguyên Hán: thượng phiền não-W——o. Pāli: upakilesa.

- Đoạn trừ những lưu[14],
- Đoạn trừ những ách[15],
- Đoạn trừ những thủ[16],
- Đoạn trừ những xúc,
- Những ngăn che (cái) được đoạn trừ,
- Đoạn trừ các triền phược,
- Đoạn trừ những cấu uế,
- Đoạn trừ những ái,
- Đoạn trừ những ý,
- Đoạn trừ những tà kiến, sanh chánh kiến,
- Đoạn trừ vô minh sanh minh. (...)

"Này Tỳ-kheo, quán sát mắt là vô thường như vậy, cho đến... biết như vậy, thấy như vậy lần lượt vô minh được đoạn trừ để sanh ra minh."

Khi Tỳ-kheo kia nghe những gì Đức Phật đã dạy rồi vui mừng, làm lễ mà lui.

M

KINH 202. NGÃ KIẾN ĐOẠN[17]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-

---

13. Kết, ═, đây chỉ bốn phược hay bốn thân hệ; *Trường A-hàm*, kinh 9, *Tập Dị Môn Túc Luận*: tham thân hệ, sân thân hệ, giới cấm thủ thân hệ (ràng buộc với thân), thử thật chấp thủ thân hệ (chấp thủ cái này là có thật); D. 33. Saṅgiti: cattāro ganthā, abhijjhā-kāya-ganho, vyāpādo kāya-gantho, sīlabbata-parāmāso kāyagantho, idaṃcābhiniveso kāyagantho.
14. Chư lưu ═─y─A có lẽ chỉ bốn bộc lưu (dòng xoáy), *Trường A-hàm* kinh 9: *"Chúng tập":* dục bộc lưu, hữu bộc lưu, kiến bộc lưu, vô minh bộc lưu. Pāli, D. 33. Saṅgitī: cattāro oghā, kāmogho bhavogho diṭṭhogho avijjogho.
15. Có bốn ách: dục ách, hữu ách, kiến ách, vô minh ách. Pāli: cattāro yogā, kāma-yogo, bhava-yogo, diṭṭhi-yogo, avijjā-yogo.
16. Bốn thủ: dục thủ, kiến thủ, giới cấm thủ, ngã ngữ thủ. Pāli: cattāri upādānāni, kāmūpādānaṃ, diṭṭhūpādānaṃ, sīlabbatūpādānaṃ, attavādūpādānaṃ.
17. Pāli, S. 35. 166. Attano.

vệ. Bấy giờ, có Tỳ-kheo đi đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, biết thế nào, thấy thế nào để lần lượt ngã kiến được đoạn trừ, vô ngã kiến phát sanh?"

Phật bảo Tỳ-kheo kia:

"Đối với mắt mà chánh quán vô thường. Sắc, nhãn thức, nhãn xúc, cảm thọ với khổ thọ, lạc thọ, không khổ không lạc thọ, phát sanh bởi nhân duyên là nhãn xúc, kia cũng chánh quán là vô ngã. Cũng vậy, cho đến, cảm thọ với khổ thọ, lạc thọ, không khổ không lạc thọ, phát sanh bởi nhân duyên là ý xúc, kia cũng chánh quán là vô ngã.

"Này Tỳ-kheo, biết như vậy, thấy như vậy, thì sẽ lần lượt ngã kiến được đoạn trừ, vô ngã kiến phát sanh. Khi Tỳ-kheo kia nghe những gì Đức Phật đã dạy, vui mừng làm lễ mà lui.

M

KINH 203. NĂNG ĐOẠN NHẤT PHÁP[18]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Am-la của thầy thuốc Kỳ-bà Câu-ma-la[19] tại Tỳ-xá-ly. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Nếu có Tỳ-kheo nào, đoạn trừ được một pháp, thì sẽ đạt được chánh trí[20] và có thể tự tuyên bố: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.'"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Thế Tôn là căn bản của pháp, là con mắt của pháp, là sở y của pháp. Cúi xin diễn nói. Các Tỳ-kheo sau khi nghe xong sẽ vâng theo lời chỉ dạy mà thực hành."

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì các ông mà nói.

---

18. Có thể đoạn một pháp. Pāli, S. 35. 79-80: Avijjāpahāna.

19. Kỳ-bà Câu-ma-la dược sư—C———v. Pāli: Jīvaka-Komāra-bhaccambavana, vườn xoài của nhi khoa y sư Jīvaka.

20. Pāli: atthi... eko dhammo yassa pahānā bhikkhuno avijjā pahīyati, có một pháp mà Tỳ-kheo nào đoạn trừ, vô minh bị đoạn trừ.

"Này các Tỳ-kheo, thế nào là đoạn trừ một pháp cho đến... không còn tái sanh đời sau nữa? Đó là vô minh, ly dục, minh phát sanh, đạt được chánh trí và có thể tự tuyên bố: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa'."

Lúc ấy có Tỳ-kheo từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, trịch áo vai hữu, đảnh lễ Phật, gối phải quỳ sát đất, chắp tay bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, biết thế nào, thấy thế nào để vô minh ly dục, minh phát sanh?"[21]

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Hãy quán sát chân chánh mắt là vô thường. Sắc, nhãn thức, nhãn xúc, cảm thọ với khổ thọ, lạc thọ, không khổ không lạc thọ, phát sanh bởi nhân duyên là nhãn xúc, hãy quán sát là vô thường. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý, cũng như vậy. Tỳ-kheo nào biết như vậy, thấy như vậy đối với vô minh ly dục, minh phát sanh."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 204. NHƯ THẬT TRI KIẾN[22]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Am-la của thầy thuốc Kỳ-bà Câu-ma-la[23] tại Tỳ-xá-ly. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo Tôn giả A-nan:

"Đối với mắt, hãy biết như thật, thấy như thật. Hoặc sắc, nhãn thức, nhãn xúc, cảm thọ với khổ thọ, lạc thọ, không khổ không lạc thọ, phát sanh bởi nhân duyên là nhãn xúc, hãy biết như thật, thấy như thật. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như vậy. Khi đã biết như thật về chúng, đã thấy như thật về chúng rồi, đối với mắt sanh ra nhàm tởm. Đối với sắc, nhãn thức, nhãn xúc, cảm thọ với khổ thọ, lạc thọ, không khổ không lạc thọ, phát sanh bởi

21. Pāli, S. 35. 79: avijjā pahīyati, vijjā uppajjati, vô minh bị đoạn trừ, minh sinh khởi. Bản Hán đọc là: avijjāvirago, ly tham đối với vô minh.

22. Xem kinh 203 trên.

23. Xem cht.69, kinh 203.

nhân duyên là nhãn xúc, cũng sanh ra nhàm tởm. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như vậy. Do nhàm tởm mà không ái lạc. Do không ái lạc mà được giải thoát, giải thoát tri kiến: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.' "

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 205. ƯU-ĐÀ-NA[24]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Am-la của thầy thuốc Kỳ-bà Câu-ma-la[25] tại Tỳ-xá-ly. Bấy giờ Đức Thế Tôn nói những bài kệ Ưu-đà-na rồi, bảo Tôn giả A-nan:

"Mắt là vô thường, khổ, là pháp biến dịch, dễ phân[26]; sắc, nhãn thức, nhãn xúc, cảm thọ với khổ thọ, lạc thọ, không khổ không lạc thọ, phát sanh bởi nhân duyên là nhãn xúc; chúng cũng vô thường, khổ, là pháp biến dịch, dễ phân. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý lại cũng như vậy. Đa văn Thánh đệ tử nên quán sát như vậy, đối với mắt sẽ được giải thoát; đối với sắc, nhãn thức, nhãn xúc, cảm thọ với khổ thọ, lạc thọ, không khổ không lạc thọ, phát sanh bởi nhân duyên là nhãn xúc cũng được giải thoát. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý, pháp, ý, ý thức, ý xúc, cảm thọ với khổ thọ, lạc thọ, không khổ không lạc thọ, phát sanh bởi nhân duyên là ý xúc, cũng sẽ được giải thoát. Ta bảo người này sẽ giải thoát được sanh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não."

Phật nói kinh này xong, Tôn giả A-nan nghe những gì Đức Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

---

24. Pāli: udāna, cảm hưởng, tự thuyết.

25. Xem cht.69, kinh 203.

26. Dị phần ——. Pāli: aññathābhāvi (biến thái).

KINH 206. NHƯ THẬT TRI[27]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Am-la của thầy thuốc Kỳ-bà Câu-ma-la tại Tỳ-xá-ly[28]. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Hãy chuyên cần phương tiện thiền tư[29] để được nội tâm tịch tĩnh.Vì sao? Này các Tỳ-kheo, do phương tiện thiền tư, được nội tâm tịch tĩnh, nên tri kiến như thật, như vậy được hiển hiện[30]. Hiển hiện như thật tri về cái gì? Hiển hiện như thật tri đối với mắt. Hiển hiện như thật tri đối với sắc, nhãn thức, nhãn xúc, cảm thọ với khổ thọ, lạc thọ, không khổ không lạc thọ, phát sanh bởi nhân duyên là nhãn xúc. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý lại cũng như vậy. Các pháp này là vô thường, hữu vi cũng được hiển hiện như thật tri như vậy."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 207. TAM-MA-ĐỀ[31]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Am-la của thầy thuốc Kỳ-bà Câu-ma-la tại Tỳ-xá-ly[32]. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Hãy tu tập vô lượng Tam-ma-đề, chuyên cần tập trung ý nghĩ. Vì sao? Vì do tu tập vô lượng Tam-ma-đề, chuyên cần tập trung ý nghĩ mà được như thật hiển hiện[33]. Như thật hiển hiện cái

---

27. Pāli, S. 35. 160. Jīvakambavane; 35. 100. Paṭisallānā.
28. Trong bản Pāli, khu vườn này tại thành Vương xá: Rājagahe... Jīvakambavane.
29. Phương tiện thiền tư, ▬▬K▬I▬▬A chuyên cần tu tập ở nơi thanh vắng, chuyên tâm tu tập trầm tư mặc tưởng. Pāli: paṭisallāne bhikkhave yogam āpajjatha.
30. Như thật tri hiển hiện ▬p▬▬▬▬{ . Pāli: yathābhūtaṃ pakkhayati, được hiển hiển một cách trung thực (như thực).
31. Pāli, S. 35. 159. Jīvakambavane; 35. 99. Samādhi.
32. Xem cht.69, kinh 203.
33. Pāli: samāhito bhikkhave bhikkhu yathābhūtaṃ pajānāti, Tỳ-kheo tập trung tư tưởng, thì nhận thức một cách như thật.

gì? Như thật hiển hiện đối với mắt."

Chi tiết như trên... cho đến:

"Các pháp này là vô thường, hữu vi, cũng được hiển hiện như thật như vậy."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 208. VÔ THƯỜNG[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Am-la của thầy thuốc Kỳ-bà Câu-ma-la tại Tỳ-xá-ly[2]. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Mắt quá khứ, vị lai là vô thường, huống chi là mắt hiện tại. Đa văn Thánh đệ tử quán sát như vậy, sẽ không hoài niệm mắt quá khứ, không ham cầu mắt vị lai và đối với mắt hiện tại thì nhàm tởm, không ham muốn, ly dục, hướng đến chán bỏ[3]. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như vậy."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Như vô thường, đối với khổ, không, vô ngã cũng thuyết như vậy[4].

Như bốn kinh nội nhập xứ, thì bốn kinh ngoại nhập xứ, sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp và bốn kinh nội ngoại nhập xứ cũng thuyết như vậy[5].

M

1. Pāli, S. 35. 10-12. Anicca,v.v…
2. Xem cht.69, kinh 203.
3. Hán: hướng yếm 向 厭. Ấn Thuận sửa lại: hướng diệt 向 滅 hướng đến diệt tận.
4. Pāli, hai kinh: S. 35. 8: Dukkham, 35. 9: Anattā.
5. Pāli, ba kinh: S. 35. 10: Bāhirāniccā; 35. 11: Bāhirādukkhā; 35. 12: Bāhirānattā.

KINH 209. LỤC XÚC NHẬP XỨ[6]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Am-la của thầy thuốc Kỳ-bà Câu-ma-la tại Tỳ-xá-ly[7]. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có sáu xúc nhập xứ. Những gì là sáu? Đó là, nhãn xúc nhập xứ nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc nhập xứ. Nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào đối với sáu xúc nhập xứ này mà không biết như thật về sự tập khởi, sự diệt tận, vị ngọt, sự tai hại và sự xuất ly, thì biết rằng Sa-môn, Bà-la-môn này cách xa pháp, luật của Ta như trời và đất."

Lúc ấy, có Tỳ-kheo từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục đảnh lễ Phật, rồi chắp tay bạch Phật:

"Con có đầy đủ tri kiến như thật về sự tập khởi, sự diệt tận, vị ngọt, sự tai hại và sự xuất ly của sáu nhập xứ này."

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Bây giờ, Ta hỏi ngươi, hãy theo câu hỏi của Ta mà trả lời. Này Tỳ-kheo, ngươi có thấy nhãn xúc nhập xứ là ngã, khác ngã, hay ở trong nhau không?"

Đáp:

"Bạch Thế Tôn, không."

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Lành thay! Lành thay! Đối với nhãn xúc nhập xứ này là chẳng phải ngã, chẳng phải khác ngã, chẳng ở trong nhau, người nào thấy, biết như thật, thì sẽ không khởi lên các lậu hoặc, tâm sẽ không nhiễm đắm, tâm được giải thoát. Đó gọi là xúc nhập xứ đầu tiên đã đoạn trừ, đã biết rõ, đã đoạn trừ cội gốc của nó như chặt ngọn cây đa-la, đối với pháp vị lai, nhãn thức và sắc vĩnh viễn không khởi lên lại.

"Ngươi có thấy tai, mũi, lưỡi, thân, ý xúc nhập xứ là ngã, khác ngã, ở trong nhau không?"

Đáp:

"Bạch Thế Tôn, không."

Phật bảo Tỳ-kheo:

---

6. Pāli, S. 35. 71-73. Chaphassāyatanikā (Sáu xúc xứ).

7. Xem cht.69, kinh 203.

"Lành thay! Lành thay! Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý xúc nhập xứ, chẳng phải là ngã, chẳng phải khác ngã, chẳng ở trong nhau, người nào biết, thấy như thật như vậy, thì sẽ không khởi lên các lậu hoặc, tâm không đắm nhiễm, tâm đạt được giải thoát. Đó gọi là Tỳ-kheo đối với sáu xúc nhập xứ, đã đoạn trừ được, đã biết rõ, đã đoạn trừ được cội gốc này như chặt ngọn cây đa-la, ý thức và pháp sẽ không còn sanh trở lại ở đời vị lai nữa."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 210. ĐỊA NGỤC[8]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Am-la của thầy thuốc Kỳ-bà Câu-ma-la tại Tỳ-xá-ly[9]. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Chớ lạc, chớ khổ[10]. Vì sao? Có địa ngục gọi là Sáu xúc nhập xứ[11]. Chúng sanh sanh ở trong địa ngục này, mắt chỉ thấy sắc không đáng ưa, chứ không thấy sắc đáng ưa; chỉ thấy sắc không đáng tưởng nhớ, chứ không thấy sắc đáng được tưởng nhớ; chỉ thấy sắc không lành, chứ không thấy sắc lành. Vì những nhân duyên này nên chỉ một mực nhận lãnh buồn khổ mà thôi. Tai đối với âm thanh, mũi đối với mùi, lưỡi đối với vị, thân đối với xúc, ý thức đối pháp cũng chỉ thấy không đáng yêu, chứ không thấy đáng yêu; chỉ thấy việc không đáng nhớ, chứ không thấy đáng nhớ; chỉ thấy pháp không lành, chứ không thấy pháp lành. Vì những nguyên nhân này nên luôn luôn phải chịu buồn khổ.

---

8. Pāli, S. 35. 135. Saṅgayha (Chấp trước).

9. Xem cht.69, kinh 203.

10. Pāli: lābhā vo, bhikkhave, suladdhaṃ vo, bhikkhave, khaṇo vo paṭiladdho brahmacariyavāsāya, các Tỳ-kheo, đây là điều lợi đắc của các ngươi; đây là điều thiện lợi của các ngươi. Các Tỳ-kheo, các ngươi có cơ hội để sống cuộc đời phạm hạnh.

11. Lục xúc nhập xứ, ———J–B–A tên gọi một địa ngục. Pāli: diṭṭhā mayā bhikkhave chaphassāyatanikā nāma nirayā. Này các Tỳ-kheo, Ta thấy có địa ngục tên là Sáu xúc xứ.

"Này các Tỳ-kheo, có cõi trời gọi là Sáu xúc nhập xứ[12]. Chúng sanh sanh vào nơi này, mắt chỉ thấy sắc đáng yêu, chứ không thấy sắc không đáng yêu; chỉ thấy sắc đáng nhớ, chứ không thấy sắc không đáng nhớ; chỉ thấy sắc lành, chứ không thấy sắc không lành. Vì những nguyên nhân này, nên luôn luôn chỉ cảm nhận vui thích mà thôi. Và tai đối với âm thanh, mũi đối với mùi, lưỡi đối với vị, thân đối với xúc, ý thức đối với pháp là đáng yêu, chứ không phải không đáng yêu; là đáng nhớ, chứ không phải không đáng nhớ; là lành, chứ không phải là không lành.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 211. THẾ GIAN NGŨ DỤC[13]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Am-la của thầy thuốc Kỳ-bà Câu-ma-la tại Tỳ-xá-ly[14]. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Xưa kia, khi Ta chưa thành Chánh giác, ở một mình nơi thanh vắng, thiền định tư duy, quán sát xem tự tâm phần nhiều hướng đến nơi nào? Tự tâm phần nhiều chạy theo năm công đức của dục quá khứ, phần ít chạy theo năm công đức của dục hiện tại, lại càng rất ít chạy theo đời vị lai. Khi Ta quán sát thấy tâm phần nhiều chạy theo năm dục quá khứ, bèn nỗ lực tìm phương tiện, tinh cần tự giữ gìn, không để chạy theo năm công đức của dục quá khứ nữa.

"Do tinh cần tự giữ, nên Ta dần dần tiếp cận được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác[15].

"Này các Tỳ-kheo, các ông cũng phần nhiều chạy theo năm công đức của dục quá khứ, còn đối với hiện tại, vị lai thì lại cũng rất ít. Hiện tại, các ông cũng nên vì tâm phần nhiều chạy theo năm công đức của dục quá khứ đó, tăng cường tự phòng hộ, không bao lâu

---

12. Pāli: chaphassāyatanikā nāma saggā.

13. Pāli, S. 35. 117. Lokakāmaguṇa.

14. Xem cht.69, kinh 203.

15. Trong nguyên bản, *a-nậu-đa-la tam-miệu-tam-bồ-đề*, ———h——T——T——.

cũng sẽ chứng đắc lậu tận, vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát, ngay trong đời này tự tri tự tác chứng: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.'

Vì sao? Vì mắt thấy sắc làm nhân duyên sanh ra nội cảm thọ, hoặc khổ, hoặc vui, hoặc không khổ không vui; tai, mũi, lưỡi, thân, ý tiếp xúc với pháp làm nhân duyên sanh ra nội cảm thọ, hoặc khổ, hoặc vui, hoặc không khổ không vui. Cho nên, các Tỳ-kheo, đối với những nhập xứ này cần phải giác tri[16], khi mắt kia diệt, sắc tưởng sẽ lìa[17]; tai, mũi, lưỡi, thân, ý diệt thì pháp tưởng sẽ lìa."

Phật nói cần phải nhận biết sáu nhập xứ rồi, liền vào thất tọa thiền.

Bấy giờ, có số đông Tỳ-kheo, sau khi Đức Thế Tôn đi rồi, bàn luận như vầy:

"Thế Tôn đã vì chúng ta nói gọn pháp yếu, nhưng không phân tích đầy đủ mà đã vào thất tọa thiền. Thế Tôn bảo rằng: 'Sáu nhập xứ cần phải giác tri; khi mắt kia diệt thì sắc tưởng sẽ lìa; tai, mũi, lưỡi, thân, ý diệt thì pháp tưởng sẽ lìa.'

"Hiện tại, đối với pháp do Đức Thế Tôn đã nói gọn, chúng ta vẫn còn chưa hiểu. Nay ở trong chúng này, ai là người có trí tuệ có thể vì chúng ta, đối với pháp đã được Đức Thế Tôn nói gọn đó, mà vì chúng ta diễn nói đầy đủ nghĩa của nó?

"Họ lại nghĩ: 'Chỉ có Tôn giả A-nan, luôn luôn hầu Đức Thế Tôn, thường được Thế Tôn và các vị phạm hạnh có trí khen ngợi. Chỉ có Tôn giả A-nan mới có thể vì chúng ta diễn nói lại nghĩa pháp đã được Đức Thế Tôn nói gọn đó. Nay, chúng ta cùng nhau đến chỗ Tôn giả A-nan hỏi về ý nghĩa quan trọng của chúng và theo những gì Tôn giả A-nan nói tất cả chúng ta sẽ phụng hành.'"

Bấy giờ, số đông chúng Tỳ-kheo, đi đến chỗ Tôn giả A-nan, cùng nhau thăm hỏi rồi ngồi qua một bên, bạch Tôn giả A-nan:

"Tôn giả, nên biết cho, Đức Thế Tôn vì chúng tôi đã nói gọn

---

16. Pāli: se āyatane veditabbe, các xứ này cần được biết rõ.

17. Pāli: cakkhu ca nirujjhati, rūpasaññā ca nirujjhati, mắt bị diệt và sắc tưởng bị diệt.

pháp yếu, *(chi tiết như đã nói ở trên)*, xin Tôn giả vì chúng tôi nói đầy đủ nghĩa của chúng."

Tôn giả A-nan nói với các Tỳ-kheo:

"Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, tôi sẽ vì các thầy mà nói về pháp đã được Đức Thế Tôn nói gọn một cách đầy đủ nghĩa của chúng. Đức Thế Tôn đã nói tóm gọn chỉ cho việc diệt sáu nhập xứ, còn những điều khác sẽ nói là nhãn xứ diệt thì sắc tưởng sẽ lìa; và tai, mũi, lưỡi, thân, ý nhập xứ diệt, thì pháp tưởng sẽ lìa. Đức Thế Tôn nói gọn pháp này xong vào thất thiền định. Nay tôi đã vì các ông phân tích nghĩa này."

Tôn giả A-nan nói nghĩa này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Tôn giả đã nói, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 212. BẤT PHÓNG DẬT[18]

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Ta không vì tất cả các Tỳ-kheo mà nói hành không buông lung[19], cũng chẳng phải không vì tất cả các Tỳ-kheo mà nói hành không buông lung.

"Ta không nhắm đến những hạng Tỳ-kheo nào để nói hành không buông lung? Nếu Tỳ-kheo đã chứng đắc A-la-hán, đã diệt tận các lậu, đã rời bỏ các gánh nặng, đã đạt được mục đích của mình, đã tận trừ các kết sử hữu[20], tâm chánh giải thoát; đối với hạng Tỳ-kheo như vậy, Ta không vì họ nói hạnh không buông lung. Vì sao? Vì các hàng Tỳ-kheo này đã hành không buông lung, nên không thể nào hành buông lung nữa. Nay Ta thấy các Tôn giả kia đã đạt được quả không buông lung, cho nên không phải vì họ mà nói hành không buông lung.

---

18. Không buông lung. Pāli, S. 35. 134. Devadahakhaṇa.

19. Pāli: nāhaṃ, bhikkhave, sabbesaṃyeva bhikkhūnaṃ chasu phassāyatanesu appamādena karaṇīyanti vadāmi, các Tỳ-kheo, Ta không nói rằng hết thảy các Tỳ-kheo cần phải thực hành không buông lung nơi sáu xúc xứ.

20. Hán: hữu kết, ——A chỉ các phiền não dẫn đến tái sanh. Pāli: bhavasaṃyojana.

"Vì những hạng Tỳ-kheo nào mà nói hành không buông lung? Đó là hàng Tỳ-kheo còn ở học địa, tâm, ý chưa được tăng thượng an ổn, hướng đến an trụ Niết-bàn. Đối với những hàng Tỳ-kheo như vậy, Ta vì họ mà nói hành không buông lung. Vì sao? Vì hàng Tỳ-kheo này đang tập học các căn, tâm còn ái lạc theo các phương tiện sinh sống, gần gũi bạn lành, chẳng bao lâu các lậu được đoạn trừ, được vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát; ngay trong hiện tại tự tri tự tác chứng: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.'

"Vì sao? Vị kia, sau khi thấy sắc đáng được yêu thích và đắm trước được nhận thức bởi mắt; Tỳ-kheo này thấy rồi, không vui, không khen ngợi, không nhiễm, không trói đắm vào. Vì không vui, không khen ngợi, không nhiễm, không bị trói đắm vào, nên nỗ lực tinh tấn, thân tâm an chỉ, tịch tĩnh, tâm tuyệt đối an trụ không quên, thường định nhất tâm, pháp hỷ không lường, sớm được tam-muội Chánh thọ đệ nhất, không bao giờ bị thoái thất theo nơi mắt và sắc. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý và pháp cũng lại như vậy."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 213. PHÁP[21]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Ta sẽ vì các ông diễn nói hai pháp. Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ. Hai pháp đó là gì? Nhãn và sắc là hai: tai và âm thanh, mũi và mùi, lưỡi và vị, thân và xúc, ý và pháp là hai. Đó gọi là hai pháp.

"Nếu có Sa-môn, Bà-la-môn nào nói như vầy: 'Đây chẳng phải là hai. Hai pháp mà Sa-môn Cù-đàm nói, đó thật sự không phải là hai[22].' Người kia nói hai pháp theo ý của mình, đấy chỉ có trên ngôn

21. Pāli, S. 35. 92. Dvayaṃ.

22. Pāli: aham etaṃ dvayaṃ paccakhāya aññaṃ dvayaṃ paññapessamī ti, "Tôi loại

thuyết; khi hỏi đến thì sẽ không biết, khiến sẽ tăng thêm nghi hoặc cho họ, vì đây chẳng phải là cảnh giới của họ. Vì sao? Vì duyên vào mắt và sắc sanh ra nhãn thức, cả ba hòa hợp duyên lại thành xúc, duyên vào xúc sanh ra cảm thọ, hoặc khổ, hoặc vui, hoặc không khổ không vui. Nếu không biết như thật về sự tập khởi của cảm thọ, về sự diệt tận của cảm thọ, về vị ngọt của cảm thọ, về sự tai hại của cảm thọ, về sự xuất ly cảm thọ này, thì sẽ gieo trồng tham dục nơi thân xúc, sẽ gieo trồng sân nhuế nơi thân xúc, sẽ gieo trồng giới thủ về thân xúc, sẽ gieo trồng ngã kiến nơi thân xúc; cũng gieo trồng và làm tăng trưởng các ác pháp bất thiện. Thuần một tụ khổ lớn như vậy, đều từ sự tập khởi mà sanh ra. Cũng vậy, tai, mũi, lưỡi, thân, ý và pháp làm nhân duyên sanh ra ý thức. Cả ba chúng hòa hợp sanh ra xúc, *nói chi tiết như trên*.

"Lại nữa, khi nhãn duyên vào sắc sanh ra nhãn thức, cả ba chúng hòa hợp sanh ra xúc và xúc làm duyên sanh ra cảm thọ, hoặc khổ, hoặc vui, hoặc không khổ không vui. Khi đã biết về sự tập khởi của cảm thọ, về sự diệt tận của cảm thọ, về vị ngọt của cảm thọ, về sự tai hại của cảm thọ, về sự xuất ly của cảm thọ như vậy rồi, thì sẽ không gieo trồng tham dục nơi thân xúc, sẽ không gieo trồng sân nhuế nơi thân xúc, sẽ không gieo trồng giới thủ nơi thân xúc, sẽ không gieo trồng ngã kiến về thân xúc, sẽ không gieo trồng các pháp ác bất thiện. Như vậy các pháp ác bất thiện sẽ bị tiêu diệt và thuần một tụ khổ lớn cũng bị tiêu diệt. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý và pháp lại cũng như vậy."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 214. NHỊ PHÁP[23]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-

---

bỏ qua hai pháp này mà sẽ công bố hai pháp khác".

23. Pāli, S. 35. 93. Dvayaṃ.

vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Có hai nhân duyên sanh ra thức. Những gì là hai? Đó là: mắt và sắc; tai và mũi; lưỡi và vị; thân và xúc; ý và pháp. Nói chi tiết như trên, cho đến... chẳng phải là cảnh giới của thọ.

"Vì sao? Vì mắt và sắc làm nhân duyên sanh ra nhãn thức, chúng là pháp hữu vi, vô thường, tâm duyên mà sanh; ba pháp này hòa hợp sanh ra xúc, xúc rồi sanh cảm thọ, cảm thọ rồi sanh tư, tư rồi sanh tưởng. Tất cả những pháp này là pháp hữu vi, vô thường, tâm duyên mà sanh, tức là: xúc, tưởng, tư. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý lại cũng như vậy."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 215. PHÚ-LƯU-NA[24]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Tôn giả Phú-lưu-na cùng các Tỳ-kheo đến chỗ Đức Phật, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi đứng lui qua một bên, bạch Phật:

"Thế Tôn nói pháp hiện thấy, nói dập tắt sự rực cháy, nói không đợi thời, nói hướng đạo chân chánh, nói chính nơi đây mà thấy, nói duyên tự tâm mà giác ngộ[25]. Vậy, bạch Thế Tôn thế nào là pháp hiện thấy, cho đến duyên tự tâm mà giác ngộ?

Phật bảo Phú-lưu-na:

"Lành thay! Phú-lưu-na có thể hỏi những điều này. Này Phú-lưu-na, hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì ngươi mà nói.

---

24. Pāli, S. 35. 88. Puṇṇa.

25. Hán: hiện pháp, xí nhiên, bất đãi thời, chánh hướng, tức thử kiến, duyên tự giác -{-k-A-K-U-A———A——V-A-Y———A-t———Fcác phẩm tính của Chánh pháp; định cú theo Pāli:svākkhāto bhagavatā dhammo sandiṭṭhikio akāliko ehi-passiko opnayiko paccattaṃ veditabbo viññuhī ti. Hán dịch, *Phẩm Loại Túc Luận* 2: thiện thuyết, hiện kiến, vô nhiệt, ứng thời, dẫn đạo, cận quán, trí giả nội chứng; tham chiếu *Du-già Sư Địa Luận 8* (Đại 30, tr.766c): hiện kiến, vô xí nhiên, ứng thời, dẫn đạo, duy thử kiến, nội sở chứng.

"Này Phú-lưu-na, mắt thấy sắc rồi giác tri[26] sắc, giác tri sắc tham. Nếu bên trong ta có sự tham ái đối với sắc được nhận thức bởi mắt, thì biết như thật rằng bên trong ta có sự tham ái đối với sắc được nhận thức bởi mắt. Này Phú-lưu-na, nếu mắt thấy sắc rồi giác tri sắc, giác tri sắc tham, biết như thật rằng bên trong ta có sự tham ái đối với sắc được nhận thức bởi mắt. Đó gọi là pháp được hiện thấy[27].

"Thế nào là dập tắt sự rực cháy? Thế nào là không đợi thời? Thế nào là hướng đạo chân chánh? Thế nào là chính nơi đây mà thấy? Thế nào là duyên tự tâm mà giác ngộ?

"Này Phú-lưu-na, mắt thấy sắc rồi giác tri sắc, nhưng không khởi giác tri sắc tham; biết như thật rằng bên trong ta có sự tham ái đối với sắc được nhận thức nhưng không khởi giác tri sắc tham. Nếu Tỳ-kheo, Phú-lưu-na, khi mắt thấy sắc, rồi giác tri sắc, không khởi giác tri sắc tham và biết như thật về sắc, biết như thật là không khởi giác tri sắc tham; gọi đó là dập tắt sự rực cháy, không đợi thời, hướng đạo chân chánh, chính nơi đây mà thấy, duyên tự tâm mà giác ngộ. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý lại cũng như vậy."

Phật nói kinh này xong, Tỳ-kheo Phú-lưu-na nghe những gì Đức Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

---

26. Giác tri ——A tức được cảm thọ, cảm nhận. Pāli: vedayita.

27. Hiện kiến pháp –{——k–A ở trên Hán dịch là *hiện pháp*. Pāli: sandiṭṭhiko.

KINH 216. ĐẠI HẢI[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Nói biển lớn, đó là lời nói của người ngu nói, chứ không phải là lời nói của bậc Thánh. Biển lớn này chỉ là một ít nước thôi. Biển mà Thánh nói là cái gì? Đó là, sắc được nhận thức bởi mắt, đáng mong muốn, đáng yêu thích, chìm đắm tham lạc liên hệ nghiệp thân, khẩu, ý[2]; đó gọi là biển. Tất cả thế gian bao gồm chúng A-tu-la, cho đến trời, người tham lạc chìm đắm trong đó. Như trong ruột chó, như đống cỏ loạn[3]; đời này và đời khác được nối kết chằng chịt lại cũng như vậy. Đối với tiếng được nhận thức bởi tai, mùi được nhận thức bởi mũi, vị được nhận thức bởi lưỡi, xúc được nhận thức bởi thân, đời này và đời khác được nối kết chằng chịt lại cũng như vậy."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Như nói về nghiệp thân, miệng, ý; tham, nhuế, si, già, bệnh, chết cũng nói chi tiết như vậy.

Giống như ba kinh nói về năm căn, ba kinh nói về sáu căn cũng như vậy.

M

KINH 217. ĐẠI HẢI (2)[4]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

---

1. Pāli, S. 35. 188. Samudda.
2. Pāli: cakkhuviññeyyā rūpā iṭṭhā (...) kāmūpasaṃhitā, sắc được nhận thức bởi mắt, khả ái... liên hệ đến dục. Bản Hán đọc: kammūpasaṃhitā, liên hệ nghiệp.
3. Pāli: tantākulakajātā kulagaṇṭhikajātā muñjapabbajabhutā, giống như cuộn chỉ rối, như vật sình thối được che đậy, như cỏ muñja, cỏ pabbaja.
4. Pāli, S. 35. 187. Samudda.

"Nói biển lớn, đó là lời nói của người ngu nói, chứ không phải là lời nói của bậc Thánh. Bậc Thánh nói mắt là biển lớn của con người và sắc kia là sóng cả[5]. Nếu người nào chịu nổi sắc ba đào, thì sẽ vượt qua bờ bên kia của biển cả của mắt, với các sóng cả, các dòng xoáy, sâu trùng độc hại và nữ quỷ La-sát. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý; chúng là biển cả của con người, âm thanh, mùi hương, vị, xúc chạm và pháp là sóng cả. Nếu ai kham chịu nổi pháp ba đào này, thì sẽ vượt qua bờ bên kia của biển cả của mắt, với các sóng cả, các dòng xoáy, sâu trùng độc hại và nữ quỷ La-sát."

Bấy giờ, Đức Thế Tôn đọc bài kệ:

Biển cả sóng cuồn cuộn,
Quỷ, ác trùng, ghê sợ.
Khó vượt nhưng vượt được;
Vĩnh viễn đoạn tập khởi,
Dứt trừ tất cả khổ,
Không tái sanh đời khác.
Vĩnh viễn trụ Niết-bàn,
Không còn buông lung nữa.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 218. KHỔ TẬP DIỆT[6]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Nay Ta sẽ vì các ông mà nói về con đường dẫn đến tập khởi của khổ và con đường dẫn đến diệt tận khổ[7]. Hãy lắng nghe và suy

---

5. Pāli: tassa rūpamayo vego, dòng nước chảy xiết của nó được tạo thành bởi sắc.
6. Pāli, S. 35. 106. Dukkha.
7. Khổ tập đạo tích, khổ diệt đạo tích –W——D——W——D— . Pāli: dukkhassa bhikkhave samadayañ ca atthaṅgamañ ca dessāmi, Ta sẽ nói về sự nổi lên và sự chìm xuống (sanh khởi và diệt tận) của khổ.

nghĩ kỹ, Ta sẽ vì các ông mà nói.

"Thế nào là con đường dẫn đến tập khởi khổ? Do duyên con mắt và sắc, nhãn thức phát sanh; ba sự hòa hợp sanh ra xúc; xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não. Khổ tập khởi như vậy. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý lại cũng như vậy. Đó gọi là con đường tập khởi của khổ.

"Thế nào là con đường dẫn đến diệt tận khổ? Do duyên con mắt và sắc, nhãn thức phát sanh; ba sự hòa hợp sanh ra xúc. Xúc diệt thì thọ diệt, thọ diệt thì ái diệt, ái diệt thì thủ diệt, thủ diệt thì hữu diệt, hữu diệt thì sanh diệt, sanh diệt thì già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não cũng diệt luôn, thuần một tụ khổ lớn như vậy bị tiêu diệt. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng như vậy. Đó gọi là con đường đưa đến sự diệt tận của khổ."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 219. NIẾT-BÀN ĐẠO TÍCH[8]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Nay Ta sẽ nói về con đường đưa đến Niết-bàn[9]. Vậy, thế nào là con đường đưa đến Niết-bàn? Quán sát mắt là vô thường. Quán sát sắc, nhãn thức và cảm thọ với khổ thọ, lạc thọ và phi khổ phi lạc thọ được cảm thọ bên trong phát sanh bởi nhân duyên nhãn xúc; chúng cũng đều là vô thường. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như vậy. Đó gọi là con đường đưa đến Niết-bàn."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---

8. Pāli, S. 35. 146. Sappāya (thể nghiệm).

9. Niết-bàn đạo tích ─I─n─D─ . Pāli: nibbānasappāyaṃ vo bhikkhace paṭipadaṃ dessāmi, Ta sẽ nói về con đường dẫn đến thể nghiệm Niết-bàn.

M

KINH 220. TỢ THÚ NIẾT-BÀN ĐẠO TÍCH[10]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Có con đường tương tợ đưa đến Niết-bàn. Vậy, thế nào là con đường tương tợ đưa đến Niết-bàn? Quán sát mắt chẳng phải ngã. Quán sát sắc, nhãn thức và cảm thọ với khổ thọ, lạc thọ và phi khổ phi lạc thọ được cảm thọ bên trong phát sanh bởi nhân duyên nhãn xúc, chúng cũng được quán sát là vô thường[11]. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như vậy. Đó gọi là con đường tương tợ đưa đến Niết-bàn."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 221. THỦ

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Có con đường đưa đến tất cả thủ. Vậy, thế nào là con đường đưa đến tất cả thủ? Duyên con mắt và sắc mà nhãn thức phát sanh; cả ba hòa hợp sanh ra xúc. Xúc làm duyên sanh ra cảm thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, vì được chấp thủ bởi thủ. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý, cũng vậy, vì được chấp thủ bởi thủ. Đó gọi là con đường đưa đến tất cả thủ.

"Thế nào là con đường đoạn tận tất cả thủ? Duyên con mắt và sắc mà nhãn thức phát sanh; cả ba hòa hợp nhau sanh ra xúc. Nếu xúc diệt thì thọ diệt, thọ diệt thì ái diệt, ái diệt thì thủ diệt. Đối với tai,

---

10. Con đường tương tợ (gần giống) dẫn đến Niết-bàn. Pāli, S. 35. 147-149. Sappāya.

11. Trong nguyên bản: vô thường −L−` −FẤn Thuận sửa lại là phi ngã −D——H

mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như vậy."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 222. TRI THỨC[12]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Nên biết tất cả pháp được liễu tri, tất cả pháp được nhận thức[13]. Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì các ông mà nói.

Thế nào là tất cả pháp được liễu tri? Tất cả pháp được nhận thức? Này các Tỳ-kheo, mắt là pháp được liễu tri, được nhận thức. Sắc, nhãn thức và cảm thọ với khổ thọ, lạc thọ và phi khổ phi lạc thọ được cảm thọ bên trong phát sanh bởi nhân duyên nhãn xúc, tất cả chúng đều là pháp được liễu tri, được nhận thức. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như vậy."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 223. ĐOẠN (1)[14]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Ta không nói có một pháp không được liễu tri, không được nhận thức, mà có thể cứu cánh biên tế khổ. Thế nào là không nói có một pháp không được liễu tri, không được nhận thức, mà cứu cánh biên tế khổ? Ta không nói, đối với mắt không được liễu tri, không

---

12. Pāli, S. 35. 26-27. Parijāna.

13. Tri pháp, thức pháp, ▬▬k▬▬k . Bản Pāli: anabhijānaṃ, aparijānaṃ: không được thắng tri (nhận thức rõ ràng), không được biến tri (nhận thức toàn diện).

14. Pāli, xem kinh 222.

được nhận thức, mà có thể cứu cánh biên tế khổ. Sắc, nhãn thức và cảm thọ với khổ thọ, lạc thọ và phi khổ phi lạc thọ được cảm thọ bên trong phát sanh bởi nhân duyên nhãn xúc, Ta không nói không được liễu tri, không được nhận thức, mà có thể cứu cánh biên tế khổ. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý lại cũng như vậy."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 224. ĐOẠN (2)[15]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Tất cả pháp dục cần phải đoạn trừ[16]. Vậy, thế nào là tất cả pháp dục cần phải đoạn trừ? Mắt là tất cả pháp dục cần phải đoạn trừ. Sắc, nhãn thức và cảm thọ với khổ thọ, lạc thọ và phi khổ phi lạc thọ được cảm thọ bên trong phát sanh bởi nhân duyên nhãn xúc, chúng là tất cả pháp dục cần phải đoạn trừ. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý lại cũng như vậy."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 225. ĐOẠN (3)[17]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Ta không nói rằng một pháp không được biết rõ, không bị đoạn trừ mà có thể cứu cánh biên tế khổ. Vậy, thế nào là không nói rằng một pháp không được biết rõ, không bị đoạn trừ mà có thể cứu cánh biên tế khổ? Ta không nói mắt không được biết rõ, không bị đoạn trừ mà có thể cứu cánh biên tế khổ. Sắc, nhãn thức và cảm thọ với khổ thọ, lạc thọ và phi khổ phi lạc thọ được cảm thọ bên trong phát sanh bởi nhân duyên nhãn xúc, tất cả chúng, Ta không nói, không được biết rõ, không bị đoạn trừ mà có thể cứu cánh biên tế khổ. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý lại cũng như vậy."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật

---

15. Pāli, S. 35. 24-25. Pahāna.

16. Hán: nhất thiết dục pháp -@———k. Bản Pāli: sabbappahānāya vo bhikkhave dhammaṃ dessāmi, Ta sẽ nói cho các ngươi pháp cần để đoạn trừ triệt để.

17. Pāli, xem kinh 224.

dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 226. KẾ (1)[18]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Nay Ta sẽ nói về sự đoạn trừ tất cả kế chấp[19]. Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì các ông mà nói.

"Thế nào là không kế chấp? Không chấp sắc thấy là ngã, không chấp mắt là ngã sở, không chấp lệ thuộc vào nhau. Sắc, nhãn thức và cảm thọ với khổ thọ, lạc thọ và phi khổ phi lạc thọ được cảm thọ bên trong phát sanh bởi nhân duyên nhãn xúc, đối với chúng cũng không mê chấp lạc là ngã, là ngã sở, không chấp là tương thuộc[20]. Không chấp tai, mũi, lưỡi, thân, ý lại cũng như vậy.

"Người nào không chấp như vậy, đối với các pháp thế gian thường không có gì để chấp giữ. Vì không có gì để chấp giữ nên không có gì để đắm nhiễm. Vì không có gì để đắm nhiễm nên tự mình giác ngộ Niết-bàn: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa'."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

---

18. Tức phân biệt chấp trước. Pāli, S. 35. 90-91. Eja (dao động, bị kích thích bởi sự dụ hoặc).

19. Pāli: ejā, sự dao động. Sớ giải Pāli nói, ejā tức taṇhā (khát ái).

20. Hán: bất kế lạc tương lạc ——p————A xem kinh 227. Pāli: tasmimpi na maññeyya taṃ meti na maññeyya: không ở nơi đây (khổ, lạc) mà tư duy; không y theo đây mà tư duy; cũng không tư duy nó là của tôi.

KINH 227. KẾ (2)[21]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Kế chấp là bệnh, kế chấp là ung nhọt, kế chấp là gai nhọn[22]. Như Lai vì không trụ kế chấp nên xa lìa bệnh, xa lìa ung nhọt, xa lìa gai nhọn. Cho nên này các Tỳ-kheo, nếu muốn cầu không trụ kế chấp, để xa lìa bệnh, xa lìa ung nhọt, xa lìa gai nhọn, thì Tỳ-kheo các ông chớ kế chấp mắt là ngã, là ngã sở, chớ kế chấp tương thuộc của mắt; chớ chấp sắc, nhãn thức và cảm thọ với khổ thọ, lạc thọ và phi khổ phi lạc thọ được cảm thọ bên trong phát sanh bởi nhân duyên nhãn xúc, cũng không chấp cho là ngã, là ngã sở, hay ở trong nhau. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý lại cũng như vậy.

Này các Tỳ-kheo, người nào không chấp như vậy, đối với mắt sẽ không có gì để chấp giữ. Vì không có gì để giữ, nên không có gì để đắm nhiễm. Vì không có gì để đắm nhiễm nên tự mình giác ngộ Niết-bàn: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.'"

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Như mắt... đã nói trên, còn tất cả những nội dung khác cũng như vậy.

M

KINH 228. TĂNG TRƯỞNG

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Nay Ta sẽ nói về pháp tăng trưởng và pháp tổn diệt. Thế nào là

---

21. Pāli, xem kinh 226.

22. Kế giả thị bệnh –p——0–f . Pāli: ejā bhikkhave rogo ejā gaṇḍo ejā sallaṃ, động tham (kích thích bởi tham dục) là bệnh; động tham là gai nhọn; động tham là mũi tên độc. Xem cht.129, kinh 226 trên.

pháp tăng trưởng? Duyên con mắt và sắc mà nhãn thức phát sanh; cả ba hòa hợp nhau sanh ra xúc. Xúc làm duyên sanh ra cảm thọ... *(nói chi tiết đầy đủ cho đến...),* thuần một tụ khổ lớn. Đó gọi là pháp tăng trưởng. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý lại cũng như vậy, đó gọi là pháp tăng trưởng.

"Thế nào là pháp tổn diệt? Duyên con mắt và sắc mà nhãn thức phát sanh, cả ba hòa hợp nhau sanh ra xúc. Xúc diệt thì thọ diệt, chi tiết cho đến... thuần một tụ khổ lớn bị diệt tận. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như vậy, đó gọi là pháp tổn diệt."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Như pháp tăng trưởng và tổn diệt, thì pháp khởi, pháp xứ, pháp biến dịch, pháp tập khởi, pháp diệt tận cũng dạy như trên.

M

KINH 229. HỮU LẬU VÔ LẬU

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Nay Ta sẽ nói về pháp hữu lậu và pháp vô lậu. Vậy, thế nào là pháp hữu lậu? Sắc, nhãn thức và cảm thọ với khổ thọ, lạc thọ và phi khổ phi lạc thọ được cảm thọ bên trong phát sanh bởi nhân duyên nhãn xúc. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý, pháp, ý thức, ý xúc và cảm thọ với khổ thọ, lạc thọ và phi khổ phi lạc thọ được cảm thọ bên trong phát sanh bởi nhân duyên ý xúc; thuộc thế tục, nên gọi là pháp hữu lậu.

"Thế nào là pháp vô lậu? Là vượt ra ngoài thế gian ý, hoặc pháp, ý thức, ý xúc và cảm thọ với khổ thọ, lạc thọ và phi khổ phi lạc thọ được cảm thọ bên trong phát sanh bởi nhân duyên ý xúc, thuộc xuất thế gian, nên gọi là pháp vô lậu."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

❑

TẠP A-HÀM QUYỂN 9

KINH 230. TAM-DI-LY-ĐỀ (1)[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có một Tỳ-kheo tên là Tam-di-ly-đề đi đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, gọi là thế gian. Vậy, thế nào gọi là thế gian?"

Phật bảo Tam-di-ly-đề:

"Con mắt, sắc, nhãn thức, nhãn xúc và cảm thọ với khổ thọ, lạc thọ và phi khổ phi lạc thọ được cảm thọ bên trong phát sanh bởi nhân duyên nhãn xúc. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý, pháp, ý thức, ý xúc và cảm thọ với khổ thọ, lạc thọ và phi khổ phi lạc thọ được cảm thọ bên trong phát sanh bởi nhân duyên ý xúc. Đó gọi là thế gian. Vì sao? Vì sáu nhập xứ tập khởi nên xúc tập khởi, như vậy cho đến thuần một tụ khổ lớn cũng tập khởi.

"Này Tam-di-ly-đề, nếu không có con mắt kia, không có sắc, không có nhãn thức, không có nhãn xúc và không có cảm thọ với khổ thọ, lạc thọ và phi khổ phi lạc thọ được cảm thọ bên trong phát sanh bởi nhân duyên nhãn xúc; không có tai, mũi, lưỡi, thân, ý, pháp, ý thức, ý xúc và cảm thọ với khổ thọ, lạc thọ và phi khổ phi lạc thọ được cảm thọ bên trong phát sanh bởi nhân duyên ý xúc, thì không có thế gian, cũng không thi thiết thế gian[2]. Vì sao? Vì sáu nhập xứ diệt nên xúc diệt, cho đến thuần một tụ khổ lớn cũng diệt."

Phật nói kinh này xong, Tỳ-kheo Tam-di-ly-đề nghe những gì Đức Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

Như thế gian, chúng sanh, cũng được thuyết như vậy.

M

---

1. Pāli, S. 35. 65-68. Samiddhi.
2. Thi thiết thế gian ▬I▬]▬@▬▬A giả thiết hay khái niệm về thế gian. Pāli: lokapaññatti.

KINH 231. TAM-DI-LY-ĐỀ (2)[3]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Tỳ-kheo tên là Tam-di-ly-đề, đi đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui sang một bên, bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, gọi là thế gian. Vậy, thế nào gọi là thế gian?"

Phật bảo Tam-di-ly-đề:

"Mong manh tan vỡ[4], đó gọi là thế gian. Thế nào là mong manh tan vỡ?[5]

"Này Tam-di-ly-đề, mắt là pháp mong manh tan vỡ. Sắc, nhãn thức, nhãn xúc và cảm thọ với khổ thọ, lạc thọ và phi khổ phi lạc thọ được cảm thọ bên trong phát sanh bởi nhân duyên nhãn xúc, tất cả chúng đều mong manh tan vỡ. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như vậy. Đó là nói rằng vì nó mong manh tan vỡ cho nên gọi là thế gian."

Phật nói kinh này xong, Tỳ-kheo Tam-di-ly-đề nghe những gì Đức Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 232. KHÔNG[6]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Tỳ-kheo tên là Tam-di-ly-đề, đi đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, nói rằng 'Thế gian trống không[7].' Vậy, thế nào

---

3. Pāli, xem kinh 230; tham chiếu, S. 35. 82. Loka.

4. Nguy thúy bại hoại -M---a-R mong manh, giòn, dễ tan vỡ. Pāli: lujjati; xem cht.5 dưới.

5. Pāli, S. 35. 82. Loka, câu này Phật trả lời cho một Tỳ-kheo (aññataro bhikikhu): lujjatī 'ti kho, bhikkhu, tamsā lokoti vuccati, nó bị tan vỡ, do đó nó được gọi là thế gian. Theo định nghĩa này, danh từ loka (thế gian) là do gốc động từ lujjati (tan vỡ, vì quá giòn, hay mong manh).

6. Pāli, S. 35. 65-85. Suñña.

gọi là 'Thế gian trống không'?"

Phật bảo Tam-di-ly-đề:

"Mắt là không; pháp thường trú, vĩnh hằng, không biến dịch là không; ngã sở là không[8]. Vì sao? Vì tánh của nó tự là như vậy. Sắc, nhãn thức, nhãn xúc và cảm thọ với khổ thọ, lạc thọ và phi khổ phi lạc thọ được cảm thọ bên trong phát sanh bởi nhân duyên nhãn xúc, tất cả chúng cũng không, pháp thường trú, vĩnh hằng, không biến dịch là không, ngã sở là không. Vì sao? Vì tánh của nó tự như vậy. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như vậy. Đó gọi là thế gian không."

Phật nói kinh này xong, Tỳ-kheo Tam-di-ly-đề nghe những gì Đức Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 233. THẾ GIAN[9]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Nay Ta sẽ nói về thế gian, về sự tập khởi của thế gian, về sự diệt tận thế gian, về con đường đưa đến sự diệt tận thế gian. Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ.

"Thế nào là thế gian? Đó là sáu nội nhập xứ. Những gì là sáu? Nhãn nội nhập xứ, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý nội nhập xứ.

"Thế nào là sự tập khởi thế gian? Đó là tham ái đối hữu tương lai, đi đôi với tham và hỷ, ước vọng tái sanh chỗ này chỗ kia[10].

"Thế nào là sự diệt tận thế gian? Đó là tham ái đối hữu tương lai, đi đôi với tham và hỷ, ước vọng tái sanh chỗ này chỗ kia, đã được đoạn trừ không dư tàn, đã xả bỏ, đã nhả ra, đã dứt sạch, đã ly dục, tịch

---

7. Hán: thế gian không ━@━━ . Pāli: suñño loko. Trong bản Pāli, câu hỏi này do Ānanda.

8. Pāli, S. 35. 85: cakkhuṃ suññaṃ attena vā attaniyena vā, con mắt trống không, không ngã hay ngã sở.

9. Pāli, S. 35. 107. Loka.

10. Đương lai hữu ái ━━━━R━F Pāli: taṇhā ponobhavikā, khát ái về đời sống tương lai, khát vọng tồn tại đời sau.

diệt, tịch tịnh, tĩnh chỉ.

"Thế nào là con đường đưa đến sự diệt tận? Là tám Thánh đạo: chánh kiến, chánh chí, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 234. THẾ GIAN BIÊN[11]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Ta không nói là có người đi đến tận cùng biên tế của thế giới[12]. Ta cũng không nói là không đi đến tận cùng biên tế của thế giới mà có thể cứu cánh tận cùng biên tế của khổ."

Ngài nói như vậy rồi vào thất thiền định.

Sau khi Đức Thế Tôn đi rồi, thì bấy giờ có số đông Tỳ-kheo cùng nhau bàn luận:

"Đức Thế Tôn vừa rồi đã tóm lược nói pháp là: 'Ta không nói là có người đi đến tận cùng biên tế của thế giới. Ta cũng không nói là không đi đến tận cùng biên tế của thế giới mà có thể cứu cánh tận cùng biên tế của khổ.' Ngài nói như vậy rồi vào thất thiền định. Nay chúng ta chưa hiểu rõ ý nghĩa của bài pháp mà Đức Thế Tôn đã nói tóm lược đó. Ở trong các vị, ai là người có thể vì chúng ta nói đầy đủ ý nghĩa bài pháp mà Đức Thế Tôn đã nói tóm lược đó không?"

Lại nói:

"Chỉ có Tôn giả A-nan là người thông minh, trí tuệ ghi nhớ tất cả; thường theo hầu bên cạnh Thế Tôn và được Thế Tôn và các vị phạm hạnh có trí khen ngợi là đa văn, có thể vì chúng ta mà nói đầy đủ ý nghĩa bài pháp mà Đức Thế Tôn đã nói tóm lược đó. Chúng ta

---

11. Pāli, S. 35. 116. Lokakāmaguṇa (phẩm chất dục lạc của thế gian).

12. Pāli: nāhaṃ, bhikkhave, gamanena lokassa antaṃ ñāteyyaṃ, daṭṭheyyaṃ, patteyyanti vadāmi, Ta không nói rằng, do đi mà có thể đến và thấy và biết tận cùng biên tế của thế giới.

hãy đi đến chỗ Tôn giả A-nan nhờ Tôn giả giải thích."

Rồi thì, số đông Tỳ-kheo đến chỗ Tôn giả A-nan, thăm hỏi nhau rồi ngồi qua một bên, đem hết mọi chuyện trên hỏi Tôn giả A-nan.

Bấy giờ, Tôn giả A-nan bảo các Tỳ-kheo:

"Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, tôi sẽ vì các Tôn giả mà nói. Hoặc là thế gian, hoặc là danh của thế gian, giác của thế gian, ngôn từ của thế gian, ngữ thuyết của thế gian, tất cả những thứ này đều thuộc vào số mục của thế gian[13]. Thưa các Tôn giả, mắt là thế gian, là danh của thế gian, là giác của thế gian, là ngôn từ của thế gian, là ngữ thuyết của thế gian, tất cả chúng đều thuộc vào số mục của thế gian. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý lại cũng như vậy. Đa văn Thánh đệ tử đối với sáu nhập xứ phải biết như thật về sự tập khởi, về sự diệt tận, về vị ngọt, về sự tai hại, về sự xuất ly của chúng. Đó gọi là đa văn Thánh đệ tử đã đến chỗ tận cùng của thế giới, biết được thế gian và sức nặng của thế gian[14] và vượt qua khỏi thế gian."

Bấy giờ Tôn giả A-nan lại nói kệ:

Chẳng phải do bước đi,
Mà đến bờ thế giới.
Không đến bờ thế giới,
Thì không thoát khỏi khổ.
Cho nên Đức Mâu-ni,
Là Đấng Biết Thế Gian[15]*,*
Đã đến bờ thế giới,
Các phạm hạnh đã lập.
Bờ thế giới chỉ có
Chánh trí mới biết rõ.
Giác tuệ đạt thế gian,
Nên nói vượt bờ kia.

"Như vậy các Tôn giả, vừa rồi Đức Thế Tôn đã tóm lược bài

---

13. Pāli: yena āvuso lokasmiṃ lokasaññī hoti lokamānī – ayaṃ vuccati ariyassa vinaye loko, cái mà do bởi nó người có khái niệm về thế gian, có suy tưởng về thế gian, cái đó trong Thánh pháp luật được gọi là thế gian (= thế giới).
14. Thế gian sở trọng ━@━━━.
15. Trí Thế Gian ━━@━━A tức Thế Gian Giải, một trong mười hiệu của Phật.

pháp, rồi vào thất thiền định. Nay tôi vì các Tôn giả phân biệt nói đầy đủ."

Khi Tôn giả A-nan nói bài pháp này rồi, số đông các Tỳ-kheo nghe những lời nói xong, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 235. CẬN TRỤ[16]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Có thầy, có đệ tử gần gũi, là khổ đối với đời sống cô độc. Không thầy, không đệ tử gần gũi, là an lạc đối với đời sống cô độc[17]. Thế nào là có thầy, có đệ tử gần gũi, là khổ đối với đời sống cô độc? Duyên vào mắt thấy sắc, sanh ra các niệm tưởng ác bất thiện[18] câu hữu với tham, nhuế, si. Nếu Tỳ-kheo nào thực hành pháp này, thì gọi là có thầy[19]; nếu trụ vào bên cạnh đó thì gọi là đệ tử gần gũi[20]. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như vậy.

"Như vậy nói là có thầy, có đệ tử gần gũi, thì thường khổ đối với đời sống cô độc.

"Thế nào là không thầy, không đệ tử gần gũi, thường an lạc đối với đời sống cô độc? Duyên vào mắt thấy sắc, sanh ra niệm ác bất thiện câu hữu với tham, nhuế, si, mà Tỳ-kheo này không hành theo,

---

16. Cận trụ ——A đây hiểu là nội trú: đệ tử hầu cạnh thầy. Pāli, S. 35. 150. Antevāsī.

17. Pāli: santevāsiko, bhikkhave, bhikkhu sācariyako dukkhaṃ na phāsu viharati. Anantevāsiko, bhikkhave, bhikkhu anācariyako sukhaṃ phāsu viharati, Tỳ-kheo có đệ tử nội trú, có thầy, sống không thoải mái. Tỳ-kheo không đệ tử nội trú, không thầy, sống an lạc.

18. Ác bất thiện giác -c——— . Pāli: pāpakā akusalā dhammā sarasaṅkappā saṃyojaniyā, các pháp ác bất thiện được tưởng nhớ, được ước vọng, dẫn đến sự trói buộc.

19. Hán: hữu sư ——v . Pāli: sācariyako, người có thầy: samudācaranti naṃ pāpakā akusalā dhammāti, tasmā sācariyakoti vuccati, các pháp ác bất thiện dẫn nó đi, nên nó được nói là người có thầy.

20. Hán: cận trụ đệ tử————l . Pāli: antevāsa, đệ tử nội trú.

đó gọi là không thầy. Nếu không nương vào đó mà trụ thì gọi là không đệ tử gần gũi. Đó gọi là không thầy, không đệ tử gần gũi, thường an lạc đối với đời sống cô độc.

"Nếu Tỳ-kheo nào, không thầy, không đệ tử gần gũi, thì Ta nói người này phước phạm hạnh. Vì sao? Tỳ-kheo không thầy, không đệ tử gần gũi, thì Tỳ-kheo ấy đã kiến lập phạm hạnh ở nơi Ta, có khả năng chân chánh diệt tận khổ, cứu cánh biên tế khổ."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 236. THANH TỊNH KHẤT THỰC TRỤ[21]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, vào buổi sáng sớm, Tôn giả Xá-lợi-phất đắp y mang bát vào thành Xá-vệ khất thực. Khất thực xong trở về tinh xá, cất y bát, rửa chân xong; cầm tọa cụ vào trong rừng, tọa thiền nghỉ trưa. Sau khi tọa thiền xong, Tôn giả Xá-lợi-phất đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân, rồi ngồi lui qua một bên. Bấy giờ, Đức Phật hỏi Xá-lợi-phất:

"Ngươi từ đâu lại?"

Xá-lợi-phất đáp:

"Bạch Thế Tôn, con từ chỗ tọa thiền nghỉ trưa ở trong rừng lại."

Phật hỏi Xá-lợi-phất:

"Hôm nay ngươi nhập vào thiền nào mà an trú?"

Xá-lợi-phất bạch Phật:

"Hôm nay con ở trong rừng, nhập an trụ thiền Không tam-muội[22]."

Phật bảo Xá-lợi-phất:

"Lành thay! Lành thay! Xá-lợi-phất, hôm nay ngươi đã nhập

---

21. An trụ nơi sự thanh tịnh của khất thực; sống với sự khất thực thanh tịnh. Pāli, M. 151. Piṇḍapātapārisuddhi-sutta, Cf. N^{0}125 (45.6).

22. Pāli: suññatāvihārena kho ahaṃ bhante etarahi bahulaṃ vihārāmī ti, bạch Thế Tôn, ở đây con phần nhiều an trú bằng sự an trụ nơi không tánh.

thiền trú bậc thượng tọa mà tọa thiền[23]. Nếu các Tỳ-kheo nào, muốn nhập thiền thượng tọa, thì phải học như vầy:

"Khi vào thành, khi đi khất thực, hoặc lúc ra khỏi thành, thì phải tư duy như thế này: 'Hôm nay mắt ta thấy sắc, có khởi lên dục, ân ái, ái lạc, niệm tưởng, đắm nhiễm không?' Này Xá-lợi-phất, Tỳ-kheo quán sát như vậy, nếu nhãn thức đối với sắc mà có ái niệm, đắm nhiễm, thì Tỳ-kheo này vì để đoạn ác bất thiện nên phải phát khởi quyết ý tinh cần, có khả năng buộc chặt ý niệm để tu học. Ví như có người bị lửa đốt cháy đầu và áo, vì muốn dập tắt hết lửa, nên phải phát khởi nỗ lực quyết tâm để dập tắt lửa. Tỳ-kheo này lại cũng phải như vậy, phải phát khởi quyết ý tinh cần, buộc chặt ý niệm để tu học.

"Nếu Tỳ-kheo khi quán sát, hoặc ở giữa đường, hoặc đi khất thực ở trong làng xóm, hoặc đi ra khỏi làng xóm, ngay trong lúc đó mà nhãn thức đối với sắc không có ái niệm, đắm nhiễm, thì Tỳ-kheo này ước nguyện bằng thiện căn hỷ lạc này, ngày đêm tinh cần cột niệm tu tập. Đó gọi là Tỳ-kheo đi, đứng, ngồi, nằm, với sự khất thực đã được thanh tịnh. Cho nên kinh này gọi là Thanh tịnh khất thực trụ."

Phật nói kinh này xong, Tôn giả Xá-lợi-phất nghe những gì Đức Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 237. TỲ-XÁ-LY[24]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại giảng đường Trùng các, bên cạnh ao Di hầu tại Tỳ-da-ly. Bấy giờ có gia chủ tên là Úc-cù-lũ[25] đi đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

"Vì sao có Tỳ-kheo nhập Niết-bàn ngay trong đời này và có Tỳ-kheo không nhập Niết-bàn ngay trong đời này?"

Phật bảo gia chủ:

---

23. Pāli: mahāpurisavihāro eso, sāriputta, yadidaṃ suññaṃ, đây là sự an trụ của bậc Đại nhân, này Sariputta, đó là an trụ không.

24. Pāli, S. 35. 124. Vesāli.

25. Úc-cù-lũ ———. Pāli: Ugga (Úc-già).

"Nếu Tỳ-kheo nào, đối với sắc được nhận thức bởi mắt mà có ái niệm, đắm nhiễm; do ái niệm, đắm nhiễm, thường y trên thức và bị nó trói buộc, bị nó giữ chặt, nên không thể nhập Niết-bàn ngay trong đời hiện tại. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như vậy.

"Nếu Tỳ-kheo nào, đối với sắc được nhận thức bởi mắt mà không ái niệm, đắm nhiễm; vì không có ái niệm, đắm nhiễm nên không y trên thức. Vì không bị xúc, không bị dính mắc, không bị chấp thủ, nên các Tỳ-kheo này nhập Niết-bàn ngay trong đời hiện tại. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý lại cũng như vậy.

"Cho nên, này gia chủ, có Tỳ-kheo nhập Niết-bàn ngay trong đời này và có Tỳ-kheo không nhập Niết-bàn ngay trong đời này."

Như kinh Gia chủ hỏi, kinh A-nan hỏi và kinh Phật vì các Tỳ-kheo mà nói, cũng dạy như trên vậy.

M

KINH 238. NHÂN DUYÊN

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại giảng đường Trùng các, bên cạnh ao Di hầu tại Tỳ-da-ly. Bấy giờ có Tỳ-kheo đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui sang một bên, bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, vì nhân gì, duyên gì mà nhãn thức sanh? Và vì nhân gì duyên gì mà tai, mũi, lưỡi, thân, ý thức sanh?"

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Vì mắt do duyên sắc nên nhãn thức sanh. Vì sao? Khi nhãn thức sanh, là do tất cả mắt và sắc làm nhân duyên. Tai và âm thanh làm nhân duyên, mũi và hương làm nhân duyên, lưỡi và vị làm nhân duyên; ý và pháp làm nhân duyên nên ý thức sanh. Vì sao? Vì những gì là ý thức, tất cả chúng đều do ý và pháp làm nhân duyên sanh ra.

"Này Tỳ-kheo, đó gọi là do nhân duyên sanh ra nhãn thức, cho đến do nhân duyên sanh ra ý thức."

Phật nói kinh này xong, Tỳ-kheo kia nghe những gì Đức Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 239. KẾT[26]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại giảng đường Trùng các, bên cạnh ao Di hầu tại Tỳ-da-ly. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Nay Ta sẽ nói về pháp bị kết buộc và pháp kết buộc[27].

"Thế nào là pháp bị kết sử trói buộc? Là mắt và sắc, tai và âm thanh, mũi và mùi, lưỡi và vị, thân và xúc, ý và pháp. Đó gọi là pháp bị kết sử trói buộc.

"Thế nào là pháp kết sử? Là dục tham[28]. Đó gọi là pháp kết sử."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 240. THỦ[29]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại giảng đường Trùng các, bên cạnh ao Di hầu tại Tỳ-da-ly. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Nay Ta sẽ nói về pháp bị chấp thủ và pháp chấp thủ.

"Thế nào là pháp bị chấp thủ? Là mắt và sắc, tai và âm thanh, mũi và mùi, lưỡi và vị, thân và xúc, ý và pháp. Đó gọi là pháp bị chấp thủ.

"Thế nào là pháp chấp thủ? Là dục tham. Đó gọi là pháp chấp thủ."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

---

26. Kết ——A hay kết sử————Achỉ sự trói buộc của phiền não. Pāli, S.35. 109, 122. Saṃyojana.

27. Kết sở hệ pháp, kết pháp ————k——k-A pháp bị trói buộc bởi kết sử và kết sử. Pāli: saṃyojaniye dhamme, saṃyojanaṃ.

28. Dục tham ——g . Pāli: chandarāgo.

29. Pāli, S. 35. 110, 123. Upādāna.

KINH 241. THIÊU NHIỆT[30]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại giảng đường Trùng các, bên cạnh ao Di hầu tại Tỳ-da-ly. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Tỳ-kheo, phàm phu ngu si không học, thà dùng lửa đốt cháy que đồng rồi đem thui con mắt của mình, khiến cho nó cháy thiêu, chứ không để nhãn thức chấp vào sắc tướng mà chấp thủ hình dáng tốt đẹp. Vì sao? Vì chấp vào sắc tướng, chấp thủ những hình ảnh tốt đẹp, nên bị rơi vào đường ác, như hòn sắt bị chìm.

"Phàm phu ngu si, không học, thà nung đỏ dùi sắt đem dùi lỗ tai mình còn hơn là dùng nhĩ thức chấp vào âm thanh mà chấp thủ tiếng hay. Vì sao? Vì nhĩ thức chấp vào âm thanh mà chấp thủ tiếng hay, thì khi thân hoại mạng chung sẽ rơi vào trong đường ác, như hòn sắt bị chìm.

"Phàm phu ngu si, không học, thà dùng lưỡi dao bén cắt đứt mũi mình đi, còn hơn là dùng tỷ thức chấp vào mùi mà chấp thủ hương thơm. Vì sao? Vì chấp vào hương mà chấp thủ mùi thơm, thì khi thân hoại mạng chung sẽ rơi vào trong dường ác, như hòn sắt bị chìm.

"Phàm phu ngu si, không học, thà dùng lưỡi dao bén cắt đứt lưỡi mình đi, còn hơn là dùng thiệt thức chấp vào vị mà chấp thủ vị ngon. Vì sao? Vì chấp vào vị mà chấp thủ vị ngon, thì khi thân hoại mạng chung sẽ rơi vào trong đường ác, như hòn sắt bị chìm.

"Phàm phu ngu si, không học, thà dùng thanh sắt cứng, cây giáo mũi nhọn đâm vào thân thể mình, còn hơn là dùng thân thức chấp vào sự xúc chạm mà chấp thủ cảm giác xúc chạm êm ái. Vì sao? Vì chấp vào sự xúc chạm mà chấp thủ cảm giác xúc chạm êm ái, thì khi thân hoại mạng chung, sẽ rơi vào trong đường ác, như hòn sắt bị chìm.

"Này các Tỳ-kheo, ham ngủ là sinh hoạt của người ngu, là mạng

---

30. Thiêu nhiệt -N——Ahay xí nhiên -K-U-R rực cháy; ngọn lửa đang bùng cháy. Pāli, S. 35. 194. Ādittena.

sống của người ngu, không lợi, không phước[31]. Nhưng này các Tỳ-kheo, thà nên mê ngủ còn hơn là đối với sắc kia mà khởi lên giác tưởng[32]. Nếu khởi lên giác tưởng ắt sẽ sanh ra triền phược, tranh tụng, có thể khiến cho mọi người đưa đến việc làm phi nghĩa, không mang lại lợi ích và an lạc cho trời người[33].

"Đa văn Thánh đệ tử kia nên phải học như vầy: 'Nay ta thà nung đỏ cây thương bằng sắt đem đâm vào con mắt, còn hơn là dùng nhãn thức để chạy theo sắc tướng thì chắc chắn sẽ bị rơi vào ba đường ác phải chịu khổ lâu dài. Từ hôm nay, ta phải tư duy chân chánh, quán sát mắt là vô thường, hữu vi, là pháp tâm duyên để sanh. Sắc, nhãn thức, nhãn xúc và cảm thọ với khổ thọ, lạc thọ và phi khổ phi lạc thọ được cảm thọ bên trong phát sanh bởi nhân duyên nhãn xúc, tất cả chúng đều là vô thường, hữu vi, là pháp tâm duyên để sanh. Đối với tai, mũi lưỡi, thân nhập xứ, cũng phải học như vậy. Thà dùng cây thương sắt đâm thủng thân mình, còn hơn là đem thân thức chấp vào sự xúc chạm mà chấp thủ cảm giác xúc chạm êm ái, thì sẽ rơi vào ba đường ác. Từ hôm nay, ta phải tư duy đúng, quán sát thân là pháp hữu vi vô thường, tâm duyên sanh. Hoặc xúc, thân thức, thân xúc và cảm thọ với khổ thọ, lạc thọ và phi khổ phi lạc thọ được cảm thọ bên trong phát sanh bởi nhân duyên thân xúc, chúng cũng là vô thường, hữu vi, là pháp tâm duyên để sanh.'

"Đa văn Thánh đệ tử nên học như vầy: 'Ham ngủ là sinh hoạt của người ngu, là mạng sống của người không lợi, không phước. Ta không ham ngủ, cũng không khởi giác tưởng. Nếu khởi giác tưởng thì sẽ sanh ra triền phược, tranh tụng, khiến cho mọi người làm những việc phi nghĩa, không lợi ích, không đem lại an lạc.'

"Đa văn Thánh đệ tử quán sát như vậy đối với mắt sanh ra nhàm tởm. Sắc, nhãn thức, nhãn xúc và cảm thọ với khổ thọ, lạc thọ và phi

---

31. Pāli: sottaṃ kho... vañjhaṃ jīvitānaṃ... aphalaṃ jīvitānaṃ... momūhaṃ jīvitānaṃ vadāmi: ngủ, Ta nói là sự không sanh sản của sinh mạng, là sự không kết trái của sinh mạng, là sự ngu mê của sinh mạng.

32. Pāli: na tveva tathārupe vitakke vitakkeyya, không tư duy tầm cầu những tư duy tầm cầu.

33. Bản Pāli: (...) saṅghaṃ bhindeyya, còn có thể khiến phá hòa hợp Tăng.

khổ phi lạc thọ được cảm thọ bên trong phát sanh bởi nhân duyên nhãn xúc, đối với chúng cũng sanh ra nhàm tởm. Do nhàm tởm nên không yêu thích; vì không yêu thích nên được giải thoát, giải thoát tri kiến: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.' Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý lại cũng như vậy."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

TẠP A-HÀM QUYỂN 16

KINH 407. TƯ DUY (1)[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ có số đông Tỳ-kheo tụ tập tại nhà ăn, tư duy những điều thế gian tư duy[2]. Bấy giờ, Thế Tôn biết tâm niệm của các Tỳ-kheo, đi đến nhà ăn, trải tòa ngồi, rồi bảo các Tỳ-kheo:

"Này các Tỳ-kheo, cẩn thận chớ tư duy những điều thế gian tư duy. Vì sao? Vì những điều tư duy của thế gian chẳng lợi ích gì cho pháp, chẳng lợi ích gì cho phạm hạnh, chẳng phải trí, chẳng phải giác, không thuận Niết-bàn[3]. Các ông nên chân chánh tư duy, 'Đây là Khổ Thánh đế, đây là Khổ tập Thánh đế, đây là Khổ diệt Thánh đế, đây là Khổ diệt đạo tích Thánh đế.' Vì sao? Vì tư duy như vậy có lợi ích cho pháp, có lợi ích cho phạm hạnh, là trí, là giác, thuận hướng Niết-bàn.

"Vào thời quá khứ có một người ra khỏi thành Vương xá, đến bên bờ ao Câu-hy-la[4], ngồi tư duy về sự tư duy của thế gian. Trong lúc đang tư duy bỗng thấy một đoàn quân gồm bốn quân chủng: voi, ngựa, xe, bộ binh, vô lượng vô số, tất cả đều vào trong một cái lỗ của ngó sen[5]. Thấy vậy, người đó liền nghĩ: 'Ta đã điên cuồng, mất tâm tính; điều thế gian không có mà nay ta thấy có.'

"Bấy giờ, cách ao này không xa, có nhiều người tụ tập lại một

---

1. Đại Chánh, quyển 16. "Tạp nhân tụng" phẩm iii (phần 4) [tiểu mục trong nguyên bản Đại Chánh]. Quốc Dịch đồng. Paøli, S. 56. 41. Cintaø.
2. Paøli: lokacintaö cintento, tư duy về (tư duy) thế gian, suy nghĩ về thế giới.
3. Phi nghĩa nhiêu ích, phi pháp nhiêu ích, phi phạm hạnh nhiêu ích, phi trí, phi giác, bất thuận Niết-bàn. Paøli: na hetaö atthasaöhitaö etaö aødibrahmacariyakaö etaö na nibbidaøya na viraøgaøya na nirodhaøya na upasamaøya na abhióóaøya na sambodhaøya na nibbaønaøya saövattati (S. v. p. 448), điều đó không liên hệ mục đích (giải thoát), không thuộc căn bản phạm hạnh, không dẫn đến yểm ly, không dẫn đến ly dục, tịch diệt, tịch tĩnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn.
4. Câu-hy-la trì [illegible]. Paøli: sumaøgadhaø pokkharaói, hồ sen Sumaøgadhaø.
5. Ngẩu khổng [illegible]. Paøli: bhisamuôaøla, chồi non của sen.

chỗ. Người này liền đi đến chỗ đám đông, nói rằng: 'Các vị, nay tôi đã phát cuồng, tôi đã mất tâm tính, điều thế gian không có mà tôi thấy có.' Người này kể đầy đủ như trên. Khi ấy mọi người đều bảo người này đã phát điên, mất tâm tính, những điều thế gian không có mà người này thấy có."

Phật nói các Tỳ-kheo:

"Nhưng người này không phải điên cuồng mất tâm tính, mà là thấy chân thật. Vì sao? Vì lúc ấy cách ao Câu-hy-la không xa có các vị trời và A-tu-la khởi bốn thứ quân chủng chiến đấu giữa hư không. Lúc ấy, các vị trời đắc thắng, quân A-tu-la bại trận, nhập vào trong một cái lỗ ngó sen trong hồ này.

"Cho nên, Tỳ-kheo, các ông hãy cẩn thận chớ nên suy nghĩ về thế gian. Vì sao? Vì tư duy thế gian chẳng lợi ích gì cho nghĩa[6], chẳng lợi ích gì cho pháp, chẳng lợi ích gì cho phạm hạnh, chẳng phải trí, chẳng phải giác, không thuận Niết-bàn. Mà nên tư duy về bốn Thánh đế. Những gì là bốn? Đó là Khổ Thánh đế, Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 408. TƯ DUY (2)[7]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, có số đông Tỳ-kheo tụ tập nơi nhà ăn, bàn luận như vầy: 'Hoặc nói thế gian là thường, hoặc nói thế gian là vô thường, thế gian vừa hữu thường vừa vô thường, thế gian chẳng phải hữu thường chẳng phải vô thường; thế gian là hữu biên, thế gian là vô biên; thế gian là vừa hữu biên vừa vô biên; thế gian chẳng phải hữu biên chẳng phải vô biên. Mạng là thân, hay mạng khác thân khác. Như Lai sau khi chết là có, Như Lai sau khi chết là

---

6. Phi nghĩa nhiêu ích «Đ .ƒ. Č □ƒ : chẳng ích gì cho mục đích.

7. S. 56. 8. Cintaø.

không, Như Lai sau khi chết vừa có vừa không, Như Lai sau khi chết chẳng phải có chẳng phải không."

Bấy giờ, Đức Thế Tôn đang ngồi Thiền tịnh ở một chỗ, bằng thiên nhĩ, nên nghe tiếng bàn luận của các Tỳ-kheo đang tụ tập ở nhà ăn. Nghe xong, đi đến nhà ăn, trải tòa mà ngồi trước đại chúng và bảo các Tỳ-kheo:

"Các Tỳ-kheo ở đây tụ tập để bàn nói việc gì vậy?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo chúng con tụ tập ở nhà ăn này bàn luận, 'Hoặc nói hữu thường, hoặc nói vô thường.' *Nói đầy đủ như trên.*"

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Các ông chớ bàn luận nghĩa như vậy.[8] Vì sao? Vì sự bàn luận này chẳng lợi ích gì cho pháp, chẳng lợi ích gì cho phạm hạnh, chẳng phải trí, chẳng phải giác, không thuận hướng Niết-bàn. Này các Tỳ-kheo, nên luận nghị như thế này, 'Đây là Khổ Thánh đế, đây là Khổ tập Thánh đế, đây là Khổ diệt Thánh đế, đây là Khổ diệt đạo tích Thánh đế.' Vì sao? Vì luận nghị này có lợi ích cho pháp, lợi ích cho phạm hạnh, là trí, là giác, thuận hướng Niết-bàn. Cho nên, Tỳ-kheo, đối với bốn Thánh đế nếu chưa được hiện quán, thì phải siêng năng tìm phương tiện, phát khởi ý muốn tích cực, tu học hiện quán."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 409. GIÁC (1)[9]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, số đông Tỳ-kheo tụ tập nơi nhà ăn, có người có giác

---

8. Paøli: maø... paøpakaö aøkusalaö cittam cinteyyaøtha, các ngươi chớ tư duy về tư duy ác bất thiện.

9. Suy tầm, trầm tư. Paøli, S. 56. 7. Vitakkaø.

tưởng tham giác, có người có giác tưởng sân giác, hoặc có người có giác tưởng hại giác[10]. Bấy giờ, Đức Thế Tôn biết tâm niệm của các Tỳ-kheo, nên đi đến nhà ăn, trải tọa cụ ngồi trước đại chúng, rồi bảo các Tỳ-kheo:

"Các ông chớ khởi giác tưởng về tham giác, chớ khởi giác tưởng về nhuế giác, chớ khởi giác tưởng về hại giác[11]. Vì sao? Vì những giác tưởng này chẳng lợi ích gì cho nghĩa, chẳng lợi ích gì cho pháp, chẳng lợi ích gì cho phạm hạnh, chẳng phải chánh trí, chẳng phải chánh giác, không chánh hướng Niết-bàn. Các ông nên khởi giác tưởng về Khổ Thánh đế, Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế. Vì sao? Vì sự giác tưởng đối với bốn Thánh đế này có lợi ích cho nghĩa, lợi ích cho pháp, lợi ích cho phạm hạnh, là chánh trí, chánh giác, chánh hướng Niết-bàn. Cho nên, Tỳ-kheo, đối với bốn Thánh đế phải siêng năng tìm phương tiện, phát khởi ý muốn tích cực, chánh trí, chánh niệm, tinh tấn tu học."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 410. GIÁC (2)[12]

Tôi nghe như vầy:

Một thời... *nói đầy đủ như trên, chỉ có sự sai biệt là*:

"Khởi giác tưởng về bà con thân thuộc; khởi giác tưởng về quốc thổ nhân dân; khởi giác tưởng về không chết, cho đến nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành."

M

---

10. Tham giác, sân (nhuế) giác, hại giác; đây gọi là ba bất thiện tầm, ba tư duy tầm cầu bất thiện: ham muốn, thù hận, ý nghĩ ác hại. Paøli: kaømavitakkaö vyaøpaødavitakkaö vihiösavitakkaö.

11. Paøli: maø, bhikkhave, paøpake akusale vitakke vitakkeyyaøtha, Tỳ-kheo, các ngươi chớ có tư duy tầm cầu về các suy tầm ác bất thiện.

12. Paøli, xem kinh 409.

KINH 411. LUẬN THUYẾT[13]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, có số đông Tỳ-kheo tụ tập nơi nhà ăn, bàn luận những đề tài như vầy[14]: hoặc là bàn luận việc vua, việc giặc cướp, việc đấu tranh, việc tiền bạc, việc y phục, việc ăn uống, việc nam nữ, việc ngôn ngữ thế gian, việc sự nghiệp, việc trong biển cả. Bấy giờ, Đức Thế Tôn đang ở trong thiền định, bằng thiên nhĩ, nghe tiếng bàn luận của các Tỳ-kheo, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đi đến nhà ăn, trải tọa cụ mà ngồi trước đại chúng, rồi bảo các Tỳ-kheo:

"Này các Tỳ-kheo, các ông tụ tập để bàn luận việc gì?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, chúng con tụ tập ở đây bàn nói về việc vua..." Nói đầy đủ như trên.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Các ông chớ bàn luận những đề tài như vầy: Bàn luận những việc vua... cho đến, không hướng đến Niết-bàn. Nếu có bàn luận thì nên nói về Khổ Thánh đế, Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế. Vì sao? Vì bốn Thánh đế này có lợi ích cho nghĩa, lợi ích cho pháp, lợi ích cho phạm hạnh, là chánh trí, chánh giác, chánh hướng Niết-bàn."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 412. TRANH[15]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương

---

13. S. 56. 10. Kathaø.

14. Các đề tài được gọi là súc sanh luận (Paøli: tiracchaønakathaø), vì vô nghĩa, vô ích.

15. Tranh cãi. Paøli, S. 56. 9. Viggaøhikaø.

xá. Bấy giờ, có số đông Tỳ-kheo tụ tập nơi nhà ăn, nói với nhau như vầy: 'Tôi biết pháp luật, các ông không biết; những gì tôi nói là thành tựu, những gì tôi nói là hợp lý; những gì các ông nói là không thành tựu, không hợp lý; cái đáng nói trước thì lại nói sau, cái đáng nói sau thì nói trước. Thế rồi tranh luận nhau. Luận của tôi đúng; luận của các ông không bằng. Ai trả lời được thì trả lời đi!'

Bấy giờ, Đức Thế Tôn đang ở trong thiền định, bằng thiên nhĩ, nghe tiếng các Tỳ-kheo tranh luận... Nói đầy đủ như trên cho đến, "bốn Thánh đế nếu chưa hiện quán thì phải siêng năng tìm phương tiện, phát khởi ý muốn tích cực, tu học hiện quán."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 413. VƯƠNG LỰC

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, có số đông Tỳ-kheo tụ tập nơi nhà ăn, bàn luận như vầy: 'Vua Ba-tư-nặc và vua Tần-bà-sa-la[16], vua nào có thế lực lớn, vua nào giàu có hơn?'

Bấy giờ, Đức Thế Tôn đang ở trong thiền định, bằng thiên nhĩ, nghe tiếng bàn luận của các Tỳ-kheo, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đi đến nhà ăn, trải tọa cụ ngồi trước đại chúng, rồi hỏi các Tỳ-kheo:

"Các ông đang bàn luận việc gì?"

Bấy giờ các Tỳ-kheo đem những việc trên bạch lại đầy đủ với Thế Tôn.

Phật nói với các Tỳ-kheo:

"Các ông bàn những việc về thế lực lớn, về sự giàu sang của các vua làm gì? Này các Tỳ-kheo, chớ luận bàn như vậy. Vì sao? Vì việc này không đem lại lợi ích gì cho nghĩa, pháp, phạm hạnh, cũng chẳng

---

16. Ba-tư-nặc [illegible] (Paøli: Pasenadi), vua nước Câu-tát-la [illegible] (Paøli: Kosala). Tần-bà-sa-la [illegible] (Paøli: Bimbisaøra), vua nước Ma-kiệt-đà.

phải trí, chẳng phải chánh giác, chẳng đưa đến Niết-bàn[17]. Các ông nên bàn Khổ Thánh đế, Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế. Vì sao? Vì bốn Thánh đế này đem lại nhiều lợi ích về nghĩa, về pháp, về phạm hạnh, là chánh trí, chánh giác, chánh hướng Niết-bàn. Cho nên, Tỳ-kheo, đối với bốn Thánh đế, nếu chưa được hiện quán, thì nên siêng năng tìm phương tiện, phát khởi ý muốn tích cực, tu học hiện quán."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 414. TÚC MẠNG

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, có số đông Tỳ-kheo tụ tập nơi nhà ăn, bàn luận như vầy: 'Đời trước các ông làm những thứ nghề nghiệp gì, công xảo gì và lấy gì để tự sống?'

Bấy giờ, Đức Thế Tôn đang ở trong thiền định, bằng thiên nhĩ, nghe tiếng bàn luận của các Tỳ-kheo, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đi đến nhà ăn, trải tọa cụ ngồi trước đại chúng, rồi hỏi các Tỳ-kheo:

"Các ông đang nói những gì?"

Lúc ấy, các Tỳ-kheo đem những việc trên bạch lại đầy đủ.

Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Này các Tỳ-kheo, các ông chớ bàn những việc đã làm đời trước. Vì sao? Vì việc này không đem lại nhiều lợi ích cho nghĩa, pháp, phạm hạnh[18], cũng chẳng phải trí, chẳng phải giác, chẳng đưa đến Niết-bàn. Này các Tỳ-kheo, các ông nên bàn Khổ Thánh đế, Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế. Vì sao? Vì bốn Thánh đế này đem lại nhiều lợi ích cho nghĩa, pháp, phạm hạnh, là chánh trí, chánh giác, chánh hướng Niết-bàn. Cho nên, Tỳ-kheo, đối với bốn Thánh đế, nếu chưa được hiện quán, thì nên siêng năng tìm phương tiện, phát khởi ý muốn tích cực, tu học hiện quán."

17. Như kinh 407.

18. Như kinh 407.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 415. ĐÀN-VIỆT[19]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, có số đông Tỳ-kheo tụ tập nơi nhà ăn, bàn luận như vầy: 'Đàn-việt mỗ giáp kia làm thức ăn thô sơ, chúng ta ăn xong không thấy ngon, không thấy khỏe. Chi bằng chúng ta bỏ thức ăn thô này mà đi khất thực. Vì sao? Vì các Tỳ-kheo đi khất thực thường được thức ăn ngon, lại thấy sắc đẹp, có lúc lại nghe tiếng hay, có nhiều người quen biết, cũng được y phục, ngọa cụ, thuốc men."

Bấy giờ, Đức Thế Tôn đang ở trong thiền định, bằng thiên nhĩ nghe tiếng bàn luận của các Tỳ-kheo, liền đi đến nhà ăn... Nói đầy đủ như vậy, cho đến, "hướng đúng Niết-bàn."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 416. THỌ TRÌ (1)[20]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Các ông có thọ trì bốn Thánh đế mà Ta đã dạy không?"

Khi ấy, có một Tỳ-kheo từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, đảnh lễ Phật, rồi chắp tay bạch Phật:

"Kính vâng, bạch Thế Tôn, bốn Thánh đế mà Thế Tôn đã dạy, con đã thọ trì."

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Ngươi thọ trì bốn Thánh đế đó như thế nào?"

Tỳ-kheo bạch Phật:

"Như lời Thế Tôn đã dạy: 'Đây là Khổ Thánh đế', con liền thọ trì; 'đây là Khổ tập Thánh đế, đây là Khổ diệt Thánh đế, đây là Khổ

---

19. Tức thí chủ.

20. Paøli, S. 56. 15. Dhaøraòa.

diệt đạo tích Thánh đế.’ Bạch Thế Tôn, bốn Thánh đế mà Thế Tôn đã dạy như vậy, con liền thọ trì.”

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Lành thay! Lành thay! Ta đã dạy về Khổ Thánh đế, ngươi đã thọ trì chân thật. Ta dạy Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế, ngươi đều thọ trì chân thật.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 417. NHƯ NHƯ[21]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Các ông có thọ trì những gì mà Ta đã dạy về bốn Thánh đế không?”

Lúc ấy có Tỳ-kheo từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, trịch vai phải, vì Phật mà làm lễ, rồi chấp tay bạch Phật:

“Thưa vâng Thế Tôn, những gì mà Thế Tôn đã dạy về bốn Thánh đế, con đều đã thọ trì.”

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Ngươi đã thọ trì như thế nào về bốn Thánh đế mà Ta đã dạy?”

Tỳ-kheo bạch Phật:

“Thế Tôn nói khổ Thánh đế, con đều đã thọ trì, là như như, không lìa như, không khác như, chân thật, thẩm sát chân thật, không điên đảo, là lý chân thật của bậc Thánh[22]. Đó là Khổ Thánh đế. Thế Tôn dạy về Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế, là như như, không lìa như, không khác như, chân thật, thẩm sát chân thật, không điên đảo, là lý chân thật của bậc Thánh. Đó gọi là bốn Thánh đế mà Thế Tôn đã dạy, con đều đã thọ trì.”

---

21. S. 56. 20, 27. Tathaø.

22. Như như, bất ly như, bất dị như... [illegible]. Paøli (S.v.430): cattaørimaøni bhikkhave tathaøni avitathaøni aóóatathaøni.

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Lành thay! Lành thay! Ông đã thọ trì chân thật về bốn Thánh đế mà Ta đã dạy là như như, không lìa như, không khác như, chân thật, thẩm sát chân thật, không điên đảo. Đó gọi là Tỳ-kheo thọ trì chân thật bốn Thánh đế của Ta."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 418. THỌ TRÌ (2)[23]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Các ông có thọ trì những gì mà Ta đã dạy về bốn Thánh đế không?"

Khi ấy có Tỳ-kheo từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, vì Phật mà làm lễ, rồi chắp tay bạch Phật:

"Thưa vâng Thế Tôn, những gì mà Thế Tôn đã dạy về bốn Thánh đế, con đều đã thọ trì. Bốn đế là gì? Như Thế Tôn đã dạy là Khổ Thánh đế, Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế, con cũng đều đã thọ trì."

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Lành thay! Lành thay! Như những gì mà Ta đã dạy về bốn Thánh đế, ngươi đều đã thọ trì.

"Này các Tỳ-kheo, nếu có Sa-môn, Bà-la-môn nào nói như vầy: 'Như những gì mà Sa-môn Cù-đàm đã nói về Khổ Thánh đế, ta sẽ bỏ đi và sẽ lập lại Khổ Thánh đế khác.' Điều đó chỉ có trên ngôn thuyết, nếu gạn hỏi đến thì họ sẽ không biết và càng làm tăng thêm sự nghi hoặc, vì đó không phải là cảnh giới. 'Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế này ta sẽ bỏ đi, rồi sẽ lập lại bốn Thánh đế khác.' Điều đó cũng chỉ có trên ngôn thuyết, nếu gạn hỏi đến thì họ chẳng biết và càng tăng thêm nghi hoặc cho họ, vì đó

23. S. 56. 16. Dhaøraòa.

không phải là cảnh giới của họ.

"Cho nên, Tỳ-kheo đối với bốn Thánh đế nếu chưa được hiện quán thì nên siêng năng tìm phương tiện, phát khởi ý muốn tích cực, tu học hiện quán."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 419. NGHI (1)

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Nếu Tỳ-kheo nào đối với Phật có nghi, đối với Khổ Thánh đế cũng có nghi; Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế cũng có nghi. Nếu đối với Pháp, Tăng có nghi thì đối với Khổ Thánh đế cũng có nghi; Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế cũng có nghi. Nếu người nào đối với Phật không nghi hoặc, đối với Khổ Thánh đế cũng không nghi hoặc; đối với Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế cũng không nghi hoặc. Nếu người nào đối với Pháp, Tăng không nghi hoặc, đối với Khổ Thánh đế cũng không nghi hoặc; Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế cũng không nghi hoặc."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 420. NGHI (2)

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào đối với Khổ Thánh đế có nghi, thì đối với Phật cũng có nghi, đối với Pháp, Tăng có nghi. Đối với Khổ, Tập, Diệt, Đạo có nghi, thì đối với Phật cũng có nghi, đối với Pháp,

Tăng có nghi. Nếu đối với Khổ Thánh đế không nghi, thì đối với Phật cũng không nghi, đối với Pháp, Tăng không nghi. Người đối với Tập, Diệt, Đạo Thánh đế không nghi, thì đối với Phật cũng không nghi, đối với Pháp, Tăng không nghi.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 421. THÂM HIỂM[24]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Các ông hãy đi cùng Ta đi đến vách núi sâu nguy hiểm[25].”

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

“Thưa vâng Thế Tôn.”

Bấy giờ, Thế Tôn cùng đại chúng đến vách núi sâu nguy hiểm[26], trải tòa ngồi, sau khi đi quan sát chung quanh hang núi sâu hiểm trở xong, rồi bảo các Tỳ-kheo:

“Hang núi này thật là sâu và nguy hiểm.”

Lúc ấy có Tỳ-kheo từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, đảnh lễ Phật, rồi chắp tay bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, vách núi này thật là sâu hiểm, nhưng còn có thứ gì sâu hiểm cùng cực và đáng sợ hơn nó không?”

Phật biết ý của Tỳ-kheo này nên đáp liền:

“Như vậy, này các Tỳ-kheo, vách núi này rất sâu hiểm, nhưng đối với nó còn có thứ sâu hiểm đáng sợ hơn nữa, đó là Sa-môn, Bà-la-môn không biết như thật Khổ Thánh đế; không biết như thật Khổ tập

---

24. S. 56. 42. Papaøto.

25. Thâm hiểm nham; xem cht. dưới. Paøli: ayaøma, bhikkhave, yena paæibhaønakuøæo ten’ upasaökamissaøma divaøvihaørayaø, này các Tỳ-kheo, chúng ta hãy đi lên ngọn Paæibhaønakuøæa (Biện tài đỉnh) để nghỉ trưa.

26. Thâm hiểm nham [illegible] vực thẳm sâu; bản Paøli: Thế Tôn lên ngọn Paæibhaøna, một Tỳ-kheo thấy một vực sâu nguy hiểm, kêu lên: mahaø vataøyaö bhante papaøto subhayaønako, Thế Tôn, lớn thay, vực thẳm dễ sợ này.

Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế. Những vị này hoan lạc nơi các hành vốn là cội gốc của sự sanh[27]; hoan lạc nơi các hành vốn là cội gốc của sự già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não, mà tạo tác các hành này, khiến cho các hành lão, bệnh, tử, ưu, bi, khổ, não càng ngày càng tăng trưởng, để rơi vào chỗ sâu hiểm của lão, bệnh, tử, ưu, bi, khổ, não. Như vậy, Tỳ-kheo, cái này rất sâu hiểm; nguy hiểm hơn cả cái kia. Cho nên Tỳ-kheo đối với bốn Thánh đế nếu chưa hiện quán, thì phải siêng năng tìm phương tiện, phát khởi ý muốn tích cực, tu học hiện quán."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 422. ĐẠI NHIỆT[28]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có địa ngục Đại nhiệt[29]. nếu chúng sanh nào sanh vào địa ngục này thì chỉ một mực chịu nóng cháy."

Bấy giờ có một Tỳ-kheo từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, đảnh lễ Phật, rồi chắp tay bạch Phật:

"Như Thế Tôn đã dạy, địa ngục Đại nhiệt này vô cùng nóng bức. Bạch Thế Tôn, chỉ có đây là cực kỳ nóng, hay còn có thứ nóng bức nào đáng sợ hơn, không còn đâu hơn?"

"Như vầy, Tỳ-kheo, địa ngục này tuy thật là nóng bức, nhưng cũng có thứ nóng bức đáng sợ hơn địa ngục ấy và không còn gì hơn. Những gì được gọi là thứ nóng bức đáng sợ hãi hơn địa ngục Đại nhiệt? Đó là Sa-môn, Bà-la-môn không biết như thật Khổ Thánh đế; không biết như thật Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế. Như vậy, cho đến sanh, lão, bệnh, tử, ưu, bi, khổ,

---

27. Sanh bổn chư hành lạc trước [illegible]. Paøli: jaøtisaövattanikesu saökhaøresu abhiramanti, hoan lạc nơi các hành mà chúng dẫn đến sự thọ sanh.

28. Cực kỳ nóng. Paøli, S. 56. 43. Pariôaøha.

29. Đại nhiệt địa ngục [illegible]. Paøli: Mahaøpariôaøha.

não là sự nóng bức thiêu đốt bừng bừng. Này Tỳ-kheo, đó gọi là sự nóng bức thiêu đốt bừng bừng thật đáng sợ, không còn gì hơn. Cho nên, Tỳ-kheo, đối với bốn Thánh đế nếu chưa hiện quán, thì nên siêng năng tìm phương tiện, phát khởi ý muốn tích cực, tu học hiện quán."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 423. ĐẠI ÁM[30]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có địa ngục vô cùng tối tăm, các chúng sanh sanh ra nơi đó không thấy được các phần thân thể của mình[31]."

Bấy giờ, có Tỳ-kheo từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, vì Phật làm lễ, rồi chắp tay bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, địa ngục này vô cùng tối tăm. Chỉ có nơi này tối tăm hay còn có chỗ nào tối tăm hơn, đáng sợ hơn địa ngục này nữa?"

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Như vầy, còn có sự tối tăm đáng sợ hơn địa ngục này nữa. Đó là Sa-môn, Bà-la-môn đối với bốn Thánh đế không biết như thật, cho đến, rơi vào sự tối tăm cùng cực của sanh, lão, bệnh, tử, ưu, bi, khổ, não. Cho nên, các Tỳ-kheo đối với bốn Thánh đế, nếu chưa hiện quán, thì phải siêng năng tìm phương tiện, phát khởi ý muốn tích cực, tu học hiện quán."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 424. MINH ÁM (1)[32]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương

---

30. Cực kỳ đen tối. Paøli, S. 56. 46. Andhakaøra.

31. Xem cht.33, kinh 424 dưới.

32. Xem kinh 423 trên.

xá. Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Như mặt trời vận hành chiếu sáng các thế giới. Cho đến cả ngàn mặt trời, ngàn mặt trăng, chiếu sáng ngàn thế giới, ngàn núi Tu di, ngàn Phất-bà-đề, ngàn Diêm-phù-đề, ngàn Câu-da-ni, ngàn Uất-đơn-việt, ngàn Tứ thiên vương, ngàn cõi Tam thập tam thiên, ngàn Diệm-ma thiên, ngàn Đâu-suất thiên, ngàn Hóa lạc thiên, ngàn Tha hóa tự tại thiên, ngàn Phạm thiên. Đó gọi là Tiểu thiên thế giới. Khoảng giữa một ngàn thế giới này có chỗ tối tăm, dù có ánh sáng mặt trời, mặt trăng chiếu sáng, có sức oai đức lớn cũng không thấy được. Những chúng sanh sanh ra những nơi này không thấy các phần thân thể của mình[33]."

Bấy giờ, có Tỳ-kheo từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, vì Phật làm lễ, rồi chắp tay, bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, như Thế Tôn nói, chỗ này vô cùng tối tăm. Chỉ có nơi này tối tăm hay còn có chỗ nào tối tăm hơn, đáng sợ hơn địa ngục này nữa?"

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Như vầy, còn có sự tối tăm đáng sợ hơn địa ngục này nữa. Đó là Sa-môn, Bà-la-môn đối với bốn Thánh đế không biết như thật, cho đến, rơi vào sự tối tăm cùng cực của sanh, lão, bệnh, tử, ưu, bi, khổ, não. Cho nên, các Tỳ-kheo đối với bốn Thánh đế, nếu chưa hiện quán, thì phải siêng năng tìm phương tiện, phát khởi ý muốn tích cực, tu học hiện quán."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 425. MINH ÁM (2)[34]

---

33. Paøli (S.v.454): atthi, bhikkhave, lokantarikaø aghaø asaövutaø andhakaøraø andhakaøratimisaø, yattham imesaö candimasuøriyaønaö evaömahiddhikaønaö evaö mahaønubhaøvaønaö aøbhaøya naønubhontì ti, có một chỗ tối tăm, sâu thẳm tối tăm không đáy, ở khoảng giữa các thế giới, không có vòm trời che; chỗ đó, ánh sáng của mặt trời, mặt trăng vốn có thần lực như vậy, mà không chiếu tới được.

34. Gần giống kinh 424 trên.

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Từ Tiểu thiên thế giới, con số được nhân lên đến một ngàn, thì đó gọi là Trung thiên thế giới. Khoảng giữa Trung thiên thế giới có chỗ tối tăm..." như trên đã nói, cho đến, "đối với bốn Thánh đế, nếu chưa hiện quán, thì phải siêng năng tìm phương tiện, phát khởi ý muốn tích cực, tu học hiện quán."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 426. MINH ÁM (3)[35]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Từ Trung thiên thế giới, con số được nhân lên đến một ngàn, thì đó gọi là Tam thiên đại thiên thế giới. Khoảng giữa các thế giới này là chỗ tối tăm. Dù có mặt trời, mặt trăng vận hành, chiếu khắp thế giới đi nữa, nhưng những chúng sanh kia vẫn không thấy,..." cho đến "... rơi vào chỗ tối tăm của sanh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não. Cho nên các Tỳ-kheo, đối với bốn Thánh đế, nếu chưa hiện quán, thì phải siêng năng tìm phương tiện, phát khởi ý muốn tích cực, tu học hiện quán."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 427. THÁNH ĐẾ[36]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương

35. Gần tương đồng các kinh 424, 425 trên.

36. Paøli, S. 56. 29. Pariióóeyyaö (cần được biến tri).

xá. Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Nay Ta sẽ nói về bốn Thánh đế. Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ. Bốn đế là gì? Đó là Khổ Thánh đế, Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế. Đó gọi là bốn Thánh đế."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Như kinh "Đương thuyết" (Ta sẽ nói) trên, cũng vậy, các kinh:

- Có (bốn Thánh đế);

- Nên biết (bốn Thánh đế).

Cũng nói như trên.

M

KINH 428. THIỀN TƯ[37]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Nên chuyên cần thiền định tư duy[38], phát khởi chánh phương tiện[39], để nội tâm tịch tĩnh. Vì sao? Vì Tỳ-kheo nào thiền định tư duy, nội tâm tịch tĩnh đã thành tựu rồi, thì sẽ hiển hiện như thật[40]. Hiển hiện như thật những gì? Hiển hiện như thật Khổ Thánh đế; hiển hiện như thật Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 429. TAM-MA-ĐỀ[41]

---

37. Paøli, S. 56. 2. Paæisallaøna (sống độc cư).

38. Đương cần thiền tư. Paøli: paæisallaøne bhikkhave yogam aøpajjatha, hãy tu tập chuyên cần ở nơi nhàn tĩnh độc cư.

39. Chánh phương tiện, tức chánh tinh tấn.

40. Paøli (S.v.141): paæisallaøno...bhikkhu yathaøbhuøtam pajaønaøti, Tỳ-kheo tịch tĩnh độc cư thì liễu tri như thật (về bốn Thánh đế).

41. S. 56. 1. Samaødhi.

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Nên tu vô lượng Tam-ma-đề[42], chuyên tâm chánh niệm. Vì sao? Vì khi tu vô lượng Tam-ma-đề, chuyên tâm chánh niệm rồi, thì sẽ hiển hiện như thật như vậy. Hiển hiện như thật những gì? Hiển hiện như thật Khổ Thánh đế; hiển hiện như thật Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 430. TRƯỢNG (1)[43]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Như người ném gậy lên giữa hư không, gậy liền rơi trở xuống, hoặc gốc chạm đất, hoặc thân chạm đất, hoặc đầu chạm đất. Cũng vậy, nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào, không biết như thật về Khổ Thánh đế; không biết như thật về Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế, nên biết, Sa-môn, Bà-la-môn này, hoặc đọa vào địa ngục, hoặc đọa vào súc sanh, hoặc đọa vào ngạ quỷ. Cho nên các Tỳ-kheo đối với bốn Thánh đế này, nếu chưa hiện quán, thì phải siêng năng tìm phương tiện, phát khởi ý muốn tích cực, tu học hiện quán."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 431. TRƯỢNG (2)

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương

---

42. Tức tu định. Paøli: samaødhiö bhikkhave bhaøvetha.

43. Cây gậy. Paøli, S. 56. 33. Daòño.

xá. Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Như người ném gậy lên giữa hư không, gậy liền rơi trở xuống, hoặc rơi xuống đất sạch, hoặc rơi xuống đất không sạch. Cũng vậy, nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào, không biết như thật về Khổ Thánh đế; không biết như thật về Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế, vì không biết như thật, cho nên hoặc sanh vào đường lành, hoặc sanh vào đường ác. Thế nên các Tỳ-kheo đối với bốn Thánh đế, nếu chưa hiện quán, phải siêng năng tìm phương tiện, phát khởi ý muốn tích cực, tu học hiện quán."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 432. NGŨ TIẾT LUÂN

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Như cái bánh xe có năm tiết liên tục[44]. Một người đại lực sĩ có thể quay nhanh bánh xe này. Cũng vậy, nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào không biết như thật về Khổ Thánh đế, không biết như thật về Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế, sẽ bị luân hồi trong năm đường, xoay vần một cách nhanh chóng; hoặc đọa vào địa ngục, hoặc đọa vào súc sanh, hoặc đọa vào ngạ quỷ, hoặc Trời, hoặc Người, rồi lại đọa vào đường ác, trường kỳ luân chuyển. Cho nên Tỳ-kheo nào đối với bốn Thánh đế, nếu chưa hiện quán, nên siêng năng tìm phương tiện, phát khởi ý muốn tích cực, tu học hiện quán."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 433. TĂNG THƯỢNG THUYẾT PHÁP

Tôi nghe như vầy:

---

44. Ngũ tiết tương tục luân [illegible] bánh xe có năm nan.

Một thời, Phật trú trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác thuyết pháp tăng thượng[45]; nghĩa là bốn Thánh đế được khai thị, được thi thiết, được kiến lập, được phân biệt, được diễn giải, bày hiển hiện, được biểu lộ[46]. Những gì là bốn? Đó là Khổ Thánh đế, Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế. Cho nên, Tỳ-kheo, đối với bốn Thánh đế này, nếu chưa hiện quán, thì nên siêng năng tìm phương tiện, phát khởi ý muốn mãnh liệt, tu học hiện quán."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 434. HIỆT TUỆ

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Thế nào là hiệt tuệ[47]? Có phải là biết như thật về Khổ Thánh đế, về Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế, hay không biết?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, theo như sự hiểu biết của chúng con về những lời dạy của Phật, đối với bốn Thánh đế mà biết như thật, thì đó gọi là hiệt tuệ."

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Lành thay! Lành thay! Nếu đối với bốn Thánh đế mà biết như thật, đó gọi là hiệt tuệ. Cho nên, Tỳ-kheo, đối với bốn Thánh đế này, nếu chưa hiện quán, thì nên siêng năng tìm phương tiện, phát khởi ý muốn mãnh liệt, tu học hiện quán."

---

45. Tăng thượng thuyết pháp ½W¤W»¡ °k .

46. Các cách thuyết pháp của Phật, Paøli: aøcikkananaø (tuyên thuyết, công bố), desanaø (giáo huấn, chỉ thị), paóóaøpanaø (thi thiết, quy định), vivaraòaø (khai thị, khai hiển), vibhajanaø (phân biệt, phân tích).

47. Hiệt tuệ ½zÀnhận thức lão luyện, sâu sắc. Paøli: paòñita.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 435. TU-ĐẠT[48]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, gia chủ Tu-đạt-đa[49] đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, bốn Thánh đế này phải hiện quán theo thứ lớp hay phải hiện quán tức thời[50]?"

Phật bảo gia chủ:

"Bốn Thánh đế này phải hiện quán theo thứ lớp, chứ không phải hiện quán tức thời."

Phật bảo gia chủ:

"Nếu có người bảo: 'Đối với Khổ Thánh đế chưa hiện quán mà đối với Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế có thể hiện quán', lời nói này không đúng. Vì sao? Vì đối với Khổ Thánh đế nếu chưa hiện quán mà đối với Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế muốn hiện quán thì điều này không thể có được. Cũng giống như người lấy hai lá cây nhỏ[51] xếp lại làm đồ đựng nước mang đi thời không thể có được. Cũng vậy, đối với Khổ Thánh đế chưa hiện quán mà đối với Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế muốn hiện quán,' thì điều này không thể có được.

"Như có người lấy lá sen kết lại làm đồ chứa nước đem đi, thì việc này có thể có được. Cũng vậy, này gia chủ, đối với Khổ Thánh đế đã hiện quán rồi, thì đối với Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế có thể hiện quán,' điều này có thể có được. Cho nên, gia chủ, đối với bốn Thánh đế này, nếu chưa hiện quán, thì nên siêng năng tìm phương tiện, phát khởi ý muốn mãnh liệt, tu học hiện quán."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật

---

48. Tu-đạt, tên thật của ông Cấp cô độc. Paøli: Sudatta.

49. Tu-đạt trưởng giả . Paøli: Sudatta-gahapati.

50. Tiệm thứ vô gián đẳng, đốn vô gián đẳng .

51. Tế diệp; xem cht.90, kinh 397.

dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 436. ĐIỆN ĐƯỜNG (1)[52]

Như điều trưởng giả Tu-đạt đã hỏi ở kinh trên, có Tỳ-kheo khác hỏi Đức Phật, cũng được nói như vậy. Chỉ có sai biệt nơi thí dụ:

"Như có con đường bốn bậc thềm đi lên điện đường. Nếu có người nói: 'Không cần lên bậc thứ nhất mà lên ngay bậc thứ hai, thứ ba, thứ tư, lên điện đường,' thì điều này không thể có được. Vì sao? Phải do bậc đầu tiên rồi sau đó đến bậc thứ hai, bậc thứ ba, bậc thứ tư để lên được đến điện đường. Cũng vậy, Tỳ-kheo đối với Khổ Thánh đế chưa hiện quán mà đối với Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế muốn hiện quán', thì điều này không thể có được.

"Này Tỳ-kheo, nếu có người nói: 'Bằng bốn bậc thềm đưa lên điện đường, nhưng phải do từ bậc thềm đầu, rồi sau đó đến bậc thứ hai, bậc thứ ba, bậc thứ tư mới lên được điện đường,' nói như vậy thì mới đúng. Vì sao? Vì phải do bậc thềm đầu tiên, sau đó mới leo lên bậc thềm thứ hai, thứ ba, thứ tư rồi lên được điện đường, việc này có thể có được. Cũng vậy Tỳ-kheo, nếu đối với Khổ Thánh đế đã hiện quán rồi, thì tuần tự đối với Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế có thể hiện quán,' nên nói như vậy. Vì sao? Vì đối với Khổ Thánh đế đã hiện quán, sau đó theo thứ lớp đối với Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế hiện quán, việc này có thể có được."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

---

52. Paøli, S. 56. 44. Kuøæaøgaøra.

KINH 437. ĐIỆN ĐƯỜNG (2)

Như Tỳ-kheo đã hỏi ở kinh trên, những điều Tôn giả A-nan hỏi, Đức Phật cũng dạy như vậy, chỉ có thí dụ là sai khác, Phật bảo A-nan:

> "Như cái thang có bốn bậc đưa lên điện đường. Nếu có người nói: 'Không cần nhờ vào bậc ban đầu mà lên ngay bậc thứ hai, bậc thứ ba, bậc thứ tư là lên được diện đường,' thì không thể có được. Cũng vậy A-nan, nếu đối với Khổ Thánh đế chưa hiện quán mà đối với Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế muốn hiện quán,' điều này không thể có được. Vì sao? Vì nếu đối với Khổ Thánh đế chưa hiện quán mà đối với Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế muốn hiện quán thì không thể có được.

"Này A-nan, như cái thang có bốn bậc đưa lên điện đường, nếu có người nói: 'Phải do bậc đầu tiên, sau đó mới lên bậc thứ hai, thứ ba, thứ tư rồi lên tới điện đường,' nói như vậy mới đúng. Vì sao? Vì phải do vào bậc đầu tiên, tuần tự lên bậc thứ hai, thứ ba, thứ tư rồi mới tới điện đường, thì điều này có thể có được. Cũng vậy, A-nan đối với Khổ Thánh đế đã hiện quán rồi, tuần tự đối với Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế có thể hiện quán;' điều này có thể có được."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 438. CHÚNG SANH[53]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Như lấy hết cây cỏ trên quả đất này, dùng làm cây thương[54] và xâu hết tất cả các loài thủy vật trong biển lớn; có thể xuyên suốt được tất cả không?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

---

53. S. 56. 36. Paøjaø.

54. Thương [illegible] trong Khang Hy, từ này chỉ tiếng khua của châu ngọc. Có lẽ là [illegible]. Paøli: suøla, cây giáo, hay cái cọc nhọn.

"Bạch Thế Tôn, không thể được. Vì sao? Vì những con vật ở trong biển lớn đủ các hình tướng, chủng loại, hoặc có loài nhỏ quá, không thể xâu được, hoặc lớn quá, cũng không thể xâu được."

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Đúng vậy, đúng vậy! Chúng sanh giới vô số vô lượng. Cho nên, Tỳ-kheo, đối với bốn Thánh đế này, nếu chưa hiện quán, thì nên siêng năng tìm phương tiện, phát khởi ý muốn mãnh liệt, tu học hiện quán."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 439. TUYẾT SƠN[55]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, Đức Thế Tôn cầm một cục sạn[56], rồi hỏi các Tỳ-kheo:

"Các ông nghĩ sao? Sạn trong tay Ta đây là nhiều hay sạn ở núi Tuyết lớn nhiều?"

Tỳ-kheo bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, sạn trong tay của Thế Tôn rất ít, còn sạn ở núi Tuyết thì nhiều trăm, muôn ngàn, ức, vô lượng, không thể dùng toán số, thí dụ để so sánh được."

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Những chúng sanh mà biết như thật Khổ Thánh đế, biết như thật Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế thì ít như sạn ở trong tay Ta đang cầm. Còn những chúng sanh kia mà không biết như thật đối với Khổ Thánh đế, không biết như thật Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế thì nhiều như sạn ở núi Tuyết, nhiều đến vô lượng. Cho nên, Tỳ-kheo, đối với bốn Thánh đế này, nếu chưa hiện quán, thì nên siêng năng tìm

---

55. S. 56. 49-50. Sineru.

56. Hán: thổ thạch 土石. Paøli, Phật so sánh bảy viên sỏi nhỏ bằng hạt cải (satta muggamattiyo paøsaøòakkharaø) và núi chúa Tu-di (Sineru).

phương tiện, phát khởi ý muốn tích cực, tu học hiện quán."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 440. HỒ TRÌ ĐẲNG[57]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Như ao hồ, sâu rộng năm mươi do tuần, nước đầy tràn. Nếu có người dùng một sợi tóc, hoặc sợi lông, hoặc đầu ngón tay thấm vào nước hồ này cho đến ba lần, thì thế nào, này các Tỳ-kheo, giọt nước thấm của người kia nhiều hay nước trong hồ nhiều?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, nước trên sợi tóc, sợi lông, hay dầu ngón tay của người này rất ít, còn nước trong hồ thì nhiều vô lượng, vô số cho đến không thể dùng toán số, thí dụ để so sánh được."

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Nhiều như nước trong hồ lớn, nhiều vô lượng, là gốc rễ khổ bị cắt đứt như cây đa la bị chặt ngọn, thành các pháp không tái sanh trong tương lai, mà đa văn Thánh đệ tử đoạn trừ khi thành tựu kiến đế[58], đắc Thánh đạo quả. Những gì còn sót chưa đoạn tận, chỉ ít như nước đầu sợi tóc, sợi lông, ngón tay của người kia mà thôi. Cho nên, Tỳ-kheo, đối với bốn Thánh đế này, nếu chưa hiện quán, thì nên siêng năng tìm phương tiện, phát khởi ý muốn tích cực, tu học hiện quán."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Như ví dụ hồ nước lớn, cũng vậy những ví dụ về hồ Tát-la-đa-tra-

---

57. Thí dụ về ao hồ và các thứ khác nữa. Paøli, S. 56. 52. Pokkharaòì.

58. Kiến đế, thấy được Thánh đế. Paøli: ariyasaøvakassa diæææhisampanassa puggalassa abhisametaøvino, đối với Thánh đệ tử đã thành tựu kiến, đã đắc hiện quán (Đây chỉ Thánh giả Tu-đà-hoàn).

ca, Hằng-già, Da-phù-na, Tát-la-du, Y-la-bạt-đề, Ma-hê[59]*, cùng bốn biển lớn cũng nói như trên.*

M

KINH 441. THỔ[60]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Đức Thế Tôn tay cầm một hòn đất, lớn bằng trái lê[61], bảo các Tỳ-kheo:

"Thế nào, các Tỳ-kheo, hòn đất trong tay Ta nhiều hay đất trong núi Tuyết nhiều?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Thưa, hòn đất trong tay Thế Tôn rất ít, còn đất tại núi chúa Tuyết thì thật nhiều, nhiều đến trăm ngàn ức na do tha, cho đến không thể dùng toán số, thí dụ để so sánh được."

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Những chúng sanh mà biết như thật Khổ Thánh đế, biết như thật Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế cũng ít như hòn đất Ta đang cầm ở trong tay. Những chúng sanh mà không biết như thật khổ Thánh đế, không biết như thật Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế, nhiều hơn đất ở núi chúa Tuyết. Cho nên, Tỳ-kheo, đối với bốn Thánh đế này, nếu chưa hiện quán, thì nên siêng năng tìm phương tiện, phát khởi ý muốn tích cực, tu học hiện quán."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Như núi chúa Tuyết. Cũng vậy các ví dụ về núi Ni-dân-đà-la, Tỳ-na-đa-ca, Mã-nhĩ, Thiện kiến, Khư-đề-la-ca, Y-sa-đà-la, Du-kiền-đà-la,

---

59. Tên các con sông lớn ở Ấn Độ: Sambejja, Gaígaø, Yamunaø, Aciravatì, Sarabhuø, Mahì.

60. Đất. Paøli, S.56. 55-60. Pathavì,v.v...

61. Paøli: satta kolaææhimattiyo guôikaø, hòn đất lớn bằng hạt của quả táo.

Tu-di sơn vương[62] *và đất đai trên đại địa cũng lại như vậy. Như dụ trái lê, cũng vậy các ví dụ trái A-ma-lặc-ca, Bạt-đà-la, Ca-la-ca, quả đậu, cho đến ví dụ tép tỏi cũng nói như vậy.*

M

KINH 442. TRẢO GIÁP[63]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Đức Thế Tôn dùng trong móng tay khư một ít đất, rồi nói với các Tỳ-kheo:

"Các ông nghĩ thế nào, đất trên móng tay Ta nhiều, hay đất ở đại địa này nhiều?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, đất trong móng tay của Thế Tôn là rất ít, ít lắm, còn đất ở đại địa thì nhiều vô lượng, cho đến không thể dùng toán số, hay thí dụ để so sánh được."

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Cũng như vậy, thân hình các chúng sanh mà có thể thấy được thì như đất trên móng tay; còn thân hình của chúng sanh vi tế không thể thấy được nhiều như đất trên đại địa. Cho nên, Tỳ-kheo, đối với bốn Thánh đế, nếu chưa hiện quán, thì nên siêng năng tìm phương tiện, phát khởi ý muốn tích cực, tu học hiện quán."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Như đất liền nói trên, về thủy tánh cũng lại như vậy.

Các kinh khác tương tợ:[64]

- "Ít như đất trên móng tay, cũng vậy, những chúng sanh được sanh ra trong cõi người;

- "Loại không được làm người cũng như đất đại địa.

---

62. Paøli, núi Tudi (Sineru) và 7 núi chung quanh: Nemindhara, Vinataka, Assakaòòa, Sudassana, Karavìka, Ìsadhara, Yugandhara.

63. Móng tay. Paøli, S. 56. 51. Nakkhasikho.

64. Tóm tắt có ba mươi kinh.

- "Những chúng sanh được sanh ra nơi có văn minh (đô thị) cũng như đất dính trên móng tay;

- "Được sanh ra nơi biên địa cũng như đất trên đại địa.

- "Người thành tựu Thánh tuệ nhãn cũng như đất trên móng tay;

- "Người không thành tựu Thánh tuệ nhãn cũng như đất ở đại địa.

- "Những chúng sanh biết được pháp luật này, cũng như đất dính trên móng tay;

- "Chúng sanh không biết pháp luật cũng như đất ở đại địa.

- "Như biết, cũng vậy: biết bình đẳng, biết khắp tất cả, chánh tưởng, chánh giác, chánh giải, pháp hiện quán cũng như vậy.

- "Những chúng sanh biết có cha mẹ, thì cũng như đất dính trên móng tay;

- "Số chúng sanh không biết đến có mẹ cha cũng như đất ở đại địa.

- "Những chúng sanh biết có bậc tôn trưởng của dòng Sa-môn, Bà-la-môn và làm những điều cần làm phước đời này, đời khác, sợ tội thường bố thí, ăn chay giữ giới thì cũng như đất dính trên đầu móng tay;

- "Số chúng sanh không biết có bậc tôn trưởng của dòng Sa-môn, Bà-la-môn, làm những điều phước cần ở đời này, đời khác, sợ tội lỗi thường bố thí, ăn chay, giữ giới thì cũng như đất ở đại địa.

- "Những chúng sanh không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không vọng ngữ, không nói hai lưỡi, không ác khẩu, không nói thêu dệt thì cũng như đất trên móng tay;

- "Số chúng sanh không giữ gìn giới luật thì cũng như đất ở đại địa.

- "Cũng vậy, những chúng sanh lìa tham nhuế, tà kiến và chúng sanh không lìa tham nhuế, tà kiến cũng nói như vậy.

- "Những chúng sanh không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không vọng ngữ, không uống rượu, ít như đất dính trên móng tay;

- "Số chúng sanh không giữ gìn năm giới nhiều như đất ở đại địa.

- "Những chúng sanh giữ gìn tám giới thì cũng như đất dính trên móng tay;

- "Số chúng sanh không giữ gìn tám giới thì cũng như đất ở đại địa.

- "Những chúng sanh giữ gìn mười điều lành thì cũng như đất trên móng tay;

- "Số chúng sanh không giữ mười điều lành thì cũng như đất ở đại địa.

- "Những chúng sanh từ địa ngục, sau khi chết rồi được sanh làm người thì cũng như đất dính trên móng tay;

- "Số chúng sanh từ địa ngục sau khi chết trở lại sanh vào địa ngục, hoặc súc sanh, hay ngạ quỷ thì cũng như đất ở đại địa.

- "Những chúng sanh từ địa ngục sau khi chết được sanh lên cõi trời thì cũng như đất dính trên móng tay;

- "Số chúng sanh từ địa ngục, hoặc súc sanh, hay ngạ quỷ sau khi chết trở lại sanh vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh thì cũng như đất ở đại địa.

- "Những chúng sanh ở loài người sau khi chết rồi sanh trở lại làm người thì cũng như đất dính trên móng tay;

- "Số chúng sanh ở loài người sau khi chết sanh vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh thì cũng như đất ở đại địa.

- "Những chúng sanh từ cõi trời sau khi chết trở lại sanh vào cõi Trời thì cũng như đất dính trên móng tay;

- "Số chúng sanh ở cõi Trời sau khi chết sanh vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh thì cũng như đất ở đại địa."

M

KINH 443. TỨ THÁNH ĐẾ DĨ SANH

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Trước kia, khi Ta chưa nghe pháp, đã có được chánh tư duy rằng, 'Đây là Khổ Thánh đế', chánh kiến đã phát sanh; 'Đây là Khổ tập Thánh đế, đây là Khổ diệt Thánh đế, đây là Khổ diệt đạo tích Thánh đế', chánh kiến đã phát sanh."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật

dạy, hoan hỷ phụng hành.

Như kinh nói về đã sanh. Cũng vậy, đang sanh, sẽ sanh; kinh nói về khởi, tập, cận (gần), tu, tu nhiều, xúc, tác chứng cũng như vậy.[65]

M

KINH 444. NHÃN DƯỢC HOÀN[66]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Như viên thuốc chữa mắt, rộng sâu một do tuần[67]. Nếu có người nào lấy viên thuốc này đặt vào trong mỗi mỗi giới[68], có thể khiến cho hết nhanh chóng[69], nhưng đối với các giới kia cũng không thể cùng biên tế của nó được. Nên biết, số lượng các giới nhiều đến vô lượng. Cho nên, Tỳ-kheo, hãy học giới loại thiện. Đối với chủng loại sai biệt của giới thiện, hãy học như vậy."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 445. BỈ TÂM[70]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà thuộc nước Xá-vệ, thì bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Chúng sanh thường tụ hội theo giới, hòa hợp với giới[71]. Thế nào

---

65. Tóm tắt có chín kinh.

66. Ấn Thuận, tụng iii Tạp nhân, "5. Tương ưng Giới", gồm ba mươi bảy kinh, Đại Chánh hai mươi hai kinh: 444-465. phần lớn tương đương Paøli, S.14. Dhaøtu-saöyutta, Viên thuốc chữa mắt.

67. Ý nói, số lượng viên thuốc được tập hợp lại.

68. Chỉ cách tính số lượng: mỗi giới loại (chủng loại) đặt một viên.

69. Số viên thuốc hết nhanh, nhưng số giới chưa hết.

70. Tâm hèn mọn. Paøli, S. 14. 14. Hìnaødhimutti (Ý chí hèn kém).

là chúng sanh thường tụ hội cảnh giới? Khi chúng sanh hành tâm bất thiện thì cùng tụ hội với cảnh giới bất thiện[72]. Khi tâm hành thiện thì cùng tụ hội với giới thiện. Thiện tâm đi cùng với thiện giới. Thắng tâm đi cùng thắng giới. Tâm hèn cùng đi với giới hèn. Cho nên, Tỳ-kheo, hãy học như vậy, chủng loại sai biệt của giới thiện."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 446. KỆ (1)[73]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

Nói đầy đủ như trên, chỉ khác là nói thêm bài kệ này:

Thường hợp nên thường sanh,
Lìa nhau, thì sanh dứt.
Như người ôm gỗ nhỏ,
Mà vào trong biển lớn;
Người, gỗ đều bị chìm.
Biếng nhác cũng như vậy.
Nên lìa xa biếng nhác;
Siêng năng hạng thấp hèn.
Hiền thánh không giải đãi;
An trụ nơi viễn ly,
Thiền tinh tấn ân cần,
Vượt qua dòng sanh tử.
Như sơn gặp lụa trắng;
Lửa gặp gió cháy bừng,

---

71. Paøli: dhaøtusova bhikkhave sattaø saösandanti samenti, chúng sanh giao tiếp theo giới, tập hợp theo giới. Ở đây, giới hay giới loại được hiểu là tính chất (đồng loại tương quần).

72. Paøli: hìnaødhimuttikaø hìnaødhimuttikehi saddhiö..., bản tánh thấp hèn thì đi với bản tánh thấp hèn.

73. Paøli, S. 14. 16. Sagathaø.

Ngọc và sữa cùng sắc;
Chúng sanh cùng theo giới,
Tương tợ thì hòa hợp,
Tăng trưởng cũng như vậy.

M

KINH 447. HÀNH[74]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Chúng sanh thường tụ hội theo giới, hòa hợp với giới[75]. Thế nào là chúng sanh thường tụ hội cảnh giới? Khi chúng sanh hành tâm bất thiện thì cùng tụ hội với cảnh giới bất thiện. Khi tâm hành thiện thì cùng tụ hội với giới thiện. Thiện tâm đi cùng với thiện giới. Thắng tâm đi cùng thắng giới.

Bấy giờ, Tôn giả Kiều-trần-như cùng với nhiều Tỳ-kheo đang đi kinh hành gần đó. Tất cả đều là những Đại đức, Thượng tọa, đa văn, xuất gia đã lâu, tu tập đầy đủ phạm hạnh.

Lại có Tôn giả Đại Ca-diếp cùng với nhiều Tỳ-kheo cũng đi kinh hành gần đó. Tất cả đều ít muốn, biết đủ, đầu đà, khổ hạnh, không chứa đồ dư.

Tôn giả Xá-lợi-phất cùng với nhiều Tỳ-kheo cũng đi kinh hành gần đó. Tất cả đều là những bậc Đại trí biện tài.

Tôn giả Đại Mục-kiền-liên cùng với nhiều Tỳ-kheo cũng đi kinh hành gần đó. Tất cả đều là những bậc có sức thần thông lớn.

Tôn giả A-na-luật-đà cùng với nhiều Tỳ-kheo cũng đi kinh hành gần đó. Tất cả đều được thiên nhãn sáng suốt.

Bấy giờ, cũng có Tôn giả Nhị-thập-ức-nhĩ, cùng với nhiều Tỳ-kheo cũng đi kinh hành gần đó. Tất cả đều dõng mãnh, tinh tấn, chuyên cần tu hành.

Lại có Tôn giả Đà-phiêu cùng với nhiều Tỳ-kheo cũng đi kinh

---

74. S. 14. 15. Kammaö.

75. Xem cht.71, kinh 445.

hành gần đó. Tất cả đều vì đại chúng sửa sang các thứ cúng dường đầy đủ.

Tôn giả Ưu-ba-ly cùng với nhiều Tỳ-kheo cũng đi kinh hành gần đó. Tất cả đều thông đạt luật hạnh.

Tôn giả Phú-lâu-na cùng với nhiều Tỳ-kheo cũng đi kinh hành gần đó. Tất cả đều là những bậc biện tài, thuyết pháp.

Lại có Tôn giả Ca-chiên-diên cùng với nhiều Tỳ-kheo cũng đi kinh hành gần đó. Tất cả đều có khả năng phân biệt các kinh, khéo nói pháp tướng.

Khi đó cũng có Tôn giả A-nan cùng với nhiều Tỳ-kheo đi kinh hành gần đó. Tất cả đều là những bậc tổng trì đa văn.

Lại có Tôn giả La-hầu-la cùng với nhiều Tỳ-kheo cũng đi kinh hành gần đó. Tất cả đều khéo giữ gìn luật hạnh.

Khi đó cũng có Tôn giả Đề-bà-đạt-đa cùng với nhiều Tỳ-kheo đang đi kinh hành gần đó. Tất cả đều huân tập nhiều ác hạnh.

Đó gọi là Tỳ-kheo thường cùng đi và hòa hợp với nhau. Cho nên, Tỳ-kheo, nên khéo phân biệt các giới loại sai biệt."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 448. KỆ (2)[76]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá.

Nói đầy đủ như kinh trên. Phật liền nói kệ:

Thường hợp nên thường sanh,
Lìa nhau, thì sanh dứt.
Như người ôm gỗ nhỏ,
Mà vào trong biển lớn;
Người, gỗ đều bị chìm.
Biến nhác cũng như vậy.

---

76. Như kinh 486.

Nên lìa xa biếng nhác;
Siêng năng hạng thấp hèn.
Hiền thánh không giải đãi;
An trụ nơi viễn ly,
Thiền tinh tấn ân cần,
Vượt qua dòng sanh tử.
Như sơn gặp lụa trắng;
Lửa gặp gió cháy bừng,
Ngọc và sữa cùng sắc;
Chúng sanh lùng theo giới,
Tương tợ thì hòa hợp,
Tăng trưởng cũng như vậy.

M

KINH 449. GIỚI HÒA HỢP[77]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Chúng sanh thường tụ hội theo giới, hòa hợp với giới. Nói đầy đủ như trên... cho đến,

"Thắng tâm đi cùng thắng giới. Tâm hèn cùng đi với giới hèn. Khi sát sanh thì đi cùng giới sát sanh. Khi tâm trộm cắp, tà dâm, vọng ngữ, uống rượu thì đi cùng giới trộm cắp, tà dâm, vọng ngữ, uống rượu. Khi tâm không sát sanh đi cùng giới không sát sanh. Khi tâm không trộm cắp, không tà dâm, không vọng ngữ, không uống rượu đi cùng giới không trộm cắp, không tà dâm, không vọng ngữ, không uống rượu. Cho nên, Tỳ-kheo, phải khéo phân biệt các giới loại sai biệt."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

---

77. S. 14. 12. Sanidaønaö.

KINH 450. TINH TẤN

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Chúng sanh thường tụ hội theo giới, hòa hợp với giới. Khi bất tín thì đi cùng giới bất tín. Khi phạm giới thì đi cùng giới phạm giới. Khi không tàm không quý thì đi cùng giới không tàm không quý. Khi có lòng tín thì đi cùng giới có tín. Khi trì giới thì đi cùng giới trì giới. Khi tâm có tàm có quý thì đi cùng giới có tàm có quý. Cho nên, Tỳ-kheo, phải khéo phân biệt các giới loại sai biệt."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Như tín hay bất tín. Cũng vậy: tinh tấn hay không tinh tấn, thất niệm hay không thất niệm, chánh thọ hay không chánh thọ, đa văn hay thiểu văn, xan lẫn hay bố thí, ác tuệ hay thiện tuệ, khó nuôi hay dễ nuôi, khó thỏa mãn hay dễ thỏa mãn, ham muốn nhiều hay ham muốn ít, biết đủ hay không biết đủ, điều phục hay không điều phục, tất cả đều đi cùng giới đó. Như kinh trên đã nói đầy đủ.[78]

M

KINH 451. GIỚI[79]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Hôm nay Ta sẽ nói về các chủng loại sai biệt của giới[80]. Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì các ông mà nói.

"Thế nào là các giới? Nhãn giới, sắc giới, nhãn thức giới; nhĩ giới, thanh giới, nhĩ thức giới; tỷ giới, hương giới, tỷ thức giới; thiệt giới, vị giới, thiệt thức giới; thân giới, xúc giới, thân thức giới; ý giới,

---

78. Tóm tắt mười một kinh.

79. S. 14. 1. Dhaøtu.

80. Chủng chủng giới . Paøli: dhaøtunaønattaö, sự đa dạng của giới (loại).

pháp giới, ý thức giới. Đó gọi là các thứ giới."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 452. XÚC (1)[81]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Do duyên các chủng loại sai biệt giới nên sanh ra các chủng loại sai biệt xúc. Do duyên các chủng loại sai biệt xúc nên sanh ra các chủng loại sai biệt thọ. Do duyên các chủng loại sai biệt thọ nên sanh ra các chủng loại sai biệt ái.

"Thế nào là các chủng loại sai biệt giới? Mười tám giới: nhãn giới, sắc giới, nhãn thức giới... cho đến ý giới, pháp giới, ý thức giới. Đó gọi là các chủng loại sai biệt của giới.

"Thế nào là do duyên các chủng loại sai biệt giới nên sanh ra các chủng loại sai biệt xúc... cho đến, thế nào là do duyên các chủng loại sai biệt của thọ nên sanh ra các chủng loại sai biệt của ái? Do duyên nhãn giới nên sanh ra nhãn xúc. Do duyên nhãn xúc nên sanh ra nhãn thọ. Do duyên nhãn thọ nên sanh ra nhãn ái. Cũng vậy, đối với nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý, giới làm duyên nên sanh ra ý xúc. Do duyên ý xúc nên sanh ra ý thọ. Do duyên ý thọ sanh ra ý ái.

"Này các Tỳ-kheo, không phải do duyên các chủng loại sai biệt của ái nên sanh ra các chủng loại sai biệt của thọ. Không phải do duyên các chủng loại sai biệt của thọ nên sanh ra các chủng loại sai biệt của xúc. Không phải do duyên các chủng loại sai biệt của xúc nên sanh ra các chủng loại sai biệt của giới. Chính là do duyên các chủng loại sai biệt của giới nên sanh ra các chủng loại sai biệt của xúc. Do duyên các chủng loại sai biệt của xúc nên sanh ra các chủng loại sai biệt của thọ. Do duyên các chủng loại sai biệt của thọ nên sanh ra các chủng loại sai biệt của ái. Này các Tỳ-kheo, đó gọi là do duyên các chủng loại sai biệt của giới nên sanh ra các chủng loại sai

---

81. S. 14. 2-5. Samphassa, v.v...

biệt của xúc. Do duyên các chủng loại sai biệt của xúc nên sanh ra các chủng loại sai biệt của thọ. Do duyên các chủng loại sai biệt của thọ nên sanh ra các chủng loại sai biệt của ái."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 453. XÚC (2)

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Do duyên các chủng loại sai biệt giới nên sanh ra các chủng loại sai biệt xúc. Do duyên các chủng loại sai biệt xúc nên sanh ra các chủng loại sai biệt thọ. Do duyên các chủng loại sai biệt thọ nên sanh ra các chủng loại sai biệt ái.

"Thế nào là các chủng loại sai biệt giới? Mười tám giới: nhãn giới, sắc giới, nhãn thức giới,... cho đến, ý giới, pháp giới, ý thức giới. Đó gọi là các chủng loại sai biệt của giới.

"Thế nào là do duyên các chủng loại sai biệt giới nên sanh ra các chủng loại sai biệt xúc; do duyên các chủng loại sai biệt xúc nên sanh ra các thọ; do duyên các chủng loại sai biệt thọ nên sanh ra các chủng loại sai biệt ái? Do duyên nhãn giới nên sanh ra nhãn xúc. Không phải do duyên nhãn xúc sanh ra nhãn giới, mà là duyên nhãn giới nên sanh ra nhãn xúc. Do duyên nhãn xúc nên sanh ra nhãn thọ. Không phải duyên nhãn thọ sanh ra nhãn xúc, mà là duyên nhãn xúc nên sanh ra nhãn thọ. Do duyên nhãn thọ nên sanh ra nhãn ái. Không phải duyên nhãn ái nên sanh ra nhãn thọ, mà là duyên nhãn thọ nên sanh ra nhãn ái. Cũng vậy, đối với nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý; duyên ý giới nên sanh ra ý xúc. Không phải duyên ý xúc sanh ra ý giới, mà là duyên ý giới nên sanh ra ý xúc. Do duyên ý xúc nên sanh ra ý thọ. Không phải duyên ý thọ sanh ra ý xúc, mà duyên ý xúc nên sanh ra ý thọ. Do duyên ý thọ nên sanh ra ý ái. Không phải duyên ý ái sanh ra ý thọ, mà duyên ý thọ nên sanh ra ý ái. Cho nên, Tỳ-kheo, không phải vì sanh các chủng loại sai biệt ái sanh ra các chủng loại sai biệt thọ. Không phải vì duyên các thọ sanh ra các xúc, cũng không phải vì duyên các xúc sanh ra các giới, mà chỉ có vì duyên các giới nên sanh ra các xúc. Do duyên các chủng loại sai biệt xúc nên sanh ra các chủng loại sai biệt thọ; vì duyên các chủng loại sai biệt thọ nên sanh ra các chủng loại sai biệt ái. Này Tỳ-kheo, đó gọi là nên khéo phân biệt các chủng loại sai biệt giới."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 454. TƯỞNG (1)[82]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Do duyên các chủng loại sai biệt giới nên sanh ra các chủng loại sai biệt xúc. Do duyên các chủng loại sai biệt xúc nên sanh ra các chủng loại sai biệt thọ. Do duyên các chủng loại sai biệt thọ nên sanh ra các chủng loại sai biệt tưởng. Do duyên các chủng loại sai biệt tưởng nên sanh ra các chủng loại sai biệt dục. Do duyên các chủng loại sai biệt dục nên sanh ra các giác[83]. Do duyên các chủng loại sai biệt giác nên sanh ra các chủng loại sai biệt nhiệt; vì duyên các thứ nhiệt nên sanh ra các chủng loại sai biệt cầu[84].

"Thế nào là các chủng loại sai biệt giới? Mười tám: Nhãn giới... cho đến pháp giới.

"Thế nào là do duyên các chủng loại sai biệt giới nên sanh ra các chủng loại sai biệt xúc... cho đến, duyên các thứ nóng bức nên sanh ra các mong cầu? Do duyên nhãn giới nên sanh ra nhãn xúc; duyên nhãn xúc nên sanh ra nhãn thọ; duyên nhãn thọ nên sanh ra nhãn tưởng; duyên nhãn tưởng nên sanh ra nhãn dục; do duyên nhãn dục nên sanh ra nhãn giác; duyên nhãn giác nên sanh ra nhãn nhiệt; duyên nhãn nhiệt nên sanh ra nhãn cầu. Cũng vậy, đối với nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý; do duyên ý giới nên sanh ra ý xúc; duyên ý xúc nên sanh ra ý thọ; duyên ý thọ nên sanh ra ý tưởng; duyên ý tưởng nên sanh ra ý giác; duyên ý giác nên sanh ra ý nhiệt; do duyên ý nhiệt nên sanh ra ý cầu. Này Tỳ-kheo, đó gọi là do duyên các chủng loại sai biệt giới nên sanh ra các chủng loại sai

---

82. S. 14. 7. Saóóaø.

83. Giác, đây chỉ cho giác tưởng phân biệt, hay vọng tưởng phân biệt (Paøli: saíkappa). Bản Paøli: duyên đa dạng tưởng (saóóaønaønattaö) sanh đa dạng tư duy (saökappanaønattaö); duyên đa dạng tư duy sanh đa dạng dục (chandanaønattaö).

84. Paøli: duyên đa dạng dục (chandanaønattaö) sanh đa dạng nhiệt não (pariôaøhanaønattaö, nóng bức, bực tức khổ não); duyên nhiệt não sanh đa dạng mong cầu (priyesanaønaønattaö).

biệt xúc... cho đến, duyên các thứ nhiệt sanh ra các thứ cầu.

"Này Tỳ-kheo, không phải do duyên các thứ mong cầu nên sanh ra các thứ nhiệt. Không phải do duyên các nhiệt nên sanh ra các thứ giác. Không phải do duyên các thứ giác nên sanh ra các thứ tưởng. Không phải vì duyên các thứ tưởng nên sanh ra các thứ thọ. Không phải do duyên các thứ thọ nên sanh ra các thứ xúc. Cũng không phải vì duyên các thứ xúc nên sanh ra các thứ giới, mà chỉ có duyên các chủng loại sai biệt giới sanh các chủng loại sai biệt xúc;... cho đến, duyên các thứ nhiệt sanh ra các thứ mong cầu."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 455. TƯỞNG (2)[85]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Do duyên các chủng loại sai biệt giới nên sanh ra các chủng loại sai biệt xúc; duyên các chủng loại sai biệt xúc nên sanh ra các chủng loại sai biệt tưởng; duyên các chủng loại sai biệt tưởng nên sanh ra các chủng loại sai biệt dục; duyên các chủng loại sai biệt dục nên sanh ra các chủng loại sai biệt giác; duyên các chủng loại sai biệt giác nên ra sanh các chủng loại sai biệt nhiệt; duyên các chủng loại sai biệt nhiệt nên sanh ra các chủng loại sai biệt mong cầu.

"Thế nào là các chủng loại sai biệt giới? Mười tám giới, từ nhãn giới cho đến pháp giới.

"Thế nào là do duyên các chủng loại sai biệt giới nên sanh ra các chủng loại sai biệt xúc,... cho đến; thế nào là duyên các chủng loại sai biệt nhiệt nên sanh ra các chủng loại sai biệt mong cầu? Do duyên nhãn giới nên sanh ra nhãn xúc. Không phải vì duyên nhãn xúc nên sanh ra nhãn giới, mà chỉ vì duyên nhãn giới nên sanh ra nhãn xúc[86].

---

85. Nội dung gần với kinh trên.

86. Trong bản, trên chữ *duyên* có chữ *phi*. Đây lược bỏ.

Duyên nhãn xúc nên sanh ra nhãn tưởng. Không phải vì duyên nhãn tưởng nên sanh ra nhãn xúc, mà chỉ vì duyên nhãn xúc nên sanh ra nhãn tưởng. Duyên nhãn tưởng sanh ra nhãn dục. Không phải vì duyên nhãn dục nên sanh ra nhãn tưởng, mà chỉ vì duyên nhãn tưởng nên sanh ra nhãn dục. Duyên nhãn dục sanh ra nhãn giác. Không phải vì duyên nhãn giác nên sanh ra nhãn dục, mà chỉ vì duyên nhãn dục nên sanh ra nhãn giác. Duyên nhãn giác sanh ra nhãn nhiệt. Không phải vì duyên nhãn nhiệt nên sanh ra nhãn giác, mà chỉ vì duyên nhãn giác nên sanh ra nhãn nhiệt. Duyên nhãn nhiệt sanh ra nhãn cầu. Không phải vì duyên nhãn cầu nên sanh ra nhiệt, mà chỉ vì duyên nhãn nhiệt nên sanh ra nhãn cầu.

"Cũng vậy, đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý, vì duyên ý giới nên sanh ra ý xúc... cho đến duyên ý nhiệt nên sanh ra ý cầu, cũng nói đầy đủ như vậy.

"Này Tỳ-kheo, đó gọi là duyên các chủng loại sai biệt giới sanh các chủng loại sai biệt xúc... cho đến vì duyên các nhiệt nên sanh ra các thứ mong cầu, chứ không phải duyên các thứ mong cầu nên sanh ra các nhiệt,... cho đến không phải duyên các xúc nên sanh ra các giới, mà chỉ vì duyên các giới nên sanh ra các thứ xúc,... cho đến, duyên các nhiệt nên sanh ra các thứ mong cầu."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Giống như nội lục nhập xứ, ngoại lục nhập xứ cũng nói như vậy.[87]

❑

87. Tóm tắt có bốn kinh.

TẠP A-HÀM QUYỂN 17

KINH 456. CHÁNH THỌ[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có quang giới, tịnh giới, vô lượng không nhập xứ giới, vô lượng thức nhập xứ giới, vô sở hữu nhập xứ giới, phi tưởng phi phi tưởng nhập xứ giới, hữu diệt giới[2]."

Khi ấy có Tỳ-kheo từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, cúi đầu lễ dưới chân Phật, chắp tay, bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, có quang giới, tịnh giới, vô lượng không nhập xứ giới, vô lượng thức nhập xứ giới, vô sở hữu nhập xứ giới, phi tưởng phi phi tưởng nhập xứ giới, diệt giới. Các thứ giới như vậy do nhân duyên gì để có thể biết?"

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Quang giới kia do duyên tối tăm mà được biết. Tịnh giới do duyên bất tịnh nên biết. Vô lượng không nhập xứ giới do duyên sắc mà biết. Vô lượng thức nhập xứ giới do không[3] mà được biết. Vô sở

---

1. Đại Chánh quyển 17. "Tạp nhân tụng, phẩm iii, phần v" (tiêu mục trong nguyên bản Đại Chánh). Ấn Thuận: "5 Tương ưng Giới" tiếp theo, trì kinh 444 (Đại Chánh quyển 16). Paøli, S. 14. 11. Sattimaø.

2. Quang giới 光界, tịnh giới 淨界, vô lượng không nhập xứ giới 無量空入處界, vô lượng thức nhập xứ giới 無量識入處界, vô sở hữu nhập xứ giới 無所有入處界, phi tưởng phi phi tưởng nhập xứ giới 非想非非想入處界, hữu diệt giới 有滅界. Paøli: sattimaø, bhikkhave, dhaøtuyo, katamaø sattaø? aøbhaødhaøtu, subhadhaøtu, aøkaøsaønaócaøyatanadhaøtu, vióóaøòaócaøyatanadhaøtu, aøkiócaóóaøyatanadhaøtu, nevasaóóaønaøsaóóaøyatanadhaøtu, saóóaøvedayitanirodhadhaøtu, có bảy giới loại (ở đây: giới hệ hay cõi): giới loại ánh sáng, giới loại tịnh khiết, giới loại cảnh vực hư không vô biên, cảnh vực thức vô biên, cảnh vực vô sở hữu, cảnh vực phi tưởng phi phi tưởng, cõi của sự diệt tận tưởng và thọ.

3. Trong nguyên bản: duyên nội 緣內. Bản đời Nguyên: duyên nội không 緣內空. Ấn Thuận đề nghị sửa lại là (hư) *không*. Paøli: aøkaøsaønaócaøyatanaö paæicca, duyên hư không vô biên.

hữu nhập xứ giới do duyên sở hữu[4] mà được biết. Phi tưởng phi phi tưởng nhập xứ giới do duyên hữu đệ nhất[5] mà được biết. Diệt giới là do duyên hữu thân[6] mà được biết".

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, từ quang giới cho đến diệt giới này do vào chánh thọ[7] gì mà đạt được?"

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Quang giới, tịnh giới, vô lượng không nhập xứ giới, vô lượng thức nhập xứ giới, vô sở hữu nhập xứ giới; các cõi này ngay nơi chánh thọ đang tự hành mà đạt được[8]. Phi tưởng phi phi tưởng nhập xứ giới ở nơi chánh thọ của đệ nhất hữu[9] mà đạt được và diệt giới do chánh thọ của diệt hữu thân[10] mà đạt được."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 457. THUYẾT[11]

Tôi nhge như vầy:

Một thời, Đức Phật ở tại giảng đường Lộc mẫu, Đông viên, nước Xá-vệ. Bấy giờ vào buổi chiều, Đức Thế Tôn sau khi từ thiền tịnh tỉnh

---

4. Paøli: vióóaøòaócaøyatanaö paæicca, duyên thức vô biên xứ.
5. Hữu đệ nhất, hay hữu đảnh, chóp đỉnh của hữu, cao nhất trong các cõi Hữu (Paøli: bhavagga). Bản Paøli: aøkiócaóóaøyatanaö paæicca, duyên vô sở hữu xứ.
6. Hữu thân /³ ·□/𝒜Paøli: sakkaøya. Bản Paøli: nirodhaö paæicca, duyên diệt.
7. Chánh thọ, hoặc đẳng chí, trạng thái tập trung, hợp nhất tư tưởng, có chín bậc định như vậy: bốn sắc giới thiền, bốn vô sắc định và diệt tận định. Paøli: samaøpatti.
8. Bản Paøli: saóóaøsamaøpatti pattabbaø, y tưởng chánh thọ (đẳng chí) mà đạt được.
9. Bản Paøli: saökhaøraøvasesa-samaøpatti pattabbaø, đạt được do chánh thọ của hành hữu dư (một ít hành uẩn còn tàn dư).
10. Hữu thân diệt /³ ·□ □/𝒜diệt tận các thân kiến (hai mươi hữu thân kiến, hay tát-ca-da tà kiến). Paøli: nirodhasamaøpatti, do diệt chánh thọ.
11. Paøli, S. 14. 13. Giójakaøvasatha.

giác, đến trong bóng mát giảng đường, trải tòa, ngồi trước đại chúng, nói những câu kệ Ưu-đàn-na, rồi bảo các Tỳ-kheo:

"Vì duyên giới mà sanh thuyết[12], chứ không phải không do giới. Duyên giới mà sanh kiến, không phải không do giới, Duyên giới mà sanh tưởng, không phải không do giới. Duyên giới hạ liệt[13], Ta nói, sanh thuyết hạ liệt[14], kiến hạ liệt, tưởng hạ liệt, tư hạ liệt[15], dục hạ liệt[16], nguyện hạ liệt, hạ sĩ phu hạ liệt[17], sở tác hạ liệt, thi thiết hạ liệt, kiến lập hạ liệt, hạ bộ phận hạ liệt, hạ hiển thị hạ liệt, hạ thọ sanh hạ liệt.

"Trung giới[18] cũng như vậy.

"Cũng vậy, đối với giới thù thắng[19]. Do duyên thắng giới, Ta nói kia sanh thuyết thù thắng, kiến thù thắng, tưởng thù thắng, nguyện thù thắng, sĩ phu thù thắng, sở tác thù thắng, thi thiết thù thắng, kiến lập thù thắng, bộ phận thù thắng, hiển thị thù thắng, thọ sanh thù thắng".

Bấy giờ có Tỳ-kheo Bà-ca-lị[20] đang đứng sau, cầm quạt hầu Phật, bạch rằng:

"Bạch Thế Tôn, nếu đối với Chánh đẳng Chánh giác, mà khởi lên kiến giải không phải Chánh đẳng Chánh giác, thì các kiến giải này cũng duyên theo giới mà sanh chăng?"

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Đối với Chánh đẳng Chánh giác mà khởi kiến giải không phải Chánh đẳng Chánh giác[21], cũng duyên theo giới mà sanh ra,

---

12. Paøli: dhaøtuö paæicca saóóaø uppajjati, duyên giới sanh tưởng.
13. Trong nguyên bản chép nhầm là bất giới [illegible]. Đây sửa lại là hạ giới [illegible]. Paøli: hìnam dhaøtum.
14. Paøli: hìnaø vaøcaø, ngôn ngữ thấp kém, hạ đẳng.
15. Paøli: hìnaø cetanaø, tư niệm hay ý chí thấp kém.
16. Paøli: hìnaø patthanaø, dục cầu hay hy vọng thấp kém.
17. Paøli: hì no puggalo, con người hay nhân cách thấp kém.
18. Như thị trung [illegible]. Paøli: majjhimaö dhaøtuö paæicca.
19. Paøli: paòìtaø dhaøtu, giới vi diệu, thượng đẳng.
20. Bà-ca-lị [illegible]. Có lẽ Paøli: Vakkali. Nhưng, bản Paøli: Kaccaøna.
21. Paøli: asammaøsabuddhesu sammaøsambuddhaø' ti, ở nơi những vị không phải là Chánh đẳng Chánh giác mà thấy là Chánh đẳng Chánh giác.

không phải không duyên giới. Vì sao? Giới của phàm phu là vô minh giới. Như trước Ta đã nói, duyên hạ giới sanh hạ thuyết, hạ kiến,... cho đến, hạ thọ sanh. Duyên trung giới cũng như vậy, đối với thắng giới, cũng sanh thắng thuyết, thắng kiến, cho đến, thắng thọ sanh."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 458. NHÂN[22]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Có nhân sanh ra dục tưởng, chứ không phải không có nhân; có nhân sanh ra nhuế tưởng, hại tưởng[23], chứ không phải không có nhân.

"Do nhân gì sanh dục tưởng? Do duyên dục giới. Duyên dục giới nên sanh ra dục tưởng, dục dục, dục giác, dục nhiệt, dục cầu[24]. Kẻ phàm phu ngu si khi đã khởi lên dục cầu rồi, chúng sanh này khởi lên tà vạy qua ba nơi là thân, miệng, tâm. Do nhân duyên tà vạy như vậy nên hiện tại sống trong khổ não; có khổ, có khốn quẫn, có thất vọng[25], có nóng bức; sau khi chết rồi sanh vào trong đường ác. Đó gọi là nhân duyên sanh dục tưởng.

"Thế nào là nhân duyên sanh ra nhuế tưởng, hại tưởng? Đó là hại giới. Do duyên hại giới nên sanh hại tưởng, hại dục, hại giác, hại

---

22. Paøli, S. 14. 12. Sanidaøna (có nguyên do). Tham chiếu, A. 6. 39. Nidaøna.

23. Dục tưởng, nhuế tưởng, hại tưởng; ba bất thiện tưởng, cũng là ba bất thiện tầm, ba tư duy tầm cầu bất thiện. Paøli: tayo akusala-vitakkaø: kaøma-vitakko, vyaøpaøda-vitakko, vihiösaø-vitakko. Ba bất thiện tầm này cũng là ba bất thiện giới. Paøli: tissa akusala-dhaøtuyo. Xem *Trường A-hàm*, N^{0}1(7); D. 33. Saígìti.

24. Paøli: kaøma-dhaøtu, kaøma-saóóaø, kaøma-saökappo, kaøma-chando, kaøma-pariôaøho, kaøma-pariyesanaø; dục giới, dục tưởng, dục tư duy, dục dục, dục nhiệt não, dục tầm cầu.

25. Hán: hữu ngại, hữu não . Paøli: sa-vighaøtaö, sa-upayaøsaö.

nhiệt, hại cầu. Kẻ phàm phu ngu si khi đã khởi lên sự mong muốn làm hại, chúng sanh này khởi lên tà vạy qua ba nơi là thân, miệng, tâm. Do nhân duyên tà vạy như vậy nên hiện tại sống trong khổ não; có khổ, có khốn quẫn, có thất vọng, có nóng bức; sau khi chết rồi sanh vào trong đường ác.

"Này các Tỳ-kheo, nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào đang an trú nơi sanh như vậy mà sanh tưởng nguy hiểm[26], không tìm cách loại bỏ, không tỉnh giác[27], không nhả ra, thì hiện tại người ấy ngay trong đời hiện tại an trú khổ; có khổ, có khốn quẫn, có thất vọng, có nóng bức; sau khi chết rồi sanh vào trong đường ác.

"Ví như cách thành ấp, làng xóm không xa, có cánh đồng hoang, chợt bốc lửa lớn. Nếu không có ai có sức mạnh để dập tắt lửa, nên biết, những chúng sanh ở trong đồng hoang đó chắc chắn sẽ bị lửa hại. Cũng vậy, Sa-môn, Bà-la-môn đang an trú nơi sanh mà sanh tưởng nguy hiểm, sau khi thân hoại mạng chung sanh vào đường ác.

"Này các Tỳ-kheo, có nhân sanh tưởng xuất yếu[28], chứ không phải không có nhân.

"Thế nào là nhân sanh tưởng xuất yếu? Đó là xuất yếu giới[29]. Do duyên xuất yếu giới sanh xuất yếu tưởng, xuất yếu dục, xuất yếu giác, xuất yếu nhiệt, xuất yếu cầu. Nghĩa là người có trí kia khi tìm cầu sự xuất yếu, chúng sanh này[30] phát sanh chánh hành qua ba chỗ là thân, miệng, tâm. Kia sau khi do nhân duyên sanh chánh hành như vậy, ngay hiện tại sống an lạc; không khổ, không khốn quẫn, không thất

---

26. Nguy hiểm tưởng □. Tham chiếu Paøli: upannaö visamagataö saóóaö na khippameva pajahati, không nhanh chóng loại bỏ ý tưởng bất chánh đang sanh khởi. Paøli: visamagata, bất chánh, Hán đọc là visaögata, (bị chi phối bởi) độc hại.

27. Hán: bất giác □. có lẽ là na vinodeti, không bài trừ, nhưng bản Hán đọc là na vedeti: không cảm giác.

28. Xuất yếu tưởng □. Ý tưởng thoát ly (xuất ly, xuất gia). Paøli: nekkhama-vitakka (tư duy tầm cầu sự thoát ly).

29. Xem *Trung A hàm*, N^{0}1(7): ba thiện giới: xuất ly giới, vô nhuế giới, vô hại giới; D. 33. Saígìti: tisso kusala-dhaøtuyo: nekkhama-dhaøtu, avyaøpaøda-dhaøtu, avihiösaø-dhaøtu.

30. Paøli: đa văn Thánh đệ tử (sutavaø ariyasaøvako).

vọng, không nóng bức; sau khi chết sanh vào cõi lành. Đó gọi là nhân duyên sanh tưởng xuất yếu.

"Thế nào là nhân duyên sanh tưởng không nhuế, không hại[31]? Đó là bất nhuế, bất hại giới. Do nhân duyên bất hại giới sanh bất hại tưởng bất hại dục, bất hại giác, bất hại nhiệt, bất hại cầu không hại. Nghĩa là người có trí kia khi tìm cầu sự bất hại, chúng sanh phát sanh chánh hành qua ba chỗ là thân, miệng, tâm. Kia sau khi do nhân duyên sanh chánh hành như vậy, ngay hiện tại sống an lạc; không khổ, không khốn quẫn, không thất vọng, không nóng bức; sau khi chết sanh vào cõi lành. Đó gọi là nhân duyên sanh tưởng bất hại.

"Nếu các Sa-môn, Bà-la-môn an trụ nơi sanh mà sanh tưởng bất hại, không lìa bỏ, không loại bỏ[32], không nhả ra, ngay hiện tại sống lạc; không khổ, không khốn quẫn, không thất vọng, không nóng bức; sau khi chết sanh vào cõi lành.

"Ví như ven thành ấp, làng xóm, có cánh đồng hoang chợt bốc lửa lớn. Có người có khả năng dùng tay, chân để dập tắt lửa. Nên biết, các chúng sanh sống nương cây cỏ đều không bị hại. Cũng vậy, Sa-môn, Bà-la-môn an trụ nơi sanh mà sanh tưởng bất hại, không lìa bỏ, không loại bỏ, không nhả ra, ngay hiện tại sống lạc; không khổ, không khốn quẫn, không thất vọng, không nóng bức; sau khi chết sanh vào cõi lành."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 359. TỰ TÁC[33]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Bà-la-môn đến chỗ Phật, sau khi cùng Thế Tôn thăm hỏi, rồi đứng sang một bên, bạch Phật:

---

31. Bất nhuế, bất hại tưởng [illegible] Paøli: avyaøpaøda-vitakka, avihiösaø-vitakka. Xem cht.28 trên.

32. Nguyên Hán: bất giác. Xem cht.27 trên.

33. Paøli, A. 6. 38. Attakaørì.

"Chúng sanh không phải tự mình làm, không phải cái khác làm."

Phật bảo Bà-la-môn:

"Với luận thuyết như vậy thì Ta và ông không gặp nhau. Ông nay tự mình đi đến đây mà lại nói không tự mình làm, không phải cái khác làm."

Bà-la-môn bạch:

"Thế nào, bạch Cù-đàm, chúng sanh là tự mình làm hay cái khác làm?"

Phật bảo Bà-la-môn:

"Bây giờ Ta hỏi ông, tùy ý mà trả lời Ta. Này Bà-la-môn, ý ông nghĩ sao, có phương tiện giới[34] của chúng sanh, nhờ đó các chúng sanh biết tạo ra phương tiện chăng?"

Bà-la-môn bạch:

"Bạch Cù-đàm, có phương tiện giới của chúng sanh đó, khiến cho các chúng sanh biết tạo ra phương tiện."

Phật bảo Bà-la-môn:

"Nếu có phương tiện giới nhờ đó mà các chúng sanh biết có phương tiện, thì đó là chúng sanh tự mình làm hay là cái khác làm[35]?"

"Này Bà-la-môn, ý ông nghĩ sao, có an trú giới, kiên cố giới, xuất giới, tạo tác giới[36] của chúng sanh, nhờ đó mà chúng sanh biết là có tạo tác chăng?"

Bà-la-môn bạch Phật:

"Có an trú giới, kiên cố giới, xuất giới, tạo tác giới của chúng sanh, nhờ đó mà chúng sanh biết là có tạo tác."

---

34. Phương tiện giới ở đây, phương tiện đồng nghĩa gia hành (Paøli: payoga), chỉ sự chuẩn bị phát khởi hành động. Bản Paøli: aørabbha-dhaøtu, phát khởi giới (xuất phát hành động).

35. Paøli: yaö kho, braøhmaòa, aørabbhadhaøtuyaø sati aørabbhavanto sattaø paóóaøyanti, ayaö sattaønaö attakaøro ayaö parakaøro, cái gì mà trong khi khởi sự làm chúng sanh biết đang khởi sự làm, cái đó là việc tự mình làm, cái đó là việc người khác làm, của chúng sanh.

36. An trụ giới, kiên cố giới, xuất giới, tạo tác giới. Paøli: nikkamadhaøtu (xuất hành giới), thaømadhaøtu (thế lực giới), æhitidhaøtu (an trụ giới), upakkamadhaøtu (công kích giới).

Phật bảo Bà-la-môn:

"Nếu có an trú giới, kiên cố giới, xuất giới, tạo tác giới của chúng sanh, nhờ đó mà chúng sanh biết là có tạo tác, thì đó là chúng tự mình làm hay là cái khác làm?"

Bà-la-môn bạch:

"Chúng sanh có việc tự mình làm, có việc người khác làm. Bạch Cù-đàm, vì ở đời có nhiều công việc, bây giờ xin phép được cáo từ."

Phật bảo Bà-la-môn:

"Ở đời có nhiều công việc, ông nên đúng thời."

Sau khi nghe lời Phật dạy, Bà-la-môn hoan hỷ, tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

M

KINH 460. CÙ-SƯ-LA[37]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cù-sư-la, nước Câu-diệm-di[38]. Bấy giờ gia chủ Cù-sư-la[39] đi đến chỗ Tôn giả A-nan, đảnh lễ dưới chân Tôn giả A-nan, rồi lui ngồi qua một bên, bạch Tôn giả A-nan:

"Nói là nhiều chủng loại giới[40]. Vậy thế nào là nhiều chủng loại giới?"

Tôn giả A-nan bảo gia chủ Cù-sư-la:

"Nhãn giới khác, sắc giới khác thuộc về hỷ xứ[41]. Hai nhân duyên sanh thức. Ba sự hòa hợp sanh xúc. Do nhân duyên hỷ xúc sanh lạc thọ. Cũng vậy, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý pháp cũng nói như vậy.

"Lại nữa, này gia chủ, có nhãn giới khác, sắc giới khác thuộc về ưu xứ. Hai nhân duyên sanh thức. Ba sự hòa hợp sanh khổ xúc. Do nhân duyên khổ sanh khổ thọ. Cũng vậy, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý pháp

---

37. S. 35. 129. Ghosita.

38. Câu-diệm-di Cù-sư-la viên [illegible] một tinh xá do Cù-sư-la (Paøli: Ghosita) dựng ở Câu-diệm-di (Kosambì).

39. Cù-sư-la trưởng giả [illegible] Paøli: Ghosita-gahapati.

40. Chủng chủng giới [illegible] Paøli: dhaøtunaønattaö, sự đa dạng của giới.

41. Paøli: samvajjati... cakkhudhaøtu ruøpaø ca manaøpaø, có nhãn giới và sắc khả ái.

cũng nói như vậy.

"Lại nữa này gia chủ, nhãn giới khác, sắc giới khác thuộc về xả xứ. Hai nhân duyên sanh thức. Ba sự hòa hợp sanh xúc, không khổ, không lạc. Do nhân duyên xúc không khổ, không lạc sanh thọ, không khổ, không lạc. Cũng vậy, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý pháp cũng nói như vậy."

Gia chủ Cù-sư-la sau khi nghe lời dạy của Tôn giả A-nan hoan hỷ, tùy hỷ, đảnh lễ rồi lui ra.

M

KINH 461. TAM GIỚI (1)[42]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cù-sư-la, nước Câu-diệm-di[43]. Bấy giờ gia chủ Cù-sư-la đi đến chỗ Tôn giả A-nan, đảnh lễ dưới chân Tôn giả A-nan, rồi lui ngồi qua một bên, bạch Tôn giả A-nan:

"Nói là nhiều chủng loại giới. Vậy thế nào là nhiều chủng loại giới?"

Tôn giả A-nan bảo gia chủ Cù-sư-la:

"Có ba giới. Những gì là ba? Đó là Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới."

Bấy giờ, Tôn giả A-nan nói bài kệ:

Hiểu rõ về Dục giới,
Sắc giới cũng như vậy.
Bỏ tất cả hữu dư,
Được tịch diệt vô dư.
Nơi thân hòa hợp giới[44]*,*
Đoạn tuyệt, chứng vô dư.
Đấng Chánh Giác[45] *đã chỉ,*
Dấu vô ưu, ly cấu[46].

---

42. Tham chiếu It. 51.

43. Xem cht.38, kinh 460.

44. Paøli (Cf. It. 51): kaøyena amataö dhaøtuö phusayitvaø niruøpadhiö, bằng tự thân, chứng nghiệm bất tử giới (cam lộ giới), chứng vô dư y.

45. Nguyên Hán: Tam-da-tam-phật

Tôn giả A-nan nói kinh này xong, gia chủ Cù-sư-la hoan hỷ, tùy hỷ, rồi lui ra.

M

KINH 462. TAM GIỚI (2)

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cù-sư-la, nước Câu-diệm-di[47]. Bấy giờ gia chủ Cù-sư-la đi đến chỗ Tôn giả A-nan, đảnh lễ dưới chân Tôn giả A-nan, rồi lui ngồi qua một bên, bạch Tôn giả A-nan:

"Nói là nhiều chủng loại giới. Vậy thế nào là nhiều chủng loại giới?"

Tôn giả A-nan bảo gia chủ Cù-sư-la:

"Có ba giới. Những gì là ba? Đó là Sắc giới, Vô sắc giới, Diệt giới[48]."

Bấy giờ, Tôn giả A-nan nói bài kệ:

Nếu chúng sanh Sắc giới,
Và trụ Vô sắc giới,
Mà không biết Diệt giới,
Thì lại thọ các hữu.
Nếu đoạn được sắc giới,
Không trụ vô sắc giới,
Diệt giới, tâm giải thoát,
Thì xa lìa sanh tử.

Khi Tôn giả A-nan nói kinh này xong, thì gia chủ Cù-sư-la tùy hỷ, vui mừng làm lễ mà lui.

M

KINH 463. TAM GIỚI (3)

---

46. Hán: vô ưu ly cấu cú [illegible]. Paøli (Cf. It.51): deseti sammaøsambuddho asokaö virajaö padan ti, Đấng Chánh Giác chỉ rõ dấu chân không ưu phiền, không cấu nhiễm.

47. Xem cht.38, kinh 460.

48. Cf. It. 51: tisso dhaøtuyo: ruøpadhaøtu, aøruøpadhaøtu, nirodhadhaøtu.

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cù-sư-la, nước Câu-diệm-di. Bấy giờ gia chủ Cù-sư-la đi đến chỗ Tôn giả A-nan, đảnh lễ dưới chân Tôn giả A-nan, rồi lui ngồi qua một bên, bạch Tôn giả A-nan:

"Nói là nhiều chủng loại giới. Vậy thế nào là nhiều chủng loại giới?"

Tôn giả A-nan bảo gia chủ Cù-sư-la:

"Có ba thứ giới xuất ly, đó là xuất ly từ Dục giới cho đến Sắc giới và xuất ly từ Sắc giới cho đến Vô sắc giới. Ở đây, tất cả các hành, tất cả những tư tưởng về giới đều dứt hết. Đó gọi là ba thứ giới cần xuất ly, rồi Tôn giả nói bài kệ:

Biết xuất ly Dục giới,
Vượt luôn khỏi Sắc giới,
Tất cả hành tịch diệt,
Siêng tu, chánh phương tiện.
Đoạn trừ tất cả ái,
Tất cả hành diệt tận.
Biết tất cả hữu dư,
Không xoay chuyển lại hữu.

Khi Tôn giả A-nan nói kinh này xong, thì gia chủ Cù-sư-la tùy hỷ vui mừng làm lễ mà lui.

M

KINH 464. ĐỒNG PHÁP

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cù-sư-la, nước Câu-diệm-di. Bấy giờ Tôn giả A-nan đi đến chỗ vị Thượng tọa tên là Thượng Tọa[49]. Khi đến nơi ấy, Tôn giả cung kính thăm hỏi, rồi ngồi lui qua một bên, bạch vị Thượng tọa tên là Thượng Tọa:

"Nếu có Tỳ-kheo ở nơi vắng vẻ, dưới bóng cây, hay ở trong phòng yên tĩnh tư duy, nên dùng pháp gì để chuyên tinh tư duy?"

---

49. Thượng tọa Thượng Tọa danh giả [illegible] Không rõ Paøli.

Thượng tọa đáp:

"Này Tôn giả A-nan, nếu người nào ở chỗ vắng vẻ, dưới bóng cây hay trong phòng yên tĩnh, nên dùng hai pháp này để chuyên tinh tư duy, đó là chỉ và quán[50].

Tôn giả A-nan lại hỏi Thượng tọa:

"Tu tập chỉ, sau khi tu tập nhiều, sẽ thành tựu được pháp gì? Tu tập quán, sau khi tu tập nhiều, sẽ thành tựu được pháp gì?"

Thượng tọa trả lời Tôn giả A-nan:

"Tu tập chỉ, cuối cùng thành tựu được quán. Tu tập quán, cũng thành tựu được chỉ. Nghĩa là Thánh đệ tử tu tập gồm cả chỉ và quán, chứng đắc các giải thoát giới."

Tôn giả A-nan lại hỏi:

"Bạch Thượng tọa, thế nào là các giải thoát giới?"

Thượng tọa đáp:

"Này Tôn giả A-nan, đoạn giới, vô dục giới, diệt giới, đó gọi là các giải thoát giới."

Tôn giả A-nan lại hỏi Thượng tọa:

"Thế nào là đoạn giới cho đến diệt giới?"

Thượng tọa đáp:

"Này Tôn giả A-nan, đoạn tất cả hành, đó gọi là đoạn giới. Đoạn trừ ái dục, đó là vô dục giới. Tất cả hành diệt, gọi là diệt giới."

Tôn giả A-nan, sau khi nghe Thượng tọa nói xong, tùy hỷ hoan hỷ, rồi đi thẳng đến chỗ năm trăm Tỳ-kheo, cung kính hỏi thăm, rồi ngồi lui qua một bên, bạch với năm trăm vị Tỳ-kheo:

"Nếu Tỳ-kheo nào trong lúc ở chỗ vắng vẻ, dưới bóng cây hay trong phòng yên tĩnh tư duy, nên dùng pháp gì để chuyên tinh tư duy?"

Bấy giờ năm trăm Tỳ-kheo trả lời Tôn giả A-nan:

"Nên dùng hai pháp chuyên tinh mà tư duy." Chi tiết, cho đến, "diệt giới," như vị Thượng tọa đã nói trên kia.

Khi Tôn giả A-nan nghe năm trăm vị Tỳ-kheo nói như vậy, hoan hỷ tùy hỷ, liền đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, nếu Tỳ-kheo ở chỗ vắng vẻ, dưới bóng cây hay

---

50. Chỉ và quán. Paøli: samatha, vipassanaø (xa-ma-tha, tỳ-bát-xa-na).

trong phòng yên tĩnh mà tư duy, nên dùng phương pháp gì để chuyên tinh tư duy?"

Phật bảo A-nan:

"Nếu Tỳ-kheo nào ở nơi vắng vẻ, dưới bóng cây hay trong phòng yên tĩnh mà tư duy, nên dùng hai pháp để chuyên tinh tư duy." Chi tiết, cho đến, "diệt giới," như năm trăm Tỳ-kheo đã nói.

Bấy giờ, Tôn giả A-nan bạch Phật:

"Kỳ diệu thay, bạch Thế Tôn, Bậc Đạo Sư và các đệ tử, tất cả đều đồng một pháp, đồng văn cú, đồng một nghĩa, đồng một vị. Hôm nay con đến Thượng tọa có tên là Thượng Tọa hỏi nghĩa này, Tôn giả ấy cũng đem nghĩa này, văn cú này, vị này giải đáp cho con, như những gì Thế Tôn đã nói hiện tại. Con lại đến chỗ năm trăm Tỳ-kheo cũng đem nghĩa này, văn cú này, vị này hỏi năm trăm Tỳ-kheo, họ cũng đem nghĩa này, câu này, vị này mà đáp như những gì Thế Tôn đã nói hiện tại. Cho nên biết rằng, Thầy và đệ tử, tất cả đều đồng một pháp, đồng văn cú, đồng một nghĩa, đồng một vị."

Phật bảo Tôn giả A-nan:

"Ngươi có biết vị Thượng tọa này là Tỳ-kheo như thế nào không?"

A-nan bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, con không biết."

Phật bảo Tôn giả A-nan:

"Thượng tọa này là A-la-hán, các lậu đã giũ sạch, đã vứt bỏ gánh nặng, đạt được chánh trí, tâm khéo giải thoát. Năm trăm vị Tỳ-kheo kia cũng đều như vậy."

Phật nói kinh này xong, Tôn giả A-nan nghe những gì Đức Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 465. TRƯỚC SỬ[51]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương

[51] S. 18. 21. Anusaya; tham chiếu S. 22. 91. Raøhulo.

xá. Bấy giờ Tôn giả La-hầu-la đi đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, biết cái gì, thấy cái gì, để ở nơi thức thân này của con và tất cả những tướng của cảnh giới bên ngoài mà không có kết sử ngã, ngã sở, ngã mạn[52]?"

Phật bảo La-hầu-la:

"Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì ngươi mà nói.

"Nếu Tỳ-kheo nào đối với những gì thuộc địa giới, hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại, hoặc trong, hoặc ngoài, hoặc thô, hoặc tế, hoặc đẹp, hoặc xấu, hoặc xa, hoặc gần, mà biết như thật, thì tất cả những thứ đó đều không phải ngã, không khác ngã, không ở trong nhau. Đối với thủy giới, hỏa giới, phong giới, không giới, thức giới, lại cũng như vậy.

"Này La-hầu-la, Tỳ-kheo nào biết như vậy, thấy như vậy đối với thức thân này của chính mình và tất cả những tướng thuộc cảnh giới bên ngoài, thì không có kết sử ngã, ngã sở, ngã mạn.

"Này La hầu la, nếu Tỳ-kheo nào đối với thức thân này và tất cả những tướng của cảnh giới ở bên ngoài mà không có kết sử ngã, ngã sở, ngã mạn, thì đó gọi là dứt sự ràng buộc của ái, dứt các kết sử, đoạn trừ ái, dừng kiêu mạn, đắc hiện quán, đến tột cùng của mé khổ."

Phật nói kinh này xong, Tôn giả La-hầu-la nghe những gì Đức Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 466. XÚC NHÂN[53]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương

---

52. Ngã, ngã sở kiến, ngã mạn hệ trước sử. Paøli: ahaökaøramamaökaøramaømaønusayaø, các tùy miên ngã, ngã sở và mạn.

53. Ấn Thuận, tụng 3. Tạp nhân, 6. Tương ưng Thọ, gồm các kinh, Đại Chánh 466-489. phần lớn, tương đương Paøli: S.36. Vedanaøsaöyutta. Đại Chánh kinh 466, Paøli, S.36.10 Phassa-muølaka.

xá. Bấy giờ Tôn giả La-hầu-la đi đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, biết cái gì, thấy cái gì, để ở nơi thức thân này của con và tất cả những tướng của cảnh giới bên ngoài mà không có kết sử ngã, ngã sở, ngã mạn[54]?"

Phật bảo La-hầu-la:

"Có ba thứ thọ, đó là khổ thọ, lạc thọ, không khổ không lạc thọ. Ba thọ này do nhân gì, tập gì, sanh gì, chuyển gì? Tức là, ba thọ này, xúc là nhân, là tập, là sanh, là chuyển. Do xúc nhân như thế này, thế kia sanh các thọ như thế này, thế kia. Nếu xúc thế này thế kia diệt, thọ thế này thế kia cũng diệt, tĩnh chỉ, thanh lương, tịch tĩnh. Biết như vậy, thấy như vậy thì ở nơi thức thân này của con và tất cả những tướng của cảnh giới bên ngoài mà không có kết sử ngã, ngã sở, ngã mạn."

Phật nói kinh này xong, Tôn giả La-hầu-la nghe những gì Đức Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 467. KIẾM THÍCH[55]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ Tôn giả La-hầu-la đi đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, biết cái gì, thấy cái gì, để ở nơi thức thân này của con và tất cả những tướng của cảnh giới bên ngoài mà không có kết sử ngã, ngã sở, ngã mạn?"

Phật bảo Tôn giả A-nan:

"Có ba thứ thọ, đó là khổ thọ, lạc thọ, không khổ không lạc thọ. Quán sát lạc thọ mà khởi tưởng là khổ; quán sát khổ thọ mà khởi tưởng là kiếm đâm; quán sát không khổ không lạc thọ mà khởi tưởng là vô thường. Nếu Tỳ-kheo quán sát lạc thọ mà khởi tưởng là khổ, quán sát khổ thọ mà khởi tưởng là kiếm đâm, quán sát không khổ không lạc thọ mà khởi tưởng là vô thường, hoại diệt, thì đó gọi

54. Xem cht.52 kinh 465.

55. Gươm đâm. Paøli, S. 36. 5. Daæahabbena.

là chánh kiến."

Sau đó Thế Tôn nói bài kệ:

Quán vui, khởi tưởng khổ,
Khổ thọ như kiếm đâm,
Đối với không khổ vui,
Tu tưởng vô thường, diệt;
Đó gọi là Tỳ-kheo
Thành tựu được chánh kiến.
Đạo an vui tịch diệt,
Trụ nơi mé cuối cùng,
Vĩnh viễn lìa phiền não,
Dẹp tan chúng quân ma.

Phật nói kinh này xong, Tôn giả La-hầu-la nghe những gì Đức Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 468. TAM THỌ[56]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ Tôn giả La-hầu-la đi đến chỗ Đức Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, biết cái gì, thấy cái gì, để ở nơi thức thân này của con và tất cả những tướng của cảnh giới bên ngoài mà không có kết sử ngã, ngã sở, ngã mạn?"

Phật bảo Tôn giả La-hầu-la:

"Có ba thứ thọ, đó là khổ thọ, lạc thọ, không khổ không lạc thọ. Khi quán sát lạc thọ, vì muốn dứt trừ tham sử[57] đối lạc thọ, nên ở nơi Ta mà tu phạm hạnh; vì muốn dứt trừ sân nhuế sử[58] đối với khổ thọ, nên ở nơi Ta mà tu phạm hạnh; vì muốn dứt trừ ngu si sử[59] đối với bất

---

56. S. 36. 3. Pahaønena.

57. Tham sử, tức tham tùy miên. Paøli: raøgaønusayo.

58. Sân nhuế sử, hay sân tùy miên. Paøli: paæighaønusayo.

59. Si sử, hay si tùy miên. Paøli: avjjaønusayo, vô minh tùy miên.

khổ bất lạc thọ, nên ở nơi Ta mà tu phạm hạnh.

"Này La hầu la, nếu Tỳ-kheo nào đối với kết sử tham nơi lạc thọ đã dứt trừ, đã biết; đối với kết sử sân nhuế nơi khổ thọ đã dứt trừ, đã biết; và đối với kết sử si nơi bất khổ bất lạc thọ đã dứt trừ, đã biết, thì đó gọi là Tỳ-kheo đã đoạn trừ ái dục, bứt các kết buộc, diệt kiêu mạn[60], đến tột cùng của mé khổ[61]."

Sau đó, Đức Thế Tôn nói bài kệ:

Khi cảm nhận lạc thọ,
Thì không biết lạc thọ
Bị tham sử sai khiến,
Không thấy đường xuất ly.
Lúc cảm nhận khổ thọ,
Thì không biết khổ thọ
Bị sân nhuế sai sử,
Không thấy đường xuất ly.
Thọ không vui không khổ,
Đấng Chánh Giác đã nói,
Nếu không khéo quán sát,
Quyết không qua bờ kia.
Tỳ-kheo cần tinh tấn,
Chánh tri không động chuyển[62]*,*
Như tất cả thọ này,
Người trí thường hiểu biết.
Người hiểu biết các thọ,
Hiện tại hết các lậu,
Người trí sáng mạng chung,

---

60. mạn vô gián [illegible] Paøli: maønaøbhisamaya, hiện quán mạn, hiểu rõ mạn, làm đình chỉ, tiêu vong kiêu mạn.

61. Paøli: ayaö vuccati, bhikkhave, bhikkhu niranusayo sammaddaso accheti taòhaö vivattayi saöyojanaö sammaø maønaøbhisamayaø antamakaøsi dukkhassaø' ti. Đây gọi là Tỳ-kheo đã dứt sạch tùy miên, hoàn toàn cắt đứt khát ái, trừ khử kết buộc, một cách chân chánh thấy rõ kiêu mạn (tiêu diệt kiêu mạn), chấm dứt khổ.

62. Paøli: saöpajaóóaö na riócati, không bỏ chánh trí. Paøli: riócati, rời, chối bỏ, phủ nhận; bản Hán đọc là iójati: dao động.

Không rơi vào các số[63],
Các số đã dứt tuyệt,
Thường nhập Niết-bàn lạc.

Phật nói kinh này xong, Tôn giả La-hầu-la nghe những gì Đức Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 469. THÂM HIỂM[64]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở tại vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, nơi thành Vương xá. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Biển lớn sâu hiểm[65]. Đó là cái sâu hiểm mà người ngu ở thế gian này thường nói, không phải là sâu hiểm được nói trong pháp luật của Hiền thánh[66]. Những gì mà thế gian nói về sự sâu hiểm thì đó chỉ là sự tích tụ số lượng nước nhiều mà thôi. Nếu các thọ phát sanh từ thân, các khổ bức bách, hoặc bị khốn quẫn, hoặc chết, thì đó mới gọi là nơi sâu hiểm vô cùng của biển lớn.

"Phàm phu ngu si không học, ở nơi các thọ phát sanh từ thân, các khổ bức bách, hoặc bị khốn quẫn, hoặc chết, sầu bi, thán oán, khóc lóc, kêu la, tâm loạn phát cuồng, mà trường kỳ chìm đắm, không chỗ dừng nghỉ.

"Đa văn Thánh đệ tử, ở nơi các thọ phát sanh từ thân, các khổ bức bách, hoặc bị khốn quẫn, hoặc chết, sầu bi, thán oán, khóc lóc, kêu la, tâm loạn phát cuồng, mà không chìm đắm sanh tử, được chỗ dừng nghỉ."

Sau đó, Đức Thế Tôn nói bài kệ:

---

63. Hán: bất đọa ư chúng số 不墮於眾數 Paøli: kaøyassa bhedaø dhamaæææho saökhyaö nopeti vedaguø ti, không thể mô tả bậc Pháp trí, vị Hiền trí, khi thân hoại (định danh).

64. Sâu thẳm, hiểm trở, chỉ vực thẳm. S. 36. 4. Paøtaøla.

65. Hán: đại hải thâm hiểm 大海深險. Paøli: atthi mahaøsamudde paøtaølo'ti, trong biển cả có vực thẳm.

66. Paøli: (...) asataö avijjamaønaö evaö vaøcaö bhssaøti (trong biển có vực thẳm), nói về cái không hiện hữu, không tồn tại.

Thân sanh các khổ thọ,
Bức bách cho đến chết,
Sầu bi không chịu nổi,
Than khóc, phát cuồng loạn.
Tâm tự sanh khốn quẫn,
Chiêu tập các khổ tăng,
Mãi chìm biển sanh tử,
Nào biết chỗ dừng nghỉ.
Xả các thọ nơi thân,
Khổ não sanh từ thân,
Bức bách cho đến chết,
Không khởi tưởng buồn lo,
Không than khóc kêu gào,
Thường nhẫn thọ các khổ,
Tâm không sanh chướng ngại,
Chiêu tập các khổ tăng,
Không chìm đắm sanh tử,
Quyết được nơi an ổn.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 470. TIỄN[67]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Phàm phu ngu si không học sanh khổ thọ, lạc thọ, không khổ không lạc thọ. Đa văn Thánh đệ tử cũng sanh khổ thọ, lạc thọ, không khổ không lạc thọ. Này các Tỳ-kheo, như vậy giữa phàm phu và Thánh nhân có gì sai khác?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Thế Tôn là căn bản của pháp, là con mắt của pháp, là sở y của

67. Mũi tên. Paøli, S. 36. 6. Sallattena.

pháp. Lành thay, Thế Tôn! Cúi xin nói đầy đủ, các Tỳ-kheo sau khi nghe xong sẽ lãnh thọ thực hành."

Phật bảo các Tỳ-kheo tiếp:

"Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì các ông mà nói.

"Này các Tỳ-kheo, phàm phu ngu si không học, vì thân xúc chạm sanh các thọ, tăng thêm các khổ đau, cho đến bị cướp mất mạng sống, sầu bi, thán oán, khóc lóc, kêu gào, tâm sanh cuồng loạn. Ngay lúc đó hai thọ tăng trưởng, là thân thọ và tâm thọ. Như có người thân bị trúng hai mũi tên độc, vô cùng đau đớn. Phàm phu ngu si không học lại cũng như vậy. Hai thọ tăng trưởng: thân thọ, tâm thọ vô cùng đau đớn, khổ sở. Vì sao? Vì phàm phu ngu si không học này vì không biết rõ, nên ở nơi ngũ dục mà phát sanh cảm xúc lạc thọ, lãnh thọ năm thứ dục lạc. Do lãnh thọ năm thứ dục lạc nên bị tham sử sai khiến[68]. Vì xúc chạm cảm thọ khổ nên sanh sân nhuế. Vì nổi sân nhuế nên bị nhuế sử sai khiến[69]. Nếu đối với sự tập khởi, sự diệt tận, vị ngọt, tai hại và xuất ly của hai thọ này mà không biết như thật; vì không biết như thật nên sanh cảm thọ không khổ không lạc, bị si sử sai khiến. Nó bị lạc thọ trói buộc, mãi không thể lìa[70]; bị khổ thọ trói buộc, trọn không thể lìa; bị cảm thọ không khổ không lạc trói buộc, cuối cùng không thể lìa.

"Cái gì trói buộc? Bị tham, nhuế, si trói buộc; bị sanh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não trói buộc."

"Đa văn Thánh đệ tử, thân xúc sanh khổ thọ, khổ lớn bức bách... cho đến cướp mất sanh mạng, mà không khởi lo buồn, thán oán, khóc lóc, kêu gào, loạn tâm phát cuồng. Ngay lúc đó chỉ sanh một thứ thọ, đó là thân thọ, chứ không sanh tâm thọ. Như người bị một mũi tên độc, không bị mũi tên độc thứ hai, ngay khi đó chỉ sanh có một cảm thọ, đó là thân thọ mà không sanh tâm thọ. Khi xúc chạm lạc thọ, không

---

68. Vi tham sử sở sử. Paøli: yo sukhaøya vedanaøya raøgaønusayo so anuseti, tiềm phục tham tùy miên đối với cảm thọ lạc.

69. Paøli: yo dukkhaøya vedanaøya paæighaønusayo so anuseti, đối với cảm thọ khổ, sân tùy miên tiềm phục.

70. Paøli: so sukhaóce vedanaö vedayati, saóóutto naö vedayati; nếu nó cảm giác lạc. nó cảm giác bị cái đó trói buộc.

nhiễm dục lạc. Vì không nhiễm dục lạc nên đối với lạc thọ này, tham sử không sai khiến. Khi xúc chạm khổ thọ không sanh sân nhuế. Vì không sanh sân nhuế, nên nhuế sử không thể sai khiến. Nếu đối với sự tập khởi, sự diệt tận, vị ngọt, tai hại, sự xuất ly của hai sử này mà biết như thật; vì biết như thật cảm thọ không khổ không lạc, nên si sử không thể sai khiến được. Đối với lạc thọ được giải thoát, không bị trói buộc; khổ thọ, không khổ không lạc thọ cũng được giải thoát, không bị trói buộc.

"Không bị cái gì trói buộc? Tham, nhuế, si không trói buộc; sanh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não không trói buộc."

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói bài kệ:

Đa văn đối khổ vui,
Không phải không cảm giác.
So với kẻ không học,
Người này thật xa khác[71].
Thọ lạc, không buông lung,
Gặp khổ không tăng sầu;
Khổ vui thảy đều bỏ,
Không thuận cũng không trái.
Tỳ-kheo siêng phương tiện,
Chánh trí không khuynh động[72],
Đối với các thọ này,
Trí tuệ thường biết rõ.
Vì biết rõ các thọ,
Hiện tại sạch các lậu,
Khi chết không đọa lạc[73],
An trú Đại Niết-bàn.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---

71. Trong nguyên bản: đại văn 大聞 sửa lại là đại gian 大間 cách biệt rất lớn.
72. Xem cht.62, kinh 468.
73. Hán: *bất đọa số*, xem cht.63 kinh 468.

M

KINH 471. HƯ KHÔNG[74]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Như giữa hư không, gió lộng từ bốn phương thổi đến như gió có bụi bặm, gió không bụi bặm, gió tỳ-thấp-ba[75], gió tỳ-lam-bà[76], gió mỏng, gió dày, cho đến phong luân gió dậy. Gió cảm thọ trong thân cũng như vậy. Đủ các thứ thọ khởi lên như lạc thọ, khổ thọ, không khổ không lạc thọ. Đó là những cảm thọ lạc của thân, cảm thọ khổ của thân, cảm thọ không khổ không lạc của thân; cảm thọ lạc của tâm, cảm thọ khổ của tâm, cảm thọ không khổ không lạc của tâm; cảm thọ thực vị lạc[77], cảm thọ thực vị khổ, cảm thọ thực vị không khổ không lạc; cảm lạc thọ phi thực vị, cảm thọ khổ phi thực vị, cảm thọ không khổ không lạc phi thực vị; cảm thọ lạc do tham, cảm thọ khổ do tham, cảm thọ không khổ không lạc do tham; cảm thọ lạc xuất ly, cảm thọ khổ xuất ly, cảm thọ không khổ không lạc xuất ly."

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói bài kệ:

Như ở giữa hư không,
Các gió cuồng nổi dậy;
Gió Đông, Tây, Nam, Bắc,
Bốn phương đều như vậy.
Có bụi và không bụi,
Cho đến phong luân khởi.
Cũng vậy trong thân này,
Các thọ cũng dấy lên.
Hoặc lạc, hoặc khổ thọ,
Và không khổ không lạc,
Có ăn cùng không ăn,

---

74. S. 36. 12. AØkaøsa.

75. Tỳ-thấp-ba phong [illegible] Paøli không có. Có lẽ Phạm: vizva-vaøta, gió mạnh.

76. Tỳ-lam-bà phong [illegible] Paøli: verambha-vaøta, não. Bản Paøli không kể.

77. Lạc thực thọ [illegible] Paøli: saømisaøpi sukhaø vedanaø, cảm thọ lạc của da thịt, của vị ái nhiễm (sa-aømisa: có thịt, nhục thể, xác thịt, vật chất).

Tham trước không tham trước.
Tỳ-kheo siêng phương tiện,
Chánh trí không lay động[78]*,*
Đối với các thọ này,
Trí tuệ thường biết rõ.
Vì biết rõ các thọ,
Hiện tại sạch các lậu,
Khi chết không đọa lạc[79]*,*
An trụ Bát-niết-bàn.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 472. KHÁCH XÁ[80]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Như nhà khách có đủ hạng người đến ở. Hoặc Sát-đế-lợi, Bà-la-môn, gia chủ, cư sĩ, người nhà quê, thợ săn, người trì giới, người phạm giới, người tại gia, người xuất gia. Tất cả đều trọ ở trong đó. Thân này cũng lại như vậy. Đủ các thứ thọ sanh khởi như khổ thọ, lạc thọ, không khổ không lạc thọ; thân thọ lạc, thân thọ khổ, thân thọ không khổ không lạc; tâm thọ lạc, tâm thọ khổ, tâm thọ không khổ không lạc; cảm thọ thực vị lạc[81], cảm thọ thực vị khổ, cảm thọ thực vị không khổ không lạc; cảm thọ phi thực vị lạc, cảm thọ phi thực vị khổ, cảm thọ phi thực vị không khổ không lạc; cảm thọ lạc do tham trước, cảm thọ khổ do tham trước, cảm thọ không khổ không lạc do tham trước; cảm thọ lạc xuất ly, cảm thọ khổ xuất ly, cảm thọ không khổ không lạc xuất ly."

---

78. Xem cht.62 kinh 468.
79. Xem cht.63 kinh 468.
80. S. 36. 14. AØgaøraö.
81. Xem cht.77, kinh 471.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói bài kệ:

Như ở trong nhà khách,
Đủ hạng người ở trọ,
Sát-lợi, Bà-la-môn,
Gia chủ và cư sĩ,
Chiên-đà-la, dân quê,
Người trì giới, phạm giới,
Kẻ tại gia, xuất gia,
Nhiều hạng người như vậy.
Thân này cũng như vậy,
Các thứ cảm thọ sanh,
Hoặc vui, hoặc khổ thọ,
Và không khổ không lạc,
Thực vị, phi thực vị,
Tham đắm, không tham đắm.
Tỳ-kheo siêng phương tiện,
Chánh trí không lay động,
Đối với các thọ này,
Trí tuệ thường biết rõ,
Vì biết rõ các thọ,
Hiện tại hết các lậu,
Khi chết không đọa lạc,
An trụ Bát-niết-bàn.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 473. THIỀN[82]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, có Tỳ-kheo một mình ở chỗ vắng[83], thiền tịnh, tư duy:

82. S. 36. 11. Rahogataka (Ẩn dật).

83. Độc nhất tĩnh xứ 獨一靜處. Paøli: rahogata, sống ẩn dật.

‘Thế Tôn nói ba thọ: lạc thọ, khổ thọ, không khổ không lạc thọ; lại nói những gì thuộc về thọ thảy đều là khổ. Vậy, điều này có nghĩa gì?”

Tỳ-kheo này suy nghĩ như vậy rồi, sau khi từ thiền tịnh tỉnh giấc, đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, rồi đứng lui qua một bên, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, con ở chỗ vắng, trong lúc thiền tịnh tư duy có nghĩ rằng: ‘Thế Tôn nói ba thọ: lạc thọ, khổ thọ, không khổ không lạc thọ; lại nói những gì thuộc về thọ đều là khổ. Vậy, điều này có nghĩa gì?”

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Ta, vì tất cả hành đều vô thường, tất cả hành là pháp biến đổi nên nói những gì thuộc về thọ thảy đều là khổ.”

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói bài kệ:

Biết các hành vô thường,
Đều là pháp biến dịch,
Nên nói thọ là khổ,
Chánh Giác biết điều này.
Tỳ-kheo siêng phương tiện,
Chánh trí không lay động,
Đối với tất cả thọ,
Trí tuệ thường biết rõ.
Biết rõ tất cả thọ,
Hiện tại hết các lậu,
Khi chết không đọa lạc,
An trụ Bát-niết-bàn.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 474. CHỈ TỨC[84]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, Tôn giả A-

84. S. 36. 15-16. Santakaö.

nan ở một mình chỗ vắng, trong lúc thiền tịnh nghĩ rằng: 'Thế Tôn nói ba thọ: lạc thọ, khổ thọ, không khổ không lạc thọ; lại nói những gì thuộc về thọ đều là khổ. Vậy điều này có nghĩa gì?'

Suy nghĩ vậy rồi, sau khi từ thiền tịnh tỉnh giấc, đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật, rồi đứng lui qua một bên, bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, lúc con một mình ở chỗ vắng, thiền tịnh tư duy rằng: 'Như lời Thế Tôn nói ba thọ: lạc thọ, khổ thọ, không khổ không lạc thọ; lại nói những gì thuộc về thọ đều là khổ. Vậy điều này có nghĩa gì?"

Phật bảo A-nan:

"Ta, vì tất cả hành là vô thường, tất cả hành là pháp biến đổi, nên nói những gì thuộc về thọ đều là khổ. Lại nữa A-nan, Ta, vì các hành tuần tự tịch diệt[85], vì các hành tuần tự tĩnh chỉ[86], nên Ta nói tất cả thọ đều là khổ."

A-nan bạch Phật:

"Thế Tôn vì các hành tuần tự tịch diệt mà nói, là nghĩa thế nào?"

Phật bảo A-nan:

"Khi nhập[87] Sơ thiền, thì ngôn ngữ tich diệt. Nhập Nhị thiền thì giác quán[88] tịch diệt. Nhập Tam thiền, tâm hỷ tịch diệt[89]. Nhập Tứ thiền, hơi thở ra vào tịch diệt. Nhập Không nhập xứ[90], sắc tưởng tịch diệt. Nhập Thức nhập xứ[91], tưởng không nhập xứ vắng lặng. Nhập Vô sở hữu nhập xứ, tưởng thức nhập xứ tịch diệt. Nhập Phi

85. Tiệm thứ tịch diệt. Paøli: anupubbasaökhaøraøòaö nirodho, sự biến mất của các hành theo tuần tự.

86. Tiệm thứ chỉ tức. Paøli: anupubbasaökharaòaö vuøpasamoa, lần lượt đình chỉ, an tĩnh.

87. Nguyên Hán: chánh thọ. Paøli: samaøpatti, danh từ; phân từ samaøpanna thượng được dịch là đạt đến, hay nhập. Paøli: paæhamaö jhaønaö samaøpanassa, khi chứng nhập Sơ thiền.

88. Giác quán hay tầm tứ. Paøli: vitakka-vicaøra.

89. Thiền thứ ba được gọi là "Ly hỷ diệu lạc địa" (thân cảm giác lạc vi diệu do đã loại bỏ hỷ).

90. Không nhập xứ, tức Không vô biên xứ định (hư không vô biên).

91. Thức nhập xứ, tức Thức vô biên xứ định.

tưởng phi phi tưởng nhập xứ, tưởng vô sở hữu nhập xứ tịch diệt. Nhập Tưởng thọ diệt, tưởng và thọ tịch diệt. Đó gọi là các hành dần dần vắng lặng."

A-nan bạch Phật:

"Thế Tôn vì các hành tuần tự tĩnh chỉ mà nói, là nghĩa thế nào?"

Phật bảo A-nan:

"Khi nhập Sơ thiền, ngôn ngữ tĩnh chỉ. Nhập Nhị thiền thì giác quán tĩnh chỉ. Nhập Tam thiền, tâm hỷ tĩnh chỉ. Nhập Tứ thiền, hơi thở ra vào tĩnh chỉ. Nhập Không nhập xứ, sắc tưởng tĩnh chỉ. Nhập Thức nhập xứ, tưởng không nhập xứ tĩnh chỉ. Nhập Vô sở hữu nhập xứ, tưởng thức nhập xứ tĩnh chỉ. Nhập Phi tưởng phi phi tưởng nhập xứ, tưởng vô sở hữu nhập xứ tĩnh chỉ. Nhập Tưởng thọ diệt, tưởng và thọ tĩnh chỉ. Đó gọi là các hành tuần tự tĩnh chỉ."

A-nan bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, có phải đó gọi là các hành tuần tự tĩnh chỉ?"

Phật bảo A-nan:

"Lại có sự tĩnh chỉ thù thắng, tĩnh chỉ kỳ đặc, tĩnh chỉ tối thượng, tĩnh chỉ vô thượng. Sự tĩnh chỉ như vậy, đối với những sự tĩnh chỉ khác, không có gì hơn được."

A-nan bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, những gì là tĩnh chỉ thù thắng, tĩnh chỉ kỳ đặc, tĩnh chỉ tối thượng, tĩnh chỉ vô thượng. Sự tĩnh chỉ như vậy, đối với những sự tĩnh chỉ khác, không có gì hơn được?"

Phật bảo A-nan:

"Đối với tham dục, mà tâm ly nhiễm, giải thoát; với sân nhuế, mà tâm ly nhiễm, giải thoát; đó gọi là tĩnh chỉ thù thắng, tĩnh chỉ kỳ đặc, tĩnh chỉ tối thượng, tĩnh chỉ vô thượng. Sự tĩnh chỉ như vậy, đối với những sự tĩnh chỉ khác, không có gì hơn được."

Phật nói kinh này xong, Tôn giả A-nan nghe những gì Đức Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 475. TIÊN TRÍ[92]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Phật Tỳ-bà-thi, khi chưa thành đạo, một mình ở chỗ thanh vắng thiền tịnh tư duy, bằng quán sát thọ như vầy mà quán sát các thọ: 'Thế nào là thọ? Thế nào là sự tập khởi thọ? Thế nào là sự diệt tận của thọ? Thế nào là con đường đưa đến sự diệt tận của thọ? Thế nào là vị ngọt của thọ? Thế nào là sự tai hại của thọ? Thế nào là sự xuất ly thọ?' Như vậy quán sát, có ba thọ: khổ thọ, lạc thọ, không khổ không lạc thọ. Khi xúc tập khởi thì thọ tập khởi, khi xúc diệt thì thọ diệt. Nếu đối với thọ mà ham muốn, khen ngợi, đắm nhiễm, hệ lụy, đó gọi là con đường đưa đến sự tập khởi của thọ. Nếu đối với thọ mà không ham muốn, khen ngợi, không đắm nhiễm, không hệ lụy, đó gọi là con đường đưa đến sự diệt tận của thọ. Hỷ lạc nếu do nhân duyên thọ mà sanh, đó gọi là vị ngọt của thọ. Nếu cảm thọ là vô thường, là pháp biến dịch, đó gọi là sự tai hại của thọ. Nếu đối với cảm thọ mà đoạn trừ dục tham, vượt qua dục tham, gọi đó là xuất ly thọ."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

"Giống như Phật Tỳ-bà-thi; Phật Thi-khí, Phật Tỳ-thấp-bà-phù, Phật Ca-la-ca Tôn-đề, Phật Ca-na-ca Mâu-ni, Phật Ca-diếp và Ta là Phật Thích-ca Văn, khi chưa thành Phật, cũng lại tư duy quán sát các thọ như vậy."[93]

M

KINH 476. THIỀN TƯ[94]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, có Tỳ-kheo, một mình ở chỗ vắng vẻ, thiền tịnh, tư duy,

---

92. Trí đời trước. Paøli, S. 36. 24. Pubbaóóaøòa.

93. Tóm tắt sáu kinh.

94. S. 36. 23. Bhikkhu.

quán sát các thọ như vầy: Thế nào là thọ? Thế nào là sự tập khởi của thọ? Thế nào là sự diệt tận của thọ? Thế nào là con đường đưa đến sự tập khởi của thọ? Thế nào là con đường đưa đến sự diệt tận của thọ? Thế nào là vị ngọt của thọ? Thế nào là sự tai hại của thọ? Thế nào là xuất ly thọ?

Bấy giờ, Tỳ-kheo này sau khi từ thiền tịnh tỉnh giấc, đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, con một mình ở nơi chỗ vắng thiền tịnh, tư duy, quán sát các thọ: Thế nào là thọ? Thế nào là sự tập khởi của thọ? Thế nào là sự diệt tận của thọ? Thế nào là con đường đưa đến sự tập khởi của thọ? Thế nào là con đường đưa đến sự diệt tận của thọ? Thế nào là vị ngọt của thọ? Thế nào là sự tai hại của thọ? Thế nào là sự xuất ly thọ?

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Có ba thọ: khổ thọ, lạc thọ, không khổ không lạc thọ. Khi xúc tập khởi thì thọ tập khởi, khi xúc diệt tận thì thọ diệt tận. Nếu đối với thọ mà ham muốn, khen ngợi, đắm nhiễm, hệ lụy, đó gọi là con đường đưa đến sự tập khởi của thọ. Nếu đối với thọ mà không ham muốn, khen ngợi, đắm nhiễm, hệ lụy, đó gọi là con đường đưa đến sự diệt tận của thọ. Hỷ lạc nếu do nhân duyên thọ mà sanh, đó gọi là vị ngọt của thọ. Nếu cảm thọ là vô thường, là pháp biến dịch, đó gọi đó là sự tai hại của thọ. Nếu đối với cảm thọ mà đoạn trừ dục tham, vượt qua dục tham, gọi đó là xuất ly thọ."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 477. A-NAN SỞ VẤN[95]

Như kinh Tỳ-kheo hỏi ở trên, kinh này Tôn giả A-nan cũng hỏi như vậy.

M

---

95. Những câu hỏi của A-nan.

KINH 478. TỲ-KHEO[96]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Thế nào là thọ? Thế nào là sự tập khởi của thọ? Thế nào là sự diệt tận của thọ? Thế nào là con đường đưa đến sự tập khởi của thọ? Thế nào là con đường đưa đến sự diệt tận của thọ?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Thế Tôn là căn bản của pháp, là con mắt của pháp, là sở y của pháp. Lành thay, Thế Tôn! Cúi xin nói đầy đủ, các Tỳ-kheo sau khi nghe xong sẽ lãnh thọ thực hành."

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì các ông mà nói.

"Này các Tỳ-kheo, có ba thọ: khổ thọ, lạc thọ, không khổ không lạc thọ. Khi xúc tập khởi thì thọ tập khởi; khi xúc diệt tận, thọ diệt tận. Nếu đối với thọ mà ham muốn, khen ngợi, đắm nhiễm, hệ lụy, đó gọi là con đường đưa đến sự tập khởi của thọ. Nếu đối với thọ mà không ham muốn, khen ngợi, đắm nhiễm, hệ lụy, đó gọi là con đường đưa đến sự diệt tận của thọ. Hỷ lạc nếu do nhân duyên thọ mà sanh, đó gọi là vị ngọt của thọ. Nếu cảm thọ là vô thường, là pháp biến dịch, đó gọi đó là sự tai hại của thọ. Nếu đối với cảm thọ mà đoạn trừ dục tham, vượt qua dục tham, gọi đó là xuất ly thọ."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 479. GIẢI THOÁT

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Nếu Ta không biết như thật đối với các thọ; không biết như thật

---

96. Paøli: S.36.25 Bhikkhu.

đối với sự tập khởi của thọ, sự diệt tận của thọ, con đường đưa đến sự tập khởi của thọ, con đường đưa đến sự diệt tận của thọ, vị ngọt của thọ, sự tai hại của thọ, xuất ly thọ, thì Ta ở giữa chư Thiên, thế gian, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn và các chúng trời, người, không được giải thoát, xuất thọ, thoát khỏi các điên đảo, cũng không phải Chánh Đẳng Chánh Giác[97]. Vì Ta biết như thật đối với các thọ, sự tập khởi của thọ, sự diệt tận của thọ, con đường đưa đến sự tập khởi của thọ, con đường đưa đến sự diệt tận của thọ, vị ngọt của thọ, sự tai hại của thọ, xuất thọ, nên ở giữa chư Thiên, thế gian, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn và các chúng trời, người, Ta là Bậc Giải Thoát, là Bậc Xuất Ly, là Bậc ra khỏi các điên đảo và đạt được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 480. SA-MOAN BÀ-LA-MOAN[98]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào mà không biết như thật đối với các thọ; không biết như thật đối với sự tập khởi của thọ, sự diệt tận của thọ, con đường đưa đến sự tập khởi của thọ, con đường đưa đến sự diệt tận của thọ, vị ngọt của thọ, sự tai hại của thọ, xuất ly thọ, người này không phải là Sa-môn, không phải là Bà-la-môn, không đồng với Sa-môn, Bà-la-môn, cũng không phải nghĩa Sa-môn, cũng không phải nghĩa Bà-la-môn[99], ngay trong đời hiện tại không tự tri tự tác chứng: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.'"

"Nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào mà biết như thật đối với các thọ; biết như thật đối với sự

97. Nguyên bản: A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề.

98. S. 36. 26-28. Samaòa-braøhamaòa.

99. Sa-môn nghĩa, Bà-la-môn nghĩa [illegible]. Paøli: saømaóóatthaö braøhamaóóatthaö, đối với mục đích của Sa-môn, Bà-la-môn.

tập khởi của thọ, sự diệt tận của thọ, con đường đưa đến sự tập khởi của thọ, con đường đưa đến sự diệt tận của thọ, vị ngọt của thọ, sự tai hại của thọ, xuất ly thọ, người này là Sa-môn của Sa-môn, Bà-la-môn của Bà-la-môn, đồng với Sa-môn, đồng với Bà-la-môn, đúng nghĩa Sa-môn, đúng nghĩa Bà-la-môn, ngay trong đời hiện tại tự tri tự tác chứng: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.'"

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

"Như Sa-môn, không phải Sa-môn. Cũng vậy, Sa-môn số[100] và không phải Sa-môn số cũng đều như vậy."

M

KINH 481. NHẤT-XA-NĂNG-GIÀ-LA[101]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú trong rừng Nhất-xa-năng-già-la[102], nước Nhất-xa-năng-già-la. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Ta muốn ở lại tại đây nửa tháng để ngồi thiền. Các Tỳ-kheo, chớ đi du hành nữa[103], trừ khi đi khất thực và Bố tát."

Rồi tọa thiền, không du hành nữa.

Bấy giờ, qua nửa tháng, Thế Tôn trải tọa cụ ngồi trước đại chúng, bảo các Tỳ-kheo:

"Khi Ta, bằng một ít thiền phần của thiền pháp được tư duy khi mới thành Phật, nay trong tháng này, tư duy rằng: Sự sanh khởi của tất cả cảm thọ của chúng đều có nhân duyên, không phải không có nhân duyên.

"Những gì là nhân duyên? Dục là nhân duyên, giác[104] là nhân duyên, xúc là nhân duyên. Này các Tỳ-kheo, nếu dục không được diệt tận[105], giác không diệt tận, xúc không diệt tận, do những nhân duyên

---

100. Xem cht.74, kinh. 391.

101. Paøli, S. 54. 11. Icchaønaígala.

102. Nhất-xa-năng-già-la lâm [illegible] Paøli: Icchaønaígalavaøna.

103. Trong bản Paøli: trừ thị giả mang thức ăn đến, đừng ai đến chỗ Ta.

104. Giác, đây chỉ tầm, hay tư duy tầm cầu. Paøli: vitakka.

105. Tịch diệt, đây chỉ diệt tận. Paøli: nirodha.

này mà cảm thọ của chúng sanh phát sanh. Vì nhân duyên không được diệt tận nên cảm thọ của chúng sanh phát sanh.

"Nếu dục kia được diệt tận, nhưng giác không diệt tận, xúc không diệt tận, do những nhân duyên này mà cảm thọ của chúng sanh phát sanh. Vì nhân duyên không được diệt tận nên cảm thọ của chúng sanh phát sanh.

"Nếu dục kia được diệt tận, giác diệt tận, nhưng xúc không diệt tận, do những nhân duyên này mà cảm thọ của chúng sanh phát sanh. Vì nhân duyên không được diệt tận nên cảm thọ của chúng sanh phát sanh.

"Nếu dục kia được diệt tận, giác diệt tận, xúc diệt tận; nhưng do nhân duyên kia mà cảm thọ của chúng sanh phát sanh, là do nhân duyên cái kia diệt tận, nên cảm thọ của chúng sanh phát sanh.

"Vì nhân duyên tà kiến nên cảm thọ của chúng sanh phát sanh; vì nhân duyên tà kiến không diệt tận nên cảm thọ của chúng sanh phát sanh; vì nhân duyên tà chí, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà phương tiện, tà niệm, tà định, tà giải thoát và tà trí, nên cảm thọ của chúng sanh phát sanh. Vì nhân duyên tà trí không diệt tận nên cảm thọ của chúng sanh phát sanh.

"Do nhân duyên chánh kiến nên cảm thọ của chúng sanh phát sanh; do nhân duyên chánh kiến tịch diệt nên cảm thọ của chúng sanh phát sanh; do nhân duyên chánh chí, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định, chánh giải thoát và chánh trí nên cảm thọ của chúng sanh phát sanh; do nhân duyên chánh trí tịch diệt nên cảm thọ của chúng sanh phát sanh.

"Nếu dục này không được mà được, không thu hoạch mà thu hoạch, không chứng mà chứng, thì cũng vì nhân duyên này mà cảm thọ của chúng sanh phát sanh, vì nhân duyên cái kia tịch diệt nên cảm thọ của chúng sanh phát sanh. Đó gọi là vì nhân duyên không diệt tận, nên cảm thọ của chúng sanh phát sanh; và vì nhân duyên diệt tận nên cảm thọ của chúng sanh phát sanh.

"Nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào, không biết như thật đối với duyên duyên, sự tập khởi của duyên duyên, sự diệt tận của duyên duyên, con đường đưa đến sự tập khởi của duyên duyên, con đường đưa đến sự diệt tận của duyên duyên như vậy, thì người này không phải là Sa-môn của Sa-môn, không phải Bà-la-môn của Bà-la-môn, không đồng với Sa-môn của Sa-môn, không đồng với

Bà-la-môn của Bà-la-môn, không đúng nghĩa Sa-môn, không đúng nghĩa Bà-la-môn, đối với pháp hiện tại không tự tri tự tác chứng: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.'

"Nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào, mà biết như thật đối với duyên duyên, sự tập khởi của duyên duyên, sự diệt tận của duyên duyên, con đường đưa đến sự tập khởi của duyên duyên và con đường đưa đến sự diệt tận của duyên duyên như vậy, thì người này là Sa-môn của Sa-môn, là Bà-la-môn của Bà-la-môn, đồng với Sa-môn của Sa-môn, đồng với Bà-la-môn của Bà-la-môn, đúng nghĩa Sa-môn, đúng nghĩa Bà-la-môn, đối với pháp hiện tại tự tri tự tác chứng: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.'

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 482. HỶ LẠC[106]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, đang mùa hạ an cư, gia chủ Cấp Cô Độc đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên. Đức Phật vì gia chủ, bằng nhiều hình thức mà thuyết pháp, khai thị, soi sáng, chỉ dạy, làm cho hoan hỷ. Sau khi được Phật khai thị, soi sáng, chỉ giáo, làm cho hoan hỷ, gia chủ đứng dậy sửa lại y phục, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi chắp tay, bạch Phật:

"Cúi xin Thế Tôn và đại chúng từ bi thọ nhận lời thỉnh nguyện của con, trong ba tháng hạ, cúng dường y phục, ẩm thực, y dược, ngọa cụ."

Bấy giờ Đức Thế Tôn yên lặng nhận lời. Khi ấy Cấp Cô Độc biết Phật đã im lặng nhận lời rồi, đứng dậy từ giã trở về nhà mình. Qua ba tháng, ông đến chỗ Phật, lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên. Phật bảo Cấp Cô Độc:

---

106. Tham chiếu, Paøli, A. 5, 176. Pìti.

"Lành thay, gia chủ! Ông ba tháng qua đã cúng dường y phục, ẩm thực, y dược, ngọa cụ. Ông do vào sự trang nghiêm tịnh trị thượng đạo[107] này, mà ở đời vị lai sẽ được phước báo an lạc. Nhưng hiện tại ông không nên mặc nhiên thụ hưởng sự an lạc này, phải tinh tấn lúc nào cũng học, để thành tựu và tự thân tác chứng hỷ lạc do viễn ly[108]."

Bấy giờ, gia chủ Cấp Cô Độc nghe Phật dạy như vậy, tùy hỷ hoan hỷ, đứng dậy đảnh lễ ra về.

Lúc ấy, Tôn giả Xá-lợi-phất đang ngồi giữa đại chúng, biết ông Cấp Cô Độc đã về rồi, liền bạch Phật:

"Kỳ diệu thay, Thế Tôn! Khéo vì gia chủ Cấp Cô Độc thuyết pháp khích lệ ông Cấp Cô Độc rằng: 'Ông ba tháng đã cúng dường y phục, ẩm thực, y dược, ngọa cụ. Ông do vào sự tịnh trị thượng đạo này, mà ở đời vị lai sẽ được phước báo an lạc. Nhưng hiện tại ông không nên mặc nhiên thụ hưởng phước báo này, phải tinh tấn lúc nào cũng học, để thành tựu và tự thân tác chứng hỷ lạc do viễn ly.'

"Bạch Thế Tôn, giả sử Thánh đệ tử học để thành tựu và tự thân tác chứng hỷ lạc do viễn ly, sở đắc viễn ly năm pháp[109] và phải tu tập viên mãn năm pháp.

"Thế nào là viễn ly năm pháp? Đoạn trừ hỷ được nuôi lớn bởi dục, đoạn trừ ưu được nuôi lớn bởi dục, đoạn trừ xả được nuôi lớn bởi dục; đoạn trừ hỷ được nuôi lớn bởi pháp bất thiện, đoạn trừ ưu được nuôi lớn bởi pháp bất thiện. Đó gọi là năm pháp viễn ly.

"Thế nào là tu tập viên mãn năm pháp? Đó là tùy hỷ, hoan hỷ, khinh an[110], lạc và nhất tâm."

Phật bảo Tôn giả Xá-lợi-phất:

"Đúng thế, đúng thế! Nếu Thánh đệ tử học để thành tựu và tự thân tác chứng hỷ lạc do viễn ly, sở đắc viễn ly năm pháp và phải tu tập viên mãn năm pháp."

---

107. Nghĩa là, trang nghiêm và chỉnh sửa con đường sanh Thiên.

108. Viễn ly hỷ lạc □ □ □ (Paøli: pavivekaja-pìti-sukha); đây chỉ hỷ lạc trạng thái Sơ thiền. Paøli: kinti maya kaølena kaølaö paviveka pìtiö upasampajja, làm sao tùy thời tôi chứng và an trú với trạng thái hỷ do viễn ly này?

109. Viễn ly ngũ pháp □ □ □ □. Paøli: paócassa æhaønaøni tasmiö na honti, trong thời gian (học hạnh viễn ly) ấy, có năm trường hợp không xảy ra.

110. Nguyên Hán: ỷ tức □.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 483. VÔ THỰC LẠC[111]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Có niệm có thực vị, có niệm không thực vị[112], có niệm vừa không thực vị vừa có thực vị. Có lạc có thực vị, có lạc không thực vị, có lạc vừa không thực vị vừa có thực vị. Có xả có thực vị, có niệm không thực vị, có xả vừa không thực vị vừa có thực vị. Có giải thoát có thực vị, có giải thoát không thực vị, có giải thoát vừa không thực vị vừa có thực vị.

"Thế nào là niệm có thực vị? Niệm[113] sanh ra do năm dục làm nhân duyên.

"Thế nào là niệm không thực vị? Tỳ-kheo ly dục, ly pháp ác bất thiện; có giác, có quán, có hỷ lạc do viễn ly sanh, thành tựu và an trụ Sơ thiền. Đó gọi là niệm không thực vị.

"Thế nào là niệm vừa không thực vị vừa có thực vị? Tỳ-kheo có giác, có quán, nội tĩnh nhất tâm; không giác, không quán, có hỷ lạc do định sanh, thành tựu và trụ Nhị thiền. Đó gọi là niệm vừa không thực vị vừa có thực vị.

"Thế nào là lạc có thực vị? Lạc, hỷ, do năm dục làm nhân duyên sanh ra. Đó gọi là lạc có thực vị.

"Thế nào là lạc không thực vị? Dứt có giác có quán, nội tĩnh nhất tâm; không giác, không quán, có hỷ lạc do định sanh. Đó gọi là vô thực lạc.

"Thế nào là lạc vừa không thực vị vừa có thực vị? Tỳ-kheo lìa

---

111. Lạc phi vật chất. Paøli, S. 36. 29. Niraømisaö.

112. Thực niệm vô thực niệm □′ ◌́□ℒ □′ ◌́. Paøli: atthi saømisaø pìti atthi niraømisaø pitì, có hỷ do vật dục (saømisa: có thịt), có hỷ phi vật dục (niraømisa: không có thịt).

113. Bản Paøli: pìti, hỷ.

hỷ, tham, an trụ xả tâm với chánh niệm, chánh tri, trụ an lạc, điều mà Thánh nói là xả. Đó gọi là lạc vừa không thực vị vừa có thực vị.

"Thế nào là xả có thực vị? Xả do ngũ dục làm nhân duyên sanh ra. Đó gọi là xả có thực vị.

"Thế nào là xả không thực vị? Tỳ-kheo lìa hỷ tham, an trụ xả tâm, với chánh niệm, chánh tri, an trụ lạc, điều Thánh nói là xả, thành tựu và an trú Tam thiền. Đó gọi là xả không thực vị.

"Thế nào là xả vừa không thực vị vừa có thực vị? Tỳ-kheo xa lìa khổ, dứt lạc; ưu và hỷ trước đã dứt, không khổ không lạc, xả và niệm thanh tịnh, nhất tâm, thành tựu và an trụ Tứ thiền. Đó gọi là vừa không thực vị vừa có thực vị.

"Thế nào là giải thoát có thực vị? Hành cùng đi với sắc[114].

"Thế nào là vô thực giải thoát? Hành cùng đi với vô sắc.

"Thế nào là giải thoát vừa không thực vị vừa có thực vị? Tỳ-kheo kia, giải thoát với tâm không nhiễm tham dục, không nhiễm sân nhuế, ngu si. Đó gọi là giải thoát vừa không thực vị vừa có thực vị."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 484. BẠT-ĐÀ-LA[115]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Tôn giả Bạt-đà-la[116] và Tôn giả A-nan đều ở vườn Cấp cô độc rừng cây Kỳ-đà. Khi ấy Tôn giả A-nan đi đến chỗ Tôn giả Bạt-đà-la. Sau khi thăm hỏi sức khỏe xong, ngồi xuống một bên, rồi Tôn giả A-nan hỏi Tôn giả Bạt-đà-la:

"Thế nào gọi là thấy đệ nhất[117]? Thế nào là nghe đệ nhất? Thế nào là lạc đệ nhất? Thế nào là tưởng đệ nhất? Thế nào là hữu đệ

---

114. Sắc câu hành. Paøli: ruøpappaæisaöyutto vimokkho, giải thoát liên hệ với sắc.

115. Paøli, A. 5. 170. Bhaddaji.

116. Bạt-đà-la 跋陀羅 . Paøli: Bhaddaji.

117. Kiến đệ nhất 見第一 . Paøli: dassaønaö aggaö, tối thượng trong những cái được thấy.

nhất[118]?"

Tôn giả Bạt-đà-la nói với Tôn giả A-nan:

"Có Phạm thiên, là đấng tự tại, tạo tác, biến hóa như ý, là cha của thế gian. Thấy được Phạm thiên thì gọi đó là cái thấy đệ nhất.

"Này A-nan, có chúng sanh có hỷ lạc do viễn ly sanh thấm nhuần khắp mọi nơi, mọi nơi đều cảm giác hân hoan, toàn thân sung mãn, không chỗ nào là không tràn đầy bởi hỷ lạc phát sanh do viễn ly. Chúng sanh này, sau khi xuất định, xướng lên giữa đại chúng: 'Vô cùng tịch tĩnh thay, hỷ lạc do viễn ly sanh này! Vô cùng tịch tĩnh thay, hỷ lạc do viễn ly sanh này!' Nghe được âm thanh này thì gọi là cái nghe đệ nhất.

"Lại nữa A-nan, nếu có chúng sanh ở nơi thân này có lạc do đã lìa hỷ thấm nhuần khắp mọi nơi, mọi nơi đều cảm giác hân hoan, toàn thân sung mãn, không chỗ nào là không tràn đầy bởi lạc do đã lìa hỷ này. Đó gọi là lạc đệ nhất.

"Thế nào là tưởng đệ nhất? Này A-nan, có chúng sanh vượt qua tất cả thức nhập xứ, nhập vô sở hữu, thành tựu và an trụ vô sở hữu nhập xứ. Nếu khởi lên tưởng này, thì gọi là tưởng đệ nhất.

"Thế nào là hữu đệ nhất? Lại nữa A-nan, có chúng sanh vượt qua tất cả Vô sở hữu nhập xứ, thành tựu và an trụ Phi tưởng phi phi tưởng nhập xứ. Nếu khởi hữu này, thì gọi là hữu đệ nhất."

Tôn giả A-nan nói với Tôn giả Bạt-đà-la:

"Có nhiều người thấy như vậy, nói như vậy; vậy thì Tôn giả cũng giống họ, đâu có khác gì? Tôi dùng phương tiện hỏi Tôn giả, Tôn giả hãy lắng nghe, tôi sẽ vì Tôn giả mà nói. Theo như cái được quán sát này, mà lần lượt diệt tận các lậu, đó mới gọi là cái thấy đệ nhất. Theo như điều được nghe mà lần lượt diệt tận các lậu, đó mới gọi là cái nghe đệ nhất. Theo như lạc được phát sanh mà lần lượt diệt tận các lậu, đó mới gọi là lạc đệ nhất. Theo như điều được tưởng mà lần lượt diệt tận các lậu, đó mới gọi là tưởng đệ nhất. Như thực quán sát, lần lượt diệt tận các lậu, thì đó mới gọi là hữu đệ nhất."

Bấy giờ, hai vị Chánh sĩ sau khi bàn luận xong, đứng dậy cáo từ.

M

---

[118]. Hữu đệ nhất 有第一, chỉ cõi trời Hữu đảnh. Paøli: bhavaønaö aggaö, tối thượng trong các hữu.

KINH 485. ƯU-ĐÀ-DI[119]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ vua Bình-sa[120] đi đến chỗ Tôn giả Ưu-đà-di, cúi đầu đảnh lễ, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Tôn giả Ưu-đà-di:

"Đức Thế Tôn nói có bao nhiêu thọ?"

Tôn giả Ưu-đà-di đáp:

"Tâu Đại vương, Thế Tôn nói ba thọ: thọ khổ, thọ lạc thọ không khổ không lạc."

Vua Bình-sa bạch Tôn giả Ưu-đà-di:

"Chớ nói như vậy, rằng 'Thế Tôn nói ba thọ là thọ khổ, thọ lạc, thọ không khổ không lạc.' Nhưng đúng ra phải nói có hai thọ là thọ khổ và thọ lạc. Thọ không khổ không lạc là tịch diệt."

"Nói ba lần như vậy."

Tôn giả Ưu-đà-di không thể xác lập ba thọ với vua và vua cũng không thể xác lập hai thọ. Cả hai cùng đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên. Bấy giờ, Tôn giả Ưu-đà-di bạch lại với Phật những sự việc trên một cách đầy đủ:

"Con cũng không thể xác lập được ba thọ và vua cũng không thể xác lập được hai thọ; nên nay chúng con cùng đến hỏi Thế Tôn, xin quyết định nghĩa này, là có mấy thọ?"

Phật bảo Tôn giả Ưu-đà-di:

"Ta có khi nói một thọ, có khi nói hai thọ, hoặc có khi nói ba, bốn, năm, sáu, mười tám, ba mươi sáu, cho đến một trăm lẻ tám thọ, hoặc có khi nói vô lượng thọ.

"Ta nói một thọ như thế nào? Như nói, 'Những gì là thọ đều là khổ.' Đó gọi là Ta nói có một thọ.

"Ta nói hai thọ như thế nào? Nói, 'Thân thọ và tâm thọ.' Đó gọi là có hai thọ.

"Thế nào là ba thọ? Thọ khổ, thọ vui, thọ không khổ không vui.

---

119. S. 36. 19. Paócakaígo.

120. Bình-sa vương (Paøli: Bimbisaøra); vua nước Ma-kiệt-đà. Bản Paøli: Paócakaígako thapati (Ngũ chi vật chủ), một người thợ mộc

"Thế nào là bốn thọ? Thọ hệ thuộc Dục giới, thọ hệ thuộc Sắc giới, thọ hệ thuộc Vô sắc giới và thọ không hệ thuộc.

"Thế nào là nói năm thọ? Lạc căn, hỷ căn, khổ căn, ưu căn và xả căn. Đó gọi là năm thọ.

"Thế nào là sáu thọ? Thọ sanh từ nhãn xúc, thọ sanh từ nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc. Đó gọi là sáu thọ.

"Thế nào là mười tám thọ? Thọ, theo sáu hỷ hành, sáu ưu hành và sáu xả hành. Đó gọi là mười tám thọ.

"Thế nào là ba mươi sáu thọ? Hỷ y sáu tham trước, hỷ y sáu ly tham; ưu y sáu tham trước, ưu y sáu ly tham; xả y sáu tham trước, xả sáu ly tham. Đó gọi là ba mươi sáu thọ.

"Thế nào là một trăm lẻ tám thọ? Ba mươi sáu thọ quá khứ, ba mươi sáu thọ vị lai và ba mươi sáu thọ hiện tại. Đó gọi là một trăm lẻ tám thọ.

"Thế nào là vô lượng thọ? Như nói thọ này, thọ kia v.v... Này Tỳ-kheo, như vậy gọi là vô lượng thọ.

"Này Ưu-đà-di, Ta bằng nhiều hình thức như vậy nói như thật nghĩa của thọ. Thế gian không hiểu, nên tranh luận và mâu thuẫn chống trái nhau, trọn không nắm được nghĩa chân thật trong pháp luật của Ta, để tự dừng lại.

"Này Ưu-đà-di, nếu đối với nghĩa của nhiều loại thọ mà Ta đã nói đây, hiểu biết như thật, thì không khởi tranh luận và mâu thuẫn chống trái nhau. Với tranh luận đã khởi lên hay chưa khởi lên, có thể bằng pháp luật này mà ngăn ngừa, khiến cho nó đình chỉ.

"Nhưng này Ưu-đà-di, có hai thọ: thọ dục và thọ ly dục. Thế nào là thọ dục? Thọ do nhân duyên năm công đức của dục sanh ra, đó gọi là thọ dục. Thế nào là thọ ly dục? Tỳ-kheo ly dục và pháp ác bất thiện, có giác, có quán, có hỷ lạc phát sanh do viễn ly, thành tựu và an trụ Sơ thiền, đó gọi là thọ ly dục.

"Nếu có người nói: 'Chúng sanh nương vào Sơ thiền này, chỉ có đây là lạc, ngoài ra không còn gì khác.' Điều này không đúng. Vì sao? Vì còn có cái lạc thù thắng hơn cái lạc này. Đó là gì? Tỳ-kheo lìa có giác, lìa có quán, nội tĩnh, có hỷ lạc do định sanh, thành tựu và an trụ Nhị thiền; đó gọi là lạc thù thắng. Như vậy, cho đến, Phi tưởng phi phi tưởng nhập xứ, càng lên càng thù thắng hơn.

"Nếu có người nói: 'Chỉ có những xứ này, cho đến, Phi tưởng phi phi tưởng là cực lạc, không còn chỗ nào khác.' Như vậy cũng lại không đúng. Vì sao? Vì còn có cái lạc thù thắng hơn những nơi này nữa. Đó là gì? Tỳ-kheo vượt qua tất cả Phi tưởng phi phi tưởng nhập xứ, tưởng thọ diệt, tự thân tác chứng thành tựu; đó là cái lạc thù thắng hơn cái lạc trên.

"Nếu có kẻ xuất gia dị học nói: 'Sa-môn Thích tử chỉ nói đến tưởng thọ diệt và cho là đã đến chỗ tận cùng của lạc', điều này không đúng. Vì sao? Vì đây không phải là danh nghĩa thọ lạc mà Thế Tôn đã nói. Danh nghĩa thọ lạc mà Thế Tôn nói là, như nói: 'Này Ưu-đà-di, có bốn thứ lạc. Những gì là bốn? Đó là lạc ly dục, lạc viễn ly, lạc tịch diệt và lạc Bồ-đề.'"

Phật nói kinh này xong, Ưu-đà-di và vua Bình-sa nghe những gì Đức Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 486. NHẤT PHÁP (1)

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Nếu đối với một pháp, mà sanh chân chánh nhàm tởm, không ưa, xả bỏ, sẽ chứng đắc lậu tận. Đó là, tất cả chúng sanh do thức ăn mà tồn tại.

"Lại có hai pháp, đó là danh và sắc. Lại có ba pháp, đó là ba thọ. Lại có bốn pháp, đó là bốn thực. Lại có năm pháp, đó là năm thọ ấm. Lại có sáu pháp, đó là sáu nội, ngoại nhập xứ. Lại có bảy pháp, đó là bảy thức trụ. Lại có tám pháp, đó là tám pháp thế gian. Lại có chín pháp, đó là chín chỗ cư ngụ của chúng sanh. Lại có mười pháp, đó là mười nghiệp. Đối với mười pháp này, thật sự nhàm tởm, không ưa, xả bỏ, sẽ đến chỗ tận cùng mé khổ và giải thoát khỏi khổ."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 488. NHẤT PHÁP (2)

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Nếu đối với một pháp, mà quán sát vô thường, quán sát biến đổi, quán sát ly dục, quán sát diệt tận, quán sát xả ly, sẽ tận trừ các lậu hoặc. Đó là, tất cả chúng sanh do thức ăn mà tồn tại.

"Lại có hai pháp, đó là danh và sắc. Lại có ba pháp, đó là ba thọ. Lại có bốn pháp, đó là bốn thực. Lại có năm pháp, đó là năm thọ ấm. Lại có sáu pháp, đó là sáu nội, ngoại nhập xứ. Lại có bảy pháp, đó là bảy thức trụ. Lại có tám pháp, đó là tám pháp thế gian. Lại có chín pháp, đó là chín chỗ cư ngụ của chúng sanh. Lại có mười pháp, đó là mười nghiệp. Đối với mười pháp này, chân chánh quán sát vô thường, quán sát biến đổi, quán sát ly dục, quán sát diệt tận, quán sát xả ly, sẽ diệt trừ hết các lậu."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 489. NHẤT PHÁP (3)

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Nếu đối với một pháp, mà quán sát vô thường, quán sát biến đổi, quán sát ly dục, quán sát diệt tận, quán sát xả ly, sẽ đến chỗ tận cùng của mé khổ và giải thoát khỏi khổ. Đó là, tất cả chúng sanh do thức ăn mà tồn tại.

"Lại có hai pháp, đó là danh và sắc. Lại có ba pháp, đó là ba thọ. Lại có bốn pháp, đó là bốn thực. Lại có năm pháp, đó là năm thọ ấm. Lại có sáu pháp, đó là sáu nội, ngoại nhập xứ. Lại có bảy pháp, đó là bảy thức trụ. Lại có tám pháp, đó là tám pháp thế gian. Lại có chín pháp, đó là chín chỗ ở của chúng sanh. Lại có mười pháp, đó là mười nghiệp. Đối với mười pháp này, chân chánh quán sát vô thường, quán sát biến đổi, quán sát ly dục, quán sát diệt tận, quán sát xả ly, sẽ

đến chỗ tận cùng của mé khổ và giải thoát khỏi khổ."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

❑

TẠP A-HÀM QUYỂN 18

KINH 490. DIÊM-PHÙ-XA[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại xóm Na-la[2], nước Ma-kiệt-đề.

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất cũng ở xóm Na-la, Ma-kiệt-đề.

Khi ấy, có xuất gia ngoại đạo tên là Diêm-phù-xa[3], là bạn cũ của Xá-lợi-phất[4], đi đến chỗ Tôn giả Xá-lợi-phất, cùng nhau thăm hỏi sức khỏe, rồi ngồi lui qua một bên, hỏi Xá-lợi-phất:

"Trong pháp luật của Hiền thánh có việc gì khó[5]?"

Xá-lợi-phất bảo Diêm-phù-xa:

"Chỉ có xuất gia là khó."

"Xuất gia, cái gì là khó?"

Đáp:

"Ái lạc[6] khó."

"Ái lạc, cái gì là khó?"

Đáp:

---

1. Đại Chánh quyển 18, "Đệ tử sở thuyết tụng đệ tứ phẩm". Quốc Dịch "Tụng iv". Ấn Thuận, Tụng vi. Đệ tử sở thuyết và ghi chú: "Nguyên phụ vào 'Tạp nhân tụng'. Nhưng nguyên bản dịch đã biệt lập, đề 'Đệ tử sở thuyết tụng đệ tứ'. Từ quyển 18-22; phân thành sáu Tương ưng, Ấn Thuận: 28. Tương ưng Xá-lợi-phất (Đại Chánh kinh 490-500), 29. Tương ưng Mục-kiền-liên (Đại Chánh kinh 501-534), 30. Tương ưng A-na-luật (Đại Chánh kinh 535-545), 31. Tương ưng Đại Ca-chiên-diên (Đại Chánh kinh 546-555), 32. Tương ưng A-nan (Đại Chánh kinh 556-565), 33. Tương ưng Chất-đa-la (Đại Chánh kinh 566-575). Tương đương Paøli, caùc Samyutta: S.38.Jambukhaødaka, S.39. Saømanadaka, S.40. Moggalaøna, 41. Citta. Chú thích của Ấn Thuận Hội Biên (hạ): "Xá-lợi-phất tương ưng, gồm tám mươi mốt kinh". Bảy mươi hai kinh đầu tương đương Paøli các Samyutta: S.38, S.39. Đại Chánh, kinh số 490. Tương đương Paøli, S.38. 1-16. Nibbaøna và tiếp theo.
2. Na-la tụ lạc □□□□□□. Paøli: Naølakagaømaka.
3. Diêm-phù-xa □□□□□. Paøli: Jambukhaødaka-paribbaøjaka.
4. Chú giải Paøli nói ông là cháu của Xá-lợi-phất (the rassa bhaøgineyyo).
5. Đoạn đối thoại, tương đương Paøli, S.38.16 Dukkara.
6. Ái lạc □□□□ Paøli: abhirati, đây chỉ sự vui thú đời sống xuất gia.

"Thường tu tập thiện pháp là khó[7]."

Lại hỏi Xá-lợi-phất:

"Có con đường nào, có sự thực hành[8] nào mà tu tập, tu tập nhiều, thường tu tập, thì thiện pháp tăng trưởng không?"

Đáp:

"Có. Đó là tám Thánh đạo: chánh kiến, chánh chí, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định."

Diêm-phù-xa nói:

"Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, đây là con đường tốt đẹp, đây là sự thực hành tốt đẹp, nếu được tu tập, tu tập nhiều, đối với các pháp thiện thường tu tập để tăng trưởng. Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, nếu người xuất gia luôn luôn tu tập con đường này, thì chẳng bao lâu sẽ nhanh chóng diệt tận được các hữu lậu."

Khi ấy hai vị Chánh sĩ bàn luận xong, mỗi người từ chỗ ngồi đứng dậy từ giã nhau.

Tương tự như kinh trên, với những câu hỏi của Diêm-phù-xa, gồm bốn mươi kinh[9].

Diêm-phù-xa hỏi Xá-lợi-phất:[10]

"Thế nào là vị khéo thuyết pháp? Thế nào là vị chánh hướng trong đời[11]? Thế nào là vị thiện thệ trong đời[12]?"

Xá-lợi-phất nói:

"Nếu thuyết pháp mà điều phục dục tham, điều phục sân nhuế, điều phục ngu si; đó gọi là vị khéo thuyết pháp. Nếu hướng đến sự điều phục dục tham, hướng đến sự điều phục sân nhuế, hướng đến sự

---

7. Bản Paøli: "thực hành pháp và tùy pháp là khó".
8. Hữu đạo hữu hướng /³ ¹Ð /³ /V. Paøli: atthi maggo atthi paæipadaø, có đạo và đạo tích.
9. Thực tế bản Hán chỉ có ba mươi sáu.
10. Đoạn vấn đáp 2, Paøli, S.38.3 Dhammavaødì.
11. Thế gian chánh hướng ¥@ ¶ ¡ ¥¿ /V. Paøli: loke suppaæipanna, vị hành trì chân chánh, hay khéo hành trì trong đời.
12. Thế gian thiện thệ ¥@ ¶ ¡ □½ ³u. Paøli: loke sugata, vị đã khéo léo đi đến (Niết-bàn).

điều phục ngu si; đó gọi là chánh hướng. Nếu tham dục đã bị đoạn tận, đã được biến tri không dư tàn; sân nhuế và ngu si đã bị đoạn tận, đã được biến tri không dư tàn; đó gọi là thiện thệ."

Lại hỏi:

"Có con đường nào, có sự thực hành nào mà tu tập, tu tập nhiều, thường tu tập, thì có thể phát khởi thiện thệ[13]?"

"Có. Đó là tám Thánh đạo, từ chánh kiến đến chánh định."

Sau khi hai vị Chánh sĩ bàn luận xong, mỗi người từ chỗ ngồi đứng dậy từ giã nhau.

Diêm-phù-xa hỏi Xá-lợi-phất:[14]

"Nói là Niết-bàn; thế nào là Niết-bàn?"

Tôn giả Xá-lợi-phất đáp:

"Niết-bàn là sự đoạn tận vĩnh viễn của tham dục; sự đoạn tận vĩnh viễn sân nhuế, ngu si; sự đoạn tận vĩnh viễn của tất cả các phiền não. Đó gọi là Niết-bàn."

"Có con đường nào, có sự thực hành nào mà tu tập, tu tập nhiều, thường tu tập, thì chứng đắc Niết-bàn chăng?"

"Có. Đó là tám Thánh đạo, từ chánh kiến đến chánh định."

Sau khi hai vị Chánh sĩ bàn luận xong, mỗi người từ chỗ ngồi đứng dậy từ giã nhau.

Diêm-phù-xa hỏi Xá-lợi-phất:[15]

"Vì sao ở chỗ Sa-môn Cù-đàm xuất gia tu phạm hạnh?"

Xá-lợi-phất đáp:

"Vì để đoạn trừ tham dục, đoạn trừ sân nhuế, đoạn trừ ngu si nên ở chỗ Sa-môn Cù-đàm xuất gia tu phạm hạnh[16]."

"Có con đường nào, có sự thực hành nào mà tu tập, tu tập nhiều thì có đoạn được tham dục, sân nhuế, ngu si không?"

"Có. Đó là tám Thánh đạo, từ chánh kiến đến chánh định."

Sau khi hai vị Chánh sĩ bàn luận xong, mỗi người từ chỗ ngồi

---

13. Bản Paøli: "Có con đường nào dẫn đến sự dứt trừ tham dục, sân nhuế, ngu si?"
14. Đoạn vấn đáp 3, Paøli S.38.1 Nibbaøna.
15. Đoạn vấn đáp 4, Paøli S.38.4 Kimatthi.
16. Bản Paøli: dukkhassa parióóatthaö, "vì mục đích biến tri khổ".

đứng dậy từ giã nhau.

Diêm-phù-xa hỏi Xá-lợi-phất:[17]

"Nói là hữu lậu đã đoạn tận. Thế nào là hữu lậu đã được đoạn tận?"

Xá-lợi-phất đáp:

"Hữu lậu có ba[18]; đó là dục hữu lậu, hữu hữu lậu và vô minh hữu lậu. Ba thứ hữu lậu này đã trừ hết, không còn sót, nên gọi là hữu lậu đã được đoạn tận."

Lại hỏi Xá-lợi-phất:

"Có con đường nào, có sự thực hành nào mà tu tập, tu tập nhiều, thì các lậu trừ hết không."

"Có. Đó là tám Thánh đạo, từ chánh kiến đến chánh định."

Hai vị Chánh sĩ bàn luận xong, mỗi người từ chỗ ngồi đứng dậy từ giã.

Diêm-phù-xa hỏi Xá-lợi-phất:[19]

"Nói là A-la-hán. Thế nào là A-la-hán?"

Xá-lợi-phất đáp:

"Tham dục, sân nhuế, ngu si đã trừ sạch không còn sót, thì gọi là A-la-hán."

Lại hỏi Xá-lợi-phất:

"Có con đường nào, có sự thực hành nào mà tu tập, tu tập nhiều, để chứng đắc A-la-hán không?"

Xá-lợi-phất đáp:

"Có. Đó là tám Thánh đạo, từ chánh kiến cho đến chánh định."

Hai vị Chánh sĩ bàn luận xong, mỗi người từ chỗ ngồi đứng dậy từ giã nhau.

Diêm-phù-xa hỏi Xá-lợi-phất:[20]

---

17. Đoạn vấn đáp 5, Paøli, S.38.8 AØsavaø.
18. Bản Paøli, ba lậu: dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu, tayo aøsvaø: kaømaøsavo, bhavaøsavo, avijjaøsavo.
19. Đoạn vấn đáp 6, Paøli, S.38.2 Arahattaö.
20. Đoạn vấn đáp 7, không có Paøli tương đương.

"Nói là A-la-hán. Thế nào là A-la-hán?"

Xá-lợi-phất đáp:

"Khi tham dục, sân nhuế, ngu si đã vĩnh viễn diệt tận không còn sót, đó gọi là A-la-hán."

Lại hỏi:

"Có con đường nào, có sự thực hành nào mà tu tập, tu tập nhiều, thì chứng đắc A-la-hán không?"

Xá-lợi-phất đáp:

"Có. Đó là tám Thánh đạo, từ chánh kiến cho đến chánh định."

Hai vị Chánh sĩ bàn luận xong, mỗi người từ chỗ ngồi đứng dậy từ giã nhau.

Diêm-phù-xa hỏi Xá-lợi-phất:[21]

"Nói là vô minh. Thế nào là vô minh?"

Xá-lợi-phất đáp:

"Nói là vô minh, là không biết tiền tế, không biết hậu tế, không biết tiền, hậu, trung tế[22]; không biết Phật, Pháp, Tăng; không biết Khổ, Tập, Diệt, Đạo; không biết thiện, bất thiện và vô ký; không biết trong, không biết ngoài. Nếu đối với những sự này hay sự kia mà không biết, bị ám chướng, đó gọi là vô minh[23]."

Diêm-phù-xa nói với Xá-lợi-phất:

"Đây là khối u ám vĩ đại."

Lại hỏi Xá-lợi-phất:

"Có con đường nào, có sự thực hành nào mà tu tập, tu tập nhiều, thì đoạn trừ vô minh không?"

Xá-lợi-phất đáp:

"Có. Đó là tám Thánh đạo, từ chánh kiến cho đến chánh định."

Hai vị Chánh sĩ bàn luận xong, mỗi người từ chỗ ngồi đứng dậy

---

21. Đoạn vấn đáp 8, Paøli, S.38.9. Avijjaø.

22. Tiền tế, hậu tế, trung tế «e »¡Å« »¡ÅØØ »¡Ø giới hạn quá khứ khởi thủy, giới hạn tận cùng vị lai, giới hạn trung gian.

23. Bản Paøli: dukkhe aóóaøòaö dukkhasamudaye aóóaøòaö dukkhanirodhe aóóaøòaö dukkhanirodhagaøminiyaø paòipadaøya aóóaøòaö, ayaö vuccati avijjaø, "không biết khổ, không biết tập khởi của khổ, không biết sự diệt khổ, không biết con đường dẫn đến diệt khổ; đó được nói là vô minh".

từ giã nhau.

Diêm-phù-xa hỏi Xá-lợi-phất:[24]

"Gọi là hữu lậu. Thế nào là hữu lậu?"

Như trên đã nói.[25]

Diêm-phù-xa hỏi Xá-lợi-phất:[26]

"Nói là hữu. Thế nào là hữu?"

Xá-lợi-phất đáp:

"Hữu có ba; đó là dục hữu, sắc hữu và vô sắc hữu."

Lại hỏi Xá-lợi-phất:

"Có con đường nào, có hướng đến nào để tu tập và khi tu tập nhiều thì có đoạn trừ những hữu này không?"

Xá-lợi-phất đáp:

"Có. Đó là tám Thánh đạo, từ chánh kiến cho đến chánh định."

Hai vị Chánh sĩ bàn luận xong, mỗi người từ chỗ ngồi đứng dậy từ giã nhau.

Diêm-phù-xa hỏi Xá-lợi-phất:[27]

"Nói là hữu thân[28]; thế nào là hữu thân?"

Xá-lợi-phất đáp:

"Hữu thân, đó là năm thọ ấm. Thế nào là năm thọ ấm? Đó là sắc, thọ, tưởng, hành, thức thọ ấm."

Lại hỏi Xá-lợi-phất:

"Có con đường nào, có sự thực hành nào, để đoạn trừ hữu thân này không?"

Xá-lợi-phất đáp:

"Có. Đó là tám Thánh đạo, từ chánh kiến cho đến chánh định."

---

24. Đoạn vấn đáp 9, không có Paøli tương đương.
25. Xem đoạn 5 ở trên.
26. Đoạn vấn đáp 10, Paøli, S.38.13 Bhava.
27. Đoạn vấn đáp 11, S.38.15 Sakkaøya.
28. Hán: hữu thân 有身 hay tự thân. Paøli, sakkaøya; Cf. S.ii., tr. 159: katamo bhikkhave sakkaøyo? paócuøpaødaøna-kkhandhaø tassa vacanìyaö, "Thế nào là hữu thân? Năm thủ uẩn, được nói là hữu thân".

Hai vị Chánh sĩ bàn luận xong, mỗi người từ chỗ ngồi đứng dậy từ giã nhau.

Diêm-phù-xa hỏi Xá-lợi-phất:[29]

"Nói là khổ; thế nào là khổ?"

Xá-lợi-phất đáp:

"Khổ là chỉ cho sanh khổ, già khổ, bệnh khổ, chết khổ, ân ái xa cách nhau khổ, oán ghét gặp nhau khổ, những gì cầu không được khổ, lược nói về khổ của năm thọ ấm, thì đó gọi là khổ."

Lại hỏi Xá-lợi-phất:

"Có con đường nào, có sự thực hành nào để có thể đoạn trừ những khổ này không?"

Xá-lợi-phất đáp:

"Có. Đó là tám Thánh đạo, từ chánh kiến cho đến chánh định."

Hai vị Chánh sĩ bàn luận xong, mỗi người từ chỗ ngồi đứng dậy từ giã nhau.

Diêm-phù-xa hỏi Xá-lợi-phất:[30]

"Nói là lưu[31]; thế nào là lưu?"

Xá-lợi-phất đáp:

"Lưu là chỉ cho dục lưu, hữu lưu, kiến lưu và vô minh lưu."

Lại hỏi Xá-lợi-phất:

"Có con đường nào, có sự thực hành nào mà tu tập, tu tập nhiều, thì có thể đoạn trừ những lưu này không?"

Xá-lợi-phất đáp:

"Có. Đó là tám Thánh đạo, từ chánh kiến cho đến chánh định."

Hai vị Chánh sĩ bàn luận xong, mỗi người từ chỗ ngồi đứng dậy từ giã nhau.

Diêm-phù-xa hỏi Xá-lợi-phất:[32]

"Nói là ách[33]; thế nào là ách?"

---

29. Đoạn vấn đáp 12, Paøli, S.38.14 Dukkha.
30. Đoạn vấn đáp 13, S.38.11 Ogha.
31. Lưu 流 đây chỉ bộc lưu 瀑流 dòng nước lũ. Paøli: ogha.
32. Đoạn vấn đáp 14, như trên.

Ách cũng nói như lưu.

Diêm-phù-xa hỏi Xá-lợi-phất:[34]

"Nói là thủ[35]; thế nào là thủ?"

Xá-lợi-phất đáp:

"Thủ có bốn, đó là dục thủ, ngã thủ, kiến thủ và giới thủ."

Lại hỏi Xá-lợi-phất:

"Có con đường nào, có sự thực hành nào mà tu tập, tu tập nhiều, thì có thể đoạn trừ những thủ này không?"

Xá-lợi-phất đáp:

"Có. Đó là tám Thánh đạo, từ chánh kiến cho đến chánh định."

Hai vị Chánh sĩ bàn luận xong, mỗi người từ chỗ ngồi đứng dậy từ giã nhau.

Diêm-phù-xa hỏi Xá-lợi-phất:[36]

"Nói là hệ phược[37]; thế nào là hệ phược?"

Xá-lợi-phất đáp:

"Phược có bốn, đó là tham dục phược, sân nhuế phược, giới thủ phược và ngã kiến phược."

Lại hỏi Xá-lợi-phất:

"Có con đường nào, có sự thực hành nào mà tu tập, tu tập nhiều, thì có thể đoạn trừ những phược này không?"

Xá-lợi-phất đáp:

"Có. Đó là tám Thánh đạo, từ chánh kiến cho đến chánh định."

Hai vị Chánh sĩ bàn luận xong, mỗi người từ chỗ ngồi đứng dậy từ giã nhau.

---

33. Ách 𑀅𑀕𑀼𑀭 chính xác: 𑀅𑀕𑀼𑀭 chỉ gọng cày. Paøli: cattaøro yogaø.

34. Đoạn vấn đáp 15, S.38.12 Upaødaøna.

35. Thuû 𑀢𑀼 Paøli: cattaøri upaødaønaøni kaømuøpaødaønaö, diææhuøpaødaønaö. sìlabbatuøpaødaønaö, atta-vaøduøpaødaønaö.

36. Đoạn vấn đáp 16, không có trong bản Paøli.

37. Phược 𑀪𑀼𑀯 ; tức Tập dị 8, tr.399, thân hệ 𑀢𑀼𑀯 𑀪𑀼𑀯 có bốn: tham thân hệ, sân thân hệ, giới cấm thân hệ, thử thật chấp thân hệ. Paøli, D.iii, tr. 230: cattaøro ganthaø, abhijjhaø kaøyagantho, vyaøpaødo kaøyagantho, sìlabbataparaømaøso kaøyagantho, idaösaccaøbhiniviseso kaøyagantho.

Diêm-phù-xa hỏi Xá-lợi-phất:[38]

"Gọi là kết; vậy thế nào là kết?"

Xá-lợi-phất đáp:

"Kết có chín[39], đó là ái kết, nhuế kết, mạn kết, vô minh kết, kiến kết, tha thủ kết[40], nghi kết, tật kết và xan kết."

Lại hỏi Xá-lợi-phất:

"Có con đường nào, có sự thực hành nào mà tu tập, tu tập nhiều, thì có thể đoạn trừ những kết này không?"

Xá-lợi-phất đáp:

"Có. Đó là tám Thánh đạo, từ chánh kiến cho đến chánh định."

Hai vị Chánh sĩ bàn luận xong, mỗi người từ chỗ ngồi đứng dậy từ giã nhau.

Diêm-phù-xa hỏi Xá-lợi-phất:[41]

"Gọi là sử, vậy thế nào là sử?"

Xá-lợi-phất đáp:

"Sử có bảy, đó là tham dục sử, sân nhuế sử, hữu ái sử, mạn sử, vô minh sử, kiến sử và nghi sử."[42]

Lại hỏi Xá-lợi-phất:

"Có con đường nào, có sự thực hành nào để có thể tu tập và khi tu tập nhiều, có thể đoạn trừ những sử này không?"

Xá-lợi-phất đáp:

"Có. Đó là tám Thánh đạo, từ chánh kiến cho đến chánh định."

Hai vị Chánh sĩ bàn luận xong, mỗi người từ chỗ ngồi đứng dậy từ giã nhau.

---

38. Đoạn vấn đáp 17, bản Paøli không có.
39. Xem Tập Dị 19, tr.446 a25
40. Tập dị 19, tr.446 b9: thủ kết □ "Hai thủ được gọi là thủ kết; kiến thủ và giới cấm thủ". Paøli, paraømaøsa, goàm diæææhiparaømaøsa, sìlabbatapaaømaøsa.
41. Đoạn vấn đáp 18, không có trong bản Paøli.
42. Sử □ hoặc dịch là tùy miên □. Paøli, D.iii. 254, satta anusayaø: kaømaraøgaønusayo, paæighaønusayo, diæææhaønusayo, vicikcchaønusayo, maønaøusayo, bhavaraøgaønusayo, avijjaønusayo.

Diêm-phù-xa hỏi Xá-lợi-phất:[43]

"Gọi là dục, vậy thế nào là dục?"

Xá-lợi-phất đáp:

"Dục là, đối với sắc được nhận thức bởi mắt đáng yêu, đáng thích, đáng nhớ nghĩ, mà đam mê sắc. Tiếng được nhận thức bởi tai, hương bởi mũi, vị bởi lưỡi, xúc bởi thân đáng yêu, đáng thích, đáng nghĩ nhớ, nhiễm đắm xúc.

"Này Diêm-phù-xa, năm phẩm chất này không phải là dục. Nhưng dục chỉ do giác tưởng tư duy."

Bấy giờ, Xá-lợi-phất liền nói bài kệ:

"Tất cả sắc thế gian,
Không phải ái dục sử[44]*,*
Duy chỉ là giác tưởng,
Đó chính là người dục[45]*.*
Bao nhiêu hiện sắc này,
Thường ở tại thế gian,
Điều phục tâm ái dục,
Đó là người thông tuệ."

Diêm-phù-xa hỏi lại Xá-lợi-phất:

"Có con đường nào, có sự thực hành nào để có thể tu tập và khi tu tập nhiều, thì có thể đoạn trừ được những dục này không?"

Xá-lợi-phất đáp:

"Có. Đó là tám Thánh đạo, từ chánh kiến cho đến chánh định."

Hai vị Chánh sĩ bà luận xong, mỗi người từ chỗ ngồi đứng dậy từ giã nhau.

Diêm-phù-xa hỏi Xá-lợi-phất:[46]

"Gọi là cái; thế nào là cái[47]?"

---

43. Đoạn vấn đáp 19, không có trong bản Paøli.
44. Ái dục sử □ hay ái dục tùy miên; Paøli: kaømaraøgaønusaya.
45. Hán: sĩ phu dục .
46. Đoạn vấn đáp 20.
47. Cái hay triền cái. Paøli, paóca nìvaraòaøni: kaømacchanda-, vyaøpaøda-, thìnamiddha-, uddhaccakukkucca.

Xá-lợi-phất đáp:

"Cái có năm, đó là tham dục cái, sân nhuế cái, thùy miên cái, trạo hối cái và nghi cái."

Lại hỏi Xá-lợi-phất:

"Có con đường nào, có sự thực hành nào để có thể tu tập và khi tu tập nhiều, có thể đoạn trừ được những cái này không?"

Xá-lợi-phất đáp:

"Có. Đó là tám Thánh đạo, từ chánh kiến cho đến chánh định."

Hai vị Chánh sĩ bàn luận xong, mỗi người từ chỗ ngồi đứng dậy từ giã nhau.

Diêm-phù-xa hỏi Xá-lợi-phất:[48]

"Gọi là sự nghỉ ngơi, vậy thế nào là sự nghỉ ngơi?"[49]

Xá-lợi-phất đáp:

"Sự nghỉ ngơi là sự đoạn trừ ba kết sử."

Lại hỏi Xá-lợi-phất:

"Có con đường nào, có sự thực hành nào để có thể tu tập và khi tu tập nhiều, có thể đoạn trừ được ba kết sử này không?"

Xá-lợi-phất đáp:

"Có. Đó là tám Thánh đạo, từ chánh kiến cho đến chánh định."

Hai vị Chánh sĩ bàn luận xong, mỗi người từ chỗ ngồi đứng dậy từ giã nhau.

Diêm-phù-xa hỏi Xá-lợi-phất:[50]

"Nói là đạt đến sự nghỉ ngơi; thế nào là đạt đến sự nghỉ ngơi?"

Xá-lợi-phất đáp:

"Đạt đến sự nghỉ ngơi là ba kết sử đã bị đoạn, đã được biết."

Lại hỏi Xá-lợi-phất:

"Có con đường nào, có sự thực hành nào để có thể đoạn trừ được ba kết sử này không?"

Tôn giả Xá-lợi-phất đáp:

---

48. Đoạn vấn đáp 21, Paøli, S.38.5 Assaøso.

49. Hán: an tức 安息. Paøli: assaøsa, nguyên chỉ hơi thở vào, hơi thở điều hòa: trạng thái ngưng nghỉ, an ổn.

50. Đoạn vấn đáp 22, như kinh trên Paøli, S.38.5 Assaøsa.

"Có. Đó là tám Thánh đạo, từ chánh kiến cho đến chánh định."

Hai vị Chánh sĩ bàn luận xong, mỗi người từ chỗ ngồi đứng dậy từ giã nhau.

Diêm-phù-xa hỏi Xá-lợi-phất:[51]

"Gọi là đạt đến sự nghỉ ngơi tối thượng[52], vậy thế nào là đạt đến sự nghỉ ngơi tối thượng?"

Xá-lợi-phất đáp:

"Đạt đến sự nghỉ ngơi tối thượng là đã vĩnh viễn đoạn tận tham dục, sân nhuế và ngu si[53]. Đó gọi là đạt đến sự nghỉ ngơi tối thượng[54]."

Lại hỏi Xá-lợi-phất:

"Có con đường nào, có sự thực hành nào mà tu tập, tu tập nhiều thì có thể đạt đến sự nghỉ ngơi tối thượng không?"

Tôn giả Xá-lợi-phất đáp:

"Có. Đó là tám Thánh đạo, từ chánh kiến cho đến chánh định."

Hai vị Chánh sĩ bàn luận xong, mỗi người từ chỗ ngồi đứng dậy từ giã nhau.

Diêm-phù-xa hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất:[55]

"Gọi là đạt đến chỗ nghỉ ngơi tối thượng[56]; thế nào là được chỗ dừng nghỉ bậc thượng?"

Xá-lợi-phất đáp:

"Đạt đến chỗ nghỉ ngơi tối thượng là đối với tham dục vĩnh viễn đã đoạn, đã biết không dư tàn; đối với sân nhuế, ngu si, vĩnh viễn đã

---

51. Đoạn vấn đáp 23, Paøli, S.38.6 Paramassaøna.

52. Hán: thượng an tức 上安息. Paøli: paramassaøsa.

53. Paøli: assaøso... channam phassaøyatanaønaö samudayaóca atthaígamaóca assaødañca aødìnavaóca nissaraòaóca yathaøbhuøtam pajaønaøti, "đạt đến sự nghỉ ngơi là biết như thực về sự tập khởi, sự tiêu diệt, vị ngọt, tai hại, sự xuất ly của sáu xúc xứ".

54. Paøli:... viditvaø anupaødaø vimutto hoti, "sau khi biết, giải thoát với sự không chấp thủ".

55. Đoạn vấn đáp 24, không có trong bản Paøli.

56. Hán: thượng tô tức xứ 上蘇息處.

đoạn, đã biết không dư tàn. Đó gọi là chỗ dừng nghỉ bậc thượng."

Lại hỏi Xá-lợi-phất:

"Có con đường nào, có sự thực hành nào mà tu tập, tu tập nhiều, thì có thể đạt đến chỗ nghỉ ngơi tối thượng không?"

Tôn giả Xá-lợi-phất đáp:

"Có. Đó là tám Thánh đạo, từ chánh kiến cho đến chánh định."

Hai vị Chánh sĩ bàn luận xong, mỗi người từ chỗ ngồi đứng dậy từ giã nhau.

Diêm-phù-xa hỏi Xá-lợi-phất:[57]

"Nói là thanh lương[58], vậy thế nào là thanh lương?"

Xá-lợi-phất đáp:

"Thanh lương là năm hạ phần kết đã trừ sạch; tức là thân kiến, giới thủ, nghi, tham dục và sân nhuế."

Lại hỏi Xá-lợi-phất:

"Có con đường nào, có sự thực hành nào mà tu tập, tu tập nhiều, để có thể đoạn trừ năm hạ phần kết này, để đạt đến thanh lương không?"

Xá-lợi-phất đáp:

"Có. Đó là tám Thánh đạo, từ chánh kiến cho đến chánh định."

Hai vị Chánh sĩ bàn luận xong, mỗi người từ chỗ ngồi đứng dậy từ giã nhau.

Diêm-phù-xa hỏi Xá-lợi-phất:[59]

"Gọi là được thanh lương, vậy thế nào là được thanh lương?"

Xá-lợi-phất đáp:

"Đối với năm hạ phần kết đã đoạn tận, đã niệm tri, đó gọi là được thanh lương."

Lại hỏi Xá-lợi-phất:

"Có con đường nào, có sự thực hành nào mà tu tập, tu tập nhiều, thì được thanh lương không?"

---

57. Đoạn vấn đáp 25, không có trong Paøli.

58. Thanh lương ²M ²Đ¡A hay trạng thái mát lạnh. Paøli: sìtibhuøta.

59. Đoạn vấn đáp 26, không có trong Paøli.

Xá-lợi-phất đáp:

"Có. Đó là tám Thánh đạo, từ chánh kiến cho đến chánh định."

Hai vị Chánh sĩ bàn luận xong, mỗi người từ chỗ ngồi đứng dậy từ giã nhau.

Diêm-phù-xa hỏi Xá-lợi-phất:[60]

"Gọi là thanh lương bậc thượng, vậy thế nào là thanh lương bậc thượng?"

Xá-lợi-phất đáp:

"Thanh lương bậc thượng là khi tham dục, sân nhuế, ngu si đã vĩnh viễn trừ sạch không còn; tất cả mọi thứ phiền não đã vĩnh viễn trừ sạch không còn. Đó gọi là thanh lương bậc thượng."

Lại hỏi Xá-lợi-phất:

"Có con đường nào, có sự thực hành nào mà tu tập, tu tập nhiều, thì đạt được thanh lương bậc thượng không?"

Xá-lợi-phất đáp:

"Có. Đó là tám Thánh đạo, từ chánh kiến cho đến chánh định."

Hai vị Chánh sĩ bàn luận xong, mỗi người từ chỗ ngồi đứng dậy từ giã nhau.

Diêm-phù-xa hỏi Xá-lợi-phất:[61]

"Nói là đạt được thanh lương bậc thượng, vậy thế nào là đạt được thanh lương bậc thượng?"

Xá-lợi-phất đáp:

"Đạt được thanh lương bậc thượng là đối với tham dục đã vĩnh viễn đoạn trừ, vĩnh viễn biến tri không dư tàn; đối với sân nhuế và ngu si đã vĩnh viễn đoạn trừ, vĩnh viễn biến tri không dư tàn. Đó gọi là đạt được thanh lương bậc thượng."

Lại hỏi Xá-lợi-phất:

"Có con đường nào, có sự thực hành nào mà tu tập, tu tập nhiều, thì được thanh lương bậc thượng này không?"

Xá-lợi-phất đáp:

"Có. Đó là tám Thánh đạo, từ chánh kiến cho đến chánh định."

Hai vị Chánh sĩ bàn luận xong, mỗi người từ chỗ ngồi đứng dậy từ giã nhau.

---

60. Đoạn vấn đáp 27.
61. Đoạn vấn đáp 28.

Diêm-phù-xa hỏi Xá-lợi-phất[62]:

"Gọi là ái, vậy thế nào là ái?"

Xá-lợi-phất đáp:

"Ái có ba, đó là dục ái, sắc ái và vô sắc ái."

Lại hỏi Xá-lợi-phất:

"Có con đường nào, có sự thực hành nào mà tu tập, tu tập nhiều, thì có thể diệt trừ được ba ái này không?"

Xá-lợi-phất đáp:

"Có. Đó là tám Thánh đạo, từ chánh kiến cho đến chánh định."

Hai vị Chánh sĩ bàn luận xong, mỗi người từ chỗ ngồi đứng dậy từ giã nhau.

Diêm-phù-xa hỏi Xá-lợi-phất:[63]

"Gọi là nghiệp đạo[64], vậy thế nào là nghiệp đạo?"

Xá-lợi-phất đáp:

"Nghiệp đạo. đó là mười nghiệp đạo bất thiện, tức sát sanh, trộm cướp, tà dâm, vọng ngữ, lưỡng thiệt, ác khẩu, ỷ ngữ, tham dục, sân nhuế và tà kiến."

Lại hỏi Xá-lợi-phất:

"Có con đường nào, có sự thực hành nào để diệt trừ mười nghiệp đạo này không?"

Xá-lợi-phất đáp:

"Có. Đó là tám Thánh đạo, từ chánh kiến cho đến chánh định."

Hai vị Chánh sĩ bàn luận xong, mỗi người từ chỗ ngồi đứng dậy từ giã nhau.

Diêm-phù-xa hỏi Xá-lợi-phất:[65]

"Gọi là ô uế, vậy thế nào là ô uế?"

Xá-lợi-phất đáp:

"Uế có ba, đó là tham dục, sân nhuế và ngu si."

Lại hỏi Xá-lợi-phất:

---

62. Đoạn vấn đáp 29, Paøli, S.38.10 Taòhaø.

63. Đoạn vấn đáp 30.

64. Hán: nghiệp đạo □~ ′∅. Paøli: kammapatha; bản Hán hiểu là kammapada.

65. Đoạn vấn đáp 31.

"Có con đường nào, có sự thực hành nào mà tu tập, tu tập nhiều, thì có thể trừ được ba uế này không?"

Xá-lợi-phất đáp:

"Có. Đó là tám Thánh đạo, từ chánh kiến cho đến chánh định."

Hai vị Chánh sĩ bàn luận xong, mỗi người từ chỗ ngồi đứng dậy từ giã nhau.

Như kinh Uế, cũng vậy các kinh nói về Cấu bẩn [32], Cấu ghét [33], Gai nhọn [34], Luyến [35] và Hệ phược [36] cũng như vậy.

M

KINH 491. SA-MÔN XUẤT GIA SỞ VẤN[66]

Như kinh Diêm-phù-xa hỏi, kinh Sa-môn xuất gia hỏi cũng như vậy.

M

KINH 492. NÊ THỦY[67]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Trúc, khu Ca-lan-đà trong thành Vương xá. Bấy giờ Tôn giả Xá-lợi-phất cũng đang ở đây. Rồi Tôn giả Xá-lợi-phất nói với các Tỳ-kheo:

"Nếu có Tỳ-kheo nào[68] được vô lượng tam-muội[69], thân tác chứng, thành tựu và an trụ, nhưng đối với Niết-bàn, sự diệt tận của hữu thân[70], mà tâm không hoan hỷ[71], luyến tiếc hữu thân[72]. Giống như

66. "Những câu hỏi của Sa-môn xuất gia". Nội dung gần giống các kinh trên.

67. "Ao bùn". Paøli, A.4.178 Jambaøli.

68. Paøli: cattaørome bhikkhave puggalaø santo saövijjamaønaø lokasmiö, thế gian có bốn hạng người.

69. Paøli: santaö cetovimutti, tâm giải thoát tịch tĩnh.

70. Hán: hữu thân diệt □□□□. Paøli: sakkaøyanirodha.

71. Hán: tâm bất lạc trước □□□□□□. Paøli: na pakkhandati: không tiến tới, hay không phấn chấn.

72. Bản Paøli, A.ii, tr.165: sakkaøyanirodhe cittaö na pakkhandati nappasìdati na santiæææhati naødhimuccati, "(Vị ấy khi tác ý hữu thân diệt) đối với hữu thân diệt mà tâm không thăng tiến, không trừng tịnh, không an trú, không quyết tín".

người tay dính keo mà nắm trên cành cây, thì tay liền bị dính trên cành không gỡ ra được. Vì sao? Vì keo dính tay.

"Nếu Tỳ-kheo tự thân đã tác chứng vô lượng Tam-ma-đề[73], nhưng tâm không hoan hỷ[74] đối với Niết-bàn, sự diệt tận của hữu thân[75]; luyến tiếc hữu thân, thì trọn không thể thoát ly, ngay trong đời này không được tùy thuận giáo pháp, cho đến khi mạng chung cũng không sở đắc mà phải sanh lại cõi này; cuối cùng rồi cũng không phá được sự si ám. Như bên cạnh làng có ao bùn; lớp bùn rất sâu. Lâu ngày trời không mưa, nước ao khô cạn, đất nứt nẻ ra[76]. Cũng vậy, Tỳ-kheo ngay trong đời này không được tùy thuận giáo pháp, cho đến khi mạng chung cũng không sở đắc và sẽ trở lại đọa vào cõi này.

"Nếu có Tỳ-kheo nào được vô lượng tam-muội, tự thân tác chứng, thành tựu và an trú, đối với sự diệt tận của hữu thân, Niết-bàn, này khi hoại diệt mà tâm sanh ra tin vui, không luyến tiếc hữu thân. Giống như người dùng bàn tay khô ráo, sạch sẽ, vịn vào cành cây, thì tay sẽ không bị dính theo cây. Vì sao? Vì bàn tay sạch. Cũng vậy, nếu Tỳ-kheo nào được vô lượng tam-muội, tự thân tác chứng, thành tựu và an trú, đối với sự diệt tận của hữu thân, Niết-bàn này khi hoại diệt mà tâm sanh ra tin vui, không luyến tiếc hữu thân; ngay trong đời này tùy thuận giáo pháp, cho đến khi mạng chung không còn sanh lại cõi này nữa.

"Cho nên Tỳ-kheo phải siêng năng phương tiện phá tan vô minh. Giống như bên cạnh làng có ao bùn, nước từ bốn phía chảy vào, trời lại hay mưa, nước thường vào ao đầy dẫy, đồ dơ bẩn chảy ra hết, ao nước này trở nên trong sạch. Cũng vậy Tỳ-kheo ngay trong đời này mà tùy thuận giáo pháp; cho đến khi mạng chung sẽ không còn sanh trở lại cõi này. Bởi vậy, Tỳ-kheo phải siêng năng phương tiện phá tan vô minh."

---

73. Xem cht.69 trên.

74. Xem cht.71 trên.

75. Bản Paøli: "Vị ấy khi tác ý sự diệt trừ vô minh".

76. Bản Paøli: ao đã bị bít, không thoát nước, lại lâu ngày không mưa, lớp bùn khô cứng không thể vét cạn".

Tôn giả Xá-lợi-phất nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Tôn giả dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 493. THỪA THUYỀN NGHỊCH LƯU[77]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Trúc, khu Ca-lan-đà trong thành Vương xá. Bấy giờ Tôn giả Xá-lợi-phất cũng đang ở đây. Rồi Tôn giả Xá-lợi-phất nói với các Tỳ-kheo:

"Nếu Tỳ-kheo a-luyện-nhã[78], hoặc ở giữa đất trống, trong rừng, dưới bóng cây, nên học như vầy: Quay vào bên trong mà tư duy, quán sát, tự biết trong tâm còn có dục tưởng không? Nếu không tự biết được, thì ở nơi cảnh giới hoặc ở nơi tịnh tướng, ở đó sẽ có ái dục khởi lên, trái với hạnh viễn ly[79]. Giống như người dùng sức chèo thuyền nghịch dòng đi lên, thân nếu hơi mệt mỏi, biếng nhác, thì thuyền quay trở lại, xuôi dòng đi xuống. Cũng vậy, Tỳ-kheo khi tư duy tịnh tưởng, trở lại sanh ra ái dục, trái với hạnh viễn ly. Tỳ-kheo này tu học, tu phương tiện thấp kém, hành không thuần tịnh. Vì vậy lại bị ái dục cuốn trôi, không được pháp lực, tâm không tĩnh lặng, tâm không chuyên nhất; đối với tịnh tướng kia theo đó mà sanh ái dục, trôi nổi lăn lóc, trái với hạnh viễn ly. Nên biết Tỳ-kheo này, không dám tự xác nhận là đối với năm phẩm chất của dục mà ly dục, giải thoát.

"Nếu Tỳ-kheo nào ở nơi đất trống, trong rừng hoặc dưới bóng cây, tư duy như vầy: 'Trong nội tâm ta đã ly dục chưa?' Tỳ-kheo này sẽ ở nơi cảnh giới hoặc tiếp nhận tịnh tướng, mà biết tâm mình đã xa lìa tướng ấy, không tùy thuận tiến vào dòng xoáy. Giống như lông chim vào lửa thì bị quắn lại, không có nở ra. Cũng vậy, Tỳ-kheo nào, hoặc tiếp nhận tịnh tướng mà tùy thuận viễn ly, không tùy thuận tiến vào dòng xoáy.

"Tỳ-kheo, nên biết như vầy, đối với phương tiện thực hành tâm

---

77. "Cõi thuyền đi ngược dòng".

78. Hán: A-luyện-nhã tỳ-kheo [illegible]. Paøli: araóóaka-bhikkhu, tỳ-kheo sống trong rừng.

79. Trái với đời sống ẩn dật.

không biếng nhác, chứng đắc pháp, tịch tĩnh, tĩnh chỉ, an ổn, khoái lạc, thuần tịnh nhất tâm và tự nói: 'Ta sau khi tư duy, đối với tịnh tướng, mà tùy thuận viễn ly, tùy thuận tu đạo, thì có thể tự xác nhận, đối với năm phẩm chất của dục, đã ly dục giải thoát."

Tôn giả Xá-lợi-phất nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Tôn giả dạy, hoan hỷ, phụng hành.

M

KINH 494. KHÔ THỌ[80]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Trúc, khu Ca-lan-đà trong thành Vương xá. Bấy giờ Tôn giả Xá-lợi-phất đang ở trong núi Kỳ-xà-quật.

Bấy giờ, sáng sớm, Tôn giả đắp y mang bát ra khỏi núi, vào thành Vương xá khất thực; thấy bên lề đường một cây đại thọ khô liền đến bên cây này trải tọa cụ ngồi ngay thẳng và nói với các Tỳ-kheo:

"Nếu có Tỳ-kheo nào tu tập thiền tứ, đạt được thần thông, tâm được tự tại, muốn biến cây khô này thành đất, thì sẽ thành đất liền. Vì sao? Vì trong cây khô này có địa giới. Cho nên Tỳ-kheo có sức thần thông, tâm muốn tạo ra đất, tức thì thành đất không khác. Nếu có Tỳ-kheo nào đạt được sức thần thông, tự tại như ý, mà muốn khiến cây này thành nước, lửa, gió, vàng, bạc v.v... tất cả đều thành tựu không khác. Vì sao? Vì cây khô này có thủy giới. Cho nên, thiền tứ được sức thần thông, tự tại như ý; nếu muốn khiến cây khô này thành vàng, tức thì thành vàng không khác và những vật khác cũng đều thành tựu như vậy. Vì sao? Vì cây khô này có các giới. Cho nên, Tỳ-kheo thiền tứ, được sức thần thông, tự tại như ý, nếu muốn làm thành các vật khác thì cũng đều thành tựu không khác. Tỳ-kheo nên biết, khi Tỳ-kheo thiền tứ, cảnh giới thần thông không thể nghĩ bàn. Cho nên, Tỳ-kheo phải tinh cần thiền tứ, học các thần thông."

Tôn giả Xá-lợi-phất nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Tôn giả dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

---

80. Paøli, A.6.41 Daørukkhandha.

KINH 495. GIỚI[81]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Trúc, khu Ca-lan-đà trong thành Vương xá. Bấy giờ Tôn giả Xá-lợi-phất đang ở trong núi Kỳ-xà-quật.

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất bảo các Tỳ-kheo:

"Người phạm giới, vì phá giới nên sở y sút giảm, tâm không an trú với sự an lạc[82]. Vì tâm không an trú với sự an lạc nên mất hoan hỷ, tĩnh chỉ, an lạc, tam-muội tịch tĩnh; mất tri kiến như thật[83], sự yếm ly, ly dục, giải thoát, vĩnh viễn không thể đạt được Vô dư Niết-bàn. Giống như cây bị mục thì tất cả cành, lá, hoa, trái đều không thể thành tựu. Tỳ-kheo phạm giới lại cũng như vậy, công đức sút giảm[84], tâm không an trú với sự an lạc. Vì tâm không an trú với sự an lạc[85] nên mất hoan hỷ, tĩnh chỉ, an lạc, tam-muội tịch tĩnh; mất tri kiến như thật, sự yếm ly, ly dục, giải thoát. Do thoái thất giải thoát nên vĩnh viễn không thể đạt được Vô dư Niết-bàn.

"Tỳ-kheo trì giới, căn bản đầy đủ, sở y đầy đủ, tâm được tin vui. Vì được tin vui nên tâm được hoan hỷ, tĩnh chỉ, an lạc, đạt đến tam-muội tịch tĩnh, thấy biết như thật, yếm ly, ly dục, giải thoát. Do được giải thoát, nhanh chóng đạt đến Vô dư Niết-bàn. Ví như gốc cây không bị mục thời cành, lá, hoa, trái đều được thành tựu. Tỳ-kheo trì giới lại cũng như vậy, căn bản đầy đủ, sở y đầy đủ, tâm được tin vui. Vì được tin vui nên tâm được hoan hỷ, tĩnh chỉ, an lạc, đạt đến tam-muội tịch tĩnh, thấy biết như thật, yếm ly, ly dục, giải thoát. Do được

---

81. Paøli, A.5.168 Sìla; 10.4 Upanisaø; 11.4-5 Upanissaø. Tham chiếu Hán, N^{0}26 Trung, 48 Giới kinh.

82. Hán: sở y thoái giảm tâm bất lạc trú 所依退減心不樂住. Paøli: hatuøpaniso hoti sammaøsamaødhi, tư trợ (sở y) của chánh định bị tổn hại.

83. Paøli: sammaøsamaødhivipannssa hatuøpanisaö hoti yathaøbhuøtaóóaøòadassanaö, do thoái thất chánh định, tư trợ (sở y) của tri kiến như thật bị tổn hại.

84. Hán: công đức (thoái giảm) 功德. Đoạn trên dịch là sở y. Paøli: hatuøpanisaø. Xem cht.82 treân.

85. Hán: bất tín lạc 不信樂 không còn tin tưởng.

giải thoát, nhanh chóng đạt đến Vô dư Niết-bàn."

Tôn giả Xá-lợi-phất nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì đã nói, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 496. TRÁNH

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy Tôn giả Xá-lợi-phất bảo các Tỳ-kheo:

"Nếu các Tỳ-kheo khởi lên tranh cãi với nhau, có Tỳ-kheo phạm tội, Tỳ-kheo cử tội. Nhưng Tỳ-kheo này, nếu không bằng vào tư duy đúng mà tự phản tỉnh quán sát, thì nên biết Tỳ-kheo này ngang ngạnh lâu dài, tranh cãi, kiện tụng càng tăng, chống đối nhau, nuôi hận càng ngày càng sâu. Đối với những tội lỗi đã khởi lên, không thể dùng Chánh pháp luật ngăn chặn cho dừng lại được.

"Nếu Tỳ-kheo đã khởi lên việc tranh tụng, nhưng Tỳ-kheo phạm tội, hay Tỳ-kheo cử tội, bằng vào tư duy đúng mà tự phản tỉnh quán sát, chịu khiển trách, thì nên biết Tỳ-kheo này không ngang ngạnh lâu dài, không chống đối nhau và hận thù không còn tăng trưởng; đối với tội đã khởi có thể dùng Chánh pháp luật để ngăn chặn cho dừng lại.

"Thế nào là Tỳ-kheo bằng tư duy đúng mà tự phản tỉnh quán sát? Tỳ-kheo nên tư duy như vầy: 'Ta thật sự không phải, không tốt, không nên tạo tội, để cho người khác bắt gặp mình. Nếu ta không tạo tội này thì người kia sẽ không bắt gặp. Vì người kia bắt gặp ta phạm tội, khiến họ không vui vẻ và hiềm trách nên cử tội. Còn những Tỳ-kheo khác nếu nghe cũng sẽ hiềm trách. Cho nên việc tranh tụng xảy ra lâu dài, tính nganh ngạnh càng tăng và tranh cãi với nhau. Đối với những tội đã khởi, không thể dùng Chánh pháp luật ngăn chặn cho dừng lại được. Nay ta tự biết như mình đã nộp thuế[86].' Đó gọi là Tỳ-kheo đối với những tội đã khởi có thể tự quán sát.

"Thế nào là Tỳ-kheo cử tội có thể tự phản tỉnh quán sát? Tỳ-

---

86. Hán: thâu thuế 偷稅. Bản Tống: thâu di 偷移.

kheo cử tội nên nghĩ như vầy: 'Trưởng lão Tỳ-kheo này phạm tội không tốt khiến ta bắt gặp. Nếu vị ấy không phạm tội không tốt đó thì ta đâu có bắt gặp. Vì ta đã bắt gặp tội của người này khiến không vui nên phải nói ra. Còn những Tỳ-kheo khác nếu bắt gặp thì cũng sẽ không vui và cũng sẽ nêu tội. Sự tranh tụng cứ như vậy kéo dài tăng trưởng không dừng, không thể dùng Chánh pháp luật để ngăn chặn những tội đã làm, khiến cho dừng lại. Từ ngày hôm nay ta tự mình từ bỏ nó, như mình nộp thuế.' Như vậy Tỳ-kheo cử tội nên khéo y cứ vào tư duy đúng, để nội tĩnh quán sát.

"Cho nên, này các Tỳ-kheo, người có tội và người cử tội phải y cứ vào tư duy đúng, tự quán sát đừng để cho sự ngang ngạnh tăng trưởng thêm lên. Này các Tỳ-kheo, không nên tranh tụng nữa, nếu việc tranh tụng có khởi lên thì có thể dùng Chánh pháp luật ngăn chặn khiến nó dừng lại."

Tôn giả Xá-lợi-phất nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe rồi, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 497. CỬ TỘI[87]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, nếu Tỳ-kheo cử tội muốn cử tội người khác, khiến cho tâm an trụ, thì cần có bao nhiêu pháp để được cử tội người khác?"

Phật dạy Xá-lợi-phất:

"Nếu Tỳ-kheo nào khiến tâm an trụ, có đủ năm pháp được cử tội người khác. Năm pháp đó là: Thật, chứ không phải không thật. Đúng thời, chứ không phải phi thời. Ích lợi, chứ chẳng phải không ích lợi. Nhu nhuyến, chứ không thô bạo. Từ tâm, chứ không sân hận. Này Xá-lợi-phất, Tỳ-kheo nào muốn cử tội thì phải đủ năm pháp này mới được

87. Paøli, A.5.167 Codanaø.

cử tội người khác."

Xá-lợi-phất bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo bị cử tội, phải dùng bao nhiêu pháp để tự an được tâm mình?"

Phật dạy Xá-lợi-phất:

"Tỳ-kheo bị cử tội phải nhờ vào năm pháp khiến cho tâm mình được an. Phải nghĩ rằng, 'Người này do đâu mà biết được? Hãy là sự thật chứ đừng là không thật. Mong cho đúng thời, chứ đừng khiến phi thời. Mong cho vì ích lợi chứ đừng khiến không vì ích lợi. Mong nhu nhuyến, đừng khiến thô bạo. Mong là từ tâm, đừng khiến sân hận. Này Xá-lợi-phất, người bị cử tội phải đủ năm pháp này thì mới tự an được tâm mình."

Xá-lợi-phất bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, con thấy có sự cử tội người khác mà không thật, chứ chẳng phải thật; phi thời, chứ chẳng phải đúng thời; không vì ích lợi, chứ chẳng phải vì ích lợi; thô bạo, chứ không nhu nhuyến; sân nhuế, chứ không có từ tâm. Bạch Thế Tôn, đối với Tỳ-kheo cử tội người khác mà không đúng sự thật đó, phải dùng bao nhiêu pháp vì lợi ích khiến cho hối cải?"

Phật dạy Xá-lợi-phất:

"Tỳ-kheo cử tội mà không đúng sự thật, phải dùng năm pháp vì lợi ích khiến cho hối cải. Nên nói với người ấy rằng, 'Trưởng lão, hôm nay Trưởng lão cử tội, không thật chứ chẳng phải thật; Trưởng lão nên hối cải. Phi thời chứ chẳng phải đúng thời; không vì ích lợi, chứ chẳng phải vì ích lợi; thô bạo, chứ không nhu nhuyến; sân nhuế, chứ không có từ tâm; Trưởng lão nên hối cải.' Này Xá-lợi-phất, đối với Tỳ-kheo cử tội người khác mà không đúng sự thật, thì phải dùng năm pháp vì lợi ích này, khiến cho hối cải, cũng khiến cho Tỳ-kheo trong vị lai không vì người khác mà cử tội không đúng sự thật."

Xá-lợi-phất bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo bị cử tội không đúng sự thật, phải dùng bao nhiêu pháp để khiến cho không bị hối hận[88]?"

Phật dạy Xá-lợi-phất:

---

88. Hán: biến hối . Paøli: avippaæisaøro.

"Tỳ-kheo bị cử tội không đúng, thì phải nhờ vào năm pháp để không tự mình phải hối hận. Người này phải nghĩ như vầy, 'Tỳ-kheo kia cử tội không thật, chứ chẳng phải thật; phi thời chứ chẳng phải thời; không vì lợi ích chứ chẳng phải vì lợi ích, thô bạo chứ chẳng phải nhu nhuyến, sân hận chứ không phải từ tâm. Ta thật sự không phải hối hận.' Tỳ-kheo bị cử tội không thật đó phải nhờ vào năm pháp này để tự an tâm mình, không tự mình phải hối hận."

Xá-lợi-phất bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, có Tỳ-kheo cử tội đúng sự thật, chứ không phải không thật; đúng thời chứ không phải không đúng thời; vì ích lợi chứ không phải không vì ích lợi; nhu nhuyến chứ không phải thô bạo; từ tâm chứ không phải sân hận; Tỳ-kheo cử tội đúng đó nên bằng bao nhiêu pháp vì lợi ích để không bị hối hận?"

Phật bảo Xá-lợi-phất:

"Tỳ-kheo cử tội đúng sự thật, nên bằng năm pháp vì lợi ích để khiến cho không bị hối hận. Nên nói như vầy, 'Trưởng lão, ngài đã cử tội đúng sự thật chứ không phải không thật; đúng thời chứ không phải phi thời; vì ích lợi chứ không phải không vì ích lợi; nhu nhuyến chứ không phải thô bạo; từ tâm chứ không phải sân hận.' Này Xá-lợi-phất, Tỳ-kheo nào cử tội đúng thì phải bằng năm pháp lợi ích này để khiến Tỳ-kheo đó không bị hối hận và cũng để cho Tỳ-kheo vị lai cử tội người khác đúng mà không bị hối hận."

Xá-lợi-phất bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo bị cử tội đúng, thì phải bằng bao nhiêu pháp vì lợi ích để không bị hối hận?"

Phật dạy Xá-lợi-phất:

"Tỳ-kheo bị cử tội đúng, thì phải bằng năm pháp lợi ích này để không bị hối hận. Nên nói như vầy, 'Tỳ-kheo này cử tội đúng chứ không phải không đúng, ông chớ hối hận; đúng thời chứ không phải phi thời; nghĩa lợi chứ không phải không nghĩa lợi; nhu nhuyến chứ không phải thô bạo; có từ tâm chứ không phải sân hận, ông chớ hối hận."

Xá-lợi-phất bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, con thấy Tỳ-kheo bị cử tội đúng mà lại sân hận. Bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo bị cử tội đúng mà sân hận, thì phải dùng bao

nhiêu pháp để tự giải tỏa đối với sân hận?"

Phật dạy Xá-lợi-phất:

"Tỳ-kheo bị cử tội đúng mà khởi lên sân hận, thì phải dùng năm pháp để tự giải tỏa. Nên nói với người ấy rằng, 'Trưởng lão, Tỳ-kheo cử tội ông là đúng sự thật chứ không phải không thật, ông chớ sân hận... cho đến từ tâm chứ không phải sân hận.' Này Xá-lợi-phất, Tỳ-kheo bị cử tội đúng mà khởi lên sân hận, thì nên dùng năm pháp này để đối với sân hận được giải tỏa."

Xá-lợi-phất bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, có người cử tội đúng, có người không đúng; đối với hai người này con tự an tâm. Nếu kia đúng sự thật thì con phải tự biết. Nếu kia không đúng thì con phải tự hóa giải rằng, 'Điều đó không đúng, nay ta tự biết là không có lỗi này.' Bạch Thế Tôn, con phải như vậy, như những gì Thế Tôn đã dạy trong kinh Thí dụ xẻ gỗ[89], dạy các Sa-môn: 'Nếu có giặc đến bắt ông, rồi dùng cưa, cưa xẻ thân ông. Các ông đối với giặc mà khởi lên niệm ác, nói lời ác, thì tự sanh ra chướng ngại. Cho nên, Tỳ-kheo, nếu bị giặc dùng cưa, cưa xẻ thân các ông, các ông đối với giặc chớ khởi lòng ác và nói lời ác, chỉ tự làm chướng ngại mình mà thôi. Đối với những người đó nên sanh lòng từ bi, không oán hận; chứng nhập, thành tựu và trú với từ tâm cùng khắp bốn phương cảnh giới.' Cho nên, bạch Thế Tôn, con phải như vậy, như lời Thế Tôn đã dạy, đối với cái khổ thân bị cưa xẻ mà còn tự an nhẫn; huống chi những cái khổ nhỏ nhặt, hay những lời phỉ báng nhỏ nhặt mà không an nhẫn được. Vì mục đích của Sa-môn, vì ước muốn của Sa-môn, muốn đoạn trừ pháp bất thiện, muốn tu tập pháp thiện thì đối với pháp bất thiện này nên đoạn trừ; và đối với pháp thiện thì nên phương tiện tu tập tinh cần, khéo tự phòng ngừa, buộc niệm tư duy, không để buông lung. Hãy tu học như vậy."

Xá-lợi-phất bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, nếu con cử tội Tỳ-kheo khác, đúng sự thật chứ không phải không thật; đúng thời chứ không phải không đúng thời; có nghĩa lợi chứ không phải không nghĩa lợi; nhu nhuyến chứ không phải thô bạo; có từ tâm chứ không phải sân hận, nhưng có Tỳ-kheo bị cử

---

89. Hán: Giải tài kinh 解 木 經. Không rõ xuất xứ.

tội kia vẫn ôm lòng thù hận."

Phật hỏi Xá-lợi-phất:

"Tỳ-kheo loại nào khi nghe cử tội mà sanh tâm thù hận?"

Xá-lợi-phất bạch phật:

"Bạch Thế Tôn, nếu Tỳ-kheo kia cong vạy, giả dối, lừa gạt, bất tín, không hổ thẹn, biếng nhác, mất niệm, không định, ác tuệ, ngã mạn, trái với hạnh viễn ly, không kính Giới luật, không trọng Sa-môn, không siêng năng tu học, không tự tỉnh quán sát, vì kế sống mà xuất gia, không vì cầu Niết-bàn; những người như vậy nghe con cử tội liền sanh sân nhuế."

Phật hỏi Xá-lợi-phất:

"Những hạng Tỳ-kheo nào nghe ông cử tội mà không sân hận?"

Xá-lợi-phất bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, nếu có Tỳ-kheo nào tâm không cong vạy, không giả dối, lừa gạt, có chánh tín, biết hổ thẹn, tinh cần chánh niệm, chánh định, trí tuệ, không ngã mạn, không bỏ hạnh viễn ly, kính sâu Giới luật, trọng hạnh Sa-môn, tôn sùng Niết-bàn, vì pháp xuất gia, không vì kế sống; những Tỳ-kheo như vậy nghe con cử tội thì hoan hỷ nhận lãnh như uống cam lộ. Như người nữ dòng Sát-lợi hay Bà-la-môn tắm gội sạch sẽ, được hoa đẹp đẽ, yêu thích, đội lên đầu, cài lên đầu. Cũng vậy, nếu Tỳ-kheo nào không cong vạy, không giả dối, lừa gạt, chánh tín, có hổ thẹn, tinh cần, chánh niệm, chánh định, trí tuệ, không ngã mạn, tâm giữ hạnh viễn ly, kính sâu Giới luật, trọng hạnh Sa-môn, siêng tu tập, tự tỉnh giác, vì pháp xuất gia, chí cầu Niết-bàn, thì Tỳ-kheo như vậy khi nghe con cử tội vui vẻ nhận lãnh như uống cam lộ."

Phật bảo Xá-lợi-phất:

"Nếu Tỳ-kheo nào cong vạy, giả dối, lừa gạt, bất tín, không hổ thẹn, biếng nhác, mất niệm, không định, ác tuệ, ngã mạn, trái với hạnh viễn ly, không kính Giới luật, không trọng hạnh Sa-môn, không cầu Niết-bàn, vì kế sống xuất gia, thì đối với Tỳ-kheo như vậy không nên dạy dỗ và nói chuyện. Vì sao? Vì những Tỳ-kheo này phá phạm hạnh. Nếu Tỳ-kheo nào không cong vạy, không giả dối, không lừa gạt, có lòng tin, hổ thẹn, tinh cần, chánh niệm, chánh định, trí tuệ, không ngã mạn, tâm giữ hạnh viễn ly, kính sâu

Giới luật, trọng hạnh Sa-môn, chí sùng Niết-bàn, vì pháp xuất gia, thì những Tỳ-kheo như vậy phải nên dạy dỗ. Vì sao? Vì những Tỳ-kheo này thường tu phạm hạnh, có thể tự đứng vững."

Phật nói kinh này xong, Tôn giả Xá-lợi-phất nghe những gì Đức Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 498. NA-LA-KIEAN-ĐÀ[90]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại Na-la-kiền-đà, trong vườn Am-la của người bán y[91]. Lúc bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, con tin sâu xa về Thế Tôn rằng, trí tuệ của các Sa-môn, Bà-la-môn dù là quá khứ, vị lai hay hiện tại cũng không bằng sự giác ngộ[92] của Thế Tôn, huống lại là hơn!"

Phật bảo Xá-lợi-phất:

"Lành thay! Lành thay! Xá-lợi-phất! Lành thay những lời nói hi hữu đệ nhất này, ở giữa đại chúng rống lên tiếng rống sư tử, tự nói tin sâu xa về Thế Tôn rằng, trí tuệ có được của các Sa-môn, Bà-la-môn dù là quá khứ, vị lai hay hiện tại cũng không bằng sự giác ngộ của Thế Tôn, huống lại là hơn!"

Phật hỏi Xá-lợi-phất:

"Ngươi có thể biết rõ về tăng thượng giới của Phật quá khứ chăng?"

Xá-lợi-phất bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, con không biết."

Đức Phật lại hỏi Xá-lợi-phất:

"Ngươi có biết pháp như vậy, tuệ như vậy, minh như vậy, giải thoát như vậy và an trụ như vậy chăng?"

---

90. Paøli, S.47.12 Naølandaø. Tham chiếu, D.28 Sampasaødanìya-suttanta.

91. Na-la-kiền-đà mại y giả Am-la viên . Paøli: Naølandaøyaö viharati paøvaørikambavane, vườn xoài của nhà phú hộ Paøvaørika là nghề (bán y) chứ không phải tên người.

92. Nguyên Hán: Bồ-đề . Paøli: Sambodhi.

Xá-lợi-phất bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, con không biết."

Phật lại hỏi Xá-lợi-phất:

"Ngươi có biết rõ tăng thượng giới của Phật vị lai, cùng pháp như vậy, tuệ như vậy, minh như vậy, giải thoát như vậy và an trụ như vậy chăng?"

Xá-lợi-phất bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, con không biết."

Đức Phật hỏi Xá-lợi-phất:

"Ngươi có biết rõ giới tăng thượng của Phật hiện tại, cùng pháp như vậy, tuệ như vậy, minh như vậy, giải thoát như vậy và an trụ như vậy chăng?"

Xá-lợi-phất bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, con không biết."

Phật bảo Xá-lợi-phất:

"Nếu ông không biết trong tâm của chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại sở hữu các pháp đó, thì tại sao ở giữa đại chúng rống lên tiếng rống sư tử, tán thán như vầy: 'Con tin sâu xa về Thế Tôn rằng: trí tuệ có được của các Sa-môn, Bà-la-môn dù là quá khứ, vị lai hay hiện tại cũng không bằng trí tuệ Thế Tôn, huống lại là hơn!'"

Xá-lợi-phất bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, con không biết giới hạn trong tâm[93] của chư Phật Thế Tôn quá khứ, vị lai, hiện tại, nhưng con có thể biết giới hạn về pháp[94] của chư Phật Thế Tôn. Con nghe pháp được Thế Tôn nói, càng lúc càng sâu xa, càng lúc càng thù thắng, càng lúc càng tăng thượng, càng lúc càng vi diệu. Con nghe pháp được Thế Tôn nói, khi biết một pháp tức thì đoạn một pháp, biết một pháp liền chứng một pháp, biết một pháp tức thì tu tập một pháp, cứu cánh đối với pháp. Cho nên đối với Đại Sư lòng tin được thanh tịnh và tâm được thanh

---

93. Hán: bất tri … tâm chi phân tề … Paøli: cetopariyaóaøòa n'atthi, "không có nhận thức về tâm tư…" Bản Hán đọc ceto-paryanta (giới hạn của tâm tư) thay vì ceto-pariya (động thái của tâm tư).

94. Hán: pháp chi phân tề Paøli: dhammanvaya: tổng tướng (tính loại tợ) của pháp.

tịnh. Thế Tôn là Bậc Đẳng Chánh Giác.

"Bạch Thế Tôn, như quốc vương có thành trì ở biên giới, vòng thành vây quanh vuông vức, bốn mặt kiên cố, chắc chắn, chỉ có một cửa, không có cửa thứ hai, sai người đứng giữ cửa; nhân dân ra vào đều từ cửa này. Việc đi ra hoặc đi vào, tuy người giữ cửa này không biết số người nhiều hay ít, nhưng biết nhân dân chỉ đi từ cửa này, không đi chỗ khác. Cũng vậy, con biết chư Phật, Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác quá khứ, đã đoạn tận năm triền cái là những thứ não loạn tâm, khiến cho tuệ lực suy kém, bị rơi vào chướng ngại, không hướng đến Niết-bàn; đã an trú bốn Niệm xứ; đã tu tập bảy Giác phần; đã chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng giác. Chư Phật Thế Tôn đời vị lai cũng đã đoạn tận năm triền cái là những thứ não loạn tâm, khiến cho tuệ lực suy kém, bị rơi vào chướng ngại, không hướng đến Niết-bàn; đã an trú bốn Niệm xứ; đã tu tập bảy Giác phần; đã chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng giác. Ngày nay, chư Phật Thế Tôn, Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác hiện tại cũng đã đoạn tận năm triền cái là những thứ não loạn tâm, khiến cho tuệ lực suy kém, bị rơi vào chướng ngại, không hướng đến Niết-bàn; đã an trú bốn Niệm xứ; đã tu tập bảy Giác phần; đã chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng giác."

Phật bảo Xá-lợi-phất:

"Đúng vậy! Đúng vậy! Này Xá-lợi-phất, chư Phật quá khứ, vị lai và hiện tại thảy đều đã đoạn tận năm triền cái là những thứ não loạn tâm, khiến cho tuệ lực suy kém, bị rơi vào chướng ngại, không hướng đến Niết-bàn; đã an trú bốn Niệm xứ; đã tu tập bảy Giác phần; đã chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng giác."

Phật nói kinh này xong, Tôn giả Xá-lợi-phất nghe những gì Đức Phật đã dạy, vui mừng thực hành theo.

M

KINH 499. THẠCH TRỤ[95]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở tại vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương

---

95. Paøli, A.9.26 Silaøyuøpa.

xá. Bấy giờ Tôn giả Xá-lợi-phất ở trong núi Kỳ-xà-quật.

Khi ấy có Tỳ-kheo Nguyệt Tử[96] là đệ tử của Đề-bà-đạt-đa[97], đến chỗ Tôn giả Xá-lợi-phất, chào hỏi xong đứng qua một bên. Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi Tỳ-kheo Nguyệt Tử:

"Tỳ-kheo Đề-bà-đạt-đa có thường thuyết pháp cho chúng Tỳ-kheo nghe không?"

Nguyệt Tử thưa:

"Thưa, có thuyết pháp."

Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi Tỳ-kheo Nguyệt Tử:

"Đề-bà-đạt-đa thuyết pháp thế nào?"

Tỳ-kheo Nguyệt Tử thưa Tôn giả Xá-lợi-phất:

"Đề-bà-đạt-đa thuyết pháp như vầy: 'Tỳ-kheo bằng tâm pháp mà tu tâm[98], Tỳ-kheo này có thể tự xác nhận rằng, ta đã ly dục, giải thoát khỏi năm dục công đức.'"

Tôn giả Xá-lợi-phất nói với Tỳ-kheo Nguyệt Tử:

"Đề-bà-đạt-đa của ông sao không thuyết pháp như vầy, 'Tỳ-kheo bằng tâm pháp mà khéo tu tâm, lìa tâm dục, lìa tâm sân nhuế, lìa tâm ngu si, được pháp không tham, được pháp không sân và không si, không trở lại pháp dục hữu, sắc hữu và vô sắc hữu; thì Tỳ-kheo ấy có thể tự xác nhận, 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa'?"

Tỳ-kheo Nguyệt Tử thưa:

"Vị ấy không thể như vậy, thưa Tôn giả Xá-lợi-phất."

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất nói với Tỳ-kheo Nguyệt Tử:

"Nếu có Tỳ-kheo bằng tâm pháp mà khéo tu tâm, có thể xa lìa tâm tham dục, tâm sân nhuế và tâm ngu si, được pháp không tham, không nhuế và không si, thì Tỳ-kheo này có thể tự xác nhận: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.'

"Ví như gần thôn ấp có núi đá lớn, không thể cắt đứt được,

---

96. Nguyệt Tử Tỳ-kheo [illegible] Paøli: Candikaputta.

97. Đề-bà-đạt-đa [illegible] Paøli: Devadatta.

98. Hán: tâm pháp tu tâm [illegible] Paøli: cetassaø cittaö supariciitam, tâm hoàn toàn được được tích tập bởi tâm ý.

không thể phá nát và xuyên thủng được, nó dày đặc và kín mít. Giả sử có gió từ phương Đông thổi tới, không thể làm cho nó lay động, cũng không thể vượt qua nó để đến phương Tây. Cũng vậy, gió từ phương Nam, Tây, Bắc và bốn góc thổi đến cũng không thể làm cho nó lay động và vượt qua khỏi nó. Cũng vậy, Tỳ-kheo bằng tâm pháp mà khéo tu tâm, có thể xa lìa tâm tham dục, tâm sân nhuế và tâm ngu si, được pháp không tham, không nhuế và không si, thì Tỳ-kheo này có thể tự xác nhận: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.'

"Ví như cột đồng nhân-đà[99] được cắm sâu vào trong đất, đắp đất lên chặt kín, gió bốn phía có thổi đến cũng không thể lay động được. Cũng vậy, Tỳ-kheo với tâm pháp mà khéo tu tâm, có thể xa lìa tâm tham dục, tâm sân nhuế và tâm ngu si, được pháp không tham, không nhuế và không si, thì Tỳ-kheo này có thể tự xác nhận: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.'

"Ví như trụ đá dài mười sáu khuỷu tay, cắm vào lòng đất tám khuỷu tay, gió bốn phương thổi đến cũng không thể lay động được. Cũng vậy, Tỳ-kheo với tâm pháp mà khéo tu tâm, có thể xa lìa tâm tham dục, tâm sân nhuế và tâm ngu si, được pháp không tham, không nhuế và không si, thì Tỳ-kheo này có thể tự xác nhận: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.'

"Ví như người đốt lửa chưa cháy, cháy rồi thì không đốt nữa. Cũng vậy, Tỳ-kheo với tâm pháp mà khéo tu tâm, có thể xa lìa tâm tham dục, tâm sân nhuế và tâm ngu si, được pháp không tham, không nhuế và không si, thì Tỳ-kheo này có thể tự xác nhận: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.'"

Tôn giả Xá-lợi-phất nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe rồi, hoan hỷ phụng hành.

M

---

99. Hán: nhân-đà đồng trụ Paøli: indakhìla, cọc trụ trước cổng chợ để làm mốc. Bản Paøli không dẫn thí dụ này.

KINH 500. TỊNH KHẨU[100]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở tại vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất cũng đang ở đó.

Sáng sớm, Tôn giả Xá-lợi-phất đắp y mang bát vào thành Vương xá khất thực. Khất thực xong, ngồi dưới bóng cây thọ trai. Trong lúc ấy có nữ ngoại đạo xuất gia Tịnh Khẩu[101] từ trong thành Vương xá đi ra có chút việc, gặp Tôn giả Xá-lợi-phất đang ngồi ăn dưới bóng cây, bà tiến đến hỏi:

"Sa-môn đang ăn phải không?"

Tôn giả Xá-lợi-phất đáp:

"Vâng, đang ăn."

Lại hỏi:

"Sao, Sa-môn cúi mặt xuống[102] mà ăn."

Đáp:

"Thưa tỷ muội, không."

Lại hỏi:

"Ngửa mặt lên[103] mà ăn chăng?"

Đáp:

"Thưa tỷ muội, không."

Lại hỏi:

"Xoay mặt bốn phương[104] mà ăn chăng?"

Đáp:

"Thưa tỷ muội, không"

Lại hỏi:

---

100. Paøli, S.28.10 Sucimukhì.

101. Tịnh Khẩu ngoại đạo xuất gia ni ²₆ ⊠⁄ ₮∼ ′₯ ₮₰ ◎ₐ ₮₴ ⁄ℛ theo cách dịch này, đây không phải là tên riêng. Paøli: Suøcimukhì.

102. Hán: hạ khẩu thực ⊠𝒰 ⊠⁄ ▯′ ⁄𝒜 chỉ sự kiếm ăn bằng tự canh tác. Paøli: adhomukha. Trong Paøli, mukha, nghĩa là miệng; cũng có nghĩa là mặt.

103. Hán: ngưỡng khẩu thực ª ⊠⁄ ▯′ ⁄𝒥 kiếm ăn bằng sự xem thiên văn. Paøli: ubbhamukha.

104. Hán: phương khẩu thực ⊠ ⊠⁄ ▯′ ⁄𝒥 tu sĩ kiếm ăn bằng cách làm mai mối, thông sứ, liên lạc viên cho cư sĩ. Paøli: disaømukha.

"Xoay mặt bốn góc[105] mà ăn chăng?"

Đáp:

"Thưa tỷ muội, không."

Lại hỏi:

"Tôi hỏi Sa-môn đang ăn phải không, Sa-môn đáp là đang ăn. Tôi hỏi ngửa mặt lên mà ăn chăng? Sa-môn đáp là không; hỏi cúi mặt xuống mà ăn chăng? Sa-môn đáp không; hỏi xoay mặt bốn phương mà ăn chăng? Sa-môn đáp là không; hỏi xoay mặt bốn góc mà ăn chăng? Sa-môn đều trả lời không. Những gì Sa-môn nói như vậy là có ý nghĩa gì?"

Tôn giả Xá-lợi-phất đáp:

"Này tỷ muội, những Sa-môn, Bà-la-môn có kiến thức về sự vật[106], có kiến thức về hoành pháp[107], kiếm ăn một cách tà mạng; những Sa-môn, Bà-la-môn này cúi mặt mà ăn. Nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào ngước mặt nhìn xem hiện tượng trăng sao, kiếm ăn một cách tà mạng như vậy; Sa-môn, Bà-la-môn này ngửa mặt mà ăn. Nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào làm sứ giả cho người khác, kiếm ăn một cách tà mạng, những Sa-môn, Bà-la-môn như vậy xoay mặt bốn phương mà ăn. Nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào làm thuốc trị các thứ bệnh[108], kiếm ăn một cách tà mạng, những Sa-môn, Bà-la-môn như vậy xoay mặt bốn góc mà ăn. Này tỷ muội, tôi không thuộc vào cách kiếm ăn theo bốn thứ tà mạng này, mà tôi chỉ theo đúng pháp kiếm ăn để tự nuôi sống. Cho nên, tôi nói là không phải là bốn cách ăn tà mạng đó."

Khi xuất gia ngoại đạo tên là Tịnh Khẩu nghe Tôn giả Xá-lợi-phất nói xong, hoan hỷ, tùy hỷ từ giã, rồi bà đi đến chỗ ngã tư đường trong thành Vương xá, khen ngợi rằng: 'Sa-môn Thích tử nuôi sống chân chính[109], tự nuôi sống rất chân chính! Nếu người nào muốn bố thí

---

105. Hán: tứ duy khẩu 四維口 kiếm ăn bằng sự bói toán. Paøli: vidisaømukha.

106. Hán: minh ư sự 明於事. Paøli: vatthuvijjaø, được hiểu là môn học về đất đai, nhà cửa; trạch địa minh, gia tướng học; một thứ phong thủy học. Chính xác, có lẽ là môn học về chú thuật trấn yểm thổ trạch.

107. Hán: minh ư hoành pháp 明於橫法. Paøli: tiracchaønavijjaø, kiến thức về súc vật, bàng sanh minh, hay động vật học. Chính xác, loại chú thuật về súc vật.

108. Paøli: aígavijjaøtiracchaønavijjaøya micchaøjivena jìvikaö kappenti, "kiếm sống môt cách tà mạng bằng chiêm tinh học, súc sanh học".

109. Hán: tịnh mạng tự hoạt 淨命自活. Paøli: dhammikaö aøhaøraö aøhaørenti, "Họ

cúng dường, thì nên cúng dường cho Sa-môn Thích tử; nếu muốn tạo phước, thì nên đến Sa-môn Thích tử tạo phước.”

Lúc ấy các Sa-môn ngoại đạo nghe xuất gia nữ ngoại đạo tên là Tịnh Khẩu khen ngợi Sa-môn họ Thích, bèn khởi tâm tật đố hại bà ấy. Nữ ngoại đạo ấy bị họ hại chết, được sanh lên cõi trời Đâu-suất, nhờ sanh lòng tin đối với Tôn giả Xá-lợi-phất.

M

KINH 501. THÁNH MẶC NHIÊN[110]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở tại vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ Đại Mục-kiền-liên đang ở trong núi Kỳ-xà-quật, thành Vương xá.

Bấy giờ, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên bảo các Tỳ-kheo:

“Một thời, Thế Tôn ở tại vườn Trúc, khu Ca-lan-đà; tôi đang ở trong núi Kỳ-xà-quật này, một mình ở chỗ vắng nghĩ như vầy: ‘Thế nào là sự im lặng của bậc Thánh?’ Lại nghĩ tiếp: ‘Nếu có Tỳ-kheo mà giác và quán đã dứt[111], nội tĩnh nhất tâm; không giác, không quán, có hỷ lạc do đinh sanh, chứng và an trú Nhị thiền, đó gọi là sự im lặng của bậc Thánh.’ Lại nghĩ tiếp: ‘Nay ta cũng nên im lặng như bậc Thánh, với giác và quán đã dứt, nội tĩnh nhất tâm; không giác, không quán, có hỷ lạc do định sanh, chứng và an trú nhiều lần.’ Sau khi đã an trụ nhiều rồi, tâm lại khởi có giác, có quán. Bấy giờ, Đức Thế Tôn biết ý nghĩ trong tâm tôi, tức thì Ngài biến mất ở tinh xá Trúc viên và hiện ra trong núi Kỳ-xà-quật, trước mặt tôi. Ngài nói với tôi rằng:

“Này Mục-kiền-liên, ông nên im lặng như bậc Thánh, chớ sanh

ăn thức ăn đúng pháp”.

110. Ấn Thuận, Tụng 6. Đệ tử sở thuyết, “29. Tương ưng Mục-kiền-liên”, gồm các kinh Đại Chánh 501-534, phần lớn tương đương Paøli, S.40. Moggalaøna-Samyutta. Đại Chánh kinh 501, Paøli, S.21.1 Kolito. Xem thêm, S.40.1-6 Savitakka.

111. Hán: tức hữu giác hữu quán ®§ /³. ± /³ Ï/. Paøli, savitakka (hữu tầm) và savicaøra (hữu tứ), hai chi của Sơ thiền đã lắng xuống (vitakkavicaøraønaö vuøpasamaø) khi chứng Thiền thứ hai.

buông lung.

"Tôi nghe Đức Thế Tôn nói xong, liền xa lìa hữu giác, hữu quán, nội tĩnh nhất tâm; không giác, không quán, có hỷ lạc do định sanh, chứng và an trụ Nhị thiền. Ba lần như vậy, Phật cũng dạy tôi ba lần: 'Ngươi nên im lặng như bậc Thánh chớ buông lung.' Tôi lại dứt hữu giác, hữu quán, nội tĩnh nhất tâm; không giác, không quán, hỷ lạc do định sanh, chứng và an trú Nhị[112] thiền.

"Nếu nói chân chính, con của Phật sanh từ miệng Phật, hóa sanh từ pháp, thừa hưởng gia tài Phật pháp[113], thì chính thân tôi là người này. Vì sao? Tôi là con của Phật sanh từ miệng Phật, hóa sanh từ pháp, thừa hưởng gia tài Phật pháp; bằng chút phương tiện mà được thiền, giải thoát, tam-muội, chánh thọ. Ví như thái tử lớn của Chuyển luân Thánh vương, tuy chưa làm lễ quán đảnh nhưng đã được vương pháp, không tinh cần phương tiện mà có thể được năm dục công đức. Tôi cũng như vậy, là con của Phật, không tinh cần phương tiện, mà có thể được thiền, giải thoát, tam-muội, chánh thọ. Trong vòng một ngày Đức Thế Tôn đã ba lần dùng thần thông đến chỗ tôi, ba lần dạy dỗ tôi, đem chỗ của bậc Đại nhân kiến lập cho tôi."

Sau khi Tôn giả Mục-kiền-liên nói kinh này xong, các Tỳ-kheo hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 502. VÔ MINH[114]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở tại vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ Tôn giả Đại Mục-kiền-liên đang ở trong núi Kỳ-xà-quật, thành Vương xá.

Bấy giờ, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên bảo các Tỳ-kheo:

"Khi Đức Thế Tôn ở thành Vương xá, tôi ở trong núi Kỳ-xà-quật, một mình ở chỗ vắng nghĩ như vầy: 'Thế nào gọi là Thánh

---

112. Bản Cao-ly: tam 第三. Theo nội dung, đây sửa lại là nhị 第二.

113. Hán: đắc Phật pháp phần 得佛法分.

114. Paøli, S.40.9 Animitto.

trụ?'[115] Lại nghĩ tiếp: 'Nếu có Tỳ-kheo nào không niệm tất cả tướng, vô tướng, tự thân tác chứng, thành tựu và an trú chánh thọ vô tướng tâm[116], thì đó gọi là Thánh trụ.' Tôi lại nghĩ: 'Ta nên ở nơi Thánh trụ này, không niệm tất cả tướng, tự thân tác chứng, thành tựu và an trú chánh thọ vô tướng tâm,' và an trụ nhiều lần. Sau khi đã an trụ nhiều rồi, tâm chấp tướng[117] lại sanh.' Bấy giờ, Đức Thế Tôn biết ý nghĩ trong tâm tôi, trong khoảnh khắc như lực sĩ co duỗi cánh tay, dùng sức thần thông biến mất ở tinh xá Trúc viên và hiện ra ở núi Kỳ-xà-quật, đến trước tôi, nói tôi rằng: 'Này Mục-kiền-liên, ông nên trụ nơi sự an trụ của bậc Thánh, chớ sanh buông lung.' Tôi nghe Đức Thế Tôn dạy xong, liền lìa tất cả tướng, tự thân tác chứng, thành tựu và an trú chánh thọ vô tướng tâm. Ba lần như vậy; Thế Tôn cũng ba lần đến dạy tôi: 'Ngươi nên an trụ nơi Thánh trụ, chớ sanh buông lung.' Tôi nghe xong, liền xa lìa tất cả tướng, tự thân tác chứng, thành tựu và an trú chánh thọ vô tướng tâm.

"Các Đại đức, nếu nói chân chính, con của Phật sanh từ miệng Phật, hóa sanh từ pháp, thừa hưởng gia tài Phật pháp[118], thì chính thân tôi là người này. Vì sao? Tôi là con của Phật sanh từ miệng Phật, hóa sanh từ pháp, thừa hưởng gia tài Phật pháp; bằng chút phương tiện mà được thiền, giải thoát, tam-muội, chánh thọ. Ví như thái tử lớn của Chuyển luân Thánh vương, tuy chưa làm lễ quán đảnh nhưng đã được hưởng vương pháp, không tinh cần phương tiện, mà có thể được năm dục công đức. Tôi cũng như vậy, là con của Phật, không tinh cần phương tiện, mà có thể được thiền, giải thoát, tam-muội, chánh thọ. Trong vòng một ngày Đức Thế Tôn đã ba lần dùng thần thông đến chỗ tôi, ba lần dạy dỗ tôi, đem chỗ của bậc Đại nhân kiến lập cho tôi."

---

115. Thánh trụ ,t /ɩ;ℐ an trú của bậc Thánh, hay đời sống của Thánh giả. Có ba trụ, Paøli: tayo vihaøraø dibbo vihaøro, brahmavihaøro ariyo vihaøro, thiên trụ, phạm trụ và thánh trụ.

116. Hán: vô tướng tâm chánh thọ ℒ ¬ ᷾ ⌀ℓ ℱ ᵢ ﹕ Paøli: animittaö cetosamaødhiö, vô tướng tâm định.

117. Hán: thủ tướng tâm ᵉ ¬ ⌀ℓ. Paøli: nimittaønusaørivióóaøòaö, thức hồi tưởng tướng.

118. Xem cht.113, kinh 501.

Sau khi Tôn giả Mục-kiền-liên nói kinh này xong, các Tỳ-kheo hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 503. TỊCH DIỆT[119]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ các Tôn giả Xá-lợi-phất, Đại Mục-kiền-liên, A-nan cùng ở chung một phòng nơi vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, tại thành Vương xá.

Bấy giờ, vào cuối đêm, trời gần sáng[120], Tôn giả Xá-lợi-phất nói với Tôn giả Đại Mục-kiền-liên:

"Lạ thay, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên! Hôm nay Tôn giả trụ trong tịch diệt chánh thọ[121], tôi không nghe tiếng thở[122] của Tôn giả."

Tôn giả Đại Mục-kiền-liên trả lời:

"Đó không phải là tịch diệt chánh thọ mà chỉ an trụ thô chánh thọ[123]. Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, đêm nay tôi đã hầu chuyện với Đức Thế Tôn."

Tôn giả Xá-lợi-phất nói:

"Thưa Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, Thế Tôn đang trú tại vườn Cấp cô độc, nước Xá-vệ, cách đây rất xa, làm sao cùng nói chuyện? Hiện tại Tôn giả đang ở Trúc viên, vậy làm sao hầu chuyện? Hay là Tôn giả đã dùng sức thần thông để đến chỗ Thế Tôn, hay Thế Tôn đã dùng sức thần thông đến chỗ Tôn giả?"

Tôn giả Đại Mục-kiền-liên nói với Tôn giả Xá-lợi-phất:

"Tôi không dùng sức thần thông đến chỗ Đức Thế Tôn và Thế Tôn cũng không dùng thần thông để đến chỗ tôi. Nhưng đối với những lời Phật ở trong thành Vương xá, nước Xá-vệ, tôi vẫn nghe được; vì

---

119. Paøli, S.21.3 Ghaæo (vò nước).

120. Baûn Paøli: vào buổi chiều, sau khi từ thiền tịnh tỉnh giấc.

121. Hán: tịch diệt chánh thọ 寂 滅 正 受. Paøli: santena... vihaørena vihaøsi, Tôn giả an trụ với sự an trụ tịch tĩnh. Vihaøra: an trú tịch tĩnh.

122. Bản Paøli: Xá-lợi-phất nhìn sắc mặt mà phát biểu.

123. Paøli: oôaørikena... vihaørena vihaømi, tôi an trú với sự an trụ thô.

Thế Tôn và tôi đều có thiên nhãn và thiên nhĩ, nên tôi có thể hỏi Thế Tôn, được nói là ân cần tinh tấn. Thế nào là ân cần tinh tấn? Thế Tôn trả lời tôi: 'Này Đại Mục-kiền-liên, ban ngày nếu Tỳ-kheo nào đi kinh hành hay ngồi thiền, bằng pháp không chướng ngại, mà tự tịnh tâm mình. Đầu hôm hoặc ngồi hay đi kinh hành, bằng pháp không chướng ngại, mà tự tịnh tâm mình. Vào giữa đêm ra khỏi phòng, rửa chân, trở vào nằm nghiêng sang hông bên phải, hai chân xếp lên nhau, cột niệm vào tướng sáng, chánh niệm, chánh trí, nghĩ muốn trỗi dậy. Đến cuối đêm, thức dậy từ từ, hoặc ngồi hay đi kinh hành, bằng pháp không chướng ngại, mà tự tịnh tâm mình. Này Đại Mục-kiền-liên, đó gọi là Tỳ-kheo ân cần tinh tấn.' "

Tôn giả Xá-lợi-phất nói với Tôn giả Đại Mục-kiền-liên:

"Tôn giả Đại Mục-kiền-liên thật là có sức thần thông lớn, sức công đức lớn, an tọa mà ngồi. Tôi cũng có sức lớn, được cùng ở chung với Tôn giả. Thưa Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, ví như núi lớn có người cầm một hòn đá nhỏ ném vào, đá cùng màu vị với núi. Tôi cũng như vậy, được cùng với sức lớn, đức lớn của Tôn giả, ngồi cùng chỗ ngồi. Cũng như vật đẹp đẽ tươi tốt của thế gian được mọi người tôn trọng; đức lớn, sức lớn của Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, cũng được những người phạm hạnh cung kính tôn trọng. Nếu ai được gặp Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, qua lại kết giao, cung kính cúng dường, người ấy được ích lớn. Nay tôi được cùng Tôn giả Đại Mục-kiền-liên kết giao qua lại, cũng được thiện lợi."

Bấy giờ, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên nói với Tôn giả Xá-lợi-phất:

"Nay tôi được cùng với bậc Đại trí, Đại đức Xá-lợi-phất ngồi cùng chỗ ngồi, cũng giống như cầm hòn đá nhỏ ném vào núi lớn, thì đá cùng màu với núi. Tôi cũng như vậy, được cùng với Tôn giả Xá-lợi-phất ngồi cùng chỗ ngồi và làm bạn nhau."

Hai vị Chánh sĩ bàn luận xong, mỗi người từ giã về chỗ của mình.

❑

TẠP A-HÀM QUYỂN 19

KINH 504. XAN CẤU[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, trong thành Vương xá[2]. Bấy giờ Tôn giả Đại Mục-kiền-liên ở trong núi Kỳ-xà-quật.

Lúc bấy giờ, vua Thích Đề-hoàn Nhân[3] đang ở trên ngôi lầu Thượng diệu[4]. Đêm hôm đó, ông đi đến chỗ Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, cúi đầu đảnh lễ dưới chân, rồi ngồi lui qua một bên. Ánh sáng của Thích Đề-hoàn Nhân chiếu rực khắp cả núi Kỳ-xà-quật. Bấy giờ, Thích Đề-hoàn Nhân ngồi xuống và đọc bài kệ:

Điều phục tánh keo kiệt,
Đại đức tùy lúc thí,
Là bậc hiền bố thí,
Đời sau thấy thù thắng[5].

Lúc này, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên hỏi Đế Thích:

"Này Kiều-thi-ca[6], thế nào là điều phục tánh keo kiệt, để thấy nơi thù thắng mà ông nói rằng:

Điều phục tánh keo kiệt,
Đại đức tùy lúc thí,
Là bậc hiền bố thí,
Đời sau gặp thù thắng.

Khi ấy, Đế Thích đáp:

---

1. Paøli, M.37 Cuøôataòhaøsaòkhaya-sutta. Chi tiết không hoàn toàn đồng nhất. Tham chiếu N^{0}125(19.3).
2. Bản Paøli: tại Xá-vệ, Đông viên, giảng đường Lộc tử mẫu.
3. Thích Đề-hoàn Nhân [illegible] Paøli: Sakko devaønaö Indo: Thiên chúa của chư thiên Taøvatiöa.
4. Thượng diệu đường quán [illegible]. Trong bản Paøli: Sakka mời ngài Mục-kiền-liên lên cung điện Chiến thắng (Vejayanta). N^{0}125(19.3) nói là Tối thắng giảng đường [illegible].
5. Bản Paøli không có bài kệ này. N^{0}125 (19.3) cũng không.
6. Kiều-thi-ca [illegible]. Paøli: Kosiya, tên tục của Thiên đế Thích.

“Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, đại tánh Bà-la-môn thù thắng, đại tánh Sát-đế-lị thù thắng, đại tánh trưởng giả thù thắng, Tứ thiên vương thù thắng, Tam thập tam thiên thù thắng; tất cả đều kính lễ con. Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, con được đại tánh Bà-la-môn thù thắng, đại tánh Sát-đế-lị thù thắng, đại tánh trưởng giả thù thắng, Tứ thiên vương thù thắng, Tam thập tam thiên thù thắng; tất cả đều cung kính làm lễ. Do thấy quả báo này, nên nói bài kệ đó.

“Lại nữa, thưa Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, cho đến chỗ mà mặt trời đi khắp, chiếu sáng khắp chỗ, đến ngàn thế giới, ngàn mặt trăng, ngàn mặt trời, ngàn núi chúa Tu-di, ngàn Phất-bà-đề-xá, ngàn Uất-đa-la-đề-xá, ngàn Cù-đà-ni-ca, ngàn Diêm-phù-đề, ngàn Tứ thiên vương, ngàn Tam thập tam thiên, trời Diệm-ma, trời Đâu-suất, trời Hóa lạc, trời Tha hóa tự tại, ngàn Phạm thiên gọi là tiểu thiên thế giới; và trong tiểu thiên thế giới này, không có cung điện nào sánh bằng cung điện Tỳ-xà-diên[7]. Cung điện Tỳ-xà-diên có một trăm lẻ một lầu quán; quán có bảy lớp; lớp có bảy phòng; phòng có bảy thiên hậu; mỗi thiên hậu có bảy thị nữ. Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, ở tiểu thiên thế giới không có đường quán trang nghiêm như Tỳ-xà-diên. Con thấy do điều phục tánh keo kiệt, mà có được diệu quả này, nên con nói kệ đó.”

Đại Mục-kiền-liên nói với trời Đế Thích:

“Lành thay, lành thay! Kiều-thi-ca, ông nhờ thấy được quả báo thắng diệu này nên nói bài kệ vừa rồi.”

Khi ấy Thiên đế Thích nghe Tôn giả Đại Mục-kiền-liên nói xong, tùy hỷ hoan hỷ, liền biến mất.

M

KINH 505. ÁI TẬN[8]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở tại thành Vương xá.

---

7. Tì-xà-diên đường quán [illegible] cũng gọi là cung điện Chiến thắng hay Tối thắng điện, Tối thắng giảng đường. Paøli: Vejayanta-vimaøna, hay Vejayanta-sabha.

8. Paøli, M.37 Cuøôataòhaøsaíkhaya-sutta. Tham chiếu, kinh trên; Hán, $N^0$125 (19.3).

Bấy giờ, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên đang ở trong núi Kỳ-xà-quật, một mình nơi chỗ vắng thiền tịnh tư duy và nghĩ rằng: Thuở xưa, có lần Thích Đề-hoàn Nhân, ở trong hang đá núi Giới cách[9], đã hỏi Thế Tôn về nghĩa ái tận giải thoát[10]. Thế Tôn đã vì ông mà nói, nghe xong ông đã tùy hỷ. Dường như ông ấy còn muốn hỏi lại nghĩa nào đó nữa[11]. Nay ta nên đi đến hỏi về ý tùy hỷ của ông. Nghĩ như vậy rồi, trong khoảnh khắc như lực sĩ co duỗi cánh tay, Mục-kiền-liên biến khỏi núi Kỳ-xà-quật, đến cõi trời Tam thập tam và đứng không xa một cái ao Phân-đà-lợi[12] mấy. Lúc ấy, Đế Thích cùng năm trăm thể nữ đang nô đùa nơi ao tắm và có cả âm thanh mỹ diệu của các Thiên nữ. Bấy giờ Đế Thích từ xa trông thấy Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, liền bảo các Thiên nữ:

"Đừng hát nữa! Đừng hát nữa!"

Các Thiên nữ liền im lặng. Đế Thích liền đi đến chỗ Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, cúi đầu lễ dưới chân Tôn giả, rồi lui đứng qua một bên.

Tôn giả Đại Mục-kiền-liên hỏi trời Đế Thích:

"Trước kia, ở trong núi Giới cách, ông có hỏi Đức Thế Tôn về nghĩa ái tận giải thoát, khi nghe rồi tùy hỷ, vậy thì ý ông thế nào? Vì nghe Phật nói xong tùy hỷ, hay là còn muốn hỏi nghĩa nào khác nữa, mà ông tùy hỷ?"

Thiên đế Thích đáp:

"Thưa Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, cõi trời Tam thập tam của con, đa phần là say đắm buông lung theo dục lạc; hoặc nhớ việc trước, hoặc có khi không nhớ. Đức Thế Tôn hiện ở vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Tôn giả muốn biết những việc con hỏi khi ở trong núi Giới cách, nay xin Tôn giả có thể đến hỏi Đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn dạy sao thì Tôn giả cứ theo đó mà thọ trì. Bây giờ, ở chỗ này của

---

9. Giới cách sơn
10. Ái tận giải thoát Paøli: taòhaøkkhayavimutti, giải thoát do tham ái đã được dứt sạch.
11. Bản Paøli: không biết ông ấy có tin lời Phật hay không?
12. Phân-đà-lợi trì tức ao sen.

con có một cung điện[13] tốt đẹp, mới làm xong chưa bao lâu, mời Tôn giả vào viếng thăm."

Bấy giờ, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên im lặng nhận lời, liền cùng với Thiên đế Thích đi vào cung điện. Các Thiên nữ vừa thấy Đế Thích đến, liền trổi nhạc trời, ca múa. Đồ vật trang sức bằng anh lạc trên thân họ phát ra âm thanh vi diệu hợp với ngũ nhạc, như âm thanh của những nốt nhạc được trổi hay không khác. Các Thiên nữ chợt thấy Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, tất cả đều hổ thẹn, trốn núp vào trong phòng. Khi ấy, Thiên đế Thích thưa với Tôn giả Đại Mục-kiền-liên:

"Tôn giả xem đất của cung điện này rất bằng phẳng; tường vách, cột kèo, lầu gác, cửa nẻo, màn lưới tất cả đều trang hoàng tốt đẹp."

Tôn giả Đại Mục-kiền-liên nói với Đế Thích:

"Này Kiều-thi-ca, nhờ nhân duyên phước đức đã tu thiện pháp trước đây, nên mới thành tựu được kết quả vi diệu này."

Đế Thích ba lần tự khen ngợi như trên, rồi hỏi Tôn giả Đại Mục-kiền-liên. Tôn giả Đại Mục-kiền-liên cũng ba lần trả lời như vậy.

Bấy giờ, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên liền nghĩ: Nay, Đế Thích này tự quá buông lung, đắm trước nơi trú xứ của giới thần[14], ca ngợi đường quán này. Ta sẽ làm cho tâm ông sanh nhàm chán xa lìa.

Tôn giả liền nhập định, dùng sức thần thông, dùng một ngón chân bấm vào ngôi đường quán này, làm cho tất cả đều chấn động. Sau đó, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên liền biến mất. Các Thiên nữ thấy đường quán bị đảo lộn, rung chuyển, thì hoảng hốt sợ hãi, vội vàng chạy đến tâu với Thiên đế Thích:

"Đây là Đại Sư của Kiều-thi-ca, có sức công đức lớn như vậy ư?"

Đế Thích bảo các Thiên nữ:

"Vị ấy chẳng phải là Thầy của ta, mà là Đại Mục-kiền-liên, đệ tử của Đại Sư, là người có phạm hạnh thanh tịnh và có công đức thần lực rất lớn."

Các Thiên nữ thưa:

---

13. Chỉ cung điện Tối thắng (Paøli: Vejayanta).

14. Hán: trước giới thần trú [illegible] chỉ đắm trước nơi bốn đại chủng (hay xúc giác).

"Lành thay! Kiều-thi-ca, có được người đồng học, mà có phạm hạnh, công đức, thần lực lớn lao như vậy, huống gì là công đức, thần lực của Bậc Đại Sư thì không biết thế nào nữa!"

M

KINH 506. ĐẾ THÍCH[15]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trên tảng đá mềm xốp màu xám[16], tại cõi trời Tam thập tam, cách cây Ba-lê-da-đa-la[17], loại cây đàn hương Câu-tỳ-đà-la[18], không xa. Phật an cư ở đó để thuyết pháp cho mẫu thân và chư Thiên cõi trời Tam thập tam. Bấy giờ Tôn giả Đại Mục-kiền-liên đang an cư ở vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Lúc bấy giờ, toàn thể bốn chúng cùng đến chỗ Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, lễ dưới chân, rồi cùng ngồi lui qua một bên, thưa Tôn giả Mục-kiền-liên:

"Tôn giả có biết Đức Thế Tôn đang an cư ở đâu không?"

Tôn giả Đại Mục-kiền-liên đáp:

"Tôi nghe Thế Tôn đang ở trên tảng đá mềm xốp màu xám, tại cõi trời Tam thập tam, cách cây Ba-lê-da-đa-la, loại cây đàn hương Câu-tỳ-đà-la, không xa. Phật an cư ở đó để thuyết pháp cho mẫu thân và chư Thiên cõi trời Tam thập tam."

Sau khi nghe Tôn giả Đại Mục-kiền-liên nói như vậy, tất cả bốn chúng đều tùy hỷ, hoan hỷ, đứng dậy làm lễ mà lui.

Bấy giờ bốn chúng đã qua ba tháng an cư, lại cùng nhau đến chỗ Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, cúi đầu lễ dưới chân Tôn giả, rồi ngồi lui qua một bên. Bấy giờ, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên vì bốn chúng mà nói pháp, khai thị, chỉ giáo, khích lệ, khiến cho hoan hỷ. Sau khi khai thị, chỉ giáo, khích lệ, khiến cho hoan hỷ, Tôn giả ngồi im. Khi ấy, bốn chúng từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ và thưa với Tôn giả Đại Mục-kiền-liên:

"Tôn giả Đại Mục-kiền-liên nên biết, chúng tôi không được gặp Đức Thế Tôn đã lâu, lòng rất khao khát muốn gặp Đức Thế Tôn. Xin Tôn giả Đại Mục-kiền-liên nếu không mệt mỏi, hãy vì chúng tôi mà lên cõi trời Tam thập tam, thay cho chúng tôi hầu thăm Đức Thế Tôn,

---

15. Paøli S.40.10 Sakko. Tham chiếu, N⁰125(36.5).
16. Thoâng saéc hư nhuyễn thạch [illegible] một tảng đá rất lớn ở trên chóp đỉnh Tu-di.
17. Ba-lê-da-đa-la [illegible] dịch là Trú đạc thọ, hay Viên sanh thọ, loại cây san hô che mát cõi trời Tam thập tam. Paøli: paøricchattaka.
18. Câu-tỳ-đà-la hương thọ [illegible] một loại cây hắc đàn. Paøli kovidaøra

có được ít bệnh ít não, đi đứng an lạc, nhẹ nhàng không? Và Tôn giả bạch với Đức Thế Tôn là bốn chúng ở Diêm-phù-đề mong muốn gặp Thế Tôn, nhưng vì không có thần lực để bay lên cõi trời Tam thập tam kính lễ Đức Thế Tôn được, còn trời Tam thập tam vì có thần lực nên họ đi xuống nhân gian! Cúi xin Đức Thế Tôn rủ lòng thương xót trở lại cõi Diêm-phù-đề."

Tôn giả Mục-kiền-liên im lặng nhận lời. Khi bốn chúng biết Tôn giả Đại Mục-kiền-liên đã im lặng nhận lời rồi, thì mỗi người từ chỗ ngồi đứng dậy làm lễ ra về.

Bấy giờ Tôn giả Mục-kiền-liên biết bốn chúng đã đi, liền nhập định, trong khoảnh khắc như đại lực sĩ co duỗi cánh tay, từ nước Xá-vệ biến mất, hiện ra trên tảng đá mềm xốp màu xám, tại cõi trời Tam thập tam, cách cây Ba-lê-da-đa-la, loại cây đàn hương Câu-tỳ-đà-la, không xa.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn đang thuyết pháp với vô lượng quyến thuộc của Thiên chúng cõi trời Tam thập tam đang vây quanh. Tôn giả Mục-kiền-liên vừa trông thấy Đức Thế Tôn, liền hân hoan vui mừng, nghĩ rằng: 'Nay Thế Tôn thuyết pháp cho đại chúng chư Thiên đang vây quanh, không khác gì chúng hội ở cõi Diêm-phù-đề.'

Khi ấy, Thế Tôn biết được ý nghĩ trong tâm của Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, bèn nói với Tôn giả Đại Mục-kiền-liên:

"Này Đại Mục-kiền-liên, không phải là vì tự lực, mà khi Ta muốn thuyết pháp cho chư Thiên thì chư Thiên kia liền vân tập đến và muốn khiến cho họ đi, thì họ lập tức trở về. Chư Thiên kia theo tâm Ta mà đến, tùy tâm Ta mà đi."

Lúc bấy giờ, Tôn giả Mục-kiền-liên cúi đầu lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

"Có vô số đại chúng chư Thiên vân tập. Trong Thiên chúng này, phải chăng có vị đã từng nghe pháp được thuyết từ Phật Thế Tôn, đã chứng đắc bất hoại tịnh[19], nên khi thân hoại mạng chung lại sanh đến cõi này?"

Phật bảo Đại Mục-kiền-liên:

---

19. Bất hoại tịnh 不壞淨 hay bất hoại tín, chứng tịnh, trừng tịnh; bốn chi phần của vị đã chứng quả Dự lưu. Paøli: aveccappasaøda.

"Đúng vậy, đúng vậy! Trong hàng chư Thiên đang vân tập ở đây, có vị đời trước nghe pháp, đã chứng đắc bất hoại tịnh đối với Phật, bất hoại tịnh đối với Pháp, Tăng và thành tựu Thánh giới, nên khi thân hoại mạng chung lại sanh đến cõi này.

Khi ấy Thiên đế Thích thấy Thế Tôn và Tôn giả Mục-kiền-liên cùng khen ngợi, cùng nói chuyện với các Thiên chúng, liền thưa với Tôn giả Đại Mục-kiền-liên:

"Đúng vậy, đúng vậy! Thưa Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, trong chúng hội chư Thiên ở đây, tất cả đều từ đời trước đã từng nghe Chánh pháp, đã chứng đắc bất hoại tịnh đối với Phật, bất hoại tịnh đối với Pháp, Tăng và thành tựu Thánh giới, nên khi thân hoại mạng chung lại sanh đến cõi này."

Lúc đó có một Tỳ-kheo, thấy Thế Tôn và Tôn giả Đại Mục-kiền-liên cùng Đế Thích trao đổi những lời tốt đẹp, Tỳ-kheo ấy nói với Tôn giả Đại Mục-kiền-liên:

"Đúng vậy, đúng vậy, thưa Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, chư Thiên đến trong pháp hội này đều là những người từ đời trước đã từng nghe chánh pháp, đã chứng đắc bất hoại tịnh đối với Phật, Pháp, Tăng và thành tựu Thánh giới, sau khi thân hoại mạng chung lại sanh đến cõi này."

Lúc ấy có một Thiên tử từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, bày vai bên hữu, chắp tay bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, con cũng đã thành tựu bất hoại tịnh đối với Phật, nên lại sanh đến đây."

Lại có Thiên tử nói:

"Con đã thành tựu được bất hoại tịnh đối với Pháp."

Có vị nói:

"Đã đạt được bất hoại tịnh đối với Tăng."

Có vị nói:

"Đã thành tựu được Thánh giới, nên lại sanh đến cõi này."

Vô lượng ngàn số chư Thiên như vậy, đến trước Thế Tôn mỗi người tự ký thuyết là đã đạt được pháp Tu-đà-hoàn, tất cả ở trước Phật liền biến mất.

Khi ấy Tôn giả Đại Mục-kiền-liên biết chúng chư Thiên đi chưa bao lâu, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, trịch vai bên hữu,

bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, bốn chúng ở cõi Diêm-phù-đề xin cúi đầu đảnh lễ Đức Thế Tôn và kính hầu thăm Thế Tôn có được ít bệnh, ít não, đi, đứng an lạc, nhẹ nhàng không? Bốn chúng nhớ mong, trông gặp Thế Tôn. Lại nữa, bạch Thế Tôn, bốn chúng ở nhân gian không có thần lực để bay lên cõi trời Tam thập tam kính lễ Thế Tôn, nhưng chư Thiên có thần lực, công đức lớn nên có thể bay xuống cõi Diêm-phù-đề! Cúi xin Đức Thế Tôn thương xót bốn chúng, mà trở về cõi Diêm-phù-đề."

Phật bảo Mục-kiền-liên:

"Ngươi hãy trở về nói với người cõi Diêm-phù-đề rằng: Sau bảy ngày nữa Thế Tôn sẽ từ cõi trời Tam thập tam trở lại cõi Diêm-phù-đề, dưới cây Ưu-đàm-bát, phía bên ngoài cổng ngoài của thành Tăng-ca-xá[20]."

Tôn giả Đại Mục-kiền-liên vâng lời dạy Thế Tôn, liền nhập chánh định trong khoảnh khắc, như lực sĩ co duỗi cánh tay, từ cõi trời Tam thập tam biến mất, hiện đến Diêm-phù-đề, báo với bốn chúng:

"Các người nên biết, sau bảy ngày nữa Thế Tôn sẽ từ cõi trời Tam thập tam trở lại cõi Diêm-phù-đề, dưới cây Ưu-đàm-bát, phía bên ngoài cổng ngoài của thành Tăng-ca-xá."

Đúng như bảy ngày đã hẹn, Đức Thế Tôn từ cõi trời Tam thập tam trở lại Diêm-phù-đề, dưới cây Ưu-đàm-bát, phía bên ngoài cổng ngoài của thành Tăng-ca-xá. Thiên long, Quỷ thần cho đến Phạm thiên, đều theo Thế Tôn xuống nơi này. Ngay lúc ấy, gọi hội này là chỗ trời xuống[21].

M

KINH 507. CHƯ THIÊN[22]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá.

Bấy giờ có bốn mươi Thiên tử[23] đến chỗ Tôn giả Mục-kiền-liên,

---

20. Tăng-ca-xá thành [illegible] N^{0}125 (36.5): Tăng-ca-thi quốc. Paøli: Saökassa, một vương quốc bên bờ sông Haèng, Trung AÁn.

21. Thiên há xứ [illegible]. Paøli nói là lễ hội Mahaøpavaøraòa (Đại tự tứ).

22. Paøli, S.55.18 Devacaørika.

23. Bản Paøli: Taøvatiösakaøyikaø devatayo, chư Thiên thuộc Thiên chúng trời Tam thập tam.

cúi đầu đảnh lễ, rồi ngồi lui qua một bên.

Bấy giờ, Đại Tôn giả Mục-kiền-liên nói với các Thiên tử:

"Lành thay! Các Thiên tử đã thành tựu bất hoại tịnh đối với Phật; thành tựu bất hoại tịnh đối với Pháp, Tăng; thành tựu Thánh giới[24]."

Bốn mươi Thiên tử từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, trịch vai bên hữu, chắp tay thưa Tôn giả Đại Mục-kiền-liên:

"Chúng con nhờ đã thành tựu bất hoại tịnh đối với Phật; thành tựu bất hoại tịnh đối với Pháp, Tăng và Thánh giới, nên được sanh lên cõi Trời."

Có một Thiên tử nói:

"Đối với Phật đã thành tựu bất hoại tịnh."

Có vị nói:

"Đối với Pháp đã thành tựu bất hoại tịnh."

Có vị nói:

"Đối với Tăng đã thành tựu bất hoại tịnh."

Có vị nói:

"Đã được thành tựu Thánh giới, nên khi thân hoại mạng chung được sanh lên cõi Trời."

Bốn mươi Thiên tử đều đến trước Tôn giả đại Mục-kiền-liên, mỗi người tự thuật lại sự thành tựu của chính mình và tự xác nhận đã được quả Tu-đà-hoàn, rồi liền biến mất.

Như bốn mươi Thiên tử cũng vậy, bốn trăm, tám trăm, mười ngàn Thiên tử cũng nói như vậy.

M

KINH 508. ĐỒ NGƯU NHI[25]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá.

Bấy giờ Tôn giả Đại Mục-kiền-liên và Tôn giả Tỳ-kheo Lặc-

---

24. Bản Hán sót bất hoại tín thứ tư. Y theo đoạn dưới thêm vào.

25. Paøli, S.19.1 Aæææhìpesi.

xoa-na[26] cùng ở trong núi Kỳ-xà-quật.

Sáng sớm, Tôn giả Lặc-xoa-na đi đến chỗ Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, rủ Tôn giả Đại Mục-kiền-liên ra khỏi núi Kỳ-xà-quật, vào thành Vương xá khất thực. Tôn giả Đại Mục-kiền-liên im lặng nhận lời. Hai Tôn giả cùng vào thành Vương xá khất thực. Đi đến một nơi, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên có điều gì suy nghĩ trong tâm, nên vui vẻ mỉm cười. Tôn giả Lặc-xoa-na thấy Tôn giả Đại Mục-kiền-liên mỉm cười, liền hỏi:

"Thường khi nào Đức Phật và các đệ tử của Ngài vui vẻ mỉm cười là phải có duyên cớ. Vậy hôm nay Tôn giả vì nhân duyên gì lại mỉm cười như vậy?"

Tôn giả Đại Mục-kiền-liên đáp:

"Câu hỏi chưa đúng lúc. Hãy vào thành Vương xá khất thực xong, trở về trước Thế Tôn rồi mới hỏi việc này. Lúc ấy Thầy hỏi tôi sẽ trả lời Thầy."

Bấy giờ, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên cùng Tôn giả Lặc-xoa-na vào thành Vương xá khất thực xong, trở về, rửa chân, cất y bát, rồi cùng đi đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên.

Tôn giả Lặc-xoa-na hỏi Tôn giả Đại Mục-kiền-liên:

"Sáng nay tôi cùng với Thầy ra khỏi núi Kỳ-xà-quật để đi khất thực, đến chỗ nọ, Thầy lại vui vẻ mỉm cười. Tôi liền hỏi Thầy cười việc gì, Thầy nói tôi hỏi không đúng lúc. Bây giờ tôi hỏi lại, vì nhân duyên gì mà Thầy vui vẻ mỉm cười?"

Tôn giả Đại Mục-kiền-liên đáp:

"Giữa đường tôi thấy một chúng sanh, thân to lớn như lầu các, đi giữa hư không, đang khóc lóc, kêu gào, buồn lo, đau khổ. Thấy vậy, tôi chợt nghĩ chúng sanh này mang cái thân to lớn như thế mà cũng bị buồn lo, đau khổ quá như vậy, nên tôi mỉm cười."

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Lành thay! Lành thay! Trong chúng Thanh văn của Ta, người có thật nhãn, thật trí, thật nghĩa, thật pháp, thì sẽ thấy chúng sanh này nhất định không trở ngại. Ta cũng thấy chúng sanh này nhưng không

---

26. Lặc-xoa-na 勒叉那. Paøli: Lakkhaòa.

nói, sợ người không tin. Vì sao? Những điều Như Lai nói, có kẻ không tin. Kẻ ngu si ấy phải chịu khổ lâu dài."

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Thời quá khứ, chúng sanh có thân to lớn kia ở tại thành Vương xá này, làm người đồ tể giết trâu bò. Vì tội giết trâu bò nên đọa vào địa ngục trải qua trăm ngàn năm. Khi ra khỏi địa ngục, vì dư báo tội giết trâu bò, nên phải chịu cái thân như vậy, thường chịu những sự buồn lo đau khổ như vậy."

Như vậy, này các Tỳ-kheo, những gì Tôn giả Đại Mục-kiền-liên đã thấy là như thật không khác. Các ông cần nên ghi nhớ.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 509. ĐỒ NGƯU GIẢ[27]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá.

Bấy giờ Tôn giả Đại Mục-kiền-liên và Tôn giả Tỳ-kheo Lặc-xoa-na cùng ở trong núi Kỳ-xà-quật.

Sáng sớm, Tôn giả Lặc-xoa-na đi đến chỗ Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, rủ Tôn giả Đại Mục-kiền-liên ra khỏi núi Kỳ-xà-quật, vào thành Vương xá khất thực. Tôn giả Đại Mục-kiền-liên im lặng nhận lời. Hai Tôn giả cùng vào thành Vương xá khất thực. Đi đến một nơi, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên có điều gì suy nghĩ trong tâm, nên vui vẻ mỉm cười. Tôn giả Lặc-xoa-na thấy Tôn giả Đại Mục-kiền-liên mỉm cười, liền hỏi:

"Thường khi nào Đức Phật và các đệ tử của Ngài vui vẻ mỉm cười là phải có duyên cớ. Vậy hôm nay, Tôn giả vì nhân duyên gì lại mỉm cười như vậy?"

Tôn giả Đại Mục-kiền-liên đáp:

"Câu hỏi chưa đúng lúc. Hãy vào thành Vương xá khất thực

---

27. Paøli, S.19.2 Pesi (Gaøvaghaøæaka).

xong, trở về trước Thế Tôn rồi hãy hỏi việc này. Lúc ấy Thầy có thể hỏi và tôi sẽ trả lời Thầy."

Bấy giờ, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên cùng Tôn giả Lặc-xoa-na vào thành Vương xá khất thực xong, trở về, rửa chân, cất y bát, rồi cùng đi đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên.

Tôn giả Lặc-xoa-na hỏi Tôn giả Đại Mục-kiền-liên:

"Sáng nay, tôi cùng với Thầy ra khỏi núi Kỳ-xà-quật để đi khất thực. Đến chỗ nọ, Thầy lại vui vẻ mỉm cười. Tôi liền hỏi Thầy cười việc gì. Thầy nói, tôi hỏi không đúng lúc. Bây giờ tôi hỏi lại, vì nhân duyên gì mà Thầy vui vẻ mỉm cười?"

Tôn giả Đại Mục-kiền-liên trả lời Tôn giả Lặc-xoa-na:

"Giữa đường tôi thấy một chúng sanh, gân với xương liền nhau, toàn thân nhơ bẩn, hôi hám đáng tởm, bị quạ, diều, két, kên kên, dã can, chó đói theo mổ ăn, hoặc moi nội tạng từ xương sườn ra ăn; cực kỳ đau đớn, kêu la, gào thét. Tôi thấy vậy tâm liền nghĩ: Chúng sanh đã mang cái thân như vậy, lại còn chịu sự thống khổ vô ích như vậy?"

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Lành thay! Lành thay! trong chúng Thanh văn của Ta, người có thật nhãn, thật trí, thật nghĩa, thật pháp, thì sẽ thấy chúng sanh này nhất định không trở ngại. Ta cũng thấy chúng sanh này nhưng không nói, sợ người không tin. Vì sao? Những điều Như Lai nói, có kẻ không tin. Kẻ ngu si ấy phải chịu khổ lâu dài.

"Này các Tỳ-kheo, chúng sanh kia, thời quá khứ, ở tại thành Vương xá này, là đệ tử của người đồ tể giết trâu bò. Vì tội giết trâu bò nên đọa vào địa ngục, trải qua trăm ngàn năm chịu vô lượng khổ. Vì dư báo tội giết trâu bò, nên ngày nay phải chịu cái thân này và phải tiếp tục chịu đau khổ vô ích như vậy.

"Này các Tỳ-kheo, như những gì Đại Mục-kiền-liên đã thấy là như thật không khác. Các ông cần nên ghi nhớ."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 510. ĐỒ DƯƠNG GIẢ[28]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá.

Bấy giờ Tôn giả Đại Mục-kiền-liên và Tôn giả Lặc-xoa-na[29] cùng ở trong núi Kỳ-xà-quật.

Sáng sớm, Tôn giả Lặc-xoa-na đi đến chỗ Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, rủ Tôn giả Đại Mục-kiền-liên ra khỏi núi Kỳ-xà-quật, vào thành Vương xá khất thực. Tôn giả Đại Mục-kiền-liên im lặng nhận lời. Hai Tôn giả cùng vào thành Vương xá khất thực. Đi đến một nơi, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên có điều gì suy nghĩ trong tâm, nên vui vẻ mỉm cười. Tôn giả Lặc-xoa-na thấy Tôn giả Đại Mục-kiền-liên mỉm cười, liền hỏi:

"Thường khi nào Đức Phật và các đệ tử của Ngài vui vẻ mỉm cười là phải có duyên cớ. Vậy hôm nay Tôn giả vì nhân duyên gì lại mỉm cười như vậy?"

Tôn giả Đại Mục-kiền-liên đáp:

"Câu hỏi chưa đúng lúc. Hãy vào thành Vương xá khất thực xong, trở về trước Thế Tôn rồi hãy hỏi việc này. Lúc ấy Thầy có thể hỏi và tôi sẽ trả lời Thầy."

Bấy giờ, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên cùng Tôn giả Lặc-xoa-na vào thành Vương xá khất thực xong, trở về, rửa chân, cất y bát, rồi cùng đi đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên.

Tôn giả Lặc-xoa-na hỏi Tôn giả Đại Mục-kiền-liên:

"Sáng nay tôi cùng với Thầy ra khỏi núi Kỳ-xà-quật để đi khất thực. Đến chỗ nọ, Thầy lại vui vẻ mỉm cười. Tôi liền hỏi Thầy cười việc gì. Thầy nói tôi hỏi không đúng lúc. Bây giờ tôi hỏi lại, vì nhân duyên gì mà Thầy vui vẻ mỉm cười?"

Tôn giả Đại Mục-kiền-liên nói với Tôn giả Lặc-xoa-na:

"Giữa đường tôi thấy một chúng sanh to lớn, toàn thân không có da bao bọc, chỉ là một khối thịt, đi trong hư không, bị quạ, diều, kết,

---

28. Paøli, 19.4 Nicchavi (orabhika).

29. Xem cht.26 kinh 508.

kên kên, dã can chó đói rượt theo cấu xé để ăn, hoặc moi nội tạng ra khỏi xương sườn để ăn; thống khổ bức bách, kêu la, gào thét. Tôi liền nghĩ: 'Chúng sanh này đã phải mang cái thân như vậy, mà còn phải chịu sự đau đớn vô ích như vậy.'"

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Lành thay! Lành thay! Trong chúng Thanh văn của Ta, người có thật nhãn, thật trí, thật nghĩa, thật pháp, thì sẽ thấy chúng sanh này nhất định không trở ngại. Ta cũng thấy chúng sanh này nhưng không nói, sợ người không tin. Vì sao? Những điều Như Lai nói, có kẻ không tin. Kẻ ngu si ấy phải chịu khổ lâu dài.

"Này các Tỳ-kheo, chúng sanh kia, vào thời quá khứ, ở tại thành Vương xá này, đã làm nghề giết dê. Vì tội này nên đọa vào địa ngục trải qua trăm ngàn năm, chịu vô lượng khổ. Nay nó phải chịu cái thân như vậy, vì dư báo tội này, nên ngày nay phải tiếp tục chịu đau khổ như vậy.

"Này các Tỳ-kheo, như những gì Tôn giả Đại Mục-kiền-liên đã thấy là như thật, không khác. Các ông cần nên ghi nhớ."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật đã dạy hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 511. ĐỒ DƯƠNG ĐỆ TỬ[30]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại thành Vương xá... *cho đến* Tôn giả Đại Mục-kiền-liên đáp:

"Giữa đường thấy một chúng sanh thân to lớn, không có da bao bọc, giống như một đống thịt đi giữa hư không... *cho đến* Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Chúng sanh này, vào thời quá khứ, ở tại thành Vương xá này, làm đệ tử của người giết dê. Vì tội này nên đọa vào địa ngục trải qua trăm ngàn năm, chịu vô lượng khổ. Nay nó phải chịu cái thân này, tiếp tục chịu đau khổ.

30. Tham chiếu các kinh trên.

"Này các Tỳ-kheo, như những gì Tôn giả Đại Mục-kiền-liên đã thấy, là như thật không khác. Các ông cần nên ghi nhớ."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 512. ĐỌA THAI[31]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại thành Vương xá... *cho đến* giữa đường thấy một chúng sanh thân to lớn không da, giống như một đống thịt đi giữa hư không... *cho đến* Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Chúng sanh này này thời quá khứ, ở tại thành Vương xá này, tự phá thai. Vì tội này nên đọa vào địa ngục trải qua trăm ngàn năm, chịu vô lượng khổ. Vì dư báo này nên vị ấy phải chịu cái thân như vậy, tiếp tục chịu đau khổ.

"Này các Tỳ-kheo, như những gì Tôn giả Đại Mục-kiền-liên đã thấy, là như thật không khác. Các ông cần nên ghi nhớ."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 513. ĐIỀU TƯƠNG SĨ[32]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại thành Vương xá... *cho đến* Tôn giả Đại Mục-kiền-liên giữa đường thấy một chúng sanh thân thể to lớn mọc đầy lông; lông như cây kim lớn, mỗi cây kim đều có lửa cháy, đốt ngược lại thân thể, đau buốt tận xương tủy... *cho đến* Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Chúng sanh này, vào thời quá khứ, ở tại thành Vương xá này, làm nghề luyện voi. Vì tội này nên đọa vào địa ngục trải qua trăm ngàn năm, chịu vô lượng khổ. Nay vì dư báo này nên nó phải chịu cái thân như vậy, tiếp tục chịu đau khổ.

---

31. Tham chiếu các kinh trên.

32. Người huấn luyện voi. Paøli, S.19.8 Suøciloma (sarathi).

"Này các Tỳ-kheo, như những gì Tôn giả Đại Mục-kiền-liên đã thấy, là như thật không khác. Các ông cần nên ghi nhớ."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Giống như người luyện voi, cũng vậy người luyện ngựa, luyện trâu bò, dèm siểm người và đủ các thứ khổ bức hiếp người, lại cũng như vậy.[33]

M

KINH 514. HIẾU CHIẾN[34]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại thành Vương xá... *cho đến* Tôn giả Đại Mục-kiền-liên giữa đường thấy một chúng sanh thân thể to lớn mọc đầy lông, lông bén nhọn như dao, rực lửa, trở lại cắt đứt chính thân thể, đau đớn tận xương tủy... *cho đến* Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Chúng sanh này, vào thời quá khứ, ở tại thành Vương xá này, ưa thích chiến tranh, dùng đao kiếm chém giết người. Vì tội này nên đọa vào địa ngục trải qua trăm ngàn năm, chịu vô lượng khổ. Nay vì dư báo địa ngục này nên nó phải chịu cái thân như vậy, tiếp tục chịu đau khổ.

"Này các Tỳ-kheo, như những gì Tôn giả Đại Mục-kiền-liên đã thấy, là như thật không khác. Các ông cần nên ghi nhớ."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 515. LIỆP SƯ[35]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại thành Vương xá... *cho đến* Tôn giả Đại Mục-kiền-liên giữa đường thấy một chúng sanh thân thể to lớn mọc đầy lông, lông tua tủa như tên, tất cả đều bốc lửa, trở lại đốt cháy chính toàn thân thể, đau đớn tận xương tủy... *cho đến* Phật bảo các Tỳ-kheo:

---

33. Tóm tắt bốn kinh.
34. Paøli, S.19.9 Suøcako (người hay đâm thọc, gián điệp).
35. Thợ săn. Paøli, S.19.6 Satti (maøgaviko).

"Chúng sanh này, vào thời quá khứ, ở tại thành Vương xá này, đã từng làm thợ săn, bắn giết cầm thú. Vì tội này nên đọa vào địa ngục trải qua trăm ngàn năm, chịu vô lượng khổ. Nay vì dư báo địa ngục này nên nó phải chịu cái thân như vậy, tiếp tục chịu đau khổ.

"Này các Tỳ-kheo, như những gì Tôn giả Đại Mục-kiền-liên đã thấy, là như thật không khác. Các ông cần nên ghi nhớ."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật đã dạy, vui mừng thực hành theo.

M

KINH 516. SÁT TRƯ[36]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại thành Vương xá... *cho đến* Tôn giả Đại Mục-kiền-liên giữa đường thấy một chúng sanh thân thể to lớn mọc đầy lông, lông bén nhọn như chỉa như mâu, Tất cả đều bốc lửa cháy trở lại thiêu đốt chính toàn thân thể, đau đớn tận xương tủy... *cho đến* Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Chúng sanh này, vào thời quá khứ, ở tại thành Vương xá này, là kẻ đồ tể giết heo. Vì tội này nên đọa vào địa ngục trải qua trăm ngàn năm, chịu vô lượng khổ. Nay vì dư báo địa ngục này nên nó phải chịu cái thân như vậy, tiếp tục chịu đau khổ.

"Này các Tỳ-kheo, như những gì Tôn giả Đại Mục-kiền-liên đã thấy, là như thật không khác. Các ông cần nên ghi nhớ."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

---

36. Giết heo. Paøli, S.19.5 Asi (suøkariko).

KINH 517. ĐOẠN NHÂN ĐẦU[37]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại thành Vương xá... *cho đến* Tôn giả Đại Mục-kiền-liên giữa đường thấy một chúng sanh thân thể to lớn, không có đầu, hai bên có mắt, trước ngực có miệng, thân thể thường chảy máu, các loài trùng rúc rỉa, đau đớn tận xương tủy... *cho đến* Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Chúng sanh này, vào thời quá khứ, ở tại thành Vương xá này, ưa cắt đầu người. Vì tội này nên ở trong trăm ngàn năm đọa vào địa ngục, chịu vô lượng khổ. Nay vì dư báo nên nó phải chịu cái thân như vậy, tiếp tục chịu đau khổ.

"Này các Tỳ-kheo, như những gì Tôn giả Đại Mục-kiền-liên đã thấy, là như thật không khác. Các ông cần nên ghi nhớ."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật đã dạy, vui mừng thực hành theo.

Như chặt đầu người, nắm đầu người cũng như vậy.

M

KINH 518. ĐOÀN ĐỒNG NHÂN[38]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại thành Vương xá... *cho đến* Tôn giả Đại Mục-kiền-liên giữa đường thấy một chúng sanh, dịch hoàn như cái lu nước[39], ngồi thì xoạc chân lên trên, đi thì phải vác lên vai... *cho đến* Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Chúng sanh này, vào thời quá khứ, ở tại thành Vương xá này, làm thợ đúc đồng, làm đồ giả, gạt người[40]. Vì tội này nên đọa vào địa ngục. Nay vì dư báo địa ngục nên nó phải chịu cái thân như vậy, tiếp tục chịu đau khổ.

---

37. Chặt đầu người. Paøli, S.19.16 Sìsachinno-coraghaøæako (đao phủ và cai ngục).

38. Người đúc đồng. S.19.10 Kumbhaòña.

39. Hán: âm noãn như ung 瓮 kumbhaòña.

40. Bản Paøli: gaømakuøæako (tên lường gạt làng xóm, phán quan tham nhũng).

"Này Tỳ-kheo, như những gì Tôn giả Đại Mục-kiền-liên đã thấy, là chân thật không khác. Các ông cần nên ghi nhớ."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật đã dạy, vui mừng thực hành theo.

Như người thợ đúc đồng, cũng vậy người cân lường dối trá, kẻ thôn chủ, kẻ chủ chợ cũng lại như vậy.

M

KINH 519. BỔ NGƯ SƯ

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại thành Vương xá... *cho đến* Tôn giả Đại Mục-kiền-liên giữa đường thấy một chúng sanh lấy cái lưới đồng hoặc sắt tự quấn vào thân mình, lửa thường cháy đỏ trở lại đốt thân người đó, đau đớn tận xương tủy, đi giữa hư không... *cho đến* Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Chúng sanh này, vào thời quá khứ, ở tại thành Vương xá này, làm người bắt cá. Vì tội này nên đọa vào địa ngục, chịu vô lượng khổ. Nay vì dư báo địa ngục nên nó phải chịu cái thân như vậy, tiếp tục chịu đau khổ.

"Này các Tỳ-kheo, như những gì Tôn giả Đại Mục-kiền-liên đã thấy, là chân thật không khác. Các ông cần nên ghi nhớ."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật đã dạy, vui mừng thực hành theo.

Như người bắt cá, cũng vậy bắt chim, lưới thỏ lại cũng như vậy[41].

M

KINH 520. BỐC CHIÊM NỮ[42]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại thành Vương xá... *cho đến* Tôn giả Đại Mục-kiền-liên giữa đường thấy một chúng sanh[43] trên đầu có cái cối sắt, hừng hực lửa đỏ, xoay lại nghiền tán đầu của người đó, đi giữa hư

41. Các kinh tương đương Paøli, S.19.3 Piòña (saøkuniko).

42. Nữ nhân làm thầy bói. Paøli, S.19.14. Maígulitthi.

43. Bản Paøli: thấy một người nữ.

không, chịu vô lượng khổ... *cho đến* Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Chúng sanh này, vào thời quá khứ, ở tại thành Vương xá này, là người nữ làm thầy bói đoán tướng[44], chuyên hành nghề bói toán, dối gạt, mê hoặc người để mưu cầu tiền của. Vì tội này nên đọa vào địa ngục, chịu vô lượng khổ. Nay vì dư báo địa ngục nên nó phải chịu cái thân như vậy, tiếp tục chịu đau khổ.

"Này các Tỳ-kheo, như những gì Tôn giả Đại Mục-kiền-liên đã thấy, là chân thật không khác. Các ông cần nên ghi nhớ."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 521. BỐC CHIÊM SƯ

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại thành Vương xá... *cho đến* Tôn giả Mục-kiền-liên giữa đường thấy một chúng sanh thân tự chuyển động xoay như gió xoáy, đi giữa hư không... *cho đến* Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Chúng sanh này, vào thời quá khứ, ở tại thành Vương xá này, làm người bói toán mê hoặc nhiều người để mưu cầu tiền của. Vì tội này nên đọa vào địa ngục, chịu vô lượng khổ. Nay vì dư báo địa ngục nên nó phải chịu cái thân như vậy, tiếp tục chịu đau khổ.

"Này các Tỳ-kheo, như những gì Tôn giả Đại Mục-kiền-liên đã thấy, là chân thật không khác. Các ông cần nên ghi nhớ."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 522. HÁO THA DÂM[45]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại thành Vương xá... *cho đến* Tôn giả Đại Mục-

---

44. Hán: bốc chiêm nữ nhân 卜占女人. Paøli: maígulitthi ikkhamitthi, người đàn bà xấu xí làm nghề bói toán.

45. Paøli, S.19.11 Paradaøriko (lấy vợ người).

kiền-liên giữa đường thấy một chúng sanh lưng gù đi lom khom[46], bộ dạng như sợ hãi, đồ mặc toàn thân đều bốc lửa, trở lại đốt thân, đi giữa hư không... *cho đến* Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Chúng sanh này, vào thời quá khứ, ở tại thành Vương xá này, ưa làm việc tà dâm. Vì tội này nên đọa vào địa ngục, chịu vô lượng khổ. Nay vì dư báo địa ngục nên nó phải chịu cái thân như vậy, tiếp tục chịu đau khổ.

"Này các Tỳ-kheo, như những gì Tôn giả Đại Mục-kiền-liên đã thấy, là chân thật không khác. Các ông cần nên ghi nhớ."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 523. MẠI SẮC[47]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Lộc dã, Tiên nhân trú xứ, nước Ba-la-nại. Bấy giờ Tôn giả Đại Mục-kiền-liên và Tôn giả Lặc-xoa-na vào buổi sáng sớm cùng vào thành Ba-la-nại khất thực. Giữa đường Tôn giả Mục-kiền-liên có điều gì suy nghĩ trong tâm, nên vui vẻ mỉm cười. Tôn giả Lặc-xoa-na thưa Tôn giả Đại Mục-kiền-liên:

"Thường khi Đức Thế Tôn và các đệ tử của Ngài vui vẻ, mỉm cười là có duyên cớ. Vậy hôm nay Tôn giả vì nhân duyên gì lại mỉm cười như vậy?"

Tôn giả Đại Mục-kiền-liên bảo Tôn giả Lặc-xoa-na:

"Câu hỏi chưa đúng lúc. Chúng ta hãy đi khất thực xong, khi trở về trước Thế Tôn sẽ hỏi việc này."

Bấy giờ, cả hai vào thành khất thực, ăn xong, trở về rửa chân, cất y bát, rồi cùng đi đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên.

Khi ấy, Tôn giả Lặc-xoa-na hỏi Tôn giả Mục-kiền-liên:

"Sáng nay giữa đường vì lý do gì Thầy lại vui vẻ mỉm cười?"

---

46. Hán: ủ thân tàng hành □□□□.

47. Buôn bán sắc. Paøli, S.19.13 Nicchavitthì.

Tôn giả Đại Mục-kiền-liên đáp Tôn giả Lặc-xoa-na:

"Giữa đường tôi thấy một chúng sanh to lớn, toàn thân đầy máu mủ, hôi hám, dơ nhớp, đi giữa hư không, bị chim, quạ, chó sói, chó đói rượt theo cấu xé để ăn. Kẻ ấy khóc lóc, kêu gào. Tôi liền nghĩ: 'Chúng sanh này phải mang cái thân như vậy, mà còn phải chịu sự thống khổ như vậy, sao mà đau đớn thay!'"

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Ta cũng thấy chúng sanh này nhưng không nói, sợ người không tin. Vì sao? Những điều Như Lai nói, có kẻ không tin. Kẻ ngu si ấy phải chịu khổ lâu dài.

"Chúng sanh này, vào thời quá khứ, ở tại thành Ba-la-nại này, là người nữ buôn bán nhan sắc để sanh sống. Bấy giờ có Tỳ-kheo theo Phật Ca-diếp xuất gia. Người con gái ấy đem lòng không trong sạch mời vị Tỳ-kheo. Tỳ-kheo này trực tâm, nhận lời mời, không hiểu được ý cô. Cô gái nổi giận, lấy nước bất tịnh tạt vào mình Tỳ-kheo. Vì tội này nên đọa vào địa ngục, chịu vô lượng khổ. Nay vì dư báo tội này, nên nó phải mang thân này, tiếp tục chịu đau khổ như vậy.

"Này các Tỳ-kheo, như những gì Tôn giả Đại Mục-kiền-liên đã thấy, là chân thật không khác. Các ông cần nên ghi nhớ."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật đã dạy, vui mừng thực hành theo.

M

KINH 524. SÂN NHUẾ ĐĂNG DU SÁI[48]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Lộc dã, chỗ Tiên nhân trú xứ, nước Ba-la-nại... *cho đến* ta ở giữa đường thấy một chúng sanh[49] thân hình to lớn, toàn thân lửa cháy, đi giữa hư không, khóc lóc kêu gào, chịu đau đớn khổ não... *cho đến* Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Chúng sanh này, thời quá khứ, ở thành Ba-la-nại, là đệ nhất phu nhân của Tự tại vương[50]. Khi cùng ngủ với nhà vua, bỗng nổi lòng

48. Vì giận, chế dầu lên người. Paøli, S.19.15, Okilini-sapattaígaørakokiri.

49. Paøli: itthiö uppakkaö okiliniö okæiòiö, một người đàn bà bị cháy xém, bị nướng rám, bị xua đuổi.

50. Tự tại vương 自在王. Paøli: Kaliígaraøjaññho, vua Kaliíga.

sân hận, lấy dầu thắp đèn rưới lên người vua. Vì tội này nên đọa vào địa ngục chịu khổ vô lượng. Nay vì dư báo địa ngục nên nó phải mang cái thân này, tiếp tục chịu khổ.

"Này các Tỳ-kheo, như những gì Tôn giả Đại Mục-kiền-liên đã thấy, là chân thật không sai. Các ông cần nên ghi nhớ."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 525. TẮNG TẬT BÀ-LA-MÔN[51]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Lộc dã, chỗ Tiên nhân trú xứ, nước Ba-la-nại... *cho đến* Tôn giả Đại Mục-kiền-liên nói ta ở giữa đường thấy một chúng sanh toàn thân nhơ nhớp, bôi đầy phẩn uế và cũng ăn phẩn uế, đi giữa hư không, hôi hám khổ não, khóc lóc kêu gào... *cho đến* Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Chúng sanh này, thời quá khứ, ở thành Ba-la-nại, làm thầy Bà-la-môn của Tự tại vương. Vì tâm tật đố nên khi thỉnh chúng Thanh văn của Phật Ca-diếp thọ trai, ông đã lấy phẩn uế bôi lên trên thức ăn, thử xúc não chúng Tăng. Vì tội này nên đọa vào địa ngục chịu khổ vô lượng. Nay vì dư báo địa ngục nên nó phải mang cái thân này, tiếp tục chịu khổ.

"Này các Tỳ-kheo, như những gì Tôn giả Đại Mục-kiền-liên đã thấy là chân thật không sai. Các ông cần nên ghi nhớ."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

---

51. Người Bà-la-môn ganh tị. Paøli, S.19.12 Guøthakhaødi-duææhabraøhmaòo, người Bà-la-môn tà ác ăn phân.

KINH 526. BẤT PHÂN DU[52]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà nước Xá-vệ... *cho đến* Tôn giả Mục-kiền-liên nói, ta ở giữa đường thấy một chúng sanh to lớn, trên đầu đội một cái vạc bằng đồng lớn sôi sùng sục, trào ra rưới khắp thân thể, đi giữa hư không, khóc lóc kêu gào... *cho đến* Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Chúng sanh này, thời quá khứ, ở nước Xá-vệ, xuất gia ở chỗ Phật Ca-diếp, làm Tỳ-kheo tri sự. Có nhiều thí chủ đem dầu đến cúng cho các Tỳ-kheo. Bấy giờ, có nhiều khách Tỳ-kheo. Vị tri sự này không chia dầu đúng thời, đợi cho các Tỳ-kheo khách đi rồi mới chia. Vì tội này nên đọa vào địa ngục chịu khổ vô lượng. Nay vì dư báo địa ngục nên nó phải mang cái thân này, tiếp tục chịu khổ.

"Này các Tỳ-kheo, như những gì Tôn giả Đại Mục-kiền-liên đã thấy là chân thật không sai. Các ông cần nên ghi nhớ."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 527. ĐẠO THỦ THẤT QUẢ[53]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ... *cho đến* Tôn giả Đại Mục-kiền-liên nói, ở giữa đường thấy một chúng sanh, thân to lớn, có hòn sắc nóng ra vào từ thân, đi trong hư không, bị đau đớn bức bách, khóc kêu gào... *cho đến* Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Chúng sanh này, thời quá khứ, ở nước Xá-vệ, xuất gia trong pháp Phật Ca-diếp, làm Sa-đi giữ vườn trái của chúng Tăng, trộm bảy trái đem dâng cho Hòa thượng. Do tội ấy cho nên bị đọa vào địa ngục,

52. Không chia dầu.

53. Ăn trộm bảy trái cây.

chịu khổ vô lượng. Nay vì dư báo địa ngục nên nó phải mang cái thân này, tiếp tục chịu khổ.

"Này các Tỳ-kheo, như những gì Đại Mục-kiền-liên đã thấy là chân thật không sai. Các ông phải nên ghi nhớ."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 528. ĐẠO THỰC THẠCH MẬT[54]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ... *cho đến* Tôn giả Đại Mục-kiền-liên nói, ở giữa đường ta thấy một chúng sanh thân hình to lớn, lưỡi rộng dài, thấy có búa bén lửa đỏ rực, búa này cắt lưỡi người ấy, đi giữa hư không, khóc lóc kêu gào... *cho đến* Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Chúng sanh này, thời quá khứ, ở nước Xá-vệ, xuất gia làm Sa-di trong pháp Phật Ca-diếp, dùng búa cắt đường phèn cúng dường chúng Tăng; đường phèn dính trên lưỡi búa, lấy cắp ăn. Do tội ấy cho nên bị đọa vào địa ngục, chịu khổ vô lượng. Nay vì dư báo địa ngục nên nó phải mang cái thân này, tiếp tục chịu khổ.

"Này các Tỳ-kheo, như những gì Đại Mục-kiền-liên đã thấy là chân thật không sai. Các ông phải nên ghi nhớ."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 529. ĐẠO THỦ NHỊ BÍNH[55]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ... *cho đến* Tôn giả Đại Mục-kiền-liên nói, ở giữa đường ta thấy một chúng sanh thân hình to lớn, có hai cái vòng sắt ở hai bên hông, bốc lửa xoay vần trở lại thiêu đốt thân họ, đi giữa hư không,

54. Ăn trộm đường thẻ.

55. Trộm hai cái bánh.

khóc lóc kêu gào... *cho đến* Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Chúng sanh này, thời quá khứ, ở nước Xá-vệ, xuất gia làm Sa-di trong pháp Phật Ca-diếp, đem bánh ngọt cúng dường chúng Tăng, cắp lấy hai cái bánh kẹp vào nách. Do tội ấy cho nên bị đọa vào địa ngục, chịu khổ vô lượng. Nay vì dư báo địa ngục nên nó phải mang cái thân này, tiếp tục chịu khổ.

"Này các Tỳ-kheo, như những gì Đại Mục-kiền-liên đã thấy là chân thật không sai. Các ông phải nên ghi nhớ."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 530. TỲ-KHEO[56]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà nước Xá-vệ ... *cho đến* Tôn giả Đại Mục-kiền-liên nói, ở giữa đường ta thấy một chúng sanh thân hình to lớn, dùng một lá sắt quấn vào thân, áo quần, chăn mền, giường nằm đều là sắt nóng, tất cả đều bị đốt cháy hừng hực, ăn hòn sắt nóng, đi giữa hư không, khóc lóc kêu gào; cho đến Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Chúng sanh này, thời quá khứ, ở thành Xá-vệ, xuất gia làm Tỳ-kheo trong pháp Phật Ca-diếp, đi xin y áo và vật thực cho chúng Tăng; cúng dường Tăng xong, còn dư liền tự mình thọ dùng. Vì tội này nên đọa vào địa ngục chịu khổ vô lượng. Nay vì dư báo địa ngục nên nó phải mang cái thân này, tiếp tục chịu khổ.

"Này các Tỳ-kheo, như những gì Tôn giả Đại Mục-kiền-liên đã thấy là chân thật không sai. Các ông cần nên ghi nhớ."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Như Tỳ-kheo, cũng vậy Tỳ-kheo-ni, Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di cũng lại như vậy.

M

---

56. Paøli, S.19.17-21 Bhikkhu.

KINH 531. GIÁ THỪA NGƯU XA[57]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà nước Xá-vệ... *cho đến* Tôn giả Mục-kiền-liên nói, ở giữa đường ta thấy một chúng sanh to lớn, mang trên cổ chiếc xe sắt đang cháy, chặt đứt gân cổ, tiếp đến chân tay, gân quấn quanh cổ họ, đi trên đất sắt nóng, đi giữa hư không, khóc lóc kêu gào cho đến Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Chúng sanh này, thời quá khứ, ở nước Xá-vệ, đánh xe bò để sanh sống. Vì tội này nên đọa vào địa ngục chịu khổ vô lượng. Nay vì dư báo địa ngục nên nó phải mang cái thân này, tiếp tục chịu khổ.

"Này các Tỳ-kheo, như những gì Tôn giả Đại Mục-kiền-liên đã thấy là chân thật không sai. Các ông cần nên ghi nhớ."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 532. MA-MA-ĐẾ

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ... *cho đến* Tôn giả Đại Mục-kiền-liên nói, ở giữa đường thấy một chúng sanh, thân to lớn, lưỡi rộng dài, bị các cây đinh sắt nóng đóng vào lưỡi, đi trong hư không, bị đau đớn bức bách, khóc kêu gào... *cho đến* Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Chúng sanh này, thời quá khứ, ở nước Xá-vệ, xuất gia làm Tỳ-kheo trong pháp Phật Ca-diếp, làm Ma-ma-đế[58], quở trách các Tỳ-kheo rằng: 'Này các Trưởng lão, các ông nên đi khỏi chỗ này, ở đây đạm bạc không thể cung cấp được. Mỗi người tùy ý tìm nơi sung túc, đầy đủ cơm áo, giường chiếu thuốc men, chữa bệnh, chắc có thể đầy đủ không thiếu'. Các Tỳ-kheo ở trước đó đều bỏ đi, còn khách Tăng nghe thế cũng không đến. Do tội ấy cho nên bị đọa vào địa ngục, chịu

---

57. Cõi xe bò.

58. Ma-ha-đế, chủ chùa hay trụ trì. Paøli không có.

khổ vô lượng. Nay vì dư báo địa ngục nên nó phải mang cái thân này, tiếp tục chịu khổ.

"Này các Tỳ-kheo, như những gì Đại Mục-kiền-liên đã thấy là chân thật không sai. Các ông phải nên ghi nhớ."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 533. ÁC KHẨU HÌNH DANH

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ... *cho đến* Tôn giả Đại Mục-kiền-liên nói, ở giữa đường thấy một chúng sanh thân hình to lớn, hình tướng như Tỳ-kheo, quấn tấm sắt làm y phục, toàn thân bị thiêu đốt, cũng lấy bát sắt đựng viên sắt nóng để ăn... *cho đến* Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Chúng sanh này, thời quá khứ, ở nước Xá-vệ, xuất gia làm Tỳ-kheo trong pháp Phật Ca-diếp, làm Ma-ma-đế, bằng ác khẩu hình dung tên các Tỳ-kheo, hoặc nói đây là ông trọc xấu xa, đây là ông tác phong xấu, đây là ông y phục xấu. Do những lời nói ác như vậy khiến cho các Tỳ-kheo ở trước đó bỏ đi, các Tỳ-kheo chưa đến không muốn đến. Do tội này cho nên bị đọa vào địa ngục, chịu khổ vô lượng. Nay vì dư báo địa ngục nên nó phải mang cái thân này, tiếp tục chịu khổ.

"Này các Tỳ-kheo, như những gì Đại Mục-kiền-liên đã thấy là chân thật không sai. Các ông phải nên ghi nhớ."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 534. HẢO KHỞI TRANH TỤNG[59]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ... *cho đến* Phật bảo các Tỳ-kheo:

---

59. Thích gây tranh cãi.

"Chúng sanh này, thời quá khứ, ở nước Xá-vệ, xuất gia làm Tỳ-kheo trong pháp Phật Ca-diếp, ưa thích tranh cãi, làm rối loạn chúng tăng, lắm mồm mép, làm mất sự hòa hợp. Các Tỳ-kheo ở trước chán bỏ đi, người chưa đến không muốn đến. Do tội ấy cho nên bị đọa vào địa ngục, chịu khổ vô lượng. Nay vì dư báo địa ngục nên nó phải mang cái thân này, tiếp tục chịu khổ.

"Này các Tỳ-kheo, như Đại Mục-kiền-liên là thấy chân thật không sai. Các ông phải nên ghi nhớ."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 535. ĐỘC NHẤT (1)[60]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Tôn giả A-na-luật đang ở tại tinh xá Tòng lâm[61]. Tôn giả Đại Mục-kiền-liên ở nơi rừng Khủng bố[62] nơi có nhiều cầm thú, trong núi Thất-thâu-ma-la[63], thôn Bạt-kỳ. Bấy giờ, Tôn giả A-na-luật ở một mình chỗ vắng, thiền tịnh tư duy. Tôn giả nghĩ thầm: 'Có nhất thừa đạo[64] khiến cho chúng sanh được thanh tịnh, lìa ưu bi, khổ, não, được pháp chân như. Đó là bốn Niệm xứ. Những gì là bốn? Niệm xứ quán thân trên thân, niệm xứ quán thọ, tâm, pháp trên pháp. Nếu người nào xa lìa bốn Niệm xứ là xa lìa Thánh pháp. Người nào xa lìa Thánh pháp là xa lìa Thánh đạo. Người nào xa lìa Thánh đạo là xa lìa Pháp giải thoát. Người nào xa lìa Pháp giải thoát là không vượt qua khỏi sanh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não. Nếu người nào ưa thích

---

60. Ấn Thuận, "30. Tương ưng A-na-luật", gồm các kinh, Đại Chánh 535-545. phần lớn tương đương Paøli S.52. Anuruddhasamyutta. Đại Chánh kinh 535, Paøli, S.52.1 Rahogata.

61. Bản Paøli, trong tinh xá Cấp cô độc.

62. Khủng bố trù lâm Paøli: Bhesakalaø-vana.

63. Thất-thâu-ma-la sơn Paøli: Suösumaøragiri, núi Cá sấu.

64. Nhất thừa đạo con đường độc đạo, chỉ bốn niệm xứ. (Paøli: ekaøyana-maggo = cattaøro satipaæææhaønaø).

bốn Niệm xứ thì cũng tin ưa Thánh pháp. Người nào tin ưa Thánh pháp thì tin ưa Thánh đạo. Người nào tin ưa Thánh đạo là tin ưa pháp cam lộ. Người nào tin ưa pháp cam lộ là thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não.'

Bấy giờ, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên biết được ý nghĩ của Tôn giả A-na-luật, trong khoảnh khắc như lực sĩ co duỗi cánh tay dùng thần lực biến khỏi rừng Khủng bố chỗ nuôi cầm thú trong núi Thất-thâu-ma-la, thôn Bạt-kỳ và hiện ra trước Tôn giả A-na-luật, tại tinh xá Tòng lâm nơi thành Xá-vệ, bảo A-na-luật rằng:

"Phải chăng Thầy ở một mình nơi chỗ vắng, thiền tịnh, tư duy nghĩ rằng: 'Có đạo nhất thừa khiến cho chúng sanh được thanh tịnh, lìa ưu bi, khổ, não, được chân như. Đó là bốn Niệm xứ. Những gì là bốn? Niệm xứ quán thân trên thân, niệm xứ quán thọ, tâm, pháp trên pháp. Nếu người nào xa lìa bốn Niệm xứ là xa lìa Thánh pháp. Người nào xa lìa Thánh pháp là xa lìa Thánh đạo. Người nào xa lìa Thánh đạo là xa lìa Pháp giải thoát. Người nào xa lìa Pháp giải thoát là không vượt qua khỏi sanh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não. Nếu người nào ưa thích bốn Niệm xứ thì cũng tin ưa Thánh pháp. Người nào tin ưa Thánh pháp thì tin ưa Thánh đạo. Người nào tin ưa Thánh đạo là tin ưa pháp cam lộ. Người nào tin ưa pháp cam lộ là thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não.'

Tôn giả A-na-luật nói với Tôn giả Đại Mục-kiền-liên:

"Đúng vậy! Đúng vậy! Thưa Tôn giả."

Tôn giả Đại Mục-kiền-liên nói Tôn giả A-na-luật:

"Thế nào gọi là tin ưa bốn Niệm xứ?"

"Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, nếu có Tỳ-kheo nào đối với niệm xứ quán thân trên thân, tâm duyên thân, an trụ với chánh niệm, điều phục, tĩnh chỉ, an tĩnh, tịch tĩnh, nhất tâm tăng tiến. Cũng vậy, đối với quán niệm xứ thọ, tâm, pháp, mà an trụ với chánh niệm, điều phục, tĩnh chỉ, an tĩnh, tịch tĩnh, nhất tâm tăng tiến. Thưa Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, đó gọi là Tỳ-kheo tin ưa bốn Niệm xứ."

Bấy giờ, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên bằng tam-muội chánh thọ như vậy, từ cửa tinh xá Tòng lâm nước Xá-vệ, trở về rừng Khủng bố chỗ nuôi cầm thú trong núi Thất-thâu-ma-la nơi thôn Bạt-kỳ.

M

KINH 536. ĐỘC NHẤT (2)[65]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ... *cho đến* Tôn giả Đại Mục-kiền-liên hỏi Tôn giả A-na-luật:

"Sao gọi là tu tập, tu tập nhiều bốn Niệm xứ?"

Tôn giả A-na-luật nói với Tôn giả Đại Mục-kiền-liên:

"Nếu Tỳ-kheo, đối với nội thân khởi tưởng yểm ly; đối với nội thân khởi tưởng không yểm ly; tưởng yểm ly, tưởng không yểm ly đều xả, an trụ với chánh niệm, chánh tri. Cũng vậy, ngoại thân, nội ngoại thân, cảm thọ bên trong, cảm thọ bên ngoài, cảm thọ trong ngoài; tâm bên trong, tâm bên ngoài, tâm bên trong ngoài, pháp bên trong, pháp bên ngoài, pháp trong ngoài, khởi tưởng yểm ly, không khởi tưởng yểm ly, tưởng yểm ly và tưởng không yểm ly đều xả, an trụ với chánh niệm, chánh tri. Như vậy, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, đó gọi là tu tập, tu tập nhiều bốn Niệm xứ."

Bấy giờ, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên nhập tam-muội từ tinh xá Tòng lâm, nước Xá-vệ, nhờ sức thần thông tam-muội, như lực sĩ co duỗi canh tay, trong khoảnh khắc đã trở về rừng Khủng bố đầy cầm thú trong núi Thất-thâu-ma-la tại thôn Bạt-kỳ.

❑

---

65. Xem kinh 535 trên.

TẠP A-HÀM QUYỂN 20

KINH 537. THỦ THÀNH DỤC TRÌ[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Tôn giả Đại Mục-kiền-liên và Tôn giả A-na-luật ở bên hồ tắm Thủ thành[2], nước Xá-vệ.

Rồi Tôn giả Xá-lợi-phất[3] đi đến chỗ Tôn giả A-na-luật, cùng thăm hỏi sức khỏe nhau, rồi ngồi lui qua một bên. Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi Tôn giả A-na-luật:

"Hy hữu thay, A-na-luật! Có đại oai đức, đại thần lực[4], do công đức gì, tu tập, tu tập nhiều mà được như vậy?"[5]

Tôn giả A-na-luật trả lời Tôn giả Xá-lợi-phất:

"Đối với pháp bốn Niệm xứ tu tập, tu tập nhiều, nhờ đó nên thành tựu oai đức, thần lực lớn này. Bốn Niệm xứ là gì? Niệm xứ quán thân trên nội thân, tinh cần phương tiện, chánh niệm, chánh tri, điều phục tham ưu thế gian. Cũng vậy, niệm xứ quán thân trên ngoại thân, nội ngoại thân; thọ trên nội thọ, ngoại thọ, nội ngoại thọ; nội tâm, ngoại tâm, nội ngoại tâm; nội pháp, ngoại pháp, nội ngoại pháp; tinh cần phương tiện, chánh niệm, chánh tri, điều phục tham ưu thế gian. Đó gọi là bốn Niệm xứ được tu tập, tu tập nhiều, sẽ thành tựu oai đức, thần lực lớn này.

"Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, tôi đối với bốn Niệm xứ khéo tu tập, nên đối với tiểu thiên thế giới chỉ tạo ít phương tiện[6] mà có thể quán sát khắp tất cả. Như người mắt sáng ở trên lầu nhìn xuống, thấy mọi

---

1. Đại Chánh quyển 20. Kinh 537. Paøli, S.52.3 Sutanu.
2. Thủ thành dục trì [illegible] tên một con sông chảy qua Xá-vệ. Paøli: Sutanu.
3. Bản Paøli: sambahulaø bhikkhuø, số đông Tỳ-kheo.
4. Hán: đại đức đại lực [illegible]. Paøli: mahaøbhióóaøta, đại thần thông.
5. Paøli: katamesaö dhammaønaö bhaøvitattaø bahalikatattaø mahaøbhióóataö patto ti, do tu tập những pháp gì, tu tập nhiều, mà chứng đắc đại thắng trí (thần thông) này?
6. Chỉ cần chút cố gắng.

vật trên đất bằng. Cũng như vậy, tôi cũng chỉ tạo ít phương tiện mà có thể quán tiểu thiên thế giới. Như vậy, tôi đối với bốn Niệm xứ tu tập, tu tập nhiều, nên thành tựu oai đức thần lực lớn này."

Hai vị Tôn giả cùng bàn luận xong, mỗi người từ chỗ ngồi đứng dậy mà đi.

M

KINH 538. MỤC-LIÊN SỞ VẤN[7]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ các Tôn giả Xá-lợi-phất, Đại Mục-kiền-liên, Tôn giả A-nan, Tôn giả A-na-luật cũng đều ở nước Xá-vệ[8].

Bấy giờ Tôn giả Đại Mục-kiền-liên đến chỗ Tôn giả A-na-luật, cùng nhau thăm hỏi sức khỏe, rồi ngồi lui qua một bên.

Tôn giả Đại Mục-kiền-liên hỏi Tôn giả A-na-luật:

"Nhờ công đức gì, tu tập, tu tập nhiều, mà đạt được oai đức, thần lực lớn như vậy?"

Tôn giả A-na-luật trả lời Tôn giả Đại Mục-kiền-liên:

"Đối với pháp bốn Niệm xứ tu tập, tu tập nhiều, nhờ đó nên thành tựu oai đức, thần lực lớn này. Bốn Niệm xứ là gì? Niệm xứ quán thân trên nội thân, tinh cần phương tiện, chánh niệm, chánh tri, điều phục tham ưu thế gian. Cũng vậy, niệm xứ quán thân trên ngoại, nội ngoại thân; nội thọ, ngoại thọ, nội ngoại thọ; nội tâm, ngoại tâm, nội ngoại tâm; nội pháp, ngoại pháp, nội ngoại pháp; tinh cần phương tiện, chánh niệm, chánh tri, điều phục tham ưu thế gian. Đó gọi là bốn Niệm xứ được tu tập, tu tập nhiều, sẽ thành tựu oai đức, thần lực lớn này. Đối với ngàn núi Tu-di, tôi chỉ dùng chút phương tiện mà có thể xem xét tất cả. Như người mắt sáng leo lên đỉnh núi cao, nhìn xuống thấy ngàn rừng cây đa-la. Cũng vậy, đối với bốn Niệm xứ, tôi tu tập, tu tập nhiều, nên thành tựu được oai đức, thần lực lớn này, tôi chỉ dùng chút phương tiện mà thấy được cả ngàn núi Tu-di. Như vậy, thưa Tôn

---

7. Paøli, S.52.6 Kaòæakì.

8. Bản Paøli: ở tại Saøkete Kaòæakivane (khu rừng gai tại Saøketa).

giả Đại Mục-kiền-liên, đối với bốn Niệm xứ, tôi tu tập, tu tập nhiều, nên thành tựu oai đức, thần lực lớn này."

Hai vị Tôn giả bàn luận xong, mỗi người liền từ chỗ ngồi đứng dậy ra đi.

M

KINH 539. A-NAN SỞ VẤN[9]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Tôn giả Xá-lợi-phất, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên và Tôn giả A-na-luật ở bên hồ tắm Thủ thành, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Tôn giả A-nan đi đến chỗ Tôn giả A-na-luật, cùng thăm hỏi sức khỏe nhau, rồi ngồi lui qua một bên. Tôn giả A-nan hỏi Tôn giả A-na-luật:

"Nhờ công đức gì, tu tập, tu tập nhiều, mà được thành tựu oai đức, oai lực và thần thông lớn như vậy?"

Tôn giả A-na-luật trả lời Tôn giả A-nan:

"Đối với pháp bốn Niệm xứ tu tập, tu tập nhiều, nhờ đó nên thành tựu oai đức, thần lực lớn này. Bốn Niệm xứ là gì? Niệm xứ quán thân trên nội thân, tinh cần phương tiện, chánh niệm, chánh tri, điều phục tham ưu thế gian. Cũng vậy, niệm xứ quán thân trên ngoại thân, nội ngoại thân; nội thọ, ngoại thọ, nội ngoại thọ; nội tâm, ngoại tâm, nội ngoại tâm; nội pháp, ngoại pháp, nội ngoại pháp; tinh cần phương tiện, chánh niệm, chánh tri, điều phục tham ưu thế gian. Như vậy, Tôn giả A-nan, đối với bốn Niệm xứ này tôi tu tập, tu tập nhiều, nên chỉ cần chút phương tiện, bằng thiên nhãn thanh tịnh vượt hơn mắt người, xem thấy các chúng sanh lúc sanh, lúc chết, tướng mạo hoặc đẹp hoặc xấu, sắc cao quý, sắc hạ tiện, cõi lành, cõi ác, tùy theo nghiệp mà thọ sanh, tất cả đều thấy như thật. Chúng sanh như vậy do thân, miệng, ý đều tạo việc ác, phỉ báng Hiền thánh; do nhân duyên tà kiến hủy báng Hiền thánh, nên khi thân hoại mạng chung, sanh vào trong địa ngục. Chúng sanh như vậy do thân, miệng, ý làm việc lành, không phỉ báng Hiền thánh, thành tựu chánh kiến, do nhân duyên này nên khi chết

9. Paøli, S.52.23. Dibbacakkhu.

được sanh lên cõi trời. Thí như người mắt sáng đứng nơi ngã tư đường thấy mọi người qua lại, hoặc nằm ngồi. Tôi cũng vậy, đối với bốn Niệm xứ tu tập, tu tập nhiều, nên thành tựu được oai đức, oai lực thần thông lớn này; thấy tất cả chúng sanh lúc sanh, lúc chết, cõi lành, cõi ác. Chúng sanh như vậy do thân, miệng, ý làm ác, phỉ báng Hiền thánh, do nhân duyên tà kiến mà sanh vào địa ngục. Chúng sanh như vậy do thân, miệng, ý làm việc lành, không phỉ báng Hiền thánh, thì vì nhân duyên chánh kiến này, khi thân hoại mạng chung sẽ được sanh lên cõi trời.

"Như vậy, Tôn giả A-nan, đối với bốn Niệm xứ tôi tu tập, tu tập nhiều, nên thành tựu được oai đức, oai lực, thần thông lớn này."

Hai vị Tôn giả bàn luận xong, mỗi người từ chỗ ngồi đứng dậy mà đi.

M

KINH 540. SỞ HOẠN (1)[10]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Tôn giả A-na-luật đang ở tại tinh xá Tòng lâm[11], nước Xá-vệ, thân bị bệnh khổ.

Lúc ấy, có nhiều Tỳ-kheo đến chỗ Tôn giả A-na-luật, cùng nhau hỏi thăm sức khỏe, rồi đứng lui qua một bên, thưa Tôn giả A-na-luật:

"Thưa Tôn giả A-na-luật, bệnh của Tôn giả nặng hay nhẹ, có chịu đựng được không? Bệnh giảm dần dần, không tăng thêm chăng?"

Tôn giả A-na-luật đáp:

"Bệnh tôi không yên, thật là khó chịu đựng, đau đớn toàn thân, càng lúc nặng thêm, không bớt."

Rồi Tôn giả nói ba thí dụ như kinh Sai-ma[12] ở trên đã nói; rồi tiếp:

"Dù thân tôi bị đau đớn như thế này, nhưng tôi vẫn chịu đựng

10. S.52.10 Baøôhagilaøna (bệnh nặng).

11. Bản Paøli: Andhavana (Ảm lâm, khu rừng tối).

12. Kinh số 10, quyển 5.

được, với chánh niệm, chánh tri."

Các Tỳ-kheo hỏi Tôn giả A-na-luật:

"Tâm an trụ ở chỗ nào mà có thể chịu đựng được cái khổ lớn như vậy với chánh niệm, chánh tri?"

Tôn giả A-na-luật bảo các Tỳ-kheo:

"Tâm trụ bốn Niệm xứ nên mỗi khi tôi cử động, thân thể dù có bị đau đớn, cũng có thể chịu đựng được với chánh niệm, chánh tri. Những gì là bốn Niệm xứ? Đó là, niệm xứ quán thân trên nội thân cho đến niệm xứ quán thọ, tâm, pháp. Đó gọi là trụ bốn Niệm xứ, có thể chịu đựng tất cả mọi đau đớn nơi thân, với chánh niệm, chánh tri."

Các Tôn giả cùng nhau bàn luận xong, tùy hỷ vui vẻ, mỗi người từ chỗ ngồi đứng dậy mà đi.

M

KINH 541. SỞ HOẠN (2)[13]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Tôn giả A-na-luật đang ở tại tinh xá Tòng lâm, nước Xá-vệ, bệnh mới vừa giảm bớt chưa bao lâu.

Lúc ấy, có nhiều Tỳ-kheo đến hỏi thăm sức khỏe, rồi ngồi lui qua một bên, hỏi Tôn giả A-na-luật:

"Tôn giả có được an ổn, cảm thấy an lạc[14] không?"

Tôn giả A-na-luật đáp:

"Tôi được an ổn, cảm thấy an lạc. Các thứ đau đớn nơi thân thể đều đã bớt dần."

Các Tỳ-kheo lại hỏi Tôn giả A-na-luật:

"Tâm trụ ở chỗ nào mà những đau nhức của thân dần dần được an ổn?"

Tôn giả A-na-luật đáp:

"An trụ bốn Niệm xứ, nên những đau nhức của thân dần dần được an ổn. Những gì là bốn Niệm xứ? Đó là, niệm xứ quán thân trên

13. Như kinh trên.

14. Hán: lạc trú 樂住. Paøli: sukkhavihaøra.

nội thân cho đến niệm xứ quán thọ, tâm, pháp. Đó gọi là trụ bốn Niệm xứ. Do an trụ bốn Niệm xứ này nên những đau nhức của thân dần dần được an ổn."

Các Tôn giả bàn luận xong, tùy hỷ vui vẻ, mỗi người từ chỗ ngồi đứng dậy mà đi.

M

KINH 542. HỮU HỌC LẬU TẬN[15]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Tôn giả A-na-luật ở tại tinh xá Tòng lâm[16], nước Xá-vệ. Lúc ấy, có nhiều Tỳ-kheo đến chỗ Tôn giả A-na-luật, cùng nhau hỏi thăm sức khỏe, rồi ngồi lui qua một bên, hỏi Tôn giả A-na-luật:

"Nếu Tỳ-kheo còn ở địa vị hữu học[17] mà hướng thượng muốn cầu an trụ Niết-bàn an ổn; Thánh đệ tử tu tập, tu tập nhiều như thế nào để ở trong pháp luật này có thể dứt sạch các lậu, tâm giải thoát vô lậu, tuệ giải thoát, ngay trong đời này tự biết tác chứng: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa?'"

Tôn giả A-na-luật bảo các Tỳ-kheo:

"Nếu Tỳ-kheo còn ở địa vị hữu học mà hướng thượng muốn cầu an trụ Niết-bàn an ổn; Thánh đệ tử tu tập, tu tập nhiều như thế nào để ở trong pháp luật này có thể dứt sạch các lậu, tâm giải thoát, tuệ giải thoát, ngay trong đời này tự biết tác chứng: Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa. Hãy an trụ nơi bốn Niệm xứ. Những gì là bốn Niệm xứ? Đó là, niệm xứ quán thân trên nội thân cho đến niệm xứ quán thọ, tâm, pháp. Tu tập bốn Niệm xứ như vậy, tu tập nhiều, ở trong pháp luật này có thể dứt sạch các lậu, tâm giải thoát vô lậu, tuệ giải thoát, ngay trong đời này tự biết tác chứng: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.'"

Các Tỳ-kheo nghe Tôn giả A-na-luật nói xong, tùy hỷ vui vẻ,

---

15. S.52.4 Kaòæaki (tên khu rừng, có nhiều gai).
16. Bản Paøli: Saøkete Kaòæakivane, trong rừng Kaòæaki, Saøketa.
17. Học địa 學地. Paøli: sekhabhuømi.

mỗi người từ chỗ ngồi đứng dậy ra đi.

M

KINH 543. A-LA-HAUN TỲ-KHEO[18]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Tôn giả A-na-luật ở tại tinh xá Tòng lâm, nước Xá-vệ.

Lúc ấy, có nhiều Tỳ-kheo đến chỗ Tôn giả A-na-luật cùng nhau hỏi thăm sức khỏe, rồi ngồi lui qua một bên, hỏi Tôn giả A-na-luật:

"Nếu Tỳ-kheo đã dứt sạch các lậu, việc làm đã xong, đã trút bỏ gánh nặng, lìa các kết sử hữu[19], bằng chánh trí tâm khéo giải thoát, vị ấy cũng tu bốn Niệm xứ chăng?"

Tôn giả A-na-luật trả lời các Tỳ-kheo:

"Nếu Tỳ-kheo nào, các lậu đã dứt sạch, việc làm đã xong, đã trút bỏ gánh nặng, đã lìa các kết sử hữu, bằng chánh trí tâm khéo giải thoát; vị ấy cũng tu bốn Niệm xứ. Vì sao? Vì để đắc những gì chưa đắc, chứng những gì chưa chứng, hiện tại sống an lạc. Tại sao như thế? Vì tôi cũng đã lìa các hữu lậu, đã đắc quả A-la-hán, việc làm đã xong, tâm khéo giải thoát, cũng tu bốn Niệm xứ, để đắc những gì chưa đắc, chứng những gì chưa chứng, đến chỗ chưa đến,... *cho đến* hiện tại sống an lạc."

Các Tôn giả bàn luận xong, đều tùy hỷ vui vẻ, mỗi người từ chỗ ngồi đứng dậy, ra đi.

M

KINH 544. HÀ CỐ XUẤT GIA[20]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Tôn giả A-na-luật ở tại tinh xá Tòng lâm, nước Xá-vệ.

Lúc ấy, có nhiều chúng xuất gia ngoại đạo đến chỗ Tôn giả A-

18. Xem kinh trên.

19. Hán: hữu kết ⁄³ □² , Paøli: bhava-saöjoyana.

20. Vì sao xuất gia?

na-luật cùng nhau hỏi thăm sức khỏe, rồi ngồi lui qua một bên, hỏi Tôn giả A-na-luật:

“Thưa Tôn giả, vì cớ gì Tôn giả xuất gia ở trong pháp của Sa-môn Cù-đàm?”

Tôn giả A-na-luật đáp:

“Vì để tu tập.”

Lại hỏi:

“Tu tập những gì?”

Đáp:

“Tu các căn, tu các lực, tu các giác phần, tu các niệm xứ. Các ông muốn nghe tu những gì?”

Lại hỏi:

“Căn, lực, giác phần, những danh tự ấy chúng tôi chưa biết; huống chi là lại hỏi nghĩa. Nhưng chúng tôi muốn nghe niệm xứ.”

Tôn giả A-na-luật bảo:

“Các ông hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, tôi sẽ vì các ông mà nói. Nếu Tỳ-kheo tu niệm xứ quán thân trên nội thân cho đến niệm xứ quán pháp trên pháp.”

Bấy giờ, chúng xuất gia ngoại đạo nghe Tôn giả A-na-luật nói xong, tùy hỷ hoan hỷ, mỗi người từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

M

KINH 545. HƯỚNG NIẾT-BÀN[21]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Tôn giả A-na-luật ở tại tinh xá Tòng lâm, nước Xá-vệ. Khi ấy Tôn giả A-na-luật nói với các Tỳ-kheo:

“Ví như cây lớn sanh trưởng mà nghiêng xuống dưới, càng nghiêng sâu càng muốn đổ[22]. Nếu chặt rễ nó, cây sẽ phải ngã, thuận theo chiều nghiêng xuống. Cũng vậy, Tỳ-kheo tu bốn Niệm xứ, lâu

---

21. Paøli, S.52.8 Salaôaøgaøra (tinh xá Tòng lâm).

22. Hán: tùy tuấn tùy thâu [illegible] nghĩa không rõ. Bản Paøli: gaígaø nadì paøcìnaninnaø paøcìnapoòa paøcìnapabbhaøraø, sông Hằng hướng về Đông, xuôi về Đông, đổ về Đông.

ngày nhắm thẳng tới, đào sâu, vận chuyển, hướng đến viễn ly, nhắm thẳng tới, đào sâu, vận chuyển, hướng đến giải thoát; nhắm thẳng tới, đào sâu, vận chuyển, hướng đến Niết-bàn[23].”

Tôn giả A-na-luật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì đã nói, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 546. THÁO QUÁN TRƯỢNG[24]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên đang ở bên bờ ao Ô-nê[25], xóm Bạt-lan-na[26]. Lúc ấy có Phạm chí cầm gậy tháo quán[27], đến chỗ Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên, thăm hỏi sức khỏe nhau, rồi ngồi lui qua một bên, hỏi Ma-ha Ca-chiên-diên:

“Do nhân gì, duyên gì, vua tranh giành với vua, các Bà-la-môn, cư sĩ tranh giành với nhau?”

Ma-ha Ca-chiên-diên trả lời Phạm chí:

“Vì do bị trói buộc bởi tham dục[28] nên vua tranh giành với vua; các Bà-la-môn, cư sĩ tranh giành với nhau.”

Phạm chí lại hỏi:

“Do nhân gì, duyên gì, những người xuất gia tranh giành nhau?”

Ma-ha Ca-chiên-diên đáp:

“Vì do bị trói buộc bởi kiến dục[29] nên người xuất gia tranh giành

---

23. Paøli: cittaö dìgharattaö vivekaninnaö vivekapoòaö vivekapabbhaøraö, “tâm thú lâu ngày hướng viễn ly, xu hướng viễn ly, khuynh hướng viễn ly”.
24. Ấn Thuận, “31. Tương ưng Đại Ca-chiên-diên”, gồm các kinh Đại Chánh 546-555. – Đại Chánh kinh 546, Paøli: A.2.4.6 AØraømadaòña.
25. Ô-nê trì □. Paøli: Kaddamadaha (ao bùn).
26. Bạt-lan-na tụ lạc . Paøli: Varaòaø.
27. Chấp tháo quán trượng phạm chí . Tháo quán, bản Cao-ly *tưới nước*; bản Tống *rửa tay*; bản Nguyên-Thánh *cái hủ*. Paøli: AØraømadaòña braøhmaòo.
28. Tham dục hệ trước . Paøli: kaømaraøgaøbhinivesa, đam mê dục lạc.
29. Kiến dục hệ trước . Paøli: diæææhiraøgaøbhinivesa, đam mê kiến giải.

với người xuất gia."

Phạm chí lại hỏi:

"Thưa Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên, có người nào lìa được sự ràng buộc của tham dục và lìa được sự ràng buộc của những kiến dục này không?"

Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên đáp:

"Có, này Phạm chí, Đại Sư của tôi là Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn, có thể lìa được sự ràng buộc của tham dục và lìa được sự ràng buộc của những kiến dục này."

Phạm chí lại hỏi:

"Phật Thế Tôn hiện nay đang ở chỗ nào?"

Đáp:

"Đức Thế Tôn hiện tại đang ở giữa những người Ba-la-kỳ, nơi rừng cây Kỳ-đà, vườn Cấp cô độc, thành Xá vệ, nước Câu-tát-la."

Bấy giờ, Phạm chí từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, trịch vai áo bên hữu, gối phải quỳ sát đất, hướng về nơi ở của Phật chấp tay tán thán: 'Nam-mô Phật! Nam-mô Phật Thế Tôn, Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác có thể lìa mọi sự ràng buộc của tham dục, hoàn toàn xa lìa mọi sự trói buộc của tham dục và các kiến dục, sạch hết cội gốc.'

Bấy giờ, Phạm chí cầm gậy tháo quán nghe Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên nói xong, tùy hỷ hoan hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

M

KINH 547. TÚC SĨ[30]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Tôn giả Ca-chiên-diên đang ở bên bờ ao Ô-nê thôn Bà-la-na[31]. Bấy giờ, cùng với số đông Tỳ-kheo tụ tập ở nhà ăn, vì việc

30. Người lớn tuổi. Paøli, A.2.4.7 Kaòñaraøyana.

31. Bà-la-na ±Ͼ ĩ ..ø ;ℱ xem cht. 25, 26, kinh 546. Paøli: Madhuraøyaö Gundaøvane, trong rừng Gundaø, vương

thọ trì y. Lúc ấy, có Phạm chí chống gậy[32] tuổi già, các căn suy yếu, đến chỗ nhà ăn, chống gậy đứng một bên. Sau một hồi im lặng, ông mới nói với các Tỳ-kheo:

"Này các Trưởng lão, tại sao các ông thấy người lớn tuổi, mà không chào hỏi, cung kính mời ngồi?"

Lúc đó, Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên cũng ngồi trong chúng. Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên bảo Phạm chí:

"Theo pháp của chúng tôi, khi có người già cả đến, đều chào hỏi cung kính, lễ bái, mời ngồi."

Phạm chí nói:

"Tôi thấy trong chúng này, không có ai già cả hơn tôi, mà chẳng có ai cung kính chào hỏi mời ngồi. Thế sao ông nói rằng theo pháp của ông, nếu thấy có người lớn tuổi thì đều cung kính lễ bái mời ngồi?"

Ma-ha Ca-chiên-diên đáp:

"Này Phạm chí, nếu có người nào già cả đến tám mươi, chín mươi tuổi, tóc bạc, răng rụng, mà chỉ thành tựu được pháp thiếu niên, thì người này chẳng phải là bậc tôn túc[33]. Ngược lại, tuy là người tuổi trẻ khoảng hai mươi lăm, da trắng tóc đen, khỏe mạnh, hoàn toàn đẹp đẽ, mà thành tựu được pháp của bậc cao niên, thì được kể vào hàng tôn túc."

Phạm chí hỏi:

"Tại sao gọi là người tám mươi, chín mươi tuổi, tóc bạc răng rụng, lại thành tựu pháp thiếu niên, còn người trẻ tuổi khoảng hai mươi lăm, da trắng tóc đen, khỏe mạnh, đẹp đẽ, lại được kể vào hàng tôn túc?"

Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên bảo Phạm chí:

"Có năm phẩm chất của dục, đó là sắc được nhận thức bởi mắt,

---

quoác Madhura.

32. Chấp trượng phạm chí 執杖梵志. Paøli: Bà-la-môn Kaòñaraøyana.

33. Hán: túc sĩ 宿士. Paøli: atha kho baølo na therotveva saíkhyaö gacchati, "(người bị chi phối bởi duïc voïng) người như vậy được gọi là người ngu, chứ không phải là Trưởng lão". Paøli, baøla chỉ người ngu, cũng có nghĩa là con nít.

đáng yêu, đáng thích, đáng nhớ nghĩ; tiếng được nhận thức bởi tai; hương được nhận thức bởi mũi; vị được nhận thức bởi lưỡi; xúc được nhận thức bởi thân, đáng yêu, đáng thích, đáng nhớ nghĩ. Đối với năm phẩm chất của dục này, mà không lìa tham, không lìa dục, không lìa ái, không lìa niệm tưởng, không lìa khát vọng, thì này Phạm chí, nếu người nào như vậy, thì dù tám mươi, chín mươi tuổi, tóc bạc, răng rụng, cũng gọi đó là thành tựu được pháp thiếu niên. Còn người tuy tuổi mới hai mươi lăm, da trắng, tóc đen, khỏe mạnh, đẹp đẽ nhưng đối với năm phẩm chất của dục này, mà lìa tham, lìa dục, lìa ái, lìa niệm tưởng, lìa khát vọng. Người như vậy, tuy tuổi mới hai mươi lăm, da tắng, tóc đen, khỏe mạnh, đẹp đẽ nhưng thành tựu được pháp của bậc lão nhân thì được kể vào hàng tôn túc."

Bấy giờ, Phạm chí mới nói với Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên:

"Như ý nghĩa Tôn giả đã nói, nếu tự xét lại mình thì tuy tôi đã già mà lại nhỏ, còn các vị tuy trẻ tuổi mà đã thành tựu được pháp của bậc cao niên.

"Thưa Tôn giả, thế gian bận nhiều việc, tôi xin cáo từ."

Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên đáp:

"Này Phạm chí, ông tự biết đúng thời."

Phạm chí nghe Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên nói xong, tùy hỷ, vui mừng rồi trở về nhà mình.

M

KINH 548. MA-THÂU-LA[34]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên đang ở trong rừng rậm[35]. Lúc ấy, quốc vương nước Ma-thâu-la là Tây Phương vương tử[36] đi đến chỗ Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên, đảnh lễ, rồi ngồi lui qua một bên, hỏi Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên:

---

34. Paøli, M.84 Madhura-sutta.

35. Trù lâm [illegible] Paøli: Madhuraøyaö Gundaøvane.

36. Tây Phương vương tử [illegible] Paøli, vua nước Madhuraø tên là Avantiputta.

“Người Bà-la-môn tự nói, ta là nhất, kẻ khác là thấp hèn. Ta là trắng, kẻ khác là đen. Bà-la-môn là thanh tịnh, chứ không phải phi Bà-la-môn. Chính con Phạm thiên[37] từ miệng sanh ra, được hóa sanh từ Phạm thiên, là thừa tự của Phạm thiên[38], nên chúng là sở hữu của Phạm thiên. Thưa Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên nghĩa này thế nào?”

Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên nói với vua Ma-thâu-la:

“Đại vương, đây chỉ là ngôn thuyết của thế gian[39]. Người thế gian cho rằng Bà-la-môn là nhất, kẻ khác là thấp hèn. Bà-la-môn là trắng, kẻ khác là đen. Bà-la-môn là thanh tịnh, chứ không phải phi Bà-la-môn. Chính Bà-la-môn được Phạm thiên sanh, từ miệng sanh ra, được hóa sanh từ Phạm thiên, là thừa tự của Phạm thiên. Đại vương nên biết, nghiệp là chân thật; điều đó căn cứ vào nghiệp.

Vua nói với Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên:

“Đó là những lời nói sơ lược, tôi không hiểu rõ. Xin giải thích phân biệt lại cho.”

Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên đáp:

“Bây giờ, tôi sẽ hỏi Đại vương, tùy theo câu hỏi mà Đại vương trả lời.”

Tôn giả liền hỏi:

“Thưa Đại vương, ngài là vua Bà-la-môn[40], nơi đất nước của mình có bốn hạng người này là Bà-la-môn, Sát-đế-lợi, cư sĩ, gia chủ, đều được gọi đến. Ngài dùng tiền của, thế lực khiến họ hầu cận phòng vệ, họ dậy trước ngủ sau và các mệnh lệnh được chấp hành, tất cả đều được như ý mình không?”

Vua đáp:

“Như ý.”

Tôn giả lại hỏi:

“Tâu Đại vương, Sát-đế-lợi là vua, cư sĩ là vua, gia chủ là vua[41].

37. Bản Hán: Bà-la-môn tử ±C ĩ a, ∅l;F không phân biệt brahma (Phạm thiên) với braøhmaòa (Bà-la-môn).

38. Bản Hán: thị Bà-la-môn sở hữu ¬O ±C ĩ a, ©J /3. Paøli: brahmadaøyaødaø.

39. Paøli: ghosoyeva kho eso, mahaøraja, lokasmiò, đó chỉ là tiếng chào xáo trong đời.

40. Nên hiểu, “nếu người Bà-la-môn làm vua”. So sánh các đoạn dưới.

41. Nên hiểu, “nếu người Sát-đế-lợi (...) làm vua”.

Nếu tại đất nước của mình có bốn chủng tánh, đều được gọi đến. Nhà vua dùng của cải, thế lực, khiến họ hầu cận phòng vệ, họ dậy trước ngủ sau và vua ra lệnh làm các việc, thì có được như ý vua không?"

Vua đáp:

"Như ý."

"Thưa Đại vương, như vậy bốn chủng tánh này, tất cả đều bình đẳng có sai biệt nào. Đại vương nên biết, bốn chủng tánh này tất cả đều bình đẳng, không có sự sai biệt nào hoặc hơn hay bằng."

Vua Ma-thâu-la bạch Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên:

"Thưa Tôn giả đúng như vậy, bốn chủng tánh này đều bình đẳng, không có gì sai biệt dù là hơn hay là bằng."

"Cho nên, Đại vương nên biết, bốn chủng tánh này theo ngôn thuyết của thế gian là có sai khác, cho đến, căn cứ vào nghiệp, chân thật chứ không sai khác."

"Lại nữa, Đại vương trong đất nước này, nếu dòng Bà-la-môn có người trộm cắp thì nên hành xử như thế nào?"

Vua thưa Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên:

"Trong dòng Bà-la-môn nếu có người nào trộm cắp thì sẽ bị đánh bằng roi, bị trói, hoặc bị đuổi ra khỏi nước, hoặc phạt tiền của, hoặc bị chặt tay chân, xẻo tai mũi; nếu là tội nặng thì sẽ bị giết chết. Kẻ trộm đó dù là dòng Bà-la-môn cũng gọi là giặc."

Lại hỏi:

"Thưa Đại vương, nếu trong dòng Sát-đế-lợi, cư sĩ, gia chủ có kẻ trộm cắp, thì phải làm thế nào?"

Vua thưa Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên:

"Cũng bị phạt đánh roi, bị trói, bị đuổi ra khỏi nước, cũng phạt tiền của, bị chặt tay, chân, xẻo tai, mũi; nếu tội nặng thì bị giết chết."

"Như vậy, thưa Đại vương, há không phải bốn chủng tánh đều bình đẳng sao? Hay có sự sai khác nào chăng?"

Vua thưa Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên:

"Ý nghĩa của chúng là như vậy. Thật ra không có bất cứ một sai biệt nào dù là hơn hay là bằng."

Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên lại nói với vua:

"Đại vương nên biết, về bốn chủng tánh này, ngôn thuyết của thế gian nói, Bà-la-môn là nhất, kẻ khác là thấp hèn. Bà-la-môn là

trắng, kẻ khác là đen. Bà-la-môn là thanh tịnh, chứ không phải phi Bà-la-môn. Chính Bà-la-môn được Phạm thiên sanh, từ miệng sanh ra; được hóa sanh từ Phạm thiên, là thừa tự của Phạm thiên. Há không phải là y cứ vào nghiệp, chân thật y cứ vào nghiệp chăng?"

Lại hỏi:

"Đại vương, nếu người Bà-la-môn sát sanh, trộm cắp, tà dâm, nói dối, nói lời ác, hai lưỡi, nói thêu dệt, tham, nhuế, tà kiến, tạo mười nghiệp đạo bất thiện thì sẽ sanh vào cõi ác hay cõi lành? Từ nơi vị A-la-hán[42] vua đã nghe được những gì?"

Vua thưa Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên:

"Bà-la-môn tạo mười nghiệp đạo bất thiện sẽ đọa vào đường ác. Từ nơi A-la-hán tôi nghe như vậy. Sát-đế-lợi, cư sĩ, gia chủ cũng nói như vậy.

Lại hỏi:

"Thưa Đại vương, nếu Bà-la-môn nào làm mười nghiệp đạo lành, xa lìa sát sanh cho đến chánh kiến thì sẽ sanh vào nơi nào? Cõi lành hay cõi ác? Từ nơi vị A-la-hán vua đã nghe được những gì?"

Vua thưa Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên:

"Nếu Bà-la-môn làm mười nghiệp đạo lành thì sẽ sanh vào cõi lành. Từ nơi A-la-hán tôi nghe như vậy. Sát-đế-lợi, cư sĩ, gia chủ cũng nói như vậy."

Lại hỏi:

"Thế nào Đại vương, bốn chủng tánh như vậy, là có bình đẳng không, hay có gì sai biệt dù là hơn hoặc là bằng?"

Vua thưa Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên:

"Theo nghĩa như vậy thì là bình đẳng, không có gì sai biệt dù là hơn hay là bằng."

"Cho nên Đại vương nên biết, bốn chủng tánh này đều bình đẳng không có gì sai biệt dù là hơn hay là bằng. Theo ngôn thuyết thế gian mà nói, Bà-la-môn là nhất, kẻ khác là thấp hèn. Bà-la-môn là trắng, kẻ khác là đen. Bà-la-môn là thanh tịnh, chứ không phải phi Bà-la-môn. Chính Bà-la-môn được Phạm thiên sanh, từ miệng sanh ra;

42. A-la-ha [illegible] Pāli: arahā, tức A-la-hán; ở đây chỉ chung các bậc Thánh được tôn sùng, không phải riêng A-la-hán trong hàng Thanh văn của Phật.

được hóa sanh từ Phạm thiên, là thừa tự của Phạm thiên. Nên biết là do nghiệp là chân thật, là y cứ vào nghiệp.

Vua thưa Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên:

"Thật đúng như những gì đã nói đó, tất cả đều ngôn thuyết của thế gian nên nói Bà-la-môn là nhất, kẻ khác là thấp hèn. Bà-la-môn là trắng, kẻ khác là đen. Bà-la-môn là thanh tịnh, chứ không phải phi Bà-la-môn. Chính Bà-la-môn được Phạm thiên sanh, từ miệng sanh ra, được hóa sanh từ Phạm thiên, là thừa tự của Phạm thiên. Nhưng đều do nghiệp là chân thật, là y cứ vào nghiệp."

Vua Ma-thâu-la nghe Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên nói xong, tùy hỷ vui mừng làm lễ rồi đi.

M

KINH 549. CA-LÊ[43]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên đang ở trong tinh xá Câu-la-la-tra, nước A-bàn-đề[44].

Sáng sớm, Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên đắp y, mang bát, vào[45] Câu-la-la-tra, tuần tự đi khất thực, đến nhà Ưu-bà-di Ca-lê-ca[46].

Khi ấy, Ưu-bà-di trông thấy Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên, liền sửa soạn chỗ ngồi, rồi mời ngồi, đảnh lễ dưới chân Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên xong, đứng lui qua một bên, thưa Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên:

"Như những gì Đức Thế Tôn đã dạy, trả lời câu hỏi của đồng nữ Tăng-kỳ-đa[47]. Thế Tôn đã nói trong bài kệ những câu hỏi của đồng nữ

---

43. Paøli, A.10.26 Kaølì.

44. A-bàn-đề quốc Câu-la-la-tra tinh xá [illegible] Paøli: Avantìsu Kuraraghare pavatte pabbate, trong thị trấn Kuraraghara, vương quoác Avanti, trong nuùi Pavatta.

45. Hán: nhập [illegible] Có sự nhầm lẫn về địa danh trong bản Hán.

46. Ca-lê-ca [illegible] Paøli: Kuraragharikaø Kaøliì, vợ của người thợ săn chim ưng (?). Bản Paøli: Ưu-bà-di Kaølì đi đến chỗ Tôn giả.

47. Tăng-kỳ-đa đồng nữ sở vấn [illegible] Paøli: Kumaøripaóha, "những câu hỏi của Đồng nữ", chỉ các con gái của Mara, trong kinh S.4.25 Dhìtaro.

Tăng-kỳ-đa:

Thật nghĩa ở tại tâm,
Tịch diệt mà không loạn[48].
Hàng phục quân dũng mãnh,
Sắc đẹp đẽ đáng yêu[49].
Một mình, chuyên thiền tứ,
Nếm Thiền lạc vi diệu,
Đó gọi là xa lìa,
Các bạn bè thế gian.
Các bạn bè thế gian,
Không gần gũi ta được.

"Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên, bài kệ này của Thế Tôn, ý nghĩa như thế nào?

Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên trả lời Ưu-bà-di:

"Này chị, có một Sa-môn Bà-la-môn nói: Biến xứ định về đất[50]; không còn gì hơn đây để cầu mong quả này[51]. Này chị, nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào đối với biến xứ định về đất, mà được thanh tịnh trong sáng, thì sẽ thấy được căn bản của nó[52], thấy được sự tai hại, thấy được sự diệt tận, thấy được con đường đưa đến sự diệt tận. Vì thấy được cội gốc, thấy được sự tai hại, thấy được sự diệt tận, thấy được con đường đưa đến sự diệt tận, nên đạt được nghĩa chân thật tại tâm, tuy tịch diệt nhưng không loạn.

Này chị, cũng vậy biến xứ định về nước, biến xứ định về lửa, biến xứ định về gió, biến xứ

48. Hán: thật nghĩa tồn ư tâm, tịch diệt nhi bất loạn. Paøli: atthassa pattiö hadayassa santiö, đạt đến mục đích (ý nghĩa) và sự tịch tĩnh của tâm.

49. Paøli: jetva senaö piyasaøtaruøpaö, hàng phục quân đội sắc khả ái, khả hỷ.

50. Hán: địa nhất thiết nhập xứ chánh thọ môn chánh thọ (tập trung tư tưởng) có đề mục là nhất thiết nhập (hay biến xứ: tập trung trên tính phổ biến của đối tượng) với đối tượng là đất, một trong mười đối tượng của đề mục thiền định biến xứ. Paøli: paæhavì-kasiòa-samaøpatti.

51. Paøli: paæhavìkasiòasamaøpattiparamaø kho bhaginì eke samaòabraøhmaòaø attho' ti abhinibbattesuö, "Một số Sa-môn, Bà-la-môn cho rằng địa biến xứ định là mục đích (ý nghĩa) tối thượng".

52. Đây chỉ vị ngọt của định. Paøli: assaøda.

định về màu xanh, biến xứ định về màu vàng, biến xứ định về màu đỏ, biến xứ định về màu trắng; biến xứ định về hư không, biến xứ định về thức là tối thượng để cầu mong quả này.

Này chị, nếu có Sa-môn, Bà-la-môn nào cho đến, biến xứ định về thức, mà được thanh tịnh trong sáng, thì sẽ thấy căn bản, thấy được sự tai hại, thấy được sự diệt tận, thấy được con đường đưa đến sự diệt tận. Vì thấy được căn bản, thấy được sự tai hại, thấy được sự diệt tận, thấy con đường đưa đến sự diệt tận, nên đạt được nghĩa chân tại tâm, tịch diệt mà không loạn, khéo thấy, khéo nhập. Cho nên, Thế Tôn trả lời bài kệ những câu hỏi của đồng nữ Tăng-kỳ-đa:

Thật nghĩa ở tại tâm,
Tịch diệt mà không loạn.
Hàng phục quân dũng mãnh,
Sắc đẹp đẽ đáng yêu.
Một mình, chuyên thiền tứ,
Nếm Thiền lạc vi diệu,
Đó gọi là xa lìa,
Bạn bè của thế gian.
Các bạn bè thế gian,
Không gần gũi ta được.

"Này chị, vì tôi hiểu Thế Tôn bằng ý nghĩa như vậy mà nói kệ như vậy."

Ưu-bà-di thưa:

"Lành thay Tôn giả! Tôn giả đã nói nghĩa chân thật. Xin Tôn giả nhận lời mời thọ trai của con."

Bấy giờ, Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên im lặng nhận lời.

Ưu-bà-di Ca-lê-ca biết Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên đã nhận lời mời rồi, liền sắm sửa các thứ đồ ăn thức uống ngon lành, cung kính tôn trọng, tự tay dâng thức ăn. Khi Ca-lê-ca biết Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên đã thọ thực, rửa bát, súc miệng xong, liền sửa soạn một chỗ ngồi thấp trước Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên, cung kính nghe pháp. Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên vì nữ cư sĩ mà nói các pháp, khai thị, chỉ giáo, soi sáng, khiến cho hoan hỷ, sau đó Tôn giả từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

M

KINH 550. LY[53]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên cũng ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên bảo các Tỳ-kheo:

"Phật Thế Tôn, Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, là bậc Tri giả, là bậc Kiến giả[54], nói sáu pháp ra khỏi chỗ khổ, đạt đến chỗ thù thắng, nói nhất thừa đạo khiến cho chúng sanh được thanh tịnh, lìa mọi sự khổ não, dứt hết lo buồn, được pháp chân như[55]. Sáu pháp ấy là gì? Đó là, Thánh đệ tử niệm tưởng pháp sở hành của Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, là pháp sở hành thanh niệm[56]: Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Thánh đệ tử do niệm pháp sở hành của Như Lai, nên lìa giác tưởng tham dục, lìa giác tưởng sân nhuế, lìa giác tưởng não hại[57]. Thánh đệ tử ra khỏi tâm nhiễm trước. Tâm nhiễm trước là gì? Đó là năm phẩm chất của dục. Nếu đối với năm phẩm chất của dục này mà lìa tham, nhuế, si, an trụ chánh niệm, chánh trí, nương theo trực đạo, tu tập niệm Phật, chân chánh hướng thẳng đến Niết-bàn. Đó gọi là Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, là bậc Tri giả, Kiến giả, nói nhất thừa đạo thứ nhất ra khỏi khổ, đạt đến chỗ thù thắng, khiến chúng sanh được thanh tịnh, lìa khỏi mọi khổ não, diệt hết mọi lo buồn, được pháp như thật.

"Lại nữa, Thánh đệ tử luôn niệm tưởng Chánh pháp, niệm: Pháp

---

53. Paøli, A.6.26 Kaccaøna.

54. Hán: sở tri sở kiến 所知所見. Paøli: jaønataø passataf, danh từ tác nhân; bản Hán hiểu là phân từ quá khứ.

55. Paøli: óaøyassa adhigamaøya nibbaønassa sacchikitiyaøya, để đạt chánh lý, chứng Niết-bàn.

56. Nguyên bản: tịnh 淨. Theo đoạn dưới, sửa lại là niệm 念.

57. Tham dục giác, sân nhuế giác, hại giác 欲覺恚覺不饒益覺, tức ba bất thiện tầm. Paøli: tayo akusala-vitakk aø: kaø ma-vitakko, vyaøpaøda-, vihiösa-vitakko.

luật hiện tại của Thế Tôn[58], lìa mọi nhiệt não, phi thời gian, thông suốt, thấy ngay trong hiện tại, duyên tự mình mà giác ngộ[59]. Lúc Thánh đệ tử niệm Chánh pháp, không khởi giác tưởng tham dục, giác tưởng sân nhuế, não hại. Như vậy, Thánh đệ tử ra khỏi tâm nhiễm trước. Tâm nhiễm trước là gì? Đó là năm phẩm chất của dục. Nếu đối với năm phẩm chất của dục này mà lìa tham, nhuế, si, an trụ chánh niệm, chánh trí, nương theo trực đạo, tu tập niệm Phật, chân chánh hướng thẳng đến Niết-bàn. Đó gọi là Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, là bậc Tri giả, Kiến giả, nói nhất thừa đạo thứ hai ra khỏi khổ, đạt đến chỗ thù thắng, khiến chúng sanh được thanh tịnh, lìa khỏi mọi khổ não, diệt hết mọi lo buồn, được pháp như thật.

"Lại nữa, Thánh đệ tử luôn niệm Tăng pháp là bậc thiện xảo thú hướng, chân chánh thú hướng, trực chỉ thú hướng, bình đẳng thú hướng, tu hạnh tùy thuận, Đó là hướng Tu-đà-hoàn, đắc quả Tu-đà-hoàn; hướng Tư-đà-hàm, đắc quả Tư-đà-hàm; hướng A-na-hàm, đắc quả A-na-hàm; hướng A-la-hán, đắc quả A-la-hán. Như vậy, bốn đôi, tám bậc, đó gọi là Tăng đệ tử của Thế Tôn, đầy đủ giới, đầy đủ định, đầy đủ tuệ, đầy đủ giải thoát, đầy đủ giải thoát tri kiến, là phước điền Vô thượng của thế gian, là nơi xứng đáng cúng dường, cung kính, lễ bái[60]. Khi Thánh đệ tử niệm Tăng, không khởi giác tưởng tham dục, sân nhuế, não hại, như vậy, Thánh đệ tử thoát khỏi tâm nhiễm trước. Tâm nhiễm trước là gì? Đó là năm phẩm chất của dục. Nếu đối với năm phẩm chất của dục này mà lìa tham, nhuế, si, an trụ chánh niệm, chánh trí, nương theo trực đạo, tu tập niệm Phật, chân chánh hướng thẳng đến Niết-bàn. Đó gọi là Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác,

---

58. Dịch sát Hán: *Thế Tôn hiện tại pháp luật* . Bản Hán hiểu sai. Văn chuẩn theo Huyền Trang: *Phật chánh pháp (thiện thuyết) hiện kiến* ( ) : Chánh pháp của Phật (được khéo thuyết), chứng nghiệm ngay trong hiện tại. Paøli: (svaøkkhato) bhagavato dhammo sandiæææhiko. Xem cht. dưới.

59. Văn chuẩn định cú về niệm pháp (Huyền Trang, Pháp Uẩn Túc Luận 3): "Phật Chánh pháp thiện thuyết, hiện kiến, vô nhiệt, ứng thời, dẫn đạo, cận quán, trí giả nội chứng". Paøli: svaøkkhaøto bhagavataø dhammo sandiæææhiko akaøliko ehipassiko opnanaøyiko paccattaö veditabbo vióóuøhìti.

60. Văn chuẩn định cú về niệm Tăng, xem Pháp uẩn, đã dẫn trên.

là bậc Tri giả, Kiến giả, nói nhất thừa đạo thứ ba ra khỏi khổ, đạt đến chỗ thù thắng, khiến chúng sanh được thanh tịnh, lìa khỏi mọi khổ não, diệt hết mọi lo buồn, được pháp như thật.

"Lại nữa, Thánh đệ tử niệm Giới đức, niệm: Giới không khuyết, giới không vỡ, giới thuần hậu, giới không lìa, giới không trộm lấy[61], giới khéo rốt ráo, giới đáng khen ngợi, giới mà bậc phạm hạnh không ghét bỏ. Nếu Thánh đệ tử khi niệm giới, tự nhớ nghĩ những giới đã được thành tựu trong thân, ngay lúc ấy không khởi giác tưởng tham dục, sân nhuế, não hại, thì như vậy là Thánh đệ tử đã ra khỏi tâm nhiễm trước. Tâm nhiễm trước là gì? Đó là năm phẩm chất của dục. Nếu đối với năm phẩm chất của dục này mà lìa tham, nhuế, si, an trụ chánh niệm, chánh trí, nương theo trực đạo, tu tập niệm Phật, chân chánh hướng thẳng đến Niết-bàn. Đó gọi là Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, là bậc Tri giả, Kiến giả, nói nhất thừa đạo thứ tư ra khỏi khổ, đạt đến chỗ thù thắng, khiến chúng sanh được thanh tịnh, lìa khỏi mọi khổ não, diệt hết mọi lo buồn, được pháp như thật.

"Lại nữa, Thánh đệ tử niệm Thí pháp[62], tâm tự vui mừng: Nay ta đã lìa cấu uế xan tham; dù là tại gia mà tâm bố thí với sự giải thoát, thường thí, xả thí, vui thí, thành tựu sự bố thí, bố thí bình đẳng. Nếu Thánh đệ tử khi niệm thí pháp mà tự mình bố thí, không khởi giác tưởng tham dục, sân nhuế, não hại, thì như vậy, Thánh đệ tử ra khỏi tâm nhiễm trước. Tâm nhiễm trước là gì? Đó là năm phẩm chất của dục. Nếu đối với năm phẩm chất của dục này mà lìa tham, nhuế, si và an trụ chánh niệm, chánh trí, nương theo trực đạo, tu tập niệm Phật, chân chánh hướng thẳng đến Niết-bàn. Đó gọi là Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, là bậc Tri giả, Kiến giả, nói nhất thừa đạo thứ năm ra khỏi khổ, đạt đến chỗ thù thắng, khiến chúng sanh được thanh tịnh, lìa khỏi mọi khổ não, diệt hết mọi lo buồn, được pháp như thật.

"Lại nữa, Thánh đệ tử luôn niệm Thiên đức[63], niệm: Tứ vương

---

61. Phi đạo thủ giới □. Paøli: bhujssaøni (silaøni): nô lệ được giải phóng, tự do; (giới) tự tại.

62. Paøli: caøga, huệ thí, thí xả, từ thiện bố thí.

63. Paøli: devataønussati, niệm tưởng chư Thiên.

thiên, Tam thập tam thiên, Diệm-ma thiên, Đâu-suất-đà thiên, Hóa lạc thiên, Tha hóa tự tại thiên, với tín tâm thanh tịnh, khi mạng chung ở nơi nay sẽ sanh lên các cõi trời. Ta cũng như vậy, với tín, giới, thí, văn, tuệ, mạng chung ở nơi này sẽ được sanh lên các cõi trời. Như vậy, khi Thánh đệ tử niệm công đức chư Thiên, không khởi giác tưởng tham dục, sân nhuế, não hại, thì như vậy, Thánh đệ tử ra khỏi tâm nhiễm trước. Tâm nhiễm trước là gì? Đó là năm phẩm chất của dục. Nếu đối với năm phẩm chất của dục này mà lìa tham, nhuế, si và an trụ chánh niệm, chánh trí, nương theo trực đạo, tu tập niệm Phật, chân chánh hướng thẳng đến Niết-bàn. Đó gọi là Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, là bậc Tri giả, Kiến giả, nói nhất thừa đạo thứ năm ra khỏi khổ, đạt đến chỗ thù thắng, khiến chúng sanh được thanh tịnh, lìa khỏi mọi khổ não, diệt hết mọi lo buồn, được pháp như thật."

Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 551. HA-LÊ (1)[64]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên ở tại tinh xá họ Thích trong thôn Ha-lê.

Bấy giờ trưởng giả Ha-lê Tụ lạc[65] đến chỗ Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên, cúi đầu đảnh lễ, rồi ngồi lui qua một bên, thưa Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên:

"Như bài kệ Thế Tôn trả lời những câu hỏi của Ma-kiền-đề trong kinh Nghĩa phẩm[66]:

Đoạn tất cả các dòng,

---

64. Paøli, S.22.3 Haøliddikaøni.

65. Ha-lê Tụ lạc trưởng giả [illegible] Ha-lê tụ lạc chủ; xem kinh tiếp theo. Paøli: Haøliddikaøni-gahapati.

66. Paøli: aææhakavaggiye maøgandiyapaóhe, trong kinh Những câu hỏi của Maøgandiya, phẩm thứ 8 (Suttanipaøta).

Lấp kín nguồn nước chảy;
Sống thân cận làng xóm,
Mâu ni không khen ngợi.
Năm dục đã trống rỗng.
Quyết không đầy trở lại;
Lời tranh tụng thế gian,
Chung cuộc không xảy nữa.

Thưa Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên, kệ này có ý nghĩa gì?"

Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên trả lời gia chủ:

"Con mắt là dòng chảy. Tham phát khởi bởi thức con mắt. Nương vào giới con mắt mà tham dục chảy trào ra, nên gọi là dòng chảy[67]. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý là dòng chảy tham phát khởi bởi ý thức. Nương vào ý giới mà tham dục chảy trào ra, nên gọi là dòng chảy."

Gia chủ lại hỏi Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên:

"Thế nào gọi là không chảy trào ra[68]?"

Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên bảo gia chủ:

"Thức của con mắt; ái và hỷ y trên sắc được nhận thức bởi mắt mà phát sanh, nếu chúng dứt sạch, vô dục, diệt tận, tịch tĩnh, tịch diệt, thì đó gọi là không chảy trào ra. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý; là ý thức; tham dục y trên pháp được nhận thức bởi ý mà phát sanh, nếu chúng dứt sạch, vô dục, diệt tận, tịch tĩnh, tịch diệt, thì đó gọi là không chảy trào ra."

Lại hỏi:

"Thế nào là nguồn[69]?"

Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên đáp:

"Duyên con mắt và sắc sanh ra thức con mắt. Ba sự hòa hợp sanh ra xúc. Duyên xúc sanh cảm thọ, hoặc thọ lạc, thọ khổ, thọ không khổ không lạc. Từ đó phát xuất dòng nhiễm trước. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý; ý thức, ý thức pháp, cả ba hòa hợp sanh ra xúc. Duyên xúc sanh cảm thọ, hoặc thọ lạc, thọ khổ, thọ không khổ không lạc.

---

67. Hán: lưu 流. Paøli: ruøpadhaøtu gahapati vióóaøòassa oko, ruøpadhaøturaøgavinibaddhaóca pana vióóaøòam okasaøriti vuccati, "Sắc giới là nhà của thức. Thức bị trói buộc bởi sắc giới tham được gọi là người ở trọ nhà". Bản Hán đọc *ogho* (dòng chảy) thay vì *oko* (nhà).

68. Bất lưu 不流. Paøli: anokasaørì, người không ở trọ. Xem cht. trên.

69. Lưu nguyên 流原. Paøli: niketasaørì, tiêu tướng của trú xứ.

Dòng ái hỷ y nơi thọ này phát xuất, đó gọi là nguồn của dòng."

"Thế nào là lấp nguồn của dòng này?"

"Sự hệ lụy do giới con mắt tiếp nhận cảnh giới tâm pháp; nếu sự hệ lụy này dứt sạch, vô dục, diệt tận, tịch tĩnh, tịch diệt, đó gọi là lấp nguồn của dòng. Sự hệ lụy do tai, mũi, lưỡi, thân, ý tiếp nhận cảnh giới tâm pháp; nếu sự hệ lụy này dứt sạch, vô dục, diệt tận, tịch tĩnh, tịch diệt, đó gọi là lấp nguồn của dòng."

Lại hỏi:

"Thế nào là thân cận, tán thán nhau?"[70]

Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên đáp:

"Tại gia, xuất gia thân cận nhau, cùng mừng, cùng lo, cùng vui, cùng khổ, việc gì cũng đều làm chung; đó gọi là thân cận, tán thán nhau."

Lại hỏi:

"Thế nào là không khen ngợi?"[71]

"Là tại gia, xuất gia không cùng thân cận, không cùng mừng, không cùng lo, không cùng khổ, không cùng vui; phàm làm việc gì cũng đều không cùng nhau vui vẻ tán thành; đó gọi là không khen ngợi."

"Thế nào dục không trống không[72]?"

"Có năm phẩm chất của dục; sắc được nhận thức bởi mắt, đáng ưa, đáng thích, đáng nghĩ nhớ, đắm trước sâu, nuôi lớn dục. Tiếng bởi tai, hương bởi mũi đối với hương, vị bởi lưỡi đối với vị, xúc bởi thân đối với xúc, đáng ưa, đáng thích, đáng nghĩ nhớ, đắm trước sâu, nuôi lớn dục. Đối với năm dục này mà không lìa tham, không lìa ái, không lìa nhớ nghĩ, không lìa khao khát, thì đó gọi là dục không trống không."

"Thế nào gọi là dục trống không?"

"Là đối với năm dục này mà lìa tham, lìa dục, lìa ái, lìa nhớ nghĩ, lìa khát khao, thì đó gọi là dục trống không."

"Nói bị hệ lụy trói buộc bởi ngã, đó là khi tâm pháp trở lại

---

70. Paøli: kathaö ca gaøme santhavajaøto hoti, "Thế nào là sự hòa thuận trong thôn xóm?"

71. Bản Paøli: "Thế nào là không gần gũi xóm làng?"

72. Bất không dục . Paøli: kaømehi aritto, chưa dọn sạch các dục.

đầy[73].

"Vị Tỳ-kheo A-la-hán kia, đã đoạn tận các lậu, cắt đứt gốc rễ của chúng, như chặt đứt ngọn cây đa-la, đời vị lai sẽ không sanh trở lại nữa, thì làm sao lại cùng với kẻ khác tranh tụng.

"Cho nên, Thế Tôn trả lời câu hỏi của Ma-kiền-đề trong kinh Nghĩa phẩm bằng bài kệ:

Đoạn tất cả các dòng,
Lấp kín nguồn nước chảy;
Sống thân cận làng xóm,
Mâu-ni không khen ngợi.
Năm dục đã trống rỗng,
Quyết không đầy trở lại;
Lời tranh tụng thế gian,
Chung cuộc không xảy nữa.

Đó gọi là sự phân biệt nghĩa lý bài kệ mà Như Lai đã nói."

Bấy giờ, gia chủ Ha-lê Tụ lạc khi nghe Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên nói xong, tùy hỷ hoan hỷ, làm lễ rồi ra về.

M

KINH 552. HA-LÊ (2)[74]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên đang ở tại tinh xá của họ Thích trong thôn Ha-lê. Vị gia chủ thôn chủ Ha-lê[75] đi đến chỗ Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên cúi đầu đảnh lễ dưới chân Tôn giả, rồi ngồi lui qua một bên, thưa Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên:

"Như lúc Đức Thế Tôn ở trong hang đá núi Giới cách đã nói với Thiên đế Thích[76] rằng: 'Này Kiều-thi-ca, nếu có Sa-môn, Bà-

---

73. Giải thích câu tụng 6. Paøli: kathaóca... apurakkharaøno hoti, thế nào là không ước vọng?

74. S.22.4 Haøliddikaøni.

75. Xem cht.65, kinh 551.

76. Nguyên Hán: [illegible]. Xem kinh 505. Paøli: Kurara ghare

la-môn nào mà giải thoát vô thượng với sự diệt tận ái[77], tâm khéo chân chánh giải thoát, rốt ráo biên tế, rốt ráo vô cấu, cứu cánh phạm hạnh, tuyệt đối thanh tịnh'. Làm thế nào mà ở trong pháp luật này đạt đến rốt ráo biên tế, rốt ráo vô cấu, cứu cánh phạm hạnh, tuyệt đối thanh tịnh?"

Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên bảo gia chủ:

"Con mắt, thức con mắt, sắc được nhận thức bởi con mắt, nương nhau sanh hỷ. Nếu hỷ này đoạn tận, vô dục, diệt tận, tịch diệt, tĩnh chỉ, thì ngay trong Pháp luật này sẽ đạt đến rốt ráo biên tế, rốt ráo vô cấu, cứu cánh phạm hạnh, tuyệt đối thanh tịnh. Tai, mắt, lưỡi, thân, ý, ý thức; pháp được nhận thức bởi ý nhau sanh ra hỷ. Nếu hỷ này đoạn tận, vô dục, diệt tận, tịch diệt, tĩnh chỉ, thì ngay trong Pháp luật này sẽ đạt đến rốt ráo biên tế, rốt ráo vô cấu, cứu cánh phạm hạnh, tuyệt đối thanh tịnh."

Gia chủ thôn chủ Ha-lê, sau khi nghe lời chỉ dạy của Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên, tùy hỷ hoan hỷ, làm lễ ra về.

M

KINH 553. HA-LÊ (3)

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên đang ở tại tinh xá của họ Thích trong thôn Ha-lê. Vị gia chủ thôn chủ Ha-lê đi đến chỗ Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên cúi đầu đảnh lễ dưới chân Tôn giả, rồi ngồi lui qua một bên, thưa Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên:

"Như khi Thế Tôn ở trong hang đá núi Giới cách đã nói với Đế Thích rằng: Này Kiều-thi-ca, nếu có Sa-môn, Bà-la-môn nào mà giải thoát vô thượng với sự dứt sạch ái, tâm khéo chân chánh giải thoát, đạt đến rốt ráo biên tế, rốt ráo vô cấu, cứu cánh phạm hạnh, tuyệt đối thanh tịnh. Làm thế nào mà ở trong Pháp luật này đạt đến rốt ráo biên tế, tốt ráo vô cấu, cứu cánh phạm hạnh, tuyệt đối thanh tịnh?"

---

papaøte pabbate, trên sườn núi gần thị trấn Kurara ghara.

77. Ái tận giải thoát [illegible] Paøli: taòhaøkkhayavimutti; Cf. M.37 Cuøôataòhaøsaòkhaya-suttam.

Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên bảo gia chủ:

"Nếu Tỳ-kheo nào, đối với sự hệ lụy đắm trước nơi cảnh giới của tâm pháp được tiếp nhận bởi giới con mắt; sự hệ lụy ấy nếu đã dứt sạch, vô dục, diệt tận, tịch diệt, tĩnh chỉ, thì ở trong Pháp luật này mà đạt đến rốt ráo biên tế, rốt ráo vô cấu, cứu cánh phạm hạnh, tuyệt đối thanh tịnh. Đối với sự hệ lụy đắm trước nơi cảnh giới của tâm pháp được tiếp nhận bởi tai, mũi, lưỡi, thân, ý giới; sự hệ lụy ấy nếu đã dứt sạch, vô dục, diệt tận, tịch diệt, tĩnh chỉ, thì ở trong Pháp luật này mà đạt đến rốt ráo biên tế, rốt ráo vô cấu, cứu cánh phạm hạnh, tuyệt đối thanh tịnh."

Gia chủ thôn Ha-lê, nghe Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên nói xong, tùy hỷ hoan hỷ, làm lễ ra về.

M

KINH 554. HA-LÊ (4)

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên đang ở trong thôn Ha-lê của họ Thích. Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên nghe gia chủ chủ thôn Ha-lê mắc bệnh khổ. Sau khi nghe, vào buổi sáng sớm, đắp y mang bát vào thôn Ha-lê khất thực, lần lượt đến nhà gia chủ thôn chủ Ha-lê. Gia chủ thôn chủ Ha-lê từ xa trông thấy Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên, ông muốn rời chỗ nằm đứng dậy. Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên thấy gia chủ muốn đứng dậy, liền bảo gia chủ:

"Gia chủ chớ đứng dậy! May còn có chỗ ngồi, tôi có thể tự ngồi nơi đó."

Tôn giả lại nói với gia chủ:

"Thế nào gia chủ, tật bệnh có chịu đựng được không? Mọi thứ đau đớn của thân thể có thuyên giảm không? Không tăng thêm chăng?"

Gia chủ đáp:

"Thưa Tôn giả, bệnh con rất khó nhẫn chịu. Những sự đau đớn của thân thể càng tăng thêm, không bớt chút nào!"

Gia chủ liền nói ba thí dụ như kinh Xoa-ma Tỳ-kheo đã nói

trước.

Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên bảo gia chủ:

"Cho nên ông nên tu tập bất hoại tịnh đối với Phật, tu tập bất hoại tịnh đối với Pháp, tu tập bất hoại tịnh đối với Tăng, tu tập và thành tựu Thánh giới. Nên học như vậy."

Gia chủ đáp:

"Bốn Bất hoại tịnh như Đức Phật dạy con đã thành tựu được tất cả. Hiện tại con đã thành tựu Phật bất hoại tịnh, Pháp bất hoại tịnh, Tăng bất hoại tịnh và đã thành tựu Thánh giới."

Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên bảo gia chủ:

"Ông nên nương vào bốn pháp bất hoại tịnh này mà tu tập sáu pháp niệm. Nên niệm công đức Phật: Ngài là Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Nên niệm công đức Pháp: Đối với Chánh pháp luật của Thế Tôn, ngay trong đời này, xa lìa các phiền não bức rức, pháp được thông đạt, phi thời gian, duyên tự mình mà giác ngộ. Nên niệm công đức Tăng: Bậc thiện xảo thú hướng, chân chánh thú hướng, trực chỉ thú hướng, bình đẳng thú hướng, tu hạnh tùy thuận, Đó là hướng Tu-đà-hoàn, đắc quả Tu-đà-hoàn; hướng Tư-đà-hàm, đắc quả Tư-đà-hàm; hướng A-na-hàm, đắc quả A-na-hàm; hướng A-la-hán, đắc quả A-la-hán. Như vậy, bốn đôi, tám bậc, đó gọi là Tăng đệ tử của Thế Tôn, đầy đủ giới, đầy đủ định, đầy đủ tuệ, đầy đủ giải thoát, đầy đủ giải thoát tri kiến, là phước điền Vô thượng của thế gian, là nơi cúng dường, cung kính, lễ bái. Nên niệm công đức Giới: Tự giữ gìn chánh giới, không hủy, không khuyết, không vỡ, không nát, là giới chẳng trộm lấy[78], giới cứu cánh, giới đáng khen ngợi, giới phạm hạnh, giới không bị ghét bỏ. Nên niệm công đức Bố thí: Tự mình nghĩ đến bố thí, tự tâm cảm thấy hân hoan, xả bỏ keo kiệt, tham lam; tuy ở tại gia nhưng tâm bố thí giải thoát, thường bố thí, vui vẻ bố thí, bố thí đầy đủ, bố thí bình đẳng. Nên niệm công đức chư Thiên: Niệm trời Tứ vương, trời Tam thập tam, trời Diệm-ma, trời Đâu-suất-đà, trời Hóa lạc, trời Tha hóa tự tại. Chư Thiên này với tín và giới thanh tịnh,

---

78. Xem cht.61, kinh 550.

khi chết ở cõi này được sanh về trong các cõi kia. Ta cũng như vậy, nhờ tín, giới, trí, văn, tuệ thanh tịnh, nên được sanh về trong các cõi trời kia.

"Này gia chủ, như vậy nên biết nương vào bốn pháp Bất hoại tịnh và thêm sáu Niệm xứ nữa."

Gia chủ thưa Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên:

"Bốn pháp Bất hoại tịnh và sáu Niệm xứ mà Đức Thế Tôn đã nói, ở đây, tất cả con đều thành tựu. Con đang tu tập niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm Giới, niệm Thí, niệm Thiên.

Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên bảo gia chủ:

"Lành thay! Gia chủ có thể tự xác nhận là đắc quả A-na-hàm."

Bấy giờ, gia chủ thưa:

"Mời Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên ở lại đây thọ trai."

Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên nhận lời mời. Gia chủ thôn chủ Ha-lê, biết Tôn giả đã nhận lời, liền sửa soạn đầy đủ đồ ăn thức uống ngon, tự tay cúng dường. Thọ trai xong, sau khi rửa bát, súc miệng, Tôn giả vì gia chủ nói pháp, khai thị, chỉ giáo, soi sáng, làm cho hoan hỷ, xong Tôn giả liền từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

M

KINH 555. HA-LÊ (5)

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên đang ở trong thôn Ha-lê của họ Thích. Lúc đó có gia chủ ở Bát thành[79] tên là Đà-thí[80] thân bị bệnh khổ. Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên nghe gia chủ Đà-thí mắc bệnh, sáng sớm đắp y mang bát vào Bát thành khất thực, lần lượt đến nhà gia chủ Đà-thí. Như kinh gia chủ Ha-lê đã nói như vậy.

M

79. Bát thành Paøli: Aæææhaka-naøgara.

80. Đà-thí Paøli: Dasama.

KINH 556. VÔ TƯỚNG TÂM TAM-MUỘI[81]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong rừng An-thiền[82] tại thành Sa-kỳ[83].

Bấy giờ số đông Tỳ-kheo-ni đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật, rồi đứng lui qua một bên. Đức Thế Tôn liền vì các Tỳ-kheo-ni nói pháp, khai thị, chỉ giáo, soi sáng, làm cho hoan hỷ. Khai thị, chỉ giáo, soi sáng, làm cho hoan hỷ xong, Phật ngồi im lặng.

Các Tỳ-kheo-ni bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, nếu vô tướng tâm tam-muội[84], không vọt lên, không chìm xuống[85], sau khi giải thoát rồi an trụ, sau khi an trụ rồi giải thoát; thì vô tướng tâm tam-muội này, Thế Tôn dạy nó là quả gì, công đức gì?"

Phật bảo các Tỳ-kheo-ni:

"Nếu vô tướng tâm tam-muội, không vọt lên, không chìm xuống, sau khi giải thoát rồi an trụ, sau khi an trụ rồi giải thoát, thì vô tướng tâm tam-muội này là trí quả, là trí công đức."

Khi các Tỳ-kheo-ni nghe Phật dạy xong, đều tùy hỷ hoan hỷ, làm lễ mà lui.

Sau đó các Tỳ-kheo-ni đi đến Tôn giả A-nan, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Tôn giả, rồi ngồi lui qua một bên, thưa Tôn giả A-nan:

"Nếu vô tướng tâm tam-muội, không vọt lên, không chìm xuống, sau khi giải thoát rồi an trụ, sau khi an trụ rồi giải thoát, thì vô tướng tâm tam-muội này là quả gì, công đức gì?"

Tôn giả A-nan bảo các Tỳ-kheo-ni:

"Này các tỷ muội, nếu vô tướng tâm tam-muội, không vọt lên, không chìm xuống, sau khi giải thoát rồi an trụ, sau khi an trụ rồi giải

---

81. Ấn Thuận, "33. Tương ưng A-nan", gồm các kinh, Đại Chánh 556-565. –Đại Chánh kinh 556, không thấy Paøli tương đương.

82. An-thiền lâm [illegible] Paøli: Aójanavana, khu rừng gần thị trấn Saøketa.

83. Sa-kỳ [illegible] Paøli: Saøketa, thị trấn phước Kosala.

84. Vô tướng tâm tam-muội [illegible] xem kinh 566, quyển 21. Paøli: animittaø (ceto)samaødhi.

85. Hán: bất dũng bất một [illegible] Paøli: (Yaøyam samaødhi) na caøbhinato na caøpannato, (Định ấy) không căng lên, không chùn xuống.

thoát. Thế Tôn nói là trí quả, là trí công đức."

Các Tỳ-kheo-ni đều nói:

"Lạ thay, Tôn giả A-nan! Đại Sư và đệ tử có cùng một câu nói, cùng một vị, cùng một nghĩa, tức là Đệ nhất cú nghĩa. Hôm nay các Tỳ-kheo-ni có đến chỗ Thế Tôn, đem câu nói như vậy, vị như vậy, nghĩa như vậy hỏi Thế Tôn. Thế Tôn cũng đã vì chúng con nói câu như vậy, vị như vậy và nghĩa như vậy, giống như những gì Tôn giả A-nan nói không khác. Cho nên thật là kỳ đặc, Đại Sư và đệ tử cùng nói một câu, cùng vị và cùng nghĩa."

Các Tỳ-kheo-ni sau khi nghe những gì Tôn giả A-nan nói, tất cả đều tùy hỷ hoan hỷ, làm lễ mà lui.

M

KINH 557. XÀ-TRI-LA[86]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở tại vườn Cù-sư-la[87], thuộc nước Câu-diệm-di. Bấy giờ Tôn giả A-nan cũng ở tại đó.

Khi ấy Tỳ-kheo-ni Xà-tri-la[88] đến chỗ Tôn giả A-nan đảnh lễ, rồi ngồi lui qua một bên, hỏi Tôn giả A-nan:

"Nếu vô tướng tâm tam-muội, không vọt lên, không chìm xuống[89], sau khi giải thoát rồi an trụ, sau khi an trụ rồi giải thoát, thì thưa Tôn giả A-nan, Thế Tôn dạy nó là quả gì, công đức gì?"

Tôn giả A-nan bảo Tỳ-kheo-ni Xà-tri-la:

"Nếu vô tướng tâm tam-muội, không vọt lên, không chìm xuống, sau khi giải thoát rồi an trụ, sau khi an trụ rồi giải thoát, thì Thế Tôn dạy nó là trí quả, trí công đức."

Tỳ-kheo-ni Xà-tri-la khen ngợi:

"Lạ thay! Thưa Tôn giả A-nan, Đại Sư và đệ tử nói giống nhau cùng một câu, cùng một ý vị, cùng một nghĩa. Thưa Tôn giả A-nan, ngày trước, lúc Phật ở thành Sa-kỳ, trong rừng An-thiền, lúc đó,

---

86. Paøli: A. ix. 37. AØnanda.

87. Cù-sư-la viên [illegible]. Paøli: Ghositaøraøma, tinh xá do Ghosita ở Kosambì dựng.

88. Xà-tri-la Tỳ-kheo-ni [illegible]. Paøli: Jaôilaø.

89. Hán: bất dũng bất một [illegible]. Xem cht.85, kinh 556.

có nhiều Tỳ-kheo-ni đi đến chỗ Phật hỏi nghĩa này, Thế Tôn đã nói cho các Tỳ-kheo-ni nghe nói câu như vậy, ý vị như vậy, nghĩa cũng như vậy. Cho nên biết là kỳ đặc: Đại Sư và đệ tử cùng nói một câu, cùng một vị và cùng một nghĩa. Đó gọi là Đệ nhất cú nghĩa."

Sau khi Tỳ-kheo-ni Xà-tri-la nghe những gì Tôn giả A-nan nói xong, tùy hỷ hoan hỷ, làm lễ mà lui.

Như Tỳ-kheo-ni Xà-tri-la đã hỏi, Tỳ-kheo-ni Ca-la-bạt cũng hỏi như vậy.

M

KINH 558. A-NAN[90]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cù-sư-la, nước Câu-diệm-di. Bấy giờ Tôn giả A-nan cũng ở đó.

Lúc bấy giờ, có một Tỳ-kheo kia đạt được vô tướng tâm tam-muội, nghĩ rằng: "Ta hãy đến chỗ Tôn giả A-nan, hỏi Tôn giả, nếu Tỳ-kheo đạt được vô tướng tâm tam-muội, không vọt lên, không chìm xuống, sau khi giải thoát rồi an trụ, sau khi an trụ rồi giải thoát; thưa Tôn giả A-nan, Thế Tôn dạy nó là quả gì, công đức gì? Nếu Tôn giả A-nan hỏi ta: 'Tỳ-kheo, ông đã đạt vô tướng tâm tam-muội này phải không? Đáp, tôi chưa từng có'. Hỏi thật mà đáp khác đi. Ta sẽ theo sát Tôn giả A-nan, hoặc giả có người khác hỏi nghĩa này, nhờ đó mà ta được nghe."

Tỳ-kheo này đi theo Tôn giả A-nan suốt sáu năm, mà không có ai hỏi đến nghĩa này, nên mới tự hỏi Tôn giả A-nan:

"Nếu Tỳ-kheo hỏi vô tướng tâm tam-muội, không vọt lên, không chìm xuống, sau khi giải thoát rồi an trụ, sau khi an trụ rồi giải thoát, thì thưa Tôn giả A-nan, Thế Tôn dạy nó là quả gì, công đức gì?"

Tôn giả A-nan hỏi Tỳ-kheo này:

"Tỳ-kheo, ông đã đạt tam-muội này chưa?"

Tỳ-kheo này im lặng. Tôn giả A-nan nói với Tỳ-kheo này rằng:

"Nếu Tỳ-kheo đã đạt tâm vô tướng tâm tam-muội, không vọt

90. Paøli, A.9.37 AØnanda.

lên, không chìm xuống, sau khi giải thoát rồi an trụ, sau khi an trụ rồi giải thoát, thì Thế Tôn nói đó là trí quả, trí công đức."

Sau khi nghe Tôn giả A-nan nói pháp này xong, Tỳ-kheo tùy hỷ hoan hỷ, làm lễ mà lui.

❑

TẠP A-HÀM QUYỂN 21

KINH 537. THỦ THÀNH DỤC TRÌ[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Tôn giả Đại Mục-kiền-liên và Tôn giả A-na-luật ở bên hồ tắm Thủ thành[2], nước Xá-vệ.

Rồi Tôn giả Xá-lợi-phất[3] đi đến chỗ Tôn giả A-na-luật, cùng thăm hỏi sức khỏe nhau, rồi ngồi lui qua một bên. Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi Tôn giả A-na-luật:

"Hy hữu thay, A-na-luật! Có đại oai đức, đại thần lực[4], do công đức gì, tu tập, tu tập nhiều mà được như vậy?"[5]

Tôn giả A-na-luật trả lời Tôn giả Xá-lợi-phất:

"Đối với pháp bốn Niệm xứ tu tập, tu tập nhiều, nhờ đó nên thành tựu oai đức, thần lực lớn này. Bốn Niệm xứ là gì? Niệm xứ quán thân trên nội thân, tinh cần phương tiện, chánh niệm, chánh tri, điều phục tham ưu thế gian. Cũng vậy, niệm xứ quán thân trên ngoại thân, nội ngoại thân; thọ trên nội thọ, ngoại thọ, nội ngoại thọ; nội tâm, ngoại tâm, nội ngoại tâm; nội pháp, ngoại pháp, nội ngoại pháp; tinh cần phương tiện, chánh niệm, chánh tri, điều phục tham ưu thế gian. Đó gọi là bốn Niệm xứ được tu tập, tu tập nhiều, sẽ thành tựu oai đức, thần lực lớn này.

"Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, tôi đối với bốn Niệm xứ khéo tu tập, nên đối với tiểu thiên thế giới chỉ tạo ít phương tiện[6] mà có thể quán sát khắp tất cả. Như người mắt sáng ở trên lầu nhìn xuống, thấy mọi

---

1. Đại Chánh quyển 20. Kinh 537. Paøli, S.52.3 Sutanu.
2. Thủ thành dục trì [illegible] tên một con sông chảy qua Xá-vệ. Paøli: Sutanu.
3. Bản Paøli: sambahulaø bhikkhuø, số đông Tỳ-kheo.
4. Hán: đại đức đại lực [illegible]. Paøli: mahaøbhióóaøta, đại thần thông.
5. Paøli: katamesaö dhammaønaö bhaøvitattaø bahalikatattaø mahaøbhióóataö patto ti, do tu tập những pháp gì, tu tập nhiều, mà chứng đắc đại thắng trí (thần thông) này?
6. Chỉ cần chút cố gắng.

vật trên đất bằng. Cũng như vậy, tôi cũng chỉ tạo ít phương tiện mà có thể quán tiểu thiên thế giới. Như vậy, tôi đối với bốn Niệm xứ tu tập, tu tập nhiều, nên thành tựu oai đức thần lực lớn này."

Hai vị Tôn giả cùng bàn luận xong, mỗi người từ chỗ ngồi đứng dậy mà đi.

M

KINH 538. MỤC-LIÊN SỞ VẤN[7]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ các Tôn giả Xá-lợi-phất, Đại Mục-kiền-liên, Tôn giả A-nan, Tôn giả A-na-luật cũng đều ở nước Xá-vệ[8].

Bấy giờ Tôn giả Đại Mục-kiền-liên đến chỗ Tôn giả A-na-luật, cùng nhau thăm hỏi sức khỏe, rồi ngồi lui qua một bên.

Tôn giả Đại Mục-kiền-liên hỏi Tôn giả A-na-luật:

"Nhờ công đức gì, tu tập, tu tập nhiều, mà đạt được oai đức, thần lực lớn như vậy?"

Tôn giả A-na-luật trả lời Tôn giả Đại Mục-kiền-liên:

"Đối với pháp bốn Niệm xứ tu tập, tu tập nhiều, nhờ đó nên thành tựu oai đức, thần lực lớn này. Bốn Niệm xứ là gì? Niệm xứ quán thân trên nội thân, tinh cần phương tiện, chánh niệm, chánh tri, điều phục tham ưu thế gian. Cũng vậy, niệm xứ quán thân trên ngoại, nội ngoại thân; nội thọ, ngoại thọ, nội ngoại thọ; nội tâm, ngoại tâm, nội ngoại tâm; nội pháp, ngoại pháp, nội ngoại pháp; tinh cần phương tiện, chánh niệm, chánh tri, điều phục tham ưu thế gian. Đó gọi là bốn Niệm xứ được tu tập, tu tập nhiều, sẽ thành tựu oai đức, thần lực lớn này. Đối với ngàn núi Tu-di, tôi chỉ dùng chút phương tiện mà có thể xem xét tất cả. Như người mắt sáng leo lên đỉnh núi cao, nhìn xuống thấy ngàn rừng cây đa-la. Cũng vậy, đối với bốn Niệm xứ, tôi tu tập, tu tập nhiều, nên thành tựu được oai đức, thần lực lớn này, tôi chỉ dùng chút phương tiện mà thấy được cả ngàn núi Tu-di. Như vậy, thưa Tôn

---

7. Paøli, S.52.6 Kaòæakì.

8. Bản Paøli: ở tại Saøkete Kaòæakivane (khu rừng gai tại Saøketa).

giả Đại Mục-kiền-liên, đối với bốn Niệm xứ, tôi tu tập, tu tập nhiều, nên thành tựu oai đức, thần lực lớn này."

Hai vị Tôn giả bàn luận xong, mỗi người liền từ chỗ ngồi đứng dậy ra đi.

M

KINH 539. A-NAN SỞ VẤN[9]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Tôn giả Xá-lợi-phất, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên và Tôn giả A-na-luật ở bên hồ tắm Thủ thành, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Tôn giả A-nan đi đến chỗ Tôn giả A-na-luật, cùng thăm hỏi sức khỏe nhau, rồi ngồi lui qua một bên. Tôn giả A-nan hỏi Tôn giả A-na-luật:

"Nhờ công đức gì, tu tập, tu tập nhiều, mà được thành tựu oai đức, oai lực và thần thông lớn như vậy?"

Tôn giả A-na-luật trả lời Tôn giả A-nan:

"Đối với pháp bốn Niệm xứ tu tập, tu tập nhiều, nhờ đó nên thành tựu oai đức, thần lực lớn này. Bốn Niệm xứ là gì? Niệm xứ quán thân trên nội thân, tinh cần phương tiện, chánh niệm, chánh tri, điều phục tham ưu thế gian. Cũng vậy, niệm xứ quán thân trên ngoại thân, nội ngoại thân; nội thọ, ngoại thọ, nội ngoại thọ; nội tâm, ngoại tâm, nội ngoại tâm; nội pháp, ngoại pháp, nội ngoại pháp; tinh cần phương tiện, chánh niệm, chánh tri, điều phục tham ưu thế gian. Như vậy, Tôn giả A-nan, đối với bốn Niệm xứ này tôi tu tập, tu tập nhiều, nên chỉ cần chút phương tiện, bằng thiên nhãn thanh tịnh vượt hơn mắt người, xem thấy các chúng sanh lúc sanh, lúc chết, tướng mạo hoặc đẹp hoặc xấu, sắc cao quý, sắc hạ tiện, cõi lành, cõi ác, tùy theo nghiệp mà thọ sanh, tất cả đều thấy như thật. Chúng sanh như vậy do thân, miệng, ý đều tạo việc ác, phỉ báng Hiền thánh; do nhân duyên tà kiến hủy báng Hiền thánh, nên khi thân hoại mạng chung, sanh vào trong địa ngục. Chúng sanh như vậy do thân, miệng, ý làm việc lành, không phỉ báng Hiền thánh, thành tựu chánh kiến, do nhân duyên này nên khi chết

9. Paøli, S.52.23. Dibbacakkhu.

được sanh lên cõi trời. Thí như người mắt sáng đứng nơi ngã tư đường thấy mọi người qua lại, hoặc nằm ngồi. Tôi cũng vậy, đối với bốn Niệm xứ tu tập, tu tập nhiều, nên thành tựu được oai đức, oai lực thần thông lớn này; thấy tất cả chúng sanh lúc sanh, lúc chết, cõi lành, cõi ác. Chúng sanh như vậy do thân, miệng, ý làm ác, phỉ báng Hiền thánh, do nhân duyên tà kiến mà sanh vào địa ngục. Chúng sanh như vậy do thân, miệng, ý làm việc lành, không phỉ báng Hiền thánh, thì vì nhân duyên chánh kiến này, khi thân hoại mạng chung sẽ được sanh lên cõi trời.

"Như vậy, Tôn giả A-nan, đối với bốn Niệm xứ tôi tu tập, tu tập nhiều, nên thành tựu được oai đức, oai lực, thần thông lớn này."

Hai vị Tôn giả bàn luận xong, mỗi người từ chỗ ngồi đứng dậy mà đi.

M

KINH 540. SỞ HOẠN (1)[10]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Tôn giả A-na-luật đang ở tại tinh xá Tòng lâm[11], nước Xá-vệ, thân bị bệnh khổ.

Lúc ấy, có nhiều Tỳ-kheo đến chỗ Tôn giả A-na-luật, cùng nhau hỏi thăm sức khỏe, rồi đứng lui qua một bên, thưa Tôn giả A-na-luật:

"Thưa Tôn giả A-na-luật, bệnh của Tôn giả nặng hay nhẹ, có chịu đựng được không? Bệnh giảm dần dần, không tăng thêm chăng?"

Tôn giả A-na-luật đáp:

"Bệnh tôi không yên, thật là khó chịu đựng, đau đớn toàn thân, càng lúc nặng thêm, không bớt."

Rồi Tôn giả nói ba thí dụ như kinh Sai-ma[12] ở trên đã nói; rồi tiếp:

"Dù thân tôi bị đau đớn như thế này, nhưng tôi vẫn chịu đựng

10. S.52.10 Baøôhagilaøna (bệnh nặng).

11. Bản Paøli: Andhavana (Ảm lâm, khu rừng tối).

12. Kinh số 10, quyển 5.

được, với chánh niệm, chánh tri."

Các Tỳ-kheo hỏi Tôn giả A-na-luật:

"Tâm an trụ ở chỗ nào mà có thể chịu đựng được cái khổ lớn như vậy với chánh niệm, chánh tri?"

Tôn giả A-na-luật bảo các Tỳ-kheo:

"Tâm trụ bốn Niệm xứ nên mỗi khi tôi cử động, thân thể dù có bị đau đớn, cũng có thể chịu đựng được với chánh niệm, chánh tri. Những gì là bốn Niệm xứ? Đó là, niệm xứ quán thân trên nội thân cho đến niệm xứ quán thọ, tâm, pháp. Đó gọi là trụ bốn Niệm xứ, có thể chịu đựng tất cả mọi đau đớn nơi thân, với chánh niệm, chánh tri."

Các Tôn giả cùng nhau bàn luận xong, tùy hỷ vui vẻ, mỗi người từ chỗ ngồi đứng dậy mà đi.

M

KINH 541. SỞ HOẠN (2)[13]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Tôn giả A-na-luật đang ở tại tinh xá Tòng lâm, nước Xá-vệ, bệnh mới vừa giảm bớt chưa bao lâu.

Lúc ấy, có nhiều Tỳ-kheo đến hỏi thăm sức khỏe, rồi ngồi lui qua một bên, hỏi Tôn giả A-na-luật:

"Tôn giả có được an ổn, cảm thấy an lạc[14] không?"

Tôn giả A-na-luật đáp:

"Tôi được an ổn, cảm thấy an lạc. Các thứ đau đớn nơi thân thể đều đã bớt dần."

Các Tỳ-kheo lại hỏi Tôn giả A-na-luật:

"Tâm trụ ở chỗ nào mà những đau nhức của thân dần dần được an ổn?"

Tôn giả A-na-luật đáp:

"An trụ bốn Niệm xứ, nên những đau nhức của thân dần dần được an ổn. Những gì là bốn Niệm xứ? Đó là, niệm xứ quán thân trên

13. Như kinh trên.

14. Hán: lạc trú 樂住. Paøli: sukkhavihaøra.

nội thân cho đến niệm xứ quán thọ, tâm, pháp. Đó gọi là trụ bốn Niệm xứ. Do an trụ bốn Niệm xứ này nên những đau nhức của thân dần dần được an ổn."

Các Tôn giả bàn luận xong, tùy hỷ vui vẻ, mỗi người từ chỗ ngồi đứng dậy mà đi.

M

KINH 542. HỮU HỌC LẬU TẬN[15]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Tôn giả A-na-luật ở tại tinh xá Tòng lâm[16], nước Xá-vệ. Lúc ấy, có nhiều Tỳ-kheo đến chỗ Tôn giả A-na-luật, cùng nhau hỏi thăm sức khỏe, rồi ngồi lui qua một bên, hỏi Tôn giả A-na-luật:

"Nếu Tỳ-kheo còn ở địa vị hữu học[17] mà hướng thượng muốn cầu an trụ Niết-bàn an ổn; Thánh đệ tử tu tập, tu tập nhiều như thế nào để ở trong pháp luật này có thể dứt sạch các lậu, tâm giải thoát vô lậu, tuệ giải thoát, ngay trong đời này tự biết tác chứng: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa?'"

Tôn giả A-na-luật bảo các Tỳ-kheo:

"Nếu Tỳ-kheo còn ở địa vị hữu học mà hướng thượng muốn cầu an trụ Niết-bàn an ổn; Thánh đệ tử tu tập, tu tập nhiều như thế nào để ở trong pháp luật này có thể dứt sạch các lậu, tâm giải thoát, tuệ giải thoát, ngay trong đời này tự biết tác chứng: Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa. Hãy an trụ nơi bốn Niệm xứ. Những gì là bốn Niệm xứ? Đó là, niệm xứ quán thân trên nội thân cho đến niệm xứ quán thọ, tâm, pháp. Tu tập bốn Niệm xứ như vậy, tu tập nhiều, ở trong pháp luật này có thể dứt sạch các lậu, tâm giải thoát vô lậu, tuệ giải thoát, ngay trong đời này tự biết tác chứng: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.'"

Các Tỳ-kheo nghe Tôn giả A-na-luật nói xong, tùy hỷ vui vẻ,

---

15. S.52.4 Kaòæaki (tên khu rừng, có nhiều gai).
16. Bản Paøli: Saøkete Kaòæakivane, trong rừng Kaòæaki, Saøketa.
17. Học địa 學地. Paøli: sekhabhuømi.

mỗi người từ chỗ ngồi đứng dậy ra đi.

M

KINH 543. A-LA-HAUN TỲ-KHEO[18]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Tôn giả A-na-luật ở tại tinh xá Tòng lâm, nước Xá-vệ.

Lúc ấy, có nhiều Tỳ-kheo đến chỗ Tôn giả A-na-luật cùng nhau hỏi thăm sức khỏe, rồi ngồi lui qua một bên, hỏi Tôn giả A-na-luật:

"Nếu Tỳ-kheo đã dứt sạch các lậu, việc làm đã xong, đã trút bỏ gánh nặng, lìa các kết sử hữu[19], bằng chánh trí tâm khéo giải thoát, vị ấy cũng tu bốn Niệm xứ chăng?"

Tôn giả A-na-luật trả lời các Tỳ-kheo:

"Nếu Tỳ-kheo nào, các lậu đã dứt sạch, việc làm đã xong, đã trút bỏ gánh nặng, đã lìa các kết sử hữu, bằng chánh trí tâm khéo giải thoát; vị ấy cũng tu bốn Niệm xứ. Vì sao? Vì để đắc những gì chưa đắc, chứng những gì chưa chứng, hiện tại sống an lạc. Tại sao như thế? Vì tôi cũng đã lìa các hữu lậu, đã đắc quả A-la-hán, việc làm đã xong, tâm khéo giải thoát, cũng tu bốn Niệm xứ, để đắc những gì chưa đắc, chứng những gì chưa chứng, đến chỗ chưa đến,... *cho đến* hiện tại sống an lạc."

Các Tôn giả bàn luận xong, đều tùy hỷ vui vẻ, mỗi người từ chỗ ngồi đứng dậy, ra đi.

M

KINH 544. HÀ CỐ XUẤT GIA[20]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Tôn giả A-na-luật ở tại tinh xá Tòng lâm, nước Xá-vệ.

Lúc ấy, có nhiều chúng xuất gia ngoại đạo đến chỗ Tôn giả A-

18. Xem kinh trên.

19. Hán: hữu kết ⁄³ □² , Paøli: bhava-saöjoyana.

20. Vì sao xuất gia?

na-luật cùng nhau hỏi thăm sức khỏe, rồi ngồi lui qua một bên, hỏi Tôn giả A-na-luật:

"Thưa Tôn giả, vì cớ gì Tôn giả xuất gia ở trong pháp của Sa-môn Cù-đàm?"

Tôn giả A-na-luật đáp:

"Vì để tu tập."

Lại hỏi:

"Tu tập những gì?"

Đáp:

"Tu các căn, tu các lực, tu các giác phần, tu các niệm xứ. Các ông muốn nghe tu những gì?"

Lại hỏi:

"Căn, lực, giác phần, những danh tự ấy chúng tôi chưa biết; huống chi là lại hỏi nghĩa. Nhưng chúng tôi muốn nghe niệm xứ."

Tôn giả A-na-luật bảo:

"Các ông hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, tôi sẽ vì các ông mà nói. Nếu Tỳ-kheo tu niệm xứ quán thân trên nội thân cho đến niệm xứ quán pháp trên pháp."

Bấy giờ, chúng xuất gia ngoại đạo nghe Tôn giả A-na-luật nói xong, tùy hỷ hoan hỷ, mỗi người từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

M

KINH 545. HƯỚNG NIẾT-BÀN[21]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Tôn giả A-na-luật ở tại tinh xá Tòng lâm, nước Xá-vệ. Khi ấy Tôn giả A-na-luật nói với các Tỳ-kheo:

"Ví như cây lớn sanh trưởng mà nghiêng xuống dưới, càng nghiêng sâu càng muốn đổ[22]. Nếu chặt rễ nó, cây sẽ phải ngã, thuận theo chiều nghiêng xuống. Cũng vậy, Tỳ-kheo tu bốn Niệm xứ, lâu

---

21. Paøli, S.52.8 Salaôaøgaøra (tinh xá Tòng lâm).

22. Hán: tùy tuấn tùy thâu ℋ □ℰ ℋ ¿¡ℱ nghĩa không rõ. Bản Paøli: gaìgaø nadì paøcìnaninnaø paøcìnapoòa paøcìnapabbhaøraø, sông Hằng hướng về Đông, xuôi về Đông, đổ về Đông.

ngày nhắm thẳng tới, đào sâu, vận chuyển, hướng đến viễn ly, nhắm thẳng tới, đào sâu, vận chuyển, hướng đến giải thoát; nhắm thẳng tới, đào sâu, vận chuyển, hướng đến Niết-bàn[23].”

Tôn giả A-na-luật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì đã nói, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 546. THÁO QUÁN TRƯỢNG[24]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên đang ở bên bờ ao Ô-nê[25], xóm Bạt-lan-na[26]. Lúc ấy có Phạm chí cầm gậy tháo quán[27], đến chỗ Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên, thăm hỏi sức khỏe nhau, rồi ngồi lui qua một bên, hỏi Ma-ha Ca-chiên-diên:

“Do nhân gì, duyên gì, vua tranh giành với vua, các Bà-la-môn, cư sĩ tranh giành với nhau?”

Ma-ha Ca-chiên-diên trả lời Phạm chí:

“Vì do bị trói buộc bởi tham dục[28] nên vua tranh giành với vua; các Bà-la-môn, cư sĩ tranh giành với nhau.”

Phạm chí lại hỏi:

“Do nhân gì, duyên gì, những người xuất gia tranh giành nhau?”

Ma-ha Ca-chiên-diên đáp:

“Vì do bị trói buộc bởi kiến dục[29] nên người xuất gia tranh giành

---

23. Paøli: cittaö dìgharattaö vivekaninnaö vivekapoòaö vivekapabbhaøraö, “tâm thú lâu ngày hướng viễn ly, xu hướng viễn ly, khuynh hướng viễn ly”.
24. Ấn Thuận, “31. Tương ưng Đại Ca-chiên-diên”, gồm các kinh Đại Chánh 546-555. – Đại Chánh kinh 546, Paøli: A.2.4.6 AØraømadaòña.
25. Ô-nê trì □. Paøli: Kaddamadaha (ao bùn).
26. Bạt-lan-na tụ lạc . Paøli: Varaòaø.
27. Chấp tháo quán trượng phạm chí . Tháo quán, bản Cao-ly *tưới nước*; bản Tống *rửa tay*; bản Nguyên-Thánh *cái hủ*. Paøli: AØraømadaòña braøhmaòo.
28. Tham dục hệ trước . Paøli: kaømaraøgaøbhinivesa, đam mê dục lạc.
29. Kiến dục hệ trước . Paøli: diæææhiraøgaøbhinivesa, đam mê kiến giải.

với người xuất gia.”

Phạm chí lại hỏi:

“Thưa Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên, có người nào lìa được sự ràng buộc của tham dục và lìa được sự ràng buộc của những kiến dục này không?”

Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên đáp:

“Có, này Phạm chí, Đại Sư của tôi là Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn, có thể lìa được sự ràng buộc của tham dục và lìa được sự ràng buộc của những kiến dục này.”

Phạm chí lại hỏi:

“Phật Thế Tôn hiện nay đang ở chỗ nào?”

Đáp:

“Đức Thế Tôn hiện tại đang ở giữa những người Ba-la-kỳ, nơi rừng cây Kỳ-đà, vườn Cấp cô độc, thành Xá vệ, nước Câu-tát-la.”

Bấy giờ, Phạm chí từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, trịch vai áo bên hữu, gối phải quỳ sát đất, hướng về nơi ở của Phật chấp tay tán thán: ‘Nam-mô Phật! Nam-mô Phật Thế Tôn, Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác có thể lìa mọi sự ràng buộc của tham dục, hoàn toàn xa lìa mọi sự trói buộc của tham dục và các kiến dục, sạch hết cội gốc.’

Bấy giờ, Phạm chí cầm gậy tháo quán nghe Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên nói xong, tùy hỷ hoan hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

M

KINH 547. TÚC SĨ[30]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Tôn giả Ca-chiên-diên đang ở bên bờ ao Ô-nê thôn Bà-la-na[31]. Bấy giờ, cùng với số đông Tỳ-kheo tụ tập ở nhà ăn, vì việc

30. Người lớn tuổi. Paøli, A.2.4.7 Kaòñaraøyana.

31. Bà-la-na ±Ĉ ĩ ..ø ;F xem cht.25, 26, kinh 546. Paøli: Madhuraøyaö Gundaøvane, trong rừng Gundaø, vương

thọ trì y. Lúc ấy, có Phạm chí chống gậy[32] tuổi già, các căn suy yếu, đến chỗ nhà ăn, chống gậy đứng một bên. Sau một hồi im lặng, ông mới nói với các Tỳ-kheo:

"Này các Trưởng lão, tại sao các ông thấy người lớn tuổi, mà không chào hỏi, cung kính mời ngồi?"

Lúc đó, Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên cũng ngồi trong chúng. Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên bảo Phạm chí:

"Theo pháp của chúng tôi, khi có người già cả đến, đều chào hỏi cung kính, lễ bái, mời ngồi."

Phạm chí nói:

"Tôi thấy trong chúng này, không có ai già cả hơn tôi, mà chẳng có ai cung kính chào hỏi mời ngồi. Thế sao ông nói rằng theo pháp của ông, nếu thấy có người lớn tuổi thì đều cung kính lễ bái mời ngồi?"

Ma-ha Ca-chiên-diên đáp:

"Này Phạm chí, nếu có người nào già cả đến tám mươi, chín mươi tuổi, tóc bạc, răng rụng, mà chỉ thành tựu được pháp thiếu niên, thì người này chẳng phải là bậc tôn túc[33]. Ngược lại, tuy là người tuổi trẻ khoảng hai mươi lăm, da trắng tóc đen, khỏe mạnh, hoàn toàn đẹp đẽ, mà thành tựu được pháp của bậc cao niên, thì được kể vào hàng tôn túc."

Phạm chí hỏi:

"Tại sao gọi là người tám mươi, chín mươi tuổi, tóc bạc răng rụng, lại thành tựu pháp thiếu niên, còn người trẻ tuổi khoảng hai mươi lăm, da trắng tóc đen, khỏe mạnh, đẹp đẽ, lại được kể vào hàng tôn túc?"

Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên bảo Phạm chí:

"Có năm phẩm chất của dục, đó là sắc được nhận thức bởi mắt,

---

quoác Madhura.

32. Chấp trượng phạm chí 執杖梵志. Paøli: Bà-la-môn Kaòñaraøyana.

33. Hán: túc sĩ 宿士. Paøli: atha kho baølo na therotveva saíkhyaö gacchati, "(người bị chi phối bởi duïc voïng) người như vậy được gọi là người ngu, chứ không phải là Trưởng lão". Paøli, baøla chỉ người ngu, cũng có nghĩa là con nít.

đáng yêu, đáng thích, đáng nhớ nghĩ; tiếng được nhận thức bởi tai; hương được nhận thức bởi mũi; vị được nhận thức bởi lưỡi; xúc được nhận thức bởi thân, đáng yêu, đáng thích, đáng nhớ nghĩ. Đối với năm phẩm chất của dục này, mà không lìa tham, không lìa dục, không lìa ái, không lìa niệm tưởng, không lìa khát vọng, thì này Phạm chí, nếu người nào như vậy, thì dù tám mươi, chín mươi tuổi, tóc bạc, răng rụng, cũng gọi đó là thành tựu được pháp thiếu niên. Còn người tuy tuổi mới hai mươi lăm, da trắng, tóc đen, khỏe mạnh, đẹp đẽ nhưng đối với năm phẩm chất của dục này, mà lìa tham, lìa dục, lìa ái, lìa niệm tưởng, lìa khát vọng. Người như vậy, tuy tuổi mới hai mươi lăm, da tắng, tóc đen, khỏe mạnh, đẹp đẽ nhưng thành tựu được pháp của bậc lão nhân thì được kể vào hàng tôn túc."

Bấy giờ, Phạm chí mới nói với Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên:

"Như ý nghĩa Tôn giả đã nói, nếu tự xét lại mình thì tuy tôi đã già mà lại nhỏ, còn các vị tuy trẻ tuổi mà đã thành tựu được pháp của bậc cao niên.

"Thưa Tôn giả, thế gian bận nhiều việc, tôi xin cáo từ."

Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên đáp:

"Này Phạm chí, ông tự biết đúng thời."

Phạm chí nghe Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên nói xong, tùy hỷ, vui mừng rồi trở về nhà mình.

M

KINH 548. MA-THÂU-LA[34]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên đang ở trong rừng rậm[35]. Lúc ấy, quốc vương nước Ma-thâu-la là Tây Phương vương tử[36] đi đến chỗ Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên, đảnh lễ, rồi ngồi lui qua một bên, hỏi Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên:

---

34. Paøli, M.84 Madhura-sutta.

35. Trù lâm [illegible] Paøli: Madhuraøyaö Gundaøvane.

36. Tây Phương vương tử [illegible] Paøli, vua nước Madhuraø tên là Avantiputta.

"Người Bà-la-môn tự nói, ta là nhất, kẻ khác là thấp hèn. Ta là trắng, kẻ khác là đen. Bà-la-môn là thanh tịnh, chứ không phải phi Bà-la-môn. Chính con Phạm thiên[37] từ miệng sanh ra, được hóa sanh từ Phạm thiên, là thừa tự của Phạm thiên[38], nên chúng là sở hữu của Phạm thiên. Thưa Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên nghĩa này thế nào?"

Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên nói với vua Ma-thâu-la:

"Đại vương, đây chỉ là ngôn thuyết của thế gian[39]. Người thế gian cho rằng Bà-la-môn là nhất, kẻ khác là thấp hèn. Bà-la-môn là trắng, kẻ khác là đen. Bà-la-môn là thanh tịnh, chứ không phải phi Bà-la-môn. Chính Bà-la-môn được Phạm thiên sanh, từ miệng sanh ra, được hóa sanh từ Phạm thiên, là thừa tự của Phạm thiên. Đại vương nên biết, nghiệp là chân thật; điều đó căn cứ vào nghiệp.

Vua nói với Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên:

"Đó là những lời nói sơ lược, tôi không hiểu rõ. Xin giải thích phân biệt lại cho."

Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên đáp:

"Bây giờ, tôi sẽ hỏi Đại vương, tùy theo câu hỏi mà Đại vương trả lời."

Tôn giả liền hỏi:

"Thưa Đại vương, ngài là vua Bà-la-môn[40], nơi đất nước của mình có bốn hạng người này là Bà-la-môn, Sát-đế-lợi, cư sĩ, gia chủ, đều được gọi đến. Ngài dùng tiền của, thế lực khiến họ hầu cận phòng vệ, họ dậy trước ngủ sau và các mệnh lệnh được chấp hành, tất cả đều được như ý mình không?"

Vua đáp:

"Như ý."

Tôn giả lại hỏi:

"Tâu Đại vương, Sát-đế-lợi là vua, cư sĩ là vua, gia chủ là vua[41].

---

37. Bản Hán: Bà-la-môn tử ±Ĉ ĩ a, ∅l,Ƒ không phân biệt brahma (Phạm thiên) với braøhmaòa (Bà-la-môn).

38. Bản Hán: thị Bà-la-môn sở hữu ¬O ±Ĉ ĩ a, ⊙J /³. Paøli: brahmadaøyaødaø

39. Paøli: ghosoyeva kho eso, mahaøraja, lokasmiò, đó chỉ là tiếng chào xáo trong đời.

40. Nên hiểu, "nếu người Bà-la-môn làm vua". So sánh các đoạn dưới.

41. Nên hiểu, "nếu người Sát-đế-lợi (...) làm vua".

Nếu tại đất nước của mình có bốn chủng tánh, đều được gọi đến. Nhà vua dùng của cải, thế lực, khiến họ hầu cận phòng vệ, họ dậy trước ngủ sau và vua ra lệnh làm các việc, thì có được như ý vua không?"

Vua đáp:

"Như ý."

"Thưa Đại vương, như vậy bốn chủng tánh này, tất cả đều bình đẳng có sai biệt nào. Đại vương nên biết, bốn chủng tánh này tất cả đều bình đẳng, không có sự sai biệt nào hoặc hơn hay bằng."

Vua Ma-thâu-la bạch Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên:

"Thưa Tôn giả đúng như vậy, bốn chủng tánh này đều bình đẳng, không có gì sai biệt dù là hơn hay là bằng."

"Cho nên, Đại vương nên biết, bốn chủng tánh này theo ngôn thuyết của thế gian là có sai khác, cho đến, căn cứ vào nghiệp, chân thật chứ không sai khác."

"Lại nữa, Đại vương trong đất nước này, nếu dòng Bà-la-môn có người trộm cắp thì nên hành xử như thế nào?"

Vua thưa Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên:

"Trong dòng Bà-la-môn nếu có người nào trộm cắp thì sẽ bị đánh bằng roi, bị trói, hoặc bị đuổi ra khỏi nước, hoặc phạt tiền của, hoặc bị chặt tay chân, xẻo tai mũi; nếu là tội nặng thì sẽ bị giết chết. Kẻ trộm đó dù là dòng Bà-la-môn cũng gọi là giặc."

Lại hỏi:

"Thưa Đại vương, nếu trong dòng Sát-đế-lợi, cư sĩ, gia chủ có kẻ trộm cắp, thì phải làm thế nào?"

Vua thưa Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên:

"Cũng bị phạt đánh roi, bị trói, bị đuổi ra khỏi nước, cũng phạt tiền của, bị chặt tay, chân, xẻo tai, mũi; nếu tội nặng thì bị giết chết."

"Như vậy, thưa Đại vương, há không phải bốn chủng tánh đều bình đẳng sao? Hay có sự sai khác nào chăng?"

Vua thưa Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên:

"Ý nghĩa của chúng là như vậy. Thật ra không có bất cứ một sai biệt nào dù là hơn hay là bằng."

Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên lại nói với vua:

"Đại vương nên biết, về bốn chủng tánh này, ngôn thuyết của thế gian nói, Bà-la-môn là nhất, kẻ khác là thấp hèn. Bà-la-môn là

trắng, kẻ khác là đen. Bà-la-môn là thanh tịnh, chứ không phải phi Bà-la-môn. Chính Bà-la-môn được Phạm thiên sanh, từ miệng sanh ra; được hóa sanh từ Phạm thiên, là thừa tự của Phạm thiên. Há không phải là y cứ vào nghiệp, chân thật y cứ vào nghiệp chăng?"

Lại hỏi:

"Đại vương, nếu người Bà-la-môn sát sanh, trộm cắp, tà dâm, nói dối, nói lời ác, hai lưỡi, nói thêu dệt, tham, nhuế, tà kiến, tạo mười nghiệp đạo bất thiện thì sẽ sanh vào cõi ác hay cõi lành? Từ nơi vị A-la-hán[42] vua đã nghe được những gì?"

Vua thưa Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên:

"Bà-la-môn tạo mười nghiệp đạo bất thiện sẽ đọa vào đường ác. Từ nơi A-la-hán tôi nghe như vậy. Sát-đế-lợi, cư sĩ, gia chủ cũng nói như vậy.

Lại hỏi:

"Thưa Đại vương, nếu Bà-la-môn nào làm mười nghiệp đạo lành, xa lìa sát sanh cho đến chánh kiến thì sẽ sanh vào nơi nào? Cõi lành hay cõi ác? Từ nơi vị A-la-hán vua đã nghe được những gì?"

Vua thưa Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên:

"Nếu Bà-la-môn làm mười nghiệp đạo lành thì sẽ sanh vào cõi lành. Từ nơi A-la-hán tôi nghe như vậy. Sát-đế-lợi, cư sĩ, gia chủ cũng nói như vậy."

Lại hỏi:

"Thế nào Đại vương, bốn chủng tánh như vậy, là có bình đẳng không, hay có gì sai biệt dù là hơn hoặc là bằng?"

Vua thưa Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên:

"Theo nghĩa như vậy thì là bình đẳng, không có gì sai biệt dù là hơn hay là bằng."

"Cho nên Đại vương nên biết, bốn chủng tánh này đều bình đẳng không có gì sai biệt dù là hơn hay là bằng. Theo ngôn thuyết thế gian mà nói, Bà-la-môn là nhất, kẻ khác là thấp hèn. Bà-la-môn là trắng, kẻ khác là đen. Bà-la-môn là thanh tịnh, chứ không phải phi Bà-la-môn. Chính Bà-la-môn được Phạm thiên sanh, từ miệng sanh ra;

42. A-la-ha [illegible] Pāli: arahā, tức A-la-hán; ở đây chỉ chung các bậc Thánh được tôn sùng, không phải riêng A-la-hán trong hàng Thanh văn của Phật.

được hóa sanh từ Phạm thiên, là thừa tự của Phạm thiên. Nên biết là do nghiệp là chân thật, là y cứ vào nghiệp.

Vua thưa Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên:

"Thật đúng như những gì đã nói đó, tất cả đều ngôn thuyết của thế gian nên nói Bà-la-môn là nhất, kẻ khác là thấp hèn. Bà-la-môn là trắng, kẻ khác là đen. Bà-la-môn là thanh tịnh, chứ không phải phi Bà-la-môn. Chính Bà-la-môn được Phạm thiên sanh, từ miệng sanh ra, được hóa sanh từ Phạm thiên, là thừa tự của Phạm thiên. Nhưng đều do nghiệp là chân thật, là y cứ vào nghiệp."

Vua Ma-thâu-la nghe Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên nói xong, tùy hỷ vui mừng làm lễ rồi đi.

M

KINH 549. CA-LÊ[43]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên đang ở trong tinh xá Câu-la-la-tra, nước A-bàn-đề[44].

Sáng sớm, Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên đắp y, mang bát, vào[45] Câu-la-la-tra, tuần tự đi khất thực, đến nhà Ưu-bà-di Ca-lê-ca[46].

Khi ấy, Ưu-bà-di trông thấy Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên, liền sửa soạn chỗ ngồi, rồi mời ngồi, đảnh lễ dưới chân Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên xong, đứng lui qua một bên, thưa Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên:

"Như những gì Đức Thế Tôn đã dạy, trả lời câu hỏi của đồng nữ Tăng-kỳ-đa[47]. Thế Tôn đã nói trong bài kệ những câu hỏi của đồng nữ

---

43. Paøli, A.10.26 Kaølì.

44. A-bàn-đề quốc Câu-la-la-tra tinh xá [illegible] Paøli: Avantìsu Kuraraghare pavatte pabbate, trong thị trấn Kuraraghara, vương quoác Avanti, trong nuùi Pavatta.

45. Hán: nhập [illegible] Có sự nhầm lẫn về địa danh trong bản Hán.

46. Ca-lê-ca [illegible] Paøli: Kuraragharikaø Kaøliì, vợ của người thợ săn chim ưng (?). Bản Paøli: Ưu-bà-di Kaølì đi đến chỗ Tôn giả.

47. Tăng-kỳ-đa đồng nữ sở vấn [illegible] Paøli: Kumaøripaóha, "những câu hỏi của Đồng nữ", chỉ các con gái của Mara, trong kinh S.4.25 Dhìtaro.

Tăng-kỳ-đa:

Thật nghĩa ở tại tâm,
Tịch diệt mà không loạn[48].
Hàng phục quân dũng mãnh,
Sắc đẹp đẽ đáng yêu[49].
Một mình, chuyên thiền tứ,
Nếm Thiền lạc vi diệu,
Đó gọi là xa lìa,
Các bạn bè thế gian.
Các bạn bè thế gian,
Không gần gũi ta được.

"Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên, bài kệ này của Thế Tôn, ý nghĩa như thế nào?

Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên trả lời Ưu-bà-di:

"Này chị, có một Sa-môn Bà-la-môn nói: Biến xứ định về đất[50]; không còn gì hơn đây để cầu mong quả này[51]. Này chị, nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào đối với biến xứ định về đất, mà được thanh tịnh trong sáng, thì sẽ thấy được căn bản của nó[52], thấy được sự tai hại, thấy được sự diệt tận, thấy được con đường đưa đến sự diệt tận. Vì thấy được cội gốc, thấy được sự tai hại, thấy được sự diệt tận, thấy được con đường đưa đến sự diệt tận, nên đạt được nghĩa chân thật tại tâm, tuy tịch diệt nhưng không loạn.

Này chị, cũng vậy biến xứ định về nước, biến xứ định về lửa, biến xứ định về gió, biến xứ

48. Hán: thật nghĩa tồn ư tâm, tịch diệt nhi bất loạn. Paøli: atthassa pattiö hadayassa santiö, đạt đến mục đích (ý nghĩa) và sự tịch tĩnh của tâm.

49. Paøli: jetva senaö piyasaøtaruøpaö, hàng phục quân đội sắc khả ái, khả hỷ.

50. Hán: địa nhất thiết nhập xứ chánh thọ môn chánh thọ (tập trung tư tưởng) có đề mục là nhất thiết nhập (hay biến xứ: tập trung trên tính phổ biến của đối tượng) với đối tượng là đất, một trong mười đối tượng của đề mục thiền định biến xứ. Paøli: paæhavì-kasiòa-samaøpatti.

51. Paøli: paæhavìkasiòasamaøpattiparamaø kho bhaginì eke samaòabraøhmaòaø attho' ti abhinibbattesuö, "Một số Sa-môn, Bà-la-môn cho rằng địa biến xứ định là mục đích (ý nghĩa) tối thượng".

52. Đây chỉ vị ngọt của định. Paøli: assaøda.

định về màu xanh, biến xứ định về màu vàng, biến xứ định về màu đỏ, biến xứ định về màu trắng; biến xứ định về hư không, biến xứ định về thức là tối thượng để cầu mong quả này.

Này chị, nếu có Sa-môn, Bà-la-môn nào cho đến, biến xứ định về thức, mà được thanh tịnh trong sáng, thì sẽ thấy căn bản, thấy được sự tai hại, thấy được sự diệt tận, thấy được con đường đưa đến sự diệt tận. Vì thấy được căn bản, thấy được sự tai hại, thấy được sự diệt tận, thấy con đường đưa đến sự diệt tận, nên đạt được nghĩa chân tại tâm, tịch diệt mà không loạn, khéo thấy, khéo nhập. Cho nên, Thế Tôn trả lời bài kệ những câu hỏi của đồng nữ Tăng-kỳ-đa:

Thật nghĩa ở tại tâm,
Tịch diệt mà không loạn.
Hàng phục quân dũng mãnh,
Sắc đẹp đẽ đáng yêu.
Một mình, chuyên thiền tứ,
Nếm Thiền lạc vi diệu,
Đó gọi là xa lìa,
Bạn bè của thế gian.
Các bạn bè thế gian,
Không gần gũi ta được.

"Này chị, vì tôi hiểu Thế Tôn bằng ý nghĩa như vậy mà nói kệ như vậy."

Ưu-bà-di thưa:

"Lành thay Tôn giả! Tôn giả đã nói nghĩa chân thật. Xin Tôn giả nhận lời mời thọ trai của con."

Bấy giờ, Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên im lặng nhận lời.

Ưu-bà-di Ca-lê-ca biết Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên đã nhận lời mời rồi, liền sắm sửa các thứ đồ ăn thức uống ngon lành, cung kính tôn trọng, tự tay dâng thức ăn. Khi Ca-lê-ca biết Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên đã thọ thực, rửa bát, súc miệng xong, liền sửa soạn một chỗ ngồi thấp trước Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên, cung kính nghe pháp. Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên vì nữ cư sĩ mà nói các pháp, khai thị, chỉ giáo, soi sáng, khiến cho hoan hỷ, sau đó Tôn giả từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

M

KINH 550. LY[53]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên cũng ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên bảo các Tỳ-kheo:

"Phật Thế Tôn, Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, là bậc Tri giả, là bậc Kiến giả[54], nói sáu pháp ra khỏi chỗ khổ, đạt đến chỗ thù thắng, nói nhất thừa đạo khiến cho chúng sanh được thanh tịnh, lìa mọi sự khổ não, dứt hết lo buồn, được pháp chân như[55]. Sáu pháp ấy là gì? Đó là, Thánh đệ tử niệm tưởng pháp sở hành của Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, là pháp sở hành thanh niệm[56]: Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Thánh đệ tử do niệm pháp sở hành của Như Lai, nên lìa giác tưởng tham dục, lìa giác tưởng sân nhuế, lìa giác tưởng não hại[57]. Thánh đệ tử ra khỏi tâm nhiễm trước. Tâm nhiễm trước là gì? Đó là năm phẩm chất của dục. Nếu đối với năm phẩm chất của dục này mà lìa tham, nhuế, si, an trụ chánh niệm, chánh trí, nương theo trực đạo, tu tập niệm Phật, chân chánh hướng thẳng đến Niết-bàn. Đó gọi là Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, là bậc Tri giả, Kiến giả, nói nhất thừa đạo thứ nhất ra khỏi khổ, đạt đến chỗ thù thắng, khiến chúng sanh được thanh tịnh, lìa khỏi mọi khổ não, diệt hết mọi lo buồn, được pháp như thật.

"Lại nữa, Thánh đệ tử luôn niệm tưởng Chánh pháp, niệm: Pháp

---

53. Paøli, A.6.26 Kaccaøna.

54. Hán: sở tri sở kiến 所知所見. Paøli: jaønataø passataf, danh từ tác nhân; bản Hán hiểu là phân từ quá khứ.

55. Paøli: óaøyassa adhigamaøya nibbaønassa sacchikitiyaøya, để đạt chánh lý, chứng Niết-bàn.

56. Nguyên bản: tịnh 淨. Theo đoạn dưới, sửa lại là niệm 念.

57. Tham dục giác, sân nhuế giác, hại giác 欲覺恚覺不饒益覺, tức ba bất thiện tầm. Paøli: tayo akusala-vitakk aø: kaø ma-vitakko, vyaøpaøda-, vihiösa-vitakko.

luật hiện tại của Thế Tôn[58], lìa mọi nhiệt não, phi thời gian, thông suốt, thấy ngay trong hiện tại, duyên tự mình mà giác ngộ[59]. Lúc Thánh đệ tử niệm Chánh pháp, không khởi giác tưởng tham dục, giác tưởng sân nhuế, não hại. Như vậy, Thánh đệ tử ra khỏi tâm nhiễm trước. Tâm nhiễm trước là gì? Đó là năm phẩm chất của dục. Nếu đối với năm phẩm chất của dục này mà lìa tham, nhuế, si, an trụ chánh niệm, chánh trí, nương theo trực đạo, tu tập niệm Phật, chân chánh hướng thẳng đến Niết-bàn. Đó gọi là Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, là bậc Tri giả, Kiến giả, nói nhất thừa đạo thứ hai ra khỏi khổ, đạt đến chỗ thù thắng, khiến chúng sanh được thanh tịnh, lìa khỏi mọi khổ não, diệt hết mọi lo buồn, được pháp như thật.

"Lại nữa, Thánh đệ tử luôn niệm Tăng pháp là bậc thiện xảo thú hướng, chân chánh thú hướng, trực chỉ thú hướng, bình đẳng thú hướng, tu hạnh tùy thuận, Đó là hướng Tu-đà-hoàn, đắc quả Tu-đà-hoàn; hướng Tư-đà-hàm, đắc quả Tư-đà-hàm; hướng A-na-hàm, đắc quả A-na-hàm; hướng A-la-hán, đắc quả A-la-hán. Như vậy, bốn đôi, tám bậc, đó gọi là Tăng đệ tử của Thế Tôn, đầy đủ giới, đầy đủ định, đầy đủ tuệ, đầy đủ giải thoát, đầy đủ giải thoát tri kiến, là phước điền Vô thượng của thế gian, là nơi xứng đáng cúng dường, cung kính, lễ bái[60]. Khi Thánh đệ tử niệm Tăng, không khởi giác tưởng tham dục, sân nhuế, não hại, như vậy, Thánh đệ tử thoát khỏi tâm nhiễm trước. Tâm nhiễm trước là gì? Đó là năm phẩm chất của dục. Nếu đối với năm phẩm chất của dục này mà lìa tham, nhuế, si, an trụ chánh niệm, chánh trí, nương theo trực đạo, tu tập niệm Phật, chân chánh hướng thẳng đến Niết-bàn. Đó gọi là Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác,

---

58. Dịch sát Hán: *Thế Tôn hiện tại pháp luật* . Bản Hán hiểu sai. Văn chuẩn theo Huyền Trang: *Phật chánh pháp (thiện thuyết) hiện kiến* ( ) : Chánh pháp của Phật (được khéo thuyết), chứng nghiệm ngay trong hiện tại. Paøli: (svaøkkhato) bhagavato dhammo sandiæææhiko. Xem cht. dưới.

59. Văn chuẩn định cú về niệm pháp (Huyền Trang, Pháp Uẩn Túc Luận 3): "Phật Chánh pháp thiện thuyết, hiện kiến, vô nhiệt, ứng thời, dẫn đạo, cận quán, trí giả nội chứng". Paøli: svaøkkhaøto bhagavataø dhammo sandiæææhiko akaøliko ehipassiko opnanaøyiko paccattaö veditabbo vióóuøhìti.

60. Văn chuẩn định cú về niệm Tăng, xem Pháp uẩn, đã dẫn trên.

là bậc Tri giả, Kiến giả, nói nhất thừa đạo thứ ba ra khỏi khổ, đạt đến chỗ thù thắng, khiến chúng sanh được thanh tịnh, lìa khỏi mọi khổ não, diệt hết mọi lo buồn, được pháp như thật.

"Lại nữa, Thánh đệ tử niệm Giới đức, niệm: Giới không khuyết, giới không vỡ, giới thuần hậu, giới không lìa, giới không trộm lấy[61], giới khéo rốt ráo, giới đáng khen ngợi, giới mà bậc phạm hạnh không ghét bỏ. Nếu Thánh đệ tử khi niệm giới, tự nhớ nghĩ những giới đã được thành tựu trong thân, ngay lúc ấy không khởi giác tưởng tham dục, sân nhuế, não hại, thì như vậy là Thánh đệ tử đã ra khỏi tâm nhiễm trước. Tâm nhiễm trước là gì? Đó là năm phẩm chất của dục. Nếu đối với năm phẩm chất của dục này mà lìa tham, nhuế, si, an trụ chánh niệm, chánh trí, nương theo trực đạo, tu tập niệm Phật, chân chánh hướng thẳng đến Niết-bàn. Đó gọi là Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, là bậc Tri giả, Kiến giả, nói nhất thừa đạo thứ tư ra khỏi khổ, đạt đến chỗ thù thắng, khiến chúng sanh được thanh tịnh, lìa khỏi mọi khổ não, diệt hết mọi lo buồn, được pháp như thật.

"Lại nữa, Thánh đệ tử niệm Thí pháp[62], tâm tự vui mừng: Nay ta đã lìa cấu uế xan tham; dù là tại gia mà tâm bố thí với sự giải thoát, thường thí, xả thí, vui thí, thành tựu sự bố thí, bố thí bình đẳng. Nếu Thánh đệ tử khi niệm thí pháp mà tự mình bố thí, không khởi giác tưởng tham dục, sân nhuế, não hại, thì như vậy, Thánh đệ tử ra khỏi tâm nhiễm trước. Tâm nhiễm trước là gì? Đó là năm phẩm chất của dục. Nếu đối với năm phẩm chất của dục này mà lìa tham, nhuế, si và an trụ chánh niệm, chánh trí, nương theo trực đạo, tu tập niệm Phật, chân chánh hướng thẳng đến Niết-bàn. Đó gọi là Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, là bậc Tri giả, Kiến giả, nói nhất thừa đạo thứ năm ra khỏi khổ, đạt đến chỗ thù thắng, khiến chúng sanh được thanh tịnh, lìa khỏi mọi khổ não, diệt hết mọi lo buồn, được pháp như thật.

"Lại nữa, Thánh đệ tử luôn niệm Thiên đức[63], niệm: Tứ vương

---

61. Phi đạo thủ giới □. Paøli: bhujssaøni (silaøni): nô lệ được giải phóng, tự do; (giới) tự tại.

62. Paøli: caøga, huệ thí, thí xả, từ thiện bố thí.

63. Paøli: devataønussati, niệm tưởng chư Thiên.

thiên, Tam thập tam thiên, Diệm-ma thiên, Đâu-suất-đà thiên, Hóa lạc thiên, Tha hóa tự tại thiên, với tín tâm thanh tịnh, khi mạng chung ở nơi nay sẽ sanh lên các cõi trời. Ta cũng như vậy, với tín, giới, thí, văn, tuệ, mạng chung ở nơi này sẽ được sanh lên các cõi trời. Như vậy, khi Thánh đệ tử niệm công đức chư Thiên, không khởi giác tưởng tham dục, sân nhuế, não hại, thì như vậy, Thánh đệ tử ra khỏi tâm nhiễm trước. Tâm nhiễm trước là gì? Đó là năm phẩm chất của dục. Nếu đối với năm phẩm chất của dục này mà lìa tham, nhuế, si và an trụ chánh niệm, chánh trí, nương theo trực đạo, tu tập niệm Phật, chân chánh hướng thẳng đến Niết-bàn. Đó gọi là Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, là bậc Tri giả, Kiến giả, nói nhất thừa đạo thứ năm ra khỏi khổ, đạt đến chỗ thù thắng, khiến chúng sanh được thanh tịnh, lìa khỏi mọi khổ não, diệt hết mọi lo buồn, được pháp như thật."

Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 551. HA-LÊ (1)[64]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên ở tại tinh xá họ Thích trong thôn Ha-lê.

Bấy giờ trưởng giả Ha-lê Tụ lạc[65] đến chỗ Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên, cúi đầu đảnh lễ, rồi ngồi lui qua một bên, thưa Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên:

"Như bài kệ Thế Tôn trả lời những câu hỏi của Ma-kiền-đề trong kinh Nghĩa phẩm[66]:

Đoạn tất cả các dòng,

---

64. Paøli, S.22.3 Haøliddikaøni.

65. Ha-lê Tụ lạc trưởng giả [illegible] Ha-lê tụ lạc chủ; xem kinh tiếp theo. Paøli: Haøliddikaøni-gahapati.

66. Paøli: aææhakavaggiye maøgandiyapaóhe, trong kinh Những câu hỏi của Maøgandiya, phẩm thứ 8 (Suttanipaøta).

Lấp kín nguồn nước chảy;
Sống thân cận làng xóm,
Mâu ni không khen ngợi.
Năm dục đã trống rỗng.
Quyết không đầy trở lại;
Lời tranh tụng thế gian,
Chung cuộc không xảy nữa.

Thưa Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên, kệ này có ý nghĩa gì?"

Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên trả lời gia chủ:

"Con mắt là dòng chảy. Tham phát khởi bởi thức con mắt. Nương vào giới con mắt mà tham dục chảy trào ra, nên gọi là dòng chảy[67]. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý là dòng chảy tham phát khởi bởi ý thức. Nương vào ý giới mà tham dục chảy trào ra, nên gọi là dòng chảy."

Gia chủ lại hỏi Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên:

"Thế nào gọi là không chảy trào ra[68]?"

Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên bảo gia chủ:

"Thức của con mắt; ái và hỷ y trên sắc được nhận thức bởi mắt mà phát sanh, nếu chúng dứt sạch, vô dục, diệt tận, tịch tĩnh, tịch diệt, thì đó gọi là không chảy trào ra. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý; là ý thức; tham dục y trên pháp được nhận thức bởi ý mà phát sanh, nếu chúng dứt sạch, vô dục, diệt tận, tịch tĩnh, tịch diệt, thì đó gọi là không chảy trào ra."

Lại hỏi:

"Thế nào là nguồn[69]?"

Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên đáp:

"Duyên con mắt và sắc sanh ra thức con mắt. Ba sự hòa hợp sanh ra xúc. Duyên xúc sanh cảm thọ, hoặc thọ lạc, thọ khổ, thọ không khổ không lạc. Từ đó phát xuất dòng nhiễm trước. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý; ý thức, ý thức pháp, cả ba hòa hợp sanh ra xúc. Duyên xúc sanh cảm thọ, hoặc thọ lạc, thọ khổ, thọ không khổ không lạc.

---

67. Hán: lưu 流. Paøli: ruøpadhaøtu gahapati vióóaøòassa oko, ruøpadhaøturaøgavinibaddhaóca pana vióóaøòam okasaøriti vuccati, "Sắc giới là nhà của thức. Thức bị trói buộc bởi sắc giới tham được gọi là người ở trọ nhà". Bản Hán đọc *ogho* (dòng chảy) thay vì *oko* (nhà).

68. Bất lưu 不流. Paøli: anokasaørì, người không ở trọ. Xem cht. trên.

69. Lưu nguyên 流原. Paøli: niketasaørì, tiêu tướng của trú xứ.

Dòng ái hỷ y nơi thọ này phát xuất, đó gọi là nguồn của dòng."

"Thế nào là lấp nguồn của dòng này?"

"Sự hệ lụy do giới con mắt tiếp nhận cảnh giới tâm pháp; nếu sự hệ lụy này dứt sạch, vô dục, diệt tận, tịch tĩnh, tịch diệt, đó gọi là lấp nguồn của dòng. Sự hệ lụy do tai, mũi, lưỡi, thân, ý tiếp nhận cảnh giới tâm pháp; nếu sự hệ lụy này dứt sạch, vô dục, diệt tận, tịch tĩnh, tịch diệt, đó gọi là lấp nguồn của dòng."

Lại hỏi:

"Thế nào là thân cận, tán thán nhau?"[70]

Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên đáp:

"Tại gia, xuất gia thân cận nhau, cùng mừng, cùng lo, cùng vui, cùng khổ, việc gì cũng đều làm chung; đó gọi là thân cận, tán thán nhau."

Lại hỏi:

"Thế nào là không khen ngợi?"[71]

"Là tại gia, xuất gia không cùng thân cận, không cùng mừng, không cùng lo, không cùng khổ, không cùng vui; phàm làm việc gì cũng đều không cùng nhau vui vẻ tán thành; đó gọi là không khen ngợi."

"Thế nào dục không trống không[72]?"

"Có năm phẩm chất của dục; sắc được nhận thức bởi mắt, đáng ưa, đáng thích, đáng nghĩ nhớ, đắm trước sâu, nuôi lớn dục. Tiếng bởi tai, hương bởi mũi đối với hương, vị bởi lưỡi đối với vị, xúc bởi thân đối với xúc, đáng ưa, đáng thích, đáng nghĩ nhớ, đắm trước sâu, nuôi lớn dục. Đối với năm dục này mà không lìa tham, không lìa ái, không lìa nhớ nghĩ, không lìa khao khát, thì đó gọi là dục không trống không."

"Thế nào gọi là dục trống không?"

"Là đối với năm dục này mà lìa tham, lìa dục, lìa ái, lìa nhớ nghĩ, lìa khát khao, thì đó gọi là dục trống không."

"Nói bị hệ lụy trói buộc bởi ngã, đó là khi tâm pháp trở lại

---

70. Paøli: kathaö ca gaøme santhavajaøto hoti, "Thế nào là sự hòa thuận trong thôn xóm?"

71. Bản Paøli: "Thế nào là không gần gũi xóm làng?"

72. Bất không dục . Paøli: kaømehi aritto, chưa dọn sạch các dục.

đầy[73].

"Vị Tỳ-kheo A-la-hán kia, đã đoạn tận các lậu, cắt đứt gốc rễ của chúng, như chặt đứt ngọn cây đa-la, đời vị lai sẽ không sanh trở lại nữa, thì làm sao lại cùng với kẻ khác tranh tụng.

"Cho nên, Thế Tôn trả lời câu hỏi của Ma-kiền-đề trong kinh Nghĩa phẩm bằng bài kệ:

Đoạn tất cả các dòng,
Lấp kín nguồn nước chảy;
Sống thân cận làng xóm,
Mâu-ni không khen ngợi.
Năm dục đã trống rỗng,
Quyết không đầy trở lại;
Lời tranh tụng thế gian,
Chung cuộc không xảy nữa.

Đó gọi là sự phân biệt nghĩa lý bài kệ mà Như Lai đã nói."

Bấy giờ, gia chủ Ha-lê Tụ lạc khi nghe Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên nói xong, tùy hỷ hoan hỷ, làm lễ rồi ra về.

M

KINH 552. HA-LÊ (2)[74]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên đang ở tại tinh xá của họ Thích trong thôn Ha-lê. Vị gia chủ thôn chủ Ha-lê[75] đi đến chỗ Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên cúi đầu đảnh lễ dưới chân Tôn giả, rồi ngồi lui qua một bên, thưa Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên:

"Như lúc Đức Thế Tôn ở trong hang đá núi Giới cách đã nói với Thiên đế Thích[76] rằng: 'Này Kiều-thi-ca, nếu có Sa-môn, Bà-

---

73. Giải thích câu tụng 6. Paøli: kathaóca... apurakkharaøno hoti, thế nào là không ước vọng?

74. S.22.4 Haøliddikaøni.

75. Xem cht.65, kinh 551.

76. Nguyên Hán: [illegible]. Xem kinh 505. Paøli: Kurara ghare

la-môn nào mà giải thoát vô thượng với sự diệt tận ái[77], tâm khéo chân chánh giải thoát, rốt ráo biên tế, rốt ráo vô cấu, cứu cánh phạm hạnh, tuyệt đối thanh tịnh'. Làm thế nào mà ở trong pháp luật này đạt đến rốt ráo biên tế, rốt ráo vô cấu, cứu cánh phạm hạnh, tuyệt đối thanh tịnh?"

Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên bảo gia chủ:

"Con mắt, thức con mắt, sắc được nhận thức bởi con mắt, nương nhau sanh hỷ. Nếu hỷ này đoạn tận, vô dục, diệt tận, tịch diệt, tĩnh chỉ, thì ngay trong Pháp luật này sẽ đạt đến rốt ráo biên tế, rốt ráo vô cấu, cứu cánh phạm hạnh, tuyệt đối thanh tịnh. Tai, mắt, lưỡi, thân, ý, ý thức; pháp được nhận thức bởi ý nhau sanh ra hỷ. Nếu hỷ này đoạn tận, vô dục, diệt tận, tịch diệt, tĩnh chỉ, thì ngay trong Pháp luật này sẽ đạt đến rốt ráo biên tế, rốt ráo vô cấu, cứu cánh phạm hạnh, tuyệt đối thanh tịnh."

Gia chủ thôn chủ Ha-lê, sau khi nghe lời chỉ dạy của Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên, tùy hỷ hoan hỷ, làm lễ ra về.

M

KINH 553. HA-LÊ (3)

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên đang ở tại tinh xá của họ Thích trong thôn Ha-lê. Vị gia chủ thôn chủ Ha-lê đi đến chỗ Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên cúi đầu đảnh lễ dưới chân Tôn giả, rồi ngồi lui qua một bên, thưa Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên:

"Như khi Thế Tôn ở trong hang đá núi Giới cách đã nói với Đế Thích rằng: Này Kiều-thi-ca, nếu có Sa-môn, Bà-la-môn nào mà giải thoát vô thượng với sự dứt sạch ái, tâm khéo chân chánh giải thoát, đạt đến rốt ráo biên tế, rốt ráo vô cấu, cứu cánh phạm hạnh, tuyệt đối thanh tịnh. Làm thế nào mà ở trong Pháp luật này đạt đến rốt ráo biên tế, tốt ráo vô cấu, cứu cánh phạm hạnh, tuyệt đối thanh tịnh?"

---

papaøte pabbate, trên sườn núi gần thị trấn Kurara ghara.

77. Ái tận giải thoát [illegible] Paøli: taòhaøkkhayavimutti; Cf. M.37 Cuøôataòhaøsaòkhaya-suttam.

Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên bảo gia chủ:

"Nếu Tỳ-kheo nào, đối với sự hệ lụy đắm trước nơi cảnh giới của tâm pháp được tiếp nhận bởi giới con mắt; sự hệ lụy ấy nếu đã dứt sạch, vô dục, diệt tận, tịch diệt, tĩnh chỉ, thì ở trong Pháp luật này mà đạt đến rốt ráo biên tế, rốt ráo vô cấu, cứu cánh phạm hạnh, tuyệt đối thanh tịnh. Đối với sự hệ lụy đắm trước nơi cảnh giới của tâm pháp được tiếp nhận bởi tai, mũi, lưỡi, thân, ý giới; sự hệ lụy ấy nếu đã dứt sạch, vô dục, diệt tận, tịch diệt, tĩnh chỉ, thì ở trong Pháp luật này mà đạt đến rốt ráo biên tế, rốt ráo vô cấu, cứu cánh phạm hạnh, tuyệt đối thanh tịnh."

Gia chủ thôn Ha-lê, nghe Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên nói xong, tùy hỷ hoan hỷ, làm lễ ra về.

M

KINH 554. HA-LÊ (4)

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên đang ở trong thôn Ha-lê của họ Thích. Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên nghe gia chủ chủ thôn Ha-lê mắc bệnh khổ. Sau khi nghe, vào buổi sáng sớm, đắp y mang bát vào thôn Ha-lê khất thực, lần lượt đến nhà gia chủ thôn chủ Ha-lê. Gia chủ thôn chủ Ha-lê từ xa trông thấy Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên, ông muốn rời chỗ nằm đứng dậy. Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên thấy gia chủ muốn đứng dậy, liền bảo gia chủ:

"Gia chủ chớ đứng dậy! May còn có chỗ ngồi, tôi có thể tự ngồi nơi đó."

Tôn giả lại nói với gia chủ:

"Thế nào gia chủ, tật bệnh có chịu đựng được không? Mọi thứ đau đớn của thân thể có thuyên giảm không? Không tăng thêm chăng?"

Gia chủ đáp:

"Thưa Tôn giả, bệnh con rất khó nhẫn chịu. Những sự đau đớn của thân thể càng tăng thêm, không bớt chút nào!"

Gia chủ liền nói ba thí dụ như kinh Xoa-ma Tỳ-kheo đã nói

trước.

Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên bảo gia chủ:

"Cho nên ông nên tu tập bất hoại tịnh đối với Phật, tu tập bất hoại tịnh đối với Pháp, tu tập bất hoại tịnh đối với Tăng, tu tập và thành tựu Thánh giới. Nên học như vậy."

Gia chủ đáp:

"Bốn Bất hoại tịnh như Đức Phật dạy con đã thành tựu được tất cả. Hiện tại con đã thành tựu Phật bất hoại tịnh, Pháp bất hoại tịnh, Tăng bất hoại tịnh và đã thành tựu Thánh giới."

Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên bảo gia chủ:

"Ông nên nương vào bốn pháp bất hoại tịnh này mà tu tập sáu pháp niệm. Nên niệm công đức Phật: Ngài là Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Nên niệm công đức Pháp: Đối với Chánh pháp luật của Thế Tôn, ngay trong đời này, xa lìa các phiền não bức rức, pháp được thông đạt, phi thời gian, duyên tự mình mà giác ngộ. Nên niệm công đức Tăng: Bậc thiện xảo thú hướng, chân chánh thú hướng, trực chỉ thú hướng, bình đẳng thú hướng, tu hạnh tùy thuận, Đó là hướng Tu-đà-hoàn, đắc quả Tu-đà-hoàn; hướng Tư-đà-hàm, đắc quả Tư-đà-hàm; hướng A-na-hàm, đắc quả A-na-hàm; hướng A-la-hán, đắc quả A-la-hán. Như vậy, bốn đôi, tám bậc, đó gọi là Tăng đệ tử của Thế Tôn, đầy đủ giới, đầy đủ định, đầy đủ tuệ, đầy đủ giải thoát, đầy đủ giải thoát tri kiến, là phước điền Vô thượng của thế gian, là nơi cúng dường, cung kính, lễ bái. Nên niệm công đức Giới: Tự giữ gìn chánh giới, không hủy, không khuyết, không vỡ, không nát, là giới chẳng trộm lấy[78], giới cứu cánh, giới đáng khen ngợi, giới phạm hạnh, giới không bị ghét bỏ. Nên niệm công đức Bố thí: Tự mình nghĩ đến bố thí, tự tâm cảm thấy hân hoan, xả bỏ keo kiệt, tham lam; tuy ở tại gia nhưng tâm bố thí giải thoát, thường bố thí, vui vẻ bố thí, bố thí đầy đủ, bố thí bình đẳng. Nên niệm công đức chư Thiên: Niệm trời Tứ vương, trời Tam thập tam, trời Diệm-ma, trời Đâu-suất-đà, trời Hóa lạc, trời Tha hóa tự tại. Chư Thiên này với tín và giới thanh tịnh,

---

78. Xem cht.61, kinh 550.

khi chết ở cõi này được sanh về trong các cõi kia. Ta cũng như vậy, nhờ tín, giới, trí, văn, tuệ thanh tịnh, nên được sanh về trong các cõi trời kia.

"Này gia chủ, như vậy nên biết nương vào bốn pháp Bất hoại tịnh và thêm sáu Niệm xứ nữa."

Gia chủ thưa Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên:

"Bốn pháp Bất hoại tịnh và sáu Niệm xứ mà Đức Thế Tôn đã nói, ở đây, tất cả con đều thành tựu. Con đang tu tập niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm Giới, niệm Thí, niệm Thiên.

Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên bảo gia chủ:

"Lành thay! Gia chủ có thể tự xác nhận là đắc quả A-na-hàm."

Bấy giờ, gia chủ thưa:

"Mời Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên ở lại đây thọ trai."

Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên nhận lời mời. Gia chủ thôn chủ Ha-lê, biết Tôn giả đã nhận lời, liền sửa soạn đầy đủ đồ ăn thức uống ngon, tự tay cúng dường. Thọ trai xong, sau khi rửa bát, súc miệng, Tôn giả vì gia chủ nói pháp, khai thị, chỉ giáo, soi sáng, làm cho hoan hỷ, xong Tôn giả liền từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

M

KINH 555. HA-LÊ (5)

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên đang ở trong thôn Ha-lê của họ Thích. Lúc đó có gia chủ ở Bát thành[79] tên là Đà-thí[80] thân bị bệnh khổ. Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên nghe gia chủ Đà-thí mắc bệnh, sáng sớm đắp y mang bát vào Bát thành khất thực, lần lượt đến nhà gia chủ Đà-thí. Như kinh gia chủ Ha-lê đã nói như vậy.

M

79. Bát thành Paøli: Aæææhaka-naøgara.

80. Đà-thí Paøli: Dasama.

KINH 556. VÔ TƯỚNG TÂM TAM-MUỘI[81]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong rừng An-thiền[82] tại thành Sa-kỳ[83].

Bấy giờ số đông Tỳ-kheo-ni đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật, rồi đứng lui qua một bên. Đức Thế Tôn liền vì các Tỳ-kheo-ni nói pháp, khai thị, chỉ giáo, soi sáng, làm cho hoan hỷ. Khai thị, chỉ giáo, soi sáng, làm cho hoan hỷ xong, Phật ngồi im lặng.

Các Tỳ-kheo-ni bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, nếu vô tướng tâm tam-muội[84], không vọt lên, không chìm xuống[85], sau khi giải thoát rồi an trụ, sau khi an trụ rồi giải thoát; thì vô tướng tâm tam-muội này, Thế Tôn dạy nó là quả gì, công đức gì?"

Phật bảo các Tỳ-kheo-ni:

"Nếu vô tướng tâm tam-muội, không vọt lên, không chìm xuống, sau khi giải thoát rồi an trụ, sau khi an trụ rồi giải thoát, thì vô tướng tâm tam-muội này là trí quả, là trí công đức."

Khi các Tỳ-kheo-ni nghe Phật dạy xong, đều tùy hỷ hoan hỷ, làm lễ mà lui.

Sau đó các Tỳ-kheo-ni đi đến Tôn giả A-nan, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Tôn giả, rồi ngồi lui qua một bên, thưa Tôn giả A-nan:

"Nếu vô tướng tâm tam-muội, không vọt lên, không chìm xuống, sau khi giải thoát rồi an trụ, sau khi an trụ rồi giải thoát, thì vô tướng tâm tam-muội này là quả gì, công đức gì?"

Tôn giả A-nan bảo các Tỳ-kheo-ni:

"Này các tỷ muội, nếu vô tướng tâm tam-muội, không vọt lên, không chìm xuống, sau khi giải thoát rồi an trụ, sau khi an trụ rồi giải

---

81. Ấn Thuận, "33. Tương ưng A-nan", gồm các kinh, Đại Chánh 556-565. –Đại Chánh kinh 556, không thấy Paøli tương đương.

82. An-thiền lâm [illegible] Paøli: Aójanavana, khu rừng gần thị trấn Saøketa.

83. Sa-kỳ [illegible] Paøli: Saøketa, thị trấn phước Kosala.

84. Vô tướng tâm tam-muội [illegible] xem kinh 566, quyển 21. Paøli: animittaø (ceto)samaødhi.

85. Hán: bất dũng bất một [illegible] Paøli: (Yaøyam samaødhi) na caøbhinato na caøpannato, (Định ấy) không căng lên, không chùn xuống.

thoát. Thế Tôn nói là trí quả, là trí công đức."

Các Tỳ-kheo-ni đều nói:

"Lạ thay, Tôn giả A-nan! Đại Sư và đệ tử có cùng một câu nói, cùng một vị, cùng một nghĩa, tức là Đệ nhất cú nghĩa. Hôm nay các Tỳ-kheo-ni có đến chỗ Thế Tôn, đem câu nói như vậy, vị như vậy, nghĩa như vậy hỏi Thế Tôn. Thế Tôn cũng đã vì chúng con nói câu như vậy, vị như vậy và nghĩa như vậy, giống như những gì Tôn giả A-nan nói không khác. Cho nên thật là kỳ đặc, Đại Sư và đệ tử cùng nói một câu, cùng vị và cùng nghĩa."

Các Tỳ-kheo-ni sau khi nghe những gì Tôn giả A-nan nói, tất cả đều tùy hỷ hoan hỷ, làm lễ mà lui.

M

KINH 557. XÀ-TRI-LA[86]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở tại vườn Cù-sư-la[87], thuộc nước Câu-diệm-di. Bấy giờ Tôn giả A-nan cũng ở tại đó.

Khi ấy Tỳ-kheo-ni Xà-tri-la[88] đến chỗ Tôn giả A-nan đảnh lễ, rồi ngồi lui qua một bên, hỏi Tôn giả A-nan:

"Nếu vô tướng tâm tam-muội, không vọt lên, không chìm xuống[89], sau khi giải thoát rồi an trụ, sau khi an trụ rồi giải thoát, thì thưa Tôn giả A-nan, Thế Tôn dạy nó là quả gì, công đức gì?"

Tôn giả A-nan bảo Tỳ-kheo-ni Xà-tri-la:

"Nếu vô tướng tâm tam-muội, không vọt lên, không chìm xuống, sau khi giải thoát rồi an trụ, sau khi an trụ rồi giải thoát, thì Thế Tôn dạy nó là trí quả, trí công đức."

Tỳ-kheo-ni Xà-tri-la khen ngợi:

"Lạ thay! Thưa Tôn giả A-nan, Đại Sư và đệ tử nói giống nhau cùng một câu, cùng một ý vị, cùng một nghĩa. Thưa Tôn giả A-nan, ngày trước, lúc Phật ở thành Sa-kỳ, trong rừng An-thiền, lúc đó,

---

86. Paøli: A. ix. 37. AØnanda.

87. Cù-sư-la viên [illegible]. Paøli: Ghositaøraøma, tinh xá do Ghosita ở Kosambì dựng.

88. Xà-tri-la Tỳ-kheo-ni [illegible]. Paøli: Jaôilaø.

89. Hán: bất dũng bất một [illegible]. Xem cht.85, kinh 556.

có nhiều Tỳ-kheo-ni đi đến chỗ Phật hỏi nghĩa này, Thế Tôn đã nói cho các Tỳ-kheo-ni nghe nói câu như vậy, ý vị như vậy, nghĩa cũng như vậy. Cho nên biết là kỳ đặc: Đại Sư và đệ tử cùng nói một câu, cùng một vị và cùng một nghĩa. Đó gọi là Đệ nhất cú nghĩa."

Sau khi Tỳ-kheo-ni Xà-tri-la nghe những gì Tôn giả A-nan nói xong, tùy hỷ hoan hỷ, làm lễ mà lui.

Như Tỳ-kheo-ni Xà-tri-la đã hỏi, Tỳ-kheo-ni Ca-la-bạt cũng hỏi như vậy.

M

KINH 558. A-NAN[90]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cù-sư-la, nước Câu-diệm-di. Bấy giờ Tôn giả A-nan cũng ở đó.

Lúc bấy giờ, có một Tỳ-kheo kia đạt được vô tướng tâm tam-muội, nghĩ rằng: "Ta hãy đến chỗ Tôn giả A-nan, hỏi Tôn giả, nếu Tỳ-kheo đạt được vô tướng tâm tam-muội, không vọt lên, không chìm xuống, sau khi giải thoát rồi an trụ, sau khi an trụ rồi giải thoát; thưa Tôn giả A-nan, Thế Tôn dạy nó là quả gì, công đức gì? Nếu Tôn giả A-nan hỏi ta: 'Tỳ-kheo, ông đã đạt vô tướng tâm tam-muội này phải không? Đáp, tôi chưa từng có'. Hỏi thật mà đáp khác đi. Ta sẽ theo sát Tôn giả A-nan, hoặc giả có người khác hỏi nghĩa này, nhờ đó mà ta được nghe."

Tỳ-kheo này đi theo Tôn giả A-nan suốt sáu năm, mà không có ai hỏi đến nghĩa này, nên mới tự hỏi Tôn giả A-nan:

"Nếu Tỳ-kheo hỏi vô tướng tâm tam-muội, không vọt lên, không chìm xuống, sau khi giải thoát rồi an trụ, sau khi an trụ rồi giải thoát, thì thưa Tôn giả A-nan, Thế Tôn dạy nó là quả gì, công đức gì?"

Tôn giả A-nan hỏi Tỳ-kheo này:

"Tỳ-kheo, ông đã đạt tam-muội này chưa?"

Tỳ-kheo này im lặng. Tôn giả A-nan nói với Tỳ-kheo này rằng:

"Nếu Tỳ-kheo đã đạt tâm vô tướng tâm tam-muội, không vọt

90. Paøli, A.9.37 AØnanda.

lên, không chìm xuống, sau khi giải thoát rồi an trụ, sau khi an trụ rồi giải thoát, thì Thế Tôn nói đó là trí quả, trí công đức."

Sau khi nghe Tôn giả A-nan nói pháp này xong, Tỳ-kheo tùy hỷ hoan hỷ, làm lễ mà lui.

❑

TẠP A-HÀM QUYỂN 22

KINH 576. NAN-ĐÀ LÂM[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ có một Thiên tử dung nhan tuyệt diệu, vào cuối đêm, đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, thân tỏa hào quang chiếu sáng khắp rừng Kỳ-đà, vườn Cấp cô độc. Vị Thiên tử kia nói kệ bạch Phật:

Chẳng ở rừng Nan-đà[2],
Trọn chẳng được khoái lạc;
Trong cung trời Đao-lợi,
Được danh xưng Thiên đế.

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

Trẻ con[3], ngươi nào biết,
Điều A-la-hán nói:
Tất cả hành vô thường,
Đấy là pháp sanh-diệt.
Đã sanh rồi lại diệt,
Tịch diệt cả là vui.

Bấy giờ, Thiên tử này lại nói kệ:

Lâu thấy Bà-la-môn,
Chứng đắc Bát-niết-bàn;
Mọi sợ hãi đều qua,
Trọn vượt đời ân ái.

---

1. Ấn Thuận, tụng 5. Bát chúng, "25. Tương ưng Chư thiên" gồm các kinh: Đại Chánh 576-597 (quyển 12), 995-1022 (quyển 35). Phần lớn tương đương Paøli, S.1. Devataøsamyutta. Đại Chánh kinh 576, Paøli, S.1.11. Nandana. Tham chiếu, Hán: N^{0}100 (161) [Biệt dịch Tạp A-hàm quyển 9]; N^{0}125 (31.9) [Tăng nhất quyển 9].
2. Nan-đà lâm [illegible] vườn Hoan hỷ trên trời Tam thập tam. Paøli: Nandana.
3. Hán: đồng mông [illegible] Paøli: tvam baøle.

Thiên tử này sau khi nghe Phật dạy xong, tùy hỷ hoan hỷ, cúi đầu lễ dưới chân Phật rồi liền biến mất.

M

KINH 577. CÂU TỎA[4]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ có một Thiên tử dung nhan tuyệt diệu, vào cuối đêm, đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, từ thân tỏa hào quang chiếu sáng khắp rừng cây Kỳ-đà, vườn Cấp cô độc. Rồi, vị Thiên tử kia nói kệ bạch Phật:

Bứt tất cả xiềng xích,
Mâu-ni không có nhà;
Sa-môn ham giáo hóa:
Tôi chẳng nói 'Lành thay!'

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

Tất cả loài chúng sanh,
Thảy cùng ràng buộc nhau;
Kia có người trí tuệ,
Ai chẳng khỏi thương xót?
Thiện Thệ vì thương xót,
Thường dạy dỗ chúng sanh.
Người thương xót chúng sanh,
Đó là đúng như pháp.

Thiên tử kia lại nói bài kệ:

Lâu thấy Bà-la-môn,
Chứng đắc Bát-niết-bàn;
Mọi sợ hãi đều qua,
Trọn vượt đời ân ái.

Thiên tử kia sau khi nghe Phật dạy, tùy hỷ hoan hỷ rồi liền biến mất.

M

---

4. Xiềng xích. Paøli, S.10.2 Sakka. Tham chiếu, N^{0}100(162).

KINH 578. TÀM QUÝ[5]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ có một Thiên tử dung nhan tuyệt diệu, cuối đêm đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, từ thân tỏa hào quang chiếu sáng khắp rừng cây Kỳ-đà, vườn Cấp cô độc. Rồi, vị Thiên tử kia nói kệ bạch Phật:

Thường tập lòng hổ thẹn,
Thường có hạng người này;
Hay xa lìa điều ác,
Như ngựa khôn thấy roi.

Bấy giờ, Thế Tôn nói bài kệ:

Thường tập lòng hổ thẹn,
Người này thật ít có;
Hay xa lìa điều ác,
Như ngựa lành thấy roi.

Vị Thiên tử kia lại nói bài kệ:

Lâu thấy Bà-la-môn,
Chứng đắc Bát-niết-bàn;
Mọi sợ hãi đều qua,
Trọn vượt đời ân ái.

Thiên tử này sau khi nghe Phật nói kệ xong, tùy hỷ hoan hỷ, cúi đầu lễ Phật rồi biến mất.

M

KINH 579. BẤT TẬP CẬN[6]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

---

5. S.1.18. Hirì.

6. S.1.7 Appaæividitaø. Tham chiếu, N^{0}100(164).

Bấy giờ, có một Thiên tử dung nhan tuyệt diệu, vào cuối đêm, đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, từ thân tỏa hào quang chiếu sáng khắp rừng cây Kỳ-đà, vườn Cấp cô độc. Rồi, vị Thiên tử kia nói kệ bạch Phật:

Chẳng gần gũi Chánh pháp,
Ưa đắm các tà kiến;[7]
Ngủ mê chẳng tự biết,
Nhiều kiếp tâm sao ngộ?

Bấy giờ Thế Tôn nói bài kệ trả lời:

Chuyên tu nơi Chánh pháp,
Xa lìa nghiệp bất thiện;
Là La-hán lậu tận,
San phẳng đời gập ghềnh[8].

Thiên tử kia nói kệ:

Lâu thấy Bà-la-môn,
Chứng đắc Bát-niết-bàn;
Mọi sợ hãi đều qua,
Trọn vượt đời ân ái.

Thiên tử này sau khi Phật nói xong, tùy hỷ hoan hỷ, cúi đầu lễ dưới chân rồi biến mất.

M

KINH 580. THIỆN ĐIỀU[9]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ có một Thiên tử dung nhan tuyệt diệu, vào cuối đêm, đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, từ thân tỏa hào quang chiếu sáng khắp rừng cây Kỳ-đà, vườn Cấp cô độc.

---

7. Paøli: yesam dhammaø appaæividitaø, paravaødesu nìyare, "Những ai không hiểu rõ pháp, lạc lối vào các dị thuyết".
8. Paøli: caranti visame saman'ti, "Bước đi bằng phẳng trên lối đi gập ghềnh".
9. S.1.8 Susammuææhaø. Tham chiếu, N^{0}100(165).

Rồi, vị Thiên tử kia nói kệ bạch Phật:

Nhờ pháp, khéo điều phục,
Không đọa các tà kiến;[10]
Tuy còn đắm ngủ say,
Có thể tùy thời ngộ.

Thế Tôn nói kệ đáp lại:

Nếu nhờ pháp điều phục,
Chẳng theo các tà kiến;
Rốt ráo dứt vô tri,
Hay vượt đời ân ái.

Thiên tử kia lại nói kệ:

Lâu thấy Bà-la-môn,
Chứng đắc Bát-niết-bàn;
Mọi sợ hãi đều qua,
Trọn vượt đời ân ái.

Thiên tử này sau khi nghe Phật nói xong, tùy hỷ hoan hỷ, cúi đầu đảnh lễ dưới chân rồi biến mất.

M

KINH 581. LA-HÁN (1)[11]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ có một Thiên tử dung nhan tuyệt diệu, vào cuối đêm đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, từ thân tỏa hào quang chiếu sáng khắp rừng cây Kỳ-đà, vườn Cấp cô độc. Bấy giờ, vị Thiên tử kia nói kệ bạch Phật:

Nếu Tỳ-kheo La-hán,
Việc mình đã làm xong;

---

10. Paøli: yesaö dhammaø susammmuææhaø, paravaødesu nìyare, "những ai mê mờ pháp, lạc lối vào dị thuyết".
11. S.1.25 Arahaö. Tham chiếu, N^{0}100(166).

Tất cả lậu dứt sạch,
Mang thân tối hậu này,
Xác định nói: 'có ngã,'
Và nói: 'ngã sở' không?[12]

Bấy giờ Thế Tôn nói kệ đáp:

Nếu Tỳ-kheo La-hán,
Việc mình đã làm xong;
Các hữu lậu đã sạch,
Mang thân tối hậu này.
Giả sử còn nói ngã,
Ngã sở, cũng không lỗi.

Thiên tử lại nói kệ đáp:

Nếu Tỳ-kheo La-hán,
Việc mình đã làm xong;
Tất cả lậu hết sạch,
Mang thân tối hậu này.
Tâm nương nơi ngã mạn,
Mà nói là có ngã;
Và nói về ngã sở,
Có nói như thế không?

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

Đã lìa nơi ngã mạn,
Không còn tâm ngã mạn;
Siêu việt ngã, ngã sở,
Ta nói là lậu tận.
Đối ngã, ngã sở kia,
Tâm trọn chẳng chấp trước;
Hiểu danh tự thế gian,
Bình đẳng giả danh nói.

---

12. Paøli: ahaö vadaømì' ti' pi so vadeyyaø' ti. mamaö vadantì' ti' pi so vadeyyaø'ti, "Vị ấy cũng có thể nói: 'Tôi nói.' Vị ấy cũng có thể nói: 'Họ nói (với tôi) là của tôi". Vị A-la-hán, tuy chứng vô ngã, nhưng vẫn nói 'tôi' và 'của tôi' theo ngôn ngữ thế gian.

Thiên tử kia lại nói kệ:

Lâu thấy Bà-la-môn,
Chứng đắc Bát-niết-bàn;
Mọi sợ hãi đều qua,
Trọn vượt đời ân ái.

Thiên tử kia nghe Phật nói xong, tùy hỷ hoan hỷ, cúi đầu lễ dưới chân Phật rồi biến mất.

M

KINH 582. LA-HÁN (2)[13]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ có một Thiên tử dung nhan tuyệt diệu, vào cuối đêm đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, từ thân tỏa hào quang chiếu sáng khắp rừng cây Kỳ-đà, vườn Cấp cô độc. Bấy giờ, vị Thiên tử kia nói kệ bạch Phật:

Nếu Tỳ-kheo La-hán,
Lậu tận, tối hậu thân;
Có thể nói: 'có ngã',
Và nói: 'ngã sở' chăng?

Thế Tôn nói kệ đáp:

Nếu Tỳ-kheo La-hán,
Lậu tận, tối hậu thân;
Cũng nói là có ngã,
Và nói có ngã sở.

Thiên tử kia lại nói kệ:

Nếu Tỳ-kheo La-hán,
Việc mình đã làm xong;
Đã sạch các hữu lậu,
Chỉ còn thân sau cùng.
Sao còn nói có ngã,

13. Xem kinh 581 trên.

Và nói có ngã sở?

Thế Tôn nói kệ đáp:

Nếu Tỳ-kheo La-hán,
Việc mình đã làm xong;
Tất cả lậu hết sạch,
Chỉ còn thân sau cùng.
Ta nói sạch các lậu,
Cũng chẳng chấp ngã sở;
Hiểu danh tự thế gian,
Bình đẳng giả danh nói.

Thiên tử này nghe Phật nói xong, tùy hỷ hoan hỷ, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật rồi biến mất.

M

KINH 583. NGUYỆT THIÊN TỬ[14]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ có La-hầu-la A-tu-la vương[15] che Nguyệt Thiên tử[16]. Lúc ấy các Nguyệt Thiên tử đều sợ hãi, đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật, rồi đứng lui sang một bên và nói kệ khen ngợi Phật:

Nay lễ Tối Thắng Giác,
Hay thoát tất cả chướng;
Con nay gặp khổ não,
Thế nên đến quy y.
Chúng con Nguyệt Thiên tử,
Quy y Đấng Thiện Thệ;
Phật thương xót thế gian,
Xin cứu thoát Tu-la.

---

14. S.2.9 Candima.
15. La-hầu-la A-tu-la vương . Paøli: Raøhu-asurinda.
16. Hiện tượng nguyệt thực.

Thế Tôn liền nói kệ đáp:

Phá tan mọi tăm tối,
Ánh sáng chiếu hư không;
Nay Tỳ-lô-giá-na[17]*,*
Bày ánh sáng thanh tịnh.
La-hầu tránh hư không,
Phóng bay nhanh như thỏ.
A-tu-la La-hầu,
Vội bỏ trăng trở về;
Toàn thân tuôn mồ hôi,
Kinh hoảng chẳng an ổn;
Thần hôn, chí mê loạn,
Giống như người bệnh nặng.

Bấy giờ, có A-tu-la tên là Bà-trĩ[18] thấy A-tu-la La-hầu-la vội vàng bỏ mặt trăng trở về liền nói kệ:

La-hầu A-tu-la,
Bỏ trăng sao nhanh thế?
Toàn thân tuôn mồ hôi,
Như người bị bệnh nặng.

A-tu-la La-hầu-la trả lời bằng bài kệ:

Cù-đàm thuyết chú kệ;
Nếu không nhanh bỏ trăng.
Đầu vỡ làm bảy mảnh,
Chịu khổ như sắp chết.

A-tu-la Bà-trĩ lại nói bài kệ:

Phật xuất hiện, hiếm có;
An ổn cho thế gian.
Ngài thuyết kệ khiến cho
La-hầu bỏ mặt trăng.

Phật nói kinh này rồi, bấy giờ Nguyệt Thiên tử sau khi những

---

17. Tỳ-lô-giá-na 毘盧遮那. Paøli: virocana; bản Paøli không nêu.
18. Bà-trĩ 婆稚. Paøli: Vepacitti.

điều Phật thuyết, hoan hỷ tùy hỷ, làm lễ rồi lui.

M

KINH 584. TỘC BẢN[19]

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ có một Thiên tử dung nhan tuyệt diệu, vào cuối đêm, đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, thân tỏa hào quang chiếu sáng khắp rừng Kỳ-đà, vườn Cấp cô độc. Vị Thiên tử kia nói kệ bạch Phật:

Ngài có bản tộc chăng?
Có tộc nối dõi chăng?
Thân thuộc thảy đều không?
Làm sao cởi trói buộc?[20]

Thế Tôn trả lời bằng bài kệ:

Ta không có tộc bản
Cũng không tộc nối dõi;
Thân thuộc cắt vĩnh viễn,
Giải thoát mọi ràng buộc.

Thiên tử lại nói kệ:

Thế nào là tộc bản?
Thế nào là dòng tộc?
Thế nào có thân thuộc?
Thế nào dây trói chắc?

Bấy giờ, Thế Tôn trả lời bằng bài kệ:

Mẹ, tộc bản của đời;
Vợ là tộc nối dõi[21]*;*
Có con có thân thuộc;
Ái là dây trói chặt.

---

19. S.1.19 Kuæikaø.

20. Hán: tộc bản 族本 chuyển sanh tộc 生族 Paøli: kacci te kuæikaø natthi, kacci natthi kulaøvaka kacci santaønakaø natthi, kacci muttosi bandhanaø'ti, "Ngài không có chòi tranh, Ngài không có tổ ấm, Ngài không có con cháu, Ngài thoát mọi ràng buộc". Bản Hán đọc kula (gia tộc) thay vì kuæikaø, chòi tranh.

21. Paøli: maøtaraö kuæikaö bruøsi, bhariyaö bruøsi kulaøvakaö. "Ta nói, mẹ là chòi tranh, vợ là tổ ấm".

Rồi, Thiên tử kia lại nói kệ:

Lành thay không dòng họ,
Không sanh tộc cũng tốt;
Lành thay không tương thuộc!
Lành thay giải thoát buộc!
Lâu thấy Bà-la-môn,
Chóng đắc Bát-niết-bàn;
Mọi sợ hãi đều qua,
Trọn vượt thoát ân ái.

Thiên tử này nghe Phật nói xong, tùy hỷ hoan hỷ, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật rồi biến mất.

M

KINH 585. ĐỘC NHẤT TRỤ[22]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại tháp Ưu-la-đề-na của họ Thích[23].

Bấy giờ Thế Tôn mới cạo râu tóc. Vào cuối đêm, Ngài ngồi kiết già, thân ngay, ý chánh, cột niệm ở trước mặt, lấy y trùm lên đầu. Bấy giờ bên tháp Ưu-la-đề-na có Thiên thần cư ngụ, phóng ánh sáng từ thân, chiếu khắp tinh xá, bạch Phật rằng:

"Sa-môn lo buồn phải không?"

Phật bảo Thiên thần:

"Ta mất gì đâu?"

Thiên thần lại hỏi:

"Sa-môn hoan hỷ phải không?"

Phật bảo Thiên thần:

"Ta được gì đâu?"

Thiên thần lại hỏi:

"Sa-môn không lo buồn, không hoan hỷ phải không?"

Phật bảo Thiên thần:

---

22. Sống một mình. Paøli, S.2.18 Kakudha.

23. Thích thị Ưu-la-đề-na tháp 釋氏優羅提那塔. Bản Paøli, S.2.2.8: Saøkete vihaørati aójavane migadaøya; Phật ở Saøketa, trong rừng Aójana, chỗ nuôi dê.

"Đúng vậy! Đúng vậy!"

Bấy giờ Thiên thần nói kệ:

Vì lìa các phiền não,
Vì chẳng có vui mừng;
Làm sao sống một mình,
Không bị buồn phá hoại?

Thế Tôn nói kệ đáp:

Giải thoát không ưu não,
Cũng không có hoan hỷ;
Buồn không thể phá hoại,
Nên Ta sống một mình.

Thiên thần này lại nói kệ:

Làm sao không ưu não,
Làm sao không hoan hỷ;
Làm sao ngồi một mình,
Không bị buồn phá hoại?

Thế Tôn nói kệ đáp:

Phiền não sanh hoan hỷ,
Hoan hỷ sanh phiền não;
Không não cũng không hỷ,
Thiên thần nên gìn giữ.

Thiên thần lại nói kệ:

Lành thay! Không phiền não,
Lành thay! Không hoan hỷ;
Lành thay! Sống một mình,
Không bị buồn phá hoại?
Lâu thấy Bà-la-môn,
Chóng đắc Bát-niết-bàn;
Mọi sợ hãi đều qua,
Trọn vượt thoát ân ái.

Thiên thần kia nghe Phật nói xong, tùy hỷ hoan hỷ, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật rồi biến mất.

M

KINH 586. LỢI KIẾM[24]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ có Thiên tử dung sắc tuyệt diệu, vào cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật, từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp rừng cây Kỳ-đà, vườn Cấp cô độc. Thiên tử ấy nói kệ:

Như gươm bén làm hại,
Cũng như lửa cháy đầu;
Đoạn trừ lửa tham dục,
Chánh niệm cầu xa lìa.

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

Thí như gươm bén hại,
Cũng như lửa cháy đầu;
Đoạn trừ thân sau rốt[25]*,*
Chánh niệm cầu xa lìa.

Thiên tử kia lại nói kệ:

Lâu thấy Bà-la-môn,
Chóng đắc Bát-niết-bàn;
Mọi sợ hãi đều qua,
Trọn vượt thoát ân ái.

Thiên tử này nghe Phật nói xong, tùy hỷ hoan hỷ, cúi đầu làm lễ dưới chân Phật rồi biến mất.

M

KINH 587. THIÊN NỮ[26]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ có Thiên tử dung nhan tuyệt diệu, vào cuối đêm, đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật, từ thân tỏa ánh sáng khắp rừng cây Kỳ-đà, vườn Cấp cô độc. Thiên tử ấy nói kệ rằng:

---

24. S.1.21 Sattiyaø. Hán, N^{0}100(170).
25. Hậu thân . Paøli: sakkaøyadiæææhi, hữu thân kiến.
26. S.1.46 Accharaø. Hán, N^{0}100(171).

Các Thiên nữ vây quanh,
Như chúng Tỳ-xá-chi[27]*;*
Trong rừng rậm si hoặc,
Do đâu được ra khỏi?

Thế Tôn nói kệ đáp:

Đạo chánh trực bình đẳng,
Phương thoát ly sợ hãi;
Cỡi chiếc xe tịch mặc,
Che kín bởi pháp tưởng[28]*.*
Tàm quý vòng dây cổ[29]*,*
Chánh niệm là dây buộc;
Trí tuệ người đánh xe,
Chánh kiến dẫn đường trước.
Cỗ xe mầu nhiệm ấy,
Cùng đưa cả nam nữ;
Ra khỏi rừng sanh tử,
Chóng đến nơi an lạc.

Thiên tử kia lại nói kệ:

Lâu thấy Bà-la-môn,
Chóng đắc Bát-niết-bàn;
Mọi sợ hãi đều qua,
Trọn vượt thoát ân ái.

Thiên tử kia nghe Phật nói xong, tùy hỷ hoan hỷ, cúi đầu lễ dưới chân Phật rồi biến mất.

M

---

27. Tỳ-xá-chỉ. Paøli: pisaøca, tỳ-xá-xà, quỷ uống máu.
28. Pháp tưởng. Paøli: dhammacakkehi saöyuto, kết hợp bởi pháp luân.
29. Hán: trường mi. Paøli: hirì tassa apaølambo, sự hổ thẹn là dây thắng xe.

KINH 588. TỨ LUÂN[30]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ có Thiên tử dung nhan tuyệt diệu, vào cuối đêm, đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật, từ thân tỏa ánh sáng khắp rừng cây Kỳ-đà, vườn Cấp cô độc. Thiên tử ấy nói kệ hỏi Phật:

Có bốn chuyển, chín cửa,
Sống đầy đủ tham dục;
Đắm chìm sâu trong bùn,
Voi lớn làm sao ra?

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

Cắt dây dài ái hỷ,
Tham dục cùng các ác;
Nhổ gốc rễ ái dục,
Hướng thẳng đến chỗ kia.

Thiên tử kia lại nói kệ:

Lâu thấy Bà-la-môn,
Chóng đắc Bát-niết-bàn;
Mọi sợ hãi đều qua,
Trọn vượt thoát ân ái.

Thiên tử kia nghe Phật nói xong, tùy hỷ hoan hỷ, cúi đầu lễ dưới chân Phật rồi biến mất.

M

KINH 589. ĐẠI PHÚ[31]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Thiên tử dung nhan tuyệt diệu, vào cuối

---

30. Bốn bánh xe. S.1.29 Catucakka.

31. Paøli: S.1.28. Mahaddhana. Tham chiếu, N^{0}100(183).

đêm, đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật, từ thân tỏa ánh sáng khắp rừng cây Kỳ-đà, vườn Cấp cô độc. Thiên tử ấy nói kệ hỏi Phật:

Nước Lại-tra-bàn-đề,
Có các khách buôn bán[32]*;*
Giàu có nhiều của cải,
Tranh nhau mong làm giàu.
Tìm cách cầu tài lợi,
Như đốt lửa cháy bùng;
Tâm tranh thắng như thế,
Dục tham luôn dong ruổi.
Thế nào nên dứt tham,
Hết cần cầu thế gian.

Thế Tôn nói kệ đáp:

Bỏ tục sống không nhà,
Vợ con cùng tiền của;
Lìa dục, tham, sân, si,
La-hán sạch các lậu.
Chánh trí tâm giải thoát,
Ái tận dứt phương tiện.

Thiên tử kia lại nói kệ:

Lâu thấy Bà-la-môn,
Chóng đắc Bát-niết-bàn;
Mọi sợ hãi đều qua,
Trọn vượt thoát ân ái.

Thiên tử kia nghe Phật nói xong, tùy hỷ hoan hỷ, cúi đầu lễ dưới chân Phật rồi biến mất.

M

---

32. Paøli: Mahaddhanaø mahaøbhogaø, raæææhavantopi; khattiyaø, những Sát-lợi nhiều tiền, nhiều của, có cả đất nước. Bản Hán hiểu raæææhavanta, sở hữu vương quốc, là tên nước (hình dung từ).

KINH 590. GIÁC THỤY MIÊN[33]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Thời quá khứ tại nước Câu-tát-la có các nhà buôn với năm trăm cỗ xe cùng đi buôn bán. Họ đi đến chỗ hoang mạc. Hoang mạc này có bọn cướp năm trăm tên, đuổi theo sau, lén tìm cơ hội cướp đoạt. Bấy giờ, nơi hoang mạc ấy có một Thiên thần đang ở bên đường. Thiên thần ấy nghĩ thầm: 'Ta nên đi đến nước Câu-tát-la kia, chỗ các nhà buôn để hỏi nghĩa lý. Nếu họ vui lòng cho ta được hỏi và giải thích, ta sẽ tìm cách khiến họ an ổn, được thoát khỏi nạn giặc cướp. Nếu họ không vui lòng với những câu hỏi của ta, ta sẽ bỏ mặc họ, như những Thiên thần khác.' Sau khi suy nghĩ xong, Thiên thần ấy phóng ánh sáng chiếu khắp các cỗ xe của những nhà buôn và nói kệ:

Ai đối thức lại ngủ,
Ai đối ngủ lại thức;
Người nào hiểu nghĩa này,
Ai hay vì tôi nói.

Trong các nhà buôn đó có một Ưu-bà-tắc tin Phật, tin Pháp, tin Tỳ-kheo Tăng, nhất tâm hướng về Phật, Pháp, Tăng; quy y Phật, Pháp, Tăng. Vị ấy đối với Phật, Pháp, Tăng lìa nghi, đối với Khổ, Tập, Diệt, Đạo lìa nghi, thấy bốn Thánh đế, đắc quả hiện quán thứ nhất[34]. Trong các nhà buôn cùng kết bạn đi đường đó, Ưu-bà-tắc kia vào khoảng cuối đêm ngồi thẳng suy nghĩ, cột niệm ở trước; đối với mười hai nhân duyên, quán sát thuận nghịch; nghĩa là cái này có nên cái kia có, cái này khởi nên cái kia khởi; nghĩa là duyên vô minh có hành, duyên hành có thức, duyên thức có danh sắc, duyên danh sắc có lục nhập xứ, duyên lục nhập xứ có xúc, duyên xúc có thọ, duyên thọ có ái, duyên ái có thủ, duyên thủ có hữu, duyên hữu có sanh, duyên sanh có lão, duyên lão có bệnh, tử, ưu, bi, khổ, não. Như thế thuần đại khổ tụ tập. Như vậy, vô minh diệt thì hành diệt, hành diệt thì thức diệt, thức diệt thì danh sắc diệt, danh sắc diệt thì lục nhập

---

33. Tham chiếu, Hán N^{0}100(184).

34. Đệ nhất vô gián đẳng quả, chỉ quả vị Tu-đà-hoàn.

diệt, lục nhập diệt thì xúc diệt, xúc diệt thì thọ diệt, thọ diệt thì ái diệt, ái diệt thì thủ diệt, thủ diệt thì hữu diệt, hữu diệt thì sanh diệt, sanh diệt thì lão diệt, lão diệt thì bệnh, tử, ưu, bi, khổ, não diệt. Như thế thuần đại khổ tụ diệt."

Vị Ưu-bà-tắc ấy suy nghĩ xong liền nói kệ:

Đối người thức ta ngủ,
Đối người ngủ ta thức;
Ta hiểu rõ nghĩa này,
Nói rõ được cho người.

Lúc ấy, Thiên thần hỏi Ưu-bà-tắc:

"Thế nào là tỉnh thức ngủ mê, thế nào là ngủ mê tỉnh thức, thế nào là có thể biết, thế nào là có thể xác nhận?"

Ưu-bà-tắc nói kệ:

Tham dục và sân nhuế,
Ngu si được lìa dục;
A-la-hán lậu tận,
Chánh trí tâm giải thoát.
Vị ấy là thức tỉnh,
Đối kia ta mê ngủ;
Chẳng biết nhân sanh khổ,
Và khổ nhân duyên tập.
Đối tất cả khổ này,
Dứt hết không còn sót;
Lại chẳng biết Chánh đạo,
Đưa đến nơi hết khổ.
Như thế là đang ngủ,
Đối kia ta lại thức;
Như thế đối với ngủ,
Như thế đối với thức.
Khéo biết nghĩa như thế,
Như thế hay xác nhận.

Thiên thần lại nói kệ:

Lành thay! Ngủ trong thức,
Lành thay! Thức trong ngủ;

Lành thay! Khéo hiểu nghĩa,
Lành thay! Khéo xác nhận.
Lâu xa nay mới thấy,
Các anh em nên đến;
Nhờ ân lực của người,
Khiến cả bọn thương nhân,
Được thoát khỏi giặc cướp;
Đi theo đường an ổn.

Như thế, các Tỳ-kheo ở nước Câu-tát-la và cả đám thương nhân theo đường đi an ổn, thoát khỏi nơi hoang vắng, nguy hiểm.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 591.[35]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Thời quá khứ, trên một hòn đảo, có một Ưu-bà-tắc đến nhà một Ưu-bà-tắc khác, cùng ngồi, cực lực chê bai dục như sau: 'Dục này hư vọng, không thật, là pháp hư dối, như huyễn hóa, lừa gạt con nít.'

"Nói xong rồi trở về nhà mình, phóng túng theo ngũ dục. Tại nhà Ưu-bà-tắc này có Thiên thần đang trú ngụ. Vị Thiên thần này nghĩ thầm: 'Ưu-bà-tắc này không hơn gì, chẳng khác gì các Ưu-bà-tắc khác; ngồi giữa đông người cực lực chê bai dục: 'Dục này giả dối, không thật, là pháp giả dối, lừa gạt con nít.' Rồi trở về nhà mình lại phóng túng theo năm dục. Bây giờ hãy giúp ông ta giác ngộ. Liền nói kệ rằng:

Giữa đám đông tụ họp,
Chê trách dục vô thường;
Tự chìm trong ái dục,
Như trâu lún bùn sâu.
Ta xem trong hội kia,

---

35. Tham chiếu, N^{0}100(185).

Các vị Ưu-bà-tắc;
Đa văn hiểu rõ pháp,
Gìn giữ giới thanh tịnh.
Ngươi thấy kia vui pháp,
Mà nói dục vô thường;
Sao tự buông theo dục,
Chẳng đoạn dứt tham ái?
Vì sao vui thế gian,
Nuôi vợ con quyến thuộc?

Vị Thiên thần ấy khai thị cho Ưu-bà-tắc kia như thế. Ưu-bà-tắc đó được giác ngộ, liền cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, lòng tin chân chánh, không nhà xuất gia học đạo, tinh cần tu tập, dứt sạch hết các pháp hữu lậu, đắc quả A-la-hán."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 592. TU-ĐẠT[36]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà[37], nước Xá-vệ. Bấy giờ trưởng giả Cấp Cô Độc có chút việc đến thành Vương xá, ngủ đêm lại ở một nhà trưởng giả nọ. Ban đêm, nghe thấy gia chủ bảo với vợ con, tôi tớ, người giúp việc rằng:

"Các người nên thức dậy, sửa soạn củi lửa, nấu cơm làm bánh, sửa soạn thức ăn ngon và trang hoàng nhà cửa."

Trưởng giả Cấp Cô Độc nghe vậy nghĩ thầm: 'Người gia chủ này hôm nay làm gì đây? Hoặc là gả con gái, hay là cưới vợ cho con, hay là mời khách vua, quan?' Suy nghĩ xong, liền hỏi gia chủ:

"Ông làm gì? Có phải là gả con gái, hay cưới dâu, hoặc mời khách vua quan?"

Gia chủ này trả lời ông Cấp Cô Độc :

---

36. Paøli: S.10.8. Sudatta. Tham chiếu, N^{0}100(186).

37. Bản Hán nhầm. Lúc này Cấp Cô Độc chưa biết Phật. Bản Paøli: raøjagahe viharati sìtavane: trú tại Vương xá, trong Thi-đà lâm (bãi tha ma).

“Tôi không gả con, không cưới dâu, không mời khách vua quan gì cả, mà chỉ muốn thỉnh Phật và Tỳ-kheo Tăng để cúng dường.”

Chưa bao giờ trưởng giả Cấp Cô Độc nghe danh tự Phật, mà nay được nghe lòng hết sức vui mừng, toàn thân rợn chân lông, vui mừng hỏi gia chủ kia:

“Thế nào gọi là Phật?”

Gia chủ đáp:

“Có Sa-môn Cù-đàm thuộc dòng Thích-ca, trong dòng họ Thích, cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chánh tín, không nhà, xuất gia học đạo, đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Đó gọi là Phật.”

Trưởng giả Cấp Cô Độc hỏi:

“Thế nào gọi là Tăng?”

Gia chủ kia đáp:

“Nếu người thuộc dòng Bà-la-môn, cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chánh tín, không nhà, theo Phật xuất gia; hoặc người thuộc dòng Sát-lợi, Tỳ-xá, Thủ-đà-la, những thiện nam này cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chánh tín, không nhà, theo Phật xuất gia. Đó gọi là Tăng. Hôm nay tôi thỉnh Phật và hiện tiền Tăng thiết lễ cúng dường.”

Trưởng giả Cấp Cô Độc hỏi gia chủ kia:

“Hôm nay tôi có thể đến gặp Thế Tôn được không?”

Gia chủ kia đáp:

“Ông cứ ở đây. Tôi thỉnh Thế Tôn đến nhà tôi, ở đây ông sẽ gặp Ngài.”

Bấy giờ, trưởng giả Cấp Cô Độc suốt đêm hôm ấy hết lòng nghĩ đến Phật được ngủ một giấc ngon. Trời vẫn chưa sáng, bỗng thấy tướng sáng, tưởng đâu trời đã sáng, bèn đi ra khỏi nhà, đi về phía cửa thành. Đến dưới cửa thành, đêm mới canh hai, cửa thành chưa mở. Theo thường pháp của vua phải đợi lệnh mới cho đi lại. Hết canh một, cửa thành mới đóng. Đến cuối giữa đêm mới lại mở cửa cho người đi lại sớm. Khi trưởng giả Cấp Cô Độc thấy cửa thành mở, nghĩ thầm: ‘Đúng là qua đêm, trời sáng, cửa mở, theo tướng sáng ra khỏi thành.’

Đến khi ông ra khỏi cửa thành rồi tướng sáng liền tắt, bỗng trở lại tối tăm. Trưởng giả Cấp Cô Độc cảm thấy trong lòng sợ hãi, toàn thân lông dựng đứng. “Có lẽ bị người lạ hay ma quỷ, hoặc kẻ gian làm cho ta sợ hãi đây?” Ông vội vàng muốn trở về. Bấy giờ, bên cửa

thành có Thiên thần đang cư ngụ, thân tỏa ánh sáng từ cửa thành kia đến nghĩa địa Hàn lâm, ánh sáng chiếu khắp, Thiên thần bảo trưởng giả Cấp Cô Độc:

"Ông hãy đi tới, có thể được lợi ích tốt đẹp, đừng trở lui."

Thiên thần liền nói kệ:

Ngựa hay cả trăm con,
Vàng ròng đầy trăm cân,
Xe la và xe ngựa,
Mỗi thứ đến trăm cổ,
Đủ các thứ quý báu,
Đều chất đầy trên đó.
Do thiện căn đời trước,
Được phước báu như vậy,
Nếu người tâm kính trọng,
Hướng Phật đi một bước,
Được phước này nhiều hơn,
So với phước trên kia,
Bằng một phần mười sáu.

"Thế nên trưởng giả cứ đi tới trước, chớ trở lui."

Thiên thần lại nói tiếp kệ:

Long tượng tại núi Tuyết,
Trang sức bằng vàng ròng,
Thân to, ngà dài lớn,
Đem voi này cho người,
Chẳng bằng phước hướng Phật,
Chỉ một phần mười sáu.

"Thế nên trưởng giả mau đi tới trước, được lợi ích lớn, đừng trở lui."

Thiên thần liền nói kệ:

Gái nước Kim-bồ-xà,
Số đến cả trăm người,
Đủ các thứ báu đẹp,
Trang sức đầy châu ngọc,
Đem bố thí tất cả,

Cũng chẳng bằng công đức,
Hướng đến Phật một bước,
Bằng một phần mười sáu.

"Thế nên, trưởng giả mau đi nhanh tới trước, sẽ được lợi ích tốt đẹp, đừng trở lui."

Trưởng giả Cấp Cô Độc hỏi Thiên thần:

"Hiền giả! Hiền giả là ai?"

Thiên thần đáp:

"Tôi là Ma-đầu-tức-kiện-đại ma-na-bà, trước đây là người quen của trưởng giả, đối với Tôn giả Xá-lợi-phất, Đại Mục-kiền-liên tôi khởi lòng tin kính, do công đức này được sanh cõi trời, trấn giữ cả thành này. Thế nên tôi bảo trưởng giả chỉ nên đi tới trước, chớ có trở lui cứ đi tới trước sẽ được lợi ích lớn, đừng trở về."

Trưởng giả Cấp Cô Độc suy nghĩ: "Đức Phật xuất hiện ở thế gian chẳng phải là việc nhỏ. Được nghe Chánh pháp chẳng phải là chuyện nhỏ. Bởi thế Thiên thần khuyên ta nên đi tới gặp Phật".

Bấy giờ trưởng giả Cấp Cô Độc theo ánh sáng kia, đi qua nghĩa địa Hàn lâm. Bấy giờ, Thế Tôn ra khỏi phòng, đi kinh hành nơi đất trống, trưởng giả từ xa trông thấy Phật rồi, liền tiến tới trước, theo pháp của thế gian cung kính thăm hỏi:

"Bạch Thế Tôn, Ngài có được an ổn?"

Thế Tôn nói kệ:

Bà-la-môn, Niết-bàn,
Là luôn luôn an vui,
Chẳng đắm nhiễm ái dục,
Đã vĩnh viễn giải thoát,
Dứt tất cả mong cầu,
Điều phục tâm hừng hẫy,
Tâm được lặng, dừng bặt,
Tâm lặng, ngủ an ổn.

Thế Tôn dẫn trưởng giả Cấp Cô Độc vào trong phòng, ngồi trên chỗ ngồi, thân ngay thẳng, hệ niệm. Khi ấy Thế Tôn vì trưởng giả thuyết pháp, chỉ dạy, soi sáng, làm cho vui mừng. Xong rồi, Thế Tôn nói về các pháp vô thường, khuyên làm việc phước bố thí, trì giới, làm

việc phước để sanh về cõi trời, vị ngọt của dục, tai hại của dục và sự xuất ly dục. Trưởng giả nghe pháp, thấy pháp, đắc pháp, thâm nhập pháp, hiểu rõ pháp, dứt hết mọi nghi hoặc, chẳng phải do người khác, được tin, chẳng phải do người khác được độ, vào Chánh pháp luật, tâm được vô úy, liền từ chỗ ngồi đứng lên, sửa lại y phục đảnh lễ Phật, gối phải sát đất, chắp tay bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, con đã được độ! Bạch Thiện Thệ, con đã được độ. Từ nay đến suốt đời con quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng, được làm Ưu-bà-tắc, xin chứng tri cho con!"

Thế Tôn hỏi trưởng giả Cấp Cô Độc:

"Ông tên là gì?"

Trưởng giả bạch Phật:

"Con tên là Tu-đạt-đa. Vì con thường hay giúp đỡ cho người cô độc khốn khổ nên người đương thời gọi con là Cấp Cô Độc."

Thế Tôn lại hỏi:

"Ông ở đâu?"

Trưởng giả bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, con ở tại xứ Câu-tát-la, thành Xá-vệ. Xin Thế Tôn đến nước Xá-vệ. Con sẽ suốt đời cúng dường y phục, thức ăn, phòng xá, giường nằm và thuốc men tùy bệnh."

Phật hỏi trưởng giả:

"Nước Xá-vệ có tinh xá không?"

Trưởng giả bạch Phật:

"Thưa không."

Phật bảo trưởng giả:

"Ông hãy ở nơi ấy kiến lập tinh xá để các Tỳ-kheo lui tới tạm trú."

Trưởng giả bạch Phật:

"Con chỉ mong Thế Tôn đến nước Xá-vệ, con sẽ cất tinh xá, Tăng phòng để các Tỳ-kheo lui tới dừng nghỉ."

Bấy giờ, Thế Tôn im lặng nhận lời, trưởng giả biết Thế Tôn im lặng nhận lời, từ chỗ ngồi đứng lên, cúi đầu lễ chân Phật rồi lui ra.

M

KINH 593. CẤP CÔ ĐỘC[38]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật trú tại nước Xá-vệ, rừng cây Kỳ-đà, vườn Cấp cô độc.

Bấy giờ, trưởng giả Cấp Cô Độc bị bệnh nặng, từ trần sanh về cung trời Đâu-suất, làm Thiên tử cõi trời này, suy nghĩ rằng: "Ta chẳng nên ở đây lâu, nên đến gặp Đức Thế Tôn". Nghĩ như thế rồi, trong khoảnh khắc như người lực sĩ co duỗi cánh tay, biến mất từ trời Đâu-suất, hiện ra trước Phật, cúi đầu lễ chân Phật, rồi lui ngồi một bên. Thiên tử Cấp Cô Độc thân tỏa ánh sánh chiếu khắp rừng Kỳ-đà, vườn Cấp cô độc. Bấy giờ, Thiên tử Cấp Cô Độc nói kệ:

Nơi rừng Kỳ-hoàn này,
Tiên nhân Tăng[39] trụ đó;
Các Vua[40] cũng ở đó,
Khiến con càng vui mừng.
Tin sâu nghiệp, tịnh giới,
Trí tuệ, thọ tối thắng;
Lấy đó tịnh chúng sanh,[41]
Không dòng họ, tài vật.
Xá-lợi-phất Đại trí,
Chánh niệm thường tịch tĩnh;
An nhàn tu viễn ly,
Bạn lành người mới học.

Nói kệ này xong liền biến mất.

Đức Thế Tôn sau đêm ấy, vào trong chúng Tăng trải tọa cụ ngồi trước chúng rồi bảo các Tỳ-kheo:

"Trong đêm này có một Thiên tử dung mạo tuyệt diệu, đi đến

---

38. Paøli: S.2.20. Anaøthapiòñika. Tham chiếu, N^{0}100(187).

39. Tiên nhân Tăng 仙人僧, chỉ Tăng đệ tử Phật. Paøli: isisaígha.

40. Hán: chư vương 諸王. Paøli: dhammaraøja, Pháp vương, chỉ Phật.

41. Paøli: kammaö vijjaø ca dhammo ca sìlam jìvitamuttaö; etena maccaø sujjhanti: chúng sanh được thanh tịnh bởi nghiệp, minh, pháp, giới và chánh mạng tối thắng. Paøli: jìvita, bản Hán hiểu là (tuổi) thọ thay vì là chánh mạng.

chỗ Ta, cúi đầu lễ dưới chân Ta, rồi ngồi lui qua một bên nói kệ:

Ở rừng Kỳ-hoàn này,
Tiên nhân Tăng trụ đó;
Các Vua cũng ở đó,
Khiến con càng vui mừng.
Tin sâu nghiệp tịnh giới,
Trí tuệ, thọ tối thắng;
Lấy đó tịnh chúng sanh,
Không dòng họ, tài vật.
Xá-lợi-phất Đại trí,
Chánh niệm thường tịch tĩnh;
An nhàn tu viễn ly,
Bạn lành người mới học.

Bấy giờ, Tôn giả A-nan bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, như con hiểu lời Thế Tôn nói, gia chủ Cấp Cô Độc sanh lên cõi trời kia rồi đến diện kiến Thế Tôn, nhưng gia chủ Cấp Cô Độc kia, đối với Tôn giả Xá-lợi-phất rất mực kính trọng."

Phật bảo A-nan:

"Này A-nan, đúng thế! Này A-nan, gia chủ Cấp Cô Độc sanh về cõi trời kia rồi đến gặp Ta."

Thế Tôn vì Tôn giả Xá-lợi-phất nói kệ:

Tất cả trí thế gian,
Chỉ trừ trí Như Lai;
So trí Xá-lợi-phất,
Không bằng phần mười sáu.
Như trí Xá-lợi-phất,
Cùng tất cả trời người;
So với trí Như Lai,
Không bằng phần mười sáu.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 594. THỦ THIÊN TỬ[42]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại tinh xá Khoáng dã. Bấy giờ có gia chủ Khoáng dã bệnh nặng từ trần, sanh về cõi trời Vô nhiệt. Sau khi sanh về cõi trời ấy, liền nghĩ rằng: 'Ta không nên ở đây lâu, không gặp Thế Tôn.' Nghĩ xong, trong khoảnh khắc, nhanh như người lực sĩ co duỗi cánh tay, biến mất từ cõi trời Vô nhiệt, hiện ra trước Phật. Thân thể Thiên tử ấy trụ lại trên mặt đất mà không thể tự đứng, giống như dầu bơ tụ lại trên đất không thể tự đứng. Thân thể của Thiên tử ấy nhỏ nhắn, mềm nhũn, không thể tự đứng dậy được."

Bấy giờ Thế Tôn bảo Thiên tử:

"Ông nên biến hóa thành thân thô để đứng trên đất."

Thiên tử liền hóa thành thân thô đứng trên đất. Thiên tử ấy đến đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên."

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Thủ thiên tử:

"Này, Thủ thiên tử[43], những kinh pháp mà ông đã học trước đây khi làm thân người, ở thế gian này nay còn nhớ chẳng quên chăng?"

Thủ Thiên tử bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, những gì con đã thu nhận đến nay vẫn không quên. Những pháp mà khi làm người ở thế gian, con đã nghe nhưng không hiểu hết, nay vẫn còn nhớ. Như Thế Tôn khéo nói, Thế Tôn nói rằng: 'Nếu người được ở nơi an vui, có thể nhớ nghĩ pháp, chứ không phải ở chỗ khổ não.' Lời nói này rất chân thật. Như Thế Tôn ở tại Diêm-phù-đề thuyết pháp cho đủ tất cả các loài và bốn chúng vây quanh. Bốn chúng kia nghe Phật dạy, tất cả đều cung kính vâng làm. Con cũng như vậy, ở trên cõi trời Vô nhiệt vì các Thiên nhân nơi đại hội nói pháp. Các vị trời này đều lãnh thọ tu học."

Phật bảo Thủ thiên tử:

"Lúc ông ở thế gian, đối với những pháp gì không biết chán đủ mà được sanh về cõi trời Vô nhiệt?"

Thủ thiên tử bạch Phật:

---

42. Paøli: A.3.125. Hatthaka. Tham chiếu, N^{0}100(188).

43. Thủ Thiên tử ✠ ✠Ð ✠/ . Paøli: Hatthaka.

"Bạch Thế Tôn, con ở nơi ba pháp không biết chán, nên khi thân hoại, sanh lên cõi trời Vô nhiệt. Những gì là ba pháp? Đó là vì con thấy Phật không biết chán nên khi chết sanh về cõi trời Vô nhiệt. Do con đối với Pháp của Phật không biết chán nên sanh về cõi trời Vô nhiệt. Do cúng dường chúng Tăng không biết chán nên khi chết sanh về cõi trời Vô nhiệt."

Rồi Thủ Thiên tử nói kệ:

Thấy Phật không biết chán,
Nghe Pháp cũng không chán;
Cúng dường các chúng Tăng,
Cũng chưa từng biết đủ.
Thọ trì pháp Hiền thánh,
Điều phục tham trước bẩn;
Ba pháp không biết đủ,
Nên sanh Vô nhiệt thiên.

Thủ thiên tử sau khi nghe Phật dạy xong, tùy hỷ hoan hỷ, rồi biến mất.

M

KINH 595. ĐÀO SƯ[44]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ có Thiên tử Vô phiền tướng mạo tuyệt diệu, đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, thân tỏa ánh sáng chiếu khắp rừng cây Kỳ-đà, vườn Cấp cô độc. Bấy giờ Thiên tử nói kệ:

Sanh cõi trời Vô phiền,
Bảy Tỳ-kheo giải thoát;
Tham, sân, nhuế đã hết,
Siêu thoát vượt ân ái.
Ai qua khỏi các dòng,
Quân ma chết khó vượt?

---

44. Thợ gốm. Paøli: S.2.24. Ghaæìkara. Tham chiếu, N^{0}100(189).

Ai bứt cùm ma chết,
Trọn thoát gông phiền não?[45]

Thế Tôn nói kệ đáp:

Tôn giả Ưu-ba-ca,
Cùng Ba-lợi-kiện-trà;
Phất-ca-la-sa-lê,
Bạt-đề, Kiền-đà-điệp.
Với Bà-hưu-nan-đề,
Và Bà-tỳ-sấu-nậu;
Tất cả bảy vị này,
Đều vượt qua các dòng.
Bứt tuyệt cùm ma chết,
Vượt chỗ khó vượt kia;
Bứt cùm các ma chết,
Siêu việt ách cõi trời.
Nói pháp rất thâm diệu,
Giác ngộ người khó biết;
Khéo hỏi nghĩa sâu xa,
Hiện nay người là ai?

Thiên tử ấy nói kệ bạch Phật:

Con là A-na-hàm,
Sanh cõi trời Vô phiền;
Nên biết những điều ấy,
Bảy Tỳ-kheo giải thoát.
Hết tham dục, sân nhuế,
Trọn thoát mọi ân ái.

Bấy giờ, Thế Tôn lại nói kệ:

Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân,
Ý nhập xứ thứ sáu;
Nếu danh kia và sắc,
Được dứt sạch không còn.

---

45. Phiền não ách □Đ ◦ ³m ; đoạn sau, nói là chư Thiên ách ½Đ ¤Đ ³m . Paøli: dibbayoga, gông cùm cõi trời.

Biết rõ các pháp này,
Bảy Tỳ-kheo giải thoát;
Tham hữu đều đã hết,
Trọn thoát mọi ân ái.

Thiên tử lại nói kệ:

Thôn Bệ-bạt-lăng-già[46],
Con cư ngụ trong ấy;
Tên Nan-đề-bà-la,
Chuyên làm các đồ gốm.
Đệ tử Phật Ca-diếp,
Giữ pháp Ưu-bà-tắc;
Cúng dường bậc cha mẹ,
Lìa dục tu phạm hạnh.
Đời đời làm bạn con,
Con cũng bạn vị ấy;
Các Chánh sĩ như vậy,
Đời trước cùng hòa hợp,
Khéo tu nơi thân tâm,
Còn giữ thân cuối này.

Bấy giờ Thế Tôn lại nói kệ:

Ông là bậc Hiền sĩ,
Như lời ông đã nói;
Thôn Bệ-bạt-lăng-già,
Tên Nan-đề-bà-la.
Đệ tử Phật Ca-diếp,
Thọ pháp Ưu-bà-tắc;
Cúng dường bậc cha mẹ,
Lìa dục tu phạm hạnh.
Trước kia bạn của ông,
Ông cũng là bạn họ;
Các Chánh sĩ như vậy,
Đời trước cùng hòa hợp,

46. Bệ-bạt-lăng-già. Paøli: Vehaliíga.

Khéo tu thân tâm kia,
Còn giữ thân cuối này.

Phật nói kinh này xong, Thiên tử nghe lời Phật dạy, tùy hỷ hoan hỷ rồi biến mất.

M

KINH 596. THIÊN TỬ (1)[47]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ có Thiên tử[48] tướng mạo tuyệt diệu, cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, thân tỏa ánh sáng chiếu khắp rừng cây Kỳ-đà, vườn Cấp cô độc. Bấy giờ Thiên tử ấy nói kệ hỏi Phật:

Đời này nhiều sợ hãi,
Chúng sanh thường não loạn;
Đã khởi cũng là khổ,
Chưa khởi cũng sẽ khổ.
Có chỗ lìa sợ chăng?
Mong Bậc Tuệ Nhãn nói.

Lúc ấy Thế Tôn nói kệ đáp:

Ngoại trừ cần hành khổ,
Ngoại trừ trị các căn;
Ngoại trừ xả tất cả,
Không đâu thấy giải thoát.

Thiên tử kia lại nói kệ:

Lâu thấy Bà-la-môn,
Chóng đắc Bát-niết-bàn;
Mọi sợ hãi đều qua,
Trọn vượt thoát ân ái.

Thiên tử ấy nghe Phật dạy xong, tùy hỷ hoan hỷ, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật rồi biến mất.

M

---

47. Paøli: S.2.17. Subrahmaø. Tham chiếu, N^{0}100(181).

48. Paøli: Thiên tử có tên là Subrahmaø.

KINH 597. THIÊN TỬ (2)[49]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ có Thiên tử tướng mạo tuyệt diệu, cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, thân tỏa ánh sáng chiếu khắp rừng cây Kỳ-đà, vườn Cấp cô độc. Bấy giờ Thiên tử ấy nói kệ hỏi Phật:

Thế nào các chúng sanh,
Được thân tướng tốt đẹp;
Cần tu phương tiện gì,
Được con đường giải thoát?
Chúng sanh trụ pháp gì,
Nên tu tập pháp gì?
Là những chúng sanh nào,
Được chư Thiên cúng dường?

Thế Tôn nói kệ đáp:

Giữ giới, trí tuệ sáng,
Tự tu tập chánh định;
Chánh trực, tâm buộc niệm,
Tinh cần, ưu tư diệt.
Được trí tuệ bình đẳng,
Tâm kia khéo giải thoát;
Do những nhân duyên này,
Được thân tướng đẹp đẽ.
Thành tựu đạo giải thoát,
Tâm trụ trong đó học;
Người đủ đức như thế,
Được chư Thiên cúng dường.

Thiên tử kia lại nói kệ:

Lâu thấy Bà-la-môn,
Chóng đắc Bát-niết-bàn;

---

49. Tham chiếu, N^{0}100(182).

Mọi sợ hãi đều qua,
Trọn vượt thoát ân ái.

Thiên tử nghe Phật dạy, tùy hỷ hoan hỷ, cúi đầu làm lễ dưới chân Phật, rồi biến mất.

M

KINH 598. THỤY MIÊN[50]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ có Thiên tử tướng mạo tuyệt diệu, vào cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp rừng cây Kỳ-đà, vườn Cấp cô độc. Bấy giờ Thiên tử ấy nói kệ hỏi Phật:

Chìm đắm trong ngủ nghỉ,
Ngáp dài, không vui vẻ;
Ăn no, tim hồi hộp,
Lười biếng, không siêng năng.
Mười[51] điều che chúng sanh,
Khiến Thánh đạo không hiện.

Bấy giờ Thế Tôn nói kệ đáp:

Tâm chìm đắm ngủ nghỉ,
Ngáp dài, không vui vẻ;
Ăn no, tim hồi hộp,
Lười biếng, không siêng năng.
Người tinh cần tu tập,
Hay khai phát Thánh đạo.

Thiên tử lại nói kệ:

Lâu thấy Bà-la-môn,
Chóng đắc Bát-niết-bàn;
Mọi sợ hãi đều qua,
Trọn vượt thoát ân ái.

---

50. Paøli: S.1.16. Niddaøtandì.

51. Nguyên Hán: thập 𠄘. Ấn Thuận nghi là thất 失.

Thiên tử ấy nghe Phật nói xong, tùy hỷ hoan hỷ, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật rồi biến mất.

M

KINH 599. KẾT TRIỀN[52]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ có Thiên tử tướng mạo tuyệt diệu, vào cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp rừng cây Kỳ-đà, vườn Cấp cô độc. Bấy giờ Thiên tử ấy nói kệ hỏi Phật:

Trói ngoài, không phải trói,
Trói trong trói chúng sanh;
Nay xin hỏi Cù-đàm,
Ai nơi trói lìa trói?

Thế Tôn nói kệ đáp:

Người trí kiến lập giới,
Nội tâm tu trí tuệ;
Tỳ-kheo siêng tu tập,
Nơi trói hay thoát trói.

Thiên tử kia lại nói kệ:

Lâu thấy Bà-la-môn,
Chóng đắc Bát-niết-bàn;
Mọi sợ hãi đều qua,
Trọn vượt thoát ân ái.

Thiên tử này nghe Phật nói xong, tùy hỷ hoan hỷ, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật rồi biến mất.

M

52. Paøli: S.1.23. Jaæaø. Tham chiếu, N^{0}100(173).

KINH 600. NAN ĐỘ[53]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ có Thiên tử tướng mạo tuyệt diệu, vào cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp rừng cây Kỳ-đà, vườn Cấp cô độc. Bấy giờ Thiên tử ấy nói kệ hỏi Phật:

Khó vượt, khó thể nhẫn,
Sa-môn vì không biết;
Khởi nhiều thứ gian nan,
Càng mê muội chìm đắm.
Tâm giác tưởng chi phối,
Thường thường bị chìm đắm;
Sa-môn làm thế nào,
Khéo nhiếp hộ tâm mình?

Bấy giờ Thế Tôn nói kệ đáp:

Như con rùa khôn khéo,
Tự thu mình trong mai;
Tỳ-kheo tập thiền tư,
Khéo nhiếp các giác tưởng.
Tâm kia không chỗ nương,
Không gì làm sợ hãi;
Đó là tự ẩn kín,
Không bị ai phỉ báng.

Thiên tử lại nói kệ:

Lâu thấy Bà-la-môn,
Chóng đắc Bát-niết-bàn;
Mọi sợ hãi đều qua,
Trọn vượt thoát ân ái.

Thiên tử này sau khi nghe Phật dạy xong, tùy hỷ hoan hỷ, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật rồi biến mất.

M

---

53. Paøli: S.1.17. Dukkara. Tham chiếu, N^{0}100(174).

KINH 601. TIỂU LƯU[54]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ có Thiên tử tướng mạo tuyệt diệu, vào cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp rừng cây Kỳ-đà, vườn Cấp cô độc. Bấy giờ Thiên tử ấy nói kệ hỏi Phật:

Tát-la[55] dòng thác nhỏ,
Nơi đâu sẽ nghịch dòng?
Con đường tắt sanh tử,
Nơi nào mà chẳng chuyển?
Các khổ lạc thế gian,
Do đâu dứt không còn?

Thế Tôn nói kệ đáp:

Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân,
Cùng với ý nhập xứ;
Danh sắc dứt không còn,
Tát-la ngược dòng nhỏ.
Đường sanh tử không chuyển,
Khổ lạc dứt không còn.

Thiên tử kia lại nói kệ:

Lâu thấy Bà-la-môn,
Chóng đắc Bát-niết-bàn;
Mọi sợ hãi đều qua,
Trọn vượt thoát ân ái.

Thiên tử này sau khi nghe Phật dạy xong, tùy hỷ hoan hỷ, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật rồi biến mất.

M

---

54. Paøli: S.1.27. Saraø. Tham chiếu, N^{0}100(176).

55. Tát-la . Paøli: Saraø, dòng nước; chỉ dòng luân hồi (saösaøra-saraø). Bản Hán hiểu là tên sông.

KINH 602. LỘC BÁC[56]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ có Thiên tử tướng mạo tuyệt diệu, vào cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp rừng cây Kỳ-đà, vườn Cấp cô độc. Bấy giờ Thiên tử ấy nói kệ hỏi Phật:

Đùi nai Y-ni-da[57]*,*
Bậc tôn trong Tiên nhân;
Ăn ít, không đắm vị,
Thiền tư, thích núi rừng.
Nay con kính cúi đầu,
Xin hỏi Đức Cù-đàm;
Làm sao lìa khỏi khổ?
Làm sao giải thoát khổ?
Nay con hỏi giải thoát,
Nơi đâu mà dứt sạch?

Bấy giờ Thế Tôn nói kệ đáp:

Năm dục của thế gian,
Tâm pháp là thứ sáu;
Nơi dục ấy không dục,
Giải thoát tất cả khổ.
Như thế ra khỏi khổ,
Như thế giải thoát khổ;
Ông hỏi về giải thoát,
Chính nơi kia diệt tận.

Thiên tử kia lại nói kệ:

Lâu thấy Bà-la-môn,
Chóng đắc Bát-niết-bàn;

---

56. Đùi nai. Paøli: S.1.20. Eòijaígha.

57. Y-ni-da lộc bác □□□□□□, đùi nai, một tướng tốt của Phật. Đây chỉ Phật. Paøli: Eòijaíghaø.

Mọi sợ hãi đều qua,
Trọn vượt thoát ân ái.

Thiên tử này sau khi nghe Phật dạy xong, tùy hỷ hoan hỷ, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật rồi biến mất.

M

KINH 603. CHƯ LƯU

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ có Thiên tử tướng mạo tuyệt diệu, cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, thân tỏa ánh sáng chiếu khắp rừng cây Kỳ-đà, vườn Cấp cô độc. Bấy giờ Thiên tử ấy nói kệ hỏi Phật:

Làm sao qua các dòng,
Làm sao qua biển lớn;
Làm sao trừ được khổ,
Làm sao được thanh tịnh?

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

Lòng tin vượt các dòng,
Không buông lung qua biển;
Tinh tấn hay trừ khổ,
Trí tuệ được thanh tịnh.

Thiên tử lại nói kệ:

Lâu thấy Bà-la-môn,
Chóng đắc Bát-niết-bàn;
Mọi sợ hãi đều qua,
Trọn vượt thoát ân ái.

Thiên tử này sau khi nghe Phật dạy xong, tùy hỷ hoan hỷ, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật rồi biến mất.

❑

TẠP A-HÀM QUYỂN 23

KINH 604. A-DỤC VƯƠNG NHÂN DUYÊN[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú tại thành Vương xá, trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà.

Bấy giờ, vào buổi sáng sớm, Thế Tôn đắp y, mang bát, cùng với Tỳ-kheo Tăng vào thành khất thực. Như bài kệ nói:

Sắc thân như núi vàng,
Rất đoan nghiêm vi diệu;
Bước đi như ngỗng chúa,
Mặt như trăng sáng đầy;
Thế Tôn cùng đại chúng.

Lúc ấy, Thế Tôn lấy chân giẫm lên phần đất giới hạn cửa thành tạo thành sáu thứ chấn động. Như bài kệ nói:

Biển lớn và đất bằng,
Thành quách cùng núi non,
Chân Mâu-ni giẫm lên,
Dao động như thuyền sóng.

Đức Phật biến hiện thần lực như thế, lúc đó nhân dân cùng cất tiếng xướng lớn rằng:

"Kỳ diệu thay, pháp chưa từng có, thần lực biến hiện như Đức Thế Tôn khi vào thành, hiển bày những việc chưa từng có như thế. Như bài kệ nói:

Đất thấp liền bằng lên,
Đất cao thành thấp xuống;

---

1. Nguyên Đại Chánh quyển 23. Được đa số học giả hiện đại đoán định là không thuộc Tạp A-hàm. Không có tương đương trong Tạng Paøli. Quốc Dịch và Phật Quang đều để vào phần Phụ lục. Đây giữ nguyên theo thứ tự quyển số của Đại Chánh. Tham chiếu, Skt. Divyaøvadaøna 26-27 (Cowell & Nell ed. pp. 364-405). Hán tạng, Đại 50, N^{0}2042 A-dục vương truyện; N^{0}2043 A-dục vương kinh. Nguồn tư liệu Paøli: Dìpavaösa, chương i, v, vi, vii, xi,...; Mahaøvaösa, chương v, xi, xx, Samantapaøsaødikaø.

Do oai thần của Phật,
Nên gai góc, sỏi đá,
Đều chẳng còn thấy nữa.
Người mù, điếc, câm, ngọng,
Liền được thấy, nghe, nói;
Nhạc khí trong thành quách,
Chẳng đánh, phát diệu âm."

Bấy giờ, Thế Tôn tỏa ánh sáng chiếu khắp như ánh sáng của ngàn mặt trời. Như kệ nói:

Thế Tôn thân sáng chói,
Chiếu khắp cả thành ấp.
Nhân dân nhờ ánh Phật,
Mát như thoa chiên-đàn.

Bấy giờ, Đức Phật thuận theo thành ấp mà đi. Lúc đó có hai em bé, một đẳng cấp thượng và một đẳng cấp thứ, cùng nhau vọc cát chơi đùa; một tên Xà-da, một tên Tỳ-xà-da[2]. Từ xa trông thấy Thế Tôn đầy đủ ba mươi hai tướng bậc Đại nhân trang nghiêm thân, đồng tử Xà-da nghĩ thầm: "Mình đem bột này cúng dường." Rồi tay nắm một nắm cát mịn bỏ vào bát Thế Tôn. Khi ấy, Tỳ-xà-da chắp tay tùy hỷ. Như bài kệ nói:

Thấy Thế Tôn đại bi,
Toàn thân sáng một tầm.
Được nhìn thấy Thế Tôn,
Sanh lòng tin kính lớn,
Dâng nắm cát cúng dường,
Được thoát bờ sanh tử.

Bấy giờ, em bé kia phát nguyện rằng: "Nhờ căn lành của công đức huệ thí này, mong con được làm một vị Tản cái vương[3] của một thiên hạ, ngay đời này được cúng dường chư Phật."

Như bài kệ đã nói:

---

2. Xà-da □ và Tỳ-xà-da □. Skt. Jaya, Vijaya.

3. Tản cái vương □ hay Bạch tán cái vương □ nhà vua có lọng trắng, nghi vệ của một Đại hoàng đế.

Mâu-ni biết tâm kia,
Cùng ý kia mong muốn,
Được quả thêm căn lành,
Cùng với sức phước điền;
Phật với tâm đại bi,
Nhận nắm cát cúng dường.

Xà-da nhờ căn lành này được làm vua, vua xứ Diêm-phù-đề, cho đến thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Cho nên, Thế Tôn mỉm cười. A-nan thấy Phật mỉm cười, liền chắp tay hướng về Phật, bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, chư Phật Thế Tôn, Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, chẳng phải không nhân duyên gì mà mỉm cười." Như kệ nói:

Thế Tôn lìa cười đùa.
Vô Thượng Tôn trên đời,
Răng trắng như ngọc quý,
Đấng Tối Thắng mỉm cười.
Dũng mãnh siêng tinh tấn,
Không Thầy mà tự giác;
Lời hay khiến thích nghe,
Tiếng dịu dàng siêu tuyệt,
Huyền ký đồng tử kia,
Bằng Phạm âm trong vắt.
Lưỡng Túc Tôn vô thượng,
Ghi nhận quả thí cát.

Khi ấy Thế Tôn bảo A-nan:

"Đúng thế! Đúng thế! Như lời ngươi nói. Chư Phật không có nhân duyên chẳng mỉm cười. Hôm nay Ta cười là vì có nhân duyên."

"A-nan nên biết, sau khi Ta diệt độ một trăm năm, đồng tử này sẽ ở tại ấp Ba-liên-phất[4] thống lãnh một phương, làm Chuyển luân

4. Ba-liên-phất 巴連弗. Paøli: Paøæaliputta (Skt. Paøæaliputra), thời Phật, là thôn Paøæaligaøma, trong vương quốc Magadha.

vương, họ Khổng Tước[5], tên A-dục[6], đem chánh pháp cai trị, giáo hóa nhân dân và lại còn phân bố rộng rãi xá-lợi của Ta, sẽ xây dựng tám muôn bốn ngàn tháp Pháp vương, đem lại sự an vui cho vô lượng chúng sanh." Như kệ nói:

Sau khi Ta diệt độ,
Người này sẽ làm vua,
Họ Khổng Tước, tên Dục,
Ví như vua Đảnh sanh,
Nơi Diêm-phù-đề này,
Được tôn quý bậc nhất.

"A-nan! Hãy lấy nắm cát được bố thí trong bát đổ ra nơi chỗ Như Lai kinh hành. Ta sẽ đi nơi đó."

A-nan vâng lời Phật dạy, liền lấy cát trong bát Phật rãi trên chỗ kinh hành.

Đức Phật dạy:

A-nan nên biết, sau này tại thành ấp Ba-liên-phất có vua hiệu là Nguyệt Hộ[7]. Vị vua ấy sẽ sanh con tên là Tần-đầu-sa-la[8], cai trị nước đó. Vua lại có một người con nữa tên là Tu-sư-ma[9]. Thời bấy giờ, nước Chiêm-bà có một thiếu nữ Bà-la-môn rất đẹp, khiến người ưa thích, nàng là trân bảo của đất nước. Các nhà tướng số xem tướng thiếu nữ này đều đoán rằng: 'Nàng sẽ là vương phi và sẽ sanh ra hai người con. Một người sẽ thống lãnh thiên hạ và một người sẽ xuất gia học đạo, thành tựu Thánh đạo.' Người Bà-la-môn nghe tướng sư nói vậy vui mừng vô hạn, liền đưa con gái của ông ta đến ấp Ba-liên-phất, sắm sửa trang điểm cho cô gái thật xinh đẹp. Ông muốn đem gả cho vương tử Tu-sư-ma. Tướng sư bảo: 'Nên gả cho Tần-đầu-sa-la vương. Cô này sẽ sanh con phước đức. Đứa con sẽ nối cơ nghiệp của nhà vua.' Bà-la-

---

5. Khổng Tước 孔雀. Skt. Maurya, tên dòng họ và cũng là Vương triều. Paøli: Moriyaø.
6. A-duïc 阿育. Skt. Azoka (Paøli: Asoka).
7. Nguyệt Hộ 月護. Skt. Candragupta (Paøli: Candagutta), Ông nội vua A-dục, người sáng lập vương triều Maurya (Khổng Tước Vương triều).
8. Tần-đầu-sa-la 賓頭娑羅. Skt. Bindusaøra, con trai của Candragupta.
9. Tu-sư-ma □□□. Skt. Susìma, em của Bindusaøra.

môn đem con gái gả cho nhà vua này. Vua thấy thiếu nữ đoan chánh, có đức hạnh, bèn phong làm phu nhân.

Những bà phu nhân trước và các thế nữ thấy phu nhân này đi đến liền nghĩ rằng: 'Thiếu nữ này quá đoan chánh, là trân bảo của đất nước. Nếu nhà vua say đắm nàng, nhà vua sẽ bỏ chúng ta, cho đến mắt không nhìn tới nữa.' Phu nhân và các cung phi bắt thiếu nữ ấy học nghề thợ cạo. Sau khi học xong, nàng lo việc cắt tỉa râu tóc cho vua. Khi cắt râu tóc, nhà vua rất hoan hỷ, bèn hỏi cô gái:

"Cô ước mơ điều gì?

Thiếu nữ tâu:

"Tôi chỉ mong được vua để tâm, thương yêu nghĩ đến."

Nàng nói như vậy ba lần.

Lúc ấy vua bảo:

"Ta là vua Quán đảnh dòng Sát-lợi. Còn nàng là thợ cạo. Làm sao ta có thể thương tưởng nàng được?"

Thiếu nữ tâu:

"Tôi chẳng phải là con dòng hạ tiện. Tôi con gái của dòng họ cao quý Bà-la-môn. Các tướng sư nói với cha tôi rằng: 'Cô gái này nên gả cho Quốc vương.' Vì thế nên tôi mới đến đây."

Vua lại hỏi:

"Nếu như thế, ai khiến nàng học tập cái nghề hèn mọn này?"

Thiếu nữ đáp:

"Phu nhân trước và các thế nữ bắt tôi phải học nghề này."

Nhà vua liền ra lệnh:

"Từ nay về sau, nàng chớ làm nghề hạ tiện này nữa."

Vua liền lập nàng làm Đệ nhất phu nhân. Nhà vua cùng nàng thụ hưởng dục lạc. Chẳng bao lâu nàng mang thai. Đầy tháng thì sanh con. Lúc sanh nở an ổn, mẹ không ưu não. Qua bảy ngài đặt tên là Vô Ưu[10]. Rồi lại sanh thêm một người nữa đặt tên là Ly Ưu[11]. Vô Ưu có thân thể thô nhám, vua cha không muốn đến gần bồng bế, không có tình quyến luyến. Nhà vua lại muốn thử hai người

10. Vô Ưu □ℒ ½~ , dịch nghĩa của Asoka (A-dục).

11. Ly Ưu ˆ ÷ ½~. Skt. Vigata-azoka.

con, nên gọi Bà-la-môn Tân-già-la-a[12] bảo rằng:

"Hòa thượng xem giùm hai đứa con của ta. Sau khi ta từ trần, ai sẽ làm vua?"

Ba-la-môn đáp:

"Xin đem các thái tử này ra khỏi thành, đến lầu Kim điện trong công viên[13]. Ở nơi đó, tôi sẽ xem tướng."

Bèn ra khỏi thành, đến khu vườn ấy. Trong khi ấy, mẹ vua A-dục nói với A-dục:

"Con hãy theo vua cha ra nơi dinh thự trong vườn Kim điện xem tướng các vương tử, sau khi nhà vua mất rồi ai sẽ làm vua? Sao con không đi?"

A-dục đáp:

"Vua cha chẳng nghĩ gì đến con và cũng chẳng vui khi thấy con."

Bà mẹ lại bảo:

"Con chỉ đến nơi ấy thôi."

A-dục thưa:

"Mẹ dạy con đi thì con vâng theo. Xin mẹ đưa đồ ăn uống đến cho con."

Mẹ đáp:

"Được. Con hãy ra khỏi thành đi."

A-dục đi ra khỏi thành. Lúc ra cửa, gặp một vị đại thần tên là A-nậu-la-đà[14]. Vị quan này hỏi A-dục:

"Vương tử đi đâu thế?"

A-dục đáp:

"Tôi nghe Đại vương ra ngoài thành, ở trong vườn Kim điện xem tướng các vương tử, để sau khi vua băng hà, ai sẽ làm vua. Bây giờ, tôi đi đến nơi ấy."

Nhà vua đã ra lệnh cho các đại thần:

"Nếu A-dục đến thì phải khiến cưỡi con voi già chậm lụt mà đến

---

12. Tân-già-la-a Skt. Piígalavatsaøjìva.

13. Kim điện viên quán

14. A-nậu-la-đà A-dục vương kinh nói là Thành Hộ A-dục vương truyện nói là La-đề-quật-đa (Skt. Raødhagupta).

và thêm người già làm tùy tùng."

A-dục cưỡi voi già đến trong viên quán và ngồi dưới đất, giữa các vương tử. Bấy giờ, các vương tử soạn thức ăn uống. Mẹ của A-dục lấy chén nung đựng đầy sữa và cơm trao cho A-dục. Trong lúc các vương tử ăn uống như thế, vua cha hỏi thầy tướng:

"Trong đây ai có tướng vua, sẽ kế vị ta được?"

Thầy tướng nhìn kỹ các vương tử, thấy A-dục đầy đủ tướng vua, sẽ được kế vị. Nhưng lại nghĩ thầm: 'Nhà vua không hài lòng về vương tử A-dục này. Nếu ta nói A-dục sẽ làm vua, chắc chắn Đại vương không vui.' Ông liền nói rằng:

"Bấy giờ tôi xin ghi nhận chung chung."

Vua nói lại:

"Cứ theo lời sư chỉ."

Thầy tướng nói:

"Trong đây người nào cưỡi cỗ xe đẹp nhất thì người ấy sẽ làm vua."

Các vương tử nghe nói như thế, mỗi người đều nghĩ rằng: 'Cỗ xe của mình đẹp nhất.' Lúc ấy A-dục nói:

"Tôi cưỡi con voi già, tôi được làm vua."

Vua lại bảo thầy tướng:

"Xin xem lại rồi xác nhận."

Thầy tướng lại đáp:

"Trong đây người nào có chỗ ngồi bậc nhất, người ấy sẽ làm vua."

Các vương tử cùng bảo nhau.

"Chỗ ta ngồi là bậc nhất."

A-dục nói:

"Nay tôi ngồi dưới đất, là chỗ ngồi bậc nhất, tôi sẽ làm vua."

Vua lại bảo thầy tướng:

"Hãy xem lại một lần nữa."

Thầy tướng lại bảo rằng:

"Trong đây vị nào có chén bát và thức ăn quý giá hơn hết, thì người ấy sẽ làm vua."

Chi tiết, cho đến, A-dục nghĩ thầm: 'Ta có cỗ xe tốt nhất; chỗ ngồi bậc nhất và thức ăn ngon nhất.'

Nhà vua xem tướng các con xong rồi, trở về cung. Mẹ của A-dục hỏi A-dục:

"Bà-la-môn tiên đoán người nào sẽ làm vua?"

A-dục thưa mẹ:

"Người có cỗ xe tốt nhất, người có chỗ ngồi bậc nhất và đồ dùng quý nhất, thức ăn ngon nhất, người ấy sẽ làm vua. Con tự thấy con sẽ làm vua. Vì con cưỡi con voi già, ngồi dưới đất, chén bát thuần khiết đựng đầy thức ăn như cơm gạo khô trộn sữa."

Bà-la-môn biết A-dục sẽ làm vua nên tỏ vẻ cung kính mẹ của A-dục. Mẹ của A-dục cũng ban thưởng trọng hậu cho Bà-la-môn và tiện dịp hỏi:

"Sau khi Đại vương từ trần ai sẽ làm vua?"

Thầy tướng đáp:

"Điều này không thể nói được."

Bà hỏi mãi ba lần ông mới đáp:

"Tôi sẽ nói nhưng lệnh bà hãy cẩn thận, chớ cho ai biết. Lệnh bà sanh được người con này là A-dục. Chính người này sẽ làm vua vậy."

Phu nhân bảo rằng:

"Tôi nghe lời nói này hết sức vui mừng. Nếu nhà vua nghe được, đối với thầy tướng vua sẽ không còn tin kính nữa. Vậy thầy nên trở về chốn cũ. Nếu con tôi làm vua thì thầy cũng sẽ được tất cả những điều tốt đẹp. Tôi sẽ cúng dường suốt đời."

Lúc ấy nước láng giềng Đức-xoa-thi-la[15] làm phản, vua Tần-đầu-la bảo A-dục:

"Con hãy đem bốn binh chủng đi bình phạt nước kia."

Khi vương tử ra đi, chẳng cho binh giáp. Bấy giờ, người đi theo thưa với vương tử:

"Nay đi bình phạt nước kia, nhưng không có quân cụ, thì làm sao dẹp yên được?"

A-dục nói:

"Nếu ta sẽ làm vua thì do phước báu của căn lành, binh giáp tự

---

15. Đức-xoa-thi-la ¼w ßе ßŗ ĩ. Skt. Takwasìla. Paøli: Takkasìlaø, thủ phủ của Gandhara.

nhiên đến."

Ứng theo tiếng nói của A-dục, mặt đất liền nứt ra, binh giáp từ đất hiện ra. A-dục bèn đem bốn thứ quân binh đến bình phạt nước ấy.

Nhân dân các nước kia nghe A-dục đến liền sửa sang đường sá, trang nghiêm thành quách, mang bình quý đựng nước và các thức cúng dường, đón tiếp kính dâng vương tử và nói rằng:

"Chúng tôi không phản Đại vương và vương tử A-dục. Nhưng bọn quan lại làm hại chúng tôi, nên chúng tôi mới trái nghịch với Thánh hóa."

Nhân dân đem các thức cúng dường vương tử; rước vương tử vào thành. Sau khi bình định nước này rồi, lai sai đi chinh phạt nước Khư-sa.

Đương thời có hai vị đại lực sĩ giúp vua sửa sang đường sá, dời các đá núi. Lại có chư Thiên đến tuyên lệnh cho nước này rằng: 'A-dục sẽ làm vua thiên hạ này. Các người chớ nên khởi ý chống đối.' Quốc vương kia bèn quy hàng. Như thế, chi tiết cho đến, bình định thiên hạ này cho đến bờ biển.

Một hôm vương tử Tu-sư-ma ra ngoài thành dạo chơi, lại gặp một vị đại thần. Vị đại thần này không chào vương tử theo nghi lễ. Vương tử liền sai người đánh đập đại thần. Đại thần nghĩ rằng: 'Vương tử này chưa được ngôi vua, mà cách xử sự như thế. Nếu được làm vua thì không thể nào chịu nổi.' Lại nghe A-dục được thiên hạ, chinh phục được năm trăm đại thần. Họ nói: 'Chúng ta sẽ cùng nhau lập A-dục làm vua, thống lãnh thiên hạ này.'

Nước Đức-xoa-thi-la lại làm phản. Các quan cùng nhau luận bàn, đề nghị vương tử Tu-sư-ma đi dẹp loạn. Vua bằng lòng. Vương tử liền đi đến nước kia, nhưng không hàng phục được, vua cha lại bị bệnh nặng, bảo các quan:

"Nay ta muốn lập Tu-sư-ma làm vua. Hãy lệnh cho A-dục đến nước kia."

Bấy giờ, các quan muốn lập A-dục lên làm vua. Họ lấy sắc vàng bôi lên thân thể, mặt mày và tay chân của A-dục. Rồi các quan tâu với vua:

"Vương tử A-dục nay đang bệnh nặng."

Các quan trang nghiêm cho A-dục tề chỉnh rồi dẫn đến chỗ vua:

"Nay nên lập người con này làm vua. Chúng tôi từ từ sẽ lập Tu-sư-ma làm vua sau."

Vua nghe những lời này không vui; lo lắng, buồn bực, im lặng không đáp.

Lúc ấy A-dục thầm suy nghĩ: 'Nếu ta xứng đáng làm được ngôi vua, chư Thiên sẽ đến rưới nước trên đỉnh đầu ta, lấy lụa trắng quấn trên đầu.'

Nói vừa dứt, chư Thiên lấy nước rưới trên đỉnh đầu A-dục và lấy lụa trắng quấn lên đầu. Vua cha trông thấy cảnh tượng ấy thì vô cùng buồn bã, liền từ trần. A-dục lo việc tang lễ cho vua cha đúng theo nghi thức vương triều. A-dục kế vị xong, phong A-nậu-lâu-đà làm đại thần.

Trong khi ấy, vương tử Tu-sư-ma nghe vua cha băng hà, nay lại lập A-dục lên làm vua, sanh lòng bất bình, tập hợp binh lính kéo về đánh lại A-dục. Trong bốn cổng thành của A-dục, hai cổng có đặt hai lực sĩ. Cổng thứ ba thì đặt một đại thần. Tự mình giữ cửa Đông.

Đại thần A-nậu-lâu-đà làm con voi máy bằng gỗ và đúc tượng A-dục. Tượng A-dục cỡi voi, đặt ở ngoài cửa Đông. Lại làm hầm lửa không khói, lấy vật phủ lên. Khi Tu-sư-ma đi đến, đại thần A-nậu-lâu-đà nói với Tu-sư-ma:

"Vương tử muốn làm vua, A-dục đang ở cửa Đông, đến đó đánh thắng được ông ấy, tự nhiên được làm vua."

Vương tử Tu-sư-ma vội vàng đi thẳng đến cửa Đông, liền bị rơi xuống hầm lửa mà chết.

Bấy giờ, có một đại lực sĩ tên là Bạt-đà-la-do-đà[16] nghe Tu-sư-ma đã chết, ông đâm ra chán đời, đem tất cả quyến thuộc vào trong Phật Pháp xuất gia học đạo, gắng sức tinh tấn, chẳng bao lâu sạch các lậu, thành A-la-hán.

Vua A-dục bằng chánh pháp trị hóa dân chúng. Bấy giờ bọn quần thần cậy vào thế đưa A-dục lên ngôi nên tỏ ra khinh mạn A-dục, không tuân hành nghi lễ vua tôi. Vua biết các quan khinh lời mình, bèn bảo bá quan:

"Các người hãy chặt cây hoa trái mà trồng gai góc."

Các quan tâu:

---

16. Bạt-đà-la-do-đà 跋陀羅優陀. Skt. Bhadraøyudha.

"Chúng tôi chưa từng thấy nghe dẹp bỏ hoa trái mà trồng gai góc, chỉ thấy dẹp bỏ gai góc mà trồng hoa trái."

Cho đến, ba lần vua ra lệnh phải chặt bỏ, nhưng các quan cũng chẳng làm theo.

Bấy giờ, vua A-duc tức giận các quan đại thần, liền lấy gươm bén giết chết hết năm trăm đại thần. Lại có lúc vua đem các thế nữ ra vườn ngoài chơi đùa. Vua thấy một gốc cây Vô ưu đang trổ đầy hoa. Nghĩ hoa này cùng tên với mình, trong lòng rất hoan hỷ. Vì vua có thân hình xấu xí, da dẻ sần sùi, nên các thể nữ không yêu mến. Họ chán ghét vua, nên dùng tay bẻ gãy hết cây Vô ưu. Nhà vua nghỉ, vừa thức giấc dậy, thấy cây Vô ưu trơ trọi, hoa thì nằm ngỗn ngang trên đất. Vua nổi trận lôi đình, bắt các thể nữ trói lại và đốt chết hết. Vì vua làm điều bạo ác nên gọi là Bạo ác A-dục vương[17].

Lúc ấy đại thần A-nậu-lâu-đà tâu:

"Vua không nên làm những điều đó. Sao lại tự tay giết các quan và thể nữ? Bây giờ, Đại vương nên lập ra một tên đao phủ. Ai có tội đáng chết thì giao cho người đó."

Vua liền ra lệnh lập người đao phủ. Trong nước vua A-dục có hòn núi tên là Kỳ-lê, nơi đó có nhà người thợ dệt. Người này có một người con tên là Kỳ-lê[18], tánh tình rất hung ác, hay đánh đập, bắt trói các bé trai, bé gái và bắt các sanh vật trên đất cũng như dưới nước, cho đến ngỗ nghịch với cha mẹ. Vì thế người đời đồn đại là 'Hung ác Kỳ-lê tử[19].' Bấy giờ các sứ giả của vua đến nói với nó:

"Ngươi có thể vì vua làm đao phủ để chém những tội nhân không?"

Kỳ-lê đáp:

"Tất cả những người có tội ở Diêm-phù-đề này tôi đều có thể trừ sạch, huống chi chỉ có một xứ này!"

Các sứ giả trở về tâu vua:

"Người kia đã tìm được kẻ hung ác rồi."

Vua ra lệnh:

---

17. Bạo ác A-dục vương 阿 Skt. Caòdaøzoka.
18. Kỳ-lê Skt. Giri.
19. Hung ác Kỳ-lê tử Skt. Caòda-Girika.

“Hãy đem hắn về đây.”

Các sứ giả đi gọi nó. Nó đáp:

“Chờ một chút, để tôi từ giã cha mẹ trước đã.”

Nó nói đầy đủ những sự việc trên. Cha mẹ nó khuyên can:

“Con chớ làm việc ấy!”

Cha mẹ can ngăn ba lần, hắn sanh tâm bất nhân, giết chết cha mẹ sau đó mới đi.”

Các sứ giả hỏi:

“Sao lâu thế, không đến sớm?”

Tên hung ác ấy thuật lại đầu đuôi sự việc. Các sứ giả đem việc này tâu lại nhà vua. Vua ra lệnh cho hắn:

“Có tội nhân phạm tội đáng chết, ta giao cho ngươi phải biết đấy.”

Hắn tâu:

“Xin vua làm nhà cho tôi.”

Vua cho xây cất nhà cửa, phòng ốc cho Kỳ-lê rất đàng hoàng, nhưng chỉ mở một cửa. Cửa cũng rất nghiêm ngặt. Bên trong ấy bày la liệt các đồ trị tội như cảnh địa ngục. Ngục ấy rất đẹp. Khi ấy tên hung ác kia tâu vua:

“Bây giờ, xin vua một điều. Nếu người nào đã vào đây rồi thì không được ra.”

Vua trả lời:

“Ta chấp nhận như lời xin của ngươi.”

Một hôm tên đao phủ đi vào chùa, nghe các Tỳ-kheo nói về địa ngục. Lúc ấy có Tỳ-kheo đang giảng kinh Địa ngục: ‘Có chúng sanh rơi xuống địa ngục, ngục tốt nắm lấy tội nhân ấy, dùng kiềm sắt nóng banh miệng tội nhân, nhét viên sắt nóng vào trong miệng. Kế đó sau đó lấy búa sắt cắt chặt thân thể, rồi lại lấy gông cùm, xiềng xích trói buộc thân, rồi đến xe lửa, lò than, vạc sắt, đến sông tro, kế đến núi đao, cây kiếm.’ Đầy đủ như kinh Ngũ Thiên Sứ đã nói. Tên đao phủ nghe các Tỳ-kheo nói những việc như thế, liền lập chỗ ở ấy làm những cách trị tội nhân như các Tỳ-kheo đã nói, bắt chước theo pháp này để trị tội nhân.

Một thời kia, có người lái buôn cùng với vợ đi ra trên biển. Trong

lúc đang ở ngoài biển khơi thì người vợ sanh con, đặt tên là Hải[20]. Gia đình này sống trên mặt biển như vậy hơn mười năm, thu nhặt châu báu, rồi trở về quê hương. Dọc đường họ bị năm trăm tên cướp giết chết và đoạt hết châu báu.

Bấy giờ, đứa con của người lái buôn thấy cha bị giết chết và của cải mất hết, nên sanh ra chán cái khổ của thế gian, bèn ở trong pháp của Như Lai xuất gia học đạo, rồi trở về nhà du hành qua các nước, dần dần đến ấp Ba-liên-phất.

Khi đêm đã qua, vào lúc sáng sớm, người này đắp y mang bát vào trong thành khất thực, đi lần vào nhà tên đao phủ. Bấy giờ, Tỳ-kheo này từ xa nhìn thấy trong nhà nào là lò than, vạc dầu, xe lửa v.v... trừng trị tội nhân như ở trong ngục. Tỳ-kheo sợ hãi, lông dựng đứng, liền muốn quay ra khỏi cửa. Ngay khi ấy tên đao phủ hung ác liền đi tới nắm lấy Tỳ-kheo nói rằng:

"Ai đã vào đây rồi thì không thể ra được. Bây giờ người phải chết đây thôi."

Tỳ-kheo nghe nói trong lòng hết sức buồn thảm, nước mắt đầm đìa. Tên đao phủ hỏi:

"Tại sao ông lại khóc lóc như trẻ con?"

Tỳ-kheo nói kệ đáp:

Tôi không phải sợ chết.
Chí nguyện cầu giải thoát;
Chỗ mong cầu chưa toại,
Vì thế nên tôi khóc.
Thân người rất khó được,
Xuất gia cũng như vậy.
Gặp Thích Sư tử vương,
Từ nay không thấy nữa.

Tên đao phủ hung ác nói với Tỳ-kheo:

"Ông nhất định phải chết, còn ưu não cái gì?"

Tỳ-kheo trả lời bằng những lời bi ai:

"Hãy cho tôi sống thời gian ngắn một tháng."

---

20. Tên Hải *cf.* Skt. Samudra.

Tên hung ác không chịu. Như vậy số ngày bớt dần lại còn bảy ngày hắn mới bằng lòng. Tỳ-kheo kia biết sắp chết, nên dũng mãnh tinh tấn, tọa thiền nhất tâm, cuối cùng cũng không thể đắc đạo được. Đến ngày thứ bảy, trong cung vua có cung nữ phạm tội nặng đến chết, bị đem giao cho tên đao phủ hung ác nay trị tội. Tên đao phủ đem nữ tội nhân bỏ vào cối dùng chày giã nát thân thể cô gái. Tỳ-kheo trông thấy việc đó nên rất chán ghét thân này: 'Ôi, khổ thay chốc nữa ta cũng sẽ như vậy!' Rồi nói kệ:

Ôi bậc Thầy đại bi,
Diễn nói Chánh diệu pháp:
Thân này như bọt nước,
Đúng nghĩa không có thật.
Sắc gái đẹp trước kia,
Nay đây còn đâu nữa?
Sanh tử rất đáng xả,
Kẻ ngu si tham đắm.
Buộc tâm vào nơi ấy,
Nay nên thoát gông cùm;
Vượt qua biển Tam hữu,
Rốt ráo không sanh lại.
Như thế siêng phương tiện,
Chuyên tinh tu Phật pháp;
Đoạn trừ tất cả kết,
Đắc thành A-la-hán.

Khi ấy tên đao phủ nói với Tỳ-kheo:
"Kỳ hạn đã hết."
Tỳ-kheo hỏi:
"Tôi không hiểu điều ông nói."
Tên đao phủ đáp:
"Trước đây người kỳ hạn bảy ngày, nay đã mãn."
Tỳ-kheo nói kệ đáp:

Tâm tôi được giải thoát,
Vô minh tối tăm lớn.

Đoạn trừ các hữu cái[21],
Do giết giặc phiền não.
Mặt trời tuệ đã hiện,
Soi sáng tâm ý thức;
Rõ ràng thấy sanh tử,
Khởi lòng thương xót người.
Tùy thuận tu Chánh pháp,
Nay thân thể ta đây;
Muốn làm gì mặc ý,
Không còn có lẫn tiếc.

Lúc bấy giờ, tên hung ác kia bắt Tỳ-kheo bỏ vào trong vạc dầu sắt, lấy củi đun vào nhưng lửa không cháy. Dù có cháy nhưng chẳng nóng. Tên ấy thấy lửa không cháy, liền đánh đập người bị sai, rồi tự đốt lửa. Lửa bỗng cháy bừng dữ dội. Thật khá lâu, nó mở nắp vạc sắt; thấy Tỳ-kheo ấy giữa vạc dầu sôi ngồi trên hoa sen. Tên hung ác vô cùng ngạc nhiên, lạ lùng, liền đến tâu với Quốc vương. Nhà vua vội vàng sai thắng xe ngựa, dẫn theo đám đông vô số người, đến xem Tỳ-kheo. Tỳ-kheo biết đã đến lúc có thể điều phục vua, liền phóng thân lên hư không như con chim nhạn chúa, phô bày các thứ biến hóa. Như kệ sau đây:

Vua thấy Tỳ-kheo này,
Thân bay lên hư không;
Lòng vô cùng hoan hỷ,
Chắp tay nhìn vị Thánh:
Nay tôi xin được nói,
Điều không rõ trong ý:
Hình thể không khác người,
Thần thông chưa từng có.
Vì tôi phân biệt nói:
Tu tập những pháp gì;
Khiến ngài được thanh tịnh,
Xin vì tôi giảng rộng?

---

21. Hữu cái [illegible], đây chỉ hữu kết [illegible].

Khiến được pháp thắng diệu,
Tôi hiểu pháp tướng rồi;
Sẽ làm đệ tử ngài,
Hoàn toàn không hối tiếc.

Tỳ-kheo kia nghĩ thầm: 'Nay ta đã điều phục được vị vua này, có nhiều điều cần phải hướng dẫn: Hộ trì Phật pháp, phân bố rộng rãi xá-lợi của Như Lai, đem an vui cho vô lượng chúng sanh, nơi cõi Diêm-phù-đề này, khiến mọi người đều tin Tam bảo.' Vì nhân duyên này nên tự hiển lộ các đức kia. Tỳ-kheo hướng về vua nói kệ:

Tôi là đệ tử Phật,
Đã được sạch các lậu;
Lại nữa, là con Phật,
Không đắm tất cả hữu.
Nay tôi đã điều phục,
Đấng Lưỡng Túc Vô Thượng;
Tâm tĩnh chỉ, tịch tĩnh,
Mối sợ lớn sanh tử.
Nay tôi đều được thoát,
Trọn lìa được ba cõi;
Trong Thánh pháp Như Lai,
Được lợi ích như vậy.

Vua A-dục nghe Tỳ-kheo nói như vậy, khởi lòng tin kính Phật vô hạn. Vua lại thưa:

"Lúc Phật chưa diệt độ, Ngài đã huyền ký điều gì?"

Tỳ-kheo đáp:

"Phật huyền ký Đại vương: 'Sau khi Phật diệt độ khoảng một trăm năm, tại thành Ba-liên-phất, có ba ức nhà. Nước ấy có vua tên A-dục, sẽ làm vua cõi Diêm-phù-đề này, làm Chuyển luân vương, dùng Chánh pháp cai trị giáo hóa và lại phân bố xá-lợi Ngài khắp Diêm-phù-đề, dựng tám vạn bốn ngàn tháp. Phật đã huyền ký Đại vương như vậy. Nhưng ngày nay Đại vương tạo ra địa ngục lớn này, giết hại vô lượng nhân dân. Bây giờ, vua nên mở lòng thương xót nghĩ đến tất cả chúng sanh, ban bố sự không sợ hãi, khiến họ an ổn. Như lời Phật huyền ký Đại vương, Đại vương nên như pháp tu

hành."

Và Tỳ-kheo nói kệ:

Nên thực hành từ tâm,
Chớ não hại chúng sanh;
Nên tu tập Phật pháp,
Rộng phân bố xá-lợi.

Bấy giờ, A-dục vô cùng kính tin Phật, chắp tay làm lễ Tỳ-kheo:

"Tôi phạm tội lớn, nay đối trước Tỳ-kheo xin sám hối. Những việc làm của tôi thật sự không thể tha thứ được. Nay nguyện làm Phật tử. Hãy nhận sự sám hối của tôi. Mong hỷ xả, chớ quở trách. Tôi là kẻ ngu si, nay lại quy y."

Và vua nói kệ:

Tôi nay quy y Phật,
Pháp thắng diệu vô thượng;
Chúng Tỳ-kheo tôn kính;
Nay tôi trọn quy mạng.
Nay tôi phải dũng mãnh,
Vâng lời Thế Tôn dạy;
Nơi Diêm-phù-đề này,
Dựng khắp các tháp Phật.
Cúng dường đủ các thứ,
Treo lụa và tràng phan;
Trang nghiêm tháp Thế Tôn,
Tráng lệ đời ít có.

Tỳ-kheo độ A-dục xong, liền nương nơi hư không mà hóa. Nhà vua từ ngục mà ra, tên đao phủ tâu vua:

"Vua không đi được."

Vua hỏi:

"Nay người muốn giết ta sao?"

Đáp:

"Đúng vậy."

Vua nói:

"Ai là người đầu tiên vào ngục này?"

"Chính tôi."

"Nếu như vậy, thì ngươi đáng chết trước."

Vua ra lệnh đem tên hung ác này bỏ vào nhà có bôi keo, lấy lửa đốt cháy. Rồi ra lệnh phá hoại địa ngục này, ban sự không sợ hãi cho chúng sanh.

Bấy giờ, vua muốn xây tháp xá-lợi, đem bốn binh chủng đến thành Vương xá lấy xá-lợi trong tháp Phật của vua A-xà-thế, rồi trở về sửa sang tháp này giống như trước không khác. Như vậy, A-dục đã lấy xá-lợi từ bảy tháp Phật. Sau đó lại đưa đến thôn La-ma-la[22]. Rồi, các Long vương đưa vua vào Long cung. Vua đòi vua Rồng cúng dường xá-lợi. Long vương liền trao cho vua. Vua ra khỏi Long cung. Như bài kệ nói:

Trong thôn La-ma-la,
Nơi đó có tháp Phật;
Do Long vương thờ phụng,
Giữ gìn và cúng dường.
Vua đòi vua Rồng chia,
Các rồng sẵn lòng cho;
Vua cầm xá-lợi này,
Đem đến các phương khác.

Vua làm tám muôn bốn ngàn hộp bằng vàng, bạc, lưu ly, pha lê để đựng xá-lợi Phật. Lại làm tám muôn bốn ngàn bình tứ bảo để chứa các ngàn hộp này. Rồi làm vô lượng trăm ngàn tràng phan, tàn lọng lụa trắng, khiến cho các quỷ thần mỗi vị cầm giữ đồ vật cúng dường xá-lợi. Vua lại ra lệnh cho các quỷ thần rằng: 'Diêm-phù-đề cho đến làng, xóm, thành ấp, ven biển, đầy một ức nhà, hãy lập tháp Xá-lợi để thờ Thế Tôn.'

Đương thời có nước tên là Đức[23]-xoa-thi-la có ba mươi sáu ức nhà. Người nước ấy nói với quỷ thần: 'Hãy cho chúng tôi ba mươi sáu hộp xá-lợi. Chúng tôi sẽ dựng tháp Phật.' Vua làm phương tiện: nước

---

22. La-ma-la thoân [illegible]. Skt. Raømagaøma. Paøli: Raømagaøma, tên làng của người Koliya, nhận được một phần, trong tám phần xá-lợi của Phật. (D.ii.107). Về sau, bị cơn lũ, tháp xá-lợi bị cuốn đi. Long vương Mahaøkaøla nhận được bình xá-lợi, đem về thờ ở Maójerika. Mhv.xxxi.187f.

23. Đức 德 bản Cao-ly chép là trước [illegible]. Về Đức-xoa-thi-loa, xem cht.15.

nào ít dân, chia thêm cho đủ số dân mà dựng tháp.

Bấy giờ, tại ấp Ba-liên-phất có Thượng tọa tên Da-xá. Vua đi đến chỗ Thượng tọa thưa:

"Tôi muốn một ngày dựng tám vạn bốn ngàn tháp khắp cả Diêm-phù-đề. Ý nguyện như vậy."

Như kệ tán thán:

Đại vương tên A-dục,
Từ tám ngôi tháp trước,
Lấy ra xá-lợi Phật
Nơi Diêm-phù-đề này.
Xây dựng các tháp Phật,
Tám muôn và bốn ngàn;
Rộng rãi và thắng diệu,
Một ngày đều hoàn tất.

Thượng tọa nói với vua:

"Lành thay, Đại vương! Ấn định mười lăm ngày sau, khi nguyệt thực[24] cho xây các tháp Phật cõi Diêm-phù-đề."

Như vậy chỉ trong một ngày, dựng tám muôn bốn ngàn tháp. Nhân dân thế gian vui mừng vô hạn cùng gọi là 'Pháp A-dục vương'[25]. Tán thán như bài kệ sau:

Vua dòng thánh Khổng Tước,
An vui người thế gian.
Nơi Diêm-phù-đề này,
Kiến lập pháp thắng diệu.
Trước gọi là Ác vương,
Nay tạo nghiệp tốt lành;
Cùng xưng gọi Pháp vương,
Tương truyền mãi về sau.

Vua đã dựng tám muôn bốn ngàn tháp, nên lấy làm phấn khởi,

---

24. Nguyệt thực, các bản chép [illegible]. Chính xác là [illegible]. A-dục vương truyện: Da-xá sau đó lấy tay che mặt trời, để cho vua được toại nguyện, là dựng tháp trong một ngày.

25. Pháp A-dục vương [illegible]. Skt. Dharmaøzoka.

vui mừng, đem các quần thần đi đến tinh xá Kê tước[26]. Vua thưa với Thượng tọa Da-xá:

"Có Tỳ-kheo nào được Phật thọ ký sẽ làm Phật sự chăng? Tôi sẽ đi đến Tỳ-kheo ấy cúng dường cung kính."

Thượng tọa Da-xá đáp:

"Lúc Phật sắp Niết-bàn, hàng phục Long vương A-ba-la[27], thợ gốm Chiên-đà-la[28], rồng Cù-ba-lê[29], đi đến nước Ma-thâu-la[30], Phật bảo Tôn giả A-nan: 'Sau khi Ta nhập Niết-bàn khoảng một trăm năm có trưởng giả tên là Cù-đà[31] có con tên là Ưu-ba-quật-đa[32] sẽ xuất gia học đạo, bằng Vô tướng Phật[33] mà dạy dỗ người, là bậc nhất, sẽ làm Phật sự.' Phật bảo A-nan: 'Có thấy núi xa kia chăng?' A-nan bạch: 'Bạch Thế Tôn, thấy.' Phật bảo A-nan: 'Núi này tên là Ưu-lưu-mạn-trà[34], đó là chỗ A-lan-nhã gọi là Na-trà-bà-đê[35], phù hợp với sự tịch tĩnh.' Phật nói kệ ca ngợi:

Tỳ-kheo Ưu-ba-quật,
Vị Giáo thọ bậc nhất;
Tiếng đồn khắp bốn phương,
Được thọ ký tối thắng.
Sau khi Ta diệt độ,
Sẽ làm các Phật sự;
Độ tất cả chúng sanh,
Số lượng nhiều vô hạn."

Nhà vua hỏi Thượng tọa Da-xá:

"Tôn giả Ưu-ba-quật nay đã ra đời chưa?"

---

26. Kê tước tinh xá . Skt. Kurkuæaøraøma. Paøli: Kukuæaøraøma, tinh xá ở Paøæiliputta, có từ thời Phật.
27. A-ba-la long vương . Skt. Apalaøla.
28. Đào sư Chiên-đà-la . Skt. Caòdalì Kumbhakaøla.
29. Cù-ba-lê . Skt. Gopaølì.
30. Ma-thâu-la quốc . Skt. Mathuraø.
31. Cù-đa . Skt.Gupta.
32. Ưu-ba-quật-đa 優波崛多. Skt. Upagupta.
33. A-dục vương truyện: "tuy không có tướng tốt".
34. Ưu-lưu-mạn-trà . Skt. Urumuòda.
35. Na-trà-bà-đê . Skt. Naæabhaæikaø.

Thượng tọa đáp:

"Vị ấy đã ra đời và xuất gia học đạo, hàng phục phiền não, là A-la-hán cùng với vô lượng Tỳ-kheo quyến thuộc một muôn tám ngàn đang trú tại A-lan-nhã ở núi Ưu-lưu-mạn-trà. Vì thương xót chúng sanh, nên nói pháp tịnh diệu như Phật, hóa độ vô lượng trời, người khiến cho được vào thành cam lộ."

Nhà vua nghe xong vui mừng khôn xiết. Tức thì ra lệnh cho quần thần nhanh chóng sửa soạn xe cộ, đưa vô lượng quyến thuộc đến nơi ấy, để cung kính cúng dường Ưu-ba-quật-đa.

Bấy giờ, các quan tâu với vua rằng:

"Vị Thánh này đang ở tại nước của vua. Nên sai tín sứ rước vị ấy. Vị ấy sẽ tự mình đến."

Vua trả lời các quan:

"Không nên sai tín sứ đến nơi ấy. Ta nên tự đến, không nên để vị ấy tới đây."

Và vua nói kệ:

Ngươi được lưỡi Kim cang,
Vẫn không thể phá vỡ,
Ngăn ta đến nơi kia,
Gần gũi người nhà nông[36]*."*

Vua sai tín sứ đến báo Tôn giả: 'Ngày nào đó, vua sẽ đến chỗ Tôn giả.'

Tôn giả suy nghĩ: 'Nếu vua đến sẽ có rất đông người đi theo, chịu bao khổ sở, lại bức bách sát hại côn trùng và hại nhân dân làng xóm.' Suy nghĩ xong, Tôn giả trả lời sứ giả rằng:

"Tôi sẽ tự đi đến cung vua."

Khi vua nghe Tôn giả tự đến, vui mừng sung sướng vô hạn. Từ Ma-thâu-la đến Ba-liên-phất, ở khoảng giữa hai nơi, vua cho đặt thuyền bè, trên thuyền treo phướn lọng. Tôn giả Ưu-ba-quật, vì thương xót vua nên đem chúng A-la-hán một muôn tám ngàn vị theo đường thủy đến vương quốc. Bấy giờ, người trong nước tâu vua:

"Tôn giả Ưu-ba-quật đem một muôn tám ngàn Tỳ-kheo đến đây

---

36. A-dục vương truyện: "Ta chưa được tâm Kim cang; đâu có thể bắt người như Phật khuất phục mình".

rồi."

Vua sung sướng mừng rỡ khôn xiết, vội cởi chuỗi ngọc giá trị ngàn vàng trao cho họ. Rồi vua cùng các đại thần, quyến thuộc đi đến chỗ Tôn giả, cởi bỏ hành lý, năm vóc sát đất, làm lễ trước Tôn giả, quỳ gối chắp tay thưa rằng:

"Tôi nay thống lãnh cõi Diêm-phù-đề này, tuy ngồi ở ngôi vua mà không lấy làm vui. Hôm nay thấy được Tôn giả, vui mừng khôn xiết. Đệ tử của Như Lai mới có thể như vậy, thấy Tôn giả như thấy được Phật."

Và vua nói kệ:

"Tịch diệt, đã qua đời,
Nay ngài làm Phật sự.
Dứt ngu si thế gian,
Như mặt trời Phật chiếu.
Vì đời làm Đạo sư,
Bậc thuyết pháp đệ nhất;
Chúng sanh đáng nương cậy,
Nay tôi rất hoan hỷ."

Nhà vua ra lệnh cho sứ giả loan báo khắp nước rằng:

"Tôn giả Ưu-ba-quật ngày nay đến nước này."

Bèn xướng lên rằng:

"Ai muốn được giàu sang,
Xa lìa khổ bần cùng;
Thường được vui cõi trời;
Ai giải thoát Niết-bàn.
Nên gặp Ưu-ba-quật,
Cung kính và cúng dường.
Ai chưa thấy chư Phật,
Nay thấy Ưu-ba-quật."

Bấy giờ, nhà vua chỉnh trang bờ cõi, đắp đường bằng phẳng, treo lụa, phan, lọng, xông hương, rãi hoa, tấu nhạc. Nhân dân cả nước đều ra ngoài nghinh đón Tôn giả Ưu-ba-quật để cúng dường cung kính.

Bấy giờ, Tôn giả Ưu-ba-quật tâu vua:

"Tâu Đại vương, ngài nên đem chánh pháp cai trị, giáo hóa,

thương xót chúng sanh. Vì Tam bảo khó gặp, nên đối với Tam bảo cúng dường, cung kính, tu niệm và khen ngợi, vì người giảng nói rộng. Vì sao? Vì Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, là bậc Tri giả, Kiến giả, thường huyền ký rằng: 'Chánh pháp của Ta được ký thác nơi Quốc vương và Tỳ-kheo Tăng của ta'."

Và Tôn giả nói kệ:

"Bậc Thế Hùng tôn kính,
Chánh pháp rất thắng diệu;
Ký thác nơi Đại vương,
Cùng với Tỳ-kheo Tăng."

Nhà vua thưa với Tôn giả Ưu-ba-quật:

"Tôi đã dựng lập Chánh pháp."

Và vua nói kệ:

"Tôi đã tạo các tháp,
Trang nghiêm các bờ cõi;
Khởi cúng dường mọi thứ,
Phan, lọng cùng trân bảo.
Phân bố xá-lợi Phật,
Khắp cả Diêm-phù-đề;
Tôi tạo các phước này,
Ý nguyện đã trọn vẹn.
Chính mình và vợ con,
Trân bảo và đất đai;
Nay đều xả thí hết,
Cúng dường tháp Hiền thánh."

Tôn giả Ưu-ba-quật khen ngợi vua:

"Lành thay! Lành thay, Đại vương nên thực hành pháp như vậy."

Tôn giả nói kệ:

"Xả thân mạng của cải,
Đời đời không lo âu;
Được phước lành vô cùng,
Ắt được Vô thượng giác."

Vua thỉnh Tôn giả Ưu-ba-quật vào thành, rồi sửa soạn chỗ ngồi

các loại, mời Tôn giả an tọa. Còn chúng Tăng được mời đến tinh xá Kê tước. Vua thưa Tôn giả rằng:

"Tôn giả dung mạo đẹp đẽ, thân thể mềm mại, còn tôi hình thù xấu xí, da dẻ sần sùi."

Tôn giả nói kệ:

"Lúc tôi hành bố thí,
Tâm tịnh, tài vật tốt;
Không bằng vua bố thí,
Đem cát cúng dường Phật."

Vua nói kệ đáp:

"Khi trẫm còn trẻ thơ,
Cúng dường Phật nắm cát;
Nay được quả như vầy,
Huống chi thí vật tốt."

Tôn giả nói kệ khen:

"Khoái thay! Thiện Đại vương,
Cúng dường nắm đất cát;
Trong ruộng phước Vô thượng,
Vun trồng quả vô tận."

Bấy giờ, vua A-dục bảo các đại thần:

"Ta nhờ lấy nắm cát cúng dường Phật được quả báo như vầy; làm sao mà chẳng tin kính đối với Thế Tôn?"

Vua lại thưa với Tôn giả:

"Tôn giả chỉ cho tôi chỗ Phật nói pháp, những nơi Phật du hành, nên đến cúng dường lễ bái, vì các chúng sanh đời sau nhiếp thọ các căn lành."

Và rồi nói kệ:

"Chỉ cho tôi Pháp Phật,
Các nước và trú xứ;
Cúng dường và tin kính,
Vì chúng sanh đời sau.."

Tôn giả nói:

"Lành thay! Lành thay Đại vương, có thể phát diệu nguyện, tôi

sẽ chỉ cho Đại vương nơi chỗ, để vì chúng sanh đời sau."

Bấy giờ, vua đem bốn loại binh chủng và các thứ cúng dường hương hoa, tràng phan và kỹ nhạc, đem luôn Tôn giả khởi hành đến rừng Long tần[37], chỉ đây là chỗ Như Lai đản sanh. Và Tôn giả nói kệ:

"Nơi Như Lai đản sanh,
Khi sanh đi bảy bước;
Xoay nhìn khắp bốn phương,
Đưa tay chỉ lên trời:
Nay Ta sanh lần cuối,
Sẽ đắc đạo Vô thượng;
Trên Trời và cõi Người,
Ta là Vô Thượng Tôn."

Bấy giờ, nhà vua năm vóc sát đất, cúng dường lễ bái, liền dựng tháp Phật. Tôn giả tâu vua:

"Đại vương muốn thấy chư Thiên, thấy chỗ Đức Phật khi đản sanh đi bảy bước không?"

Nhà vua thưa:

"Rất muốn được thấy."

Tôn giả đưa tay chỉ cành cây mà Ma-da Phu nhân đã vịn vào, Tôn giả bảo thần cây:

"Thọ thần, nay hãy hiện ra, để vua được thấy, sanh đại hoan hỷ."

Vừa dứt tiếng, liền thấy thọ thần đứng bên Tôn giả nói rằng:

"Ngài dạy điều gì tôi sẽ vâng theo."

Tôn giả nói với vua:

"Vị thần này đã thấy Phật lúc sanh."

Vua nói kệ hỏi thần:

"Ngài thấy thân trang nghiêm,
Lúc sanh có hoa sen,
Chân bước đi bảy bước,
Miệng cất lên tiếng nói."

---

37. Long tần lâm 𝓛𝓾𝓶𝓫𝓲𝓷𝓲 tức vườn Lâm-tỳ-ni. Skt. Lumbinì.

Thần đáp lại bằng bài kệ:

"Tôi thấy thân tốt đẹp,
Đấng Thế Tôn mới sanh,
Chân bước đi bảy bước,
Miệng cất lên tiếng nói,
'Ở trong trời và người,
Ta là Vô Thượng Tôn'."

Vua hỏi thần:

"Khi Phật sanh có điềm lành gì?"

Thần đáp:

"Tôi không thể nói những việc quá mầu nhiệm. Nay lược nói phần ít:

Ánh sáng soi chiếu suốt,
Thân thể đủ tướng đẹp,
Khiến người vui mừng thấy,
Cảm động đến đất trời."

Vua nghe thần nói, vui mừng ban cho thần mười muôn lượng trân bảo rồi đi. Tôn giả Ưu-ba-quật lại đưa vua vào trong thành nói.

"Nơi này Bồ-tát hiện ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, thân sắc vàng trang nghiêm sáng chói."

Nhà vua liền hướng về nơi ấy làm lễ và cúng dường các thứ. Tôn giả lại đưa vua đến trong Thiên tự, bảo vua:

"Lúc Thái tử sanh ra được đưa đến vị thần ở Thiên tự kia lễ bái. Nhưng bấy giờ các thần đó đều lễ bái Bồ-tát. Khi đó, nhân dân mới lập danh Bồ-tát, rằng đó là Trời trên các Trời. Vua lại đem các thứ cúng dường."

Tôn giả lại đưa vua đến chỉ chỗ và nói:

"Nơi đây vua cha đem Bồ-tát đến các chỗ cho các Bà-la-môn, bảo đoán xem tướng của Ngài."

Vua lại cúng dường đủ thứ. Lại chỉ cho vua chỗ này là nhà học của Bồ-tát, chỗ này học cỡi voi, chỗ này học cỡi ngựa, cỡi xe, bắn cung, chỗ này Bồ-tát học các kỹ thuật, chỗ này Bồ-tát rèn luyện thân, chỗ này là nơi dạo chơi của sáu muôn phu nhân của Bồ-tát. Chỗ này Bồ-tát thấy người già, bệnh, chết, chỗ này Bồ-tát ngồi dưới cây Diêm-

phù-đề, ngồi thiền đắc ly dục, bóng cây chẳng rời thân, phụ vương hướng về đó làm lễ. Chỗ này Bồ-tát đem trăm ngàn thiên thần ra khỏi thành và đi; chỗ này Bồ-tát cởi chuỗi ngọc trao cho Xa-nặc, sai đem ngựa trở về nước và nói kệ:

Bồ-tát ở nơi này,
Cởi chuỗi ngọc và mũ,
Trao cho chàng Xa-nặc,
Giục ngựa trở về nước,
Đi một mình không bạn,
Ngài vào núi học đạo.

Lại chỗ này Bồ-tát đổi lấy áo ca-sa của thợ săn, khoác áo này rồi xuất gia, chỗ này là chỗ chư Tiên nhân cung thỉnh Ngài, chỗ này là chỗ vua Bình-sa muốn chia cho Bồ-tát một nửa nước, chỗ này Bồ-tát hỏi đạo nơi Tiên nhân Ưu-lam-phất, chỗ này Bồ-tát sáu năm khổ hạnh. Như kệ nói:

Khổ hạnh trong sáu năm,
Chịu khổ não cùng cực,
Biết không phải chân đạo,
Liền bỏ hạnh tu đó.

Chỗ này hai người nữ dâng sữa cúng Bồ-tát. Như kệ nói:

Đại Thánh ở nơi đây,
Nhận sữa hai người nữ,
Từ đây đứng lên đi,
Đi đến cây Bồ-đề.

Chỗ này rồng Ca-lê[38] khen ngợi Bồ-tát. Như kệ nói:

Nơi này rồng Ca-lê
Khen ngợi đức Bồ-tát,
Nên theo đạo thời cổ,
Chứng diệu quả Vô thượng.

"Vua hướng về Tôn giả và nói kệ:

---

38. Ca-lê long [illegible]. Paøli: Kaøôa hay Mahaøkaøôa. Khi Phật liệng bát sữa xuông sông Ni-liên thiền, Long vương đang ở dưới đó. Ông cùng các Long nữ hiện lên ca ngợi Phật. J.i.70,72. Mhv.v.87; Sp.i.43.

Nay tôi muốn thấy rồng,
Rồng kia đã thấy Phật,
Từ đây đến Bồ-tát,
Chứng đắc quả thắng diệu.

Tôn giả lấy tay chỉ Long vương bảo:

"Này Long vương Ca-lê, ông đã thấy Phật, nay nên hiện thân."

Long vương nghe tiếng liền xuất hiện, đứng trước Tôn giả, chắp tay thưa:

"Thưa Tôn giả có điều gì chỉ dạy?"

Tôn giả nói với vua:

"Long vương này thấy Phật, khen ngợi Như Lai."

Vua chắp tay hướng về Long vương nói kệ:

"Ngài thấy thân Kim cương,
Thầy tôi, Bậc Vô Thượng,
Mặt như trăng sáng đầy,
Xin nói oai đức ngài,
Công đức của mười lực,
Lúc ngài đến đạo tràng."

Long vương đáp lại:

"Nay tôi sẽ diễn nói,
Lúc chân đạp trên đất,
Cõi đất sáu chấn động,
Ánh sáng nơi mặt trời,
Chiếu khắp ba ngàn cõi,
Đi đến cây Bồ-đề."

Bấy giờ nhà vua ở các nơi ấy cúng dường các thứ và dựng tháp miếu. Kế đó Tôn giả đưa vua đến cội cây nơi Phật thành đạo, bảo vua rằng:

"Tại cây này, Đại Bồ-tát do sức tam-muội phá quân ma, đắc vô thượng Chánh đẳng Chánh giác."

Tôn giả nói kệ:

"Mâu-ni Ngưu Vương Tôn,
Ở cây Bồ-đề này,
Hàng phục quân ma ác,

Được thắng quả Bồ-đề,
Đáng kính trong trời, người,
Chẳng có ai sánh bằng.”

Vua cúng dường vô lượng trân bảo và các thứ, cùng dựng tháp miếu lớn. Chỗ này, Tứ thiên vương mỗi vị ôm một cái bát đem dưng cúng Phật, hợp lại thành một bát. Chỗ này là chỗ Như Lai nhận những bữa ăn cúng dường của anh em khách buôn. Chỗ này khi Như Lai đến nước Ba-la-nại, có ngoại đạo A-thời-bà[39] hỏi Phật. Chỗ này là vườn Lộc dã, Tiên nhân trú xứ. Như Lai ở trong đó, vì năm vị Tỳ-kheo ba lần chuyển Pháp luân mười hai hành.

Tôn giả nói kệ:

“Nơi đây vườn Lộc dã,
Như Lai chuyển pháp luân;
Ba chuyển mười hai hành,
Năm người được dấu đạo.”

Nhà vua cúng dường nơi này đủ thứ và xây dựng tháp miếu. Chỗ này Như Lai hóa độ tiên nhân Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp[40]. Chỗ này Như Lai nói pháp cho vua Bình-sa[41], vua thấy được chân lý cùng với vô lượng nhân dân, chư Thiên đắc đạo. Chỗ này Như Lai nói pháp cho Thiên đế Thích. Đế Thích cùng với tám muôn chư Thiên đắc đạo. Chỗ này Như Lai thị hiện thần lực, biến hóa các thứ. Chỗ này Như Lai lên trời vì mẹ thuyết pháp, dẫn theo vô lượng Thiên chúng xuống nhân gian. Vua lại cúng dường các thứ và cho xây dựng tháp miếu.

Tôn giả bảo vua A-dục:

“Đến nước Cưu-thi-la-kiệt[42], nơi đây Như Lai làm xong đầy đủ Phật sự, nhập Vô dư Niết-bàn.”

Tôn giả nói kệ:

“Độ thoát các Trời, Người,

---

39. A-thời-bà Skt. AØjivika, tà mạng ngoại đạo.
40. Ưu-lâu-tần-loa Ca-diệp Skt. Uruvilvaø-Kaøzyapa.
41. Bình-sa vương hay Tần-bà-sa-la. Skt. Bimbisaøra.
42. Cưu-thi-na-kiệt quốc Skt. Kusinagara.

Rồng, Tu-la, Dạ-xoa;
Kiến lập pháp vô tận,
Phật sự đã hoàn tất.
Nơi hữu được tịch diệt,
Đại bi vào Niết-bàn;
Như củi hết lửa tắt;
Rốt ráo được thường trụ."

Vua nghe những lời này buồn bã, đau xót đến ngất xỉu trên đất. Bấy giờ các quan lấy nước rửa mặt cho vua. Một hồi lâu tỉnh lại, bật khóc, nước mắt ràn rụa. Sau đó vua cúng dường đủ thứ và cho xây dựng tháp miếu lớn.

Vua thưa Tôn giả:

"Ý nguyện tôi muốn được thấy các Đại đệ tử của Phật được thọ ký, muốn cúng dường xá-lợi các ngài. Xin Tôn giả chỉ cho!"

Tôn giả nói với vua:

"Lành thay! Lành thay Đại vương đã phát được diệu tâm như vậy."

Tôn giả đem vua đến nước Xá-vệ vào tinh xá Kỳ-hoàn, đưa tay chỉ tháp:

"Đây là tháp của Tôn giả Xá-lợi-phất, vua nên cúng dường."

Vua nói:

"Vị này có công đức gì?"

Tôn giả đáp:

"Đây là vị Pháp vương thứ nhì, tùy thuận chuyển pháp luân."

Và Tôn giả nói kệ:

"Trí tất cả chúng sanh,
Sánh với Xá-lợi-phất,
Bằng một phần mười sáu;
Trừ trí của Như Lai.
Như Lai chuyển pháp luân,
Ngài có thể tùy chuyển;
Ngài có vô lượng đức,
Ai có thể nói hết!"

Nhà vua vui mừng vô hạn, bỏ ra mười muôn lượng trân bảo cúng

dường tháp Xá-lợi-phất và nói kệ:

"Con lạy Xá-lợi-phất,
Giải thoát mọi sợ hãi;
Danh đồn khắp thế gian,
Trí tuệ không ai bằng."

Kế đến, Tôn giả chỉ cho vua tháp Tôn giả Đại Mục-kiền-liên. Vua muốn cúng dường tháp này nên hỏi:

"Vị này có công đức gì?"

Tôn giả đáp:

"Vị này Thần túc bậc nhất. Lấy ngón chân ấn trên đất, đất liền chấn động, đến Long cung, hàng phục Long vương Nan-đà, Bạt-nan-đà[43]."

Và Tôn giả nói kệ:

"Ấn ngón chân động đất,
Đến tận cung Đế Thích;
Thần túc không ai bằng,
Ai có thể nói hết?
Hai vua rồng hung bạo,
Trông thấy đều sợ hãi;
Với sức thần túc kia,
Hàng phục hết sân nhuế."

Bấy giờ, vua cúng dường tháp mười muôn lượng trân bảo và nói kệ khen:

"Bậc Thần túc đệ nhất,
Lìa khỏi già, bệnh, chết;
Có công đức như vậy,
Nay lễ Mục-kiền-liên."

Kế đến, Tôn giả chỉ tháp Tôn giả Ma-ha Ca-diếp, nói với vua:

"Đây là tháp Ma-ha Ca-diếp, vua nên cúng dường."

Vua hỏi:

"Vị này có công đức gì?"

---

43. Nan-đà Bạt-nan-đà 難陀跋難陀 Skt. Nandopananda.

Tôn giả đáp:

"Tôn giả này ít muốn, biết đủ, Đầu-đà bậc nhất, được Như Lai chia cho nửa tòa và y Tăng-già-lê. Tôn giả ấy thương xót chúng sanh, hưng lập Chánh pháp."

Tôn giả nói kệ:

"Ruộng công đức bậc nhất,
Thương xót loài bần cùng;
Khoác Tăng-già-lê Phật,
Xây dựng nên Chánh pháp.
Tôn giả có đức lớn,
Ai có thể nói hết?"

Vua lại cúng dường mười muôn lượng trân bảo và nói kệ khen ngợi:

"Thường ưa thích tịch tịnh,
Nương náu nơi rừng rậm;
Ít muốn, biết đủ, giàu.
Nay lễ Đại Ca-diếp."

Kế đến, Tôn giả lại chỉ tháp của Tôn giả Bạc-câu-la và nói với vua:

"Đây là tháp của Bạc-câu-la, vua nên cúng dường."

Vua hỏi:

"Vị này có công đức gì?"

Tôn giả đáp:

"Tôn giả ấy được Bậc nhất không bệnh, cho đến, chẳng nói cho ai được một câu pháp, lặng lẽ không lời."

Vua bảo:

"Đem một tiền cúng dường."

Các quan tâu vua:

"Công đức như nhau vì sao nơi đây cúng một tiền?"

Vua bảo:

"Hãy nghe tôi nói,

Tuy trừ si, vô minh,
Trí tuệ hay soi xét,
Tuy có tên Bạc-câu,

Có ích gì cho đời?"

Bấy giờ, đồng tiền kia trở về lại chỗ vua. Các đại thần trông thấy, cho là việc lạ lùng hiếm có. Tất cả đồng lên tiếng khen ngợi:

"Ôi! Tôn giả! Ngài ít muốn, biết đủ, đến nỗi chẳng cần một đồng tiền."

Tôn giả lại chỉ tháp của Tôn giả A-nan, nói với vua:

"Đây là tháp của Tôn giả A-nan, nên cúng dường."

Vua hỏi:

"Tôn giả A-nan có công đức gì?"

"Tôn giả này là thị giả của Phật, Đa văn bậc nhất, kết tập kinh Phật."

Và nói kệ:

"Giữ gìn bát Như Lai,
Giỏi nhớ, hay quyết đoán,
Học rộng như biển lớn,
Biện tài tiếng dịu dàng,
Làm vui lòng trời, người,
Khéo biết tâm chư Phật,
Tất cả điều sáng tỏ,
Là rương báu công đức,
Được khen ngợi tối thắng,
Hàng phục phiền não tránh,
Những công đức như thế,
Xứng đáng nên cúng dường."

Vua liền cúng dường một trăm ức lượng trân bảo. Các quan tâu vua:

"Vì sao ở đây bệ hạ lại cúng dường nhiều hơn những nơi trước?"

Vua đáp:

"Hãy nghe tôi nói lý do trong tâm của mình:

Thân thể của Như Lai,
Pháp thân tánh thanh tịnh,
Vị này hay vâng giữ,
Vì thế cúng dường hơn.
Đèn Pháp còn ở đời,

Dứt lòng si tối này,
Đều nhờ nơi Tôn giả;
Vì thế cúng dường hơn.
Như nước trong biển lớn,
Dấu chân trâu không chứa;
Như biển trí của Phật,
Người khác khó phụng trì.
Duy Tôn giả A-nan,
Nghe qua đều nhớ hết,
Không khi nào quên mất;
Vì thế cúng dường hơn.

Khi vua cúng dường các thứ như thế xong, vua hướng về Tôn giả Ưu-ba-quật chắp tay và nói kệ:

"Nay tôi mang thân này,
Chẳng còn phụ thân này,
Tu vô lượng công đức,
Nay làm Vua loài người,
Tôi đem lòng kiên thật,
Tạo lập các tháp miếu,
Trang nghiêm nơi thế gian,
Như sao làm đẹp trăng.
Vâng pháp đệ tử Phật,
Thực hành các lễ tiết,
Nay tôi đã làm hết,
Cúi đầu trước Tôn giả.
Nhờ ân lực Tôn giả,
Nay thấy việc thắng diệu,
Chóng được lợi lành lớn,
Nhờ đây phân biệt pháp."

Vua cúng dường như trên và thường đi đến Bồ-đề đạo tràng. Dưới cây này, Như Lai đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Bằng sự cúng dường trân bảo hiếm có trong thế gian, vua cúng dường cây

Bồ-đề. Lúc ấy, phu nhân của vua tên là Đề-xá-la-hy-đa[44], phu nhân nghĩ rằng: 'Vua yêu ta và ta cũng hết sức yêu vua. Ngày nay vua bỏ ta đi, đem châu báu đến chỗ cây Bồ-đề. Bấy giờ, ta sẽ làm cách chết cây Bồ-đề này. Khi cây đã chết khô, lá tàn rụng, vua sẽ không đến nữa, ngài sẽ cùng ta vui vầy.' Phu nhân lại gọi Chú sư đến, bảo Chú sư bảo rằng:

"Ngươi có thể làm chết cây Bồ-đề này không?"

Chú sư đáp:

"Có thể, cho tôi một ngàn lượng vàng."

Phu nhân liền trao cho người ấy một ngàn lượng tiền vàng. Chú sư đến cây Bồ-đề, dùng câu chú niệm chú nơi cây và lấy giải lụa buộc cây lại. Cây dần dần chết khô, lá úa tàn rụng. Cây chưa chết hẳn, lá xơ xác rơi rụng. Chú sư tâu phu nhân:

"Phải lấy sữa nóng rưới lên cây mới có thể làm cho cây khô."

Phu nhân tâu vua:

"Tôi muốn đem sữa đến cúng dường cây Bồ-đề."

Vua đáp:

"Tùy ý khanh chăng?"

Như thế, cho đến, lấy sữa nóng rưới lên cây Bồ-đề, cây bị khô héo. Các phu nhân tâu vua:

"Cây Bồ-đề bỗng nhiên chết khô, lá úa tàn rụng!"

Và họ nói kệ:

Cây Như Lai y cứ,
Gọi là cây Bồ-đề,
Tại đó thành Chánh giác,
Đầy đủ nhất thiết trí.
Nay Đại vương nên biết,
Cây này đang khô chết,
Sắc lá cũng biến khác,
Chẳng biết vì cớ sao?

Nhà vua nghe lời này, liền ngất xỉu trên đất. Đám quần thần lấy nước rải lên mặt vua, một hồi lâu vua mới tỉnh lại, rơi nước mắt rồi

---

44. Đề-xá-la-hy-đa ßC ª ´ ï ≤] /h. Skt. Tiwyarakwitaø.

bảo:

Ta thấy cây Bồ-đề,
Như là thấy Như Lai,
Nay nghe cây này chết,
Ta cũng sẽ chết theo.

Phu nhân Đề-xá-la-hy-đa thấy vua ưu sầu, tâu vua:

"Xin Đại vương chớ buồn rầu. Tôi sẽ làm vui lòng Đại vương."

Vua nói:

"Nếu không có cây ấy, mệnh sống của ta cũng không còn. Như Lai nơi cây này đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nếu cây này không còn, ta sống để làm gì?"

Phu nhân nghe vua nói lời quyết định như thế, liền trở lại lấy sữa lạnh tưới dưới gốc cây Bồ-đề, cây từ từ sống lại. Vua nghe nói lấy sữa tưới cây sống lại, mỗi ngày vua cho ngàn thau sữa tưới gốc cây, cây sống lại như trước, các phu nhân tâu vua:

"Cây Bồ-đề tươi tốt lại như xưa. "

Nghe xong vua lấy làm mừng, vội đến dưới cây Bồ-đề nhìn chăm chăm không rời và nói kệ:

"Việc các vua chưa làm,
Vua Bình-sa, Trì quốc,
Nay ta nên cúng dường,
Ta tắm cây Bồ-đề,
Bằng sữa và nước thơm,
Hương hoa và hương xoa,
Sẽ lại cúng dường Tăng,
Hiền thánh năm bộ chúng."

Vua cho bày bốn cái bồn báu bằng vàng, bạc, lưu ly, pha lê chứa đầy các thứ sữa thơm cùng các thứ nước thơm, đem các thứ thức ăn uống, tràng phan, bảo cái. Mỗi thứ có cả ngàn loại cùng với hương hoa kỹ nhạc. Vua thọ trì bát quan trai giới, mặc y phục sạch sẽ, ôm lò hương đến ở trên điện, hướng bốn phương làm lễ, tâm nghĩ miệng nói: 'Đệ tử Hiền thánh của Như Lai ở các phương, xin thương xót con mà thọ nhận sự cúng dường của con'. Vua nói kệ:

"Thánh đệ tử Như Lai,

Các căn thuận tịch tĩnh,
Lìa dục cả ba cõi,
Chư Thiên nên cúng dường;
Xin hãy nhóm nơi đây,
Nhận tấm lòng biết ơn,
Thương xót theo ý con,
Khiến giống pháp lớn mạnh.
Thường thích nơi vắng lặng,
Giải thoát những chấp trước,
Chân tử của Như Lai,
Từ pháp mà hóa sanh,
Được chư Thiên cúng dường;
Nên vì thương xót con,
Nay xin đều nhóm lại,
Theo ý mọn của con.
Chư Thánh khắp các nơi,
Kế-tân, Đa-ba-bà,
Đại lâm, Ly-bà-đa,
Bên ao lớn A-nậu,
Khắp sông ngòi rừng núi,
Như thế tất cả chỗ,
Các Thánh ở trong đó,
Nay nên đến nhóm lại,
Xin vì thương xót con,
Theo ý mọn của con.
Lại ở trên cõi trời,
Cung điện Thi-lê-sa,
Trong thất đá Hương sơn,
Bậc thần thông đầy đủ,
Xin đều nhóm lại đây,
Vì thương xót con vậy.”

Lúc vua nói như vậy, ba mươi vạn Tỳ-kheo cùng tập hợp lại. Trong đại chúng ấy có mười vạn A-la-hán, hai mươi vạn các vị Hữu học và phàm phu Tỳ-kheo. Còn lại tòa của Thượng tọa không có người ngồi. Vua hỏi các Tỳ-kheo:

“Tòa của Thượng tọa sao không có người ngồi?”

Trong đại chúng có một Tỳ-kheo tên là Da-xá, là bậc A-la-hán đầy đủ lục thông, tâu vua:

“Tòa này là tòa của Thượng tọa, trong đây ai không dám ngồi.”

Vua lại hỏi:

“Ở chỗ Tôn giả có Thượng tọa chăng?”

Tôn giả Da-xá đáp:

“Tâu Đại vương, có Thượng tọa mà Phật đã huyền ký tên là Tân-đầu-lư[45]. Thượng tọa ấy xứng đáng ngồi chỗ ấy.”

Vua hết sức vui mừng nói rằng:

“Trong đây có Tỳ-kheo nào thấy Phật không?”

Tôn giả Da-xá đáp:

“Thưa Đại vương có ngài Tân-đầu-lư, ngài vẫn còn ở thế gian.”

Vua lại thưa:

“Có thể gặp được Tỳ-kheo ấy không?”

Tôn giả Da-xá đáp:

“Chẳng bao lâu sẽ gặp. Vị ấy sẽ đến ngay.”

Vua rất hoan hỷ nói kệ:

Sung sướng được lợi ích,
Vì nhiếp thọ cho con,
Khiến con tự mắt thấy,
Tôn giả Tân-đầu-lư.

Bấy giờ, Tôn giả Tân-đầu-lư đem vô lượng A-la-hán thứ lớp đi theo, ví như con nhạn chúa từ hư không đến, ngồi vào chỗ Thượng tọa. Tỳ-kheo Tăng đều kính lễ, theo thứ lớp ngồi xuống. Nhà vua trông thấy Tôn giả Tân-đầu-lư râu tóc bạc trắng, như thân Bích-chi-phật. Vua sụp xuống lễ chân Ngài, quỳ dài chắp tay, chiêm ngưỡng dung mạo của Tôn giả và nói kệ:

Con nay ở ngôi vua,
Thống lãnh Diêm-phù-đề,
Chẳng lấy làm hoan hỷ,
Nay được thấy Tôn giả,

---

45. Tân-đầu-lư ≫≪ 𝒴 ₍ₑ. Skt. Piòñolabharadvaøja.

Con nay thấy Tôn giả,
Như thấy Phật tại thế,
Lòng con đầy phấn khởi.
Hơn cả thấy ngôi vua.

Vua lại thưa Tôn giả:

"Tôn giả đã từng thấy Thế Tôn, bậc ba cõi đều kính ngưỡng, tôn sùng chăng?"

Lúc đó Tôn giả Tân-đầu-lư lấy tay vén lông mày nhìn vua và nói:

"Tôi được thấy Như Lai,
Thế gian không gì sánh,
Toàn thân màu vàng sáng,
Ba mươi hai tướng đẹp,
Mặt tịnh như trăng rằm,
Tiếng Phạm âm êm ái,
Hàng phục phiền não tránh,
Thường an trú tịch diệt."

Vua lại hỏi:

"Tôn giả thấy Phật nơi nào?"

"Tôn giả đáp:

"Khi Như Lai đem năm trăm vị A-la-hán đến thành Vương xá an cư lần đầu. Lúc ấy tôi cũng ở trong chúng đó."

Và Tôn giả nói kệ:

"Thế Tôn Đại Mâu-ni,
Hạng lìa dục vây quanh,
Ở tại thành Vương xá,
Kiết hạ tròn ba tháng.
Tôi ở trong chúng ấy,
Thường ở bên Như Lai,
Nay Đại vương nên biết,
Chính mắt tôi thấy Phật."

"Lại nữa, lúc Phật ở Xá-vệ, Như Lai hiện thần lực lớn, biến hóa đủ thứ, biến hình chư Phật đầy đủ khắp các phương cho đến cõi trời A-ca-ni-tra. Tôi lúc ấy cũng ở đó, trông thấy các tướng thần thông của Như Lai biến hóa."

Tôn giả nói kệ:

"Sức thần thông Như Lai,
Hàng phục các ngoại đạo,
Phật dạo khắp mười phương,
Chính tôi thấy tướng kia."

"Lại nữa, khi Như Lai ở tại cõi trời thuyết pháp cho Mẫu thân, tôi cũng có trong ấy. Khi thuyết pháp cho Mẫu thân xong, Ngài dẫn chư Thiên từ trời xuống nước Tăng-ca-xa[46]. Khi ấy tôi thấy hai việc này, trời, người điều phước lạc. Tỳ-kheo-ni Ưu-ba-la[47] hóa làm Chuyển luân vương đem vô lượng quyến thuộc nương hư không đến chỗ Thế Tôn, tôi cũng thấy việc này."

Rồi Tôn giả nói kệ:

Như Lai trên cõi trời,
Ngài kiết hạ nơi đó,
Tôi cũng ở trong ấy,
Là quyến thuộc Như Lai.

"Lại nữa, lúc Như Lai ở tại nước Xá-vệ cùng với năm trăm A-la-hán. Khi ấy con gái của trưởng giả Cấp Cô Độc đang ở tại nước Phú-lâu-na-bạt-đà-na[48]. Một hôm cô này thỉnh Phật và Tỳ-kheo Tăng. Khi ấy các Tỳ-kheo mỗi vị đều nương hư không đến chỗ thỉnh. Tôi cũng dùng thần lực hiệp núi lớn lại mà đi đến chỗ được thỉnh. Thế Tôn quở trách tôi, 'Ngươi đâu được hiện thần túc như thế. Bấy giờ, Ta phạt ngươi sống mãi ở thế gian, không được vào Niết-bàn, hộ trì Chánh pháp của Ta chớ khiến cho diệt mất'."

Rồi Tôn giả nói kệ:

"Thế Tôn nhận lời thỉnh,
Cùng năm trăm Tỳ-kheo.
Tôi liền dùng thần lực,
Nhấc núi lớn mà đi.
Thế Tôn trách phạt tôi

---

46. Tăng-ca-xa quốc [illegible]. Paøli: Saíkassa, thị trấn cách Saøvatthi 30 dặm.
47. Ưu-ba-la [illegible] tức Tỳ-kheo-ni Liên Hoa Sắc. Skt. Utpalavaròaø.
48. Phú-lâu-na-bạt-đà-na quốc [illegible] Skt. Puòñavardhana.

Ở đời, khoan diệt độ,
Hộ trì Chánh pháp Phật,
Chớ để pháp diệt mất."

"Lại nữa, Như Lai dẫn chư Tỳ-kheo Tăng vào thành khất thực. Khi ấy vua cùng với hai em bé chơi đùa trên đất cát, thấy Phật từ xa đi tới, nắm một nắm cát dâng cúng Phật. Lúc ấy Phật thọ ký cho đứa bé kia: 'Sau khi Ta diệt độ khoảng một trăm năm, đứa bé này sẽ làm vua nước Ba-liên-phất, thống lĩnh Diêm-phù-đề, gọi là A-dục, sẽ phân bố rộng rãi xá-lợi của Ta; trong một ngày sẽ dựng tám muôn bốn ngàn tháp.' Nay chính là nhà vua, lúc đó tôi cũng có mặt ở đó."

Rồi Tôn giả nói bài kệ:

"Lúc vua còn thơ ấu,
Đem cát dâng cúng Phật;
Lúc Phật thọ ký vua,
Chính tôi cũng ở đấy."

Vua thưa Tôn giả:

"Hiện nay Tôn giả ở đâu?"

Tôn giả đáp:

"Tôi ở tại Bắc sơn, núi tên là Kiền-đà-ma-la[49], cùng với các vị Tăng đồng phạm hạnh."

Vua lại hỏi:

"Có bao nhiêu người?"

Tôn giả đáp:

"Có sáu muôn Tỳ-kheo A-la-hán."

Tôn giả bảo vua:

"Vua cần gì hỏi nhiều. Nay vua nên sửa soạn cúng dường chư Tăng. Các vị ấy thọ thực xong, sẽ khiến cho vua hoan hỷ."

Vua thưa:

"Vâng, đúng vậy thưa Tôn giả! Nhưng bây giờ, trước tiên là tôi cúng dường cây Bồ-đề, vì nghĩ đến nơi Phật giác ngộ. Sau đó cúng dường hương hoa, đồ ăn thức uống ngon cho chúng Tăng."

Vua ban lệnh cho các quần thần tuyên bố khắp nước: 'Ngày nay

---

49. Kiền-đà-ma-la 揵 [illegible] Skt. Gandhamaødana.

vua muốn xả mười muôn lượng vàng bố thí cho chúng Tăng, cả ngàn vò nước thơm rưới lên cây Bồ-đề.' Vua tập hợp năm bộ chúng.

Bấy giờ có vương tử Câu-na-la[50] ở bên cạnh vua, đưa hai ngón tay mà không nói, ý muốn cúng dường gấp đôi. Đại chúng trông thấy vương tử như vậy đều phì cười. Vua cũng cười và bảo:

"Ô hay! Vương tử, chính con có thêm công đức cúng dường."

Vua lại nói:

"Ta lại đem ba mươi muôn lượng vàng cúng dường chúng Tăng. Thêm một ngàn vò nước thơm rưới tắm cây Bồ-đề."

Vương tử lại đưa lên bốn ngón tay, ý nói gấp bốn.

Lúc ấy vua nổi giận bảo các quan:

"Ai dạy vương tử làm như vậy? Cùng tranh với ta sao?"

Một vị quan thưa:

"Tâu Đại vương, không ai dám tranh với Đại vương. Nhưng vương tử thông tuệ, lợi căn vì muốn tăng thêm công đức nên làm như vậy."

Nhà vua quay lại nhìn vương tử, rồi bạch Thượng tọa:

"Trừ các vật thuộc kho tàng của con, tất cả những vật ở Diêm-phù-đề, phu nhân, thể nữ, quần thần, quyến thuộc và con của con là Câu-na-la đều bố thí cho chúng Tăng Hiền thánh."

Vua tuyên bố cho cả nước tập hợp năm chúng và nói kệ:

"Trừ vật kho tàng vua;
Phu nhân và thể nữ,
Thần dân tất cả chúng,
Bố thí Hiền thánh Tăng.
Thân ta cùng vương tử,
Cũng đều xả bỏ hết."

Bấy giờ, vua, Thượng tọa và Tỳ-kheo Tăng lấy vò nước thơm tưới cây Bồ-đề. Cây Bồ-đề càng thêm tươi tốt, sum sê. Có bài kệ:

"Vua tưới cây Bồ-đề,
Nơi Vô thượng Giác ngộ;
Cây càng thêm tươi tốt,

---

50. Câu-na-la [illegible] Skt. Kuòaøla.

Cây lá đều mơn mởn.”

Vua cùng quần thần vui mừng vô hạn. Vua tưới tắm cây Bồ-đề xong, kế đến vua lại cúng dường chúng Tăng. Bấy giờ, Thượng tọa Da-xá tâu vua:

“Đại vương, hôm nay có đông đảo Tỳ-kheo Tăng tụ tập, nên phát lòng tin thuần thục cúng dường.”

Nhà vua tự tay cúng dường từ trên xuống dưới. Khi ấy, có hai Sa-di ăn xong, mỗi người lấy lương khô vo thành viên kẹo ném nhau. Nhà vua trông thấy phì cười nói:

“Các Sa-di này chơi trò con nít.”

Cúng dường xong, vua trở lại đứng trước Thượng tọa. Thượng tọa nói với vua:

“Vua chớ sanh tâm bất tín kính.”

Vua thưa:

“Thượng tọa, con không có tâm không kính tin, nhưng thấy Sa-di chơi trò trẻ con. Như trẻ con thế gian lấy hòn đất ném nhau, còn hai Sa-di thì lấy bánh và kẹo ném nhau.”

Thượng tọa tâu vua:

“Hai chú Sa-di này đều là A-la-hán giải thoát, nên cúng dường thức ăn cho các vị ấy.”

Vua nghe rồi tăng thêm lòng tin và thầm nghĩ: ‘Hai Sa-di này có thể được bố thí bằng cách gián tiếp[51]. Hôm nay ta sẽ bố thí lụa và y kiếp-bối cho tất cả chúng Tăng.’

Bấy giờ, hai Sa-di biết tâm niệm của vua, nói với nhau: ‘Chúng ta làm cho vua thêm kính tín.’ Một Sa-di mang cái nồi trao cho vua, một Sa-di trao cho vua cỏ nhuộm màu.

Vua hỏi Sa-di kia:

“Những thứ này để làm gì?”

Hai Sa-di tâu vua:

“Nhà vua vì chúng tôi mà bố thí chúng Tăng lụa và y kiếp-bối. Chúng tôi muốn nhà vua nhuộm thành màu sắc để bố thí cho chúng Tăng.”

---

51. Triển chuyển tương thí , không cúng trực tiếp cho Sa-di. Nhưng cúng dường cho Tăng. Sau đó Tăng theo thứ tự chia lại cho các Sa-di.

Vua nghĩ rằng: 'Ta tuy đã nghĩ trong tâm, mà chưa nói ra, nhưng hai vị đạt sĩ này đắc tha tâm trí nên biết được tâm ta.

Vua liền cúi đầu kính lễ chúng Tăng và nói kệ:

"Tộc tánh là Khổng Tước,
Các quyến thuộc nội ngoại;
Do sự bố thí này,
Đều được lợi ích lớn.
Gặp được ruộng phước tốt,
Vui mừng đúng thời thí."

Vua bảo Sa-di:

"Nay tôi nhân quý Tôn giả bố thí y cho chúng Tăng."

Cúng y cho chúng Tăng rồi, vua lại đem ba y cùng với bốn ức muôn lượng trân bảo bố thí cho năm bộ chúng, chú nguyện xong, lại đem bốn mươi ức muôn lượng trân bảo, chuộc lấy cung nhân, thể nữ, thái tử, quần thần của cõi Diêm-phù-đề.

Vua A-dục đã tạo ra vô lượng công đức như vậy."[52]

❑

[52]. Truyện kể về cuối đời A-dục vương, xem tiếp Đại Chánh kinh 641, quyển 25.

TẠP A HÀM QUYỂN 24

KINH 605. NIỆM XỨ (1)[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có bốn Niệm xứ. Những gì là bốn? Đó là, niệm xứ quán thân trên thân; niệm xứ quán thọ, tâm, pháp trên pháp."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 606. NIỆM XỨ (2)[2]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có bốn Niệm xứ. Những gì là bốn? Đó là, niệm xứ quán thân trên thân; niệm xứ quán thọ, tâm, pháp trên pháp.

"Như vậy, Tỳ-kheo đối với bốn Niệm xứ này, tu tập đầy đủ, tinh cần phương tiện, chánh niệm, chánh tri, cần phải học."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

---

1. Đại Chánh, quyển 24, Tiểu đề: "Đệ ngũ tụng Đạo phẩm đệ nhất", gồm các kinh số 605-639. –Quốc Dịch, quyển 22, tụng 5. Đạo phẩm, 1. Tương ưng Niệm xứ gồm Kinh số từ 1247-1299. –Phật Quang, quyển 24; y theo Ấn Thuận, Tụng 4. Đạo phẩm. –Ấn Thuận Hội Biên, Tụng 4. Đạo phẩm, 7. Tương ưng Niệm xứ, gồm năm mươi bốn kinh, từ số 760-813. Phần lớn tương đương Paøli: S.47. Saøtipatthaøna samyutta. Đại Chánh kinh 605, Paøli, S.47.24 Suddhaka.

2. Xem kinh 605 trên.

KINH 607. TỊNH[3]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc[4], rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có đạo nhất thừa[5] làm thanh tịnh chúng sanh, khiến vượt khỏi ưu bi, dứt khổ não và đạt được pháp như thật[6], đó là pháp bốn Niệm xứ. Những gì là bốn? Đó là, niệm xứ quán thân trên thân; niệm xứ quán thọ, tâm, pháp trên pháp."

Phật dạy kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 608. CAM LỘ[7]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Nếu Tỳ-kheo nào lìa bốn Niệm xứ, là lìa Thánh pháp như thật. Người nào lìa Thánh pháp như thật, là sẽ lìa Thánh đạo. Ai lìa Thánh đạo, là lìa pháp cam lộ[8]. Người nào lìa pháp cam lộ, là không thoát khỏi sanh, lão, bệnh, tử, ưu, bi, khổ, não. Ta nói người này không thoát được khổ. Nếu Tỳ-kheo nào không lìa bốn Niệm xứ, là không lìa Thánh pháp như thật; không lìa Thánh pháp như thật, là không lìa Thánh đạo; không lìa Thánh đạo, là không lìa pháp cam lộ; không lìa pháp cam lộ, là thoát khỏi sanh, lão, bệnh, tử, ưu, bi, khổ, não. Ta nói người này thoát khỏi các khổ."

---

3. Paøli, S.47.18 Bramaø.
4. Bản Paøli, tại Uruvelaø, bên bờ sông Neraójaraø, lúc vừa thành đạo.
5. Nhất thừa đạo [illegible]. Paøli: ekaøyano maggo.
6. Đắc như thật pháp [illegible]. Paøli: óayassa adhigamaøya nibbaønaö sacchikiriyaøya, đạt chánh lý, thân chứng Niết-bàn.
7. Paøli, S.47.41 Amata.
8. Cam lộ pháp [illegible]. Paøli: amata, sự bất tử.

Phật dạy kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 609. TẬP[9]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Nay Ta sẽ nói về sự tập khởi bốn Niệm xứ và sự tiêu thất của bốn Niệm xứ[10]. Hãy lắng nghe, khéo suy nghĩ."

"Thế nào là tập khởi của bốn Niệm xứ? Tiêu thất của bốn Niệm xứ?

"Thức ăn tập khởi thì thân tập khởi. Thức ăn diệt thì thân tiêu thất. Như vậy, hãy sống tùy quán theo tập khởi của thân, sống tùy quán theo sự diệt tận thân. Sống tùy quán theo tập–diệt của thân là sống với sự không sở y, đối với các thế gian vĩnh viễn không chấp thủ. Cũng vậy, xúc tập khởi thì thọ tập khởi. Xúc diệt thì thọ tiêu thất. Như vậy, hãy sống tùy quán thọ theo tập pháp; sống tùy quán thọ theo diệt pháp. Sống tùy quán thọ theo tập diệt pháp là sống với sự không sở y, đối với tất cả pháp thế gian đều không chấp thủ.

"Danh sắc tập khởi thì tâm tập khởi. Danh sắc diệt thì tâm tiêu thất. Hãy sống tùy quán tâm tùy theo tập pháp; sống tùy quán tâm tùy theo diệt pháp. Sống tùy quán tâm tùy theo pháp tập–diệt là sống với sự không sở y, đối với các pháp thế gian thì không còn chấp thủ.

"Ức niệm tập thì pháp tập[11], ức niệm diệt thì pháp tiêu thất. Hãy sống tùy quán pháp tùy theo tập pháp; sống tùy quán pháp tùy theo diệt pháp. Sống tùy quán pháp tùy theo pháp tập–diệt là sống với sự không sở y, đối với các pháp thế gian thì không còn chấp thủ.

"Đó gọi là sự tập khởi bốn Niệm xứ và sự tiêu thất của bốn

---

9. Paøli, 47.42 Samudaya.

10. Tứ niệm xứ tập tứ niệm xứ một 四念處集四念處沒. Paøli: satipaæaæhaønaö samudayaóca atthaígamaóca.

11. Paøli: manasikaørasamudayaø dhammasamudayo, do tập khởi của tác ý mà có sự tập khởi của pháp.

Niệm xứ."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 610. CHÁNH NIỆM[12]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Ta sẽ dạy về sự tu tập bốn Niệm xứ. Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ!

"Thế nào là tu bốn Niệm xứ? Sống chánh niệm quán thân trên nội thân, tinh cần phương tiện, chánh niệm, chánh tri, điều phục lo buồn của thế gian; sống quán ngoại thân, nội ngoại thân, tinh cần phương tiện, chánh niệm chánh tri, điều phục sự lo buồn của thế gian. Cũng vậy sống chánh niệm quán thọ, tâm, pháp, nội pháp, ngoại pháp, nội ngoại pháp, tinh cần phương tiện, chánh niệm chánh tri, điều phục sự lo buồn của thế gian, thì đó gọi là Tỳ-kheo tu bốn Niệm xứ."

Phật dạy kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Thời quá khứ, vị lai, tu bốn Niệm xứ cũng được thuyết như vậy.

M

KINH 611. THIỆN TỤ[13]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có tụ thiện pháp và có tụ bất thiện pháp[14].

"Thế nào là tụ thiện pháp? Chỉ cho bốn Niệm xứ. Đó gọi là chánh thuyết. Vì sao? Vì đây là tụ hoàn toàn thuần nhất thanh tịnh.

---

12. Paøli, S.47.2. Sato. Tham chiếu, Hán: N^{0}100(14).

13. Paøli, S.47.5 Kusalaraøsi.

14. Thiện pháp tụ, bất thiện pháp tụ □½ ªk »E¡A⊠L □½ ªk »E. Paøli: kusalaraøsi, akusalaraøsi.

Những gì là bốn? Niệm xứ quán thân trên thân; niệm xứ quán thọ, tâm, pháp trên pháp.

"Thế nào là tụ bất thiện pháp? Chỉ cho năm cái[15], đây là thuyết chính. Vì sao? Vì đây là tụ hoàn toàn thuần nhất bất thiện. Những gì là năm? Tham dục cái, sân nhuế cái, thùy miên cái, trạo hối cái và nghi cái."

Phật dạy kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 612. CUNG[16]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Như người cầm bốn thứ cung cứng[17], dùng hết sức mạnh bắn vào bóng cây đa-la, qua nhanh không trở ngại. Cũng vậy, bốn hạng Thanh văn[18] của Như Lai, với tăng thượng phương tiện, lợi căn, trí tuệ, sống đến một trăm năm tuổi thọ; đối với pháp được giảng thuyết, được truyền trao bởi Như Lai, chỉ trừ lúc ăn uống, ngủ nghỉ, bổ tả[19], trong khoảng trung gian, thường nói, thường nghe, với trí tuệ sáng suốt lanh lợi, đối với những gì Như Lai đã dạy, triệt để lãnh thọ, giữ gìn, không chướng ngại; ở chỗ Như Lai không có gì để hỏi thêm. Như Lai nói pháp không có chung cực. Nghe pháp suốt cả đời, cho đến khi trăm tuổi mạng chung, mà pháp được Như Lai nói vẫn không cùng tận. Nên biết, vô lượng vô biên; danh thân, cú thân, vị thân, mà Như Lai đã thuyết cũng lại vô lượng, không có chung cực; đó chính là bốn Niệm xứ. Những gì là bốn? Thân niệm xứ; thọ, tâm, pháp niệm xứ."

---

15. Ngũ cái . Paøli: paóca nìvaraòaø.
16. Paøli, S. 20.6 Dhanuggaho.
17. Tứ chủng cường cung . Paøli: cattaøro daôhadhammaø dhanuggahaø, bốn nhà thiện xạ cầm (bốn) cây cung cứng.
18. Tứ chủng Thanh văn chỉ bốn chúng đệ tử Phật.
19. Bổ tả . Có lẽ chỉ đại tiểu tiện.

Phật dạy kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Tất cả kinh bốn Niệm xứ đều lấy câu tổng quát này. Tức là: "Cho nên, Tỳ-kheo đối với bốn Niệm xứ tu tập, phát khởi tăng thượng dục, tinh cần phương tiện, chánh niệm chánh tri, cần nên học.

M

KINH 613. BẤT THIỆN TỤ[20]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có tụ bất thiện và tụ thiện.

"Tụ bất thiện là gì? Ba căn bất thiện. Đó gọi là chánh thuyết. Vì sao? Vì tích tụ các pháp thuần bất thiện là ba căn bất thiện. Những gì là ba? Đó là: tham bất thiện căn, nhuế bất thiện căn, si bất thiện căn.

"Tụ thiện là gì? Bốn Niệm xứ. Vì sao? Vì đầy đủ thuần thiện, là bốn Niệm xứ. Đó gọi là thiện thuyết. Những gì là bốn? Thân niệm xứ; thọ, tâm, pháp niệm xứ."

Phật dạy kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Cũng như ba bất thiện căn, cũng vậy ba ác hạnh là thân ác hạnh, miệng ác hạnh, ý ác hạnh.[21]

Ba tưởng là dục tưởng, nhuế tưởng, hại tưởng.

Ba giác là dục giác, nhuế giác, hại giác.[22]

Ba giới là Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới.[23]

Phật dạy kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

---

20. Paøli, S.47.47 Duccaritaö.
21. Paøli, S.47.47 Duccaritaö.
22. Paøli, S.42.49 Vedanaø.
23. Tóm tắt có bốn kinh.

KINH 614. ĐẠI TRƯỢNG PHU[24]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ có Tỳ-kheo nọ đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, như được nói, Đại trượng phu. Thế nào là Đại trượng phu, không phải là Đại trượng phu?"

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Lành thay! Lành thay! Tỳ-kheo hỏi Như Lai về nghĩa Đại trượng phu. Hãy lắng nghe, suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì ngươi mà nói. Nếu Tỳ-kheo nào an trụ chánh niệm quán thân trên thân; sau khi an trụ chánh niệm quán thân trên thân này rồi, tâm không ly dục, không được giải thoát, dứt sạch các lậu, Ta nói người này không phải là Đại trượng phu. Vì sao? Vì tâm không giải thoát. Nếu Tỳ-kheo an trụ chánh niệm quán thọ, tâm, pháp trên pháp, mà tâm không ly dục, không được giải thoát, dứt sạch hết các lậu, Ta không nói người kia là Đại trượng phu. Vì sao? Vì tâm không được giải thoát. Nếu Tỳ-kheo nào an trụ chánh niệm quán thân trên thân; tâm đạt đến ly dục, tâm đạt đến giải thoát được, dứt sạch các lậu, Ta nói người này là Đại trượng phu. Vì sao? Vì tâm giải thoát. Nếu an trụ chánh niệm quán thọ, tâm, pháp trên pháp và khi an trụ chánh niệm quán thọ, tâm, pháp trên pháp rồi, mà tâm đạt đến ly dục, tâm đạt đến giải thoát được, dứt sạch các lậu, Ta nói người này là Đại trượng phu. Vì sao? Vì tâm giải thoát. Đó gọi là Tỳ-kheo Đại trượng phu và không phải Đại trượng phu."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

24. Paøli, S.47.11 Mahaøpurisa.

KINH 615. TỲ-KHEO-NI[25]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Tôn giả A-nan sáng sớm đắp y, ôm bát vào thành Xá-vệ khất thực. Dọc đường suy nghĩ: 'Nay ta đến chùa Tỳ-kheo-ni trước.' Liền đi đến chùa Tỳ-kheo-ni. Từ xa các Tỳ-kheo-ni thấy Tôn giả A-nan đến, vội vàng trải sàng tọa mời ngồi. Các Tỳ-kheo-ni đảnh lễ dưới chân Tôn giả A-nan, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Tôn giả A-nan:

"Các Tỳ-kheo-ni chúng con đang sống buộc tâm[26] tu bốn Niệm xứ, tự biết có sự trước sau lên xuống[27]."

Tôn giả A-nan bảo các Tỳ-kheo-ni:

"Lành thay! Lành thay! Các cô! Hãy như những gì các cô đã nói mà học. Phàm tu tập bốn Niệm xứ, an trú với tâm được buộc chặt, tự biết có sự trước sau lên xuống như vậy."

Rồi, Tôn giả A-nan vì các Tỳ-kheo-ni thuyết pháp với nhiều hình thức. Sau khi thuyết pháp với nhiều hình thức xong, từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

Bấy giờ, Tôn giả A-nan sau khi vào thành Xá-vệ khất thực trở về, cất y bát, rửa chân xong, đi đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu lễ chân sát Phật, rồi ngồi lui qua một bên, đem những gì các Tỳ-kheo-ni đã nói, trình bày lại đầy đủ cho Thế Tôn. Phật bảo Tôn giả A-nan:

"Lành thay! Lành thay! Nên học như vậy, an trụ nơi bốn Niệm xứ với tâm được buộc chặt, biết có sự trước sau lên xuống. Vì sao? Tâm tìm cầu bên ngoài, sau đó mới chế phục khiến tìm cầu tâm ấy; tâm tán loạn, không giải thoát, thảy đều như thật biết. Nếu Tỳ-kheo an trụ niệm xứ quán thân trên thân; vị ấy sau khi an trụ niệm xứ quán thân trên thân, nếu thân ham ngủ, tâm pháp biếng nhác, thì Tỳ-kheo này nên khởi tịnh tín, nắm lấy tướng tịnh[28]. Sau khi khởi tín tâm thanh

---

25. Paøli, S.47.10 Bhikkhunì.

26. Paøli: suppatiææhitacittaø viharantiyo, an trụ với tâm hoàn toàn ổn định.

27. Paøli: uôaøraö pubbenaøparaö visesaö saójaønanti, nhận thức sự sai biệt lên xuống, trước sau.

28. Tham chiếu Paøli: tassa kaøye kayaønupassiòo viharato kayaørammaòo vaø uppajjati kaøyasmiö pariôaøho, cetaso vaø lìnattaö, bahiddhaø vaø cittaö vikkhipati,

tịnh, nhớ nghĩ tướng tịnh rồi, tâm vị ấy sẽ khoan khoái; do tâm khoan khoái mà sanh hỷ. Do tâm hỷ nên thân khinh an. Sau khi thân khinh an thì sẽ được cảm thọ thân lạc. Sau khi cảm thọ thân lạc thì tâm sẽ định[29]. Với tâm định, Thánh đệ tử hãy học điều này: 'Tôi đối với nghĩa này, nếu tâm còn phân tán ra ngoài, thì nên nhiếp phục khiến cho nó dừng nghỉ, không còn khởi giác tưởng và quán tưởng[30]. Không giác, không quán, an trụ lạc với xả và chánh niệm. Sau an trú lạc, thì biết như thật. Niệm xứ thọ, tâm, pháp cũng nói như vậy."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 616. TRÙ SĨ[31]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Hãy nắm chặt tướng tự tâm, chớ để phân tán ra ngoài. Vì sao? Vì nếu Tỳ-kheo ngu si, không hiểu biết rõ ràng[32], không khéo léo, không nắm lấy tướng nội tâm, mà chạy theo tướng bên ngoài, thì Tỳ-kheo này sau đó sẽ bị thoái giảm và tự sanh ra chướng ngại. Giống như người đầu bếp ngu si nếu không hiểu biết, không khéo léo điều hòa các vị để phụng dưỡng tôn chủ; chua, mặn, lạt, không vừa ý; không giỏi nắm bắt sở thích của chủ để điều các vị chua, mặn, lạt;

---

tenaønanda bhikkhunaø kismiócideva pasaødanìye nimitte cittaö paòidahitabbaö, "Vị ấy sống quán thân trên thân, hoặc sở duyên của thân khởi lên, hoặc có sự bức rức trong thân, hoặc tâm co rút, hoặc tâm tán loạn ra bên ngoài; Tỳ-kheo ấy hãy cố định tâm trên một ảnh tượng trong sáng nào đó".

29. Sau khi trụ tâm trên tịnh tướng, tuần tự các trạng thái khởi lên: pamudita, duyệt (vui thích), pìti, hỷ (khoan khoái), passadhakaøya, thân ỷ tức hay khinh an (cảm giác thân thể nhẹ nhàng), sukha, an lạc và cuối cùng samaødhi, định.

30. Paøli: so paæisaöharati ceva na ca vitakketi na vicaøreti, "Vị ấy khi nhiếp phục như vậy, không còn tầm cầu, không còn tư sát (trạng thái không tầm và không tứ).

31. Người đầu bếp. Paøli, S.47.8 Suøda.

32. Hán: bất biện 不了. Paøli: avyatto, không thông minh, không năng lực.

không hay tự thân hầu hạ hai bên chủ, dò xem những nhu cầu của chủ, lắng nghe những sở thích của chủ, khéo nắm bắt được tâm ý chủ, rồi tùy ý pha chế điều hòa các vị để dâng cho chủ. Nếu không vừa ý, ông chủ sẽ không vui lòng; vì không vui lòng nên không ban thưởng và cũng không thương mến. Tỳ-kheo ngu si cũng lại như vậy, nếu không hiểu biết, không khéo léo, sống quán thân trên thân mà không thể dứt trừ tùy phiền não[33], không thể nhiếp giữ tâm mình; lại cũng không được nội tâm tịch tĩnh, không được chánh niệm, chánh tri thắng diệu; trong hiện tại, cũng không được bốn thứ pháp tăng thượng tâm sống an lạc nay trong hiện tại[34], cứu cánh Niết-bàn an ổn vốn chưa chứng đắc thì không thể chứng đắc. Đó gọi là Tỳ-kheo ngu si không hiểu biết, không khéo léo, không thể khéo thu nhiếp tướng nội tâm, mà chạy theo tướng bên ngoài, tự sanh chướng ngại.

"Nếu Tỳ-kheo nào, có trí tuệ biện tài, có phương tiện thiện xảo, sau khi nắm chặt nội tâm, rồi sau đó tiếp nhận tướng bên ngoài, thì Tỳ-kheo này về sau hoàn toàn không bị thoái giảm, hay tự tạo ra chướng ngại. Giống như người đầu bếp trí tuệ thông minh hiểu biết, có phương tiện thiện xảo, để cung phụng tôn chủ; có khả năng điều hòa các vị chua, ngọt, lạt, mặn; khéo bắt nắm dấu hiệu sở thích của chủ mà điều hòa các vị làm sao cho vừa lòng; lắng nghe vị mà chủ ưa thích, nhiều lần cung phụng. Khi chủ đã vừa lòng rồi, thì chắc chắn sẽ được yêu mến gấp bội và sẽ được trọng thưởng. Như vậy người đầu bếp có trí tuệ, khéo léo nắm bắt được tâm người chủ. Tỳ-kheo cũng lại như vậy, sống quán thân trên thân, đoạn trừ tùy phiền não, khéo biết nhiếp tâm mình, nội tâm tịch tĩnh, chánh niệm, chánh tri, đạt được bốn pháp tăng thượng tâm, sống an lạc ngay trong đời, đạt được cứu cánh an ổn Niết-bàn vốn chưa từng chứng đắc. Đó gọi là Tỳ-kheo có trí tuệ, biện tài, có phương tiện thiện xảo, hay nắm bắt tướng nội tâm và nắm bắt tướng bên ngoài, không bao giờ thoái giảm và tự bị chướng ngại.

"Quán thọ, tâm, pháp cũng như vậy."

---

33. Hán: thượng phiền não 上煩惱. Paøli: upakkilesaø.

34. Tứ tăng tâm pháp, hiện pháp lạc trú 現法樂住 bốn thiền cũng gọi là bốn tăng thượng tâm, hay bốn hiện pháp lạc trú.

Phật dạy kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 617. ĐIỂU[35]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Thời quá khứ có một con chim tên là La-bà[36], bị chim Ưng bắt bay lên hư không. Ở giữa hư không nó kêu la: 'Vì ta không tự cảnh giác nên bỗng gặp nạn này. Vì ta đã lìa bỏ chỗ ở của cha mẹ mà đi chơi chỗ khác nên mới gặp nạn này. Hôm nay bị kẻ khác làm khốn khổ, không được tự do!'

"Chim Ưng bảo La-bà:

"–Nơi nào là chỗ ở tự do của ngươi?

"La-bà đáp:

"–Tôi có cảnh giới của mình nơi rãnh cày trong đồng ruộng[37]. Đủ để tránh các tai nạn. Đó là nhà tôi, cảnh giới của cha mẹ nhà tôi.

"Chim Ưng tỏ vẻ kiêu mạn đối với La-bà, bảo:

"–Cho ngươi trở về nơi rãnh cày trong đồng ruộng, thử có thoát được không?

"La-bà này thoát khỏi móng vuốt chim Ưng trở về ở yên dưới một khối đất to nơi rãnh cày. Sau đó ở trên khối đất to, La-bà muốn khiêu chiến cùng chim Ưng. Chim Ưng phẫn nộ mắng: 'Ngươi là loài chim nhỏ mà muốn giao chiến cùng ta sao?'

"Quá đỗi phẫn nộ chim Ưng bay lao thẳng tới bắt lấy, nhưng La-bà lại núp vào dưới khối đất to; chim Ưng đang đà lao tới, ngực bị va vào khối đất cứng, nát thân chết liền. Bấy giờ, chim La-bà đang phục sâu dưới khối đất, ngẩng lên nói kệ:

"Chim Ưng dùng sức đến,

---

35. Paøli, S.47.6 Sakuòaggahì. Cf. Jaøtaka 168.

36. La-bà [illegible] Paøli: laøpa, giống chim cút.

37. Hán: điền canh lũng [illegible]

La-bà trong cõi mình.
Sức cường thịnh theo sân,
Nên gây họa nát thân.
Ta thông đạt tất cả,
Nên nương trong cõi mình;
Dẹp oán, tâm tùy hỷ,
Tự vui xét sức mình.
Ngươi dầu có hung ác,
Sức trăm ngàn rồng, voi;
Không bằng trí tuệ ta,
Trong một phần mười sáu.
Xem trí ta thù thắng,
Tiêu diệt được chim Ưng.”

“Như vậy, này Tỳ-kheo, như chim Ưng kia, ngu si bỏ cảnh giới của cha mẹ, dạo chơi nơi khác, đến nỗi phải bị tai hoạn. Tỳ-kheo các ông cũng nên như vậy, phải ở nơi chính cảnh giới sở hành của mình, nên khéo giữ gìn và tránh xa cảnh giới kẻ khác. Hãy nên học.

“Này các Tỳ-kheo, chỗ của kẻ khác, cảnh giới của kẻ khác, là chỉ cho cảnh giới của năm dục: Sắc nhận thức bởi mắt, đẹp, đáng yêu, đáng thích, đáng nhớ, được đắm nhiễm với dục tâm; tai biết tiếng, mũi biết mùi, lưỡi biết vị, thân biết xúc, đáng yêu, đáng thích, đáng nhớ, được đắm nhiễm vời dục tâm. Đó gọi là chỗ của kẻ khác, cảnh giới của kẻ khác đối với Tỳ-kheo.

“Này các Tỳ-kheo, ở nơi cảnh giới của cha mẹ mình, là chỉ cho bốn Niệm xứ. Những gì là bốn? Đó là niệm xứ quán thân trên thân; niệm xứ quán thọ, tâm, pháp trên pháp. Cho nên, Tỳ-kheo hãy đi dạo nơi cảnh giới của cha mẹ mình, tránh xa chỗ khác, cảnh giới kẻ khác. Hãy học như vậy.”

Phật dạy kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ thực hành theo.

M

KINH 618. TỨ QUẢ

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Đối với bốn Niệm xứ mà tu tập, tu tập nhiều, sẽ đạt được bốn quả Thánh và, bốn loại phước lợi, đó là: Quả Tu-đà-hoàn, quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm, quả A-la-hán."

Phật dạy kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 619. TƯ-ĐÀ-GIÀ[38]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật du hành trong nhân gian đến trong rừng Thân-thứ, tại phía Bắc xóm Tư-già-đà[39]. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Thời quá khứ có một nghệ sư leo phướn[40], dựng cột phướn trên vai và bảo học trò: 'Các con hãy leo lên, leo xuống cột phướn. Hãy hộ trì ta, ta cũng hộ trì các con; thay đổi nhau mà hộ trì, đi dạo làm trò vui, chúng ta sẽ kiếm được nhiều tiền của.' Lúc ấy, người học trò bạch thầy: 'Không bằng nói như vầy: Chỉ cần mỗi người tự chăm sóc hộ trì chính mình, đi dạo làm trò vui, thì sẽ kiếm được nhiều tiền của, thân được thư thả an ổn mà lên xuống.' Ông thầy đáp: 'Đúng như lời con nói, mỗi người phải tự chăm sóc hộ trì chính mình. Nhưng nghĩa này cũng như ta đã nói. Khi hộ trì mình, tức là hộ trì người khác. Khi hộ trì người khác cũng là hộ trì chính mình.'

"Tâm tự thân cận, tu tập; tùy sự hộ trì mà tác chứng. Đó gọi là tự

---

38. Paøli, S.47.19 Sedaka.

39. Tư-già-đà [illegible]. Paøli:sumbhesu viharati sedakaö naøma sumbhaønaö nigamo, giữa những người Sumbha, tại xóm Sedaka của người Sumbha.

40. Duyên tràng kỹ sư [illegible] người nhào lộn trên cột phướn. Paøli: caòñaølavaösika.

hộ trì mình tức là hộ trì người[41]. Thế nào là tự hộ trì mình tức là hộ trì người? Không khủng bố người khác, không chống trái người khác, không hại người khác, có từ tâm thương xót người. Đó gọi là tự hộ trì mình tức là hộ trì người. Cho nên các Tỳ-kheo cần phải học như vậy. Người tự hộ trì là tu tập bốn Niệm xứ. Hộ trì người cũng là tu tập bốn Niệm xứ."

Phật dạy kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 620. DI HẦU[42]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Trúc, khu Ca-lan-đà nơi thành Vương xá. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Trong núi Đại tuyết, chỗ hiểm trở băng giá, khỉ vượn sống còn không được, huống chi là con người. Hoặc có núi có khỉ, vượn ở mà không có người. Hoặc có núi nơi người và thú cùng ở chung. Trên lối đi của khỉ vượn, thợ săn dùng keo bôi lên cỏ. Những con vượn khỉ nào khôn ngoan thì tránh xa bỏ đi. Những vượn khỉ con ngu si không biết tránh xa, thì dùng tay chạm vào chút xíu, liền bị dính tay. Nó dùng tay kia để gỡ, tức thì dính cả hai tay. Nó lại dùng chân để gỡ, hai chân cũng bị keo dính luôn. Nó dùng miệng cắn cỏ, miệng cũng bị keo dính chặt. Năm chỗ đều bị dính keo, phải nằm co quắp trên đất. Thợ săn đi đến, vội lấy gậy xỏ vào khiêng đi.

"Tỳ-kheo nên biết, bọn vượn khỉ ngu si rời bỏ cảnh giới của mình, chỗ ở của cha mẹ, đi chơi nơi cảnh giới kẻ khác, nên bị khổ não này. Cũng vậy, Tỳ-kheo, phàm phu ngu si, sống nương ở nơi làng xóm, sáng sớm đắp y, mang bát vào thôn khất thực, không khéo hộ trì thân và không thủ hộ các căn. Mắt thấy sắc liền sanh ra nhiễm đắm; tai với âm thanh, mũi với mùi, lưỡi với vị, thân với xúc đều sanh ra nhiễm đắm. Tỳ-kheo ngu si sau khi các căn bên trong và các cảnh bên ngoài bị trói buộc năm chỗ, nên bị lệ thuộc vào ước muốn của ma. Cho nên các Tỳ-kheo cần nên

41. Paøli: aøsevanaøya, bhaøvanaøya, bahulìkammena, evaö kho bhikkhave, attaønaö rakkhanto paraö rakkhanti, "Bằng sự thân cận, bằng sự tu tập, bằng sự tu tập nhiều lần, như vậy là hộ trì người khác trong khi hộ trì chính mình".

42. Paøli, S.47.7 Makkaæa.

học tập như vầy: 'Hãy chỉ nơi đi lại của mình, chỗ ở của cha mẹ mà sống, chớ đi đến chỗ khác và cảnh giới kẻ khác.'

"Thế nào là nơi đi lại của mình, nơi ở của cha mẹ Tỳ-kheo? Là chỉ cho bốn Niệm xứ: Sống với chánh niệm quán thân trên thân, sống quán thọ, tâm, pháp trên pháp."

Phật dạy kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 621. NIÊN THIẾU TỲ-KHEO[43]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Tôn giả A-nan cùng các Tỳ-kheo đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, Tôn giả A-nan bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, các Tỳ-kheo trẻ tuổi này, nên dạy dỗ cho họ như thế nào? Nên nói pháp cho họ như thế nào?"

Phật bảo Tôn giả A-nan:

"Các Tỳ-kheo trẻ tuổi này, nên dùng bốn Niệm xứ dạy cho họ tu tập. Những gì là bốn? Đó là: Sống chánh niệm quán thân trên thân, phương tiện tinh cần, không hành buông lung, chánh trí, chánh niệm, tâm tịch định... cho đến, biết rõ thân[44]. Sống chánh niệm quán, thọ, tâm, pháp trên pháp, phương tiện tinh cần, không hành buông lung, chánh niệm, chánh trí, tâm định tĩnh... cho đến biết pháp. Vì sao? Vì nếu Tỳ-kheo còn trụ ở địa vị hữu học mà chưa thăng tiến được, nhưng đang chí cầu Niết-bàn an ổn, thì hãy sống chánh niệm quán thân trên thân, phương tiện tinh cần, không hành buông lung, chánh niệm, chánh trí, tâm tịch tịnh; sống quán thọ, tâm, pháp trên pháp, phương tiện tinh cần, không hạnh buông lung, chánh niệm, chánh trí, tâm tịch

43. Paøli, S.47.4 Salla.

44. Paøli: kaøye kayaønupassino viharatha aøtaøpino sampajaønaø ekodibhuøtaø vippasannacittaø saöhitaø ekaggacittaø kaøya yathaøbhuøtaö óaøòaøya, "Để có nhận thức như thực về thân, các ngươi hãy sống quán thân trên thân, nhiệt hành, chánh trí, chuyên nhất, tâm trong sáng, định tĩnh, tâm nhất cảnh".

tịnh... cho đến xa lìa đối với pháp.

"Nếu A-la-hán, các lậu đã hết, việc làm đã xong, đã bỏ hết gánh nặng, dứt hẳn các kết sử, bằng chánh tri mà khéo giải thoát; nhưng chính lúc này, cũng tu, sống quán thân trên thân, phương tiện tinh cần, không hạnh buông lung, chánh niệm, chánh trí, tâm vắng lặng, sống quán niệm thọ, tâm, pháp trên pháp,... cho đến xa lìa đối với pháp."

Bấy giờ, Tôn giả A-nan, tùy hỷ hoan hỷ, đảnh lễ mà lui.

M

KINH 622. AM-LA NỮ[45]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú tại Bạt-kỳ, du hành trong nhân gian, đến nghỉ trong vườn Am-la, nước Tỳ-xá-ly. Bấy giờ có nàng kỹ nữ Am-la nghe tin Đức Thế Tôn du hành từ Bạt-kỳ đến ở trong vườn Am-la, liền sửa soạn đánh xe ra khỏi thành Tỳ-xá-ly, đến chỗ Thế Tôn cung kính cúng dường. Khi đến cửa vườn Am-la, xuống xe đi bộ, từ xa trông thấy Thế Tôn thuyết pháp cho đại chúng đang vây quanh. Thế Tôn thấy nàng Am-la sắp đến, bảo các Tỳ-kheo:

"Này các Tỳ-kheo, các ông nên tinh cần nhiếp tâm an trụ, chánh niệm, chánh trí. Nay có cô gái Am-la đến, nên phải giáo giới các ông.

"Thế nào là Tỳ-kheo tinh cần nhiếp tâm an trụ? Nếu Tỳ-kheo nào đối với pháp ác bất thiện đã sanh thì nên đoạn trừ, phát khởi ý chí, phương tiện, tinh tấn, nhiếp tâm; đối với pháp ác bất thiện nếu chưa sanh, thì đừng để sanh. Đối với pháp thiện chưa sanh thì nên làm cho phát sanh; nếu pháp thiện đã sanh, thì khiến an trụ không để mất. Tu tập đầy đủ, phát khởi ý chí, phương tiện, tinh tấn, nhiếp tâm. Đó gọi là Tỳ-kheo tinh cần an trụ nhiếp tâm.

"Thế nào gọi là Tỳ-kheo chánh trí? Nếu Tỳ-kheo nào trong những oai nghi tới, lui, thường theo chánh trí; quay nhìn, trông, ngắm, co, duỗi, cúi, ngước, cầm y bát, đi, đứng, nằm, ngồi, ngủ, nghỉ, thức, nói, im lặng, đều an trụ với chánh trí. Đó là chánh trí.

"Thế nào là chánh niệm? Nếu Tỳ-kheo nào an trụ chánh niệm quán thân trên nội thân, tinh cần, phương tiện, chánh trí, chánh niệm,

---

45. Paøli, S.47.1 Ambapaøli.

điều phục tham ưu thế gian; an trụ chánh niệm quán thọ, tâm, pháp trên pháp, tinh cần, phương tiện, chánh trí, chánh niệm, điều phục tham ưu thế gian. Đó gọi là Tỳ-kheo chánh niệm. Cho nên, các ông hãy tinh cần nhiếp tâm an trụ, chánh niệm, chánh trí. Nay có cô gái Am-la đến, nên phải giáo giới các ông."

Khi nàng Am-la đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật, rồi đứng lui qua một bên. Bấy giờ, Thế Tôn vì người nữ Am-la nói pháp, khai thị, chỉ giáo, soi sáng, làm cho hoan hỷ, sau đó Ngài im lặng.

Nàng Am-la sửa lại y phục đảnh lễ Phật, rồi chắp tay bạch Phật:

"Xin Thế Tôn và đại chúng nhận lời mời cúng dường trưa mai của con."

Khi ấy, Thế Tôn im lặng nhận lời. Người nữ Am-la biết Thế Tôn đã im lặng nhận lời, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật rồi cáo từ về nhà mình, sửa soạn thức ăn, sắp xếp bàn ghế. Sáng sớm hôm sau cho người đến bạch Phật là đã đến giờ.

Bấy giờ, Thế Tôn và đại chúng cùng đi đến nhà người nữ Am-la, an tọa xong. Lúc này người nữ Am-la tự tay cúng dường các thứ đồ ăn thức uống. Sau khi thọ thực rồi, rửa tay, rửa bát xong, người nữ Am-la đặt một cái ghế nhỏ ngồi trước Phật, nghe Phật nói pháp. Bấy giờ, Thế Tôn vì người nữ Am-la nói kệ tùy hỷ:

Bố thí, người yêu mến,
Được nhiều người theo mình;
Tiếng tăm ngày càng rộng,
Gần xa đều nghe hết.
Trong chúng thường hòa nhã,
Lìa keo kiệt, không sợ;
Cho nên trí tuệ thí,
Đoạn keo lẫn không còn.
Sanh lên trời Đao-lợi,
Mãi mãi hưởng khoái lạc;
Suốt đời thường tu đức,
Vui chơi vườn Nan-đà[46].

[46] Khu vườn trên trời Đao-lợi. Xem cht.2, kinh 576.

Gồm trăm thứ nhạc trời,
Năm dục đẹp lòng mình;
Kia khi ở đời này,
Được nghe Phật nói pháp.
Làm đệ tử Thiện Thệ,
Vui hóa sanh về đó.

Sau khi Thế Tôn vì người nữ Am-la nói pháp, khai thị, chỉ giáo, soi sáng, làm cho hoan hỷ xong, Ngài từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

M

KINH 623. THẾ GIAN[47]

Tôi nghe như vầy.

Một thời, Phật ở trong vườn Lộc dã, nơi Tiên nhân trú xứ tại nước Ba-la-nại. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Các sắc đẹp thế gian[48]; người có sắc đẹp thế gian có thể khiến cho mọi người tụ tập lại để ngắm nhìn chăng?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, đúng vậy!"

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Nếu sắc đẹp thế gian, người có sắc đẹp thế gian, lại có thể múa hát ca nhạc, có càng làm cho mọi người tụ tập lại để xem không?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, có vậy!"

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Hoặc có sắc đẹp thế gian, người có sắc đẹp thế gian mà ở một chỗ múa hát, ca nhạc, diễn trò, lại có đám đông tụ tập lại một nơi. Nếu có người không ngu, không si, ham vui, chán khổ, tham sống, sợ chết. Có người khác bảo nó rằng: 'Người đàn ông kia, ngươi hãy bưng bát dầu đầy này, đi qua giữa người đẹp thế gian và đám đông. Ta sai một kẻ giỏi giết người cầm đao theo sau. Nếu

---

47. Paøli, S.47.20 Janapada.

48. Thế gian mỹ sắc [illegible] Paøli: janapadakalyaøòì, mỹ nữ của cả nước, mỹ nhân quốc sắc.

ngươi làm rơi đi một giọt dầu, thì sẽ bị chém chết liền.' Thế nào, Tỳ-kheo, người bưng bát dầu này có thể không nghĩ đến bát dầu, không nghĩ đến kẻ giết người mà chỉ nhìn xem kỹ nữ và mọi người kia chăng?"

Các Tỳ-kheo, bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, không thể! Vì sao? Bạch Thế Tôn, vì người này tự thấy ở sau mình có người cầm đao, nên lúc nào cũng nghĩ rằng: 'Nếu ta làm rơi đi một giọt dầu, thì tên đao phủ kia sẽ chém đầu ta.' Nên chỉ để hết tâm chú ý vào bát dầu, bước đi chậm rãi giữa mọi người và sắc đẹp thế gian mà không dám liếc ngó quay nhìn."

"Cũng vậy, này các Tỳ-kheo, nếu có Sa-môn và Bà-la-môn nào thân mình ngồi ngay thẳng, tự ổn cố, chuyên nhất tâm mình, không chạy theo âm thanh hình sắc, khéo thu nhiếp tất cả tâm pháp[49], trụ nơi thân niệm xứ, thì đó là đệ tử của Ta, vâng lời Ta dạy.

"Thế nào là Tỳ-kheo thân mình ngồi ngay thẳng, tự ổn cố, chuyên nhất tâm mình, không chạy theo âm thanh hình sắc, khéo thu nhiếp tất cả tâm pháp, trụ nơi thân niệm xứ, Như vậy, này các Tỳ-kheo sống quán niệm thân trên thân, phương tiện tinh cần, chánh trí, chánh niệm, điều phục tham ưu thế gian. Sống quán niệm thọ, tâm, pháp trên pháp, cũng lại như vậy, đó gọi là Tỳ-kheo thân mình ngồi ngay thẳng, tự ổn cố, chuyên nhất tâm mình, không chạy theo âm thanh hình sắc, khéo thu nhiếp tất cả tâm pháp, trụ nơi thân niệm xứ."

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ:

Chuyên tâm chánh niệm,
Giữ gìn bát dầu;
Tự tâm theo giữ,
Chưa từng tới đó.
Rất khó vượt qua,
Vi tế thắng diệu;

---

49. Hán: chánh thân tự trọng... □□□□. Paøli: bahuølikataø yaønikataø vatthukataø anuæhitaø paricitaø susamaøraddhaø, (bốn Niệm xứ) được tu tập nhiều, được làm thành như cỗ xe, làm thành như nền đất, được thể nghiệm, được tích lũy, được khéo sách tiến.

Những gì Phật dạy,
Là lời gươm bén.
Cần một lòng mình,
Chuyên tinh gìn giữ;
Không phải là việc;
Buông lung người đời.
Như vậy thâm nhập,
Giáo không buông lung.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 624. UẤT-ĐỂ-CA[50]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Tôn giả Uất-để-ca[51] đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

"Lành thay, Đức Thế Tôn! Xin vì con nói pháp. Sau khi nghe pháp, con sẽ ở một mình chỗ vắng, chuyên tinh tư duy, sống không buông lung và suy nghĩ về lý do khiến người thiện nam cạo bỏ râu tóc, chánh tín xuất gia học đạo, sống không nhà. *Nói đầy đủ như trên,... cho đến* không còn tái sanh nữa."

Phật bảo Tôn giả Uất-để-ca:

"Đúng vậy! Đúng vậy! Như những gì ngươi nói. Nhưng đối với những pháp mà Ta đã nói, mà không làm cho Ta hài lòng, thì sự nghiệp của người kia cũng không thành tựu. Tuy đi theo sau Ta nhưng không được lợi ích, trái lại còn sanh chướng ngại."

Uất-để-ca bạch Phật:

"Theo những gì Thế Tôn đã nói, con có thể làm Thế Tôn hài lòng, sự nghiệp của con được thành tựu không sanh chướng ngại. Xin Thế Tôn vì con nói pháp, con sẽ ở một mình chỗ vắng, chuyên tinh tư

---

50. Paøli, S. 47.16; Uttiya; 47.15 Baøhiya.

51. Uất-để-ca 欝 *SC* □/. Paøli: Uttiya.

duy sống không buông lung. *Nói đầy đủ như trên,... cho đến* không còn tái sanh nữa. Hai ba lần bạch thỉnh như vậy."

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Uất-để-ca:

"Trước hết ngươi nên làm thanh tịnh nghiệp bản sơ[52] của mình, sau đó tu tập phạm hạnh."

Uất-để-ca bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, nay con làm thế nào để tẩy sạch nghiệp bản sơ của mình để tu tập phạm hạnh?"

Phật dạy Uất-để-ca:

"Trước hết ngươi phải làm thanh tịnh cho giới, chánh trực cho tri kiến, ba nghiệp phải đầy đủ, sau đó tu tập bốn Niệm xứ. Những gì là bốn? Đó là: Sống an trú chánh niệm quán thân trên nội thân, phương tiện, tinh cần, chánh trí, chánh niệm, điều phục tham ưu thế gian. Cũng vậy, sống an trú chánh niệm quán ngoại thân, nội ngoại thân trên thân, sống an trú chánh niệm quán thọ, tâm, pháp trên pháp, cũng nói đầy đủ như vậy."

Khi Uất-để-ca nghe Phật dạy xong, tùy hỷ hoan hỷ từ chỗ ngồi đứng dậy lui ra.

Sau khi nghe Phật chỉ dạy rồi, một mình Uất-để-ca ở chỗ vắng chuyên tinh tư duy, sống không buông lung, tự suy nghĩ về lý do khiến người thiện nam cạo bỏ râu tóc, khoác áo ca-sa, chánh tín xuất gia học đạo, sống không nhà,... cho đến không còn tái sanh nữa.

Như những gì Uất-để-ca hỏi. Cũng vậy, những gì Tỳ-kheo khác hỏi, cũng dạy như trên.

M

52. Hán: tịnh kỳ sơ nghiệp 淨其初業. Paøli: aødim eva visodhehi kusalesu dhammesu, "Hãy làm thanh tịnh pháp căn bản (hay bản sơ) trong các thiện pháp".

KINH 625. BÀ-HÊ-CA[53]

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy có một Tỳ-kheo tên là Bà-hê-ca[54] đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, lành thay! Thế Tôn, xin vì con mà nói pháp."

Như kinh đã nói đầy đủ với Tôn giả Uất-đề-ca ở trước, chỉ có sự sai biệt là:

"Như vậy, này Bà-hê-ca, Tỳ-kheo làm sạch nghiệp bản sơ, là an trú chánh niệm quán thân trên thân, vượt qua các ma, an trú chánh niệm quán thọ, tâm, pháp trên pháp vượt qua các ma."

Sau khi Tỳ-kheo Bà-hê-ca nghe Phật nói pháp, chỉ dạy xong, tùy hỷ hoan hỷ đảnh lễ lui ra. Sau đó một mình ở chỗ vắng, chuyên tinh tư duy, sống không buông lung... cho đến không còn tái sanh nữa.

M

KINH 626. TỲ-KHEO

Kinh thứ hai cũng nói như kinh trên, chỉ có sự sai khác là: Như vậy, Tỳ-kheo vượt qua sanh tử.

M

KINH 627. A-NA-LUẬT[55]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Tôn giả A-na-luật-đà đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, nếu có Tỳ-kheo nào còn ở học địa chưa thăng tiến được, mà phương tiện tầm cầu an ổn Niết-bàn, Thánh đệ tử ấy đối với Chánh pháp luật phải làm thế nào để tu tập, tu tập nhiều, dứt sạch

---

53. Paøli, S.47.15 Baøhika.

54. Bà-hê-ca □□□. Paøli: Baøhika (Baøhya).

55. Paøli, tham chiếu S.47.26 Padesa.

các lậu... cho đến tự biết không còn tái sanh nữa".

Phật bảo A-na-luật:

"Nếu Thánh đệ tử còn ở học địa chưa thăng tiến được, mà phương tiện tầm cầu an ổn Niết-bàn, vị ấy lúc bấy giờ hãy chánh niệm an trú quán thân trên nội thân, phương tiện tinh cần, chánh trí, chánh niệm, điều phục tham ưu thế gian. Cũng vậy, chánh niệm an trú quán thọ, tâm, pháp trên pháp, phương tiện tinh cần, chánh trí, chánh niệm, điều phục tham ưu thế gian. Khi Thánh đệ tử tu tập nhiều như vậy rồi, thì sẽ sạch hết các lậu... cho đến tự biết không còn tái sanh nữa."

Phật dạy kinh này xong, Tôn giả A-na-luật nghe những gì Phật dạy, tùy hỷ hoan hỷ làm lễ rồi lui.

M

KINH 628. GIỚI[56]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú tại tinh xá Kê lâm[57], ấp Ba-liên-phất[58]. Khi ấy các Tôn giả Ưu-đà-di, A-nan-đà cũng ở đó. Bấy giờ, Tôn giả Ưu-đà-di đến chỗ Tôn giả A-nan, cùng ân cần chào hỏi nhau, rồi ngồi lui qua một bên, nói với Tôn giả A-nan:

"Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, là Đấng Tri Giả, Kiến Giả, đã vì các Tỳ-kheo nói về Thánh giới, khiến cho không đứt, không khuyết, không rạn[59], không lìa, không bị giới thủ[60], khéo rốt ráo, khéo thọ trì, được bậc trí khen ngợi, không bị ghét bỏ. Vì sao Như Lai Ứng Đẳng Chánh, là Đấng Tri Giả, Kiến Giả, vì các Tỳ-kheo nói về Thánh giới khiến cho không đứt, không khuyết,... cho đến được bậc trí khen

---

56. Paøli, S.47.21 Sìla.

57. Kê lâm tinh xá 鷄 Paøli: Kukkaæaøraøma.

58. Ba-liên-phất ấp Paøli: Paøæaliputta.

59. Hán: bất trạch Tham chiếu Paøli, D.iii. Saígìti:...akaòñehi acchidehi asabalehi akammaøsehe bhujissehi vióóuppasatthehi aparaømatthesi... không bị khuyết, không bị võ, không tì vết, không bị đốm, khiến cho tự do, không bị cố chấp, được kẻ trí khen ngợi...

60. Bất giới thủ giới bị cố chấp. Paøli: aparaømaæææha. xem cht. 59 trên.

ngợi, không bị ghét bỏ?"

Tôn giả A-nan bảo Tôn giả Ưu-đà-di:

"Vì để tu tập bốn Niệm xứ. Những gì là bốn? Đó là, sống quán thân trên thân; sống quán thọ, tâm, pháp trên pháp."

Sau khi hai vị Chánh sĩ bàn luận xong, trở về chỗ ở của mình.

M

KINH 629. BẤT THOÁI CHUYỂN[61]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú tại tinh xá Kê lâm, ấp Ba-liên-phất. Các Tôn giả A-nan và Tôn giả Bạt-đà-la cũng ở đó. Bấy giờ, Tôn giả Bạt-đà-la hỏi Tôn giả A-nan:

"Có pháp nào tu tập, tu tập nhiều, mà không thoái chuyển không?"

Tôn giả A-nan bảo Tôn giả Bạt-đà-la:

"Có pháp tu tập, tu tập nhiều có thể khiến người tu hành không bị thoái chuyển, đó là bốn Niệm xứ. Những gì là bốn? Đó là, sống quán thân trên thân; sống quán thọ, tâm, pháp trên pháp."

Sau khi hai Chánh sĩ bàn luận xong, trở về chỗ ở của mình.

M

KINH 630. THANH TỊNH[62]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú tại tinh xá Kê lâm, ấp Ba-liên-phất. Các Tôn giả A-nan và Tôn giả Bạt-đà-la cũng ở đó. Rồi, Tôn giả Bạt-đà-la hỏi Tôn giả A-nan:

"Có pháp nào tu tập, tu tập nhiều có thể khiến cho chúng sanh không thanh tịnh trở thành thanh tịnh và càng trở nên sáng chói không?"

Tôn giả A-nan bảo Tôn giả Bạt-đà-la:

"Có pháp tu tập, tu tập nhiều có thể khiến cho chúng sanh không

---

61. Paøli, S.47.23 Parihaøna. Xem kinh 628 trên.

62. Xem kinh 629 trên.

thanh tịnh trở thành thanh tịnh và trở nên sáng chói, đó là bốn Niệm xứ. Những gì là bốn? Đó là, sống quán thân trên thân; sống quán thọ, tâm, pháp trên pháp."

Sau khi hai Tôn giả bàn luận xong, mỗi người trở về chỗ ở của mình.

M

KINH 631. ĐỘ BỈ NGẠN

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú tại tinh xá Kê lâm, ấp Ba-liên-phất. Các Tôn giả A-nan và Tôn giả Bạt-đà-la cũng ở đó. Một hôm Tôn giả Bạt-đà-la hỏi Tôn giả A-nan:

"Có pháp nào tu tập, tu tập nhiều có thể khiến cho chúng sanh chưa qua bờ bên kia, được qua bờ bên kia không?"

Tôn giả A-nan bảo Tôn giả Bạt-đà-la:

"Có pháp tu tập, tu tập nhiều có thể khiến cho chúng sanh chưa qua bờ bên kia, sẽ được qua bờ bên kia, đó là bốn Niệm xứ. Những gì là bốn? Đó là, sống quán thân trên thân; sống quán thọ, tâm, pháp trên pháp."

Sau khi hai vị Chánh sĩ bàn luận xong, mỗi người trở về chỗ ở của mình.

M

KINH 632. A-LA-HAUN

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú tại tinh xá Kê lâm, ấp Ba-liên-phất. Các Tôn giả A-nan và Tôn giả Bạt-đà-la cũng ở đó. Bấy giờ, Tôn giả Bạt-đà-la hỏi Tôn giả A-nan:

"Có pháp nào tu tập, tu tập nhiều có thể đắc quả A-la-hán không?"

Tôn giả A-nan bảo Tôn giả Bạt-đà-la:

"Có pháp tu tập, tu tập nhiều có thể đắc quả A-la-hán, đó là bốn Niệm xứ. Những gì là bốn? Đó là, sống quán thân trên thân;

sống quán thọ, tâm, pháp trên pháp."

Sau khi hai vị Chánh sĩ bàn luận xong, mỗi người trở về chỗ ở của mình.

M

KINH 633. NHẤT THIẾT PHÁP

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú tại tinh xá Kê lâm, ấp Ba-liên-phất. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Được nói là tất cả các pháp. Tất cả pháp là bốn Niệm xứ, đó gọi là chánh thuyết. Những gì là bốn? Đó là, sống quán thân trên thân; sống quán thọ, tâm, pháp trên pháp."

Một thời, Phật dạy kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ thực hành theo.

M

KINH 634. HIỀN THÁNH[63]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú tại tinh xá Kê lâm, ấp Ba-liên-phất. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Nếu Tỳ-kheo nào, tu tập, tu tập nhiều đối với bốn Niệm xứ, thì gọi đó là Hiền thánh xuất ly[64]. Những gì là bốn? Đó là, sống quán thân trên thân; sống quán thọ, tâm, pháp trên pháp."

Phật dạy kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Như xuất ly, cũng vậy chính thức hết khổ, giải thoát khổ, được quả vị lớn, được pháp cam lộ, cứu cánh cam lộ, chứng pháp cam lộ, cũng nói đầy đủ như vậy.[65]

M

---

63. Paøli, S.47.17 Ariya.

64. Hiền thánh xuất ly 賢聖出離 . Paøli: ariyaø niyaønikaø, vị Thánh giả đã thoát ly (khổ).

65. Tóm tắt có bảy kinh.

KINH 635. QUANG TRẠCH

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú tại tinh xá Kê lâm, ấp Ba-liên-phất. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Nếu Tỳ-kheo nào tu tập, tu tập nhiều đối với bốn Niệm xứ, có thể khiến cho chúng sanh không thanh tịnh trở thành thanh tịnh; chúng sanh đã thanh tịnh rồi khiến cho càng trở nên sáng chói. Những gì là bốn? Đó là, sống quán thân trên thân; sống quán thọ, tâm, pháp trên pháp."

Phật dạy kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Như thanh tịnh chúng sanh, cũng vậy chúng sanh chưa qua được bờ bên kia khiến cho qua, đắc A-la-hán, đắc Bích-chi-phật, đắc Vô thượng Bồ-đề cũng nói như trên.

M

KINH 636. TỲ-KHEO[66]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú tại tinh xá Kê lâm, ấp Ba-liên-phất. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Ta sẽ vì các Tỳ-kheo nói về bốn Niệm xứ.

"Thế nào là tu bốn Niệm xứ? Này các Tỳ-kheo, Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn, xuất hiện ở đời, giảng nói chánh pháp, những lời giảng nói ban đầu, khoảng giữa và sau cùng, tất cả đều lành, nghĩa lành, vị

66. Paøli, S.47.3 Bhikkhu.

lành, hoàn toàn thuần nhất thanh tịnh, phạm hạnh được hiển hiện. Nếu có tộc tánh nam, hay tộc tánh nữ, nghe pháp từ Phật, được tín tâm thanh tịnh; tu học như vậy: thấy sự tai hại của tại gia liên hệ với dục lạc, là phiền não ràng buộc, nên thích sống ở nơi vắng vẻ, xuất gia học đạo, không thích tại gia, mà sống không nhà; chỉ muốn một mực thanh tịnh, suốt đời hoàn toàn thuần nhất trong sạch, phạm hạnh trong sáng, 'Ta nên cạo bỏ râu tóc, khoác áo ca-sa, chánh tín xuất gia học đạo, sống không nhà.' Suy nghĩ như vậy rồi, liền vất bỏ tiền tài, thân thuộc, cạo bỏ râu tóc, khoác áo ca-sa, chánh tín xuất gia học đạo, sống không nhà; thân hành đoan chánh, giữ gìn bốn sự lỗi lầm của miệng, chánh mạng thanh tịnh; tu tập giới Hiền thánh, giữ gìn cửa các căn, chánh niệm hộ tâm.

"Khi mắt thấy sắc thì không nắm giữ hình tướng; nếu đối với mắt mà an trụ bất luật nghi[67], tham ưu thế gian, pháp ác bất thiện hay lọt vào tâm. Nhưng hiện tại, đối với mắt mà khởi chánh luật nghi; và đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng khởi chánh luật nghi như vậy.

"Người kia sau khi thành tựu được Giới luật Hiền thánh, lại khéo nhiếp thủ các căn, đi tới đi lui, quay nhìn, co duỗi, nằm ngồi, thức ngủ, nói năng, im lặng đều trụ ở trong chánh trí.

---

67. Trụ bất luật nghi 住不律儀, tức sống không phòng hộ. Paøli: asaövara.

"Người kia sau khi thành tựu Thánh giới, phòng hộ các căn môn này, lại tu tập chánh trí chánh niệm, tịch tịnh viễn ly; chỗ vắng, dưới bóng cây, hay trong phòng vắng, ngồi một mình, chánh thân, chánh niệm, buộc tâm an trụ, đoạn tham ưu thế gian, lìa tham dục, trừ sạch tham dục; dứt trừ các triền cái ở đời là sân nhuế, thùy miên, trạo hối, nghi; xa lìa các triền cái sân nhuế, thùy miên, trạo hối, nghi; trừ sạch các triền cái sân nhuế, thùy miên, trạo hối, nghi; đoạn trừ năm triền cái chúng làm tâm suy yếu tuệ bạc nhược, chướng ngại các giác phần, không hướng đến Niết-bàn. Thế nên, vị ấy an trú chánh niệm quán niệm thân trên nội thân, phương tiện tinh cần, chánh trí, chánh niệm, điều phục tham ưu của thế gian. Cũng vậy, an trú chánh niệm quán ngoại thân, nội ngoại thân, thọ tâm pháp trên pháp, cũng nói như vậy. Đó gọi là Tỳ-kheo tu bốn Niệm xứ."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 637. BA-LA-ĐEA-MỘC-XOA[68]

Tôi nghe như vầy.

Một thời, Phật trú tại tinh xá Kê lâm, ấp Ba-liên-phất. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Nên tu bốn Niệm xứ. Nói đầy đủ như trên, chỉ có sự sai biệt là:... cho đến xuất gia như vậy, rồi ở nơi yên tĩnh, nhiếp trì Ba-la-đề-mộc-xoa, thành tựu luật nghi đầy đủ; đối với tội nhỏ nhặt cũng sanh lòng sợ hãi lớn, thọ trì học giới, lìa sát sanh, dứt sát sanh, không thích sát sanh,... cho đến tất cả nghiệp đạo như đã nói ở trước, y bát luôn ở bên mình, như chim có hai cánh. Thành tựu học giới như vậy là nhờ tu bốn Niệm xứ."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 638. THUẦN-ĐÀ[69]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn trúc Ca-lan-đà, tại thành Vương xá. Bấy giờ Tôn giả Xá-lợi phất đang ở trong làng Ma-kiệt-đề Na-la[70], bị bệnh và vào Niết-bàn. Sa-di Thuần-đà[71] chăm sóc, cúng dường. Tôn giả Xá-lợi-phất nhân bệnh mà Niết-bàn. Sa-di Thuần-đà sau khi cúng dường Tôn giả Xá-lợi-phất, nhặt lấy xá-lợi còn lại, mang theo cùng với y bát đến thành Vương xá. Đến nơi, thâu cất y bát, rửa chân xong, Sa-di Thuần-đà đi đến chỗ Tôn giả A-nan, đảnh lễ rồi, lui đứng một bên, bạch:

"Bạch Tôn giả, Hòa thượng của con là Tôn giả Xá-lợi-phất đã Niết-bàn. Con đem xá-lợi và y bát về đây."

Tôn giả A-nan nghe Sa-di Thuần-đà báo tin ấy rồi, liền đi đến

---

68. Paøli, S.47.46 Paøæimokkha.

69. Paøli, S.47.13 Cuòña.

70. Ma-kiệt-đề Na-la tụ lạc 摩竭提那羅聚落. Paøli: Magadha-Nalagaømaka, thôn Na-la ở Magadha.

71. Thuần-đà □ ̂ ̂ ̂. Paøli: Cuòña.

chỗ Phật, bạch rằng:

"Bạch Thế Tôn, hôm nay con tưởng chừng thân thể rã rời, bốn phương đổi khác, mờ ám, nghẹn ngào không nói nên lời. Sa-di Thuần-đà nói với con rằng: 'Hòa thượng Xá-lợi-phất đã Niết-bàn. Con đem xá-lợi và y bát về đây.'"

Phật dạy:

"Thế nào A-nan? Xá-lợi-phất đem cái thân đã thọ giới[72] mà Niết-bàn, hay là định thân, tuệ thân, giải thoát thân, hay giải thoát tri kiến thân Niết-bàn?"

Tôn giả A-nan bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, không phải vậy."

Phật bảo A-nan:

"Hay là pháp được thuyết mà Ta tự chứng tri, thành Đẳng chánh giác, tức là bốn Niệm xứ, bốn Chánh đoạn, bốn Như ý túc, năm Căn, năm Lực, bảy Giác chi và tám Thánh đạo; đem những pháp này mà nhập Niết-bàn?"

Tôn giả A-nan bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, không. Tuy không đem cái thân thọ giới... cho đến các pháp đạo phẩm mà Niết-bàn, nhưng Tôn giả Xá-lợi-phất giữ giới, học nhiều, ít muốn, biết đủ, thường tu hạnh viễn ly, tinh cần, phương tiện, nhiếp niệm an trụ, nhất tâm chánh định, trí tuệ bén nhạy, trí tuệ sâu xa, trí tuệ siêu việt, trí tuệ phân biệt, trí tuệ lớn, trí tuệ rộng, trí tuệ sâu, trí tuệ không ai bằng, trí báu thành tựu, hay chỉ bày, hay dạy dỗ, hay soi sáng, hay làm cho hoan hỷ, khéo léo khen ngợi, vì chúng nói pháp. Cho nên bạch Thế Tôn, con vì pháp, vì người lãnh thọ giáo pháp, cảm thấy buồn rầu khổ não."

Phật dạy A-nan:

"Ngươi chớ buồn rầu khổ não! Vì sao? Hoặc sanh[73], hoặc khởi, hoặc tạo tác, đều là pháp hữu vi bại hoại; làm sao có thể không bại hoại? Muốn cho không hoại, không có trường hợp ấy. Trước đây Ta đã nói, tất cả những vật yêu thích, những việc hợp ý, tất cả đều là pháp trái lìa, chẳng thể giữ mãi[74]. Ví như cội cây to, rễ, cành, nhánh, lá,

---

72. Thọ giới thân [illegible] . Paøli: Sìla-kkhanda, giới uẩn.

73. Sanh [illegible] bản Cao-ly: tọa [illegible]. Tham chiếu Paøli: yaö taö jaøtaö bhuøtaö sankhataö palokadhammaö, cái gì là sanh, là tồn tại, là hữu vi, là pháp bại hoại.

74. Paøli: sabbehi piyehi manaøpehi naønaøbhaøvo vinaøbhaøvo aóóathaøbhaøvo, với tất những gì yêu thương, thích ý, đều là tánh khác biệt, là tánh ly tán, là tánh biến

hoa, trái sum sê tươi tốt, cành lớn gãy trước. Như núi báu lớn, sườn lớn sụp đổ trước. Cũng vậy, trong hàng đại chúng quyến thuộc của Như Lai, Đại Thanh văn vào Niết-bàn trước. Nếu phương kia có Xá-lợi-phất an trụ thì ở phương ấy Ta vô sự, nhưng nơi ấy với Ta không phải trống không, vì có Xá-lợi-phất. Như trước đây Ta đã nói. Nay ngươi, này A-nan, như từ trước Ta đã nói, tất cả những thứ ưa thích, hợp ý đều là pháp biệt ly, bởi vậy cho nên A-nan đừng quá buồn rầu. A-nan nên biết, Như Lai chẳng bao lâu cũng sẽ ra đi. Cho nên, A-nan, hãy tự mình làm hòn đảo để tự nương tựa. Hãy lấy pháp làm nơi nương tựa, đừng lấy chỗ nào khác làm hòn đảo, đừng nương tựa vào chỗ nào khác."

Tôn giả A-nan bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, thế nào là tự mình làm hòn đảo, tự nương tựa chính mình? Thế nào là lấy pháp làm hòn đảo, lấy pháp làm nơi nương tựa? Thế nào là không lấy cái khác làm hòn đảo, không nương tựa cái khác?"

Phật đáp:

"Nếu Tỳ-kheo nào sống an trú chánh niệm quán thân trên thân, tinh cần, phương tiện, chánh trí, chánh niệm, điều phục tham ưu thế gian; cũng vậy, an trú chánh niệm quán ngoại thân, nội ngoại thân; thọ, tâm, pháp trên pháp, cũng nói như vậy. A-nan, đó gọi là tự mình làm hòn đảo, tự nương tựa chính mình, tự lấy pháp làm hòn đảo, tự lấy pháp làm chỗ nương tựa, không lấy chỗ nào khác làm hòn đảo, không nương tựa chỗ nào khác."

Phật dạy kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ thực hành theo.

M

KINH 639. BỐ-TÁT[75]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong rừng Am-la râm mát, cạnh bờ sông Bạt-đà-la, nước Ma-thâu-la. Bấy giờ Tôn giả Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên vào Niết-bàn chưa bao lâu. Hôm ấy là ngày mười lăm bố-tát,

---

dị.

75. Paøli, S.47.14 Ceôa.

Thế Tôn trải chỗ ngồi, ngồi trước đại chúng, nhìn khắp chúng hội rồi nói:

"Ta nhìn đại chúng, thấy đã trống không, vì Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên đã vào Niết-bàn. Trong chúng Thanh văn của Ta, chỉ có hai người này khéo thuyết pháp, giáo giới, dạy dỗ, biện thuyết đầy đủ. Có hai thứ tài sản: tiền tài và pháp tài. Tiền tài thì tìm cầu từ người thế gian. Pháp tài thì tìm cầu từ Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên. Như Lai đã lìa tiền tài[76] và pháp tài. Các ông chớ vì Xá-lợi-phất và Mục-kiền liên đã Niết-bàn mà sầu ưu khổ não.

"Ví như cây lớn, rễ, cành, nhánh, lá, hoa trái, sum sê tươi tốt, thì nhánh lớn sẽ gãy trước. Cũng như núi báu lớn, sườn lớn sụp đổ trước. Cũng vậy, trong đại chúng của Như Lai, hai vị Đại Thanh văn Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên vào Niết-bàn trước. Cho nên các Tỳ-kheo, các ông chớ sanh ưu sầu khổ não. Vì có pháp sanh, pháp khởi, pháp tạo tác, pháp hữu vi, pháp bại hoại nào, mà không tiêu mất. Nếu muốn khiến cho chúng không hoại, thì điều này không thể có được. Từ trước Ta đã nói: 'Tất cả mọi vật đáng yêu thích đều đi đến ly tán.' Chẳng bao lâu nữa Ta cũng sẽ ra đi. Vì thế cho nên các ông hãy tự làm hòn đảo, tự nương tựa chính mình; hãy lấy pháp làm hòn đảo, lấy pháp làm nơi nương tựa; không lấy chỗ nào khác làm hòn đảo, không nương tựa chỗ nào khác. Nghĩa là sống an trú chánh niệm quán thân trên thân, tinh cần, phương tiện, chánh trí, chánh niệm, điều phục tham ưu thế gian; cũng vậy, an trú chánh niệm quán ngoại thân, nội ngoại thân; thọ, tâm, pháp trên pháp, cũng nói như vậy. Đó gọi là tự mình làm hòn đảo, tự nương tựa chính mình; tự lấy pháp làm hòn đảo, lấy pháp làm nơi nương tựa; không lấy chỗ nào khác làm hòn đảo, không nương tựa chỗ nào khác."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

❑

76. Trong bản: thí tài ¬J ˚/ . Bản Tông-Nguyên-MInh: thế tài ƒ@ ˚/ .

TẠP A HÀM QUYỂN 25

KINH 640. PHÁP DIỆT TẬN TƯỚNG[1]

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo Tôn giả A-nan:

"Trong đời tương lai, nước Ma-thâu-la[2] này sẽ có con một thương nhân tên là Quật-đa[3]. Quật-đa có con tên là Ưu-ba-quật-đa[4], sau khi Ta diệt độ một trăm năm, sẽ làm Phật sự, là vị tối đệ nhất trong những vị thầy Giáo thọ. Này A-nan, ngươi có thấy cụm rừng màu xanh ở đàng xa kia không?"

A-nan bạch Phật:

"Thưa vâng, con đã thấy, bạch Thế Tôn!"

"A-nan, nơi đó gọi là núi Ưu-lưu-mạn-trà[5]. Sau khi Như Lai diệt độ một trăm năm, núi này có nơi A-lan-nhã là Na-tra-bạt-trí[6]. Nơi này thích hợp bậc nhất cho sự tịch tịnh vắng lặng."

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nghĩ như vầy: 'Nếu Ta đem giáo pháp phó chúc cho loài Người thì sợ rằng giáo pháp của Ta sẽ không tồn tại lâu dài. Nếu phó chúc cho loài Trời, thì cũng sợ rằng giáo pháp của Ta không tồn tại lâu dài và con người thế gian sẽ không có người nào nhận lãnh giáo pháp. Nay Ta nên đem Chánh pháp phó chúc cho cả Trời, Người. Chư Thiên và Người thế gian cùng nhau nhiếp thọ pháp, thì giáo pháp của Ta sẽ không bị dao động trong một ngàn năm.'

---

1. Nguyên Đại Chánh quyển 25, gồm hai kinh, số 640-641,học giả hiện đại đoán định không thuộc Tạp A-hàm. Quốc Dịch đưa xuống quyển 50, tiếp theo *A-dục vương nhân duyên* (Xem kinh số 604). Phật Quang đưa vào Phụ lục 2. Về kinh số 640, tham chiếu, Đại 12 N^{0}383 *Ma-ha Ma-da kinh*. Đại 13, N^{0}397 *Đại Tập kinh*, "15. Nguyệt tạng phần, phẩm 20. Pháp diệt tận". Đại 49, N^{0}2028 *Ca-đinh Tỳ-kheo Thuyết Đương Lai Biến kinh*. Đại 49, N^{0}2029 *Ca-chiên-diên Thuyết Pháp Một Tận Kệ*. Đại 50, N^{0}2042 *A-dục vương kinh*; Đại 27, N^{0}1545 *Đại Tỳ-bà-sa* quyển 183, tr. 918a.
2. Ma-thâu-la ¼□ °½ ˚ /cA xem cht.11, kinh 36.
3. Quật-đa ±¸ /h/cA xem kinh 604, âm là Cù-đa.
4. Ưu-ba-quật-đa ¸ ª¡ ±¸ /h/cA xem cht.32, kinh 604.
5. Ưu-lưu-mạn-trà ¸ □d ˚J □/cA xem cht.34 kinh 604.
6. Na-tra-bạt-trí ·ª /\ Tl ¸m/cA xem cht.35 kinh 604, âm là Na-trà-bà-đề.

Khi ấy, Thế Tôn đang khởi tâm thế tục. Bấy giờ, Thiên đế Thích và bốn Đại Thiên vương biết tâm niệm của Phật, đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân, ngồi lui qua một bên.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Thiên đế Thích và Tứ thiên vương:

"Như Lai không còn bao lâu sẽ ở nơi Vô dư Niết-bàn mà vào Bát-niết-bàn. Sau khi Ta vào Bát-niết-bàn, các ông nên hộ trì Chánh pháp."

Rồi Thế Tôn lại bảo Thiên vương phương Đông:

"Ông nên hộ trì Chánh pháp phương Đông."

Lại bảo Thiên vương phương Bắc, phương Tây, phương Nam:

"Các ông nên hộ trì Chánh pháp ở phương Bắc... Sau một ngàn năm, khi giáo pháp của Ta bị diệt, ở thế gian sẽ xuất hiện phi pháp và mười điều lành ắt sẽ bị hoại. Trong cõi Diêm-phù-đề gió dữ sẽ bạo khởi, mưa không đúng thời, nhân thế phần nhiều đói kém. Mưa thì bị nạn mưa đá; sông rạch khô cạn, hoa quả thì không đậu; con người thì không còn nước da tươi sáng. Trùng thôn, quỷ thôn[7], tất cả đều bị tiêu diệt. Đồ ăn thức uống không còn mùi vị. Trân bảo chìm mất. Nhân dân ăn uống các loại cỏ thô nhám.

"Bấy giờ có Thích-ca vương, Da-bàn-na vương[8], Bát-la-bà vương[9], Đâu-sa-la vương[10], cùng nhiều quyến thuộc. Bát Phật, răng Phật, đảnh cốt của Như Lai được an trí ở phương Đông. Phương Tây có vua tên là Bát-la-bà, cùng trăm ngàn quyến thuộc, phá hoại chùa tháp, giết hại Tỳ-kheo. Phương Bắc có vua tên là Da-bàn-na cùng trăm ngàn quyến thuộc phá hoại chùa tháp, giết hại Tỳ-kheo. Phương Nam có vua tên là Thích-ca, cùng trăm ngàn quyến thuộc phá hoại chùa tháp, giết hại Tỳ-kheo. Phương Đông có vua tên là Đâu-sa-la cùng trăm ngàn quyến thuộc phá hoại chùa tháp, giết hại Tỳ-kheo. Bốn phương đều loạn, các Tỳ-kheo phải tập trung vào nước giữa.

---

7. Quỷ thôn □ 鬼聚 chỉ các loại thảo mộc. Skt.: bhuøtagraøma.
8. Da-bàn-na □夜摩那. Skt. yavana, nguyên chỉ người Hy-lạp. Về sau, chỉ người Hồi giáo.
9. Bát-la-bà 波羅婆.
10. Đâu-sa-la 兜沙羅. Skt. Tukhaøra, chỉ người Nhục-chi, ở Tây vực Trung quốc, xâm chiếm Tây bắc bộ Ấn độ.

"Lúc ấy, có vua nước Câu-diệm-di tên là Ma-nhân-đà-la-tây-na[11], sanh một người con, tay tựa thoa máu, thân như giáp trụ, có sức dũng mãnh. Cùng ngày sanh vương tử này, năm trăm đại thần cũng sanh ra năm trăm người con đều giống như vương tử, tay như thoa máu, thân như giáp trụ.

"Bấy giờ, nước Câu-diệm-di có một ngày mưa máu. Vua Câu-diệm-di thấy hiện tượng ác này thì vô cùng sợ hãi. Vua cho mời thầy tướng hỏi. Thầy tướng tâu vua:

"–Nay vua sanh con, người này sẽ làm vua cõi Diêm-phù-đề, sẽ giết hại nhiều người. Sanh con được bảy ngày đặt tên là Nan Đương. Theo năm tháng dần dần trưởng thành, bấy giờ bốn vua ác ở bốn nơi kéo đến, sát hại nhân dân.

"Vua Ma-nhân-đà-la-tây-na nghe việc này thì sợ hãi.

"Bấy giờ, có vị Thiên thần báo rằng:

"–Đại vương nên lập Nan Đương lên làm vua, thì mới có đủ khả năng hàng phục bốn vua ác kia."

"Lúc ấy vua Ma-nhân-đà-la-tây-na vâng lời dạy của Thiên thần, liền nhường vương vị cho con, lấy hạt minh châu trong búi tóc, đặt lên đầu con mình. Tập hợp các đại thần, dùng nước thơm rưới lên đỉnh đầu con. Triệu tập những người con sanh cùng ngày của năm trăm đại thần, thân mặc giáp trụ, theo vua ra trận, đã chiến thắng và giết hại tất cả những người của bốn vua ác kia, làm vua cõi Diêm-phù-đề, cai trị nước Câu-diệm-di."

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Tứ đại Thiên vương:

"Tại nước Ba-liên-phất, sẽ có Bà-la-môn tên là A-kỳ-ni-đạt-đa[12], thông đạt kinh luận Tỳ-đà[13]. Bà-la-môn này sẽ cưới vợ, sau đó có chúng sanh trung ấm sẽ đến làm con. Lúc vào thai mẹ, người mẹ rất thích luận nghị cùng người. Bà-la-môn này liền hỏi các ông tướng. Thầy tướng trả lời rằng: 'Vì chúng sanh ở trong thai này sẽ thông đạt tất cả các luận thuyết, cho nên khiến người mẹ sanh ra tâm ưa thích

11. Câu-diệm-di Ma-nhân-đà-la-tây-na [illegible] A-dục vương truyện nói là Đại Quan. Skt. Kosambi Mahenaresena.

12. A-kỳ-ni-đạt-đa [illegible] Skt. Agnidatta.

13. Tỳ-đà kinh luận [illegible] chỉ các kinh điển thuộc Veda.

luận nghị với người như vậy.' Như vậy, khi đủ ngày tháng, ra khỏi thai mẹ, trở thành một đồng tử thông đạt tất cả các thứ kinh luận. Thường dùng kinh luận để truyền dạy cho năm trăm người con Bà-la-môn; ngoài ra còn đem các thứ luận khác truyền dạy cho mọi người; dùng y phương dạy cho người học thuốc, nên có rất nhiều đệ tử như vậy. Vì có rất nhiều đệ tử nên gọi là 'Đệ Tử'[14]. Sau đó cầu xin cha mẹ đi xuất gia học đạo. Cho đến khi cha mẹ đã chấp thuận ông xuất gia, ông liền xuất gia học đạo ở trong pháp của Ta, thông đạt ba tạng, thường khéo thuyết pháp, nói năng biện tài lưu loát, thu phục rất nhiều quyến thuộc."

Lại nữa, Thế Tôn bảo Tứ đại Thiên vương:

"Trong ấp Ba-liên-phất này sẽ có đại thương chủ tên là Tu-đà-na[15], có chúng sanh trung ấm đến nhập thai mẹ. Chúng sanh kia khi vào thai mẹ, khiến cho người mẹ chất trực, nhu hòa, không có tâm niệm tà, các căn trầm lặng. Bấy giờ thương chủ liền hỏi các ông tướng. Thầy tướng trả lời rằng: 'Vì chúng sanh ở trong thai cực kỳ lương thiện cho nên khiến cho người mẹ như vậy,... cho đến các căn trầm lặng.' Đến khi đủ ngày tháng, đồng tử ra đời, đặt tên là Tu-la-tha; theo năm tháng trưởng thành. Cho đến một hôm đồng tử bộc bạch cùng cha mẹ, cầu xin xuất gia học đạo, cha mẹ đều đồng lòng. Đồng tử này xuất gia học đạo ở trong pháp của Ta, luôn nỗ lực siêng năng tu tập đạo nghiệp, chứng đắc lậu tận, chứng quả A-la-hán. Song ít học, ít muốn, biết đủ và ít biết. Luôn luôn sống nơi núi rừng, núi có tên là Kiền-đà-ma-la[16].

"Bấy giờ, vị Thánh nhân này thường đến nói pháp cho vua Nan Đương. Phụ vương của vua đã đến ngày bị vô thường mang đi. Nan Đương thấy cha qua đời, hai tay ôm lấy thi thể cha khóc lóc bi thảm, đau buồn thương tâm. Lúc ấy, vị Tam tạng này, dẫn theo nhiều tùy tùng đến chỗ vua, vì vua mà nói pháp. Sau khi vua nghe pháp xong, sầu não vơi đi, sanh lòng đại tín kính đối trong Phật pháp nên phát lời

---

14. Đệ Tử 弟子 A-dục vương truyện gọi là "Đa Đệ Tử".

15. Tu-đà-na 須 . Skt. Sudhana?

16. Kiền-đà-ma-la . Skt. Gandhamaølya? Xem Câu-xá 11 (Đại 29, tr.58a): Hương túy sơn . Skt. Gandhamaødana.

nguyện rằng: 'Từ nay trở về sau, ta sẽ cúng dường cho các Tỳ-kheo không e sợ, vừa ý là vui.' Rồi hỏi Tỳ-kheo:

"–Bốn vị vua bạo ác trước kia, đã hủy hoại Phật pháp bao nhiêu năm?

Các Tỳ-kheo đáp:

"–Trong vòng mười hai năm.

Nhà vua tâm nghĩ miệng nói như sư tử rống:

"–Trong vòng mười hai năm ta sẽ cúng dường năm chúng, cho đến chuẩn bị mọi thứ để bố thí.

"Ngày vua bố thí trời sẽ mưa nước mưa thơm khắp cõi Diêm-phù-đề, tất cả các thứ cây trồng đều được tăng trưởng, dân chúng mọi nơi đều mang đồ cúng dường đến nước Câu-diệm-di để cúng dường Tăng chúng.

"Bấy giờ, các Tỳ-kheo nhận được sự cúng dường hậu hĩ. Các Tỳ-kheo ăn đồ của tín thí mà không đọc tụng kinh sách, không tát-xà vì người học kinh[17], hí luận cho hết ngày, nằm ngủ suốt đêm, tham đắm lợi dưỡng, thích trang điểm cho mình, thân mặc quần áo đẹp đẽ, tránh xa pháp lạc xuất yếu, tịch tĩnh, xuất gia cái vui của Tam-bồ-đề. Thân hình thì Tỳ-kheo, mà xa lìa công đức Sa-môn. Đó là kẻ đại tặc trong pháp Phật, kẻ đồng lõa phá hoại ngọn cờ Chánh pháp trong thời Mạt thế, dựng cờ ma ác; dập tắt ngọn đuốc Chánh pháp, đốt lên ngọn lửa phiền não; đập vỡ trống Chánh pháp, hủy hoại bánh xe Chánh pháp, làm khô biển Chánh pháp, làm đổ núi Chánh pháp, phá thành trì Chánh pháp, nhổ cây Chánh pháp, hủy diệt trí tuệ thiền định, cắt đứt chuỗi ngọc giới, làm nhiễm ô Chánh đạo.

"Bấy giờ, các loài Trời, Rồng, Quỷ, Thần, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, sanh lòng ác đối với các Tỳ-kheo, hủy nhục, mắng nhiếc, chán ghét xa lìa, không thân cận các Tỳ-kheo nữa. Mọi loài cùng thốt lên lời than: 'Than ôi! Ác Tỳ-kheo như vậy thì không nên ở trong pháp của Như Lai.' rồi nói kệ:

Làm hạnh ác, không tốt,

---

17. Hán: bất tát-xà vị nhân thọ kinh 不習為人授經 *Đại-tỳ-bà-sa* 183: bất lộc độc xứ tĩnh lự tư duy 不樂獨處靜慮思惟 không thích một mình ở chỗ vắng vẻ tu thiền.

Làm các pháp tà kiến;
Những người ngu si này,
Làm đổ núi Chánh pháp.
Hành các giới pháp ác,
Bỏ các hạnh như pháp;
Xả các pháp thắng diệu,
Bỏ pháp Phật hiện tại.
Bất tín, không tự chế,
Thích làm các hạnh ác;
Hư ngụy lừa thế gian,
Đả phá pháp Mâu-ni.
Hủy hình tập việc ác,
Hung bạo và làm càn;
Dùng pháp lừa mọi người;
Sân hận, tự cao ngạo;
Tham đắm cầu lợi danh;
Không ác nào không làm.
Như pháp Phật đã dạy,
Dấu hiệu pháp tiêu mất,
Người nay ắt đã thấy,
Bị người trí khinh miệt.
Hiện tượng này đã hiện,
Biển Chánh pháp Mâu-ni
Không bao lâu khô cạn,
Nay Chánh pháp ít thấy;
Kẻ ác còn đến diệt,
Hủy hoại Chánh pháp ta.

"Bấy giờ, các loài Trời, Rồng, Thần đều lấy làm buồn, không còn ủng hộ các Tỳ-kheo nữa và cùng tuyên bố: 'Pháp Phật sau bảy ngày nữa sẽ bị diệt tận.' Họ cùng nhau thương khóc kêu gào và bảo nhau: 'Đến ngày Tỳ-kheo thuyết giới họ cùng nhau đấu tranh, Chánh pháp Như Lai vì vậy mà bị tiêu diệt.' Chư Thiên khóc lóc bi thương như vậy.

"Trong lúc đó, tại thành Câu-diệm-di có năm trăm Ưu-bà-tắc nghe chư Thiên nói những lời như vậy, cùng nhau đến giữa các Tỳ-

kheo, ngăn cản các Tỳ-kheo đấu tranh và nói kệ rằng:

Than ôi! Năm kịch khổ,
Thương xót quần sanh sanh.
Nay pháp Phật sắp diệt,
Pháp vua Thích sư tử.
Ác luân hoại Pháp luân,
Như vậy, có kim cương;
Mới có thể không hoại.
Thời an ổn không còn;
Pháp nguy hiểm đã sanh;
Người minh trí đã qua;
Nay thấy tướng như vậy,
Nên biết không còn lâu.
Pháp Mâu-ni đoạn diệt,
Thế gian không sáng nữa.
Lời ly cấu, tịch diệt,
Mặt trời Mâu-ni lặn.
Người đời mất kho báu,
Thiện ác không khác nhau.
Thiện ác đã không phân,
Ai sẽ được Chánh giác?
Đèn pháp còn tại thế,
Kịp thời làm việc lành;
Vào ruộng phước vô lượng;
Pháp này ắt sẽ diệt.
Cho nên lũ chúng ta,
Biết của không bền chắc;
Kịp thời giữ lấy lõi.

“Đến ngày mười lăm lúc thuyết giới, Chánh pháp sẽ tiêu mất. Cũng trong ngày này, năm trăm Ưu-bà-tắc, tạo ra năm trăm tháp Phật trong cùng ngày. Lúc bấy giờ, các Ưu-bà-tắc bận công việc khác nên không tới lui trong chúng Tăng. Bấy giờ, A-la-hán Tu-la-tha[18] đang ở tại núi Kiền-đà-ma-la, ngài quán sát nơi nào trong ngày

---

18. Đại Chánh: Tu-la-tha 修羅他. Bản Minh: Tu-la-đà 修羅陀.

hôm nay ở cõi Diêm-phù-đề, có chúng Tăng thuyết giới. Ngài thấy có nước Câu-diệm-di đệ tử của Như Lai thuyết giới làm bố-tát; ngài liền đến Câu-diệm-di. Chúng Tăng nước này bấy giờ có đến trăm ngàn người; trong đó chỉ có một vị A-la-hán tên là Tu-la-tha. Lại có một vị Tam tạng tên là Đệ Tử. Đây là cuộc nhóm họp đại chúng cuối cùng của Như Lai. Bấy giờ, vị Duy-na hành thẻ sa-la[19], bạch Thượng tọa Tam tạng rằng:

"–Chúng Tăng đã họp, gồm trăm ngàn vị. Nay xin vì thuyết Ba-la-đề-mộc-xoa.

"Lúc ấy vị Thượng tọa trả lời rằng:

"–Đệ tử của Như Lai ở cõi Diêm-phù-đề đều tập hợp nơi đây, gồm có trăm ngàn trong chúng này như vậy. Ta là Thượng tọa, đã thông đạt Tam tạng vẫn còn không học Giới luật, huống chi là những người khác mà có sở học! Nay sẽ thuyết Giới luật cho ai? Rồi nói kệ rằng:

Nay là ngày mười lăm,
Đêm vắng lặng, trăng tỏ;
Như vậy các Tỳ-kheo,
Nay họp nghe thuyết giới.
Tất cả chúng Tăng nhóm,
Diêm-phù-đề lần cuối.
Ta Thượng thủ trong chúng,
Không học pháp Giới luật.
Huống chi Tăng chúng khác,
Mà có chỗ học tập?
Sao giỏi pháp Mâu-ni,
Thích-ca sư tử vương?
Người nào có trì giới,
Người ấy mới nói được.

"Bấy giờ, A-la-hán Tu-la-tha đứng trước Thượng tọa, chắp tay thưa Thượng tọa rằng:

"–Thượng tọa, chỉ nói Ba-la-đề-mộc-xoa, như Đức Phật khi còn

---

19. Hành sa-la trù [illegible] phát thẻ tre và đếm, một hình thức kiểm danh hay lấy biểu quyết tập thể giữa Tăng. Skt. zalaøkaø.

tại thế. Những pháp sở học của Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên cùng chúng Đại Tỳ-kheo, nay tôi cũng đã học hết. Như Lai tuy đã diệt độ đến nay đã ngàn năm, những Luật nghi mà Ngài đã chế lập, tôi cũng đã được đầy đủ.

Rồi nói kệ rằng:

Thượng tọa nghe tôi nói,
Tôi tên Tu-la-tha;
A-la-hán hết lậu,
Sư tử rống trong chúng.
Đệ tử thật Mâu-ni,
Các quỷ thần tin Phật
Nghe lời bậc Thánh dạy,
Buồn thương khóc rơi lệ.
Cúi đầu nghĩ pháp diệt,
Từ nay trở về sau,
Không có người nói pháp.
Tỳ-ni Biệt giải thoát.
Không còn tại thế gian.
Cầu pháp nay đã sập;
Nước pháp không còn chảy;
Biển pháp đã khô cạn;
Núi pháp đã sụp đổ.
Pháp hội tuyệt từ nay;
Cờ pháp không thấy nữa.
Chân pháp không đi lại.
Giới luật nghi mất luôn;
Đèn pháp không còn chiếu;
Bánh xe pháp không chuyển.
Cửa cam lộ bít kín.
Pháp sư không ở đời,
Người thiện nói diệu đạo;
Chúng sanh không biết thiện,
Không khác nào dã thú.

"Bấy giờ, Phật mẫu Ma-ha Ma-da Phu nhân từ trên Trời xuống,

đến chỗ chúng Tăng kêu gào khóc lóc: 'Than ôi, khổ thay! Đó là con của ta, đã từng trải qua a-tăng-kỳ kiếp tu các hạnh khổ, không màng gì đến việc lao thân khổ trí, tích đức thành Phật, mà hôm nay bỗng nhiên bị tiêu diệt!', rồi nói kệ:

Tôi là thân mẫu Phật.
Con tôi từng khổ hạnh,
Trải qua vô số kiếp,
Cứu cánh thành Chánh đạo.
Khóc thương không kiềm được,
Nay pháp bỗng bị diệt.
Than ôi! Bậc Trí tuệ,
Hiện tại Ngài ở đâu,
Trì pháp bỏ tranh tụng?
Sanh ra từ miệng Phật;
Tối thượng trên các vua,
Đệ tử Phật chân thật.
Tu hạnh diệu Đầu-đà,
Đêm nghỉ nơi rừng sâu;
Thật sự con Phật vậy,
Hiện nay đang ở đâu?
Hiện tại ở thế gian,
Oai đức không hiện hữu.
Giữa núi rừng hoang vắng,
Các Thần đều im lặng.
Thí, giới, thương quần sanh,
Tin giới tự trang nghiêm;
Hạnh ngay thẳng, nhẫn nhục,
Quán sát pháp thiện ác:
Các thắng pháp như vậy,
Hiện nay bỗng biến mất!

"Bấy giờ, vị đệ tử của Thượng tọa kia nghĩ như vầy:

"–Tỳ-kheo Tu-la-tha tự nói: 'Giới luật mà Đức Như Lai đã chế lập, ta giữ gìn đầy đủ.'

Lúc ấy, vị Thượng tọa này có người đệ tử tên là An-già-đà khởi

lên tâm không nhẫn, phẫn hận cực độ, từ chỗ ngồi đứng dậy mạ nhục vị Thánh kia: 'Ông là một Tỳ-kheo hạ tọa, ngu si, không trí mà dám hủy nhục Hòa thượng của tôi.' Liền cầm dao bén giết vị Thánh kia. Rồi nói bài kệ:

Ta là An-già-đà,
Đệ tử của Thất-sa;
Dùng kiếm bén giết ngươi,
Tự bảo 'Ta có đức'.

"Lúc này, có một con quỷ tên là Đại Đề-mộc-khư suy nghĩ rằng: 'Thế gian chỉ có một vị A-la-hán này, mà bị tên đệ tử Tỳ-kheo ác giết hại.' Liền dùng chày Kim cương bén, đầu chày lửa cháy rực, đánh vỡ đầu người này chết tại chỗ. Rồi nói bài kệ:

Ta là thần quỷ ác,
Tên Đại Đề-mộc-khư;
Dùng chày Kim cương này,
Chẻ đầu ngươi làm bảy.

Bấy giờ, đệ tử của vị A-la-hán, thấy người đệ tử Thượng tọa kia sát hại thầy mình, không kiềm được cơn tức giận nên giết vị Tam tạng. Lúc này, chư Thiên và loài Người đều bi thương kêu khóc: 'Than ôi, khổ thay! Chánh pháp Như Lai hiện tại không còn nữa.' Chợt cõi đất chấn rung động sáu cách, vô lượng chúng sanh sầu não cực độ, kêu gào khóc lóc: 'Than ôi! Ngày nay Chánh pháp không còn hiện hữu ở đời.' Than xong những lời này rồi mọi người giải tán.

"Bấy giờ, năm trăm Ưu-bà-tắc nước Câu-diệm-di nghe những lời này xong, đi vào chùa, đưa tay vỗ đầu, khóc lớn cao tiếng: 'Than ôi! Như Lai thương xót thế gian, cứu giúp quần sanh không kể loài to lớn hay vi tế. Ai có thể vì chúng con mà nói nghĩa pháp? Từ nay Trời, Người không thể nào giải thoát được nữa. Chúng sanh ngày nay vẫn còn ở trong bóng tối, không có người dẫn đường; luôn luôn huân tập các thói ác và lấy đây làm vui thích như các loài dã thú mà không chịu nghe diệu pháp của Mâu-ni, để rồi khi thân hoại mạng chung đọa vào ba đường giống như sao rụng. Từ nay về sau người đời không còn nhớ đến trí tuệ tam-muội tịch tĩnh, pháp vi diệu thập lực.'

"Bấy giờ, vua Câu-diệm-di nghe các Tỳ-kheo giết hại chân

nhân A-la-hán và Pháp sư Tam tạng, sanh lòng buồn thương, hãi hùng than thở ngồi im. Lúc ấy, bọn tà kiến tranh nhau đánh phá tháp miếu và hãm hại Tỳ-kheo, từ đó pháp Phật tan tác chóng tàn."

Bấy giờ, Đức Thế Tôn, bảo Thích Đề-hoàn Nhân, bốn Đại Thiên vương, chư Thiên và Người đời:

"Sau khi Ta diệt độ, dấu hiệu diệt tận của pháp như trên đã nói. Cho nên, hiện tại các ông không thể không nỗ lực tinh tấn hộ trì Chánh pháp, để còn mãi tại thế gian."

Lúc ấy chư Thiên và loài Người, sau khi nghe những gì Đức Phật đã dạy, mọi người đều tỏ ra thương cảm, dùng tay lau nước mắt, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi mọi người tự rút lui.

M

KINH 641. A-DỤC VƯƠNG THÍ BÁN A-MA-LẶC QUẢ NHÂN DUYÊN KINH[20]

Vua A-dục, đối với Pháp của Như Lai đạt được niềm tin kính sâu xa. Một hôm, vua hỏi các Tỳ-kheo:

"Đối trong pháp của Như Lai, ai là người thực hành bố thí nhất?"

Các Tỳ-kheo trả lời vua rằng:

"Trưởng giả Cấp Cô Độc, là người thực hành đại bố thí nhất."

Vua lại hỏi:

"Ông bố thí bao nhiêu vật báu?"

Tỳ-kheo đáp:

"Có đến ức ngàn vàng."

Vua nghe vậy, suy nghĩ như vầy: 'Gia chủ kia còn có thể bỏ ra ức ngàn vàng. Nay ta là vua, vì lý do gì cũng lại bỏ ức ngàn vàng ra bố thí? Nên bỏ ra ức trăm ngàn vàng bố thí.'

Bấy giờ, vua cho khởi công xây dựng tám vạn bốn ngàn tháp Phật và trong mỗi tháp này lại bỏ ra ngàn trăm vàng để cúng. Lại cứ năm năm tổ chức đại hội một lần. Mỗi hội có ba trăm ngàn vị Tỳ-kheo. Dùng ba trăm ức vàng cúng dường vào trong chúng Tăng đó.

---

[20]. Kinh nói về nhân duyên vua A-dục bố thí nửa trái A-ma-lặc (quả xoài). Xem cht.1 kinh 640. Tham chiếu kinh số 604 (Đại Chánh, quyển 23).

Phần thứ nhất là A-la-hán. Phần thứ hai là những vị hữu học. Phần thứ ba là những phàm phu chân thật. Trừ kho tàng riêng ra, vật gì ở Diêm-phù-đề này; gồm phu nhân, thể nữ, thái tử, đại thần, đều có thể đem cúng dường cho Thánh tăng, rồi dùng bốn mươi ức tiền vàng chuộc chúng trở lại. Như vậy mà tính toán cho đến dùng hết chín mươi sáu ức ngàn tiền vàng.

Cho đến một hôm, vua bị bệnh nặng. Vua tự biết thân mạng mình sắp kết thúc. Lúc ấy có đại thần tên là La-đà-quật-đa[21], kiếp trước là đứa trẻ đồng bạn với vua, khi vua cúng dường nắm đất cho Phật. Bấy giờ, đại thần La-đà-quật-đa thấy vua đang bị bệnh nặng mạng sắp lâm chung, cúi đầu hỏi vua bằng kệ:

Dung mạo luôn tươi tốt,
Trăm ngàn nữ vây quanh;
Giống như những đóa sen,
Ong mật tụ tập lại.
Nay nhìn dung nhan vua,
Không còn tươi thắm nữa.

Vua liền dùng kệ đáp:

Nay ta không còn lo
Mất tiền tài, vương vị.
Thân này cùng người thân,
Và các thứ châu báu.
Nay ta chỉ có buồn
Không còn thấy Hiền thánh
Để cúng dường tứ sự.
Nay ta chỉ nghĩ thế,
Nên nhan sắc biến đổi,
Tâm ý lại không an.

"Lại nữa, sở nguyện của ta là muốn dùng hết ức trăm ngàn tiền vàng để làm công đức. Nhưng nay nguyện chưa thành, phải để lại đời sau. Nếu đem cả vàng bạc trân báu đã đem ra cúng dường mà tính góp lại trước sau, thì chỉ thiếu có bốn ức là chưa đủ."

---

21. La-đà-quật-đa 羅陀崛多 Skt. Raødhagupta.

Vua liền chuẩn bị các thứ trân bảo gởi cúng vào chùa Kê tước[22]. Con của Pháp Ích tên là Tam-ba-đề[23] được lập lên làm thái tử.

Các đại thần thưa thái tử rằng:

"Chẳng còn bao lâu, Đại vương sẽ qua đời. Nay đem các thứ trân báu này gởi cúng vào chùa, trong khi của cải vật báu trong kho đã hết sạch. Theo pháp của các vua thì lấy vật làm trọng. Vậy nay thái tử nên xét lại việc này, không nên để Đại vương dùng hết."

Bấy giờ, thái tử ra lệnh cho người giữ kho, không được xuất vật báu ra cho Đại vương dùng nữa. Lúc này nhà vua tự biết là những vật mà mình đòi hỏi sẽ không được nữa, nên đem đồ đựng thức ăn bằng vàng cúng vào cho chùa. Thái tử ra lệnh không cung cấp đồ đựng bằng vàng, mà cung cấp đồ bằng bạc. Sau khi vua ăn xong lại gởi cúng vào cho chùa. Lại không cung cấp đồ đựng bằng bạc, mà cung cấp đồ bằng đồng. Vua cũng đem đồ này gởi cúng vào cho chùa. Lại không cung cấp đồ đồng, mà cung cấp đồ gốm. Lúc này trong tay nhà vua chỉ có nửa trái a-ma-lặc[24], lòng buồn thương rơi lệ, vua bảo các đại thần:

"Hiện nay, ai là chủ đất này?"

Bấy giờ, các đại thần bạch Đại vương:

"Vua là chủ đất này."

Nhà vua liền dùng kệ đáp:

Các ngươi hộ tâm ta,
Tại sao lại nói dối?
Ta đang ở vương vị,
Lại không được tự tại!
Nửa trái A-ma-lặc,
Đang ở trong tay ta;
Nó là vật của ta,
Ở đây được tự do.
Phú quý đáng chán bỏ,
Than ôi! Lại tôn trọng!

---

22. Kê tước tự . Skt. Kurkuæaøraøma.
23. Tam-ba-đề . Skt. Sampadì, cháu nội của vua A-dục.
24. A-ma-lặc . Skt. aømalaka, quả xoài.

Xưa cai trị Diêm-phù,
Nay bỗng dưng nghèo hèn.
Như sông Hằng cuộn trôi,
Một đi không trở lại;
Phú quý cũng như vậy,
Qua rồi không trở lại.

Vua lập lại bài kệ như Phật đã dạy:

Phàm thịnh ắt có suy,
Vì suy là cứu cánh.
Nên Như Lai nói vậy,
Chân thật không sai khác.
Những lời dạy trước đây,
Nay tức thì thông suốt.
Nay có điều cầu cạnh,
Lại không vâng lời ta.
Như gió bị núi ngăn,
Như nước bị bờ cản;
Nay giáo lệnh của ta,
Từ đây tuyệt vĩnh viễn.
Theo sau, vô lượng chúng,
Đánh trống thổi loa ốc;
Thường chơi các kỹ nhạc,
Thụ hưởng vui năm dục.
Thể nữ hàng trăm người,
Ngày đêm ta khoái lạc;
Hôm nay đều không còn,
Như cây không hoa trái.
Tướng mạo dần khô kiệt,
Sắc lực cũng như vậy;
Như hoa dần héo tàn,
Nay ta cũng như vậy.

Bấy giờ, vua A-dục bảo người hầu rằng:

"Nay ngươi, nếu còn nhớ ân nuôi dưỡng của ta, thì ngươi hãy đem nửa trái A-ma-lặc này gởi cúng vào cho chùa Kê tước, thay ta lễ

bái sát chân các Tỳ-kheo Tăng, thưa rằng: 'Vua A-dục hỏi thăm các vị đại Thánh, tôi là A-dục vương, thống lãnh cõi Diêm-phù-đề này; tất cả mọi sở hữu của tôi ở cõi Diêm-phù-đề, ngày nay bỗng dưng mất hết, không còn của quý nào để cúng dường cho chúng Tăng nữa. Đối với tất cả mọi thứ của cải, tôi không còn được tự tại, nay chỉ có nửa trái A-ma-lặc này là tôi được tự do. Đây là lần cuối cùng bố thí ba-la-mật, xin thương xót tôi mà thu nhận sự cúng dường này, khiến tôi được phước khi cúng dường chúng Tăng.' "

Rồi nói kệ rằng:

Nửa trái A-ma-lặc,
Đây, sở hữu của ta;
Được tự tại đối ta,
Nay cúng dường đại chúng.
Tâm hướng về Thánh chúng,
Không ai khác giúp ta.
Xin thương xót cho ta,
Nhận lấy A-ma-lặc.
Vì ta ăn quả này,
Nhờ phước vô lượng này;
Đời đời được diệu lạc,
Dụng không bao giờ hết.

Bấy giờ, người sứ giả kia, nhận lệnh của vua rồi, liền đem nửa trái A-ma-lặc đi vào chùa Kê tước, đến trước Thượng tọa, năm vóc gieo xuống đất làm lễ, quỳ gối chắp tay hướng lên Thượng tọa mà nói kệ rằng:

Người thống lãnh Diêm-phù,
Một lọng, một tiếng trống;
Đi dạo không chướng ngại,
Như trời chiếu thế gian.
Báo nghiệp hành đã đến,
Ở đời chẳng còn lâu;
Vua không còn uy đức,
Như mây che mặt trời.
Vua hiệu là A-dục,

Cúi đầu lễ chân Tăng;
Gởi cúng dường vật này,
Nửa trái A-ma-lặc.
Nguyện cầu phước đời sau,
Xin vì vua, thương xót;
Thánh chúng vì thương vua,
Nhận nửa trái cúng dường.

Bấy giờ, vị Thượng tọa kia bảo Đại chúng:

"Ai nghe những lời này mà không nhàm chán thế gian? Chúng ta nghe việc này, không thể không sanh nhàm chán, xa lìa. Như kinh Phật đã dạy: 'Thấy sự suy giảm của người, nên sanh ra nhàm chán, xa lìa.' Nếu chúng sanh hiểu biết khi nghe việc này há không thể từ bỏ thế gian được sao?" Rồi nói kệ rằng:

Người trong đời, vua nhất,
A-dục dòng Khổng Tước;
Tự tại Diêm-phù-đề,
Làm chủ A-ma-lặc.
Thái tử cùng các thần,
Đoạt vật vua bố thí;
Gởi nửa A-ma-lặc,
Hàng phục người tiếc của.
Khiến họ sanh tâm chán,
Người ngu không biết thí;
Được diệu lạc nhân quả,
Chỉ cúng nửa Ma-lặc.

Lúc ấy vị Thượng tọa nghĩ như vầy: 'Làm thế nào để đem nửa trái A-ma-lặc này chia đều cho khắp tất cả chúng Tăng được?' Sau đó bảo đem nghiền nát, bỏ vào trong nồi nấu lên, làm vậy xong tất cả chúng Tăng đều được chia đủ cả.

Bấy giờ, vua lại hỏi vị đại thần bên cạnh rằng:

"Ai là vua cõi Diêm-phù-đề?"

Đại thần thưa vua rằng:

"Chính Đại vương."

Lúc ấy vua đang nằm ngồi dậy, quay nhìn bốn phía, chắp tay

làm lễ cảm niệm ân đức chư Phật, lòng nghĩ miệng nói: 'Nay ta đem cõi Diêm-phù-đề này cúng dường cho Tam bảo, tùy ý sử dụng.' Rồi nói kệ rằng:

Nay, Diêm-phù-đề này,
Nhiều trân bảo trang sức;
Cúng cho ruộng phước lành,
Tự nhiên được quả báo.
Đem công đức bố thí này,
Chẳng cầu Thiên đế Thích;
Phạm vương cùng nhân chủ,
Các diệu lạc thế giới.
Những quả báo như vậy,
Tôi đều không thụ dụng;
Nhờ công đức thí này,
Mà mau thành Phật đạo.
Nơi tôn ngưỡng cho đời,
Thành được Nhất thiết trí;
Làm bạn lành thế gian,
Là Đạo sư bậc nhất.

Bấy giờ, nhà vua đem những lời này viết lên trên giấy rồi phong kín lại, dùng răng cắn vào làm dấu ấn. Sau khi làm xong việc này, nhà vua qua đời.

Bấy giờ, thái tử cùng các quần thần, cung nhân thể nữ, nhân dân trong nước dâng các thứ cúng dường, tống táng theo nghi thức của quốc vương, mà làm lễ trà tỳ.

Lúc này, các đại thần muốn lập thái tử lên nối ngôi vị vua, nhưng trong triều có một đại thần tên là A-nậu-lâu-đà, nói với các quần thần rằng:

"Không được lập thái tử lên làm vua. Vì sao? Vì Đại vương A-dục lúc còn sanh tiền, vốn có nguyện đem mười vạn ức tiền vàng, làm công đức, nhưng còn thiếu bốn ức nữa, chưa đủ mười vạn. Vì muốn cho đủ số, nên nay cõi Diêm-phù-đề này đã được xả cúng cho Tam bảo. Nay đại địa này thuộc về Tam bảo, làm sao mà lập làm vua được?"

Sau khi các đại thần nghe vậy, liền đem bốn ức tiền vàng cúng vào cho chùa, sau đó liền lập con của Pháp Ích lên làm vua tên là Tam-ba-đề. Kế đến nối tiếp vương vị là thái tử Tỳ-lê-ha-ba-đê[25]; nối tiếp vương vị Tỳ-lê-ha-ba-đê là thái tử Tỳ-lê-ha-tây-na[26]; nối tiếp vương vị Tỳ-lê-ha-tây-na là thái tử Phất-sa-tu-ma[27]; nối tiếp vương vị Phất-sa-tu-ma là thái tử Phất-sa-mật-đa-la[28]. Bấy giờ Phất-sa-mật-đa-la hỏi các vị đại thần rằng:

"Ta phải làm những việc gì để khiến cho danh đức của ta tồn tại mãi ở thế gian?"

Lúc ấy, những vị hiền thần tin ưa Tam bảo thưa vua rằng:

"Đại vương A-dục là Quốc vương đầu tiên của dòng họ. Khi còn sống, vua cho xây dựng tám vạn bốn ngàn tháp Như Lai và phát tâm cúng dường đủ thứ, chính danh đức này lưu truyền mãi đến hôm nay. Nếu nhà vua muốn cầu danh đức này thì cũng phải cho tạo lập tám vạn bốn ngàn tháp và các thứ cúng dường."

Nhà vua nói:

"Vì Đại vương A-dục có oai đức lớn nên có khả năng thực hiện được những việc làm này, ta thì không thể nào làm được, hãy nghĩ đến việc khác đi."

Trong đó, có vị nịnh thần gian ác, không có lòng tin, tâu vua:

"Thế gian có hai loại pháp lưu truyền mãi ở đời không dứt: Một là làm lành, hai là làm ác. Đại vương A-dục đã làm các hạnh lành, thì nay vua nên làm các hạnh ác như phá hoại tám vạn bốn ngàn tháp."

Lúc này vua nghe theo lời vị nịnh thần, lập tức cho khởi bốn binh chúng đi đến các chùa chiền phá hoại các tháp thờ. Trước hết vua đi vào chùa Kê tước, liền bị con sư tử đá trước cổng chùa rống lên, làm cho vua vô cùng kinh hoàng sợ hãi khi nghe nó và tự nghĩ: 'Không phải là loài thú thật, mà có thể rống lên được sao?' Vua trở về trong thành. Ba lần như vậy, nhà vua muốn phá hoại chùa này.

Bấy giờ, vua cho gọi các Tỳ-kheo lại và hỏi các Tỳ-kheo:

---

25. Tỳ-lê-ha-ba-đê Skt.Bfhaspati.
26. Tỳ-lê-ha-tây-na Skt. Vfhasena.
27. Phất-sa-tu-ma Skt. Puwyadharma.
28. Phất-sa-mật-đa-la Skt. Puwyamitra.

Tỳ-kheo đáp:

"Không nên làm cả hai. Nếu vua muốn phá hoại chúng, thì thà phá hoại Tăng phòng, chớ nên phá hoại tháp Phật."

Lúc ấy vua sát hại các Tỳ-kheo, cùng phá hoại các tháp thờ và như vậy dần dần cho đến nước Bà-già-la. Lại ra sắc lệnh: 'Nếu có người nào mang được đầu Sa-môn Thích tử đến, sẽ được thưởng ngàn tiền vàng.'

Bấy giờ, trong nước này có một vị A-la-hán hóa ra rất nhiều đầu Tỳ-kheo cho mọi người mang đến chỗ vua, làm cho của báu trong kho tàng nhà vua đều cạn hết. Khi nhà vua nghe vị A-la-hán đã làm những việc như vậy, thì càng nổi giận hơn, muốn giết vị A-la-hán này. Lúc này, vị A-la-hán vào định Diệt tận nên nhà vua dùng vô lượng cách để sát hại vị Thánh nhân này, rốt cuộc cũng không thể được. Vì ngài vào định Diệt tận nên không thể làm tổn thương thân thể ngài được và như vậy vua tiến dần đến cửa tháp Phật. Ở trong tháp này có một vị quỷ thần đang ở để bảo vệ tháp Phật tên là Nha Xỉ[29]. Vị quỷ thần này nghĩ rằng mình là đệ tử của Phật, vì thọ trì giới cấm không sát hại chúng sanh, nên nay mình không thể giết hại nhà vua được. Lại nghĩ: 'Có một vị thần tên là Trùng[30], mạnh mẽ hung bạo, thường làm các việc ác, cầu kết hôn con gái ta, ta không chịu. Nay vì để bảo vệ Chánh pháp nên phải gả cho nó, khiến nó bảo hộ pháp Phật.' Liền kêu vị thần kia bảo rằng:

"Nay ta gả con gái cho ngươi, song cùng lập giao ước là ngươi phải hàng phục vị vua này, chớ để ông ta tạo ra các việc ác, hoại diệt Chánh pháp."

Lúc này chỗ vua lại có một vị đại quỷ thần tên là Ô-trà, vì oai đức đầy đủ nên vị thần kia không thể làm gì vua được. Lúc này thần Nha Xỉ muốn tìm cách hủy diệt sức mạnh tự nhiên hiện tại của vua do vị thần này mang lại. Nay ta nên giả làm thân với hắn và như vậy cùng làm bạn tri thức với vị thần kia. Sau khi kết bạn tri thức thân nhau rồi, liền dẫn vị thần này đến giữa biển lớn phương Nam. Lúc đó thần Trùng mới sang dẹp núi lớn, xua đuổi bức bách từ trên vua cho đến bốn binh chúng không ai là không chết hết. Dân chúng đều reo hò: 'Sướng thay, sướng thay!' và người

29. Nha Xỉ 牙齒. Skt. Daöwæraønivaøsì-yakwa.

30. Trùng 蟲. Skt. Kfmiza.

đời cùng truyền nhau từ 'sướng thay' này.

Nhà vua này mất rồi, dòng dõi Khổng tước vĩnh viễn cáo chung từ đây. Cho nên sự giàu sang, sung sướng ở thế gian không đáng để tham. Đại vương A-dục là người có trí, giác ngộ cuộc đời là vô thường, thân mạng khó mà bảo tồn, của cải của năm nhà cũng như huyễn hóa. Khi đã giác ngộ được điều này rồi, thì phải nỗ lực tinh tấn tạo các thứ công đức, cho đến lúc mạng chung tâm luôn nhớ đến Tam bảo, niệm niệm không gián đoạn, không có gì phải luyến tiếc, chỉ có nguyện thành tựu rốt ráo Vô thượng, Chánh đẳng Chánh giác thôi.

❑

TẠP A HÀM QUYỂN 26

KINH 642. TRI[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có ba căn: Căn vị tri đương tri, căn tri, căn vô tri[2]. Rồi Thế Tôn nói kệ rằng:

Khi hiểu biết học địa,
Tùy thuận tiến thẳng đường;
Cần phương tiện siêng năng,
Khéo tự hộ tâm mình.
Tự biết hết tái sanh,
Đạo vô ngại đã biết;
Đã biết giải thoát rồi,
Cuối cùng được vô tri.
Bất động ý giải thoát[3],
Tất cả hữu đều dứt;
Các căn đầy đủ cả,
Vui nơi căn vắng lặng.
Giữ thân sau cùng này,
Hàng phục các ma oán.

---

1. *Ấn Thuận Hội Biên*, Tụng 4. Đạo phẩm, "10. Tương ưng Căn," gồm hai mươi bảy kinh, từ số 815-840, (gồm mười chín kinh, Đại Chánh: 642-660) tức Tương ưng thứ 4 trong "Tụng 4. Đạo phẩm". *Quốc Dịch*, để lên Tương ưng thứ 2. Bản Đại Chánh, quyển 24, Tương ưng 1; *Đại Chánh*. quyển 26, từ số 642. *Quốc Dịch*, quyển 23, Tương ưng Căn, từ kinh số 1230. *Phật Quang*, quyển 26, kinh số 654-724. Paøli, S.48.23 Óaøya. Cf. A.3.84 Sekka.

2. Vị tri đương tri căn, tri căn, vô tri căn *Vô tri căn*, Câu-xá: cụ tri căn. Xem Câu-xá 2, phẩm 2 "Phân biệt căn". Paøli: tiò'indriyaøni: anaóóaøtaøóóassaømìtindriyaö, aóóindriyaö, aóóaøtaøvindriyaö, Căn chưa biết sẽ biết, căn đã biết, căn đã biết trọn vẹn.

3. Bất động ý giải thoát tức bất động tâm giải thoát. Paøli: akuppaø cetvimutti.

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 643. TỊNH[4]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có năm Căn. Những gì là năm? Đó là, căn Tín, căn Tinh tấn, căn Niệm, căn Định, căn Tuệ."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 644. TU-ĐÀ-HOÀN[5]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có năm Căn. Những gì gọi là năm? Đó là, căn Tín, căn Tinh tấn, căn Niệm, căn Định, căn Tuệ. Nếu Tỳ-kheo nào khéo quán sát như thật đối với năm căn này, người ấy đối với ba kết mà đoạn biến tri[6]; đó là thân kiến, giới thủ, nghi. Đó gọi là Tu-đà-hoàn, không còn rơi vào pháp đường ác, nhất định sẽ hướng thẳng đến Chánh giác, còn bảy lần qua lại Trời, Người, cuối cùng sẽ cứu cánh biên tế của khổ."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

---

4. Paøli, S.48.1 Siddhika.

5. Paøli, S.48.2-3 Sotapanna.

6. Đoạn tri [illegible]ức đoạn biến tri, đoạn trừ với nhận thức toàn diện; xem *Câu-xá* 21 (tr.11218). Paøli: pahaøòa-pariióaø.

KINH 645. A-LA-HAUN[7]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Đối với năm Căn này, người nào quán sát như thật, không khởi lên các lậu, tâm sẽ chứng đắc ly dục giải thoát[8]. Đó gọi là A-la-hán, các lậu đã hết, việc cần làm đã làm xong, đã lìa các gánh nặng, đã được lợi mình[9], hết các hữu kết, bằng chánh trí mà tâm khéo giải thoát."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 646. ĐƯƠNG TRI[10]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có năm Căn. Những gì gọi là năm? Căn Tín, căn Tinh tấn, căn Niệm, căn Định, căn Tuệ. Căn Tín, nên biết, đó là bốn Bất hoại tịnh. Căn Tinh tấn, nên biết, đó là bốn Chánh đoạn. Căn Niệm, nên biết, đó là bốn Niệm xứ. Căn Định, nên biết, đó là bốn Thiền. Căn Tuệ, nên biết, đó là bốn Thánh đế."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

---

7. Paøli, S.48.4-5 Arahaö.
8. Ly dục giải thoát; bản Paøli: anupaødaøvimutto, giải thoát không còn chấp thủ.
9. Đãi đắc kỷ lợi 𝒯𝒆 𝒕𝒐 𝒌𝒐 𝒮𝒬𝒿𝒜 đã đạt được mục đích của mình.
10. Paøli, S.48.8 Daææhabbaö.

KINH 647. PHÂN BIỆT[11]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có năm Căn. Những gì gọi là năm? Căn Tín, căn Tinh tấn, căn Niệm, căn Định, căn Tuệ.

"Sao gọi là căn Tín? Tỳ-kheo khởi tín tâm thanh tịnh, căn bản bền chắc đối với Như Lai mà các Sa-môn, Bà-la-môn khác, chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn, cùng thế gian khác không thể làm cản trở, phá hoại tâm ấy, thì đó gọi là căn Tín.

"Sao gọi là căn Tinh tấn? Pháp ác bất thiện đã sanh, khiến cho đoạn mà phát khởi ý dục, nỗ lực phương tiện, nhiếp tâm, sách tiến. Pháp ác bất thiện chưa sanh, khiến không sanh, mà phát khởi ý dục, nỗ lực phương tiện, nhiếp tâm, sách tiến. Pháp thiện chưa sanh, khiến cho sanh, mà phát khởi ý dục, nỗ lực phương tiện, nhiếp tâm, sách tiến. Pháp thiện đã sanh, khiến cho an trú không mất, khiến không sanh, tu tập tăng rộng, mà phát khởi ý dục, nỗ lực phương tiện, nhiếp tâm, sách tiến. Đó gọi là căn Tinh tấn.

"Sao gọi là căn Niệm? Tỳ-kheo sống quán thân trên nội thân, tinh cần phương tiện, chánh niệm chánh trí, điều phục tham ưu thế gian; sống quán ngoại thân, nội ngoại thân; và thọ, tâm, pháp trên pháp cũng nói như vậy. Đó gọi là căn Niệm.

"Sao gọi là căn Định? Tỳ-kheo ly dục, ly pháp ác bất thiện, có giác có quán, có hỷ lạc do viễn ly sanh, cho đến, chứng và an trú Tứ thiền. Đó gọi là căn Định.

"Sao gọi là căn Tuệ? Tỳ-kheo biết như thật về Khổ Thánh đế, biết như thật về Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế. Đó gọi là căn Tuệ."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

---

11. Paøli, S.48.9-10 Vibhaíga.

KINH 648. LƯỢC THUYẾT[12]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Như trên đã nói, chỉ có một vài sai biệt:

"Nếu Tỳ-kheo nào khéo quán sát như thật đối với năm Căn này, người ấy đối với ba kết mà đoạn biến tri[13]; đó là thân kiến, giới thủ, nghi. Đó gọi là Tu-đà-hoàn, không còn rơi vào pháp đường ác, nhất định sẽ hướng thẳng đến Chánh giác, còn bảy lần qua lại Trời, Người, cuối cùng sẽ cứu cánh biên tế của khổ."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 649. LẬU TẬN[14]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Như trên đã nói, chỉ có một vài sai biệt:

"Nếu Tỳ-kheo nào, đối với năm Căn này, sau khi đã quán sát như thật, dứt sạch các lậu, ly dục giải thoát; đó gọi là A-la-hán, các lậu đã hết, việc cần làm đã làm xong, đã lìa các gánh nặng, đã được lợi mình, hết các hữu kết, bằng chánh trí mà tâm khéo giải thoát."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

---

12. Paøli, S.48.12 Saíkhitta.
13. Xem cht.6, kinh 644.
14. Paøli, S.48.20 AØsavaønaökhayo.

KINH 650. SA-MÔN BÀ-LA-MÔN (1)[15]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Như trên đã nói, chỉ có một vài sai biệt:

"Các Tỳ-kheo, nếu Ta đối với căn Tín này, sự tập khởi của căn Tín, sự diệt tận của căn Tín, con đường đưa đến sự diệt tận của căn Tín mà không biết như thật, thì rốt cuộc Ta ở giữa các chúng chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn đã không được cho là xuất, là ly, tâm lìa điên đảo và cũng không thành tựu được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác."

Cũng như căn Tín, căn Tinh tấn, căn Niệm, căn Định, căn Tuệ cũng nói như vậy.

"Này các Tỳ-kheo, vì đối với căn Tín này, Ta bằng chánh trí mà quán sát như thật; vì đối với sự tập khởi của căn Tín, sự diệt tận của căn Tín, con đường đưa đến sự diệt tận của căn Tín, Ta bằng chánh trí mà quán sát như thật, nên ở giữa chúng chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn, Ta đã xuất, đã ly, tâm lìa điên đảo, thành tựu Vô thượng, Chánh đẳng Chánh giác."

Cũng như căn Tín, căn Tinh tấn, căn Niệm, căn Định, căn Tuệ cũng nói như vậy.

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 651. SA-MOAN BÀ-LA-MOAN (2)[16]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

---

15. Paøli, S.48.6-7 Samaòa-brahmaòaø.

16. Xem kinh 650 trên.

Như trên đã nói, nhưng có một vài sự sai biệt:

"Các Tỳ-kheo, đối với sự tập khởi của căn Tín này, sự diệt tận của căn Tín, vị ngọt của căn Tín, sự tai hoạn của căn Tín, sự xuất ly của căn Tín, mà Ta không biết như thật, thì Ta không được ở trong chúng chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn, cho là giải thoát, là xuất, là ly, tâm lìa điên đảo, là thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác."

Cũng vậy, căn Tín, căn Tinh tấn, căn Niệm, căn Định, căn Tuệ cũng nói như vậy.

"Này các Tỳ-kheo, vì đối với căn Tín, sự tập khởi của căn Tín, sự diệt tận của căn Tín, vị ngọt của căn Tín, sự tai hoạn của căn Tín, sự xuất ly căn Tín, Ta biết như thật, nên ở trong chúng chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn Ta đã giải thoát, đã xuất, đã ly, tâm lìa điên đảo, thành tựu được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 652. HƯỚNG[17]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Như trên đã nói, nhưng có một vài sai biệt.

"Nếu Tỳ-kheo nào đối với năm Căn này, hoặc nhạy bén hay đầy đủ, thì đạt A-la-hán; hoặc mềm hay yếu kém, thì đạt A-na-hàm; hoặc mềm hay yếu kém hơn thì đạt Tư-đà-hàm; hoặc mềm hay yếu kém hơn nữa thì đạt Tu-đà-hoàn. Người nào đầy đủ, thì thành tựu việc đầy đủ; người nào không đầy đủ, thì thành tựu việc không đầy đủ[18]. Đối với năm Căn này không phải trống không, không quả. Nếu người nào đối với năm Căn này tất cả đều cho là không, thì Ta nói họ thuộc về

17. Paøli, S.48.12 Saíkhitta, 18 Paæipanna.

18. Paøli: paripuøraö paripuørakaørì aøraødheti, padesaö padesakrì aøradheti, người làm cho viên mãn thì hoàn thành sự viên mãn; người chỉ làm một phần thì hoàn tất một phần.

số phàm phu ngoại đạo.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 653. QUẢNG THUYẾT[19]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Như trên đã nói, nhưng có một vài sự sai khác:

“Nếu Tỳ-kheo nào, đối với năm Căn này mà có sự tăng thượng minh lợi, mãn túc[20] thì sẽ đạt A-la-hán Câu phần giải thoát[21]; hoặc nhu nhuyến hay yếu kém, thì sẽ đạt Thân chứng[22]; nơi đó hoặc nhu nhuyến hay yếu kém, thì sẽ đạt Kiến đáo[23]; nơi đó hoặc nhu nhuyến hay yếu kém, thì sẽ đạt Tín giải thoát[24]; nơi đó hoặc nhu nhuyến hay yếu kém, thì sẽ đạt Nhất chủng[25]; nơi đó hoặc nhu nhuyến hay yếu kém, thì sẽ đạt Tư-đà-hàm; nơi đó hoặc nhu nhuyến hay yếu kém, thì sẽ đạt Gia gia[26]; nơi đó hoặc nhu nhuyến hay yếu kém thì sẽ đạt Thất hữu[27]; nơi đó hoặc nhu nhuyến hay yếu kém, thì sẽ đạt Pháp hành[28]; nơi đó hoặc nhu nhuyến hay yếu kém, thì sẽ đạt Tín hành[29]. Đó gọi là Tỳ-kheo vì nhân duyên căn ba-la-mật, nên biết quả ba-

---

19. Paøli, S.48.15-16 Vitthaøra.
20. Xem kinh 652 trên.
21. Câu phần giải thoát đối với vị A-la-hán chứng đắc Diệt tận định. Paøli: ubhatobhaøgavimutta.
22. Thân chứng đối với A-na-hàm chứng đắc Diệt tận định. Paøli: kaøyasakkhin.
23. Kiến đáo Paøli: diæhipatta.
24. Tín giải thoát Paøli: saddhaøvimutta.
25. Nhất chúng Paøli: ekabìjin.
26. Gia gia Paøli: kolaökola.
27. Thất hữu Paøli: sattakkhattuparama.
28. Pháp hành tức Tùy pháp hành. Paøli: dhammaønusaørin.
29. Tín hành tức Tùy tín hành. Paøli: saddhaønusaørin.

la-mật[30], vì nhân duyên quả ba-la-mật, nên biết người ba-la-mật[31]. Người đầy đủ như vậy, thì làm việc đầy đủ; người giảm thiểu, thì làm việc giảm thiểu[32]. Các căn này không phải rỗng không, không quả. Nếu người nào không có các căn này, thì Ta nói kẻ đó thuộc vào số phàm phu."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 654. TUỆ CĂN (1)[33]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có năm Căn, những gì gọi là năm? Căn Tín, căn Tinh tấn, căn Niệm, căn Định, căn Tuệ. Năm Căn này, căn Tuệ nhiếp thọ tất cả. Thí như các thứ cây gỗ của nhà, gác, thì cây đòn nóc là ở trên hết, mọi cây gỗ khác đều nương vào cây đòn nóc mà giữ yên. Như vậy trong năm căn, Tuệ thâu nhiếp tất cả nên Tuệ trên hết."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

---

30. Căn ba-la-la-mật, quả ba-la-mật ®ªi ĩ ±K¡AªG ªi ĩ ±K. Paøli: indriyavemattataø phalavemattataø hoti, do sự sai biệt của căn mà có sự sai biệt của quả. Paøli: vemattataø, chủng loại sai biệt; bản Hán đọc là paøramita: ba-la-mật.

31. Nhân ba-la-mật ¤H ªi ĩ ±K. Paøli: puggalavemattataø, sự sai biệt về nhân cách.

32. Xem cht.18 kinh 652 trên.

33. Paøli, S.48.52 Mallika.

KINH 655. TUỆ CĂN (2)[34]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có năm Căn. Những gì gọi là năm? Căn Tín, căn Tinh tấn, căn Niệm, căn Định, căn Tuệ. Căn Tín, nên biết, đó là bốn Bất hoại tịnh. Căn Tinh tấn, nên biết, đó là bốn Chánh đoạn. Căn Niệm, nên biết, đó là bốn Niệm xứ. Căn Định, nên biết, đó là bốn Thiền. Căn Tuệ, nên biết, đó là bốn Thánh đế.

"Các công đức này Tuệ đứng hàng đầu, vì Tuệ nhiếp trì tất cả."

Cho đến sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 656. TUỆ CĂN (3)

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có năm Căn, những gì gọi là năm? Căn Tín, căn Tinh tấn, căn Niệm, căn Định, căn Tuệ.

"Thánh đệ tử thành tựu căn Tuệ thì có thể tu tập căn Tín, y viễn ly, y vô dục, y tịch diệt, hướng đến xả. Đó gọi là thành tựu căn Tín. Thành tựu căn Tín tức là căn Tuệ.

"Như căn Tín, cũng vậy căn Tinh tấn, căn Niệm, căn Định, căn Tuệ cũng nói như vậy.

"Cho nên khi đối với năm căn này, căn Tuệ đứng hàng đầu vì nhiếp trì tất cả. Thí như các thứ cây gỗ của nhà, gác, thì cây đòn nóc là ở trên hết, mọi cây gỗ khác đều nương vào cây đòn nóc mà giữ yên. Như vậy trong năm căn, Tuệ trên hết vì Tuệ thâu nhiếp tất cả."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---

34. Paøli, S.48.10 Vibhaíga; 48.52. Mallika.

M

KINH 657. TUỆ CĂN (4)

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có năm Căn, những gì gọi là năm? Căn Tín, căn Tinh tấn, căn Niệm, căn Định, căn Tuệ.

"Thánh đệ tử thành tựu căn Tín, học như vầy: 'Thánh đệ tử sanh tử từ vô thỉ. Bị vô minh che lấp, ái trói buộc, chúng sanh mãi mãi trôi lăn qua lại trong sanh tử, không biết bản tế. Vì có nhân nên có sanh tử. Nếu nhân vĩnh viễn đoạn tận thì sẽ không có sanh tử. Vô minh là khối tối tăm vĩ đại làm chướng ngại, ai nhập Bát-niết-bàn? mà chỉ có khổ diệt, khổ dứt, mát mẻ không còn (?).' Như căn Tín, cũng vậy căn Tinh tấn, căn Niệm, căn Định, căn Tuệ cũng nói như vậy. Trong năm Căn này, Tuệ nhiếp trì tất cả nên nó là hàng đầu. Thí như cây đòn nóc của nhà gác, vì nó giữ vững các cây nên nó ở trên hết."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 658. TUỆ CĂN (5)[35]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có năm Căn, là Căn Tín, căn Tinh tấn, căn Niệm, căn Định, căn Tuệ.

"Thế nào là căn Tín? Tín tâm mà Thánh đệ tử phát khởi nơi Như Lai[36], có gốc rễ bền chặt, chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn cùng các pháp thế gian không thể nào phá hoại được; đó gọi là căn Tín. Thế nào là căn Tinh tấn? Là bốn Chánh đoạn. Thế nào là căn Niệm? Là bốn Niệm xứ. Thế nào là căn Định? Là bốn Thiền. Thế nào

---

35. Paøli, S.48.10 Vibhaíga.

36. Paøli: saddahati tathaøgatassa bodhiö, tin tưởng sự giác ngộ của Như Lai.

là căn Tuệ? Là bốn Thánh đế. Những công đức này đều lấy Tuệ làm đầu, thí như nhà, gác, cây đòn nóc là ở trên hết."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 659. TUỆ CĂN (6)[37]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có năm Căn, những gì là năm? Đó là, căn Tín, căn Tinh tấn, căn Niệm, căn Định, căn Tuệ.

"Thế nào là căn Tín? Tín tâm thanh tịnh màThánh đệ tử phát khởi nơi Như Lai khi phát tâm Bồ-đề[38]; đó gọi là căn Tín. Thế nào là căn Tinh tấn? Tinh tấn phương tiện được phát khởi đối với Như Lai khi mới phát tâm Bồ-đề[39]; đó gọi là căn Tinh tấn. Thế nào là căn Niệm? Niệm được phát khởi đối với Như Lai lúc mới phát tâm Bồ-đề; đó gọi là căn Niệm. Thế nào là căn Định? Tam-muội được phát khởi đối với Như Lai khi mới phát tâm Bồ-đề khởi Tam-muội; đó gọi là căn Định. Thế nào là căn Tuệ? Tuệ được phát khởi đối với Như Lai lúc bắt đầu phát tâm Bồ-đề; đó gọi là căn Tuệ. Còn những thí dụ về nhà, gác thì như đã nói ở trên."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

---

37. Paøli, S.48 50 Saddha.

38. Paøli, S.48.50: tathaøgate ekantagato abhippasanno, nhất hướng tín tâm minh tịnh đối với Như Lai.

39. Paøli, nt.: saddhassa...ariyasaøvakassa evaö paøæikaökhaö yaö aøraddhaviriyo viharassati akusalaønaö dhammaønaö pahaønaøya... Thánh đệ tử có tín mong đợi như vầy: an trú với tinh tấn dũng mãnh hướng đến đoạn trừ các pháp bất thiện...

KINH 660. KHỔ ĐOẠN

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có năm Căn, những gì là năm? Đó là, căn Tín, căn Tinh tấn, căn Niệm, căn Định, căn Tuệ. Đối với năm Căn này, nếu tu tập, tu tập nhiều, thì tất cả những cái khổ quá khứ, hiện tại, vị lai đều sẽ dứt sạch."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

Như đoạn khổ, cũng vậy cứu cánh biên tế khổ, đoạn tận khổ, dập tắt khổ, diệt tận khổ, qua dòng khổ, giải thoát mọi trói buộc, tổn hại sắc, đoạn tận tất cả lậu quá khứ, hiện tại, vị lai; đều cũng nói như vậy.

M

KINH 661. NHỊ LỰC (1)[40]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có hai loại sức mạnh. Những gì là hai? Sức mạnh của số[41] và sức mạnh của tu[42]. Thế nào là sức mạnh của số? Thánh đệ tử ở dưới bóng cây, ngồi trong rừng vắng, tư duy như vầy: 'Đối với ác hành của thân, đời này và đời sau chịu báo ác. Nếu thân ta làm hạnh ác, thì tự ta phải tự chê trách và khiến người khác cũng chê trách ta. Đại

---

40. Ấn Thuận Hội Biên, tụng 4. Đạo phẩm, "11. Tương ưng lực", gồm sáu mươi kinh, từ số 841-900; gồm mười ba kinh Đại Chánh: 661-703. Tương đương Paøli, Samyutta 50. Balasaöyutta. Đại Chánh kinh 661, Hai sức mạnh. Paøli, A.2.2.1 Balaøni.

41. Số lực ¼Ỉ ⌧O. Paøli: paæisaíkhaønabala, sức mạnh của sự giản trạch, tức năng lực quán sát và phân tích của tuệ. Xem *Câu-xá* 1. tr.1b. Bản Hán hiểu theo ngữ nguyên saíkhaøø, con số.

42. Tu lực □× ⌧O. Paøli, bhaøvanaøbala.

Sư của ta cũng sẽ chê trách ta, Đại đức phạm hạnh của ta cũng chê trách ta. Ta sẽ bị khiển trách đúng pháp, tiếng ác của ta vang khắp, sau khi thân hoại mạng chung sẽ đọa ác thú, sanh trong địa ngục. Quả báo đời này và đời sau như vậy. Đoạn trừ ác hành của thân; tu thiện hành của thân. Cũng như thân làm ác, miệng, ý làm ác cũng nói như vậy. Đó gọi là sức mạnh của số. Thế nào là sức mạnh của tu? Tỳ-kheo học sức mạnh của số; Thánh đệ tử đã thành tựu được sức mạnh của số rồi, tùy thuận mà đạt được sức mạnh của tu. Khi sức mạnh của tu đã được rồi, thì sức mạnh của tu sẽ đầy đủ."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 662. NHỊ LỰC (2)

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Như đã nói ở trên, nhưng có một vài sai biệt:

"Thánh đệ tử đã học sức mạnh của số đã thành tựu, tham, nhuế, si hoặc tiết hoặc giảm, hoặc hết sạch. Thánh đệ tử y trên sức mạnh của số, xác lập trên sức mạnh của số như vậy, tùy thuận mà đạt được sức mạnh của tu lực. Khi sức mạnh của tu đã được rồi, thì sức mạnh của tu sẽ đầy đủ."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 663. NHỊ LỰC (3)

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Như trên đã nói, nhưng có một vài sai biệt.

"Cái gì là sức mạnh của tu? Đó là bốn Niệm xứ."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật

đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

Như bốn Niệm xứ, cũng vậy tu bốn Chánh đoạn, bốn Như ý túc, năm Căn, năm Lực, bảy Giác phần, tám Thánh đạo phần, Bốn đạo[43]*, Bốn pháp cú*[44]*, Chỉ quán, cũng nói như vậy.*[45]

M

KINH 664. TAM LỰC (1)[46]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có ba thứ lực. Những gì là ba? Đó là lực Tín, lực Tinh tấn, lực Tuệ. Lại có ba lực. Những gì là ba? Đó là lực Tín, lực Niệm, lực Tuệ. Lại có ba lực. Những gì là ba? Đó là lực Tín, lực Định, lực Tuệ."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 665. TAM LỰC (2)

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có ba lực; đó là lực Tín, lực Tinh tấn, lực Tuệ. Như vậy Tỳ-kheo phải học như vầy: 'Ta phải thành tựu lực Tín, lực Tinh tấn, lực Tuệ.'"

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

---

43. Tứ đạo 𑀅/ 'Ð¡A tức bốn hay hay thông hành; xem Tập Dị Môn 7, tr.395b. Cf. Paøli, D.iii. tr.228: catasso paæipaødaø.

44. Tứ cú 𑀅/ ªk 𑀅y¡A tức bốn pháp tích; xem Tập Dị Môn 7, tr.395b. Cf. Paøli, D.ii. tr.229, cattaøri dhammapadaøni. Ấn Thuận tách kinh này thành ba kinh.

45. Tóm tắt có chín kinh.

46. Ba loại sức mạnh.

KINH 666. TAM LỰC (3)

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có ba lực: lực Tín, lực Niệm, lực Tuệ. Lực Tín là thế nào? Thánh đệ tử, đối với Như Lai, đã thâm nhập tịnh tín, căn bản vững chắc, không có chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn cùng những kẻ đồng pháp nào có thể phá hoại được. Đó gọi là lực Tín. Lực Tinh tấn là những gì? Là bốn Chánh đoạn. Lực Tuệ là những gì? Là bốn Thánh đế."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 667. TỨ LỰC (1)[47]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có bốn lực. Những gì là bốn? Lực Tín, lực Tinh tấn, lực Niệm, lực Tuệ. Lại có bốn lực: lực Tín, lực Niệm, lực Định, lực Tuệ. Lại có bốn lực: lực Giác, lực Tinh tấn, lực Vô tội, lực Nhiếp."

Ba lực của những kinh này cũng nói như trên, nhưng chỉ có một vài sai biệt:

"Lực Giác là thế nào? Biết như thật, đối với pháp thiện, bất thiện; biết như thật là có tội, không tội; đáng thân cận[48], không thân cận; pháp thấp kém, pháp thắng diệu; pháp đen, pháp trắng; pháp có phân biệt, pháp không phân biệt; pháp duyên khởi, pháp phi duyên khởi. Đó gọi là lực Giác. Lực Tinh tấn là những gì? Là bốn Chánh đoạn như đã nói đầy đủ ở trước. Lực không tội là thế nào? Là thân, miệng, ý không tạo tội; đó gọi là lực không tội. Lực Nhiếp là những gì? Là bốn nhiếp sự. Đó là Huệ thí, Ái ngữ, Hành lợi, Đồng lợi."

---

47. Tham chiếu Paøli, A.4.152 Balaøni.

48. Tập cận *sevitabba*. Paøli: sevitabba.

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 668. TỨ NHIẾP SỰ

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Như trên đã nói, nhưng có một vài sai biệt.

"Bố thí tối thắng, đó là pháp thí. Ái ngữ tối thắng, là khiến thiện nam tử thích nghe, nói pháp đúng lúc. Hành lợi[49] tối thắng là đối với người không có tín khiến có tín, xác lập trên tín; đối với người học giới thì xác lập bằng tịnh giới; đối với người bỏn sẻn thì bằng bố thí; đối với người ác trí tuệ thì bằng chánh trí mà xác lập. Đồng lợi[50] tối thắng là, A-la-hán thì trao cho quả A-la-hán[51]. A-na-hàm thì trao cho A-na-hàm. Tư-đà-hàm thì trao cho Tư-đà-hàm. Tu-đà-hoàn thì trao cho Tu-đà-hoàn. Người Tịnh giới thì trao người khác bằng Tịnh giới."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 669. NHIẾP[52]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Như trên đã nói, nhưng có một vài sai biệt.

"Nếu như có pháp nào để nhiếp thủ đại chúng thì tất cả đều ở trong Bốn nhiếp sự. Hoặc một nhiếp thủ là bố thí, hoặc một nhiếp

---

49. Hành lợi 行利, hoặc nói là lợi hành 利行. Paøli: atthacaøriyaø.

50. Đồng lợi 同利 cũng nói là đồng sự. Paøli: samaønattataø, đồng ngã, nâng người lên ngang mình. Nhưng Hán dịch theo Skt. Samaønaørthataø.

51. Ý nghĩa, người muốn chứng đắc A-la-hán, thì giúp cho được chứng đắc.

52. Paøli, A.4.32 Saígaha.

thủ là ái ngữ, hoặc một nhiếp thủ là hành lợi, hoặc một nhiếp thủ là đồng lợi. Ở trong thời quá khứ, những pháp nào đã nhiếp thủ đại chúng trong thời quá khứ cũng không ngoài bốn nhiếp sự. Những pháp nào sẽ nhiếp thủ đại chúng trong thời vị lai cũng không ngoài bốn nhiếp sự. Hoặc một pháp nhiếp thủ là bố thí, hoặc một pháp nhiếp thủ là ái ngữ, hoặc một pháp nhiếp thủ là hành lợi, hoặc một pháp nhiếp thủ là đồng lợi."

Bấy giờ Thế Tôn liền nói kệ rằng:

Bố thí cùng ái ngữ,
Hoặc hành vi hành lợi,
Đồng lợi các hành vi,
Mỗi tùy chỗ thích hợp.
Nhờ đây nhiếp thế gian,
Như xe lăn nhờ gang[53].
Đời không Bốn nhiếp sự,
Quên ơn mẹ nuôi con.
Cũng không tôn trọng cha,
Không khiêm tốn phụng sự.
Vì có bốn nhiếp sự,
Và tùy thuận pháp này.
Cho nên có Đại sĩ,
Đức trùm cả thế gian[54].

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

53. Hán: cang 釭, ống gang trong bánh xe. Paøli: ete kho saígahaø loke, rathhassaøòiva yaøyato, những nhiếp sự này ở trong đời, như cái chốt trục xe khiến xe lăn.

54. Paøli: yasmaø ca saígaha ete samavekkhanti paòñitaø, tasmaø mahattaö papponti paøsaösaø ca bhavanti, bậc trí do quán sát các nhiếp sự này mà đạt được sự vĩ đại và có danh thơm.

KINH 670. TỨ LỰC (2)[55]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có Bốn lực. Những gì là bốn? Đó là lực Giác, lực Tinh tấn, lực Vô tội, lực Nhiếp, như trên đã nói. Nếu Tỳ-kheo nào thành tựu được bốn lực này, thì tránh xa được năm sự sợ hãi. Những gì là năm? Sợ không sống, sợ tiếng xấu, sợ giữa đám đông, sợ chết, sợ đường ác. Đó gọi là năm sự sợ hãi."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 671. TỨ LỰC (3)

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Như trên đã nói, nhưng có một vài sai biệt.

"Thánh đệ tử thành tựu Bốn lực này, phải học như vầy: 'Ta chẳng sợ không sống. Vì lý do gì mà ta phải sợ không sống? Nếu ai mà thân hành hạnh bất tịnh, miệng hành hạnh bất tịnh, ý hành hạnh bất tịnh, làm các việc tà tham, bất tín, biếng nhác, không tinh tấn, mất niệm, không định, ác tuệ, keo lẫn không nhiếp thủ; thì kẻ đó đáng sợ không sống. Ta có bốn lực, đó là Giác lực, Tinh tấn lực, Vô tội lực, Nhiếp lực. Vì đã thành tựu bốn lực này, nên chẳng nên sợ. Như sợ không sống, cũng vậy sợ tiếng xấu, sợ ở giữa đám đông, sợ chết, sợ đường ác cũng nói như trên'..."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

---

55. Paøli, A.4 153 Paóóaø.

KINH 672. TỨ LỰC (4)

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có bốn lực; đó là Giác lực, Tinh tấn lực, Vô tội lực, Nhiếp lực. Giác lực là thế nào? Là chỉ cho tuệ, đại tuệ, thâm tuệ, nan thắng tuệ; đó gọi là giác lực. Tinh tấn lực là thế nào? Là xa lìa đối với pháp bất thiện, số bất thiện[56]; pháp đen, số đen; pháp có tội, số có tội, pháp không nên thân cận, số không nên thân cận. Sau khi tránh xa các pháp này rồi, nếu đối với các pháp thiện, số thiện; pháp trắng, số trắng, pháp vô tội, số vô tội, pháp nên thân cận, số nên thân cận, những pháp như vậy mà tu tập, tăng thượng tinh cần, nỗ lực phương tiện, kham năng, chánh niệm, chánh trí; đó gọi là Tinh tấn lực. Còn vô tội lực, nhiếp lực như kinh trên đã nói."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 673. NGŨ LỰC[57]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có năm Lực. Những gì là năm? Đó là Tín lực, Tinh tấn lực, Niệm lực, Định lực, Tuệ lực."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 674. NGŨ LỰC ĐƯƠNG THÀNH TỰU

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước

---

56. Bất thiện số ⊠ℒ □½ ¼ℐ⁄ℱ đồng nghĩa bất thiện tư duy.

57. Paøli, S.50.1 Gaígaøpeyyaøla; Cf. A.5.13 Saíkhìta

Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Như trên đã nói, nhưng có một vài sai biệt.

"Các Tỳ-kheo nên học như vầy: 'Ta nên nỗ lực tinh tấn, thành tựu Tín lực, Tinh tấn lực, Niệm lực, Định lực, Tuệ lực."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 675. ĐƯƠNG TRI NGŨ LỰC[58]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Như trên đã nói, nhưng có một vài sai biệt.

"Tín lực kia, nên biết, đó là Bốn bất hoại tín. Tinh tấn lực, đó là bốn Chánh đoạn. Niệm lực là bốn Niệm xứ. Định lực là bốn Thiền. Tuệ lực là bốn Thánh đế."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 676. ĐƯƠNG HỌC NGŨ LỰC

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Như trên đã nói, nhưng có một vài sai biệt.

"Cho nên, các Tỳ-kheo nên học như vầy: Ta nên thành tựu Tín lực, Tinh tấn lực, Niệm lực, Định lực, Tuệ lực.'"

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

---

58. Paøli, S.48.8 Daæææhabbaö; A.5.14 Vitthata, 5.15 Daæææhabba.

KINH 677. NGŨ HỌC LỰC[59]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có năm học lực[60]. Những gì là năm? Tín lực là học lực, Tinh tấn lực là học lực, Tàm lực là học lực, Quý lực là học lực, Tuệ lực là học lực[61]."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 678. ĐƯƠNG THÀNH HỌC LỰC (1)[62]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Như trên đã nói, nhưng có một vài sai biệt.

"Các Tỳ-kheo nên học như vầy: Ta nên thành tựu tín lực là học lực[63]; nên thành tựu tinh tấn lực là học lực; nên thành tựu tàm lực là học lực; nên thành tựu quý lực là học lực; nên thành tựu tuệ lực là học lực."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

---

59. Cf. A.5.1 Saíkhita.

60. Học lực ¾Ç ¤Ó¡Á năng lực của hữu học. Paøli: sekhabala. Xem cht. 63 dưới.

61. Năm Lực theo bản Paøli: saddhaø, tín; hirì, tàm; ottapa, quý; vìriya, tinh tấn; paóóaø, tuệ.

62. Paøli, xem kinh 677.

63. Paøli: saddhaøbalena samannaøgataø bhavissaøma sekhabalena, chúng tôi sẽ thành tựu sức mạnh của tín, là sức mạnh của hữu học.

KINH 679. QUẢNG THUYẾT HỌC LỰC[64]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Như trên đã nói, nhưng có một vài sai biệt.

"Tín lực là học lực, là thế nào? Tỳ-kheo khéo thâm nhập tín tâm đối với Như Lai, gốc rễ bền chắc mà các Sa-môn, Bà-la-môn khác, chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn, cùng đồng pháp khác không thể phá hoại; đó gọi là căn Tín.

"Tinh tấn lực là học lực, là thế nào? Là bốn Chánh đoạn, như đã nói đầy đủ ở trước.

"Tàm lực là học lực, là thế nào? Là hổ thẹn, xấu hổ đối với pháp ác, bất thiện, các số phiền não[65] đã khởi, sẽ phải chịu các quả báo khổ bức bách của sanh, lão bệnh, tử, ưu, bi, khổ, não ở trong đời vị lai. Đó gọi là Tàm lực là học lực.

"Quý lực là học lực, là thế nào? Là lấy làm thẹn các điều đáng thẹn, tự thẹn về các pháp ác, bất thiện, các số phiền não đã khởi, sẽ phải chịu các quả báo khổ bức bách của sanh, lão bệnh, tử, ưu, bi, khổ, não ở trong đời vị lai. Đó gọi là Quý lực là học lực.

"Tuệ lực là học lực, là thế nào? Là Thánh đệ tử trụ trí tuệ, thành tựu trí tuệ về sự sanh diệt của thế gian, về sự xuất ly, yểm ly của Thánh hiền, về sự chân chánh diệt tận khổ đã quyết định. Đó gọi là Tuệ lực là học lực."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 680. ĐƯƠNG THÀNH HỌC LỰC (2)

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Như trên đã nói, nhưng có một vài sai biệt.

---

64. Paøli, A.5.2 Vitthaøta.

65. Phiền não số [illegible].

"Cho nên các Tỳ-kheo phải học như vầy: 'Ta sẽ thành tựu Tín lực là học lực, Tinh tấn lực, Tàm lực, Quý lực, Tuệ lực là học lực'."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 681. BẠCH PHÁP (1)[66]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Nếu Tỳ-kheo nào đối với pháp thiện mà thay đổi hoặc thoái thất, hay không trụ lâu, thì Tỳ-kheo khác nên[67] dùng năm thứ bạch pháp đến quở trách họ. Những gì là năm? Bảo rằng: 'Ông không có tín thâm nhập trong các pháp thiện[68]. Nếu y trên tín thì có thể xa lìa được pháp bất thiện, tu các pháp thiện. Ông không tinh tấn, không tàm, không quý; không tuệ thâm nhập pháp thiện[69]. Nếu y trên tuệ, có thể xa lìa các pháp bất thiện, tu các pháp thiện. Nếu Tỳ-kheo nào, đối với Chánh pháp mà không đổi thay, không thoái thất, trụ lâu, thì Tỳ-kheo khác nên dùng năm thứ bạch pháp đến chúc mừng. Những gì là năm? Có chính tín thâm nhập pháp. Nếu y trên tín, thì xa lìa được pháp bất thiện, tu các pháp thiện. Tinh tấn, có tàm, có quý, có tuệ thâm nhập. Nếu người nào y cứ vào tuệ, thì xa lìa được pháp bất thiện, tu các pháp thiện."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

---

66. Paøli, A.5.5 Sikhaø.

67. Đương □ij𝒜 bản Cao-ly chép là *thẩm* ¼f.

68. Paøli: saddhaøpi naøma te naøhosi kusalesu dhammesu, người không có tín đối với các thiện pháp.

69. Paøli: paóóaøpi naøma te naøhosi kusalesu dhammesu, người không có tuệ nơi các thiện pháp.

KINH 682. BẠCH PHÁP (2)[70]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Nếu Tỳ-kheo nào hoàn giới, thoái thất giới[71], Tỳ-kheo khác nên dùng năm thứ bạch pháp đến quở trách[72]. Những gì là năm? Hoặc Tỳ-kheo không có tín đối với pháp thiện. Nếu y trên tín, thì tránh xa pháp bất thiện, tu các pháp thiện. Hoặc không có tinh tấn, tàm, quý và tuệ thâm nhập pháp thiện. Nếu y trên tuệ, thì xa lìa pháp bất thiện, tu các pháp thiện.

"Nếu có Tỳ-kheo suốt đời thanh tịnh thuần nhất, phạm hạnh thanh bạch, thì Tỳ-kheo khác nên dùng năm thứ bạch pháp đến an ủi, khuyến khích, như trên đã nói."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 683. BẤT THIỆN PHÁP

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Nếu có Tỳ-kheo nào, hoặc không muốn pháp ác bất thiện sanh khởi, duy chỉ có tín nơi pháp thiện. Nếu tín bị thoái giảm, an trú lâu dài nơi bất tín, các pháp bất thiện lại sanh,... cho đến nếu muốn cho các pháp ác bất thiện không còn sanh, duy chỉ có tinh tấn, tàm, quý, tuệ. Nếu tinh tấn, tàm, quý, tuệ lực bị thoái giảm an trú lâu dài với ác tuệ, thì pháp ác bất thiện sẽ sanh ra. Nếu Tỳ-kheo nào y trên tín, thì sẽ xa lìa được pháp bất thiện, tu các pháp thiện. Người nào y cứ vào tinh tấn, tàm, quý, tuệ, thì lìa được pháp ác bất thiện và tu các pháp thiện."

---

70. Paøli, A.5.5 Sikkhaø.

71. Paøli: sikkhaö paccakkhaøya hinayaøvattati, xả học xứ, hoàn tục.

72. Hán: ha trách nhữ 呵責汝.

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 684. THẬP LỰC[73]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Nếu Tỳ-kheo, đối với sắc sanh tâm yểm ly, ly dục, diệt tận, không sanh khởi, giải thoát; đó gọi là A-la-ha Tam-miệu-tam Phật-đà. Đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng nói như vậy. Lại, nếu Tỳ-kheo nào đối với sắc sanh tâm yểm ly, ly dục không sanh khởi, giải thoát; đó gọi là A-la-hán tuệ giải thoát. Đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng nói như vậy.

"Này các Tỳ-kheo, giữa Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác và A-la-hán tuệ giải thoát có những gì sai khác?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Thế Tôn là gốc của pháp, là mắt của pháp, là nơi y cứ của pháp, xin vì chúng con mà nói, các Tỳ-kheo sau khi nghe xong sẽ lãnh thọ, phụng hành."

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ! Ta sẽ vì các ông mà nói. Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác đối với pháp trước kia chưa nghe, thì có thể tự giác tri, ngay trong đời hiện tại tự thân chứng ngộ, thành Chánh giác; đối với đời vị lai có thể giảng nói Chánh pháp, giác ngộ các Thanh văn; tức là, bốn Niệm xứ, bốn Chánh đoạn, bốn Như ý túc, năm Căn, năm Lực, bảy Giác phần, tám Thánh đạo phần. Đó gọi là Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác đối với pháp chưa chứng đắc thì có thể sẽ chứng đắc; phạm hạnh chưa chế có thể chế; có thể khéo biết đạo, khéo nói đạo, vì chúng sanh mà dẫn đường. Sau đó, Thanh văn thành tựu tùy thuận pháp, tùy thuận đạo, vui thích vâng lời giáo giới, giáo thọ của Đại Sư, nên khéo thâm nhập Chánh pháp. Đó gọi là những sự sai khác giữa Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác và A-la-hán tuệ giải thoát.

---

73. Cf. M.12 Mahaøsìhanaøda-sutta; A.10.21. Sìha. Hán: N^{0}125(46.4).

"Lại nữa, có năm học lực, mười lực Như Lai.

"Những gì là học lực? Đó là tín lực, tinh tấn lực, niệm lực, định lực, tuệ lực.

"Những gì là mười lực của Như Lai? Như Lai biết như thật về xứ, phi xứ[74], đó gọi là lực thứ nhất của Như Lai. Nếu thành tựu lực này, thì Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác đạt được trí tối thắng xứ như Phật quá khứ[75], có thể chuyển Phạm luân, ở giữa đại chúng, rống lên tiếng rống sư tử.

"Lại nữa, Như Lai biết như thật về việc thọ quả tạo nhân báo của nghiệp[76] quá khứ, vị lai, hiện tại; đó gọi là lực thứ hai của Như Lai. Nếu thành tựu được lực này, Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác đạt được trí tối thắng xứ như Phật quá khứ, có thể chuyển Phạm luân, ở giữa đại chúng rống lên tiếng rống sư tử.

"Lại nữa, Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác biết như thật về nhiễm ác, thanh tịnh, xứ tịnh[77], của các thiền, giải thoát, tam-muội, chánh thọ, đó gọi là lực thứ ba của Như Lai. Nếu thành tựu được lực này, Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác đạt được trí tối thắng xứ như Phật quá khứ, có thể chuyển Phạm luân, ở giữa đại chúng rống lên tiếng rống sư tử.

"Lại nữa, Như Lai biết như thật những sai biệt căn tánh khác nhau của tất cả các loài chúng sanh; đó gọi là lực thứ tư của Như Lai. Nếu thành tựu được lực này, Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác đạt được trí tối thắng xứ như Phật quá khứ, có thể chuyển Phạm luân, ở giữa đại chúng rống lên tiếng rống sư tử.

"Lại nữa, Như Lai biết như thật về tất cả mọi ý giải của chúng sanh; đó gọi là lực thứ năm của Như Lai. Nếu thành tựu được lực này,

---

74. Xứ phi xứ như thật tri 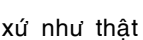 tức (thị) xứ phi xứ trí lực. Paøli: æhaønaóca æhaønato aæhaønaó ca aææhaønato yathaøbhuøtaö pajaønaøti, biết như thật trường hợp nào xảy ra (lý), trường hợp nào không xảy ra (phi lý).

75. Tiên Phật tối thắng xứ trí 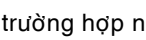 . Paøli: tathaøgato aøsabhaö æhaønaö paæijaønaøti, Như Lai tự xác nhận địa vị Ngưu vương.

76. Nghiệp pháp thọ nhân sự báo . Paøli: kammasamaødaønaønaö æhaønaso hetuso vipaøkaö, nhân và duyên báo ứng của sự thọ nghiệp.

77. Paøli: (...)-samaøpattìnaö saíkilesaö vodaønaö vuææhaønaö, (biết) sự tạp nhiễm, thanh tịnh và xuất ly của các (...) chánh thọ (hay đẳng trì).

Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác đạt được trí tối thắng xứ như Phật quá khứ, có thể chuyển Phạm luân, ở giữa đại chúng rống lên tiếng rống sư tử.

"Lại nữa, Như Lai biết như thật về tất cả các giới loại khác nhau của thế gian chúng sanh; đó gọi là lực thứ sáu của Như Lai. Nếu thành tựu được lực này, Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác đạt được trí tối thắng xứ như Phật quá khứ, có thể chuyển Phạm luân, ở giữa đại chúng rống lên tiếng rống sư tử.

"Lại nữa, Như Lai biết như thật về tất cả chí xứ đạo[78], đó gọi là lực thứ bảy của Như Lai. Nếu thành tựu được lực này, Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác đạt được trí tối thắng xứ như Phật quá khứ, có thể chuyển Phạm luân, ở giữa đại chúng rống lên tiếng rống sư tử.

"Lại nữa, Như Lai biết như thật về túc mạng, nhớ những sự khác nhau trong đời sống, từ một đời cho đến trăm, ngàn đời, từ một kiếp cho đến trăm, ngàn kiếp; Ta bấy giờ sanh vào chủng tộc như vậy, dòng họ như vậy, tên như vậy, ăn như vậy, cảm giác khổ lạc như vậy, tuổi thọ như vậy, sống lâu như vậy, mạng sống chấm dứt như vậy; ở chỗ kia Ta chết đi, ở chỗ này sanh ra, chỗ này sanh ra, chỗ kia chết đi, hành như vậy, nhân như vậy, phương như vậy; đó gọi là lực thứ tám của Như Lai. Nếu thành tựu được lực này, Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác đạt được trí tối thắng xứ như Phật quá khứ, có thể chuyển Phạm luân, ở giữa đại chúng rống lên tiếng rống sư tử.

"Lại nữa, Như Lai bằng thiên nhãn hơn mắt người thường, thấy chúng sanh lúc sanh lúc chết, đẹp, xấu, thua, hơn, hướng về đường ác, hướng về đường thiện, theo nghiệp mà thọ báo, tất cả biết như thật; chúng sanh này do nghiệp ác của thân thành tựu, do nghiệp ác của miệng, ý thành tựu, hủy báng Hiền thánh, sẽ mắc nghiệp tà kiến, vì nhân duyên này, sau khi thân hoại mạng chung, sẽ đọa vào đường ác, sanh vào trong địa ngục; chúng sanh này, thân làm việc thiện, miệng, ý làm việc thiện, không hủy báng Hiền thánh, sẽ lãnh nghiệp chánh kiến, vì nhân duyên này, sau khi thân hoại mạng chung, sẽ sanh về đường thiện cõi trời; tất cả biết như thật; đó gọi là lực thứ chín của

---

[78]. Nhất thiết chí đạo xứ ¤@ ¤ˆ/˚ˈ𝒟 ³ℬ;𝒜 tức biến thú hành trí lực. Paøli: sabbatthagaøminiö paæipadaö, (biết) con đường dẫn đến tất cả mục đích.

Như Lai. Nếu thành tựu được lực này, Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác đạt được trí tối thắng xứ như Phật quá khứ, có thể chuyển Phạm luân, ở giữa đại chúng rống lên tiếng rống sư tử.

"Lại nữa, Như Lai đã dứt sạch các lậu, tâm giải thoát vô lậu, tuệ giải thoát, hiện tại tự chứng tri, thân tác chứng: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh kiếp sau nữa.' Đó gọi là lực thứ mười của Như Lai. Nếu thành tựu được lực này, Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác đạt được trí tối thắng xứ như Phật quá khứ, có thể chuyển Phạm luân, ở giữa đại chúng rống lên tiếng rống sư tử.

"Mười lực này chỉ có Như Lai mới thành tựu. Đó chính là những sự khác biệt giữa Như Lai và Thanh văn."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 685. NHŨ MẪU

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Thí như đứa trẻ, cha mẹ sanh ra rồi giao nó cho nhũ mẫu, tùy thời xoa bóp vỗ về, tùy thời tắm gội, tùy thời cho bú mớm, tùy thời trông chừng. Nếu người nhũ mẫu không cẩn thận, đứa trẻ hoặc bốc cỏ, bốc đất, hay các đồ vật dơ cho vào miệng nó. Lúc này nhũ mẫu liền bảo nó nhả ra, kịp thời loại ra thì tốt. Nếu đứa trẻ không thể tự mình nhả ra được, nhũ mẫu phải dùng tay trái giữ đầu nó, tay phải tìm cách móc vật nghẹn ra. Tuy lúc đó đứa trẻ bị đau đớn thật, nhưng nhũ mẫu vì muốn làm cho đứa trẻ an lạc lâu dài, nên phải khổ tâm tìm cách móc vật làm nghẹn ra."

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Nếu đứa trẻ lớn lên hiểu biết, phân biệt được rồi, thì có còn đem cỏ, đất, hay vật dơ bỏ vào trong miệng nữa không?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Không vậy, bạch Thế Tôn. Đứa trẻ khi đã lớn khôn, hiểu biết

phân biệt được rồi, thì đối với các vật dơ còn không dùng chân chạm vào, huống chi là bỏ vào trong miệng."

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Đứa trẻ lúc còn nhỏ, nhũ mẫu tùy thời săn sóc, trông chừng và khi nó lớn lên đầy đủ trí tuệ rồi, thì nhũ mẫu buông xả, không cần theo dõi, vì nó đã trưởng thành, không tự buông lung nữa.

"Cũng vậy, này các Tỳ-kheo, nếu các Thanh văn mới học, trí tuệ chưa đầy đủ, thì Như Lai sẽ tùy thời đem giáo pháp truyền dạy mà trông nom; còn những Thanh văn nào đã học lâu, trí tuệ sâu xa, kiên cố, thì Như Lai buông xả, không còn tùy thời ân cần truyền dạy, vì đã thành tựu được trí tuệ nên không còn buông lung nữa. Cho nên Thanh văn có năm thứ học lực, còn Như Lai thì đã thành tựu mười trí lực, như trên đã nói đầy đủ."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 686. SƯ TỬ HỐNG (1)[79]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Như Lai có sáu thứ lực. Nếu thành tựu được sáu lực này thì Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác đạt được trí tối thắng xứ như Phật quá khứ[80], có thể chuyển Phạm luân, ở giữa đại chúng, rống lên tiếng rống sư tử. Đó là lực ban đầu của Như Lai, biết như thật về xứ, phi xứ.

"Lại nữa, Như Lai biết như thật về sự thọ pháp an lạc của tâm[81] quá khứ, vị lai và hiện tại. *Như trên đã nói đầy đủ*. Đó là lực thứ hai của Như Lai.

---

79. A.6.64 Sìhanaøda.

80. Xem cht.75 kinh 684.

81. (...) tâm lạc pháp thọ [illegible] không rõ nghĩa. Hoặc, *nghiệp pháp thọ* (Paøli: kammasamaødaøna) nhưng chép nhầm là *lạc pháp thọ*. Xem cht.76 kinh 684.

"Lại nữa, Như Lai biết như thật về Thiền giải thoát, tam-muội, chánh thọ. *Như trên đã nói đầy đủ.* Đó gọi là lực thứ ba của Như Lai.

"Lại nữa, Như Lai biết như thật về những sự việc trong đời trước của thời quá khứ. *Như trên đã nói đầy đủ.* Đó gọi là lực thứ tư của Như Lai.

"Với Thiên nhãn thanh tịnh của Như Lai vượt qua mắt người thường thấy các chúng sanh chết nơi này sanh ra nơi kia. *Như trên đã nói đầy đủ.* Đó gọi là lực thứ năm của Như Lai.

"Lại nữa, lậu kết của Như Lai đã diệt hết, tâm giải thoát vô lậu, tuệ giải thoát. Như trên đã nói đầy đủ... Cho đến ở giữa chúng, rống lên tiếng rống sư tử. Đó gọi là lực thứ sáu của Như Lai."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 687. SƯ TỬ HỐNG (2)[82]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Như trên đã nói, nhưng có một vài sai biệt.

"Nếu có người đến hỏi Ta về trí lực xứ, phi xứ của Như Lai, thì Ta như điều được sở tri, sở kiến, giác ngộ, thành Đẳng chánh giác, vì người kia mà nói về trí lực, xứ, phi xứ của Như Lai.

"Lại, hoặc có người đến hỏi về trí lực lạc thọ do tự mình[83] của Như Lai, thì Ta như điều được sở tri, sở kiến, giác ngộ, thành Đẳng chánh giác, vì người kia mà nói về trí lực lạc thọ do tự mình của Như Lai. Đó gọi là trí lực thứ hai của Như Lai.

"Hoặc có người đến hỏi về trí lực thiền định, giải thoát, tam-muội, chánh thọ của Như Lai, thì Ta như điều được sở tri, sở kiến, giác ngộ, thành Đẳng chánh giác, vì người kia mà nói hỏi về trí lực thiền

---

82. Paøli, A.6.64 Sìhanaøda.

83. Tự dĩ lạc thọ [illegible] không rõ nghĩa. Ấn Thuận đọc là dĩ nghiệp pháp thọ [illegible] thay vì tâm nghiệp pháp thọ [illegible]. Xem cht.81 kinh 686 trên.

định, giải thoát, tam-muội, chánh thọ của Như Lai.

"Hoặc có người đến hỏi về trí lực đời trước thì Ta như điều được sở tri, sở kiến, giác ngộ, thành Đẳng chánh giác, vì người kia mà nói về đời trước của Như Lai.

"Hoặc có người lại đến hỏi về trí lực thiên nhãn của Như Lai, thì Ta như điều được sở tri, sở kiến, giác ngộ, thành Đẳng chánh giác, vì người kia mà nói về sở kiến thiên nhãn của Như Lai.

"Hoặc có người đến hỏi về trí lực lậu tận của Như Lai, thì Ta như điều được sở tri, sở kiến, giác ngộ, thành Đẳng chánh giác, vì người kia mà nói về trí lực lậu tận của Như Lai."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 688. THẤT LỰC (1)[84]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có bảy lực. Những gì là bảy? Là Tín lực, Tinh tấn lực, Tàm lực, Quý lực, Niệm lực, Định lực, Tuệ lực. Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ rằng:

Tín lực, tinh tấn lực,
Tàm lực và quý lực;
Chánh niệm, định, tuệ lực,
Đó gọi là bảy lực.
Người thành tựu bảy lực,
Là hết các hữu lậu.

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

84. A.7.3-4 Bala; 5. Dhana.

KINH 689. ĐƯƠNG THÀNH THẤT LỰC

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có bảy lực *như trên đã nói, nhưng có một vài sai biệt.*

"Cho nên Tỳ-kheo, phải học như vầy: 'Ta sẽ thành tựu Tín lực. Cũng vậy, Tinh tấn lực, Tàm lực, Quý lực, Niệm lực, Định lực, Tuệ lực cũng phải học."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 690. THẤT LỰC (2)

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có bảy lực, *như trên đã nói, nhưng có một vài sai biệt.*

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ rằng:

Tín lực, Tinh tấn lực,
Cùng nói Tàm, Quý lực;
Niệm lực, Định, Tuệ lực,
Đó gọi là bảy lực.
Người thành tựu bảy lực,
Dứt nhanh các hữu lậu."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 691. QUẢNG THUYẾT THẤT LỰC

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có bảy lực. Những gì là bảy? Là Tín lực, Tinh tấn lực, Tàm lực,

Quý lực, Niệm lực, Định lực, Tuệ lực.

"Tín lực là thế nào? Là phát khởi lòng tin sâu xa, vững chắc đối với Như Lai, mà chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn, cùng những kẻ đồng pháp khác không thể nào phá hoại được, đó gọi là Tín lực.

"Tinh tấn lực là những gì? Là chỉ cho bốn Chánh đoạn. *Như trên đã nói đầy đủ.*

"Tàm lực là thế nào? Là hổ thẹn về pháp ác bất thiện. *Như trên đã nói.*

"Quý lực là thế nào? Là đối với việc đáng thẹn nên thẹn, thẹn về những pháp ác bất thiện khởi lên. *Như trên đã nói.*

"Niệm lực là những gì? Là chỉ cho bốn Niệm xứ. *Như trên đã nói.*

"Định lực là những gì? Là chỉ cho bốn Thiền. *Như trên đã nói.*

"Tuệ lực là những gì? Là chỉ cho bốn Thánh đế. *Như trên đã nói.*"

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 692. BÁT LỰC[85]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có tám lực. Tám lực là những gì? Lực của vương giả là sự tự tại. Lực của đại thần là đoán sự. Lực của người nữ là sự kết hận. Lực của trẻ con là khóc. Lực của người ngu là sự khen chê. Lực của người hiệt tuệ là sự thẩm sát. Lực của người xuất gia là sự nhẫn nhục. Lực của người học rộng là sự tính toán."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

---

85. Tham chiếu, Hán: N^{0}125(38.11); Paøli: A.8.27 Bala.

KINH 693. QUẢNG THUYẾT BÁT LỰC[86]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Như trên đã nói, nhưng có một vài sai biệt.

"Lực của vua tự tại, là sự biểu hiện oai lực của vua bằng sự tự tại. Lực của đại thần xử kiện, là sức mạnh của đại thần biểu hiện bằng cách xử kiện. Lực của người nữ kết hận là sức mạnh của người nữ bằng kết hận biểu hiện. Lực của trẻ khóc, là sức mạnh của đứa trẻ biểu hiện bằng tiếng khóc. Lực của người ngu khen chê, là sự khen chê khi xúc sự theo pháp của của người ngu. Lực của trí tuệ thẩm sát, là sự thẩm sát thường thể hiện của người trí tuệ. Lực của người xuất gia nhẫn nhục, là sự nhẫn nhục mà người xuất gia luôn luôn thể hiện. Lực của người học rộng tính toán, là sự suy tư tính toán mà người học rộng luôn luôn thể hiện."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 694. XÁ-LỢI-PHẤT VẤN[87]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Tôn giả Xá-lợi-phất đến chỗ Thế Tôn đảnh lễ dưới chân, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật rằng:

"Tỳ-kheo lậu tận có bao nhiêu lực?"

Phật bảo Xá-lợi-phất:

"Tỳ-kheo lậu tận có tám lực. Những gì là tám? Tỳ-kheo lậu tận tâm thuận hướng về sự viễn ly, chảy rót vào viễn ly, chuyển vần sâu vào sự viễn ly; tâm thuận hướng về sự thoát ly, chảy rót vào thoát ly, chuyển vần sâu vào sự viễn ly thoát ly; thuận hướng về Niết-bàn, chảy rót vào Niết-bàn, chuyển vần sâu vào Niết-bàn. Nếu khi thấy năm dục thì như thấy hầm lửa; khi thấy rồi, đối với dục niệm, dục thọ, dục trước, tâm dứt khoát không trụ vào, tu bốn Niệm xứ, bốn Chánh đoạn, bốn Như ý

86. Cf. N^{0}125(38.11); A.8.27 Bala.

87. Paøli, A.8.28 Bala.

túc, năm Căn, năm Lực, bảy Giác phần, tám Thánh đạo phần."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 695. DỊ TỲ-KHEO VẤN

"Như kinh Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi, kinh "Tỳ-kheo khác hỏi Phật" cũng vậy."

M

KINH 696. VẤN CHƯ TỲ-KHEO

"Kinh hỏi các Tỳ-kheo, cũng nói như trên."

M

KINH 697. CỬU LỰC[88]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có Chín lực. Những gì là chín? Đó là Tín lực, Tinh tấn lực, Tàm lực, Quý lực, Niệm lực, Định lực, Tuệ lực, Số lực, Tu lực."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 698. QUẢNG THUYẾT CỬU LỰC[89]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có Chín lực. Những gì là chín? Đó là Tín lực, Tinh tấn lực, Tàm

88. Cf. A.8.28 Bala.

89. Xem kinh 697.

lực, Quý lực, Niệm lực, Định lực, Tuệ lực, Số lực, Tu lực.

"Tín lực là thế nào? Như trên đã nói, là khởi lòng tin chân chánh vững chắc sâu xa vào Như Lai.

"Tinh tấn lực là những gì? Như trên đã nói, là chỉ cho bốn Chánh đoạn.

"Tàm lực là thế nào? *Như trên đã nói.*

"Quý lực là thế nào? *Như trên đã nói.*

"Niệm lực là thế nào? Như trên đã nói, là sống quán niệm thân trên thân.

"Định lực là thế nào? Là chỉ cho bốn Thiền.

"Tuệ lực là thế nào? Là chỉ cho bốn Thánh đế.

"Số lực là thế nào? Thánh đệ tử, nếu ở nơi phòng vắng hay dưới bóng cây, phải học như vầy: 'Người thân miệng làm hạnh ác, thì ngay trong hiện tại và đời sau sẽ nhận lãnh quả báo ác.' Như đã nói đầy đủ ở trên.

"Tu lực là thế nào? Là tu bốn Niệm xứ. Như trước đã nói."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 699. THẬP LỰC

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có Mười lực. Những gì là mười? Lực của vương giả là tự tại. Lực của đại thần là đoán sự. Lực của công xảo là máy móc. Lực của giặc cướp là đao kiếm. Lực của người nữ là kết hận. Lực của trẻ con là khóc. Lực của người ngu là sự khen chê. Lực của người hiệt tuệ là sự thẩm sát. Lực của người xuất gia là sự nhẫn nhục. Lực của người học rộng là sự tính toán."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 700. QUẢNG THUYẾT THẬP LỰC[90]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Như trên đã nói, nhưng có một vài sai biệt.

"Lực của vua tự tại, là sự biểu hiện oai lực của vua bằng sự tự tại. Lực của đại thần xử kiện, là sức mạnh của đại thần biểu hiện bằng cách xử kiện. Lực của công xảo máy móc, là người chế tạo ra máy móc biểu hiện sức mạnh bằng công xảo của nó. Lực của giặc cướp đao kiếm, là bọn giặc cướp quyết biểu hiện sức mạnh của nó bằng đao kiếm. Lực của người nữ kết hận là sức mạnh của người nữ biểu hiện bằng kết hận. Lực của trẻ khóc, là sức mạnh của đứa trẻ biểu hiện bằng tiếng khóc. Lực của người ngu khen chê, là sự khen chê khi xúc sự theo pháp của của người ngu. Lực của trí tuệ thẩm sát, là sự thẩm sát thường thể hiện của người trí tuệ. Lực của người xuất gia nhẫn nhục, là sự nhẫn nhục mà người xuất gia luôn luôn thể hiện. Lực của người học rộng tính toán, là sự suy tư tính toán mà người học rộng luôn luôn thể hiện."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 701. NHƯ LAI LỰC (1)[91]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có mười lực của Như Lai. Nếu thành tựu lực này, Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác đạt được tối thắng xứ như Phật quá khứ, có thể chuyển Phạm luân, ở giữa đại chúng, rống tiếng rống sư tử. Những gì là mười? Là Như Lai biết như thật về xứ, phi xứ, đó gọi

90. Xem kinh 692, 693.

91. Cf. A.10.21 Sīha. Xem kinh 684.

là lực ban đầu,... cho đến hết lậu, đã nói như trên[92]."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 702. NHƯ LAI LỰC (2)

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Như đã nói ở trên, nhưng có một vài sai biệt.

"Nếu có người đến hỏi Ta về trí lực xứ, phi xứ của Như Lai, thì Ta như điều được sở tri, sở kiến, giác ngộ, thành Đẳng Chánh Giác, vì người kia mà nói về trí lực, xứ, phi xứ của Như Lai."

Như đã nói đầy đủ ở trên[93]."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 703. NHƯ LAI LỰC (3)

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Nếu có pháp nào mà được ý giải, thân tác chứng, tất cả đều do trí vô úy của Như Lai phát sanh ra. Nếu Tỳ-kheo nào đến làm đệ tử của Ta, mà không siểm nịnh, không giả ngụy, sanh tâm ngay thẳng, Ta sẽ vì họ nói pháp, giáo giới truyền dạy. Sáng sớm vì họ nói pháp, giáo giới, truyền dạy, thì đến lúc giữa trưa sẽ đạt đến chỗ thắng tiến. Nếu chiều tối vì họ nói pháp, giáo giới truyền dạy thì đến sáng sớm hôm sau sẽ đạt đến chỗ thắng tiến. Khi đã truyền dạy như vậy rồi, thì họ sẽ sanh tâm ngay thẳng; thật thì biết thật, không thật thì biết không thật, trên thì biết là trên, không trên thì biết là không trên. Những điều nên biết, nên thấy, nên được, nên hiểu biết, thì tất cả đều biết rõ. Trường hợp ấy có xảy ra. Đó gọi là năm lực của hữu học và mười lực của Như Lai.

---

92. Như kinh 684.

93. Như kinh 687.

"Những gì là năm lực của hữu học? Đó là Tín lực, Tinh tấn lực, Niệm lực, Định lực, Tuệ lực.

"Mười lực của Như Lai. Những gì là mười? Biết như thật xử phi xứ[94]. Như đã nói mười lực đầy đủ ở trên. Nếu có người đến hỏi Ta về trí lực xứ, phi xứ của Như Lai, thì Ta như điều được sở tri, sở kiến, giác ngộ, thành Đẳng chánh giác, vì người kia mà nói về trí lực xứ, phi xứ của Như Lai... cho đến trí lực lậu tận, cũng nói như vậy.

"Này các Tỳ-kheo, trí lực xứ phi xứ đó Ta nói là định chứ chẳng phải không định,... cho đến trí lực lậu tận, ta nói là định, chẳng phải không định. Định là chánh đạo, Phi định là tà đạo."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 704. BẤT CHÁNH TƯ DUY[95]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Nếu không chánh tư duy[96], tham dục triền cái chưa khởi sẽ khởi; tham dục triền cái đã khởi sẽ tăng trưởng rộng lớn. Sân nhuế, thùy miên, trạo hối và nghi triền cái chưa khởi thì sẽ khởi; sân nhuế, thùy miên, trạo hối và nghi cái đã khởi sẽ tăng trưởng rộng lớn. Niệm giác chi chưa khởi sẽ không khởi; niệm giác chi đã khởi sẽ thoái thất. Trạch pháp, tinh tấn, khinh an[97], hỷ, định, xả giác chi chưa khởi sẽ không khởi; trạch pháp, tinh tấn, khinh an, hỷ, định, xả giác chi đã khởi sẽ thoái thất.

"Nếu Tỳ-kheo chánh tư duy, tham dục cái chưa khởi sẽ không

---

94. Trong nguyên bản: *như thật tri phi xứ*: có sự chép nhầm.

95. Ấn Thuận Hội Biên, tụng 4, "12. Tương ưng Giác chi," gồm sáu mươi kinh, từ số 901-967 (Đại Chánh, 704-747). Quốc Dịch, "4. Tương ưng Bồ-đề phần". Phần lớn tương đương Paøli, S.46 Bojjhaíga-saöyutta. –Đại Chánh kinh 704, Paøli, S.46.24 Ayonisa.

96. Bất chánh tư duy 不正思惟. Paøli: ayoniso manasikaroto, không tác ý như lý.

97. Nguyên Hán: ỷ 猗.

khởi; tham dục cái đã khởi sẽ khiến diệt. Sân nhuế, thùy miên, trạo hối và nghi cái chưa khởi sẽ không khởi; sân nhuế, thùy miên, trạo hối và nghi cái đã khởi sẽ đoạn. Niệm giác chi chưa khởi sẽ khởi; đã khởi rồi thì sẽ tái sanh khiến thêm rộng; trạch pháp, tinh tấn, khinh an, hỷ, định, xả giác chi chưa khởi sẽ khởi; đã khởi sẽ tái sanh khiến thêm rộng."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 705. BẤT THOÁI[98]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có năm pháp bất thoái. Những gì là năm? Đó là tham dục, sân nhuế, thùy miên, trạo hối và nghi cái. Đó gọi là pháp thoái. Nếu tu tập bảy Giác chi, tu tập nhiều, sẽ khiến tăng rộng. Đó gọi là pháp bất thoái. Những gì là bảy? Đó Niệm giác chi, Trạch pháp giác chi, Tinh tấn giác chi, Khinh an[99] giác chi, Hỷ giác chi, Định giác chi, Xả giác chi. Đó gọi là pháp bất thoái."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 706. CÁI[100]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có năm pháp, có thể làm cho đen tối, có thể làm cho không mắt, có thể làm cho không trí, có thể làm cho sút giảm trí tuệ, chẳng phải minh, chẳng phải đẳng giác, chẳng chuyển hướng Niết-bàn.

---

98. Paøli, S.46.37 Vuñ ñhi.

99. Xem cht.97 trên.

100. Paøli, S.46.40 Nìvaraòa.

Những gì là năm? Đó là tham dục, sân nhuế, thùy miên, trạo hối và nghi. Như vậy, năm pháp này có thể làm cho đen tối, có thể làm cho không mắt, có thể làm cho không trí, chẳng phải minh, chẳng phải chánh giác, chẳng chuyển hướng Niết-bàn.

"Nếu có bảy Giác chi, thì có thể làm ánh sáng lớn, có thể làm con mắt, tăng trưởng trí tuệ, là minh, là chánh giác, chuyển hướng Niết-bàn. Những gì là bảy? Đó là Niệm giác chi, Trạch pháp giác chi, Tinh tấn giác chi, Khinh an giác chi, Hỷ giác chi, Định giác chi, Xả giác chi, làm ánh sáng lớn, có thể làm con mắt, tăng trưởng trí tuệ, là minh, là chánh giác, chuyển hướng Niết-bàn."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 707. CHƯỚNG CÁI[101]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có năm chướng, năm cái[102], phiền não nơi tâm[103], có thể làm sút giảm trí tuệ và làm phần chướng ngại, chẳng phải minh, chẳng phải chánh giác, chẳng chuyển hướng Niết-bàn. Những gì là năm? Đó là tham dục cái, sân cái, thùy miên cái, trạo hối cái, nghi cái. Năm cái này là che kín, là bao phủ, phiền não ở tâm, khiến cho trí tuệ bị suy giảm, là phần chướng ngại, chẳng phải minh, chẳng phải đẳng giác, chẳng chuyển hướng Niết-bàn.

"Nếu là bảy Giác chi, thì chẳng che kín, chẳng bao phủ, chẳng phiền não nơi tâm, tăng trưởng trí tuệ, là minh, là chánh giác, chuyển hướng Niết-bàn.

---

101. Paøli, S.46.38 AØvaraòa-nìvaraòa.

102. Ngũ chướng ngũ cái □ □. Paøli: paóca aøvaraòaø nìvaraònaø, năm chướng cái, chướng ngại và ngăn che.

103. Phiền não ư tâm □. Paøli: cetaso upakkilesaø, là những tùy phiền não của tâm: là những thứ làm ô uế tâm.

Những gì là bảy? Đó là Niệm giác chi... *Như đã nói ở trên*... cho đến Xả giác chi. Như bảy Giác chi này chẳng che kín, chẳng bao phủ, chẳng phiền não nơi tâm, tăng trưởng trí tuệ, là minh, là chánh giác, chuyển hướng Niết-bàn."

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói bài kệ rằng:

Tham dục, sân nhuế cái,
Thùy miên, trạo hối, nghi;
Như năm thứ cái này,
Tăng trưởng các phiền não.
Năm cái che thế gian,
Đắm sâu khó độ được;
Ngăn che đối chúng sanh,
Khiến không thấy chánh đạo.
Nếu đắc Thất giác chi,
Thì có thể chiếu sáng;
Chỉ lời chân thật này,
Đấng Chánh Giác đã nói.
Niệm giác chi là đầu,
Trạch pháp, chánh tư duy;
Tinh tấn, ỷ[104]*, hỷ giác,*
Tam-muội, xả giác chi.
Như bảy Giác chi này,
Chánh đạo của Mâu-ni;
Tùy thuận Đấng Đại Tiên,
Thoát sợ hãi sanh tử.

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

---

104. Tức khinh an.

KINH 708. THỌ[105]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Nếu có thiện gia nam tử, xả bỏ công việc đời, xuất gia học đạo; cạo bỏ râu tóc, mặc ca-sa, chánh tín sống không nhà, xuất gia học đạo. Trong số xuất gia như vậy, có người ngu si, nương vào nơi xóm làng, thành ấp; sáng đắp y mang bát vào thôn khất thực, nhưng vì không khéo giữ thân, không giữ gìn cửa các căn, không nhiếp thu các niệm mình, nên khi nhìn thấy những thiếu nữ trang điểm xinh đẹp, sanh tâm đắm nhiễm, không chánh tư duy, tâm chạy theo nắm bắt sắc tướng, tưởng đến sắc dục, làm cho tâm dục hừng hẫy, thiêu đốt tâm, thiêu đốt thân, trả lại giới, trở về thế gian, tự thụt lùi chìm đắm. Trong khi đã yểm ly việc đời, xuất gia học đạo rồi mà còn nhiễm đắm trở lại, làm tăng thêm các tội nghiệp để tự phá hoại, che lấp, chìm đắm.

"Có năm loại cây lớn, hạt mầm của nó rất nhỏ, nhưng cây lớn lên thì to lớn, bóng cây có thể che tối các loại cây tạp nhỏ, khiến âm u héo úa, không sanh trưởng được. Những gì là năm? Đó là cây kiền-giá-da[106], cây Ca-tỳ-đa-la[107], cây A-thấp-ba-tha[108], cây Ưu-đàm-bát-la[109], cây Ni-câu-lưu-tha[110]. Như vậy, năm loại cây đại thọ[111] này, tuy mầm của nó rất nhỏ, nhưng từ từ phát triển lớn lên, bóng của nó che khuất các cây nhỏ, có thể khiến cho tất cả bị che khuất rũ xuống. Những gì là năm? Đó là tham dục cái, dần dần tăng trưởng; là sân nhuế[112], thùy miên, trạo hối, nghi cái, dần dần tăng trưởng. Vì tăng

---

105. Gốc cây. Paøli, S.46.39 Rukkha.

106. Kiền-giá-da 揵遮耶 . Paøli: kacchaka.

107. Ca-tỳ-đa-la 迦捭多羅 . Paøli: kapithaka.

108. A-thấp-ba-tha 阿濕波他 . Paøli: assattha.

109. Ưu-đàm-bát-la 優曇鉢羅 . Paøli: udumbara.

110. Ni-câu-lưu-tha 尼拘留他 . Paøli: nigrodha.

111. Nguyên Hán: tâm thọ 心樹 , có thể nhầm. Paøli: mahaørukkha, cây đại thọ.

112. Trong để bản thiếu sân nhuế. Thêm vào cho đủ.

trưởng, nên khiến cho thiện tâm bị che khuất rũ xuống. Nếu tu tập bảy Giác chi, tu tập nhiều, sẽ chuyển thành bất thoái. Những gì là bảy? Là Niệm giác chi, Trạch pháp, Tinh tấn, Khinh an, Hỷ, Định, Xả giác chi. Tu tập bảy Giác chi như vậy, tu tập nhiều, sẽ chuyển thành bất thoái chuyển."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 709. THẤT GIÁC CHI[113]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

"Nếu Tỳ-kheo chuyên nhất tâm mình, lắng nghe Chánh pháp, có thể đoạn năm pháp; tu tập bảy pháp khiến cho càng lúc càng thăng tiến mãn túc. Đoạn Năm pháp gì? Là tham dục cái, sân nhuế cái, thùy miên cái, trạo hối cái và nghi cái, đó gọi là đoạn Năm pháp. Tu tập bảy pháp gì? Là Niệm giác chi, Trạch pháp giác chi, Tinh tấn giác chi, Khinh an giác chi, Hỷ giác chi, Định giác chi và Xả giác chi. Nếu tu bảy pháp này thì càng lúc càng thăng tiến mãn túc."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 710. THÍNH PHÁP

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Thánh đệ tử có tín tâm thanh tịnh, chuyên tinh nghe pháp, có thể đoạn được năm pháp, tu tập bảy pháp, khiến cho được đầy đủ. Những gì là năm? Là tham dục cái, sân nhuế, thùy miên, trạo hối và nghi cái. Đây là những cái cần đoạn. Những gì là bảy pháp? Là Niệm

---

113. Paøli, S.46.23 Æhaøna.

giác chi, Trạch pháp, Tinh tấn, Khinh an, Hỷ, Định, Xả giác chi. Bảy pháp này được tu tập đầy đủ, với người có tịnh tín; đó gọi là tâm giải thoát; người có trí gọi là tuệ giải thoát. Nếu người nào bị tham dục nhiễm tâm thì sẽ không có đắc, sẽ không có lạc; người nào bị vô minh nhiễm tâm, thì trí tuệ không trong sạch. Cho nên, Tỳ-kheo lìa tham dục, thì tâm giải thoát; lìa vô minh, thì tuệ giải thoát. Nếu Tỳ-kheo đó đã lìa tham dục, thì tự thân tác chứng tâm giải thoát; lìa vô minh, tuệ giải thoát, đó gọi là Tỳ-kheo đoạn ái phược, kết, mạn, chứng đắc hiện quán[114], cứu cánh biên tế khổ."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 711. VÔ ÚY (1)[115]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong núi Kỳ-xà-quật, thành Vương xá. Bấy giờ có vương tử Vô Úy[116] thường ngày đi bộ, thong thả dạo chơi, đi đến chỗ Đức Phật; sau khi diện kiến chào hỏi Thế Tôn xong, ngồi lui qua một bên, bạch Phật rằng:

"Bạch Thế Tôn, có Sa-môn, Bà-la-môn thấy như vầy, nói như vầy: 'Chúng sanh phiền não, không nhân, không duyên; chúng sanh thanh tịnh, không nhân, không duyên[117].' Còn Thế Tôn thì thế nào?"

Phật bảo Vô Úy:

"Vì các Sa-môn, Bà-la-môn nói những điều mà họ không suy nghĩ, ngu si, không phân biệt, không khéo léo, chẳng biết suy nghĩ, chẳng biết suy lường nên nói: 'Chúng sanh phiền não, không nhân, không duyên; chúng sanh thanh tịnh, không nhân, không duyên.' như vậy. Vì sao? Vì chúng sanh phiền não có nhân, có duyên và chúng sanh thanh tịnh, có nhân, có duyên.

---

114. Đẳng vô gián □ □ bản Minh: vô minh. Xem cht.8 kinh 259.

115. Paøli, S.46.56 Abhaya.

116. Vô Úy vương tử □ Paøli: Abhaya raøjakumaøra.

117. Bản Paøli: thuyết của Puraòa kassapa. Trong Trường bộ, đây là thuyết Luân hồi tịnh hóa của Makkhali Gosaøla; xem D.ii. Saømaóóaphala-sutta.

“Chúng sanh phiền não có nhân gì, duyên gì? Chúng sanh thanh tịnh có nhân gì, duyên gì? Vì tham dục chúng sanh tăng thượng nên đối với của cải, đồ vật của người khác khởi lên lòng tham nói rằng: ‘Vật này là sở hữu của tôi thì tốt.’ Nó yêu thích không muốn xa lìa. Đối với chúng sanh khác khởi lên lòng sân hận, hung ác, toan tính, muốn đánh, muốn trói, chèn ép, gia tăng những việc trái đạo, tạo ra các nạn, không từ bỏ sân nhuế. Thân ham ngủ nghỉ, tâm lại lười biếng, tâm luôn dao động; bên trong không tịch tĩnh, tâm thường nghi hoặc, nghi quá khứ, nghi vị lai, nghi hiện tại. Này Vô Úy, vì những nhân như vậy, những duyên như vậy, nên chúng sanh phiền não. Vì những nhân như vậy, những duyên như vậy nên chúng sanh thanh tịnh.”[118]

Vô Úy bạch Phật:

“Thưa Cù-đàm, một phần triền cái đã đủ là phiền não tâm, huống chi là tất cả!”

Vô Úy lại bạch Phật:

“Bạch Cù-đàm, chúng sanh thanh tịnh có nhân gì, có duyên gì?“

Phật bảo Vô Úy:

“Nếu Bà-la-môn nào có một niệm thù thắng, quyết định thành tựu; những việc đã làm từ lâu, những lời nói từ lâu, có thể tùy theo nhớ nghĩ, ngay lúc ấy tu tập Niệm giác chi. Khi Niệm giác chi đã tu tập rồi, thì niệm giác đầy đủ. Khi niệm giác đã đầy đủ rồi, thì có sự lựa chọn, phân biệt, tư duy, lúc bấy giờ tu tập Trạch pháp giác chi. Khi đã tu tập Trạch pháp giác chi rồi, thì trạch pháp giác đầy đủ. Khi đã lựa chọn, phân biệt, suy lường pháp rồi, thì sẽ nỗ lực tinh tấn; ở đây, tu tập Tinh tấn giác chi. Khi đã tu tập Tinh tấn giác chi rồi, thì tinh tấn giác đầy đủ. Khi đã nỗ lực tinh tấn rồi, thì hoan hỷ sẽ sanh, xa lìa các tưởng về thức ăn, tu hỷ giác chi. Khi đã tu Hỷ giác chi rồi, thì hỷ giác đầy đủ. Khi Hỷ giác chi đã đầy đủ rồi, thì thân và tâm khinh an[119]; lúc ấy tu Khinh an giác chi. Khi đã tu Khinh an giác chi rồi, thì khinh an giác sẽ đầy đủ. Khi thân đã khinh an rồi, thì sẽ được an lạc và khi đã an lạc rồi thì tâm sẽ định; khi ấy tu Định giác chi. Khi đã tu Định giác

---

118. Ấn Thuận, câu này dư, cắt bỏ.

119. Nguyên Hán: ỷ tức Ửa ® Š.

chi rồi, thì định giác sẽ đầy đủ, Khi định giác chi đã đầy đủ rồi, thì tham ái sẽ bị diệt và tâm xả sanh ra; khi ấy tu Xả giác chi. Khi đã tu Xả giác chi rồi, thì xả giác sẽ đầy đủ. Như vậy, này Vô Úy, vì nhân này, duyên này mà chúng sanh thanh tịnh."

Vô Úy bạch Cù-đàm:

"Nếu một phần *(trong bảy Giác chi này)* đầy đủ, thì cũng khiến cho chúng sanh thanh tịnh, huống chi là tất cả."

Vô Úy bạch Phật:

"Bạch Cù-đàm, kinh này tên gì và phải phụng trì như thế nào?"

Phật bảo vương tử Vô Úy:

"Nên gọi đây là kinh Giác Chi."

Vô Úy bạch Phật:

"Bạch Cù-đàm, đây là giác phần tối thắng. Bạch Cù-đàm, con là Vương tử, đã an lạc, mà vẫn thường cầu an lạc, nhưng ít khi ra vào. Nay lên trên núi, tứ chi tuy mỏi mệt, nhưng được nghe Cù-đàm nói kinh Giác Chi nên quên tất cả sự mệt nhọc."

Sau khi Phật nói kinh này xong, vương tử Vô Úy nghe những gì Phật đã dạy, hoan hỷ tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng lên, cúi đầu lễ dưới chân Phật rồi lui.

❑

TẠP A HÀM QUYỂN 27

KINH 712. VÔ ÚY (2)[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong hang núi Kỳ-xà-quật, tại thành Vương xá.

Như đã nói ở trên, nhưng có một vài sai biệt:

"Có Sa-môn, Bà-la-môn thấy như vầy, nói như vầy: 'Không có nhân, không có duyên cho sự vô trí, vô kiến, của chúng sanh. Không nhân, không duyên cho trí kiến của chúng sanh[2].' Như đã nói đầy đủ... *cho đến* vương tử Vô Úy, sau khi nghe những gì Đức Phật đã dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, cúi đầu lễ dưới chân Phật, rồi lui.

M

KINH 713. CHUYỂN THÚ[3]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ có số đông các Tỳ-kheo, sáng sớm đắp y mang bát vào thành Vương xá khất thực. Lúc ấy số đông các Tỳ-kheo nghĩ như vầy: 'Hôm nay còn quá sớm, chưa đến giờ đi khất thực. Chúng ta hãy ghé qua tinh xá các ngoại đạo.' Số đông các Tỳ-kheo này liền vào tinh xá ngoại đạo, cùng các ngoại đạo chào hỏi nhau. Sau khi chào hỏi nhau xong, ngồi qua một bên.

Các ngoại đạo hỏi Tỳ-kheo rằng:

"Sa-môn Cù-đàm vì các đệ tử nói pháp đoạn trừ năm cái, chúng che lấp tâm làm cho tuệ lực suy kém, là phần chướng ngại, không chuyển hướng Niết-bàn. An trụ bốn Niệm xứ, tu bảy Giác ý.

---

1. Đại Chánh quyển 27. Phật Quang quyển 27. Quốc Dịch quyển 24. Paøli, S.46.56 Abhya.
2. Bản Paøli, quan điểm của Puraòa Kassapa: natthi hetu natthi paccayo aóóaøya adassanaøya ahetu apaccayo aóóaønaö adassanaö hoti, không có nhân, không duyên cho sự vô trí và vô kiến; vì vậy, vô trí, vô kiến là vô nhân vô duyên. Xem thuyết vô tác (akiriya), D.ii. Smaøóóaphala-sutta.
3. Paøli, S.46.52 Pariyaøya.

Chúng tôi cũng vậy, vì các đệ tử nói đoạn năm cái vốn che lấp tâm làm cho tuệ lực suy giảm và khéo an trụ bốn Niệm xứ, tu bảy Giác phần. Chúng tôi cùng với Sa-môn Cù-đàm có gì là khác nhau, đều có thể nói pháp?"

Khi các Tỳ-kheo nghe những điều ngoại đạo nói, trong lòng không vui, bèn chỉ trích ngược lại[4], rồi từ chỗ ngồi đứng dậy bỏ đi, vào thành Xá-vệ khất thực. Khất thực xong, trở về tinh xá, cất y bát, rửa chân xong, đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật, ngồi lui sang một bên, đem những lời nói của ngoại đạo bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Lúc ngoại đạo kia nói như vậy, các ông nên hỏi ngược lại rằng: 'Năm cái của ngoại đạo, chủng loại lý ưng là mười. Bảy Giác chi, đáng ra phải là mười bốn.' Mười của năm cái là những gì? Mười bốn của bảy giác là những gì? Nếu hỏi như vậy, những ngoại đạo kia sẽ tự giật mình tán loạn. Theo pháp của ngoại đạo[5], tâm sanh sân nhuế, kiêu mạn, chê bai, hiềm hận, không nhẫn thọ, hoặc im lặng cúi đầu, không thể biện luận, âm thầm suy nghĩ. Vì sao? Ta không thấy người nào trong chúng chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn, Trời, Người nghe những gì Ta nói mà hoan hỷ tùy thuận, chỉ trừ có Như Lai và chúng Thanh văn ở đây nghe mà thôi[6].

"Này các Tỳ-kheo, mười của năm cái là những gì? Đó là có tham dục bên trong, tham dục bên ngoài. Tham dục bên trong kia là triền cái, là chẳng phải trí, chẳng phải đẳng giác, không chuyển hướng đến Niết-bàn. Tham dục bên ngoài kia là cái, chẳng phải trí, chẳng phải đẳng giác, không chuyển hướng đến Niết-bàn.

"Sân nhuế có tướng sân nhuế. Nếu sân nhuế cùng với tướng

---

4. Hán: phản a mạ 反阿罵. Bản Paøli: neva abhinandiösu nappaæikkosiösu, không hoan hỷ cũng không chỉ trích.

5. Hán: thuyết ngoại đạo pháp 說外道法. Tống-Nguyên-Minh: dư chữ *thuyết*. Xem đoạn văn tương đương ở kinh 714.

6. Bản Paøli: naøhaö... yo imesaö paóhaønaö veyyaøkaraòena cittaö aøraødheyya aóóatra tathaøgatena vaø tathaøgatasaøvakena vaø ito vaø sutvaø, Ta... không ai có thể làm hài lòng với sự trả lời cho những câu hỏi này, trừ Như Lai hay đệ tử của Như Lai đã nghe từ đây.

sân nhuế[7], tức là triền cái, chẳng phải trí, chẳng phải đẳng giác, không chuyển đến Niết-bàn. Có thùy, có miên[8]; thùy này, miên này tức là triền cái, chẳng phải trí, chẳng phải đẳng giác, không chuyển hướng đến Niết-bàn. Có trạo cử, có hối tiếc; trạo cử này, hối tiếc này tức là cái[9], chẳng phải trí, chẳng phải đẳng giác, không chuyển hướng đến Niết-bàn. Có nghi pháp thiện, có nghi pháp bất thiện[10]; nghi pháp thiện này, nghi pháp bất thiện này tức là cái, chẳng phải trí, chẳng phải đẳng giác, không chuyển hướng đến Niết-bàn. Đó gọi là năm cái nói mười.

"Bảy Giác phần nói là mười bốn là những gì? Có tâm an trú chánh niệm nơi pháp bên trong[11], có tâm an trú chánh niệm nói pháp bên ngoài. Niệm trụ pháp bên trong này chỉ cho Niệm giác phần, là trí, là đẳng giác, có thể chuyển hướng đến Niết-bàn; niệm trụ pháp bên ngoài này cũng chỉ cho Niệm giác phần, là trí, là đẳng giác, có thể chuyển hướng hướng đến Niết-bàn. Có tuyển trạch pháp thiện, tuyển trạch pháp chẳng thiện[12]. Tuyển trạch pháp thiện kia là chỉ cho Trạch pháp giác phần, là trí, là đẳng giác, có thể chuyển đến Niết-bàn; tuyển trạch pháp chẳng thiện kia cũng chỉ cho Trạch pháp giác phần, là trí, là đẳng giác, có thể chuyển đến Niết-bàn. Có tinh tấn để đoạn pháp bất thiện, có tinh tấn để nuôi lớn pháp thiện[13]. Tinh tấn để đoạn trừ pháp bất thiện kia là chỉ cho Tinh tấn giác phần, là trí, là đẳng giác, có thể chuyển đến Niết-bàn. Tinh tấn để nuôi lớn pháp thiện kia cũng chỉ cho Tinh tấn giác phần, là trí, là đẳng giác, có thể

---

7. Bản Paøli: ajjhattaö vyaøpaødo, bahiddhaø vyaøpaødo, nội sân, ngoại sân.
8. Hữu thụy, hữu miên. Bản Paøli: thinaö nìvaraòaö, middhaö nìvaraòaö, hôn trầm là triền cái; thụy miên là triền cái.
9. Trạo (điệu) hối [illegible]. Paøli: uddhacca-kukkucca, bồn chồn và hối tiếc.
10. Bản Paøli: ajjhattaö dhammesu vicikicchaø, bahiddhaø dhammesu vicikicchaø, hoài nghi các pháp bên trong, hoài nghi các pháp bên ngoài.
11. Bản Paøli: yadapi... ajjhattaö dhammesu sati tadapi satibojjhaígo, có chánh niệm nơi các pháp bên trong, đó là niệm giác chi.
12. Bản Paøli: ajjhattaö dhammesu paóóaøya pavicinati pavicarati... bahidhaø dhammesu..., bằng trí tuệ mà khảo sát (tư trạch) và khảo nghiệm (tư sát) các pháp bên trong... các pháp bên ngoài.
13. Bản Paøli: kaøyikaö vìriyaö...cetasikaö vìriyaö, thân tinh tấn, tâm tinh tấn.

chuyển đến Niết-bàn. Có hỷ, có hỷ xứ[14]. Hỷ này là Hỷ giác phần, là trí, là đẳng giác, có thể chuyển đến Niết-bàn. Hỷ xứ này cũng là Hỷ giác phần, là trí, là đẳng giác, có thể chuyển đến Niết-bàn. Có thân khinh an, có tâm khinh an[15]. Thân khinh an này là Khinh an giác phần, là trí, là đẳng giác, có thể chuyển đến Niết-bàn; tâm khinh an này cũng là Khinh an giác phần, là trí, là đẳng giác, có thể chuyển đến Niết-bàn. Có định, có tướng định[16]. Định này chỉ cho Định giác phần, là trí, là đẳng giác, có thể chuyển đến Niết-bàn; tướng định này cũng chỉ cho Định giác phần, là trí, là đẳng giác, có thể chuyển đến Niết-bàn. Có xả pháp thiện, có xả pháp bất thiện[17]. Xả pháp thiện này chỉ cho Xả giác phần, là trí, là đẳng giác, có thể chuyển đến Niết-bàn; xả pháp bất thiện này cũng chỉ cho Xả giác phần, là trí, là đẳng giác, có thể chuyển đến Niết-bàn. Đó gọi là bảy Giác phần nói là mười bốn."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 714. HỎA[18]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ có số đông các Tỳ-kheo.

Như đã nói ở trên, nhưng có một vài sai biệt.

"Có các xuất gia ngoại đạo nói như vậy, nên hỏi lại rằng: 'Nếu tâm yếu kém, còn do dự, bấy giờ nên tu những giác phần nào? Những

---

14. Bản Paøli: savitakkavicaøraø pìtì...avitakkaøvicaraø pìtì, hỷ đồng hành với tầm tứ, hỷ không đồng hành với tầm tứ.

15. Nguyên Hán: thân ỷ tức, tâm y tức □□□□. Paøli: kaøyapassaddhi, cittapassaddhi.

16. Bản Paøli: savitakko savicaøro samaødhi, avitakko avicaøro samaødhi, định có tầm có tứ, định không tầm không tứ.

17. Bản Paøli: ajjhattaö dhammesu upekkhaø, bahidhaø dhammesu upekkhaø, xả nơi các pháp bên trong, xả nơi các pháp bên ngoài.

18. Paøli, S.46.53 Aggi.

gì tu không đúng lúc[19]? Nếu lại tâm điệu cử[20]; với tâm điệu cử, do dự ấy, bấy giờ nên tu những giác phần nào? Và những gì là không đúng lúc? Nếu hỏi như vậy, các ngoại đạo kia tâm sẽ giật mình, phân tán, nói lãng sang những pháp khác; tâm sanh phẫn nhuế, kiêu mạn, hủy báng, hiềm hận không nhẫn thọ; hoặc im lặng, cúi đầu, không thể biện luận âm thầm suy nghĩ. Vì sao? Ta không thấy người nào trong chúng chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn, Trời, Người nghe những gì Ta nói mà hoan hỷ tùy thuận, chỉ trừ có Như Lai và chúng Thanh văn ở đây nghe mà thôi[21].

"Này các Tỳ-kheo, nếu lúc tâm yếu kém, tâm do dự, thì không nên tu Khinh an giác phần, Định giác phần, Xả giác phần. Vì sao? Khi tâm yếu kém phát sanh, vì yếu kém, do dự, các pháp này càng làm tăng thêm yếu kém. Thí như một đóm lửa mà muốn cháy mạnh lên, lại bỏ than tro[22] vào. Thế nào, này Tỳ-kheo, chẳng phải vì thêm tro vào khiến cho lửa tắt chăng?"

Tỳ-kheo bạch Phật:

"Đúng vậy, bạch Thế Tôn!"

"Cũng vậy, Tỳ-kheo, yếu đuối, do dự, nếu tu Khinh an giác phần, Định giác phần, Xả giác phần, thì đây không phải thời, vì tăng thêm lười biếng thôi.

"Hoặc khi tâm điệu cử khởi lên, nếu tâm điệu cử, do dự, bấy giờ, không nên tu Trạch pháp giác phần, Tinh tấn giác phần, Hỷ giác phần. Vì sao? Vì khi tâm điệu cử khởi lên, với tâm điệu cử, do dự, các pháp này làm cho tăng thêm. Thí như lửa đang cháy, muốn dập tắt mà đem cỏ khô thêm vào. Ý các ông thế nào? Há không khiến cho lửa cháy bùng lên đó sao?"

Tỳ-kheo bạch Phật:

"Đúng vậy, bạch Thế Tôn!"

---

19. Bản Paøli:... lìnaö cittaö hoti, katamesaö tasmiö samaye bojjhaígaønaö akaølo bhaøvanaøya... kaølo bhaøvanaøya, khi tâm co rút, lúc ấy là hợp thời để tu tập những giác chi nào, không hợp thời cho sự tu tập những giác chi nào.
20. Xem cht.8 kinh 713.
21. Xem cht.6 kinh 713.
22. Hán: tiêu thán ¼¬ ¬. Bản Paøli:... allaøni ceva tiòaøni,... allaøni ca gomayaøni,... allaøni ca kaæææhaøni pakkhipeyya, bỏ vào những cỏ ướt, phân bò ướt, củi ướt.

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Khi tâm điệu cử khởi lên, nếu tâm điệu cử, do dự, mà tu Trạch pháp giác phần, Tinh tấn giác phần, Hỷ giác phần, làm tăng thêm điệu cử.

"Này các Tỳ-kheo, khi tâm yếu đuối sanh khởi, nếu tâm yếu đuối, do dự. Lúc bấy giờ nên tu Trạch pháp giác phần, Tinh tấn giác phần, Hỷ giác phần. Vì sao? Vì khi tâm yếu đuối sanh khởi, nếu tâm yếu đuối, do dự, bằng các pháp này mà được khai thị, chỉ giáo, khích lệ, làm cho hoan hỷ. Thí như một đóm lửa muốn cho nó cháy lên, thì nên cho cỏ khô vào. Thế nào Tỳ-kheo! Lửa này có cháy hừng lên không?"

Tỳ-kheo bạch Phật:

"Đúng vậy, bạch Thế Tôn!"

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Khi tâm yếu đuối sanh khởi như vậy, nếu tâm yếu đuối, do dự, lúc bấy giờ nên tu Trạch pháp giác phần, Tinh tấn giác phần, Hỷ giác phần để được khai thị, chỉ giáo, khích lệ, làm cho hoan hỷ.

"Hoặc khi tâm điệu cử sanh khởi; nếu tâm điệu cử, do dự, thì nên tu Khinh an giác phần, Định giác phần, Xả giác phần. Vì sao? Vì khi tâm điệu cử sanh khởi; nếu tâm điệu cử, do dự, thì bằng các pháp này mà có thể khiến cho an trụ bên trong, nhất tâm nhiếp trì. Thí như lửa đang cháy, muốn cho nó tắt, chỉ cần cho than tro vào, thì lửa này sẽ tắt.

"Như vậy, này các Tỳ-kheo, nếu tâm điệu cử, do dự, mà tu Trạch pháp giác phần, Tinh tấn giác phần, Hỷ giác phần thì không đúng thời; nếu tu Khinh an, Định, Xả giác phần thì tự nó mới đúng thời. Vì các pháp này khiến cho an trụ bên trong, nhất tâm, nhiếp trì. Niệm giác phần thì hỗ trợ cho tất cả."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 715. THỰC[23]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có năm triền cái, bảy Giác phần, có thức ăn, không thức ăn. Nay Ta sẽ nói. Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì các ông mà nói. Thí như thân thể phải nhờ vào thức ăn mới tồn tại, chứ chẳng phải không nhờ thức ăn. Cũng vậy, năm triền cái nhờ vào thức ăn mới tồn tại, chứ chẳng phải không nhờ thức ăn.

"Tham dục triền cái lấy gì làm thức ăn? Đó là tướng xúc[24]. Đối với tướng ấy mà không tư duy đúng[25], tham dục chưa khởi sẽ khiến khởi; tham dục đã khởi rồi thì có thể khiến cho tăng rộng. Đó gọi là thức ăn của dục ái triền cái[26].

"Những gì là thức ăn của sân nhuế triền cái? Đó là tướng chướng ngại[27]. Đối với tướng ấy mà không tư duy đúng, thì sân nhuế cái chưa khởi sẽ khiến khởi; sân nhuế cái đã khởi rồi thì có thể khiến cho tăng rộng. Đó gọi là thức ăn của sân nhuế triền cái.

"Những gì là thức ăn của thùy miên cái? Gồm có năm pháp. Những gì là năm? Đó là yếu đuối, chẳng vui, ngáp ợ, ăn nhiều, lười biếng. Đối với chúng không tư duy đúng, khi thùy miên cái chưa khởi thì khiến khởi, thùy miên cái đã khởi rồi, có thể khiến cho nó tăng rộng. Đó gọi là thức ăn của thùy miên cái.

"Những gì là thức ăn của trạo hối? Gồm có bốn pháp. Những gì là bốn? Đó là giác tưởng về thân thuộc, giác tưởng về mọi người, giác tưởng về chư Thiên, giác tưởng về những khoái lạc vốn đã tự kinh

---

23. Cf. S.46.2 Kaøya; 46.51 AØhaøra.

24. Hán: xúc tướng . Bản Paøli: subhanimitta, tịnh tướng.

25. Bản Paøli: ayonisomanasikaørabahulìkaøro, tu tập nhiều (với tịnh tướng) mà không tác ý một cách như lý.

26. Dục ái . Paøli: kaømachanda.

27. Chướng ngại tướng . Paøli: paæighanimittaö, tướng đối nghịch hay đối ngại. Trong Paøli, paæigha, có nghĩa là sân, cũng có nghĩa là đối nghịch (chướng ngại).

qua[28]. Tự mình nhớ nghĩ hay dò người khác khiến nhớ nghĩ mà sanh giác tưởng. Đối với chúng khởi tư duy không chân chánh, khi trạo hối chưa khởi thì khiến khởi; trạo hối đã khởi rồi thì có thể khiến cho nó tăng rộng. Đó gọi là thức ăn của trạo hối.

"Những gì là thức ăn của nghi cái? Có ba đời. Những gì là ba? Đó là đời quá khứ, đời vị lai, đời hiện tại. Đối với đời quá khứ còn do dự, đời vị lai còn do dự, đời hiện tại còn do dự. Đối với chúng khởi tư duy không chân chánh, nghi cái chưa khởi sẽ khiến khởi; nghi cái đã khởi thì có thể khiến cho nó tăng rộng. Đó gọi là thức ăn của nghi cái.

"Thí như thân thể nhờ vào thức ăn mà được nuôi lớn, chứ chẳng phải không nhờ thức ăn. Cũng vậy, bảy Giác phần cũng nhờ vào thức ăn mà tồn tại, nhờ vào thức ăn mà nuôi lớn, chứ chẳng phải không nhờ ăn.

"Cái gì là chẳng phải thức ăn của Niệm giác phần? Không tư duy về bốn Niệm xứ, Niệm giác phần chưa khởi sẽ chẳng cho khởi; Niệm giác phần đã khởi rồi, khiến cho giảm đi. Đó gọi là chẳng phải thức ăn của Niệm giác phần.

"Cái gì chẳng phải là thức ăn của Trạch pháp giác phần? Lựa chọn đối với pháp thiện, lựa chọn đối với pháp bất thiện; không tư duy đối với chúng, Trạch pháp giác phần chưa khởi sẽ không cho khởi; Trạch pháp giác phần đã khởi sẽ khiến cho bị giảm đi. Đó gọi là chẳng phải thức ăn của Trạch pháp giác phần.

"Những gì là chẳng phải là thức ăn của Tinh tấn giác phần? bốn Chánh đoạn; đối với chúng không tư duy, tinh tấn giác phần chưa khởi sẽ không khởi; Tinh tấn giác phần đã khởi sẽ khiến cho bị giảm đi. Đó gọi là không phải thức ăn của Tinh tấn giác phần.

"Những gì là chẳng phải là thức ăn của Hỷ giác phần? Có pháp Hỷ, có pháp hỷ xứ; đối với chúng không tư duy, Hỷ giác phần chưa khởi sẽ không cho khởi; Hỷ giác phần đã khởi sẽ khiến cho bị giảm đi. Đó gọi là chẳng phải thức ăn của Hỷ giác phần.

"Những gì là chẳng phải là thức ăn của Khinh an giác phần? Có thân khinh an cùng tâm khinh an; đối với chúng không tư duy, khi

---

28. Bản Paøli: cetaso avuøpasamo, tâm không an tĩnh.

Khinh an giác phần chưa sanh sẽ không cho khởi; Khinh an giác phần đã sanh sẽ khiến cho bị giảm đi. Đó gọi là chẳng phải thức ăn của Khinh an giác phần.

"Những gì là chẳng phải là thức ăn của Định giác phần? Có bốn Thiền; đối với chúng không tư duy, Định giác phần chưa khởi sẽ không cho khởi; Định giác phần đã khởi sẽ khiến cho bị giảm đi. Đó gọi là chẳng phải thức ăn của Định giác phần.

"Những gì là chẳng phải là thức ăn của Xả giác phần? Có ba giới; đó là đoạn giới, vô dục giới, diệt giới; đối với chúng không tư duy, Xả giác phần chưa khởi sẽ không cho khởi; Xả giác phần đã khởi sẽ khiến cho bị giảm đi. Đó gọi là chẳng phải thức ăn của Xả giác phần.

"Những gì là chẳng phải là thức ăn của tham dục cái? Quán bất tịnh; tư duy đối với nó, tham dục cái chưa khởi sẽ không khởi; tham dục cái đã khởi sẽ khiến cho bị dứt. Đó gọi là chẳng phải thức ăn của tham dục cái.

"Những gì là chẳng phải thức ăn của sân nhuế cái? Tư duy về tâm từ kia,[29] sân nhuế cái chưa sanh sẽ không khởi; sân nhuế cái đã sanh sẽ khiến cho bị diệt đi. Đó gọi là chẳng phải thức ăn của sân nhuế cái.

"Những gì là chẳng phải thức ăn của thùy miên cái? Tư duy về sự chiếu sáng[30] kia, khi thùy miên chưa sanh, không cho khởi; thùy miên đã sanh rồi, khiến cho bị diệt đi. Đó gọi là chẳng phải thức ăn của thùy miên cái.

"Những gì là chẳng phải thức ăn của trạo hối cái? Tư duy đúng về sự tĩnh chỉ kia, trạo hối cái chưa sanh sẽ không khởi; trạo hối cái đã sanh sẽ khiến cho diệt đi. Đó gọi là chẳng phải thức ăn của trạo hối cái.

"Những gì là chẳng phải thức ăn của nghi cái? Tư duy về pháp duyên khởi, nghi cái chưa sanh sẽ không khởi; nghi cái đã sanh sẽ khiến cho diệt đi. Đó gọi là chẳng phải thức ăn của nghi cái.

---

29. Bản Paøli: mettaøcetovimutti, từ tâm giải thoát.

30. Hán: minh chiếu. Bản Paøli: atthi aørambhadhaøtu nikkamadhaøtu parakkamadhaøtu, có phát cần giới, tinh cần giới, dũng mãnh giới.

"Thí như thân thể phải nhờ vào thức ăn mà sống, nhờ vào ăn mà tồn tại. Những gì là thức ăn của Niệm giác phần? Tư duy bốn Niệm xứ rồi, Niệm giác phần chưa sanh sẽ khiến cho sanh khởi; Niệm giác phần đã sanh càng sanh khởi khiến cho tăng rộng. Đó gọi là thức ăn của Niệm giác phần.

"Những gì là thức ăn của Trạch pháp giác phần? Có lựa chọn pháp thiện, có lựa chọn pháp bất thiện; khi tư duy về chúng, nếu Trạch pháp giác phần chưa sanh, khiến cho sanh khởi, Trạch pháp giác phần đã sanh rồi, thì càng sanh khởi khiến cho tăng rộng. Đó gọi là thức ăn của Trạch pháp giác phần.

"Những gì là thức ăn của Tinh tấn giác phần? Tư duy về bốn Chánh đoạn, nếu Tinh tấn giác phần chưa sanh, khiến cho sanh khởi, Tinh tấn giác phần đã sanh rồi, thì tái sanh khiến cho tăng rộng. Đó gọi là thức ăn của Tinh tấn giác phần.

"Những gì là thức ăn của Hỷ giác phần? Có Hỷ, có Hỷ xứ; tư duy về chúng, nếu Hỷ giác phần chưa sanh, khiến sanh khởi; Hỷ giác phần đã sanh rồi, thì tái sanh khiến cho tăng rộng. Đó gọi là thức ăn của Hỷ giác phần.

"Những gì là thức ăn của Khinh an giác phần? Có thân khinh an, tâm khinh an; tư duy về chúng, nếu Khinh an giác phần chưa sanh, khiến sanh khởi, Khinh an giác phần đã sanh rồi, thì tái sanh khiến cho tăng rộng. Đó gọi là thức ăn của Khinh an giác phần.

"Những gì là thức ăn của Định giác phần? Tư duy về bốn Thiền, Định giác phần chưa sanh, khiến cho sanh khởi, Định giác phần đã sanh rồi, thì tái sanh khiến cho tăng rộng. Đó gọi là thức ăn của Định giác phần.

"Những gì là thức ăn của Xả giác phần? Gồm có ba giới. Những gì là ba? Đó là đoạn giới, vô dục giới, diệt giới; tư duy về chúng, Xả giác phần chưa sanh khiến cho sanh khởi; Xả giác phần đã sanh rồi, thì tái sanh khiến cho tăng rộng. Đó gọi là thức ăn của Xả giác phần."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 716. PHÁP (1)[31]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Ở trong nội pháp, Ta không thấy có một pháp nào mà pháp ác bất thiện chưa sanh lại khiến cho nó sanh; pháp ác bất thiện đã sanh rồi, thì tái sanh khiến cho tăng rộng. Hay pháp thiện chưa sanh, khiến cho không sanh; đã sanh rồi, khiến cho bị giảm đi. Đó là không tư duy chân chánh.

"Này các Tỳ-kheo, không tư duy chân chánh, tham dục cái chưa sanh khiến cho sanh; đã sanh rồi, thì tái sanh khiến tăng rộng. sân nhuế, thùy miên, trạo hối, nghi cái chưa sanh, khiến cho sanh; đã sanh rồi, thì tái sanh khiến cho tăng rộng. Niệm giác phần chưa sanh, không cho sanh; đã sanh rồi, khiến giảm đi; Trạch pháp, Tinh tấn, Hỷ, Khinh an, Định, Xả giác phần chưa sanh, không cho sanh; đã sanh rồi, khiến giảm đi.

"Ta không thấy một pháp nào có thể khiến cho pháp ác bất thiện chưa sanh thì không sanh; đã sanh rồi, khiến cho đoạn; pháp thiện chưa sanh, thì khiến sanh; đã sanh rồi, thì cho tái sanh khiến tăng rộng. Đó là tư duy chân chánh.

"Này Tỳ-kheo, tư duy chân chánh thì tham dục cái chưa sanh, sẽ khiến không sanh; đã sanh rồi, khiến cho nó dứt. Sân nhuế, thùy miên, trạo hối, nghi cái chưa sanh, khiến không sanh; đã sanh rồi, khiến dứt. Niệm giác phần chưa sanh, khiến cho sanh; sanh rồi, cho tái sanh khiến tăng rộng; Trạch pháp, Tinh tấn, Hỷ, Khinh an, Định, Xả giác phần chưa sanh, khiến cho sanh; đã sanh rồi, thì tái sanh khiến cho tăng rộng."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

---

31. Paøli, S.45.83 Yoniso; 46.29 Ekadhamma.

KINH 717. PHÁP (2)

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Ở trong ngoại pháp, Ta không thấy một pháp nào như là tri thức ác, bạn đảng ác mà pháp ác bất thiện chưa sanh, khiến cho sanh, đã sanh rồi, thì tái sanh khiến cho tăng rộng; pháp thiện chưa sanh lại khiến không sanh; đã sanh rồi lại khiến giảm đi.

"Với tri thức ác, bạn đảng ác; tham dục cái chưa sanh, khiến sanh; đã sanh thì tái sanh khiến tăng rộng. Sân nhuế, thùy miên, trạo hối, nghi cái chưa sanh khiến sanh; đã sanh rồi, thì tái sanh khiến tăng rộng. Niệm giác phần chưa sanh, thì khiến không sanh, đã sanh rồi khiến giảm đi; Trạch pháp, Tinh tấn, Hỷ, Khinh an, Định, Xả giác phần chưa sanh, khiến không sanh; đã sanh rồi, khiến giảm đi.

"Này các Tỳ-kheo, Ta không thấy một pháp nào, mà pháp ác bất thiện chưa sanh, khiến không sanh, đã sanh rồi, khiến nó dứt; khi pháp thiện chưa sanh, khiến sanh, đã sanh rồi, thì tái sanh khiến tăng rộng. Đó là thiện tri thức, thiện bạn đảng, thiện tùy tùng.

"Với thiện tri thức, thiện bạn đảng, thiện tùy tùng, tham dục cái chưa sanh, thì không cho sanh; đã sanh rồi, thì khiến cho diệt đi; sân nhuế, thùy miên, trạo hối, nghi cái chưa sanh, thì khiến cho không sanh, đã sanh rồi, thì khiến dứt. Niệm giác phần chưa sanh, thì khiến sanh, đã sanh rồi, thì tái sanh khiến tăng rộng; Trạch pháp, Tinh tấn, Hỷ, Khinh an, Định, Xả giác phần khi chưa sanh, thì khiến sanh, đã sanh rồi, thì tái sanh khiến chúng tăng rộng."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 718. XÁ-LỢI-PHẤT[32]

Tôi nghe như vầy:

---

32. Paøli, S.46.4 Vatta.

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Tôn giả Xá-lợi-phất bảo các Tỳ-kheo:

"Có bảy Giác phần. Những gì là bảy? Đó là Niệm giác phần, Trạch pháp giác phần, Tinh tấn giác phần, Hỷ giác phần, Khinh an giác phần, Định giác phần, Xả giác phần. Bảy Giác phần này quyết định mà được, không tinh cần mà được, tôi tùy theo ý muốn mà chứng nhập một giác phần[33]. Hoặc buổi sáng, giữa trưa, hay buổi chiều mà nếu muốn chứng nhập, thì nhiều lần chứng nhập tùy theo sở dục. Thí như vua, đại thần, có đủ thứ y phục để ở trong rương tráp, tùy theo nhu cầu cần dùng của mình mà vào lúc trưa hay chiều, theo ý dùng tự do. Cũng vậy, này các Tỳ-kheo, bảy Giác phần này, vì quyết định mà được, không tinh cần mà được, tùy ý chứng nhập. Tôi, đối với Niệm giác phần này, là thuần trắng thanh tịnh, lúc khởi biết khởi, lúc diệt biết diệt, lúc biến mất biết biến mất; đã khởi biết đã khởi, đã diệt biết đã diệt. Cũng vậy, đối với Trạch pháp, Tinh tấn, Hỷ, Khinh an, Định, Xả giác phần, thì cũng nói như vậy."

Sau khi Tôn giả Xá-lợi-phất nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Tôn giả đã nói, đều hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 719. ƯU-BA-MA[34]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại ấp Ba-liên-phất. Bấy giờ Tôn giả Ưu-ba-ma[35], Tôn giả A-đề-mục-đa[36] đang ngụ tại tinh xá Kê lâm ở ấp Ba-liên-phất. Bấy giờ, Tôn giả A-đề-mục-đa vào buổi chiều sau khi từ thiền tịnh thức dậy, đến chỗ Tôn giả Ưu-ba-ma, chào hỏi khích lệ nhau xong, ngồi lui qua một bên, hỏi Tôn giả Ưu-ba-ma:

"Tôn giả, có thể cho biết phương tiện của bảy Giác phần[37],

---

33. Hán: giác phần chánh thọ.
34. Paøli, S.46.8 Upavaøòa.
35. Ưu-ba-ma . Paøli: Upavaøòa.
36. A-đề-mục-đa . Paøli: Adhimutta.
37. Thất giác phần phương tiện . Paøli: susamaøraddhaø satta

được chứng nhập với an trú lạc[38] như vậy, hay chứng nhập với an trú khổ như vậy?"

Ưu-ba-ma đáp rằng:

"Tôn giả A-đề-mục-đa, Tỳ-kheo khéo biết phương tiện tu bảy Giác phần thì cũng có thể chứng nhập với an trú lạc như vậy, cũng có thể chứng nhập với an trú khổ như vậy."

Lại hỏi:

"Tỳ-kheo làm thế nào để khéo biết phương tiện tu bảy Giác phần?"

Ưu-ba-ma đáp rằng:

"Tỳ-kheo lúc phương tiện tu Niệm giác phần, tư duy biết rằng[39] 'Tâm kia không khéo giải thoát, không bỏ ngủ nghỉ, không khéo điều phục trạo hối. Như tư duy về pháp Niệm giác xứ của ta, tuy phương tiện tinh tấn cũng không đạt được bình đẳng.' Cũng vậy, Trạch pháp, Tinh tấn, Hỷ, Khinh an, Định, Xả giác phần cũng nói như vậy.

"Nếu Tỳ-kheo lúc phương tiện tu Niệm giác phần, trước hết tư duy: 'Tâm khéo giải thoát, dẹp bỏ ngủ nghỉ, điều phục trạo hối, đối với pháp Niệm giác xứ này như ta tư duy rồi, sau đó tuy không tinh cần phương tiện mà đạt được bình đẳng. Như vậy A-đề-mục-đa, Tỳ-kheo biết phương tiện tu bảy Giác phần, chứng nhập với an trú lạc như vậy, chứng nhập với an trú khổ như vậy."

Sau khi hai vị Chánh sĩ cùng bàn luận với nhau xong, mỗi người từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

M

KINH 720. A-NA-LUẬT

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Tôn giả A-na-luật cũng ở nước Xá-vệ, trong tinh xá Tòng

---

bojjhaígaø, bảy Giác chi được khéo nỗ lực.

38. Lạc trú chánh thọ ¼Ư /ı ₮¿ ·. Paøli: phaøsuvihaøraøya saövattanti, chúng tác dụng để dẫn đến an trú lạc.

39. Hán: tri tư duy ª¾ ·±©. Ấn Thuận thêm từ *bất* ∅£ : không biết tư duy.

lâm. Lúc ấy, có số đông các Tỳ-kheo đến chỗ A-na-luật, chào hỏi khích lệ nhau. Sau khi chào hỏi khích lệ xong, ngồi lui qua một bên, nói với Tôn giả A-na-luật:

"Thưa Tôn giả có biết, khi phương tiện tu bảy Giác phần, có sanh ra lạc trú không?"

Tôn giả A-na-luật bảo các Tỳ-kheo rằng:

"Tôi biết, lúc Tỳ-kheo phương tiện tu bảy Giác phần, sanh ra lạc trú."

Các Tỳ-kheo hỏi Tôn giả A-na-luật:

"Thế nào là biết Tỳ-kheo khi phương tiện tu bảy Giác phần, sanh lạc trú?"

Tôn giả A-na-luật bảo các Tỳ-kheo:

"Tỳ-kheo phương tiện tu Niệm giác phần, mà khéo biết tư duy, tâm ta khéo giải thoát, khéo bỏ ngủ nghỉ, khéo điều phục trạo hối. Như pháp niệm giác phần xứ này, tư duy rồi, nỗ lực phương tiện, tâm không lười biếng, thân khinh an không loạn động, buộc tâm an trụ, không khởi loạn niệm, nhất tâm chứng nhập. Cũng vậy, đối với Trạch pháp, Tinh tấn, Hỷ, Khinh an, Định, Xả giác phần cũng nói như vậy. Đó gọi là biết Tỳ-kheo lúc phương tiện tu bảy Giác phần, thì sanh ra lạc trú."

Sau khi các Tỳ-kheo nghe những gì Tôn giả A-na-luật đã nói, đều hoan hỷ tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

M

KINH 721. CHUYỂN LUÂN VƯƠNG (1)[40]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Lúc Chuyển luân Thánh vương ra đời, có bảy báu hiện ra ở thế gian: bánh xe vàng báu, voi báu, ngựa báu, thần châu báu, ngọc nữ báu, quan giữ kho báu. Cũng vậy, Như Lai xuất thế cũng có báu bảy Giác phần hiện ra.

---

40. Paøli, 46.42 Cakkavatti.

"Trai giới[41], ngồi trên lầu quán, đại thần vây quanh, có bánh xe vàng báu xuất hiện từ phương Đông, bánh xe có ngàn căm, trục quay đều, vành bánh xe tròn, tướng bánh xe đầy đủ, vua nghĩ: 'Có điềm lành này, nên chắc chắn là Chuyển luân Thánh vương. Ta nay nhất định là Luân vương.' Liền dùng hai tay đỡ lấy bánh xe vàng báu, đặt vào giữa lòng tay trái, tay phải thì quay, nói rằng: 'Nếu đây là bánh xe vàng báu của Chuyển luân Thánh vương, thì hãy quay theo con đường cổ xưa của Chuyển luân Thánh vương mà đi.' Lúc ấy bánh xe báu liền xuất phát, lăn đi phía trước vua và số đông, ở phương Đông, nương vào hư không, nhắm hướng Đông mà đi, lăn theo con đường ngay thẳng của Thánh vương xưa. Vua theo bánh xe báu; bốn binh chủng cùng theo. Nếu đến nơi nào bánh xe báu dừng lại thì vua và bốn binh chủng cũng dừng lại nơi đó. Các Tiểu vương những xứ phương Đông thấy Thánh vương đến, tất cả đều quy phục.

"Như Lai xuất hiện ở đời cũng có bảy Giác phần hiện ra ở thế gian; đó là Niệm giác phần, Trạch pháp giác phần, Tinh tấn giác phần, Hỷ giác phần, Khinh an giác phần, Định giác phần, Xả giác phần."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 722. CHUYỂN LUÂN (2)[42]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Lúc Chuyển luân Thánh vương xuất hiện ở đời, bảy báu cũng hiện ra ở thế gian.

"Khi Chuyển luân Thánh vương ra đời, bánh xe vàng báu xuất hiện như thế nào? Bấy giờ Thánh vương Quán đảnh dòng Sát-lợi,

---

41. Bản Hán, văn đột ngột; có thể nhảy sót một đoạn. Xem kinh 722 dưới.

42. Paøli, S.46.42 Cakkavatti. Tham chiếu, N^{0}125(39.7), D.17 Mahaøsudassana-suttanta.

nhằm vào ngày rằm, tắm rửa sạch sẽ, thọ trì trai giới, ở trên lầu các, đại thần vây quanh. Khi ấy, có bánh xe vàng báu từ phương Đông xuất hiện. Bánh xe có ngàn căm, trục quay đều, vành bánh xe tròn, tướng bánh xe đầy đủ, bằng vàng ròng cõi trời. Vua tự nghĩ: 'Nghe từ xa xưa truyền lại rằng, ngày rằm nhằm ngày bố-tát, Đại vương Quán đảnh dòng Sát-lợi, tắm rửa sạch sẽ, thọ trì trai phước, thì có bánh xe báu hiện ra. Nay cũng như ngày xưa, đã có điềm lành này, nên biết ta là Chuyển luân Thánh vương.' Liền dùng hai tay đỡ lấy bánh xe vàng báu, đặt vào giữa lòng tay trái, tay phải thì quay, nói rằng: 'Nếu là bánh xe vàng báu của Chuyển luân Thánh vương, thì phải quay lại con đường cổ xưa của Chuyển luân Thánh vương mà đi.' Nói xong lời này rồi, bấy giờ bánh xe báu liền từ trước vua nhắm hướng Đông mà đi theo con đường ngay thẳng của Thánh vương xưa. Nhà vua cùng bốn binh chủng theo bánh xe báu, đến phương Đông. Các Tiểu vương các nước phương Đông thấy Thánh vương đến, đều tung hô: 'Lành thay, hoan nghinh Đại vương đến! Đây là nước của Đại vương. Nước này an ổn, nhân dân phồn vinh an lạc. Xin ngài dừng lại ở đây, giáo hóa mọi người nước này. Chúng tôi thảy đều là tùy tùng của Thiên tôn.'

Thánh vương đáp rằng:

"–Này các chủ tụ lạc, từ nay các ngươi nên khéo giáo hóa người dân trong nước. Nếu có ai nghịch lại, thì nên đến báo cho ta, sẽ theo như pháp luật mà giáo hóa. Chớ nên làm những điều phi pháp. Và cũng nên khiến mọi người trong nước khéo cải hóa những điều phi pháp. Nếu đúng như vậy, thì đó là theo sự giáo hóa của ta.

"Từ biển Đông này, Thánh vương nương theo đường của Thánh vương xưa đến biển Nam. Rồi nương theo con đường của Thánh vương xưa vượt biển Nam mà đến biển Tây; theo con đường của Thánh vương xưa vượt qua biển Tây đến biển Bắc. Các Tiểu vương quốc của các phương Nam, Tây, Bắc đều cung đón thỉnh mời cũng nói đầy đủ như phương Đông. Bấy giờ, bánh xe vàng báu mà Thánh vương đã đi theo này vượt qua biển Bắc, trở lại trên cung điện Chánh trị, ở giữa hư không. Đó là Chuyển luân Thánh vương khi xuất hiện ở đời thì có bánh xe vàng báu hiện ra ở thế gian.

"Khi Chuyển luân Thánh vương xuất hiện ở đời, voi trắng báu hiện ra ở thế gian như thế nào? Đại vương Quán đảnh dòng Sát-lợi

thấy voi hoàn toàn trắng, màu sắc nó tươi đẹp, bảy chi vững vàng[43]. Thánh vương thấy vậy, lòng hân hoan nghĩ: 'Voi báu này, nay lại ứng hiện đối với ta.' Vua liền cho kêu tượng sư, người điều phục voi giỏi, bảo nhanh chóng điều phục voi báu này, khi nào điều phục xong hãy đưa đến. Tượng sư vâng lệnh, chưa đầy một ngày mà đã điều phục được voi; đầy đủ tất cả dấu hiệu chứng tỏ đã được điều phục. Giống như voi khác đã được điều phục trong một năm; con voi báu này chỉ được điều phục trong vòng một ngày mà được như vậy. Sau khi đã điều phục xong, dẫn đến chỗ vua, tâu lên vua rằng: 'Voi này đã được điều phục xong, giờ xin vua biết cho.'

"Bấy giờ, Thánh vương, xem kỹ tướng voi đã được điều phục hoàn bị này, rồi cưỡi voi báu, vào lúc sáng sớm, đi khắp bốn biển, cho đến giữa ngày trở về vương cung. Đó gọi là khi Chuyển luân Thánh vương xuất hiện ở đời, thì voi báu này hiện ra ở thế gian.

"Khi Chuyển luân Thánh vương xuất hiện ở đời, thì ngựa báu hiện ra ở thế gian như thế nào? Chuyển luân Thánh vương sở hữu một con ngựa báu, thân toàn màu xanh, đầu đen, đuôi đỏ. Thánh vương thấy ngựa, lòng sanh hân hoan, nghĩ: 'Ngựa thần này, nay lại ứng hiện đối với ta.' Vua liền giao cho mã sư, hãy nhanh chóng điều phục nó, khi nào điều phục xong thì dẫn đến đây. Mã sư vâng lệnh, chưa đầy một ngày mà đã điều phục được ngựa này. Giống như ngựa khác đã được điều phục cả năm, ngựa báu này chỉ không đầy một ngày mà được điều phục như vậy. Sau khi biết ngựa đã điều phục xong, dẫn đến chỗ vua thưa rằng: 'Ngựa này đã được điều phục xong.'

"Bấy giờ, Thánh vương xem kỹ tướng ngựa báu đã được điều phục hoàn bị, rồi cưỡi ngựa báu, vào lúc sáng sớm, đi khắp bốn biển, cho đến giữa ngày trở về vương cung. Đó gọi là khi Chuyển luân Thánh vương xuất hiện ở đời thì ngựa báu cũng hiện ra thế gian.

"Khi Chuyển luân Thánh vương xuất hiện ở đời, thì ngọc báu Ma-ni hiện ra ở thế gian như thế nào? Ngọc báu mà Chuyển luân Thánh vương sở hữu, hình dáng của nó có tám cạnh, chiếu ánh sáng đượm, không tỳ vết, thường làm đèn sáng trong cung vua. Chuyển luân Thánh vương thí nghiệm ngọc báu. Vào một đêm trời mưa tối tăm, cầm ngọc báu đi trước dẫn đường, đem bốn binh chủng vào trong vườn rừng, ánh sáng của nó tỏa rạng ra cỡ một do-tuần. Đó gọi là lúc Chuyển luân Thánh vương xuất hiện ở đời, thì ngọc báu Ma-ni

---

43. Hán: thất chi trụ địa 七支住地. Paøli: sattappatiæhito. Bảy chỗ.

hiện ra ở thế gian.

"Khi Chuyển luân Thánh vương xuất hiện ở đời, thì Ngọc nữ hiền báu hiện ra ở thế gian như thế nào? Ngọc nữ mà Chuyển luân Thánh vương sở hữu, không đen không trắng, không cao không thấp, không lớn quá, không nhỏ quá, không mập không ốm, thân thể đoan chánh, thân thể lúc lạnh thì ấm, lúc nóng thì mát, thân thể mềm mại như áo ca-lăng-già; những lỗ chân lông trên cơ thể toát ra mùi hương chiên-đàn, hơi thở mũi, miệng thoảng mùi thơm Ưu-bát-la; ngủ sau dậy trước, hầu hạ nhà vua, theo sắc mặt biết ý mà phục vụ; lời nói dịu dàng đáng yêu, đoan tâm chánh niệm làm cho vua phát sanh đạo ý; tâm không vượt trái, huống chi là thân và khẩu. Đó gọi là lúc Chuyển luân Thánh vương xuất hiện ở đời thì có Ngọc nữ hiện ra thế gian.

"Khi Chuyển luân Thánh vương xuất hiện ở đời thì thần báu chủ kho tàng hiện ra thế gian? Vì đại thần chủ kho tàng của Chuyển luân Thánh vương, vốn hay làm việc bố thí, nên khi sanh ra đã có thiên nhãn, có thể thấy kho tàng ẩn dấu là có chủ hay không chủ, hoặc dưới nước hay trong đất, hoặc gần hay xa, tất cả đều thấy hết. Khi Chuyển luân Thánh vương cần trân bảo thì lập tức ra lệnh, tùy theo chỗ cần dùng của vua liền dâng lên. Một hôm Thánh vương muốn xem thử khả năng của vị đại thần này, nên cho giong thuyền ra biển và bảo vị đại thần này:

"–Ta đang cần vật báu.

Đại thần tâu vua rằng:

"–Xin dừng bên bờ một chút, thần sẽ dâng lên.

Vua bảo đại thần này:

"–Hiện tại ta không cần vật báu bên bờ, mà cần đưa hết cho ta ngay[44]!

"Bấy giờ, ngay trong nước đại thần liền lấy ra bốn chum vàng, bên trong đựng đầy kim bảo dâng lên Thánh vương, tùy theo chỗ cần dùng của vua mà lấy sử dụng. Nếu lấy đủ rồi, những kim bảo còn lại đều được trả lại trong nước. Đó gọi là Thánh vương khi xuất hiện ở đời, thì có thần chủ kho tàng như vậy hiện ra ở thế gian.

"Khi Thánh vương xuất hiện ở đời, có thần chủ binh hiện ra ở thế gian như thế nào? Có vị đại thần chủ binh thông minh, tài trí, biện thông. Cũng như người ở thế gian thành tựu sự suy tính khéo léo, thần

44. Bản Cao-ly: tận thời . Bản Tống-Nguyên-Minh: trú thời (ngay ban ngày).

này tùy theo chỗ cần của Đại vương mà đáp ứng như cần đi, cần dừng lại, cần xuất, cần nhập; hay bốn loại binh chủng của Thánh vương đang hành quân đường xa chợt dừng lại vẫn khiến không bị mệt mỏi; biết tất cả những gì vua cần nên làm, cùng những việc có công đức ngay trong hiện tại và đời sau đem trình tâu Thánh vương. Đó gọi là lúc Chuyển luân Thánh vương xuất hiện ở đời, có sự xuất hiện của thần chủ binh. Cũng vậy, khi Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác xuất hiện ở đời, có bảy Giác phần hiện ra ở thế gian.

"Những gì là bảy? Đó là Niệm giác phần, Trạch pháp giác phần, Tinh tấn giác phần, Hỷ giác phần, Khinh an giác phần, Định giác phần, Xả giác phần."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 723. NIÊN THIẾU[45]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Lành thay, Tỳ-kheo! Nương[46] vào người mà nghe pháp, các Tỳ-kheo trẻ tuổi nên cúng dường, phụng sự các vị Trưởng lão tôn túc. Vì sao? Vì nếu Tỳ-kheo nhỏ tuổi nào cúng dường, phụng sự các vị Tỳ-kheo Trưởng lão, thì lúc nào cũng nghe được pháp thâm diệu. Sau khi đã nghe pháp thâm diệu rồi, sẽ thành tựu được hai việc chánh là thân chánh và tâm chánh; bấy giờ tu Niệm giác phần. Sau khi tu Niệm giác phần rồi, Niệm giác phần sẽ đầy đủ. Khi Niệm giác phần đã đầy đủ rồi, đối với pháp lựa chọn, phân biệt, suy lường; bấy giờ, phương tiện tu tập Trạch pháp giác phần, chi tiết cho đến, tu tập Xả giác phần sẽ đều đầy đủ."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---

45. Cf. S. 46.3. Sìlaø (phần đầu).

46. Nguyên bản: tăng . Theo Tống bản: y .

M

KINH 724. QUẢ BÁO PHỤNG SỰ[47]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Nếu Tỳ-kheo trì giới, tu đức, có tàm quý, thành tựu pháp chân thật. Người nào thấy vị này, sẽ được nhiều quả báo. Hoặc lại nghe vị này, hoặc còn nhớ nghĩ đến, theo xuất gia, sẽ được nhiều công đức; huống chi là lại gần gũi, cung kính, phụng sự. Vì sao? Vì gần gũi, phụng sự người như vậy, thì lúc nào cũng sẽ được nghe pháp thâm diệu. Sau khi đã nghe pháp thâm diệu rồi, sẽ thành tựu hai việc chánh là thân chánh và tâm chánh, phương tiện tu tập Định giác phần. Sau khi đã tu tập rồi, sự tu tập sẽ đầy đủ... cho đến, Xả giác phần tu tập đầy đủ."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 725. BẤT THIỆN TỤ[48]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Nói tụ bất thiện là nói năm triền cái, đó là chánh thuyết. Vì sao? Tụ thuần bất thiện, đó chính là năm triền cái. Những gì là năm? Đó là tham dục cái, sân nhuế cái, thùy miên cái, trạo hối cái và nghi cái.

"Nói tụ thiện là nói bảy Giác phần, đó là chánh thuyết. Vì sao? Thuần nhất thanh tịnh, đó chính là bảy Giác phần. Những gì là bảy? Đó là Niệm giác phần, Trạch pháp giác phần, Tinh tấn giác phần, Hỷ giác phần, Khinh an giác phần, Định giác phần, Xả giác

47. S.46.3 Sìla (phaàn ñaàu).

48. S. 46.24 Ayoniso.

phần.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 726. THIỆN TRI THỨC[49]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tinh xá Giáp cốc[50] thành Vương xá. Khi ấy Tôn giả A-nan cũng ở tại đó.

Bấy giờ, Tôn giả ở một mình nơi vắng, thiền tịnh tư duy và nghĩ như vầy: ‘Một nửa phạm hạnh tức là thiện tri thức, thiện bạn đảng, thiện tùy tùng, chẳng phải là ác tri thức, ác bạn đảng, ác tùy tùng.’

Rồi Tôn giả từ thiền tịnh tỉnh giấc, đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật rằng:

“Bạch Thế Tôn, Con ở một mình nơi vắng, thiền định tư duy và nghĩ như vầy: ‘Một nửa phạm hạnh này là thiện tri thức, thiện bạn đảng, thiện tùy tùng, chẳng phải là ác tri thức, ác bạn đảng, ác tùy tùng’.”

Phật bảo A-nan:

“Chớ nghĩ như vầy: ‘Một nửa phạm hạnh này là thiện tri thức, thiện bạn đảng, thiện tùy tùng, chẳng phải là ác tri thức, ác bạn đảng, ác tùy tùng.’ Vì sao? Thuần nhất mãn tịnh, phạm hạnh thanh bạch[51], chính là thiện tri thức, thiện bạn đảng, thiện tùy tùng, chẳng phải là ác tri thức, ác bạn đảng, ác tùy tùng. Vì Ta là thiện tri thức nên có chúng sanh ở nơi Ta mà tiếp nhận Niệm giác phần, y viễn ly, y vô dục, y tịch diệt, hướng đến xả. Cũng vậy, Trạch giác phần, Tinh tấn giác phần, Hỷ, Khinh an, Định và Xả giác phần, y viễn ly, y vô dục, y tịch diệt, hướng đến xả. Vì vậy cho nên, A-nan, thuần nhất mãn tịnh, phạm hạnh thanh bạch chính là thiện tri thức, thiện bạn đảng, thiện tùy tùng,

---

49. S. 45. 2 Upaññha.

50. Giáp cốc tinh xá

51. Paøli: sakalam evidaö brahmacariyaö yadidö kalyaòaømittaø kalyaøòasahaøyataø, chính toàn bộ đời sống phạm hạnh này là thiện tri thức, thiện đồng hành...

chẳng phải là ác tri thức, ác bạn đảng, ác tùy tùng."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 727. CÂU-DI-NA[52]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại tụ lạc Lực sĩ, du hành trong nhân gian, đến khoảng giữa thành Câu-di-na-kiệt và sông Hy-liên, ở cạnh tụ lạc. Bấy giờ Thế Tôn bảo Tôn giả A-nan:

"Hôm nay, Ta bị đau lưng, muốn nằm nghỉ một chút. Hãy gấp Uất-đa-la-tăng làm bốn lớp cho Thế Tôn."

Tôn giả A-nan liền vâng lời dạy, gấp làm bốn lớp, trải Uất-đa-la-tăng xong bạch Phật rằng:

"Bạch Thế Tôn con đã gấp làm bốn lớp và đã trải Uất-đa-la-tăng rồi, xin Thế Tôn biết cho!"

Bấy giờ, Thế Tôn gối đầu lên Tăng-già-lê gấp dày, nằm nghiêng hông bên phải, hai chân xếp chồng nhau, cột niệm vào tướng sáng, chánh niệm chánh trí, với giác tưởng muốn trỗi dậy, bảo Tôn giả A-nan:

"Ông hãy nói về bảy Giác phần."

Tôn giả A-nan liền bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, đó là Niệm giác phần, được Thế Tôn nói sau khi tự giác ngộ, thành Đẳng chánh giác, y viễn ly, y vô dục, y diệt, hướng đến xả. Và đối với Trạch pháp, Tinh tấn, Hỷ, Khinh an, Định, Xả giác phần, được Thế Tôn nói sau khi thành Đẳng chánh giác, y viễn ly, y dục, y diệt, hướng đến xả."

Phật bảo A-nan:

"Ông nói tinh tấn chăng?"

A-nan bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, con nói tinh tấn. Bạch Thiện Thệ, con nói tinh tấn."

Phật bảo A-nan:

---

52. S. 46.16 Gilaøna. Cf. D.16 Mahaøparinibbaøna-suttanta.

"Chỉ tu tập tinh tấn, tu tập nhiều, sẽ được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác."

Nói xong, Ngài ngồi ngay thẳng, cột niệm. Lúc này, có một Tỳ-kheo liền nói kệ rằng:

Thích nghe pháp vi diệu,
Chịu đau, bảo người nói;
Tỳ-kheo liền nói pháp,
Nói về bảy Giác phần.
Lành thay! Ngài A-nan,
Hiểu rõ khéo diễn thuyết;
Pháp thanh thịnh thù thắng,
Nói lìa cấu vi diệu.
Niệm, Trạch pháp, Tinh tấn,
Hỷ, Khinh an, Định, Xả;
Đó là bảy Giác phần,
Pháp vi diệu khéo nói.
Nghe nói bảy Giác phần,
Đạt sâu vị Chánh giác;
Thân chịu nhiều đau nhức,
Gắng chịu ngồi lắng nghe.
Hãy nhìn vua chánh pháp,
Thường vì người nói năng;
Mà còn thích nghe nói,
Huống chi người chưa nghe.
Trí tuệ lớn bậc nhất,
Mười lực, bậc đáng lễ;
Ngài cũng lại vội vàng,
Đến nghe nói Chánh pháp.
Người hiểu biết thông đạt,
Khế kinh, A-tỳ-đàm;
Người thông suốt Pháp luật,
Còn nghe huống chi người.
Nghe nói pháp như thật,
Chuyên tâm tĩnh giác nghe;
Những pháp Phật đã dạy,

Được lìa dục, vui sướng.
Vui sướng thân nhẹ nhàng,
Tâm tự vui cũng vậy;
Tâm vui được chứng nhập,
Chánh quán trong việc làm.
Nhàm chán ba đường ác,
Lìa dục tâm giải thoát;
Chán các Hữu đường ác,
Không tạo nhân Trời, Người.
Vô dư, như đèn tắt,
Cứu cánh Bát-niết-bàn;
Nghe pháp nhiều phước lợi,
Những lời dạy tối thắng;
Cho nên luôn tư duy,
Nghe lời Đại Sư dạy.

Tỳ-kheo này nói kệ xong, từ chỗ ngồi đứng dậy mà đi.

M

KINH 728. THUYẾT[53]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có bảy Giác phần. Những gì là bảy? Đó là Niệm giác phần,... cho đến Xả giác phần."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

53. S. 46.22 Desanaø.

KINH 729. DIỆT[54]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Nên tu tập bảy Giác phần. Tu tập những gì là bảy Giác phần? Là Niệm giác phần,... cho đến Xả giác phần. Nếu Tỳ-kheo tu Niệm giác phần, y viễn ly, y vô dục, y diệt, hướng đến xả. Cũng vậy, tu Trạch pháp, Tinh tấn, Hỷ, Ỷ, Định và Xả giác phần, y viễn ly, y vô dục, y diệt, hướng đến xả."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 730. PHÂN[55]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Như đã nói ở trên, nhưng có một vài sai biệt.

"Các Tỳ-kheo, quá khứ đã tu bảy Giác phần như vậy, vị lai cũng sẽ tu bảy Giác phần như vậy."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 731. CHI TIẾT[56]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

---

54. S. 46.27 Nirodha.

55. S. 46.41 Vidhaø.

56. S. 46.9-10 Uppannaø; 46. 49 Aíga.

"Tỳ-kheo đối với Niệm giác phần thanh tịnh, trắng tinh, không có chi tiết, lìa các phiền não; giác chi ấy chưa khởi thì không khởi, trừ phi có Phật điều phục giáo thọ[57]. Cho đến Xả giác phần cũng nói như vậy.

"Nếu Tỳ-kheo đối với Niệm giác phần thanh tịnh, trắng tinh, không có chi tiết, lìa các phiền não; giác chi ấy chưa khởi thì khởi, vì được Phật điều phục giáo thọ, không phải khác. Cho đến Xả giác phần cũng nói như vậy."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 732. KHỞI[58]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Như đã nói ở trên, nhưng có một vài sai biệt.

"Giác chi chưa khởi không khởi, vì không có Thiện Thệ. Giác chi chưa khởi thì khởi, có Thiện Thệ điều phục giáo thọ, không phải khác."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 733. THẤT ĐẠO PHẨM (1)[59]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

---

57. Hán: trừ Phật điều phục giáo thọ ℒ /¡ ½ ˜ Ŷď ±Ď ±. Paøli:...bojjhaígaø bhaøvitaø bahulìkataø uppannaø uppajjanti naøóóatra tathaøgatassa paøtubhaøvaø, giác chi được tu tập, được sung mãn, nếu chưa sanh thì sanh, trừ phi không có Như Lai xuất hiện.

58. S. 46.9-10 Uppannaø. Xem kinh 731 trên.

59. S. 46.5 Bhikkhu.

Bấy giờ có Tỳ-kheo đến chỗ Đức Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật rằng:

"Bạch Thế Tôn, gọi là giác phần. Bạch Thế Tôn, thế nào là giác phần?"

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Giác phần là bảy pháp Đạo phẩm[60]. Nhưng này các Tỳ-kheo, bảy Giác phần phải theo thứ tự mà khởi, được tu tập đầy đủ."

Tỳ-kheo bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, thế nào là giác phần theo thứ tự mà khởi và tu tập đầy đủ?"

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Nếu Tỳ-kheo sống quán thân trên nội thân. Vị kia khi sống quán nội thân trên thân, nhiếp tâm cột niệm không quên, lúc bấy giờ phương tiện tu tập Niệm giác phần. Sau khi đã phương tiện tu tập Niệm giác phần, tu tập mãn túc. Khi Niệm giác phần đã được mãn túc, đối với pháp mà tuyển trạch, phân biệt, tư lường, lúc bấy giờ phương tiện tu tập Trạch pháp giác phần. Sau khi đã phương tiện tu tập, tu tập mãn túc. Như vậy cho đến tu tập mãn túc Xả giác phần. Như sống quán niệm nội thân trên thân, sống quán niệm ngoại thân, nội ngoại thân, thọ, tâm, pháp cũng vậy, lúc bấy giờ, chuyên tâm, cột niệm, không quên,... cho đến Xả giác phần cũng nói như vậy. An trú như vậy, thì giác phần khởi theo thứ tự; khi đã khởi theo thứ tự rồi, tu tập mãn túc."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 734. QUẢ BÁO (1)[61]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

---

60. Đạo phẩm pháp 道品法. Paøli: bodhaøya saövattantì 'ti... bojjhaígaø' ti vuccanti, chúng tư trợ cho sự giác ngộ, nên chúng được gọi là giác chi.

61. S. 48.65 Dve phalaø.

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo Tỳ-kheo kia:

Như đã nói trên, nhưng có một vài sai biệt.

"Nếu Tỳ-kheo đã tu tập bảy Giác phần như vậy, sẽ được hai loại quả: Hiện tại lậu tận mà Vô dư Niết-bàn, hoặc được quả A-na-hàm."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 735. QUẢ BÁO (2)[62]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Như đã nói ở trên, nhưng có một vài sai biệt.

"Tỳ-kheo sau khi tu tập bảy Giác phần như vậy, tu tập nhiều, sẽ được bốn quả, bốn phước lợi. Những gì là bốn? Là quả Tu-đà-hoàn, quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm và quả A-la-hán."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 736. THẤT CHỦNG QUẢ[63]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Như đã nói ở trên, nhưng có một vài sai biệt.

"Nếu Tỳ-kheo tu tập bảy Giác phần, tu tập nhiều, sẽ được bảy quả, bảy phước lợi. Những gì là bảy? Đó là Tỳ-kheo được niềm vui chứng chánh trí trong đời hiện tại[64]. Hoặc lúc qua đời, mà không được niềm vui chứng chánh trí trong đời hiện tại[65], nhưng lúc qua đời mà

---

62. S. 48.12 Saíkhita.

63. S. 46.3. Sìla.

64. Hán: đắc hiện pháp trí chứng lạc ±o ²{ ªk ¬¼ ¯J ¼U. Paøli: diææhidhamme paæikacca aóóam aøraødheti, ngay trong đời hiện tại nhất định chứng đắc chánh trí. Bản Hán hiểu aøraødheti: vui thích; cũng có nghĩa là thành đạt.

65. Paøli: no ce diææheva dhamme paæikacca aóóam aøraødheti atha maraòakaøle

đoạn tận năm hạ phần kết, đạt được Trung Bát-niết-bàn. Nếu không được Trung Bát-niết-bàn, thì được Sanh Bát-niết-bàn. Nếu không được Sanh Bát-niết-bàn, thì được Vô hành Bát-niết-bàn. Nếu không được Vô hành Bát-niết-bàn, thì được Hữu hành Bát-niết-bàn. Nếu không được Hữu hành Bát-niết-bàn, thì được Thượng lưu Bát-niết-bàn."

Sau khi Phật nói kinh này xong, Tỳ-kheo nọ nghe những gì Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 737. THẤT ĐẠO PHẨM (2)[66]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Gọi là giác phần, vậy thế nào là giác phần?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Thế Tôn là gốc pháp, là con mắt pháp, là nơi pháp y cứ; xin vì chúng con mà nói, các Tỳ-kheo sau khi nghe xong sẽ lãnh thọ thực hành theo."

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Bảy Giác phần là bảy pháp Đạo phẩm[67]. Các Tỳ-kheo, bảy Giác phần này theo thứ lớp khởi, khi đã theo thứ lớp khởi rồi, thì sự tu tập sẽ đầy đủ".

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Thế nào là bảy Giác phần theo thứ lớp mà khởi. Sau khi theo thứ lớp khởi, sự tu tập được đầy đủ?"

"Nếu Tỳ-kheo an trụ chánh niệm quán thân trên thân. Vị ấy sau khi an trụ chánh niệm quán thân trên thân, chuyên tâm cột niệm không quên, lúc bấy giờ tinh cần phương tiện tu Niệm giác phần. Sau khi tinh cần phương tiện tu Niệm giác phần, sự tu tập được đầy đủ. Nghĩa là khi đã tu Niệm giác phần rồi, thì tuyển trạch pháp, lúc bấy giờ tinh cần phương tiện tu tập Trạch pháp giác phần. Sau khi

---

aóóam aøraødheti, nếu hiện pháp không nhất định chứng đắc chánh trí, khi lâm chung sẽ chứng đắc chánh trí. Đây là kết quả thứ hai.

66. S. 46.5 Bhikkhu.

67. Xem kinh 733.

tinh cần phương tiện tu Trạch pháp giác phần rồi, sự tu tập được đầy đủ. Cũng vậy, đối với Tinh tấn, Hỷ, Khinh an, Định và Xả giác phần cũng nói như vậy. Như nội thân, cũng vậy an trụ chánh niệm quán ngoại thân, nội ngoại thân, thọ, tâm, pháp trên pháp, chuyên tâm, cột niệm, không quên lúc bấy giờ tinh cần phương tiện tu Niệm giác phần. Sau khi tinh cần phương tiện tu Niệm giác phần, sự tu tập được đầy đủ. Cho đến Xả giác phần cũng nói như vậy. Đó gọi là Tỳ-kheo đối với bảy Giác phần theo thứ lớp khởi; khi đã theo thứ lớp khởi rồi, sự tu tập đầy đủ."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 738. QUẢ BÁO (3)[68]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Như đã nói ở trên, nhưng có một vài sai biệt.

"Tu tập bảy Giác phần này, tu tập nhiều, sẽ được hai quả: Hiện tại chứng trí; hoặc còn hữu dư y, chứng quả A-na-hàm[69]."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 739. QUẢ BÁO (4)[70]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Như đã nói ở trên, nhưng có một vài sai biệt.

"Nếu Tỳ-kheo tu tập bảy Giác phần, tu tập nhiều, sẽ được bốn

---

68. S. 48.65 Dve phalaø.

69. Bản Hán: đắc hiện pháp trí hữu dư Niết-bàn cập a-na-hàm quả. Có sự nhầm lẫn. Paøli: diæææhiva dhamme aóóaø, sati vaø upaødisesa anaøgamitaø'ti.

70. Xem kinh 735.

quả. Những gì là bốn? Đó là quả Tu-đà-hoàn, quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm và quả A-la-hán.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 740. QUẢ BÁO (5)[71]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Như đã nói ở trên, nhưng có sự sai biệt:

“Nếu Tỳ-kheo tu tập bảy Giác phần, tu tập nhiều, sẽ được bảy quả. Những gì là bảy? Đó là hiện tại chánh trí hữu dư Niết-bàn. Cho đến khi qua đời, nếu không vậy[72]. Nếu không như vậy, năm hạ phần kết hết, đạt được Trung Bát-niết-bàn. Nếu không như vậy, sẽ được Sanh Bát-niết-bàn. Nếu không như vậy, sẽ được Vô hành Bát-niết-bàn. Nếu không như vậy, sẽ được Hữu hành Bát-niết-bàn. Nếu không như vậy, sẽ được Thượng lưu Bát-niết-bàn.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 741. BẤT TỊNH QUÁN[73]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nên tu Bất tịnh quán. Sau khi tu tập nhiều rồi, sẽ được quả lớn, phước lợi lớn. Thế nào là tu Bất tịnh quán và khi tu tập nhiều rồi, sẽ

---

71. Xem kinh 746.

72. Hán: cập mạng chung thời, nhược bất nhĩ giả ¤Y ©R ²× ®¡Ä□Y ¤£ °¸ ªJ. Tối nghĩa. Được hiểu như sau: Nếu không như vậy (không Chánh trí tức chứng quả A-la-hán trong đời hiện tại), thì kịp khi mạng chung (sẽ chứng Chánh trí lúc đó). Xem cht.69 kinh 738.

73. S. 46.67 Asubha.

được quả lớn, phước lợi lớn? Tỳ-kheo ấy tu Bất tịnh quán song hành với Niệm giác phần, y viễn ly, y vô dục, y diệt, hướng đến xả. Tu Trạch pháp, Tinh tấn, Hỷ, Khinh an, Định, Xả giác phần, y viễn ly, y vô dục, y diệt, hướng đến xả."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 742. NIỆM TỬ TƯỚNG[74]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Nếu Tỳ-kheo nào tu tập niệm tưởng về sự chết, tu tập nhiều, sẽ được quả lớn, phước lợi lớn. Thế nào là Tỳ-kheo tu tập niệm tưởng về sự chết, tu tập nhiều, sẽ được quả lớn, phước lợi lớn? Tỳ-kheo tu tập niệm tưởng về sự chết cùng Niệm giác phần, y viễn ly, y vô dục, y diệt, hướng đến xả,... cho đến Xả giác phần."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 743. TỪ (1)[75]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại ấp Hoàng chẩm[76] của dòng họ Thích. Bấy giờ, buổi sáng sớm, số đông các Tỳ-kheo đắp y mang bát vào ấp Hoàng chẩm khất thực. Lúc ấy số đông các Tỳ-kheo nghĩ: 'Nay còn rất sớm, chưa đến giờ khất thực. Chúng ta có thể ghé vào tinh xá ngoại đạo.' Sau đó số đông các Tỳ-kheo liền vào tinh xá ngoại đạo, cùng các xuất gia ngoại đạo chào hỏi khích lệ nhau, rồi ngồi đối

---

74. S.46.68 Maraòa.

75. S. 46.54 Mettaö.

76. Hoàng chẩm ấp 𝒫𝒶𝒺𝒯. Paøli: Koliyesu viharati haliddavasanaö naøma koliyaønaö nigamo, trú ở Koliya, tại Haliddavasana, một thị trấn của người Koliya.

diện một bên. Các xuất gia ngoại đạo hỏi:

"Sa-môn Cù-đàm vì các đệ tử nói pháp như vầy: 'Không đoạn trừ năm triền cái vốn làm phiền não tâm, tuệ lực suy yếu, là phần chướng ngại, không đưa đến Niết-bàn. Nếu khéo nhiếp tâm mình, an trụ bốn Niệm xứ, tâm câu hữu với Từ, không oán hận, không tật đố, cũng không sân nhuế, rộng lớn vô lượng, khéo tu tập sung mãn, bốn phương, bốn duy, phương trên, phương dưới, tất cả thế gian. Tâm câu hữu với Từ, không oán hận, không tật đố, cũng không sân nhuế, rộng lớn vô lượng, khéo tu tập sung mãn. Cũng vậy, tu tập tâm hợp với Bi, Hỷ, Xả cũng nói như vậy.' Chúng tôi cũng vì các đệ tử nói như vậy. Vậy chúng tôi cùng với Sa-môn Cù-đàm kia có những gì khác nhau? Nghĩa là cả hai đều nói pháp!"

Khi các Tỳ-kheo nghe những lời của các xuất gia ngoại đạo nói lòng không vui, im lặng, không chỉ trích, từ chỗ ngồi đứng dậy, đi vào ấp Hoàng chẩm khất thực. Khất thực xong rồi trở về lại tinh xá, cất y bát, rửa chân xong, đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân, rồi ngồi lui qua một bên, đem những lời của các xuất gia ngoại đạo kia trình lại đầy đủ lên Thế Tôn. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Theo những lời nói của các xuất gia ngoại đạo kia, các ông nên hỏi lại là: Tu tập Từ tâm lấy gì làm chỗ tối thắng?[77] Tu tập Bi, Hỷ, Xả tâm lấy gì làm tối thắng? Khi được hỏi như vậy, của các xuất gia ngoại đạo kia trong lòng giật mình kinh hãi, hoặc nói quàng sang chuyện khác, hoặc nổi giận, khinh mạn, chê bai, phản đối, không nhẫn thọ, hoặc im lặng, buồn hiu, cúi đầu không nói lời nào, lặng lẽ tư duy. Vì sao? Vì Ta không thấy ai trong chúng chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn, Trời, Người nghe những điều Ta nói mà tùy thuận ưa thích, chỉ trừ Như Lai và chúng Thanh văn.

"Tỳ-kheo, tâm câu hữu với Từ, tu tập nhiều, tịnh là tối thắng[78];

---

77. Bản Paøli:... bhaøvitaø... mettaøcetovimutti kiögatikaø hoti kiöparamaø kiöphalaø kiöpariyosanaø, tu tập từ tâm giải thoát, hướng về đâu, cái gì là tối thắng, cái gì là kết quả, cái gì là cứu cánh?

78. Paøli: subhaparamaø mettaøcetovimutti.

Bi tâm tu tập, tu tập nhiều, Không nhập xứ là tối thắng[79]; Hỷ tâm tu tập, tu tập nhiều, Thức nhập xứ là tối thắng; Xả tâm tu tập, tu tập nhiều, Vô hữu nhập xứ là tối thắng."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 744. TỪ (2)[80]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Nếu Tỳ-kheo tu tập Từ tâm, tu tập nhiều, sẽ được quả lớn, phước lợi lớn. Thế nào là Tỳ-kheo tu tập Từ tâm sẽ được quả lớn, phước lợi lớn? Tỳ-kheo, tâm câu hữu với Từ, tu Niệm giác phần, y viễn ly, y vô dục, y diệt, hướng đến xả. Cho đến tu tập Xả giác phần, y vào viễn ly, y vào vô dục, y vào diệt hướng đến xả."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 745. KHÔNG[81]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Nếu Tỳ-kheo tu Không nhập xứ, tu tập nhiều, sẽ được quả lớn, phước lợi lớn. Thế nào là Tỳ-kheo tu Không nhập xứ, khi tu tập nhiều rồi sẽ được quả lớn, phước lợi lớn? Tỳ-kheo tâm câu hữu với Không nhập xứ, tu Niệm giác phần, y viễn ly, y vô dục, y diệt, hướng đến xả. Cho đến tu tập Xả giác phần, y viễn ly, y vô dục, y diệt, hướng đến xả."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật

---

79. Paøli: aøkaøsaønaócaøyatanaparamaø kuruòaøcetovimutti, bi tâm giải thoát, Không vô biên xứ là tối thắng.

80. S. 46.62 Mettaø.

81. S. 46.76 Nirodha.

đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

Như tu Không nhập xứ, cũng vậy ba kinh Thức nhập xứ, Vô sở hữu xứ, Phi tưởng phi phi tưởng nhập xứ cũng nói như trên.

M

KINH 746. AN-NA-BAN-NA NIỆM (1)[82]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Nếu Tỳ-kheo tu tập A-na-ban-na niệm[83], tu tập nhiều, sẽ được quả lớn, phước lợi lớn. Thế nào là tu tập An-na-ban-na niệm, tu tập nhiều, sẽ được quả lớn, phước lợi lớn? Tỳ-kheo tâm câu hữu với An-na-ban-na niệm, tu Niệm giác phần, y viễn ly, y vô dục, y diệt hướng đến xả,... cho đến tu Xả giác phần, y viễn ly, y vô dục, y diệt hướng đến xả."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 747. VÔ THƯỜNG[84]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Nếu Tỳ-kheo tu Vô thường tưởng, tu tập nhiều, sẽ được quả lớn, phước lợi lớn. Thế nào là Tỳ-kheo tu Vô thường tưởng, tu tập nhiều, sẽ được quả lớn, phước lợi lớn? Tỳ-kheo tâm[85] câu hữu với Vô thường tưởng, tu Niệm giác phần, y viễn ly, y vô dục, y diệt hướng đến xả,... cho đến tu Xả giác phần, y viễn ly, y vô dục, y diệt hướng đến xả."

---

82. S. 46.66 Anaøpaøna.

83. An-na-ban-na niệm [illegible] Paøli; anaøpaønassati, niệm hơi thở ra vào.

84. S. 46.57-61 Aæahika v.v.

85. Trong bản: tâm khẩu [illegible] dư chữ khẩu.

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

Như Vô thường tưởng, cũng vậy hai mươi kinh: Vô thường khổ tưởng, Khổ vô ngã tưởng, Quán thực tưởng, Tất cả thế gian không khả lạc tưởng, Tận tưởng, Đoạn tưởng, Vô dục tưởng, Diệt tưởng, Hoạn tưởng, Tư tưởng,[86] *Bất tịnh tưởng, Thanh ứ tưởng, Nùng nội tưởng, Phùng trướng tưởng, Hoại tưởng, Thực bất tận tưởng, Huyết tưởng, Phân ly tưởng, Cốt tưởng, Không tưởng, mỗi một kinh cũng nói như trên.*

❑

86. Ấn Thuận y theo luận Du-già Sư Địa mà thêm vào.

TẠP A HÀM QUYỂN 28

KINH 748. NHẬT XUẤT[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Như khi mặt trời mọc có tiền tướng của nó, là minh tướng, ánh sáng ban đầu. Cũng vậy, Tỳ-kheo tận cùng biên tế khổ, cứu cánh biên tế khổ có tiền tướng là chánh kiến[2]. Chánh kiến này có thể phát khởi lên chánh chí[3], chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định. Vì nhờ phát khởi định chánh thọ, nên Thánh đệ tử tâm chánh giải thoát tham dục, sân nhuế, ngu si. Với tâm khéo giải thoát như vậy, Thánh đệ tử đạt được Chánh tri kiến: 'Ta, sự sanh đã hết, phạm hạnh đã lập, những việc cần làm đã làm xong, tự biết không tái sanh kiếp sau'."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 749. VÔ MINH (1)[4]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước

---

1. Ấn Thuận Hội Biên, "13. Tương ưng Thánh đạo phần", gồm một trăm mười bốn kinh, số 968-1081 (Đại Chánh kinh 748-800). Quốc Dịch, quyển 25, tụng 5. Đạo tụng tiếp theo, "5. Tương ưng Thánh đạo", kinh số 12449-12558, chia thành hai phẩm, phẩm 1 gồm một trăm kinh, toàn bộ quyển 25; phẩm 2, mười kinh, phần đầu quyển 26. Phần lớn tương đương Paøli, S.45 Maggasaöyutta. Đại Chánh, quyển 28, kinh số 748. Paøli, 45.55. Yoniso.
2. Bản Paøli, S.45.55: ariyassa atthaígikassa maggassa uppaødaøya etaö pubbaögamaö etaö pubba-nimittaö yadidaö yonisomanasikaørasampadaø, trước khi Thánh đạo tám chi xuất hiện, có tiền tướng là sự thành tựu như lý tác ý.
3. Paøli: yonisomanasikaøra- sampannassetam bhikkhave bhikkhuno paæikaíkhaö ariyaö aææhaígikaö maggaö bhaøvessati, Tỳ-kheo thành tựu như lý tác ý, hy vọng tu tập Thánh đạo tám chi.
4. S. 45.1 AØvijjaø.

Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Vô minh làm tiền tướng nên sanh ra các pháp ác bất thiện. Rồi theo đó sanh ra vô tàm, vô quý. Vô tàm, vô quý đã sanh ra rồi, theo đó sanh ra tà kiến. Tà kiến đã sanh ra rồi, có thể khởi lên tà chí, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà phương tiện, tà niệm, tà định.

"Nếu khởi lên minh làm tiền tướng sanh ra các pháp thiện, thì theo đó sanh ra tàm quý. Tàm quý đã sanh ra rồi, có thể sanh ra chánh kiến. Chánh kiến đã sanh ra rồi, sẽ theo thứ tự khởi lên chánh chí, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định. Chánh định đã khởi lên rồi, Thánh đệ tử được chánh giải thoát tham dục, sân nhuế, ngu si. Như vậy, Thánh đệ tử khi đã được chánh giải thoát rồi sẽ được chánh tri kiến: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh vào đời sau'."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 750. VÔ MINH (2)

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Nếu, Tỳ-kheo, các pháp ác bất thiện sanh khởi, tất cả đều do vô minh làm gốc, vô minh tập, vô minh sanh, vô minh khởi. Vì sao? Vì vô minh là vô tri, không biết như thật đối với pháp thiện, pháp bất thiện; không biết như thật có tội, không có tội, pháp thấp, pháp cao, nhiễm ô, không nhiễm ô, phân biệt, không phân biệt, duyên khởi, không duyên khởi. Vì không biết như thật nên khởi lên tà kiến; khi đã khởi tà kiến rồi, thì có khả năng khởi lên tà chí, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà phương tiện, tà niệm, tà định.

"Nếu các pháp thiện sanh, tất cả đều do minh làm gốc, minh tập, minh sanh, minh khởi. Vì minh, biết như thật đối với pháp thiện, bất thiện; tất cả đều biết như thật về tội, không tội, thân cận, không thân cận, pháp thấp, pháp cao, ô uế, bạch tịnh, có phân biệt, không phân biệt, duyên khởi, không duyên khởi, biết như thật, đó là chánh kiến.

Chánh kiến hay khởi lên chánh chí, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định. Khi đã khởi lên chánh định rồi, Thánh đệ tử được chánh giải thoát tham, nhuế, si; khi tham, nhuế, si đã giải thoát rồi, Thánh đệ tử được chánh tri kiến: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau'."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 751. KHỞI[5]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Nếu người xuất gia hay tại gia mà khởi lên việc tà[6], Ta sẽ không nói đến. Vì sao? Vì nếu người xuất gia hay tại gia mà còn khởi lên việc tà, thì không vui thích Chánh pháp. Những gì là việc tà? Đó là tà kiến... cho đến tà định.

"Nếu là người xuất gia hay tại gia mà khởi lên việc chánh, Ta sẽ tán thán. Vì sao? Vì người khởi lên việc chánh, là người vui thích Chánh pháp, thiện xảo nơi Chánh pháp. Những gì là việc chánh? Đó là chánh kiến... cho đến chánh định. Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

Tại gia cùng xuất gia,
Mà khởi lên việc tà;
Người kia không vui thích
Chánh pháp tối vô thượng.
Tại gia cùng xuất gia,
Mà khởi lên việc chánh;
Thì tâm luôn vui thích,
Chánh pháp tối vô thượng.

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật

5. S. 45.24 Paæipaøda.

6. Tà sự [illegible] Paøli: micchaøpaæipaøda, sự thực hành tà vạy.

đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 752. CA-MA[7]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Tỳ-kheo Ca-ma[8] đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật rằng:

"Bạch Thế Tôn, gọi là dục; thế nào là dục?"

Phật bảo Ca-ma:

"Dục là chỉ cho năm công năng của dục. Những gì là năm? Sắc được thấy bởi mắt, đáng yêu, đáng thích ý, đáng nhớ, khiến nuôi lớn dục lạc. Cũng vậy, tai, mũi, lưỡi; xúc biết bởi thân thức đáng yêu, vừa ý, đáng nhớ, khiến nuôi lớn dục lạc. Đó gọi là dục. Nhưng chúng không phải là dục, sự tham đắm nơi chúng, đó gọi là dục.

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ rằng:

Năm sắc tạp thế gian,
Tự chúng phi ái dục.
Cái giác tưởng tham dục,
Là dục của con người.
Các sắc thường ở đời,
Hành giả đoạn tâm dục.

Tỳ-kheo Ca-ma bạch Phật rằng:

"Bạch Thế Tôn, có con đường đưa đến đoạn trừ ái dục này không?"

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Có tám Thánh đạo, có thể đoạn trừ ái dục, đó là chánh kiến, chánh chí, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định."

Sau khi Phật nói kinh này xong, Tỳ-kheo Ca-ma nghe những gì Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

---

7. S. 45.30 Uttiya (Uttika).

8. Ca-ma □/ ¼□. Bản Paøli: Uttiyo.

KINH 753. A-LÊ-SẮT-TRA[9]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ có Tỳ-kheo tên là A-lê-sắt-tra[10] đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật rằng:

"Bạch Thế Tôn, gọi là cam lộ[11]; thế nào gọi là cam lộ?"

Phật bảo A-lê-sắt-tra:

"Cam lộ là một danh thuyết của giới[12], nhưng Ta vì người đã đoạn tận hữu lậu mà hiện nói danh từ này."

Tỳ-kheo A-lê-sắt-tra bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, có con đường nào mà tu tập, tu tập nhiều, sẽ được pháp cam lộ không?"

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Có, đó là tám Thánh đạo phần: Từ chánh kiến... cho đến chánh định."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 754. XÁ-LỢI-PHẤT

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Tôn giả Xá-lợi-phất đến chỗ Đức Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật rằng:

"Bạch Thế Tôn, nói là các tư cụ căn bản cho chánh tam-muội[13]

---

9. S. 45.7 Aóóatara bhikkhu.
10. A-lê-sắt-tra . Paøli: Ariæææha.
11. Cam lộ . Paøli: amata, sự bất tử.
12. Hán: giới danh thuyết . Giới ở đây chỉ Niết-bàn giới. Paøli: nibbaønadhaøtuyaø adhivacanaö... amataö.
13. Hán: đẳng tam-muội tức chánh tam-muội hay chánh định. Paøli: sammaøsamaødhi.

của bậc Hiền thánh; thế nào là các tư cụ căn bản cho chánh tam-muội của bậc Hiền thánh?"

Phật bảo Xá-lợi-phất:

"Đó là Bảy chánh đạo phần, là căn bản, là các tư cụ cho chánh tam-muội của bậc Hiền thánh. Những gì là bảy? Là chánh kiến, chánh chí, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm. Này Xá-lợi-phất, sau khi lấy bảy Đạo phần này làm tác nghiệp căn cơ[14] rồi, tâm được chuyên nhất; đó gọi là những tư cụ căn bản cho chánh tam-muội bậc Hiền thánh."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 755–757. TỲ-KHEO

Tôi nghe như vầy:

Như ba kinh trên, cũng vậy ba kinh Phật hỏi các Tỳ-kheo cũng nói như vậy.

M

KINH 758. ÚY[15]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Sự sợ hãi của con không mẹ. Sự sợ hãi của con có mẹ. Đó là điều mà kẻ phàm ngu si không học, nói đến. Nhưng không hiểu gì về sự sợ hãi của con không mẹ, sự sợ hãi của con có mẹ.

"Này các Tỳ-kheo, có ba sự sợ hãi của con không mẹ[16], mà phàm phu ngu si, không học đã nói. Những gì là ba? Này các Tỳ-kheo, khi có binh biến loạn lạc xảy ra, tàn hại đất nước, bị sóng cuốn theo dòng, con thất lạc mẹ, mẹ thất lạc con. Đó gọi là sự sợ hãi của con

---

14. Hán: cơ nghiệp 機業. Paøli: kammaæææhaøna: đề mục thiền định.

15. A. 3.62 Bhaya.

16. Hán: vô mẫu tử úy 無母子畏. Paøli: amaøtaøputtika bhaya.

không mẹ thứ nhất, mà kẻ phàm ngu si, vô học nói.

"Lại nữa, này Tỳ-kheo, khi có hỏa hoạn lớn bất chợt xảy ra, thiêu đốt thành ấp, xóm làng; dân chúng chạy loạn khắp nơi, mẹ con thất lạc nhau. Đó gọi là sự sợ hãi của con không mẹ thứ hai mà kẻ phàm ngu si, vô học đã nói.

"Lại nữa, Tỳ-kheo, có một lúc trong núi có mưa to, nước lớn đổ ra, làm tràn ngập xóm làng, dân chúng lánh chạy khắp nơi, mẹ con thất lạc nhau. Đó gọi sự sợ hãi của con không mẹ thứ ba, mà kẻ phàm ngu si, vô học đã nói.

"Song tất cả những sự sợ hãi này là sự sợ hãi của con có mẹ, mà kẻ phàm ngu si, vô học lại nói là sự sợ hãi của con không mẹ. Khi có binh biến loạn lạc xảy ra, tàn hại đất nước; mọi người bôn ba lưu lạc, mẹ con thất lạc nhau. Có khi mẹ con gặp lại nhau. Đó là sự sợ hãi của con có mẹ thứ nhất mà kẻ phàm ngu si, vô học nói là sự sợ hãi của con không mẹ. Lại nữa, khi hỏa hoạn lớn bất chợt xảy ra, thiêu đốt thành ấp, làng xóm, dân chúng chạy loạn khắp nơi, mẹ con thất lạc nhau. Có khi mẹ con gặp lại nhau. Đó là sự sợ hãi của con có mẹ thứ hai mà kẻ phàm ngu si, vô học nói là sự sợ hãi của con không mẹ. Lại nữa, khi ở trong núi có mưa to, nước lớn đổ ra, làm tràn ngập xóm làng, dân chúng lánh chạy khắp nơi, mẹ con thất lạc nhau. Có khi mẹ con gặp lại nhau. Đó là sự sợ hãi của con có mẹ thứ ba mà kẻ phàm ngu si, vô học nói là sự sợ hãi của con không mẹ.

"Này Tỳ-kheo, có ba thứ sợ hãi của con không mẹ mà Ta tự mình giác ngộ thành đạo vô thượng đã ký thuyết. Những gì là ba? Này Tỳ-kheo, khi người con già, không có người mẹ nào có thể nói: 'Con, con chớ già, để mẹ sẽ thay con!' Hoặc khi người mẹ già, cũng không có người con nào bảo: 'Mẹ, mong mẹ chớ già! Con già thay mẹ cho!' Đó gọi là cái sợ hãi của con không mẹ thứ nhất mà Ta tự mình giác ngộ thành đạo Vô thượng đã ký thuyết.

"Lại nữa, Tỳ-kheo, khi người con bị bệnh, người mẹ không thể nói: 'Con đừng bệnh! Mẹ sẽ thay con!' Hoặc khi mẹ bị bệnh, con cũng không thể bảo: 'Mẹ đừng bệnh, để con bệnh thay mẹ!' Đó gọi là cái sợ hãi của con không mẹ thứ hai mà Ta tự mình giác ngộ thành đạo Vô thượng đã ký thuyết.

"Lại nữa, khi người con chết, người mẹ không thể nói: 'Con,

đừng chết! Nay mẹ sẽ thay con!' Hoặc khi người mẹ chết, người con cũng không thể bảo: 'Mẹ, đừng chết! Con sẽ thay mẹ!' Đó gọi là cái sợ hãi của con không mẹ thứ ba mà Ta tự mình giác ngộ thành đạo Vô thượng đã ký thuyết."

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Có đạo lộ nào, có hành trì nào[17] để tu tập, tu tập nhiều, dẫn đến đoạn trừ được ba thứ sợ hãi của con có mẹ ở trước và đoạn trừ được ba thứ sợ hãi của con không mẹ ở sau không?"

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Có đạo lộ, có hành trì dẫn đến đoạn trừ được ba sự sợ hãi này. Những gì là đạo lộ? Những gì là hành trì mà tu tập, tu tập nhiều, dẫn đến đoạn trừ được ba thứ sợ hãi của con có mẹ ở trước và đoạn trừ được ba thứ sợ hãi của con không mẹ ở sau? Đó là tám Thánh đạo phần: Chánh kiến, chánh chí, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 759. THỌ[18]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có ba thọ, là vô thường, hữu vi, do tâm duyên sanh. Những gì là ba? Đó là lạc thọ, khổ thọ, không lạc không khổ thọ."

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, có đạo lộ, có hành trì nào để tu tập, khi tu tập nhiều, sẽ dẫn đến đoạn trừ ba thọ này không?"

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Có đạo lộ, có hành trì để tu tập, khi tu tập nhiều, sẽ dẫn đến đoạn trừ ba thọ này. Những gì là đạo lộ, là hành trì để tu tập, khi tu

---

17. Hán: hữu đạo, hữu tích . Paøli: atthi maggo, atthi paæipaødaø.

18. S. 45.29 Vedanaø.

tập nhiều, sẽ dẫn đến đoạn trừ ba thọ này?

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Đó là tám Thánh đạo: Chánh kiến, chánh chí, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 760. TAM PHÁP[19]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Ở đời có ba điều không đáng vui, không đáng yêu, không đáng nhớ. Những gì là ba? Đó là già, bệnh, chết. Ba điều này không đáng vui, không đáng yêu, không đáng nhớ. Ở thế gian nếu không có ba điều không đáng vui, không đáng yêu, không đáng nhớ này, thì không có Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác xuất hiện ở thế gian; và thế gian cũng chẳng có pháp được thuyết, sự giáo giới, giáo thọ của Như Lai. Vì thế gian có ba điều không đáng vui, không đáng yêu, không đáng nhớ này, nên Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác xuất hiện ở thế gian và thế gian biết có pháp được thuyết, sự giáo giới, giáo thọ của Như Lai."

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Có đạo lộ, có hành trì để tu tập, tu tập nhiều, sẽ dẫn đến đoạn trừ ba điều không đáng vui, không đáng yêu, không đáng nhớ này không?"

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Có đạo lộ, có hành trì để tu tập, tu tập nhiều, sẽ dẫn đến đoạn trừ ba điều không đáng vui, không đáng yêu, không đáng nhớ này. Những gì là đạo lộ, là hành trì để tu tập, tu tập nhiều, sẽ dẫn đến đoạn trừ ba điều không đáng vui, không đáng, yêu, không đáng nhớ này. Đó là tám Thánh đạo: Chánh kiến, chánh chí, chánh ngữ, chánh nghiệp,

19. A. 10. 76 Abhabba.

chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 761. HỌC[20]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Ta sẽ nói về Học[21] và Vô học. Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ. Thế là Học? Học thành tựu chánh kiến, học thành tựu chánh chí, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định. Đó gọi là Học. Những gì là Vô học? Vô học thành tựu chánh kiến, Vô học thành tựu chánh chí, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định. Đó gọi là Vô học."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

Như Học và Vô học, cũng vậy Đại sĩ và Chánh sĩ cũng nói như vậy.

M

KINH 762. LẬU TẬN

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Ta sẽ nói về Thánh lậu tận. Sao gọi là Thánh lậu tận? Vô học thành tựu chánh kiến,... cho đến không còn Học thành tựu chánh định. Đó gọi là bậc Thánh lậu tận."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---

20. S. 45.13 Sekho.

21. Học 學. Hay hữu học, chỉ các Thánh giả dưới quả A-la-hán. Paøli: sekha.

M

KINH 763. TÁM THÁNH ĐẠO PHẦN

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Nay Ta sẽ nói về tám Thánh đạo phần. Những gì là tám? Đó là Chánh kiến, chánh chí, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 764. TU (1)[22]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Ta sẽ nói về sự tu tập tám Thánh đạo. Hãy lắng nghe và, suy nghĩ kỹ. Tu tập tám Thánh đạo là thế nào? Tỳ-kheo tu tập chánh kiến, y viễn ly, y vô dục, y diệt, hướng đến xả. Tu chánh chí, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định, đều y viễn ly, y vô dục, y diệt, hướng đến xả. Đó gọi là tu tám Thánh đạo."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 765. TU (2)

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Nay Ta sẽ nói về Tỳ-kheo đã tu tập tám Thánh đạo trong quá

---

22. S. 45.51 Uppaøda.

khứ, sẽ tu tập tám Thánh đạo trong vị lai, chi tiết cho đến, các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành."

M

KINH 766. THANH TỊNH[23]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Nếu Tỳ-kheo, đối với chánh kiến thanh tịnh, trắng tinh, không có các lỗi lầm, xa lìa các phiền não; chánh kiến chưa khởi sẽ không khởi, trừ phi có sự điều phục của Phật... cho đến chánh định cũng nói như vậy.

"Nếu đối với chánh kiến thanh tịnh, trắng tinh, không có các lỗi lầm, xa lìa các phiền não; chánh kiến chưa khởi có thể khởi... cho đến chánh định cũng nói như vậy[24]."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

Như chỉ trừ những gì Phật đã điều phục, cũng vậy chỉ trừ những gì Thiện Thệ đã điều phục cũng nói như trên.

M

KINH 767. TỤ[25]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Nói tụ bất thiện tức chỉ cho năm triền cái. Đó là chánh thuyết. Vì sao? Tụ chỉ thuần bất thiện, đó là năm triền cái. Những gì là năm? Đó la tham dục, sân nhuế, thùy miên, trạo hối và nghi cái.

"Nói tụ thiện, tức chỉ cho tám Thánh đạo. Đó là chánh thuyết. Vì sao? Tụ chỉ thuần đầy pháp thiện, đó là tám Thánh đạo. Những gì là

---

23. S.45.16-17 Parisuddha.

24. Xem kinh 731.

25. A. 5.52 Raøsi.

tám? Đó là chánh kiến, chánh chí, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 768. BÁN[26]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong tinh xá Sơn cốc[27], thành Vương xá. Bấy giờ Tôn giả A-nan một mình ở nơi chỗ vắng, tự nghĩ như vầy: "Một nửa phạm hạnh, tức là thiện tri thức, thiện bạn đảng, thiện tùy tùng[28]... cho đến Phật bảo A-nan:

"Phạm hạnh viên mãn, thuần nhất thanh tịnh, tức là thiện tri thức. Vì sao? Vì Ta là thiện tri thức nên khiến cho các chúng sanh tu tập chánh kiến, y viễn ly, y vô dục, y diệt, hướng đến xả... cho đến tu chánh định, y viễn ly, y vô dục, y diệt, hướng đến xả."

Sau khi Phật nói kinh này xong, Tôn giả A-nan nghe những gì Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 769. BÀ-LA-MÔN[29]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Tôn giả A-nan sáng sớm, đắp y, mang bát, vào thành Xá-vệ khất thực. Bấy giờ có Bà-la-môn Sanh Văn[30], đi xe ngựa trắng, cùng với đoàn tùy tùng số đông thanh niên, đi ngựa trắng, xe trắng,

---

26. S. 45.2 Upaññhaö.

27. Sơn cốc tinh xá [illegible] Paøli: Giribbaja. Bản Paøli: Sakyesu viharati nagarakaö naøma sakyaønaö nigamo, ở giữa những người Thích-ca, tại Nagaraka, một thị trấn của những người Thích-ca.

28. Xem kinh 726.

29. S. 45.4 Braøhmaòa.

30. Sanh Văn Bà-la-môn [illegible] Paøli: Jaønusoòi-braøhmaòa.

dàm ngựa trắng, roi trắng, đầu đội mão trắng, dù lọng trắng; tay cầm phất trắng, mặc y phục trắng, đeo anh lạc trắng, dùng hương trắng thoa mình, tùy tùng đều mặc đồ trắng, ra khỏi thành Xá-vệ, muốn vào rừng để truyền dạy đọc tụng. Mọi người trông thấy vậy đều bảo: 'Xe tốt, xe tốt! Đó là xe của Bà-la-môn.'

Sau khi Tôn giả thấy Bà-la-môn, cùng với các quyến thuộc và mọi thứ, tất cả đều màu trắng như vậy rồi, thì vào thành khất thực, trở về tinh xá cất y bát, rửa chân xong, đến chỗ Phật; cúi đầu đảnh lễ dưới chân, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật rằng:

"Bạch Thế Tôn, sáng sớm hôm nay, con đắp y, mang bát, vào thành Xá-vệ khất thực, thấy Bà-la-môn Sanh Văn đi xe ngựa trắng, cùng quyến thuộc và mọi thứ, tất cả đều màu trắng, được mọi người khen rằng: 'Xe tốt, xe tốt! Đó là xe của Bà-la-môn.' Thế nào Thế Tôn! Đối với Chánh pháp luật, thì đó là xe của người đời, hay là xe của Bà-la-môn?"

Phật bảo A-nan:

"Đó là xe của người đời, chứ chẳng phải xe Pháp luật của Ta, hay xe của Bà-la-môn. Này A-nan, xe Chánh pháp luật của Ta, xe của trời, xe của Bà-la-môn, xe lớn là có khả năng điều phục quân ma phiền não. Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ! Ta sẽ vì ông mà nói:

"Này A-nan, những gì là xe Chánh pháp luật, xe cõi trời, xe Bà-la-môn, cỗ xe lớn, có khả năng điều phục quân ma phiền não? Đó là tám Thánh đạo: Chánh kiến... cho đến chánh định. A-nan, đó gọi là xe Chánh pháp luật, xe cõi trời, xe Bà-la-môn, cỗ xe lớn, có khả năng điều phục quân phiền não."

Bấy giờ Đức Thế Tôn liền nói kệ rằng:

Tín, giới là cái ách,
Tàm quý là vòng cổ;
Chánh niệm khéo hộ trì,
Là người khéo điều khiển.
Xả, tam-muội: càng xe,
Trí, tinh tấn bánh xe;
Nhẫn, vô trước: giáp sắt,
An ổn, đi đúng pháp.
Tiến thẳng không thoái lui,

Vĩnh viễn không chỗ lo;
Người trí đi chiến xa,
Dẹp kẻ thù vô trí.

M

KINH 770. TÀ[31]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Nên xa lìa tà kiến, nên đoạn trừ tà kiến. Nếu tà kiến mà không thể đoạn trừ được, thì Ta đã không bao giờ nói nên xa lìa tà kiến. Vì tà kiến có thể đoạn trừ được, nên Ta nói Tỳ-kheo hãy xa lìa tà kiến. Nếu không xa lìa tà kiến, thì tà kiến sẽ tạo ra cái khổ phi nghĩa, không lợi ích. Cho nên Ta nói hãy xa lìa tà kiến. Cũng vậy tà chí, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà phương tiện, tà niệm, tà định cũng nói như vậy.

"Này các Tỳ-kheo, khi xa lìa tà kiến rồi, nên tu tập chánh kiến. Nếu chánh kiến tu không được, Ta đã không bao giờ nói tu tập chánh kiến. Vì tu tập chánh kiến được, nên Ta nói Tỳ-kheo hãy tu tập chánh kiến. Nếu không tu tập chánh kiến, thì sẽ tạo ra cái khổ phi nghĩa không lợi ích. Vì không tu tập chánh kiến tạo ra cái khổ phi nghĩa, không lợi ích, cho nên Ta nói phải tu tập chánh kiến, vì mục đích lợi ích, luôn được an lạc. Cho nên Tỳ-kheo hãy tu tập chánh kiến. Cũng vậy, chánh chí, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định cũng nói như vậy."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 771. BỈ NGẠN[32]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ có Bà-la-môn Sanh Văn, đến chỗ Phật, cùng diện kiến thăm hỏi, ủy lạo; sau khi thăm hỏi ủy lạo xong, rồi ngồi lui qua một bên bạch Phật rằng:

---

31. S. 45.21 Micchatta.
32. S. 45.34 Paøraígama.

"Thưa Cù-đàm, nói là chẳng phải bờ bên kia, cùng bờ bên kia. Vậy, thế nào là chẳng phải bờ bên kia và thế nào là bờ bên kia?"

Phật bảo Bà-la-môn:

"Tà kiến là chẳng phải bờ bên kia; chánh kiến là bờ bên kia. Cũng vậy, tà chí, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà phương tiện, tà niệm, tà định là chẳng phải bờ bên kia. Chánh kiến là bờ bên kia; cũng vậy chánh chí, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định là bờ bên kia."

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ rằng:

Người đời thật ít ai,
Vượt qua bờ bên kia.
Hết thảy các thế gian,
Quanh quẩn dạo bờ này.
Nơi Chánh pháp luật này,
Nếu ai khéo tùy thuận;
Thì có thể vượt bờ,
Bờ sanh tử khó vượt[33].

Sau khi Bà-la-môn Sanh Văn nghe những gì Phật đã dạy, hoan hỷ tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

M

KINH 772–774

Ba kinh này cũng vậy: Có Tỳ-kheo nghe Tôn giả A-nan hỏi Phật, hỏi các Tỳ-kheo cũng nói như trên.

M

KINH 775. CHÁNH BẤT CHÁNH TƯ DUY (1)[34]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Ở trong nội pháp, Ta không thấy một pháp nào có thể khiến

33. Bài kệ, xem Dham.85-86.

34. S. 45. 76, 83 Yonisa.

pháp ác bất thiện chưa sanh, khởi sanh; đã sanh rồi khiến tái sanh và tăng trưởng, như nói về không chánh tư duy[35]. Các Tỳ-kheo, không chánh tư duy, thì tà kiến chưa khởi khiến khởi, đã khởi rồi tái sanh khiến tăng trưởng. Cũng vậy, tà chí, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà phương tiện, tà niệm, tà định cũng nói như vậy.

"Này các Tỳ-kheo, ở trong nội pháp, Ta không thấy một pháp nào khiến pháp ác bất thiện chưa sanh, không sanh; pháp ác bất thiện đã sanh rồi khiến cho diệt, như nói về chánh tư duy. Các Tỳ-kheo, chánh tư duy, thì tà kiến chưa sanh, khiến không sanh; đã sanh rồi, khiến cho diệt. Như tà kiến, tà chí, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà phương tiện, tà niệm, tà định cũng nói như vậy."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 776. CHÁNH BẤT CHÁNH TƯ DUY (2)

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Ở trong nội pháp Ta không thấy một pháp nào khiến pháp thiện chưa sanh, không sanh; pháp thiện đã sanh rồi, khiến cho thoái thất như đã nói về không chánh tư duy. Các Tỳ-kheo, không chánh tư duy, thì chánh kiến chưa sanh, khiến cho không sanh; chánh kiến đã sanh rồi, khiến cho thoái thất. Cũng vậy, chánh chí, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định chưa sanh, khiến cho không sanh; đã sanh rồi, khiến cho thoái thất.

"Này các Tỳ-kheo, ở trong nội pháp, Ta không thấy một pháp nào khiến pháp thiện chưa sanh, khiến cho sanh; pháp thiện đã sanh rồi khiến tái sanh và làm tăng trưởng, như đã nói về chánh tư duy. Các Tỳ-kheo chánh tư duy, thì chánh kiến chưa sanh, khiến cho sanh; chánh kiến đã sanh rồi khiến tái sanh và làm tăng trưởng. Cũng vậy, chánh chí, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện,

---

35. Bất chánh tư duy 不正思惟. Paøli: ayoniso manasikaøra, không như lý tác ý.

chánh niệm, chánh định chưa sanh khiến cho sanh; đã sanh rồi khiến tái sanh và làm tăng trưởng."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 777. CHÁNH BẤT CHÁNH TƯ DUY (3)[36]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Ở trong nội pháp, Ta không thấy một pháp nào khiến pháp ác bất thiện chưa sanh, khiến cho sanh; pháp ác bất thiện đã sanh rồi, khiến tái sanh và làm tăng trưởng; pháp thiện chưa sanh, không cho sanh; đã sanh rồi khiến thoái thất, đó là không chánh tư duy. Các Tỳ-kheo, không chánh tư duy, thì tà kiến chưa sanh, khiến cho sanh, đã sanh rồi khiến tái sanh và làm tăng trưởng; chánh kiến chưa sanh, không cho sanh; đã sanh rồi, khiến thoái thất. Cũng vậy, tà chí, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà phương tiện, tà niệm, tà định chưa sanh, khiến cho sanh; đã sanh rồi, khiến tái sanh và làm tăng trưởng; chánh chí, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định chưa sanh, không cho sanh; đã sanh rồi, khiến thoái thất.

"Này các Tỳ-kheo, ở trong nội pháp, Ta không thấy một pháp nào là pháp ác bất thiện chưa sanh, khiến cho sanh; pháp ác bất thiện đã sanh rồi, khiến cho diệt; pháp thiện chưa sanh, khiến cho sanh; pháp thiện đã sanh rồi, khiến tái sanh và làm tăng trưởng, như nói về chánh tư duy. Các Tỳ-kheo, chánh tư duy, thì sẽ khiến cho tà kiến chưa sanh, không sanh; tà kiến đã sanh rồi, khiến cho diệt; chánh kiến chưa sanh, khiến cho sanh; chánh kiến đã sanh rồi, khiến tái sanh và làm tăng trưởng. Cũng vậy, tà chí, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà phương tiện, tà niệm, tà định chưa sanh, khiến không sanh; đã sanh rồi, khiến cho diệt; chánh chí, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng,

36. Xem các kinh 775, 776, 777.

chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định chưa sanh, khiến sanh; đã sanh rồi khiến tái sanh và làm tăng trưởng."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 778. THIỆN ÁC TRI THỨC (1)[37]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Ở trong ngoại pháp, Ta không thấy một pháp nào khiến cho pháp ác bất thiện chưa sanh lại sanh; pháp ác bất thiện đã sanh rồi, khiến tái sanh và làm tăng trưởng, như nói về ác tri thức, ác bạn đảng, ác tùy tùng. Các Tỳ-kheo, ác tri thức, ác bạn đảng, ác tùy tùng có thể khiến cho tà kiến chưa sanh, khiến cho sanh; tà kiến đã sanh rồi, khiến tái sanh và làm tăng trưởng. Cũng vậy, tà chí, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà phương tiện, tà niệm, tà định chưa sanh khiến cho sanh; đã sanh rồi khiến tái sanh và làm tăng trưởng.

"Này các Tỳ-kheo, ở trong ngoại pháp, Ta không thấy một pháp nào khiến cho pháp ác bất thiện chưa sanh, không sanh; pháp ác bất thiện đã sanh rồi, khiến cho diệt, như nói về thiện tri thức, thiện bạn đảng, thiện tùy tùng. Các Tỳ-kheo, thiện tri thức, thiện bạn đảng, thiện tùy tùng có thể khiến cho tà kiến chưa sanh, không sanh; tà kiến đã sanh rồi, khiến diệt. Cũng vậy, tà chí, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà phương tiện, tà niệm, tà định chưa sanh, không cho sanh; đã sanh rồi, khiến diệt."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

---

37. S. 45. 77 Kalyaøòamitta.

KINH 779. THIỆN TRI THỨC

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Ở trong ngoại pháp, Ta không thấy một pháp nào có thể khiến cho pháp thiện chưa sanh, khiến sanh; pháp thiện đã sanh rồi, khiến tái sanh và làm tăng trưởng, như đã nói về thiện tri thức, thiện bạn đảng, thiện tùy tùng. Các Tỳ-kheo, thiện tri thức, thiện bạn đảng, thiện tùy tùng có thể khiến cho chánh kiến chưa sanh, sanh; chánh kiến đã sanh rồi khiến tái sanh và làm tăng trưởng. Cũng vậy, chánh chí, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định chưa sanh, khiến sanh; đã sanh rồi khiến tái sanh và làm tăng trưởng."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 780. THIỆN ÁC TRI THỨC (2)[38]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Ở trong ngoại pháp, Ta không thấy một pháp nào có thể khiến cho pháp ác bất thiện chưa sanh, khiến sanh; pháp ác bất thiện đã sanh rồi, khiến tái sanh và làm tăng trưởng; pháp thiện chưa sanh, không cho sanh; pháp thiện đã sanh rồi, khiến cho diệt, như đã nói về ác tri thức, ác bạn đảng, ác tùy tùng. Các Tỳ-kheo, ác tri thức, ác bạn đảng, ác tùy tùng có thể khiến cho tà kiến chưa sanh, khiến sanh; tà kiến đã sanh rồi khiến tái sanh và làm tăng trưởng; hay chánh kiến chưa sanh, không cho sanh; chánh kiến đã sanh, khiến thoái thất. Cũng vậy, tà chí, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà phương tiện, tà niệm, tà định chưa sanh, khiến sanh; đã sanh rồi khiến tái

38. Xem kinh 778.

sanh và làm tăng trưởng; chánh chí, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định chưa sanh, khiến không sanh; đã sanh rồi, khiến thoái thất.

"Này các Tỳ-kheo, ở trong ngoại pháp, Ta không thấy một pháp nào có thể khiến cho pháp ác bất thiện chưa sanh, khiến sanh; pháp ác bất thiện đã sanh rồi, khiến diệt; hay pháp thiện chưa sanh, khiến sanh; pháp thiện đã sanh rồi, khiến tái sanh và làm trăng trưởng, như đã nói về thiện tri thức, thiện bạn đảng, thiện tùy tùng. Các Tỳ-kheo, thiện tri thức, thiện bạn đảng, thiện tùy tùng có thể khiến cho tà kiến chưa sanh, không sanh; tà kiến đã sanh rồi khiến diệt; hay chánh kiến chưa sanh, khiến sanh; chánh kiến đã sanh, khiến tái sanh và làm tăng trưởng. Cũng vậy, tà chí, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà phương tiện, tà niệm, tà định chưa sanh, khiến không sanh; đã sanh rồi khiến cho diệt; hay chánh chí, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định chưa sanh, khiến sanh; đã sanh rồi, khiến tái sanh và làm tăng trưởng."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 781. CHÁNH BẤT CHÁNH TƯ DUY (4)

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Ở trong nội pháp, Ta không thấy một pháp nào có thể khiến pháp ác bất thiện chưa sanh, cho sanh; đã sanh rồi, khiến tái sanh và làm tăng trưởng; hay pháp thiện chưa sanh, không cho sanh, đã sanh rồi khiến thoái thất, như đã nói về không chánh tư duy. Các Tỳ-kheo, không chánh tư duy, có thể khiến tà kiến chưa sanh, sanh; tà kiến đã sanh rồi khiến tái sanh và làm tăng trưởng; hay chánh kiến chưa sanh, không cho sanh; chánh kiến đã sanh rồi, khiến thoái thất.

"Này các Tỳ-kheo, ở trong nội pháp, Ta không thấy một pháp nào có thể khiến cho pháp ác bất thiện chưa sanh, khiến không sanh; pháp ác bất thiện đã sanh rồi, khiến cho diệt; hay pháp thiện chưa

sanh, khiến cho sanh; pháp thiện đã sanh rồi, khiến tái sanh và làm tăng trưởng, như nói về chánh tư duy. Các Tỳ-kheo, chánh tư duy, thì có thể khiến cho tà kiến chưa sanh, không sanh; đã sanh rồi, khiến cho diệt; chánh kiến chưa sanh, khiến cho sanh; đã sanh rồi, khiến tái sanh và làm tăng trưởng."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

Như đã nói về tà kiến và chánh kiến. Cũng vậy bảy kinh nói về tà chí, chánh chí; tà ngữ, chánh ngữ; tà nghiệp, chánh nghiệp; tà mạng, chánh mạng; tà phương tiện, chánh phương tiện; tà niệm, chánh niệm; tà định, chánh định cũng nói như trên. Như tám kinh nói về nội pháp. Cũng vậy, tám kinh nói về ngoại pháp cũng nói như vậy.

M

KINH 782. PHI PHÁP THỊ PHÁP

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có pháp sai và pháp đúng[39]. Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì các ông mà nói. Những gì là pháp sai, là pháp đúng? Tà kiến là pháp sai; chánh kiến là pháp đúng... cho đến tà định là pháp sai; chánh định là pháp đúng."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

Như Phi pháp và Thị pháp. Cũng vậy, Phi luật và Chánh luật, Phi Thánh và Thị Thánh, Bất thiện pháp và Thiện pháp, Phi tập pháp và Tập pháp, Phi thiện tai pháp và Thiện tai pháp, Hắc pháp và Bạch pháp, Phi nghĩa và Chánh nghĩa, Ty pháp và Thắng pháp, Hữu tội pháp và Vô tội pháp, Ưng khử pháp và Bất khử pháp, kinh nào cũng đều nói như trên.

M

39. Hán: phi pháp, thị pháp «Ð ªk¡A¬O ªk.

KINH 783. ĐOẠN THAM[40]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cù-sư-la tại Câu-diệm-di. Bấy giờ Tôn giả A-nan cũng ở tại đó. Lúc ấy có Bà-la-môn đến chỗ Tôn giả cùng thăm hỏi và khích lệ nhau. Sau khi thăm hỏi và khích lệ nhau xong, ngồi lui qua một bên, bạch Tôn giả A-nan:

"Tôi có điều muốn hỏi, Tôn giả có rảnh rỗi để ký thuyết cho không?"

A-nan đáp rằng:

"Theo những gì ông hỏi, nếu biết tôi sẽ trả lời."

Bà-la-môn hỏi:

"Vì sao xuất gia tu phạm hạnh ở chỗ Sa-môn Cù-đàm?"

A-nan đáp:

"Này Bà-la-môn, vì muốn cắt đứt."

Lại hỏi:

"Cắt đứt những gì?"

Đáp rằng:

"Cắt đứt tham dục, cắt đứt sân nhuế, ngu si."

Lại hỏi:

"Tôn giả A-nan, có con đường, dấu tích nào có thể cắt đứt tham dục, sân nhuế, ngu si không?"

A-nan đáp rằng:

"Có, đó là tám Thánh đạo: Chánh kiến, chánh chí, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định."

Bà-la-môn nói:

"Tôn giả A-nan, quý tốt thay con đường đó, quý tốt thay dấu tích ấy, khi tu tập, tu tập nhiều có thể cắt đứt những thứ tham dục, nhuế, si ấy."

Khi Tôn giả A-nan nói pháp này, Bà-la-môn sau khi nghe những gì Tôn giả nói, hoan hỷ tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

---

40. S. 45.5 Kimattha.

Như cắt đứt tham, nhuế, si; cũng vậy, điều phục tham, nhuế, si và đắc Niết-bàn, cùng yểm ly và chẳng đến Niết-bàn, cùng nghĩa Sa-môn và nghĩa Bà-la-môn, cùng giải thoát và cắt đứt khổ, cùng cứu cánh mé khổ và chánh thức hết khổ, kinh nào cũng đều nói như trên.[41]

M

KINH 784. TÀ CHÁNH[42]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có tà, có chánh. Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì các ông mà nói. Những gì là tà? Là chỉ cho tà kiến... cho đến tà định. Những gì là chánh? Là chỉ cho chánh kiến... cho đến chánh định.

"Thế nào là chánh kiến? Là nói có bố thí, có chú thuyết, có trai tự[43], có thiện hành, có ác hành, có quả báo thiện ác hành, có đời này, có đời khác, có cha mẹ, có chúng sanh hóa sanh[44], có A-la-hán thiện đáo[45], thiện hướng[46], tự tri tự tác chứng đời này và đời khác, thành tựu và an trú, 'Ta, sự sanh đã hết, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không tái sanh đời sau[47].'

"Thế nào là chánh chí? Là chỉ cho xuất yếu chí, vô nhuế chí, bất hại chí[48].

"Thế nào là chánh ngữ? Là xa lìa nói dối, xa lìa hai lưỡi, xa lìa ác khẩu, xa lìa lời thêu dệt.

---

41. Tóm tắt có mười kinh.
42. S. 45.21 Micchatta. Cf. S.45.8 Vibhaíga.
43. Hán: thí, thuyết, trai [illegible] Paøli: dinnaö, yiææhaö, hutaö.
44. Hán: chúng sanh sanh [illegible] Paøli: sattaø opapaøtikaø.
45. Hán: thiện đáo [illegible] Paøli: sammaggata, chân chánh đi (ra khỏi thế gian).
46. Hán: thiện hướng [illegible] Paøli: sammaøpaæipanna, chân chánh hướng (đến Niết-bàn).
47. Bản Paøli: katamaø... sammaødiææhi? yaö... dukkhe óaønaö, thế nào là chánh kiến? Nhận thức về khổ...
48. Paøli: katamo...sammaøsaíkappo? yo kho... nekkammasaíkappo avyaøpaødadsaíkappo avihiösaøsaíkappo, thế nào là chánh tư duy? Tư duy về xuất ly, tư duy về không thù hận, tư duy về không bạo hại.

"Thế nào là chánh nghiệp? Là lìa sát, đạo, dâm.

"Thế nào là chánh mạng? Là cầu y phục, ẩm thực, ngọa cụ thuốc thang đúng như pháp, chứ không phải không như pháp.

"Thế nào là chánh phương tiện? Là dục, tinh tấn, phương tiện, xuất ly, tinh cần, kham năng, luôn thực hành không lùi bước.

"Thế nào là chánh niệm? Là nhớ nghĩ không dối không hư, luôn tùy thuận.

"Thế nào là chánh định? Là trụ tâm không loạn, kiên cố nhiếp trì, tĩnh chỉ, nhất tâm chánh định."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 785. QUẢNG THUYẾT BÁT THÁNH ĐẠO[49]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Như đã nói ở trên, nhưng có một vài sai biệt.

"Thế nào là chánh kiến? Chánh kiến có hai: Có chánh kiến thuộc về thế tục, hữu lậu, hữu thủ[50], chuyển hướng cõi thiện [51]; có chánh kiến thuộc về xuất thế gian của bậc Thánh, vô lậu, không thủ, hết khổ chân thật, hướng đến thoát khổ[52].

"Thế nào là chánh kiến hữu lậu, hữu thủ, chuyển hướng cõi thiện? Nếu người nào thấy có bố thí, có chú thuyết... cho đến biết thế gian có A-la-hán, không tái sanh đời sau[53]. Đó gọi là chánh kiến thế tục thuộc về thế gian, hữu lậu, hữu thủ, chuyển hướng cõi thiện.

---

49. Cf. M. 117 Mahaøcattaørìsakasutta. Cf. N^{0}26(189).

50. Hán: thủ 受. Ở đây, Paøli: upadhi, sanh y, hay hữu y, tức sở y của tái sanh.

51. Cf. Paøli, M.111: atthi bhikkhave sammaødiæææhi saøsavaø puóóabhaøgiyaø upadhivepakkhaø, có chánh kiến là hữu lậu, thuộc phần phước nghiệp, đưa đến hữu y.

52. Paøli: atthi bhikkhave sammaødiæææhi ariyaø anaøsavaø lokuttaraø maggaígaø, có chánh kiến thuộc bậc Thánh, vô lậu, xuất thế gian, thành phần của Đạo.

53. Xem kinh 784.

"Thế nào là chánh kiến thuộc về xuất thế gian của bậc Thánh, vô lậu, không thủ, hết khổ chân thật, hướng đến thoát khổ? Thánh đệ tử nơi Khổ tư duy Khổ; nơi Tập, Diệt, Đạo tư duy Đạo, tương ưng với tư duy vô lậu, ở nơi pháp mà tuyển trạch, phân biệt, suy cầu, giác tri, hiệt tuệ, quán sát tỏ ngộ. Đó gọi là chánh kiến thuộc về xuất thế gian của bậc Thánh, vô lậu, không thủ, chân chánh đoạn tận khổ, chuyển hướng đến thoát khổ.

"Thế nào là chánh chí? Chánh chí có hai loại: Có chánh chí thuộc về thế tục, hữu lậu, hữu thủ, chuyển hướng cõi thiện; có chánh chí thuộc về xuất thế gian của bậc Thánh, vô lậu, không thủ, chân chánh đoạn tận khổ, chuyển hướng đến thoát khổ.

"Thế nào là chánh chí thuộc về thế tục, hữu lậu, hữu thủ, chuyển hướng cõi thiện? Chánh chí giác tri về xuất yếu, giác tri về vô nhuế, giác tri về bất hại; đó gọi là chánh chí thuộc về thế tục, hữu lậu, hữu thủ, chuyển hướng cõi thiện.

"Thế nào là chánh chí thuộc về xuất thế gian của bậc Thánh, vô lậu, không thủ, chân chánh đoạn tận khổ, chuyển hướng đến thoát khổ? Thánh đệ tử nơi Khổ tư duy Khổ; nơi Tập, Diệt, Đạo tư duy Đạo, tâm pháp tương ưng với tư duy vô lậu, phân biệt, tự quyết, ý giải, suy tính, lập y. Đó gọi là chánh chí thuộc về xuất thế gian của bậc Thánh, vô lậu, không thủ, chân chánh đoạn tận khổ, chuyển hướng đến thoát khổ.

"Thế nào là chánh ngữ? Chánh ngữ có hai loại: Có loại chánh ngữ thuộc về thế tục, hữu lậu, hữu thủ, chuyển hướng cõi thiện; có loại chánh ngữ thuộc về xuất thế gian của bậc Thánh, vô lậu, không thủ, chân chánh đoạn tận khổ, chuyển hướng đến thoát khổ.

"Thế nào là chánh ngữ thuộc về thế tục, hữu lậu, hữu thủ, hướng đến đường lành? Lời nói đúng, xa lìa lời nói dối, hai lưỡi, ác khẩu, lời nói thêu dệt. Đó gọi là chánh ngữ thuộc về thế tục, hữu lậu, hữu thủ, hướng đến đường lành.

"Thế nào là chánh ngữ thuộc về xuất thế gian của bậc Thánh, vô lậu, không thủ, chân chánh đoạn tận khổ, chuyển hướng đến thoát khổ? Thánh đệ tử nơi Khổ tư duy Khổ; nơi Tập, Diệt, Đạo tư duy Đạo, trừ tà mạng, niệm tưởng xa lìa bốn ác hạnh của miệng và các ác hạnh khác của miệng, xa lìa các ác hành ấy; vô lậu, viễn ly, không dính

trước, giữ chặt, nhiếp trì không phạm; không vượt qua thời tiết, không vượt qua giới hạn. Đó gọi là chánh ngữ thuộc về xuất thế gian của bậc Thánh, vô lậu, không thủ, chân chánh đoạn tận khổ, chuyển hướng đến thoát khổ.

"Thế nào là chánh nghiệp? Chánh nghiệp có hai loại: Có loại chánh nghiệp thuộc về thế tục, hữu lậu, hữu thủ, chuyển hướng cõi thiện; có loại chánh nghiệp thuộc về xuất thế gian của bậc Thánh, vô lậu, không thủ, chân chánh đoạn tận khổ, chuyển hướng đến thoát khổ.

"Thế nào là chánh nghiệp thuộc về thế tục, hữu lậu, hữu thủ, chuyển hướng cõi thiện? Xa lìa sát, đạo, dâm. Đó gọi là chánh nghiệp thuộc về thế tục, hữu lậu, hữu thủ, chuyển hướng cõi thiện.

"Thế nào là chánh nghiệp thuộc về xuất thế gian của bậc Thánh, vô lậu, không thủ, chân chánh đoạn tận khổ, chuyển hướng đến thoát khổ? Thánh đệ tử nơi Khổ tư duy Khổ; nơi Tập, Diệt, Đạo tư duy Đạo, trừ tà mạng, nhớ đến ba ác hạnh nơi thân và các thứ ác hạnh khác nơi thân; vô lậu, viễn ly, không dính trước, giữ chặt, nhiếp trì không phạm; không vượt qua thời tiết, không vượt qua giới hạn. Đó gọi là chánh nghiệp thuộc về xuất thế gian, vô lậu, không thủ, chân chánh đoạn tận khổ, chuyển hướng đến thoát khổ.

"Thế nào là chánh mạng? Chánh mạng có hai loại: Có loại chánh mạng thuộc thế tục, hữu lậu, hữu thủ, chuyển hướng cõi thiện; có loại chánh mạng thuộc xuất thế gian của bậc Thánh, vô lậu, bất thủ, hết khổ chân thật, hướng đến thoát khổ.

"Thế nào là chánh mạng thuộc về thế tục, hữu lậu, hữu thủ, chuyển hướng cõi thiện? Tìm cầu y, thực, ngọa cụ, thuốc thang theo bệnh đúng như pháp, chứ chẳng phải không như pháp. Đó gọi là chánh mạng thuộc về thế tục, hữu lậu, hữu thủ, chuyển hướng cõi thiện.

"Thế nào là chánh mạng thuộc về xuất thế gian của bậc Thánh, vô lậu, không thủ, chân chánh đoạn tận khổ, chuyển hướng đến thoát khổ? Thánh đệ tử nơi Khổ tư duy Khổ; nơi Tập, Diệt, Đạo tư duy Đạo; đối với các tà mạng, vô lậu, không thích đắm trước cố thủ, giữ gìn không phạm, không vượt qua thời tiết, không vượt qua giới hạn. Đó gọi là chánh mạng thuộc về xuất thế gian của bậc Thánh, vô lậu, không thủ, chân chánh đoạn tận khổ, chuyển hướng đến thoát khổ.

"Thế nào là chánh phương tiện? Chánh phương tiện có hai loại: Có chánh phương tiện thuộc thế tục, hữu lậu, hữu thủ, chuyển hướng cõi thiện; có chánh phương tiện thuộc xuất thế gian của bậc Thánh, vô lậu, không thủ, chân chánh đoạn tận khổ, chuyển hướng đến thoát khổ.

"Thế nào là chánh phương tiện thuộc về thế tục, hữu lậu, hữu thủ, chuyển hướng cõi thiện? Dục, tinh tấn, phương tiện siêu xuất, xác lập vững chắc, có khả năng tạo tác, tinh tấn, nhiếp thọ tâm pháp, thường không dừng nghỉ. Đó gọi là chánh phương tiện thuộc về thế tục, hữu lậu, hữu thủ, chuyển hướng cõi thiện.

"Thế nào là chánh phương tiện thuộc về xuất thế gian của bậc Thánh, vô lậu, không thủ, chân chánh đoạn tận khổ, chuyển hướng đến thoát khổ? Thánh đệ tử nơi Khổ tư duy Khổ; nơi Tập, Diệt, Đạo tư duy Đạo; tâm pháp tương ưng với ức niệm vô lậu, dục, tinh tấn, phương tiện siêu xuất, xác lập vững chắc, có khả năng tạo tác, tinh tấn, nhiếp thọ tâm pháp, thường không dừng nghỉ. Đó gọi là chánh phương tiện thuộc về xuất thế gian của bậc Thánh, vô lậu, không thủ, chân chánh đoạn tận khổ, chuyển hướng đến thoát khổ.

"Thế nào là chánh niệm? Chánh niệm có hai loại: Có chánh niệm thuộc thế tục, hữu lậu, hữu thủ, chuyển hướng cõi thiện; có chánh niệm thuộc xuất thế gian của bậc Thánh, vô lậu, không thủ, chân chánh đoạn tận khổ, chuyển hướng đến thoát khổ.

"Thế nào là chánh niệm thuộc về thế tục, hữu lậu, hữu thủ, hướng đến đường lành? Hoặc niệm, hoặc tùy niệm, hoặc trùng niệm, hoặc ức niệm, không quên lãng, không hư. Đó gọi là chánh niệm thuộc về thế tục, hữu lậu, hữu thủ, hướng đến đường lành.

"Thế nào là chánh niệm thuộc về xuất thế gian của bậc Thánh, vô lậu, không thủ, chân chánh đoạn tận khổ, chuyển hướng đến thoát khổ? Thánh đệ tử nơi Khổ tư duy Khổ; nơi Tập, Diệt, Đạo tư duy Đạo; tâm pháp tương ưng với tư duy vô lậu, hoặc niệm, hoặc tùy niệm, hoặc trùng niệm, hoặc ức niệm, không quên lãng, không hư. Đó gọi là chánh niệm thuộc về xuất thế gian của bậc Thánh, vô lậu, không thủ, chân chánh đoạn tận khổ, chuyển hướng đến thoát khổ.

"Thế nào là chánh định? Chánh định có hai: Có chánh định thuộc thế tục, hữu lậu, hữu thủ, chuyển hướng cõi thiện; có chánh định

thuộc xuất thế gian của bậc Thánh, vô lậu, không thủ, chân chánh đoạn tận khổ, chuyển hướng đến thoát khổ.

"Thế nào là chánh định thuộc về thế tục, hữu lậu, hữu thủ, hướng đến đường lành? Tâm trụ không loạn, không động, nhiếp thọ, tĩnh chỉ, chánh định, nhất tâm. Đó gọi là chánh định thuộc về thế tục, hữu lậu, hữu thủ, hướng đến đường lành.

"Thế nào là chánh định thuộc về xuất thế gian của bậc Thánh, vô lậu, không thủ, chân chánh đoạn tận khổ, chuyển hướng đến thoát khổ? Thánh đệ tử nơi Khổ tư duy Khổ; nơi Tập, Diệt, Đạo tư duy Đạo; tâm pháp tương ưng với tư duy vô lậu, an trụ không loạn không tán, nhiếp thọ, tĩnh chỉ, chánh định, nhất tâm. Đó gọi là chánh định thuộc về xuất thế gian của bậc Thánh, vô lậu, không thủ, chân chánh đoạn tận khổ, chuyển hướng đến thoát khổ."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 786. HƯỚNG TÀ[54]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Nếu Tỳ-kheo tâm hướng theo tà, là trái nghịch với pháp, không vui thích nơi pháp[55]. Nếu hướng theo chánh, là không trái với pháp, tâm vui thích pháp. Những gì là tà? Tà kiến... cho đến tà định. Những gì là chánh? Là chánh kiến... cho đến chánh định."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 787. TÀ KIẾN CHÁNH KIẾN (1)[56]

---

54. A. 10.103 Micchatta.

55. Paøli: micchattaö bhikkhave aøgamma viraødhanaø hoti no aøraødhanaø, do đi theo tà nên nghịch ý, không phải thích ý.

56. A. 10.104 Bìja.

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Hướng theo tà là trái nghịch pháp, không thích pháp. Hướng theo chánh là thích pháp, không trái nghịch pháp[57].

"Thế nào là hướng theo tà là trái nghịch pháp, không ưa thích pháp? Người tà kiến, thân nghiệp như được thấy, khẩu nghiệp như được thấy; hoặc tư niệm, hoặc ước muốn, hoặc ước nguyện, hoặc hành vi, tất cả những điều ấy đều tùy thuận đưa đến quả không khả ái, không khả niệm, không khả ý. Vì sao? Vì kiến ấy là ác, tức là tà kiến. Tà kiến khởi lên tà chí, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà phương tiện, tà niệm, tà định. Đó gọi là hướng theo tà là trái lại với pháp, không ưa thích pháp.

"Thế nào là hướng theo chánh là thích pháp, không trái nghịch pháp? Người chánh kiến, thân nghiệp như được thấy, hoặc khẩu nghiệp, hoặc tư niệm, hoặc ước muốn, hoặc ước nguyện, hoặc hành vi, tất cả những điều ấy đều tùy thuận đưa đến quả khả ái, khả niệm, khả ý. Vì sao? Vì kiến chân chánh, tức là chánh kiến. Chánh kiến khởi lên chánh chí, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định. Đó gọi là hướng theo chánh là thích pháp, không trái nghịch pháp."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 788. TÀ KIẾN CHÁNH KIẾN (2)[58]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Hướng theo tà là trái nghịch pháp, không thích pháp. Hướng

57. Xem kinh 786.

58. Xem kinh 787.

theo chánh là thích pháp, không trái nghịch pháp[59].

"Thế nào là hướng theo tà là trái nghịch pháp, không ưa thích pháp? Người tà kiến, thân nghiệp như được thấy, khẩu nghiệp như được thấy; hoặc tư niệm, hoặc ước muốn, hoặc ước nguyện, hoặc hành vi, tất cả những điều ấy đều tùy thuận đưa đến quả không khả ái, không khả niệm, không khả ý. Vì sao? Vì kiến ấy là ác, tức là tà kiến. Tà kiến khởi lên tà chí, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà phương tiện, tà niệm, tà định. Thí như hạt giống quả đắng đem đặt vào trong đất, tùy thời vun xới, tưới tiêu cho nó, thì vị đất, vị nước, vị nắng, vị gió, tất cả đều mang vị đắng. Vì sao? Vì hạt giống đắng. Cũng vậy, người tà kiến, thân nghiệp như được thấy, khẩu nghiệp như được thấy; hoặc tư niệm, hoặc ước muốn, hoặc ước nguyện, hoặc hành vi, tất cả những điều ấy đều tùy thuận đưa đến quả không khả ái, không khả niệm, không khả ý. Vì sao? Vì kiến ấy là ác, tức là tà kiến. Tà kiến khởi lên tà chí, cho đến, tà định. Đó gọi là hướng theo tà là trái nghịch pháp, không ưa thích pháp.

"Thế nào là hướng theo chánh là thích pháp, không trái nghịch pháp? Người chánh kiến, thân nghiệp như được thấy, hoặc khẩu nghiệp, hoặc tư niệm, hoặc ước muốn, hoặc ước nguyện, hoặc hành vi, tất cả những điều ấy đều tùy thuận đưa đến quả khả ái, khả niệm, khả ý. Vì sao? Vì kiến ấy thiện, tức là chánh kiến. Chánh kiến khởi lên chánh chí, cho đến, chánh định. Thí như giống mía ngọt, lúa mì, nho, đem đặt vào trong đất, tùy thời vun xới, tưới tiêu cho nó, thì khi nó gặp vị đất, vị nước, vị nắng, vị gió, tất cả những vị này cũng đều trở thành ngon ngọt. Vì sao? Vì hạt mầm ngọt. Cũng vậy, người chánh kiến, thân nghiệp như được thấy, hoặc khẩu nghiệp, hoặc tư niệm, hoặc ước muốn, hoặc ước nguyện, hoặc hành vi, tất cả những điều ấy đều tùy thuận đưa đến quả khả ái, khả niệm, khả ý. Vì sao? Vì kiến ấy thiện, tức là chánh kiến. Chánh kiến khởi lên chánh chí, cho đến, chánh định. Đó gọi là hướng theo chánh là thích pháp, không trái nghịch pháp."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---

59. Xem kinh 786.

Như ba kinh trên, thế gian và xuất thế gian cũng nói như vậy và cũng nói kệ rằng:

Không nên gần pháp ác,
Không nên hành buông lung;
Không nên tập tà kiến,
Tăng trưởng nơi thế gian.
Giả sử có thế gian,
Người chánh kiến tăng thượng;
Dù trải trăm ngàn tuổi,
Quyết không vào đường ác.

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 789. SANH VĂN

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ có Bà-la-môn Sanh Văn đến chỗ Đức Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật. Sau khi cùng Thế Tôn thăm hỏi ân cần xong, ngồi sang qua một bên, bạch Phật rằng:

"Thưa Cù-đàm, gọi là chánh kiến; thế nào là chánh kiến?"

Phật bảo Bà-la-môn:

"Chánh kiến có hai: Có chánh kiến thuộc về thế tục, hữu lậu, hữu thủ, hướng đến đường lành; có loại chánh kiến thuộc về xuất thế gian của bậc Thánh, vô lậu, bất thủ, hết khổ chân thật, hướng đến thoát khổ.

"Thế nào là chánh kiến hữu lậu, hữu thủ, chuyển hướng cõi thiện? Nếu người nào thấy có bố thí, có chú thuyết... cho đến biết thế gian có A-la-hán, không tái sanh đời sau[60]. Này Bà-la-môn, đó gọi là chánh kiến thế tục thuộc về thế gian, hữu lậu, hữu thủ, chuyển hướng cõi thiện.

"Bà-la-môn, thế nào là chánh kiến thuộc về xuất thế gian của

[60]. Xem kinh 784.

bậc Thánh, vô lậu, không thủ, hết khổ chân thật, hướng đến thoát khổ? Thánh đệ tử nơi Khổ tư duy Khổ; nơi Tập, Diệt, Đạo tư duy Đạo, tương ưng với tư duy vô lậu, ở nơi pháp mà tuyển trạch, phân biệt, suy cầu, giác tri, hiệt tuệ, quán sát tỏ ngộ. Đó gọi là chánh kiến thuộc về xuất thế gian của bậc Thánh, vô lậu, không thủ, chân chánh đoạn tận khổ, chuyển hướng đến thoát khổ."

Sau khi Phật nói kinh này xong, Bà-la-môn Sanh Văn nghe những gì Phật đã dạy, hoan hỷ tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

Như Chánh kiến. Cũng vậy, Chánh chí, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh phương tiện, Chánh niệm, Chánh định, kinh nào cũng nói như trên.

M

KINH 790. TÀ KIẾN (1)

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có tà và tà đạo, có chánh và chánh đạo. Hãy lắng nghe và suy nghĩ cho kỹ, Ta sẽ vì các ông mà nói:

"Những gì là tà? Đó là địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ. Những gì là tà đạo? Đó là tà kiến... cho đến tà định.

"Những gì là chánh? Đó là người, trời, Niết-bàn. Những gì là chánh đạo? Đó là chánh kiến... cho đến chánh định."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 791. TÀ KIẾN (2)

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có tà, có tà đạo; có chánh, có chánh đạo. Hãy lắng nghe và suy nghĩ cho kỹ, Ta sẽ vì các ông mà nói:

"Những gì là tà? Đó là địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ. Những gì là

tà đạo? Đó là sát sanh, trộm cắp, tà dâm, nói dối, hai lưỡi, ác khẩu, lời thêu dệt, tham, nhuế, tà kiến.

"Những gì là chánh? Đó là người, trời, Niết-bàn. Những gì là chánh đạo? Đó là không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, không nói hai lưỡi, không ác khẩu, không nói lời thêu dệt, không tham, không nhuế và chánh kiến."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 792. TÀ KIẾN (3)

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Như đã nói ở trên, nhưng có một vài sai biệt.

"Những gì là ác thú đạo? Đó là giết cha, giết mẹ, giết A-la-hán, phá Tăng, ác tâm làm thân Phật ra máu." *Ngoài ra đều nói như trên.*

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 793. THUẬN LƯU NGHỊCH LƯU

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có đường thuận dòng, có đường nghịch dòng. Hãy lắng nghe và suy nghĩ cho kỹ, Ta sẽ vì các ông mà nói:

"Những gì là đường thuận dòng? Đó là tà kiến... cho đến tà định. Những gì là con đường nghịch dòng? Đó là chánh kiến... cho đến chánh định."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

Như thuận dòng và nghịch dòng. Cũng vậy, đường thoái và đường tiến, đường xuống và đường lên, cùng ba kinh Đạo tích, cũng

nói như trên.

M

KINH 794. SA-MOAN SA-MOAN PHAUP[61]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có Sa-môn và pháp Bà-la-môn. Hãy lắng nghe và suy nghĩ cho kỹ, Ta sẽ vì các ông mà nói:

"Những gì là pháp Sa-môn? Đó là tám Thánh đạo: Từ chánh kiến... cho đến chánh định. Thế nào là Sa-môn? Nếu người nào thành tựu pháp này. Đó gọi là Sa-môn."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 795. SA-MOAN PHAUP SA-MOAN NGHOA[62]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có pháp Sa-môn và nghĩa Sa-môn. Những gì là pháp Sa-môn? Đó là tám Thánh đạo, từ chánh kiến... cho đến chánh định. Thế nào là nghĩa Sa-môn? Tham dục đã vĩnh viễn trừ hết; sân nhuế, ngu si đã vĩnh viễn trừ hết; tất cả mọi phiền não vĩnh viễn tận trừ. Đó gọi là nghĩa Sa-môn."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 796. SA-MOAN SA-MOAN QUAU[63]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước

---

61. S. 45.36 Saømaóóa.
62. S. 45.36 Saømaóóa.
63. S. 45.35 Saømaóóa.

Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có pháp Sa-môn và quả Sa-môn. Hãy lắng nghe và suy nghĩ cho kỹ, Ta sẽ vì các ông mà nói:

"Những gì là pháp Sa-môn? Đó là tám Thánh đạo, từ chánh kiến... cho đến chánh định. Những gì là quả Sa-môn? Đó là quả Tu-đà-hoàn, quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm và quả A-la-hán."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

❑

TẠP A HÀM QUYỂN 29

KINH 797. SA-MON PHAP SA-MON QUA[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có pháp Sa-môn[2] và quả Sa-môn[3]. Hãy lắng nghe và suy nghĩ cho kỹ, Ta sẽ vì các ông mà nói:

"Những gì là pháp Sa-môn? Đó là tám Thánh đạo, từ chánh kiến... cho đến chánh định. Những gì là quả Sa-môn? Đó là quả Tu-đà-hoàn, quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm và quả A-la-hán.

"Thế nào là quả Tu-đà-hoàn? Đoạn trừ ba kết. Thế nào là quả Tư-đà-hàm? Đoạn trừ ba kết; tham, nhuế, si mỏng. Thế nào là quả A-na-hàm? Đoạn sạch hết năm hạ phần kết. Thế nào là quả A-la-hán? Đoạn trừ vĩnh viễn tham, nhuế, si; đoạn trừ vĩnh viễn tất cả các thứ phiền não."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 798. SA-MOAN PHAUP SA-MOAN NGHOA[4]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có pháp Sa-môn, Sa-môn và nghĩa Sa-môn[5]. Hãy lắng nghe và suy nghĩ cho kỹ, Ta sẽ vì các ông mà nói:

"Những gì là pháp Sa-môn? Đó là tám Thánh đạo, từ chánh kiến... cho đến chánh định. Những gì là Sa-môn? Người thành tựu pháp Sa-môn này. Những gì là nghĩa Sa-môn? Đã đoạn trừ

---

1. Quốc Dịch, quyển 26, tụng 5. Đạo tụng tiếp theo, "5. Tương ưng Thánh đạo, phẩm 2". Đại Chánh, quyển 29, kinh số 797. –Paøli, S. 45.35. Saømaóóa.
2. Sa-môn pháp 沙門法. Paøli: saømaóóa.
3. Sa-môn quả 沙門果. Paøli: saømaóóaphala.
4. Paøli, S. 45.36. Saømaóóa.
5. Sa-môn nghĩa 沙門義. Paøli: saømaóóattha.

vĩnh viễn tham dục, sân nhuế, si mê; đoạn trừ vĩnh viễn tất cả các phiền não."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 799. SA-MÔN QUẢ

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Như đã nói trên, nhưng có một vài sai biệt.

"Có quả Sa-môn. Những gì là quả Sa-môn? Đó là quả Tu-đà-hoàn, quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm, quả A-la-hán."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 800. BÀ-LA-MÔN[6]

Cũng vậy, pháp Bà-la-môn, Bà-la-môn, nghĩa Bà-la-môn, quả Bà-la-môn; pháp phạm hạnh, người phạm hạnh, nghĩa phạm hạnh, quả phạm hạnh, đều nói như trên.

M

KINH 801. NGŨ PHÁP[7]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có năm pháp mang lại nhiều lợi ích cho sự tu An-na-ban-na

---

6. Paøli, 45. 37. Brahmaóaóa; 30-40. Brahmacariya.

7. *Quốc Dịch*, quyển 26, Tụng 5. Đạo tụng, Tương ưng 6. An-na-ban-na, gồm mười tám kinh, kinh số 12559-12576; một phẩm duy nhất. *Ấn Thuận Hội Biên*, Tụng 4. Đạo phẩm, Tương ưng 14. An-na-ban-na niệm, gồm hai mươi hai kinh, kinh số 1082-1103. Phần lớn tương đương Paøli, S. 54. AØnaøpaønasaöyutta. *Đại Chánh quyển* 29, kinh số 801-815. *Phật Quang* quyển 29, kinh số 813-827.

niệm. Những gì là năm? An trụ luật nghi Ba-la-đề-mộc-xoa, oai nghi hành xử đầy đủ; đối với những tội vi tế hay sanh lòng sợ hãi, thọ trì học giới. Đó gọi là pháp thứ nhất mang lại nhiều lợi ích cho sự tu An-na-ban-na niệm.

"Lại nữa, Tỳ-kheo ít muốn, ít sự việc, ít tác vụ. Đó là pháp thứ hai mang lại nhiều lợi ích cho sự tu An-na-ban-na niệm.

"Lại nữa, Tỳ-kheo nào ăn uống biết lường, không ít cũng không nhiều. Không vì việc ăn uống mà sanh ra tư tưởng ham muốn; luôn tinh cần tư duy. Đó là pháp thứ ba mang lại nhiều lợi ích cho sự tu An-na-ban-na niệm.

"Lại nữa, Tỳ-kheo đầu đêm, cuối đêm, không đắm say ngủ nghỉ, mà luôn tinh cần tư duy. Đó là pháp thứ tư mang lại nhiều lợi ích cho sự tu An-na-ban-na niệm.

"Lại nữa, Tỳ-kheo ở trong rừng hoang vắng, xa lìa những nơi náo nhiệt. Đó là pháp thứ năm mang lại nhiều lợi ích cho sự tu An-na-ban-na niệm."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 802. AN-NA-BAN-NA NIỆM (2)

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Nên tu An-na-ban-na niệm. Nếu Tỳ-kheo tu tập An-na-ban-na niệm, tu tập nhiều, thân chỉ tức và tâm chỉ tức, có giác, có quán, tịch diệt, thuần nhất, phân minh tưởng, tu tập đầy đủ."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 803. AN-NA-BAN-NA NIỆM (3)[8]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Hãy tu tập An-na-ban-na niệm. Nếu Tỳ-kheo tu tập An-na-ban-na niệm, tu tập nhiều, thân chỉ tức và tâm chỉ tức, có giác, có quán, tịch diệt, thuần nhất, phân minh tưởng, tu tập đầy đủ. Thế nào là tu tập An-na-ban-na niệm, tu tập nhiều, thân chỉ tức và tâm chỉ tức, có giác, có quán, tịch diệt, thuần nhất, phân minh tưởng, tu tập đầy đủ? Tỳ-kheo, nương vào xóm làng, thành ấp mà ở; sáng sớm đắp y, mang bát, vào thôn khất thực, nên khéo hộ trì thân, giữ gìn các căn, khéo cột tâm an trụ; khất thực xong trở về chỗ ở, cất y bát, rửa chân xong, hoặc vào trong rừng, trong phòng vắng, dưới bóng cây, hoặc nơi đất trống, thân ngồi ngay thẳng, cột niệm trước mặt, cắt đứt mọi tham ái thế gian, ly dục thanh tịnh, đoạn trừ sân nhuế, thùy miên, trạo hối và nghi, vượt qua các nghi hoặc, đối với các pháp lành, tâm được quyết định; viễn ly năm triền cái vốn làm phiền não tâm, khiến tuệ lực suy giảm, là phần chướng ngại, không hướng đến Niết-bàn.

"Niệm hơi thở vào[9], cột niệm, hãy khéo học. Niệm hơi thở ra[10], cột niệm, hãy khéo học. Hơi thở dài[11], hơi thở ngắn[12]. Cảm giác biết toàn thân khi thở vào, khắp toàn thân thở vào, hãy khéo học[13]; cảm giác biết toàn thân khi thở ra, khắp toàn thân thở ra, hãy khéo học. Giác tri tất cả sự an tịnh của tất cả thân hành khi thở vào[14], tất cả

---

8. Paøli, S.54.1. Ekadhamma. Cf. N⁰101(15).

9. Hán: nội tức [illegible]. Paøli: passasati, thở vào.

10. Hán: ngoại tức [illegible]. Paøli: assasati, thở ra.

11. Hán: tức trường [illegible]. Paøli: dìghaö vaø assasanto dìghaö assasaømì' ti pajaønaøti, trong khi thở ra dài, biết rằng "Tôi đang thở ra dài".

12. Hán: tức đoản [illegible]. Paøli: rassaö vaø assasanto rassaö assasaømì' ti pajaønaøti, trong khi thở ra ngắn, biết rằng "Tôi đang thở ra ngắn".

13. Paøli: sabbakaøyapaæisaövedì passasissaømì' ti sikkhati, vị ấy học tập rằng, "cảm giác toàn thân tôi sẽ thở vào".

14. Hán:... nhất thiết thân hành tức xuất tức [illegible]. Paøli: passaöbhayaö kaøyasaökhaøraö assasissaømì'ti sikkhati, vị ấy học tập rằng, "thân hành an tĩnh, tôi sẽ thở vào".

thân hành an tịnh thở vào, hãy khéo học; giác tri tất cả sự an tịnh của tất cả thân hành khi thở ra, tất cả thân hành an tịnh thở vào, hãy khéo học. Giác tri hỷ, giác tri lạc, giác tri tâm hành[15], giác tri sự an tịnh của tâm hành khi thở vào, giác tri tâm hành an tịnh thở vào, hãy khéo học[16]. Giác tri sự an tịnh của tâm hành khi thở ra, giác tri tâm hành an tịnh thở ra, hãy khéo học. Giác tri tâm, giác tri tâm hoan hỷ, giác tri tâm định, giác tri tâm giải thoát khi thở vào[17], giác tri tâm giải thoát thở vào, hãy khéo học. Giác tri tâm giải thoát khi hơi thở ra, giác tri tâm giải thoát thở ra, hãy khéo học. Quán sát vô thường, quán sát đoạn, quán sát vô dục, quán sát diệt[18] khi hơi thở vào, quán sát diệt thở vào, phải khéo học. Quán sát diệt khi hơi thở ra, quán sát diệt thở ra, phải khéo học. Đó gọi là tu An-na-ban-na niệm, thân chỉ tức và tâm chỉ tức, có giác, có quán, tịch diệt, thuần nhất, phân minh tưởng, tu tập đầy đủ."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 804. ĐOẠN GIÁC TƯỞNG[19]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Hãy tu An-na-ban-na niệm tu tập An-na-ban-na niệm, tu tập

---

15. Hán: giác tri hỷ, giác tri lạc, giác tri tâm hành. Paøli: pìtippaæisaövedì..., sukhappaæisaövedì..., cittasaökhaørappaæisaövedì...

16. Hán:... tâm hành tức nhập tức... Paøli: passambhayaö cittasaökhaøraö passasissaømì'ti sikkhati, vị ấy học rằng, "tâm hành an tĩnh, tôi sẽ thở vào,"

17. Giác tri tâm, giác tri tâm duyệt, giác tri tâm định, giác tri tâm giải thoát. Paøli: cittappaæisaövedì..., abhippamodayaö cittaö..., samaødahaö cittaö..., vimocayaö cittaö...

18. Hán: quán sát vô thường... đoạn... vô dục... diệt. Paøli: aniccaønupassì... viraøgaønupassì... nirodhaønupassì... paæinissaggaønupassì, quán vô thường, quán ly dục, quán diệt, quán xả ly.

19. Paøli, S. 54. 2-5. Bojjhaíga,v.v...

nhiều, sẽ đoạn trừ các giác tưởng. Thế nào tu tập An-na-ban-na niệm, tu tập nhiều, sẽ đoạn trừ các giác tưởng? Tỳ-kheo nào nương vào làng xóm, thành ấp mà ở, nói đầy đủ như trên... cho đến khéo học đối với việc quán sát diệt khi hơi thở ra. Đó gọi là tu tập An-na-ban-na niệm, tu tập nhiều, sẽ đoạn trừ các giác tưởng."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

Như đoạn trừ giác tưởng, cũng vậy không dao động, được quả lớn, phước lợi lớn; cũng vậy được cam lộ, cứu cánh cam lộ và được hai quả, bốn quả, bảy quả, kinh nào cũng nói như trên.[20]

M

KINH 805. A-LÊ-SẮT-TRA[21]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Như An-na-ban-na niệm mà Ta đã giảng dạy, các ông có tu tập không?"

Lúc ấy, có Tỳ-kheo tên là A-lê-sắt-tra, đang ngồi ở trong chúng, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, làm lễ Phật, quỳ gối phải sát đất, chắp tay bạch Phật rằng:

"Bạch Thế Tôn, con đã tu tập An-na-ban-na niệm mà Thế Tôn đã giảng dạy."

Phật bảo Tỳ-kheo A-lê-sắt-tra:

"Ông tu tập thế nào An-na-ban-na niệm mà Ta đã giảng dạy?"

Tỳ-kheo bạch Phật:

"Đối các hành quá khứ con không luyến tiếc, các hành vị lai không sanh ra hoan lạc, đối với các hành hiện tại không sanh ra đắm nhiễm; khéo chân chánh trừ diệt những tưởng về đối ngại[22] bên trong

---

20. Tóm tắt có bảy kinh.

21. Paøli, S. 54.6. Ariæaha.

22. Hán: ư nội ngoại đối ngại tưởng [illegible]. Paøli: ajjhattaö bahidhaø ca dhammesu paæighasaóóa, tri giác tưởng về tính đối ngại (tính đối kháng của vật chất, cũng có nghĩa sự sân hận) nơi các pháp nội và ngoại.

và bên ngoài. Con đã tu tập An-na-ban-na niệm mà Thế Tôn đã giảng dạy như vậy."

Phật bảo Tỳ-kheo A-lê-sắt-tra:

"Ông thật sự đã tu An-na-ban-na niệm mà Ta đã giảng dạy, chứ chẳng phải không tu. Song có Tỳ-kheo đối với chỗ tu tập An-na-ban-na niệm của ông lại còn có phần vi diệu hơn, vượt trội hơn. Những gì là An-na-ban-na niệm vi diệu hơn, vượt trội hơn những gì An-na-ban-na niệm tu tập? Tỳ-kheo nương vào làng xóm, thành ấp mà ở, như đã nói ở trên... cho đến, quán sát diệt thở ra, phải khéo học. Này Tỳ-kheo A-lê-sắt-tra, đó gọi là An-na-ban-na niệm vi diệu hơn, vượt trội hơn những gì An-na-ban-na niệm mà ông tu tập."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 806. KẾ-TÂN-NA[23]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Hôm ấy, vào sáng sớm Đức Thế Tôn đắp y, bưng bát, vào thành Vương xá khất thực. Ăn xong, trở về tinh xá, cất y bát, rửa chân xong, mang Ni-sư-đàn vào rừng An-đà, ngồi dưới một bóng cây, thiền tịnh ban ngày.

Lúc bấy giờ, Tôn giả Kế-tân-na, cũng vào sáng sớm, đắp y mang bát vào thành Vương xá khất thực. Xong, trở về cất y bát, rửa chân xong, mang Ni-sư-đàn vào rừng An-đà ngồi thiền tịnh dưới một bóng cây cách Đức Phật không xa; thẳng người bất động, thân tâm chánh trực, tư duy thắng diệu.

Vào buổi chiều hôm ấy, có số đông các Tỳ-kheo sau khi từ thiền tịnh tỉnh giấc, đi đến chỗ Đức Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên. Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Các ông có thấy Tôn giả Kế-tân-na không? Cách Ta không xa, vị đó đang ngồi ngay thẳng trang nghiêm, thân tâm bất động, an trú

23. Paøli, S. 54.7. Kappina.

thắng diệu trú[24].”

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

“Chúng con thường xuyên thấy Tôn giả này ngồi thẳng trang nghiêm, khéo thu nhiếp thân mình không lay không động, chuyên tâm thắng diệu.”

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Nếu Tỳ-kheo nào, tu tập tam-muội, thân tâm an trụ, không lay không động, trụ vào thắng diệu, thì Tỳ-kheo này sẽ đạt được tam-muội này mà không cần đến phương tiện, tùy theo ý muốn liền có được.”

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

“Tam-muội gì mà Tỳ-kheo đạt được tam-muội này thì thân tâm bất động, an trụ thắng diệu trụ?”

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Nếu Tỳ-kheo nào nương vào làng xóm mà ở, sáng sớm đắp y mang bát vào thôn khất thực, ăn xong trở về tinh xá cất y bát, sau khi rửa chân xong, vào ngồi trong rừng, hoặc nơi phòng vắng, đất trống, cột niệm tư duy... cho đến, quán sát diệt, thở ra, phải khéo học. Đó gọi là Tam-muội, nếu Tỳ-kheo nào ngồi trang nghiêm suy tư, thân tâm sẽ bất động, an trụ thắng diệu trụ.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 807. NHẤT-XA-NĂNG-GIÀ-LA[25]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong rừng Nhất-xa-năng-già-la[26]. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Ta muốn tọa thiền trong vòng hai tháng. Các Tỳ-kheo chớ nên

---

24. Paøli: neva kayassa iójitaö vaø hoti phanditaö vaø, na cittassa iójitaö vaø hoti phanditaö vaø, thân không dao động, không khuynh động; tâm không dao động, không khuynh động.

25. Paøli, S. 54.11. Icchaønaígala.

26. Nhất-xa-năng-già-la [illegible]. Paøli: Icchaønaígala.

tới lui, chỉ trừ Tỳ-kheo đưa thức ăn và khi bố-tát."

Sau khi Thế Tôn nói những lời này xong, liền ở lại đây hai tháng[27] để thiền tọa, không một Tỳ-kheo nào dám tới lui, chỉ trừ lúc đưa thức ăn và bố-tát.

Bấy giờ, sau khi trải qua hai tháng thiền tọa xong, Ngài từ thiền tịnh tỉnh giấc, ngồi trước Tỳ-kheo Tăng; bảo các Tỳ-kheo:

"Nếu có những xuất gia ngoại đạo nào đến hỏi các ông: 'Sa-môn Cù-đàm trong hai tháng tọa thiền gì?' Thì các ông nên đáp rằng: 'Trong hai tháng Như Lai bằng An-na-ban-na niệm an trú trong thiền tịnh tư duy. Vì sao? Vì suốt trong hai tháng này Ta luôn luôn an trụ tư duy nhiều nơi niệm An-na-ban-na. Khi hơi thở vào, biết như thật niệm hơi thở vào; khi hơi thở ra, biết như thật niệm hơi thở ra. Hoặc dài, hoặc ngắn. Cảm giác toàn thân, biết như thật niệm hơi thở vào; cảm giác toàn thân, biết như thật niệm hơi thở ra. An tịnh thân hành, biết như thật niệm hơi thở vào;... cho đến, diệt, biết như thật hơi thở ra. Sau khi Ta đã biết, bấy giờ, Ta tự nghĩ: 'Ở đây vẫn còn trụ tư duy thô. Nay Ta sau khi đình chỉ tư duy này, hãy tu thêm các tu tập vi tế khác mà an trụ.'

"Rồi, Ta sau khi đình chỉ tư duy thô, liền nhập tư duy vi tế và an trụ nhiều nơi đó mà an trụ. Khi đó có ba vị Thiên tử, tướng mạo rất tuyệt diệu, sáng sớm, ra đi đến chỗ Ta. Một Thiên tử nói như vầy: 'Sa-môn Cù-đàm đã đến thời[28].' Lại có một Thiên tử nói: 'Đây chẳng phải đã đến thời, mà sắp đến.' Vị Thiên tử thứ ba nói: 'Chẳng phải đã đến thời, cũng chẳng phải sắp đến, mà đây là an trụ tu tập. Đây là sự tịch diệt của vị A-la-hán[29] vậy'."

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Nếu có chánh thuyết nào về Thánh trụ[30], Thiên trụ[31], Phạm trụ[32], Học trụ[33], Vô học trụ[34], Như Lai trụ[35]; và hiện pháp lạc[36] trụ của

---

27. Hán: nhị nguyệt 二月. Paøli: temaøsaö, ba tháng.
28. Hán: thời đáo 時到. Có lẽ Paøli: kaølagata, chết.
29. Trong bản: A-la-ha tịch diệt 阿羅訶寂滅.
30. Thánh trụ 聖住 Paøli: ariyavihaøra.
31. Thiên trụ 天住 Paøli: dibbavihaøra.
32. Phạm trụ 梵住 Paøli: brahmavihaøra.
33. Học trụ 學住 Paøli: sekhavihaøra.

Thánh nhân vô học mà hàng hữu học chưa được sẽ được, chưa đến sẽ đến, chưa chứng sẽ chứng; đó là nói về An-na-ban-na niệm. Đây là chánh thuyết. Vì sao? Vì An-na-ban-na niệm là Thánh trụ, Thiên trụ, Phạm trụ... cho đến Vô học hiện pháp lạc trú."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 808. CA-MA[37]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn cây Ni-câu-luật tại Ca-tỳ-la-việt[38]. Bấy giờ có Ma-ha-nam dòng họ Thích[39] đến chỗ Tôn giả Tỳ-kheo Ca-ma[40], đảnh lễ dưới chân Tỳ-kheo Ca-ma, rồi ngồi lui qua một bên, thưa Tỳ-kheo Ca-ma rằng:

"Thế nào, Tôn giả Ca-ma, có phải bậc Học trụ[41] tức là Như Lai trụ[42] không? Hay Học trụ khác, Như Lai trụ khác?"

Tỳ-kheo Ca-ma đáp rằng:

"Này Ma-ha-nam, Học trụ khác, Như Lai trụ khác. Ma-ha-nam, Học trụ là do đoạn trừ năm triền cái mà an trụ nhiều[43]. Như Lai trụ đối với năm triền cái đã đoạn, đã biến tri, chặt đứt gốc rễ của nó, như chặt đầu cây đa-la, làm cho không còn sanh trưởng nữa, ở đời vị lai trở thành pháp bất sanh.

---

34. Vô học trụ □ Paøli: asekhavihaøra.
35. Như Lai trụ Paøli: tathaøgatavihaøra.
36. Hiện pháp lạc trụ 法樂住 Paøli: diæædhammasukhavihaøra.
37. Paøli, S.54.12. Kaíkheyya.
38. Ca-tỳ-la-việt Ni-câu-luật thọ viên □ Paøli: Kapilavatthusmiö nigrodhaøraøme.
39. Thích thị Ma-ha-nam Paøli: Mahaønaømo sakko.
40. Ca-ma Tỳ-kheo □ Bản Paøli: aøyasmaø Lokasakaöbhiyo.
41. Học trụ Paøli: sekhavihaøra.
42. Xem cht.35, kinh 807.
43. Paøli: bhikkhuø sekhaø... te paóca nìvaraòe pahaøya viharanti, các Tỳ-kheo hữu học an trụ sau khi đoạn trừ năm triền cái.

"Một thời, Thế Tôn ở trong rừng Nhất-xà-năng-già-la[44]. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: 'Ta muốn ở trong rừng Nhất-xà-năng-già-la này thiền tọa trong vòng hai tháng[45], Tỳ-kheo các ông chớ tới lui, chỉ trừ Tỳ-kheo đưa thức ăn và lúc bố-tát, nói đầy đủ như trước... cho đến Vô học hiện pháp lạc trụ.' Này Ma-ha-nam, vì vậy cho nên biết, Học trụ khác, Như Lai trụ khác."

Sau khi Ma-ha-nam thuộc dòng họ Thích nghe những gì Tỳ-kheo Ca-ma đã nói, hoan hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

M

KINH 809. KIM CƯƠNG[46]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong rừng Tát-la-lê, cạnh sông Bạt-cầu-ma tại tụ lạc Kim cương[47]. Bấy giờ Đức Thế Tôn vì các Tỳ-kheo nói về bất tịnh quán, khen ngợi bất tịnh quán rằng:

"Các Tỳ-kheo nên tu tập bất tịnh quán; tu tập bất tịnh quán nhiều thì sẽ được quả lớn, phước lợi lớn."

Các Tỳ-kheo sau khi đã tu tập bất tịnh quán rồi, đều rất chán sợ thân này, hoặc dùng đao tự sát, hoặc uống thuốc độc, hoặc dùng dây tự vẫn, hoặc lao đầu vào vách núi tự sát, hoặc nhờ Tỳ-kheo khác giết.

Có Tỳ-kheo kia sanh lòng cực kỳ nhàm chán sự bất tịnh xấu xa[48], nên đến chỗ con Phạm chí Lộc Lâm[49] nói với người con Phạm chí Lộc Lâm rằng:

"Hiền thủ! Người làm ơn giết tôi, y bát xin tặng lại ông."

---

44. Xem kinh 807.

45. Xem cht.27, kinh 807 trên.

46. Paøli, S. 54.9. Vesaøli. Tham chiếu, Tứ phần quyển 2, Tăng kỳ quyển 4, Ngũ phần quyển 2; Mahavagga iii.68.

47. Kim cương tụ lạc Bạt-cầu-ma hà trắc Tát-la-lê lâm [illegible] Bản Paøli: Vesaøliyaø... Mahaøvane Kuøæaøgaøraaølaøyaø.

48. Hán: bất tịnh ác lộ [illegible]. Paøli: asubha.

49. Lộc Lâm phạm chí tử [illegible]. Tứ phần: Vật-lực-già Nan-đề [illegible]. Thập tụng: Lộc Trượng phạm chí [illegible]. Paøli: Miga-laòñika samaòakuttaka. Bản Hán đọc puttaka (con trai) thay vì kuttaka (kẻ giả trang).

Bấy, người con Phạm chí Lộc Lâm liền giết Tỳ-kheo này, rồi mang đao đến bờ sông Bạt-cầu-ma[50] để rửa. Lúc ấy, có Ma thiên ở giữa hư không, khen ngợi con Phạm chí Lộc Lâm rằng:

"Lành thay! Lành thay! Hiền thủ, ông được vô lượng công đức, có thể khiến cho Sa-môn Thích tử trì giới có đức, người chưa độ được độ, người chưa thoát được thoát, người chưa yên nghỉ khiến được yên nghỉ, người chưa được Niết-bàn khiến được Niết-bàn; y bát và các thứ tạp vật cùng những lợi dưỡng tất cả đều thuộc về ông."

Sau khi con Phạm chí Lộc Lâm nghe những lời khen ngợi này rồi, thì ác tà kiến tăng thêm, tự nghĩ: 'Hôm nay ta đã thật sự tạo ra phước đức lớn, khiến cho Sa-môn Thích tử, người trì giới, công đức, người chưa độ được độ, người chưa thoát được thoát, người chưa yên nghỉ khiến được yên nghỉ, người chưa được Niết-bàn khiến được Niết-bàn; y bát và các thứ tạp vật cùng những lợi dưỡng tất cả đều thuộc về ta.' Nghĩ xong tay cầm đao bén đi đến các phòng xá, những nơi kinh hành, phòng riêng, phòng Thiền, gặp các Tỳ-kheo nói như vầy:

"Những Tỳ-kheo nào trì giới có đức, ai chưa được độ ta có thể độ cho, ai chưa thoát sẽ khiến cho thoát, ai chưa yên nghỉ sẽ khiến được yên nghỉ, chưa Niết-bàn sẽ khiến được Niết-bàn."

Lúc ấy, các Tỳ-kheo đang chán sợ thân này, đều ra khỏi phòng nói với con Phạm chí Lộc Lâm rằng:

"Tôi chưa được độ, ông nên độ tôi; tôi chưa được thoát, ông nên giải thoát tôi; tôi chưa được yên nghỉ, ông nên khiến cho tôi được yên nghỉ; tôi chưa được Niết-bàn, ông nên khiến cho tôi được Niết-bàn." Bấy giờ con Phạm chí Lộc Lâm liền dùng đao bén giết Tỳ-kheo này và lần lượt, giết chết cho đến sáu mươi người.

Bấy giờ, đến ngày mười lăm, lúc thuyết giới, Đức Thế Tôn ngồi trước đại chúng, bảo Tôn giả A-nan:

"Vì lý do gì mà các Tỳ-kheo càng lúc càng ít, càng lúc càng giảm, càng lúc càng hết như vậy?"

A-nan bạch Phật rằng:

"Thế Tôn đã vì các Tỳ-kheo nói về tu bất tịnh quán, khen ngợi bất tịnh quán. Khi các Tỳ-kheo tu tập bất tịnh quán, đâm ra chán sợ thân này, nói đầy đủ... cho đến giết hại sáu mươi Tỳ-kheo.

---

50. Bạt-cầu-ma hà [illegible]. Paøli: Vaggumudaø.

Bạch Thế Tôn, vì lý do này nên khiến cho các Tỳ-kheo càng lúc càng ít, càng lúc càng giảm, càng lúc càng hết. Cúi xin Thế Tôn thuyết giảng pháp khác, để cho các Tỳ-kheo sau khi nghe xong tinh cần tu tập trí tuệ, an lạc mà tiếp thọ Chánh pháp; an vui sống trong Chánh pháp."

Phật bảo A-nan:

"Vì vậy, nay Ta sẽ lần lượt nói về sự an trụ vi tế trụ, tùy thuận mà khai giác, khiến pháp ác bất thiện đã khởi hay chưa khởi đều nhanh chóng lắng xuống. Như trời mưa lớn, những thứ bụi bặm đã khởi lên hay chưa khởi lên đều khiến cho chúng lắng xuống. Cũng vậy, Tỳ-kheo khi tu tập an trụ nơi vi tế trụ, có thể khiến các pháp ác bất thiện đã khởi hay chưa khởi đều lắng xuống.

"Này A-nan, thế nào là an trụ vi tế trụ, tùy thuận mà khai giác, khiến pháp ác bất thiện đã khởi hay chưa khởi đều lắng xuống? Đó là an trụ vào An-na-ban-na niệm."

A-nan bạch Phật:

"Thế nào là tu tập an trụ vào An-na-ban-na niệm, theo đó mà khai mở giác, thì những pháp ác bất thiện dù đã khởi hay chưa khởi lên cũng có khả năng khiến chúng dừng lại?"

Phật bảo A-nan:

"Nếu Tỳ-kheo, nương vào làng xóm mà ở, *như đã nói đầy đủ ở trước*... cho đến khéo học như quán diệt khi niệm hơi thở ra."

Sau khi Phật nói kinh này xong, Tôn giả A-nan nghe những gì Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 810. A-NAN[51]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong rừng Tát-la-lê, cạnh sông Bạt-cầu-ma tại tụ lạc Kim cương. Bấy giờ giờ Tôn giả A-nan ở một mình nơi vắng, thiền quán tư duy, tự nghĩ như vầy: 'Có một pháp nào được tu tập, tu tập nhiều, khiến cho bốn pháp đầy đủ. Bốn pháp đã đầy đủ rồi, thì bảy pháp đầy đủ. Bảy pháp đã đầy đủ rồi, thì hai pháp đầy đủ?'

Sau khi từ thiền tịnh tỉnh giấc, Tôn giả A-nan đến chỗ Phật, cúi

51. Paøli, S. 54. 13-14. AØnanda.

đầu đảnh lễ dưới chân, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật rằng:

"Khi con ở một mình nơi chỗ vắng, thiền quán tư duy tự nghĩ: 'Có một pháp nào được tu tập, tu tập nhiều, khiến cho bốn pháp đầy đủ. Bốn pháp đã đầy đủ rồi, thì bảy pháp đầy đủ. Bảy pháp đã đầy đủ rồi, thì hai pháp đầy đủ?'."

Phật bảo A-nan:

"Có một pháp được tu tập, tu tập nhiều,... cho đến hai pháp đầy đủ. Những gì là một pháp? Đó là An-na-ban-na niệm, được tu tập, tu tập nhiều, có khả năng làm cho bốn Niệm xứ đầy đủ. Bốn Niệm xứ đã đầy đủ rồi, bảy Giác phần đầy đủ. Bảy Giác phần đã đầy đủ rồi, minh và giải thoát[52] đầy đủ.

"Thế nào là tu tập An-na-ban-na niệm, thì bốn Niệm xứ đầy đủ? Tỳ-kheo nương vào làng xóm mà ở... cho đến khéo học quán diệt khi niệm hơi thở ra.

"Này A-nan, như vậy Thánh đệ tử, khi niệm hơi thở vào, học như niệm hơi thở vào; khi niệm hơi thở ra, học như niệm hơi thở ra. Hoặc dài hoặc ngắn. Giác tri tất cả thân hành, khi niệm hơi thở vào, học như niệm hơi thở vào; khi niệm hơi thở ra, học như niệm hơi thở ra. Thân hành an tịnh khi niệm hơi thở vào, học như thân hành an tịnh niệm hơi thở vào; thân hành an tịnh khi niệm hơi thở ra, học như thân hành an tịnh niệm hơi thở ra. Thánh đệ tử lúc bấy giờ, an trụ chánh niệm quán thân trên thân. Nếu khác với thân[53], kia cũng như vậy, tùy theo thân tương tự tư duy.

"Nếu có lúc Thánh đệ tử giác tri hỷ, giác tri lạc, giác tri tâm hành, giác tri tâm hành an tịnh, khi niệm hơi thở vào, học như tâm hành an tịnh niệm hơi thở vào; tâm hành an tịnh khi niệm hơi thở ra, học như tâm hành an tịnh niệm hơi thở ra. Thánh đệ tử lúc bấy giờ, an trụ chánh niệm quán thọ trên thọ. Nếu khác với thọ thì kia cũng tùy theo thọ tương tự tư duy[54].

---

52. Minh giải thoát . Paøli: vijjaøvimutti.

53. Hán: dị ư thân . Paøli: kaøyantaraøhaö aønanda etam vadaømi yadidaö assaøsa passaøsaö, tùy thuộc một (trong hai) thân, ta nói cái đó là hơi thở ra, hơi thở vào.

54. Hán: dị thọ... tùy *thọ* (nguyên bản: *thân*) tỉ tư duy . Paøli:

"Nếu có khi Thánh đệ tử giác tri tâm, giác tri tâm hoan hỷ, tâm định, tâm giải thoát, khi niệm hơi thở vào, học như tâm giải thoát niệm hơi thở vào. Tâm giải thoát khi niệm hơi thở ra, học như tâm giải thoát niệm hơi thở ra. Thánh đệ tử lúc bấy giờ, an trụ chánh niệm quán tâm nơi tâm. Nếu có tâm khác, kia cũng tùy theo tâm tương tự tư duy.

"Nếu có khi Thánh đệ tử quán vô thường, đoạn, vô dục, diệt, học an trụ quán như vô thường, đoạn, vô dục, diệt. Thánh đệ tử lúc bấy giờ, an trụ chánh niệm quán pháp trên pháp. Nếu có pháp khác, kia cũng tùy theo pháp tương tự tư duy. Đó gọi là tu An-na-ban-na niệm, thì bốn Niệm xứ đầy đủ."

A-nan bạch Phật:

"Khi tu tập An-na-ban-na niệm như vậy, khiến cho bốn Niệm xứ đầy đủ. Thế nào là tu bốn Niệm xứ làm cho bảy Giác phần đầy đủ?"

Phật bảo A-nan:

"Nếu Tỳ-kheo an trụ chánh niệm quán thân trên thân. Sau an trụ với chánh niệm, cột niệm trụ yên không cho mất, bấy giờ, phương tiện tu Niệm giác phần. Khi đã tu niệm giác phần rồi, niệm giác phần được đầy đủ. Khi niệm giác phần đã đầy đủ rồi, đối với pháp mà tuyển trạch, tư lường; bấy giờ phương tiện tu Trạch pháp giác phần. Khi đã tu trạch pháp giác phần rồi, trạch pháp giác phần được đầy đủ. Sau khi đối với pháp đã tuyển trạch, phân biệt, tư lường rồi, phương tiện tinh cần sẽ đạt được, lúc bấy giờ phương tiện tu tập Tinh tấn giác phần. Khi đã tu tinh tấn giác phần rồi, tinh tấn giác phần được đầy đủ. Sau khi phương tiện tinh tấn, tâm được hoan hỷ, lúc bấy giờ phương tiện tu Hỷ giác phần. Khi đã tu hỷ giác phần rồi, hỷ giác phần được đầy đủ. Khi đã có hoan hỷ rồi, thân tâm khinh an, lúc bấy giờ phương tiện tu Khinh an giác phần. Khi đã tu khinh an phần rồi, khinh an giác phần được đầy đủ. Sau khi thân tâm an lạc rồi đạt được tam-muội, lúc bấy giờ tu định giác phần. Sau khi đã tu Định giác phần rồi, định giác phần được đầy đủ. Khi định giác phần đã đầy đủ rồi, tham ưu thế gian bị diệt, đạt được xả bình đẳng, lúc bấy giờ phương tiện tu Xả giác phần.

---

vedanaøóóataraøhaö aønanda etaö vadaømi yadidaö assaøsa passaøsaö saødhukaö manasikaö, tùy theo một thọ, ta nói cái này là hơi thở ra, hơi thở vào được khéo léo tác ý.

Sau khi đã tu xả giác phần rồi, xả giác phần được đầy đủ. Đối với thọ, tâm, pháp trên pháp niệm xứ cũng nói như vậy. Đó gọi là tu bốn Niệm xứ thì bảy Giác phần sẽ đầy đủ."

A-nan bạch Phật:

"Đó gọi là tu bốn Niệm xứ, bảy Giác phần sẽ đầy đủ. Thế nào là khi tu bảy Giác phần thì minh và giải thoát sẽ đầy đủ?"

Phật bảo A-nan:

"Nếu Tỳ-kheo tu Niệm giác phần, y viễn ly, y vô dục, y diệt, hướng đến xả. Sau khi đã tu niệm giác phần rồi, minh giải thoát sẽ đầy đủ... cho đến khi tu xả giác phần y viễn ly, y vô dục, y diệt, hướng đến xả. Cũng vậy, khi đã tu xả giác phần rồi, minh giải thoát sẽ đầy đủ.

"A-nan, đó gọi là mọi pháp đều tùy thuộc vào nhau, mọi pháp đều ảnh hưởng lẫn nhau. Mười ba pháp như vậy, một pháp làm tăng thượng, một pháp là cửa ngõ, theo thứ lớp tiến lên, tu tập đầy đủ."

Sau khi Phật nói kinh này xong, Tôn giả A-nan nghe những gì Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 811–812. TỲ-KHEO

Cũng vậy, những gì Tỳ-kheo khác hỏi và Đức Phật hỏi các Tỳ-kheo cũng nói như trên.[55]

M

KINH 813. KIM-TỲ-LA[56]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong rừng Kim-tỳ, tụ lạc Kim-tỳ-la[57]. Bấy giờ Thế Tôn bảo Tôn giả Kim-tỳ-la:

"Nay Ta sẽ nói về sự tinh tấn tu tập bốn Niệm xứ. Hãy lắng nghe và suy nghĩ cho kỹ, Ta sẽ vì ông mà nói."

---

55. Tóm tắt có hai kinh.

56. Paøli, S. 54.10. Kimila.

57. Kim-tỳ-la tụ lạc Kim-tỳ lâm Paøli: Kimilaøyaö viharati veôuvane.

Đức Thế Tôn lập lại ba lần như vậy, trong khi Tôn giả Kim-tỳ-la[58] vẫn ngồi im lặng. Bấy giờ, Tôn giả A-nan nói với Tôn giả Kim-tỳ-la:

"Nay Đại Sư nhắc bảo thầy."

Ba lần như vậy.

Tôn giả Kim-tỳ-la nói với Tôn giả A-nan:

"Tôi đã biết, Tôn giả A-nan! Tôi đã biết, Tôn giả Cù-đàm[59]!"

Khi ấy Tôn giả A-nan bạch Phật rằng:

"Bạch Thế Tôn, thật đúng lúc. Bạch Thế Tôn, đã đúng lúc. Bạch Thiện Thệ, xin vì các Tỳ-kheo nói về tu tập tinh tấn bốn Niệm xứ. Các Tỳ-kheo sau khi nghe xong sẽ phụng hành."

Phật bảo A-nan:

"Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì các ông mà nói.

"Tỳ-kheo, nếu lúc niệm hơi thở vào, học như hơi thở vào;... cho đến lúc diệt niệm hơi thở ra thì, nên học như diệt niệm hơi thở ra.

"Bấy giờ Thánh đệ tử khi niệm hơi thở vào, học như niệm hơi thở vào;... cho đến thân hành tĩnh chỉ khi niệm hơi thở ra, học như thân hành tĩnh chỉ hơi thở ra.

"Bấy giờ Thánh đệ tử an trụ chánh niệm quán thân trên thân. Bấy giờ Thánh đệ tử an trụ chánh niệm quán thân trên thân rồi, biết khéo tư duy bên trong cũng như vậy."

Phật bảo A-nan:

"Thí như, có người cỡi xe từ phương Đông lắc lư mà đến, lúc bấy giờ có giẫm đạp lên gò nỗng không?"

A-nan bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, có như vậy."

Phật bảo A-nan:

"Cũng vậy, Thánh đệ tử lúc niệm hơi thở và học như niệm hơi thở vào. Cũng vậy,... cho đến khéo tư duy bên trong. Nếu bấy giờ Thánh đệ tử giác tri hỷ,... *cho đến*, học giác tri ý hành tĩnh chỉ, Thánh đệ tử an trụ chánh niệm quán thọ nơi thọ; khi Thánh đệ tử đã an trụ chánh niệm quán thọ trên thọ rồi, biết khéo tư duy bên trong

---

58. Kim-tỳ-la [illegible]. Paøli: Kimila, tức Kimbila.

59. Cù-đàm, đây chỉ A-nan, gọi theo dòng họ.

cũng như vậy.

"Thí như, có người cỡi xe từ phương Nam đi xe lại. Thế nào A-nan, nó có giẫm đạp lên gò nỗng không?"

A-nan bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, có như vậy."

Phật bảo A-nan:

"Cũng vậy, Thánh đệ tử khi an trụ chánh niệm quán thọ trên thọ, biết khéo tư duy bên trong. Thánh đệ tử giác tri tâm, tâm hân hoan, tâm định, tâm giải thoát khi hơi thở và học như tâm giải thoát hơi thở vào; tâm giải thoát khi hơi thở ra, học như tâm giải thoát hơi thở ra.

"Đệ tử bậc Thánh lúc này sống quán niệm tâm trên tâm; khi đệ tử bậc Thánh đã sống quán niệm tâm trên tâm như vậy rồi, biết khéo tư duy bên trong.

"Thí như, có người đi xe từ phương Tây lại, có giẫm đạp lên gò nỗng không?"

A-nan bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, có như vậy."

Phật bảo A-nan:

"Cũng vậy, Thánh giác tri tâm... cho đến tâm giải thoát khi hơi thở ra, học như tâm giải thoát hơi thở ra.

"Cũng vậy, Thánh đệ tử bấy giờ an trụ chánh niệm quán tâm trên tâm, biết khéo tư duy bên trong.

Khéo ở nơi thân, thọ, tâm mà diệt bỏ tham ưu, bấy giờ, Thánh đệ tử an trụ chánh niệm quán pháp trên pháp. Sau khi Thánh đệ tử đã an trụ chánh niệm quán pháp trên pháp như vậy rồi, biết khéo tư duy bên trong.

"Này A-nan, thí như nơi ngã tư đường có ụ mô đất, có người cỡi xe từ phương Bắc đi xe lại, có giẫm đạp lên ụ mô đất không?"

A-nan bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, có như vậy."

Phật bảo A-nan:

"Cũng vậy, Thánh đệ tử an trụ chánh niệm quán pháp trên pháp, biết khéo tư duy bên trong.

"Này A-nan, đó gọi là Tỳ-kheo phương tiện tinh tấn tu bốn

Niệm xứ."

Sau khi Phật nói kinh này xong, Tôn giả A-nan nghe những gì Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 814. BẤT BÌ[60]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Hãy tu An-na-ban-na niệm. An-na-ban-na niệm được tu tập, tu tập nhiều rồi, thân không mệt mỏi, mắt cũng không đau nhức, tùy thuận quán an trụ lạc, giác tri lạc, không đắm nhiễm[61].

"Thế nào là tu An-na-ban-na niệm, thân không mệt mỏi, mắt cũng không đau nhức, tùy thuận quán an trụ lạc, giác tri lạc, không đắm nhiễm?

"Tỳ-kheo khi nương vào làng xóm mà ở... cho đến quán diệt lúc hơi thở ra, học như quán diệt hơi thở ra. Đó gọi là khi tu An-na-ban-na niệm, thân không mệt mỏi, mắt cũng không đau nhức, tùy thuận quán an trụ lạc, giác tri lạc, không đắm nhiễm. Như vậy, tu An-na-ban-na niệm được quả lớn, phước lợi lớn.

"Tỳ-kheo muốn cầu ly dục pháp ác bất thiện, có giác, có quán, có hỷ lạc do viễn ly sanh, chứng và an trú Sơ thiền; Tỳ-kheo ấy nên tu An-na-ban-na niệm. Như vậy, tu An-na-ban-na niệm được quả lớn, phước lợi lớn.

"Tỳ-kheo muốn cầu đệ Nhị, đệ Tam, đệ Tứ thiền, Từ, Bi, Hỷ, Xả, Không nhập xứ, Thức nhập xứ, Vô sở hữu nhập xứ, Phi tưởng phi phi tưởng nhập xứ; ba kết hoàn toàn hết, đắc quả Tu-đà-hoàn; ba kết đã hết, tham, nhuế, si đã mỏng, đắc quả Tư-đà-hàm; năm hạ phần kết sử đã hết, đắc quả A-na-hàm; đạt được vô lượng sức thần thông, Thiên nhĩ, Tha tâm trí, Túc mạng trí, Sanh tử trí và Lậu tận trí; Tỳ-kheo ấy

---

60. Không mệt nhọc. Paøli, S. 54.8. Dìpa.

61. Paøli: neva kaøyo kilamati na cakkhuøni anupaødaøya ca me aøsavehi cittaö vimuccati, thân không mệt mỏi, mắt cũng không; Ta, sau khi không còn chấp thủ, tâm được giải thoát khỏi các lậu hoặc.

nên tu An-na-ban-na niệm. Như vậy, tu An-na-ban-na niệm, được quả lớn, phước lợi lớn."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 815. BỐ-TÁT

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật hạ an cư ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ số đông các Thượng tọa Thanh văn, an cư ở chung quanh Thế Tôn, hoặc dưới gốc cây, hoặc trong hang động.

Khi ấy, có số đông các Tỳ-kheo trẻ đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên. Đức Phật vì các Tỳ-kheo trẻ nói pháp, khai thị, chỉ giáo, soi sáng, làm cho hoan hỷ. Sau khi khai thị, chỉ giáo, soi sáng, làm cho hoan hỷ rồi, Ngài ngồi im lặng. Các Tỳ-kheo trẻ sau khi nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy làm lễ mà đi.

Các Tỳ-kheo trẻ đến chỗ Tỳ-kheo Thượng tọa, lễ dưới chân Thượng tọa, rồi ngồi một bên. Khi ấy các Tỳ-kheo Thượng tọa suy nghĩ như vầy: 'Chúng ta nên nhiếp thọ các Tỳ-kheo trẻ này. Hoặc một người nhận một người; hoặc một người nhận một, hai, ba hay nhiều người.' Sau khi nghĩ như vậy xong liền nhiếp thọ hoặc một người nhận một người, hoặc nhận hai, ba, hay nhiều người; hoặc có Thượng tọa... cho đến nhận sáu mươi người.

Bấy giờ là ngày mười lăm, lúc bố-tát, Đức Thế Tôn trải chỗ ngồi mà ngồi ở trước đại chúng. Sau khi Đức Thế Tôn quán sát các Tỳ-kheo xong, bảo các Tỳ-kheo rằng:

"Lành thay! Lành thay! Hôm nay Ta rất hoan hỷ vì các Tỳ-kheo đã làm những việc chính đáng. Cho nên Tỳ-kheo phải nỗ lực tinh tấn."

Ở tại Xá-vệ, sau khi tháng Ca-đê[62] đã mãn, các Tỳ-kheo du hành trong nhân gian nghe rằng: 'Đức Thế Tôn an cư ở nước Xá-vệ, tháng

---

62. Ca-đê nguyệt 𠀋 低 𠀋 Paøli: kaææika, thường chỉ tháng sau ngày giải chế an cư.

Ca-đê đã mãn, may y đã xong, đắp y mang bát đang du hành trong nhân gian ở nước Xá-vệ.' Các Tỳ-kheo đi dần đến nước Xá-vệ, sau khi cất y bát, rửa chân xong, đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu đảnh lễ dưới chân, rồi ngồi lui qua một bên.

Bấy giờ, Thế Tôn vì các Tỳ-kheo du hành nhân gian nói pháp khai thị, chỉ giáo, soi sáng, làm cho hoan hỷ. Sau khi khai thị, chỉ giáo, soi sáng, làm cho hoan hỷ rồi, Ngài ngồi im lặng. Sau khi các Tỳ-kheo du hành nhân gian nghe Phật nói pháp, đều hoan hỷ, tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy làm lễ mà đi. Họ đến chỗ Tỳ-kheo Thượng tọa, cúi đầu đảnh lễ dưới chân, rồi ngồi lui qua một bên.

Lúc này, các Tỳ-kheo Thượng tọa nghĩ như vầy: 'Chúng ta nên nhiếp thọ các Tỳ-kheo du hành nhân gian này. Hoặc một người nhận một người, hoặc một người nhận một, hai, ba hay nhiều người.' Sau đó liền nhiếp thọ, hoặc một người nhận một người, hoặc nhận hai, ba,... cho đến nhận sáu mươi người. Có Tỳ-kheo Thượng tọa nhận các Tỳ-kheo du hành nhân gian giáo giới, giáo thọ, làm khéo biết thứ lớp trước sau.

Bấy giờ, ngày mười lăm, ngày bố-tát, Đức Thế Tôn trải chỗ ngồi mà ngồi trước đại chúng, sau khi quán sát chúng Tỳ-kheo, Ngài bảo các Tỳ-kheo:

"Lành thay! Lành thay! Các Tỳ-kheo, Ta rất hoan hỷ vì các ông đã làm những việc chính đáng. Các Tỳ-kheo, chư Phật quá khứ, cũng có chúng Tỳ-kheo mà sở hành chính đáng, như chúng hiện tại này vậy. Chư Phật vị lai cũng sẽ có chúng và cũng sẽ có những sở hành chính đáng như vậy, như chúng hiện tại này vậy. Vì sao? Vì các Tỳ-kheo Trưởng lão trong chúng hiện tại này, có vị đã đắc và an trụ đầy đủ Sơ thiền, đệ Nhị thiền, đệ Tam thiền, đệ Tứ thiền, Từ, Bi, Hỷ, Xả, Không nhập xứ, Thức nhập xứ, Vô sở hữu nhập xứ, Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Có Tỳ-kheo ba kết đã hết, đắc Tu-đà-hoàn, không đọa vào pháp đường ác, nhất định hướng đến Vô thượng Chánh giác, chỉ còn bảy lần qua lại Trời, Người, cứu cánh hết khổ. Có Tỳ-kheo ba kết đã hết, tham, thuế, si mỏng, đắc Tư-đà-hàm. Có Tỳ-kheo năm hạ phần kết đã hết, đắc A-na-hàm, Sanh Bát-niết-bàn, không tái sanh vào cõi đời này nữa. Có Tỳ-kheo đắc cảnh giới Vô lượng thần thông Thiên nhĩ, Tha tâm trí, Túc mạng trí, Sanh tử trí, Lậu tận trí. Có Tỳ-kheo tu quán bất tịnh để đoạn tham dục, tu tâm từ để đoạn sân nhuế, tu vô

thường để đoạn ngã mạn, tu An-na-ban-na niệm để đoạn giác tưởng.

"Thế nào là tu An-na-ban-na niệm để đoạn giác tưởng? Tỳ-kheo nương vào làng xóm mà ở... cho đến quán diệt khi hơi thở ra, học như quán diệt hơi thở ra. Đó gọi là tu An-na-ban-na niệm để đoạn trừ giác tưởng."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 816. HỌC (1)[63]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có ba học. Những gì là ba? Đó là tăng thượng Giới học, tăng thượng Ý học[64], tăng thượng Tuệ học. Sau đó Thế Tôn liền nói kệ rằng:

Người đầy đủ ba học,
Là Tỳ-kheo chánh hạnh;
Tăng thượng giới, tâm, tuệ,
Nỗ lực siêng ba pháp.
Dũng mãnh, thành trì vững,
Luôn giữ gìn các căn.
Ngày cũng như ban đêm,
Ban đêm cũng như ngày.
Trước lại cũng như sau,
Sau lại cũng như trước;
Như trên cũng như dưới,

---

63. Ấn Thuận Hội Biên, "15. Tương ưng học," gồm ba mươi hai kinh, số 1104-1135 (Đại Chánh, kinh 816-832). Không có tương đương Saöyutta Paøli; phần lớn tương đương Aíguttara. 3. Quốc Dịch, quyển 26, "7. Tương ưng học," kinh số 12577-12608 (qua một phần quyển 27), chia làm hai phẩm, phẩm 1, kinh 12577-12593, phẩm 2, kinh 12594-12608. –Đại Chánh, quyển 29, kinh 816. Paøli, A. 3.89. Sikkhaø.

64. Tăng thượng ý ¼W⊠W□N¡A tức tăng thượng tâm, chỉ định học. Paøli: adhicitta.

Như dưới cũng như trên.
Các tam-muội vô lượng,
Chiếu khắp cả các phương;
Đó lối đi giác ngộ,
Tập tươi mát bậc nhất[65].
Lìa bỏ vô minh tránh,
Tâm ấy khéo giải thoát.
Ta Đấng Thế Gian Giác,
Minh hạnh đều đầy đủ.
Trụ chánh niệm không quên,
Tâm này được giải thoát.
Khi thân hoại mạng chung,
Như đèn hết dầu tắt.

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 817. HỌC (2)[66]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Cũng có ba học nữa. Những gì là ba? Đó là tăng thượng Giới học, tăng thượng Ý học, tăng thượng Tuệ học.

"Thế nào là tăng thượng Giới học? Tỳ-kheo an trụ giới, luật nghi Ba-la-đề-mộc-xoa, đầy đủ oai nghi, hành xứ, thấy tội nhỏ nhặt sanh lòng sợ hãi, thọ trì học giới.

"Thế nào là tăng thượng Ý học? Tỳ-kheo ly dục, ly pháp ác bất thiện... cho đến, chứng và an trụ đệ Tứ thiền.

"Thế nào là tăng thượng Tuệ học? Tỳ-kheo biết như thật về Khổ

---

65. Thị thuyết vi giác tích đệ nhất thanh lương tập [illegible]. Paøli: tamaøhu sekkhaö paæipadaö, atho saösuddhacaøriyam, đây gọi là lối đi hữu học, hành thanh tịnh. Bản Hán đọc samudaøcaøra, sự tập khởi, hay tập hành.

66. Paøli, S. 3.88. Sikkhaø.

Thánh đế này, biết như thật về Tập, Diệt, Đạo Thánh đế, đó gọi là tăng thượng Tuệ học."

Bấy giờ, Đức Thế Tôn liền nói kệ như đã nói ở trên.

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 818. HỌC (3)

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có Tỳ-kheo học tăng thượng Giới, không phải học tăng thượng Ý, tăng thượng Tuệ. Có vị học tăng thượng Giới, tăng thượng Ý, không phải học tăng thượng Tuệ.

"Thánh đệ tử an trụ tăng thượng Tuệ, phương tiện tùy thuận mà thành tựu và an trụ, thì sự tu tập tăng thượng Giới, tăng thượng Ý cũng sẽ đầy đủ. Cũng vậy, Thánh đệ tử an trụ tăng thượng Tuệ, phương tiện tùy thuận mà thành tựu và an trú, thì sẽ sống theo tuổi thọ của trí tuệ vô thượng."[67]

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 819. HỌC (4)[68]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Hơn hai trăm năm mươi giới[69], cứ mỗi nửa tháng, lại thuyết Ba-la-đề-mộc-xoa. Để cho kia tự minh cầu học mà học, nói ba học có thể

---

67. Hán: vô thượng tuệ thọ nhi hoạt [illegible] .

68. Paøli, S. 3.87. Saødhika (Sikkhaø.1).

69. Hán: quá nhị bách ngũ thập giới [illegible] Bản Paøli: diyaññha-sikkhaøpadasataö, một trăm năm mươi điều học giới.

tổng nhiếp các giới. Những gì là ba? Đó là tăng thượng Giới học, tăng thượng Ý học và tăng thượng Tuệ học."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 820. HỌC (5)[70]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Nói như trên, nhưng có một vài sai biệt.

"Thế nào là tăng thượng Giới học? Tỳ-kheo thiên trọng nơi giới[71], giới tăng thượng; không thiên trọng nơi định, định không tăng thượng; không thiên trọng nơi tuệ, tuệ không tăng thượng. Đối với từng phần từng phần giới vi tế, nếu phạm thì theo đó mà sám hối. Vì sao? Ta không nói là kia không có khả năng, nếu giới kia tùy thuận phạm hạnh, làm lợi ích cho phạm hạnh, làm tồn tại lâu dài phạm hạnh; Tỳ-kheo như vậy giới vững chắc, giới sư luôn tồn tại[72], giới thường tùy thuận mà sanh, thọ trì mà học. Biết như vậy, thấy như vậy, thì sẽ đoạn trừ ba kết là thân kiến, giới thủ và nghi. Ba kết này đã đoạn trừ, đắc Tu-đà-hoàn, không còn đọa vào pháp đường ác, nhất định sẽ hướng đến Vô thượng Chánh giác, chỉ còn qua lại bảy lần Trời, Người, cứu cánh thoát khổ. Đó gọi là tăng thượng Giới học.

"Thế nào là tăng thượng Ý học? Tỳ-kheo thiên trọng giới, giới tăng thượng; thiên trọng định, định tăng thượng; không thiên trọng tuệ, tuệ không tăng thượng. Đối với từng phần từng phần giới vi tế... cho đến thọ trì học giới. Biết như vậy, thấy như vậy, đoạn trừ năm hạ phần kết, là thân kiến, giới thủ, nghi, tham dục, sân nhuế. Năm hạ phần kết này đã đoạn trừ, đắc Sanh Bát-niết-bàn A-na-hàm, không còn trở lại đời này. Đó gọi là tăng thượng Ý học.

---

70. Paøli, A. 3.86. Sekkha.

71. Paøli: sìlesu paripuørakaørì hoti samaødhismiö mattaso kaørì paóóaøya mattaso kaørì, nơi giới hành trì toàn phần, nơi định, tuệ hành trì một phần nhỏ.

72. Hán: giới sư thường trú 師戒常住. Paøli: æhitasìlo, giới trụ vững.

"Thế nào là tăng thượng Tuệ học? Tỳ-kheo thiên trọng giới, giới tăng thượng; thiên trọng định, định tăng thượng; thiên trọng tuệ, tuệ tăng thượng. Tỳ-kheo biết như vậy, thấy như vậy, tâm giải thoát dục hữu lậu, tâm giải thoát hữu hữu lậu, tâm giải thoát vô minh hữu lậu; giải thoát tri kiến,'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.' Đó gọi là tăng thượng Tuệ học."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 821. HỌC (6)[73]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Hơn hai trăm năm mươi giới[74], cứ mỗi nửa tháng, lại thuyết Ba-la-đề-mộc-xoa. Nếu thiện nam tử tự theo ý muốn của mình mà học, Ta nói cho ba học. Nếu học ba học này, thì sẽ tóm thâu được tất cả các học giới. Những gì là ba? Đó là tăng thượng Giới học, tăng thượng Ý học, tăng thượng Tuệ học.

"Thế nào là tăng thượng Giới học? Tỳ-kheo thiên trọng nơi giới[75], giới tăng thượng; không thiên trọng nơi định, định không tăng thượng; không thiên trọng nơi tuệ, tuệ không tăng thượng. Đối với từng phần từng phần giới vi tế,... cho đến nên giữ gìn học giới. Nếu Tỳ-kheo biết như vậy, thấy như vậy, đoạn ba kết là thân kiến, giới thủ, nghi; và tham, nhuế, si đã mỏng, thành tựu Nhất chủng đạo[76]. Ở vào địa vị này chưa phải là đẳng giác, nên gọi là Tư-đà-hoàn, hay gọi là Gia-gia, gọi là Thất hữu, gọi là Tùy pháp hành, gọi là Tùy tín hành. Đó gọi là tăng thượng Giới học.

"Thế nào là tăng thượng Ý học? Tỳ-kheo thiên trọng giới, giới

---

73. Paøli, A. 3.85. Sikkhaø.

74. Xem cht.69 kinh 819 trên.

75. Xem cht.71 kinh 820 trên.

76. Nhất chủng đạo [illegible] quả vị thuộc Tư-đà-hàm. Paøli: ekabìja.

tăng thượng; thiên trọng định, định tăng thượng; không thiên trọng tuệ, tuệ không tăng thượng. Đối với từng phần từng phần giới vi tế... cho đến thọ trì học giới. Nếu Tỳ-kheo biết như vậy, thấy như vậy, đoạn được năm hạ phần kết, là thân kiến, giới thủ, nghi, tham dục, sân nhuế; nếu đoạn trừ được năm hạ phần này có thể được Trung Bát-niết-bàn. Ở địa vị này nếu chưa được Đẳng giác, thì được Sanh Bát-niết-bàn; ở địa vị này nếu chưa được Đẳng giác, thì được Vô hành Bát-niết-bàn; ở địa vị này nếu chưa được Đẳng giác, thì được Hữu hành Bát-niết-bàn; ở địa vị này nếu chưa được Đẳng giác, thì được Thượng lưu Bát-niết-bàn. Đó gọi là tăng thượng Ý học.

"Thế nào là tăng thượng Tuệ học? Tỳ-kheo thiên trọng giới, giới tăng thượng; thiên trọng định, định tăng thượng; thiên trọng tuệ, tuệ tăng thượng. Tỳ-kheo biết như vậy, thấy như vậy, tâm giải thoát dục hữu lậu, tâm giải thoát hữu hữu lậu, tâm giải thoát vô minh hữu lậu; giải thoát tri kiến,'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.' Đó gọi là tăng thượng Tuệ học."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 822. NIẾT-BÀN (1)[77]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Nếu Tỳ-kheo an trụ giới đầy đủ, khéo nhiếp trì Ba-la-đề-mộc-xoa, đầy đủ oai nghi hành xứ, thấy những tội vi tế hay sanh lòng sợ hãi. Tỳ-kheo khi đã an trụ giới đầy đủ, khéo nhiếp trì Ba-la-đề-mộc-xoa, đầy đủ oai nghi hành xứ, thấy những tội vi tế hay sanh lòng sợ hãi, bình đẳng thọ trì học giới, khiến cho sự tu tập Ba học đầy đủ. Những gì là ba? Đó là tăng thượng Giới học, tăng thượng Ý học, tăng thượng Tuệ học.

"Thế nào là tăng thượng Giới học? Tỳ-kheo giới thì đầy đủ[78],

77. Xem kinh 821.

78. Xem cht.71 kinh 820.

nhưng định ít, tuệ ít; đối với mỗi một phần giới vi tế... cho đến nên gìn giữ giới học. Nếu Tỳ-kheo nào biết như vậy, thấy như vậy, thì sẽ đoạn trừ được ba kết đó là thân kiến, giới thủ và nghi; khi đã đoạn trừ ba kết này, thì sẽ được Tu-đà-hoàn, không còn đọa vào đường ác, nhất định hướng đến Vô thượng Chánh giác, chỉ còn bảy lần qua lại Trời, Người, cứu cánh thoát khổ.

"Thế nào là tăng thượng Ý học? Là Tỳ-kheo định đã đầy đủ, tam-muội đã đầy đủ, nhưng tuệ ít; đối với mỗi một phần giới vi tế, nếu phạm thì theo đó mà sám hối... cho đến nên gìn giữ học giới. Nếu Tỳ-kheo nào biết như vậy, thấy như vậy, thì sẽ đoạn trừ năm hạ phần kết đó là thân kiến, giới thủ, nghi, tham dục, sân nhuế; khi đã đoạn trừ năm hạ phần kết này rồi, được A-na-hàm, Sanh Bát-niết-bàn, không còn tái sanh vào đời này. Đó gọi là tăng thượng Ý học.

"Thế nào là tăng thượng Tuệ học? Là Tỳ-kheo học giới đã đầy đủ, định đã đầy đủ, tuệ đã đầy đủ. Nếu Tỳ-kheo nào biết như vậy, thấy như vậy, giải thoát dục hữu lậu, tâm giải thoát hữu hữu lậu, giải thoát tâm vô minh hữu lậu, giải thoát tri kiến, 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.' Đó gọi là tăng thượng Tuệ học."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 823. NIẾT-BÀN (2)

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Nếu Tỳ-kheo an trụ giới đầy đủ, khéo nhiếp trì Ba-la-đề-mộc-xoa, đầy đủ oai nghi hành xứ, thấy những tội vi tế hay sanh lòng sợ hãi. Tỳ-kheo khi đã an trụ giới đầy đủ, khéo nhiếp trì Ba-la-đề-mộc-xoa, đầy đủ oai nghi hành xứ, thấy những tội vi tế hay sanh lòng sợ hãi, bình đẳng thọ trì học giới, khiến cho sự tu tập Ba học đầy đủ. Những gì là ba? Đó là tăng thượng Giới học, tăng thượng Ý học, tăng thượng Tuệ học.

"Thế nào là tăng thượng Giới học? Tỳ-kheo giới đầy đủ[79], nhưng định ít, tuệ ít; đối với mỗi một phần giới vi tế... cho đến nên gìn giữ giới học. Nếu Tỳ-kheo nào biết như vậy, thấy như vậy thì sẽ đoạn được ba kết và tham, nhuế, si còn mỏng, được Nhất chủng đạo[80]. Ở địa vị này nếu chưa được Đẳng giác, thì sẽ được Tư-đà-hàm; ở địa vị này nếu chưa được Đẳng giác, thì được gọi là Gia-gia[81]; ở địa vị này nếu chưa được Đẳng giác thì, sẽ được Tu-đà-hoàn; ở địa vị này nếu chưa được Đẳng giác, thì sẽ được Tùy pháp hành; ở địa vị này nếu chưa được Đẳng giác, thì sẽ được Tùy tín hành. Đó gọi là tăng thượng Giới học.

"Thế nào là tăng thượng Ý học? Là Tỳ-kheo định đã đầy đủ, tam-muội đã đầy đủ, nhưng tuệ ít; đối với mỗi một phần giới vi tế, nếu phạm thì theo đó mà sám hối... cho đến nên gìn giữ học giới. Nếu Tỳ-kheo nào biết như vậy, thấy như vậy, thì sẽ đoạn trừ năm hạ phần kết đó là thân kiến, giới thủ, nghi, tham dục, sân nhuế; khi đã đoạn trừ năm hạ phần kết này rồi, thì sẽ được Trung Bát-niết-bàn. Ở đây nếu chưa được Đẳng giác, thì sẽ được Sanh Bát-niết-bàn; ở đây nếu chưa được Đẳng giác, thì sẽ được Vô hành Bát-niết-bàn; ở đây nếu chưa được Đẳng giác, thì sẽ được Hữu hành Bát-niết-bàn; ở đây nếu chưa được Đẳng giác, thì sẽ được Thượng lưu Bát-niết-bàn. Đó gọi là tăng thượng Ý học.

"Thế nào là tăng thượng Tuệ học? Là Tỳ-kheo học giới đã đầy đủ, định đã đầy đủ, tuệ đã đầy đủ. Nếu Tỳ-kheo nào biết như vậy, thấy như vậy, thì sẽ giải thoát tâm dục hữu lậu, giải thoát tâm hữu hữu lậu, giải thoát tâm vô minh hữu lậu; giải thoát tri kiến, 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.' Đó gọi là tăng thượng Tuệ học."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

---

79. Xem cht.71 kinh 820.

80. Nhất chủng đạo (Paøli: ekabìjìka), *Câu-xá 24* gọi là nhất gián ✗@ ℐ/ , vị Thánh giả còn một lần tái sanh Dục giới nữa sẽ chứng quả A-na-hàm.

81. Gia gia (Paøli: kulaö kula), chỉ vị Tu-đà-hoàn còn một hay ba lần tái sanh nữa thì đạt Nhất lai hướng. Xem *Câu-xá 24*.

KINH 824. HỌC (6)[82]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có hai học. Những gì là hai? Đó là thượng oai nghi học và thượng Ba-la-đề-mộc-xoa học. Sau đó Thế Tôn liền nói kệ rằng:

Người học[83], lúc học giới,
Thẳng đường, đi theo đó;
Chuyên xét, siêng phương tiện,
Khéo tự giữ thân mình.
Được sơ vô lậu trí[84],
Kế, cứu cánh vô tri[85];
Được vô tri giải thoát,
Đã vượt qua tri kiến.
Thành bất động giải thoát,
Các hữu kết diệt hết;
Các căn kia đầy đủ,
Các căn vui vắng lặng.
Giữ thân sau cùng này,
Hàng phục các ma oán.

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

---

82. Paøli, A.3.84. Sekha.

83. Hán: học giả ¾ℰ ªℐ/𝒜 tức học nhân, chỉ Thánh giả hữu học. Paki: sekha.

84. Paøli: khayasmiö paæhamaö óaøòaö, trong sự đoạn tận, trí thứ nhất (khởi lên).

85. Hán: thứ cứu cánh vô tri /. ¨ 3º ℒ ª¾. Paøli: tato aóóaø anantaraø, kế đó, không gián đoạn, chánh trí (khởi lên). Bản Hán đọc aóóaøòa, vô tri hay vô trí, thay vì là aóóaø: chánh trí (của A-la-hán).

KINH 825. HỌC (7)[86]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Học giới sẽ mang lại nhiều phước lợi, an trú trí tuệ là bậc trên; giải thoát kiên cố, niệm là tăng thượng. Nếu Tỳ-kheo nào đã học giới được phước lợi; an trú trí tuệ là bậc trên; giải thoát kiên cố, niệm là tăng thượng, thì sẽ khiến cho ba học đầy đủ. Những gì là ba? Đó là tăng thượng Giới học, tăng thượng Ý học và tăng thượng Tuệ học. Sau đó Thế Tôn liền nói kệ rằng:

Phước lợi theo học giới,
Thiền định chuyên tư duy;
Trí tuệ là tối thượng,
Đời này là tối hậu.
Thân Mâu-ni cuối cùng,
Hàng ma qua bờ kia.

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 826. HỌC (8)

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Như đã nói ở trên, nhưng có một vài sai biệt:

"Này các Tỳ-kheo, thế nào là học giới theo phước lợi? Là Đại Sư vì các Thanh văn chế giới để nhiếp thủ Tăng, tích cực nhiếp thủ Tăng, khiến người không tin, được tin; người đã tin, tăng trưởng lòng tin; điều phục người ác; người tàm quý được sống an vui; phòng hộ hữu lậu hiện tại; chính thức đối trị được đời vị lai; khiến cho phạm hạnh tồn tại lâu dài. Như Đại Sư đã vì Thanh văn chế giới để nhiếp

86. Cf. It. 46. Sikkhaø.

thủ Tăng... cho đến khiến cho phạm hạnh tồn tại lâu dài. Học giới như vậy như vậy, hành trì giới kiên cố, giới hằng tại, giới thường hành, giữ gìn học giới. Đó gọi là Tỳ-kheo nhờ giới mà được phước lợi[87].

"Thế nào trí tuệ là hơn hết? Đại Sư vì Thanh văn nói pháp với lòng đại bi thương cảm, vì nghĩa lợi, hoặc vì an ủi, hoặc vì an lạc, hoặc vì an ủi, an lạc. Như vậy, Đại Sư vì các Thanh văn nói pháp với lòng đại bi thương cảm, vì nghĩa lợi, an ủi, an lạc. Như vậy, đối với pháp nào, chỗ nào cũng dùng trí tuệ quán sát. Đó gọi là Tỳ-kheo trí tuệ là hơn hết.

"Thế nào là giải thoát kiên cố? Đại Sư vì các Thanh văn nói pháp với lòng đại bi thương cảm, vì nghĩa lợi, an ủi, an lạc. Như vậy, thuyết giảng pháp nào, chỗ nào, nơi nào cũng đem lại được an vui giải thoát. Đó gọi là Tỳ-kheo giải thoát kiên cố.

"Thế nào là Tỳ-kheo niệm tăng thượng? Người chưa đầy đủ giới thân, chuyên tâm cột niệm an trụ; điều chưa được quán sát, thì ở chỗ này chỗ kia bằng trí tuệ cột niệm an trụ. Điều đã được quán sát, thì ở chỗ này chỗ kia trùng khởi khởi niệm an trụ. Pháp chưa được xúc, thì ở chỗ này chỗ kia giải thoát niệm an trụ. Pháp đã được xúc, thì ở chỗ này chỗ kia giải thoát niệm an trụ. Đó gọi là Tỳ-kheo chánh niệm tăng lên. Sau đó Thế Tôn liền nói kệ rằng:

Phước lợi theo học giới,
Thiền định chuyên tư duy;
Trí tuệ là tối thượng,
Đời này là tối hậu.
Thân Mâu-ni cuối cùng,
Hàng ma qua bờ kia.

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

Kinh Thi-bà-ca như Phật sẽ nói ở sau. Cũng vậy, Tỳ-kheo A-nan và Tỳ-kheo khác hỏi, Đức Phật hỏi các Tỳ-kheo. Ba kinh này cũng nói như trên.

---

87. Luật các bộ: thập cú nghĩa ¤Q ¥y ¸q, mười mục đích Phật chế giới. Cf. Paøli: dasa atthavase paæicca.

M

KINH 827. CANH MA[88]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Thí như điền phu, có ba việc để làm ruộng, phải khéo tùy theo thời mà làm. Những gì là ba? Điền phu kia phải theo thời mà cày bừa, phải theo thời mà dẫn nước vào, phải theo thời mà gieo hạt. Khi điền phu kia đã theo thời cày bừa, đã dẫn nước, đã gieo hạt xuống rồi, thì không nghĩ rằng: 'Muốn ngay ngày hôm nay chúng sanh trưởng, có quả ngay hôm nay, chín ngay hôm nay, hoặc là ngày mai hay ngày sau.' Nhưng này các Tỳ-kheo, gia chủ kia sau khi đã cày bừa, dẫn nước, gieo hạt xuống rồi, tuy không nghĩ rằng: 'Đang sanh trưởng, có quả và chín ngay hôm nay, hoặc ngày mai hay ngày sau.' Mà những hạt giống kia khi đã được gieo vào trong đất, thì tự chúng theo thời mà sanh trưởng, mà có quả, mà chín.

"Cũng vậy, Tỳ-kheo đối với ba học này, phải khéo tùy thời mà học, nghĩa là phải khéo học Giới, khéo học Ý, khéo học Tuệ; khi đã học chúng rồi không nghĩ rằng: 'Mong ta ngày nay không khởi lên các lậu, tâm khéo giải thoát, hoặc ngày mai hay ngày sau.' Cũng không nghĩ rằng: 'Mong có thần lực tự nhiên mà có thể khiến cho không khởi lên các lậu, tâm giải thoát ngay hôm nay, hoặc ngày mai hay ngày sau.' Khi đã tùy thời học tăng thượng Giới, học tăng thượng Ý, học tăng thượng Tuệ rồi, thì tùy thời mà tự mình đạt không khởi lên các lậu, tâm khéo giải thoát.

"Này Tỳ-kheo, thí như gà mái ấp trứng, có thể từ mười cho đến mười hai ngày; phải tùy thời thăm chừng, chăm sóc giữ gìn ấm lạnh. Con gà mái ấp kia không nghĩ rằng: 'Ngay hôm nay, hoặc ngày mai hay ngày sau, ta sẽ dùng mỏ mổ, hoặc dùng móng cào, để cho con của thoát ra khỏi vỏ một cách an toàn.' Nhưng gà mái ấp kia khéo ấp con nó, tùy thời chăm sóc thương yêu, con của nó sẽ tự nhiên thoát ra khỏi vỏ an toàn. Cũng vậy, Tỳ-kheo khéo học Ba học, tùy theo thời tiết sẽ tự đạt được không khởi lên các lậu, tâm khéo giải thoát."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật

---

88. Paøli, S. 3.82. Sukhetta.

đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 828. LÔ[89]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Thí như con lừa đi theo đàn bò, tự nghĩ rằng: 'Ta phát ra tiếng bò.' Nhưng hình dáng của nó không giống bò, màu sắc cũng không giống, âm thanh phát ra không giống, mà theo đàn bò, rồi tự cho mình là bò, phát ra tiếng bò kêu, mà thật ra khác bò xa!

"Cũng vậy, có một nam tử ngu si vi phạm giới luật, mà còn đi theo đại chúng nói rằng: 'Ta là Tỳ-kheo! Ta là Tỳ-kheo!' mà không học tập thắng dục về tăng thượng Giới học, tăng thượng Ý học, tăng thượng Tuệ học. Còn theo đại chúng tự cho rằng: 'Ta là Tỳ-kheo! Ta là Tỳ-kheo!' Nhưng kỳ thật khác xa Tỳ-kheo."

Rồi Thế Tôn liền nói kệ rằng:

Thú cùng móng, không sừng,
Đủ bốn chân, tiếng kêu;
Đi theo sau đàn bò,
Luôn cho là bạn bè.
Hình dạng chẳng phải bò,
Không thể kêu tiếng bò;
Cũng vậy, người ngu si,
Chẳng theo cột tâm niệm.
Đối lời dạy Thiện Thệ,
Không muốn siêng phương tiện;
Tâm biếng nhác, khinh mạn,
Không được đạo Vô thượng.
Như lừa trong đàn bò,
Mà luôn xa đàn bò.
Kia tuy theo đại chúng,

89. Con lừa. Paøli. A. 3.81. Samaòa.

Nhưng luôn trái tâm hành.

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 829. BẠT-KỲ TỬ[90]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại thôn Bạt-kỳ. Bấy giờ Tôn giả Bạt-kỳ Tử hầu bên Phật. Bấy giờ, Tôn giả Bạt-kỳ Tử đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật rằng:

"Bạch Thế Tôn, Ngài đã nói hơn hai trăm năm mươi giới khiến cho con nhà tộc tánh, cứ mỗi nửa tháng đến thuyết Ba-la-đề-mộc-xoa tu-đa-la, khiến con nhà tộc tánh tùy ý muốn mà học. Nhưng nay, bạch Thế Tôn, con không thể theo đó để học."

Phật bảo Bạt-kỳ Tử:

"Ông có thể tùy thời mà học ba học được không?"

Bạt-kỳ Tử bạch Phật rằng:

"Có thể, bạch Thế Tôn!"

Phật bảo Bạt-kỳ Tử:

"Ông sẽ tùy thời mà học tăng thượng Giới, học tăng thượng Ý, học tăng thượng Tuệ; khi đã theo thời siêng năng học tăng thượng Giới, học tăng thượng Ý, học tăng thượng Tuệ rồi, thì không bao lâu các hữu lậu sẽ được hết, tâm giải thoát vô lậu, tuệ giải thoát, hiện tại tự biết tác chứng: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.'"

Sau khi Bạt-kỳ Tử đã nghe những gì Phật đã dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, làm lễ mà lui.

Bấy giờ, Tôn giả Bạt-kỳ Tử sau khi nhận lãnh những lời dạy dỗ, giáo giới của Phật xong; một mình ở nơi vắng, chuyên tinh tư duy, như đã nói ở trên... cho đến tâm khéo giải thoát, đắc A-la-hán.

❑

---

90. Paøli, A. 3.83. Vajjiputta.

TẠP A HÀM QUYỂN 30

KINH 830. BĂNG-GIÀ-XÀ[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong rừng Băng-già-kỳ tại Băng-già-xà[2]. Bấy giờ, Đức Thế Tôn vì các Tỳ-kheo nói pháp tương thích với giới[3], khen ngợi pháp chế giới. Lúc ấy, Tôn giả Ca-diếp Thị[4] đang ở tại thôn Băng-già nghe Thế Tôn nói pháp tương ưng với giới, khen ngợi giới này, trong lòng rất không kham nhẫn, không hoan hỷ, nói rằng: 'Sa-môn ấy khen ngợi giới này, tích cực chế giới này[5].'

Sau khi đã trú ở đó như ý muốn tại thôn Băng-già, Đức Thế Tôn hướng đến nước Xá-vệ. Lần lượt du hành đến vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Sau khi Thế Tôn đi không bao lâu, Tôn giả Ca-diếp Thị liền sanh lòng hối hận: 'Ta nay mất lợi, bị bất lợi lớn, khi Thế Tôn nói về pháp tương ứng với giới, khen ngợi việc chế giới; đối với Thế Tôn tâm ta không kham nhẫn, không hoan hỷ. Với tâm không hoan hỷ, nói rằng, 'Sa-môn tích cực chế giới này, hết lòng khen ngợi giới này.'

Sáng sớm hôm sau, Tôn giả Ca-diếp Thị đắp y mang bát vào thôn Băng-già khất thực. Ăn xong trở về tinh xá, gởi ngọa cụ[6], rồi tự mang y bát đến thành Xá-vệ. Sau khi lần lượt du hành đến nước Xá-vệ, cất y bát và rửa chân xong, đi đến Thế Tôn, đảnh lễ dưới chân và bạch Phật rằng:

"Con xin hối lỗi, Thế Tôn! Con xin hối lỗi, Thiện Thệ! Con là kẻ ngu si không tốt, không phân biệt được; khi con nghe Thế Tôn vì các Tỳ-kheo mà nói pháp tương ứng với giới, khen ngợi việc chế giới,

---

1. Đại Chánh, quyển 30. Quốc Dịch quyển 27, "7. Tương ưng học" tiếp theo, phẩm 2.- Paøli, A. 3.90. Paíkadhaø.
2. Băng-già-xà Băng-già-kỳ lâm [illegible] Paøli: Paíkadhaø (Saíkavaø).
3. Giới tương ưng pháp [illegible] Paøli: sikkhaøpadapaæisaöuyitta.
4. Ca-diếp Thị [illegible] Paøli: Kassapagotta.
5. Bản Paøli: adhisallikhat'evaøyaö samaòo, vị Sa-môn này quá khắt khe.
6. Hán: phó chúc ngọa cụ [illegible] Paøli: senaøsanaö saösametvaø, thâu thập tọa ngọa cụ.

đối với Thế Tôn con đã không kham nhẫn, không hoan hỷ. Với tâm không hoan hỷ, nói rằng, 'Sa-môn tích cực chế giới này, hết lòng khen ngợi giới này.'"

Phật bảo Ca-diếp Thị:

"Ở chỗ nào nơi Ta mà ông không kham nhẫn, không hoan hỷ. Với tâm không hoan hỷ, nói rằng, 'Sa-môn tích cực chế giới này, hết lòng khen ngợi giới này.'?"

Ca-diếp Thị bạch Phật rằng:

"Lúc Thế Tôn ở trong rừng Băng-già-kỳ, tại thôn Băng-già-xà, vì các Tỳ-kheo nói pháp tương ứng với giới, khen ngợi giới này. Con lúc bấy giờ đối với Thế Tôn tâm không kham nhẫn, không hoan hỷ. Với tâm không hoan hỷ, nói rằng, 'Sa-môn tích cực chế giới này, hết lòng khen ngợi giới này.' Bạch Thế Tôn, hôm nay con tự biết hối tội, tự thấy hối tội mình. Xin Đức Thế Tôn thương xót nhận sự hối lỗi của con."

Phật bảo Ca-diếp Thị:

"Ông đã tự biết hối lỗi vì đã ngu si, không tốt, không phân biệt được, nên khi nghe Ta vì các Tỳ-kheo nói pháp tương ứng với giới, khen ngợi việc chế giới, đối với Ta mà không kham nhẫn, không hoan hỷ. Với tâm không hoan hỷ, nói rằng, 'Sa-môn tích cực chế giới này, hết lòng khen ngợi giới này.' Ca-diếp, nay ông đã tự biết hối lỗi, đã tự thấy hối lỗi rồi, thì trong đời vị lai luật nghi giới sẽ sanh[7]. Nay Ta vì thương xót ông nên nhận sự sám hối của ông."

Sau khi Ca-diếp Thị sám hối như vậy rồi, thì thiện pháp tăng trưởng, không bao giờ bị suy giảm. Vì sao? Vì nếu có người nào tự biết tội, tự thấy tội, mà sám hối tội lỗi, thì trong đời vị lai luật nghi giới sẽ sanh, thiện pháp tăng trưởng, không bao giờ suy giảm.

"Giả sử Ca-diếp là một vị Thượng tọa, không muốn học giới, không coi trọng giới, không muốn chế giới, thì Tỳ-kheo như vậy Ta không khen ngợi. Vì sao? Vì nếu Đại Sư mà khen ngợi người này, thì những người khác sẽ lại gần gũi, cung kính, tôn trọng. Nếu người khác cùng gần gũi, tôn trọng, thì sẽ cũng có đồng kiến giải, đồng việc làm.

---

7. Paøli: aøyatiö saövaraö aøpajjati, phòng hộ phạm tội trong tương lai. Bản Hán đọc upajjati (sanh khởi) thay vì aøpajjati (phạm tội).

Nếu người nào có việc làm giống như kia, thì mãi mãi sẽ chịu khổ không lợi ích gì. Cho nên Ta đối với Trưởng lão này, ban đầu không khen ngợi, vì vị ấy ngay lúc đầu đã không thích học giới. Như trưởng lão, trung niên, thiếu niên cũng như vậy.

"Nếu Thượng tọa Trưởng lão này, ban đầu coi trọng học giới, khen ngợi việc chế giới, thì Trưởng lão như vậy, Ta sẽ khen ngợi, vì ban đầu đã thích học giới. Đại Sư sẽ khen ngợi người này thì những người khác sẽ lại gần gũi, cung kính, tôn trọng. Nếu người khác cùng gần gũi, tôn trọng, thì sẽ cũng có đồng kiến giải, đồng việc làm. Đồng sở kiến, cho nên, đời vị lai sẽ được ích lợi lâu dài. Cho nên đối với vị Trưởng lão Tỳ-kheo kia, thường phải khen ngợi, vì sơ thủy đã vui thích học giới. Vị trung niên, thiếu niên cũng lại như vậy."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 831. GIỚI[8]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Nếu các Tỳ-kheo Thượng tọa Trưởng lão, sơ thủy không vui thích học giới, không coi trọng học giới, thấy Tỳ-kheo khác ban đầu vui thích học giới, coi trọng giới, khen ngợi việc chế giới, vị ấy cũng không tùy thời khen ngợi, đối với những Tỳ-kheo này Ta cũng không khen ngợi, vì vị ấy sơ thủy không vui thích học giới. Vì sao? Vì nếu Đại Sư khen ngợi vị ấy, thì người khác sẽ lại gần gũi tôn trọng, đồng kiến giải. Vì đồng kiến giải nên lâu dài chịu khổ không có lợi ích. Cho nên Ta đối với các trưởng lão,... trung niên, thiếu niên kia, cũng lại như vậy. Người vui thích học giới như trước đã nói."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

8. Paøli, A. 3.90. Paíkadhaø.

KINH 832. HỌC[9]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có Ba học. Những gì là ba? Đó là tăng thượng Giới học, tăng thượng Ý học, tăng thượng Tuệ học.

"Thế nào là tăng thượng Giới học? Tỳ-kheo an trụ Giới Ba-la-đề-mộc-xoa, đầy đủ oai nghi hành xử, thấy tội vi tế sanh lòng sợ hãi, thọ trì học giới. Đó gọi là tăng thượng Giới học.

"Thế nào là tăng thượng Ý học? Tỳ-kheo ly dục, ly pháp ác bất thiện, có giác có quán, hỷ lạc do viễn ly sanh, chứng và an trụ Sơ thiền,... *cho đến* chứng và an trú đệ Tứ thiền. Đó gọi là tăng thượng Ý học.

"Thế nào là tăng thượng Tuệ học? Tỳ-kheo nào biết như thật về Khổ Thánh đế này, biết như thật về Khổ tập Thánh đế này, Khổ diệt Thánh đế này, Khổ diệt đạo tích Thánh đế này, thì đó gọi là tăng thượng Tuệ học."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

Các kinh khác nói về Ba học, như đã nói Niệm xứ ở trước.

Như Thiền, Vô lượng, Vô sắc cũng vậy. Như bốn Thánh đế, cũng vậy bốn Niệm xứ, bốn Chánh đoạn, bốn Như ý túc, năm Căn, năm Lực, bảy Giác phần, tám Thánh đạo, Bốn đạo, Bốn pháp cú và tu tập Chỉ quán cũng nói như vậy.[10]

M

---

9. Paøli, A. 3.88. Sikkhaø.

10. Tóm tắt có mười kinh.

KINH 833. LY-XA[11]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong giảng đường Trùng các, bên ao Di hầu, nước Tỳ-xá-ly.

Bấy giờ có người luyện voi giỏi người Ly-xa, tên là Nan-đà[12], đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật, lui qua ngồi một bên. Bấy giờ, Thế Tôn bảo Ly-xa Nan-đà rằng:

"Nếu Thánh đệ tử thành tựu bốn Bất hoại tịnh, mà muốn cầu thọ mạng liền được thọ mạng; muốn cầu dung sắc, sức lực, khoái lạc, biện tài, liền được một cách tự tại. Những gì là bốn? Thành tựu Phật bất hoại tịnh; thành tựu Pháp, Tăng bất hoại tịnh; thành tựu Thánh giới bất hoại tịnh. Ta thấy Thánh đệ tử này sau khi mạng chung ở đây sẽ sanh lên cõi trời, ở đó được mười thứ pháp. Những gì là mười? Được tuổi thọ cõi trời, sắc đẹp cõi trời, danh xưng cõi trời, khoái lạc cõi trời, tự tại cõi trời và sắc, thanh, hương, vị, xúc cõi trời. Nếu Thánh đệ tử ở trên trời mạng chung sẽ sanh vào cõi người. Ta thấy họ đầy đủ mười điều. Những gì là mười? Được tuổi thọ cõi người, người tốt đẹp, danh xưng, khoái lạc, tự tại và sắc, thanh, hương, vị, xúc cõi người. Ta nói vị đa văn Thánh đệ tử này tin không do người khác, ước muốn không do người khác[13], không nghe từ người khác, không lấy ý người khác, tư duy không nhân bởi người khác. Ta nói vị ấy có tri kiến chánh tuệ như thật."

Bấy giờ, có người đi theo Nan-đà, thưa Nan-đà rằng:

"Giờ tắm đã đến, bây giờ xin ngài đi cho!"

Nan-đà đáp rằng:

---

11. Ấn Thuận Hội Biên, "16. Tương ưng Bất hoại tịnh", gồm hai mươi chín kinh (số 1136-1164). Phần lớn tương đương Paøli, S.55. Sotaøpattisauyutta. Quốc Dịch, quyển 26 tiếp theo, "8. Tương ưng Bất hoại tịnh", chia làm hai phẩm. – Paøli, S. 55.30. Licchavi.

12. Điều tượng sư Ly-xa [illegible]. Paøli: Nandako Licchavimahaømatto. Vị Đại thần của Licchavi tên là Nandaka.

13. Bất do tha dục [illegible]. Đây chỉ thiện pháp dục (Paøli: kusala-dhammachanda).

"Nay ta không cần tắm gội theo thế gian, mà nay ta ở trong pháp thắng diệu này tự tắm gội; vì đối với Thế Tôn ta đã có được tín lạc thanh tịnh."[14]

Sau khi người huấn luyện voi Ly-xa Nan-đà nghe những gì Phật đã dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy, làm lễ mà lui.

M

KINH 834. BẤT BẦN[15]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong giảng đường Trùng các, bên ao Di hầu tại Tỳ-xá-ly. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Thánh đệ tử nếu thành tựu được bốn Bất hoại tịnh, thì ở giữa loài người không sống cuộc sống nghèo khốn; không bị lạnh rét, xin ăn; mà tự nhiên giàu sang đầy đủ. Những gì là bốn? Thành tựu bất hoại tịnh đối với Phật; thành tựu bất hoại tịnh đối với Pháp, Tăng, Thánh giới. Cho nên, Tỳ-kheo phải học như vầy: 'Ta sẽ thành tựu bất hoại tịnh đối với Phật; sẽ thành tựu bất hoại tịnh đối với Pháp, Tăng, Thánh giới."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 835. CHUYỂN LUÂN VƯƠNG[16]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Chuyển luân Thánh vương có đầy đủ bảy báu, thành tựu được bốn thứ thần lực trong cõi người, làm vua bốn thiên hạ, sau khi thân hoại mạng chung sẽ sanh lên cõi trời. Tuy lại làm

---

14. Thanh tịnh tín lạc 清淨信樂. Paøli: paøsada, trong sáng thuần tịnh; cũng có nghĩa tịnh tín. Do đó, aveccappasaøda, bất hoại tịnh, hay chứng tịnh, trừng tịnh, cũng nói là bất động tín.
15. Không nghèo. Paøli, S. 55.44-45. Mahaddhana.
16. Paøli, S. 55.1 Raøjaø.

Chuyển luân Thánh vương có đầy đủ bảy báu, thành tựu được thần lực trong cõi người, làm vua bốn thiên hạ và sau khi thân hoại mạng chung sẽ sanh lên cõi trời, nhưng vẫn còn chưa đoạn trừ được cái khổ của đường ác địa ngục, ngạ quỷ và súc sanh. Vì sao? Vì Chuyển luân vương chưa đạt được bất hoại tịnh đối với Phật, chưa được bất hoại tịnh đối với Pháp, Tăng và Thánh giới.

Đa văn Thánh đệ tử mang y phấn tảo, xin ăn khắp mọi nhà, dùng ngọa cụ bằng cỏ, nhưng các vị đa văn Thánh đệ tử này đã giải thoát được cái khổ của các đường ác địa ngục, ngạ quỷ và súc sanh. Vì sao? Vì các vị đa văn Thánh đệ tử này đã thành tựu được bất hoại tịnh đối với Phật; đã thành tựu được bất hoại tịnh đối với Pháp, Tăng và Thánh giới. Cho nên các Tỳ-kheo phải học như vầy: 'Ta sẽ thành tựu bất hoại tịnh đối với Phật; sẽ thành tựu bất hoại tịnh đối với Pháp, Tăng và Thánh giới.'"

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 836. TỨ BẤT HOẠI TỊNH[17]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Các ông nên khởi lòng thương mến và lòng từ bi. Đối với những gì các ông nói, nếu có người nào thích nghe, thích lãnh thọ, thì các ông hãy vì họ mà nói về bốn bất hoại tịnh, khiến cho chứng nhập, khiến cho an trụ[18]. Những gì là bốn? Bất hoại tịnh đối với Phật; bất hoại tịnh đối với Pháp; bất hoại tịnh đối với Tăng; thành tựu Thánh giới. Vì sao? Dù bốn đại: đất, nước, lửa, gió có sự thay đổi tăng giảm, bốn bất hoại tịnh này chưa từng có sự tăng giảm biến

17. Paøli, S. 55.16-17. Mittenaømaccaø.

18. Paøli: Ye te bhikkhave anukampeyyaøtha, ye ca sotabhaö maóóeyyuö, mittaø vaø amaccaø vaø óaøti vaø saølohitaø vaø, te bhikkhave catuøsu sotaøpattiyaígesu samaødapetabbaø: "Này các Tỳ-kheo, những người mà các ngươi yêu thương, những người có thể tư duy điều cần được nghe, tức là bằng hữu, thân thích, huyết thống; các ngươi hãy khuyến dẫn họ vào trong bốn chi phần của Dự lưu".

khác. Chúng không tăng giảm biến khác, cho nên đa văn Thánh đệ tử đã thành tựu được đối với Phật, mà nếu bị đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, thì điều này không thể có được. Cho nên, các Tỳ-kheo nên học như vầy: 'Tôi sẽ thành tựu bất hoại tịnh đối với Phật; sẽ thành tựu bất hoại tịnh với Pháp, Tăng và thành tựu Thánh giới và sẽ thiết lập cho người khác cũng được thành tựu.' "

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 837. QUÁ HOẠN

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Nếu tin người, sanh năm điều lỗi lầm: Hoặc khi người ấy vi phạm giới luật, bị chúng từ bỏ[19], thì người tin kính kẻ đó sẽ nghĩ như vầy: 'Đây là thầy của ta, được ta kính trọng, nay bị chúng Tăng từ bỏ. Nay ta còn lý gì để vào chùa tháp này nữa?' Khi đã không còn vào chùa tháp rồi, thì sẽ không kính chúng Tăng. Do không kính Tăng, nên không còn nghe được pháp. Do không còn nghe pháp, pháp lành sẽ bị thoái mất, không còn được an trụ lâu trong Chánh pháp. Đó gọi là lỗi lầm thứ nhất do tin kính người sanh ra.

"Lại nữa, ai tin kính người, nếu người được kính vi phạm giới luật, bị chúng Tăng cử tội bất kiến[20]; ai tin kính người sẽ nghĩ như vầy: 'Đây là thầy ta, đã được ta kính trọng mà nay bị chúng Tăng cử tội bất kiến. Nay ta còn lý gì để vào chùa tháp nữa?' Khi đã không vào chúa tháp rồi, thì không còn kính chúng Tăng. Do không kính Tăng, nên không còn nghe được pháp. Do không còn nghe pháp, pháp lành sẽ bị thoái mất, không còn được ở lâu trong Chánh pháp. Đó gọi là lỗi lầm thứ hai do dễ tin kính người sanh ra.

---

19. Bị Tăng tác pháp yết-ma xả trí.

20. Tỳ-kheo phạm tội nhưng ngoan cố không tự thừa nhận, Tăng tác pháp yết-ma bất kiến tội.

"Lại nữa, người kia nếu đắp y mang bát du hành phương khác, kẻ tin kính người kia sẽ nghĩ như vầy: 'Người được ta kính, đã đắp y mang bát du hành nhân gian. Nay ta còn lý gì mà vào chùa tháp này nữa?' Khi đã không vào chùa tháp rồi, thì không còn cung kính chúng Tăng. Do không kính Tăng, nên không còn nghe được pháp. Do không còn nghe pháp, pháp lành sẽ bị thoái mất, không còn được ở lâu trong Chánh pháp. Đó gọi là lỗi lầm thứ ba do dễ tin kính người sanh ra.

"Lại nữa, nếu người được tin kính kia, xả giới hoàn tục, người dễ tin kính người kia sẽ nghĩ như vầy: 'Ông là thầy ta, được ta kính trọng, đã xả giới hoàn tục, nay ta không nên vào chùa tháp này. Khi đã không vào chùa rồi, sẽ không còn kính chúng Tăng. Do không kính Tăng, nên không còn nghe được pháp. Do không còn nghe pháp, pháp lành sẽ bị thoái mất, không còn được ở lâu trong Chánh pháp. Đó gọi là lỗi lầm thứ tư do dễ tin kính người sanh ra.

"Lại nữa, nếu người được tin kính kia, thân hoại mạng chung, người dễ tin kính người kia sẽ nghĩ như vầy: 'Ông là thầy ta, được ta kính trọng, nay đã qua đời; nay ta còn lý gì để vào chùa tháp này nữa?' Khi đã không còn vào chùa nữa, thì sẽ không còn kính Tăng. Đó gọi là lỗi lầm thứ năm do dễ tin kính người sanh ra.

"Cho nên, các Tỳ-kheo, phải học như vầy: 'Ta sẽ thành tựu bất hoại tịnh đối với Phật, bất hoại tịnh đối với Pháp, Tăng và thành tựu Thánh giới.'"

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 838. THỰC[21]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có Bốn loại thức ăn nuôi lớn chúng sanh, nhiếp thọ và làm tăng trưởng bốn đại. Những gì là bốn? Đó là Đoàn thực, Xúc thực, Ý tư thực và Thức thực. Cũng vậy, có bốn thứ phước đức thấm nhuần

21. Paøli, S. 55.31. Abhisanda (1).

làm thức ăn an lạc[22]. Những gì là bốn? Bất hoại tịnh đối với Phật; bất hoại tịnh đối Pháp, Tăng và thành tựu Thánh giới. Cho nên các Tỳ-kheo phải học như vầy: 'Ta sẽ thành tựu bất hoại tịnh đối với Phật; bất hoại tịnh đối với Pháp, Tăng và thành tựu Thánh giới."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 839. GIỚI (1)

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Như đã nói ở trên, nhưng có một vài sai biệt.

"Người thành tựu bất hoại tịnh đối với Phật, được nghe Pháp, được chúng Tăng hộ niệm và thành tựu Thánh giới."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 840. GIỚI (2)[23]

Kinh kế này cũng nói như trên, nhưng có một vài sai biệt:

"Người nào nếu thành tựu bất hoại tịnh đối với Phật, Pháp, Tăng, thì đối với sự bỏn sẻn nhơ nhớp trói buộc chúng sanh, sẽ xa lìa được lòng bỏn sẻn nhơ nhớp, tại gia mà an trụ giải thoát; tâm thường hành bố thí, thích bố thí, luôn an lạc trong việc thực hành xả thí bình đẳng, thành tựu được Thánh giới."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

---

22. Paøli: Cattaørome puóóaøbhisandaø kusalaøbhisandaø sukhassaøhaøraø, có bốn sự thấm nhuần của phước, của thiện, là thức ăn cho sự an lạc.

23. Paøli, S. 55.32. Abhisanda (2).

KINH 841. NHUẬN TRẠCH[24]

Kinh kế này cũng nói như trên, nhưng có một vài sai biệt:

"Thánh đệ tử như vậy có bốn thứ phước đức thấm nhuần, thiện pháp thấm nhuần; nếu đem công đức ra để so sánh, nhiếp thọ, thì không thể so sánh là được bao nhiêu phước quả, bao nhiêu quả, bao nhiêu phước quả đã tích tập. Nhưng chúng được kể là rất nhiều phước lợi, điều đó được cho là sự tích tụ phước đức lớn. Thí như hợp lưu của năm con sông: Hằng hà, Da-bồ-na, Tát-la-do, Y-la-bạt-đề, Ma-hê[25]; nước hiệp lưu các con sông này dù có dùng trăm bình, ngàn bình, trăm ngàn vạn bình cũng không thể nào đong lường được, vì nước này quá nhiều, điều đó được cho là sự hợp tụ các dòng nước lớn. Cũng vậy Thánh đệ tử đã thành tựu bốn thứ công đức thấm nhuần, nên không thể đo lường được phước đức của họ là nhiều hay ít, vì sự nhiều phước của họ được hiểu là do sự tích tụ nhiều thứ công đức lớn. Cho nên các Tỳ-kheo phải học như vầy: 'Ta sẽ thành bất hoại tịnh đối với Phật, bất hoại tịnh đối với Pháp, Tăng và thành tựu Thánh giới."

Sau đó Thế Tôn liền nói kệ rằng:

Biển lớn nhiều tốt lành,
Sạch mình, sạch vật khác;
Sâu rộng mà lặng trôi,
Gồm đầy trăm dòng nước.
Tất cả các sông rạch,
Đều quy về biển lớn;
Nơi các loài nương sống.
Thân này cũng như vậy,
Tu công đức thí, giới;
Nơi trăm phước quy về.

M

---

24. Paøli, S. 55.41-42. Abhisanda.

25. Năm sông lớn: Hằng hà [illegible] Da-bồ-na [illegible] Tát-la-do [illegible] Y-la-bạt-đề [illegible] Ma-hê [illegible]. Paøli: Gaígaø, Yamunaø, Sarabhuø, Aciravatì, Mahì.

KINH 842. BÀ-LA-MÔN[26]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Người Bà-la-môn nói đạo hư dối, ngu si, tà ác, không chân chánh thú hướng, chẳng phải trí Đẳng giác hướng đến Niết-bàn. Người ấy giáo hóa đệ tử như vầy: Vào ngày rằm, dùng bột hồ-ma, bột am-la-ma-la tắm gội thân thể, mặc áo kiếp-bối mới, đầu phủ tơ dài, trét phân bò trên đất, mà nằm lên, rồi bảo rằng: 'Thiện nam tử, buổi mai dậy sớm, cởi áo để ở một chỗ, thân hình trần truồng, chạy nhanh về hướng Đông. Giữa đường giả sử có gặp voi hung, ngựa dữ, trâu điên, chó dại, gai gốc, rừng rậm, hầm hố, nước sâu đi nữa vẫn phải thẳng tiến về phía trước chớ nên tránh. Nếu gặp hại mà chết, quyết sẽ được sanh lên cõi Phạm thiên.' Đó gọi là ngoại đạo ngu si tà kiến, chẳng phải trí Đẳng giác hướng đến Niết-bàn. Ta vì các đệ tử nói về đường chính bằng phẳng chẳng phải ngu si, mà là hướng đến trí tuệ Đẳng giác, hướng đến Niết-bàn. Đó là tám Thánh đạo: Chánh kiến... cho đến chánh định."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 843. XÁ-LỢI-PHẤT (1)[27]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Tôn giả Xá-lợi-phất:

"Bảo là dòng[28]; thế nào là dòng?"

Xá-lợi-phất bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, nói là dòng, đó là nói tám Thánh đạo."

Lại hỏi Xá-lợi-phất:

---

26. Paøli, S. 55.12. Braøhmaòa.

27. Paøli, S. 55.5. Saøriputta (2).

28. Hán: lưu 流. Paøli: sota, dòng nước.

"Gọi là Nhập lưu phần[29], vậy thế nào là Nhập lưu phần?"

Xá-lợi-phất bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, có bốn thứ Nhập lưu phần[30]. Những gì là bốn? Thân cận thiện nam tử, nghe Chánh pháp, bên trong tư duy chân chánh, hướng đến pháp và thứ pháp."

Lại hỏi Xá-lợi-phất:

"Người Nhập lưu[31] phải thành tựu bao nhiêu pháp?"

Xá-lợi-phất bạch Phật rằng:

"Có bốn phần để người Nhập lưu thành tựu. Những gì là bốn? Bất hoại tịnh đối với Phật, bất hoại tịnh đối với Pháp, bất hoại tịnh đối với Tăng, thành tựu Thánh giới."

Phật bảo Xá-lợi-phất:

"Như những gì ông đã nói, dòng tức là tám Thánh đạo. Nhập lưu phần có bốn pháp là thân cận thiện nam tử, nghe chánh pháp, bên trong tư duy chân chánh, hướng đến pháp và thứ pháp. Người Nhập lưu thành tựu bốn pháp, là bất hoại tịnh đối với Phật, bất hoại tịnh đối với Pháp, bất hoại tịnh đối với Tăng, thành tựu Thánh giới."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

---

29. Nhập lưu phần ¤J ¬y ¤;A cũng nói là Dựu lưu chi, chi phần của dòng Thánh. Paøli: sotaøpattiyaíga.

30. Bốn Dự lưu chi, xem *Phẩm Loại Túc Luận* 2, tr.458b: thân cận Thiện sĩ, thính văn chánh pháp, như lý tác ý, pháp tùy pháp hành. Cf. D.iii. Saígìti, cattaøri sotaøpattiyaígaøni: sappurisa-saösevo, saddhamma-savanaö, yoniso-manasikaøro, dhammaønudhammaøpaæipatti.

31. Nhập lưu giả ¤J ¬y ªJ. Paøli; sotaøpanna, chỉ Thánh giả Tu-đà-hoàn, hay Dự lưu.

KINH 844. XÁ-LỢI-PHẤT (2)[32]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất đến chỗ Tôn giả A-nan, sau khi thăm hỏi khích lệ xong, rồi đứng qua một bên, Tôn giả Xá-lợi-phất nói với Tôn giả A-nan:

"Tôi có điều muốn hỏi, Tôn giả có rảnh thì giờ trả lời không?"

Tôn giả A-nan thưa Tôn giả Xá-lợi-phất:

"Theo ý Tôn giả cứ hỏi, nếu biết tôi sẽ đáp."

Xá-lợi-phất hỏi Tôn giả A-nan:

"Do đoạn được bao nhiêu pháp, mà với Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, bậc Tri giả, Kiến giả, ký thuyết rằng người kia đắc Tu-đà-hoàn, không đọa vào pháp đường ác, quyết định hướng đến Chánh giác, chỉ còn bảy lần qua lại Trời, Người, rốt ráo thoát khổ?"

Tôn giả A-nan thưa Tôn giả Xá-lợi-phất:

"Do đoạn được bốn pháp và thành tựu được bốn pháp mà Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác ký thuyết cho người kia đắc Tu-đà-hoàn, không còn đọa vào pháp đường ác, quyết định hướng đến Chánh giác, chỉ còn bảy lần qua lại Trời, Người, mới rốt ráo hết khổ. Những gì là bốn? Thánh đệ tử trụ tâm bất tín đối với Phật đã được đoạn, đã biến tri, thành tựu bất hoại tịnh đối với Phật. Bất tín đối với Pháp, Tăng và ác giới đã đoạn, đã biến tri, thành tựu bất hoại tịnh đối với Pháp, Tăng và thành tựu được Thánh giới. Như vậy, do đoạn trừ bốn pháp và thành tựu bốn pháp mà Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, bậc Tri giả, Kiến giả, ký thuyết cho người kia đắc Tu-đà-hoàn, không đọa vào pháp đường ác, quyết định hướng đến Chánh giác, chỉ còn bảy lần qua lại Trời, Người, mới rốt ráo thoát khổ."

Tôn giả Xá-lợi-phất nói với Tôn giả A-nan[33]:

"Đúng vậy, đúng vậy! Do đoạn trừ được bốn pháp và thành tựu được bốn pháp mà Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, bậc Tri giả, Kiến giả, ký thuyết cho người kia đắc Tu-đà-hoàn, không đọa vào

---

32. Paøli, S. 55.4. Saøriputta (1).

33. Trong nguyên bản, Tôn giả A-nan nói với Tôn giả Xá-lợi-phất.

pháp đường ác, quyết định hướng đến Chánh giác, chỉ còn bảy lần qua lại Trời, Người, mới rốt ráo thoát khổ."

Sau khi hai vị Chánh sĩ luận bàn xong, đều tùy hỷ từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

M

KINH 845. KHỦNG BỐ (1)[34]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Nếu Tỳ-kheo dập tắt được năm sợ hãi và oán thù[35], được ba pháp quyết định, chẳng sanh nghi hoặc, tri kiến như thật về chánh đạo của bậc Hiền thánh; vị Thánh đệ tử này có thể tự ký thuyết rằng đã diệt tận các đường ác địa ngục, ngạ quỷ và súc sanh, đắc Tu-đà-hoàn, không còn bị rơi vào pháp đường ác, hướng thẳng đến Chánh giác, chỉ còn bảy lần qua lại Trời, Người, rốt ráo thoát khổ.

"Thế nào là dập tắt năm điều sợ hãi và oán thù? Nếu sợ hãi phát sanh do nhân duyên oán thù của tội sát sanh; người ấy tránh xa sự sát sanh, thì sợ hãi phát sanh do nhân duyên oán thù của tội sát sanh được dập tắt. Nếu sợ hãi phát sanh do nhân duyên oán thù của tội trộm cắp, tà dâm, nói dối, uống rượu; người ấy tránh xa trộm cắp, tà dâm, nói dối, uống rượu, thì sợ hãi phát sanh do nhân duyên oán thù của tội trộm cắp, tà dâm, nói dối, uống rượu được dập tắt. Đó gọi là sự chấm dứt năm điều sợ hãi phát sanh ra từ nhân duyên oán thù của các tội trên.

"Thế nào là ba pháp quyết định không sanh ra nghi hoặc? Là đối với Phật quyết định lìa nghi hoặc, đối với Pháp và Tăng quyết định lìa nghi hoặc. Đó gọi là ba pháp quyết định lìa nghi hoặc.

"Thế nào gọi là tri kiến như thật về Thánh đạo? Là biết như thật đây là Khổ Thánh đế, biết như thật đây là Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế, đó gọi là tri kiến như thật

---

34. Paøli, S. 55.29. Bhayaö (hay Bhikkhu) (2).

35. Khủng bố đối oán 怖怨. Paøli: bhayavera, kinh sợ và oán thù.

về Thánh đạo.

"Nếu đối với năm tội sợ hãi này mà dập tắt oán thù, đối với ba pháp quyết định xa lìa nghi hoặc, đối với Thánh đạo mà tri kiến như thật; Thánh đệ tử này có thể tự ký thuyết rằng: 'Ta đã đoạn tận các đường ác địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, đắc Tu-đà-hoàn, không còn bị đọa vào pháp đường ác, quyết định hướng thẳng đến Chánh giác, chỉ còn bảy lần qua lại Trời, Người, rốt ráo thoát khổ."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 846. KHỦNG BỐ (2)[36]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Như đã nói ở trên, nhưng có một vài sai biệt:

"Thế nào là tri kiến như thật về Thánh đạo? Tám Thánh đạo, từ chánh kiến... cho đến chánh định."

Kinh tiếp[37] *cũng nói như vậy, nhưng có một vài sai khác:*

"Thế nào là tri kiến như thật về Thánh đạo? Tri kiến như thật về mười hai duyên khởi như đã nói: sự này có, nên sự kia có; sự này khởi, nên sự kia khởi. Như duyên vô minh có hành, duyên hành có thức, duyên thức có danh sắc, duyên danh sắc có lục nhập xứ, duyên lục nhập xứ có xúc, duyên xúc có thọ, duyên thọ có ái, duyên ái có thủ, duyên thủ có hữu, duyên hữu có sanh, duyên sanh có lão, bệnh, tử, ưu bi, khổ não. Đó gọi là tri kiến như thật của các Thánh đệ tử."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

---

36. Paøli, S. 55.28, Duvera, hay Anaøthapiòñika.

37. Ấn Thuận tách thành một kinh riêng.

KINH 847. THIÊN ĐẠO (1)[38]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có bốn Thiên đạo của chư Thiên[39] làm cho chúng sanh chưa tịnh khiến tịnh, đã tịnh, lại tịnh hơn. Những gì là bốn? Thánh đệ tử có bất hoại đối tịnh với Phật, có bất hoại tịnh đối với Pháp, Tăng, thành tựu Thánh giới. Đó gọi là bốn Thiên đạo của chư Thiên làm cho chúng sanh chưa tịnh khiến cho tịnh, đã tịnh lại khiến cho tịnh hơn."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 948. THIÊN ĐẠO (2)[40]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có bốn Thiên đạo của chư Thiên. Những gì là bốn? Thánh đệ tử niệm tưởng Như Lai sự[41] như vầy: 'Như Lai là Đấng Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Đối với Như Lai sự này, mà sanh tâm tùy hỷ. Do tùy hỷ, tâm hân hoan; do tâm hân hoan, thân khinh an[42]; do thân khinh an, có cảm giác thọ lạc; do có cảm giác thọ lạc, được định tam-muội; do định tam-muội, Thánh đệ tử học như vầy: 'Thế nào là Thiên đạo của chư Thiên?' Và lại suy nghĩ: 'Ta đã từng nghe không sân nhuế là Thiên đạo trên hết của chư Thiên.' Rồi lại nghĩ: 'Đối với thế gian, từ hôm nay dù ta gặp hoặc sợ hãi, hoặc an ổn, cũng không nổi sân giận; ta chỉ tự chọn cho mình

---

38. Paøli, S. 55.35. Devapada.
39. Chư Thiên thiên đạo ½Đ ⌘Đ ⌘Đ ¹Đ. Paøli: devaønaö devapadaøni.
40. Paøli, S. 55.35. Depada.
41. Như Lai sự /p ¯Ĩ ¯Ĩ¡Ã tức Như Lai hiệu. Paøli: Tathaøgataguòa (?).
42. Hán: thân ỷ tức ¯ Ua ®S.

Thiên đạo hoàn toàn thanh tịnh thuần nhất của chư Thiên. Đó gọi là Thiên đạo đệ nhất của chư Thiên làm cho chúng sanh chưa tịnh khiến tịnh, đã tịnh rồi lại khiến tịnh hơn.

"Lại nữa, Tỳ-kheo Thánh đệ tử niệm tưởng Pháp sự như vầy: Chánh pháp luật được Như Lai tuyên thuyết, ngay đời hiện tại xa lìa mọi thứ thiêu đốt, không đợi thời tiết, thông đạt Niết-bàn, tự thân quán sát, duyên nơi tự mình mà giác tri. Do biết pháp sự như vậy rồi, thì tâm sanh tùy hỷ. Do tùy hỷ, tâm hân hoan; do tâm hân hoan, thân khinh an; do thân khinh an, có cảm giác thọ lạc; do có cảm giác thọ lạc, được định tam-muội; do định tam-muội, Thánh đệ tử học như vầy: 'Thế nào là Thiên đạo của chư Thiên?' Và lại suy nghĩ: 'Ta đã từng nghe không sân nhuế là Thiên đạo trên hết của chư Thiên.' Rồi lại nghĩ: 'Đối với thế gian, từ hôm nay dù ta gặp hoặc sợ hãi, hoặc an ổn, cũng không nổi sân giận; ta chỉ tự chọn cho mình Thiên đạo hoàn toàn thanh tịnh thuần nhất của chư Thiên. Đó gọi là Thiên đạo thứ hai của chư Thiên làm cho chúng sanh chưa tịnh khiến tịnh, đã tịnh rồi lại khiến tịnh hơn.

"Lại nữa Tỳ-kheo, nếu đối với Tăng sự, khởi chánh niệm như vầy: 'Tăng đệ tử của Thế Tôn, chánh trực thú hướng đáng được cung kính tôn trọng cúng dường, là ruộng phước vô thượng.' Vị ấy chân chánh suy niệm Tăng sự như vậy, liền sanh tâm tùy hỷ. Do tùy hỷ, tâm hân hoan; do tâm hân hoan, thân khinh an; do thân khinh an, có cảm giác thọ lạc; do có cảm giác thọ lạc, được định tam-muội; do định tam-muội, Thánh đệ tử học như vầy: 'Thế nào là Thiên đạo của chư Thiên?' Và lại suy nghĩ: 'Ta đã từng nghe không sân nhuế là Thiên đạo trên hết của chư Thiên.' Rồi lại nghĩ: 'Đối với thế gian, từ hôm nay dù ta gặp hoặc sợ hãi, hoặc an ổn, cũng không nổi sân giận; ta chỉ tự chọn cho mình Thiên đạo hoàn toàn thanh tịnh thuần nhất của chư Thiên. Đó gọi là Thiên đạo thứ hai của chư Thiên làm cho chúng sanh chưa tịnh khiến tịnh, đã tịnh rồi lại khiến tịnh hơn.

"Lại nữa Thánh đệ tử tự nghĩ về những giới sự đã có, suy niệm nhớ nghĩ rằng: 'Giới này của ta là giới không khuyết, giới không ô uế, giới không tạp; giới được bậc minh trí khen; giới được kẻ trí không chán.' Đối với những giới sự như vậy, sau khi đã thật sự nhớ nghĩ đến rồi, thì tâm sẽ sanh ra tùy hỷ. Do tùy hỷ, tâm hân hoan; do tâm hân hoan, thân khinh an; do thân khinh an, có cảm giác thọ lạc; do có cảm giác thọ lạc, được định tam-muội; do định tam-muội, Thánh đệ tử học như vầy: 'Thế nào là Thiên đạo của chư Thiên?' Và lại suy nghĩ: 'Ta đã từng nghe không sân nhuế là Thiên đạo trên hết của chư Thiên.' Rồi lại nghĩ: 'Đối với thế gian, từ hôm nay dù ta gặp hoặc sợ hãi, hoặc an ổn, cũng không nổi sân giận; ta chỉ tự chọn cho mình Thiên đạo hoàn toàn thanh tịnh thuần nhất của chư Thiên. Đó gọi là Thiên đạo

thứ hai của chư Thiên làm cho chúng sanh chưa tịnh khiến tịnh, đã tịnh rồi lại khiến tịnh hơn."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 849. THIÊN ĐẠO (3)

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có bốn Thiên đạo của chư Thiên. Những gì là bốn? Thánh đệ tử niệm tưởng Như Lai sự[43] như vầy: 'Như Lai là Đấng Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Vị ấy niệm tưởng Như Lai sự như vậy rồi, liền đoạn trừ tham ác và đoạn trừ lỗi tham ác bất thiện của tâm. Vì nghĩ đến Như Lai nên sanh tâm tùy hỷ; do tùy hỷ, tâm hân hoan; do tâm hân hoan, thân khinh an; do thân khinh an, có cảm giác thọ lạc; do có cảm giác thọ lạc, được định tam-muội; do định tam-muội, Thánh đệ tử học như vầy: 'Thế nào là Thiên đạo của chư Thiên?' Và lại suy nghĩ: 'Ta đã từng nghe không sân nhuế là Thiên đạo trên hết của chư Thiên.' Rồi lại nghĩ: 'Đối với thế gian, từ hôm nay dù ta gặp hoặc sợ hãi, hoặc an ổn, cũng không nổi sân giận; ta chỉ tự chọn cho mình Thiên đạo hoàn toàn thanh tịnh thuần nhất của chư Thiên. Đó gọi là Thiên đạo thứ hai của chư Thiên làm cho chúng sanh chưa tịnh khiến tịnh, đã tịnh rồi lại khiến tịnh hơn. Cũng vậy, đối với Pháp, Tăng và thành tựu Thánh giới cũng nói như vậy."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

---

43. Xem cht.41, kinh 848 trên.

KINH 850. THIÊN ĐẠO (4)[44]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có bốn Thiên đạo của chư Thiên. Những gì là bốn? Thánh đệ tử niệm tưởng Như Lai sự[45] như vầy: ‘Như Lai là Đấng Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Vị Thánh đệ tử ấy niệm tưởng Như Lai sự như vậy rồi, tâm không bị tham dục triền phược, sân hận, ngu si triền phược[46]. Tâm ấy chánh trực, niệm tưởng Như Lai sự. Thánh đệ tử này được dòng nước pháp, được dòng nước của nghĩa[47], được tùy hỷ lợi ích do niệm tưởng Như Lai[48]. Do tùy hỷ, tâm hân hoan; do tâm hân hoan, thân khinh an; do thân khinh an, có cảm giác thọ lạc; do có cảm giác thọ lạc, được định tam-muội; do định tam-muội, Thánh đệ tử học như vầy: ‘Thế nào là Thiên đạo của chư thiên?’ Và lại suy nghĩ: ‘Ta đã từng nghe không sân nhuế là Thiên đạo trên hết của chư Thiên.’ Rồi lại nghĩ: ‘Đối với thế gian, từ hôm nay dù ta gặp hoặc sợ hãi, hoặc an ổn, cũng không nổi sân giận; ta chỉ tự chọn cho mình Thiên đạo hoàn toàn thanh tịnh thuần nhất của chư Thiên. Đó gọi là Thiên đạo thứ hai của chư Thiên làm cho chúng sanh chưa tịnh khiến tịnh, đã tịnh rồi lại khiến tịnh hơn. Cũng vậy, đối với Pháp, Tăng và thành tựu Thánh giới cũng nói như vậy.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

---

44. Paøli, A. 11.12-13. Mahaønaøma.

45. Xem cht.41, kinh 848 trên.

46. Tham dục triền, sân nhuế triền, ngu si triền ³g ±ý. ð;A½Q 恚. ð;AM ̃. ð. Paøli: raøgapariyuææhita, dosapariyuææhita, mohapariyuææhita, (tâm) bị quấn chặt bởi tham, sân, si.

47. Hán: pháp lưu thủy, nghĩa lưu thủy ªk ¬y ¤ø;A,q ¬y ¤ø. Bản Paøli: dhammaveda, atthaveda.

48. Bản Paøli: dhammupasaöhitam paømojjaö, sự hoan hỷ liên hệ đến pháp.

KINH 851. PHÁP KÍNH (1)[49]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Nay Ta sẽ nói kinh Pháp kính[50]. Hãy lắng nghe và suy nghĩ cho kỹ, Ta sẽ vì các ông mà nói. Thế nào là kinh Pháp kính? Thánh đệ tử có bất hoại tịnh đối với Phật, có bất hoại tịnh đối với Pháp, Tăng, thành tựu Thánh giới. Đó gọi là kinh Pháp kính."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 852. PHÁP KÍNH (2)[51]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ[52]. Bấy giờ một số đông các Tỳ-kheo đắp y mang bát vào thành Xá-vệ khất thực. Trong khi khất thực nghe tin Tỳ-kheo Nan-đồ, Tỳ-kheo-ni Nan-đà, Ưu-bà-tắc Thiện Sanh, Ưu-bà-di Thiện Sanh[53] đều qua đời. Sau khi khất thực xong trở về tinh xá cất y bát và rửa chân xong, đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân, rồi ngồi qua một bên, bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, sáng sớm hôm nay con vào thành Xá-vệ khất thực, nghe tin Tỳ-kheo Nan-đồ, Tỳ-kheo-ni Nan-đà, Ưu-bà-tắc Thiện Sanh, Ưu-bà-di Thiện Sanh đều đã qua đời. Bạch Thế Tôn, vậy bốn vị này sau khi qua đời, họ sẽ sanh về nơi nào?"

---

49. Tấm gương của pháp. Paøli, S. 55.9. Gióakaøvasatha.

50. Pháp kính kinh . Paøli: dhammaødaøsa dhammapariyaøya, pháp môn Pháp kính.

51. Paøli, S. 55.8. Gióakaøvasatha.

52. Bản Paøli, như kinh 854.

53. Nan-đồ Tỳ-kheo Nan-đà Tỳ-kheo-ni Thiện Sanh Ưu-bà-tắc Thiện Sanh Ưu-bà-di . Paøli: Saøôha (?) bhikkhu, Nandaø bhikkhunì; Sudatta (?) upaøsaka, Sujaøtaø upaøsikaø. S.55.8-10, danh sách còn dài hơn.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Tỳ-kheo Nan-đồ và Tỳ-kheo-ni Nan-đà vì đã hết các lậu nên đã được tâm giải thoát vô lậu, tuệ giải thoát; ngay trong đời này tự tri, tự tác chứng: 'Ta, sự sanh đã hết, phạm hạnh đã lập, những việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.' Còn Ưu-bà-tắc Thiện Sanh và Ưu-bà-di Thiện Sanh vì năm hạ phần kết đã hết nên đắc A-na-hàm, sanh lên cõi trời mà vào Bát-niết-bàn, không còn sanh vào cõi này nữa."

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Nay Ta sẽ nói kinh Pháp kính... Thánh đệ tử có bất hoại tịnh đối với Phật,..., thành tựu Thánh giới. Đó gọi là kinh Pháp kính."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 853. PHÁP KÍNH (3)

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ[54].

Như đã nói đầy đủ ở trên, nhưng có một vài sai biệt:

"Có Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni kia, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di kia qua đời, cũng nói như trên[55]."

M

---

54. Bản Paøli, như kinh 854.

55. Danh sách đầy đủ, S. 55.8-10.

KINH 854. NA-LÊ-CA[56]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong tinh xá Phồn-kỳ-ca tại tụ lạc Na-lê-ca[57]. Bấy giờ ở đây có nhiều người qua đời.

Lúc ấy, có các Tỳ-kheo đắp y mang bát vào tụ lạc Na-lê-ca khất thực, nghe tin ở tụ lạc Na-lê-ca các Ưu-bà-tắc Kế-ca-xá, Ni-ca-tra, Khư-lăng-ca-la, Ca-đa-lê sa-bà, Xà-lộ, Ưu-ba-xà-lộ, Lê-sắc-tra, A-lê-sắc-tra, Bạt-đà-la, Tu-bạt-đà-la, Da-xá, Da-du-đà, Da-xá, Uất-đa-la[58] tất cả đều qua đời tại đây. Sau khi nghe rồi trở về tinh xá cất y bát rửa chân xong, đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật rằng:

"Sáng sớm số đông các Tỳ-kheo chúng con vào tụ lạc Na-lê-ca khất thực, nghe tin Ưu-bà-tắc Kế-ca-xá và nhiều người qua đời. Bạch Thế Tôn, những người này sau khi qua đời, họ sẽ sanh về nơi nào?"

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Kế-ca-xá và những người kia, đã đoạn năm hạ phần kết, đắc A-na-hàm, vào Bát-niết-bàn ở trên trời, không sanh lại cõi này nữa."

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, lại có hơn hai trăm năm mươi vị Ưu-bà-tắc đã qua đời. Lại có năm trăm Ưu-bà-tắc tại tụ lạc Na-lê-ca này qua đời. Tất cả đều dứt hết năm hạ phần kết, đắc A-na-hàm, vào Bát-niết-bàn ở trên cõi trời kia, không còn sanh trở lại đời này nữa."

"Lại có hơn hai trăm năm mươi vị Ưu-bà-tắc qua đời đều dứt hết ba kết, tham, nhuế và si mỏng, đắc Tư-đà-hàm, sẽ chịu một lần sanh, mới rốt ráo thoát khổ. Tại tụ lạc Na-lê-ca này lại có năm trăm Ưu-bà-

56. Paøli, S. 55.10. Giójakaøvasatha.

57. Na-lê-ca tụ lạc Phồn-kỳ-ca tinh xá [illegible]. Paøli: Óaøtike Giójakaøvasathe.

58. Kế-ca-xá Ưu-bà-tắc [illegible] Ni-ca-tra [illegible] Khư-lăng-ca-la 佉 [illegible] Ca-đa-lê sa-bà [illegible] Xà-lộ [illegible] Ưu-ba-xà-lộ [illegible] Leâ-sắc-tra [illegible] A-leâ-sắc-tra [illegible] Bạt-đà-la [illegible] Tu-bạt-đà-la [illegible] Da-xá [illegible] Da-du-đà [illegible] Uất-đa-la 欝 [illegible]. Danh sách Paøli, S. 55.10: Kakkaæo óaøæike upaøsako, Kaøôibho, Nikato, Kaæissabho, Tuææho, Santuææho, Bhaddo, Subhaddo.

tắc qua đời tại tụ lạc Na-lê-ca này, đã dứt hết ba kết, đắc Tu-đà-hoàn, không còn đọa vào pháp đường ác, quyết định hướng đến Chánh giác, chỉ còn bảy lần qua lại Trời, Người rốt ráo thoát khổ."

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Các ông theo người này qua đời, người kia qua đời mà hỏi, thì thật là phiền nhọc. Chẳng phải là điều Như Lai muốn đáp. Phàm có sanh thì có tử, có gì là lạ! Dù Như Lai có ra đời hay chẳng ra đời, thì pháp tánh vẫn thường trụ, điều đó Như Lai tự chứng tri, thành Đẳng Chánh Giác, hiển bày, diễn nói, phân biệt, chỉ dạy, rằng: Cái này có nên cái kia có; cái này khởi nên cái kia khởi; vì duyên vô minh nên có hành,... cho đến vì duyên sanh nên có già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não và khổ ấm tích tập như vậy. Vô minh diệt thì hành diệt,... cho đến sanh diệt thì già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não diệt và khổ ấm bị diệt như vậy.

"Nay Ta sẽ vì các ông nói về kinh Pháp kính. Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì các ông giảng nói. Thế nào là kinh Pháp kính? Thánh đệ tử có bất hoại tịnh đối với Phật, có bất hoại tịnh đối với Pháp, Tăng và thành tựu Thánh giới. Đó gọi là kinh Pháp kính."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 855. NAN-ĐỀ (1)[59]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có Ưu-bà-tắc Nan-đề[60] đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật rằng:

"Bạch Thế Tôn, nếu Thánh đệ tử đối với năm căn[61], mà trong tất cả thời[62] đều không thành tựu, đó là do phóng dật hay chẳng phóng dật?"

Phật bảo Nan-đề:

"Đối với năm căn này, nếu trong tất cả thời đều không thành tựu,

---

59. Paøli, S. 55.40. Nandiya.

60. Nan-đề Ưu-bà-tắc [illegible] Paøli: Nandiyo sakko.

61. Bản Paøli: cattaøri sotaøpattyaígaøni, bốn Dự lưu chi.

62. Hán: ư nhất thiết thời [illegible] Paøli: sabbena sabbaö sabbathaø sabbaö, toàn bộ, một cách triệt để.

thì Ta nói họ thuộc vào hạng phàm phu[63]. Nếu vị Thánh đệ tử mà không thành tựu, thì đó là người phóng dật chứ chẳng phải không phóng dật.

"Này Nan-đề, nếu vị Thánh đệ tử đã thành tựu bất hoại tịnh đối với Phật mà không cầu hướng thượng, không ở trong rừng vắng, hoặc ngồi nơi đất trống, ngày đêm thiền tịnh tư duy, tinh cần tu tập, để được thắng diệu xuất ly, lợi ích tùy hỷ được. Do không tùy hỷ, hoan hỷ không sanh; do hoan hỷ không sanh, thân không khinh an; do thân không khinh an, cảm giác khổ phát sanh; do cảm giác khổ phát sanh, tâm không được định. Tâm không định, Thánh đệ tử ấy được gọi là phóng dật. Thành tựu bất hoại tịnh đối với Pháp, Tăng và thành tựu Thánh giới cũng nói như vậy.

"Như vậy, Nan-đề, nếu Thánh đệ tử đã thành tựu bất hoại tịnh đối với Phật, mà tâm không khởi tưởng thỏa mãn, ở trong rừng vắng, dưới bóng cây, nơi đất vắng, ngày đêm thiền định tư duy, phương tiện tinh tấn, hay khởi thắng diệu xuất ly, được tùy hỷ; do được tùy hỷ, hoan hỷ phát sanh; do hoan hỷ sanh, thân khinh an; do thân khinh an, có cảm giác thọ lạc; do có cảm giác thọ lạc, tâm được định. Nếu Thánh đệ tử tâm định thì được gọi là không phóng dật. Thành tựu bất hoại tịnh đối với Pháp, Tăng và thành tựu Thánh giới cũng nói như vậy."

Sau khi Phật nói kinh này xong, Ưu-bà-tắc Nan-đề nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy đảnh lễ dưới chân Phật rồi lui.

M

KINH 856. NAN-ĐỀ (2)[64]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ[65]. Bấy giờ có Thích thị Nan-đề[66] đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật rằng:

"Bạch Thế Tôn, nếu Thánh đệ tử đối với bốn bất hoại tịnh, trong

63. Hán: phàm phu số 凡夫數 Paøli: puthujanapakkha, thành phần phàm phu.

64. Paøli, S. 55.47. Nandiya.

65. Phật tại Xá-vệ, bản Hán có thể nhầm. Có thể ở Ca-tỳ-la-vệ. Paøli: Sakkesu viharati kapilavatthusmiö nigrodhaøraøme.

66. Thích thị Nan-đề 釋氏難提 Paøli: Sakko Nandiyo.

tấ cả thời, không thành tựu, vậy thì Thánh đệ tử này là phóng dật hay không phóng dật?"

Phật bảo Thích thị Nan-đề:

"Nếu đối với bốn bất hoại tịnh mà không lúc nào thành tựu, thì Ta bảo đó là những kẻ thuộc ngoài hạng phàm phu[67]."

"Này Thích thị Nan-đề Thánh đệ tử hoặc phóng dật hay không phóng dật. Nay Ta sẽ nói..." *chi tiết đầy đủ như trên.*

Sau khi Phật nói kinh này xong, Thích thị Nan-đề nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy làm lễ rồi lui.

M

KINH 857. NAN-ĐỀ (3)

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ[68]. Bấy giờ an cư ba tháng đầu hạ[69] đã xong, có số đông các Tỳ-kheo, tập trung tại nhà ăn may y cho Phật. Không bao lâu khi y may xong, Như Lai sẽ đắp y mang bát ra khỏi tinh xá du hành trong nhân gian.

Bấy giờ, Thích thị Nan-đề nghe số đông các Tỳ-kheo, tập trung tại nhà ăn may y cho Phật. Không bao lâu khi y may xong, Như Lai sẽ đắp y mang bát ra khỏi tinh xá du hành trong nhân gian. Sau khi Thích thị Nan-đề nghe như vậy, đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật rằng:

"Hôm nay tứ chi thân thể con rã rời, bốn phương đổi thay; những pháp con đã nghe trước kia, nay tất cả đều mịt mờ, quên hết, khi nghe các Tỳ-kheo tập trung tại nhà ăn may y cho Thế Tôn nói: 'Không bao lâu, khi nào may y xong, Như Lai sẽ đắp y mang bát du hành trong nhân gian.' Cho nên nay tâm con cảm thấy rất khổ đau vì không biết lúc nào sẽ gặp lại được Thế Tôn cùng các Tỳ-kheo tri thức?"

Phật bảo Thích thị Nan-đề:

---

67. Xem kinh 855.

68. Xem các kinh 855, 856.

69. Hán: tiền tam nguyệt hạ 前三月夏 mùa hè, tức mùa mưa, có bốn tháng. An cư trong phạm vi ba tháng đầu.

"Dù có gặp Phật hay không gặp Phật, dù có gặp Tỳ-kheo tri thức hay không gặp, thì ông vẫn nên tùy thời tu tập năm điều hoan hỷ. Những gì là năm? Ông nên tùy thời niệm tưởng Như Lai sự: 'Như Lai là Đấng Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn.' Niệm tưởng Pháp sự, Tăng sự, tự mình giữ giới sự cùng hành thế sự. Người hãy tùy thời nhớ nghĩ là: 'Ta đã được lợi cho mình. Đối với những bỏn sẻn cấu uế của chúng sanh, ta sẽ tu tập nhiều lìa khỏi cuộc sống bỏn sẻn cấu uế, tu bố thí giải thoát, bố thí xả, luôn bố thí nhiệt tình, vui thích xả, huệ thí bình đẳng, tâm luôn nhớ đến việc bố thí.' Như vậy, Thích thị Nan-đề, với năm chi của định này, hoặc đứng, đi, ngồi, nằm cho đến cùng với vợ con, luôn luôn phải buộc niệm tam-muội này."

Sau khi Phật nói kinh này xong, Thích thị Nan-đề nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ tùy hỷ, làm lễ mà lui.

M

KINH 858. NAN-ĐỀ (4)[70]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ, kiết an cư ba tháng đầu hạ[71]. Bấy giờ có Thích thị Nan-đề nghe Phật kiết an cư ba tháng đầu hạ ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ[72]. Sau khi nghe liền nghĩ: 'Ta nên đến đó. Tại đó cúng dường và làm mọi công việc để cung cấp cho Như Lai cùng Tỳ-kheo Tăng.' Ông liền đến đó. Sau ba tháng, bấy giờ, số đông các Tỳ-kheo tập trung tại nhà ăn may y cho Thế Tôn và nói với nhau rằng: 'Như Lai không bao lâu sau khi may y xong sẽ đắp y mang bát du hành trong nhân gian.'

Sau khi Thích thị Nan-đề nghe các Tỳ-kheo tập trung tại nhà ăn nói: 'Như Lai không bao lâu sau khi may y xong sẽ đắp y mang bát du hành trong nhân gian.' Liền đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật rằng:

"Bạch Thế Tôn, hôm nay toàn thân thể con rã rời, bốn phương thay đổi; những pháp con đã nghe trước đây, nay tất cả đều mờ mịt,

---

70. Paøli, A. 11.14. Nandiya.

71. Xem cht.69 kinh 857.

72. Có thể ở Ca-tỳ-la-vệ thì đúng hơn. Xem cht.65, kinh 857.

quên hết. Con nghe Thế Tôn du hành trong nhân gian, con không biết bao giờ sẽ gặp lại Thế Tôn cùng các Tỳ-kheo tri thức?”

Phật bảo Thích thị Nan-đề:

“Dù có gặp Như Lai hay chẳng gặp, dù có gặp Tỳ-kheo tri thức hay chẳng gặp, thì ông cũng nên tùy thời mà tu tập về sáu niệm. Những gì là sáu niệm? Hãy niệm Như Lai sự, Pháp sự, Tăng sự, giới mình đã giữ, việc hành thí của mình, niệm chư Thiên.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, Thích thị Nan-đề nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ tùy hỷ, làm lễ mà lui.

M

KINH 859. LÊ-SƯ-ĐẠT-ĐA[73]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ, kiết an cư ba tháng đầu mùa hạ, *như nói ở trước, nhưng có một vài sai biệt*:

“Bấy giờ gia chủ tên là Lê-sư-đạt-đa[74] và Phú-lan-na[75]. Hai anh em nghe các Tỳ-kheo tập trung tại nhà ăn, may y cho Thế Tôn, như kinh Nan-đề đã nói đầy đủ ở trên.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, gia chủ Lê-sư-đạt-đa và Phú-lan-na nghe những gì Phật dạy, đều hoan hỷ tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy làm lễ mà lui.

M

---

73. Tham chiếu kinh 858.

74. Lê-sư-đạt-đa. Paøli: Isidatta. Xem kinh 860.

75. Phú-lan-na. Paøli: Puraøòa. Xem kinh 860.

KINH 860. ĐIỀN NGHIỆP[76]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ, kiết an cư ba tháng đầu mùa hạ xong, các Tỳ-kheo tập trung tại nhà ăn may y cho Thế Tôn. Bấy giờ có gia chủ Lê-sư-đạt-đa cùng Phú-lan-na[77], hai anh em đang chăm sóc ruộng nương ở trong đầm Lộc kính[78], nghe số đông các Tỳ-kheo ở tại nhà ăn may y cho Thế Tôn nói rằng: 'Như Lai không bao lâu sau khi may y xong sẽ đắp y mang bát du hành trong nhân gian.' Sau khi nghe xong bảo một người đàn ông rằng: 'Nay người nên đến chỗ Thế Tôn xem Thế Tôn, nếu đã đi rồi, hãy nhanh chóng trở về báo cho ta hay.'

Sau đó người đàn ông kia vâng lời dạy đến một chỗ kia, gặp Thế Tôn đang ra đi, liền vội vàng trở về báo cho Lê-sư-đạt-đa cùng Phú-lan-na là 'Thế Tôn và đại chúng đang đến.'

Bấy giờ, Lê-sư-đạt-đa cùng Phú-lan-na đi nghinh đón Thế Tôn. Thế Tôn từ xa nhìn thấy Lê-sư-đạt-đa cùng Phú-lan-na theo con đường đang đi đến, liền ra ngoài lề đường trải tọa cụ, ngồi ngay thẳng. Lê-sư-đạt-đa cùng Phú-lan-na đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật rằng:

"Bạch Thế Tôn, hôm nay toàn thân thể con rã rời, bốn phương đổi dời; tất cả mọi ức niệm, nay đều mờ mịt quên hết, không biết lúc nào sẽ được gặp lại Phật cùng các Tỳ-kheo tri thức? Hôm nay Thế Tôn ra đi đến Câu-tát-la; từ Câu-tát-la đến Ca-thi; từ Ca-thi đến Ma-la; từ Ma-la đến Ma-kiệt-đà; từ Ma-kiệt-đà đến Ương-già, từ Ương-già đến Tu-ma; từ Tu-ma đến Phân-đà-la; từ Phân-đà-la đến Ca-lăng-già[79]. Cho nên hôm nay con vô cùng khổ não, không biết lúc

---

76. Paøli, S. 55.6. Thapatayo.

77. Xem cht.74,75, kinh 859.

78. Lộc kinh trạch 鹿徑澤. Paøli: Isidattapuraøòaø thapatayo saødhuke paæivasanti, hai người thợ Isidatta và Puraøòa đang ở tại thôn Saødhuka.

79. Câu-tát-la 拘薩羅; Ca-thi 伽尸; Ma-la 摩羅; Ma-kiệt-đà 摩竭陀; Ương-già 鴦伽, Tu-ma 修摩; Phân-đà-la 分陀羅; Ca-lăng-già 迦陵伽. Paøli, theo thứ tự: Kosala, Kaøsi, Malla, Magadha, AØíga, Sumbha, Puòñarìka, Kaliíga. Lộ trình

nào được gặp lại Thế Tôn cùng các Tỳ-kheo tri thức."

Phật bảo Lê-sư-đạt-đa cùng Phú-lan-na:

"Các người dù có gặp Như Lai hay chẳng gặp Như Lai, dù có gặp các Tỳ-kheo tri thức hay chẳng gặp, thì các người cũng nên tùy thời mà tu tập sáu niệm. Những gì là sáu niệm? Các người hãy niệm Như Lai sự, nói đầy đủ... cho đến niệm Thiên. Nhưng này các gia chủ! Vì tại gia thì rối rắm, tại gia thì đắm nhiễm. Còn xuất gia thì vô sự, nhàn nhã, nên khó cho người thế tục có thể sống không gia đình, một mực thanh khiết, hoàn toàn trong sạch, phạm hạnh thanh bạch."

Gia chủ bạch Phật:

"Kỳ diệu thay, bạch Thế Tôn, Ngài khéo nói pháp này. Vì tại gia thì rối rắm, tại gia thì đắm nhiễm. Còn xuất gia thì vô sự, nhàn nhã, nên khó cho người thế tục có thể sống không gia đình, một mực thanh khiết, hoàn toàn trong sạch, phạm hạnh thanh bạch. Con là đại thần của vua Ba-tư-nặc. Khi vua Ba-tư-nặc lúc muốn dạo viên quán, sai con cỡi voi lớn chở các cung nữ được sủng ái nhất của vua. Một ngồi trước con, một sau con, con ngồi ở giữa. Khi voi xuống đồi, người ở trước choàng vào cổ con, người sau ôm lưng con; khi voi lên đồi, người sau bám lấy gáy con, người trước vít lấy áo con.

"Các thể nữ này vì muốn chiếm lòng vui thích của nhà vua nên mặc xiêm y lụa là sặc sỡ, trang điểm bằng anh lạc và các loại hương vi diệu. Lúc cùng dạo chơi con luôn luôn giữ ba điều: Một là điều khiển voi, sợ rằng lạc mất đường chính; hai tự giữ tâm mình, sợ rằng sẽ sanh ra đắm nhiễm; ba tự giữ gìn, sợ rằng sẽ bị rơi ngã. Bạch Thế Tôn, lúc bấy giờ, đối với các thể nữ của vua, con không giây phút nào là không chánh tư duy."

Phật bảo gia chủ:

"Lành thay, lành thay! Có thể khéo giữ tâm mình."

Gia chủ bạch Phật:

"Những tài vật mà con có được ở tại gia, thường đem cúng dường cho Thế Tôn, cùng các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni và giúp đỡ cho Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di cùng chung thọ dụng, chứ không kể là của con."

Phật bảo gia chủ:

"Lành thay, lành thay! Đối với của cải, gia chủ là người có tiền của giàu sang tột nhất tại nước Câu-tát-la, không ai có thể sánh bằng, mà không kể là của mình."

---

không giống với S. 55.6.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn vì gia chủ này mà nói pháp, khai thị, chỉ giáo, soi sáng, làm cho hoan hỷ. Sau khi khai thị, chỉ giáo, soi sáng, làm cho hoan hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

❑

TẠP A HÀM QUYỂN 31

KINH 861. ĐÂU-SUẤT THIÊN[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Bốn trăm năm ở nhân gian bằng một ngày một đêm trên cõi trời Đâu-suất-đà[2]. Ba mươi ngày như vậy là một tháng; mười hai tháng là một năm. Chư Thiên Đâu-suất-đà thọ bốn ngàn năm. Kẻ phàm phu vì ngu si không học, sau khi mạng chung ở đó, sanh vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Đa văn Thánh đệ tử sau khi mạng chung ở đó không sanh vào trong địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 862. HÓA LẠC THIÊN[3]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Tám trăm năm ở nhân gian bằng một ngày một đêm trên cõi trời Hóa-lạc[4]. Ba mươi ngày như vậy là một tháng; mười hai tháng là

---

1. Đại Chánh, quyển 31, kinh số 861-904. –Phật Quang, quyển 23, kinh số 575-618.–Ấn Thuận Hội Biên, Tụng 7. Như Lai sở thuyết, "37. Tương ưng thiên," gồm 48 kinh, số 12874-12921 *(Đại Chánh, số 861-872);* "38. Tương ưng tu chứng," gồm bảy mươi kinh, số 12922-12991 *(Đại Chánh, số 873-891)*; "39. Tương ưng Nhập giới ấm,"gồm một trăm tám mươi hai kinh, số 12992-13173 *(Đại Chánh, số 892-901)* và kinh đầu của "40. Tương ưng Bất hoại tịnh," số 13174-13173.- *Quốc Dịch* quyển 28 *(nửa sau),* Tụng 5. Đạo tụng, "Tương ưng chư Thiên" *(bao gồm bốn tương ưng trong Ấn Thuận Hội Biên)* chia thành mười ba phẩm, gồm bốn mươi ba kinh, số 12685-12955 *(Đại Chánh, số 861-904)*. Cf. A. 3.70. Uposathaíga.
2. Đâu-suất-đà 兜率陀 . Paøli: Tusita.
3. Như kinh 861.
4. Hóa lạc thiên 化樂天 . Paøli: Nimmaønaratì.

một năm. Chư thiên Hóa lạc thọ tám ngàn tuổi. Kẻ phàm phu vì ngu si không học, sau khi mạng chung ở đó, sanh vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Đa văn Thánh đệ tử sau khi mạng chung ở đó không sanh vào trong địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 863. THA HÓA TỰ TẠI THIÊN

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Sáu ngàn năm ở nhân gian bằng một ngày một đêm trên cõi trời Tha hóa tự tại[5]. Ba mươi ngày như vậy là một tháng; mười hai tháng là một năm. Chư Thiên Tha hóa tự tại thọ một vạn sáu ngàn năm. Kẻ phàm phu vì ngu si không học, sau khi mạng chung ở đó, sanh vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Đa văn Thánh đệ tử sau khi mạng chung ở đó không sanh vào trong địa ngục, ngạ quỷ và súc sanh."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

Như Phật đã nói sáu kinh; cũng vậy, Tỳ-kheo nọ hỏi sáu kinh và Phật hỏi các Tỳ-kheo sáu kinh cũng nói như vậy.

M

KINH 864. SƠ THIỀN

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Nếu Tỳ-kheo, với hành, hoặc hình, hay tướng, ly dục, ly pháp ác bất thiện, có giác, có quán có hỷ lạc do viễn ly sanh, chứng và an trụ Sơ thiền; vị ấy không nhớ nghĩ hành như vậy, hình như vậy, tướng

---

5. Tha hóa tự tại thiên 他化自在天. Paøli: Paranimmitavasavattì.

như vậy. Nhưng đối với sắc, thọ, tưởng, hành, thức, vị ấy tư duy như là bệnh, như ung nhọt, như gai nhọn, như sát hại, là vô thường, khổ, không, vô ngã. Đối với những pháp này mà sanh tâm nhàm chán, sợ hãi, phòng hộ. Do nhàm chán, xa lìa, phòng hộ, bằng cửa cam lộ mà tự làm lợi ích cho mình. Đây là tịch tĩnh, đây là thắng diệu, tức là xả ly tất cả hữu dư[6], ái tận, vô dục, diệt tận, Niết-bàn."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 865. GIẢI THOÁT

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Như đã nói ở trên, nhưng có một vài sai biệt:

"Biết như vậy, thấy như vậy, tâm giải thoát dục hữu lậu, tâm giải thoát hữu hữu lậu, tâm giải thoát vô minh lậu, với giải thoát tri kiến, biết rằng: 'Ta, sự sanh đã hết, phạm hạnh đã lập, những việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.'"

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 866. TRUNG BÁT-NIẾT-BÀN

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Như đã nói ở trên, nhưng có một vài sự sai biệt:

"Nếu không được giải thoát, nhưng do pháp kia, dục pháp, niệm pháp, lạc pháp, nên thủ Trung Bát-niết-bàn[7]; hoặc không như vậy, thì

---

6. Để bản: xả ly dư 捨離餘, có thể sót. Nói đủ là: xả nhất thiết hữu dư y 捨一切有餘依. Xem kinh 867.

7. Trung Bát-niết-bàn 中般涅槃, Paøli: antaraøparinibbayì.

thủ Sanh Bát-niết-bàn[8]; hoặc không như vậy, thì thủ Hữu hành Bát-niết-bàn[9]; hoặc không như vậy, thủ Vô hành Bát-niết-bàn[10]; hoặc không như vậy, thì Thượng lưu Bát-niết-bàn[11]. Hoặc không như vậy, do dục pháp, niệm pháp, lạc pháp, do công đức này mà sanh làm Đại Phạm thiên[12], hoặc sanh về cõi Phạm phụ thiên[13], hay sanh về cõi Phạm thân thiên[14].”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 867. ĐỆ NHỊ THIỀN THIÊN

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nếu Tỳ-kheo, với hành như vậy, hình như vậy, tướng như vậy, mà dứt hữu giác, hữu quán, bên trong thanh tịnh nhất tâm, không giác không quán, có hỷ lạc do định sanh, chứng và trụ đệ Nhị thiền; hoặc nhớ nghĩ không hành như vậy, hình như vậy, tướng như vậy; mà đối với sắc, thọ, tưởng, hành, thức tư duy như là bệnh, như là ung nhọt, như là gai nhọn, như là sát hại, là vô thường, khổ, không, vô ngã. Đối với những pháp này tâm sẽ sanh ra nhàm chán, xa lìa, sợ hãi, phòng hộ. Do nhàm chán, xa lìa, phòng hộ, bằng pháp giới cam lộ mà tự làm lợi ích cho mình. Đây là tịch tĩnh, đây là thắng diệu, tức là xả ly tất cả hữu dư, ái tận, vô dục, diệt tận, Niết-bàn.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật

---

8. Sanh Bát-niết-bàn 生般涅槃. Paøli: upabaccaparinibbayì.
9. Hữu hành Bát-niết-bàn 有行般涅槃. Paøli: sasaikhaøraparinibbayì (tổn hại Bát-niết-bàn).
10. Vô hành Bát-niết-bàn 無行般涅槃. Paøli: asaíkhaøraparinibbayì.
11. Thượng lưu Bát-niết-bàn 上流般涅槃. Paøli: uddhaösoto hoti akaniæææha-gaømaø (thượng lưu cứu cánh).
12. Đại Phạm thiên 大梵天. Paøli: Mahaøbrahmaø.
13. Phạm phụ thiên 梵輔天. Paøli: Brahmapurohita.
14. Phạm thân thiên 梵身天. Paøli: Brahmakaøyikaø.

dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 868. GIẢI THOÁT

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Như đã nói ở trên, nhưng có một vài sai biệt:

"Nếu không được giải thoát, nhưng do pháp kia, dục pháp, niệm pháp, lạc pháp, nên thủ Trung Bát-niết-bàn; hoặc không như vậy, thì thủ Sanh Bát-niết-bàn; hoặc không như vậy, thì thủ Hữu hành Bát-niết-bàn; hoặc không như vậy, thủ Vô hành Bát-niết-bàn[15]; hoặc không như vậy, thì Thượng lưu Bát-niết-bàn. Hoặc không như vậy, do dục pháp, niệm pháp, lạc pháp, nên sanh về cõi trời Tự tánh Quang âm[16]; hoặc không như vậy, thì sanh về cõi trời Vô lượng quang[17]; hoặc không như vậy, thì sanh về cõi trời Thiểu quang[18]."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 869. ĐỆ TAM THIỀN

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Nếu Tỳ-kheo, với hành như vậy, hình như vậy, tướng như vậy, lìa tham hỷ, an trụ xả, chánh niệm chánh trí, thân cảm giác lạc, điều mà Thánh nhân nói là xả, với niệm, an trụ lạc, chứng và an trú đệ Tam thiền. Nếu không như vậy, mà với hành như vậy, hình như vậy, tướng như vậy, đối với các pháp sắc[19], thọ, tưởng, hành, thức mà tư duy như là bệnh tật, như là ung nhọt, như là gai nhọn, như là sát hại,... cho đến Thượng lưu Bát-niết-bàn. Nếu không như vậy, do dục pháp, niệm

---

15. Vô hành Bát-niết-bàn 無行般涅槃. Paøli: asaíkhaøraparinibbayì.

16. Tự tánh quang âm thiên 自性光音天. Paøli: AØbhassara.

17. Vô lượng quang thiên 無量光天. Paøli: Appamaøòaøbha.

18. Thiểu quang thiên 少光天. Paøli: Parittaøbha.

19. Nguyên bản không có chữ *sắc*, y các bản Tống-Nguyên-Minh bổ túc.

pháp, lạc pháp, nên sanh về cõi trời Biến tịnh[20]; hoặc không như vậy, thì sanh về cõi trời Vô lượng tịnh[21]; hoặc không như vậy, thì sanh về cõi trời Thiểu tịnh[22].”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 870. GIẢI THOÁT

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nếu Tỳ-kheo, với hành như vậy, hình như vậy, tướng như vậy lìa khổ dứt lạc, ưu hỷ trước đã diệt, không khổ không lạc, xả, tịnh niệm[23], nhất tâm, chứng và an trụ đệ Tứ thiền. Nếu không nhớ nghĩ như vậy, mà đối với sắc, thọ, tưởng, hành, thức mà tư duy như là bệnh tật, như là ung nhọt, như là gai nhọn, như là sát hại,... cho đến Thượng lưu Bát-niết-bàn. Nếu không như vậy, thì sanh về cõi trời Nhân tánh Quả thật[24]; hoặc không như vậy, thì sanh về cõi trời Phước sanh[25]; hoặc không như vậy, thì sanh về cõi trời Thiểu phước[26].”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

Như Tứ thiền, Bốn vô sắc định cũng được nói như vậy.

M

---

20. Biến tịnh thiên 遍淨天. Paøli: Subhakiòòaø.
21. Vô lượng tịnh thiên 無量淨天. Paøli: Appamaøòasubha.
22. Thiểu tịnh thiên 少淨天. Paøli: Parittasubha.
23. Tịnh niệm 淨念, hay nội đẳng tịnh, hay nội tịnh. Xem *Câu-xá*, T.29, tr.146c.
24. Nhân tánh Quả thật thiên 因性果實天. Paøli: Vehapphala (Quảng quả thiên).
25. Phước sanh thiên 福生天. Paøli: Puóóapasavana.
26. Thiểu phước thiên 少福天, tức Vô vân thiên 無雲天 (Paøli: anabbhaka). Xem *Câu-xá*, T.29, tr.41a.

KINH 871. PHONG VÂN THIÊN[27]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có vị Phong vân thiên[28] nghĩ như vầy: 'Hôm nay ta muốn dùng thần lực dạo chơi.' Khi nghĩ như vậy thì mây gió liền nổi lên. Cũng vậy, như Phong vân thiên; Diệm điện thiên, Lôi chấn thiên, Vũ thiên, Tình thiên, Hàn thiên, Nhiệt thiên[29] cũng nói như vậy."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

Nói như vậy, có Tỳ-kheo hỏi Phật, Phật bảo các Tỳ-kheo, cũng được nói như vậy.[30]

M

KINH 872. TÁN CÁI PHÚ ĐĂNG[31]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, vào lúc nửa đêm, trời mưa nhỏ, có chớp lóe chiếu sáng. Phật bảo A-nan:

"Ông hãy lấy dù che đèn mang ra ngoài."

Tôn giả A-nan liền vâng lời lấy dù che đèn, đi theo sau Phật. Đến một nơi, Thế Tôn bỗng mỉm cười. Tôn giả A-nan bạch Phật rằng:

"Thế Tôn không khi nào cười mà không có nguyên nhân. Không

---

27. Paøli, S. 32.1. Desanaø.

28. Phong vân thiên 風雲天. Paøli: valaøhakaøyika deva (Vân thiên, trời mây).

29. Diệm điện thiên, Lôi chấn thiên, Vũ thiên, Tình thiên, Hàn thiên, Nhiệt thiên 焰電天, 雷震天, 雨天, 晴 天, 寒天, 熱天. Tham chiếu Paøli, S. 32.53. Sìtavalaøhaka, Hàn vân thiên, trời lạnh; 54. Uòhavalaøhaka, Nhiệt vân thiên, trời nóng; 55. Abbhavalaøhaka, Ám vân thiên, trời tối; 56. Vaøtavalaøhaka, Phong vân thiên, trời gió; 57. Vassavalaøhaka, trời mưa.

30. Tóm tắt có hai mươi kinh (theo Ấn Thuận).

31. Cây lọng che đèn.

rõ hôm nay Thế Tôn vì lý do gì mà mỉm cười?"

Phật bảo A-nan:

"Đúng vậy, đúng vậy! Như Lai cười không phải là không có lý do. Hôm nay khi ông cầm dù che đèn đi theo Ta, thì Ta thấy Phạm thiên cũng lại như vậy, cầm dù che đèn đi theo sau Tỳ-kheo Câu-lân[32]; Thích Đề-hoàn Nhân[33] cũng cầm dù che đèn đi theo sau Ma-ha Ca-diếp; Trật-lật-đế-la-sắc-tra-la[34] Thiên vương cũng cầm dù che đèn đi theo sau Xá-lợi-phất; Tỳ-lâu-lặc-ca[35] Thiên vương cũng cầm dù che đèn đi theo sau Đại Mục-kiền-liên; Tỳ-lâu-bặc-xoa[36] Thiên vương cũng cầm dù đi theo sau Ma-ha Câu-hy-la; Tỳ-sa-môn[37] Thiên vương cũng cầm dù che đèn đi theo sau Ma-ha Kiếp-tân-na."

Sau khi Phật nói kinh này xong, Tôn giả A-nan nghe những gì Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 873. TỨ CHỦNG ĐIỀU PHỤC[38]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có bốn chúng được điều phục thiện hảo. Những gì là bốn? Đó là Tỳ-kheo được điều phục, Tỳ-kheo-ni được điều phục, Ưu-bà-tắc được điều phục, Ưu-bà-di được điều phục. Đó gọi là bốn chúng."

Rồi Thế Tôn liền nói kệ rằng:

---

32. Câu-lân Tỳ-kheo 俱隣 tức Kiều-trần-như. Paøli: Aóóaø-Koõñaóóa.
33. Thích Đề-hoàn Nhân. Paøli: Sakko devaønaö Indo.
34. Trật-lật-đế-la-sắc-tra-la tức Đê-đầu-lại-tra. Paøli: Dhataraæææha, Trì Quốc Thiên vương.
35. Tỳ-lâu-lặc-ca. Paøli: Viruøôhaka, Tăng Trưởng Thiên vương.
36. Tỳ-lâu-bặc-xoa. Paøli:Viruøpakka, Quảng Mục Thiên vương.
37. Tỳ-sa-môn. Paøli: Vessavaòa, Đa Văn Thiên vương.
38. Ấn Thuận Hội Biên, "38. Tương ưng Tu chứng" gồm bảy mươi kinh. (Đại Chánh mười chín kinh, 873-891). Kinh 873, Bốn loại huấn luyện. Paøli, A. 4.7. Sobheti; Cf. N^{0}125(27.7).

Nếu biện tài[39]*, vô úy*[40]*,*
Đa văn, thông đạt pháp;
Hành pháp thứ pháp hướng[41]*,*
Thì đó là thiện chúng.
Tỳ-kheo giữ tịnh giới,
Tỳ-kheo-ni đa văn;
Ưu-bà-tắc tịnh tín,
Ưu-bà-di cũng vậy.
Đó gọi là thiện chúng,
Như mặt trời tự chiếu;
Tăng thiện hảo cũng vậy,
Đó là hảo trong Tăng.
Pháp này khiến Tăng hảo[42]*,*
Như mặt trời tự chiếu.

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

"Như điều phục. Cũng vậy, biện tài, nhu hòa, vô úy, đa văn, thông đạt pháp, nói pháp, pháp thứ pháp hướng, tùy thuận pháp hành cũng nói như vậy."[43]

M

KINH 874. TAM CHỦNG TỬ[44]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có ba loại con. Những gì là ba? Con tùy sanh[45], con thắng

---

39. Tài biện ⊠~ Ǧ. Bản Paøli: viyatta, có năng lực, thông minh.
40. Vô úy □L ¬ ¡A tức vô sở úy. Paøli: visaørada, tự tin, không do dự.
41. Hành pháp thứ pháp hướng /i ªk /¸ ªk /Y. Paøli: dhammassa hoti anudhammacaørì, là người thực hành tùy pháp của pháp.
42. Tăng hảo ¼W /n¡A Tăng trung hảo ¼W ⊠⊠ /n¡A thiện chúng □½ ²³. Paøli: saíghasobhaòa, sự tỏa sáng giữa Tăng.
43. Tóm tắt có tám kinh.
44. Cf. Paøli, It. 74. Putta.

sanh[46], con hạ sanh[47].

"Thế nào là con tùy sanh? Cha mẹ của con không sát hại, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu, thì con cũng học theo không sát hại, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu. Đó gọi là con tùy sanh.

"Thế nào là con thắng sanh? Cha mẹ của con không thọ giới không sát hại, không trộm cắp, không tà dâm không nói dối, không uống rượu; nhưng con lại lãnh thọ giới không sát hại, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu. Đó gọi là người con thắng sanh.

"Thế nào là con hạ sanh? Cha mẹ của con chịu lãnh thọ giới không sát hại, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu; nhưng con lại không lãnh thọ giới không sát hại, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu. Đó gọi là con hạ sanh."

Rồi Thế Tôn liền nói kệ rằng:

Tùy sanh và thượng sanh,
Cha có trí đều mong.
Hạ sanh, người không cần,
Vì không thể kế nghiệp.
Phép làm người của con,
Là làm Ưu-bà-tắc;
Đối Phật, Pháp, Tăng bảo,
Cần tu tâm thanh tịnh.
Mây tan ánh trăng hiện,
Vẻ vang dòng quyến thuộc.

Sau khi Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

"Như Năm giới. Cũng vậy, kinh Tín, Giới, Thí, Văn, Tuệ cũng nói như vậy."

M

---

45. Tùy sanh tử 隨生子. Paøli: anujaøta, (con) giống cha; bằng cha.
46. Thắng sanh tử 勝生子 hay ưu sanh. Paøli: atijaøta, con giỏi hơn cha.
47. Hạ sanh tử 下生子. Paøli: avajaøta, con thấp kém.

KINH 875. TỨ CHÁNH ĐOẠN (1)[48]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có bốn Chánh đoạn[49]. Những gì là bốn? Một là đoạn đoạn, hai là luật nghi đoạn, ba là tùy hộ đoạn, bốn là tu đoạn[50]."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 876. TỨ CHÁNH ĐOẠN (2)

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có bốn Chánh đoạn[51]. Những gì là bốn? Một là đoạn đoạn, hai là luật nghi đoạn, ba là tùy hộ đoạn, bốn là tu đoạn[52]."

Sau đó Thế Tôn liền nói kệ rằng:

Đoạn đoạn và luật nghi,
Tùy hộ cùng tu tập;
Như bốn Chánh đoạn này,
Chư Phật đều đã dạy.

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

---

48. Tham chiếu, S. 49.1-12. Gaígaø-peyyaøla.

49. Chánh đoạn [illegible]. Paøli: sammappadhaøna, chánh cần. Bản Hán đọc, pahaøna: đoạn, thay vì padhaøna: tinh cần. Cf. D. 33. Saígìti, có bốn sammappadhaønaø (bốn chánh cần) và bốn padhaønaøni (bốn tinh cần) khác nhau.

50. Xem giải thích kinh 877.

51. Xem cht.49, kinh 875.

52. Xem giải thích kinh 877.

KINH 877. TỨ CHÁNH ĐOẠN (3)

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có bốn Chánh đoạn. Những gì là bốn? Một là đoạn đoạn, hai là luật nghi đoạn, ba là tùy hộ đoạn, bốn là tu đoạn."

"Thế nào là đoạn đoạn[53]? Tỳ-kheo, pháp ác bất thiện đã khởi thì đoạn trừ, khởi dục[54], phương tiện[55], tinh cần[56], nhiếp tâm gìn giữ[57]. Đó gọi là đoạn đoạn[58].

"Thế nào là luật nghi đoạn[59]? Pháp ác bất thiện đã khởi thì đoạn trừ, khởi dục, phương tiện, tinh cần, nhiếp tâm gìn giữ. Đó gọi là luật nghi đoạn[60].

"Thế nào là tùy hộ đoạn[61]? Pháp thiện chưa sanh thì khiến cho sanh khởi, khởi dục, phương tiện, tinh cần, nhiếp tâm gìn giữ. Đó gọi là tùy hộ đoạn[62].

"Thế nào là tu đoạn[63]? Pháp thiện đã khởi, khiến tu tập thêm

---

53. Đoạn 斷. Paøli: pahaøna-padhaøna, tinh cần để đoạn trừ.
54. Sanh dục 生欲 Paøli: chandaö janeti, sanh khởi ý muốn, ý chí.
55. Phương tiện 方便 ở đây được hiểu là nỗ lực, không phải phương tiện thiện xảo. Paøli: vaøyamati, vị ấy nỗ lực.
56. Tinh cần 精勤 tức tinh tấn. Paøli: viriyaö aørabhati.
57. Nhiếp thọ 攝受. Paøli: citaö paggaòhaøti padahati, giữ chặt tâm và sách tiến tâm.
58. Đây gọi là bốn chánh cần, Paøli: cattaøro sammappadhaønaø; xem cht.47, kinh 875. Tham chiếu, D. 33. Saígìti: katamaóc'aøvuso pahaøna-padhaønaö? Idh' aøvuso bhikkhu uppannaö kaøma-vitakkaö naødhivaøseti pajahati vinodeti..., ở đây, Tỳ-kheo, dục tầm đã khởi, không thừa nhận nó, đoạn trừ nó, tiêu diệt nó.
59. Luật nghi đoạn 律儀斷. Paøli: saövara-padhaøna, tinh cần phòng hộ (chế ngự).
60. Tham chiếu, D.33: katamaó c' aøvuso saövara-padhaønaö: Id 'aøvuso bhikkhu cakkhunaø ruøpaö disvaø na nimittaggaøhì hoti..., Thế nào là tinh cần phòng hộ? Tỳ-kheo sau khi thấy sắc bởi mắt, không chấp thủ tướng...
61. Tùy hộ đoạn 隨護斷. Paøli: anurakkhaòaø-padhaøna, tinh cần thủ hộ.
62. Cf. D.33: katamaó c' aøvuso anurakkhaòa-padhaønaö? Id' aøvuso bhikkhu uppannaö bhaddaö samaødhi-nimittaö anurakkahti... Thế nào là tinh cần thủ hộ? Tỳ-kheo thủ hộ định tướng (dấu hiệu của định) tốt đẹp đã khởi lên...
63. Tu đoạn 修斷. Paøli: bhaøvana-padhaøna, tinh cần tu tập.

ích lợi, khởi dục, phương tiện, tinh cần, nhiếp tâm gìn giữ. Đó gọi là tu đoạn[64]."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 878. TỨ CHÁNH ĐOẠN (4)

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có bốn Chánh đoạn. Những gì là bốn? Một là đoạn đoạn, hai là luật nghi đoạn, ba là tùy hộ đoạn, bốn là tu đoạn."

"Thế nào là đoạn đoạn? Tỳ-kheo, pháp ác bất thiện đã khởi thì đoạn trừ, khởi dục, phương tiện, tinh cần, nhiếp tâm gìn giữ. Đó gọi là đoạn đoạn.

"Thế nào là luật nghi đoạn? Pháp ác bất thiện đã khởi thì đoạn trừ, khởi dục, phương tiện, tinh cần, nhiếp tâm gìn giữ. Đó gọi là luật nghi đoạn.

"Thế nào là tùy hộ đoạn? Pháp thiện chưa sanh thì khiến cho sanh khởi, khởi dục, phương tiện, tinh cần, nhiếp tâm gìn giữ. Đó gọi là tùy hộ đoạn.

"Thế nào là tu đoạn? Pháp thiện đã khởi, khiến tu tập thêm ích lợi, khởi dục, phương tiện, tinh cần, nhiếp tâm gìn giữ. Đó gọi là tu đoạn."

Sau đó Thế Tôn liền nói kệ rằng:

Đoạn đoạn và luật nghi,
Tùy hộ cùng tu tập;
Như bốn Chánh đoạn này,
Chư Phật đều đã dạy.

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---

64. Cf. D.33: (...) Idh' aøvuso bhikkhu sati-saöbojjhaígaö bhaøveti..., ở đây, Tỳ-kheo tu tập niệm giác chi...

M

KINH 879. TỨ CHÁNH ĐOẠN (5)

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có bốn Chánh đoạn. Những gì là bốn? Một là đoạn đoạn, hai là luật nghi đoạn, ba là tùy hộ đoạn, bốn là tu đoạn."

"Thế nào là đoạn đoạn? Tỳ-kheo, pháp ác bất thiện đã khởi thì đoạn trừ, khởi dục, phương tiện, tinh cần, nhiếp tâm gìn giữ; pháp ác bất thiện chưa khởi, thì không cho khởi, khởi dục, phương tiện, tinh cần, nhiếp tâm gìn giữ; pháp thiện chưa sanh, thì khiến cho sanh khởi, khởi dục, phương tiện, tinh cần, nhiếp tâm gìn giữ; pháp thiện đã sanh, thì khiến cho tu tập thêm lợi ích, khởi dục, phương tiện, tinh cần, nhiếp tâm gìn giữ. Đó gọi là đoạn đoạn.

"Thế nào là luật nghi đoạn? Tỳ-kheo khéo phòng hộ căn con mắt, giữ kín chặt, chế ngự, tiến hướng. Cũng vậy, đối với các căn tai, mũi, lưỡi, thân, ý, khéo phòng hộ, giữ kín chặt, chế ngự, tiến hướng. Đó gọi là luật nghi đoạn[65].

"Thế nào là tùy hộ đoạn? Tỳ-kheo đối với mỗi một tướng tam-muội chân thật, như tướng xanh bầm, tướng sình chướng, tướng mưng mủ, tướng hoại, tướng thú ăn chưa sạch mà khéo bảo vệ hộ trì, tu tập, giữ gìn, không khiến cho sút giảm. Đó gọi là tùy hộ đoạn[66].

"Thế nào là tu đoạn? Tỳ-kheo nào tu tập bốn Niệm xứ, thì đó gọi là tu đoạn[67]."

Sau đó Thế Tôn liền nói kệ rằng:

Đoạn đoạn, luật nghi đoạn,
Tùy hộ, tu tập đoạn;
Bốn thứ chánh đoạn này,
Những gì Chánh Giác nói.
Tỳ-kheo siêng phương tiện,
Các lậu sẽ sạch hết.

---

65. Xem cht.60, kinh 877.
66. Xem cht.62, kinh 877.
67. Xem cht.64, kinh 877.

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

"Như bốn Niệm xứ. Cũng vậy, bốn Chánh đoạn, bốn Như ý túc, năm Căn, năm Lực, bảy Giác chi, Tám đạo chi, Bốn đạo, Bốn pháp cú, Chánh quán tu tập cũng nói như vậy."[68]

M

KINH 880. BẤT PHÓNG DẬT

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Thí như có người tạo dựng công trình nơi thế gian, tất cả đều y cứ vào đất. Cũng vậy, Tỳ-kheo tu tập pháp thiền, tất cả cũng đều y cứ vào không buông lung để làm căn bản, lấy không buông lung[69] làm tập khởi, lấy không buông lung làm sanh khởi, lấy không buông lung làm chuyển khởi. Tỳ-kheo nào không buông lung thì có khả năng tu tập bốn thiền."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 881. ĐOẠN TAM

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Như đã nói ở trên, nhưng có một vài sai biệt.

"Tỳ-kheo như vậy có khả năng đoạn tham dục, sân nhuế, ngu si."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

---

68. Tóm tắt có chín kinh.

69. Bất phóng dật 不放逸. Paøli: appamaøda.

"Như đoạn tham dục, sân nhuế, ngu si. Cũng vậy, điều phục tham dục, sân nhuế, ngu si và sự rốt ráo đoạn tham dục, rốt ráo đoạn sân nhuế, ngu si, xuất yếu, viễn ly, Niết-bàn cũng nói như vậy."[70]

M

KINH 882. BẤT PHÓNG DẬT CĂN BẢN[71]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Thí như trăm thứ cây, cỏ, thảo dược đều nương vào đất mà được sanh trưởng. Cũng vậy, tất cả các pháp thiện đều y cứ vào không buông lung làm gốc. *Như đã nói ở trên... cho đến* Niết-bàn.

"Thí như hương hắc trầm thủy là loại hương trên các loại hương. Cũng vậy, trong các loại thiện pháp, không buông lung là trên hết.

"Thí như trong các loại hương lâu bền, xích chiên-đàn là bậc nhất. Cũng vậy, trong các thiện pháp, tất cả đều lấy không buông lung làm căn bản. *Như vậy... cho đến* Niết-bàn.

"Thí như các loài hoa sống ở dưới nước và trên đất, hoa ưu-bát-la là bậc nhất. Cũng vậy, tất cả các thiện pháp đều lấy không buông lung làm căn bản,... *cho đến* Niết-bàn.

"Thí như hoa sanh sống từ đất, hoa ma-lợi-sa là bậc nhất. Cũng vậy, tất cả các thiện pháp đều lấy không buông lung làm căn bản cho chúng,... *cho đến* Niết-bàn.

"Này các Tỳ-kheo, thí như trong tất cả các dấu chân của loài thú, dấu chân voi là hơn hết. Cũng vậy, trong tất cả các thiện pháp, không buông lung là pháp căn bản hơn cả. *Như đã nói ở trên,... cho đến* Niết-bàn.

"Thí như trong tất cả các loài thú, sư tử là đệ nhất, vì nó là chúa tể của loài thú. Cũng vậy, trong tất cả các thiện pháp, không buông lung là căn bản của chúng. *Như đã nói ở trên,... cho đến* Niết-bàn.

---

70. Tóm tắt có năm kinh.

71. Paøli, S. 49.13-22. Appamaøda-vagga.

"Thí như tất cả nhà cửa lầu các, cái nóc là trên hết. Cũng vậy, trong tất cả các pháp thiện, không buông lung là căn bản của chúng.

"Thí như trong tất cả các thứ quả trong cõi Diêm-phù, chỉ có quả tên là diêm-phù là bậc nhất. Cũng vậy, trong tất cả pháp thiện, không buông lung là căn bản của chúng.

"Thí như trong tất cả các loại cây như cây câu-tỳ-đà-la[72], cây tát-bà-da chỉ-la-câu-tỳ-đà-la là đệ nhất. Cũng vậy, trong tất cả các pháp thiện, không buông lung là căn bản. *Như đã nói ở trên,... cho đến* Niết-bàn.

"Thí như trong các núi, Tu-di sơn là bậc nhất. Cũng vậy, trong tất cả các pháp thiện, không buông lung là căn bản của chúng. *Như đã nói ở trên,... cho đến* Niết-bàn.

"Thí như trong tất cả các loại vàng, vàng Diêm-phù-đề là bậc nhất. Cũng vậy, trong tất cả các pháp thiện, không buông lung là căn bản của chúng. *Như đã nói ở trên,... cho đến* Niết-bàn.

"Thí như trong tất cả các loại vải, vải lông mịn già-thi[73] là đệ nhất. Cũng vậy, trong tất cả các pháp thiện, không buông lung là căn bản của chúng. *Như đã nói ở trên,... cho đến* Niết-bàn.

"Thí như trong tất cả các loại màu, màu trắng là bậc nhất. Cũng vậy, trong tất cả các pháp thiện, không buông lung là căn bản của chúng. *Như đã nói ở trên,... cho đến* Niết-bàn.

"Thí như trong tất cả các loài chim, Kim-sí điểu[74] là đệ nhất, vì nó là chúa tể của loài súc sanh. Cũng vậy, trong tất cả các thiện pháp, không buông lung là căn bản của chúng. *Như đã nói ở trên,... cho đến* Niết-bàn.

"Thí như trong tất cả các vua, Chuyển luân Thánh vương là bậc nhất. Cũng vậy, trong tất cả các pháp thiện, không buông lung là căn bản của chúng. *Như đã nói ở trên,... cho đến* Niết-bàn.

"Thí như trong tất cả các Thiên vương, Tứ Đại Thiên vương là bậc nhất. Cũng vậy, trong tất cả pháp thiện, không buông lung là căn

---

72. Câu-tỳ-đà-la □. Paøli: koviôaøra, một loại hắc đàm, hay trầm đen.

73. Già-thi . Paøli: Kaøsi, địa danh, một trong mười sáu vương quốc lớn thời Phật, nơi sản xuất vải danh tiếng.

74. Kim sí điểu □ chim cánh vàng. Paøli: garuña.

bản của chúng. *Như đã nói ở trên,... cho đến* Niết-bàn.

"Thí như trong tất cả các trời Tam thập tam, Đế Thích là đệ nhất. Cũng vậy, trong tất cả các pháp thiện, không buông lung là căn bản. *Như đã nói ở trên,... cho đến* Niết-bàn.

"Thí như trong cõi Diệm-ma thiên, Tú-diệm-ma thiên vương[75] là bậc nhất. Cũng vậy, trong tất cả các pháp thiện, không buông lung là căn bản của chúng. *Như đã nói ở trên,... cho đến* Niết-bàn.

"Thí như trong cõi Đâu-suất-đà thiên, Đâu-suất-đà thiên vương[76] là bậc nhất. Cũng vậy, trong tất cả các pháp thiện, không buông lung là căn bản của chúng. *Như đã nói ở trên,... cho đến* Niết-bàn.

"Thí như trong cõi Hóa lạc thiên, Thiện Hóa lạc thiên vương[77] là đệ nhất. Cũng vậy, trong tất cả các pháp thiện, không buông lung là căn bản của chúng. *Như đã nói ở trên,... cho đến* Niết-bàn.

"Thí như trong cõi Tha hóa tự tại thiên, Thiện Tha hóa tự tại Thiên tử[78] là bậc nhất. Cũng vậy, trong tất cả các pháp thiện, không buông lung là căn bản của chúng. *Như đã nói ở trên,... cho đến* Niết-bàn.

"Thí như trong cõi Phạm thiên, Đại Phạm thiên vương là bậc nhất. Cũng vậy, trong các thiện pháp, tất cả đều lấy không buông lung làm căn bản. *Như vậy... cho đến* Niết-bàn.

"Thí như tất cả các dòng sông ở Diêm-phù-đề đều xuôi về biển lớn, biển lớn là bậc nhất, vì nó dung chứa tất cả. Cũng vậy, tất cả các thiện pháp đều thuận dòng với không buông lung. *Như đã nói ở trên,... cho đến* Niết-bàn.

"Thí như tất cả nước mưa đều đổ về biển cả. Cũng vậy, tất cả các thiện pháp đều xuôi dòng về biển không buông lung. *Như đã nói ở trên,... cho đến* Niết-bàn.

"Thí như trong tất cả các hồ nước[79], hồ A-nậu-đại[80] là bậc nhất.

---

75. Tú-diệm-ma Thiên vương ±J □K ¼□ ⊠Ð ⊠ý. Paøli: Suyaøma-devaraøjaø.
76. Đâu-suất-đà Thiên vương °ˆ²ø ªø ⊠Ð ⊠ý. Paøli: Tusita-devaraøjaø.
77. Thiện Hóa lạc Thiên vương □½ ⊠Ì ¼Ú ⊠Ð ⊠ý. Paøli: Sunimmita-devaraøjaø.
78. Thiện Tha hóa tự tại Thiên tử □½ ⅂L ⊠Ì /ˆ /b ⊠Ð ⊠l. Paøli: Suparanimmta-vasavatta-devaputta.
79. Nguyên Hán: tát-la ˆ ī. Paøli: sara, hồ, ao.
80. Nguyên Hán: A-nậu-đại tát-la ªø ¿® ⊠j. ˆ ī. Paøli: Anotatta-sara.

Cũng vậy, trong tất cả các thiện pháp, không buông lung là bậc nhất. *Như đã nói ở trên,... cho đến* Niết-bàn.

"Thí như trong tất cả các sông ở Diêm-phù-đề, có bốn con sông lớn là bậc nhất đó là: sông Hằng, Tân-đầu, Bác-xoa và Tư-đa[81]. Cũng vậy, trong tất cả các thiện pháp, không buông lung là căn bản của chúng. *Như đã nói ở trên,... cho đến* Niết-bàn.

"Thí như trong ánh sáng của các tinh tú, mặt trăng là bậc nhất. Cũng vậy, trong tất cả các pháp thiện, không buông lung là bậc nhất. *Như đã nói ở trên,... cho đến* Niết-bàn.

"Thí như trong các chúng sanh có thân lớn, La-hầu-la A-tu-la[82] là bậc nhất. Cũng vậy, trong tất cả pháp thiện, không buông lung là căn bản của chúng. *Như đã nói ở trên,... cho đến* Niết-bàn.

"Thí như trong các hạng hưởng thụ năm dục, Đảnh Sanh vương[83] là đệ nhất. Cũng vậy, trong tất cả các pháp thiện, không buông lung là căn bản. *Như đã nói ở trên,... cho đến* Niết-bàn.

"Thí như trong các thần lực ở cõi Dục, Thiên ma Ba-tuần là bậc nhất. Cũng vậy, trong tất cả các pháp thiện, không buông lung là căn bản của chúng. *Như đã nói ở trên,... cho đến* Niết-bàn.

"Thí như trong tất cả các loài chúng sanh không chân, hai chân, bốn chân, nhiều chân; có sắc, không sắc, có tưởng, không tưởng, chẳng phải tưởng chẳng phải không tưởng, Như Lai là bậc nhất. Cũng vậy, trong tất cả các pháp thiện, không buông lung là căn bản của chúng. *Như đã nói ở trên,... cho đến* Niết-bàn.

"Thí như trong tất cả các pháp hữu vi, vô vi, lìa tham dục là đệ nhất. Cũng vậy, trong tất cả các pháp thiện, không buông lung là căn bản của chúng. *Như đã nói ở trên,... cho đến* Niết-bàn.

"Thí như trong tất cả các pháp chúng, chúng của Như Lai là bậc nhất. Cũng vậy, trong tất cả các pháp thiện, không buông lung là căn bản của chúng. *Như đã nói ở trên,... cho đến* Niết-bàn.

"Thí như trong tất cả các giới, khổ hạnh, phạm hạnh; Thánh

---

81. Các sông lớn: Hằng hà Tân-đầu Bác-xoa Tư-đà . Paøli, theo thứ tự: Gaígaø, Sindhuø, Vaggu (?), Sìdaø (?).

82. La-hầu-la A-tu-la 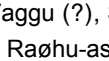 . Paøli: Raøhu-asurinda.

83. Đảnh Sanh vương 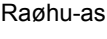 . Paøli: Muddhaøvasitta-raøjaø.

giới[84] là đệ nhất. Cũng vậy, trong tất cả các pháp thiện, không buông lung là căn bản của chúng. *Như đã nói ở trên,... cho đến* Niết-bàn."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 883. TỨ CHỦNG THIỀN[85]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có bốn loại thiền[86]. Có loại thiền, tam-muội thiện[87], nhưng chẳng phải chánh thọ thiện[88]; có loại thiền, chánh thọ thiện, nhưng chẳng phải tam-muội thiện; có loại thiền tam-muội thiện, mà chánh thọ cũng lại thiện; có loại thiền chẳng phải tam-muội thiện và cũng chẳng phải chánh thọ thiện.

"Lại có bốn loại thiền nữa. Có loại thiền, trụ tam-muội thiện, nhưng chẳng phải trụ chánh thọ thiện[89]; có loại thiền, trụ chánh thọ thiện, nhưng chẳng phải trụ tam-muội thiện; có loại thiền, trụ tam-muội thiện, nhưng cũng trụ chánh thọ thiện; có loại thiền, chẳng phải trụ tam-muội thiện, mà cũng chẳng phải trụ chánh thọ thiện.

---

84. Thánh giới . Paøli: ariya-dhaøtu (?).

85. Paøli, S. 34. Jhaønasaöyutta.

86. Tứ chủng thiền . Paøli: cattaøto jhaøyì, bốn hạng thiền giả.

87. Tam-muội thiện . Paøli (S.34.1): samaødhismiö samaødhikusalo, thiện xảo về định trong khi định. Giải thích của Aæahakathaø: thiện xảo phân biệt thiền chi trong các thiền.

88. Phi chánh thọ thiện . Paøli: na samaødhismiö samaøpattikusalo, không thiện xảo về sự chứng nhập (*đẳng chỉ*) trong định. Aæahakathaø giải thích: sau khi đã làm cho tâm hoan hỷ, tâm thích ứng, nhưng không thể chứng nhập thiền.

89. Trụ tam-muội thiện phi trụ chánh thọ thiện . Paøli (S.34.2): samaødhismiö samaødhikusalo na samaødhismiö æhitikusalo, thiện xảo định trong định, nhưng không thiện xảo trụ lâu trong định.

"Lại có bốn loại thiền nữa. Có loại thiền, tam-muội khởi thiện[90], nhưng chẳng phải chánh thọ khởi thiện; có loại thiền, chánh thọ khởi thiện, nhưng chẳng phải tam-muội khởi thiện; có loại thiền, tam-muội khởi thiện và chánh thọ cũng khởi thiện; có loại thiền, chẳng phải tam-muội khởi thiện và cũng chẳng phải chánh thọ khởi thiện.

"Lại có bốn loại thiền nữa. Có loại thiền, thiện đối với thời của tam-muội, nhưng không phải thiện đối với thời của chánh thọ thiện[91]; có loại thiền, thiện đối với thời của chánh thọ thiện, nhưng không phải thiện đối với thời của tam-muội; có loại thiền, thiện đối với thời của tam-muội thiện, cũng thiện đối với thời của chánh thọ thiện; có loại thiền, chẳng phải thiện đối với thời của tam-muội, cũng chẳng phải thiện đối với thời của chánh thọ.

"Lại có bốn loại thiền nữa. Có loại thiền, tam-muội xứ thiện, nhưng chẳng phải chánh thọ xứ thiện[92]; có loại thiền, chánh thọ xứ thiện, nhưng chẳng phải tam-muội xứ thiện; có loại thiền, tam-muội xứ thiện, chánh thọ cũng xứ thiện; có loại thiền, chẳng phải tam-muội xứ thiện, cũng chẳng phải chánh thọ xứ thiện.

"Lại có bốn loại thiền nữa. Có loại thiền, tam-muội nghinh thiện[93], nhưng chẳng phải chánh thọ nghinh thiện; có loại thiền, chánh thọ nghinh thiện, nhưng chẳng phải tam-muội nghinh cũng thiện; có loại thiền, tam-muội nghinh thiện, chánh thọ nghinh thiện; có loại

---

90. Hán: phi chánh thọ khởi thiện 非正受起禪. Paøli (S.34.3): na samaødhismiö vuæææhanaøkusalo, không thiện xảo để xuất định.

91. Tam-muội thời thiện phi chánh thọ thời thiện 三昧時禪非正受時禪. Paøli (S.34.4): samaødhismiö samaødhikusalo na samaødhismiö kallitakusalo, thiện xảo định trong định, nhưng không thiện xảo thích ứng trong định. Aææhakathà giải thích: na samaødhismiö kallitakusalo'ti cittaö haøsetvaø naø kallaö kaøtuö akusalo, không thiện xảo thích ứng trong định, nghĩa là, sau khi đã làm cho tâm hoan hỷ, nhưng không thiện xảo khiến tâm thích ứng. Bản Hán đọc kaøla: thời gian, thay vì kalla: thích ứng (cũng được hiểu là an lạc).

92. Phi chánh thọ xứ thiện 非正受處禪. Paøli (S.34.6): na samaødhismiö gocarakusalo, không thiện xảo về cảnh giới sở hành trong định.

93. Paøli (S.34.8): Samaødhismiö sakkaccakaørì hoti, có sự nhiệt hành trong định. Sớ giải: jhaønaö appetuö sakkaccakaørì hoti, có sự nhiệt hành để đột tiến trong định. Bản Hán hiểu sakkaccakaørì là "cung kính tác lễ (= nghinh)".

thiền chẳng phải tam-muội nghinh thiện và cũng chẳng phải chánh thọ nghinh thiện.

"Lại có bốn loại thiền nữa. Có loại thiền, tam-muội niệm thiện, nhưng chẳng phải chánh thọ niệm thiện; có loại thiền, chánh thọ niệm thiện, nhưng chẳng phải tam-muội niệm thiện; có loại thiền, tam-muội niệm thiện, chánh thọ niệm cũng thiện; có loại thiền, chẳng phải tam-muội niệm thiện, cũng chẳng phải chánh thọ niệm thiện.

"Lại có bốn loại thiền nữa. Có loại thiền, tam-muội niệm bất niệm thiện, nhưng chẳng phải chánh thọ niệm bất niệm thiện; có loại thiền, chánh thọ niệm bất niệm thiện, nhưng chẳng phải tam-muội niệm bất niệm thiện; có loại thiền, tam-muội niệm bất niệm thiện, nhưng chánh thọ niệm bất niệm cũng thiện; có loại thiền, chẳng phải tam-muội niệm bất niệm thiện, cũng chẳng phải chánh thọ niệm bất niệm thiện.

"Lại có bốn loại thiền nữa. Có loại thiền, tam-muội đến thì thiện, nhưng chẳng phải chánh thọ đến[94] thì thiện; có loại thiền, chánh thọ đến thì thiện, nhưng tam-muội đến thì không thiện; có loại thiền, tam-muội đến thì thiện, chánh thọ đến thì cũng thiện; có loại thiền, chẳng phải tam-muội đến thiện và cũng chẳng phải chánh thọ đến thiện.

"Lại có bốn loại thiền nữa. Có loại thiền, tam-muội ác thì thiện, chánh thọ ác thì không thiện; có loại thiền, chánh thọ ác thì thiện, tam-muội ác thì không thiện[95]; có loại thiền, tam-muội ác thì thiện, chánh thọ ác cũng thiện; có loại thiền, chẳng phải tam-muội ác thiện và cũng chẳng phải chánh thọ ác thiện.

"Lại có bốn loại thiền nữa. Có loại thiền tam-muội phương tiện thiện, nhưng chẳng phải chánh thọ phương tiện thiện; có loại thiền chánh thọ phương tiện thiện, nhưng chẳng phải tam-muội phương tiện

---

94. Hán: chánh thọ lai 正受來. Paøli (S.34.7): na samaødhismiö abhinìhaørakusalo, không thiện xảo về sự dẫn phát trong định. Sớ giải: kammaææhaønaö visesa bhaøgiyataøya abhinìharituö akusalo, không thiện xảo để dẫn phát đề mục thiền định thăng tiến.

95. Hán: phi tam-muội ác thiện 非三昧惡 □½. Cf. có lẽ Paøli (S.34.10): samaødhismiö samaødhikusalo hoti na samaødhismiö sappaøyakaørì, có thiện xảo định trong định nhưng không làm tăng ích trong định.

thiện; có loại thiền tam-muội phương tiện thiện và chánh thọ cũng phương tiện thiện; có loại thiền chẳng phải tam-muội phương tiện thiện, mà cũng chẳng phải chánh thọ phương tiện thiện.

"Lại có bốn loại thiền nữa. Có loại thiền tam-muội chỉ thiện, nhưng chẳng phải chánh thọ chỉ thiện; có loại thiền chánh thọ chỉ thiện, nhưng chẳng phải tam-muội chỉ thiện; có loại thiền tam-muội chỉ thiện, chánh thọ cũng chỉ thiện; có loại thiền chẳng phải tam-muội chỉ thiện và cũng chẳng phải chánh thọ chỉ thiện.

"Lại có bốn loại thiền nữa. Có loại thiền tam-muội cử thiện, nhưng chẳng phải chánh thọ cử thiện; có loại thiền chánh thọ cử thiện, nhưng chẳng phải tam-muội cử thiện; có loại thiền tam-muội cử thiện và chánh thọ cũng cử thiện; có loại thiền chẳng phải tam-muội cử thiện, mà cũng chẳng phải chánh thọ cử thiện.

"Lại có bốn loại thiền nữa. Có loại thiền tam-muội xả thiện, nhưng chẳng phải chánh thọ xả thiện; có loại thiền chánh thọ xả thiện, nhưng chẳng phải tam-muội xả thiện; có loại thiền tam-muội xả thiện, thì chánh thọ cũng xả thiện; có loại thiền chẳng phải tam-muội xả thiện và cũng chẳng phải chánh thọ xả thiện[96]."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 884. VÔ HỌC TAM MINH (1)[97]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Bậc Vô học có ba minh[98]. Những gì là ba? Là Trí túc mạng chứng thông của bậc Vô học, Trí sanh tử chứng thông của bậc Vô học,

---

96. Nhiều đoạn không xác định được Paøli tương đương.

97. Paøli, A. 3.58. Tikaòòa.

98. Paøli: aóóathaøkho, braøhmaòa, braøhmaòaø brahmaòam tevijjaö paóóapenti, aóóathaø ca pana ariyassa vinaye tevijjo hotì ti, ba minh trong Thánh pháp luật khác với ba minh của Bà-la-môn được các Bà-la-môn chủ trương. Xem kinh 886 ở sau.

Trí lậu tận chứng thông của bậc Vô học."

Sau đó Thế Tôn liền nói kệ rằng:

Quán sát biết kiếp trước,
Thấy trời sanh đường ác.
Các lậu sanh tử hết,
Là Minh của Mâu-ni.
Tâm ấy được giải thoát
Tất cả những tham ái;
Ba nơi đều thông suốt,
Nên gọi là Ba minh."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 885. VÔ HỌC TAM MINH (2)[99]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Bậc Vô học có Ba minh. Những gì là ba? Túc mạng trí chứng thông của bậc Vô học, Sanh tử trí chứng thông của bậc Vô học, Lậu tận trí chứng thông của bậc Vô học.

"Thế nào là Túc mạng chứng trí thông của bậc Vô học? Thánh đệ tử biết tất cả sự từ những đời trước. Từ một đời đến trăm, ngàn, vạn, ức đời; cho đến số kiếp thành hoại rằng: 'Các đời sống trước của ta và chúng sanh, có những tên như vậy, sanh ra như vậy, dòng họ như vậy, ăn như vậy, chịu khổ vui như vậy, tuổi thọ dài như vậy, sống lâu như vậy, chịu giới hạn như vậy. Ta và chúng sanh chết ở chỗ này, sanh ra chỗ khác; chết chỗ khác sanh ra chỗ này, có hành như vậy, nhân như vậy, tín như vậy.' Tất cả các việc đã trải qua trong đời sống trước đều biết rõ ràng. Đó gọi là Trí túc mạng chứng minh.

"Thế nào là Sanh tử trí chứng minh? Thánh đệ tử, bằng thiên nhãn thanh tịnh vượt qua đối với mắt người, thấy các chúng sanh lúc chết, lúc sanh, đẹp, xấu, thượng sắc, hạ sắc, theo nghiệp mà thọ sanh vào đường ác. Biết như thật rằng như chúng sanh này thành tựu thân

99. Paøli, A. 3.58. Tikaòòa; 3.59. Jaøòussoni.

ác hành, thành tựu miệng, ý ác hành, hủy báng Thánh nhân, tà kiến, nhận lãnh tà pháp; do nhân duyên này sau khi thân hoại mạng chung sanh vào trong đường ác địa ngục. Chúng sanh này do thành tựu thân thiện hành, thành tựu miệng, ý thiện hành, không hủy báng Thánh nhân, đã thành tựu chánh kiến, nên sau khi thân hoại mạng chung sanh vào trong đường Trời, Người. Đó gọi là Trí sanh tử chứng minh.

"Thế nào là Lậu tận trí chứng minh? Thánh đệ tử biết như thật, 'Đây là Khổ', 'Đây là Khổ tập', 'Đây là Khổ diệt', 'Đây là Khổ diệt đạo.' Vị ấy biết như vậy, thấy như vậy, tâm giải thoát Dục hữu lậu, tâm giải thoát Hữu hữu lậu, tâm giải thoát Vô minh lậu, với giải thoát tri kiến, biết rằng, 'Ta, sự sanh đã hết, phạm hạnh đã lập, những việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.' Đó gọi là Lậu tận chứng trí minh."

Sau đó, Thế Tôn liền nói kệ rằng:

Quán sát biết đời trước,
Thấy trời sanh đường ác.
Các lậu sanh tử hết,
Là Minh của Mâu-ni.
Tâm ấy được giải thoát
Tất cả những tham ái;
Ba nơi đều thông suốt,
Nên gọi là Ba minh.

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 886. TAM MINH[100]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có Bà-la-môn[101] đi đến chỗ Phật gặp Thế Tôn, sau khi thăm hỏi nhau rồi, ngồi lui qua một bên và nói:

[100.] Paøli, A. 3.58. Tikaòòa.

[101.] Bản Paøli: tikaòo braøhmaòo, Bà-la-môn Tikaòiaa (ba lỗ tai).

"Đây là ba minh của Bà-la-môn[102]! Đây là ba minh của Bà-la-môn!"

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Bà-la-môn rằng:

"Thế nào gọi là ba minh của Bà-la-môn?"

Bà-la-môn bạch Phật rằng:

"Thưa Cù-đàm, cha mẹ Bà-la-môn đầy đủ các tướng[103], không có các tì vết[104]; cha mẹ bảy đời truyền thừa mà không bị chê bai; đời đời kế thừa nhau, luôn làm sư trưởng, biện tài đầy đủ; đọc tụng các kinh điển, danh tự của loại vật, phẩm loại sai biệt của vạn vật; lịch sử cổ kim[105], năm thứ ký này[106], tất cả đều được thông suốt; dung sắc đoan chánh. Thưa Cù-đàm, đó gọi là ba minh của Bà-la-môn."

Phật bảo Bà-la-môn:

"Ta không lấy ngôn thuyết, danh tự làm ba minh. Pháp môn của Hiền thánh nói ba minh chân thật[107] là tri kiến Hiền thánh, pháp luật Hiền thánh. Đó là ba minh chân thật."

Bà-la-môn bạch Phật:

"Như thế nào, thưa Cù-đàm, nói tri kiến Hiền thánh, pháp luật Hiền thánh là ba minh?"

Phật bảo Bà-la-môn:

"Có ba loại ba minh của bậc Vô học. Những gì là ba? Túc mạng chứng trí minh của bậc Vô học, sanh tử chứng trí minh của bậc Vô học, lậu tận chứng trí minh của bậc Vô học."

Như đã nói đầy đủ ở kinh trên.

Sau đó Thế Tôn liền nói kệ rằng:

Tất cả pháp vô thường,

---

102. Paøli: tevijjaø braøhmaòaø.

103. Hán: phụ mẫu cụ tướng [illegible] Paøli: ubhto sujaøto maøtito ca pitito ca, dòng dõi cha mẹ đều thiện (thuần chủng).

104. Hán: vô chư hà uế [illegible]. Paøli: akkhitto, không lai tạp.

105. Hán: lịch thế bản mạt [illegible]. Paøli: itihaøsa, truyện cổ.

106. Hán: thử ngũ chủng ký [illegible] có thể sai. Paøli: (itihaøsa) paócamaønaö, thứ năm là truyện cổ. Bốn môn trước: tiòòaö vedaønaö: ba tập Veda, nighaòñu: ngữ vựng (Hán: vật loại danh tự), ketubha: sách nghi lễ (Hán: vạn vật phẩm sai?), akkharabheda: phân tích âm vận (Hán: tự loại phân hiệp).

107. Bản Cao-ly: chân yếu [illegible].

Trì giới, thiền vắng lặng;
Biết tất cả đời trước,
Đã sanh trời, đường ác.
Lậu hết, đoạn được sanh,
Là thông của Mâu-ni.
Biết được tâm giải thoát
Tất cả tham, nhuế, si.
Ta nói là ba minh,
Chẳng do ngôn ngữ nói.

"Này Bà-la-môn, đó là ba minh theo pháp luật của bậc Thánh đã nói."

Bà-la-môn bạch Phật:

"Thưa Cù-đàm, đó là ba minh chân thật!"

Sau khi Bà-la-môn nghe những gì Phật đã dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

M

KINH 887. TÍN

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có Bà-la-môn đi đến chỗ Phật gặp Thế Tôn, sau khi thăm hỏi nhau rồi, ngồi lui qua một bên bạch Phật:

"Thưa Cù-đàm, con tên là Tín."

Phật bảo Bà-la-môn:

"Tín có nghĩa là tin vào tăng thượng giới, vào bố thí, đa văn, huệ xả, trí tuệ. Đó gọi là Tín, chứ không phải tín chỉ là một danh tự suông."

Sau khi Bà-la-môn nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

M

KINH 888. TĂNG ÍCH

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có Bà-la-môn đi đến chỗ Phật gặp Thế Tôn, sau khi thăm hỏi nhau rồi, ngồi lui qua một bên bạch Phật rằng:

"Thưa Cù-đàm, con tên là Tăng Ích."

Phật bảo Bà-la-môn:

"Tăng ích có nghĩa là tăng ích cho tín; tăng ích cho giới, đa văn, huệ xả và trí tuệ. Đó là Tăng ích, chứ không phải tăng ích chỉ là một danh tự suông."

Sau khi Bà-la-môn nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

M

KINH 889. ĐẲNG KHỞI

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có Bà-la-môn đi đến chỗ Phật gặp Thế Tôn, sau khi thăm hỏi nhau rồi, ngồi lui qua một bên bạch Phật rằng:

"Con tên là Đẳng Khởi."

Phật bảo Bà-la-môn:

"Đẳng khởi[108] có nghĩa là làm phát khởi tín, phát khởi giới, đa văn, huệ xả và trí tuệ. Đó là Đẳng khởi, chứ không phải đẳng khởi chỉ là một danh tự suông."

Sau khi Bà-la-môn nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

M

---

[108]. Đẳng khởi □ Paøli: samuæææhaøna, sự xuất hiện, nguyên khởi nguyên động lực làm phát khởi.

KINH 890. VÔ VI PHÁP[109]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Ta sẽ vì các ông nói về pháp Vô vi cùng đạo tích vô vi[110], hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ.

"Thế nào là pháp Vô vi? Tham dục vĩnh viễn chấm dứt; sân nhuế, ngu si vĩnh viễn chấm dứt; tất cả phiền não vĩnh viễn chấm dứt. Đó gọi là pháp Vô vi.

"Thế nào là Đạo tích vô vi? Tám Thánh đạo phần: Chánh kiến, chánh trí, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định. Đó gọi là Đạo tích vô vi."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

"Như Vô vi, cũng vậy nan kiến, bất động, bất khuất, bất tử, vô lậu, phú ấm, châu chữ, tế độ, y chỉ, ủng hộ, bất lưu chuyển, ly xí diệm, ly thiêu nhiên, lưu thông, thanh lương, vi diệu, an ổn, vô bệnh, vô sở hữu, Niết-bàn, cũng nói như vậy."[111]

M

KINH 891. MAO ĐOAN[112]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Thí như ao hồ dài rộng năm mươi do-tuần; chiều sâu cũng như vậy. Nếu có người dùng đầu một sợi lông nhúng vào nước hồ này, thì này Tỳ-kheo, thế nào, nước trong hồ này nhiều hơn hay là một chút nước dính trên đầu sợi lông nhiều?"

---

109. Paøli, S. 43.11-43. Maggena,v.v...

110. Vô vi đạo tích □ℒ ¬° ′Ð ¸đ. Paøli: asaíkhatagaømimagga, con đường dẫn đến vô vi.

111. Tóm tắt, tám kinh.

112. Trên đầu sợi lông. Paøli, S. 13. Abhisamayasaöyutta.

Tỳ-kheo bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, nước dính trên đầu sợi lông người này thì quá ít, so với vô lượng nước hồ gấp ngàn vạn ức thì không thể nào sánh được."

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Thấy chân đế đầy đủ thì chánh kiến đầy đủ. Đệ tử của Thế Tôn nếu thấy quả chân đế, thánh hiện quán[113], vị ấy ngay lúc đó đã đoạn, đã biến tri, đã chặt đứt gốc rễ của nó, như cây đa-la đã bị chặt đứt ngọn không thể nào sống lại được. Những khổ đã được đoạn trừ thì nhiều đến vô lượng như nước trong hồ, còn cái khổ sót lại, thì ít như nước dính tên đầu sợi lông."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

Như giọt nước trên đầu sợi lông, cũng vậy giọt nước dính trên đầu ngọn cỏ cũng như vậy. Như nước trong ao hồ, cũng vậy nước sông Tát-la-đa-tra-già, sông Hằng, Da-phù-na, Tát-la-du, Y-la-bạt-đề, Ma-hê và biển cả cũng nói như vậy.[114]

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 892. LỤC NỘI XỨ[115]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có sáu nội nhập xứ. Những gì là sáu? Đó là nhãn nội nhập xứ, nhĩ, tỷ, thiệt, thân và ý nội nhập xứ. Đối với sáu pháp này kham nhẫn

---

113. Hán: chánh vô gián đẳng [illegible] xem cht.67 kinh 23.

114. Tóm tắt có tám kinh.

115. Ấn Thuận Hội Biên, tương ưng 39, "Nhập giới ấm tương ưng", Đại Chánh kinh 892-901. –Đại Chánh, 892; Paøli: S.25. Okkantasaöyuttam.

quán sát thì gọi là tín hành[116], siêu việt, rời sanh vị[117], rời địa vị phàm phu, nhưng chưa đắc quả Tu-đà-hoàn. Cho đến trước khi mạng chung chắc chắn đắc quả Tu-đà-hoàn. Hoặc đối các pháp này mà kham nhẫn tăng thượng quán sát, thì gọi là pháp hành[118], siêu việt, rời sanh vị, rời địa vị phàm phu, nhưng chưa đắc quả Tu-đà-hoàn. Cho đến trước khi mạng chung chắc chắn đắc quả Tu-đà-hoàn. Hoặc đối các pháp này mà quán sát như thật bằng chánh trí, ba kết là thân kiến, giới thủ và nghi đã đoạn tận, đã biến tri. Đó gọi là Tu-đà-hoàn, quyết định không bị đọa vào đường ác, mà nhất định hướng đến Chánh giác, chỉ còn bảy lần qua lại trời người, rốt ráo thoát khổ. Đối với các pháp này mà bằng chánh trí quán sát không khởi lên các lậu, ly dục, giải thoát, thì gọi là A-la-hán, các lậu đã dứt, những việc cần làm đã làm xong, đã lìa bỏ các gánh nặng, đã được lợi mình, các hữu kết chấm dứt, chánh trí tâm giải thoát."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

"Như Sáu nội nhập xứ, cũng vậy Sáu ngoại nhập xứ, Sáu thức thân, Sáu xúc thân, Sáu thọ thân, Sáu tưởng thân, Sáu tự thân, Sáu ái thân, Sáu giới thân, Năm ấm cũng nói như trên."[119]

M

KINH 893. NGŨ CHỦNG CHỦNG TỬ[120]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có năm loại hạt giống sanh. Những gì là năm? Đó là hạt giống từ rễ, hạt giống từ thân, hạt giống từ cành, hạt giống từ đốt, hạt giống

---

116. Tín hành 信行 tức tùy tín hành. Paøli: saddhaønusaørin.

117. Hán: ly sanh 離生. Không rõ Paøli. Tham chiếu, Sn. 371: saddho sutavaø niyaømadassì, có tín, có văn, có kiến, ly sanh. Về nghĩa *ly sanh vị*, siêu việt phàm phu vị, xem *Câu-xá*, tr.40c.

118. Pháp hành 法行 hay tùy pháp hành 隨法行. Paøli: dhammaønusaørin.

119. Tóm tắt có chín kinh.

120. Năm loại hạt giống.

từ hạt. Các loại hạt giống này nếu không bị gián đoạn, không bị phá, không bị mục, không bị thương, không bị đục lủng; khi mới gặp đất mà không gặp nước, thì các loại hạt giống này không thể sanh trưởng lớn mạnh được. Hoặc nếu gặp nước mà không gặp đất, thì các loại hạt giống này cũng sẽ không thể sanh trưởng lớn mạnh được. Điều cần là phải gặp đất, gặp nước, các hạt giống này mới có thể sanh trưởng lớn mạnh được. Cũng vậy, nghiệp, phiền não phải có ái, kiến, mạn, thì vô minh mới sanh hành. Nếu có nghiệp mà không có phiền não, ái, kiến, vô minh, thì hành sẽ bị diệt."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

"Như Hành, cũng vậy Thức, Danh sắc, Lục nhập xứ, Xúc, Thọ, Ái, Thủ, Hữu, Sanh, Lão tử cũng nói như vậy."[121]

M

KINH 894. NHƯ THẬT TRI[122]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Ta, đối với thế gian và sự tập khởi của thế gian, nếu không biết như thật, thì trọn không thể ở giữa các chúng chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn cùng các thế gian được nói là Bậc Giải Thoát, là Bậc Xuất Ly, lìa khỏi vọng tưởng điên đảo, cũng không gọi là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì Ta biết như thật đối với thế gian và sự tập khởi của thế gian, cho nên Ta ở giữa chư Thiên, Người đời, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn và các chúng sanh khác được nói là Bậc Giải Thoát, là Bậc Xuất Ly, tâm lìa điên đảo, an trụ đầy đủ, đạt được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành."

M

---

121. Tóm tắt có mười kinh.

122. Paøli, A. 4.23. Loka.

Như thế gian, sự tập khởi thế gian, sự diệt tận thế gian, sự xuất ly thế gian; sự tập khởi thế gian, sự diệt tận thế gian, vị ngọt thế gian, tai hoạn thế gian, sự xuất ly thế gian; sự tập khởi thế gian, sự diệt tận thế gian, sự xuất ly thế gian; sự tập khởi thế gian, con đường đưa đến sự diệt tận thế gian; sự tập khởi thế gian, sự diệt tận thế gian, con đường đưa đến sự tập khởi thế gian, con đường đưa đến sự diệt tận thế gian; sự tập khởi thế gian, sự diệt tận thế gian, vị ngọt thế gian, tai hoạn thế gian, sự xuất ly thế gian; sự tập khởi thế gian, sự diệt tận thế gian, con đường đưa đến sự tập khởi thế gian, con đường đưa đến sự diệt tận thế gian, vị ngọt thế gian, tai hoạn thế gian, sự xuất ly thế gian.[123]

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 895. TAM ÁI

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có ba ái. Những gì là ba? Đó là dục ái, sắc ái, vô sắc ái. Vì muốn đoạn trừ ba ái này nên phải cầu bậc Đại sư."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành."

Như cầu bậc Đại sư, thứ sư, giáo sư, quảng đạo sư, độ sư, quảng độ sư, thuyết sư, quảng thuyết sư, tùy thuyết sư, A-xà-lê, đồng bạn, thiện hữu chân tri thức, thương xót, từ bi, muốn ý nghĩa, muốn an ổn, muốn an lạc, muốn xúc chạm, muốn thông suốt, người muốn, người tinh tấn, người phương tiện, người xuất ly, người kiên cố, người dõng mãnh, người kham năng, người nhiếp thọ, người thường, người học, người không buông lung, người tu, người tư duy, người nhớ nghĩ, người giác tưởng, người suy lường, người phạm hạnh, người thần lực, người trí,

123. Tóm tắt có tám kinh.

người thức, người tuệ, người phân biệt, niệm xứ, chánh cần, căn lực, giác đạo, chỉ quán niệm thân, cầu chánh tư duy cũng nói như vậy."[124]

M

KINH 896. TAM LẬU

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có ba hữu lậu. Những gì là ba? Đó là dục hữu lậu, hữu hữu lậu và vô minh hữu lậu. Vì đoạn trừ ba hữu lậu này, nên cầu bậc Đại sư."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

Như cầu bậc Đại sư, cũng vậy... cho đến cầu Chánh tư duy cũng nói như vậy.[125]

M

KINH 897. LA-HẦU-LA[126]

Tôi nghe như vầy:

Khi Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, tại thành Vương xá. Bấy giờ Tôn giả La-hầu-la đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật rằng:

"Bạch Thế Tôn, thấy như thế nào, biết như thế nào, để thân có thức này của con cùng hết thảy tướng của cảnh giới bên ngoài không được nhớ tưởng đến, ở trung gian đó mà đoạn tận các hữu lậu?"[127]

Phật bảo La-hầu-la:

"Có sáu nội nhập xứ. Những gì là sáu? Đó là nhãn nhập xứ, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý nhập xứ. Đối với các pháp này phải chánh trí quán sát, dứt sạch các hữu lậu, với chánh trí tâm khéo giải thoát. Đó gọi là A-la-hán, đã hết sạch các hữu lậu, những việc cần làm đã làm xong,

---

124. Tóm tắt có năm mươi kinh.

125. Tóm tắt có năm mươi kinh.

126. Tham chiếu, Paøli, S. 18. Raøhulasaöyutta. Xem các kinh 198-200.

127. Tham chiếu, Paøli, S.13.11. Anusaya.

đã trút hết gánh nặng, nhanh chóng được lợi mình, các hữu kết chấm dứt, chánh tri, tâm được giải thoát."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

Như Sáu nội nhập xứ, cũng vậy Sáu ngoại nhập xứ,... cho đến Năm ấm cũng nói như vậy.

M

KINH 898. NHÃN DĨ ĐOẠN

Tôi nghe như vầy:

Khi Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, tại thành Vương xá. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Nếu Tỳ-kheo ở nơi mắt mà đoạn trừ dục tham. Dục tham đã đoạn, gọi là mắt đã đoạn, đã biến tri, chặt đứt gốc rễ của nó, như chặt ngọn cây đa-la, đối với đời vị lai sẽ thành pháp chẳng sanh. Như mắt, cũng vậy tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng nói như vậy."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

Như Sáu nội nhập xứ, cũng vậy Sáu ngoại nhập xứ,... cho đến Năm ấm cũng nói như vậy.

M

KINH 899. NHÃN SANH

Tôi nghe như vầy:

Khi Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, tại thành Vương xá. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Nếu Tỳ-kheo mắt sanh, trụ, thành tựu hiển hiện, thì khổ sanh, bệnh trụ, già chết hiển hiện. Cũng vậy,... cho đến ý cũng nói như vậy. Nếu mắt diệt mất đi, thì khổ sẽ được chấm dứt, bệnh sẽ dứt, già chết sẽ không còn,... cho đến ý cũng nói như vậy."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

Như Sáu nội nhập xứ, cũng vậy Sáu ngoại nhập xứ,... cho đến Năm ấm cũng nói như vậy.

M

KINH 900. VỊ TRƯỚC[128]

Tôi nghe như vầy:

Khi Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, tại thành Vương xá. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Nếu Tỳ-kheo đối với vị ngọt của mắt mà đắm nhiễm, sẽ sanh ra tùy phiền não. Tùy phiền não sanh, đối với các nhiễm ô tâm không được ly dục; những chướng ngại kia cũng không thể đoạn được,... cho đến ý nhập xứ cũng nói như vậy."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

Như Sáu nội nhập xứ, cũng vậy Sáu ngoại nhập xứ,... cho đến Năm ấm cũng nói như vậy.

M

KINH 901. THIỆN PHÁP KIẾN LẬP[129]

Tôi nghe như vầy:

Khi Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, tại thành Vương xá. Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Thí như tất cả công việc ở thế gian đều nương vào đất để kiến lập. Cũng vậy, tất cả pháp thiện đều y cứ vào sáu nội nhập xứ để tạo lập."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

Như Sáu nội nhập xứ, cũng vậy Sáu ngoại nhập xứ,... cho đến Năm ấm cũng nói như vậy.

M

KINH 902. NHƯ LAI[130] ĐỆ NHẤT

Tôi nghe như vầy:

Khi Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, tại thành Vương xá. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

---

128. Đam mê vị ngọt.

129. Thiết lập pháp thiện.

130. Paøli, S. 45.139. Tathaøgata. Cf. A. 4.34. Pasaøda.

"Hoặc có chúng sanh không chân, hai chân, bốn chân, nhiều chân; sắc, không sắc, tưởng, không tưởng, chẳng phải tưởng, chẳng phải chẳng tưởng; đối với tất cả, Như Lai là bậc nhất,... cho đến, Thánh giới cũng nói như vậy."

M

KINH 903. LY THAM PHÁP ĐỆ NHẤT

Tôi nghe như vầy:

Khi Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, tại thành Vương xá. Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Nếu mọi công việc của chúng sanh ở thế gian, tất cả đều nương vào đất mà kiến lập có được, cũng vậy trong tất cả các pháp hữu vi, vô vi, pháp ly tham dục là bậc nhất."

Nói đầy đủ như vậy,... cho đến Thánh giới cũng nói như vậy.

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 904. THANH VĂN ĐỆ NHẤT

Tôi nghe như vầy:

Khi Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, tại thành Vương xá. Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Nếu các chúng sanh ở thế gian, tất cả đều nương vào đất mà kiến lập được. Cũng vậy, trong tất cả chúng sanh, chúng Thanh văn của Như Lai là bậc nhất."

Nói đầy đủ như vậy,... cho đến Thánh giới.

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

❑

TẠP A HÀM QUYỂN 32

KINH 905. NGOẠI ĐẠO[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Khi ấy, Tôn giả Ma-ha Ca-diếp và Tôn giả Xá-lợi-phất ở trong núi Kỳ-xà-quật. Bấy giờ có nhiều chúng xuất gia ngoại đạo đến chỗ Tôn giả Xá-lợi-phất. Sau khi cùng Tôn giả thăm hỏi nhau, rồi ngồi lui qua một bên, nói với Tôn giả Xá-lợi-phất rằng[2]:

"Thế nào, Xá-lợi-phất, Như Lai có sanh tử đời sau không[3]?"

Xá-lợi-phất nói:

"Này các ngoại đạo, Thế Tôn nói rằng: 'Điều này không ký thuyết[4].'"

Lại hỏi:

"Thế nào, Xá-lợi-phất! Như Lai không có sanh tử đời sau phải chăng?"

Xá-lợi-phất đáp rằng:

"Này các ngoại đạo, Thế Tôn nói rằng: 'Điều này không ký thuyết.'"

Lại hỏi Xá-lợi-phất:

"Như Lai vừa có sanh tử đời sau, vừa không có sanh tử đời sau chăng?"

Xá-lợi-phất đáp rằng:

"Thế Tôn nói rằng: 'Điều này không ký thuyết.'"

---

1. Ấn Thuận Hội Biên, Tụng 7. Như Lai sở thuyết, "41. Tương ưng Đại Ca-diếp," gồm mười một kinh, chín kinh đầu, số 13236-13244 (Đại Chánh, số 1136-11440); phần tiếp, hai kinh, số 13245-13246, (Đại Chánh, số 905-905); "42. Tương ưng Tụ lạc chủ", mười kinh, số 13247-13256 (Đại Chánh, số 907-916).– Quốc Dịch quyển 45, Tụng 8. Như Lai, "1. Tương ưng Đại Ca-diếp" mười một kinh, số 13356-13366; "2. Tương ưng Tụ lạc chủ," gồm mười kinh, số 13367-13376. Paøli, S. 16.12. Paraömaraòaö.
2. Bản Paøli, Xá-lợi-phất hỏi Ca-diếp. Xem tiếp đoạn dưới.
3. Paøli: hoti tathaøgato paraö maraòaø, Như Lai có tồn tại sau khi chết?
4. Hán: vô ký □ℒ ⃝. Paøli: avyaøkata.

Lại hỏi Xá-lợi-phất:

"Như Lai vừa chẳng phải có sanh tử đời sau, vừa chẳng phải không có sanh tử đời sau chăng?"

Xá-lợi-phất đáp rằng:

"Này các ngoại đạo, Thế Tôn nói rằng: 'Điều này không ký thuyết'"

Các xuất gia ngoại đạo lại hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất:

"Thế nào, những điều chúng tôi hỏi, Như Lai có sanh tử đời sau; không có sanh tử đời sau; vừa có đời sau, vừa không có đời sau; vừa chẳng phải có đời sau, vừa chẳng phải không có đời sau. Tất cả đều đáp, Thế Tôn nói rằng: 'Điều này không ký thuyết.' Tại sao là một Thượng tọa mà như ngu, như si, không khéo, không biết, như trẻ thơ không có trí tự tánh[5]? Sau khi nói xong những lời này, từ chỗ ngồi đứng dậy ra đi."

Lúc ấy, Tôn giả Ma-ha Ca-diếp và Tôn giả Xá-lợi-phất ở cách nhau không xa, cả hai ban ngày ngồi thiền tư dưới bóng cây. Sau khi Tôn giả Xá-lợi-phất biết các xuất gia ngoại đạo đã đi rồi, đến chỗ Tôn giả Ma-ha Ca-diếp, cùng nhau thăm hỏi khích lệ, rồi ngồi qua một bên, đem những việc bàn luận vừa rồi cùng các xuất gia ngoại đạo thưa lại đầy đủ cho Tôn giả Ma-ha Ca-diếp:

"Thưa Tôn giả Ma-ha Ca-diếp, vì nhân gì, duyên gì mà Thế Tôn không ký thuyết đời sau có sanh tử; đời sau không có sanh tử; đời sau vừa có đời sau vừa không; chẳng phải có chẳng phải không sanh tử?"

Tôn giả Ma-ha Ca-diếp bảo Xá-lợi-phất rằng:

"Nếu nói Như Lai đời sau có sanh tử, thì đó là sắc. Nếu nói Như Lai đời sau không có sanh tử, thì đó là sắc. Nếu nói Như Lai đời sau vừa có sanh tử, đời sau vừa không có sanh tử, thì đó là sắc. Nếu nói Như Lai đời sau chẳng phải có, đời sau chẳng phải không sanh tử, thì đó là sắc. Vì Như Lai, sắc đã dứt hết, tâm khéo giải thoát, nên bảo có sanh tử đời sau, thì đây là điều không đúng; hoặc đời sau không sanh tử; hoặc đời sau vừa có, đời sau vừa không; hay đời sau chẳng phải có, đời sau chẳng phải không sanh tử, thì điều này cũng không đúng. Vì

---

5. Hán: vô tự tánh trí □ℒ /ˀ ⁰ ˇ ¼.

Như Lai, đã dứt hết sắc, tâm khéo giải thoát sâu xa, rộng lớn vô lượng, vô số, Niết-bàn vắng lặng[6].

"Tôn giả Xá-lợi-phất, nếu nói Như Lai có sanh tử đời sau, thì đó là thọ, là tưởng, là hành, là thức, là động, là tư lự, là hư dối, là hữu vi, là ái,... cho đến, chẳng phải có chẳng phải không có sanh tử[7] đời sau cũng nói như vậy. Vì Như Lai, đã diệt tận ái, tâm khéo giải thoát, nên nói có sanh tử đời sau là không đúng; hoặc không đời sau; hoặc đời sau vừa có, đời sau vừa không; hay chẳng phải có, chẳng phải không đời sau, thì cũng không đúng. Vì Như Lai, đã diệt tận ái, nên tâm khéo giải thoát sâu xa, rộng lớn vô lượng, vô số, Niết-bàn vắng lặng.

"Tôn giả Xá-lợi-phất, vì nhân như vậy, duyên như vậy, cho nên có người hỏi Thế Tôn: 'Như Lai hoặc có hoặc không, hoặc vừa có vừa không, chẳng phải có chẳng phải không sanh tử đời sau.' Ngài đã không thể ký thuyết."

Sau khi hai vị Chánh sĩ cùng bàn luận với nhau xong, cả hai trở về chỗ của mình.

M

KINH 906. PHÁP TƯỚNG HOẠI[8]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Tôn giả Ma-ha Ca-diếp đang ở tại giảng đường Lộc tử mẫu, vườn phía Đông, nước Xá-vệ. Vào buổi xế chiều, sau khi từ thiền tịnh tỉnh giấc, Tôn giả đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật rằng:

---

6. Bản Paøli, Ca-diếp trả lời: na hetaö aøvuso atthasaöhitaö naødibrahmacariyakaö na nibbidaøya na viraøgaøya na nirodhaøya na upasamaøya na abhióóaøya na saöbodhaøya na nibbaøya saövattati, vì điều ấy không liên hệ đến mục đích, không thuộc phạm hạnh căn bản, không dẫn đến yểm ly, không dẫn đến ly tham, diệt tận, tịch tĩnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn.

7. Để bản không có hai chữ *sanh tử*. Vì đây là cú nghĩa thứ tự của vấn đề, nên theo các nghĩa trước mà thêm cho đủ ý.

8. Paøli, S.16.13. Saddhammapaæiruøpakaö (tượng pháp). Tham chiếu Hán, N^{0}100(121).

"Bạch Thế Tôn, vì nhân gì, duyên gì, trước đây Thế Tôn ít chế cấm giới cho các Thanh văn, mà lúc ấy nhiều Tỳ-kheo tâm lại ưa thích học tập; còn ngày nay thì chế nhiều cấm giới, mà các Tỳ-kheo lại ít thích học tập?"

Phật bảo:

"Đúng vậy, Ca-diếp, vì mạng trược, phiền não trược, kiếp trược, chúng sanh trược, kiến trược[9] và pháp thiện của chúng sanh bị sút giảm, nên Đại Sư vì các Thanh văn chế ra nhiều cấm giới, nhưng họ lại ít thích học tập!

"Này Ca-diếp, thí như lúc kiếp sắp muốn hoại, tuy vật báu thật chưa diệt mất, nhưng vật báu ngụy tạo tương tợ lại xuất hiện ở thế gian. Khi vật báu ngụy tạo đã xuất hiện, vật báu thật sẽ mất[10]. Cũng vậy Ca-diếp, Chánh pháp[11] Như Lai lúc sắp muốn diệt, lại có tượng pháp tương tợ[12] sanh ra; khi tượng pháp tương tợ đã xuất hiện ở thế gian rồi, thì Chánh pháp sẽ bị diệt.

"Thí như trong biển cả, nếu thuyền chở nhiều trân bảo, chắc sẽ nhanh chóng bị đắm chìm. Chánh pháp Như Lai không như vậy, mà sẽ bị tiêu diệt từ từ. Chánh pháp của Như Lai không bị đất làm hoại, không bị nước, lửa, gió làm hoại đi. Cho đến lúc chúng sanh ác xuất hiện ở thế gian, thích làm các điều ác, muốn làm các điều ác, thành tựu các điều ác; phi pháp nói là pháp, pháp nói là phi pháp; phi luật nói là luật; bằng pháp tương tợ mà cú vị thịnh hành. Bấy giờ Chánh pháp Như Lai mới chìm mất.

"Này Ca-diếp, có năm nhân duyên có khả năng làm cho Chánh pháp Như Lai chìm mất. Những gì là năm? Đó là nếu Tỳ-kheo đối với Đại Sư mà không kính, không trọng, không thành ý cúng dường; khi đối với Đại Sư đã không kính, không trọng, không thành ý cúng dường, sau đó vẫn nương tựa để sống. Đối với pháp, hoặc học giới,

---

9. Gọi là ngũ trược ác thế [illegible] bản Paøli không có.

10. Bản Paøli: khi vàng thật còn ở đời thì vàng giả không xuất hiện. Khi vàng giả xuất hiện thì vàng thật biến mất ở đời (yato ca kho jaøtaruøpappaæiruøpakaö loke uppajjati atha jaøtaruøpassa antaradhaønaö).

11. Chánh pháp [illegible] Paøli: saddhamma.

12. Hán: tương tợ tượng pháp [illegible] Paøli: saddhammapatiruøpaka, tương tợ chánh pháp.

hoặc giáo giới tùy thuận, hay các phạm hạnh được Đại Sư khen ngợi cũng không kính, không trọng, không thành ý cúng dường mà vẫn sống y chỉ[13]. Này Ca-diếp, đó gọi là năm nhân duyên làm cho Chánh pháp Như Lai nhân đây chìm mất.

"Này Ca-diếp, có năm nhân duyên khiến cho pháp luật của Như Lai không chìm, không mất, không suy giảm. Những gì là năm? Đó là nếu Tỳ-kheo đối với Đại Sư mà cung kính, tôn trọng, thành ý cúng dường, sống y chỉ; đối với pháp, hoặc học giới, hoặc giáo giới tùy thuận, hay phạm hạnh được Đại Sư khen ngợi cũng cung kính, tôn trọng, thành ý cúng dường, sống y chỉ. Này Ca-diếp, đó gọi là năm nhân duyên làm cho pháp luật Như Lai không chìm, không mất, không sút giảm. Cho nên này Ca-diếp, nên học như vầy: 'Đối với Đại Sư nên tu cung kính, tôn trọng, thành ý cúng dường, sống y chỉ; đối với pháp, hoặc học giới, hoặc giáo giới tùy thuận, hay các phạm hạnh mà được Đại Sư khen ngợi, cũng phải cung kính, tôn trọng, thành ý cúng dường, sống y chỉ."

Sau khi Phật nói kinh này xong, Tôn giả Ma-ha Ca-diếp, hoan hỷ tùy hỷ làm lễ mà lui.

M

KINH 907. GIAU-LA-CHAAU-LA[14]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ có thôn trưởng Giá-la-châu-la-na-la[15] đi đến chỗ Phật. Sau

---

13. Bản Paøli: paóca okkamaniyaø... satthari agaøravaø viharanti appatissaø, dhamme agaøravaø... saíghe agaøravaø... sikkhaøya agaøravaø... samaødhismiö agaøravaø..., năm sự thoái hóa: chúng không tôn trọng Đạo sư, sống không tùy thuận; không tôn trọng Pháp, không tôn trọng Tăng, không tôn trọng Học giới, không tôn trọng Chánh định.

14. Ấn Thuận Hội Biên, "42. Tương ưng Tụ lạc chủ" gồm mười kinh. Đại Chánh, quyển 32, kinh số 907-916. Phần lớn tương đương Paøli, S.42 Gaømanisaöyutta. Xem thêm cht.1 "1. Tương ưng Đại Ca-diếp". Paøli, S. 42.2. Puæo. Tham chiếu, $N^0$100(122).

15. Giá-la-châu-la-na tụ lạc chủ ¾ß ĩ ©P ĩ ..ø »E ¸.. ƒD. Paøli: Taølapuæo Naæagaømani, phường trưởng phường ca vũ tên là Taølapuæa.

khi chào hỏi úy lạo xong, ngồi lui qua một bên bạch Phật rằng:

"Thưa Cù-đàm, tôi nghe các vị kỳ cựu trong hàng ca vũ kịch[16] ngày xưa nói như vầy: 'Nếu các con hát ở trước mọi người, ca múa, diễn hài, trình diễn các thứ ca kỹ, làm cho mọi người vui cười hoan lạc; và nhờ nghiệp duyên này, nên sau khi thân hoại mạng chung sanh lên cõi trời Hoan hỷ[17].' Còn ở trong pháp Cù-đàm này thì nói như thế nào?"

Phật bảo thôn trưởng:

"Thôi, chớ nên hỏi nghĩa này!"

Ba lần như vậy, nhưng ông vẫn hỏi thỉnh không thôi.

Phật bảo thôn trưởng;

"Nay Ta hỏi ông, cứ tùy theo ý ông mà đáp. Xưa kia ở nơi thôn này chúng sanh không lìa tham dục, bị trói buộc bởi sự ràng buộc của tham dục; không lìa sân nhuế, bị trói buộc bởi sự ràng buộc của sân nhuế; không lìa ngu si, bị trói buộc bởi sự ràng buộc của ngu si. Những con hát kia ở trước mọi người trình diễn ca múa, kỹ nhạc và diễn hài làm cho mọi vui cười hoan lạc. Vậy này thôn trưởng, ngay những người vui cười hoan lạc kia, há không phải đang làm tăng trưởng sự trói buộc của tham dục, sân nhuế và si mê đó sao?"

Thôn trưởng bạch Phật rằng:

"Đúng vậy, thưa Cù-đàm!"

"Này thôn trưởng, thí như có người dùng giây trói ngược, rồi có người trong một thời gian dài với ác tâm muốn làm cho người này chẳng đạt được nghĩa lợi ích, không được an ổn, không được an lạc, nên thường dùng nước nhỏ lên trên sợi dây trói. Người há không bị trói càng lúc càng xiết chặt hơn sao?"

Thôn trưởng nói:

"Đúng vậy, thưa Cù-đàm!"

Phật bảo:

"Này thôn trưởng, xưa kia chúng sanh cũng lại như vậy. Không

---

16. Hán: Ca vũ hý tiếu kỳ niên túc sĩ [illegible]. Paøli: aøcariyaøpaøcariyaø naæaø, Sư tổ của các ca kỹ.

17. Hoan hỷ thiên [illegible] N^{0}100(122): Quang chiếu thiên. Paøli: Pahaøsaø devaø.

xa lìa sự trói buộc của tham dục, sân nhuế và si; duyên vào những cuộc giải trí vui cười, hoan lạc, làm tăng thêm sự trói buộc ấy."

Thôn trưởng nói:

"Thật vậy, thưa Cù-đàm, những con hát này đã làm cho mọi người vui cười hoan lạc, nhưng càng làm tăng thêm sự trói buộc cho tham dục, sân nhuế và si mê mà thôi. Vì nhân duyên này mà khi thân hoại mạng chung được sanh về đường thiện, điều này không thể có được."

Phật bảo thôn trưởng:

"Nếu bảo các con hát xưa kia có thể làm cho mọi người vui cười, hoan lạc, vì nhờ nghiệp duyên này mà sanh về cõi trời Hoan hỷ, thì đây là tà kiến. Nếu người nào là tà kiến, có thể sanh về hai đường: hoặc là đường địa ngục, hoặc là đường súc sanh."

Lúc nghe nói những lời này, thì thôn trưởng Giá-la-châu-la-na-la buồn thương rơi lệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo thôn trưởng:

"Cho nên, trước đây ba lần hỏi, Ta không đáp và bảo thôn trưởng thôi, chớ hỏi nghĩa này."

Thôn trưởng bạch Phật:

"Thưa Cù-đàm, tôi không vì những lời nói của Cù-đàm mà thương khóc rơi lệ. Tôi tự mình nghĩ, tại sao từ trước đến giờ mình lại để cho những sở kiến ngu si, không minh bạch, không lương thiện của bọn nghệ sĩ kia lừa dối rằng: 'Nếu các con hát ở trước mọi người, ca múa,... cho đến được sanh về cõi trời Hoan hỷ.' Bây giờ, tôi lại nghĩ, làm sao các nghệ sĩ ca múa, diễn kịch có thể sanh về cõi trời Hoan hỷ được?

"Thưa Cù-đàm, từ nay tôi xin từ bỏ cái nghề nghệ sĩ ác bất thiện kia, xin nương về Phật, nương về Pháp, nương về Tăng Tỳ-kheo."

Phật dạy:

"Lành thay, thôn trưởng! Đây là điều chân thật."

Sau khi thôn trưởng Giá-la-châu-la-na-la nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ tùy hỷ, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi vui vẻ ra về.

M

KINH 908. CHIẾN ĐẤU HOẠT[18]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương

18. Sống bằng nghề chiến đấu, tức chiến sĩ. Paøli, S. 42.3 Yodhaøjìvo.

xá. Bấy giờ có vị thôn trưởng sống về nghề chiến đấu[19], đi đến chỗ Phật cung kính thăm hỏi, sau khi thăm hỏi xong, ngồi lui qua một bên, bạch Phật rằng:

"Thưa Cù-đàm, tôi nghe các vị tôn túc kỳ cựu sống về nghề chiến đấu ngày xưa nói như vầy: 'Nếu sống về nghề chiến đấu, mình mặc giáp dày, tay cầm binh khí sắc bén, dẫn đầu tướng sĩ, có khả năng cùng phương tiện bẻ gãy mọi âm mưu oán địch; nhờ vào nghiệp báo này, mà sanh về cõi trời Tiễn hàng phục[20].' Còn ở trong pháp của Cù-đàm, nghĩa này như thế nào?"

Phật bảo vị thôn trưởng sống về chiến đấu:

"Thôi, chớ nên hỏi nghĩa này!"

Ba lần hỏi lại như vậy, ba lần cũng lại bảo thôi, nhưng vẫn cứ hỏi không thôi.

Phật bảo thôn trưởng, bây giờ, Ta hỏi ông, cứ tùy theo ý ông mà trả lời:

"Này thôn trưởng, theo ý ông thì sao: Nếu sống về nghề chiến đấu, mình mặc giáp dày, tay cầm binh khí sắc bén, dẫn đầu tướng sĩ, có khả năng cùng phương tiện bẻ gãy mọi âm mưu oán địch, thì người này trước đó há không khởi lên tâm làm thương tổn, sát hại; muốn bắt trói, xiềng xích, đâm chém, sát hại đối với kẻ khác sao?"

Thôn trưởng bạch Phật:

"Đúng vậy, bạch Thế Tôn!"

Phật bảo thôn trưởng:

"Sống làm nghề chiến đấu phạm ba thứ ác tà: Hoặc về thân, hoặc miệng, hoặc ý. Vì nhân duyên ba thứ ác tà này, mà sau khi thân hoại mạng chung, sẽ được sanh về cõi trời Tiễn hàng phục thuộc đường thiện, thì điều này không thể xảy ra!"

Phật bảo thôn trưởng:

"Nếu các vị tôn túc kỳ cựu sống về nghề chiến đấu ngày xưa thấy như vầy, nói như vầy: 'Nếu sống về nghề chiến đấu, mình mặc giáp trụ, tay cầm binh khí sắc bén, xông lên trước đối địch, có khả

---

19. Chiến đấu hoạt tụ lạc chủ 鬪戰活聚落主. Paøli: yodhaøjìva-gaømaòi, người cầm đầu phường võ.

20. Tiễn hàng phục thiên 箭降伏天. Paøli: saraójitaø (saraøjitaø) devaø.

năng cùng phương tiện bẻ gãy mọi âm mưu oán địch, nhờ vào nhân duyên này, mà sanh về cõi trời Tiễn hàng phục.' Thì đây là tà kiến, vì người tà kiến chắc chắn sẽ sanh về hai đường: hoặc là đường địa ngục, hoặc là đường súc sanh."

Lúc nghe nói những lời này, thì thôn trưởng này buồn thương rơi lệ. Phật bảo thôn trưởng:

"Vì nghĩa này, nên trước đây ba lần Ta bảo thôn trưởng thôi đi, mà không vì ông nói."

Thôn trưởng bạch Phật:

"Tôi không vì những lời nói của Cù-đàm mà thương khóc rơi lệ mà mình tự nghĩ các vị tôn túc kỳ cựu sống về nghề chiến đấu ngày xưa ngu si, không lương thiện, không minh bạch, sống lâu dài trong sự lừa dối, nói rằng: 'Nếu sống về nghề chiến đấu, mình mặc giáp trụ, tay cầm binh khí sắc bén, xông lên trước đối địch,... cho đến được sanh về cõi trời Tiễn hàng phục.' Cho nên thương khóc rơi lệ. Bây giờ, tôi lại nghĩ rằng các vị sống về chiến đấu và nhờ nhân duyên ác nghiệp, mà sau khi thân hoại mạng chung, sẽ được sanh về cõi trời Tiễn hàng phục, thì điều đó không thể xảy ra được?

"Thưa Cù-đàm, từ nay tôi xin từ bỏ các nghiệp ác, xin nương về Phật, nương về Pháp, nương về Tăng Tỳ-kheo."

Phật bảo thôn trưởng:

"Đây là điều chân thật."

Sau khi thôn trưởng sống về chiến đấu nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ tùy hỷ, liền từ chỗ ngồi đứng dậy làm lễ rồi lui.

M

KINH 909. ĐIỀU MÃ[21]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ có thôn trưởng luyện ngựa[22] đến chỗ Phật cung kính thăm hỏi, rồi ngồi lui qua một bên.

---

21. Huấn luyện ngựa. Paøli, S. 42.5 Assa (Haya).

22. Điều mã tụ lạc chủ [illegible]. Paøli: assaøroho gaømiòi.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo thôn trưởng luyện ngựa[23]:

"Người luyện ngựa có bao nhiêu cách?"

Thôn trưởng đáp rằng:

"Thưa Cù-đàm, có ba cách. Những gì là ba? Một là mềm mỏng, hai là cứng rắn, ba là vừa mềm mỏng vừa cứng rắn."

Phật bảo thôn trưởng:

"Nếu dùng ba cách này mà vẫn không điều khiển được ngựa nữa, thì phải làm sao?"

Thôn trưởng nói:

"Thì phải giết nó."

Thôn trưởng bạch Phật rằng:

"Thưa Cù-đàm, bậc Điều ngự trượng phu phải dùng bao nhiêu pháp để điều ngự vị ấy?"

Phật bảo thôn trưởng:

"Ta cũng dùng ba pháp để điều ngự trượng phu[24]. Những gì là ba? Một là mềm mỏng, hai là cứng rắn, ba là vừa mềm mỏng vừa cứng rắn."

Thôn trưởng bạch Phật:

"Thưa Cù-đàm, nếu dùng ba pháp mà không điều phục được điều ngự trượng phu thì phải làm như thế nào?"

Phật bảo thôn trưởng:

"Nếu dùng ba pháp mà vẫn không điều phục được, thì phải giết người đó. Vì sao? Vì không để cho pháp của Ta bị khuất nhục."

Trưởng thôn luyện ngựa bạch Phật rằng:

"Trong pháp của Cù-đàm, sát sanh là bất tịnh. Vậy trong pháp của Cù-đàm không cho sát hại, nhưng hôm nay lại nói rằng: 'Người nào không điều phục được, thì cũng nên giết họ?"

Phật bảo thôn trưởng:

"Như những lời ông đã nói, trong pháp của Như Lai, sát sanh là bất tịnh. Như Lai không thể sát hại. Này thôn trưởng, nhưng khi Ta dùng ba pháp để điều phục trượng phu mà không điều phục được thì

---

23. Bản Paøli, người huấn luyện ngựa hỏi Phật với nội dung như các ca kỹ, chiến sĩ trong các kinh trên.

24. Điều ngự trượng phu ½ ¯ ±¸ ¤Ï¤J¡A huấn luyện con người. Paøli: purisadamma.

sẽ không nói với, không dạy dỗ, không giáo giới nữa. Này thôn trưởng, nếu Như Lai khi điều ngự trượng phu mà không nói với, không giáo thọ, không giáo giới cho nữa, đó há không phải là sát hại sao?"

Thôn trưởng luyện ngựa bạch Phật:

"Thưa Cù-đàm, nếu khi điều ngự trượng phu, mà không nói với, không giáo thọ, không giáo giới cho nữa, thì thật sự đã sát hại rồi. Cho nên từ nay tôi xin từ bỏ nghiệp ác, xin nương về Phật, nương về Pháp, nương về Tăng Tỳ-kheo."

Phật bảo thôn trưởng:

"Đây là điều chân thật."

Sau khi, Phật nói kinh này xong, thôn trưởng luyện ngựa nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ tùy hỷ, liền từ chỗ ngồi đứng dậy làm lễ mà lui.

M

KINH 910. HUNG ÁC[25]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ có một thôn trưởng hung ác đi đến chỗ Phật đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật rằng:

"Vì không tu pháp gì, nên sanh sân nhuế đối với người khác; do đã sanh sân nhuế, nên miệng nói lời ác, người ta vì vậy mà đặt tên là Ác tánh[26]?"

Phật bảo thôn trưởng:

"Vì không tu chánh kiến nên sanh ra sân nhuế đối với người khác; do đã sanh ra sân nhuế nên miệng nói ra lời ác, người ta vì vậy mà đặt tên là Ác Tánh. Vì không tu chánh chí, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định, nên sanh ra sân nhuế đối với người khác; do đã sanh ra sân nhuế, nên miệng nói ra lời ác, người ta vì vậy đặt tên là Ác Tánh."

Lại hỏi Thế Tôn:

---

25. Paøli, S. 42.1 Caoña.

26. Ác tánh . Paøli: caoño, hung dữ, bạo ác.

"Phải tu tập pháp gì để không sân nhuế đối với người khác; do không sân nhuế, nên miệng nói ra lời thiện, người ta vì vậy đặt tên là Hiền Thiện[27]?"

Phật bảo thôn trưởng:

"Vì tu chánh kiến, nên không sân nhuế đối với người khác; do không sân nhuế, nên miệng nói ra lời thiện, người ta vì vậy đặt tên là Hiền Thiện. Vì tu tập chánh chí, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định, nên không sân đối với người khác; do không sân nhuế nên miệng nói ra lời thiện, người ta vì vậy đặt tên là Hiền Thiện."

Thôn trưởng hung ác bạch Phật:

"Lạ thay Thế Tôn, Ngài khéo nói những lời này. Vì tôi không tu Chánh kiến, nên sanh ra sân nhuế đối với người khác; do đã sanh ra sân nhuế, nên miệng nói ra lời ác, người ta vì tôi mà đặt tên là Ác Tánh. Vì tôi không tu chánh chí, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định, nên sanh ra sân nhuế đối với người khác; do đã sanh ra sân nhuế, nên miệng nói ra lời ác, người ta vì tôi mà đặt tên là Ác Tánh. Cho nên từ nay tôi sẽ từ bỏ sân nhuế thô bạo."

Phật bảo thôn trưởng:

"Đây là điều chân thật."

Sau khi, Phật nói kinh này xong, thôn trưởng hung ác, hoan hỷ tùy hỷ, làm lễ mà lui.

M

KINH 911. MA-NI CHAAU KEA[28]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ có thôn trưởng Ma-ni Châu Kế[29], đi đến chỗ Phật đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật rằng:

---

27. Hiền Thiện ½² ▯½. Paøli: sorata, nhu hòa.

28. Paøli, S. 42.10 Maòicuøôa.

29. Ma-ni Châu Kế tụ lạc chủ ¼▯ ▯▯ ▯/▯ ▯▯. ▯▯. Paøli: Maòicuøôaka.

"Bạch Thế Tôn, trước đây quốc vương có tập hợp các đại thần, cùng nhau bàn luận rằng: 'Thế nào, Tỳ-kheo Sa-môn Thích tử tự nhận và cất chứa vàng bạc của báu, là tịnh hay bất tịnh?' Trong các đại thần có người nói: 'Sa-môn Thích tử được phép tự nhận và cất chứa vàng bạc của báu.' Lại có vị nói: 'Không được phép tự nhận và cất chứa vàng bạc của báu.'

"Bạch Thế Tôn, vị nói Sa-môn Thích tử được phép tự nhận và cất chứa vàng bạc của báu, là do nghe từ Phật hay là tự ý họ nói ra? Họ nói ra những lời này là tùy thuận pháp hay là không tùy thuận, là lời nói chân thật hay là lời nói hư vọng? Những lời nói như vậy không bị rơi vào chỗ đáng bị chỉ trích chăng?"

Phật bảo thôn trưởng:

"Đó là những lời nói chẳng phải chân thật, chẳng phải pháp, chẳng phải tùy thuận, đáng bị chỉ trích. Vì sao? Vì Sa-môn Thích tử mà tự nhận và cất chứa vàng bạc của báu, là không thanh tịnh. Cho nên, nếu người nào tự nhận và cất chứa vàng bạc của báu cho mình, thì chẳng phải là pháp Sa-môn, chẳng phải là pháp của dòng Thích tử."

Thôn trưởng bạch Phật rằng:

"Kỳ thay, Thế Tôn! Sa-môn Thích tử nhận và chứa vàng bạc của báu, là chẳng phải pháp Sa-môn, chẳng phải pháp của dòng Thích tử. Đây là lời nói chân thật.

"Bạch Thế Tôn, vị nói lời này làm tăng trưởng thắng diệu, tôi cũng nói như vầy: 'Sa-môn Thích tử không được tự nhận và cất chứa vàng bạc của báu.'

Phật bảo thôn trưởng:

"Nếu Sa-môn Thích tử mà nhận và cất chứa vàng bạc, trân báu cho là thanh tịnh, thì năm dục công đức ắt phải thanh thịnh!"

Thôn trưởng Ma-ni Châu Kế, sau khi nghe những lời Phật dạy, hoan hỷ làm lễ mà lui.

Đức Thế Tôn, sau khi biết thôn trưởng Ma-ni Châu Kế đi rồi, bảo Tôn giả A-nan:

"Nếu có Tỳ-kheo nào hiện đang nương vào vườn Trúc, khu Ca-lan-đà mà ở, thì hãy triệu tập hợp tất cả tại nhà ăn."

Tôn giả A-nan vâng lời Phật dạy đi khắp vườn Trúc, khu Ca-lan-đà thông báo cho các Tỳ-kheo hiện còn đang ở đây, tập trung đến nhà

ăn. Khi các Tỳ-kheo đã tập trung rồi, Tôn giả đến bạch Thế Tôn:

"Các Tỳ-kheo đã tập trung tại nhà ăn rồi. Xin Thế Tôn biết thời."

Bấy giờ, Thế Tôn đi đến nhà ăn ngồi trước đại chúng và bảo các Tỳ-kheo:

"Hôm nay có thôn trưởng Ma-ni Châu Kế đi đến chỗ Ta, nói như vầy: 'Trước đây quốc vương có tập hợp các đại thần, cùng nhau bàn luận rằng: Sa-môn Thích tử tự nhận và cất chứa vàng bạc của báu, có phải là thanh tịnh không? Trong đó có vị nói là thanh tịnh, có vị nói là không thanh tịnh. Vậy nay xin hỏi Thế Tôn, vị nói thanh tịnh là được nghe từ Phật nói hay tự mình nói dối.' Như đã nói đầy đủ ở trên. Thôn trưởng Ma-ni Châu Kế, sau khi nghe những lời Phật dạy, hoan hỷ làm lễ mà lui.

"Này các Tỳ-kheo, trong khi quốc vương, đại thần cùng nhau hội họp bàn luận, thì thôn trưởng Ma-ni Châu Kế này nói như sư tử rống ở trước mọi người là: 'Sa-môn Thích tử không được phép tự nhận và cất chứa vàng bạc, của báu.'

"Này các Tỳ-kheo, từ hôm nay các ông cần cây thì xin cây, cần cỏ thì xin cỏ, cần xe thì xin xe, cần người giúp việc thì xin người giúp việc. Cẩn thận chớ nên vì mình mà nhận lấy vàng bạc và các thứ vật báu."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 912. VƯƠNG ĐẢNH[30]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở bên ao Yết-già tại nước Chiêm-bà. Bấy giờ có thôn trưởng Vương Đảnh[31] đi đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên. Bấy giờ, Thế Tôn bảo thôn trưởng Vương Đảnh:

"Hiện nay chúng sanh chạy theo hai khuynh hướng. Những gì là

---

30. Paøli, S. 42.12 Raøsiyo.

31. Vương Đảnh tụ lạc chủ [illegible]. Paøli: Raøsiyo gaømiòi.

hai? Một là thích đắm vào năm dục, thuộc dạng phàm phu, tục tử quê mùa thấp kém. Hai là tự làm khổ mình một cách sai lầm không có bất cứ ý nghĩa lợi ích nào!

"Này thôn trưởng, có ba hạng người thích hưởng thụ dục lạc, thuộc hàng phàm phu, tục tử, quê mùa thấp kém. Cũng có ba hạng người tự làm khổ mình một cách sai lầm không có bất cứ ý nghĩa lợi ích nào!

"Này thôn trưởng, những gì là ba hạng người thích hưởng thụ dục lạc, thuộc hàng phàm phu tục tử quê mùa thấp kém? Là có kẻ hưởng thụ dục lạc bằng cách lạm chiếm một cách bất hợp pháp, không mang lại an vui cho chính mình, cũng chẳng phụng dưỡng cha mẹ, cung cấp đầy đủ cho anh em, vợ con, kẻ ở, bà con quyến thuộc, bạn bè quen biết; cũng không tùy thời cúng dường cho Sa-môn, Bà-la-môn, để cầu quả báo an lạc nơi tốt đẹp, mong đời sau sanh lên cõi trời. Đó gọi là hạng người thứ nhất hưởng thụ dục lạc ở thế gian.

"Lại nữa, này thôn trưởng, có kẻ hưởng thụ dục lạc bằng cách dùng pháp lạm chiếm tài vật một cách bất hợp pháp để tự cung cấp mọi sự vui sướng cho chính mình, phụng dưỡng cho cha mẹ, cung cấp đầy đủ cho anh em, vợ con, kẻ làm, bà con quyến thuộc, bạn bè quen biết; nhưng không tùy thời cúng dường cho Sa-môn, Bà-la-môn, để cầu quả báo an lạc nơi tốt đẹp, mong đời sau sanh lên cõi trời. Đó gọi là hạng người thứ hai hưởng thụ dục lạc.

"Lại nữa, này thôn trưởng, có kẻ hưởng thụ dục lạc bằng cách dùng pháp tìm cầu tài vật chứ không bằng lạm chiếm để tự cung cấp mọi sự vui sướng cho chính mình, cung phụng cho cha mẹ, cung cấp đầy đủ cho anh em, vợ con, kẻ ở, bà con quyến thuộc, bạn bè quen biết, cũng tùy thời cúng dường cho Sa-môn, Bà-la-môn, để cầu quả báo an lạc nơi tốt đẹp, mong đời sau sanh lên cõi trời. Đó gọi là hạng người thứ ba hưởng thụ dục lạc.

"Này thôn trưởng, Ta không nhất thiết nói bình đẳng trong hưởng thụ dục lạc, mà Ta nói người hưởng thụ dục lạc có người thuộc hạng thấp kém, có người thuộc hạng trung bình, có người thuộc hạng hơn người.

"Thế nào là hạng thấp kém, hưởng thụ dục lạc? Là loại lạm chiếm bất hợp pháp,... cho đến chẳng cầu quả báo an lạc nơi tốt đẹp, mong đời sau sanh lên cõi trời, thì đó Ta gọi là hạng thấp kém hưởng

thụ dục lạc.

"Thế nào là hạng trung bình, hưởng thụ dục lạc? Là loại người hưởng thụ dục lạc bằng cách đúng pháp mà tìm cầu tài vật một cách bất hợp pháp,... cho đến chẳng mong đời sau sanh lên cõi trời, thì đó Ta gọi là hạng trung bình thứ hai hưởng thụ dục lạc.

"Thế nào là hạng người, Ta nói hơn người, hưởng thụ dục lạc? Là loại người đúng pháp để tìm cầu tài vật,... cho đến đời sau sanh lên cõi trời, thì đó Ta gọi là hạng hơn người thứ ba hưởng thụ dục lạc.

"Thế nào là ba hạng người tự làm khổ chính mình? Đó là khổ chẳng phải pháp, bất chính, chẳng có bất cứ ý nghĩa lợi ích nào. Có một hạng người tự làm khổ bằng cách sống khắc khổ. Ban đầu mới phạm giới, ô nhiễm giới, họ tu đủ cách khổ hạnh, nỗ lực tinh tấn trụ ở một chỗ, nhưng hiện tại họ chẳng thể xa lìa được nhiệt não bức bách, chẳng được pháp hơn người, chẳng trụ vào được an lạc, tri kiến thắng diệu. Này thôn trưởng, đó gọi là hạng người thứ nhất tự làm khổ mình bằng cách sống khắc khổ.

"Lại nữa, tự làm khổ bằng cách sống khắc khổ. Ban đầu chẳng phạm giới, chẳng ô nhiễm giới, nhưng tu đủ cách khổ hạnh cũng chẳng nhờ vậy mà hiện tại xa lìa được nhiệt não bức bách, chẳng được pháp hơn người, chẳng trụ vào được an lạc, tri kiến thắng diệu. Đó gọi là hạng người thứ hai tự làm khổ mình bằng cách sống khắc khổ.

"Lại nữa, tự làm khổ bằng cách sống khắc khổ. Ban đầu chẳng phạm giới, chẳng ô nhiễm giới, nhưng tu đủ cách khổ hạnh tinh tấn, mà hiện tại vẫn không thể[32] xa lìa được nhiệt não bức bách, được pháp hơn người, trụ vào an lạc, tri kiến thắng diệu. Đó gọi là hạng người thứ ba tự làm khổ mình bằng cách sống khắc khổ.

"Này thôn trưởng, Ta không nói tất cả những người tự mình làm

---

32. Nguyên bản: bất đắc 不得 trùng với loại tự khổ thứ hai. Theo văn ý, nên sửa lại là thiểu đắc 少得 có thể một ít. Bản Paøli, có ba hạng khổ hành, sống khắc khổ (tapassì luøkhajìvì): 1. Tự hành khổ nhưng không chứng thiện pháp, không đắc pháp thượng nhân, không nhập Thánh trí thù thắng. 2. Tự hành khổ, chứng pháp thiện, nhưng không đắc pháp thượng nhân và Thánh trí. 3. Tự hành khổ, chứng pháp thiện, đắc pháp thượng nhân và Thánh trí thù thắng.

khổ bằng cách sống khắc khổ đều giống nhau, mà Ta đã nói trong những kẻ tự làm khổ, có người thuộc hạng thấp kém, có người thuộc hạng trung bình, có người thuộc hạng hơn người.

"Thế nào là tự làm khổ thuộc hạng thấp kém? Nếu họ tự làm khổ ban đầu mới phạm giới, mới làm ô nhiễm giới,... cho đến chẳng được tri kiến thắng diệu, trụ vào an lạc, Ta gọi đó là tự làm khổ thuộc hạng thấp kém.

"Thế nào là tự làm khổ thuộc hạng trung bình? Nếu họ tự làm khổ, ban đầu chẳng phạm giới, chẳng ô nhiễm giới,... cho đến chẳng được tri kiến thắng diệu, trụ vào an lạc, Ta gọi đó là tự làm khổ thuộc hạng trung.

"Thế nào là tự làm khổ thuộc hạng hơn người? Nếu họ tự làm khổ, bằng cách sống khắc khổ, ban đầu chẳng phạm giới, chẳng ô nhiễm giới,... cho đến chẳng được tri kiến thắng diệu, trụ vào an lạc, Ta gọi đó là tự làm khổ thuộc hạng hơn người.

"Này thôn trưởng, đó gọi là ba hạng người tự làm khổ mình, cái khổ này chẳng phải pháp, chẳng đúng, chẳng có bất cứ ý nghĩa lợi ích nào.

"Này thôn trưởng, có đạo lộ, có sự thực hành đưa đến[33] ba hạng phương tiện tùy thuộc hưởng thụ dục lạc, của hàng phàm phu tục tử, quê mùa thấp kém; đưa đến phương tiện tự làm khổ chính mình, mà cái khổ này chẳng phải pháp, chẳng đúng, chẳng có bất cứ ý nghĩa lợi ích nào.

"Thế nào là đạo lộ, sự thực hành đưa đến phương tiện hưởng thọ dục lạc, tự làm khổ chính mình?

"Này thôn trưởng, vì bị dục tham làm chướng ngại, hoặc muốn tự hại, hoặc muốn hại kẻ khác, hoặc muốn hại cả hai, hiện tại và đời sau mắc tội báo này, tâm luôn lo khổ. Vì bị sân nhuế, ngu si làm chướng ngại, hoặc muốn tự hại, hoặc muốn hại kẻ khác, hoặc muốn hại cả hai, hiện tại và đời sau mắc tội báo này, tâm luôn lo khổ. Nếu xa lìa chướng ngại của dục tham, không muốn phương tiện tự hại, hại người, hại cả hai, hiện tại, đời sau khỏi mắc tội báo này, khiến tâm, tâm pháp luôn luôn thọ hỷ lạc. Cũng vậy, nếu xa lìa chướng ngại của sân nhuế,

---

33. Bản Cao-ly: bất ⌘ℒ⁄𝒜 chẳng đưa đến. Tống-Nguyên-Minh: thị ¬𝒪⁄ℛ đưa đến.

ngu si, không muốn phương tiện tự hại, hại người, hại cả hai, hiện tại, đời sau khỏi mắc tội báo này, khiến tâm, tâm pháp luôn luôn hưởng hỷ lạc. Đối trong hiện tại xa lìa nhiệt não bức bách, không cần đợi thời tiết, gần gũi Niết-bàn, mà ngay trong thân này thể duyên tự mình mà giác tri.

"Này thôn trưởng, như pháp hiện tại này vĩnh viễn xa lìa nhiệt não bức bách, không cần đợi thời tiết, gần gũi Niết-bàn, mà ngay trong thân này duyên tự mình giác tri, đó là tám Thánh đạo: Chánh kiến,... cho đến chánh định."

Trong lúc Đức Thế Tôn đang nói pháp này, thôn trưởng Vương Đảnh xa lìa trần cấu, được pháp nhãn tịnh. Sau khi thôn trưởng Vương Đảnh thấy pháp, đắc pháp, biết pháp, thâm nhập vào pháp, thoát nghi không nhờ người khác, ở trong Chánh pháp luật mà được vô sở úy, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục chắp tay bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, nay con đã được độ, xin nương về Phật, nương về Pháp, nương về Tăng Tỳ-kheo. Từ nay đến hết đời con xin làm Ưu-bà-tắc."

Sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ tùy hỷ, làm lễ mà lui.

M

KINH 913. KIỆT ĐÀM[34]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật du hành giữa những người Lực sĩ[35], đến ở rừng Anh vũ Diêm-phù[36], trú xứ của Uất-bệ-la. Bấy giờ có thôn chủ Kiệt[37]-đàm[38] nghe tin Sa-môn Cù-đàm du hành giữa những người Lực sĩ, đến ở rừng Anh vũ Diêm-phù, trú xứ của Uất-bệ-la. Ngài nói về sự tập

---

34. Paøli, S. 42.11 Bhadra. Tham chiếu, Hán, N^{0}100(128).

35. Lực sĩ nhân dân 力士人. Paøli: Mallesu, giữa những người nước Malla.

36. Uất-bệ-la trú xứ Anh vũ Diêm-phù lâm 鬱鞞羅住處鸚鵡閻浮林. Bản Paøli: Uruvelakappaö naøma Mallaønaö nigamo, Uruvelakappa, một thị trấn của người Malla.

37. Bản Cao-ly: kiệt 竭 ; bản Minh: yết 偈.

38. Yết-đàm tụ lạc chủ 偈曇聚落主. Paøli: Bhadro gaømiòi.

khởi của khổ và sự tiêu diệt của khổ hiện tại[39]. Ông nghĩ: 'Ta nên đến chỗ Sa-môn Cù-đàm kia. Nếu ta đến thì chắc Sa-môn Cù-đàm sẽ vì ta mà nói về sự tập khởi của khổ và sự tiêu diệt của khổ hiện tại.' Sau đó ông liền đến thôn Uất-bệ-la và đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật rằng:

"Bạch Thế Tôn, tôi nghe Thế Tôn thường vì người nói về sự tập khởi của khổ và sự tiêu diệt của khổ hiện tại. Lành thay! Thế Tôn vì tôi nói về sự tập khởi của khổ và sự tiêu diệt của khổ hiện tại."

Phật bảo thôn trưởng:

"Nếu Ta nói về sự tập khởi của khổ và sự tiêu diệt của khổ quá khứ, Ta biết đối với điều đó ông có thể tin hay không tin, muốn hay không muốn, nhớ hay không nhớ, thích hay chẳng thích[40]. Nay ông có khổ không? Nếu Ta nói về khổ vị lai, đối với điều đó Ta biết ông có thể tin hay không tin, muốn hay không muốn, nhớ hay không nhớ, thích hay chẳng thích. Nay ông có khổ không? Hôm nay Ta sẽ nói về sự tập khởi của khổ và sự tiêu diệt của khổ hiện tại.

"Này thôn trưởng, tất cả những khổ phát sanh mà chúng sanh có, tất cả đều do dục làm gốc: dục phát sanh, dục tập khởi, dục hiện khởi, dục làm nhân, dục làm duyên mà khổ phát sanh."

Thôn trưởng bạch Phật:

"Thế Tôn nói pháp quá sơ lược, không phân biệt rộng rãi, nên tôi có chỗ không hiểu. Lành thay, Thế Tôn! Xin nói đầy đủ hơn cho chúng tôi được hiểu."

Phật bảo thôn trưởng:

"Bây giờ Ta hỏi ông, cứ theo ý ông mà đáp. Này thôn trưởng, ý ông thế nào, nếu chúng sanh ở thôn Uất-bệ-la này hoặc bị trói, hoặc bị đánh, hoặc bị khiển trách, hoặc bị giết, tâm ông có khởi buồn thương khổ não không?"

Thôn trưởng bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, cũng không nhất thiết là vậy! Nếu mọi người

---

39. Hiện pháp khổ tập khổ một ²{ ªk 𝒲𝒯° 𝒲¨𝒮. Paøli: dukkhassa samudayaóca atthaígamaóca.

40. Paøli: tatra te siyaø kaíkkaø siyaø vimati, ở đây ông có thể nghi ngờ, có thể bối rối.

sống ở thôn Uất-bệ-la này đối với tôi mà có dục, có tham, có ái, có nghĩ, gần gũi nhau, mà gặp khi họ hoặc bị trói, hoặc bị đánh, hoặc bị trách, hoặc bị giết, thì tôi sẽ cảm thấy buồn thương khổ não. Còn nếu những người kia đối với tôi mà không có dục, không có tham, không có ái, không có nghĩ và gần gũi nhau; khi gặp họ bị trói, đánh, trách, giết, thì làm sao tôi có thể sanh lòng buồn thương khổ não được?"

Phật bảo thôn trưởng:

"Cho nên ông phải biết, mọi cái khổ của chúng sanh được phát sanh, tất cả chúng đều do từ dục làm gốc: dục phát sanh, dục tập khởi, dục hiện khởi, dục là nhân, dục là duyên mà sanh ra các thứ khổ.

"Này thôn trưởng, ý ông thế nào? Nếu ông cùng cha mẹ nuôi[41] mà không gặp[42] nhau, thì có sanh lòng tham dục thương nhớ không?"

Thôn trưởng nói:

"Bạch Thế Tôn, không!"

"Này thôn trưởng, ý ông thế nào? Nếu hoặc thấy, hoặc nghe cha mẹ nuôi, ông có sanh lòng dục, thương nhớ không?"

Thôn trưởng nói:

"Bạch Thế Tôn, có vậy!"

Lại hỏi:

"Này thôn trưởng, ý ông thế nào? Nếu cha mẹ nuôi kia bị vô thường biến khác, ông có sanh lòng buồn thương khổ não không?"

Thôn trưởng nói:

"Bạch Thế Tôn, có vậy! Nếu cha mẹ nuôi bị vô thường biến khác, thì tôi sẽ khổ đến gần chết được, đâu phải chỉ buồn thương khổ não!"

Phật bảo thôn trưởng:

"Cho nên ông phải biết, nếu các chúng sanh có được cái khổ phát sanh, thì tất cả đều do ái dục làm gốc: dục phát sanh, dục tập

---

41. Hán: y phụ mẫu 依父母 nghĩa không rõ. Ngộ Từ Pháp sư giải, y phụ mẫu: chỉ người con; sau khi sanh được đưa cho người khác nuôi. Bản Paøli, Bhadra có người con trai tên Ciravaøsi. Phật hỏi: "Ông và mẹ của Ciravaøsi nếu chưa thấy nhau ông có sanh dục tâm, nhiễm tâm, ái tâm đối với mẹ của Ciravaøsi không?" Có thể bản Hán đọc là Cìvaramaøtaø, mẹ của một người tên Civara tức y 依 = *y phục* (thay vì viết là 衣 *y tựa*).

42. Có thể hiểu, chưa hề biết nhau.

khởi, dục hiện khởi, dục là nhân, dục là duyên mà sanh ra các thứ khổ."

Thôn trưởng nói:

"Lạ thay! Thế Tôn đã khéo nói thí dụ về cha mẹ nuôi như vậy. Tôi có cha mẹ nuôi, nhưng sống tại nơi khác[43]. Hằng ngày tôi sai người thăm hỏi, vấn an sức khỏe thế nào. Khi họ đi chưa về tôi đã lấy làm lo lắng khổ sở, huống chi là lại bị vô thường mà không lo lắng khổ đau sao được!"

Phật bảo thôn trưởng:

"Cho nên Ta nói mọi lo khổ của chúng sanh, tất cả đều do dục làm gốc rễ: dục phát sanh, dục tập khởi, dục hiện khởi, dục là nhân, dục là duyên mà sanh ra lo khổ."

Phật bảo thôn trưởng tiếp:

"Nếu có bốn ái niệm, mà bị vô thường biến khác, thì sẽ phát sanh ra bốn ưu khổ. Nếu có một hoặc hai, ba ái niệm bị vô thường biến khác, sẽ phát sanh một hoặc hai, ba ưu khổ.

"Này thôn trưởng, nếu tất cả đều không có ái niệm, sẽ không có trần lao ưu khổ."

Rồi Thế Tôn nói kệ rằng:

Nếu không có ái niệm thế gian,
Thì không lo trần lao ưu khổ;
Tiêu diệt hết tất cả ưu khổ,
Giống như hoa sen không dính nước.

Trong khi Phật nói pháp này, thôn trưởng Kiệt-đàm xa lìa trần cấu, được pháp nhãn tịnh, thấy pháp, đắc pháp, thâm nhập pháp, thoát khỏi mọi nghi hoặc, không nhờ vào người khác, không do người khác độ, được vô sở úy ở trong Chánh pháp luật; từ chỗ ngồi đứng dậy sửa lại y phục, chắp tay bạch Phật:

"Con đã được độ, đã siêu việt, bạch Thế Tôn, từ hôm nay con xin nương về Phật, nương về Pháp, nương về Tăng Tỳ-kheo; suốt đời con làm Ưu-bà-tắc. Xin Ngài nhớ nghĩ gia hộ con."

Sau khi Phật nói kinh này xong, thôn trưởng Kiệt-đàm nghe

---

43. Bản Paøli: có con trai tên là Ciravaøsi sống tại một nơi khác. Liên hệ Ciravaøsi và Cìvaramaøta, xem cht.41 trên.

những gì Phật dạy, hoan hỷ tùy hỷ, làm lễ mà lui.

M

KINH 914. ĐAO SƯ THỊ (1)[44]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật cùng với một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ-kheo, một ngàn vị Ưu-bà-tắc và năm trăm người xin đồ ăn dư[45], du hành trong nhân gian; đi khắp từ thành này sang thành nọ, từ thôn này sang thôn khác, đến trong vườn Hảo y Yêm-la, thôn Na-la[46], nước Ma-kiệt-đề. Bấy giờ có thôn trưởng đệ tử của Ni-kiền tên là Đao Sư Thị[47] đến chỗ Ni-kiền lễ sát chân Ni-kiền, rồi ngồi lui qua một bên. Lúc ấy Ni-kiền nói với thôn trưởng Đao Sư Thị:

"Ông có thể dùng 'Tật-lê luận[48]' bàn luận cùng với Sa-môn Cù-đàm, để làm cho Sa-môn Cù-đàm nói cũng không được, không muốn nói cũng không được, được chăng?"

Thôn trưởng thưa:

"Thưa thầy, thế nào là luận thuyết 'Tật-lê luận' có thể làm cho Sa-môn Cù-đàm muốn nói cũng không được, mà không muốn nói cũng không được?"

Ni-kiền bảo thôn trưởng rằng:

"Ông hãy đến chỗ Sa-môn Cù-đàm hỏi như vầy: 'Cù-đàm lúc nào cũng mong ước khiến cho mọi người tăng trưởng đầy đủ phước-lợi, Ngài thường có mong ước như vậy và nói như vậy phải không?' Nếu trả lời cho ông là không, thì ông nên hỏi rằng: 'Vậy, Sa-môn Cù-đàm có khác gì với kẻ phàm ngu si?' Nếu trả lời là 'Có mong ước và có nói,' thì ông nên hỏi lại rằng: 'Nếu Sa-môn Cù-đàm đã có mong ước và có nói như thế, vậy tại sao người dân hiện đang mất mùa đói kém, mà Ngài còn du hành trong nhân gian dẫn theo một ngàn hai

---

44. Paøli, S. 42.9 Kulaö. Cf. N^{0}100(129).

45. Bản Paøli: tại Naølandaø lúc đó đang có nạn đói.

46. Na-la tụ lạc Hảo y Yêm-la viên . Paøli: Naølandaøyaö Paøvarikambavane.

47. Đao Sư Thị . Paøli: Asibandhakaputta.

48. Tật-lê luận nghĩa theo Hán văn, tật-lê là loại cỏ gai, trái nó nhiều gai, khi bám vào người thì rất khó gỡ. Paøli: ubhatokoæika paóha, câu hỏi có hai đầu nhọn.

trăm năm mươi chúng Tỳ-kheo, một ngàn vị Ưu-bà-tắc và năm trăm người ăn xin đi từ thành này sang thành nọ, từ thôn này sang thôn khác, làm hao tổn của cải người dân, giống như mưa lớn, mưa đá, chỉ có làm tổn hại chứ chẳng thêm được lợi ích nào! Những lời nói của Cù-đàm trước sau mâu thuẫn nhau, không giống nhau, không gần giống nhau, không phù hợp nhau, khác nhau.' Thôn trưởng, như vậy gọi là 'Tật-lê luận', sẽ làm cho Sa-môn Cù-đàm muốn nói cũng không được, không muốn nói cũng không được."

Bấy giờ, thôn trưởng Đao Sư Thị vâng lời dạy bảo của Ni-kiền đi đến chỗ Phật cung kính chào hỏi; sau khi cung kính chào hỏi xong ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

"Thưa Cù-đàm, có phải lúc nào Ngài cũng mong ước khiến cho mọi người tăng trưởng phước lợi không?"

Phật bảo thôn trưởng:

"Lúc nào Như Lai cũng mong ước khiến cho mọi người tăng trưởng phước lợi và cũng thường nói như vậy."

Thôn trưởng nói:

"Nếu như vậy, thì tại sao, thưa Cù-đàm, trong khi những người dân đang bị mất mùa đói kém, mà Ngài còn đi khất thực trong nhân gian và dẫn theo đông đảo đại chúng,... cho đến trước sau mâu thuẫn nhau, không giống nhau?"

Phật bảo thôn trưởng:

"Ta nhớ chín mươi mốt kiếp từ trước đến nay, không thấy một người nào mà bố thí cho Tỳ-kheo lại bị cạn kiệt, hay bị tổn giảm cả. Này thôn trưởng, ông nhìn xem hiện nay có người giàu sang, nhiều tiền của, quyến thuộc đông đảo, tôi tớ đầy nhà, thì biết nhà ấy lâu dài ưa thích bố thí, chân thật tích chứa[49], nên được phước lợi này. Này thôn trưởng, có tám nguyên nhân khiến cho phước lợi người tổn giảm không tăng. Những gì là tám? Đó là bị vua bức hiếp, bị giặc cướp lấy, bị lửa đốt cháy, bị nước cuốn trôi, bị tiêu hao vì giấu cất, bị kẻ nợ không trả, bị kẻ oán thù tàn phá, bị hoang phí bởi con hư. Đó là tám nguyên nhân khiến cho tiền của khó tích tụ. Này thôn trưởng, Ta nói

---

49. Hán: chân thật tịch chỉ □ Tham chiếu Paøli: saccasaöbhuøtaøni (tài sản ấy) được phát sanh một cách chân thật.

vô thường là nguyên nhân thứ chín. Như vậy, này thôn trưởng, ông đã bỏ đi chín nhân, chín duyên trên mà nói Sa-môn Cù-đàm phá hoại nhà người. Nếu ông không bỏ những lời nói ác, không bỏ ác kiến, thì cũng như gươm ném xuống nước, khi thân hoại mạng chung, ông sẽ sanh vào trong địa ngục."

Bấy giờ, thôn trưởng Đao Sư Thị lòng đâm ra sợ hãi, toàn thân lông dựng đứng lên, bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, hiện tại con đã hối lỗi rồi, vì con như ngu như si, không tốt, không hiểu biết, nên đối với Cù-đàm con đã nói ra những lời dối trá hư vọng không thành thật."

Sau khi nghe những gì Phật dạy, thôn trưởng Đao Sư Thị hoan hỷ tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

M

KINH 915. ĐAO SƯ THỊ (2)[50]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Hảo y Yêm-la, tại thôn Na-la. Bấy giờ có thôn trưởng Đao Sư Thị, trước đây là đệ tử của Ni-kiền, đi đến chỗ Ni-kiền lễ sát chân Ni-kiền, rồi ngồi lui qua một bên. Bấy giờ, Ni-kiền bảo thôn trưởng:

"Ông có thể dùng 'Tật-lê luận' bàn luận cùng với Sa-môn Cù-đàm, để làm cho Sa-môn Cù-đàm nói cũng không được, không muốn nói cũng không được, được chăng?"

Thôn trưởng thưa Ni-kiền:

"Thưa thầy[51], thế nào là luận thuyết 'Tật-lê luận' có thể làm cho Sa-môn Cù-đàm muốn nói cũng không được, mà không muốn nói cũng không được?"

Ni-kiền bảo thôn trưởng:

"Ông hãy đến chỗ Sa-môn Cù-đàm nói như vầy: 'Cù-đàm không thường muốn an ủi tất cả chúng sanh và khen ngợi an ủi tất cả chúng sanh phải không?' Nếu nói là không, thì ông nên nói rằng: 'Vậy, Cù-đàm có khác gì với kẻ phàm ngu si?' Nếu trả lời là thường muốn an ủi tất cả

50. Paøli, S. 42.7 Desanaø. Cf. N^{0}100(130).

51. Hán: a-lê 阿黎. Paøli: ayya, cách xưng hô của người nhỏ với người lớn.

chúng sanh và khen ngợi an ủi tất cả chúng sanh, thì ông nên hỏi lại rằng: 'Nếu muốn an ủi tất cả chúng sanh, vậy thì vì sao chỉ vì một hạng người này nói pháp mà không vì một hạng người kia mà nói pháp?' Hỏi như vậy thì đó gọi là 'Tật-lê luận' sẽ làm cho Sa-môn Cù-đàm muốn nói cũng không được, không muốn nói cũng không được."

Bấy giờ, thôn trưởng Đao Sư Thị được sự khuyến khích của Ni-kiền rồi, đi đến chỗ Phật cung kính chào hỏi; sau khi cung kính chào hỏi xong ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

"Thưa Cù-đàm, Ngài há không thường muốn an ủi tất cả chúng sanh và khen ngợi nói lời an ủi tất cả chúng sanh?"

Phật bảo thôn trưởng:

"Lúc nào Như Lai cũng thương xót, an ủi tất cả chúng sanh và lúc nào cũng khen ngợi nói lời an ủi tất cả chúng sanh."

Thôn trưởng bạch Phật rằng:

"Nếu như vậy, thì tại sao Như Lai chỉ vì một hạng người này nói pháp, mà không vì một hạng người kia nói pháp?"

Phật bảo thôn trưởng:

"Bây giờ, Ta hỏi ông, ông cứ tùy ý mà đáp cho Ta.

"Này thôn trưởng, thí như có ba loại ruộng: Loại ruộng thứ nhất thì mầu mỡ, phì nhiêu; loại ruộng thứ hai thì trung bình; loại ruộng thứ ba thì cằn cỗi.

"Thế nào thôn trưởng, người chủ của những đám ruộng kia, trước tiên cày bừa, gieo giống vào đám ruộng nào?"

Thôn trưởng nói:

"Thưa Cù-đàm, trước tiên là phải cày bừa, gieo giống xuống đám ruộng mầu mỡ phì nhiêu nhất."

"Này thôn trưởng, kế đến lại phải cày bừa, gieo giống xuống đám ruộng nào?"

Thôn trưởng nói:

"Thưa Cù-đàm, kế đến cày bừa, gieo giống xuống đám ruộng trung bình."

Phật bảo thôn trưởng:

"Kế đến lại phải cày bừa, gieo giống xuống đám ruộng nào?"

Thôn trưởng thưa:

"Kế đến cày bừa, gieo giống xuống đám ruộng cằn cỗi xấu

nhất."

Phật bảo thôn trưởng:

"Vì sao như vậy?"

Thôn trưởng thưa:

"Vì họ không muốn bỏ phế ruộng chỉ giữ lại giống mà thôi!"

Phật bảo thôn trưởng:

"Ta cũng như vậy, như đám ruộng mầu mỡ, phì nhiêu kia, các Tỳ-kheo Tỳ-kheo-ni của Ta lại cũng như vậy. Ta thường vì họ mà giảng nói Chánh pháp, lúc đầu, khoảng giữa và sau cùng đều thiện, nghĩa thiện, vị thiện, thanh tịnh thuần nhất, phạm hạnh thanh bạch, khai thị rõ ràng. Sau khi họ nghe pháp rồi, nương vào nhà của Ta, đạo của Ta, sự che chở của Ta, bóng mát của Ta, đường hướng của Ta, lúc nào cũng dùng tịnh nhãn nhìn theo Ta mà sống và tự nghĩ như vầy: 'Những pháp mà Phật đã nói ra, ta đều thọ trì, luôn luôn đem lại cho ta ý nghĩa lợi ích và sống an ổn an vui.'

"Này thôn trưởng, như đám ruộng trung bình kia, các đệ tử Ưu-bà-tắc và Ưu-bà-di của Ta cũng lại như vậy. Ta cũng vì họ giảng nói Chánh pháp ban đầu, khoảng giữa, sau cùng đều thiện, nghĩa thiện, vị thiện, thanh tịnh thuần nhất, phạm hạnh thanh bạch, khai thị rõ ràng. Sau khi họ nghe pháp xong, nương vào nhà của Ta, đạo của Ta, sự che chở của Ta, bóng mát của Ta, đường hướng của Ta, mà lúc nào cũng dùng tịnh nhãn nhìn theo Ta mà sống và nghĩ như vầy: 'Những pháp Thế Tôn đã nói ra ta đều thọ trì luôn luôn đem lại cho ta ý nghĩa lợi ích, sống an ổn, an lạc.

"Này thôn trưởng, như đám ruộng xấu nhất của nhà nông kia, cũng vậy, Ta vì các dị học ngoại đạo Ni-kiền Tử, cũng vì họ mà nói pháp, pháp ban đầu, khoảng giữa, sau cùng đều thiện, nghĩa thiện, vị thiện, thanh tịnh thuần nhất, phạm hạnh thanh bạch, khai thị rõ ràng. Song đối với những người ít nghe pháp, Ta cũng vì họ mà nói và những người nghe pháp nhiều Ta cũng vì họ mà nói. Nhưng trong số những người này, đối với việc khéo nói pháp của Ta, đạt được một câu pháp mà biết được ý nghĩa của nó, thì cũng lại nhờ nghĩa lợi này mà sống yên ổn an lạc mãi mãi."

Bấy giờ, thôn trưởng bạch Phật:

"Thật là kỳ diệu, Thế Tôn! Ngài đã khéo nói thí dụ về ba loại

ruộng như vậy."

Phật bảo thôn trưởng:

"Ông hãy lắng nghe Ta cho thí dụ khác: Như một người có ba loại đồ vật đựng nước: loại thứ nhất không bị thủng, không bị hư, cũng không bị thấm rỉ; loại thứ hai tuy không bị thủng, không bị hư, nhưng bị thấm rỉ; loại thứ ba thì vừa bị thủng, vừa bị hư, lại vừa bị thấm rỉ nữa.

"Thế nào, thôn trưởng, trong ba loại đồ đó người kia sẽ chọn loại nào để đựng nước sạch?"

Thôn trưởng nói:

"Thưa Cù-đàm, trước hết là nên dùng loại không bị thủng, không bị hư, không bị thấm rỉ để đựng nước."

Phật bảo thôn trưởng:

"Tiếp đến lại nên dùng loại nào để đựng nước?"

Thôn trưởng nói:

"Thưa Cù-đàm, kế đến nên đem loại không bị thủng, không bị hư, nhưng bị thấm rỉ để đựng nước."

Phật bảo thôn trưởng:

"Hai loại kia đã đầy rồi, sau cùng lại dùng loại nào để đựng nước?"

Thôn trưởng nói:

"Sau cùng phải dùng loại vừa bị thủng, bị hư, bị thấm rỉ để đựng nước thôi! Vì sao? Vì chỉ tạm thời dùng vào việc nhỏ trong chốc lát."

Phật bảo thôn trưởng:

"Giống như loại đồ của người kia không bị thủng, không bị hư, không bị thấm rỉ, các đệ tử Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni của Ta lại cũng như vậy. Ta thường vì họ giảng nói Chánh pháp,... cho đến luôn luôn vì nghĩa lợi, mà sống an ổn an vui.

"Giống như loại đồ thứ hai tuy không bị thủng, không bị hư, nhưng lại bị thấm rỉ, các đệ tử Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di của Ta lại cũng như vậy. Ta thường vì họ giảng nói Chánh pháp,... cho đến luôn luôn vì nghĩa lợi, mà sống an ổn an vui.

"Giống như loại đồ thứ ba vừa bị thủng, bị hư, bị thấm rỉ; các đệ tử dị học ngoại đạo của Ni-kiền lại cũng như vậy. Ta thường vì họ giảng nói Chánh pháp, ban đầu, khoảng giữa, sau cùng đều thiện,

nghĩa thiện, vị thiện, hoàn toàn thanh tịnh thuần nhất, phạm hạnh thanh bạch, khai thị rõ ràng, dù nhiều hay ít Ta cũng vì họ mà nói. Nếu đối với một câu nói pháp của Ta mà họ biết được nghĩa của nó, thì cũng được sống an ổn, an vui mãi mãi."

Lúc thôn trưởng Đao Sư Thị nghe những gì Phật nói, tâm sợ hãi vô cùng, lông toàn thân dựng đứng lên, liền đến trước Phật lễ dưới chân, sám hối những lỗi lầm:

"Bạch Thế Tôn, con như ngu, như si, không tốt, không hiểu biết; đối với Thế Tôn con đã nói những lời lừa dối hư trá không chân thật."

Sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ tùy hỷ làm lễ mà lui.

M

KINH 916. ĐAO SƯ THỊ (3)[52]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Hảo y Yêm-la tại thôn Na-la. Bấy giờ có thôn trưởng Đao Sư Thị đệ tử của Ni-kiền, đến chỗ Phật đảnh lễ dưới chân, rồi ngồi lui qua một bên. Lúc ấy Thế Tôn bảo thôn trưởng:

"Ông muốn bàn luận về những vấn đề gì? Ni-kiền Nhã-đề Tử đã nói những gì?"

Thôn trưởng nói:

"Ni-kiền Nhã-đề Tử nói: Người sát sanh, tất cả đều đọa vào trong địa ngục. Vì hành nhiều, nên sẽ dẫn đến nơi đó[53]. Cũng vậy, trộm cắp, tà dâm, nói dối cũng đều đọa vào trong địa ngục, vì hành nhiều, nên sẽ dẫn đến nơi đó."

Phật bảo thôn trưởng:

"Nếu như Ni-kiền Nhã-đề Tử nói: Người sát sanh, tất cả đều đọa vào trong địa ngục. Vì hành nhiều, nên sẽ dẫn đến nơi đó. Nếu vậy, sẽ không có chúng sanh đọa vào trong địa ngục! Vậy này thôn trưởng, ý ông thế nào? Những chúng sanh nào bất cứ lúc nào cũng có tâm sát sanh? Lúc nào họ lại có tâm không sát sanh,... cho đến lúc nào có tâm

52. Paøli, S. 42.8. Saíkha.

53. Paøli: yaöbahulaö yaöbahulaö tena tena nìyatì ti, nó bị lôi kéo đi bởi những gì mà nó hành nhiều.

nói dối, lúc nào có tâm không nói dối?"

Thôn trưởng bạch Phật rằng:

"Bạch Thế Tôn, đối với ngày đêm, con người ít khi có tâm sát sanh,... cho đến ít khi có tâm nói dối, mà phần nhiều là không có tâm sát sanh,... cho đến nói dối."

Phật bảo thôn trưởng:

"Nếu như vậy, há chẳng phải không có người đọa vào trong địa ngục sao? Như những gì Ni-kiền Nhã-đề Tử nói: Người sát sanh, tất cả đều đọa vào trong địa ngục, vì hành nhiều, nên sẽ dẫn đến nơi đó,... cho đến nói dối cũng lại như vậy.'

"Này thôn trưởng, bậc Đại Sư kia, xuất hiện ở thế gian, bằng giác tưởng suy lường, nhập vào cõi giác tưởng mà an trú; đối với địa vị phàm phu tự đặt những điều được nói, nói, suy lường theo ý riêng, vì các đệ tử mà nói pháp như vầy: 'Ai sát sanh, tất cả đều đọa vào trong địa ngục, vì đã tập hành nhiều nên sẽ dẫn đến nơi đó,... cho đến nói dối cũng lại như vậy.' Các đệ tử của vị ấy, nếu tin vào những lời nói ấy, cho rằng: 'Đại Sư của ta biết những gì cần biết, thấy những gì cần thấy, có thể vì các đệ tử nói như vầy: 'Nếu ai sát sanh thì tất cả đều đọa vào trong địa ngục vì đã tập hành nhiều nên sẽ dẫn đến nơi đó.' Ta vốn có tâm sát sanh, trộm cắp, tà dâm, nói dối nên sẽ bị đọa vào trong địa ngục.' Vì mắc vào tri kiến như vậy,... cho đến không bỏ được tri kiến này, nên chẳng chán cái nghiệp kia, chẳng biết hối cải nó; và đối với đời vị lai cũng chẳng bỏ được sát sanh,... cho đến chẳng bỏ được nói dối. Ý giải thoát[54] của họ không đầy đủ, tuệ giải thoát cũng không đầy đủ; vì ý giải thoát đã không đầy đủ, tuệ giải thoát không đầy đủ, nên đó là tà kiến hủy báng Hiền thánh. Vì nhân duyên tà kiến, nên sau khi thân hoại mạng chung sẽ sanh vào trong đường ác địa ngục.

"Như vậy, này thôn trưởng, có nhân, có duyên chúng sanh phiền não[55]; có nhân, có duyên mà nghiệp của chúng sanh phiền não[56].

"Này thôn trưởng, Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, Minh

---

54. Ý giải thoát □𝒩 ,𝒟 ²𝑖/𝒜 tức tâm giải thoát. Paøli: cetovimutti.

55. Hán: phiền não □𝒟 ,ℒ/𝒜 ở đây được hiểu là ô nhiễm.

56. Tức nghiệp bị ô nhiễm.

Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn xuất hiện ở đời, thường vì chúng sanh mà quở trách việc sát sanh, khen ngợi việc không sát sanh; quở trách việc trộm cắp, tà dâm, nói dối, mà khen ngợi việc không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối và thường đem pháp này giáo hóa, nhắc nhở lại các bậc Thanh văn làm cho tin ưa, nhớ đến là: 'Đại Sư của ta biết rõ những điều cần biết, thấy những điều cần thấy, nên quở trách việc sát sanh, khen ngợi việc không sát sanh,... cho đến quở trách việc nói dối, khen ngợi việc không nói dối. Từ trước tới nay, vì ta ngu si không có trí tuệ nên có tâm sát sanh, do đó nên nay ta tự ăn năn trách mình.' Tuy không thể làm cho những nghiệp kia không sanh khởi nữa, nhưng nhờ vào sự ăn năn tự trách này, mà đời vị lai xa lìa được sát sanh,... cho đến xa lìa được trộm cắp, tà dâm, nói dối và cũng được chánh ý giải thoát đầy đủ, tuệ giải thoát đầy đủ. Khi ý giải thoát, tuệ giải thoát đã đầy đủ rồi, sẽ không còn hủy báng Hiền thánh nữa, thành tựu được chánh khiến. Vì nhờ chánh kiến nên được sanh về đường lành ở cõi trời.

"Như vậy, này thôn trưởng, có nhân, có duyên khiến nghiệp của chúng sanh phiền não hay thanh tịnh.

"Này thôn trưởng, Thánh đệ tử đa văn kia phải học như vầy: 'Tùy theo ngày đêm mà quán sát biết có tâm sát sanh khởi ít, biết có tâm không sát sanh khởi nhiều. Nếu có tâm sát sanh, thì sẽ ăn năn tự trách mình là chẳng đúng, chẳng tốt. Nếu không có tâm sát sanh, thì sẽ không có sự oán thù, tâm sanh tùy hỷ. Do tùy hỷ, hoan hỷ sanh. Do hoan hỷ sanh, tâm khinh an. Do tâm khinh an, tâm cảm thọ lạc. Do cảm thọ lạc, tâm định. Do tâm định, tâm của vị Thánh đệ tử câu hữu với Từ, không còn oán hận, không còn ganh ghét, không còn sân nhuế, rộng lớn vô cùng, bao trùm cả một phương, an trụ chánh thọ. Từ hai phương, ba phương cho đến bốn phương, bốn bên trên, dưới khắp cả thế gian tâm đều câu hữu với Từ, không còn oán hận, không còn ganh ghét, không còn sân nhuế, rộng lớn vô cùng, nếu khéo tu tập đầy khắp các phương, an trụ chánh thọ đầy đủ."

Bấy giờ, Thế Tôn dùng móng tay quệt một tí đất rồi bảo thôn trưởng Đao Sư Thị rằng:

"Thế nào thôn trưởng, đất trong móng tay Ta là nhiều hay đất

đại địa nhiều?"

Thôn trưởng bạch Phật rằng:

"Bạch Thế Tôn, đất trong móng tay rất là ít so với đất đại địa vô lượng vô số."

Phật bảo thôn trưởng:

"Như đất đã quệt ở trên là quá ít so với số đất đại địa vô lượng. Cũng vậy, đối với người tu tập tâm câu hữu với Từ, tu tập nhiều, các nghiệp có số lượng như đất đã quệt ở trên, không thể mang đi, không thể khiến trụ. Cũng vậy, nếu dùng tâm Bi để đối trị với trộm cắp, dùng tâm Hỷ để đối trị với tà dâm, dùng tâm Xả để đối trị với nói dối, thì sẽ không so sánh được!"

Trong khi Phật nói những lời này, thôn trưởng Đao Sư Thị, xa lìa trần cấu, đắc pháp nhãn tịnh. Thôn trưởng thấy pháp, đắc pháp, hiểu pháp, biết pháp, thâm nhập pháp, xa lìa các nghi hoặc, không do người khác, không theo người khác, được vô sở úy ở trong Chánh pháp luật. Từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, quỳ gối bên hữu sát đất, chắp tay bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, con đã được độ! Bạch Thế Tôn, con đã siêu việt! Bạch Thế Tôn, hôm nay con xin nương về Phật, nương về Pháp, nương về Tăng Tỳ-kheo, suốt đời con xin làm Ưu-bà-tắc. Thí như người muốn tìm đèn sáng, lấy đuôi ngựa làm tim đèn, muốn thổi cho lửa bừng lên, nhưng cuối cùng không được sáng, cũng chỉ tự làm mệt mình chứ đèn thì không bao giờ sáng. Con cũng như vậy, muốn tìm minh trí nơi các Ni-kiền Tử ngu si, mà gần gũi với ngu si, hòa hợp với ngu si, phụng sự một cách ngu si, cũng chỉ tự làm khổ mệt mình, chứ không bao giờ được minh trí. Cho nên, hôm nay lần thứ hai con xin nương về Phật, nương về Pháp, nương về Tăng Tỳ-kheo. Từ nay trở đi, đối với Ni-kiền Tử ngu si, không tốt, không hiểu biết kia ít tin, ít kính, ít quý mến, ít nhớ đến, nay xa lìa họ. Thế nên, hôm nay lần thứ ba con xin nương về Phật, nương về Pháp, nương về Tăng Tỳ-kheo, nguyện suốt đời làm Ưu-bà-tắc, tự làm sạch tâm mình."

Sau khi thôn trưởng Đao Sư Thị nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ tùy hỷ, làm lễ mà lui.

M

KINH 917. TAM CHỦNG ĐIỀU MÃ[57]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Thế gian có ba loại ngựa để điều phục[58]. Những gì là ba? Có loại nhanh nhạy hoàn toàn, nhưng sắc không hoàn toàn, hình thể không đầy đủ; có loại ngựa sắc hoàn toàn, nhanh nhạy hoàn toàn, nhưng hình thể không đầy đủ; có loại ngựa nhanh nhạy hoàn toàn, sắc hoàn toàn và hình thể đầy đủ. Cũng vậy, có ba hạng người điều phục được. Những gì là ba? Có hạng người bén nhạy hoàn toàn, nhưng sắc không hoàn toàn, hình thể không đầy đủ; có hạng người bén nhạy hoàn toàn, sắc hoàn toàn, nhưng hình thể không đầy đủ; có hạng người bén nhạy hoàn toàn, sắc hoàn toàn và hình thể cũng đầy đủ.

"Này Tỳ-kheo, thế nào là hạng người bén nhạy hoàn toàn, nhưng sắc không toàn vẹn, hình thể không đầy đủ, không điều phục được? Hạng người biết như thật rằng 'Đây là Khổ', 'Đây là Khổ tập', 'Đây là Khổ diệt', 'Đây là Khổ diệt đạo'. Quán như vậy mà đoạn tận ba kết: thân kiến, giới thủ và nghi. Đoạn tận ba kết này thì được Tu-đà-hoàn, không còn bị rơi vào pháp đường ác, quyết định hướng đến Chánh giác; chỉ còn bảy lần qua lại Trời, Người, rốt ráo thoát khổ. Đó gọi là bén nhạy hoàn toàn. Thế nào là sắc không đầy đủ? Nếu có ai hỏi về Luận, Luật mà không thể dùng lời nói, ý nghĩa đầy đủ để theo đó thứ tự trình bày đầy đủ, đó gọi là sắc không đầy đủ. Thế nào là hình thể không đầy đủ? Chẳng phải đức lớn, tiếng tăm, mà cảm hóa đến những thứ như: y phục, đồ ăn thức uống, giường nằm, thuốc men. Đó gọi là người bén nhạy hoàn toàn, nhưng sắc không đầy đủ và hình thể không đầy đủ.

"Thế nào gọi là hạng người bén nhạy hoàn toàn, sắc đầy đủ, nhưng hình thể không đầy đủ? Hạng người biết như thật rằng 'Đây là Khổ', 'Đây là Khổ tập', 'Đây là Khổ diệt', 'Đây là Khổ diệt đạo'... *cho đến* rốt ráo thoát khổ, đó gọi là bén nhạy hoàn toàn. Thế nào là sắc đầy đủ? Nếu có người hỏi về Luận, Luật... *cho đến* có thể vì họ mà giải nói, đó gọi là sắc đầy đủ. Thế nào gọi là hình thể không đầy đủ? Chẳng phải đức lớn, tiếng tăm, nên không thể cảm hóa đến: y

---

57. Ấn Thuận Hội Biên, tương ưng 43, "Mã tương ưng" gồm mười kinh, 13257-13266 (Đại Chánh, 917-926). Phần lớn tương đương các kinh thuộc Aíguttara. Đại Chánh kinh 917, Paøli, A. 3.137. Assakhaôuíka. Cf. N^{0}100(143)

58. Điều mã ½ ¯ ° ƒ N^{0}100(143): bất điều chi mã, ngựa chưa được huấn luyện. Paøli: assakhaluíka.

phục, đồ ăn thức uống, ngọa cụ, thuốc men, đó gọi là người bén nhạy hoàn toàn, sắc đầy đủ, nhưng hình thể không đầy đủ.

"Thế nào là hạng người bén nhạy hoàn toàn, sắc đầy đủ, hình thể đầy đủ? Hạng người biết như thật rằng 'Đây là Khổ', 'Đây là Khổ tập', 'Đây là Khổ diệt', 'Đây là Khổ diệt đạo'... *cho đến* rốt ráo thoát khổ, thì đó gọi là nhạy bén hoàn toàn. Thế nào là sắc đầy đủ? Nếu có ai hỏi về Luận, Luật,... *cho đến* có thể giải nói, đó gọi là sắc đầy đủ. Những gì là hình thể đầy đủ? Đức lớn, tiếng tăm,... *cho đến* ngọa cụ, thuốc men, đó gọi là hình thể đầy đủ; và đó cũng gọi là hạng người bén nhạy hoàn toàn, sắc đầy đủ, hình thể đầy đủ."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 918. THUẬN LƯƠNG MÃ[59]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Thế gian có ba loại ngựa tốt. Những gì là ba? Có loại ngựa nhanh nhạy đầy đủ, nhưng sắc chẳng đầy đủ, hình thể chẳng đầy đủ; có loại ngựa nhanh nhạy đầy đủ, sắc đầy đủ, nhưng hình thể không đầy đủ; có loại ngựa nhanh nhạy đầy đủ, sắc đầy đủ, hình thể đầy đủ. Ở trong Chánh pháp luật cũng có ba hàng thiện nam. Những gì là ba? Có hàng thiện nam nhanh nhạy đầy đủ, nhưng sắc không đầy đủ, hình thể chẳng đầy đủ; có hàng thiện nam nhanh nhạy đầy đủ, sắc đầy đủ, nhưng hình thể không đầy đủ; có hàng thiện nam nhanh nhạy đầy đủ, sắc đầy đủ, hình thể đầy đủ.

"Thế nào là hàng thiện nam nhanh nhạy đầy đủ, nhưng sắc không đầy đủ, hình thể không đầy đủ? Hàng thiện nam biết như thật về Khổ Thánh đế, biết như thật về sự Tập khởi khổ Thánh đế, biết như thật về sự Diệt tận khổ Thánh đế, biết như thật về Con đường đưa đến sự Diệt tận khổ Thánh đế. Khi đã biết như vậy, đã thấy như vậy rồi, trừ được năm hạ phần kết sử đó là: thân kiến, giới thủ, nghi, tham dục và sân nhuế. Sau khi đã đoạn được năm hạ phần kết sử này rồi thì được Sanh Bát-niết-bàn, chứng A-na-hàm, không sanh trở lại cõi đời này nữa. Đó gọi là hàng thiện nam nhanh nhạy đầy đủ. Thế nào là sắc không đầy đủ? Nếu có ai hỏi về Luận, Luật mà không có khả năng hiểu

59. Paøli, A. 3.138 Assadassa. Cf. N^{0}100(144).

rõ hình thức cũng như ý nghĩa của nó để theo đó lần lượt quyết định giải nói, đó gọi là sắc không đầy đủ. Thế nào là hình thể không đầy đủ? Chẳng phải tiếng tăm, đức lớn, mà có khả năng cảm hóa tài lợi, cúng dường, y phục, đồ ăn thức uống, thuốc men tùy bệnh, đó gọi là hàng thiện nam nhanh nhạy đầy đủ, nhưng sắc chẳng đầy đủ, hình thể chẳng đầy đủ.

"Thế nào là nhanh nhạy đầy đủ, sắc đầy đủ, nhưng hình thể chẳng đầy đủ? Hàng thiện nam biết như thật về Khổ Thánh đế này,... *cho đến* đạt được Sanh Bát-niết-bàn, chứng A-na-hàm, không sanh trở lại đời này nữa, đó gọi là nhanh nhạy đầy đủ. Thế nào là sắc đầy đủ? Nếu có ai hỏi về Luận, Luật, có khả năng đem văn nghĩa lần lượt tùy thuận quyết định mà giải nói, thì đó gọi là sắc đầy đủ. Thế nào là hình thể chẳng đầy đủ? Chẳng phải tiếng tăm, đức lớn, mà có khả năng cảm hóa tài lợi, cúng dường, y phục, đồ ăn thức uống, thuốc men tùy bệnh, thì đó gọi là thiện nam nhanh nhạy đầy đủ, sắc đầy đủ, nhưng hình thể chẳng đầy đủ.

"Thế nào là thiện nam nhanh nhạy đầy đủ, sắc đầy đủ, hình thể đầy đủ? Hàng thiện nam biết như thật về Khổ Thánh đế này,... *cho đến* chứng đạt Sanh Bát-niết-bàn A-na-hàm, không còn sanh trở lại cõi đời này nữa, đó gọi là nhanh nhạy đầy đủ. Thế nào là sắc đầy đủ? Nếu có ai hỏi về Luận, Luật,... *cho đến* mà vì họ giải nói, đó gọi là sắc đầy đủ. Thế nào là hình thể đầy đủ? Là tiếng tăm, đức lớn có khả năng cảm hóa tài lợi,... *cho đến* các loại thuốc men, thì đó gọi là hình thể đầy đủ, đó cũng gọi là hành thiện nam nhanh nhạy đầy đủ, sắc đầy đủ, hình thể đầy đủ."

Sau khi Phật dạy kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, hoan hỷ vâng làm.

❑

TẠP A HÀM QUYỂN 33

KINH 919[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà tại thành Vương xá. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Thế gian có ba loại ngựa hay. Những gì là ba? Có loại ngựa có đủ sự nhanh nhẹn, nhưng chẳng có đủ sắc, chẳng có đủ hình thể; có loại ngựa có đủ nhanh nhẹn, có đủ sắc, nhưng chẳng có đủ hình thể; có loại ngựa có đủ nhanh nhẹn, có đủ sắc, cũng có đủ hình thể. Cũng vậy, ở trong Pháp luật này có ba hàng thiện nam. Những gì là ba? Có hàng thiện nam có đủ nhanh nhẹn, nhưng chẳng có đủ sắc, chẳng có đủ hình thể; có hàng thiện nam có đủ nhanh nhẹn, có đủ sắc, nhưng chẳng có đủ hình thể; có hàng thiện nam có đủ nhanh nhẹn, có đủ sắc, có đủ hình thể.

"Thế nào là hàng thiện nam có đủ nhanh nhẹn, nhưng chẳng có đủ sắc, chẳng có đủ hình thể? Hàng thiện nam biết như thật 'Đây là Khổ Thánh đế', biết như thật 'Đây là Khổ tập Thánh đế', biết như thật 'Đây là Khổ diệt Thánh đế', biết như thật 'Đây là Khổ diệt đạo Thánh đế'. Biết như vậy, thấy như vậy, tâm giải thoát dục hữu lậu, tâm giải thoát hữu hữu lậu, tâm giải thoát vô minh hữu lậu, biết rằng 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa', đó gọi là có đủ nhanh nhẹn. Thế nào là chẳng có đủ sắc? Nếu có ai hỏi về Luận, Luật[2],... *cho đến* không thể vì người mà giải nói, đó gọi là chẳng có đủ sắc. Thế nào là chẳng có đủ hình thể? Chẳng phải tiếng tăm, đức lớn,... *cho đến* chẳng cảm hóa được thuốc men các loại, đó gọi là chẳng có đủ hình thể, hay đó cũng gọi là thiện nam có đủ nhanh nhẹn, nhưng chẳng có đủ sắc, chẳng có đủ hình thể.

"Thế nào là hàng thiện nam có đủ nhanh nhẹn, có đủ sắc, nhưng

---

1. Đại Chánh, quyển 33. Ấn Thuận Hội Biên, "43. Tương ưng Mã" tiếp theo. Quốc Dịch quyển 46. Paøli, A. 3.139 Assaøjaønuya; 9.22 Khaluíka. Tham chiếu, N^{0}100(145).

2. Bản Paøli: abhidhamme abhivinaye paóhaö, hỏi về Thắng pháp, Thắng luật.

chẳng có đủ hình thể? Hàng thiện nam biết như thật 'Đây là Khổ Thánh đế,... *cho đến* không còn tái sanh đời sau nữa', đó gọi là có đủ nhanh nhạy. Thế nào là có đủ sắc? Nếu có ai hỏi về Luận, Luật,... *cho đến* có thể vì họ quyết định giải nói, đó gọi là có đủ sắc. Thế nào là chẳng có đủ hình thể? Chẳng phải tiếng tăm, đức lớn,... *cho đến* không thể cảm hóa được thuốc men các loại, đó gọi là hàng thiện nam có đủ nhanh nhẹn, có đủ sắc, nhưng chẳng có đủ hình thể.

"Thế nào là hàng thiện nam có đủ nhanh nhẹn, có đủ sắc, cũng có đủ hình thể? Hàng thiện nam biết như thật 'Đây là Khổ Thánh đế,... *cho đến* không còn tái sanh đời sau nữa', đó gọi là có đủ nhanh nhẹn. Thế nào là sắc có đủ? Hàng thiện nam nếu có ai hỏi về Luận, Luật,... *cho đến* có thể vì họ quyết định giải nói, đó gọi là có đủ sắc. Thế nào là có đủ hình thể? Hàng thiện nam tiếng tăm, đức lớn,... *cho đến* thể cảm hóa thuốc men các loại, đó gọi có đủ hình thể, hay đó gọi là hàng thiện nam có đủ nhanh nhẹn, có đủ sắc, có đủ hình thể."

Sau khi Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 920. TAM[3]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà tại thành Vương xá. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Thế gian có ba loại ngựa tốt được vua dùng để kéo xe. Những gì là ba? Loại ngựa tốt có đủ sắc, có đủ lực, có đủ nhanh nhẹn. Cũng vậy, ở Chánh pháp luật cũng có ba hàng thiện nam, là nơi thế gian phụng sự, cúng dường cung kính, là ruộng phước trên hết. Những gì là ba? Hàng thiện nam có đủ sắc, có đủ lực, có đủ nhanh nhẹn.

"Thế nào là có đủ sắc? Là hàng thiện nam sống an trụ tịnh giới, luật nghi Ba-la-đề-mộc-xoa, có đầy đủ oai nghi hành xử, thấy tội vi tế thường phát sanh lòng sợ hãi, thọ trì học giới. Đó gọi là có đủ sắc. Thế nào là có đủ lực? Đối với pháp ác bất thiện đã sanh khiến đoạn diệt,

---

3. Paøli, A.94-96 AØjaøniya. Cf. N^{0}100(146).

phát khởi ý dục, tinh cần phương tiện, nhiếp thọ tăng trưởng. Đối với pháp ác bất thiện chưa sanh không cho sanh khởi, phát khởi ý dục, tinh cần phương tiện, nhiếp thọ tăng trưởng. Đối với pháp thiện chưa sanh khiến sanh khởi, phát khởi ý dục, tinh cần phương tiện, nhiếp thọ tăng trưởng. Đối với pháp thiện đã sanh, an trụ không cho mất, phát khởi ý dục, tinh cần phương tiện, nhiếp thọ tăng trưởng. Đó gọi là có đủ lực. Thế nào là có đủ nhanh nhẹn? Là biết như thật 'Đây là Khổ Thánh đế',... *cho đến* đạt được A-la-hán, không còn tái sanh đời sau nữa, đó gọi là có đủ nhanh nhẹn, hay gọi là hàng thiện nam có đủ sắc, có đủ lực, có đủ nhanh nhẹn."

Sau khi Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 921. TỨ[4]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà tại thành Vương xá. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Ngựa tốt thế gian có đủ bốn năng lực[5], nên biết chúng được vua dùng để kéo xe. Những gì là bốn? Đó là khôn ngoan[6], nhanh nhẹn, kham năng, thuần tánh[7]. Cũng vậy, hàng thiện nam thành tựu bốn đức, được thế gian tôn trọng, phụng sự cúng dường, là đám ruộng phước trên hết. Những gì là bốn? Là thiện nam thành tựu giới thân vô học, định thân vô học, tuệ thân vô học và giải thoát thân vô học."

Sau khi Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

---

4. Paøli, A. 4.256-257. AØjaøniya. Cf. N^{0}100(147).
5. Để bản: năng □. Tống-Nguyên-Minh: chủng ⁰. Bản Paøli: raóóo bhaddo assaøjaøniyo, ngựa tốt khôn ngoan của vua.
6. Hán: hiền thiện ½ □½. Paøli: bhaddo; xem cht. 6 ở trên.
7. Bốn yếu tố, theo bản Paøli: vaòòasampanno, balasampanno, javasampanno, aørohapariòaøhasampanno: có sắc, có lực, có sự nhanh nhẹn, có thân hình cao lớn.

KINH 922. TIÊN ẢNH[8]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà tại thành Vương xá. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Thế gian có bốn loại ngựa tốt. Có loại ngựa tốt đóng vào xe làm xe thăng bằng, nhìn thấy bóng roi liền chạy nhanh, biết cách nhìn những động tác người điều khiển, nhanh chậm, phải trái theo ý người điều khiển. Này Tỳ-kheo, đó là cái đức thứ nhất của con ngựa tốt thế gian.

"Lại nữa, Tỳ-kheo, thế gian có loại ngựa tốt không thể nhìn bóng roi mà tự sợ hãi, nhưng nếu dùng roi gậy chạm vào lông đuôi của nó, có thể làm cho nó sợ hãi chạy nhanh, tùy theo ý của người điều khiển mà chạy nhanh hay chậm, bên phải hay bên trái. Đó gọi là loại ngựa tốt thứ hai thế gian.

"Lại nữa, Tỳ-kheo, hoặc thế gian có loại ngựa tốt không thể nhìn bóng roi hay để chạm vào lông da mới có thể theo ý người, mà phải dùng đến roi gậy đánh nhẹ vào da thịt, mới có thể sợ hãi chạy, theo ý người điều khiển, chạy nhanh hay chậm, bên phải hay bên trái, này Tỳ-kheo, đó gọi là ngựa tốt thứ ba.

"Lại nữa, Tỳ-kheo, thế gian có loại ngựa tốt không thể nhìn bóng roi và chạm vào lông da, hay đánh nhẹ vào da thịt, mà phải dùng dùi sắt đâm vào thân, xuyên suốt qua da, đả thương xương cốt, khi đó ngựa mới kinh hãi kéo xe, trên đường chậm hay nhanh, phải hay trái theo ý người điều khiển, đó gọi là loại ngựa tốt thứ tư của thế gian.

"Cũng vậy, trong Chánh pháp luật cũng có bốn hàng thiện nam. Những gì là bốn? Hàng thiện nam khi nghe những người nam người nữ chòm xóm láng giềng khác bị tật bệnh khốn khổ cho đến sắp chết; nghe vậy liền phát sanh lòng sợ hãi với chánh tư duy, như con ngựa tốt kia chỉ cần nhìn bóng roi là điều khiển nó được. Đó gọi là hàng thiện nam thứ nhất ở trong Chánh pháp luật có khả năng tự điều phục.

---

8. Bóng roi. Paøli, A. 4.113 Patoda. Cf. N^{0}100(148).

"Lại nữa, có hàng thiện nam không do nghe những người nam người nữ chòm xóm láng giềng khác bị khổ vì lão bệnh tử sanh lòng sợ hãi với chánh tư duy, nhưng phải thấy những người nam người nữ chòm xóm láng giềng khác bị khổ vì lão bệnh tử thì mới sanh lòng sợ hãi với chánh tư duy, như con ngựa tốt kia cần chạm vào lông đuôi của nó, thì có thể nhanh chóng điều phục theo ý người điều khiển. Đó gọi là hàng thiện nam thứ hai ở trong Chánh pháp luật có khả năng tự điều phục.

"Lại nữa, có hàng thiện nam không do nghe, thấy những người nam nữ chòm xóm láng giềng khác bị khổ vì lão bệnh tử mà sanh lòng sợ hãi với chánh tư duy; nhưng vì thấy thành ấp chòm xóm có những người quen biết, thân thuộc bị khổ vì lão bệnh tử nên sanh lòng sợ hãi với chánh tư duy. Như con ngựa tốt kia, phải bị roi chạm vào da thịt, sau đó mới chịu theo ý điều phục người điều khiển, đó gọi là hàng thiện nam ở trong Chánh pháp luật có thể tự điều phục.

"Lại nữa, có hàng thiện nam không do nghe thấy những người nam nữ chòm xóm láng giềng khác và những người thân thuộc bị khổ vì lão bệnh tử nên sanh lòng sợ hãi với chánh tư duy; nhưng chính tự thân bị khổ vì lão bệnh tử mới sanh lòng nhàm tởm sợ hãi với chánh tư duy. Như con ngựa tốt kia, phải bị đâm vào da thịt thấu xương cốt, sau đó mới chịu theo ý điều phục của người điều khiển, thì đó gọi là hàng thiện nam thứ tư ở trong Chánh pháp luật có thể tự điều phục."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dã dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 923. CHỈ-THI[9]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, tại thành

9. Paøli, A. 4.111 Kesi.

Vương xá. Bấy giờ, có người luyện ngựa tên là Chỉ-thi[10] đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật rằng:

"Con coi thế gian thật là đáng khinh miệt, giống như bầy dê. Thế Tôn! Chỉ có con mới có khả năng điều phục ngựa điên, ngựa hoang, ngựa dữ. Con có phương pháp, chỉ cần trong giây lát là có thể khiến cho những chứng tật của chúng hiện ra và tùy theo tật đó mà có cách điều phục."

Phật bảo chủ tụ lạc luyện ngựa:

"Ông có bao nhiêu cách để điều phục ngựa?"

Người luyện ngựa bạch Phật:

"Có ba cách để điều phục ngựa dữ. Những gì là ba? Một là mềm dịu, hai là thô cứng, ba là vừa mềm dịu vừa thô cứng."

Phật bảo chủ tụ lạc:

"Ông dùng ba phương cách này để điều phục ngựa, nếu không điều phục được, thì nên làm thế nào."

Người luyện ngựa bạch Phật:

"Nếu không điều phục được, thì nên giết nó. Vì sao? Vì chớ để nó làm nhục mình."

Người luyện ngựa lại bạch Phật:

"Thế Tôn là Bậc Vô Thượng Điều Ngự Trượng Phu[11]. Ngài đã dùng bao nhiêu phương pháp để điều ngự trượng phu?"

Phật bảo chủ tụ lạc:

"Ta cũng dùng ba cách để điều phục trượng phu. Những gì là ba? Một là một mực mềm dịu, hai là một mực thô cứng, ba là vừa mềm dịu vừa thô cứng."

Phật bảo tiếp chủ tụ lạc:

"Một mực mềm dịu là, như nói rằng: 'Đây là thiện hành của thân; đây là quả báo của thân thiện hành. Đây là thiện hành của miệng, ý; đây là quả báo của miệng, ý thiện hành. Đây gọi là trời. Đây gọi là người. Đây gọi là sự hóa sanh nơi cõi thiện. Đây gọi là

---

10. Điều mã sư danh viết chỉ thi [illegible]. Paøli: kesi assadammasaørathi.

11. Vô thượng điều ngự trượng phu [illegible]. Paøli: anuttaro dammasaørathi, vị huấn luyện người không còn ai hơn. Một trong mười hiệu của Phật.

Niết-bàn'. Đó gọi là một mực mềm dẻo.

"Một mực thô cứng là, như nói: 'Đây là ác hành của thân; đây là quả báo của thân ác hành. Đây là ác hành của miệng, ý; đây là quả báo của miệng, ý các hành. Đây gọi là địa ngục. Đây gọi là ngạ quỷ. Đây gọi là súc sanh. Đây gọi là ác thú. Đây gọi là đọa ác thú'. Đó là sự giáo hóa thô cứng của Như Lai.

"Vừa mềm dịu vừa thô cứng là có lúc thiện hành của thân; có lúc nói quả báo của thiện hành của thân. Có lúc nói thiện hành của miệng, ý; có lúc nói quả báo thiện hành của miệng, ý. Có lúc nói ác hành của thân; có lúc nói quả báo ác hành của thân. Có lúc nói ác hành của miệng, ý; có lúc nói quả báo ác hành của miệng, ý. Như vậy gọi là trời, như vậy gọi là người, như vậy gọi là đường lành, như vậy gọi là Niết-bàn; như vậy gọi là địa ngục, như vậy gọi là súc sanh, ngạ quỷ, như vậy gọi là đường ác, như vậy gọi là đọa đường ác.' Đó gọi là sự giáo hóa vừa mềm dịu vừa thô cứng của Như Lai."

Người luyện ngựa bạch Phật:

"Thế Tôn! Nếu dùng ba phương pháp này để điều phục chúng sanh, nhưng nếu không điều phục được thì phải như thế nào?"

Phật bảo chủ tụ lạc:

"Cũng phải giết họ đi. Vì sao? Vì không nên để họ làm nhục Ta."

Người luyện ngựa bạch Phật:

"Đối với pháp của Thế Tôn, nếu sát sanh thì không thanh tịnh. Trong pháp của Thế Tôn cũng không cho sát sanh, mà nay lại bảo giết, vậy ý nghĩa của nó thế nào?"

Thế Tôn bảo chủ tụ lạc:

"Đúng vậy, đúng vậy! Trong pháp của Như Lai sát sanh là không thanh tịnh; trong pháp của Như Lai cũng không cho sát sanh. Nhưng trong pháp của Như Lai nếu dùng ba phương pháp để giáo dục, vẫn không điều phục được, Ta sẽ không nói đến họ, không dạy, không nhắc nữa. Chủ tụ lạc, ý ông thế nào? Trong pháp Như Lai, không nói đến họ, không dạy, không nhắc nữa, há không phải là giết sao?"

Người luyện ngựa bạch Phật:

"Thật vậy, bạch Thế Tôn, không nói đến họ, vĩnh viễn không dạy, không nhắc nữa thì đích thị họ đã chết rồi! Vì vậy cho nên, từ ngày hôm nay tôi lìa các nghiệp ác bất thiện."

Phật bảo chủ tụ lạc:

"Lành thay những lời này!"

Người chủ tụ lạc luyện ngựa Chỉ-thi nghe những gì Phật đã dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, lễ dưới chân rồi lui.

M

KINH 924. HỮU QUÁ[12]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà tại thành Vương xá. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Ngựa thế gian có tám cách thái[13]. Những gì là tám? Khi ngựa dữ kéo xe, thì chân sau đá người, chân trước quỳ xuống đất, đầu lúc lắc, cắn người. Đó gọi là cách thái thứ nhất của ngựa thế gian. Lại nữa, khi ngựa dữ kéo xe, cúi đầu xuống làm rung ách. Đó gọi là cách thái thứ hai của ngựa dữ thế gian. Lại nữa, khi ngựa dữ thế gian kéo xe thì mang xe xuống lề đường mà đi, hoặc làm cho xe nghiêng khiến cho nó bị lật. Đó gọi là cách thái thứ ba. Lại nữa, khi ngựa dữ thế gian kéo xe, ngẩng đầu lên mà chạy đi. Đó gọi là cách thái thứ tư của ngựa dữ thế gian. Lại nữa, khi ngựa dữ thế gian kéo xe, mới bị ít roi gậy, thì hoặc làm cho đứt dây cương, hay bứt dàm, chạy ngang chạy dọc. Đó gọi là cách thái thứ năm. Lại nữa, khi ngựa dữ thế gian kéo xe, giơ hai chân trước lên làm như người đứng. Đó là cách thái thứ sáu. Lại nữa, khi ngựa dữ thế gian kéo xe, phải dùng roi gậy mới chịu đứng yên, không động. Đó là cách thái thứ bảy. Lại nữa, khi ngựa dữ thế gian kéo xe, bốn chân chụm lại, phục sát đất không chịu đứng lên. Đó gọi là cách thái thứ tám.

"Con người dữ[14] của thế gian cũng vậy, ở trong Chánh pháp luật có tám điều lỗi. Những gì là tám? Hoặc Tỳ-kheo, khi bị các vị Phạm hạnh cử tội bởi thấy, nghe, nghi; người kia sân giận, chỉ trích trở lại người cử tội rằng: 'Thầy ngu si, không biết, không tốt. Người ta vừa cử tội thầy, sao thầy lại cử tội tôi?' Như con ngựa dữ kia hai chân sau

---

12. Paøli, A. 8.14 Khaluíka. Cf. N⁰100(149).

13. Mã hữu bát thái ˚ /³ ⌀𝒦 °𝒜. Paøli: aææha assakhaôuíke, tám loại ngựa bất kham.

14. Ác trượng phu ´c ⌀𝒱⌀𝒥. Paøli: purusakhaôuíka, con người bất kham.

chõi lui, hai chân trước quỵ xuống đất, làm đứt cương, gãy ách. Đây gọi là lỗi thứ nhất của con người trong Chánh pháp luật.

"Lại nữa, Tỳ-kheo khi bị các vị phạm hạnh cử tội bởi thấy, nghe, nghi; liền trở lại cử tội người kia, giống như ngựa dữ cứng cổ làm gãy ách. Đây gọi là lỗi thứ hai của con người trong Chánh pháp luật.

"Lại nữa, Tỳ-kheo khi bị các vị phạm hạnh cử tội bởi thấy, nghe, nghi; nhưng không dùng lời đứng đắn đáp lại, mà nói sang chuyện khác, hay không nhẫn, sân nhuế, kiêu mạn, che giấu, hiềm hận, làm những chuyện vô lý, như ngựa dữ kia không đi đường thẳng làm cho xe lật úp. Đây gọi là lỗi thứ ba của con người trong Chánh pháp luật.

"Lại nữa, Tỳ-kheo khi bị các vị phạm hạnh cử tội bởi thấy, nghe, nghi; khiến cho người kia nhớ lại, nhưng lại nói rằng: 'Tôi chẳng nhớ' ngang ngạnh không phục, như ngựa dữ kia bước thụt lùi. Đây gọi là lỗi thứ tư của con người trong Chánh pháp luật.

"Lại nữa, Tỳ-kheo khi bị các vị phạm hạnh cử tội bởi thấy, nghe, nghi; bèn khinh miệt, không kể gì đến người khác, cũng không kể gì đến chúng Tăng, tùy ý ôm y bát bỏ đi, như ngựa dữ kia bị ăn roi gậy, bỏ chạy dọc ngang. Đây gọi là lỗi thứ năm của con người trong Chánh pháp luật.

"Lại nữa, Tỳ-kheo khi bị các vị phạm hạnh cử tội bởi thấy, nghe, nghi; họ ngồi trên giường cao tranh luận quanh co với các Thượng tọa, như ngựa dữ kia đứng hai chân như người. Đây gọi là lỗi thứ sáu của con người trong Chánh pháp luật.

"Lại nữa, Tỳ-kheo khi bị các vị phạm hạnh cử tội bởi thấy, nghe, nghi; họ im lặng không đáp, để xúc não đại chúng, như ngựa dữ kia bị roi gậy vẫn trơ trơ không động. Đây gọi là lỗi thứ bảy của con người trong Chánh pháp luật.

"Lại nữa, Tỳ-kheo khi bị các vị phạm hạnh cử tội bởi thấy, nghe, nghi; người bị cử tội liền xả giới, tự sanh thoái thất, đến trước cửa chùa nói rằng: 'Ông mặc nhiên mà sống hoan hỷ khoái lạc, tôi tự xả giới lui về,' như con ngựa dữ kia bốn chân chụm lại, phục sát đất không động. Đây gọi là lỗi thứ tám của con người trong Chánh pháp luật.

Đó gọi là Tỳ-kheo đối trong Chánh pháp luật có tám điều lỗi lầm của con người."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 925. BÁT CHỦNG ĐỨC[15]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà tại thành Vương xá. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Ngựa tốt ở thế gian thành tựu được tám đức, theo ý muốn của người, đi đường nhiều ít[16]. Những gì là tám? Sanh nơi quê hương của giống ngựa tốt[17]. Đó là đức thứ nhất của ngựa tốt.

"Lại nữa, thể tánh ôn hòa, không làm người kinh sợ[18]. Đó là đức thứ hai của ngựa tốt.

"Lại nữa, ngựa tốt không lựa chọn đồ ăn thức uống. Đó là đức thứ ba của ngựa tốt.

"Lại nữa, ngựa tốt ghê tởm chỗ nhơ không sạch, chọn đất sạch để nằm. Đó là đức thứ tư của ngựa tốt.

"Lại nữa, ngựa tốt luôn thể hiện tính tình thái độ nhạy cảm trước người huấn luyện[19], Mã sư sẽ luyện tập cho nó bỏ những thái độ này. Đó là đức thứ năm của ngựa tốt.

"Lại nữa, ngựa tốt khi đã đóng vào xe, sẽ không để ý những con ngựa khác; tùy cỗ xe nặng nhẹ mà tận dụng sức lực của mình. Đó là đức thứ sáu của ngựa tốt.

"Lại nữa, ngựa tốt thường theo đường chánh, không đi lạc đường. Đó là đức thứ bảy của ngựa tốt.

"Lại nữa, ngựa tốt dù bị bệnh, hoặc già yếu vẫn gắng sức kéo xe không chán, không mệt. Đó là đức thứ tám của ngựa tốt.

---

15. Paøli, A. 8.13 AØjaóóa. Cf. N^{0}100(150).
16. Thủ đạo đa thiểu [illegible] chưa rõ ý. Paøli: raøjaøraho raølaøbhogo raóóo aíganteva... thích hợp với vua, được vua thọ dụng, là tài bảo của vua.
17. Lương mã hương [illegible] Paøli: ubhato suøato hoti, cha mẹ thuần giống.
18. Hán: bất kinh khủng nhân [illegible] Paøli: na ca aóóe asse ubbejetaø, không làm các ngựa khác sợ.
19. Paøli: yaøni kho panassa honti saøæheyyaøni kuøæeyyaøni jimheyyaøni vaíkeyyaøni taøni yathaøbhuøtaö saørathissa aøvikattaø hoti, nếu có những tính giảo hoạt, man trá, quanh co, tà vạy; thảy đều hiện rõ một cách trung thực cho người huấn luyện.

"Cũng vậy, trượng phu[20] trong Chánh pháp luật cũng thành tựu được tám đức, nên biết đó là bậc Hiền sĩ[21]. Những gì là tám? Bậc Hiền sĩ an trụ chánh giới, luật nghi Ba-la-đề-mộc-xoa[22], có đủ oai nghi hành xử; thấy tội vi tế thường sanh lòng sợ hãi, giữ gìn học giới. Đó là đức thứ nhất của trượng phu trong Chánh pháp luật.

"Lại nữa, trượng phu tính tự hiền thiện, khéo điều phục, khéo an trụ, chẳng làm phiền, không làm sợ hãi phạm hạnh khác. Đó là đức thứ hai của trượng phu.

"Lại nữa, trượng phu đi khất thực, theo thứ lớp, tùy theo những gì nhận được, dù ngon hay dở, tâm vẫn bình đẳng, không hiềm, không đắm trước. Đó là đức thứ ba của trượng phu.

"Lại nữa, trượng phu sanh tâm yểm ly các nghiệp ác nơi thân, miệng, ý, các pháp ác bất thiện, cùng các phiền não, chúng dẫn đến thọ nhận các báo khổ nhiệt não nhiều lần; đối với sự sanh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não trong đời vị lai lại càng yểm ly. Đó là đức thứ tư của trượng phu.

"Lại nữa, trượng phu nếu có lỗi lầm của Sa-môn, mà quanh co, không chân thật, hãy nhanh chóng trình lên Đại Sư và thiện tri thức; Đại Sư thuyết pháp chắc chắn sẽ trừ dứt[23]. Đó là đức thứ năm của vị trượng phu.

"Lại nữa, trượng phu tâm cầu học có đủ, nghĩ như vầy: 'Giả sử người khác có học hay không học, ta cũng phải học. Đó là đức thứ sáu

---

20. Hán: trượng phu 丈夫 con người, hay người đàn ông. Bản Paøli nói bhikkhu.

21. Hán: hiền sĩ phu 賢士夫 chỉ con người hiền thiện (Paøli: bhaddo puriso). Tham chiếu Paøli: aæææhahi dhammehi samannaøgato bhikku aøhuneyyo hoti, thành tựu tám pháp, Tỳ-kheo ấy là vị ứng thỉnh (xứng đáng được tôn kính, cúng dường).

22. Paøli: bhikkhu sìlavaø hoti, paøtimokkhasaövarasaövuto viharati, Tỳ-kheo có giới, sống tự chế ngự bằng sự chế ngự của Giới bổn.

23. Dịch sát; nhưng bản Hán sai, so sánh theo thí dụ nêu trên. Bản Paøli: yaøni kho panassa honti saøæheyyaøni kuøæeyyaøni jimheyyaøni vaíkeyyaøni taøni yathaøbhuøtaö aøvakattaø hoti satthiri vaø vióóuøsu vaø sabrahmacaørisu. tesam assa atthaø vaø vióóuø vaø sabrahmacaørì abhinimmadanaøya vaøyamati, Hoặc (tự mình) có những gì là giảo hoạt, man trá, siểm khúc, không chính trực, đều trung thực được biểu hiện cho Tôn sư hay các đồng phạm hạnh có trí thấy. (Tỳ-kheo) ấy nỗ lực để được Tôn sư hay các đồng phạm hạnh có trí sửa sai cho.

của trượng phu.

"Lại nữa, trượng phu thực hành tám Chánh đạo, chẳng thực hành phi đạo. Đó là đức thứ bảy của trượng phu.

"Lại nữa, trượng phu suốt đời nỗ lực tinh cần, không chán, không mệt. Đó là đức thứ tám của trượng phu.

"Trượng phu thành tựu tám đức như vậy, tùy thuộc vào sự thực hành của mình mà có thể tiến triển nhanh chóng."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 926. SẰN-ĐÀ CA-CHIÊN-DIÊN[24]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong tinh xá Thâm cốc tại làng Na-lê[25]. Bấy giờ Thế Tôn bảo Sằn-đà Ca-chiên-diên[26]:

"Nên tu thiền chân thật, chớ tập thiền ngang ngạnh[27]. Như ngựa ngang ngạnh, cột nơi cạnh máng cỏ chuồng ngựa, nó không nghĩ: 'Ta phải làm gì? Ta không phải làm gì?' mà chỉ nghĩ đến thóc và cỏ. Cũng vậy, trượng phu tu tập nhiều với tham dục triền[28], cho nên, vị kia bằng tâm tham dục mà tư duy, không biết như thật con đường xuất ly[29], tâm thường rong ruổi, tùy theo tham dục triền mà cầu chánh thọ. Đối với sân nhuế, thụy miên, trạo hối, nghi, tuy tu tập nhiều, cho nên, đối với

---

24. Paøli, A. 11.10 Sandha. Tham chiếu, N^{0}100(151).

25. Na-lê tụ lạc Thâm cốc tinh xá [illegible] Paøli: Naøtike Giójakaøvasathe, trong ngôi nhà ngói ở Naøtika.

26. Sằn-đà Ca-chiên-diên [illegible] Paøli: Sandha.

27. Hán: chân thật thiền, cường lương thiền [illegible] Paøli: aøjaøniyajjhaøyitaö, khaluíkajjhaøyitaö, tu thiền của con ngựa thuần, tu thiền của con ngựa chứng.

28. Hán: ư tham dục triền đa sở tu tập [illegible] Paøli: kaømaraøgapariyuææhitena cetasaø viharati, sống với tâm tư bị quấn chặt bởi tham dục.

29. Paøli: uppanassa kaømaraøgassa nissaraòaö yathaøbhuøtaö nappaøjaønati, nó không biết như thật sự xuất ly đối với tham dục.

đạo xuất ly không biết như thật; với tâm bị trùm kín bởi nghi[30] mà tư duy để cầu chánh thọ.

"Này Sằn-đà, nếu thật là ngựa thuần giống[31] thì khi cột nơi cạnh máng cỏ chuồng ngựa, nó chẳng nghĩ đến cỏ, nước, mà chỉ nghĩ đến việc kéo xe. Cũng vậy, trượng phu không niệm tưởng tham dục triền mà an trụ[32], biết như thật sự xuất ly; không với tham dục triền mà cầu chánh thọ; cũng không bị quấn chặt bởi sân nhuế, thụy miên, trạo hối, nghi, mà phần nhiều an trụ vào xuất ly; biết như thật về các triền sân nhuế, thụy miên, trạo hối, nghi; không với nghi triền mà cầu chánh thọ.

"Như vậy, Sằn-đà, Tỳ-kheo thiền như vậy không y cứ vào đất tu thiền, không y cứ vào nước, gió, lửa, không, thức, vô sở hữu, phi tưởng phi phi tưởng mà tu thiền; không y cứ vào thế giới này, không y cứ vào thế giới khác, không phải mặt trời, mặt trăng, không phải thấy, nghe, cảm, biết, không phải đắc, không phải cầu, không phải tùy giác[33], không phải tùy quán mà tu thiền. Này Sằn-đà, nếu Tỳ-kheo nào tu thiền như vậy, những Thiên chủ Y-thấp-ba-la[34], Ba-xà-ba-đề[35] đều cung kính, chắp tay, cúi đầu, làm lễ mà nói kệ tán thán:

Nam-mô Đại sĩ phu!
Nam-mô Đại sĩ phu!
Vì tôi không thể biết,
Ngài nương đâu mà thiền!

Bấy giờ, Tôn giả Bạt-ca-lợi đang đứng sau Phật cầm quạt hầu Phật. Bạt-lợi-ca liền bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo làm sao nhập thiền mà không y cứ vào đất, nước, lửa, gió... *cho đến* giác quán mà tu thiền định? Làm sao Tỳ-kheo tu thiền được những Thiên chủ Y-thấp-ba-la, Ba-xà-ba-đề chắp tay, cung kính, cúi đầu, làm lễ và nói kệ tán thán:

---

30. Nghi cái tâm
31. Hán: chân sanh mã
32. Xem cht.29 trên.
33. Hán: tùy giác . Paøli: anuvicaøra, tư duy chiêm nghiệm.
34. Y-thấp-bà-la . Paøli: Issara.
35. Ba-xà-ba-đề . Paøli: Pajaøpati.

Nam-mô Đại sĩ phu!
Nam-mô Đại sĩ phu!
Vì tôi không thể biết,
Ngài nương đâu mà thiền!

Phật bảo Tỳ-kheo Ba-lợi-ca:

"Tỳ-kheo, đối với địa tưởng có thể điều phục địa tưởng[36], đối với thủy, hỏa, phong tưởng, Vô lượng không nhập xứ tưởng, Thức nhập xứ tưởng, Vô sở hữu xứ nhập xứ tưởng, Phi tưởng phi phi tưởng nhập xứ tưởng; thế giới này, thế giới khác, mặt trời, mặt trăng, thấy, nghe, cảm, biết; hoặc đắc, hoặc cầu, hoặc giác, hoặc quán, đều điều phục các tưởng kia.

"Này Bạt-ca-lợi, Tỳ-kheo tu thiền như vậy, không y cứ vào đất, nước, lửa, gió... *cho đến* không y cứ vào giác, quán để tu thiền. Này Bat-lợi-ca, Tỳ-kheo nào tu thiền như vậy, thì các Thiên chủ Y-thấp-bà-la, Ba-xà-ba-đề đều cung kính, chắp tay, cúi đầu làm lễ và nói kệ tán thán:

Nam-mô Đại sĩ phu!
Nam-mô Đại sĩ phu!
Vì tôi không thể biết,
Ngài nương đâu mà thiền!

Khi nghe Phật nói kinh này, thì Tỳ-kheo Sằn-đà Ca-chiên-diên xa lìa trần cấu, được pháp nhãn thanh tịnh. Tỳ-kheo Bạt-lợi-ca không còn khởi các lậu, tâm được giải thoát.

Phật nói kinh này xong, Tỳ-kheo Bạt-ca-lợi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 927. ƯU-BÀ-TẮC[37]

---

36. Paøli: paæhaviyaö paæhavìsaóóaø vibhuøtaø hoti; vì vibhuøta có hai nghĩa: *phi hữu* và *minh nhieân*, nên câu Paøli có thể hiểu theo hai cách ngược nhau. Nhưng vì paæhaviyaö ở cách số sáu, nên cần hiểu: ở nơi đất không có tưởng về đất. Nhưng bản Hán đọc là abhibhuøta, chinh phục.

37. Đại Chánh, kinh số 927-936. Ấn Thuận Hội Biên, "44. Tương ưng Ma-ha-nam".

Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở trong vườn Ni-câu-luật, tại nước Ca-tỳ-la-vệ[38]. Bấy giờ có người họ Thích, là Ma-ha-nam[39] đi đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, sao gọi là Ưu-bà-tắc[40]?"

Phật bảo Ma-ha-nam:

"Có đủ tướng người nam, ở tại gia, sống trong sạch, tu tập thanh bạch, nói rằng: 'Nay, suốt đời con quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng, làm Ưu-bà-tắc. Xin chứng tri cho con!' Đó gọi là Ưu-bà-tắc.

Ma-ha-nam bạch Phật:

"Thế Tôn, sao gọi là Ưu-bà-tắc có đủ tín[41]?"

Phật bảo Ma-ha-nam:

"Ưu-bà-tắc lấy chánh tín đối với Như Lai làm gốc, kiên cố, khó lay chuyển, mà các Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên, Ma, Phạm và người thế gian không ai có thể phá hoại được. Ma-ha-nam, đó gọi là Ưu-ba-tắc có đủ tín."

Ma-ha-nam bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, sao gọi là Ưu-bà-tắc có giới đầy đủ[42]?"

Phật bảo Ma-ha-nam:

"Ưu-bà-tắc lìa bỏ sát sanh, không cho mà lấy, tà dâm, nói dối, uống rượu, không vui thích làm những điều này nữa. Ma-ha-nam, đó gọi là Ưu-bà-tắc có giới đầy đủ.

Ma-ha-nam bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, sao gọi là Ưu-bà-tắc có nghe đầy đủ[43]?"

Phật bảo Ma-ha-nam:

"Ưu-bà-tắc có nghe đầy đủ là, khi nghe rồi, có thể ghi giữ, có thể tích tập. Nếu những gì Phật nói khoảng đầu, khoảng giữa, khoảng

---

Gồm mười kinh, số 13267-13276. *Quốc Dịch*, quyển 46 tiếp, "4. Tương ưng Ma-ha-nam" mười kinh. Paøli, S. 55.37 Mahaønaøma. Cf. N^{0}100(152).

38. Paøli: Sakkesu viharati kapilavatthusmiö nigrodhaøraøme.

39. Paøli: Sakko Mahaønaømo.

40. Ưu-bà-tắc 優婆塞. Paøli: upaøsaka.

41. Hán: tín cụ túc 具足信, cũng nói là tín thành tựu. Paøli: saddhaøsampanno.

42. Giới cụ túc 具足戒. Paøli: sìlasampanno.

43. Văn cụ túc 具聞. Bản Paøli không đề cập.

cuối đều thiện, thiện nghĩa, thiện vị, thuần nhất thanh tịnh, phạm hạnh trong sạch, người ấy đều có khả năng thọ trì. Đó gọi là Ưu-bà-tắc có nghe đầy đủ."

Ma-ha-nam bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, sao gọi là Ưu-bà-tắc có thí xả đầy đủ[44]?"

Phật bảo Ma-ha-nam:

"Ưu-ba-tắc có thí xả đầy đủ là khi bị xan cấu trói buộc, tâm lìa xan cấu, sống không nhà[45], tu bố thí giải thoát, tinh cần bố thí, thường hành bố thí, ưa xả tài vật, bố thí bình đẳng. Ma-ha-nam, đó gọi là Ưu-bà-tắc có xả đầy đủ."

Ma-ha-nam bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, sao gọi là Ưu-bà-tắc có trí tuệ đầy đủ?"

Phật bảo Ma-ha-nam:

"Ưu-bà-tắc có trí tuệ đầy đủ là, biết như thật rằng 'Đây là Khổ', 'Đây là Khổ tập', 'Đây là Khổ diệt', 'Đây là Khổ diệt đạo'. Ma-ha-nam, đó gọi là Ưu-bà-tắc có trí tuệ đầy đủ."

Ma-ha-nam họ Thích nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy làm lễ rồi lui.

M

KINH 928. THÂM DIỆU CÔNG ĐỨC[46]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Câu-ni-luật, tại nước Ca-tỳ-la-vệ. Bấy giờ có người họ Thích, là Ma-ha-nam cùng với năm trăm Ưu-bà-tắc đi đến chỗ Phật đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, bạch phật:

"Bạch Thế Tôn, sao gọi là Ưu-bà-tắc?"

Phật đáp:

"Ưu-bắc-tắc là người sống trong sạch tại gia... *cho đến* suốt đời

---

44. Xả cụ túc ... đây chỉ thí xả hay huệ xả. Paøli: caøgasampanno.

45. Trụ ư phi gia ... có lẽ bản Hán nhầm agaøra (nhà) và anagaøra (không nhà). Bản Paøli: vigatamalamaccherena cetasaø agaøraö ajjhaøvasati, sống tại gia với tâm xa lìa cáu bợn của bỏn sẻn.

46. Paøli, S. 55.49 Mahaønaøma. Cf. N^{0}100(153).

quy y Tam bảo, làm Ưu-bà-tắc. Xin chứng tri cho con."

Ma-ha-nam bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, sao gọi là Ưu-bà-tắc Tu-đà-hoàn[47]?"

Phật bảo Ma-ha-nam:

"Ưu-bà-tắc Tu-đà-hoàn là vị mà ba kết sử: thân kiến, giới thủ, nghi, đã đoạn tận, đã biến tri. Ma-ha-nam, đó gọi là Ưu-bà-tắc Tu-đà-hoàn."

Ma-ha-nam bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, sao gọi là Ưu-bà-tắc Tư-đà-hàm?"

Phật bảo Ma-ha-nam:

"Ưu-bà-tắc Tư-đà-hàm là vị mà ba hạ phần kết sử đã đoạn tận, đã biến tri; tham dục, sân nhuế, ngu si đã mỏng. Ma-ha-nam, đó gọi là Ưu-ba-tắc Tư-đà-hàm."

Ma-ha-nam bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, sao gọi là Ưu-bà-tắc A-na-hàm?"

Phật bảo Ma-ha-nam:

"Ưu-bà-tắc A-na-hàm là vị mà năm hạ phần kết sử tức thân kiến, giới cấm thủ, nghi, tham dục, sân nhuế, đã đoạn tận, đã biến tri. Ma-ha-nam, đó gọi là Ưu-bà-tắc A-na-hàm[48]."

Bấy giờ, Ma-ha-nam quay nhìn năm trăm Ưu-bà-tắc nói rằng:

"Kỳ thay các vị Ưu-bà-tắc, sống tại gia thanh bạch, lại được công đức sâu xa như vậy!"

Khi Ưu-bà-tắc Ma-ha-nam nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy đảnh lễ rồi lui.

M

KINH 929. NHẤT THIẾT SỰ[49]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Ni-câu-luật, tại nước Ca-tỳ-la-vệ. Bấy giờ, có người họ Thích, là Ma-ha-nam đến chỗ Phật, đảnh lễ

---

47. Bản Paøli: thành tựu bốn chứng tịnh hay bất hoại tịnh.

48. Không đề cập A-la-hán. Trong kinh này, tại gia không thể chứng.

49. Paøli, A. 8.25 Mahaønaøma.

dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, sao gọi là Ưu-bà-tắc?"

Phật bảo Ma-ha-nam:

"Ưu-bà-tắc là người sống tại gia trong sạch,... *cho đến* suốt đời quy y Tam bảo, làm Ưu-bà-tắc. Xin chứng tri cho con."

Ma-ha-nam bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, sao là làm thành mãn tất cả sự của Ưu-bà-tắc?"

Phật bảo Ma-ha-nam:

"Nếu Ưu-bà-tắc nào có tín, nhưng không có giới, đó là không đủ, mà hãy nỗ lực tinh cần, đủ tịnh giới. Có đủ tín và giới, nhưng không bố thí thì cũng chưa đủ; vì chưa đủ nên phải nỗ lực tinh cần, tu tập bố thí để làm được đủ. Tín, giới và thí đã đầy, nhưng nếu không tùy thời đến Sa-môn để lắng nghe lãnh thọ Chánh pháp, thì vẫn chưa đủ. Vì chưa đủ cho nên phải nỗ lực tinh cần. Tùy thời đến chùa tháp, nhưng gặp các Sa-môn mà không một lòng lắng nghe lãnh thọ Chánh pháp, thì vẫn chưa đủ. Tín, giới, thí và nghe tu tập đã đầy, nhưng nghe rồi mà không ghi giữ, thì vẫn chưa có đủ; vì không đủ nên phải nỗ lực tinh cần. Tùy thời đến Sa-môn, chuyên tâm lắng nghe pháp, nghe rồi thì phải khéo ghi giữ. Nếu không thể quán sát nghĩa lý sâu xa của các pháp, thì đó chưa phải là đủ; vì không có đủ nên phải nỗ lực tinh cần hơn, làm cho có đủ. Tín, giới, bố thí, nghe, nghe rồi thì khéo ghi giữ, ghi giữ rồi quán sát nghĩa lý sâu xa, mà không tùy thuận để biết hướng đến pháp và thứ pháp[50], thì đó vẫn chưa có đủ; vì chưa có đủ nên phải nỗ lực tinh cần. Tín, giới, bố thí, nghe, ghi giữ, quán sát, hiểu rõ nghĩa lý sâu xa và tùy thuận thực hành hướng đến pháp, thứ pháp. Ma-ha-nam, đó gọi là có đủ tất cả sự của Ưu-bà-tắc."

Ma-ha-nam bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, sao là Ưu-bà-tắc hay tự an ủy mình[51], chẳng an

---

50. Hán: pháp thứ pháp hướng [illegible] thường nói là pháp tùy pháp hành. Paøli: dhammaønudhammaøpaæipaøda, thực hành pháp và tùy pháp, hay sự thực hành tùy thuận với pháp.

51. Hán: tự an ủy [illegible]. Paøli: attahitaøya paæipanno, thực hành vì mục đích tự lợi.

ủy người khác[52]?"

Phật bảo Ma-ha-nam:

"Nếu Ưu-bà-tắc nào có thể tự mình đứng vững trong giới nhưng không thể khiến cho người đứng vững trong chánh giới; tự mình giữ tịnh giới, nhưng không thể khiến cho người khác giữ giới có đủ; tự mình làm việc bố thí, nhưng không thể xác lập bố thí nơi người khác; tự mình đi chùa tháp, đến gặp các Sa-môn, nhưng không thể khuyên người khác đi chùa tháp, đến gặp Sa-môn; tự mình chuyên nghe pháp, nhưng không thể khuyên người thích nghe Chánh pháp; nghe Chánh pháp tự mình thọ trì, nhưng không thể khiến người khác thọ trì Chánh pháp; tự mình có thể quán sát nghĩa lý sâu xa, nhưng không thể khuyên người quán sát nghĩa lý sâu xa; tự mình biết pháp sâu xa có thể tùy thuận thực hành hướng đến pháp, thứ pháp, nhưng không thể khuyên người khiến họ tùy thuận thực hành hướng đến pháp, thứ pháp.

Này Ma-ha-nam, người thành tựu tám pháp như vậy, thì đó gọi là Ưu-bà-tắc có thể tự an ủy, nhưng không thể an ủy người khác."

Ma-ha-nam bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, Ưu-bà-tắc thành tựu bao nhiêu pháp để tự an ủy và giúp người được an ủy?"

Phật bảo Ma-ha-nam:

"Nếu Ưu-bà-tắc nào thành tựu mười sáu pháp, đó gọi là Ưu-bà-tắc tự an ủy và giúp người được an ủy."

"Những gì là mười sáu pháp?

"Này Ma-ha-nam, nếu Ưu-bà-tắc đủ có chánh tín và cũng xác lập cho người khác; tự mình giữ tịnh giới, cũng xác lập tịnh giới cho người khác; tự mình hành bố thí và dạy người hành bố thí; tự mình đến chùa tháp gặp các Sa-môn, cũng dạy người khác đến gặp các Sa-môn; tự mình chuyên cần nghe pháp, cũng dạy người nghe; tự mình thọ trì pháp và dạy người khác thọ trì; tự mình quán sát nghĩa dạy người quán sát; tự mình biết nghĩa lý sâu xa tùy thuận tu, hành pháp thứ, pháp hướng, cũng lại dạy người hiểu rõ nghĩa lý sâu xa, tùy thuận tu hành hướng đến pháp, thứ pháp. Này Ma-ha-nam, người nào thành tựu mười

---

52. Hán: an ủy tha 安慰他. Paøli: parahitaøya.

sáu pháp như vậy, được gọi là Ưu-bà-tắc có thể tự an ủy và làm người khác được an ủy.

"Này Ma-ha-nam, nếu Ưu-bà-tắc nào thành tựu mười sáu pháp như vậy, thì tất cả người trong các chúng Bà-la-môn, chúng Sát-lợi, chúng Trưởng giả, chúng Sa-môn đều đến chỗ họ. Ở trong các chúng này, oai đức của họ sáng chói. Giống như mặt trời, ánh sáng chiếu soi cả sáng, trưa, chiều. Cũng vậy, Ưu-bà-tắc nào thành tựu mười sáu pháp, thì oai đức họ cũng tỏ rạng cả đầu, giữa và cuối. Như vậy, này Ma-ha-nam, nếu Ưu-bà-tắc nào thành tựu mười sáu pháp thì đó là một điều mà thế gian khó thành tựu được."

Phật nói kinh này xong, Ma-ha-nam dòng họ Thích nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy làm lễ rồi lui.

M

KINH 930. TỰ KHỦNG[53]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Ni-câu-luật, tại nước Ca-tỳ-la-vệ. Bấy giờ, Ma-ha-nam họ Thích đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, nước Ca-tỳ-la-vệ này đang an ổn thịnh vượng, nhân dân phát đạt. Mỗi khi con ra vào, người vật theo hai bên, nào voi điên, người điên, xe điên, thường cùng đi với chúng. Con tự sợ là mình phải cùng sống, cùng chết với bọn điên cuồng này mà quên mất niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tỳ-kheo Tăng. Con tự nghĩ, sau khi mạng chung sẽ sanh vào nơi nào?"

Phật bảo Ma-ha-nam:

"Đừng sợ hãi! Đừng sợ hãi! Sau khi mạng chung ông sẽ không sanh đường dữ, cũng không chết dữ. Thí như cây lớn thuận xuống, nghiêng xuống, chúi xuống, nếu chặt gốc rễ, sẽ ngã về nơi nào?"

Ma-ha-nam bạch Phật:

"Về phía thuận xuống, nghiêng xuống, chúi xuống."

---

53. Paøli, S. 55.21-22 Mahaønaøma.

Phật bảo Ma-ha-nam:

"Ma-ha-nam cũng như vậy, khi mạng chung không sanh đường dữ, cũng không chết dữ. Vì sao? Vì ông đã lâu dài tu tập niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tỳ-kheo Tăng, nên sau khi mạng chung, thân này bị hỏa thiêu, hay bỏ ngoài nghĩa địa, bị gió táp, nắng thiêu lâu ngày thành tro bụi, nhưng vì tâm ý thức đã lâu dài từ trước được huân tập bởi chánh tín, bởi tịnh giới, bố thí, đa văn, trí tuệ, nên thần thức sẽ hướng lên cõi an lạc, đời sau sanh về cõi trời."

Sau khi Ma-ha-nam nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, làm lễ rồi lui.

M

KINH 931. TU TẬP TRỤ[54]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Ni-câu-luật, tại nước Ca-tỳ-la-vệ. Bấy giờ, Ma-ha-nam dòng họ Thích đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, nếu Tỳ-kheo còn ở nơi học địa mà cầu lên Niết-bàn an ổn chưa được, bạch Thế Tôn, người ấy nên tu tập thế nào, tu tập nhiều, để ở trong Pháp luật này được hết các lậu, tâm giải thoát vô lậu, tuệ giải thoát, ngay trong đời này tự tri tự tác chứng, biết rằng: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau[55]'?"

Phật bảo Ma-ha-nam:

"Nếu Tỳ-kheo còn nơi học địa mà cầu lên Niết-bàn an ổn chưa được, thì Tỳ-kheo ấy lúc bấy giờ, nên tu sáu niệm,... *cho đến* lên được Niết-bàn. Thí như người đói khát, thân thể ốm yếu, được thức ăn ngon, thân thể mập mạp. Cũng vậy Tỳ-kheo trụ nơi học địa, cầu con đường lên Niết-bàn an ổn chưa được, nên tu sáu tùy niệm... *cho đến* chóng đắc Niết-bàn an ổn.

---

54. Paøli, A. 6.10 Mahaønaøma. Cf. N^{0}100(156).

55. Bản Paøli: ariyasaøvako aøgataphalo vióóaøtasaøsano so katamena vihaørena bahulaö viharati, Thánh đệ tử đã đắc quả, đã hiểu biết giáo pháp, sống nhiều với sự an trụ nào?

"Những gì là sáu niệm?

"Đối với Phật sự, Thánh đệ tử niệm tưởng: Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Thánh đệ tử lúc nhớ nghĩ như vậy không khởi tham dục triền, không khởi tâm sân nhuế, ngu si, tâm chánh trực, đạt nghĩa Như Lai[56] và được Chánh pháp của Như Lai. Đối với Chánh pháp Như Lai và đối với Như Lai đạt được tâm tùy hỷ[57]. Do tâm tùy hỷ nên hoan hỷ. Do tâm hoan hỷ nên thân khinh an. Do thân khinh an nên được cảm giác lạc. Do được cảm giác lạc nên tâm được định. Do tâm đã định nên vị Thánh đệ tử này dù ở giữa những chúng sanh hung hiểm[58] mà không bị các chướng ngại, được vào dòng nước pháp... *cho đến* Niết-bàn.

"Lại nữa, đối với Pháp sự, Thánh đệ tử niệm tưởng: Pháp luật của Thế Tôn, ngay trong đời này[59] có thể lìa nhiệt não sanh tử, không đợi thời tiết, thông đạt hiện pháp, duyên tự mình mà giác tri. Thánh đệ tử niệm pháp như vậy, không khởi tham dục, sân nhuế, ngu si... *cho đến* ý nhớ nghĩ pháp được huân tập, thăng tiến Niết-bàn.

"Lại nữa, đối với Tăng sự, Thánh đệ tử niệm tưởng: Đệ tử Thế Tôn là những vị thiện hướng, chánh hướng, trực hướng, thành hướng[60], hành pháp tùy thuận, có hướng Tu-đà-hoàn, đắc Tu-đà-hoàn; hướng

---

56. Kỳ tâm chánh trực, đắc Như Lai nghĩa [illegible]. Paøli: ujugatamevassa tasmiö samaye cittaö hoti tathaøgataö aørabbha, "lúc bấy giờ tâm vị ấy chánh trực do liên hệ đến Như Lai". Trong bản Paøli, aørabbha là bất biến từ, nên câu này có nghĩa (tâm chánh trực do) "liên hệ đến Như Lai". Bản Hán hiểu là động từ aørabbhati, nên có nghĩa là "đạt được nghĩa của Như Lai".

57. Paøli: labhati dhammuøpasaöhitaö paømojjaö, đạt được sự tùy hỷ liên hệ đến pháp.

58. Paøli: savyaøpajjaøya pajaøya avyaøpajjo viharati, sống không hiềm hận đối với người hiềm hận.

59. Hán: hiện pháp [illegible]. Paøli: sadiæææhiko, *hiện kiến*, kết quả được thấy ngay hiện tại.

60. Hán: thiện hướng, chánh hướng, trực hướng, thành hướng [illegible]. Paøli: supaæipanno (diệu hành), ujupaæipanno (chất trực hành), óaøyapaæipanno (như lý hành), samìcìpaæipanno (hòa kỉnh hành).

Tư-đà-hàm, đắc Tư-đà-hàm, hướng A-na-hàm, đắc A-na-hàm, hướng A-la-hán, đắc A-la-hán, là bốn đôi tám bậc Hiền thánh. Đó gọi là đệ tử Tỳ-kheo Tăng, tịnh giới có đủ, tam-muội có đủ, trí tuệ có đủ, giải thoát có đủ, giải thoát tri kiến có đủ của Thế Tôn; đáng được tôn nghinh, thừa sự cúng dường, là ruộng phước tốt. Thánh đệ tử khi niệm tưởng Tăng sự như vậy thì không khởi tham dục, sân nhuế, ngu si... *cho đến* niệm tưởng Tăng được huân tập, thăng tiến Niết-bàn.

"Lại nữa, đối với Tịnh giới sự, Thánh đệ tử niệm tưởng: Giới không hoại, giới không khuyết, giới không nhơ, giới không tạp, giới không bị nô lệ[61], giới được khéo hộ trì, giới được người sáng suốt ca ngợi, giới được người trí không nhàm chán. Thánh đệ tử khi niệm tưởng giới như vậy, không khởi tham dục, sân nhuế, ngu si... *cho đến* niệm tưởng giới được huân tập, thăng tiến Niết-bàn.

"Lại nữa, đối với Bố thí sự, Thánh đệ tử tự niệm tưởng: Ta được lợi lộc tốt, giữa những chúng sanh xan cấu mà ta lìa được tâm xan cấu, sống không nhà[62], thực hành bố thí giải thoát, thường tự tay bố thí; thích pháp hành xả, bố thí bình đẳng có đủ. Lúc Thánh đệ tử niệm tưởng bố thí như vậy, không khởi tham dục, sân nhuế, ngu si,... *cho đến* niệm tưởng bố thí được huân tập, thăng tiến Niết-bàn.

"Lại nữa, đối với chư Thiên, Thánh đệ tử niệm tưởng: Có Tứ đại thiên vương, Tam thập tam thiên, Diệm-ma thiên, Đâu-suất-đà thiên, Hóa lạc thiên, Tha hóa tự tại thiên. Nếu người nào có lòng chánh tín, khi mệnh chung ở đây sẽ sanh lên các cõi trời kia. Ta cũng sẽ thực hành chánh tín này. Vị kia có tịnh giới, thí, văn, xả, tuệ đến khi mệnh chung ở đây đã sanh lên cõi trời kia. Nay ta cũng sẽ thực hành giới, thí, văn, xả, tuệ này. Thánh đệ tử niệm tưởng thiên như vậy, không khởi tham dục, sân nhuế, ngu si, tâm chánh trực duyên đến (nhớ nghĩ) chư Thiên. Thánh đệ tử kia do trực tâm như vậy mà đạt được pháp lợi, nghĩa lợi sâu xa, được tùy hỷ lợi ích của chư Thiên. Do tùy hỷ nên sanh hoan hỷ. Do hoan hỷ nên thân khinh an.

---

61. Bất thủ tha giới [illegible] "không bị người khác lấy đi"; không rõ ý. Có lẽ muốn nói: không bị người khác chi phối. Paøli: bhujissa, *tự do*, chỉ người nô lệ được giải phóng; đây chỉ giới của người tự do, không bị áp đặt cưỡng chế.

62. Xem cht.45, kinh 927.

Do thân đã khinh an nên được cảm giác lạc. Do được cảm giác lạc rồi nên tâm được định. Do tâm đã định nên vị Thánh đệ tử này dù ở giữa những chúng sanh hung hiểm cũng không bị các chướng ngại, được vào dòng nước pháp. Vì niệm tưởng chư Thiên được huân tập, nên thăng tiến Niết-bàn.

"Này Ma-ha-nam, nếu Tỳ-kheo nào còn ở học địa, muốn cầu lên Niết-bàn an lạc, mà tu tập nhiều như vậy, tất chóng được Niết-bàn, ở trong Chánh pháp luật các lậu nhanh chóng diệt tận, tâm giải thoát vô lậu, tuệ giải thoát, ngay trong đời này tự tri tự tác chứng: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.'"

Ma-ha-nam nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, đảnh lễ rồi lui.

M

KINH 932. THẬP NHẤT[63]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Ni-câu-luật, tại nước Ca-tỳ-la-vệ. Bấy giờ có nhiều Tỳ-kheo tụ tập tại nhà ăn, vá y cho Thế Tôn. Lúc ấy Thích Ma-ha-nam nghe các Tỳ-kheo tụ tập tại nhà ăn vá y cho Thế Tôn nói rằng: 'Không bao lâu, sau ba tháng an cư, khi vá y xong, Thế Tôn sẽ đắp y, mang bát, du hành trong nhân gian.' Nghe xong, Ma-ha-nam đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

"Thế Tôn, cả người con bất an, bốn phương mờ mịt, pháp đã nghe đều quên hết. Vì nghe các Tỳ-kheo tụ tập tại nhà ăn, vá y cho Thế Tôn, nói rằng: 'Không bao lâu, sau ba tháng an cư, khi vá y xong, Thế Tôn sẽ đắp y, mang bát, du hành trong nhân gian.' Cho nên nay con suy nghĩ: 'Lúc nào mới gặp lại được Thế Tôn và các Tỳ-kheo quen biết?'"

Phật bảo Ma-ha-nam:

"Dù có gặp, hay chẳng gặp Như Lai và có gặp, hay chẳng gặp

63. Paøli, A. 11.12 Mahaønaøma.

các Tỳ-kheo quen biết, ông chỉ cần niệm tưởng năm pháp và tinh cần tu tập. Này Ma-ha-nam, nên lấy chánh tín làm chủ, chứ không phải là không chánh tín; lấy giới có đủ, nghe có đủ, thí có đủ, tuệ có đủ làm gốc, chứ không phải là không trí tuệ.

"Cũng vậy, Ma-ha-nam, căn cứ vào năm pháp này, tu sáu niệm xứ. Những gì là sáu? Ma-ha-nam, niệm Như Lai, nên niệm như vầy: Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng, Chánh Giác... *cho đến* Phật, Thế Tôn. Nên niệm Pháp, niệm Tăng, niệm Giới, niệm Thí, niệm Thiên sự... *cho đến* tự thực hành, đạt trí tuệ.

"Cũng vậy, Ma-ha-nam, Thánh đệ tử thành tựu mười một pháp, thì sự học trọn không bại hoại, có khả năng tri kiến, có khả năng quyết định, trụ cửa cam lộ, gần vị giải thoát, chứ không thể tất cả cùng lúc chóng đắc cam lộ Niết-bàn. Ví như gà ấp trứng, năm hoặc mười trứng, tùy thời ấp nghỉ, thương yêu bảo vệ chăm sóc; cho dù khoảng giữa lại bỏ bê, cũng còn có thể dùng móng hoặc mỏ để mổ vỡ trứng cho gà con chui ra. Vì sao? Vì gà mẹ lúc ban đầu đã biết tùy thời ấp ủ hay nghỉ ngơi, khéo thương yêu bảo vệ. Cũng vậy, Thánh đệ tử thành tựu mười một pháp, là trụ nơi sự học trọn không bại hoại... không thể tất cả cùng lúc chóng đắc cam lộ Niết-bàn."

Phật nói kinh này xong, Ma-ha-nam dòng họ Thích nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, đảnh lễ rồi lui.

M

KINH 933. THẬP NHỊ[64]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Ni-câu-luật, tại nước Ca-tỳ-la-vệ. Bấy giờ có nhiều Tỳ-kheo tụ tập tại nhà ăn để vá y cho Thế Tôn. Lúc ấy Ma-ha-nam họ Thích nghe các Tỳ-kheo tụ tập tại nhà ăn, vá y cho Thế Tôn nói rằng: 'Không bao lâu, sau ba tháng an cư khi vá y xong, Thế Tôn sẽ đắp y, mang bát du hành trong nhân gian.' Nghe xong, Ma-ha-nam đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

---

64. Paøli, A. 11.13 Mahaønaøma.

"Bạch Thế Tôn, cả người con bất an, bốn phương mờ mịt, trước đây những pháp đã nghe bây giờ bỗng quên hết, vì nghe các Tỳ-kheo tụ tập tại nhà ăn, vá y cho Thế Tôn,... *cho đến* du hành trong nhân gian. Con suy nghĩ: 'Lúc nào mới gặp lại được Thế Tôn và các Tỳ-kheo quen biết?'"

Phật bảo Ma-ha-nam:

"Dù có gặp hay chẳng gặp Như Lai và có gặp, hay chẳng gặp các Tỳ-kheo quen biết, ông lúc nào cũng vẫn phải siêng năng tu sáu pháp. Những gì là sáu pháp? Chánh tín là gốc; giới, thí, văn, không, tuệ là căn bản, chứ không phải không trí tuệ. Cho nên, Ma-ha-nam, căn cứ vào sáu pháp này, mà nỗ lực tu tập tăng thượng sáu tùy niệm: Từ niệm Như Lai sự... *cho đến* niệm Thiên. Thành tựu được mười hai niệm này, Thánh đệ tử đó giảm bớt các điều ác, không còn tăng trưởng và bị tiêu diệt không khởi nữa; lìa trần cấu, không tăng trần cấu; lìa bỏ không bám giữ, vì không bám giữ nên không dính mắc; vì không dính mắc nên tự chứng Niết-bàn: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.'"

Phật nói kinh này xong, Ma-ha-nam dòng họ Thích nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy đảnh lễ rồi lui.

M

KINH 934. GIẢI THOÁT[65]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Ni-câu-luật, tại nước Ca-tỳ-la-vệ. Bấy giờ, Ma-ha-nam họ Thích đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

"Theo như những gì Phật đã dạy, con hiểu: Nhờ chánh định[66] nên giải thoát, không thể không có chánh định. Thế nào, bạch Thế Tôn, có phải đạt chánh định trước, sau mới giải thoát, hay là giải thoát trước rồi sau mới đạt chánh định? Hay chánh định và giải thoát không trước không sau, cả hai sanh cùng lúc?"

Bấy giờ, Thế Tôn im lặng, Ma-ha-nam ba lần hỏi như vậy, nhưng Phật vẫn im lặng. Lúc ấy, Tôn giả A-nan đang đứng sau Phật,

---

65. Paøli, A. 3.73 Sakka, N^{0}100(158).

66. Nguyên Hán: chánh thọ 正受 tức Paøli samaøpatti. Nhưng bản Paøli: samahitassa óaøòaö, người được chánh định thì có chánh trí.

cầm quạt hầu Phật, A-nan nghĩ: 'Ma-ha-nam họ Thích đem nghĩa lý sâu xa hỏi Thế Tôn, nhưng Thế Tôn vừa khỏi bệnh chưa lâu. Bây giờ ta nên nói sang chuyện khác để tiếp lời ông.'

"Này Ma-ha-nam, bậc hữu học cũng có giới, bậc vô học cũng có giới; bậc hữu học có tam-muội, bậc vô học cũng có tam-muội; bậc hữu học có tuệ, bậc vô học cũng có tuệ; bậc hữu học có giải thoát, bậc vô học cũng có giải thoát."

Ma-ha-nam hỏi Tôn giả A-nan:

"Thế nào là giới của bậc hữu học? Thế nào là giới của bậc vô học? Thế nào là tam-muội của bậc hữu học? Thế nào là tam-muội của bậc vô học? Thế nào là tuệ của bậc hữu học? Thế nào là tuệ của bậc vô học? Thế nào là giải thoát của bậc hữu học? Thế nào là giải thoát của bậc vô học?"

Tôn giả A-nan bảo Ma-ha-nam:

"Vị Thánh đệ tử này an trụ nơi tịnh giới, luật nghi Ba-la-đề-mộc-xoa, oai nghi, hành xứ; thọ trì học giới; khi đã thọ trì học giới thành tựu rồi, ly dục, pháp ác bất thiện... *cho đến* chứng và an trụ Tứ thiền. Khi đã có đủ tam-muội như vậy rồi, biết như thật 'Đây là Thánh đế khổ', biết như thật 'Đây là Thánh đế khổ tập', biết như thật 'Đây là Thánh đế khổ diệt', biết như thật 'Đây là Thánh đế khổ diệt đạo'. Biết như vậy, thấy như vậy rồi, năm hạ phần kết là thân kiến, giới thủ, nghi, tham dục, sân nhuế, được đoạn tận, được biến tri. Khi năm hạ phần kết này đã đoạn trừ rồi, sanh lên cõi kia, đắc Niết-bàn A-na-hàm, không sanh trở lại trong cõi này nữa. Ngay lúc ấy họ thành tựu học giới, học tam-muội, học tuệ và học giải thoát.

"Lại một lúc khác, các hữu lậu sẽ hết, vô lậu giải thoát, tuệ giải thoát, tự tri tự tác chứng: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.' Lúc bấy giờ, vị ấy thành tựu vô học giới, vô học tam-muội, vô học tuệ, vô học giải thoát.

"Ma-ha-nam, đó gọi là những gì Thế Tôn nói về học giới, học tam-muội, học tuệ, học giải thoát của bậc hữu học; vô học giới, vô học tam-muội, vô học tuệ, vô học giải thoát của bậc vô học là như vậy."

Sau khi Ma-ha-nam dòng họ Thích nghe những gì Tôn giả A-nan nói, hoan hỷ, tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy lễ Phật rồi lui.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn biết Ma-ha-nam vừa đi chưa lâu, bảo Tôn giả A-nan:

"Họ Thích ở Ca-tỳ-la-vệ có thể cùng các Tỳ-kheo bàn luận nghĩa lý sâu xa chăng?"

A-nan bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, vâng, họ Thích ở Ca-tỳ-la-vệ có thể cùng bàn luận nghĩa lý sâu xa với các Tỳ-kheo."

Phật bảo A-nan:

"Những người họ Thích ở Ca-tỳ-la-vệ sẽ nhanh chóng được lợi tốt, bằng tuệ nhãn của Hiền thánh có thể thâm nhập vào pháp Phật sâu xa."

Phật nói kinh này xong, Tôn giả A-nan nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 935. SA-ĐÀ[67]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Ni-câu-luật, tại nước Ca-tỳ-la-vệ. Bấy giờ có họ Thích, tên Sa-đà[68], nói với Ma-ha-nam:

"Thế Tôn nói Tu-đà-hoàn thành tựu bao nhiêu pháp?"

Ma-ha-nam đáp:

"Thế Tôn nói Tu-đà-hoàn thành tựu bốn pháp. Những gì là bốn? Đối với Phật, đối với Pháp, đối với Tăng có lòng tin thanh tịnh bất hoại, thành tựu Thánh giới, đó gọi là Tu-đà-hoàn thành tựu bốn pháp."

Sa-đà bảo Ma-ha-nam:

"Tôn giả chớ nói, chớ bảo rằng: 'Thế Tôn nói Tu-đà-hoàn thành tựu bốn pháp', nhưng sau đó Tu-đà-hoàn chỉ thành tựu ba pháp. Những gì là ba? Đối với Phật, đối với Pháp, đối với Tăng có lòng tin thanh tịnh bất hoại. Như vậy, Tu-đà-hoàn thành tựu ba pháp, ba lần nói như vậy.

"Ma-ha-nam họ Thích, không thể khiến cho Sa-đà chấp nhận

67. Paøli, S. 55.23 Godhaø. Cf. N^{0}100(159).

68. Thích thị Sa-đà [illegible]. Paøli: sakko godhaø.

bốn pháp và Sa-đà họ Thích cũng không thể khiến cho Ma-ha-nam chấp nhận ba pháp. Cả hai cùng đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, Ma-ha-nam họ Thích, bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, Sa-đà họ Thích lại chỗ con, hỏi: 'Thế Tôn nói Tu-đà-hoàn thành tựu bao nhiêu pháp?' Con liền đáp: 'Thế Tôn nói Tu-đà-hoàn thành tựu bốn pháp. Những gì là bốn? Đó là đối với Phật, đối với Pháp, đối với Tăng, có lòng tin thanh tịnh bất hoại và thành tựu Thánh giới.' Tu-đà-hoàn thành tựu bốn pháp như vậy. Sa-đà họ Thích nói: 'Ma-ha-nam họ Thích chớ nói rằng: Thế Tôn nói Tu-đà-hoàn thành tựu bốn pháp; mà Tu-đà-hoàn thành tựu chỉ ba pháp. Những gì là ba? Đó là đối với Phật, đối với Pháp, đối với Tăng có lòng tin thanh tịnh bất hoại. Thế Tôn nói Tu-đà-hoàn thành tựu ba pháp như vậy', nói ba lần như vậy.

"Con cũng không thể khiến cho Sa-đà họ Thích chấp nhận bốn pháp và Sa-đà cũng không thể làm cho con chấp nhận ba pháp. Cho nên cả hai đến chỗ Thế Tôn, nay xin hỏi Thế Tôn Tu-đà-hoàn thành tựu bao nhiêu pháp?"

Bấy giờ, Sa-đà họ Thích từ chỗ ngồi đứng lên lễ Phật và chắp tay bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, nếu có những pháp tương tợ như vậy xảy ra, mà một bên là Thế Tôn, một bên là Tỳ-kheo Tăng, thì con sẽ theo Thế Tôn, không theo Tỳ-kheo Tăng. Hoặc có những tương tợ như vậy xảy ra, mà một bên là Thế Tôn, một bên là chúng Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di hoặc Trời, hoặc Ma, Phạm, hoặc Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên, Người thế gian, con cũng chỉ theo Thế Tôn, không theo các chúng khác."

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Ma-ha-nam:

"Theo Ma-ha-nam, Sa-đà họ Thích lý luận như vậy, còn ngươi thì thế nào?"

Ma-ha-nam bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, Sa-đà họ Thích lý luận như vậy, con còn biết nói sao đây, mà con chỉ còn nói tốt, nói chân thật thôi."

Phật bảo Ma-ha-nam:

"Cho nên phải biết Tu-đà-hoàn thành tựu bốn pháp: Là đối với Phật, đối với Pháp, đối với Tăng có lòng tin thanh tịnh bất hoại và

thành tựu Thánh giới và nên thọ trì như vậy.”

Sau khi Ma-ha-nam họ Thích nghe những gì Phật đã dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy đảnh lễ rồi lui.

M

KINH 936. BÁCH THỦ[69]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Ni-câu-luật, tại nước Ca-tỳ-la-vệ. Bấy giờ những người họ Thích ở Ca-tỳ-la-vệ tụ tập tại nhà cúng dường bàn luận, hỏi:

"Ma-ha-nam, thế nào là lời thọ ký tối hậu? Bách Thủ họ Thích[70] mệnh chung, Thế Tôn thọ ký người này đắc Tu-đà-hoàn, không rơi vào pháp đường ác, nhất định hướng thẳng Chánh giác, còn bảy lần qua lại trời, người, cứu cánh thoát khổ. Nhưng Bách Thủ họ Thích phạm giới uống rượu mà Thế Tôn lại thọ ký người này đắc Tu-đà-hoàn... *cho đến* cứu cánh thoát khổ. Này Ma-ha-nam, ông nên đến hỏi Phật rồi như những gì Phật dạy, chúng ta sẽ vâng theo."

Khi ấy Ma-ha-nam đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, chúng con, những người họ Thích ở Ca-tỳ-la-vệ tụ tập tại nhà cúng dường bàn luận như vầy: 'Ma-ha-nam, thế nào là lời nói thọ ký tối hậu? Trong đó Bách Thủ họ Thích mệnh chung, Thế Tôn thọ ký đắc quả Tu-đà-hoàn... *cho đến* cứu cánh thoát khổ. Nay ông nên đến hỏi lại Thế Tôn, như những gì Thế Tôn dạy chúng ta sẽ vâng theo.' Bây giờ con xin hỏi Phật, xin Ngài giải thích cho."

Phật bảo Ma-ha-nam:

"Thánh đệ tử nói: 'Đại Sư Thiện Thệ! Đại Sư Thiện Thệ!' Miệng nói thiện thệ mà tâm chánh niệm, chánh kiến, tất nhiên thâm nhập Thiện thệ. Thánh đệ tử nói: 'Chánh pháp luật! Chánh pháp luật!' Miệng nói Chánh pháp luật, mà phát tâm chánh niệm, chánh kiến, tất nhiên thâm nhập Chánh pháp. Thánh đệ tử nói: 'Thiện hướng Tăng! Thiện hướng Tăng!' Miệng nói thiện hướng, mà phát tâm chánh niệm, chánh kiến thì tất nhiên nhập thiện hướng. Như vậy, này Ma-ha-nam, Thánh đệ tử đối với Phật một lòng tịnh tín; đối với Pháp, Tăng một lòng tịnh tín; đối với pháp có lợi trí, xuất trí, quyết định trí, bát giải thoát thành tựu, thân tác chứng, bằng trí tuệ mà thấy hữu lậu đã đoạn,

---

69. Paøli, S. 55.24 Sarakaøni. Cf. N^{0}100(160).

70. Bách Thủ Thích Thị 百手釋氏. Paøli: Sarakaøni. Trong bản Hán: Satapaøòi.

đã biến tri. Như vậy, Thánh đệ tử không hướng vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, chẳng đọa đường ác, nói là A-la-hán Câu giải thoát[71].

"Lại nữa, Ma-ha-nam, Thánh đệ tử tuyệt đối có tín tâm thanh tịnh đối với Phật... *cho đến* trí tuệ quyết định, không đạt được bát giải thoát, thân tác chứng, thành tựu an trụ, nhưng vị ấy thấy, biết hữu lậu đã đoạn. Đó gọi là Thánh đệ tử không đọa vào đường ác,... *cho đến* Tuệ giải thoát[72].

"Lại nữa, Ma-ha-nam, Thánh đệ tử tuyệt đối có tín tâm thanh tịnh đối với Phật... *cho đến* trí tuệ quyết định, tuy đã được bát giải thoát, thân tác chứng, an trụ có đủ, nhưng không thấy hữu lậu đoạn. Đó gọi là Thánh đệ tử không đọa vào đường ác,... *cho đến* Thân chứng[73].

"Lại nữa, Ma-ha-nam, Thánh đệ tử tuyệt đối có tín tâm thanh tịnh đối với Phật... *cho đến* trí tuệ quyết định, không được bát giải thoát, thân tác chứng, thành tựu an trụ, nhưng thấy biết như thật đối với Chánh pháp luật. Đó gọi là Thánh đệ tử không đọa vào đường ác,... *cho đến* Kiến đáo.

"Lại nữa, Ma-ha-nam, Thánh đệ tử tuyệt đối có tín tâm thanh tịnh đối với Phật... *cho đến* trí tuệ quyết định, tuy có thấy biết như thật đối Chánh pháp luật, nhưng chẳng được Kiến đáo. Đó gọi là Thánh đệ tử không đọa vào đường ác,... *cho đến* Tín giải thoát.

"Lại nữa, Ma-ha-nam, Thánh đệ tử tin vào ngôn thuyết thanh tịnh của Phật[74], tin vào ngôn thuyết thanh tịnh của Pháp, của Tăng, đối với năm pháp làm tăng trưởng trí tuệ, quán sát kỹ lưỡng, lãnh thọ tín, tinh tấn, niệm, định, tuệ. Đó gọi là Thánh đệ tử không đọa vào đường ác,... *cho đến* Tùy pháp hành.

"Lại nữa, Ma-ha-nam, Thánh đệ tử tin vào ngôn thuyết thanh tịnh của Phật, tin vào ngôn thuyết thanh tịnh của Pháp, của Tăng,...

---

71. A-la-hán câu giải thoát 阿羅漢俱解脫, hay câu phần giải thoát; A-la-hán chứng diệt tận định. Bản Paøli không có chi tiết này.

72. A-la-hán tuệ giải thoát 阿羅漢慧解脫, có tuệ nhưng không chứng diệt tận định.

73. Thân chứng 身證. A-na-hàm có diệt tận định được gọi là Thân chứng.

74. Nhưng vị này chưa thành tựu bốn chứng tịnh.

cho đến năm pháp ít trí tuệ, quán sát kỹ lưỡng, lãnh thọ tín, tinh tấn, niệm, định, tuệ. Đó gọi là Thánh đệ tử không đọa vào đường ác,... *cho đến* Tùy tín hành.

"Ma-ha-nam, ví như cây kiên cố[75] này, đối với những gì Ta đã nói mà có thể hiểu nghĩa thì thật không có việc này; nếu nó có thể hiểu thì Ta cũng thọ ký, huống chi Bách Thủ họ Thích mà Ta không thọ ký đắc Tu-đà-hoàn.

"Này Ma-ha-nam, Bách Thủ họ Thích lúc sắp chết, nhờ thọ trì tịnh giới, bỏ uống rượu nên sau khi mạnh chung Ta ký thuyết ông đắc Tu-đà-hoàn,... *cho đến* cứu cánh thoát khổ."

Ma-ha-nam họ Thích nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy đảnh lễ rồi lui.

M

KINH 937. HUYẾT[76]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật trú tại giảng đường Trùng các, bên ao Di hầu, nước Tỳ-xá-ly. Bấy giờ có bốn mươi Tỳ-kheo[77] ở làng Ba-lê-da[78], tất cả đều tu hạnh a-lan-nhã với y phấn tảo và đi khất thực[79], còn ở địa vị hữu học, chưa ly dục. Họ cùng đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên.

Bấy giờ, Thế Tôn nghĩ thầm: 'Bốn mươi Tỳ-kheo này đang ở làng Ba-lê-da, đều tu hạnh a-lan-nhã với y phấn tảo và đi khất thực, còn ở địa vị hữu học, chưa ly dục. Hôm nay Ta nên thuyết pháp cho họ để ngay đời này họ chẳng khởi các lậu, tâm được giải thoát.' Thế Tôn

---

75. Kiên cố thọ 堅固樹, chỉ cây ni-câu-luật (loại); Paøli: nigrodha.

76. Ấn Thuận Hội Biên, "45. Tương ưng Vô thủy" gồm hai mươi chín kinh, số 13277-13296. Đại Chánh, kinh số 937-956, phần sau quyển 33 và một phần đầu quyển 34. Kinh 937, Paøli, S. 15.13. Tiösamattaø.

77. Bản Paøli: tiösamttaø bhikkhuø, chỉ có ba mươi Tỳ-kheo.

78. Ba-lê-da tụ lạc 波梨耶聚落. Paøli: Paøveyyakaø.

79. A-luyện-nhã, phấn tảo y, khất thực 阿練若, 糞掃衣, 乞食, hành trì ba trong mười hai hạnh đầu đà: chỉ sống trong rừng, chỉ khoác y phấn tảo và chỉ khất thực (không nhận lời mời). Paøli: araóóakaø paösukuølikaø piòñaïpaøtikaø.

bảo bốn mươi Tỳ-kheo ở làng Ba-lê-da:

"Chúng sanh từ vô thỉ sanh tử, bị vô minh che lấp, ái buộc cổ, mãi mãi xoay vần sanh tử, chẳng biết biên tế nguyên thủy của khổ[80].

"Này các Tỳ-kheo, các ông nghĩ thế nào? Nước sông Hằng cuồn cuộn chảy vào biển lớn, trong khoảng ấy nước sông Hằng nhiều? hay là các ông từ trước đến nay bị xoay vần trong sanh tử, thân thể bị phá hoại, máu tuôn chảy nhiều?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Theo chúng con hiểu ý nghĩa của lời Phật nói, chúng con đã trôi lăn trong sanh tử quá lâu, thân chúng con bị phá hoại, máu chảy rất nhiều, nhiều gấp trăm ngàn vạn lần nước sông Hằng."

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Hãy bỏ qua nước sông Hằng. Cho đến, nước trong bốn biển lớn là nhiều hay là các ông trôi lăn trong sanh tử, thân xác bị phá hoại, máu tuôn chảy là nhiều?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Như chúng con hiểu ý nghĩa của lời Thế Tôn nói, chúng con đã trôi lăn trong sanh tử, thân bị phá hoại, máu tuôn chảy rất nhiều, nhiều hơn cả nước bốn biển lớn."

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Lành thay! Lành thay! Các ông mãi luân chuyển sanh tử, máu trong thân thể tuôn chảy rất nhiều, hơn cả nước sông Hằng và nước bốn biển lớn. Vì sao? Vì các ông đã từng sanh trong loài voi, hoặc bị cắt tai, mũi, đầu, đuôi, bốn chân, máu huyết vô lượng; hoặc mang thân ngựa, thân lạc đà, thân trâu, chó, thân các loài cầm thú bị cắt đứt tai, mũi, đầu, chân, toàn thân, máu tuôn chảy vô lượng. Các ông đã từng bị giặc cướp, bị người sát hại, cắt đứt đầu, chân, tai, mũi, toàn thân bị phân ly, máu tuôn chảy vô lượng. Các ông đã từng chịu thân hoại mệnh chung bỏ trong nghĩa địa, máu huyết tanh nồng, tuôn chảy số lượng không lường; hoặc đọa địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ, rồi thân hoại mệnh chung, máu huyết tuôn chảy cũng vô lượng."

Phật bảo các Tỳ-kheo:

---

80. Paøli: anamataggoyaö saösaøro, pubbaø koæi na paóóaøyati, sự luân chuyển này là vô thủy, không biết được giới hạn tối sơ của nó.

"Sắc là thường hay vô thường?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, vô thường."

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Vô thường là khổ chăng?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Là khổ."

Phật bảo:

"Nếu vô thường, khổ, là pháp biến dịch, Thánh đệ tử có thể ở trong ấy thấy là ngã, khác ngã, hoặc ở trong nhau chăng?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, không."

"Đối thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như thế."

Phật bảo:

"Những gì thuộc về sắc quá khứ, vị lai, hiện tại, hoặc trong hoặc ngoài, hoặc thô hoặc tế, hoặc đẹp hoặc xấu, hoặc xa hoặc gần, tất cả đều chẳng phải ngã, chẳng khác ngã, chẳng ở trong nhau, biết như thật thế. Đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Thánh đệ tử quán sát như thế đối với sắc sanh chán lìa, đối thọ, tưởng, hành, thức sanh chán lìa, đã chán lìa nên chẳng ưa thích, vì chẳng ưa thích nên giải thoát, giải thoát tri kiến: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn thọ thân sau."

Khi Phật nói pháp này, bốn mươi Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 938. LỆ[81]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật trú tại nước Xá-vệ, rừng cây Kỳ-đà trong vườn Cấp cô độc. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Chúng sanh từ vô thỉ sanh tử cho đến nay, cứ mãi xoay vần, không biết được biên tế nguyên thủy của khổ.

---

81. Nước mắt. Paøli. S. 15.3 Assu.

"Các Tỳ-kheo nghĩ thế nào? Nước sông Hằng... nước trong bốn biển lớn là nhiều hay là nước mắt của các ông tuôn ra trong vòng sanh tử luân hồi là nhiều?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Như chúng con hiểu ý nghĩa của lời Phật nói, nước mắt của chúng con tuôn rơi trong vòng sanh tử luân hồi rất nhiều, nhiều hơn cả nước sông Hằng và nước bốn biển lớn."

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Lành thay! Lành thay! Nước mắt của các ông tuôn rơi trong vòng sanh tử luân hồi rất nhiều, chứ không phải nước sông Hằng và nước bốn biển. Vì sao? Vì các ông đã từng bị mất cha mẹ, anh em, chị em, thân thuộc, người quen, bị mất mát tiền của, nước mắt tuôn rơi cho những sự mất mát đó nhiều vô lượng. Các ông cứ mãi bị ném ra nghĩa địa, máu tanh chảy ra, rồi sanh vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh.

"Này các Tỳ-kheo, các ông từ vô thỉ sanh tử luân hồi, máu và nước mắt trong thân rất nhiều, nhiều vô lượng.

"Này các Tỳ-kheo, sắc là thường hay vô thường?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, vô thường.

"Nếu vô thường, đó là khổ chăng?

"Bạch Thế Tôn, khổ.

"Nếu vô thường, khổ là pháp biến dịch, đa văn Thánh đệ tử có nên ở trong đó thấy là ngã, khác ngã, hoặc ở trong nhau chăng?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, không.

"Thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như thế.

"Này các Tỳ-kheo, Thánh đệ tử biết như thế, thấy như thế... đối với sắc giải thoát, đối với thọ, tưởng, hành, thức, giải thoát, giải thoát sanh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 939. MẪU NHŨ[82]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Chúng sanh từ vô thỉ sanh tử, bị vô minh che lấp, ái trói cổ, cứ mãi luân chuyển chẳng biết cội gốc của khổ."

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Các Tỳ-kheo nghĩ thế nào? Nước sông Hằng và nước trong bốn biển lớn là nhiều hay là sữa mẹ mà các ông uống mãi luân chuyển trong sanh tử là nhiều?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Như chúng con hiểu ý nghĩa lời Phật nói, sữa mẹ mà chúng con đã uống trong vòng sanh tử còn nhiều hơn nước sông Hằng và nước bốn biển lớn."

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Lành thay! Lành thay! Sữa mẹ mà các ông đã uống trong vòng sanh tử còn nhiều hơn nước sông Hằng và nước bốn biển lớn. Vì sao? Các ông đã từng hoặc sanh trong loài voi, uống sữa mẹ vô lượng, vô số; hoặc sanh làm lạc đà, ngựa, trâu, lừa v.v... các loài cầm thú uống sữa mẹ vô lượng vô số. Các ông đã từng bỏ thân nơi gò mả, máu mủ cũng tuôn chảy vô lượng; hoặc đọa địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, máu tủy tuôn chảy cũng như vậy.

"Này các Tỳ-kheo, các ông từ vô thỉ sanh tử đến nay, chẳng biết cội gốc của khổ. "Này các Tỳ-kheo, sắc là thường hay vô thường?

"Bạch Thế Tôn, vô thường."

"... Thánh đệ tử đối với năm thọ ấm quán sát chẳng phải ngã, chẳng phải ngã sở, đối với tất cả pháp thế gian đều không chấp thủ, vì không chấp thủ nên không dính mắc, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn thọ thân sau."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

❑

---

82. Sữa mẹ. Paøli, S. 15.4 Khìraö.

TẠP A-HÀM QUYỂN 34

KINH 940. THẢO MỘC[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Chúng sanh từ vô thỉ[2] sanh tử luân chuyển mãi, mà không biết biên tế tối sơ[3] của khổ. Các Tỳ-kheo, ý các ông nghĩ thế nào? Tất cả loại cỏ cây trên mặt đất này, nếu xẻ ra làm thẻ bằng bốn ngón tay dùng để đếm cha mẹ của các ông đã trải qua sanh tử luân hồi, thì số thẻ tre đã hết, nhưng số cha mẹ các ông vẫn còn không hết.

"Này các Tỳ-kheo, từ vô thỉ sanh tử luân chuyển mãi như vậy, mà không biết biên tế tối sơ của khổ. Cho nên các Tỳ-kheo hãy học như vầy: 'Hãy siêng năng tinh tấn, đoạn trừ các hữu, chớ cho tăng trưởng.'"

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 941. THỔ HOÀN LIỆP[4]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Chúng sanh từ vô thỉ sanh tử luân chuyển mãi, mà không biết biên tế tối sơ của khổ. Thế nào, các Tỳ-kheo? Nếu đem hết bùn đất

---

1. Đại Chánh quyển 34. Ấn Thuận Hội Biên, vii. Như Lai sở thuyết tụng, 45. Vô thủy tương ưng, kinh số 1377. Quốc Dịch, viii. Như Lai tụng, 5. Vô thủy tương ưng, kinh 13400. Phật Quang, quyển 34, kinh 932. Tương đương Paøli, S. 15, 1. Tiòakaæææhaö. Hán, N^{0}100(336).
2. Paøli: amatagga, khởi thủy không thể ước lượng.
3. Hán: bản tế 本際. Paøli: pubbaø koæi.
4. Hòn đất. Paøli: 15.2 Pathavì. Hán: N^{0}100(336).

nơi đại địa này vo lại thành viên như trái bà-la[5] để đếm cha mẹ của các ông đã trải qua sanh tử luân hồi, thì số viên đất đã hết, nhưng số cha mẹ các ông vẫn còn không hết.

"Này các Tỳ-kheo, từ vô thỉ sanh tử luân chuyển mãi như vậy, mà không biết biên tế tối sơ của khổ. Cho nên các Tỳ-kheo nên học như vầy: 'Hãy siêng năng tinh tấn, đoạn trừ các hữu, chớ cho tăng trưởng.'"

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 942. AN LẠC[6]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Chúng sanh từ vô thỉ sanh tử luân chuyển mãi, mà không biết biên tế tối sơ của khổ. Các Tỳ-kheo, các ông thấy các chúng sanh hưởng thụ khoái lạc an ổn, thì nên nghĩ rằng: 'Chúng ta mãi mãi ở trong sanh tử luân hồi, cũng đã từng hưởng thụ khoái lạc kia, thú vui kia vô lượng.'

"Này các Tỳ-kheo, từ vô thỉ sanh tử luân chuyển mãi như vậy, mà không biết biên tế tối sơ của khổ. Cho nên các Tỳ-kheo nên học như vầy: 'Hãy siêng năng tinh tấn, đoạn trừ các hữu, chớ cho tăng trưởng.'"

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

---

5. Bà-la quả 婆羅果. N^{0}100(336): "như hạt đậu". Paøli: kollaøtthimatta, như hạt quả táo.

6. Paøli: S.15.12. Sukhitaø. Hán Biệt dịch, N^{0}100(335).

KINH 943. KHỔ NÃO[7]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Chúng sanh từ vô thỉ sanh tử luân chuyển mãi, mà không biết biên tế tối sơ của khổ. Các Tỳ-kheo, nếu thấy các chúng sanh chịu các khổ não, thì nên nghĩ rằng: 'Ta từ vô thỉ sanh tử luân hồi mãi cho đến nay, cũng đã từng chịu khổ như vậy, đến số vô lượng.'

"Này các Tỳ-kheo, từ vô thỉ sanh tử luân chuyển mãi như vậy, mà không biết biên tế tối sơ của khổ. Cho nên các Tỳ-kheo nên học như vầy: 'Hãy siêng năng tinh tấn, đoạn trừ các hữu, chớ cho tăng trưởng.'"

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành

M

KINH 944. KHỦNG BỐ[8]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Chúng sanh từ vô thỉ sanh tử luân chuyển mãi, mà không biết biên tế tối sơ của khổ. Này các Tỳ-kheo, các ông thấy các chúng sanh mà sanh lòng sợ hãi, dựng đứng chân lông; nên nghĩ rằng: 'Quá khứ chúng ta chắc chắn đã từng sát sanh, đã từng làm tổn thương, đã từng làm hại, đã từng làm ác tri thức, mãi mãi ở trong sanh tử luân hồi vô thủy, không biết biên tế tối sơ của khổ.'

"Các Tỳ-kheo, nên học như vầy: Hãy đoạn trừ các hữu, chớ cho tăng trưởng."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

---

7. Paøli: S.15,11. Duggataö. Hán Biệt dịch, N⁰100(336).

8. Paøli: tham chiếu các kinh trên. Hán, N⁰100(337).

KINH 945. ÁI NIỆM[9]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Chúng sanh từ vô thỉ sanh tử luân chuyển mãi, mà không biết biên tế tối sơ của khổ. Các Tỳ-kheo, nếu thấy chúng sanh mà khởi ái niệm hoan hỷ, thì nên nghĩ rằng: 'Chúng sanh như vậy, trong đời quá khứ chắc chắn đã từng là cha mẹ, anh em, vợ con, quyến thuộc, thầy bạn, tri thức của chúng ta, cứ mãi mãi luân chuyển sanh tử như vậy, không biết biên tế tối sơ của khổ. Cho nên các Tỳ-kheo, nên học như vầy: Hãy nỗ lực tinh cần, đoạn trừ các hữu, chớ cho tăng trưởng."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành

M

KINH 946. HẰNG HÀ[10]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, có một Ba-la-môn đến chỗ Phật, cung kính thăm hỏi, sau khi chào hỏi xong ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

"Thưa Cù-đàm, đời vị lai sẽ có bao nhiêu Đức Phật?"

Phật bảo Bà-la-môn:

"Phật đời vị lai có vô lượng như số cát sông Hằng."

Bấy giờ, Bà-la-môn nghĩ rằng:

"Các Đấng Chánh Đẳng Chánh Giác đời vị lai sẽ có vô lượng như số cát sông Hằng, ta sẽ theo các Ngài tu phạm hạnh."

Bà-la-môn sau khi đã nghe những gì Đức Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy ra về. Trên đường về, Ba-la-môn vừa đi vừa nghĩ: "Hôm nay ta chỉ hỏi Sa-môn Cù-đàm về chư Phật đời vị lai chứ chưa hỏi chư Phật quá khứ." Liền trở lại hỏi Thế Tôn:

---

9. Paøli: 15. 14-19. Maøtaø, v.v.. Hán, N⁰100(338).

10. Paøli: S.15.8. Gaígaø. Hán, N⁰100(339).

"Thế nào Cù-đàm, đời quá khứ có bao nhiêu Đức Phật?"

Phật bảo Bà-la-môn:

"Phật đời quá khứ cũng có vô lượng như số cát sông Hằng."

Lúc ấy Bà-la-môn liền nghĩ: "Chư Phật Thế Tôn trong đời quá khứ cũng có vô lượng như số cát sông Hằng, mà ta chưa từng thân cận. Giả sử vô lượng các Đấng Chánh Đẳng Chánh Giác trong đời vị lai như số cát sông Hằng, cũng sẽ không thân cận vui vầy, thì trong hiện tại ta nên ở chỗ Sa-môn Cù-đàm tu hành phạm hạnh." Nhân đó chắp tay bạch Phật:

"Nguyện xin Thế Tôn cho phép con xuất gia tu phạm hạnh trong Chánh pháp luật."

Phật bảo Bà-la-môn:

"Chấp thuận cho ông xuất gia tu phạm hạnh, được làm Tỳ-kheo trong Chánh pháp luật."

Bấy giờ, Bà-la-môn liền được xuất gia thọ cụ túc, sau khi xuất gia một mình ở nơi thanh vắng tư duy về nguyên nhân làm cho người thiện nam, chánh tín xuất gia học đạo, sống không nhà,... *cho đến* đắc A-la-hán.

M

KINH 947. LỤY CỐT[11]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở núi Tỳ-phú-la, thành Vương xá[12]. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có một người[13], ở trong một kiếp sanh tử luân hồi, xương trắng chồng chất không bị mục nát, như núi Tỳ-phú-la. Nếu vị Thánh đệ tử nào biết như thật về Thánh đế khổ này, biết như thật về sự tập khởi của khổ này, biết như thật về sự diệt tận của khổ này, biết như thật về con đường đưa đến sự diệt khổ này; sau khi vị ấy biết như vậy, thấy như vậy, tất đoạn trừ ba kết: thân kiến, giới thủ và nghi. Khi đoạn trừ

11. Đống xương nọ. Paøli: S.15.10 Puggala (con người). Hán, N⁰100(340), 101(11), 150A(30).

12. Núi Tỳ-phú-la, thành Vương xá 王舍城毘富羅山. Paøli: Veppulla-pabbata; Nhưng S.15.10: Raøjagahe Gijjhakuøæe pabbate. Trên núi Kỳ-xà-quật, thành Vương xá.

13. Paøli: ekapuggalassa, đối với một con người.

được ba kết này, đắc Tu-đà-hoàn, không rơi vào pháp đường ác, quyết định hướng thẳng Chánh giác, chỉ còn bảy lần qua lại Trời, Người, cứu cánh thoát khổ."

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

Một người, trong một kiếp,
Chồng chất xương cốt khô;
Để lâu không mục nát,
Như núi Tỳ-phú-la.
Nếu các Thánh đệ tử,
Chánh trí thấy chân đế;
Khổ cùng nguyên nhân khổ,
Lìa khổ được tịch diệt.
Tu tập tám con đường,
Hướng thẳng đến Niết-bàn;
Chỉ còn trải bảy lần,
Qua lại sanh trời người.
Sạch hết tất cả kết,
Giải thoát bờ mé khổ.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 948. THÀNH TRÌ[14]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Chúng sanh từ vô thỉ sanh tử, mãi luân chuyển, không biết biên tế tối sơ của khổ."

Bấy giờ, có một Tỳ-kheo từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, trịch áo vai phải, đảnh lễ Đức Phật, quỳ gối sát đất, chắp tay bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, kiếp dài lâu như thế nào?"

---

14. Quốc Dịch phẩm 2, kinh 13480-13417 (=984-956). Paøli: S.15.6. Saøsapaø. Hán, N^{0}100(341), N^{0}125(52.3).

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Ta có thể vì ông mà nói, nhưng ông khó mà biết được!"

Tỳ-kheo bạch Phật:

"Ngài có thể nói thí dụ không?"

Phật bảo:

"Có thể nói. Này Tỳ-kheo, thí như thành trì bằng sắt, vuông vức một do-tuần, từ trên xuống dưới cũng như vậy, bên trong đầy hạt cải. Cứ một trăm năm có người lấy một hạt cải. Số hạt cải kia có thể hết, nhưng kiếp vẫn còn chưa hết. Cũng vậy Tỳ-kheo, kiếp kia dài lâu như vậy. Kiếp dài cả trăm, ngàn, vạn, ức khổ lớn nối tiếp nhau, mà xương trắng chất thành gò, máu mủ chảy thành sông, trong các đường ác địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ. Tỳ-kheo, đó gọi là từ vô thỉ sanh tử mãi luân hồi, không biết nguồn gốc khổ. Cho nên Tỳ-kheo, nên học như vầy: 'Đoạn trừ các hữu, chớ cho tăng trưởng.'"

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 949. NÚI[15]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Chúng sanh từ vô thỉ sanh tử, mãi luân chuyển, không biết biên tế tối sơ của khổ."

Bấy giờ, có một Tỳ-kheo từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, trịch áo vai phải, đảnh lễ Đức Phật, quỳ gối sát đất, chắp tay bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, kiếp dài lâu như thế nào?"

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Ta có thể vì ông mà nói, nhưng ông khó biết được!"

Tỳ-kheo bạch Phật:

"Ngài có thể nói thí dụ không?"

15. Paøli: S.15.5. Pabbata. Hán, N^{0}100$^{(342)}$.

Phật bảo:

"Có thể nói. Này Tỳ-kheo, thí như núi đá lớn không bị vỡ, không bị lở sụt, vuông vức một do-tuần. Nếu có người nào dùng mảnh lụa ca-thi kiếp-bối[16], cứ một trăm năm phủi qua một lần; phủi không ngừng nghỉ. Núi đá mòn hết, nhưng kiếp vẫn còn chưa hết. Này Tỳ-kheo, kiếp kia dài lâu như vậy, cả đến trăm, ngàn, vạn, ức kiếp chịu các khổ não... *cho đến* các Tỳ-kheo, nên học như vầy: 'Đoạn trừ các hữu, chớ cho tăng trưởng.'"

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 950. QUÁ KHỨ[17]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Chúng sanh từ vô thỉ sanh tử, mãi luân hồi, không biết nguồn gốc khổ."

Lúc ấy, có một Tỳ-kheo từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, trịch áo vai phải, đảnh lễ Đức Phật, quỳ gối sát đất, chắp tay bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, quá khứ có bao nhiêu kiếp?"

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Ta có thể vì ông mà nói, nhưng ông khó mà biết được!"

Tỳ-kheo bạch Phật:

"Ngài có thể nói thí dụ không?"

Phật bảo:

"Có thể nói. Này Tỳ-kheo, thí như có người sống tới trăm tuổi. Buổi sáng nhớ lại ba trăm ngàn kiếp. Buổi trưa nhớ lại ba trăm ngàn kiếp. Buổi chiều nhớ lại ba trăm ngàn kiếp. Ngày nào cũng nhớ nghĩ đến số kiếp như vậy, cho đến trăm tuổi mạng chung, cũng không thể nhớ được biên tế của số kiếp. Tỳ-kheo nên biết vô lượng số kiếp quá

16. Ca-thi kiếp-bối 迦尸劫貝. Paøli: Kaøsika vattha, vải sản xuất ở nước Kaøsi.

17. Paøli, S.15.7. Saøvakaø (các Đệ tử). Cf. N^{0}100(343).

khứ như vậy. Vô lượng số kiếp quá khứ, mãi mãi chịu khổ và xương chất thành núi, máu mủ chảy thành sông, trong các đường ác địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ. Cũng vậy, Tỳ-kheo từ vô thỉ sanh tử mãi luân hồi, không biết biên tế tối sơ của khổ. Cho nên Tỳ-kheo, nên học như vầy: 'Đoạn trừ các hữu, chớ cho tăng trưởng'."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 951. VÔ HỮU NHẤT XỨ[18]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Chúng sanh từ vô thỉ sanh tử, mãi luân hồi, không biết biên tế tối sơ của khổ. Không có một nơi nào mà không sanh không chết. Như vậy, từ vô thỉ sanh tử mãi mãi không biết biên tế tối sơ của khổ. Cho nên Tỳ-kheo, nên học như vầy: 'Đoạn trừ các hữu, chớ cho tăng trưởng.'"

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 952. VÔ BẤT NHẤT XỨ[19]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Chúng sanh từ vô thỉ sanh tử, mãi luân hồi, không biết biên tế tối sơ của khổ. Không có một nơi nào mà không có cha mẹ, anh em, vợ con, quyến thuộc, thân thích, Sư trưởng. Cũng vậy, Tỳ-kheo, từ vô thỉ sanh tử mãi mãi luân hồi không biết biên tế tối sơ của khổ. Cho nên Tỳ-kheo, nên học như vầy: 'Đoạn trừ các hữu, chớ

18. Không có một chỗ nào. Hán Biệt dịch, $N^{0}100^{(344)}$. Paøli, không thấy tương đương.

19. Không một nơi nào mà không. Paøli, S.15.14-19. Maøtaø, v.v.. Cf. $N^{0}100^{(345)}$.

cho tăng trưởng'."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 953. BONG BÓNG NƯỚC MƯA[20]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Chúng sanh từ vô thỉ sanh tử, mãi luân hồi, không biết biên tế tối sơ của khổ. Thí như trời mưa lớn, bong bóng nước thoáng sanh thoáng diệt. Cũng vậy, chúng sanh bị vô minh che lấp, ái cột cổ mình, từ vô thỉ sanh tử, nên sự sanh, sự chết mãi mãi luân hồi, không biết biên tế tối sơ của khổ. Cho nên Tỳ-kheo, nên học như vầy: 'Đoạn trừ các hữu, chớ cho tăng trưởng.'"

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 954. CƠN MƯA TRÚT[21]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Chúng sanh từ vô thỉ sanh tử, mãi luân hồi, không biết biên tế tối sơ của khổ. Thí như trời mưa lớn tầm tã khắp nơi, cả Đông, Tây, Nam, Bắc không nơi nào là không mưa. Cũng như, phương Đông, phương Nam, phương Tây, phương Bắc. Trong vô lượng quốc độ, kiếp thành, kiếp hoại giống như trời mưa lớn, giọt mưa khắp nơi trong thiên hạ, không nơi nào là không mưa. Cũng vậy, từ vô thỉ sanh tử luân hồi mãi mãi, không biết biên tế tối sơ của khổ.

---

20. Paøli, tham chiếu, S.22.95. Phenam (bong bóng), S.48.50. Saddha (tín). Cf. N°100(346).

21. Quốc Dịch gồm hai kinh: 1344. Đại vũ hồng chú 大雨洪澍; 1315. Trịch trượng 擲杖 (ném gậy). Paøli, S.15.9. Daoña (cây gậy).

"Thí như ném gậy lên không trung, hoặc đầu rơi xuống đất, hoặc là đuôi rơi xuống đất, hoặc khoảng giữa rơi xuống đất. Cũng vậy, từ vô thỉ sanh tử luân hồi mãi mãi, hoặc đọa vào địa ngục, hoặc đọa vào súc sanh, hoặc đọa vào ngạ quỷ. Sanh tử vô thỉ như vậy, luân chuyển mãi mãi. Cho nên Tỳ-kheo, nên học như vầy: 'Đoạn trừ các hữu, chớ cho tăng trưởng.'"

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 955. NGŨ TIẾT LUÂN[22]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Chúng sanh từ vô thỉ sanh tử, luân hồi mãi mãi, không biết biên tế tối sơ của khổ. Này Tỳ-kheo, thí như, hoặc có người lăn bánh xe năm tiết, luôn luôn lăn không nghỉ. Cũng vậy, chúng sanh lăn bánh xe vào năm đường, hoặc rơi vào đường địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ, cùng đường Trời, Người, lúc nào cũng lăn không dừng. Cũng vậy, vô thỉ sanh tử luân hồi mãi mãi, không biết biên tế tối sơ của khổ. Cho nên Tỳ-kheo, nên học như vầy: 'Đoạn trừ các hữu, chớ cho tăng trưởng.'"

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

22. Bánh xe 5 tiết (căm). Paøli, không thấy tương đương. Biệt dịch, N^{0}99(432), N^{0}100(349).

KINH 956. TỲ-PHÚ-LA[23]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở bên núi Tỳ-phú-la, tại thành Vương xá. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Tất cả hành vô thường, tất cả hành không hằng hữu, không an định, là pháp biến dịch. Các Tỳ-kheo, đối tất cả hành nên sanh yểm ly, cầu vui giải thoát. Các Tỳ-kheo, vào thời quá khứ núi Tỳ-phú-la này gọi là núi Trường trúc[24]. Chỗ dân chúng ở chung quanh núi gọi là ấp Đề-di-la[25]. Người ấp Đề-di-la sống bốn vạn tuổi. Người ấp Đề-di-la lên đỉnh núi này, bốn ngày mới trở về. Đương thời có Phật Ca-la-ca Tôn-đề[26] Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn, xuất hiện thế gian, thuyết pháp giáo hóa; pháp ấy, khoảng đầu, khoảng giữa, sau cùng đều thiện, nghĩa thiện, vị thiện, thuần đầy thanh tịnh, phạm hạnh thanh bạch, mở bày hiển thị. Hiện tại tên núi Trường trúc cũng mất, dân chúng ấp Đề-di-la cũng không còn, Đức Phật Như Lai kia cũng đã vào Bát-niết-bàn. Tỳ-kheo nên biết, tất cả các hành đều vô thường, không hằng hữu, không an định, là pháp biến dịch, đối tất cả hành, nên tu tập yểm ly, ly dục, giải thoát.

"Các Tỳ-kheo, vào thời quá khứ, núi Tỳ-phú-la này gọi là Bằng-ca[27]. Lúc ấy chỗ người dân cư trú chung quanh núi gọi là ấp A-tỳ-ca[28]. Tuổi thọ người dân lúc ấy là ba vạn tuổi. Người A-tỳ-ca lên núi này trong vòng ba ngày mới trở về lại. Đương thời có Phật Câu-na-hàm Mâu-ni Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn, xuất hiện ở đời, diễn nói kinh

---

23. Paøli: S. 15.20. Vepullapbbataö. Biệt dịch, N⁰100 (350).

24. Trường trúc sơn 長竹山. Paøli: Paøcìnavaösa (đông trúc).

25. Đề-di-la ấp 低彌羅邑. Paøli: Tivara.

26. Ca-la-ca Tôn-đề 迦羅迦孫提 = Phật Câu-lưu-tôn. Paøli: Kakusandho.

27. Bằng-ca 朋迦. Paøli: Vaíkaka.

28. A-tỳ-ca 阿毘迦. Paøli: Rohitassa (ngựa đỏ). Xem cht. 30 dưới.

pháp, khoảng đầu, khoảng giữa, chặn sau đều thiện, nghĩa thiện, vị thiện, thuần đầy thanh tịnh, phạm hạnh thanh bạch, mở bày, hiển thị. Các Tỳ-kheo, tên núi Bằng-ca kia đã mất từ lâu, dân ấp A-tỳ-ca từ lâu cũng không còn, Đức Phật Thế Tôn kia cũng vào Bát-niết-bàn. Cũng vậy, Tỳ-kheo, tất cả các hành đều vô thường, không hằng hữu, không an định, là pháp biến dịch. Tỳ-kheo các ông, nên tu tập yểm ly, cầu vui giải thoát.

"Các Tỳ-kheo, vào thời quá khứ, núi Tỳ-phú-la này tên là Tú-ba-la-thủ[29]. Chỗ nhân dân cư ngụ quanh núi gọi là ấp Xích mã[30]. Tuổi thọ người dân là hai vạn tuổi. Người dân ở đây lên đỉnh núi này trong vòng hai ngày mới về lại được. Đương thời có Phật Ca-diếp Như Lai, Ứng Cúng... *cho đến* xuất hiện ở đời, diễn nói kinh pháp, khoảng đầu, khoảng giữa, khoảng sau đều thiện; nghĩa thiện, vị thiện, thuần đầy thanh tịnh, phạm hạnh thanh bạch, mở bày, hiển thị. Tỳ-kheo, nên biết tên núi Ba-la-thủ đã mất từ lâu, dân ấp Xích mã từ lâu cũng không còn, Đức Phật Thế Tôn kia cũng vào Bát-niết-bàn. Cũng vậy, Tỳ-kheo, tất cả các hành đều vô thường, không hằng hữu, không an định, là pháp biến dịch. Cho nên Tỳ-kheo nên tu tập yểm ly, ly dục, giải thoát.

"Các Tỳ-kheo, ngày nay núi này tên là Tỳ-phú-la. Chỗ có dân chúng cư ngụ chung quanh núi, gọi là nước Ma-kiệt-đề. Tuổi thọ của những người dân này là trăm tuổi, nếu khéo tự điều hòa thì có được trăm tuổi. Người Ma-kiệt-đề lên đỉnh núi này chỉ trong chốc lát là trở về. Nay Ta ở nơi này được thành Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác,... *cho đến* Phật, Thế Tôn, diễn nói Chánh pháp, giáo hóa khiến được Niết-bàn tịch diệt, chánh đạo, thiện thệ giác tri.

"Tỳ-kheo nên biết, tên núi Tỳ-phú-la này cũng sẽ tiêu ma, người Ma-kiệt-đề cũng sẽ diệt vong. Chẳng còn bao lâu, Như Lai sẽ vào Bát-niết-bàn.

"Như vậy, Tỳ-kheo, tất cả các hành đều vô thường, không hằng hữu, không an định, là pháp biến dịch. Cho nên Tỳ-kheo, nên tu tập yểm ly, ly dục, giải thoát."

---

29. Tú-ba-la-thủ 宿波羅首. Paøli: Supassa.

30. Xích mã 赤馬. Paøli: Suppiya.

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

Thuở xưa núi Trường trúc,
Tên ấp Đề-di-ca.
Tiếp là núi Bằng-ca,
Tụ lạc A-tỳ-ca.
Núi Tú-ba-la-thủ,
Tên tụ lạc Xích mã.
Nay núi Tỳ-phú-la,
Tên nước Ma-kiệt-đà.
Tên núi đều hoại diệt,
Dân chúng cũng không còn.
Chư Phật Bát-niết-bàn,
Đã có gì cũng mất.
Tất cả hành vô thường,
Chúng là pháp sanh diệt.
Có sanh thì có diệt,
Chỉ tịch diệt là vui.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 957. THÂN MẠNG[31]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà tại thành Vương xá. Bấy giờ có người xuất gia họ Bà-sa[32], đến chỗ Phật, chắp tay chào hỏi. Chào hỏi xong ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

"Thưa Cù-đàm, con có điều muốn hỏi, Ngài có thì giờ rảnh để

31. Quốc Dịch, tụng viii. Như Lai tụng, Tương ưng 6. Bà-sa chủng, gồm chín kinh, 13418-13426 (Đại Chánh kinh 957-964). Ấn Thuận Hội Biên, tương ưng 46: Bà-sa xuất gia, chín kinh: kinh 13297-13305). Tương đương Paøli, một phần các kinh thuộc S. 33. Vacchagotta-samyutta. Đại Chánh kinh 957; Paøli: tham chiếu S. 44.9. Kutuøhalasaølaø (luận nghị đường). Biệt dịch, N^{0}100(190).

32. Bà-sa chủng xuất gia 婆蹉種出家. Paøli: Vacchagotta-paribbaøjaka: tu sĩ thuộc chủng tộc Vaccha.

trả lời cho không?"

Phật bảo Bà-sa xuất gia:

"Tùy những gì ông hỏi, Ta sẽ vì ông mà nói."

Bà-sa xuất gia bạch Phật:

"Thế nào, thưa Cù-đàm, có phải mệnh tức là thân không[33]?"

Phật bảo Bà-sa xuất gia:

"Mệnh tức là thân, điều này không xác định[34]."

"Thế nào, thưa Cù-đàm, có phải là mệnh khác thân khác không?"

Phật bảo Bà-sa xuất gia:

"Mệnh khác thân khác, điều này cũng không xác định."

Bà-sa xuất gia bạch Phật:

"Thế nào, thưa Cù-đàm, tôi hỏi 'Mệnh tức thân?' Thì được trả lời, 'Không xác định.' Hỏi: 'Mệnh khác thân khác?' Cũng được trả lời: 'Không xác định.'

"Sa-môn Cù-đàm, có những điều kỳ lạ gì[35] mà khi đệ tử mệnh chung liền được xác định rằng: 'Người này sanh chỗ kia. Người kia sanh chỗ nọ.' Các đệ tử kia, khi ở nơi này mệnh chung xả thân, liền nương theo ý sanh thân[36], sanh vào nơi khác. Ngay lúc đó, chẳng phải là mệnh khác, thân khác sao?"

Phật bảo Bà-sa:

"Đây là nói về hữu dư, chứ không nói vô dư[37]."

Bà-sa bạch Phật:

"Thưa Cù-đàm, thế nào là hữu dư, chứ không nói vô dư?"

Phật bảo Bà-sa:

---

33. Paøli: taø jìvaø taø sarìraø, tức linh hồn và thân xác đồng nhất; một trong mười bốn vấn đề được xếp vào loại vô ký, không xác định.

34. Hán: vô ký 無記. Paøli: avyaøkata.

35. Bản Cao-ly: hà đẳng kỳ 何等奇. Bản Phật Quang sửa lại: hà đẳng pháp 何等法.

36. Ý sanh thân 意生身, hay ý thành thân, Paøli: manomaya-kaøyaø, thân được tác thành bởi ý, không lệ thuộc vật chất.

37. Hữu dư 有餘; Paøli: upaødisesa, tàn dư của hữu y, chất liệu của tồn tại; tức tàn dư của chấp thủ hay phiền não, làm chỗ y cứ cho sự tồn tại. Niết-bàn với sự tồn tại của ngũ uẩn chưa tan rã gọi là hữu dư y Niết-bàn (saupaødisesa-nibbaøna). Niết-bàn với sự xả bỏ hoàn toàn ngũ uẩn gọi là vô dư (y) Niết-bàn (anupaødiesa-nibbaøna).

"Thí như lửa, có hữu dư[38] thì có thể cháy, chứ không phải không có hữu dư."

Bà-sa bạch Phật:

"Tôi thấy có lửa không có hữu dư mà cũng cháy."

Phật bảo Bà-sa:

"Thế nào là thấy lửa không có hữu dư mà cũng cháy?"

Bà-sa bạch Phật:

"Thí như một đống lửa lớn bị gió lốc thổi qua, làm lửa bốc lên không trung. Đó há không phải là lửa vô dư[39] sao?"

Phật bảo Bà-sa:

"Lửa được gió thổi bốc lên tức là hữu dư, chứ chẳng phải vô dư."

Bà-sa bạch Phật:

"Thưa Cù-đàm, lửa bay trong không, sao gọi là hữu dư?"

Phật bảo Bà-sa:

"Lửa bay trong không trung nương gió mà trụ, nương gió mà cháy. Vì nương vào gió nên nói là hữu dư[40]."

Bà-sa bạch Phật:

"Chúng sanh mạng chung ở nơi này, nương ý sanh thân, vãng sanh nơi khác, tại sao nói là hữu dư?"

Phật bảo Bà-sa:

"Chúng sanh mạng chung ở nơi này, nương ý sanh thân, sanh nơi khác. Ngay lúc ấy, nhân vì ái mà thủ, nhân vì ái mà trụ, nên nói là hữu dư[41]."

Bà-sa bạch Phật:

"Chúng sanh vì ái lạc nên hữu dư, vì nhiễm đắm nên hữu dư. Chỉ có Thế Tôn mới đạt vô dư này mà thành Đẳng Chánh Giác.

"Thưa Sa-môn Cù-đàm, thế gian nhiều duyên sự, xin phép được cáo từ!"

Phật bảo Bà-sa:

"Ông tự biết đúng lúc."

---

38. Hữu dư, đây được hiểu là nhiên liệu.

39. Vô dư, đây chỉ lửa không nhiên liệu.

40. Hữu dư, upaødiesa, đây được hiểu là sở y.

41. Ở đây hữu dư đồng nghĩa với chấp thủ.

Bà-sa xuất gia nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy, ra về.

M

KINH 958. MỤC-LIÊN[42]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà tại thành Vương xá. Bấy giờ Tôn giả Đại Mục-kiền-liên cũng ở nơi đây. Lúc ấy, có người xuất gia dòng họ Bà-sa, đến chỗ Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, cùng Tôn giả gặp nhau thăm hỏi khích lệ nhau, rồi ngồi lui qua một bên, thưa Tôn giả Đại Mục-kiền-liên:

"Tôi có việc muốn hỏi, Tôn giả có rảnh thì giờ để trả lời cho không?"

Mục-kiền-liên đáp lời Bà-sa:

"Tùy những gì ông muốn hỏi, nếu biết tôi sẽ trả lời."

Lúc ấy, Bà-sa xuất gia hỏi Tôn giả Mục-kiền-liên:

"Nhân gì, duyên gì mà các Sa-môn, Bà-la-môn khác, có người đến hỏi: 'Thế nào, Như Lai sau khi chết có còn, không còn; Như Lai sau khi chết vừa có, vừa không; Như Lai sau khi chết chẳng phải có, chẳng phải không có?' họ đều tùy theo đó mà đáp. Còn Sa-môn Cù-đàm, nếu có người đến hỏi: 'Như Lai sau khi chết có còn, không còn; Như Lai sau khi chết vừa có, vừa không; Như Lai sau khi chết chẳng phải có, chẳng phải không có?' mà lại không xác định?"

Mục-kiền-liên bảo Bà-sa:

"Các Sa-môn, Bà-la-môn khác vì không biết như thật đối với sắc, sự tập khởi sắc, sự diệt tận sắc, vị ngọt của sắc, sự tai hại của sắc, sự xuất ly sắc, nên đối với việc Như Lai sau chết có còn, sanh ra chấp trước; hay sau khi chết Như Lai không còn; Như Lai sau khi chết vừa có, vừa không; Như Lai sau khi chết chẳng phải có, chẳng phải không có, sanh khởi chấp trước. Không biết như thật đối với thọ, tưởng, hành, thức,... sự tập khởi của thức, sự diệt tận của thức, vị ngọt của thức, sự tai hại của thức, sự xuất ly thức. Vì không biết như thật nên đối với việc Như Lai sau khi chết có còn, sanh ra chấp trước; sau khi chết

42. Paøli, S.44.7. Moggalaøna (*AØyatana*). Biệt dịch, N^{0}100(191).

không còn, sau khi chết vừa có vừa không, sau khi chết chẳng phải có chẳng phải không có, sanh ra chấp trước. Như Lai, biết như thật đối với sắc, biết như thật đối với sự tập khởi của sắc, sự diệt tận của sắc, vị ngọt của sắc, sự tai hại của sắc, sự xuất ly sắc. Vì biết như thật nên đối với việc Như Lai sau khi chết có còn, không chấp trước; hay sau khi chết không còn, sau khi chết vừa có vừa không có, sau khi chết chẳng phải có chẳng phải không có không sanh chấp trước. Và biết như thật đối với thọ, tưởng, hành, thức,... biết như thật đối với sự tập khởi của thức, sự diệt tận của thức, vị ngọt của thức, sự tai hại của thức, sự xuất ly thức. Vì biết như thật nên đối với việc Như Lai sau khi chết có còn, không đúng; hay sau khi chết không còn, sau khi chết vừa có vừa không có, sau khi chết chẳng phải có chẳng phải không có, cũng không đúng. Vì Như Lai là sâu xa, rộng lớn, vô lượng, vô số, nhưng tất cả đều tịch diệt.

"Này Bà-sa, vì nhân như vậy, duyên như vậy, các Sa-môn, Bà-la-môn khác, nếu có người đến hỏi: 'Như Lai sau khi chết có còn, sau khi chết không còn, sau khi chết vừa có vừa không; sau khi chết chẳng phải có chẳng phải không có', thì vì họ mà ký thuyết. Cũng vì nhân như vậy, duyên như vậy, đối Như Lai, nếu có người nào đến hỏi: 'Như Lai sau khi chết có còn, sau khi chết không còn, sau khi chết vừa có vừa không có; sau khi chết chẳng phải có chẳng phải không có', thì không vì họ mà ký thuyết."

Sau khi Bà-sa xuất gia nghe những gì Tôn giả Đại Mục-kiền-liên nói, hoan hỷ, tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

M

KINH 959. KỲ TAI[43]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở tại vườn Trúc, khu Ca-lan-đà trong thành Vương xá. Bấy giờ có người xuất gia dòng Bà-sa đến chỗ Phật, chắp tay thăm hỏi; sau khi thăm hỏi xong, ngồi lui qua một bên, bạch Phật rằng:

---

43. Quốc Dịch chia làm hai kinh: "Kỳ tai" và "Tiên-na Ca-chiên-diên". Ấn Thuận cũng chia làm hai. Paøli, S.44.11. Sabhiyo. Biệt dịch, N^{0}100(192, 193).

"Thưa Cù-đàm, do nhân gì, duyên gì mà các Sa-môn, Bà-la-môn khác, nếu có người đến hỏi... *"Nói đầy đủ như trên."*

Bấy giờ, Bà-sa xuất gia vui vẻ nói rằng:

"Lạ thay! Thưa Cù-đàm, giữa Đại Sư và đệ tử, nghĩa đồng nghĩa, cú đồng cú, vị đồng vị, cho đến đồng đệ nhất nghĩa. Thưa Cù-đàm, hôm nay con có đến chỗ Đại Mục-kiền-liên, dùng nghĩa như vậy, cú như vậy, vị như vậy mà hỏi Tôn giả; Tôn giả cũng dùng nghĩa như vậy, cú như vậy, vị như vậy mà trả lời cho con, như những gì mà Cù-đàm nói hôm nay. Cho nên thưa Cù-đàm, thật là kỳ đặc, giữa Đại Sư và đệ tử, nghĩa đồng nghĩa, cú đồng cú, vị đồng vị, cho đến đồng đệ nhất nghĩa."

Bấy giờ[44], Bà-sa xuất gia có nhân duyên đến tụ lạc Na-lê[45]. Sau khi lo liệu mọi việc đã xong, đến chỗ Tôn giả Tiên-đà Ca-chiên-diên[46], cùng nhau thăm hỏi. Sau khi thăm hỏi xong, ngồi lui qua một bên, rồi hỏi Tiên-đà Ca-chiên-diên:

"Do nhân gì, duyên gì mà Sa-môn Cù-đàm, nếu có người đến hỏi: 'Như Lai sau khi chết có còn, hay sau khi chết không còn; sau khi chết vừa có, vừa không có; sau khi chết chẳng phải có, chẳng phải không có', thì không vì họ mà ký thuyết?"

Tiên-đà Ca-chiên-diên nói với Bà-sa xuất gia:

"Bây giờ tôi hỏi ông, cứ theo ý mà đáp cho tôi. Ý ông thế nào? Hoặc nhân ấy, hoặc duyên ấy, mà các hành được thi thiết[47] rằng: 'Đây là sắc, đây là vô sắc, đây là tưởng, đây là phi tưởng, đây là phi tưởng phi phi tưởng'. Hoặc nhân kia, duyên kia, hành kia, hành diệt không còn, vĩnh viễn diệt rồi, Như Lai đối với họ có ký thuyết rằng: 'Sau khi chết có, hay sau khi chết không có; sau khi chết vừa có, vừa không; sau khi chết chẳng phải có, chẳng phải không có', không[48]?"

---

44. Từ đây xuống, Ấn Thuận tách thành một kinh riêng.

45. Na-lê tụ lạc 那梨聚落. Paøli: Naøtike Giójakaøvasatte.

46. Tiên-đà Ca-chiên-diên 詵陀迦旃延. Paøli: Sabhiyo Kaccaøno.

47. Bản Cao-ly: hành thân thi . Bản Minh: chủng thi thiết chư hành 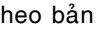 . Ấn Thuận Hội Biên, Phật Quang và Quốc Dịch đều sửa theo bản Minh. Tham chiếu Paøli: yo ca vaccha hetu yo ca paccayo paóóaøpanaøya ruøpìti vaø aruøpìti va... "Có nhân này, có duyên này, để tuyên bố (= thi thiết) rằng: đây là sắc, đây là vô sắc..."

48. Tham chiếu Paøli: so ca hetu, so ca paccayo sabbena sabbaö sabbathaø sabbaö

Bà-sa xuất gia trả lời Tiên-đà Ca-chiên-diên:

"Hoặc nhân ấy, hoặc duyên ấy, mà các hành được thi thiết rằng: 'Đây là sắc, đây là vô sắc, đây là tưởng, đây là phi tưởng, đây là phi tưởng phi phi tưởng'. Hoặc nhân kia, duyên kia, hành kia, hành diệt không còn; thì làm sao Cù-đàm đối với họ mà ký thuyết: 'Như Lai, sau khi chết có còn, sau khi chết không còn; sau khi chết vừa có, vừa không; sau khi chết chẳng phải có, chẳng phải không có'?"

Tiên-đà Ca-chiên-diên bảo Bà-sa xuất gia:

"Cho nên vì nhân này, vì duyên này mà có người hỏi Như Lai: 'Như Lai, sau khi chết có còn, sau khi chết không còn; sau khi chết vừa có, vừa không; sau khi chết chẳng phải có, chẳng phải không có', Như Lai không vì họ mà ký thuyết."

Bà-sa xuất gia hỏi Tiên-đa Ca-chiên-diên:

"Ngài làm đệ tử Sa-môn Cù-đàm đã bao lâu rồi như vậy?"

Tiên-đà Ca-chiên-diên đáp:

"Tôi xuất gia tu phạm hạnh trong Chánh pháp luật, mới hơn ba năm."

Bà-sa xuất gia nói:

"Tiên-đà Ca-chiên-diên, nhanh thay, ngài được điều thiện lợi! Mới xuất gia chỉ một thời gian ngắn mà đã đạt được luật nghi về thân, miệng như vậy và lại được trí tuệ biện tài như vậy."

Sau khi Bà-sa xuất gia nghe những gì Tiên-đà Ca-chiên-diên nói, hoan hỷ, tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

M

KINH 960. KỲ ĐẶC[49]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở tại vườn Trúc, khu Ca-lan-đà trong thành Vương xá. Bấy giờ có xuất gia họ Bà-sa, đến chỗ Phật, chắp tay thăm hỏi, thăm hỏi xong, ngồi lui qua một bên, bạch Phật rằng:

---

aparisesaö nirujjheyya, kena naö paóóaøpanaøya ruøpì ti vaø aruøpì ti vaø… "Nếu nhân ấy, duyên ấy hoàn toàn diệt tận, vĩnh viễn diệt tận, do cái gì mà nói (=thi thiết): đây là sắc, đây là vô sắc…?"

49. Paøli, S.44.8 Vaccho (Bhandham). Biệt dịch N^{0}100(194).

"Thưa Cù-đàm, con có điều muốn hỏi, Ngài có rảnh giờ để giải đáp cho không?"

Phật bảo Bà-sa xuất gia:

"Tùy theo những gì ông muốn hỏi, Ta sẽ vì ông mà nói."

Bà-sa xuất gia bạch Phật:

"Thưa Cù-đàm, vì nhân gì, duyên gì, mà có người đến hỏi: 'Như Lai, sau khi chết có còn, sau khi chết không còn; sau khi chết vừa có, vừa không; sau khi chết chẳng phải có, chẳng phải không có', Ngài không vì họ ký thuyết?"

Phật bảo Bà-sa xuất gia:

"..." Như những gì Tiên-đà Ca-chiên-diên đã nói rộng ở trên,... *cho đến* "sau khi chết chẳng phải có, chẳng phải không có."

Bà-sa xuất gia bạch Phật:

"Lạ thay! Thưa Cù-đàm, giữa Đại Sư và đệ tử, nghĩa đồng nghĩa, cú đồng cú, vị đồng vị, cho đến đồng đệ nhất nghĩa. Thưa Cù-đàm, con có chút duyên sự đến tụ lạc Na-lợi-già để lo liệu công việc đã xong, tạm ghé qua chỗ Sa-môn Ca-chiên-diên, đem nghĩa như vậy, cú như vậy, vị như vậy hỏi Sa-môn Ca-chiên-diên. Tôn giả cũng dùng nghĩa như vậy, cú như vậy, vị như vậy để trả lời những gì con hỏi, như những gì Sa-môn Cù-đàm nói hôm nay. Cho nên biết, thật là kỳ đặc! Giữa Thầy và đệ tử nghĩa cú vị cả hai đều đồng."

Sau khi Bà-sa xuất gia nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

M

KINH 961. HỮU NGÃ[50]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở tại vườn Trúc, khu Ca-lan-đà trong thành Vương xá. Bấy giờ có xuất gia họ Bà-sa, đến chỗ Phật, chắp tay thăm hỏi, thăm hỏi xong, ngồi lui qua một bên, bạch Phật rằng:

"Thế nào, thưa Cù-đàm, có ngã không?"

Bấy giờ, Thế Tôn im lặng không đáp. Ba lần hỏi như vậy, Thế

---

50. Paøli, S.44.10. AØnando. Biệt dịch, N^{0}100(195).

Tôn cũng ba lần không đáp.

Lúc này, Bà-sa xuất gia thầm nghĩ: "Ta đã ba lần hỏi Sa-môn Cù-đàm, mà không thấy trả lời, thôi ta nên trở về."

Lúc ấy, Tôn giả A-nan, đang cầm quạt đứng hầu sau Phật. Tôn giả A-nan liền bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, Bà-sa xuất gia kia ba lần hỏi, vì sao Thế Tôn không đáp? Há không làm tăng ác tà kiến cho Bà-sa xuất gia kia, rằng Sa-môn không khả năng để giải đáp những gì được hỏi?"

Phật bảo A-nan:

"Nếu Ta đáp là có ngã, sẽ làm tăng tà kiến có từ trước của kia. Nếu đáp rằng không ngã, thì sẽ làm cho nghi hoặc trước kia, há không tăng thêm nghi hoặc sao? Nói rằng trước có ngã, từ nay sẽ đoạn diệt. Nếu trước vốn có ngã, đó là thường kiến; mà nay đoạn diệt, đó là đoạn kiến. Như Lai lìa hai bên, thuyết pháp ở giữa. Nghĩa là: 'Cái này có, nên cái kia có; cái này khởi nên cái kia sanh. Đó là, duyên vô minh nên có hành... *cho đến* sanh, lão, bệnh, tử, ưu, bi, khổ, não diệt.'"

Phật nói kinh này xong, Tôn giả A-nan nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 962. KIẾN[51]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở tại vườn Trúc, khu Ca-lan-đà trong thành Vương xá. Bấy giờ có xuất gia họ Bà-sa, đến chỗ Phật, cùng nhau thăm hỏi, thăm hỏi xong, ngồi lui qua một bên, bạch Phật rằng:

"Thưa Cù-đàm, thế nào, Cù-đàm có thấy như vầy, có nói như vầy: 'Thế gian thường, đây là chân thật, ngoài ra là hư vọng.'?"

Phật bảo Bà-sa xuất gia:

"Ta không thấy như vầy, không nói như vầy: 'Thế gian thường, đó là chân thật, ngoài ra là hư vọng.'?"

"Thế nào, thưa Cù-đàm, có thấy như vầy, có nói như vầy: 'Thế

51. Paøli, M. 72. Aggivacchagotta-suttanta. Biệt dịch, N^{0}100$^{(196)}$.

gian vô thường, vừa thường, vừa vô thường; chẳng phải thường, chẳng phải vô thường; có biên, không biên; vừa biên, vừa vô biên; chẳng phải biên, chẳng phải vô biên; mạng tức là thân; mạng khác, thân khác; Như Lai, sau khi chết có còn, sau khi chết không còn; sau khi chết vừa có, vừa không; sau khi chết chẳng phải có, chẳng phải không'?"

Phật bảo Bà-sa xuất gia:

"Ta không thấy như vầy, không nói như vầy:... *cho đến* sau khi chết chẳng phải có, chẳng phải không."

Lúc ấy, Bà-sa xuất gia bạch Phật:

"Thưa Cù-đàm, những kiến giải này có những sai lầm nào, mà đối với tất cả những kiến giải này Ngài không ký thuyết?"

Phật bảo Bà-sa xuất gia:

"Nếu thấy như vầy: 'Thế gian thường, đó là chân thật, ngoài ra đều là hư vọng,' thì đó là kiến giải điên đảo, là kiến giải do quán sát, là kiến giải dao động, là kiến giải cấu nhiễm, là kiến giải kết sử, là khổ, là ngại, là não, là nhiệt, bị kiến kết trói buộc; phàm phu ngu si không học ở đời vị lai sẽ bị sanh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não sanh.

"Này Bà-sa xuất gia, nếu thấy như vầy: 'Thế gian vô thường; vừa thường, vừa vô thường; chẳng phải thường, chẳng phải vô thường; có biên, không có biên; vừa biên, vừa vô biên; chẳng phải có biên, chẳng phải không biên; là mạng là thân; mạng khác thân khác; Như Lai, sau khi chết có còn, sau khi chết không còn; sau khi chết vừa có vừa không; sau khi chết chẳng phải có, chẳng phải không', đó là đảo kiến,... *cho đến* ưu, bi, khổ, não sanh."

Bà-sa xuất gia bạch Phật:

"Thưa Cù-đàm, sở kiến của Ngài thế nào?"

Phật bảo Bà-sa xuất gia:

"Sở kiến của Như Lai đã hoàn toàn dứt hết. Này Bà-sa xuất gia, nhưng Như Lai thấy là thấy rằng 'Đây là Khổ Thánh đế; đây là Khổ tập Thánh đế, sự diệt tận của Khổ diệt Thánh đế, đây là Khổ diệt đạo Thánh đế.' Sau khi biết như vậy, thấy như vậy rồi, đối với tất cả kiến, tất cả thọ, tất cả sanh, tất cả kiến chấp về ngã, ngã sở, ngã mạn kết sử, đều khiến cho đoạn diệt, tịch tịnh, mát mẻ, chân thật. Đối với Tỳ-

kheo giải thoát tất cả như vậy, sanh không đúng, không sanh cũng không đúng."

Bà-sa bạch Phật:

"Thưa Cù-đàm, vì sao nói, sanh không đúng?"

Phật bảo Bà-sa:

"Bây giờ, Ta hỏi ông, cứ tùy ý mà trả lời cho Ta. Này Ba-sa, giống như có người đốt lửa trước ông, ông có thấy lửa cháy không? Ngay đó dập tắt lửa trước ông, ông có thấy lửa tắt không?"

Bà-sa bạch Phật:

"Thưa Cù-đàm, thấy như vậy."

Phật bảo Bà-sa:

"Nếu có người hỏi ông: 'Lửa vừa cháy đó, nay ở chỗ nào? Đi về phương Đông, phương Tây, phương Nam, phương Bắc?' Nếu hỏi như vậy, ông sẽ nói thế nào?"

Bà-sa bạch Phật:

"Thưa Cù-đàm, nếu có người nào đến hỏi như vậy, con sẽ trả lời như vầy: 'Nếu có ai đốt lửa trước tôi, nhờ nhân duyên củi, cỏ nên lửa cháy. Nếu không thêm củi, lửa tắt, vĩnh viễn không sanh khởi trở lại được. Nói đi về phương Đông, phương Nam, phương Tây, phương Bắc thì không đúng."

Phật bảo Bà-sa:

"Ta cũng sẽ nói như vầy: 'Sắc đã đoạn, đã biết; thọ, tưởng, hành, thức đã đoạn, đã biết. Đoạn tận gốc rễ của nó như chặt đứt ngọn cây đa-la không thể sanh lại được; đối với đời vị lai không thể sanh khởi trở lại nữa. Nếu bảo đến phương Đông, phương Nam, Tây, Bắc thì điều đó không đúng. Vì điều đó sâu xa, rộng lớn, vô lượng, vô số, vĩnh viễn tịch diệt."

Bà-sa bạch Phật:

"Con sẽ nói thí dụ."

Phật bảo Bà-sa:

"Ông biết đúng lúc."

Bà-sa bạch Phật:

"Thưa Cù-đàm, thí như gần thành thị hay làng xóm, có một vùng đất mầu mỡ, mọc lên một khu rừng kiên cố. Có một cây to lớn bền chắc. Nó sanh trưởng đã trải qua hàng ngàn năm. Lâu ngày, cành lá

rơi rụng; vỏ cây khô mục; chỉ còn gốc cây đứng trơ trọi. Cũng vậy, thưa Cù-đàm, Pháp luật của Như Lai lìa bỏ những thứ cành nhánh cọng lá, chỉ còn trơ gốc không, đứng một mình kiên cố."

Bấy giờ, Bà-sa xuất gia nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

M

KINH 963. VÔ TRI[52]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở tại vườn Trúc, khu Ca-lan-đà trong thành Vương xá. Bấy giờ có xuất gia họ Bà-sa, đến chỗ Phật, cùng Thế Tôn thăm hỏi, khích kệ xong, ngồi lui qua một bên, bạch Phật rằng:

"Thưa Cù-đàm, người kia do không biết cái gì mà thấy như vầy, nói như vầy: 'Thế gian thường, đấy là chân thật, ngoài ra đều là hư vọng. Thế gian vô thường, thế gian vừa thường vừa vô thường; thế gian chẳng phải thường, chẳng phải vô thường; thế gian hữu biên hay thế gian vô biên; thế gian vừa hữu biên vừa vô biên; thế gian chẳng phải hữu biên, chẳng phải vô biên; mạng tức là thân; mạng khác, thân khác; Như Lai, sau khi chết có còn, sau khi chết không còn; sau khi chết vừa có, vừa không; sau khi chết chẳng phải có, chẳng phải không'?"

Phật bảo Bà-sa:

"Vì đối với sắc không biết, nên thấy như vầy, nói như vầy: 'Thế gian thường, đây là chân thật, ngoài ra đều là hư vọng... *cho đến* sau khi chết chẳng phải có, chẳng phải không'. Và vì đối với thọ, tưởng, hành, thức không biết nên thấy như vầy, nói như vầy: 'Thế gian thường, đây là chân thật, ngoài ra đều là hư vọng... *cho đến* sau khi chết chẳng phải có, chẳng phải không'."

Bà-sa bạch Phật:

"Thưa Cù-đàm, vì biết pháp gì mà không thấy như vầy, không nói như vầy: 'Thế gian thường, đây là chân thật, ngoài ra đều là hư vọng... *cho đến* cho đến sau khi chết chẳng phải có, chẳng phải không'?"

Phật bảo Bà-sa:

52. Paøli, S.33.1-5 Aóóaøòaø. Biệt dịch, N⁰100(197).

"Vì biết sắc nên không thấy như vầy, không nói như vầy: 'Thế gian thường, đây là chân thật, ngoài ra đều là hư vọng... *cho đến* sau khi chết chẳng phải có, chẳng phải không'. Và vì biết thọ, tưởng, hành, thức nên không thấy như vầy, không nói như vầy: 'Thế gian thường, đây là chân thật, ngoài ra đều là hư vọng... *cho đến* sau khi chết chẳng phải có, chẳng phải không'."

Cũng như không biết và biết, nên không thấy và thấy như vầy. Cũng vậy, không nhận thức, có nhận thức; không đoạn, đoạn; không quán, quán; không sát, sát; không giác, giác[53].

Phật nói kinh này xong, Bà-sa xuất gia nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

M

KINH 964. XUẤT GIA[54]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở tại vườn Trúc, khu Ca-lan-đà trong thành Vương xá. Bấy giờ có xuất gia họ Bà-sa, đến chỗ Phật, cùng Thế Tôn thăm hỏi, khích kệ xong, ngồi lui qua một bên, bạch Phật rằng:

"Thưa Cù-đàm, con có điều muốn hỏi, Ngài có rảnh thì giờ giải đáp cho không?"

Bấy giờ Thế Tôn ngồi im lặng. Bà-sa xuất gia hỏi hai, ba lần, Phật cũng hai, ba lần ngồi im lặng. Lúc này, Bà-sa xuất gia bạch Phật:

"Con cùng Cù-đàm cả hai tùy thuận nhau[55]. Hôm nay có điều muốn hỏi vì sao Ngài lại im lặng?"

Bấy giờ, Thế Tôn tự nghĩ: "Bà-sa xuất gia này lúc nào cũng chất trực, không dối trá. Những gì muốn hỏi hôm nay đều từ không biết, chứ không phải cố ý nhiễu loạn. Ta nay, nên dùng A-tỳ-đàm, Luật để nạp thọ ông ta.[56]" Nghĩ xong, liền bảo Bà-sa xuất gia:

---

53. Nghĩa là, như kinh trên, thay các từ "biết / không biết" bằng các từ tương ứng.

54. Paøli, M.73. MahaøVacchagotta-suttanta. Biệt dịch, N⁰100(198).

55. Cọng tương tùy thuận /@ ¬ ˀH T T . Paøli: dìgharattafhaö khotaø gotamena sahakathì, từ lâu tôi thường đàm đạo với Tôn giả Gotama.

56. Paøli: saökhittenapi khote ahaö vaccha kusalaø kusalaö deseyyaö, này Vaccha, Ta có thể nói cho ông một cách tóm tắt về thiện và bất thiện.

"Tùy những gì ông hỏi, Ta sẽ vì ông mà giải đáp."

Bà-sa bạch Phật:

"Thế nào, thưa Cù-đàm, có pháp thiện, pháp bất thiện[57] không?"

Phật đáp:

"Có."

Bà-sa bạch Phật:

"Xin Ngài vì con mà nói về pháp thiện, pháp bất thiện, khiến cho con được hiểu."

Phật bảo Bà-sa:

"Hôm nay, Ta sẽ vì ông mà nói lược về pháp thiện và pháp bất thiện. Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ.

"Này Bà-sa, tham dục là pháp bất thiện. Điều phục được tham dục là pháp thiện. Sân nhuế, ngu si là pháp bất thiện. Điều phục được sân nhuế ngu si là pháp thiện. Sát sanh là pháp bất thiện. Lìa sát sanh, là pháp thiện. Trộm cắp, tà dâm, nói dối, hai lưỡi, ác khẩu, thêu dệt, tham nhuế, tà kiến là pháp bất thiện. Không trộm cắp... *cho đến* chánh kiến, đó là pháp thiện. Này Bà-sa, hôm nay Ta đã nói ba thứ pháp thiện và ba thứ pháp bất thiện. Cũng vậy, khi Thánh đệ tử biết như thật về ba thứ pháp thiện và ba thứ pháp bất thiện; biết như thật về mười loại pháp thiện và mười loại pháp bất thiện, thì đối với tham dục được diệt tận không còn sót. Khi sân nhuế, ngu si, được diệt tận không còn, thì đối với tất cả pháp hữu lậu đều diệt tận, vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát, ngay trong đời này tự biết tác chứng: 'Ta, sự sanh đã hết, phạm hạnh đã lập, những việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.'"

Bà-sa bạch Phật:

"Có Tỳ-kheo nào, đối với Pháp luật này sạch được hữu lậu, vô lậu tâm giải thoát,... *cho đến* không còn tái sanh đời sau nữa không?"

Phật bảo Bà-sa:

"Không những chỉ có một, hai, ba, mà cho đến năm trăm; có rất nhiều Tỳ-kheo, đối với Pháp luật này đã sạch hết các hữu lậu,... *cho đến* không tái sanh đời sau nữa."

Bà-sa bạch Phật:

57. Bản Cao-ly không có "pháp bất thiện". Ấn Thuận theo Tống_Nguyên_Minh thêm vào.

"Hãy gác Tỳ-kheo lại! Có một Tỳ-kheo-ni nào đối với Pháp luật này mà hết sạch các hữu lậu, '... *cho đến* không tái sanh đời sau nữa,' không?"

Phật bảo Bà-sa:

"Không những một, hai, ba Tỳ-kheo-ni mà cho đến năm trăm, có rất nhiều Tỳ-kheo-ni, đối với Pháp luật này đã hết các hữu, '... *cho đến* không tái sanh đời sau nữa'."

Bà-sa bạch Phật:

"Xin gác Tỳ-kheo-ni lại! Có một Ưu-bà-tắc nào tu các phạm hạnh, đối với Pháp luật này đã thoát khỏi hồ nghi không?"

Phật bảo Bà-sa:

"Không những chỉ có một, hai, ba, mà cho đến năm trăm Ưu-bà-tắc, cho đến có rất nhiều Ưu-bà-tắc, tu các phạm hạnh, đối với Pháp luật này, đã đoạn năm hạ phần kết, được thành A-na-hàm không tái sanh lại cõi này nữa."

Bà-sa bạch Phật:

"Xin gác Ưu-bà-tắc lại! Có một Ưu-bà-di nào, đối với Pháp luật này tu các phạm hạnh; đối với Pháp luật này đã thoát khỏi hồ nghi không?"

Phật bảo Bà-sa:

"Không những chỉ có một, hai, ba, mà cho đến năm trăm Ưu-bà-di, cho đến có rất nhiều Ưu-bà-di, đối với Pháp luật này, đã đoạn năm hạ phần kết, đối với họ hóa sanh đắc A-na-hàm không tái sanh lại cõi này nữa."

Bà-sa bạch Phật:

"Xin hãy gác Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di tu phạm hạnh lại! Có Ưu-bà-tắc nào hưởng thọ ngũ dục, mà đối với Pháp luật này thoát khỏi hồ nghi không?"

Phật bảo Bà-sa:

"Không những chỉ có một, hai, ba, mà cho đến năm trăm, cho đến có rất nhiều Ưu-bà-tắc, có gia đình vợ con, trang sức hương hoa, nuôi dưỡng nô tỳ, mà đối với Pháp luật này đã đoạn trừ ba kết; tham, nhuế, si đã mỏng, đắc Tư-đà-hàm, chỉ còn một lần qua lại, cứu cánh thoát khổ."

Bà-sa bạch Phật:

"Xin gác Ưu-bà-tắc lại! Có một Ưu-bà-di nào hưởng thọ ngũ dục mà đối với Pháp luật này thoát khỏi hồ nghi không?"

Phật bảo Bà-sa:

"Không những một, hai, ba mà cho đến năm trăm, cho đến rất nhiều Ưu-bà-di ở tại gia, nuôi nấng con cái, hưởng thụ ngũ dục, trang điểm hoa thơm, mà đối với Pháp luật này đã đoạn tận ba kết, đắc Tu-đà-hoàn, không còn đọa vào pháp đường ác, quyết định hướng thẳng Chánh giác, chỉ còn qua lại bảy lần sanh trong Trời, Người, cứu cánh thoát khổ."

Bà-sa bạch Phật:

"Thưa Cù-đàm, như Sa-môn Cù-đàm đã thành Đẳng Chánh Giác; nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di tu phạm hạnh, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di hưởng thụ ngũ dục, mà không được công đức như vậy, thì không đầy đủ[58]. Nhưng vì Sa-môn Cù-đàm thành Đẳng Chánh Giác và Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di tu phạm hạnh, cùng Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di hưởng thụ ngũ dục, do thành tựu những công đức như vậy, nên đó là sự đầy đủ. Thưa Cù-đàm, bây giờ con sẽ nói thí dụ."

Phật bảo Bà-sa:

"Ông cứ tùy ý mà nói."

Bà-sa bạch Phật:

"Như trời mưa to, nước chảy xuống thành dòng. Pháp luật của Cù-đàm lại cũng như vậy. Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, hoặc nam, hoặc nữ, tất cả đều theo dòng hướng đến Niết-bàn, chuyển đến Niết-bàn. Kỳ lạ thay! Phật, Pháp, Tăng, bình đẳng pháp và luật[59]. Còn những xuất gia ngoại đạo khác đến chỗ Cù-đàm, ở trong Chánh pháp luật muốn cầu xuất gia thọ cụ túc thì phải mất bao nhiêu thời gian mới cho phép xuất gia?"

Phật bảo Bà-sa:

"Nếu những xuất gia ngoại đạo khác muốn cầu xuất gia thọ cụ túc ở trong Chánh pháp luật, phải qua bốn tháng ở bên Hòa thượng thọ

58. Nghĩa là, pháp của Phật chưa hoàn hảo.

59. Hán dịch không rõ nghĩa. Trong bản Paøli, đoạn này là lời Vacchagotta xin quy y Phật, Pháp, Tăng.

y chỉ mà an trụ[60]. Nhưng điều này chỉ vì người mà tạm bày ra giới hạn mà thôi[61]."

Bà-sa bạch Phật:

"Nếu những xuất gia ngoại đạo muốn đến cầu xuất gia thọ cụ túc ở trong Chánh pháp luật, được phép ở bên Hòa thượng nhận lãnh y chỉ và nếu đủ bốn tháng thì cho phép xuất gia. Vậy, nay con có thể ở bên Hòa thượng bốn tháng thọ y chỉ. Nếu ở trong Chánh pháp luật mà được xuất gia thọ cụ túc, thì con sẽ xuất gia thọ cụ túc tu trì phạm hạnh ở trong pháp Cù-đàm."

Phật bảo Bà-sa:

"Trước đây Ta không nói là tạm vì người mà bày ra giới hạn sao?"

Bà-sa bạch Phật:

"Đúng vậy, thưa Cù-đàm!"

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Các ông nên độ Bà-sa này xuất gia thọ cụ túc ở trong Chánh pháp luật."

Xuất gia dòng họ Bà-sa liền được phép xuất gia thọ cụ túc thành Tỳ-kheo ở trong Chánh pháp luật,... *cho đến* trong vòng nửa tháng những gì cần học nên biết, nên phân biệt, nên thấy, nên đắc, nên hiểu rõ, nên chứng, thì đều biết, đều phân biệt, đều thấy, đều đắc, đều hiểu rõ, đều chứng Chánh pháp của Như Lai.

Tôn giả Bà-sa tự nghĩ: "Nay ta đã học những gì nên biết, nên phân biệt, nên thấy, nên đắc, nên hiểu rõ, nên chứng. Tất cả những điều đó ta đều biết, đều phân biệt, đều thấy, đều đắc, đều hiểu rõ, đều chứng. Bây giờ, nên đến gặp Thế Tôn."

Ngay lúc ấy, Bà-sa đến chỗ Thế Tôn, đảnh lễ dưới chân, rồi đứng sang một bên, bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, những gì cần học nên biết, nên phân biệt, nên thấy, nên đắc, nên hiểu rõ, nên chứng, con đều biết, đều phân biệt, đều thấy, đều đắc, đều hiểu rõ, đều chứng Chánh pháp của Thế Tôn.

---

60. Nghĩa là, y chỉ Thầy mà sống giữa các Tỳ-kheo tuy chưa thọ cụ túc. Bản Cao-ly: y 依 (chỉ). Bản Tống-Nguyên-Minh: y 衣 (áo).

61. Bản Paøli: do sự sai biệt về tâm tính của mỗi người (api ca m'ettha puggalavemattataø).

Xin Thế Tôn vì con mà thuyết pháp, sau khi con nghe rồi, sẽ ở một mình nơi vắng vẻ chuyên tinh tư duy, sống không buông lung, tư duy về lý do người thiện nam cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chánh tín xuất gia học đạo,... *cho đến* tự biết không còn tái sanh đời sau nữa."

Phật bảo Bà-sa:

"Có hai pháp tu tập, tu tập nhiều, đó là chỉ và quán[62]. Tu tập, tu tập nhiều hai pháp này, thì sẽ biết được quả báo của các cõi, hiểu rõ các cõi; biết các thứ cõi, hiểu rõ các thứ cõi. Tỳ-kheo như vậy là muốn cầu ly dục, pháp ác bất thiện,... *cho đến* thành tựu, trụ đệ Tứ thiền; an trụ từ, bi, hỷ xả, không nhập xứ, thức nhập xứ, vô sở hữu nhập xứ, phi tưởng phi phi tưởng nhập xứ; khiến ba kết của ta diệt tận, đắc Tu-đà-hoàn. Với ba kết đã tận diệt, tham, nhuế, si mỏng, đắc Tư-đà-hàm. Với năm hạ phần kết đã diệt tận, đắc A-na-hàm. Với các thứ cảnh giới thần thông, thiên nhãn, thiên nhĩ, tha tâm trí, túc mạng trí, sanh tử trí, lậu tận trí, tất cả đều đạt được. Cho nên Tỳ-kheo, nên tu hai pháp, tu tập, tu tập nhiều. Nhờ tu tập hai pháp, nên biết các thứ cõi,... *cho đến* lậu tận."

Sau khi Tôn giả Bà-sa nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ làm lễ mà lui.

Bấy giờ, Tôn giả Bà-sa ở một mình nơi vắng vẻ chuyên tinh tư duy, sống không buông lung, '... *cho đến* tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.'

Lúc ấy có nhiều Tỳ-kheo phượng tiện trang nghiêm muốn đến cung kính cúng dường Thế Tôn. Bấy giờ, Tôn giả Bà-sa hỏi các Tỳ-kheo:

"Có phải các ông phương tiện trang nghiêm muốn đến cung kính cúng dường Thế Tôn không?"

Các Tỳ-kheo đáp:

"Vâng."

Lúc này Bà-sa nói các Tỳ-kheo:

"Tôn giả cho tôi gởi lời kính lễ thăm hỏi Thế Tôn: 'Ngài sống nhẹ nhàng, ít bệnh, ít não, an lạc không?' Và thưa: 'Tỳ-kheo Bà-sa bạch Thế Tôn rằng: Con đã cúng dường, phụng sự Thế Tôn đầy đủ,

62. Paøli: samathaóca vipassanaóca.

khiến Ngài hài lòng, chứ không phải không hài lòng. Những gì mà đệ tử của Đại Sư cần làm, con đã làm xong. Đã cúng dường Đại Sư, khiến Ngài hài lòng, chứ không phải không hài lòng."

Bấy giờ, các Tỳ-kheo đến chỗ Phật đảnh lễ dưới chân, ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, Tôn giả Bà-sa đê đầu kính lễ dưới chân Thế Tôn,... *cho đến* hài lòng chứ không phải không hài lòng."

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Chư Thiên đã nói trước cho Ta rồi, nay các ông lại nói. Như Lai đã thành tựu tri kiến đệ nhất, cũng như Tỳ-kheo Bà-sa có đức lực như vậy."

Bấy giờ Thế Tôn vì Tỳ-kheo Bà-sa kia mà nói thọ ký bậc nhất.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 965. UẤT-ĐÊ-CA[63]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà tại thành Vương xá. Bấy giờ có xuất gia ngoại đạo tên là Uất-đê-ca[64] đến chỗ Phật, cùng Thế Tôn chào hỏi, an úy xong, ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

"Thưa Cù-đàm! Thế nào, Cù-đàm, thế gian hữu biên chăng?"

Phật bảo Uất-đê-ca:

"Điều này không xác định."

Uất-đê-ca bạch Phật:

"Thế nào Cù-đàm, thế gian vô biên chăng? Vừa hữu biên vừa vô biên chăng? Chẳng phải hữu biên chẳng phải vô biên chăng?"

Phật bảo Uất-đê-ca:

"Điều này không xác định."

---

63. Ấn Thuận Hội Biên, "47. Ngoại đạo Xuất gia tương ưng". Gồm mười lăm kinh: 13306-13320 Quốc Dịch, mười lăm kinh: 13427-13441. Đại Chánh, kinh 965-979. Paøli: A.10.95. Uttiya. Biệt dịch, N^{0}100$^{(199)}$.

64. Uất-đê-ca 鬱低迦. Paøli: Uttiya.

Uất-đê-ca bạch Phật:

"Thế nào, thưa Cù-đàm, hỏi: 'Thế gian hữu biên chăng?' Được trả lời, 'Không xác định'. 'Thế gian vô biên chăng? Thế gian vừa hữu biên vừa vô biên chăng? Chẳng phải hữu biên chẳng phải vô biên chăng?' Được trả lời: 'Không xác định'. Thưa Cù-đàm, vậy những pháp nào có thể được xác định."

Phật bảo Uất-đê-ca:

"Là bậc Tri giả, Trí giả, Ta vì các đệ tử mà xác định về đạo, để cho chân chánh diệt tận khổ, rốt ráo biên tế khổ."

Uất-đê-ca bạch Phật:

"Như thế nào Cù-đàm vì các đệ tử mà xác định về đạo, để cho chân chánh diệt tận khổ, rốt ráo biên tế khổ. Tất cả thế gian, hay chỉ một phần ít, từ con đường này mà xuất?"[65]

Bấy giờ Thế Tôn im lặng không đáp. Qua hai, ba lần hỏi, Phật cũng hai, ba lần im lặng không đáp.

Lúc ấy, Tôn giả A-nan đang cầm quạt đứng hầu sau Phật. Tôn giả bảo xuất gia ngoại đạo Uất-đê-ca:

"Ban đầu ông đã hỏi nghĩa này. Nay lại hỏi theo cách nói khác, cho nên Thế Tôn không ký thuyết. Này Uất-đê-ca, nay tôi sẽ vì ông mà nói thí dụ. Phàm người trí mà nghe thí dụ thì sẽ hiểu. Ví như quốc vương có thành lũy bao quanh bốn bề kiên cố; đường giao thông bằng phẳng và chỉ có một cửa. Người đứng giữ cửa lại là một người thông minh, sáng suốt, thường khéo đoán xét. Bên ngoài có người đến, nếu người đáng vào thì cho phép vào; người không đáng vào thì không cho phép. Khắp chu vi vòng thành, muốn tìm cửa thứ hai cũng không thể được. Ngay đến lỗ ra vào của chó mèo cũng không, huống chi là cửa thứ hai! Người giữ cửa thành kia cũng không biết rõ người vào kẻ ra là ai, nhưng người này biết tất cả người ra hay vào chỉ từ cửa này, chứ không phải nơi nào khác. Cũng vậy, Thế Tôn tuy không dụng tâm để biết rõ tất cả chúng sanh thế gian, hay chỉ một phần ít, từ con đường này xuất. Nhưng biết chúng sanh hết khổ, cứu cánh biên tế khổ, tất cả đều từ đạo này mà xuất."

---

65. Paøli: sabbo vaø tena loko nìyati upaññho vaø tìbhaøgo vaø ti, do bởi đó tất cả thế gian, hay một nửa, hay một phần ba, được hướng dẫn (xuất ly)?

Sau khi xuất gia ngoại đạo Uất-đê-ca nghe những gì Phật nói, hoan hỷ tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy mà đi.

M

KINH 966. PHÚ-LÂN-NI[66]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà tại thành Vương xá. Bấy giờ có Tôn giả Phú-lân-ni[67], ở trong núi Kỳ-xà-quật, tại thành Vương xá. Lúc ấy có các xuất gia ngoại đạo, đến chỗ Tôn giả Phú-lân-ni, cùng nhau thăm hỏi khích lệ, rồi ngồi lui qua một bên, hỏi Tôn giả Phú-lân-ni:

"Tôi nghe Sa-môn Cù-đàm chủ trương đoạn diệt, phá hoại sự hữu. Có truyền dạy như vậy chăng? Nay xin hỏi Tôn giả Phú-lân-ni, có đúng như vậy không?"

Phú-lân-ni bảo các xuất gia ngoại đạo:

"Tôi không biết điều đó. Không có trường hợp Thế Tôn dạy chúng sanh đoạn diệt, phá hoại hữu, khiến trở thành vô sở hữu. Theo tôi hiểu như vầy: 'Thế Tôn dạy có những chúng sanh chấp có ngã, ngã mạn, tà mạn. Thế Tôn đã dạy, khiến họ đoạn diệt những thứ đó'."

Lúc ấy, các xuất gia ngoại đạo nghe những gì Tôn giả Phú-lân-ni nói, không hài lòng. Bèn chỉ trích rồi ra về. Sau khi các ngoại đạo đi rồi, Tôn giả Phú-lân-ni đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân, ngồi lui qua một bên, đem những điều các xuất gia ngoại đạo đã nói, bạch đầy đủ lên Thế Tôn:

"Bạch Thế Tôn, con đã đáp lại những điều ngoại đạo nói như vậy, là không mắc vào tội hủy báng Thế Tôn chăng? Là nói đúng pháp, nói như những gì Phật dạy, nói như pháp, nói tùy thuận pháp, không bị các nhà luận nghĩa hiềm trách đó chăng?"

Phật bảo Phú-lân-ni:

---

66. Tham chiếu, Paøli: A.10.83. Puòòiya (không hoàn toàn tương đương). Skt. Puøròiya (Pischel). Biệt dịch N⁰100(200).

67. Phú-lân-ni 富鄰尼. Paøli: Puòòiya.

"Như những gì ông đã nói, không hủy báng Như Lai, không mất thứ tự, như Ta ký thuyết; nói pháp như pháp, nói tùy thuận pháp, không bị các nhà luận nghĩ hiềm trách. Vì sao? Này Phú-lân-ni, vì trước tiên, các chúng sanh đã có ngã mạn, tà mạn; tà mạn bức bách, tà mạn tập khởi, không hiện quán tà mạn[68], rối loạn như ruột chó, như vòng móc sắt, như cỏ rối, qua lại rong ruổi đời này sang đời khác, đời khác sang đời này, rong ruổi tới lui không thể lìa xa.

"Này Phú-lân-ni, tất cả chúng sanh đối với tà mạn, nếu ai vĩnh viễn diệt tận không còn sót, thì tất cả những chúng sanh đó lúc nào cũng an ổn, khoái lạc."

Phật nói kinh này xong, Tỳ-kheo Phú-lân-ni nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 967. CÂU-CA-NA[69]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà tại thành Vương xá. Bấy giờ Tôn giả A-nan-đà sáng sớm đến bờ sông Tháp-bổ[70], cởi y để bên bờ, xuống nước rửa tay chân, rồi trở lên bờ mặc một y, lau chùi thân thể. Lúc ấy cũng có xuất gia ngoại đạo tên Câu-ca-na[71] đến bên sông. Tôn giả A-nan-đà nghe tiếng đi, liền ho đánh tiếng, Câu-ca-na xuất gia ngoại đạo nghe có tiếng người, nên hỏi:

"Ai đấy!"

Tôn giả A-nan-đà đáp:

"Sa-môn."

Câu-ca-na xuất gia ngoại đạo nói:

"Sa-môn nào?"

Tôn giả A-nan-đà đáp:

"Sa-môn họ Thích."

Câu-ca-na xuất gia ngoại đạo nói:

---

68. Nguyên Hán: tà mạn bất vô gián đẳng [illegible] Xem các cht.trước.

69. Paøli: A.10.96. Kokanuda. Biệt dịch, N⁰100(201).

70. Tháp-bổ hà 榻補河. Paøli: Tapodaø.

71. Câu-ca-na 俱迦那. Paøli: Kokanuda.

"Tôi có điều muốn hỏi, Tôn giả có rảnh giờ để giải đáp cho không?"

Tôn giả A-nan-đà đáp:

"Tùy ý cứ hỏi, nếu biết thì tôi sẽ đáp."

Câu-ca-na hỏi:

"Thế nào, A-nan-đà, Như Lai sau khi chết có còn chăng?"

A-nan-đà đáp:

"Thế Tôn đã nói, điều này không xác định."

Lại hỏi:

"Như Lai sau khi chết không còn chăng? Sau khi chết vừa có vừa không chăng? Chẳng phải có, chẳng phải không chăng?"

A-nan-đà đáp:

"Thế Tôn đã nói, điều này không xác định."

Ngoại đạo Câu-ca-na nói:

"Thế nào, thưa Tôn giả A-nan-đà? Khi hỏi: 'Như Lai sau khi chết còn' thì đáp: 'Không xác định". Khi hỏi: 'Sau khi chết không còn, sau khi chết vừa còn vừa không còn, sau khi chết chẳng phải còn, chẳng phải không còn', thì đáp: 'Không xác định'. Thế nào, A-nan-đà! Có phải vì không biết không thấy chăng?"

A-nan-đà đáp:

"Chẳng phải không biết, chẳng phải không thấy, mà là biết tất cả, thấy tất cả."

Lại hỏi Tôn giả A-nan-đà:

"Biết gì? Thấy gì?"

A-nan-đà đáp:

"Thấy chỗ có thể thấy, thấy chỗ sanh khởi, thấy chỗ đoạn tận triền phược, đó là biết, đó là thấy. Ta biết như vậy, thấy như vậy, sao nói là không biết, không thấy?"

Câu-ca-na ngoại đạo lại hỏi:

"Tôn giả tên gì?"

Tôn giả A-nan-đà đáp:

"Tôi tên là A-nan-đà."

Câu ca-na ngoại đạo nói:

"Lạ thay! Đệ tử của Đại Sư mà ta được cùng luận nghị. Nếu ta biết Tôn giả này là Tôn giả A-nan-đà thì không dám mở lời hỏi."

Nói những lời này xong liền bỏ đi.

M

KINH 968. CẤP CÔ ĐỘC[72]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có gia chủ Cấp Cô Độc, ngày nào cũng đến viếng thăm Thế Tôn đảnh lễ và cúng dường. Gia chủ tự nghĩ: 'Ta đến quá sớm. Thế Tôn và các Tỳ-kheo còn đang tọa thiền, tư duy. Thôi ta nên đi qua trú xứ của các ngoại đạo.' Gia chủ đi vào tinh xá ngoại đạo, cùng họ chào đón, thăm hỏi khích lệ, rồi ngồi lui qua một bên. Lúc ấy ngoại đạo kia hỏi:

"Gia chủ, ông thấy Sa-môn Cù-đàm thấy thế nào, thấy những gì?"

Gia chủ đáp:

"Tôi cũng không biết Thế Tôn thấy thế nào và Thế Tôn thấy những gì?"

Các ngoại đạo nói:

"Ông hãy nói cái thấy của chúng Tăng. Chúng Tăng thấy như thế nào, chúng Tăng thấy những gì[73]?"

Gia chủ đáp:

"Tôi cũng chẳng biết thế nào là cái thấy của chúng Tăng, chúng Tăng thấy những gì?"

Ngoại đạo lại hỏi gia chủ:

"Nay hãy nói cái thấy của chính ông? Cái thấy của chính ông là gì?"

Gia chủ đáp:

"Các ông mỗi người hãy tự nói chỗ thấy của mình, rồi tôi sẽ nói chỗ thấy của tôi cũng không khó."

Khi đó có một ngoại đạo nói như vầy:

"Gia chủ, tôi thấy tất cả thế gian là thường, đó là chân thật,

---

72. Paøli: A.10.93. Diæææhi. Skt. Dfwæi (Píchel). Biệt dịch, N⁰100(202).

73. Paøli: Kiödiæææhikaø bhikkhuø ti: "Các Tỳ-kheo có quan điểm gì?"

ngoài ra đều là hư vọng."

Lại có người nói:

"Gia chủ, tôi thấy tất cả thế gian là vô thường, đó là chân thật, ngoài ra đều là hư vọng."

Lại có người nói:

"Gia chủ, thế gian vừa thường vừa vô thường, đó là chân thật, ngoài ra đều là hư vọng."

Lại có người nói:

"Thế gian phi thường phi vô thường, đó là chân thật, ngoài ra đều là hư vọng."

Lại có người nói:

"Thế gian hữu biên, đó là chân thật, ngoài ra đều là hư vọng."

Lại có người nói:

"Thế gian vô biên, đó là chân thật, ngoài ra đều là hư vọng."

Lại có người nói:

"Thế gian vừa hữu biên vừa vô biên."

Lại có người nói:

"Thế gian chẳng phải hữu biên chẳng phải vô biên."

Lại có người nói:

"Mạng tức là thân."

Lại có người nói:

"Mạng khác thân khác."

Lại có người nói:

"Như Lai sau khi chết là còn."

Lại có người nói:

"Như Lai sau khi chết là không còn."

Lại có người nói:

"Như Lai sau khi chết vừa có vừa không."

Lại có người nói:

"Như Lai sau khi chết chẳng phải có chẳng phải không, đó là chân thật, ngoài ra đều là hư vọng."

Các ngoại đạo bảo gia chủ:

"Chúng tôi mỗi người đều trình bày sở kiến của mình, vậy ông nên nói sở kiến của ông."

Gia chủ đáp:

"Sở kiến của tôi là, chân thật hữu vi, tư lương duyên khởi[74]. Nếu chân thật là pháp hữu vi do tư lương, duyên khởi thì chúng là vô thường; mà vô thường là khổ. Biết như vậy rồi, đối với tất cả sở kiến đều vô sở đắc. Như sở kiến của các ông cho thế gian là thường, đó là chân thật, ngoài ra là hư vọng. Sở kiến này là chân thật hữu vi do tư lương duyên khởi. Nếu là chân thật hữu vi do tư lương duyên khởi thì vô thường, mà vô thường là khổ. Cho nên các ông thân cận với cái khổ, chỉ chịu khổ, sống mãi trong khổ, chìm sâu vào trong khổ.

"Cũng vậy, các ông cho rằng: 'Thế gian là vô thường, đó là chân thật, ngoài ra đều là hư vọng.' Chúng có lỗi như vậy. Hay: 'Thế gian thường vô thường, phi thường, phi vô thường, thế gian hữu biên, thế gian vô biên, thế gian hữu biên vô biên, thế gian phi hữu biên phi vô biên; mạng tức là thân, mạng khác thân khác; Như Lai sau khi chết có, Như Lai sau khi chết không, Như Lai sau khi chết vừa có vừa không, Như Lai sau khi chết chẳng phải có chẳng phải không, đó là chân thật, ngoài ra đều là hư vọng.' Đều nói như trên."

Có một ngoại đạo nói với gia chủ Cấp Cô Độc:

"Như những gì ông đã nói: 'Nếu có sở kiến gì, thì đó là chân thật hữu vi do tư lương duyên khởi, đó là pháp vô thường.' Nếu vô thường là khổ, thì sở kiến của gia chủ cũng thân cận khổ, chịu khổ, sống khổ, vào sâu trong khổ."

Gia chủ đáp:

"Trước kia tôi chẳng đã nói: 'Sở kiến thật sự là pháp hữu vi, do tư lương duyên khởi, thảy đều vô thường, mà vô thường là khổ. Khi đã biết khổ rồi, ta đối với sở kiến ấy vô sở đắc' đó sao?"

Các ngoại đạo nói:

"Đúng như thế! Thưa gia chủ!"

Bấy giờ gia chủ Cấp Cô Độc ở nơi tinh xá ngoại đạo khuất phục dị luận, kiến lập chánh luận, ở trong chúng ngoại đạo rống lên

74. Hán: chân thật hữu vi tư lương duyên khởi □ . Tham chiếu Paøli: yaö kióci bhuøtaö saíkhataö cetayitaö paticcasamuppannaö, "Phàm cái gì là thật vật, được tạo thành bởi tâm tư, sanh khởi do duyên". Trong bản Hán: bhuøta (sanh vật hay thật vật) được hiểu là chân thật; saíkhataö cetayitaö (đươc tạo tác thành do bởi tâm tư) hiểu là hữu vi tư lương.

tiếng rống sư tử rồi, đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân, ngồi lui qua một bên, đem cuộc đàm luận với ngoại đạo thuật lại hết lên Thế Tôn.

Phật bảo gia chủ Cấp Cô Độc:

"Lành thay! Lành thay! Hãy nên tùy lúc hàng phục các ngoại đạo ngu si, kiến lập chánh luận."

Phật nói kinh này xong, gia chủ Cấp Cô Độc nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ tùy hỷ đảnh lễ mà lui.

M

KINH 969. TRƯỜNG TRẢO[75]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà tại thành Vương xá. Bấy giờ có tu sĩ ngoại đạo là Trường Trảo[76] đến chỗ Phật, cùng Thế Tôn chào hỏi an úy xong, ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

"Thưa Cù-đàm, tôi không chấp nhận mọi sở kiến[77]."

Phật bảo:

"Này Hỏa chủng[78], ông nói không chấp nhận mọi sở kiến, vậy sở kiến này cũng chẳng chấp nhận luôn chăng?"

Trường Trảo ngoại đạo nói:

"Đã nói không chấp nhận mọi sở kiến thì cái sở kiến này cũng không chấp nhận."

Phật bảo Hỏa chủng:

"Biết như vậy, thấy như vậy thì sở kiến này đã đoạn, đã xả, đã lìa, các sở kiến khác không còn tương tục, không khởi, không sanh. Này Hỏa chủng, nhiều người có cùng sở kiến như ông. Nhiều người cũng thấy như vậy, nói như vậy, ông cùng với họ giống nhau. Này Hỏa chủng, nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào xả bỏ các kiến chấp kia,

---

75. Móng tay dài. Paøli: M.47. Dìghanakha-suttanta. Skt. Dìrghaønkha (Pischel). Biệt dịch, N^{0}100$^{(203)}$.

76. Trường Trảo 長 爪. Paøli: Dìghanakha, tu sĩ để móng tay dài.

77. Nhất thiết kiến bất nhẫn 一 切 見 不 忍. Các bản Tống-Nguyên-Minh không có chữ kiến. Paøli: sabbaö me na khamati, "Tôi không công nhận tất cả". Phát biểu của chủ nghĩa hoài nghi, không tin bất cứ điều gì.

78. Hỏa chủng 火 種. Paøli: Aggivessana.

các kiến chấp khác không khởi, thì hàng Sa-môn, Bà-la-môn này rất ít có ở thế gian.

"Này Hỏa chủng, y cứ vào ba loại kiến. Những gì là ba? Có người thấy như vầy, nói như vầy: 'Tôi chấp nhận tất cả.' Lại có người thấy như vầy, nói như vầy: 'Tôi không chấp nhận tất cả.' Lại có người thấy như vầy, nói như vầy: 'Tôi chấp nhận một phần, không chấp nhận một phần.'

"Này Hỏa chủng, nếu chủ trương chấp nhận tất cả, kiến chấp này cùng sanh với tham, chẳng phải không tham; cùng sanh với nhuế, chẳng phải không nhuế; cùng sanh với si, chẳng phải không si; ràng buộc, chẳng lìa ràng buộc; phiền não, chẳng thanh tịnh; ái lạc, chấp thủ, nhiễm trước sanh. Hay nếu có kiến chấp như vầy: 'Ta không chấp nhận tất cả', kiến chấp này chẳng cùng sanh với tham, chẳng cùng sanh với nhuế, chẳng cùng sanh với si; thanh tịnh, không phiền não; lìa ràng buộc, chẳng ràng buộc; không ái lạc, không chấp thủ, không nhiễm trước sanh. Này Hỏa chủng, hay nếu có kiến chấp như vầy: 'Ta chấp nhận một phần, không chấp nhận một phần'; vậy nếu chấp nhận thì câu hữu với tham,... *cho đến* sanh nhiễm trước; còn nếu không chấp nhận thì ly tham... *cho đến* không sanh nhiễm trước. Đa văn Thánh đệ tử kia nên học: 'Nếu ta thấy như vầy, nói như vầy: 'Ta chấp nhận tất cả', sẽ bị hai hạng người chê trách và cật vấn. Những gì là hai? Người không chấp nhận tất cả và người một phần chấp nhận, một phần không chấp nhận. Họ sẽ bị hai hạng người này chê trách. Vì bị chê trách nên bị cật vấn. Vì bị cật vấn nên bị hại. Kiến chấp kia vì bị chê trách, bị cất vấn, bị phá hại nên họ xả bỏ kiến chấp đó, còn những kiến chấp khác thì không còn sanh trở lại. Cũng vậy đoạn kiến, xả kiến, ly kiến, các kiến khác, không còn tương tục, không khởi, không sanh.

"Đa văn Thánh đệ tử kia nên học như vầy: 'Nếu ta thấy như vầy, nói như vầy: 'Tất cả không chấp nhận', sẽ bị hai hạng người chê trách và hai hạng người cật vấn. Những gì là hai? Người chấp nhận tất cả và người một phần chấp nhận, một phần không chấp nhận. Hai hạng người chê trách và cật vấn như vậy, '... *cho đến* không tương tục, không khởi, không sanh.'

"Đa văn Thánh đệ tử kia nên học như vầy: 'Nếu ta thấy như vầy,

nói như vầy: 'Ta một phần chấp nhận, một phần không chấp nhận', sẽ bị hai hạng người chê trách, hai hạng người cật vấn. Những gì là hai? Là người thấy như vầy, nói như vầy: 'Ta chấp nhận tất cả và không chấp nhận tất cả'. Hai trường hợp bị trách như vậy, '... *cho đến* không tương tục, không khởi, không sanh.'

"Lại nữa, Hỏa chủng, thân có sắc gồm bốn đại thô kệch như vậy, Thánh đệ tử nên quán vô thường, quán sanh diệt, quán ly dục, quán diệt tận, quán xả. Nếu Thánh đệ tử sống mà luôn quán vô thường, quán sanh diệt, quán ly dục, quán diệt tận, quán xả, thì sống đối thân kia sự tham dục thuộc về thân, sự nhớ tưởng về thân, cảm thọ về thân, sự nhiễm về thân, sự đắm trước về thân vĩnh viễn diệt trừ không còn.

"Này Hỏa chủng, có ba thứ cảm thọ. Đó là khổ thọ, lạc thọ và bất khổ bất lạc thọ. Ba thứ cảm thọ này cần có nhân gì, tập gì, sanh gì, chuyển gì? Ba cảm thọ này cần có xúc là nhân, do xúc tập, xúc sanh, xúc chuyển. Mỗi mỗi xúc tập khởi, thọ tập khởi; mỗi mỗi xúc diệt tận, thọ diệt tận; vắng lặng, trong mát, vĩnh viễn hết sạch. Người kia đối với ba thọ này, biết rõ khổ, biết rõ lạc, biết rõ không khổ không lạc; biết như thật mỗi mỗi thọ hoặc tập khởi, hoặc diệt tận, hoặc vị ngọt, hoặc tai hại, hoặc xuất ly. Khi đã biết như thật rồi, đối những thọ ấy liền quán sát vô thường, quán sanh diệt, quán ly dục, quán diệt tận, quán xả bỏ. Người ấy ngay nơi toàn thân mình biết như thật các cảm thọ, nơi toàn phần sanh mạng mình biết như thật các cảm thọ. Nếu người ấy sau khi thân hoại, mạng chung, ngay lúc ấy các thọ hoàn toàn chấm dứt, không còn gì nữa. Bấy giờ, người ấy nghĩ rằng: 'Lúc biết rõ cảm thọ lạc thì thân mình cũng hoại, lúc biết rõ cảm thọ khổ, thì thân mình cũng hoại, ngay lúc biết rõ cảm thọ chẳng lạc chẳng khổ, thì thân mình cũng hoại, thảy đều thoát khổ. Đối với cái cảm thọ lạc kia lìa ràng buộc, chẳng ràng buộc; đối với cái cảm thọ khổ kia lìa ràng buộc, chẳng ràng buộc; đối với cái cảm thọ chẳng lạc chẳng khổ kia, lìa ràng buộc, chẳng bị ràng buộc. Lìa ràng buộc gì? Lìa tham dục, sân nhuế, ngu si; lìa sanh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não'. Ta nói những điều này gọi là lìa khổ."

Vào lúc bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất vừa mới thọ giới cụ túc nửa tháng, Tôn giả đang cầm quạt đứng sau hầu Phật. Lúc ấy, Tôn

giả Xá-lợi-phất tự nghĩ: 'Thế Tôn đã khen ngợi nói ở nơi pháp này, pháp kia mà đoạn dục, ly dục, diệt tận dục, xả dục.' Tôn giả Xá-lợi-phất đối với từng pháp này quán sát vô thường, quán sanh diệt, quán ly dục, quán diệt tận, quán xả bỏ, không khởi các lậu, tâm được giải thoát.

Bấy giờ, xuất gia ngoại đạo Trường Trảo xa lìa trần cấu, đắc pháp nhãn tịnh. Ông thấy pháp, đắc pháp, giác ngộ pháp, thâm nhập pháp, thoát khỏi các nghi hoặc, không do người khác độ, vào trong Chánh pháp luật, được vô sở úy, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, đảnh lễ Phật và chắp tay bạch Phật:

"Con xin được xuất gia thọ giới cụ túc ở trong Chánh pháp luật, ở trong Phật pháp tu các phạm hạnh."

Phật bảo xuất gia ngoại đạo Trường Trảo:

"Ông được xuất gia thọ cụ túc trở thành Tỳ-kheo, ở trong Chánh pháp luật."

Được xuất gia trở thành thiện lai Tỳ-kheo. Ông suy nghĩ lý do người thiện nam cạo bỏ râu tóc, khoác áo ca-sa, chánh tín xuất gia học đạo, sống không nhà... *cho đến* tâm thiện giải thoát đắc A-la-hán.

Phật nói kinh này xong, Tôn giả Xá-lợi-phất, Tôn giả Trường Trảo nghe Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

❑

TẠP A-HÀM QUYỂN 35

KINH 970. XÁ-LA-BỘ[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà tại thành Vương xá. Bấy giờ có xuất gia ngoại đạo tên là Xá-la-bộ[2] ở bên bờ ao Tu-ma-kiệt-đà[3]; giữa đồ chúng của mình, tự tuyên bố như vầy: "Pháp của Sa-môn họ Thích, ta biết hết. Trước đây ta đã biết Pháp luật kia nhưng buông bỏ hết."

Bấy giờ có nhiều Tỳ-kheo sáng sớm đắp y ôm bát vào thành Vương xá khất thực, nghe ngoại đạo tên Xá-la-bộ ở bên bờ ao Tu-ma-kiệt-đà, giữa đồ chúng mình tuyên bố như vầy: "Pháp của Sa-môn họ Thích, ta biết hết. Trước đây ta đã biết Pháp luật kia nhưng buông bỏ hết." Sau khi nghe những lời này, khất thực rồi họ trở về tinh xá, cất y bát, rửa chân xong đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, sáng nay chúng con đắp y, mang bát vào thành Vương xá khất thực, nghe xuất gia ngoại đạo tên là Xá-la-bộ ở bên bờ ao Tu-ma-kiệt-đà, giữa đồ chúng của mình tuyên bố như vầy: 'Pháp của Sa-môn họ Thích, ta biết hết. Trước đây ta đã biết Pháp luật kia nhưng buông bỏ hết'. Lành thay! Xin Thế Tôn vì thương xót Xá-la-bộ, mà đích thân đến bên bờ ao Tu-ma-kiệt-đà."

Bấy giờ, Thế Tôn im lặng nhận lời. Vào buổi chiều sau khi từ thiền tịnh dậy, Ngài đến chỗ Xá-la-bộ bên bờ ao Tu-ma-kiệt-đà. Xuất gia ngoại đạo Xá-la-bộ từ xa trông thấy Thế Tôn đến, lo sửa soạn chỗ ngồi, thỉnh Phật ngồi. Sau khi Thế Tôn an tọa, Ngài nói với Xá-la-bộ:

"Ông có thật nói như vầy: 'Pháp của Sa-môn họ Thích, ta biết

---

1. Paøli: A.3.64. Sarabha. Skt. Zarabha (Pischel). Biệt dịch, N0 100(204).

2. Xá-la-bộ 舍羅步. Paøli: Sarabha, một tu sĩ ngoại đạo từng xuất gia theo Phật. Sau đó xả giới, trở về đạo cũ.

3. Tu-ma-kiệt-đà trì 須摩竭陀池. Paøli:? Cf. A.3.64: acirapakkanto hoti imasmaø dhamma-vinayaø: từ bỏ Pháp luật này chưa bao lâu (xả giới hoàn tục).

hết. Sau khi đã biết hết rồi, ta buông bỏ hết không'?"

Lúc ấy, Xá-la-bộ im lặng không đáp.

Phật bảo Xá-la-bộ:

"Ông nay nên nói. Vì sao im lặng? Nếu sự hiểu biết của ông đầy đủ thì Ta sẽ tùy hỷ. Nếu sự hiểu biết của ông chưa đầy đủ, thì Ta sẽ giúp cho ông đầy đủ."

Xá-la-bộ vẫn im lặng. Nói như vậy hai, ba lần, nhưng cả ba lần cũng vẫn giữ im lặng. Lúc ấy, Xá-la-bộ có một đệ tử phạm hạnh bạch Xá-la-bộ rằng:

"Thưa thầy, lý ra thầy nên đi đến Sa-môn Cù-đàm trình bày tri kiến của mình. Hôm nay Sa-môn Cù-đàm đã tự đến đây, vì sao thầy không nói? Sa-môn Cù-đàm lại nói với thầy: 'Nếu đầy đủ thì Ngài sẽ tùy hỷ. Nếu không đầy đủ Ngài sẽ giúp cho đầy đủ'. Vì sao thầy im lặng mà không nói?"

Khi người đệ tử phạm hạnh khuyên, ông vẫn làm thinh. Bấy giờ, Thế Tôn bảo Xá-la-bộ:

"Nếu có người nói: 'Sa-môn Cù-đàm không phải là Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác'. Ta sẽ khéo can gián, khéo cật vấn. Khi được khéo can gián, khéo cật vấn, người kia sẽ nói lảng qua những việc khác; hoặc phẫn nộ, kiêu mạn, ôm hận, phẫn hận, chống đối, không chấp nhận, không có cách gì tỏ bày; hoặc im lặng xấu hổ cúi đầu, âm thầm tự nghĩ, tự xét; như Xá-la-bộ hôm nay.

Hoặc lại có người nói như vầy: 'Sa-môn Cù-đàm không có[4] Chánh pháp luật'. Ta sẽ khéo can gián, khéo cật vấn. Người kia cũng ngồi im như ông hôm nay.

"Hay lại có người nói: 'Đệ tử[5] nào của Sa-môn Cù-đàm không phải là bậc thiện hướng[6].' Ta sẽ khéo can gián, khéo cật vấn. Người kia cũng ngồi im như ông hôm nay."

Bấy giờ, Thế Tôn ở bên bờ ao Tu-ma-kiệt-đà rống lên tiếng rống sư tử, rồi từ chỗ ngồi đứng dậy mà đi. Lúc ấy, đệ tử phạm hạnh của Xá-la-bộ nói với Xá-la-bộ:

---

4. Bản Hán: *phi... vô...*, phủ định kép. Dư chữ *vô*, lược bỏ.

5. Bản Hán: Thanh văn 〃 〃.

6. Thiện hướng 善向, hay chánh hành, người đang hướng thẳng đến giải thoát.

"Giống như trâu bị cắt đi hai cái sừng, nhốt vào trong chuồng trâu trống, nó quỳ xuống đất rống to. Thầy cũng như vậy, ở trong chúng không có đệ tử của Sa-môn Cù-đàm thì làm sư tử rống.

"Giống như người con gái muốn nói giọng đàn ông, nhưng khi phát ra tiếng, thì liền là tiếng đàn bà. Thầy cũng như vậy, ở trong chúng không có đệ tử của Sa-môn Cù-đàm thì làm sư tử rống.

"Giống như con dã can muốn kêu tiếng chồn, như khi phát ra tiếng thì vẫn là tiếng dã can. Thầy cũng như vậy, lúc không có Sa-môn Cù-đàm thì thầy ở giữa chúng đệ tử của mình muốn làm sư tử rống."

Sau khi đệ tử phạm hạnh của Xá-la-bộ ở trước Xá-la-bộ nói ra những lời trách cứ, hủy báng rồi, liền từ chỗ ngồi đứng dậy bỏ đi.

M

KINH 971. THƯỢNG TỌA[7]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà tại thành Vương xá. Bấy giờ, bên bờ ao Tu-ma-kiệt-đà trong thành Vương xá, có xuất gia ngoại đạo tên là Thượng Tọa[8] đang ở cạnh hồ này, ông ở trong chúng của mình tự nói như vầy: "Tôi nói một bài kệ, nếu ai có thể đáp được, tôi sẽ theo vị ấy tu hành phạm hạnh."

Sáng sớm hôm ấy, có nhiều Tỳ-kheo đắp y, ôm bát vào thành Vương xá khất thực, nghe có xuất gia ngoại đạo tên là Thượng Tọa ở cạnh bờ ao Tu-ma-kiệt-đà, vị này ở trong chúng của mình tự nói như vầy: "Tôi nói một bài kệ, nếu ai có thể đáp được, tôi sẽ theo vị ấy tu hành phạm hạnh." Các Tỳ-kheo khất thực xong, trở về tinh xá, cất y bát, rửa chân xong đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, sáng sớm các Tỳ-kheo chúng con vào thành khất thực, nghe xuất gia ngoại đạo tên là Thượng Tọa ở cạnh bờ ao Tu-ma-kiệt-đà, giữa đồ chúng của mình tự nói như vầy: 'Tôi nói một

---

7. Paøli, không thấy tương đương. Skt. Parivraøjakasthavira (Píchel). Biệt dịch, N^{0}100(205).

8. Danh Thượng Tọa 名上坐. Skt. Parivraøjaka-Sthavira.

bài kệ, nếu ai đáp được, tôi sẽ theo vị ấy tu hành phạm hạnh.' Xin Thế Tôn vì thương xót nên đích thân đến ông ấy."

Thế Tôn im lặng nhận lời. Buổi chiều hôm đó sau khi từ thiền tịnh dậy, Ngài đến cạnh bờ ao Tu-ma-kiệt-đà. Khi xuất gia ngoại đạo Thượng Tọa từ xa trông thấy Thế Tôn, liền trải chỗ ngồi, thỉnh Phật an tọa, Thế Tôn ngồi xong, bảo xuất gia ngoại đạo Thượng Tọa rằng:

"Có thật ông đã nói những lời như vầy: 'Tôi nói một bài kệ, nếu ai đáp được, thì tôi sẽ theo vị ấy tu hành phạm hạnh' chăng? Bây giờ ông hãy nói kệ, Ta có thể đáp lại."

Lúc ấy, ngoại đạo kia chất giường dây[9] lên thành chỗ ngồi cao, tự mình lên đó ngồi và nói kệ:

Tỳ-kheo sống đúng pháp,
Không khủng bố chúng sanh,
Ý lặng, hành xả ly,
Trì giới thuận đình chỉ.

Bấy giờ, Thế Tôn biết rõ tâm ngoại đạo Thượng Tọa này, Ngài liền nói kệ:

Nếu ông tự hành theo
Những gì kệ ông nói;
Đối với ông, Ta sẽ
Xem như người Hiền thiện.
Xét những gì ông nói,
Nói, làm không tương ưng.
Người giữ gìn tịnh giới:
Tĩnh lặng, tự điều phục;
Chớ khủng bố chúng sanh;
Ý tĩnh lặng, xa lìa.
Thuận điều phục, tĩnh lặng;
Tâm, miệng, thân lìa ác.
Khéo nhiếp nơi trụ xứ,
Không để cho phóng dật:
Đây gọi là tùy thuận,

---

9. Hán: thằng sàng 繩床.

Điều phục và tĩnh lặng.

Khi ấy, xuất gia ngoại đạo Thượng Tọa tự nghĩ: "Sa-môn Cù-đàm đã biết tâm ta." Liền từ trên chỗ ngồi bước xuống, chắp tay bạch Phật:

"Nay con có thể xuất gia thọ cụ túc, trở thành pháp Tỳ-kheo, ở nơi Chánh pháp luật không?"

Phật bảo xuất gia ngoại đạo Thượng Tọa:

"Nay ông có thể xuất gia thọ cụ túc, trở thành Tỳ-kheo, ở nơi Chánh pháp luật."

Sau khi xuất gia ngoại đạo Thượng Tọa đã xuất gia và trở thành Tỳ-kheo rồi, tự suy nghĩ về lý do khiến cho người thiện nam cạo bỏ râu tóc, khoác áo ca-sa, chánh tín xuất gia học đạo, sống không nhà,... *cho đến* tâm thiện giải thoát, đắc A-la-hán.

M

KINH 972. TAM ĐẾ[10]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà tại thành Vương xá. Bấy giờ có nhiều tu sĩ Ba-la-môn ở cạnh ao Tu-ma-kiệt-đà, tập hợp lại một chỗ bàn luận như vầy: "Chân đế của Bà-la-môn như vậy[11]. Chân đế của Ba-la-môn như vậy."

Bấy giờ Thế Tôn biết tâm niệm của các xuất gia Bà-la-môn kia, Ngài đi đến bờ ao Tu-ma-kiệt-đà. Lúc ấy, các xuất gia Bà-la-môn từ xa trông thấy Đức Phật đang đến, liền vì Phật sửa soạn chỗ ngồi, thỉnh Phật an tọa. Phật ngồi vào chỗ ngồi xong, bảo các xuất gia Bà-la-môn:

"Các ông tụ tập ở bờ ao Tu-ma-kiệt-đà này, để bàn luận những gì?"

Xuất gia Bà-la-môn bạch Phật:

"Thưa Cù-đàm, các tu sĩ Bà-la-môn chúng tôi tập hợp nơi đây

---

10. Ba sự thực. Paøli, A.4.185. Braømaòa-sacca. Skt. Braøhmana-satyaøni (Píchel). Biệt dịch, N^{0}100(206), N^{0}125(26.8).

11. Paøli: itipi bhaøhmaòasaccaøni, đây là những chân lý của Bà-la-môn.

bàn luận như vầy: 'Chân đế của Bà-la-môn như vậy. Chân đế của Bà-la-môn như vậy'."

Phật bảo các xuất gia Bà-la-môn:

"Có ba chân đế của Bà-la-môn[12] mà Ta đã tự mình giác ngộ, thành Đẳng Chánh Giác, lại vì người diễn nói. Xuất gia Bà-la-môn các ông nói như vầy: 'Không hại tất cả chúng sanh.' Đó là chân đế của Bà-la-môn, chẳng phải hư dối. Họ nói với nhau rằng: 'Ta hơn, rằng ta bằng, rằng ta kém[13].' Nếu đối với chân đế kia không bị trói buộc, đắm trước và đối với tất cả thế gian biểu hiện lòng từ, đó gọi là chân đế thứ nhất của Bà-la-môn, mà Ta đã tự giác ngộ, thành Đẳng Chánh Giác và vì người diễn nói.

"Lại nữa, Bà-la-môn nói như vầy: 'Những gì là pháp tập khởi[14] đều là diệt pháp.' Đó là chân đế, chẳng phải là hư vọng... *cho đến* đối với chân đế này chẳng chấp trước và đối với tất cả thế gian quán sát sanh diệt. Đó gọi là chân đế thứ hai của Bà-la-môn.

"Lại nữa, Bà-la-môn nói vầy: 'Không có ta bất cứ ở đâu, bất cứ sự gì, hoàn toàn không có gì. Không có ta bất cứ ở đâu, bất cứ sự gì, hoàn toàn không có gì[15].' Đó là chân đế, chẳng phải hư vọng, như trước đã nói,... *cho đến* đối với chân đế kia không bị trói đắm và đối với tất cả thế gian vô ngã như nhau. Đó gọi là chân đế thứ ba của Bà-la-môn, Ta đã tự giác ngộ, thành Đẳng Chánh Giác và vì người diễn nói."

Bấy giờ các xuất gia Bà-la-môn đều ngồi yên im lặng. Thế Tôn

---

12. Bản Paøli: cattaørimaøni braøhmaòasaccaøni, đây là bốn chân lý của Bà-la-môn.

13. Bản Paøli: so tena na samaòo ti maóóati,... na seyyoham asmìti maóóati, na sadisoham asmìti maóóati… api ca yadeva tattha saccaö anuddayaøya anukampaøya paæipanno hoti: vị ấy vì vậy không nghĩ rằng mình là Sa-môn… không nghĩ rằng ta hơn, ta bằng… Lại nữa do nhận thức chính xác chân lý ở đây mà vị ấy thực hành lòng thương yêu, thương xót đối với các chúng sanh.

14. Tập pháp 集法. Bản Paøli, gồm hai chân đế: sabbe kaømaø aniccaø… sabbe bhavaø aniccaø…, tất cả dục là vô thường… tất cả sự hữu là vô thường.

15. Hán: Vô ngã xứ sở cập sự đô vô sở hữu 無我處所及事都無所有. Tham chiếu Paøli: naøham kvacani kassaci kiócana tasmiö na ca mama kvacani katthaci kiócanatatthì ti: "Ta không là ai, của bất cứ ai, là bất cứ cái gì. Trong đó, không có bất cứ ai, bất cứ ở đâu, bất cứ cái gì, là của ta".

nghĩ rằng: "Hôm nay Ta soi sáng sự ngu si của họ, tiêu diệt điều ác của họ, nhưng hiện tại trong chúng này không có một người có khả năng tự suy xét, muốn tạo nhân duyên để ở trong pháp của Sa-môn Cù-đàm tu hành phạm hạnh!"

Ngài đã biết như vậy rồi, nên từ chỗ ngồi đứng dậy mà đi.

M

KINH 973. CHIÊN-ĐÀ[16]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cù-sư-la, tại nước Câu-diệm-di. Bấy giờ Tôn giả A-nan cũng ở đó.

Lúc ấy có xuất gia ngoại đạo tên là Chiên-đà[17] đến chỗ Tôn giả A-nan, cùng thăm hỏi khích lệ nhau xong, ngồi lui qua một bên, hỏi Tôn giả A-nan:

"Vì lý do gì Tôn giả xuất gia tu phạm hạnh ở nơi Sa-môn Cù-đàm?"

Tôn giả A-nan đáp:

"Vì muốn đoạn tham dục, sân nhuế, ngu si, nên tôi xuất gia tu phạm hạnh ở nơi Sa-môn Cù-đàm."

Chiên-đà lại hỏi:

"Vị ấy có thể nói về sự đoạn tham dục, sân nhuế, ngu si chăng?"

Tôn giả A-nan đáp:

"Tôi cũng có thể nói về sự đoạn tham dục, sân nhuế, ngu si."

Chiên-đà lại hỏi:

"Ngài thấy tham dục, sân nhuế, ngu si có những sai lầm, tai hại gì mà nói đoạn tham dục, sân nhuế, ngu si?"

A-nan đáp:

"Vì nhiễm trước tham dục, làm che mờ tâm nên hoặc tự hại mình, hoặc hại người, hoặc hại cả hai, hiện tại mắc tội, đời sau mắc tội, hiện tại, đời sau cả hai đều mắc tội; tâm lúc nào cũng cảm thấy buồn khổ. Nếu bị sân nhuế che mờ, ngu si che mờ thì tự hại

16. Paøli, A.3.71.Channa. Biệt dịch, N^{0}100(207).

17. Chiên-đà 梅陀 . Paøli: Channo. Bản Hán đọc là Caòño.

mình, hại người, mình người đều hại... *cho đến* lúc nào cũng có cảm giác buồn khổ.

"Lại nữa tham dục là sự mù quáng, là không có mắt, là không có trí, làm tuệ lực sút kém, làm chướng ngại, không phải là minh, chẳng phải Đẳng giác, chẳng chuyển đến Niết-bàn. Đối với sân nhuế, ngu si cũng lại như vậy. Tôi thấy tham dục, sân nhuế, ngu si có những sai lầm tai hại như vậy nên nói phải đoạn tham dục, sân nhuế, ngu si."

Chiên-đà lại hỏi:

"Ngài thấy đoạn tham dục, sân nhuế, ngu si có phước lợi gì mà nói đoạn tham dục, sân nhuế, ngu si?"

A-nan đáp:

"Đoạn tham dục rồi thì không tự hại, cũng không hại người, cũng không hại cả hai. Và lại hiện tại không mắc tội, đời sau không mắc tội; hiện tại, đời sau đều không mắc tội; tâm pháp lúc nào cũng cảm thấy vui vẻ, sung sướng. Đối với sân nhuế, ngu si cũng như vậy. Trong hiện tại thường xa lìa nhiệt não, không chờ thời tiết mà chứng đắc các hiện pháp khác, duyên tự thân mà giác tri[18]. Và vì những công đức lợi ích như vậy, nên nói cần đoạn tham dục, sân nhuế, ngu si."

Chiên-đà lại hỏi Tôn giả A-nan:

"Có đạo, có đạo tích nào, mà tu tập, tu tập nhiều thì có thể đoạn được tham dục, sân nhuế, ngu si không?"

A-nan đáp:

"Có, đó là tám Thánh đạo: Chánh kiến... *cho đến* chánh định."

Ngoại đạo Chiên-đà thưa Tôn giả A-nan:

"Đây là đạo hiền thiện vậy thay! Là tích hiền thiện vậy thay! Nếu tu tập, tu tập nhiều thì sẽ có khả năng đoạn tham dục, sân nhuế, ngu si."

Ngoại đạo Chiên-đà nghe Tôn giả A-nan nói xong, hoan hỷ, tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy mà đi.

---

18. Hán: bất đãi thời tiết, hữu đắc dư hiện pháp, duyên tự giác tri 不待時節有得餘現法緣自覺知. Văn dịch khác đó của định cú thường gặp nói về pháp; Paøli: akaliko ehipassiko opanaøyìko paccataö veditabbo vióóuøhì ti.

M

KINH 974. BỔ-LŨ-ĐÊ-CA (1)[19]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Tôn giả Xá-lợi-phất đi đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên. Khi ấy, Thế Tôn vì Tôn giả Xá-lợi-phất thuyết nhiều pháp, chỉ dạy, soi sáng, làm cho an vui xong, Đức Phật im lặng. Tôn giả Xá-lợi-phất sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ cúi đầu đảnh lễ dưới chân rồi đi.

Lúc ấy, có xuất gia ngoại đạo tên Bổ-lũ-đê-ca[20] trên đường đi lại, hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất:

"Ngài từ đâu lại?"

Xá-lợi-phất đáp:

"Này Hỏa chủng, tôi từ chỗ Thế Tôn, nghe Đại Sư nói pháp, dạy dỗ, rồi tới đây."

Bổ-lũ-để-ca hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất:

"Đến nay vẫn còn chưa dứt sữa[21], vẫn theo Đại Sư nghe thuyết pháp, thọ lãnh pháp chăng?"

Xá-lợi-phất đáp:

"Này Hỏa chủng, tôi không dứt sữa, vẫn ở nơi Đại Sư nghe thuyết pháp, thọ lãnh pháp."

Bổ-lũ-đề-ca nói với Tôn giả Xá-lợi-phất:

"Tôi đã dứt sữa từ lâu, xả bỏ những gì Thầy đã truyền dạy."

Xá-lợi-phất nói:

"Pháp của ông là pháp luật được diễn thuyết một cách tệ hại, được giác ngộ một cách tệ hại; chẳng phải là pháp xuất ly, chẳng phải là đạo chánh giác, là pháp hư hoại, chẳng phải pháp đáng để khen ngợi, chẳng phải pháp đáng để y chỉ.

"Lại nữa, vị Thầy kia không phải là bậc Đẳng chánh giác, cho nên ông nhanh chóng dứt bỏ sữa, lìa bỏ giáo pháp của Thầy. Ví như con bò sữa, cộc cằn hung dữ, dịch sữa lại ít. Nghé con bú sữa xong vội

---

19. Biệt dịch, N^{0}100(208).

20. Bổ-lũ-đê-ca 補縷低迦.

21. Hán: ly nhũ 離乳.

vã bỏ đi. Cũng vậy, pháp luật như vậy được diễn thuyết một cách tệ hại, được giác ngộ một cách tệ hại; chẳng phải là pháp xuất ly, chẳng phải là đạo Chánh giác, là pháp hư hoại, chẳng phải pháp đáng để khen ngợi, chẳng phải pháp đáng để y chỉ.

"Lại nữa, vị Thầy ấy không phải là bậc Đẳng chánh giác, cho nên ông nhanh chóng lìa bỏ giáo pháp mà Thầy ông đã dạy. Pháp mà tôi có là Chánh pháp luật, là thiện giác, là xuất ly, là đạo chánh giác, chẳng hoại, đáng để khen ngợi, đáng để y chỉ.

"Lại nữa, Đại Sư của tôi là Bậc Đẳng Chánh Giác, cho nên từ lâu được uống dòng sữa của Ngài, được nghe Đại Sư dạy dỗ chánh pháp, ví như con bò sữa không cộc cằn hung dữ, lại có nhiều dịch sữa. Nghé con của nó uống sữa lâu mà không chán. Pháp của tôi cũng vậy, là Chánh pháp luật... *cho đến* từ lâu đã được nghe và lãnh thọ giáo pháp."

Khi ấy, Bổ-lũ-đê-ca nói với Xá-lợi-phất:

"Tôn giả chóng được thiện lợi nơi Chánh pháp luật... *cho đến* từ lâu đã được nghe và lãnh thọ giáo pháp."

Xuất gia ngoại đạo Bổ-lũ-để-ca nghe những gì Xá-lợi-phất nói xong, hoan hỷ, tùy hỷ, lên đường mà đi.

M

KINH 975. BỔ-LŨ-ĐÊ-CA (2)[22]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ xuất gia ngoại đạo Bổ-lũ-đê-ca đi đến chỗ Phật, sau khi cùng Thế Tôn chào hỏi an úy xong, ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

"Thưa Cù-đàm, hôm trước có nhiều xuất gia ngoại đạo Sa-môn, Bà-la-môn tập hợp ở giảng đường Vị tằng hữu[23] bàn luận như vầy: 'Trí tuệ của Sa-môn Cù-đàm như cái nhà trống, không thể ở giữa chỗ đông người kiến lập luận nghị: Điều này nên, điều này không nên; điều này

22. Biệt dịch, N^{0}100(209).

23. Vị tằng hữu giảng đường 未曾有講堂.

hợp, điều này không hợp. Như con trâu mù đi cạnh bờ ruộng không vào trong ruộng. Sa-môn Cù-đàm cũng lại như vậy, không có điều gì nên, không nên; không có điều gì hợp, không hợp.’”

Phậy bảo Bổ-lũ-đê-ca:

“Sự bàn luận của các ngoại đạo này nói ‘nên hay không nên, hợp hay không hợp’, đối với Chánh pháp luật như trò đùa của trẻ con. Ví như người tám, chín mươi tuổi; tóc bạc, răng rụng, làm trò đùa như trẻ con, dùng đất bùn nặn ra các thứ hình voi, ngựa. Mọi người đều nói: ‘Đây là bé con già tuổi’. Cũng vậy, này Hỏa chủng, các thứ luận thuyết cho rằng: ‘Nên không nên, hợp không hợp’ đối với Chánh pháp luật như trò đùa của trẻ con. Nhưng ở trong đó không có gì cho Tỳ-kheo cần nỗ lực cả.”

Bổ-lũ-để-ca bạch Phật:

“Thưa Cù-đàm, ở nơi nào có điều mà Tỳ-kheo cần nỗ lực?”

Phật bảo ngoại đạo:

“Cái gì không thanh tịnh khiến cho thanh tịnh; đó là chỗ Tỳ-kheo cần nỗ lực. Không điều phục khiến họ điều phục; đó là chỗ Tỳ-kheo cần nỗ lực. Không định khiến cho họ được chánh định; đó là chỗ Tỳ-kheo cần nỗ lực. Không giải thoát khiến họ được giải thoát; đó là chỗ Tỳ-kheo cần nỗ lực. Không đoạn khiến cho đoạn, không biến tri khiến cho biến tri, không tu khiến cho tu, không đắc khiến cho đắc; đó là chỗ Tỳ-kheo cần nỗ lực.

“Thế nào là không thanh tịnh khiến thanh tịnh? Giới không thanh tịnh khiến cho giới thanh tịnh. Thế nào là không điều phục khiến họ điều phục? Các căn mắt, các căn tai, mũi, lưỡi, thân, ý không điều phục khiến điều phục đầy đủ; đó gọi là không điều phục khiến họ điều phục. Thế nào là không định khiến họ được chánh định? Tâm không chánh định khiến cho được chánh định. Thế nào là không giải thoát khiến được giải thoát? Tâm không giải thoát tham dục, sân nhuế, ngu si khiến được giải thoát. Thế nào là không đoạn khiến đoạn? Vô minh, hữu ái không đoạn khiến đoạn. Thế nào là không biến tri khiến biến tri? Đối với danh sắc không biến tri khiến biến tri. Thế nào là không tu khiến cho tu? Đối với chỉ quán không tu khiến tu. Thế nào là không đắc khiến đắc? Đối Niết-bàn không đắc khiến đắc. Đây gọi là chỗ Tỳ-kheo cần nỗ lực.”

Bổ-lũ-để-ca bạch Phật:

"Thưa Cù-đàm, ý nghĩa ấy là chỗ Tỳ-kheo cần nỗ lực. Sự kiên cố này là chỗ Tỳ-kheo cần nỗ lực. Đó chính là tận trừ các hữu lậu."

Sau khi nghe những gì Phật dạy, xuất gia ngoại đạo Bổ-lũ-đê-ca hoan hỷ, tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy mà đi.

M

KINH 976. THI-BÀ (1)[24]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà tại thành Vương xá. Bấy giờ có xuất gia ngoại đạo tên là Thi-bà[25] đến chỗ Phật, cùng Thế Tôn chào đón thăm hỏi an úy, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

"Thưa Cù-đàm, thế nào là học? Gọi là học, vậy thế nào là học?"

Phật bảo Thi-bà:

"Học những gì nên học, nên gọi là học."

Thi-bà bạch Phật:

"Học những gì?"

Phật bảo Thi-bà:

"Tùy thời học tăng thượng giới, học tăng thượng ý, học tăng thượng tuệ."

Thi-bà bạch Phật:

"Nếu Tỳ-kheo A-la-hán nào các lậu đã tận, những việc làm đã xong, đã trút bỏ các gánh nặng, chóng được tự lợi, tận trừ những kết sử của hữu, bằng chánh trí mà khéo giải thoát, bấy giờ lại còn phải học những gì nữa?"

Phật bảo Thi-bà:

"Nếu Tỳ-kheo A-la-hán nào các lậu đã tận... *cho đến* chánh trí khéo giải thoát, chính lúc này giác tri tham dục vĩnh viễn sạch hết không còn và giác tri sân nhuế, ngu si vĩnh viễn sạch hết không còn, nên không còn tạo lại các điều ác, lúc nào cũng thực hành các điều

---

24. Paøli, xem cht. 26, kinh 977 dưới. Biệt dịch, N^{0}100(210).

25. Thi-bà 尸婆. Xem cht.27, kinh 977 dưới.

lành. Thi-bà, đó gọi là học những gì nên học."

Sau khi xuất gia ngoại đạo Thi-bà nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy mà đi.

M

KINH 977. THI-BÀ (2)[26]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà tại thành Vương xá. Bấy giờ xuất gia ngoại đạo Thi-bà[27] đi đến chỗ Phật, cùng Thế Tôn thăm hỏi an úy xong, ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

"Thưa Cù-đàm, có một số xuất gia Bà-la-môn thấy như vầy, nói như vầy: 'Tất cả những gì được giác tri bởi con người, tất cả những thứ ấy đều là nhân đã được tạo tác từ trước[28]. Tu các khổ hạnh khiến cho các nghiệp quá khứ sạch hết, không còn tạo ra nghiệp mới, đoạn các nhân duyên, không còn các lậu trong đời vị lai. Vì các lậu đã hết nên nghiệp hết. Vì nghiệp hết nên hết khổ. Khổ hết nên rốt ráo biên tế của khổ.' Nay chủ trương của Cù-đàm là như thế nào?"

Phật bảo Thi-bà:

"Sa-môn, Bà-la-môn kia thật sự nói một cách mơ hồ, không suy xét, không cân nhắc, ngu si, không khéo léo, không biện biệt. Vì sao? Hoặc khổ khởi lên do gió mà chúng sanh giác tri, hoặc khởi do đờm, hoặc khởi từ nước dãi, hoặc khởi từ đẳng phần[29], hoặc do tự hại, hoặc do kẻ khác hại, hoặc do thời tiết khí hậu. Người tự hại kia, hoặc nhổ tóc, hoặc nhổ râu, hoặc thường đứng giơ tay, hoặc ngồi xổm trên đất, hoặc nằm giữa tro đất, hoặc nằm trên chông gai, hoặc nằm trên cái chày, hoặc nằm trên ván, hoặc nằm trên đất trét phân trâu, hoặc nằm

---

26. Paøli, S.36.21. Sìvako. Biệt dịch, N^{0}100(211).

27. Thi-bà ngoại đạo 尸婆. Paøli: Moôiya Sìvaka paribbaøjaka, tu sĩ bện tóc Sìvaka.

28. Paøli: yaö kiócaøyaö purisapuggalo paæisaövedeti sukhaö vaø dukkhaö vaø adukkham-asukhaö vaø sabbaö taö pubbekatahetuø 'ti: Bất cứ lạc thọ gì, khổ thọ gì, hay phi khổ phi lạc thọ gì, mà con người cảm thọ, tất cả đều là nhân được tạo tác từ trước.

29. Đẳng phần khởi, khởi lên do các yếu tố kể trên hợp lại.

trong nước, hoặc một ngày tắm rửa ba lần, hoặc đứng một chân, thân xoay chuyển theo mặt trời. Họ siêng năng thực hành mọi thứ khổ như vậy. Này Thi-bà, đó gọi là tự hại. Còn khổ do hay kẻ khác hại là, hoặc bị người khác dùng tay, đá, dao, gậy, các thứ hại thân. Đó gọi là kẻ khác làm hại.

"Này Thi-bà, hoặc bị thời tiết làm hại, như mùa Đông thì thật lạnh, mùa Xuân thì thật nóng, mùa Hạ vừa nóng vừa lạnh. Đó là bị thời tiết hại. Những điều này thật có ở thế gian, chẳng phải hư vọng. Này Thi-bà, thế gian có những thực tế này như bị gió làm hại... *cho đến* bị thời tiết, khí hậu làm hại. Chúng sanh kia giác tri như thật. Ông cũng tự có những tai họa này: gió, đờm, nước dãi, thời tiết làm hại,... *cho đến* biết thời tiết làm hại như vậy, được giác tri như thật như vậy.

"Này Thi-bà, nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào nói rằng: tất cả những gì người ta tri giác được đều là nhân đã được tạo từ trước, thì đó là bỏ việc thực tế ở thế gian mà nói theo sự nhận thấy hư vọng của chính mình.

"Này Thi-bà, có năm nhân năm duyên sanh tâm ưu khổ. Những gì là năm? Nhân bởi tham dục triền phược, duyên bởi tham dục triền phược mà sanh tâm pháp ưu khổ. Nhân bởi sân nhuế, thùy miên, trạo hối, nghi triền phược; duyên bởi sân nhuế, thùy miên, trạo hối, nghi triền phược sanh tâm pháp ưu khổ. Này Thi-bà, đó là là năm nhân, năm duyên sanh tâm ưu khổ?

"Này Thi-bà, có năm nhân, năm duyên không sanh tâm ưu khổ. Những gì là năm? Nhân tham dục trói buộc, duyên tham dục trói buộc sanh tâm ưu khổ, lìa tham dục trói buộc, thì không khởi tâm ưu khổ. Đây gọi là năm nhân, năm duyên không khởi tâm ưu khổ, ngay hiện tại không bị thiêu đốt, không đợi thời tiết, thông suốt những gì được thấy, duyên nơi chính mình mà giác tri.

"Này Thi-bà, lại có pháp hiện tại không bị thiêu đốt, không đợi thời tiết, đó là tám Thánh đạo, chánh kiến... *cho đến* chánh định."

Lúc nói pháp này, xuất gia ngoại đạo Thi-bà xa lìa trần cấu, đắc pháp nhãn thanh tịnh. Thi-bà thấy pháp, đắc pháp, biết pháp, thâm nhập pháp, lìa hồ nghi, không do người khác, vào trong Chánh pháp luật, đắc vô sở úy, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, chắp tay bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, hôm nay con có thể xuất gia, thọ cụ túc, trở thành Tỳ-kheo ở trong Chánh pháp luật chăng?"

Phật bảo Thi-bà:

"Nay người được xuất gia..." *Nói như trên,... cho đến* tâm thiện giải thoát, đắc A-la-hán.

M

KINH 978. THƯƠNG CHỦ[30]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Hảo y Yêm-la[31] tại thôn Na-la. Bấy giờ tại thôn Na-la có Thương chủ[32] xuất gia ngoại đạo, đã một trăm hai mươi tuổi, các căn suy yếu, được các Trưởng giả, Bà-la-môn, Cư sĩ thôn Na-la tôn trọng, cúng dường như bậc A-la-hán.

Thương chủ xuất gia ngoại đạo kia trước đây có một người thân, mệnh chung sanh về cõi trời. Ông ở cõi trời kia nhìn thấy Thương chủ xuất gia ngoại đạo, nghĩ rằng: "Ta muốn đến bảo Thương chủ xuất gia ngoại đạo đến chỗ Thế Tôn, tu hành phạm hạnh. Sợ ông ta không nghe theo lời ta. Nay ta nên đến đó, bằng ý luận[33] khiến cho hỏi."

Sau đó liền hiện thân xuống thôn Na-la, đến chỗ Thương chủ xuất gia ngoại đạo kia và nói kệ rằng:

Sao là ác tri thức,
Hiện tướng thiện tri thức?
Sao là thiện tri thức,
Đồng một thể như mình?
Vì sao cầu đoạn dứt?
Làm sao lìa thiêu đốt?

"Này Tiên nhân, nếu ông đem ý luận này hỏi những người kia, ai có thể giải rõ, nói nghĩa kia và đáp được cho ông thì có thể theo người ấy xuất gia tu phạm hạnh."

---

30. Biệt dịch, N^{0}100(212).

31. Na-la tụ lạc Hảo y Yêm-la viên 那羅聚落好衣菴羅園.

32. Thương chủ 商主. N^{0}100(212): Na-lị-bà-lực 那利婆力. Paøli: Naølivaòika?

33. Ý luận 意論. N^{0}100(212): tâm trung mặc niệm 心中默念.

Thương chủ xuất gia ngoại đạo nhận những lời mách bảo của vị Thiên nọ, đến chỗ Phú-la-na Ca-diếp đem ý của bài kệ này hỏi Phú-lan-na Ca-diếp. Phú-lan-na Ca-diếp còn không thể hiểu được huống chi là có thể đáp lại.

Sau đó Thương chủ xuất gia ngoại đạo đến chỗ Mạt-ca-lê-cù-xá-lợi Tử, San-xà-gia-tỳ-la-chi Tử, A-kỳ-đa-chỉ-xá-khâm-ba-la, Ca-la-câu-đà Ca-chiên-diên, Ni-càn-đà Nhã-đề Tử, đều đem ý của bài kệ này để hỏi, tất cả đều không thể đáp.

Khi đó Thương chủ xuất gia ngoại đạo nghĩ rằng: "Ta đem ý luận bài kệ này hỏi các bậc Thầy xuất gia, tất cả đều không đáp được. Nay ta lại muốn cầu xuất gia, hiện tại ta tự có tiền của, chẳng bằng trở về nhà hưởng thụ ngũ dục." Lại suy nghĩ: "Nay ta hãy đến Sa-môn Cù-đàm. Nhưng các vị Thầy Sa-môn, Bà-la-môn kỳ cựu như Phú-la-na Ca-diếp v.v... đều không thể đáp, mà Sa-môn Cù-đàm xuất gia tuổi trẻ, sao có thể thấu tỏ được. Nhưng ta nghe bậc tiên túc nói: 'Chớ khinh người xuất gia tuổi trẻ mới học. Hoặc có Sa-môn xuất gia tuổi trẻ oai đức lớn.' Hôm nay ta sẽ đến Sa-môn Cù-đàm, đem ý luận tâm niệm này để hỏi."

Bấy giờ, Thế Tôn biết được tâm niệm của Thương chủ kia, liền nói kệ:

Sao là ác tri thức,
Hiện tướng là thiện hữu?
Trong tâm thật xấu, tởm,
Miệng nói tôi đồng tâm,
Việc làm không vui chung,
Biết không phải thiện hữu.
Miệng nói lời yêu mến,
Tâm chẳng thật tương ưng,
Việc làm cũng không đồng,
Bậc tuệ nên giác tri,
Đây là ác tri thức.
Cùng ta đồng một thể,
Sao là thiện tri thức?
Cùng ta đồng một thể,

Chẳng phải thiện hữu kia:
Buông lung không chế ngự,
Bại hoại, ôm nghi hoặc.
Suy xét tìm manh mối,
An nơi thiện tri thức,
Như con trong lòng cha,
Không phải kẻ bên ngoài:
Đó là thiện tri thức.
Vì sao cầu đoạn tận?
Sanh vào nơi hoan hỷ,
Trong mát, đáng khen ngợi,
Tu tập quả phước lợi,
Trọn tĩnh lặng, mát mẻ,
Cho nên cầu đoạn tận.
Thế nào là thiêu đốt?
Vị tịch tĩnh vắng lặng,
Biết vị viễn ly kia,
Viễn ly ác thiêu đốt,
Nếm được vị pháp hỷ,
Tịch diệt lìa lửa dục,
Đó gọi lìa thiêu đốt.

Bấy giờ, Thương chủ xuất gia ngoại đạo tự nghĩ: "Sa-môn Cù-đàm đã biết tâm niệm của ta." Liền bạch Phật:

"Nay con có được xuất gia tu phạm hạnh, thọ giới cụ túc, trở thành Tỳ-kheo ở trong Chánh pháp luật của Sa-môn Cù-đàm chăng?"

Phật bảo Thương chủ xuất gia ngoại đạo:

"Nay ông có thể được xuất gia tu phạm hạnh, thọ giới cụ túc, trở thành Tỳ-kheo ở trong Chánh pháp luật."

Sau khi được xuất gia như vậy rồi ông tư duy... *cho đến* tâm thiện giải thoát, đắc quả A-la-hán.

M

KINH 979. TU-BẠT-ĐÀ-LA[34]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong rừng Sa-la song thọ, sanh địa của dòng họ Lực sĩ, nước Câu-di-na-kiệt[35]. Bấy giờ Thế Tôn sắp Niết-bàn, Ngài bảo Tôn giả A-nan:

"Hãy treo giường dây giữa hai cây Sa-la, đầu hướng về Bắc. Trong đêm nay Như Lai sẽ ở nơi Vô dư Niết-bàn, mà nhập Bát-niết-bàn."

Khi ấy Tôn giả A-nan vâng lời dạy, treo giường dây giữa hai cây Sa-la, đầu hướng về Bắc, rồi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, đứng lui qua một bên, bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, con đã treo giường dây giữa hai cây song thọ, đầu hướng về Bắc."

Bấy giờ, Thế Tôn đến nằm trên giường dây giữa hai cây, đầu quay về hướng Bắc, nghiêng bên hông phải, hai chân chồng lên nhau, cột niệm vào ánh sáng, chánh niệm, chánh trí.

Lúc ấy, trong nước Câu-di-na-kiệt có xuất gia ngoại đạo tên là Tu-bạt-đà-la[36], tuổi thọ một trăm hai mươi, tuổi già, căn yếu, được người nước Câu-di-na-kiệt cung kính cúng dường như A-la-hán. Xuất gia Tu-bạt-đà-la kia nghe Thế Tôn đêm nay sẽ ở nơi Vô dư Niết-bàn mà Bát-niết-bàn, nhưng ông nghĩ: 'Ta có điều hoài nghi, hy vọng mà an trụ[37]. Sa-môn Cù-đàm còn đủ sức có thể khai ngộ cho ta. Hôm nay ta nên đến chỗ Sa-môn Cù-đàm thưa hỏi điều hoài nghi của mình'. Ông liền ra khỏi Câu-di-na-kiệt, đi đến chỗ Thế Tôn. Trong lúc đó Tôn giả A-nan đang đi kinh hành ngoài

---

34. Cf. D.16 Mahaøparinibbaøna-suttanta (Ro ii. 149ff: Subhaddaparibbaøjakavatthu). Biệt dịch, N^{0}100 (213), N^{0}100 (110).

35. Câu-di-na-kiệt quốc Lực sĩ sanh xứ Kiên cố song thọ lâm 俱夷那竭國力士生處堅固雙樹林. Paøli: Kusinaøraø upavattanaö Mallaønaö saølavanaö.

36. Tu-bạt-đà-la 須跋陀羅. Paøli: Subhadda.

37. Hy vọng nhi trụ 希望而住; đoạn dưới: tín tâm nhi trụ 信心而住. Tham chiếu Paøli: evaö pasanno ahaö samaòe gotame: Tôi có niềm tin như vậy nơi Sa-môn Gotama.

cổng vườn. Tu-bạt-đà-la nói với Tôn giả A-nan:

"Tôi nghe nói đêm nay Sa-môn Cù-đàm sẽ nhập Vô dư Niết-bàn mà Bát-niết-bàn, tôi có điều hoài nghi, hy vọng mà an trụ. Sa-môn Cù-đàm còn đủ sức có thể khiến cho tôi giác ngộ. Nếu như A-nan không ngại khó nhọc, vì tôi đến thưa lại với Cù-đàm, xin dành chút ít thì giờ rảnh để giải đáp cho những thắc mắc của tôi."

A-nan đáp:

"Thế Tôn đang rất mệt mỏi như vậy, chớ nên làm nhọc Thế Tôn!"

Qua ba lần Tu-bạt-đà-la nài nỉ Tôn giả A-nan, Tôn giả A-nan cũng ba lần từ chối. Tu-bạt-đà-la nói:

"Tôi nghe các bậc xuất gia lão túc Đại sư thuở xưa nói rằng, lâu lắm mới có Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác xuất hiện ở thế gian này như hoa Ưu-đàm-bát, nhưng hiện tại trong đêm nay Như Lai sẽ vào cõi Vô dư Niết-bàn mà Bát-niết-bàn. Đối với pháp, hôm nay tôi có chút nghi, an trụ với tín tâm, vì Sa-môn Cù-đàm còn đủ sức có thể làm cho tôi giác ngộ. Nếu A-nan không ngại khó nhọc, vì tôi mà thưa với Sa-môn Cù-đàm."

A-nan lại đáp:

"Này Tu-bạt-đà-la, hôm nay Thế Tôn quá mệt mỏi, chớ nên làm nhọc Thế Tôn."

Bấy giờ, Thế Tôn nhờ thiên nhĩ nghe những lời qua lại giữa A-nan và Tu-bạt-đà-la, liền bảo Tôn giả A-nan:

"Đừng ngăn xuất gia ngoại đạo Tu-bạt-đà-la. Hãy để cho vào hỏi những điều nghi của ông ấy. Vì sao? Vì đây là lần cuối cùng luận nghị với xuất gia ngoại đạo và đây là vị thiện lai Tỳ-kheo Thanh văn chứng đắc sau cùng. Đó là Tu-bạt-đà-la."

Bấy giờ Tu-bạt-đà-la nghe Thế Tôn vì ông khai mở căn lành, thì vui mừng vô hạn, đến chỗ Thế Tôn cùng Thế Tôn chào đón, thăm hỏi an úy, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

"Thưa Cù-đàm, phàm nhập xứ của thế gian, tức là sáu vị Tông sư như Phú-lan-na Ca-diếp, v.v..., mỗi người tự lập tông như vầy: 'Đây là Sa-môn! Đây là Sa-môn!' Thế nào, thưa Cù-đàm, có

đúng là mỗi một phái đều có tông này chăng[38]?"

Bấy giờ Thế Tôn liền vì Tu-bạt-đa-la nói kệ:

Từ hai mươi chín tuổi,
Xuất gia tu thiện đạo;
Thành đạo tới ngày nay,
Trải qua năm mươi năm.
Tam-muội, minh, hạnh đủ,
Thường tu tập tịnh giới:
Lìa chút đạo phần này,
Ngoài đây không Sa-môn.

Phật bảo Tu-bạt-đà-la:

"Ở trong Chánh pháp luật, ai không được tám Chánh đạo, thì cũng không được sơ quả Sa-môn, cũng không được đệ nhị, đệ tam, đệ tứ quả Sa-môn. Này Tu-bạt-đà-la, ở trong Chánh pháp luật này, ai được tám Chánh đạo thì được Sơ quả Sa-môn, được đệ Nhị, đệ Tam, đệ Tứ quả Sa-môn. Ngoài đây ra, ngoại đạo không có Sa-môn. Ở đây các ông ngoại đạo kia, chỉ Sa-môn, Bà-la-môn suông mà thôi. Cho nên nay Ta ở trong chúng, rống lên tiếng rống sư tử."

Khi Phật nói pháp này, xuất gia ngoại đạo Tu-bạt-đà-la lìa xa trần cấu, được pháp nhãn tịnh. Khi ấy Tu-bạt-đà-la thấy pháp, đắc pháp, biết pháp, nhập pháp, vượt qua các hồ nghi, được tín tâm không do người khác, không nhờ người độ, trong Chánh pháp luật đắc vô sở úy. Từ chỗ ngồi đứng lên, ông sửa lại y phục, gối phải sát đất, bạch Tôn giả A-nan:

"Tôn giả được thiện lợi, Tôn giả có được Đại Sư, được làm đệ tử Đại Sư, được mưa pháp của Đại Sư rưới lên đỉnh đầu. Ngày nay nếu tôi được xuất gia thọ giới cụ túc làm Tỳ-kheo ở trong Chánh pháp luật, thì cũng sẽ được lợi ích như vậy."

---

38. Câu hỏi trong bản Paøli: yeme bho gotama samaòa-braøhmaòaø… seyyathidaö puøraòo kassapo,…, sabbete sakaøya paæióóaøya abbhaóóiösu sabbeva na abbhaóóiösu, udaøhu ekacce abbhaóóiösu ekacce na sabbhaóóiösu: phàm những Sa-môn, Bà-la-môn, như Phú-lan-na Ca-diếp,… Tất cả họ tự mình thừa nhận đã chứng ngộ, hay tất cả không chứng ngộ, hay một số chứng ngộ, một số không chứng ngộ?

Lúc ấy, Tôn giả A-nan bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, xuất gia ngoại đạo Tu-bạt-đà-la nay cầu xin xuất gia thọ giới cụ túc, làm Tỳ-kheo ở trong Chánh pháp luật."

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Tu-bạt-đà-la:

"Tỳ-kheo này, hãy đến đây tu hành phạm hạnh."

Ngay lúc ấy Tôn giả Tu-bạt-đà-la liền được xuất gia thọ giới cụ túc, trở thành Tỳ-kheo. Từ đó tư duy như vậy... *cho đến* tâm thiện giải thoát, đắc A-la-hán. Khi Tôn giả Tu-bạt-đà-la đắc A-la-hán, được an lạc giải thoát, đã giác tri, tự nghĩ: "Ta không nỡ nhìn Phật Bát-niết-bàn, ta sẽ Bát-niết-bàn trước." Lúc này, Tôn giả Tu-bạt-đà-la Bát-niết-bàn trước, sau đó Thế Tôn mới Bát-niết-bàn.

M

KINH 980. NIỆM TAM BẢO[39]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật du hành trong nhân gian từ nước Bạt-kỳ đến nước Tỳ-xá-ly, trú tại giảng đường Trùng các, bên ao Di hầu.

Bấy giờ nước Tỳ-xá-ly có nhiều khách buôn đến nước Đát-sát-thi-la[40], phương tiện trang nghiêm[41]. Các khách buôn nghe Thế Tôn đang du hành trong nhân gian từ nước Bạt-kỳ đến nước Tỳ-xá-ly, đang trú ở giảng đường Trùng các, bên ao Di hầu. Nghe xong, họ đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên. Phật vì những khách buôn nói pháp, chỉ dạy, soi sáng, làm cho an vui, rồi Ngài ngồi im lặng. Các khách buôn từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, đảnh lễ chắp tay bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, chúng con là những khách buôn, phương tiện trang nghiêm, muốn đi đến nước Đát-sát-thi-la. Kính xin Thế Tôn

---

39. Ấn Thuận, "48. Tương ưng Tạp" thuộc Tụng 7. Như Lai sở thuyết, gồm các kinh, Đại Chánh quyển 35, nửa cuối, kinh 980-992, quyển 47, phần đầu, kinh 1241-1245.

40. Đát-sát-thi-la 怛剎尸羅. Paøli: Takkasìlaø, trung tâm thương mại và giáo dục được nhắc nhiều trong các Jataka, nhưng không hề được nói đến trong các kinh Paøli.

41. Phương tiện trang nghiêm 方便莊嚴; chưa rõ nghĩa.

cùng đại chúng sáng mai nhận sự cúng dường của chúng con."

Bấy giờ, Thế Tôn im lặng nhận lời. Các khách buôn biết Thế Tôn đã nhận lời cầu thỉnh, từ chỗ ngồi đứng dậy đảnh lễ dưới chân Phật. Mỗi người trở về nhà mình sửa soạn các thứ đồ ăn thức uống thơm ngon tinh khiết, xếp đặt giường ghế, an trí nước sạch. Sáng sớm cho người đến bạch Phật đã đến giờ. Bấy giờ, Thế Tôn cùng với đại chúng đắp y, ôm bát đến chỗ các khách buôn, ngồi trên chỗ ngồi đã dọn. Các khách buôn đem đồ ăn thức uống thơm ngon, thanh khiết tự tay cúng dường. Ăn xong, rửa bát rồi, các khách buôn đặt những cái ghế nhỏ thấp ngồi trước đại chúng nghe Phật thuyết pháp.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các khách buôn:

"Các ông sắp vào nơi hoang mạc, sẽ gặp nhiều khủng bố, tâm kinh hoàng dựng đứng cả lông, lúc ấy nên niệm Như Lai sự: 'Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác,... *cho đến* Phật, Thế Tôn.' Niệm như vậy thì mọi khủng bố đều tiêu trừ. Lại niệm pháp sự, 'Chánh pháp luật của Phật, được thấy trong hiện tại[42], có thể xa lìa sự thiêu đốt, không đợi thời tiết, được thấu suốt, được thân cận[43], duyên vào tự mình mà giác tri[44].' Lại niệm Tăng sự, 'đệ tử của Thế Tôn thiện hướng, chánh hướng... *cho đến* là ruộng phước của thế gian.' Niệm như vậy, thì mọi sự khủng bố đều được tiêu trừ.

"Thời quá khứ, Trời và A-tu-la đánh nhau, lúc ấy Thiên đế Thích bảo các chúng trời:

"Trong khi các ngươi cùng chiến đấu với bọn A-tu-la, nếu ai sanh sợ hãi hãy niệm đến ngọn cờ của ta gọi là ngọn cờ Chiến thắng[45]. Khi niệm đến ngọn cờ này thì khủng bố liền tan, nếu ai không niệm đến ngọn cờ của ta, thì nên niệm đến ngọn cờ của Thiên tử Y-xá-na[46],

---

42. Nguyên Hán: hiện pháp 現法. Huyền Trang: hiện kiến 現見. Paøli: ehipassiko, pháp đến để thấy.

43. Hán: thông đạt thân cận 通達親近. Huyền Trang: dẫn đạo cận quán [illegible] pháp có khả năng hướng dẫn, được quán sát trực tiếp.

44. Hán: duyên tự giác tri 緣自覺知. Huyền Trang: trí giả nội chứng [illegible], được chứng ngộ nội tâm bởi bậc trí.

45. Hán: Tồi phục tràng 摧伏幢. Xem kinh 981.

46. Y-xá-na Thiên tử tràng 伊舍那天子幢. Xem kinh 981. Tham chiếu, S.11.3: Pajaøpatissa devaraøjassa dhajaggaö: chóp ngọn cờ của Thiên vương Pajaøpati

nếu không niệm đến ngọn cờ của Thiên tử Y-xa-na thì nên niệm đến ngọn cờ của Thiên tử Bà-lưu-na[47], lúc niệm đến ngọn cờ ấy, khủng bố liền tiêu trừ.

"Cũng vậy, các khách buôn, các ông ở nơi hoang vắng, bị khủng bố, thì nên niệm Như Lai sự, niệm Pháp sự, niệm Tăng sự."

Thế Tôn vì các khách buôn Tỳ-xá-ly nói kệ tùy hỷ cúng dường:

Cúng dường Tăng Tỳ-kheo,
Đồ ăn uống tùy thời;
Chuyên niệm chánh tư duy,
Chánh tri mà hành xả.
Tịnh vật, ruộng phước tốt,
Các ông đều đầy đủ.
Duyên công đức lợi này,
Lâu dài được an vui.
Khởi tâm mong cầu gì,
Các lợi đều ứng ngay.
Người vật thảy an ổn,
Đường sá qua lại tốt;
Đêm ngày đều an ổn,
Xa lìa mọi điều ác.
Như ruộng đất mầu mỡ,
Thuần chủng hạt giống tốt;
Thường vun tưới thấm nhuần,
Thu hoạch không thể kể.
Tịnh giới ruộng phước tốt,
Chủng tử thật tốt lành;
Cùng tùy thuận chánh hạnh,
Trọn thành tựu diệu quả.
Cho nên người bố thí,
Muốn cầu đủ công đức;
Phải hành theo trí tuệ,

(Sanh Chủ).

47. Bà-lưu-na Thiên tử tràng 婆留那天子幢. Xem kinh 981. Tham chiếu, S.11.3: Varuòassa devaraøjassa dhajaggaö: chóp ngọn cờ của Thiên vương Varuòa.

Tự nhiên đủ các quả.
Đối Bậc Minh Hạnh Túc,
Chánh tâm tận cung kính;
Vun trồng các gốc lành,
Trọn được phước lợi lớn.
Biết thế gian như thật,
Chánh kiến được đầy đủ;
Chánh đạo thấy vẹn toàn,
Hoàn toàn mà tiến lên;
Xa lìa mọi trần cấu,
Chóng đắc đạo Niết-bàn.
Cứu cánh được thoát khổ,
Gọi là đủ công đức.

Sau khi Thế Tôn vì các khách buôn ở Tỳ-xá-ly thuyết pháp, chỉ dạy soi sáng, làm cho an vui rồi, từ chỗ ngồi đứng dậy mà đi.

M

KINH 981. CÂY PHƯỚN[48]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Nếu Tỳ-kheo nào ở nơi vắng vẻ, dưới bóng cây, trong nhà trống, đôi khi bỗng khởi lên lòng sợ hãi, kinh hoàng đến độ lông dựng lên, thì nên niệm Phật, Pháp, Tăng, nói rộng như trước. Khi niệm đến Như Lai sự, Pháp sự, Tăng sự thì mọi sự sợ hãi tự tiêu trừ.

"Này các Tỳ-kheo, thời quá khứ Thích Đề-hoàn Nhân cùng đánh nhau với A-tu-la. Lúc ấy Đế Thích nói với các vị Tam thập tam thiên rằng: 'Này các Nhân giả, khi chư Thiên đánh nhau với A-tu-la, nếu có ai sanh lòng sợ hãi, kinh hoàng đến độ lông dựng đứng lên, thì các vị nên niệm đến ngọn cờ hàng phục quân địch của ta[49]. Khi niệm đến ngọn cờ này, thì mọi sự sợ hãi đều tiêu trừ.' Cũng vậy, Tỳ-kheo nếu ở

---

48. Paøli, S.11.3. Dhajagga. Cf. N^{0}125(24.1).

49. Phục địch chi tràng 伏敵之幢. Kinh 980: tồi phục tràng 摧伏幢. Paøli: dhajaggaö ullokeyyaøtha, các ông hãy nhìn lên đỉnh ngọn phướn.

nơi vắng vẻ, dưới bóng cây, hoặc ở trong nhà trống mà sanh lòng sợ hãi, kinh hoàng đến độ lông dựng đứng lên, thì nên niệm Như Lai là Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác... *cho đến* Phật, Thế Tôn. Đương lúc niệm Phật, thì sự sợ hãi liền tiêu trừ. Vì sao? Vì Thiên đế Thích này còn giữ lòng tham, sân, si, đối với sanh, già, bệnh, chết, lo, buồn, khổ, não, không được giải thoát, kinh hoàng sợ hãi bỏ chạy, mà còn dặn lại chư Thiên Tam thập tam nên niệm đến ngọn cờ hàng phục quân địch của ông ấy. Huống chi Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác đã lìa tham, sân, si, giải thoát sanh, già, bệnh, chết, lo buồn, khổ não, không có điều sợ hãi, trốn tránh, mà không có thể khiến cho người niệm đến Như Lai trừ hết mọi sợ hãi?"

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 982. A-NAN XÁ-LỢI-PHẤT (1)[50]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong rừng An-xà-na[51] tại nước Sa-chỉ[52]. Bấy giờ Phật bảo Tôn giả Xá-lợi-phất:

"Đối với pháp, Ta có thể lược nói và nói rộng, nhưng người hiểu thì khó."

Tôn giả Xá-lợi-phất bạch Phật:

"Xin Thế Tôn nói pháp, hoặc lược nói, hoặc rộng nói. Thật sự có người hiểu pháp."

Phật bảo Xá-lợi-phất:

"Nếu có chúng sanh nào ở nơi thức thân của mình và tất cả tướng của cảnh giới bên ngoài mà không có[53] ngã, ngã sở, ngã mạn, kết sử ràng buộc[54], cho đến ngay trong đời hiện tại tự biết tác chứng,

---

50. Paøli, A. 3.32.2. Saøriputta.

51. An-xà-na 安闍那. Paøli: Aójana-vana, khu rừng nai ở Saøketa.

52. Sa-chỉ quốc 娑枳國. Paøli: Saøketa.

53. Bản Paøli: na bhavissanti, (vị lai) sẽ không tồn tại.

54. Tham chiếu Paøli: imasmióca savióóaøòake kaøye ahaíkaøramamaíkaøramaønaøusayaø na bhavissanti, trong thân có thức này sẽ

thành tựu và an trụ với tâm giải thoát, tuệ giải thoát; vị ấy do ở nơi thức thân này và tất cả tướng của cảnh giới bên ngoài sẽ không có ngã, ngã sở, ngã mạn, kết sử ràng buộc, cho nên ngay trong đời hiện tại tự biết tác chứng, thành tựu và an trụ với tâm giải thoát, tuệ giải thoát[55].

"Này Xá-lợi-phất, Tỳ-kheo kia, ở nơi thức thân này và tất cả tướng của cảnh giới bên ngoài, mà không có[56] kiến chấp ngã, ngã sở, ngã mạn, kết sử ràng buộc và ngay trong hiện tại tự biết tác chứng, thành tựu và an trụ với tâm giải thoát, tuệ giải thoát; Tỳ-kheo ấy do ở nơi thức thân này và tất cả tướng của cảnh giới bên ngoài mà không có kiến chấp ngã, ngã sở, ngã mạn, kết sử ràng buộc, nên ngay trong đời hiện tại tự biết tác chứng, thanh tựu an trụ với tâm được giải thoát, tuệ giải thoát.

"Này Xá-lợi-phất, nếu lại có Tỳ-kheo ở nơi thức thân này và tất cả tướng của cảnh giới bên ngoài, mà không có kiến chấp ngã, ngã sở, ngã mạn, kết sử ràng buộc, cùng hiện tại tự biết tác chứng, thành tựu an trụ với tâm giải thoát, tuệ giải thoát; Tỳ-kheo ấy, do ở nơi thức thân này và tất cả tướng của cảnh giới bên ngoài không có kiến chấp ngã, ngã sở, ngã mạn, kết sử ràng buộc, cho nên hiện tại tự biết tác chứng, thành tựu an trụ với tâm được giải thoát, tuệ giải thoát.

"Xá-lợi-phất, đó gọi là Tỳ-kheo đoạn ái phược, kết sử, hiện quán ngã mạn, rốt ráo biên tế của khổ[57].

"Xá-lợi-phất, đối với điều này Ta có nói thêm khi giải đáp

---

không tồn tại các tùy miên (bản Hán: sử) tác thành ý niệm về ta và của ta.

55. Đoạn văn Hán này hơi tối nghĩa. Tham khảo Paøli: yaóca cetovimuttiö paóóaøvimuttiö upasampajja viharato ahaíkaøramamaökaøramaønaønusayaø na honti, taóca cetovimuttiö paóóaøvimuttiö upasampajja viharati, (Tỳ-kheo) do chứng đắc và an trụ tâm giải thoát tuệ giải thoát nào mà ở đó các tùy miên của phức cảm tác thành ý niệm về ta và của ta không tồn tại, thì (Tỳ-kheo ấy) chứng và an trụ tâm giải thoát, tuệ giải thoát ấy.

56. Paøli: na honti, (hiện tại) không tồn tại.

57. Tham chiếu Paøli: acchecchi taòhaö vivattayi samyojanaö sammaø maønaøbhisamayaø antam akaøsi dukkhassa, vị ấy đã cắt đứt khát ái, bứt bỏ kết sử, chân chánh hiện quán các mạn, đã tận cùng biên tế của khổ.

câu hỏi của Ba-la-diên Phú-lân-ni-ca[58].

Thế gian, xét sai biệt,
Bất động mọi hoàn cảnh[59]*;*
Ai tịch tĩnh, sạch bụi,
Bứt rễ, không hy vọng[60]*;*
Vượt qua biển ba hữu,
Không còn lo già chết[61].

Phật nói kinh này xong, Tôn giả Xá-lợi-phất nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ Tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy làm lễ mà lui.

M

KINH 983. A-NAN XÁ-LỢI-PHẤT (2)[62]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Tôn giả A-nan cũng ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ, một mình ở chỗ vắng tư duy như vầy: "Nếu có người suy nghĩ như vầy: 'Ta ở nơi thức thân này và tất cả tướng của cảnh giới bên ngoài, mà không có kiến chấp ngã, ngã sở, ngã mạn kết sử ràng buộc. Và do ngay trong đời hiện tại tự biết tác chứng, thành tựu an trụ với tâm được giải thoát, tuệ giải thoát nào mà ở nơi thức thân này và tất cả tướng của cảnh giới bên ngoài mà không có kiến chấp ngã, ngã sở, ngã mạn, kết sử ràng buộc, ta sẽ ở nơi đó mà hiện tại tự biết tác chứng, thành tựu an trụ với tâm được giải thoát, tuệ giải thoát ấy.'"

Chiều hôm ấy sau khi từ thiền tịnh dậy, Tôn giả A-nan đi đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu lễ dưới

---

58. Ba-la-diên Phú-lân-ni-ca sở vấn 波羅延富鄰尼迦所問. Paøli: paøraøyane puòòakapaóhe. Cf. Sn.5.4. Puòòakamaøòava-pucchaø.

59. Paøli: saíkhaøya lokasmiö paroparaøni, yassiójitaö metthi kuhióci loke, tư duy trong đời những gì là cao hay thấp; những ai không dao động trong mọi hoàn cảnh. Saíkhaøya (tư duy, tư trạch), bản Hán hiểu là *Số*.

60. Vô hy vọng 無悕望, bản Thánh: vô minh. Paøli: niraøso.

61. Kệ Paøli, Sn. 1048.

62. Paøli, A. 3.32. AØnanda-Saøriputta.

chân, ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, một mình ở chỗ vắng con tư duy như vầy: Nếu có người nói như vầy: 'Ta ở nơi thức thân này và tất cả tướng của cảnh giới bên ngoài, ..., cho đến, tự biết tác chứng, thành tựu an trụ với tâm được giải thoát, tuệ giải thoát ấy.'"

Phật dạy Tôn giả A-nan:

"Đúng vậy! Đúng vậy! Nếu có người suy nghĩ như vầy: 'Ta ở nơi thức thân này và tất cả tướng của cảnh giới bên ngoài, mà không có kiến chấp ngã, ngã sở, ngã mạn, kết sử ràng buộc. Và do ngay trong đời hiện tại tự biết tác chứng, thành tựu an trụ với tâm được giải thoát, tuệ giải thoát nào mà ở nơi thức thân này và tất cả tướng của cảnh giới bên ngoài mà không có kiến chấp ngã, ngã sở, ngã mạn, kết sử ràng buộc, ta sẽ ở nơi đó mà hiện tại tự biết tác chứng, thành tựu an trụ với tâm được giải thoát, tuệ giải thoát ấy'. A-nan, Tỳ-kheo đó ở nơi thức thân này và tất cả tướng của cảnh giới bên ngoài, mà không có kiến chấp ngã, ngã sở, ngã mạn, kết sử ràng buộc và do ngay trong đời hiện tại tự biết tác chứng, thành tựu an trụ với tâm được giải thoát, tuệ giải thoát nào mà ở nơi thức thân này và tất cả tướng của cảnh giới bên ngoài mà không có kiến chấp ngã, ngã sở, ngã mạn, kết sử ràng buộc, ta sẽ ở nơi đó mà hiện tại tự biết tác chứng, thành tựu an trụ với tâm được giải thoát, tuệ giải thoát ấy.'

"Này A-nan, nếu lại có Tỳ-kheo nào đối với thức thân này và tất cả tướng cảnh giới bên ngoài... *cho đến* tự biết tác chứng, an trụ đầy đủ. Đó gọi là Tỳ-kheo đoạn ái phược, kết sử, hiện quán ngã mạn, rốt ráo biên tế của khổ.

"Này A-nan, ở đây Ta còn nói thêm khi đáp lại câu hỏi của Ba-la-diên Ưu-đà-da[63].

Đoạn tận tưởng ái dục,
Ưu khổ cũng đều lìa;
Tỉnh giác đối ngủ nghỉ,
Diệt trừ trạo hối cái.

---

63. Ba-la-diên Ưu-đà-da sở vấn 波羅延憂陀耶所問. Paøli: Sn. 5.14. Udaøyamaønava-pucchaø.

Xả tham, nhuế, thanh tịnh,
Hiện tiền quán sát pháp;
Ta nói trí giải thoát,
Diệt trừ màn vô minh[64].

Phật nói kinh này xong, Tôn giả A-nan nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, làm lễ mà lui.

M

KINH 984. ÁI (1)[65]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Nay Ta sẽ nói ái là lưới, là chất keo, là dòng suối, là rễ sen[66]. Những thứ này thường làm chướng ngại chúng sanh, che lấp, dính chặt, giữ chặt, che phủ, đóng kín, bế tắt, tối tăm, như ruột chó, như cỏ rối, như tơ, từ đời này sang đời khác, từ đời khác đến đời này, lưu chuyển qua lại, không lúc nào ngừng.

"Này các Tỳ-kheo, tại sao ái là lưới, là chất keo... *cho đến* lưu chuyển qua lại, không lúc nào ngừng? Nghĩa là có ngã: ta tồn tại, ta ước muốn[67], ta như vầy, có ta[68], không ta[69], khác ta, ta sẽ tồn tại, ta sẽ không tồn tại, ta sẽ ước muốn, ta sẽ như vầy, ta sẽ khác khác, mong ta ước muốn *(tồn tại nơi đây)*, mong ta như vậy, mong ta khác, mong ta đúng như vậy, mong ta muốn như vậy, mong ta khác.

---

64. Kệ Paøli, Sn. 1106-1107.

65. Paøli, A. 4.199. Taòhaø.

66. Paøli: jaøliniö saösaritaö visataö visattikaö: cái lưới được di chuyển, được bủa rộng, làm dính chặt.

67. Dục ngã 欲我; có lẽ bản Hán đọc nhầm itthasmi: tôi hiện hữu ở đây, thành icchasmi: tôi muốn.

68. Hữu ngã 有我. Bản Hán đọc sata 'smi *(tôi thường hằng)* thành sati 'smi *(tôi đang hiện hữu).*

69. Vô ngã. Bản Hán đọc asata'smi *(tôi không thường hằng)* thành asati'smi *(tôi không đang hiện hữu).*

Mười tám ái hành[70] như vậy, phát khởi từ bên trong.

"Tỳ-kheo nói rằng ta tồn tại nơi những gì đang có, rằng ta muốn, ta như vậy[71]... *cho đến* mười tám ái hành, khởi lên từ bên ngoài. Tổng cộng với mười tám ái hành kia như vậy, tất cả là ba mươi sáu ái hành. Hoặc nói quá khứ khởi, hoặc vị lai, hoặc hiện tại khởi lên như vậy cộng lại là một trăm lẻ tám ái hành. Cho nên gọi đó là lưới, là chất keo, là dòng suối, là rễ sen hay làm chướng ngại chúng sanh, che lấp, dính chặt, giữ chặt, che phủ, đóng kín, bế tắc, tối tăm, như ruột chó, như cỏ rối, như tơ, từ đời này sang đời khác, từ đời khác đến đời này, lưu chuyển qua lại, không lúc nào ngừng."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo, nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

---

70. Thập bát ái hành: hữu ngã, dục ngã, nhĩ ngã, hữu ngã, vô ngã, dị ngã, đương ngã, bất đương ngã, dục ngã, đương nhĩ thời, đương dị dị ngã, hoặc dục ngã, hoặc nhĩ ngã, hoặc dị, hoặc nhiên, hoặc dục nhiên, hoặc nhĩ nhiên, hoặc dị. 十八愛行:有我,欲我,爾我,有我,無我,異我,當我,不當我,欲我,當爾時,當異異我,或欲我,或爾我,或異,或然,或欲然,或欲然,或爾然,或異. So sánh Paøli: atthaørasa taòhaø-vicaritaøni: 1. asmìti sati, 2. itthasmì ti hoti, 3. evasmìti hoti, 4. aóóthasmìti hoti, 5. asatasmìti hoti, 6. satasmìti hoti, 7. santi hoti, 8. itthaö santi hoti, 9. evaö santi hoti, 10. aóóathaø santi hoti, 11. api ha santi hoti, 12. api itthaö santi hoti, 13. api evaö santi hoti, 14. api aóóathaø santi hoti, 15. bhivissanti hoti, 16. itthaö bhavissanti hoti, 17. evaö bhavissanti hoti, 18. aóóathaø bhavissanti hoti: 1. tôi hiện hữu, 2. tôi hiện hữu ở đây, 3. tôi hiện hữu như vầy, 4. tôi hiện hữu khác vầy, 5. tôi không thường hằng, 6. tôi thường hằng, 7. tôi đang tồn tại, 8. tôi đang tồn tại ở đây, 9. tôi đang tồn tại như vầy, 10. tôi đang tồn tại khác như vầy, 11. ước gì tôi đang tồn tại, 12. ước gì tôi đang tồn tại ở đây, 13. ước gì tôi đang tồn tại như vầy, 14. ước gì tôi đang tồn tại như thế khác, 15. tôi sẽ hiện hữu, 16. tôi sẽ hiện hữu ở đây, 17. tôi sẽ hiện hữu như vầy, 18. tôi sẽ hiện hữu như thế khác.

71. Paøli: iminaøsmì ti sati, iminaø itthasmì ti hoti, iminaø evaösmì ti hoti: với những cái này tôi hiện hữu; với những cái này tôi tồn tại ở đây; với những cái này tôi như vầy...

KINH 985. ÁI (2)[72]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có khi từ ái sanh ra ái, từ ái sanh ra nhuế, từ nhuế sanh ra ái, từ nhuế sanh ra nhuế[73].

"Thế nào là từ ái sanh ra ái? Có người đối với chúng sanh[74] là hoan hỷ, là đáng yêu, là đáng nhớ, là đáng thích ý. Mọi người khác đối với người này đáp lại là hoan hỷ, là đáng yêu, là đáng nhớ, là đáng thích ý. Nó tự nghĩ: 'Ta đối với chúng sanh kia là hoan hỷ, là đáng yêu, là đáng nhớ, là đáng thích ý. Những người khác đối xử với chúng sanh kia cũng hoan hỷ, đáng yêu, đáng nhớ, đáng thích ý[75]. Cho nên ta lại sanh yêu mến mọi người khác.' Đó gọi là từ ái sanh ra ái.

"Thế nào là từ ái sanh ra nhuế? Có một người đối với chúng sanh kia là hoan hỷ, là đáng yêu, là đáng nhớ, là đáng thích ý. Nhưng mà những người khác đối xử với chúng sanh kia lại không hoan hỷ, không đáng yêu, không đáng nhớ, không đáng thích ý. Nó nghĩ rằng: 'Ta đối với chúng sanh kia, là hoan hỷ, là đáng yêu, là đáng nhớ, là đáng thích ý. Nhưng những người khác đối xử với người kia lại không hoan hỷ, không đáng yêu, không đáng nhớ, không đáng thích ý. Cho nên ta sanh ra sân nhuế đối với mọi người kia.' Đó gọi là từ ái sanh ra nhuế.

"Thế nào là từ nhuế sanh ra ái? Có một người đối với chúng sanh kia không là hoan hỷ, không là đáng yêu, không là đáng nhớ, không là đáng thích ý. Những người khác lại đối xử với người kia không hoan hỷ, không đáng yêu, không đáng nhớ, không đáng thích

---

72. A.4.200. Pema.

73. Paøli: cattaøri pemaøni, bốn sự luyến ái.

74. Paøli: puggalo puggalassa iæææho hoti, một người này là khả ái đối với một người kia.

75. Paøli: yo kho myaøyaö puggalo iæææho… taö pare iæææhena… samudaøcaranti, người mà đối với ta là khả ái, người ấy được mọi người đối xử một cách khả ái.

ý.[76] Do đó nên ta đối với những người khác sanh ra ái niệm[77]. Đó gọi là từ nhuế sanh ra ái.

"Thế nào là từ nhuế sanh ra nhuế? Có một người đối với chúng sanh kia không là hoan hỷ, không là đáng yêu, không là đáng nhớ, không là đáng thích ý. Mọi người khác đối xử với người này lại là hoan hỷ, là đáng yêu, là đáng nhớ, là đáng thích ý. Nó nghĩ rằng: 'Ta đối với chúng sanh kia không là hoan hỷ, không là đáng yêu, không là đáng nhớ, không là đáng thích ý. Nhưng mà người khác đối với người kia lại là hoan hỷ, là đáng yêu, là đáng nhớ, là đáng thích ý. Do đó ta sanh lòng sân nhuế đối với người khác ấy.' Đó gọi là từ nhuế sanh ra nhuế.

"Nếu Tỳ-kheo nào lìa dục, lìa pháp ác bất thiện, có giác, có quán... *cho đến* thành tựu an trụ Sơ thiền, cho đến Nhị thiền, Tam thiền, Tứ thiền, thì ái từ ái sanh, nhuế từ nhuế sanh, nhuế từ ái sanh, ái từ nhuế sanh, tất cả đều đã đoạn, đã biến tri. Đoạn tận cội gốc của nó như chặt đứt ngọn cây đa-la, không thể mọc lại nữa, ở đời vị lai trở thành pháp bất sanh. Nếu Tỳ-kheo nào sạch hết hữu lậu, tâm vô lậu giải thoát, tuệ giải thoát, ngay đời hiện tại tự biết tác chứng: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.' Chính lúc này không bốc lên, không chống trả[78], không nổi bụi, không thiêu đốt, không hiềm người[79].

"Thế nào là bị bốc lên? Thấy sắc là ngã, sắc khác ngã, ngã trong sắc, sắc trong ngã; đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Đó gọi là bị bốc lên.

"Thế nào là không bị bốc lên? Không thấy sắc là ngã, sắc khác

---

76. Nhảy sót trong bản Hán. Theo văn mạch các đoạn trên, cần thêm: "Nó nghĩ như vầy: Ta đối với chúng sanh kia là không hoan hỷ... Những người khác đối với chúng sanh kia cũng không hoan hỷ... Do đó, Ta...".

77. Tức là, sanh ái niệm đối với những ai không ưa người mà mình không ưa.

78. Hán: bất hoàn cử 不還舉. Bản Hán thiếu. Theo văn dưới bổ túc.

79. Hán: bất tự cử, bất khởi trần, bất xí nhiên, bất hiềm bỉ 不自舉,不起塵,不熾然不嫌彼. Paøli: neva usseneti na paæisseneti na dhuøpaøyati na pajjati na sampajjhaøyati: không bị lôi cuốn, không bị kháng cự, không bị xông khói, không bốc cháy, không khô cằn.

ngã, sắc ở trong ngã, ngã ở trong sắc; và thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Đó gọi là không bị bốc lên.

"Thế nào là chống trả? Đối với người mạ lỵ thì mạ lỵ lại; đối với người sân giận thì sân giận lại, đối với người đánh thì đánh lại; đối với người xúc phạm thì xúc phạm lại. Đó gọi là chống trả.

"Thế nào là không chống trả? Đối với người mắng chưởi mà không mắng chưởi lại; đối với người sân giận mà không sân giận lại; đối với người đánh mà không đánh lại; đối với người xúc phạm mà không xúc phạm lại. Đó gọi là không chống trả lại.

"Thế nào là nổi bụi? Có ngã, ngã dục,... *cho đến* mười tám thứ ái[80]. Đó gọi là khởi trần lao.

"Thế nào là không nổi bụi? Không có ngã, không có ngã dục,... *cho đến* mười tám thứ ái không khởi. Đó gọi là không khởi trần lao.

"Thế nào là thiêu đốt? Có ngã sở, ngã sở dục,... *cho đến* mười tám ái hành bên ngoài. Đó gọi là thiêu đốt.

"Thế nào là không thiêu đốt? Không có ngã sở, không có ngã sở dục,... *cho đến* không có mười tám ái hành bên ngoài. Đó gọi là thiêu đốt.

"Thế nào là hiểm người? Thấy ngã chân thật, mà khởi lên ngã mạn, ngã dục, ngã sử; không đoạn, không biến tri[81]. Đó gọi là hiểm người.

"Thế nào là không hiểm người? Không thấy ngã là chân thật, đối với ngã mạn, ngã dục, ngã sử đã đoạn, đã biến tri. Đó gọi là không hiểm người."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 986. HAI SỰ KHÓ ĐOẠN[82]

Tôi nghe như vầy:

---

80. Xem kinh 984 trên.

81. Paøli: asmimaøno pahìno na hoti, không đoạn trừ phức cảm (mạn) về ý tưởng "Tôi hiện hữu".

82. Không thấy Paøli tương đương.

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có hai sự đoạn tuyệt khó duy trì. Những gì là hai? Nếu nơi người thế tục, nơi phi nhân, mà duy trì sự đoạn tuyệt đối với những nhu cầu của cuộc sống như cơm ăn, áo mặc, giường nằm v.v... đó là việc làm khó. Lại nữa, Tỳ-kheo là người xuất gia, không nhà, đoạn trừ tham ái. Duy trì sự đoạn tuyệt ấy cũng là một việc làm rất khó."

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

Thế gian có hai việc,
Trì đoạn thì khó làm.
Đó là lời chân thật,
Những gì Phật đã biết.
Tại gia tiền thu chi,
Cơm áo mọi vật dụng,
Tham ái bởi thế gian,
Muốn đoạn rất khó khăn.
Tỳ-kheo đã lìa dục,
Tin xuất gia, không nhà;
Diệt trừ các tham ái,
Trì đoạn cũng khó làm.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 987. HAI PHÁP[83]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Ta y chỉ, an trụ nhiều nơi hai pháp. Những gì là hai? Đó là, đối với các pháp thiện Ta chưa từng biết đủ; đối với việc đoạn pháp ác Ta chưa từng lìa bỏ. Vì đối với pháp thiện không biết đủ và đối với việc đoạn trừ pháp ác chưa từng lìa bỏ, nên dù đến da khô thịt tiêu, gân liền với xương, trọn không lìa bỏ cố gắng siêng năng, không bỏ thiện

83. Không thấy Paøli tương đương.

pháp, không được những điều chưa được thì quyết không dừng nghỉ; đối với tâm yếu kém chưa từng sanh vui mừng, lúc nào cũng ưa thích tiến lên, vượt lên đạo cả. Vì sống tinh tấn như vậy nên mau đạt Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Đối với hai pháp này Tỳ-kheo nên y chỉ, an trụ nhiều. Đối với các pháp thiện thì không sanh ý tưởng thỏa mãn. Y chỉ trên những đoạn trừ chưa từng lìa bỏ,... *cho đến* da khô, thịt tiêu, gân liền với xương, siêng năng nỗ lực không ngừng mới có thể tu tập pháp thiện. Cho nên Tỳ-kheo đối với các điều hạ liệt chớ nên[84] sanh ý tưởng hoan hỷ, hãy nên lúc nào cũng sống, tu tập thăng tiến hơn nữa. Tu tập như vậy, không bao lâu sẽ nhanh chóng diệt tận các lậu, tâm vô lậu giải thoát, tuệ giải thoát, hiện tại tự biết tác chứng: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.' "

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 988. ĐẾ THÍCH (1)[85]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà tại thành Vương xá. Bấy giờ Thích Đề-hoàn Nhân, với hình sắc tuyệt diệu, vào lúc cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật, lui đứng qua một bên. Do oai lực của thân trời, ánh sánh chiếu khắp vườn Trúc, khu Ca-lan-đà. Khi ấy, Thích Đề-hoàn Nhân bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, Thế Tôn đã từng ở trong hang đá núi Cách giới[86] nói rằng: 'Nếu có Sa-môn, Bà-la-môn nào vô thượng ái tận giải thoát, tâm khéo giải thoát, vị ấy đã tận cùng mục đích, tận cùng ly nhiễm, tận cùng phạm hạnh[87].' Thế nào là Tỳ-kheo đã tận cùng

---

84. Nguyên Hán sót phủ định từ. Theo nội dung, thêm vào.

85. Paøli, S.40.10. Sakka.

86. Cách giới sơn 隔界山.

87. Cf. Cuøôa-Taíhaøsaíkhaya-sutta, M. i. 249: taíhaøsaíkhayavimutto hoti accaøntniæææho accantayogakkhemì accantabrahmacaørì accantapariyosaøno seæææho devamanussaønan ti: vị ấy giải thoát với khát ái đã tận diệt, đã tận cùng

mục đích, tận cùng ly nhiễm, tận cùng phạm hạnh?"

Phật bảo Đế Thích:

"Tỳ-kheo nào biết như thật khi tiếp nhận những cảm giác có được hoặc khổ hoặc lạc, hoặc không khổ không lạc; biết như thật về các thọ tập, thọ diệt, thọ vị, thọ hoạn, thọ xuất. Sau khi đã biết như thật rồi, quán sát thọ kia vô thường, quán sanh diệt, quán lìa dục, quán diệt tận, quán xả bỏ. Sau khi đã quán sát như vậy, chắc chắn đi đến tận cùng, tột cùng mục đích, tận cùng ly nhiễm, tận cùng phạm hạnh.

"Này Câu-thi-ca, đó gọi là Tỳ-kheo đi đến tận cùng trong Chánh pháp luật, tột cùng mục đích, tận cùng ly nhiễm, tận cùng phạm hạnh... *cho đến* Thiên đế Thích nghe Phật dạy xong, hoan hỷ, tùy hỷ, làm lễ mà lui.

M

KINH 989. ĐẾ THÍCH (2)[88]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà tại thành Vương xá. Bấy giờ Tôn giả Đại Mục-kiền-liên đang ở trong núi Kỳ-xà-quật, cuối đêm dậy kinh hành, trông thấy có ánh sánh chiếu khắp vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thấy rồi liền nghĩ: 'Đêm nay hoặc có Đại lực quỷ thần đến chỗ Thế Tôn nên mới có ánh sáng này.'

Bấy giờ, vào sáng sớm, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, cuối đêm qua con ra khỏi phòng kinh hành, trông thấy ánh sáng chói lọi chiếu khắp vườn Trúc, khu Ca-lan-đà. Thấy rồi nghĩ thầm: 'Chắc có vị Đại lực quỷ thần nào đến chỗ Thế Tôn nên có ánh sáng này.'"

Phật bảo Đại Mục-kiền-liên:

'Cuối đêm qua Thích Đề-hoàn Nhân đến chỗ Ta cúi đầu đảnh lễ, rồi ngồi lui qua một bên..." *Nói rộng như kinh trên*... hoan hỷ, tùy

---

mục đích cứu cánh, tuyệt đối an ổn thoát khỏi gông cùm, tuyệt đối phạm hạnh, tuyệt đối viên mãn, tối thượng giữa chư Thiên và Nhân loại.

88. Tham chiếu kinh 988 trên. Cf. M.i.320 (Cuøôa-Taíhaøsaíkhaya-sutta).

hỷ làm lễ mà lui.

M

KINH 990. LỘC TRÚ (1)[89]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà tại thành Vương xá. Bấy giờ, sáng sớm, Tôn giả A-nan đắp y, ôm bát, đi đến thành Xá-vệ, lần lượt khất thực, đến nhà Ưu-bà-di Lộc Trụ[90]. Ưu-bà-di Lộc Trụ từ xa trông thấy Tôn giả A-nan vội vàng sửa soạn chỗ ngồi và mời Tôn giả A-nan an tọa. Sau đó, Ưu-bà-di Lộc Trụ cúi đầu lễ dưới chân Tôn giả A-nan, rồi đứng lui qua một bên, bạch Tôn giả A-nan:

"Thưa Tôn giả, pháp của Thế Tôn cần được hiểu như thế nào? Cha của con là Phú-lan-na[91] trước kia tu phạm hạnh, lìa dục, thanh tịnh, không đeo hương hoa, xa lìa những thứ phàm tục thô bỉ[92]. Còn chú là Lê-sư-đạt-đa[93] không tu phạm hạnh nhưng ông biết đủ. Cả hai người đều qua đời, mà Thế Tôn đều ký thuyết hai người sanh một nơi, cùng thọ sanh như nhau, đời sau đồng đắc Tư-đà-hàm, sanh về cõi trời Đâu-suất, một lần trở lại thế gian, cứu cánh biên tế của khổ.

"Tại sao, thưa A-nan, người tu phạm hạnh và người không tu phạm hạnh lại cùng sanh một nơi, cùng thọ sanh như nhau và đời sau của họ cũng giống nhau?"

A-nan đáp:

"Này cô, hãy thôi đi! Cô không thể biết được căn tánh sai biệt của chúng sanh thế gian. Như Lai tất biết rõ căn tính ưu, liệt của chúng sanh thế gian."

Nói như vậy xong, từ chỗ ngồi đứng dậy ra đi.

Tôn giả A-nan trở về tinh xá, cất y bát, rửa chân, rồi đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên, đem những gì Ưu-bà-di Lộc Trụ nói bạch hết lên Thế Tôn.

Thế Tôn bảo Tôn giả A-nan:

"Ưu-bà-di Lộc Trụ làm sao có thể biết được căn tính ưu, liệt của

---

89. Paøli, A.10.75. Migasaølaø.

90. Lộc Trụ Ưu-bà-di 鹿住優婆夷. Paøli: Migasaølaø upaøsikaø.

91. Phú-lan-na 富蘭那. Paøli: Puøraòa.

92. Hán: phàm bỉ 凡鄙. Paøli: AØraøcaørì virato methunaø gaømadhammaø, là người ẩn dật, sống xa lánh các pháp dâm dục thấp hèn.

93. Lê-sư-đạt-đa 梨師達多. Paøli: Isidatta.

chúng sanh thế gian. A-nan, Như Lai tất biết rõ căn tánh ưu, liệt của chúng sanh thế gian. Này A-nan, hoặc[94] có một người phạm giới[95]. Người ấy không biết như thật đối với tâm giải thoát, tuệ giải thoát. Nhưng sự phạm giới mà người ấy khởi lên đã diệt không còn, đã chìm mất không còn, dục hết không còn. Lại có một người phạm giới, do biết như thật tâm giải thoát, tuệ giải thoát, sự phạm giới mà người ấy khởi lên đã diệt không còn, đã chìm mất không còn, dục hết không còn. Đối với những người này, so sánh mà nói rằng: 'Người này cũng có pháp như vậy, người kia cũng có pháp như vậy, ở đây cả hai phải cùng sanh một chỗ, đồng thọ sanh như nhau và đời sau cũng như nhau.' Người nào so sánh như vậy, sẽ khổ lâu dài, không nghĩa, không lợi ích.

"Này A-nan, người phạm giới kia, đối với tâm giải thoát, tuệ giải thoát mà không biết như thật, nhưng sự phạm giới mà người ấy khởi lên đã diệt không còn, đã chìm mất không còn, dục hết không còn. Nên biết người này thoái đọa, không phải thăng tiến. Ta nói người này thuộc hạng thoái đọa.

"A-nan, có kẻ phạm giới, do biết như thật tâm giải thoát, tuệ giải thoát, nên sự phạm giới mà người ấy khởi lên đã diệt không còn, đã chìm mất không còn, dục hết không còn; nên biết người này thăng tiến chứ không thoái đọa. Ta nói người này thuộc hạng thăng tiến. Nếu chẳng phải Như Lai thì ai có thể biết rõ sự gián cách giữa hai hạng người này?

"Cho nên, này A-nan, chớ nên so sánh người này với người kia mà thiên chấp người. Chớ so sánh người này với người kia gây bệnh người. Chớ so sánh người này với người kia thì tự chiêu lấy tai hại. Chỉ có Như Lai mới biết rõ người này với người kia mà thôi.

"Như hai hạng người phạm giới, hai hạng người trì giới cũng vậy. Người kia không biết như thật tâm giải thoát, tuệ giải thoát, nhưng sự trì giới mà người ấy khởi lên thì đã diệt, không còn.

---

94. Paøli: dasayime… puggalaø santo saövijjamaønaø lokasmim, có mười hạng người này hiện diện trong thế gian.

95. Phạm giới 犯戒. Paøli: dussìla, ác giới.

"Hoặc người trạo cử tháo động[96], không biết như thật đối với tâm giải thoát, tuệ giải thoát, nhưng sự trạo cử của người ấy đã diệt không còn.

"Hoặc người kia sân hận, không biết như thật đối với tâm giải thoát, tuệ giải thoát, nhưng tâm sân hận của họ đã diệt không còn.

"Hoặc người khổ tham[97], không biết như thật đối với tâm giải thoát, tuệ giải thoát, nhưng sự khổ tham của họ đã diệt không còn."

Ô uế và thanh tịnh, cũng được nói như trên... *cho đến* "Chỉ có Như Lai mới biết rõ người này với người kia mà thôi."

"Này A-nan, Ưu-bà-di Lộc Trụ ngu si, trí kém, nên đối với việc thuyết pháp nhất hướng của Như Lai tâm sanh hồ nghi. Thế nào, A-nan, những gì Như Lai dạy có phải là hai hướng không?"

A-nan bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, không!"

Phật bảo A-nan:

"Lành thay! Lành thay! Như Lai nói pháp nếu là hai thì điều này không thể có. Này A-nan, nếu Phú-lan-na trì giới, Lê-sư-đạt-đa cũng là người trì giới, mà chỗ thọ sanh, là điều Phú-lan-na không thể biết được, rằng Lê-sư-đạt-đa sanh nơi nào, thọ sanh thế nào, đời sau thế nào? Nếu Lê-sư-đạt-đa thành tựu trí tuệ và Phú-lan-na cũng thành tựu trí tuệ này, thì Lê-sư-đạt-đa cũng không thể biết Phú-lan-na sẽ sanh nơi nào, thọ sanh thế nào, đời sau thế nào? A-nan, Phú-lan-na trì giới hơn, còn Lê-sư-đạt-đa trí tuệ hơn, nếu cả hai mạng chung, thì Ta nói hai người cùng sanh một nơi, cùng thọ sanh như nhau, đời sau cùng đắc Tư-đà-hàm, sanh lên cõi trời Đâu-suất, chỉ một lần sanh trở lại nơi này cứu cánh biên tế của khổ.

"Giữa hai người này nếu chẳng phải Như Lai, thì ai có thể biết được? Cho nên A-nan, chớ nên so sánh người này với người kia. Nếu so sánh người này với người kia thì tự sanh tổn giảm. Chỉ có Như Lai mới có thể biết rõ người."

Phật nói kinh này xong, Tôn giả A-nan nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---

96. Hán: trạo động 掉動, hay trạo cử. Paøli: uddhata.

97. Khổ tham 苦貪. Paøli: tibbaraøgo, ham muốn rất kịch liệt.

M

KINH 991. LỘC TRÚ (2)[98]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật hạ an cư tại ấp Lưu-lợi[99] trong thành Di họ Thích. Bấy giờ có Tỳ-kheo hạ an cư trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Sáng sớm Tỳ-kheo kia đắp y, ôm bát vào thành Xá-vệ khất thực, lần lượt đi đến nhà Ưu-bà-di Lộc Trụ. Ưu-ba-di Lộc Trụ từ xa trông thấy Tỳ-kheo vội vàng sửa soạn chỗ ngồi rồi mời Tỳ-kheo an tọa. Nói giống như kinh A-nan ở trước. Bấy giờ, Tỳ-kheo ấy nói với Ưu-bà-di Lộc Trụ:

"Này cô, hãy thôi đi! Cô làm sao biết được căn tính ưu, liệt của chúng sanh. Này cô, chỉ có Như Lai mới có thể biết được căn tính ưu, liệt của chúng sanh. Nói như vậy xong Tỳ-kheo liền từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

Tỳ-kheo kia sau ba tháng hạ an cư, may y xong, đắp y mang bát đi đến ấp Lưu-lợi, thành Di của họ Thích, cất y bát, rửa chân xong, Tỳ-kheo đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên, đem những lời đàm luận giữa Tỳ-kheo cùng Ưu-bà-di Lộc Trụ trình hết lên Thế Tôn.

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Ưu-bà-di Lộc Trụ làm sao có thể biết được căn tính ưu, liệt của chúng sanh thế gian. Chỉ có Như Lai mới có thể biết rõ căn tính hơn kém của chúng sanh ở thế gian thôi.

"Kẻ chẳng lìa sân hận, kiêu mạn, có khi khởi pháp tham, không lãnh thọ pháp, không học hỏi đa văn, ở nơi pháp không điều phục kiến chấp, không thể hằng thời khởi tâm giải thoát.

"Này Tỳ-kheo, lại có một người không lìa sân hận, kiêu mạn, có khi khởi pháp tham, nhưng người ấy nghe pháp, tu học đa văn, đối với kiến chấp khéo điều phục, hằng thời có thể khởi tâm pháp giải thoát. Nếu suy xét về chúng, rằng: 'Người này có pháp như vậy, người kia có pháp như vậy, thì ở đây họ cùng đi đến một chỗ, cùng thọ sanh như nhau và đời sau như nhau.' Người nào so sánh như vậy,

---

98. Paøli, A. 6.44. Migasaølaø.

99. Thích thị Di thành Lưu-lợi ấp 釋氏彌城留利邑.

thường chịu khổ, không nghĩa, không lợi ích.

"Này Tỳ-kheo, lại có người không lìa sân hận, kiêu mạn, luôn khởi pháp tham, không lãnh thọ pháp, không học hỏi đa văn, ở nơi pháp không điều phục kiến chấp, không thể hằng thời khởi tâm giải thoát, Ta nói người này là kẻ hẹp hòi nhỏ mọn, thấp kém.

"Này Tỳ-kheo, lại có người không lìa sân hận, kiêu mạn, luôn khởi pháp tham, nhưng người ấy nghe pháp, tu học đa văn, đối với kiến chấp khéo điều phục, hằng thời có thể khởi tâm pháp giải thoát, Ta nói người này là thắng diệu bậc nhất.

"Giữa hai người này, nếu chẳng phải tự Như Lai, thì ai có thể phân biệt, biết rõ. Cho nên, này Tỳ-kheo, chớ nên so sánh người này với người kia... *cho đến* Như Lai mới có thể biết căn tính ưu, liệt.

"Này Tỳ-kheo, lại có người không lìa sân, mạn, lúc nào cũng khởi ác hành nơi miệng..." *Còn lại, nói như trên đã nói.*

"Lại nữa, có người hiền thiện, an vui, cùng sống vui thích minh trí, người tu phạm hạnh thích ở chung, nhưng người kia chẳng thích nghe pháp... *cho đến* lúc nào cũng không được tâm giải thoát, nên biết người này trụ nơi đất hiền thiện, mà không thể thăng tiến. Chỗ đất hiền thiện đó là cõi trời, người.

"Lại nữa, có người căn tính hiền thiện, cùng ở chung, được an vui, ưa thích phạm hạnh, lấy làm bạn hữu, ưa nghe chánh pháp, học tập, đa văn, khéo điều phục kiến chấp, lúc nào cũng được tâm pháp giải thoát, nên biết người này ở chỗ hiền thiện, có thể thăng tiến, nên biết người này có đủ khả năng vào dòng Chánh pháp, có chỗ kham năng.

"Giữa hai người này, nếu chẳng phải tự Như Lai, thì ai có thể phân biệt, biết rõ? Cho nên, Tỳ-kheo, chớ nên so sánh người này với người kia. Nếu so sánh người này với người kia thì sẽ chuốc lấy tai hại, chỉ có Như Lai mới có thể biết rõ người mà thôi.

"Này Tỳ-kheo, Ưu-bà-di Lộc Trụ vì ngu si, trí kém..." *Nói như kinh trên.*

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 992. PHƯỚC ĐIỀN[100]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ gia chủ Cấp Cô Độc đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, thế gian có bao nhiêu loại ruộng phước?"

Phật bảo gia chủ:

"Thế gian có hai loại ruộng phước. Những gì là hai? Đó là hữu học cùng vô học."

Và nói kệ:

Đời có Học, Vô học,
Đại hội thường kính thỉnh;
Tâm ngay thẳng chân thật,
Thân, miệng cũng như vậy.
Đó là ruộng phước tốt,
Người thí được quả lớn.

Phật nói kinh này xong, gia chủ Cấp Cô Độc nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

❑

[100.] Paøli, A.2.4.4. Dakkhiòeyyaø. Biệt dịch, N^{0}26(127).

TẠP A-HÀM QUYỂN 36

KINH 993. TÁN THƯỢNG TỌA[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có các Thượng tọa Tỳ-kheo, sống y chỉ bên cạnh Phật như Tôn giả A-nhã Kiều-trần-như, Tôn giả Ma-ha Ca-diếp, Tôn giả Xá-lợi-phất, Tôn giả Ma-ha Mục-kiền-liên, Tôn giả A-na-luật-đà, Tôn giả Nhị Thập Ức Nhĩ, Tôn giả Đà-la-phiêu Ma-la Tử, Tôn giả Bà-na-ca-bà-sa, Tôn giả Da-xá-xá-la-ca-tỳ-ha-lợi, Tôn giả Phú-lưu-na, Tôn giả Phân-đà-đàn-ni-ca. Như các Thượng tọa này, các Thượng tọa Tỳ-kheo khác cũng sống y chỉ ở bên Phật.

Lúc đó Tôn giả Bà-kỳ-xá[2] đang ở tại giảng đường Lộc tử mẫu trong vườn phía Đông, nước Xá-vệ. Tôn giả Bà-kỳ-xá tự nghĩ: "Hôm nay Thế Tôn đang trú trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ cùng với các Thượng tọa Tỳ-kheo sống y chỉ bên cạnh Phật. Nay ta nên đi đến chỗ Thế Tôn, nói kệ khen ngợi từng Thượng tọa Tỳ-kheo một." Suy nghĩ như vậy xong, Bà-kỳ-xá liền đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật, rồi đứng lui qua một bên, nói kệ:

Tỳ-kheo Tối thượng tọa,
Đã đoạn các tham dục;
Vượt khỏi các thế gian,
Tất cả mọi tích tụ;
Trí sâu, ít nói năng,
Dõng mãnh siêng phương tiện;
Đạo đức sạch sáng ngời:

---

1. Ấn Thuận, "Tụng vii. Tám chúng, Tương ưng 24. Bà-kỳ-xá". Gồm mười sáu kinh, Đại Chánh, quyển 45 (nửa sau), kinh 1208-1221; quyển 36, hai kinh đầu, 993-994. Quốc Dịch, quyển 40, "8. Tương ưng Bà-kỳ-xá", phẩm 2, tiếp theo. Ấn Thuận, "24, Tương ưng Bà-kỳ-xá" tiếp theo, kinh 15. Phật Quang, quyển 46, kinh 1206. Tương đương Paøli, không thấy. Biệt dịch, N^{0}100(256).

2. Bà-kỳ-xá 婆耆舍. Paøli: Vaígìsa, biện tài đệ nhất.

Con nay cúi đầu lạy.
Đấng hàng phục ma oán,
Xa lìa nơi đám đông;
Không bị năm dục trói,
Thường ở nơi vắng lặng;
Rỗng suốt, ít ham muốn:
Con nay cúi đầu lạy.
Thắng tộc Giá-la-diên,
Thiền tư không phóng dật,
Nội tâm vui chánh thọ,
Trong sạch lìa bụi nhơ,
Tuệ biện hiển nghĩa sâu:
Cho nên con cúi lạy.
Đấng đạt Thần thông tuệ,
Vượt qua sức thần thông;
Trong sáu thứ thần thông,
Tự tại không sợ hãi;
Là thần thông tối thắng:
Cho nên con cúi lạy.
Chúng sanh nơi năm đường,
Cho đến cõi Phạm thế;
Trời, người tưởng ưu liệt,
Trong đại thiên thế giới;
Mắt tịnh thiên thấy hết:
Cho nên con cúi lạy.
Sức phương tiện tinh cần,
Đoạn trừ tập khởi ái;
Xé toạc lưới sanh tử,
Tâm thường vui Chánh pháp;
Lìa các tưởng hy vọng,
Vượt qua bờ bên kia;
Trong sạch, không bụi nhơ:
Cho nên con cúi lạy.
Thoát hẳn mọi sợ hãi,
Lìa tài vật, không dính;

Biết đủ, không nghi hoặc,
Hàng phục giặc ma oán;
Quán niệm thân thanh tịnh:
Cho nên con cúi lạy.
Không có các thế gian,
Rừng gai góc phiền não;
Trừ hẳn kết phược sử,
Dứt nhân duyên ba cõi;
Tinh luyện diệt các cấu,
Rốt cùng sáng hiện bày;
Nơi rừng lìa khỏi rừng:
Cho nên con cúi lạy.
Dứt giả trá, si, nhuế,
Điều phục các ái hỷ;
Ra khỏi mọi kiến xứ,
Không cửa nhà nương tựa;
Thanh tịnh không vết nhơ:
Cho nên con cúi lạy.
Tâm kia chuyển tự tại,
Kiên cố không khuynh động;
Trí tuệ đại đức lực,
Khuất phục ma khó phục;
Đoạn trừ kết vô minh:
Cho nên con cúi lạy.
Đại nhân xa tối tăm,
Đấng Mâu-ni vắng lặng,
Chánh pháp lìa lỗi nhơ,
Ánh sáng tự hiện chiếu,
Soi khắp mọi thế giới,
Cho nên gọi là Phật.
Địa thần, hư không thiên,
Thiên tử Tam thập tam;
Ánh sáng ắt bị che,
Cho nên gọi là Phật.
Qua bờ sanh tử hữu,

Siêu việt vượt mọi loài;
Mềm mỏng khéo điều phục,
Chánh giác đệ nhất giác;
Đoạn tận mọi kết phược,
Hàng phục các ngoại đạo;
Đập tan bọn ma oán,
Đắc Vô thượng Chánh giác;
Lìa trần diệt các cấu:
Cho nên con cúi lạy.

Khi Tôn giả Bà-kỳ-xá nói kệ khen ngợi, các Tỳ-kheo lắng nghe những lời này, tất cả đều hoan hỷ.

M

KINH 994. BÀ-KỲ-XÁ TÁN PHẬT[3]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Tôn giả Bà-kỳ-xá đang ở tại giảng đường Lộc tử mẫu trong vườn phía Đông, nước Xá-vệ, bị bệnh nặng nguy khốn. Tôn giả Phú-lân-ni là người chăm sóc bệnh nhân, cung cấp cúng dường.

Khi ấy Tôn giả Bà-kỳ-xá nói với Tôn giả Phú-lân-ni:

"Thầy hãy đến chỗ Thế Tôn, chuyển lời tôi bạch Thế Tôn rằng: 'Tôn giả Bà-kỳ-xá đảnh lễ dưới chân Thế Tôn, kính thăm hỏi Thế Tôn ít bệnh, ít não và sống khinh lợi, an vui chăng?' Lại nói tiếp: 'Tôn giả Bà-kỳ-xá ở tại giảng đường Lộc tử mẫu trong vườn phía Đông, đang bị bệnh nặng nguy khốn, muốn được gặp Thế Tôn, nhưng không đủ sức để đến chỗ Phật. Lành thay! Thế Tôn! Xin Ngài mở lòng thương xót đến chỗ của Bà-kỳ-xá ở giảng đường Lộc tử mẫu tại vườn phía Đông'."

Lúc ấy, Tôn giả Phú-lân-ni nhận lời đi đến Thế Tôn. Sau khi đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên thưa:

"Tôn giả Bà-kỳ-xá ở giảng đường Lộc tử mẫu trong vườn phía

3. Biệt dịch, N^{0}100(257).

Đông bị bệnh nặng nguy khốn, muốn được gặp Thế Tôn nhưng không đủ sức đi đến diện kiến Ngài. Lành thay! Thế Tôn! Xin Ngài vì thương xót đến chỗ Tôn giả Bà-kỳ-xá ở giảng đường Lộc tử mẫu trong vườn phía Đông."

Bấy giờ, Thế Tôn im lặng nhận lời. Tôn giả Phú-lân-ni biết Phật đã nhận lời, liền từ chỗ ngồi đứng lên đảnh lễ dưới chân Phật rồi đi.

Chiều hôm ấy sau khi từ thiền tịnh dậy, Thế Tôn đến Tôn giả Bà-kỳ-xá. Tôn giả Bà-kỳ-xá từ xa trông thấy Thế Tôn, muốn vịn giường mà đứng dậy. Bấy giờ, Thế Tôn thấy Tôn giả Bà-kỳ-xá tựa giường muốn gượng dậy, liền bảo:

"Bà-kỳ-xá chớ nên khinh động."

Thế Tôn liền ngồi xuống hỏi Tôn giả Bà-kỳ-xá:

"Những bệnh khổ của ông có bình hòa, dễ chịu đựng không? Sự đau nhức nơi thân tăng hay giảm." Nói đầy đủ như kinh Diệm-ma-ca ở trước... *cho đến* "... những bệnh khổ của con có cảm giác càng tăng thêm chứ không thuyên giảm."

Phật bảo Bà-kỳ-xá:

"Bây giờ Ta hỏi ông, tùy ý mà trả lời Ta. Ông đã được tâm không nhiễm, không đắm, không nhơ, giải thoát, lìa các điên đảo, phải không?"

Bà-kỳ-xá bạch Phật:

"Tâm con không nhiễm, không đắm, không nhơ, giải thoát, lìa các điên đảo."

Phật bảo Bà-kỳ-xá:

"Làm sao ông có được tâm không nhiễm, không đắm, không nhơ, giải thoát, lìa các điên đảo?"

Bà-kỳ-xá bạch Phật:

"Con đối với sắc quá khứ được nhận thức bởi mắt, tâm không luyến tiếc, đối với sắc vị lai, không mơ tưởng, đối với sắc hiện tại không đắm nhiễm. Con ở nơi sắc quá khứ, vị lai, hiện tại được nhận thức bởi mắt, đã dứt sạch niệm tham dục, ái lạc, vô dục, diệt tận, tịch diệt, tịch tĩnh, viễn ly, giải thoát. Tâm đã giải thoát, cho nên không nhiễm, không đắm, không nhơ, lìa các điên đảo, an trụ chánh thọ. Cũng vậy, với nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý. Đối với pháp quá khứ được nhận

thức bởi ý, tâm không luyến tiếc, đối với sắc vị lai, không mơ tưởng, đối với sắc hiện tại không đắm nhiễm. Trong pháp quá khứ, vị lai, hiện tại, niệm tham dục, niệm ái lạc không còn nữa, vô dục, diệt tận, tịch diệt, tịch tĩnh, viễn ly, giải thoát. Tâm đã giải thoát, cho nên không nhiễm, không đắm, không nhơ, lìa các điên đảo, an trụ chánh thọ. Xin Đức Thế Tôn hôm nay ban cho con điều lợi ích tối hậu, nghe con nói kệ."

Phật bảo Bà-kỳ-xá:

"Nên biết đúng lúc."

Tôn giả Bà-kỳ-xá ngồi ngay ngắn, buộc niệm ở trước và nói kệ:

Nay con ở trước Phật,
Cúi đầu cung kính lạy.
Đối với tất cả pháp,
Thảy đều được giải thoát.
Khéo hiểu các tướng pháp,
Tin sâu, vui Chánh pháp.
Thế Tôn, Đẳng Chánh Giác,
Thế Tôn là Đại Sư.
Thế Tôn hàng ma oán,
Thế Tôn Đại Mâu-ni;
Diệt trừ tất cả sử,
Tự độ các loài sanh.
Thế Tôn đối thế gian,
Giác tri tất cả pháp.
Thế gian ắt không có
Ai biết pháp hơn Phật.
Ở trong cõi Thiên, Nhân,
Cũng không ai bằng Phật.
Cho nên hôm nay con,
Lễ bậc Đại tinh tấn,
Cúi đầu lễ Thượng sĩ,
Lễ đấng Đại tinh tấn,
Đã nhổ gai ái dục.
Hôm nay giờ phút cuối,
Con được thấy Thế Tôn.

Cúi lễ đấng Nhật chủng,
Đêm nay Bát-niết-bàn.
Chánh trí buộc chánh niệm,
Đối thân hư hoại này;
Các dư lực còn lại,
Từ đêm nay diệt hẳn.
Ba cõi không còn nhiễm,
Vào Vô dư Niết-bàn.
Cảm thọ khổ và vui,
Cũng không khổ không vui;
Từ nhân duyên xúc sanh,
Hôm nay ắt đoạn tận.
Khổ thọ và lạc thọ,
Cũng không khổ không vui;
Từ nhân duyên xúc sanh,
Hôm nay đều biến tri.
Hoặc bên trong, bên ngoài,
Các cảm thọ khổ vui;
Đối thọ không chỗ đắm,
Chánh trí chánh buộc tâm;
Ban đầu, giữa, sau cùng,
Các tụ không chướng ngại.
Các tụ đã đoạn rồi,
Biết rõ ái không còn.
Người thấy rõ chân thật,
Nói chín mươi mốt kiếp;
Trong ba kiếp không trống,
Có đấng Đại Tiên nhân.
Cõi không không nơi tựa,
Chỉ sợ kiếp khủng bố.
Nên biết Đại Tiên nhân,
Lại xuất hiện thế gian,
An ủi các trời, người,
Mở mắt, lìa bụi mờ;
Thức tỉnh các chúng sanh,

Cho biết mọi thứ khổ:
Khổ khổ và khổ tập,
Tịch diệt, vượt qua khổ;
Bát Thánh đạo Hiền thánh,
An ổn đến Niết-bàn.
Điều thế gian khó được,
Hiện tiền tất đã được;
Đời này, được thân người,
Chánh pháp được diễn nói.
Theo những gì mình muốn,
Lìa cấu cầu thanh tịnh;
Chuyên tu tự lợi mình,
Chớ khiến rỗng không quả.
Luống không thời sanh lo,
Gần nơi địa ngục khổ.
Đối Chánh pháp được nói,
Không thích, không muốn nhận;
Sẽ ở lâu sanh tử,
Bao giờ dứt luân hồi!
Trường kỳ ôm ưu não,
Như người buôn mất của.
Nay con đủ mọi tốt,
Không còn sanh, già, chết.
Luân hồi đã chấm dứt,
Không còn sanh lại nữa.
Dòng nước sông ái, thức,
Từ nay tất cạn khô.
Đã nhổ cội rễ uẩn,
Khoen xích không tiếp nối.
Cúng dường Đại Sư xong,
Việc làm đã hoàn tất,
Gánh nặng đã buông xuống,
Hữu lưu đã đoạn xong;
Không còn thích thọ sanh,
Không còn tử đáng ghét;

Chánh trí, chánh buộc niệm,
Chỉ chờ phút cuối cùng.
Long tượng nhớ rừng hoang,
Sáu mươi thú hùng mạnh,
Một mai thoát gông xiềng,
Thong dong trong rừng núi.
Bà-kỳ-xá cũng vậy,
Miệng Đại Sư sanh con;
Chán bỏ lìa đồ chúng,
Chánh niệm chờ thời đến.
Nay nói với mọi người,
Những ai đến tụ hội;
Nghe kệ Ta sau cùng,
Nghĩa chúng được lợi ích.
Có sanh ắt có diệt,
Các hành đều vô thường.
Pháp chóng sanh, chóng tử,
Nào đáng nương cậy lâu.
Nên phải có chí mạnh,
Tinh cần cầu phương tiện;
Quán sát có sợ hãi,
Tùy thuận đạo Mâu-ni,
Mau hết khổ ấm này,
Chớ tăng thêm luân chuyển.
Đứa con từ miệng Phật,
Khen nói kệ này xong;
Xin từ biệt đại chúng,
Bà-kỳ-xá Niết-bàn.
Vì tấm lòng từ bi,
Nói kệ vô thượng này;
Tôn giả Bà-kỳ-xá,
Con sanh từ pháp Phật.
Do rũ lòng bi mẫn,
Nói kệ Vô thượng này;
Sau đó Bát-niết-bàn,

Tất cả nên kính lễ.[4]

M

4. Tương ưng Bà-kỳ-xá sẽ được tiếp nối nơi quyển 45 (nửa sau), kinh 1028-1221.

KINH 995. A-LUYỆN-NHÃ[5]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có một Thiên tử, tướng mạo tuyệt diệu, vào cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên; ánh sáng từ thân chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà. Bấy giờ vị Thiên tử này nói kệ hỏi Phật:

Tỳ-kheo A-luyện-nhã[6],
An trụ nơi vắng vẻ[7],
Lặng lẽ tu phạm hạnh,
Ăn chỉ một lần ngồi[8],
Do vì nhân duyên gì,
Nhan sắc được tươi sáng?

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

Với quá khứ không lo,
Vị lai không mơ thích;
Hiện tại tùy chỗ được,
Chánh trí buộc giữ niệm.
Ăn uống luôn buộc niệm,
Nhan sắc thường tươi sáng.
Tâm, tưởng ruỗi vị lai,
Buồn tiếc theo quá khứ;
Lửa ngu si tự nấu,
Như mưa đá chết cỏ.

---

5. Ấn Thuận, "25. Tương ưng chư Thiên", một trăm lẻ tám kinh: 1324-1431, tương đương Đại Chánh, kinh 995-1022 (quyển 36), 576-603 (quyển 22), 1267-1318 (quyển 48). Tương đương Paøli, S.1. Devataø-saöyutta. Quốc Dịch, phẩm 1, gồm chín kinh, Đại Chánh kinh 995-1003. Paøli, S.1.1.10. Araóóe. Biệt dịch, N^{0}100(132).

6. A-luyện-nhã 阿練若 . Paøli: araóóaka, vị (Tỳ-kheo) sống trong rừng. Một trong mười hai hạnh đầu đà.

7. Hán: không nhàn xứ 空閑處 . Paøli: araóóe, chỗ rừng vắng.

8. Nhất tọa thực 一坐食 , chỉ sự ăn một ngày một lần duy nhất trước giờ ngọ. Một trong mười hai hạnh đầu đà. Paøli: ekabhattaö = ekaøsanabhatta.

Thiên tử này lại nói kệ:

Lâu thấy Bà-la-môn,
Chóng đắc Bát-niết-bàn;
Mọi sợ hãi đều qua,
Thoát hẳn đời ân ái.

Vị Thiên tử này nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, đảnh lễ dưới chân Phật, liền biến mất.

M

KINH 996. KIÊU MẠN[9]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có một Thiên tử, tướng mạo tuyệt diệu, vào cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên; ánh sáng từ thân chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ vị Thiên tử này nói kệ hỏi Phật:

Không khéo điều phục tâm,
Khởi dục vọng kiêu mạn[10]*;*
Chưa từng tu tịch mặc,
Cũng chẳng vào chánh thọ[11].
Ở rừng mà phóng dật,
Không qua đến bờ kia[12].

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

---

9. Paøli, S.1.9. Maønakaøma. Biệt dịch, N^{0}100(133).

10. Hán: bất dục khởi kiêu mạn, thiện tự điều kỳ tâm 不欲起憍慢,善自調其心; cú pháp đảo trang. Xét nội dung và đối chiếu Paøli, sắp xếp lại trước khi dịch. Tham khảo Paøli: na maønakaømassa damo idhatthi, ở đây, dục kiêu mạn không được chế ngự.

11. Paøli: na monam atthi asamaøhitassa, không có Mâu-ni (tịch mặc) đối với tâm không định tĩnh.

12. Paøli: na maccudheyyassa tareyya paøran' ti, không thể vượt qua bên kia cảnh giới tử thần.

Đã lìa nơi kiêu mạn,
Tâm thường vào chánh định;
Trí sáng khéo phân biệt,
Giải thoát tất cả phược.
Một mình nơi rừng vắng,
Tâm này không phóng dật;
Nhanh chóng vượt qua bờ
Kẻ thù tử ma kia.

Thiên tử này lại nói kệ:

Lâu thấy Bà-la-môn,
Chóng đắc Bát-niết-bàn;
Mọi sợ hãi đều qua,
Thoát hẳn đời ân ái.

Vị Thiên tử này nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, đảnh lễ dưới chân Phật, liền biến mất.

M

KINH 997. CÔNG ĐỨC TĂNG TRƯỞNG[13]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có một Thiên tử, tướng mạo tuyệt diệu, vào cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên; ánh sáng từ thân chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ vị Thiên tử này nói kệ hỏi Phật:

Làm sao được ngày đêm,
Công đức luôn tăng trưởng?
Làm sao sanh cõi trời?
Xin Ngài giải nói rõ.

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

Trồng vườn cây ăn quả,
Rừng cây cho bóng mát;

---

13. Paøli, S.1.47. Vanaropa. Biệt dịch, N^{0}100(134).

Cầu, thuyền dùng qua sông,
Tạo ra nhà phước đức;
Đào giếng giúp đỡ khát,
Khách xá giúp lữ hành;
Những công đức như vậy,
Ngày đêm thường tăng trưởng.
Giới đầy đủ như pháp,
Nhờ đó sanh cõi trời.

Thiên tử này lại nói kệ:

Lâu thấy Bà-la-môn,
Chóng đắc Bát-niết-bàn;
Mọi sợ hãi đều qua,
Thoát hẳn đời ân ái.

Vị Thiên tử này nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, đảnh lễ dưới chân Phật, liền biến mất.

M

KINH 998. CHO GÌ ĐƯỢC SỨC LỚN[14]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có một Thiên tử, tướng mạo tuyệt diệu, vào cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên; ánh sáng từ thân chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ vị Thiên tử này nói kệ hỏi Phật:

Thí gì được sức lớn?
Thí gì được diệu sắc?
Thí gì được an vui?
Thí gì được mắt sáng?
Tu tập những thí nào,
Gọi là nhất thiết thí?
Nay xin hỏi Thế Tôn,
Xin Ngài phân biệt nói.

14. Paøli, S.1.42. Kiödada. Biệt dịch, N^{0}100(235).

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

Thí ăn được sức lớn,
Thí y được diệu sắc;
Thí xe được an vui,
Thí đèn được mắt sáng;
Lữ quán để tiếp khách[15],
Gọi là nhất thiết thí.
Đem pháp để dạy người,
Đó là thí cam lộ[16].

Thiên tử này lại nói kệ:

Lâu thấy Bà-la-môn,
Chóng đắc Bát-niết-bàn;
Mọi sợ hãi đều qua,
Thoát hẳn đời ân ái.

Vị Thiên tử này nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, đảnh lễ dưới chân Phật, liền biến mất.

M

KINH 999. HOAN HỶ[17]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có một Thiên tử tên là Tất-bề-lê[18], tướng mạo tuyệt diệu, vào cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên; ánh sáng từ thân chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ vị Thiên tử này nói kệ:

Chư Thiên và người đời,
Đều ưa thích thức ăn;

---

15. Paøli: upassaya, phòng xá, hay phòng trọ.
16. Paøli: amataö dado, cho sự bất tử.
17. Paøli, S.1.43. Anna (thực); S.2.23. Serì.
18. Tất-bề-lê 悉鞞梨. Paøli: Serì devaputto.

Vậy có các thế gian,
Phước lạc tự theo chăng[19]*?*

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

Tịnh tín tâm huệ thí,
Đời này và đời sau
Theo chỗ người này đến,
Phước báo theo như bóng.
Cho nên bỏ keo kiệt,
Hành huệ thí không nhơ;
Thí rồi, tâm hoan hỷ,
Đời này đời khác nhận.

Thiên tử Tất-bề-lê này bạch Phật:

"Lạ thay! Thế Tôn khéo nói nghĩa trên:

Tịnh tín tâm huệ thí,
Đời này và đời sau;
Theo chỗ người này đến,
Phước báo theo như bóng;
Cho nên bỏ keo kiệt,
Hành huệ thí không nhơ;
Thí rồi tâm hoan hỷ,
Đời này đời khác nhận.

Thiên tử Tất-bề-lê bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, con tự biết thời quá khứ, đã từng làm quốc vương tên Tất-bề-lê, bố thí, làm phước khắp cả bốn cửa thành. Và ở trong thành kia có bốn giao lộ, ở nơi đó cũng bố thí làm phước.

"Lúc ấy đệ nhất phu nhân đến nói với con: 'Đại vương làm phước đức lớn, mà tôi không có sức để tu các phước nghiệp.'

"Khi đó, con nói: 'Ngoài cửa thành phía Đông, bố thí, làm phước, việc đó đều thuộc về phu nhân.'

"Các vương tử cũng đến tâu với con: 'Đại vương làm nhiều công đức, phu nhân cũng vậy. Mà chúng con không có sức để làm

---

19. Paøli: atha ko naøma so yakkho, yaö annaö naøbhinandatì ti, có Dạ-xoa tên gì mà không ưa thích đồ ăn?

các phước nghiệp. Nay chúng con xin được nương vào Đại vương làm chút công đức.'

"Khi đó, con đáp: 'Ngoài cửa thành phía Nam, bố thí, làm phước, việc đó đều thuộc về các con.'

"Bấy giờ có quan đại thần lại đến tâu với con: 'Ngày nay Đại vương, phu nhân, cùng vương tử làm nhiều công đức. Còn hạ thần không có sức làm các phước nghiệp, xin nương vào Đại vương làm chút công đức.'

"Khi đó, con bảo: 'Ngoài cửa thành phía Tây, bố thí làm phước, việc đó đều thuộc về các ông.'

"Bấy giờ, các tướng sĩ lại đến tâu với con: 'Ngày nay Đại vương, làm nhiều công đức, phu nhân, vương tử và các đại thần đều cùng làm, chỉ có chúng hạ thần không có sức để làm phước nghiệp, xin nương vào Đại vương để làm.'

"Khi đó, con đáp: 'Ngoài cửa thành phía Bắc, bố thí làm phước, việc đó đều thuộc về các ông.'

"Bấy giờ, thứ dân trong nước lại đến tâu với con: 'Ngày nay Đại vương làm nhiều công đức, phu nhân, vương tử, đại thần, các tướng sĩ đều cùng làm. Chỉ có chúng tôi không có sức để tu phước, nguyện xin nương vào Đại vương làm chút công đức.'

"Khi đó, con đáp: 'Trong thành kia, ở đầu bốn giao lộ, bố thí làm phước, việc đó đều thuộc về các ngươi.'

"Bấy giờ, vua, phu nhân, vương tử, đại thần, tướng sĩ, thứ dân, mọi người đều bố thí, làm các công đức. Việc huệ thí công đức trước đây của con do đó mà bị gián đoạn. Khi đó những người con đã bảo họ làm phước đều trở về chỗ con, làm lễ con và tâu con rằng: 'Đại vương nên biết, những nơi tu phước, phu nhân, vương tử, đại thần, tướng sĩ, thứ dân, mỗi người đều y cứ chỗ mình mà bố thí, làm phước. Sự bố thí của Đại vương đến do đó mà bị gián đoạn.'

"Khi đó, con đáp: 'Này Thiện nam, các nước láng giềng hằng năm nộp tài vật cung ứng cho ta, phân nửa cho vào kho, còn phân nửa để lại các nước ấy thí ân, làm phước.'

"Người kia vâng theo lệnh vua, đến nước lân cận, gom góp tài vật, phân nửa cho vào kho, phân nửa để lại cho nước đó thí ân, làm phước.

"Trước kia con trường kỳ thí ân, làm phước như vậy, nên luôn luôn được phước báo khả ái, khả niệm, khả ý, thường hưởng được khoái lạc không cùng tận. Do phước nghiệp này cùng với quả phước báo phước, tất cả đều dồn vào nhóm công đức lớn. Ví như năm con sông lớn hợp thành một dòng, đó là sông Hằng, Da-bố-na, Tát-la-do, Y-la-bạt-đề, Ma-hê. Năm con sông này hợp thành một dòng như vậy mà không ai có thể đo lường số lượng trăm, ngàn, vạn, ức đấu hộc nước sông kia. Nước của con sông lớn này trở thành một khối lượng nước lớn. Quả báo của các công đức đã làm của con cũng như vậy, không thể đo lường, tất cả đều nhập vào nhóm công đức lớn."

Thiên tử Tất-bề-lê nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ lễ Phật rồi biến mất.

M

KINH 1000. VIỄN DU[20]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có một Thiên tử, tướng mạo tuyệt diệu, vào cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên; ánh sáng từ thân chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ vị Thiên tử này nói kệ hỏi Phật:

Người nào có thể làm
Thiện tri thức viễn du[21]*?*
Người nào có thể làm
Thiện tri thức tại gia?
Người nào có thể làm
Thiện tri thức thông tài[22]*?*
Người nào có thể làm
Thiện tri thức đời sau?

---

20. Paøli, S.1.53. Mitta. Biệt dịch, N^{0}100 (237).

21. Paøli: pavasato mittaö, bạn trong khi đi đường.

22. Hán: thông tài thiện tri thức 通財善知識. Paøli: mittaö atthajaøtassa, bạn hiểu biết công việc, bạn khi cần.

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

Người dẫn đầu đoàn buôn,
Thiện tri thức du hành.
Vợ hiền lương trinh chính,
Thiện tri thức tại gia.
Thân tộc gần gũi nhau,
Thiện tri thức thông tài.
Công đức mình tu tập,
Thiện tri thức đời sau.

Thiên tử này lại nói kệ:

Lâu thấy Bà-la-môn,
Chóng đắc Bát-niết-bàn;
Mọi sợ hãi đều qua,
Thoát hẳn đời ân ái.

Vị Thiên tử này nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, đảnh lễ dưới chân Phật, liền biến mất.

M

KINH 1001. XÂM BỨC[23]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có một Thiên tử, tướng mạo tuyệt diệu, vào cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên; ánh sáng từ thân chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ vị Thiên tử này nói kệ hỏi Phật:

Vận tối đem mạng đi,
Nên khiến người đoản mạng.
Bị sự già bức bách,
Mà không người cứu hộ.
Thấy già, bệnh, chết đó,
Khiến người sợ vô cùng.

---

23. Paøli, S.1.3. Upaneyya; S.2.2.9. Uttara. Biệt dịch, N^{0}100(138).

Chỉ làm các công đức,
Vui đi đến chỗ vui.

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

Vận tối đem mạng đi,
Nên khiến người đoản mạng.
Bị sự già bức bách,
Mà không người cứu hộ.
Thấy lỗi hữu dư này,
Khiến người sợ vô cùng.
Đoạn tham ái ở đời,
Nhập Niết-bàn vô dư.

Thiên tử này lại nói kệ:

Lâu thấy Bà-la-môn,
Chóng đắc Bát-niết-bàn;
Mọi sợ hãi đều qua,
Thoát hẳn đời ân ái.

Vị Thiên tử này nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, đảnh lễ dưới chân Phật, liền biến mất.

M

KINH 1002. ĐOẠN TRỪ[24]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có một Thiên tử, tướng mạo tuyệt diệu, vào cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên; ánh sáng từ thân chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ vị Thiên tử này nói kệ hỏi Phật:

Đối mấy pháp đoạn trừ?
Mấy pháp nên vất bỏ?
Và đối với mấy pháp,
Tăng thượng phương tiện tu?

24. Paøli, S.1.5. Kati chande. Biệt dịch, N^{0}100(140).

Phải siêu việt mấy tụ[25],
Tỳ-kheo vượt dòng siết[26]*?*

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

Năm đoạn trừ, năm xả[27],
Đối năm căn tu thêm[28],
Vượt lên năm hòa hợp[29],
Tỳ-kheo qua dòng sâu.

Thiên tử này lại nói kệ:

Lâu thấy Bà-la-môn,
Chóng đắc Bát-niết-bàn;
Mọi sợ hãi đều qua,
Thoát hẳn đời ân ái.

Vị Thiên tử này nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, đảnh lễ dưới chân Phật, liền biến mất.

M

KINH 1003. TỈNH NGỦ[30]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có một Thiên tử, tướng mạo tuyệt diệu, vào cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên; ánh sáng từ thân chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ vị Thiên tử này nói kệ hỏi Phật:

Mấy người ngủ khi thức?
Mấy người thức khi ngủ[31]*?*

---

25. Paøli: saígaøtigo, (người) siêu việt chấp trước, thoát khỏi sự kết buộc.
26. Paøli: oghatiòòo, (người) vượt qua dòng thác.
27. Đây chỉ đoạn trừ năm triền cái, xả năm dục.
28. Năm căn, chỉ năm vô lậu căn: tín, tinh tấn, niệm, định, tuệ.
29. Năm hòa hiệp, chỉ năm kết: tham, sân, mạn, tật đố, keo kiệt (xan). Paøli: paóca saígaøtigo.
30. Paøli, S.1.6. Jaøgara. Biệt dịch, N^{0}100 (141).
31. Paøli: kati jaøgarataö suttaø, kati suttesu jaøgaraø, bao nhiêu (pháp) mình ngủ khi người khác thức? Bao nhiêu (pháp) mình thức khi người ngủ?

Mấy người đắm bụi nhơ?
Mấy người được thanh tịnh?

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

Năm người ngủ khi thức.
Năm người thức khi ngủ.
Năm người đắm bụi nhơ.
Năm người được thanh tịnh[32].

Thiên tử này lại nói kệ:

Lâu thấy Bà-la-môn,
Chóng đắc Bát-niết-bàn;
Mọi sợ hãi đều qua,
Thoát hẳn đời ân ái.

Vị Thiên tử này nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, đảnh lễ dưới chân Phật, liền biến mất.

M

KINH 1004. HỖ TƯƠNG HOAN HỶ[33]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có một Thiên tử, tướng mạo tuyệt diệu, vào cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên; ánh sáng từ thân chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ vị Thiên tử này nói kệ hỏi Phật:

Mẹ con vui với nhau,
Trâu chúa thích trâu mình.
Chúng sanh thích hữu dư[34]*,*
Không ai thích vô dư.

---

32. Biệt dịch Tạp A-hàm 8, kinh 10: Người trì năm giới, tuy ngủ mà là thức. Người tạo năm ác, tuy thức mà ngủ. Bị năm cái che lấp: nhiễm bụi bặm. Có năm Vô học phần: thanh tịnh ly cấu.

33. Quốc Dịch, "9. Tương ưng chư Thiên, phẩm 2". Paøli, S.1.12. Nandati. S.4.1.8. Nandana. Biệt dịch, N^{0}100(142).

34. Chỉ hữu y hay sanh y. Paøli: upadhi.

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

Mẹ con lo lẫn nhau,
Trâu chúa lo trâu mình;
Hữu dư chúng sanh lo,
Vô dư thì không lo.

Thiên tử này lại nói kệ:

Lâu thấy Bà-la-môn,
Chóng đắc Bát-niết-bàn;
Mọi sợ hãi đều qua,
Thoát hẳn đời ân ái.

Vị Thiên tử này nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, đảnh lễ dưới chân Phật, liền biến mất.

M

KINH 1005. NGƯỜI VẬT[35]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có một Thiên tử, tướng mạo tuyệt diệu, vào cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên; ánh sáng từ thân chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ vị Thiên tử này nói kệ hỏi Phật:

Vật gì là của người?
Cái gì bạn bậc nhất?
Cái gì để nuôi sống?
Chúng sanh nương nơi nào?

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

Ruộng, nhà: của chúng sanh.
Vợ hiền: bạn bậc nhất;
Ăn uống để nuôi sống,
Chúng sanh nương vào nghiệp.

---

35. Paøli, S.1.54. Vatthu. Biệt dịch, N^{0}100(231).

Thiên tử này lại nói kệ:

Lâu thấy Bà-la-môn,
Chóng đắc Bát-niết-bàn;
Mọi sợ hãi đều qua,
Thoát hẳn đời ân ái.

Vị Thiên tử này nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, đảnh lễ dưới chân Phật, liền biến mất.

M

KINH 1006. YEAU AI HON CON[36]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có một Thiên tử, tướng mạo tuyệt diệu, vào cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên; ánh sáng từ thân chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ vị Thiên tử này nói kệ hỏi Phật:

Yêu ai hơn yêu con.
Của nào quý hơn bò.
Sáng gì hơn mặt trời.
Tát-la[37] không hơn biển.

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

Yêu ai bằng yêu mình.
Tiền của nào hơn thóc.
Sáng gì hơn trí tuệ,
Tát-la đâu bằng thấy[38].

Thiên tử này lại nói kệ:

Lâu thấy Bà-la-môn,
Chóng đắc Bát-niết-bàn;

---

36. Paøli, S.1.13. Natthiputtasama. Biệt dịch, N^{0}100(232).

37. Tát-la 薩羅 . Paøli: sara, chỉ biển hồ, không lớn hơn biển Đại dương (Samudda).

38. Paøli: vuæøhi ve paramaø saraø ti, mưa là biển hồ tối thượng. Bản Hán, đọc là diæøhi (thấy, kiến) thay vì vuæøhi (mưa).

Mọi sợ hãi đều qua,
Thoát hẳn đời ân ái.

Vị Thiên tử này nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, đảnh lễ dưới chân Phật, liền biến mất.

M

KINH 1007. SÁT-LỢI[39]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có một Thiên tử, tướng mạo tuyệt diệu, vào cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên, ánh sáng từ thân chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ vị Thiên tử này nói kệ hỏi Phật:

Hai chân, Sát-lợi tôn.
Bốn chân, bò đực[40] hơn.
Trẻ đẹp[41] là vợ nhất,
Quý sanh[42] là con nhất.

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

Hai chân, Chánh giác tôn.
Bốn chân, ngựa thuần hơn.
Thuận chồng là vợ hiền,
Lậu tận con quý nhất[43].

Thiên tử này lại nói kệ:

Lâu thấy Bà-la-môn,
Chóng đắc Bát-niết-bàn;
Mọi sợ hãi đều qua,

---

39. Paøli, S.1.2.4. Khattiya. Biệt dịch, N^{0}100 (233).
40. Phong ngưu 犎牛. Paøli: balìvaddo, bò đực.
41. Hán: đồng anh 童英. Paøli: komarì, đồng nữ, thiếu nữ, quý nữ.
42. Quý sanh 貴生. Paøli: pubbaja, sanh trước, con trai trưởng.
43. Paøli: yo ca puttaønam assavo'ti, hiếu thuận là con quý nhất. Bản Hán đọc nhầm assava (trung thực, hiếu thuận) thành asava rồi hiểu là tỉnh lược của anaøsava (vô lậu).

Thoát hẳn đời ân ái.

Vị Thiên tử này nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, đảnh lễ dưới chân Phật, liền biến mất.

M

KINH 1008. CHỦNG TỬ[44]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có một Thiên tử, tướng mạo tuyệt diệu, vào cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên; ánh sáng từ thân chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ vị Thiên tử này nói kệ hỏi Phật:

Những cái sanh từ đất,
Cái gì là tối thắng?
Từ không rơi rụng xuống,
Cái gì là hơn hết?
Phàm ở nơi cầu thỉnh[45],
Cái gì là bậc nhất?
Trong tất cả ngôn ngữ,
Biện thuyết nào là nhất?

Lúc ấy có một Thiên tử vốn con nhà nông, nay được sanh lên cõi trời, vì theo tập khí trước nên liền nói kệ đáp lại Thiên tử kia:

Ngũ cốc từ đất sanh,
Thì đó là tối thắng.
Hạt giống từ không trung,
Rơi xuống đất hơn hết.
Con bò giúp đỡ người[46],

---

44. Quốc Dịch phân thành hai kinh: Chủng tử kinh, Thế gian kinh. Paøli, S.1.74. Vuæææhi; S.1.70. Loka. Biệt dịch, N^{0}100 (234, 235).

45. Hán: kỳ thỉnh xứ 祈請處. Paøli: pavajamaønaønam, trong những cái đi lang thang. Bản Hán đọc là pavaøraòaø.

46. Paøli: gaøvo pavajamaønaønaö, trong các con đi lang thang, con bò (là bậc

Chỗ cậy nhờ tốt nhất.
Lời nói yêu con cái,
Đây là lời hay nhất.

Vị Thiên tử vốn nêu câu hỏi bèn hỏi lại vị Thiên tử trả lời:

"Tôi không hỏi đến anh, cớ sao lại nhiều lời khinh tháo vọng nói. Tôi tự nói kệ hỏi Thế Tôn:

Những cái sanh từ đất,
Cái gì là tối thắng?
Từ không rơi xuống đất,
Cái gì là hơn hết?
Phàm ở nơi cầu thỉnh,
Cái gì là tối thắng?
Trong tất cả ngôn ngữ,
Biện thuyết nào là nhất?

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

Từ dưới đất vọt lên,
Tam minh là tối thượng[47].
Từ hư không rơi xuống,
Tam minh cũng bậc nhất.
Chúng đệ tử Hiền thánh,
Là thầy nương cao quý[48].
Những gì Như Lai nói,
Là biện thuyết bậc nhất.

Thiên tử này lại nói kệ:

Thế gian mấy pháp khởi[49]*?*
Mấy pháp được thuận theo[50]*?*
Đời mấy pháp thủ ái[51]*?*

---

nhất).

47. Paøli: avijjaø nipatataö varaø, vô minh là bậc nhất trong những cái đọa lạc.

48. Hán: sư y 師依. Paøli: saígho pavajamaønaønaö, Tăng là bậc nhất trong những người thường du hành.

49. Paøli: kismiö loko samupamuppanno, thế gian tập khởi trên cái gì?

50. Paøli: kismiö kubbati santhavaö, (thế gian) kết hợp trên cái gì?

Đời mấy pháp tổn giảm[52]*?*

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

Đời khởi do sáu pháp[53]*.*
Đời thuận hiệp sáu pháp.
Đời, sáu pháp thủ ái
Đời, sáu pháp tổn giảm.

Thiên tử này lại nói kệ:

Lâu thấy Bà-la-môn,
Chóng đắc Bát-niết-bàn;
Mọi sợ hãi đều qua,
Thoát hẳn đời ân ái.

Vị Thiên tử ấy nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, đảnh lễ dưới chân Phật, liền biến mất.

M

KINH 1009. TÂM[54]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có một Thiên tử, tướng mạo tuyệt diệu, vào cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên; ánh sáng từ thân chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ vị Thiên tử này nói kệ hỏi Phật:

Ai lôi thế gian đi?
Ai câu dẫn thế gian[55]*?*
Cái gì là một pháp,
Chế ngự nơi thế gian?

---

51. Thủ ái 取愛. Paøli: kissa loko upaødaøya, thế gian chấp thủ cái gì?
52. Paøli: kismiö loko vihaóóaøti, thế gian bị cái gì bức khổ?
53. Sáu pháp chỉ sáu xứ.
54. Paøli, S.1.62. Citta. Biệt dịch, N^{0}100(236).
55. Câu khiên 拘牽. Ấn Thuận đọc là câu dẫn 拘 [illegible]. Paøli: kenassu parikissati, (thế gian) khốn đốn vì cái gì? Bản Hán đọc là parikassati, lôi kéo đi.

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

Tâm đem thế gian đi,
Tâm câu dẫn thế gian;
Tâm kia là một pháp,
Hay chế ngự thế gian.

Thiên tử này lại nói kệ:

Lâu thấy Bà-la-môn,
Chóng đắc Bát-niết-bàn;
Mọi sợ hãi đều qua,
Thoát hẳn đời ân ái.

Vị Thiên tử ấy nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, đảnh lễ dưới chân Phật, liền biến mất.

M

KINH 1010. PHƯỢC[56]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có một Thiên tử, tướng mạo tuyệt diệu, vào cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên; ánh sáng từ thân chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ vị Thiên tử này nói kệ hỏi Phật:

Cái gì trói thế gian?
Điều phục gì để thoát[57]?
Đoạn trừ những pháp nào,
Gọi là đạt Niết-bàn?

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

Dục hay trói thế gian[58],
Điều phục dục, giải thoát[59];

---

56. Paøli, S.1.64. Saöyojana. Biệt dịch, N^{0}100(237).

57. Paøli: kiösu tassa vicaøraòaö, cái gì là bước chân của thế gian?

58. Paøli: nandìsaöyojano loko, thế gian bị trói buộc bởi hỷ.

59. Paøli: vitakkassa vicaøraòaö, tầm cầu là bộ hành của thế gian.

Người đoạn trừ ái dục,
Nói là đạt Niết-bàn.

Thiên tử này lại nói kệ:

Lâu thấy Bà-la-môn,
Chóng đắc Bát-niết-bàn;
Mọi sợ hãi đều qua,
Thoát hẳn đời ân ái.

Vị Thiên tử ấy nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, đảnh lễ dưới chân Phật, liền biến mất.

M

KINH 1011. YỂM[60]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có một Thiên tử, tướng mạo tuyệt diệu, vào cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên; ánh sáng từ thân chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ vị Thiên tử này nói kệ hỏi Phật:

Cái gì khép thế gian?
Gì bao phủ thế gian?
Gì kết buộc chúng sanh?
Đời dựng trên cái gì?

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

Suy già khép thế gian,
Chết bao phủ thế gian;
Ái kết buộc chúng sanh,
Pháp dựng đứng thế gian.

Thiên tử này lại nói kệ:

Lâu thấy Bà-la-môn,
Chóng đắc Bát-niết-bàn;

60. Paøli, S.1.68. Pihita. Biệt dịch, N^{0}100 (238).

Mọi sợ hãi đều qua,
Thoát hẳn đời ân ái.

Vị Thiên tử ấy nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, đảnh lễ dưới chân Phật, liền biến mất.

M

KINH 1012. VÔ MINH[61]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có một Thiên tử, tướng mạo tuyệt diệu, vào cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên; ánh sáng từ thân chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ vị Thiên tử này nói kệ hỏi Phật:

Cái gì che thế gian?
Cái gì trói thế gian?
Cái gì nhớ chúng sanh?
Gì dựng cờ chúng sanh?

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

Vô minh che thế gian,
Ái ràng buộc chúng sanh;
Ẩn phú nhớ chúng sanh[62]*,*
Ngã mạn, cờ chúng sanh.

Thiên tử này lại nói kệ hỏi Phật:

Ai không bị trùm kín?
Ai không bị ái buộc?
Ai ra khỏi ẩn phú?
Ai không dựng cờ mạn?

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

Như Lai Đẳng Chánh Giác,
Chánh trí tâm giải thoát,

---

61. Không thấy Paøli tương đương. Biệt dịch, N^{0}100 (239).

62. Ẩn phú ức chúng sanh 隱覆憶眾生; chưa rõ nghĩa. Ẩn phú, Paøli: makkha (?): ngụy thiện, đạo đức giả.

Không bị vô minh phủ,
Cũng không bị ái buộc,
Vượt ra khỏi ẩn phú,
Bẻ gãy cờ ngã mạn.

Thiên tử này lại nói kệ:

Lâu thấy Bà-la-môn,
Chóng đắc Bát-niết-bàn;
Mọi sợ hãi đều qua,
Thoát hẳn đời ân ái.

Vị Thiên tử ấy nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, đảnh lễ dưới chân Phật, liền biến mất.

M

KINH 1013. TÍN[63]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có một Thiên tử, tướng mạo tuyệt diệu, vào cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên; ánh sáng từ thân chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ vị Thiên tử này nói kệ hỏi Phật:

Những gì là tài vật,
Mà thượng sĩ sở hữu[64]?
Làm sao khéo tu tập,
Để đạt đến an vui?
Làm sao trong các vị,
Được vị ngọt tối thượng?
Làm sao trong chúng sanh,
Đạt tuổi thọ cao nhất[65]?

---

63. Quốc Dịch, "9, Tương ưng chư Thiên; phẩm 3". Paøli, S.1.73. Vitta. Biệt dịch, N⁰100 (240).

64. Paøli: kiösu vittaö purisassa seæææhaö, trong những gì là tài sản tối thượng của con người?

65. Paøli: kathaöjìviö jìvitamaøhu seæææhan'ti, sống như thế nào là đời sống tối thượng?

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

Tâm thanh tịnh, tín lạc,
Là của bậc nhất của người.
Đối Chánh pháp tu hành,
Mang lại quả an lạc.
Lời vi diệu chân thật,
Là vị ngọt tuyệt nhất.
Đời sống tuệ Hiền thánh[66]*,*
Là tuổi thọ cao nhất.

Thiên tử này lại nói kệ:

Lâu thấy Bà-la-môn,
Chóng đắc Bát-niết-bàn;
Mọi sợ hãi đều qua,
Thoát hẳn đời ân ái.

Vị Thiên tử ấy nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, đảnh lễ dưới chân Phật, liền biến mất.

M

KINH 1014. ĐỆ NHỊ[67]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có một Thiên tử, tướng mạo tuyệt diệu, vào cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên; ánh sáng từ thân chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ vị Thiên tử này nói kệ hỏi Phật:

Thế nào là Tỳ-kheo,
Có bạn đồng với mình[68]*?*
Thế nào là Tỳ-kheo,

---

66. Trí tuệ mạng 智慧命 . Paøli: paóóaøjìviö, đời sống trí tuệ.

67. Paøli, S.1.59. Dutiya. Biệt dịch, N^{0}100 (241).

68. Đệ nhị 第二 ; người thứ hai, tức người bạn đồng hành hay sống chung. Paøli: kiösu dutiyaø purisassa hoti, nơi những gì là bạn của con người.

Có tùy thuận giáo thọ[69]*?*
Tỳ-kheo ở nơi nào,
Tâm rong chơi thỏa thích?
Thỏa thích nơi đó rồi,
Đoạn trừ các kết phược[70]*?*

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

Tín, là bạn đồng hành,
Trí tuệ: vị giáo thọ;
Niết-bàn: chốn hỷ lạc,
Tỳ-kheo đoạn kết phược.

Thiên tử này lại nói kệ:

Lâu thấy Bà-la-môn,
Chóng đắc Bát-niết-bàn;
Mọi sợ hãi đều qua,
Thoát hẳn đời ân ái.

Vị Thiên tử ấy nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, đảnh lễ dưới chân Phật, liền biến mất.

M

KINH 1015. TRÌ GIỚI[71]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có một Thiên tử, tướng mạo tuyệt diệu, vào cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên; ánh sáng từ thân chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ vị Thiên tử này nói kệ hỏi Phật:

Gì là tốt đến già?
Gì là tốt xác lập?

---

69. Paøli: kiösu cenaö pasaøsati, bằng cái gì mà dạy dỗ con người?

70. Paøli: kissa caøbhirato macco,sabbadukkhaø pamuccatì ti, con người vui thú nơi cái gì mà giải thoát mọi khổ đau?

71. Paøli, S.1.51. Jaøra. Biệt dịch, N^{0}100 (242).

Gì là của báu người?
Cái gì giặc chẳng đoạt?

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

Chánh giới tốt đến già.
Tịnh tín tốt xác lập.
Trí tuệ, báu của người,
Công đức giặc không đoạt.

Thiên tử này lại nói kệ:

Lâu thấy Bà-la-môn,
Chóng đắc Bát-niết-bàn;
Mọi sợ hãi đều qua,
Thoát hẳn đời ân ái.

Vị Thiên tử ấy nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, đảnh lễ dưới chân Phật, liền biến mất.

M

KINH 1016. CHÚNG SANH (1)[72]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có một Thiên tử, tướng mạo tuyệt diệu, vào cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên; ánh sáng từ thân chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ vị Thiên tử này nói kệ hỏi Phật:

Pháp gì sanh chúng sanh?
Những gì dong ruổi trước?
Cái gì khởi sanh tử?
Cái gì không giải thoát?

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

Ái dục sanh chúng sanh,
Ý dong ruổi trước tiên;

---

72. Paøli, S.1.56. Jana (2). Biệt dịch, N^{0}100 (243).

Chúng sanh khởi sanh tử[73],
Pháp khổ không giải thoát.

Thiên tử này lại nói kệ:

Lâu thấy Bà-la-môn,
Chóng đắc Bát-niết-bàn;
Mọi sợ hãi đều qua,
Thoát hẳn đời ân ái.

Vị Thiên tử ấy nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, đảnh lễ dưới chân Phật, liền biến mất.

M

KINH 1017. CHÚNG SANH (2)[74]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có một Thiên tử, tướng mạo tuyệt diệu, vào cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên; ánh sáng từ thân chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ vị Thiên tử này nói kệ hỏi Phật:

Pháp gì sanh chúng sanh?
Những gì dong ruổi trước?
Cái gì khởi sanh tử?
Pháp gì chỗ nương cậy?

Bấy giờ, Thế Tôn lại nói kệ đáp:

Ái dục sanh chúnh sanh,
Ý dong ruổi trước tiên;
Chúng sanh khởi sanh tử,
Nghiệp pháp chỗ nương cậy.

Thiên tử này lại nói kệ:

Lâu thấy Bà-la-môn,
Chóng đắc Bát-niết-bàn;

---

73. Paøli: satto saösaøram aøpaødi, chúng sanh đọa lạc sanh tử.

74. Paøli, S.1.57. Jana (3). Biệt dịch, N^{0}100 (244).

Mọi sợ hãi đều qua,
Thoát hẳn đời ân ái.

Vị Thiên tử ấy nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, đảnh lễ dưới chân Phật, liền biến mất.

M

KINH 1018. CHÚNG SANH (3)[75]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có một Thiên tử, tướng mạo tuyệt diệu, vào cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên; ánh sáng từ thân chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ vị Thiên tử này nói kệ hỏi Phật:

Pháp gì sanh chúng sanh?
Những gì dong ruổi trước?
Cái gì khởi sanh tử?
Pháp gì đáng sợ nhất?

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

Ái dục sanh chúng sanh,
Ý dong ruổi trước tiên;
Chúng sanh khởi sanh tử,
Nghiệp là đáng sợ nhất.

Thiên tử này lại nói kệ:

Lâu thấy Bà-la-môn,
Chóng đắc Bát-niết-bàn;
Mọi sợ hãi đều qua,
Thoát hẳn đời ân ái.

Vị Thiên tử ấy nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, đảnh lễ dưới chân Phật, liền biến mất.

M

---

75. Paøli, S.1.55. Jana (1). Biệt dịch, N^{0}100 (245).

KINH 1019. PHI ĐẠO[76]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có một Thiên tử, tướng mạo tuyệt diệu, vào cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên; ánh sáng từ thân chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ vị Thiên tử này nói kệ hỏi Phật:

Gì gọi là phi đạo[77]?
Cái gì ngày đêm dời[78]?
Cái gì nhơ phạm hạnh?
Cái gì lụy thế gian[79]?

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

Tham dục là phi đạo,
Tuổi thọ ngày đêm dời;
Người nữ nhơ phạm hạnh,
Người nữ lụy thế gian[80].
Nhiệt hành, tu phạm hạnh,
Rửa sạch các lỗi nhỏ[81].

Thiên tử này lại nói kệ:

Lâu thấy Bà-la-môn,
Chóng đắc Bát-niết-bàn;
Mọi sợ hãi đều qua,
Thoát hẳn đời ân ái.

---

76. Paøli, S.1.58. Uppatha. Biệt dịch, N^{0}100(246).

77. Phi đạo 非道. Paøli: uppatha, con đường lầm lạc, tà đạo.

78. Nhật dạ thiên 日夜遷, có lẽ là tận 盡. Paøli: rattindivakkhayo, bị tận diệt ngày đêm.

79. Paøli: kiö sinaønam anodakaö, sự tắm gì không nước?

80. Paøli: etthaøyaö sajjate pajaøø, ở đây mọi người dính mắc nó. Bản Hán đọc iæææhi (nữ thay vì ettha (ở đây).

81. Paøli: tapo ca brahmacariyaóca, taö sinaønam anodakaö, khổ hạnh và phạm hạnh, là sự tắm không có nước.

Vị Thiên tử ấy nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, đảnh lễ dưới chân Phật, liền biến mất.

M

KINH 1020. VÔ THƯỢNG[82]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có một Thiên tử, tướng mạo tuyệt diệu, vào cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên; ánh sáng từ thân chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ vị Thiên tử này nói kệ hỏi Phật:

Pháp gì ánh thế gian[83]?
Pháp gì là trên hết?
Những gì là một pháp,
Chế ngự khắp chúng sanh?

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

Danh ngời sáng thế gian,
Danh là nhất trên đời;
Chỉ có một pháp 'danh',
Chế ngự cả thế gian.

Thiên tử này lại nói kệ:

Lâu thấy Bà-la-môn,
Chóng đắc Bát-niết-bàn;
Mọi sợ hãi đều qua,
Thoát hẳn đời ân ái.

Vị Thiên tử ấy nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, đảnh lễ dưới chân Phật, liền biến mất.

M

---

82. Paøli, S.1.61. Naøma. Biệt dịch, N^{0}100(247).

83. Paøli: kiösu sabbaö addhabhavi, cái gì chinh phục tất cả?

KINH 1021. KỆ NHÂN[84]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có một Thiên tử, tướng mạo tuyệt diệu, vào cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên; ánh sáng từ thân chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ vị Thiên tử này nói kệ hỏi Phật:

Pháp gì nhân của kệ?
Kệ lấy gì trang nghiêm[85]?
Kệ này nương nơi đâu[86]?
Thể của kệ là gì[87]?

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

Dục[88] là nhân của kệ,
Văn tự trang nghiêm kệ;
Danh là chỗ kệ nương,
Tạo tác[89] là thể kệ.

Thiên tử này lại nói kệ:

Lâu thấy Bà-la-môn,
Chóng đắc Bát-niết-bàn;
Mọi sợ hãi đều qua,
Thoát hẳn đời ân ái.

Vị Thiên tử ấy nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, đảnh lễ dưới chân Phật, liền biến mất.

M

---

84. Paøli, S.1.60. Kavi. Biệt dịch, N^{0}100(248).
85. Paøli: kiösu taøsaö viyaójanaö, cái gì là tiêu tướng (= văn cú) của chúng?
86. Paøli: kiösu sannissitaø gaøthaø, thi kệ y cái gì?
87. Paøli: kiösu gaøthaønaö aøsaøyo, cái gì là sở y của kệ?
88. Paøli: chando (trung tính): âm vận; bản Hán hiểu là nam tính: dục hay ý muốn.
89. Paøli: kavi, thi nhân.

KINH 1022. BIẾT XE[90]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có một Thiên tử, tướng mạo tuyệt diệu, vào cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên; ánh sáng từ thân chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ vị Thiên tử này nói kệ hỏi Phật:

Làm sao biết xe cộ?
Làm sao lại biết lửa?
Làm sao biết quốc độ?
Làm sao biết được vợ?

Bấy giờ, Thế Tôn lại nói kệ đáp:

Thấy cờ lọng biết xe,
Thấy khói thời biết lửa;
Thấy vua biết quốc độ,
Thấy chồng biết được vợ.

Thiên tử này lại nói kệ:

Lâu thấy Bà-la-môn,
Chóng đắc Bát-niết-bàn;
Mọi sợ hãi đều qua,
Thoát hẳn đời ân ái.

Vị Thiên tử ấy nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, đảnh lễ dưới chân Phật, liền biến mất.

❑

---

90. Paøli, S.1.72. Ratha. Biệt dịch, N^{0}100(249).

TẠP A-HÀM QUYỂN 36

KINH 993. TÁN THƯỢNG TỌA[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có các Thượng tọa Tỳ-kheo, sống y chỉ bên cạnh Phật như Tôn giả A-nhã Kiều-trần-như, Tôn giả Ma-ha Ca-diếp, Tôn giả Xá-lợi-phất, Tôn giả Ma-ha Mục-kiền-liên, Tôn giả A-na-luật-đà, Tôn giả Nhị Thập Ức Nhĩ, Tôn giả Đà-la-phiêu Ma-la Tử, Tôn giả Bà-na-ca-bà-sa, Tôn giả Da-xá-xá-la-ca-tỳ-ha-lợi, Tôn giả Phú-lưu-na, Tôn giả Phân-đà-đàn-ni-ca. Như các Thượng tọa này, các Thượng tọa Tỳ-kheo khác cũng sống y chỉ ở bên Phật.

Lúc đó Tôn giả Bà-kỳ-xá[2] đang ở tại giảng đường Lộc tử mẫu trong vườn phía Đông, nước Xá-vệ. Tôn giả Bà-kỳ-xá tự nghĩ: "Hôm nay Thế Tôn đang trú trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ cùng với các Thượng tọa Tỳ-kheo sống y chỉ bên cạnh Phật. Nay ta nên đi đến chỗ Thế Tôn, nói kệ khen ngợi từng Thượng tọa Tỳ-kheo một." Suy nghĩ như vậy xong, Bà-kỳ-xá liền đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật, rồi đứng lui qua một bên, nói kệ:

Tỳ-kheo Tối thượng tọa,
Đã đoạn các tham dục;
Vượt khỏi các thế gian,
Tất cả mọi tích tụ;
Trí sâu, ít nói năng,
Dõng mãnh siêng phương tiện;
Đạo đức sạch sáng ngời:

---

1. Ấn Thuận, "Tụng vii. Tám chúng, Tương ưng 24. Bà-kỳ-xá". Gồm mười sáu kinh, Đại Chánh, quyển 45 (nửa sau), kinh 1208-1221; quyển 36, hai kinh đầu, 993-994. Quốc Dịch, quyển 40, "8. Tương ưng Bà-kỳ-xá", phẩm 2, tiếp theo. Ấn Thuận, "24, Tương ưng Bà-kỳ-xá" tiếp theo, kinh 15. Phật Quang, quyển 46, kinh 1206. Tương đương Paøli, không thấy. Biệt dịch, N^{0}100(256).

2. Bà-kỳ-xá 婆耆舍. Paøli: Vaígìsa, biện tài đệ nhất.

Con nay cúi đầu lạy.
Đấng hàng phục ma oán,
Xa lìa nơi đám đông;
Không bị năm dục trói,
Thường ở nơi vắng lặng;
Rỗng suốt, ít ham muốn:
Con nay cúi đầu lạy.
Thắng tộc Giá-la-diên,
Thiền tư không phóng dật,
Nội tâm vui chánh thọ,
Trong sạch lìa bụi nhơ,
Tuệ biện hiển nghĩa sâu:
Cho nên con cúi lạy.
Đấng đạt Thần thông tuệ,
Vượt qua sức thần thông;
Trong sáu thứ thần thông,
Tự tại không sợ hãi;
Là thần thông tối thắng:
Cho nên con cúi lạy.
Chúng sanh nơi năm đường,
Cho đến cõi Phạm thế;
Trời, người tưởng ưu liệt,
Trong đại thiên thế giới;
Mắt tịnh thiên thấy hết:
Cho nên con cúi lạy.
Sức phương tiện tinh cần,
Đoạn trừ tập khởi ái;
Xé toạc lưới sanh tử,
Tâm thường vui Chánh pháp;
Lìa các tưởng hy vọng,
Vượt qua bờ bên kia;
Trong sạch, không bụi nhơ:
Cho nên con cúi lạy.
Thoát hẳn mọi sợ hãi,
Lìa tài vật, không dính;

Biết đủ, không nghi hoặc,
Hàng phục giặc ma oán;
Quán niệm thân thanh tịnh:
Cho nên con cúi lạy.
Không có các thế gian,
Rừng gai góc phiền não;
Trừ hẳn kết phược sử,
Dứt nhân duyên ba cõi;
Tinh luyện diệt các cấu,
Rốt cùng sáng hiện bày;
Nơi rừng lìa khỏi rừng:
Cho nên con cúi lạy.
Dứt giả trá, si, nhuế,
Điều phục các ái hỷ;
Ra khỏi mọi kiến xứ,
Không cửa nhà nương tựa;
Thanh tịnh không vết nhơ:
Cho nên con cúi lạy.
Tâm kia chuyển tự tại,
Kiên cố không khuynh động;
Trí tuệ đại đức lực,
Khuất phục ma khó phục;
Đoạn trừ kết vô minh:
Cho nên con cúi lạy.
Đại nhân xa tối tăm,
Đấng Mâu-ni vắng lặng,
Chánh pháp lìa lỗi nhơ,
Ánh sáng tự hiện chiếu,
Soi khắp mọi thế giới,
Cho nên gọi là Phật.
Địa thần, hư không thiên,
Thiên tử Tam thập tam;
Ánh sáng ắt bị che,
Cho nên gọi là Phật.
Qua bờ sanh tử hữu,

Siêu việt vượt mọi loài;
Mềm mỏng khéo điều phục,
Chánh giác đệ nhất giác;
Đoạn tận mọi kết phược,
Hàng phục các ngoại đạo;
Đập tan bọn ma oán,
Đắc Vô thượng Chánh giác;
Lìa trần diệt các cấu:
Cho nên con cúi lạy.

Khi Tôn giả Bà-kỳ-xá nói kệ khen ngợi, các Tỳ-kheo lắng nghe những lời này, tất cả đều hoan hỷ.

M

KINH 994. BÀ-KỲ-XÁ TÁN PHẬT[3]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Tôn giả Bà-kỳ-xá đang ở tại giảng đường Lộc tử mẫu trong vườn phía Đông, nước Xá-vệ, bị bệnh nặng nguy khốn. Tôn giả Phú-lân-ni là người chăm sóc bệnh nhân, cung cấp cúng dường.

Khi ấy Tôn giả Bà-kỳ-xá nói với Tôn giả Phú-lân-ni:

"Thầy hãy đến chỗ Thế Tôn, chuyển lời tôi bạch Thế Tôn rằng: 'Tôn giả Bà-kỳ-xá đảnh lễ dưới chân Thế Tôn, kính thăm hỏi Thế Tôn ít bệnh, ít não và sống khinh lợi, an vui chăng?' Lại nói tiếp: 'Tôn giả Bà-kỳ-xá ở tại giảng đường Lộc tử mẫu trong vườn phía Đông, đang bị bệnh nặng nguy khốn, muốn được gặp Thế Tôn, nhưng không đủ sức để đến chỗ Phật. Lành thay! Thế Tôn! Xin Ngài mở lòng thương xót đến chỗ của Bà-kỳ-xá ở giảng đường Lộc tử mẫu tại vườn phía Đông'."

Lúc ấy, Tôn giả Phú-lân-ni nhận lời đi đến Thế Tôn. Sau khi đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên thưa:

"Tôn giả Bà-kỳ-xá ở giảng đường Lộc tử mẫu trong vườn phía

---

3. Biệt dịch, N^{0}100(257).

Đông bị bệnh nặng nguy khốn, muốn được gặp Thế Tôn nhưng không đủ sức đi đến diện kiến Ngài. Lành thay! Thế Tôn! Xin Ngài vì thương xót đến chỗ Tôn giả Bà-kỳ-xá ở giảng đường Lộc tử mẫu trong vườn phía Đông."

Bấy giờ, Thế Tôn im lặng nhận lời. Tôn giả Phú-lân-ni biết Phật đã nhận lời, liền từ chỗ ngồi đứng lên đảnh lễ dưới chân Phật rồi đi.

Chiều hôm ấy sau khi từ thiền tịnh dậy, Thế Tôn đến Tôn giả Bà-kỳ-xá. Tôn giả Bà-kỳ-xá từ xa trông thấy Thế Tôn, muốn vịn giường mà đứng dậy. Bấy giờ, Thế Tôn thấy Tôn giả Bà-kỳ-xá tựa giường muốn gượng dậy, liền bảo:

"Bà-kỳ-xá chớ nên khinh động."

Thế Tôn liền ngồi xuống hỏi Tôn giả Bà-kỳ-xá:

"Những bệnh khổ của ông có bình hòa, dễ chịu đựng không? Sự đau nhức nơi thân tăng hay giảm." Nói đầy đủ như kinh Diệm-ma-ca ở trước... *cho đến* "... những bệnh khổ của con có cảm giác càng tăng thêm chứ không thuyên giảm."

Phật bảo Bà-kỳ-xá:

"Bây giờ Ta hỏi ông, tùy ý mà trả lời Ta. Ông đã được tâm không nhiễm, không đắm, không nhơ, giải thoát, lìa các điên đảo, phải không?"

Bà-kỳ-xá bạch Phật:

"Tâm con không nhiễm, không đắm, không nhơ, giải thoát, lìa các điên đảo."

Phật bảo Bà-kỳ-xá:

"Làm sao ông có được tâm không nhiễm, không đắm, không nhơ, giải thoát, lìa các điên đảo?"

Bà-kỳ-xá bạch Phật:

"Con đối với sắc quá khứ được nhận thức bởi mắt, tâm không luyến tiếc, đối với sắc vị lai, không mơ tưởng, đối với sắc hiện tại không đắm nhiễm. Con ở nơi sắc quá khứ, vị lai, hiện tại được nhận thức bởi mắt, đã dứt sạch niệm tham dục, ái lạc, vô dục, diệt tận, tịch diệt, tịch tĩnh, viễn ly, giải thoát. Tâm đã giải thoát, cho nên không nhiễm, không đắm, không nhơ, lìa các điên đảo, an trụ chánh thọ. Cũng vậy, với nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý. Đối với pháp quá khứ được nhận

thức bởi ý, tâm không luyến tiếc, đối với sắc vị lai, không mơ tưởng, đối với sắc hiện tại không đắm nhiễm. Trong pháp quá khứ, vị lai, hiện tại, niệm tham dục, niệm ái lạc không còn nữa, vô dục, diệt tận, tịch diệt, tịch tĩnh, viễn ly, giải thoát. Tâm đã giải thoát, cho nên không nhiễm, không đắm, không nhơ, lìa các điên đảo, an trụ chánh thọ. Xin Đức Thế Tôn hôm nay ban cho con điều lợi ích tối hậu, nghe con nói kệ."

Phật bảo Bà-kỳ-xá:

"Nên biết đúng lúc."

Tôn giả Bà-kỳ-xá ngồi ngay ngắn, buộc niệm ở trước và nói kệ:

Nay con ở trước Phật,
Cúi đầu cung kính lạy.
Đối với tất cả pháp,
Thảy đều được giải thoát.
Khéo hiểu các tướng pháp,
Tin sâu, vui Chánh pháp.
Thế Tôn, Đẳng Chánh Giác,
Thế Tôn là Đại Sư.
Thế Tôn hàng ma oán,
Thế Tôn Đại Mâu-ni;
Diệt trừ tất cả sử,
Tự độ các loài sanh.
Thế Tôn đối thế gian,
Giác tri tất cả pháp.
Thế gian ắt không có
Ai biết pháp hơn Phật.
Ở trong cõi Thiên, Nhân,
Cũng không ai bằng Phật.
Cho nên hôm nay con,
Lễ bậc Đại tinh tấn,
Cúi đầu lễ Thượng sĩ,
Lễ đấng Đại tinh tấn,
Đã nhổ gai ái dục.
Hôm nay giờ phút cuối,
Con được thấy Thế Tôn.

Cúi lễ đấng Nhật chủng,
Đêm nay Bát-niết-bàn.
Chánh trí buộc chánh niệm,
Đối thân hư hoại này;
Các dư lực còn lại,
Từ đêm nay diệt hẳn.
Ba cõi không còn nhiễm,
Vào Vô dư Niết-bàn.
Cảm thọ khổ và vui,
Cũng không khổ không vui;
Từ nhân duyên xúc sanh,
Hôm nay ắt đoạn tận.
Khổ thọ và lạc thọ,
Cũng không khổ không vui;
Từ nhân duyên xúc sanh,
Hôm nay đều biến tri.
Hoặc bên trong, bên ngoài,
Các cảm thọ khổ vui;
Đối thọ không chỗ đắm,
Chánh trí chánh buộc tâm;
Ban đầu, giữa, sau cùng,
Các tụ không chướng ngại.
Các tụ đã đoạn rồi,
Biết rõ ái không còn.
Người thấy rõ chân thật,
Nói chín mươi mốt kiếp;
Trong ba kiếp không trống,
Có đấng Đại Tiên nhân.
Cõi không không nơi tựa,
Chỉ sợ kiếp khủng bố.
Nên biết Đại Tiên nhân,
Lại xuất hiện thế gian,
An ủi các trời, người,
Mở mắt, lìa bụi mờ;
Thức tỉnh các chúng sanh,

Cho biết mọi thứ khổ:
Khổ khổ và khổ tập,
Tịch diệt, vượt qua khổ;
Bát Thánh đạo Hiền thánh,
An ổn đến Niết-bàn.
Điều thế gian khó được,
Hiện tiền tất đã được;
Đời này, được thân người,
Chánh pháp được diễn nói.
Theo những gì mình muốn,
Lìa cấu cầu thanh tịnh;
Chuyên tu tự lợi mình,
Chớ khiến rỗng không quả.
Luống không thời sanh lo,
Gần nơi địa ngục khổ.
Đối Chánh pháp được nói,
Không thích, không muốn nhận;
Sẽ ở lâu sanh tử,
Bao giờ dứt luân hồi!
Trường kỳ ôm ưu não,
Như người buôn mất của.
Nay con đủ mọi tốt,
Không còn sanh, già, chết.
Luân hồi đã chấm dứt,
Không còn sanh lại nữa.
Dòng nước sông ái, thức,
Từ nay tất cạn khô.
Đã nhổ cội rễ uẩn,
Khoen xích không tiếp nối.
Cúng dường Đại Sư xong,
Việc làm đã hoàn tất,
Gánh nặng đã buông xuống,
Hữu lưu đã đoạn xong;
Không còn thích thọ sanh,
Không còn tử đáng ghét;

Chánh trí, chánh buộc niệm,
Chỉ chờ phút cuối cùng.
Long tượng nhớ rừng hoang,
Sáu mươi thú hùng mạnh,
Một mai thoát gông xiềng,
Thong dong trong rừng núi.
Bà-kỳ-xá cũng vậy,
Miệng Đại Sư sanh con;
Chán bỏ lìa đồ chúng,
Chánh niệm chờ thời đến.
Nay nói với mọi người,
Những ai đến tụ hội;
Nghe kệ Ta sau cùng,
Nghĩa chúng được lợi ích.
Có sanh ắt có diệt,
Các hành đều vô thường.
Pháp chóng sanh, chóng tử,
Nào đáng nương cậy lâu.
Nên phải có chí mạnh,
Tinh cần cầu phương tiện;
Quán sát có sợ hãi,
Tùy thuận đạo Mâu-ni,
Mau hết khổ ấm này,
Chớ tăng thêm luân chuyển.
Đứa con từ miệng Phật,
Khen nói kệ này xong;
Xin từ biệt đại chúng,
Bà-kỳ-xá Niết-bàn.
Vì tấm lòng từ bi,
Nói kệ vô thượng này;
Tôn giả Bà-kỳ-xá,
Con sanh từ pháp Phật.
Do rũ lòng bi mẫn,
Nói kệ Vô thượng này;
Sau đó Bát-niết-bàn,

Tất cả nên kính lễ.[4]

M

4. Tương ưng Bà-kỳ-xá sẽ được tiếp nối nơi quyển 45 (nửa sau), kinh 1028-1221.

KINH 995. A-LUYỆN-NHÃ[5]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có một Thiên tử, tướng mạo tuyệt diệu, vào cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên; ánh sáng từ thân chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà. Bấy giờ vị Thiên tử này nói kệ hỏi Phật:

Tỳ-kheo A-luyện-nhã[6],
An trụ nơi vắng vẻ[7],
Lặng lẽ tu phạm hạnh,
Ăn chỉ một lần ngồi[8],
Do vì nhân duyên gì,
Nhan sắc được tươi sáng?

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

Với quá khứ không lo,
Vị lai không mơ thích;
Hiện tại tùy chỗ được,
Chánh trí buộc giữ niệm.
Ăn uống luôn buộc niệm,
Nhan sắc thường tươi sáng.
Tâm, tưởng ruỗi vị lai,
Buồn tiếc theo quá khứ;
Lửa ngu si tự nấu,
Như mưa đá chết cỏ.

---

5. Ấn Thuận, "25. Tương ưng chư Thiên", một trăm lẻ tám kinh: 1324-1431, tương đương Đại Chánh, kinh 995-1022 (quyển 36), 576-603 (quyển 22), 1267-1318 (quyển 48). Tương đương Paøli, S.1. Devataø-saöyutta. Quốc Dịch, phẩm 1, gồm chín kinh, Đại Chánh kinh 995-1003. Paøli, S.1.1.10. Araóóe. Biệt dịch, N^{0}100(132).

6. A-luyện-nhã 阿練若. Paøli: araóóaka, vị (Tỳ-kheo) sống trong rừng. Một trong mười hai hạnh đầu đà.

7. Hán: không nhàn xứ 空閑處. Paøli: araóóe, chỗ rừng vắng.

8. Nhất tọa thực 一坐食, chỉ sự ăn một ngày một lần duy nhất trước giờ ngọ. Một trong mười hai hạnh đầu đà. Paøli: ekabhattaö = ekaøsanabhatta.

Thiên tử này lại nói kệ:

Lâu thấy Bà-la-môn,
Chóng đắc Bát-niết-bàn;
Mọi sợ hãi đều qua,
Thoát hẳn đời ân ái.

Vị Thiên tử này nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, đảnh lễ dưới chân Phật, liền biến mất.

M

KINH 996. KIÊU MẠN[9]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có một Thiên tử, tướng mạo tuyệt diệu, vào cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên; ánh sáng từ thân chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ vị Thiên tử này nói kệ hỏi Phật:

Không khéo điều phục tâm,
Khởi dục vọng kiêu mạn[10]*;*
Chưa từng tu tịch mặc,
Cũng chẳng vào chánh thọ[11].
Ở rừng mà phóng dật,
Không qua đến bờ kia[12].

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

---

9. Paøli, S.1.9. Maønakaøma. Biệt dịch, N^{0}100(133).

10. Hán: bất dục khởi kiêu mạn, thiện tự điều kỳ tâm 不欲起憍慢,善自調其心; cú pháp đảo trang. Xét nội dung và đối chiếu Paøli, sắp xếp lại trước khi dịch. Tham khảo Paøli: na maønakaømassa damo idhatthi, ở đây, dục kiêu mạn không được chế ngự.

11. Paøli: na monam atthi asamaøhitassa, không có Mâu-ni (tịch mặc) đối với tâm không định tĩnh.

12. Paøli: na maccudheyyassa tareyya paøran' ti, không thể vượt qua bên kia cảnh giới tử thần.

Đã lìa nơi kiêu mạn,
Tâm thường vào chánh định;
Trí sáng khéo phân biệt,
Giải thoát tất cả phược.
Một mình nơi rừng vắng,
Tâm này không phóng dật;
Nhanh chóng vượt qua bờ
Kẻ thù tử ma kia.

Thiên tử này lại nói kệ:

Lâu thấy Bà-la-môn,
Chóng đắc Bát-niết-bàn;
Mọi sợ hãi đều qua,
Thoát hẳn đời ân ái.

Vị Thiên tử này nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, đảnh lễ dưới chân Phật, liền biến mất.

M

KINH 997. CÔNG ĐỨC TĂNG TRƯỞNG[13]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có một Thiên tử, tướng mạo tuyệt diệu, vào cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên; ánh sáng từ thân chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ vị Thiên tử này nói kệ hỏi Phật:

Làm sao được ngày đêm,
Công đức luôn tăng trưởng?
Làm sao sanh cõi trời?
Xin Ngài giải nói rõ.

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

Trồng vườn cây ăn quả,
Rừng cây cho bóng mát;

13. Paøli, S.1.47. Vanaropa. Biệt dịch, N^{0}100(134).

Cầu, thuyền dùng qua sông,
Tạo ra nhà phước đức;
Đào giếng giúp đỡ khát,
Khách xá giúp lữ hành;
Những công đức như vậy,
Ngày đêm thường tăng trưởng.
Giới đầy đủ như pháp,
Nhờ đó sanh cõi trời.

Thiên tử này lại nói kệ:

Lâu thấy Bà-la-môn,
Chóng đắc Bát-niết-bàn;
Mọi sợ hãi đều qua,
Thoát hẳn đời ân ái.

Vị Thiên tử này nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, đảnh lễ dưới chân Phật, liền biến mất.

M

KINH 998. CHO GÌ ĐƯỢC SỨC LỚN[14]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có một Thiên tử, tướng mạo tuyệt diệu, vào cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên; ánh sáng từ thân chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ vị Thiên tử này nói kệ hỏi Phật:

Thí gì được sức lớn?
Thí gì được diệu sắc?
Thí gì được an vui?
Thí gì được mắt sáng?
Tu tập những thí nào,
Gọi là nhất thiết thí?
Nay xin hỏi Thế Tôn,
Xin Ngài phân biệt nói.

---

14. Paøli, S.1.42. Kiödada. Biệt dịch, N^{0}100(235).

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

Thí ăn được sức lớn,
Thí y được diệu sắc;
Thí xe được an vui,
Thí đèn được mắt sáng;
Lữ quán để tiếp khách[15],
Gọi là nhất thiết thí.
Đem pháp để dạy người,
Đó là thí cam lộ[16].

Thiên tử này lại nói kệ:

Lâu thấy Bà-la-môn,
Chóng đắc Bát-niết-bàn;
Mọi sợ hãi đều qua,
Thoát hẳn đời ân ái.

Vị Thiên tử này nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, đảnh lễ dưới chân Phật, liền biến mất.

M

KINH 999. HOAN HỶ[17]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có một Thiên tử tên là Tất-bề-lê[18], tướng mạo tuyệt diệu, vào cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên; ánh sáng từ thân chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ vị Thiên tử này nói kệ:

Chư Thiên và người đời,
Đều ưa thích thức ăn;

15. Paøli: upassaya, phòng xá, hay phòng trọ.
16. Paøli: amataö dado, cho sự bất tử.
17. Paøli, S.1.43. Anna (thực); S.2.23. Serì.
18. Tất-bề-lê 悉鞞梨. Paøli: Serì devaputto.

Vậy có các thế gian,
Phước lạc tự theo chăng[19]*?*

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

Tịnh tín tâm huệ thí,
Đời này và đời sau
Theo chỗ người này đến,
Phước báo theo như bóng.
Cho nên bỏ keo kiệt,
Hành huệ thí không nhơ;
Thí rồi, tâm hoan hỷ,
Đời này đời khác nhận.

Thiên tử Tất-bề-lê này bạch Phật:

"Lạ thay! Thế Tôn khéo nói nghĩa trên:

Tịnh tín tâm huệ thí,
Đời này và đời sau;
Theo chỗ người này đến,
Phước báo theo như bóng;
Cho nên bỏ keo kiệt,
Hành huệ thí không nhơ;
Thí rồi tâm hoan hỷ,
Đời này đời khác nhận.

Thiên tử Tất-bề-lê bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, con tự biết thời quá khứ, đã từng làm quốc vương tên Tất-bề-lê, bố thí, làm phước khắp cả bốn cửa thành. Và ở trong thành kia có bốn giao lộ, ở nơi đó cũng bố thí làm phước.

"Lúc ấy đệ nhất phu nhân đến nói với con: 'Đại vương làm phước đức lớn, mà tôi không có sức để tu các phước nghiệp.'

"Khi đó, con nói: 'Ngoài cửa thành phía Đông, bố thí, làm phước, việc đó đều thuộc về phu nhân.'

"Các vương tử cũng đến tâu với con: 'Đại vương làm nhiều công đức, phu nhân cũng vậy. Mà chúng con không có sức để làm

---

19. Paøli: atha ko naøma so yakkho, yaö annaö naøbhinandatì ti, có Dạ-xoa tên gì mà không ưa thích đồ ăn?

các phước nghiệp. Nay chúng con xin được nương vào Đại vương làm chút công đức.'

"Khi đó, con đáp: 'Ngoài cửa thành phía Nam, bố thí, làm phước, việc đó đều thuộc về các con.'

"Bấy giờ có quan đại thần lại đến tâu với con: 'Ngày nay Đại vương, phu nhân, cùng vương tử làm nhiều công đức. Còn hạ thần không có sức làm các phước nghiệp, xin nương vào Đại vương làm chút công đức.'

"Khi đó, con bảo: 'Ngoài cửa thành phía Tây, bố thí làm phước, việc đó đều thuộc về các ông.'

"Bấy giờ, các tướng sĩ lại đến tâu với con: 'Ngày nay Đại vương, làm nhiều công đức, phu nhân, vương tử và các đại thần đều cùng làm, chỉ có chúng hạ thần không có sức để làm phước nghiệp, xin nương vào Đại vương để làm.'

"Khi đó, con đáp: 'Ngoài cửa thành phía Bắc, bố thí làm phước, việc đó đều thuộc về các ông.'

"Bấy giờ, thứ dân trong nước lại đến tâu với con: 'Ngày nay Đại vương làm nhiều công đức, phu nhân, vương tử, đại thần, các tướng sĩ đều cùng làm. Chỉ có chúng tôi không có sức để tu phước, nguyện xin nương vào Đại vương làm chút công đức.'

"Khi đó, con đáp: 'Trong thành kia, ở đầu bốn giao lộ, bố thí làm phước, việc đó đều thuộc về các ngươi.'

"Bấy giờ, vua, phu nhân, vương tử, đại thần, tướng sĩ, thứ dân, mọi người đều bố thí, làm các công đức. Việc huệ thí công đức trước đây của con do đó mà bị gián đoạn. Khi đó những người con đã bảo họ làm phước đều trở về chỗ con, làm lễ con và tâu con rằng: 'Đại vương nên biết, những nơi tu phước, phu nhân, vương tử, đại thần, tướng sĩ, thứ dân, mỗi người đều y cứ chỗ mình mà bố thí, làm phước. Sự bố thí của Đại vương đến do đó mà bị gián đoạn.'

"Khi đó, con đáp: 'Này Thiện nam, các nước láng giềng hằng năm nộp tài vật cung ứng cho ta, phân nửa cho vào kho, còn phân nửa để lại các nước ấy thí ân, làm phước.'

"Người kia vâng theo lệnh vua, đến nước lân cận, gom góp tài vật, phân nửa cho vào kho, phân nửa để lại cho nước đó thí ân, làm phước.

"Trước kia con trường kỳ thí ân, làm phước như vậy, nên luôn luôn được phước báo khả ái, khả niệm, khả ý, thường hưởng được khoái lạc không cùng tận. Do phước nghiệp này cùng với quả phước báo phước, tất cả đều dồn vào nhóm công đức lớn. Ví như năm con sông lớn hợp thành một dòng, đó là sông Hằng, Da-bố-na, Tát-la-do, Y-la-bạt-đề, Ma-hê. Năm con sông này hợp thành một dòng như vậy mà không ai có thể đo lường số lượng trăm, ngàn, vạn, ức đấu hộc nước sông kia. Nước của con sông lớn này trở thành một khối lượng nước lớn. Quả báo của các công đức đã làm của con cũng như vậy, không thể đo lường, tất cả đều nhập vào nhóm công đức lớn."

Thiên tử Tất-bề-lê nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ lễ Phật rồi biến mất.

M

KINH 1000. VIỄN DU[20]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có một Thiên tử, tướng mạo tuyệt diệu, vào cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên; ánh sáng từ thân chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ vị Thiên tử này nói kệ hỏi Phật:

Người nào có thể làm
Thiện tri thức viễn du[21]*?*
Người nào có thể làm
Thiện tri thức tại gia?
Người nào có thể làm
Thiện tri thức thông tài[22]*?*
Người nào có thể làm
Thiện tri thức đời sau?

---

20. Paøli, S.1.53. Mitta. Biệt dịch, N^{0}100 (237).

21. Paøli: pavasato mittaö, bạn trong khi đi đường.

22. Hán: thông tài thiện tri thức 通財善知識. Paøli: mittaö atthajaøtassa, bạn hiểu biết công việc, bạn khi cần.

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

Người dẫn đầu đoàn buôn,
Thiện tri thức du hành.
Vợ hiền lương trinh chính,
Thiện tri thức tại gia.
Thân tộc gần gũi nhau,
Thiện tri thức thông tài.
Công đức mình tu tập,
Thiện tri thức đời sau.

Thiên tử này lại nói kệ:

Lâu thấy Bà-la-môn,
Chóng đắc Bát-niết-bàn;
Mọi sợ hãi đều qua,
Thoát hẳn đời ân ái.

Vị Thiên tử này nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, đảnh lễ dưới chân Phật, liền biến mất.

M

KINH 1001. XÂM BỨC[23]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có một Thiên tử, tướng mạo tuyệt diệu, vào cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên; ánh sáng từ thân chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ vị Thiên tử này nói kệ hỏi Phật:

Vận tối đem mạng đi,
Nên khiến người đoản mạng.
Bị sự già bức bách,
Mà không người cứu hộ.
Thấy già, bệnh, chết đó,
Khiến người sợ vô cùng.

---

23. Paøli, S.1.3. Upaneyya; S.2.2.9. Uttara. Biệt dịch, N^{0}100(138).

Chỉ làm các công đức,
Vui đi đến chỗ vui.

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

Vận tối đem mạng đi,
Nên khiến người đoản mạng.
Bị sự già bức bách,
Mà không người cứu hộ.
Thấy lỗi hữu dư này,
Khiến người sợ vô cùng.
Đoạn tham ái ở đời,
Nhập Niết-bàn vô dư.

Thiên tử này lại nói kệ:

Lâu thấy Bà-la-môn,
Chóng đắc Bát-niết-bàn;
Mọi sợ hãi đều qua,
Thoát hẳn đời ân ái.

Vị Thiên tử này nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, đảnh lễ dưới chân Phật, liền biến mất.

M

KINH 1002. ĐOẠN TRỪ[24]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có một Thiên tử, tướng mạo tuyệt diệu, vào cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên; ánh sáng từ thân chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ vị Thiên tử này nói kệ hỏi Phật:

Đối mấy pháp đoạn trừ?
Mấy pháp nên vất bỏ?
Và đối với mấy pháp,
Tăng thượng phương tiện tu?

---

24. Paøli, S.1.5. Kati chande. Biệt dịch, N^{0}100(140).

Phải siêu việt mấy tụ[25],
Tỳ-kheo vượt dòng siết[26]*?*

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

Năm đoạn trừ, năm xả[27],
Đối năm căn tu thêm[28],
Vượt lên năm hòa hợp[29],
Tỳ-kheo qua dòng sâu.

Thiên tử này lại nói kệ:

Lâu thấy Bà-la-môn,
Chóng đắc Bát-niết-bàn;
Mọi sợ hãi đều qua,
Thoát hẳn đời ân ái.

Vị Thiên tử này nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, đảnh lễ dưới chân Phật, liền biến mất.

M

KINH 1003. TỈNH NGỦ[30]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có một Thiên tử, tướng mạo tuyệt diệu, vào cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên; ánh sáng từ thân chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ vị Thiên tử này nói kệ hỏi Phật:

Mấy người ngủ khi thức?
Mấy người thức khi ngủ[31]*?*

---

25. Paøli: saígaøtigo, (người) siêu việt chấp trước, thoát khỏi sự kết buộc.
26. Paøli: oghatiòòo, (người) vượt qua dòng thác.
27. Đây chỉ đoạn trừ năm triền cái, xả năm dục.
28. Năm căn, chỉ năm vô lậu căn: tín, tinh tấn, niệm, định, tuệ.
29. Năm hòa hiệp, chỉ năm kết: tham, sân, mạn, tật đố, keo kiệt (xan). Paøli: paóca saígaøtigo.
30. Paøli, S.1.6. Jaøgara. Biệt dịch, N^{0}100 (141).
31. Paøli: kati jaøgarataö suttaø, kati suttesu jaøgaraø, bao nhiêu (pháp) mình ngủ khi người khác thức? Bao nhiêu (pháp) mình thức khi người ngủ?

Mấy người đắm bụi nhơ?
Mấy người được thanh tịnh?

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

Năm người ngủ khi thức.
Năm người thức khi ngủ.
Năm người đắm bụi nhơ.
Năm người được thanh tịnh[32].

Thiên tử này lại nói kệ:

Lâu thấy Bà-la-môn,
Chóng đắc Bát-niết-bàn;
Mọi sợ hãi đều qua,
Thoát hẳn đời ân ái.

Vị Thiên tử này nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, đảnh lễ dưới chân Phật, liền biến mất.

M

KINH 1004. HỖ TƯƠNG HOAN HỶ[33]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có một Thiên tử, tướng mạo tuyệt diệu, vào cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên; ánh sáng từ thân chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ vị Thiên tử này nói kệ hỏi Phật:

Mẹ con vui với nhau,
Trâu chúa thích trâu mình.
Chúng sanh thích hữu dư[34]*,*
Không ai thích vô dư.

---

32. Biệt dịch Tạp A-hàm 8, kinh 10: Người trì năm giới, tuy ngủ mà là thức. Người tạo năm ác, tuy thức mà ngủ. Bị năm cái che lấp: nhiễm bụi bặm. Có năm Vô học phần: thanh tịnh ly cấu.

33. Quốc Dịch, "9. Tương ưng chư Thiên, phẩm 2". Paøli, S.1.12. Nandati. S.4.1.8. Nandana. Biệt dịch, N^{0}100(142).

34. Chỉ hữu y hay sanh y. Paøli: upadhi.

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

Mẹ con lo lẫn nhau,
Trâu chúa lo trâu mình;
Hữu dư chúng sanh lo,
Vô dư thì không lo.

Thiên tử này lại nói kệ:

Lâu thấy Bà-la-môn,
Chóng đắc Bát-niết-bàn;
Mọi sợ hãi đều qua,
Thoát hẳn đời ân ái.

Vị Thiên tử này nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, đảnh lễ dưới chân Phật, liền biến mất.

M

KINH 1005. NGƯỜI VẬT[35]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có một Thiên tử, tướng mạo tuyệt diệu, vào cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên; ánh sáng từ thân chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ vị Thiên tử này nói kệ hỏi Phật:

Vật gì là của người?
Cái gì bạn bậc nhất?
Cái gì để nuôi sống?
Chúng sanh nương nơi nào?

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

Ruộng, nhà: của chúng sanh.
Vợ hiền: bạn bậc nhất;
Ăn uống để nuôi sống,
Chúng sanh nương vào nghiệp.

35. Paøli, S.1.54. Vatthu. Biệt dịch, N^{0}100(231).

Thiên tử này lại nói kệ:

Lâu thấy Bà-la-môn,
Chóng đắc Bát-niết-bàn;
Mọi sợ hãi đều qua,
Thoát hẳn đời ân ái.

Vị Thiên tử này nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, đảnh lễ dưới chân Phật, liền biến mất.

M

KINH 1006. YEAU AI HON CON[36]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có một Thiên tử, tướng mạo tuyệt diệu, vào cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên; ánh sáng từ thân chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ vị Thiên tử này nói kệ hỏi Phật:

Yêu ai hơn yêu con.
Của nào quý hơn bò.
Sáng gì hơn mặt trời.
Tát-la[37] không hơn biển.

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

Yêu ai bằng yêu mình.
Tiền của nào hơn thóc.
Sáng gì hơn trí tuệ,
Tát-la đâu bằng thấy[38].

Thiên tử này lại nói kệ:

Lâu thấy Bà-la-môn,
Chóng đắc Bát-niết-bàn;

---

36. Paøli, S.1.13. Natthiputtasama. Biệt dịch, N^{0}100(232).

37. Tát-la 薩羅 . Paøli: sara, chỉ biển hồ, không lớn hơn biển Đại dương (Samudda).

38. Paøli: vuæææhi ve paramaø saraø ti, mưa là biển hồ tối thượng. Bản Hán, đọc là diæææhi (thấy, kiến) thay vì vuæææhi (mưa).

Mọi sợ hãi đều qua,
Thoát hẳn đời ân ái.

Vị Thiên tử này nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, đảnh lễ dưới chân Phật, liền biến mất.

M

KINH 1007. SÁT-LỢI[39]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có một Thiên tử, tướng mạo tuyệt diệu, vào cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên, ánh sáng từ thân chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ vị Thiên tử này nói kệ hỏi Phật:

Hai chân, Sát-lợi tôn.
Bốn chân, bò đực[40] hơn.
Trẻ đẹp[41] là vợ nhất,
Quý sanh[42] là con nhất.

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

Hai chân, Chánh giác tôn.
Bốn chân, ngựa thuần hơn.
Thuận chồng là vợ hiền,
Lậu tận con quý nhất[43].

Thiên tử này lại nói kệ:

Lâu thấy Bà-la-môn,
Chóng đắc Bát-niết-bàn;
Mọi sợ hãi đều qua,

---

39. Paøli, S.1.2.4. Khattiya. Biệt dịch, N^{0}100 (233).
40. Phong ngưu 犎 牛. Paøli: balìvaddo, bò đực.
41. Hán: đồng anh 童英. Paøli: komarì, đồng nữ, thiếu nữ, quý nữ.
42. Quý sanh 貴生. Paøli: pubbaja, sanh trước, con trai trưởng.
43. Paøli: yo ca puttaønam assavo'ti, hiếu thuận là con quý nhất. Bản Hán đọc nhầm assava (trung thực, hiếu thuận) thành asava rồi hiểu là tỉnh lược của anaøsava (vô lậu).

Thoát hẳn đời ân ái.

Vị Thiên tử này nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, đảnh lễ dưới chân Phật, liền biến mất.

M

KINH 1008. CHỦNG TỬ[44]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có một Thiên tử, tướng mạo tuyệt diệu, vào cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên; ánh sáng từ thân chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ vị Thiên tử này nói kệ hỏi Phật:

Những cái sanh từ đất,
Cái gì là tối thắng?
Từ không rơi rụng xuống,
Cái gì là hơn hết?
Phàm ở nơi cầu thỉnh[45],
Cái gì là bậc nhất?
Trong tất cả ngôn ngữ,
Biện thuyết nào là nhất?

Lúc ấy có một Thiên tử vốn con nhà nông, nay được sanh lên cõi trời, vì theo tập khí trước nên liền nói kệ đáp lại Thiên tử kia:

Ngũ cốc từ đất sanh,
Thì đó là tối thắng.
Hạt giống từ không trung,
Rơi xuống đất hơn hết.
Con bò giúp đỡ người[46],

---

44. Quốc Dịch phân thành hai kinh: Chủng tử kinh, Thế gian kinh. Paøli, S.1.74. Vuææhi; S.1.70. Loka. Biệt dịch, N^{0}100 (234, 235).

45. Hán: kỳ thỉnh xứ 祈請處. Paøli: pavajamaønaønam, trong những cái đi lang thang. Bản Hán đọc là pavaøraòaø.

46. Paøli: gaøvo pavajamaønaønaö, trong các con đi lang thang, con bò (là bậc

Chỗ cậy nhờ tốt nhất.
Lời nói yêu con cái,
Đây là lời hay nhất.

Vị Thiên tử vốn nêu câu hỏi bèn hỏi lại vị Thiên tử trả lời:

"Tôi không hỏi đến anh, cớ sao lại nhiều lời khinh tháo vọng nói. Tôi tự nói kệ hỏi Thế Tôn:

Những cái sanh từ đất,
Cái gì là tối thắng?
Từ không rơi xuống đất,
Cái gì là hơn hết?
Phàm ở nơi cầu thỉnh,
Cái gì là tối thắng?
Trong tất cả ngôn ngữ,
Biện thuyết nào là nhất?

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

Từ dưới đất vọt lên,
Tam minh là tối thượng[47].
Từ hư không rơi xuống,
Tam minh cũng bậc nhất.
Chúng đệ tử Hiền thánh,
Là thầy nương cao quý[48].
Những gì Như Lai nói,
Là biện thuyết bậc nhất.

Thiên tử này lại nói kệ:

Thế gian mấy pháp khởi[49]*?*
Mấy pháp được thuận theo[50]*?*
Đời mấy pháp thủ ái[51]*?*

---

nhất).

47. Paøli: avijjaø nipatataö varaø, vô minh là bậc nhất trong những cái đọa lạc.
48. Hán: sư y 師依. Paøli: saígho pavajamaønaønaö, Tăng là bậc nhất trong những người thường du hành.
49. Paøli: kismiö loko samupamuppanno, thế gian tập khởi trên cái gì?
50. Paøli: kismiö kubbati santhavaö, (thế gian) kết hợp trên cái gì?

Đời mấy pháp tổn giảm[52]*?*

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

Đời khởi do sáu pháp[53]*.*
Đời thuận hiệp sáu pháp.
Đời, sáu pháp thủ ái
Đời, sáu pháp tổn giảm.

Thiên tử này lại nói kệ:

Lâu thấy Bà-la-môn,
Chóng đắc Bát-niết-bàn;
Mọi sợ hãi đều qua,
Thoát hẳn đời ân ái.

Vị Thiên tử ấy nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, đảnh lễ dưới chân Phật, liền biến mất.

M

KINH 1009. TÂM[54]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có một Thiên tử, tướng mạo tuyệt diệu, vào cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên; ánh sáng từ thân chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ vị Thiên tử này nói kệ hỏi Phật:

Ai lôi thế gian đi?
Ai câu dẫn thế gian[55]*?*
Cái gì là một pháp,
Chế ngự nơi thế gian?

---

51. Thủ ái 取愛. Paøli: kissa loko upaødaøya, thế gian chấp thủ cái gì?
52. Paøli: kismiö loko vihaóóaøti, thế gian bị cái gì bức khổ?
53. Sáu pháp chỉ sáu xứ.
54. Paøli, S.1.62. Citta. Biệt dịch, N^{0}100(236).
55. Câu khiên 拘牽. Ấn Thuận đọc là câu dẫn 拘 . Paøli: kenassu parikissati, (thế gian) khốn đốn vì cái gì? Bản Hán đọc là parikassati, lôi kéo đi.

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

Tâm đem thế gian đi,
Tâm câu dẫn thế gian;
Tâm kia là một pháp,
Hay chế ngự thế gian.

Thiên tử này lại nói kệ:

Lâu thấy Bà-la-môn,
Chóng đắc Bát-niết-bàn;
Mọi sợ hãi đều qua,
Thoát hẳn đời ân ái.

Vị Thiên tử ấy nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, đảnh lễ dưới chân Phật, liền biến mất.

M

KINH 1010. PHƯỢC[56]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có một Thiên tử, tướng mạo tuyệt diệu, vào cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên; ánh sáng từ thân chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ vị Thiên tử này nói kệ hỏi Phật:

Cái gì trói thế gian?
Điều phục gì để thoát[57]?
Đoạn trừ những pháp nào,
Gọi là đạt Niết-bàn?

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

Dục hay trói thế gian[58],
Điều phục dục, giải thoát[59];

---

56. Paøli, S.1.64. Saöyojana. Biệt dịch, N^{0}100(237).
57. Paøli: kiösu tassa vicaøraòaö, cái gì là bước chân của thế gian?
58. Paøli: nandìsaöyojano loko, thế gian bị trói buộc bởi hỷ.
59. Paøli: vitakkassa vicaøraòaö, tầm cầu là bộ hành của thế gian.

Người đoạn trừ ái dục,
Nói là đạt Niết-bàn.

Thiên tử này lại nói kệ:

Lâu thấy Bà-la-môn,
Chóng đắc Bát-niết-bàn;
Mọi sợ hãi đều qua,
Thoát hẳn đời ân ái.

Vị Thiên tử ấy nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, đảnh lễ dưới chân Phật, liền biến mất.

M

KINH 1011. YỂM[60]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có một Thiên tử, tướng mạo tuyệt diệu, vào cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên; ánh sáng từ thân chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ vị Thiên tử này nói kệ hỏi Phật:

Cái gì khép thế gian?
Gì bao phủ thế gian?
Gì kết buộc chúng sanh?
Đời dựng trên cái gì?

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

Suy già khép thế gian,
Chết bao phủ thế gian;
Ái kết buộc chúng sanh,
Pháp dựng đứng thế gian.

Thiên tử này lại nói kệ:

Lâu thấy Bà-la-môn,
Chóng đắc Bát-niết-bàn;

---

60. Paøli, S.1.68. Pihita. Biệt dịch, N^{0}100 (238).

Mọi sợ hãi đều qua,
Thoát hẳn đời ân ái.

Vị Thiên tử ấy nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, đảnh lễ dưới chân Phật, liền biến mất.

M

KINH 1012. VÔ MINH[61]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có một Thiên tử, tướng mạo tuyệt diệu, vào cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên; ánh sáng từ thân chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ vị Thiên tử này nói kệ hỏi Phật:

Cái gì che thế gian?
Cái gì trói thế gian?
Cái gì nhớ chúng sanh?
Gì dựng cờ chúng sanh?

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

Vô minh che thế gian,
Ái ràng buộc chúng sanh;
Ẩn phú nhớ chúng sanh[62]*,*
Ngã mạn, cờ chúng sanh.

Thiên tử này lại nói kệ hỏi Phật:

Ai không bị trùm kín?
Ai không bị ái buộc?
Ai ra khỏi ẩn phú?
Ai không dựng cờ mạn?

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

Như Lai Đẳng Chánh Giác,
Chánh trí tâm giải thoát,

---

61. Không thấy Paøli tương đương. Biệt dịch, N^{0}100 (239).

62. Ẩn phú ức chúng sanh 隱覆憶眾生; chưa rõ nghĩa. Ẩn phú, Paøli: makkha (?): ngụy thiện, đạo đức giả.

Không bị vô minh phủ,
Cũng không bị ái buộc,
Vượt ra khỏi ẩn phú,
Bẻ gãy cờ ngã mạn.

Thiên tử này lại nói kệ:

Lâu thấy Bà-la-môn,
Chóng đắc Bát-niết-bàn;
Mọi sợ hãi đều qua,
Thoát hẳn đời ân ái.

Vị Thiên tử ấy nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, đảnh lễ dưới chân Phật, liền biến mất.

M

KINH 1013. TÍN[63]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có một Thiên tử, tướng mạo tuyệt diệu, vào cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên; ánh sáng từ thân chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ vị Thiên tử này nói kệ hỏi Phật:

Những gì là tài vật,
Mà thượng sĩ sở hữu[64]?
Làm sao khéo tu tập,
Để đạt đến an vui?
Làm sao trong các vị,
Được vị ngọt tối thượng?
Làm sao trong chúng sanh,
Đạt tuổi thọ cao nhất[65]?

---

63. Quốc Dịch, "9, Tương ưng chư Thiên; phẩm 3". Paøli: S.1.7.3. Vitta. Biệt dịch, N⁰100 (240).

64. Paøli: kiösu vittaö purisassa seæææhaö, trong những gì là tài sản tối thượng của con người?

65. Paøli: kathaöjìviö jìvitamaøhu seæææhan'ti, sống như thế nào là đời sống tối thượng?

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

Tâm thanh tịnh, tín lạc,
Là của bậc nhất của người.
Đối Chánh pháp tu hành,
Mang lại quả an lạc.
Lời vi diệu chân thật,
Là vị ngọt tuyệt nhất.
Đời sống tuệ Hiền thánh[66]*,*
Là tuổi thọ cao nhất.

Thiên tử này lại nói kệ:

Lâu thấy Bà-la-môn,
Chóng đắc Bát-niết-bàn;
Mọi sợ hãi đều qua,
Thoát hẳn đời ân ái.

Vị Thiên tử ấy nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, đảnh lễ dưới chân Phật, liền biến mất.

M

KINH 1014. ĐỆ NHỊ[67]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có một Thiên tử, tướng mạo tuyệt diệu, vào cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên; ánh sáng từ thân chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ vị Thiên tử này nói kệ hỏi Phật:

Thế nào là Tỳ-kheo,
Có bạn đồng với mình[68]*?*
Thế nào là Tỳ-kheo,

---

66. Trí tuệ mạng 智慧命 . Paøli: paóóaøjìviö, đời sống trí tuệ.

67. Paøli, S.1.59. Dutiya. Biệt dịch, N^{0}100 (241).

68. Đệ nhị 第二 ; người thứ hai, tức người bạn đồng hành hay sống chung. Paøli: kiösu dutiyaø purisassa hoti, nơi những gì là bạn của con người.

Có tùy thuận giáo thọ[69]*?*
Tỳ-kheo ở nơi nào,
Tâm rong chơi thỏa thích?
Thỏa thích nơi đó rồi,
Đoạn trừ các kết phược[70]*?*

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

Tín, là bạn đồng hành,
Trí tuệ: vị giáo thọ;
Niết-bàn: chốn hỷ lạc,
Tỳ-kheo đoạn kết phược.

Thiên tử này lại nói kệ:

Lâu thấy Bà-la-môn,
Chóng đắc Bát-niết-bàn;
Mọi sợ hãi đều qua,
Thoát hẳn đời ân ái.

Vị Thiên tử ấy nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, đảnh lễ dưới chân Phật, liền biến mất.

M

KINH 1015. TRÌ GIỚI[71]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có một Thiên tử, tướng mạo tuyệt diệu, vào cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên; ánh sáng từ thân chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ vị Thiên tử này nói kệ hỏi Phật:

Gì là tốt đến già?
Gì là tốt xác lập?

---

69. Paøli: kiösu cenaö pasaøsati, bằng cái gì mà dạy dỗ con người?

70. Paøli: kissa caøbhirato macco,sabbadukkhaø pamuccatì ti, con người vui thú nơi cái gì mà giải thoát mọi khổ đau?

71. Paøli, S.1.51. Jaøra. Biệt dịch, N^{0}100 (242).

Gì là của báu người?
Cái gì giặc chẳng đoạt?

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

Chánh giới tốt đến già.
Tịnh tín tốt xác lập.
Trí tuệ, báu của người,
Công đức giặc không đoạt.

Thiên tử này lại nói kệ:

Lâu thấy Bà-la-môn,
Chóng đắc Bát-niết-bàn;
Mọi sợ hãi đều qua,
Thoát hẳn đời ân ái.

Vị Thiên tử ấy nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, đảnh lễ dưới chân Phật, liền biến mất.

M

KINH 1016. CHÚNG SANH (1)[72]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có một Thiên tử, tướng mạo tuyệt diệu, vào cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên; ánh sáng từ thân chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ vị Thiên tử này nói kệ hỏi Phật:

Pháp gì sanh chúng sanh?
Những gì dong ruổi trước?
Cái gì khởi sanh tử?
Cái gì không giải thoát?

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

Ái dục sanh chúng sanh,
Ý dong ruổi trước tiên;

72. Paøli, S.1.56. Jana (2). Biệt dịch, N^{0}100 (243).

Chúng sanh khởi sanh tử[73]*,*
Pháp khổ không giải thoát.

Thiên tử này lại nói kệ:

Lâu thấy Bà-la-môn,
Chóng đắc Bát-niết-bàn;
Mọi sợ hãi đều qua,
Thoát hẳn đời ân ái.

Vị Thiên tử ấy nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, đảnh lễ dưới chân Phật, liền biến mất.

M

KINH 1017. CHÚNG SANH (2)[74]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có một Thiên tử, tướng mạo tuyệt diệu, vào cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên; ánh sáng từ thân chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ vị Thiên tử này nói kệ hỏi Phật:

Pháp gì sanh chúng sanh?
Những gì dong ruổi trước?
Cái gì khởi sanh tử?
Pháp gì chỗ nương cậy?

Bấy giờ, Thế Tôn lại nói kệ đáp:

Ái dục sanh chúnh sanh,
Ý dong ruổi trước tiên;
Chúng sanh khởi sanh tử,
Nghiệp pháp chỗ nương cậy.

Thiên tử này lại nói kệ:

Lâu thấy Bà-la-môn,
Chóng đắc Bát-niết-bàn;

---

73. Paøli: satto saösaøram aøpaødi, chúng sanh đọa lạc sanh tử.

74. Paøli, S.1.57. Jana (3). Biệt dịch, N^{0}100 (244).

Mọi sợ hãi đều qua,
Thoát hẳn đời ân ái.

Vị Thiên tử ấy nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, đảnh lễ dưới chân Phật, liền biến mất.

M

KINH 1018. CHÚNG SANH (3)[75]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có một Thiên tử, tướng mạo tuyệt diệu, vào cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên; ánh sáng từ thân chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ vị Thiên tử này nói kệ hỏi Phật:

Pháp gì sanh chúng sanh?
Những gì dong ruổi trước?
Cái gì khởi sanh tử?
Pháp gì đáng sợ nhất?

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

Ái dục sanh chúng sanh,
Ý dong ruổi trước tiên;
Chúng sanh khởi sanh tử,
Nghiệp là đáng sợ nhất.

Thiên tử này lại nói kệ:

Lâu thấy Bà-la-môn,
Chóng đắc Bát-niết-bàn;
Mọi sợ hãi đều qua,
Thoát hẳn đời ân ái.

Vị Thiên tử ấy nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, đảnh lễ dưới chân Phật, liền biến mất.

M

---

75. Paøli, S.1.55. Jana (1). Biệt dịch, N^{0}100 (245).

KINH 1019. PHI ĐẠO[76]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có một Thiên tử, tướng mạo tuyệt diệu, vào cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên; ánh sáng từ thân chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ vị Thiên tử này nói kệ hỏi Phật:

Gì gọi là phi đạo[77]?
Cái gì ngày đêm dời[78]?
Cái gì nhơ phạm hạnh?
Cái gì lụy thế gian[79]?

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

Tham dục là phi đạo,
Tuổi thọ ngày đêm dời;
Người nữ nhơ phạm hạnh,
Người nữ lụy thế gian[80].
Nhiệt hành, tu phạm hạnh,
Rửa sạch các lỗi nhỏ[81].

Thiên tử này lại nói kệ:

Lâu thấy Bà-la-môn,
Chóng đắc Bát-niết-bàn;
Mọi sợ hãi đều qua,
Thoát hẳn đời ân ái.

---

76. Paøli, S.1.58. Uppatha. Biệt dịch, N^{0}100(246).

77. Phi đạo 非道. Paøli: uppatha, con đường lầm lạc, tà đạo.

78. Nhật dạ thiên 日夜遷, có lẽ là tận 盡. Paøli: rattindivakkhayo, bị tận diệt ngày đêm.

79. Paøli: kiö sinaønam anodakaö, sự tắm gì không nước?

80. Paøli: etthaøyaö sajjate pajaøø, ở đây mọi người dính mắc nó. Bản Hán đọc iæææhi (nữ thay vì ettha (ở đây).

81. Paøli: tapo ca brahmacariyaóca, taö sinaønam anodakaö, khổ hạnh và phạm hạnh, là sự tắm không có nước.

Vị Thiên tử ấy nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, đảnh lễ dưới chân Phật, liền biến mất.

M

KINH 1020. VÔ THƯỢNG[82]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có một Thiên tử, tướng mạo tuyệt diệu, vào cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên; ánh sáng từ thân chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ vị Thiên tử này nói kệ hỏi Phật:

Pháp gì ánh thế gian[83]?
Pháp gì là trên hết?
Những gì là một pháp,
Chế ngự khắp chúng sanh?

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

Danh ngời sáng thế gian,
Danh là nhất trên đời;
Chỉ có một pháp 'danh',
Chế ngự cả thế gian.

Thiên tử này lại nói kệ:

Lâu thấy Bà-la-môn,
Chóng đắc Bát-niết-bàn;
Mọi sợ hãi đều qua,
Thoát hẳn đời ân ái.

Vị Thiên tử ấy nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, đảnh lễ dưới chân Phật, liền biến mất.

M

---

82. Paøli, S.1.61. Naøma. Biệt dịch, N^{0}100(247).

83. Paøli: kiösu sabbaö addhabhavi, cái gì chinh phục tất cả?

KINH 1021. KỆ NHÂN[84]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có một Thiên tử, tướng mạo tuyệt diệu, vào cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên; ánh sáng từ thân chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ vị Thiên tử này nói kệ hỏi Phật:

Pháp gì nhân của kệ?
Kệ lấy gì trang nghiêm[85]?
Kệ này nương nơi đâu[86]?
Thể của kệ là gì[87]?

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

Dục[88] là nhân của kệ,
Văn tự trang nghiêm kệ;
Danh là chỗ kệ nương,
Tạo tác[89] là thể kệ.

Thiên tử này lại nói kệ:

Lâu thấy Bà-la-môn,
Chóng đắc Bát-niết-bàn;
Mọi sợ hãi đều qua,
Thoát hẳn đời ân ái.

Vị Thiên tử ấy nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, đảnh lễ dưới chân Phật, liền biến mất.

M

---

84. Paøli, S.1.60. Kavi. Biệt dịch, N^{0}100(248).
85. Paøli: kiösu taøsaö viyaójanaö, cái gì là tiêu tướng (= văn cú) của chúng?
86. Paøli: kiösu sannissitaø gaøthaø, thi kệ y cái gì?
87. Paøli: kiösu gaøthaønaö aøsaøyo, cái gì là sở y của kệ?
88. Paøli: chando (trung tính): âm vận; bản Hán hiểu là nam tính: dục hay ý muốn.
89. Paøli: kavi, thi nhân.

KINH 1022. BIẾT XE[90]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có một Thiên tử, tướng mạo tuyệt diệu, vào cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên; ánh sáng từ thân chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ vị Thiên tử này nói kệ hỏi Phật:

Làm sao biết xe cộ?
Làm sao lại biết lửa?
Làm sao biết quốc độ?
Làm sao biết được vợ?

Bấy giờ, Thế Tôn lại nói kệ đáp:

Thấy cờ lọng biết xe,
Thấy khói thời biết lửa;
Thấy vua biết quốc độ,
Thấy chồng biết được vợ.

Thiên tử này lại nói kệ:

Lâu thấy Bà-la-môn,
Chóng đắc Bát-niết-bàn;
Mọi sợ hãi đều qua,
Thoát hẳn đời ân ái.

Vị Thiên tử ấy nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, đảnh lễ dưới chân Phật, liền biến mất.

❑

90. Paøli, S.1.72. Ratha. Biệt dịch, N^{0}100(249).

TẠP A-HÀM QUYỂN 37

KINH 1023. PHẢ-CẦU-NA[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Tôn giả Phả-cầu-na[2] đang ở tại giảng đường Lộc tử mẫu trong vườn phía Đông, bị bệnh nguy khốn.

Tôn giả A-nan đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi đứng lui qua một bên bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, Tôn giả Phả-cầu-na ở giảng đường Lộc tử mẫu trong vườn phía Đông bị bệnh nguy khốn. Bệnh của Tỳ-kheo như vậy có thể chết. Lành thay, Thế Tôn! Xin Ngài vì thương xót mà đến giảng đường Lộc tử mẫu, vườn phía Đông, chỗ Tôn giả Phả-cầu-na."

Bấy giờ, Thế Tôn im lặng nhận lời. Chiều hôm đó sau khi từ thiền tịnh dậy, Thế Tôn đến giảng đường Lộc tử mẫu, vườn phía Đông, vào phòng Tôn giả Phả-cầu-na, trải tòa mà ngồi và vì Tôn giả Phả-cầu-na thuyết pháp, dạy dỗ, soi sáng, làm cho an vui, rồi từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

Sau khi Thế Tôn đi rồi, không lâu Tôn giả Phả-cầu-na mạng chung. Lúc mạng chung, các căn vui tươi, gương mặt thanh tịnh, sắc da tươi sáng. Tôn giả A-nan khi cúng dường xá-lợi Tôn giả Phả-cầu-na xong, về chỗ Phật đảnh lễ dưới chân Phật, đứng lui qua một bên, bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, sau khi Thế Tôn đến thăm, không lâu Tôn giả Phả-cầu-na mạng chung. Lúc Tôn giả này sắp qua đời, các căn vui tươi, sắc da thanh tịnh, nhuận ánh sáng tươi. Bạch Thế Tôn, không biết Tôn giả ấy sẽ sanh về đâu, thọ sanh thế nào, đời sau ra sao?"

Phật bảo A-nan:

"Nếu có Tỳ-kheo nào trước khi chưa bệnh, chưa đoạn năm hạ

---

1. Quốc Dịch, quyển 31, "Tụng vi. Tám chúng, 3. Tương ưng Bệnh, phẩm 2", hai mươi kinh, Đại Chánh, 1023-1038; – Ấn Thuận, "Tụng vii. Như Lai, 50. Tương ưng Bệnh" hai mươi kinh, Đại Chánh, quyển 47 (nửa sau) 1265-1266; quyển 37, 1023-1038. Paøli, A. 6. 65. Phagguna.
2. Phả-cầu-na 叵求那. Paøli: Phagguna.

phần kết. Khi bệnh phát khởi, thân thể đau đớn, tâm không điều hòa, mạng sống suy mòn, nhưng được nghe Đại Sư chỉ dạy, nhắc nhở, nói nhiều pháp. Khi được nghe pháp xong, đoạn năm hạ phần kết. A-nan, đó là phước lợi được từ sự chỉ dạy, nhắc nhở của Đại Sư.

"Lại nữa, A-nan, nếu có Tỳ-kheo nào, trước khi chưa bệnh, chưa đoạn năm hạ phần kết. Sau đó bệnh phát khởi, thân thể đau đớn, mạng sống suy mòn dần, không nhờ được nghe Đại Sư chỉ dạy, nhắc nhở, nói pháp, nhưng gặp được các vị Đại đức đa văn, tu phạm hạnh, chỉ dạy, nhắc nhở, thuyết pháp. Khi được nghe pháp xong, đoạn năm hạ phần kết. A-nan, đó gọi là được phước lợi từ sự chỉ dạy, nhắc nhở, nghe pháp.

"Lại nữa, A-nan, nếu Tỳ-kheo nào trước khi chưa bệnh, chưa đoạn năm hạ phần kết,... *cho đến* mạng sống suy mòn, không được nghe Đại Sư chỉ dạy, nhắc nhở, thuyết pháp; lại không nghe các vị Đại đức đa văn phạm hạnh chỉ dạy, nhắc nhở, thuyết pháp; nhưng trước kia đã lãnh thọ pháp, một mình ở nơi vắng lặng tư duy, quán sát, đoạn được năm hạ phần kết. A-nan, đó gọi là được phước lợi từ sự tư duy, quán sát pháp đã nghe từ trước.

"Lại nữa, A-nan, nếu có Tỳ-kheo nào, trước khi chưa bệnh đã đoạn năm hạ phần kết, nhưng chưa được ái tận giải thoát vô thượng[3], tâm không khéo giải thoát khỏi các lậu. Sau đó tuy mắc bệnh, thân bị khổ đau, mạng sống suy mòn, nhưng nghe được Phật chỉ dạy, nhắc nhở, thuyết pháp, được ái tận giải thoát vô thượng, chẳng khởi các lậu, lìa dục giải thoát. A-nan, đó gọi là được phước lợi từ sự thuyết pháp của Đại Sư.

"Lại nữa, A-nan, nếu có Tỳ-kheo nào, trước khi chưa bệnh đã đoạn năm hạ phần kết, nhưng chưa được ái tận giải thoát vô thượng, chưa ly dục, giải thoát khỏi các lậu. Sau đó biết thân khởi bệnh, chịu khổ đau vô cùng. Tuy chẳng được Đại Sư chỉ dạy, nhắc nhở, thuyết pháp, nhưng lại được các vị Đại đức đa văn, phạm hạnh khác chỉ dạy, nhắc nhở, thuyết pháp, được ái tận giải thoát vô thượng, chẳng khởi các lậu, ly dục, giải thoát. A-nan, đó gọi là được phước lớn từ sự chỉ

3. Vô thượng ái tận giải thoát 無上愛盡解. Bản Paøli: anuttare ca kho upadhisaíkhaye (cittaö vimuttaö), (tâm giải thoát) trong sự đoạn tận hữu dư y tối thượng.

dạy, nhắc nhở, thuyết pháp.

"Lại nữa, A-nan, nếu có Tỳ-kheo nào, trước khi chưa bị bệnh, đã đoạn năm hạ phần kết, nhưng chưa được ái tận giải thoát vô thượng, không ly dục, giải thoát khỏi các lậu. Sau đó thân bệnh khởi, sanh khổ đau vô cùng. Tuy không được Phật chỉ dạy, nhắc nhở, thuyết pháp, cũng không được các vị Đại đức đa văn khác chỉ dạy, nhắc nhở, nói pháp, nhưng ở chỗ vắng lặng tư duy, cân nhắc, quán sát, được ái tận giải thoát vô thượng, không khởi các lậu, ly dục, giải thoát. A-nan, đó gọi là được phước lợi từ sự tư duy những gì đã được nghe từ giáo pháp[4].

"Duyên gì các căn Tỳ-kheo Phả-cầu-na không được vui tươi, tướng mạo thanh tịnh, da dẻ nhuận tươi, trước khi Tỳ-kheo Phả-cầu-na chưa bị bệnh, chưa đoạn năm hạ phần kết? Tỳ-kheo này tự mình được nghe từ sự chỉ dạy, nhắc nhở, thuyết pháp của Đại Sư, đoạn năm hạ phần kết."

Rồi Thế Tôn xác nhận Tôn giả Phả-cầu-na đã đắc quả A-na-hàm.

Phật nói kinh này xong, Tôn giả A-nan nghe những lời Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, làm lễ rồi lui.

M

KINH 1024. A-THẤP-BA-THỆ[5]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Tôn giả A-thấp-ba-thệ[6] ở giảng đường Lộc tử mẫu, vườn phía Đông, thân bị bệnh nặng, vô cùng đau khổ. Tôn giả Phú-lân-ni là vị chăm sóc, cung cấp. *Nói đầy đủ như kinh Bạt-ca-lê ở trước*[7]. *Đó là, ba thọ... cho đến chuyển tăng không giảm.*

Phật bảo A-thấp-ba-thệ:

4. Paøli: ayaö… chaæææho aønisaöso, đây là lợi ích thứ sáu.
5. Paøli, S. 22. 88. Assaji.
6. A-thấp-ba-thệ 阿濕波誓. Paøli: Assaji.
7. Xem kinh 33 trên.

"Ông chớ hối hận[8]."

A-thấp-ba-thệ bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, thật sự con có điều hối hận!"

Phật bảo A-thấp-ba-thệ:

"Ông có phá giới không?"

A-thấp-ba-thệ bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, con không phá giới."

Phật bảo A-thấp-ba-thệ:

"Ông không phá giới sao hối hận?"

A-thấp-ba-thệ bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, trước khi con chưa bệnh, con tu tập nhiều, chứng nhập tịnh lạc của thân an chỉ[9]. Tu tập tam-muội nhiều. Còn hôm nay, con lại không nhập tam-muội kia được[10]. Con tự suy nghĩ không lẽ tam-muội này thoái thất chăng?"

Phật bảo A-thấp-ba-thệ:

"Nay Ta hỏi ông, tùy ý đáp cho Ta. Này A-thấp-ba-thệ, ông có thấy sắc tức là ngã, khác ngã, hoặc ở trong nhau chăng?"

A-thấp-ba-thệ bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, không."

Lại hỏi:

"Ông có thấy thọ, tưởng, hành, thức là ngã, khác ngã, hoặc ở trong nhau chăng?"

A-thấp-ba-thệ bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, không."

Phật bảo A-thấp-ba-thệ:

"Ông đã không thấy sắc là ngã, khác ngã, hoặc ở trong nhau; không thấy thọ, tưởng, hành, thức là ngã, khác ngã, hoặc ở trong nhau, vậy vì sao lại hối hận?"

---

8. Hán: biến hối 變悔. Paøli: kacci te assaji na kióci kukkccaö na koci vippaæisaøro ti, "Ngươi không có điều gì hối hận, phân vân chăng?"

9. Hán: thân tức lạc chánh thọ 身息樂正受. Paøli: passambhetvaø kaøyasaíkhaøre: làm cho thân hành êm dịu (an chỉ).

10. Tham chiếu Paøli: ... gelaøne passambhetvaø viharaømi sohaö samaødhiö nappaæilabhaøti, trong khi bệnh, con cố gắng, rất cố gắng an chỉ thân hành, do đó không đạt được chánh định (tam-muội).

A-thấp-ba-thệ bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, vì không chánh tư duy."

Phật bảo A-thấp-ba-thệ:

"Nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào tam-muội kiên cố, tam-muội bình đẳng, mà không nhập được tam-muội kia, thì không nên khởi nghĩ rằng mình thoái thất đối với tam-muội. Nếu Thánh đệ tử lại không thấy sắc là ngã, khác ngã, hoặc ở trong nhau; không thấy thọ, tưởng, hành, thức là ngã, khác ngã, hoặc ở trong nhau. Mà chỉ nên giác tri như vậy, thì tham dục hoàn toàn sạch hết không còn; sân nhuế, ngu si hết hẳn không còn. Khi tất cả lậu đã tận trừ, tâm vô lậu giải thoát, hiện tại tự biết tác chứng: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những việc cần làm đã xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa."

Khi nghe Phật thuyết pháp này, Tôn giả A-thấp-ba-thệ không khởi các lậu, tâm được giải thoát, vui mừng, phấn khởi; vì tâm được vui mừng, phấn khởi nên thân bệnh liền dứt trừ.

Phật nói kinh này làm cho Tôn giả A-thấp-ba-thệ hoan hỷ, tùy hỷ, rồi từ chỗ ngồi đứng dậy, ra về.

Kinh Sai-ma-ca[11]*. Như nói về ngũ thọ ấm.*

M

KINH 1025. TẬT BỆNH (1)[12]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có Tỳ-kheo tuổi trẻ mới học, xuất gia trong Pháp luật này chưa được lâu, ít người thân quen, một mình làm lữ khách, không có người cung cấp, đang trú trong phòng khách Tăng ngoài rìa một tụ lạc, bệnh đau nguy khốn. Bấy giờ có nhiều Tỳ-kheo đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, có một Tỳ-kheo tuổi trẻ, mới học... *cho đến* bệnh đau nguy khốn đang ở trong phòng khách Tăng ngoài rìa một tụ

11. Sai-ma-ca tu-đa-la 差摩迦修多羅. Ấn Thuận, kinh 13362, "50. Tương ưng Bệnh". Có tên kinh, nhưng không có nội dung. Cf. S.22.89.Khemaka.

12. Paøli, S.35.74. Gilaøna.

lạc. Có Tỳ-kheo bệnh sống ít chết nhiều như vậy. Lành thay! Xin Thế Tôn vì thương xót mà đến trú xứ này!"

Bấy giờ, Thế Tôn im lặng nhận lời. Buổi chiều, sau khi từ thiền tịnh dậy, Thế Tôn đến trú xứ này. Tỳ-kheo bệnh này từ xa trông thấy Thế Tôn, vịn giường muốn dậy, Phật bảo Tỳ-kheo:

"Hãy nằm nghỉ, chớ dậy! Thế nào Tỳ-kheo, có thể chịu đựng được khổ đau không?" ... *Chi tiết như kinh Sai-ma-ca trước đã nói. "Ba thọ như vậy... cho đến bệnh khổ chỉ tăng không giảm."*

Phật nói Tỳ-kheo bệnh:

"Bây giờ Ta hỏi ông, cứ đáp theo ý cho Ta."

"Ông không hối hận chăng[13]?"

Tỳ-kheo bệnh bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, thật sự, có hối hận."

Phật bảo Tỳ-kheo bệnh:

"Ông không phạm giới chăng?"

Tỳ-kheo bệnh bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, thật sự, không phạm giới."

Phật bảo Tỳ-kheo bệnh:

"Nếu ông không phạm giới, tại sao ông lại hối hận?"

Tỳ-kheo bệnh bạch Phật:

"Con tuổi trẻ xuất gia chưa bao lâu, đối với pháp Thượng nhân và tri kiến thắng diệu chưa có sở đắc; con tự nghĩ, lúc mạng chung biết sanh nơi đâu? Cho nên sanh ra hối hận."

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Nay Ta hỏi ông, cứ đáp theo ý cho Ta. Thế nào Tỳ-kheo, vì có nhãn nên có nhãn thức phải không?"

Tỳ-kheo bệnh bạch:

"Bạch Thế Tôn, đúng vậy."

Lại hỏi:

"Tỳ-kheo, ý ngươi thế nào? Vì có nhãn thức nên có nhãn xúc và do nhãn xúc làm nhân làm duyên nên sanh ra cảm thọ hoặc khổ, hoặc vui, hoặc không khổ không vui bên trong phải không?"

Tỳ-kheo bạch Phật:

---

13. Xem cht. kinh 1024 trên.

"Bạch Thế Tôn, đúng vậy."

Đối với nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý cũng nói như vậy.

"Thế nào Tỳ-kheo? Nếu không có nhãn thì không có nhãn thức phải không?"

Tỳ-kheo bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, đúng vậy."

Lại hỏi:

"Tỳ-kheo, nếu không có nhãn thức thì không có nhãn xúc phải không? Nếu không có nhãn xúc thì không có nhãn xúc làm nhân làm duyên sanh ra cảm thọ hoặc khổ, hoặc vui, hoặc không khổ không vui bên trong, phải không?"

Tỳ-kheo bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, đúng vậy."

Đối với nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý cũng nói như vậy.

"Cho nên, Tỳ-kheo, phải khéo tư duy pháp như vậy, thì lúc mạng chung mới tốt đẹp được và đời sau cũng tốt đẹp."

Bấy giờ, Thế Tôn vì Tỳ-kheo bệnh nói pháp, chỉ dạy, soi sáng, làm cho an vui, rồi từ chỗ ngồi đứng dậy ra đi. Sau khi Thế Tôn đi rồi, không lâu Tỳ-kheo mạng chung. Khi sắp mạng chung, các căn ông vui tươi, tướng mạo thanh tịnh, sắc da tươi sáng. Lúc ấy, nhiều Tỳ-kheo đi đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

"Tỳ-kheo trẻ tuổi kia bị bệnh nguy khốn, nay Tôn giả đã mạng chung. Khi vị này sắp qua đời, các căn vui tươi, tướng mạo thanh tịnh, sắc da tươi sáng. Thế nào Thế Tôn, Tỳ-kheo này sẽ sanh về nơi nào? Thọ sanh ra sao? Đời sau thế nào?"

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Tỳ-kheo kia đã qua đời kia thật sự là bảo vật[14]. Nghe Ta nói pháp hiểu biết rõ ràng, đối với pháp không sợ hãi, đắc Bát-niết-bàn. Các ông nên cúng dường xá-lợi."

Bấy giờ, Thế Tôn thọ ký cho Tỳ-kheo này là bậc nhất[15].

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---

14. Chon bảo vật 真寶物.

15. Thọ đệ nhất ký 受第一記; đây chỉ sự xác nhận đã chứng quả A-la-hán.

M

KINH 1026. TẬT BỆNH (2)[16]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. *Nói như trên chỉ có sự sai biệt là:*

"Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì các ông mà nói. Nếu Tỳ-kheo nào nghĩ như vầy: Ta đối với thức thân này và tất cả tướng cảnh giới bên ngoài không thấy có ngã, ngã sở, ngã mạn trói buộc sai sử, cùng tâm giải thoát, tuệ giải thoát, thì hiện tại tự biết tác chứng, an trụ đầy đủ. Đối với thức thân này và tất cả tướng cảnh giới bên ngoài không thấy có ngã, ngã sở, ngã mạn trói buộc sai sử, cùng với tâm giải thoát, tuệ giải thoát kia, thì hiện tại tự biết tác chứng, an trụ đầy đủ. Tỳ-kheo kia đối với thức thân của mình và tất cả tướng cảnh giới bên ngoài, không thấy có ngã, ngã sở, ngã mạn trói buộc sai sử, tâm giải thoát, tuệ giải thoát, thì hiện tại tự biết tác chứng, an trụ đầy đủ. Đối với thức thân của mình và tất cả tướng của cảnh giới bên ngoài, không thấy có ngã, ngã sở, ngã mạn trói buộc, sai sử, cùng tâm giải thoát, tuệ giải thoát, thì hiện tại tự biết tác chứng, an trụ đầy đủ. Nếu Tỳ-kheo kia đối với thức thân này và tất cả tướng của cảnh giới bên ngoài không thấy có ngã, ngã sở, ngã mạn trói buộc, sai sử, cùng tâm giải thoát, tuệ giải thoát thì trong hiện tại tự biết tác chứng, an trụ đầy đủ. Đối với thức thân của mình và tất cả tướng của cảnh giới bên ngoài, không thấy có ngã, ngã sở, ngã mạn trói buộc sai sử, cùng tâm giải thoát, tuệ giải thoát thì hiện tại tự biết tác chứng, an trụ đầy đủ. Đó gọi là Tỳ-kheo đoạn ái dục, chuyển các kết, dừng ngã mạn, hiện quán cứu cánh thoát khổ."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 1027. TỲ-KHEO BỆNH[17]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại

16. Paøli: S. 35. 75. Gilaøna (nội dung không hoàn toàn nhất trí).

17. Không thấy Paøli tương đương.

nước Xá-vệ. *Nói như trên, chỉ có một vài sai biệt là*:... *cho đến* Phật nói với Tỳ-kheo bệnh:

"Ông không tự phạm giới phải không?"

Tỳ-kheo bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, con không phải vì để thọ trì tịnh giới mà ở chỗ Thế Tôn tu phạm hạnh."

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Ông vì những pháp gì mà ở chỗ Ta tu phạm hạnh?"

Tỳ-kheo bạch Phật:

"Vì ly tham dục nên ở chỗ Thế Tôn tu phạm hạnh. Vì ly sân nhuế, ngu si nên ở chỗ Thế Tôn tu phạm hạnh."

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Đúng vậy! Đúng vậy! Ông nên thật sự vì để ly tham dục nên ở chỗ Ta tu phạm hạnh. Vì ly sân nhuế, ngu si nên ở chỗ Ta tu phạm hạnh. Này Tỳ-kheo, vì tham dục trói buộc nên không ly được dục. Vì vô minh trói buộc nên tuệ không thanh tịnh. Cho nên Tỳ-kheo, ở nơi dục mà ly dục, tâm giải thoát. Do ly vô minh nên tuệ giải thoát. Nếu Tỳ-kheo nào, ở nơi mà dục ly dục, tự thân tác chứng tâm giải thoát. Do ly vô minh nên tuệ giải thoát. Đó gọi là Tỳ-kheo đoạn các ái dục, chuyển kết phược, dừng ngã mạn, hiện quán, cứu cánh biên tế khổ. Cho nên Tỳ-kheo đối với pháp này phải khéo tư duy."

Nói đầy đủ như trên... cho đến thọ ký bậc nhất.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 1028. TẬT BỆNH (3)[18]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có nhiều Tỳ-kheo cùng tụ tập ở giảng đường Già-lê-lệ[19]. Lúc đó có nhiều Tỳ-kheo bệnh.

Buổi chiều sau khi Thế Tôn từ thiền tịnh tỉnh giấc, đến giảng

---

18. Paøli: S. 36. 7. Gelaóóa.

19. Già-lê-lệ giảng đường 伽梨隸講堂. Paøli: Gilaønasaølaø, bệnh xá.

đường Già-lê-lệ, trải tòa ngồi trước đại chúng, rồi bảo các Tỳ-kheo:

"Nên chánh niệm, chánh trí để đợi thời. Đó là giáo huấn của Ta[20]. Này các Tỳ-kheo, thế nào là chánh niệm? Là Tỳ-kheo sống quán niệm thân trên thân, tinh cần, chánh niệm, chánh trí, điều phục tham ưu thế gian, sống quán niệm ngoại thân trên thân, sống quán niệm nội ngoại thân trên thân; nội thọ, ngoại thọ, nội ngoại thọ; nội tâm, ngoại tâm, nội ngoại tâm; sống quán niệm nội pháp, ngoại pháp, nội ngoại pháp, phương tiện tinh cần, chánh niệm, chánh trí, điều phục tham ưu thế gian. Đó gọi là Tỳ-kheo ức niệm chánh.

"Thế nào là chánh trí? Tỳ-kheo hoặc tới hoặc lui, an trụ chánh trí; nhìn trông, quán sát, co, duỗi, cúi, ngước, nắm cầm y bát, đi, đứng, ngồi, nằm, ngủ, thức... *cho đến* năm mươi, sáu mươi người nói năng hay im lặng đều hành với chánh trí. Tỳ-kheo, đó gọi là chánh trí. Cũng thế, Tỳ-kheo nào an trụ vào chánh niệm, chánh trí, có thể khởi cảm thọ lạc, có nhân duyên chứ không phải không nhân duyên.

"Thế nào là nhân duyên? Duyên vào thân khởi suy nghĩ: 'Thân này của ta là vô thường, hữu vi, tâm nhân duyên sanh. Cảm thọ lạc cũng vô thường, hữu vi, tâm nhân duyên sanh'. Quán sát thân và cảm thọ lạc, quán sát vô thường, quán sát sanh diệt, quán sát ly dục, quán sát diệt tận, quán sát xả. Vị ấy quán sát thân cùng với cảm thọ lạc là vô thường... *cho đến* xả. Nếu ở nơi thân và cảm thọ lạc mà kết sử tham dục[21] vĩnh viễn không còn sai sử nữa[22]. Cũng vậy, với chánh niệm, chánh trí, biết cảm thọ khổ phát sanh, có nhân duyên chứ không phải không nhân duyên.

"Thế nào là nhân duyên? Cũng vậy, duyên vào thân khởi tư duy: 'Thân này của ta là vô thường, hữu vi, tâm nhân duyên sanh. Cảm thọ khổ cũng vô thường, hữu vi, tâm nhân duyên sanh'. Quán sát thân và cảm thọ khổ, là vô thường cho đến xả. Ở nơi thân này và cảm thọ khổ mà kết sử sân nhuế vĩnh viễn không còn sai sử nữa. Cũng vậy, với chánh niệm, chánh trí, biết cảm thọ không khổ, không vui phát sanh, có nhân duyên chứ không phải không nhân duyên.

---

20. Hán: tùy thuận chi giáo 隨順之教, hay tùy thuận giáo, tức sự giáo huấn hay giáo giới. Paøli: anusaøsanì.

21. Tham dục sử, tức dục tùy miên.

22. Nghĩa là, không còn tùy miên, tức tùy tùng miên phục: không còn nằm phục hay tiềm phục.

"Thế nào là nhân duyên? Là duyên vào thân khởi suy nghĩ: 'Thân này của ta là vô thường, hữu vi, tâm nhân duyên sanh. Cảm thọ chẳng khổ chẳng lạc, cũng vô thường, hữu vi, tâm nhân duyên sanh'. Quán sát thân và cảm thọ không khổ, không lạc kia, là vô thường cho đến xả. Nếu những gì ở nơi thân và cảm thọ không khổ không lạc mà kết sử vô minh sử vĩnh viễn không còn sai sử nữa. Đa văn Thánh đệ tử quán sát như vậy, đối với sắc yểm ly, đối với thọ, tưởng, hành, thức yểm ly. Đã yểm ly rồi, ly dục. Ly dục rồi, được giải thoát, giải thoát tri kiến: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.'"

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ:

Khi đang cảm giác lạc;
Không biết cảm giác lạc.
Vì kết sử tham dục,
Nên không thấy xuất ly.
Khi đang cảm giác khổ,
Không biết cảm giác khổ.
Vì kết sử sân nhuế,
Nên không thấy xuất ly.
Cảm thọ không lạc, khổ,
Đẳng Chánh Giác đã nói,
Người kia không thể biết,
Nên không qua bờ kia.
Nếu Tỳ-kheo tinh tấn,
Chánh trí không xiêu động;
Nơi tất cả thọ kia,
Trí tuệ đều biết hết.
Thường biết các thọ rồi,
Hiện tại hết các lậu;
Mạng chung nương trí tuệ,
Niết-bàn, không đọa lạc.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 1029. TẬT BỆNH (4)[23]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. *Nói như trên.*

Bấy giờ, các Tỳ-kheo tụ tập nơi giảng đường Già-lê-lệ[24], đa số đều bị bệnh. *Nói như trên, chỉ có một vài sai biệt là: cho đến "...* Thánh đệ tử nên quán sát như vầy, ở nơi sắc mà giải thoát, ở nơi thọ, tưởng, hành, thức giải thoát. Ta nói những người này giải thoát sanh, lão, bệnh, tử."

Bấy giờ Thế Tôn liền nói kệ:

Bậc trí tuệ đa văn,
Đều tỏ rõ các thọ.
Đối cảm thọ khổ, lạc,
Phân biệt thật rõ ràng.
Nên biết sự chắc thật,
Phàm phu có lên xuống;
Nơi lạc không nhiễm trước,
Nơi khổ không xiêu động.
Biết thọ không thọ sanh.
Y cảm thọ tham, nhuế.
Đoạn trừ những pháp này,
Tâm kia khéo giải thoát.
Buộc niệm vào diệu cảnh,
Chánh hướng đợi hết đời.
Nếu Tỳ-kheo tinh cần,
Chánh trí chẳng xiêu động;
Đối với mọi thọ này,
Kẻ trí thường giác tri.
Thấu rõ các thọ rồi,
Hiện tại hết các lậu,
Mạng chung nương trí tuệ,

---

23. Paøli, S. 36. 8. Gelaóóa (2).

24. Xem cht.19 kinh 1028.

Niết-bàn không đọa lạc.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ làm lễ rồi lui.

M

KINH 1030. CẤP CÔ ĐỘC (1)[25]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ gia chủ Cấp Cô Độc bị bệnh, thân thể khổ đau vô cùng.

Thế Tôn nghe tin này, sáng sớm Ngài đắp y, ôm bát vào thành Xá-vệ khất thực, theo thứ tự khất thực đến nhà gia chủ Cấp Cô Độc. Gia chủ từ xa trông thấy Thế Tôn, vịn giường muốn dậy, Thế Tôn thấy thế liền bảo:

"Gia chủ, chớ dậy mà tăng bệnh khổ."

Thế Tôn ngồi xuống rồi bảo gia chủ:

"Thế nào gia chủ? Bệnh có thể chịu được không? Thân bệnh, đau đớn tăng hay giảm?"

Gia chủ bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, rất đau đớn, khó chịu nổi!... *cho đến* nói ba thọ, *chi tiết như kinh Sai-ma... cho đến* "... cảm thọ khổ chỉ tăng chứ không giảm."

Phật bảo gia chủ:

"Nên học như vầy: Đối với Phật có tín thanh tịnh bất hoại, đối với Pháp, Tăng, có tín thanh tịnh bất hoại và thành tựu Thánh giới."

Gia chủ bạch Phật:

"Như Thế Tôn đã dạy về bốn bất hoại tịnh. Con có pháp này, trong pháp này có con. Bạch Thế Tôn, nay đối với Phật con có lòng tin thanh tịnh bất hoại, đối với Pháp, Tăng có lòng tin thanh tịnh bất hoại và thành tựu Thánh giới."

Phật bảo gia chủ:

"Lành thay! Lành thay!" Rồi liền thọ ký cho gia chủ đắc quả A-

---

25. Không thấy Paøli tương đương.

na-hàm.

Gia chủ bạch Phật:

"Hôm nay, con xin cung thỉnh Thế Tôn thọ thực ở đây."

Bấy giờ, Thế Tôn im lặng nhận lời. Gia chủ liền dạy tôi tớ sửa soạn các thứ đồ ăn thức uống tinh khiết, ngon lành cúng dường Thế Tôn. Thế Tôn thọ thực xong, vì gia chủ nói đủ các pháp, chỉ dạy, soi sáng, làm cho an vui, rồi từ khỏi chỗ ngồi đứng dậy ra về.

M

KINH 1031. CẤP CÔ ĐỘC (2)[26]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Tôn giả A-nan nghe gia chủ Cấp Cô Độc thân bị bệnh khổ, đến nhà ông thăm.

Từ xa gia chủ trông thấy A-nan, vịn giường muốn dậy... *cho đến nói về ba thọ, đầy đủ như kinh Sai-ma ở trước dạy... cho đến* "...bệnh khổ chỉ tăng chứ không giảm."

Bấy giờ, Tôn giả A-nan bảo gia chủ:

"Đừng sợ hãi! Chỉ có phàm phu ngu si vô học vì không tin Phật, không tin Pháp, Tăng, không đầy đủ Thánh giới, nên có sự sợ hãi và sợ sau khi mạng chung cùng cái khổ đời sau. Còn ông đối với sự bất tín ấy ngày nay đã đoạn, đã biến tri. Đối với Phật đầy đủ lòng tin thanh tịnh. Đối với Pháp, Tăng đầy đủ lòng tin thanh tịnh. Đã thành tựu Thánh giới."

Gia chủ thưa Tôn giả A-nan:

"Ngày nay con còn sợ hãi cái gì? Lần đầu tiên con mới gặp Thế Tôn giữa bãi tha ma trong rừng Lạnh, thành Vương xá, liền được lòng tin thanh tịnh bất hoại đối với Phật, được lòng tin thanh tịnh bất hoại đối với Pháp, Tăng và thành tựu Thánh giới. Từ đó đến nay, nhà có tiền của đều đem cúng dường cho đệ tử Phật là Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di."

Tôn giả A-nan nói:

---

26. Paøli, S.55. 27. Anaøthapiòñika (2).

"Lành thay, gia chủ! Ông tự ký thuyết quả Tu-đà-hoàn."

Gia chủ bạch Tôn giả A-nan:

"Xin mời Tôn giả thọ thực tại đây."

Tôn giả A-nan im lặng nhận lời.

Gia chủ liền cho sửa soạn các thứ đồ ăn thức uống tinh khiết, ngon lành, cúng dường Tôn giả A-nan. Sau khi thọ thực xong, lại vì gia chủ thuyết pháp, chỉ dạy, soi sáng, làm an vui, rồi từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

M

KINH 1032. CẤP CÔ ĐỘC (3)[27]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Tôn giả Xá-lợi-phất nghe tin gia chủ Cấp Cô Độc thân bị bệnh khổ. Nghe vậy, hỏi Tôn giả A-nan:

"Thầy có biết chăng? Gia chủ Cấp Cô Độc thân đang bị bệnh khổ. Chúng ta hãy cùng đến thăm."

Tôn giả A-nan im lặng nhận lời. Khi ấy Tôn giả Xá-lợi-phất cùng Tôn giả A-nan đến nhà gia chủ Cấp Cô Độc. Gia chủ từ xa trông thấy Tôn giả Xá-lợi-phất, vịn giường muốn dậy... *cho đến nói về ba thọ, đầy đủ như kinh Sai-ma,* "... bệnh khổ của thân càng tăng chứ không giảm."

Tôn giả Xá-lợi-phất bảo gia chủ:

"Nên học như vầy: Không chấp trước mắt, không có thức tham dục y trên nhãn giới mà sanh. Không chấp trước tai, mũi, lưỡi, thân, ý, không có thức tham dục y trên ý giới mà sanh. Không chấp trước sắc, không có thức tham dục y trên sắc giới sanh. Không chấp trước thanh, hương, vị, xúc, pháp, không có thức tham dục y trên pháp giới sanh. Không chấp trước địa giới, không có thức tham dục y trên địa giới sanh. Không chấp trước thủy, hỏa, phong, không, thức giới, không có thức tham dục y trên thức giới sanh. Không chấp trước sắc uẩn, không có thức tham dục y trên sắc uẩn sanh. Không chấp trước thọ, tưởng,

---

27. Paøli, S. 55. 26. Anaøthapiòñika (1); Cf. M. 143. Anaøthapiòñikovaøda. Tham chiếu, Hán, N^{0}125 (51.8).

hành, thức uẩn,... không có thức tham dục y trên thức ấm sanh."

Lúc ấy gia chủ Cấp Cô Độc cảm động rơi nước mắt. Tôn giả A-nan nói với gia chủ:

"Gia chủ khiếp sợ hạ liệt chăng[28]?"

Gia chủ thưa với Tôn giả A-nan:

"Con không khiếp sợ hạ liệt. Con tự xét lại từ khi phụng sự Phật cho đến nay, đã hơn hai mươi năm, mà con chưa lần nào nghe Tôn giả Xá-lợi-phất nói pháp sâu xa, vi diệu như những gì vừa được nghe hôm nay."

Tôn giả Xá-lợi-phất bảo gia chủ:

"Từ lâu tôi cũng chưa từng vì các gia chủ nói pháp như vậy."

Gia chủ thưa Tôn giả Xá-lợi-phất:

"Có bạch y tại gia nào có tín thù thắng, niệm thù thắng, lạc thù thắng, nhưng vì không nghe pháp sâu xa nên sanh ra thoái thất. Lành thay, Tôn giả Xá-lợi-phất! Xin Tôn giả thương xót vì hàng bạch y tại gia mà nói pháp thâm diệu. Tôn giả Xá-lợi-phất, hôm nay xin Tôn giả thọ thực tại đây."

Tôn giả Xá-lợi-phất im lặng nhận lời. Gia chủ liền cho sửa soạn đồ ăn thức uống tinh khiết ngon lành cung kính cúng dường. Thọ thực xong, ngài lại vì gia chủ thuyết pháp, chỉ dạy, soi sáng, làm cho an vui, rồi từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

M

KINH 1033. ĐẠT-MA-ĐỀ-LY[29]

Đạt-ma-đề-ly, kinh thứ nhất cũng nói đầy đủ như kinh đầu Đức Thế Tôn nói pháp cho gia chủ Cấp Cô Độc. *Kinh thứ hai cũng nói như vậy, chỉ có một vài sai khác là:*

"Nếu lại có gia chủ nào y vào bốn bất hoại tịnh, rồi còn hướng lên tu tập sáu niệm, từ niệm Như Lai sự... *cho đến* niệm Thiên."

Gia chủ bạch Phật:

---

28. Hán: khiếp liệt 怯劣. Paøli: oliyasi… saösìdasi…? "Ông đang bám chặt (sự sống) chăng? Đang chìm xuống (sự chết) chăng?

29. Bản Hán, Ấn Thuận phân thành hai kinh: 13371, 13372. Paøli, S.55.53. Dhammadinna.

"Bạch Thế Tôn, y vào bốn bất hoại tịnh, rồi còn hướng lên tu tập sáu tùy niệm, ngày nay con đều thành tựu. Con thường tu tập niệm Như Lai sự... *cho đến* niệm Thiên."

Phật bảo gia chủ:

"Lành thay! Lành thay! Hôm nay ông tự ký thuyết quả A-na-hàm."

Gia chủ bạch Phật:

"Xin Thế Tôn nhận lời thỉnh thọ thực của con."

Bấy giờ Thế Tôn im lặng nhận lời. Gia chủ biết Phật đã nhận lời, liền cho sửa soạn đồ ăn thức uống tinh khiết ngon lành, cung kính cúng dường. Thế Tôn thọ thực xong lại vì gia chủ nói pháp, chỉ dạy, soi sáng, làm cho an vui, rồi Ngài từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

M

KINH 1034. TRƯỜNG THỌ[30]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà tại thành Vương xá. Bấy giờ có đồng tử Trường Thọ[31] là cháu gia chủ Thọ Đề thân mắc bệnh nặng.

Bấy giờ Thế Tôn nghe đồng tử Trường Thọ thân mắc bệnh nặng, sáng sớm đắp y ôm bát vào thành Vương xá khất thực, theo thứ tự đi đến nhà đồng tử Trường Thọ. Đồng tử Trường Thọ từ xa thấy Thế Tôn, vịn giường muốn dậy... *cho đến nói về ba thọ như kinh Sai-ma đã nói đầy đủ;... cho đến* "... bệnh khổ chỉ tăng không giảm."

"Cho nên, đồng tử, nên học như vầy: Hãy có tín thanh tịnh bất hoại đối với Phật. Hãy có tín thanh tịnh bất hoại đối với Pháp, Tăng và thành tựu Thánh giới. Nên học như vậy."

Đồng tử bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, như Thế Tôn đã nói về bốn bất hoại tịnh. Hiện tại con đều có. Con lúc nào cũng có tín thanh tịnh bất hoại đối với Phật; có tín thanh tịnh bất hoại đối với Pháp, Tăng và thành tựu Thánh

---

30. Paøli, S. 55. 3. Dìghaøvu.

31. Trường Thọ đồng tử 長壽童子. Paøli: Dìghaøvu upasako, Ưu-bà-tắc Trường Thọ.

giới."

Phật bảo đồng tử:

"Ông nên y vào bốn bất hoại tịnh, để hướng lên tu tập sáu minh phần tưởng[32]. Những gì là sáu? Quán tưởng tất cả hành là vô thường, quán tưởng vô thường là khổ, quán tưởng khổ là vô ngã, quán tưởng về thực, quán tưởng tất cả thế gian không gì đáng vui, quán tưởng về sự chết."

Đồng tử bạch Phật:

"Như Thế Tôn nói y vào bốn bất hoại tịnh để tu tập sáu minh phần tưởng. Hiện tại con đều có. Nhưng con tự nghĩ, sau khi chết, con không biết ông nội của con là gia chủ Thọ Đề[33] sẽ thế nào?"

Bấy giờ gia chủ Thọ Đề nói với đồng tử Trường Thọ:

"Đối với ông, cháu đừng nghĩ đến. Hiện giờ cháu nên nghe Thế Tôn nói pháp, suy nghĩ và nhớ lấy, mới có thể được phước lợi, an vui, nhiêu ích lâu dài."

Đồng tử Trường Thọ nói:

"Đối với tất cả hành con sẽ quán tưởng chúng là vô thường, quán tưởng vô thường là khổ, quán tưởng khổ là vô ngã, quán tưởng về thực, quán tưởng thế gian không gì đáng vui, quán tưởng về tử, lúc nào chúng cũng hiện hữu trước mặt."

Phật bảo đồng tử:

"Hôm nay con đã tự ký thuyết quả Tư-đà-hàm."

Đồng tử Trường Thọ bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, xin thỉnh Ngài thọ thực tại nhà con."

Bấy giờ, Thế Tôn im lặng nhận lời. Trường Thọ đồng tử liền cho sửa soạn đồ ăn thức uống tinh khiết, ngon lành, cung kính cúng dường. Thế Tôn thọ thực xong, vì đồng tử thuyết pháp, chỉ dạy, soi sáng, làm cho an vui, rồi từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

M

---

32. Paøli: cha vijjaø bhaøgiyaødhammaø, sáu pháp thuận minh phần, dẫn đến minh trí.

33. Thọ Đề 樹提. Paøli: Jotika, cha của Dìghaøvu. Bản Hán nói là ông nội.

KINH 1035. BÀ-TẨU[34]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Lộc dã, tại trú xứ Tiên nhân, nước Ba-la-nại. Bấy giờ gia chủ Bà-tẩu[35] thân bị bệnh khổ. Nói đầy đủ như kinh Gia chủ Đạt-ma-đề-na[36] ở trước... được thọ ký đắc quả A-na-hàm... *cho đến* từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

M

KINH 1036. SA-LA[37]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Câu-ni-luật, tại nước Ca-tỳ-la-vệ. Bấy giờ có Sa-la họ Thích[38] bị bệnh liệt nặng.

Thế Tôn hay tin Sa-la họ Thích bệnh liệt nặng, sáng sớm đắp y, mang bát vào thành Ca-tỳ-la-vệ khất thực, theo thứ tự đến nhà Sa-la họ Thích. Từ xa Sa-la họ Thích trông thấy Thế Tôn, vịn giường muốn dậy... *cho đến nói về ba thọ như đã nói đầy đủ trong kinh Sai-ma-ca... cho đến* "...bệnh khổ chỉ tăng chứ không giảm."

"Cho nên, Sa-la họ Thích, nên học như vầy: Hãy có tín thanh tịnh bất hoại đối với Phật. Hãy có tín thanh tịnh bất hoại đối với Pháp, Tăng và thành tựu Thánh giới."

Sa-la họ Thích bạch Phật:

"Như Thế Tôn nói: Hãy có tín thanh tịnh bất hoại đối với Phật. Hãy có tín thanh tịnh bất hoại đối với Pháp, Tăng và thành tựu Thánh giới. Con đều có đủ. Con lúc nào cũng có tín thanh tịnh bất hoại đối với Phật; tín thanh tịnh bất hoại đối với Pháp, Tăng và thành tựu Thánh giới."

Phật bảo Sa-la họ Thích:

"Cho nên ông phải y vào tín thanh tịnh bất hoại đối với Phật, tín

---

34. Không thấy Paøli tương đương.

35. Bà-tẩu trưởng giả 婆藪長者.

36. Đạt-ma-đề-na 達摩提那. Tức Đạt-ma-đề-ly, xem kinh 1033 trên.

37. Paøli, S. 55. 39. Kaøôigodha.

38. Sa-la họ Thích 釋氏沙羅. Paøli: Kaôìgodhaø Saøkyaøni, Thích nữ Kaôìgodhaø.

thanh tịnh bất hoại đối với Pháp, Tăng và thành tựu Thánh giới, để hướng lên tu tập năm hỷ xứ[39]. Những gì là năm? Đó là niệm Như Lai sự... *cho đến* tự những pháp bố thí."

Sa-la họ Thích bạch Phật:

"Như Thế Tôn đã nói y vào bốn bất hoại tịnh, để tu năm hỷ xứ, con cũng đã có. Con lúc nào cũng niệm Như Lai sự... *cho đến* tự những pháp bố thí."

Phật dạy:

"Lành thay! Lành thay! Nay tự ông ký thuyết quả Tư-đà-hàm."

Sa-la bạch Phật:

"Xin Thế Tôn hôm nay, thọ thực tại nhà con."

Bấy giờ, Thế Tôn im lặng nhận lời. Gia chủ Sa-la liền cho sửa soạn đồ ăn thức uống tinh khiết, ngon lành, cung kính cúng dường. Thế Tôn thọ thực xong, lại vì gia chủ thuyết pháp, chỉ dạy, soi sáng, làm cho an vui, rồi từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

M

KINH 1037. DA-THÂU[40]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật trú trong một tinh xá Khúc cốc, thôn Na-lê[41]. Bấy giờ, gia chủ Da-thâu[42] bị bệnh trầm trọng, như vậy... *cho đến* ký thuyết đắc quả A-na-hàm. *Như đã nói đầy đủ trong kinh Đạt-ma-đề-na*[43].

M

KINH 1038. MA-NA-ĐỀ-NA[44]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật trú bên ao Kiệt-già, tại nước Chiêm-bà. Bấy

---

39. Năm hỷ xứ 五喜處.
40. Không thấy Paøli tương đương.
41. Na-lê, hay Na-lê-ca, xem các kinh 301, 854, 926, 959.
42. Da-thâu 耶輸.
43. Xem kinh 1035 trên.
44. Paøli, S. 47. 30. Maønadinna.

giờ có gia chủ Ma-na-đề-na[45] bị bệnh mới bớt[46].

Bấy giờ gia chủ nói với một người nam:

"Này thiện nam tử, ông hãy đến chỗ Tôn giả A-na-luật, thay tôi đảnh lễ dưới chân, hỏi thăm cuộc sống có thoải mái, an lạc không? Ngày mai, xin cùng bốn vị nhận lời thỉnh của tôi. Nếu nhận lời, ông nên vì tôi bạch rằng tôi là người thế tục, bận nhiều công việc vương gia, không thể đích thân đến rước được; xin Tôn giả thương xót, đến giờ cùng bốn vị đến phó hội theo lời mời của tôi."

Lúc ấy người nam kia vâng lời gia chủ, đi đến chỗ Tôn giả A-na-luật, đảnh lễ dưới chân, thưa Tôn giả rằng:

"Gia chủ Ma-na-đề-na xin kính lễ và hỏi thăm cuộc sống của Tôn giả ít bệnh, ít não, thoải mái, an lạc không? Và trưa ngày mai, xin mời Tôn giả cùng bốn vị, thương xót mà nhận lời thỉnh cầu của gia chủ."

Lúc ấy, Tôn giả A-na-luật im lặng nhận lời mời. Bấy giờ người kia lại vì gia chủ Ma-na-đề-na thưa Tôn giả A-na-luật:

"Gia chủ là người thế tục bận nhiều công việc vương gia không thể đích thân đến rước được, xin Tôn giả thương xót, cùng bốn vị nhận lời mời trưa ngày mai của gia chủ."

Tôn giả A-na-luật nói:

"Ông cứ an tâm, tôi tự biết thời. Ngày mai sẽ cùng bốn vị đến nhà gia chủ."

Khi ấy, người này theo lời dạy của Tôn giả A-na-luật về thưa lại gia chủ:

"Thưa A-lê[47], nên biết, tôi đã đến Tôn giả A-na-luật, trình đầy đủ theo tôn ý và Tôn giả A-na-luật nói rằng gia chủ cứ an tâm, ngài tự biết thời."

Tối hôm đó, gia chủ Ma-na-đề-na sửa soạn đồ ăn thức uống tinh khiết, ngon lành. Sáng sớm, lại sai người kia đến chỗ Tôn giả A-na-luật thưa đã đến giờ. Người kia liền vâng lời đi đến chỗ Tôn giả A-na-luật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân, bạch rằng: "Đồ cúng dường đã sửa soạn xong, xin ngài biết thời."

---

45. Ma-na-đề-na 摩那提那. Paøli: Maønadinno gahapati.

46. Bản Paøli: bệnh nặng.

47. A-lê 阿梨. Paøli: ayyo (= ariya), xưng hô của tớ đối với chủ.

Bấy giờ, Tôn giả A-na-luật đắp y ôm bát cùng với bốn vị đi đến nhà gia chủ. Trong lúc ấy, các thể nữ đang đứng vây quanh gia chủ Ma-na-đề-na, đứng trong cửa bên trái, trông thấy Tôn giả A-na-luật cúi người ôm chân kính lễ, đưa tới chỗ ngồi; mỗi người tự cúi đầu hỏi thăm, rồi ngồi lui qua một bên.

Tô giả A-na-luật hỏi thăm gia chủ:

"Cuộc sống có kham nhẫn, an vui không?"

Gia chủ đáp:

"Vâng, thưa Tôn giả, sống kham nhẫn an vui. Trước đây, con bị bệnh nặng nhưng hôm nay đã bớt rồi."

Tôn giả A-na-luật hỏi gia chủ:

"Gia chủ sống, trụ tâm thế nào để có thể khiến cho bệnh tật khổ não bớt dần?"

Gia chủ bạch:

"Thưa Tôn giả A-na-luật, con trụ vào bốn Niệm xứ, chuyên tu buộc niệm, nên các thứ bệnh tật khổ đau nơi thân đều được đình chỉ. Những gì là bốn? Sống quán niệm nội thân trên thân, nỗ lực tinh cần, chánh niệm, chánh trí, điều phục tham ưu thế gian; ngoại thân, nội ngoại thân; nội thọ, ngoại thọ, nội ngoại thọ; nội tâm, ngoại tâm, nội ngoại tâm, sống quán niệm nội pháp; ngoại pháp, nội ngoại pháp trên pháp, nỗ lực tinh cần, chánh niệm, chánh trí, điều phục tham ưu thế gian. Như vậy, Tôn giả A-na-luật, con nhờ buộc tâm trụ vào bốn Niệm xứ nên mọi thứ bệnh tật khổ đau nơi thân đều được đình chỉ. Thưa Tôn giả A-na-luật, nhờ trụ tâm được nên mọi thứ tất bệnh khổ đau đều được đình chỉ."

Tôn giả A-na-luật bảo gia chủ:

"Hôm nay, gia chủ tự ký thuyết quả A-na-hàm."

Lúc này, gia chủ Ma-na-đề-na mang các thứ đồ ăn thức uống thanh khiết, ngon lành, tự tay cúng dường đầy đủ. Sau khi thọ thực và súc rửa miệng xong, gia chủ Ma-na-đề-na lại ngồi nơi ghế thấp nghe pháp. Tôn giả A-na-luật nói pháp, chỉ dạy, soi sáng, làm cho an vui, rồi từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

M

KINH 1039. THUẦN-ĐÀ[48]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong tinh xá Kim sư, tại thành Vương xá[49]. Bấy giờ, có gia chủ Thuần-đà[50] đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên.

Lúc này, Thế Tôn hỏi gia chủ Thuần-đà:

"Hiện tại, ông ưa thích tịnh hạnh[51] của những Sa-môn, Bà-la-môn nào?"

Thuần-đà bạch Phật:

"Có Sa-môn, Bà-la-môn thờ phụng nước, thờ Tỳ-thấp-ba Thiên[52], cầm trượng, bình nước, thường rửa sạch tay mình[53]. Vị Chánh sĩ như vậy thường khéo nói pháp rằng: 'Này thiện nam, vào ngày mười lăm mỗi tháng dùng mạt vụn hồ-ma và am-ma-la để gội tóc, tu hành trai pháp, mặc đồ mới sạch, đeo tràng hoa[54] dài, lụa trắng, nằm lên trên đất trét phân bò. Này thiện nam, sáng mai dậy sớm lấy tay sờ đất và nói như vầy: 'Đất này trong sạch. Ta cũng sạch như vậy'. Tay cầm cục phân trâu cùng nắm một nắm cỏ tươi, miệng nói: 'Cái này trong sạch. Ta cũng trong sạch như vậy.' Nếu ai như vậy thì được thấy là trong sạch. Nếu ai không như vậy, hoàn toàn không trong sạch'. Bạch Thế Tôn, Sa-môn, Bà-la-môn nào, nếu trong sạch như vậy thì đáng cho con kính ngưỡng."

---

48. Quốc Dịch, "Tụng vi. Tám chúng; 4. Tương ưng Ứng báo". Ấn Thuận, "Tụng vii. Như Lai sở thuyết; 51. Tương ưng Nghiệp báo"; gồm ba mươi lăm kinh: 13378-13404; Đại Chánh 1039-1061. Paøli, A. 10. 176. Cunda.

49. Bản Paøli: paøvaøyaö viharati cundassa kammaøraputassa ambavane, trú tại Paøvaø trong rừng xoài của Cunda, con trai người thợ rèn (hay thợ vàng?).

50. Thuần-đà trưởng giả 淳陀長者. Paøli: xem chú thích 48 trên.

51. Tịnh hạnh 淨行. Paøli: soceyya, sự thanh khiết, thanh tịnh.

52. Tỳ-thấp-bà thiên , phiên âm Skt. Vizva của Rig-veda, về sau, được chỉ cho thần Viznu. Chi tiết này không có trong bản Paøli.

53. Paøli: braøhmaòaø pacchaøbhuømakaø kamaòñalukaø sevaølamaølikaø aggiparicaørikaø udakorohakaø soceyyaøni paóóapenti, những người Bà-la-môn ở phương Tây, mang theo bình nước, đeo vòng hoa huệ, thờ lửa, thường xuyên tắm gội, cử hành các lễ thanh tẩy.

54. Bản Nguyên Minh: man 鬘. Bản Cao-ly: phát 髮. Bản Tống tu 鬚.

Phật bảo Thuần-đà:

"Có pháp đen và báo ứng đen, bất tịnh, quả bất tịnh, gánh nặng chúc xuống. Nếu ai đã thành tựu những pháp ác này, dù cho sáng mai dậy sớm lấy tay sờ đất và nói rằng 'thanh tịnh' thì vẫn bất tịnh, cho dù không chạm cũng không thanh tịnh. Người này cầm cục phân bò và nắm cỏ tươi nói rằng 'thanh tịnh' thì vẫn bất tịnh, cho dù không chạm cũng không thanh tịnh.

"Này Thuần-đà, thế nào là pháp đen, báo ứng đen, bất tịnh, quả bất tịnh, gánh nặng chúc xuống... *cho đến* chạm hay không chạm, tất cả đều bất tịnh?

"Này Thuần-đà, đối với tất cả chúng sanh cho đến côn trùng cũng không tránh xa sự sát hại, tay thường tanh máu, tâm thường suy nghĩ đến đánh đập, sát hại, không hổ, không thẹn, tham lam, keo kiệt. Đó là nghiệp ác sát sanh.

"Đối với tài vật, làng xóm, đất trống của người, cũng không xa lìa trộm cắp.

"Đối với những người được bảo hộ của cha mẹ, anh em, chị em, phu chủ, thân tộc cho đến người trao vòng hoa, mà dùng sức cưỡng bức, làm mọi việc tà dâm, không lìa bỏ tà dâm.

"Nói dối không chân thật: Hoặc ở chốn vua quan, các nhà nói chân thật, nơi có nhiều người tụ tập cần lời nói thích đáng, nhưng lại nói lời không thật; không thấy nói thấy, thấy nói không thấy, không nghe nói nghe, nghe nói không nghe; biết nói không biết, không biết nói biết. Vì chính mình, vì người khác, hoặc vì tài lợi, biết mà nói dối không chịu lìa bỏ.

"Hoặc nói hai lưỡi chia lìa, đem chuyện chỗ này đến nói chỗ kia, đem chuyện chỗ kia đến nói chỗ này, phá hoại lẫn nhau, làm cho tan rã sự hòa hợp, khiến kẻ ly gián vui mừng.

"Hoặc không lìa bỏ lời nói thô ác, mắng nhiếc. Có những lời nói dịu dàng, êm tai, làm vui lòng, rõ ràng dễ hiểu, lời nói được ưa nghe, được nhiều người yêu mến, hợp ý, tùy thuận tam-muội. Xả bỏ những lời như vậy mà nói lời gắt gao, cộc cằn, bị nhiều người ghét, không ưa, không hợp ý, không tùy thuận tam-muội[55]. Nói những lời như vậy,

55. Paøli: asamaødhi-saövattanikaø, (lời nói) khiến mất định.

không lìa bỏ lời nói thô. Đó gọi là ác khẩu.

"Hoặc lời nói bại hoại thêu dệt[56], nói không đúng lúc, nói không thực tế, lời nói vô nghĩa, lời nói phi pháp, lời nói thiếu suy nghĩ. Nói những lời bại hoại như vậy.

"Không lìa bỏ tham lam; đối với tài vật người khác khởi tham dục, nói rằng 'Nếu ta có vật này thì rất tốt'.

"Không xả bỏ sân nhuế tệ ác; trong tâm suy nghĩ, chúng sanh kia đáng bị trói, đáng bị roi vọt, gậy gộc, đáng giết, muốn cho nó khó sống.

"Không bỏ tà kiến; điên đảo thấy như vầy: 'Không có bố thí, không có quả báo, không có phước, không có điều thiện điều ác, không có nghiệp thiện ác và quả báo, không có đời này, đời khác, không có cha mẹ, không có chúng sanh hóa sanh; thế gian không có A-la-hán, không có các vị chánh hành, chánh hướng[57] mà trong đời này hay đời khác tự biết tác chứng: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.' Này Thuần-đà, đó gọi là pháp đen, báo ứng đen, bất tịnh, quả bất tịnh, gánh nặng chúc xuống... *cho đến* cầm lấy hay không cầm lấy tất cả đều bất tịnh.

"Này Thuần-đà, có pháp trắng, báo ứng trắng, tịnh và quả tịnh, nhẹ nhàng đi lên. Nếu ai đã tạo thành những thứ này, mà sáng sớm sờ đất, nói cái này tịnh ta tịnh, thì cũng được thanh tịnh, hay không sờ, thì cũng được thanh tịnh; và cầm cục phân bò cùng nắm cỏ tươi, nếu nhân tịnh quả tịnh thì dù có cầm nắm hay không cầm nắm cũng được thanh tịnh.

"Thuần-đà, thế nào là pháp trắng, báo ứng trắng, đến, sờ hay không sờ, thì cũng được thanh tịnh?

"Đó là, có nghĩa là người không sát sanh, lìa bỏ sát sanh, bỏ đao trượng, biết hổ thẹn, thương xót nghĩ đến tất cả chúng sanh. Không trộm cướp, lìa bỏ trộm cướp, vật cho thì lấy, không cho không lấy, tâm sạch không tham. Lìa tà dâm hoặc đối người được cha mẹ bảo hộ,...

---

56. Ỷ sức hoại ngữ 倚力壞語 . Paøli: samphappalaøpì, tạp uế ngữ.

57. Nguyên Hán: đẳng thú đẳng hướng 等趣等向 . Paøli: sammaggataø sammaøpaæipannaø.

cho đến người trao vòng hoa đều không cưỡng bức, làm chuyện tà dâm. Lìa nói dối, căn cứ vào sự thật mà nói. Xa lìa nói hai lưỡi, không đi đến chỗ này nói chuyện chỗ kia, đến chỗ kia nói chuyện chỗ này, phá hoại lẫn nhau; đã bị ly gián nên làm hòa hợp, đã hòa hợp nên tùy hỷ. Xa lìa ác khẩu, không thô rắn, những lời nói ra khiến nhiều người ưa thích. Tránh lời nói hư hoại, nói lời chân thật, nói đúng lúc, nói đúng sự thật, nói có ý nghĩa, nói như pháp, nói chánh kiến. Lìa tham dục, đối với của cải, đồ vật người khác không tưởng là của mình mà sanh tham đắm. Lìa sân nhuế, không nghĩ đến việc đánh đập, bắt trói, giết hại, gây các tai nạn. Thành tựu chánh kiến, không thấy điên đảo, nói có bố thí, có quả báo, có phước, có quả báo thiện hạnh, ác hạnh, có đời này, có cha mẹ, có chúng sanh hóa sanh, trong đời có A-la-hán, ngay trong đời này hay đời khác mà hiện tại tự biết tác chứng: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.' Này Thuần-đà, đó gọi là pháp trắng, báo ứng trắng, đến, sờ hay không sờ, thì cũng được thanh tịnh."

Sau khi gia chủ Thuần-đà nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ đảnh lễ ra về.

M

KINH 1040. XẢ HÀNH[58]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong tinh xá Kim sư[59], tại thành Vương xá. Bấy giờ, có Ba-la-môn vào ngày mười lăm, gội đầu, rồi thọ trai pháp, đeo tràng hoa dài, khoác áo lụa trắng[60], tay cầm nắm cỏ tươi đi đến chỗ Phật, cùng Thế Tôn thăm hỏi an úy nhau xong, ngồi lui qua một bên.

Khi đó Phật bảo Bà-la-môn:

"Ông gội đầu, đeo tràng hoa dài, khoác áo lụa trắng, đó là pháp của ai vậy?"

---

58. Paøli, A. 10. 167. Paccorohaòi.

59. Xem cht.49 kinh 1039.

60. Xem cht.53 kinh 1039. Paøli: tadahuposathe sìsaönhaøto navaö khomaøyugaö nivattho, vào ngày trai giới, gội đầu, khoác cặp áo lụa khoma.

Bà-la-môn bạch Phật:

"Thưa Cù-đàm, đó là học pháp xả[61]."

Thế Tôn hỏi Bà-la-môn:

"Thế nào là pháp xả của Bà-la-môn?"

Bà-la-môn bạch Phật:

"Thưa Cù-đàm, cứ vào ngày mười lăm, gội đầu, giữ gìn trai pháp, đeo tràng hoa dài, khoác áo lụa trắng, tay cầm cỏ tươi, tùy khả năng mà bố thí, làm phước. Thưa Cù-đàm, đó gọi là Bà-la-môn tu tập hạnh xả."

Phật bảo Bà-la-môn:

"Những thực hành về hạnh xả theo pháp luật của Hiền thánh thì khác ở đây."

Bà-la-môn bạch Phật:

"Thưa Cù-đàm, vậy sở hành về hạnh xả theo pháp luật của Hiền thánh như thế nào?"

Phật bảo Bà-la-môn:

"Lìa sát sanh, không thích sát sanh. Nói đầy đủ như phần thanh tịnh ở trước. Y nơi sự không sát sanh, lìa bỏ sát sanh... *cho đến* nói đầy đủ như phần thanh tịnh ở trước. Lìa trộm cướp, không thích trộm cướp, y nơi sự không trộm cướp, lìa bỏ sự lấy vật không cho. Lìa tà dâm, không thích tà dâm, y nơi sự không tà dâm, bỏ việc phi phạm hạnh. Lìa vọng ngữ, không thích vọng ngữ, y nơi sự không nói dối, xả bỏ lời nói không thật. Lìa hai lưỡi, không thích nói hai lưỡi, y nơi sự không nói hai lưỡi, xả bỏ hành ly gián. Lìa ác khẩu, không thích ác khẩu, y nơi sự không ác khẩu, bỏ lời thô ác. Lìa lời thêu dệt, không thích lời thêu dệt, y nơi sự không nói thêu dệt, bỏ lời vô nghĩa. Đoạn trừ tham dục, xa lìa khổ tham, y tâm không tham, xả bỏ ái trước. Đoạn trừ sân nhuế, không sanh phẫn hận, y không giận, xả bỏ sân hận. Tu tập chánh kiến, không khởi điên đảo, y chánh kiến, xả bỏ tà kiến.

"Này Bà-la-môn, đó gọi là sở hành về hạnh xả theo Pháp luật của Hiền thánh."

---

[61] Xả pháp 捨法. Paøli: paccorohaòi, lễ Đi xuống; một nghi thức cúng tế Lửa của Bà-la-môn.

Bà-la-môn bạch Phật:

"Thưa Cù-đàm, lành thay! Những sở hành về hạnh xả theo Pháp luật của Hiền thánh."

Sau khi Bà-la-môn nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

M

KINH 1041. SANH VĂN[62]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà tại thành Vương xá. Bấy giờ có Phạm chí Sanh Văn[63] đi đến chỗ Phật, cùng Phật thăm hỏi an úy xong, ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

"Thưa Cù-đàm, con có người thân tộc rất thương mến, bỗng nhiên qua đời. Con vì người ấy nên bố thí với tín tâm. Thế nào, bạch Thế Tôn, người ấy có nhận được không?"

Phật bảo Bà-la-môn:

"Không phải nhất định được. Nếu người thân tộc của ông sanh vào trong địa ngục, nó sẽ ăn thức ăn của chúng sanh địa ngục để nuôi sống sanh mạng của nó, chứ không nhận được đồ ăn thức uống mà ông bố thí với tín tâm. Nếu nó sanh vào súc sanh, ngạ quỷ, hoặc loài người, họ sẽ được đồ ăn thức uống của loài người, không nhận được đồ bố thí của ông.

"Này Bà-la-môn, trong đường ngạ quỷ có một nơi tên là Nhập xứ ngạ quỷ[64]. Nếu người thân tộc của ông sanh vào trong Nhập xứ ngạ quỷ kia, thì sẽ nhận được thức ăn của ông."

Bà-la-môn bạch Phật:

"Nếu người thân tộc của con không sanh vào trong đường Nhập xứ ngạ quỷ, thì thức ăn do tín tâm của con bố thí ai sẽ hưởng được?"

Phật bảo Bà-la-môn:

"Nếu ông với tín tâm bố thí cho người thân tộc, nhưng họ không

---

62. Paøli, A. 10. 177. Jaøòussoòi.

63. Sanh Văn Phạm chí 生聞梵志. Paøli: Jaøòussoòi braøhmaòo.

64. Nhập xứ ngạ quỷ 入處餓鬼. Paøli: petavisayaö, cảnh giới ngạ quỷ.

sanh vào chốn Nhập xứ ngạ quỷ, thì có những thân tộc quen biết khác đã sanh vào trong chốn Nhập xứ ngạ quỷ đó sẽ được hưởng."

Bà-la-môn bạch Phật:

"Thưa Cù-đàm, nếu con vì tín tâm bố thí cho người thân tộc, nhưng họ không sanh vào trong chốn Nhập xứ ngạ quỷ và cũng không có các thân tộc quen biết khác sanh vào chốn Nhập xứ ngạ quỷ, thì thức ăn do lòng tin bố thí đó ai sẽ hưởng?"

Phật bảo Bà-la-môn:

"Giả sử ông vì những thân tộc quen biết mà bố thí, nhưng họ không sanh vào trong chốn Nhập xứ ngạ quỷ và lại cũng không có những người quen biết khác sanh vào chốn ngạ quỷ, thì việc bố thí do lòng tin, tự mình sẽ được phước. Của bố thí do lòng tin của người thí chủ đó, sẽ không mất đạt-thẩn[65]."

Bà-la-môn bạch Phật:

"Thế nào là thí chủ hành thí, để người bố thí được đạt-thẩn kia?"

Phật bảo Bà-la-môn:

"Có người sát sanh, làm những việc ác, tay thường tanh máu,... *cho đến* mười nghiệp bất thiện, *nói đầy đủ như kinh Thuần-đà*. Sau lại bố thí cho Sa-môn, Bà-la-môn,... *cho đến* những kẻ ăn xin bần cùng, đều bố thí tiền tài, áo quần, chăn mền, đồ ăn thức uống, đèn đuốc, những vật dụng trang nghiêm.

"Này Bà-la-môn, thí chủ kia nếu lại phạm giới sanh trong loài voi, nhưng vì người ấy đã từng bố thí cho Sa-môn, Bà-la-môn tiền của, áo quần, chăn mền, đồ ăn thức uống cho đến những vật dụng trang nghiêm, nên tuy ở trong loài voi, nhưng cũng nhận được phước báo nhờ họ đã bố thí, từ quần áo, đồ ăn thức uống cho đến những vật dụng trang nghiêm.

"Nếu lại sanh vào các loài súc sanh như trâu, ngựa, lừa, la v.v... nhưng cũng nhờ vào công đức thí ân trước, nên họ ắt sẽ nhận được phước báo kia tùy theo chỗ sanh tương ứng mà được thọ dụng.

---

65. Đạt-thẩn 達嚫. Từ phiên âm; Paøli: dakkhiòaø, cũng dịch là cúng vật, thí vật. Phẩm vật cúng dường hay bố thí được cúng cho Tăng sau khi đã thọ trai. Đây chỉ sự thuyết pháp, chú nguyện hay hồi hướng của Tăng đối với vật được cúng dường.

"Này Bà-la-môn, nếu thí chủ kia lại trì giới, không sát sanh, trộm cướp,... *cho đến* chánh kiến và bố thí cho các Sa-môn, Bà-la-môn,... *cho đến* những kẻ ăn xin nào là tiền của, áo quần, đồ ăn thức uống, đèn đuốc, nhờ công đức này mà sanh trong loài người, ngồi hưởng thụ phước báo này, từ áo quần, đồ ăn thức uống... *cho đến* những vật dụng như đèn đuốc.

"Lại nữa, này Bà-la-môn, nếu họ lại trì giới, thì sẽ được sanh lên cõi trời, vì họ nhờ vào những thí ân nên được hưởng những thứ phước báo về tài bảo, áo quần, đồ ăn thức uống,... *cho đến* những vật dụng trang nghiêm cõi trời.

"Này Bà-la-môn, đó gọi là người bố thí hành thí; khi người bố thí thọ nhận đạt-thẩn, quả báo không mất."

Sau khi Bà-la-môn Sanh Văn nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

M

KINH 1042. BỀ-LA-MA (1)

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật trú tại Câu-tát-la du hành trong nhân gian, đang nghỉ trong rừng cây Thân-thứ[66] phía Bắc làng Bề-la-ma[67]. Bấy giờ, các gia chủ làng Bề-la-ma nghe Thế Tôn đang nghỉ trong rừng cây Thân-thứ phía Bắc làng. Nghe vậy, họ cùng rủ nhau đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, vì nhân gì, duyên gì, có những chúng sanh khi mạng chung sanh vào địa ngục?"

Phật bảo các gia chủ Bà-la-môn:

"Vì nhân duyên tạo những hành vi phi pháp hành, hành vi nguy hiểm hành, nên khi thân hoại mạng chung sẽ sanh vào địa ngục."

Các gia chủ Bà-la-môn bạch Phật:

"Những gì là hành vi phi pháp hành, hành vi nguy hiểm hành, để

---

66. Thân-thứ lâm □ Paøli: siösapa-vana, rừng cây siösapa, một loại cây lớn, tên khoa học Dalbergiasisu.

67. Bề-la-ma tụ lạc 鞞羅磨聚落. Paøli: Velaøma (?).

đến khi thân hoại mạng chung bị sanh vào địa ngục?"

Phật bảo các gia chủ Bà-la-môn:

"Vì nhân duyên sát sanh... *cho đến* tà kiến, đủ mười nghiệp bất thiện.

"Này Bà-la-môn, đó là những hành vi phi pháp hành, hành vi nguy hiểm hành, nên khi thân hoại mạng chung sẽ sanh vào địa ngục."

Bà-la-môn bạch Phật:

"Vì những nhân duyên gì mà chúng sanh khi thân hoại mạng chung được sanh lên trời?"

Phật bảo các gia chủ Bà-la-môn:

"Vì nhân duyên đã tạo ra những hành động đúng pháp, hành động chân chánh nên khi thân hoại mạng chung được sanh lên trời."

Lại hỏi Thế Tôn:

"Tạo những hành động gì đúng pháp, những hành động gì chân chánh để khi thân hoại mạng chung được sanh lên trời?"

Phật bảo các gia chủ Bà-la-môn:

"Là nhân duyên lìa sát sanh... *cho đến* chánh kiến, mười nghiệp lành thì khi thân hoại mạng chung được sanh lên trời.

"Này các gia chủ Bà-la-môn, nếu người nào có những hành động đúng pháp, hành động chân chánh này, muốn cầu sanh vào nhà quyền quý Sát-lợi, hoặc dòng họ Bà-la-môn uy thế, dòng họ Cư sĩ có tiếng, đều được sanh vào đó. Vì sao? Vì nhân duyên hành động đúng pháp và hành động chân chánh. Hoặc lại muốn sanh vào Tứ thiên vương, Tam thập tam thiên... *cho đến* Tha hóa tự tại thiên, đều sẽ được sanh về. Vì sao? Vì hành động đúng pháp và hành động chân chánh, trì tịnh giới nên tự nhiên sẽ đạt được tất cả những gì mình muốn. Hoặc lại có người nào hành động đúng pháp và hành động chân chánh như vậy, mà muốn cầu sanh vào Phạm thiên thì cũng được sanh về. Vì sao? Vì đã tạo hành động đúng pháp và chân chánh, trì giới thanh tịnh, tâm lìa ái dục nên sẽ đạt được những sở nguyện. Hoặc lại muốn cầu sanh về cõi Quang âm, Biến tịnh,... *cho đến* A-già-ni-tra cũng lại như vậy. Vì sao? Vì người này trì giới thanh tịnh, tâm ly dục. Hoặc lại muốn cầu ly dục, pháp ác bất thiện, có giác, có quán,... *cho đến* chứng và trụ đệ Tứ thiền, tất cả được thành tựu. Vì sao? Vì người này hành

động đúng pháp và chân chánh, trì giới thanh tịnh, tâm ly ái dục, nên thành tựu mọi ước nguyện. Muốn cầu Từ, Bi, Hỷ, Xả, Không nhập xứ, Thức nhập xứ, Vô sở hữu nhập xứ, Phi tưởng phi phi tưởng nhập xứ, tất cả đều được. Vì sao? Vì hành động đúng pháp và chân chánh, trì giới thanh tịnh, tâm ly ái dục, nên đạt được mọi ước nguyện. Muốn cầu đoạn tận ba kết, đắc quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, vô lượng thần thông, thiên nhĩ, tha tâm trí, túc mạng trí, sanh tử trí, lậu tận trí, tất cả đều đạt được. Vì sao? Vì hành động đúng pháp và chân chánh, trì giới, ly dục, nên đạt được mọi ước nguyện."

Sau khi các gia chủ Bà-la-môn nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, làm lễ rồi ra về.

M

KINH 1043. BỀ-LA-MA (2)

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật trú tại Câu-tát-la du hành trong nhân gian, đang nghỉ trong rừng cây Thân-thứ phía Bắc làng Bề-la-ma. Bấy giờ, các gia chủ Bà-la-môn trong làng Bề-la-ma nghe Thế Tôn đang nghỉ trong rừng cây Thân-thứ làng Bề-la-ma. Nghe vậy, họ đi xe ngựa trắng, có nhiều tùy tùng theo hai bên, cầm dù lọng cán vàng, bình tắm vàng, ra khỏi làng Bề-la-ma, đến rừng cây Thân-thứ. Đến đầu đường, họ xuống xe đi bộ, tiến vào cửa vườn, đến trước Thế Tôn, thăm hỏi an úy nhau xong, ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

"Thưa Cù-đàm, vì nhân gì, duyên gì có người khi mạng chung sanh vào địa ngục,... *cho đến* sanh lên trời?" *Nói đầy đủ như kinh trên.*

Sau khi các Bà-la-môn Tỳ-la-ma nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy, ra về.

M

KINH 1044. BEA-NỮU-ĐA-LA[68]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật trú tại Câu-tát-la du hành trong nhân gian,

68. Paøli, S. 55. 7. Veôudvaøreyyaø.

đang nghỉ trong rừng cây Thân-thứ, phía Bắc làng Bề-nữu-đa-la[69]. Gia chủ Bà-la-môn làng Bề-nữu-đa-la nghe Phật đang nghỉ nơi này; sau đó rủ nhau đến rừng cây Thân-thứ, đến trước Thế Tôn thăm hỏi an úy nhau xong, ngồi lui qua một bên.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo gia chủ Bà-la-môn:

"Ta sẽ vì ông nói pháp tự thông[70], hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ. Những gì là pháp tự thông? Thánh đệ tử nên học như vầy: Tôi tự nghĩ, nếu có người muốn giết tôi, điều đó tôi không thích. Cũng như vậy, điều mà nếu tôi không thích người khác cũng không thích. Tại sao lại giết họ? Nhận ra điều này rồi, sẽ thọ trì sự không sát sanh, không thích sát sanh. *Chi tiết như trên.*

"Nếu tôi không thích bị người trộm cướp, người khác cũng không thích. Vậy tại sao tôi lại trộm cướp đối với người? Cho nên hãy giữ giới không trộm cướp, không thích việc trộm cướp. *Nói như trên.*

"Tôi đã không thích người xâm phạm đến vợ tôi, người khác cũng không thích. Vậy tại sao nay tôi lại xâm phạm đến vợ người? Cho nên phải giữ giới không tà dâm đối với người. *Nói như trên.*

"Tôi còn không thích bị người dối gạt, người khác cũng như thế. Vậy tại sao lại dối gạt người khác? Cho nên, phải giữ giới không nói dối. *Nói như trên.*

"Tôi còn không thích người khác chia lìa thân hữu tôi, người khác cũng như vậy. Vậy tại sao nay tôi lại chia lìa thân hữu người khác? Cho nên không nói hai lưỡi. *Nói như trên.*

"Tôi còn không thích người khác nói lời thô ác, người khác cũng như thế. Vậy tại sao đối với người khác mà lại mạ nhục? Cho nên đối với người khác không nên nói lời ác khẩu. *Nói như trên.*

"Tôi còn không thích người nói lời thêu dệt, người khác cũng như thế. Vậy tại sao đối với người lại nói lời thêu dệt? Cho nên đối với người khác không nên nói lời thêu dệt. *Nói như trên.*

"Bảy pháp như vậy gọi là Thánh giới. Lại nữa, thành tựu tín

---

69. Bề-nữu-đa-la 鞞紐多羅. Paøli: Veâudvaøraö naøma Kosalaønaö braøhmaòagaømo, thôn Bà-la-môn thuộc nước Kosala.

70. Tự thông chi pháp 自通之法. Paøli: attupanaøyika dhammapariyaøya, pháp môn liên hệ đến bản thân (tự ngã); chỉ sự tự tu dưỡng để được tự lợi ích.

thanh tịnh bất hoại đối với Phật, thành tựu tín thanh tịnh bất hoại đối với Pháp, đối với Tăng. Đó gọi là Thánh đệ tử thành tựu bốn bất hoại tịnh. Tự mình quán sát ngay bây giờ có thể tự ký thuyết, mình không còn vào địa ngục, không còn vào ngạ quỷ, súc sanh và không còn vào tất cả đường ác; đạt được pháp Tu-đà-hoàn, không rơi vào pháp đường ác, quyết định thẳng đến Chánh giác, chỉ còn bảy lần qua lại cõi trời, người, cứu cánh biên tế khổ."

Sau khi gia chủ Bà-la-môn làng Bề-nữu nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

M

KINH 1045. TÙY LOẠI[71]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có những pháp thân cận[72], hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì các ông giảng nói:

"Những gì là pháp thân cận? Người sát sanh thân cận người sát sanh. Trộm cắp, tà dâm, vọng ngữ, nói hai lưỡi, nói lời ác, nói thêu dệt, tham, sân, tà kiến, chúng tùy theo loại thân cận nhau. Thí như vật bất tịnh cùng với vật bất tịnh tự hòa hợp nhau; cũng như vậy, sát sanh cùng sát sanh... *cho đến* tà kiến cùng tà kiến, tự thân cận nhau. Cũng vậy Tỳ-kheo, không sát sanh cùng với không sát sanh thân cận nhau... *cho đến* chánh kiến cùng với chánh kiến thân cận nhau. Thí như vật tịnh cùng vật tịnh hòa hợp nhau; sữa sanh lạc, lạc sanh tô, tô sanh đề hồ, đề hồ tự hòa hợp nhau. Cũng vậy, không sát sanh cùng với không sát sanh thân cận nhau... *cho đến* chánh kiến cùng với chánh kiến thân cận nhau. Đó gọi là pháp thân cận nhau của Tỳ-kheo."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

---

71. Paøli, A. 10. 199. Sevitabba-bahupuóóa.

72. Tương tập cận pháp 相習近法. Paøli: aøsevitabbadhamma, cần được thân cận, cần được phục vụ.

KINH 1046. XÀ HÀNH[73]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có pháp rắn bò[74], hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì các ông giảng nói.

"Thế nào là pháp rắn bò? Sát sanh, làm ác, tay thường tanh máu,... *cho đến* mười nghiệp ác, nói đầy đủ như kinh Thuần-đà trước. Lúc bấy giờ người ấy bò trườn với thân, bò trườn với miệng, bò trườn với ý. Khi bò trườn với thân, bò trườn với miệng, bò trườn với ý như vậy, một trong hai đường người đó đang hướng đến là địa ngục hoặc súc sanh. Chúng sanh bò trườn, là chỉ các loài chúng sanh đi bằng bụng như rắn, chuột, mèo, chồn. Đó gọi là pháp rắn bò.

"Thế nào là pháp không phải rắn bò? Không sát sanh... *cho đến* chánh kiến, nói đầy đủ về mười nghiệp thiện như kinh Thuần-đà trước. Đó gọi là pháp không phải rắn bò. Khi thân không phải rắn bò, miệng không phải rắn bò, ý không phải rắn bò, thì một trong hai đường họ sẽ sanh về là cõi trời hoặc cõi người. Đó gọi là pháp không phải rắn bò."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 1047. VIÊN CHÂU (1)[75]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có nhân nghiệp ác, nhân tâm ác, nhân kiến ác. Nếu chúng sanh nào có nhân như vậy, khi thân hoại mạng chung chắc chắn rơi vào địa

---

73. Paøli, A. 10. 205. Saösappaniya.

74. Xà hành pháp 蛇行法. Paøli: saösapanìya-dhammapariyaø, pháp môn quanh co, bò trườn như rắn bò.

75. Paøli, A. 10. 206. Mani.

ngục, đường ác. Giống như ném hạt châu tròn[76] vào hư không, sẽ rơi lại xuống đất lăn đi, không đình trú tại một chỗ[77]. Cũng vậy, nhân nghiệp ác, nhân tâm ác, nhân kiến ác, khi thân hoại mạng chung chắc sẽ rơi vào địa ngục không có chỗ đình trú[78].

"Thế nào là nghiệp ác? Sát sanh... *cho đến* nói lời thêu dệt, nói đầy đủ như trên. Đó gọi là nghiệp ác.

"Thế nào là tâm ác[79]? Tâm tham, tâm sân nhuế, nói đầy đủ như trên. Đó gọi là tâm ác.

"Thế nào là kiến ác? Tà kiến điên đảo, nói đầy đủ như trên. Đó gọi là kiến ác. Đây gọi là nhân nghiệp ác, nhân tâm ác, nhân kiến ác, khi thân hoại mạng chung, chắc sẽ rơi vào địa ngục, đường ác. Nếu nhân nghiệp thiện, nhân tâm thiện, nhân kiến thiện, khi thân hoại mạng chung, chắc sẽ được sanh về cõi trời, đường lành.

"Này Bà-la-môn, thế nào là nghiệp thiện? Lìa sát sanh, không ưa sát sanh,... *cho đến* không nói lời thêu dệt. Đó gọi là nghiệp thiện.

"Thế nào là tâm thiện? Không tham, không sân, đó gọi là tâm thiện.

"Thế nào là kiến thiện? Chánh kiến, không điên đảo... *cho đến* kiến không tái sanh đời sau. Đó gọi là kiến thiện. Đây gọi là nhân nghiệp thiện, nhân tâm thiện, nhân kiến thiện, khi thân hoại mạng chung chắc sẽ được sanh về cõi trời. Giống như ném hạt ma ni có bốn phương[80] vào hư không, nó rơi chỗ nào sẽ nằm yên chỗ đó; cũng vậy ba nhân thiện kia tùy thuộc vào chỗ thọ sanh mà an ổn.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

---

76. Viên châu 圓珠. Paøli: apaòòaka maòi, viên ngọc ma-ni hoàn hảo.
77. Paøli: yena yevena patiææhaøti supatiææhitaöyeva patiææhaøti, dừng chỗ nào thì đứng im tại chỗ đó.
78. Vô trú xứ □ℒ /ı ³𝒷 . Xem liên hệ thí dụ trên.
79. Ác tâm. Paøli: akusalasaócetaøn, tư duy, ý chí bất thiện; bất thiện tư niệm.
80. Tứ phương ma-ni 四方摩尼; ngọc ma-ni có bốn phương? Paøli: apaòòaka maòi? Xem cht.77 trên.

KINH 1048. VIÊN CHÂU (2)[81]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Nếu người sát sanh, mà tập nhiều, hành nhiều, sẽ sanh vào địa ngục. Nếu sanh vào loài người, sẽ bị chết yểu. Sự lấy của không cho được tập nhiều, hành nhiều, sẽ rơi vào địa ngục. Nếu sanh vào loài người, tiền của nhiều khó khăn. Sự tà dâm được tập nhiều, hành nhiều, sẽ rơi vào địa ngục. Nếu sanh vào loài người, vợ con của nó bị người xâm phạm. Sự nói dối tập nhiều, hành nhiều, sẽ sanh vào địa ngục. Nếu sanh vào loài người, sẽ bị người khác chê bai luôn. Sự nói hai lưỡi được tập nhiều, hành nhiều, sẽ sanh vào địa ngục. Nếu sanh vào loài người, sẽ bị bạn bè thân hữu xa lìa, chia rẽ. Sự nói thô ác được tập nhiều, hành nhiều, sẽ sanh vào địa ngục. Nếu sanh vào loài người, thường nghe những tiếng xấu. Sự nói lời thêu dệt được tập nhiều, hành nhiều, sẽ sanh vào địa ngục. Nếu sanh vào loài người, lời nói không được tin dùng. Tham dục được tập nhiều, hành nhiều, sẽ sanh vào địa ngục. Nếu sanh vào loài người, tham dục kia sẽ tăng trưởng. Sân nhuế được tập nhiều, hành nhiều, sẽ sanh vào địa ngục. Nếu sanh vào loài người, sân nhuế kia sẽ tăng trưởng. Tà kiến được tập nhiều, hành nhiều, sẽ sanh vào địa ngục. Nếu sanh vào loài người, ngu si kia sẽ tăng trưởng.

"Nếu sự lìa bỏ sát sanh được tu tập, tu tập nhiều, sẽ được sanh lên trời. Nếu sanh vào loài người, chắc sẽ được sống lâu. Nếu sự lìa bỏ trộm cướp được tu tập, tu tập nhiều, sẽ được sanh lên trời. Nếu sanh vào loài người, tiền tài sẽ không mất. Nếu sự không tà dâm được tu tập, tu tập nhiều, sẽ được sanh lên trời. Nếu sanh vào loài người, vợ con sẽ thuần lương. Nếu sự không nói dối được tu tập, tu tập nhiều, sẽ được sanh lên trời. Nếu sanh vào loài người, sẽ không bị chê bai. Nếu sự không nói hai lưỡi được tu tập, tu tập nhiều, sẽ được sanh lên trời. Nếu sanh vào loài người, thân hữu sẽ bền vững. Nếu sự không nói lời ác được tu tập, tu tập nhiều, sẽ được sanh lên

---

81. Paøli, A. 10. 206. Maòi.

trời. Nếu sanh vào loài người, sẽ được nghe những âm thanh dịu dàng. Nếu sự không nói lời thêu dệt được tu tập, tu tập nhiều, sẽ được sanh lên trời. Nếu sanh vào loài người, lời nói sẽ được tin dùng. Nếu sự không tham lam được tu tập, tu tập nhiều, sẽ được sanh lên trời. Nếu sanh vào loài người, ái dục sẽ không tăng trưởng. Nếu sự không sân nhuế được tu tập, tu tập nhiều, sẽ được sanh lên trời. Nếu sanh vào loài người, sân nhuế sẽ không tăng trưởng. Nếu chánh kiến được tu tập, tu tập nhiều, sẽ được sanh lên trời. Nếu sanh làm người, ngu si sẽ không tăng trưởng."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 1049. NA NHÂN[82]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Sát sanh có ba thứ: Sanh khởi từ tham, sanh khởi từ sân, sanh khởi từ si,... *cho đến* tà kiến cũng có ba thứ: Sanh khởi từ tham, sanh khởi từ sân, sanh khởi từ si.

"Lìa sát sanh cũng có ba thứ: Sanh khởi từ không tham, sanh khởi từ không sân, sanh khởi từ không si,... *cho đến* lìa tà kiến cũng có ba thứ: Sanh khởi từ không tham, sanh khởi từ không sân, sanh khởi từ không si."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 1050. PHÁP XUẤT KHÔNG XUẤT[83]

Tôi nghe như vầy:

---

82. Paøli, A. 10. 174. Hetu.

83. Paøli, A. 10. 175. Parikkamma.

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Nói là có pháp xuất và pháp xuất không xuất[84]. Những gì là pháp xuất và pháp xuất không xuất? Nghĩa là không sát sanh, là sự xuất ly đối với sát sanh,... *cho đến* chánh kiến, là sự xuất ly đối với tà kiến."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 1051. BỜ KIA BỜ NÀY[85]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà tại thành Vương xá. Bấy có Bà-la-môn Sanh Văn đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

"Thưa Cù-đàm, được nói là bờ này, bờ kia. Thế nào là bờ này? Thế nào là bờ kia?"

Phật bảo Bà-la-môn:

"Sát sanh là bờ này; không sát sanh là bờ kia. Tà kiến là bờ này; chánh kiến là bờ bên kia."

Bấy giờ Thế Tôn liền nói kệ:

Một ít người tu thiện,
Có thể qua bờ kia;
Tất cả mọi chúng sanh,
Chạy rông bờ bên này.
Đối Chánh pháp luật này,
Nếu quán pháp, tướng pháp;
Thì họ qua bờ kia,
Hàng phục bọn ma chết.

---

84. Xuất pháp xuất bất xuất pháp 出法出不出法. Paøli: saparikkammo... ayaö dhammo... naøyaö dhammo aparikkammo, pháp này có thoát ly; pháp này không phải không thoát ly.

85. Paøli, A. 10. 170. Tìra.

Sau khi Bà-la-môn Sanh Văn nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

Cũng vậy, ba kinh: Những gì Tỳ-kheo khác hỏi, Tôn giả A-nan hỏi và Phật hỏi các Tỳ-kheo, cũng nói như trên.

M

KINH 1052. CHÂN THẬT[86]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có pháp ác, có pháp chân thật[87]. Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì các ông giảng nói:

"Thế nào là pháp ác? Sát sanh, trộm cướp, tà dâm, nói dối, nói hai lưỡi, nói ác khẩu, nói thêu dệt, tham, sân, tà kiến. Đó gọi là pháp ác.

"Thế nào là pháp chân thật? Lìa sát sanh,... *cho đến* chánh kiến. Đó gọi là pháp chân thật."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 1053. ÁC PHÁP[88]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có pháp ác, pháp ác ác, có pháp chân thật, pháp chân thật chân thật[89]. Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì các ông giảng nói:

"Thế nào là pháp ác? Sát sanh,... *cho đến* tà kiến. Đó gọi là pháp ác.

"Thế nào là pháp ác ác? Tự sát sanh, dạy người sát sanh,... *cho*

---

86. Paøli, A. 10. 191. Saddhamma.

87. Ác pháp, chân thật pháp 惡法真實法. Paøli: saddhammaóca, asaddhammaóca, pháp vi diệu và pháp không vi diệu.

88. Paøli, A. 4. 207-210. Paøpadhammaø.

89. Ác pháp ác ác pháp, chân thật pháp chân thật chân thật pháp 惡法惡惡法, 真實法真實真實法. Paøli: paøpadhammaóca paøpadhammena paøpadhammataraóca; kalyaøòadhammaóca kalyaøòadhammena kalyaøòadhammataraóca, pháp ác và pháp ác hơn pháp ác; pháp thiện lương và pháp thiện lương hơn pháp thiện lương.

đến tự khởi tà kiến, lại đem tà kiến dạy người làm. Đó gọi là pháp ác ác.

"Thế nào là pháp chân thật? Lìa sát sanh,... *cho đến* chánh kiến.

"Thế nào là pháp chân thật chân thật? Tự mình không sát sanh, dạy người không sát sanh,... *cho đến* tự mình thực hành chánh kiến, lại đem chánh kiến dạy cho người thực hành. Đó gọi là pháp chân thật chân thật."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 1054. PHÁP CHÂN NHÂN[90]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có người nam bất thiện và người nam thiện[91]. Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì các ông giảng nói.

"Thế nào là người nam bất thiện? Người sát sanh,... *cho đến* người tà kiến. Đó gọi là người nam bất thiện.

"Thế nào là người nam thiện? Người không sát sanh,... *cho đến* chánh kiến. Đó gọi là người nam thiện."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe nhũng gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 1055. MƯỜI PHÁP (1)[92]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

---

90. Paøli, A. 10. 192. Sappurisadhamma.

91. Bất thiện nam tử thiện nam tử 不善男子善男子. Paøli: asappurisadhamma, sappurisa-dhamma, pháp không phải thiện sĩ, pháp thiện sĩ.

92. Paøli, A. 4. 201. Sikkhaøpada.

"Có người nam bất thiện; có người nam bất thiện hơn người nam bất thiện; có người nam thiện; có người nam thiện hơn người nam thiện. Các Tỳ-kheo hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì các ông giảng nói.

"Thế nào là người nam bất thiện? Người sát sanh,... *cho đến* người tà kiến. Đó gọi là người nam bất thiện.

"Thế nào là người nam bất thiện hơn người nam bất thiện? Người tự tay sát sanh, rồi dạy người sát sanh,... *cho đến* tự thực hành tà kiến, rồi dạy người thực hành tà kiến. Đó gọi là người nam bất thiện hơn người nam bất thiện.

"Thế nào là người nam thiện? Người không sát sanh... *cho đến* chánh kiến. Đó gọi là người nam thiện.

"Thế nào là người nam thiện hơn người nam thiện? Tự mình không sát sanh và dạy người không sát sanh,... *cho đến* tự thực hành chánh kiến, lại đem chánh kiến dạy người khác thực hành. Đó gọi là người nam thiện."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 1056. MƯỜI PHÁP (2)[93]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Nếu người nào thành tựu mười pháp, như mâu sắt đâm xuống nước; người kia khi thân hoại mạng chung sẽ hạ nhập vào địa ngục, đường ác. Những gì là mười? Đó là sát sanh... *cho đến* tà kiến. Nếu người nào thành tựu mười pháp, như mâu sắt chĩa lên hư không; khi thân hoại mạng chung được sanh lên trời. Những gì là mười? Đó là không sát sanh... *cho đến* chánh kiến.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

---

93. Paøli, A. 10. 210. Dasa-dhammaø.

KINH 1057. HAI MƯƠI PHÁP[94]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Nếu người nào thành tựu hai mươi pháp, như mâu sắt đâm xuống nước, khi thân hoại mạng chung sẽ sanh vào địa ngục, đường ác. Những gì là hai mươi? Tự tay sát sanh, bảo người sát sanh,... *cho đến* tự mình hành tà kiến, lại dùng tà kiến dạy người hành. Đó gọi là thành tựu hai mươi pháp, như mâu sắt đâm xuống nước, khi thân hoại mạng chung sẽ hạ sanh vào địa ngục, đường ác.

"Nếu người nào thành tựu hai mươi pháp, giống như mâu sắt chĩa lên hư không, khi thân hoại mạng chung sẽ được sanh lên trên trời. Những gì là hai mươi? Tự mình không sát sanh, dạy người không sát sanh,... *cho đến* tự mình hành chánh kiến, lại đem chánh kiến dạy người khác hành. Đó gọi là thành tựu hai mươi pháp, như mâu sắt chĩa lên hư không, khi thân hoại mạng chung sẽ được sanh lên trên trời."

Phật nói kinh nay xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 1058. BA MƯƠI PHÁP[95]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có ba mươi pháp, nếu người nào thành tựu, như mâu sắt đâm xuống nước, khi thân hoại mạng chung sẽ hạ sanh vào địa ngục, đường ác. Những gì là ba mươi? Tự mình sát sanh, dạy người sát sanh và khen ngợi sát sanh,... *cho đến* tự mình hành tà kiến, lại đem tà kiến dạy người khác hành và thường khen ngợi người hành tà kiến. Đó gọi

94. Paøli, A. 4. 211. Vìsati-dhammaø.

95. Paøli, A. 4. 212. Tiösaø-dhammaø.

là thành tựu ba mươi pháp, như mâu sắt đâm xuống nước, khi thân hoại mạng chung sẽ hạ sanh vào địa ngục, đường ác.

"Có ba mươi pháp, nếu người nào thành tựu, giống như mâu sắt chĩa lên hư không, khi thân hoại mạng chung sẽ được sanh lên trên trời. Những gì là ba mươi? Tự mình không sát sanh, dạy người không sát sanh và thường khen ngợi công đức không sát sanh,... *cho đến* tự mình hành chánh kiến, lại đem chánh kiến dạy người hành và khen ngợi công đức chánh kiến. Đó gọi là thành tựu ba mươi pháp, như mâu sắt chĩa lên hư không, khi thân hoại mạng chung sẽ được sanh lên trên trời."

Các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 1059. BỐN MƯƠI[96]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có bốn mươi pháp, nếu thành tựu bốn mươi pháp này, như giáo sắt ném xuống nước, khi thân hoại mạng chung sẽ hạ sanh vào địa ngục, đường ác. Những gì là bốn mươi? Tự mình sát sanh, dạy người sát sanh, khen ngợi sát sanh, thấy người sát sanh sanh lòng hoan hỷ theo,... *cho đến* tự mình hành tà kiến, dạy người khác hành, khen ngợi tà kiến, thấy hành tà kiến sanh lòng hoan hỷ theo. Đó gọi là thành tựu bốn mươi pháp thì sẽ như giáo sắt ném xuống nước, khi thân hoại mạng chung sẽ hạ sanh vào địa ngục, đường ác.

"Có bốn mươi pháp, nếu thành tựu bốn mươi pháp, như giáo sắt chĩa lên không, khi thân hoại mạng chung được sanh lên trên trời. Những gì là bốn mươi? Tự mình không sát sanh, dạy người không sát sanh, miệng thường khen ngợi công đức không sát sanh, thấy người không sát sanh, sanh lòng hoan hỷ theo,... *cho đến* tự mình hành chánh kiến, dạy người khác hành, thường khen ngợi công đức chánh kiến, thấy người hành chánh kiến sanh lòng hoan hỷ theo. Đó gọi là

---

96. Paøli, A. 10. 213. Cattaørìsa-dhammaø.

thành tựu bốn mươi pháp, như giáo sắt chĩa lên không, khi thân hoại mạng chung sẽ được sanh lên trên trời."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 1060. PHÁP PHI PHÁP KHỔ[97]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có phi pháp, có chánh pháp. Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì các ông giảng nói:

"Thế nào là phi pháp? Sát sanh,... *cho đến* tà kiến. Đó gọi là phi pháp.

"Thế nào là chánh pháp? Không sát sanh,... *cho đến* chánh kiến. Đó gọi là chánh pháp."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 1061. PHI LUẬT CHÁNH LUẬT[98]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có phi luật, có chánh luật. Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì các ông giảng nói:

"Thế nào là phi luật? Sát sanh,... *cho đến* tà kiến. Đó gọi là phi luật.

"Thế nào là chánh luật? Không sát sanh,... *cho đến* chánh kiến. Đó gọi là chánh luật."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy,

97. Paøli, A. 10. 198. Sacchikaøtabba.

98. Paøli, A. 10. Saødhu.

hoan hỷ phụng hành.

Giống như Phi luật và chánh luật; cũng thế Phi Thánh và Thánh, Bất thiện và thiện, Phi thân cận và thân cận, Chẳng lành thay và lành thay, Hắc pháp và bạch pháp, Phi nghĩa và chánh nghĩa, Pháp kém và pháp hơn, Pháp tội và pháp không tội, Pháp bỏ và pháp không bỏ, tất cả đều nói như trên.[99]

❑

[99]. Tóm tắt có chín kinh.

TẠP A-HÀM QUYỂN 38

KINH 1062. THIỆN SANH[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có Tôn giả Thiện Sanh[2] vừa mới cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chánh tín xuất gia học đạo, sống không nhà; đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên. Khi ấy Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Này các Tỳ-kheo, nên biết thiện nam tử Thiện Sanh này có hai chỗ đoan nghiêm[3]: Một là cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chánh tín, xuất gia học đạo, sống không nhà; hai là đã tận trừ các hữu lậu, vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát, hiện tại tự biết tác chứng[4]: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.' "

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

Tịch tĩnh, sạch các lậu,
Tỳ-kheo trang nghiêm tốt;
Ly dục, đoạn các kết,
Không tái sanh, Niết-bàn.
Giữ thân sau cùng này,
Hàng phục giặc ma oán.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

---

1. Ấn Thuận, "Tụng viii. Tám chúng. 17. Tương ưng Tỳ-kheo", gồm hai mươi hai kinh: 1165-1186; Đại Chánh, kinh 1062-1083. Quốc Dịch, quyển 32, "Tụng vii. Kệ. 1. Tương ưng Tỳ-kheo", hai phẩm, hai mươi hai kinh. Phật Quang, quyển 38, kinh 1050-1068. Paøli, S. 21. 5. Sujaøto. Biệt dịch, N^{0}100(1).
2. Thiện Sanh □½ ⅋Ⅎ. Paøli: Sujaøta.
3. Hán: nhị xứ đoan nghiêm 二處端嚴. Paøli; ubhayena … sobhati, sáng chói với hai điều.
4. Hán: tự tri tác chứng 自知作證. Paøli: sayaö abhióóaø sacchikatvaø, bằng thắng trí mà tự mình chứng nghiệm (chứng ngộ).

KINH 1063. XÚ LẬU[5]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có Tỳ-kheo[6] hình tướng xấu xí khó coi, bị các Tỳ-kheo khinh mạn, đến chỗ Phật. Khi ấy bốn chúng đang vây quanh bên Thế Tôn, thấy Tỳ-kheo này đến, tất cả đều có ý khinh mạn, liền nói với nhau rằng: "Tỳ-kheo đang đến kia là ai, mà hình tướng xấu xí, khó coi, bị mọi người khinh mạn vậy?"

Bấy giờ, Đức Thế Tôn biết được tâm niệm của các Tỳ-kheo nên bảo các Tỳ-kheo:

"Các ông có thấy Tỳ-kheo đang đến, hình tướng thô xấu, khó coi kia, bị mọi người khinh mạn không?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Vâng, chúng con đã thấy vậy."

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Đối với Tỳ-kheo này, các ông chớ có khởi ý tưởng kinh mạn. Vì sao? Vì Tỳ-kheo này đã tận trừ các lậu, những việc cần làm đã làm xong, đã lìa các gánh nặng, đã đoạn tận các hữu kết, chánh trí, tâm thiện giải thoát. Này các Tỳ-kheo, các ông chớ xét đoán lầm người, chỉ có Như Lai mới có khả năng xét đoán người."

Vị Tỳ-kheo này đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân Phật rồi ngồi lui qua một bên.

Bấy giờ Thế Tôn lại bảo các Tỳ-kheo:

"Các ông có thấy Tỳ-kheo này cúi đầu đảnh lễ rồi ngồi lui qua một bên không?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Vâng, chúng con đã thấy."

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Đối với Tỳ-kheo này, các ông chớ có ý khinh mạn,... *cho đến* các ông chớ xét đoán lầm người, chỉ có Như Lai mới có khả năng biết

---

5. Paøli, S. 21. 6. Bhaddi. Biệt dịch, N^{0}100(2).

6. Paøli: [Lakuòñaka-] Bhaddiya.

được người."

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

Chim bay cùng thú chạy,
Tất cả sợ sư tử.
Sư tử vua loài thú,
Không có loài nào bằng.
Cũng vậy, người trí tuệ,
Tuy nhỏ nhưng mà lớn.
Chớ chấp thân tướng họ,
Mà sanh tâm khinh mạn.
Nào cần thân to lớn,
Thịt nhiều không trí tuệ.
Trí tuệ hiền thắng này,
Chính là bậc Thượng sĩ.
Ly dục, đoạn các kết,
Không tái sanh, Niết-bàn.
Giữ thân sau cùng này,
Hàng phục các ma quân.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 1064. ĐỀ-BÀ[7]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, tại thành Vương xá. Bấy giờ, Đề-bà-đạt-đa[8] có được lợi dưỡng từ A-xà-thế[9] con bà Tỳ-đề-hy, vua nước Ma-kiệt-đà. Hằng ngày cùng đoàn thị tùng với năm trăm cỗ xe đến chỗ Đề-bà-đạt-đa; hằng ngày đem năm trăm chõ đồ ăn cúng dường Đề-bà-đạt-đa. Đề-bà-đạt-đa dẫn năm trăm người thành

7. Paøli, S. 17. 36. Ratha. Cf. A. 4. 68. Devadatta. Biệt dịch, N^{0}100(3)

8. Đề-bà-đạt-đa 提婆達多. Paøli: Devadatta.

9. Ma-kiệt-đà vương A-xà-thế Tỳ-đề-hy-tử 摩竭陀王阿闍世毘提希子. Paøli: Ajaøtasattu-kumaøro, vương tử Ajaøtasattu, chưa làm vua.

nhóm riêng[10] nhận sự cúng dường này.

Lúc ấy có nhiều Tỳ-kheo đắp y, ôm bát vào thành Vương xá khất thực, nghe Đề-bà-đạt-đa có những lợi dưỡng như vậy,... *cho đến* nhóm riêng năm trăm người hưởng thụ sự cúng dường này. Khất thực xong, trở về tinh xá cất y bát, rửa chân xong đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, sáng sớm chúng con đắp y, ôm bát vào thành Vương xá khất thực, nghe Đề-bà-đạt-đa có lợi dưỡng như vậy,... *cho đến* dẫn nhóm riêng năm trăm người hưởng thọ sự cúng dường này."

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Các ông chớ nói Đề-bà-đạt-đa đang được lợi dưỡng. Vì sao? Vì Đề-bà-đạt-đa này, nếu hưởng thọ lợi dưỡng riêng thì đời này tự hoại và đời sau cũng bị hoại. Ví như cây chuối, lau, tre sanh quả liền chết, năm sau cũng hư hoại. Cũng lại như vậy, Đề-bà-đạt-đa, nếu thọ nhận sự cúng dường này, thì đời này bị hoại, đời sau cũng bị hoại. Thí như con la[11] mang thai thì chết; cũng như vậy Đề-bà-đạt-đa, nếu thọ nhận các lợi dưỡng thì đời này bị hoại, đời sau cũng bị hoại. Đề-bà-đạt-đa ngu si kia, sẽ tùy theo thời gian nhiều ít hưởng thụ lợi dưỡng này, mà phải lâu dài chịu khổ, không lợi ích. Cho nên, các Tỳ-kheo, nên học như vầy: 'Dù có lợi dưỡng đến, tôi cũng không sanh tâm nhiễm trước.'"

Bấy giờ Thế Tôn liền nói kệ:

Chuối sanh quả liền chết,
Lau tre cũng như vậy.
La mang thai thì chết;
Người vì tham mà chết.
Thường làm hạnh phi nghĩa,
Biết nhiều không khỏi ngu;
Pháp lành ngày tổn giảm,
Cành khô, rễ cũng tàn.

---

10. Biệt chúng 別眾; một số Tỳ-kheo trong Tăng tách thành nhóm riêng sinh hoạt biệt lập. Bản Paøli không có chi tiết này.

11. Hán: cự hư 駏驉; giống thú hình như ngựa (Từ hải). Paøli: assatara, giống lừa lai ngựa.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng.

M

KINH 1065. TƯỢNG THỦ[12]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, nước Xá-vệ có Thủ Tỳ-kheo[13] là người dòng họ Thích, mạng chung tại nước Xá-vệ.

Lúc ấy, sáng sớm có nhiều Tỳ-kheo đắp y, ôm bát vào thành Xá-vệ khất thực, nghe Thủ Tỳ-kheo họ Thích mạng chung ở nước Xá-vệ. Nghe xong vào thành Xá-vệ khất thực trở về cất y bát, rửa chân xong, đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, sáng sớm hôm nay các Tỳ-kheo đắp y, ôm bát vào thành Xá-vệ khất thực, nghe Thủ Tỳ-kheo dòng họ Thích mạng chung ở nước Xá-vệ. Thế nào, bạch Thế Tôn, Thủ Tỳ-kheo mạng chung sẽ sanh về nơi nào? Thọ sanh thế nào? Đời sau ra sao?"

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Thủ Tỳ-kheo này thành tựu ba pháp bất thiện, nên khi mạng chung sẽ sanh vào địa ngục, đường ác. Những gì là ba pháp bất thiện? Là tham dục, sân nhuế và ngu si. Ba pháp bất thiện này trói buộc tâm. Thủ Tỳ-kheo dòng họ Thích sẽ sanh vào địa ngục, đường ác."

Bấy giờ Thế Tôn liền nói kệ:

Tham dục, sân nhuế, si,
Trói buộc tâm con người;
Phát từ trong, tự hại.
Như lau, tre ra hoa.
Tâm không tham, nhuế, si,
Đó gọi là sáng suốt;

---

12. Biệt dịch, N^{0}100(4).

13. Thủ Tỳ-kheo 手比丘. Biệt dịch: Tượng Thủ Tỳ-kheo. Paøli, hoặc Hattha (tay), hoặc Hatthi (voi).

Phát từ trong, không hại,
Đó gọi là thắng xuất.
Cho nên phải lìa tham,
Tăm tối si, sân nhuế;
Tỳ-kheo trí tuệ sáng,
Khổ tận, Bát-niết-bàn.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 1066. NAN-ĐÀ (1)

Như Thủ Tỳ-kheo, kinh Nan-đà cũng nói như vậy.

M

KINH 1067. NAN-ĐÀ (2)[14]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Tôn giả Nan-đà con Di mẫu của Phật, thích mặc áo nhuộm, chải chuốt bóng láng, mang giữ bát tốt, thích bỡn cợt, vừa đi vừa cười đùa. Lúc ấy có nhiều Tỳ-kheo đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, Tôn giả Nan-đà là con Di mẫu của Phật[15], thích mặc áo nhuộm, chải chuốt bóng láng, mang giữ bát tốt, thích bỡn cợt, vừa đi vừa cười đùa."

Bấy giờ Thế Tôn bảo một Tỳ-kheo:

"Ông đến chỗ Tỳ-kheo Nan-đà nói Nan-đà rằng: 'Đại Sư cho gọi ngươi.'"

Tỳ-kheo kia vâng lời Thế Tôn dạy đến nói với Nan-đà:

"Thế Tôn cho gọi ông."

Nan-đà nghe xong liền đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân Phật,

---

14. Paøli, S. 21. 8. Nando. Biệt dịch, N^{0}100(5); Cf. N^{0}125(18.6).

15. Nan-đà Phật di mẫu tử 難陀佛姨母子. Paøli: Nando Bhagavato maøtucchaøputto.

ngồi lui qua một bên. Phật bảo Nan-đà:

"Có thật ngươi thích mặc áo nhuộm, chải chuốt bóng láng, mang giữ bát tốt, thích bỡn cợt, vừa đi vừa cười đùa không?"

Nan-đà bạch Phật:

"Thật vậy, bạch Thế Tôn!"

Phật bảo Nan-đà:

"Ngươi là con Di mẫu của Phật, dòng quý tộc xuất gia, không nên mặc y phục đẹp, chải chuốt bóng láng, mang giữ bát tốt, thích bỡn cợt, vừa đi vừa cười đùa. Ngươi nên tự nghĩ như vầy: 'Ta là con bà Di mẫu của Phật, dòng quý tộc xuất gia, nên trú ở a-lan-nhã, đi khất thực, mặc áo phấn tảo, thường nên khen ngợi sự mặc áo phấn tảo, ưa ở chỗ núi, khe, không tham luyến ái dục."

Sau khi vâng lời Phật dạy, Nan-đà trú ở a-lan-nhã, đi khất thực, mặc áo phấn tảo, thường nên khen ngợi sự mặc áo phấn tảo, ưa ở chỗ núi, khe, không tham luyến ái dục.

Bấy giờ Thế Tôn liền nói kệ:

Nan-đà, Ta muốn ngươi,
Tu tập a-lan-nhã;
Đi khất thực từng nhà,
Thân mặc áo phấn tảo.
Thích ở chỗ núi khe,
Không tham luyến ngũ dục!

Phật nói kinh này xong, Tôn giả Nan-đà nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 1068. ĐÊ-SA[16]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Tôn giả Đê-sa[17] tự nghĩ: "Ta là anh em con cô

16. Paøli, S.21.9. Tisso. Biệt dịch, N^{0}100(7).

17. Đê-sa 低沙. Paøli: aøyasmaø Tisso Bhagavato pitucchaøputto, Tôn giả Tissa, con trai của Bá mẫu của Thế Tôn.

của Thế Tôn, nên không cần phải cung kính, không cần quan tâm cấp bậc, cũng cần phải sợ nễ, không chịu để can gián." Lúc ấy có nhiều Tỳ-kheo đi đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, Tôn giả Đê-sa tự nghĩ mình là anh em con cô của Thế Tôn nên không cần cung kính, không cần quan tâm cấp bậc, cũng không cần sợ nễ, không chịu để can gián."

Bấy giờ Thế Tôn bảo một vị Tỳ-kheo:

"Ông hãy đến chỗ Tỳ-kheo Đê-sa nói rằng: 'Đại Sư cho gọi ngươi.'"

Lúc ấy Tỳ-kheo kia vâng lời Phật dạy đến chỗ Tỳ-kheo Đê-sa nói:

"Thế Tôn cho gọi ông."

Tỳ-kheo Đê-sa liền đi đến chỗ phật, cúi đầu lễ Phật và lui ngồi một bên. Phật bảo Đê-sa:

"Có thật ông nghĩ rằng: 'Ta là anh em con cô của Thế Tôn nên không cần cung kính, không cần dè dặt, không phải sợ nễ, không chịu để can gián' chăng?" Tỳ-kheo Đê-sa bạch Phật:

"Thật vậy, bạch Thế Tôn!"

Phật bảo Tỳ-kheo Đề-sa:

"Ông không nên nghĩ thế. Ông phải nghĩ rằng: 'Ta là anh em con cô của Thế Tôn nên phải cung kính, sợ nễ, nhẫn chịu sự can gián.'"

Lúc ấy Thế Tôn liền nói kệ:

Lành thay, ngươi Đê-sa!
Lìa sân nhuế là tốt;
Chớ sanh tâm sân hận.
Người sân giận không tốt.
Nếu hay lìa sân mạn,
Tu hành tâm khiêm hạ;
Sau đó ở nơi Ta,
Tu tập các phạm hạnh.

Phật nói kinh này xong, Tỳ-kheo Đê-sa nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 1069. TỲ-XÁ-KHƯ[18]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Tôn giả Tỳ-xá-khư Bát-xà-lê Tử[19] tụ họp ở nhà cúng dường[20], thuyết pháp cho số đông các Tỳ-kheo, ngôn từ hoàn hảo, giọng tốt trong trẻo cú vị rõ ràng, chính xác, lời nói phù hợp với trí tuệ; thính giả thích nghe, lời nói lưu loát, hiển bày ý nghĩa sâu xa, khiến các Tỳ-kheo nhất tâm lắng nghe.

Khi ấy Thế Tôn đang nhập chánh thọ ban ngày[21], với thiên nhĩ thanh tịnh hơn tai người thường, nghe tiếng thuyết pháp, Ngài xuất định, đi đến giảng đường, ngồi trước đại chúng và nói với Tỳ-kheo Tỳ-xá-khư Bát-xà-lê Tử:

"Lành thay, lành thay, Tỳ-xá-khư! Ông có thể ở nơi nhà cúng dường này mà thuyết pháp cho các Tỳ-kheo, với ngôn từ hoàn hảo, cho đến, hiển hiện ý nghĩa sâu xa, khiến các Tỳ-kheo chuyên tinh, kính trọng. Ông hãy thường xuyên thuyết pháp như vậy cho các Tỳ-kheo, khiến các Tỳ-kheo chuyên tinh kính trọng, nhất tâm ưa nghe, sẽ được ích lợi lâu dài, sống an lạc."

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói bài kệ:

Nếu không có thuyết pháp,
Khó phân rõ ngu, trí.
"Đây ngu! Đây trí tuệ!"
Không do đâu hiển hiện.
Khéo nói pháp tươi mát,
Nhân thuyết trí rõ ràng.
Thuyết pháp là sáng chiếu,
Sáng chói cờ Đại tiên.

---

18. Paøli, S. 21. 7. Visaøkho; Cf. A. 4. 48. Visaøkho. Biệt dịch, N^{0}100(8).

19. Tỳ-xá-khư Bát-xà-lê Tử 毘舍佉般闍梨子. Paøli: Visaøkho paócaølaputto.

20. Cúng dường đường 供養堂. Paøli: upaææhaønasaølaø, giảng đường hay thị giả đường, hay nhà khách.

21. Trú chánh thọ 晝正受. Đây chỉ sự nghỉ trưa. Bản Paøli: saøyaòhasamayaö paæisallaøna.

Phật nói kinh này xong; Tỳ-xá-khư Bát-xà-lê Tử nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, đảnh lễ rồi lui.

M

KINH 1070. NIÊN THIẾU[22]

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có nhiều chúng Tỳ-kheo ở nhà cúng dường, tụ tập cùng nhau may y. Lúc đó có một Tỳ-kheo trẻ tuổi, xuất gia chưa bao lâu, mới vào Pháp luật, không muốn phụ giúp các Tỳ-kheo may y.

Bấy giờ các Tỳ-kheo đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ Phật, lui ngồi một bên, bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, ở nhà cúng dường, các Tỳ-kheo tụ tập may y. Có một Tỳ-kheo trẻ tuổi, xuất gia chưa bao lâu, mới vào Pháp luật, không muốn phụ giúp các Tỳ-kheo may y."

Bấy giờ Đức Phật hỏi vị Tỳ-kheo trẻ ấy:

"Có thật ông không muốn giúp đỡ các Tỳ-kheo may y chăng?"

Tỳ-kheo trẻ kia bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, tùy theo khả năng của con mà con phụ giúp."

Thế Tôn khi đó biết được tâm niệm của Tỳ-kheo trẻ tuổi, mới bảo các Tỳ-kheo:

"Các ông chớ nói với[23] Tỳ-kheo trẻ này. Vì sao? Vì Tỳ-kheo này được bốn pháp tăng tâm[24], đang hoàn toàn an trú trong hiện pháp lạc, chẳng phải do cố gắng mà được. Tỳ-kheo ấy theo bản tâm của mình, cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, xuất gia học đạo, tăng tiến tu học, hiện pháp tự biết tác chứng: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.'"

Khi ấy Thế Tôn liền nói kệ:

Kém nỗ lực, đức mỏng,
Trí tuệ ít: không thể

---

22. Paøli, S. 21. 4. Navo. Biệt dịch, N^{0}100(9).

23. Paøli: maø … etassa bhikkhuno ujjhaøyittha, các ông chớ hiềm trách Tỳ-kheo này.

24. Bốn pháp tăng tâm 四增心法; hay bốn tăng thượng tâm. Paøli: catunaø jhaønaønaø aøbhicetasikaønaø, bốn thiền tăng thượng tâm.

Hướng thẳng đến Niết-bàn,
Thoát khỏi gông phiền não.
Hiền nhân trẻ tuổi này,
Sớm được chỗ thượng sĩ;
Lìa dục tâm giải thoát,
Niết-bàn dứt tái sanh.
Giữ thân tối hậu này,
Hàng phục các ma quân.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 1071. TRƯỞNG LÃO[25]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có Tỳ-kheo tên Thượng Tọa[26], sống một mình tại một nơi, cũng thường hay khen ngợi người sống một mình, đi khất thực một mình, khất thực xong trở về một mình và một mình ngồi thiền tư.

Bấy giờ, trong chúng có nhiều Tỳ-kheo đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ, rồi lui ngồi một bên, bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, có Tôn giả tên là Thượng Tọa sống một mình, cũng thường hay khen ngợi người sống một mình, đi khất thực một mình, khất thực xong trở về một mình và một mình ngồi thiền tư."

Khi đó Thế Tôn bảo một Tỳ-kheo:

"Ông hãy đến chỗ Tỳ-kheo Thượng Tọa nói rằng: 'Đại Sư cho gọi thầy.'"

Tỳ-kheo ấy vâng lời Phật dạy, đến nói lời như trên với Tỳ-kheo Thượng Tọa, Tỳ-kheo Thượng Tọa vâng lời đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ Phật, rồi lui ngồi một bên. Thế Tôn bảo Tỳ-kheo Thượng Tọa:

"Ông có thật sống một mình nơi chỗ vắng, khen ngợi người sống một mình, đi khất thực một mình, ra khỏi làng một mình, ngồi thiền tư

---

25. Paøli, S. 21. 10. Theranaømo. Biệt dịch, N^{0}100(10).

26. Danh viết Thượng Tọa /W¤ ¤W®y . Paøli: Theranaømako.

một mình chăng?"

Tỳ-kheo Thượng Tọa bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, thật như vậy."

Phật bảo Tỳ-kheo Thượng Tọa:

"Này Tỳ-kheo, ông như thế nào sống một mình, khen ngợi người sống một mình, một mình đi khất thực, một mình trở về chỗ ở và một mình ngồi thiền tư?"

Tỳ-kheo Thượng Tọa bạch Phật:

"Con chỉ ở một mình nơi vắng vẻ, khen ngợi người sống một mình, đi khất thực một mình, ra khỏi làng một mình, ngồi thiền tư một mình."

Phật bảo Tỳ-kheo Thượng Tọa:

"Ông là kẻ sống một mình, Ta không nói là chẳng phải sống một mình. Nhưng lại có lối sống một mình thắng diệu hơn. Sao gọi là lối sống một mình thắng diệu? Đó là Tỳ-kheo phía trước thì khô cằn, phía sau thì diệt tận, ở giữa thì không tham hỷ[27]. Đó là Bà-la-môn tâm không còn do dự, đã xả ưu hối, lìa các hữu ái, đoạn các kết sử. Đây gọi là sống một mình không có lối sống nào thắng diệu hơn nữa."

Khi ấy Phật nói kệ:

Chiếu sáng khắp tất cả,
Biết khắp các thế gian;
Chẳng chấp tất cả pháp,
Lìa hết tất cả ái.
Người này sống an lạc,
Ta nói là độc trụ.

Phật nói kinh này xong, Tôn giả Thượng Tọa nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ làm lễ cáo từ.

M

---

27. Paøli: yaö atìtaö taö pahìnaö, yaö anaøgataö paæinissaææhaö, paccuppannesu attabhaøvapaæilaøbhesu chandaraøgo suppaæivinìto, cái gì đã qua thì đoạn tận, cái gì chưa đến khước từ, trong những lợi dưỡng cho bản thân thì khéo chế ngự tham dục.

KINH 1072. TĂNG-CA-LAM[28]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có Tôn giả Tăng-ca-lam[29] du hành nhân gian ở Câu-tát-la, tới nước Xá-vệ, rừng cây Kỳ-đà, trong vườn Cấp cô độc. Tỳ-kheo Tăng-ca-lam kia có vợ cũ đang ở trong nước Xá-vệ, nghe tin Tỳ-kheo Tăng-ca-lam du hành trong nhân gian từ Câu-tát-la đến nước Xá-vệ, trong rừng Kỳ-đà, vườn Cấp cô độc. Nghe vậy, liền mặc y phục đẹp, trang điểm hoa anh lạc, ôm con đi thẳng đến Kỳ-hoàn, đến trước phòng Tỳ-kheo Tăng-ca-lam.

Trong lúc Tôn giả Tăng-ca-lam ra khỏi phòng đi kinh hành ngoài đất trống, người vợ cũ kia tiến đến trước mặt Tôn giả và nói:

"Đứa bé này còn nhỏ quá, anh bỏ con thơ đi tu, ai sẽ nuôi dưỡng nó?"

Tỳ-kheo Tăng-ca-lam không nói chuyện với nàng. Người vợ ba lần nói như vậy, Tỳ-kheo cũng không nói gì. Người vợ lại nói:

"Tôi đã nói cho anh biết ba lần như vậy mà anh chẳng nói với tôi, chẳng ngó ngàng tới, bây giờ tôi sẽ bỏ đứa bé này."

Người vợ liền bỏ đứa nhỏ ngay đầu đường kinh hành mà đi và nói:

"Này Sa-môn, đây là con của ông! Ông hãy tự nuôi nấng. Nay tôi bỏ đi!"

Tôn già Tăng-ca-lam cũng chẳng nhìn đến đứa bé. Người vợ ấy lại nói:

"Sa-môn này chẳng để ý gì đến đứa nhỏ. Chắc có lẽ ông đã được chỗ khó được của bậc Tiên nhân. Lành thay! Sa-môn chắc hẳn đã được giải thoát."

Thiếu phụ không toại nguyện đành ôm con đi.

Bấy giờ, Thế Tôn đang nhập chánh thọ ban ngày, với thiên nhĩ siêu việt hơn người thường, Ngài nghe được những lời của người vợ cũ của Tôn giả Tăng-ca-lam, liền nói kệ:

---

28. Paøli, Cf. Ud. 1.8. Bodhi-vagga. Biệt dịch, N^{0}100(11).

29. Tăng-ca-lam 僧 迦 藍 . Paøli: Saígaømaji.

Việc đến chẳng hoan hỷ,
Đi cũng chẳng lo buồn;
Với thế gian hòa hợp,
Giải thoát chẳng nhiễm trước.
Ta nói Tỳ-kheo kia,
Chân thật Bà-la-môn;
Việc đến chẳng hoan hỷ,
Đi cũng chẳng lo buồn.
Không nhiễm cũng không ưu,
Hai tâm đều vắng lặng;
Ta nói Tỳ-kheo này,
Là chân Bà-la-môn.

Phật nói kinh này xong, Tôn giả Tăng-già-lam nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ làm lễ rồi đi.

M

KINH 1073. A-NAN[30]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Tôn giả A-nan một mình ở chỗ vắng tự suy nghĩ: "Có ba thứ mùi hương chỉ bay theo chiều gió, không thể bay theo ngược chiều gió. Những gì là ba? Đó là mùi hương rễ cây, mùi hương thân cây và mùi hương của hoa. Hoặc lại có mùi hương nào bay theo chiều gió, cũng bay theo ngược gió, cũng bay vừa thuận gió ngược gió chăng?"

Suy nghĩ như thế, buổi chiều hôm đó sau khi từ thiền tịnh dậy, A-nan đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ Phật và lui đứng một bên, bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, con một mình ở chỗ vắng tự nghĩ thầm: 'Có ba thứ mùi hương chỉ bay theo chiều gió, không thể bay theo ngược gió. Những gì là ba? Đó là mùi hương rễ cây, mùi hương thân cây, mùi

30. Quốc Dịch, "1. Tương ưng Tỳ-kheo, phẩm 2". Paøli, A. 3. 79. Gandha. Biệt dịch, N^{0}100(12), N^{0}116, N^{0}117, N^{0}125(23.5).

hương của hoa. Hoặc có mùi hương nào bay theo chiều gió, cũng bay theo ngược gió, cũng bay vừa thuận gió vừa ngược gió chăng?'"

Phật bảo Tôn giả A-nan:

"Đúng thế! Đúng thế! Có ba loại mùi hương chỉ bay theo chiều gió, không thể bay theo ngược gió. Đó là hương thơm rễ cây, hương thơm của cây, hương thơm của hoa. Này A-nan, cũng có mùi hương bay theo chiều gió, bay theo ngược gió và cũng bay theo thuận gió ngược gió. Này A-nan, hương bay theo chiều gió, bay theo ngược gió và cũng bay theo thuận gió ngược gió, đó là: Có thiện nam tử hay người thiện nữ nào sống ở thành ấp, tụ lạc, thành tựu pháp chân thật, suốt đời không sát sanh, không trộm cướp, không tà dâm, không vọng ngữ, không uống rượu. Người thiện nam, người thiện nữ như vậy đều được người lành trong tám phương, cùng phương trên, phương dưới, thảy đều tán thán rằng: 'Ở phương kia, làng kia, có người thiện nam, người thiện nữ trì giới thanh tịnh, thành tựu pháp chân thật, suốt đời không sát sanh... *cho đến* không uống rượu.' Này A-nan, đây gọi là thứ hương hoa bay theo chiều gió, bay theo ngược chiều gió và cũng bay theo thuận gió ngược gió."

Bấy giờ Thế Tôn liền nói kệ:

Chẳng phải hương cành, hoa,
Có thể bay ngược gió.
Chỉ có hương tịnh giới,
Của thiện nam, thiện nữ;
Ngược, thuận bay các phương,
Không đâu không nghe biết.
Đa-ca-la[31]*, Chiên-đàn,*
Ưu-bát-la, Mạt-lợi;
So sánh các mùi hương,
Giới hương là hơn hết.
Hương thơm như Chiên-đàn,
Lan tỏa có giới hạn;
Chỉ có hương giới đức,
Xông ngát tận cõi trời.

---

31. Đa-ca-la 多迦羅 . Paøli: tagara, cây cam tùng, cách hương.

Hương thơm của tịnh giới,
Chánh thọ, chẳng phóng dật;
Chánh trí và giải thoát,
Ma đạo không thể vào.
Đây là đạo an ổn,
Đạo này rất thanh tịnh;
Hướng thẳng diệu thiền định,
Bứt dây trói của ma.

Phật nói kinh này xong, Tôn giả A-nan nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ tùy hỷ làm lễ rồi đi.

M

KINH 1074. BỆN TÓC[32]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật du hành trong nhân gian ở nước Ma-kiệt-đề, cùng với một ngàn vị Tỳ-kheo. Xưa kia họ là những người xuất gia bện tóc[33], nay đều đắc quả A-la-hán, các lậu đã tận, việc làm đã xong, xả bỏ các gánh nặng, chóng được tự lợi, sạch các hữu kết, chánh trí thiện giải thoát. Phật cùng các Tỳ-kheo đi đến tại rừng Trượng lâm, tháp Thiện kiến[34].

Bình-sa[35] vua nước Ma-kiệt-đề, nghe Thế Tôn du hành trong nhân gian tại nước Ma-kiệt-đề, đến trong rừng Trượng lâm, tháp Thiện kiến. Vua cùng với các tiểu vương, quần thần và đoàn tùy tùng, xe cộ một muôn hai ngàn chiếc, ngựa một muôn tám ngàn, người đi bộ theo đông vô số, các Bà-la-môn, gia chủ trong nước Ma-kiệt-đề đều đi theo.

Nhà vua rời khỏi thành Vương xá đi đến chỗ Thế Tôn, cung kính

---

32. Paøli, Cf. Luật tạng, Mv.1.22 (Seniya Bimbisaøra). Biệt dịch, N^{0}100(13).

33. Oanh phát xuất gia 縈髮出家. Paøli: jaæila. Đây chỉ các anh em Uruvela-Kassapa (Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp) và các đệ tử của họ.

34. Thiện kiến lập chi-đề Trượng lâm 善建立支提杖林. Paøli: Laææivane Suppaæææha-cetiya.

35. Ma-kiệt-đề vương Bình-sa 摩竭提王瓶沙. Paøli: raøjaø Magadho Seniyo Bimbisaøro.

cúng dường. Tới đầu đường, vua xuống đi bộ. Lúc tiến vào đến cửa trong, vua dẹp bỏ năm thứ nghi trượng, giở mão, dẹp bỏ lọng, quạt, dao gươm, cởi giày da. Vua đến trước Phật, sửa lại y phục tề chỉnh, trật vai áo bên phải, đảnh lễ Phật, nhiễu quanh Phật ba vòng, tự xưng danh tánh và bạch Phật:

"Thế Tôn, con là Bình-sa, vua nước Ma-kiệt-đề."

Phật bảo Bình-sa vương:

"Đại vương, ngài là Bình-sa. Mời Đại vương an tọa."

Bình-sa vương lại lễ dưới chân Phật, từ tốn ngồi xuống một bên. Lúc bấy giờ Uất-bề-la Ca-diếp[36] cũng đang ngồi tại đấy. Trong khi đó các gia chủ Bà-la-môn nghĩ rằng: "Có phải Đại Sa-môn này theo Uất-bề-la Ca-diếp tu phạm hạnh hay là Uất-bề-la Ca-diếp theo Đại Sa-môn tu phạm hạnh?"

Thế Tôn biết được tâm niệm của các gia chủ, Ngài liền nói kệ hỏi:

Uất-bề-la Ca-diếp,
Nơi đây thấy lợi gì,
Bỏ sự phụng thờ xưa,
Thờ lửa và các việc?
Nay hãy nói nghĩa kia.
Nguyên do bỏ thờ lửa.

Uất-bề-la Ca-diếp nói kệ bạch Phật:

Tiền tài thức ăn ngon,
Nữ sắc, quả ngũ dục;
Quán sát vị lai thọ,
Đều vô cùng nhơ nhớp.
Thế nên đều ném bỏ,
Sự thờ lửa trước kia.

Thế Tôn lại nói kệ hỏi:

Ông chẳng đắm thế gian,
Năm dục tiền, vị, sắc...;
Sao lại bỏ trời, người?

---

36. Uất-bề-la Ca-diếp 鬱 鞞 羅 迦 葉 . Paøli: Uruvela-Kassapa.

Ca-diếp, tùy nghĩa nói.

Ca-diếp lại nói kệ đáp Thế Tôn:

Thấy đạo lìa hữu dư,
Lối Vô dư tịch diệt,
Vô sở hữu, bất trước,
Không đường khác, đạo khác.
Thế nên đều ném bỏ,
Lối tu thờ lửa trước,
Đại hội[37] *đều thọ trì,*
Phụng thờ nước, hoặc lửa.
Ngu si chìm trong đó.
Chí cầu đạo giải thoát.
Mù, không mắt trí tuệ,
Hướng sanh, già, bệnh, chết.
Chẳng thấy con đường chánh,
Trọn lìa nẻo sanh tử.
Nay mới nhờ Thế Tôn,
Được thấy đạo vô vi,
Lực mà Đại long nói,
Được qua bên bờ kia.
Mâu-ni rộng cứu giúp,
An úy vô lượng chúng,
Nay mới biết Cù-đàm,
Bậc siêu xuất chân đế.

Đức Phật lại nói kệ khen Ca-diếp:

Lành thay! Này Ca-diếp,
Trước suy xét phi ác,
Kế phân biệt tìm cầu,
Mới đến nơi tốt đẹp.

"Này Ca-diếp, ông nên có lòng an úy tâm đồ chúng của ông."

Khi ấy Uất-bề-la Ca-diếp liền nhập chánh thọ, do sức thần túc, hướng về phương Đông, bay lên hư không, hiện ra bốn thứ thần biến:

37. Đại hội, chỉ đại tế đàn.

đi, đứng, nằm, ngồi. Vào trong lửa tam-muội, toàn thân rỗng sáng tỏa ra sắc xanh, vàng, đỏ, trắng, pha lê, sắc hồng. Trên thân ra nước, dưới thân ra lửa, trở lại thiêu đốt thân. Trên thân ra nước để rưới nước lên thân. Hoặc trên thân ra lửa để đốt thân kia; dưới thân tuôn nước để tưới ướt thân. Hiện bày các thứ thần thông biến hóa xong, Ca-diếp cúi đầu lễ Phật và bạch:

"Bạch Thế Tôn, Phật là Thầy của con, con là đệ tử."

Phật bảo Ca-diếp:

"Ta là Thầy ông. Ông là đệ tử. Ông hãy bình an ngồi xuống đi."

Tôn giả Uất-bề-la Ca-diếp ngồi lại chỗ cũ. Các gia chủ Bà-la-môn xứ Ma-kiệt-đề đều nghĩ thầm: "Uất-bề-la Ca-diếp đã quyết định ở nơi Đại Sa-môn tu hành phạm hạnh."

Phật nói kinh này xong, Bình-sa vua xứ Ma-kiệt-đề, cùng các gia chủ Bà-la-môn nghe những gì Phật dạy, đều hoan hỷ, tùy hỷ, làm lễ rồi cáo từ.

M

KINH 1075. ĐÀ-PHIÊU (1)[38]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật trú tại thành Vương xá, trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, có Đà-phiêu Ma-la Tử[39], quê cũ ở thành Vương xá, lo việc Tăng chúng, phân chia thức ăn uống và các vật dụng: giường nằm, chỗ ngồi,... và xếp đặt phiên thứ, sai thỉnh rất chu đáo. Lúc đó, có Tỳ-kheo Từ Địa[40] trải qua ba lần nhận thức ăn thô dở. Trong khi ăn lòng cảm thấy khó chịu, cay đắng nghĩ thầm: "Quái lạ thay! Khổ thay! Tỳ-kheo Đà-phiêu Ma-la Tử chắc cố tình đem thức ăn dở để là xúc não ta, khiến ta khi ăn cảm thấy cực khổ. Ta phải làm sao gây bất lợi cho y mới được?"

Tỳ-kheo Từ Địa có một cô em gái là Tỳ-kheo-ni tên Mật-đa-la[41]

---

38. Paøli, Cf., Luật tạng, Tiểu phẩm, Cv. 4. 4. 4. Biệt dịch, N^{0}100(14).

39. Đà-phiêu Ma-la Tử 陀驃摩羅子. Paøli: Dabba Mallaputta.

40. Từ Địa 慈地 . Paøli: Mettiya-bhummajaka.

41. Mật-đa-la 蜜多羅 . Paøli: Mettiyaø.

đang ở trong chúng Tỳ-kheo-ni nơi vườn nhà vua thuộc thành Vương xá. Tỳ-kheo-ni Mật-đa-la đi đến chỗ Tỳ-kheo Từ Địa, cúi đầu lễ chân Từ Địa rồi đứng một bên. Tỳ-kheo Từ Địa không nhìn đến cũng không mở lời.

Tỳ-kheo-ni Mật-đa-la nói với Tỳ-kheo Từ Địa:

"A-lê[42], vì sao không ngó ngàng và chẳng nói chuyện với tôi?"

Tỳ-kheo Từ Địa nói:

"Tỳ-kheo Đà-phiêu Ma-la Tử nhiều lần đem thức ăn thô dở để làm xúc não tôi, khiến tôi khi ăn cảm thấy cực khổ. Còn cô thì cứ bỏ mặc tôi."

Tỳ-kheo-ni nói:

"Làm gì bây giờ?"

Tỳ-kheo Từ Địa nói:

"Cô hãy đến Thế Tôn bạch như vầy: 'Bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo Đà-phiêu Ma-la Tử là kẻ phi pháp, không ra gì, đã cùng con làm điều trái phạm, phạm tội Ba-la-di'. Tôi sẽ làm chứng và nói: 'Bạch Thế Tôn, đúng như lời em gái con đã nói'."

Tỳ-kheo-ni nói:

"A-lê, làm sao tôi lại đem tội Ba-la-di để vu báng cho Tỳ-kheo phạm hạnh?"

Tỳ-kheo Từ Địa bảo:

"Nếu cô không làm như thế, tôi và cô từ nay chấm dứt tình anh em. Cô đừng lui tới đây để chuyện trò, thăm hỏi nhau nữa."

Tỳ-kheo-ni im lặng một hồi, suy nghĩ rồi nói:

"A-lê khiến tôi làm như thế, tôi sẽ vâng theo lời dạy."

Tỳ-kheo Từ Địa bảo:

"Cô hãy đợi tôi đi đến Thế Tôn trước, cô sẽ đi theo sau."

Tỳ-kheo Từ Địa đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ rồi lui đứng một bên. Tỳ-kheo-ni Mật-đa-la đi theo sau, đảnh lễ Phật rồi lui ngồi một bên, bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, một việc không đẹp thay! Thật phi lý thay[43]!

---

42. A-lê 阿梨; Ấn Thuận đọc là A-xà-lê (Paøli: aøcariya), tức Hán dịch là Giáo thọ sư hay Quỹ phạm sư. Nhưng đây là phiên âm từ Skt. ariya (Paøli: ayya): "Thưa Ngài/ Thưa Đức Ông" từ xưng hô của người nhỏ đối với người lớn.

Đà-phiêu Ma-la Tử đã làm điều phi phạm hạnh với con, phạm tội Ba-la-di!"

Tỳ-kheo Từ Địa lại bạch Phật:

"Như lời nói của em gái con, trước đây con đã biết."

Bấy giờ, Tỳ-kheo Đà-phiêu Ma-la Tử đang ở giữa đại chúng.

Khi ấy Thế Tôn bảo Tỳ-kheo Đà-phiêu-ma-la Tử:

"Ông có nghe lời nói này không?"

Tỳ-kheo Đà-phiêu Ma-la Tử bạch:

"Bạch Thế Tôn, con đã nghe."

Phật bảo Tỳ-kheo Đà-phiêu Ma-la Tử:

"Hôm nay ông như thế nào?"

Tỳ-kheo Đà-phiêu Ma-la Tử bạch Phật:

"Như Thế Tôn đã biết! Như Thiện Thệ đã biết!"

Phật bảo Tỳ-kheo Đà-phiêu Ma-la Tử:

"Ông nói như Thế Tôn đã biết, nay chẳng hợp thời. Bây giờ ông có nhớ thì nói nhớ, không nhớ thì nói không nhớ."

Tỳ-kheo Đà-phiêu Ma-la Tử bạch:

"Con không tự nhớ."

Trong lúc đó Tôn giả La-hầu-la đang đứng phía sau cầm quạt hầu Phật, bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, không đẹp thay! Thật phi lý thay! Tỳ-kheo-ni này nói: 'Tôn giả Đà-phiêu Ma-la Tử cùng với con làm điều phi phạm hạnh'. Tỳ-kheo Từ Địa lại nói: 'Bạch Thế Tôn, đúng thế! Trước đây con đã biết như em con đã nói.'"

Phật bảo La-hầu-la:

"Bây giờ, Ta hỏi La-hầu-la, tùy ý ngươi đáp lời Ta. Nếu Tỳ-kheo-ni Mật-đa-la đến nói với Ta rằng: 'Thật không đẹp thay! Thật phi lý thay! La-hầu-la cùng con làm điều phi phạm hạnh, phạm tội Ba-la-di.' Tỳ-kheo Từ Địa lại bạch với Ta: 'Thưa đúng như vậy, trước đây con đã biết, như lời em gái con nói.' Ngươi sẽ làm thế nào?"

La-hầu-la bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, nếu con nhớ con sẽ nói nhớ, nếu không nhớ sẽ

---

43. Hán: bất thiện bất loại 不善不類, Paøli: nacchannaö nappaæææuøpaö.

nói không nhớ."

Phật bảo La-hầu-la:

"Này người ngu si, ngươi còn nói được những lời này, huống chi Đà-phiêu Ma-la Tử là Tỳ-kheo thanh tịnh, cớ sao không nói được những lời như vậy?"

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Đối với Tỳ-kheo Đà-phiêu Ma-la Tử, hãy để ức niệm[44]. Với Tỳ-kheo-ni Mật-đa-la, hãy diệt tránh bằng tự xác nhận[45]. Với Tỳ-kheo Từ Địa, Tăng sẽ tích cực giáo giới can gián và khiển trách: 'Ngươi thấy gì? Thấy ở đâu? Do nhân duyên gì đến để thấy?'"

Thế Tôn dạy như vậy xong, Ngài rời chỗ ngồi đứng lên, vào phòng tọa thiền. Khi ấy các Tỳ-kheo để cho Tỳ-kheo Đà-phiêu tự ức niệm. Với Tỳ-kheo-ni Mật-đa-la, cho pháp diệt tránh bằng tự nhận. Với Tỳ-kheo Từ Địa, Tăng tích cực giáo giới can gián và khiển trách: 'Ngươi thấy gì? Thấy ở đâu? Do nhân duyên gì đến để thấy?' Trong khi can ngăn như thế, Tỳ-kheo Từ Địa nói rằng: "Đà-phiêu Ma-la Tử không làm chuyện phi phạm hạnh; không phạm Ba-la-di. Đà-phiêu Ma-la Tử đã ba phen cho tôi thức ăn tệ, đáng sợ, khiến tôi khi ăn cảm thấy cực khổ, nên tôi đối với Tỳ-kheo Đà-phiêu Ma-la Tử mà có sự thiên vị, giận hờn, ngu si, sợ hãi, nên cố ý nói như thế. Nhưng thật sự Đà-phiêu Ma-la Tử là người thanh tịnh, vô tội."

Chiều hôm ấy, Thế Tôn từ thiền định ra, đến trước đại chúng trải tòa, ngồi xuống.

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, chúng con đã cho Tỳ-kheo Đà-phiêu Ma-la Tử tự ức niệm. Với Tỳ-kheo-ni Mật-đa-la cho pháp diệt tránh bằng tự nhận. Với Tỳ-kheo Từ Địa thì tích cực giáo giới can gián. Tỳ-kheo ấy nói rằng: 'Đà-phiêu Ma-la Tử thanh tịnh vô tội'."

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Vì sao ngu si, chỉ vì việc ăn uống, mà cố ý vọng ngữ?"

Lúc ấy, Thế Tôn liền nói kệ:

Nếu hay xả một pháp,

---

44. Luật Tỳ-kheo: đây chỉ pháp diệt tránh, bằng ức niệm tỳ-ni; Paøli: sati-vinayo.

45. Luật Tỳ-kheo: chỉ pháp diệt tránh bằng tự ngôn trị; Paøli: paæióóaøtakara.

Biết mà cố vọng ngữ;
Chẳng kể gì đời sau,
Điều ác nào chẳng làm.
Thà ăn viên sắt nóng,
Như lửa than cháy hừng;
Không vì phạm giới cấm,
Ăn của thí cho Tăng.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 1076. ĐÀ-PHIÊU (2)[46]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn trúc Ca-la-đà, tại thành Vương xá. Bấy giờ, Tôn giả Đà-phiêu Ma-la Tử đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ Phật, rồi lui đứng một bên, bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, con xin vào Bát-niết-bàn ở trước Phật."

Thế Tôn im lặng, Tôn giả ba lần bạch như vậy. Phật bảo Đà-phiêu Ma-la Tử:

"Các pháp hành hữu vi đều như vậy cả."

Khi ấy, Tôn giả Đà-phiêu Ma-la Tử liền ở trước Phật nhập tam-muội, bằng chánh thọ như vậy, hướng về phương Đông, Tôn giả bay lên hư không hiện bốn oai nghi đi, đứng, nằm, ngồi, nhập vào tam-muội lửa, dưới thân phát ra lửa, cả thân rỗng sáng; ánh sáng chiếu khắp các màu xanh, vàng, đỏ, trắng, pha lê, hồng. Dưới thân ra lửa, trở lại thiêu thân. Trên thân ra nước rưới ướt trên thân. Hoặc trên thân ra lửa thiêu đốt thân, dưới thân ra nước rưới ướt trên thân. Khắp cả mười phương hiện bày các sự biến hóa xong, Tôn giả liền ở trong hư không, trong thân phát ra lửa tự thiêu thân vào Vô dư Niết-bàn, tiêu tận, tịch diệt, khiến không còn sót một mảy bụi, ví như trong hư không thắp cây đèn, dầu, tim đều hết. Đà-phiêu Ma-la Tử ở trong hư không đã nhập diệt, thân tâm đều bặt hết cũng như thế.

---

46. Paøli, Cf. Ud. 8. 9. Paøæaôigaømiya-vagga.

Bấy giờ Thế Tôn nói kệ:

Ví như đốt hòn sắt,
Lửa bừng sáng rực rỡ;
Sức nóng dần dần tắt,
Nào biết đi về đâu?
Cũng thế, sự giải thoát,
Vượt bùn lầy phiền não;
Đã cắt đứt các dòng,
Nào biết đi về đâu?
Chóng đắc dấu bất động,
Nhập Vô dư Niết-bàn.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 1077. GIẶC[47]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật trú tại nước Ương-cù-đa-la[48] du hành nhân gian. Khi đi qua trong rừng Đà-bà-xà-lê-ca[49], Ngài gặp những người chăn bò, người chăn dê, người nhặt củi, cỏ và các người làm việc khác. Họ trông thấy Thế Tôn đang đi trên đường, đều vội vàng bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, chớ đi theo con đường này. Phía trước có tên cướp Ương-cù-lợi-ma-la[50] chuyên môn khủng bố người."

Đức Phật nói với các người này:

"Ta không sợ."

Nói xong, Ngài cứ theo đường mà đi. Họ nói ba lần, Đức Phật vẫn cứ đi. Từ xa Phật trông thấy Ương-cù-lợi-ma-la, tay cầm dao chạy thẳng đến. Thế Tôn dùng thần lực hiện thân đi từ từ khiến cho Ương-

47. Paøli, Cf. M. 86. Aígulimaøla-sutta. Biệt dịch, N^{0}100(16). N^{0}125 (38.6).
48. Ương-cù-đa-la 央瞿多羅. Bản Paøli, tại Savatthi.
49. Đà-bà-xà-lê-ca 陀婆闍梨迦. Paøli: Dhavajaølikaø (?).
50. Ương-cù-lợi-ma-la 央瞿利摩羅. Paøli: Aígulimaøla.

cù-lợi-ma-la chạy như bay cũng không kịp. Chạy theo đến mệt đuối, Ương-cù-lợi-ma-la từ xa nói với Thế Tôn:

"Đứng lại, đứng lại, chớ đi!"

Thế Tôn vừa đi vừa đáp:

"Ta luôn dừng. Ngươi không tự dừng đó thôi."

Lúc ấy Ương-cù-lợi-ma-la nói kệ:

Sa-môn vẫn rảo nhanh,
Lại nói 'Ta luôn dừng.'
Nay tôi mệt, dừng nghỉ.
Sao nói 'Ngươi chẳng dừng'?

Thế Tôn lại nói kệ đáp:

Ương-cù-lợi-ma-la,
Ta nói Ta thường dừng:
Với tất cả chúng sanh,
Đã dừng mọi đao trượng.
Ông khủng bố chúng sanh,
Nghiệp ác không chịu dừng.
Với tất cả côn trùng,
Ta dứt dùng đao gậy.
Với côn trùng bé nhỏ,
Ông bức bách đe dọa;
Cố tạo nghiệp hung ác,
Trọn chẳng lúc nào thôi.
Ta đối tất cả thần[51],
Dừng thôi mọi đao, trượng.
Ông đối với các thần,
Luôn làm khổ, bức bách.
Tạo tác ác nghiệp đen,
Đến nay không dừng nghỉ.
Ta dừng nơi pháp nghỉ,
Tất cả không phóng dật.

---

[51] Thần 神. Đoạn kệ này không có Paøli tương đương. Đây chắc là dịch từ bhuøta, quỷ thần, cũng chỉ các loại thảo mộc.

Ông chẳng thấy Bốn đế,
Nên chẳng dừng buông lung.

Ương-cù-lợi-ma-la nói kệ bạch Phật:

Lâu mới thấy Mâu-ni,
Nên theo đường chạy đuổi;
Nay nghe lời vi diệu,
Sẽ bỏ điều ác xưa.
Nói ra như thế rồi,
Liền buông bỏ đao gậy;
Dập đầu dưới chân Phật,
Xin cho con xuất gia.
Phật đầy lòng từ bi,
Đại Tiên tràn thương xót;
Gọi Tỳ-kheo, thiện lai!
Xuất gia thọ cụ túc.

Ương-cù-lợi-ma-la sau khi xuất gia, thường một mình ở chỗ vắng, chuyên tâm tư duy lý do khiến thiện gia nam tử cạo bỏ râu tóc, khoác áo ca-sa, chánh tín xuất gia, học đạo, sống không nhà, tinh tấn tu phạm hạnh, hiện tại tự biết tác chứng: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.' Lúc ấy Ương-cù-lợi-ma-la đắc quả A-la-hán, giác ngộ, giải thoát, hỷ lạc, Tôn giả liền nói kệ:

Vốn mang tên 'Bất Hại'[52]
Mà lại sát hại nhiều.
Nay được tên 'Kiến Đế',
Xa lìa sự tổn, sát.
Thân không giết, không hại,
Miệng ý cũng như thế;
Nên biết 'chân bất sát',
Chẳng bức bách chúng sanh.
Rửa sạch tay vấy máu,
Gọi là Ương ma-la;

52. Bất Hại 不害. Paøli: Ahimsa, tên do cha mẹ đặt.

Trôi nổi giữa dòng sâu,
Tam quy làm dừng bặt.
Quy y Tam bảo xong,
Xuất gia được cụ túc;
Thành tựu được tam minh,
Điều Phật dạy đã làm.
Chăn trâu, dùng gậy đánh,
Nài voi, dùng móc sắt;
Chẳng dùng đến gươm đao,
Thật huấn luyện trời, người.
Dao bén nhờ đá mài,
Tên thẳng nhờ lửa ấm;
Chặt gậy nhờ búa rìu,
Tự chế, nhờ trí tuệ.
Nơi dòng đời ân ái,
Chánh niệm mà vượt ra.
Người tuổi trẻ xuất gia,
Siêng tu lời Phật dạy;
Sẽ soi sáng thế gian,
Như mây tan trăng hiện.
Người tuổi trẻ xuất gia,
Siêng tu lời Phật dạy;
Nơi dòng đời ân ái,
Người trước kia phóng dật,
Sau đó hay tự kiểm;
Sẽ soi sáng thế gian,
Như mây tan trăng hiện.
Người trước kia phóng dật,
Sau này hay tự kiểm;
Chánh niệm mà siêu xuất.
Nếu thoát các nghiệp ác,
Chánh thiện hay khiến diệt;
Sẽ soi sáng thế gian,
Như mây tan trăng hiện.
Trước người tạo nghiệp ác,

Chánh niệm hay khiến diệt;
Nơi dòng đời ân ái,
Chánh niệm hay siêu xuất.
Tôi đã làm nghiệp ác,
Chắc hướng đến đường ác;
Đã nhận lấy báo ác,
Nợ trước vay đã trả.
Nếu người oán ghét tôi,
Được nghe Chánh pháp này;
Được pháp nhãn thanh tịnh,
Tôi tu hạnh nhẫn nhục.
Chẳng còn khởi tranh cãi,
Nhờ ân lực của Phật;
Tôi hiền lành, nhẫn nhục,
Cũng thường khen ngợi nhẫn.
Tùy thời được nghe pháp,
Nghe rồi tu hành theo.

Phật nói kinh này xong, Ương-cù-lợi-ma-la nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 1078. TÁN-ĐẢO-TRA[53]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn trúc Ca-la-đà, tại thành Vương xá. Bấy giờ, có một Tỳ-kheo kia, lúc sáng sớm đi ra bên bờ sông Tháp-bổ[54], cởi y phục để trên bờ, xuống sông tắm rửa. Tắm xong, lên bờ, khoác sơ một cái y đợi thân khô.

Khi ấy có một Thiên tử từ thân tỏa ra ánh sáng, chiếu sáng bên sông Tháp-bổ, bảo Tỳ-kheo rằng:

"Ông trẻ tuổi xuất gia, tươi trắng, tóc đen, đang ở vào lứa tuổi tráng thịnh đẹp đẽ. Đáng nên hưởng thụ ngũ dục, trang nghiêm chuỗi ngọc, xức dầu thơm, đeo tràng hoa, tự vui sướng với năm dục. Nhưng

53. Paøli, S.1. 20. Samiddhi. Biệt dịch, N^{0}100(17)

54. Tháp-bổ hà 撘補河. Paøli: Tapodaø, tên hồ lớn ngoại thành Vương xá.

sao bây giờ lại trái với người thân, quay lưng với thế tục, khiến họ phải khóc lóc biệt ly; cạo bỏ râu tóc, khoác áo ca-sa, chánh tín xuất gia học đạo, sống không nhà? Sao lại bỏ cái vui hiện tiền mà tìm cái lợi phi thời[55]?"

Tỳ-kheo đáp:

"Tôi không xả bỏ cái lạc hiện tại, để tìm cầu cái lạc phi thời. Thật sự chính tôi đang xả bỏ cái lạc phi thời, được lạc hiện tiền."

Thiên tử hỏi Tỳ-kheo:

"Thế nào là xả bỏ cái lạc phi thời, được lạc hiện tiền?"

Tỳ-kheo đáp:

"Như Thế Tôn nói, dục là phi thời[56], vị ngọt ít mà khổ nhiều; ít lợi nhiều nạn. Tôi nay trong các pháp hiện thực đã lìa sự thiêu đốt, chẳng đợi thời tiết, hay tự thông đạt, hiện tiền quán sát, duyện tự tâm mà tri giác[57]. Này Thiên tử, như thế gọi là xả bỏ cái lạc phi thời, được niềm lạc hiện tiền."

Thiên tử lại hỏi Tỳ-kheo:

"Điều mà Như Lai nói là thế nào, rằng dục là phi thời, ít vui, nhiều khổ? Điều mà Như Lai nói là thế nào, rằng lợi lạc trong đời hiện tại,... *cho đến*, tự giác tri?"

Tỳ-kheo đáp:

"Tôi trẻ tuổi xuất gia, không thể nói rõ hết ý nghĩa Chánh pháp luật của Như Lai. Thế Tôn đang ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà gần đây. Ngài có thể đến hỏi Thế Tôn điều nghi ngờ. Thế Tôn sẽ nói, tùy sự ghi nhớ mà lãnh thọ."

Thiên tử lại nói:

"Này Tỳ-kheo, nơi chỗ Như Lai đang có nhiều chư Thiên oai lực vây quanh. Tôi trước chưa hỏi, không dễ gì đến được. Tỳ-kheo, nếu có

---

55. Paøli: maø sandiæææhikaö hitvaø kaølikaö anudhaøvì'ti, chớ xả bỏ cái hiện thực, mà chạy theo cái lệ thuộc thời gian. Chỉ sự tu tập đòi hỏi nhiều thời gian. Bản Hán đọc akaølika, do tách âm cuối của từ đi trước, hitvaø = aø+a.

56. Paøli: kaølikaø hi aøvuso kaømaø, dục vọng vốn lệ thuộc thời gian.

57. Paøli: sandiæææhiko ayaö dhammo akaøliko ehipassiko opaneyyiko paccattaö veditabbo vióóuøhì ti, 'Pháp này *(của Phật)* là hiện thực *(được thấy ngay hiện tại),* không lệ thuộc thời gian, hãy đến để thấy *(là pháp thực chứng),* có khả năng hướng dẫn *(đến Niết-bàn),* được chứng biết từ nội tâm bởi kẻ Trí'.

thể vì tôi bạch trước Thế Tôn, tôi sẽ đi theo."

Tỳ-kheo đáp:

"Tôi sẽ vì ngài đi đây."

Thiên tử thưa với Tỳ-kheo:

"Vâng, Tôn giả đi, tôi đi theo sau Tôn giả."

Tỳ-kheo đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ Phật, lui đứng một bên; tường thuật lại đầy đủ cuộc vấn đáp với Thiên tử cho Thế Tôn nghe và bạch:

"Bạch Thế Tôn, vị Thiên tử này nếu là người thành thật chốc lát sẽ đến, nếu không thành thật sẽ không đến."

Lúc ấy vị Thiên tử kia từ xa nói vọng lại với Tỳ-kheo:

"Tôi đã ở đây. Tôi đã ở đây."

Bây giờ Thế Tôn liền nói kệ:

Chúng sanh theo ái tưởng[58]*,*
Do ái tưởng mà trụ.
Vì chẳng biết rõ ái,
Nên thần chết tùy tiện[59].

Phật bảo Thiên tử:

"Ông giải thích bài kệ này rồi mới có thể hỏi."

Thiên tử bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, con không hiểu. Thưa Thiện Thệ, con không hiểu."

Đức Phật nói kệ và bảo Thiên tử:

Nếu biết ái được yêu,
Ở đó không sanh yêu.
Người không có sự này,
Người khác không thể nói[60].

---

58. Ái tưởng 愛想. Paøli: akkheyyasaóóino sattaø, chúng sanh có tưởng về danh (tên gọi người và vật).

59. Paøli: akkheyyaö aparióóaøya, yogamaøyanti maccuno, do không biết rõ danh nên bị Tử thần trói đi.

60. Paøli: akkheyyaóca parióóaøya, akkhaøtaøraö na maóóati; taóca tassa na hoti, yena naö vajjaø na tassa atthi, do biết rõ cái bị gọi tên, nó không suy tưởng đến tên gọi. Ai không có điều này, người đó không có lầm lỗi.

Phật bảo Thiên tử:

"Ông hiểu nghĩa này rồi có thể hỏi câu khác."

Thiên tử bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, con không hiểu. Thưa Thiện Thệ, con không hiểu."

Đức Phật lại nói kệ:

Ai thấy: bằng, hơn, kém,
Ắt có ngôn luận sanh.
Ba việc chẳng khuynh động:
Không yếu mền, trung, thượng[61].

Phật bảo Thiên tử:

"Hiểu được nghĩa này thì có thể hỏi."

Thiên tử bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, con không hiểu. Thưa Thiện Thệ, con không hiểu."

Đức Phật lại nói kệ:

Đoạn ái và danh sắc,
Trừ mạn, không ràng buộc;
Tịch diệt, dừng sân nhuế,
Lìa kết, bặt dục vọng.
Chẳng thấy nơi trời, người,
Đời này và đời khác.

Phật bảo Thiên tử:

"Ông hiểu nghĩa này rồi mới nên hỏi."

Thiên tử bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, con đã hiểu. Thưa Thiện Thệ, con đã hiểu."

Đức Phật nói kinh này xong, Thiên tử nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ tùy hỷ biến mất.

M

---

61. Paøli: tìsu vidhaøsu avikampamaøno, samo visesì ti na tassa hoti, ai không dao động trong ba sự này, người đó không có ý nghĩ hơn, kém.

KINH 1079. BẠT-CHẨN[62]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, tại thành Vương xá. Bấy giờ, có Tỳ-kheo kia[63] cuối đêm đến bên bờ sông Tháp-bổ, cởi y phục để trên bờ, xuống sông tắm rửa, tắm xong lên bờ khoác sơ một cái y đợi thân khô. Khi ấy có một Thiên tử từ thân tỏa ra ánh sáng, chiếu sáng bên sông Tháp-bổ, bảo Tỳ-kheo rằng:

"Tỳ-kheo! Tỳ-kheo! Đây là gò mả[64], ban đêm bốc khói, ban ngày bốc lửa. Người Bà-la-môn kia thấy vậy, nói rằng: 'Hãy phá cái gò mả này đi. Đào lên là người trí, hãy cầm lấy gươm đao.'

"Lại thấy con rùa lớn[65]. Bà-la-môn thấy rồi nói: 'Trừ đi con rùa này. Đào lên là người trí, hãy cầm lấy gươm đao.'

"Lại thấy có cái cù lâu[66], Bà-la-môn thấy rồi nói: 'Trừ đi cái cù lâu này. Đào lên là người trí, hãy cầm lấy gươm đao.'

"Lại thấy có miếng thịt[67]. Bà-la-môn thấy rồi nói: 'Trừ đi miếng thịt này. Đào lên là người trí, hãy cầm lấy gươm đao.'

"Lại thấy chỗ giết chóc[68]. 'Trừ đi chỗ giết chóc này. Đào lên là người trí, hãy cầm lấy gươm đao.'

"Lại thấy cái lăng-kỳ[69], Bà-la-môn thấy rồi nói: 'Trừ đi cái lăng-kỳ này. Đào lên là người trí, hãy cầm lấy gươm đao.'

"Lại thấy có hai đường. Bà-la-môn thấy rồi nói: 'Trừ đi hai đường này. Đào lên là người trí, hãy cầm lấy gươm đao.'

"Lại thấy có một cánh cửa. Bà-la-môn thấy rồi nói: 'Trừ đi cánh cửa này. Đào lên là người trí, hãy cầm lấy gươm đao.'

---

62. Paøli, Cf. M. 23. Vammìka. Biệt dịch, N^{0}100(18), N^{0}125(39.9).

63. Paøli: Tôn giả Kumaørakassapa, sống trong rừng Andhavana (Ám lâm).

64. Hán: khâu trũng 丘塚. Paøli: vammìka, ổ kiến hay gò mối.

65. Bản Paøli, đào lần đầu, thấy cái then cửa (laígi).

66. Cù lâu 氍毹. Không hiểu ý. Paøli, đào lên lần thứ hai: uddhumaøyika, thây sình (hay con nhái).

67. Nhục đoạn 肉段. Paøli, lần thứ ba: dvidhaøpatha, hai con đường.

68. Đồ sát xứ 屠殺處. Paøli, lần thứ tư: caígavaøraö, chiếc thuyền (khúc gỗ được moi ruột).

69. Lăng-kỳ 楞耆. Paøli: laígi, cái then cửa. Bản Paøli, lần thứ năm: kummo, con rùa.

"Lại thấy có con rồng lớn[70]. Bà-la-môn thấy rồi nói: 'Dừng lại, chớ bỏ qua con rồng to. Phải nên cung kính.'

"Này Tỳ-kheo, ông hãy đem luận này đến hỏi Thế Tôn. Như lời Phật dạy, ông theo đó thọ trì. Vì sao? Vì trừ Như Lai ra, tôi không thấy ai trong thế gian này, chư Thiên, Ma, Phạm, Sa môn, Bà-la-môn nào, mà đối với luận này có tâm ưa thích. Trừ các đệ tử, hay những người nghe từ tôi rồi nói lại."

Bấy giờ, vị Tỳ-kheo sau khi nghe luận này từ Thiên tử ấy, liền đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ Phật, rồi lui ngồi một bên. Tỳ-kheo đem các luận của Thiên tử kia hỏi Thế Tôn:

"Bạch Thế Tôn, thế nào là gò mả? Thế nào là đêm thì bốc khói? Thế nào là ngày thì lửa cháy? Thế nào là Bà-la-môn? Thế nào là đào lên? Thế nào là người trí? Thế nào là gươm đao? Thế nào là con rùa lớn? Thế nào là cù lâu? Thế nào là miếng thịt? Thế nào là chỗ giết chóc? Thế nào là lăng-kỳ? Thế nào là hai đường? Thế nào là cánh cửa? Thế nào là con rồng lớn?"

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Gò mả là cái thân sắc gồm sắc đại thô phù của chúng sanh, bẩm thọ di thể của cha mẹ, ăn uống, y phục che chở, tắm rửa trau chuốt, nuôi dưỡng. Tất cả đều là pháp biến hoại, ma diệt. Ban đêm bốc khói nghĩa là giữa đêm có người thức dậy tùy giác tùy quán[71]. Ban ngày lửa cháy nghĩa là thực hành theo lời dạy tạo các nghiệp thân, miệng[72]. Bà-la-môn nghĩa là Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác. Đào lên, nghĩa là nỗ lực tinh tấn. Người trí nghĩa là đa văn Thánh đệ tử. Gươm đao là gươm đao trí tuệ. Con rùa lớn nghĩa là năm cái[73]. Cù lâu[74] nghĩa là phẫn hận. Khúc thịt là bỏn xẻn tật đố. Giết chóc nghĩa là

---

70. Đại long 大龍. Paøli: naøga, con rắn hổ mang.

71. Tùy giác tùy quán 隨覺隨觀. Paøli: anuvitakketi anuvicaøreti, suy tầm, suy tưởng.

72. Paøli: rattiö anuvitakketvaø anuvcaøretvaø divaø kammante payojeti kaøyena vaøcaøya, sau khi ban đêm suy tầm, suy tưởng, ban ngày thực hiện công việc bằng thân hay miệng.

73. Tức năm triền cái. Bản Paøli, con rùa, chỉ cho năm thủ uẩn.

74. Bản Paøli: uddhumaøyika.

công năng năm dục[75]. Lăng-kỳ nghĩa là vô minh. Hai đường là nghi hoặc. Cánh cửa là ngã mạn. Con rồng to là bậc Lậu tận A-la-hán.

"Như vậy, này Tỳ-kheo, những gì Đại Sư cần làm cho đệ tử, do thương yêu, nghĩ tưởng đến, vì lợi ích mà an ủi. Đối với ông, việc Ta đã làm rồi. Các ông nên làm những việc cần làm. Hãy ở chỗ vắng trong rừng, trong nhà trống, chỗ núi non, nơi hẻo lánh, trong hang núi v.v... trải cỏ hoặc lá cây để ngồi, tư duy thiền định, không khởi buông lung, chớ để sau này phải hối tiếc. Đó là giáo huấn của Ta."

Phật liền nói kệ:

Nói thân là gò mả,
Giác, quán đêm bốc khói;
Nghiệp là lửa ban ngày.
Bà-la-môn: Chánh giác.
Tinh tấn: chăm khai quật,
Người trí tuệ sáng suốt,
Dùng gươm bén trí tuệ.
Bậc thăng tiến, chán lìa.
Năm cái là rùa to,
Phẫn hận là cù lâu;
Xan tật là khúc thịt,
Năm dục, nơi giết chóc.
Vô minh là lăng-kỳ,
Nghi hoặc là hai đường;
Cánh cửa hiện ngã mạn,
Rồng, La-hán lậu tận.
Cứu cánh dứt các luận,
Nên Ta nói như vậy.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 1080. TÀM QUÝ[76]

Tôi nghe như vầy:

---

75. Bản Paøli: asisuønaø.

76. Biệt dịch, N^{0}100(19).

Một thời Đức Phật ở trong vườn Lộc uyển, trú xứ của Tiên nhân, tại nước Ba-la-nại. Bấy giờ, sáng sớm Thế Tôn đắp y ôm bát vào thành Ba-la-nại khất thực. Lúc ấy có một Tỳ-kheo khác vì không trụ tâm, tâm tán loạn, không gìn giữ các căn. Tỳ-kheo kia sáng sớm đắp y ôm bát vào thành Ba-la-nại khất thực, từ xa trông thấy Thế Tôn vội thu nhiếp các căn nhìn thẳng mà đi. Thế Tôn nhìn thấy Tỳ-kheo kia nhiếp trì các căn, nhìn thẳng rảo bước đi, thấy rồi. Phật vào thành. Khất thực xong, Ngài trở về tinh xá cất y, bát, rửa chân xong, vào phòng tọa thiền.

Chiều hôm ấy, sau khi từ thiền tịnh dậy, Ngài vào trong Tăng chúng, trải tọa cụ ngồi trước đại chúng, bảo các Tỳ-kheo:

"Sáng nay Ta đắp y, ôm bát vào thành Ba-la-nại khất thực thấy có một vị Tỳ-kheo vì không trụ tâm nên tâm tán loạn, các căn buông thả, cũng đắp y, ôm bát vào thành khất thực. Tỳ-kheo ấy từ xa thoáng trông thấy Ta liền vội vàng tự nhiếp trì, đây là ai vậy?"

Khi ấy vị Tỳ-kheo kia từ chỗ ngồi đứng lên sửa lại y phục, đến trước Phật, trật vai áo bên hữu, chắp tay bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, con sáng sớm vào thành khất thực tâm tán loạn, không thu nhiếp các căn, con đang đi thoáng thấy Thế Tôn từ xa, con liền tự thúc liễm tâm, nhiếp trì các căn."

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Lành thay! Lành thay! Ông thấy Ta rồi, có thể tự thúc liễm tâm và nhiếp trì các căn. Này Tỳ-kheo, pháp này phải nên như vậy. Nếu thấy Tỳ-kheo cũng nên tự nhiếp trì. Nếu lại thấy Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di cũng nên nhiếp trì các căn như vậy sẽ được lợi ích, an ổn, khoái lạc, lâu dài."

Bấy giờ, trong chúng có một Tỳ-kheo khác nói kệ khen ngợi:

Với tâm kia mê loạn,
Không chuyên trụ hệ niệm;
Sáng sớm mang y bát,
Vào thành ấp khất thực.
Dọc đường thấy Đại Sư,
Đầy oai đức, dung nghi;
Vui mừng sanh tàm quý,

Liền nhiếp trì các căn.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

❑

TẠP A HÀM QUYỂN 39

KINH 1081. KHỔ CHÚNG[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở vườn Lộc dã, tại nước Ba-la-nại. Bấy giờ sáng sớm Thế Tôn đắp y, ôm bát, vào thành Ba-la-nại khất thực. Lúc ấy, cũng có Tỳ-kheo đắp y, ôm bát, vào thành khất thực, đứng dưới gốc cây bên đường, vì nương vào ác tham[2] nên sanh giác tưởng bất thiện[3]. Thế Tôn thấy Tỳ-kheo đứng dưới bóng cây, sống bằng vị ác tham nên sanh giác tưởng bất thiện, bảo rằng:

"Này Tỳ-kheo! Tỳ-kheo! Chớ gieo trồng hạt giống đắng[4], để rồi xông lên mùi thối, nước rỉ chảy ra. Nếu Tỳ-kheo nào gieo trồng hạt giống đắng, để rồi xông lên mùi thối, nước rỉ chảy ra, mà muốn cho ruồi nhặng không tranh nhau bu lại, thì điều đó không thể có được."

Lúc ấy Tỳ-kheo kia tự nghĩ: "Thế Tôn đã biết được niệm ác trong tâm ta." Chợt lòng cảm thấy sợ hãi, toàn thân lông dựng đứng.

Bấy giờ, sau khi Thế Tôn vào thành khất thực, trở về tinh xá, cất y bát, rửa chân, rồi vào phòng tọa thiền. Chiều hôm ấy, từ thiền tịnh dậy, Ngài vào trong Tăng, trải tòa ngồi trước đại chúng và bảo các Tỳ-kheo:

"Sáng nay, Ta đắp y, ôm bát vào thành khất thực, thấy một Tỳ-kheo đứng dưới bóng cây, nương vào ác tham dục, phát sanh giác tưởng bất thiện. Khi Ta thấy vậy liền bảo rằng: 'Tỳ-kheo! Tỳ-kheo! Chớ gieo trồng hạt giống đắng, để rồi xông lên mùi thối, nước rỉ chảy ra. Nếu Tỳ-kheo nào gieo trồng hạt giống đắng, để rồi xông lên mùi thối, nước rỉ chảy ra, mà muốn cho ruồi nhặng không tranh nhau bu

---

1. Đại Chánh, quyển 39. Quốc Dịch, quyển 33. "Tụng vii. Kệ.1. Tương ưng Tỳ-kheo" tiếp theo Paøli, A.3.126 Kaæuviya. Biệt dịch, N^{0}100 (20).
2. Hán: y ác tham thị 依惡貪嗜. Paøli: rittassaødaö baøhirassaødaö, vị trống không, vị ngoại giới.
3. Paøli: muæææhassatiö asampajnaö asamaøhitaö vibbhantacittaö paøkantindriyaö, mất chánh niệm, không tỉnh giác, không tập trung, tâm loạn động, các căn phóng túng.
4. Paøli: maø… attaønaö kaæuviyam akaøsi, đừng làm tự ngã hư thối.

lại, thì điều đó không thể có được.' Lúc đó, Tỳ-kheo kia liền tự nghĩ: 'Phật đã biết được niệm của ta.' Lòng cảm thấy hổ thẹn, sợ hãi đến nỗi lông dựng cả lên, rồi theo đường mà đi."

Khi ấy, có một Tỳ-kheo từ chỗ ngồi đứng dạy, sửa lại y phục, bày áo vai bên hữu, chắp tay bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, thế nào là hạt giống đắng? Thế nào là sanh hôi thối? Thế nào là nước rỉ chảy? Thế nào là ruồi nhặng?"

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Phẫn nộ, phiền oán gọi là hạt giống đắng. Công đức ngũ dục gọi là sanh hôi thối. Đối với lục xúc nhập xứ không nhiếp luật nghi gọi là chất nước rỉ chảy. Và khi đã không nhiếp xúc nhập xứ, thì các tâm ác bất thiện, tham ưu tranh nhau sanh ra, đó gọi là ruồi nhặng[5]."

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

Tai mắt không phòng hộ,
Tham dục theo đó sanh;
Đó gọi là giống đắng,
Hôi thối, nước rỉ chảy.
Khí vị các giác quán,
Do nếm ác tham dục.
Nơi xóm làng, chỗ vắng,
Đối với ngày hoặc đêm,
Viễn ly, tu phạm hạnh,
Cứu cánh biên tế khổ.
Nếu nội tâm tịch tĩnh,
Quyết định biết chân thật.
Thức ngu thường an lạc,
Ruồi nhặng bị tận diệt.
Thân cận bậc Chánh sĩ,
Khéo nói đường Hiền thánh;
Biết rõ bát Chánh đạo,
Không tái sanh thân sau.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy,

---

5. Paøli: abhijjhaø… kaæuvuyaö vyaøpaødo aømagadho paøpakaø aïkusalaø vitakkaø makkhikaø: tham là thối nát, sân là mùi hôi thối, tầm cầu ác bất thiện là ruồi nhặng.

hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 1082. UNG NHỌT[6]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, sáng sớm Thế Tôn đắp y, ôm bát, vào thành Xá-vệ khất thực. Khất thực xong Thế Tôn trở về tinh xá, rửa chân rồi vào rừng An-đà tọa thiền.

Khi ấy có một Tỳ-kheo cũng sáng sớm đắp y, ôm bát vào thành Xá-vệ khất thực. Khất thực xong trở về tinh xá, rửa chân rồi vào rừng An-đà nhập chánh thọ ban ngày[7], dưới một bóng cây. Khi Tỳ-kheo này nhập chánh thọ ban ngày, vì nương vào tâm nếm vị tham dục nên khởi lên giác tưởng bất thiện. Khi ấy có Thiên thần đang ở tại rừng An-đà tự nghĩ: "Tỳ-kheo này, thật không tốt đẹp, không thích hợp, ngồi thiền ở trong rừng An-đà mà tâm nếm vị ác tham, khởi lên giác tưởng bất thiện. Ta nên đến quở trách." Nghĩ xong liền nói với Tỳ-kheo:

"Tỳ-kheo! Tỳ-kheo, đang nổi nhọt, bướu phải không?"

Tỳ-kheo đáp:

"Sẽ trị cho khỏi."

Thiên thần bảo Tỳ-kheo:

"Bệnh ung nhọt như cái vạc sắt, làm sao có thể bình phục được?"

Tỳ-kheo bảo:

"Chánh niệm, chánh trí đủ có thể bình phục."

Thiên thần bạch rằng:

"Tốt thay! Hay thay! Đó là cách trị bệnh nhọt chân thật của Hiền thánh. Trị bệnh nhọt như vậy, cuối cùng có thể bớt, mà không bao giờ phát tác nữa."

Chiều hôm ấy, Thế Tôn từ thiền tịnh dậy, trở về vườn Cấp cô

---

6. Paøli, không thấy tương đương. Biệt dịch, N^{0}100(21).

7. Tức nghỉ trưa.

độc, rừng cây Kỳ-đà, vào trong Tăng, trải tòa ngồi trước đại chúng và bảo các Tỳ-kheo:

"Sáng sớm nay Ta đắp y, ôm bát vào thành Xá-vệ khất thực, khất thực xong trở về rừng An-đà tọa thiền, nhập chánh thọ ban ngày. Có một Tỳ-kheo cũng sáng sớm đắp y, ôm bát vào thành Xá-vệ khất thực. Khất thực xong trở về tinh xá, rửa chân rồi vào rừng An-đà nhập chánh thọ ban ngày, dưới một bóng cây. Khi Tỳ-kheo này nhập chánh thọ ban ngày, vì nương vào tâm nếm vị tham dục nên khởi lên giác tưởng ác bất thiện. Khi ấy có thiên thần đang ở tại rừng An-đà tự nghĩ: 'Tỳ-kheo này, thật không tốt đẹp, không thích hợp, ngồi thiền ở trong rừng An-đà mà tâm nếm vị ác tham, khởi lên giác tưởng bất thiện. Ta nên đến quở trách." Nghĩ xong liền nói với Tỳ-kheo: 'Tỳ-kheo! Tỳ-kheo, đang nổi nhọt, bướu phải không?' *Nói đầy đủ như trên... cho đến* như vậy Tỳ-kheo: 'Tốt thay! Hay thay! Đó là cách trị bệnh nhọt chân thật của Hiền thánh.'"

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ:

Con người[8] *nổi nhọt, bướu,*
Tự sanh ra bệnh khổ;
Mong cầu dục thế gian,
Tâm nương vào ác tham.
Vì sanh ra nhọt bướu,
Ruồi nhặng tranh nhau đến.
Nhọt, bướu là tham cầu,
Ruồi nhặng là ác giác,
Cùng các tâm tham nếm,
Thảy đều từ ý sanh;
Đục khoét tâm con người,
Để cầu hoa danh lợi.
Lửa dục càng hừng hực,
Vọng tưởng giác bất thiện;
Thân tâm ngày đêm suy.
Xa lìa đạo tịch tĩnh,
Nếu nội tâm vắng lặng,

8. Nguyên Hán: Sĩ phu 士夫.

Trí quyết định sáng suốt;
Không còn nhọt bướu kia,
Thấy Phật, đường an ổn,
Vết tích Chánh sĩ theo,
Hiền thánh khéo tuyên nói,
Con đường trí sáng biết,
Không còn thọ các hữu.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 1083. ĂN CỦ RỄ[9]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở nơi giảng đường Trùng các, bên ao Di-hầu, tại nước Tỳ-xá-ly. Bấy giờ sáng sớm, có nhiều Tỳ-kheo đắp y, ôm bát, vào thành Tỳ-xá-ly khất thực. Khi đó, có một Tỳ-kheo tuổi trẻ, xuất gia chưa bao lâu, không rành Pháp luật, nên lúc khất thực không biết thứ tự trước sau; các Tỳ-kheo khác thấy vậy nói với vị ấy:

"Thầy tuổi còn trẻ, mới xuất gia, chưa biết Pháp luật: không được đi vượt qua, không được đi ngang hàng. Đi khất thực mà trước sau không theo thứ tự, trường kỳ sẽ chịu khổ, không bao giờ được lợi ích."

Tỳ-kheo tuổi trẻ thưa:

"Các Thượng tọa cũng vượt thứ lớp, không theo trước sau, đâu phải chỉ một mình tôi."

Đã ba lần như vậy, vẫn không thể làm cho vị ấy dừng lại. Các Tỳ-kheo đi khất thực xong, trở về tinh xá cất y bát, rửa chân xong, đến chỗ Phật đảnh lễ dưới chân Phật, ngồi lui ra một bên, bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, sáng sớm chúng con đắp y, ôm bát vào thành Tỳ-xá-ly khất thực, có một Tỳ-kheo tuổi trẻ xuất gia nơi Pháp luật này chưa bao lâu, khi đi khất thực không theo thứ tự trước sau, lại đi ngang hàng. Các Tỳ-kheo đã ba lần can gián nhưng vẫn không chịu, mà nói rằng: 'Các Thượng tọa cũng không có thứ tự sao lại rầy tôi?' Các Tỳ-kheo chúng con đã ba lần răn nhắc, vẫn không chịu nghe nên đến bạch Thế Tôn, xin Thế Tôn vì thương xót mà dẹp trừ điều phi pháp."

9. Paøli, S. 20. 9. Naøgo. Biệt dịch, N^{0}100(22).

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Như trong đầm không, có hồ nước lớn, có một long tượng[10] to ở trong đó, nhổ những củ rễ, rửa sạch bùn đất sau đó ăn chúng. Ăn rồi thì thân thể mập mạp, sung sức và đầy hạnh phúc. Vì lý do này nên luôn sống lạc sướng. Có một con voi thuộc chủng tộc khác[11], hình thể gầy yếu, bắt chước long tượng kia, nhổ củ rễ, nhưng rửa không sạch, còn để lẫn bùn đất mà ăn. Ăn vào không tiêu, thân thể không mập mạp mà trở thành gầy yếu, vì vậy dẫn đến chỗ chết, hoặc khổ gần chết.

"Cũng vậy, Tỳ-kheo tôn túc, đức độ, học đạo lâu ngày, không ưa thích đùa giỡn, tu phạm hạnh đã lâu, được Đại Sư khen ngợi; cũng được các vị tu phạm hạnh trí khác lại càng khen ngợi hơn. Các Tỳ-kheo này nương nơi thành ấp, làng xóm; sáng sớm đắp y, ôm bát đi khất thực, khéo giữ gìn thân miệng, khéo nhiếp các căn, chuyên tâm cột niệm, có thể khiến người nào không tin phát lòng tin, người đã có lòng tin sẽ không biến đổi. Khi được tài lợi, y phục, đồ ăn, thức uống, giường nằm, thuốc men; vị ấy không nhiễm, không đắm, không tham, không ham, không mê, không theo đuổi; mà thấy được lỗi lầm, tai hại, thấy sự xuất ly chúng, sau đó mới dùng. Ăn xong, thân tâm đều đượm vẻ an lạc, sắc được tươi, sức được khỏe. Vì nhân duyên này Tỳ-kheo luôn luôn được an lạc.

"Tỳ-kheo tuổi trẻ kia xuất gia chưa được bao lâu, chưa quen rành Pháp luật, y theo các bậc Trưởng lão, nương vào nơi làng xóm. Khi đắp y, ôm bát vào thôn khất thực, mà không khéo hộ thân, không giữ gìn các căn, không chuyên cột niệm, không thể khiến cho người chưa tin phát lòng tin và người đã tin không thay đổi. Nếu được tài lợi, y phục, đồ ăn, thức uống, ngọa cụ, thuốc men; mà sanh nhiễm, đắm, tham lam, đeo đuổi, không thấy lỗi lầm, tai hại, không thấy sự thoát ly, vì tâm tham nếm thức ăn này, nên không thể làm cho thân lạc tươi, an ổn, sung sướng được. Vì ăn như vậy nên chuyển đến cái chết, hoặc khổ giống như chết. Nói là chết có nghĩa là xả giới, hoàn tục, mất Chánh pháp, Chánh luật. Khổ giống như chết nghĩa là phạm Chánh

---

10. Long tượng 龍象. Paøli: naøga, số nhiều.

11. Paøli: taruòaø bhivikacchaøpaø, những con voi nhỏ.

pháp luật, không biết tội tướng, không biết trừ tội."

Bấy giờ Thế Tôn liền nói kệ:

Long tượng nhổ rễ sen,
Nước rửa sạch rồi ăn,
Voi giống khác bắt chước,
Ăn rễ dính lẫn bùn.
Vì ăn nhằm bùn đất,
Gầy yếu bệnh đến chết.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 1084. TRƯỜNG THỌ[12]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở giữa bãi tha ma trong rừng Lạnh[13], thành Vương xá. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Mệnh sống rất ngắn, chỉ thoáng đã trở thành đời sau. Hãy nên siêng tu tập pháp thiện, tu các phạm hạnh. Không có gì sanh mà không chết. Nhưng người thế gian không siêng năng, nỗ lực chuyên tu pháp thiện, tu hiền, tu nghĩa."

Lúc ấy, Ma Ba-tuần tự nghĩ: 'Sa-môn Cù-đàm đang trú giữa nghĩa địa trong rừng Lạnh, thành Vương xá, vì các Thanh văn nói pháp như vậy. Mệnh sống con người rất ngắn,... *cho đến* không tu hiền, tu nghĩa. Nay ta nên đến làm nhiễu loạn.'

Ma Ba-tuần liền hóa thành một thiếu niên đến trước Phật, mà nói kệ:

Thường bức bách chúng sanh,
Được sống lâu cõi người.[14]

---

12. Quốc Dịch, "Tụng vii. Kệ. 2. Tương ưng Ma" gồm hai phẩm, hai mươi mốt kinh. Ấn Thuận, "Tụng viii. Tám chúng. 18. Tương ưng Ma" hai mươi kinh, Đại Chánh, 1084-1103. Quốc Dịch, phẩm 1, mười một kinh. Paøli: S. 4.9. AØyu (1). Biệt dịch, N^{0}100(23).

13. Hàn lâm 寒林. Paøli: Sìtavana, khu rừng ở gần thành Raøjagaha.

14. Paøli: dìghamaøyu manussaønaö, na naö hìöe suporiso, tuổi thọ con người rất dài; người khôn ngoan không xem khinh điều này.

Mê say tâm phóng dật,
Cũng không đến chỗ chết.

Bấy giờ, Thế Tôn tự nghĩ: 'Đây là ác ma đến làm não loạn.' Liền nói kệ:

Thường bức bách chúng sanh,
Mạng sống thật ngắn ngủi;
Nên tinh tấn cần tu,
Như cứu lửa cháy dầu.
Chớ lười dù chốc lát,
Khiến ma chết chợt đến.
Biết ngươi là ác ma,
Mau đi khỏi nơi đây.

Thiên ma Ba-tuần tự nghĩ: 'Sa-môn Cù-đàm đã biết tâm ta.' Liền hổ thẹn, lo buồn biến mất.

M

KINH 1085. THỌ MẠNG[15]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở giữa nghĩa địa trong rừng Lạnh, tại thành Vương xá. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Tất cả hành là vô thường, tất cả hành không thường hằng, bất an, là pháp biến dịch, không nghỉ ngơi[16],... *cho đến* hãy đình chỉ tất cả hành hữu vi, yểm ly, không ưa thích, giải thoát."

Lúc ấy, Ma Ba-tuần tự nghĩ: "Nay Sa-môn Cù-đàm đang trú trong rừng Lạnh, tại thành Vương xá, vì các Thanh văn nói pháp như vầy: 'Tất cả hành là vô thường, không thường hằng, bất an, là pháp biến dịch, không nghỉ ngơi... cho đến nên đình chỉ tất cả hữu vi, yểm ly, không ưa thích, giải thoát.' Ta sẽ đến đó làm nhiễu loạn." Liền hóa ra một thiếu niên đi đến chỗ Phật, đứng trước Phật mà nói kệ:

Mạng sống trôi ngày đêm,
Không lúc nào cùng tận.[17]

---

15. Paøli, S. 4.10. AØyu (2). Biệt dịch, N^{0}100(24).

16. Tô tức 穌息. Paøli: assaøsaka, có hơi thở điều hòa, an tâm.

17. Paøli: naøcca yanti aho rattaø jìvitaö nuøparujjhati, ngày đêm không đi qua, mạng

Mạng sống đến rồi đi,
Giống như bánh xe lăn.

Bấy giờ, Thế Tôn tự nghĩ: 'Đó là ác ma muốn làm nhiễu loạn.' Liền nói kệ:

Ngày đêm luôn đổi dời,
Mạng cũng theo đó giảm.
Mạng người tạm tiêu mất,
Giống như dòng nước nhỏ.
Ta biết ngươi ác ma,
Hãy tự tiêu mất đi.

Ma Ba-tuần tự nghĩ: 'Sa-môn Cù-đàm đã biết tâm ta.' Liền hổ thẹn, lo buồn biến mất.

M

KINH 1086. MA TRÓI[18]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, tại thành Vương xá. Bấy giờ, ban đêm, Thế Tôn dậy đi kinh hành. Đến cuối đêm, rửa chân, vào phòng ngồi ngay thẳng, chuyên tâm cột niệm.

Khi ấy, Ma Ba-tuần tự nghĩ: 'Hiện tại Sa-môn Cù-đàm đang ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, tại thành Vương xá. Ban đêm Thế Tôn dậy đi kinh hành. Đến cuối đêm, rửa chân, vào phòng ngồi ngay thẳng, chuyên tâm cột niệm thiền tư. Bây giờ, ta sẽ đến làm nhiễu loạn.' Liền hóa ra một thiếu niên đứng trước Phật nói kệ:

Tâm ta ở giữa không,
Cầm dây dài buông xuống.[19]
Nhằm muốn trói Sa-môn,
Khiến ngươi không thoát được.

---

sống không giảm thiểu.

18. Paøli, S. 4.15. Maønasa. Biệt dịch, N^{0}100(25).

19. Paøli: antalikkhacaro paøso, yoyaö carati maønaso, tâm ý này dong ruổi, như sợi dây thòng giữa hư không.

Bấy giờ, Thế Tôn tự nghĩ: 'Ác Ma Ba-tuần muốn làm nhiễu loạn.' Liền nói kệ:

Ta nói, ở thế gian,
Năm dục, ý thứ sáu;
Đối chúng đã lìa hẳn,
Tất cả khổ đã dứt.
Ta đã lìa dục kia,
Tâm ý thức cũng diệt.
Ba-tuần, Ta biết ngươi,
Mau đi khỏi nơi đây.

Ma Ba-tuần tự nghĩ: 'Sa-môn Cù-đàm đã biết tâm ta.' Liền hổ thẹn, lo buồn biến mất.

M

KINH 1087. NGỦ NGHỈ[20]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, vào ban đêm, Thế Tôn dậy đi kinh hành. Đến cuối đêm, rửa chân, vào phòng, nằm nghiêng bên phải, cột niệm vào tướng ánh sáng, chánh niệm, chánh trí, nghĩ tưởng đến thức.

Khi ấy, Ma Ba-tuần tự nghĩ: 'Hiện tại Sa-môn Cù-đàm đang ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, tại thành Vương xá... *cho đến* nghĩ tưởng đến thức. Bây giờ, ta sẽ đến để gây trở ngại.' Liền hóa thành một thiếu niên đứng trước mặt Phật mà nói kệ:

Ngủ sao, vì sao ngủ?
Đã diệt, sao còn ngủ?
Nhà trống, làm sao ngủ?
Ra được, sao lại ngủ?

Bấy giờ, Thế Tôn tự nghĩ: 'Ác Ma Ba-tuần muốn làm nhiễu loạn.' Liền nói kệ đáp:

Vì lưới ái nên nhiễm,

---

20. Paøli, S. 4.7. Suppati. Biệt dịch, N^{0}100(26).

Không ái, ai kéo đi?
Diệt tất cả hữu dư,
Chỉ Phật được ngủ yên.
Ngươi ác Ma Ba-tuần,
Nói những gì ở đây?

Ma Ba-tuần tự nghĩ: 'Sa-môn Cù-đàm đã biết tâm ta.' Liền hổ thẹn, lo buồn biến mất.

M

KINH 1088. KINH HÀNH[21]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong núi Kỳ-xà-quật, tại thành Vương xá. Bấy giờ vào ban đêm, trời mưa bụi, có tia chớp lóe lên. Thế Tôn ra khỏi phòng đi kinh hành.

Khi ấy, Ma Ba-tuần tự nghĩ: 'Hiện tại Sa-môn Cù-đàm đang ở trong núi Kỳ-xà-quật, tại thành Vương xá. Đêm tối, trời mưa bụi, tia chớp lóe lên, Sa-môn Cù-đàm ra khỏi phòng, đi kinh hành. Bấy giờ, ta sẽ đến gây trở ngại.' Nó cầm một khối đá to, đùa giỡn trên hai tay, đến trước Phật bóp nát thành bụi nhỏ.

Bấy giờ, Thế Tôn tự nghĩ: 'Ác Ma Ba-tuần muốn làm nhiễu loạn.' Liền nói kệ:

Dù núi Kỳ-xà-quật,
Trước Ta, bị bóp nát;
Thì chư Phật giải thoát,
Cũng không động mảy lông.
Giả sử trong bốn biển,
Khiến tất cả núi non;
Và thân tộc phóng dật[22],
Khiến nát thành vi trần,
Cũng không làm lay động,
Một sợi tóc Như Lai.

---

21. Paøli, S. 4. 11. Paøsaøòa. Biệt dịch, N^{0}100(27).

22. Đây chỉ quyến thuộc của A-tu-la.

Ma Ba-tuần tự nghĩ: 'Sa-môn Cù-đàm đã biết tâm ta.' Liền hổ thẹn, lo buồn biến mất.

M

KINH 1089. ĐẠI LONG[23]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong núi Kỳ-xà-quật, tại thành Vương xá. Bấy giờ, ban đêm, Thế Tôn dậy đi kinh hành, cho đến cuối đêm, rửa chân, vào phòng, thân ngồi ngay thẳng, cột niệm ở trước.

Khi ấy, Ma Ba-tuần tự nghĩ: 'Hiện tại Sa-môn Cù-đàm đang ở trong núi Kỳ-xà-quật, tại thành Vương xá, ban đêm Thế Tôn dậy đi kinh hành cho đến cuối đêm, rửa chân, vào phòng, thân ngồi ngay thẳng, cột niệm ở trước. Bây giờ, ta sẽ đến để gây trở ngại.' Liền hóa thành một con rồng to[24] quấn Phật bảy vòng, cất đầu đến trên đảnh Phật, thân như chiếc thuyền to, đầu như cái buồm lớn, mắt đỏ như lò đồng, lưỡi như điện chớp, hơi thở dữ dội như tiếng sấm. Bấy giờ, Thế Tôn tự nghĩ: 'Ác Ma Ba-tuần muốn làm nhiễu loạn.' Liền nói kệ:

Giống như ngôi nhà trống,
Tâm Mâu-ni rỗng lặng;
Chuyển xoay ở trong đó,
Thân Phật cũng như vậy.
Vô lượng rồng hung ác,
Ruồi, muỗi, rệp, côn trùng;
Tụ lại ăn thân kia,
Cũng không động lông tóc.
Dù phá nát hư không,
Nghiêng úp cả đại địa;
Tất cả loài chúng sanh,
Đều đến gây kinh sợ.
Gươm, mâu, đao, tên bén,
Cũng đến hại thân Phật;

---

23. Paøli, S. 4.6. Sappa (Rắn). Biệt dịch, N^{0}100(28).

24. Hán: đại long 大龍. Paøli: mahanta sapparaøjaø, đại xà vương.

Mọi bạo hại như vậy,
Cũng không tổn mảy lông.

Ma Ba-tuần tự nghĩ: 'Sa-môn Cù-đàm đã biết tâm ta.' Trong lòng cảm thấy lo buồn liền biến mất.

M

KINH 1090. NGỦ YÊN[25]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong thất đá, núi Tỳ-bà-la trong rừng Thất diệp thọ[26], thành Vương xá. Bấy giờ, ban đêm, Thế Tôn dậy, nơi đất trống hoặc ngồi, hoặc đi kinh hành đến cuối đêm, rửa chân, vào thất, nằm yên nghỉ, nghiêng hông bên phải sát đất, hai chân chồng lên nhau, cột niệm vào tướng ánh sáng, chánh niệm, chánh trí, nghĩ tưởng đến thức.

Khi ấy, Ma Ba-tuần tự nghĩ: 'Hiện tại Sa-môn Cù-đàm đang ở trong thất đá, núi Tỳ-bà-la trong rừng Thất diệp thọ, thành Vương xá. Bấy giờ, ban đêm, Thế Tôn dậy, nơi đất trống, hoặc ngồi, hoặc đi kinh hành đến cuối đêm, rửa chân, vào thất, nằm yên nghỉ, nghiêng hông bên phải sát đất, hai chân chồng lên nhau, cột niệm vào tướng ánh sáng, chánh niệm, chánh trí, nghĩ tưởng đến thức. Bây giờ, ta sẽ đến gây trở ngại.' Ma Ba-tuần hóa ra một thiếu niên đến đứng trước Phật, mà nói kệ:

Nhân vì ta nên ngu?
Hay là vì đời sau?
Có nhiều tiền, của báu?
Cớ sao chọn ở rừng?
Một mình không bè bạn,
Mà mê đắm ngủ nghỉ?

Bấy giờ, Thế Tôn tự nghĩ: 'Ác Ma Ba-tuần muốn làm nhiễu

---

25. Paøli: S. 4. 13. Sakalika. Biệt dịch, N⁰100(29).

26. Vương xá thành Tỳ-bà-la sơn Thất diệp thọ lâm thạch thất 王舍城毘婆羅山七葉樹林石室. Đây chỉ hang Sattapaòòiguhaø, trên sườn núi Vebhaøra, thành Raøjagaha. Nhưng bản Paøli: Maddakucchismiö Migadaøye, vườn Nai, trong rừng Maddakucchi.

loạn.' Liền nói kệ:

Không nhân ngươi nên ngủ,
Không phải vì đời sau,
Cũng không nhiều tiền của,
Chỉ gom báu vô ưu.
Vì thương xót thế gian,
Nên nằm nghiêng hông phải,
Thức cũng không nghi hoặc
Ngủ cũng không sợ hãi.
Hoặc ngày, hoặc lại đêm,
Không tăng cũng không giảm.
Vì thương chúng sanh ngủ,
Nên không có tổn giảm.
Dù dùng trăm mũi nhọn,
Xuyên thân, luôn khuấy động,
Vẫn được ngủ an ổn,
Vì lìa gươm bên trong.

Ma Ba-tuần tự nghĩ: 'Sa-môn Cù-đàm đã biết tâm ta.' Liền hổ thẹn, lo buồn biến mất.

M

KINH 1091. CÙ-ĐỀ-CA[27]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở nơi thất đá, núi Tỳ-bà-la trong rừng Thất diệp thọ[28], thành Vương xá. Bấy giờ, có Tôn giả Cù-đề-ca[29] cũng ở thành Vương xá, trong hang Đá đen bên sườn núi Tiên nhân[30], một mình tư duy, tu hạnh không phóng dật, tự được nhiều lợi ích, tự chứng ngộ tâm giải thoát nhất thời[31], nhiều lần bị thoái chuyển. Lần thứ nhất,

---

27. Paøli: S.4.23. Godhika. Biệt dịch, N⁰100(30).

28. Xem cht.26, kinh1090.

29. Cù-đề-ca 瞿低迦. Paøli: Godhika.

30. Tiên nhân sơn trắc Hắc thạch thất 仙人山側黑石室. Paøli: Isigili-passa, Kaøôasilaø.

31. Hán: thời thọ ý giải thoát 時受意解脫; tức, thời giải thoát hay thời ái tâm giải thoát, trường hợp A-la-hán chứng tâm giải thoát tùy thuộc hoàn cảnh; khi nghịch duyên, có thể bị thoái thất. Xem, Câu-xá 25, Đại 29, tr.129a 19, 130b 16 Paøli: saømaøyikaö ceto-vimuttiö.

thứ hai, ba, bốn, năm, sáu, trở đi, trở lại; sau khi tự thân tác chứng tâm giải thoát nhất thời, chẳng bao lâu lại thoái chuyển.

Tôn giả Cù-đề-ca tự nghĩ: 'Một mình ta ở chỗ vắng tư duy, hành không phóng dật, tinh tấn tu tập để tự được lợi ích, khi tự thân chứng ngộ tâm giải thoát nhất thời, mà nhiều lần lại còn thoái chuyển, cho đến sáu lần vẫn còn thoái chuyển lại. Bây giờ, ta nên dùng đao tự sát chớ để cho thoái chuyển lần thứ bảy.'

Khi ấy, Ma Ba-tuần tự nghĩ: "Hiện tại Sa-môn Cù-đàm đang ở nơi thất đá, núi Tỳ-bà-la trong rừng Thất diệp thọ, tại thành Vương xá, có đệ tử là Cù-đề-ca cũng ở thành Vương xá, trong hang Đá đen bên sườn núi Tiên nhân, một mình ở chỗ vắng, chuyên tinh tư duy, khi tự thân tác chứng tâm giải thoát nhất thời, qua sáu lần thoái chuyển. Ông tự nghĩ: 'Ta đã qua sáu lần phản thoái mới trở lại được, chớ để cho thoái chuyển lần thứ bảy. Ta hãy dùng đao tự sát chớ để cho thoái chuyển lần thứ bảy.' Nếu Tỳ-kheo kia dùng đao tự sát, ta chớ để tự sát, mà ra khỏi cảnh giới của ta. Bây giờ ta nên đến bảo Đại Sư ông ấy."

Bấy giờ, Ma Ba-tuần cầm đàn tỳ bà bằng lưu ly, đến chỗ Thế Tôn, vừa khảy đàn vừa nói kệ:

Đại trí đại phương tiện,
Tự tại thần lực lớn,
Được đệ tử sáng chói,
Mà nay muốn chết đi.
Đại Mâu-ni nên ngăn,
Chớ để ông tự sát.
Sao để đệ tử Phật,
Theo học Chánh pháp luật,
Học nhưng không chứng đắc,
Chỉ muốn chết cho xong?

Ma Ba-tuần nói kệ, Thế Tôn nói kệ đáp:

Ba-tuần, giống phóng dật,
Vì việc mình nên đến,
Bậc đã được kiên cố,
Thường trụ diệu thiền định.

Ngày đêm chuyên tinh tấn,
Không nghĩ đến tánh mạng,
Thầy ba cõi đáng sợ,
Đoạn trừ ái dục kia.
Đã chiết phục quân ma,
Cù-đề Bát-niết-bàn.
Tâm Ba-tuần buồn lo,
Tỳ bà rơi xuống đất.
Lòng ôm ấp ưu sầu,
Liền biến mất không hiện.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Các ông hãy cùng Ta đến hang Đá đen bên sườn núi Tiên nhân, xem Tỳ-kheo Cù-đề-ca dùng đao tự sát."

Thế Tôn cùng các Tỳ-kheo đến hang Đá đen bên sườn núi Tiên nhân, thấy Tỳ-kheo Cù-đề-ca đã tự sát nằm trên đất, bảo các Tỳ-kheo:

"Các ông có thấy Tỳ-kheo Cù-đề-ca tự sát, thân thể nằm trên đất không?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Thưa vâng Thế Tôn, đã thấy."

Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Các ông có thấy chung quanh thân thể Tỳ-kheo Cù-đề-ca bốc khói đen đầy khắp bốn phía không?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, đã thấy."

Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Đó là ác Ma Ba-tuần ở bên thân thiện nam Cù-đề-ca, đang quanh quẩn tìm thần thức; nhưng Tỳ-kheo Cù-đề-ca với tâm vô trụ[32] mà cầm đao tự sát!"

Bấy giờ, Thế Tôn vì Tỳ-kheo Cù-đề-ca thọ ký lần đầu tiên.

Lúc ấy, Ma Ba-tuần nói kệ:

Trên dưới cùng các phương,

32. Hán: bất trụ tâm 不住心. Paøli: appatiæææhitena vióóaøòena, bằng thức vô trụ (không trụ xứ).

Tìm khắp thần thức kia,
Đều không thấy nơi này,
Cù-đề-ca để đâu?

Bấy giờ, Thế Tôn lại nói kệ:

Bậc kiên cố như vậy,
Không thể tìm ở đâu.
Nhổ sạch gốc ân ái,
Cù-đề Bát-niết-bàn.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 1092. MA NỮ[33]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở dưới gốc cây Bồ-đề, tại làng Uất-bề-la bên bờ sông Ni-liên-thiền, thành đạo chưa bao lâu. Bấy giờ, Ma Ba-tuần tự nghĩ: 'Hiện tại Sa-môn Cù-đàm đang ở dưới gốc cây Bồ-đề, tại làng Uất-bề-la bên bờ sông Ni-liên-thiền, thành đạo chưa bao lâu. Ta sẽ đến đó làm chướng ngại.'

Ma Ba-tuần hóa ra một thiếu niên đến trước Phật mà nói kệ:

Một mình vào chỗ vắng,
Thiền tư, tĩnh tư duy,
Đã bỏ nước, tài bảo,
Ở đây cầu lợi gì?
Nếu cầu lợi xóm làng,
Sao không gần gũi người?
Đã không gần gũi người,
Rốt cuộc được gì nào?

Thế Tôn tự nghĩ: 'Ma Ba-tuần muốn làm nhiễu loạn.' Liền nói kệ:

Đã được tài lợi nhiều,

33. Paøli, S.4. 2^4. Sattavassa; S.4. 2^5. Dhìtaro. Biệt dịch, N^0 100 (31).

Tri túc, an tịch diệt,
Điều phục bọn quân ma,
Không đắm vào sắc dục.
Một mình riêng thiền tư,
Nếm vị thiền diệu lạc,
Cho nên không cùng người,
Quanh quẩn gần gũi nhau.

Ma lại nói kệ:

Cù-đàm nếu tự biết,
Đường Niết-bàn an ổn,
Riêng mình lạc vô vi,
Tại sao gượng dạy người?

Phật lại nói kệ đáp:

Chẳng phải chỗ ma cấm,
Lại hỏi qua bờ kia,
Thì Ta đáp chân chánh,
Khiến người đắc Niết-bàn.
Kịp thời không phóng dật,
Tự tại không theo ma.

Ma lại nói kệ:

Có đá như mỡ đặc,
Chim chóc muốn lại ăn,
Cuối cùng không được vị,
Trượt mỏ trở về không.
Nay ta cũng như chúng
Luống nhọc về Thiên cung.

Ma nói vậy xong, trong lòng cảm thấy lo buồn, tâm bỗng biến đổi, hối hận, cúi đầu sát đất, dùng ngón tay vẽ lên đất[34].

Ma có ba người con gái: Người thứ nhất tên là Ái Dục, người thứ hai tên là Ái Niệm, người thứ ba tên là Ái Lạc[35] đi đến chỗ Ma Ba-

---

34. Paøli: kaæææhena bhuømiö vilikhanto, dùng que vạch lên đất.

35. Ái Lạc 愛樂, Ái Niệm 愛念, Ái Dục 愛欲. Paøli: Taòhaø (khát ái), Rati (không lạc), Raøga (tham dục).

tuần nói kệ:

Cha đang lo buồn gì?
Con người đáng gì lo,
Con dùng dây ái trói
Trói chúng như điều voi
Lôi đem đến trước cha,
Tùy ý cha sai khiến.
Ma đáp lại con gái:
Khi đã lìa ân ái,
Không dục nào lôi được
Đã ra khỏi cảnh ma
Cho nên ta lo buồn.

Bấy giờ, ba con gái ma từ thân phóng ra ánh sáng lóe lên như những tia chớp trong mây, đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi đứng qua một bên bạch Phật:

"Nay con trở về dưới chân Thế Tôn, để giúp đỡ hầu hạ, xin Ngài sai khiến."

Bấy giờ, Thế Tôn không ngó ngàng đến. Biết Như Lai đã lìa ái dục, tâm thiện giải thoát. Hai ba phen nói như vậy, sau đó ba gái ma tự bảo với nhau rằng:

"Đàn ông có những loại ái dục tùy theo hình tướng. Bây giờ chúng ta mỗi người sẽ biến hóa ra những loại này, thành trăm thứ sắc của đồng nữ, trăm thứ sắc của thiếu nữ mới lấy chồng, trăm thứ sắc của phụ nữ chưa sanh, trăm thứ sắc của phụ nữ đã sanh, trăm thứ sắc của phụ nữ trung niên, trăm thứ sắc của phụ nữ đứng tuổi. Hóa ra những loại hình như vậy rồi, chúng ta đi đến Sa-môn Cù-đàm nói rằng: 'Hôm nay tất cả đều về dưới chân Thế Tôn, hiến dâng cho Ngài sai sử.'"

Bàn bạc với nhau xong, chúng liền biến hóa thành những loại như đã nói trên, đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân Phật, đứng lui qua một bên, bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, bọn chúng con hôm nay về dưới chân Thế Tôn, hiến dâng cho Ngài sai sử."

Bấy giờ, Thế Tôn cũng không hề để ý đến.

"Pháp của Như Lai là lìa các ái dục." Phật lặp lại như vậy ba lần.

Bấy giờ, ba ma nữ lại bảo với nhau:

"Nếu đàn ông chưa lìa dục trông thấy các hình thể tuyệt diệu của chúng ta, tâm sẽ bị mê loạn, dục khí dồn nén bốc lên, lồng ngực muốn vỡ, máu nóng đỏ bừng trên mặt. Nhưng hiện Sa-môn Cù-đàm không hề để ý đến chúng ta, nên biết Như Lai đã lìa dục, giải thoát, được thiện giải thoát tưởng. Bây giờ chúng ta mỗi người nên nói kệ để cật vấn."

Ba ma nữ trở lại trước Phật, đảnh lễ dưới chân Phật, đứng lui qua một bên. Thiên nữ Ái Dục liền nói kệ:

Một mình vào chỗ vắng,
Thiền tư, tĩnh tư duy,
Đã bỏ nước, tài bảo,
Ở đây lại cầu gì?
Nếu cầu lợi xóm làng,
Sao không gần gũi người?
Đã không gần gũi người,
Rốt cuộc được gì nào?

Thế Tôn nói kệ đáp:

Đã được tài lợi nhiều,
Tri túc, an tịch diệt,
Điều phục bọn quân ma,
Không đắm vào sắc dục.
Một mình riêng thiền tư,
Nếm vị thiền diệu lạc.
Cho nên không cùng người,
Quanh quẩn gần gũi nhau.

Thiên nữ Ái Niệm nói kệ:

Tu nhiều thiền diệu gì,
Để thoát dòng ngũ dục?
Lại nhờ phương tiện nào,
Vượt qua biển thứ sáu?
Đối các dục sâu rộng,
Làm sao tu diệu thiền,
Để qua được bờ kia,
Mà không bị ái giữ?

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

Thân được lạc dừng nghỉ,
Tâm được khéo giải thoát,
Vô vi, không tạo tác,
Chánh niệm không dao động.
Biết rõ tất cả pháp,
Không khởi các loạn giác,
Ái, nhuế, thùy miên, phú,
Tất cả đều đã lìa.
Tu tập nhiều như vậy,
Thoát khỏi được năm dục,
Như đổi biển thứ sáu,
Tất qua được bờ kia.
Tu tập thiền như vậy,
Đối các dục sâu rộng,
Đều qua được bờ kia,
Không bị chúng giữ lại.

Khi ấy, Thiên nữ Ái Lạc lại nói kệ:

Đã đoạn trừ sân ái,
Chất chứa dục sâu dày,
Người nhiều đời tịnh tín,
Vượt qua được biển dục.
Mở ra trí tuệ sáng,
Vượt qua cảnh tử ma.

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

Đại phương tiện, rộng độ,
Vào Pháp luật Như Lai,
Những người này đã độ,
Người trí còn lo gì?

Bấy giờ, chí nguyện của ba Thiên nữ chưa được thỏa mãn, trở lại chỗ Ma Ba-tuần, cha của chúng. Khi ấy, Ma Ba-tuần vừa trông thấy các con gái đến, liền nói kệ trêu họ:

Các con, này ba đứa,
Tự khoe mình kham năng,

Toàn thân phóng lửa sáng,
Như lằn chớp trong mây.
Đến chỗ Đại Tinh Tấn,
Mỗi người phô sắc đẹp.
Ngược lại đều bị phá,
Như gió lùa bông gòn.
Dùng ngón tay phá núi,
Dùng răng cắn hòn sắt,
Hay muốn dùng tóc, tơ,
Di chuyển hòn núi lớn?
Những người thoát hòa hợp,
Mà mong loạn tâm kia.
Muốn buộc dính chân gió,
Khiến trăng rơi giữa không,
Dùng tay khuấy biển lớn,
Hà hơi động núi tuyết.
Đã giải thoát hòa hợp,
Dễ làm gì dao động.
Ở giữa biển sâu rộng,
Mà tìm đất đặt chân,
Như Lai đối tất cả,
Hòa hợp tất giải thoát,
Trong biển lớn Chánh giác,
Tìm dao động cũng vậy.

Ma Ba-tuần trêu ba cô con gái rồi biến mất.

KINH 1093. TỊNH BẤT TỊNH[36]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật mới thành đạo, ở dưới cây Bồ-đề lớn bên bờ sông Ni-liền-thiền, tại xứ Uất-bề-la. Thiên ma Ba-tuần tự nghĩ: 'Sa-môn Cù-đàm mới thành đạo, đang ở dưới bóng cây Bồ-đề, bên bờ sông Ni-liền-thiền, xứ Uất-bề-la. Nay ta sẽ đến làm chướng ngại.' Tức thì tự biến thân mình thành trăm thứ sắc tịnh và bất tịnh, đến chỗ Phật. Từ xa, Đức Phật trông thấy một trăm thứ sắc tịnh và bất tịnh của Ma Ba-tuần liền tự nghĩ: 'Ác Ma Ba-tuần biến trăm thứ sắc tịnh và bất tịnh là muốn làm nhiễu loạn.' Liền nói kệ:

Mãi mãi trong sanh tử,
Làm sắc tịnh bất tịnh,
Vì sao ngươi làm vậy?
Không vượt khổ, bờ kia.
Nếu thân, miệng và ý,
Không làm chướng ngại người,
Không bị ma sai sử,
Không bị ma khống chế.
Biết ma ác như vậy,
Ma liền tự biến mất.

Khi ấy, Ma Ba-tuần tự nghĩ: 'Sa-môn Cù-đàm đã biết tâm ta.' Trong lòng cảm thấy buồn lo liền biến mất.

M

KINH 1094. KHỔ HÀNH[37]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật mới thành đạo, ở dưới cây Bồ-đề lớn, bên bờ sông Ni-liền-thiền, tại xứ Uất-bề-la. Bấy giờ, Thế Tôn một mình ở chỗ yên tĩnh, chuyên tâm thiền định tư duy, tự nghĩ như vầy: 'Nay Ta

36. Paøli, S.4.2. Naøga; 4.3. Subha. Biệt dịch, N^{0}100(32).

37. Quốc Dịch, phẩm 2. Paøli: S. 4. 1. 1. Tapokammaóca.

khéo giải thoát khổ hạnh[38]. Lành thay! Nay Ta khéo giải thoát khổ hạnh. Trước kia tu chánh nguyện, ngày nay đã được quả Vô thượng Bồ-đề.'

Khi ấy, Ma Ba-tuần tự nghĩ: 'Sa-môn Cù-đàm mới thành Chánh giác đang ở dưới cây Bồ-đề, tại xứ Uất-bề-la bên bờ sông Ni-liền-thiền. Nay ta sẽ đến làm chướng ngại'. Liền biến thành một thiếu niên đến trước Phật mà nói kệ:

Chỗ tu đại khổ hạnh,
Thường khiến được thanh tịnh,
Nay ngược lại, vất bỏ,
Ở đây tìm những gì?
Muốn cầu tịnh ở đây,
Tịnh cũng không thể được.

Bấy giờ, Thế Tôn tự nghĩ: 'Ma Ba-tuần muốn làm nhiễu loạn.' Liền nói kệ:

Biết các tu khổ hạnh,
Thảy đều không có nghĩa,
Hoàn toàn không được ích,
Như cung chỉ có tiếng[39].
Giới, định, văn, tuệ, đạo,
Ta đều đã tu tập,
Được thanh tịnh bậc nhất,
Tịnh này không gì hơn.

Khi đó Ma Ba-tuần tự nghĩ: 'Sa-môn Cù-đàm đã biết tâm ta.' Trong lòng cảm thấy buồn lo liền biến mất.

M

KINH 1095. KHẤT THỰC[40]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở tại làng Sa-la của Bà-la-môn[41]. Bấy giờ,

---

38. Khổ hành. Paøli: dukkhaørakaørikaøya, đây chỉ sáu năm khổ hạnh của Phật.

39. Paøli: như bánh lái của chiếc thuyền trên cạn.

40. Paøli, S.4.18. Piòña.

41. Sa-la Bà-la-môn tụ lạc 娑羅婆羅門聚落. Paøli: Paócasaølaøyaö braøhmaòagaøme.

sáng sớm Thế Tôn đắp y, ôm bát, vào làng Sa-la khất thực.

Khi ấy, Ma Ba-tuần tự nghĩ: "Nay Sa-môn Cù-đàm sáng sớm đắp y, ôm bát, vào làng Sa-la khất thực. Bây giờ ta nên đến trước, vào nhà họ, nói với những gia chủ Bà-la-môn tín tâm, để cho Sa-môn Cù-đàm ôm bát trống ra về." Lúc ấy, Ma Ba-tuần chạy theo sau Phật kêu: "Sa-môn! Sa-môn! Không được thức ăn sao?"

Bấy giờ, Thế Tôn tự nghĩ: 'Ác Ma Ba-tuần muốn làm não loạn.' Liền nói kệ:

Ngươi đối với Như Lai,
Mới phạm vô lượng tội,
Ngươi bảo rằng Như Lai,
Chịu mọi khổ não ư?

Khi ấy, Ma Ba-tuần nói: "Cù-đàm hãy trở lại làng xóm. Tôi sẽ khiến cho Ngài được khất thực."

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

Dù thật không có gì,
Vẫn an lạc tự sống.
Như trời Quang âm kia,
Hỷ lạc là thức ăn.
Dù thật không có gì,
Vẫn an lạc tự sống.
Hỷ lạc là thức ăn.
Không nương vào có thân.

Khi đó Ma Ba-tuần tự nghĩ: 'Sa-môn Cù-đàm đã biết tâm ta.' Trong lòng cảm thấy buồn lo liền biến mất.

M

KINH 1096. SỢI DÂY[42]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trú xứ của các Tiên nhân, nước Ba-la-nại. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Ta đã giải thoát dây trói buộc trời, người. Các ông lại cũng đã

42. Paøli, S.4.4-5 Paøsa.

giải thoát dây trói buộc trời, người. Các ông nên đi vào nhân gian, đi qua nhiều chỗ, lợi ích nhiều nơi, an lạc cho trời, người. Không cần bạn đồng hành, mỗi người tự đi[43]. Bây giờ, Ta cũng du hành trong nhân gian, đến trú xứ Uất-bề-la."

Khi ấy, Ma Ba-tuần tự nghĩ: "Sa-môn Cù-đàm đang ở trong vườn Lộc dã trú xứ của Tiên nhân, tại nước Ba-la-nại, vì các Thanh văn mà nói như vầy: 'Ta đã giải thoát dây ràng buộc trời, người. Các ông lại cũng đã... Các ông, riêng mỗi người đi vào nhân gian giáo hóa,... cho đến Ta cũng du hành trong nhân gian, đến trú xứ Uất-bề-la.' Bấy giờ ta sẽ đến làm chướng ngại." Liền biến thành một thiếu niên đứng trước Phật mà nói kệ:

Không thoát, nghĩ tưởng thoát,
Tự hô giải thoát rồi;
Lại buộc thêm càng chặt,
Nay ta quyết không tha.

Bấy giờ, Thế Tôn tự nghĩ: 'Ma Ba-tuần muốn làm nhiễu loạn.' Liền nói kệ:

Ta thoát tất cả rồi,
Mọi trói buộc trời, người.
Đã biết ngươi Ba-tuần,
Hãy tự diệt, mất đi.

Khi đó Ma Ba-tuần tự nghĩ: 'Sa-môn Cù-đàm đã biết tâm ta.' Trong lòng cảm thấy buồn lo liền biến mất.

M

KINH 1097. THUYẾT PHÁP[44]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở tại nhà Thạch Chủ[45] dòng họ Thích, trong làng họ Thích. Bấy giờ, trong làng Thạch Chủ họ Thích có nhiều người chết vì bệnh dịch. Dân chúng mọi nơi hoặc nam hoặc nữ, từ bốn phương đều thọ trì tam quy. Những bệnh nhân nam nữ hoặc lớn hoặc nhỏ này đều là những người nhân đến tự xưng tên họ: 'Chúng con

43. Sf. Mv.i., vin.i - 21.

44. Paøli, S.4.14. Patiruøpa.

45. Thạch Chủ 石主. Paøli: Kosalesu Ekasaølaøyaö braøhmaòagaøme.

tên... xin quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng.' Cả thôn cả ấp đều như vậy.

Bấy giờ, Thế Tôn vì hàng Thanh văn mà ân cần thuyết pháp. Lúc ấy những người có tín tâm quy y Tam bảo đều được sanh vào trong cõi trời, hay người. Khi ấy, Ma Ba-tuần tự nghĩ: 'Hiện tại Sa-môn Cù-đàm đang ở trong nhà Thạch Chủ họ Thích trong làng họ Thích, ân cần thuyết pháp cho bốn chúng. Bây giờ, ta sẽ đến làm chướng ngại.' Liền biến thành một thiếu niên đến đứng trước Phật nói kệ:

Vì sao siêng thuyết pháp,
Giáo hóa cho mọi người?
Trái nghịch, không trái nghịch,
Không khỏi bị xua đuổi.
Vì còn bị ràng buộc,
Nên vì họ thuyết pháp[46].

Bấy giờ, Thế Tôn tự nghĩ: 'Ác Ma Ba-tuần muốn làm nhiễu loạn.' Liền nói kệ:

Dạ-xoa ngươi nên biết,
Chúng sanh sanh tập quần,
Những người có trí tuệ,
Ai mà không thương xót?
Vì có lòng thương xót,
Không thể không giáo hóa,
Thương xót mọi chúng sanh,
Lẽ tự nhiên như vậy[47].

Ma Ba-tuần tự nghĩ: 'Sa-môn Cù-đàm đã biết tâm ta.' Trong lòng cảm thấy buồn lo liền biến mất.

M

---

46. Paøli: netaö tava patiruøpaö, yad aóóam anusaøssasi, anurodhavirodhesu, maø sajjittho tad aøcaran ti: "Thật không thích hợp để Ngài giáo hóa người khác. Chớ đi giữa những người tán thành và những người chống đối."

47. Paøli: hitaønukampì sambuddho, yad aóóam anusaøssati; anurodha-virodhehi vippamutto Tathaøgato ti, Đấng Chánh Giác giáo hóa mọi người do lòng thương tưởng, lân mẫn. Như Lai đã giải thoát ngoài những tán thành và chống đối.

KINH 1098. LÀM VUA[48]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở tại nhà Thạch Chủ dòng họ Thích, trong làng họ Thích. Bấy giờ, Thế Tôn một mình ở chỗ yên tĩnh, thiền định tư duy, tự nghĩ: "Có thể nào làm vua mà không sát sanh, không khiến người sát sanh, một mực thi hành chánh pháp mà không thi hành phi pháp chăng?"

Khi ấy, Ma Ba-tuần tự nghĩ: "Hiện tại Sa-môn Cù-đàm đang ở trong nhà Thạch Chủ họ Thích, trong làng họ Thích, một mình ở chỗ yên tĩnh, thiền định tư duy, tự nghĩ: 'Có thể nào làm vua mà không sát sanh, không khiến người sát sanh, một mực thi hành chánh pháp mà không thi hành phi pháp chăng?' Bây giờ, ta hãy nên đến đó vì họ mà nói pháp." Liền biến thành một thiếu niên đến đứng trước Phật nói rằng:

"Như vậy, Thế Tôn! Như vậy, Thiện Thệ! Có thể được làm vua không sát sanh, không khiến người sát sanh, một mực thi hành chánh pháp, không thi hành phi pháp. Thế Tôn nay hãy làm vua! Thiện Thệ nay hãy làm vua! Có thể sẽ được như ý."

Bấy giờ, Thế Tôn tự nghĩ: 'Ác Ma Ba-tuần muốn làm nhiễu loạn.' Nên nói với ma rằng:

"Ma Ba-tuần, vì sao ngươi nói: 'Thế Tôn nay hãy làm vua! Thiện Thệ nay hãy làm vua! Có thể sẽ được như ý?'"

Ma bạch Phật:

"Chính tôi nghe từ Phật nói như vầy: 'Nếu bốn Như ý túc được tu tập, tu tập nhiều rồi, muốn khiến cho núi Tuyết chúa biến ra vàng ròng tức thì làm được, không khác.' Nay, Thế Tôn đã có tứ như ý túc, tu tập, tu tập nhiều, có thể khiến cho núi Tuyết chúa biến ra vàng ròng như ý, không khác. Cho nên tôi bạch: 'Thế Tôn hãy làm vua! Thiện Thệ hãy làm vua! Có thể sẽ được như ý.'"

Phật bảo Ba-tuần:

"Ta không có tâm muốn làm vua. Vì sao phải làm? Ta cũng không có tâm muốn núi Tuyết chúa biến ra vàng ròng. Tại sao phải

---

48. Paøli, S.4.20. Rajja.

biến?"

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

Dù thật có vàng ròng,
Giống như núi Tuyết chúa,
Một người được vàng này,
Cũng còn không biết đủ.
Cho nên người trí tuệ,
Vàng đá coi như nhau.

Khi đó Ma Ba-tuần tự nghĩ: 'Sa-môn Cù-đàm đã biết tâm ta.' Trong lòng cảm thấy buồn lo liền biến mất.

M

KINH 1099. SỐ ĐÔNG[49]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở tại nhà Thạch Chủ dòng họ Thích, trong làng họ Thích. Bấy giờ, có số đông Tỳ-kheo tụ tập ở nhà cúng dường để may y.

Lúc đó, Ma Ba-tuần tự nghĩ: "Hiện tại Sa-môn Cù-đàm đang ở tại nhà Thạch Chủ dòng họ Thích, trong làng họ Thích, có số đông Tỳ-kheo tụ tập ở nhà cúng dường để may y. Bây giờ, ta sẽ đến làm chướng ngại." Liền biến thành một thanh niên Bà-la-môn, quấn búi tóc to, mặc áo da thú, tay cầm gậy cong, đến nhà cúng dường[50], đứng im lặng trước chúng Tỳ-kheo, trong giây lát nói với các Tỳ-kheo:

"Các ông tuổi trẻ xuất gia, da trắng, tóc đen, tuổi đang lúc sung sức nên hưởng thụ ngũ dục, trang điểm tự lạc. Vì sao trái nghịch thân tộc, khiến họ khóc lóc chia lìa, chí tin, không nhà, xuất gia học đạo? Tại sao lại bỏ cái lạc hiện tại mà đi tìm cái lạc phi thời của đời khác[51]?"

Các Tỳ-kheo nói với Bà-la-môn:

"Chúng tôi không bỏ cái lạc hiện tại mà đi tìm cái lạc phi thời của đời khác, nhưng bỏ cái lạc phi thời để thành tựu cái lạc hiện tại?"

---

49. S. 4.21. Sambahulaø.

50. Nhà thị giả, hay nhà khách trong tinh xá.

51. Xem cht.55, kinh 1078.

Ma Ba-tuần lại hỏi:

"Thế nào là bỏ cái lạc phi thời để thành tựu cái lạc hiện tại?"

Tỳ-kheo đáp:

"Thế Tôn đã dạy: 'Cái lạc của đời khác thú vị ít mà khổ nhiều, lợi ít mà hại nhiều.' Thế Tôn đã nói: 'Cái lạc hiện tại xa lìa các nhiệt não, không đợi thời tiết, có thể tự thông đạt, duyên vào tự tâm mà giác tri.' Này Bà-la-môn, đó gọi là cái lạc hiện tại."

Khi ấy Bà-la-môn ấm ớ, lắc đầu ba lần, chống gậy xuống đất rồi biến mất.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo sanh lòng sợ hãi, lông trong người dựng đứng, tự hỏi: 'Đó là hạng Bà-la-môn nào, đến đây rồi biến mất?' Liền đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo chúng con đang ở nhà cúng dường để may y, có một thanh niên Bà-la-môn quấn búi tóc to đến chỗ chúng con nói rằng: 'Các ông tuổi trẻ xuất gia... Nói đầy đủ như trên cho đến: ấm ớ, lắc đầu ba lần, chống gậy xuống đất rồi biến mất. Chúng con sanh lòng sợ hãi, lông trong người dựng đứng. Đó là hạng Bà-la-môn nào mà đến đây rồi biến mất?"

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Đó không phải là Bà-la-môn nào, mà là Ma Ba-tuần đến chỗ các ông, muốn làm nhiễu loạn."

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

Phàm sanh các khổ não,
Đều do nơi ái dục.
Biết đời là kiếm nhọn,
Người nào ưa thích dục?
Biết thế gian hữu dư,
Tất cả là kiếm nhọn,
Cho nên người trí tuệ,
Phải luôn tự điều phục.
Tích tụ vàng ròng nhiều,
Giống như núi Tuyết chúa,
Chỉ một người thọ dụng,
Ý còn không biết đủ,

Cho nên người trí tuệ,
Phải tu bình đẳng quán.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 1100. THIỆN GIÁC[52]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở tại nhà Thạch Chủ dòng họ Thích, trong làng họ Thích. Bấy giờ, có Tôn giả Thiện Giác[53], sáng sớm đắp y, ôm bát vào làng Thạch Chủ họ Thích khất thực. Sau khi khất thực trở về tinh xá, cất y bát, rửa chân, cầm tọa cụ vắt lên vai phải, vào trong rừng ngồi dưới một bóng cây, nhập chánh thọ ban ngày, tự nghĩ: "Ta được điều lợi ích! Đã xuất gia học đạo trong Chánh pháp luật. Ta được điều lợi ích! Đã may mắn gặp Đại Sư Như Lai Đẳng Chánh Giác. Ta được điều lợi ích! Đã được ở trong đại chúng phạm hạnh, trì giới đầy đủ, đức độ, hiền thiện chân thật. Nay ta sẽ được mạng chung một cách hiền thiện. Ở đời vị lai cũng được tốt lành."

Khi ấy, Ma Ba-tuần tự nghĩ: 'Hiện tại Sa-môn Cù-đàm đang ở nhà Thạch Chủ làng họ Thích và có đệ tử Thanh văn tên là Thiện Giác đắp y, ôm bát... *nói đầy đủ như trên cho đến* sẽ được mạng chung một cách hiền thiện. Ở đời vị lai cũng được tốt lành. Bây giờ, ta sẽ đến làm chướng ngại.' Liền hóa thân to lớn, sức lực khỏe mạnh, ai thấy cũng sợ. Sức mạnh này có thể lật úp đại địa, đi đến chỗ Tỳ-kheo Thiện Giác.

Tỳ-kheo Thiện Giác vừa trông thấy thân to lớn, sức lực khỏe mạnh, liền sanh lòng sợ hãi, từ chỗ ngồi đứng dậy đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, sáng sớm con đắp y, ôm bát... *nói đầy đủ như trên cho đến* sẽ được mạng chung một cách hiền thiện. Ở đời vị lai cũng được tốt lành. Con thấy có người thân to lớn, sức lực dũng mãnh có thể lay động quả đất, thấy rồi sanh lòng sợ hãi, sợ hãi đến dựng đứng cả lông!"

---

52. Paøli, S.4.22. Samiddhi.
53. Thiện Giác 善覺. Paøli: Samiddhi.

Phật bảo Thiện Giác:

"Đó không phải là người thân to lớn, là Ma Ba-tuần muốn làm nhiễu loạn. Ông hãy trở về nương vào dưới bóng cây tu tập tam-muội như trước, hãy tác động ma kia, để nhờ đó thoát khổ."

Khi ấy Tôn giả Thiện Giác liền trở về chỗ cũ, sáng sớm đắp y, ôm bát vào nhà Thạch Chủ, làng họ Thích khất thực, khất thực xong trở về tinh xá. *Nói đầy đủ như trên,... cho đến* sẽ được mạng chung một cách hiền thiện. Ở đời vị lai cũng được tốt lành.

Lúc ấy, Ma Ba-tuần tự nghĩ: 'Hiện tại Sa-môn Cù-đàm đang ở nhà Thạch Chủ làng họ Thích và có đệ tử Thanh văn tên là Thiện Giác, đắp y, ôm bát. *Nói đầy đủ như trên,... cho đến* sẽ được mạng chung một cách hiền thiện. Ở đời vị lai cũng được tốt lành. Bây giờ, ta sẽ đến làm chướng ngại.' Lại hóa ra thân to lớn, sức mạnh dũng mãnh, có thể lay động quả đất, đến đứng trước Thiện Giác. Tỳ-kheo Thiện Giác vừa trông thấy ma lại liền nói kệ:

Ta chánh tín không nhà,
Để xuất gia học đạo.
Nơi Phật, vô giá bảo[54],
Chuyên buộc tâm chánh niệm.
Mặc ngươi hóa hình sắc,
Tâm ta không dao động.
Biết ngươi là huyễn hóa,
Từ đây hãy mất đi.

Khi đó Ma Ba-tuần tự nghĩ: 'Sa-môn Cù-đàm đã biết tâm ta.' Trong lòng cảm thấy buồn lo liền biến mất.

M

KINH 1101. SƯ TỬ[55]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Lộc dã, chỗ ở của các Tiên nhân, tại nước Ba-la-nại. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

---

54. Vô giá bảo □ Bản Tống-Nguyên-Minh: Pháp Tăng bảo

55. Paøli, S.4.12. Sìha.

"Thanh văn của Như Lai rống lên tiếng rống của sư tử, nói là: 'Đã biết! Đã biết!' Vậy, không biết Thanh văn của Như Lai đã biết những pháp gì? Vì đã biết nên rống lên tiếng rống của sư tử, đó là: 'Thánh đế về khổ, Thánh đế về sự tập khởi của khổ, Thánh đế về sự tận diệt khổ, Thánh đế về con đường đưa đến diệt khổ.' "

Khi ấy, Ma Ba-tuần tự nghĩ: 'Sa-môn Cù-đàm đang ở trong vườn Lộc dã, chỗ ở của các Tiên nhân, tại nước Ba-la-nại, vì các Thanh văn thuyết pháp,... cho đến đã biết bốn Thánh đế. Bây giờ, ta sẽ đến làm chướng ngại.' Liền hóa ra một thiếu niên đứng trước Phật nói kệ:

Vì sao giữa đại chúng,
Sư tử rống không sợ,
Bảo rằng: 'Không ai địch',
Mong điều phục tất cả.

Bấy giờ, Thế Tôn tự nghĩ: 'Ác Ma Ba-tuần muốn làm nhiễu loạn.' Liền nói kệ:

Như Lai đối tất cả,
Chánh pháp luật sâu xa,
Phương tiện sư tử rống,
Nơi pháp không sợ hãi,
Nếu người có trí tuệ,
Cớ sao tự lo sợ?

Khi đó Ma Ba-tuần tự nghĩ: 'Sa-môn Cù-đàm đã biết tâm ta.' Trong lòng cảm thấy buồn lo liền biến mất.

M

KINH 1102. BÁT[56]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong đồng trống bị nhiều người giẫm đạp, tại thành Vương xá, cùng với năm trăm Tỳ-kheo; Ngài lấy năm trăm bình bát để giữa sân, vì họ mà nói pháp.

Bấy giờ, Thế Tôn lại vì năm trăm Tỳ-kheo nói về năm uẩn là

56. Paøli, S.4.16. Patta.

pháp sanh diệt. Khi ấy, Thiên ma Ba-tuần tự nghĩ: 'Sa-môn Cù-đàm đang ở trong đồng trống bị nhiều người giẫm đạp, tại thành Vương xá, cùng với năm trăm Tỳ-kheo... cho đến nói về năm uẩn là pháp sanh diệt. Bây giờ, ta nên đến làm chướng ngại." Liền hóa ra một con trâu lớn đến chỗ Phật, vào chỗ để năm trăm bình bát. Các Tỳ-kheo muốn bảo vệ các bình bát, liền đuổi đi.

Lúc bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Đó không phải là trâu, là Ma Ba-tuần muốn làm nhiễu loạn." Liền nói kệ:

Sắc, thọ, tưởng, hành, thức,
Không phải ngã, ngã sở,
Nếu biết nghĩa chân thật,
Không đắm trước nơi chúng.
Tâm không đắm trước pháp,
Thoát khỏi sắc ràng buộc,
Thấu rõ khắp mọi nơi,
Không trụ cảnh giới ma.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 1103. NHẬP XỨ[57]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong đồng trống bị nhiều người giẫm đạp, tại thành Vương xá, cùng với sáu trăm Tỳ-kheo. Bấy giờ, Thế Tôn lại vì các Tỳ-kheo nói về sáu xúc nhập xứ[58] tập, sáu xúc tập, sáu xúc diệt. Khi ấy, Ma Ba-tuần tự nghĩ: "Sa-môn Cù-đàm đang ở đồng trống bị nhiều người giẫm đạp, tại thành Vương xá, vì sáu trăm Tỳ-kheo nói về sáu xúc nhập xứ, nói đây là pháp tập, đây là pháp diệt. Bây giờ, ta nên đến làm chướng ngại.' Liền hóa ra một thanh niên thân to lớn, sức lực dũng mãnh có thể lay động quả đất đi đến chỗ Phật.

---

57. Paøli, S.4.17. AØyatana.

58. Xúc nhập xứ 觸入處. Paøli: phassaøyatana.

Các Tỳ-kheo kia vừa trông thấy thanh niên to lớn, dũng mãnh, sanh lòng sợ hãi, lông trong người dựng đứng, nói với nhau rằng:

"Kia là ai mà hình dáng đáng sợ vậy?"

Bấy giờ, Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Đó là Ác ma Ba-tuần muốn làm nhiễu loạn."

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

Sắc, thanh, hương, vị, xúc,
Và thứ sáu: các pháp,
Niệm, ái, thích, vừa ý,
Thế gian chỉ có vậy.
Đây là tham ác nhất,
Thường trói buộc phàm phu,
Người vượt những bệnh này,
Là Thánh đệ tử Phật,
Vượt qua cảnh giới ma,
Như mặt trời không mây.

Khi đó Ma Ba-tuần tự nghĩ: 'Sa-môn Cù-đàm đã biết tâm ta.' Trong lòng cảm thấy buồn lo liền biến mất.

❑

TẠP A-HÀM QUYỂN 40

KINH 1104[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Nếu người nào có khả năng thọ trì bảy thọ[2], chỉ nhờ nhân duyên này, người ấy sẽ được sanh lên cõi Thiên đế Thích. Thiên đế Thích xưa kia lúc còn làm người thường, phụng dưỡng cha mẹ cùng các bậc tôn trưởng trong gia tộc, với gương mặt hài hòa, lời nói mềm mỏng, không nói dữ, không nói hai lưỡi, thường nói chân thật. Đối với thế gian keo kiệt, người này tuy ở tại gia, nhưng không keo lẫn; thực hành giải thoát thí[3], siêng bố thí, thường ưa hành bố thí, mở hội bố thí cúng dường, bố thí bình đẳng tất cả".

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ:

Phụng dưỡng cho cha mẹ
Và tôn trưởng gia tộc;
Lời nhu hòa, cung kính,
Tránh lời thô, hai lưỡi.
Điều phục tâm keo kiệt,
Thường nói lời chân thật,
Trời Tam thập tam kia,
Thấy người hành bảy pháp;
Tất cả đều nói rằng,
Tương lai sanh cõi này.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

---

1. Đại Chánh, quyển 40. Quốc Dịch, quyển 34, "Tụng vii.3. Tương ưng Đế thích" hai phẩm. Ấn Thuận, "Tụng viii. Tám chúng. 19. Tương ưng Đế thích" hai mươi hai kinh: 1207-1228; Đại Chánh 1104-1225. Phật Quang, quyển 40. Quốc Dịch, phẩm 1. Paøli, S.11.11. Vatapada. Biệt dịch, N^{0}100(33).
2. Thất chủng thọ, 七種受. Paøli: satta vatapadaøni, bảy cấm giới.
3. Giải thoát thí 解脫施. Paøli: muttacaøga, huệ thí một cách rộng rãi.

KINH 1105. MA-HA-LY[4]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở giảng đường Trùng các, bên ao Di hầu, tại nước Tỳ-xá-ly.

Bấy giờ, có người dòng Ly-xa tên là Ma-ha-lợi[5], đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, Ngài có thấy Thiên đế Thích không?"

Phật đáp:

"Thấy."

Ly-xa lại hỏi:

"Thế Tôn có thấy con quỷ giống hình Thiên đế Thích không?"[6]

Phật bảo Ly-xa:

"Ta biết Thiên đế Thích. Cũng biết có quỷ giống Thiên đế Thích. Cũng biết pháp Thiên đế Thích kia, nhờ duyên thọ trì những pháp này nên được sanh chỗ Thiên đế Thích. Này Ly-xa, Đế Thích xưa kia, khi còn làm con người, hay phụng dưỡng cha mẹ,... cho đến hành xả bình đẳng."

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

Phụng dưỡng cho cha mẹ
Và tôn trưởng gia tộc;
Lời nhu hòa, cung kính,
Lìa lời thô, hai lưỡi.
Điều phục tâm keo kiệt,
Thường nói lời chân thật,
Trời Tam thập tam kia,
Thấy người hành bảy pháp;
Tất cả đều nói rằng,
Tương lai sanh cõi này.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ làm lễ ra về.

M

---

4. Paøli, S.11.13. Mahaøli. Biệt dịch, N^{0}100(34).
5. Ly-xa danh Ma-ha-lợi 離車名摩訶利. Paøli: Mahaøli Licchavì.
6. Paøli: so hi nuøna… Sakkapatiruøpako bhavissati, không phải Đế Thích đâu, mà chỉ là tướng Đế Thích.

KINH 1106. DO NHÂN GÌ[7]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở giảng đường Trùng các, bên ao Di hầu, tại nước Tỳ-xá-ly.

Bấy giờ, có một Tỳ-kheo đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, đứng lui qua một bên, bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, nhân gì, duyên gì mà Thích Đề-hoàn Nhân được gọi là Thích Đề-hoàn Nhân[8]?"

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Thích Đề-hoàn Nhân xưa kia, khi làm người, hành thí nhiệt thành[9], bố thí cho Sa-môn, Bà-la-môn, người bần cùng khốn khổ, người đi đường, người đi ăn xin, bằng các thứ đồ ăn, thức uống, tiền của, thóc gạo, lụa là, hoa hương, vật dụng trang nghiêm, giường nằm, đèn đuốc. Vì có khả năng làm như vậy, nên gọi là Thích Đề-hoàn Nhân[10]."

Tỳ-kheo lại bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, nhân gì, duyên gì mà Thích Đề-hoàn Nhân được gọi là Phú-lan-đà-la[11]?"

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Thích Đề-hoàn Nhân xưa kia khi còn làm người, thường hay hành thí y phục, đồ ăn thức uống,... cho đến đèn đuốc. Vì những nhân duyên này, nên gọi là Phú-lan-đà-la."

Tỳ-kheo lại bạch Phật:

"Nhân gì, duyên gì mà được gọi là Ma-già-bà[12]?"

---

7. Paøli, S.11.12. Sakkanaøma. Biệt dịch, N^{0}100(35).

8. Thích Đề-hoàn Nhân 釋提桓因. Paøli: Sakko Devaønaö Indo.

9. Đốn thí 頓施. So sánh Paøli: sakkaccaö daønaö adaøsi, bố thí một cách cung kính, nhiệt thành.

10. Định nghĩa của Paøli: sakkaccaö daøna adaøsi tasmaø kko ti vuccati, vì bố thí một cách cung kính (sakkaccaö), nên được gọi là Sakka (Thích).

11. Phú-lan-đà-la 富蘭陀羅. Paøli: Purindado. Định nghĩa của Paøli: pure daønam adaøsi tasmaø purindado ti vuccati, do bố thí nơi thị tứ (pura) nên được gọi là Purindado.

12. Ma-già-bà 摩伽婆. Paøli: Maghavaø.

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Thích Đề-hoàn Nhân khi còn làm người tên là Ma-già-bà[13], do đó Ma-già-bà là tên cũ của Thích Đề-hoàn Nhân."

Tỳ-kheo lại bạch Phật:

"Nhân gì, duyên gì mà lại có tên là Bà-sa-bà[14]?"

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Thích Đề-hoàn Nhân xưa kia khi còn là người luôn luôn đem áo bà-tiên-hòa[15] bố thí, cúng dường, vì nhân duyên này nên Thích Đề-hoàn Nhân có tên Bà-sa-bà."

Tỳ-kheo lại bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, nhân gì, duyên gì mà Thích Đề-hoàn Nhân lại có tên là Kiều-thi-ca[16]?"

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Thích Đề-hoàn Nhân xưa kia khi còn làm người, là người dòng họ Kiều-thi[17]. Vì nhân duyên này, nên Thích Đề-hoàn Nhân lại có tên là Kiều-thi-ca."

Tỳ-kheo hỏi Phật:

"Bạch Thế Tôn, nhân gì, duyên gì mà Thích Đề-hoàn Nhân được gọi là Xá-chỉ-bát-đê[18]?"

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Nữ A-tu-la Xá-chỉ là đệ nhất thiên hậu của Thiên đế Thích. Cho nên Đế Thích được gọi là Xá-chỉ-bát-đê."

Tỳ-kheo lại bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, nhân gì, duyên gì mà Thích Đề-hoàn Nhân lại

---

13. Paøli: pubbe manussabhuøto samaøno magho naøma maøòavo ahosi, trước kia, khi còn làm người, ông là thiếu niên tên là Magha.

14. Bà-sa-bà 婆娑婆. Paøli: Vaøsava. Định nghĩa của Paøli: pubbe... aøvasatham adaøsi tasmaø Vaøsavo ti vuccati, trước kia, do bố thí nhà ở (aøvasatha), nên được gọi là Vaøsava.

15. Bà-tiên-hòa 婆詵和. Bản Cao-ly: tư 私. Paøli: aøvasatha (nhà ở), bản Hán hiểu là vasanakaø (y phục).

16. Kiều-thi-ca 憍尸迦. Paøli: Kosiya (Kosika).

17. Paøli: Kosiya.

18. Xá-chỉ-bát-đê 舍脂鉢低. Paøli: Sujampati, "chồng của bà Sujaø".

có tên là Thiên Nhãn[19]?"

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Thích Đề-hoàn Nhân xưa kia khi còn làm người, thông minh trí tuệ, ngồi một chỗ mà suy nghĩ cả ngàn thứ nghĩa, xem xét, cân nhắc. Vì nhân duyên này nên Thiên đế Thích còn gọi là Thiên Nhãn."

Tỳ-kheo lại bạch Phật:

"Nhân gì, duyên gì mà Thích Đề-hoàn Nhân còn có tên là Nhân-đề-lợi[20]?"

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Thiên đế Thích kia đối với cõi trời Tam thập tam là vua, là chủ. Vì nhân duyên này nên Thiên đế Thích được gọi là Nhân-đề-lợi."

Phật lại bảo Tỳ-kheo:

"Song Thích Đề-hoàn Nhân xưa kia khi còn làm người, thọ trì bảy thứ thọ, vì nhân duyên này nên được làm Thiên đế Thích. Những gì là bảy thọ? Thích Đề-hoàn Nhân xưa kia khi còn làm người, phụng dưỡng cha mẹ... cho đến hành thí. Đó là bảy thứ thọ, vì nhân duyên này nên được làm Thiên đế Thích."

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

Nói đầy đủ như trên.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 1107. DẠ-XOA[21]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở giảng đường Trùng các, bên ao Di hầu, tại Tỳ-xá-ly.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Vào đời quá khứ, có một con quỷ Dạ-xoa[22] xấu xí, ngồi trên

19. Thiên Nhãn 千眼. Paøli: Sahassakkha, hay Sahassaneta.

20. Nhân-đề-lợi 因提利. Phiên âm từ Skt. Indra (= Paøli: Inda).

21. Paøli, S.11.22. Dubbaòòiya. Biệt dịch, N^{0}100(36).

22. Dạ-xoa 夜叉. Paøli: Yakkha.

chỗ ngồi trống của Đế Thích. Khi chư Thiên Tam thập tam thấy quỷ xấu xí này ngồi trên chỗ ngồi trống của Đế Thích rồi, mọi người đều nổi sân. Lúc chư Thiên nổi sân như vậy, thì cứ theo cái sân như vậy, như vậy, con quỷ kia dung mạo dần dần trở nên xinh đẹp. Khi ấy chư Thiên Tam thập tam đến chỗ Đế Thích, tâu Đế Thích rằng: "Kiều-thi-ca, nên biết cho, có một con quỷ xấu xí ngồi trên chỗ ngồi trống của Thiên vương. Khi chư Thiên chúng tôi thấy con quỷ xấu xí ngồi trên chỗ ngồi trống của Thiên vương thì nổi giận vô cùng và tùy theo sự nổi giận của chư Thiên chúng tôi, con quỷ kia theo đó càng trở nên xinh đẹp."

Thích Đề-hoàn Nhân bảo chư Thiên Tam thập tam:

"Chính sự sân nhuế kia có thể đối trị con quỷ."

Bấy giờ, Đế Thích tự đến chỗ con quỷ kia, sửa lại y phục, bày vai hữu, chắp tay xưng tên ba lần rằng:

"Nhân giả, tôi là Thích Đề-hoàn Nhân."

Theo sự cung kính khiêm hạ như vậy của Thích Đề-hoàn Nhân, mà con quỷ kia cũng tùy thuộc vào như vậy, như vậy, dần dần trở lại xấu xí, liền biến mất. Khi ấy, Thích Đề-hoàn Nhân tự an tọa rồi nói kệ:

Người chớ nên sân nhuế.
Bị sân chớ đáp sân;
Đối ác chớ sanh ác.
Nên phá hoại kiêu mạn.
Không sân cũng không hại,
Gọi là chúng Hiền thánh,
Tội ác khởi sân hận,
Trụ vững như núi đá.
Nên giữ cơn giận lại,
Như điều xe ngựa sổng.
Ta nói người khéo điều,
Chẳng phải người cầm dây.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Thích Đề-hoàn Nhân ở cõi trời Tam thập tam là vua Tự tại, khen ngợi không sân nhuế. Cũng vậy, các ông chánh tín, xuất gia học đạo, không nhà, cũng nên khen ngợi không sân nhuế. Nên học như vậy."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 1108. ĐƯỢC MẮT[23]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ.

Bấy giờ, vào sáng sớm, Thế Tôn đắp y ôm bát vào thành Xá-vệ khất thực. Khất thực xong, trở về tinh xá, cất y bát, rửa chân, cầm tọa cụ vắt lên vai phải, vào rừng An-đà, trải tọa cụ ngồi dưới một bóng cây, nhập chánh thọ ban ngày.

Khi ấy, trong tinh xá Kỳ-hoàn, có hai Tỳ-kheo tranh chấp. Một người mạ lỵ, một người im lặng. Người mạ lỵ liền hối cải, đến xin lỗi vị kia, mà Tỳ-kheo kia không nhận sự sám hối của vị này. Vì không nhận sự sám hối, nên trong tinh xá khi ấy, các Tỳ-kheo cùng đến khuyên can; lớn tiếng ồn ào.

Bấy giờ, Thế Tôn bằng tịnh thiên nhĩ hơn tai người, nghe trong tinh xá Kỳ-hoàn đang lớn tiếng ồn ào. Nghe vậy, từ thiền tịnh dậy, trở về tinh xá, trải tọa cụ ngồi trước đại chúng, bảo các Tỳ-kheo:

"Sáng nay Ta đi khất thực trở về, vào rừng An-đà ngồi thiền, nhập chánh thọ ban ngày, nghe trong tinh xá, cao tiếng, lộn xộn, ồn ào, rốt cuộc là ai vậy?"

Tỳ-kheo bạch Phật:

"Trong tinh xá này có hai Tỳ-kheo tranh chấp. Một người mắng, một người im lặng. Khi ấy Tỳ-kheo mắng đến sám hối, vị kia không nhận. Vì không nhận nên nhiều người khuyên can, cho nên mới có lớn tiếng, cao tiếng, ồn ào."

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Thế nào, Tỳ-kheo ngu si? Người đến sám hối mà không nhận sự sám hối của người ta. Nếu có người sám hối mà người nào đó không nhận, thì đó là ngu si, bị khổ não lâu dài, không có lợi ích."

---

23. Paøli, S.11.24. Akodha. Biệt dịch, N^{0}100(37).

Này các Tỳ-kheo, vào thời quá khứ, có chư Thiên Tam thập tam tranh chấp nhau. Thích Đề-hoàn Nhân nói kệ dạy rằng:

Với người, tâm không hại
Sân cũng không trói buộc,
Không ôm lòng hận lâu,
Vì không trụ sân nhuế.
Tuy lại nổi giận dữ,
Không nói ra lời thô,
Không tìm người trút giận,
Nêu cái dở của người.
Luôn luôn tự phòng hộ,
Bên trong tỉnh sát nghĩa,
Không giận cũng không hại,
Thường câu hữu Hiền thánh.
Nếu câu hữu người ác,
Cứng rắn như núi đá,
Tự giữ cơn giận lại,
Như điều xe ngựa sổng,
Ta nói người khéo điều,
Chẳng phải người cầm dây.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Thích Đề-hoàn Nhân đối với trời Tam thập tam là vua Tự tại, thường hành nhẫn nhục, cũng lại khen ngợi người hành nhẫn nhục. Tỳ-kheo các ông chánh tín, xuất gia học đạo, không nhà, cũng nên hành nhẫn nhục và khen ngợi người hành nhẫn nhục. Nên học như vậy."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 1109. ĐƯỢC THIỆN THẮNG[24]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ.

---

24. Paøli, S.11.5. Subhaøsitaö-jaya. Biệt dịch, N^{0}100(38).

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Vào thời quá khứ, chư Thiên và A-tu-la bày trận muốn đánh nhau. Thích Đề-hoàn Nhân nói với A-tu-la là Tỳ-ma-chất-đa-la:

"Chúng ta không được sát hại nhau, chỉ nên dùng lý luận nghị để khuất phục."

Vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la nói:

"Giả sử cùng nhau luận nghị, nhưng ai sẽ làm chứng để biết lý đó là thông suốt hay bế tắc?"

Thiên đế Thích trả lời:

"Trong chúng chư Thiên tự có người trí tuệ sáng suốt, sẽ ghi nhận điều này. Trong chúng A-tu-la cũng lại tự có người sáng suốt ghi nhận."

A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la nói:

"Được vậy."

Thích Đề-hoàn Nhân nói:

"Các ông có thể lập luận trước, sau tôi sẽ theo đó lập luận, thì không khó."

Khi ấy, vua A-tu-la là Tỳ-ma-chất-đa-la liền nói kệ lập luận:

Nếu tôi hành nhẫn nhục,
Thì việc này thiếu sót,
Người ngu si sẽ bảo,
Vì sợ nên nhẫn nhục.

Thích Đề-hoàn Nhân nói kệ đáp:

Giả sử người ngu si,
Nói vì sợ nên nhẫn.
Và kẻ không nói kia,
Tổn thương gì đạo lý?
Nên tự xét nghĩa này,
Cũng nên xét nghĩa kia,
Ta, người đều được an,
Nhẫn nhục là tối thượng.

A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la lại nói kệ:

Nếu không chế ngu si
Thì ngu si hại người.

Giống như trâu hung dữ,
Chạy xông theo húc người.
Cầm roi mà áp chế,
Vì sợ, sẽ khuất phục.
Cho nên giữ chặt roi,
Chiết phục kẻ ngu kia.

Đế Thích lại nói kệ:

Tôi thường xem xét họ,
Chiết phục kẻ ngu kia,
Người ngu nổi sân nhuế,
Người trí giữ điềm tĩnh.
Không sân cũng không hại,
Thường câu hữu Hiền thánh,
Tội ác khởi sân nhuế,
Cứng chắc như núi đá.
Tự giữ cơn giận lại,
Như điều xe ngựa sổng,
Ta nói người khéo điều,
Chẳng phải người cầm dây.

Bấy giờ, trong chúng trời có vị trời trí tuệ, trong chúng A-tu-la cũng có vị A-tu-la trí tuệ, đối với kệ này suy xét, cân nhắc, quan sát, tự nghĩ: 'Bài kệ của A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la nói cuối cùng lúc nào cũng chỉ khởi lên chiến đấu, tranh tụng. Nên biết vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la luôn luôn dạy người chiến đấu, tranh tụng, còn bài kệ của Thích Đề-hoàn Nhân cuối cùng lúc nào cũng muốn dứt chiến đấu, tranh tụng, nên biết trời Đế Thích luôn luôn dạy người đừng chiến đấu, tranh tụng. Nên biết Đế Thích khéo lập luận thù thắng.'

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Thích Đề-hoàn Nhân nhờ nghị luận đúng nên hàng phục được A-tu-la. Này các Tỳ-kheo, Thích Đề-hoàn Nhân là vua Tự tại của cõi trời Tam thập tam, an trú nơi thiện nghị luận, khen ngợi những thiện nghị luận. Cũng nên như vậy, Tỳ-kheo các ông chánh tín, xuất gia, học đạo, không nhà cũng nên an trú nơi thiện nghị luận và khen ngợi những thiện nghị luận. Nên học như vậy."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 1110. CỘT TRÓI[25]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Vào thời quá khứ có Thiên đế Thích và A-tu-la bày trận muốn đánh nhau. Lúc ấy, Thích Đề-hoàn Nhân nói với chư Thiên cõi trời Tam thập tam:

"Hôm nay chư Thiên cùng A-tu-la đánh nhau, nếu chư Thiên thắng, A-tu-la bại, thì sẽ bắt sống vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la, trói chặt năm chỗ, đem về Thiên cung."

A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la bảo các A-tu-la:

"Hôm nay chư Thiên cùng A-tu-la đánh nhau, nếu A-tu-la thắng, chư Thiên bại, thì sẽ bắt sống Thích Đề-hoàn Nhân, trói chặt năm chỗ, đem về cung A-tu-la."

Đang lúc họ đánh nhau, chư Thiên đắc thắng, A-tu-la bị bại. Khi ấy, chư Thiên bắt được vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la, lấy dây trói lại năm chỗ đem về Thiên cung, cột dưới cửa, trước điện Đoán pháp[26] của Đế Thích. Khi Đế Thích ra vào cửa này, A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la bị cột ở bên cửa tức giận, mạ lỵ. Lúc đó người hầu cận của Đế Thích thấy vua A-tu-la thân bị trói năm vòng, cột bên cửa, thấy Đế Thích ra vào thì nổi giận mạ lỵ, liền làm bài kệ:

Nay Đế Thích sợ nó,
Vì không đủ sức chăng,
Nên nhẫn A-tu-la,
Mắng chửi trước mặt mình?

Đế Thích liền đáp:

---

25. Paøli, S.11.4. Vepacitti. Biệt dịch, N^{0}100(39); N^{0}125(34.8).

26. Đoán pháp điện 斷法殿. Paøli: Sudhammasabha (Thiện pháp đường).

Không vì sợ nên nhẫn,
Không phải sức không đủ.
Có người trí tuệ nào,
Tranh cãi với kẻ ngu.

Người hầu cận lại tâu:

Nếu chỉ hành nhẫn nhục,
Sự việc tất thiếu sót.
Kẻ ngu si sẽ bảo,
Vì sợ nên nhẫn nhục.
Cho nên phải khổ trị,
Dùng trí chế ngu si.

Đế Thích đáp:

Ta thường xem xét kia,
Chế ngự kẻ ngu kia.
Thấy người ngu nổi sân,
Trí dùng tĩnh chế phục.
Không sức mà dùng sức,
Là sức kẻ ngu kia.
Ngu si trái xa pháp,
Thời với đạo không có.
Giả sử có sức mạnh,
Hay nhẫn đối người yếu,
Thì nhẫn này tối thượng.
Không sức sao có nhẫn?
Bị người mạ nhục quá,
Người sức mạnh hay nhẫn,
Đó là nhẫn tối thượng.
Không sức làm sao nhẫn?
Đối mình và với người,
Khéo làm chủ sợ hãi,
Biết kia nổi sân nhuế,
Mình lại giữ an tĩnh.
Đối hai nghĩa đều đủ,
Lợi mình cũng lợi người.

Gọi là kẻ ngu phu,
Do vì không thấy pháp.
Ngu bảo mình thắng nhẫn,
Càng tăng thêm lời ác.
Chưa biết nhẫn mạ lỵ,
Đối kia thường đắc thắng.
Nhẫn đối người hơn mình,
Đó là nhẫn do sợ.
Hành nhẫn, đối người bằng,
Đó là nhẫn tránh nhẫn,
Hành nhẫn, đối người thua,
Đó là nhẫn tối thượng.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Thích Đề-hoàn Nhân là vua Tự tại của trời Tam thập tam, thường hành nhẫn nhục, khen ngợi nhẫn nhục. Tỳ-kheo các ông chánh tín, xuất gia, học đạo, không nhà, cũng nên nhẫn nhục như vậy và khen ngợi nhẫn nhục, nên học như vậy."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 1111. KÍNH PHẬT[27]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Vào thời quá khứ, Thích Đề-hoàn Nhân muốn đi thăm công viên, sai người đánh xe sửa soạn cỗ xe ngàn ngựa để đi thăm vườn. Người đánh xe vâng lệnh liền sửa soạn cỗ xe ngàn ngựa, rồi tâu với Đế Thích:

"Thưa Câu-thi-la, đã sửa soạn xe cộ xong, xin vua biết thời."

Đế Thích liền bước xuống điện Thường thắng[28], hướng về phía

27. Paøli, S. 11.19. Satthaøravandana. Biệt dịch, N^{0}100(40).

Đông chắp tay lễ Phật. Bấy giờ, người đánh xe thấy vậy liền sanh lòng kinh hãi, lông dựng đứng, roi ngựa rớt xuống đất. Khi ấy, Đế Thích thấy người đánh xe sanh lòng kinh hãi, lông dựng đứng, roi ngựa rớt xuống đất, liền nói kệ:

Ông thấy gì lo sợ
Để roi ngựa rớt đất?

Người hầu cận nói kệ tâu Đế Thích:

Thấy vua Thiên đế Thích,
Là chồng của Xá-chỉ[29]*,*
Cho nên sanh sợ hãi,
Roi ngựa rớt xuống đất!
Thường thấy Thiên đế Thích,
Được toàn thể đại địa,
Vua lớn, nhỏ, trời, người,
Cùng bốn Chúa hộ thế[30]*,*
Thiên chúng Tam thập tam,
Thảy đều lễ cung kính.
Còn nơi nào tôn hơn,
Đáng tôn đối Đế Thích?
Mà nay hướng về Đông,
Chắp tay để kính lễ.

Lúc ấy, Đế Thích nói kệ đáp:

Thật, ta đối tất cả,
Vua lớn, nhỏ thế gian,
Cùng bốn Chúa hộ thế
Thiên chúng Tam thập tam,
Tối tôn, Chúa của họ,
Nên họ đến cung kính.
Nhưng thế gian lại có,
Đấng Chánh Giác tùy thuận,

---

28. Thường thắng điện 常勝殿. Paøli: Vejayantapaøsaødo, cung điện Chiến thắng.
29. Xá-chỉ chi phu 舍脂之夫; một tên khác của Đế Thích. Paøli: Suøjampati.
30. Hộ thế chúa 護世主; chỉ cho bốn Đại thiên vương.

Là Thầy cả chư Thiên,
Nên ta cúi đầu lễ.

Người đánh xe lại tâu:

Đó chắc hơn thế gian,
Nên khiến Thiên đế Thích,
Cung kính mà chắp tay,
Cúi đầu lễ hướng Đông.
Nay con cũng nên lễ,
Đấng vua Trời đã lễ.

Khi ấy Đế Thích, chồng của Xá-chỉ, nói kệ lễ Phật như vậy, rồi lên xe ngàn ngựa đến dạo xem vườn.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Thiên đế Thích kia là vua Tự tại của trời Tam thập tam còn cung kính Phật, cũng lại khen ngợi sự cung kính Phật. Tỳ-kheo các ông chánh tín, xuất gia, học đạo, không nhà, cũng nên cung kính Phật như vậy, cũng nên khen ngợi sự cung kính Phật. Nên học như vậy."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 1112. KÍNH PHÁP[31]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ.

Nói đầy đủ như trên nhưng chỉ có sự sai khác là:

Bấy giờ, Thiên đế Thích bước xuống điện Thường thắng, chắp tay hướng về hướng Đông kính lễ Tôn pháp... cho đến Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

31. Paøli, không thấy nội dung tương đương. Cf. S.11.18. Gahaæææhavandana. Biệt dịch, N^{0}100(41).

Tôi nghe như vầy[32]:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ.

Nói đầy đủ như trên nhưng chỉ có sự sai khác là:

Bấy giờ, Thiên đế Thích nói ra kệ trả lời người đánh xe:

Ta thật Vua cõi đất,
Vua lớn nhỏ thế gian,
Và bốn Chúa hộ thế
Thiên chúng Tam thập tam.
Được tất cả như vậy,
Đều tôn trọng, cung kính.
Nhưng có tịnh giới kia,
Luôn luôn vào chánh thọ,
Với chánh tín xuất gia,
Rốt ráo các phạm hạnh.
Nên ta đối với kia,
Tôn trọng cung kính lễ.
Lại điều phục tham, nhuế,
Vượt cảnh giới ngu si.
Tu học không buông lung,
Nên cung kính, lễ kia,
Tham dục, sân nhuế, si,
Đều dứt hẳn không đắm.
Lậu tận, A-la-hán,
Lại nên kính lễ kia,
Nếu người ở tại gia,
Phụng trì giới thanh tịnh,

---

32. Đây là một kinh riêng biệt, nhưng bản Đại Chánh không ghi số. Ấn Thuận phân thành kinh riêng. Quốc Dịch phân thành kinh riêng và ghi tên kinh là "Kính Pháp". Nội dung kinh này là kính pháp như giới thiệu trong kinh số 1112. có lẽ nguyên thủy không có. Người sau, tìm thấy nội dung ở đâu đó nên bổ túc vào cho đủ tán Tam bảo.

Đúng như pháp Bố-tát[33]
Cũng lại nên kính lễ.

Người đánh xe tâu Đế Thích:

Người này chắc hơn đời
Nên Thiên vương kính lễ.
Tôi cũng nên như vậy,
Kính lễ theo Thiên vương.

"Này các Tỳ-kheo, Thiên đế Thích chồng của Xá-chỉ kia kính lễ Pháp, Tăng, cũng còn khen ngợi người kính lễ Pháp, Tăng. Các ông đã chánh tín, xuất gia, học đạo, không nhà, cũng nên kính lễ Pháp, Tăng và khen ngợi người kính lễ Pháp, Tăng như vậy."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 1113. KÍNH TĂNG[34]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Vào thời quá khứ, Thích Đề-hoàn Nhân muốn đi thăm công viên, sai người đánh xe sửa soạn cỗ xe ngàn ngựa để đi thăm vườn. Người đánh xe vâng lệnh liền sửa soạn cỗ xe ngàn ngựa, rồi tâu với Đế Thích:

"Thưa Câu-thi-la, đã sửa soạn xe cộ xong, xin vua biết thời."

Đế Thích liền bước xuống điện Thường thắng[35], hướng về phía Đông chắp tay lễ. Bấy giờ, người đánh xe thấy vậy liền sanh lòng kinh hãi, lông dựng đứng, roi ngựa rớt xuống đất. Khi ấy, Đế Thích thấy người đánh xe sanh lòng kinh hãi, lông dựng đứng, roi ngựa rớt xuống

33. Paøli: (…) dhammena daøraö posenti, (những Ưu-bà-tắc) những pháp nuôi dưỡng vợ. Bản Hán hiểu posenti (nuôi dưỡng) như là (u)posatha (bố-tát).

34. Paøli, S.11.20. Sakka-namassana. Biệt dịch, N^{0}100(42).

35. Xem cht.28, kinh 1111.

đất, liền nói kệ:

Các phương chỉ có người,
Do thai sanh, xú uế,
Thần ở trong thây thối,
Đói khát thường thiêu đốt.
Tại sao Kiều-thi-ca,
Tôn trọng người không nhà?
Vì tôi nói nghĩa này,
Khao khát xin muốn nghe.

Lúc ấy, Thiên đế Thích nói kệ đáp:

Ta chân thành kính lễ,
Người xuất gia không nhà,
Tự tại dạo khắp nơi,
Không kể nơi đi, ở.
Cảnh thành ấp, quốc độ,
Không thể lụy tâm kia,
Không chứa chất tư hữu,
Một đi, không cố định.
Bước đi không mong cầu,
Chỉ vô vi là vui,
Lời đã nói, là làm,
Không nói, là tịch tịnh.
Chư Thiên, A-tu-la,
Họ cùng kình chống nhau,
Nhân gian tranh giành nhau,
Nghịch nhau cũng như vậy.
Chỉ có người xuất gia,
Không tranh giữa người tranh;
Với tất cả chúng sanh,
Buông bỏ mọi đao gậy.
Đối tài, lìa tài sắc,
Không say, không mê đắm,
Xa lìa tất cả ác,
Cho nên kính lễ kia.

Lúc ấy, người đánh xe lại nói kệ:

Người được Thiên vương kính,
Chắc là bậc hơn đời.
Nên từ hôm nay con
Sẽ lễ người xuất gia.

Nói như vậy rồi, Thiên đế Thích lễ tất cả Tăng ở các phương, xong rồi leo lên xe ngựa dạo xem vườn rừng.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Thiên đế Thích kia là vua Tự tại của trời Tam thập tam mà thường cung kính chúng Tăng, cũng thường khen ngợi công đức cung kính Tăng. Tỳ-kheo các ông chánh tín, xuất gia, học đạo, không nhà cũng nên cung kính chúng Tăng và cũng nên khen ngợi công đức cung kính chúng Tăng như vậy."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 1114. TÚ-TỲ-LÊ[36]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Vào thời quá khứ, vua A-tu-la khởi bốn binh chủng là tượng binh, mã binh, xa binh, bộ binh muốn đánh nhau với chư Thiên trời Tam thập tam. Lúc ấy, Thích Đề-hoàn Nhân nghe vua A-tu-la khởi bốn binh chủng là tượng binh, mã binh, xa binh, bộ binh, muốn đến gây chiến. Nghe rồi liền bảo Thiên tử Tú-tỳ-lê[37]:

"Bố[38] biết không, A-tu-la đem bốn binh chủng là tượng binh, mã binh, xa binh, bộ binh, muốn gây chiến với trời Tam thập tam? Bố hãy

---

36. Quốc Dịch, phẩm 2. Paøli, S. 11. 1. 1. Suvìra. Biệt dịch, N^{0}100(43).

37. Tú-tỳ-lê Thiên tử 宿毘梨天子. Paøli: Suvìra-devaputta.

38. Hán: a công 阿公. Paøli: taøta suvìra, từ xưng hô, gọi người lớn tuổi hơn, coi như cha. Cũng có thể gọi người nhỏ hơn: Con thân yêu!

ra lệnh chư Thiên cõi trời Tam thập tam đem bốn binh chủng là tượng binh, mã binh, xa binh, bộ binh, cùng đánh với A-tu-la kia."

Bấy giờ, Thiên tử Tú-tỳ-lê vâng lệnh Đế Thích trở về Thiên cung; biếng nhác, lơi lỏng, không nỗ lực chuẩn bị. Quân A-tu-la đã ở đường lộ. Đế Thích nghe như vậy lại bảo Thiên tử Tú-tỳ-lê:

"Này Bố, quân A-tu-la đã ra giữa đường lộ, Bố hãy cấp tốc ra lệnh khởi bốn binh chủng ra đánh với A-tu-la."

Thiên tử Tú-tỳ-lê vâng lệnh Đế Thích trở lại Thiên cung, biếng nhác, lơi lỏng. Khi ấy vua A-tu-la đem quân áp sát. Thích Đề-hoàn Nhân nghe quân A-tu-la đã áp sát, lại bảo với Thiên tử Tú-tỳ-lê:

"Bố có biết chăng? Quân A-tu-la đã áp sát. Bố hãy cấp tốc ra lệnh chư Thiên khởi bốn binh chủng."

Khi ấy Thiên tử Tú-tỳ-lê liền nói kệ:

Nếu có nơi không khởi[39]
Vô vi mà an vui;
Người được chỗ như vậy,
Không làm, cũng không lo[40].
Hãy cho tôi chỗ ấy,
Để tôi được an ổn.

Lúc ấy, Đế Thích nói kệ đáp lại:

Nếu có chỗ không khởi,
Vô vi mà an vui;
Nếu người được chỗ ấy,
Không làm, cũng không lo.
Nếu ông được chỗ ấy,
Hãy đưa ta đến đó.

Thiên tử Tú-tỳ-lê lại nói kệ:

Nếu nơi không phương tiện[41],

---

39. Bất khởi xứ 不起處. Paøli: anuæøhahaö; biếng nhác, không hăng hái, (do động từ uæøhahati = uæøhaøti: đứng dậy, phấn khởi hay hăng hái).

40. Paøli: anuæøhahaö, avaøyaømaö, sukhaö yaøtraødhigacchati, nói đến nơi nào mà ở đó không cần hăng hái, không cần nỗ lực, nhưng an vui.

41. Hán: vô phương tiện 無方便. Paøli: avaøyaømaö, không nỗ lực.

Không khởi, mà an vui;
Nếu ai được chỗ ấy,
Thì không tạo, không lo.
Hãy cho tôi chốn này,
Để tôi được an ổn.

Lúc ấy, Đế Thích lại nói kệ:

Nếu nơi không phương tiện,
Không khởi, cũng không vui;
Nếu ai được chỗ ấy,
Thì không tạo, không lo.
Nếu ông được chỗ ấy,
Hãy đưa ta đến đó.

Thiên tử Tú-tỳ-lê lại nói kệ:

Nếu nơi không buông lung,
Không khởi, mà an vui;
Nếu ai được chỗ ấy,
Thì không tạo, không lo.
Nên cho tôi nơi ấy,
Để tôi được an ổn.

Lúc ấy, Đế Thích lại nói kệ:

Nếu nơi không buông lung,
Không khởi, mà an vui;
Nếu ai được chỗ ấy,
Thì không tạo, không lo.
Nếu ông được chỗ ấy,
Hãy đưa ta đến đó.

Tú-tỳ-lê lại nói kệ:

Biếng nhác, không phấn khởi,
Không biết làm, đã làm;
Nhưng hành dục hội đủ,
Nên cho tôi chỗ ấy

Lúc ấy, Đế Thích lại nói kệ:

Biếng nhác, không phấn khởi,

Mà rốt ráo an vui;
Nếu ông được chỗ ấy,
Hãy đưa ta đến đó.

Thiên tử Tú-tỳ-lê lại nói kệ:

Không việc vẫn an vui,
Không làm, cũng không lo;
Nếu cho tôi chỗ ấy,
Để tôi được an vui.

Lúc ấy, Đế Thích lại nói kệ:

Nếu thấy hoặc lại nghe,
Chúng sanh không làm gì;
Nếu ông được chỗ ấy,
Hãy đưa ta đến đó.
Ông nếu sợ việc làm,
Chẳng nghĩ đến hữu vi;
Hãy nhanh chóng trừ sạch,
Là đường tắt Niết-bàn[42].

Khi ấy, Thiên tử Tú-tỳ-lê chuẩn bị bốn binh chủng là tượng binh, mã binh, xa binh, bộ binh, cùng đánh với A-tu-la, diệt hết quân A-tu-la. Chư Thiên đắc thắng trở về cung trời.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Thích Đề-hoàn Nhân khởi bốn binh chủng cùng chiến đấu với A-tu-la, nhờ tinh cần nên thắng trận. Này các Tỳ-kheo, Thích Đề-hoàn Nhân là vua Tự tại của trời Tam thập tam, thường nhờ phương tiện tinh cần, cũng thường khen ngợi đức tinh cần. Tỳ-kheo các ông chánh tín, xuất gia, học đạo, không nhà cũng nên tinh cần tinh tấn và khen ngợi tinh cần."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

---

42. Paøli: sace atthi akammena, koci kvaci na jìvati; nibbaønassa hi so maggo, suvìra tattha gacchaøhi, nếu không có hành nghiệp, không có bất cứ ai tồn tại bất cứ đâu; con đường đó dẫn đến Niết-bàn, suvìra, hãy đi đến đó.

KINH 1115. TIÊN NHÂN[43]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Vào thời quá khứ, một tụ lạc nọ, có các Tiên nhân dừng nghỉ tại vùng đất trống bên cạnh tụ lạc ấy. Lúc đó chư Thiên và A-tu-la đang bày trận đánh nhau cách tụ lạc không xa. Bấy giờ, vua A-tu-la là Tỳ-ma-chất-đa-la dẹp đi năm loại trang sức[44], bỏ mũ Thiên quan, dẹp dù lọng, bỏ gươm đao, vứt quạt báu, cởi giày dép, đến chỗ ở các Tiên nhân kia. Vào trong cửa, nhìn khắp mà không ngó ngàng các Tiên nhân, cũng không chào hỏi. Nhìn rồi trở ra.

"Khi ấy có một Tiên nhân từ xa nhìn thấy vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la dẹp đi năm thứ trang sức vào trong vườn, quan sát xong trở ra; thấy vậy, nói với các Tiên nhân rằng: 'Đây là loại người gì mà dung sắc không trấn tĩnh, không giống như hình người, không đúng pháp oai nghi, giống như người quê mùa, không phải là con nhà trưởng giả; dẹp đi năm thứ trang sức, vào cửa vườn, nhìn quanh cao ngạo, mà không ngó ngàng hỏi thăm các Tiên nhân?'

Có một Tiên nhân đáp rằng:

"Đó là Tỳ-ma-chất-đa-la, vua A-tu-la, dẹp đi năm thứ trang sức, vào xem xét rồi đi."

Tiên nhân kia nói:

"Đây không phải Hiền sĩ, không tốt, bất thiện, không phải Hiền thánh, phi pháp, dẹp năm thứ trang sức đi vào trong cửa vườn nhìn quanh rồi ra về, cũng không hề để ý chào hỏi các Tiên nhân. Do đó mà biết Thiên chúng tăng trưởng, A-tu-la giảm sút."

"Trong lúc ấy, Thích Đề-hoàn Nhân thì cởi bỏ năm thứ trang sức, đi vào trú xứ của Tiên nhân, cùng với các Tiên nhân chào đón, thăm hỏi an úy nhau, sau đó trở ra. Lại có Tiên nhân thấy Thiên đế Thích cởi bỏ năm thứ trang sức vào trong cửa vườn thăm hỏi khắp cả, thấy vậy hỏi các Tiên nhân: 'Đây là người gì mà có dung sắc trấn tĩnh,

---

43. Paøli, S.11.9. Araóóaøyatana-isi; S.11.10. Samudaka. Biệt dịch, N^{0}100(44).

44. Bản Paøli: mang nguyên cả giày, kiếm… mà vào. Bản Hán có thể nhầm.

dáng vẻ đáng ưa, có vẻ oai nghi, không phải người quê mùa, tợ như con nhà trưởng giả; vào trong vườn rừng cởi bỏ năm thứ trang sức, đi vào cửa vườn thăm hỏi khắp cả, sau đó mới trở ra?'

Có Tiên nhân đáp: 'Đây là Thiên đế Thích, cởi bỏ năm thứ trang sức, vào trong cửa vườn thăm hỏi khắp cả rồi sau đó trở ra.'

Tiên nhân kia nói: 'Đây là bậc Hiền sĩ, thiện, tốt, chân thật, oai nghi, phép tắc, cởi bỏ năm thứ trang sức, vào trong cửa vườn thăm hỏi khắp cả, rồi sau đó mới trở ra. Vì vậy nên biết Thiên chúng tăng, chúng A-tu-la giảm.'

Lúc ấy vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la nghe Tiên nhân kia khen ngợi chư Thiên; sau khi nghe, nổi giận đùng đùng. Lúc này có vị Tiên nhân ở chốn hư không nghe vua A-tu-la nổi giận đùng đùng, liền đến chỗ A-tu-la vương Tỳ-ma-chất-đa-la nói kệ:

Tiên nhân cố đến đây,
Cầu xin thí vô úy[45].
Nếu ngươi thí vô úy,
Ban ân giáo Mâu-ni.

A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la dùng kệ đáp:

Cho Tiên nhân các ông,
Không có thí vô úy.
Vì chống A-tu-la,
Mà gần gũi Đế Thích.
Thay vì cho vô úy,
Ta sẽ cho sợ hãi.

Tiên nhân lại nói kệ:

Tùy gieo trồng hạt giống,
Tùy loại sanh quả báo.
Ta cầu xin vô úy,
Chỉ lại cho kinh sợ.
Ngươi sẽ sợ vô cùng.
Vì gieo giống kinh sợ.

---

45. Thí vô úy 施無畏. Paøli: abhayadakkhiòa; các Tiên nhân này đến A-tu-la cầu xin cho mình sự an toàn.

"Sau khi các Tiên nhân ở trước vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la nói chú xong, bay lên hư không đi mất. Ngay đêm ấy vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la lòng cảm thấy sợ hãi, ba phen trỗi dậy, trong giấc ngủ nghe âm thanh dữ rằng: 'Thích Đề-hoàn Nhân sẽ cất bốn binh chủng đánh nhau với A-tu-la.' Sau khi thức dậy, lòng cảm thấy kinh hoàng, sợ hãi, lo lắng là chắc chắn sẽ chiến bại, đành phải rút lui chạy về cung A-tu-la.

Bấy giờ, quân địch đã rút lui, đắc thắng rồi, Thiên đế Thích đi đến trú xứ các Tiên nhân nơi rừng vắng, lễ dưới chân các Tiên nhân, rồi lui ra bốn phía trước các Tiên nhân, hướng về Đông ngồi xuống. Lúc ấy gió Đông khởi lên, có một Tiên nhân liền nói kệ:

Nay các ẩn sĩ này,
Xuất gia đã lâu ngày,
Nách rịn mồ hôi nhơ,
Chớ ngồi trước chiều gió,
Thiên Nhãn hãy dời chỗ.
Ở đây hôi khó chịu.

Thiên đế Thích nói kệ đáp:

Dùng mọi thứ hương hoa,
Kết lại làm tràng hoa.
Nay hương tôi ngửi được,
Còn thơm cả hương kia,
Dù ít ngửi hương này.
Nhưng chưa từng ghê, chán.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Thiên đế Thích là vua Tự tại của cõi trời Tam thập tam mà cung kính người xuất gia, cũng thường khen ngợi người xuất gia, cũng thường khen ngợi đức cung kính. Tỳ-kheo các ông chánh tín, xuất gia, học đạo, không nhà thường nên cung kính các bậc phạm hạnh, cũng nên khen ngợi đức cung kính."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 1116. DIỆT SÂN[46]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ.

Bấy giờ sáng sớm, Thiên đế Thích đi đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân Phật. Do thần lực của Đế Thích, ánh sáng từ thân tỏa ra chiếu khắp tinh xá Kỳ thọ. Lúc này, Thích Đề-hoàn Nhân nói kệ hỏi Phật:

Vì giết hại những gì,
Mà ngủ được an ổn?
Vì giết hại những gì,
Mà được không lo sợ?
Vì sát hại những gì,
Được Cù-đàm khen ngợi?

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

Hại sân nhuế, hung ác,
Mà ngủ được an ổn,
Hại sân nhuế, hung ác,
Tâm được không lo sợ.
Sân nhuế là rắn độc,
Chủng tử khổ tìm tàng.
Ta đã diệt chúng rồi,
Nên được không lo sợ,
Vì giống khổ đã diệt,
Nên được Hiền thánh khen.

Sau khi Thích Đề-hoàn Nhân nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ đảnh lễ lui ra.

M

---

46. Paøli, S.11.21. Chetvaø. Biệt dịch, N^{0}100(45).

KINH 1117. NGÀY MỒNG TÁM[47]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Vào ngày mồng tám mỗi tháng[48], bốn Đại thiên vương ra lệnh các đại thần đi xem xét nhân gian. Những người nào cúng dường cha mẹ, Sa-môn, Bà-la-môn, tôn kính tôn nhân, làm các phước đức; thấy ác đời này lo sợ tội đời sau, bố thí làm phước, thọ trì trai giới; vào các ngày mồng tám, mười bốn, mười lăm mỗi tháng và tháng thần biến[49], thọ giới, bố-tát.

"Đến ngày mười bốn[50] sai thái tử xuống quán sát nhân gian, những người nào phụng dưỡng cha mẹ... cho đến thọ giới, bố-tát.

"Đến ngày mười lăm[51] Tứ Đại thiên vương đích thân xuống thế gian xem xét chúng sanh, những người nào phụng dưỡng cha mẹ... cho đến thọ giới, bố-tát.

"Này các Tỳ-kheo, lúc bấy giờ thế gian không có nhiều người phụng dưỡng cha mẹ... cho đến thọ giới, bố-tát. Lúc này, Tứ Đại thiên vương đến giảng đường Tập pháp[52], cõi trời Tam thập tam, thưa với Thiên đế Thích:

"Thiên vương nên biết, ngày nay thế gian không có nhiều người

---

47. Paøli, A.3.37. Raøjaø. Biệt dịch, N^{0}100(46).

48. Đây chỉ tháng mười lăm ngày, theo lịch cổ Ấn. Nếu theo ba mươi ngày, thì đây gồm ngày mồng 8 và 23. Paøli: aææhamiyaö pakkhassa, ngày mồng 8 mỗi (nửa) tháng.

49. Tháng thần biến 神變月 (Paøli: iddhimasaø?); các tháng Giêng, tháng Năm và tháng Chín, bốn Thiên vương hiện thần thông đi quan sát nhân gian. Bản Paøli không thấy nói các tháng này.

50. Paøli: caøtuddasiö pakkhassa, ngày thứ 14 mỗi (nửa) tháng, tức gồm ngày 14 và 29, hay 28 nếu tháng thiếu.

51. Paøli: uposathe pannarase, vào ngày trai giới, ngày thứ 15, tức ngày 15 và 30 hay 29 nếu tháng thiếu.

52. Tập pháp giảng đường 集法講堂; cũng gọi là Thiện pháp đường hay Chánh pháp đường. Paøli: Sudhamma-sabhaø.

người phụng dưỡng cha mẹ... cho đến thọ giới, bố-tát."

Bấy giờ Thiên chúng cõi trời Tam thập tam nghe như vậy không vui, quay lại nói với nhau:

"Người thế gian bây giờ không hiền, không thiện, không tốt, không ra gì, không hạnh chân thật, không phụng dưỡng cha mẹ... cho đến thọ giới, bố-tát. Vì tội ấy nên chúng chư Thiên giảm và chúng A-tu-la càng ngày càng tăng thêm."

"Này các Tỳ-kheo, thế gian lúc ấy, nếu có nhiều người phụng dưỡng cha mẹ... cho đến thọ giới, bố-tát, thì Tứ thiên vương sẽ đến giảng đường Tập pháp, cõi trời Tam thập tam, bạch Thiên đế Thích:

"Thiên vương nên biết, thế gian ngày nay có nhiều người phụng dưỡng cha mẹ... cho đến thọ giới, bố-tát."

Lúc ấy tâm chư Thiên cõi Tam thập tam đều vui mừng quay lại bảo nhau:

"Ngày nay, các thế gian đều hiền thiện chân thật như pháp, có nhiều người phụng dưỡng cha mẹ... cho đến thọ giới, bố-tát. Nhờ phước đức này nên chúng A-tu-la giảm, chúng chư Thiên tăng thêm."

Bấy giờ Thiên đế Thích biết các chúng chư Thiên đều vui mừng liền nói kệ:

Người đến ngày mồng tám,
Mười bốn, ngày mười lăm,
Và đến tháng thần biến,
Trọ trì trai tám chi.
Như ta đã từng tu,
Họ cũng tu như vậy.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo cho các Tỳ-kheo những gì Thiên đế Thích kia đã nói kệ:

Người, nếu ngày mồng tám,
Mười bốn, ngày mười lăm,
Và đến tháng thần biến,
Trọ trì bát trai giới.
Như ta đã từng tu,
Họ cũng tu như vậy.

"Những lời nói này không hay. Vì sao? Vì Thiên đế Thích kia tự có tham, sân, si nên không thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não. Nếu Tỳ-kheo A-la-hán nào các lậu đã hết, việc cần làm đã làm xong, lìa các gánh nặng, đoạn các hữu kết, tâm khéo giải thoát thì nói kệ này:

Người, nếu ngày mồng tám,
Mười bốn, ngày mười lăm,
Và đến tháng thần biến,
Trọ trì bát trai giới.
Như ta đã từng tu,
Họ cũng tu như vậy.

"Thì những lời nói như vậy mới là lời hay. Vì sao? Vì Tỳ-kheo A-la-hán đã lìa tham, sân, si, đã thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não. Cho nên bài kệ này là những lời nói hay."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 1118. BỆNH[53]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Vào thời quá khứ, vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la bị bệnh rất nặng, đi đến chỗ Thích Đề-hoàn Nhân, nói với Thích Đề-hoàn Nhân rằng: 'Kiều-thi-ca, nên biết, hiện nay tôi đang bị bệnh rất nặng. Xin vì tôi trị liệu cho được an ổn.'

Thích Đề-hoàn Nhân nói với vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la: 'Ông hãy trao huyễn pháp[54] cho ta, ta sẽ trị bệnh cho ông được an ổn.'

A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la bảo Đế Thích: 'Tôi sẽ trở về hỏi

---

53. Paøli, S.11.23. Maøyaø. Biệt dịch, N^{0}100(47).

54. Paøli: Sambarimaøyaø, huyễn thuật của Sambaraø, (tên khác của Vepacitta, A-tu-la vương).

chúng A-tu-la. Nếu bằng lòng, tôi sẽ trao huyễn pháp của A-tu-la cho Đế Thích.'

Lúc ấy, A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la liền trở về đến trong chúng A-tu-la, nói với các A-tu-la: 'Mọi người nên biết, nay ta bệnh nặng, đến chỗ Thích Đề-hoàn Nhân nhờ trị bệnh. Đế Thích nói ta rằng: 'Ông hãy trao huyễn pháp của A-tu-la cho ta, ta sẽ trị bệnh cho ông được an ổn.' Bấy giờ, ta sẽ đi đến vì Đế Thích nói huyễn pháp của A-tu-la.'

Khi ấy có một A-tu-la trá ngụy bảo với A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la: "Thiên đế Thích kia là người chất trực, trọng tín, không hư dối. Chỉ nói với ông ta rằng: 'Thiên vương, huyễn pháp của A-tu-la nếu người nào học nó sẽ đọa vào địa ngục, chịu tội vô lượng trăm ngàn năm. Thiên đế Thích kia chắc chắn sẽ thôi, không còn ý muốn học nữa. Và ông ta sẽ bảo ông đi và sẽ khiến cho bệnh ông thuyên giảm, được an ổn.'"

Lúc này, vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la lại đến chỗ Đế Thích nói kệ bạch rằng:

Bậc Thiên vương Thiên Nhãn,
Huyễn thuật A-tu-la,
Đều là pháp giả dối
Khiến người đọa địa ngục,
Vô lượng trăm ngàn năm,
Chịu khổ không dừng nghỉ.

Lúc ấy Thiên đế Thích bảo A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la: 'Thôi thôi, huyễn thuật như vậy không phải là pháp ta cần. Ông hãy trở về, ta sẽ khiến cho thân bệnh của ông được lành, được an ổn khỏe mạnh."

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Thích Đề-hoàn Nhân là vua Tự tại nơi cõi trời Tam thập tam, luôn luôn chân thật, không hư, không ngụy, hiền thiện, chất trực. Tỳ-kheo các ông chánh tín, xuất gia, học đạo, không nhà cũng nên không hư, không ngụy, hiền thiện, chất trực nên học như vậy."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 1119. BÀ-TRĨ[55]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Một hôm, Thiên đế Thích cùng với Bà-trĩ A-tu-la vương, con trai của Bề-lư-xá-na[56] có diện mạo tuyệt đẹp, sáng sớm cả hai đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân Phật, ngồi lui ra một bên. Các ánh sáng từ thân Thiên đế Thích và Bà-trĩ A-tu-la vương, con trai của Bề-lư-xá-na, lúc ấy tỏa chiếu ra khắp vườn Cấp cô độc."

Khi ấy Bà-trĩ A-tu-la vương, con trai của Bề-lư-xá-na nói kệ bạch Phật:

Con người cần siêng năng,
Để thỏa mãn điều lợi.
Lợi này đã đủ rồi,
Cần gì phải siêng năng[57]*?*

Lúc ấy, Thiên đế Thích lại nói kệ:

Nếu người cần siêng năng,
Để thỏa mãn điều lợi.
Lợi này đã đủ rồi,
Tu nhẫn không gì hơn.

Nói kệ xong cả hai cùng bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, bài kệ nào được khéo nói?"

Thế Tôn bảo:

"Những điều các ông nói, cả hai bài đều nói hay, nhưng bây giờ các vị hãy lắng nghe Ta nói:

---

55. Paøli, S.11.8. Verocana-asurinda. Biệt dịch, N^{0}100(50).

56. Bề-lư-xá-na tử Bà-trĩ A-tu-la vương 鞞盧闍那子婆稚 [illegible]. Bản Paøli chỉ nói tên Verocana Asurinda, Cf, D.ii.259: sataóca Baliputtaønaö sabbe Verocanaømakaø, một trăm con trai của Bali tất cả đều có tên là Vero (=Verocana). Hán, Bà-trĩ, liên hệ phiên âm của Bali.

57. Paøli*:* nipphannasobhano attho, mục đích được sáng chói khi đã được hoàn tất.

Tất cả loài chúng sanh,
Thảy đều cầu tự lợi.
Mỗi mỗi chúng sanh kia,
Đều mong điều mình cần.
Các hòa hợp thế gian,
Cùng với đệ nhất nghĩa[58]*,*
Nên biết hòa hợp đời.
Vốn là pháp vô thường.
Nếu người cần siêng năng,
Để thỏa mãn điều lợi,
Lợi này thỏa mãn rồi,
Tu nhẫn không gì hơn.

Sau khi Thiên đế Thích cùng với vua A-tu-la Bề-lư-xá-na nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ làm lễ ra về.

Lúc bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Thích Đề-hoàn Nhân là vua Tự tại của trời Tam thập tam, tu hạnh nhẫn, khen ngợi nhẫn. Tỳ-kheo các ông chánh tín, xuất gia, học đạo, không nhà cũng nên tu hạnh nhẫn, khen ngợi nhẫn như vậy."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 1120. THỆ ƯỚC[59]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Thời quá khứ có một vị Thiên đế Thích bạch Phật rằng: 'Thế Tôn, hôm nay con thọ giới như vậy, cho đến khi Phật pháp còn tồn tại ở thế gian, suốt đời con, nếu có người nào xúc não con, con sẽ không xúc não lại người kia.'

---

58. Paøli: saöyogaparamaø tveva sambhogaø, các thức ăn được chế biến (Hán: hòa hiệp) thượng diệu (Hán: đệ nhất nghĩa).

59. Paøli, S.11.7. Nadubbiya. Biệt dịch, N^{0}100(48).

"Lúc ấy A-tu-la vương Tỳ-ma-chất-đa-la nghe Thiên đế Thích thọ giới như vầy: 'Cho đến lúc Phật pháp còn tồn tại ở thế gian, suốt đời con, nếu có người nào xúc não con, con sẽ không xúc não lại người kia.' Nghe như vậy, bèn xách gươm bén ngược đường tới. Lúc này, Thiên đế Thích từ xa trông thấy vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la cầm gươm bén ngược đường tới, liền từ xa nói: 'A-tu-la đứng lại, ông đã bị trói, không được cử động.' Vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la liền không cử động được; bèn nói với Đế Thích: 'Ông nay há không thọ giới như vầy: 'Nếu Phật pháp tồn tại ở thế gian, suốt đời con, nếu có người nào xúc não con, con sẽ không xúc não lại người kia' hay sao?'

"Thiên đế Thích đáp: 'Tôi thật thọ giới như vậy. Nhưng ngươi tự đứng lại chịu trói.'

"A-tu-la nói: 'Bây giờ hãy thả tôi ra.'

"Thiên đế Thích đáp: 'Nếu ông hứa thề không làm loạn, ta sẽ buông tha ông.'

"A-tu-la nói: 'Thả tôi ra, sẽ làm đúng pháp.'

"Đế Thích đáp: 'Trước hết phải làm đúng như pháp, sau đó thả ông ra.'

"Vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la liền nói kệ:

Chỗ tham dục rơi vào,
Chỗ sân nhuế rơi vào,
Chỗ vọng ngữ rơi vào,
Chỗ phạm Thánh rơi vào,
Nếu ta gây não loạn,
Ta sẽ rơi vào đó.

"Thích Đề-hoàn Nhân lại nói: 'Tha cho ông, tùy ý được an ổn.'

"Thiên đế Thích, sau khi bắt buộc vua A-tu-la phải ước thề xong, đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, con ở trước Phật thọ giới như vậy: 'Cho đến Phật pháp tồn tại ở thế gian, suốt đời con, nếu có người nào xúc não con, con sẽ không xúc não lại người kia.' Vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la nghe con thọ giới, tay xách gươm bén theo đường tới. Con trông thấy từ xa và bảo: 'A-tu-la. Đứng lại. Đứng lại. Ông đã bị trói. Không

được cử động'. A-tu-la kia nói: 'Ông không có thọ giới sao?' Con liền đáp: 'Tôi thật có thọ giới. Nay ông đứng lại nên bị trói, không được cử động.' Vua A-tu-la xin được cứu thoát, con bảo hắn: 'Nếu ước thề là không làm loạn thì ngươi sẽ được cứu thoát.' A-tu-la nói: 'Hãy thả tôi ra, tôi hứa sẽ thề.' Con liền nói: 'Nói lời thề ước trước, sau đó thả ông.' A-tu-la liền nói kệ ước thề:

Chỗ tham dục rơi vào,
Chỗ sân nhuế rơi vào,
Chỗ vọng ngữ rơi vào,
Chỗ phạm Thánh rơi vào,
Nếu ta gây não loạn,
Ta sẽ rơi vào đó.

"Như vậy, bạch Thế Tôn, con muốn khiến vua A-tu-la phải nói lời ước thề, vậy có đúng pháp không? A-tu-la kia có gây nhiễu loạn nữa không?

"Phật bảo Thiên đế Thích:

"Lành thay! Lành thay! Ông muốn A-tu-la nói lời thề như vậy là đúng pháp, không trái và A-tu-la cũng không dám làm nhiễu loạn nữa.

"Sau khi, Thiên đế Thích nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, đảnh lễ ra về."

Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Thiên đế Thích kia là vua Tự tại của trời Tam thập tam, không bị nhiễu loạn, cũng thường khen ngợi pháp không nhiễu loạn. Tỳ-kheo các ông chánh tín, xuất gia, học đạo, không nhà cũng nên không nhiễu loạn, cũng nên khen ngợi pháp không nhiễu loạn như vậy."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

❑

TẠP A-HÀM QUYỂN 41

KINH 1121. THÍCH THỊ[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Ni-câu-luật, nước Ca-tỳ-la-vệ[2], Bấy giờ, có nhiều người họ Thích đi đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Thích thị:

"Này các người Cù-đàm, vào ngày trai giới[3] và tháng thần túc[4], có thọ trì trai giới và tu tập công đức gì không?"

Các Thích thị bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, chúng con vào những ngày trai, có khi giữ được trai giới, có khi không được. Vào tháng thần túc có khi giữ trai giới, tu tập mọi công đức và cũng có khi không giữ được."

Phật bảo những người họ Thích:

"Này các Cù-đàm, các ông sẽ không thu hoạch được lợi tốt. Các ông là những người kiêu mạn, người phiền não, người ưu bi, người khổ não. Tại sao vào những ngày trai giới, có khi giữ được trai giới, có khi không được? Vào những tháng thần túc, có khi giữ được trai giới, tu tập công đức, có khi không được? Này các Cù-đàm, thí như người cầu lợi, mỗi ngày mỗi tăng dần, một ngày một tiền, hai ngày hai tiền, ba ngày bốn tiền, bốn ngày tám tiền, năm ngày mười sáu tiền, sáu ngày hai mươi tiền. Như vậy, người ấy càng ngày càng tăng dần; tám ngày, chín ngày, cho đến một tháng, tiền tài càng lúc càng lớn rộng phải

---

1. Đại Chánh quyển 41. Ấn Thuận, "Tụng vii. Như Lai sở thuyết. 40. Tương ưng Bất hoại tịnh" sáu mươi hai kinh: 13174-13235 (Đại Chánh: quyển 31 (phần cuối) kinh 902-904, quyển 41 (phần đầu) kinh 1121-1135). Quốc Dịch, quyển 26, "Tụng 5. Đạo.8 Tương ưng Bất hoại tịnh; phẩm 2" bốn mươi tám kinh: 12637-12684 (Đại Chánh: 1121-1135). Phật Quang, quyển 31, kinh 873-896 (Đại Chánh: kinh 1121-1144). –Đại Chánh kinh 1121; Paøli, A. 10. 46. Sakka.

2. Ca-tỳ-la-vệ quốc Ni-câu-luật viên 迦毘羅衛國尼拘律園. Paøli: Kapilavatthu-Nigodha-Nigodhaøraøma.

3. Pháp trai nhật 法齋日; chỉ ngày thọ trì bát quan trai giới. Paøli: aæhaíga-susamaøgataö uposathaö.

4. Thần túc nguyệt 神足月; tháng thần túc hay thần biến. Xem cht.49, kinh 1117.

không?"

Gia chủ bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, đúng vậy."

Phật bảo Thích thị:

"Thế nào, các người Cù-đàm, như vậy, người tiền tài tăng lên dần và tiền tài tự nhiên sẽ tăng rộng ra mãi; rồi lại muốn cho mình, trong vòng mười năm, chỉ một mực hỷ lạc, tâm lạc, phần nhiều trụ thiền định; há có thể được không?"

Thích thị đáp:

"Bạch Thế Tôn, không."

Phật bảo Thích thị:

"Hoặc là chín năm, tám năm, bảy năm, sáu năm, năm năm, bốn năm, ba năm, hai năm hay một năm, hỷ lạc, tâm lạc, phần nhiều trụ thiền định; há có thể được không?"

Thích thị đáp:

"Bạch Thế Tôn, không."

Phật bảo Thích thị:

"Thôi, không tính năm. Liệu mười tháng, chín tháng, tám tháng cho đến một tháng, hỷ lạc, tâm lạc, phần nhiều trụ thiền định, há có thể được không? Lại không tính tháng, mà mười ngày, chín ngày, tám ngày cho đến một ngày một đêm hỷ lạc, tâm lạc, phần nhiều trụ thiền định, há có thể được không?"

"Bạch Thế Tôn, không."

Phật dạy Thích thị:

"Nay Ta nói cho các ông biết, trong hàng Thanh văn của Ta, có người tâm ngay thẳng, không siểm trá, không huyễn ngụy; Ta đã giáo hóa người này mười năm. Do nhân duyên này, người ấy có thể trong vòng trăm, ngàn, vạn năm chỉ một mực hỷ lạc, tâm lạc, phần nhiều trụ thiền định. Điều này chắc chắn là có.

"Lại nữa, thôi, không tính mười năm, mà chín năm, tám năm, cho đến một năm, mười tháng, chín tháng, cho đến một tháng; mười ngày, chín ngày, cho đến một ngày một đêm, nếu đã được Ta giáo hóa, thì đến sáng hôm sau họ có thể tiến bộ vượt bực. Sáng sớm đã được giáo hóa thì đến chiều tối, có thể tiến bộ gấp bội. Vì nhân duyên này, nên trong vòng trăm, ngàn, vạn năm chỉ một mực hỷ lạc, tâm lạc,

phần nhiều trụ thiền định, thành tựu hai quả. Hoặc quả Tư-đà-hàm hay quả A-na-hàm. Vì người này trước đó đã đắc Tu-đà-hoàn rồi."

Những người họ Thích bạch Phật:

"Lành thay! Thế Tôn! Từ hôm nay, vào những ngày trai, chúng con sẽ tu tập trai giới tám chi; vào tháng thần túc, cũng thọ trì trai giới, tùy sức mà bố thí, tu tập mọi công đức."

Phật bảo Thích thị:

"Lành thay, các Cù-đàm, hãy làm những việc cần thiết[5]."

Phật nói kinh này xong, những người họ Cù-đàm nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, làm lễ ra về.

M

KINH 1122. TẬT BỆNH[6]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Ni-câu-luật, nước Ca-tỳ-la-vệ. Bấy giờ, có nhiều người dòng họ Thích nhóm họp tại nhà luận nghị, bàn luận như vậy. Khi ấy, có người họ Thích nói với người họ Thích tên là Nan-đề: "Tôi có khi được đến Như Lai để cung kính cúng dường, có khi không được. Có khi được gần gũi cúng dường các vị Tỳ-kheo quen biết, có khi không được. Lại cũng không biết có những vị Ưu-bà-tắc trí tuệ, mà khi có những vị Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di trí tuệ khác bị tật bệnh khốn khổ, thì sẽ làm sao thuyết pháp, giáo giới, giáo hóa cho họ? Bây giờ chúng ta cùng đến chỗ Thế Tôn thưa hỏi nghĩa này. Theo như lời dạy Thế Tôn mà thọ trì."

Lúc đó, Nan-đề và những người dòng họ Thích, cùng nhau đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân, ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, chúng con những người họ Thích có bàn luận với nhau ở nhà nghị luận như vậy. Có người họ Thích đến nói với con rằng: 'Này Nan-đề, chúng tôi có khi được đến Như Lai để cung kính cúng dường, có khi không được. Có khi được gần gũi cúng dường các vị Tỳ-kheo quen biết, có khi không được. *Nói đầy đủ như trên... cho*

---

5. Hán: vi chân thật yếu 為真實要 : chưa hiểu ý.

6. Paøli, S. 55. 54 Gilaøyana.

đến vâng theo lời dạy Thế Tôn mà thọ trì.' Hôm nay chúng con thỉnh vấn Thế Tôn: 'Nếu Ưu-bà-tắc trí tuệ, mà khi có Ưu-bà-tắc và Ưu-bà-di trí tuệ khác bị bệnh tật khốn khổ thì nên thuyết pháp giáo giới, giáo hóa thế nào?'"

Phật bảo Nan-đề:

"Nếu Ưu-bà-tắc trí tuệ, muốn đến chỗ Ưu-bà-tắc và Ưu-bà-di trí tuệ khác đang bị tật bệnh khốn khổ, thì đem ba pháp an tâm[7] này mà truyền dạy cho họ; nói rằng: 'Nhân giả! Hãy thành tựu lòng tin thanh tịnh bất hoại đối với Phật, đối với Pháp, Tăng.'

"Sau khi đem ba pháp an tâm này truyền dạy xong, lại nên hỏi rằng: 'Nhân giả có quyến luyến cha mẹ không?'Nếu người kia có quyến luyến cha mẹ, thì nên dạy buông xả và nên nói rằng: 'Nếu Nhân giả quyến luyến cha mẹ mà được sống, thì đáng quyến luyến. Đã không do quyến luyến mà được sống, thì quyến luyến làm gì?'Nếu kia nói không có quyến luyến cha mẹ thì nên tùy hỷ khuyến thiện và hỏi thêm rằng: 'Đối với vợ con, nô bộc, tiền của cùng mọi vật Nhân giả có quyến luyến không?' Nếu nói quyến luyến thì nên khuyên buông xả, như pháp xả sự quyến luyến cha mẹ. Nếu nói không quyến luyến, thì tùy hỷ khuyến thiện và hỏi nữa: 'Đối với ngũ dục thế gian Nhân giả có luyến tiếc không?' Nếu họ nói luyến tiếc, thì nên giải thích là ngũ dục thế gian là chỗ xấu xa, bất tịnh, bại hoại, hôi hám, không giống như ngũ dục thắng diệu cõi trời. Hãy khuyên kia lìa bỏ ngũ dục thế gian và quyết mong ngũ dục cõi trời. Nếu người kia nói tâm đã xa lìa ngũ dục thế gian và trước đã nghĩ đến dục thắng diệu cõi trời, thì tùy hỷ khuyến thiện và lại nói với họ rằng: 'Ngũ dục thắng diệu cõi trời, là pháp vô thường, khổ, không, biến hoại. Chư Thiên cõi trời có thân tướng thù thắng hơn ngũ dục cõi trời.' Nếu kia nói đã bỏ nghĩ đến dục cõi trời và chỉ nghĩ đến thân tướng hơn ngũ dục, thì cũng tùy hỷ khuyến thiện và lại nói với rằng: 'Dục của hữu thân[8] cũng lại là pháp vô thường, biến hoại, chỉ

---

7. Tô tức xứ 穌息處. Paøli: assaøsaniya dhamma: pháp làm cho hơi thở điều hòa; làm cho thư giản, nghỉ ngơi; pháp làm cho an tâm.

8. Hữu thân 有身; tức hữu thân kiến, chấp thân có thật. Diệt trừ thân kiến chứng Tu-đà-hoàn. Paøli: sakkaøya.

có sự an lạc của xuất ly, là Niết-bàn với sự diệt tận của các hành. Nhân giả nên lìa bỏ sự mê luyến nơi hữu thân, mà nên vui cái vui Niết-bàn vắng lặng, tối thượng, thù thắng.'

"Vị Thánh đệ tử kia nếu đã lìa bỏ sự mê luyến đối với hữu, chỉ vui với Niết-bàn, thì cũng nên tùy hỷ khuyến thiện.

"Như vậy, Nan-đề, Thánh đệ tử kia từ từ trước sau được nhắc nhở chỉ dạy, khiến cho họ được Niết-bàn bất khởi[9]; giống như Tỳ-kheo sống một trăm tuổi, giải thoát Niết-bàn."

Phật nói kinh này xong, Nan-đề họ Thích cùng mọi người nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, đảnh lễ ra về.

M

KINH 1123. BỒ-ĐỀ[10]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Ni-câu-luật, tại nước Ca-tỳ-la-vệ, Bấy giờ, có người họ Thích tên là Bồ-đề[11] đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

"Lành thay, bạch Thế Tôn, chúng con sung sướng được thiện lợi, là được làm thân quyến Thế Tôn."

Phật bảo Bồ-đề:

"Chớ nói như vậy, rằng: 'Chúng con sung sướng được thiện lợi, là được làm thân quyến Thế Tôn.' Này Bồ-đề, được gọi là thiện lợi là đối với Phật có tâm thanh tịnh bất hoại, đối với Pháp, Tăng có tâm thanh tịnh bất hoại và thành tựu Thánh giới. Cho nên, này Bồ-đề, nên học như vầy: Đối với Phật có tâm thanh tịnh bất hoại, đối với Pháp, Tăng có tâm thanh tịnh bất hoại và thành tựu Thánh giới."

Phật nói kinh này xong, Bồ-đề họ Thích nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, làm lễ ra về.

M

---

9. Hán; bất khởi Niết-bàn 不起涅槃; chỉ Niết-bàn vô sanh, không còn tái sanh. Bản Paøli không nhắc đến ý nghĩa này.
10. Paøli, S. 55. 48. Bhaddiya.
11. Bồ-đề 菩提. Paøli: Bhaddiya. Bản Hán đọc là Bodhi(ya).

KINH 1124. VÃNG SANH[12]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Ni-câu-luật, tại nước Ca-tỳ-la-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Nếu có vị Thánh đệ tử nào đối với Phật mà thành tựu được lòng tin thanh tịnh bất hoại, thì ngay lúc đó, sẽ được các hàng chư Thiên mà trước kia đối với Phật đã thành tựu được lòng tin tịnh giới bất hoại và vì nhân duyên này họ được sanh lên cõi trời, họ đều rất hoan hỷ và khen ngợi rằng: 'Ta, nhờ nhân duyên đối với Phật thành tựu được lòng tin thanh tịnh bất hoại, nên được sanh lên cõi trời tốt đẹp này. Vị Thánh đệ tử kia, ngày nay đối với Phật thành tựu lòng tin thanh tịnh bất hoại, vì nhân duyên đó cũng sẽ sanh lên cõi trời tốt đẹp này.'

"Đối với Pháp và Tăng, lòng tin thanh tịnh bất hoại và thành tựu Thánh giới cũng nói như vậy."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 1125. TU-ĐÀ-HOÀN (1)[13]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có bốn đạo phần Tu-đà-hoàn[14]: Thân cận người thiện nam, nghe chánh pháp, bên trong suy nghĩ chân chánh, pháp thứ pháp hướng[15]."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---

12. Paøli, S. 55. 36. Sabhaøgata.

13. Paøli, S. 55. 50. Aíga; S. 55. 55. Caturo phalaø.

14. Tứ chủng Tu-đà-hoàn đạo phần 四種須陀洹道分. Paøli: cattaøri sotapattiyaígaøni. Cũng gọi là bốn Dự lưu chi, Cf. Pháp uẩn 2, Đại 26, tr.458.

15. Cf, Pháp uẩn, ibid.: thân cận thiện sĩ, thính văn chánh pháp, như lý tác ý, pháp tùy pháp hành. Paøli, Cf. D.iii. 227: sappurisa-saösevo, saddhamma-savanaö, yoniso-manasikaøro, dhammaønudhamma-paæipatti.

M

KINH 1126. TU-ĐÀ-HOÀN (2)[16]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có bốn chi phần Tu-đà-hoàn[17]. Những gì là bốn? Đối với Phật có tâm thanh tịnh bất hoại; đối với Pháp, Tăng có tâm thanh tịnh bất hoại, thành tựu Thánh giới. Đó gọi là đạo phần Tu-đà-hoàn."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 1127. BỐN PHÁP[18]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Nếu có người nào thành tựu bốn pháp thì biết người đó là Tu-đà-hoàn. Những gì là bốn? Đó là đối với Phật có tâm thanh tịnh bất hoại; đối với Pháp, Tăng, có tâm thanh tịnh bất hoại, thành tựu Thánh giới. Đó gọi là người thành tựu bốn pháp, nên biết họ là Tu-đà-hoàn."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Giống như nói mà không phân biệt, cũng vậy phân biệt về Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di. Người nào thành tựu bốn pháp, thì biết họ là Tu-đà-hoàn. Các kinh đều nói như trên.[19]

---

16. Paøli, S. 55. 46. Bhikkhuø.

17. Tu-đà-hoàn phần 須陀洹分.

18. Paøli, S. 55. 2. Ogadha.

19. Trong đoạn này, tóm tắt có mười bảy kinh. Ấn Thuận, kinh 1318-13190. Đại Chánh không có kinh số tương đương.

M

KINH 1128. BỐN QUẢ (1)[20]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có bốn quả Sa-môn. Những gì là bốn? Là quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm và A-la-hán."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 1129. BỐN QUẢ (2)[21]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có bốn quả Sa-môn. Những gì là bốn? Quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm và A-la-hán. Thế nào là quả Tu-đà-hoàn? Đoạn trừ ba kết gọi là Tu-đà-hoàn. Thế nào là quả Tư-đà-hàm? Đoạn trừ ba kết, tham, sân, si vơi mỏng, gọi là Tư-đà-hàm. Thế nào là quả A-na-hàm? Đoạn dứt năm hạ phần kết sử, gọi là quả A-na-hàm. Thế nào là quả A-la-hán? Nếu người nào dứt sạch tham dục, sân nhuế, ngu si và tất cả phiền não gọi là A-la-hán."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Giống như nói mà không phân biệt, cũng vậy, phân biệt Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di. Người nào thành tựu bốn pháp, thì biết họ là Tu-đà-hoàn. Các kinh đều nói như trên.

M

---

20. Paøli, S. 55. 55-58. Caturo phalaø.

21. Tham chiếu kinh 1128.

KINH 1130. HÀN XỨ[22]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Ở bất cứ nơi nào, nếu có Tỳ-kheo đi kinh hành và ở nơi đó mà chứng được một trong bốn quả Sa-môn, thì khi Tỳ-kheo ấy mạng chung, thường nhớ đến chỗ mình chứng quả."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Giống như chỗ kinh hành, cũng vậy chỗ đứng, chỗ ngồi, chỗ nằm cũng nói như vậy. Cũng vậy Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di. Các kinh đều nói như vậy.

M

KINH 1131. BỐN THỨC ĂN[23]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Giống như bốn loại thức ăn đối với tứ đại, để an lập chúng sanh, giúp ích và duy trì. Những gì là bốn? Đoàn thực, xúc thực, ý tư thực và thức thực. Cũng vậy, có bốn thứ thức ăn an lạc vốn thấm nhuần bởi phước đức, thấm nhuần bởi pháp lành. Những gì là bốn? Đó là đối với Phật thành tựu tâm thanh tịnh bất hoại, là thức ăn an lạc vốn thấm nhuần bởi phước đức, thấm nhuần bởi pháp lành. Đối với Pháp, Tăng thành tựu tâm thanh tịnh bất hoại và thành tựu Thánh giới, là thức ăn an lạc vốn thấm nhuần bởi phước đức, thấm nhuần bởi pháp lành."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---

22. Paøli, không thấy tương đương.

23. Paøli, S. 55. 31. Abhisanda (1).

M

KINH 1132. NHUẬN TRẠCH (1)[24]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Nói như trên, nhưng chỉ có một vài sự sai khác là:

"Đối với Phật thành tựu tâm thanh tịnh bất hoại, là thức ăn an lạc vốn thấm nhuần bởi phước đức, thấm nhuần bởi pháp lành.

"Đối với Pháp, Tăng, thành tựu tâm thanh tịnh bất hoại, các pháp đã được nghe, vừa ý, yêu thích. Thành tựu Thánh giới, là thức ăn an lạc vốn thấm nhuần bởi phước đức, thấm nhuần bởi pháp lành."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 1133. NHUẬN TRẠCH (2)[25]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Nói như trên, nhưng chỉ có một vài sự sai khác là:

"Đối với Phật thành tựu tâm thanh tịnh bất hoại, là thức ăn an lạc vốn thấm nhuần bởi phước đức, thấm nhuần bởi pháp lành. Nếu đối với pháp[26]; hoặc tâm keo kiệt, cấu bẩn, trói buộc chúng sanh, thì tâm phải xa lìa các thứ keo kiệt, cấu bẩn đã dính nhiều vào đó, mà thực hành bố thí giải thoát. Thường bố thí, thích buông xả, tâm hành thí bình đẳng, là thức ăn an lạc vốn thấm nhuần bởi phước đức, thấm nhuần bởi pháp lành."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

---

24. Paøli, S. 55. 32. Abhisanda (2).
25. Tham chiếu kinh 1132.
26. Bản Hán tiết lược: đối với pháp và đối với Tăng, chi tiết như đối với Phật. Tiếp theo là thứ tư, an lạc do bố thí.

KINH 1134. NHUẬN TRẠCH (3)[27]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Nói như trên, nhưng chỉ có một vài sự sai khác là:

"Bốn thứ như vậy là thức ăn an lạc vốn thấm nhuần bởi phước đức, thấm nhuần bởi pháp lành. Quả báo và công đức của Thánh đệ tử kia không thể so sánh. Không thể nói có được bao nhiêu phước, bao nhiêu báo như vậy, mà chỉ nói phước báo nhiều của họ thuộc về công đức lớn đã tích tụ." Giống như kinh Thí dụ ngũ hà[28] đã nói,... *cho đến* nói kệ.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 1135. BỐN MƯƠI THIÊN TỬ[29]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, có bốn mươi Thiên tử tướng mạo rất đẹp đẽ, sáng sớm đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên. Thế Tôn bảo các Thiên tử ấy rằng:

"Lành thay! Lành thay! Các Thiên tử, các ông đối với Phật đã thành tựu tâm thanh tịnh bất hoại; đối với Pháp, Tăng thành tựu tâm thanh tịnh bất hoại và thành tựu Thánh giới chưa?"

Bấy giờ, có một Thiên tử đứng dậy, sửa lại y phục, cúi đầu lễ dưới chân Phật, rồi chắp tay bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, đối với Phật con đã thành tựu tâm thanh tịnh bất hoại, nhờ công đức này, nên khi thân hoại mạng chung con được sanh lên cõi trời."

---

27. Paøli, S. 55. 33. Abhisanda.
28. Quyển 30, kinh 841.
29. Paøli, S. 55. 20. Devacaørika.

Một Thiên tử thưa:

"Bạch Thế Tôn, đối với Pháp con đã thành tựu tâm thanh tịnh bất hoại, nhờ công đức này, nên khi thân hoại mạng chung con được sanh lên cõi trời."

Một Thiên tử thưa:

"Bạch Thế Tôn, đối với Tăng con đã thành tựu tâm thanh tịnh bất hoại, nhờ công đức này, nên khi thân hoại mạng chung con được sanh lên cõi trời."

Một Thiên tử thưa:

"Bạch Thế Tôn, đối với Thánh giới con đã thành tựu, nhờ công đức này nên khi thân hoại mạng chung con được sanh lên cõi trời."

Bấy giờ, bốn mươi Thiên tử ở trước Phật tự ký thuyết về quả Tu-đà-hoàn rồi liền biến mất.

Giống như bốn mươi vị Thiên tử, cũng vậy, bốn trăm Thiên tử, tám trăm Thiên tử, mười ngàn Thiên tử, hai chục ngàn Thiên tử, ba chục ngàn Thiên tử, bốn chục ngàn Thiên tử, năm chục ngàn Thiên tử, sáu chục ngàn Thiên tử, bảy chục ngàn Thiên tử, tám chục ngàn Thiên tử, họ ở trước Phật tự ký thuyết về quả Tu-đà-hoàn xong liền biến mất.

M

KINH 1136. NGUYỆT DỤ[30]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá[31].

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Hãy sống như mặt trăng; khi đi vào nhà người khác với tàm

---

30. Quốc Dịch, quyển 45 "Tụng viii. Đạo. Như Lai. 1. Tương ưng Đại Ca-diếp" một phẩm. Ấn Thuận, "Tụng 7. Như Lai sở thuyết. 41. Tương ưng Đại Ca-diếp" mười một kinh, tương đương Paøli S. 16. Kassapa-saöyutta. Phật Quang, quyển 31, phần sau (vào hai kinh đầu quyển 32). Đại Chánh, quyển 41, kinh 1136-1144, 905-906 (quyển 32). Paøli, S. 16. 3. Candupama. Biệt dịch, N^{0}100(111).

31. Bản Đại Chánh: Xá-vệ quốc.

quý, khiêm hạ, kiểm thúc tâm, thúc liễm thân hình như người mới học. Như người mắt sáng khi lội vực sâu, lên đỉnh núi, kiểm thúc tâm, thúc liễm thân hình và chậm rãi tiến tới trước.

"Tỳ-kheo cũng vậy, sống như mặt trăng; khi đi vào nhà người khác với tàm quý, khiêm hạ, kiểm thúc tâm, thúc liễm thân hình như người mới học.

"Tỳ-kheo Ca-diếp sống như mặt trăng; khi đi vào nhà người khác với tàm quý, khiêm hạ không cao mạn, kiểm thúc tâm, thúc liễm thân hình như người mới học. Như người mắt sáng lội vực sâu, lên đỉnh núi chế ngự tâm, thúc liễm thân, xem xét kỹ rồi mới tiến."

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Ý các ông thế nào? Tỳ-kheo phải như thế nào mới vào nhà người?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, Thế Tôn là gốc pháp, là con mắt pháp, là chỗ nương tựa của pháp, xin Thế Tôn nói rộng, các Tỳ-kheo nghe xong sẽ nhận lãnh phụng hành."

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì các ông giảng nói.

"Nếu Tỳ-kheo nào ở nhà người mà tâm không bị dính, không bị trói, không tham đắm dục lạc[32]; đối với cái lợi mà người khác có, công đức mà người khác làm, hoan hỷ như là của chính mình, không sanh ra tư tưởng ganh tị; cũng không tự đề cao mình, hạ thấp người. Tỳ-kheo như vậy mới nên vào nhà người."

Bấy giờ, Thế Tôn đưa tay sờ vào hư không, rồi hỏi các Tỳ-kheo:

"Hiện tại tay này của Ta có bị dính, bị trói, bị nhiễm bởi hư không chăng?"

Tỳ-kheo bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, không,"

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Pháp của Tỳ-kheo thường như vậy, với tâm không bị dính,

---

32. Paøli: seyyathaøpìyö aøkaøse paøòi na… cittaö na sajjati na gayhati na bajjhati, cũng như cánh tay này trong hư không, tâm không bị dính mắc, không bị nắm giữ, không bị cột trói.

không bị trói và không bị nhiễm khi vào nhà người. Chỉ có Tỳ-kheo Ca-diếp là với tâm không bị dính, không bị trói và không bị nhiễm khi vào nhà người. Đối với cái lợi mà người khác có, công đức mà người khác làm, hoan hỷ như là của chính mình, không sanh ra tư tưởng ganh tị; cũng không tự đề cao mình, hạ thấp người, chỉ có Tỳ-kheo Ca-diếp như vậy mới nên vào nhà người."

Bấy giờ, Thế Tôn lại đưa tay sờ vào hư không, rồi hỏi các Tỳ-kheo:

"Ý các ông thế nào? Hiện tại tay này của Ta có bị dính, bị trói, bị nhiễm bởi hư không chăng?"

Tỳ-kheo bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, không,"

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Chỉ Tỳ-kheo Ca-diếp thường như vậy, với tâm không bị dính, không bị trói và không bị nhiễm khi vào nhà người.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Tỳ-kheo như thế nào mới đáng là thuyết pháp thanh tịnh?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, Thế Tôn là gốc pháp, là con mắt pháp, là nơi nương tựa của pháp, xin Ngài nói rộng, chúng con nghe xong sẽ nhận lãnh phụng hành."

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì các ông mà giảng nói.

"Nếu có Tỳ-kheo nào thuyết pháp cho người mà khởi tâm như vầy: 'Những ai khởi tín tâm thanh tịnh đối với ta? Làm như thế rồi, cúng dường y phục, ngọa cụ, mền nệm và thuốc men.' Thuyết như vậy, gọi là thuyết pháp không thanh tịnh.

"Nếu lại có Tỳ-kheo nào thuyết pháp cho người, khởi nghĩ như vầy: 'Chánh pháp luật được Thế Tôn hiển hiện, lìa các nhiệt não, không đợi thời tiết, ngay nơi hiện thân này[33], duyên nơi tự tâm mà giác tri, hướng thẳng Niết-bàn. Nhưng chúng sanh thì đắm chìm vào già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não. Những chúng sanh như vậy nếu nghe được Chánh pháp, nhờ nghĩa lợi thì mãi mãi sẽ được an lạc. Nhờ nhân

[33]. Tức thử hiện thân 即此現身.

duyên Chánh pháp này, bằng tâm từ, tâm bi, tâm thương xót và tâm muốn Chánh pháp được trụ thế lâu dài mà thuyết cho người'. Đó gọi là thuyết pháp thanh tịnh.

"Chỉ có Tỳ-kheo Ca-diếp mới có tâm thanh tịnh như vậy mà vì người thuyết pháp; bằng Chánh pháp luật của Như Lai,... *cho đến* vì tâm muốn làm Chánh pháp được trụ thế lâu dài mà vì người thuyết pháp.

"Cho nên, các Tỳ-kheo, phải học như vậy, thuyết pháp như vậy, đối với Chánh pháp luật của Như Lai,... *cho đến* tâm muốn khiến cho Chánh pháp được thường trụ lâu dài mà vì người thuyết pháp."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 1137. THÍ DỮ[34]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Nếu có Tỳ-kheo nào, muốn vào nhà người mà khởi nghĩ như vầy: 'Người kia sẽ bố thí cho ta, chứ không phải không bố thí; bố thí vội, không cúng từ từ; bố thí nhiều, không bố thí ít; bố thí ngon, không bố thí dở; cúng bố thí không cúng chậm.' Vì tâm như vậy, mà đến nhà người, nếu người ta không bố thí,... *cho đến* bố thí chậm, tâm của Tỳ-kheo này sẽ bị khuất nhục. Vì lý do này nên tâm của Tỳ-kheo ấy thoái thất, tự sanh chướng ngại.

"Nếu lại có Tỳ-kheo nào, muốn vào nhà người mà khởi nghĩ như vầy: 'Người xuất gia mục đích đến nhà người, là do đâu được bố thí chứ không phải không bố thí, bố thí vội không phải bố thí từ từ, bố thí nhiều không phải bố thí ít, bố thí ngon không phải bố thí dở, bố thí nhanh không phải bố thí chậm?' Nghĩ như vậy mới đến nhà người. Nếu người ta không bố thí,... *cho đến* bố thí chậm, tâm của Tỳ-kheo này không bị khuất nhục, cũng không bị thoái thất, không sanh chướng ngại.

---

34. Paøli, S. 16.4. Kulupagaö. Biệt dịch, N^{0}100(112).

"Chỉ có Tỳ-kheo Ca-diếp nghĩ như vậy khi đến nhà người. Cho nên các Tỳ-kheo phải học như vậy, nghĩ như vậy khi vào nhà người: 'Người xuất gia mục đích khi đến nhà người, do đâu được cúng chứ không phải không cúng,... *cho đến* cúng mau không phải cúng chậm?'

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 1138. THẮNG[35]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Tôn giả Ca-diếp ở trong giảng đường Lộc tử mẫu vườn phía Đông nước Xá-vệ. Buổi chiều, sau khi từ thiền tịnh dậy, Tôn giả đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên. Khi ấy Thế Tôn bảo Tôn giả Ma-ha Ca-diếp:

"Ông nên thuyết pháp, giáo giới, giáo thọ cho các Tỳ-kheo. Vì sao? Vì Ta thường thuyết pháp giáo giới, giáo thọ cho các Tỳ-kheo, ông cũng nên như vậy."

Tôn giả Ma-ha ca-diếp bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, nay rất khó giáo thọ các Tỳ-kheo. Hoặc có Tỳ-kheo không chịu nghe nói."

Phật bảo Ma-ha Ca-diếp:

"Vì lý do gì ông nói như vậy?"

Ma-ha Ca-diếp bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, con thấy có hai Tỳ-kheo, một tên là Bàn-trù[36] đệ tử của A-nan, hai tên là A-phù-tỳ[37] đệ tử của Ma-ha Mục-kiền-liên. Hai người này tranh luận về đa văn. Họ bảo nhau: 'Ngươi đến đây cùng nhau bàn luận để coi ai có sở tri nhiều và sở tri ai hơn.'"

Khi ấy, Tôn giả A-nan đứng sau Phật đang cầm quạt hầu, nói với Tôn giả Ma-ha Ca-diếp:

---

35. Paøli, S. 16. 6. Ovaødo.
36. Bàn-trù 槃稠. Paøli: Bhaòña.
37. A-phù-tỳ 阿浮毘. Abhiójika.

"Hãy thôi! Thưa Tôn giả Ma-ha Ca-diếp! Hãy nhẫn! Tôn giả Ca-diếp! Những Tỳ-kheo thiếu niên này trí tuệ kém, trí tuệ xấu."

Tôn giả Ma-ha Ca-diếp nói với Tôn giả A-nan:

"Ông hãy im lặng! Chớ khiến ta ở giữa Tăng hỏi sự việc ông."

Lúc ấy, Tôn giả A-nan liền im lặng.

Bấy giờ, Đức Phật bảo một Tỳ-kheo:

"Ông hãy đến chỗ Tỳ-kheo Bàn-trù và A-phù-tỳ nói rằng: 'Đại Sư cho gọi các ông.'"

Tỳ-kheo này liền vâng lời, đến chỗ Tỳ-kheo A-phù-tỳ và Tỳ-kheo Bàn-trù nói rằng:

"Đại Sư cho gọi các ông."

Tỳ-kheo Bàn-trù và A-phù-tỳ vâng theo lời dạy, cả hai liền đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân, ngồi lui qua một bên.

Bấy giờ, Thế Tôn hỏi hai Tỳ-kheo:

"Có thực, hai ông đã cùng nhau tranh luận và nói: 'Ông đến đây cùng nhau bàn luận để coi ai có sở tri nhiều và sở tri ai hơn' không?"

Hai Tỳ-kheo bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, thật có."

Phật bảo hai Tỳ-kheo:

"Các ông đem những pháp của Ta dạy như Tu-đa-la, Kỳ-dạ, Già-đà, Ưu-đà-na, Ni-đà-na, A-bà-đà-na, Y-đế-nhật-đa-già, Xà-đà-già, Tỳ-phú-la, A-phù-đà-đạt-ma, Ưu-ba-đề-xá để tranh luận nhau và bảo: 'Ngươi đến đây cùng nhau bàn luận để coi ai có sở tri nhiều và sở tri ai hơn' phải không?"

Hai Tỳ-kheo bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, không vậy."

Phật bảo hai Tỳ-kheo:

"Các ông không đem những gì Ta đã nói trong Tu-đa-la,... *cho đến* Ưu-ba-đề-xá để tự điều phục, tự đình chỉ và tự cầu Niết-bàn sao?"

Hai Tỳ-kheo bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, đúng vậy."

Phật bảo hai Tỳ-kheo:

"Các ông là những người ngu si! Sao các ông đã biết những gì Ta dạy trong Tu-đa-la,... *cho đến* Ưu-ba-đề-xá rồi, lại cùng nhau tranh

luận thử ai có sở tri nhiều và sở tri ai hơn?"

Lúc này, hai Tỳ-kheo trước Phật lễ dưới chân, cùng bạch Phật:

"Xin sám hối Thế Tôn! Xin sám hối Thiện Thệ! Chúng con ngu si không tốt, không phân biệt, mà tranh luận nhau."

Phật bảo hai Tỳ-kheo:

"Các ông đã thực biết tội, sám hối lỗi ngu si, không tốt, không biết phân biệt mà lại cùng tranh luận. Nay đã tự biết tội, tự thấy tội, tự biết hối lỗi, thì Giới luật nghi sẽ phát sanh ở đời vị lai. Nay Ta vì thương xót các ông mà nhận sự sám hối, để cho thiện pháp các ông tăng trưởng không bao giờ thoái giảm. Vì sao? Vì nếu có người tự biết tội, tự thấy tội, tự biết hối lỗi, thì Giới luật nghi sẽ phát sanh ở đời vị lai, không bao giờ thoái giảm."

Hai Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ làm lễ ra về.

M

KINH 1139. VÔ TÍN[38]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Tôn giả Ma-ha Ca-diếp ở trong giảng đường Lộc tử mẫu tại vườn phía Đông nước Xá-vệ. Buổi chiều, sau khi từ thiền tịnh dậy, đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân, ngồi lui qua một bên. Phật bảo Ca-diếp:

"Ông nên giáo thọ, giáo giới cho các Tỳ-kheo. Vì các Tỳ-kheo thuyết pháp, giáo giới, giáo thọ. Vì sao? Vì Ta thường thuyết pháp giáo giới, giáo thọ cho các Tỳ-kheo, ông cũng nên như vậy."

Tôn giả Ma-ha Ca-diếp bạch Phật:

"BạchThế Tôn, Tỳ-kheo bây giờ khó có thể vì họ thuyết pháp. Nếu có thuyết pháp, thì sẽ có Tỳ-kheo không nhẫn, không hoan hỷ."

Phật bảo Ca-diếp:

"Vì lý do gì ông nói như vậy?"

Ma-ha Ca-diếp bạch Phật:

---

38. Paøli, S. 16. 7. Ovaødo. Biệt dịch, N^{0}100(114).

"Bạch Thế Tôn, hoặc có Tỳ-kheo không có tâm tin kính đối với thiện pháp, nếu nghe thuyết pháp, họ có thể thoái chuyển. Hoặc người ác trí tuệ không có trí tuệ, tinh tấn và tàm quý, không có trí tuệ đối với thiện pháp; nghe thuyết pháp, có thể thoái thất. Hoặc có người tham dục, sân nhuế, thụy miên, trạo hối, nghi hoặc, thân hành thô bạo, phẫn hận, thất niệm, bất định, vô trí, họ có nghe thuyết pháp thì cũng thoái thất. Bạch Thế Tôn, những hạng người xấu như vậy, còn không thể khiến tâm an trụ ở thiện pháp, huống lại tăng tiến! Nên biết hạng người này thiện pháp càng ngày càng thoái thất, không thể tăng trưởng.

"Bạch Thế Tôn, nếu người nào, đối với thiện pháp, có lòng tin thanh tịnh thì sẽ không thoái thất. Đối với thiện pháp có trí tuệ, tinh tấn và tàm quý, sẽ không thoái thất. Không tham, không nhuế, không thụy miên, không trạo hối, không nghi hoặc, sẽ không thoái thất. Thân không thô bạo, tâm không ô nhiễm, không phẫn, không hận, định tâm, chánh niệm, trí tuệ, sẽ không thoái thất. Người như vậy, đối với các thiện pháp càng ngày càng tăng trưởng, huống chi tâm lại an trú. Người này ngày đêm thường cầu thăng tiến, không bao giờ thoái thất."

Phật bảo Ca-diếp:

"Đúng vậy! Đúng vậy! Người nào đối với các thiện pháp, mà không có lòng tin thì sẽ bị thoái thất". Cũng như Ca-diếp lần lượt nói đầy đủ.

Sau khi Tôn giả Ma-ha Ca-diếp nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy làm lễ ra về.

M

KINH 1140. PHẬT LÀ CĂN BẢN[39]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Tôn giả Ma-ha Ca-diếp ở trong giảng đường Lộc tử mẫu tại vườn phía Đông nước Xá-vệ. Buổi chiều, sau khi từ

---

39. Paøli, S. 16. 8. Ovaødo (3). Biệt dịch, N^{0}100(115).

thiền tịnh dậy, đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên. Khi ấy Thế Tôn bảo Tôn giả Ma-ha Ca-diếp:

"Ông nên giáo thọ, giáo giới cho các Tỳ-kheo. Vì các Tỳ-kheo thuyết pháp, giáo giới, giáo thọ. Vì sao? Vì Ta thường thuyết pháp giáo giới, giáo thọ cho các Tỳ-kheo, ông cũng nên như vậy."

Tôn giả Ma-ha Ca-diếp bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo bây giờ khó có thể vì họ thuyết pháp. Có các Tỳ-kheo nghe thuyết pháp sẽ không nhẫn, không hoan hỷ."

Phật bảo Ca-diếp:

"Vì lý do gì ông nói như vậy?"

Ma-ha Ca-diếp bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, Thế Tôn là gốc pháp, là con mắt pháp, là chỗ nương tựa của pháp, cúi xin Thế Tôn vì các Tỳ-kheo thuyết pháp, các Tỳ-kheo nghe xong sẽ lãnh thọ phụng hành."

Phật bảo Ca-diếp:

"Hãy lắng nghe và suy nghĩ cho kỹ, Ta sẽ vì các ông mà giảng nói."

Phật bảo Ca-diếp:

"Ngày xưa, Tỳ-kheo a-luyện-nhã ở chỗ a-luyện-nhã khen ngợi pháp a-luyện-nhã. Với Tỳ-kheo khất thực[40] thì khen ngợi về công đức khất thực. Với Tỳ-kheo y phấn tảo thì khen ngợi về công đức mặc y phấn tảo. Với Tỳ-kheo thiểu dục tri túc, tu hạnh viễn ly, tinh cần phương tiện, chánh niệm, chánh định, trí tuệ lậu tận, tự thân tác chứng, thì theo sở hành của họ mà khen ngợi, xưng tụng.

"Này Ca-diếp, nếu có Tỳ-kheo với a-luyện-nhã thì khen ngợi pháp a-luyện-nhã,... *cho đến* với Tỳ-kheo lậu tận, thì khen ngợi lậu tận tự thân tác chứng; nếu gặp Tỳ-kheo như vậy thì nên tiếp chuyện, tùy nghi thăm hỏi, chào đón: 'Ngài tên gì? Đệ tử của ai?' Nhường chỗ ngồi mời ngồi và tán thán sự hiền thiện của vị ấy, như pháp sở hành của vị ấy, có nghĩa Sa-môn, có sở dục Sa-môn. Khi khen ngợi như vậy, nếu vị ấy cùng ở hay cùng đi thì liền quyết định tùy thuận sở hành của vị ấy, không bao lâu cũng sẽ đồng với sở kiến và sở dục của vị ấy."

Phật bảo Ca-diếp:

"Nếu Tỳ-kheo tuổi trẻ gặp Tỳ-kheo a-luyện-nhã kia đến thì tán

---

40. Tức Tỳ-kheo chỉ sống bằng hạnh khất thực; trong mười hai hạnh đầu-đà. Tiếp theo, là một số hạnh đầu-đà được nhắc đến.

thán pháp a-luyện-nhã,... *cho đến* Tỳ-kheo lậu tận, tự thân tác chứng. Tỳ-kheo tuổi trẻ này nên đứng dậy nghinh tiếp, cung kính lễ bái, thưa hỏi,... *cho đến* cùng ở với họ, thì không bao lâu chính mình sẽ được nghĩa lợi, được hữu ích. Người nào cung kính như vậy, thì sẽ được lợi ích an lạc lâu dài."

Phật bảo Ca-diếp:

"Hiện nay, Tỳ-kheo tuổi trẻ thấy vị kia đến, biết đó là đại đức có tri kiến có thể chiêu cảm được mọi thứ tài vật như y phục, mền nệm, đồ ăn thức uống, giường nằm, thuốc men, nên cùng tiếp chuyện với họ, cung kính hỏi thăm, chào đón, rằng: 'Ngài tên gì? Là đệ tử của ai?' Và tán thán phước đức của họ để có thể chiêu cảm được lợi lớn như y phục, mền nệm, đồ ăn thức uống, giường nằm, thuốc men. Hoặc cùng gần gũi vị ấy cũng sẽ được đầy đủ mọi thứ y phục, mền nệm, đồ ăn thức uống, giường nằm, thuốc men. Hoặc lại có Tỳ-kheo-niên thiếu, thấy vị kia đến biết đó là đại đức, đại trí, có thể chiêu cảm được mọi thứ tài lợi như y phục, mền nệm, đồ ăn thức uống, giường nằm, thuốc men, nên vội vàng đứng dậy nghinh đón, cung kính chào hỏi: 'Quý thay ngài đến đây! Bậc Đại đức, đại trí!' để có thể chiêu cảm lợi lớn về y phục, mền nệm, đồ ăn thức uống, giường nằm, thuốc men. Này Ca-diếp, những Tỳ-kheo-niên thiếu như vậy, sẽ lâu dài bị đau khổ, phi nghĩa, không có lợi.

"Như vậy, Ca-diếp, những Tỳ-kheo đó là tai hoạn của Sa-môn, là sự đắm chìm của phạm hạnh, là chướng ngại lớn, là pháp ác bất thiện, là cái hại của phiền não, trở lại thọ các hữu, chịu khổ báo sanh tử thiêu đốt trong đời vị lai đưa đến sanh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não. Cho nên, Ca-diếp, phải tu học như vầy: Hãy xưng danh tán thán những vị a-luyện-nhã sống ở a-luyện-nhã; xưng danh tán thán vị mặc y phấn tảo khất thực, thiểu dục tri túc, tu hạnh viễn ly, tinh cần phương tiện, chánh niệm, chánh định, chánh trí lậu tận, tự thân tác chứng."

Phật nói kinh này xong, Tôn giả Ma-ha Ca-diếp nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ làm lễ ra về.

M

KINH 1141. QUÁ GIÀ[41]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Tôn giả Ma-ha Ca-diếp ở tại giảng đường Lộc tử mẫu trong vườn phía Đông nước Xá-vệ. Buổi chiều, sau khi từ thiền tịnh dậy, đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân, ngồi xuống một bên. Khi ấy, Thế Tôn bảo Ma-ha Ca-diếp:

"Ông nay đã già, các căn suy yếu, y phấn tảo nặng, y của Ta nhẹ tốt[42]. Nay ông có thể ở trong chúng mặc y nhẹ hoại sắc do cư sĩ cúng."

Ca-diếp bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, con đã lâu dài tập hạnh a-luyện-nhã, tán thán hạnh a-luyện-nhã, mặc y phấn tảo, khất thực[43]."

Phật bảo Ca-diếp:

"Thầy quán sát có bao nhiêu nghĩa mà tập hạnh a-luyện-nhã, tán thán pháp a-luyện-nhã; mặc y phấn tảo, khất thực, tán thán pháp mặc y phấn tảo, khất thực?"

Ca-diếp bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, con quán sát thấy có hai nghĩa: Hiện tại được nghĩa sống an lạc; đời vị lai, làm gương cho chúng sanh. Vì chúng sanh đời vị lai sẽ nghĩ như vầy: 'Thượng tọa quá khứ có sáu thần thông, xuất gia lâu ngày, phạm hạnh thuần thục, được Thế Tôn khen ngợi và được những vị phạm hạnh trí tuệ phụng sự. Vị ấy lâu dài tập hạnh a-luyện-nhã, tán thán pháp a-luyện-nhã; mặc y phấn tảo, khất thực, tán thán pháp mặc y phấn tảo, khất thực.' Nếu ai nghe được điều này, tâm họ sẽ thanh tịnh và tùy hỷ, lúc nào cũng được an lạc và lợi ích."

Phật bảo Ca-diếp:

"Lành thay! Lành thay! Ca-diếp, ông là người trong lâu dài đem lại nhiều lợi ích, an lạc cho chúng sanh, thương xót thế gian và an lạc

---

41. Paøli, S.16. 5. Jioòaö. Biệt dịch, N^{0}100(116); N^{0}125(41.5).

42. Cf. S. ii. 220: Lần đầu tiên gặp Phật, Ca-diếp khoác chiếc Tăng-già-lê rất quý; rồi xin đổi lấy y thô xấu của Phật.

43. Bản Paøli kể chi tiết các hạnh đầu-đà của Ca-diếp.

trời, người."

Phật bảo Ca-diếp:

"Nếu có người nào hủy báng pháp đầu-đà[44], tức là hủy báng Ta. Nếu có người nào tán thán pháp đầu-đà, tức là tán thán Ta. Vì sao? Vì pháp đầu-đà là pháp Ta luôn luôn xưng danh và tán thán. Cho nên, Ca-diếp, người a-luyện-nhã, nên tán thán a-luyện-nhã; người mặc y phấn tảo, khất thực, nên tán thán pháp mặc y phấn tảo khất thực."

Phật nói kinh này xong, Ma-ha Ca-diếp nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ tùy hỷ, làm lễ ra về.

M

KINH 1142. NẠP Y NẶNG[45]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Tôn giả Ma-ha Ca-diếp sống lâu nơi trú xứ sàng tọa a-luyện-nhã[46], râu tóc ra dài, mặc y rách vá, đến chỗ Phật.

Lúc đó Thế Tôn đang thuyết pháp cho vô số đại chúng vây quanh. Bấy giờ, các Tỳ-kheo thấy Ma-ha Ca-diếp từ xa đi lại và sau khi thấy Tôn giả Ma-ha Ca-diếp rồi, họ khởi tâm khinh mạn rằng:

"Tỳ-kheo này là ai mà y phục tồi tàn; đến đây mà dung nghi không có; đến đây mà y phục dương dương[47]?"

Khi đó Thế Tôn biết được tâm niệm của các Tỳ-kheo, bảo Ma-ha Ca-diếp:

"Đến đây, Ca-diếp! Hãy ngồi nơi phân nửa chỗ ngồi này. Nay Ta rốt cuộc[48] biết ai xuất gia trước. Thầy ư? Ta ư?"

Các Tỳ-kheo sanh lòng sợ hãi, chân lông dựng đứng lên, nói với

---

44. Đầu-đà pháp 頭陀法. Paøli: dhutaguònaø.

45. Paøli, S. 16. 9. Jhaønaøbhióaø. Biệt dịch, N^{0}100(117).

46. Hán: a-luyện-nhã sàng tọa xứ 阿練若床坐處. Chưa rõ ý. Biệt dịch, N^{0}100(112): "Sống ở biên địa xa xôi, trải cỏ mà nằm".

47. Y phục dương dương 衣服佯佯; bản Tống-Nguyên-Minh: bàng dương, y phục phất phơ.

48. Hán: cánh tri [illegible]. Ấn Thuận cho rằng nhảy sót chữ *bất*: "Rốt cuộc, không biết ai...".

nhau:

"Lạ thay, Tôn giả! Tôn giả ấy là Ma-ha Ca-diếp có đức độ lớn, thần lực lớn, là đệ tử của Đại Sư, được mời ngồi nửa tòa."

Khi ấy Tôn giả Ma-ha Ca-diếp chắp tay bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, Phật là Thầy con. Con là đệ tử[49]."

Phật bảo Ca-diếp:

"Thật vậy! Thật vậy! Ta là Đại Sư. Ông là đệ tử. Bây giờ ông hãy ngồi xuống, trên chỗ ngồi đã dọn sẵn."

Tôn giả Ma-ha Ca-diếp cúi đầu lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên.

Bấy giờ Thế Tôn muốn cảnh tỉnh các Tỳ-kheo nên đem những công đức rộng lớn thù thắng của Ca-diếp đã sở đắc như mình, vì đại chúng hiện tiền mà bảo các Tỳ-kheo:

"Ta đã lìa dục, pháp ác bất thiện, có giác, có quán, thành tựu và trụ Sơ thiền, hoặc ngày, hoặc đêm, hoặc ngày đêm. Ma-ha Ca-diếp cũng lại như Ta, lìa dục, pháp ác bất thiện, cho đến thành tựu và trụ Sơ thiền, hoặc ngày, hoặc đêm, hoặc ngày đêm.

"Ta muốn thành tựu và an trụ Nhị thiền, Tam thiền, Tứ thiền, hoặc ngày, hoặc đêm, hoặc ngày đêm. Ma-ha Ca-diếp cũng lại như vậy,... *cho đến* thành tựu và an trụ Tứ thiền, hoặc ngày, hoặc đêm, hoặc ngày đêm.

"Ta tùy theo sở dục mà thành tựu và an trụ Từ, Bi, Hỷ, Xả, Không nhập xứ, Thức nhập xứ, Vô sở hữu nhập xứ, Phi tưởng phi phi tưởng nhập xứ, thần thông hiện các cảnh giới, có trí thiên nhĩ, tha tâm, túc mạng, trí sanh tử và trí lậu tận, hoặc ngày, hoặc đêm, hoặc ngày đêm. Tỳ-kheo Đại Ca-diếp cũng lại như vậy,... *cho đến* thành tựu và an trụ trí lậu tận hoặc ngày, hoặc đêm, hoặc ngày đêm."

Sau khi Đức Thế Tôn ở giữa vô số đại chúng, tán thán công đức thắng diệu rộng lớn của Tôn giả Ma-ha Ca-diếp như mình rồi, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---

49. Cf. S. ii. 220: satthaø me, bhante, bhagavaø, saøvakoham asmi, "Thưa Đại đức, Thế Tôn là Thầy của tôi. Tôi là đệ tử." Câu nói khi Ca-diếp lần đầu trông thấy Phật. Bằng câu này, theo các Luật tạng, Ma-ha Ca-diếp đắc giới cụ túc, thành Tỳ-kheo.

M

KINH 1143. KHI ẤY[50]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Tôn giả Ma-ha Ca-diếp và Tôn giả A-nan đang ở trong núi Kỳ-xà-quật. Tôn giả A-nan đến chỗ Tôn giả Ca-diếp nói rằng:

"Hôm nay chúng ta có thể ra khỏi núi Kỳ-xà-quật vào thành Vương xá khất thực?"

Tôn giả Ma-ha Ca-diếp im lặng bằng lòng. Hai Tôn giả Ma-ha Ca-diếp và A-nan đắp y, ôm bát vào thành Vương xá khất thực. Tôn giả A-nan nói với Tôn giả Ma-ha Ca-diếp:

"Trời còn quá sớm, chúng ta tạm ghé qua tinh xá Tỳ-kheo-ni."

Hai vị liền ghé qua. Bấy giờ, các Tỳ-kheo-ni trông thấy Tôn giả Ca-diếp và Tôn giả A-nan từ xa đi lại, vội vàng trải sàng tòa mời ngồi. Các Tỳ-kheo-ni lễ dưới chân Tôn giả Ma-ha Ca-diếp và Tôn giả A-nan, rồi ngồi lui qua một bên. Tôn giả Ma-ha Ca-diếp vì các Tỳ-kheo-ni dùng nhiều cách thuyết pháp, chỉ bày, soi sáng và làm cho hoan hỷ. Sau khi Tôn giả chỉ bày, soi sáng và làm cho hoan hỷ xong, lúc ấy, Tỳ-kheo-ni Thâu-la Nan-đà[51] không hoan hỷ, nói ra những ác ngôn như vầy:

"Tại sao A-lê Ma-ha Ca-diếp[52] lại thuyết pháp cho Tỳ-kheo-ni trước mặt A-lê A-nan Bề-đề-ha-mâu-ni[53]? Giống như người buôn bán kim lại đem kim bán cho người làm kim? A-lê Ma-ha Ca-diếp cũng lại như vậy, thuyết pháp cho các Tỳ-kheo-ni trước mặt A-lê A-nan Bề-đề-ha-mâu-ni!"

---

50. Paøli, S. 16. 10. Upassayaö. Biệt dịch, N^{0}100(118).

51. Thâu-la Nan-đà 偷羅難陀. Paøli: Thullanandaø.

52. A-lê Ma-ha Ca-diếp 阿梨摩訶迦葉. Paøli: ayyo Mahaøkassapo. Xem cht.42, kinh 1075.

53. A-nan Bề-đề-ha-mâu-ni 阿難鞞提訶牟尼. Paøli: AØnanda Vedehamuni; sớ giải, SA.i. 120: Vedehiputto ti, vedehi paòñitaødhivacanaö etaö; paò ititthiy putto ti attho, A-nan được gọi là Ẩn sĩ Vedeha, vì là con trai của Vedehi. Vedehi đồng nghĩa với Pañita, thông thái. Nghĩa là, con trai của người đàn bà thông thái.

Tôn giả Ma-ha Ca-diếp sau khi nghe Tỳ-kheo-ni Thâu-la Nan-đà với tâm không hoan hỷ mà miệng thốt ra những ác ngôn, liền nói với Tôn giả A-nan:

"Ông có thấy Tỳ-kheo-ni Thâu-la Nan-đà với tâm không hoan hỷ mà miệng thốt ra những ác ngôn? Thế nào A-nan? Ta là người buôn kim, bán kim trước mặt người làm kim là ông chăng?"

Tôn giả A-nan nói với Tôn giả Ma-ha Ca-diếp:

"Thôi, hãy nhịn! Đó là mụ già ngu si, thiếu trí tuệ, chưa từng tu tập!"

"Này A-nan, ông chẳng đã từng nghe Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, là bậc Tri giả, Kiến giả, ở giữa đại chúng thuyết 'Nguyệt dụ kinh'[54] để giáo giới, giáo thọ rằng: 'Tỳ-kheo, hãy sống như mặt trăng, thường như người mới học'... *(chi tiết như trên)*? Đó là nói A-nan sống như mặt trăng, thường như người mới học chăng?"

Tôn giả A-nan thưa:

"Thưa Tôn giả Ma-ha Ca-diếp, không phải."

"A-nan, ông có nghe Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, là bậc Tri giả, Kiến giả, ở giữa đại chúng thuyết 'Nguyệt dụ kinh'để giáo giới, giáo thọ rằng: 'Tỳ-kheo, hãy sống như mặt trăng, thường như người mới học, thì chỉ có Ma-ha Ca-diếp'?"

A-nan đáp:

"Thưa Tôn giả Ma-ha Ca-diếp, đúng vậy."

"A-nan, ông có từng được Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, là bậc Tri giả, Kiến giả, ở giữa vô lượng đại chúng, mời đến ngồi chung chăng? Lại nữa, Thế Tôn có tán thán đức độ rộng lớn của ông bằng Ngài không? A-nan đã lìa dục, lìa pháp ác bất thiện,... *cho đến* được Ngài tán thán lậu tận thông chăng?"

Đáp:

"Thưa Tôn giả Ca-diếp, chưa!"

"Như vậy, này A-nan, Thế Tôn Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, ở giữa vô lượng đại chúng, miệng tự nói: 'Thiện lai! Ma-ha Ca-diếp! Mời ông ngồi nửa tòa.' Lại, ở giữa đại chúng có khen ngợi công đức rộng lớn của Ma-ha Ca-diếp bằng Phật; đã lìa

---

54. Xem kinh 1136.

dục, lìa pháp ác bất thiện... *cho đến* lậu tận không?"

A-nan đáp:

"Đúng vậy, thưa Tôn giả Đại Ca-diếp!"

Khi ấy Tôn giả Ma-ha Ca-diếp ở giữa chúng Tỳ-kheo-ni rống lên tiếng rống sư tử.

M

KINH 1144. CHÚNG GIẢM THIỂU[55]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Tôn giả Ma-ha Ca-diếp và Tôn giả A-nan ở trong núi Kỳ-xà-quật, thành Vương xá, sau khi Thế Tôn Niết-bàn chưa bao lâu.

Bấy giờ, gặp lúc mất mùa, đói kém, nên đi khất thực rất khó được. Lúc này, có nhiều Tỳ-kheo tuổi trẻ đi theo Tôn giả A-nan, không khéo nhiếp hộ các căn, ăn uống không biết lượng, nên không thể từ đầu đêm đến cuối đêm tinh cần thiền định tư duy, chỉ ưa đắm vào ngủ nghỉ, thường cầu lợi lộc ở đời. Họ du hành nhân gian đến Nam Thiên trúc[56], có ba mươi Tỳ-kheo tuổi trẻ xả giới hoàn tục, chỉ còn lại mấy chú trẻ nhỏ[57]. Lúc ấy, Tôn giả A-nan du hành ở nước Nam sơn[58], vì thấy đồ chúng còn ít nên trở lại Vương xá. Tôn giả cất y bát, rửa chân xong, đến chỗ Tôn giả Ma-ha Ca-diếp, cúi đầu lễ dưới chân Tôn giả, ngồi lui qua một bên. Lúc ấy, Tôn giả Ma-ha Ca-diếp hỏi Tôn giả A-nan:

"Ông từ đâu đến mà đồ chúng quá ít?"

A-nan đáp:

"Từ nước Nam sơn, du hành trong nhân gian, có ba mươi Tỳ-kheo tuổi trẻ xả giới hoàn tục, đồ chúng giảm, nay còn lại phần nhiều là các trẻ nhỏ."

Tôn giả Ma-ha Ca-diếp nói với A-nan rằng:

"Có bao nhiêu phước lợi mà Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh

---

55. Paøli, S. 16. 11. Cìvaraö. Biệt dịch, N^{0}100(119).

56. Nam Thiên trúc 南天竺. Đây chỉ địa phương phía nam Ma-kiệt-đà, không phải Nam Ấn. Bản Paøli không đề cập.

57. Hán: đồng tử 童子. Paøli: kumaørabhuøtaø, con nít.

58. Nam sơn quốc thổ 南山國土. Dakkhiòagiri, tên tiểu quốc ở phía Nam Vương xá.

Giác, bậc Tri giả, Kiến giả, chế giới cho phép ba người trở lên cùng ăn chung[59]?”

A-nan đáp:

“Vì hai việc. Những gì là hai? Một là nhà nghèo ít của. Hai là những người ác lập bạn đảng phá hoại nhau. Chớ để những người ác mang danh là chúng, sống ở trong Tăng làm chướng ngại đại chúng, phân làm hai phe hiềm khích tranh đấu lẫn nhau.”

Tôn giả Ma-ha Ca-diếp bảo A-nan:

“Ông biết nghĩa này, vì sao vào lúc đói kém lại cùng nhiều đệ tử niên thiếu du hành nước Nam sơn, làm cho ba mươi người xả giới hoàn tục, đồ chúng tổn giảm chỉ còn lại đa số là các trẻ nhỏ? A-nan, đồ chúng của ông sụt giảm. Ông chỉ là trẻ con, vì không biết trù lượng.”

A-nan thưa:

“Thế nào, đầu tôi đã hai thứ tóc mà vẫn còn gọi tôi là trẻ nhỏ sao, thưa Tôn giả Ma-ha Ca-diếp? “

Tôn giả Ma-ha Ca-diếp nói:

“Vào thời buổi đói kém, mà ông cùng nhiều đệ tử tuổi trẻ du hành trong nhân gian, lại để cho ba mươi người xả giới hoàn tục, chỉ còn lại các trẻ nhỏ. Đồ chúng tiêu giảm, không biết trù lượng, để cho đồ chúng niên thiếu bại hoại[60]. Chúng của A-nan đã tan hết. Này A-nan, ông là trẻ con, không biết trù lượng.”

Khi ấy Tỳ-kheo-ni Đê-xá[61] nghe Tôn giả Ca-diếp dùng từ trẻ con để quở trách Tôn giả A-nan Bề-đề-ha-mâu-ni; nghe rồi không vui thích, bèn thốt ra những lời không tốt: “Tại sao A-lê Ma-ha Ca-diếp vốn là gốc ngoại đạo mà lại dám dùng từ trẻ con để quở trách A-lê A-nan Bề-đề-ha-mâu-ni, khiến cho cái danh trẻ con lan ra.”

Tôn giả Ca-diếp dùng thiên nhĩ nghe được những ác ngôn thốt ra

---

59. Hán dịch đoạn này không rõ nghĩa. Paøli: tikabhojana, một bữa ăn chỉ ba người (trở xuống). Luật Tỳ-kheo gọi là “Biệt chúng thực”; Tứ phần, Ba-dật-đề 33; Ngũ phần, Ba-dật-đề 32; Tăng-kỳ, Ba-dật-đề 40; Paøli, paøcittiya 32: gaòabhojana. Bốn Tỳ-kheo trở lên thành một nhóm, tách ra khỏi Tăng, cùng đi khất thực chung và cùng ăn chung tại một nhà thí chủ, gọi là Biệt chúng thực.

60. Hán: túc sĩ chúng hoại ±J Øh 23 ã, chúng kỳ cựu bị phá hoại. Paøli: palujjanti... navappayaø.

61. Đê-xá 低舍. Paøli: Thullatissaø.

từ miệng Tỳ-kheo-ni Đê-xá khi lòng không hoan hỷ. Nghe xong nói với Tôn giả A-nan rằng:

"Ông có thấy Tỳ-kheo-ni Đê-xá, tâm không hoan hỷ, miệng thốt ra những lời nói ác: 'Ma-ha Ca-diếp gốc từ ngoại đạo mà dám quở trách A-lê A-nan Bề-đề-ha-mâu-ni, khiến cho cái danh trẻ con lan ra?"

Tôn giả A-nan đáp:

"Xin thôi! Tôn giả Ma-ha Ca-diếp! Hãy nhịn! Tôn giả Ma-ha Ca-diếp! Đó là mụ già ngu si, không có trí tự tánh."

Tôn giả Ma-ha Ca-diếp nói với A-nan:

"Từ khi ta xuất gia đến nay, không biết có vị thầy nào khác, ngoài Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác ra. Khi chưa xuất gia ta thường suy nghĩ đến sanh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não. Biết là tại gia công việc bận rộn, nhiều phiền não, nếu xuất gia sống không nhàn, người thế tục thì khó sống đời sống không nhà, một mực trong sạch, suốt đời thuần nhất thanh tịnh tràn đầy, phạm hạnh thanh bạch, nên ta đã cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chánh tín, xuất gia học đạo, không nhà; đem y quý, trị giá trăm ngàn lượng vàng cắt nhỏ từng mảnh may thành Tăng-già-lê. Nếu nghe ở thế gian có A-la-hán nào, thì đi theo xuất gia. Sau khi xuất gia rồi, ta gặp Thế Tôn, thân ngồi ngay thẳng, tướng tốt kỳ lạ, các căn tịch tĩnh vắng lặng không gì bằng, giống như núi vàng, ở khoảng giữa tụ lạc Na-la[62] thành Vương xá và tháp Đa tử[63]. Khi ta thấy rồi, tự nghĩ: 'Đây là Thầy ta. Đây là Thế Tôn. Đây là La-hán, đây là Đẳng Chánh Giác.' Lúc ấy, Ta nhất tâm chắp tay kính lễ bạch Phật:

"Ngài là Đại Sư con. Con là đệ tử!"

Phật bảo ta rằng:

"Thật vậy, Ca-diếp! Ta là Thầy của ông. Ông là đệ tử. Này Ca-diếp, nay ông đã thành tựu tâm thanh tịnh chân thật, ông là người đáng cung kính. Người không biết, nói biết, không thấy, nói thấy; người thật không phải A-la-hán, mà nhận là A-la-hán; người không phải Đẳng Chánh Giác mà nói là Đẳng Chánh Giác, thì tự nhiên thân

62. Na-la tụ lạc 那羅聚落. Paøli: Naôanda.

63. Đa tử tháp 多子塔. Paøli: Bahuputta-cetiya.

họ sẽ bị nát thành bảy mảnh. Này Ca-diếp, nay Ta biết, nên nói biết; thấy, nên nói thấy; thật A-la-hán nói A-la-hán; thật Đẳng Chánh Giác nói Đẳng Chánh Giác. Này Ca-diếp, nay Ta có nhân duyên vì Thanh văn thuyết pháp, không phải không có nhân duyên; có y cứ không phải không y cứ, có thần lực không phải không thần lực. Cho nên, này Ca-diếp, nếu muốn nghe pháp phải học như vậy; nếu vì nghĩa lợi, vì hữu ích, muốn nghe pháp, thì phải một lòng cung kính tôn trọng, chuyên tâm lắng nghe và tự nghĩ rằng: Đối với sự sanh diệt của ngũ ấm, sự tập khởi, sự diệt tận của lục xúc nhập xứ, ta phải chánh quán. Đối với tứ niệm xứ, phải chánh niệm lạc trụ; tu tập bảy Giác phần, tám giải thoát, tự thân tác chứng; lúc nào cũng nghĩ thân này chưa từng đoạn tuyệt, xa lìa sự không tàm quý. Đối với phạm hạnh và đạo đức của Đại Sư, thường giữ tâm tàm quý, nên học tập như vậy.

"Bấy giờ, Thế Tôn vì ta mà thuyết pháp, khai thị, chỉ giáo, soi sáng làm cho ta hoan hỷ. Sau khi khai thị, chỉ giáo, soi sáng, làm cho ta hoan hỷ rồi, từ chỗ ngồi đứng dậy đi, ta cũng đi theo về trụ xứ. Ta lấy cái y giá trị trăm ngàn lượng vàng cắt may thành Tăng-già-lê, gấp bốn làm tòa ngồi. Bấy giờ, Thế Tôn biết ta chí tâm cầu đạo. Ta trải y ra làm tọa cụ thỉnh Phật ngồi. Thế Tôn ngồi xuống, lấy tay sờ y khen rằng:

"Ca-diếp, y này nhẹ mịn, mềm mại."

Lúc ấy, ta thưa:

"Đúng vậy, bạch Thế Tôn, y này nhẹ mịn, mềm mại, xin Thế Tôn nhận y này của con."

Phật bảo Ca-diếp:

"Ông nên nhận y phấn tảo của Ta, Ta sẽ nhận y Tăng-già-lê của ông."

Phật liền tự tay trao y phấn tảo trao cho ta. Ta liền dâng Tăng-già-lê cho Phật. Rồi lần lượt giáo thọ như vậy, trong vòng tám ngày, ta đã học pháp lãnh thọ nơi khất thực, cho đến ngày thứ chín, ta đạt đến Vô học. Này A-nan, nếu có ai hỏi thẳng: 'Ai là Pháp tử của Thế Tôn, từ miệng Phật sanh, từ pháp hóa sanh, được giao phó gia tài Phật pháp và các thiền giải thoát, tam-muội chánh thọ?' Thì nên đáp, đó là ta. Như vậy là nói chân chánh.

"Giống như người con trưởng thứ nhất của Chuyển luân Thánh

vương, sẽ bằng phép quán đảnh mà ngồi lên vương vị, hưởng thụ ngũ dục của vua, không phải dùng phương tiện khổ, tự nhiên hưởng được. Ta cũng như vậy, là Pháp tử của Phật, từ miệng Phật sanh, từ pháp hóa sanh, đắc pháp và pháp tài khác như thiền định, giải thoát, tam-muội chánh thọ, không phải dùng phương tiện khổ, mà tự nhiên được.

"Thí như voi báu của Chuyển luân Thánh vương cao bảy, tám khuỷu tay mà một lá đa-la có thể che rợp. Cũng vậy, sáu thần thông trí thành tựu của ta có thể che rợp. Nếu đối với cảnh giới thần thông và trí chứng, có người nào nghi hoặc, ta có thể vì họ phân biệt, ký thuyết về thiên nhĩ, tha tâm thông, túc mạng trí, sanh tử trí, lậu tận, tác chứng trí thông. Nếu có người nào nghi hoặc, ta có thể vì họ phân biệt, ký thuyết, khiến họ được quyết định."

Tôn giả A-nan thưa Tôn giả Ma-ha Ca-diếp:

"Đúng vậy! Đúng vậy! Thưa Tôn giả Ma-ha Ca-diếp, như voi báu của Chuyển luân Thánh vương cao bảy, tám khuỷu tay mà dùng một lá đa-la có thể che rợp. Cũng vậy, Tôn giả Ma-ha Ca-diếp, sáu thần thông trí có thể che rợp. Nếu có người nào nghi hoặc về cảnh giới thần thông, tác chứng trí... *cho đến* lậu tận, tác chứng trí, Tôn giả Ma-ha Ca-diếp có thể vì họ ký thuyết khiến họ được quyết định. Đối với Tôn giả Ma-ha Ca-diếp tôi luôn luôn kính tín tôn trọng."

Vì có thần lực đức độ lớn như vậy, nên khi Tôn giả Đại Ca-diếp nói những lời này, Tôn giả A-nan nghe những gì ngài nói, hoan hỷ thọ trì.

❑

TẠP A-HÀM QUYỂN 42

KINH 1145. ƯNG THÍ[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc[2] đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, nên thí cho những người nào?"

Phật đáp:

"Đại vương, tùy vào sở thích của tâm."

Vua Ba-tư-nặc lại bạch Phật:

"Nên thí chỗ nào để được quả báo lớn?"

Phật đáp:

"Đại vương, đây là câu hỏi khác. Câu hỏi: 'Nên thí chỗ nào', đây là một câu hỏi khác. Lại hỏi: 'Thí chỗ nào sẽ được quả báo lớn', đây lại là câu hỏi khác.[3]

"Bây giờ Ta hỏi Đại vương và cứ tùy ý trả lời Ta:

"Này Đại vương, giả sử nước này, khi lâm trận chiến đấu, tập hợp các chiến sĩ, trong đó có một người con trai của Bà-la-môn từ phương Đông đến, tuổi nhỏ, ấu trĩ, yếu ớt, đoan chánh, da trắng, tóc đen, không tập võ nghệ, không học sách lược chiến thuật, sợ hãi rút lui, khiếp nhược không thể tự an được, không dám nhìn kẻ địch, hoặc đâm hay bắn, không có phương tiện, nên không thể đả thương địch. Thế nào, Đại vương, người như vậy Đại vương có thưởng không[4]?"

Vua bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, không thưởng."

"Cũng vậy Đại vương, có đồng tử Sát-lợi từ phương Nam đến.

---

1. Đại Chánh, quyển 42. Quốc Dịch, quyển 36, "Tụng vii Kệ; 4. Tương ưng Câu-tát-la", phẩm 2 tiếp theo. Ấn Thuận, "Tụng viii Tám chúng; 20. Tương ưng Sát-lợi" tiếp theo (Đại Chánh quyển 40, kinh 1226-1239). Phật Quang, quyển 42. Đại Chánh kinh 1145, Paøli, S. 3. 3. Issattha. Biệt dịch, N^{0}100(68).
2. Ba-tư-nặc 波斯匿. Paøli: Pasenadi.
3. Paøli: kattha daønaö daøtabbaö, "sự cho cần được cho ở đâu?"; kattha dinnaö mahapphalaö, "vật cho ở đâu có kết quả lớn?"
4. Paøli: bhareyyaøsi taö purisaö, "Vua có phù trì người ấy không?"

Đồng tử Bề-xá từ phương Tây tới. Đồng tử Thủ-đà-la từ phương Bắc tới, không có võ thuật, giống như con trai của Bà-la-môn từ phương Đông. Vua có thưởng không?"

Vua bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, không thưởng."

Phật hỏi Đại vương:

"Khi nước này tập hợp quân vào trận chiến đấu, có đồng tử Bà-la-môn từ phương Đông đến, trẻ tuổi, đoan chánh, da trắng tóc đen, giỏi võ nghệ, biết cách chiến đấu, dũng cảm không sợ hãi, khổ chiến không rút lui, đứng yên xem xét tình hình, múa đao cự địch có thể làm thương tổn, phá hoại. Thế nào, Đại vương, người như vậy Đại vương có trọng thưởng không?"

Vua bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, sẽ trọng thưởng."

"Cũng vậy, Đại vương, có đồng tử Sát-lợi từ phương Nam đến. Đồng tử Bề-xá từ phương Tây tới. Đồng tử Thủ-đà-la từ phương Bắc tới, trẻ tuổi, đoan chánh, da trắng tóc đen, giỏi võ nghệ, biết cách chiến đấu, dũng cảm không sợ hãi, khổ chiến cự địch, đều như những đồng tử Bà-la-môn từ phương Đông đến. Những chiến sĩ như vậy, nhà vua có thưởng không?"

Vua bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, sẽ trọng thưởng."

Phật nói:

"Này Đại vương, cũng vậy, Sa-môn, Bà-la-môn, xa lìa năm chi, thành tựu năm chi, kiến lập phước điền; nếu ai thí vào ruộng phước này thì được phước lợi lớn, được quả báo lớn. Những gì là lìa bỏ năm chi? Tham dục cái, sân nhuế, ngu si, trạo hối, nghi cái đã đoạn, đã biến tri. Đó gọi là lìa bỏ năm chi. Những gì là thành tựu năm chi? Thành tựu giới thân vô học, định thân vô học, tuệ thân, giải thoát thân, giải thoát tri kiến thân. Đó gọi là thành tựu năm chi.

"Này Đại vương, người nào lìa bỏ năm chi, thành tựu năm chi, kiến lập phước điền; thí vào ruộng phước này thì sẽ được quả báo lớn."

Bấy giờ, Thế Tôn lại nói kệ:

Múa kiếm chiến đấu giỏi,

Là dũng sĩ kham năng.
Vì họ người chiến đấu,
Nên theo công trọng thưởng.
Không thưởng dòng danh tiếng,
Người khiếp nhược, yếu hèn.
Nhẫn nhục tu hiền lương,
Thấy Đế, lập phước điền.
Đủ luật nghi Hiền thánh,
Thành tựu trí thâm diệu;
Dòng họ tuy thấp hén,
Kham làm ruộng phước thí.
Y thực, tiền, của báu,
Giường nằm cùng các loại;
Đều nên thí cung kính,
Do trì giới thanh tịnh.
Mé rừng vắng, xa người,
Đào giếng, cấp bộ hành.
Bắc cầu qua khe suối.
Làm quán trọ đường xa.
Chúng đa văn giới đức,
Đi đường được dừng nghỉ.
Thí như mây dầy giăng,
Sấm chớp vọng vang rền;
Mưa rơi khắp mặt đất,
Trăm cỏ chen nhau vươn;
Cầm thú thảy vui vẻ,
Nông phu cũng vui mừng.
Cũng vậy, tâm tịnh tín,
Văn, tuệ, xả keo bẩn;
Tiền của, ăn uống đủ,
Thường thí ruộng phước tốt.
Xướng lớn, càng ưa thí[5],

5. Hán: cao xướng tăng hoan thọ [illegible] (bản Cao-ly: ái [illegible]). Paøli: aømodamaøno pakireti, detha dethaøti bhaøsati, phân phát với tâm hoan hỷ, người

Như sấm mưa ruộng tốt;
Công đức chảy nhuần khắp,
Thấm ướt tâm thí chủ.
Được nổi tiếng, giàu có,
Và quả lớn Niết-bàn.

Phật nói kinh này xong, vua Ba-tư-nặc nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, làm lễ ra về.

M

KINH 1146. SÁNG TỐI[6]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

"Thế nào, bạch Thế Tôn, Bà-la-môn chết rồi có sanh trở lại dòng Bà-la-môn hay sanh vào nhà Sát-lợi, Tỳ-xá, Thủ-đà-la?"

Phật nói:

"Này Đại vương, sao được như vậy! Đại vương nên biết, có bốn loại người. Những gì là bốn? Có một loại người từ tối vào tối; có một loại người từ tối vào sáng; có một loại người từ sáng vào tối; và có một loại người từ sáng vào sáng.

"Đại vương, thế nào là loại người từ tối vào tối? Có người sanh vào nhà thuộc dòng thấp hèn, như sanh vào nhà Chiên-đà-la, nhà người săn bắn, bắt cá, làm đồ tre, nhà người kéo xe và những nhà làm nghề nghiệp công xảo hạ tiện khác; bần cùng, đoản mạng, hình thể tiều tụy mà lại tu hành theo nghiệp thấp kém, cũng lại bị người hạ tiện sai khiến. Đó gọi là tối. Ở trong chỗ tối này, thân lại làm việc ác, miệng nói lời ác, ý nghĩ điều ác. Vì những lý do này, khi thân hoại mạng chung, sẽ sanh vào đường ác, rơi vào trong địa ngục. Giống như người từ tối vào tối, từ nhà xí vào nhà xí, lấy máu rửa máu[7], bỏ ác lấy

---

ấy nói, "Hãy bố thí! Hãy bố thí."

6. Paøli, S.3.21. Puggala. Biệt dịch, N^{0}100(69).

7. Paøli: lohitamalaø vaø lohitamalaö gaccheyya, từ chỗ vấy bẩn máu đi đến chỗ vấy

ác. Người từ tối vào tối cũng lại như vậy, cho nên gọi là từ tối vào tối.

"Thế nào là từ tối vào sáng? Người sanh vào nhà thấp hèn cho đến bị người sai làm những điều hèn hạ. Đó gọi là tối. Nhưng người ở trong tối này, thân làm việc lành, miệng nói lời lành, ý nghĩ điều lành; vì những lý do này, khi thân hoại mạng chung, người ấy sanh vào đường lành, được hóa sanh cõi trời. Thí như người lên giường[8], cỡi ngựa, từ ngựa tiến lên voi; từ tối vào sáng cũng lại như vậy. Đó gọi là người từ tối vào sáng.

"Thế nào là người từ sáng vào tối? Có người đời sanh vào gia đình giàu sang khoái lạc như nhà dòng lớn Sát-đế-lợi, dòng lớn Bà-la-môn, nhà dòng lớn Trưởng giả, cùng sanh vào những gia đình giàu có khoái lạc khác, có nhiều tiền bạc, của cải, nô tỳ, người sai khiến, nhóm họp nhiều người thân quen, thân thể đoan chánh, thông minh trí tuệ. Đó gọi là sáng. Ở trong chỗ sáng này, thân làm điều ác, miệng nói lời ác, ý nghĩ điều ác. Vì lý do này, khi thân hoại mạng chung, sanh vào đường ác, rơi vào trong địa ngục. Giống như có người từ lầu cao, xuống cưỡi voi lớn, xuống voi lớn cưỡi ngựa, xuống ngựa đi xe, xuống xe ngồi giường, xuống giường đi đất, từ đất rơi xuống hầm hố. Người từ sáng vào tối lại cũng như vậy.

"Thế nào là có người từ sáng vào sáng? Có người sanh vào nhà giàu sang vui vẻ,... *cho đến* hình tướng đoan nghiêm. Đây gọi là sáng. Ở trong chỗ sáng này, thân làm việc lành, miệng nói lời lành, ý nghĩ điều lành. Vì lý do này, khi thân hoại mạng chung, sanh lên đường lành, được hóa thân cõi trời. Giống như có người từ lầu quán đến lầu quán;... *cho đến* từ giường đến giường; người từ sáng vào sáng cũng lại như vậy. Đó gọi là từ sáng vào sáng."

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ:

Người bần cùng khốn khổ,
Không tín, thêm sân hận;
Tưởng tà ác, xan tham,
Si mê không cung kính.

---

bẩn máu.

8. Hán: đăng sàng 登床. Paøli: pathaviyaø pallaíkaö aøroheyya, "người từ đất nhảy lên kiệu".

Gặp Sa-môn, đạo sĩ,
Người đa văn, trì giới;
Hủy báng, không khen ngợi,
Ngăn người cho và nhận.
Những người như vậy đó,
Từ nay đến đời khác,
Sẽ đọa vào địa ngục;
Là từ tối vào tối.
Nếu có người bần cùng,
Tín tâm, ít sân hận;
Thường sanh tâm tàm quý,
Bố thí lìa keo bẩn.
Gặp Sa-môn, Phạm chí,
Người đa văn, trì giới;
Khiêm cung mà thưa hỏi,
Tùy nghi khéo cúng cấp.
Khuyên người nên bố thí,
Khen người cho và nhận.
Người tu thiện như vậy,
Từ nay đến đời khác.
Sanh đường lành cõi trời,
Là từ tối vào sáng.
Người giàu có khoái lạc,
Không tín, nhiều sân hận;
Tưởng ác, xan tham, tật,
Tà mê không cung kính.
Gặp Sa-môn, Phạm chí,
Hủy báng không khen ngợi;
Cản trở người bố thí,
Và ngăn người đến nhận.
Những người ác như vậy,
Từ nay đến đời sau,
Rơi vào khổ địa ngục;
Là từ sáng vào tối.
Nếu người giàu của cải,

Tín tâm, không sân hận;
Thường sanh tâm tàm quý,
Bố thí, lìa sân nhuế.
Gặp Sa-môn, Phạm chí,
Người đa văn, trì giới,
Trước nghinh tiếp thưa hỏi,
Tùy nghi cấp vật cần.
Khuyên người nên cúng dường,
Khen người cho và nhận.
Những người như thế đó,
Đời này đến đời sau,
Sanh cõi Tam thập tam,
Là từ sáng vào sáng.

Phật nói kinh này xong, vua Ba-tư-nặc nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ tùy hỷ, làm lễ ra về.

M

KINH 1147. NÚI ĐÁ[9]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ sáng sớm[10], vua Ba-tư-nặc thân dính đầy bụi bặm, đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên.

Phật hỏi:

"Đại vương từ đâu đến?"

Vua đáp:

"Bạch Thế Tôn, con theo pháp của Quán đảnh vương[11], tự tại

9. Paøli, S.3.25. Pabbatuøpamaø. Biệt dịch, N^{0}100(70).

10. Bản Cao-ly, Ấn Thuận: nhật nhật 日日 ; mỗi ngày. Biệt dịch: nhật trung 日中 giữa trưa. Phật Quang: bạch nhật 白日 ban ngày. Paøli: divaødivassa, buổi sáng sớm.

11. Quán đảnh vương. Paøli: Khattiya-muddhaøvasitta-raøjan, vua thuộc dòng Sát-đế-lợi, đăng quang bằng phép quán đảnh.

trong loài người[12], tinh cần phương tiện, thống lĩnh cõi đất, thống lý vương sự, sau khi đi xem xét mọi nơi rồi đến đây."

Phật bảo Đại vương:

"Nay hỏi Đại vương, cứ tùy ý trả lời Ta. Thí như có người từ phương Đông lại, có tín, có duyên[13], chưa từng giả dối, đến tâu với vua rằng: 'Tôi từ phương Đông lại, thấy một núi đá, rất vuông vức to lớn, không bị đục thủng, không bị phá hoại, cũng không xói lở, đang nghiền đất mà đến. Tất cả cây cỏ và sanh vật đều bị nghiền nát.' Từ phương Nam, Tây, Bắc cũng có người đến, có tín, có duyên, chưa từng giả dối, đến tâu với vua rằng: 'Tôi thấy một núi đá rất vuông vức to lớn, không bị đục thủng, không bị phá hoại, cũng không xói lở, đang nghiền đất mà đến. Tất cả cây cỏ và sanh vật đều bị nghiền nát.' Ý Đại vương thế nào? Sự việc khủng bố, hiểm ác, chết chóc lớn lao như vậy xảy đến; vận của chúng sanh đã hết; sanh làm người thật khó. Đại vương sẽ phải tính sao?"

Vua bạch Phật:

"Nếu như vậy, thì không còn cách tính nào khác, chỉ còn cách tu thiện, chuyên tâm phương tiện nơi Pháp luật của Phật."

Phật bảo Đại vương:

"Cớ sao lại nói là những chuyện hiểm ác khủng bố chợt xảy đến cho đời, vận của chúng sanh đã hết, thân người khó được; chỉ còn phải thực hành theo pháp, hành nghĩa, hành phước, phải chuyên tinh phương tiện nơi giáo pháp của Phật? Vì sao không nói, địa vị của Quán đảnh vương, đứng đầu trên mọi người, uy quyền tự tại, thống lãnh đại địa, sự vụ, nhân dân để đối phó sự việc ấy?"

Vua bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, đó là nói khi thanh bình, thì vương vị quán đảnh là đứng đầu mọi người, thống lãnh cõi đất, để doanh lý mọi việc. Dùng tài sản đấu tài sản. Dùng voi đấu voi. Dùng xe đấu xe. Dùng bộ đấu bộ. Hoặc thắng hoặc bại, ngay lúc đó không thể tự chủ. Cho nên, con nói đến khi sự việc hiểm ác khủng bố xảy đến, chúng sanh vận

---

12. Paøli: issariyamadamattaö, kiêu hãnh với vương quyền.

13. Hán: hữu tín, hữu duyên 有信有緣. Paøli: saddhaøyiko paccayiko, người thân tín, đáng tin cậy.

cùng, thân người khó được; khi đó không có kế nào khác, mà chỉ còn có thực hành theo pháp, hành nghĩa, hành phước, chuyên tâm quay về nương tựa nơi giáo pháp của Phật."

Phật bảo Đại vương:

"Đúng thế! Đúng thế! Thường xuyên bị nghiền nát, nghĩa là kiếp ác, già, bệnh, chết, khổ, não nghiền nát chúng sanh, sẽ phải làm sao? Chính là phải tu nghĩa, tu phước, tu thiện, tu từ, ở trong Phật pháp tinh cần phương tiện."

Bấy giờ, Phật nói kệ:

Như có núi đá lớn,
Cao rộng không hoại khuyết;
Khắp từ bốn phương đến,
Nghiền nát đại địa này.
Không binh mã, chú thuật,
Sức mạnh để phòng ngự.
Kiếp ác, già, bệnh, chết,
Thường nghiền nát chúng sanh.
Bốn chủng tộc, dòng lớn,
Thợ săn, Chiên-đà-la,
Tại gia và xuất gia,
Người trì giới, phạm giới.
Tất cả bị nghiền nát,
Không ai cứu hộ được.
Cho nên người trí tuệ,
Quán sát lợi tự mình.
Kiến lập lòng tin sạch,
Tin Phật, Pháp, Tăng bảo;
Thân, khẩu, ý thanh tịnh,
Tùy thuận theo Chánh pháp.
Đời này được tiếng khen,
Mạng chung sanh lên trời.

Phật nói kinh này xong, vua Ba-tư-nặc nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ tùy hỷ, làm lễ ra về.

M

KINH 1148. XÀ-KỲ-LA[14]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên.

Khi ấy có bảy người Ni-kiền Tử, bảy người Xà-kỳ-la[15], bảy người Nhất-xá-la[16], thân thể thô lớn, đang đi lượn quanh, rồi đứng trước của tinh xá Kỳ-hoàn. Vua Ba-tư-nặc từ xa trông thấy họ đang lượn quanh ngoài cửa, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đi ra trước cửa, chấp tay bạch hỏi và tự xưng tên ba lần: "Tôi là vua Ba-tư-nặc, vua xứ Câu-tát-la."

Bấy giờ, Phật hỏi vua:

"Vì cớ gì, hôm nay bệ hạ lại cung kính những người đó, chấp tay thưa hỏi, ba lần xưng tên họ?"

Vua bạch Phật:

"Con tự nghĩ ở thế gian nếu có những vị A-la-hán, thì chính họ là những vị đó."

Phật dạy bảo vua Ba-tư-nặc:

"Này bệ hạ, thôi đủ rồi. Chính bệ hạ cũng không phân biệt được đó có phải là A-la-hán thật, hay không phải là A-la-hán, vì không có được tha tâm trí. Vả lại cần phải gần gũi, xem xét giới hạnh của họ[17], một thời gian lâu mới có thể biết được; chớ tự quyết vội vàng. Hãy xem xét kỹ, không chỉ hời hợt[18]; hãy dùng trí tuệ, chớ không phải vô trí. Phải kinh qua các khổ cực khó khăn, mới có

---

14. Paøli, S.3.11. Jaæila. Biệt dịch, N^{0}100(71).

15. Xà-kỳ-la 闍祇羅. Paøli: Jaæila, đạo sĩ bện tóc.

16. Nhất-xá-la 一舍羅. Paøli: ekasaøæaka, ngoại đạo một y (khoác một mảnh vải duy nhất).

17. Paøli: saövaøsena … sìlaö veditabbaö, bằng sự sống chung mà biết được giới hạnh của một người.

18. Paøli: saövohaørena … soceyyaö veditbbaö, bằng nghiệp vụ chung mới biết được sự thanh tịnh của một người.

khả năng tự mình biện biệt[19], đối chiếu so sánh, thật giả sẽ phân biệt được. Thấy lời nói mới biết sự sáng suốt[20], chứ không thể phân biệt vội vàng, cần phải dùng trí tuệ tư duy quán sát."

Vua bạch Phật:

"Lạ thay! Bạch Thế Tôn, khéo nói lý này. Phải tiếp xúc chuyện trò một thời gian lâu, quán sát giới hạnh của họ... *cho đến* thấy sự nói năng hiểu biết rõ ràng.

"Con có người nhà cũng đi xuất gia. Mang hình tướng cũng như những người này, đi khắp các nước và khi trở về lại, khi cởi bỏ y phục kia, là trở lại hưởng thọ ngũ dục. Cho nên, nên biết, Thế Tôn nói đúng, nên cùng họ sống chung để xem xét giới hạnh của họ,... *cho đến* nói năng mà biết có trí tuệ."

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ:

Không do thấy hình tướng,
Biết thiện ác của người.
Không phải vừa gặp nhau,
Mà cùng đồng tâm chí.
Điều kín hiện thân, miệng,
Tâm tục không kiểm thúc;
Giống như miếng đồng xi[21]*,*
Thếp lên lớp vàng ròng.
Trong ôm lòng tạp mọn,
Ngoài hiện oai nghi Thánh;
Đi khắp các quốc độ,
Lừa dối khắp thế gian.

Phật nói kinh này xong, vua Ba-tư-nặc nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ tùy hỷ, làm lễ ra về.

M

---

19. Paøli: aøpadaøsu… thaømo veditabbo, trong những khổ nạn mới biết sức chịu đựng của một người.

20. Hán: kiến thuyết tri minh 見說知明. Paøli: saøkacchaøya … paóóaø viditabbaø, cùng đàm luận mới biết trí tuệ của một người.

21. Đại Chánh: 鍮石銅? Ấn Thuận, Phật Quang: thâu thạch đồng 鍮石銅, loại đồng đỏ. Paøli: patiruøpako mattikakuíñalo, hoa tai bằng đất sét được thếp vàng.

KINH 1149. BẢY VUA[22]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, đứng đầu vua Ba-tư-nặc cùng bảy vị quốc vương[23] và các vị đại thần cùng họp nhau bàn luận như vầy:

"Trong ngũ dục, cái nào nhất?"

Có người nói:

"Sắc là nhất."

Lại có người nói:

"Thanh, hương, vị, xúc là nhất."

Trong đó có người nói:

"Chúng ta mỗi người đều cho của mình là nhất, rốt cùng không thể phán định. Hãy cùng nhau đến Thế Tôn, hỏi về nghĩa này. Cứ theo lời dạy Thế Tôn, sẽ cùng nhau ghi nhớ thọ trì."

Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc dẫn đầu bảy vị quốc vương và các đại thần, quyến thuộc, đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên, bạch Phật rằng:

"Bạch Thế Tôn, chúng con bảy vị quốc vương và các đại thần, bàn luận như vầy: 'Công năng năm thứ dục lạc, thứ nào hơn hết?' Trong số này, có người nói sắc là hơn hết; có người nói thanh là hơn hết; có người nói hương là hơn hết; có người nói vị là hơn hết; có người nói xúc là hơn hết. Cuối cùng không thể quyết định, nên đến hỏi Thế Tôn, rốt cùng cái nào hơn hết?"

Phật bảo các vua:

"Mỗi người đều nói lên theo ý thích của mình, còn Ta thì nói khác. Vì lý do này, Ta nói về năm công năng của dục. Nhưng đối với sắc, có người tự vừa ý, chỉ yêu mến một thứ sắc, là thỏa mãn chí nguyện của mình. Giả sử có những sắc đẹp hơn, nhưng không phải sở ái của họ, thì sẽ không đụng đến, không ngó ngàng đến. Nên chỉ nói thứ sắc sở ái của mình là nhất không còn sắc nào vượt lên trên nó. Như người yêu mến sắc; thanh, hương, vị, xúc cũng đều như vậy;

---

22. Paøli, S.3.12. Paócaraøjaøno. Biệt dịch, N^{0}100(72); N^{0}125(33.1).

23. Paøli: năm vua.

những gì mình sở ái, thì liền cho đó là tối thắng, rồi hoan hỷ, ưa đắm. Cho dù có thứ vượt trên thứ đó nữa, nhưng vì không phải là sở dục của họ, nên họ không đụng đến, không ngó ngàng đến. Chỉ có những gì ta yêu là tối thắng tối diệu, không gì so sánh, không gì trên được."

Bấy giờ giữa chúng có một Ưu-bà-tắc tên là Chiên-đàn[24] từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, bày vai hữu, chắp tay bạch Phật rằng:

"Thế Tôn khéo nói! Thiện Thệ khéo nói!"

Phật bảo Ưu-bà-tắc:

"Chiên-đàn khéo nói! Chiên-đàn, hãy nói đi!"

Khi ấy Ưu-bà-tắc Chiên-đàn liền nói kệ rằng:

Vua Ương-già quý tộc,
Đeo ngọc, giáp anh lạc.
Dân Ma-kiệt vui họp,
Như Lai hiện nước này;
Tiếng đồn vang khắp nơi,
Như núi chúa Tuyết sơn;
Như hoa sen thanh tịnh,
Trong sạch không vết nhơ,
Nở theo ánh mặt trời,
Hương thơm xông khắp nước.
Hiện sáng nước Ương-kỳ[25]*,*
Như mặt trời giữa không.
Quán tuệ lực Như Lai,
Như đêm đốt đuốc sáng;
Là mắt, ánh sáng lớn,
Đến Người vì quyết nghi.

Khi ấy các quốc vương đều khen rằng:

"Ưu-bà-tắc Chiên-đàn khéo nói!"

---

24. Chiên-đàn Ưu-bà-tắc 栴檀優婆塞. Paøli: Candanaígaliko upaøsako.

25. Hán: Ương-kỳ quốc minh hiển 央耆國明顯. Paøli: Aígìrasaö passaö-virocamaønaö, "hãy xem Aígìrasa ánh sáng chói lọi". Trong Paøli, Aígìrasa là xưng hiệu thường dùng để chỉ Phật, vì dòng họ Gotama nguyên thủy thuộc bộ tộc Aígìrasa. Bản Hán hiểu đây là tên một nước.

Lúc này, bảy vị quốc vương cởi bảy cái áo báu tặng cho Chiên-đàn.

Sau khi bảy vị quốc vương nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

Khi Ưu-bà-tắc Chiên-đàn biết các vị quốc vương đã đi rồi, từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, bày vai phải, chắp tay bạch Phật:

"Hôm nay bảy vị quốc vương để lại cho con bảy cái áo thượng hảo hạng này, xin Thế Tôn vì lòng thương xót mà nhận bảy cái áo này."

Bấy giờ, Thế Tôn vì lòng thương xót, nên nhận bảy cái áo đó, Ưu-bà-tắc Chiên-đàn hoan hỷ, tùy hỷ làm lễ ra về.

M

KINH 1150. THỞ SUYỄN[26]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc, với thân thể mập lớn, mồ hôi ướt đẫm, đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên, hơi thở hổn hển.

Bấy giờ, Thế Tôn nói vua Ba-tư-nặc:

"Đại vương thân thể mập quá!"

Đại vương bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, đúng vậy! Con đang lo về cái thân quá mập và thường rất khổ sở, nhờm chán, hổ thẹn, vì cái thân mập béo này."

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

Người nên tự cột niệm,
Khi ăn biết tiết độ;
Thì các thọ sẽ giảm,
Yên ổn mà sống lâu.

Khi ấy có một thiếu niên tên là Uất-đa-la[27] ngồi giữa hội chúng. Vua Ba-tư-nặc nói với Uất-đa-la rằng:

---

26. Paøli, S.3.13. Doòapaøka. Biệt dịch, N^{0}100(73).

27. Uất-đa-la 鬱多羅 . Paøli: Sudassano maøòavo.

"Khanh có thể ghi nhớ bài kệ vừa được nói này từ Thế Tôn, rồi đến mỗi bữa ăn đọc lên cho ta được không? Nếu được; ta sẽ ban cho mười vạn tiền vàng và sẽ thường xuyên ban cho thức ăn."

Uất-đa-la tâu vua:

"Xin vâng lời dạy. Tôi sẽ đọc!"

Sau khi vua Ba-tư-nặc nghe Phật nói xong, hoan hỷ, tùy hỷ làm lễ ra về.

Khi ấy Uất-đa-la biết vua đã đi rồi, đến trước Thế Tôn xin nhận bài kệ Phật đã nói. Khi vua ăn, cứ mỗi bữa vua ăn đều tụng lên, tâu rằng: "Đại vương, Đức Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, bậc Tri giả, Kiến giả, đã nói bài kệ này:

Người nên tự cột niệm,
Khi ăn biết tiết độ;
Thì các thọ sẽ giảm,
Yên ổn mà sống lâu.

Như vậy, từ đó trở đi, vua Ba-tư-nặc thân thể gầy thon lại, tướng mạo đoan chánh. Ở trên lầu, hướng về chỗ Phật ở, vua cung kính chắp tay quỳ sát đất, nói ra ba lần như vầy:

"Nam-mô kính lễ Thế Tôn, Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác. Nam-mô kính lễ Thế Tôn, Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác. Nam-mô kính lễ Thế Tôn, Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, đã ban cho con những lợi ích trong hiện tại và đời sau. Đời này, đời sau được lợi ích do biết tiết độ ăn uống."

M

KINH 1151. A-TU-LA[28]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật trú tại nước Xá-vệ.

---

28. Quốc Dịch, quyển 36, phần cuối, "Tụng vii. Kệ. 5. Tương ưng Bà-la-môn", hai phẩm. Ấn Thuận, "Tụng viii. Tám chúng; 21. Tương ưng Bà-la-môn" ba mươi tám kinh: 1250-1287 (Đại Chánh, quyển 42, kinh 1151-1163; quyển 3 (phần cuối) và quyển 4 (phần đầu), kinh 88-102; quyển 44 (phần đầu), kinh 1178-1187). Quốc Dịch, phẩm 1. Paøli, S.7.3. Asurinda. Biệt dịch, N^{0}100(74).

Khi ấy có một thiếu niên A-tu-la[29] đến chỗ Phật, ở trước Phật dùng những lời bất thiện, thô ác, sân si, mạ lỵ, chỉ trích Phật[30].

Bấy giờ Thế Tôn liền nói kệ:

Không giận, thắng sân nhuế,
Lấy thiện phục bất thiện;
Bố thí phục keo kiệt,
Nói thật diệt nói dối.
Không mắng cũng không ngược,
Luôn trụ tâm Thánh hiền.
Người ác ôm sân hận,
Bất động như núi đá.
Kiềm giữ sân nhuế khởi,
Hơn giữ xe ngựa cuồng;
Ta nói đánh xe giỏi,
Không phải người cầm cương.

Bấy giờ, thiếu niên A-tu-la, bạch Phật rằng:

"Bạch Cù-đàm, con xin hối lỗi. Con thật ngu, thật si, không biết phân biệt, không tốt, ở trước mặt Cù-đàm dám trách mắng hủy nhục."

Sám hối như vậy xong, A-tu-la nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ làm lễ ra về.

M

KINH 1152. TÂN-KỲ-CA[31]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ.

Bấy giờ, có một thiếu niên Bà-la-môn tên Tân-kỳ-ca[32], đến chỗ

---

29. Niên thiếu A-tu-la 年少阿修羅. Paøli: Asurindaka Bhaøradvaøjo braøhmaòo, người Bà-la-môn tên là Asurindaka Bhaøradvaøja.

30. Bản Paøli: Nghe tin anh mình xuất gia theo Phật, Asurindaka giận dữ, đến mắng Phật.

31. Paøli, S.7.3. Akkosa. Biệt dịch, N^{0}100(75).

32. Tân-kỳ-ca Bà-la-môn 賓耆迦婆羅門; phiên âm từ Bilaògika (?); xem cht.35, kinh 1153. Paøli: Akkosa Bhaøradvaøjo braøhmaòo; trong bản Paøli, người này là anh của người được đề cập trong kinh trên.

Phật, ở trước mặt Thế Tôn dùng những lời bất thiện, thô ác, sân si, mạ lỵ, chỉ trích Phật.

Bấy giờ Thế Tôn bảo thiếu niên Tân-kỳ-ca:

"Vào những ngày tốt, anh có mời bà con thân thuộc hội họp không?"

Tân-kỳ-ca bạch Phật:

"Có! Bạch Cù-đàm!"

Phật bảo Tân- kỳ:

"Nếu những người bà con thân tộc của anh không nhận vật thực thì sẽ thế nào?"

Tân-kỳ bạch Phật:

"Nếu không nhận vật thực thì vật thực ấy trở về tôi."

Phật bảo Tân-kỳ:

"Cũng vậy, ở trước mặt Như Lai anh nói ra những lời mạ nhục, quở trách thô ác, bất thiện. Cuối cùng Ta không nhận, thì những lời trách mắng như vậy chúng sẽ thuộc về ai?"

Tân-kỳ bạch Phật:

"Như vậy, bạch Cù-đàm, tuy người kia không nhận, nhưng vì đã tặng nhau nên coi như đã cho rồi."

Phật bảo Tân-kỳ:

"Như vậy, không gọi là quà tặng nhau, thì đâu được gọi là cho nhau?"

Tân-kỳ hỏi:

"Thế nào mới gọi là quà tặng nhau, gọi là cho nhau? Thế nào gọi là không nhận quà tặng nhau, không gọi là cho nhau?"

Phật bảo Tân-kỳ:

"Hoặc sẽ như vầy: mắng thì trả mắng, sân thì trả sân, đánh thì trả đánh, đấu thì trả đấu; gọi là quà tặng nhau, gọi là cho nhau[33]. Lại nữa, Tân-kỳ, hoặc mắng không trả mắng, sân không trả sân, đánh không trả đánh, đấu không trả đấu; nếu như vậy thì không phải là quà tặng nhau, không gọi là cho nhau."

Tân-kỳ bạch Phật:

---

33. Hán: tương tặng di, tương dữ [illegible]. Paøli: sambhuójati, vìtiharati; ăn chung với nhau (= giao tế), trao đổi nhau (giao hoán).

"Bạch Cù-đàm, tôi nghe chuyện xưa có vị trưởng lão Bà-la-môn, kỳ cựu, được trọng vọng, là bậc Đại Sư hành đạo, nói: 'Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác bị người mạ nhục, sân nhuế, chỉ trích trước mặt, vẫn không sân, không giận.' Mà nay Cù-đàm có sân nhuế chăng?"

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

Không sân sao có sân,
Chánh mạng để chế ngự;
Chánh trí, tâm giải thoát,
Người trí tuệ không sân.
Người lấy sân báo sân,
Thì chính là người ác;
Không lấy sân báo sân,
Chế ngự giặc khó chế.
Không sân thắng sân nhuế,
Ba kệ nói như trước.

Bấy giờ, thiếu niên Tân-kỳ bạch Phật:

"Bạch Cù-đàm, con xin hối lỗi. Con thật ngu, thật si, không biết phân biệt, không tốt, ở trước mặt Sa-môn Cù-đàm dám nói ra lời trách mắng, sân si, thô ác, bất thiện."

Sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, làm lễ ra về.

M

KINH 1153. MẠ LỴ (1)[34]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong giảng đường Lộc tử mẫu, vườn phía Đông, nước Xá-vệ. Bấy giờ buổi chiều, sau khi từ thiền tịnh dậy, Thế Tôn đến dưới bóng mát giảng đường, đi kinh hành giữa khoảng đất trống. Khi ấy có Bà-la-môn Kiện Mạ Bà-la-đậu-bà-giá[35], đến chỗ Phật, trước mặt Phật thốt ra những lời thô ác, bất thiện, mạ lỵ, chỉ

---

34. Paøli, S.7.2. Akkosa. Biệt dịch, N^{0}100(76).

35. Kiện Mạ Bà-la-đậu-bà-giá 健罵婆羅豆婆遮. Paøli: Akkosa-Bhaøradvaøja. Biệt danh Akkosa (Kiện Mạ), vì đến nhiếc mắng Phật.

trích. Thế Tôn kinh hành. Ông đi theo sau Thế Tôn. Khi Thế Tôn đã kinh hành xong, dừng lại một chỗ, Bà-la-môn nói:

"Cù-đàm! Bị thua chăng?"

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

Người hơn liền thêm oán,
Người thua nằm không yên.
Hơn thua đều buông xả,
Là được ngủ an lành.

Bà-la-môn bạch:

"Bạch Cù-đàm, nay xin sám hối! Con thật ngu, thật si, không biết phân biệt, không tốt, ở trước mặt Cù-đàm thốt ra những lời thô ác, bất thiện, mạ lỵ, chỉ trích!"

Sau khi Bà-la-môn nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ làm lễ ra về.

M

KINH 1154. MẠ LỴ (2)[36]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong giảng đường Lộc tử mẫu, phía Đông nước Xá-vệ. Bấy giờ sáng sớm Thế Tôn đắp y, ôm bát vào thành Xá-vệ khất thực. Khi ấy có Bà-la-môn Kiện Mạ Bà-la-đậu-bà-giá[37], vừa thấy Thế Tôn liền thốt ra những lời mắng nhiếc, sân si, thô ác, bất thiện; hốt bụi đất ném vào Phật. Khi ấy có gió ngược, thổi bụi bay trở lại, bụi này tự phản dính vào người ông.

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

Nếu người không sân hận,
Thì mạ nhục đến đâu,
Vẫn sạch không dính nhơ,
Ác kia trở lại mình.
Giống như người tung bụi,
Ngược gió hoàn tự nhơ.

---

36. Paøli, S. 7.4. Bilaògika. Biệt dịch, N^{0}100(77).

37. Xem kinh 1153. Bản Paøli: Bilaògika.

Lúc ấy, Bà-la-môn bạch Phật:

"Bạch Cù-đàm, xin sám hối! Con thật ngu, thật si, không biết phân biệt, không tốt, sao ở trước mặt Cù-đàm thốt ra những lời mạ lỵ, quở trách, thô ác, bất thiện!"

Sau khi Bà-la-môn nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ quay đầu lại mà đi.

M

KINH 1155. TRÁI NGHĨA[38]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật trú tại Câu-tát-la, du hành trong nhân gian, đến vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Khi ấy có Bà-la-môn tên là Vi Nghĩa[39], nghe Sa-môn Cù-đàm từ Câu-tát-la du hành trong nhân gian đến vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ, tự nghĩ: "Ta sẽ đến chỗ Sa-môn Cù-đàm để nghe thuyết pháp và sẽ bẻ lại nghĩa." Nghĩ như vậy rồi, liền đến tinh xá tìm chỗ Thế Tôn. Bấy giờ, Thế Tôn đang nói pháp cho vô lượng quyến thuộc đang vây quanh. Thế Tôn vừa thấy Bà-la-môn Vi Nghĩa đến, liền ngồi im lặng.

Bà-la-môn Vi Nghĩa bạch Phật:

"Bạch Cù-đàm, hãy thuyết pháp. Tôi mong muốn nghe."

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

Bà-la-môn Vi Nghĩa,
Chưa thể hiểu nghĩa sâu.
Lòng giận hờn, ganh tị,
Muốn cản trở pháp thuyết.
Điều phục tâm chống đối,
Những ý dục bất tín;
Dứt các bẩn chướng ngăn,
Mới hiểu lời thâm diệu.

---

38. Paøli, S.7.16. Paccanìka. Biệt dịch, N^{0}100(78).

39. Vi Nghĩa 違義. Paøli: Paccanìkasaøta.

Khi ấy, Bà-la-môn Vi Nghĩa tự nghĩ: 'Sa-môn Cù-đàm đã biết tâm ta.'

Sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

M

KINH 1156. BẤT HẠI[40]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ sáng sớm Thế Tôn đắp y, ôm bát vào thành Xá-vệ khất thực. Khi ấy có Bà-la-môn Bất Hại[41] đến chỗ Phật, bạch Phật rằng:

"Bạch Thế Tôn, tên con là Bất Hại, có xứng thật danh không?"

Phật bảo:

"Như thế này mới xứng thật danh: nếu thân bất hại, nếu miệng bất hại, nếu tâm bất hại thì mới xứng thật danh."

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

Nếu thân không sát hại,
Cả khẩu, ý cũng vậy;
Thì đó lìa sát hại,
Không khủng bố chúng sanh.

Phật nói kinh này xong, Bà-la-môn Bất Hại nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ quay đầu lại mà đi.

M

KINH 1157. HỎA DỮ[42]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ buổi sáng, Thế Tôn đắp y, ôm bát, vào thành Xá-vệ

40. Paøli, S.7.5. Ahiösa. Biệt dịch, N^{0}100(79), N^{0}101(26).
41. Bất Hại 不害. Paøli: Ahiösaka.
42. Paøli, S.7.12. Udaya. Biệt dịch, N^{0}100 (80).

khất thực. Lần lượt đi khất thực, đến nhà Bà-la-môn Hỏa Dữ[43]. Bà-la-môn vừa thấy Phật đến, liền bày đầy đủ các thức ăn ngon cúng dường đầy bát Thế Tôn. Hai ba ngày như vậy, lại đến nhà này khất thực, Bà-la-môn Hỏa Dữ vừa thấy Phật đến tự nghĩ: "Sa-môn đầu trọc sao lại đến mãi, vì tham thức ăn ngon chăng?"

Lúc ấy, Thế Tôn biết được ý nghĩ của Bà-la-môn Hỏa Dữ liền nói bài kệ:

Trời ngày nào cũng mưa,
Nông phu ngày đêm cày;
Thường xuyên gieo giống lúa,
Ruộng thâu lúa luôn luôn.
Như người thường mang thai.
Bò sữa mãi nhớ nghé.
Thường luôn có người xin,
Lúc nào cũng bố thí.
Vì luôn mãi bố thí,
Nên luôn nổi tiếng lớn.
Nhiều lần quăng thây chết,
Nhiều lần khóc tiếc thương.
Nhiều lần sanh rồi chết,
Nhiều lần khổ ưu, bi;
Nhiều lần lấy lửa đốt,
Nhiều lần bị trùng ăn.
Nếu được đạo Hiền thánh,
Không mãi thọ các hữu;
Cũng không mãi sanh tử,
Không mãi khổ ưu, bi.
Không luôn luôn lửa đốt,
Không mãi bị trùng ăn.

Sau khi Bà-la-môn Hỏa Dữ nghe Phật nói kệ xong, khởi tín tâm trở lại và đem thức ăn cúng dường đầy bát Phật. Nhưng Thế Tôn không nhận vì nhân nói kệ mới được cúng. Lại nói kệ:

---

43. Hỏa Dữ 火與. (Paøli: Aggidatta?). Nhưng, bản Paøli: Udaya.

Nhân vì nói kệ pháp,
Không nên nhận thức ăn;
Nên quán sát tự pháp,
Thuyết pháp, không nhận ăn.
Bà-la-môn nên biết,
Đó là lối sống tịnh.
Nên cúng dường người khác,
Bậc Đại Tiên thuần tịnh,
Đã hết các hữu lậu,
Pháp nhơ đã đoạn tất;
Cúng dường các thức ăn,
Cho ruộng phước tốt này.
Người muốn cầu phước đức,
Thì ruộng Ta là tốt.

Bà-la-môn Hỏa Dữ bạch Phật:

"Thức ăn này bây giờ nên để chỗ nào?"

Phật bảo:

"Ta không thấy chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn, Thiên thần hay người đời có thể ăn đồ tín thí này mà thân được an lạc. Ông nên đem thức ăn này bỏ vào nước không trùng và đất ít cỏ mọc."

Khi ấy Bà-la-môn liền đem thức ăn này bỏ vào trong nước không trùng. Nước liền bốc khói, sôi thành tiếng xèo xèo. Giống như hòn sắt nung đỏ bỏ vào trong nước, nước liền bốc khói, sôi thành tiếng xèo xèo. Cũng lại như vậy, Bà-la-môn đem thức ăn này bỏ vào trong nước, nước liền bốc khói, sôi thành tiếng xèo xèo. Lúc đó, Hỏa Dữ Bà-la-môn khen rằng:

"Lạ thay! Cù-đàm đức độ lớn, thần lực lớn, có thể khiến thức ăn này hiện thần biến."

Bấy giờ, Hỏa Dữ Bà-la-môn nhân thấy thức ăn thần biến này nên phát tâm kính tín, cúi đầu lễ dưới chân Phật, đứng lui qua một bên, bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, nay con có thể được xuất gia, thọ giới cụ túc và tu phạm hạnh ở trong Chánh pháp không?"

Phật bảo Bà-la-môn:

"Nay ông có thể xuất gia, thọ cụ túc và tu phạm hạnh ở trong Chánh pháp."

Bà-la-môn liền xuất gia và tự suy nghĩ đến lý do khiến những thiện gia nam tử cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chánh tín xuất gia học đạo, không nhà... *cho đến* đắc A-la-hán, tâm khéo giải thoát.

M

KINH 1158. BÀ-TỨ-TRA[44]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, nước Xá-vệ có một nữ Bà-la-môn là Bà-tứ-tra[45], tin Phật, Pháp, Tăng; quy y Phật, Pháp, Tăng. Đối với Phật, Pháp, Tăng đã dứt hồ nghi; đối với Khổ, Tập, Diệt, Đạo cũng đã dứt nghi hoặc, thấy đế, đắc quả, được tuệ vô gián[46]. Chồng của bà là Bà-la-đậu-bà-giá thuộc chủng tánh Bà-la-môn. Mỗi khi bà làm công việc gì mà có chút ít nên hay hư, đều niệm: "Nam-mô Phật", hướng về phương nào mà ở đó Như Lai đang trụ, chắp tay nói ba lần: "Nam-mô Đa-đà-a-già-độ A-la-ha Tam-miệu-tam-phật-đà[47], thân chói sáng như vàng ròng, sáng xa một tầm, thân tròn đầy như cây Ni-câu-luật, Đấng Mâu-ni khéo nói diệu pháp, là Thượng Thủ Tiên Nhân, là Đại Sư của con."

Bấy giờ người chồng Bà-la-môn nghe vậy, sân hận không vui, nói với vợ:

"Bà bị quỷ ám chăng? Không có lý này. Bà đã bỏ các vị đại đức Bà-la-môn tam minh[48] mà đi xưng tán lão Sa-môn đầu trọc, phần tử

---

44. Paøli, S.7.1. Dhaønaójanì. Biệt dịch, N^{0}100(81).

45. Bà-tứ-tra 婆肆吒. Paøli: Dhaønaójanì.

46. Vô gián tuệ 無間慧. Tống-Nguyên-Minh: vô văn tuệ 無聞慧.

47. Nam-mô Đa-đà-a-già-độ A-la-ha Tam-miệu-tam-phật-đà 南無多陀阿伽度阿羅呵三藐三佛陀. Paøli: Namo tassa Bhagavato Arahato Sammaøsambuddhassa.

48. Tam minh đại đức Bà-la-môn 三明大德婆羅門; đây chỉ ba bộ Vệ-đà nguyên thủy. Cf. Paøli, Di. 88: tiòòaö vedaønaö paøraguø, (người Bà-la-môn) tinh thông ba tập Vệ-đà.

hắc ám, mà đời không ai khen[49]. Bây giờ tôi sẽ đến cùng tranh luận với Đại Sư của bà thì đủ biết ai hơn thua."

Người vợ nói với chồng:

"Tôi không thấy chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn, các Thần và người đời mà ai có thể cùng tranh luận với Thế Tôn, Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, thân sắc vàng, chói sáng một tầm, thân tròn đầy như cây Ni-câu-luật, là Bậc Thượng Thủ Tiên Nhân, khéo nói pháp vi diệu, là Bậc Đại Sư của tôi. Nhưng bây giờ thì ông cứ đến đó để tự biết."

Lúc ấy, Bà-la-môn liền đi đến chỗ Phật. Thăm hỏi ủy lạo xong, ngồi lui qua một bên, nói kệ:

Giết hại những thứ gì,
Mà giấc ngủ an ổn?
Giết hại những thứ gì;
Khiến tâm còn không lo?
Giết hại những thứ gì,
Được Cù-đàm khen ngợi?

Bậy giờ, Thế Tôn biết ý nghĩ Bà-la-môn, Ngài nói kệ:

Người giết hại sân hận,
Giấc ngủ được an ổn.
Người giết hại sân hận,
Thì tâm không còn lo.
Sân nhuế là rễ độc,
Hay hại hạt giống ngọt;
Người nào giết hại chúng,
Được Thánh hiền khen ngợi.
Nếu người nào hại chúng,
Tâm họ không còn lo.

Khi ấy, Bà-la-môn Bà-la-đậu-bà-giá nghe những gì Phật nói, được khai thị, chỉ giáo, soi sáng, làm cho vui mừng và lần lượt Ngài

---

[49]. Cf. Di.90, văn Paøli về những lời mà Bà-la-môn chưởi Phật và đệ tử: ye ca kho te … muòñakaø samaòakaø ibbhaø kiòhaø bandhupaødaøpaccaø, "bọn chúng là những Sa-môn trọc đầu, ti tiện, đen điu, con cháu của bọn tiện tì".

thuyết pháp. Nghĩa là nói về bố thí, nói về trì giới, nói về pháp sanh lên trời, nói về sự mê đắm dục vị là tai hoạn, phiền não; về thanh tịnh xuất yếu, viễn ly, tùy thuận phúc lợi thanh tịnh, phân biệt một cách rộng rãi. Giống như tấm vải trắng trong sạch dễ được nhuộm màu, cũng vậy, Bà-la-môn Bà-la-đậu-bà-giá ngay tại chỗ ngồi, đối với bốn Thánh đế mà chứng đắc hiện quán[50], thấy Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Bà-la-môn này thấy pháp, đắc pháp, biết pháp và nhập pháp, vượt qua khỏi mọi nghi hoặc, không do người khác độ. Đối với Chánh pháp luật được vô sở úy. Liền từ chỗ ngồi đứng dậy, bày vai bên hữu, chắp tay bạch Phật:

"Con đã được độ, bạch Thế Tôn! Con đã được độ, bạch Thiện Thệ! Hôm nay sau khi quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tỳ-kheo Tăng rồi, suốt đời con nguyện làm Ưu-bà-tắc. Xin chứng tri cho con."

Bà-la-môn Bà-la-đậu-bà-giá nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ làm lễ ra về.

Trở về nhà mình, vợ ông Ưu-bà-di vừa thấy chồng về, liền thưa rằng:

"Ông đã cùng luận nghị với Thầy tôi Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác có thân sắc vàng ròng, sáng xa một tầm, thân đầy đặn như cây Ni-câu-luật là Thượng Thủ Tiên Nhân, Đấng Đại Mâu-ni khéo nói pháp phải không?"

Người chồng đáp:

"Tôi chưa từng thấy chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn, Quỷ thần hay người đời mà có thể luận nghị với Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác thân sắc vàng ròng, sáng xa một tầm, thân đầy đặn như cây Ni-câu-luật, Bậc Tiên Nhân Thượng Thủ, khéo nói diệu pháp, là Đấng Mâu-ni, Đại Sư của bà. Bây giờ bà may cho tôi một pháp y tốt để tôi đem đến chỗ Thế Tôn xin xuất gia học đạo."

Lúc ấy, người vợ lấy xấp vải lụa trắng, sai may pháp y cho ông. Bà-la-môn cầm y đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, nay con có thể xuất gia học đạo, tu phạm hạnh,

---

50. Đại Chánh: vô ngại đẳng 無閡等. Về vô gián đẳng, tức hiện quán Thánh đế, xem các kinh trên (quyển 1, 3, 5, 6, 10…)

ở trong pháp của Thế Tôn được không?"

Phật bảo Bà-la-môn:

"Nay, ông có thể xuất gia học đạo, tu các phạm hạnh, trong Pháp luật này."

Ông liền xuất gia, một mình ở chỗ vắng suy tư về lý do khiến người thiện nam cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chánh tín xuất gia học đạo,... cho đến đắc A-la-hán, tâm khéo giải thoát.

M

KINH 1159. MA-CÙ [51]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Bà-la-môn Ma-cù[52] đến chỗ Phật, cùng nhau chào hỏi an úy xong, ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

"Bạch Cù-đàm, ở nhà con thường hay bố thí. Nếu một người đến thì bố thí cho một người. Nếu hai người, ba người cho đến trăm ngàn, tất cả đều bố thí hết. Con bố thí như vậy có được nhiều phước không?"

Phật bảo Bà-la-môn:

"Ông bố thí như vậy, thật được phước lớn. Vì sao? Vì ở nhà ông thường làm việc bố thí. Một người đến xin liền thí cho một người. Hai người, ba người, cho đến trăm ngàn người đến xin, tất cả đều được thí cho, nên được phước lớn."

Lúc ấy, Bà-la-môn Ma-cù liền nói kệ:

Tại gia thường tổ chức,
Bố thí cùng đại hội;
Nhờ việc bố thí này,
Muốn cầu công đức lớn.
Nay xin hỏi Mâu-ni,
Những hiểu biết của con;
Đồng sở kiến Phạm thiên?

---

51. Paøli, Sn. 3. 5. Maøgha-sutta. Biệt dịch, N^{0}100(82).

52. Ma-cù 魔瞿. Paøli: Maøgha maøòava.

Vì con phân biệt nói.
Làm sao để giải thoát,
Về đường lành thắng diệu?
Phương tiện nào để tu,
Được sanh về Phạm thế?
Tùy vui bố thí gì,
Sanh Phạm thiên thù thắng?

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

Người lập đại hội thí,
Tùy sở thích bố thí kia,
Tâm tịnh tín, hoan hỷ,
Duyên vào công đức lành.
Nhờ sự kiến lập đó,
Mong xa lìa lỗi ác;
Xa lìa nơi tham dục,
Tâm kia khéo giải thoát.
Tu tập nơi lòng từ,
Công đức này vô lượng.
Huống lại thêm chí thành,
Mở đại hội thí khắp.
Nếu ở trong hội này,
Có được các tâm lành;
Hướng đến khéo giải thoát,
Hoặc đến đường thuần thiện.
Nhân thù thắng như vậy,
Được sanh về Phạm thiên;
Người bố thí như vậy,
Nhờ tâm kia bình đẳng.
Nên sanh về Phạm thế,
Thọ mạng được lâu dài.

Sau khi Bà-la-môn Ma-cù nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

M

KINH 1160. CẦM LỌNG VÀNG[53]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Bà-la-môn dẫn theo tùy tùng cầm lọng hoa[54], mang xá-lặc[55], đi đến chỗ Phật, cùng nhau chào hỏi, an úy xong, ngồi lui qua một bên, mà nói kệ:

Nếu phi Bà-la-môn,
Sở hành không thanh tịnh[56].
Sát-lợi tu khổ hạnh,
Cúng trái ngược với tịnh.
Bà-la-môn Ba kinh[57]:
Đây mới là thanh tịnh;
Người thanh tịnh như vậy,
Chúng sanh khác không có.

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

Không biết đạo thanh tịnh,
Và các tịnh vô thượng;
Ai tìm tịnh nơi khác,
Cuối cùng không được tịnh.

Bà-la-môn bạch Phật:

"Bạch Cù-đàm, Ngài giảng về đạo thanh tịnh và thanh tịnh vô thượng chăng? Thế nào là đạo thanh tịnh? Thế nào là thanh tịnh vô thượng?"

---

53. Paøli, S.7.7. Suddhika. Biệt dịch, N^{0}100(83).

54. Bản Cao-ly: kim cái 金蓋. Bản Tống-Nguyên-Minh: hoa cái □ ` » \ . Ấn Thuận và Quốc Dịch đều đọc là kim cái: lọng có cán bằng vàng.

55. Xá-lặc 舍勒; Huyền ứng âm nghĩa 16: "Xá-lặc, đây nói là y; hoặc nói là nội y". Tức cái quần (Paøli: saøluka). Bản Paøli không có các chi tiết này.

56. Hán: vô phi..., có lẽ dư một phủ định từ. Cf. Paøli, S. ibid.: Na braømaòo sujjhati koci loke, sìlavaø pi tapo karaö, không Bà-la-môn trong đời này được thanh tịnh, dù có trì giới, tu khổ hành (trừ phi vị ấy tinh thông ba bộ Vệ-đà).

57. Tam điển Bà-la-môn 三典婆羅門; chỉ Bà-la-môn tinh thông ba bộ Vệ-đà nguyên thủy.

Phật bảo Bà-la-môn:

"Chánh kiến là đạo thanh tịnh. Tu tập, tu tập nhiều chánh kiến, sẽ đoạn trừ tham dục, đoạn trừ sân nhuế và đoạn trừ ngu si. Nếu Bà-la-môn nào đã đoạn hẳn tham dục, đã đoạn hẳn sân nhuế, si mê, dứt hẳn hết cả phiền não, thì gọi là thanh tịnh vô thượng. Chánh chí, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định gọi là đạo thanh tịnh. Sau khi tu tập, tu tập nhiều về chánh định, đoạn trừ tham dục, đoạn trừ sân nhuế, đoạn trừ ngu si và đoạn trừ hẳn tất cả phiền não thì gọi là thanh tịnh vô thượng."

Bà-la-môn bạch Phật:

"Bạch Cù-đàm, Ngài giảng về đạo thanh tịnh và thanh tịnh vô thượng chăng? Bạch Cù-đàm, thế gian nhiều việc nay con xin kiếu từ trở về."

Phật bảo Bà-la-môn:

"Nên biết đúng thời."

Bà-la-môn dẫn tùy tùng cầm lọng hoa, mang xá-lặc, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

M

KINH 1161. LA-HÁN PHÁP[58]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Bà-la-môn đi đến chỗ Phật, cùng nhau chào hỏi úy lạo xong, ngồi lui qua một bên, nói kệ:

Thế nào là Thi-la?
Thế nào là oai nghi?
Thế nào là công đức?
Thế nào gọi là nghiệp?
Thành tựu những pháp nào,
Bà-la-môn La-hán?

---

58. Quốc Dịch, phẩm 2. Paøli, S.7.8. Aggika (không hoàn toàn tương đương). Biệt dịch, N^{0}100(84).

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

Trí nhớ biết túc mạng,
Thấy sanh thiên, đường dữ;
Các thọ sanh đã đoạn,
Mâu-ni minh quyết định[59].
Biết tâm khéo giải thoát,
Giải thoát tất cả tham;
Đầy đủ cả ba minh,
Ba minh Bà-la-môn.

Phật nói kinh này xong, Bà-la-môn nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

M

KINH 1162. VỢ CHỒNG GIÀ[60]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ sáng sớm Thế Tôn đắp y, ôm bát vào thành Xá-vệ khất thực, có Tôn giả A-nan đi theo sau Thế Tôn.

Khi ấy có hai lão nam nữ là vợ chồng, tuổi đã cao, các căn đã chín, lưng còng như móc câu. Họ đến đầu ngõ hẻm, chỗ đốt phân rác, cùng ngồi chồm hỗm hơ lửa. Thế Tôn thấy hai vợ chồng già này, tuổi đã cao, các căn đã chín, lưng còng như móc câu, giống như hai con hạc già nhìn nhau với tâm dục nhiễm. Thấy rồi, bảo Tôn giả A-nan:

"Ông có thấy hai vợ chồng kia, tuổi đã cao, các căn đã chín, lưng còng như móc câu, cùng ngồi chồm hỗm hơ lửa, giống như hai con hạc già nhìn nhau với tâm dục nhiễm chăng?"

A-nan bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, đúng vậy."

Phật bảo A-nan:

---

59. Minh, chỉ ba minh vừa nêu trên: túc mạng trí minh, sanh tử trí minh, lậu tận trí minh.

60. Biệt dịch, N^{0}100(85).

"Hai vợ chồng già này, vào thời thiếu niên, thân thể tráng kiện, nếu siêng năng tìm cầu tài vật, cũng có thể là gia chủ giàu có nhất trong thành Xá-vệ. Còn nếu họ cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chánh tín xuất gia học đạo, không nhà, tinh cần tu tập, thì cũng có thể chứng được thượng quả đệ nhất A-la-hán. Nếu ở giữa phần hai cuộc đời còn tráng kiện, siêng năng tìm cầu tài vật thì cũng có thể trở thành người giàu thứ hai trong thành Xá-vệ. Nếu họ cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chánh tín xuất gia học đạo, không nhà, cũng có thể chứng được quả A-na-hàm. Nếu ở giữa phần ba trung niên, siêng năng tìm cầu tài vật cũng có thể là người giàu thứ ba trong thành Xá-vệ. Nếu họ cạo bỏ râu tóc mặc áo ca-sa, chánh tín xuất gia học đạo, không nhà, cũng có thể chứng được quả Tư-đà-hàm. Nếu ở phần thứ tư, khi tuổi già, siêng năng tìm cầu tài vật cũng có thể là người giàu thứ tư trong thành Xá-vệ. Nếu họ cạo bỏ râu tóc mặc áo ca-sa, chánh tín xuất gia học đạo, không nhà, cũng có thể chứng được quả Tu-đà-hoàn. Nhưng ngày hôm nay, họ tuổi già, các căn suy yếu, không có tiền của, không có phương tiện, không có khả năng; lại không thể kham năng nếu có tìm kiếm tiền của, cũng không có cách nào để chứng đắc Pháp thượng nhân được."

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

Vì không hành phạm hạnh;
Nên niên thiếu không của;
Suy nghĩ việc xa xưa,
Ngủ đất như cung cong.
Không tu hành phạm hạnh;
Niên thiếu không tài sản;
Giống như chim hạc già,
Chờ chết nơi đầm hoang.

Phật nói kinh này xong, Tôn giả A-nan nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, phụng hành.

M

KINH 1163. GIÀ CHẾT[61]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ.

Nói như trên chỉ có khác ở bài kệ:

Hoại diệt bởi già chết,
Thân và cảm thọ diệt.
Chỉ có phước bố thí,
Là tư lương theo mình.
Nhiếp hộ nương vào thiện,
Và tu thiền công đức.
Tùy sức mà bố thí,
Tiền tài và ẩm thực.
Tỉnh thức giữa đám mê,
Không phải sống luống không.

Phật nói kinh này xong, Bà-la-môn kia nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ làm lễ ra về.

❑

61. Paøli, A. 3. 51-52. Jinna.

TẠP A-HÀM QUYỂN 43

KINH 1164. BÀ-LA-DIÊN[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Lộc uyển, trú xứ của các Tiên nhân, nước Ba-la-nại. Bấy giờ, có số đông các Tỳ-kheo[2] tụ tập tại giảng đường bàn luận như vầy:

"Chư Tôn, như lời Đức Thế Tôn đã đáp cho câu hỏi Bà-la-diên-đê-xá-di-đức-lặc[3]:

Nếu người biết nhị biên,
Không dính mắc khoảng giữa;
Được gọi Đại trượng phu,
Không mê luyến ngũ dục,
Thoát chỉ khâu ưu phiền[4].

"Chư Tôn, những câu này có nghĩa gì? Thế nào là biên? Thế nào là hai biên? Thế nào là giữa? Thế nào là thợ khâu? Thế nào là tư, do trí mới biết, bằng liễu tri mà liễu tri; khi được biết bởi trí, được liễu tri bởi liễu tri, thì tột mé khổ, thoát khỏi khổ?"

Có người đáp:

"Sáu nội nhập xứ là một biên; sáu ngoại nhập xứ là biên thứ hai;

---

1. Đại Chánh quyển 43. Ấn Thuận, 2. Tương ưng Nhập xứ (Tụng 2), hai trăm tám mươi lăm kinh: 188-462; Đại chánh: 188-255 (cuối quyển 7 – hết quyển 9), 1164-1177 (quyển 43), 273-342 (quyển 11-12). Quốc Dịch, 2. Tương ưng Nhập, mười hai phẩm. Quốc Dịch, quyển 12, "2. Tương ưng Nhập", phẩm 12. Phật Quang, quyển 10. Paøli, A. 6. 61. Paøraøyana.
2. Paøli: Sambahulaønaö theraønaö bhikkhuønaö, số đông các Tỳ-kheo Thượng tọa.
3. Bà-la-diên-đê-xá-di-đức-lặc sở vấn 波羅延低舍彌德勒所問; Những câu hỏi của Đê-xá-di-đức-lặc (Tissametteyyamaønava-pucchaø), trong phẩm Ba-la-diên (Paøraøyana). Paøli: Sn. 5. 3. Tisamettyyamaønavapucchaø.
4. Hán: siêu xuất phùng trất ưu 超出縫紩憂. Paøli: taö bruømi mahaøpuriso'ti, so idha sibbinimaccagaø, (…) người ấy Ta gọi là Đại trượng phu mà ở đây đã thoát khỏi người thợ may.

thọ là ở giữa; ái là thợ khâu. Thân cận với ái[5], rồi do bởi nhân này nhân kia mà thân lần lần tăng trưởng xuất sanh[6]. Những pháp này do trí mà biết, do liễu tri mà liễu tri. Khi được biết bởi trí, được liễu tri bởi liễu tri, thì tột mé khổ, mới thoát khỏi khổ."

Lại có người nói:

"Đời quá khứ là một biên; đời vị lai là biên thứ hai; đời hiện tại là giữa; ái là thợ khâu. Tập cận những ái này, do bởi nhân này nhân kia mà thân lần lần tăng trưởng xuất sanh... *cho đến* thoát khổ."

Lại có người nói:

"Thọ lạc là một biên; thọ khổ là biên thứ hai; không khổ không lạc là giữa; ái là thợ khâu. Tập cận những ái này, tự thân sở đắc do chúng lần lần tăng trưởng xuất sanh... *cho đến* thoát khổ."

Lại có người nói:

"Hữu là một biên; tập là biên thứ hai; thọ là giữa; ái là thợ khâu. Như vậy nói đầy đủ,... *cho đến* thoát khổ."

Lại có người nói:

"Thân là một biên; thân tập là biên thứ hai; ái là thợ khâu. Như vậy nói đầy đủ,... *cho đến* thoát khổ."

Lại có người nói:

"Tất cả những gì chúng ta nói ra không giống nhau, chỉ đưa ra những dị thuyết, không hy vọng gì để hiểu được. Thế Tôn nói gì khác trong kinh "Những câu hỏi của Đê-xá-di-đức-lặc"? Chúng ta nên đến Thế Tôn bạch hỏi, như những gì Thế Tôn dạy, chúng ta phụng trì."

Bấy giờ, các Tỳ-kheo đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu lễ dưới chân, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

"Thế nào, bạch Thế Tôn, có những thuyết khác nhau về kinh Ba-la-diên-đê-xá-di-đức-lặc sở vấn, vừa rồi các Tỳ-kheo nhóm họp tại giảng đường, bàn luận như vầy: 'Những gì mà Thế Tôn đã dạy trong kinh Ba-la-diên-đê-xá-di-đức-lặc sở vấn, về hai biên... *cho đến* thoát khổ.' Có người bảo: 'Nội lục nhập xứ là một biên, ngoại lục

---

5. Đại Chánh: thọ . Quốc Dịch và Phật Quang đọc là thọ . Ấn Thuận đọc là ái .

6. Paøli: taòhaø hi naö sibbati tassa tasseva bhavassa abhinibbatiyaø, do ái dệt thành cái ấy nên dẫn đến sự xuất hiện của hữu.

nhập xứ là biên thứ hai, thọ ở giữa, ái là thợ khâu. Nói đầy đủ như trước. Tất cả đều không quyết định được, nên hôm nay chúng con đến đây thỉnh vấn Thế Tôn về những nghĩa này. Những gì chúng con nói, ai là người nào nói đúng nghĩa?"

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Những gì các ông đã nói đều là khéo nói. Nay Ta sẽ vì các ông mà nói về kinh khác. Ta đã vì Ba-la-diên-đê-xá-di-đức-lặc, có nói kinh khác. Xúc là một biên; xúc tập là biên thứ hai; thọ[7] là ở giữa; ái là thợ khâu. Sau khi đã tập cận ái rồi, thân này thân kia duyên vào đó mà tăng trưởng xuất sanh. Đối với pháp này, do trí mới biết, do liễu tri mà liễu tri. Do được biết bởi trí, liễu tri bởi liễu tri, mà tột cùng mé khổ, thoát khỏi khổ."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 1165. TÂN-ĐẦU LÔ[8]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Tôn giả Tân-đầu-lô[9] ở trong vườn Cù-sư-la, tại Câu-diệm-di. Bấy giờ, có Quốc vương Bà-sa tên Ưu-đà-diên-na[10], đến chỗ Tôn giả Tân-đầu-lô. Thăm hỏi nhau xong, ngồi lui qua một bên, Quốc vương Bà-sa Ưu-đà-diên-na bạch Tôn giả Tân-đầu-lô:

"Có điều muốn hỏi, Tôn giả có rảnh rỗi để đáp cho không?"

Tôn giả Tân-đầu-lô đáp:

"Này Đại vương, Đại vương cứ hỏi, điều gì biết tôi sẽ đáp."

Quốc vương Bà-sa Ưu-đà-diên-na hỏi Tôn giả Tân-đầu-lô:

"Nhân gì, duyên gì, mà các Tỳ-kheo tuổi trẻ mới học, xuất gia chưa lâu ở trong Pháp luật này, sống rất an lạc, các căn hòa duyệt, tướng mạo sáng sủa, da dẻ tươi tốt, thích tĩnh, ít động, mặc tình người

---

7. Paøli: phassanirodho majjhe, xúc diệt là ở giữa.
8. Paøli, S. 35. 127. Bhaøradvaøja.
9. Tân-đầu-lô 賓頭盧. Paøli: Piòñolabhaøradvaøja.
10. Bà-sa vương Ưu-đà-diên-na 婆蹉王優陀延那. Udena.

khác mà sống[11], tâm như dã thú, kham năng suốt đời tu trì phạm hạnh, thanh tịnh thuần nhất?"

Tôn giả Tân-đầu-lô đáp:

"Như những gì Phật, Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, là bậc Tri giả, Kiến giả, đã dạy các Tỳ-kheo: 'Tỳ-kheo các ông, nếu gặp người nữ lớn tuổi thì nên coi như mẹ. Gặp người trung niên thì nên coi như chị em. Gặp người non trẻ thì nên coi như con. Vì nguyên nhân này nên các Tỳ-kheo tuổi trẻ xuất gia chưa bao lâu ở trong Pháp luật này sống an lạc, an ổn, các căn hòa duyệt, tướng mạo sáng sủa, da dẻ tươi mát, thích tĩnh, ít động, mặc tình người khác mà sống, tâm như dã thú, kham năng suốt đời tu trì phạm hạnh, thanh tịnh thuần nhất."

Quốc vương Bà-sa Ưu-đà-diên-na hỏi Tôn giả Tân-đầu-lô:

"Hiện tại người thế gian, tâm tham cầu, dù có gặp người lớn tuổi coi như mẹ, trung niên coi như chị, non trẻ coi như con. Nhưng lúc đó tâm họ cũng theo sự thiêu đốt của tham dục, sân nhuế, ngu si mà khởi lên. Còn có nhân duyên nào đặc biệt hơn không?"

Tôn giả Tân-đầu-lô nói với quốc vương Bà-sa Ưu-đà-diên-na:

"Còn có nhân duyên khác nữa. Như Thế Tôn Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, là bậc Tri giả, Kiến giả, đã dạy các Tỳ-kheo: 'Thân này từ chân đến đỉnh đầu, bộ xương được trét bởi thịt, được che đậy bởi một lớp da mỏng, trong đó chứa dẫy đầy những thứ bất tịnh. Quán sát tất cả: tóc, lông, móng, răng, bụi dơ, nước dãi, da, thịt, xương trắng, gân, mạch, tim, gan, phổi, lá lách, thận, ruột, dạ dày, ruột non, ruột già, bào, nước mắt, mồ hôi, nước mũi, nước bọt, mỡ, tủy, đàm âm, mủ, máu, dịch não, phẩn, nước tiểu[12].' Này Đại vương, vì nhân này, duyên này, nên các Tỳ-kheo tuổi trẻ xuất gia chưa bao lâu ở trong Pháp luật này, vẫn sống an lạc, an ổn... *cho đến* thanh tịnh tràn đầy thuần nhất."

Quốc vương Bà-sa Ưu-đà-diên-na hỏi Tôn giả Tân-đầu-lô:

---

11. Hán: nhiệm tha nhi hoạt 任他而活. Đối chiếu Paøli: samannaøgataø paæhamena vayasaø anikiliìtaøvino kaømesu, với tuổi tráng niên đầu đời mà không đoái hoài đến các dục vọng.

12. Bản liệt kê ba mươi hai thứ bất tịnh trong thân. Bản Hán, nhiều hơn.

"Tâm người hay phiêu nhanh. Nếu quán bất tịnh, có khi sẽ theo tưởng tịnh mà hiện. Vậy còn có nhân duyên nào khiến cho Tỳ-kheo tuổi trẻ xuất gia chưa bao lâu trong Pháp luật này, sống an lạc, an ổn... *cho đến* thanh tịnh tràn đầy thuần nhất không?"

Tôn giả Tân-đầu-lô đáp:

"Còn có nhân duyên khác nữa. Như Thế Tôn Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, là bậc Tri giả, Kiến giả, đã dạy các Tỳ-kheo: 'Các ông nên giữ gìn các căn môn, khéo thu nhiếp tâm mình. Nếu mắt thấy sắc, chớ nắm bắt sắc tướng, chớ nắm bắt hình tướng tốt đẹp, mà tăng thêm sự chấp giữ[13]. Nếu đối với mắt mà không an trụ với sự thúc liễm, những pháp ác bất thiện tham ưu thế gian sẽ lọt vào tâm mình. Cho nên các ông phải giữ gìn luật nghi của mắt. Đối tai và âm thanh, mũi và mùi, lưỡi và vị, thân và xúc, ý và pháp cũng lại như vậy,... *cho đến* giữ gìn luật nghi của ý."

Bấy giờ quốc vương Bà-sa, Ưu-đà-diên-na hỏi Tôn giả Tân-đầu-lô:

"Lành thay! Khéo nói Pháp,... cho đến giữ gìn luật nghi các căn. Bạch Tôn giả Tân-đầu-lô, tôi cũng như vậy, có khi không giữ gìn thân, không giữ gìn luật nghi các căn, khi vào cung không nhất niệm, thì tâm mình sanh ra tham dục hừng hực, ngu si thiêu đốt. Ngay khi đóng cửa phòng ở một mình, ba độc cũng lại thiêu đốt tâm mình, huống lại là ở trong cung. Lại có lúc tôi khéo nhiếp hộ được các căn, nhiếp hộ được thân mình, chuyên tâm nhất niệm, thì khi vào trong cung, tham dục, nhuế, si không còn dấy khởi thiêu đốt tâm mình; khi ở trong cung nội còn không bị thiêu đốt thân tâm, huống chi là khi ở một mình. Vì vậy cho nên do nhân này, do duyên này hay khiến cho Tỳ-kheo tuổi trẻ xuất gia chưa bao lâu trong Pháp luật này sống an lạc, an ổn,... cho đến thanh tịnh tràn đầy thuần nhất."

Sau khi quốc vương Bà-sa, Ưu-đà-diên-na nghe những gì Tôn giả nói, hoan hỷ, tùy hỷ từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

M

---

13. Tăng thượng chấp trì 增上執持. Về thủ hộ căn môn.

KINH 1166. VÍ DỤ TAY CHÂN[14]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cù-sư-la, tại nước Câu-diệm-di. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Vì có tay, nên biết có lấy bỏ. Vì có chân nên biết có tới lui. Vì có các khớp nên biết có co duỗi. Vì có bụng nên biết có đói khát. Cũng vậy, Tỳ-kheo, vì có mắt nên có nhãn xúc làm nhân duyên sanh ra cảm thọ bên trong, hoặc khổ lạc, hoặc không khổ không lạc. Tai mũi lưỡi thân ý lại cũng như vậy.

"Này các Tỳ-kheo, nếu không tay thì không biết lấy bỏ. Nếu không chân thì không biết tới lui. Nếu không có các khớp thì không biết co duỗi. Nếu không có bụng thì không biết đói khát. Cũng vậy, các Tỳ-kheo, nếu không có mắt thì không có nhãn xúc làm nhân duyên sanh ra cảm thọ bên trong, hoặc khổ, hoặc lạc, hoặc không khổ không lạc. Tai mũi lưỡi thân ý lại cũng như vậy."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 1167. CON RÙA[15]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cù-sư-la, tại nước Câu-diệm-di. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Vào thời quá khứ, có đám cỏ trong sông và có con rùa sống trong bụi cỏ ấy[16]. Khi đó có một con dã can đói đi tìm thức ăn. Vừa thấy con rùa, nó vội nhảy tới vồ lấy. Con rùa thấy vậy, liền thu hết đầu đuôi và bốn chân vào trong mai[17]. Dã can canh đợi con rùa thò

---

14. Paøli, S.35.195-196. Hatthapaødupama.

15. Paøli, S.35.199. Kumma.

16. Paøli: saøyaöhasamayaö anunadìtìre gocarapasuto ahosi, buổi chiều, nó đi dọc bờ sông để kiếm mồi.

17. Hán: tàng lục 藏六. Paøli: soòñipaócamaøni aígaøni, năm chi mà cái đầu là thứ năm.

đầu, chân ra là chụp ăn liền. Nhưng chờ lâu quá, mà nhất định rùa không thò đầu và chân ra. Dã can đói quá, tức tối bỏ đi.

"Này các Tỳ-kheo, ngày nay các ông cũng lại biết như vậy. Ma Ba-tuần luôn luôn dò xét tìm cơ hội bên các ông. Mong đợi mắt các ông đắm sắc, tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị, thân xúc chạm, ý nhớ pháp mà xúi dục sanh tâm đắm nhiễm sáu trần. Cho nên Tỳ-kheo, các ông phải luôn luôn giữ gìn luật nghi của mắt. Khi đã giữ gìn an trụ nơi luật nghi của mắt rồi, dù mắt có sanh khởi hoặc duyên cảnh đi nữa thì ác Ma Ba-tuần cũng không thể tìm được cơ hội. Tai mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như vậy. Dù sáu căn kia có sanh khởi hoặc duyên cảnh đi nữa, thì chúng cũng không thể tìm được tiện lợi. Giống như con rùa, dã can không thể tìm được cơ hội nào."

Bấy giờ Phật liền nói kệ:

Rùa vì sợ dã can,
Dấu thân vào trong mai.
Tỳ-kheo khéo nhiếp tâm,
Dấu kín các giác tưởng.
Không nương, không sợ hãi[18],
Kín tâm, chớ nói năng.[19]

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 1168. LÚA[20]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cù-sư-la, tại nước Câu-diệm-di. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

---

18. Paøli: anissato aóóamaheæhayaøno, không y tựa, không tổn thương kẻ khác. Sớ giải: taòhaødiææhinissayehi anissito, không y tựa ái kiến.
19. Paøli: parinibbuto nuøpavadeyya kaóci, hoàn toàn viên tịch, không có gì chê trách. Bản Hán đọc: parinivuto, hoàn toàn được che kín.
20. Paøli, S. 35. 207. Yavakalaøpi.

"Thí như lúa[21] đặt ở ngã tư đường, có sáu tráng niên cầm chày giã, trong chốc lát nát ra như bụi. Rồi người thứ bảy cầm chày giã lại. Này các Tỳ-kheo, ý các ông thế nào, đống lúa đã bị sáu người giã, rồi người thứ bảy giã lại, lúc này bị nát nhừ phải không?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, đúng vậy."

Phật dạy:

"Này các Tỳ-kheo, cũng vậy, người ngu si bị sáu xúc nhập xứ nện đả. Những gì là sáu? Đó là nhãn xúc nhập xứ thường nện đả. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý xúc nhập xứ thường nện đả. Người ngu si kia, tuy bị sáu xúc nhập xứ nện đả, nhưng vẫn còn ý niệm mong cầu sanh hữu đời vị lai[22], như người thứ bảy giã lại cho nát thêm.

"Này các Tỳ-kheo, nếu nói là ngã[23], đó là dao động; nói là ngã sở, đó là dao động; vị lai sẽ hiện hữu, đó là dao động; vị lai sẽ không hiện hữu, đó là dao động; sẽ lại có sắc, đó là dao động[24]; sẽ lại không sắc, đó là dao động; sẽ lại có tưởng, đó là dao động; sẽ lại không có tưởng, đó là dao động; sẽ lại không phải có tưởng, chẳng phải không tưởng, đó là dao động. Vì dao động nên là bệnh, vì dao động nên là ung nhọt, vì dao động nên là gai nhọn, vì dao động nên là dính mắc. Chân chánh quán sát rằng vì dao động nên là khổ; do đó được tâm không dao động, tu tập nhiều, an trụ, cột niệm, chánh trí. Giống như dao động, tư lương, hư cuống[25] cũng như vậy.

"Vì có hành do ái. Nói ngã, đó là ái[26]; nói ngã sở, đó là ái; nói vị

---

21. Hán: hoàng mạch [illegible]. Paøli: yavakalaøpì, bó lúa.

22. Đương lai thế hữu 當來世有. Paøli: aøyaøtiö punabbhava, hữu tái sanh trong đời tương lai.

23. Paøli: asmì ti, iójatam etam, nói rằng "Tôi hiện hữu", đây là sự dao động.

24. Paøli: asmì' ti…iójitam etaö, ayam aham asmì'ti …bhavissan'ti … Na bhavissan'ti …ruøpì bhavissan'ti … iójitam etaö: "Tôi hiện hữu, đây là cái bị dao động (lung lay, lắc lư). Cái này là tôi… Tôi sẽ hiện hữu… Tôi sẽ không hiện hữu … sẽ có sắc… đây là cái bị dao động.

25. Tư lương, hư cuống 思量虛誑. Paøli: asmì 'ti … phanditam etaö: Tôi hiện hữu, đây là cái bị chấn động (run rẩy); asmì'ti… papaócitam etaö: tôi hiện hữu, cái này là hý luận.

26. Ngã … ái; Paøli: asmì'ti… maønagatam etaö, tôi hiện hữu, cái này là mạn.

lai sẽ hiện hữu, đó là ái; nói vị lai sẽ không hiện hữu, đó là ái; nói sẽ có sắc, đó là ái; nói sẽ không có sắc, đó là ái; nói sẽ có tưởng, đó là ái; nói sẽ không tưởng, đó là ái; nói sẽ chẳng phải tưởng, chẳng phải không tưởng, đó là ái. Vì ái nên là bệnh, vì ái nên là ung nhọt, vì ái nên là gai nhọn. Chân chánh quán sát rằng vì dao động nên là khổ; do đó được tâm không dao động, tu tập nhiều, an tru, cột niệm, chánh trí.

"Này các Tỳ-kheo, vào thời quá khứ, A-tu-la đem quân chiến đấu với Đế Thích. Khi ấy Thiên đế Thích bảo chư Thiên Tam thập tam rằng: 'Hôm nay chư Thiên cùng chiến đấu với A-tu-la. Nếu chư Thiên thắng, A-tu-la thua, thì hãy bắt sống vua A-tu-la, lấy dây cột chặt lại năm chỗ đem về cung trời.' Vua A-tu-la cũng nói với binh chúng mình: 'Hôm nay A-tu-la cùng chiến đấu với chư Thiên. Nếu A-tu-la thắng, chư Thiên thua, thì hãy bắt sống Thiên đế Thích, lấy dây cột chặt lại năm chỗ đem về cung A-tu-la.'

"Trong lúc đánh nhau, chư Thiên thắng, A-tu-la thua. Bấy giờ chư Thiên Tam thập tam bắt sống được vua A-tu-la là Tỳ-ma-chất-đa-la, trói năm chỗ, đem về cung trời. Lúc này, vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la, thân bị trói năm chỗ, được đặt trên điện Chánh pháp, cho hưởng thụ năm thứ dục lạc của chư Thiên. Vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la tự nghĩ: 'Chư Thiên tuy là giỏi, nhưng chỉ có A-tu-la là hiền thiện thông tuệ hơn. Nay ta sẽ trở về cung A-tu-la.' Trong lúc đang nghĩ như vậy, thì tự thấy thân mình năm chỗ bị dây ấy cột chặt lại, ngũ dục của chư Thiên tự nhiên biến mất.

"Vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la lại nghĩ: 'A-tu-la tuy giỏi, nhưng chư Thiên hiền thiện trí tuệ và sáng suốt hơn, nay ta sẽ ở lại cung trời này.' Trong lúc đang nghĩ như vậy, thì tự thấy năm chỗ thân mình dây lỏng ra, ngũ dục chư Thiên tự nhiên xuất hiện trở lại.

"Tuy vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la bị sự cột trói vi tế như vậy, nhưng sự cột trói của Ma Ba-tuần càng vi tế hơn. Khi tâm bị dao động, thì liền theo đó bị ma cột. Tâm không dao động thì cũng liền theo đó ma cởi ra. Cho nên, các Tỳ-kheo, phải luôn luôn trụ vào tâm không dao động, chánh niệm, chánh trí. Cần phải học như vậy."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 1169. CÂY ĐÀN[27]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cù-sư-la, tại nước Câu-diệm-di, Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Nếu với Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo-ni nào, ở nơi sắc được nhận thức bởi con mắt mà phát sanh hoặc dục[28], hoặc thèm muốn, hoặc ái niệm, hoặc chỗ bị quyết định đắm trước[29]; đối với những tâm như vậy, phải khéo tự phòng hộ. Vì sao? Vì những tâm này đều là con đường đưa đến sợ hãi, có chướng nạn. Đây là chỗ nương tựa của người ác, không phải chỗ nương tựa của người thiện. Cho nên, phải tự phòng hộ. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý lại cũng như vậy.

"Thí như người nông phu có đám mạ tốt, mà người giữ ruộng thì lười biếng, buông lung, để trâu vào ăn lúa mạ. Phàm phu ngu si cũng lại như vậy, sáu xúc nhập xứ... cho đến buông lung cũng lại như vậy.

"Đám mạ tốt, nếu người giữ ruộng tâm không buông lung, thì trâu không ăn được. Giả sử có vào ruộng cũng bị đuổi ra hết. Nghĩa là tâm, ý, hay thức của Thánh đệ tử đa văn, đối với công năng ngũ dục phải khéo tự nhiếp hộ, tĩnh chỉ hết, khiến cho diệt tận.

"Đám mạ tốt, người giữ ruộng không tự buông lung, thì nếu trâu vào ruộng, sẽ dùng tay trái kéo dây mũi, tay phải cầm roi nện sả vào thân, đuổi ra khỏi ruộng. Này các Tỳ-kheo, ý các ông nghĩ sao? Khi con trâu kia đã bị thống khổ vậy rồi, thì từ làng về nhà, từ nhà ra làng, có còn dám ăn lúa mạ non như lỗi trước không?"

Đáp rằng:

"Bạch Thế Tôn, không. Vì sao? Vì nó nhớ lần trước vào ruộng, đã bị cái đau khổ bởi roi vọt.

"Như vậy, này các Tỳ-kheo, nếu tâm, ý, hay thức của Thánh đệ

---

27. Paøli, S. 35. 205. Viòaø.

28. Paøli: cakkhuvióóeyyesu ruøpesu uppajjeyya chando: tham dục sanh khởi nơi các sắc được nhận thức bởi mắt.

29. Hán: nhược dục, nhược tham, nhược nật, nhược niệm, nhược quyết định trước xứ 若欲若貪若昵若念若決定著處. Paøli: chando vaø raøgo vaø doso vaø moho vaø paæighaö vaøpi: dục, tham, sân, si, hận.

tử đa văn đối với sáu xúc nhập xứ cực kỳ sanh lòng yểm ly, sợ hãi, nội tâm an trụ, chế ngự nhất tâm.

"Này các Tỳ-kheo, thời quá khứ có ông vua nghe tiếng đàn hay chưa từng có được, nên sanh yêu thích, say mê, chìm đắm. Vua hỏi các vị đại thần rằng: 'Đó là những âm thanh gì mà nghe khả ái quá vậy?' Đại thần tâu: 'Tâu bệ hạ, đó là những tiếng đàn.' Vua nói với đại thần: 'Khanh hãy đem những âm thanh đó đến đây.' Đại thần vâng lời, liền đem cây đàn đến tâu: 'Tâu đại vương, đây chính là cây đàn đã tạo ra âm thanh hay.' Vua nói đại thần: 'Ta không cần cây đàn, mà chỉ cần đem những âm thanh khả ái đã nghe lần trước đến.' Đại thần tâu: 'Cây đàn này cần phải có nhiều thứ, là phải có cán, có máng, có thùng, có dây, có da và người đàn giỏi. Cần phải hội đủ những nhân duyên này mới thành âm thanh. Nếu thiếu đi những dụng cụ này thì sẽ không có được âm thanh. Âm thanh mà bệ hạ đã nghe trước đây đã qua lâu rồi, chúng đã biến chuyển và cũng đã diệt mất rồi, không thể đem đến được.' Lúc ấy, nhà vua tự nghĩ: 'Ôi! Cần gì vật hư ngụy này! Đàn ở thế gian là vật hư ngụy, mà khiến cho người đời say đắm vậy sao? Bây giờ các khanh hãy đem chẻ ra từng mảnh, rồi vất bỏ khắp mười phương.' Các đại thần vâng lệnh, chẻ ra thành trăm mảnh, ném khắp mọi nơi.

"Như vậy, Tỳ-kheo, nếu đối với sắc, thọ, tưởng, tư, dục; biết những pháp này là vô thường, hữu vi, do tâm duyên sanh, rồi liền cho là ngã, ngã sở. Những thứ ấy, ở vào lúc khác, tất cả đều không. Này các Tỳ-kheo, hãy bằng chánh trí bình đẳng như vậy mà quán sát như thật."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 1170. CÙI HỦI[30]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cù-sư-la, tại nước Câu-diệm-di. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

---

30. Paøli, S. 35. 206. Chappaøòa.

"Như người bị bệnh hủi, tay chân bị thương lở loét. Nếu vào cỏ tranh, sẽ bị những lá nhọn như mũi kim đâm chích bị thương, đau khổ vô cùng. Cũng vậy, phàm phu ngu si, sáu xúc nhập xứ chịu những sự đau khổ cũng lại như vậy. Giống như người bị hủi kia bị lá cỏ nhọn đâm bị thương, máu mủ chảy ra. Cũng vậy, phàm phu ngu si, tánh tình thô bạo, xấu xa, bị xúc bởi sáu xúc nhập xứ, liền nổi sân nhuế, lời thô tiếng ác tuôn ra, như người bị phong hủi kia. Vì sao? Vì phàm phu ngu si vô học, tâm như phong hủi.

"Bây giờ, Ta sẽ nói về luật nghi và bất luật nghi[31]. Thế nào là luật nghi và thế nào là bất luật nghi?

"Phàm phu ngu si vô học, khi mắt thấy sắc rồi, đối sắc đáng nhớ thì khởi lên tham đắm, với sắc không đáng nhớ thì khởi lên sân nhuế. Từ nơi đó, lần lượt phát sanh ra nhiều giác tưởng tương tục, không thấy lỗi lầm, hoặc có thấy lỗi lầm cũng không thể trừ diệt. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như vậy. Này Tỳ-kheo, đó gọi là bất luật nghi.

"Thế nào gọi là luật nghi? Thánh đệ tử đa văn khi mắt thấy sắc, với sắc đáng nhớ không khởi tưởng dục, với sắc không đáng nhớ không khởi tưởng sân nhuế, lần lượt cũng không khởi những giác tưởng tương tục trụ[32] và thấy sắc là lỗi lầm; vì đã thấy lỗi lầm nên phải lìa bỏ. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như vậy. Đó gọi là luật nghi."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 1171. SÁU CHÚNG SANH[33]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cù-sư-la, tại nước Câu-diệm-di. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

---

31. Luật nghi bất luật nghi 律儀不律儀. Paøli: saövaro asaövaro.

32. (…) giác tưởng tương tục trụ 覺想相續住. Paøli: upaæhitakaøyassati ca viharati appamaøòa-cetaso, "sống an trụ chánh niệm trên thân, với tâm tư vô lượng".

33. Paøli, S. 35. 206 (5-8) Capaøòa. Biệt dịch, N^{0}125(38.8).

"Thí như người dạo trong căn nhà trống, bắt được sáu loài chúng sanh. Đầu tiên được con chó, liền bắt nó cột một chỗ. Kế đến được con chim, rồi được rắn độc, dã can, thất-thâu-ma-la[34] và con khỉ. Sau khi bắt được những chúng sanh này, tất cả đều bị cột một chỗ. Con chó muốn vào làng; chim luôn muốn bay lên không; rắn luôn muốn bò vào hang; dã can muốn đến gò mả; thất-thâu-ma-la lúc nào cũng muốn vào biển; con khỉ muốn vào rừng núi. Sáu con vật này đều bị cột một chỗ, nhưng sở thích không giống nhau. Mỗi con đều muốn đến chỗ an ổn, không con nào thích bị cột vào chỗ mà nó không ưa thích, nên mỗi con tự dùng sức để trở về chỗ ưa thích của mình, mà không thể thoát được.

"Cũng vậy, sáu căn có cảnh giới riêng của chúng, mỗi mỗi tự tìm đến cảnh giới ưa thích của nó, không ưa cảnh giới khác. Như mắt thường tìm đến sắc khả ái, nếu là sắc không vừa ý thì sẽ sanh ra chán. Tai thường tìm âm thanh vừa ý, nếu là âm thanh không vừa ý, thì sẽ sanh ra chán. Mũi thường tìm mùi vừa ý, nếu là mùi không vừa ý, thì sẽ sanh ra chán. Lưỡi thường tìm vị vừa ý, nếu là vị không vừa ý, thì sẽ sanh ra chán. Thân thường tìm chạm vật vừa ý, nếu xúc chạm vật không vừa ý, thì sẽ sanh ra chán. Ý thường tìm đến pháp vừa ý, nếu là pháp không vừa ý, thì sẽ sanh ra chán. Sáu căn này có bao nhiêu hành xứ, cảnh giới khác nhau, mỗi cái không tìm đến cảnh giới của căn khác. Sáu căn này, chúng có cái lực kham năng tự tại mà lãnh thọ cảnh giới của mình. Như người kia, cột sáu con vật vào cây cột bền chắc, cho dù chúng có dùng sức muốn thoát ra theo ý mình mà đi, nhưng lui tới chỉ mệt nhọc, vì đã bị dây cột, cuối cùng cũng bị dính vào cây trụ.

"Này các Tỳ-kheo, Ta nói thí dụ này là muốn vì các ông hiển bày nghĩa ấy. Sáu con vật là dụ cho sáu căn. Cây trụ chắc là dụ cho thân niệm xứ[35]. Nếu thân niệm xứ được khéo tu tập, có niệm, không niệm sắc, thấy sắc khả ái thì không sanh đắm, sắc không khả ái thì không sanh chán. Tai đối với tiếng; mũi đối với mùi; lưỡi đối với vị; thân đối với xúc; ý đối với pháp, ... đối với pháp khả ái, thì không tìm

---

34. Thất-thâu-ma-la 失收摩羅 . Paøli: suösumaøra, con cá sấu.

35. Paøli: upaæææhitakaøyassati, an trụ chánh niệm trên thân.

cầu ưa muốn; với pháp không khả ái thì không sanh chán. Cho nên, các Tỳ-kheo, phải siêng năng tu tập nhiều về thân niệm xứ."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 1172. RẮN ĐỘC[36]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cù-sư-la, tại nước Câu-diệm-di. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Thí như có bốn con rắn hổ hung ác, độc nghiệt, đựng trong một cái tráp. Bấy giờ có một người thông minh, không ngu si, có trí tuệ, tìm lạc, nhàm khổ, cầu sống chán chết. Khi ấy, có một người kia nói với người này rằng: 'Nay, anh giữ cái tráp đựng rắn độc này. Hãy lau chùi, tắm rửa cho chúng; gần gũi, cho chúng ăn. Thỉnh thoảng, cho chúng ra, vào. Nếu bốn con rắn này thoát ra, thì rất có hại, hoặc có thể cắn chết, hoặc gần chết. Bạn hãy coi chừng.'

"Bấy giờ, người này sợ hãi bỏ chạy. Bỗng có năm kẻ oán thù cầm đao rượt theo muốn bắt giết: 'Này bạn, hãy đề phòng.' Trong lúc anh đang sợ bốn con rắn độc và năm kẻ oán thù hoa đao nên ruổi chạy, thì người kia lại nói: 'Này bạn, bên trong còn có sáu tên giặc đang đuổi theo rình rập anh. Nếu bắt được, chúng nó sẽ giết. Anh nên đề phòng.'

"Bấy giờ, người này vì sợ bốn con rắn độc, năm kẻ oán thù cầm dao, với sáu tên giặc ở bên trong, nên kinh hãi bỏ chạy, lại trở vào trong xóm vắng. Thấy một căn nhà trống mục nát nguy hoại kia, với những đồ vật xấu ác, dòn tan, dễ vỡ, không có gì chắc thật. Người kia lại nói: 'Này bạn, thôn xóm vắng vẻ này sẽ có bọn giặc đến. Chúng sẽ hại anh.'

"Khi ấy, người này vì sợ bốn con rắn độc, năm tên giặc hoa đao, sáu tên giặc dữ bên trong và một đám giặc trong xóm vắng, nên anh tiếp tục chạy. Chợt gặp một con sông lớn chắn ngang đường, dòng

---

36. Paøli, S. 35. 197. AØsìvisa. Biệt dịch, N^{0}125(31,6).

nước sâu đang chảy siết, chỉ thấy bờ bên này có nhiều sự sợ hãi, còn thấy bờ bên kia an ổn khoái lạc, mát mẻ, không có sợ hãi. Nhưng không có cầu, thuyền để đưa qua được đến bờ kia. Anh ta tự nghĩ: 'Ta hãy lấy cây cỏ kết thành một chiếc bè, dùng tay chân làm phương tiện vượt qua bên kia sông.' Nghĩ như vậy rồi, liền thâu thập cây cỏ, tại cạnh bờ sông kết lại thành chiếc bè, dùng tay chân làm phương tiện cắt dòng sang ngang. Như vậy, người này thoát khỏi bốn con rắn độc, năm kẻ oán thù hoa đao, sáu tên giặc ác bên trong và lại thoát được bọn giặc nơi xóm vắng; vượt qua khỏi dòng sâu, bỏ lại mọi sự sợ hãi ở bờ bên này, đến được bờ bên kia, an ổn, khoái lạc.

"Này các Tỳ-kheo, Ta nói thí dụ đó là để giải thích nghĩa này:

"Cái tráp là dụ cho sắc thân gồm bốn đại thô và sở tạo của bốn đại phù này, thể tinh huyết, được được nuôi lớn bằng các thức ăn tạp uế, tắm rửa, y phục. Đó là những pháp mong manh, biến hoại, vô thường.

"Bốn rắn độc là dụ cho bốn đại: đất, nước, gió, lửa. Nếu như địa đại cạnh tranh, có thể làm cho thân này chết, hoặc là gần chết. Đối với nước, lửa, gió cạnh tranh nhau cũng lại như vậy. Năm kẻ oán thù cầm đao là dụ cho năm thủ uẩn. Sáu tên giặc ác bên trong là dụ cho sáu ái hỷ. Xóm vắng là dụ cho sáu nội nhập. Này thiện nam tử, hãy quán sát mắt nhập xứ là vô thường, biến hoại. Sự chấp thủ mắt cũng là pháp vô thường hư ngụy. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý nhập xứ cũng lại như vậy.

"Bọn giặc nơi xóm vắng là dụ cho sáu nhập xứ bên ngoài. Mắt bị sắc vừa ý, không vừa ý làm hại; tai đối tiếng, mũi đối mùi, lưỡi đối vị, thân đối xúc, ... ý đối pháp dù vừa ý hay không vừa ý cũng đều bị hại.

"Dòng nước xiết dụ cho bốn lưu: dục lưu, hữu lưu, kiến lưu và vô minh lưu.

"Con sông dụ cho ba ái: dục ái, sắc ái và vô sắc ái.

"Bờ bên này nhiều sợ hãi dụ cho hữu thân. Bờ bên kia mát mẻ, an lạc dụ cho Vô dư Niết-bàn. Chiếc bè dụ cho Bát chánh đạo. Dùng tay chân làm phương tiện cắt dòng sang sông dụ cho tinh tấn dõng mãnh đến bờ kia. Trụ xứ của Bà-la-môn dụ cho Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác.

"Như vậy, các Tỳ-kheo, Đại Sư từ bi, an ủi đệ tử. Những gì cần làm Ta đã làm xong. Nay các ông cũng phải nên làm những gì cần làm. Hoặc dưới bóng cây vắng vẻ, hay nơi phòng xá thanh tịnh, trải cỏ làm tòa, hoặc chỗ đất trống hay gò mả, xa lìa tất cả, tinh cần thiền tư, cẩn thận chớ buông lung mà sau này hối hận. Đây là giáo giới của Ta."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 1173. KHỔ PHÁP[37]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cù-sư-la, tại nước Câu-diệm-di. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Thánh đệ tử đa văn thấy biết như thật, đối với tất cả pháp khổ, tập, diệt, vị, hoạn, ly. Thấy ngũ dục như hầm lửa. Sau khi quán sát ngũ dục như vậy rồi, ở nơi ngũ dục mà dục tham, dục ái, dục niệm, dục trước[38] vĩnh viễn không còn che đậy tâm; biết hành xứ và trụ xứ của dục tâm kia mà tự phòng hộ. Sau khi hành xứ, trụ xứ đã được phòng hộ, đóng chặt cửa rồi, pháp ác bất thiện và tham ưu thế gian không tùy theo hành xứ và trụ xứ kia mà lọt vào tâm mình.

"Thế nào gọi là Thánh đệ tử đa văn thấy biết như thật đối với tất cả pháp khổ, tập, diệt, vị, hoạn, ly? Thánh đệ tử đa văn biết như thật về Khổ Thánh đế này; biết như thật về Khổ tập này, về Khổ diệt này, về Khổ diệt đạo tích Thánh đế này. Đó gọi là Thánh đệ tử đa văn biết như thật tất cả pháp khổ, tập, diệt, vị, hoạn, ly.

"Thế nào gọi là Thánh đệ tử đa văn thấy năm dục như hầm lửa,... cho đến các pháp ác bất thiện và tham ưu thế gian vĩnh viễn không còn che đậy tâm nữa?

"Thí như bên cạnh thôn xóm có một cái hầm sâu đựng đầy lửa,

---

37. Paøli, S. 35. 203. Dukkhaddhamma.

38. Paøli: kaømachando kaømasneho kaømamucchaø kaømapariôaøho, ham muốn của dục, mê luyến của dục, mê đắm của dục, nóng bức của dục.

không có khói và lửa ngọn. Khi ấy có một người không ngu si, thông minh trí tuệ, ưa lạc, chán khổ, ham sống, sợ chết. Ông tự nghĩ: 'Ở đây có cái hầm đựng đầy lửa, nếu ta rơi vào trong đó chắc chắn phải chết không còn nghi nữa.' Người kia phát sanh sự tránh xa, nghĩ tránh xa, muốn tránh xa. Cũng vậy, Thánh đệ tử đa văn thấy ngũ dục như hầm lửa... cho đến pháp ác bất thiện, tham ưu thế gian, vĩnh viễn không còn che đậy tâm. Nếu hành xứ, trụ xứ mà được phòng hộ trước, biết trước... cho đến các pháp ác bất thiện tham ưu thế gian không còn lọt vào tâm.

"Thí như bên cạnh thôn xóm có khu rừng nại[39] nhiều cây gai nhọn. Khi ấy có người vào rừng có công việc. Sau khi vào rừng, thấy trước sau, phải trái, trên dưới hoàn toàn là gai nhọn. Bấy giờ người kia chánh niệm mà đi, chánh niệm tới lui, chánh niệm mở mắt sáng, chánh niệm nhìn thẳng, chánh niệm khom người. Vì sao? Vì không để gai nhọn làm tổn thương thân mình. Thánh đệ tử đa văn cũng lại như vậy. Nếu y tựa nơi làng xóm, thành ấp; sáng sớm đắp y, ôm bát vào xóm khất thực, phải khéo nhiếp hộ thân và giữ gìn tâm mình, chánh niệm an trú, chánh niệm mà đi, chánh niệm mở mắt sáng, chánh niệm quán sát. Vì sao? Vì không để cho gai nhọn làm tổn thương đến Chánh pháp luật. Thế nào là gai nhọn làm tổn thương đến Chánh pháp luật? Là sắc vừa ý, đáng yêu, đáng nhớ. Đó gọi là gai nhọn làm tổn thương đến Thánh pháp luật.

"Thế nào là sắc vừa ý, đáng yêu, đáng nhớ, lại làm tổn thương đến Thánh pháp luật? Đó là năm công năng của dục. Mắt nhận thức thấy sắc sanh ra yêu, nhớ, nuôi lớn dục lạc; tai nhận thức nghe tiếng; mũi nhận thức ngửi mùi; lưỡi nhận thức nếm vị; thân nhận thức tiếp xúc sanh ra yêu, nhớ, nuôi lớn dục lạc. Đó gọi là sắc đáng yêu, nhớ, làm tổn thương đến Chánh pháp luật. Đó cũng gọi là Thánh đệ tử đa văn phòng hộ trước và biết trước chỗ hành xứ và trú xứ,... cho đến không để các pháp ác bất thiện, tham ưu thế gian lọt vào tâm.

"Hoặc khi Thánh đệ tử đa văn mất chánh niệm, sanh ra giác ác bất thiện, nuôi lớn tham dục, sân nhuế, ngu si. Đó là Thánh đệ tử đa

---

39. Nại lâm 奈林 (?). Paøli: bahukaòæakaö daøyaö, khu rừng có nhiều gai.

văn thuộc độn căn[40]. Tuy khởi tập, diệt nhưng bị dục che đậy tâm. Giống như hòn sắt nóng đỏ rực, dùng vài giọt nước nhỏ xuống liền khô mất. Cũng vậy, Thánh đệ tử đa văn độn căn sanh niệm cũng liền diệt mất như vậy.

"Thánh đệ tử đa văn đi như vậy, đứng như vậy. Nếu quốc vương hay đại thần đến chỗ họ dùng bổng lộc để mời dụ rằng: 'Này người nam, cần gì phải cạo bỏ râu tóc, mang đồ sành, thân mặc áo ca-sa, đi xin ăn từng nhà? Sao bằng an úy hành ngũ dục lạc, bố thí làm phước'.

"Thế nào, Tỳ-kheo, Thánh đệ tử đa văn có vì bổng lộc mời dụ của các thân tộc, đàn việt, đại thần, quốc vương mà họ sẽ hoàn giới thoái giảm không?"

Đáp:

"Bạch Thế Tôn, không. Vì sao? Vì Thánh đệ tử đa văn đã thấy biết như thật đối với tất cả pháp khổ, tập, diệt, vị, hoạn, ly. Thấy ngũ dục như hầm lửa,... cho đến pháp ác bất thiện, tham ưu thế gian, vĩnh viễn không còn che đậy tâm nữa, nhờ đã phòng hộ trước và biết trước những hành xứ và trú xứ của phiền não,... cho đến các pháp ác bất thiện, tham ưu thế gian, không còn lọt vào tâm mình. Nếu quốc vương, đại thần hay thân tộc dùng bổng lộc mời dụ người ấy hoàn giới thoái giảm thì điều này không thể có được."

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Lành thay! Lành thay! Thánh đệ tử đa văn từ lâu tâm xuôi về, rót về, đổ dốc về, hướng đến viễn ly, hướng đến ly dục, hướng đến Niết-bàn tịch tĩnh xả ly, vui nơi Niết-bàn; ở nơi hữu lậu đã được dập tắt, được làm mát nguội. Nếu bị quốc vương, gia chủ hay thân tộc dùng bổng lộc mời dụ để hoàn giới thoái giảm, chịu khổ lớn khác, thì điều này không thể có được. Giống như sông Hằng luôn luôn xuôi về, rót về, đổ dốc về phương Đông[41]. Có nhiều người ngăn nó, muốn nó xuôi về, rót về, đổ dốc về phương Tây thì có được không?"

Đáp:

"Bạch Thế Tôn, không thể. Vì sao? Vì dòng nước sông Hằng đã

---

40. Paøli: dandho satuppaødo, niệm khởi lên một cách chậm chạp.

41. Hán: lâm thú lưu chú tuấn thâu đông phương 臨趣流注浚輸東方. Paøli: Gangaø nadì paøcìnaninnaø paøcìnapoòaø paøcìnapabbhaøraø.

lâu ngày chảy về phương Đông mà muốn nó chảy về phương Tây thì không thể được. Những người kia, họ sẽ chịu khổ cực!"

"Cũng vậy, Thánh đệ tử đa văn đã lâu ngày tâm xuôi về, rót về, đổ dốc về, hướng đến viễn ly,... cho đến muốn khiến thoái giảm, thì điều này không thể có được, họ phải chịu khổ cực mà thôi."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 1174. KHÚC GỖ TRÔI[42]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật, tại A-tỳ-xà, bên Hằng thủy[43]. Bấy giờ, có Tỳ-kheo đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

"Lành thay! Bạch Thế Tôn, xin vì con thuyết pháp. Sau khi nghe pháp rồi, con một mình ở chỗ vắng, chuyên tinh tư duy, sống không buông lung và hiểu được lý do về những nhà dòng dõi, cạo bỏ râu tóc, chánh tín xuất gia học đạo, không nhà, tiến tu phạm hạnh, thấy pháp, tự biết tác chứng: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.'"

Bấy giờ, Thế Tôn ngắm sông Hằng, thấy trong nước có một cây lớn trôi theo dòng nước chảy xuống. Nói với vị Tỳ-kheo kia:

"Ông có thấy cây lớn trong dòng nước sông Hằng này không?"

Đáp:

"Bạch Thế Tôn, con đã thấy."

Phật bảo:

"Cây lớn này không vướng bờ bên này, không vướng bờ bên kia, không chìm xuống đáy, không mắc ở bãi cù lao, không vào dòng nước xoáy, không bị người vớt lên, phi nhân không giữ lại, cũng không bị

---

42. Paøli, S. 35. 200. Daørukkhandha (1). Biệt dịch, N^{0}125 (43.3).

43. A-tỳ-xà Hằng thuỷ biên 阿毘闍恒水邊. Paøli: Kosambhiyaö viharati Gaígaøya nadiyaø tìre, trú tại Kosambhi, bên bờ sông Hằng.

mục, sẽ xuôi theo dòng nước, thuận dòng mà rót về, đổ về biển lớn phải không?"

Tỳ-kheo bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, đúng vậy."

Phật bảo:

"Tỳ-kheo cũng lại như vậy. Không vướng bờ bên này, không vướng bờ bên kia, không bị chìm, không mắc bãi cù lao, không vào dòng nước xoáy, cũng không bị người vớt lấy, phi nhân không giữ lại, cũng không bị mục, vị ấy sẽ theo dòng nước mà xuôi về, rót về, đổ về Niết-bàn."

Tỳ-kheo bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, thế nào là bờ bên này? Thế nào là bờ bên kia? Thế nào là chìm mất? Thế nào là bị mắc bãi cù lao? Thế nào là dòng nước xoáy? Thế nào là người vớt lấy? Thế nào là phi nhân giữ? Thế nào là mục nát? Lành thay, Thế Tôn, vì con giảng rộng! Sau khi nghe xong, con sẽ một mình ở chỗ vắng, chuyên tinh tư duy, sống không buông lung,... cho đến tự biết không còn tái sanh đời sau nữa."

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Bờ bên này là sáu nhập xứ. Bờ bên kia là sáu ngoại nhập xứ[44]. Bị người vớt lấy là như người nào gần gũi với người thế tục, hay với người xuất gia; nếu gặp chuyện sướng, khổ, buồn, vui và những việc làm của họ, tất cũng cùng họ cộng đồng. Đó gọi là bị người vớt lấy. Bị phi nhân giữ lại là như có người nào nguyện tu phạm hạnh, rằng: 'Nay ta trì giới, khổ hạnh, tu các phạm hạnh để được sanh lên các cõi trời.' Đó gọi là bị phi nhân giữ lại. Bị dòng nước xoáy là như có người nào hoàn giới thoái chuyển. Hư mục là phạm giới, hành các pháp bất thiện, hủ bại, ít học, giống như cỏ dại, như tiếng thổi tù và. Họ không phải là Sa-môn mà giống Sa-môn, không phải là Phạm hạnh mà giống Phạm hạnh.

"Như vậy, Tỳ-kheo, đó gọi là không vướng bờ bên này, bờ bên kia,... cho đến Niết-bàn."

Sau khi Tỳ-kheo kia nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ làm lễ ra

---

44. Bản Hán hình như bị nhảy sót: Tham chiếu Paøli: bị chìm giữa dòng là hỷ thâm (nandìraøga); bị mắc cạn là ngã mạn (asmìmaøna).

về. Lúc này, một mình ở chỗ vắng, tư duy về những lời Đức Phật đã dạy trong kinh Cây lớn trôi theo dòng nước,... cho đến tự biết không còn tái sanh đời sau nữa và đắc A-la-hán.

Lúc ấy có một người chăn bò là Nan-đồ[45] cách Phật không xa, đang cầm gậy chăn bò. Sau khi vị Tỳ-kheo đã đi rồi, đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân, ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, hiện tại con có thể không vướng bờ bên này, không vướng bờ bên kia, không bị chìm mất, không mắc ở bãi cù lao, không bị người vớt lấy, không bị phi nhân giữ, không vào dòng nước xoáy và cũng không bị mục nát. Vậy con có được xuất gia tu phạm hạnh ở trong Chánh pháp luật của Thế Tôn không?"

Phật hỏi người chăn bò:

"Con đưa bò trở về cho chủ chưa?"

Người chân bò bạch:

"Trong đàn bò có con đầu đàn có thể tự dẫn trở về, không cần con đưa. Xin cho phép con xuất gia học đạo."

Phật bảo người chăn bò:

"Tuy bò tự có thể về nhà được. Nhưng con đã nhận lãnh cơm ăn áo mặc của người, điều cần là con phải về báo cho chủ nhà con biết."

Lúc này, người chăn bò đã nghe lời Phật, hoan hỷ lễ Phật ra về.

Sau khi người chăn bò đi chưa được bao lâu, bấy giờ Tôn giả Xá-lợi-phất cũng đang ở trong hội này, bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, người chăn bò Nan-đồ muốn xin xuất gia, sao Thế Tôn bảo trở về nhà."

Phật bảo Xá-lợi-phất:

"Người chăn bò Nan-đồ, nếu trở về nhà để hưởng thụ ngũ dục, thì không có việc đó. Sau khi giao bò lại cho người chủ rồi, sẽ nhanh chóng trở lại xuất gia học đạo, tịnh tu phạm hạnh, trong Pháp luật này,... cho đến tự biết không còn tái sanh đời sau nữa, đắc A-la-hán."

Bấy giờ, người chăn bò Nan-đồ sau khi giao bò lại cho chủ rồi liền trở lại chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân, ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, con đã giao bò cho chủ rồi. Xin cho phép con

---

45. Nan-đồ 難屠. Paøli: Nando gopaølako.

xuất gia học đạo trong Chánh pháp luật."

Phật bảo người chăn bò Nan-đồ:

"Con được xuất gia học đạo, thọ giới cụ túc làm Tỳ-kheo, ở trong Chánh pháp luật này."

Sau khi xuất gia rồi, tự tư duy về lý do những người con nhà dòng dõi đã cạo bỏ râu tóc, xuất gia học đạo, không nhà, tiến tu phạm hạnh,... cho đến không còn tái sanh đời sau nữa, thành A-la-hán.

M

KINH 1175. KHẨN-THÚ DỤ[46]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Tỳ-kheo một mình ngồi thiền tại chỗ vắng, tự nghĩ: "Tỳ-kheo biết thế nào, thấy thế nào, để được cái thấy thanh tịnh?" Nghĩ rồi, đến các chỗ các Tỳ-kheo, bạch các Tỳ-kheo rằng:

"Thưa các Tỳ-kheo biết thế nào, thấy thế nào để khiến cái thấy được thanh tịnh?"

Các Tỳ-kheo đáp:

"Tôn giả, biết đúng như thật về tập, diệt, vị, hoạn, ly của sáu xúc nhập xứ. Tỳ-kheo nào biết, thấy như vậy, sẽ được cái thấy thanh tịnh."

Tỳ-kheo này nghe các Tỳ-kheo kia nói như vậy, tâm không hoan hỷ, lại đến chỗ Tỳ-kheo khác, hỏi Tỳ-kheo kia rằng:

"Chư tôn Tỳ-kheo, biết thế nào, thấy thế nào để được cái thấy thanh tịnh?"

Tỳ-kheo kia đáp:

"Biết đúng như thật về tập, diệt, vị, hoạn, ly của sáu giới. Tỳ-kheo nào biết như vậy, thấy như vậy, sẽ được cái thấy thanh tịnh."

Tỳ-kheo này nghe Tỳ-kheo kia ký thuyết như vậy tâm cũng không lạc, lại đến Tỳ-kheo khác hỏi:

"Tỳ-kheo, biết thế nào, thấy thế nào để được cái thấy thanh tịnh?"

Tỳ-kheo kia đáp:

---

46. Paøli, S. 35. 204. Kiösuka.

"Quán sát năm thủ uẩn như là bệnh tật, như ung nhọt, như gai nhọn, như giết hại, là vô thường, khổ, không, phi ngã. Biết như vậy, thấy như vậy, sẽ được cái thấy thanh tịnh."

Tỳ-kheo này nghe Tỳ-kheo kia ký thuyết như vậy tâm cũng không lạc, đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân, ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, con một mình ở chỗ vắng tư duy: 'Tỳ-kheo, biết thế nào, thấy thế nào để được cái thấy thanh tịnh?' Sau khi nghĩ như vậy, rồi con đi đến chỗ các Tỳ-kheo, ba nơi đã nói những gì, như đã bạch đầy đủ lên Thế Tôn, con nghe họ nói vậy, tâm không hoan hỷ, nên đến Thế Tôn đem nghĩa này xin hỏi Thế Tôn: 'Tỳ-kheo, biết thế nào, thấy thế nào để được cái thấy thanh tịnh?'"

Phật đáp:

"Vào thời quá khứ, có một người chưa từng thấy cây khẩn-thú[47], đến người đã từng thấy khẩn-thú; hỏi người đã từng thấy khẩn thú rằng: 'Ông biết cây khẩn-thú không?' Đáp: 'Biết.' Lại hỏi: 'Hình dạng của nó thế nào?' Đáp: 'Nó màu đen như cái cột bị cháy.' Vì người kia đang lúc thấy khẩn-thú màu đen như cột trụ cháy sém. Người này nghe nói khẩn-thú màu đen như cái cột cháy sém thì không hoan hỷ lắm. Lại đi đến người khác đã từng thấy khẩn-thú và hỏi: 'Ông đã từng biết khẩn-thú phải không?' Người kia đáp: 'Biết.' Lại hỏi: 'Hình dạng của nó thế nào?' Người từng thấy khẩn-thú đáp: 'Sắc của nó màu đỏ, hoa nở ra như khúc thịt.' Vì người kia lúc thấy khẩn-thú nở hoa thật như một khúc thịt. Người này nghe những gì người kia nói như vậy không hoan hỷ. Lại đến người đã từng thấy khẩn-thú khác hỏi: 'Ông từng biết khẩn-thú phải không?' Người kia đáp: 'Biết.' Lại hỏi: 'Hình dạng của nó thế nào?' Đáp: 'Lông thân của nó dài thườn thượt rủ xuống như quả Thi-lợi-sa[48].' Người này nghe rồi, tâm cũng không hoan hỷ. Lại đi hỏi người đã biết khẩn-thú

---

47. Khẩn-thú 緊獸. Cũng âm là chân-thúc-ca. Tên một loai cây, hoa màu đỏ như thịt tươi. Paøli: kiösuka.

48. Thi-lợi-sa 尸利沙. Hán dịch là hợp hoan thọ. Paøli: sirìsa, cây Bồ-đề. Cf. D.ii. 4. Sammaø-sambuddho sirìsassa muøle abhisambuddho, "Đức Phật ngồi dưới gốc cây Sirìsa mà thành Chánh giác".

khác: 'Ông đã biết khẩn-thú phải không?' Đáp: 'Biết.' Lại hỏi: 'Hình dáng của nó thế nào?' Người kia trả lời: 'Nó màu xanh lá cây, lá bóng, lá dài rộng như cây Ni-câu-lâu-đà[49].' Như những người kia, khi hỏi về khẩn-thú, nghe xong, tâm không hoan hỷ. Lại đi tìm khắp nơi, nhưng những người thấy khẩn-thú, tùy thời tùy sở kiến của mỗi người mà trả lời; cho nên không giống nhau.

"Cũng vậy, các Tỳ-kheo, nếu ở nơi thanh vắng, chuyên tinh tư duy, sống không buông lung, nhân theo pháp tư duy mà không khởi lên các lậu, tâm được giải thoát và tùy theo sở kiến của họ mà ký thuyết. Nay ông nghe Ta nói thí dụ, người trí nhờ thí dụ sẽ hiểu được. Thí như có một quốc vương biên địa, khéo chỉnh trị thành quách, dưới cửa kiên cố, đường sá bằng phẳng. Bốn cửa thành đặt bốn người canh gác. Tất cả đều thông minh trí tuệ, biết người đi người đến. Trong thành này, tại một con đường ngã tư, an trí giường chõng. Thành chủ ngồi trên đó. Nếu có sứ giả từ phương Đông đến hỏi người giữ cửa: 'Thành chủ ở đâu?' Liền được trả lời: 'Đang ngồi trên tòa, ở ngã tư đường, trong thành.' Vị sứ giả kia nghe rồi, đến chỗ thành chủ nhận chỉ thị rồi trở về đường cũ. Những sứ giả từ Nam, Tây, Bắc, đến cũng hỏi người giữ cửa: 'Thành chủ ở đâu?' Họ cũng đáp: 'Ở giữa ngã tư đường, trong thành.' Các sứ giả kia nghe rồi đều đến chỗ thành chủ, nhận chỉ thị của ông, rồi mỗi người trở về chỗ cũ của mình."

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Ta đã nói thí dụ. Nay sẽ nói ý nghĩa. Thành là dụ cho sắc thô của thân người. *Giống như kinh nói thí dụ cái tráp rắn độc*. Khéo sửa sang tường thành là chỉ cho chánh kiến. Đường sá bằng phẳng là nội sáu nhập xứ. Bốn cửa chỉ cho bốn trú xứ của thức. Bốn người giữ cửa chỉ cho tứ niệm xứ. Thành chủ chỉ cho thức thủ uẩn. Sứ giả là Chánh quán. Nói lời như thật là Bốn chân đế. Trở về đường cũ là tám Thánh đạo."

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Nếu Đại Sư có những điều cần làm cho đệ tử; thì nay Ta đã làm xong. Vì thương xót nên: *Như kinh thí dụ về cái tráp rắn độc.*"

---

[49]. Ni-câu-lâu-đà 尼拘婁陀 . Paøli: nigrodha.

Sau khi Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, chuyên tinh tư duy, không sống buông lung, tiến tu phạm hạnh,... cho đến không tái sanh đời sau nữa, thành A-la-hán.

M

KINH 1176. LẬU PHÁP[50]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật du hành nhân gian, giữa những người họ Thích; rồi đến ở trong vườn Ni-câu-luật-đà, nước Ca-tỳ-la-vệ.

Bấy giờ, những người họ Thích ở Ca-tỳ-la làm xong giảng đường mới, chưa có Sa-môn, Bà-la-môn, thiếu niên dòng họ Thích-ca và nhân dân nào ở trong đó. Họ nghe Thế Tôn du hành trong nhân gian, đến nước Ca-tỳ-la-vệ dòng họ Thích và đang trú trong vườn Ni-câu-lâu-đà, giảng về nghĩa khổ lạc. Họ bàn với nhau: "Nhà này mới hoàn thành, chưa có ai ở, nên thỉnh Thế Tôn và đại chúng về đây cúng dường, sẽ được công đức phước báo vô lượng, an ổn lâu dài. Rồi sau đó chúng ta mới sử dụng." Bàn luận xong, họ cùng nhau ra khỏi thành, đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu lễ dưới chân, rồi ngồi lui qua một bên.

Bấy giờ, Thế Tôn vì những người họ Thích, diễn nói pháp yếu, khai thị, soi sáng, làm cho vui mừng xong, rồi ngồi im lặng. Khi ấy, những người họ Thích từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, đảnh lễ Phật, đầu gối hữu quỳ sát đất, chắp tay bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, chúng con những người dòng họ Thích, làm xong giảng đường mới, chưa có ai ở. Hôm nay, thỉnh Thế Tôn và đại chúng đến giảng đường cho chúng con được cúng dường, để chúng con được công đức phước lợi và an lạc mãi mãi. Rồi sau đó chúng con sẽ sử dụng."

Bấy giờ, Thế Tôn im lặng nhận lời. Khi ấy những người họ Thích biết Thế Tôn đã nhận lời mời rồi, cúi đầu lễ dưới chân Phật rồi mỗi người trở về chỗ của mình. Ngay ngày hôm đó, dùng xe chở hết đồ đạc đến trang hoàng giảng đường mới, trải sàng tòa và lót thảm cỏ mịn trên đất, dầu đèn đầy đủ. Khi mọi việc đã sửa soạn xong, họ đến chỗ Phật, cúi đầu bạch rằng:

"Mọi việc đã chuẩn bị xong rồi, mong Ngài biết thời."

Bấy giờ, Thế Tôn và đại chúng tùy tùng trước sau đi đến ngoài giảng đường. Sau khi rửa chân, bước lên nhà, ngồi trước cây cột ở giữa, hướng về Đông. Lúc này, các Tỳ-kheo cũng rửa chân xong, lần

---

50. Paøli, S. 35. 202. Avassuta.

lượt vào giảng đường, ngồi quay mặt hướng về Tây, phía Đức Phật. Bấy giờ, những người họ Thích cũng ngồi quay mặt hướng về Tây.

Bấy giờ, Thế Tôn vì những người dòng họ Thích rộng nói pháp yếu, khai thị, soi sáng, làm cho vui mừng xong, rồi nói với những người dòng họ Thích:

"Này các Cù-đàm, đã quá đầu đêm, bây giờ các người có thể trở về Ca-tỳ-la-vệ."

Khi ấy, những người dòng họ Thích nghe những gì Phật đã dạy, hoan hỷ, tùy hỷ ra về.

Bấy giờ, Thế Tôn biết những người họ Thích đã đi rồi, bèn bảo Đại Mục-kiền-liên:

"Ông nên vì các Tỳ-kheo thuyết pháp cho họ. Ta đang đau lưng, cần được nghỉ ngơi."

Tôn giả Đại Mục-kiền-liên im lặng nhận lời. Bấy giờ, Thế Tôn xếp y Uất-đa-la bốn lớp lót dưới sườn và cuốn y Tăng-già-lê đặt dưới đầu làm gối, nằm nghiêng hông bên phải, xếp đầu gối chân lên nhau, cột niệm vào tướng ánh sáng, với ý tưởng sẽ thức dậy.

Bấy giờ, Đại Mục-kiền-liên nói với các Tỳ-kheo:

"Pháp của Thế Tôn đã dạy, khoảng đầu, khoảng giữa, khoảng cuối đều thiện, nghĩa thiện, vị thiện, thuần nhất, mãn tịnh, thanh bạch, phạm hạnh. Hôm nay, tôi sẽ nói về pháp hữu lậu và vô lậu. Các ông hãy lắng nghe:

"Thế nào là pháp hữu lậu? Phàm phu ngu si vô học, khi mắt thấy sắc rồi, với sắc đáng nhớ khởi lên ưa đắm, với sắc không đáng nhớ khởi lên chán ghét, không trụ vào thân niệm xứ, không có một phần trí đối với tâm giải thoát và tuệ giải thoát; đủ các thứ pháp ác bất thiện khởi lên, không được hoàn toàn diệt trừ, không vĩnh viễn hoàn toàn đoạn tận. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý lại cũng như vậy. Này Tỳ-kheo, người như vậy Thiên ma Ba-tuần sẽ đến chỗ họ để dò xét những chỗ yếu kém tai hại, ở nơi mắt thấy sắc, mà nắm chỗ được sơ hở. Đối với tai nghe âm thanh, mũi ngửi mùi, lưỡi niếm vị, thân với xúc, ý với pháp cũng lại như vậy, liền nắm được chỗ sơ hở. Giống như đống cỏ khô, nổi lửa bốn bên, bị cháy tiêu tức thì. Cũng vậy, Tỳ-kheo, ở nơi sắc được nhận thức bởi mắt của Tỳ-kheo, Thiên ma Ba-tuần liền nắm được chỗ sơ hở. Cũng vậy, Tỳ-kheo, không thắng ở nơi sắc. Tai

đối với tiếng, mũi đối với mùi, lưỡi đối với vị, thân đối với xúc, ý đối với pháp, ... đối với bị pháp chế phục, không thắng được pháp. Không thắng sắc, không thắng âm thanh, mùi thơm, vị ngọt, xúc chạm và pháp. Cũng lại không thắng ý, cùng các pháp ác bất thiện phiền não, thiêu bức, khổ báo và sẽ bị sanh, già, bệnh, chết ở đời vị lai. Chư Tôn giả, Ta đã tự thân nhận lãnh các pháp hữu lậu này từ Đức Thế Tôn. Đó gọi là 'kinh Pháp Hữu Lậu'.

"Thế nào là pháp vô lậu? Thánh đệ tử đa văn mắt thấy sắc, đối với sắc đáng nhớ không khởi ưa đắm, với sắc không đáng nhớ không khởi chán ghét, cột niệm an trụ, vô lượng tâm giải thoát, tuệ giải thoát, biết một cách như thật. Các pháp ác bất thiện đã khởi kia bị diệt tận không dư tàn. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý lại cũng như vậy. Tỳ-kheo như vậy, ác Ma Ba-tuần có đến dò xét tìm sở đoản nơi sắc được thấy bởi mắt, cũng không thể tìm được sở đoản. Tai đối với tiếng, mũi đối với mùi, lưỡi đối với vị, thân đối với xúc, ý đối với pháp, để tìm cầu chỗ yếu kém, cũng không tìm được chỗ yếu kém đó. Giống như lầu các, nếu tường vách kiên cố, cửa ngõ nhiều lớp đóng, lấp dày kín, dù đốt lửa bốn bên cũng không thể cháy được. Các Tỳ-kheo này cũng lại như vậy, dù Ma Ba-tuần đến chỗ dò xét để tìm tòi chỗ yếu cũng không thể tìm được. Tỳ-kheo như vậy, có thể thắng được sắc kia, không bị sắc chiết phục. Và thắng được tiếng, mùi, vị, xúc và pháp không bị những pháp ấy chiết phục. Nếu thắng được sắc, tiếng, mùi, vị, xúc, pháp rồi thì cũng thắng luôn đối với những pháp ác bất thiện, phiền não, khổ báo dẫy đầy, cùng sanh, già, bệnh, chết đời vị lai. Tự thân tôi nhận được pháp này từ Đức Thế Tôn. Đó gọi là 'kinh Pháp Vô Lậu'."

Bấy giờ, Thế Tôn biết Đại Mục-kiền-liên thuyết pháp xong, ngồi dậy cột niệm trước mặt, bảo Mục-kiền-liên:

"Lành thay! Lành thay! Mục-kiền-liên, vì người thuyết kinh pháp này, làm lợi ích nhiều nơi, vượt qua nhiều phiền não và an lạc trời, người lâu dài."

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Các ông nên thọ trì kinh Pháp Hữu Lậu, Vô Lậu này. Hãy nói rộng cho mọi người. Vì sao? Vì nghĩa lý đầy đủ, pháp đầy đủ, phạm hạnh đầy đủ, khai mở thần túc, hướng thẳng Niết-bàn,... cho đến người

thiện nam có lòng tin, ở nhà hay xuất gia cũng nên thọ trì đọc tụng và nói rộng cho mọi người."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 1177. SÔNG TRO[51]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Thí như có một sông tro, bờ Nam rất nóng, nhiều gai nhọn, ở nơi tối tăm, có nhiều tội nhân ở trong sông trôi dạt theo dòng. Trong đó có một người thông minh trí tuệ, không ngu si, ưa lạc chán khổ, ham sống sợ chết, tự nghĩ: 'Hiện tại ta vì duyên gì mà ở sông tro này, bờ Nam thì nóng bức lại nhiều gai nhọn; ở nơi tối tăm, trôi dạt theo dòng như vậy? Ta sẽ dùng chân tay làm phương tiện, bơi ngược dòng lên.' Dần dần thấy được chút ánh sáng, người ấy thầm nghĩ, 'Ta đã gắng sức mới thấy được chút ánh sáng này.' Rồi lại vận dụng tay chân, gắng thêm, nỗ lực thêm và thấy được đất bằng. Tức thì đứng lại đó quan sát chung quanh, thấy núi đá lớn nguyên vẹn không bị lở, không sụt, không bị đục thủng. Liền leo lên trên, lại thấy ao nước trong mát có đủ tám phần: mát lạnh, ngon ngọt, nhẹ nhàng, êm dịu, thơm tho, trong xanh, khi uống không bị nghẹn, không trở ngại trong cổ, đã uống vào rồi thì thân thể an lạc. Người ấy liền vào trong đó, hoặc uống hoặc tắm, xa lìa được phiền não. Sau đó, leo lên trên núi lớn, gặp bảy loài hoa: hoa Ưu-bát-la, hoa Bát-đàm-ma, hoa Câu-mâu-đầu, hoa Phân-đà-lợi, hoa Tu-kiên-đề, hoa Di-ly-đầu-kiên-đề, hoa A-đề-mục-đa, nghe thấy mùi hương thơm. Rồi lại lên núi đá, thấy tòa nhà bốn tầng cấp, liền ngồi trên ấy; thấy màn che có năm trụ, liền vào trong đó, điều thân ngồi ngay thẳng. Ở trong này, đầy đủ gối mền, rải hoa khắp nơi, trang hoàng đẹp đẽ; tự do ngồi nằm, gió mát bốn bề, làm cho thân thể an ổn. Ngồi trên cao, vị ấy nhìn xuống cất lớn tiếng

[51] Paøli, không thấy tương đương.

xướng rằng:

"Hỡi chúng sanh, các Hiền chánh sĩ trong sông tro! Sông này bờ Nam nóng bức, phần nhiều là gai nhọn; nơi này tối tăm, nên tìm cách ra khỏi sông này!"

Có người nghe được những lời này, nương theo tiếng, hỏi rằng:

"Hướng nào ra được? Theo chỗ nào để ra?"

"Trong đó có lời nói:

"Ngươi cần gì hỏi, chỗ nào ra được? Cái người lớn tiếng gọi kia, chính nó cũng không biết, không thấy theo chỗ nào để ra. Nó cũng ở lại trong sông tro này, bờ Nam nóng bức, phần nhiều gai nhọn; ở đây tối tăm, theo dòng trôi xuống. Hỏi nó làm gì!

"Như vậy, Tỳ-kheo, Ta nói thí dụ này, nay Ta sẽ giải thích nghĩa của nó.

"Tro chỉ cho ba ác giác bất thiện[52]. Những gì là ba? Là dục giác, nhuế giác và hại giác.

"Sông chỉ cho ba ái: Dục ái, sắc ái, vô sắc ái. Bờ Nam rất nóng bức chỉ cho nội ngoại sáu nhập xứ. Phần nhiều là gai nhọn chỉ cho năm công năng của dục. Chỗ tối tăm chỉ cho vô minh che lấp tuệ nhãn. Nhiều người chỉ cho phàm phu ngu si. Dòng là chỉ cho sông sanh tử. Trong đó có một người không ngu không si là chỉ cho Đại Bồ-tát. Dùng tay chân làm phương tiện bơi ngược dòng là chỉ cho tinh cần tu học. Thấy một chút ánh sáng ẩn hiện là được pháp nhẫn. Gặp được đất bằng là chỉ cho trì giới. Quan sát bốn phương là chỉ cho thấy được bốn Chân đế. Núi đá lớn là chỉ cho Chánh kiến. Nước tám phần là chỉ cho tám Thánh đạo. Bảy loài hoa là chỉ cho bảy Giác chi. Nhà bốn tầng cấp là chỉ cho bốn Như ý túc. Năm trụ màn che là chỉ cho năm Căn: Tín, Tấn, Niệm, Định, Tuệ. Thân ngồi ngay thẳng là chỉ cho Vô dư Niết-bàn. Rải hoa khắp nơi là chỉ cho các thiền định, giải thoát, tam-muội, chánh thọ. Tự do ngồi nằm là chỉ cho Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác. Gió thổi bốn bề là chỉ cho bốn tâm tăng trưởng hiện pháp lạc trụ[53]. Cất tiếng kêu gọi là chỉ cho Chuyển pháp luân. Kia có người hỏi: 'Chư Hiền chánh sĩ ra chỗ nào?' là chỉ

---

52. Tức ba bất thiện tầm: tham bất thiện tầm, sân bất thiện tầm, hại bất thiện tầm.

53. Chỉ bốn thiền.

cho Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên và các Tỳ-kheo Hiền thánh. Ở trong đó có lời nói: 'Ngươi cần gì hỏi, chỗ nào ra được? Cái người kia cũng không biết, không thấy theo chỗ nào để ra. Nó cũng ở lại trong sông tro này, bờ Nam nóng bức, phần nhiều gai nhọn; và chỗ tối tăm theo dòng trôi xuống', chỉ cho lục sư và các người tà kiến. Đó là Phú-lan-na Ca-diếp, Mạt-già-lê Cù-xá-lê Tử, Tán-xà-da Tỳ-la-chi Tử, A-kỳ-đa-chỉ-xá Khâm-bà-la, Già-câu-la Ca-đàn-diên, Ni-kiền-liên-đà-xà-đề Phất-đa-la và những người tà kiến khác.

"Như vậy, Tỳ-kheo, Đại Sư vì các đệ tử mà làm những việc cần làm. Nay Ta đã làm xong. Bây giờ, các ông phải làm những việc cần làm như Ta đã nói trong kinh Tráp Rắn Độc."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

❑

TẠP A-HÀM QUYỂN 44

KINH 1178. BÀ-TỨ-TRA[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Am-la, tại nước Di-hy-la[2]. Khi ấy, có thiếu phụ Bà-la-môn tên là Bà-tứ-tra[3], có sáu người con qua đời liên tiếp. Vì nhớ con nên phát cuồng, trần truồng, xõa tóc, cứ theo đường mà chạy[4], đến trong vườn Am-la, Di-hy-la. Bấy giờ, Thế Tôn đang thuyết pháp cho vô lượng đại chúng đang vây quanh. Từ xa, thiếu phụ Bà-la-môn Bà-tứ-tra trông thấy Thế Tôn. Vừa thấy, bỗng tỉnh tâm lại, thẹn thùng xấu hổ nép mình ngồi xổm xuống.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Tôn giả A-nan: "Lấy Uất-đa-la-tăng của ông đem cho thiếu phụ Bà-la-môn Bà-tứ-tra và bảo khoác vào để nghe pháp." Tôn giả A-nan vâng lời Phật dạy, lấy y đưa cho bà khoác vào. Sau khi bà được y, mặc xong, đến trước Phật cúi đầu lễ Phật, ngồi lui qua một bên. Bấy giờ, Thế Tôn vì bà thuyết pháp, khai thị, chỉ giáo, soi sáng, làm cho hoan hỷ. Như thường lệ, Đức Phật thuyết pháp theo thứ lớp cho đến khi tín tâm thanh tịnh, thọ tam tự quy.

Sau khi nghe Phật thuyết pháp, bà hoan hỷ, tùy hỷ, làm lễ ra về.

Sau đó người con thứ bảy của Ưu-bà-di Bà-tứ-tra này đột nhiên lại qua đời. Nhưng bà Ưu-bà-di này không còn ưu bi, khổ, não, khóc lóc nữa. Lúc này, chồng của bà Ưu-bà-di Bà-tứ-tra làm kệ nói với bà rằng:

Những đứa con trước chết,
Nhớ thương sanh ưu khổ;
Ngày đêm không ăn uống,
Cho đến phát cuồng điên.

---

1. Đại Chánh quyển 44. Ấn Thuận, "21. Tương ưng Bà-la-môn (phần sau)"; tiếp theo Đại Chánh kinh số 102 (quyển 4). Quốc Dịch, quyển 38. –Paøli, Cf. Theri. 133. Vaøsiæææhì. Biệt dịch, N^{0}100(92).
2. Di-hy-la 彌絺羅 . Paøli: Mithilaø.
3. Bà-tứ-tra 婆四吒 . Paøli: Vaøseæææhì.
4. Bà chạy từ Vesalì đến Mithilaø.

Nay chôn đứa thứ bảy,
Sao không sanh ưu khổ?

Ưu-bà-di Bà-tứ-tra liền nói kệ đáp lại cho chồng rằng:

Con cháu có cả ngàn,
Nhân duyên hòa hợp sanh;
Đã lâu thành quá khứ;
Tôi và ông cũng vậy.
Con cháu và dòng họ,
Số này không hạn lượng,
Sanh nơi này, nơi kia;
Tàn sát, ăn thịt nhau.
Nếu biết cuộc sống ác[5]*,*
Sanh ưu khổ làm gì.
Tôi đã biết xuất ly,
Sự sống chết, còn mất.
Không còn sanh ưu khổ,
Do nhập Chánh pháp Phật.

Lúc ấy, người chồng của Ưu-bà-di Bà-tứ-tra làm kệ khen rằng:

Pháp chưa từng được nghe,
Mà nay nghe bà nói.
Nghe nói pháp ở đâu,
Không ưu khổ nhớ con?

Ưu-bà-di Bà-tứ-tra làm kệ đáp:

Nay Đấng Đẳng Chánh Giác,
Tại nước Câu-hy-la;
Trong vườn cây Am-la,
Lìa hẳn tất cả khổ.
Diễn nói tất cả khổ,
Khổ tập, Khổ tịch diệt.
Bát chánh đạo Hiền thánh,
An ổn hướng Niệt-bàn.

---

5. Ác 惡; Ấn Thuận, Phật Quang đọc là yếu 要. Các bản Tống-Nguyên-Minh đọc là ác 惡.

Đó là Thầy của tôi,
Hâm mộ Chánh giáo Ngài.
Tôi đã biết Chánh pháp,
Hay trừ khổ nhớ con.

Người chồng là Bà-la-môn nói kệ đáp:

Nay tôi cũng sẽ đến,
Vườn Am-la, Di-hy;
Đức Thế Tôn cũng sẽ,
Dạy bỏ khổ nhớ con.

Ưu-bà-di lại nói kệ đáp:

Nên quán Đẳng Chánh Giác,
Mềm mại thân sắc vàng;
Điều phục người khó điều,
Đưa khắp người qua bể.

Bấy giờ, Bà-la-môn liền sửa soạn xe cộ; rồi lên xe ngựa đến vườn Am-la, Di-hy. Từ xa trông thấy Thế Tôn, lòng tin vui tăng lên, đến trước Đại Sư. Khi ấy Đại Sư vì ông mà nói kệ, khai mở pháp nhãn cho ông, thấy khổ, tập, diệt, đạo, thẳng đến Niết-bàn. Ông liền thấy pháp, thành tựu hiện quán. Sau khi biết pháp rồi, xin được phép xuất gia. Ngay lúc đó Bà-la-môn liền được xuất gia và một mình ở chỗ yên tĩnh, tư duy... cho đến đắc A-la-hán.

Thế Tôn đã ký thuyết là chờ vào đêm thứ ba, ông sẽ đắc tam minh. Sau khi đắc tam minh rồi, Đức Thế Tôn bảo ông, sai người đánh xe hãy đem xe về nhà, cho Ưu-bà-di Bà-tứ-tra biết, khởi phát lời tùy hỷ chúc mừng rằng:

"Bà-la-môn đã đến gặp Thế Tôn; đã có được tín tâm thanh tịnh và kính thờ làm Thầy. Đại Sư liền vì ông thuyết pháp, vì ông mà khai mở pháp nhãn, ông đã thấy Khổ Thánh đế, Khổ tập, Khổ diệt và tám đường Hiền thánh an ổn thẳng đến Niết-bàn, thành tựu hiện quán. Sau khi biết pháp rồi, liền xin xuất gia và Thế Tôn đã ký thuyết là vào đêm thứ ba ông đắc tam minh đầy đủ."

Khi đó người đánh xe vâng lời liền quay về nhà, từ xa Ưu-bà-di Bà-tứ-tra trông thấy người đánh xe đánh xe không trở về, liền hỏi:

"Bà-la-môn có gặp được Phật không? Phật có vì ông thuyết

pháp, khai thị pháp nhãn cho ông thấy Thánh đế không?"

Người đánh xe thưa:

"Bà-la-môn đã đến gặp Thế Tôn; đã có được tín tâm thanh tịnh và kính thờ làm Thầy. Đại Sư liền vì ông thuyết pháp, vì ông mà khai mở pháp nhãn, ông đã thấy Khổ Thánh đế, Khổ tập, Khổ diệt và tám đường Hiền thánh an ổn thẳng đến Niết-bàn, thành tựu hiện quán. Sau khi biết pháp rồi, liền xin xuất gia và Thế Tôn đã ký thuyết là vào đêm thứ ba ông đắc tam minh đầy đủ." Lúc ấy, Ưu-bà-di trong lòng liền vui vẻ, nói với người đánh xe:

"Cho ông chiếc xe ngựa này cộng thêm một trăm ngàn tiền vàng, vì ông đã truyền tin, nói là Bà-la-môn Tú-xà-đế[6] đã chứng tam minh, khiến lòng tôi vui vẻ."

Người đánh xe đáp:

"Bây giờ con đâu cần xe ngựa và vàng bạc làm gì? Xe ngựa vàng bạc, xin trả lại cho bà Ưu-bà-di, nay con sẽ trở lại chỗ Bà-la-môn, theo ông xuất gia."

Ưu-bà-di nói:

"Ý ông như vậy, thì hãy mau mau trở lại để theo ông chủ xuất gia, không bao lâu cũng sẽ được tam minh đầy đủ như ông chủ."

Người đánh xe nói:

"Đúng vậy, thưa bà Ưu-bà-di, như ông chủ xuất gia, con cũng sẽ như vậy."

Bà Ưu-bà-di nói:

"Cha của ngươi đã xuất gia, ngươi cũng xuất gia theo. Ta nay không bao lâu cũng sẽ đi theo. Giống như con rồng lớn trong đồng trống lướt qua hư không mà du hành. Những con rồng khác, rồng con trai, rồng con gái, thảy đều bay theo. Ta cũng như vậy, sẽ mang bát, đắp y, sống đời dễ thỏa mãn."

Người đánh xe thưa:

"Thưa bà Ưu-bà-di, nếu như vậy, sở nguyện của bà ắt sẽ thành tựu. Không bao lâu sẽ thấy bà Ưu-bà-di ít muốn, biết đủ, đắp y, mang bát, xin nhận những gì người ta bỏ đi mà ăn, cạo tóc mặc áo nhuộm. Đối với ấm, giới, nhập, đoạn trừ ái dục, xa lìa sự trói buộc của tham

---

6. Tú-xà-đế 宿闍諦. Paøli: Sujaøta.

và dứt hết các hữu lậu."

Ông Bà-la-môn, người đánh xe, bà Ưu-bà-di Bà-tứ-tra và cô con gái là Tôn-đà-bàn-lê[7] đều xuất gia, cứu cánh thoát khổ.

M

KINH 1179. MẤT BÒ[8]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong tinh xá Đại lâm[9], nước Tỳ-xá-ly. Bấy giờ, có Bà-la-môn Tỳ-lê-da Bà-la-đậu-bà-giá[10], sáng sớm đi mua bò, chưa kịp trả giá, ngay hôm đó mất bò. Sáu ngày không tìm thấy. Nhân tìm bò, Bà-la-môn đến tinh xá Đại lâm.

Từ xa trông thấy Thế Tôn đang ngồi dưới bóng cây, dung nghi đĩnh đặc, các căn thanh tịnh, tâm Ngài vắng lặng, thành tựu chỉ quán. Thân Ngài sắc vàng chiếu sáng chói. Thấy vậy, liền đến trước Ngài nói kệ:

Vì sao không sở cầu,
Trống vắng ở nơi này,
Một mình nơi rừng vắng,
Mà tâm được an lạc?

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

Hoặc mất, hoặc được lại,
Đối tâm Ta không loạn;
Bà-la-môn nên biết,
Chớ nói kia như Ta.
Tâm chấp việc được mất,
Tâm ấy không tự tại.

---

7. Tôn-đà-bàn-lê 孫陀槃梨. Paøli: Sundarì.
8. Paøli, S. 7. 1. 10. Bahudhìti. Biệt dịch, N^{0}100(93).
9. Bản Paøli: Kosalesu viharati aóóatarasmiö vanande, trong một khu rừng nọ ở Kosala.
10. Tỳ-lê-da Bà-la-đậu-bà-giá 毘梨耶婆羅豆婆遮. Paøli: aóóatarassa bhaøradvaøja-gotassa braøhmaòassa, có một người Bà-la-môn nọ thuộc dòng họ Bhaøradvaøja.

Lúc ấy Bà-la-môn lại nói kệ:

Chỗ Phạm chí hơn hết,
Như Tỳ-kheo đã nói;
Nay tôi sẽ tự nói,
Lắng nghe lời chân thật.
Sa-môn định chẳng phải
Người mất bò buổi sáng,
Sáu ngày tìm không được,
Cho nên sống an lạc.
Sa-môn định chẳng phải
Người gieo trồng ruộng mè
Lo cỏ hoang phủ mất;
Cho nên sống an lạc.
Sa-môn định chẳng phải
Người trồng lúa thiếu nước,
Sợ hoang khô mà chết;
Cho nên sống an lạc.
Sa-môn định chẳng phải
Quả phụ có bảy người,
Đều nuôi con mồ côi;
Cho nên sống an lạc.
Sa-môn định chẳng phải
Bảy con không được yêu,
Phóng túng nhiều nợ nần;
Cho nên sống an lạc.
Sa-môn định chẳng phải
Chủ nợ giữ cửa mình,
Tìm đòi tiền lãi nhiều;
Cho nên sống an lạc.
Sa-môn định chẳng phải
Đồ nằm sâu bảy lớp
Lo lắng nhặt côn trùng;
Cho nên sống an lạc.
Sa-môn định chẳng phải
Vợ tóc vàng, mắt đỏ,

Ngày đêm nghe tiếng ác;
Cho nên sống an lạc.
Sa-môn định chẳng phải
Bồ không, đàn chuột giỡn
Thường lo lắng thiếu gầy;
Cho nên sống an lạc.

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp lại:

Nay Ta quyết không phải
Kẻ mất bò buổi sáng,
Sáu ngày tìm không ra,
Cho nên sống an lạc.
Nay Ta quyết không phải
Người gieo trồng ruộng mè,
Lo cỏ hoang phủ mất,
Cho nên sống an lạc.
Nay Ta quyết không phải
Người trồng lúa thiếu nước,
Sợ hoang khô mà chết,
Cho nên sống an lạc.
Nay Ta quyết không phải
Quả phụ có bảy người,
Đều nuôi con mồ côi,
Cho nên sống an lạc.
Nay Ta quyết không phải
Bảy con không được yêu,
Phóng túng nhiều nợ nần,
Cho nên sống an lạc.
Nay Ta quyết không phải
Chủ nợ giữ cửa mình,
Tìm đòi tiền lãi nhiều,
Cho nên sống an lạc.
Nay Ta quyết không phải
Đồ nằm sâu bảy lớp,
Lo lắng nhặt côn trùng,

Cho nên sống an lạc.
Nay Ta quyết không phải
Vợ tóc vàng, mắt đỏ,
Ngày đêm nghe tiếng ác,
Cho nên sống an lạc.
Nay Ta quyết không phải
Bồ không, đàn chuột giỡn,
Thường lo lắng thiếu gầy,
Cho nên sống an lạc.
Không buông niệm, không niệm.
Chúng sanh sống an lạc;
Đoạn dục, lìa ân ái,
Mà được sống an lạc.

Bấy giờ, Thế Tôn vì tinh tấn Ba-la-môn Bà-la-đậu-bà-giá mà thuyết pháp khai thị, dạy dỗ, soi sáng, làm cho vui mừng. Như thường lệ Phật theo thứ tự thuyết pháp về bố thí, trì giới... cho đến ở trong Chánh pháp tâm không còn sợ hãi, rồi liền từ chỗ đứng dậy chắp tay bạch Phật:

"Con nay có được xuất gia học đạo thành Tỳ-kheo, tu phạm hạnh ở trong Chánh pháp luật không?"

Phật bảo Bà-la-môn:

"Nay ông có thể được xuất gia, thọ cụ túc giới, tu các phạm hạnh ở trong Chánh pháp luật ...". *Chi tiết, cho đến* đắc A-la-hán, tâm khéo giải thoát.

Bấy giờ tinh tấn Bà-la-môn Bà-la-đậu-bà-giá đắc A-la-hán, duyên tự tâm mà giác tri, được an lạc giải thoát, bèn nói kệ:

Nay ta thật vui sướng,
Ở trong pháp Đại tiên;
Được vui lìa tham dục,
Không phí công thấy Phật.

KINH 1180. TRÍ GIẢ[11]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong rừng cây Sa-la, tại tụ lạc Bà-la-môn[12]. Bấy giờ sáng sớm Thế Tôn đắp y, mang bát vào tụ lạc Bà-la-môn khất thực, bất chợt mây phi thời nổi lên. Bấy giờ, Thế Tôn tự nghĩ: 'Nay, Ta nên đến trong nhà hội lớn gia chủ Bà-la, tại tụ lạc Bà-la-môn[13].' Nghĩ vậy rồi, Ngài liền đến chỗ nhà hội lớn kia. Khi ấy các gia chủ Bà-la-môn đang hội họp trong nhà đó. Từ xa trông thấy Thế Tôn, họ cùng bảo với nhau: "Sa-môn cạo đầu kia cuối cùng biết pháp gì[14]?"

Bấy giờ, Thế Tôn bảo gia chủ Bà-la-môn tụ lạc Bà-la kia rằng:

"Trong dòng Bà-la-môn có người biết pháp, có người không biết pháp; dòng Sát-đế-lợi hay gia chủ, cũng có người biết pháp, có người không biết pháp."

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

Chẳng bạn muốn hơn bạn,
Vua không phục khó phục;
Vợ không cầu hơn chồng,
Con nào không kính cha?
Không người trí: không hội.
Không trí: không lời pháp;
Tham, sân, si đoạn tận,
Thì đó là người trí.

Khi ấy gia chủ Bà-la-môn kia bạch Phật:

"Thiện sĩ Cù-đàm! Thiện sĩ phu! Mời Ngài có thể vào nhà này mà ngồi."

---

11. Paøli, S.7.22. Khomadussa. Biệt dịch, N^{0}100(94).

12. Paøli: Sakkesu viharati Khomadussaö naømaö Sakyaønaö nigamo. Sống giữa những người họ Thích, tại tụ lạc Khomadussa của họ Thích.

13. Bà-la-môn tụ lạc Bà-la trưởng giả 婆羅門聚落婆羅長者. Paøli: Khomadussakaø braøhmaòagahapatikaø sabhaøyaö, trong nhà hội của những gia chủ Bà-la-môn thuộc tụ lạc Khomadussa.

14. Paøli: ke ca muòñakaø samaòakaø, ke ca sabhaødhammaö jaønanti? "Những Sa-môn trọc đầu kia là ai? Sao họ không biết phép hội họp?"

Sau khi Thế Tôn ngồi rồi, liền bạch rằng:

"Xin Cù-đàm thuyết pháp. Chúng tôi muốn nghe."

Bấy giờ, Thế Tôn vì gia chủ Bà-la-môn nơi đại hội này bằng mọi cách thuyết pháp khai thị, dạy dỗ, soi sáng và làm cho vui mừng rồi, lại nói kệ:

Ngu cùng trí tụ hội,
Không nói, biết ai sáng?
Hay nói đạo tịch tĩnh,
Nghe nói, biết kẻ trí.
Người nói, nêu Chánh pháp,
Kiến lập cờ Đại tiên;
Khéo nói là cờ Tiên,
Pháp là cờ La-hán.

Bấy giờ, Thế Tôn vì các gia chủ Bà-la-môn nơi tụ lạc Bà-la kiến lập chánh pháp, khai thị, dạy dỗ, soi sáng, làm cho vui vẻ xong, từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

M

KINH 1181. THIÊN TÁC[15]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở Câu-tát-la[16], du hành trong nhân gian. Rồi đến tụ lạc Phù-lê[17], trú trong vườn Am-la của Bà-la-môn Thiên Tác[18]. Khi ấy Tôn giả Ưu-ba-ma[19] làm thị giả. Bấy giờ Thế Tôn đang đau lưng[20], bảo Tôn giả Ưu-ba-ma:

"Thầy cất y bát xong, đến nhà Bà-la-môn Thiên Tác."

Lúc đó Bà-la-môn Thiên Tác đang ở trong nhà, sai người chải

---

15. Paøli, S. 7. 2. 3. Devahita. Biệt dịch, N^{0}100(95).
16. Bản Paøli: Saøvatthinidaønaö, nhân duyên ở Xá-vệ.
17. Phù-lê tụ lạc 浮梨聚落.
18. Thiên Tác Bà-la-môn 天作婆羅門. Paøli: Devahito braøhmaòo.
19. Ưu-ba-ma 優波摩. Paøli: Upavaøòa.
20. Paøli: vaøtehaøbaødhiko, phong bệnh; được giải thích (Tha.ii.57), do sự dao động của gió nội thân. Không phải gió cảm mạo từ ngoài.

đầu và cạo râu, sửa tóc cho ông, thấy Tôn giả Ưu-ba-ma đang đứng ngoài cửa. Thấy rồi ông nói kệ:

Vì sao cạo râu tóc,
Mình khoác Tăng-già-lê[21]*;*
Đang đứng ngoài cửa đó,
Muốn cầu xin thứ gì?

Tôn giả Ưu-ba-ma nói kệ đáp:

Đấng Thiện Thệ La-hán,
Bị bệnh phong đau lưng;
Có thứ nước an lạc[22]*,*
Trị bệnh Mâu-ni chăng?

Lúc ấy, Bà-la-môn Thiên Tác lấy ra một bát đầy tô, một bình dầu, một bình đường phèn, rồi sai người bưng đi, cùng bình nước nóng, theo Tôn giả Ưu-ba-ma đến chỗ Thế Tôn. Lấy dầu xoa lên thân, dùng nước nóng rửa đi, xong đem tô và đường phèn làm nước uống. Sau đó, bệnh đau lưng Thế Tôn liền được an ổn. Sáng sớm hôm sau Thiên Tác dậy thật sớm, đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân, ngồi lui qua một bên, nói kệ:

Sao gọi Bà-la-môn,
Thí gì được quả lớn?
Thế nào là thời thí[23]*,*
Sao gọi ruộng phước tịnh?

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

Nếu được trí túc mạng,
Thấy trời, định hướng sanh[24]*;*
Được hết các hữu lậu,
Mâu-ni khởi tam minh.

---

21. Paøli: muoñoo saíghaøtipaøruto, trọc đầu, khoác Tăng-già-lê.
22. An lạc thủy 安樂水. Paøli: uòhodakaö, nước nóng. Bản Hán đọc là sukhodakaö?
23. Thời thí 時施; chỉ trong lúc đang bố thí (hiểu theo phân từ hiện tại). Paøli: kathaóhi yajamaønassa, như thế nào, trong lúc hiến tế?
24. Các bản đều đọc là định thú sanh 定趣生. Nên đọc là ác thú sanh, gần với bản Paøli. Paøli: saggaøpaøyaóca passati, thấy sanh thiên, hay đọa lạc.

Khéo biết tâm giải thoát,
Giải thoát tất cả tham;
Mới gọi Bà-la-môn.
Thí kia được quả lớn.
Thí kia là thời thí,
Ruộng phước theo ý muốn.

Sau khi Bà-la-môn Thiên Tác nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ làm lễ ra về.

M

KINH 1182. NGHỀ RUỘNG[25]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở tại Câu-tát-la du hành trong nhân gian; một đêm nọ dừng chân lại trong rừng Sa-la.

Bấy giờ, cách rừng Sa-la không xa có một Bà-la-môn làm nghề nông[26]. Sáng sớm thức dậy vào trong rừng Sa-la, từ xa nhìn thấy Thế Tôn đang ngồi dưới một bóng cây, tướng mạo oai nghi đoan chánh, các căn thanh tịnh, tâm người tịch định, thành tựu đầy đủ chỉ quán đệ nhất. Thân Ngài sắc vàng ánh sáng chiếu suốt. Thấy vậy, đến chỗ Ngài, bạch rằng:

"Bạch Cù-đàm, tôi làm nghề nông ở gần đây, nên thích rừng này. Bạch Cù-đàm, có nghề nghiệp gì ở đây không, mà thích ở trong rừng này? Rồi nói kệ:

Tỳ-kheo ở rừng này,
Vì có nghề nghiệp gì,
Nên một mình chỗ vắng,
Thích ở trong rừng này?

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp lại:

Vô sự ở rừng này,

---

25. Paøli, S.7.17. Navakammika. Biệt dịch, N^{0}100(96).

26. Hán: doanh tác điền nghiệp 營作田業. Bản Paøli: navakammika, thợ cất nhà (hoặc thợ mộc).

Rễ rừng chặt từ lâu;
Nơi rừng, lìa thoát rừng,
Thiền tư, trừ bất lạc.

Sau khi Bà-la-môn nghe những gì Phật nói, hoan hỷ tùy hỷ, làm lễ ra về.

M

KINH 1183. NHẶT CỦI[27]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở tại Câu-tát-la du hành trong nhân gian; một đêm nọ dừng chân lại trong rừng Sa-la.

Bấy giờ, có một Bà-la-môn ở bên cạnh rừng, cùng năm trăm thiếu niên Bà-la-môn ở chung[28]. Bà-la-môn kia thường tán thán, mong mỏi và muốn gặp Thế Tôn, "Khi nào Ngài du hành đến rừng này, nhân đó ta đến gặp để hỏi về những chỗ còn nghi. Ngài có rảnh vì ta mà ký thuyết không?"

Khi ấy người đệ tử thiếu niên của Bà-la-môn kia nhân kiếm củi, nên vào trong rừng. Từ xa nhìn thấy Thế Tôn ngồi dưới bóng cây, dung nghi đoan chánh, các căn vắng lặng, tâm ngài định tĩnh, thân như núi vàng ánh sáng chiếu suốt, thấy rồi tự nghĩ: 'Thầy mình thường tán thán, kính ngưỡng và mong được gặp Ngài Cù-đàm để hỏi những điều nghi ngờ. Nay Sa-môn Cù-đàm này đến trong rừng này, ta phải nhanh chóng về báo cho thầy ta biết.' Tức thì ôm bó củi nhanh chóng trở về nhà học, bỏ bó củi xuống, rồi đến chỗ thầy thưa rằng:

"Thầy nên biết! Lâu nay thầy thường tán thán, kính ngưỡng muốn gặp Sa-môn Cù-đàm đến rừng này để hỏi những điều nghi, nay Sa-môn Cù-đàm đã đến rừng này, xin thầy biết thời."

Khi ấy Bà-la-môn liền đến chỗ Thế Tôn, sau khi thăm hỏi, ủy lạo xong, ngồi lui qua một bên nói kệ:

Một mình vào nơi sợ,

---

27. Paøli, 7.18. Kaæahahaøra. Biệt dịch, N^{0}100(97).

28. Cọng (túc) /@ ±J. Hán dịch sát nghĩa đen. Paøli: antevaøsika: đệ tử (= người sống chung).

Trong rừng rậm thâm sâu;
Đứng vững không dao động,
Khéo tu pháp chánh cần.
Không ca múa âm nhạc,
Ở chỗ vắng tĩnh lặng;
Tôi chưa từng thấy ai,
Một mình thích rừng sâu.
Muốn tìm nơi thế gian,
Vị Chúa tể tự tại;
Là trời Tam thập tam,
Cõi trời vui tự tại.
Cớ sao vào rừng sâu,
Khổ hạnh tự khô héo?

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

Mong cầu nhiều là khổ,
Đắm mê vào các cõi;
Tất cả chúng đều là
Cội rễ của ngu si.
Những loại cầu như vậy,
Ta trừ bỏ từ lâu.
Không cầu, không lừa dối,
Tất cả không đụng tới.
Đối tất cả các pháp,
Duy có quán thanh tịnh;
Được vô thượng Bồ-đề,
Thiền tư tu chánh lạc.

Bà-la-môn lại nói kệ:

Nay con kính lễ Ngài,
Đấng Mâu-ni tịch lặng;
Vua thiền tư vi diệu,
Đại giác, giác vô biên.
Như Lai cứu trời, người,
Vòi vọi như núi vàng;
Giải thoát khỏi rừng rậm,
Ở rừng hẳn không đắm.

Đã nhổ gai nhọn sâu,
Lành sạch không dấu vết;
Thượng thủ hàng luận sư,
Biện luận hơn tất cả.
Sư tử hùng loài người,
Rống động khắp rừng sâu;
Hiển hiện Khổ Thánh đế,
Tập, Diệt, tám Thánh đạo.
Diệt tận các tụ khổ,
Xuất ly, tịnh không nhơ;
Tự thoát tất cả khổ,
Cứu khổ khắp chúng sanh.
Vì an lạc chúng sanh,
Nên diễn nói Chánh pháp;
Với ân ái đã dứt,
Đối lưới dục xa lìa.
Đoạn trừ hết tất cả,
Kết buộc của hữu ái;
Như hoa sen sống nước,
Không nhiễm dính nước bùn.
Như mặt trời giữa không,
Trong sáng không mây che;
Hôm nay con may mắn,
Đến rừng Câu-tát-la.
Được gặp Bậc Đại Sư,
Đấng Lưỡng Túc Tôn Thắng;
Đại tinh tấn, rừng sâu,
Rộng độ sanh bậc nhất.
Hàng đầu, Điều Ngự Sư,
Kính lễ Đấng Vô Úy.

Sau khi Bà-la-môn nói đầy đủ kệ khen ngợi Phật xong, nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, đảnh lễ ra về.

M

KINH 1184. TÔN-ĐÀ-LỢI (1)[29]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật tại Câu-tát-la du hành trong nhân gian, nghỉ đêm bên bờ sông Tôn-đà-lợi[30]. Bấy giờ, Thế Tôn cạo tóc chưa lâu, vào cuối đêm, lấy y phủ lên đầu, ngồi kiết già, chánh thân tư duy, cột niệm ở trước.

Bấy giờ, bên sông Tôn-đà-lợi có Bà-la-môn[31] đang ở, cuối đêm thức dậy, đem những thức ăn cúng còn dư chưa hết, đem đến bờ sông, muốn tìm Bà-la-môn có đức lớn để cúng dường.

Khi ấy Thế Tôn nghe tiếng Bà-la-môn bên bờ sông; nghe rồi bèn đằng hắng lên tiếng và lấy y ra để bày đầu. Lúc ấy, Bà-la-môn bên sông Tôn-đa-lợi thấy Phật rồi, tự nghĩ: "Đây là Sa-môn cạo đầu, chẳng phải Bà-la-môn." Định đem thức ăn trở về, nhưng Bà-la-môn này lại nghĩ: "Đâu phải chỉ có Sa-môn đầu cạo tóc. Trong hàng Bà-la-môn cũng có người đầu cạo tóc. Nên đến đó, hỏi chỗ sanh của ông ta." Lúc này, Bà-la-môn bên sông Tôn-đà-lợi đến chỗ Thế Tôn hỏi rằng:

"Ngài sanh thuộc dòng họ nào?"

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

Ông chớ hỏi chỗ sanh,
Mà nên hỏi chỗ hành.
Khắc cây dùi lấy lửa,
Cũng có thể sanh lửa.
Trong dòng họ hạ tiện,
Sanh Mâu-ni vững chắc;
Trí tuệ, có tàm quý,
Tinh tấn, khéo chế ngự.
Rốt ráo sáng tỏ khắp,
Tu phạm hạnh thanh tịnh;
Mà nay đã đúng thời,

---

29. Paøli, S.7.9. Sundarika. Biệt dịch, N^{0}100(99).

30. Tôn-đà-lợi hà 孫陀利河. Paøli: Sundarikaø-nadì.

31. Paøli: Sundarikabhaøradvaøja braøhmaòa, Bà-la-môn Sundarika dòng họ Bhaøradvaøja.

Nên cúng thức ăn dư.

Bà-la-môn bên sông Tôn-đà-lợi lại nói kệ:

Nay ngày tốt của con,
Muốn cúng dường cầu phước;
May gặp được Đại sĩ,
Tôn quý nhất ba thời.
Nếu không gặp được Phật,
Thời đã cúng người khác.

Bấy giờ, Bà-la-môn bên sông Tôn-đà-lợi càng tăng thêm lòng tin, liền đem thức ăn dư ấy phụng cúng Thế Tôn. Thế Tôn không nhận, vì đã nhờ nói bài kệ mà được.

(Chi tiết như đã nói, vì nhờ thuyết pháp mà được đồ ăn).

Bà-la-môn bên sông Tôn-đà-lợi bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, bây giờ thức ăn cúng này nên để chỗ nào?"

Phật bảo Bà-la-môn:

"Ta không thấy chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn, Thiên thần hay người đời nào có thể ăn thức ăn này mà khiến thân thể an ổn. Ông hãy đem thức ăn này bỏ vào trong nước không có trùng và chỗ đất ít cỏ mọc."

Lúc này, Bà-la-môn này liền đem thức ăn này bỏ vào trong nước không có trùng. Nước liền bốc khói sủi bọt sôi lên thành tiếng xèo xèo. Ví như nung hòn sắt, đem bỏ vào trong nước lạnh, bốc khói sủi bọt sôi lên phát ra tiếng xèo xèo. Thức ăn này cũng vậy. Bỏ vào nước không có trùng, bốc khói sủi bọt, sôi lên thành tiếng xèo xèo. Bà-la-môn bên sông Tôn-đà-lợi lòng kinh hãi, thân lông dựng lên hết, cho là tai biến, vội chạy lên bờ gom củi khô lại cúng dường đền thờ lửa để dứt sự tai quái. Thế Tôn thấy ông gom củi khô cúng dường đền thờ lửa để mong dứt sự tai quái. Thấy vậy, liền nói kệ:

Bà-la-môn thờ lửa,
Thiêu đốt cây cỏ khô,
Chớ cho là tịnh đạo,
Có thể dứt tai hoạn.
Đó là ác cúng dường,
Mà bảo là trí tuệ.

Tạo nhân duyên như vậy,
Ngoại đạo thủ tu tịnh.
Nay ông bỏ lửa củi,
Thổi bùng lửa bên trong;
Thường tu không phóng dật,
Lúc nào cũng cúng dường.
Tin tịnh khắp mọi nơi,
Rộng bày đại hội thí.
Tâm ý là bó củi,
Sân nhuế bốc khói đen.
Vọng ngữ là vị đời,
Miệng lưỡi là thìa gỗ;
Ngực giữ nơi lửa đốt,
Lửa dục thường cháy mạnh.
Phải khéo tự điều phục,
Người tiêu diệt ngọn lửa.
Chánh tín là sông lớn,
Tịnh giới là vượt sang.
Lắng trong sạch dòng nước,
Được người trí khen ngợi;
Sạch trong người: đức trời,
Nên tắm rửa trong đó.
Lội nước không dính mình,
An ổn qua bờ kia.
Chánh pháp là vực sâu,
Phước đức là xuống đò.
Nước lắng trong tràn đầy,
Được người trí khen ngợi
Sạch trong người: đức trời,
Nên tắm rửa trong đó.
Lội nước không dính mình,
An ổn qua bờ kia;
Chân đế khéo điều ngự,
Nhiếp hộ tu phạm hạnh.
Từ bi là khổ hạnh,

Tâm chân thật thanh tịnh;
Dùng Chánh pháp tắm rửa,
Được người trí xưng tán.

Sau khi Bà-la-môn bên sông Tôn-đà-lợi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, trở lại đường cũ mà đi.

M

KINH 1185. TÔN-ĐÀ-LỢI (2)[32]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật tại Câu-tát-la du hành trong nhân gian, ở trong rừng rậm bên sông Tôn-đà-lợi. Lúc ấy, có Bà-la-môn đang ở bên sông Tôn-đà-lợi, đến chỗ Phật, thăm hỏi, ủy lạo xong, ngồi lui qua một bên, hỏi Phật:

"Bạch Cù-đàm, Ngài có đến sông Tôn-đà-lợi tắm rửa không?"

Phật bảo Bà-la-môn:

"Đến sông Tôn-đà-lợi để tắm rửa để làm gì?"

Bà-la-môn bạch:

"Bạch Cù-đàm, sông Tôn-đà-lợi là cứu độ, là an lành, là thanh tịnh. Nếu ai tắm rửa ở đó, có thể trừ hết mọi điều ác."

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

Chẳng sông Tôn-đà-lợi,
Cũng chẳng Bà-hưu-đa;
Chẳng Già-da, Tát-la.
Những con sông như vậy;
Không khiến người tạo ác
Có thể thành thanh tịnh.
Nhưng sông Tôn-đà-lợi,
Hằng hà, Bà-hưu-đa;
Người ngu thường ở đó,
Không thể trừ hết ác.
Những người thanh tịnh kia,
Cần tắm rửa làm gì?

---

32. Paøli, M. 7. Vatthuøpama-sutta. Biệt dịch, N^{0}100 (98); N^{0}125(13.5).

Những người thanh tịnh kia,
Cần bố-tát làm gì?
Nghiệp tịnh do mình tịnh,
Đời này nên gìn giữ;
Không sát sanh, trộm cướp,
Không dâm, không nói dối;
Bố thí trừ keo bẩn,
Ở đó mà tắm rửa.
Đối tất cả chúng sanh,
Thường khởi lòng từ bi;
Dùng nước giếng tắm rửa,
Già-da để làm gì?
Trong tâm tự thanh tịnh,
Không đợi tắm bên ngoài;
Kẻ nghèo cùng hạ tiện,
Thân thể nhiều nhơ bẩn.
Dùng nước rửa bụi ngoài,
Không thể sạch ở trong.

Sau khi Bà-la-môn bên sông Tôn-đà-lợi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

M

KINH 1186. BÚI TÓC (1)[33]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Ni-câu-luật, tại nước Ca-tỳ-la-vệ. Bấy giờ, có Bà-la-môn búi tóc La-đậu-bà-giá[34], vốn là người quen biết của Phật lúc còn là người thế tục, đến chỗ Phật, thăm hỏi, uý lạo xong, ngồi lui qua một bên, nói kệ:

Người búi tóc ngoài thân,

---

33. Paøli, S.7.6. Jaæaø. Biệt dịch, N^{0}100(100).

34. Oanh kế La-đậu-bà-giá Bà-la-môn 縈髻羅豆婆遮婆羅 . Trên chữ *la* 羅 có thể sót chữ *bà* 婆 . Paøli; Jaæabhaøradvaøja-braøhmaòa, Bà-la-môn bện tóc dòng họ Bhaøradvaøja.

Đó chỉ gọi búi tóc;
Người búi tóc bên trong,
Là chúng sanh trói buộc.
Nay xin hỏi Cù-đàm,
Làm sao gỡ búi tóc?

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

Nên thọ trì tịnh giới,
Trong tâm tu Chánh giác;
Chuyên tinh cần phương tiện,
Thì gỡ được búi tóc.

Sau khi Bà-la-môn búi tóc nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

M

KINH 1187. BÚI TÓC (2)[35]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Ni-câu-luật, tại nước Ca-tỳ-la-vệ. Bấy giờ, có Bà-la-môn búi tóc Bà-la-đậu-bà-giá, đến chỗ Phật, thăm hỏi úy lạo nhau xong, ngồi lui qua một bên, nói kệ:

Người búi tóc ngoài thân,
Đó chỉ gọi búi tóc.
Người búi tóc trong tâm,
Là chúng sanh trói buộc.
Nay tôi hỏi Cù-đàm,
Người búi tóc như vậy;
Nên dùng phương tiện gì?
Nơi nào gỡ búi tóc?

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

Mắt, tai, cùng với mũi,
Lưỡi, thân, ý nhập xứ;
Đối với danh sắc kia,
Diệt hết khiến không còn.

---

35. Tham chiếu kinh 1187 trên.

Các thức đã diệt hẳn,
Nơi đó dứt búi tóc.

Phật nói kinh này xong, Bà-la-môn búi tóc Bà-la-đậu-bà-giá nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

M

KINH 1188. TÔN TRỌNG[36]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở dưới gốc cây bồ-đề[37], bên sông Ni-liên-thiền, tại tụ lạc Uất-bề-la, thành đạo chưa bao lâu. Bấy giờ, Thế Tôn một mình yên tĩnh tư duy tự nghĩ rằng:

"Thật là khổ thay, không có cung kính, không có thứ lớp, không có bậc tự tại nào khác để nễ sợ[38]. Như vậy sẽ bị thoái giảm đối với đại nghĩa. Có chỗ để cung kính, có thứ tự, có bậc tự tại nào khác, sẽ sống được an lạc. Có cung kính, có thứ tự, có bậc tự tại khác, đại nghĩa được đầy đủ. Có ai trong chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn, Trời, Thần, Người mà có thể thành tựu hơn Ta về giới, tam-muội, trí tuệ, giải thoát và giải thoát tri, Ta sẽ cung kính tôn trọng, phụng sự cúng dường, nương vào người đó mà sống."

Ngài lại nghĩ:

"Nhưng không có ai trong chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn, Trời, Thần và Người mà có thể có đầy đủ giới, tam-muội, trí tuệ, giải thoát và giải thoát tri kiến hơn Ta, để khiến Ta cung kính tôn trọng, phụng sự cúng dường, nương vào người đó mà sống. Duy chỉ có Chánh pháp khiến Ta tự giác, thành tựu Bồ-đề. Ta hãy cung kính tôn trọng, phụng sự, cúng dường pháp ấy, nương vào đó mà sống. Vì sao? Chư Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác quá khứ cũng cung kính,

---

36. Quốc Dịch, quyển 38, phần cuối, "Tụng vii. Kệ. 6.Tương ưng Phạm thiên" 1 phẩm, 10 kinh. Ấn Thuận, "Tụng viii. 22. Tương ưng Phạm thiên" mười kinh: 1288-1287 (Đại Chánh, kinh 1188-1197). Paøli, S.6.2. Gaørava; cf. A. 4. 21. Uruvelaø. Biệt dịch, N^{0}100(101).

37. Paøli: ajapaølanigrodhamuøle, dưới gốc cây Ajapaøla-nigrodha.

38. Paøli: dukkhaö kho agaøravo viharati appatisso, "Khổ thay, sống mà không có sự kính trọng, không có sự thuận tùng".

tôn trọng, phụng sự, cúng dường Chánh pháp, nương vào đó mà sống. Chư Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác vị lai cũng sẽ cung kính, tôn trọng, phụng sự, cúng dường Chánh pháp, nương vào đó mà sống."

Bấy giờ, Phạm Thiên vương, chúa của thế giới Ta-bà, biết tâm niệm Thế Tôn rồi, nhanh như lực sĩ co duỗi cánh tay biến mất khỏi Phạm thiên, đứng trước Phật, tán thán rằng:

"Lành thay, bạch Thế Tôn! Đúng vậy, bạch Thiện Thệ! Đúng vậy! Những người giải đãi không cung kính thì rất khổ... *(nói chi tiết như trên, cho đến)* nghĩa lớn đầy đủ. Kỳ thực không có chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn, Trời, Thần, Người mà có thể có đầy đủ giới, tam-muội, trí tuệ, giải thoát và giải thoát tri kiến hơn Thế Tôn, để khiến Thế Tôn cung kính tôn trọng, phụng sự cúng dường, nương vào đó mà sống. Chỉ có Chánh pháp, mà Như Lai tự ngộ thành Chánh đẳng Chánh giác, là chỗ mà Như Lai phải cung kính tôn trọng, phụng sự, cúng dường Chánh pháp, nương vào đó mà sống. Vì sao? Chư Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác quá khứ cũng đã cung kính, tôn trọng, phụng sự, cúng dường Chánh pháp, nương vào đó mà sống. Chư Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác vị lai cũng cung kính, tôn trọng, phụng sự, cúng dường Chánh pháp, nương vào đó mà sống. Thế Tôn cũng cung kính, tôn trọng, phụng sự, cúng dường Chánh pháp, nương vào đó mà sống."

Bấy giờ Phạm thiên vương lại nói kệ:

Chư Phật thời quá khứ,
Và chư Phật vị lai;
Phật, Thế Tôn hiện tại,
Hay trừ chúng sanh ưu;
Hết thảy cung kính pháp,
Nương Chánh pháp mà sống.
Sự cung kính như vậy
Đó là pháp chư Phật.

Sau khi Phạm thiên vương nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, cúi đầu lễ dưới chân Phật rồi biến mất.

M

KINH 1189. PHẠM THIÊN (1)[39]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở dưới gốc cây bồ-đề, bên sông Ni-liên-thiền, tại tụ lạc Uất-bề-la, thành đạo chưa bao lâu.

Bấy giờ, Thế Tôn, một mình yên tĩnh tư duy như vầy:

"Có nhất thừa đạo[40] có thể làm cho chúng sanh thanh tịnh, thoát mọi ưu bi, diệt trừ khổ não và được pháp chân như[41]. Đó là bốn Niệm xứ. Những gì là bốn?

"Đó là niệm xứ quán thân trên thân, niệm xứ quán thọ, tâm, pháp trên pháp. Nếu có người nào không thích bốn Niệm xứ thì sẽ không thích Thánh pháp như[42]. Không thích Thánh pháp như thì sẽ không thích Thánh đạo như[43]. Không thích Thánh đạo như thì sẽ không thích pháp cam lộ. Không thích pháp cam lộ thì sẽ không giải thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não.

"Nếu người nào thích tu bốn Niệm xứ thì sẽ thích tu Thánh pháp như. Thích tu Thánh pháp như thì sẽ thích Thánh đạo như. Thích Thánh đạo như thì sẽ thích pháp cam lộ. Thích pháp cam lộ thì được giải thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não."

Bấy giờ, Phạm thiên vương, chúa của thế giới Ta-bà, biết được tâm niệm của Phật rồi, nhanh như lực sĩ co duỗi cánh tay biến mất khỏi cõi trời và hiện đứng trước Phật, tán thán rằng:

"Đúng vậy, bạch Thế Tôn! Đúng vậy, bạch Thiện Thệ! Có nhất thừa đạo có thể làm cho chúng sanh thanh tịnh. Đó là bốn Niệm xứ,... cho đến giải thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não."

Lúc ấy, Phạm thiên vương lại nói kệ:

---

39. Paøli, S. 47. 18. Brahmaø. Biệt dịch, N^{0}100 (102); N^{0}101(4).

40. Nhất thừa đạo 一乘道. Paøli: ekaøyano maggo, con đường có một lối đi duy nhất, khác với ekayaøna, nhất thừa, chỉ một cỗ xe duy nhất.

41. Đắc chân như pháp 得真如法. Paøli: óaøyassa adhigamaøya, nibbaønassa sacchikiriyaøya, để đạt đến Chánh lý, chứng ngộ Niết-bàn.

42. Như Thánh pháp 如聖法. Paøli: óaøya (dhamma)? Xem thêm cht. dưới.

43. Như Thánh đạo 如聖道. Paøli: óaøyaøya maggam, con đường dẫn đến chánh lý(?)

Rằng có nhất thừa đạo,
Thấy đoạn tận hữu biên[44]*;*
Diễn nói về Chánh pháp,
An ủi chúng sanh khổ.
Chư Thế Tôn quá khứ,
Nương đạo này vượt qua;
Chư Thế Tôn vị lai,
Cũng nương đạo này qua.
Đấng Chánh Giác hiện tại,
Nương đây qua biển cả,
Rốt ráo mé sanh tử,
Điều phục tâm thanh tịnh.
Đối sanh tử lưu chuyển,
Đều đã dứt hết hẳn.
Biết tất cả cảnh giới,
Tuệ nhãn tỏ Chánh đạo.
Thí như nước sông Hằng,
Đều chảy về biển lớn;
Dòng nước siết trôi xa,
Chánh đạo cũng như vậy.
Trí rộng khéo hiển bày,
Mau được pháp cam lộ;
Xe Chánh pháp thù thắng,
Vốn chưa từng được nghe.
Vì thương xót chúng sanh,
Nên chuyển vì chúng sanh;
Che chở chúng trời, người,
Khiến đưa qua bờ kia.
Cho nên các chúng sanh,
Đều cúi đầu đảnh lễ.

Sau khi Phạm thiên vương nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ cúi đầu lễ dưới chân Phật rồi biến mất.

M

---

44. Hán: kiến sanh chư hữu biên 見生諸有邊. *Chư*, nên đọc là *tận*. Paøli: jaøtikhayantadassì, thấy sự sanh được đoạn tận.

KINH 1190. PHẠM CHÚA[45]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở dưới gốc cây bồ-đề, bên sông Ni-liên-thiền, tại tụ lạc Uất-bề-la[46], thành đạo chưa bao lâu.

Bấy giờ, có Phạm thiên vương, chúa của thế giới Ta-bà[47], với sắc thân tuyệt diệu, vào lúc cuối đêm, đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên, nói kệ:

Ở trong các chủng tánh,
Lưỡng túc tôn Sát-lợi[48];
Bậc Minh Hạnh đầy đủ,
Tối thắng trong loài người.

Phật đáp:

"Đúng vậy, Phạm thiên! Đúng vậy, Phạm thiên!

Ở trong các chủng tánh,
Lưỡng túc tôn Sát-lợi;
Bậc Minh Hạnh đầy đủ,
Tối thắng trong loài người.

Phật nói kinh này xong, Phạm thiên vương chủ thế giới Ta-bà nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ cúi đầu lễ dưới chân Phật rồi biến mất.

M

KINH 1191. KHÔNG NHÀN XỨ[49]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở tại Câu-tát-la, du hành trong nhân gian,

---

45. Paøli, S.6.11. Sanaökumaøra. Biệt dịch, N^{0}100 (103).
46. Bản Paøli: Raøjagahe viharati Sappinìtìre, trú tại Vương xá, bên bờ sông Sappinì.
47. Paøli: Brahmaø sanaökumaøro, vị Phạm thiên thường xuyên dưới dạng hài đồng, thường đồng hình Phạm thiên.
48. Paøli: khattiyo seæææho janetasmiö, ye gottapaæisaørino, những ai tin vào chủng tộc, thì Sát-lợi là tối tôn.
49. Paøli, S.6.13. Andhakavinda. Biệt dịch, N^{0}100(104).

dừng nghỉ nơi thanh vắng không có tụ lạc[50], cùng với các Tỳ-kheo nghỉ đêm tại đó. Bấy giờ, Thế Tôn vì các Tỳ-kheo nói pháp tùy thuận A-lan-nhã.

Khi ấy Phạm thiên vương, chủ thế giới Ta-bà tự nghĩ rằng: "Hôm nay Thế Tôn đang ở tại Câu-tát-la, du hành trong nhân gian và dừng nghỉ nơi thanh vắng không có tụ lạc, cùng với các Tỳ-kheo nghỉ đêm tại nơi hoang vắng đó. Bấy giờ, Thế Tôn đã vì đại chúng nói pháp tùy thuận không[51]. Bây giờ, ta nên đến tùy thuận mà tán thán." Nghĩ vậy xong, nhanh như lực sĩ co duỗi cánh tay, biến mất khỏi cõi trời và hiện đứng trước Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, mà nói kệ:

Quen chỗ ngồi biên địa[52]*,*
Đoạn trừ các phiền não;
Nếu không thích rừng vắng,
Nhập chúng, hãy phòng hộ.
Tự điều phục tâm mình,
Đi xin ăn từng nhà;
Nên giữ gìn các căn,
Chuyên tinh nhiếp tâm niệm.
Sau tập quen rừng vắng,
Ngồi nơi a-luyện-nhã;
Xa lìa các sợ hãi,
Trụ an ổn không sợ.
Nếu có các hung hiểm,
Rắn dữ, mọi độc hại;
Mây đen, lắm tối tăm,
Sấm sét lóe sáng ngời;
Thì nhờ lìa phiền não,
Nên ngày đêm an ổn.

---

50. Bản Paøli: Maøgadhesu viharati Andhakavinde, sống giữa những người Ma-kiệt-đà, trong làng Andhakavinda.

51. Tùy thuận không [illegible]. Trên kia, Hán dịch là "tùy thuận a-luyện-nhã [illegible]".

52. Paøli: sevetha pantaøni senaøsanaøni, các ông hãy sống nơi biên địa.

Như pháp con đã nghe,
Cho đến không cứu cánh.
Một mình, tu phạm hạnh,
Không sợ ngàn ma chết.
Nếu tu hành giác đạo,
Cả vạn chẳng sợ chi.
Tất cả Tu-đà-hoàn,
Hoặc đắc Tư-đà-hàm;
Cùng với A-na-hàm,
Số này cũng vô lượng.
Không thể tính số được,
Sợ người bảo: nói dối.

Sau khi Phạm thiên vương, chủ thế giới Ta-bà nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, làm lễ Phật rồi biến mất.

M

KINH 1192. TẬP HỘI[53]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở tại rừng Ca-tỳ-la-vệ, ở Ca-tỳ-la-vệ[54], cùng với năm trăm Tỳ-kheo, đều là những bậc A-la-hán, sạch hết phiền não, việc làm đã xong, lìa các gánh nặng, đã được lợi mình, hết mọi hữu kết, chánh trí, tâm khéo giải thoát.

Bấy giờ, Thế Tôn vì đại chúng nói pháp tương ưng Niết-bàn. Khi ấy có đại chúng chư Thiên oai lực từ mười phương thế giới, đều đến câu hội, cúng dường Thế Tôn và các Tỳ-kheo Tăng. Lại có các Phạm thiên vương ở tại Phạm thế tự nghĩ rằng: "Hôm nay Phật đang trú tại Ca-tỳ-la-vệ, ... nói đầy đủ như trên, cho đến cúng dường Thế Tôn và đại chúng. Bấy giờ, chúng ta nên đến đó tán thán." Nghĩ vậy rồi, nhanh như lực sĩ co duỗi cánh tay, biến mất khỏi cõi trời và hiện đứng trước Phật.

---

53. Paøli, S.1.37. Samaya. Biệt dịch, N^{0}100(105).

54. Ca-tỳ-la-vệ Ca-tỳ-la-vệ lâm 迦毘羅衛迦毘羅衛林. Paøli: Kapilavatthusmiö Mahaøvane, trong rừng Đại lâm, ở Kaplilavatthu.

Phạm thiên thứ nhất nói kệ:

Ở trong rừng lớn này,
Đại chúng đều vân tập;
Chúng chư Thiên mười phương,
Tất cả đến cung kính.
Từ xa con đến lễ,
Tăng nan phục, tối thắng[55].

Phạm thiên thứ hai lại nói kệ:

Chư Tỳ-kheo Tăng này,
Tinh tấn, tâm chân thật;
Ở trong rừng lớn này,
Cầu độ, nhiếp các căn.

Phạm thiên thứ ba nói kệ tiếp:

Khéo phương tiện tiêu dung
Ân ái sâu, gai nhọn;
Kiên cố không dao động,
Như phướn Nhân-đà-la[56].
Vượt dòng nước hào sâu,
Thanh tịnh không cầu dục;
Đấng Đại Sư khéo độ
Các Rồng chúa đã thuần.

Phạm thiên thứ tư nói kệ tiếp:

Ai quy y nơi Phật,
Quyết không đọa đường ác;
Đã dứt thân làm người,
Được thân trời thọ lạc.

Mỗi vị nói kệ xong, bốn Phạm thiên liền biến mất.

M

55. Paøli: aparaøjitasaígham, Tăng-già không thể bị đánh bại.
56. Nhân-đà-la tràng 因陀羅幢. Cây phướn của Đế Thích.

KINH 1193. CÙ-CA-LÊ[57]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, có Phạm thiên vương, chủ thế giới Ta-bà, hằng ngày tinh cần đến chỗ Phật tôn kính cúng dường. Bấy giờ chủ thế giới Ta-bà nghĩ: "Sáng nay đến gặp Thế Tôn quá sớm. Chắc Thế Tôn còn đang nhập đại định. Ta hãy đến phòng Tỳ-kheo Cù-ca-lê[58], bạn đảng của Đề-bà-đạt-đa." Nghĩ rồi, liền đến trước phòng Cù-ca-lê gõ cửa và nói rằng:

"Cù-ca-lê, nên khởi lòng tin thanh tịnh nơi Tôn giả Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên. Người chớ để chịu khổ lâu dài, không lợi ích."

Cù-ca-lê nói:

"Ông là ai?"

Phạm thiên đáp:

"Phạm thiên vương, chủ thế giới Ta-bà."

Cù-lê-ca nói:

"Thế Tôn không thọ ký cho ông đắc A-na-hàm phải không?"

Phạm thiên vương nói:

"Đúng vậy, Tỳ-kheo!"

Cù-lê-ca nói:

"Cớ gì ông đến đây?"

Phạm thiên vương, chủ thế giới Ta-bà nghĩ: "Người này, không thể trị", liền nói kệ:

Ở nơi bậc Vô lượng,
Sanh lòng muốn ước lượng:
Có người trí tuệ nào,
Lại sanh giác tưởng này?
Muốn lường bậc khôn lường:
Phàm phu bị che tối.[59]

---

57. Paøli, S.6. 7-9. Kokaølika. Biệt dịch, N^{0}100(106); N^{0}101(5).

58. Cù-ca-lê 瞿迦梨. Paøli: Kokaølika.

59. S. 6.7.

Bấy giờ, Phạm thiên vương, chủ thế giới Ta-bà đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân, ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, hằng ngày con thường siêng đến chỗ Phật gần gũi cúng dường. Con nghĩ rằng sáng nay đến gặp Thế Tôn còn quá sớm, chắc Thế Tôn còn đang nhập đại định, con bèn đến phòng Tỳ-kheo Cù-ca-lê bạn đảng của Đề-bà-đạt-đa, liến đứng trước phòng từ từ gõ cửa và nói rằng:

"Cù-ca-lê! Cù-ca-lê! Nên khởi lòng tin thanh tịnh nơi Tôn giả Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên là người trí tuệ, hiền thiện. Người chớ chịu khổ lâu dài, không lợi ích. Cù-ca-lê nói: 'Ông là ai?' Con liền đáp: 'Phạm thiên vương, chủ thế giới Ta-bà.' Cù-lê-ca nói: 'Thế Tôn không thọ ký cho ông đắc A-na-hàm phải không?' Con liền đáp: 'Đúng vậy! Cù-ca-lê.' Lại nói: 'Cớ gì ông đến đây?' Con tự nghĩ: 'Người này, không thể trị', liền nói kệ:

Ở nơi không thể lường,
Muốn sanh lòng tính toán;
Đem vô lượng, muốn lường,
Là che lấp phàm phu.

Phật bảo Phạm thiên:

"Đúng vậy! Đúng vậy! Phạm thiên."

Ở chỗ không thể lường,
Muốn khởi tâm suy lường;
Có người trí tuệ nào,
Mà sanh vọng tưởng này.
Không thể lường, muốn lường,
Là che lấp phàm phu."

Phật nói kinh này xong, Phạm thiên vương, chủ thế giới Ta-bà nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy lễ Phật, rồi biến mất.

M

KINH 1194. PHẠM THIÊN (2)[60]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, Đại Phạm thiên vương và các Biệt Phạm thiên[61] khác cùng với Thiện Tí biệt Phạm thiên[62], hằng ngày dùng phương tiện đến gặp và cúng dường Thế Tôn. Khi ấy có Bà-cú Phạm thiên[63] thấy Biệt Phạm thiên và Thiện Tí Phạm thiên tinh cần phương tiện như vậy bèn hỏi:

"Các ông muốn gì?"

Họ liền đáp:

"Muốn gặp Thế Tôn cung kính cúng dường."

Lúc ấy, Phạm thiên Bà-cú liền nói kệ:

Kia bốn loại ngỗng trời[64],
Ba cung điện sắc vàng[65];
Năm trăm bảy mươi hai,
Người tu hành thiền tư.
Thân sắc vàng rực rỡ[66],
Chiếu khắp cung Phạm thiên;
Ông hãy nhìn thân ta,
Cần đến đó làm gì?

Khi ấy, Thiên Phạm vương, Biệt Phạm vương và Thiện Tí biệt Phạm vương lại nói kệ:

---

60. Paøli, S. 6.6. Pamaøda. Biệt dịch, N^{0}100(107).

61. Biệt Phạm thiên 別梵天. Paøli: Pacceka-Brahmaø. Không thấy các tài liệu giải thích. Có thể chỉ những Phạm thiên độc lập, không có Thiên chúng.

62. Thiện Tí biệt Phạm thiên 善臂別梵天. Paøli, đề cập hai vị: Subrahmaø và Suddhavaøsa.

63. Bà-cú Phạm thiên 婆句梵天. Paøli: Bako Brahmaø.

64. Hán: hộc điểu 鵠鳥. Paøli: haösa, thiên nga.

65. Bản Paøli: tayo supaòòaø, ba trăm chim cánh vàng *(Kim xí điểu).*

66. Paøli: vyagghìnisaø paócasataø ca jhaøyino, sáng rực với 500 hổ cái? Bản Hán hiểu jhaøyino: các hành giả Thiên, thay vì là *(các cung điện)* sáng rực.

Tuy có thân sắc vàng,
Chiếu khắp cung Phạm thiên;
Vị có trí tuệ này,
Biết sắc có phiền não.
Người trí không đắm sắc,
Nên tâm được giải thoát.

Bấy giờ, Thiện Phạm thiên[67], Biệt Phạm thiên, Thiện Tí biệt Phạm thiên đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, chúng con phương tiện muốn đến gặp Thế Tôn, cung kính cúng dường, có Bà-cú Phạm thiên thấy chúng con phương tiện như vậy nên đến hỏi chúng con rằng: 'Hôm nay quý vị muốn phương tiện đi đâu?' Chúng con liền đáp, 'Muốn đến gặp Thế Tôn, lễ bái cúng dường.' Bà-cú Phạm thiên liền nói kệ:

Kia bốn loại ngỗng trời[68]
Ba cung điện sắc vàng;
Năm trăm, bảy mươi hai[69],
Người tu hành thiền tư.
Thân sắc vàng rực rỡ,
Chiếu khắp cung Phạm thiên;
Ông hãy nhìn thân ta,
Cần đến đó làm gì?

Chúng con nói kệ đáp lại:

Tuy có thân sắc vàng,
Chiếu khắp cung Phạm thiên;
Vị có trí tuệ này,
Biết sắc có phiền não.
Người trí không đắm sắc,
Nên tâm được giải thoát.

---

67. Thiện Phạm thiên 善梵天. Paøli: Subraøhmaø, một trong hai vị Paccekа-Brahmaø mà bản Hán trên kia không nhắc.
68. Xem cht.64, kinh 1194.
69. Về "bảy mươi hai", xem cht.75 kinh 1195.

Phật bảo Phạm thiên:

"Đúng vậy, Phạm thiên! Đúng vậy, Phạm thiên!

Tuy có thân sắc vàng,
Chiếu khắp cung Phạm thiên;
Nên biết sắc vàng ròng,
Đó là tướng phiền não.
Người trí giải thoát sắc,
Đối sắc không còn ưa.

Khi ấy những vị Phạm thiên kia vì Tỳ-kheo Ca-tra-vụ-đà-đê-sa[70] mà nói kệ:

Người sanh ở thế gian,
Búa bén ở trong miệng;
Trở lại chặt thân mình,
Do những ác ngôn này:
Điều đáng chê lại khen,
Điều đáng khen lại chê;
Ác khẩu tăng thêm lỗi,
Đời sống không an vui.
Cờ bạc, rượu tán tài,
Lỗi này còn quá nhẹ;
Ác tâm đối Thiện Thệ,
Đó là tội rất nặng.
Có trăm ngàn địa ngục,
Tên Ni-la-phù-đà[71];
Ba ngàn sáu trăm ngục,
Và năm A-phù-đà[72].
Chúng là ngục báng Phật,
Do ác nguyện miệng, ý.

Phật nói kinh này xong, các Phạm thiên kia nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ cúi đầu lễ dưới chân Phật, rồi biến mất.

M

---

70. Ca-tra-vụ-đà-đê-sa 迦吒務陀低沙.
71. Ni-la-phù-đà 尼羅浮 . Paøli: Nirabbuda.
72. A-phù-đà 阿浮陀. Paøli: Abbuda.

KINH 1195. BÀ-CÚ PHẠM[73]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá.

Bấy giờ, có Bà-cú Phạm thiên[74] ở trên cõi Phạm thiên khởi ác tà kiến, nói rằng:

"Chỗ này thường hằng, không phải là pháp biến dịch, là nơi thuần nhất, là chỗ xuất ly."

Bấy giờ, Thế Tôn biết tâm niệm của Bà-cú Phạm thiên rồi, nhập tam-muội, với chánh thọ như vậy, biến mất khỏi thành Vương xá và hiện ra nơi cõi Phạm thiên. Bà-cú Phạm thiên xa thấy Thế Tôn, liền nói kệ:

Phạm thiên, bảy mươi hai:
Tạo tác các phước nghiệp[75];
Tự tại mà thường trụ,
Đã khỏi sanh, già, chết.
Tôi đối các Minh luận[76],
Đã tu tập rốt ráo.
Trong hàng chư Thiên kia,
Chỉ có tôi trường tồn.

Bấy giờ, Phật nói kệ đáp:

Đời sống này rất ngắn,
Không phải là trường tồn;
Mà Bà-cú Phạn thiên,
Tự bảo là sống lâu.

---

73. Paøli, S. 6.4. Bako-Brahmaø. Biệt dịch, 100 (108).

74. Xem cht.63, kinh 1194.

75. Hán: Phạm thiên thất thập nhị, tạo tác chư phước nghiệp 梵天七十二造作諸福業 ; văn cú đảo. Nên hiểu: "Các Phạm thiên đã tạo ra bảy mươi hai loại phước nghiệp". Tham chiếu Paøli: dvaøsattati Gotma puóóakammaø, vasavattino jaøtijaraö atìtaø, "bằng bảy mươi hai phước nghiệp, chúng tôi có quyền uy siêu việt già và chết".

76. Minh luận 明論 . Paøli: Vedaguø, người thông thạo các Veda.

Ngục Ni-la-phù-đa,
Tuổi thọ trăm ngàn năm;
Ta đều nhớ biết cả,
Ông tự bảo trường tồn.

Bà-cú Phạm thiên lại nói kệ:

Chỗ thấy Phật, Thế Tôn,
Số kiếp không bến bờ.
Sanh, già, chết, ưu, bi,
Tất cả là quá khứ.
Xin nói cho tôi biết,
Quá khứ đã từng qua:
Thọ trì giới nghiệp gì,
Mà được sanh ở đây?

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

Kiếp quá khứ lâu xa,
Giữa vùng đại hoang mạc,
Có các chúng tu hành,
Nhiều phạm hạnh Hiền thánh.
Đói thiếu, không đủ ăn,
Ông đến cứu giúp họ.
Tâm từ giúp liên tục,
Trải nhiều kiếp không mất.
Đó là quá khứ ông,
Công đức được thọ trì.
Ta đều nhớ biết cả,
Xa, gần, như ngủ thức.
Quá khứ có thôn ấp,
Bị bọn giặc cướp bóc;
Khi ấy ông đến cứu,
Khiến họ được cứu thoát.
Đó là thời quá khứ,
Phước nghiệp được thọ trì.
Ta nhớ nhân duyên này,
Xa, gần, như ngủ thức.

Quá khứ có nhiều người,
Đi thuyền trên sông Hằng;
Ác long giữ thuyền kia,
Muốn hại hết mạng người.
Thời ông dùng thần lực,
Cứu họ được giải thoát.
Đó là quá khứ ông,
Phước nghiệp được thọ trì.
Ta nhớ nhân duyên này,
Xa, gần, như ngủ thức.

Bà-cú Phạm thiên lại nói kệ:

Quyết định đã biết tôi,
Việc thọ mạng xưa nay;
Cũng biết hết tất cả,
Đây là Đấng Chánh Giác.
Cho nên được thọ thân,
Ánh vàng chiếu rực khắp;
Thân Ngài đứng ở đây,
Sáng khắp cả thế gian.

Bấy giờ, Thế Tôn vì Bà-cú Phạm thiên khai thị, chỉ giáo, soi sáng, là cho vui mừng xong. Ngài nhập chánh thọ như vậy biến khỏi cõi Phạm thiên và trở về thành Vương xá.

M

KINH 1196. TÀ KIẾN[77]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, có vị Phạm thiên ở trên cõi Phạm thiên khởi tà kiến nói như vầy:

"Cõi này thường hằng không biến dịch, thuần nhất, xuất ly. Chưa từng thấy có ai đến cõi này, huống là có người vượt lên trên cõi này."

---

77. Paøli, S. 6.5. Aparaø diæææhi. Biệt dịch, N^{0}100(109).

Bấy giờ, Thế Tôn biết được những sở niệm trong tâm của Phạm thiên này, liền nhập tam-muội, với chánh thọ như vậy, biến mất khỏi nước Xá-vệ và hiện nơi cung Phạm thiên. Ngài ngồi kiết già, chánh thân buộc niệm ở giữa hư không, ngay trên đỉnh Phạm thiên kia.

Bấy giờ, Tôn giả A-nhã Câu-lân nghĩ thầm: "Hôm nay Thế Tôn đang ở chỗ nào?" Bèn dùng thiên nhãn thanh tịnh hơn mắt người, nhìn thấy Thế Tôn đang ở trên cõi Phạm thiên. Thấy rồi, liền nhập tam-muội, với chánh thọ như vậy, biến mất khỏi nước Xá-vệ và hiện ra ở cõi Phạm thiên; ngồi kiết già ngay thẳng, buộc niệm ngay dưới tòa Phật và trên tòa Phạm thiên, quay mặt về hướng Tây, hướng đến Phật.

Khi ấy, Tôn giả Đại Ca-diếp cũng nghĩ: "Hôm nay Thế Tôn đang ở chỗ nào?" Bèn dùng thiên nhãn thanh tịnh hơn mắt người, nhìn thấy Thế Tôn đang ở trên cõi Phạm thiên. Thấy rồi, liền nhập tam-muội, chánh thọ như vậy, biến mất khỏi nước Xá-vệ và hiện ra ở cõi Phạm thiên, ngồi kiết già ngay thẳng, nhất tâm nhiếp niệm ngay dưới tòa Phật và trên tòa Phạm thiên, quay mặt về hướng Bắc, hướng đến Phật.

Khi ấy, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên cũng nghĩ: "Hôm nay Thế Tôn đang ở chỗ nào?" Bèn dùng thiên nhãn thanh tịnh hơn mắt người, nhìn thấy Thế Tôn đang ở trên cõi Phạm thiên. Thấy rồi, liền nhập tam-muội, chánh thọ như vậy, biến mất khỏi nước Xá-vệ và hiện ra ở cõi Phạm thiên, ngồi kiết già ngay thẳng, nhất tâm nhiếp niệm ngay dưới tòa Phật và trên tòa Phạm thiên, quay mặt về hướng Nam, hướng đến Phật.

Bấy giờ, Thế Tôn nói với Phạm thiên:

"Nay ông lại khởi kiến giải rằng: 'Từ xưa đến nay chưa từng thấy có người nào vượt qua khỏi Ta' phải không?"

Phạm thiên bạch Phật:

"Hôm nay con không còn dám nói rằng: 'Ta chưa từng thấy có người nào vượt qua khỏi ta.' Mà chỉ thấy ánh sáng Phạm thiên bị ngăn che."

Bấy giờ, Thế Tôn vì Phạm thiên kia thuyết pháp, khai thị, chỉ giáo, soi sáng và làm cho vui vẻ rồi, liền nhập tam-muội, với chánh thọ như vậy, biến mất khỏi cõi Phạm thiên, trở về nước Xá-vệ. Các Tôn giả A-nhã Câu-lân, Ma-ha Ca-diếp, Xá-lợi-phất cũng vì Phạm

thiên kia thuyết pháp, khai thị, chỉ giáo, soi sáng và làm cho vui mừng xong, liền nhập tam-muội, với chánh thọ như vậy, biến mất khỏi cõi Phạm thiên, trở về nước Xá-vệ. Chỉ có Tôn giả Mục-kiền-liên vẫn còn ở lại đó. Lúc này, Phạm thiên kia hỏi Tôn giả Đại Mục-kiền-liên:

"Các vị đệ tử khác của Thế Tôn đều có đại đức đại lực như vậy không?"

Bấy giờ, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên liền nói kệ:

Đại đức đủ ba minh,
Thông đạt biết tâm người;
Các La-hán lậu tận,
Số ấy không thể lường.

Lúc ấy, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên vì Phạm thiên kia thuyết pháp, khai thị, chỉ giáo, soi sáng và làm cho vui mừng xong, liền nhập tam-muội, với chánh thọ như vậy, biến khỏi cõi Phạm thiên và trở về nước Xá-vệ.

M

KINH 1197. NHẬP DIỆT[78]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong rừng Song thọ kiên cố[79], sanh địa của lực sĩ, tại nước Câu-thi-na-kiệt. Bấy giờ, Thế Tôn sắp nhập Bát-niết-bàn, bảo Tôn giả A-nan rằng:

"Ông hãy trải giường dây xoay đầu hướng Bắc giữa Song thọ kiên cố. Nửa đêm hôm nay Như Lai sẽ vào Vô dư Niết-bàn mà Bát-niết-bàn."

Lúc này, Tôn giả A-nan vâng lời Thế Tôn dạy, ở giữa Song thọ kiên cố vì Thế Tôn mà trải giường dây, xoay đầu về hướng Bắc rồi, trở lại chỗ Thế Tôn, cúi đầu lễ dưới chân, bạch rằng:

"Bạch Thế Tôn, con đã vì Như Lai, trải giường dây ở giữa Song thọ kiên cố xoay đầu về hướng Bắc."

---

78. Paøli, S. 6.15. Parinibbaøna. Biệt dịch, N^{0}100(110).

79. Song thọ kiên cố lâm 堅固雙樹林. Paøli: Yamaka-saøla, cụm cây saøla mọc đôi. Bản Hán đọc là sara (kiên cố).

Bấy giờ, Thế Tôn đến giường dây, hông phải nghiêng xuống đất, đầu xoay về hướng Bắc, hai chân xếp lên nhau, buộc niệm vào tướng ánh sáng. Bấy giờ là giữa đêm, Thế Tôn ở Vô dư Niết-bàn mà Bát-niết-bàn. Sau khi Phật Bát-niết-bàn rồi, rừng cây Song thọ liền trổ hoa, rơi xuống chung quanh cúng dường Thế Tôn. Khi ấy có Tỳ-kheo nói kệ:

Đẹp thay, cây Kiên cố,
Rũ cành nhánh lễ Phật;
Cúng dường hoa vi diệu,
Đại Sư Bát-niết-bàn.

Lúc ấy, Thích Đề-hoàn Nhân bỗng nói kệ:

Tất cả hành vô thường,
Chúng là pháp sanh diệt;
Tuy sanh liền đến diệt,
Tịch diệt này an lạc.

Lúc ấy, Phạm thiên vương, chủ thế giới Ta-bà, lại nói kệ:

Mọi sanh vật ở đời,
Đã lập đều phải bỏ.
Thánh Đại Sư như vậy,
Thế gian không ai bằng.
Được thần lực Như Lai,
Làm mắt cho thế gian;
Cuối cùng cũng hoại diệt,
Nhập Vô dư Niết-bàn.

Tôn giả A-na-luật-đà lại nói kệ tiếp:

Thở ra, vào: đình trú,
Lập tâm khéo nhiếp hộ;
Từ sở y mà đến,
Thế gian Bát-niết-bàn.
Sanh tướng sợ hãi lớn,
Khiến lông thân người dựng;
Đủ tất cả hành lực,
Đại Sư Bát-niết-bàn.

Tâm kia không giải đãi,
Cũng không vướng các ái;
Tâm pháp dần giải thoát,
Như củi hết, lửa tắt.

Sau khi Như Lai Bát-niết-bàn bảy ngày, Tôn giả A-nan đến chỗ Chi-đề[80] nói kệ:

Thân báu này, Đại Sư,
Lên đến cõi Phạm thiên;
Thần lực lớn như vậy,
Nội hỏa lại đốt thân.
Năm trăm lụa quấn thân,
Đốt cháy tiêu rụi hết.
Một ngàn tấm y mịn,
Y quấn thân Như Lai.
Chỉ hai tấm không cháy,
Tối thượng và sấn thân[81].

Khi Tôn giả A-nan nói kệ này rồi, thì các Tỳ-kheo im lặng thương nhớ.

❑

80. Chi-đề 枝提. Paøli: cetiya, tháp miếu.
81. Chỉ y Uất-đa-la-tăng và áo lót.

MỤC LỤC

số 99 – tạp a-hàm (ii) **Erreur ! Signet non ðfini.**

tạp a-hàm quyển 16 **Erreur ! Signet non ðfini.**

Kinh 407. Tư duy (1) **Erreur ! Signet non ðfini.**

Kinh 408. Tư duy (2) **Erreur ! Signet non ðfini.**

Kinh 409. Giác (1) **Erreur ! Signet non ðfini.**

Kinh 410. Giác (2) **Erreur ! Signet non ðfini.**

Kinh 411. Luận thuyết **Erreur ! Signet non ðfini.**

Kinh 412. Tranh **Erreur ! Signet non ðfini.**

Kinh 413. Vương lực **Erreur ! Signet non ðfini.**

Kinh 414. Túc mạng **Erreur ! Signet non ðfini.**

Kinh 415. Đàn-việt **Erreur ! Signet non ðfini.**

Kinh 416. Thọ trì (1) **Erreur ! Signet non ðfini.**

Kinh 417. Như như **Erreur ! Signet non ðfini.**

Kinh 418. Thọ trì (2) **Erreur ! Signet non ðfini.**

Kinh 419. Nghi (1) **Erreur ! Signet non ðfini.**

Kinh 420. Nghi (2) **Erreur ! Signet non ðfini.**

Kinh 421. Thâm hiểm **Erreur ! Signet non ðfini.**

Kinh 422. Đại nhiệt **Erreur ! Signet non ðfini.**

Kinh 423. Đại ám **Erreur ! Signet non ðfini.**

Kinh 424. Minh ám (1) **Erreur ! Signet non ðfini.**

Kinh 425. Minh ám (2) **Erreur ! Signet non ðfini.**

Kinh 426. Minh ám (3) **Erreur ! Signet non ðfini.**

Kinh 427. Thánh đế **Erreur ! Signet non ðfini.**

Kinh 428. Thiền tư **Erreur ! Signet non ðfini.**

Kinh 429. Tam-ma-đề **Erreur ! Signet non ðfini.**

Kinh 430. Trượng (1) **Erreur ! Signet non ðfini.**

Kinh 431. Trượng (2) **Erreur ! Signet non ðfini.**

Kinh 432. Ngũ tiết luân **Erreur ! Signet non ðfini.**

Kinh 433. Tăng thượng thuyết pháp **Erreur ! Signet non ðfini.**

Kinh 434. Hiệt tuệ **Erreur ! Signet non ðfini.**

Kinh 435. Tu-đạt **Erreur ! Signet non ðfini.**

Kinh 436. Điện đường (1) **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 437. Điện đường (2) **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 438. Chúng sanh **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 439. Tuyết sơn **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 440. Hồ trì đẳng **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 441. Thổ **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 442. Trảo giáp **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 443. Tứ Thánh đế dĩ sanh **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 444. Nhãn dược hoàn **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 445. Bỉ tâm **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 446. Kệ (1) **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 447. Hành **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 448. Kệ (2) **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 449. Giới hòa hợp **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 450. Tinh tấn **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 451. Giới **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 452. Xúc (1) **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 453. Xúc (2) **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 454. Tưởng (1) **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 455. Tưởng (2) **Erreur ! Signet non ắfini.**
tạp a-hàm quyển 17 **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 456. Chánh thọ **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 457. Thuyết **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 458. Nhân **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 359. Tự tác **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 460. Cù-sư-la **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 461. Tam giới (1) **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 462. Tam giới (2) **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 463. Tam giới (3) **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 464. Đồng pháp **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 465. Trước sử **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 466. Xúc nhân **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 467. Kiếm thích **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 468. Tam thọ **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 469. Thâm hiểm **Erreur ! Signet non ắfini.**

Kinh 470. Tiễn **Erreur ! Signet non ðfini.**
Kinh 471. Hư không **Erreur ! Signet non ðfini.**
Kinh 472. Khách xá **Erreur ! Signet non ðfini.**
Kinh 473. Thiền **Erreur ! Signet non ðfini.**
Kinh 474. Chỉ tức **Erreur ! Signet non ðfini.**
Kinh 475. Tiên trí **Erreur ! Signet non ðfini.**
Kinh 476. Thiền tư **Erreur ! Signet non ðfini.**
Kinh 477. A-nan sở vấn **Erreur ! Signet non ðfini.**
Kinh 478. Tỳ-kheo **Erreur ! Signet non ðfini.**
Kinh 479. Giải thoát **Erreur ! Signet non ðfini.**
Kinh 480. Sa-môn Bà-la-môn **Erreur ! Signet non ðfini.**
kinh 481. Nhất-xa-năng-già-la **Erreur ! Signet non ðfini.**
Kinh 482. Hỷ lạc **Erreur ! Signet non ðfini.**
Kinh 483. Vô thực lạc **Erreur ! Signet non ðfini.**
Kinh 484. Bạt-đà-la **Erreur ! Signet non ðfini.**
Kinh 485. Ưu-đà-di **Erreur ! Signet non ðfini.**
Kinh 486. Nhất pháp (1) **Erreur ! Signet non ðfini.**
Kinh 488. Nhất pháp (2) **Erreur ! Signet non ðfini.**
Kinh 489. Nhất pháp (3) **Erreur ! Signet non ðfini.**
tạp a-hàm quyển 18 **Erreur ! Signet non ðfini.**
Kinh 490. Diêm-phù-xa **Erreur ! Signet non ðfini.**
Kinh 491. Sa-môn xuất gia sở vấn **Erreur ! Signet non ðfini.**
Kinh 492. Nê thủy **Erreur ! Signet non ðfini.**
Kinh 493. Thừa thuyền nghịch lưu **Erreur ! Signet non ðfini.**
Kinh 494. Khô thọ **Erreur ! Signet non ðfini.**
Kinh 495. Giới **Erreur ! Signet non ðfini.**
Kinh 496. Tránh **Erreur ! Signet non ðfini.**
Kinh 497. Cử tội **Erreur ! Signet non ðfini.**
Kinh 498. Na-la-kiền-đà **Erreur ! Signet non ðfini.**
Kinh 499. Thạch trụ **Erreur ! Signet non ðfini.**
Kinh 500. Tịnh khẩu **Erreur ! Signet non ðfini.**
Kinh 501. Thánh mặc nhiên **Erreur ! Signet non ðfini.**
Kinh 502. Vô minh **Erreur ! Signet non ðfini.**

Kinh 503. Tịch diệt **Erreur ! Signet non ắfini.**
tạp a-hàm quyển 19 **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 504. Xan cấu **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 505. Ái tận **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 506. Đế Thích **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 507. Chư Thiên **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 508. Đồ ngưu nhi **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 509. Đồ ngưu giả **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 510. Đồ dương giả **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 511. Đồ dương đệ tử **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 512. Đọa thai **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 513. Điều tương sĩ **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 514. Hiếu chiến **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 515. Liệp sư **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 516. Sát trư **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 517. Đoạn nhân đầu **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 518. Đoàn đồng nhân **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 519. Bổ ngư sư **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 520. Bốc chiêm nữ **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 521. Bốc chiêm sư **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 522. Háo tha dâm **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 523. Mại sắc **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 524. Sân nhuế đăng du sái **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 525. Tắng tật Bà-la-môn **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 526. Bất phân du **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 527. Đạo thủ thất quả **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 528. Đạo thực thạch mật **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 529. Đạo thủ nhị bính **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 530. Tỳ-kheo **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 531. Giá thừa ngưu xa **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 532. Ma-ma-đế **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 533. Ác khẩu hình danh **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 534. Hảo khởi tranh tụng **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 535. Độc nhất (1) **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 536. Độc nhất (2) **Erreur ! Signet non ắfini.**

tạp a-hàm quyển 20 **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 537. Thủ thành dục trì **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 538. Mục-liên sở vấn **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 539. A-nan sở vấn **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 540. Sở hoạn (1) **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 541. Sở hoạn (2) **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 542. Hữu học lậu tận **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 543. A-la-hán Tỳ-kheo **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 544. Hà cố xuất gia **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 545. Hướng Niết-bàn **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 546. Tháo quán trượng **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 547. Túc sĩ **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 548. Ma-thâu-la **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 549. Ca-lê **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 550. Ly **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 551. Ha-lê (1) **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 552. Ha-lê (2) **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 553. Ha-lê (3) **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 554. Ha-lê (4) **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 555. Ha-lê (5) **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 556. Vô tướng tâm tam-muội **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 557. Xà-tri-la **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 558. A-nan **Erreur ! Signet non ắfini.**
tạp a-hàm quyển 21 **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 559. Ca-ma **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 560. Độ lượng **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 561. Bà-la-môn **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 562. Cù-sư **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 563. Ni-kiền **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 564. Tỳ-kheo-ni **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 565. Bà-đầu **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 566. Na-già-đạt-đa (1) **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 567. Na-già-đạt-đa (2) **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 568. Già-ma **Erreur ! Signet non ắfini.**

Kinh 569. Lê-tê-đạt-đa (1) **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 570. Lê-tê-đạt-đa (2) **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 571. Ma-ha-ca **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 572. Hệ **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 573. A-kỳ-tỳ-ca **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 574. Ni-kiền **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 575. Bệnh tướng **Erreur ! Signet non ắfini.**
tạp a-hàm quyển 22 **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 576. Nan-đà lâm **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 577. Câu tỏa **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 578. Tàm quý **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 579. Bất tập cận **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 580. Thiện điều **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 581. La-hán (1) **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 582. La-hán (2) **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 583. Nguyệt Thiên tử **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 584. Tộc bản **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 585. Độc nhất trụ **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 586. Lợi kiếm **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 587. Thiên nữ **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 588. Tứ luân **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 589. Đại phú **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 590. Giác thụy miên **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 591. **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 592. Tu-đạt **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 593. Cấp Cô Độc **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 594. Thủ Thiên tử **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 595. Đào sư **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 596. Thiên tử (1) **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 597. Thiên tử (2) **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 598. Thụy miên **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 599. Kết triền **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 600. Nan độ **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 601. Tiểu lưu **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 602. Lộc bác **Erreur ! Signet non ắfini.**

Kinh 603. Chư lưu **Erreur ! Signet non ðfini.**
tạp a-hàm quyển 23 **Erreur ! Signet non ðfini.**
Kinh 604. A-dục vương nhân duyên **Erreur ! Signet non ðfini.**
TẠP A HÀM Quyển 24 **Erreur ! Signet non ðfini.**
Kinh 605. Niệm xứ (1) **Erreur ! Signet non ðfini.**
Kinh 606. Niệm xứ (2) **Erreur ! Signet non ðfini.**
Kinh 607. Tịnh **Erreur ! Signet non ðfini.**
Kinh 608. Cam lộ **Erreur ! Signet non ðfini.**
Kinh 609. Tập **Erreur ! Signet non ðfini.**
Kinh 610. Chánh niệm **Erreur ! Signet non ðfini.**
Kinh 611. Thiện tụ **Erreur ! Signet non ðfini.**
Kinh 612. Cung **Erreur ! Signet non ðfini.**
Kinh 613. Bất thiện tụ **Erreur ! Signet non ðfini.**
Kinh 614. Đại trượng phu **Erreur ! Signet non ðfini.**
Kinh 615. Tỳ-kheo-ni **Erreur ! Signet non ðfini.**
Kinh 616. Trù sĩ **Erreur ! Signet non ðfini.**
Kinh 617. Điểu **Erreur ! Signet non ðfini.**
Kinh 618. Tứ quả **Erreur ! Signet non ðfini.**
Kinh 619. Tư-đà-già **Erreur ! Signet non ðfini.**
Kinh 620. Di hầu **Erreur ! Signet non ðfini.**
Kinh 621. Niên thiếu tỳ-kheo **Erreur ! Signet non ðfini.**
Kinh 622. Am-la nữ **Erreur ! Signet non ðfini.**
Kinh 623. Thế gian **Erreur ! Signet non ðfini.**
Kinh 624. Uất-để-ca **Erreur ! Signet non ðfini.**
Kinh 625. Bà-hê-ca **Erreur ! Signet non ðfini.**
Kinh 626. Tỳ-kheo **Erreur ! Signet non ðfini.**
Kinh 627. A-na-luật **Erreur ! Signet non ðfini.**
Kinh 628. Giới **Erreur ! Signet non ðfini.**
Kinh 629. Bất thoái chuyển **Erreur ! Signet non ðfini.**
Kinh 630. Thanh tịnh **Erreur ! Signet non ðfini.**
Kinh 631. Độ bỉ ngạn **Erreur ! Signet non ðfini.**
Kinh 632. A-la-hán **Erreur ! Signet non ðfini.**
Kinh 633. Nhất thiết pháp **Erreur ! Signet non ðfini.**
Kinh 634. Hiền thánh **Erreur ! Signet non ðfini.**

Kinh 635. Quang trạch **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 636. Tỳ-kheo **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 637. Ba-la-đề-mộc-xoa **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 638. Thuần-đà **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 639. Bố-tát **Erreur ! Signet non ắfini.**
TẠP A HÀM Quyển 25 **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 640. Pháp diệt tận tướng **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 641. A-dục vương thí bán a-ma-lặc quả nhân duyên kinh **Erreur ! Signet non ắfini.**
TẠP A HÀM Quyển 26 **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 642. Tri **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 643. Tịnh **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 644. Tu-đà-hoàn **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 645. A-la-hán **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 646. Đương tri **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 647. Phân biệt **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 648. Lược thuyết **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 649. Lậu tận **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 650. Sa-môn Bà-la-môn (1) **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 651. Sa-môn Bà-la-môn (2) **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 652. Hướng **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 653. Quảng thuyết **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 654. Tuệ căn (1) **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 655. Tuệ căn (2) **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 656. Tuệ căn (3) **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 657. Tuệ căn (4) **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 658. Tuệ căn (5) **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 659. Tuệ căn (6) **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 660. Khổ đoạn **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 661. Nhị lực (1) **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 662. Nhị lực (2) **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 663. Nhị lực (3) **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 664. Tam lực (1) **Erreur ! Signet non ắfini.**

Kinh 665. Tam lực (2) **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 666. Tam lực (3) **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 667. Tứ lực (1) **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 668. Tứ nhiếp sự **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 669. Nhiếp **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 670. Tứ lực (2) **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 671. Tứ lực (3) **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 672. Tứ lực (4) **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 673. Ngũ lực **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 674. Ngũ lực đương thành tựu **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 675. Đương tri ngũ lực **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 676. Đương học ngũ lực **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 677. Ngũ học lực **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 678. Đương thành học lực (1) **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 679. Quảng thuyết học lực **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 680. Đương thành học lực (2) **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 681. Bạch pháp (1) **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 682. Bạch pháp (2) **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 683. Bất thiện pháp **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 684. Thập lực **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 685. Nhũ mẫu **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 686. Sư tử hống (1) **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 687. Sư tử hống (2) **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 688. Thất lực (1) **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 689. Đương thành thất lực **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 690. Thất lực (2) **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 691. Quảng thuyết thất lực **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 692. Bát lực **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 693. Quảng thuyết bát lực **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 694. Xá-lợi-phất vấn **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 695. Dị Tỳ-kheo vấn **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 696. Vấn chư Tỳ-kheo **Erreur ! Signet non ắfini.**

Kinh 697. Cửu lực**Erreur ! Signet non ðfini.**
Kinh 698. Quảng thuyết cửu lực **Erreur ! Signet non ðfini.**
Kinh 699. Thập lực **Erreur ! Signet non ðfini.**
Kinh 700. Quảng thuyết thập lực**Erreur ! Signet non ðfini.**
Kinh 701. Như Lai lực (1) **Erreur ! Signet non ðfini.**
Kinh 702. Như Lai lực (2) **Erreur ! Signet non ðfini.**
Kinh 703. Như Lai lực (3) **Erreur ! Signet non ðfini.**
Kinh 704. Bất chánh tư duy **Erreur ! Signet non ðfini.**
Kinh 705. Bất thoái **Erreur ! Signet non ðfini.**
Kinh 706. Cái **Erreur ! Signet non ðfini.**
Kinh 707. Chướng cái **Erreur ! Signet non ðfini.**
Kinh 708. Thọ **Erreur ! Signet non ðfini.**
Kinh 709. Thất giác chi **Erreur ! Signet non ðfini.**
Kinh 710. Thính pháp **Erreur ! Signet non ðfini.**
Kinh 711. Vô Úy (1) **Erreur ! Signet non ðfini.**
TẠP A HÀM Quyển 27 **Erreur ! Signet non ðfini.**
Kinh 712. Vô úy (2) **Erreur ! Signet non ðfini.**
Kinh 713. Chuyển thú **Erreur ! Signet non ðfini.**
Kinh 714. Hỏa **Erreur ! Signet non ðfini.**
Kinh 715. Thực **Erreur ! Signet non ðfini.**
Kinh 716. Pháp (1) **Erreur ! Signet non ðfini.**
Kinh 717. Pháp (2) **Erreur ! Signet non ðfini.**
Kinh 718. Xá-lợi-phất **Erreur ! Signet non ðfini.**
Kinh 719. Ưu-ba-ma **Erreur ! Signet non ðfini.**
Kinh 720. A-na-luật **Erreur ! Signet non ðfini.**
Kinh 721. Chuyển luân vương (1) **Erreur ! Signet non ðfini.**
Kinh 722. Chuyển luân (2) **Erreur ! Signet non ðfini.**
Kinh 723. Niên thiếu **Erreur ! Signet non ðfini.**
Kinh 724. Quả báo phụng sự **Erreur ! Signet non ðfini.**
Kinh 725. Bất thiện tụ **Erreur ! Signet non ðfini.**
Kinh 726. Thiện tri thức **Erreur ! Signet non ðfini.**
Kinh 727. Câu-di-na **Erreur ! Signet non ðfini.**
Kinh 728. Thuyết **Erreur ! Signet non ðfini.**
Kinh 729. Diệt **Erreur ! Signet non ðfini.**

Kinh 730. Phân **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 731. Chi tiết **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 732. Khởi **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 733. Thất đạo phẩm (1) **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 734. Quả báo (1) **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 735. Quả báo (2) **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 736. Thất chủng quả **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 737. Thất đạo phẩm(2) **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 738. Quả báo (3) **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 739. Quả báo (4) **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 740. Quả báo (5) **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 741. Bất tịnh quán **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 742. Niệm tử tướng **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 743. Từ (1) **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 744. Từ (2) **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 745. Không **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 746. An-na-ban-na niệm (1) **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 747. Vô thường **Erreur ! Signet non ắfini.**
TẠP A HÀM Quyển 28 **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 748. Nhật xuất **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 749. Vô minh (1) **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 750. Vô minh (2) **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 751. Khởi **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 752. Ca-ma **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 753. A-lê-sắt-tra **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 754. Xá-lợi-phất **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 755–757. Tỳ-kheo **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 758. Úy **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 759. Thọ **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 760. Tam pháp **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 761. Học **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 762. Lậu tận **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 763. Tám Thánh đạo phần **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 764. Tu (1) **Erreur ! Signet non ắfini.**

Kinh 765. Tu (2) **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 766. Thanh tịnh **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 767. Tụ **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 768. Bán **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 769. Bà-la-môn **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 770. Tà **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 771. Bỉ ngạn**Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 772–774 **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 775. Chánh bất chánh tư duy (1) **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 776. Chánh bất chánh tư duy (2) **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 777. Chánh bất chánh tư duy (3) **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 778. Thiện ác tri thức (1) **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 779. Thiện tri thức **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 780. Thiện ác tri thức (2) **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 781. Chánh bất chánh tư duy (4) **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 782. Phi pháp thị pháp **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 783. Đoạn tham **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 784. Tà chánh **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 785. Quảng thuyết bát Thánh đạo **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 786. Hướng tà **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 787. Tà kiến chánh kiến (1) **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 788. Tà kiến chánh kiến (2) **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 789. Sanh văn **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 790. Tà kiến (1) **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 791. Tà kiến (2) **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 792. Tà kiến (3) **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 793. Thuận lưu nghịch lưu **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 794. Sa-môn sa-môn pháp **Erreur ! Signet non ắfini.**

Kinh 795. Sa-môn pháp sa-môn nghĩa **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 796. Sa-môn sa-môn quả **Erreur ! Signet non ắfini.**
TẠP A HÀM Quyển 29 **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 797. Sa-môn pháp sa-môn quả **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 798. Sa-môn pháp sa-môn nghĩa **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 799. Sa-môn quả **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 800. Bà-la-môn **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 801. Ngũ pháp **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 802. An-na-ban-na niệm (2) **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 803. An-na-ban-na niệm (3) **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 804. Đoạn giác tưởng **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 805. A-lê-sắt-tra **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 806. Kế-tân-na **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 807. Nhất-xa-năng-già-la **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 808. Ca-ma **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 809. Kim cương **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 810. A-nan **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 811–812. Tỳ-kheo **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 813. Kim-tỳ-la **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 814. Bất bì **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 815. Bố-tát **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 816. Học (1) **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 817. Học (2) **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 818. Học (3) **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 819. Học (4) **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 820. Học (5) **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 821. Học (6) **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 822. Niết-bàn (1) **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 823. Niết-bàn (2) **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 824. Học (6) **Erreur ! Signet non ắfini.**

Kinh 825. Học (7) **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 826. Học (8) **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 827. Canh ma **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 828. Lô **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 829. Bạt-kỳ tử **Erreur ! Signet non ắfini.**
TẠP A HÀM Quyển 30 **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 830. Băng-già-xà **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 831. Giới **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 832. Học **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 833. Ly-xa **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 834. Bất bần **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 835. Chuyển luân vương **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 836. Tứ bất hoại tịnh **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 837. Quá hoạn **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 838. Thực **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 839. Giới (1) **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 840. Giới (2) **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 841. Nhuận trạch **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 842. Bà-la-môn **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 843. Xá-lợi-phất (1) **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 844. Xá-lợi-phất (2) **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 845. Khủng bố (1) **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 846. Khủng bố (2) **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 847. Thiên đạo (1) **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 948. Thiên đạo (2) **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 849. Thiên đạo (3) **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 850. Thiên đạo (4) **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 851. Pháp kính (1) **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 852. Pháp kính (2) **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 853. Pháp kính (3) **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 854. Na-lê-ca **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 855. Nan-đề (1) **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 856. Nan-đề (2) **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 857. Nan-đề (3) **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 858. Nan-đề (4) **Erreur ! Signet non ắfini.**

Kinh 859. Lê-sư-đạt-đa **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 860. Điền nghiệp **Erreur ! Signet non ắfini.**
TẠP A HÀM Quyển 31 **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 861. Đâu-suất thiên **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 862. Hóa lạc thiên **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 863. Tha hóa tự tại thiên **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 864. Sơ thiền **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 865. Giải thoát **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 866. Trung Bát-niết-bàn **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 867. Đệ Nhị thiền thiên **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 868. Giải thoát **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 869. Đệ Tam thiền **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 870. Giải thoát **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 871. Phong vân thiên **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 872. Tán cái phú đăng **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 873. Tứ chủng điều phục **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 874. Tam chủng tử **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 875. Tứ chánh đoạn (1) **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 876. Tứ chánh đoạn (2) **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 877. Tứ chánh đoạn (3) **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 878. Tứ chánh đoạn (4) **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 879. Tứ chánh đoạn (5) **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 880. Bất phóng dật **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 881. Đoạn tam **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 882. Bất phóng dật căn bản **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 883. Tứ chủng thiền **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 884. Vô học tam minh (1) **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 885. Vô học tam minh (2) **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 886. Tam minh **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 887. Tín **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 888. Tăng ích **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 889. Đẳng khởi **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 890. Vô vi pháp **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 891. Mao đoan **Erreur ! Signet non ắfini.**

Kinh 892. Lục nội xứ **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 893. Ngũ chủng chủng tử **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 894. Như thật tri **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 895. Tam ái **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 896. Tam lậu **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 897. La-hầu-la **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 898. Nhãn dĩ đoạn **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 899. Nhãn sanh **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 900. Vị trước **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 901. Thiện pháp kiến lập **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 902. Như Lai đệ nhất **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 903. Ly tham pháp đệ nhất **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 904. Thanh văn đệ nhất **Erreur ! Signet non ắfini.**
TẠP A HÀM Quyển 32 **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 905. Ngoại đạo **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 906. Pháp tướng hoại **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 907. Giá-la-châu-la **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 908. Chiến đấu hoạt **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 909. Điều mã **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 910. Hung ác **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 911. Ma-ni Châu Kế **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 912. Vương đảnh **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 913. Kiệt đàm **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 914. Đao sư thị (1) **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 915. Đao sư thị (2) **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 916. Đao sư thị (3) **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 917. Tam chủng điều mã **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 918. Thuận lương mã **Erreur ! Signet non ắfini.**
TẠP A HÀM Quyển 33 **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 919 **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 920. Tam **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 921. Tứ **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 922. Tiên ảnh **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 923. Chỉ-thi **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 924. Hữu quá **Erreur ! Signet non ắfini.**

Kinh 925. Bát chủng đức **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 926. Sằn-đà Ca-chiên-diên**Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 927. Ưu-bà-tắc **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 928. Thâm diệu công đức **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 929. Nhất thiết sự **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 930. Tự khủng **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 931. Tu tập trụ **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 932. Thập nhất **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 933. Thập nhị **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 934. Giải thoát **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 935. Sa-đà **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 936. Bách thủ **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 937. Huyết **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 938. Lệ **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 939. Mẫu nhũ **Erreur ! Signet non ắfini.**
tạp a-hàm quyển 34 **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 940. Thảo mộc **Erreur ! Signet non ắfini.**
kinh 941. thổ hoàn liệp **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 942. An lạc **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 943. Khổ não **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 944. Khủng bố **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 945. Ái niệm **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 946. Hằng hà **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 947. Lụy cốt**Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 948. Thành trì **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 949. Núi **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 950. Quá khứ **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 951. Vô hữu nhất xứ **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 952. Vô bất nhất xứ**Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 953. Bong bóng nước mưa **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 954. Cơn mưa trút **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 955. Ngũ tiết luân **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 956. Tỳ-phú-la **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 957. Thân mạng **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 958. Mục-liên **Erreur ! Signet non ắfini.**

Kinh 959. Kỳ tai **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 960. Kỳ đặc **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 961. Hữu ngã **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 962. Kiến **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 963. Vô tri **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 964. Xuất gia **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 965. Uất-đê-ca **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 966. Phú-lân-ni **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 967. Câu-ca-na **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 968. Cấp cô độc **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 969. Trường trảo **Erreur ! Signet non ắfini.**
tạp a-hàm quyển 35 **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 970. Xá-la-bộ **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 971. Thượng tọa **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 972. Tam đế **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 973. Chiên-đà **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 974. Bổ-lũ-đê-ca (1) **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 975. Bổ-lũ-đê-ca (2) **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 976. Thi-bà (1) **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 977. Thi-bà (2) **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 978. Thương chủ **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 979. Tu-bạt-đà-la **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 980. Niệm Tam bảo **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 981. Cây phướn **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 982. A-nan Xá-lợi-phất (1) **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 983. A-nan Xá-lợi-phất (2) **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 984. Ái (1) **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 985. Ái (2) **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 986. Hai sự khó đoạn **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 987. Hai pháp **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 988. Đế Thích (1) **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 989. Đế Thích (2) **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 990. Lộc trú (1) **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 991. Lộc trú (2) **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 992. Phước điền **Erreur ! Signet non ắfini.**

Tạp a-hàm quyển 36 **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 993. Tán thượng tọa **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 994. Bà-kỳ-xá tán Phật **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 995. A-luyện-nhã **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 996. Kiêu mạn **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 997. Công đức tăng trưởng **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 998. Cho gì được sức lớn **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 999. Hoan hỷ **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 1000. Viễn du **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 1001. Xâm bức **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 1002. Đoạn trừ **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 1003. Tỉnh ngủ **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 1004. Hỗ tương hoan hỷ **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 1005. Người vật **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 1006. Yêu ai hơn con **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 1007. Sát-lợi **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 1008. Chủng tử **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 1009. Tâm **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 1010. Phược **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 1011. Yểm **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 1012. Vô minh **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 1013. Tín **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 1014. Đệ Nhị **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 1015. Trì giới **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 1016. Chúng sanh (1) **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 1017. Chúng sanh (2) **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 1018. Chúng sanh (3) **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 1019. Phi đạo **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 1020. Vô thượng **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 1021. Kệ nhân **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 1022. Biết xe **Erreur ! Signet non ắfini.**
TẠP A-HÀM Quyển 37 **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 1023. Phả-cầu-na **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 1024. A-thấp-ba-thệ **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 1025. Tật bệnh (1) **Erreur ! Signet non ắfini.**

Kinh 1026. Tật bệnh (2) **Erreur ! Signet non ðfini.**
Kinh 1027. Tỳ-kheo bệnh **Erreur ! Signet non ðfini.**
Kinh 1028. Tật bệnh (3) **Erreur ! Signet non ðfini.**
Kinh 1029. Tật bệnh (4) **Erreur ! Signet non ðfini.**
Kinh 1030. Cấp Cô Độc (1) **Erreur ! Signet non ðfini.**
Kinh 1031. Cấp Cô Độc (2) **Erreur ! Signet non ðfini.**
Kinh 1032. Cấp Cô Độc (3) **Erreur ! Signet non ðfini.**
Kinh 1033. Đạt-ma-đề-ly **Erreur ! Signet non ðfini.**
Kinh 1034. Trường thọ **Erreur ! Signet non ðfini.**
Kinh 1035. Bà-tẩu **Erreur ! Signet non ðfini.**
Kinh 1036. Sa-la **Erreur ! Signet non ðfini.**
Kinh 1037. Da-thâu **Erreur ! Signet non ðfini.**
Kinh 1038. Ma-na-đề-na **Erreur ! Signet non ðfini.**
Kinh 1039. Thuần-đà **Erreur ! Signet non ðfini.**
Kinh 1040. Xả hành **Erreur ! Signet non ðfini.**
Kinh 1041. Sanh Văn **Erreur ! Signet non ðfini.**
Kinh 1042. Bề-la-ma (1) **Erreur ! Signet non ðfini.**
Kinh 1043. Bề-la-ma (2) **Erreur ! Signet non ðfini.**
Kinh 1044. Bề-nữu-đa-la **Erreur ! Signet non ðfini.**
Kinh 1045. Tùy loại **Erreur ! Signet non ðfini.**
Kinh 1046. Xà hành **Erreur ! Signet non ðfini.**
Kinh 1047. Viên châu (1) **Erreur ! Signet non ðfini.**
Kinh 1048. Viên châu (2) **Erreur ! Signet non ðfini.**
Kinh 1049. Na nhân **Erreur ! Signet non ðfini.**
Kinh 1050. Pháp xuất không xuất **Erreur ! Signet non ðfini.**
Kinh 1051. Bờ kia bờ này **Erreur ! Signet non ðfini.**
Kinh 1052. Chân thật **Erreur ! Signet non ðfini.**
Kinh 1053. Ác pháp **Erreur ! Signet non ðfini.**
Kinh 1054. Pháp chân nhân **Erreur ! Signet non ðfini.**
Kinh 1055. Mười pháp (1) **Erreur ! Signet non ðfini.**
Kinh 1056. Mười pháp (2) **Erreur ! Signet non ðfini.**
Kinh 1057. Hai mươi pháp **Erreur ! Signet non ðfini.**
Kinh 1058. Ba mươi pháp **Erreur ! Signet non ðfini.**
Kinh 1059. Bốn mươi **Erreur ! Signet non ðfini.**

Kinh 1060. Pháp phi pháp khổ **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 1061. Phi luật chánh luật **Erreur ! Signet non ắfini.**
Tạp a-hàm quyển 38 **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 1062. Thiện Sanh **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 1063. Xú lậu **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 1064. Đề-bà **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 1065. Tượng Thủ **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 1066. Nan-đà (1) **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 1067. Nan-đà (2) **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 1068. Đê-sa **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 1069. Tỳ-xá-khư **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 1070. Niên thiếu **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 1071. Trưởng lão **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 1072. Tăng-ca-lam **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 1073. A-nan **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 1074. Bện tóc **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 1075. Đà-phiêu (1) **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 1076. Đà-phiêu (2) **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 1077. Giặc **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 1078. Tán-đảo-tra **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 1079. Bạt-chẩn **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 1080. Tàm quý **Erreur ! Signet non ắfini.**
Tạp a hàm quyển 39**Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 1081. Khổ chúng **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 1082. Ung nhọt **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 1083. Ăn củ rễ **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 1084. Trường thọ **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 1085. Thọ mạng **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 1086. Ma trói **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 1087. Ngủ nghỉ **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 1088. Kinh hành **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 1089. Đại long **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 1090. Ngủ yên **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 1091. Cù-đề-ca **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 1092. Ma nữ**Erreur ! Signet non ắfini.**

Kinh 1093. Tịnh bất tịnh **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 1094. Khổ hành **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 1095. Khất thực **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 1096. Sợi dây **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 1097. Thuyết pháp **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 1098. Làm vua **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 1099. Số đông **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 1100. Thiện giác **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 1101. Sư tử **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 1102. Bát **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 1103. Nhập xứ **Erreur ! Signet non ắfini.**
tạp a-hàm quyển 40 **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 1104 **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 1105. Ma-ha-ly **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 1106. Do nhân gì **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 1107. Dạ-xoa **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 1108. Được mất **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 1109. Được Thiện Thắng **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 1110. Cột trói **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 1111. Kính Phật **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 1112. Kính Pháp **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 1113. Kính Tăng **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 1114. Tú-tỳ-lê **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 1115. Tiên nhân **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 1116. Diệt sân **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 1117. Ngày mồng tám **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 1118. Bệnh **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 1119. Bà-trĩ **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 1120. Thệ ước **Erreur ! Signet non ắfini.**
tạp a-hàm quyển 41 **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 1121. Thích thị **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 1122. Tật bệnh **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 1123. Bồ-đề **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 1124. Vãng sanh **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 1125. Tu-đà-hoàn (1) **Erreur ! Signet non ắfini.**

Kinh 1126. Tu-đà-hoàn (2) **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 1127. Bốn pháp **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 1128. Bốn quả (1) **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 1129. Bốn quả (2) **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 1130. Hàn xứ **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 1131. Bốn thức ăn **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 1132. Nhuận trạch (1) **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 1133. Nhuận trạch (2) **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 1134. Nhuận trạch (3) **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 1135. Bốn mươi thiên tử **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 1136. Nguyệt dụ **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 1137. Thí dữ **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 1138. Thắng **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 1139. Vô tín **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 1140. Phật là căn bản **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 1141. Quá già **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 1142. Nạp y nặng **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 1143. Khi ấy **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 1144. Chúng giảm thiểu **Erreur ! Signet non ắfini.**
tạp a-hàm quyển 42 **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 1145. Ưng thí **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 1146. Sáng tối **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 1147. Núi đá **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 1148. Xà-kỳ-la **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 1149. Bảy vua **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 1150. Thở suyển **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 1151. A-tu-la **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 1152. Tân-kỳ-ca **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 1153. Mạ lỵ (1) **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 1154. Mạ lỵ (2) **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 1155. Trái nghĩa **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 1156. Bất hại **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 1157. Hỏa Dữ **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 1158. Bà-tứ-tra **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 1159. Ma-cù **Erreur ! Signet non ắfini.**

Kinh 1160. Cầm lọng vàng **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 1161. La-hán pháp **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 1162. Vợ chồng già **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 1163. Già chết **Erreur ! Signet non ắfini.**
TẠP A-HàM quyển 43 **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 1164. Bà-la-diên **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 1165. Tân-đầu lô **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 1166. Ví dụ tay chân **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 1167. Con rùa **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 1168. Lúa **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 1169. Cây đàn **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 1170. Cùi hủi **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 1171. Sáu chúng sanh **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 1172. Rắn độc **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 1173. Khổ pháp **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 1174. Khúc gỗ trôi **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 1175. Khẩn-thú dụ **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 1176. Lậu pháp **Erreur ! Signet non ắfini.**
Kinh 1177. Sông tro **Erreur ! Signet non ắfini.**
tạp a-hàm quyển 44 1
Kinh 1178. Bà-tứ-tra 1
Kinh 1179. Mất bò 5
Kinh 1180. Trí giả 9
Kinh 1181. Thiên tác 10
Kinh 1182. Nghề ruộng 12
Kinh 1183. Nhặt củi 13
Kinh 1184. Tôn-đà-lợi (1) 16
Kinh 1185. Tôn-đà-lợi (2) 19
Kinh 1186. Búi tóc (1) 20
Kinh 1187. Búi tóc (2) 21
Kinh 1188. Tôn trọng 22
Kinh 1189. Phạm thiên (1) 24
Kinh 1190. Phạm chúa 26
Kinh 1191. Không nhàn xứ 26
Kinh 1192. Tập hội 28

Kinh 1193. Cù-ca-lê 30
Kinh 1194. Phạm thiên (2) 32
Kinh 1195. Bà-cú phạm 35
Kinh 1196. Tà kiến 37
Kinh 1197. Nhập diệt 39

M